HỆ BÁT NHÃ

Hệ Bát Nhã trong Đại Tạng Kinh Việt Nam tổng cộng có 41 bộ kinh chia làm 777 quyển, trích trong Tuệ Quang Wisdom Light Foundation, gồm:

1. Đại Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh, mang thẻ số 0220, 600 quyển, (Đường Huyền Trang dịch)

2. Phóng Quang Bát Nhã Kinh, mang thẻ số 0221, 20 quyển, (Tây Tấn Vô La Xoa dịch)

3. Quang Tán Kinh, mang thẻ số 0222, 10 quyển, (Tây Tấn Trúc Pháp Hộ dịch)

4. Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Kinh, mang thẻ số 0223, 27 quyển, (Hậu Tần Cưu Ma La Thập dịch)

5. Đạo Hành Bát Nhã Kinh, mang thẻ số 0224, 10 quyển, (Hậu Hán Chi Lâu Ca Sấm dịch)

6. Đại Minh Độ Kinh, mang thẻ số 0225, 6 quyển, (Ngô Chi Khiêm dịch)

7. Ma Ha Bát Nhã Sao Kinh, mang thẻ số 0226, 5 quyển, (Tiền Tần Đàm Ma Tỳ cộng Trúc Phật Niệm dịch)

8. Tiểu Phẩm Bát Nhã Ba La Mật Kinh, mang thẻ số 0227, 10 quyển, (Hậu Tần Cưu Ma La Thập dịch)

9. Phật Thuyết Phật Mẫu Xuất Sinh Tam Pháp Tạng Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh, mang thẻ số 0228, 25 quyển, (Tống Thi Hộ dịch)

10. Phật Thuyết Phật Mẫu Bảo Đức Tạng Bát Nhã Ba La Mật Kinh, mang thẻ số 0229, 3 quyển, (Tống Pháp Hiền dịch)

11. Thánh Bát Thiên Tụng Bát Nhã Ba La Mật Đa Nhất Bách Bát Danh Chân Thật Viên Nghĩa Đà La Ni Kinh, mang thẻ số 0230, 1 quyển, (Tống Thí Hộ đẳng dịch)

12. Thắng Thiên Vương Bát Nhã Ba La Mật Kinh, mang thẻ số 0231, 7 quyển, (Trần Nguyệt Bà Thủ Na dịch)

13. Văn Thù Sư Lợi Sở Thuyết Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Kinh, mang thẻ số 0232, 2 quyển, (Lương Mạn Đà La Tiên dịch)

14. Văn Thù Sư Lợi Sở Thuyết Bát Nhã Ba La Mật Kinh, mang thẻ số 0233, 1 quyển, (Lương Tăng Ca Bà La dịch)

15. Phật Thuyết Nhu Thủ Bồ Tát Vô Thượng Thanh Tịnh Phân Vệ Kinh, mang thẻ số 0234, 2 quyển, (Tống Tường Công dịch)

16. Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Kinh, mang thẻ số 0235, 1 quyển, (Hậu Tần Cưu Ma La Thập dịch)

17. Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Kinh, mang thẻ số 0236a, 1 quyển, (Nguyên Ngụy Bồ Đề Lưu Chi dịch)

18. Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Kinh, mang thẻ số 0236b, 1 quyển, (Nguyên Ngụy Bồ Đề Lưu Chi dịch)

19. Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Kinh, mang thẻ số 0237, 1 quyển, (Trần Chân Đế dịch)

20. Kim Cương Năng Đoạn Bát Nhã Ba La Mật Kinh, mang thẻ số 0238, 1 quyển, (Tùy Cấp Đa dịch)

21. Phật Thuyết Năng Đoạn Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh, mang thẻ số 0239, 1 quyển, (Đường Nghĩa Tịnh dịch)

22. Thật Tương Bát Nhã Ba La Mật Kinh, mang thẻ số 0240, 1 quyển, (Đường Bồ Đề Lưu Chí dịch)

23. Kim Cương Đảnh Du Già Lý Thú Bát Nhã Kinh, mang thẻ số 0241, 1 quyển, (Đường Kim Cương Trí dịch)

24. Phật Thuyết Biến Chiếu Bát Nhã Ba La Mật Kinh, mang thẻ số 0242, 1 quyển, (Tống Thí Hộ dịch)

25. Đại Nhạc Kim Cương Bất Không Chân Thật Tam Ma Da Kinh, mang thẻ số 0243, 1 quyển, (Đường Bất Không dịch)

26. Phật Thuyết Tối Thượng Căn Bổn Đại Nhạc Kim Cương Bất Không Tam Muội Đại Giáo Vương Kinh, mang thẻ số 0244, 7 quyển, (Tống Pháp Hiền dịch)

27. Phật Thuyết Nhân Vương Bát Nhã Ba La Mật Kinh, mang thẻ số 0245,2 quyển, (Hậu Tần Cưu Ma La Thập dịch)

28. Nhân Vương Hộ Quốc Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh, mang thẻ số 0246, 2 quyển, (Đường Bất Không dịch)

29. Phật Thuyết Liễu Nghĩa Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh, mang thẻ số 0247, 1 quyển, (Tống Thí Hộ dịch)

30. Phật Thuyết Ngũ Thập Tụng Thánh Bát Nhã Ba La Mật Kinh, mang thẻ số 0248, 1 quyển, (Tống Thí Hộ dịch)

31. Phật Thuyết Đế Thích Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh, mang thẻ số 0249, 1 quyển, (Tống Thí Hộ dịch)

32. Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đại Minh Chú Kinh, mang thẻ số 0250, 1 quyển, (Diêu Tần Cưu Ma La Thập dịch)

33. Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh, mang thẻ số 0251, 1 quyển, (Đường Huyền Trang dịch)

34. Phổ Biến Trí Tạng Bát Kinh, mang thẻ số 0252, 1 quyển, (Đường Pháp Nguyệt Trọng dịch)

35. Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh, mang thẻ số 0253, 1 quyển, (Đường Bát Nhã cộng Lợi Ngôn đẳng dịch)

36. Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh, mang thẻ số 0254, 1 quyển, (Đường Trí Tuệ Luân dịch)

37. Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh, mang thẻ số 0255, 1 quyển, (Đường Pháp Thành dịch)

38. Đường Phạm Phiên Đối Tự Âm Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh, mang thẻ số 0256, 1 quyển, (Hán văn: Tây kinh, trích từ bản sao chép trên vách tường đá của chùa Đại Hưng Thiện. Từ Ân Hòa thượng phụng chiếu thuật lời TỰA)

39. Phật Thuyết Thánh Phật Mẫu Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh, mang thẻ số 0257, 1 quyển, (Tống Thí Hộ dịch)

40. Phật Thuyết Thánh Phật Mẫu Tiểu Tự Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh, mang thẻ số 0258, 1 quyển, (Tống Thiên Tức Tai dịch)

41. Phật Thuyết Quán Tưởng Phật Mẫu Bát Nhã Ba La Mật Đa Bồ Tát Kinh, mang thẻ số 0259,1 quyển, (Tống Thiên Tức Tai dịch)

42. Phật Thuyết Khai Giác Tự Tánh Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh, mang thẻ số 0260, 4 quyển, (Tống Duy Tịnh đẳng dịch)

43. Đại Thừa Lý Thú Lục Ba La Mật Đa Kinh, mang thẻ số 0261, 10 quyển, (Đường Bát Nhã dịch)

***Chú ý:** Tính theo thứ tự số thẻ thì có 43 bộ kinh thuộc hệ Bát nhã. Nhưng không biết tại sao các nhà khảo cứu kinh sách lại tính có 41 bộ mà thôi? Trong đây có nhiều bộ kinh có tựa và giáo nghĩa trùng hợp như kinh "Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật" hay "Tâm Kinh", do nhiều tác giả khác nhau dịch. Cứ theo sự hiểu biết của chúng tôi, nếu muốn lấy các bộ kinh làm tài liệu Phật học và xếp loại để tiện việc tra cứu, thì cứ mỗi bộ kinh do một tác giả dịch, có đánh số thẻ, đã lưu trử trong Đại tạng kinh thì nên xem là một bộ, như kinh "Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật" do Bồ đề Lưu chi dịch có hai bản, có số thẻ là 0236a và 0236b. Đúng ra phải xem là hai bộ, mặc dầu cả hai bản dịch có tựa đề và nội dung giống nhau và cùng một dịch giả? Không biết các nhà khảo cứu xếp loại như thế nào về trường hợp này? Có lẽ chưa có qui định thống nhất về vấn đề này chăng?*

---o0o---

Sau đây chúng tôi giới thiệu từng kinh trong 41 bộ, gồm 777 quyển thuộc Hệ Bát nhã trong Đại Tạng Kinh Việt Nam, tãi từ các mạng Phật học hiện có. Mỡ đầu là kinh "Phóng Quang Bát Nhã" mang thẻ số 0221 và kết thúc với kinh "Đại Thừa Lý Thú Lục Ba La Mật Đa", mang thẻ số 0261 như đã liệt kê ở trên. Quý vị có thể đọc tụng, thọ trì hay nghiên cứu nếu muốn!

*Để tiện việc tra cứu nhất là để tiết kiệm thời gian, chúng tôi có ghi **Mục lục** ở cuối trang sách của quyển ebook này. Học Tâm Kinh, Kim Cương Bát Nhã hay Đại Bát Nhã Ba La mật mà không tham khảo hay thọ trì hệ Bát Nhã là một điều thiếu sót to lớn!*

---o0o---

(Tạng Thư Phật Học)

2. KINH "PHÓNG QUANG BÁT NHÃ"

Đại Tạng Kinh Việt Nam mang số 0221, gồm 20 quyển, Tam tang Vô-xa-la, người nước Vu-Điền dịch từ Phạn ra Hán và nhóm Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh dịch từ Hán sang Việt.

MỤC LỤC:

QUYỂN 1
Phẩm 1: PHÓNG QUANG

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, ở núi Kỳ-xà-quật thuộc nước La-duyệt-kỳ, Đức Phật cùng với chúng đại Tỳ-kheo gồm năm ngàn vị đều là bậc A-lahán đã hết các lậu, ý đã giải thoát không còn ô nhiễm, trí tuệ tự tại thông suốt các việc, ví như rồng chúa đã hoàn tất công việc, vứt bỏ gánh nặng, thành tựu được chí nguyện, ba nghiệp đã thanh tịnh, chánh trí đã hiển bày.

Lại có năm trăm vị Tỳ-kheo-ni, chúng Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Các Đại Bồ-tát đã đắc Đà-la-ni, Không hạnh Tam-muội, Vô tướng, Vô nguyện tạng, đắc Đẳng nhẫn và pháp môn vô ngại Đà-la-ni, đắc cả năm pháp thần thông, lời nói nhu hòa, không giải đãi, xả bỏ lợi dưỡng, không còn mong cầu, đã đạt đến pháp nhẫn sâu xa, được sức tinh tấn vượt qua hành động của ma, không còn sinh tử, tuần tự giáo hóa trải qua a-tăng-kỳ kiếp thuận theo bản hạnh, việc làm không quên mất, nhan sắc vui vẻ, thường khiêm nhường cung kính, lời nói hòa nhã, ở trong đại chúng ghi nhớ đầy đủ, trong vô số kiếp nhận lãnh sự giáo hóa, lời nói như huyễn, như mộng, như tiếng vang, như ánh sáng, như ảo ảnh, như huyễn hóa, như bong bóng nước, như ảnh trong gương, như sóng nắng, như trăng đáy nước, thường đem pháp này để giác ngộ hữu tình, biết được chí hướng của chúng sinh, dùng trí tuệ vi diệu tùy theo ý nguyện của chúng sinh mà độ thoát cho họ, ý không chướng ngại, hành trì nhẫn nhục một cách trọn vẹn, thấu rõ chân đế, mong được hộ trì vô lượng, vô số cõi Phật và thể nhập vào Tam-muội của chư Phật, thường thỉnh chư Phật thuyết pháp cho các hữu tình, làm cho chúng đều được giác ngộ, xa lìa chấp trước và tự tại an lạc trong trăm ngàn Tam-muội, oai đức của các Bồ-tát đều như vậy.

Tên của các vị ấy là: Bồ-tát Hộ Chư Hệ, Bồ-tát Bảo Lai, Bồ-tát Đạo sư, Bồ-tát Long Thí, Bồ-tát Sở Thọ Tắc Năng Thuyết, Bồ-tát Vũ Thiên, Bồ-tát Thiên Vương, Bồ-tát Hiền Hộ, Bồ-tát Diệu Ý, Bồ-tát Hữu Trì Ý, Bồ-tát Tăng Ích Ý, Bồ-tát Hiện Vô Si, Bồ-tát Thiện Pháp, Bồ-tát Quá Bộ, Bồ-tát Thường Ứng, Bồ-tát Bất Trí Viễn, Bồ-tát Hoài Nhựt Tạng, Bồ-tát Ý Bất Khuyết Giảm, Bồ-tát Hiện Âm Thanh, Bồ-tát Ai Nhã Oai, Bồ-tát Bảo Ấn Thủ, Bồ-tát Thường Cử Thủ, Bồ-tát Từ Thị… có hơn trăm ngàn ức na-thuật Bồ-tát đều ở quả bổ xứ. Lại có vô số trăm ngàn các vị Bồ-tát và các vị Tôn giả đều đến hội họp.

Bấy giờ Đức Thế Tôn ngồi kiết già trên tòa cao, nhập vào Tam-muội Định ý, Tam-muội ấy là vua trong các Tam-muội, các Tam-muội khác từ đó mà lưu xuất. Trụ trong Tam-muội này, Đức Thế Tôn dùng Thiên nhãn quan sát thế giới, từ tướng bánh xe ngàn căm dưới chân Ngài phóng ra

ánh sáng đi từ bắp chân lên đến nhục kế, khắp các chi phần trong thân Phật đều phóng ra sáu mươi ức trăm ngàn ánh hào quang chiếu tới phương Đông, phương Tây, phương Nam, phương Bắc, bốn góc, trên dưới, trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới. Các loài chúng sinh trong các cõi Phật nhiều như số cát sông Hằng, khi thấy hào quang liền sinh lòng tin kiên cố và phát tâm tu theo đạo chân chánh.

Khi ấy, từ lông chân trên thân Đức Thế Tôn, từng lỗ chân lông đều phát ra hào quang chiếu sáng khắp tam thiên đại thiên thế giới, lại chiếu các thế giới như cát sông Hằng khắp mười phương, làm cho tất cả chúng sinh thấy hào quang này đều phát lòng tin theo đạo Vô thượng chân chánh.

Thế Tôn lại dùng pháp Vô sở trước Chánh đẳng giác của các Đức Như Lai phóng ra đạo hào quang lớn, chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới lại chiếu khắp mười phương thế giới, như số cát sông Hằng, làm cho tất cả chúng sinh thấy hào quang này đều phát tâm Vô thượng chân chánh.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn hiện ra tướng lưỡi rộng dài che kín cả tam thiên đại thiên thế giới. Từ tướng lưỡi ấy lại phóng ra vô số ức trăm ngàn ánh hào quang rực rỡ; mỗi một ánh hào quang lại hóa ra hoa quý ngàn cánh, màu sắc như vàng ròng; trên mỗi cánh hoa đều có hóa Phật ngồi thuyết sáu pháp Ba-la-mật. Tất cả chúng sinh khi nghe pháp ấy đều phát tâm theo đạo Vô thượng chân chánh. Từ ánh sáng của tướng lưỡi có các bông hoa chiếu khắp mười phương thế giới như số cát sông Hằng. Tất cả chúng sinh khi được thấy ánh sáng và nghe pháp ấy đều phát tâm theo đạo Vô thượng chân chánh.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ngồi trên tòa Sư tử, nhập Tam-muội tên là Sư tử du hý. Thân Ngài phóng ra thần túc làm tam thiên đại thiên thế giới chấn động sáu cách. Do oai thần của Tam-muội ấy làm cho mặt đất trong tam thiên đại thiên thế giới trở nên mềm mại đàn hồi theo bước chân. Các loài chúng sinh trong địa ngục, ngạ quỷ, loài côn trùng cùng các chúng sinh ở trong tám nạn đều được giải thoát, sinh vào cõi trời, cõi người, ngang với cõi trời thứ sáu. Những chúng sinh vừa sinh ra, liền vui mừng đều biết được túc mạng, đi đến chỗ Phật đảnh lễ và lãnh thọ giáo pháp.

Như vậy, chúng sinh trong mười phương thế giới nhiều như số cát sông Hằng ở ba đường ác và tám nạn xứ được xa lìa đau khổ, sinh vào cõi trời, người, cõi trời thứ sáu, vừa sinh ra đều vui mừng biết được túc mạng, đi đến chỗ Phật đảnh lễ và lãnh thọ giáo pháp.

Lúc đó, trong tam thiên đại thiên quốc độ, người mù được sáng mắt, người điếc được nghe, người câm thì nói được, người gù lưng được thẳng, người tật nguyền được lành lặn, người khùng được bình phục, người cuồng được định tĩnh, người bệnh được lành, người đói khát được no đủ, người gầy ốm được khỏe mạnh, người già được trẻ, người thiếu y phục được y phục. Tất cả chúng sinh đều được toại ý, xem nhau như cha mẹ anh chị em, đều thực hành mười điều thiện, tu phạm hạnh không có lỗi lầm, được vui vẻ thoải mái, ví như Tỳ-kheo đắc Thiền thứ ba. Tất cả chúng sinh đều đạt đến trí tuệ, tự thân đã điều phục, không làm nhiễu hại chúng sinh.

Thế Tôn ngồi trên tòa Sư tử trong tam thiên đại thiên thế giới, công đức của Ngài tôn quý đặc biệt, thân Ngài rực rỡ oai đức cao cả. Ví như núi chúa Tu-di, các núi khác không thể sánh bằng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn thể theo pháp Vô sở trước Chánh đẳng giác của các Đức Như Lai mà phát ra âm thanh lớn, vang khắp tam thiên đại thiên thế giới. Các cõi trời Thủ đà hội, Phạm thiên, Đế Thích, Tứ Thiên vương…, chư Thiên các cõi trời và các chúng sinh khi được thấy tòa Sư tử, được nghe thuyết pháp, liền mang các thứ hương hoa quý, đến cúng dường pháp Vô sở trước Chánh đẳng giác của các Đức Như Lai.

Chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đều đem các nước thơm, các loại hoa ở thế gian đến dâng cúng Đức Thế Tôn. Hương hoa của chư Thiên và chúng sinh dâng cúng, nhóm lại trụ trên hư không, hóa thành một đài lớn. Trong đài ấy hóa ra phướn dài, lọng báu bằng hoa năm màu rực rỡ rủ xuống, phát ra ánh sáng, làm cho cõi đất trong tam thiên đại thiên thế giới thành màu hoàng kim… Cho đến khắp các phương thế giới nhiều như cát sông Hằng cũng đều như vậy.

Lúc đó, người trong cõi Diêm-phù-đề nghĩ rằng: “Hôm nay Đức Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác chỉ thuyết pháp ở chỗ chúng ta, chứ không thuyết pháp ở chỗ khác.” Những chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đều nghĩ: “Hôm nay, Đức Như Lai chỉ thuyết pháp ở đây, chứ không thuyết pháp ở nơi khác.”

Ngồi trên tòa Sư tử, Thế Tôn lại phóng ra ánh sáng chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới. Những chúng sinh khi thấy ánh sáng đều thấy được Phật và chúng đệ tử ở phương Đông nhiều như cát sông Hằng, trong đó có Phật Thích-ca Văn và chúng hội ở cõi Sa-ha… những chúng sinh trong mười phương thế giới cũng đều thấy như vậy.

Các cõi nước ở phương Đông nhiều như số cát sông Hằng, trong đó có quốc độ tên là Bảo tích; Đức Phật ở cõi nước ấy hiệu là Bảo Sự Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác đang thuyết Bát nhã Ba la mật giáo hóa hữu tình. Bồ-tát Phổ Minh thấy ánh hào quang, oai thần biến hóa chấn động của Phật Thích-ca Văn liền thưa với Đức Bảo Sự Như Lai:

–Hôm nay, do duyên gì có hào quang của Phật biến hóa chấn động như vậy?

Bảo Sự Như Lai bảo Phổ Minh:

–Rất xa về phương Tây có thế giới Sa-ha, Phật ở cõi ấy hiệu là Thích-ca Văn đang vì các Bồ-tát thuyết Bát nhã Ba la mật, nên có điềm lành này.

Phổ Minh bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con muốn đến chỗ Phật Thích-ca để cúng dường lễ bái, bởi vì các Bồ-tát ở cõi kia đều đắc Tổng trì và đắc Tam-muội vượt trên tất cả các Tam-muội.

Phật bảo Phổ Minh:

–Ông muốn đi hãy tùy ý!

Khi ấy, Phật Bảo Sự lấy một ngàn hoa sen màu sắc như vàng ròng đưa cho Bồ-tát Phổ Minh, bảo rằng:

–Ông hãy đem hoa này đến cúng dường Phật Thích-ca.

Lại bảo:

–Ông đến cõi kia hãy giữ gìn oai nghi, đừng để mất phép tắc. Vì sao vậy? Vì ở cõi kia Bồ-tát có hành trì giới luật mới sinh vào cõi ấy.

Lúc ấy, Bồ-tát Phổ Minh cùng với vô số trăm ngàn Bồ-tát và vô số Tỳ-kheo, chúng thiện nam, thiện nữ, từ phương Đông đi đến trải qua các cõi Phật lễ bái dâng hoa cúng dường; đến cõi Kham nhẫn gặp Phật Thích-ca Văn cúi đầu đảnh lễ thưa:

–Đức Bảo Sự Như Lai ân cần thăm hỏi Thế Tôn thân thể nhẹ nhàng và sức khỏe bình thường không! Xin dâng hoa này cúng dường Thế Tôn.

Đức Phật Thích-ca nhận hoa, rải đến các cõi Phật ở phương Đông nhiều như số cát sông Hằng; trên mỗi hoa đều có hóa Phật ngồi thuyết Bát nhã Ba la mật giáo hóa chúng sinh. Người được nghe pháp đều phát tâm theo đạo Vô thượng chân chánh. Những thiện nam, thiện nữ theo Bồ-tát Phổ Minh đều cúi đầu đảnh lễ và dâng hoa cúng Phật Thích-ca Văn.

Các cõi nước ở phương Nam nhiều như cát sông Hằng; trong đó có cõi nước tên là Độ ưu, Đức Phật ở cõi ấy hiệu là Vô Ưu Uy Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác và có Bồ-tát tên là Lưu Ưu.

Các cõi nước ở phương Tây nhiều như cát sông Hằng, trong đó có cõi nước tên là Diệt ác, Đức Phật ở cõi ấy hiệu là Bảo Thượng Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác và có Bồ-tát tên là Ý Hành.

Các cõi nước ở phương Bắc nhiều như cát sông Hằng, trong đó có quốc độ tên Thắng, Đức Phật ở cõi ấy hiệu là Nhân Vương Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác và có Bồ-tát tên là Thí Thắng.

Các cõi nước ở phương dưới nhiều như cát sông Hằng, trong đó có quốc độ tên Hiền, Đức Phật ở cõi ấy hiệu là Hiền Uy Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác và có Bồ-tát tên là Diệu Hoa.

Các cõi nước ở phương trên cũng nhiều như cát sông Hằng, trong đó có quốc độ tên là Tư lạc, Phật ở cõi ấy hiệu là Tư Lạc Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác và có Bồ-tát tên là Tư Lạc Thí. Như vậy, các vị Bồ-tát ở sáu phương đều bạch với Phật ở cõi mình:

–Do nhân duyên gì mà có sự biến hóa này?

Các Đức Phật đáp:

–Cách thế giới này rất xa có thế giới Kham nhẫn, Đức Phật cõi ấy hiệu là Thích-ca Văn đang vì Bồ-tát mà thuyết giảng Bát-nhã bala-mật nên mới hiện ra điềm lành này.

Các Bồ-tát đều thưa:

–Con muốn đến cõi Kham nhẫn để lễ bái cúng dường Phật Thích-ca Văn.

Khi ấy, các Đức Phật đều lấy hoa quý trao cho vô số trăm ngàn Bồ-tát; các Tỳ-kheo Tăng, thiện nam, thiện nữ cùng đi đến cõi Kham nhẫn. Trải qua các cõi Phật, các vị ấy đều dâng hoa cúng dường… dần đến cõi Kham nhẫn, gặp Phật Thích-ca Văn thăm hỏi cúng dường…; như các Bồ-tát ở phương Đông đã làm.

Bấy giờ, trong khoảnh khắc, cõi đất tam thiên đại thiên thế giới hóa thành bảy báu, cỏ cây đều trổ hoa thơm, treo các phướn dài, lụa năm màu, lọng bằng hoa. Như quốc độ của Phật Phổ Hoa Như Lai trong thế giới Hoa tích, quốc độ của Văn-thù-sư-lợi, Thiên tử Thiện Trụ Ý Vương và các Bồ-tát Đại Oai Thần, trân bảo tốt đẹp của thế giới Kham nhẫn cũng như ở các cõi kia. Chúng hội các vị Trời, Rồng, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, nhân dân trong nước, các Bồ-tát, người mới phát tâm đều đến hội họp. Khi ấy, biết chúng hội đã tập hợp, Đức Phật bảo:

–Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát cần phải tu học Bát-nhã ba-lamật.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Con phải thực hành Bát nhã Ba la mật như thế nào để thông suốt tất cả các pháp?

Phật bảo:

–Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật luôn luôn bố thí, có vật thí và người thọ nhận thí, đó là thực hành Bố thí ba-la-mật; biết tội phước là Trì giới ba-la-mật; không sinh tâm sân hận là hành Nhẫn nhục ba-la-mật; thân, khẩu, ý thường siêng năng không biếng nhác là hành trì Tinh tấn ba-la-mật; không ham thích theo sáu căn là hành trì Thiền định ba-la-mật.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành trì Bát-nhã ba-lamật nên tâm ý không loạn động, sẽ được đầy đủ bốn Ý chỉ, bốn Đoạn ý, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Chánh đạo; sẽ đầy đủ Tam-muội Không, Vô tướng, Vô nguyện, bốn Thiền, bốn Đẳng, bốn Tam-muội vô hình, tám Giải thiền, chín Thứ đệ thiền; lại thông suốt chín pháp quán tưởng: Tướng thây mới chết, tướng gân quấn xương như dây bó củi, tướng xanh bầm, tướng mủ, tướng máu, tướng thây chết còn lại (sau khi bị côn trùng rúc rỉa), tướng xương rơi vãi, tướng xương trải qua thời gian dài, tướng xương ghê tởm sau khi bị thiêu hủy. Đã biết những tướng ấy rồi nên thường niệm Phật, Pháp, Tăng, niệm Bố thí, niệm Giới, niệm hơi thở vào ra, niệm vô thường, khổ, không, vô ngã; tưởng không có lạc, tưởng không sinh diệt, tưởng không có tận, tưởng không có sự phát khởi, tưởng về thiện, tưởng về pháp, đoán biết tâm ý của chúng sinh, đó là Tuệ. Lại có đắc được Tam-muội Giác ý, Tam-muội Vô ý, có tưởng có sợ hãi, không tưởng không sợ hãi; cũng không tưởng cũng không sợ hãi, đối với bất tri căn, đương tri căn, dĩ tri căn, sẽ biết rõ Dục; vượt qua tám nạn, mười hai xứ; gồm đủ mười Lực, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại tuệ, đại Từ, đại Bi, hiểu rõ tất cả tuệ của Bồ-tát cần phải tu học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát muốn đủ tất cả trí Nhất thiết xa lìa sinh tử thì phải tu học Bát nhã Ba la mật.

Như vậy, này Xá-lợi-phất! Đó là Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát muốn lên quả vị Bồ-tát, vượt qua địa vị Thanh văn và Bích-chi-phật, đạt đến địa vị không thoái chuyển, chứng sáu thần thông, biết được ý muốn mọi người; muốn vượt lên trí tuệ Thanh văn, Bích-chi-phật thì phải tu học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát muốn chóng đạt các Đà-la-ni, các Tam-muội, các trí thì phải tu học Bát nhã Ba la mật; muốn vượt trên các công đức khuyến trợ, Bố thí, Trì giới của hàng Thanh văn, Bích-chiphật thì phải tu học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát muốn biết giới, Tam-muội, trí tuệ, giải thoát kiến, giải thoát tuệ của hàng Thanh văn, Bích-chi-phật, lại muốn vượt qua các pháp ấy thì phải tu học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát hành trì Thí, Giới, Nhẫn, Tinh tấn, Thiền định chỉ một ít mà muốn vô lượng công đức thì phải tu học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát muốn cho thân hình của thân tộc giống như thân Phật thì phải tu học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát muốn được ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ, thành tựu chủng tánh của Bồ-tát, mau đến quả vị Thập địa thì phải tu học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát muốn gần gũi cúng dường chư

Phật Thế Tôn, làm tất cả việc vì muốn thành tựu công đức thì phải tu học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát muốn làm mãn nguyện những mong cầu của tất cả chúng sinh như: Nước uống, thức

ăn, xe cộ, voi, ngựa, giày dép, áo mặc, hương thơm, tràng hoa, giường nằm…, thì phải tu học Bát nhã Ba la mật.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát muốn mọi người trong hằng hà sa cõi Phật đều được đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật thì phải tu học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát muốn làm công đức để đạt đến quả Phật thì phải tu học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát muốn được chư Phật Thế Tôn trong hằng hà sa quốc độ tán thán công đức thì phải tu học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát muốn trong khoảng một niệm hiện thân hằng hà sa cõi Phật khắp mười phương thì phải tu học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát muốn phát ra âm thanh làm cho mười phương thế giới đều nghe thì phải tu học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát muốn giữ gìn cho tất cả cõi Phật trong mười phương không bị đoạn diệt thì phải tu học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát muốn trụ vào Nội không, Ngoại không, Đại không, Tối thượng không, Không không, Hữu vi không, Vô vi không, Cứu cánh không, Vô hạn không, Sở hữu không, Tự tánh không, Nhất thiết pháp không, Vô sở ỷ không, Vô sở hữu không, lại muốn biết pháp không ấy thì phải tu học Bát-nhã bala-mật. Đại Bồ-tát muốn biết như thật về chư Phật và các pháp thì phải tu học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát muốn biết tánh và tướng trạng của các pháp thì phải tu học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát muốn biết chân tế của tất cả các pháp thì phải tu học Bát-nhã ba-lamật.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát nên như thế mà tu tập và an trụ trong Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát muốn biết số vi trần, cỏ cây, cành lá… trong tam thiên đại thiên thế giới thì phải tu học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát muốn lấy một phần trăm của sợi lông để đếm biết số giọt nước biển trong tam thiên đại thiên thế giới và biết rõ được mà vẫn giữ nguyên không hại tánh nước thì phải tu học Bát nhã Ba la mật. Lửa lớn bùng cháy trong tam thiên đại thiên thế giới ví như lửa vào thời kiếp thiêu, Đại Bồ-tát muốn trong khoảnh khắc thổi tắt ngọn lửa ấy thì phải tu học Bát nhã Ba la mật. Cuồng phong nổi dậy trong tam thiên đại thiên thế giới, thổi núi Tu-di nát như cám, Đại Bồ-tát có thể dùng ngón tay ngăn được sức gió làm cho gió lặn thì phải tu học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát muốn ngồi kiết già khắp hư không trong tam thiên đại thiên thế giới thì phải tu học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát muốn dùng một tay nâng các núi Tu-di trong tam thiên đại thiên quốc độ để ở phương khác cách vô số thế giới cõi Phật thì phải tu học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát muốn đem một bát cơm cúng dường và làm cho mười phương hằng hà sa Phật và các đệ tử Phật được no đủ thì phải tu học Bát nhã Ba la mật. Lại muốn đem trân bảo, đồ trang sức, y phục, tràng phan, lụa ngũ sắc, lọng báu, hoa hương cúng dường hằng sa Phật và chúng đệ tử Phật thì phải tu học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát muốn làm cho chúng sinh trong mười phương hằng sa quốc độ đầy đủ giới, Tam-muội, trí tuệ, kiến giải thoát, tuệ giải thoát, bốn đạo Sa-môn…, cho đến Vô-dư Niết-bàn thì phải tu học Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-lamật, nếu Bố thí thì nghĩ như vầy: “Ta sẽ được quả báo lớn, sinh trong nhà tôn quý, thuộc dòng họ Phạm chí, trưởng giả, được sinh lên cõi trời Tứ thiên vương…, cho đến cõi trời thứ sáu. Nhờ nhân Bố thí này nên được sinh vào cõi Thiền thứ nhất cho đến cõi Thiền thứ tư, Thiền không vô hình, được địa vị Hiền thánh, tám phẩm đạo, Tu-đàhoàn…, cho đến quả A-la-hán, Bích-chi-phật, cho nên phải tu học Bát nhã Ba la mật.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát muốn tu học Bát nhã Ba la mật phải dùng Trí tuệ làm phương tiện thì mới trọn đủ sáu pháp Ba-lamật.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Đại Bồ-tát bố thí như thế nào để đủ sáu pháp Ba-la-mật?

Phật dạy:

–Đại Bồ-tát tu tập Bố thí ba-la-mật nếu không nương câu chấp vào hành vi, vật thí và người nhận thí thì đủ sáu pháp Ba-la-mật đó là đầy đủ Bố thí ba-la-mật; đối với thiện ác không sinh ý niệm tội phước, đó là Trì giới ba-la-mật; không sân hận, không vui mừng, đó là Nhẫn nhục ba-la-mật; tâm không lười biếng, đó là Tinh tấn bala-mật; đối với sự thì không chấp trước, không sinh tâm nghi ngờ, đó là Thiền định ba-la-mật; xa lìa các pháp, đó là Bát-nhã ba-lamật.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát muốn biết các pháp của chư Phật, Thế Tôn trong ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai vượt qua pháp hữu vi và vô vi thì phải tu học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát muốn biết như thật về Phật-pháp trong ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai và sự phát khởi của Pháp tướng để đạt đến sự giác ngộ hoàn toàn, vượt qua hàng Thanh văn và Bích-chi-phật làm quyến thuộc và phụng sự tất cả chư Phật Thế Tôn, làm đại quyến thuộc của Bồ-tát, làm đại bố thí, thực hành Vô tướng thí, không khởi ác niệm, sân hận, giải đãi, loạn động, ác trí thì phải tu học Bát nhã Ba la mật.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát muốn làm cho chúng sinh trụ trong bố thí, trì giới, chánh niệm để làm công đức khuyến trợ thì phải tu học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát muốn thành tựu Nhục nhãn, Thiên nhãn, Trí nhãn, Pháp nhãn thì phải tu học Bát nhã Ba la mật.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát muốn đạt được Thiên nhãn để thấy mười phương chư Phật, thiên nhĩ nghe qua mười phương chư Phật thuyết pháp, muốn hiểu được ý của chư Phật thì phải tu học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát muốn thường nghe tiếng thuyết pháp của chư Phật trong mười phương…, cho đến muốn đạt quả Vô thượng Chánh đẳng giác thì phải tu học Bát nhã Ba la mật.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát muốn thấy chư Phật ở các quốc độ trong ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai thì phải tu học Bát-nhã ba-lamật. Đại Bồ-tát muốn nghe Pháp của mười phương chư Phật giảng thuyết và đọc tụng mười hai bộ kinh cùng với pháp mà các Thanh văn chưa từng được nghe thì phải tu học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát muốn nghe và biết pháp của chư Phật mười phương đã nói, sẽ nói để giảng dạy cho chúng sinh thì phải tu học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát muốn nghe hết các pháp của chư Phật thuyết giảng trong ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai rồi giảng dạy cho khắp tất cả hữu tình thì phải tu học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát muốn đem ánh sáng chiếu khắp các chỗ tối tăm không có ánh sáng mặt trời mặt trăng, chiếu đến trong mười phương hằng sa thế giới chư Phật thì phải tu học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát muốn làm cho người chưa từng nghe tiếng Phật, Pháp, Tăng được Chánh kiến thì phải tu học Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát muốn làm cho chúng sinh trong mười phương trong hằng sa thế giới mù được sáng mắt, điếc được nghe, cuồng được định tĩnh, thiếu quần áo được quần áo mặc, đói khát được no đủ…, thì phải tu học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát muốn làm cho chúng sinh ở địa ngục, ba đường ác trong mười phương hằng sa quốc độ đều được giải thoát, thọ thân người thì phải tu học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát muốn làm cho chúng sinh trong hằng sa thế giới đều được đầy đủ Giới hạnh, Tam-muội, Trí tuệ, Giải thoát, Giải thoát tuệ, Giải thoát

kiến, Tu-đà-hoàn, A-la-hán, Bíchchi-phật, các oai nghi của chư Phật, cho đến Vô thượng Chánh đẳng giác thì phải tu học Bát nhã Ba la mật.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát muốn thông suốt việc đời việc đạo thì phải tu học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát muốn khi đi chân cách đất bốn tấc mà vẫn để lại dấu bánh xe ngàn căm, muốn được chư Thiên cõi trời Tứ thiên vương, A-ca-nị-tra, cùng vô số quyến thuộc chư Thiên nhiễu quanh, đi đến cây Bồ-đề dùng lụa quý để trải tòa cho ngồi, muốn được thành Bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Giác, chốn chốn du hóa, muốn tòa ngồi đều bằng kim cang thì phải tu học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát muốn trong một ngày xuất gia liền thành Vô thượng Chánh đẳng giác, chuyển pháp luân làm vô lượng, vô số người xa lìa các pháp ô nhiễm, được mắt pháp thanh tịnh, không còn phiền não, ý được giải thoát, được trí Nhất thiết, thành Vô thượng Chánh đẳng giác, thì phải tu học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát nguyện khi thành Phật vì vô số chúng đệ tử thuyết pháp, làm cho họ đắc quả ngay tòa ngồi; người phát tâm Bồ-tát được trí Nhất thiết, thành Vô thượng Chánh đẳng giác, quốc độ không có tên dâm, nộ, si; trí tuệ chúng sinh đều như nhau, thường niệm bố thí, trì giới, tự điều phục, không còn nhiễu hại chúng sinh; sau khi Niết-bàn muốn cho chánh pháp không có tên hoại diệt, thì phải tu học Bát-nhã bala-mật. Đại Bồ-tát muốn khi thành Vô thượng Chánh đẳng giác, chúng sinh nào nghe được danh hiệu đều đạt đến danh hiệu Chánh đẳng giác, thì phải tu học Bát nhã Ba la mật.

QUYỂN 1
Phẩm 2: VÔ KIẾN

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Khi Đại Bồ-tát mới phát tâm thực hành Bát nhã Ba la mật, Tứ Thiên vương đều hoan hỷ nghĩ: "Chúng ta sẽ đem bốn bát báu dâng lên, như pháp dâng bát của các bậc Thiên vương trước đây."

Vua cõi trời Đao-lợi và vua cõi trời thứ sáu cũng đều hoan hỷ nghĩ: "Khi Bồ-tát này thành Phật, chúng ta cũng sẽ theo hầu và cúng dường làm cho loài A-tu-la luôn giảm bớt, chư Thiên tăng trưởng."

Chư Thiên các cõi trời A-ca-nị-tra trong tam thiên đại thiên thế giới cũng đều hoan hỷ suy nghĩ: "Bồ-tát này thực hành Bát nhã Ba la mật, khi thành Phật chúng ta cũng sẽ thỉnh Ngài chuyển pháp luân."

Như vậy, này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-lamật thì sáu pháp Ba-la-mật dần dần tăng trưởng đầy đủ. Những thiện nam, thiện nữ đều hoan hỷ nghĩ: "Ta sẽ vì Bồ-tát này mà làm cha mẹ, anh chị em, vợ con, quyến thuộc, bạn bè."

Khi ấy, Tứ Thiên vương và chư Thiên cõi trời A-ca-nị-tra đều nghĩ: "Chúng ta nên làm cho vị Bồ-tát này thường tu phạm hạnh từ lúc mới phát tâm cho đến khi thành Phật, chớ để gần gũi sắc dục. Nếu người phạm vào sắc dục thì mất phạm hạnh, đâu thể hành đạo được. Bồ-tát này thường tu phạm hạnh, chắc chắn sẽ thành Phật, không phạm sắc dục nên được đắc đạo." Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bồ-tát có phải có cha mẹ, vợ con, quyến thuộc không?

Phật bảo:

–Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát có cha mẹ không có vợ con; có Bồ-tát từ lúc mới phát tâm thị hiện thân đồng nam không có vợ, tu hành cho đến khi thành Phật; có Bồ-tát dùng phương tiện quyền xảo thị hiện trong ở năm dục phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác rồi xuất gia.

Này Xá-lợi-phất! Ví như nhà ảo thuật khéo làm trò huyễn hóa, hiện năm món dục rồi vui chơi trong ấy thì ý ông nghĩ sao? Việc ăn mặc của người do nhà ảo thuật hóa hiện ra đó có thật không?

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì huyễn hóa nên không thật.

–Như vậy, Xá-lợi-phất! Bồ-tát dùng phương tiện quyền xảo thị hiện có dục, ở trong sắc dục nuôi dưỡng tất cả mà không bị ô nhiễm; quán dục như lửa, như oan gia, cho dục là xấu ác, ý luôn nhàm chán. Bồ-tát thị hiện ở trong sắc dục thường nhớ nghĩ như vậy. Hàng quyền thừa Bồ-tát còn thường niệm như thế, huống chi người mới phát tâm Bồ-tát mà không niệm ư?

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bồ-tát phải thực hành Bát nhã Ba la mật như thế nào?

Phật dạy:

–Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật thì không thấy có Bồ-tát, cũng không thấy tên Bồ-tát, không thấy có Bát nhã Ba la mật, đều không có đối tượng bị thấy, cũng không thấy có người không làm. Vì sao? Vì Bồ-tát là không, tên cũng không, không có năm ấm.

Năm ấm là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Năm ấm tức là không, không tức là năm ấm. Vì sao? Vì chỉ có danh tự vậy. Dùng danh tự gọi là đạo, là Bồ-tát, là không, là năm ấm, nhưng sự thật không có sinh, không có diệt, không đắm trước, không dứt bỏ.

Bồ-tát thực hành như vậy thì không thấy có sinh, không thấy có diệt, cũng không thấy bị dính mắc, trừ bỏ. Vì sao vậy? Vì lấy không làm pháp để lập, danh hiệu hư dối làm tên. Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật không thấy tên của các pháp, vì không có đối tượng thấy nên không có chỗ nhập vào.

QUYỂN 1
Phẩm 3: GIẢ HIỆU

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật nên quán sát như vầy: "Bồ-tát chỉ là danh tự, Phật cũng là danh tự, Bát nhã Ba la mật cũng là danh tự, năm ấm cũng là danh tự."

Này Xá-lợi-phất! Tất cả tên gọi tôi, ta cũng là danh tự. Tìm cầu tôi, ta cũng không có tôi, ta; không có chúng sinh cũng không có sự sinh; không có người sinh cũng không có tự sinh ra; không có người, không có sinh, không tạo, không tác, không người làm thành cũng không người thọ nhận, không người trao cho, không thấy, không được. Vì sao? Vì tất cả pháp đều không thật có nên là không, cho nên Bồ-tát đối với tất cả pháp chỉ có tên mà không có sự thấy, đối với sự không thấy ấy cũng không thấy.

Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật như thế, đối với việc vận dụng không quán tuy chưa bằng Phật nhưng đã vượt xa so với Thanh văn và Bích-chi-phật. Vì sao? Vì đối với tất cả các pháp đều không thấy có chỗ vào.

Này Xá-lợi-phất! Với Bồ-tát như vậy mà thực hành Bát nhã Ba la mật thì dù cho tất cả cỏ cây, lúa, mè, tre, mía, trúc, lau trong cõi Diêm-phù-đề đều như Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên có trí tuệ thần túc, đức độ như thế mà đem so sánh Bồ-tát hành Bát-nhã bala-mật thì hoàn toàn không thể sánh bằng; nếu so sánh thì số trăm ngàn ức cũng không bằng một phần, không thể ví dụ so sánh được. Vì sao vậy? Này Xá-lợi-phất! Vì Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, độ thoát tất cả chúng sinh vậy.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, nhớ nghĩ Bát nhã Ba la mật trong một ngày cũng vượt trên hàng Thanh văn và Bích-chi-phật.

Này Xá-lợi-phất! Hãy để các việc Diêm-phù-đề lại. Nếu cỏ cây đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới đều như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, cũng để việc ấy lại… Ví dụ, Xá-lợi-phất, Mục-kiềnliên đầy khắp mười phương hằng sa thế giới, số lượng như thế không thể tính đếm, muốn so sánh với Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật thì đến trăm ngàn vạn ức cũng không thể sánh bằng Bát nhã Ba la mật của Bồ-tát. Trí tuệ của Bồ-tát thì hơn trí tuệ của Thanh văn và Bíchchi-phật trăm ngàn vạn lần.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trí tuệ của Thanh văn từ Tu-đà-hoàn đến Thanh văn, Bích-chi-phật cho đến trí tuệ của Bồ-tát, chư Phật, Thế Tôn, các vị ấy không trái nhau, không chỗ sinh, đều là không; không sai khác, không xuất hiện, không sinh ra; cái không chân thật ấy không có sai khác, hơn, kém. Tại sao Thế Tôn nói Bồ-tát nhớ nghĩ, hành Bát nhã Ba la mật trong một ngày thì vượt hơn hàng Thanh văn và Bích-chi-phật?

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Sở dĩ vượt qua hàng Thanh văn, Bích-chi-phật là vì trong một ngày hành Bát nhã Ba la mật, Bồ-tát ấy nghĩ: "Ta nên dùng nhân duyên đạo pháp đem tất cả pháp để giác ngộ và độ thoát tất cả chúng sinh."

Này Xá-lợi-phất! Các Thanh văn, Bích-chi-phật có nghĩ như vậy không?

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các Thanh văn, Bích-chi-phật chưa từng nghĩ như vậy.

Vì thế, này Xá-lợi-phất! Nên biết và nhớ nghĩ như vầy: "Trí tuệ của Thanh văn, Bích-chi-phật muốn so sánh với trí tuệ của Bồ-tát thì trăm ngàn vạn ức lần không thể sánh bằng."

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Hàng Thanh văn, Bích-chi-phật có nghĩ: "Ta thực hành sáu pháp Ba-la-mật để làm thanh tịnh cõi Phật và chỉ dạy cho chúng sinh đầy đủ mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Tuệ vô ngại, đủ mười tám pháp sẽ thành tựu Vô thượng Chánh đẳng giác, làm cho vô lượng, vô số người được Niết-bàn" không?

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Họ không nghĩ như vậy.

Phật dạy:

–Bồ-tát có khả năng như vậy, thực hành sáu pháp Ba-la-mật,

đủ mười tám pháp Bất cộng thành Vô thượng Chánh đẳng giác sẽ độ thoát tất cả chúng sinh.

Này Xá-lợi-phất! Ví như con đom đóm không thể nghĩ: “Ta chiếu ánh sáng làm cho khắp cõi Diêm-phù-đề sáng rực.” Như vậy, này Xá-lợi-phất! Các Thanh văn, Bích-chi-phật cũng không nghĩ: “Ta thực hành sáu pháp Ba-la-mật, đủ mười tám pháp Bất cộng thành Vô thượng Chánh đẳng giác để độ thoát chúng sinh.”

Này Xá-lợi-phất! Ví như mặt trời xuất hiện chiếu sáng khắp cõi Diêm-phù-đề, không nơi nào mà không có ánh sáng. Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật cũng như vậy, đủ mười tám pháp thành Vô thượng Chánh đẳng giác độ thoát vô số chúng sinh.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bồ-tát làm thế nào mà vượt qua hàng Thanh văn, Bích-chiphật để đạt đến địa vị không thoái chuyển, làm trang nghiêm Phật đạo?

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Bồ-tát từ lúc mới phát tâm, về sau thường thực hành sáu pháp Ba-la-mật, trụ vào pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện, vượt qua địa vị Thanh văn và Bích-chi-phật để đạt đến địa vị Không thoái chuyển.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bồ-tát trụ vào địa vị nào để làm ruộng phước cho hàng Thanh văn và Bích-chi-phật?

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Bồ-tát từ khi phát tâm đến nay thường thực hành sáu pháp Ba-la-mật cho đến khi đến đạo tràng, trong thời gian đó thường hộ trì hàng Thanh văn và Bích-chi-phật. Vì sao?

Này Xá-lợi-phất! Vì ở trong đời có Bồ-tát nên biết có năm giới, mười điều thiện, tám trai giới, bốn Thiền, bốn Vô lượng tâm, bốn Không định, cho đến ba mươi bảy phẩm Trợ đạo đều xuất hiện ở đời; lại có đầy đủ mười tám pháp Bất cộng, mười Lực của Phật, bốn Vô sở úy. Thế gian có pháp ấy, lại biết có dòng dõi vua, Phạm chí, trưởng giả, cư sĩ; lại biết có bốn Thiên vương đệ nhất lên đến cõi trời Ba mươi ba; lại biết có bậc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-nahàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, cho đến chư Phật đều xuất hiện ở đời.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bồ-tát thi ân và báo ân như thế nào?

Phật dạy:

–Bồ-tát không báo ân và ban phước. Vì Bồ-tát vốn đã báo ân rồi, Bồ-tát thường đem pháp thiện để thi ân. Những pháp thiện đó là mười pháp thiện, cho đến pháp của chư Phật Thế Tôn như: mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng… đem những pháp ấy để ban cho chúng sinh.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Thế nào là Bồ-tát tương ứng với Bát nhã Ba la mật?

Phật dạy:

–Nếu Bồ-tát biết sắc hợp với không thì tương ưng với Bát nhã Ba la mật; biết nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý căn hợp với không; biết sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp trần hợp với không; cùng nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, y thức hợp với không thì tương ưng với Bát-nhã bala-mật; lại biết Khổ, Tập, Diệt, Đạo bốn đế hợp với không. Nên biết mười hai nhân duyên.

Những gì là mười hai?

Đó là vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, tử. Mười hai nhân duyên này cũng hợp với không. Nên biết tất cả pháp hữu vi, vô vi cũng hợp với không; nên biết tất cả bản tánh cũng hợp với không. Đó là Bồ-tát tương ưng với Bát nhã Ba la mật.

Như vậy, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát biết bảy pháp hợp với không.

Thế nào là bảy pháp?

Đó là bảy pháp đã nêu ở trên vậy. Bồ-tát biết bảy pháp này thì tương ưng với Bát nhã Ba la mật. Lại không thấy hợp với năm ấm, cũng không thấy không hợp, cũng không thấy pháp năm ấm sinh, không thấy pháp năm ấm diệt, không dính mắc pháp năm ấm, không đoạn trừ pháp năm ấm, cũng không thấy sắc hợp với thọ, cũng không thấy thọ hợp với tưởng, cũng không thấy tưởng hợp với thức, cũng không thấy thức hợp với hành. Vì sao vậy? Bởi vì bản tánh vốn không nên chưa từng thấy có pháp hợp với pháp.

Này Xá-lợi-phất! Vì sắc là không nên chẳng phải sắc; vì thọ, tưởng, hành, thức là không nên chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức. Vì sắc là không nên không có sự thấy, thọ là không nên không có sự biết, tưởng là không nên không có sự nhớ, hành là không nên không có sự hoạt động, thức là không nên không có sự thấy biết. Vì sao vậy? Vì sắc cùng với không không sai khác. Vì sao? Vì sắc tức là không, không tức là sắc; thọ, tưởng, hành, thức tức là không, không tức là thọ, tưởng, hành, thức cũng không thấy có sinh diệt, cũng không dính mắc, đoạn trừ; cũng không thấy tăng giảm; cũng không có quá khứ, hiện tại, vị lai; cũng không có năm ấm; không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; cũng không có nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý và mười hai nhân duyên; cũng không có Tứ đế; không có chỗ đạt đến; cũng không có quả vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-la-hán, Bíchchi-phật, không có Phật, không có đạo.

Như vậy, này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-lamật nên nghĩ như vậy, biết như vậy, tương ưng như vậy và thực hành như vậy. Cũng không thấy tương ưng, cũng không phải không tương ưng, cũng không thấy hợp với sáu pháp Ba-la-mật, năm ấm, cho đến pháp thân cũng không thấy hợp với không, ba mươi bảy phẩm, mười Lực của Phật, bốn Vô sở úy, mười tám pháp, cho đến trí Nhất thiết cũng không thấy tương ưng cùng với không tương ưng. Cho nên Xá-lợi-phất, nên biết Bồ-tát như vậy là tương ưng với Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-lamật không hợp với Không cũng không hợp với Vô tướng, Vô nguyện; Vô tướng, Vô nguyện cũng không hợp với Không. Vì sao vậy? Vì pháp Không thấy hợp cũng không thấy không hợp; Vô tướng, Vô nguyện cũng như vậy. Bồ-tát như thế là tương ưng với Bát nhã Ba la mật.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật đã vượt

qua pháp không và pháp tướng, không hợp với năm ấm cũng không phải không hợp; không hợp với sắc; không hợp với quá khứ, hiện tại, vị lai; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Vì sao? Vì tên gọi ba đời đều là không. Bồ-tát hợp như thế là tương ưng với Bát nhã Ba la mật.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật đối với trí Nhất thiết cũng không thấy hợp với quá khứ, hiện tại, vị lai; cũng không thấy có quá khứ, hiện tại, vị lai. Bồ-tát nên nhớ nghĩ và tương ưng như thế.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Trí Nhất thiết cũng không thấy hợp với năm ấm và năm ấm cũng không thấy hợp với trí Nhất thiết; trí Nhất thiết cũng không thấy hợp với sáu căn và sáu căn cũng không thấy hợp với trí Nhất thiết; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng không hợp với trí Nhất thiết và trí Nhất thiết cũng không hợp với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà cũng không phải không hợp. Đó là Bồ-tát tương ưng với Bát nhã Ba la mật.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, đối với Bố thí ba-la-mật cũng không thấy hợp với trí Nhất thiết. Trì giới ba-lamật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật, cho đến Bát nhã Ba la mật cũng không thấy hợp với trí Nhất thiết, cũng không thấy trí Nhất thiết hợp với sáu pháp Ba-la-mật; lại không thấy trí Nhất thiết hợp với ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và mười Lực; ba mươi bảy phẩm và mười Lực cũng không hợp với trí Nhất thiết. Đó là Bồ-tát tương ưng với Bát nhã Ba la mật.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật cũng không thấy Phật hợp với trí Nhất thiết và trí Nhất thiết cũng không hợp với Phật; đạo cũng không hợp với trí Nhất thiết, trí Nhất thiết cũng không hợp với đạo. Vì sao vậy? Vì trí Nhất thiết tức là Phật, Phật tức là trí Nhất thiết; đạo là trí Nhất thiết, trí Nhất thiết là đạo. Đó là Bồ-tát hợp với Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật biết năm ấm không hợp với hữu, hữu không hợp với năm ấm; năm ấm cũng không hợp với khổ, vui, hữu ngã, vô ngã, sáu căn và pháp cũng như vậy. Năm ấm cũng không hợp với Không, Vô tướng, Vô nguyện, cũng không phải không hợp; cũng không thấy hành, cũng không thấy không hành. Bồ-tát nên hành như vậy và ứng hợp như vậy.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Bồ-tát cũng không lấy Bát-nhã bala-mật để thực hành Bố thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật; cũng không đem năm pháp Ba-la-mật để thực hành Bát nhã Ba la mật; cũng không dùng không thoái chuyển để truyền dạy cho chúng sinh, cũng không vì thanh tịnh của cõi Phật mà hành Bát nhã Ba la mật, cũng không đem bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại tuệ, mười Lực của Phật, mười tám pháp Bất cộng để thực hành Bát nhã Ba la mật; cũng không lấy nội không, ngoại không, sở hữu không, vô sở hữu không, không không, đại không, tất cánh không để thực hành Bát nhã Ba la mật; cũng không dùng hữu vi không, vô vi không, vô để không, các pháp tướng không, tất cả các pháp không, cũng không lấy sinh không, vô sinh không, chân không, ngụy không, như, pháp tánh, chân tế để thực hành Bát nhã Ba la mật. Vì sao vậy? Vì không thấy có pháp bị ngại và hoại vậy.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật cũng không dùng thần túc để nghe và quán sát, biết rõ tâm ý của người khác. Bởi vì, để tự biết túc mạng nên thực hành Bát nhã Ba la mật. Vì sao vậy? Vì Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật không thấy có Bát nhã Ba la mật, huống chi thấy có Bồ-tát và các việc thần thông của Bồ-tát. Đó là Bồ-tát tương ưng với Bát nhã Ba la mật.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật không nghĩ: "Ta sẽ dùng thần túc đi đến mười phương gặp các Đức Phật Thế Tôn."

Cũng không nghĩ: "Ta sẽ nghe chư Phật mười phương thuyết pháp và thọ trì."

Cũng không nghĩ: "Ta sẽ biết tâm niệm của chúng sinh trong mười phương."

Cũng không nghĩ: “Ta sẽ biết sự thọ sinh trong vô số kiếp.”

Lại không nghĩ: “Ta thấy cảnh giới thiện ác sinh tử của chúng sinh đi đến trong mười phương.”

Đó là Bồ-tát tương ưng với Bát nhã Ba la mật.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát nghĩ: “Ta sẽ độ vô số người làm cho họ vào Niết-bàn.” Đó là Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật. Vì Bồ-tát thực hành như thế thì thu phục được các sự việc trong thế gian và các ma không thể tìm được chỗ sơ hở; mười phương chư Phật đều hộ trì Bồ-tát ấy, làm cho không rơi vào địa vị Thanh văn, Bích-chi-phật; bốn Thiên vương, cho đến chư Thiên A-ca-nị-tra đều hộ vệ vị Bồ-tát ấy, làm cho không bị trở ngại trên đường đạo. Thân Bồ-tát ấy trong đời hiện tại nếu có các bệnh đều được lành. Vì sao vậy? Vì Bồ-tát dùng tâm Từ gia hộ khắp chúng sinh vậy. Nên biết, Bồ-tát ấy tương ưng với Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật thì mau chóng đạt được Tổng trì và các Tam-muội ngay trong hiện tại, sinh ở đâu cũng thường gặp chư Phật và đạo tràng, thường không lìa Phật. Đó là Bồ-tát tương ưng với Bát nhã Ba la mật.

Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật cũng không nghĩ có pháp hợp với không hợp; bình đẳng với không bình đẳng. Vì sao? Vì không thấy pháp hợp cũng không thấy các pháp bình đẳng. Đó là Bồ-tát tương ưng với Bát nhã Ba la mật.

Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật không nghĩ: “Ta sẽ mau chóng đạt đến sự giác ngộ Pháp tánh, cũng không phải không chóng đạt đến giác ngộ.” Vì sao vậy? Vì Pháp tánh không có chỗ mau chóng để đạt đến giác ngộ. Đó là Bồ-tát hợp với Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật không thấy có lìa hay hợp với Pháp tánh, cũng không nghĩ: “Pháp tánh có nhiều sự sai khác.” Đó là Bồ-tát hợp với tất cả.

Lại không nghĩ: “Pháp này với pháp tánh hiện hữu, cũng không phải không hiện hữu.” Vì sao vậy? Vì chưa bao giờ thấy có Pháp tánh hiện hữu. Nên biết, như thế là hợp với Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật đối với pháp tánh không thấy hợp với không, không cũng không hợp với pháp tánh, đó là hợp. Sáu căn, mười tám tánh cũng không hợp với không, không cũng không hợp với sáu căn, mười tám tánh, cho đến pháp tánh không hợp với không, không cũng không hợp với pháp tánh.

Này Xá-lợi-phất! Hợp với không như thế là tối thượng bậc nhất. Bồ-tát thực hành pháp không, không rơi vào địa vị Thanh văn, Bích-chi-phật, làm thanh tịnh cõi Phật, giảng dạy cho chúng sinh mau chóng thành Phật.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát thực hành như vậy, nên biết Bồ-tát ấy đã được thọ ký gần với đạo tràng, làm lợi ích cho vô lượng, vô số người.

Bồ-tát không nghĩ: “Ta tương ưng với Bát nhã Ba la mật.”

Cũng không nghĩ: “Các Đức Phật Thế Tôn sẽ thọ ký cho ta.”

Lại cũng không nghĩ: “Ta thọ ký không bao lâu sẽ làm thanh tịnh cõi Phật.”

Lại không nghĩ: “Ta sẽ thành Phật và chuyển pháp luân.”

Vì sao vậy? Vì Bồ-tát cùng với Pháp tánh cùng một thể không sai khác, cũng không thấy có pháp, Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-lamật cũng không thấy chư Phật thọ ký thành Chánh đẳng

giác. Vì sao? Vì Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, chưa từng thấy có sinh tướng chúng sinh, cũng không thấy diệt tướng chúng sinh. Vì sao? Vì không thấy sự sinh diệt của tất cả chúng sinh, tất cả chúng sinh không thấy có sinh, cũng không thấy có sinh diệt. Tại sao Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật? Vì hành Bát nhã Ba la mật thì Bồ-tát không sinh khởi tướng chúng sinh cũng không phải không tướng chúng sinh; không thấy hạnh của chúng sinh, cũng không khác hạnh của chúng sinh. Đó là Bồ-tát thực hành hạnh Không đệ nhất. Bồ-tát trụ trong hạnh ấy, thì gồm được các hạnh, các hạnh đều ở trong hạnh ấy. Bồ-tát an trụ hạnh như thế là đại Từ, đại Bi; không còn ý tật đố kiêu mạn, tâm ý không còn loạn động biếng nhác, tâm không còn sân hận, ý không nghĩ ác và không sinh khởi ác trí.

QUYỂN 2
Phẩm 4: HỌC NĂM LOẠI MẮT

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Đại Bồ-tát tương ưng với Bát nhã Ba la mật từ đâu sinh đến đây và từ đây sinh về đâu?

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Bồ-tát tương ưng với Bát nhã Ba la mật, từ nơi cõi trời Đâusuất sinh xuống cõi này, hoặc ở cõi Phật khác vào cõi này, hoặc từ trong loài người mà sinh ở cõi này. Nếu từ nơi cõi trời Đâu-suất đến đây thì giữ đầy đủ Bát nhã Ba la mật, các pháp Đà-la-ni, các pháp Tam-muội, các pháp Trí tuệ đều tồn tại. Từ nơi cõi Phật khác đến thì mau chóng thành tựu Bát nhã Ba la mật. Trí tuệ mỗi ngày thêm tăng, đầy đủ các pháp sâu xa, về sau mới thành tựu Bát-nhã ba-lamật, sinh ra ở đâu cũng thường gặp Phật và không rời xa chư Phật. Từ loài người đến thì Bồ-tát chưa đạt được quả vị không thoái chuyển, các căn ám độn không thể thành tựu Bát nhã Ba la mật, không gặp được các pháp Đà-la-ni.

Xá-lợi-phất! Câu hỏi của ông về "Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật ở cõi này sau sẽ sinh về đâu?" là như thế này: Bồ-tát này sẽ sinh ở cõi Phật khác, từ cõi Phật này đến cõi Phật kia, lại thường gặp, không rời xa chư Phật Thế Tôn. Lại có Bồ-tát không có phương tiện quyền xảo, từ bốn Thiền thực hành sáu pháp Ba-la-mật, giữ phước thiền này sinh vào cõi trời Trường thọ. Ở cõi trời sống lâu vô cùng này, sinh đến thế gian cúng dường chư Phật, các Bồ-tát này các căn chậm lụt không thông minh lắm.

Xá-lợi-phất! Lại có Bồ-tát hành bốn Thiền và bốn Vô đẳng ý, bốn vô hình Thiền niệm, ba mươi bảy phẩm, đại Từ, đại Bi, giữ gìn phương tiện thiện xảo của phước Thiền thì không thể ở lâu chỗ đó mà thường sinh đến chỗ chư Phật giáo hóa, sẽ sinh trong Hiền kiếp thành bậc Giác ngộ, không xa lìa Bát nhã Ba la mật.

Lại có Bồ-tát thực hành bốn Thiền, bốn Vô đẳng ý, bốn Định vô hình, dùng phương tiện quyền xảo, nên không sinh vào các cõi Thiền mà sinh vào dòng tộc tôn quý, sinh vào nhà Phạm chí, vào nhà bậc trưởng giả, sinh vào chỗ nào cũng thường giáo hóa chúng sinh.

Lại có Bồ-tát thực hành bốn Thiền, bốn Vô đẳng ý, bốn Vô hình định, dùng phương tiện quyền xảo, nên không bị lệ thuộc vào Thiền, sinh vào cõi thiền Tứ thiên vương, trời Đao-lợi,

tầng trời thứ sáu, thường giáo hóa chư Thiên làm thanh tịnh cõi Phật, giáo hóa chúng sinh cung kính cúng dường chư Phật.

Lại có Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng phương tiện quyền xảo, hành Thiền thứ nhất sinh vào nơi tôn quý, cõi trời Phạm thiên, từ cõi đó đi khắp mười phương thỉnh chư Phật Thế Tôn chuyển pháp luân; lại sinh làm Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ hành Bát nhã Ba la mật, dùng phương tiện quyền xảo, gồm đủ bốn Thiền, bốn Đẳng ý, bốn Định vô hình, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, Không, Vô tướng, Vô nguyện, thực hành đầy đủ Tam-muội, không lệ thuộc vào tầng Thiền nào, thường gặp chư Phật, phụng sự Thế Tôn, giữ gìn hạnh thanh tịnh, nên sinh vào cõi trời Đâu-suất, trong cõi trời này sống lâu tùy ý, các căn đầy đủ, thuyết pháp cho hàng trời người quyến thuộc đang vây quanh, về sau sinh trong loài người thành bậc Chánh đẳng giác.

Xá-lợi-phất! Lại có Bồ-tát tuy đã chứng được sáu phép thần thông nhưng không sinh vào Sắc giới hay Vô sắc giới của cõi Dục, mà lại đi từ cõi Phật này đến cõi Phật khác để lễ bái các Đức Phật. Lại có Bồ-tát chứng sáu pháp thần thông đi khắp các cõi Phật, đến những cõi không có danh tự Thanh văn, Bích-chi-phật mà giáo hóa.

Lại có Bồ-tát hành trì sáu pháp thần thông sinh vào các cõi Phật, sinh vào cõi nào cũng thọ mạng vô lượng. Lại có Bồ-tát dùng sáu pháp thần thông đi khắp các cõi, đi đến chỗ không có Phật để hoằng dương đạo pháp, khiến chúng sinh kia nghe công đức của Tam bảo, nghe xong hoan hỷ mà sinh vào các cõi Phật.

Lại có Bồ-tát từ lúc bắt đầu phát tâm đạt được bốn Thiền, bốn Thanh tịnh, bốn Định vô hình, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, cho đến mười tám pháp Bất cộng, không sinh trong Tam giới, sinh những nơi làm lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Lại có Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật, từ lúc bắt đầu phát tâm liền đạt địa vị Bồ-tát cho đến địa vị Không thoái chuyển.

Lại có Bồ-tát từ lúc bắt đầu phát tâm liền đạt được Chánh đẳng giác, chuyển pháp luân làm lợi ích trăm ngàn vạn ức chúng sinh, rồi từ nơi cảnh giới Vô dư mà nhập vào Niết-bàn, pháp này lưu lại từ nửa kiếp đến một kiếp.

Lại có Bồ-tát vừa phát tâm liền tương ưng với Bát-nhã ba-lamật, cùng với vạn ức Bồ-tát đồng đi đến các cõi Phật làm cho thanh tịnh.

Lại có Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật, từ bốn Thiền, bốn Đẳng ý cho đến bốn Định vô hình, hưởng vui trong các pháp ấy, trụ ở bốn Thiền. Từ bốn Thiền đến thiền giải thoát, từ thiền giải thoát đến định vô hình, từ định vô hình vào thiền giải thoát, từ thiền giải thoát vào thiền Vô tư tưởng tuệ thiền, lại từ đây trở về thiền giải thoát, dùng phương tiện quyền xảo nhập Tam-muội Bổ-khư-xà. Đây là Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật.

Lại có Bồ-tát thực hành ba mươi bảy phẩm Trợ đạo cho đến mười tám pháp Bất cộng, không chấp vào quả vị Thanh văn, Bíchchi-phật.

Lại có Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng phương tiện quyền xảo hành ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, làm cho những vị mới phát tâm hạn hẹp đều được độ; các vị Thanh văn, Bích-chi-phật được đạo Tuệ đều do sự kiên trì của Bồ-tát. Nên biết, người hành Bát nhã Ba la mật này là bậc Không thoái chuyển.

Xá-lợi-phất! Lại có Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật, sinh vào cõi trời Đâu-suất. Nên biết, đây là các vị Bồ-tát trong kiếp Hiền.

Lại có Bồ-tát dùng bốn phước thiền cho đến mười tám pháp Bất cộng đều không chấp vào quả vị đã đạt. Nên biết, đây là vị Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ.

Lại có Bồ-tát hành sáu pháp Ba-la-mật, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, dìu dắt chúng sinh đến đạo tràng. Bồ-tát này từ lúc mới phát tâm đến nay trải qua vô số a-tăng-kỳ kiếp mới được thành Phật.

Lại có Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật, không nói những điều vô ích cho chúng sinh.

Lại có Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật, nên từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, đoạn trừ ba đường ác cho chúng sinh.

Lại có Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật, thường bố thí làm an lạc tất cả, hoan hỷ cung cấp voi, ngựa, xe, y phục, tiền, thức ăn, thành quách và châu báu cho người xin.

Lại có Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật, có khả năng hóa nhiều hình dạng Đức Phật đi vào ba đường ác, tùy theo ngôn ngữ mà thuyết pháp làm cho họ được giải thoát.

Lại có Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật, hóa ra thân Phật ở khắp mười phương giáo hóa chúng sinh làm thanh tịnh cõi Phật, rồi đến khắp nơi quán các oai nghi tốt xấu dơ sạch của chư Phật, tạo nên cõi vi diệu thù thắng khác nhau, chỉ dùng Nhất thừa để giáo hóa các vị Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ.

Lại có Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật liền được thân bậc Đại sĩ, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, các căn hoàn hảo. Chúng sinh trông thấy đều cung kính hoan hỷ. Nhân họ vui vẻ, Bồ-tát dùng pháp Tam thừa khiến họ được độ thoát nhập vào Niết-bàn.

Xá-lợi-phất! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật trước hết làm cho thân, khẩu, ý được thanh tịnh; khiến cho các căn đã hoàn hảo rồi làm cho hoàn hảo hơn, không tự đề cao mình cũng không hạ thấp người.

Lại có Bồ-tát từ lúc mới phát tâm, do thực hành Bố thí và Trì giới ba-la-mật không bị đọa vào ba đường ác cho đến lúc thành bậc Chánh đẳng giác.

Lại có Bồ-tát từ lúc mới phát tâm cho đến lúc thành Chánh đẳng giác thường không quên thực hành mười điều thiện.

Lại có Bồ-tát thực hành Bố thí ba-la-mật, làm vua Chuyển luân bố thí vô ngại, giáo hóa chúng sinh tu theo mười điều thiện, đem tài vật bố thí rộng rãi cho chúng sinh.

Lại có Bồ-tát Bố thí, Trì giới ba-la-mật, trăm ngàn ức kiếp làm Chuyển luân vương luôn bố thí không ngại, thường cúng dường không bị đọa vào ba đường ác, cung kính chư Phật.

Lại có Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật, giáo hóa chúng sinh, thắp sáng Chánh pháp, cho đến lúc thành bậc Chánh đẳng giác không rời đuốc tuệ.

Do đó, Bồ-tát làm sáng rạng Phật pháp, Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật. Người hành đạo Bồ-tát thường giữ gìn thân, khẩu, ý, khiến cho các việc bất thiện không khởi lên.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Vì sao Bồ-tát phải giữ gìn thân, khẩu, ý?

Phật đáp:

–Nếu Bồ-tát không có ý giữ gìn thân, khẩu, ý thì từ các nhân duyên xấu dễ gây thành tội lỗi.

Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật cũng không thấy thân, khẩu, ý; tuy có thân, khẩu, ý nhưng không sinh tật đố tà kiến, không lưỡng thiệt, ác khẩu, vọng ngôn, ỷ ngữ; không sát, đạo, dâm; không giải đãi, ý không bao giờ nghĩ việc làm ác. Nếu Bồ-tát không xả bỏ các điều ác này thì không phải là Bồ-tát.

Lại có Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật, bỏ hành động ác, bỏ lời nói ác, bỏ ý niệm ác.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Thế nào là Bồ-tát trừ bỏ thân, khẩu, ý?

Phật nói:

–Bồ-tát không lệ thuộc vào thân, khẩu, ý cho nên có thể đoạn trừ. Bồ-tát từ lúc bắt đầu phát tâm đến nay thường giữ mười điều thiện, cho nên hơn hẳn Thanh văn và Bích-chi-phật.

Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng sáu pháp Ba-la-mật làm thanh tịnh cõi Phật.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bồ-tát làm thanh tịnh cõi Phật như thế nào?

Phật dạy:

–Bồ-tát không lệ thuộc vào thân, khẩu, ý; không lệ thuộc vào sáu pháp Ba-la-mật; không lệ thuộc vào A-la-hán, Bích-chi-phật; không lệ thuộc vào Bồ-tát cũng không lệ thuộc vào Phật. Vì sao vậy? Vì đối với tất cả các pháp đều không có sự lệ thuộc, đó là Bồ-tát đạo.

Xá-lợi-phất! Lại có Bồ-tát luôn thực hành các pháp Bát nhã Ba la mật, nhờ đó mà không ai có thể thu phục.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Tại sao Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật thì không ai có khả năng thu phục?

Phật dạy:

–Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật thì không có niệm năm ấm, niệm sáu căn; không có niệm sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không có niệm mười tám tánh; không có niệm ba mươi bảy phẩm Trợ đạo; không có niệm sáu pháp Ba-la-mật; không có niệm mười Lực của Phật, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng, không có niệm pháp Thanh văn, Bích-chi-phật, không có niệm Phật đạo, cũng không có niệm Chánh biến tri.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật, công đức này ngày càng thêm lợi ích, nhờ thế nên không ai có thể thu phục.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Bồ-tát trụ nơi Bát nhã Ba la mật, đầy đủ trí Nhất thiết. Nhờ trí tuệ nên không sinh vào cõi ác thú, không sinh trong bần cùng, lại được làm người có các căn đầy đủ, không bị oán ghét, thường được chư Thiên, A-tu-la kính mến.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Trí tuệ Bồ-tát như thế nào?

Phật dạy:

–Bồ-tát với trí tuệ đầy đủ thấy hết hằng hà sa số chư Phật Thế Tôn, theo Thế Tôn nghe và thọ trì giáo pháp của chư Phật. Bồ-tát có trí tuệ không có tưởng Phật, không có tưởng Bồ-tát, không có tưởng Thanh văn, không có tưởng Bích-chi-phật, không có tưởng về ngã, tưởng về nhân, không có tưởng về Phật quốc.

Bằng trí tuệ, Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, thực hành ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, nhưng không nghe danh tự ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, cũng không thấy mười tám pháp Bất cộng. Xá-lợiphất! Đây là trí tuệ của Bồ-tát, do trí tuệ này nên được đầy đủ các pháp, nhưng không tự cao cho rằng thấy tất cả các pháp.

Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật làm thanh tịnh năm loại mắt: Nhục nhãn, Thiên nhãn, Tuệ nhãn, Pháp nhãn và Phật nhãn.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bồ-tát thanh tịnh Nhục nhãn như thế nào?

Phật đáp:

–Có Bồ-tát dùng Nhục nhãn để thấy một trăm do-tuần, thấy hai trăm do-tuần; lại có Bồ-tát dùng Nhục nhãn để thấy một cõi Diêm-phù-đề, hai cõi Diêm-phù-đề, thấy khắp bốn thiên hạ.

Có Bồ-tát dùng Nhục nhãn để thấy một ngàn thế giới, thấy hai ngàn thế giới, thấy cả ba ngàn thế giới. Đó là Bồ-tát có Nhục nhãn thanh tịnh.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Thiên nhãn là gì?

Phật đáp:

–Bồ-tát dùng Thiên nhãn để thấy, hiểu biết tường tận cõi trời Tứ Thiên vương, từ trời Đao-lợi đến cõi trời thứ sáu; đến cõi trời Sắc cứu cánh, Bồ-tát đều thấy, hiểu biết hết. Những người trên cõi trời Tứ Thiên vương, cõi trời Vô sắc đều không thấy, không biết được Thiên nhãn của Bồ-tát thấy đếm. Thiên nhãn của Bồ-tát thấy khắp hằng sa thế giới ở mười phương, biết hết các việc sinh tử, thiện ác của chúng sinh trong mười phương, đó là Bồ-tát có Thiên nhãn thanh tịnh.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Tuệ nhãn của Bồ-tát thấy thế nào?

Phật dạy:

–Tuệ nhãn của Bồ-tát không khởi lên ý niệm có pháp hữu vi,

pháp vô vi, pháp đạo, pháp tục. Bồ-tát có Tuệ nhãn thì thấy hết các pháp, nghe hết các pháp và biết hết các pháp, đó là Bồ-tát có Tuệ nhãn thanh tịnh.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Thế nào là Bồ-tát được Pháp nhãn thanh tịnh?

Phật dạy:

–Bồ-tát dùng Pháp nhãn thanh tịnh thấy đây là người có lòng tin vững chắc vào pháp, đây là người đã an trú trong Vô tướng, Vô nguyện giải thoát. Bên trong thì không lệ thuộc vào cảm thọ của năm Căn, vào định nên thành tựu Tuệ giải thoát.

Lại dùng Tuệ giải thoát vượt qua ba chướng ngại: Thân ngại, hồ nghi ngại, tà tín ngại mà đắc quả Tu-đà-hoàn.

Bồ-tát nhờ sự chứng đắc này khiến cho dâm, nộ, si mỏng dần rồi đắc quả Tư-đà-hàm.

Bồ-tát siêng năng tu tập đến lúc dâm, nộ, si diệt trừ thì đắc quả A-na-hàm; khiến cho năm ái tiêu trừ: Một là sắc ái, hai là vô sắc ái, ba là si ái, bốn là hận ái, năm là loạn chí ái. Người đoạn trừ năm ái này liền đắc quả A-la-hán.

Bồ-tát thực hành pháp quán không, liền được giải thoát về pháp không và thành tựu năm Căn, nhanh chóng thành tựu A-la-hán đạo mà không lệ thuộc vào tầng Thiền định. Đó là bậc đã đạt Vô tướng giải thoát, thành tựu năm Lực cho đến quả A-la-hán.

Đó là Bồ-tát chứng đắc Pháp nhãn thanh tịnh. Bồ-tát biết pháp sinh đều là pháp diệt liền thành tựu năm Căn, đó là Bồ-tát đạt Pháp nhãn thanh tịnh.

Bồ-tát phát tâm thực hành Bố thí ba-la-mật đến Bát-nhã ba-lamật, đầy đủ Trí căn, Tinh tấn căn, phương tiện quyền xảo căn, giữ gìn ba căn cùng các công đức sẽ sinh vào nhà vương giả, dòng tộc lớn, nhà Phạm chí, nhà Trưởng giả, sinh lên cõi trời Tứ Thiên vương, đến tầng trời thứ sáu. Ở các cõi trời Bồ-tát đều dạy bảo chúng sinh, ở chỗ nào cũng an lạc làm thanh tịnh cõi Phật, lễ bái cúng dường chư Phật, không rơi vào Thanh văn, Bích-chi-phật mà thành tựu bậc Chánh giác. Đây là Bồ-tát có Pháp nhãn thanh tịnh.

Bồ-tát có Pháp nhãn biết tất cả chúng sinh đã được thọ ký hay chưa được thọ ký, thoái chuyển hay không còn thoái chuyển, đầy đủ thần thông hay không đầy đủ thần thông.

Bồ-tát đã có đầy đủ thần thông liền đi đến các cõi Phật, gần gũi lễ bái chư Phật. Cũng có những vị chưa đạt được, có vị được ở cõi Phật thanh tịnh hay không thanh tịnh. Bồ-tát có giáo hóa chúng sinh hay không giáo hóa chúng sinh. Bồ-tát được chư Phật tán thán hay không được chư Phật tán thán. Bồ-tát có gần gũi chư Phật hay không gần gũi chư Phật. Bồ-tát thành Phật, chúng đệ tử của Ngài số lượng vô hạn hoặc hữu hạn. Lúc Bồ-tát thành Phật, lấy các Bồ-tát làm Tăng, không lấy Bồ-tát làm Tăng. Có Bồ-tát do chuyên cần khổ hạnh thành Phật, có vị không do chuyên cần khổ hạnh mà thành Phật. Có Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ hay có Bồ-tát chưa đạt Nhất sinh bổ xứ. Có Bồ-tát đến đạo tràng hoặc có Bồ-tát chưa đến đạo tràng. Có Bồ-tát ngồi dưới gốc cây thu phục các ma. Tất cả các việc Bồ-tát đều biết rành rẽ. Đó là Bồ-tát đạt được Pháp nhãn thanh tịnh.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bồ-tát đắc Phật nhãn thanh tịnh như thế nào?

Phật dạy:

–Bồ-tát thành tựu Tam-muội Kim cang, đạt trí Nhất thiết, mười Lực, bốn Vô sở úy, thực hành bốn Đẳng tâm, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi. Tuệ nhãn Bồ-tát thấy tất cả sự vật của vạn pháp, không có việc gì Bồ-tát không thấy, không có âm thanh nào Bồ-tát không nghe, không có vật nào Bồ-tát không phân biệt, không có pháp nào Bồ-tát không biết.

Xá-lợi-phất! Đây là Bồ-tát được Chánh đẳng giác, đạt được Chánh giác nhãn thù thắng.

Bồ-tát muốn đạt được năm loại mắt thanh tịnh nên tu tập sáu pháp Ba-la-mật. Vì sao? Vì tất cả các pháp của Bồ-tát, Thanh văn, Bích-chi-phật đều không hơn được Bát nhã Ba la mật. Bát-nhã bala-mật đây chính là mẹ của năm loại mắt, sẽ mau chóng thành tựu bậc Chánh giác.

QUYỂN 2
Phẩm 5: ĐỘ NĂM THẦN THÔNG

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật với chánh niệm đầy đủ, vượt qua năm thần thông, đạt vô lượng Thần túc của Bồ-tát, có khả năng làm chấn động trời đất, biến

thành vô số thân rồi trở lại một thân, nhìn xuyên suốt không trở ngại, có khả năng đi qua vách đá. Ví như chim bay không bị trở ngại, có khả năng đi trên nước và hư không, trên thân tuôn ra nước và lửa, vói tay tới mặt trời, mặt trăng, thân đến trời Phạm thiên.

Bồ-tát tuy có khả năng nhưng không có tự cao cũng không biểu hiện sự tự cao, vì Bồ-tát đã thành tựu pháp không. Ai là người có thể đạt được Thần túc như vậy? Chỉ có bậc trí Nhất thiết mới có thể đạt được.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật chứng được Thần túc, tai nghe âm thanh vi diệu hơn hẳn trời, người. Tuy đạt được sự vi diệu nhưng Bồ-tát không tự cao, bởi vì không có gì đạt được trong pháp có và không ấy. Đối với không của có và không của không đều không có sự sinh.

Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, chứng được Thiên nhĩ, Tuệ thần thông có khả năng biết được suy nghĩ của người khác; biết được người kia có dâm, nộ, si hay không có dâm, nộ, si; biết được người kia trong ý có ái dục hay không có ái dục, biết có loạn ý hay không có loạn ý; biết người có hay không, có nhiều hay ít, có định hay không có định, có giải thoát hay không giải thoát, cao thấp đều biết. Tuy biết như vậy mà không tự cao. Tại sao vậy? Do ý không phải là ý, ý không thể nghĩ bàn. Bồ-tát với thần thông biết được túc mạng, biết từ một ý niệm đến trăm ý niệm, từ một ngày đến một trăm ngày, từ một tháng đến một trăm tháng, từ một năm đến một trăm năm, từ một kiếp đến một trăm kiếp, đến vô số ngàn vạn ức na-do-tha kiếp, biết tất cả danh tánh dòng tộc, việc làm thói quen, biết tuổi thọ cao thấp, biết cảm thọ quả khổ vui, chỗ này mất đi sinh về chỗ kia, từ chỗ kia sinh về chỗ này, nguồn gốc các sự vật, oai nghi lễ tiết Bồ-tát đều biết rõ.

Bồ-tát không vì có thần thông mà tự cao. Bồ-tát học như vậy là học Bát nhã Ba la mật. Bồ-tát dùng thần thông biết rõ túc mạng, dùng Thiên nhãn thấy rõ chỗ sinh tử của chúng sinh là đường thiện hay nẻo ác, tùy theo việc làm mà sinh vào cõi cao hay thấp. Người làm việc xấu, miệng nói lời ác, ý nghĩ bất thiện, hủy báng Thánh hiền, tin theo tà kiến, do nhân duyên tà kiến này làm hủy hoại thân mình, chết đọa địa ngục. Người làm lành, nói và nghĩ điều thiện, không hủy báng Thánh hiền, như vậy là thực hành với chánh kiến và niềm tin sâu xa thì được sinh cõi trời, có khả năng thấy rõ tất cả năm đường chúng sinh khắp mười phương. Bồ-tát có oai đức thần thông thấy rốt ráo cả mười phương, giữ gìn thần thông chứng đắc quả vị, lậu hoặc được đoạn trừ hoàn toàn, không chấp giữ pháp Thanh văn, Bích-chi-phật, không chấp giữ các pháp khác nên thành tựu bậc Chánh đẳng giác.

Bồ-tát không vì có thần thông đã chứng và đoạn trừ lậu hoặc mà tự cao. Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật có đầy đủ thần thông công đức này tăng trưởng dần cho đến thành Chánh đẳng giác.

Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật trụ pháp Bố thí ba-la-mật với trí Nhất thiết thanh tịnh không còn nghi ngờ về không, không còn hồ nghi.

Bồ-tát trụ và giữ Giới ba-la-mật với trí Nhất thiết thanh tịnh thì không còn nghi ngờ về tội phước, nhờ quán không nên không còn phát sinh nữa.

Xá-lợi-phất! Lại có Bồ-tát trụ vào Nhẫn ba-la-mật với trí Nhất thiết thanh tịnh nương pháp Không, nên không khởi lên sân nhuế.

Bồ-tát trụ vào Tinh tấn ba-la-mật với trí Nhất thiết thanh tịnh nên thân tinh tấn không lười biếng.

Bồ-tát trụ vào Thiền ba-la-mật với trí Nhất thiết thanh tịnh nên tâm không tán loạn.

Bồ-tát trụ vào Bát nhã Ba la mật với trí Nhất thiết thanh tịnh nên không còn ngu si.

Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật gồm cả sáu pháp Ba-lamật với trí Nhất thiết thanh tịnh, hành động trong pháp không: không nghi, không phạm, không sân, không nhẫn nại, không tinh tấn, không giải đãi, không định, không loạn, không trí, không ngu, không bố thí cũng không tham lam, không giữ giới cũng không phạm giới, không tiến cũng không lùi, không nhẫn cũng không giận, không định, không loạn, không trí tuệ, không ngu si, không hủy báng, không ca ngợi, không hữu vi cũng không vô vi.

Này Xá-lợi-phất! Pháp không có chỗ sinh, nên không bị khinh, không được khen, không hữu vi, không vô vi. Đây là Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật được công đức đặc biệt mà Thanh văn, Duyên giác không thể sánh bằng, đem công đức đầy đủ giáo hóa chúng sinh làm thanh tịnh cõi Phật.

QUYỂN 2
Phẩm 6: THỌ KÝ

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-lamật dùng tâm bình đẳng đối với tất cả mọi người, nhờ đó chứng tất cả pháp bình đẳng, nên đạt được tâm bình đẳng với tất cả pháp, nên hiện tại được chư Phật, Bồ-tát, La-hán, Bích-chi-phật kính mến. Sinh ở chỗ nào cũng không bao giờ thấy việc ác, ý không có niệm ác. Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật không tổn giảm đối với địa vị Chánh đẳng giác.

Lúc Đức Phật thuyết về hạnh Bát nhã Ba la mật thì trong chúng có ba vạn Tỳ-kheo đều dâng y trên thân để cúng dường Phật, đều phát tâm đạt đạo giác ngộ, khi ấy Phật mỉm cười.

A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy liền sửa sang y phục, bày vai hữu, chắp tay quỳ gối, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì Ngài mỉm cười?

Phật bảo A-nan:

–Ba vạn Tỳ-kheo này sau khi qua đời sẽ sinh vào cõi Phật Asúc, sau đó trải qua sáu mươi hai kiếp, tất cả đều thành Phật hiệu Ma-ha Chi-đầu. Lại có sáu vạn Thiên tử cõi Dục đều sinh vào thời Phật Di-lặc, cùng xuất gia làm Sa-môn. Nhờ oai thần của Phật khiến cho hội chúng được thấy một ngàn Đức Phật ở phương Đông cùng bốn bộ chúng và một ngàn Đức Phật trong mười phương đều xuất hiện.

Khi ấy, cõi nước Sa-ha-lâu-đà không đạt trang nghiêm thanh tịnh như cõi Phật kia.

Trong hội chúng có mười ngàn người đồng phát thệ nguyện: "Chúng ta cùng tạo công đức để sinh vào cõi nước Phật kia." Biết được ý niệm của các người kia, Đức Phật lại mỉm cười.

Phật bảo A-nan:

–Ông có thấy một vạn người này không?

A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con đã thấy.

Phật dạy:

–Một vạn người này sau khi qua đời, sẽ sinh vào cõi Phật kia, không rời chư Phật, sau đó sẽ thành Phật hiệu là Trang Nghiêm Vương Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác.

QUYỂN 2
Phẩm 7: DIỆU ĐỘ

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất, Ma-ha Mục-kiền-liên, Ma-ha Ca-diếp và các Tỳ-kheo đại thần thông, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cùng đến bạch Phật:

–Bát nhã Ba la mật của Ngài chính là Tối đại trí độ, Thượng đại trí độ, Diệu đại trí độ, Vô thượng tôn đại trí độ của Bồ-tát. Chỉ có độ biện tài của Thế Tôn là không gì sánh bằng. Các độ không gì bằng như pháp không, vô tướng không, các pháp không, hữu vô không, đầy đủ các đức không.

Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật nên có công đức đầy đủ, không ai có thể thu phục, cúi xin Thế Tôn giúp các Bồ-tát thành tựu công đức Đại trí độ. Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật là đã bố thí không gì hơn, không gì sánh bằng, đầy đủ các pháp Bố thí ba-la-mật. Bố thí các chi phần trên thân không gì sánh bằng, rồi được lợi hành Bát nhã Ba la mật không gì bằng, tự đạt được Chánh đẳng giác. Thế Tôn cũng thực hành Bát nhã Ba la mật, là các pháp căn bản không gì sánh bằng, lợi ích năm ấm không gì sánh bằng và chuyển pháp luân vô thượng.

Chư Phật Thế Tôn quá khứ, tương lai thực hành Bát-nhã ba-lamật cũng như vậy, cũng chuyển pháp luân vô thượng.

Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát muốn vượt qua các pháp đạt đến giải thoát nên tu tập Bát nhã Ba la mật.

Bạch Thế Tôn! Nếu có Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật thì trời, rồng, quỷ, thần, A-tu-la, nhân dân đều nên đảnh lễ.

Phật bảo đại chúng Tỳ-kheo:

–Các vị Bồ-tát nên đảnh lễ các vị thiện nam, tín nữ thực hành Bát nhã Ba la mật, các trời, rồng cũng nên làm lễ.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Bồ-tát ở thế gian nên có Đế Thích, dân chúng, Phạm chí, trưởng giả, Chuyển luân thánh vương, Tứ đại thiên vương, trời Sắc cứu cánh, Tu-đà-hoàn đạo, La-hán, Bích-chi-phật, lại có Bồ-tát đạo, Phật đạo. Đã có Bồ-tát nên có sự cúng dường y phục, thức ăn, giường nằm, bảy báu, châu báu, anh lạc, lưu ly, ma-ni.

Xá-lợi-phất! Trời người đều vui vẻ khi trên thân được đầy đủ, nhờ tất cả Bồ-tát nên được như vậy.

Tại sao như thế? Vì việc làm của Bồ-tát là trụ vào sáu pháp Ba-la-mật để nhiếp phục chúng sinh tu hành Bố thí cho đến thành tựu Tri tuệ độ. Đại Bồ-tát muốn an ổn chúng sinh nên thực hành Bát nhã Ba la mật!

QUYỂN 2
Phẩm 8: HÀO QUANG CỦA TƯỚNG LƯỠI

Bấy giờ, Đức Thế Tôn xuất hiện tướng lưỡi rộng dài che khắp tam thiên đại thiên thế giới. Từ nơi lưỡi, Ngài chiếu ra vô lượng hào quang sáng khắp mười phương hằng sa cõi nước.

Bấy giờ, ở phương Đông cùng các cõi nước ở mười phương có vô số Bồ-tát đều thấy hào quang này, tất cả đều bạch Phật nơi cõi mình:

–Bạch Thế Tôn! Điềm lành gì có hào quang đẹp đến như vậy.

Phật bảo các Bồ-tát:

–Đi về hướng Tây, khoảng một hằng hà sa cõi nước, có thế giới tên là Ta-bà. Ở đó có Phật tên là Thích-ca Văn hiện tướng lưỡi phóng hào quang, vì hàng Bồ-tát nói pháp Bát nhã Ba la mật. Vì vậy nên có điềm lành này.

Các Bồ-tát ở hằng hà sa cõi nước khắp mười phương đều bạch Phật ở cõi mình:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con muốn gặp Phật Thích-ca cùng các Bồ-tát, muốn được nghe pháp Bát nhã Ba la mật.

Chư Phật đều bảo các Bồ-tát:

–Được, các ông hãy tùy ý!

Bấy giờ, các Bồ-tát tay cầm hương thơm, phướn dài, lọng báu, châu báu…, rời khỏi nước của mình, thẳng tới thế giới Ta-bà. Các vị Tứ Thiên vương, trời Sắc cứu cánh đều cầm các loại hương thơm cõi trời đến chỗ Phật. Trời, người, các Bồ-tát cũng đồng đến. Thấy Đức Phật Thích-ca, tất cả đều tung hương thơm cúng dường. Hương hoa được tung lên không trung hóa thành đài cao. Đài cao này cao vút bốn phương, có một cửa sổ. Đài cao hiện khắp ba ngàn cõi nước, phân bố đều không bị che khuất, khắp nơi đều thấy, đài này trang trí xinh đẹp không đâu sánh bằng.

Ở trong hội, có ức trăm ngàn người rời chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay quỳ xuống bạch Phật:

–Cúi xin Đức Thế Tôn làm cho tất cả chúng con ở đời vị lai đạt

được pháp lợi như Đức Thế Tôn. Nay xin Ngài thuyết pháp cho trăm ngàn chúng sinh vây quanh được hóa hiện oai lực cũng như thế.

Phật biết đại chúng như vậy, đối với các pháp đã có thể đạt được Vô sinh pháp nhẫn nên Ngài mỉm cười.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Xin cho con biết vì sao Ngài mỉm cười?

Phật bảo A-nan:

–Trăm ức ngàn người đây đều thành tựu Vô sinh pháp nhẫn. Sau đây, trải qua sáu mươi tám ức kiếp, có kiếp tên là Tán hoa, tất cả đều được thành Phật hiệu là Giác Hoa Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác.

QUYỂN 2
Phẩm 9: HÀNH

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Hãy vì hàng Đại Bồ-tát nói các nhân duyên thành tựu Bát nhã Ba la mật.

Bấy giờ, trong hội chúng có Bồ-tát, các vị đại đệ tử, Trời Người đồng suy nghĩ: "Ngài Tu-bồ-đề nói pháp Bát nhã Ba la mật, tự dùng biện tài hay nhờ oai thần của Phật mà thuyết pháp?"

Tu-bồ-đề biết tâm niệm các Bồ-tát, đại đệ tử, Trời, Người như vậy, nên nói với Xá-lợi-phất:

–Đệ tử của Phật chẳng làm được sự thuyết pháp. Sự phát ra âm thanh, sự giáo hóa đều là những việc của Đại Sĩ Thế Tôn. Pháp do Phật nói cùng với pháp này không trái nhau. Này thiện nam, học giáo pháp thì dùng giáo pháp để tác chứng.

Xá-lợi-phất! Chúng ta nương oai thần của Phật thuyết pháp Bát nhã Ba la mật cho hàng Bồ-tát chứ không phải cảnh giới mà chúng ta có thể xâm nhập được. Hàng Thanh văn, Bích-chi-phật, không thể nói pháp Bát nhã Ba la mật cho hàng Bồ-tát.

Ngay lúc ấy, Xá-lợi-phất cùng Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nói có Bồ-tát, vậy ở trong pháp, chỗ nào nói có Bồ-tát? Chúng con chưa bao giờ thấy pháp có Bồ-tát, cũng không thấy Bồ-tát, cũng không thấy tên gọi Bồ-tát, cũng không thấy Bát nhã Ba la mật. Nay vì Bồ-tát nào mà nói pháp Bát nhã Ba la mật?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát và Bát nhã Ba la mật cùng danh hiệu, không có ở trong, không có ở ngoài, không ở hai bên, cũng không ở giữa.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ví như tên chúng sinh là chúng sinh; nói ta, người, sống, người nam, kẻ sĩ, đàn ông, là làm, là biết, là hiểu.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đặt ra tên của pháp rồi chấp vào tên của pháp ấy, pháp ấy cũng không sinh không diệt, từ trước đến nay chỉ truyền nhau danh tự mà thôi.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Gọi là Bát nhã Ba la mật, là Bồ-tát, là danh hiệu của Bồ-tát tức là chấp vào danh tự. Bởi từ trước đến nay chỉ lưu hành tên pháp ấy, nhưng pháp ấy không sinh cũng không diệt.

Này Tu-bồ-đề! Ví như có sắc, thọ, tưởng, hành, thức đó là chấp trước vào danh tự các pháp. Từ xưa đến nay, do các nhân duyên hòa hợp tạo thành các pháp. Pháp do các nhân duyên hợp lại ấy không sinh cũng không diệt. Gọi là Bát nhã Ba la mật, Bồ-tát và danh hiệu của Bồ-tát cũng như thế.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Gọi là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý là do từ trước tới nay chấp vào danh tự. Pháp ấy không sinh cũng không diệt. Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng như vậy, không ở trong cũng không ở ngoài, không sinh cũng không diệt, từ trước đến nay chỉ chấp vào danh tự. Bát nhã Ba la mật, Bồ-tát và danh hiệu không ở trong cũng không ở ngoài, không ở hai bên cũng không ở giữa.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ví như trong thân có tên đầu, vai, cổ, cánh tay, xương sườn, lá

lách, mỡ, ruột già, chân. Các pháp này không sinh cũng không diệt, không ở trong, không ở ngoài, không ở hai bên, cũng không ở giữa. Do đó gọi là Bát nhã Ba la mật, Bồ-tát và danh tự Bồ-tát cũng như vậy.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ví như bên ngoài có cỏ, cây nhánh, lá, hoa, thân, từ xưa đến nay chỉ chấp vào danh tự. Nhưng danh tự này không sinh cũng không diệt, không ở trong cũng không ở ngoài. Bồ-tát, Bát nhã Ba la mật và danh tự cũng như vậy. Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Này Tu-bồ-đề! Ví như quá khứ chư Phật Thế Tôn, từ trước đến nay nhân nơi danh tự mà an trụ, danh tự này không sinh cũng không diệt, không ở trong cũng không ở ngoài. Ví như mộng, tiếng vang, huyễn, quáng nắng, như sự giáo hóa của Như Lai đều dựa vào các pháp.

Do vậy, Bát nhã Ba la mật, Bồ-tát và danh hiệu không sinh cũng không diệt, không ở trong cũng không ở ngoài, không ở hai bên cũng không ở giữa.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật nên học về danh tự các pháp, hòa hợp các pháp, phương tiện quyền xảo các pháp, để hành trì Bát nhã Ba la mật; không thấy danh tự sắc, thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường, cũng không thấy danh tự năm ấm là khổ hay lạc; không thấy năm ấm có ngã hay không ngã; không thấy năm ấm là Không, Vô tướng, Vô nguyện; không thấy năm ấm tịnh cũng không thấy năm ấm tịch; không thấy chấp trước cũng không thấy chấp đoạn; không thấy năm ấm sinh cũng không thấy năm ấm diệt. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; mười tám tánh cũng như thế.

Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật không thấy Bồ-tát, không thấy danh hiệu của Bồ-tát cũng lại không thấy trong tánh vô vi. Tại sao? Này Tu-bồ-đề, Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật đối với các pháp không có tưởng niệm. Bồ-tát hành Bát-nhã ba-lamật trụ trong pháp vô tưởng thành tựu ba mươi bảy phẩm Trợ đạo mà hành Bát nhã Ba la mật, nhưng không thấy Bát nhã Ba la mật cũng không thấy tên Bát nhã Ba la mật, không thấy Bồ-tát cũng không thấy danh hiệu Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật; thành tựu mười tám pháp Bất cộng, không thấy Bát nhã Ba la mật, không thấy tên Bát nhã Ba la mật, không thấy danh hiệu Bồ-tát. Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật là vượt qua hết tướng các pháp. Bồ-tát đạt được siêu việt rồi, không chấp thường cũng không chấp đoạn.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật nên biết các pháp do danh tự và số lượng, có hiểu biết rồi không vướng vào sắc, thọ, tưởng, hành, thức; không vướng vào mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không vướng vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không vướng vào khổ, lạc; không vướng vào không khổ, không lạc; không vướng vào tánh hữu vi; không vướng vào tánh vô vi; không vướng vào Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định; cũng không vướng vào Đại trí độ; không vướng vào các tướng đẹp, không vướng vào thân Bồ-tát, không vướng vào năm Căn; không vướng vào Tuệ độ; không vướng vào thần thông độ; không vướng vào độ tuệ; không vướng vào nội ngoại không; không vướng vào sự có; không vướng vào sự có của không; không vướng vào sự giáo hóa chúng sinh; không vướng vào cõi Phật thanh tịnh, không vướng vào phương tiện quyền xảo. Do không thấy có pháp, nên không bị vướng vào pháp.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, đối với các pháp không có sự nhập vào nên sáu pháp Ba-la-mật được tăng trưởng, bước vào địa vị Bồ-tát, vượt qua địa vị không thoái chuyển,

đầy đủ thần thông đi khắp cõi Phật, giáo hóa chúng sinh, cúng dường lễ bái làm thanh tịnh cõi Phật, được gặp hết chư Phật, nương nơi chư Phật, ước muốn điều gì cũng được như ý. Bồ-tát nương nơi Phật Thế Tôn nghe pháp, đạt được các pháp Đà-la-ni, pháp Tam-muội, Chánh đẳng giác không bị gián đoạn.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật nên biết tất cả các pháp như trên đều là danh tự.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Sắc, thọ, tưởng, hành, thức có phải Bồ-tát không? Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý có phải Bồ-tát không? Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức là Bồ-tát không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không phải như vậy.

Phật hỏi:

–Ý ông thế nào? Địa, thủy, hỏa, phong, không, thức có phải là Bồ-tát không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Bạch Thế Tôn! Không phải như vậy.

Phật hỏi:

–Si có phải là Bồ-tát không?… Hành, thức, danh sắc, lục nhập, cho đến xúc, giác, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử là Bồ-tát không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Bạch Thế Tôn! Không phải.

Phật hỏi Tu-bồ-đề:

–Ý ông nghĩ sao? Ngoài năm ấm, sáu trần, sáu tình, mười tám tánh, địa, thủy, hỏa, phong không ngoài mười hai nhân duyên có phải là Bồ-tát không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Bạch Thế Tôn! Không phải.

Phật hỏi Tu-bồ-đề:

–Ý ông nghĩ sao? Năm ấm, mười hai nhân duyên có phải là Bồ-tát không?

Tu-bồ-đề:

–Bạch Thế Tôn! Không phải.

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Có phải lìa như vậy là Bồ-tát không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không phải.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ông quán các pháp nghĩa đó như thế nào mà nói năm ấm, sáu trần, mười hai nhân duyên… không phải là Bồ-tát; cũng không lìa năm ấm, sáu trần, mười hai nhân duyên… cũng là Bồ-tát?

Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con chưa bao giờ thấy có chúng sinh nay dựa vào đâu nói có Bồ-tát? Có phải năm ấm, sáu trần, mười hai nhân duyên là Bồ-tát, hay là lìa năm ấm, sáu trần, mười hai

nhân duyên là Bồ-tát? Như như cũng không phải là Bồ-tát, lìa Như không phải là Bồ-tát, không có việc như thế.

Thế Tôn tán thán Tu-bồ-đề:

–Lành thay, lành thay! Này Tu-bồ-đề, Bồ-tát khi học nên học không sự thấy, không thấy có chúng sinh, không thấy có Bát-nhã bala-mật.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Cho rằng năm ấm là thường mà nói là Bồ-tát chăng? Hay năm ấm vô thường mà cho là Bồ-tát? Cho năm ấm là ngã sở mà cho là Bồ-tát, hay không phải là ngã sở mà cho là Bồ-tát? Hay cho năm ấm, Không, Vô tướng, Vô nguyện mà nói là Bồ-tát?

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Không phải.

Phật bảo:

–Lìa năm ấm, Không, Vô tướng, Vô nguyện là Bồ-tát chăng?

Tu-bồ-đề đáp:

–Bạch Thế Tôn! Không phải.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ông quan sát các nghĩa ấy như thế nào mà nói năm ấm, Không, Vô tướng, Vô nguyện, không phải là Bồ-tát, cũng không lìa năm ấm, Không, Vô tướng, Vô nguyện là Bồ-tát chăng?

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Con chưa từng thấy năm ấm, nay vì sao nói năm ấm là Bồ-tát? Con chưa từng thấy có thường, nay sao nói vô thường là Bồ-tát?

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con chưa từng thấy có lạc, nay sao nói năm ấm khổ là Bồ-tát? Chưa từng thấy năm ấm, nay sao nói năm ấm vô ngã là Bồ-tát? Chưa từng thấy có người, nay sao nói năm ấm Không là Bồ-tát? Chưa từng thấy có tướng, tại sao nói năm ấm Vô tướng là Bồ-tát? Chưa từng thấy có nguyện, tại sao nói năm ấm Vô nguyện là Bồ-tát?

Bấy giờ Thế Tôn khen ngợi Tu-bồ-đề:

–Lành thay, lành thay! Đại Bồ-tát học từ năm ấm khởi lên Không, Vô tướng, Vô nguyện; không sự thấy, cũng không có sự chứng đắc. Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật nên học như vậy.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Những lời ông vừa nói, ta không thấy pháp nào có Bồ-tát cả. Đúng như lời ông nói.

Này Tu-bồ-đề! Pháp pháp không thấy nhau, pháp không thấy pháp tánh, pháp tánh cũng không thấy Pháp; tánh năm ấm không thấy pháp tánh, tánh pháp tánh không thấy năm ấm, tánh sáu căn không thấy pháp tánh, pháp tánh không thấy sáu căn.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Tánh hữu vi không thấy tánh vô vi, tánh vô vi không thấy tánh hữu vi; hữu vi không lìa vô vi, vô vi không lìa hữu vi.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát nhận thức như thế nên thực hành Bát nhã Ba la mật thì đối với các pháp không có sự thấy, không thấy các pháp, không có e ngại, cũng không lo sợ, không hối hận, không giải đãi. Vì

sao? Vì không thấy năm ấm, không thấy nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; không thấy sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không thấy dâm, nộ, si; không thấy mười hai nhân duyên; không thấy ta, của ta; không thấy biết, không thấy việc, không thấy ba cõi; không thấy Thanh văn, Bíchchi-phật cũng không thấy Bồ-tát và pháp Bồ-tát; không thấy Phật cũng không thấy Phật pháp; không thấy đạo cũng không thấy pháp nào cả nên không có sợ, không có lo, không có sợ sệt.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tại sao Bồ-tát không lo ngại sợ sệt?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Vì Bồ-tát hiểu biết các pháp không thể nắm bắt cũng không thể thấy nên không lo sợ. Bồ-tát đối với các pháp nên học không có sự được, không có sự thấy, để hành Bát nhã Ba la mật cũng không thấy Bồ-tát, không thấy có tên gọi Bồ-tát, không thấy ý của Bồ-tát. Đó chính là việc học và hành của Bồ-tát.

QUYỂN 2
Phẩm 10: HỌC

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát muốn đầy đủ Bố thí ba-la-mật nên học Bát nhã Ba la mật, muốn đầy đủ Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định ba-la-mật cũng nên học Bát nhã Ba la mật.

Đại Bồ-tát muốn biết sắc, thọ, tưởng, hành, thức nên học Bát nhã Ba la mật; muốn biết sáu căn bên trong, bên ngoài nên học Bát nhã Ba la mật; muốn biết mười tám tánh, muốn tiêu diệt dâm, nộ, si, muốn diệt tưởng về ta, của ta nên học Bát nhã Ba la mật; muốn trừ nghi ngại, muốn trừ phạm giới, tà kiến, dâm dục trong ba cõi; muốn xả bỏ tập khí sáu trần; muốn trừ bốn cách ăn; muốn xả bỏ bốn vực nước sâu, bốn thứ ràng buộc, bốn điên đảo; muốn xả bỏ mười ác hạnh, làm mười thiện hạnh nên học Bát nhã Ba la mật.

Đại Bồ-tát muốn biết bốn Thiền, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, bốn Đẳng ý, mười tám pháp Bất cộng, nên học Bát nhã Ba la mật, muốn chứng đắc Tam-muội Học ý nên học Bát nhã Ba la mật, muốn biết bốn Thiền, bốn Không định, muốn được Tam-muội Sư tử du bộ, Tam-muội Sư tử phấn tấn; muốn được các Đà-la-ni, các Tam-muội như Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, Tam-muội Hải bảo, Tam-muội Nguyệt tràng, Tam-muội chư pháp Phổ chí, Tam-muội Quán ấn, Tam-muội Chân pháp tánh, Tam-muội Tác vô cấu tràng, Tam-muội Kim cang, Tam-muội chư pháp Sở nhập môn, Tam-muội Vương, Tam-muội Vương ấn, Tam-muội Lục tịnh, Tam-muội Nguyệt tràng, Tam-muội chư pháp Sở nhập chân biện tài, Tam-muội chư pháp Ngôn sở nhập chiếu thập phương, Tam-muội chư pháp Đà-la-ni môn ấn, Tam-muội Bất vong chư pháp, Tam-muội chư pháp đô tụ ấn, Tam-muội Hư không sở chỉ, Tam-muội Tịnh, Tam-muội Xứ, Tam-muội Bất khởi thần thông, Tam-muội Tác thượng tràng.

Bồ-tát muốn đạt được các Tam-muội này cùng các Tam-muội khác nên học Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Đại Bồ-tát muốn làm cho chúng sinh mãn nguyện nên học Bát nhã Ba la mật. Bồ-tát muốn công đức đầy đủ, giữ gìn đầy đủ công đức này, không đọa vào ác xứ, không sinh vào nhà ty tiện, không trụ vào La-hán, Bích-chi-phật, không làm Bồ-tát Đảnh tránh, nên học Bát nhã Ba la mật.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi ngài Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát Đảnh tránh thực hành như thế nào?

Tu-bồ-đề đáp:

–Đại Bồ-tát không dùng phương tiện quyền xảo để thực hành sáu pháp Ba-la-mật, cũng không dùng phương tiện quyền xảo để đạt Tam-muội Không, Vô tướng, Vô nguyện, cho nên rơi vào địa vị Thanh văn, Bích-chi-phật, cũng không thuận với Bồ-tát đạo. Đây chính là Bồ-tát Đảnh tránh.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi ngài Tu-bồ-đề:

–Vì sao có tên là Bồ-tát Đảnh tránh?

Tu-bồ-đề đáp:

–Đó là pháp Ái. Vậy pháp Ái là những gì?

Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật đi vào năm ấm chấp lấy năm ấm Không, Vô tướng, Vô nguyện, đó là tùy thuận pháp ái. Đi vào năm ấm chấp lấy năm ấm không tịch, vô thường, khổ, không, vô ngã. Đây là pháp ái của Bồ-tát suy tính cho rằng nên diệt năm ấm, là không, là chứng, không phải chứng, là thành đạo, là chấp trước, là đoạn, là học tập, là không thể học tập, là Bồ-tát hành, là không phải Bồ-tát hành, là đạo, là phi đạo, đây là điều Bồ-tát học, đây là không phải sự học của Bồ-tát, đây là sáu pháp Ba-la-mật, đây không phải là sáu pháp Ba-la-mật, đây là phương tiện quyền xảo, không phải phương tiện quyền xảo. Đây là Bồ-tát thuận pháp ái.

Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi Xá-lợi-phất:

–Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật đi vào trong pháp do suy tính phân biệt mà tùy thuận pháp ái.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề –Thế nào là Bồ-tát tùy thuận đạo?

Tu-bồ-đề đáp:

–Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật không nên dùng nội không quán ngoại không, không dùng ngoại không quán nội không; không lấy nội ngoại không để quán không không, không lấy không không để quán nội ngoại không; không dùng không không để thấy đại không, không dùng đại không để quán không không; không dùng đại không để thấy tối đệ nhất không, tối đệ nhất không cũng không thấy đại không; đệ nhất không cũng không quán hữu vi không, hữu vi không cũng không quán đệ nhất không, cũng không dùng hữu vi không để quán vô vi không, không dùng vô vi không để quán hữu vi không; không dùng vô vi không để quán vô biên tế không, không dùng vô biên tế không để quán tác không; tác không cũng không quán tánh không, tánh không cũng không quán tác không, tác không cũng không quán tự không, tự không cũng không quán tánh không, tự không cũng không quán pháp không, không dùng các pháp không để quán tự không; các pháp không cũng không quán vô không, vô không cũng không quán pháp không; các pháp không không quán hữu không, hữu không cũng không quán vô không; hữu không cũng không quán vô hữu không, vô hữu không cũng không quán hữu không.

Xá-lợi-phất! Bồ-tát thực hành pháp quán Bát nhã Ba la mật, liền hướng thượng khế hợp với đạo Bồ-tát.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát thực hành việc học Bát-nhã bala-mật như vậy thì không niệm năm ấm, không có cống cao, không niệm nhãn, nhỉ, tỷ, thiệt, thân, ý; không niệm sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không niệm sáu pháp Ba-la-mật, cho đến không niệm mười tám pháp Bất cộng, cũng không tự cao. Thực hành việc học Bát nhã Ba la mật cũng không có niệm; đạo ý vi diệu không gì bằng, cũng không có niệm, không tự cao, tại vì sao? Vì do ý chẳng phải ý, nên tánh của ý rộng lớn mà thanh tịnh.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Thế nào gọi là tánh của ý rộng lớn mà thành tịnh?

Tu-bồ-đề đáp:

–Đối với dâm, nộ, si không hợp cũng không lìa; đối với trần lao không hợp cũng không lìa; đối với ác hạnh và sáu mươi hai kiến không hợp cũng không lìa; đối với Thanh văn, Bích-chi-phật, ý cũng không hợp không lìa. Đây là tánh ý của Bồ-tát rộng lớn mà thanh tịnh.

Xá-lợi-phất lại hỏi:

–Nói ý là có, lời nói này có ý hay không có ý?

Tu-bồ-đề hỏi lại:

–Khi ý không có chỗ niệm thì có ý hay không có ý có thể đắc, có thể thấy, có thể biết được không?

Xá-lợi-phất đáp:

–Không thể đắc, không thể thấy, không thể biết.

Tôn giả Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất:

–Nếu lúc ý không khởi niệm thì không thấy có ý cũng không thấy vô ý, không thể đắc cũng không thể thấy, cho nên được thanh tịnh.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Những gì là ý vô ý?

Tu-bồ-đề đáp:

–Đối với các pháp không tạo tác, không khởi niệm chính là Ý vô ý.

Xá-lợi-phất lại hỏi:

–Vô vi vô tác cũng là ý phải không? Cho đến đạo thì vô vi vô tác cũng là ý phải không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy! Như lời ông hỏi.

Xá-lợi-phất khen ngợi ngài Tu-bồ-đề và nói:

–Lành thay, lành thay! Tôn giả Tu-bồ-đề đúng là con Phật, từ nơi Phật sinh ra, từ nơi pháp hóa sinh, đây là thí pháp không phải là thí theo dục, tùy chỗ chứng đắc. Tôn giả đã thuyết pháp, đúng như Phật khen, là bậc ưa thích nơi vắng lặng, đạt tịch tĩnh đệ nhất.

Đại Bồ-tát nên thực hành Bát nhã Ba la mật như vậy thì đạt được quả vị không thoái chuyển, vĩnh viễn không rời Bát-nhã ba-lamật.

Bồ-tát muốn học hỏi để biết quả vị Thanh văn, Bích-chi-phật nên cầu học Bát nhã Ba la mật, nên đọc tụng, học tập, thọ trì.

Muốn học địa vị Bồ-tát nên học Bát nhã Ba la mật, nói đủ giáo pháp ba thừa nên các Đại Bồ-tát, Thanh văn, Bích-chi-phật đều nương vào đây để học.

QUYỂN 2
Phẩm 11: BẢN VÔ

Bấy giờ Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, con không biết có Bồ-tát cũng không thấy có Bồ-tát. Vậy, vì hàng Bồ-tát nào mà nói thực hành Bát nhã Ba la mật, nên dạy ai? Con không thấy gốc ngọn các pháp, làm sao sẽ vì Bồ-tát mà đặt tên gọi rồi nói là Bồ-tát?

Bạch Thế Tôn! Tên gọi này chẳng trụ cũng chẳng không trụ. Vì sao? Vì tên gọi này chẳng thể thấy, cũng không thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn! Con cũng không thấy gốc ngọn của năm ấm thì

làm sao con đặt tên gọi cho Bồ-tát.

Thế nên, bạch Thế Tôn! Tên gọi không trụ cũng không không trụ.

Bạch Thế Tôn! Con cũng không thấy gốc ngọn của sáu căn, làm sao vì Bồ-tát mà đặt tên, vì tên gọi này chẳng trụ cũng chẳng không trụ. Vì sao? Vì tên gọi nầy không thể thấy, không thể biết, làm sao đặt tên gọi cho hàng Bồ-tát? Vì tên gọi đó không thể thấy cũng không thể biết, vì tên gọi đó không trụ cũng chẳng không trụ.

Bạch Thế Tôn! Con cũng không thấy gốc ngọn của mười tám tánh, mười hai nhân duyên.

Bạch Thế Tôn! Con cũng không thấy nguồn gốc sinh diệt của mười hai nhân duyên; cũng không thấy gốc ngọn của dâm, nộ, si; không thấy gốc ngọn của sáu mươi hai kiến; không thấy gốc ngọn của sáu pháp Ba-la-mật; không thấy gốc ngọn của ngã; không thấy người cũng không thấy tuổi thọ; không thấy mạng của chúng sinh; không thấy gốc ngọn của ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, Không, Vô tướng, Vô nguyện; bốn Thiền, bốn Đẳng, bốn Thiền vô hình, cho đến không thấy gốc ngọn của niệm Phật, Pháp, Tăng, giới, thí, thiên; niệm sổ tức, niệm chết; cũng không thấy gốc ngọn của mười tám pháp của Phật.

Bạch Thế Tôn! Năm ấm như mộng, như tiếng vang, như bóng, như huyễn, như quáng nắng, không thể nắm bắt gốc ngọn; tịch tĩnh không sinh không diệt, không có gốc ngọn; không có gốc ngọn của không chấp thường, không đoạn và gốc ngọn của chân như, pháp chân tế của pháp tánh, tất cả đều không thấy được.

Bạch Thế Tôn! Con không thấy gốc ngọn của các pháp thiện, ác, hữu vi, vô vi, hữu lậu, vô lậu.

Bạch Thế Tôn! Con không thấy gốc ngọn các pháp quá khứ, hiện tại, vị lai. Con không thấy gốc ngọn của các pháp không quá khứ, không hiện tại, không vị lai. Con không thấy gốc ngọn của Thế Tôn, không thấy gốc ngọn của hằng hà sa cõi nước khắp mười phương các Đức Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác cùng các đệ tử và chúng Bồ-tát.

Bạch Thế Tôn! Gốc ngọn các pháp nói trên không thể nắm bắt được, không thể thấy, vậy nên dạy hàng Bồ-tát thế nào? Nên vì ai mà thuyết Bát nhã Ba la mật? Tên gọi này chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ, tên gọi này không thể biết được, không thể nắm bắt cũng không thể thấy. Như vậy, tên gọi này không trụ cũng không không trụ. Tại sao vì hàng Bồ-tát mà lập tên gọi? Tại sao? Vì tên gọi các pháp không thể thấy cũng không thể nắm bắt.

Bạch Thế Tôn! Các Bồ-tát do tập hợp và số mà tạo tên gọi các pháp, cũng không tạo ra tên gọi. Các pháp như năm ấm, mười tám tánh, mười hai xứ, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng cũng không tạo các tên gọi.

Bạch Thế Tôn! Các pháp như mộng, tiếng vang, ánh sáng, quáng nắng, biến hóa, gọi là hư không.

Bạch Thế Tôn! Đất, nước, gió, lửa không cũng không có người tạo danh tự. Nói giới, định, giải thoát, giải thoát tri kiến trên đây cũng không tạo tên gọi. Nói thiện, ác, thường, vô thường, khổ, lạc, hữu ngã; nói tịch, tịch tĩnh, sở hữu, vô sở hữu, các tên ấy không cùng tạo ra cho nên con hồ nghi. Vì sao? Gốc ngọn các pháp không thể thấy được, làm sao vì Bồ-tát mà tạo ra tên gọi.

Bạch Thế Tôn! Tên gọi không trụ pháp tánh. Vì sao? Vì tên gọi không thật có, không thể nắm bắt được, nên tên gọi này không trụ cũng chẳng không trụ. Nếu Đại Bồ-tát nghe và thực hành Bát nhã Ba la mật đúng lời dạy, thì không oán, không hối hận, không giải đãi, không lo lắng, không sợ sệt. Đây chính là Bồ-tát an trụ chắc chắn vào quả vị không thoái chuyển, trụ vào nơi không chỗ trụ.

Lại nữa, Bạch Thế Tôn! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật thì không nên trụ vào sắc, thọ, tưởng, hành, thức; cũng không nên trụ vào nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; không nên trụ vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không nên trụ vào sáu thức; không nên trụ vào sáu xúc; không nên trụ vào sáu thọ; không nên trụ vào địa, thủy, hỏa, phong, không, thức; không nên trụ vào mười hai nhân duyên. Vì sao? Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều là không.

Bạch Thế Tôn! Nếu năm ấm là không thì không phải năm ấm, nếu năm ấm không rời không, không cũng không lìa năm ấm thì không chính là năm ấm, năm ấm chính là không.

Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-lamật không nên trụ vào năm ấm, cho đến trụ vào mười hai nhân duyên. Vì sao? Vì không của mười hai nhân duyên, mười hai nhân duyên chính là không, không chính là mười hai nhân duyên.

Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, không nên trụ vào ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, cho đến mười tám pháp Bất cộng của Phật. Mười tám pháp Bất cộng của Phật cũng không lìa không, không là mười tám pháp, mười tám pháp tức là không, cho nên không trụ vào nơi đó.

Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật không nên trụ vào sáu pháp Ba-la-mật. Vì sao? Vì sáu pháp Ba-la-mật là Không, nếu trụ vào thì không phải sáu pháp Ba-la-mật. Sáu pháp Ba-la-mật không rời không, không cũng không rời sáu pháp Ba-lamật. Bồ-tát không nên trụ vào sáu pháp Ba-la-mật.

Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật không trụ vào tên gọi và số, không trụ vào tên gọi số nhiều hay số ít. Vì sao? Vì tên gọi và số đều là không.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật không nên trụ vào thần thông. Vì sao? Vì thần thông chính là không, không chính là thần thông.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, đối với vô thường của sắc, thọ, tưởng, hành, thức không nên trụ vào đó. Vì vô thường là không. Giả như nói vô thường không phải là không thì Không không phải vô thường. Không cũng không rời vô thường, vô thường chính là không, không chính là vô thường, Bồ-tát không nên trụ vào đó. Bồ-tát không nên trụ vào khổ của năm

ấm, vô ngã của năm ấm, không nên trụ vào không của năm ấm, không nên trụ vào tịch tĩnh của năm ấm.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật không trụ vào trong như như, vào pháp, pháp tánh, không trụ vào chân tế.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật không trụ

vào các pháp Tam-muội, các pháp Đà-la-ni.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát không có phương tiện quyền xảo nên tạo ra tưởng về ngã rồi chấp vào năm ấm. Tuy có theo năm ấm để nhận lấy Bát nhã Ba la mật nhưng không thuận Bát nhã Ba la mật, không đầy đủ Bát nhã Ba la mật, không có năng lực phát sinh trí Nhất thiết.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật chấp trước vào tướng về ngã, trụ vào các pháp Đà-la-ni, Tam-muội, dùng tưởng mà phân biệt mong cầu các môn Tam-muội Đà-la-ni. Tuy có thọ trì Bát nhã Ba la mật, nhưng không tương ưng, không tùy thuận Bát nhã Ba la mật, không được đầy đủ Bát nhã Ba la mật, không có năng lực phát sinh trí Nhất thiết. Vì sao? Vì không chấp thủ vào sắc, thọ, tưởng, hành, thức; không chấp thủ năm ấm chính là không phải năm ấm. Tại vì sao? Vì tánh của nó vốn là không; đối với các pháp Đà-la-ni, các pháp Tam-muội cũng không chấp thủ thì không phải Đàla-ni Tam-muội, vì tánh này vốn không; cho đến Bát nhã Ba la mật cũng không chấp thủ, vì bản tánh vốn là không.

Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật nên quán các pháp là tánh không, tuy quán các pháp nhưng không chấp trước. Đó gọi là Tam-muội Không sự chấp thủ của Đại Bồ-tát, có công dụng tích tụ công năng to lớn vi diệu mà các A-la-hán, Bích-chi-phật không thể sánh bằng; không chấp thủ vào trí Nhất thiết, cho đến nội ngoại không, hữu vô không cũng không chấp thủ. Tại vì sao? Vì không theo tướng để hành. Vì sao? Vì hành theo tướng là cấu. Những gì là tướng? Tướng năm ấm, tướng Tam-muội đều là tướng cấu, nên sự tạo tác là thủ, sự tạo tác là niệm. Nếu không như vậy thì ngoại đạo Tiên ni hoàn toàn không tin vào trí Nhất thiết trí. Họ tin vào những gì? Tin vào Bát nhã Ba la mật không chấp tướng, tin vào giải thoát, tu tập quán sát chỗ tương ưng của nó, không chấp tướng cũng không chấp vô tướng. Làm như vậy mà không chấp thủ tướng, thì ngoại đạo Tiên ni liền được tín giải chắc chắn, liền đạt được Tuệ không tánh, không còn chấp thủ thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì thấy hiểu các pháp là tướng không. Vì không lệ thuộc vào bên trong và bên ngoài mà thấy tuệ, không lìa các sự việc bên trong và bên ngoài mà thấy tuệ. Vì sao? Vì không thấy các pháp có sự hiểu biết, không lệ thuộc vào bên trong năm ấm mà thấy tuệ; không lệ thuộc vào bên ngoài năm ấm mà thấy tuệ; không lìa năm ấm mà thấy tuệ. Do nhân duyên này mà ngoại đạo được hiểu, được hiểu rồi liền phát lòng tin vào trí Nhất thiết.

Nghĩa là do tin các pháp như trên mà chứng đắc nhưng không có thấy các pháp. Tiên ni được giải thoát, như vậy đối với các pháp không có thọ, không có tưởng, không có niệm. Pháp này không có người được, không có người thọ nhận, không có người giải thoát. Pháp này chẳng thọ cũng chẳng giữ gìn, không có chỗ đạt được, không có niệm, tất cả đều không niệm vậy.

Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát làm thế nào để thông đạt Bát nhã Ba la mật và qua lại hai bờ dễ dàng? Do không chấp thủ đối với các pháp nên không chấp thủ sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Do không chấp thủ các pháp, nên không chấp thủ Tam-muội Đà-la-ni. Do không chấp thủ các pháp cho nên không chấp thủ vào đầy đủ ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười Lực của Phật, mười tám

pháp Bất cộng, cho đến Trung đạo Niết-bàn. Vì sao? Vì ba mươi bảy phẩm chẳng phải là ba mươi bảy phẩm, cho đến mười tám pháp chẳng phải là mười tám pháp. Đó là pháp chẳng phải là pháp cũng chẳng phải phi pháp. Đó là Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật không chấp thủ năm ấm.

Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật nên quán như vầy: "Nói thế nào là đúng Bát nhã Ba la mật này? Bát nhã Ba la mật này là gì? Ai có Bát nhã Ba la mật?" Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật nên có ý nghĩ: "Lời nói không thể nắm bắt được, pháp không thể thấy, pháp không phải là Bát nhã Ba la mật." Ngay khi ấy, Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Thưa Hiền giả! Những pháp nào là không thể nắm bắt được, cũng không thể thấy?

Tu-bồ-đề đáp:

–Bát nhã Ba la mật không thể nắm bắt được cũng không thể thấy. Thiền định, Tinh tấn, Nhẫn nhục, Trì giới, Bố thí ba-la-mật không thể nắm bắt được cũng không thể thấy. Ngoại không, nội không và hữu vô không, năm ấm không thể nắm bắt thấy được; ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp, thần thông cũng không có cũng không thấy được; pháp tánh, pháp trụ, chân tế, trí Nhất thiết của Phật cũng không có, không thấy được; nội ngoại không, hữu vô không đều là không vậy.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Ba-la-mật, nếu quán như vậy, suy nghĩ như vậy thì ý không mệt mỏi, không nhàm chán, không lo, không sợ. Nên biết, đây là Bồ-tát không rời Trí tuệ ba-lamật.

Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Tại sao biết Bồ-tát không rời Trí tuệ ba-la-mật?

Tu-bồ-đề đáp:

–Như tướng mạo của sắc là lìa sắc; như tướng mạo của thọ, tưởng, hành, thức là lìa thọ, tưởng, hành, thức; như tướng mạo Bố thí ba-la-mật thì lìa Bố thí ba-la-mật, cho đến tướng mạo Bát-nhã ba-lamật cũng lìa Bát nhã Ba la mật; mười tám pháp Bất cộng của Phật cho đến chân tế cũng đều như vậy.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Tướng mạo năm ấm là những gì? Tướng mạo sáu pháp Ba-lamật, mười tám pháp Bất cộng là những loại nào? Tướng mạo pháp tánh và chân tế là những gì?

Tu-bồ-đề nói:

–Năm ấm không thật có tướng mạo, sáu pháp Ba-la-mật, mười tám pháp Bất cộng, chân tế cũng không thật có tướng mạo, nó không thuộc vào loại nào.

Xá-lợi-phất! Do vậy nên biết, tướng mạo năm ấm thì lìa năm ấm, như tướng mạo sáu pháp Ba-la-mật thì lìa sáu pháp Ba-la-mật, cho đến chân tế cũng như vậy. Năm ấm lìa tướng năm ấm, cho đến chân tế cũng lìa tướng của nó, tướng cũng lìa chân tế của nó.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát nương vào chỗ này mà sinh trí Nhất thiết phải không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Câu hỏi của ông không có gì lạ. Vì sao? Vì các pháp không chỗ xuất cũng không chỗ sinh.

Xá-lợi-phất lại hỏi:

–Tại sao các pháp không có chỗ sinh không có chỗ xuất?

Tu-bồ-đề đáp:

–Năm ấm là không cho nên không thấy nó xuất cũng không thấy nó sinh. Bát nhã Ba la mật, mười tám pháp Bất cộng của Phật, chân tế cũng không thấy nó xuất cũng không thấy nó sinh. Đại Bồ-tát học và thực hành Bát nhã Ba la mật như vậy thì dần dần đạt được trí Nhất thiết, gần được trí Nhất thiết thì đạt được thân ý đều thanh tịnh; thân ý thanh tịnh rồi thì không còn dâm, nộ, si; tâm ý hung bạo, ý tham không còn sinh nữa, ý không còn sáu mươi hai tà kiến, không còn sinh trong thai mẹ, thường được hóa sinh, từ cõi Phật này đến cõi Phật kia giáo hóa chúng sinh làm thanh tịnh cõi Phật, đến lúc thành bậc Chánh đẳng giác cũng không rời chư Phật, Thế Tôn.

Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật nên học và thực hành như vậy.

QUYỂN 3
Phẩm 12: KHÔNG HÀNH

Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát không có phương tiện quyền xảo mà hành Bát nhã Ba la mật, đối với năm ấm bị rơi vào hành tướng; cho năm ấm là thường, năm ấm là vô thường, năm ấm là khổ, năm ấm là của ta, hay nói năm ấm là tịch tĩnh đều bị rơi vào hành tướng cho đến học ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và mười tám pháp Bất cộng cũng bị rơi vào hành tướng.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật mà tự nghĩ: “Ta hành Bát nhã Ba la mật”, giả sử vị ấy muốn được sự thủ đắc thì cũng chỉ là hành tướng. Nếu Bồ-tát nghĩ: “Người học như vậy là học Bát nhã Ba la mật” thì cũng chỉ là hành tướng. Nếu cho người học như vậy thì nên biết vị ấy chưa có phương tiện quyền xảo.

Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất:

–Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật vì trụ vào sắc, vì phân biệt sắc nên ràng buộc vào sắc; vì phân biệt sắc nên tạo tác nghiệp về sắc; do cầu về sắc nên không thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết. Bồ-tát lại không dùng phương tiện quyền xảo hành Bát nhã Ba la mật nên căn cứ nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý phân biệt sáu căn, mười tám giới; lại trụ ở ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và mười tám pháp Bất cộng đều tính toán phân biệt, tìm cầu về sắc thì vị ấy cũng không thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết. Bồ-tát này không thể chứng quả vị của Thanh văn, Bích-chi-phật, huống gì cầu mong được Chánh đẳng giác, điều ấy không thể được. Vì vậy ta nên biết đó là Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật không có phương tiện quyền xảo.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Làm thế nào để biết Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật có phương tiện quyền xảo?

Tu-bồ-đề đáp:

–Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức không chấp vào tướng hành, cũng không cho năm ấm là thường hay không thường. Không rơi vào khổ, lạc, thọ; không chấp rằng của ta hay không phải của ta; không vướng vào Không, Vô tướng, Vô nguyện hay tịch tĩnh.

Xá-lợi-phất! Vì năm ấm là năm ấm; năm ấm không ngoài Không, Không không lìa năm ấm; năm ấm chính là Không, Không chính là năm ấm… Cho đến sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và mười tám pháp Bất cộng đều không. Giả sử cho rằng Không, thì Không cũng không lìa mười tám pháp, mười tám pháp cũng không rời Không. Như vậy gọi là Bồ-tát hành Bát-nhã ba-lamật có phương tiện quyền xảo. Vị ấy là Bồ-tát hành Bát-nhã ba-lamật sẽ thành tựu Chánh đẳng giác. Người hành Bát nhã Ba la mật không thấy mình hành Bát nhã Ba la mật, cũng không thấy người khác có hành hay không hành.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Vì sao Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật mà không thấy mình hành Bát nhã Ba la mật?

Tu-bồ-đề đáp:

–Vì tướng trạng của Bát nhã Ba la mật quả thật là không thể thấy được. Vì sao? Vì sự có ấy tức là không thật có, nên hành Bát nhã Ba la mật không có điều gì để thấy. Bởi vì Bồ-tát đều biết các pháp có tức là không thật có.

Tu-bồ-đề nói tiếp:

–Có Tam-muội tên là Ư chư pháp vô sở sinh, đó chính là diệu dụng rộng lớn vô lượng, vô biên của Đại Bồ-tát. Nó không phải là hiểu biết của hàng Thanh văn và Bích-chi-phật. Đại Bồ-tát trụ nơi Tam-muội này mới mau thành tựu Chánh đẳng giác.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Chỉ có Tam-muội này mới giúp cho Bồ-tát mau thành Chánh

đẳng giác thôi sao, hay còn có Tam-muội nào khác?

Tu-bồ-đề đáp:

–Cũng còn có những Tam-muội khác làm cho Bồ-tát mau chóng thành Phật.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Đó là Tam-muội nào?

Tu-bồ-đề đáp:

–Có Tam-muội tên là Thủ-lăng-nghiêm Bồ-tát hạnh, trụ Tam-muội ấy cũng mau thành Phật.

Lại có Tam-muội Bảo Ấn, Tam-muội Sư tử du bộ, Tam-muội Nguyệt, Tam-muội Tác nguyệt tràng, Tam-muội Chư pháp ấn, Tam-muội Chiếu đảnh, Tam-muội Chân pháp tánh, Tam-muội Tất tạo tràng, Tam-muội Kim cang, Tam-muội Chư pháp sở nhập ấn, Tam-muội Tam-muội vương sở nhập, Tam-muội Vương ấn, Tam-muội Lực tấn, Tam-muội Bảo khí, Tam-muội Tất nhập biện tài. Tất cả các Tam-muội như thế Đại Bồ-tát đều học hết sẽ mau thành Phật.

Xá-lợi-phất! Còn có vô số Tam-muội không thể tính hết, Bồ-tát cần phải học, nó cũng giúp cho vị ấy mau thành Phật.

Khi ấy, nương oai thần của Phật, Tu-bồ-đề nói:

–Nếu Đại Bồ-tát hành Tam-muội này thì vị ấy đã được chư Phật trong quá khứ thọ ký và chư Phật hiện tại thọ ký. Vị ấy cũng không có Tam-muội, không nghĩ Tam-muội, cũng không tự cao cho rằng ta đắc Tam-muội này, trụ Tam-muội này, mà hoàn toàn không có tưởng về Tam-muội.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Các vị trụ những Tam-muội này đã được chư Phật trong quá khứ thọ ký rồi ư?

Tu-bồ-đề đáp:

–Xá-lợi-phất! Không phải vậy, vì Bát nhã Ba la mật, Tam-muội và Bồ-tát không có gì khác. Bồ-tát tức là Tam-muội, Tam-muội chính là Bồ-tát, Bát nhã Ba la mật cũng vậy không có gì khác. Những vị ấy không biết các pháp đều là Tam-muội. Vì sao không biết? Vì Bồ-tát không thấy đâu là Tam-muội nên không biết.

Đức Phật khen Tu-bồ-đề:

–Hay thay, hay thay! Như ta từng ngợi khen ông là người Giải không đứng đầu. Đại Bồ-tát phải phát tâm học sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và mười tám pháp Bất cộng như vậy.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát phải phát tâm học Bát-nhã ba-lamật như thế nào?

Đức Phật nói:

–Đúng vậy, Đại Bồ-tát phải phát tâm học sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và mười tám pháp Bất cộng nhưng không nghĩ rằng ta được, ta thấy.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Những gì là được, là thấy?

Đức Phật nói:

–Đối với ta và chúng sinh trong ngoài đều không, không có gì để thấy. Đối với năm ấm, mười hai xứ, mười tám giới, mười hai nhân duyên không thể thấy, vì nó thường tịnh; Khổ, Tập, Diệt, Đạo không thể thấy vì nó thường tịnh; Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới… Ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng, sáu pháp Ba-la-mật… Tu-đà-hoàn cho đến quả vị Phật đều không thể thấy vì nó thường tịnh.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Những gì là tịnh?

Đức Phật nói:

–Vì nó vô sinh, không có nên không thể thấy, không tạo tác nên gọi là tịnh.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát phát tâm học như vậy là học pháp nào?

Phật bảo:

–Bồ-tát học ở đây là học các pháp “không có gì để học”. Vì

sao? Vì pháp không giống như sự hiểu biết của phàm phu.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp đó thế nào?

Phật nói:

–Cái có của pháp không thật có tác dụng, vì không tác dụng nên gọi là không thật có.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Những gì không thật có mà lại có?

Đức Phật nói:

–Năm ấm không có vì trong và ngoài của nó; có và không có đều không đến ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng cũng vậy… Hàng phàm phu từ si sinh ái, rồi từ nơi ái tạo nghiệp si, bị rơi vào hai bên nên cho rằng có và không; không biết, không thấy được pháp

Không nên chấp vào danh sắc; lục nhập…, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và mười tám pháp Bất cộng. Tuy nhập vào trong ấy, nhưng pháp vốn là không, nên dù có suy nghĩ cũng không thấy và không biết.

Hỏi:

–Không biết, không thấy những gì?

Đức Phật đáp:

–Không biết, không thấy năm ấm, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và mười tám pháp Bất cộng, bởi thế nên rơi vào hàng phàm phu, không ra khỏi tham, không thoát khỏi cảnh Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, không ra khỏi pháp của hàng Thanh văn, Bích-chi-phật, chẳng những thế mà họ còn không tin.

Họ không tin những gì? Họ không tin năm ấm, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và mười tám bất cộng là Không. Và họ lại không trụ, không trụ vào đâu? Không trụ vào sáu pháp Ba-la-mật, không thoái chuyển cho đến mười tám pháp Bất cộng. Vì vậy nên gọi là phàm phu ngu muội, nên rơi vào sáu căn, năm ấm, sáu xứ, mười tám giới, dâm, nộ, si, các kiến chấp, cho đến ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng và rơi vào đạo.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát học như vậy mà không học Bát nhã Ba la mật thì không thành tựu tuệ trí Nhất thiết chăng?

Phật nói:

–Đúng vậy, học như thế mà không học Bát nhã Ba la mật thì không sinh tuệ trí Nhất thiết.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Vì sao Bồ-tát không học Bát nhã Ba la mật thì không sinh tuệ trí Nhất thiết?

Phật nói:

–Vì Đại Bồ-tát không có phương tiện quyền xảo mà dùng tưởng niệm đi vào sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng, bằng tưởng niệm đi vào trí Nhất thiết. Vì thế nên Bồ-tát nếu không học Bát nhã Ba la mật thì không thể sinh tuệ trí Nhất thiết.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Để thành tuệ trí Nhất thiết Bồ-tát phải học Bát nhã Ba la mật như thế nào?

Phật nói:

–Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật không thấy Bát-nhã ba-lamật, chính là Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật. Vả lại, học như thế mới sinh tuệ trí Nhất thiết, nhưng phải không có chỗ thấy, không có chỗ được.

Xá-lợi-phất thưa:

–Những gì là không có chỗ thấy, không có chỗ được?

Phật nói:

–Không thấy vì tất cả các pháp đều không.

QUYỂN 3

Phẩm 13: HỎI VỀ HUYỄN

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có người hỏi: “Người huyễn Bố thí, Trì giới, Tinh tấn, Nhẫn nhục, Thiền định, Trí tuệ, học ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng và học trí Nhất thiết thì sẽ được thành tựu trí Nhất thiết không?” Chúng con sẽ trả lời cho họ như thế nào?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ta hỏi lại ông, hãy theo ý mình mà trả lời. Ông hiểu thế nào, năm ấm với huyễn có khác nhau không? Sáu căn, sáu trần và mười tám giới với huyễn có khác nhau không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không khác.

Đức Phật nói:

–Ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng, Không, Vô tướng, Vô nguyện, đạo với huyễn có khác nhau không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có gì khác cả, năm ấm tức là huyễn, huyễn tức là năm ấm; mười hai xứ, mười tám giới, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và mười tám pháp Bất cộng đều là huyễn.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Người huyễn còn bị trở ngại, còn bị trói buộc, còn sinh tử không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Thưa không.

Phật hỏi:

Tu-bồ-đề! Ông hiểu thế nào? Người huyễn không sinh không tử, học Bát nhã Ba la mật có thành trí Nhất thiết không?

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thưa không thể được.

Phật hỏi:

–Tu-bồ-đề! Ông hiểu thế nào? Lấy danh tự hợp với pháp năm ấm, nên gọi là Bồ-tát phải không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Thưa thật đúng như vậy.

Phật hỏi:

–Dựa vào tên gọi có thấy năm ấm sinh diệt được không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Thưa, không thể thấy được.

Phật hỏi:

–Lại nữa, nếu không sinh không diệt, không tên gọi, không có hành nghiệp về thân ý, không bị lệ thuộc, không bị ràng buộc thì học Bát nhã Ba la mật có thành trí Nhất thiết không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Thưa, không thể thành được.

Phật nói:

–Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật phải không có sự thủ đắc.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật, học Chánh đẳng giác cũng như người huyễn. Vì năm ấm như người huyễn.

Phật nói:

–Vậy, ông hiểu thế nào? Năm ấm học Bát nhã Ba la mật có thành trí Nhất thiết không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Thưa không. Vì sao? Cái có của năm ấm cũng không thật có; không thật có thì không thể thấy được.

Phật hỏi:

–Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì thế nào? Năm ấm như mộng, như tiếng vang, như sóng nắng, như huyễn hóa sẽ học Bát nhã Ba la mật ư?

Tu-bồ-đề đáp:

–Bạch Thế Tôn! Theo ý con, không phải như vậy. Vì sao? Vì năm ấm, sáu căn như mộng, như huyễn, không thật có, không thể thấy được.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Người mới phát tâm Bồ-tát Đại thừa nghe nói như vậy, họ sẽ không khiếp sợ Bát nhã Ba la mật hay sao?

Phật nói:

–Bồ-tát mới phát tâm Đại thừa chưa đạt phương tiện quyền xảo của Bát nhã Ba la mật, nghe nói như vậy thì không thể thân cận bên Thiện tri thức vì khiếp sợ.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bồ-tát phải hành những phương tiện quyền xảo nào để khỏi bị khiếp sợ?

Phật dạy:

–Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật nên dùng trí Nhất thiết quán chiếu năm ấm vô thường, cũng không chấp vào năm ấm, đó là Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật có phương tiện quyền xảo.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát dùng trí Nhất thiết quán chiếu năm ấm là vô thường, khổ, không, vô ngã; Không, Vô tướng, Vô nguyện và tịch tĩnh, không rơi vào sự đắc với chấp trước đó là Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật có phương tiện quyền xảo. Bồ-tát sẽ nghĩ : “Vì tất cả chúng sinh, ta sẽ thuyết giảng pháp vô thường, khổ, không, vô ngã; Không, Vô tướng, Vô nguyện và tịch tĩnh không có sự đắc, không nương cậy vào nó.” Đó là Bố thí ba-la-mật của Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát không dùng tâm La-hán, Bích-chiphật để quán chiếu năm ấm là vô thường, khổ, không, vô ngã; Không, Vô tướng, Vô nguyện và tịch tĩnh, đó là Trì giới ba-la-mật của Bồ-tát. Vì vậy nên Bồ-tát không khiếp không sợ. Bồ-tát quyết tâm tu hạnh Nhẫn nhục, đó là Bồ-tát Nhẫn nhục ba-la-mật.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát dùng trí Nhất thiết quán chiếu năm ấm là vô thường…, nên không có sự thấy và sự chấp trước mà an trụ trí Nhất thiết, đó là Bồ-tát hành Tinh tấn ba-la-mật, không dùng tâm

La-hán hay Bích-chi-phật. Bồ-tát hành pháp này có người khác tạo điều kiện ác cũng không động tâm, đó là Bồ-tát hành Thiền định bala-mật, nên không khiếp sợ.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật nên quán như vầy: Không những năm ấm là không, không chính là năm ấm; sáu căn, mười tám giới, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo cũng vậy. Vì thế nên Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, không khiếp, không sợ.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật phải nhờ những bậc Thiện tri thức nào để được nghe giảng về hành Bát nhã Ba la mật mà không khiếp sợ?

Phật bảo:

–Bồ-tát quán năm ấm là vô thường, khổ, không, vô ngã; Không, Vô tướng, Vô nguyện và tịch tĩnh nhưng không có niệm mong cầu thực hiện phước. Vị ấy không cầu ở quả vị La-hán, Bíchchi-phật, chỉ cầu trí Nhất thiết, đó là Thiện trí thức của Bồ-tát. Vị ấy thuyết giảng sự tịch tĩnh của sáu căn, mười tám giới không có niệm mong cầu. Thực hiện công đức không mong cầu, vị ấy không dừng ở quả vị Thanh văn hay Bích-chi-phật mà chỉ cầu trí Nhất thiết, đó là Thiện tri thức của Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát niệm ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng, trí Nhất thiết và Đạo, không có niệm mong cầu thực hiện phước. Vị ấy không mong cầu quả vị Thanh văn hay Bích-chi-phật mà chỉ cầu trí Nhất thiết, đó là Thiện tri thức của Bồ-tát.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật không có phương tiện quyền xảo bị ác tri thức nào khi nghe thuyết giảng Bát nhã Ba la mật nên bị sợ hãi?

Phật nói:

–Bồ-tát không có trí Nhất thiết nương Bát nhã Ba la mật nên tự cao, Vị ấy tu Thiền định, Tinh tấn, Nhẫn nhục, Trì giới và Bố thí rồi chấp vào Bố thí ba-la-mật mà tự cao.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát không có trí Nhất thiết quán trong ngoài của năm ấm, sáu căn, mười tám giới đến ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và mười tám pháp Bất cộng đều không, rồi nương vào những pháp không ấy mà tự cao, đó là Bồ-tát không hành Bát nhã Ba la mật với phương tiện quyền xảo nên nghe thuyết giảng Bát nhã Ba la mật thì bị khiếp sợ.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Những hạng người nào là ác tri thức của Bồ-tát?

Phật nói:

–Đó là hạng người khuyên bảo Bồ-tát xa lìa sáu pháp Ba-lamật, khuyên đừng nên học pháp này vì chẳng phải lời Phật dạy. Ở đây họ chỉ tu tập làm như vậy chứ không nghe thuyết giảng, không thọ trì đọc tụng, cũng không dạy cho người khác, đó là ác tri thức của Bồ-tát.

Bồ-tát còn có ác tri thức, cùng bàn về việc vui của ma. Ma Batuần giả dung nghi của Phật đến chỗ Bồ-tát khuyên vị ấy xa lìa sáu pháp Ba-la-mật, nói rằng: "Thiện nam tử, người dùng sáu pháp Bala-mật này để làm gì." Nên biết đó là ác tri thức của Bồ-tát. Ma lại giả dung nghi của Phật đến bên Bồ-tát phân biệt, tuyên dương pháp lành căn bản của Thanh văn, nhưng trong ấy chỉ nói việc của ma, nên biết đó là ác tri thức của Bồ-tát. Ma lại giả dung nghi của Phật đến chỗ Bồ-tát nói: "Thiện nam tử, ông có tâm Bồ-tát, cũng chẳng phải là hàng không thoái chuyển và cũng không thành Chánh đẳng giác." Nếu ai không dạy cho Bồ-tát biết việc của ma, đó là ác tri thức của Bồ-tát. Ma Ba-tuần giả dung nghi của Phật đến chỗ Bồ-tát nói: "Sáu căn, sáu trần, mười

tám giới cho đến sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng đều là không, vậy học pháp Chánh đẳng giác này để làm gì?” Ai dạy như vậy là ác tri thức của Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ma lại giả dung nghi của Bích-chi-phật đến chỗ Bồ-tát nói: “Thiện nam tử, mười phương đều không, không có Phật cũng không có Bồ-tát, không có Thanh văn” và lại nói cho Bồ-tát về sự việc của ma, đó là ác tri thức của Bồ-tát.

Ma lại giả dung mạo, trang phục của Thanh văn đến phá trừ trí

Nhất thiết của Bồ-tát, rồi giảng về hạnh Thanh văn, Bích-chi-phật cho vị ấy. Ai giảng điều này là ác tri thức của Bồ-tát.

Ma lại đội lốt giả làm thầy Bổn sư của Bồ-tát đến khuyên vị ấy bỏ hạnh Bồ-tát và trí Nhất thiết cho đến ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng, rồi đem Không, Vô tướng, Vô nguyện truyền dạy lại vị ấy rằng: “Ông nên tư duy pháp này thì chóng được quả vị của Thanh văn, cần gì học pháp Chánh đẳng giác.” Nhưng thật ra những điều ấy chỉ là việc của ma thôi.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ma còn giả dạng mẹ của Bồ-tát đến chỗ vị ấy nói: “Này con, con nên nhận lấy quả vị Tu-đà-hoàn để chứng quả A-la-hán, cần gì quả Chánh đẳng giác, để phải chịu sinh tử trong vô số kiếp và sẽ chịu nỗi thống khổ chặt tay, chặt chân.” Người đem việc của ma nói với người ấy như vậy chính là việc của ma bày ra.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ma lại giả dạng Tỳ-kheo đến nói với Bồ-tát về nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; vô thường, khổ, không, vô ngã; Không, Vô tướng, Vô nguyện và tịch tĩnh cho đến ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng; và đều nói để chấp trước vào các pháp trên. Nên biết, đó là ác trí thức của Bồ-tát. Đã biết rồi thì các người phải nhanh chóng lánh xa những hạng ấy đi.

QUYỂN 3
Phẩm 14: LIỄU BỔN

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bồ-tát hiệu là Bồ-tát, nghĩa của từ ấy thế nào?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nghĩa của từ Bồ-tát là không có sở hữu. Vì sao? đạo vốn không có câu nghĩa, không có ngã, nghĩa Bồ-tát cũng vậy.

Tu-bồ-đề! Ví như chim bay trong hư không không để dấu chân, nghĩa Bồ-tát cũng vậy. Ví như mộng, huyễn hóa, sóng nắng và sự biến hóa của Như Lai không thật có, nghĩa Bồ-tát cũng như vậy. Cũng như pháp tánh và chân tế không thật có. Ví như năm ấm của người huyễn không thể thấy và nắm bắt được, nghĩa của Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật cũng vậy. Ví như người huyễn hành nội và ngoại không không thật có, nghĩa của Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật cũng vậy.

Tu-bồ-đề! Ví như năm ấm của Phật không thể nắm bắt được. Vì sao? Vì không có năm ấm thì Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật không thấy câu và nghĩa của Bồ-tát.

Tu-bồ-đề! Ví như sáu căn của Bậc Như Lai Chánh Đẳng Giác không thật có, nghĩa của Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật cũng vậy.

Tu-bồ-đề! Ví như Phật hành nội và ngoại không, biên giới ấy không thể thấy được, hành ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và mười tám pháp Bất cộng cũng không thể thấy được, nghĩa Bồ-tát cũng vậy; tánh hữu vi, vô vi cũng không có nghĩa.

Tu-bồ-đề! Ví như những từ không sinh, không diệt, không thật có, không tạo tác, không chấp trước, không đoạn diệt cũng không thật có.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Không sinh, không đoạn diệt, không chấp trước, không có, không tạo tác là những gì?

Đức Phật đáp:

–Đó là năm ấm không sinh, không diệt, không chấp trước, không đoạn diệt cũng không thể thấy sáu căn, sáu trần, mười tám giới. Năm ấm không chấp trước vào ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và mười tám pháp Bất cộng, không chấp trước, không đoạn diệt cũng không thể thấy nghĩa, nghĩa Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật cũng vậy.

Tu-bồ-đề! Ví như ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và mười tám pháp Bất cộng vốn là tịnh không có nghĩa, nghĩa Bồ-tát cũng vậy. Ví như tôi, ta tịnh thì nó không có biên giới; ta, người, chúng sinh, thọ mạng tịnh hoàn toàn không thể thấy được, vì không có biên giới, nghĩa Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật cũng vậy.

Tu-bồ-đề! Ví như Thế Tôn đầy đủ giới nên những tập khí, ác giới từ trước không còn xuất hiện; đã đắc định nên những hiện tượng làm loạn ý không còn xuất hiện; đã được trí tuệ nên không còn dấu vết ngu si; được giải thoát nên không còn thấy vết tích của chưa giải thoát; đã chứng tuệ giải thoát thì không thấy tuệ không giải thoát.

Ví như hào quang của Phật xuất hiện thì không còn thấy ánh sáng của mặt trời mặt trăng và ánh sáng chư Thiên Đao-lợi cho đến chư Thiên Hữu đảnh. Cũng vậy, tất cả nghĩa của Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật không thể thấy. Vì đạo và nghĩa của Bồ-tát không hợp cũng không tan, không có bóng dáng, không thể thấy được, không có một tướng đối đãi, một tướng là chẳng phải tướng.

Tu-bồ-đề! Đối với các pháp, Bồ-tát nên học nhưng không chấp trước thì hiểu biết hết tất cả các pháp.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Các pháp ấy là những gì? Thế nào là các Bồ-tát học các pháp mà không chấp trước? Thế nào là Bồ-tát hiểu biết các pháp?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Các pháp ấy là pháp thiện, pháp ác, pháp ký, pháp vô ký, pháp tục, pháp đạo, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp hữu vi và pháp vô vi, đó là những pháp Bồ-tát cần học, kể cả không chấp trước.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thiện pháp của thế gian là những gì?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Thiện pháp của thế gian như hiếu thuận cha mẹ, cúng dường Sa-môn, tu sĩ; nuôi dưỡng người già, thi hành các việc phước, giữ thân thủ tiết, chuyên cần nuôi lòng thiện, tôn trọng phương tiện mười thiện nghiệp. Có pháp tục quán chiếu về nội thân như: Tưởng thối nát, tưởng sình trướng, tưởng máu, tưởng thú ăn không hết, tưởng rơi vãi, tưởng xương, tưởng cháy một nửa, bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Thiền vô sắc; tưởng Phật, Pháp, Tăng, tưởng Giới, Thí, Thiên; tưởng tinh tấn, tưởng hơi thở, tưởng thân, tưởng chết. Tu-bồđề, đó là pháp thiện của thế gian.

Ác pháp của thế gian là sát sinh, trộm cướp, tà hạnh, ác khẩu, vọng ngôn, ỷ ngữ, tật đố, tà kiến. Đó là ác pháp của thế gian.

Những gì là pháp ký? Đó là thiện pháp và ác pháp.

Những gì là vô ký? Đó là pháp không có sự cộng tác của thân,

khẩu, ý, năm ấm, bốn đại, mười hai xứ và mười tám giới.

Những gì là pháp thế tục? Pháp thế tục gồm có năm ấm, mười hai xứ, mười tám giới, mười thiện nghiệp, bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Thiền vô sắc.

Những gì là pháp đạo? Đó là ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, ba môn giải thoát, ba căn, ba Tam-muội giải thoát nhiếp ý, tám Giải thoát, chín cấp độ thiền, mười tám không, mười Lực của Phật, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng, đó là pháp đạo.

Những gì là pháp lậu? Pháp hữu lậu: Năm ấm, mười hai xứ, mười tám giới, mười hai nhân duyên, bốn Thiền, bốn Thiền vô sắc, đó là pháp lậu.

Những gì là pháp vô lậu? Pháp vô lậu: Ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và mười tám pháp Bất cộng, đó là pháp vô lậu.

Những gì là pháp hữu vi? Pháp hữu vi: Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và mười tám pháp Bất cộng, đó là pháp hữu vi.

Những gì là pháp vô vi? Pháp vô vi là không sinh, không diệt, không thỉ, không chung, không trụ, không biến đổi; hoàn toàn không có dâm, nộ, si, như pháp tánh và chân tế vẫn như vậy, đó là pháp vô vi. Đại Bồ-tát đối với pháp vô tướng không chấp trước, không khuynh động giác ngộ; các pháp là không hai.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Sao gọi là Đại?

Phật nói:

–Vị ấy nhất định là người Thượng thủ trong các đại chúng vì vậy nên gọi là “Đại”.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Vị ấy sẽ làm thượng thủ ở chúng sinh nào?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đại chúng đây có nghĩa là hàng Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, Ana-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, Đại Bồ-tát mới phát tâm đến bậc Không thoái chuyển, đó là các đoàn thể đại chúng. Bồ-tát sẽ làm Thượng thủ trong hội ấy. Ở trong ấy, vị nào phát tâm Kim cang thì làm thượng thủ.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là tâm Kim cang?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát phát tâm như vầy: Ta sẽ trải qua vô số kiếp chịu khổ sinh tử làm hạnh Tinh tấn; ta sẽ vì chúng sinh mà xả bỏ tất cả vật sở hữu; ta sẽ đem tâm bình đẳng đối với các chúng sinh; ta sẽ dùng ba thừa cứu độ chúng sinh làm cho họ đạt đến Niết-bàn, nhưng không thấy có chúng sinh được Niết-bàn; ta sẽ thông hiểu các pháp không sinh từ đâu, thường thực hành sáu pháp Ba-la-mật bằng trí Nhất thiết; ta sẽ học và cứu tế tất cả. Tu-bồ-đề, đó là tâm Kim cang của Bồ-tát.

Bồ-tát lại phát tâm: Ta sẽ chịu thống khổ thay chúng sinh trong địa ngục, ngạ quỷ; ta sẽ chịu thống khổ thay chúng sinh trong số kiếp, làm cho chúng sinh hoàn toàn an nghỉ nơi Niết-bàn rồi mới tự mình trải qua vô số kiếp tu hành để thành Chánh đẳng giác.

Tu-bồ-đề! Đó là Bồ-tát phát tâm Kim cang làm Thượng thủ trong đại chúng.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên phát tâm vi diệu, do tâm vi diệu nên làm Thượng thủ trong đại chúng. Khi phát tâm rồi về sau vị ấy không sinh dâm, nộ, si, nên không làm phiền chúng sinh, cũng không phát tâm Thanh văn hay Bích-chi-phật. Đó là Đại Bồ-tát phát tâm vi diệu làm Thượng thủ trong đại chúng, nhưng cũng không tự cao, thường phát tâm trí Nhất thiết ủng hộ chúng sinh cũng không bỏ chúng sinh và thường thực hành pháp, vui với pháp.

Hỏi:

–Những gì là pháp lạc?

Đáp:

–Tùy theo sự hiểu biết của mình mà thọ trì đọc tụng. Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật nơi các pháp không, làm người dẫn đường cho đại chúng cũng không cậy vào sự chứng đắc. Bồ-tát an trụ ở trong ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và mười tám pháp Bất cộng làm thượng thủ cho đại chúng nhưng không cậy vào tri kiến. Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật an trụ ở hạnh như Tam-muội Kim cang cho đến tận hư không giới cũng không bị nhiễm để đạt đến Tam-muội Giải thoát, làm Thượng thủ cho đại chúng nhưng không có chỗ chứng đắc và ỷ lại.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát an trụ vào pháp và địa này thì có thể làm Thượng thủ cho chúng sinh, nên gọi là Đại.

QUYỂN 3

Phẩm 15: MA-HA-TÁT

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Con cũng sẽ nói vì sao gọi là Đại Bồ-tát.

Đức Phật bảo:

–Tôn giả Xá-lợi-phất hãy tự nhiên giải bày.

Xá-lợi-phất nói:

–Bồ-tát đoạn các vọng kiến nên gọi là Đại.

Sao gọi là vọng kiến trong các kiến? Thấy sai lầm (vọng kiến) là thấy có ta, có người, có chúng sinh, có đoạn, có thường, có hữu kiến, có vô kiến, có năm ấm, có mười tám giới, có mười hai xứ, có bốn đế, có mười hai nhân duyên, có ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, có mười tám pháp Bất cộng, có nuôi dưỡng chúng sinh, có thanh tịnh cõi Phật, có đạo, cho đến có Phật chuyển pháp luân, tất cả các kiến chấp đều đoạn, thuyết pháp như thế nên gọi là Đại.

Tu-bồ-đề hỏi Xá-lợi-phất:

–Vì sao Đại Bồ-tát thấy có năm ấm, mười hai xứ, mười tám giới, mười hai nhân duyên, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo cho đến mười tám pháp Bất cộng và các vọng kiến?

Xá-lợi-phất đáp:

–Đại Bồ-tát không dùng phương tiện quyền xảo hành Bát nhã Ba la mật, thuận theo năm ấm, sáu căn, mười tám giới, nương vào mười hai nhân duyên, nương vào sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và mười tám pháp Bất cộng mà sinh các kiến chấp, Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật bằng phương tiện quyền xảo thì đoạn các kiến chấp này, thuyết pháp cho người mà không cậy vào việc ấy.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Con cũng sẽ nói vì sao gọi là Đại.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ông hãy nói đi.

Tu-bồ-đề nói:

–Ý đạo cao siêu chẳng phải sự hiểu biết của hàng Thanh văn và Bích-chi-phật. Vì sao? Trí Nhất thiết là pháp vô lậu cùng với tâm vị ấy không chấp trước nên gọi là Đại.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát có những gì cao siêu mà các hàng La-hán, Bích-chiphật không sánh kịp?

Tu-bồ-đề đáp:

–Từ lúc Bồ-tát phát tâm trở về sau, không thấy các pháp có sinh diệt, tăng giảm, ràng buộc và đoạn diệt.

Này Xá-lợi-phất! Các pháp không sinh, không diệt, không tăng, không giảm, không ràng buộc và không đoạn diệt, cũng không có tâm La-hán hay Bích-chi-phật, cho đến tâm đạo và tâm Phật, đó là tâm cao siêu của Đại Bồ-tát mà La-hán và Bích-chi-phật không hiểu biết được.

Xá-lợi-phất nói:

–Vậy, theo ý Tôn giả là không vướng vào năm ấm, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng, cũng không chấp trước.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Giả sử trí Nhất thiết vô lậu thì tâm người phàm sẽ vô lậu vì là tánh không, cho đến A-la-hán, Bích-chi-phật và chư Phật cũng vậy?

Tu-bồ-đề đáp:

–Đúng như lời Tôn giả nói.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Năm ấm cũng vô lậu vì tánh vốn không, đến ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và mười tám pháp Bất cộng cũng vậy?

Tu-bồ-đề đáp:

–Đúng như lời Tôn giả nói.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Không có ý tức là không hợp với ý chăng? Không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức vì không hợp với thức chăng?

Tu-bồ-đề đáp:

–Đúng như lời Tôn giả nói.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng cũng không phải mười tám pháp, vì không chấp trước và không hợp chăng?

Tu-bồ-đề đáp:

–Sự có và không đều hợp.

Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất:

–Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật như vậy, không chấp vào đạo ý, La-hán và Bích-chi-phật không thể hiểu biết đến, tâm cũng không tự cao mà có chỗ nương vào, nương vào đó nhưng chẳng có chỗ nương.

QUYỂN 3

Phẩm 16: HỎI VỀ ĐẠI THỆ NGUYỆN

Bấy giờ, Bân-nậu Văn-đà-ni Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con cũng xin nói về Ma-ha-tát.

Đức Phật bảo:

–Ông hãy nói đi.

Bân-nậu nói:

–Bồ-tát dùng dây cương đại công đức nên đi xe Đại thừa, vì thế gọi là Ma-ha-tát.

Xá-lợi-phất hỏi Bân-nậu:

–Đại Bồ-tát dùng những công đức nào mà gọi là Ma-ha-tát?

Bân-nậu đáp:

–Đại Bồ-tát hành Bố thí ba-la-mật không chỉ giới hạn với người mà bố thí cho các chúng sinh, vì tất cả chúng sinh; vị ấy thực hành trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Bát nhã Ba la mật. Vì tất cả chúng sinh, Bồ-tát thực hành khổ hạnh. Bồ-tát lập đại hoằng thệ nguyện không giới hạn với tất cả chúng sinh, không nói rằng ta sẽ hóa độ có giới hạn trong những người có quan hệ chứ không độ cho những người khác; cũng không nói rằng sẽ hóa độ những người gần gũi với đạo chứ không hóa độ những người khác. Vì tất cả chúng sinh nên Bồ-tát phát đại nguyện rằng: Bản thân ta phải đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật và giáo hóa mọi người đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật bằng trí Nhất thiết, với tâm nguyện đem công đức này hồi hướng cho tất cả chúng sinh đều thành tựu Chánh đẳng giác.

–Tôn giả Xá-lợi-phất! Đó là Bồ-tát tu hành Bát nhã Ba la mật mà làm việc Bố thí.

Lại nữa, Bồ-tát bố thí bằng trí Nhất thiết, không cầu quả vị Lahán và Bích-chi-phật, đó là Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật làm việc Bố thí và Trì giới ba-la-mật.

Bồ-tát bố thí dùng trí Nhất thiết nghĩ về pháp mà thực hành, đó là thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật. Như vị ấy siêng năng trong việc đáng làm, đó là Tinh tấn ba-la-mật. Nhiệt tình bố thí thì hợp với trí Nhất thiết, hoàn toàn không có niệm Thanh văn hay Bíchchi-phật, đó là tu tập Thiền định ba-la-mật. Sự bố thí giống như huyễn, không thấy có người thí, vật đem thí và người nhận

thí, đó là Bồ-tát bố thí tu tập Bát nhã Ba la mật bằng trí Nhất thiết, Bồ-tát không tưởng chấp vào các độ. Nên biết đó là Bồ-tát hành đại thệ nguyện.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát Trì giới ba-la-mật song song với việc Bố thí bằng trí Nhất thiết, đem công đức bố thí hồi hướng cho tất cả chúng sinh cùng cầu Chánh đẳng giác, đó là Bồ-tát Trì giới ba-la-mật mà đủ cả Bố thí ba-la-mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát Trì giới ba-la-mật mà đầy đủ Tinh tấn là vì vị ấy tu tập Tinh tấn ba-la-mật. Bồ-tát Trì giới ba-la-mật tâm không cầu quả vị La-hán hay Bích-chi-phật. Bồ-tát Trì giới bala-mật xem các độ như tướng huyễn, không tự cao cũng không ỷ lại. Đó là Bồ-tát Trì giới ba-la-mật bằng Bát nhã Ba la mật, chính vì vị ấy Trì giới ba-la-mật nên đủ các pháp Ba-la-mật, thế nên gọi là đại thệ nguyện. Bồ-tát hành Nhẫn nhục ba-la-mật thì hợp với Bố thí bằng trí Nhất thiết. Bồ-tát nhập Thiền vô sắc cũng không trụ trong ấy, đó là Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật bằng phương tiện quyền xảo.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát hành Thiền phân biệt về Không, Vô tướng, Vô nguyện, đó là Bồ-tát hành Ma-ha-tát bằng Bát-nhã bala-mật, vì thế nên gọi là Đại thệ nguyện. Vị Bồ-tát hành đại thệ nguyện này, được các Đức Thế Tôn trong mười phương đồng lớn tiếng khen ngợi vị ấy rằng: “Vị Bồ-tát ở nước kia đủ các công đức đại thệ nguyện sẽ nuôi dưỡng chúng sinh làm thanh tịnh cõi Phật.” Xá-lợi-phất hỏi Bân-nậu Văn-đà-ni:

–Bồ-tát Ma-ha-diễn Tam-bạt-trí là những gì? (Bồ-tát Ma-hadiễn Tam-bạt-trí: Đời Tấn dịch là hướng đến Đại thừa). Sao gọi là hướng đến Đại thừa?

Bân-nậu đáp:

–Hành rốt ráo sáu pháp Ba-la-mật theo các tầng Thiền thích ứng, rồi hướng về trí Nhất thiết; ở tám Thiền quán chiếu vô thường, khổ, không, vô ngã, vô nguyện, đó là Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật Đại thừa. Bồ-tát niệm ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng, đó là Đại thừa của Bồ-tát. Tâm Bồ-tát không gần với quả vị La-hán, Bích-chi-phật mà chỉ mong đạt được trí Nhất thiết, đó là Bồ-tát hành bốn Tâm Vô lượng mà có Nhẫn nhục ba-la-mật. Bồ-tát chuyên cần hành trí Nhất thiết, đó là Tinh tấn ba-la-mật của Bồ-tát. Tuy Bồ-tát hành bốn Thiền nhưng Từ, Bi, Hỷ, Xả và tám thiền cũng không thể lay động, vì vị ấy có phương tiện quyền xảo. Bồ-tát hành bốn Tâm vô lượng làm triệt tiêu các lậu hoặc của chúng sinh, đó là Bồ-tát hành bốn Tâm vô lượng mà có Bố thí ba-la-mật. Các pháp được tạo tác và Thiền không hồi hướng về quả vị La-hán hay Bíchchi-phật mà luôn cầu trí Nhất thiết, đó là Bồ-tát hành bốn Tâm vô lượng mà không chấp thủ Trì giới ba-la-mật. Bồ-tát còn có Đại thừa, đối với pháp nội và ngoại không, không làm cho trí tuệ vị ấy thoái chuyển, nhưng không có cậy vào, không nắm bắt và kiến chấp, đó là Đại thừa của Bồ-tát. Lại có pháp Đại thừa không ở các pháp, tuệ cũng không ở nơi loạn hay định; hữu thường, vô thường, khổ, lạc, ngã hay vô ngã, đó là Đại thừa của Bồ-tát nhưng thích ứng với không chấp thủ. Lại có Đại thừa không ở nơi quá khứ, hiện tại, tương lai, cũng không rời ba thời gian, đó là Đại thừa thích ứng với không chấp thủ. Đại thừa là tuệ không trụ ở ba cõi hay lìa ba cõi. Lại có Đại thừa, Tuệ không trụ ở pháp tục, pháp đạo, pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp hữu lậu, pháp vô lậu. Tôn giả Xá-lợi-phất! Đó là Đại thừa của Đại Bồ-tát.

QUYỂN 3

Phẩm 17: MA-HA-DIỄN

Bấy giờ, Xá-lợi-phất hỏi Bân-nậu Văn-đà-ni:

–Những gì là Đại Bồ-tát cỡi xe Đại thừa?

Bân-nậu đáp:

–Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật ngồi trên xe Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, ngồi xe sáu pháp Ba-la-mật này không thấy có sáu pháp Ba-la-mật cũng không dựa vào. Bồ-tát hoàn toàn không dựa vào đâu, đó là Bồ-tát ngồi trên xe Đại thừa.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát chuyên tâm học trí Nhất thiết, đủ ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và mười tám pháp Bất cộng, tuy mong muốn thành tựu nhưng không có dựa vào, đó là Bồ-tát ngồi xe Đại thừa.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Bồ-tát suy nghĩ: “Bồ-tát chỉ là văn tự thôi, năm ấm, sáu căn, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, nội ngoại không và mười tám pháp Bất cộng đều chỉ là văn tự thôi, nên không dựa vào các pháp ấy cho đến pháp Như Lai cũng chỉ là văn tự nên pháp tánh không thể thấy; chân như chỉ có văn tự nên chân như không thể thấy; Phật và đạo chỉ có văn tự nên không thể dựa vào, đó là Đại Bồ-tát ngồi xe Đại thừa.

Lại nữa, Đại Bồ-tát từ khi mới phát tâm cho đến lúc đầy đủ thần thông của Bồ-tát, đủ rồi vị ấy muốn nuôi dưỡng chúng sinh, từ cõi Phật này đến cõi Phật kia cúng dường lễ bái hầu cận các Đức Thế Tôn và gần gũi giáo pháp của các Ngài.

Sao gọi là giáo pháp? Vì Bồ-tát Đại thừa đi xe Đại thừa du hóa các cõi Phật để làm thanh tịnh cõi Phật và nuôi dưỡng chúng sinh nhưng vị ấy hoàn toàn không tưởng đến cõi Phật, không tưởng về chúng sinh, cũng không tưởng trụ vào hai cảnh giới ấy. Vì chúng sinh, Bồ-tát tùy theo căn cơ thích ứng mà hóa hiện thân hình, không trụ ở trí Nhất thiết và vĩnh viễn không xa rời Bồ-tát, đi đến trí Nhất thiết chuyển pháp luân, mà tất cả hàng La-hán, Bích-chi-phật, Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la và Người trong thế gian không thể chuyển được.

Khi ấy nghe tiếng các Đức Phật ở hằng hà sa cõi trong mười phương khen ngợi rằng ở cõi kia có vị Đại Bồ-tát đi chiếc xe Đại thừa đến trí Nhất thiết và chuyển pháp luân.

Này Xá-lợi-phất! Đó là Đại Bồ-tát cỡi xe Đại thừa.

QUYỂN 3

Phẩm 18: CÁC THỆ NGUYỆN

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Các thệ nguyện của Đại Bồ-tát là những gì?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đó là sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, nội ngoại không, hữu vô không, mười tám pháp Bất cộng và trí Nhất thiết. Bồ-tát mặc áo giáp các công đức ấy thành tựu thân Phật sáng chói cả tam thiên đại thiên thế giới, lại phóng quang minh khắp mười phương hằng sa cõi Phật làm chấn động sáu cách, các Bồ-tát ở cõi Phật hằng hà sa trong mười phương tiếp nhận được ánh sáng này rồi, trụ vào Bố thí ba-la-mật mặc giáp Đại thừa, liền biến hóa tam thiên đại

thiên thế giới trở thành lưu ly, tự mình hóa làm Chuyển luân vương, tùy theo sự mong cầu của chúng sinh mà bố thí: Đói cho ăn, khát cho uống, lạnh cho áo, bệnh cho thuốc, có người cần hương hoa thì cho hương hoa, thích nghi theo thân từng chúng sinh mà cung cấp đầy đủ. Làm việc ấy rồi, Bồ-tát liền nói hạnh sáu pháp Ba-lamật cho họ. Chúng sinh nghe Bồ-tát dạy rồi cho đến lúc thành Vô thượng Bồ-đề họ cũng không rời hạnh sáu pháp Ba-la-mật, đó là Bồ-tát mặc áo giáp Đại thừa.

Tu-bồ-đề! Ví như nhà ảo thuật biểu diễn ở ngã tư đường, trước mặt mọi người, tùy theo sở thích của họ mà bố thí: Cơm, nước, áo, mền, tiền của, tùy theo nhu cầu của từng người, người huyễn đều cung cấp đầy đủ.

Tu-bồ-đề! Ông nghĩ xem nhà ảo thuật có bố thí cho người không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Không có vật thí cũng không có người được thí.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát tự hóa thân làm Chuyển luân vương thực hành bố thí, tùy theo sở thích của người ưa thích gì mà cho vật ấy, vừa ý từng người, tuy cho mà không có vật cho và người nhận.

Tu-bồ-đề! Vì pháp ấy là pháp huyễn nên như vậy.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát trụ vào Trì giới ba-la-mật cũng hóa hiện làm Chuyển luân vương, trong địa vị đó dạy người tu mười thiện nghiệp, dạy cho người hành bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Thiền vô sắc, dạy bảo ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, đến mười tám pháp Bất cộng. Chúng sinh kể từ khi nghe dạy pháp cho đến lúc đắc đạo vĩnh viễn không rời pháp này.

Tu-bồ-đề! Ví như nhà ảo thuật biến hóa ra một số người, rồi dạy số người ấy tu mười thiện nghiệp và ba mươi bảy phẩm Trợ đạo đến mười tám pháp Bất cộng.

Tu-bồ-đề! Ông hiểu thế nào? Có người thực hành mười thiện nghiệp, bốn Thiền, bốn Thiền vô sắc, cho đến ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và mười tám pháp Bất cộng không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có người thực hành.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát dạy chúng sinh bằng mười thiện nghiệp, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng, cũng không thấy có người trụ ở pháp này. Vì pháp là huyễn hóa nên như vậy. Tu-bồ-đề, vì thế nên Bồ-tát mặc giáp của Đại thừa.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát trụ vào Nhẫn nhục ba-la-mật cũng giáo hóa chúng sinh bằng Bố thí ba-la-mật. Bồ-tát từ khi mới phát tâm trở đi phát thệ nguyện: “Giả sử bị chúng sinh cầm dao gây hại, ta đều chấp nhận không sinh một chút ác ý nào cả mà lại dùng tâm nhẫn nhục giáo hóa chúng sinh. Tuy dạy chúng sinh bằng pháp Nhẫn nhục nhưng không như nhà ảo thuật, không có tưởng về chúng sinh. Tubồ-đề, đó là Bồ-tát mặc áo giáp Đại thừa.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát trụ vào Tinh tấn ba-la-mật giáo hóa chúng sinh bằng trí Nhất thiết mà cũng giống như nhà ảo thuật, đó là Bồ-tát mặc giáp Đại thừa. Bồ-tát trụ vào Thiền định ba-la-mật dạy chúng sinh ở nơi các pháp, Bồ-tát không thấy có pháp loạn hay nhất tâm. Tu-bồ-đề, đó là Bồ-tát trụ vào Thiền định ba-la-mật dạy cho người nhất tâm hành thiền, cho đến khi

thành Vô thượng Bồ-đề vĩnh viễn không rời định này, cũng chỉ như nhà ảo thuật, vì thế nên gọi là Đại thệ nguyện.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát trụ vào Bát nhã Ba la mật, nhưng đối với các pháp không thấy có bên này, bên kia và sự giáo hóa chúng sinh cũng như huyễn, không thấy có người dạy, người tiếp thu. Tu-bồ-đề, đó là các thệ nguyện của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát mặc giáp Đại thừa để làm an ổn vô lượng, vô biên chúng sinh trong hằng hà sa cõi Phật, được vào sáu pháp Ba-la-mật, thuyết cho chúng sinh nghe về sáu pháp Ba-la-mật, nghe rồi nhớ mãi cho đến khi thành Vô thượng Bồ-đề nhưng cũng như huyễn không thấy người thọ trì pháp và người tiếp nhận sự giáo hóa, đó là Bồ-tát mặc áo giáp Đại thừa.

Bồ-tát mặc áo Đại thừa tâm khế hợp với trí Nhất thiết, vị ấy không nói rằng ta sẽ dạy ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng cho bao nhiêu người, cũng không thể nói bao nhiêu người ta không thể dạy, cũng không nói ta dạy cho bao nhiêu người đắc quả Tu-đà-hoàn, cho đến La-hán, Bích-chi-phật, không nói ta không dạy cho bao nhiêu người chứng quả A-la-hán, cũng không nói ta giáo hóa cho bao nhiêu người được trí Nhất thiết, hay nói ta không dạy hết cho số các người ấy. Vì việc giáo hóa của Bồ-tát không có giới hạn, không có thân và sơ.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát cũng giống như nhà ảo thuật dạy người huyễn, không thấy có dạy và người được dạy, đó là thệ nguyện của Đại Bồ-tát.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Như con nghe nghĩa lý nơi Đức Phật, nên biết Bồ-tát chẳng có hành theo thệ nguyện, vì các pháp đều không, nên sắc, thọ, tưởng, hành, thức; nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; mười tám giới… Bát nhã Ba la mật, nội ngoại không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng, cho đến Bồ-tát và Đại thệ nguyện đều không.

Bạch Thế Tôn! Vì thế nên con biết rằng, Bồ-tát không có hành theo đại thệ nguyện.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đúng như lời ông nói.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Trí Nhất thiết không có làm ra, không tạo tác. Vì tất cả chúng sinh, Bồ-tát phát thệ nguyện lớn những chúng sinh ấy không có hành động không có tạo tác.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Trí Nhất thiết và chúng sinh không hành động không tạo tác là vì sao vậy?

Đức Phật đáp:

–Vì không thấy có người, thế nên trí Nhất thiết không có hành

động và tạo tác. Tu-bồ-đề! Vì năm ấm không tạo tác cũng chẳng không tạo tác, cho đến sáu căn, sáu trần, ta, người, thọ mạng đều không có chỗ hành động, không có tạo tác, vì cảnh giới không nắm bắt được.

Tu-bồ-đề! Như mộng, như huyễn, như hóa, như tiếng vang, như sóng nắng không có hành động, không có tạo tác; nội ngoại không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng vốn không có hành động, không có tạo tác, vì không có cảnh giới cứu cánh.

Tu-bồ-đề! Vì thế nên trí Nhất thiết và chúng sinh không có, không có tạo tác bởi thế nên biết Bồ-tát chẳng phải hành theo là đại thệ nguyện.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Như con quán chiếu nghĩa của Thế Tôn nói, năm ấm không bị trói buộc, không được giải thoát.

Bân-nậu Văn-đà-ni hỏi Tu-bồ-đề:

–Những gì là năm ấm không trói buộc, không giải thoát?

Tu-bồ-đề đáp:

–Năm ấm như mộng, như huyễn, như hóa, như tiếng vang, như sóng nắng, trong ba thời không có trói buộc, không có giải thoát; năm ấm không có đầu mối, không có trói buộc, không có giải thoát; năm ấm vắng lặng, không sinh nên không có trói buộc, không có giải thoát; dù năm ấm là thiện, ác, tục, đạo, hữu lậu, vô lậu cũng không có trói buộc, không có giải thoát. Tất cả các pháp như: Vô biên tế, tịch tĩnh, sáu pháp Ba-la-mật, vô biên tế, nội ngoại không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng, đạo, Bồ-tát, trí Nhất thiết và pháp trí Nhất thiết, pháp tánh, chân như, vô vi, vô biên tế, tịch tĩnh, không sinh nên tất cả đều không trói buộc và giải thoát như thế đó.

Này Bân-nậu! Bằng sự không trói buộc, không giải thoát, Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, trí Nhất thiết, nuôi dưỡng chúng sinh, thanh tịnh cõi Phật, gặp gỡ các Đức Phật, luôn nghe pháp, luôn diện kiến các Đức Thế Tôn, luôn an trụ trong thần thông, không rời năm loại mắt, chuyển pháp luân, không buộc, không thoát, an lập chúng sinh nơi Ba thừa. Như thế đó, này Bânnậu, bằng không buộc, không thoát, Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật và các pháp đạt đến giác ngộ, vô biên tế, tịch tĩnh không có chỗ sinh.

Bân-nậu nên biết, đó là Bồ-tát hành các thệ nguyện không trói buộc, không giải thoát.

QUYỂN 4
Phẩm 19: HỎI VỀ ĐẠI THỪA

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là đại nguyện của Đại Bồ-tát? Làm sao để biết Bồ-tát hướng đến Đại thừa? Đi bằng thừa này sẽ đến đâu? Ai sẽ thành tựu thừa này?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Sáu pháp Ba-la-mật là Đại thừa của Đại Bồ-tát. Đó là Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí tuệ ba-la-mật.

Tu-bồ-đề hỏi Phật:

–Thế nào là Bồ-tát Bố thí ba-la-mật?

Phật dạy:

–Đại Bồ-tát bố thí ý hợp với trí Nhất thiết để bố thí ở bên trong và bên ngoài, rồi đem công đức này bố thí cho chúng sinh, cùng với chúng sinh hướng đến quả Vô thượng Chánh đẳng giác. Đó là Bố thí ba-la-mật của Đại Bồ-tát.

Tu-bồ-đề hỏi Phật:

–Thế nào là Trì giới ba-la-mật?

Phật dạy:

–Bồ-tát trì giới bằng trí Nhất thiết, tự giữ và dạy người khác làm mười điều thiện nhưng không chấp thủ. Đó là Bồ-tát giữ giới mà không chấp thủ.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thế nào là Nhẫn nhục ba-la-mật?

Phật dạy:

–Bồ-tát tự thân đã trọn vẹn hạnh nhẫn nhục, lại khuyên mọi người tu hạnh nhẫn nhục nhưng không chấp thủ. Đó là tu hạnh Nhẫn nhục ba-la-mật của Đại Bồ-tát.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thế nào là Tinh tấn ba-la-mật?

Phật dạy:

–Ý của Bồ-tát ứng hợp với trí Nhất thiết, không bỏ năm pháp Ba-la-mật, ở giữa chúng sinh tu năm pháp Ba-la-mật mà không thấy có pháp để chấp thủ. Như vậy gọi là Tinh tấn ba-la-mật của Đại Bồ-tát.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thế nào là Thiền định ba-la-mật?

Phật dạy:

–Đại Bồ-tát dùng trí Nhất thiết với phương tiện quyền xảo vào thiền nhưng không đắm vào cảnh giới của thiền, lại còn giáo hóa người khác hành thiền mà không có chỗ để chấp thủ. Đó là Thiền định ba-la-mật của Bồ-tát.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thế nào là Trí tuệ ba-la-mật của Bồ-tát?

Phật dạy:

–Đại Bồ-tát với trí Nhất thiết không bị lệ thuộc vào các pháp, quán tánh của các pháp không bị chấp thủ; giáo hóa người khác không bị lệ thuộc vào các pháp, quán tánh của các pháp không bị chấp thủ. Đó là Trí tuệ ba-la-mật của Đại Bồ-tát và chính là Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Có Đại thừa mà bên trong không, bên ngoài không, cho đến hữu, vô cũng không.

Thế nào là bên trong không? Bên trong pháp ấy là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Nhãn vốn không, vì không dính mắc các trần và không hoại diệt. Vì sao? Vì bản tánh nó là như vậy. Nhĩ vốn rỗng không, tỷ vốn rỗng không, thiệt vốn rỗng không, thân vốn rỗng không, ý vốn rỗng không. mỗi mỗi đều không dính mắc trần cấu cũng không hoại diệt. Vì sao? Vì bản tánh của chúng đều là như vậy.

Thế nào là bên ngoài không? Bên ngoài là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Sắc vốn rỗng không, không dính mắc trần cấu cũng không hoại diệt. Vì sao? Vì bản tánh của sắc là như vậy. Thanh, hương, vị, xúc, pháp đều như vậy. Vì sao? Vì tánh của chúng vốn rỗng không.

Thế nào là cả trong ngoài không? Sáu căn ở trong và sáu trần bên ngoài là cả trong ngoài pháp. Vì bên trong pháp không nên bên ngoài pháp không. Vì bên ngoài pháp không nên bên trong pháp không, không dính mắc và không hoại diệt. Vì sao? Vì bản tánh của chúng vốn như vậy. Đó là cả trong ngoài không.

Thế nào là Không không? Cái không của các pháp giữ cho các pháp hoàn toàn không, không ở trong không. Đó là Không không.

Thế nào là Đại không? Tám phương và phương trên phương dưới đều không. Đó là Đại không.

Thế nào là Không tối thượng? Niết-bàn không dính mắc, không hoại diệt là Không tối thượng.

Thế nào là hữu vi không? Từ căn bản không đắm trước, không hoại diệt, cho đến ba cõi đều không là hữu vi không.

Thế nào là vô vi không? Là không sinh, không diệt, trụ vào không thay đổi, do không dính mắc, không hoại diệt nên đều không. Vì sao? Vì cội gốc là không.

Thế nào là Cứu cánh không? Các pháp hữu vi và vô vi đều không bờ mé thì gọi là Cứu cánh không.

Thế nào là Vô thỉ không? Các pháp có thể đến nhưng không biết từ đâu đến và không có chỗ đến, gọi là Vô thỉ không.

Thế nào là Vô tác không? Đối với các pháp không có chỗ xa lìa gọi là Vô tác không.

Thế nào là Tánh không? Tánh các pháp, tánh của pháp hữu vi và vô vi chẳng phải cái mà La-hán, Bích-chi-phật, chư Phật Thế Tôn tạo ra nên gọi là Tánh không.

Thế nào là các pháp không? Các pháp là năm ấm, mười hai xứ, mười tám giới, hữu vi pháp, vô vi pháp. Đối với các pháp, từ chỗ không dính mắc, không hoại diệt cho đến tánh các pháp.

Thế nào là Tự tướng không? Tướng của sắc là tướng được (căn) nhận lấy, tướng được nhận lấy đó làm ra tưởng. Từ tưởng mà có sự biết về tướng, đó là thức, cho đến tướng hữu vi và vô vi. Từ hữu vi, vô vi tướng đến các pháp đều không. Đó là Tự tướng không.

Thế nào là không của không thủ đắc? Từ sự không dính mắc, không hoại diệt đến không có cái đạt được, pháp cũng không có cái đạt được.

Thế nào là Vô không? Ở trong các pháp mà không có cái thấy là Vô không.

Thế nào là Hữu không? Các pháp không có ngẫu nhiên nhưng có sự tập hợp mà không có thật, đó là Hữu không.

Thế nào là hữu vô không? Ở trong các sự tập hợp không có thật, đó là hữu vô không.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Hữu lấy Hữu làm không, Vô lấy Vô làm không, khác lấy khác làm không.

Thế nào là hữu? Hữu là tánh năm uẩn, tánh lấy tánh làm không, đó là Hữu không.

Thế nào là Vô? Vì vô là không, nên không có cái tạo thành, không có tạo thành là không. Cái không ấy không phải do trí có thể tạo tác, cũng chẳng phải do kiến có thể tạo tác.

Thế nào là việc Khác không? Có Phật, không Phật thì pháp tánh, pháp tịch vẫn như thế và chân tế cũng như vậy, thế nên khác không chính là việc Khác không.

Này Tu-bồ-đề! Đây là Đại thừa của Đại Bồ-tát. Thế nào là thừa? Hằng trăm Tam-muội, mỗi Tam-muội có một tên. Nhưng Tam-muội nào tên là Thủ-lăng-nghiêm?

Thế nào là Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm? Các Tam-muội đều hướng vào Tam-muội này nên gọi là Thủ-lăng-nghiêm.

Lại có Tam-muội tên là Bảo ấn. Thế nào là Tam-muội Bảo ấn? Là Tam-muội ấn chứng các Tam-muội khác.

Lại có Tam-muội tên là Sư tử du hý. Thế nào là Sư tử du hý?

Người trụ trong Tam-muội này thì tự tại trong các Tam-muội khác.

Lại có Tam-muội Nguyệt, người trụ Tam-muội này thì có thể dùng ánh hào quang chiếu sáng các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Nguyệt tràng, người trụ Tam-muội này nắm giữ các Tam-muội khác.

Lại có Tam-muội Tải chư pháp thượng, người trụ Tam-muội này sẽ phát sinh các Tam-muội khác.

Lại có Tam-muội Chiếu đảnh, người trụ Tam-muội này có thể dùng ánh sáng chiếu khắp các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Pháp tánh tất, người trụ Tam-muội này hiểu rõ các pháp một cách chắc chắn.

Lại có Tam-muội Tất tạo tràng, người trụ Tam-muội này nắm giữ kiên cố các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Kim cang, người trụ Tam-muội này không ai dám đương đầu.

Lại có Tam-muội Pháp sở nhập ấn, người trụ Tam-muội này ứng hợp với các pháp ấn.

Lại có Tam-muội An trụ, người trụ Tam-muội này liền có thể trụ các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Phóng quang minh, người trụ Tam-muội này có thể chiếu khắp các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Thế tấn, người trụ Tam-muội này có thể dùng thế lực giáo hóa các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Đẳng bộ, người trụ Tam-muội này có thể đi lại trong các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Nhập biện tài giáo thọ, người trụ Tam-muội này có thể biện giải các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Quá lượng âm thanh, người nhập Tam-muội này được nhập vào vô lượng danh tự Tam-muội.

Lại có Tam-muội Chiếu xứ xứ, người trụ Tam-muội này có thể chiếu khắp các phương diện.

Lại có Tam-muội Tổng trì ấn, người trụ Tam-muội này có thể giữ gìn ấn của các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Bất vong, người trụ Tam-muội này không quên các Tam-muội khác.

Lại có Tam-muội Hư không phổ, người trụ Tam-muội này có thể ở khắp các Tam-muội khác.

Lại có Tam-muội Kim cang bộ, người trụ Tam-muội này nắm giữ các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Bảo thắng, người trụ Tam-muội này hàng phục các cấu trược.

Lại có Tam-muội Xí diêm, người trụ Tam-muội này có thể dùng ánh sáng do lửa bốc cháy để chiếu khắp các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Vô nguyện, người trụ Tam-muội này không có sự mong cầu đối với các pháp.

Lại có Tam-muội Thẩm trụ, người trụ Tam-muội này không thấy trụ xứ các pháp.

Lại có Tam-muội Tuyển trạch, người trụ Tam-muội này không thường nhớ đối với các pháp.

Lại có Tam-muội Vô cấu đăng, người trụ Tam-muội này sẽ là ngọn đèn sáng cho các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Vô hạn quang, người trụ Tam-muội này không có hạn lượng đối với các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Tác quang minh, người trụ Tam-muội này có sự chiếu sáng đối với các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Phổ chiếu minh, người trụ Tam-muội này sẽ có các Tam-muội khác hiện ra trước mặt.

Lại có Tam-muội Tịnh yếu, người trụ Tam-muội này sẽ theo kịp các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Vô cấu quang, người trụ Tam-muội này sẽ giải tán các cấu uế của các Tam-muội khác.

Lại có Tam-muội Tạo lạc, người trụ Tam-muội này sẽ cảm thọ được sự an lạc của các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Điện minh, người trụ Tam-muội này sẽ làm sáng tỏ cho các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Vô tận, người trụ Tam-muội này sẽ không thấy được hết vì bất tận.

Lại có Tam-muội Thượng oai, người trụ Tam-muội này oai đức hơn hẳn các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Tất tận, người trụ Tam-muội này sẽ thấy hết các chỗ tận cùng không thể thấy của các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Bất động, người trụ Tam-muội này làm cho Tam-muội bất động, không biết, không tán loạn.

Lại có Tam-muội Bất Biệt, người trụ Tam-muội này không thấy sự biệt ly.

Lại có Tam-muội Nhật đăng, người trụ Tam-muội này sẽ chiếu sáng các môn Tam-muội.

Lại có Tam-muội Nguyệt vô cấu, người trụ Tam-muội này sẽ bỏ đi sự tối tăm của các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Tịnh quang minh, người trụ Tam-muội này sẽ phân biệt bốn trí tuệ vô ngại đối với các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Tác minh, người trụ Tam-muội này sẽ làm sự sáng suốt cho các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Tạo tác, người trụ Tam-muội này sẽ làm sự cứu cánh cho các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Chư tuệ, người trụ Tam-muội này thấy được trí tuệ của các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Kim cang, người trụ Tam-muội này sẽ quyết đoán các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Trụ ý, người trụ Tam-muội này sẽ bất động, không trạo cử, không lo sợ cũng không có ý tưởng.

Lại có Tam-muội Hiện minh, người trụ Tam-muội này thấy ánh sáng khắp nơi trong các Tam-muội.

Lại có Tam-muội An lập, người trụ Tam-muội này được an ổn trong các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Bảo tích, người trụ Tam-muội này sẽ thấy tất cả các báu của các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Pháp ấn, người trụ Tam-muội này sẽ ấn chứng các Tam-muội, từ những chỗ có ấn chứng và những chỗ không được ấn chứng.

Lại có Tam-muội Đẳng, người trụ Tam-muội này không thấy sự giải thoát các pháp.

Lại có Tam-muội Khí lạc, người trụ Tam-muội này sẽ bỏ hết các sự an lạc.

Lại có Tam-muội Quá pháp định, người trụ Tam-muội này sẽ diệt sự mê muội của các pháp và an trú ở Tam-muội trên.

Lại có Tam-muội Tán kiết, người trụ Tam-muội này có thể làm tan mất công dụng của các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Giải chư pháp cú, người trụ Tam-muội này có thể giải thích các pháp cú và các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Đẳng văn tự, người trụ Tam-muội này sẽ hiểu hết các văn tự.

Lại có Tam-muội Tất tự, người trụ Tam-muội này không thấy dù chỉ một chữ.

Lại có Tam-muội Đoạn nhân duyên, người trụ Tam-muội này sẽ cắt đứt các nhân duyên.

Lại có Tam-muội Vô thái, người trụ Tam-muội này sẽ không theo trạng thái của các pháp.

Lại có Tam-muội Vô hành, người trụ Tam-muội này sẽ không thấy sự lưu chuyển của các pháp.

Lại có Tam-muội Vô quật hành, người trụ Tam-muội này sẽ không thấy sự đi lại nơi tổ hang.

Lại có Tam-muội Tất âm, người trụ Tam-muội này có thể làm sạch các âm khí.

Lại có Tam-muội Chư hành, người trụ Tam-muội này thấy được sự tu tập của các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Bất khởi, người trụ Tam-muội này không thấy được tánh động của các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Độ cảnh giới, người trụ Tam-muội này vượt qua được các cảnh giới.

Lại có Tam-muội Tụ chư thiện, người trụ Tam-muội này sẽ tụ hợp được các pháp trong các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Chỉ tuyển, người trụ Tam-muội này ý không đọa lạc.

Lại có Tam-muội Thanh tịnh hoa, người trụ Tam-muội này sẽ được các Tam-muội cúng dường hoa trong sạch.

Lại có Tam-muội Chủ giác, người trụ Tam-muội này có bảy giác ý đối với Tam-muội.

Lại có Tam-muội Vô hạn biện, người trụ Tam-muội này sánh kịp với các bậc biện tài vô hạn.

Lại có Tam-muội Vô đẳng đẳng, người trụ Tam-muội này liền chứng quả Vô đẳng đẳng.

Lại có Tam-muội Độ chư pháp, người trụ Tam-muội này sẽ vượt qua ba cõi.

Lại có Tam-muội Quyết đoán, người trụ Tam-muội này quyết đoán các sự việc khi thấy các pháp và Tam-muội.

Lại có Tam-muội Tán chư hồ nghi, người trụ Tam-muội này sẽ chứng được tán chư pháp Tam-muội.

Lại có Tam-muội Vô trú, người trụ Tam-muội này không thấy các pháp xứ.

Lại có Tam-muội Nhất hành, người trụ Tam-muội này không thấy các pháp có hai.

Lại có Tam-muội Chúng sinh sở nhập, người trụ Tam-muội này không thấy chúng sinh và chỗ đi vào của chúng sinh.

Lại có Tam-muội Nhất sự, người trụ Tam-muội này không thấy việc của các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Yểm cai chúng sự, người trụ Tam-muội này không thấy có sự riêng biệt.

Lại có Tam-muội Tán chư sinh tử lao oán, người trụ Tam-muội này đạt được Tam-muội chư yểm và có trí tuệ giác ngộ tất cả.

Lại có Tam-muội Chúng hành âm sở nhập, người trụ Tam-muội này các hành nghiệp và âm thanh đều tùy tùng.

Lại có Tam-muội Thoát chư âm hưởng tự, người trụ Tam-muội này thấy các Tam-muội thoát khỏi lời nói và văn tự.

Lại có Tam-muội Nhiên cự, người trụ Tam-muội này có oai đức sáng ngời trong các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Tịnh tướng, người trụ Tam-muội này sẽ làm sạch tất cả tướng của Tam-muội.

Lại có Tam-muội Vô chuẩn, người trụ Tam-muội này không thấy chuẩn mực trong Tam-muội.

Lại có Tam-muội Cụ túc chúng sự, người trụ Tam-muội này sẽ được đầy đủ các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Bất nguyện khổ lạc, người trụ Tam-muội này không thấy có khổ có vui trong các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Sự bất giảm, người trụ Tam-muội này không thấy các Tam-muội có sự kết thúc.

Lại có Tam-muội Trì tích, người trụ Tam-muội này giữ gìn các Tam-muội một cách rốt ráo.

Lại có Tam-muội Tà chánh tụ, người trụ Tam-muội này thấy tà chánh trong các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Diệt nhuế tranh, người trụ Tam-muội này không thấy sự tranh cãi giận hờn trong các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Vô nhuế, người trụ Tam-muội này không thấy có giận hờn hay không giận đối với các pháp trong các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Vô cấu quang, người trụ Tam-muội này không thấy sáng cũng không thấy cấu bẩn đối với Tam-muội.

Lại có Tam-muội Chủ yếu, người trụ Tam-muội này không thấy có sự quan trọng trong các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Minh nguyệt mãn vô cấu nhiễm, người trụ Tam-muội này có thể làm cho các Tam-muội đầy đủ trọn vẹn như trăng ngày rằm.

Lại có Tam-muội Đại trang sức, người trụ Tam-muội này hay làm cho các Tam-muội trang nghiêm tốt đẹp.

Lại có Tam-muội Dữ thế gian tác quang minh, người trụ Tam-muội này sẽ chiếu hào quang khắp các pháp ở mười phương.

Lại có Tam-muội Đẳng, người trụ Tam-muội này không có các pháp có định hay có loạn.

Lại có Tam-muội Vô phần, người trụ Tam-muội này có thể sai khiến các Tam-muội mà không có giận hờn.

Lại có Tam-muội Vô ỷ vô quật vô lạc, người trụ Tam-muội này không thấy có những sơ hở trong các Tam-muội.

Lại có Tam-muội Tối như, người trụ Tam-muội này không thấy có sự lay động đối với thật tướng các pháp.

Lại có Tam-muội Thân hài, người trụ Tam-muội này không thấy tánh của Tam-muội.

Lại có Tam-muội tên Đoạn khẩu hành dữ không hợp, người trụ Tam-muội này không thấy có ngôn từ trong các Tam-muội.

Lại có Tam-muội tên là Hư không bản thoát, người trụ Tam-muội này ngộ được các pháp vốn không.

Này Tu-bồ-đề! Đó là Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật của đại thừa.

QUYỂN 4
Phẩm 20: ĐÀ-LA-NI

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại thừa là gì? Đó là bốn Ý chỉ: Bồ-tát tự quán thân mình, quán thân người, quán nội ngoại thân nhưng không có thân tưởng cũng không có chấp thủ, khi hành động hoặc khi thiền định thường nghĩ đến sự thống khổ do ngu si ở thế gian; quán nội thọ, tâm, pháp.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là Bồ-tát quán sự hoạt động bên trong của thân? Bồ-tát đang đi biết đang đi, đang đứng biết đang đứng, đang ngồi biết đang ngồi, đang nằm biết đang nằm. Bồ-tát biết rõ các hành động của thân. Đó là Bồ-tát quán sát tự thân khi hành động, khi thiền định đều nhớ nghĩ đến sự khổ não của thế gian.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát ra vào lui tới đều an nhàn, ghi nhớ không quên, ngồi nằm hai bên cũng bình tĩnh, mặc ba y đúng pháp không mất oai nghi, thực hành Bát nhã Ba la mật. Bồ-tát tự quán nội ngoại thân, tu tập như vậy mà không có sự chấp trước, Bồ-tát luôn theo dõi hơi thở vô, hơi thở ra. Hơi thở dài biết hơi thở dài, hơi thở ngắn biết hơi thở ngắn. Giống như cái bàn xoay của người thợ gốm, do điều khiển mà có nhanh có chậm. Bồ-tát tự theo dõi hơi thở và ý niệm, đó là Bồ-tát quán nội thân, khi hoạt động cũng như khi thiền định, thường nghĩ đến sự thống khổ ngu si ở thế gian.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Do thực hành Bát nhã Ba la mật này thường quán sát mà phân biệt bốn đại: Địa, thủy, hỏa, phong của thân, như mổ trâu rồi phân làm bốn phần. Bồ-tát quán bốn phần phân biệt của thân, từ xưa đến nay đều như vậy. Đó là Bồ-tát quán cả trong ngoài thân mà không có sự chấp trước.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát quán thân từ đầu đến chân toàn là những thứ bất tịnh: tóc, lông, răng, móng, xương, tủy, năm tạng và ba mươi sáu vật chẳng có gì để tham đắm. Giống như những bồ chứa của nhà nông đựng đầy ngũ cốc, người có mắt mở những bồ chứa ra và phân tích, biết rõ; Bồ-tát quán những thứ ở trong thân cũng như vậy. Đó là Bồ-tát tự quán nội thân, khi sinh hoạt cũng như khi thiền định thường nghĩ nhớ đến sự si, ái và thống khổ ở thế gian thì chẳng có gì để chấp trước.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát quán sát thân người, từ ngày mới chết đến ngày thứ năm; cơ thể trương sình lên, thâm tím, thối nát, máu mủ tràn lan, không còn chỗ nào là sạch sẽ; hoặc bị chim thú ăn, hoặc ăn hết hoặc ăn một nửa, gớm ghiếc bất tịnh; hoặc có người chết chỉ còn gân dính xương, máu chảy tràn lan; hoặc có người chết máu thịt đã hết, gân xương lẫn lộn; hoặc có người chết máu thịt đã hết chỉ còn gân xương vung vãi khắp nơi; hoặc có người chết đã lâu, đốt xương ngã màu xanh, màu trắng đã vụn nát hoặc cùng màu với đất. Bồ-tát đều khởi lên ý tưởng này, quán tưởng như vậy rồi trở lại quán thân ta, nếu chưa giải thoát chưa xa lìa pháp này thì

cũng sẽ như vậy. Đó là Bồ-tát quán pháp ở trong thân mình và thân người khác để không còn tham trước, đam mê.

Khi tạo tác cũng như khi thiền định, Bồ-tát thường nghĩ nhớ đến sự si mê, thống khổ và tai họa ở thế gian. Bồ-tát quán pháp giác ý của mình cũng như người khác, phân biệt, nhớ nghĩ để đoạn trừ tâm si mê.

Này Tu-bồ-đề! Đấy là Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại có Đại thừa dần dần chế ngự bốn Ý đoạn.

Những gì là bốn?

1- Đối với các pháp xấu trong tâm chưa sinh, phải thường chế ngự hành động, siêng năng giữ ý làm cho nó không sinh.

2- Pháp xấu trong tâm đã sinh khởi phải siêng năng chế ngự, hộ trì Ý làm cho nó đoạn diệt.

3- Pháp lành chưa sinh phải siêng năng tu tập làm cho nó được sinh.

4- Pháp lành đã sinh muốn được đầy đủ, truyền rộng không mất, nên siêng năng gom giữ tâm làm cho nó được thành tựu. Đó là Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Tu-bồ-đề! Lại có Đại thừa gọi là bốn Thần túc. Đó là:

1- Bồ-tát dùng định với ý muốn đoạn trừ các sự tạo tác, gia hành đạt được Thần túc.

2- Dùng định với tinh tấn đoạn trừ các sự tạo tác, gia hành đạt được thần túc.

3- Dùng định với trì ý đoạn trừ các sự tạo tác, gia hành đạt được Thần túc.

4- Dùng định với trí tuệ đoạn trừ các sự tạo tác, gia hành đạt được Thần túc.

Đó là Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Lại có Đại thừa là năm Căn. Năm Căn là gì? Tín căn, Tinh tấn căn, Niệm căn, Định căn, Trí tuệ căn. Đó là Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Lại có Đại thừa là năm Lực. Năm Lực là gì? Tín lực, Tinh tấn lực, Niệm lực, Định lực, Trí tuệ lực. Đó là Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Lại có Đại thừa là bảy Giác ý. Đó là Niệm giác ý, Pháp giác ý, Tinh tấn giác ý, Duyệt hỷ giác ý, Tín giác ý, Định giác ý, Vô sở trước giác ý. Đó là Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Lại có Đại thừa là tám Thánh đạo. Đó là Chánh kiến, Chánh niệm, Chánh ngữ, Chánh hành, Chánh nghiệp, Chánh tập, Chánh chí, Chánh định. Đó là Đại thừa của Đại Bồ-tát mà không có chấp trước.

Tu-bồ-đề! Lại có Đại thừa gồm ba Tam-muội. Đó là Tam-muội Không, Tam-muội Vô tướng, Tam-muội Vô nguyện. Đó là Đại thừa của Đại Bồ-tát. Lại có Đại thừa gồm các trí tuệ: Khổ tuệ, Tập tuệ, Tận tuệ, Đạo tuệ, Tiêu tuệ, Vô sở khởi tuệ, Pháp tuệ, Minh tuệ, các tri tha nhân số Niệm tuệ và Chân tuệ.

Thế nào là Khổ tuệ? Sự khổ không còn sinh gọi là Khổ tuệ. Tập khí đoạn diệt gọi là Tập tuệ. Diệt hết các sự khổ gọi là Tận tuệ. Thánh đạo tám ngành gọi là Đạo tuệ. Làm cho tham dục, sân hận, ngu si chấm dứt gọi là Tiêu tuệ. Không còn rơi vào vòng sinh tử gọi là Bất khởi tuệ. Biết rõ sự đoạn trừ năm ấm là tuệ Pháp. Biết rõ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý vô thường và sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng vô thường nên gọi là Minh tuệ. Biết được tất cả những tâm niệm khởi

lên trong tâm của chúng sinh gọi là Tuệ biết các ý niệm của người khác. Trí Nhất thiết của Như Lai gọi là Chân tuệ. Đối với những pháp ấy Bồ-tát không có sự chấp trước.

Tu-bồ-đề! Đó là Đại thừa của Đại Bồ-tát gồm ba căn: năm Căn của người học đạo từ bạch y cho đến quả Tu-đà-hoàn, những điều chưa từng biết phải biết. Từ Tu-đà-hoàn đến A-na-hàm cũng có năm Căn cần nên biết đã biết. Từ A-la-hán, Bích-chi-phật, Bồ-tát cho đến quả Phật cũng có năm Căn, những điều đã biết không cần học lại. Phải biết đó là Đại thừa của Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Lại có Đại thừa tên là ba Tam-muội. Đó là có giác có quán, không giác có quán và thứ ba là không giác không quán. Có giác có quán là Thiền thứ nhất. Thế nào là không giác có quán? Trong khoảng từ Thiền thứ nhất đến Thiền thứ hai gọi là không giác có quán. Thế nào là không có giác không có quán? Từ Thiền thứ hai trở đi không còn tư tưởng, không có tư tưởng chỉ có trí tuệ thiền gọi là không có giác không có quán. Đó là Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Lại có Đại thừa tên là Thập niệm. Đó là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên, niệm diệt, niệm hơi thở, niệm nỗi khổ của thân, niệm chết, tất cả đều không có sự chấp trước, gọi là Đại thừa.

Này Tu-bồ-đề! Lại có Đại thừa tên là bốn Thiền, bốn Tâm bình đẳng, bốn Thiền vô hình, tám Thiền duy vô, chín Thiền thứ đệ, mười Lực của Phật, bốn Vô sở úy.

Mười lực ấy là gì?

Đức Phật thị hiện với thân tướng tốt, thần túc biến hóa làm tác động kẻ có tâm tà vạy phải quay về nẻo chánh, đó là Lực thứ nhất.

Miệng nói ra những lời cao thượng hơn người, làm cho kẻ ngu si cố chấp được khai mở giải thoát, đó là Lực thứ hai.

Ý nhập vào không định thanh tịnh đạt được sáu phép thần thông, dù tà thần nhiễu loạn nhưng đạo chí vững bền, là Lực thứ ba.

Lực thứ tư là im lặng chấm dứt vọng tưởng, thần túc vô vi làm chấn động tam thiên đại thiên thế giới, mặt trời, mặt trăng làm nhân loại khiếp sợ.

Lực thứ năm là thông suốt ý đạo, diễn giảng giáo pháp giáo hóa truyền khắp mười phương đều đạt được đạo.

Lực thứ sáu là đối với ý nghĩ và cảnh giới họ đi đến, dầu cho bị trói hoặc được giải thoát thì đều được giải thoát.

Lực thứ bảy có trí tuệ lớn thông hiểu tất cả những họa phước trong ba đời đã tạo ra mà hiện nay chưa thọ quả báo.

Lực thứ tám là biết được nguyên nhân sâu xa của chúng sinh trước đây do tạo nghiệp khác nhau nên thọ thân không đồng.

Lực thứ chín là dùng tuệ nhãn thanh tịnh thông suốt vô hạn nên thấy được sự luân hồi của chúng sinh trong sinh tử.

Lực thứ mười là trí tuệ đã đầy đủ, phương tiện đã sẵn sàng, sinh tử đã chấm dứt, hành nghiệp đã đoạn tận, việc làm đã xong, không còn trở lại đời sống này nữa, tự nhiên, không có thầy, tự xưng là trí Nhất thiết.

Bốn đức vô úy: Phật là Bậc Chánh Đẳng Giác nên hàng Samôn, Bà-la-môn, Ma vương, chư Thiên, Phạm vương và các chúng khác không ai có khả năng cật vấn Ngài. Ngài cũng không

thấy ai có khả năng đó. Vì chứng được pháp này nên Ngài tu hành an ổn, đạt được Vô sở úy thứ nhất.

Hạnh tinh tấn của Ngài đạt đến chỗ cao tột, nên ở giữa loài người Ngài có thể cất tiếng như tiếng rống sư tử và chuyển bánh xe pháp mà hàng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên và các chúng khác không thể chuyển được, chỉ có Phật mới có thể chuyển được, đó là Vô sở úy thứ hai.

Đức Phật đã đoạn tận lậu hoặc nên hàng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên không ai dám nói lậu hoặc của Phật chưa đoạn tận là Vô sở úy thứ ba.

Những lời Phật dạy chân thật không trái với quả báo thiện ác và có kết quả đúng theo hành động, những chúng khác như chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên không ai dám trái lời Phật. Như lời Đức Phật dạy, thực hành tám Thánh đạo sẽ đắc đạo và vượt qua thống khổ, tất cả chúng khác như chư Thiên, Ma, Phạm không ai có thể đi ngược lại sự giáo hóa ấy. Đức Phật cũng không có sự quan tâm điều này, đó là Vô sở úy thứ tư.

Đó là Đại thừa của Đại Bồ-tát mà không có sự chấp thủ.

Này Tu-bồ-đề! Lại có Đại thừa tên là bốn Trí tuệ vô ngại. Đó là Trí tuệ vô ngại biết được hết tất cả các pháp; Trí tuệ vô ngại có thể không đạt các ngôn từ; Trí tuệ vô ngại có thể phân biệt biện tài; Trí tuệ vô ngại nên những điều nói ra đều rõ ràng. Đó là Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Tu-bồ-đề! Lại có Đại thừa gồm mười tám pháp của Phật:

1- Chư Phật từ khi thành Phật đến nay không có sai lầm.

2- Từ khi thành Phật đến nay không nói lời thô tháo, sai sót.

3- Luôn Chánh niệm.

4- Không có các loại vọng tưởng.

5- Ý luôn ở trong định.

6- Đã rõ rồi không quan tâm đến nữa.

7- Sự tự tại không giảm.

8- Sự tinh tấn không giảm.

9- Chí niệm không giảm.

10- Trí tuệ không giảm.

11- Sự giải thoát không giảm.

12- Giải thoát tri kiến không giảm.

13- Mọi thân nghiệp đều làm theo trí tuệ.

14- Mọi khẩu nghiệp đều làm theo trí tuệ.

15- Mọi ý nghiệp đều làm theo trí tuệ.

16- Thấy các nghiệp trong quá khứ với trí tuệ vô ngại.

17- Thấy các nghiệp trong tương lai với trí tuệ vô ngại.

18- Thấy các nghiệp trong hiện tại với trí tuệ vô ngại. Đó là Đại thừa nhưng không có chấp trước.

Tu-bồ-đề! Lại có Đại thừa tên là Đa-la-ni mục-khư. Đà-la-ni mục-khư là gì? Là cùng với các chữ và lời nói mà chữ đi vào trong pháp môn. Những gì là Quán tự môn?

1- Chữ A là phép quán các pháp không có sự ra vào.

2- Chữ La là không có trần cấu đối với các pháp.

3- Chữ Ba đối với các pháp, Niết-bàn là chân lý cao tột.

4- Chữ Gia không có sự sinh tử đối với các pháp.

5- Chữ Na đối với các pháp chữ Tự đã quán xong. Dù cội gốc đã quán xong nhưng không cho là được hay mất.

6- Chữ La được diệt hết những duyên phụ đã vượt qua được biển ái.

7- Chữ Đà là các pháp như không đoạn tuyệt.

8- Chữ Ba các pháp đã xa lìa lao ngục.

9- Chữ Trà các pháp đã hết cấu uế.

10- Chữ Sa các pháp không có ngăn ngại.

11- Chữ Hòa các pháp đã chấm dứt lời nói và hành động.

12- Chữ Đa các pháp như bất động.

13- Chữ Dạ các pháp thật không chỗ sinh.

14- Chữ Tra các pháp mạnh bạo không thể thấy.

15- Chữ Gia sự tạo tác của các pháp cũng không thể thấy.

16- Chữ Sa khi các pháp không thủ đắc thì không chuyển được.

17- Chữ Ma bản ngã của ta và các pháp không thể thấy.

18- Chữ Gia sự thọ trì của các pháp không thể thấy.

19- Chữ Tha vị trí của các pháp không thể nắm bắt.

20- Chữ Xà không nắm bắt chỗ sinh của các pháp.

21- Chữ Thấp-ba sự khéo léo của các pháp không thể nắm bắt.

22- Chữ Đại tánh của các pháp không thể nắm bắt.

23- Chữ Xá sự vắng lặng của các pháp không thể nắm bắt.

24- Chữ Khư sự rỗng không của các pháp không thể nắm bắt.

25- Chữ Xoa sự tiêu diệt các pháp không thể nắm bắt.

26- Chữ Xí các pháp ở trong vị trí của nó không thể lay động.

27- Chữ Nhã trí tuệ của các pháp không thể nắm bắt.

28- Chữ Y-đà nghĩa của các pháp không thể nắm bắt.

29- Chữ Phồn ý nghĩa của các pháp không thể nắm bắt hết.

30- Chữ Xa trong các pháp không có pháp nào đáng vứt bỏ.

31- Chữ Ma các pháp không có gò đống.

32- Chữ Phả các pháp không thể phân biệt.

33- Chữ Tha sự tử vong của các pháp không thể nắm bắt.

34- Chữ Nga các pháp không có quần đảng.

35- Chữ Ra các pháp tuy có sai khác nhưng có vị trí riêng.

36- Chữ Na các pháp không đến cũng không đi, không đứng cũng không ngồi, không nằm và không sai khác.

37- Chữ Phá các pháp không an ổn trong tam giới.

38- Chữ Ca tánh của các pháp không thể nắm bắt.

39- Chữ Sai các pháp không thể bình thường.

40- Chữ Ta sự phân chia và xả bỏ của các pháp không thể nắm bắt.

41- Chữ Tra trong các pháp không có sự vượt qua.

42. Chữ Đồ các pháp đã đến chỗ tận cùng rốt ráo không còn sinh tử nữa.

Như vậy các chữ số trên không vượt qua chữ Đồ. Vì sao? Vì đến chữ đó không còn số cũng không thể nghĩ rằng chữ này có mất, cũng không thấy, cũng không thể nói, không thể ghi chép cũng không hiện hữu.

Này Tu-bồ-đề! Các pháp không như hư không, pháp quán tự này là cửa ngõ để vào Đà-lân-ni. Nếu vị Bồ-tát nào hiểu rõ pháp quán tự này thì dù không trụ vào số ngôn ngữ này, nhưng với trí tuệ vẫn hiểu biết rõ ngôn ngữ này. Nếu có Đại Bồ-tát nghe được câu giải thích của bốn mươi hai chữ này liền thọ trì đọc tụng hoặc vì người khác giải nghĩa nó, người ấy nếu không đem vọng kiến thọ trì sẽ được hai mươi công đức:

1- Có năng lực ghi nhớ và phân biệt.

2- Có năng lực về tàm quý.

3- Có năng lực tu hành kiên cố.

4- Có năng lực về giác tri.

5- Có năng lực biện tài nói năng khôn khéo.

6- Có năng lực về Đà-lân-ni.

7- Không nói những việc gấp gáp.

8- Trọn đời không hoài nghi đối với kinh.

9- Nghe điều lành không vui, nghe điều ác không buồn.

10- Bản thân không tự cao, tự ti.

11- Đi lại đàng hoàng không mất oai nghi.

12- Hiểu rõ năm ấm và sáu trần.

13- Thông thạo bốn Đế và mười hai nhân duyên.

14- Khéo hiểu biết và phân biệt nhân duyên.

15- Giỏi các pháp, đầy đủ Trí tuệ và các căn.

16- Biết rõ sự báo ứng lành dữ do ý niệm của người khác.

17- Với Thiên nhĩ nghe được tất cả và biết được túc mệnh.

18- Khéo biết chỗ sinh của chúng sinh.

19- Có thể làm tiêu sạch các lậu hoặc.

20- Qua lại khắp nơi và khéo dạy bảo.

Này Tu-bồ-đề! Đó là môn Tổng trì đà-lân-ni, là pháp môn bằng chữ, là pháp môn đi vào, chính là Bồ-tát Ma-ha-tát, đó là Đại thừa của Đại Bồ-tát.

QUYỂN 4
Phẩm 21: TRỊ ĐỊA

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Như điều ông hỏi Đại Bồ-tát về đại thệ nguyện và phát thú của Đại thừa, Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật từ cõi này đến cõi khác. Thế nào là Bồ-tát vượt qua từ địa này đến địa khác?

Vì các pháp không đến không đi; không có pháp để qua và pháp không qua; các pháp cũng không có hư hoại, cũng không có cống cao, không có nhớ nghĩ, chỉ tu hành ở trị địa chớ không thấy địa.

Thế nào là Bồ-tát tu hành ở Trị địa?

Bắt đầu khi trụ ở Địa thứ nhất phải thực hành mười việc:

1- Phải thanh tịnh đối với ba loại tham, sân, si mà không chấp thủ.

2- Bố thí không vì bản thân mà không chấp thủ, vì tất cả chúng sinh và thanh tịnh với bốn tâm bình đẳng nhưng không thấy có chúng sinh.

3- Làm việc bố thí mà không thấy có vật bố thí và người nhận thí.

4- Phải theo bậc Thiện tri thức để tu tập, không được cao ngạo.

5- Muốn được vì pháp dù không có tất cả pháp.

6- Muốn làm cho người xuất gia không còn ái dục.

7- Muốn cầu làm thân Phật nhưng không vì có tướng tốt.

8- Muốn làm việc truyền bá giáo pháp, trọn đời không hủy hoại giáo pháp.

9- Muốn diệt trừ tâm lệ thuộc, dù không có pháp tài.

10- Muốn nói đúng dù không có phương pháp để nói.

Tu-bồ-đề! Ở Trị địa, Bồ-tát phải làm mười việc như vậy.

Tu-bồ-đề! Ở trong Địa thứ hai, Đại Bồ-tát thường nghĩ đến tám pháp phải thành tựu. Đó là:

1- Phải giữ giới thanh tịnh.

2- Thường nhớ nghĩ việc báo ân.

3- Luôn luôn nhẫn nhục.

4- Tâm luôn hoan hỷ.

5- Không lìa bỏ chúng sinh.

6- Lấy lòng đại Từ làm gốc.

7- Đối với Tôn sư phải tôn kính, phụng thờ và tin tưởng hoàn toàn.

8- Đối với các pháp Ba-la-mật như phụng thờ Thế Tôn và thường tu tập tôn sùng.

Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát ở trong Địa thứ hai phải đầy đủ tám pháp này.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát ở trong Địa thứ ba phải nương vào năm pháp:

1- Học hỏi mãi không nhàm chán.

2- Không lệ thuộc vào văn tự của pháp nên khi trao truyền pháp không tự cao.

3- Làm thanh tịnh cõi Phật.

4- Bố thí với tâm tốt, không tự cao.

5- Luôn biết tàm quý và hổ thẹn.

Tu-bồ-đề! Đây là năm pháp mà Bồ-tát ở Địa thứ ba phải nương theo.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát ở trong Địa thứ tư phải phụng hành mười việc như pháp, không được bỏ:

1- Không được bỏ việc tọa thiền.

2- Phải thiểu dục.

3- Tri túc.

4- Không được bỏ mười hai pháp hành của Sa-môn.

5- Không bỏ Giới.

6- Thấy Dục là điều nhơ uế.

7- Phải khởi niệm như Niết-bàn.

8- Không nuối tiếc những vật sở hữu.

9- Không có sự biếng nhác khinh lờn.

10- Không mến chuộng sở hữu.

Đây là mười việc như pháp mà vị Bồ-tát ở Địa thứ tư phải phụng hành không được bỏ.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát ở trong Địa thứ năm phải xa lìa tám pháp:

1- Phải xa lìa tài sản gia đình.

2- Phải xa lìa Tỳ-kheo-ni.

3-Tạo nhiều công đức xa lìa tật đố.

4- Xa lìa hội họp thế gian.

5- Xa lìa tranh cãi oán hận.

6- Xa lìa sự đấu tranh kiện tụng.

7- Xa lìa tâm tự cao.

8- Xa lìa người có tính miệt thị.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát ở trong Địa thứ sáu phải đầy đủ sáu pháp. Đó là sáu pháp Ba-la-mật. Lại có sáu việc không nên làm:

1- Không có ý Thanh văn.

2- Không có ý Bích-chi-phật.

3- Không có ý nhỏ mọn.

4- Gặp người đi xin không có ý nhàm chán.

5- Đã bố thí vật tốt rồi sau không hối tiếc.

6- Xa lìa tưởng của ta.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát ở trong Địa thứ sáu phải đủ sáu pháp, xa lìa sáu việc.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát ở trong Địa thứ bảy không được làm theo hai mươi việc: Đó là có ngã, có chúng sinh, có tuổi thọ, có mạng sống (nhân), có đoạn, có thường, có niệm tưởng, có tưởng chủng loại, nhập ấm, nhập giới, nhập xứ, muốn sinh vào ba cõi, không theo tri kiến của Phật, không thể nhập tri kiến pháp, không thể nhập tri kiến tăng, không thể nhập giới, không thể nhập không, không thể nhập Vô tướng, Không, Vô nguyện và không thể nhập đạo. Đó là hai mươi việc không nên làm.

Bồ-tát phải đầy đủ hai mươi việc: Đó là sự giác ngộ vô tướng của không; chứng tuệ vô nguyện; thanh tịnh thân, khẩu, ý; thường yêu tất cả chúng sinh nhưng không thấy có chúng sinh; bình đẳng quán sát các pháp. Tuy vậy nhưng không có chỗ lệ thuộc; muốn làm người hướng dẫn nhưng không tự cao; không thấy có chỗ để nhẫn nại; một mực giáo hóa; chấm dứt tâm phân biệt; đổi vọng tưởng; đổi kiến chấp; đổi kiến chấp về sự đoạn diệt cấu uế; có tuệ tự điều phục; tuệ ý không có chỗ ngăn ngại; không nhiễm đắm các việc dục vọng. Đây là hai mươi pháp Bồ-tát ở Địa thứ bảy phải đầy đủ.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát ở trong Địa thứ tám đầy đủ bốn pháp. Bốn pháp là gì?

1- Dùng thần thông đi du hành để quán sát tâm chúng sinh.

2- Đến quốc độ của Phật để quán sát sự kỳ lạ đặc biệt của Phật.

3- Tự mình làm trang nghiêm quốc độ của Phật.

4- Đi thăm viếng đảnh lễ cúng dường chư Phật rồi quán thân Phật như thật.

Bồ-tát phải đủ bốn pháp này.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát ở trong Địa thứ tám cũng phải đủ bốn pháp. Những gì là bốn?

1- Nhờ Trí tuệ các căn đầy đủ.

2- Làm thanh tịnh quốc độ của Phật.

3- Thường nhập như huyễn Tam-muội biết được bản tánh của chúng sinh và những công đức của chúng sinh đã tạo.

4- Người nào đáng độ thì tùy theo họ mà làm cho họ được thanh tịnh.

Bồ-tát ở Địa thứ tám phải đủ bốn việc này.

Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát ở trong Địa thứ chín phải đầy đủ mười hai pháp. Đó là:

1- Tùy theo đối tượng đem nguyện rộng lớn không có giới hạn truyền sự tu chứng của mình cho Trời, Rồng, Dạ xoa, Kiền-đà-la đều đầy đủ.

2- Nhờ Biện tài Bồ-tát đem sự nhận biết âm thanh.

3- Lời nói để truyền trao những nguyên nhân tu tập.

4- Thành tựu về bào thai.

5- Thành tựu về tại gia.

6- Thành tựu về cha mẹ.

7- Thành tựu về dòng tộc.

8- Thành tựu về thân thuộc.

9- Thành tựu về sự sinh ra đời.

10- Thành tựu sự xuất gia.

11- Thành tựu sự trang nghiêm cây Bồ-đề.

12- thành tựu các công đức lành.

Tu-bồ-đề! Khi ở Địa thứ chín, Đại Bồ-tát phải thành tựu mười hai pháp này.

Tu-bồ-đề! Ở trong Địa thứ mười, Đại Bồ-tát sẽ được gọi là Như Lai.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát thanh tịnh các vật mình có?

Phật dạy:

–Phàm những việc thiện mà mình làm ra thích hợp theo ý với trí Nhất thiết gọi là Bồ-tát thanh tịnh đối với vật mình có.

Thế nào là Bồ-tát bình đẳng với chúng sinh?

Phật dạy:

–Phải thanh tịnh bốn tâm bình đẳng đối với chúng sinh.

Thế nào là Bồ-tát thí vật sở hữu?

Phật dạy:

–Bố thí cho chúng sinh mà không có phân biệt.

Thế nào là Bồ-tát phải phục vụ người bạn lành?

Phật dạy:

–Người dạy sự thâm nhập trí Nhất thiết, khuyên tu, khuyên giúp đỡ, phải theo người này cùng nhau tu học, cung kính vâng lời như là thầy, đó là Thiện tri thức Bồ-tát.

Thế nào là sự ham muốn đúng Pháp?

Phật dạy:

–Những việc mình làm chỉ cầu pháp trí Nhất thiết chứ không cầu La-hán, Bích-chi-phật địa vậy.

Thế nào là Bồ-tát thường mong muốn xuất gia hành đạo?

Phật dạy:

–Bồ-tát sống nơi nào cũng thích làm Sa-môn, chứ không thể bỏ dở giữa đường, luôn nhớ nghĩ việc xuất gia.

Thế nào là ý nguyện sự cầu thân tướng Phật?

Phật dạy:

–Nếu thấy hình tượng Phật, tâm phải hướng về Phật cho đến khi đạt đến trí Nhất thiết mà không có lúc lìa bỏ.

Thế nào là sự lưu thông giáo pháp?

Phật dạy:

–Khi Phật còn tại thế hoặc sau khi Phật diệt độ, Bồ-tát trì mười hai bộ kinh truyền giáo, thời đầu dạy chân lý, thời cuối cũng dạy chân lý, nghĩa lý trước sau đều đầy đủ và thanh tịnh.

Thế nào là Bồ-tát không lệ thuộc người khác?

Phật dạy:

–Từ khi diệt sạch sự sân hận tới nay, không bao giờ còn đọa vào chỗ hạ tiện.

Thế nào là Bồ-tát nói đúng như thật?

Phật dạy:

–Những lời nói và việc làm phải tương ứng nhau. Đó là mười
pháp Bồ-tát phải thực hành.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Những gì là Bồ-tát giữ giới thanh tịnh?

Phật dạy:

–Không nghĩ đến La-hán, Bích-chi-phật và những kẻ ác giới phỉ báng đạo, đó là giới thanh tịnh. Thế nào là Bồ-tát báo ân và niệm ân?

Phật dạy:

–Người hành đạo Bồ-tát dù ân nhỏ còn không quên huống gì ân lớn, đó là niệm ân.

Thế nào là Bồ-tát trụ vào sức nhẫn nhục?

Phật dạy:

–Đối với các chúng sinh không bức bách, không tức giận, đó là nhẫn nhục.

Thế nào là Bồ-tát được Hoan hỷ lạc?

Phật dạy:

–Bồ-tát lấy việc dạy bảo chúng sinh làm niềm vui. Vì sao Bồ-tát không bỏ chúng sinh?

Phật dạy:

–Vì Bồ-tát muốn cầu tất cả.

Thế nào là Bồ-tát có đại Bi?

Phật dạy:

–Tâm Bồ-tát nghĩ rằng: “Ta phải vì mỗi mỗi chúng sinh ở trong địa ngục, trải qua hằng hà sa kiếp thay cho chúng sinh chịu đựng gian nan khổ cực. Mỗi mỗi chúng sinh đều có thể thành Phật, khi ấy ta có thể nhập Niết-bàn.” Vì vậy khuyên bảo họ với lòng đại Bi.

Vì sao Bồ-tát kính trọng Sư trưởng với lòng tin tưởng cung kính?

Phật dạy:

–Vì phụng sự Sư trưởng cũng như phụng sự Phật.

Thế nào là Bồ-tát ham tu tập các Ba-la-mật?

Phật dạy:

–Bồ-tát xa lìa các việc khác, chỉ cầu các Ba-la-mật.

Thế nào là Bồ-tát học nhiều mà không nhàm chán?

Phật dạy:

–Bồ-tát phải thọ trì hết thảy những lời dạy của chư Phật trong mười phương không nhàm chán.

Thế nào là Bồ-tát đem pháp bố thí khắp nơi mà không có sự mong mỏi gì?

Phật dạy:

–Bồ-tát đem pháp bố thí mà không mong mỏi đạo quả huống gì thứ khác.

Vì sao gọi là Bồ-tát thanh tịnh Phật độ?

Phật dạy:

–Bồ-tát vì các căn lành gieo trồng công đức, rồi đem công đức này làm thanh tịnh cõi Phật.

Thế nào là Bồ-tát chịu sinh tử vô lượng a-tăng-kỳ kiếp không có thời hạn?

Phật dạy:

–Bồ-tát đem các công đức chuẩn bị đầy đủ nuôi dưỡng chúng sinh và làm thanh tịnh cõi Phật cho đến đầy đủ trí Nhất thiết không có nhàm chán, không biếng nhác.

Vì sao Bồ-tát trụ vào tàm quý?

–Bồ-tát thẹn với La-hán, Bích-chi-phật.

Thế nào là Bồ-tát không bỏ việc tọa thiền?

–Bồ-tát không bỏ việc ngồi thiền nên các vị La-hán, Bích-chiphật không thể theo kịp.

Thế nào là Bồ-tát ít ham muốn?

Phật dạy:

–Đối với Bồ-tát đạo còn không ham muốn huống gì thứ khác.

Thế nào là Bồ-tát tự biết đủ?

Phật dạy:

–Bồ-tát đạt được trí Nhất thiết đó là biết đủ.

Vì sao Bồ-tát không bỏ đức hạnh của vị Sa-môn đầu-đà.

Phật dạy:

–Vì vị ấy đã vào sâu pháp Nhẫn.

Vì sao gọi là Bồ-tát không bỏ giới?

Phật dạy:

–Bồ-tát không còn giữ giới nữa thì gọi là không bỏ giới.

Thế nào là Bồ-tát nhàm chán sắc dục?

Phật dạy:

–Bồ-tát đối với dâm dục và tật đố không có chỗ sinh.

Vì sao nói ý của Bồ-tát cùng với Niết-bàn bình đẳng?

Phật dạy:

–Vì Bồ-tát không thấy có pháp nào trong tất cả các pháp.

Thế nào là Bồ-tát vứt bỏ các vật sở hữu?

–Bồ-tát không thọ nhận đối với các sở hữu, bên ngoài cũng như bên trong, đó là vứt bỏ.

Vì sao Bồ-tát không nhàm chán và không biếng nhác?

Phật dạy:

–Vì Bồ-tát không sinh hai tâm niệm phân biệt, ấy là không nhàm chán.

Vì sao Bồ-tát không luyến mộ các vật sỡ hữu?

Phật dạy:

–Vì đối với các vật, Bồ-tát không có tâm niệm gì.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát xa lìa hành nghiệp thế gian?

Phật dạy:

–Khi du hành trong các cõi Phật cũng như khi đến chỗ sinh ra, Bồ-tát thường cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa.

Thế nào là Bồ-tát xa lìa chúng Tỳ-kheo-ni? Dù chỉ trong khoảng khảy móng tay cũng không được sống chung và cũng không được thân cận. Đó là Bồ-tát xa lìa Tỳ-kheo-ni.

Thế nào là Bồ-tát xa lìa sự tật đố?

Bồ-tát phải nghĩ: “Ta phải giúp chúng sinh được an ổn, không nên sinh tâm đố kỵ.”

Thế nào là Bồ-tát xa lìa chỗ tụ tập hội họp?

Phật dạy:

–Ở những nơi tụ tập hội họp của Bồ-tát nếu có Bích-chi-phật, La-hán thì phải xa rời chỗ ấy.

Thế nào là Bồ-tát xa lìa sân nhuế?

Phật dạy:

–Bồ-tát không để cho sự sân giận ghen ghét đấu tranh được nổi dậy.

Vì sao Bồ-tát xa lìa việc đề cao mình? Vì pháp bên trong không thể thấy được.

Vì sao Bồ-tát phải xa lìa sự khinh chê của người khác? Vì Bồ-tát không thấy pháp bên ngoài.

Vì sao Bồ-tát xa lìa mười điều ác? Mười điều ác này thường hủy hoại đạo của Thánh hiền, huống gì đạo Phật mà không xa lìa, vì thế phải xa lìa mười điều ác.

Thế nào là Bồ-tát phải xa lìa sự chống trái? Bồ-tát không thấy pháp đáng để tự cao, đó là sự xa lìa chống trái.

Thế nào là Bồ-tát xa lìa sự tự dùng? Bồ-tát không thấy có hình sắc thì phải ở chỗ nào mà làm theo sự dùng.

Vì sao Bồ-tát xa lìa sự điên đảo? Vì hình tướng không thể thấy được.

Vì sao Bồ-tát xa lìa sự dâm dục, sân hận, ngu si? Vì Bồ-tát không thấy có hình tướng của dâm dục, giận hờn và ngu si.

Vì sao Bồ-tát ở lục trú phải đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật? Chư Phật, Thế Tôn, Thanh văn, Bích-chi-phật; trụ vào sáu pháp Ba-lamật, chỗ ấy có thể đưa sang bờ bên kia, nên Bồ-tát phải đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật.

Vì sao Bồ-tát không có ý Thanh văn? Vì việc của Thanh văn chẳng phải là đạo bình đẳng nên Bồ-tát không làm việc nhỏ nhặt.

Vì sao không được nhàm chán? Vì nhàm chán cũng chẳng phải là đạo bình đẳng, nên khi mới khởi lên ý này liền bố thí ngay, không được hối tiếc.

Vì sao Bồ-tát không được khởi lên ngã tướng? Vì từ xưa đến nay không thể thấy hết, cho đến chúng sinh có tướng, có thọ, có mạng, từ xưa đến nay cũng không thể thấy.

Vì sao Bồ-tát không có đoạn kiến? Vì các pháp không có sự đoạn tuyệt, từ xưa đến nay không có Pháp được sinh.

Vì sao Bồ-tát không bị thường kiến? Vì Bồ-tát thấy các pháp không có chỗ sinh cũng không có thường.

Vì sao Bồ-tát không khởi niệm tưởng về không cấu uế?

Vì sao Bồ-tát không khởi các thứ tướng về kiến chấp không thể thấy được? Vì Bồ-tát không nhập vào danh sắc, không thấy có hình tướng.

Vì sao Bồ-tát không nhập vào năm ấm, cũng không nhập Pháp giới, không nhập xứ? Vì thật ra, những Pháp đó cũng không thể nắm bắt được.

Vì sao Bồ-tát không vào ba cõi? Vì ba cõi không chân thật.

Vì sao Bồ-tát không làm trụ xứ? Vì không nhờ vào hư không, không có chỗ nương cậy. Vì sao vậy? Vì không có hình tượng.

Vì sao Bồ-tát không nhập Phật kiến? Vì Bồ-tát không do nương tựa mà được thấy Phật?

Vì sao Bồ-tát không cùng với hư không tranh cãi. Vì sao Bồ-tát đầy đủ Pháp?

Vì Bồ-tát muốn đầy đủ tướng. Vì sao Bồ-tát chứng được Vô tướng? Vì Bồ-tát không có niệm đối với các tướng.

Vì sao Bồ-tát chứng được trí Vô nguyện? Vì không còn đắm trước ba cõi.

Vì sao Bồ-tát thanh tịnh đối với ba việc? Vì đầy đủ mười điều lành.

Vì sao Bồ-tát dùng trí tuệ đầy đủ để thương xót chúng sinh? Vì muốn thanh tịnh cõi Phật.

Vì sao Bồ-tát bình đẳng quán các pháp? Vì các pháp không cao, không thấp.

Thế nào là Bồ-tát chứng được giác ngộ? Bồ-tát tùy theo sự giác ngộ về các pháp mà độ thoát họ.

Thế nào là Bồ-tát chứng được Vô sinh nhẫn? Bồ-tát chứng được tất cả các pháp đều không sinh, không diệt, không có chỗ nhẫn.

Vì sao Bồ-tát chứng được trí tuệ vô sinh? Vì Bồ-tát biết được danh và sắc không có chỗ khởi.

Vì sao Bồ-tát được giáo pháp của Phật đạo? Vì không có hai giáo pháp.

Vì sao Bồ-tát diệt trừ các sự phân biệt? Vì đối với các pháp Bồ-tát không thấy có sự phân biệt từng bộ phận.

Vì sao Bồ-tát không tu pháp môn chuyển kiến? Vì Bồ-tát không khởi lên mong cầu quả A-la-hán và Bích-chi-phật.

Vì sao Bồ-tát chuyển đổi cấu trược? Vì để diệt trừ những tập khí lậu hoặc.

Vì sao Bồ-tát diệt được cấu uế mà đạt đến chỗ thanh tịnh? Vì Bồ-tát đạt được tuệ trí Nhất thiết.

Vì sao Bồ-tát lại điều phục tâm ý? Vì không nhàm chán ba cõi.

Vì sao Bồ-tát được tâm ý? Vì chế ngự sáu căn.

Vì sao Trí tuệ của Bồ-tát không có ngăn ngại? Vì đạt được Phật nhãn.

Vì sao Bồ-tát biết tình dục không bền vững? Vì quán Lục trần.

Vì sao Bồ-tát có thể đi vào trong ý của chúng sinh? Vì biết được một ý thì sẽ biết hết ý niệm của chúng sinh.

Vì sao khi Bồ-tát quán được Phật độ, Bồ-tát dùng thần thông đi du hành từ quốc độ này đến quốc độ khác? Vì không có tưởng về Phật độ.

Vì sao Bồ-tát theo sự hiểu biết của mình, thấy các quốc độ của chư Phật thành quốc độ của mình? Vì Bồ-tát trụ vào địa vị Luân vương mà du hành các quốc độ trong ba ngàn cõi.

Vì sao Bồ-tát được diện kiến chư Phật? Vì thấy pháp nên thấy được Phật.

Vì sao Bồ-tát thật sự thấy được thân Phật? Vì Bồ-tát thấy được pháp tánh nên đó là thật thấy.

Vì sao Bồ-tát có những năng lực đầy đủ với trí tuệ? Vì Bồ-tát sau khi trụ vào mười Lực của Thế Tôn thì có thể đầy đủ các lực của chúng sinh.

Vì sao Bồ-tát có thể làm thanh tịnh Phật độ? Vì có thể làm thanh tịnh hành động chúng sinh?

Vì sao Bồ-tát đạt được như huyễn Tam-muội? Vì Bồ-tát tùy theo đối tượng mà không lay động.

Vì sao Bồ-tát thường trụ Tam-muội? Vì đã được quả báo thích ứng.

Vì sao Bồ-tát thâm nhập các công đức? Vì tùy theo đạo pháp mà cứu độ và giải thoát chúng sinh.

Vì sao Bồ-tát là chẳng thể nghĩ bàn? Vì tự Bồ-tát có khả năng giáo hóa tất cả chúng sinh.

Vì sao sở nguyện của Bồ-tát hợp nhau? Vì đầy đủ sáu pháp Bala-mật.

Vì sao Bồ-tát biết được những lời nói và tri thức của chư Thiên, Long, Quỷ, Thần? Vì Bồ-tát có trí tuệ biện tài nên không việc gì không biết.

Vì sao Bồ-tát thành tựu khi nhập thai? Vì đến đâu Bồ-tát cũng thường giáo hóa chúng sinh.

Vì sao Bồ-tát thành tựu các việc thế gian? Vì Bồ-tát ở trong nhà hào quý.

Vì sao Bồ-tát thành tựu phụ mẫu? Vì Bồ-tát được sinh trong dòng Sát-lợi, Bà-la-môn.

Vì sao Bồ-tát thành tựu chủng tộc? Vì Bồ-tát được nối dòng các vị Bồ-tát đời quá khứ.

Vì sao Bồ-tát thành tựu thân thuộc? Vì Bồ-tát nhận các vị Bồ-tát làm quyến thuộc.

Vì sao sự đản sinh của Bồ-tát được thành tựu? Vì khi Bồ-tát đản sinh, ánh hào quang chiếu khắp vô lượng cõi, làm chấn động vô lượng thế giới.

Vì sao sự xuất gia của Bồ-tát thành tựu? Vì khi Bồ-tát xuất gia làm yên ổn vô số trăm ngàn chúng sinh, làm trọn vẹn các nguyện của ba thừa.

Vì sao Bồ-tát trang nghiêm cây giác ngộ? Vì dùng vàng làm thân cây, bảy báu làm cành lá, ánh sáng từ cây ấy chiếu đến vô số thế giới khắp cả mười phương, đó là sự thành tựu cây giác ngộ.

Vì sao Bồ-tát thành tựu hoàn toàn các công đức? Vì Đại Bồ-tát thanh tịnh cõi Phật và thanh tịnh chúng sinh nên hoàn toàn thành tựu các công đức.

Vì sao khi Bồ-tát ở trong Địa thứ mười thì gọi là Như Lai? Vì Bồ-tát đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, các tập khí được diệt tận và đạt được mười tám pháp của Phật, đầy đủ trí Nhất thiết.

–Tu-bồ-đề! Vì thế nên Đại Bồ-tát khi đạt được Địa thứ mười thì gọi là Như Lai.

Vì sao Bồ-tát đã trụ vào Địa thứ mười?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát dùng phương tiện quyền xảo thực hành sáu pháp Ba-la-mật, cho đến ba mươi bảy phẩm hạnh và mười tám pháp, trải qua Diệt tịnh địa, Chủng tánh địa, Bát địa, Kiến địa, Bạt địa, Diệt dâm, sân, si địa; Dĩ tác địa; Bích-chi-phật địa và Bồ-tát địa.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát trải qua chín địa này liền trụ ở Phật địa. Tu-bồ-đề, đó là mười địa của Đại Bồ-tát đã trụ, nên biết đó là phát thú Đại thừa của Đại Bồ-tát.

QUYỂN 4
Phẩm 22: HỎI VỀ PHÁT SINH THỪA

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Như điều ông hỏi thì Đại Bồ-tát, từ trong thừa phát sinh ra cái gì và trụ vào nơi nào?

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính xin Đức Thế Tôn giảng nói.

Phật dạy:

–Nên ra khỏi ba cõi trụ vào trí Nhất thiết mà không có chấp trước. Vì sao? Vì Đại thừa và trí Nhất thiết bình đẳng như nhau, không sai biệt, không đồng nhau, không hình tướng, chẳng thấy được cũng chẳng ngăn ngại. Sự bình đẳng ấy gọi là Vô tướng. Vì sao vậy? Tu-bồ-đề, pháp Vô tướng ấy không ra khỏi cũng chẳng phải không ra khỏi.

Tu-bồ-đề! Nếu ra khỏi pháp vô tướng thì tánh pháp cũng ra khỏi sự sinh. Giả sử như vậy thì chân như cũng ra khỏi sự sinh. Muốn ra khỏi sự sinh của pháp vô tướng là vì muốn ra khỏi sự sinh của tánh chẳng thể nghĩ bàn. Muốn ra khỏi sự sinh của pháp vô tướng là muốn ra khỏi sự sinh của diệt tận. Muốn ra khỏi sự sinh của pháp vô tướng là vì muốn ra khỏi sự sinh của thể diệt tận. Muốn ra khỏi sự sinh của pháp vô tướng là muốn ra khỏi sự sinh của không sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao vậy? Vì cái không của sắc không ra khỏi ba cõi cũng không trụ vào trí Nhất thiết; cái không của thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Vì sao?

Này Tu-bồ-đề! Đối với sắc, sắc tự là không; đối với thọ, tưởng, hành, thức tự cũng là không. Muốn ra khỏi sự sinh của pháp vô tướng là muốn ra khỏi cái không của nhãn, muốn ra khỏi cái không của ý. Muốn ra khỏi sự sinh của pháp vô tướng là muốn ra khỏi cái không của sáu trần và mười hai nhân duyên. Vì sao ? Vì cái không của sáu trần cũng không ra khỏi ba cõi và không trụ vào trí Nhất thiết. Muốn ra khỏi sự sinh của pháp vô tướng muốn ra khỏi sự sinh của mộng,

huyễn, sóng nắng, tiếng vang, bóng của ánh sáng. Muốn ra khỏi sự sinh của pháp vô tướng là muốn ra khỏi sự sinh của pháp được Như Lai biến hóa. Vì sao? Vì mộng huyễn, sóng nắng, tiếng vang, bóng của ánh sáng và pháp biến hóa của Như Lai cũng không ra khỏi ba cõi, không trụ vào trí Nhất thiết. Vì sao? Vì mộng lấy mộng làm không; sóng nắng, tiếng vang, bóng của ánh sáng cho đến pháp được Như Lai biến hóa đều tự chúng là không. Muốn ra khỏi sự sinh của pháp vô tướng là muốn ra khỏi sự sinh của Bố thí ba-la-mật. Muốn ra khỏi sự sinh của pháp vô tướng là muốn ra khỏi sự sinh của Giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật. Muốn ra khỏi sự sinh của pháp vô tướng là muốn ra khỏi sự sinh của Bát nhã Ba la mật. Vì sao?

Tu-bồ-đề! Sáu pháp Ba-la-mật cũng không ra khỏi ba cõi, không trụ vào trí Nhất thiết. Vì sao? Vì sáu pháp Ba-la-mật tự nó là không. Muốn ra khỏi sự sinh của pháp vô tướng là muốn ra khỏi sự sinh của cả trong ngoài không. Muốn ra khỏi sự sinh của pháp vô tướng là muốn ra khỏi hữu không và vô không. Vì sao?

Này Tu-bồ-đề! Vì cả trong ngoài không cho đến hữu vô không, tự chúng là không, nhưng cũng không ra khỏi và không trụ vào trí Nhất thiết.Vì sao? Vì cả trong ngoài không cho đến hữu vô cũng hoàn toàn không. Muốn ra khỏi sự sinh của pháp vô tướng là muốn ra khỏi sự sinh của bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi và tám Chánh đạo. Muốn ra khỏi sự sinh của pháp vô tướng là muốn ra khỏi sự sinh của mười tám pháp. Muốn ra khỏi sự sinh của pháp vô tướng là muốn ra khỏi sự sinh của A-la-hán, Bích-chi-phật, cho đến Như Lai, Bậc Chánh Đẳng Giác. Vì sao? Vì từ La-hán, Bích-chi-phật đến Phật cũng không ra khỏi ba cõi, không trụ vào trí Nhất thiết. Vì sao? Vì đối với La-hán thì Lahán là không; với Bích-chi-phật thì Bích-chi-phật cũng là không; với Phật thì Phật cũng là không. Muốn ra khỏi sự sinh của pháp vô tướng là muốn ra khỏi sự sinh của quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật và quả Phật. Muốn ra khỏi sự sinh của pháp vô tướng là muốn ra khỏi sự sinh của trí Nhất thiết. Muốn ra khỏi sự sinh của pháp vô tướng là muốn ra khỏi sự sinh của danh tướng. Muốn ra khỏi sự sinh của pháp vô tướng là muốn ra khỏi sự sinh của sự thành lập và dạy bảo pháp số. Vì sao?

Này Tu-bồ-đề! Danh là không và thiết lập giáo pháp hành cũng là không. Vì sao? Vì danh hoàn toàn không, nên muốn ra khỏi sự sinh của pháp vô tướng là muốn ra khỏi sinh của không chỗ sinh, không chỗ diệt, không chỗ chấp trước, không chỗ đoạn và không có sở hữu.

Này Tu-bồ-đề! Vì thế Đại thừa từ ba cõi phát sinh ra và trụ vào chỗ bất động của trí Nhất thiết.

Tu-bồ-đề! Như điều ông hỏi thì thừa trụ vào chỗ nào?

Nay Phật dạy rằng:

–Thừa không có chỗ trụ. Vì sao? Giống như các pháp cũng không có chỗ trụ, chỗ trụ của thừa cũng như không có chỗ trụ. Giống như pháp tánh không trụ và không có chỗ trụ. Thừa ấy không trụ cũng không không trụ. Không có chỗ sinh cũng không trụ và không không trụ. Không sinh, không diệt, không thường, không đoạn, không thật có cũng không trụ và không không trụ. Thừa cũng như vậy. Vì sao? Vì sự pháp giới không trụ cũng không không trụ; sự pháp giới tự nó là không, cho đến vô sở hữu tự nó cũng là không.

Này Tu-bồ-đề! Thừa không có chỗ trụ. Vì sao? Vì các pháp không trụ mà trụ nên bất động như điều ông hỏi: “Cái gì sẽ ra khỏi Thừa?”

Không có cái gì từ trong thừa phát sinh ra. Vì sao vậy? Tu-bồđề! Vật có thể ra khỏi thừa và người có thể ra khỏi thừa cũng không có sở hữu, không thể thấy được, các pháp không thể thấy được thì sẽ không từ chỗ nào mà ra. Vì sao? Vì cái ngã không thể thấy được, cho đến thọ mạng, tri kiến từ gốc trở đi rốt ráo thanh tịnh. Từ ngã, nhân cho đến tri kiến và pháp tánh không thể thấy được, chân như không thể thấy và chân tế cũng không thể thấy cho đến rốt ráo thanh tịnh. Không thể nghĩ bàn về giới, ấm và nhập đều không thể thấy được. Sáu pháp Ba-la-mật cũng không thể thấy được cho đến rốt ráo thanh tịnh. Cả trong ngoài không cho đến hữu vô không cũng không thể thấy được và không có chỗ để thấy. Ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và mười tám pháp Bất cộng không thật có cũng không thể thấy được. Từ Tu-đà-hoàn đến Phật đều không thật có và không thể thấy: Từ Tu-đà-hoàn đạo đến Phật đạo Vô thượng Chánh đẳng giác không thật có và không thể thấy, không sự sinh, không thể thấy được cho đến không có. Từ không thật có đến không thật có không thể thấy. Vì sao vậy?

Này Tu-bồ-đề! Vì không thật có nên không thể thấy. Khi trụ ở Sơ địa cũng không thể thấy, đến trụ ở Thập địa cũng không thật có nên không thể thấy. Không thật có không thể thấy cho đến rốt ráo thường thanh tịnh.

Những gì là Sơ trụ địa, Diệt tịnh địa, Chủng tánh địa, Đệ bát địa, Kiến địa, Bạt địa, Trừ cấu địa, Sở tác dĩ tác địa, Bích-chi-phật địa, Bồ-tát địa và Phật địa?

Đối với cả trong ngoài không cũng không thấy. Từ Sơ địa không thấy cho đến cả trong ngoài không, hữu vô không, cũng không thật có. Trụ ở Địa thứ hai, Địa thứ ba, Địa thứ tư cho đến Địa thứ mười; từ cả trong ngoài không, hữu vô không cho đến Địa thứ mười cũng không có thấy. Vì sao?

Này Tu-bồ-đề! Từ Địa thứ nhất đến Địa thứ mười không thật có, không thấy có, cho đến rốt ráo thanh tịnh. Từ cả trong ngoài không, đến hữu vô không trong đó chúng sinh thanh tịnh không thật có cho đến rốt ráo thanh tịnh. Từ cả trong ngoài không cho đến hữu vô không trong đó cõi Phật thanh tịnh, không thật có cho đến rốt ráo thanh tịnh. Cả trong ngoài không, hữu vô không, trong đó năm loại mắt không thật có cho đến rốt ráo thanh tịnh.

Này Tu-bồ-đề! Như vậy là Đại Bồ-tát dựa vào việc không lệ thuộc khiến cho các pháp nhờ vào Đại thừa mà phát sinh trí Nhất thiết.

QUYỂN 5
Phẩm 23: KHEN NGỢI VỀ THỪA

Tu-bồ-đề bạch Thế Tôn:

–Thưa Thế Tôn! Nói về Đại thừa thì Đại thừa nghĩa là vượt trên Trời, Người và A-tu-la. Đại thừa này như hư không, cứu độ vô lượng, vô số chúng sinh. Do đó Đức Thế Tôn gọi là Đại thừa. Đại Bồ-tát này không thấy lúc đến, không thấy lúc đi, không thấy lúc dừng lại, Đại thừa cũng như vậy, không thấy trước, sau và cũng không thấy ở giữa.

Bạch Thế Tôn! Cho nên Đại thừa này không gì sánh bằng cũng không có hai, nên gọi là Đại thừa.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đúng vậy, đúng vậy!

Này Tu-bồ-đề! Đại thừa là sáu pháp Ba-la-mật. Lại nữa, còn là các pháp môn Đà-la-ni, các pháp môn Tam-muội, từ Tam-muội Thủlăng-nghiêm cho đến Tam-muội Hư không tế giải thoát vô sở trước, đó là Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Lại có Đại thừa tên là cả trong ngoài không cho đến hữu vô không. Lại có Đại thừa tên là ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng, đó là Đại thừa của Đại Bồ-tát. Như lời ông nói, Đại thừa này hơn tất cả Trời, Người, A-tu-la.

Này Tu-bồ-đề! Giả sử ở trong cõi Dục này có pháp thật có, không thay đổi, chắc chắn, không điên đảo, thường còn, kiên cường, không biến đổi, chẳng phải là pháp không. Nếu như vậy thì Đại thừa này cũng không thể vượt lên trên tất cả Trời, Rồng, A-tu-la, Nhân dân.

Này Tu-bồ-đề! Nên biết rằng, Dục giới vào thời kiếp tận, lửa

cháy không còn gì hết, vô thường, không mạnh mẽ, không còn gì vững chắc cả. Đó là Đại thừa vượt trên tất cả Trời, Người, A-tu-la.

Nếu Sắc giới có thường, kiên cố thì Đại thừa cũng không thể vượt trên hết. Vì Sắc giới là không, không thường, không kiên cố, sẽ diệt tận, không trường tồn nên Đại thừa vượt trên tất cả, cho đến Vô sắc giới cũng đều diệt tận như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Nếu sắc vẫn như vậy, thường còn, chắc chắn, không điên đảo, là pháp kiên cố thì Đại thừa cũng không thể vượt trên tất cả Trời, Người, A-tu-la. Vì sắc vô thường, không kiên cố, không chân thật là điên đảo, nên Đại thừa vượt trên tất cả.

Thọ, tưởng, hành, thức, tất cả đều vô thường cũng như vậy; nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp và mười hai nhân duyên vẫn như vậy, bền vững, kiên cố, không điên đảo, thường trụ thì Đại thừa không vượt trên tất cả. Bởi vì các pháp và mười hai nhân duyên không thường, không kiên cố, không điên đảo cũng như kiếp thiêu, chẳng phải là pháp an trụ nên Đại thừa vượt trên tất cả Trời, Người, Rồng, Quỷ thần trong thế gian.

Tu-bồ-đề! Nếu trong pháp tánh có sự có thì không phải là Đại thừa. Giả dụ như chân tế không thể nghĩ bàn, thể của chân tế có sự có thì cũng không phải là Đại thừa. Nếu như thể của chân tế không thể nghĩ bàn, không có sự có thì gọi là Đại thừa.

Tu-bồ-đề! Nếu sáu pháp Ba-la-mật có sự có thì không gọi là Đại thừa, sáu pháp Ba-la-mật không có sự có mới gọi là Đại thừa, vượt trên tất cả Trời, Người, A-tu-la trong thế gian.

Nếu cả trong ngoài không và hữu vô không có sự có thì không phải là Đại thừa, cả trong ngoài không và hữu vô không không có sự có nên gọi là Đại thừa vượt trên tất cả Trời, Người, A-tu-la, nhân dân, thế gian. Nếu ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và mười tám pháp Bất cộng không có sự có nên mới gọi là Đại thừa vượt trên tất cả Trời, Người, A-tu-la trong thế gian.

Này Tu-bồ-đề! Nếu tám địa vị là pháp Tu-đà-hoàn, pháp Tưđà-hàm, pháp A-na-hàm, pháp A-la-hán, pháp Bích-chi-phật, pháp

Hiện Đẳng Giác và pháp Phật có sự có thì không phải Đại thừa. Vì pháp tám vị từ Tu-đà-hoàn đến Phật không sự có, nên gọi là Đại thừa vượt trên tất cả Trời, Người, A-tu-la trong thế gian.

Này Tu-bồ-đề! Nếu pháp tám vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, Ala-hán, Bích-chi-phật, Hiện đẳng giác, Phật có sự có thì không phải là Đại thừa. Vì tánh chất của Tu-đà-hoàn đến Phật không có sự có nên gọi là Đại thừa, vượt trên tất cả Trời, Người, A-tu-la trong thế gian.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Trời, người, A-tu-la có sự có thì không gọi là Đại thừa, vì Trời, Người, A-tu-la trong thế gian không có sự có nên gọi là Đại thừa vượt trên tất cả các hạng trên.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm đến khi thành Phật, trong khoảng thời gian đó, tất cả việc làm đều khởi ý niệm về có sự có thì không phải là Đại thừa. Vì Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm cho đến khi thành Phật không có sự có nên gọi là Đại thừa vượt trên tất cả Trời, Người, A-tu-la trong thế gian.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Kim cang tuệ của Bồ-tát có sự có thì Bồ-tát không hiểu được nguyên nhân của các sự tập khởi và không thành tựu trí Nhất thiết. Vì Kim cang tuệ không có sự có nên Bồ-tát biết được nguyên nhân của sự tập khởi và thành tựu trí Nhất thiết chủng trí. Do đó nên Đại thừa này vượt khỏi Trời, Người, A-tu-la trong thế gian.

Này Tu-bồ-đề! Nếu ba mươi hai tướng của Như Lai Vô sở trước Chánh Đẳng Giác có sự có thì Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác không thể vượt trên Trời, Người, A-tu-la trong thế gian, cũng không có oai đức, thần thông, hào quang rực rỡ. Nếu ba mươi hai tướng không có sự có thì Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác đầy đủ oai đức, thần thông, hào quang rực rỡ vượt trên tất cả Trời, Người, A-tu-la trong thế gian.

Này Tu-bồ-đề! Nếu ánh sáng của Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác có sự có thì ánh sáng của Như Lai không thể chiếu đến hằng hà sa quốc độ khắp mười phương.

Này Tu-bồ-đề! Nếu ánh sáng của Như Lai không có sự có thì có thể chiếu đến hằng hà sa quốc độ.

Này Tu-bồ-đề! Nếu tám loại âm thanh có sự có, thì âm thanh của Như Lai không thể vang khắp vô lượng quốc độ khắp mười phương. Nếu pháp luân của Phật có sự có thì Như Lai không thể chuyển pháp luân mà tất cả Bà-la-môn, Sa-môn, thế gian, chư Thiên, Quỷ, Thần, Ma vương Phạm vương cũng đều không thể chuyển được.

Này Tu-bồ-đề! Nếu chúng sinh có sự có thì Như Lai không thể vì chúng sinh chuyển pháp luân, làm cho chúng nhập vào cảnh giới Vô dư Niết-bàn. Vì chúng sinh không có sự có đối với bất cứ vật gì nên Như Lai chuyển pháp luân, làm cho chúng chứng Niết-bàn trong hiện tại và tương lai.

QUYỂN 5

Phẩm 24: ĐẠI THỪA NHƯ HƯ KHÔNG

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Như lời ông nói Đại thừa như hư không. Đúng vậy, đúng vậy! Thật sự Đại thừa như hư không. Ví như không nên, không thể biết hết khắp mười phương Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn góc và trên dưới.

Tu-bồ-đề! Như Lai thừa cũng không có Đông, Tây, Nam, Bắc cũng không có bốn góc trên dưới.

Này Tu-bồ-đề! Ví như hư không không dài, không ngắn, không vuông, không tròn, Như Lai thừa cũng như vậy. Ví như hư không không xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, Như Lai thừa cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Thừa như hư không, nên gọi là thừa. Thí như hư không, không quá khứ, hiện tại, tương lai; Như Lai thừa cũng như vậy, thừa cũng như hư không. Thí như hư không chẳng dài, chẳng lớn, chẳng tăng, chẳng giảm, Như Lai thừa cũng như vậy, nên thừa cũng như không.

Tu-bồ-đề! Ví như hư không, không thường, không đoạn, Như Lai thừa cũng như vậy, như hư không, không sinh, không diệt, không thường trụ, không thay đổi, cho nên gọi Đại thừa như hư không. Thí như hư không, không thiện, không ác, không ngôn ngữ; Đại thừa cũng như vậy, không ngôn ngữ cũng không thiện ác, cho nên Đại thừa như hư không.

Tu-bồ-đề! Ví như hư không, không thấy, không nghe, không hay, không biết; Đại thừa cũng không thấy, không nghe, không hay, không biết, cho nên Đại thừa như hư không.

Tu-bồ-đề! Ví như hư không, không tư duy, không cảm giác, không chấp nhận, không vứt bỏ cũng không ghi nhớ; Đại thừa cũng như vậy. Ví như hư không, không có pháp dâm dục, cũng chẳng có pháp không dâm; Đại thừa cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Ví như hư không, không thuộc về Dục giới, không thuộc về Sắc giới, không thuộc về Vô sắc giới; Đại thừa cũng như vậy, không thuộc ba cõi cho nên Đại thừa như hư không. Ví như hư không chẳng có mới phát tâm; cũng chẳng có hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín; cũng không có trụ tâm thứ mười; Đại thừa cũng như vậy, không có tâm ở mười trụ, cho nên Đại thừa như hư không. Ví như hư không, không có Tu-đà-hoàn đạo, Tư-đà-hàm đạo, A-na-hàm đạo, A-la-hán đạo; Đại thừa cũng vậy, cho nên Đại thừa như hư không.

Này Tu-bồ-đề! Ví như hư không, chẳng phải địa vị Thanh văn, chẳng phải địa vị Bích-chi-phật, chẳng phải địa vị Chánh giác; Đại thừa cũng như vậy, cho nên Đại thừa như hư không. Ví như hư không, chẳng phải hình sắc cũng chẳng phải phi hình sắc, chẳng phải ngại cũng chẳng phải chẳng ngại, chẳng phải tương ưng cũng chẳng phải chẳng tương ưng; Đại thừa cũng như vậy, cho nên Đại thừa như hư không.

Tu-bồ-đề! Ví như hư không, chẳng có thường cũng chẳng phải vô thường; không khổ, không vui, không ngã cũng không phải phi ngã; Đại thừa cũng như vậy, cho nên Đại thừa như hư không. Ví như hư không, chẳng phải không cũng chẳng phải phi không; không tướng cũng chẳng phải phi tướng; không nguyện cũng chẳng phải phi nguyện; Đại thừa cũng như vậy, cho nên Đại thừa như hư không.

Tu-bồ-đề! Ví như hư không, không diệt tịnh cũng chẳng phải bất diệt tịnh; không phải tịch cũng chẳng phải phi tịch; Đại thừa cũng như vậy, cho nên Đại thừa như hư không. Ví như hư không, không sáng suốt cũng không tối tăm, Đại thừa cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Ví như hư không, không có thể thấy cũng không có thể không thấy, Đại thừa cũng vậy, cho nên Đại thừa như hư không. Như hư không chẳng phải hành cũng chẳng phải phi hành; Đại thừa cũng vậy, cho nên Đại thừa như hư không.

Tu-bồ-đề! Tóm lại Đại thừa như hư không.

Tu-bồ-đề! Như lời ông nói, hư không che chở vô số người, không thể tính được; Đại thừa cũng như hư không vậy.

Này Tu-bồ-đề! Chúng sinh không có khởi điểm, hư không không có khởi điểm thì Đại thừa cũng không có khởi điểm, nên nhớ điều này, nên biết điều này.

Này Tu-bồ-đề! Cho nên không thể đếm được vô số chúng sinh kính ngưỡng Đại thừa. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì chúng sinh, Đại thừa, hư không đều không có sự có. Chúng sinh không có hạn lượng, hư không không có hạn lượng, nên biết như vậy, Đại thừa cũng không có hạn lượng, cho nên vô lượng, vô số chúng sinh đều ngưỡng vọng Đại thừa.

Này Tu-bồ-đề! Hư không, Đại thừa, chúng sinh đều không thể thấy được.

Tu-bồ-đề! Như chúng sinh không có hạn lượng, hư không không có hạn lượng, nên biết như vậy, Đại thừa cũng không có hạn lượng; chúng sinh không có khởi điểm, pháp tánh không có khởi điểm. Nếu như pháp tánh không có khởi điểm thì hư không cũng không có khởi điểm. Nếu hư không không có khởi điểm thì Đại thừa cũng không có khởi điểm. Nếu Đại thừa không có khởi điểm thì vô hạn lượng cũng không có khởi điểm. Nếu vô hạn lượng không có khởi điểm thì chẳng thể tính kể cũng không có khởi điểm. Cho nên, này Tu-bồ-đề, không thể tính số chúng sinh ngưỡng vọng Đại thừa. Vì sao? Vì chúng sinh, pháp tánh, hư không, Đại thừa vô số, không có hạn lượng, không thể tính đếm, đều không thể thấy được.

Này Tu-bồ-đề! Nếu như chúng sinh không khởi điểm, nên biết Như Lai cũng không khởi điểm. Nếu như Phật không có khởi điểm thì hư không cũng không có khởi điểm. Nếu hư không không có khởi điểm thì nên biết rằng Đại thừa cũng không có khởi điểm. Nếu Đại thừa không có khởi điểm thì a-tăng-kỳ cũng không có khởi điểm. Nếu a-tăng-kỳ không có khởi điểm, nên biết rằng vô hạn, vô lượng cũng không có khởi điểm. Như vô lượng không có khởi điểm, nên biết tất cả chúng sinh cũng không có khởi điểm.

Này Tu-bồ-đề! Như vậy vô số chúng sinh không thể tính được đều kính ngưỡng Đại thừa. Vì sao? Vì chúng sinh, Phật, hư không, Đại thừa, a-tăng-kỳ, vô hạn, vô lượng, tất cả các pháp đều không thể thấy.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nếu biết khởi điểm của tự ngã cho đến khởi điểm của tri kiến, thì sẽ biết khởi điểm của chân tế; mà biết khởi điểm của chân tế thì sẽ biết khởi điểm của các pháp cũng giống như vậy. Thế nên, Tu-bồ-đề, vô lượng, vô số chúng sinh đều kính ngưỡng Đại thừa. Vì sao? Vì chúng sinh và các pháp đều không thể thấy.

Tu-bồ-đề! Khởi điểm của tự ngã, chúng sinh và tri kiến, thể của nó chẳng thể nghĩ bàn. Nếu biết khởi điểm của chẳng thể nghĩ bàn thì sẽ biết khởi điểm của năm ấm và khởi điểm của các pháp.

Tu-bồ-đề! Vô số chúng sinh không thể đếm đều ngưỡng vọng Đại thừa. Vì sao? Vì tự ngã và các pháp đều không thể thấy.

Tu-bồ-đề! Nếu tự ngã có đầu mối thì nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý không có đầu mối. Vì sáu tình không có đầu mối nên biết các pháp không có đầu mối. Thế nên, Tu-bồ-đề, vô số chúng sinh không thể tính đều kính ngưỡng Đại thừa. Vì sao? Vì tự ngã và các pháp đều không thể thấy.

Tu-bồ-đề! Nếu tự ngã và tri kiến không có đầu mối, biết rõ như vậy thì sáu pháp Ba-la-mật cũng không có khởi điểm. Nếu Bát nhã Ba la mật không có khởi điểm, nên biết các pháp cũng không có khởi điểm.

Tu-bồ-đề! Vì vậy vô lượng, vô số chúng sinh đều kính ngưỡng Đại thừa. Vì sao? Vì tự ngã và các pháp đều không thể thấy.

Tu-bồ-đề! Do tự ngã không có khởi điểm nên cả trong ngoài không và hữu vô không cũng không có khởi điểm. Nếu hữu vô không, không có khởi điểm thì các pháp cũng không có khởi điểm, cho nên vô số chúng sinh không thể tính đều ngưỡng vọng Đại thừa. Vì sao? Vì tự ngã và các pháp đều không thể thấy.

Tu-bồ-đề! Nếu tự ngã, chúng sinh và tri kiến không có đầu mối thì ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng cũng không có khởi điểm. Nếu mười tám pháp Bất cộng không có khởi điểm thì vô số chúng sinh không thể tính đều kính ngưỡng Đại thừa. Vì sao? Vì tự ngã và các pháp đều không thể thấy.

Tu-bồ-đề! Tự ngã không có khởi điểm, chủng tánh đã hoàn bị các pháp không có khởi điểm, cho nên vô số chúng sinh không thể tính đều ngưỡng vọng Đại thừa. Vì sao? Vì tự ngã và các pháp đều không thể thấy.

Tu-bồ-đề! Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bíchchi-phật cho đến Nhất thiết chủng trí Phật và các pháp đều không có khởi điểm, cho nên tất cả chúng sinh đều ngưỡng vọng Đại thừa. Vì sao? Vì tự ngã và các pháp đều không thể thấy.

Ví như tánh Niết-bàn vì tất cả chúng sinh mà che chở bảo hộ, cho nên Đại thừa cũng vì tất cả chúng sinh mà che chở bảo hộ.

Tu-bồ-đề! Khi nói về Đại thừa, không thấy lúc đến, không thấy khi đi, không thấy chỗ trụ. Vì sao? Vì các pháp không lay động, các pháp cũng không đi, không đến, không có chỗ trụ. Vì sao? Vì tánh của năm ấm, tướng của năm ấm, sự của năm ấm, chân như của năm ấm cũng không đến, không đi, không chỗ trụ.

Tánh của sáu căn, sáu trần; tướng của sáu căn, sáu trần; chân như của sáu căn, sáu trần; sự của sáu căn, sáu trần cũng không đến, không đi, không chỗ trụ. Tánh của bốn đại, tướng của bốn đại, sự của bốn đại, chân như của bốn đại; tánh của thức, tướng của thức, sự của thức, chân như của thức cũng không đến, không đi, không chỗ trụ. Như vậy, tánh của chân tế chẳng thể nghĩ bàn cũng không đến, không đi, không chỗ trụ. Tánh của sáu pháp Ba-la-mật, sự của sáu pháp Ba-la-mật, chân như của sáu pháp Ba-la-mật cũng không đến, không đi, không chỗ trụ. Tánh của ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng cũng không đến, không đi, không chỗ trụ. Tánh, như, tướng, đạo và Phật cũng không đến, không đi, không chỗ trụ. Tánh, như, tướng, hữu vi, vô vi cũng không đến, không đi, không chỗ trụ.

Tu-bồ-đề! Như lời ông nói, Đại thừa cũng chẳng thấy Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn góc, trên dưới, cho nên Đại thừa bình đẳng với ba đời, vì vậy gọi là Đại thừa.

Tu-bồ-đề! Đúng như lời ông nói thật chắc chắn, không sai khác. Vì sao? Vì cả ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai đều là không. Tất cả ba đời đều là không. Nói về Đại thừa thì tự tánh nó rỗng không. Nói về Bồ-tát thì tự tánh Bồ-tát rỗng không.

Tu-bồ-đề! Không ấy chẳng phải là số đếm, chẳng phải nhiều, chẳng phải ít, cho nên gọi là Đại Bồ-tát. Đại thừa với ba đời bình đẳng, không hai, không một; không tham, sân, si cũng không lìa tham, sân, si; không sân giận cũng không thể thấy; thiện ác cũng không thể thấy; thường, vô thường và tự ngã cũng không thể thấy; khổ, vui, ngã, phi ngã cũng không thể thấy; ba cõi cũng không thể thấy. Vì sao? Vì các hình đều không thể thấy được. Sắc của quá khứ là do sắc của quá khứ tự tánh của nó rỗng không, sắc của vị lai do sắc của nó tự tánh sẽ rỗng không, sắc của hiện tại là do sắc của hiện tại tự tánh nó rỗng không; thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy. Sắc của quá khứ cũng chẳng thể thấy, không của quá khứ cũng chẳng thể thấy. Sắc không của năm ấm hiện tại còn chẳng thể thấy, huống gì không của năm ấm quá khứ và tương lai làm sao có thể thấy được. Không cũng không thể thấy năm ấm, năm ấm cũng không thể thấy không. Giả sử không có thể thấy năm ấm thì năm ấm cũng sẽ thấy không.

Tu-bồ-đề! Sáu pháp Ba-la-mật của quá khứ không thấy, sáu pháp Ba-la-mật hiện tại không thấy, sáu pháp Ba-la-mật của tương lai cũng không thấy, sáu pháp Ba-la-mật của ba đời đều không thể thấy. Tất cả đều không thấy nhau. Tất cả không thấy tất cả, cho nên không thấy ba đời quá khứ, hiện tại, tương lai, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và mười tám pháp Bất cộng cũng không thể thấy. Tất cả ba đời cũng không thấy.

Tu-bồ-đề! Tất cả không thấy, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và mười tám pháp, quá khứ, hiện tại, tương lai, tất cả đều không; ở ba đời không thể thấy, trong ba đời không thể thấy có ba mươi bảy phẩm và mười tám pháp, huống là tất cả ba đời mà có thể thấy.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Quá khứ, hiện tại, tương lai người phàm phu cũng không thể thấy. Vì sao? Vì chúng sinh vốn không thể thấy; cho nên đời quá khứ, hiện tai, tương lai, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát và Phật cũng không thể thấy. Ba đời tất cả Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Phật và chúng sinh vốn không thể thấy.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát trụ trong Bát nhã Ba la mật, hiểu rõ ba đời nên đầy đủ Nhất thiết chủng trí. Ba đời Đại Bồ-tát đều học Đại thừa. Đại Bồ-tát an trụ trong đây rồi thì vượt trên Trời, Người, A-tu-la trong thế gian, thành tựu Nhất thiết chủng trí.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Lành thay, lành thay! Đại Bồ-tát học Đại thừa tự đạt đến đầy đủ trí Nhất thiết. Qua khứ mười phương các vị Bồ-tát đều từ Đại thừa mà được chứng đắc Nhất thiết chủng trí. Hiện tại, tương lai mười phương các vị Bồ-tát cũng học từ trong Đại thừa mà được Nhất thiết chủng trí, nên gọi là Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Này Tu-bồ-đề! Đúng như vậy! Quá khứ, hiện tại, vị lai chư Phật đều học từ Đại thừa mà thành tựu. Đã chứng, chưa chứng, sẽ chứng đều học từ Đại thừa mà đầy đủ Nhất thiết chủng trí.

QUYỂN 5

Phẩm 25: HỢP TỤ

Lúc đó Bân-nậu Văn-đà-ni Tử thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn dạy ngài Tu-bồ-đề thuyết Bát nhã Ba la mật, chính là giảng dạy giáo lý Đại thừa.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Khi con thuyết giảng Đại thừa có xa lìa Bát nhã Ba la mật không?

Đức Phật đáp:

–Không, Tu-bồ-đề! Ông giảng Đại thừa tùy thuận không trái ngược, không mất giáo nghĩa Ba-la-mật. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì tất cả các pháp thiện, pháp Thanh văn, pháp Bích-chi-phật lên đến pháp Phật đều hòa nhập trong Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao các pháp thiện, pháp Thanh văn, pháp Bích-chi-phật, pháp Bồ-tát, pháp Phật đều hòa nhập trong Bát nhã Ba la mật?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Vì sáu pháp Ba-la-mật, bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Thánh đạo, ba môn giải thoát, bốn Tuệ vô ngại, đại Từ, đại Bi, mười Lực của Phật, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng đều không phải là pháp để mong cầu, luôn hoạt động bình đẳng.

Tu-bồ-đề! Đó là pháp thiện. Thế nên ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, pháp Thanh văn, pháp Bích-chi-phật, pháp Bồ-tát, pháp Phật đều hòa nhập trong Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề! Đại thừa, sáu pháp Ba-la-mật, năm ấm, mười hai xứ, mười tám tánh, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng, ba môn giải thoát, pháp thiện, pháp lậu, pháp hữu vi, pháp Khổ, Tập, Diệt, Đạo, cõi Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, Nội không, Ngoại không, Sở hữu không, Vô sở hữu không, các môn Tam-muội, các môn Đà-la-ni, mười tám pháp Bất cộng của Phật, Như Lai, những lời dạy của Như Lai về tánh của pháp và luật và tự tánh chân tế chẳng thể nghĩ bàn, Niết-bàn cùng tất cả các pháp này không hòa hợp, không tan rã, không có hình, cũng không có thể thấy, không có đối đãi, có một tướng, một tướng gọi là không có tướng. Cho nên khi ông giảng về Đại thừa, cũng như giảng Bát nhã Ba la mật, giáo nghĩa của chúng tùy thuận nhau, không có tướng chống trái.

Vì sao? Vì Đại thừa cùng với Bát nhã Ba la mật không phân biệt, không sai khác. Đại thừa cùng với ba mươi bảy phẩm Trợ đạo cho đến mười tám pháp Bất cộng không phân biệt. Đại thừa tức là pháp Phật, pháp Phật tức là Đại thừa. Điều đó chỉ là một, không hai, không tướng chống trái. Thế nên, Tu-bồ-đề, khi ông giảng Đại thừa chính là giảng Bát nhã Ba la mật.

QUYỂN 5
Phẩm 26: BA GIAI ĐOẠN KHÔNG THỂ THỦ ĐẮC

Khi đó Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát không có khởi điểm, không có giới hạn, không có kết thúc; sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng không có khởi điểm, không có giới hạn, nên biết Bồ-tát cũng như

vậy. Chẳng lẽ sắc là Bồ-tát ư? Hay không phải? Hay là thọ, tưởng, hành, thức là Bồ-tát ư? Hay không phải?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con hoàn toàn không thấy có Bồ-tát nên sẽ vì ai mà thuyết Bát nhã Ba la mật và sẽ dạy cho ai? Gọi là Bồ-tát thì nên biết chỉ là danh tự Bồ-tát mà thôi.

Bạch Thế Tôn! Ví như người tự nói ngã của pháp không sinh là có hay không? Vì sao sắc, thọ, tưởng, hành, thức không sinh?

Bạch Thế Tôn! Không sinh là chẳng phải sắc; chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức; cũng không có chỗ sinh, vậy nên vì ai mà thuyết Bát nhã Ba la mật mà không xa lìa chỗ sinh, thấy Bồ-tát hành đạo và thực hành những lời dạy đó. Bồ-tát nghe lời này tâm không sợ sệt, không thối lui. Đó là Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát ở trước, sau, hai bên, chính giữa đều không thể thủ đắc được. Vì sao? Vì sắc cùng với Bồ-tát đều không có giới hạn. Vì sao sắc, thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là Bồ-tát? Vì sao nói hoàn toàn không thấy có Bồ-tát? Vì ai thuyết Bát nhã Ba la mật? Vì sao nói Bồ-tát chỉ là danh tự mà thôi? Vì sao nói các pháp không sinh, có ngã hay không có ngã? Năm ấm do đâu sinh? Vì sao nói không sinh là chẳng phải năm ấm? Vì sao nói không sinh thì thuyết Bát-nhã bala-mật cho ai? Vì sao nói không thấy có ly sinh tử mà hành Bồ-tát đạo? Vì sao nói Bồ-tát nghe như vậy thì không sợ sệt mà hành Bát nhã Ba la mật?

Tu-bồ-đề trả lời Xá-lợi-phất:

–Vì khởi điểm của chặng đầu và kết thúc chúng sinh đều không thể thủ đắc; Bồ-tát trước, sau, giữa cũng không thể thủ đắc được.

Xá-lợi-phất! Vì chúng sinh trống không cho nên không thấy được khởi điểm của Bồ-tát, vì chúng sinh tịch tĩnh nên không thể thấy được khởi điểm của Bồ-tát. Vì năm ấm không có giới hạn, vì năm ấm trống không, năm ấm tịch tĩnh, năm ấm không chân thật, cho nên không thể thấy được khởi điểm của Bồ-tát. Vì sáu pháp Bala-mật không có kết cuộc, không có giới hạn.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Vì sao?

Tu-bồ-đề đáp:

–Xá-lợi-phất! Vì không, năm ấm và Bồ-tát bình đẳng không sai khác. Ba pháp này đều là một, không hai. Cho nên, này Xá-lợiphất! Không thể thấy được khởi điểm của Bồ-tát. Vì sáu pháp Ba-lamật trống không, tịch tĩnh, không chân thật, cho nên không thể thấy được khởi điểm của Bồ-tát. Vì sao? Xá-lợi-phất! Cái không ấy đầu không thể thấy, cuối không thể thấy, giữa không thể thấy, cho nên không cùng với Bồ-tát đều không thể thấy được.

Xá-lợi-phất! Khởi điểm của không và Bồ-tát là một, không hai, cho nên khởi điểm của Bồ-tát không thể thấy được. Nội không, ngoại không và hữu vô không, giới hạn không thể thấy cho nên khởi điểm của Bồ-tát không thể thấy.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và mười tám pháp Bất cộng của Phật đều không có khởi điểm. Vì pháp của Phật trống không, pháp của Phật tịch tĩnh, pháp của Phật không chân thật, cho nên khởi điểm của Bồ-tát không thể thấy được. Từ sáu pháp Bala-mật cho đến

mười tám pháp Bất cộng của Phật đều không có khởi điểm, đều trống không, đều tịch tĩnh, đều không chân thật, cho nên khởi điểm của Bồ-tát không chứng đắc không thể thấy được.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Các môn Tam-muội, môn Đà-la-ni đều không có khởi điểm, đều là trống không, đều là tịch tĩnh, đều không chân thật, cho nên khởi điểm của Bồ-tát đều không thể thấy được.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Pháp tánh và tánh chân tế chẳng thể nghĩ bàn, đều không có khởi điểm, không tịch tĩnh, không chân thật, cho nên khởi điểm của Bồ-tát không thể thấy được.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Thanh văn, Bích-chi-phật, Như Lai đều không có khởi điểm, đều trống không, tịch tĩnh, không chân thật, cho nên khởi điểm của Bồ-tát đều không thể thấy được. đạo Nhất thiết chủng trí đều không có đầu mối, đều trống không, tịch tĩnh, không chân thật, cho nên khởi điểm của Bồ-tát không thể thấy. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Vì khởi điểm, tận cùng và chặng giữa của không đều không thể thấy được, cho nên Bồ-tát cũng không thể thấy được.

Xá-lợi-phất! Không, năm ấm, Bồ-tát; ba pháp đó đều là một, không hai, cho nên khởi điểm của Bồ-tát không thể thấy.

Theo câu hỏi của Xá-lợi-phất thì năm ấm không có kết thúc cho nên biết Bồ-tát cũng không có kết thúc.

Tu-bồ-đề đáp:

–Năm ấm như không; giới hạn của hư không là không giới hạn, vô biên, cũng không lường, không có kết thúc, nên chỉ có danh tự là hư không. Xá-lợi-phất! Không của sắc không có giới hạn; không của thọ, tưởng, hành, thức không có giới hạn cũng không thể thấy. Cho nên, này Xá-lợi-phất! Sự chấm dứt của hư không, sự chấm dứt của năm ấm, sự chấm dứt của Bồ-tát cũng không thể thấy. Mười hai xứ, mười hai nhân duyên, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng của Phật, khởi điểm của các pháp này, khởi điểm của Bồ-tát đều không thể thấy được, đều không có giới hạn.

Tu-bồ-đề nói:

–Này Xá-lợi-phất! Tôn giả hỏi năm ấm là Bồ-tát ư? Không thể

thấy được cũng không giới hạn, không lường, không chấm dứt, chỉ có tên gọi là hư không.

Này Xá-lợi-phất! Không của sắc không có giới hạn; không của thọ, tưởng, hành, thức cũng không có giới hạn, cũng không thể thấy được. Cho nên, này Xá-lợi-phất! Sự chấm dứt của hư không, sự chấm dứt của năm ấm, sự chấm dứt của Bồ-tát cũng không thể thấy được. Mười hai xứ, mười hai nhân duyên, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng của Phật, khởi điểm của các pháp này và khởi điểm của Bồ-tát đều không thể thấy, đều không có giới hạn.

Này Xá-lợi-phất! Hỏi năm ấm là Bồ-tát không thể thấy, cho nên năm ấm cùng với Bồ-tát đều không thể thấy.

Này Xá-lợi-phất! Sáu pháp Ba-la-mật, tự tánh không của sáu pháp Ba-la-mật, nội ngoại không, tự tánh không của nội ngoại không, hữu vô không, tự tánh không của hữu vô không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, tự tánh không của ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, cho đến mười tám pháp Bất cộng của Phật, tự tánh không của mười tám pháp Bất cộng của Phật, tánh chân như, tánh chân tế, tánh chẳng thể nghĩ bàn, các môn Tam-muội, Đà-la-ni, trí Nhất thiết, Thanh văn, Duyên giác, Phật, giáo nghĩa của Phật, tự tánh của tất cả đều không.

Này Xá-lợi-phất! Không của Như Lai, không của năm ấm vốn không có, không thấy. Cho nên, này Xá-lợi-phất! Năm ấm của Bồ-tát không thể thấy được. Đây là điều Xá-lợi-phất hỏi vì sao Bồ-tát không thể thấy, không thể đắc, sẽ vì ai mà thuyết Bát-nhã ba-lamật.

Tu-bồ-đề đáp Xá-lợi-phất:

–Sắc không thấy sắc; sắc không thấy thọ; thọ không thấy sắc; thọ không thấy hành; hành không thấy thọ, thọ không thấy tưởng, tưởng không thấy thọ, tưởng không thấy thức; thức không thấy tưởng; sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Các nhãn cũng không có, không thấy, đến cái ý cũng không có, không thấy; nhãn thức, ý thức không có, không thấy; từ nhãn đưa đến ý, ý đưa đến pháp nhân duyên cũng không có, không thể thấy. Ba-la-mật không có không thấy; nội ngoại không đến sở hữu không, vô sở hữu không cũng không thể thấy. Ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và mười tám pháp Bất cộng của Phật cũng không có, không thấy; các môn Tam-muội, môn Đà-la-ni cũng không có, không thấy. Từ pháp Tuđà-hoàn đến pháp A-la-hán cũng không có, không thấy; thập Trụ không có, không thấy; pháp đạo, pháp trí Nhất thiết không có, không thấy; từ Tu-đà-hoàn đến A-la-hán, Bích-chi-phật và Phật cũng không có, không thấy; đến giáo pháp cũng không có, cũng không thấy.

Này Xá-lợi-phất! Vì các pháp không có sự có nên không thể thấy, Bồ-tát cũng không thể thấy, do đó không gì để dạy.

Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất:

–Như Tôn giả đã hỏi vì sao chỉ dùng danh tự để gọi Bồ-tát, pháp gọi tên thì chỉ dùng tên giả mà gọi là Bồ-tát, cho nên Bồ-tát chỉ là danh tự mà thôi. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng là tên đặt ra. Nếu tất cả những gì có tên thì không phải là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì không thì không có tên thật. Giả sử không chẳng phải là Bồ-tát thì nói Bồ-tát chỉ là danh tự mà thôi.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Sáu pháp Ba-la-mật chỉ là danh tự mà thôi, sáu pháp Ba-la-mật cũng chẳng phải là danh tự, danh tự cũng chẳng phải là sáu pháp Ba-la-mật. Vì sao? Vì danh tự của Bồ-tát và các ba-la-mật đều không thể thấy được. Cho nên Bồ-tát chỉ là tên đặt ra mà thôi.

Này Xá-lợi-phất! Nội ngoại không, hữu vô không cũng chỉ là tên gọi, danh tự chẳng phải là không, không chẳng phải là danh tự. Vì sao? Vì danh tự của nội không, ngoại không cho đến hữu vô không đều không thể thấy. Này Xá-lợi-phất! Cho nên Bồ-tát chỉ là danh tự.

Này Xá-lợi-phất! Ba mươi bảy phẩm Trợ đạo cho đến mười tám pháp Bất cộng cũng chỉ là tên giả mà thôi. Các môn Tam-muội, môn Đà-la-ni cũng như vậy, cho đến trí Nhất thiết cũng đều như vậy.

Này Xá-lợi-phất! Tôn giả hỏi vì sao gọi là tự ngã vốn không có chỗ sinh?

Từ xưa đến nay đối với tự ngã không thể thấy được, từ lúc sinh ra có thân mạng đến khi hiểu biết thường không thấy chỗ sinh, từ khi có tên đến lúc năm ấm đầy đủ không thể thấy chỗ sinh. Từ sáu tình đến mười hai nhân duyên cũng không thể thấy, huống chi có sinh. Sáu pháp Ba-la-mật cũng không thể thấy huống chi có sinh. Từ nội ngoại không và hữu vô không thường không thể thấy huống chi có sinh. Từ hữu danh cho đến ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và mười tám pháp cũng không thể thấy sẽ sinh từ đâu. Từ hữu danh đến các môn Tam-muội, môn Đà-la-ni cũng không thể thấy sẽ sinh từ đâu. Từ hữu danh đến Thanh văn, Bích-chi-phật và Phật cũng không thể thấy sẽ sinh ra từ đâu.

Này Xá-lợi-phất! Do đó gọi là tự ngã các pháp đều không sinh.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Theo lời Tôn giả hỏi, thì việc có và không của các pháp không có tác giả.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Vì sao sự có của các pháp không có tác giả?

Tu-bồ-đề đáp:

–Sự có của năm ấm không có tác giả, sự có của sáu tình, nội ngoại đến mười hai nhân duyên cũng không có tác giả. Sự có của sáu pháp Ba-la-mật không có tác giả. Tất cả đều do nhân duyên. Này Xá-lợi-phất! Các pháp không có cũng chẳng không.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Tất cả các pháp đều vô thường, không biến hoại.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Vì sao các pháp không thường, không biến hoại?

Tu-bồ-đề đáp:

–Năm ấm không có thường, không biến hoại. Vì sao? Vì vô thường không có sự có, diệt tận; cho nên các pháp đều vô thường, không biến hoại.

Này Xá-lợi-phất! Do đó các pháp không tụ hội cũng không tan rã.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Vì sao các pháp không tụ hội không tan rã?

Tu-bồ-đề nói:

–Năm ấm không tụ hội không tan rã, vì tự tánh như vậy, cho nên các pháp thiện, pháp ác, pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp hữu lậu, pháp vô lậu đều không tụ hội, không tan rã. Vì sao? Vì tự tánh như vậy, cho nên các pháp không có cũng chẳng không.

Xá-lợi-phất! Tôn giả hỏi về năm ấm không sự sinh. Vì năm ấm, sáu trần không có tác giả, không thấy có tác giả, cho nên không chỗ sinh.

Xá-lợi-phất! Theo lời Tôn giả hỏi thì không sự sinh, chẳng phải năm ấm, vì tự tánh của năm ấm vốn là không; cũng không sinh, không diệt, không trụ cho đến tánh hữu vi là tánh không. Tự tánh của các pháp là không, cho nên không khởi, không diệt, không trụ; do đó, không sự sinh chẳng phải là năm ấm.

Xá-lợi-phất! Theo lời Tôn giả hỏi, nếu các pháp không sự sinh thì ai thuyết Bát nhã Ba la mật? Nếu không sự sinh chẳng phải là Ba-la-mật, Bát nhã Ba la mật chẳng phải là sự sinh; không sự sinh và Bát nhã Ba la mật chỉ là một, không hai, thì nói Bát-nhã ba-lamật cho ai.

Xá-lợi-phất! Theo lời Tôn giả hỏi thì hành Bồ-tát đạo sao không lìa năm ấm? Vì không chỗ sinh là Bát nhã Ba la mật, Bát nhã Ba la mật là không chỗ sinh. Không chỗ sinh là năm ấm, năm ấm là không chỗ sinh. Pháp ấy không phân biệt cũng không có hai. Này Xá-lợi-phất! Cho nên cũng không rời sinh mà hành Bồ-tát đạo.

Này Xá-lợi-phất! Vì sao nghe như vậy mà không sợ sệt, không thoái lui mà hành Bát nhã Ba la mật đa? Đại Bồ-tát thấy các pháp đều không, như mộng, như huyễn hóa, như bóng nắng, như tiếng vang, như ảnh, như biến hóa. Cho nên Bồ-tát nghe dạy như vậy mà không sợ sệt, không thoái lui.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Khi Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật quán sát như vậy thì chẳng thấy sắc, không nhập vào sắc, không sinh sắc, không trụ vào sắc, cũng không nói đây là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cũng không nhập vào thức, cũng không thấy sinh thức, cũng không thấy trụ vào thức, cũng không trụ vào thức, cũng không nói đây là thức, nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; cũng không thấy, không nhập, không sinh, không trụ, không nói đây là ngã sở. Nội ngoại không đến hữu vô không cũng không thấy, không nhập, không sinh, không trụ; cũng không nói đây là ngã sở.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật cho đến ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng của Phật cũng không thấy nhập, không sinh, không trụ; không nói đây là ngã sở. Các môn Tam-muội, môn Đà-la-ni không thấy, không nhập, không sinh, không trụ; không nói đây là ngã sở. Vì sao? Vì Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật không thấy sắc cho đến Nhất thiết chủng trí cũng không chỗ thấy.

Bạch Thế Tôn! Sắc không sinh thì chẳng phải sắc; thọ, tưởng, hành, thức không sinh là chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức; sáu trần không sinh là chẳng phải sáu trần; sáu pháp Ba-la-mật không sinh là chẳng phải sáu pháp Ba-la-mật. Sáu pháp Ba-la-mật đến không sự sinh chỉ là một, không hai. Nội ngoại không, không sinh là chẳng phải không; hữu vô không không sinh thì chẳng phải là không. Hữu vô không và không sự sinh là một, không hai.

Bạch Thế Tôn! Ba mươi bảy phẩm Trợ đạo không sinh vì chẳng phải ba mươi bảy phẩm Trợ đạo. Mười tám pháp Bất cộng của Phật không sinh vì chẳng phải mười tám pháp Bất cộng của Phật. Không sự sinh và mười tám pháp Bất cộng của Phật chỉ là một pháp, không hai.

Bạch Thế Tôn! Không sự sinh là pháp duy nhất không hai, không ba, không bốn, không năm cũng không bao nhiêu. Cho nên, pháp của Phật là pháp không sự sinh, chỉ là một, không hai.

Bạch Thế Tôn! Tánh chân như và tánh chẳng thể nghĩ bàn không sinh là vì chẳng phải chân như, chẳng phải tánh chẳng thể nghĩ bàn, không phát sinh, đạo là phi đạo. Trí Nhất thiết không sinh là vì chẳng phải trí Nhất thiết. Không sự sinh và trí Nhất thiết là một pháp, không hai.

Bạch Thế Tôn! Không sự sinh cũng là pháp không một không nhiều, cho nên bất sinh. Trí Nhất thiết là chẳng phải trí Nhất thiết, Diệt sắc thì chẳng phải sắc. Diệt và sắc là một pháp, không hai.

Bạch Thế Tôn! Diệt chỉ là một, không hai. Cho nên diệt sắc chẳng phải là sắc, diệt thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là thức. Cho nên sinh thức chẳng phải là thức. Nội ngoại không đến hữu vô không và ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng của Phật cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Đó là diệt chẳng phải bấy nhiêu thì từ thức đến trí Nhất thiết cũng như vậy. Đó là hành Bát nhã Ba la mật.

QUYỂN 5
Phẩm 27: HỎI VỀ QUÁN

Khi đó, Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật thì quán các pháp gì? Sao gọi là Bồ-tát? Sao gọi là Bát nhã Ba la mật? Sao gọi là quán?

Tôn giả Tu-bồ-đề đáp:

–Theo lời Tôn giả hỏi thì sao gọi là Bồ-tát. Bồ-tát là người hành đạo, nên gọi là Bồ-tát. Do dùng đạo mà biết các pháp là không chỗ vào.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Sao biết việc của các pháp?

Tu-bồ-đề:

–Biết việc của sắc thì không vào sắc; biết việc của sắc, thọ, tưởng, hành, thức thì không vào thức. Biết tận cùng về Phật sự, mười tám pháp Bất cộng thì không vào mười tám pháp Bất cộng.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Sao gọi là các pháp sự?

Tu-bồ-đề:

–Đó chỉ là tên gọi tướng mạo của các pháp là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; tướng mạo của các pháp nội, pháp ngoại, pháp hữu vi, pháp vô vi. Những danh tự đó gọi là sự tướng của các pháp.

Xá-lợi-phất! Theo lời Tôn giả hỏi thì sao gọi là Bát-nhã ba-lamật? Bát nhã Ba la mật là tên gọi để xa lìa.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Vì sao là tên gọi để xa lìa?

Tu-bồ-đề! Vì nó xa lìa năm ấm, xa lìa tám giới, xa lìa sáu trần, xa lìa sáu pháp Ba-la-mật, xa lìa nội ngoại không cho đến hữu vô không, xa lìa ba mươi bảy phẩm Trợ đạo đến mười tám pháp Bất cộng. Đó gọi là xa lìa. Xa lìa trí Nhất thiết, xa lìa sự tướng trí Nhất thiết. Tất cả gọi là xa lìa Bát nhã Ba la mật.

Xá-lợi-phất! Theo lời Tôn giả hỏi, vì sao là quan sát, hành trì Bát nhã Ba la mật. Bồ-tát không quán năm ấm có thường, vô thường; không quán năm ấm có khổ, vui; không quán năm ấm có ngã, phi ngã, bất không; chẳng bất không, bất tướng chẳng bất tướng, bất nguyện chẳng bất nguyện; bất diệt, chẳng bất diệt; bất tịnh, chẳng bất tịnh; không quán sát như vậy cho đến sáu pháp Ba-lamật, nội ngoại không, hữu vô không đến mười tám pháp Bất cộng của Phật cũng như vậy. Các môn Tam-muội, môn Đà-la-ni đến trí Nhất thiết đều quán diệt, bất diệt, bất tác, có thường, vô thường. Xálợi-phất, hành trì Bát nhã Ba la mật nên quán như vậy.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Vì sao Hiền giả nói năm ấm không sự sinh là chẳng phải năm ấm, cho đến trí Nhất thiết không sự sinh là chẳng phải trí Nhất thiết?

Tu-bồ-đề đáp:

–Năm ấm không ấy chẳng phải là năm ấm, thế nên năm ấm không sự sinh chẳng phải là năm ấm. Không của sáu pháp Ba-lamật, không ấy cũng chẳng phải sáu pháp Ba-la-mật, cũng chẳng phải sinh ấy là sáu pháp Ba-la-mật, không sự sinh chẳng phải là sáu pháp Ba-la-mật. Từ nội ngoại không đến hữu vô không cũng như vậy. Ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng của Phật cũng như vậy. Trí Nhất thiết cũng như vậy. Do năm ấm không sự sinh là chẳng phải năm ấm, năm ấm cũng chẳng sinh, nên trí Nhất thiết cũng không sự sinh.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Vì sao nói năm ấm không hai chẳng phải là năm ấm, cho đến trí Nhất thiết nếu không hai là chẳng phải trí Nhất thiết.

Tu-bồ-đề đáp:

–Năm ấm không hai, không hòa hợp, không tan rã, không có hình, không thể thấy là một tướng, một tướng là vô tướng, trí Nhất thiết cũng như vậy. Cho nên, gọi là năm ấm không hai thì chẳng phải năm ấm, trí Nhất thiết không hai thì chẳng phải trí Nhất thiết.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Vì sao năm ấm không hai chỉ là số, cho đến trí Nhất thiết không hai cũng chỉ là số phải không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Không sự sinh và năm ấm không hai. Năm ấm là không sự sinh, không sự sinh là năm ấm, cho nên năm ấm không hai chỉ là số, cho đến trí Nhất thiết không hai cũng chỉ là số.

Khi ấy, Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Khi Bồ-tát học tập Bát nhã Ba la mật là quán pháp này, thấy năm ấm không sự sinh thường tịnh, thấy ngã sở không sự sinh thường tịnh, thấy Bố thí ba-la-mật đến Bát nhã Ba la mật không sự sinh thường tịnh, thấy nội ngoại không đến hữu vô không không sự sinh thường tịnh, thấy ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và mười tám pháp Bất cộng của Phật không sự sinh thường tịnh; thấy các môn Đà-la-ni, Tam-muội không sự sinh thường tịnh; thấy trí Nhất thiết không sự sinh thường tịnh; thấy phàm nhân, pháp phàm nhân không sự sinh thường tịnh; thấy Tu-đà-hoàn, pháp Tuđà-hoàn; thấy Tư-đà-hàm, pháp Tư-đà-hàm; thấy A-na-hàm, pháp A-na-hàm; thấy A-la-hán, pháp A-la-hán; thấy Bích-chi-phật, pháp Bích-chi-phật; thấy Bồ-tát, pháp Bồ-tát; thấy Phật, pháp Phật đều không sự sinh thường tịnh.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Như con đã được nghe Tôn giả Tu-bồ-đề nói năm ấm là không sự sinh, cho đến đạo cũng không sự sinh, pháp Phật không sự sinh, không sự đắc. Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán Bích-chi-phật cũng không sự đắc, Bồ-tát không sự đắc, trí Nhất thiết cũng không sự đắc, Đại Bồ-tát cũng không sự đắc. Trí Nhất thiết là làm phá hoại năm đường ác, đây là Bồ-tát không đắc đạo trong năm đường ác.

Xá-lợi-phất nói tiếp:

–Nếu các pháp không sự sinh thì tại sao Tu-đà-hoàn phải diệt tận ba phần kết sử, chánh niệm mới thành đạo; Tư-đà-hàm làm mỏng ba cấu nhiễm, chánh niệm mới thành đạo; A-na-hàm phải diệt tận năm hạ phần kết sử, chánh niệm mới thành đạo; A-la-hán phải đoạn diệt năm thượng phần kết sử, chánh niệm mới thành đạo; Bíchchi-phật phải dùng phép quán về duyên khởi, chánh niệm mới thành đạo? Vì sao Bồ-tát phải hành khổ hạnh để thay thế chúng sinh chịu đựng khổ cực? Vì sao Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác phải chuyển pháp luân?

Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất:

–Tôi cũng không thể làm cho pháp không sự sinh có thể chứng đắc. Tôi cũng không thể làm cho pháp không sự sinh đắc Tu-đàhoàn đạo, Tư-đà-hàm đạo, A-na-hàm đạo, A-la-hán đạo và Bích-chiphật đạo. Tôi cũng không thể làm cho Bồ-tát siêng năng hành khổ hạnh. Xá-lợi-phất, Bồ-tát cũng không có ý tưởng rằng mình sẽ khổ. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Vì không thể vì khổ

mà không cứu độ vô số chúng sinh. Bồ-tát đối với chúng sinh tưởng như cha, như mẹ, như con, như thân mình nhưng không có sự có.

Bồ-tát đối với pháp nội ngoại thường khởi lên ý niệm rằng: "Ta và tất cả chúng sinh đều không có, không thể thấy." Khi khởi lên ý niệm này thì không tưởng mình có siêng năng hành khổ hạnh. Vì sao? Vì tất cả không có sự có.

Bạch Thế Tôn! Đối với các pháp không sự sinh chẳng phải là thuộc về ngã, khi chứng đắc Như Lai Chánh Đẳng Giác cũng không sự sinh. Như Lai không từ không sự sinh mà chuyển pháp luân.

Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Từ không sự sinh mà chứng đắc hay từ vô sự sinh mà chứng đắc?

Tu-bồ-đề trả lời:

–Không có pháp nào từ không sự sinh mà chứng đắc, cũng không có pháp nào từ có sự sinh mà chứng đắc.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Theo lời Tôn giả nói thì không có chỗ chứng và không có chỗ đắc.

Tu-bồ-đề đáp:

–Có chỗ chứng và có chỗ đắc nhưng là hai việc của thế tục, cho nên không dùng. Khi dùng Thế tục đế, thì có Tu-đà-hoàn, Tưđà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật và Phật. Nếu nói về Đệ nhất nghĩa đế thì không có, không có chỗ chứng và không có chỗ đắc, cho nên từ Tu-đà-hoàn lên đến Phật cũng không có chỗ chứng, không có chỗ đắc.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Nếu dùng Thế tục đế thì có chứng, có đắc. Vậy người thoát ly được năm đường thì cũng như vậy sao?

Tu-bồ-đề trả lời:

–Vì Thế tục đế thì có chứng, có đắc. Vì Thế tục đế nên mới có năm đường. Vì sao? Vì pháp Đệ nhất nghĩa không có sinh tử, không có quả báo thiện ác, không đoạn diệt không thường.

Xá-lợi-phất! Như vậy không sự sinh là có không sinh hay có sự sinh là có sự sinh.

Tu-bồ-đề:

–Tôi không thể làm cho không sự sinh thành có sự sinh hay có sự sinh thành có sự sinh.

Xá-lợi-phất:

–Làm thế nào pháp không sự sinh thành có sự sinh?

Tu-bồ-đề:

–Tôi không làm năm ấm, hữu vô không có sự sinh, cho đến đạo hữu vô không cũng không thể biết không sự sinh.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Không sinh là sinh hay sinh là sinh?

Tu-bồ-đề:

–Sinh cũng không sinh, không sinh cũng chẳng phải sinh. Vì sao? Vì các pháp có sự sinh, không sự sinh đều là một, không sai khác, vô hình, không thể thấy, không thể đắc, là một tướng,

một tướng là tướng không có sự có. Cho nên có sự sinh cũng không sinh, không sự sinh cũng không sinh.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Như vậy sẽ thuyết không sự sinh là pháp không sự sinh, có sự sinh là pháp không sự sinh. Tôi rất thích nghe.

Tu-bồ-đề nói:

–Hay thay, Xá-lợi-phất! Pháp không sự sinh, có sự sinh, không sự lạc là các pháp không hòa hợp, không tan rã, không hình, không thể thấy, không thể đắc là một tướng. Một tướng là vô tướng.

Xá-lợi-phất:

–Sự sinh là không sự sinh, sự lạc cũng là không sự sinh, các pháp cũng không sự sinh, quả báo cũng không sự sinh?

Tu-bồ-đề nói:

–Đúng vậy, đúng vậy! Xá-lợi-phất, các pháp đều không sự sinh. Vì sao? Vì năm ấm không sự sinh, sáu tình không sự sinh. Sáu tánh: Địa, thủy, hỏa, phong, không, thức cũng không sự sinh. Thân, khẩu, ý, hành cũng không sự sinh, cho đến trí Nhất thiết cũng không sự sinh. Thế nên, Xá-lợi-phất! Quả báo cũng là pháp không sự sinh. Nhân, duyên, thích, nghe đều không sự sinh.

Xá-lợi-phất! Theo lời Tôn giả nói thì Tôn giả là vị Pháp sư cao tột. Vì sao? Vì tùy theo câu hỏi mà có thể chuyển đổi giảng giải, không trùng lập. Vì các pháp là không có sự lệ thuộc.

Xá-lợi-phất lại hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Vì sao các pháp là không bị lệ thuộc?

Tu-bồ-đề nói:

–Xá-lợi-phất! Tánh không của sắc không dựa vào trong, không

dựa vào ngoài, không dựa vào cả hai bên, không dựa vào ở giữa. Tánh không của thọ, tưởng, hành, thức cũng không dựa vào trong, không dựa vào ngoài, không dựa vào cả hai bên, không dựa vào ở giữa. Tánh không của sáu căn và mười hai xứ cũng không dựa vào trong, không dựa vào ngoài, không dựa vào ở giữa. Tánh của sáu pháp Ba-la-mật không dựa vào trong, không dựa vào ngoài, không dựa vào ở giữa. Tánh không của nội ngoại không và hữu vô không không dựa vào trong, không dựa vào ngoài, không dựa vào ở giữa. Tánh không của ba mươi bảy phẩm Trợ đạo cho đến mười tám pháp Bất cộng cũng không dựa vào trong, không dựa vào ngoài, không dựa ở giữa. Tánh không của các pháp đều không dựa vào trong, không dựa vào ngoài, không dựa vào cả hai bên.

Này Xá-lợi-phất! Đó gọi là không bị lệ thuộc. Thế nên Bồ-tát hành sáu pháp Ba-la-mật, làm thanh tịnh năm ấm cho đến Nhất thiết trí.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Tại sao Bồ-tát hành sáu pháp Ba-la-mật thanh tịnh là hành Bồ-tát đạo?

Tu-bồ-đề nói:

–Xá-lợi-phất! Đạo có Bố thí ba-la-mật, tục cũng có Bố thí bala-mật, cho đến Bát nhã Ba la mật cũng có đạo, có tục.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Sao gọi là tục Bố thí ba-la-mật? Sao gọi là đạo Bố thí ba-lamật?

Tu-bồ-đề nói:

–Bồ-tát trong lúc Bố thí hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, người nghèo, người bệnh, người tàn tật; tùy theo yêu cầu của họ mà Bồ-tát bố thí thành ấp, vàng bạc, quần áo, cơm nước, vợ con, quyến thuộc, đầu mắt, da thịt, tủy não, xương máu, cung cấp những gì mình có, nhưng còn lệ thuộc những gì mình đã cho, với ý nghĩ ta cho họ nhận, ta không ganh ghét người khác cho. Nếu nói ta là thí chủ, ta bố thí tất cả, ta theo lời Phật dạy, ta hành Bố thí ba-la-mật. Bố thí như vậy là có lệ thuộc vào hành động. Bậc Vô thượng Chánh đẳng giác mà bố thí cho chúng sinh chỉ vì muốn chúng sinh chứng được Vô dư Niết-bàn.

Bố thí có ba điểm làm trở ngại tâm ý: Một là tưởng có ta bố thí, hai là tưởng có người nhận thí, ba là tưởng có vật bố thí. Ba điều này gọi là sự bố thí của thế gian. Vì sao? Vì không rời thế tục và không vượt khỏi thế tục.

Sao gọi là sự bố thí của đạo? Do thanh tịnh ba việc: Một là Bồ-tát bố thí mà không thấy có mình bố thí, hai là không thấy có người khác nhận của bố thí, ba là không mong quả báo.

Xá-lợi-phất! Bồ-tát bố thí cho chúng sinh, không vì chúng sinh mà vì Vô sở trước Chánh đẳng giác, cũng không thấy có Vô sở trước Chánh đẳng giác. Đó là Bố thí ba-la-mật của đạo.

Sao gọi là Bố thí ba-la-mật của đạo? Vì Bố thí ba-la-mật của đạo thù thắng hơn sự bố thí của thế gian. Từ Bố thí ba-la-mật đến Bát nhã Ba la mật đối với thế tục có sự lệ thuộc, nhưng đối với đạo thì không có sự lệ thuộc.

Tu-bồ-đề nói:

–Đó là Bồ-tát hành sáu pháp Ba-la-mật làm thanh tịnh đạo Bồ-tát.

Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Những gì là đạo của Đại Bồ-tát?

Tu-bồ-đề đáp:

–Ba mươi bảy phẩm Trợ đạo là đạo của Đại Bồ-tát; Không, Vô tướng, Vô nguyện, nội ngoại không đến hữu vô không, các môn Tam-muội, các môn Đà-la-ni, mười Lực của Phật, bốn vô úy, mười tám pháp Bất cộng của Phật, bốn Tuệ vô ngại, đại Từ, đại Bi… đều là đạo của Đại Bồ-tát.

Xá-lợi-phất:

–Lành thay, lành thay! Thưa ngài Tu-bồ-đề, những gì là oai lực của Công đức ba-la-mật?

Tu-bồ-đề! Bát nhã Ba la mật là oai lực công đức. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật là mẹ của các công đức, là pháp hành trì của ba thừa. Chư Phật Thế Tôn ở đời quá khứ đã hành trì Bát-nhã ba-lamật, đã đạt thành Chánh đẳng giác. Chư Phật Thế Tôn ở đời vị lai cũng hành trì Bát nhã Ba la mật nên thành Chánh đẳng giác. Trong hiện tại, hằng hà sa cõi nước khắp mười phương, chư Phật Thế Tôn cũng hành trì Bát nhã Ba la mật đạt thành Chánh đẳng giác.

Nếu nghe thuyết Bát nhã Ba la mật mà không nghi ngờ, không sợ hãi, nên biết đã là Bồ-tát hành trì Bồ-tát đạo, không lìa chúng sinh, vì bảo hộ tất cả chúng sinh, không chấp trước, luôn luôn không rời tâm niệm đại Từ, đại Bi.

Xá-lợi-phất lại hỏi:

–Giả sử Bồ-tát không bỏ tâm đại Từ, đại Bi, không rời tâm niệm này thì tất cả chúng sinh đều sẽ là Bồ-tát. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh không rời tâm niệm ấy?

Tu-bồ-đề nói:

–Lành thay, lành thay! Xá-lợi-phất, tôi đã biết những gì Tôn giả hỏi để lợi cho đời sau, tôi sẽ ghi nhận.

Nếu như chúng sinh không thật có thì ý niệm cũng không thật có; có hay không cũng không thật có. Nếu chúng sinh tịch tĩnh thì ý niệm cũng tịch tĩnh. Nếu chúng sinh trống không thì ý niệm cũng trống không. Nếu chúng sinh không sự giác thì ý niệm cũng không sự giác. Nếu năm ấm không thật có thí ý niệm cũng không thật có. Năm ấm không thật có, năm ấm không, năm ấm tịch tĩnh, năm ấm không có sự giác ngộ thì niệm cũng không có sự giác ngộ. Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; địa, thủy, hỏa, phong, không, thức cũng vậy. Sáu pháp Ba-la-mật không, nội ngoại không, hữu vô không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng của Phật, các môn Tam-muội, môn Đà-la-ni và trí Nhất thiết, cho đến thuộc về Nhất thiết trí, cho đến đạo và niệm, tất cả đều không thật có.

Nếu như đạo không sự giác ngộ thì niệm cũng không sự giác ngộ. Xá-lợi-phất! Tôi muốn làm cho Bồ-tát không rời tâm niệm hành Bồ-tát đạo này.

Khi ấy, Thế Tôn khen ngợi ngài Tu-bồ-đề:

–Lành thay, lành thay! Ong đã vì các Đại Bồ-tát mà thuyết Bát nhã Ba la mật, nên theo lời Tu-bồ-đề đã nói vì Tu-bồ-đề đã nương oai lực Phật mà thuyết Bát nhã Ba la mật, Đại Bồ-tát cũng nên thuyết như Tu-bồ-đề.

Khi Tu-bồ-đề thuyết phẩm Bát nhã Ba la mật, ba ngàn thế giới chấn động sáu cách, trước chìm sau nổi, khắp tám phương và trên dưới đều như vậy.

Khi ấy, Đức Phật thấy việc đó liền mỉm cười. Tu-bồ-đề chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà Ngài mỉm cười?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ta thuyết Bát nhã Ba la mật, ở phương Đông có vô số chư Phật cũng vì các vị Bồ-tát mà thuyết Bát nhã Ba la mật giống như vậy.

Tu-bồ-đề! Khi thuyết Bát nhã Ba la mật này có mười hai vô số ức chư Thiên và A-tu-la đều chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn. Khi mười phương chư Phật thuyết Bát nhã Ba la mật, vô số chúng sinh đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

QUYỂN 6
Phẩm 28: VÔ TRỤ

Bấy giờ, trong tam thiên đại thiên thế giới, có bốn vị Thiên vương cùng vô số trăm ngàn muôn ức chư vị Thiên tử đồng đến pháp hội.

Các vị Thích Đề-hoàn Nhân cùng vô số trăm ngàn muôn ức Thiên tử cùng đến pháp hội.

Từ cõi trời Tu-diệm Thiên tử lên đến Thủ đà hội thiên, công đức và quang minh của chư Thiên rực rỡ. Tuy vậy vẫn không bằng ánh sáng của Đức Phật chiếu xuống sáng gấp trăm ngàn

vạn ức lần, che lấp cả ánh sáng của chư Thiên và các vật báu bằng vàng. Ở gần Đức Phật, ánh sáng của chư Thiên nhỏ như tim đèn. Vì vậy ánh sáng của chư Thiên không hiện ra nữa.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Hôm nay, bốn vị Thiên vương, các vị Thủ đà hội thiên ở trong tam thiên đại thiên thế giới này, đều muốn nghe Tôn giả Tu-bồ-đề nói Bát nhã Ba la mật để giảng dạy cho các hàng Bồ-tát. Đại Bồ-tát nên an trụ trong Bát nhã Ba la mật như thế nào? Những gì là Bát nhã Ba la mật của Đại Bồ-tát? Đại Bồ-tát nên thực hành Bát-nhã bala-mật như thế nào? Tu-bồ-đề đáp:

–Này Câu-dực! Tôi sẽ nương oai thần của Đức Phật nói Bát nhã Ba la mật cho các hàng Bồ-tát, thuyết giảng pháp thích ứng cho các vị Bồ-tát được an trụ.

Nay các Thiên tử nào chưa phát tâm Bồ-đề sẽ phát tâm, người nào đã an trụ vào đạo mà lệ thuộc thì năng lực không thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì chướng ngại bởi cảnh giới sinh tử. Nếu những người này phát tâm Bồ-đề thì tôi cũng tùy hỷ với họ, làm cho đạt đến chỗ cao tột. Tôi không ngăn trở công đức của họ ở giữa đường.

Này Câu-dực! Những gì là Bát nhã Ba la mật?

Đại Bồ-tát nên thọ trì ứng với tâm trí Nhất thiết, để suy nghĩ sắc là vô thường, khổ, không, vô ngã; già bệnh, lo buồn, khổ não, tập hợp, biến chuyển, tan hoại, lo sợ, đấu tranh, không thể nương cậy. Bồ-tát nên suy nghĩ như vậy nên không chấp giữ.

Không chấp thủ về thọ, tưởng, hành, thức, sáu tình (sáu căn), sáu cảnh tất cả đều là khổ, được tịch tĩnh cũng không chấp thủ, nên nghĩ đến tịch tĩnh của năm ấm; nghĩ đến tịch tĩnh của sáu căn, sáu cảnh; Bồ-tát dùng tâm trí Nhất thiết để biết từ si mà có tập khởi của ái, mười hai nhân duyên cũng không có thủ. Đại Bồ-tát nên nghĩ: "Vì si ái diệt nên mười hai nhân duyên cũng diệt, các khổ cũng không chấp giữ."

Lại nữa, này Câu-dực! Đại Bồ-tát dùng tâm trí Nhất thiết nên nghĩ ba mươi bảy phẩm Trợ đạo cho đến mười tám pháp Bất cộng cũng không chấp giữ.

Lại nữa, này Câu-dực! Đại Bồ-tát dùng tâm trí Nhất thiết để thực hành Bố thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật và Thiền định ba-la-mật cũng không chấp giữ.

Này Câu-dực! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật nên quán như vầy: Chỉ có các pháp và các pháp tương tục làm nhân duyên cho nhau, tương đắc với nhau làm cho đầy đủ. Đối với các pháp, Bồ-tát không nghĩ ngã và ngã sở. Nếu nghĩ khác đi thì không thích ứng với đạo niệm.

Này Câu-dực! Với những ý niệm khác nhau đối với đạo thì không thể thấy cũng không thể đắc. đạo không có ý niệm thì ý không thể đắc cũng không thể thấy.

Này Câu-dực! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật nên quán như vầy: Đối với tất cả pháp đều không chấp giữ.

Thích Đề-hoàn Nhân thưa Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Thế nào là Niệm ý khác với đạo ý? Đạo ý khác nhau với Niệm ý như thế nào? Niệm ý và đạo ý cả hai đều không thể đắc, không thể thấy như thế nào?

Tu-bồ-đề đáp:

–Này Câu-dực! Niệm ý không thành ý, đạo ý cũng phi ý, cũng không thành ý, không giữ lấy phi ý, ý niệm về phi ý thì ý ấy là phi ý, phi ý cũng là ý. Đây là Bát nhã Ba la mật của Đại Bồ-tát.

Lúc ấy, Đức Phật khen ngợi Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Lành thay, lành thay! Đúng như lời ông thuyết giảng về ý của Bát nhã Ba la mật để dạy bảo và giúp đỡ các hàng Bồ-tát.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con sẽ báo ân chứ không thể không báo ân. Con sẽ báo ân chư Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác và chúng đệ tử trong quá khứ, cố gắng giúp đỡ và làm an ổn tâm của các Bồ-tát.

Bạch Thế Tôn! Thuở xưa, chư Phật và Đại Bồ-tát cũng học sáu pháp Ba-la-mật mà chứng Vô thượng Bồ-đề.

Bạch Thế Tôn! Chúng con sẽ cố gắng giúp đỡ làm an ổn cho các hàng Bồ-tát, học sáu pháp Ba-la-mật và sẽ chứng Vô thượng Bồ-đề.

Rồi Tôn giả Tu-bồ-đề nói với Câu-dực:

–Này Câu-dực! Ông hãy lắng nghe, tôi sẽ nói về Đại Bồ-tát an trụ trong Bát nhã Ba la mật. Trụ cũng như không trụ. Năm ấm và không của năm ấm, Bồ-tát và không của Bồ-tát; năm ấm không và Bồ-tát không là một không, chẳng phải hai.

Này Câu-dực! Bồ-tát nên an trụ vào Bát nhã Ba la mật như vậy.

Này Câu-dực! Sáu tình và không của sáu tình, Bồ-tát và không của Bồ-tát; sáu tình không, Bồ-tát không đều không khác. Sáu tánh và không của sáu tánh, Bồ-tát và không của Bồ-tát; sáu tánh không, Bồ-tát không đều không khác. Đại Bồ-tát nên suy nghĩ như vậy và trong Bát nhã Ba la mật cũng nên an trụ như vậy.

Lại nữa, này Câu-dực! Mười hai nhân duyên và không của mười hai nhân duyên; mười hai nhân duyên diệt và không của mười hai nhân duyên diệt; Bồ-tát và không của Bồ-tát, mười hai nhân duyên và không của mười hai nhân duyên, là một, chẳng phải hai.

Này Câu-dực! Đại Bồ-tát phải an trụ trong Bát nhã Ba la mật như vậy.

Sáu pháp Ba-la-mật và không của sáu pháp Ba-la-mật, nội ngoại không và hữu pháp, vô pháp không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng, các môn Tam-muội, các môn Đà-lani, Thanh văn thừa, Bích-chi-phật thừa cũng như vậy. Bồ-tát, Như Lai, trí Nhất thiết cũng như vậy. Không của Bồ-tát, không của trí Nhất thiết là một không, không phải hai. Bồ-tát phải an trụ trong Bát nhã Ba la mật như vậy.

Thích Đề-hoàn Nhân thưa Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Ý Tôn giả thế nào? Thế nào là Đại Bồ-tát không dừng lại trong Bát nhã Ba la mật?

Tu-bồ-đề đáp:

–Này Câu-dực! Bồ-tát không dừng lại vào sự đắc về năm ấm, cũng không dừng lại vào sự đắc của sáu tình, không dừng lại vào sự đắc về sáu tánh, không dừng lại về sự đắc về ba mươi bảy phẩm Trợ đạo cho đến trí Nhất thiết. Không dừng lại vào sự đắc từ quả Tu-đàhoàn, A-la-hán, Bích-chi-phật đến Phật. Không dừng lại vào không chấp giữ sự đắc từ năm ấm cho đến trí Nhất thiết. Không dừng lại vào sự đắc từ quả Tu-đà-hoàn đến Phật. Không dừng lại vào sự chướng đắc về năm ấm vô thường, thường, khổ, lạc, tịnh hay bất tịnh, ngã, vô ngã, không, bất không; diệt, bất diệt; tịch, bất tịch…

Không dừng lại ở quả Tu-đà-hoàn không trọn vẹn đến quả Phật không trọn vẹn, không dừng lại ở phước đức của Tu-đà-hoàn lên đến phước đức của Phật.

Lại nữa, này Câu-dực! Đại Bồ-tát không nên dừng lại vào sự chướng đắc từ bậc Địa thứ nhất đến bậc Địa thứ mười.

Từ Địa thứ nhất không nên dừng lại vào sự đắc và nói: "Ta đang đầy đủ Bố thí ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-lamật, Thiền định ba-la-mật và Trí tuệ ba-la-mật." Ta phải thành tựu đầy đủ ba mươi bảy phẩm Trợ đạo. Không nên dừng lại trong đó mà cho là có sự đắc, không nên dừng lại ở Bồ-tát đạo.

Không nên dừng lại vào Bồ-tát đạo cho đến quả vị không thoái chuyển. Không nên an trụ vào sự đắc khi Bồ-tát có đầy đủ năm pháp thần thông.

Bồ-tát có đầy đủ năm pháp Thần thông mà nói: "Tôi sẽ đến vô lượng, vô số a-tăng-kỳ kiếp cõi Phật để chiêm ngưỡng chư Như Lai, để nghe thuyết pháp, nghe xong, truyền lời dạy ấy đến tất cả chúng sinh." Bồ-tát không nên dừng lại vào sự đắc ấy.

Bồ-tát không nên dừng lại vào sự đắc này mà nói: "Ta sẽ biến hóa làm như thế giới của chư Phật, Như Lai." Bồ-tát không nên dừng lại vào sự đắc của Bát nhã Ba la mật, sẽ giảng dạy và giáo hóa tất cả chúng sinh để họ đạt đến đạo quả. Không nên dừng lại vào ý tưởng khi ta sẽ cúng dường vô lượng, vô số chư Phật với các tràng phan, hoa hương, lọng báu nhiều vô lượng, vô số trăm ngàn tấm vải và sẽ làm cho vô lượng, vô số chúng sinh thành tựu Vô thượng Bồđề. Không dừng lại vào ý tưởng như thế này: "Tôi sẽ được đầy đủ năm loại mắt: Nhục nhãn, Thiên nhãn, Pháp nhãn, Tuệ nhãn và Phật nhãn, sẽ sinh tất cả Tam-muội."

Không nên nguyện rằng: "Khi ta chứng được các môn Tam-muội, thì sẽ tự tại trong ấy." Bồ-tát không nên dừng lại như vậy. Không nên dừng lại vào sự đắc, khi ta có đầy đủ tất cả Đà-la-ni, bốn trí vô ngại, bốn Vô sở úy, mười Lực, mười tám pháp Bất cộng, sẽ đầy đủ bốn Đẳng, tâm đại Từ, đại Bi, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp.

Ở trong tám quả vị (bốn hướng, tứ quả) được thành tựu tín yếu và pháp yếu, không nên dừng lại vào đó. Ta không nên dừng lại ở quả Tu-đà-hoàn còn bảy lần qua lại sinh tử; Tư-đà-hàm còn một lần sinh tử. Không nên dừng lại ở các quả ấy, khi qua đời, dứt sạch các phiền não, không nên dừng lại trong đó. Đạo Tu-đà-hàm nhập Niếtbàn không nên dừng lại trong đó; Tư-đà-hàm chưa được đoạn trừ các gốc khổ không trụ lại trong đó, đắc được đạo ý A-na-hàm cũng không trụ lại; ở nơi quả A-na-hàm nửa đường nhập Niết-bàn không nên trụ lại trong đó; đắc quả A-la-hán chứng được A-la-hán ở trung gian nhập Vô dư Niết-bàn không trụ lại ở trong đó; ở bậc Bích-chiphật không trụ lại ở trong đó, người này vượt hơn A-la-hán, Bích-chiphật cho đến Bồ-tát địa cũng không nên trụ lại.

Không nên trụ vào sự đắc, khi Đại Bồ-tát làm Phật sự độ vô lượng chúng sinh, vì tất cả những việc làm ấy mà đắc Vô thượng Bồđề, đến khi các phiền não dứt sạch sẽ chứng được Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác, sẽ chuyển pháp luân làm Phật sự độ vô lượng chúng sinh thì cũng không trụ vào đó.

Được bốn Thần túc ở trong Tam-muội này sẽ được tuổi thọ nhiều kiếp như số cát sông Hằng, làm cho tuổi của ta nhiều vô số kiếp, sẽ được ba mươi hai tướng tốt của Đại sĩ. Mỗi tướng có một trăm phước công đức cũng không trụ vào đó; làm cho thế giới của ta lớn như hằng hà sa cỏi Phật

trong mười phương, tam thiên đại thiên thế giới của ta toàn là kim cương, cây Bồ-đề của ta sẽ phát ra mùi thơm làm cho tất cả chúng sinh nghe mùi thơm này không còn tham, sân, si; cũng không phát tâm Thanh văn, Bích-chi-phật. Chúng sinh nghe mùi thơm này tâm bệnh và thân bệnh đều tiêu trừ, sẽ khiến trong thế giới của ta nghe danh tự năm ấm: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức; không nghe danh tự sáu pháp Ba-la-mật; khiến thế giới của ta không nghe ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và mười tám pháp Bất cộng, cũng không nghe danh từ Tu-đà-hoàn cho đến Phật. Tất cả như vậy, Đại Bồ-tát không nên an trụ vào đó.

Vì sao vậy? Vì Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác lúc đắc Vô thượng Bồ-đề, không có sự đắc đối với các pháp.

Này Câu-dực! Thế nên ở trong Bát nhã Ba la mật, Bồ-tát nên trụ vào không có sự đắc.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nghĩ: "Đại Bồ-tát phải trụ lại trong Bát nhã Ba la mật như thế nào?"

Tu-bồ-đề biết tâm niệm của Xá-lợi-phất liền hỏi:

–Xá-lợi-phất! Theo ý Tôn giả thì chư Phật trụ chỗ nào?

Xá-lợi-phất đáp:

–Chư Phật không ở chỗ trụ và ý không dùng ở chỗ nào cả; không an trụ trong năm ấm, không an trụ trong thành tựu, cũng không an trụ trong không thành tựu, không an trụ trong tánh hữu vi và vô vi, cũng không an trụ trong mười tám pháp Bất cộng và không an trụ trong trí Nhất thiết.

Tu-bồ-đề nói:

–Trong Bát nhã Ba la mật, Đại Bồ-tát phải an trụ như chư Phật Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác trụ như không trụ. Đại Bồ-tát phải trụ như vậy, trụ vào chỗ không trụ.

Bấy giờ trong pháp hội có Thiên tử nghĩ: "Những lời nói của Dạ-xoa thì có thể biết được, những lời nói của Tu-bồ-đề giảng về

Bát nhã Ba la mật thì chúng tôi không biết."

Tôn giả Tu-bồ-đề biết tâm niệm của các Thiên tử nên hỏi:

–Các ông không hiểu, không biết chăng?

Các Thiên tử thưa:

–Đúng vậy, thưa Tôn giả! Chúng tôi thật chẳng hiểu chẳng biết gì.

Tu-bồ-đề nói với các Thiên tử:

–Những điều tôi nói ra, không thấy một chữ cũng không có người nghe. Vì sao vậy? Vì trong Bát nhã Ba la mật chẳng phải văn tự cũng không có người nghe.

Này các Thiên tử! Đạo pháp của Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác cũng không có văn tự.

Này các Thiên tử! Ví như Như Lai biến hóa làm Phật và làm bốn chúng đệ tử, biến hóa xong rồi vì họ mà thuyết pháp. Ý các ông nghĩ thế nào? Trong đó có người dạy, có người nói và có người nghe không?

Các Thiên tử thưa:

–Thưa không!

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

–Tất cả các pháp ví như biến hóa, trong đó không có người nói, không có người nghe, cũng không có người biết. Ví như người nằm mộng, thấy Đức Phật thuyết pháp, các ông nghĩ sao, có người nói và có người nghe không?

Các Thiên tử thưa:

–Không có người nói, không có người nghe.

Tu-bồ-đề nói:

–Tất cả các pháp đều như huyễn, không có người nói, không có người nghe, không thật có.

Ví như có hai người, mỗi người ở hai đầu hẻm vực sâu, cả hai đều lên tiếng ca ngợi Phật, Pháp, Tăng; tiếng vọng của hai người ấy có biết nhau không?

Các Thiên tử nói:

–Thưa Tôn giả! Không biết.

Tu-bồ-đề nói:

–Ví như có nhà ảo thuật giỏi ở giữa ngã tư đường, hóa làm Như Lai và bốn chúng đệ tử rồi thuyết pháp. Ý các ông nghĩ sao, trong đó có người nói, người dạy và người nghe không?

Các Thiên tử thưa:

–Bạch Tôn giả! Không.

Các Thiên tử lại nghĩ: “Tôn giả Tu-bồ-đề trình bày Bát-nhã bala-mật, pháp ấy rất sâu, chỗ dạy càng sâu và rất nhiệm mầu.” Tu-bồ-đề biết tâm niệm của các Thiên tử nên nói:

–Sắc không sâu cũng không vi diệu, không phải vì năm ấm mà vi diệu; sáu tình, nội ngoại không, hữu vi pháp không, vô vi pháp không cho đến sáu pháp Ba-la-mật, mười tám pháp Bất cộng đều như vậy. Các môn Tam-muội và Đà-la-ni đến trí Nhất thiết; tất cả đều không sâu cũng không nhiệm mầu, không phải vì trí Nhất thiết mà thâm diệu.

Các Thiên tử nghĩ: Trong khi thuyết pháp chẳng nói đến năm ấm, sáu tình, sáu pháp Ba-la-mật, nội ngoại không, hữu pháp không, vô pháp không; không nói ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng, không nói quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán; không nói Bích-chi-phật đạo, chẳng nói đến văn tự. Việc ấy như thế nào?

Tu-bồ-đề nói:

–Này các Thiên tử, đúng như vậy! Đạo của Như Lai đều không sự đắc và không có thể thuyết. Cho nên các pháp không có người nói, không có người nghe, không có người nhận và cũng không có người đắc.

Tu-bồ-đề nói:

–Này các Thiên tử! Người muốn an trụ Tu-đà-hoàn quả, muốn chứng Tu-đà-hoàn quả; hoặc người muốn an trụ, muốn chứng A-lahán quả, Bích-chi-phật đạo và Phật đạo thì người ấy nên an trụ như vậy hoàn toàn chẳng lìa Trí nhãn.

Bồ-tát từ bắt đầu phát tâm đến nay, không có gì để nói cũng không có gì để nghe, nên an trụ như vậy.

QUYỂN 6

Phẩm 29: NHƯ HUYỄN

Bấy giờ, các Thiên tử nghĩ: “Chúng ta phải làm thế nào để nghe giáo pháp của Tôn giả Tu-bồ-đề?”

Biết tâm niệm của các Thiên tử, Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

–Này các vị! Những người trong hội này nghe tôi thuyết pháp như người huyễn hóa, người này dầu có nghe cũng không nhận, không có thấy cũng không có chứng.

Các Thiên tử hỏi:

–Thưa Tôn giả! Chúng sinh như huyễn hóa chăng?

Tu-bồ-đề đáp:

–Đúng vậy! Tất cả chúng sinh như huyễn, những người trong hội này cũng như huyễn; chúng ta cũng như huyễn, như mộng. Năm ấm như huyễn như hóa; sáu căn, thức, trần như huyễn như hóa. Nội ngoại không và hữu pháp, vô pháp không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và mười tám pháp Bất cộng cũng đều như huyễn như hóa. Tuđà-hoàn quả cho đến Phật đạo Chánh đẳng giác cũng như huyễn.

Ngay lúc đó, các vị Thiên tử hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Tại sao đạt đến quả vị Phật rồi cũng lại như huyễn như mộng? Tu-bồ-đề đáp:

–Ta nói đạt đến quả Phật cũng như huyễn. Nếu còn có pháp nào hơn Niết-bàn tôi cũng nói như huyễn.

Này các Thiên tử! Mộng huyễn là một, không hai.

Bấy giờ các ngài như Tôn giả Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiềnliên, Ma-ha Câu-hy-la, Ma-ha Ca-chiên-diên, Bân-nậu-văn-đà-nitử, Đại Ca-diếp… và vô lượng, vô số Bồ-tát đồng hỏi Tôn giả Tubồ-đề:

–Bát nhã Ba la mật rất sâu, rất rộng, khó hiểu, khó rõ, khó thấy, khó biết như vậy, ai sẽ là người có thể thấu triệt được?

Bấy giờ, Tôn giả A-nan thưa với các vị đại đệ tử cùng các Bồ-tát:

–Bát nhã Ba la mật này là pháp rất sâu, thâm diệu, rất rộng, khó thấy, khó hiểu, khó biết, chẳng thể nghĩ bàn, chỉ có các bậc không thoái chuyển, các Đại Bồ-tát, bậc Kiến đế hoàn toàn A-lahán từ vô lượng, vô số kiếp trước, ở chỗ chư Phật đã gieo trồng công đức, thường gần gũi các bậc Thiện tri thức và các thiện nam, thiện nữ có đại trí tuệ, những người này nghe Bát nhã Ba la mật sâu rộng và vi diệu liền có thể tin ưa thích, không bao giờ từ bỏ. Họ không dùng không để phân biệt năm ấm, không dùng năm ấm để phân biệt không; không dùng năm ấm để phân biệt Vô tướng, Vô nguyện; không dùng Vô tướng, Vô nguyện để phân biệt năm ấm; không dùng không sự sinh, không sự diệt để phân biệt năm ấm; không dùng năm ấm để phân biệt không sự sinh, không sự diệt; không dùng tịch tĩnh để phân biệt năm ấm, không dùng năm ấm phân biệt tịch tĩnh, cho đến sáu tình và các duyên khởi cũng lại như vậy. Từ Bố thí ba-la-mật đến Bát nhã Ba la mật cũng như vậy; từ nội ngoại không đến hữu pháp vô pháp không cũng như vậy; từ ba mươi bảy phẩm Trợ đạo đến mười tám pháp Bất cộng đều cũng như vậy; không dùng các môn Tam-muội và Đà-la-ni để phân biệt năm ấm, không dùng năm ấm để phân biệt các môn Tam-muội và Đà-la-ni; không dùng Tu-đà-hoàn, A-la-hán, Bích-chi-phật cho đến trí Nhất thiết để phân biệt không, không dùng không để phân biệt trí Nhất thiết. Cũng không dùng Vô tướng, Vô nguyện để phân biệt trí Nhất thiết, không dùng trí Nhất thiết để phân biệt Vô tướng, Vô nguyện;

không dùng tánh đầy đủ, không đầy đủ để phân biệt không; không dùng không để phân biệt tánh đầy đủ, không đầy đủ, cho đến Vô tướng, Vô nguyện cũng như vậy; không dùng không sự sinh, không sự diệt để phân biệt tịch tĩnh; không dùng tịch tĩnh để phân biệt năm ấm.

Tu-bồ-đề nói với các Thiên tử:

–Bát nhã Ba la mật rất thâm diệu nên những người có trí tuệ luôn luôn thực hành. Vì sao? Vì pháp này không có gì để lo cũng không có gì để buồn. Nếu không lo buồn thì chúng sinh cũng không đoạn tuyệt.

Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Trong Bát nhã Ba la mật này rộng nói giáo pháp ba thừa và giáo pháp bảo hộ Bồ-tát, từ bậc bắt đầu phát tâm đến bậc trụ Địa thứ mười, sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng và pháp bảo hộ Đại Bồ-tát.

Đây là Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật để giáo hóa chúng sinh, đi đến các cõi Phật, chẳng tổn mất chút thần thông nào, tùy họ ưa thích gì đều do thiện căn xưa kia cúng dường chư Phật liền đạt như ý nguyện. Theo chư Phật, Thế Tôn để nghe và lãnh thọ giáo pháp mãi đến trí Nhất thiết không đoạn tuyệt, chưa từng rời Tam-muội, thời sẽ được biện tài vô ngại, biện tài bất tận, biện tài đúng căn cơ, biện tài lanh lợi, biện tài đúng nghĩa, biện tài hơn tất cả thế gian.

Tu-bồ-đề nói:

–Đúng như vậy, như Xá-lợi-phất nói Bát nhã Ba la mật rộng nói đầy đủ giáo pháp ba thừa và giáo pháp Bồ-tát thừa. Đại thừa Bồ-tát được biện tài tối thượng, không thủ đắc và cũng không chấp trước. Không chấp vào ngã sở, tri kiến, thọ mạng, năm ấm, từ Bố thí ba-la-mật đến Trí tuệ ba-la-mật, từ nội ngoại không đến hữu pháp, vô pháp không, từ ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng đến Nhất thiết chủng trí.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Vì sao trong Bát nhã Ba la mật rộng nói giáo pháp ba thừa mà không sự đắc? Vì sao nói bảo hộ cả Bồ-tát? Vì sao trong Bát nhã Ba la mật được Biện tài tối thượng mà không sự đắc?

Tu-bồ-đề nói:

–Từ nội không cho đến giáo pháp ba thừa đều xuất phát từ Bát nhã Ba la mật cũng không sự đắc. Từ nội ngoại không đến hữu pháp, vô pháp không, rộng nói giáo pháp ba thừa cũng không sự đắc. Từ nội ngoại không rộng nói giáo pháp bảo hộ Bồ-tát đạt được biện tài tối thượng vi diệu trong tất cả thế gian, cũng không sự đắc. Từ hữu pháp, vô pháp không đến Bồ-tát đạt được Biện tài tối thượng đều ủng hộ cho tất cả thế gian không sự đắc vậy.

QUYỂN 6

Phẩm 30: MƯA PHÁP

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân nghĩ: “Tôn giả Tu-bồ-đề nói pháp như mưa rưới khắp tam thiên đại thiên thế giới.”

Từ cõi trời Tứ Thiên vương lên đến cõi trời Sắc cứu cánh, các cõi trời đều suy nghĩ: “Nay Tôn giả Tu-bồ-đề vì chúng ta mà ban mưa pháp. Chúng ta nên hóa hiện hoa đẹp để rải trên Đức Phật Thế Tôn, các Đại Bồ-tát, các đại đệ tử và Tôn giả Tu-bồ-đề.”

Ngay lúc ấy, các vị Thích Đề-hoàn Nhân và các cõi trời Tứ Thiên vương trong tam thiên đại thiên thế giới đều hóa hiện hoa đẹp rải trên Đức Phật, các Đại Bồ-tát, các Tỳ-kheo Tăng cùng Tôn giả Tu-bồ-đề và cúng dường Bát nhã Ba la mật. Lúc bấy giờ, khắp tam thiên đại thiên thế giới, chư Thiên rải hoa đầy trong hư không giống như cái hoa ở chỗ ngồi. Ngay lúc ấy, những hoa đang lơ lửng trong hư không hóa thành những đài hoa xinh đẹp đặc biệt.

Khi ấy, Tu-bồ-đề nghĩ: "Từ khi ta lên cung trời này chưa từng trông thấy những hoa như vậy. Những hoa mà Thiên tử rải là hóa hoa, không phải hoa từ cây sinh ra."

Thích Đề-hoàn Nhân nói với Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Những hoa này chẳng phải hoa tươi cũng không phải hoa của cây ý tưởng.

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

–Này Câu-dực! Những hoa này nếu không do cây sinh ra thì chẳng gọi là hoa.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi Tu-bồ-đề:

–Chỉ có hoa này là không sinh hay là năm ấm cũng không sinh?

Tu-bồ-đề đáp:

–Hoa này và năm ấm cả hai đều không sinh. Nếu không sinh thì không phải là năm ấm; sáu tình cũng không sinh, nếu không sinh thì không phải sáu tình; sáu pháp Ba-la-mật cũng không sinh, nếu sáu pháp Ba-la-mật không sinh thì không phải sáu pháp Ba-lamật. Từ nội ngoại không đến hữu pháp, vô pháp không cũng không sinh, nếu không sinh thì chẳng phải hữu pháp, vô pháp không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng; cho đến trí Nhất thiết cũng không sinh, nếu không sinh thì không phải là trí Nhất thiết.

Thích Đề-hoàn Nhân nghĩ: "Biện tài của Tôn giả Tu-bồ-đề rất sâu và vi diệu, nên mới biết như vậy. Tùy theo biện tài ấy mà Tôn giả Tu-bồ-đề thuyết pháp thích hợp căn cơ mà không bị trái ngược."

Đức Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Đúng như vậy! Này Câu-dực! Tôn giả Tu-bồ-đề thật là vi diệu tối thượng, thuyết pháp hợp căn cơ không trái ngược.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tôn giả Tu-bồ-đề thuyết pháp hợp với căn cơ không trái ngược sai lầm như thế nào?

Đức Phật bảo Câu-dực:

–Năm ấm, sáu tình chỉ là số mà thôi. Vì năm ấm, sáu tình chỉ là số cho nên những gì Tu-bồ-đề nói là không nhầm lẫn. Vì sao? Vì theo đúng như pháp thì không nhầm lẫn cũng không hòa hợp, vì không hòa hợp nên không nhầm lẫn. Vì thế những điều mà Tu-bồđề nói là không nhầm lẫn. Cho đến sáu pháp Ba-la-mật, nội ngoại không, hữu pháp Vô pháp không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng cũng đều như vậy. Từ quả Tu-đà-hoàn cho đến Bích-chi-phật đạo cho đến trí Nhất thiết và sự thực hành trí Nhất thiết cũng như vậy; từ Tu-đà-hoàn, A-la-hán, Bích-chi-phật cho đến Chánh đẳng giác cũng như vậy.

Này Câu-dực! Những quả vị đó chỉ là những pháp số thôi, những điều Tôn giả nói cũng là những pháp số. Cho nên Tôn giả Tu-bồ-đề nói không sai trái. Vì sao? Như pháp thì không hòa

hợp cũng không nhầm lẫn, vì không hòa hợp không nhầm lẫn cho nên Tu-bồ-đề nói pháp như vậy, tùy theo căn cơ của họ nên không nhầm lẫn.

Tu-bồ-đề nói:

–Đúng như vậy! Này Câu-dực, như giáo pháp Đức Phật Thế Tôn đưa ra mà Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, thì nên biết những pháp ấy cũng chỉ là những pháp số thôi.

Này Câu-dực! Bồ-tát học như vậy là học sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng không thấy năm ấm để học. Bồ-tát học như vậy là không học nội ngoại không và hữu pháp, vô pháp không. Vì sao? Vì không thấy có pháp để học. Bồ-tát học như vậy là học ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng, không học quả Tu-đà-hoàn, A-lahán, Bích-chi-phật cho đến Nhất thiết chủng trí đạo. Vì sao? Vì không thấy trí Nhất thiết để học.

Thích Đề-hoàn Nhân thưa Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Vì sao không thấy năm ấm cho đến trí Nhất thiết cũng không thấy.

Tu-bồ-đề đáp:

–Này Câu-dực! Năm ấm va không của năm ấm, trí Nhất thiết và không của trí Nhất thiết. Vì sao? Không thể vì sắc của không mà học không của sắc, không vì không của trí Nhất thiết mà học trí Nhất thiết của không, không vì học không là để học không, không vì cả hai học như vậy để học, không vì cả hai việc để học không của năm ấm, không vì cả hai việc để học không của Nhất thiết chủng trí.

Này Câu-dực! Không dùng hai việc để học năm ấm của không là học sáu pháp Ba-la-mật, không dùng hai việc học không của Nhất thiết chủng trí để học sáu pháp Ba-la-mật, để học nội ngoại không đến Hữu pháp Vô pháp không, để học ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng; không vì hai việc học để học Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán, Bích-chi-phật; không dùng hai việc để học Chánh đẳng giác; cũng không dùng hai việc để học Nhất thiết chủng trí, học Phật.

Bồ-tát này học trí Nhất thiết là học trong vô lượng, vô biên atăng-kỳ pháp Phật.

Bồ-tát này học Phật pháp, không học năm ấm tăng, không học năm ấm giảm, cho đến không vì Nhất thiết tăng mà học, cũng không vì Nhất thiết giảm mà học. Như vậy Bồ-tát học về không tăng không giảm, cũng không chấp nhận năm ấm cũng không nửa đường diệt năm ấm mà học, đến trí Nhất thiết cũng không thọ học cũng không nửa đường diệt trí Nhất thiết.

Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát học như vậy không vì nhận lấy trí Nhất thiết mà học cũng không vì nửa đường diệt trí Nhất thiết mà học chăng?

Tu-bồ-đề đáp:

–Đúng như vậy!

Xá-lợi-phất lại hỏi:

–Tại sao từ năm ấm đến trí Nhất thiết không vì nhận lấy mà học, cũng không vì nửa đường diệt trí Nhất thiết mà học?

Tu-bồ-đề đáp:

–Sắc này tự nó không nhận lấy cũng không có người nhận lấy sắc, cho đến trí Nhất thiết cũng không tự nhận được cũng không người nhận trí Nhất thiết, từ nội ngoại không đến hữu pháp, vô

pháp không chẳng tự nhận cũng không người nhận lấy không. Như vậy, Xá-lợi-phất, đối với các pháp, các Đại Bồ-tát đã không có sự nhận lấy cho nên ở trong trí Nhất thiết sinh ra.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật đối với các pháp không nhận lấy thì sinh ra trí Nhất thiết phải không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Đúng như vậy!

Xá-lợi-phất lại hỏi:

–Bồ-tát học như vậy đối với tất cả pháp không nhận lấy cũng không học nhận lấy, không học diệt thì làm sao sinh ra được trí Nhất thiết?

Tu-bồ-đề đáp:

–Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật không thấy sắc sinh cũng không thấy sắc diệt, không thấy thọ cũng không thấy không thọ, không thường, không đoạn, không tăng, không giảm. Tại sao? Xálợi-phất! Không cho năm ấm là có, không thấy sinh cũng không thấy diệt, không thấy thọ không thấy không thọ, không thấy thường không thấy đoạn, không thấy tăng không thấy giảm. Tại sao? Vì không thấy có năm ấm đến trí Nhất thiết, không thấy sinh diệt, không thấy nhận lấy, không thấy thường, không thấy đoạn, không thấy tăng, không thấy giảm. Vì sao? Vì trí Nhất thiết là không nên không sự đắc. Vì thế Bồ-tát đối với tất cả các pháp không sinh, không diệt, không thọ, không thường, không đoạn, không tăng, không giảm mà học Bát nhã Ba la mật nên sinh trí Nhất thiết. Nên nghĩ như vầy: "Không có gì để học cũng không có gì để sinh." Thích Đề-hoàn Nhân hỏi Xá-lợi-phất:

–Bồ-tát nên do đâu để cầu Bát nhã Ba la mật?

Xá-lợi-phất đáp:

–Này Câu-dực! Đại Bồ-tát nên cầu tuần tự như Tu-bồ-đề.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi:

–Có phải do nhân duyên và ân lực của Tu-bồ-đề mà khiến Xálợi-phất nói Đại Bồ-tát Bát nhã Ba la mật nên cầu tuần tự như Tubồ-đề chăng?

Tu-bồ-đề đáp:

–Này Câu-dực! Chẳng phải nhân duyên và ân lực của tôi.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi:

–Đó là ân lực của ai vậy?

Tu-bồ-đề đáp:

–Đó là thần lực của Đức Phật.

Thích Đề-hoàn Nhân nói:

–Tất cả các pháp đều không nơi chốn, tại sao nói do từ nơi oai thần của Phật? Như Lai không từ trong pháp khác với nơi chốn mà thấy, Phật cũng không ở trong như mà thấy?

Tu-bồ-đề đáp:

–Đúng như vậy!

Này Câu-dực! Như Lai không từ trong nơi chốn khác mà thấy, cũng không từ trong của nơi chốn khác mà thấy, cũng không lấy Như Lai là Như, cũng không lấy Như là Như Lai; không cho

Như của năm ấm là Như Lai, cũng không cho Như Lai là Như của năm ấm; không lấy pháp của năm ấm là Như Lai, cũng không lấy Như Lai là pháp của năm ấm; không lấy Như của trí Nhất thiết là Như Lai, cũng không lấy Như Lai làm Như của trí Nhất thiết; không lấy pháp của trí Nhất thiết là Như Lai, cũng không lấy Như Lai là pháp trí Nhất thiết.

Này Câu-dực! Nếu Phật cùng pháp năm ấm không hợp, cũng chẳng không hợp, không lìa pháp của năm ấm là có hợp hay không hợp? Cũng không lìa Như của năm ấm là có hợp hay không hợp? Cho đến trí Nhất thiết, pháp Như của trí Nhất thiết không hợp cũng không phải không hợp; không lìa trí Nhất thiết, pháp Như của trí Nhất thiết không hợp cũng không phải không hợp.

Này Câu-dực! Vì thế trong tất cả các pháp không hợp, không tan là xứ sở của thần lực. Đây là hành động không xứ sở.

Như lời Câu-dực vừa hỏi: Nên cầu Bát nhã Ba la mật như thế nào? Không nên ở trong năm ấm mà cầu cũng không rời năm ấm mà cầu Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Này Câu-dực! Bát nhã Ba la mật này là năm ấm, tất cả pháp này không đồng, không khác, không hình, không thể thấy, không chướng ngại, một tướng, một tướng tức là vô tướng.

Lại nữa, này Câu-dực! Bồ-tát cầu Bát nhã Ba la mật không rời trí Nhất thiết mà cầu cũng không ở trong trí Nhất thiết mà cầu. Tại sao? Vì Bát nhã Ba la mật và trí Nhất thiết, những điều cầu không đồng, không khác, không hình, không thấy, không ngại, một tướng, một tướng tức là vô tướng. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật không phải năm ấm cũng không rời năm ấm. Bát nhã Ba la mật không phải trí Nhất thiết cũng không lìa trí Nhất thiết; Như của năm ấm không phải Bát nhã Ba la mật, Bát nhã Ba la mật cũng không lìa Như của năm ấm; Bát nhã Ba la mật không phải pháp của năm ấm cũng không lìa pháp của năm ấm; Bát nhã Ba la mật không phải pháp của trí Nhất thiết cũng không rời pháp của trí Nhất thiết.

Vì sao? Này Câu-dực! Vì tất cả pháp này không có cũng không thể thủ đắc. Vì tất cả pháp không thể thủ đắc nên Bát nhã Ba la mật không phải là năm ấm cũng không lìa năm ấm. Bát nhã Ba la mật không phải pháp năm ấm cũng không lìa pháp năm ấm; Bát-nhã bala-mật không phải Như của năm ấm cũng không lìa Như của năm ấm; Bát nhã Ba la mật không phải trí Nhất thiết cũng không lìa trí Nhất thiết; Bát nhã Ba la mật không phải Như của trí Nhất thiết cũng không lìa Như của trí Nhất thiết, không phải pháp trí Nhất thiết cũng không lìa pháp trí Nhất thiết.

Thích Đề-hoàn Nhân nói:

–Ma-ha ba-la-mật này là hạnh lớn của Đại Bồ-tát. Ba-la-mật là hạnh lớn của vô lượng, vô biên của hàng Bồ-tát, do học pháp này mà đạt được Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chiphật, học các pháp này thì thành tựu Bồ-tát, thanh tịnh cõi Phật, giáo hóa chúng sinh, chứng Vô thượng Bồ-đề.

Tu-bồ-đề nói:

–Này Câu-dực, đúng như vậy! Đúng như Thích Đề-hoàn Nhân đã nói, người đã chứng, người đang chứng đều từ trong Bát-nhã bala-mật này mà thành tựu bậc Chánh đẳng giác. Vì năm ấm rộng lớn nên Bát nhã Ba la mật cũng rộng lớn.

Này Câu-dực! Năm ấm không trước, không sau, không ở giữa cũng không ở bờ mé, cho đến trí Nhất thiết cũng vậy.

Này Câu-dực! Đây là sự hóa độ lớn lao của Đại Bồ-tát, vì năm ấm vô lượng cho nên sự hóa độ của Đại Bồ-tát cũng vô lượng. Tại sao? Vì năm ấm không thể lường; ví như hư không, không thể lường; cho nên năm ấm cũng không thể lường. Vì hư không không thể lường nên năm ấm không thể lường, vì năm ấm không thể lường nên Bát nhã Ba la mật cũng không thể lường. Cho đến trí Nhất thiết không thể lường nên Bát nhã Ba la mật của Đại Bồ-tát cũng không thể lường. Vì sao? Vì trí Nhất thiết không lường, nên hư không cũng không thể lường. Vì trí Nhất thiết không lường nên hư không cũng không thể lường; vì hư không không thể lường nên Bát-nhã ba-lamật cũng không thể lường.

Này Câu-dực! Do nhân duyên này nên Bát nhã Ba la mật của Đại Bồ-tát không thể lường, hư không cũng không thể lường. Vì năm ấm vô biên nên Bát nhã Ba la mật của Bồ-tát cũng vô biên. Vì sao? Vì bờ mé và đáy của năm ấm không thể thấy được, cho đến trí Nhất thiết cũng không có đáy nên Bát nhã Ba la mật của Bồ-tát cũng không có đáy.

Vì sao? Này Câu-dực! Vì trí Nhất thiết không có đáy cũng không có bờ mé, cho nên Bát nhã Ba la mật của Đại Bồ-tát cũng không có đáy. Từ năm ấm không có đáy đến trí Nhất thiết cũng không có đáy.

Lại nữa, này Câu-dực! Vì nhân duyên không có đáy nên Bát nhã Ba la mật của Bồ-tát cũng không có đáy.

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Tôn giả Tu-bồ-đề, thế nào là nhân duyên không có đáy nên Bát nhã Ba la mật của Bồ-tát không có đáy?

Tu-bồ-đề đáp:

–Vì nhân duyên của trí Nhất thiết không có đáy nên Bát nhã Ba la mật của Bồ-tát không có đáy; vì nhân duyên của pháp không có đáy nên Bát nhã Ba la mật của Bồ-tát không có đáy.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi:

–Thế nào là nhân duyên của pháp không đáy nên Bát-nhã bala-mật của Bồ-tát không đáy?

Tu-bồ-đề đáp:

–Này Câu-dực! Pháp tánh không đáy nên nói chúng sinh có thật chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Thưa Tôn giả, không có thật!

–Này Câu-dực! Nếu không nói có chúng sinh thì chúng sinh ở đâu mà có biên giới?

Này Câu-dực! Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác sống lâu đến hằng hà sa số kiếp nói chúng sinh có sinh, có diệt. Ý ông thế nào? Thật có chúng sinh có sinh, có diệt không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Thưa không! Vì sao? Vì chúng sinh thanh tịnh nên không có gì thanh tịnh cả.

–Vì vậy, Câu-dực nên biết, vì chúng sinh không có đáy, nên Bát nhã Ba la mật không đáy, cũng không ngằn mé.

QUYỂN 6

Phẩm 31: TÁN THÁN

Bấy giờ các Phạm vương cùng các Phạm thiên đều ở trong pháp hội. Thích Đề-hoàn Nhân cùng các quyến thuộc và các Thiên nữ cũng ở trong pháp hội.

Các Thiên tử Thích, Phạm đồng khen:

–Hay thay, hay thay! Pháp của Tôn giả Tu-bồ-đề tuyên thuyết thật là hy hữu, do nhân duyên thần lực của Đức Phật mà diễn thuyết ban bố giáo pháp này. Nếu có Bồ-tát nào thực hành Bát-nhã ba-lamật này mà không xa rời, thời chúng tôi xem các vị Bồ-tát đó như Đức Phật, không có người nào thấy được pháp này cũng không có người nào thấy được sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí Nhất thiết, giáo pháp ba thừa, A-la-hán, Bích-chi-phật và Phật cũng không thể nắm bắt được.

Đức Phật bảo các Thiên tử:

–Đúng như vậy, như lời của chư Thiên nói, giáo pháp này không thể đắc cũng không thể thấy. Từ sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí Nhất thiết đều không thể đắc không thể thấy, chỉ có giáo pháp ba thừa mà thôi. Giáo pháp ba thừa không thể đắc cũng không thể thấy.

Nếu có Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật này mà không thủ đắc thì nên xem vị ấy như Đức Phật. Vì sao? Vì trong Bát nhã Ba la mật rộng nói về giáo pháp ba thừa, không rời sáu pháp Ba-la-mật để đắc quả Phật, cũng không rời nội ngoại không và hữu pháp không, vô pháp không, không rời ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng, cũng không rời trí Nhất thiết để đắc quả Phật.

Này các Thiên tử, tất cả các Bồ-tát nên học và biết các pháp từ Bố thí ba-la-mật đến trí Nhất thiết. Thế nên xem vị Bồ-tát ấy cũng như Đức Như Lai.

Đức Phật bảo các Thiên tử:

–Thuở xưa ở nước Hoa nghiêm, ta theo Đức Phật Nhiên Đăng đến nay, chưa từng rời sáu pháp Ba-la-mật, nội ngoại không đến hữu pháp, vô pháp không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, bốn Thiền, bốn Tâm bình đẳng, bốn Định vô sắc, các môn Tam-muội và Đà-la-ni, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại trí, đại Từ, đại Bi, mười tám pháp Bất cộng và vô lượng, vô số các Phật pháp khác, không bao giờ rời các pháp này cũng không thủ đắc. Bấy giờ Đức Phật Nhiên Đăng thọ ký cho ta: “Qua khỏi một a-tăng-kỳ kiếp vào đời vị lai sẽ thành Phật hiệu Thích-ca Mâu-ni, Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều

Ngự, Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.” Lúc đó, các Thiên tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu, Bồ-tát thực hành Bát-nhã bala-mật nhưng này đối với trí Nhất thiết không giữ, không bỏ. Đối với pháp năm ấm cũng không giữ không bỏ.

Bấy giờ Đức Phật nhìn quanh bốn chúng đệ tử Tỳ-kheo, Tỳkheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, các Đại Bồ-tát, các vị Tứ Thiên vương lên đến chư Thiên cõi trời Sắc cứu cánh… Thấy đại chúng rồi, Đức Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực! Nếu có Đại Bồ-tát Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưubà-tắc, Ưu-bà-di và các Thiên tử nào mà thọ trì đọc tụng kinh Bátnhãba-la-mật, lại bố thí cho người, khiến họ đọc tụng ghi nhớ không lìa tâm trí Nhất thiết, thời các loài Ma và Thiên ma không thể nào phá hoại được. Vì sao? Vì các thiện nam, thiện nữ đó đã hành Không, Vô tướng, Vô nguyện của năm ấm nên không tìm

được chỗ sơ hở của Không, Vô tướng, Vô nguyện; cho đến hành không của trí Nhất thiết, cũng không tìm chỗ sơ hở về không của trí Nhất thiết, cũng không thấy việc này có sơ hở gì cả.

Này Câu-dực! Các phi nhân không tìm được chỗ sơ hở của các thiện nam, thiện nữ này. Vì sao? Vì các thiện nam, thiện nữ này có lòng đại Từ, đại Bi, đem tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả ban bố cho tất cả chúng sinh.

Này Câu-dực! Các thiện nam, thiện nữ này được tuổi thọ dài lâu. Vì sao? Vì các thiện nam, thiện nữ này khi thực hành Bố thí bala-mật, bình đẳng với tất cả chúng sinh. Vì thế cho nên được kéo dài tuổi thọ.

Này Câu-dực! Các cõi trời Tứ thiên vương, Đao-lợi, Diễm, Đâu-suất, Hóa lạc, Tha hóa tự tại, Thiền thứ nhất, Thiền thứ hai, Thiền thứ ba, Thiền thứ tư ở trong tam thiên đại thiên thế giới có ai phát tâm Vô thượng Bồ-đề mà chưa từng nghe Bát nhã Ba la mật này và chưa thọ trì đọc tụng, thời các vị Thiên tử ấy nay phải nghe, thọ trì, đọc tụng và thực hành Bát nhã Ba la mật, không rời tâm Nhất thiết trí.

Này Câu-dực! Các thiện nam, thiện nữ này thực hành Bát nhã Ba la mật rồi, hoặc thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, ghi nhớ, thực hành không rời tâm trí Nhất thiết. Các thiện nam, thiện nữ này nếu đến nơi thanh tịnh vắng lặng xa xôi, hoặc ngồi nơi đất trống, hoặc trong nhà, luôn luôn không bị sợ hãi. Vì sao? Vì các thiện nam, thiện nữ này biết rõ nội ngoại không cho đến hữu pháp, vô pháp không cũng đều không nắm bắt được.

Bấy giờ, các vị tứ Thiên vương lên đến trời Thủ đà hội trong tam thiên đại thiên thế giới đồng thanh bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con sẽ ủng hộ các thiện nam, thiện nữ thọ trì đọc tụng giảng thuyết giữ gìn và thực hành Bát nhã Ba la mật, chúng con sẽ ủng hộ làm cho họ không rời tâm trí Nhất thiết.

Vì sao vậy? Vì do nhân duyên qua lại của Bồ-tát, nên dứt được ba đường ác, đoạn được sự nghèo khó của Trời Người, dứt được các khổ trong loài người; dứt tất cả những tai họa, bệnh tật, đói khát..

Vì nhân duyên qua lại của Bồ-tát, nên có việc thiện xuất hiện trong thế gian, liền biết có bốn Thiền, bốn Đẳng, bốn Không định, sáu pháp Ba-la-mật; từ nội ngoại không đến hữu pháp, vô pháp không, liền biết có ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng đến trí Nhất thiết.

Vì do nhân duyên qua lại của Bồ-tát, nên biết thế gian có những dòng Sát-lợi, Trưởng giả; biết những dòng Bà-la-môn tôn quý, biết có Chuyển luân Thánh vương, biết có tứ Thiên vương đến cõi trời Sắc cứu cánh.

Vì do nhân duyên qua lại của Bồ-tát, nên biết có quả Tu-đàhoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật đạo, biết giảng dạy chúng sinh, biết có cõi Phật thanh tịnh.

Vì do nhân duyên qua lại của Bồ-tát, nên biết chư Phật, Thế Tôn, Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác; biết có Chuyển luân Thánh vương, biết có Tam bảo.

Vì thế cho nên chư Thiên, A-tu-la và loài Người trong thế gian đều ủng hộ Đại Bồ-tát này.

Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Đúng như vậy! Này Câu-dực! Vì do nhân duyên qua lại của Bồ-tát mà dứt ba đường ác, làm hưng thịnh Tam bảo. Vì thế cho nên chư Thiên và loài Người trong thế gian đều nên cung kính, cúng dường, tôn trọng và thường ủng hộ các Đại Bồ-tát này.

Này Câu-dực! Cúng dường tôn trọng Đại Bồ-tát này cũng như cúng dường cung kính tôn trọng ta, các ông phải biết như vậy, như cúng dường Như Lai không khác.

Này Câu-dực! Chư Thiên và loài Người trong thế gian sẽ cung kính các vị ấy như vậy.

Này Câu-dực! Trong tam thiên đại thiên thế giới có các vị

Thanh văn, Bích-chi-phật nhiều như lúa, mè, tre, lau, rừng rậm. Nếu có thiện nam, thiện nữ cung kính cúng dường tôn trọng và cung cấp những thứ cần dùng cho các vị ấy, cũng không bằng các thiện nam, thiện nữ cúng dường tôn trọng các bậc Bồ-tát mới phát tâm và thực hành sáu pháp Ba-la-mật.

Vì sao? Vì không thể dựa vào A-la-hán, Bích-chi-phật mà biết là có Bồ-tát và Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác mà phải dựa vào Bồ-tát làm nhân duyên nên mới biết có A-la-hán, Bích-chi-phật và Chánh đẳng giác.

Vì thế nên, này Câu-dực! Tất cả các hàng chư Thiên và loài người trong thế gian phải thường cung kính tôn trọng và ủng hộ các Đại Bồ-tát này.

QUYỂN 6
Phẩm 32: ĐIỀU PHỤC CHÚNG SINH

Lúc bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật kỳ lạ và hy hữu thay! Nếu có người nào nghe, thọ trì, đọc tụng, thủ hộ và thực hành Bát nhã Ba la mật thì được công đức trong hiện tại, giáo hóa chúng sinh làm thanh tịnh cõi Phật, từ quốc độ Phật này đến quốc độ Phật khác, chiêm ngưỡng chư Phật rồi, tâm muốn cúng dường, tùy theo với ước nguyện gì liền có để cúng dường, được đầy đủ căn lành là do người ấy theo Phật nghe pháp đến được Vô thượng Bồ-đề, không giữa chừng quên sót, liền được gia đình thành tựu, phụ mẫu thành tựu, sinh ra thành tựu, quyến thuộc thành tựu, tướng mạo thành tựu, quang minh thành tựu, mắt thành tựu, tai thành tựu, Tam-muội thành tựu, Đà-la-ni thành tựu.

Bồ-tát dùng phương tiện quyền xảo biến hóa như Phật, đi từ quốc độ này đến quốc độ khác, tới chỗ không có Phật để tán dương công đức sáu pháp Ba-la-mật, tán dương nội ngoại không và hữu pháp, vô pháp không, bốn Thiền, bốn Đẳng, bốn Không định đều tán dương các công đức này. Lại tán dương công đức ba mươi bảy phẩm

Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng, dùng phương tiện quyền xảo mà thuyết pháp cho các hàng chúng sinh, đem giáo lý Tam thừa để giáo hóa chúng sinh.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật lạ thay, hy hữu thay! Tại sao thọ trì một Ba-la-mật là thọ trì bao gồm cả năm Ba-la-mật, cũng bao gồm cả ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng, cũng là thọ trì pháp của Thanh văn, Bích-chi-phật và trí Nhất thiết?

Đức Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực! Đúng như vậy! Người thọ trì Bát nhã Ba la mật là đã bao gồm các Ba-la-mật rồi, đã thọ trì ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng, Thanh văn, Bích-chi-phật đến trí Nhất thiết.

Lại nữa, này Câu-dực! Người thọ trì, người thuyết giảng, người đọc tụng, người ghi nhớ Bát nhã Ba la mật này liền được tất cả các công đức. Các ông hãy lắng nghe cho kỹ, ta sẽ nói các ông nghe các công đức của các thiện nam, thiện nữ này.

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con xin muốn nghe.

Đức Phật dạy:

–Này Câu-dực! Nếu có các hàng ngoại đạo, dị học và ma vương những bộ phái khác, những kẻ ương ngạnh có ý muốn phá hoại và chống trái Bồ-tát, những kẻ ấy vừa sinh lòng ác muốn đến phá hoại thì họ không thực hiện được, bị tiêu diệt nửa đường. Vì sao? Này Câu-dực! Vì Bồ-tát này ngày đêm thường thực hành sáu pháp Ba-la-mật. Vì do các chúng sinh tham lam, tranh giành của cải, còn Bồ-tát đều xả bỏ tất cả nội ngoại pháp và thực hành Bố thí ba-lamật để làm an ổn cho các chúng sinh. Vì chúng sinh mãi mãi làm những điều ác, còn Bồ-tát xả bỏ tất cả pháp bên trong va bên ngoài lấy việc Trì giới ba-la-mật làm an ổn cho các chúng sinh.

Do các chúng sinh mãi mãi kiện tụng, oán thù, sân hận lẫn nhau; Bồ-tát thì xả bỏ tất cả pháp bên trong, bên ngoài thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật để an ổn cho các chúng sinh.

Vì các chúng sinh biếng nhác, Bồ-tát thì xả bỏ tất cả pháp bên trong, bên ngoài, thực hành Tinh tấn ba-la-mật để an ổn cho các chúng sinh.

Vì các chúng sinh thường loạn tâm, Bồ-tát thì xả bỏ tất cả pháp bên trong, bên ngoài, thực hành Thiền định ba-la-mật để an ổn cho các chúng sinh.

Vì các chúng sinh mãi mê chìm đắm trong trí ác, Bồ-tát thì xả bỏ tất cả pháp bên trong, bên ngoài thực hành Bát nhã Ba la mật để an ổn cho các Bồ-tát.

Vì các chúng sinh luôn ân ái trong vòng sinh tử, Bồ-tát thì dùng phương tiện quyền xảo để nhổ tận gốc ái trong sinh tử để an ổn cho các chúng sinh và thực hành bốn Thiền, bốn Đẳng, bốn Không định, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, Không, Vô tướng, Vô nguyện, khuyến hóa và giúp đỡ để an ổn các chúng sinh đắc quả Tu-đà-hoàn đến quả A-la-hán, khuyến hóa chúng sinh đắc quả Bích-chi-phật, khuyến hóa và an ổn chúng sinh thực hành Bồ-tát hạnh để chứng quả Phật.

Này Câu-dực! Hành Bồ-tát hạnh là công đức hiếm có trong đời hiện tại, qua đời sau liền chứng Vô thượng Bồ-đề, chuyển pháp luân ứng với căn cơ của tất cả chúng sinh để độ thoát họ. Đó là đức thù thắng đời sau của Bồ-tát.

Lại nữa, Câu-dực! Có thiện nam, thiện nữ nào mà thọ trì, đọc tụng, ủng hộ và thực hành Bát nhã Ba la mật này mà chỗ ở có ma, thiên ma, các hàng dị học ngoại đạo và những kẻ ương ngạnh muốn phá hoại quấy nhiễu hoặc muốn đoạn nửa đường hoặc kiện tụng, đem những điều xấu ác đến thì chúng không bao giờ thực hiện được những điều đó. Đó là Bồ-tát thực hành công đức của mình, càng làm sáng tỏ và thù thắng không ai sánh kịp.

Nhờ nghe Bát nhã Ba la mật này liền phát sinh ba thừa để được độ thoát.

Này Câu-dực! Ví như có vị thuốc tên là Ma-kỳ. Có con rắn đói đi kiếm trùng để ăn, trùng trông thấy rắn liền chạy đến chỗ vị thuốc ấy, rắn muốn qua bắt nhưng do hơi thuốc nên không

thể tiến đến được. Vì sao? Vì do oai lực của cây thuốc đó nên làm cho rắn nửa đường vội lui về. Này Câu-dực! Cây thuốc Ma-kỳ này có oai lực như vậy đó.

Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thực hành đọc tụng, giảng thuyết thực hành Bát nhã Ba la mật này, hoặc có ai muốn phá rối hoặc muốn đoạn diệt đấu tranh hướng đến người đó nhưng nhờ sức oai đức của Bát nhã Ba la mật này, thì họ không bao giờ đến nơi đó được. Tại sao? Vì Bát nhã Ba la mật này là định của các pháp, chẳng phải là việc tranh cãi của các pháp.

Các pháp là những gì? Chính là tham, sân, si, mười hai nhân duyên, ý có chấp trước, các kiến chấp về ngã, người, chúng sinh, đoạn, thường, vô cấu, vô hữu, các tà, tật đố, ác giới, sân hận, biếng nhác, loạn ý, ác trí thường tưởng, lạc tưởng, tịnh tưởng, ngã tưởng, nghiệp ân ái; chấp thọ sắc, thọ, tưởng, hành, thức; chấp thọ sáu pháp Ba-la-mật, chấp thọ nội ngoại không và hữu pháp, vô pháp không, chấp thọ ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng, chấp thọ trí Nhất thiết, chấp thọ Niết-bàn làm tăng trưởng năm căn. Đó là không của các pháp.

Các vị Tứ Thiên vương, các vị Thích Đề-hoàn Nhân và các vị Phạm vương đến cõi trời Sắc cứu cánh trong tam thiên đại thiên thế giới và các hàng trời người đều đồng ủng hộ các thiện nam, thiện nữ nào mà có thực hành đọc tụng giảng thuyết và thọ trì Bát-nhã ba-lamật này, thời đời hiện tại được chư Phật trong mười phương đồng ủng hộ họ.

Các thiện nam, thiện nữ nào mà thực hành đọc tụng thuyết giảng và thọ trì Bát nhã Ba la mật thì tất cả các việc ác đều tiêu diệt, các việc lành luôn luôn tăng trưởng, đối với sáu pháp Ba-la-mật cũng được tăng trưởng không thủ đắc.

Nếu có nói ra điều gì mọi người đều tin nhận, với tất cả chúng sinh cùng kết làm thân hữu, lời nói không lỗi lầm, không sân hận, không tự ý buông lung, không tật đố, tự mình không sát sinh, dạy người làm việc lành.

Vì tất cả chúng sinh mà khen ngợi đức không sát sinh, thường khen ngợi những người không sát sinh. Tự mình xa lìa trộm cắp, dạy người không trộm cắp, thường khen ngợi đức không trộm cắp. Tự mình làm việc thanh tịnh, dạy người không dâm dục, lại khen ngợi đức không dâm dục. Tự mình xa lìa nói dối lời nói thô ác, nói ác khẩu, nói thêu dệt, xa lìa tật đố, sân hận, tà kiến, dạy người thấy những điều chân chánh, thường khen ngợi công đức của chánh kiến. Tự mình thực hành sáu pháp Ba-la-mật thường khuyên bảo và giúp đỡ mọi người thực hành sáu pháp Ba-la-mật, khen ngợi công đức rộng lớn khi thực hành sáu pháp Ba-la-mật. Tự mình thực hành nội ngoại không và khuyên người làm việc không, cũng lại khen ngợi công đức thực hành việc không. Đối với hữu pháp, vô pháp không cũng như vậy.

Tự mình thực hành các môn Đà-la-ni và các môn Tam-muội, của các điều trên. Tự mình thực hành ba Tam-muội, tám Bối xả, chín Thứ đệ thiền, mười Lực của Như Lai, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại trí, đại Từ, đại Bi, mười tám pháp Bất cộng, Nhất thiết chủng trí, dạy người thực hành Nhất thiết chủng trí, khen ngợi tán thán công đức của Nhất thiết chủng trí. Thường thực hành sáu pháp Ba-la-mật mà bố thí cho tất cả chúng sinh, hồi hướng Vô thượng Bồ-đề cũng không thủ đắc.

Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí tuệ, chỉ vì tất cả chúng sinh, làm cho họ được giải thoát và chứng Vô thượng Bồ-đề cũng không thủ đắc.

Các thiện nam, thiện nữ thực hành sáu pháp Ba-la-mật nên suy nghĩ: Nếu ta không thực hành Bố thí thì sẽ sinh vào nhà bần cùng, hạ tiện, không thể giáo hóa chúng sinh cũng không thể được cõi Phật thanh tịnh và chẳng chứng được trí Nhất thiết.

Nếu ta không thọ trì Giới luật sẽ sinh trong ba đường ác, không được làm thân người, không thể giáo hóa chúng sinh, không được cõi Phật thanh tịnh cũng không được Nhất thiết chủng trí.

Nếu ta không thực hành nhẫn nhục liền hủy hoại các căn, không thể thực hiện được tướng lưỡi che trùm cả mặt, hình thể không đầy đủ, không thể được sắc thân trọn vẹn của Đại Bồ-tát, không thể giáo hóa chúng sinh, không thanh tịnh cõi Phật cũng không chứng được Nhất thiết chủng trí.

Ta không tinh tấn mà biếng nhác thì thân sẽ sinh nơi đường ác, ngu muội, không thể giáo hóa chúng sinh, không thanh tịnh cõi Phật cũng không chứng được trí Nhất thiết.

Nếu ta không thực hành thiền định thì tâm ý rối loạn, không có khả năng đạt được các tuệ Tam-muội, không thể giáo hóa chúng sinh, không được cõi Phật thanh tịnh cũng không chứng được Nhất thiết chủng trí.

Nếu ta làm ác trí thì không thể được phương tiện quyền xảo để vượt hơn bậc A-la-hán, Bích-chi-phật, không thể giáo hóa chúng sinh, không được cõi Phật thanh tịnh cũng không đạt được Nhất thiết chủng trí.

Các thiện nam, thiện nữ nên suy nghĩ: Nếu ta không thể vì tâm tham lam, tật đố mà không thực hành đầy đủ Bố thí ba-la-mật; nếu ta không thể vì giới ác mà không thực hành đầy đủ Giới ba-la-mật; nếu ta không thể vì sân hận mà không thực hành đầy đủ Nhẫn nhục ba-la-mật; nếu ta không thể vì giải đãi mà không thực hành đầy đủ Tinh tấn ba-la-mật; nếu ta không thể vì tâm rối loạn mà không thực hành đầy đủ Thiền định ba-la-mật; nếu ta không thể vì trí ác mà không thực hành đầy đủ Trí tuệ ba-la-mật; nếu ta không thực hành đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật thì không bao giờ thành tựu trí Nhất thiết.

Các thiện nam, thiện nữ này mà thọ trì, đọc tụng, thủ hộ và thực hành Bát nhã Ba la mật này thời sẽ được các công đức đời này và đời sau không bao giờ xa lìa tâm trí Nhất thiết.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, kỳ diệu thay! Những điều Bố thí mà Đại Bồ-tát làm ra là nhờ Bát nhã Ba la mật hướng dẫn nên mới được như vậy.

Phật hỏi:

–Này Câu-dực! Đại Bồ-tát làm việc Bố thí nhờ Bát-nhã ba-lamật làm người dẫn đường như thế nào?

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Những điều mà thế gian bố thí thì không dùng phương tiện quyền xảo. Nếu cúng dường cho chư Phật, Thanh văn, Bích-chi-phật và bố thí những người bần cùng khốn khổ, không dùng phương tiện quyền xảo nên sinh tâm cống cao. Họ nghĩ rằng: Ta thực hành đầy đủ Bố thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật. Ta thực hành đầy đủ Bát nhã Ba la mật, đối với thế tục, Ba-la-mật liền sinh tâm cống cao. Ta thực hành đầy đủ ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, ba Tam-muội; ta thực hành đầy đủ các môn Đà-la-ni.

Họ nghĩ rằng: Ta thực hành đầy đủ mười Lực, mười tám pháp Bất cộng, ta sẽ giáo hóa chúng sinh, thanh tịnh cõi Phật và chứng được trí Nhất thiết với những người có tâm ngã mạn cống cao, đó là Bát nhã Ba la mật của thế gian. Nếu Bồ-tát thực hành pháp thế gian này thì sinh tâm ngã mạn tự cao.

Bồ-tát thực hành Bố thí ba-la-mật, không thấy có tự ngã, không thấy có người cho, không thấy có vật để cho, cũng không thấy có người nhận. Đó là Đại Bồ-tát bố thí và được Bát-nhã ba-lamật làm người dẫn đường. Bồ-tát thực hành trì giới mà chẳng có Giới ba-la-mật để trì. Bồ-tát thực hành nhẫn nhục cũng không có Nhẫn nhục ba-la-mật. Bồ-tát thực hành tinh tấn, chẳng có Tinh tấn ba-la-mật. Bồ-tát thực hành Đại trí cũng không có Bát-nhã ba-lamật. Bồ-tát thực hành ba mươi bảy phẩm Trợ đạo cho đến mười tám pháp Bất cộng không có sự có và không thủ đắc. Bồ-tát thực hành đại Từ, đại Bi; thực hành trí Nhất thiết cũng không có sự có và không thủ đắc.

Bạch Thế Tôn! Đây là sự thực hành của Đại Bồ-tát có Bát nhã Ba la mật dẫn đường.

QUYỂN 7
Phẩm 33: THỦ HẠNH

Đức Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, đọc tụng, tu tập sâu xa Bát nhã Ba la mật thì khi thiện nam, thiện nữ đó vào trong quân trận nhất định không bị tổn hại; hoặc đao, thương, cung, tên; không trúng vào thân. Vì thiện nam, thiện nữ đó ngày đêm hành trì sáu pháp Bala-mật đã thu phục lưỡi kiếm dâm dục và mũi nhọn sân nhuế, ngu si cho mình và thu phục phẫn nộ ngu si cho kẻ khác, đã bẻ gãy thanh kiếm tà kiến cho mình lại bẻ gãy thanh kiếm tà kiến cho người; đã cắt đứt sợi dây phiền não ân ái cho mình, lại có khả năng cắt đứt phiền não ân ái cho người.

Này Câu-dực! Công dụng của pháp ấy như vậy nên thiện nam, thiện nữ đó không bị trúng thương, kiếm, cung, tên.

Lại nữa, này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ đó thọ trì, đọc tụng, thực hành Bát nhã Ba la mật; không xa lìa trí Nhất thiết, quyết chắc không trúng độc, không bị mê hoặc, không bị trúng đao binh; thân không bị nước, lửa làm hại. Các việc ác như vậy chắc chắn không đến với người đó.

Này Câu-dực! Vì Bát nhã Ba la mật là pháp thuật trên hết.

Thiện nam, thiện nữ nào học tập theo pháp thuật ấy thì tự không nghĩ việc xấu ác, cũng không nghĩ việc xấu ác về người, cũng không có ý niệm ác về hai bên. Vì không thấy có mình cũng không thấy có người, cũng không có sự thấy biết, cũng không có năm ấm, cho đến trí Nhất thiết cũng không; cũng không có sự có, cũng không có sự chứng đắc. Vì không có sự có nên không có ý niệm xấu ác, không có ý niệm xấu ác về mình cũng không có ý niệm xấu ác về người, đến lúc chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác, biết tất cả ý niệm của chúng sinh.

Vì học pháp môn này, nên biết quá khứ, hiện tại, tương lai chư Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác đều từ trong đây mà thành Chánh đẳng giác.

Lại nữa, này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ nào học Bát nhã Ba la mật rồi biên chép, thọ trì, thì người hoặc phi nhân nhất định không tìm được chỗ sơ hở của họ. Vì sao? Vì tam thiên đại thiên thế giới và vô số thế giới ở mười phương từ cõi trời Tứ thiên vương cho đến cõi trời Sắc

cứu cánh, chư Thiên đều hết lòng cung kính, tôn trọng và ủng hộ, làm lễ những thiện nam, thiện nữ thọ trì Bát nhã Ba la mật. Người thọ trì Bát nhã Ba la mật được phước như vậy. Nếu chỉ biên chép giữ gìn Bát nhã Ba la mật, không đọc tụng hành trì thì người đó cũng giống như ở Bồ-đề đạo tràng; chung quanh hay bốn bên nếu có súc sinh, bên ngoài có người hoặc phi nhân muốn đến hại cũng không tìm được chỗ để hại họ. Vì quá khứ chư Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác đều từ nơi đây mà thành Phật. Đương lai và hiện tại chư Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác đều từ nơi đây mà thành Phật. Sau khi thành Phật lại cứu giúp tất cả chúng sinh thoát khỏi sợ hãi, đã không còn sợ hãi còn được phước đức ở cõi Người, cõi Trời, an lập trong ba thừa mà giải thoát họ. Vì sao? Này Câu-dực! Vì Bát nhã Ba la mật như mặt đất ở Bồ-đề đạo tràng bảo hộ tất cả chúng sinh, cần phải làm lễ cúng dường các thứ hoa thơm, hương bột, tràng phan, bảo cái, âm nhạc.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ biên chép Bát nhã Ba la mật rồi thọ trì, cúng dường các thứ hoa thơm, hương bột, tràng phan, bảo cái, âm nhạc… hoặc sau khi Phật nhập diệt cúng dường xá-lợi bằng các thứ hoa thơm, tràng phan, bảo cái, âm nhạc… Cúng dường như vậy thì phước đức nào nhiều hơn?

Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực! Ta hỏi ông, tùy theo lời ta hỏi mà nói ý ông

nghĩ sao? Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác thành trí Nhất thiết, các tướng tốt như vậy là do học gì mà đạt được?

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con nghe Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác thành trí Nhất thiết, các tướng tốt đẹp đều do học Bát-nhã bala-mật mà đạt được.

Phật dạy:

–Đúng như vậy! Này Câu-dực! Không do thân này mà gọi là Như Lai. Vì trí Nhất thiết từ Bát nhã Ba la mật mà sinh ra.

Này Câu-dực! Thân Như Lai là nhà trí Nhất thiết. Như Lai nhờ từ nhà trí tuệ này mà được trí Nhất thiết, cho nên gọi là nhà trí Nhất thiết.

Sau khi ta nhập diệt nên cúng dường xá-lợi như thế này: Nếu có thiện nam, thiện nữ biên chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba la mật rồi cúng dường kinh quyển bằng các thứ hoa thơm, tràng phan, bảo cái, âm nhạc, cúng dường như vậy là đã cúng dường trí Nhất thiết.

Cho nên, thiện nam, thiện nữ nào tu tập Bát nhã Ba la mật rồi cúng dường kinh quyển bằng các thứ hoa thơm, tràng phan, bảo cái, âm nhạc nên cung kính làm lễ họ. Sau khi ta Niết-bàn, xây tháp kiên cố rồi dùng các thứ hoa thơm, tràng phan, bảo cái âm nhạc cúng dường xá-lợi. Hoặc có thiện nam, thiện nữ biên chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba la mật rồi dùng các thứ hoa thơm, tràng phan, bảo cái, âm nhạc cúng dường thì phước đức nhiều hơn cúng dường xá-lợi. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật sinh ra xá-lợi, nội ngoại không, hữu vô không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng đều từ trong đây sinh ra; các môn Tam-muội, Đà-la-ni giáo hóa chúng sinh làm thanh tịnh cõi Phật. Các vị Bồ-tát, cư sĩ thành tựu, sắc tướng thành tựu, tài sản thành tựu, quyến thuộc thành tựu, đại Từ, đại Bi…; dòng Sát-lợi, Bà-la-môn, Trưởng giả, Tứ

Thiên vương cho đến cõi trời Sắc cứu cánh… từ quả vị Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán, Bích-chi-phật, Chánh đẳng giác, trí Nhất thiết đều từ trong đây mà ra.

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Người Diêm-phù-đề không hiểu biết Bát nhã Ba la mật nên họ không cung kính lễ bái phụng sự, cúng dường Bát-nhã ba-lamật.

Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực! Ý ông nghĩ sao? Ông biết trong cõi Diêm-phùđề có bao nhiêu người tin Tam bảo? Có bao nhiêu người phỉ báng Tam bảo? Có bao nhiêu người cung kính Tam bảo?

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Số người tin theo Tam bảo rất ít!

Phật bảo:

–Này Câu-dực! Ý ông thế nào? Trong cõi Diêm-phù-đề có bao nhiêu người thành tựu ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, ba môn Giải thoát, tám Bối xả, chín Thứ đệ thiền, sáu pháp Thần thông, bốn Tâm vô lượng, bốn Không định, bốn Vô ngại tuệ? Trong cõi Diêm-phù-đề có bao nhiêu chúng sinh diệt ba nghi đắc quả Tu-đà-hoàn? Có bao nhiêu chúng sinh giảm dần ba cấu đắc quả Tư-đà-hàm? Có bao nhiêu chúng sinh đoạn năm nghi đắc quả A-na-hàm? Có bao nhiêu chúng sinh sạch hết năm thượng phần kết sử chứng A-la-hán? Có bao nhiêu chúng sinh hướng đến đạo Bích-chi-phật? Có bao nhiêu chúng sinh thành Chánh đẳng giác?

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Có rất ít chúng sinh thành tựu ba mươi bảy phẩm Trợ đạo… Cho đến thành Chánh đẳng giác.

Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Đúng như vậy Câu-dực! Chúng sinh rất nhiều mà người phát tâm Bồ-đề thì rất ít. Vì sao? Vì kiếp trước không thấy Phật, không nghe Pháp, không gặp Tỳ-kheo Tăng, không Bố thí, không Nhẫn nhục, không Tinh tấn, không nghe về Thiền, không nghe Bát-nhã bala-mật, không nghe nội ngoại không, hữu vô không, cũng không nghe ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng, cũng không nghe, cũng không nhớ nghĩ, cũng không nghe có Tam-muội, trí Nhất thiết, cũng không nhớ nghĩ sự việc ấy. Vì vậy cho nên, này Câu-dực! phải biết là rất ít chúng sinh tin Tam bảo. Ở trong đó rất ít chúng sinh phát tâm hướng đến Bích-chi-phật. Ở trong đó lại có rất ít chúng sinh hành đạo Bồ-tát, rất ít chúng sinh hành đạo Bồ-tát hướng đến Chánh đẳng giác.

Này Câu-dực! Ta ở trong thế gian này dùng Phật nhãn thấy vô số chúng sinh khắp mười phương không thể tính kể hành Vô thượng Chánh đẳng giác, không xa lìa Bát nhã Ba la mật và phương tiện quyền xảo; hoặc một, hoặc hai vị trụ ở bậc không thoái, phần đông ở địa vị A-la-hán và Bích-chi-phật không xa lìa Bát nhã Ba la mật và phương tiện quyền xảo. Do vậy, thiện nam, thiện nữ phát tâm hướng đến Chánh đẳng giác nên thọ trì, đọc tụng, tu tập, biên chép, hành trì Bát nhã Ba la mật rồi dùng các thứ hoa thơm, tràng phan, lọng báu, âm nhạc để cúng dường chư Phật. Ngoài ra các công đức đều ở trong Bát nhã Ba la mật; cần phải thọ trì, đọc tụng, tu tập.

Những công đức nào đi vào Bát nhã Ba la mật? Đó là Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, nội ngoại không, sở hữu không, vô sở hữu không, các Tam-muội Đà-la-ni, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi. Ngoài ra vô lượng Phật pháp khác

đều ở trong Bát nhã Ba la mật cũng nên thọ trì, đọc tụng, tu tập. Vì sao? Này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ nên biết cung kính như vậy. Chư Như Lai khi mới hành Bồ-tát đạo cũng học Bát nhã Ba la mật, cũng hành Thiền ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Bố thí ba-lamật; từ nội ngoại không cho đến hữu vô không, các môn Tam-muội Đà-la-ni cho đến mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi. Ngoài ra vô số Phật pháp, chúng ta cần phải học tập, tôn kính. Bát-nhã bala-mật cùng với Phật pháp đều là giáo pháp của Như Lai, Bích-chiphật, A-la-hán, A-na-hàm, Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn cho đến trí Nhất thiết đều ở trong Bát nhã Ba la mật mà thành tựu, đưa người sang bờ giải thoát.

Này Câu-dực! Khi Như Lai còn tại thế hoặc sau khi Niết-bàn, thiện nam, thiện nữ đều phải cung kính đảnh lễ sáu pháp Ba-la-mật, cũng nên cung kính đảnh lễ bậc trí Nhất thiết. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật ở thế gian ủng hộ các vị Bồ-tát Thanh văn, Bích-chi-phật, người, trời đều nương Bát nhã Ba la mật mà được an ổn.

Này Câu-dực! Sau khi Phật diệt độ, nếu có thiện nam, thiện nữ xây tháp bảy báu, cao bốn mươi dặm cúng dường xá-lợi, trọn đời cung kính cúng dường các thứ hoa trời, hương bột, lọng lụa, lọng báu thì phước đức đó có nhiều không?

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Rất nhiều.

Phật dạy:

–Không phải vậy, nếu có thiện nam, thiện nữ thọ trì, đọc tụng, biên chép, giữ gìn Bát nhã Ba la mật, không lìa trí Nhất thiết và cúng dường hương hoa, tràng phan, lọng báu thì phước đức tăng gấp bội không thể kể được.

Lại nữa, này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ nào xây tháp bảy báu, cao bốn mươi dặm khắp cõi Diêm-phù-đề và cúng dường xá-lợi bằng các thứ hương hoa trời, y phục, tràng phan, lọng báu thì phước đức có nhiều không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.

Phật dạy:

–Không phải như vậy! Nếu thiện nam, thiện nữ cúng dường Bát nhã Ba la mật thì phước đức tăng gấp bội.

Lại nữa, này Câu-dực! Nếu thiện nam, thiện nữ xây tháp bảy báu, khắp bốn châu thiên hạ và cúng dường như trước thì không bằng thiện nam, thiện nữ cúng dường Bát nhã Ba la mật, phước đó tăng gấp bội.

Này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ nào xây tháp bảy báu khắp tiểu thiên quốc độ, cúng dường xá-lợi và làm việc cúng dường như trước; hoặc xây tháp bảy báu khắp trung thiên quốc độ cúng dường xá-lợi và làm việc cúng dường như trước; hoặc xây tháp bảy báu khắp tam thiên đại thiên quốc độ cúng dường xá-lợi và làm việc cúng dường như trên thì không bằng thiện nam, thiện nữ cúng dường Bát nhã Ba la mật, phước đức tăng gấp bội; hoặc số người trong tam thiên đại thiên quốc độ, mỗi người đều xây tháp bảy báu cúng dường như trên cũng không bằng thiện nam, thiện nữ cúng dường Bát nhã Ba la mật, phước đức đó tăng gấp bội.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đúng như vậy! Cúng dường Bát-nhã ba-lamật là đã cúng dường chư Như Lai ba đời.

Phật dạy:

–Sau khi Phật Niết-bàn, ở phương Đông hằng hà sa số quốc độ, mỗi mỗi chúng sinh ở đó đều xây tháp bảy báu, cúng dường như trên, từ đời này sinh đến đời khác cho đến lúc qua đời, thì người đó phước đức có nhiều không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.

Phật dạy:

–Phước đức đó không bằng phước đức thiện nam, thiện nữ biên chép, thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật rồi dùng các thứ hương hoa, tràng phan, lọng báu, âm nhạc cúng dường. Vì sao? Vì tất cả pháp lành đều ở trong Bát nhã Ba la mật.

Những gì là pháp lành?

Đó là năm giới, mười pháp thiện, bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Không định, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo. Ba Giải thoát môn, bốn Đế, tám Bối xả, chín Thứ đệ thiền, sáu pháp Ba-la-mật, từ nội ngoại không cho đến hữu vô không, các môn Tam-muội, Đà-lani, mười Lực, mười tám pháp Bất cộng, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại tuệ, đại Từ, đại Bi, Đạo sư, trí Nhất thiết là giáo pháp của các Đức Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác. Các vị A-la-hán, Bích-chiphật, các Đức Như Lai trong ba đời đều học trong Bát nhã Ba la mật mà thành tựu sang bờ giải thoát.

QUYỂN 7
Phẩm 34: CÚNG DƯỜNG

Đức Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ nào biên chép, đọc tụng, tu tập, cúng dường Bát nhã Ba la mật hoặc là hết lòng đem các thứ hoa hương tràng phan, lọng báu để cúng dường thì công đức ấy không thể tính kể, không thể so lường, không có giới hạn. Vì sao thiện nam, thiện nữ được công đức như vậy?

Vì các Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra trí Nhất thiết, năm Ba-la-mật, từ nội ngoại không cho đến hữu vô không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng của Phật, năm loại mắt dẫn dắt chúng sinh, làm thanh tịnh cõi Phật, Nhất thiết chủng trí, Thanh văn, Bích-chi-phật đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra.

Như vậy, này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ nào biên chép, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba la mật và cúng dường kinh quyển bằng các thứ hoa hương, tràng phan, lọng báu thì phước đức ấy gấp trăm ngàn vạn ức lần so với phước đức xây tháp bảy báu cúng dường xálợi không thể tính kể, không thể thí dụ. Vì Bát nhã Ba la mật còn ở đời thì Tam bảo luôn còn tồn tại. Bát nhã Ba la mật không còn ở đời thì Tam bảo bị mai một. Bát nhã Ba la mật còn ở đời mới biết có công đức mười giới, bốn Vô lượng tâm, bốn bậc Thiền, bốn Không định, sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng, trí Nhất thiết, dòng Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Trưởng giả, Tứ Thiên vương, trời Sắc cứu cánh, Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán, Bích-chi-phật; mới biết con

đường của Đại Bồ-tát, Vô thượng Chánh đẳng giác, chuyển pháp luân, giáo hóa chúng sinh làm thanh tịnh cõi Phật.

QUYỂN 7
Phẩm 35: GIỮ GÌN

Bấy giờ, tam thiên đại thiên thế giới, các Thiên tử ở cõi Tứ Thiên vương và cõi Sắc cứu cánh hỏi Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Nhân giả! Người thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát-nhã ba-lamật thì tất cả việc ác đều tiêu sạch; tất cả việc lành phước đức được phát sinh đầy đủ. Nếu người thọ trì Bát nhã Ba la mật thì chư Thiên hưng thịnh, A-tu-la suy giảm, Tam bảo được tồn tại, cho nên Phật pháp không đoạn diệt, sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng, người hành đạo Bồ-tát, giáo nghĩa ba thừa đều hiển hiện trong thế gian.

Phật bảo:

–Này Câu-dực! Ông nên thọ trì, khéo đọc tụng, nhớ nghĩ, tu tập Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Nếu A-tu-la tụ họp khởi lên ác ý, muốn đánh nhau với chư Thiên ở cõi Đao-lợi thì ông nên tụng Bát nhã Ba la mật, A-tu-la liền phát sinh niệm tốt lành, niệm xấu ác tiêu mất, không còn nhớ nghĩ.

Này Câu-dực! Nếu các Thiên tử, Thiên nữ ở cõi trời Đao-lợi, khi phước đức hết, sắp qua đời hoặc sẽ đọa lạc, ông nên vì họ tụng Bát nhã Ba la mật thì các Thiên nữ, Thiên tử này không sinh vào cõi nào khác mà liền được sinh vào cõi trời Đao-lợi, vì nhờ vào công đức âm thanh của Bát nhã Ba la mật. Người ở cõi trời lại sinh về cõi cũ, không bị đọa lạc. Vì sao? Vì nhờ vào công đức âm thanh của Bát nhã Ba la mật, phước đức rất lớn.

Này Câu-dực! Nếu thiện nam, thiện nữ hoặc các Thiên tử, Thiên nữ một khi nghe qua Bát nhã Ba la mật thì được công đức của một lần nghe qua. Sau một thời gian nghe như vậy, người đó sẽ chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác, quyết chắc không có sự nghi ngờ. Vì sao?

Này Câu-dực! Ở thời quá khứ, mười phương chư Phật và chúng đệ tử đều từ Bát nhã Ba la mật vào Vô-dư Niết-bàn, nhập diệt; đương lai, hiện tại, mười phương chư Phật đều nhờ Bát nhã Ba la mật thành tựu Vô thượng Chánh đẳng giác, vì ba mươi bảy phẩm Trợ đạo đều từ Bát nhã Ba la mật mà ra. Vì pháp của Thanh văn, Bích-chi-phật, pháp Bồ-tát, pháp Phật đều từ Bát-nhã ba-lamật sinh ra.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật là pháp thuật rất lớn, là pháp thuật vô thượng, là pháp thuật cao hơn hết. Vì Bát-nhã ba-lamật phá bỏ tất cả các pháp xấu ác, giữ gìn căn bản các pháp lành.

Phật dạy:

–Này Câu-dực! Bát nhã Ba la mật là pháp thuật rất lớn, là pháp thuật vô thượng, là pháp thuật cao hơn hết.

Chư Phật ba đời đều do pháp thuật này mà chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác. Trong thế gian, nhờ nơi pháp thuật này biết có phước đức mười nghiệp thiện, bốn Tâm vô lượng, bốn

Không định, sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng, pháp tánh, pháp vị, cứu cánh, chân như, năm loại mắt, Tu-đà-hoàn, A-la-hán, Bích-chi-phật, Bồ-tát, Phật đạo, trí Nhất thiết.

Công đức thập thiện…, Như Lai, trí Nhất thiết hiển hiện trong thế gian đều do Bồ-tát thị hiện qua lại làm nhân duyên.

Này Câu-dực! Ví như nhờ vào sự xoay vần nên mặt trăng diệt trừ tối tăm trong thế gian và chiếu sáng các vì sao.

Như vậy, này Câu-dực! Bồ-tát từ việc làm lành phát sinh muôn hạnh, từ mười nghiệp thiện phát sinh công đức, từ trí Nhất thiết phát sinh Bát nhã Ba la mật, từ không phát sinh pháp.

Này Câu-dực! Nên biết, các vị Đại Bồ-tát từ Bát nhã Ba la mật sinh ra. Các vị Bồ-tát thực hành năm ba-la-mật, nội ngoại không, hữu vô không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng, chẳng ở địa vị Thanh văn, Bích-chi-phật mà vẫn giáo hóa chúng sinh, làm thanh tịnh cõi Phật, thành tựu Phật, thành tựu Bồ-tát, trí Nhất thiết đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra.

Lại nữa, này Câu-dực! Nếu thiện nam, thiện nữ thọ trì Bát nhã Ba la mật hoặc đọc tụng, tu tập, thực hành thì được phước đức ở hiện tại, cũng được phước đức cứu giúp cho người.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Sao gọi là thiện nam, thiện nữ được phước đức ở hiện tại?

Phật dạy:

–Người vâng giữ theo Bát nhã Ba la mật, quyết chắc không chết vì trúng độc, không chết oan trong nước, không chết cháy vì lửa, khi mạng sống hết mới qua đời. Nếu bị quan tra hỏi, nhất định không tìm được chỗ lỗi lầm của họ vì nhờ năng lực oai thần đọc tụng Bát nhã Ba la mật. Nếu thiện nam, thiện nữ đến chỗ vua, quan, thái tử nói chuyện đều được vua, quan, thái tử hoan hỷ vì nhờ thiện nam, thiện nữ thực hành đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả; thương xót chúng sinh nên được phước ở hiện tại.

Sao gọi là đầy đủ công đức cứu giúp mọi người?

Phật dạy:

–Vì chưa từng xa lìa công đức mười nghiệp thiện, cũng chưa từng xa lìa bốn Thiền, bốn Vô lượng tâm, bốn Không định, sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng. Bồ-tát không bao giờ xa lìa các pháp ấy, nhất định không bị sinh về ba đường ác, được làm thân người các căn đầy đủ; nhất định không bị sinh vào nhà bần cùng, nhà làm thợ, dòng họ thấp kém; thường đầy đủ ba mươi hai tướng Đại trượng phu, sinh chỗ có chư Phật giáo hóa, không xa lìa hạnh nguyện Bồ-tát, được qua lại các cõi Phật, cung kính đảnh lễ các Đức Phật, Thế Tôn; thường thích lắng nghe nhận lãnh giáo pháp cao siêu của Phật; thích giáo hóa chúng sinh làm thanh tịnh cõi Phật.

Cho nên, thiện nam, thiện nữ đọc tụng, tu tập Bát-nhã ba-lamật, không xa lìa trí Nhất thiết, mãi đến lúc thành Vô thượng Chánh đẳng giác, không bao giờ xa lìa nên được công đức đời này và đời sau.

QUYỂN 7

Phẩm 36: KHIỂN DỊ ĐẠO SĨ

Bấy giờ có người ngoại đạo đến chỗ Đức Phật, muốn cật vấn, Thích Đề-hoàn Nhân liền nghĩ: "Hôm nay bọn ngoại đạo muốn đến phỉ báng Phật, muốn phá hủy Bát nhã Ba la mật, ta hãy tụng niệm Bát nhã Ba la mật đã được nghe từ Phật." Thích Đề-hoàn Nhân liền đọc tụng Bát nhã Ba la mật. Bọn đạo sĩ ngoại đạo muốn hủy hoại Bát nhã Ba la mật đang ở xa liền nhiễu Phật một vòng rồi quay đi.

Khi ấy Xá-lợi-phất suy nghĩ: "Tại sao bọn đạo sĩ ngoại đạo ở đằng xa nhiễu Phật một vòng rồi quay đi?"

Biết tâm niệm của Xá-lợi-phất, Đức Phật bảo:

–Thích Đề-hoàn Nhân tụng Bát nhã Ba la mật có công dụng như vậy nên bọn ngoại đạo kia ở xa nhiễu Phật một vòng rồi quay về.

Phật dạy:

–Vì bọn ngoại đạo kia đến gặp Phật mà không có một chút thiện ý nào chỉ đem tâm nhỏ mọn để tìm chỗ hay dở của Phật mà thôi.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Khi người đọc tụng Bát nhã Ba la mật; nếu trời, người, Samôn, Bà-la-môn, ngoại đạo trong thế gian đem tâm nhỏ mọn để tìm chỗ hay dở của người ấy thì họ không thể tìm được.

Vì trong tam thiên đại thiên thế giới này, các vị Thiên tử, Tứ Thiên vương cho đến Thiên tử ở cõi Sắc cứu cánh; các đệ tử, các Bồ-tát đều thọ trì Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì họ đều từ Bát-nhã bala-mật sinh ra.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Hằng hà sa số thế giới ở phương Đông, chúng đệ tử, chư Như Lai, Bích-chi-phật, Bồ-tát, Trời, Rồng, Quỷ, Thần đều thọ trì Bát nhã Ba la mật. Vì họ đều ở trong Bát-nhã ba-lamật sinh ra.

Khi ấy, ma Ba-tuần suy nghĩ: "Bấy giờ, Phật đang cùng bốn chúng đệ tử và các Thiên tử ở cõi Dục giới, Sắc giới hội họp; trong hội chúng ấy đều thọ trì Bát nhã Ba la mật, chắc sẽ thành Chánh đẳng giác. Vậy ta nên đến đó cắt ngang đạo lý của họ."

Nghĩ vậy rồi, Ma vương liền hóa bốn loại binh đi đến chỗ Phật.

Thích Đề-hoàn Nhân suy nghĩ: "Ngày nay ma dẫn bốn loại binh muốn đến chỗ Phật. Bốn loại binh oai hùng do ma hóa ra tinh thông sắc sảo, binh lính của vua Bình-sa không có được như vậy; binh lính vua nước Xá-vệ, dòng họ Thích, các trưởng giả Tỳ-da-lợi cũng không có được. Như vậy ma đã hóa hiện bốn loại binh ấy là ma Ba-tuần, ngày đêm thường tìm chỗ dở của Phật, làm rối loạn tâm chúng sinh. Bây giờ ta nên im lặng đọc tụng Bát-nhã ba-lamật."

Thích Đề-hoàn Nhân định tâm rồi chậm rãi đọc Bát-nhã ba-lamật. Ma Ba-tuần cũng dần dần bỏ đi. Khi ấy, các Thiên tử Tứ Thiên vương và Thiên tử cõi Sắc cứu cánh tung hoa trời ở giữa hư không để cúng dường Phật và cùng nhau khen ngợi. Cầu mong cho Bát nhã Ba la mật tồn tại lâu dài ở Diêm-phù-đề để người Diêm-phù-đề thường được tụng Bát nhã Ba la mật. Bát nhã Ba la mật tồn tại lâu dài cũng như Phật còn tại thế chưa nhập diệt. Phật còn tại thế giáo pháp được tồn tại. Giáo pháp tồn tại, Tỳ-kheo Tăng có mặt trong thế gian. Khi ấy Tam bảo nhất định không bị diệt. Bát nhã Ba la mật cũng sẽ tồn tại trong tam thiên đại thiên thế giới; mười phương hằng hà sa thế giới cũng sẽ như vậy. Bát nhã Ba la mật là muôn hạnh tối thượng của Đại Bồ-tát.

Thiện nam, thiện nữ thọ trì Bát nhã Ba la mật, biên chép kinh ấy tùy theo phương diện, nơi chốn đáng tôn quý nhất mà soi sáng, nên biết chỗ đó không còn tối tăm. Trong tất cả mọi nơi, chỗ đó là hơn hết.

Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực! Nên biết đó là nơi đáng tôn quý nhất trong mọi nơi.

Lại nữa, này Câu-dực! Không chỉ ở trong cõi người, Bát nhã Ba la mật là chỗ tôn quý, mà ở trên cõi trời cũng lại là chỗ tôn quý.

Khi ấy, các Thiên tử rải hoa trời cúng dường Phật rồi cùng nhau khen ngợi.

–Thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật thì Ma và Thiên ma nhất dịnh không tìm được chỗ sơ hở của họ. Đức Thế Tôn của chúng ta cũng sẽ ủng hộ người ấy. Vì sao? Vì chúng ta thấy thiện nam, thiện nữ ấy như chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn vậy.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ vốn đã làm vô lượng việc lành, đọc tụng, thọ trì Bát nhã Ba la mật là do đối với đời quá khứ, các Đức Phật, người ấy đã làm vô lượng công đức, gần gũi Thiện tri thức mà đạt được như vậy. Cho nên muốn đạt trí Nhất thiết cần phải học Bát nhã Ba la mật, muốn đạt Bát nhã Ba la mật cũng cần phải học trí Nhất thiết. Vì Bát nhã Ba la mật tức là trí Nhất thiết, trí Nhất thiết tức là Bát nhã Ba la mật, giống nhau không sai không khác.

Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực! Trí Nhất thiết, chư Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra. Vì sao? Này Câu-dực! Trí Nhất thiết, Bát nhã Ba la mật là một pháp chứ không phải hai.

QUYỂN 7

Phẩm 37: KHÔNG HAI

Bấy giờ, Hiền giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ban đầu Thế Tôn đã nói, chẳng khen ngợi năm pháp Ba-la-mật, cũng chẳng khen ngợi mười tám pháp Bất cộng, chỉ khen ngợi Bát nhã Ba la mật. Vì sao vậy?

Phật bảo A-nan:

–Đối với năm pháp Ba-la-mật, mười tám pháp Bất cộng thì Bát nhã Ba la mật là hơn hết. Vì sao vậy? Này A-nan, chẳng làm việc Bố thí bằng trí Nhất thiết mà gọi là Bố thí ba-la-mật chăng?

A-nan thưa:

–Thưa Thế Tôn! Chẳng phải như vậy.

Phật hỏi:

–Chẳng làm việc Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định bằng trí Nhất thiết mà có thể khen ngợi là Trì giới… Thiền định bala-mật chăng?

A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chẳng phải như vậy.

A-nan bạch Phật:

–Sao gọi Bố thí bằng trí Nhất thiết là Bố thí ba-la-mật… Bát nhã Ba la mật?

Phật bảo A-nan:

–Bố thí không hai, vì Bố thí bằng trí Nhất thiết là Bố thí ba-lamật, không chỗ sinh khởi, không chỗ ỷ lại. Bố thí trí Nhất thiết là Bố thí ba-la-mật, không niệm sinh khởi, không niệm ỷ lại. Trí Nhất thiết không hai nên gọi là Bát nhã Ba la mật.

A-nan bạch Phật:

–Tại sao ý niệm Bố thí bằng trí Nhất thiết là không hai?

Phật dạy:

–Đối với năm ấm không hai, chí đạo không hai.

Phật dạy:

–Tại sao gọi năm ấm không hai, chí đạo không hai? Vì năm ấm tự nó là không. Cho nên năm ấm cùng các Ba-la-mật là một pháp, không hai; chí đạo cũng là một pháp, không hai.

Này A-nan! Đối với năm pháp Ba-la-mật, Bát nhã Ba la mật là hơn hết; cho đến trí Nhất thiết cũng như vậy. Ví như trên mặt đất được gieo năm giống lúa, tùy thuận phát sinh: Bát nhã Ba la mật là đất; các Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo… Trí Nhất thiết đều do Bát nhã Ba la mật sinh ra. Trí Nhất thiết do Bát nhã Ba la mật sinh ra, năm pháp Ba-la-mật do trí Nhất thiết sinh ra.

Này A-nan! Bát nhã Ba la mật là nền móng của năm pháp Bala-mật, cho đến mười tám pháp Bất cộng đều tùy tùng theo đó.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã từng thuyết pháp, khen ngợi công đức Bát nhã Ba la mật không cùng tận. Thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, đọc tụng, biên chép, tu tập, cung kính cúng dường Bát-nhã ba-lamật thì công đức của người đó không cùng tận. Vì phụng trì Bát nhã Ba la mật nên mười nghiệp thiện hiển hiện trong thế gian, bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Không định, mười tám pháp Bất cộng đều hiển hiện trong thế gian. Vì phụng trì Bát nhã Ba la mật nên biết có dòng Sát-lợi, Phạm chí, Trưởng giả, Tứ Thiên vương… Cõi trời Sắc cứu cánh, mới biết có đạo quả Tu-đà-hoàn cho đến A-lahán, Bích-chi-phật, Bồ-tát, Phật.

Phật bảo Câu-dực:

–Ta đã nói thiện nam, thiện nữ thọ trì, đọc tụng, biên chép, tu tập, cúng dường Bát nhã Ba la mật, công đức người ấy không cùng tận, không thể tính kể, không thể hạn lượng. Cho nên thiện nam, thiện nữ phụng hành Bát nhã Ba la mật sẽ đạt được vô lượng giới tánh, vô lượng Tam-muội tánh, trí tuệ tánh, giải thoát tánh, kiến giải thoát tánh, quyết chắc không xa lìa trí Nhất thiết. Thiện nam, thiện nữ ấy được các công đức không thể tính kể.

Này Câu-dực! Ông nên biết, thiện nam, thiện nữ phụng hành Bát nhã Ba la mật, thuận theo Phật, không lìa trí Nhất thiết thì công đức thiện nam, thiện nữ này gấp trăm ngàn vạn ức lần công đức của hàng Thanh văn, Bích-chi-phật giữ gìn giới tánh, Tam-muội, trí tuệ, giải thoát, kiến giải thoát tánh; công đúc của người ấy hơn hết, không thể thí dụ được. Vì tâm người ấy đã lìa đạo quả A-la-hán, Bích-chi-phật. Ban đầu không có tâm niệm về đạo quả A-la-hán, Bích-chi-phật, vì người ấy thường thọ trì đọc tụng tu tập và dùng hương hoa cúng dường Bát nhã Ba la mật. Ta thường khen ngợi người ấy đời nay, đời sau được công đức vô cùng tận.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Con cũng thường ủng hộ thiện nam, thiện nữ phụng hành Bát nhã Ba la mật khiến cho người đó không xa lìa trí Nhất thiết.

Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Khi thiện nam, thiện nữ đọc tụng Bát nhã Ba la mật có vô số trăm ngàn chư Thiên đến chỗ đó cung kính chắp tay lắng nghe Bát nhã Ba la mật. Các Thiên tử lại dùng oai thần ủng hộ thiện nam, thiện nữ, làm cho tâm ý khai thông và hiểu biết trọn vẹn. Đó là thiện nam, thiện nữ được phước đức trong hiện tại.

Lại nữa, này Câu-dực! Ở trong bốn chúng đệ tử Phật, khi thiện nam, thiện nữ ấy nói về Bát nhã Ba la mật không biết mệt mỏi thì nhất định mọi người không thể nghe suông, huống chi là có sự khinh chê. Vì sao vậy?

Vì nhờ sự ủng hộ của Bát nhã Ba la mật, vì Bát nhã Ba la mật phân biệt các pháp, phân biệt giữa xuất thế và thế gian, giữa thiện và bất thiện, giữa hữu lậu và vô lậu, phân biệt Tỳ-kheo và không phải Tỳ-kheo, phân biệt Thanh văn, Bích-chi-phật và Phật. Đó gọi là phân biệt. Vì sao?

Vì thiện nam, thiện nữ ở trong nội ngoại không và hữu vô không, thường thuận Bát nhã Ba la mật, nên không thể bị chê bai được, cũng không ai có thể thấy được lỗi lầm của họ. Cho nên người thọ trì Bát nhã Ba la mật thì không ai có thể tìm được chỗ sơ hở của họ.

Lại nữa, này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ giữ gìn phụng hành Bát nhã Ba la mật thì tâm không bao giờ biếng nhác sợ hãi. Vì vậy, thiện nam, thiện nữ ấy nhất định không thấy điều sợ hãi, mệt mỏi. Đây là được phước trong hiện tại.

Lại nữa, này Câu-dực! Nếu có thiện nam, thiện nữ thọ trì Bát nhã Ba la mật và dùng hương hoa, tràng phan, lọng báu để cúng dường thì thiện nam, thiện nữ ấy được cha mẹ thương yêu; anh em, bà con, bạn bè đều cung kính; khắp mười phương các vị A-la-hán, Bích-chi-phật, Bồ-tát, đều thương tưởng. Thiện nam, thiện nữ ấy được người trong nhân gian và chư Thiên, A-tu-la kính mến.

Khi người ấy thực hành sáu pháp Ba-la-mật, không ngưng nghỉ, không xa lìa nội ngoại không, hữu vô không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng, các môn Tam-muội, Đà-la-ni, không xa lìa thần thông Bồ-tát giáo hóa chúng sinh, làm thanh tịnh cõi Phật, quyết chắc không bị gián đoạn. Vì oai lực Bát-nhã có khả năng thu phục sự phỉ báng của ngoại đạo.

Này Câu-dực! Đây gọi là thiện nam, thiện nữ thực hành Bát nhã Ba la mật được phước đức đời này, đời sau.

Này Câu-dực! Nếu thiện nam, thiện nữ biên chép thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật thì tam thiên đại thiên thế giới, Tứ Thiên vương đều lắng nghe Bát nhã Ba la mật, sau đó cung kính làm lễ rồi mới từ giã. Từ cõi trời Đao-lợi cho đến cõi trời Sắc cứu cánh, chư Thiên, loài người thực hành Bồ-tát đạo đều đến lắng nghe Bát nhã Ba la mật, sau đó cung kính làm lễ rồi mới từ giả. Trong mười phương, Tứ Thiên vương cho đến cõi trời Sắc cứu cánh và loài Rồng, Quỷ, Thần, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-na, Khẩnna-la, Ma-hầu-la-già đều đến nghe Bát nhã Ba la mật, cung kính làm lễ, cúng dường. Thiện nam, thiện nữ ấy nên biết đó là Bố thí pháp.

Trong ba ngàn thế giới cho đến mười phương thế giới, các Thiên tử ở cõi Tứ Thiên vương và cõi Sắc cứu cánh đều hành Bồ-tát đạo cũng ủng hộ thiện nam, thiện nữ hành Bát nhã Ba la mật. Các việc tà vạy xấu ác, nguy hiểm không thể xâm phạm và họ trừ được nghiệp đời trước không

còn phải trả nữa. Như vậy, này Câudực! Đây là thiện nam, thiện nữ được phước ở đời hiện tại. Đến chỗ thiện nam, thiện nữ vì chư Thiên muốn chứng Vô thượng Chánh đẳng giác, muốn cứu hộ chúng sinh, làm cho chúng sinh được an ổn, vui sướng.

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ làm sao để biết khắp mười phương chư Thiên ở cõi Tứ Thiên vương và cõi Sắc cứu cánh đến cung kính thọ trì, làm lễ Bát nhã Ba la mật? Thiện nam, thiện nữ làm sao biết được điều đó?

Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Thiện nam, thiện nữ nếu thấy màu sắc khác thường sáng rực là biết lúc ấy có chư Thiên, loài người đến lắng nghe Bát-nhã ba-lamật và làm lễ cúng dường.

Này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ ở chỗ đó chưa từng nghe mùi hương ấy, nếu nghe mùi hương vi diệu khác thường thì biết lúc ấy chư Thiên, dòng dõi quý phái đến lắng nghe Bát nhã Ba la mật và cung kính làm lễ cúng dường.

Này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ vui sống thanh bạch, vì vui sống thanh bạch nên được chư Thiên hoan hỷ đến chỗ thiện nam, thiện nữ lắng nghe Bát nhã Ba la mật rồi phụng hành làm lễ cúng dường.

Khi các vị trời tôn quý đến, thì trong đó những vị trời, quỷ thần có chút ít oai thần đều phải tránh đi vì chẳng chịu nỗi oai thần của các vị trời tôn quý này. Thiện nam, thiện nữ ấy đều xa lìa các hoạn nạn.

Chỗ ở của các thiện nam, thiện nữ ấy thường sạch sẽ thanh khiết, thường được cúng dường đèn hương, các thứ hoa rất trang nghiêm. Thiện nam, thiện nữ ấy không bao giờ chán nản mệt mỏi, thân thể nhẹ nhàng thường được an ổn; đi, đứng, nằm, ngồi đều như vậy. Vị ấy không mộng thấy những điều ác, chỉ mộng thấy Phật nghe pháp, gặp Tỳ-kheo Tăng; chỉ mộng thấy ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp; chỉ mộng thấy các đệ tử và quyến thuộc vây quanh nghe thuyết pháp; chỉ nghe sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng; chỉ nghe giảng đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật; chỉ thấy Phật ở dưới gốc cây; chỉ thấy các vị Bồ-tát đi đến dưới gốc cây Bồ-đề khi thành Chánh đẳng giác; chỉ thấy sau khi thành đạo, Phật chuyển pháp luân; chỉ thấy vô số Bồ-tát sẽ thành trí Nhất thiết dạy bảo chúng sinh làm thanh tịnh cõi Phật, chỉ nghe vô số âm thanh chư Phật khắp mười phương; chỉ nghe phương kia, Phật kia, ở nước kia và đệ tử của Phật có trăm ngàn Bồ-tát và quyến thuộc vây quanh nghe pháp; chỉ thấy mười phương chư Phật nhập Niết-bàn; chỉ thấy sau khi Phật nhập Niết-bàn xá-lợi được thu nhặt, xây tháp và dùng hương hoa để cúng dường.

Này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ chỉ mộng thấy sắc tướng thù thắng vi diệu như vậy, cho nên thiện nam, thiện nữ khi thức, khi ngủ đều yên vui. Thân thể an ổn trong sạch, nhẹ nhàng; không tham ăn uống, y phục, không mong cầu sự cúng dường.

Này Câu-dực! Ví như vị Tỳ-kheo tu hành, tâm ý tại thiền định, không tham vật thực, chỉ dùng thiền định biết đủ. Vì sao vậy? Vì chư Thiên, Quỷ, Thần đều dùng không khí trong sạch để làm thức ăn. Chư Phật ở mười phương, chư Thiên, Quỷ, Thần đều dùng không khí trong sạch để làm thức ăn.

Phật bảo Câu-dực:

–Thiện nam, thiện nữ nào muốn được công đức ở hiện tại phải nên thọ học, biên chép, đọc tụng Bát nhã Ba la mật, không xa lìa trí Nhất thiết.

Thiện nam, thiện nữ không thọ trì Bát nhã Ba la mật mà chỉ biên chép, dùng hương hoa, tràng phan, lọng báu cúng dường Bát nhã Ba la mật thì công đức không thể tính kể. Nếu họ còn học tập, đọc tụng, giữ gìn Bát nhã Ba la mật, không xa lìa trí Nhất thiết thì công đức nhiều hơn công đức cúng dường mười phương hằng hà sa chư Phật. Có người cúng dường mười phương chư Phật hiện tại, suốt đời dùng hương hoa, tràng phan, lọng báu cúng dường; hoặc là sau khi Phật Niết-bàn, thu nhặt xá-lợi, xây tháp bảy báu, cúng dường nhưng hư trước thì không bằng thiện nam, thiện nữ thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba la mật sẽ được công đức nhiều gấp trăm vạn lần so với người đã làm việc cúng dường trước đây.

QUYỂN 7

Phẩm 38: XÁ-LỢI

Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực! Trong cõi Diêm-phù-đề, một phần cúng dường kim thân xá-lợi Phật, một phần ghi chép giữ gìn Bát nhã Ba la mật. Hai phần ấy ông muốn lấy phần nào?

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con chọn lấy Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì đối với xá-lợi con chẳng có tâm kiêu mạn, chẳng phải chẳng cung kính, chẳng cúng dường, nhưng vì thân chư Phật đều từ Bát-nhã bala-mật sinh ra, xá-lợi chư Như Lai đều nhờ Bát nhã Ba la mật làm nhân duyên mà được cúng dường.

Xá-lợi-phất hỏi Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực! Bát nhã Ba la mật là pháp Vô tướng đệ nhất, không cần hộ trì, không thể thấy được, không ngăn ngại nhất tướng. Nhất tướng tức Vô tướng. Tại sao ông muốn giữ gìn? Giữ gìn Bát nhã Ba la mật cũng chẳng trú vào nơi sinh, cũng chẳng trú vào nơi tăng giảm, chẳng trú vào nơi hy vọng, chẳng trú vào nơi không hy vọng, cũng chẳng xả bỏ pháp phàm phu, chẳng giữ gìn pháp Thanh văn Bích-chi-phật, cũng chẳng bỏ pháp thế tục, cũng chẳng giữ gìn pháp vô vi, cũng chẳng bỏ pháp hữu vi, chẳng giữ gìn nội ngoại không và hữu vô không, cũng chẳng giữ gìn ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng, trí Nhất thiết mà có sự giúp đỡ vậy. Tại sao ông muốn giữ gìn?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Đúng như vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Phải biết Bát nhã Ba la mật đối với Phật pháp không có sự giúp đỡ. Ở trong pháp phàm phu cũng không xả bỏ. Người biết như vậy gọi là hành trì Bát nhã Ba la mật, gọi là ở trong sáu pháp Ba-la-mật, như nhau không khác.

Khi ấy, Đức Thế Tôn khen ngợi Thích Đề-hoàn Nhân:

–Lành thay, lành thay! Đúng như lời ông nói. Bát-nhã ba-lamật đối với sáu pháp Ba-la-mật không có hai chỗ vào. Vì Bát nhã Ba la mật và sáu pháp Ba-la-mật không phải hai sự việc.

Này Câu-dực! Bát nhã Ba la mật và pháp tánh cũng không hai, sáu pháp Ba-la-mật và cứu cánh cũng không hai, không thể nghĩ bàn.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chư Thiên và loài người nên làm lễ Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát từ trong Bát nhã Ba la mật mà thành Phật.

Bạch Thế Tôn! Ví như con dùng các Thiên tử hội họp an vui ở cung điện chính, các Thiên tử đến đó đều làm lễ con; nếu con không ở tại đó thì các Thiên tử cũng làm lễ tại chỗ ngồi của con, rồi đi quanh một vòng, xong tự ra khỏi chỗ cũ. Vì ở đó là nơi nhận lãnh lời dạy bảo. Nếu thiện nam, thiện nữ nào biên chép, họ trì Bát-nhã bala-mật, giảng giải nghĩa lý cho người nghe thì khắp mười phương chư Thiên, loài Rồng, Quỷ, Thần, A-tu-la, Càn-thát-bà, Ca-lâu-la, Khẩnna-la, Ma-hầu-la-già đều làm lễ Bát nhã Ba la mật, nhiễu quanh rồi từ giã. Vì sao? Vì chư Như Lai đều từ đây sinh ra. Trong thế gian loài người được hạnh phúc an lạc đều từ đây sinh ra; xá-lợi chư Phật, hạnh nguyện các Bồ-tát đều ở trong trí Nhất thiết, nhờ đây được gần gũi nhận lãnh giáo lý.

Vì công dụng như vậy nên trong hai phần con chọn lấy Bát nhã Ba la mật để thọ trì, đọc tụng. Con thọ trì Bát nhã Ba la mật, nếu khi Phật pháp muốn đoạn diệt thì con cũng chẳng lo sợ. Vì sao? Vì không bao giờ chẳng tưởng niệm, vì Bát nhã Ba la mật vô tướng, vô hình, không thể chứng đắc. Sáu pháp Ba-la-mật cho đến trí Nhất thiết đều vô tướng, vô hành, vô hình, không thể thấy. Nên gọi Bát nhã Ba la mật là pháp Vô tướng, chư Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác ở trong vô hành, vô đắc, vô tướng thành Chánh đẳng giác.

Bạch Thế Tôn! Vì Bát nhã Ba la mật vô tướng nên chúng đệ tử thuyết pháp cũng vô tướng, vô đắc, vô hành, thành Chánh đẳng giác. Cho nên chư Thiên, loài Người, Rồng, Quỷ, Thần đều cung kính phụng hành, dùng các thứ hương hoa, tràng phan, lọng báu cúng dường Bát nhã Ba la mật.

Bạch Thế Tôn! Nếu có người thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba la mật hoặc là dùng hương hoa để cúng dường, những người ấy quyết chắc không đọa vào ba đường ác, không đi vào A-la-hán, Bích-chi-phật đạo mà chỉ thành Chánh đẳng giác, sinh vào các chỗ không gặp tai nạn, thường thấy Phật, không xa lìa cõi Phật, ở các cõi Phật, đem hương hoa báu vật cúng dường chư Phật. Dầu cho xálợi thân Phật đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới đi nữa, trong hai vật báu con chọn Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì xálợi từ trong Bát nhã Ba la mật sinh ra nên được cúng dường như vậy.

Thiện nam, thiện nữ do việc cúng dường thoát khỏi ba đường ác, được phước sinh vào cõi trời, loài người; đối với ba thừa giáo tùy theo ước nguyện đều được độ thoát.

Bạch Thế Tôn! Người biên chép Bát nhã Ba la mật rồi trông thấy kinh ấy giống như thấy Phật, không có sai khác. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì Như Lai cùng với Bát nhã Ba la mật giống nhau không sai khác. Giống như Đức Thế Tôn dùng ba đức giáo hóa bằng mười hai bộ kinh so với thiện nam, thiện nữ biên chép thọ trì Bát-nhã bala-mật rồi dạy bảo người, giống nhau không sai khác.

Bạch Thế Tôn! Đức Phật dùng ba pháp giáo hóa bằng mười hai bộ kinh đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra.

Lại nữa, Thế Tôn và chư Phật ở mười phương dùng ba pháp giáo hóa bằng mười hai bộ kinh, so với thiện nam, thiện nữ dùng Bát nhã Ba la mật dạy người khác thì phước đức đó giống nhau

không sai khác. Vì sao? Vì ba pháp giáo hóa bằng mười hai bộ kinh ở chư Phật đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ cúng dường hằng hà sa chư Phật ở mười phương các thứ y phục, hương hoa, so với người cúng dường Bát nhã Ba la mật thì phước dức hai người giống nhau không sai khác. Vì sao? Vì chư Phật ở mười phương đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ nào thọ học, đọc tụng, tu tập và hành trì Bát nhã Ba la mật thì người ấy nhất định không đọa vào ba đường ác, không đi vào địa vị A-la-hán đạo, Bích-chi-phật đạo, chỉ trụ vào sự không thoái chuyển. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì người thọ học Bát nhã Ba la mật sẽ xa lìa tất cả các bệnh tật.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ nào biên chép, giữ gìn, đọc tụng Bát nhã Ba la mật và dùng các thứ hương hoa, tràng phan, lọng báu để cúng dường thì phải biết người ấy được xa lìa mọi sợ hãi.

Bạch Thế Tôn! Giống như người thiếu nợ, thường ôm lòng sợ hãi, nếu được quen biết với nhà vua thì không còn sợ hãi, vì nương vào chỗ tôn quý. Như xá-lợi Đức Thế Tôn đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra mà được cúng dường. Nên biết, Bát nhã Ba la mật là vua, xálợi Như Lai là người thiếu nợ, nhờ nương vào Bát nhã Ba la mật mà được an ổn.

Bạch Thế Tôn! Nên biết Nhất thiết chủng trí đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra, cho nên trong hai vật báu, con chọn Bát-nhã bala-mật. Vì sao? Vì thân Như Lai từ Bát nhã Ba la mật sinh ra, ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại sĩ, mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra. Năm ba-la-mật kia cũng đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra, đạt được danh tự trí Nhất thiết của Như Lai đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra.

Bạch Thế Tôn! Trong tam thiên đại thiên thế giới, có người đọc tụng, thọ trì, tu tập, cung kính lễ bái, dùng hương hoa cúng dường Bát nhã Ba la mật, nếu có người hoặc phi nhân, nhất định không tìm được chỗ sơ hở của họ. Tất cả chúng sinh đó đều được pháp giải thoát.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật có oai thần lớn làm cho chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đều làm Phật sự.

Bạch Thế Tôn! Chỗ nào có Bát nhã Ba la mật, nên biết, chỗ đó đã có Phật. Giống như trong thế gian chỗ nào có vật báu ma-ni vô giá, người và phi nhân không tìm được chỗ để hại. Thiện nam, thiện nữ nào bị bắt, nếu cầm ngọc ma-ni; người, phi nhân thấy ngọc ma-ni, không chịu đựng được oai lực đó liền bỏ đi. Thiện nam, thiện nữ bị bệnh nóng lạnh, cầm ngọc ma-ni đến, bệnh liền thuyên giảm. Ở trong chỗ tối, cầm ngọc ma-ni thì được sáng rõ. Lúc nóng cầm ngọc ma-ni liền được mát mẻ. Lúc lạnh cầm ngọc ma-ni liền được ấm áp. Ở chỗ nào có ngọc ma-ni thì các sự độc hại đều được tiêu trừ. Thiện nam, thiện nữ nào bị độc rắn, tiếp xúc ngọc ma-ni, độc liền tan biến, người ấy được lành mạnh. Bạch Thế Tôn, ngọc ma-ni có năng lực như vậy.

Thiện nam, thiện nữ nào hoặc mắt bị mù, các căn đau đớn, thân thể sưng phù có mụt nhọt, thấy ngọc ma-ni, các bệnh đều được khỏi hẳn.

Bạch Thế Tôn! Ngọc ma-ni này có năng lực như vậy. Nếu bỏ vào nước, nước liền trong vắt theo màu ngọc ma-ni.

Bạch Thế Tôn! Nếu đem nhiều thứ lụa nhiều màu sắc để vào trong nước, lại đặt ngọc ma-ni vào nước vẫn trong sáng như màu ngọc.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan hỏi Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực! Theo ông đã nói, ngọc ma-ni là bảo vật ở cõi trời hay cõi thế gian?

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

–Tôi đã nói về ngọc ma-ni là báu vật ở cõi trời. Ở thế gian cũng có ngọc ma-ni chẳng phải chỉ là báu vật ở cõi trời, nhưng năng lực ấy không bằng cõi trời, năng lực ấy chẳng thể dùng thí dụ để so sánh. Tôi đã nói báu vật ấy, nếu để vào trong cái hộp hoặc cái hòm thì ánh sáng ấy chiếu xuyên ra bên ngoài. Chính vì vậy mà ánh sáng ngọc ma-ni sáng rỡ khắp nơi.

Nếu có người biên chép, thọ trì Bát nhã Ba la mật thì chỗ ở của người đó không bị các hoạn nạn. Chỗ người đó ở giống như chỗ có ngọc ma-ni, có vô lượng công đức so với công đức của năm pháp Ba-la-mật, trí Nhất thiết, nội ngoại không, hữu vô không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng, pháp tánh, chân tế, Như, trí Nhất thiết không thể nghĩ bàn.

Sau khi Phật nhập Niết-bàn, xá-lợi được cúng dường, Nhất thiết chủng trí đoạn tận các tập khí phiền não, thường phải giữ gìn, bảo hộ chẳng quên các pháp. Trí Nhất thiết là khí cụ của các pháp, cho nên xá-lợi chư Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác được tôn kính cúng dường. Xá-lợi là báu vật của Bát nhã Ba la mật, Ba-lamật không đoạn diệt, không đắm trước; Ba-la-mật không đoạn diệt, không đắm trước; Ba-la-mật không sinh, không diệt; Ba-la-mật cũng chẳng đắm trước, cũng chẳng phải chẳng đắm trước; Ba-la-mật không sinh không diệt; Ba-la-mật chẳng thích hợp, cũng chẳng phải chẳng thích hợp; Ba-la-mật chẳng nâng lên cũng chẳng hạ xuống; Ba-la-mật chẳng đến chẳng đi chẳng dừng lại, cho nên xá-lợi chư Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác được cúng dường. Xá-lợi là khí cụ của các pháp ba-la-mật, nhờ nơi các pháp ba-la-mật mà hợp thành, nên xá-lợi được cúng dường.

Bạch Thế Tôn! Không những xá-lợi Như Lai có khắp tam thiên đại thiên thế giới mà dầu cho đầy cả hằng hà sa thế giới đi nữa con cũng chọn Bát nhã Ba la mật. Vì xá-lợi Như Lai đều từ trong đây sinh ra, nên được cúng dường.

Nếu có thiện nam, thiện nữ cung kính cúng dường xá-lợi thì được sinh vào cõi trời, được phước ở loài người, được sinh vào dòng họ cao quý, dòng Sát-lợi, Phạm chí, Trưởng giả, được sinh vào tầng trời thứ nhất, được công đức và phước báu ở tầng trời thứ sáu; được phước đức như vậy nhờ nơi việc làm lành, thoát khỏi các khổ nạn. Nếu lại thọ trì cúng dường Bát nhã Ba la mật thì được đầy đủ năm pháp ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng, được năng lực vượt qua địa vị A-la-hán, Bích-chi-phật, trụ ở địa vị Bồ-tát. Được thần thông tự tại từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, tùy theo cảm ứng đều được giáo hóa; hoặc sinh vào dòng họ cao quý, dòng Sát-lợi, Phạm chí, trưởng giả, tùy theo phong tục tập quán mà được giáo hóa.

Bạch Thế Tôn! Con chẳng vì kiêu mạn, chẳng cung kính thừa sự, chẳng phải chẳng muốn giữ gìn xá-lợi.

Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ nào cung kính thừa sự Bát nhã Ba la mật tức là đã cúng dường xá-lợi chư Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác.

Bạch Thế Tôn! Người nào muốn thấy vô số chư Phật hiện tại ở mười phương cần phải thọ trì đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba la mật, rồi dạy bảo cho người làm theo như vậy. Thiện nam, thiện nữ

ấy được thấy vô số chư Phật hiện tại ở mười phương. Vì thiện nam, thiện nữ cúng dường Bát nhã Ba la mật nên được pháp của chư Phật.

Bạch Thế Tôn! Nếu muốn gặp chư Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác thì thiện nam, thiện nữ cần phải thọ trì Bát nhã Ba la mật.

Bạch Thế Tôn! Lại có hai pháp. Đó là pháp hữu vi và pháp vô vi.

Sao gọi là pháp hữu vi? Đó là trí hiểu rõ về nội ngoại không, hữu vô không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, bốn Vô ngại tuệ, bốn Vô sở úy, mười Lực, mười tám pháp Bất cộng; trí hiểu rõ về pháp ác, pháp thiện; trí hiểu rõ về hữu lậu, vô lậu; trí hiểu rõ về pháp chân đế, tục đế.

Sao gọi là pháp vô vi? Đó là pháp chẳng sinh, chẳng diệt, pháp trụ, pháp bất trụ, cũng không sai khác; chẳng đắm trước, chẳng đoạn diệt, chẳng tăng, chẳng giảm. Đó là các Chân pháp.

Sao gọi là Chân pháp? Không thật có là Chân pháp, cũng gọi là vô vi pháp.

Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Đúng như vậy! Quá khứ chư Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác đều nhờ Bát nhã Ba la mật mà thành Phật. Chúng đệ tử cũng do đây được thành tựu, quả vị Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán, Bích-chi-phật. Hiện tại và trong tương lai, chư Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác cũng nhờ nơi Bát nhã Ba la mật mà thành Phật. Chúng đệ tử cũng do đây thành tựu quả vị Tu-đà-hoàn cho đến A-lahán, Bích-chi-phật. Vì ba thừa đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra. Tuy sinh ra Ba thừa, cũng không sinh, không tưởng niệm, không đắm trước, không đoạn diệt, cũng không có; cũng chẳng thích ứng, cũng chẳng phải chẳng thích ứng; chẳng phải chuyển động cũng chẳng phải chẳng chuyển động; chẳng giữ lấy cũng chẳng xả bỏ; chỉ theo tục pháp, không lấy chánh yếu. Vì Bát nhã Ba la mật chẳng ở chỗ này, chẳng ở chỗ kia; chẳng ở giữa dòng nước, chẳng ở ven bờ sông; chẳng thành đôi, chẳng đơn chiếc; chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng; chẳng phải chân đế, chẳng phải tục đế; chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi; chẳng phải thiện chẳng phải ác; chẳng phải quá khứ, hiện tại, đương lai. Vì sao? Này Câu-dực! Bát nhã Ba la mật chẳng giữ pháp Phật, chẳng giữ pháp Thanh văn, Bích-chi-phật, cũng chẳng xả bỏ pháp phàm phu.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bát nhã Ba la mật là pháp cứu độ rộng lớn nhất. Vì Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, biết rõ tất cả tâm ý chúng sinh, cũng không có chúng sinh, cũng không có chỗ thấy biết, cũng chẳng thấy năm ấm, sáu căn; không có sáu trần, cũng chẳng có duyên khởi; cũng chẳng có ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng; cũng chẳng thấy đạo, cũng chẳng có đạo pháp; cũng chẳng thấy Phật, cũng chẳng thấy Phật pháp… vì Bát nhã Ba la mật chẳng lệ thuộc chỗ nào cả. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật không hình, không thể thấy, huống nữa là có chỗ lệ thuộc.

Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Như ông đã nói, vị Đại Bồ-tát ngày đêm hành trì Bát-nhã bala-mật còn chẳng thấy đạo huống chi đạt đến sự hành của Bồ-tát.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì vị Đại Bồ-tát chỉ hành trì Bát-nhã ba-lamật chẳng hành trì những gì ngoài Ba-la-mật.

Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Bồ-tát hành trì rốt ráo sáu pháp Ba-la-mật, cũng chẳng ỷ lại cũng chẳng có vật bố thí, chẳng có người nhận, chẳng có người trao; chẳng có trì giới, chẳng có phạm giới; chẳng có nhẫn nhục, chẳng có sân hận, chẳng có tinh tấn, chẳng có biếng nhác; chẳng có thiền định, chẳng có tán loạn; chẳng có trí tuệ, chẳng có ngu si. Bát nhã Ba la mật là hạnh đệ nhất của Bồ-tát. Trong Bát nhã Ba la mật có Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định. Vì muốn đầy đủ năm pháp Ba-la-mật, nên Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, thấy các pháp đều không có chỗ dựa vào. Từ năm ấm cho đến trí Nhất thiết đều là các pháp không có chỗ dựa vào.

Thí như cõi Diêm-phù-đề có các giống cây tốt, nhiều màu sắc, nhiều cành lá, nhiều loại hoa quả màu sắc khác nhau nhưng bóng mát của thân cây, đốt cây, cành, lá, hoa quả đều không có sự sai khác.

Này Câu-dực! Năm pháp ba-la-mật cho đến trí Nhất thiết đều ở trong Bát nhã Ba la mật, nhưng chẳng phải không có sự sai biệt, không có sự tùy thuộc phần nào.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật đầy đủ các công đức.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật đầy đủ vô lượng, vô số các công đức.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật đầy đủ tất cả công đức các pháp.

Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ nào thọ trì Bát-nhã ba-lamật, rồi biên chép kinh quyển, rồi dùng hương hoa, tràng phan, lọng báu cúng dường hoặc có người biên chép Bát nhã Ba la mật làm thành quyển kinh rồi truyền trao cho người khác thì phước đức có nhiều không?

Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Nay ta hỏi ông, theo đó tùy ý trả lời! Nếu có thiện nam, thiện nữ cúng dường toàn thân xá-lợi, hoặc là đem một phần xá-lợi nhỏ như hạt cải trao cho người khác bảo họ cúng dường thì phước đức nhiều bao nhiêu?

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như con đã từng nghe Thế Tôn dạy: Thiện nam, thiện nữ nào cúng dường toàn thân xá-lợi, hoặc là đem một phần thân xá-lợi nhỏ như hạt cải trao cho người khác bảo họ cúng dường thì phước đức rất nhiều.

Bạch Thế Tôn! Như con đã nhiều lần thấy rõ sự thật này, Như Lai trụ ở Kim cang Tam-muội tự hại thân mình thành xá-lợi nhỏ như hạt cải, nếu ai cúng dường, nhất định người ấy nhận được vô lượng phước đức, chấm dứt hết khổ.

Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực! Người nào cúng dường Bát nhã Ba la mật bằng cách biên chép thọ trì kinh quyển rồi truyền trao cho người thì phước đức rất nhiều.

Này Câu-dực! Nếu thọ trì Bát nhã Ba la mật, lại dạy bảo cho người hiểu rõ nghĩa lý phân biệt rõ ràng từng phần một thì thiện nam, thiện nữ ấy được phước đức nhiều hơn so với người làm việc cúng dường như trên đã nói. Nên biết ở trong Hiền thánh, Bát nhã Ba la mật là tôn quý nhất nên xem người ấy như Phật Thế Tôn. Vì sao? Vì thấy Bát nhã Ba la mật là thấy Đức Thế Tôn. Thế Tôn tức là Bát nhã Ba la mật; Bát nhã Ba la mật tức là Thế Tôn. Cho nên, trong ba đời chư Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra mà đạt thành Phật. Trí các bậc Hiền thánh và Bồ-tát không thoái chuyển đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra mà được

thành Phật. Các bậc Thanh văn cũng từ Bát-nhã ba-lamật sinh ra mà được thành A-la-hán, Bích-chi-phật. Các vị phát tâm Bồ-đề cũng từ trong Bát nhã Ba la mật mà được phước đức

Bồ-tát.

Này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ nào muốn thừa sự cúng dường chư Phật hiện tại, nên cúng dường Bát nhã Ba la mật.

Phật dạy:

–Ta đã phụng trì, thừa sự cúng dường Bát nhã Ba la mật và làm các việc như trên cho đến thành Phật, ở địa vị tôn quý nhất. Ai là tôn quý để có thể thừa sự cúng dường? Từ trên cõi trời cho đến nhân gian, vượt ra ngoài Tam giới, không còn ai có địa vị tôn quý hơn nữa ư?

Ta lại suy nghĩ: “Ta vốn từ Bát nhã Ba la mật mà đạt đến quả vị Phật. Bát nhã Ba la mật là sự tôn quý của ta, cho nên ta phải cung kính cúng dường Bát nhã Ba la mật.”

Này Câu-dực! Ta cúng dường Bát nhã Ba la mật, không bao giờ xa lìa. Việc làm của ta đều thực hành từ Bát nhã Ba la mật. Thiện nam, thiện nữ nào muốn chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác nên cúng dường, thọ trì, phụng hành Bát nhã Ba la mật. Vì các vị Đại Bồ-tát đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra.

Này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ nào hành trì giáo pháp ba thừa đều nên thọ trì, đọc tụng, biên chép Bát nhã Ba la mật.

QUYỂN 8
Phẩm 39: CÔNG ĐỨC BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Đức Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Nếu có thiện nam, thiện nữ giáo hóa cả Diêm-phù-đề, làm cho chúng sinh trong cõi này thực hành mười pháp thiện, này Câudực, ý ông nghĩ sao? Phước đức của họ có nhiều chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.

Phật bảo:

–Này Câu-dực! Không bằng người thiện nam, thiện nữ kia đem quyển kinh Bát nhã Ba la mật này truyền trao cho người khác, khiến cho họ thọ trì, đọc tụng, hiểu sự nghĩa trong kinh, thì công đức đó còn nhiều hơn gấp bội. Vì sao? Vì trong kinh Bát nhã Ba la mật này giảng rộng về pháp Vô lậu có thể làm cho họ đều học được, người sẽ đến với đạo cũng được học như nhau để đạt được đạo quả.

Người mong cầu La-hán, Bích-chi-phật đạo, đều từ Bát-nhã Ba- la-mật mà đắc. Người sẽ mong cầu cũng được như vậy. Người mong cầu Bồ-tát đạo đều từ trong Bát nhã Ba la mật mà đắc. Người sẽ mong cầu cũng từ nơi đây mà đắc. Người thành tựu trí Nhất thiết đều từ trong Bát nhã Ba la mật mà đắc. Người sẽ mong cầu trí Nhất thiết cũng từ nơi đây mà đắc.

Này Câu-dực! Những gì là pháp Vô lậu? Đó là ba mươi bảy phẩm, không, ba môn giải thoát và bốn Đế. Nội ngoại không, hữu vô không, mười Lực của Phật và vô lượng pháp Phật. Những pháp này làm cho thiện nam, thiện nữ này đạt thành Vô thượng giác. Người đang mong cầu cũng sẽ thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Câu-dực! Giáo hóa chúng sinh cả Diêm-phù-đề đều thực hành mười pháp thiện, không bằng làm cho một người đạt đạo Tuđà-hoàn. Vì sao? Vì tuy giáo hóa các chúng sinh nơi Diêm-phù-đề thực hành mười pháp thiện vẫn chưa thoát khỏi ba đường ác, còn giáo hóa một người đắc quả Tu-đà-hoàn tức đã xa lìa ba đường ác.

Này Câu-dực! Nếu giáo hóa chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề đều thực hành mười pháp thiện, hoàn toàn chứng đắc quả Tu-đàhoàn, không bằng giáo hóa một người đạt quả Bích-chi-phật vì được vô lượng phước đức.

Này Câu-dực! Giáo hóa tất cả chúng sinh nơi Diêm-phù-đề thực hành mười pháp thiện được đắc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật không bằng giáo hóa một người làm cho họ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Công đức ấy rất nhiều. Vì sao? Vì giáo hóa cho một người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là tiếp nối dòng Thánh và hạt giống Phật không bị gián đoạn.

Này Câu-dực! Quả vị Tu-đà-hoàn đến Bích-chi-phật và Phật đều sinh ra từ Bồ-tát. Thế nên biết rằng người thiện nam, thiện nữ nào cầm quyển kinh Bát nhã Ba la mật truyền trao cho người khác sẽ đạt công đức nhiều vô lượng. Vì sao? Vì các pháp rộng lớn đều bao hàm trong kinh Bát nhã Ba la mật. Nhờ đó mới biết các dòng họ lớn của các dòng họ Sát-lợi, Phạm chí, Trưởng giả. Nhờ đó mới biết có Tứ Thiên vương lên đến trời Vô tư tưởng, Vô tư tưởng tuệ. Biết đến ba mươi bảy phẩm, đến trí Nhất thiết. Biết có Tu-đà-hoàn lên đến trí Nhất thiết.

Này Câu-dực! Để sự việc giáo hóa chúng sinh trong cõi Diêmphù-đề lại, dù có khiến cho các chúng sinh trong cả bốn thiên hạ, đến tiểu thiên hạ, trung thiên hạ, cõi nước trong tam thiên đại thiên cho đến chúng sinh trong khắp các cõi nước nhiều như số cát sông Hằng đều giáo hóa cho họ thực hành mười pháp thiện, không bằng những thiện nam, thiện nữ đó thọ trì kinh Bát nhã Ba la mật và giáo hóa cho người khác để họ thọ trì, đọc tụng, giải nói. Công đức đó thật nhiều vô lượng.

Này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ nào giáo hóa cho các chúng sinh trong khắp cả Diêm-phù-đề, làm cho họ tu tập nơi bốn Thiền, bốn Đẳng và bốn Không định, đạt năm Thần thông. Người đó đạt phước đức có nhiều không?

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.

Đức Phật dạy:

–Vẫn không bằng thiện nam, thiện nữ này thọ trì kinh Bát nhã Ba la mật và truyền trao cho người khác, khiến họ cũng thọ trì, đọc tụng, giải nói quyển kinh, đạt phước đức nhiều vô lượng. Vì sao? Này Câu-dực! kinh Bát nhã Ba la mật là chỗ giảng nói cực kỳ sâu rộng. Cho nên, này Câu-dực, chúng sinh trong khắp cả Diêm-phùđề, bốn thiên hạ, tiểu thiên quốc độ, trung thiên quốc độ, tam thiên đại thiên quốc độ, cho đến mười phương hằng hà sa quốc độ đều được giáo hóa để đạt bốn Thiền, bốn Đẳng, bốn Không định, đạt năm Thần thông. Người thiện nam, thiện nữ đó đạt được công đức có nhiều chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.

Đức Phật dạy:

–Vẫn không bằng thiện nam, thiện nữ đó thọ trì kinh Bát nhã Ba la mật rồi đem truyền trao cho người khác, khiến họ thọ trì, đọc tụng, giải nói nghĩa kinh, người đó được công đức rất nhiều.

Này Câu-dực! Người thọ trì kinh Bát nhã Ba la mật không dùng hai việc, cũng chẳng không hai; thực hành Ba-la-mật cũng không dùng hai đạo, cũng chẳng không hai; cũng không dùng hai việc để nhớ nghĩ nội ngoại không và hữu vô không; cũng không dùng hai việc mà thực hành ba mươi bảy phẩm Trợ đạo; cũng không dùng hai việc đạo mà thực hành trí Nhất thiết.

Này Câu-dực! Nếu thiện nam, thiện nữ nào dùng vô số phương tiện, đem Bát nhã Ba la mật giáo hóa chúng sinh, khiến cho họ học hỏi, thọ trì, đọc tụng, giải nói nghĩa kinh sâu rộng. Không dùng hai việc để quán Bát nhã Ba la mật; không dùng tướng cũng không dùng vô tướng; không hợp cũng không tan; không thích ứng cũng chẳng không thích ứng; không nâng cao không hạ thấp; không thường không đoạn. Cũng không sinh không diệt; không nắm giữ cũng chẳng không nắm giữ; không xứ chẳng phải không xứ; không thật không hư; không dơ không sạch; không tin cũng chẳng không tin; không pháp cũng chẳng phi pháp; không như cũng chẳng phải không như; không chân tế cũng chẳng phải không chân tế.

Như thế, này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ nào thọ trì Bát nhã Ba la mật và truyền trao cho người khác, khiến họ đọc tụng, học hỏi từng sự việc, phân tích, giảng nói ý nghĩa, chương cú của kinh rõ ràng từng phần, rồi đem những điều học hỏi này dạy dỗ cho người khác thì công đức thành tựu được còn hơn cả chính mình đọc tụng, bảo vệ thực hành những sự như trên. Nếu người thiện nam, thiện nữ tự học Bát nhã Ba la mật rồi đọc tụng, giảng nói, tự thân cúng dường, lại đem giáo hóa người khác cũng đọc tụng, học hỏi để hiểu rõ nghĩa phân biệt, người dó có trí tuệ sáng suốt và đầy đủ. Người thiện nam, thiện nữ đó đạt được công đức nhiều gấp bội, vô lượng, vô biên.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người thiện nam, thiện nữ này nhờ thọ học Bát nhã Ba la mật nên được hiểu rõ câu nghĩa trọn vẹn.

Phật bảo:

–Đúng thế, đúng thế! Này Câu-dực! Nếu thiện nam, thiện nữ nào thọ học Bát nhã Ba la mật, thọ trì hiểu rõ nghĩa câu một cách trọn vẹn, thọ học như vậy thì thiện nam, thiện nữ ấy đạt được vố số công đức của thiện căn không thể tính hết.

Nếu có người thiện nam, thiện nữ trọn đời cúng dường thực phẩm cho mười phương chư Phật Như Lai, tùy theo sự hoan hỷ của các ngài, người này gieo trồng cội phước có nhiều chăng?

Câu-dực thưa:

–Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.

Phật bảo:

–Công đức ấy vẫn không bằng những thiện nam, thiện nữ dùng vô số phương tiện đem kinh Bát-nhã truyền trao cho người khác, khiến họ học tập, thọ trì trọn vẹn trí tuệ, hiểu rõ nghĩa câu trong kinh đạt được công đức, phước nhiều vô lượng. Vì sao? Vì chư Phật thời quá khứ, vị lai và hiện tại vốn hành đạo Bồ-tát đều học từ Bát nhã Ba la mật mà thành tựu Chánh đẳng giác. Có những người đang học cũng sẽ thành tựu Chánh đẳng giác.

Này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ nào suốt a-tăng-kỳ kiếp thực hành Bố thí ba-la-mật, không bằng người thiện nam, thiện nữ thọ trì Bát nhã Ba la mật và giáo hóa cùng khắp chúng sinh mà không có sự chấp trước.

Này Câu-dực! Bồ-tát thực hành Bố thí ba-la-mật nếu có sự chấp trước sẽ sinh ý niệm: "Ta bố thí cho người kia." Nói như vậy tức là trụ nơi bố thí và không thành tựu Bố thí ba-la-mật.

Nói: "Tôi giữ giới", tức có tôi nơi giới, liền trụ nơi giới, như vậy không thành tựu Trì giới ba-la-mật.

Nói: "Tôi nhẫn nhục", do nghĩ vậy nên cố tâm nhẫn và trụ nơi nhẫn là không thành tựu Nhẫn nhục ba-la-mật.

Nói: "Tôi tinh tấn", là có chỗ thực hành tinh tấn, liền trụ vào tinh tấn là không thành tựu Tinh tấn ba-la-mật.

Nói: "Tôi hành thiền", là có chỗ hành thiền và trụ vào thiền nên không thành tựu Thiền định ba-la-mật.

Nói: "Tôi hành trí tuệ", liền nhưng nghĩ nhớ nơi trí tuệ, trụ vào trí tuệ nên không thành tựu Bát nhã Ba la mật.

Này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ nào thực hành như vậy thì không thành tựu sáu pháp Ba-la-mật.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Đại Bồ-tát phải thực hành thế nào để thành tựu sáu pháp Bala-mật?

Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Bồ-tát bố thí mà không thấy có mình bố thí, cũng không có vật bố thí và không có người nhận bố thí. Đây là thực hành Bố thí ba-la-mật… Cho đến Bát nhã Ba la mật cũng không thấy có người thực hành và không có sự đắc. Đây là Bồ-tát thực hành trọn vẹn sáu pháp Ba-la-mật.

Này Câu-dực! Nếu thiện nam, thiện nữ nào thực hành sáu pháp Ba-la-mật và hiểu rõ nghĩa sáu hạnh, hãy nên thực hành sự hiểu biết này. Vì sao? Vì đời tương lai sau sẽ có những thiện nam, thiện nữ phát tâm mong cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thế nên, hãy vì những hạng người này giải nói đầy đủ về Bát nhã Ba la mật.

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì những người nào để thuyết Bát-nhã ba-lamật.

Phật bảo:

–Nếu có thiện nam, thiện nữ đã được nói Bát nhã Ba la mật, được nói rồi nên nói lại.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao thiện nam, thiện nữ được nói Bát nhã Ba la mật rồi nên nói lại?

Phật bảo:

–Nếu những thiện nam, thiện nữ mới vào Bát nhã Ba la mật nên vì họ mà nói Bát nhã Ba la mật, đã nói rồi nên nói lại. Vì người mới học nói sắc là vô thường, hãy nên vì họ mà nói như vậy. Người thực hành như vậy là thực hành Bát nhã Ba la mật. Người nói như vậy là nghi đến năm ấm vô thường.

Những thiện nam, thiện nữ nói về năm ấm vô thường này là muốn cho người mới phát tâm hướng đến thực hành Bát-nhã ba-lamật. Nói mười hai xứ là vô thường, khổ, không để thực hành

sáu pháp Ba-la-mật. Nói mười tám giới là vô thường, khổ, không để thực hành sáu pháp Ba-la-mật. Nói năm ấm là vô thường, khổ, không để thực hành sáu pháp Ba-la-mật. Nói bốn Thiền, bốn Đẳng, bốn Không định luận vô thường, khổ, không để thực hành sáu pháp Ba-la-mật. Nói ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng cho đến trí Nhất thiết. Nói vô thường, dạy phi thường, khổ, không. Nói những pháp như vậy, giải thích những pháp như vậy, đó là giáo hóa cho nhưng những người mới phát tâm thực hành Bát nhã Ba la mật.

Này Câu-dực! Những người mới học, mới phát tâm hãy nên thực hành như vậy.

Này Câu-dực! Nếu thiện nam, thiện nữ nào học đã thâm nhập, khi nói về Bát nhã Ba la mật nên nói với người mới học, mới phát tâm rằng: "Ngươi hãy thọ trì nhớ nghĩ sáu pháp Ba-la-mật, thọ trì rồi nên trụ nơi Bồ-tát Địa thứ nhất; từ Địa thứ nhất, thứ hai…, cho đến trụ Địa thứ mười. Nghĩ như vậy nên có tư tưởng đắm nhiễm, có tư tưởng chấp trước và nhớ đến Bát nhã Ba la mật.

Này Câu-dực! Đây là người mới phát tâm thực hành Bát nhã Ba la mật.

Này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ đó lại dạy rằng: "Ngươi nên nghĩ nhớ đến Bát nhã Ba la mật, đã có tâm nghĩ nhớ rồi sẽ vượt qua cả A-la-hán, Bích-chi-phật." Đây là người mới phát tâm thực hành.

Này Câu-dực! Có người hành đạo Bồ-tát nên nói với người mới học rằng: "Nên thọ trì Bát nhã Ba la mật sẽ đạt quả Vô sinh pháp nhẫn. Đắc pháp nhẫn rồi trụ vào thần thông, từ nơi cõi Phật này đến cõi Phật kia cung kính đảnh lễ cúng dường chư Phật Thế Tôn."

Này Câu-dực! Người đã học hiểu sâu xa nên dạy người mới học mới phát tâm rằng: "Thiện nam, thiện nử, ngươi nên học Bát nhã Ba la mật và thọ trì nhớ nghĩ. Sau khi nhớ nghĩ ngươi sẽ được công đức pháp lành nhiều vô lượng, không thể tính kể." Đây là dạy cho người mới phát tâm thực hành.

Này Câu-dực! Người đã học sâu xa rồi nên dạy cho người mới học rằng: "Thiện nam, thiện nữ! Ngươi nên học sự thực hành căn bản thiện, sự thực hành các công đức của chư Phật thời quá khứ, tương lai và hiện tại. nên nhất tâm nhớ nghĩ để đạt Chánh đẳng giác." Đây là dạy cho người mới phát tâm thực hành.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Sau khi đã nói những lời như vậy rồi, nên dạy cho người mới học thế nào?

Đức Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân rằng:

–Người đã học sâu xa nên dạy cho người mới học rằng: "Thiện nam, thiện nữ! Nên thọ trì nghĩ nhớ Bát nhã Ba la mật, chớ quán năm ấm vô thường. Vì sao? Vì năm ấm không có sự có. Sự có của năm ấm là không có sự có vậy. Vì không có sự có nên chẳng phải là năm ấm. Trong Bát nhã Ba la mật, năm ấm không có thường và vô thường. Trong Bát nhã Ba la mật còn không thấy năm ấm huống gì thấy có Thường hay vô thường ư?"

Này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ nói những lời như thế là không dạy cho người mới học sự chấp trước, hãy nên dạy cho người mới học để tâm rằng: "Ngươi nên thọ trì nhớ nghĩ Bát-nhã ba-lamật. Đã nhớ nghĩ Bát nhã Ba la mật thì đối với các pháp không có chỗ vượt qua, cũng không có chỗ trụ lại. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-lamật cũng không có pháp có thể vượt qua hay có thể trụ lại. Vì sao? Vì pháp tự nó vốn không. Vì vốn không nên không chỗ có. Không chỗ có là

Bát nhã Ba la mật. Trong Bát nhã Ba la mật không có pháp có thể thích ứng hay không thích ứng, không có pháp sinh cùng pháp không sinh.” Thiện nam, thiện nữ nói những lời như vậy là không dạy cho người mới học có sự chấp trước.

Này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ nào nói ý nghĩa trong Bát nhã Ba la mật hãy nói như vậy. Thiện nam, thiện nữ nào dạy bảo những lời này, chỗ đạt công đức nhiều như trước đã nói.

Này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ giáo hóa chúng sinh trong Diêm-phù-đề, khiến họ chứng đắc đạo quả Tu-đà-hoàn, phước ấy có nhiều chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.

Phật bảo:

–Vẫn không bằng những thiện nam, thiện nữ đem Bát-nhã bala-mật truyền trao cho người khác để họ học tập, thọ trì. Vì người giải nói nghĩa kinh, công đức ấy rất nhiều, nhiều vô cùng. Dạy cho thiện nam, thiện nữ về Bát nhã Ba la mật tùy theo lời dạy trên mà học tập, gìn giữ và thực hành. Vì sao? Vì các đạo quả Tu-đà-hoàn đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra.

Phật bảo:

–Này Câu-dực! Hãy gác việc giáo hóa chúng sinh trong Diêm-phù-đề, khắp bốn châu thiên hạ, tam thiên đại thiên thế giới lại, mà giáo hóa vô số chúng sinh ở các cõi nước phương Đông nhiều như cát sông Hằng đều được đạt đạo Tu-đà-hoàn, phước ấy có nhiều chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.

Phật bảo:

–Không bằng những thiện nam, thiện nữ đem Bát-nhã ba-lamật truyền trao cho người khác, khiến họ học tập thọ trì đọc tụng giải nói nghĩa kinh. Công đức ấy thật vô lượng, vô biên. Vì sao? Vì đạo quả Tu-đà-hoàn đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra.

Này Câu-dực! Nếu tất cả chúng sinh trong tất cả Diêm-phù-đề đều được giáo hóa đắc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, Ala-hán thì phước ấy có nhiều chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.

Phật bảo:

–Nhưng không bằng những thiện nam, thiện nữ đem Bát nhã Ba la mật truyền trao cho người khác, khiến họ học tập đọc tụng và thực hành, theo như trong kinh dạy giải nói tuệ nghĩa. Công đức ấy thật vô lượng, vô biên. Vì sao? Vì đạo quả Tu-đà-hoàn cho đến A-lahán đều từ trong Bát nhã Ba la mật sinh ra.

Này Câu-dực! Gác lại sự giáo hóa chúng sinh trong cõi Diêmphù-đề và cõi nước nơi tam thiên đại thiên thế giới lại mà giáo hóa chúng sinh nhiều như số cát sông Hằng đều được giáo hóa đắc quả Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán, phước ấy có nhiều chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.

Phật bảo:

–Không bằng những thiện nam, thiện nữ này đem Bát-nhã bala-mật truyền trao cho người khác, khiến cho họ học tập thọ trì đọc tụng và thực hành. Tùy theo những điều trong kinh dạy mà giải nói tuệ nghĩa. Công đức ấy thật vô lượng, vô biên.

Này Câu-dực! Chúng sinh trong khắp cõi Diêm-phù-đề đều được giáo hóa để được Bích-chi-phật đạo, phước ấy có nhiều chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.

Phật bảo:

–Không bằng những thiện nam, thiện nữ đem Bát-nhã ba-lamật truyền trao cho người khác để họ thọ trì đọc tụng và thực hành. Tùy theo những lời dạy trong kinh mà giải nói tuệ nghĩa. Vì sao? Vì các Bích-chi-phật đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra.

Này Câu-dực! Để việc giáo hóa chúng sinh trong khắp cõi Diêm-phù-đề và các cõi nước nơi tam thiên đại thiên thế giới lại, mà giáo hóa chúng sinh nhiều như số cát sông Hằng, khiến cho đạt được Bích-chi-phật đạo, phước ấy có nhiều chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.

Phật bảo:

–Không bằng những thiện nam, thiện nữ đem Bát-nhã ba-lamật truyền trao cho người khác, khiến cho họ học tập thọ trì đọc tụng và thực hành, tùy theo lời dạy trong kinh mà giải rõ tuệ nghĩa. Công đức ấy thật nhiều vô lượng, vô biên. Vì sao? Vì các Bích-chi-phật đều từ trong Bát nhã Ba la mật sinh ra.

Này Câu-dực! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào giáo hóa cho chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề và hằng hà sa số chúng sinh, khuyến khích họ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không bằng những thiện nam, thiện nữ đem Bát nhã Ba la mật này truyền trao cho người khác, giáo hóa họ thọ trì đọc tụng thực hành. Vì hiểu rõ tuệ nghĩa nên công đức ấy rất nhiều. Nói cho người kia biết rằng: "Thọ trì tùy theo lời dạy trong Bát nhã Ba la mật, tùy theo lời dạy này rồi sẽ được lợi trí Nhất thiết. Được lợi ích này rồi sẽ đạt Bát nhã Ba la mật đầy đủ. Ngay lúc ấy ngươi sẽ thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì Bồ-tát mới phát tâm đều từ Bát-nhã bala-mật mà ra."

Này Câu-dực! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào giáo hóa chúng sinh nhiều như số cát sông Hằng trong cõi Diêm-phù-đề, giáo hóa cho họ đạt đến trí Nhất thiết, phước đó có nhiều chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.

Phật bảo:

–Không bằng những thiện nam, thiện nữ đó đem kinh Bát nhã Ba la mật truyền trao cho người khác, giải nói sự lý và tuệ nghĩa trong kinh để cho họ đọc tụng và thực hành. Bảo người đó rằng: "Thọ trì kinh Bát nhã Ba la mật này, như trước đã dạy, mà học tập và thực hành, ngươi sẽ được lợi ích của các pháp, cho đến đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì địa vị không thoái chuyển của Đại Bồ-tát đều từ Bát nhã Ba la mật mà ra."

Này Câu-dực! Tất cả chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề muốn được chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không còn tái sinh. Nếu thiện nam, thiện nữ nào vì những người này mà nói Bát nhã Ba la mật, giải thích nghĩa kinh nên nói với họ: "Nếu có một người nói rằng: Tôi muốn mau chóng thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác." Nếu có thiện nam, thiện nữ nào vì một người này nói Bát nhã Ba la mật, phân tích, giải nói nghĩa lý đầy đủ, phước ấy rất nhiều.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát luôn mong được thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mong sẽ giáo hóa thực hành sáu pháp Ba-la-mật. Dạy cho họ nội ngoại không và hữu vô không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười Lực của Phật, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại tuệ Phật, mười tám pháp Bất cộng. Đúng pháp này giáo hóa chúng sinh cung cấp cho họ những y phục cần dùng còn vượt xa hơn cả những sự cúng dường. Đại Bồ-tát dùng cả hai việc là pháp thí và cung cấp thực phẩm.

Bạch Thế Tôn! Đây là phước đức cao tột mà thiện nam, thiện nữ đó đạt được. Nó siêu việt hơn cả những phước đã tạo. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì Đại Bồ-tát giáo hóa cho mọi người thực hành sáu pháp Ba-la-mật sẽ như vậy mà giáo hóa cho mọi người thực hành nội ngoại không và hữu vô không. Thực hành ba mươi bảy phẩm Trợ đạo cho đến mười tám pháp Bất cộng cũng sẽ như vậy.

Tôn giả Tu-bồ-đề nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Hay thay, hay thay! Này Câu-dực! Chính ông đã khuyến khích những thiện nam, thiện nữ cầu đạo Bồ-tát. Chính ông mới là người vì Phật làm Pháp của đệ tử hiền thiện, làm lợi ích cho các vị Đại Bồ-tát. Dùng pháp thí và cúng dường thí mà hộ dưỡng Bồ-tát, khuyến giúp Bồ-tát thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì chư Phật và chúng đệ tử đều phát xuất từ hai sự bố thí này. Nếu vị Bồ-tát nào không phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì vị Bồ-tát ấy không bao giờ có thể học sáu pháp Ba-la-mật và mười tám pháp của Phật. Nếu Bồ-tát không học sáu pháp Ba-lamật và mười tám pháp của Phật thì không bao giờ thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không biết có La-hán, Bíchchi-phật. Bồ-tát nhờ học sáu pháp Ba-la-mật và mười tám pháp của Phật nên được thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chấm dứt ba đường ác. Thế gian mới biết có Sát-lợi, Phạm chí, Trưởng giả, những dòng họ lớn; chúng sinh mới biết có Tứ Thiên vương và trời Vô tư tưởng, Vô tướng tuệ. Ngay lúc ấy Bồ-tát biết có sáu pháp Bala-mật, nội ngoại không và hữu vô không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng của Phật. Thế gian liền biết có Thanh văn, Bích-chi-phật thừa.

QUYỂN 8
Phẩm 40: KHUYẾN TRỢ

Bấy giờ Đại Bồ-tát nói với Trưởng lão Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát đã thể hiện sự hỗ trợ, giống như Đức Thế Tôn, cho chúng sinh cũng đạt Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà không có mong cầu vượt qua khỏi chúng sinh. Các vị Thanh văn, Bích-chiphật đã thể hiện sự hỗ trợ giống như Đức Thế Tôn, vượt trên tất cả chúng sinh mà phát tâm Thanh văn, Bích-chi-phật thừa. Họ đã thực hành bố thí giống như Đức Thế Tôn; giữ

giới, phòng hộ, nhất tâm giống như Đức Thế Tôn, mhưng không bằng phước của vị Đại Bồ-tát hỗ trợ chúng sinh cùng thực hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, phước ấy siêu việt, là cao cả bậc nhất, đầy đủ trọn vẹn không có phước nào vượt hơn, đã hỗ trợ cho chúng sinh đều thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì La-hán, Bích-chi-phật đã thực hành phước bố thí, giữ giới, phòng hộ, chỉ muốn tự điều phục, chỉ muốn tự thanh tịnh, chỉ muốn tự độ. Họ nhớ nghĩ ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, nhớ nghĩ ba cửa giải thoát chỉ để tự điều phục và muốn tự độ. Còn Bồ-tát chỉ muốn điều phục chúng sinh, muốn tịnh hóa chúng sinh, muốn độ chúng sinh, hỗ trợ chúng sinh thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Trưởng lão Tu-bồ-đề bạch với Bồ-tát Di-lặc:

–Các vị Bồ-tát này ở phương Đông, nơi vô số cõi nước chư Phật, vô số kiếp Phật nhập Niết-bàn. Từ đó phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, từ khi nhập Niết-bàn cho đến Pháp chấm dứt. Trong thời gian ấy, Bồ-tát đã tạo cội lành khế hợp với sáu pháp Ba-la-mật. Các Thanh văn, Duyên giác đã hành bố thí, công đức giữ giới, phòng hộ và các giới vô lậu. Từ hành giới cho đến thiện căn không còn Giới cho đến phước Tịnh giới chư Phật, phước Tam-muội, phước Trí tuệ, phước Giải thoát, phước Giải thoát tri kiến và đại Từ, đại Bi, vô lượng a-tăng-kỳ pháp Phật đã dạy. Từ nơi pháp đã nghe, đã thọ, có người đắc quả Tu-đà-hoàn cho đến Ala-hán, Bích-chi-phật, trên đến Bồ-tát và các công đức chư Phật Bát-nê-hoàn đã tạo đều tính tất cả hợp lại thì công đức hỗ trợ rất là tôn quý, là tôn quý không gì trên, là hoàn toàn. Tôi cũng gìn giữ công đức này. Phước công đức hỗ trợ như vậy, đó là thực hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trong hỗ trợ. Đó là thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Những thiện nam, thiện nữ đó thực hành đạo Bồ-tát hoặc suy nghĩ: "Như chư Phật Thế Tôn đời quá khứ đã làm những công đức khiến cho ta được ý này, khiến cho ta phát ý hạnh này, khiến cho ta được niệm tưởng này." Bồ-tát Di-lặc bảo Trưởng lão Tu-bồ-đề:

–Người thiện nam, thiện nữ phát tâm Bồ-tát, không dùng nhân duyên này, không dùng hình thức này, không suy nghĩ như vậy đối với Chánh đẳng giác.

Trưởng lão Tu-bồ-đề thưa với Bồ-tát Di-lặc:

–Nếu không vì sự đắc này, không vì nhân duyên này thì chư Phật, Thế Tôn làm sao nghĩ nơi mười phương thế giới, đến mười phương Phật? Từ khi mới phát tâm cho đến khi Pháp chấm dứt, các căn bản thiện và phát tâm Thanh văn thừa?

Tôi từ nơi giới đến không còn giới, gom hết các công đức lại mà mong cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên không có ý nghĩ, sẽ không có ý nghĩ, sẽ không có ý nghĩ điên đão, cho vô thường là thường. Vì tưởng điên đảo, vì ý điên đảo, vì kiến thức điên đảo nên cho bất tịnh là tịnh, khổ là vui, vô ngã là ngã. Vì tưởng điên đảo, ý điên đảo, kiến thức điên đảo, sự kiện ấy như hư không, như nhân duyên hòa hợp, ý cũng như vậy, sáu pháp Ba-lamật cũng như vậy, cho đến mười tám pháp Bất cộng cũng như vậy. Nếu sự việc trên là Như, thì đạo ý sáu pháp Ba-la-mật cũng là Như, năm ấm, sáu tình cũng là Như. Nội ngoại không và hữu vô không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và mười Lực của Phật, mười tám pháp Bất cộng. Những gì là sự? Những gì là nhân duyên? Những gì là đạo? Những gì là các gốc thiện? Những gì là tâm hỗ trợ? Và tâm hỗ trợ những gì để có thể mong cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Bồ-tát Di-lặc nói với Trưởng lão Tu-bồ-đề:

–Nếu có Bồ-tát hành sáu pháp Ba-la-mật, đã được gặp Đức Phật thời quá khứ, cúng dường thừa sự chư Phật cùng gặp gỡ Thiện tri thức. Nếu Bồ-tát đã tự học về pháp không của thân thì họ không dùng sự việc như trên, không dùng những nhân duyên, không dùng tướng bản thiện của Phật, không dùng công đức hỗ trợ, không dùng các phước có ý nghĩ mong cầu Tuệ giác vô thượng, rồi lại có ý mong cầu làm cho không rơi vào hai pháp, cũng không hai, cũng không dùng tưởng, cũng không có chỗ nương tựa, cũng chẳng không nương tựa, cũng không thường cũng không đoạn, cũng không sinh cũng không diệt.

Nếu Bồ-tát không học sáu pháp Ba-la-mật, nếu không cúng dường thừa sự chư Phật, hoặc không có các căn lành, hoặc không gặp gỡ các Thiện tri thức, hoặc không tự học pháp không, mà lại dùng sự này, dùng nhân duyên này, dùng công đức hỗ trợ này. Do các sự này mà phát sinh tư tưởng mong cầu Tuệ giác vô thượng.

Thế nên Tu-bồ-đề! Không nên vì Bồ-tát mới phát tâm mà nói trước sáu pháp Ba-la-mật, nói về nội ngoại không, hữu vô không và các pháp không. Không nên vì người mới học Bồ-tát mà nói những pháp như vậy. Vì sao? Vì người mới học, hoặc mất niềm tin, hoặc mất sự ưa thích, nên bao nhiêu sự cung kính đều đánh mất, các căn lành tiêu tan. Hãy nên vì Đại Bồ-tát không thoái chuyển mà nói các pháp trên. Hoặc các Thiện tri thức theo học đã lâu cũng có thể nói cho họ. Những người từ quá khứ lâu xa, ở nơi các Đức Phật đã tạo các công đức, hãy nên vì họ mà nói Pháp tướng không. Người này nghe pháp không sợ, không hãi, không sợ sệt. Đại Bồ-tát nên hỗ trợ như vậy. Ý này có thể hỗ trợ vì có thể mong cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ý này đã diệt tận thì không còn phát sinh, ngươi có thể tạo tác và các nhân duyên tạo ra công đức cũng bị diệt tận.

Thề nào là ý hỗ trợ? Thế nào là các việc? Thế nào là nhân duyên? Thế nào là công đức căn bản thiện để mong cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Giữ ý mà có sự mong cầu hay sao? Ý không có đối đãi, như tánh của ý mà không có sự mong cầu.

Nếu có Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, cho đến sáu pháp Ba-la-mật cũng không có sự có, cho đến năm ấm cũng không có sự có, cho đến đạo cũng không có sự có.

Nếu có Bồ-tát cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên biết như vậy, nên cầu như vậy, nên hỗ trợ như vậy, nên hành thiện căn này. Cầu như vậy là cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát Di-lặc nói với Trưởng lão Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát mới học nghe những điều này hoàn toàn không sợ hãi. Phải làm thế nào để các căn lành công đức có chỗ mong cầu? Thế nào là hỗ trợ, giữ gìn các công đức thực hành Chánh đẳng giác.

Trưởng lão Tu-bồ-đề thưa Bồ-tát Di-lặc:

–Bồ-tát mới học thực hành Bát nhã Ba la mật, thọ trì sáu pháp Ba-la-mật không chấp trước và không có sự vọng tưởng. Nên hiểu rõ nội ngoại không và hữu vô không, hiểu ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và mười tám pháp Phật. Thường cùng với Thiện tri thức tu học đạt sáu pháp Ba-la-mật và hiểu nghĩa sâu xa sáu pháp ấy. Dạy bảo làm cho họ không bỏ sáu pháp Ba-la-mật, cho đến đạt đạo Bồ-tát. Không rời pháp Phật để dạy bảo việc ma, dù có nghe việc mà xong cũng không tăng không giảm. Vì sao? Vì đã đạt đến đạo quả Bồ-tát, thường nhớ nghĩ các pháp mà

không xa lìa chư Phật. Ở trong Phật pháp mà tạo lập công đức thọ trì tôn chỉ các vị Bồ-tát, cho đến khi đạt đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vẫn không rời bỏ công đức này. Bồ-tát mới học ở nơi mười phương vô số chư Phật Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác và các đệ tử Phật tạo lập công đức. Bồ-tát đối với các Sát-lợi, Phạm chí, dòng dõi lớn cho đến Tứ Thiên vương, Thủ đà hội, chư Thiên tạo lập công đức đều nên hỗ trợ họ. Đem công đức hỗ trợ này cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Công đức ấy thật tối thượng không pháp nào hơn.

Bấy giờ, Bồ-tát Di-lặc nói với Trưởng lão Tu-bồ-đề:

–Nếu có Bồ-tát mới học nghĩ đến công đức hộ trì của chư Phật và chúng đệ tử, đem sự hỗ trợ vô thượng không thể sánh và vô số công đức hỗ trợ để mong cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tưởng với chánh niệm, tri kiến mà không điên đảo.

Trưởng giả Tu-bồ-đề thưa:

–Bồ-tát tuy nhớ nghĩ chư Phật và chúng đệ tử nhưng trong đó không có tưởng Phật, cũng không tưởng chúng đệ tử, cũng không có tưởng các căn lành. Ý có chỗ mong cầu cũng không tưởng ý. Bồ-tát thể hiện sự mong cầu này nên đối với tưởng không điên đảo, đối với niệm không điên đảo, đối với tri kiến không điên đảo. Nếu Bồ-tát nghĩ đến công đức chư Phật và chúng Tăng, nghĩ đến chỗ thực hành căn lành, giữ ý tưởng ấy để mong cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó là Bồ-tát tưởng điên đảo, nhớ điên đảo, thấy điên đảo. Bồ-tát tuy có ý niệm nhớ Phật và chúng đệ tử, nhớ đến căn lành, tuy có niệm này, nên biết là niệm diệt tận không chỗ có. Chỗ có thể tận cùng thì không có chỗ mong cầu. Ý có chỗ mong cầu là Pháp ý. Tuy mong cầu như vậy nhưng đó là cầu chánh chứ không phải cầu tà.

Đại Bồ-tát nên cầu như vậy. Đó là công đức của chư Phật và chúng đệ tử đã tạo từ đời quá khứ, tương lai, hiện tại, cho đến công đức của hàng phàm phu đã tạo. Công đức lãnh hội giáo pháp của chư Thiên, A-tu-la, Chân-đà-la, Ma-hầu-lặc đã tạo. Và công đức của Sát-đế-lợi, Phạm chí, dòng dõi lớn, Trưởng giả đã tạo. Công đức của Tứ Thiên vương lên đến trời Thủ đà hội đã tạo.

Nơi lãnh hội giáo pháp là chỗ có thể phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều kết hợp tích tụ tính toán và ca ngợi. Đối với sự thực hành công đức đều hỗ trợ, đem công đức hỗ trợ này cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hoặc nên biết rằng, pháp này đã diệt, đã tận, không còn có lại, hoặc pháp có thể cầu cũng hoàn toàn không. Nếu mong cầu như vậy là cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nên biết rằng, pháp không thể cầu pháp. Vì sao? Vì các pháp đều từ không. Người mong cầu như vậy là cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-lamật này đối với tưởng không điên đảo, đối với nghĩ, thấy cũng không điên đảo. Vì sao? Vì không có mong cầu. Đối với các căn lành và ý đạo pháp không thấy có chỗ thâm nhập. Đó là sự cầu vô thượng của Bồ-tát.

Đại Bồ-tát đối với các công đức hoàn toàn vắng lặng và không có chỗ phát sinh. Đối với năm ấm, mười tám giới và sáu trần cho đến sáu pháp Ba-la-mật cũng vắng lặng, không có chỗ phát sinh. Đối với nội ngoại không và hữu vô không, mười tám pháp Phật cũng vắng lặng mà không sự biết. Bồ-tát biết sự vắng lặng này nhưng không sự đắc. Đó là cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nếu Đại Bồ-tát biết công đức hỗ trợ và công đức hỗ trợ thì

vắng lặng, không có chỗ phát sinh, Đức Phật vắng lặng và Phật sự vắng lặng, các thiện sự và sự vắng lặng của các thiện sự, các đạo ý sự và sự vắng lặng của đạo ý, các mong cầu và sự vắng lặng của mong cầu, các Bồ-tát và sự vắng lặng của các Bồ-tát, sáu pháp Bala-mật và sự vắng lặng của sáu pháp Ba-la-mật, cho đến mười tám pháp Phật và sự vắng lặng của mười tám pháp Phật. Đó là Bồ-tát đang hành Bát nhã Ba la mật vắng lặng. Đó là Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật. Chư Phật quá khứ đã tạo căn lành có chỗ tìm cầu trọn vẹn nơi Bát-nê-hoàn. Đại Bồ-tát cũng sẽ tìm cầu như vậy. Họ tạo căn lành và đối với chỗ mong cầu sẽ như Niết-bàn. Ý có sự mong muốn cùng với chỗ tìm cầu thích ứng không khác. Hãy cầu như vậy và biết như vậy, đó là cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Người cầu như vậy là tư tưởng không điên đảo, kiến thức không điên đảo.

Nếu Bồ-tát dùng tưởng hành Bát nhã Ba la mật, dùng tưởng nghĩ nhớ công đức chư Phật. Đó là cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chư Phật đời quá khứ cũng không có tưởng, cũng không không tưởng. Nếu có niệm hoặc có tưởng, như vậy chẳng phải cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mà đó là tưởng điên đảo, niệm điên đảo, kiến chấp điên đảo. Nếu không nghĩ đến căn lành chư Phật, các sự phát tâm, cũng không biết đến, cũng không tưởng đến. Đó chính là cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó là Bồ-tát tưởng không điên đảo; ý niệm, tri kiến không điên đảo.

Bồ-tát Di-lặc nói với Trưởng lão Tu-bồ-đề:

–Thế nào là Bồ-tát có chỗ cầu mà không có tưởng?

Trưởng lão Tu-bồ-đề thưa:

–Bồ-tát muốn đạt phương tiện thắng trí nên học trong Bát nhã Ba la mật. Không cầu Bát nhã Ba la mật thì không bao giờ được các công đức căn lành. Vì sao? Vì chư Phật Thế Tôn cũng không hiện ở Bát nhã Ba la mật và các căn lành, cũng không thấy mọi sự, cũng không thấy tâm, có thể hành Chánh đẳng Chánh giác. Hành rồi lại hết, các việc cũng không còn. Tôi chỉ tự mình khởi lên các tưởng, các công đức lành và các phát tâm. Chư Phật Thế Tôn cũng không tưởng cầu, cũng không hỗ trợ, cũng không biết. Vì sao? Vì dùng tưởng cầu sẽ không có sự đắc. Nếu tưởng mà có sự đắc thì tôi và chư Phật đã tạo ra tưởng phân biệt nên có sự đắc. Thế nên đối với công đức của Bồ-tát, sự cầu của Bồ-tát cũng không nên có tưởng, cũng không nên có chỗ chấp trước. Chư Phật Thế Tôn không khen ngợi người có ý tưởng mong cầu hay chấp trước. Vì sao? Vì người có ý tưởng mong cầu là có xen chất độc.

Ví như thức ăn ngon sạch trộn lẫn với chất độc. Hình thức tuy thơm ngon nhưng là xen lẫn với chất độc. Nếu có người ngu si muốn được ăn thức ăn ngon đó, tuy đang ăn hương vị thơm ngon nhưng mãi về sau vẫn không ích lợi cho thân. Thọ nhận như vậy là không thấy như thật, không biết đúng, không biết đọc tụng, hiểu nghĩa trong điên đảo và tự mình không thể hiểu mà lại nói với người khác rằng: “Thiện nam, thiện nữ, đây là lời dạy của chư Phật đời quá khứ, tương lai và hiện tại. Từ khi mới phát tâm cho đến lúc thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ở trong Hữu dư Niết-bàn, Vô-dư Niết-bàn cho đến Pháp tận. Trong suốt thời gian lâu xa đó hành Bát nhã Ba la mật, tạo các công đức và sáu pháp Ba-la-mật, có thể hành ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, bốn Thiền, bốn Đẳng, bốn Không định, tạo các căn lành mười Lực của Phật, mười tám pháp Bất cộng, làm sạch cõi Phật, giáo hóa chúng sinh về Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri

kiến bằng trí Nhất thiết. Không hề quên Pháp, thường hành bình đẳng, tạo tác công đức trong chúng Thanh văn, chư Phật Thế Tôn đã thọ ký Bích-chi-phật. Làm nơi cho chư Thiên, Tôn thần, A-tu-la, Ca-lâu-la, Chân-đà-la, Ma-hầu-lặc… tạo công đức. Gom tụ tất cả công đức này dùng để cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đem ý tưởng đặc biệt nhất cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác."

Tất cả những sự kiện trên ví như thức ăn có lẫn chất độc. Người có ý tưởng chấp trước những việc như vậy thì không bao giờ thành tựu. Vì sao? Vì người có tư tưởng chấp trước là người có hình tướng có lẫn chất độc. Mong cầu là phỉ báng Như Lai, cũng không lãnh hội lời dạy của Như Lai, cũng không thọ pháp.

Này thiện nam, thiện nữ, người hành đạo Bồ-tát nên nghĩ thế này: "Chư Phật Thế Tôn thời quá khứ, tương lai và hiện tại, từ khi phát tâm cho đến lúc thành Phật có sự mong cầu như thế nào? Và các đệ tử Phật cho đến trí Nhất thiết trong các việc đã làm trên cũng như vậy, phải có hành động thế nào để cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác."

Này thiện nam, thiện nữ, cầu đạo Bồ-tát không muốn so sánh Như Lai nên cầu như vậy. Như chỗ hiểu biết của chư Phật Thế Tôn, dùng trí tuệ biện tài, các tướng căn lành cùng pháp tương ưng. Ta đem sự hỗ trợ này với sự mong cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều chỉ là sự hiểu biết của chư Phật.

Các thiện nam, thiện nữ, người cầu đạo Bồ-tát không dựa vào các công đức căn lành mà cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Người cầu đạo như vậy là không so sánh Như Lai. Đó là tin Phật, tin Pháp Bồ-tát. Hành giả này không bị xen độc, chỗ mong cầu không có độc.

Nếu người thiện nam, thiện nữ cầu đạo Bồ-tát, hành Bát nhã Ba la mật, bao nhiêu công đức nên cầu này cũng không đắm trước năm ấm, không đắm trước cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Không đắm trước sáu pháp Ba-la-mật nơi quá khứ, tương lai và hiện tại, cũng không đắm trước ba cõi quá khứ, tương lai và hiện tại, nội ngoại không và hữu vô không. Không đắm trước ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười Lực của Phật và mười tám pháp Bất cộng, không đắm trước ba cõi. Không quên các pháp: Xưa nay cũng như vậy, chân tế của pháp sinh Pháp diệt, tánh chẳng thể nghĩ bàn, Giới, Nhẫn, Định, Trí, Giải thoát, Giải thoát tri kiến, trí Nhất thiết, pháp. Không quên mất thường hành bình đẳng, cũng không đắm trước ba cõi, không chấp trước ba cõi, ba cõi cũng không có quá khứ, tương lai và hiện tại. Vì sao? Vì nó không có sự vào. Có sự mong cầu cũng không có sự vào, pháp có thể mong cầu cũng không có sự chấp trước. Người này cũng không có sự chấp trước, chư Phật Thế Tôn cũng không chấp trước, các căn lành khác cũng không chấp trước. Những không chấp trước cũng chẳng có quá khứ, tương lai và hiện tại.

Nếu Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật biết năm ấm nên không đắm trước. Ba cõi cũng chẳng có quá khứ, tương lai và hiện tại, cũng không dựa vào ý tưởng chấp trước để có chỗ mong cầu. Vì sao? Vì không thấy có chỗ sinh. Những gì không chỗ sinh thì không có sự có. Không sự có thì không có sự tạo tác, không đắm trước sáu pháp Bala-mật, cho đến không quên các pháp và thường hành bình đẳng. Ba cõi cũng chẳng có quá khứ, tương lai, hiện tại. Chẳng có quá khứ, tương lai và hiện tại cũng không thể có ý tưởng chấp trước để có sự hành động. Vì sao? Vì sự sinh này không thể thủ đắc, các sự sinh là không có. Không có cũng không thể có sự hành động. Đó là Bồ-tát không mong cầu xen lẫn với độc.

Nếu những thiện nam, thiện nữ nào cầu đạo Bồ-tát mà có tư tưởng chấp trước thì đó là cầu tà. Có thực hành căn lành mà người cầu sinh ý tưởng chấp trước đó là cầu không chân chánh. Chư Phật Thế Tôn không khen ngợi những sự cầu không chân chánh. Bởi vì chúng không đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật. Không đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật thì không đầy đủ ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, không đầy đủ nội ngoại không, hữu vô không và mười Lực của Phật cùng mười tám pháp Bất cộng không đầy đủ. Không đầy đủ mười tám pháp thì không thể tịnh cõi nước Phật, không thể giáo hóa chúng sinh, không bao giờ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì mong cầu có độc xen vào. Thế nên, Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật nên nghĩ nhớ điều này. Như chư Phật đã biết pháp cầu công đức căn lành và sự mong cầu là cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tôi cũng đang hành pháp cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác này.

Bấy giờ Đức Phật tán thán Trưởng lão Tu-bồ-đề:

–Hay thay, hay thay! Tu-bồ-đề, chính ông đã làm theo hạnh Đức Thế Tôn. Ông có thể vì các Bồ-tát nói về việc nên làm và pháp mong cầu, không có niệm tưởng, không có chỗ chấp trước và không có chỗ xuất phát, không đoạn diệt, không đắm trước, cũng không có, không không. Nó hợp với tướng không, tánh pháp, như hạnh.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Giả sử làm cho chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đều được lợi ích trong mười pháp thiện, đều được bốn Thiền, bốn Đẳng, bốn Không định, năm Thần thông, hoàn toàn được lợi ích nơi những Pháp này. Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Phước đức mà chúng sinh này đạt được có nhiều chăng?

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.

Phật bảo:

–Phước ấy không bằng những thiện nam, thiện nữ này đối với các căn lành không sự sinh và không có sự đắm trước để tu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Công đức này thật vô cùng tối thượng, là giáo hóa chân chánh, sự giáo hóa trọn vẹn.

Này Tu-bồ-đề! Nếu chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đều chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, lên đến quả A-la-hán, Bích-chiphật; và có thiện nam, thiện nữ suốt đời luôn cúng dường những vị đắc quả này, cần theo chỗ cần dùng về ăn uống, y phục, giường ghế, bệnh tật, thuốc thang… tất cả mọi nhu cầu cho các vị A-la-hán, Bíchchi-phật, họ đều cung kính cúng dường đầy đủ.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Phước ấy có nhiều chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.

Phật bảo:

–Phước ấy không bằng những thiện nam, thiện nữ này trụ nơi không sự sinh và không sự đắm trước. Đối với đức lành không sự cầu, phước ấy mới thật là cao tột vô thượng.

Này Tu-bồ-đề! Giả sử làm cho chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Khắp mười phương hằng hà sa chúng sinh trong các cõi nước từng mỗi chúng sinh đều cúng dường các vị Bồ-tát này trọn hằng hà sa kiếp, tùy theo chỗ cần

dùng để ăn uống, y phục, giường ghế, bệnh tật, thuốc thang… đều cung kính cúng dường. Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Phước ấy có nhiều chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Phước ấy nhiều đến nỗi không thể tính, không thể đếm, không thể so sánh thí dụ được. Nếu như phước ấy có hình tướng thì mười phương hư không cũng không thể chứa hết.

Phật bảo:

–Này Tu-bồ-đề! Tuy tạo phước đức như vậy vẫn không bằng những thiện nam, thiện nữ đã tạo căn lành không sự sinh, không chấp trước. Đối với đức lành không sự cầu. Công đức của những thiện nam, thiện nữ này tối tôn tối thượng, siêu tuyệt không thể sánh. Công đức không sự sinh, không chấp trước này sánh với công đức trước thì công đức trước không bằng một phần trăm, ngàn, vạn, ức lần. Vì sao? Vì những thiện nam, thiện nữ này có ý tưởng chấp trước, đối với mười pháp thiện, bốn Thiền, bốn Đẳng, bốn Không định, năm Thần thông… hoàn toàn đầy đủ. Vì sao? Vì những thiện nam, thiện nữ này đem ý tưởng có chấp trước cúng dường các Thanh văn, Bích-chi-phật lên đến Bồ-tát.

Bấy giờ, trên hai vạn Thiên tử ở cõi Tứ Thiên vương đều chắp tay đảnh lễ dưới chân Đức Phật và thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát đã bố thí bằng phương tiện thắng trí thật tốt đẹp thay! Sự thực hành đúng với không lệ thuộc, không đắm trước, đúng với không, vô tướng. Sự bố thí căn lành vì Vô thượng

Chánh đẳng Chánh giác, vì không hai mà bố thí.

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân cùng vô số chư Thiên trời Đao-lợi và các Thiên tử đem các loại hoa thơm cõi trời… đến chỗ Đức Phật cúng dường và cùng ca ngợi:

–Bồ-tát đã bố thí bằng phương tiện thắng trí thật tốt đẹp thay! Sự thực hành đúng với không lệ thuộc, không đắm trước hợp với không, Vô tướng. Bố thí căn lành vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bố thí vì không hai.

Trên đến trời Phạm-ca-di vô số trăm ngàn Thiên chúng cũng ca ngợi Bồ-tát với phương tiện thắng trí cũng như vậy. Trời A-ca-nịtrá cùng vô số ức chư Thiên đều đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Ngài và đồng thanh thưa rằng:

–Bạch Thế Tôn! Thật kỳ diệu thay! Ở nơi Bát nhã Ba la mật thực hành phương tiện thắng trí, thực hành căn lành, đức ấy vượt hơn cả những thiện nam, thiện nữ thời quá khứ trước đã thực hiện.

Đức Phật bảo các Thiên tử ở cõi Tứ Thiên vương và cõi trời Aca-nị-trá:

–Giả sử làm cho chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đều thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đối với chư Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác trong thời quá khứ, tương lai và hiện tại thì tùy hỷ với chư Phật. Đối với chúng đệ tử thì bắt đầu phát tâm đến Niết-bàn, cho đến pháp diệt, trong suốt thời gian ấy thực hành các căn lành thì tùy hỷ với họ. Đối với Thanh văn, Bích-chi-phật đã tạo các căn lành thì đều tùy hỷ với họ. Đối với chúng sinh đã tạo những căn lành, hành Bố thí ba-la-mật đến Bát nhã Ba la mật thì tùy hỷ với họ. Đối với các bậc Hiền thánh đã có giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến thì đều tùy hỷ với họ. Ngoài ra còn có vô

lượng pháp Phật không thể tính toán hết, đối với các công đức này thì đều tùy hỷ với họ. Nương vào sự tùy hỷ công đức này là vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nếu có thiện nam, thiện nữ nào muốn phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thay thế cho chư Phật Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác và La-hán, Bích-chi-phật đời quá khứ, tương lai và hiện tại, từ lúc mới phát tâm cho đến lúc thành tựu Chánh đẳng Chánh giác, trong suốt thời gian ấy thực hành sáu pháp Ba-la-mật và vô số công đức của pháp Phật khác cũng đều tùy hỷ với các vị ấy, nhưng không có mong cầu và thể nhập vào không hai. Đã ứng hợp với không, vô tướng và vô sở trước, đó là sự hoan hỷ tối thượng với các vị ấy, là tùy hỷ vô thượng vậy. Đem công đức tùy hỷ này vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà không có sự chấp trước. Công đức ấy vượt hơn trước của thiện nam, thiện nữ đã tùy hỷ, đem so sánh với công đức này nhiều gấp trăm, ngàn, vạn, ức lần. Đó là sự thực hành tùy hỷ tối thượng của Đại Bồ-tát.

Bấy giờ, Trưởng lão Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Thế Tôn dạy, tập hợp công đức của những thiện nam, thiện nữ này thì ở trong các công đức không gì hơn công đức tùy hỷ, không gì hơn công đức tùy hỷ này. Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là tối thượng? Thế nào là tối tôn?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Thiện nam, thiện nữ nào đối với các pháp trong quá khứ, tương lai hay hiện tại không thủ, không xả, không tự cao, cũng không không tự cao, không có sự chấp trước cũng không có sự không chấp trước. Đối với pháp này không sinh, không diệt; không thường cũng không đoạn. Trong pháp này không thấy tăng không thấy giảm, không đến, không đi, không đạo, không đời. Như pháp quá khứ, tương lai và hiện tại. Pháp thường như vậy là sự trụ của pháp, sự diệt của pháp. Ta cũng rất tùy hỷ. Đem công đức tùy hỷ này hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và bố thí cho Đại Bồ-tát. Bố thí như vậy là sự tùy hỷ tối thượng, không gì hơn sự tùy hỷ này.

Tu-bồ-đề! Thực hành công đức tùy hỷ này sánh với công đức tùy hỷ khác dù gấp trăm, ngàn, vạn, ức lần cũng không bằng công đức tùy hỷ này.

Này Tu-bồ-đề! Thiện nam, thiện nữ nào hành đạo Bồ-tát muốn thay thế chư Phật và hàng Thanh văn, Bích-chi-phật thời quá khứ, tương lai hay hiện tại, từ lúc mới phát tâm đến khi thành Phật. Trong suốt quãng thời gian dài ấy thực hành các căn lành và tu sáu pháp Ba-la-mật và vô số căn lành pháp Phật khác. Cũng muốn tùy hỷ công đức ấy lại muốn thay thế tất cả chúng sinh tạo tác các căn lành, hãy nên thực hiện tùy hỷ. Công đức tùy hỷ này là tối thượng. Sáu pháp Ba-la-mật cùng giải thoát… giải thoát cùng năm ấm… sự giải thoát và nội ngoại không… sự giải thoát và hữu vô không…ba mươi bảy phẩm và giải thoát, mười Lực và giải thoát… giải thoát và giải thoát tri kiến. Pháp quá khứ, tương lai, hiện tại cùng giải thoát… giải thoát tức là quá khứ, tương lai và hiện tại. Giải thoát như là việc thực hành Bố thí của chư Phật Thế Tôn. Giải thoát như đệ tử chư Phật. Đệ tử chư Phật cũng như giải thoát. Giải thoát là cùng với Thanh văn, Bích-chi-phật, Niết-bàn như nhau. Sự giải thoát là cùng với Pháp của chư Phật Thế Tôn như nhau. Giải thoát cũng như La-hán, Bích-chi-phật. Giải thoát cũng như pháp của các pháp. Ta đối với pháp này không buộc không mở. Ta đối với không chấp trước như pháp thanh tịnh, không nhiễm ô. Pháp không sinh và không chỗ sinh, không diệt và không chỗ diệt. Ta làm việc bố thí vì đối

với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng như vậy. Các Pháp trên không có pháp bị ràng buộc, không có pháp hư hỏng, không có pháp hoại diệt.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đó là tùy hỷ vô thượng của Đại Bồ-tát rất là cao tột. Đại Bồ-tát đầy đủ sự tùy hỷ như vậy sẽ nhanh chóng thành tựu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Nếu thiện nam, thiện nữ nào hành đạo Bồ-tát, trọn đời cúng dường hằng hà sa chư Phật và chúng đệ tử, tùy chỗ cần dùng như thực phẩm, y phục, giường ghế, thuốc thang dâng cúng trọn đời Đức Phật. Cho đến sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn ngày đêm thờ cúng xá-lợi, dùng tràng phan, hoa hương, âm nhạc để cúng dường Phật. Thường nghĩ hành sáu pháp Ba-la-mật mà có sự chấp trước.

Lại có thiện nam, thiện nữ nào muốn thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hành sáu pháp Ba-la-mật bằng phương tiện thắng trí mà không có sự chấp trước. Đem công đức này không có sự mong cầu để hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. So sánh với công đức thiện căn ở trước đến gấp trăm, ngàn, vạn, ức lần thì cũng không bằng phước đức tùy hỷ, là tối tôn, tối thượng.

Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát hành sáu pháp Ba-la-mật, dùng phương tiện thắng trí nhưng không có sự chấp trước công đức. Vì đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên không có sự chấp trước.

QUYỂN 9
Phẩm 41: CHIẾU MINH

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Đây là Bát nhã Ba la mật phải không?

Phật nói:

–Đúng vậy Xá-lợi-phất!

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật làm chiếu sáng vậy.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật làm cho đạt đến rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật làm có danh tự.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật là ở trong ba cõi không có ô nhiễm.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật là trừ các trần cấu vô minh.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật là bậc tôn quý nhất trong ba mươi bảy phẩm Trợ đạo.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật làm an ổn thoát tai họa lo sợ.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật làm soi sáng năm kiến chấp tối tăm.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật là hướng dẫn chúng sinh đi đến con đường chân chánh, không đưa vào đường tà.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật là trí Nhất thiết có thể trừ các tập khí.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật là mẹ của các Bồ-tát, sinh ra các pháp Phật.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật là không sinh không diệt từ khi có danh tự cho đến rốt ráo không.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật là xa lìa các sinh tử, không có chỗ diệt tận cũng không tạo ra chỗ bắt đầu.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật là tiếp nhận những người nghèo khổ, làm trân bảo để bố thí cho họ.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật là đầy đủ không gì chinh phục được.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật là Tam chuyển, mười hai hành pháp luân, cũng không có người chuyển, sự chuyển, hoàn toàn không lưu chuyển hoàn diệt.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật là hiện ra căn bản của tất cả các pháp và không của sở hữu, vô sở hữu. Cúi xin Thế Tôn nên làm thế nào để trụ nơi Bát nhã Ba la mật?

Thế Tôn dạy:

–Nên trụ như Thế Tôn, này Xá-lợi-phất! Đảnh lễ Bát-nhã bala-mật như đảnh lễ Thế Tôn. Vì sao vậy? Vì Bát nhã Ba la mật là Thế Tôn, Thế Tôn với Bát nhã Ba la mật không sai khác. Bát nhã Ba la mật là Thế Tôn, Thế Tôn là Bát nhã Ba la mật.

Chư Phật Thế Tôn từ nơi Bát nhã Ba la mật mà có danh hiệu; từ Tu-đà-hoàn, La-hán, Bích-chi-phật cho đến Bồ-tát nhân nơi Bát nhã Ba la mật mà có danh hiệu. Mười pháp thiện, bốn Thiền, bốn Đẳng, bốn Không định, năm Thần thông, nội ngoại không và hữu vô không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười Lực và mười tám pháp Bất cộng của Phật, cho đến trí Nhất thiết đều từ nơi Bát-nhã ba-lamật mà ra.

Lúc đó Thích Đề-hoàn Nhân suy nghĩ: “Do nhân duyên gì Xálợi-phất hỏi như vậy.”

Thích Đề-hoàn Nhân liền hỏi Xá-lợi-phất:

–Thưa Tôn giả, vì sao Ngài hỏi câu này?

Xá-lợi-phất nói:

–Này Câu-dực! Vị Đại Bồ-tát với phương tiện quyền xảo được Bát nhã Ba la mật hộ trì, trong ba đời chư Phật Thế Tôn từ khi mới phát tâm cho đến Pháp cuối cùng, trong thời gian đó đã gieo nhân lành, hết sức hộ trì trí Nhất thiết.

Này Câu-dực! Vì thế Bồ-tát hộ trì Bát nhã Ba la mật hơn cả năm pháp Ba-la-mật. Ví như những người bẩm sinh bị mù lòa, đến cả trăm, ngàn, vạn người; nếu như muốn đi đây đó, hoặc muốn vào thành mà không có người dẫn thì không đi đến được.

Này Câu-dực! Năm pháp Ba-la-mật như là người mù xa lìa Bát nhã Ba la mật, như người mù không ai dẫn đường thì không đạt đến chí đạo, cũng không thể thành tựu trí Nhất thiết, năm pháp Bala-mật đã được Trì tuệ độ hộ trì như người mù được mắt sáng. Bát nhã Ba la mật hộ trì năm pháp Ba-la-mật, làm cho năm pháp Ba-lamật đều có danh hiệu.

Thích Đề-hoàn Nhân nói với Xá-lợi-phất:

–Như đã nói năm pháp Ba-la-mật nhân nơi Bát nhã Ba la mật mà có danh hiệu, năm pháp Ba-la-mật chỉ có danh mà không có sự hóa độ.

Xá-lợi-phất nói:

–Như vậy Câu-dực! Năm pháp Ba-la-mật từ nơi Bát-nhã ba-lamật mà có danh hiệu, năm pháp Ba-la-mật chỉ có danh mà không có sự hóa độ. Bồ-tát trụ ở Bát nhã Ba la mật đó, vì đầy đủ

năm pháp Ba-la-mật này nên Bát nhã Ba la mật đối với năm pháp Ba-la-mật là sự hóa độ tối thượng, hóa độ vi diệu, hóa độ không thể so sánh.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Nên làm cách nào để vào trong Bát-nhã bala-mật?

Phật dạy:

–Như vào năm ấm là sẽ vào Bát nhã Ba la mật, như vào năm pháp Ba-la-mật sẽ vào Bát nhã Ba la mật, vào nội ngoại không và hữu vô không, vào ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười Lực và mười tám pháp Bất cộng của Phật, như vào trí Nhất thiết, vào các pháp là sẽ vào Bát nhã Ba la mật như vậy.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Tại sao vào năm ấm như vào Bát-nhã ba-la-

mật? Tại sao vào các pháp như vào Bát nhã Ba la mật?

Phật dạy:

–Đối với năm ấm không chỗ sinh, không chỗ nắm bắt được, không lấy, không bỏ, không phá hoại nên vào Bát nhã Ba la mật như vậy.

Đối với các pháp không có chỗ sinh, nếu không nắm bắt được, không lấy, không bỏ cũng không phá hoại. Đó là vào Bát-nhã ba-lamật.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vào Bát nhã Ba la mật như vậy là cùng với pháp nào?

Phật dạy:

–Đối với các pháp không có cùng với, mới là danh hiệu Bát nhã Ba la mật.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không đắc pháp nào?

Phật dạy:

–Không đắc pháp thiện cũng không đắc pháp ác, không đắc pháp đạo cũng không đắc pháp tục; không đắc pháp hữu lậu, vô lậu; không đắc pháp hữu vi, vô vi. Vì sao? Vì sự phát sinh Bát-nhã ba-lamật cũng không do hy vọng mà có. Vì vậy, đối với các pháp không có cùng với và không có chỗ đắc.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Vì sao Bát nhã Ba la mật này không đắc trí Nhất thiết?

Phật dạy:

–Như vầy Câu-dực! Bát nhã Ba la mật không đắc trí Nhất thiết, cũng không có sự đạt đến cũng không có chỗ đạt đến.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Tại sao không có sự đạt đến cũng không có chỗ đạt đến?

Phật dạy:

–Bát nhã Ba la mật không do danh tự, không do tưởng cũng không do hành.

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không do danh tự, không do tưởng cũng không do hành, tại sao mà chứng đắc?

Phật dạy:

–Như không nhập vào, không thọ nhận, không xả bỏ, không an trụ, làm như vậy đạt được hay không đạt được!

Này Câu-dực! Bát nhã Ba la mật đắc các pháp không có chỗ đạt được như vậy.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Sự phát sinh của trí tuệ kỳ lạ đặc biệt, nên đối với các pháp, không chỗ sinh, không chỗ có, không ỷ lại, không phá hoại.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Nếu Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật là đắc các pháp hay không đắc các pháp? Bồ-tát nghe việc này rồi lo sợ liền xa lìa Bát nhã Ba la mật.

Phật dạy:

–Bồ-tát nghe như vậy có thể lo sợ, hoặc có Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật suy nghĩ: Bát nhã Ba la mật là không, Bát-nhã ba-lamật không có kiên cố. Bát nhã Ba la mật xâm phạm người. Người suy nghĩ như vậy liền xa lìa Bát nhã Ba la mật. Do sự kiện này Bồ-tát xa lìa Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Tin Bát nhã Ba la mật là không tin những pháp nào?

Phật dạy:

–Tin Bát nhã Ba la mật là không tin sắc, thọ, tưởng, hành, thức; không tin lục tình sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không tin mười tám giới và mười hai nhân duyên cho đến năm pháp Ba-la-mật; không tin nội ngoại không, hữu vô không; không tin ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng và mười Lực của Phật; không tin Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán, Bích-chi-phật; không tin Vô thượng Chánh đẳng giác cũng không tin trí Nhất thiết.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nếu không có năm ấm và trí Nhất thiết là không tin Bát nhã Ba la mật. Do đó, Tu-bồ-đề, tin Bát nhã Ba la mật là không tin năm ấm, các pháp và trí Nhất thiết. Nếu không có năm ấm và các pháp là không tin Bát nhã Ba la mật. Người tin Bát nhã Ba la mật là không tin các pháp.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật là Đại ba-la-mật.

Phật bảo:

–Ý ông thế nào? Lấy cái gì để biết Bát nhã Ba la mật là Đại ba-la-mật?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bát nhã Ba la mật không làm cho năm ấm lớn hơn, không làm năm ấm nhỏ đi; không làm năm pháp Ba-la-mật lớn hơn, cũng không làm năm pháp Ba-la-mật nhỏ đi. Từ nội ngoại không và hữu vô không cũng không làm cho lớn hoặc làm cho nhỏ; ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng của Phật cũng không làm cho lớn hoặc làm cho nhỏ; chí đạo và Phật pháp cũng không làm cho lớn hoặc làm cho nhỏ; không làm năm ấm tụ lại cũng không làm năm ấm tan mất. Cho đến Phật pháp cũng không làm tụ lại cũng không làm tan mất, cũng không có tướng bình đẳng, năm ấm cũng không có tướng bình đẳng. Cho đến Phật pháp cũng không có tướng bình đẳng, cũng không không có tướng bình đẳng, năm ấm không rộng cũng không hẹp. Cho đến

Phật pháp cũng không rộng cũng không hẹp, cũng hông làm cho năm ấm yếu. Cho đến Phật pháp cũng không làm cho mạnh cũng không làm cho Phật pháp yếu. Bạch Thế Tôn, vì Bát nhã Ba la mật là Đại độ của Bồ-tát. Nếu người phát tâm Bồ-tát mà chưa tu tập sáu pháp Ba-la-mật, nghe năm ấm và sáu pháp Ba-la-mật này không có tăng giảm, không có rộng hẹp. Nghe người nói như vậy, hoặc có thể không tu hành Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì không do Bát nhã Ba la mật mà có năm ấm và Phật pháp có lớn, có nhỏ; không do Bát-nhã bala-mật mà có năm ấm và Phật pháp có mạnh có yếu.

Bạch Thế Tôn! Cho nên Bát nhã Ba la mật là Đại độ của Bồ-tát.

Bạch Thế Tôn! Thực hành Bát nhã Ba la mật, muốn cầu năm ấm lớn nhỏ, muốn cầu Phật pháp mạnh yếu, đây là lệ thuộc lớn. Vì sao? Vì bắt đầu của đạo không có tướng lệ thuộc, vì chúng sinh không sinh, Bát nhã Ba la mật cũng không sinh nên thấy như vậy, nên biết như vậy. Năm ấm cũng không sinh, Phật pháp cũng không sinh nên quán như vậy; quán sự có của Bát nhã Ba la mật, cũng như quán sự có của chúng sinh; quán sự có của Bát nhã Ba la mật cũng như quán sự có của năm ấm; quán sự có của Phật cũng như quán sự có của Bát nhã Ba la mật; quán không có sự có của Bát-nhã ba-lamật cũng như quán không có sự có của năm ấm; quán không có sự có của Bát nhã Ba la mật cũng như quán không có sự có của Phật; quán không có sự có của Bát nhã Ba la mật cũng như quán không có sự có của chúng sinh; quán sự vắng lặng của Bát nhã Ba la mật cũng như quán sự vắng lặng của chúng sinh; quán sự vắng lặng của Bát nhã Ba la mật cũng như quán sự vắng lặng của Phật pháp; quán sự vắng lặng của năm ấm, quán sự vắng lặng của Bát nhã Ba la mật, nên quán Bát nhã Ba la mật không đầu mối nên biết chúng sinh cũng không có đầu mối, năm ấm và Phật pháp không có đầu mối nên Bát nhã Ba la mật không có đầu mối. Bát nhã Ba la mật không thể suy lường nên biết chúng sinh không thể suy lường; năm ấm không thể suy lường và Phật pháp không thể suy lường; chúng sinh không bị bại hoại, nên biết Bát nhã Ba la mật không bị bại hoại; chúng sinh không đắc Chánh đẳng giác, nên biết Bát nhã Ba la mật không đắc Chánh đẳng giác, năm ấm cũng không đắc Chánh đẳng giác, Phật cũng không đắc Chánh đẳng giác; sức mạnh của chúng sinh không đầy đủ, sức mạnh của Bát nhã Ba la mật không đầy đủ, sức mạnh của năm ấm không đầy đủ, sức mạnh của Phật không đầy đủ. Do vậy, Thế Tôn, Đại Bát nhã Ba la mật là Đại độ của Bồ-tát.

QUYỂN 9

Phẩm 42: ĐỊA NGỤC

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Bồ-tát hiểu Bát nhã Ba la mật từ đâu đến sinh ở thế gian này mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có thời gian bao nhiêu? Cúng dường bao nhiêu Đức Phật Như Lai? Tu hành sáu pháp Ba-la-mật bao nhiêu thời gian? Vì sao hiểu rõ Bát nhã Ba la mật đến chỗ nghĩa lý sâu xa?

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Bồ-tát đã cúng dường mười phương chư Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác, từ đó đến thế gian này. Đại Bồ-tát này từ khi phát tâm cho đến nay trải qua vô số kiếp không thể đếm

được, tu hành sáu pháp Ba-la-mật cũng không thể đếm được, đến ở thế gian này, từ đó đến nay không thể đếm được, thường cúng dường chư Phật mà sinh đến thế gian này. Khi các vị Bồ-tát này thấy Bát nhã Ba la mật như thấy Thế Tôn, hoặc khi nghe Bát nhã Ba la mật như nghe lời nói của Thế Tôn. Vị Đại Bồ-tát này hiểu rõ Bát-nhã ba-lamật đến chỗ sâu xa, không dùng tưởng để nhập vào, không dùng hai để nhập vào mà không có ỷ lại.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật có thể thấy nghe được không?

Phật dạy:

–Không có thể thấy nghe được. Vì sao vậy? Này Tu-bồ-đề, Bát nhã Ba la mật cũng không phải sự thấy, cũng không phải sự nghe. Bát nhã Ba la mật không có chỗ nghe cũng không có chỗ thấy. Vì các pháp đâu có thể nghe, thấy. Năm ấm cũng không thấy, không nghe; vì các pháp đâu có thể thấy, nghe. Nội ngoại không và hữu vô không không có chỗ nghe cũng không có chỗ thấy; vì các pháp đâu có thể nghe, thấy. Ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười Lực và mười tám pháp Bất cộng của Phật không có chỗ thấy cũng không có chỗ nghe; vì các pháp đâu có thể nghe thấy.

Này Tu-bồ-đề! Đạo và Phật cũng không có chỗ thấy, cũng không có chỗ nghe; vì các pháp đâu có thể nghe thấy.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Vị Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật đến bao lâu mới tương ưng với Bát nhã Ba la mật?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Việc này phải nên phân biệt.

Này Tu-bồ-đề! Có sự kiện này làm cho Bồ-tát vừa phát tâm liền hiểu rõ vào Bát nhã Ba la mật: Dùng phương tiện quyền xảo không thấy các pháp có thịnh và suy, hoàn toàn không phỉ báng các pháp, hoàn toàn không xa lìa sáu pháp Ba-la-mật, không xa lìa chư Phật Thế Tôn. Người muốn trồng các căn lành như cúng dường mười phương chư Phật Thế Tôn liền được ý nguyện, từ cõi này sang cõi khác, nhưng không bị thọ sinh trong bào thai mẹ, luôn luôn không xa lìa năm Thần thông, không gần gũi các trần cấu, cũng không thân cận Thanh văn, Bích-chi-phật mà giáo hóa chúng sinh làm thanh tịnh cõi Phật. Bồ-tát hành như vậy là đi sâu vào Bát nhã Ba la mật.

Này Tu-bồ-đề! Lại có thiện nam, thiện nữ hành đạo Bồ-tát được vô số a-tăng-kỳ chư Phật ủng hộ, thực hành sáu pháp Ba-lamật mà có ỷ lại nên nghe nói đến sự sâu xa của Bát nhã Ba la mật thì liền xả bỏ. Những Bồ-tát ấy lại sinh tâm kiêu ngạo nên xa lìa chư Phật Thế Tôn thì không được nghe pháp Bát nhã Ba la mật sâu xa.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Người không thích nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa nay cũng đang ngồi trong hội này. Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ này khi nghe hành Bồ-tát đạo, từ xưa nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa mà không thích rồi bỏ đi, nhờ vậy nên hiện nay được nghe sâu xa vào Bát nhã Ba la mật, không thích lại muốn bỏ đi; cùng thân, khẩu, ý không hòa; tích chứa tội không trí tuệ. Do tội nặng này làm ngược lại Bát nhã Ba la mật sâu xa. Người làm ngược lại Bát nhã Ba la mật sâu xa là chống cự lại trí Nhất thiết của chư Phật trong ba đời. Do tội nghịch lại trí Nhất thiết nên đoạn trí Nhất

thiết; vì tội đoạn trí Nhất thiết nên đọa vào địa ngục nung nấu đến vô số trăm ngàn năm, từ địa ngục này ra đến địa ngục khác. Khi lửa đốt vào thời kiếp tận, lại đọa trong đại ngục lớn ở phương này hết kiếp, sẽ từ trong địa ngục này lại đến địa ngục ở phương khác, hết kiếp, sẽ bị từ trong địa ngục này lại đến ở trong địa ngục khác nữa, đi khắp địa ngục ở các phương như vậy. Vì tội đoạn pháp này nên sinh đến địa ngục ở đây, chịu tội trong địa ngục rất đau đớn, đến kiếp tận lại đọa trong loài súc sinh ở phương khác, lần lượt đọa trong loài súc sinh khắp mười phương như vậy. Từ trong loài súc sinh ra lại đọa vào nhà lửa, mang thân quỷ đói rất cực hình. Như vậy mãi rất lâu sau đó mới được sinh làm người. Sinh đến chốn nào luôn luôn sinh trong nhà mù tối, hoặc sinh trong nhà giết người, hoặc sinh nhà bắt cá, sinh nhà làm đồ tể, nhà hạ tiện, nhà ăn xin, hoặc mù, hoặc điếc, hoặc không tay chân, hoặc câm ngọng không nói được, hết chịu tội này rồi lại sinh chỗ biên địa hạ tiện, nơi không có Phật, không có Pháp, không có Tăng. Người đoạn trừ pháp này đều phải chịu tội đầy đủ như trên.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Người đoạn trừ pháp này là thuộc về tội ngũ vô gián?

Phật dạy:

–Tội đoạn pháp như vậy không nói hết được. Khi người khác thuyết Bát nhã Ba la mật này, lại ngăn bằng lời: Đây chẳng phải luật, chẳng phải giáo lý tôn kính của Thế Tôn dạy. Đây chẳng phải lời của Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác.

Tự mình không tu học lại ngăn cấm làm cho người khác xa lìa; tự hại ý mình, lại hại ý người khác; tự mình làm tâm ý bị khổ, lại làm cho tâm ý người khác khổ; tự mình mất đi, lại làm người khác mất đi; tự mình không hiểu sâu vào Bát nhã Ba la mật mà bỏ đi, lại dạy cho người khác làm cho họ xa lìa.

Này Xá-lợi-phất! Với những người này còn không nghe âm thanh của họ huống chi cùng làm việc, cùng ở chung. Vì sao? Nên biết những người này là kẻ rất nguy hiểm ở trong Phật pháp, nên biết người này đọa ở chốn tối tăm. Nếu ai nghe bọn người này nói mà tin theo, cũng bị tội không lường được.

Này Xá-lợi-phất! Người đoạn trừ Bát nhã Ba la mật nên biết là bị bệnh nặng trong Phật pháp.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những người phỉ báng pháp, sinh ở chốn nào mà chịu thân hình ra sao, xin Ngài nói cho biết?

Phật dạy:

–Hãy để sự việc thọ thân hình của những người hủy báng qua một bên. Vì sao? Vì người này vừa nghe việc ấy thì thân họ bị chết ngất. Người ấy ưu sầu, hoặc bệnh, hoặc chết, hoặc bị dày vò dằn vặt mà chịu tội đau đớn đến chết. Nếu giả sử không có tội ấy thì Thế Tôn không bảo Xá-lợi-phất hỏi câu hỏi đó. Có những kẻ phải chịu thân thể đau đớn đến như vậy nên Như Lai không nói cho Xá-lợiphất biết.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nên nói người thọ thân hình của người đoạn pháp này.

Bạch Thế Tôn! Lời nói ấy sẽ làm sáng tỏ cho đời sau.

Phật dạy:

–Ta đã dạy những kẻ phỉ báng và đoạn pháp, có thể chịu tội xoay vần đọa trong địa ngục luân chuyển nhiều kiếp số, chịu loài súc sinh, thân hình chịu loài quỷ đói; lại có vô số chịu thân người mù, điếc, câm, ngọng, hạ tiện… để làm ngọn đèn sáng tỏ cho đời sau. Vì người đã nghe pháp này rồi thì không dám đoạn pháp, phỉ báng.

Xá-lợi-phất thưa:

–Những thiện nam, thiện nữ đều suy nghĩ: “Con nghe lời nói đó, tâm rất lo sợ, con không dám làm các việc ấy, trọn đời con không dám làm đoạn pháp và phỉ báng như kẻ ấy. Nếu con phỉ báng thì đọa vào chốn ác xứ chịu khổ như vậy.” Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, những thiện nam, thiện nữ thường nên hộ trì thân, khẩu, ý thường suy nghĩ: “Chúng ta không nên chịu tội phá hoại đó, sẽ bị không được thấy Như Lai, không thấy Pháp, không thấy chúng Tăng, hoặc sinh ở chỗ không có Phật, hoặc đọa vào nhà nghèo khổ, hoặc sinh ở chỗ không được nghe Chánh pháp.” Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Do khẩu nghiệp nên chịu tội phá hoại pháp rất nặng phải không?

Phật dạy:

–Do miệng nói lỗi nên liền bị tội phá hoại rất nặng.

Này Tu-bồ-đề! Ở đời vị lai, hoặc có người ngu làm Sa-môn, đối với giáo pháp ta dạy lại phỉ báng, xa lìa Bát nhã Ba la mật sâu xa. Người phỉ báng xa lìa Bát nhã Ba la mật sâu xa là đã phỉ báng đạo của chư Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác. Người phỉ báng đạo của Như Lai là phỉ báng xa lìa trí Nhất thiết của chư Phật trong ba đời. Người đã phỉ báng trí Nhất thiết thì xa lìa pháp, thì xa lìa Tăng; người xa lìa Tăng thì xa lìa Chánh kiến. Ở thế gian người đã xa lìa Chánh kiến thì xa lìa ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, trí Nhất thiết. Người đã xa lìa trí Nhất thiết thì thân chịu tội đến vô số kiếp không thể đếm được. Người chịu tội về thân đó, thì phải chịu buồn rầu khổ vô số kiếp không thể đếm được.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Người ngu si xa lìa Bát nhã Ba la mật sâu xa thì có bao nhiêu việc?

Phật dạy:

–Có bốn việc:

1- Bị ma sai khiến.

2- Không tin, không hiểu rõ vào pháp, không thương mến, không ưa thích.

3- Thân cận bạn ác, nên không thuận theo Bát nhã Ba la mật mà lại bám vào năm ấm. Do ba việc ấy nên xa lìa Pháp sâu xa.

4- Người ngu si nhiều sân hận, ưa việc cống cao mắng chửi người khác.

Do bốn việc này người ngu si xa lìa Bát nhã Ba la mật sâu xa.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bát nhã Ba la mật sâu xa rất khó hiểu. Vì sao? Vì hiểu không đúng Pháp, không tùy thuận với gốc thiện, gần gũi với bạn ác.

Phật dạy:

–Đúng vậy! Tu-bồ-đề, đúng như lời ông đã nói.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Vì sao Bát nhã Ba la mật sâu xa rất khó hiểu, khó biết?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Năm ấm không trói, không mở. Vì sao? Vì sắc, sắc tự có tánh; thọ, thọ tự có tánh; tưởng, tưởng tự có tánh; Hành, hành tự có tánh; Thức, Thức tự có tánh. Sáu pháp Ba-la-mật không trói cũng không mở. Vì sao? Vì sự có của sáu pháp Ba-la-mật là không thật có, nội ngoại không và hữu vô không, cũng trói cũng mở. Vì sao? Vì nội ngoại không không trói, cũng không mở. Vì sao? Vì nội ngoại không cũng không có sự có.

Này Tu-bồ-đề! Ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp của Phật cho đến trí Nhất thiết không trói, cũng không mở. Vì sao? Vì sự có đều không thật có. Năm ấm ở quá khứ không trói, cũng không mở. Vì sao? Vì các ấm quá khứ là không, nên quá khứ không buộc không mở.

Này Tu-bồ-đề! Cho đến trí Nhất thiết ở quá khứ không trói cũng không mở. Vì sao? Vì trí Nhất thiết ở quá khứ là không.

Này Tu-bồ-đề! Năm ấm ở vị lai không trói, cũng không mở. Vì sao? Vì đời vị lai năm ấm cũng là không. Cho đến trí Nhất thiết cũng lại như vậy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Hiểu không đúng pháp, tùy thuận không hợp với gốc thiện, gần gũi với bạn ác, người biếng nhác không phát sinh trí tuệ thì tâm ý bị nhiễu loạn, những người này không thể được Bát nhã Ba la mật sâu xa.

Phật dạy:

–Như lời ông nói, những người này không thể hiểu và nói Bát nhã Ba la mật sâu xa.

Này Tu-bồ-đề! Năm ấm tịnh thì đạo tịnh, vì đạo tịnh nên đắc quả tịnh.

Này Tu-bồ-đề! Năm ấm tịnh thì Bát nhã Ba la mật tịnh, Bát nhã Ba la mật tịnh thì năm ấm tịnh; vì năm ấm tịnh thì trí Nhất thiết tịnh, trí Nhất thiết tịnh thì năm ấm tịnh; năm ấm cùng trí Nhất thiết là một, không hai, không phá, không hoại.

Này Tu-bồ-đề! Năm ấm không hai tịnh, trí Nhất thiết không hai tịnh, một pháp không hai, chúng sinh, tri kiến, tuổi thọ, mạng sống cùng tịnh; chúng sinh tịnh, trí Nhất thiết tịnh. Một tịnh không có hai tịnh.

Này Tu-bồ-đề! Ngã tịnh, trí Nhất thiết tịnh; tri kiến, tuổi thọ, mạng sống tịnh; thì năm ấm, trí Nhất thiết tịnh; không có hai, cũng không đoạn, không phá.

Này Tu-bồ-đề! Dâm, nộ, si, năm ấm và trí Nhất thiết một tịnh không có hai tịnh.

Này Tu-bồ-đề! Si tịnh, si đã tịnh thì hành tịnh; hành đã tịnh thì thức tịnh; thức đã tịnh thì danh, sắc tịnh; danh sắc tịnh thì lục nhập tịnh; lục nhập đã tịnh thì xúc tịnh; xúc đã tịnh thì giác tịnh; giác đã tịnh thì ái tịnh; ái đã tịnh thì thọ tịnh; thọ đã tịnh thì hữu tịnh; hữu đã tịnh thì sinh tịnh, sinh đã tịnh thì tử tịnh; tử đã tịnh thì sáu pháp Bala-mật tịnh; sáu pháp Ba-la-mật đã tịnh thì nội ngoại không và hữu vô không tịnh; hữu vô không đã tịnh thì ba mươi bảy phẩm Trợ đạo tịnh; ba mươi bảy phẩm Trợ đạo tịnh thì trí Nhất thiết tịnh. Trí Nhất thiết tịnh, đó là một tịnh không có hai tịnh, không có phá cũng không có hoại.

Này Tu-bồ-đề! Bát nhã Ba la mật tịnh, năm ấm tịnh, trí Nhất thiết tịnh, một tịnh, không có hai tịnh. năm pháp Ba-la-mật tịnh, trí Nhất thiết tịnh, nội ngoại không và hữu vô không tịnh, trí Nhất thiết tịnh; ba mươi bảy phẩm Trợ đạo tịnh, trí Nhất thiết tịnh; mười tám pháp Bất cộng tịnh, trí Nhất thiết tịnh.

Này Tu-bồ-đề! Trí Nhất thiết tịnh cho đến Bát nhã Ba la mật tịnh không có sai khác.

Này Tu-bồ-đề! Hữu vi tịnh và vô vi tịnh là một tịnh không có hai tịnh.

Này Tu-bồ-đề! Quá khứ tịnh, hiện tại tịnh, vị lai tịnh. Quá khứ,

hiện tại, vị lai tịnh là một tịnh không có hai tịnh, cũng không phá hoại cũng không đoạn diệt. Thế nên là tịnh.

QUYỂN 9
Phẩm 43: MINH TỊNH

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, tịnh là rất sâu xa!

Phật dạy:

–Thường tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao thường tịnh?

Phật dạy:

–Năm ấm tịnh cho nên thường tịnh.

Này Xá-lợi-phất! Ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười Lực và mười tám pháp Bất cộng là Đạo tịnh, Phật tịnh, trí Nhất thiết tịnh nên tịnh rất sâu xa.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Còn Minh tịnh?

Phật dạy:

–Thường tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Vì sao gọi Minh tịnh?

Phật dạy:

–Sáu pháp Ba-la-mật tịnh, trí Nhất thiết tịnh, thế nên Minh tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Niết-bàn tịnh phải không?

Phật dạy:

–Thường tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Niết-bàn tịnh?

Phật dạy:

–Vì năm ấm là phước vô cùng, không đến cũng không đi, trí Nhất thiết phước đức vô cùng không đến cũng không đi.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Tịnh là không có chấp trước.

Phật dạy:

–Thường tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Do cái gì nên không chấp trước thanh tịnh?

Phật dạy:

–Vì năm ấm dũng mãnh không có chấp trước là thường tịnh cho đến trí Nhất thiết dũng mãnh không có chấp trước là thường tịnh. Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có sự đạt đến, không có sự chứng đắc là tịnh phài không?

Phật dạy:

–Thường tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn. Vì sao? Vì không có chỗ đạt đến, không có chỗ chứng đắc là tịnh phải không?

Phật dạy:

–Năm ấm không có chỗ đắc nên tịnh; cho đến trí Nhất thiết không có chỗ đạt đến, không có chỗ chứng đắc nên tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có chỗ sinh nên tịnh?

Phật dạy:

–Thường tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao không có chỗ sinh, không có chỗ sinh thanh tịnh?

Phật dạy:

–Không có chỗ sinh là không có chỗ sinh thanh tịnh; cho đến trí Nhất thiết không có chỗ sinh, không có chỗ sinh thanh tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thanh tịnh không sinh ở nơi ba cõi phải không? Phật dạy:

–Thường tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao thanh tịnh không sinh nơi ba cõi?

Phật dạy:

–Không thuộc về ba cõi nên không sinh là tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có chỗ biết là tịnh.

Phật dạy:

–Thường tịnh.

–Bạch Thế Tôn! Vì sao không có chỗ biết là thanh tịnh?

Phật dạy:

–Các pháp vắng lặng không có chỗ biết là thanh tịnh.

–Bạch Thế Tôn! Biết là thanh tịnh?

Phật dạy:

–Thường tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Tại sao năm ấm không có chỗ biết là thanh tịnh?

Phật dạy:

–Năm ấm đều không, nên không có chỗ biết là thanh tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Các pháp đều thanh tịnh hay không?

Phật dạy:

–Thường tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao các pháp thanh tịnh?

Phật dạy:

–Các Pháp không chứng đắc nên các pháp thanh tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật đối với trí Nhất thiết cũng không tăng không giảm nên thanh tịnh?

Phật dạy:

–Thường tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Bát nhã Ba la mật đối với trí Nhất thiết không tăng không giảm nên thanh tịnh?

Phật dạy:

–Pháp thường trụ.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật thanh tịnh vì các pháp không nắm bắt được.

Phật dạy:

–Thường tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Bát nhã Ba la mật thanh tịnh thì các pháp nắm bắt được không?

Phật dạy:

–Pháp tánh không lay động.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Ngã, năm ấm tịnh là thanh tịnh phải không?

Phật dạy:

–Thường tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao ngã tịnh, năm ấm tịnh? Vì sao thường tịnh?

Phật dạy:

–Ngã không thật có, năm ấm cũng không thật có cho nên thường tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ngã tịnh thì sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo tịnh; ngã tịnh thì mười Lực tịnh, mười tám pháp Bất cộng tịnh.

Phật dạy:

–Thường tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Vì sao chúng sinh tịnh cho đến mười tám pháp Bất cộng cũng tịnh.

Phật dạy:

–Chúng sinh không thật có cho đến mười tám pháp Bất cộng của Phật cũng không thật có nên thanh tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì ngã tịnh, Tu-đà-hoàn tịnh; Thanh văn, Bích-chi-phật tịnh, chúng sinh tịnh thì đạo tịnh.

Phật dạy:

–Thường tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì ngã tịnh; Thanh văn, Bích-chi-phật tịnh, cho đến đạo, Phật cũng thanh tịnh phải không?

Phật dạy:

–Không của các pháp tướng là tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ngã tịnh, trí Nhất thiết tịnh.

Phật dạy:

–Thường tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao ngã tịnh, trí Nhất thiết tịnh, thường tịnh hay không?

Phật dạy:

–Không có tướng nên thường trú.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Hai tịnh không có nắm bắt được, không có đạt được.

Phật dạy:

–Thường tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao hai tịnh không đạt được, không nắm bắt được là Thường tịnh?

Phật dạy:

–Không chấp trước, không đoạn diệt.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chúng sinh tịnh không có chìm đắm?

Phật dạy:

–Không có chỗ sinh tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao năm ấm, chúng sinh tịnh, không có chỗ sinh thường tịnh hay không?

Phật dạy:

–Không có bờ mé.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Nếu bậc Đại Bồ-tát biết như vậy là hành Bát nhã Ba la mật. Phật dạy:

–Thường tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao biết như vậy thực hành Bát-nhã ba-lamật?

Phật dạy:

–Vì biết việc đạo.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Giả sử Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng phương tiện quyền xảo, suy nghĩ như vầy: "Sắc không biết được sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng không biết được thức; pháp quá khứ cũng không biết về pháp quá khứ; pháp vị lai cũng không biết về Pháp vị lai, pháp hiện tại cũng không biết về pháp hiện tại." Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Chứng đắc Bát nhã Ba la mật, do thực hành phương tiện quyền xảo, không suy nghĩ như vầy: Thực hành sáu pháp Ba-la-mật mà nói rằng: Ta bố thí, đem vật bố thí và đây là người nhận của bố thí như vậy. Cho đến Bát nhã Ba la mật cũng như vậy, cũng không nói ta làm công đức, ta có công đức, cũng không nói ta sẽ chứng đắc đạo Bồ-tát, cũng không nói ta giáo hóa chúng sinh làm thanh tịnh cõi Phật, cũng không nói ta đạt đến trí Nhất thiết. Các bậc thực hành Bát nhã Ba la mật dùng phương tiện quyền xảo cũng không suy nghĩ như vậy. Nội ngoại không cho đến hữu vô không cũng không suy nghĩ như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật dùng phương tiện quyền xảo là không chấp trước.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi Tu-bồ-đề:

–Thiện nam, thiện nữ thực hành đạo Bồ-tát là nương vào những gì?

Tu-bồ-đề trả lời:

–Này Câu-dực! Thực hành đạo Bồ-tát có ý tưởng, có thí tưởng, có sáu pháp Ba-la-mật tưởng, có nội ngoại không cho đến hữu vô không tưởng, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo tưởng, có mười tám pháp Bất cộng tưởng; có mười Lực, có chư Phật Như Lai tưởng; có tưởng công đức cúng dường chư Phật, đều suy nghĩ và tính toán pháp số ấy rồi hợp lại để tưởng đó thực hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ thực hành đạo Bồ-tát là vì chấp trước, không có thể đắc Tuệ vô ngại mà thực hành Bát-nhã bala-mật. Vì sao? Vì không thể chỉ được tạo tác của năm ấm, cho đến tánh trí Nhất thiết cũng không thể chỉ được sự tạo tác.

Này Câu-dực! Vị Đại Bồ-tát đã cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì các chúng sinh mà khuyến trợ chúng sinh, vì các chúng sinh thực hành Bố thí ba-la-mật, vì nhớ nghĩ chúng sinh cũng lại khuyến trợ người khác, làm cho chúng sinh tu hành Bố thí ba-lamật, không nên tưởng về sự thực hành sáu pháp Ba-la-mật, cũng không nên tưởng về thực hành nội không, ngoại

không và hữu vô không, cũng không nên tưởng về sự thực hành ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, cũng không nên tưởng về sự thực hành đạo.

Thiện nam, thiện nữ nào được thực hành như vậy, lại khuyên trợ những người khác thực hành Chánh đẳng giác, người khuyến trợ làm việc này thì không bị đọa lạc, cũng không khiến cho người khác làm cho xa lìa sự hỗ trợ của chư Phật. Như vậy, thiện nam, thiện nữ này xa lìa các sự chấp trước.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Lành thay, lành thay! Làm cho các vị Bồ-tát hiểu rõ các sự chấp trước

Này Tu-bồ-đề! Lắng nghe, lắng nghe! Suy nghĩ và ghi nhớ, vì ông, ta nói các sự chấp trước vi diệu.

Tu-bồ-đề chắp tay thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con muốn nghe.

Phật dạy:

–Này thiện nam, thiện nữ! Phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là tưởng niệm Như Lai.

Này Tu-bồ-đề! Vừa có tưởng niệm hộ trì chấp trước nơi chư Như Lai. Từ khi phát tâm cho đến vào thời pháp diệt tận, công đức đều tưởng niệm, đã làm tưởng niệm ấy, cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, theo tưởng niệm đó thì chấp trước chư Phật. Chúng đệ tử và các chúng sinh đã làm các công đức, đem tưởng niệm ấy thực hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, theo tưởng niệm đó thì thành chấp trước. Vì sao? Vì không nên chấp vào công đức tưởng niệm chư Phật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật rất sâu xa.

Phật dạy:

–Các pháp tánh vắng lặng.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật thật sự có danh tự.

Phật dạy:

–Bát nhã Ba la mật không có tạo tác thì không có thành tựu, không thể có chứng đắc, cũng không thể có đắc, cũng không có giác ngộ.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả các pháp không thể có chứng đắc.

Phật dạy:

–Pháp tánh hoàn toàn không hai. Này Tu-bồ-đề! Các pháp tánh không có nhiều tánh hay một tánh. Một tánh là phi tánh, phi tánh là phi tác, phi tác cũng không tạo tác.

Này Tu-bồ-đề! Một pháp tánh chẳng phải là tạo tác.

Phật dạy:

–Vị Đại Bồ-tát biết tất cả pháp phi tác, phi tạo thì bỏ tất cả các sự chấp trước.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật rất khó hiểu, khó biết.

Phật dạy:

–Cũng không có người biết, cũng không có thấy, không chứng đắc, không có đạt đến, cũng không giác ngộ.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật không thể suy lường được.

Phật dạy:

–Tu-bồ-đề! Cũng không phải phát sinh ý, từ nơi ý cũng không phải phát sinh, từ năm ấm cũng không phải phát sinh, từ ba mươi bảy phẩm Trợ đạo cũng không phát sinh, từ mười Lực và mười tám pháp Bất cộng cũng không phải phát sinh.

QUYỂN 9
Phẩm 44: VÔ TÁC

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật là không sự tạo tác.

Phật dạy:

–Không người tạo tác. Này Tu-bồ-đề! Cho đến các pháp không có tác giả.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật phải hành như thế nào?

Phật dạy:

–Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, không hành sắc để hành Bát nhã Ba la mật; không hành thọ, tưởng, hành, thức để hành Bát nhã Ba la mật, trí Nhất thiết không có chỗ hành để hành Bát-nhã ba-lamật.

Đối với năm ấm không nhớ nghĩ có thường hay vô thường để hành Bát nhã Ba la mật; cho đến trí Nhất thiết cũng không nhớ nghĩ có thường hay vô thường để hành Bát nhã Ba la mật. Đối với năm ấm không khổ, không vui, để hành Bát nhã Ba la mật; cho đến trí Nhất thiết cũng không khổ không vui để hành Bát nhã Ba la mật. Đối với năm ấm không có ngã vàvô ngã để hành Bát nhã Ba la mật; cho đến trí Nhất thiết cũng không có ngã và vô ngã để hành Bát nhã Ba la mật. Đối với năm ấm không tịnh cũng không bất tịnh để hành Bát nhã Ba la mật; cho đến trí Nhất thiết không tịnh cũng không bất tịnh để hành Bát nhã Ba la mật.

Vì sao? Vì năm ấm không thấy có thường hay vô thường, cũng không thấy có khổ, có vui, có ngã, có vô ngã, tốt xấu, cho đến trí Nhất thiết cũng như vậy.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật không đầy đủ năm ấm để hành Bát nhã Ba la mật; cho đến trí Nhất thiết không đầy đủ để hành Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì năm ấm không đầy đủ là không phải năm ấm, không thực hành để hành Bát nhã Ba la mật; cho đến trí Nhất thiết không hành như vậy để hành Bát-nhã ba-lamật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Rất đặc biệt, người hành Bồ-tát đạo nói đầy đủ về sự chấp trước của Bồ-tát.

Phật dạy:

–Đúng như vậy! Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác nói đầy đủ về sự chấp trước và không chấp trước của Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát đối với năm ấm không chấp trước để hành trì Bát nhã Ba la mật; đối với lục tình nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý không chấp trước để hành Bát nhã Ba la mật; đối với sáu pháp Ba-la-mật, không chấp trước để hành Bát nhã Ba la mật; cho đến trí Nhất thiết cũng không chấp trước để hành Bát-nhã ba-lamật.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát hành như vậy, liền biết chấp trước năm ấm hay không chấp trước, liền biết Tu-đà-hoàn chấp trước hay không chấp trước; biết đạo Thanh văn, Bích-chi-phật chấp trước hay không chấp trước; biết đạo Chánh đẳng giác chấp trước hay không chấp trước.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Pháp này rất kỳ lạ đặc biệt sâu xa như vậy, nói cũng không tăng không giảm, không nói cũng không tăng không giảm.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đúng như vậy! Như lời ông đã nói. Này Tu-bồ-đề! Như đối với chư Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác, trọn đời khen ngợi thì như hư không cũng không tăng, hoặc phỉ báng thì như hư không cũng không giảm. Ví như được khen ngợi người huyễn cũng không tăng, hoặc bị hủy nhục người huyễn cũng không giảm; nghe điều lành cũng không vui, nghe điều xấu cũng không giận hờn.

Này Tu-bồ-đề! Pháp của các pháp cũng lại như vậy, nếu nói hoặc không nói cũng không tăng không giảm.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, nhớ nghĩ Bát nhã Ba la mật thật là rất khó.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật không lo không sợ. Đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không lay động. Vì sao?

Bạch Thế Tôn! Người nhớ nghĩ Bát nhã Ba la mật là muốn nhớ nghĩ như hư không: Hư không không có sáu pháp Ba-la-mật; hư không cũng không có năm ấm, cũng không có nội ngoại không và hữu vô không; cũng không có ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, cũng không có mười Lực, cũng không có Vô sở úy, cũng không có mười tám pháp Bất cộng, cũng không có Tu-đà-hoàn đạo, cũng không có Tư-đà-hàm đạo, cũng không có Bích-chi-phật đạo; hư không cũng không có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát phát thệ nguyện như vậy đáng được mọi người đảnh lễ.

Bạch Thế Tôn! Người vì chúng sinh mà tinh tấn, vì chúng sinh mà nỗ lực, vì chúng sinh mà chiến đấu, vì chúng sinh mà phát thệ nguyện, vì muốn vì không nên tinh tấn, vì muốn vì không nên phát thệ nguyện.

Bạch Thế Tôn! Người vì chúng sinh phát thệ nguyện là vì muốn vượt qua không. Bồ-tát này vì nguyện lớn, vì hư không… Chúng sinh mà phát nguyện ấy. Vì muốn đem hư không đặt lên hư không, các vị Đại Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là có sức đại tinh tấn.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát vì chúng sinh phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là phát thệ nguyện lớn rồi.

Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát này vì đại dõng mãnh, vì chúng sinh như hư không nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao?

Bạch Thế Tôn! Giả sử tam thiên đại thiên quốc độ ở trong đó đều là Như Lai. Ví như rừng có mía ngọt, tre, rau, măng, gạo thơm, mè gai, cỏ, cây thuốc, trái; các thứ cây đó đều là Như Lai. Tất cả chư Phật ấy đều thuyết pháp một kiếp, hoặc hơn một kiếp, tất cả Như Lai đều độ chúng sinh vô số kiếp không thể đếm được, nhưng không thể biết cảnh giới chúng sinh có tăng có giảm. Vì sao? Vì chúng là không thật có, là vắng lặng.

Bạch Thế Tôn! Để ba ngàn thế giới ở trên lại, cứ một hạt cát trong sông Hằng ở mười phương quốc độ làm một quốc độ; lúc ấy, tất cả những vật trong cát đó đều là Như Lai giáo hóa chúng sinh không thể lường được, cũng không thể kể hết, vì cảnh giới chúng sinh cũng không tăng không giảm. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh đều không vắng lặng, do đó, chúng sinh không gốc không ngọn, cũng không hư không.

Bạch Thế Tôn! Thế nên con nói rằng: Muốn độ chúng sinh là muốn vượt qua không. Có Tỳ-kheo khác suy nghĩ: Nên vì Bát nhã Ba la mật làm ra danh tự. Trong Bát nhã Ba la mật không có Pháp sinh, cũng không có pháp diệt mà trong đó lại có giới tánh, định tánh, tuệ tánh, giải thoát tánh, kiến giải thoát tuệ tánh mà trong đó hiện ra có Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chiphật, Chánh đẳng giác; có Tam bảo, có chuyển pháp luân.

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân nói với Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát tu tập Bát nhã Ba la mật là tu tập những gì?

Trưởng lão Tu-bồ-đề trả lời Thích Đề-hoàn Nhân:

–Người học Bát nhã Ba la mật tu tập pháp không.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Nếu thiện nam, thiện nữ nào thọ trì tu tập Bát nhã Ba la mật, đọc tụng ghi nhớ thực hành trong việc ấy thì con sẽ hộ trì.

Bạch Thế Tôn! Ta nên hộ trì như thế nào?

Tu-bồ-đề nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực! Ông thấy pháp có thể hộ trì không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Thưa Tôn giả! Thật không thấy pháp có thể hộ trì!

Tu-bồ-đề nói:

–Này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ nào theo lời dạy trụ nơi pháp Bát nhã Ba la mật là đã được hộ trì, không xa lìa lời dạy Bát nhã Ba la mật thì người hoặc phi nhân không hại họ được. Như lời chỉ giáo trụ nơi pháp Bát nhã Ba la mật, nên biết thiện nam, thiện nữ này trọn đời không xa lìa Bát nhã Ba la mật. Nếu có người nói ta muốn hộ trì Đại Bồ-tát, nên biết ấy là người muốn hộ trì hư không.

Này Câu-dực! Có thể hộ trì những việc như giấc mộng, sóng nắng, huyễn hóa, ảnh, tiếng vang không?

Thích Đề-hoàn Nhân nói:

–Không thể hộ trì được!

Tu-bồ-đề bảo:

–Này Câu-dực! Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật cũng như vậy.

Này Câu-dực! Có thể hộ trì Phật và sự giáo hóa của Phật không?

Thích Đề-hoàn Nhân nói:

–Không thể làm việc hộ trì cho Bồ-tát hành Bát-nhã ba-lamật.

Tu-bồ-đề bảo:

–Này Câu-dực! Có thể hộ trì pháp tánh, chân như, chẳng thể nghĩ bàn; có thể hộ trì pháp ấy không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Thưa Tôn giả! Không thể hộ trì.

Tu-bồ-đề bảo:

–Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật cũng như vậy, không thể hộ trì vị ấy.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật làm thế nào để biết các pháp như mộng, như huyễn, như sóng nắng, tiếng vang mà không sinh tâm tự cao?

Tu-bồ-đề nói:

–Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật cũng không niệm năm ấm. Đối với năm ấm không sinh tâm tự cao, cho đến trí Nhất thiết cũng không sinh tâm tự cao, cũng không niệm đối với pháp mộng, cho đến pháp huyễn hóa cũng không niệm cũng không sinh tâm tự cao. Do oai thần của Phật làm cho tam thiên đại thiên quốc độ, các trời Tứ Thiên vương cho đến trời Thủ đà hội, đều đem bột thơm, chiên-đàn tung rải lên để cúng dường chư Phật, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên.

Bấy giờ, các Tứ Thiên vương, các Thích Đề-hoàn Nhân, các Phạm thiên vương, các trời Thủ đà hội nương oai thần của Phật mà suy nghĩ: “Nay chúng ta nên thỉnh mười phương chư Phật, mỗi phương là một ngàn vị Phật để tuyên thuyết pháp Bát-nhã ba-lamật.”

Các Tứ Thiên vương, Thích, Phạm, chư tôn thiên vừa nghĩ vậy xong, tức thời khắp mười phương, mỗi phương đều có một ngàn vị Phật.

Khi ấy, chư Phật liền hiện ra thuyết pháp Bát nhã Ba la mật với các đệ tử đó cũng như Tu-bồ-đề, người hỏi câu hỏi đó đều như Thích Đề-hoàn Nhân và hỏi những câu hỏi như vậy, như được cùng Phật Thích-ca Mâu-ni thuyết Bát nhã Ba la mật.

Phật dạy Di-lặc:

–Đại Bồ-tát này cũng sẽ ở chỗ này thành Chánh Đẳng Chánh Giác, đã thành Chánh đẳng Chánh giác rồi sẽ ở chỗ này thuyết Bát nhã Ba la mật. Chư Phật vị lai trong hiền kiếp sẽ ở chỗ này thành Chánh đẳng Chánh giác, sẽ ở chỗ này thuyết Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bồ-tát Di-lặc thành Chánh đẳng Chánh giác thuyết Bát nhã Ba la mật với sự việc nào? Với hình tướng nào? Với ý niệm nào?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát Di-lặc khi thành Phật cũng không nói năm ấm là thường hay vô thường; cũng không nói năm ấm có khổ, có vui, có tịnh hay bất tịnh, có ngã hay vô ngã, tốt xấu; cũng không

nói năm ấm có trói có mở; cũng không nói năm ấm có quá khứ, vị lai, hiện tại. Năm ấm thường tịnh nên nói năm ấm là thường tịnh, cho đến trí Nhất thiết thường tịnh nên nói thường tịnh.

Phật dạy:

–Vì năm ấm thanh tịnh, Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao năm ấm thanh tịnh nên Bát-nhã ba-lamật thanh tịnh?

Phật dạy:

–Năm ấm không sinh cũng không diệt, không chấp trước, không đoạn diệt. Do đó, năm ấm thanh tịnh.

Này Tu-bồ-đề! Hư không tịnh nên Bát nhã Ba la mật tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao hư không tịnh nên Bát nhã Ba la mật tịnh?

Phật dạy:

–Như hư không vốn không sinh, không diệt, không chỗ có. Do đó hư không tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Tại sao hư không không chỗ có, Bát-nhã bala-mật tịnh?

Phật dạy:

–Vì hư không vốn không cần hộ trì, Bát nhã Ba la mật thanh tịnh cũng như vậy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Tại sao như hư không cho nên Bát-nhã ba-lamật tịnh?

Phật dạy:

–Như hư không vốn không có hai, vắng lặng, do vậy nên Bát nhã Ba la mật này thanh tịnh.

Phật dạy:

–Như hư không không làm, Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao hư không không làm, Bát-nhã ba-lamật thanh tịnh?

Phật dạy:

–Vì hư không không có hành động nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.

Phật dạy:

–Vì hư không, không có ỷ lại nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao hư không không có ỷ lại nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh?

Phật dạy:

–Như hư không không vướng mắc nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.

Này Tu-bồ-đề! Vì các pháp không sinh, không diệt, không chấp trước, không đoạn trừ nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao các pháp không sinh không diệt, không chấp trước, không đoạn trừ nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh?

Phật dạy:

–Vì các pháp thường tịnh nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Nếu thiện nam, thiện nữ nào đọc tụng ghi nhớ thực hành việc ấy thì con sẽ hộ trì những thiện nam, thiện nữ này suốt đời thân không bị bệnh; mắt, tai, mũi cũng không bị bệnh. Tuy thân có già nhưng không bị bệnh nan y, sống tùy theo tuổi thọ. Lúc già yếu thân không đau đớn, tâm ý được yên ổn, không có bệnh khổ, không nói điên cuồng, bình thản cho đến khi chết, thường được chư Thiên ủng hộ, các trời Tứ Thiên vương cho đến trời Thủ đà hội đều theo ủng hộ.

Thiện nam, thiện nữ này là vị Pháp sư, hoặc ngày mười bốn ngày mười lăm trong tháng khi thuyết Bát nhã Ba la mật thì khi ấy chư Thiên đều đến dự hội. Thiện nam, thiện nữ này khi thuyết Bát nhã Ba la mật đã được công đức không thể tính được, không thể suy lường, không thể nghĩ bàn.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Thiện nam, thiện nữ nào vào ở ngay nơi sáu ngày trai thuyết Bát nhã Ba la mật, có chư Thiên đến dự hội, được công đức không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật là trân bảo vô cùng quý báu.

Này Tu-bồ-đề! Ở trong trân bảo Bát nhã Ba la mật, đoạn trừ trong ba đường ác, làm người nghèo khổ, giúp cho cõi trời, cõi người, làm cho tất cả mọi người được sinh trong nhà trưởng giả, đại Phạm chí; được sinh cõi trời Tứ Thiên vương cho đến cõi trời Đaolợi; bố thí người thuộc đạo Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, Ala-hán, Bích-chi-phật; bố thí cho người hành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì từ trong Bát nhã Ba la mật có nói đầy đủ về mười điều thiện. Đã học trong đó rồi, liền biết dòng Sát-lợi, Trưởng giả, đại Phạm chí, biết có Tứ Thiên vương lên cho đến cõi trời Đao-lợi; liền biết có đạo Tu-đà-hoàn, Thanh văn, Bích-chiphật; liền biết có đạo Chánh đẳng Chánh giác; liền biết có bốn Thiền, bốn Đẳng, bốn Không định, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười Lực và mười tám pháp Bất cộng của Phật; liền biết có trí Nhất thiết. Do đó gọi là Trân bảo độ, gọi là Bát nhã Ba la mật. Ở trong Trân bảo độ cũng không sinh không diệt, cũng không chấp trước không đoạn trừ, cũng không lấy không bỏ. Vì sao? Vì cũng không có pháp sinh, pháp diệt, không có chấp trước, không có đoạn trừ, không lấy cũng không bỏ.

Này Tu-bồ-đề! Bát nhã Ba la mật không có pháp thiện, không có pháp ác, không có pháp đạo cũng không có pháp tục, cũng không có pháp hữu lậu và vô lậu, cũng không có pháp hữu vi và vô vi.

Thế nên, Tu-bồ-đề! Trân bảo ba-la-mật không ỷ lại. Trân bảo ba-la-mật này không có pháp nào làm ô nhiễm được, không có pháp nào so sánh được. Vì sao? Vì các pháp đối đãi không thể đến gần được, do đó không bị ô nhiễm.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nếu có Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật không nên biết như

vậy, không nên suy nghĩ như vậy, không có đắc như vậy, không nên hý luận như vậy là có tu hành Bát nhã Ba la mật, là thật nghĩ Bát nhã Ba la mật, là đảnh lễ chư Như Lai Vô Sở Trước

Chánh Đẳng Giác. Từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, để cung kính phụng sự cúng dường và đảnh lễ chư Phật, giáo hóa chúng sinh làm thanh tịnh cõi Phật.

Này Tu-bồ-đề! Bát nhã Ba la mật này không có pháp nào có thể thấy, không có, không thể thấy được, cũng không lấy không bỏ, cũng không sinh không diệt, không chấp trước không đoạn trừ, cũng không tăng không giảm; không quá khứ, vị lai, hiện tại; cũng không làm cho vượt qua cõi Dục giới, cũng không làm cho trụ nơi cõi Dục giới; cũng không làm cho vượt qua cõi Sắc cũng không làm cho trụ lại; không làm cho vượt qua cõi Vô sắc, cũng không làm cho trụ lại; cũng không cho người hành sáu pháp Ba-la-mật, cũng không dạy người xả bỏ; cũng không dạy người hành nội ngoại không, hữu vô không, cũng không cho, không xả bỏ; cũng không cho người ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, cũng không xả bỏ; cũng không cho người mười Lực và mười tám pháp Bất công; cũng không xả bỏ cũng không hành trì Thanh văn, Bích-chi-phật; cho đến trí Nhất thiết cũng không cho cũng không xa bỏ.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bát nhã Ba la mật cũng không trì pháp Ala-hán, cũng không xả bỏ pháp phàm nhân, cũng không cho pháp Bích-chi, không xả bỏ A-la-hán, cũng không hành trì pháp Phật mà xả bỏ pháp Bích-chi-phật, cũng không giữ Phật pháp, có giữ, có bỏ.

Này Tu-bồ-đề! Bát nhã Ba la mật không giữ pháp vô vi, cũng không xả bỏ pháp hữu vi. Vì sao? Vì pháp tánh trụ như vậy dù có Phật hay không có Phật, pháp tánh là pháp thân cũng không trụ vào quên mất cũng không trụ vào tổn hại.

Khi ấy, chư Thiên ở trên hư không đem dâng các loại hoa sen: xanh, vàng, đỏ, trắng. Các vị đều nói rằng: Ngày nay ở cõi Nam Diêm-phù-đề được thấy chuyển pháp luân. Vì sao? Vì vô số Thiên tử ở trên hư không chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Chuyển pháp luân hoàn toàn không hai cũng không một, nên Bát nhã Ba la mật cũng không chuyển vì pháp, cũng không phải không có pháp nên không chuyển, vì hữu vô đều là không.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Những pháp nào là hữu vô đều không? Bát nhã Ba la mật có sự chuyển, có sự đạt đến?

Phật dạy:

–Sáu pháp Ba-la-mật không do không của sáu pháp Ba-la-mật không, nội ngoại không do không của nội ngoại không; hữu vô không vì không của hữu vô không; ba mươi bảy phẩm Trợ đạo không vì không của ba mươi bảy phẩm Trợ đạo không; mười Lực không vì không của mười Lực không; mười tám pháp Bất cộng của Phật không vì không của mười tám pháp Bất cộng của Phật không; Thanh văn, Bích-chi-phật là không vì không của Thanh văn; Bích-chi-phật không; trí Nhất thiết không vì không của trí Nhất thiết không.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bát nhã Ba la mật nghĩa là không. Đây là đại Bát-nhã ba-lamật của Bồ-tát. Bồ-tát có Bát nhã Ba la mật tất cả đều không, chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác, cũng không chỗ giác ngộ và chuyển pháp luân, cũng không có pháp để chuyển pháp luân, ngược lại cũng không thấy pháp. Vì sao? Vì nối tiếp nhau là chuyển pháp luân, cũng không có thể chứng đắc, vì các pháp thường không thật có. Vì sao? Vì Không, Vô tướng, Vô nguyện cũng không lưu chuyển và hoàn diệt. Bát nhã Ba la mật là thuyết giáo là thi thiết, là phân biệt từng phần, là tuyên bày lưu bố. Bát

nhã Ba la mật này là giáo lý như vậy, là giáo lý đại thanh tịnh, giáo lý Bát nhã Ba la mật, cũng không người nghe, cũng không người thuyết, cũng không người tiếp nhận, cũng không người chứng. Nếu không người thuyết, không tiếp nhận, không chứng thì như vậy là Bát-niết-bàn. Nếu không người Niết-bàn thì ở trong giáo pháp này cũng không có Thế Tôn, phước điền tôn quý.

QUYỂN 10
Phẩm 45: ĐẲNG

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật không có giới hạn.

Phật đáp:

–Hữu không không có ranh giới.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật bình đẳng.

Đáp:

–Các Pháp đều bình đẳng.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật vắng lặng.

Đáp:

–Thường không có tự tánh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không ai có thể bẻ gãy được.

Đáp:

–Các Pháp không có sự đắc.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Các pháp Ba-la-mật đều không.

Đáp:

–Cũng không có văn tự, cũng không có tên gọi.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật đều không.

Đáp:

–Sự hô hấp vào ra không thể thấy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không có tạo tác.

Đáp:

–Không có hiểu biết cũng không có hành động.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không có văn tự.

Đáp:

–Thọ, tưởng, niệm không thể thấy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không có đi.

Đáp:

–Các pháp không có đến.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không có bằng nhau.

Đáp:

–Các pháp không có sự nhận lấy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật mất hết.

Đáp:

–Vì các pháp luôn tận cùng.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không phát sinh.

Đáp:

–Các Pháp không có sinh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không có yếu tố hành động.

Đáp:

–Không có tác giả.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không có trí.

Đáp:

–Trí ấy không thể thấy được.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không có chỗ vượt qua Tu-bồ-đề thưa:

–Đáp:

–Tìm sinh tử không thể thấy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không bị đánh bại.

Đáp:

–Các Pháp không bị phá hoại.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật như mộng.

Đáp:

–Những việc trong giấc mộng không thể thấy được.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật như tiếng vang.

Đáp:

–Không có âm thanh để nghe.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật như cái bóng.

Đáp:

–Bóng dáng không thể thấy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật như sóng nắng.

Đáp:

–Như dòng nước không thể nắm bắt được.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật như huyễn.

–Việc ảo thuật không thể nắm bắt được.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không bám víu.

Đáp:

–Đầu mối không thể thấy được.

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không thể đoạn.

Đáp:

–Không có đầu mối.

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không ra ngoài.

Đáp:

–Không có chỗ sơ hở.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không có hý luận.

Đáp:

–Các pháp hý luận đều đã dứt hết.

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không tự cao.

Đáp:

–Các sự tự cao đều bị diệt hết.

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không thoái chuyển.

Đáp:

–Pháp tánh thường trụ.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không có trụ.

Đáp:

–Xét kỹ ra các pháp bằng nhau như vậy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không có chỗ bám.

Đáp:

–Các pháp không có nhớ nghĩ.

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật tĩnh lặng.

Đáp:

–Các pháp tưởng, hành không thể thấy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không có dâm dục.

Đáp:

–Dâm dục không thể thấy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không có si mê.

Đáp:

–Diệt trừ sự tối tăm.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không có cấu bẩn.

Đáp:

–Không còn ngờ vực gì nữa.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật chẳng phải chúng sinh.

Đáp:

–Không có chúng sinh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không có chỗ từ bỏ.

Đáp:

–Các Pháp không có nơi chốn.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật hai bờ không diệt.

Đáp:

–Xa lìa các ranh giới.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không có phá hoại. –Các pháp không có thọ nhận.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không có chỗ so sánh.

Đáp:

–Đã vượt qua địa vị Thanh văn, Bích-chi-phật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không có chỗ phân biệt.

Đáp:

–Các pháp không có lựa chọn.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không có giới hạn.

Đáp:

–Các pháp không có tướng bình đẳng.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật là hư không.

Đáp:

–Các pháp không thể tính kể.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật vô thường.

Đáp:

–Các pháp hư hoại tan nát.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật là khổ.

Đáp:

–Các pháp không có bè đảng chiến đấu với sư tử.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật vô ngã.

Đáp:

–Các pháp không có chỗ vào.

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật là không.

Đáp:

–Các pháp không thể thấy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không có tưởng.

Đáp:

–Các pháp không có sinh ra.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật nội không.

Đáp:

–Các pháp nội không không thể được.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật ngoại không.

Đáp:

–Các pháp ngoại không không thể thấy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật nội ngoại không.

Đáp:

–Pháp nội ngoại không không thể thấy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không không.

Đáp:

–Pháp không không không thể thấy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật Đại không.
Đáp:
–Các pháp không thể thấy.
Tu-bồ-đề thưa:
–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật cứu cánh không. –Pháp vô vi, không thể thấy được.
Tu-bồ-đề thưa:
–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật hữu vi không.
Đáp:
–Pháp hữu vi không, không thể thấy được. Tu-bồ-đề thưa:
–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật thường không.
Đáp:
–Pháp thường không không thể thấy.
Tu-bồ-đề thưa:
–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật là không của chẳng có bờ.
Đáp:
–Pháp của chẳng có bờ không thể thấy.
Tu-bồ-đề thưa:
–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật là không của sự tạo tác.
Đáp:
–Sự tạo tác không thể thấy.
Tu-bồ-đề thưa:
–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật tánh không.
Đáp:
–Tánh của pháp hữu vi không thể thấy.
Tu-bồ-đề thưa:
–Bạch Thế Tôn! Các pháp Ba-la-mật là không.
Đáp:
–Pháp nội ngoại không, không thể thấy.
Tu-bồ-đề thưa:
–Bạch Thế Tôn! Tự tướng ba-la-mật là không.
Đáp:
–Tự tướng vắng lặng.
–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật là không hữu vô không.
Đáp:
–Hữu vô không không thể nắm bắt.
Tu-bồ-đề thưa:
–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật là bốn Niệm xứ.
Đáp:
–Thân, thọ, ý, pháp không thấy được.
Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật là bốn Chánh cần.

Đáp:

–Pháp thiện ác không thể thấy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật là thần thông.

Đáp:

–Bốn Thần túc không thể thấy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật là năm Căn.

Đáp:

–Năm Căn không thể thấy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật là năm Lực.

Đáp:

–Năm Lực không thể thấy được.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bảy Giác ý là Ba-la-mật.

Đáp:

–Bảy Giác ý không thể thấy được.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Tám Chánh đạo là Ba-la-mật. –Tám Chánh đạo không thể thấy được.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật là Vô nguyện.

Đáp:

–Nguyện không thể thấy được.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật là không.

Đáp:

–Pháp không vắng lặng, không thể thấy được.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật là Vô tướng.

Đáp:

–Sự tịch tĩnh không thể thấy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Tám bối xả (tám giải thoát) là Ba-la-mật.

Đáp:

–Tám giải thoát không thể thấy được.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Định là Ba-la-mật.

Đáp:

–Chín thứ tự thiền định không thể thấy được.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bố thí là Ba-la-mật.

Đáp:

–Sự ganh ghét không thể thấy được.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Giới là Ba-la-mật.

Đáp:

–Ác giới không thể thấy được.

–Bạch Thế Tôn! Nhẫn nhục là Ba-la-mật.

Đáp:

–Nhẫn nhục không thể thấy được.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Tinh tấn là Ba-la-mật. Đáp:

–Tinh tấn giải đãi không thể thấy được.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thiền định là Ba-la-mật.

Đáp:

–Định do loạn không thể thấy được.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Trí tuệ là Ba-la-mật.

Đáp:

–Ác trí và Tuệ không thể thấy được.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Mười Lực là Ba-la-mật.

Đáp:

–Các pháp không thể điều phục được.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Dõng mãnh là Ba-la-mật.

Đáp:

–Trí tuệ thông hiểu sự việc không thể thấy được.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Trí phân biệt là Ba-la-mật.

Đáp:

–Tất cả tuệ không có ngại.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Phật pháp là Ba-la-mật.

–Vượt lên khỏi các pháp.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai là Ba-la-mật.

Đáp:

–Những lời đã nói không có khác.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật là tự nhiên.

Đáp:

–Bát nhã Ba la mật tự nhiên được tự tại trong các pháp.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Phật pháp là Ba-la-mật.

Đáp:

–Các pháp là Phật trí.

QUYỂN 10
Phẩm 46: CHÂN TRI THỨC

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân suy nghĩ: "Thiện nam, thiện nữ nào thoáng nghe được Bát nhã Ba la mật đều là người đã tạo công đức thời các Đức Phật quá khứ, đã gặp bậc Chân thiện tri thức, huống chi người đọc tụng, thọ trì thuyết giảng và thực hành theo những điều trong ấy." Những người này đã cúng dường nhiều chư Phật, họ có khả năng hỏi và giải thích cho những người khác nghe hiểu; đời nay họ lại thọ trì Bát nhã Ba la mật như những giáo lý trong đó. Thiện nam, thiện nữ nào nghe Bát nhã Ba la mật mà không sợ hãi thì người này trong nhiều trăm ngàn kiếp đã thực hành rốt ráo những Ba-la-mật trong sáu pháp Ba-la-mật.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Thiện nam, thiện nữ nào nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa mà không khiếp sợ, nghe xong lại có khả năng giữ gìn đọc tụng thực hành theo những điều trong đó thì nên xem hàng Bồ-tát đó như Bồ- tát không thoái chuyển. Vì sao? Bát nhã Ba la mật rất sâu xa, những người chưa có khả năng thực hành sáu pháp Ba-la-mật thì nhất định không thể hiểu được.

Như vậy, bạch Thế Tôn! nếu có thiện nam, thiện nữ nào muốn chê bai hủy báng Bát nhã Ba la mật thì nên biết những người này trong quá khứ đã coi khinh Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì khi nghe giảng Bát nhã Ba la mật, họ không tin nhận ưa thích, chưa từng nghe Phật và chúng đệ tử của Ngài để nghe cho đến thực hành sáu pháp Ba-la-mật, chưa nghe đến nội ngoại không, hữu vô không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và mười tám pháp Bất cộng.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi Xá-lợi-phất:

–Bát nhã Ba la mật có những sự kỳ lạ đặc biệt nào? Hàng tân học Bồ-tát nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa làm sao hiểu được sáu pháp Ba-la-mật? Làm sao hiểu được nội ngoại không, hữu vô không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười Lực và mười tám pháp Bất cộng?

Thích Đề-hoàn Nhân lại nói với ngài Xá-lợi-phất:

–Bát nhã Ba la mật có tiếng tăm lớn, những ai không cung kính Bát nhã Ba la mật là không cung kính trí Nhất thiết.

Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Đúng như vậy!

Này Câu-dực! Người không cung kính Bát nhã Ba la mật là không cung kính trí Nhất thiết. Vì sao? Vì trí Nhất thiết của Như Lai đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra.

Này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ nào muốn trụ vào trí Nhất thiết thì phải trụ vào Bát nhã Ba la mật, người muốn phát sinh đạo tuệ thì tu tập thực hành Bát nhã Ba la mật. Thiện nam, thiện nữ nào muốn xa lìa các tập khí thì phải nên tu tập thực hành Bát-nhã ba-lamật; người nào muốn chuyển pháp luân của chư Phật thì phải thực hành Bát nhã Ba la mật; thiện nam, thiện nữ nào muốn đắc quả Tuđà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, Chánh đẳng giác thì phải tu tập thực hành Bát nhã Ba la mật.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Tại sao Bồ-tát phải trụ vào sáu pháp Ba-la-mật? Tu tập sáu

pháp Ba-la-mật, thực hành Bát nhã Ba la mật, tu tập pháp nội ngoại không, hữu vô không. thực hành ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, bốn Vô sở úy và mười tám pháp Bất cộng.

Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

Lành thay, lành thay! Này Câu-dực! Người nào nương vào oai thần của Phật mới có thể hỏi Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác như vậy.

Phật dạy tiếp:

–Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật thì không trụ vào năm ấm cũng như năm ấm không trụ và lệ thuộc vào năm ấm; không trụ vào nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; không trụ vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không trụ vào và làm theo mười hai xứ; không trụ và làm theo sáu pháp Ba-la-mật, nội ngoại không và hữu vô không; không trụ vào ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, bốn Vô sở úy, mười Lực cho đến mười tám pháp Bất cộng và làm theo mười tám pháp Bất cộng. Vì sao? Vì không thấy năm ấm có thể trụ, có thể làm cho đến mười tám pháp Bất cộng cũng không thấy có thể trụ và làm theo.

Lại nữa, này Câu-dực! Bồ-tát không hòa hợp và làm theo năm ấm, cho đến không hòa hợp làm theo mười tám pháp Bất cộng của chư Phật. Vì sao? Vì năm ấm của quá khứ không thể thấy được, cho đến mười tám pháp Bất cộng của chư Phật cũng như vậy.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật rất sâu xa.

Phật dạy:

–Năm ấm cũng rất sâu xa. Này Xá-lợi-phất! Cho đến mười tám pháp Bất cộng, chân như cũng rất sâu xa.

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật rất sâu xa, khó giữ gìn, khó nhận lấy.

Phật dạy:

–Năm ấm khó giữ gìn, khó nhận lấy, Bát nhã Ba la mật khó giữ, khó nhận cho đến mười tám pháp Bất cộng cũng vậy. Bát nhã Ba la mật khó giữ, khó nhận.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật không có tướng đo lường được.

Phật dạy:

–Năm ấm không có tướng đo lường được, Bát nhã Ba la mật cho đến mười tám pháp Bất cộng không có tướng đo lường được, Bát nhã Ba la mật không có tướng đo lường được.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Bồ-tát nào thực hành Bát nhã Ba la mật, nhưng không thực hành năm ấm sâu xa là thực hành Bát nhã Ba la mật cho đến không thực hành mười tám pháp Bất cộng sâu xa là thực hành Bát-nhã bala-mật. Vì sao? Vì năm ấm sâu xa chẳng phải là năm ấm cho đến mười tám pháp Bất cộng sâu xa chẳng phải là mười tám pháp Bất cộng.

Phật dạy:

–Bồ-tát nào thực hành Bát nhã Ba la mật nhưng không thực hành năm ấm khó giữ, khó nhận là thực hành Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì năm ấm khó giữ khó nhận chẳng phải là năm ấm, mười tám pháp Bất cộng khó giữ khó nhận chẳng phải là mười tám pháp Bất cộng.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật nhưng không thực hành tướng không lường được của năm ấm thì chính là thực hành Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì năm ấm không có tướng lường được thì chẳng phải là năm ấm cho đến mười tám pháp Bất cộng của chư Phật không có tướng lường được thì chẳng phải là mười tám pháp Bất cộng.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bát nhã Ba la mật rất sâu xa khó hiểu và không thể lường được, không nên nói Bát nhã Ba la mật sâu xa cho hàng tân học Bồ-tát, vì những người này nghe rồi hoặc e dè hoặc sợ hãi nghi ngờ làm trở ngại sẽ không tin ưa, phải vì Đại Bồ-tát không thoái chuyển mà nói Bát nhã Ba la mật này. Những người này nghe rồi nhất định không nghi ngờ, sợ hãi, trở ngại và tin hiểu liền.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi Xá-lợi-phất:

–Nếu như giảng dạy Bát nhã Ba la mật sâu xa cho hàng tân học Bồ-tát thì có những lỗi lầm gì?

Xá-lợi-phất đáp:

–Người nào nói Bát nhã Ba la mật cho hàng Bồ-tát tân học sẽ làm cho họ sợ hãi nên có thể phỉ báng thì không được độ thoát và phải chịu tội đau khổ tàn khốc, lại bị gian nan gấp bội mới thành Chánh đẳng giác.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi Xá-lợi-phất:

–Có Bồ-tát nào chưa thọ ký nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa mà không sợ hãi không?

Xá-lợi-phất đáp:

–Có người nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa này mà không sợ hãi thì không bao lâu nữa sẽ được thọ ký, chỉ còn gặp một Đức Phật, hai Đức Phật liền được thọ ký.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo ngài Xá-lợi-phất:

–Như vậy, như vậy! Người nào nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa mà không sợ hãi thì nên biết đó là người từ lâu đã phát ý Đại thừa Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật, cúng dường chư Phật. Nhờ việc làm đó lần lượt vượt lên điều đã học, đã làm trước đây.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn! Con đã hiểu được những lời Ngài giảng.

Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào phát tâm Bồ-tát, hoặc ngay trong giấc mộng thực hành sáu pháp Ba-la-mật, hoặc thấy ngồi trên tòa của Đức Phật thì nên biết thiện nam, thiện

nữ này không bao lâu nữa sẽ đạt đến địa vị Chánh đẳng giác, huống chi những ai thực hành sáu pháp Ba-la-mật cầu chứng Chánh đẳng giác mà không nhanh chóng thành địa vị Phật?

Thiện nam, thiện nữ nào nghe Bát nhã Ba la mật và luôn thực hành vâng giữ theo thì đã thành tựu công đức lành, đã từng cúng dường chư Phật thời quá khứ, đã gặp được bậc Chân thiện tri thức, thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật thì không bao lâu nữa sẽ được thọ ký vào địa vị Vô thượng Bồ-đề, nên biết Bồ-tát không còn thoái chuyển nơi địa vị Chánh đẳng giác, những người đang tin và sẽ tin Bát nhã Ba la mật cũng sẽ được như vậy.

Bạch Thế Tôn! Như có người đi qua nơi hoang vắng một trăm, hai trăm, ba trăm cho đến bốn trăm do-tuần có đủ các tai nạn kịch liệt, đói khát, giặc cướp ngăn đường, đến khi trông thấy rừng cây, vùng đất chăn trâu thì họ biết rằng chỗ ở dân cư cách đó không xa và vui mừng biết chắc họ sẽ thoát khỏi các tai nạn không còn sợ hãi, không còn đói khát. Người nào thọ trì Bát nhã Ba la mật sâu xa thì nên biết rằng Bồ-tát này được thọ ký không bao lâu nữa sẽ thành Phật. Bồ-tát này không còn sợ phải đi vào địa vị La-hán, Bích-chiphật. Đây là điềm báo trước bậc Đại Bồ-tát thành tựu.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Những việc thuyết giảng biện tài của ông đều là Phật sự.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như có người muốn thấy biển lớn liền bắt đầu đi ra hướng biển, không dừng nghỉ. Không thấy một gốc cây nào cũng chẳng thấy ngọn núi nào, người ấy suy nghĩ: “Không bao lâu nữa ta sẽ đến gần biển lớn.” Mặc dầu chưa thấy biển lớn nhưng người này vẫn tưởng tượng rằng: “Theo như những việc ta thấy thì biết không bao lâu nữa ta sẽ đến được biển lớn.”

Bạch Thế Tôn! Bậc Đại Bồ-tát nên biết như vầy: “Những người nghe, thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật thì dù chưa được các Như Lai thọ ký thành Vô thượng Bồ-đề, nhưng biết rằng không bao lâu nữa họ sẽ thành Phật.” Vì sao? Vì họ thấy và thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật.

Bạch Thế Tôn! Như vào mùa xuân cây cối đâm chồi nảy lộc hấp thu không khí thì người trông thấy biết rằng cây này không bao lâu nữa sẽ ra lá đơm bông kết quả. Vì sao? Vì cây này đã hiện tướng tốt đẹp ra báo trước, người Diêm-phù-đề nhìn thấy thì không một người nào không hoan hỷ.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát được nghe Bát nhã Ba la mật, nghe rồi thọ trì, đọc tụng, thực hành theo. Thế nên biết rằng công đức của Bồ-tát này đã thành tựu viên mãn, đã cúng dường vô lượng trăm ngàn chư Phật đến lúc gặt hái công đức trước và đắc thành quả Phật. Chư Thiên trên trời đã từng gặp chư Phật đều hoan hỷ nói: “Các vị Bồ-tát đời quá khứ đều nhận sự thọ ký có, điềm lành ứng ra như vậy.”

Bạch Thế Tôn! Như người mẹ mang thai, thai dần dần lớn lên thì người mẹ đứng ngồi không yên, bước đi không thuận lợi, khí lực suy kém, ăn uống kém cỏi, ngồi nằm không yên, dần dần cảm thấy đau nhức, chán những thói quen cũ, chịu những sự khổ não. Người mẹ khác xem thấy hiện tượng ấy biết được người phụ nữ này không bao lâu nữa sẽ sinh con. Bậc Đại Bồ-tát đã tạo gốc lành từ xa xưa, đã cúng dường bao nhiêu trăm ngàn chư Phật, thường gặp bậc chân trí thức công đức thành tựu. Bậc Đại Bồ-tát thực hành các công đức rồi liền đắc được Bát nhã Ba la mật, thọ trì, đọc tụng, thực tập, tu hành những điều theo đúng như Pháp.

Bạch Thế Tôn! Bậc Đại Bồ-tát này không bao lâu nữa nhất định sẽ được thọ ký thành Vô thượng Bồ-đề.

Phật dạy:

–Lành thay, lành thay! Những điều ông vừa nói là Phật sự.

Tôn giả Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Kỳ lạ thay, đặc biệt thay! Thế Tôn biết trước việc sẽ xảy ra cho Bồ-tát.

Phật dạy Tu-bồ-đề:

–Bậc Đại Bồ-tát Vô thượng Bồ-đề muốn làm lợi ích cho chúng sinh đem an ổn cho tất cả trời, người; muốn đem bốn việc thực hành Bồ-tát đạo là:

1- Bố thí cho người.

2- Có lòng nhân ái.

3- Làm lợi người.

4- Cộng tác giúp đỡ.

Bồ-tát khuyến khích người làm mười điều lành, chính mình thực hành bốn Thiền và bốn Không định; khuyến khích người thực hành bốn Thiền và bốn Không định, còn chính mình thực hành sáu pháp Ba-la-mật; khuyến hóa người thực hành sáu pháp Ba-la-mật, còn mình thì đem Bát nhã Ba la mật khuyến hóa làm cho người đắc được đạo Tu-đà-hoàn tự mình khuyên người thực hành La-hán, Bíchchi-phật đạo, không nhận sự chứng đắc La-hán, Bích-chi-phật đạo; khuyến hóa giúp đỡ vô số trăm ngàn Bồ-tát thực hành sáu pháp Bala-mật, tự mình vươn lên địa vị không thoái chuyển, khuyến hóa người trụ vào địa vị không thoái chuyển, tự mình thanh tịnh quốc độ Phật, khuyến hóa người làm thanh tịnh quốc độ Phật, tự mình đầy đủ thần thông, khuyến khích người tu tập thần thông; tự mình thanh tịnh pháp môn Đà-la-ni, khuyến hóa người thanh tịnh pháp môn Đà-la-ni; tự mình thực hành đầy đủ biện tài, khuyên người thực hành biện tài; tự mình thành tựu thân tướng, khuyến hóa người thành tựu thân tướng; tự mình thành tựu trụ thứ tám, khuyến hóa người tu tịnh khiết hành địa; tự mình đắc được mười Lực của Phật, khuyến hóa người thực hành mười Lực; tự mình xây dựng trí Nhất thiết, khuyến hóa người xây dựng trí Nhất thiết; tự mình xa lìa các tập khí, khuyến hóa người xa lìa các tập khí; tự mình chuyển bánh xe pháp, khuyến hóa người chuyển bánh xe pháp.

Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Kỳ lạ thay, đặc biệt thay! Bậc Đại Bồ-tát vì chúng sinh mà làm đầy đủ các công đức, tu hành Bát nhã Ba la mật, cầu đạt quả vị Vô thượng Bồ-đề.

–Bạch Thế Tôn! Bậc Đại Bồ-tát niệm Bát nhã Ba la mật làm sao được đầy đủ?

Phật dạy:

–Thực hành Bát nhã Ba la mật cũng không thấy năm ấm có tăng có giảm. Thế nên, bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật được đầy đủ niệm cho đến trí Nhất thiết, cũng không thấy có tăng có giảm. Đó là Bồ-tát được đầy đủ niệm.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật không thấy chánh pháp, cũng không thấy phi pháp, cũng không thấy pháp ác, pháp lành, không thấy đời quá khứ hiện tại vị lai, cũng không thấy được thọ ký, cũng không thấy không thọ ký; pháp hữu vi, pháp vô vi, ba cõi, sáu pháp Ba-la-mật cho đến trí Nhất thiết cũng không thấy được.

Vì thế, Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật được đầy đủ niệm. Vì sao? Vì Pháp, tướng pháp của các pháp không phá hoại, không, không vững chắc, hư dối, pháp cũng không có sinh, không có tuổi thọ, không có mạng.

Tôn giả Tu-bồ-đề thưa:

–Những lời Thế Tôn dạy thật chẳng thể nghĩ bàn.

Phật dạy Tu-bồ-đề:

–Do năm ấm chẳng thể nghĩ bàn nên những lời dạy cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Này Tu-bồ-đề! Vị Bồ-tát nào thực hành sáu pháp Ba-la-mật biết được năm ấm chẳng thể nghĩ bàn thì biết được đầy đủ Bát nhã Ba la mật cho đến trí Nhất thiết, biết được sự chẳng thể nghĩ bàn, biết đầy đủ về Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Những người nào sẽ tin hiểu Bát-nhã ba-lamật sâu xa?

Phật dạy:

–Những Bồ-tát đã từ lâu thực hành Bát nhã Ba la mật, làm các việc lành cúng dường vô lượng chư Phật, gặp bậc chân trí thức thì cũng chính những hàng Bồ-tát này mới tin hiểu Bát nhã Ba la mật sâu xa.

Tu-bồ-đề thưa:

–Những Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật, làm các việc lành từ xưa đến nay cúng dường bao nhiêu Đức Phật và gặp các bậc chân tri thức.

Phật dạy Tu-bồ-đề:

–Bậc Đại Bồ-tát không có tên năm ấm, không phân biệt năm ấm, cũng không do tưởng mà có sự phân biệt năm ấm, cũng không có tên năm ấm phân biệt có thực và sáu tình, ba cõi, sáu pháp Ba-lamật, nội ngoại không, hữu vô không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng, đạo tuệ và trí Nhất thiết cũng không có tên phân biệt, cũng không do tưởng mà có tên phân biệt, có sự hư dối, có sự thật. Vì sao?

Này Tu-bồ-đề! Do năm ấm chẳng thể nghĩ bàn cho đến trí Nhất thiết cũng chẳng thể nghĩ bàn, nên Đại Bồ-tát đã từ lâu xa thực hành sáu pháp Ba-la-mật, làm các việc lành và gặp các bậc Chân thiện tri thức.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật rất sâu xa, vì năm ấm rất sâu xa, vì trí Nhất thiết rất sâu xa nên Bát nhã Ba la mật rất sâu xa.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật là sự tích tụ những vật quý báu, là sự tích tụ quý báu của các quả vị Tu-đà-hoàn, La-hán, Bíchchi-phật, cũng là sự tích tụ của các địa vị Vô thượng Bồ-đề, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại tuệ, bốn Vô lượng tâm, bốn Không định, năm Thần thông, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng và trí Nhất thiết cho đến sự tích tụ quý báu của các pháp.

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật là sự tích tụ của thanh tịnh, vì thanh tịnh của năm ấm cho đến thanh tịnh của trí Nhất thiết.

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật thật là kỳ diệu, trong Bát nhã Ba la mật sâu xa này làm sao còn gây trở ngại?

Phật dạy:

–Đúng là còn có gây trở ngại. Thiện nam, thiện nữ nào muốn viết Bát nhã Ba la mật thì phải nhanh chóng viết, hoặc là muốn thọ trì đọc tụng thực hành thì đều phải nhanh chóng thực hiện. Vì sao? Vì khi chưa thọ trì, biên chép và thực hành thì hay bị trở ngại.

Thiện nam, thiện nữ nào có khả năng biên chép thọ trì Bát nhã Ba la mật trong một tháng, hoặc hai tháng, ba tháng, bốn tháng, năm tháng cho đến một năm mới hoàn thành thì cần phải biên chép, thọ trì, đọc tụng và học tập theo. Người nào trong một tháng biên chép xong thì học tập, thọ trì cũng sẽ hoàn tất; nếu họ biên chép thọ trì cho đến một năm thì cũng sẽ hoàn thành. Vì sao? Vì trong các sự quý báu phần nhiều khởi lên những nguyên nhân gây trở ngại.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Việc biên chép, thọ trì, đọc tụng, thực hành, nhớ nghĩ Bát nhã Ba la mật sâu xa này luôn luôn bị ma Ba-tuần tìm cách tiêu diệt.

Phật dạy Tu-bồ-đề:

–Nếu ma Ba-tuần muốn tiêu diệt thì không thể nào tiêu diệt hay làm cho người không thể thực hành, giữ gìn, học tập Bát-nhã bala-mật.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nhờ ân đức gì làm cho ma Ba-tuần không thể tiêu diệt việc học tập Bát nhã Ba la mật sâu xa?

Phật Bảo Xá-lợi-phất:

–Đó là việc của Phật làm cho ma Ba-tuần không thể tiêu diệt, cũng nhờ ân đức của mười phương chư Phật ủng hộ Bồ-tát này.

Những người thọ trì Bát nhã Ba la mật sâu xa làm cho không bị ma Ba-tuần tiêu diệt. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát thọ trì Bát nhã Ba la mật được chư Phật hộ trì nên Thiên ma Ba-tuần không thể tiêu diệt và gây trở ngại được. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Những Bồ-tát nào biên chép, thọ trì, học tập, nhớ nghĩ, đọc tụng Bát-nhã ba-lamật thì sẽ được sự ủng hộ của chư Phật làm cho ma Ba-tuần không gây trở ngại giữa đường.

Này Xá-lợi-phất! Nếu thiện nam, thiện nữ nào suy nghĩ: “Bây giờ ta sẽ biên chép, thọ trì Bát nhã Ba la mật, đều là việc làm của chư Phật.”

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào biên chép, học tập, thọ trì Bát nhã Ba la mật thì đều được nhờ ân Phật hộ trì.

Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy!

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Mười phương hiện tại chư Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác với Phật nhãn có thể biết thiện nam, thiện nữ nào biên chép, học tập, thọ trì Bát nhã Ba la mật, đọc tụng, nhớ nghĩ Bát nhã Ba la mật?

Phật dạy Xá-lợi-phất:

–Những người biên chép, thọ trì, đọc tụng, thực hành Bát nhã Ba la mật đều đã được chư Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác trong mười phương thấy biết. Những thiện nam, thiện

nữ thực hành Bồ-tát đạo biên chép, thọ trì, học tập, đọc tụng, thực hành Bát nhã Ba la mật không bao lâu nữa sẽ đạt đến quả vị Vô thượng Bồ-đề.

Này Xá-lợi-phất! Nếu thiện nam, thiện nữ nào thực hành Bồ-tát đạo biên chép thọ trì Bát nhã Ba la mật, đọc tụng thực hành theo những việc trong Bát nhã Ba la mật này, ưa thích cúng dường Bát nhã Ba la mật bằng những loại hoa thơm, hương bột, hương nước, tạp hương, lọng lụa, lọng hoa, cờ xí thì chư Phật với Thiên nhãn chắc chắn thấy được những thiện nam, thiện nữ này. Những thiện nam, thiện nữ nào biên chép thọ trì, vâng làm và học tập Bát-nhã ba-lamật thì được phước rất lớn, công đức lớn và được hạnh thù thắng. Những thiện nam, thiện nữ giữ gìn các công đức lành này thì nhất định không còn đọa vào đường ác, đắc quả vị không thoái chuyển, quyết chắc không rời xa chư Phật, sáu pháp Ba-la-mật; Nhất định không rời xa nội ngoại không và hữu vô không, đạt được quả vị Vô thượng Bồ-đề, không bao giờ rời xa ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng.

Này Xá-lợi-phất! Sau khi Như Lai diệt độ, Bát nhã Ba la mật sẽ còn lại ở phương Nam. Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưubà-di ở phương Nam sẽ thọ trì đọc tụng, học tập, biên chép, giữ gìn Bát nhã Ba la mật này, quyết chắc không còn rơi vào cõi ác, được phước đức trong cõi trời, cõi người, do thực hành theo sáu pháp Bala-mật. Họ hiểu rõ sáu pháp Ba-la-mật rồi sẽ cúng dường phụng sự chư Phật, sau khi phụng sự nhờ ba thừa mà được giải thoát.

Này Xá-lợi-phất! Bát nhã Ba la mật truyền đến phương nào cũng được bốn hàng học sĩ thọ trì, biên chép, giữ gìn, đọc tụng Bát nhã Ba la mật sâu xa, do công đức giữ gìn nên không rơi vào đường ác, nhận được phước đức cõi trời, cõi người, cũng sẽ phụng hành sáu pháp Ba-la-mật. Họ hiểu rõ sáu pháp Ba-la-mật rồi sẽ cúng dường phụng sự chư Phật, sau khi phụng sự nhờ pháp ba thừa mà được độ thoát.

Này Xá-lợi-phất! Bát nhã Ba la mật này sẽ di chuyển về phương Bắc, bốn hàng đệ tử ở phương Bắc cũng sẽ thọ trì biên chép, giữ gìn, đọc tụng, thực hành sáu pháp Ba-la-mật sâu xa, nhờ công đức giữ gìn nên không bị sinh vào ba cõi ác, nhận phước đức của hai cõi trời và người, họ cũng sẽ vâng làm theo sáu pháp Bala-mật, cũng sẽ phụng sự chư Phật, Thế Tôn và nhờ pháp ba thừa mà được độ thoát.

Này Xá-lợi-phất! Bấy giờ, Bát nhã Ba la mật sâu xa sẽ làm Phật sự. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Sau khi ta Niết-bàn, lúc Pháp sắp diệt hết ta đã biết trước thiện nam, thiện nữ ấy thọ trì Bát-nhã ba-lamật. Ta lại biết thiện nam, thiện nữ ấy hết lòng cúng dường Bát nhã Ba la mật bằng các thứ hương thơm, vải lụa, lọng hoa, nhờ công đức vâng giữ Bát nhã Ba la mật nên họ không rơi vào ba đường ác, nhận được phước lành của hai cõi, thực hành sáu pháp Ba-la-mật, cúng dường chư Phật và nhờ pháp ba thừa mà được độ thoát. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Như Lai đã thấy người này, đã khen ngợi những người này, Như Lai đã chỉ rõ nơi chốn của những người này, chư Phật hiện tại trong mười phương, cũng khen ngợi, cũng thấy người này, cũng chỉ rõ những người này.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật này về sau sẽ được phổ biến ở phương Bắc chăng?

Phật dạy:

–Như lời ông nói, thiện nam, thiện nữ đời sau sẽ nhận học, biên chép giữ gìn thực hành Bát nhã Ba la mật. Ông nên biết những người này phát tâm Đại thừa, cúng dường đã nhiều chư Phật và tạo công đức lành từ lâu rồi.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Về sau ở phương Bắc sẽ có bao nhiêu thiện nam, thiện nữ hành Bồ-tát đạo, thọ trì, đọc tụng và hiểu được Bát nhã Ba la mật? Phật dạy:

–Này Xá-lợi-phất! Về đời sau mặc dù có nhiều thiện nam, thiện nữ thọ trì Bát nhã Ba la mật, nhưng chỉ một số ít người thành tựu được Đại thừa.

Này Xá-lợi-phất! Đó là những thiện nam, thiện nữ hành Bồ-tát đạo nghe thuyết Bát nhã Ba la mật sâu xa thì không hỏi vặn, không nhàm chán, không sợ hãi. Vì sao? Vì những thiện nam, thiện nữ này đã được thấy Phật, đã được nghe chư Phật giảng dạy pháp sâu xa. Vì những thiện nam, thiện nữ này đã đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật; đầy đủ nội ngoại không, hữu vô không, mười tám pháp Bất cộng và ba mươi bảy phẩm Trợ đạo. Những thiện nam, thiện nữ này đã tạo nhiều công đức, phát tâm Vô thượng Bồ-đề vì tất cả chúng sinh.

Này Xá-lợi-phất! Ta đã vì những thiện nam, thiện nữ này thuyết về trí Nhất thiết, quá khứ chư Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác cũng đã thuyết trí Nhất thiết. Những người cầu đạo Vô thượng Bồ-đề đều vì sự sinh, già, bệnh, chết, ta cũng vì họ thuyết đạo Bồ-đề. Những thiện nam, thiện nữ này từ nhỏ cho đến trọn đời đều cầu đạo Vô thượng Bồ-đề nên ma và các thiên ma chắc chắn không thể phá hoại được, huống chi những người có ác hạnh khác muốn phỉ báng Bát nhã Ba la mật sâu xa.

Này Xá-lợi-phất! Những thiện nam, thiện nữ nào nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa liền được hoan hỷ rất vi diệu làm cho nhiều người đạt đến địa vị Vô thượng Bồ-đề.

Phật dạy:

–Khi còn làm Bồ-tát, ta đã phát thệ nguyện: Ta sẽ giúp đỡ vô số người khuyến hóa họ hành đạo Bồ-tát, ta sẽ thọ ký họ thành Vô thượng Bồ-đề. Nếu có người phát tâm Bồ-tát thì ta nhất định hoan hỷ. Nếu có người nào khuyến hóa người khác làm cho họ phát tâm Vô thượng Bồ-đề thì ta cũng rất hoan hỷ. Thiện nam, thiện nữ nào hành Bát nhã Ba la mật thì người này ở đời trước đã phát thệ nguyện trước chư Phật, nay lại phát thệ nguyện độ chúng sinh với ta, ta phải làm lợi ích, làm an ổn, khuyến hóa tất cả chúng sinh phát tâm Vô thượng Bồ-đề làm cho họ không còn bị thay đổi. Vì sao? Vì chư Phật ở quá khứ cũng đã tùy hỷ, cho những người phát tâm Bồ-tát, lập thệ nguyện như vậy.

Này Xá-lợi-phất! Ta rất hoan hỷ vì những thiện nam, thiện nữ muốn an ổn giúp đỡ chúng sinh, mong cầu địa vị Vô thượng Bồ-đề, xa lìa sáu trần, được hạnh thanh tịnh vi diệu, đã được hạnh thanh tịnh vi diệu rồi lại đem tịnh thí, bố thí thanh tịnh rồi lại được nhận phước. Do công đức thanh tịnh vi diệu, nhận được phước thanh tịnh vi diệu rồi lại vì chúng sinh phân biệt tất cả bên trong và bên ngoài làm cho chúng sinh được phước thanh tịnh vi diệu. Nhờ giữ gìn công đức này, họ được nghe chư Phật ở các quốc độ khắp mười phương thuyết Bát nhã Ba la mật. Nghe nhận rồi, họ lại khuyến hóa những chúng sinh khác làm cho đạt đến Vô thượng Bồ-đề.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Những lời của Đức Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác thật kỳ lạ! Pháp quá khứ hiện tại tương lai không một pháp nào Như Lai không biết; những việc làm của chúng sinh không một việc nào Như Lai không biết. Như Lai cũng biết được sự việc của chúng Tăng, sự việc của chư Phật trong quá khứ, hiện tại, vị lai. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào được sáu pháp Ba-la-mật rồi muốn đọc tụng, thọ trì, nhưng ý muốn thoái lui thì không thể học sáu pháp Ba-la-mật được. Nếu thiện nam, thiện nữ nào mong cầu sáu pháp Ba-la-mật, không có thoái lui, siêng năng, không biếng nhác thì trong một lúc có thể có đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Thiện nam, thiện nữ nào thực hành như vậy liền được kinh điển sâu xa, được ứng hợp với Bát nhã Ba la mật chăng?

Phật dạy:

–Đúng như vậy! Kinh sâu xa như vậy là ứng hợp với Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì có công năng khuyến hóa giúp đỡ chúng sinh làm cho họ phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Này Xá-lợi-phất! Đối với sáu pháp Ba-la-mật, thiện nam, thiện nữ nào không kể đến sinh, già, bệnh, chết mà siêng năng, không biếng nhác thực hành theo Bát nhã Ba la mật, làm thanh tịnh cõi Phật giáo hóa chúng sinh, làm cho đạt được quả vị Vô thượng Bồ-đề thì ý chí không bao giờ biếng nhác.

QUYỂN 10
Phẩm 47: GIÁC MA

Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ngài đã khen ngợi những thiện nam, thiện nữ phát tâm Vô thượng Bồ-đề, thực hành sáu pháp Ba-la-mật làm nghiêm tịnh cõi Phật, giáo hóa chúng sinh có công đức như vậy. Thiện nam, thiện nữ ấy làm sao tiến tới tiêu diệt các sự trở ngại?

Phật dạy ngài Tu-bồ-đề:

–Biện luận không nhanh là việc ma.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát biện luận không nhanh biết rõ là việc ma?

Phật dạy:

–Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật kéo dài thời gian mới đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật. Do vậy nên biết Bồ-tát biện luận không nhanh gọi là việc ma. Này Bồ-tát biện luận vội vã cũng là việc ma.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao biện luận vội vã cũng là việc ma?

Phật dạy:

–Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật biện luận vội vã. Vì sao? Vì Bồ-tát học không có thứ tự biện luận vội vã không được rốt ráo, vì vậy nên biết đó là việc ma. Khi Bồ-tát biên chép kinh này mà cười đùa với nhau, ý tán loạn không định, tâm ý không hòa thuận, như vậy là việc ma

của Bồ-tát. Khi biên chép kinh này, Bồ-tát suy nghĩ: "Ta tìm không thấy hương vị Từ bi trong kinh này." Vị ấy liền bỏ dở công việc nửa chừng. Bồ-tát nên biết đó là việc ma.

Này Tu-bồ-đề! Khi nói kinh này hoặc lúc thọ trì, nếu cống cao, nói thêu dệt, che giấu cho người khác thì đó là việc ma.

Khi thọ trì, phúng tụng, học tập kinh này, Bồ-tát cống cao cười đùa với nhau, thì Bồ-tát nên biết đó là việc ma.

Này Tu-bồ-đề! Khi thọ trì kinh này, Bồ-tát có ý loạn, không hòa thuận, nên biết đó là việc ma.

Tôn giả Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Tại sao khi không thấy được điều hay trong kinh, Bồ-tát liền bỏ dở công việc, không làm nữa, nên biết đó là việc ma?

Phật dạy:

–Hàng Bồ-tát chưa từng thực hành sáu pháp Ba-la-mật, không nên nghe Bát nhã Ba la mật mà nghĩ rằng: "Ta không được thọ ký nơi sáu pháp Ba-la-mật." Do vậy Bồ-tát nghe Bát nhã Ba la mật không có vui mừng mà bỏ đi, ông nên biết đó là việc ma.

Tôn giả Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ-tát nói "Ta không được thọ ký", nên không ưa thích mà bỏ đi?

Phật dạy:

–Người chưa đạt được đạo Bồ-tát thì nhất định không nhận được sự thọ ký Vô thượng Chánh đẳng giác. Thế nên, những người này mới nói "Ta không được thọ ký" và bỏ đi. Ông nên biết đây là việc ma.

Bồ-tát nào nghĩ rằng: "Làng xóm ta không nghe được Bát nhã Ba la mật và nơi ta sinh ra cũng không nghe đến điều này", nên Bồ-tát bỏ đi không muốn học Bát nhã Ba la mật. Ý nghĩ xoay chuyển trong một niệm liền trải qua một kiếp, tùy theo ý xoay chuyển nhiều ít mà có số kiếp trải qua nhiều ít. Bồ-tát liền học những kinh khác nhưng không đi vào trí Nhất thiết cũng không đến được trí Nhất thiết. Như vậy hàng Bồ-tát này đã bỏ gốc rễ mà nắm lấy cành nhánh. Ông nên biết đó là việc ma.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những loại kinh nào không bắt nguồn từ trí Nhất thiết và ai muốn đọc tụng những kinh khác đó?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Hàng Thanh văn thích ứng ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và ba môn Giải thoát. Thiện nam, thiện nữ trụ vào hai pháp này cầu đạt được Tu-đà-hoàn đạo, Tư-đà-hàm đạo, A-na-hàm đạo, A-la-hán đạo thì không cầu đạt trí Nhất thiết mà còn có nghi ngờ.

Này Tu-bồ-đề! Đó là những người bỏ gốc mà nắm lấy cành lá. Vì sao? Vì hàng Bồ-tát này cũng từ Bát nhã Ba la mật sinh ra. Bát nhã Ba la mật cũng sinh ra đạo pháp và Tục pháp. Ví như con chó được thức ăn của ông chủ, nhưng nó không chịu ăn, ngược lai, khi được thức ăn của người làm thuê thì nó lại ăn.

Này Tu-bồ-đề! Tương lai có người học đạo Bồ-tát đắc được Bát nhã Ba la mật sâu xa liền bỏ đi, nhưng lại nắm lấy cành lá.

Này Tu-bồ-đề! Ông nên biết đó là việc ma của Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Như có người muốn thấy con voi, khi bắt được voi rồi lại bỏ đi, trở lại tìm dấu chân voi. Như vậy ý ông nghĩ sao? Người này có sáng suốt không?

Tôn giả Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không.

Phật dạy:

–Vào đời sau có người thực hành Bồ-tát đạo được Bát-nhã bala-mật sâu xa liền bỏ đi, rồi lại tìm học kinh pháp của Thanh văn, Bích-chi-phật. Ý ông nghĩ sao? Bồ-tát này có sáng suốt không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Bạch Thế Tôn! Không.

Phật dạy:

–Bồ-tát này đang học việc ma!

Này Tu-bồ-đề! Ví như có người muốn thấy biển lớn, nhưng khi thấy rồi lại bỏ đi mà tìm nước trong dấu chân trâu rồi nói: “Tại sao biển lớn mà nhỏ như thế này?” Ý ông nghĩ sao? Người này có sáng suốt không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không.

Phật dạy:

–Đời sau có người học đạo Bồ-tát được Bát nhã Ba la mật lại bỏ đi tìm kinh pháp của Thanh văn và Bích-chi-phật thọ trì, học tập và đọc tụng.

Này Tu-bồ-đề! Hàng Bồ-tát này nên biết đó là việc ma.

Này Tu-bồ-đề! Ví như một người thợ muốn dùng kích thước cung điện của mặt trời mặt trăng mà lại dựng lên cung điện Đế Thích. Ý ông nghĩ sao? Người thợ này tuy khéo léo nhưng có thể làm được không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Việc này rất khó, chẳng phải kẻ phàm phu ngu si ở đời có khả năng làm được.

Phật dạy:

–Đời sau có người thực hành đạo Bồ-tát được học Bát-nhã bala-mật sâu xa, giữa đường lại bỏ đi tìm kinh pháp của Thanh văn và Bích-chi-phật, muốn được trí Nhất thiết và sự việc trí Nhất thiết. Ý ông thế nào? Người này có thể thành tựu trí Nhất thiết không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Không thể thành tựu.

Phật dạy:

–Bồ-tát nên biết rõ đó là việc ma.

Này Tu-bồ-đề! Ví như có người muốn thấy Chuyển luân thánh vương, nhưng khi thấy rồi lại quan sát tiểu vương thật rõ rồi nói: “Thân thể của Thánh vương có khác gì tiểu vương đâu?” Ý ông nghĩ sao? Người này có sáng suốt không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Bạch Thế Tôn! Không.

Phật dạy:

–Đời sau có người thiếu đức học đạo Bồ-tát, được nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa rồi học tập, thực hành và giữ gìn theo, nửa đường lại bỏ dở rồi tìm học kinh pháp của Thanh văn, Bích-chi-phật. Người này nói: “Ở trong kinh pháp này đầy đủ trí Nhất thiết.” Ý ông nghĩ sao? Bồ-tát này có sáng suốt không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không.

Phật dạy:

–Đó là việc ma của Bồ-tát.

Ví như có người đói được thức ăn có trăm mùi vị, liền suy nghĩ muốn được thức ăn sáu mươi vị thôi, người ấy liền bỏ thức ăn trăm vị mà ăn thức ăn sáu mươi vị. Ý ông thế nào? Người này có sáng suốt không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không.

Phật dạy:

–Đời sau có người học đạo Bồ-tát đạt được Bát nhã Ba la mật sâu xa liền bỏ đầy đủ lại cầu trí Nhất thiết trong kinh pháp của Thanh văn, Bích-chi-phật. Ý ông nghĩ sao? Người này có sáng suốt không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Không!

Phật dạy:

–Đó là việc ma của Bồ-tát. Thí như có người đàn ông được viên ngọc ma-ni vô giá rồi chọn lấy thủy tinh. Ý ông thế nào? Người này có sáng suốt không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không.

Phật dạy:

–Đời sau có người học đạo Bồ-tát được Bát nhã Ba la mật sâu xa rồi bỏ đi và chọn lấy kinh pháp của Thanh văn, Bích-chi-phật. Người như vậy có thông minh không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không.

Phật dạy:

–Đó là việc ma của Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào biên chép Bát nhã Ba la mật rồi, do nhân duyên khác phát sinh nên không biên chép nữa; hoặc bị sự trở ngại của sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; hoặc bị Bố thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật trở ngại cho đến quả vị Vô thượng Bồ-đề làm trở ngại. Vì sao? Này Tubồ-đề, Bát nhã Ba la mật chẳng phải trở ngại, chẳng thể nghĩ bàn cũng chẳng phải lựa chọn, không phát sinh, không hoại diệt, không chấp trước, không đoạn dứt, không ngăn ngại, chẳng phải thấy, chẳng phải làm, chẳng phải

nương tựa. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Bát nhã Ba la mật không phải là tượng pháp. Bồ-tát nào khi biên chép kinh này mà bị các sự trở ngại ấy thì nên biết đó làviệc ma.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật này có thể biên chép không?

Phật dạy:

–Không! Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật thật ra không thể thấy được, cho đến Bố thí ba-la-mật, trí Nhất thiết và các sở hữu đều không thể thấy được. Vì sao? Vì không thật có sở hữu nên không thể biên chép.

Này Tu-bồ-đề! Thiện nam, thiện nữ nào thực hành Bồ-tát đạo mà suy nghĩ: "Bát nhã Ba la mật sâu xa này không thật có sở hữu", thì đó là việc ma."

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những người thực hành Bồ-tát đạo biên chép kinh văn Bát nhã Ba la mật, mới vào văn liền nghĩ: Ta đã chép Bát nhã Ba la mật.

Bạch Thế Tôn! Sáu pháp Ba-la-mật này không có văn tự. Vì sao? Vì sáu pháp Ba-la-mật không có văn tự, năm ấm không có văn tự, cho đến trí Nhất thiết cũng không có văn tự.

Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ nào thực hành Bồ-tát đạo cho đến trí Nhất thiết mà cho rằng không có văn tự để đi vào trong Bát nhã Ba la mật cũng là việc ma của Bồ-tát.

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Thiện nam, thiện nữ nào hành Bồ-tát đạo mà trong khi biên chép Bát nhã Ba la mật nhớ nghĩ đến thôn, xóm, làng, xã, quận, huyện, đất nước hoặc nghe những tiếng gọi tôn quý của cha mẹ, nhớ nghĩ đến cha mẹ, anh chị em; hoặc nhớ nghĩ đến việc dâm dục, giặc giã… suy nghĩ này nối tiếp suy nghĩ khác. Lợi dụng sự nghĩ nhớ của Bồ-tát, những lúc này ma Ba-tuần gây trở ngại làm cho Bồ-tát bỏ việc nửa chừng không biên chép Bát nhã Ba la mật nữa. Này Tu-bồ-đề! Đó là việc ma của Bồ-tát.

Phật dạy tiếp:

–Thiện nam, thiện nữ nào hành Bồ-tát, trong khi biên chép giữ gìn Bát nhã Ba la mật, bắt đầu được cúng dường y phục, chăn mền, của cải, thức ăn, giường nằm, thuốc thang nên nói rằng: "Ta biên chép Bát nhã Ba la mật cho nên được cúng dường như vậy." Người ưa thích như thế nên biết đó là việc ma của Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Khi Bồ-tát biên chép kinh này, ma Ba-tuần sẽ trực tiếp nói với Bồ-tát các kinh sâu xa kỳ lạ khác, Bồ-tát có phương tiện thắng trí không nghe lời ma dụ. Vì sao? Vì các kinh này không làm cho người đạt đến trí Nhất thiết.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nào không có phương tiện thắng trí thì khi nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa liền muốn bỏ đi.

Phật dạy tiếp:

–Vì các Bồ-tát, ta sẽ nói rõ các phương tiện thắng trí. Người nào muốn tìm các phương tiện thắng trí thì nên tìm trong Bát-nhã bala-mật sâu xa.

Này Tu-bồ-đề! Thiện nam, thiện nữ nào cầu Bồ-tát thừa mà bỏ Bát nhã Ba la mật sâu xa, muốn cầu phương tiện thắng trí trong phương tiện kinh pháp của Thanh văn, Bích-chi-phật.

Này Tu-bồ-đề! Ông nên biết đó là việc ma của Bồ-tát.

QUYỂN 11
Phẩm 48: KHÔNG HÒA HỢP

Đức Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Có người thích nghe và thọ trì Bát nhã Ba la mật, nhưng vì Pháp sư thân thể mệt nhọc không thể nói, nên biết đây là việc ma. Hoặc vị Pháp sư thân thể khỏe mạnh muốn thuyết pháp nhưng người nghe pháp lại bị lệ thuộc vào duyên sự khác, mỗi bên đều tự phân tán, nên biết đây là việc ma.

Tu-bồ-đề! Người nghe kinh muốn ghi chép Bát nhã Ba la mật, nhưng Pháp sư muốn đến chỗ khác, đây là do việc ma. Pháp sư muốn được cúng dường chỗ nằm ngồi, ẩm thực, thuốc men, y phục, nhưng người thọ kinh lại thiểu dục tri túc, tâm tịch tĩnh không biết cúng dường. Hai bên không hòa hợp, đây là việc ma.

Tu-bồ-đề! Vị Pháp sư thiểu dục tri túc, giữ giới không tham, tâm trí thường tinh tấn, thích thiền định nhưng người thọ trì kinh không biết đủ, tham cầu cúng dường, nên hai bên không hòa hợp, đây là do việc ma.

Tu-bồ-đề! Vị Pháp sư thích ở chốn thanh tịnh, tu tập mười hai hạnh Đầu-đà, nhưng người thọ trì không thể ngồi yên, lại không phụng hành được mười hai hạnh Đầu-đà. Hoặc người thọ trì kinh có thể một mình ở chốn thanh tịnh, hành trì mười hai hạnh Đầu-đà, nhưng Pháp sư vĩnh viễn không có ý nghĩ này. Cả hai không hòa hợp, nên không ghi chép học tập được, đây là do việc ma.

Tu-bồ-đề! Người thọ trì kinh tinh tấn có tín tâm, phụng hành Giới luật đúng pháp, thích ứng với Bát nhã Ba la mật, nhưng Pháp sư đa dục không thể giữ giới; hoặc vị Pháp sư tinh tấn có tín tâm, thích hành trì luật, giữ gìn cấm giới, thực hành Bát nhã Ba la mật, nhưng người thọ trì kinh phần nhiều hủy hoại giới luật nên cả hai không hòa hợp, đó là do việc ma.

Tu-bồ-đề! Vị Pháp sư không mong cầu, thích bố thí cùng với chí nguyện rộng khắp; nhưng người thọ kinh đa cầu, tham muốn luyến tiếc, ý chí hạn hẹp, cho nên cả hai không hòa hợp. Hoặc người thọ kinh không tham muốn, thích bố thí, không luyến tiếc chí nguyện vô ngại, nhưng Pháp sư lại tham cầu không dừng, tâm ý hẹp hòi, nên cả hai không hòa hợp, đây là do việc ma.

Tu-bồ-đề! Người thọ kinh muốn cúng dường tất cả vật cần dùng cho vị Pháp sư, nhưng Pháp sư không chịu nhận cho nên không được học tập thọ trì Bát nhã Ba la mật. Hoặc vị Pháp sư hy vọng cúng dường y phục cần dùng, nhưng người thọ kinh lại liêm khiết, giữ tiết độ, không chú trọng lợi dưỡng, nên không hòa hợp, đây là do việc ma.

Tu-bồ-đề! Vị Pháp sư hiểu rõ kinh điển, trí tuệ biện tài dõng mãnh, nhưng người thọ trì kinh thì căn cơ ám độn, trì trệ không hiểu được nghĩa lý. Hoặc người thọ kinh lại thông minh thấu đạt, trí tuệ biện tài, tỏ ngộ nghĩa lý sâu xa, nhưng Pháp sư lại ám độn không thấu đạt nghĩa lý kinh, nên cả hai không hòa hợp, đây là việc ma.

Tu-bồ-đề! Vị Pháp sư thông suốt mười hai bộ kinh, giải nói theo thứ lớp, không có chỗ sai sót; nhưng người thọ trì kinh không biết thứ lớp, chưa hiểu sự thuận nghịch. Hoặc người thọ kinh

thông suốt, giải nói thứ lớp mười hai bộ kinh, biết sự thuận nghịch, nhưng Pháp sư lại không hiểu được, tâm chí cả hai không hòa hợp, nên biết đây là do việc ma.

Tu-bồ-đề! Vị Pháp sư đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật nhưng người thọ kinh không đầy đủ. Hoặc người thọ kinh đầy đủ sáu pháp Ba-lamật nhưng Pháp sư không đầy đủ, nên cả hai không hòa hợp, đây là do việc ma.

Tu-bồ-đề! Vị Pháp sư đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, gồm cả phương tiện quyền xảo, nhưng người thọ kinh không có sáu pháp Bala-mật, lại không có phương tiện quyền xảo, cả hai không hòa hợp, đây là do việc ma.

Tu-bồ-đề! Vị Pháp sư đắc pháp Đà-la-ni, người thọ trì kinh không đắc. Hoặc người thọ kinh đắc pháp Đà-la-ni, nhưng Pháp sư không đắc, cả hai không hòa hợp, đây là do sự ma.

Tu-bồ-đề! Người thọ kinh muốn ghi chép Bát nhã Ba la mật để thành quyển kinh, nhưng Pháp sư không bằng lòng. Vị Pháp sư thích chép kinh, người thọ kinh lại không muốn chép, cả hai không hòa hợp đây là do việc ma.

Tu-bồ-đề! Vị Pháp sư trói buộc bởi tà kiến của năm ấm cái, nhưng người thọ kinh thấy sự che đậy đó nên tâm ý cả hai không hòa hợp. Hoặc người thọ kinh bị mê hoặc nơi năm ấm thì vị Pháp sư đã diệt tận ấm cái rồi. Cả hai không hòa hợp, đây là việc ma.

Tu-bồ-đề! Khi viết Bát nhã Ba la mật có người đến nói về sự khổ nạn dữ dội của ba đường ác. Người đó nói rằng: “Tôi có thể làm cho người ta lìa sự cần khổ đó, đâu cần phải dụng tâm học Bát nhã Ba la mật.” Đây là do việc ma.

Tu-bồ-đề! Nếu khi muốn viết Bát nhã Ba la mật lại có người đến ca ngợi sự khoái lạc trên cõi Dục, sự thọ hưởng năm dục, tự do ăn uống, y phục, âm nhạc tự nhiên. Ở cõi Sắc chỉ lấy thiền định làm vui làm thức ăn. Ở cõi Vô sắc lấy sự tịch tĩnh làm vui làm thức ăn. Từ cõi Tứ thiền cho đến cõi trời Vô hữu tư tưởng, trời Vô hữu tư tưởng tuệ. Ba cõi tuy vui nhưng đều chi phối bởi khổ, không, vô ngã, vô thường, tất cả bị diệt tận không được lâu dài, chi bằng thọ pháp La-hán, Bích-chi-phật, chớ thích ba cõi mà chịu sinh tử, đây là do việc ma.

Vị Pháp sư muốn ở một mình ở chỗ vắng vẻ yên tĩnh, người thọ kinh ưa chốn ồn ào đông người. Hoặc vị Pháp sư ưa chốn đông người, nhưng người thọ kinh lại thích một mình tịch tĩnh, cả hai không hòa hợp nên biết đây là do việc ma.

Vị Pháp sư thích nuôi nhiều đệ tử, ngược lại người thọ kinh chỉ thích một mình. Hoặc người thọ kinh thích đông người, Pháp sư lại thích tịch tĩnh cả hai không hòa hợp, đây là do việc ma.

Vị Pháp sư tự tôn trọng, muốn được tôn kính; người thọ kinh tâm kiêu mạn, không cung kính. Hoặc Pháp sư không thích sống trong sự hiếu thuận, cung kính, nhưng người thọ kinh lại thích thực hành sự cung kính, nên cũng không hòa hợp, đây là việc của ma.

Vị Pháp sư khi viết Bát nhã Ba la mật trong lòng ghi nhớ thọ trì, người thọ trì kinh không bao giờ để tâm trí tới, nên không hòa hợp, đây là việc ma. Người thọ kinh khi viết Bát nhã Ba la mật lại sinh ý niệm muốn chuyển đổi Bát nhã Ba la mật để được tài lợi, đây là do việc ma.

Vị Pháp sư muốn đến chỗ nguy hiểm tánh mạng, thức ăn quý hiếm, người thọ kinh không thích đi theo, cũng không hòa hợp, đây là do việc ma.

Vị Pháp sư muốn đến chỗ phồn thịnh, thức ăn đầy đủ, người thọ kinh thích đi theo, giữa đường vị Pháp sư cản lại: “Ngươi chỉ vì tham sự cúng dường nên theo ta. Ta biết trước sẽ không cho ngươi đi cùng.” Người thọ kinh thấy hiện tướng đó nên từ từ rút lui, đây là do sự ma.

Hoặc vị Pháp sư nói những người thọ kinh: “Tôi muốn đến chỗ hoang vắng nơi đó có giặc cướp, thợ săn, hổ, sói, rắn, rít, trùng độc; ngươi có chịu theo ta đến chỗ khổ nạn ấy không?” Người thọ kinh nghe như vậy trong lòng lo sợ không vui, nghĩ rằng: Vì không muốn cho mình đi theo cho nên nói những điều quái lạ cản trở để mình không được học tập thành người thọ kinh. Nên biết là do việc ma.

Pháp sư thường đến chỗ dạy bảo họp bàn, người thọ kinh muốn đi đến chỗ đó. Giữa đường Pháp sư nói với người thọ kinh: “Tạm thời ta có việc qua chỗ khác, ngươi hãy về đi.” Người thọ kinh buồn rầu vì không được theo để nghe và thọ trì Bát nhã Ba la mật, đây là do việc ma.

Lại nữa, ma Ba-tuần có nhiều mưu kế, muốn mặc pháp phục Sa-môn để phá hoại, nhiễu loạn, không muốn cho người học tập, thọ trì Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao ma Ba-tuần thường mặc pháp phục Samôn để phá hoại nhiễu loạn, không muốn có người học tập Bát nhã Ba la mật?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ma Ba-tuần mặc pháp phục Sa-môn, muốn phá hoại ly gián người học Bát nhã Ba la mật, nói với người đó rằng: “Hãy nghiên cứu suy xét giáo pháp của ta, chớ trong kinh của ngươi chẳng phải Bát nhã Ba la mật.” Tu-bồ-đề, người chưa thọ ký nghe điều đó liền hồ nghi, nên không thọ trì Bát nhã Ba la mật, đây là do việc ma.

Tu-bồ-đề! Ma Ba-tuần lại giả làm hình tướng Tỳ-kheo nói với người học Bát nhã Ba la mật: “Thiện nam, thiện nữ, người học tập, thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật sẽ giải thoát, đắc Tu-đà-hoàn, La-hán, Bích-chi-phật. Làm được việc này rất khó, đừng học tập, thọ trì, ghi chép Bát nhã Ba la mật nữa.” Đó là việc ma.

Tu-bồ-đề! Khi thuyết Bát nhã Ba la mật sâu xa này thường gặp ma sự khởi lên để cho đoạn tuyệt, vì vậy nên biết rõ những việc ma này.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát biết ma sự khởi lên để xa lìa?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Giống như sáu pháp Ba-la-mật, người hiểu biết phải ủng hộ người kia xa lìa việc ma đó. Bồ-tát thường nên xa lìa La-hán, Bíchchi-phật và những điều nên thực hành trong kinh pháp đó.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ma Ba-tuần ở các nơi Bồ-tát thuyết về nội không, ngoại không, hữu vô không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, cho đến ba môn giải thoát. Điều đó chỉ là sở đắc của La-hán, đây là việc ma.

Ma Ba-tuần lại hóa làm Như Lai thân vàng ánh sáng chói khắp đến chỗ các Bồ-tát làm cho các Bồ-tát vọng tưởng, khi vọng tưởng thì đối với trí Nhất thiết sẽ tổn giảm, nên biết đây là việc ma.

Tu-bồ-đề! Ma Ba-tuần lại giả làm Phật có chúng Tỳ-kheo tùy tùng, đến chỗ thiện nam, thiện nữ làm cho thiện nam, thiện nữ vọng tưởng: “Đời sau ta cũng được thân như vậy, ở giữa các đệ tử thuyết pháp như ngày nay.” Khi vọng tưởng thì trí Nhất thiết sẽ tổn giảm.

Ma Ba-tuần lại hóa làm vô số trăm ngàn Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật, xuất hiện trước thiện nam, thiện nữ làm cho họ thấy để vọng tưởng. Ai vọng tưởng thì trí Nhất thiết sẽ tổn giảm, đây là việc ma.

Vì sao? Tu-bồ-đề! Vì trong Bát nhã Ba la mật không có năm ấm, cho đến với đạo quả cũng không thật có. Không có năm ấm cũng không có đạo quả, không có Phật pháp và chúng đệ tử, vì các pháp đã đoạn tận không thật có.

Tu-bồ-đề! Thiện nam, thiện nữ khi ghi chép hoặc đọc tụng Bát nhã Ba la mật, có nhiều sự cố khởi lên. Ví như nhà đại trưởng giả ở Diêm-phù-đề có nhiều vàng bạc, ngọc quý, lưu ly, trân bảo rất đẹp thì bị nhiều người ganh ghét. Thiện nam, thiện nữ thọ trì, đọc tụng ba-la-mật cũng bị nhiều người ganh ghét một muốn phá hoại.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đúng như vậy. Gặp nhiều ma sự và nhiều người ganh ghét, vì những người đó ngu si ít trí tuệ, bị ma sai sử chuyên làm việc phá hoại người thọ trì học tập Bát nhã Ba la mật. Đó là bọn phá hoại Phật pháp, tâm họ trọn đời không muốn ở trong diệu pháp này.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đúng như lời ông nói, bọn ngu si đó bị ma sai sử chuyên làm việc phá hoại. Đó là hạng người ngu si phá hoại Chánh pháp. Vì là hạng tân học mới nghe không thấu đạt được, không tạo công đức lành vì không làm được nhiều công đức, không thân cận với các vị Thiện tri thức, không cúng dường chư Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác thời quá khứ.

Tu-bồ-đề! Khi ghi chép, thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, thực hành Bát nhã Ba la mật không có trở ngại, ma sự không phát sinh, không có những tai nạn này thì đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, cho đến trí Nhất thiết cũng không bị trở ngại. Nếu thiện nam, thiện nữ thọ trì đọc tụng Bát nhã Ba la mật thì đầy đủ năm pháp Ba-la-mật và trí Nhất thiết, nên biết đây là Phật sự. Hoặc đầy đủ nội ngoại không và hữu vô không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng, mười Lực, đầy đủ trí Nhất thiết, nên biết đây cũng là Phật sự. Chư Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác hiện tại trong mười phương đã làm Phật sự, giống như các thiện nam, thiện nữ hành trì Bát nhã Ba la mật.

Bậc không thoái chuyển và các Đại Bồ-tát đang ở khắp mười phương đều ủng hộ trợ giúp thiện nam, thiện nữ hành trì Bát-nhã bala-mật.

QUYỂN 11
Phẩm 49: ĐẠI MINH

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ví như có người mẹ sinh ra các con, từ một cho đến ngàn người. Trong lúc người mẹ đau nặng, các người con kia đều lo lắng, cầu cứu, chữa trị, lạnh ấm, khô ướt đều chăm sóc chu đáo,

mong mẹ được lành bệnh. Vì sao? Vì chúng nó trưởng thành đầy đủ, hiểu biết là nhờ mẹ cho nên suốt đời chúng không bất hiếu và luôn báo ân cho mẹ.

Cũng vậy, Tu-bồ-đề, các Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác thường dùng Phật nhãn quan tâm đến người hành trì Bát nhã Ba la mật, vì Bát-nhã sâu xa là ánh sáng lớn của thế gian. Mười phương các Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác cũng dùng Phật nhãn quan tâm đến người hành trì Bát nhã Ba la mật. Vì Bát nhã Ba la mật sâu xa sinh ra các Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác chứng đắc tuệ trí Nhất thiết, cho nên các Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác thường quan tâm người hành trì Bát nhã Ba la mật.

Đối với chư Phật, Ba-la-mật cũng sinh từ đó; nội ngoại không và hữu vô không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo cũng sinh từ đó. Mười tám pháp Bất cộng, trí Nhất thiết cũng sinh từ đó. Tu-đà-hoàn, Tưđà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật đạo, Chánh đẳng giác cũng từ Bát nhã Ba la mật phát sinh, tự chứng đắc thành Vô thượng Chánh đẳng giác.

Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ ghi chép, thọ trì, học tập Bát nhã Ba la mật, chư Phật thường dùng Phật nhãn quan tâm người hành trì Bát nhã Ba la mật, chư Phật thường ủng hộ để họ không thoái chuyển cho đến khi họ đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà không bị tổn giảm.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Như lời Thế Tôn dạy, vậy Bát nhã Ba la mật là mẹ của các Bồ-tát, là ánh sáng lớn cho thế gian. Thưa Thế Tôn, vì sao Bát nhã Ba la mật là mẹ của các Bồ-tát, là ánh sáng lớn cho thế gian? Vì sao chư Phật từ Bát nhã Ba la mật sinh ra? Vì sao lại thị hiện ánh sáng cho thế gian?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bát-nhã sinh ra mười Lực của Phật, mười tám pháp Bất cộng, trí Nhất thiết. Vì các pháp trên, Như Lai đã thị hiện đầy đủ, cho nên các Như Lai từ Bát nhã Ba la mật sinh ra trong thế gian.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Như Lai dạy về năm ấm. Bạch Thế Tôn, vì sao Bát-nhã ba-lamật sâu xa thị hiện năm ấm?

Phật nói:

–Bát nhã Ba la mật không sinh, thị hiện năm ấm không diệt, thị hiện năm ấm không thường, không đoạn, không tăng, không giảm, không lấy, không bỏ, cũng không quá khứ, hiện tại, vị lai. Vì sao? Vì Không, Vô tướng, Vô nguyện không hiện thành bại, không hiện hữu vi, không hiện vô vi, không thị hiện không sự sinh, không sự có, không thị hiện các pháp chân thật. Như vậy không thị hiện thành bại. Tu-bồ-đề, đó là Bát nhã Ba la mật thị hiện thế gian.

Tu-bồ-đề! Bát nhã Ba la mật cũng biết tất cả ý nghiệp của chúng sinh. Bát nhã Ba la mật không biết chỗ chúng sinh, không biết chỗ của năm ấm, sáu tình cho đến chỗ của trí Nhất thiết cũng không biết. Tu-bồ-đề, đó là Bát nhã Ba la mật thị hiện thế gian.

Bát nhã Ba la mật sâu xa không thị hiện năm ấm cho đến trí Nhất thiết cũng không thị hiện. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật sâu xa không thấy Bát nhã Ba la mật sâu xa huống chi thấy năm ấm cho đến trí Nhất thiết.

Tu-bồ-đề! Sao gọi là chúng sinh? Chúng sinh ở Dục giới, Sắc

giới, Vô sắc giới, khắp thế gian và mười phương, chúng sinh có ý loạn ý định Như Lai đều biết, lại biết tất cả các sự việc. Tu-bồ-đề, vì sao Như Lai đều biết các sự việc khác của chúng sinh? Do nhờ pháp cho nên Như Lai biết chúng sinh có ý loạn ý định.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Như Lai dùng những pháp gì để biết chúng sinh có ý loạn, ý định?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Các pháp còn không thể thấy được, huống chi biết chúng sinh có loạn, có định. Do dùng pháp này cho nên Như Lai biết.

Tu-bồ-đề! Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác biết tâm ý chúng sinh có loạn hay định. Vì sao biết? Vì nhờ dùng vô thường, dùng giải thoát, do sự tịch tĩnh, nhờ sự diệt tận cho nên biết. Do điều này cho nên Như Lai biết có loạn, có định.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Như Lai còn biết tường tận chúng sinh có dâm, nộ, si.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Làm sao biết được?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Như Lai biết tâm ý chúng sinh có dâm, nộ, si. Vì sao? Vì ý niệm và sự có không thể thấy được thì làm sao có dâm, nộ, si để mà thủ đắc, do điều này cho nên Như Lai biết rõ.

Tu-bồ-đề! Như Lai lại biết tâm ý chúng sinh không có dâm, nộ, si Như Lai đều biết. Vì sao? Vì biết sự có thể biết là không dâm, nộ, si; tâm ý cũng chẳng phải có tâm ý. Vì sao? Vì cả hai ý không hòa hợp. Do điều này nên Như Lai biết.

Tu-bồ-đề! Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật mà biết tâm ý chúng sinh có quảng đại. Vì sao biết? Tu-bồ-đề, Như Lai biết tâm quảng đại của chúng sinh, tâm không hạn hẹp của chúng sinh, tâm không tăng của chúng sinh, tâm không giảm của chúng sinh, tâm không đến không đi của chúng sinh. Vì sao? Vì tâm ý không thể thủ đắc được tiến thoái. Do đây cho nên biết.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật biết chúng

sinh có đại tâm. Vì Như Lai biết tâm chúng sinh không đến, không đi, không sinh, không diệt, không trụ, không biến đổi. Do điều này nên biết.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật biết tâm chúng sinh không có hạn lượng. Vì sao biết? Tu-bồ-đề, Như Lai không thấy tâm chúng sinh có tăng, có giảm, có chỗ trú. Vì sao? Vì tâm chúng sinh không có chỗ giữ chứa, cho nên không thể thấy. Do điều này nên biết.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật mà biết tâm chúng sinh không thể thấy được. Vì sao biết? Vì các tâm ý không có hình tướng, không có sở hữu.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật biết tâm chúng sinh không thể quan sát được. Vì sao biết? Vì Như Lai dùng năm loại mắt để thấy đối tượng tâm của chúng sinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật mà biết sự cúi ngửa co duỗi của chúng sinh. Vì sao biết? Vì sự cúi ngước co giãn trong tâm chúng sinh đều từ năm ấm phát sinh ra nhưng không biết năm ấm, chỉ biết thở vô, thở ra có ngã và thế giới. Chỉ biết việc này ngoài ra không phân biệt được việc khác. Năm ấm cũng lại không biết thở ra thở vô chỉ biết có ngã và thế giới, ngoài ra không biết việc khác. Thân là mạng sống, mạng sống là thân; thân này chẳng phải

mạng, mạng này chẳng phải thân. Vì vậy, Tu-bồ-đề, Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật mà biết rõ sự cúi ngước co giãn của chúng sinh.

Tu-bồ-đề! Phật biết năm ấm. Vì sao biết? Biết Như của năm ấm, biết Như của Như, biết Như của không tạo tác, biết Như của không tướng, biết Như của không tiến tới, biết Như của không hý luận, biết Như của không có ngã, biết Như của không ỷ lại. Vì vậy, Tu-bồ-đề, Như Lai dựa vào Như của chúng sinh mà biết được Như cúi ngước co giãn của năm ấm, biết Như của năm ấm là Như của các pháp, Như của các pháp là Như của sáu pháp Ba-la-mật, Như của sáu pháp Ba-la-mật là Như của ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, Như của ba mươi bảy phẩm Trợ đạo là Như của mười tám pháp không. Như của mười tám pháp không là Như của tám bối xả, chín Thứ đệ thiền.

Như của tám bối xả, vô thiền, chín Thứ đệ thiền là Như của mười Lực. Như của mười Lực là Như của bốn Vô ngại trí, bốn Đẳng tâm, bốn Vô sở úy, đại Từ, đại Bi, mười tám pháp Bất cộng của Phật. Như của mười tám pháp Bất cộng của Phật là Như của trí Nhất thiết tuệ. Như của trí Nhất thiết tuệ là Như của tất cả các pháp ác, pháp thiện, pháp đạo, pháp tục, pháp hữu lậu, pháp vô lậu. Như của pháp này là Như của quá khứ, hiện tại, vị lai. Như của quá khứ, hiện tại, vị lai là Như của hữu vi, vô vi. Như của pháp hữu vi, vô vi là Như của Tu-đàhoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Như của La-hán là Như của Bích-chi. Như của Bích-chi-phật là Như của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là Như của đạo. Như của đạo là Như của Như Lai. Như của Như Lai là nhất như không thể phá hoại, không thể phân biệt, không có đoạn tận, không hai, không khác.

Tu-bồ-đề! Đó là Như của các pháp, nhờ Bát nhã Ba la mật mà Như Lai biết Như của tất cả các pháp. Tu-bồ-đề, Bát nhã Ba la mật này là mẹ của chư Như Lai, là ánh sáng lớn của thế gian. Thế nên, Tu-bồ-đề, Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác đều biết Như của các pháp là như vậy hay không như vậy, đều không làm khác đi, đều biết Như của các pháp là như vậy. Cho nên chư Phật Thế Tôn gọi là Như Lai.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như của các pháp là như vậy hay không như vậy đều rất sâu xa. Thế Tôn, sự phân bố giáo hóa Chân như đúng như lời Phật thuyết. Pháp sâu xa này ai có thể hiểu được, chỉ có bậc không thoái chuyển cho đến Đại Bồ-tát, La-hán lậu tận mới có thể hiểu được.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Như của vô tận là Như của vô tận gì? Đó là Như vô tận của các pháp. Tu-bồ-đề, Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác khi thành Phật đều thuyết Như này của các pháp.

QUYỂN 11
Phẩm 50: VẤN TƯỚNG

Lúc bấy giờ, các vị trời ở cõi Dục, cõi Sắc khắp tam thiên đại thiên thế giới đều rưới hương hoa tán thán cúng dường và đảnh lễ Phật rồi đứng lui một bên bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật của Ngài dạy thật sâu xa. Vậy, tướng Bát nhã Ba la mật là gì?

Phật bảo các vị trời:

–Bát nhã Ba la mật sâu xa này không là tướng của vô tướng, là tướng vô nguyện, tướng vô hành, tướng vô sinh diệt, tướng vô thường, vô đoạn, tướng không của vô sở hữu, tướng của vô sở y, tướng của hư không.

Này chư Thiên! Tướng của Bát-nhã sâu xa là như vậy. Như Lai vì thế gian cho nên thuyết cũng không vì đạo, không vì diệt tận.

Này chư Thiên! Tướng đó là tướng Trời, Rồng, Quỷ, Thần, Nhân loại trong thế gian không thể làm được, không thể trưởng dưỡng được. Vì sao? Vì Trời, Rồng, Quỷ, Thần và Nhân loại trong thế gian này cũng là tướng này.

Này chư Thiên! Các tướng đó không thể trưởng dưỡng cho nhau, các tướng đó không thể biết nhau, tướng cũng không thể biết vô tướng, vô tướng cũng không thể biết tướng; tướng với vô tướng cả hai đều không, không thể thành tựu được, không thể hòa hợp, không thể hiểu được.

Này chư Thiên! Tướng ấy chẳng phải năm ấm làm ra, chẳng phải sáu pháp Ba-la-mật tạo thành, chẳng phải nội ngoại không và hữu vô không, chẳng phải trí Nhất thiết tạo thành.

Tướng ấy chẳng phải người, chẳng phải phi nhân, chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu, chẳng phải đạo, chẳng phải tục, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi.

Khi ấy, Phật hỏi chư Thiên:

–Nếu có người hỏi tướng của hư không là gì. Ý của chư Thiên thế nào? Người hỏi như vậy có đúng hay không?

Chư Thiên đáp:

–Bạch Thế Tôn! Không đúng. Vì hư không không có tướng, không tạo thành tướng.

Phật bảo chư Thiên:

–Có Phật hay không có Phật thể tánh của các tướng vẫn thường trụ. Vì Như Lai đã như thật đạt đến thể tánh các tướng, cho nên gọi là Như Lai.

Như Lai đạt đến tướng Giác ngộ sâu xa nhờ trí tuệ vô ngại của Vô thượng Chánh đẳng giác mà an trú nơi tướng đó tụ hợp nơi Bát nhã Ba la mật sâu xa. Chư Thiên thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật sâu xa này là kho tàng của chư Phật Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác. Ở nơi kho tàng đó thành tựu Vô thượng Chánh đẳng giác. Trong kho tàng đó mà thực hành thấu đạt tướng của các pháp, tướng của năm ấm, tướng của trí Nhất thiết.

Phật bảo chư Thiên:

–Sắc là tướng của hình, xúc là tướng của cảm giác, thọ là tướng của tưởng, thiện ác là tướng của hành, sự biết là tướng của thức. Như Lai không chấp trước các tướng cho nên thành Chánh giác.

Không luyến tiếc là tướng Bố thí ba-la-mật, không bại hoại là tướng của Trì giới ba-la-mật, không sân hận là tướng của Nhẫn nhục ba-la-mật, không thoái chuyển là tướng của Tinh tấn ba-la-mật, tập trung là tướng của Thiền định ba-la-mật, nghe liền giác ngộ liền hiểu biết là tướng của Bát nhã Ba la mật. Như Lai không chấp trước tướng đó nên thành Chánh giác.

Bốn Thiền, bốn Đẳng, bốn Không định là tướng của không sân hận. Như Lai không chấp trước tướng đó mà thành Chánh giác.

Làm cho ra khỏi ba cõi là tướng của ba mươi bảy phẩm Trợ đạo. Như Lai không chấp thủ tướng đó mà thành Chánh Giác. Tướng khổ là tướng của Vô nguyện giải thoát môn, tướng tịch là

tướng của Không giải thoát môn, tướng tịnh là tướng của Vô tướng giải thoát môn, Như Lai không chấp thủ tướng đó mà thành Chánh giác. Tướng tịch là tướng không sinh khởi, tướng không chung nhau là mười tám pháp Bất cộng. Như Lai không chấp thủ các tướng đó mà thành Chánh giác.

Tướng hiển lộ là tướng trí Nhất thiết. Như Lai không chấp thủ các tướng đó mà thành Chánh giác.

Như vậy, các Thiên tử, Như Lai không chấp thủ các tướng của các pháp mà thành Chánh giác, cho nên Như Lai gọi là Bậc Trí Tuệ Vô Ngại.

Lúc đó, Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bát nhã Ba la mật là mẹ của chư Phật Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác; Bát nhã Ba la mật là ánh sáng lớn của chư Phật, Như Lai trong thế gian.

Như Lai nương vào pháp này mà thành tựu. Vì vậy các Như Lai đều tôn trọng, cung kính, lễ bái, phụng sự Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì chư Phật Như Lai đều từ Bát nhã Ba la mật sâu xa mà sinh ra. Đó là nơi Như Lai báo ân. Tu-bồ-đề, không có ai báo ân hơn Như Lai cả.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Như Lai tri ân và báo ân như thế nào? Như Lai đi bằng pháp có thể đi được này nên chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác, cho nên phải giữ gìn pháp đã đi bằng cách cung kính, phụng sự, làm lễ nó. Tu-bồ-đề, đó là cách tri ân và báo ân của Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp mà Như Lai chứng đắc không tác giả, người làm không thể thấy. Như Lai thấy rõ và chứng đắc pháp đó, được pháp không tác giả là pháp không còn tranh cãi.

Tu-bồ-đề! Như Lai biết tri ân và báo ân là nhờ Bát-nhã ba-lamật, từ nơi các pháp không tác giả mà giác ngộ được các pháp.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác thực hành Bát nhã Ba la mật đạt các thiện pháp mà không có sự đạt, cho nên nói Bát nhã Ba la mật là mẹ của chư Phật, là Đạo sư soi sáng cho thế gian.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các pháp vốn không, không chỗ biết, không

chỗ thấy, không chỗ sinh ra. Tại sao nói Bát nhã Ba la mật là mẹ của chư Phật? Sao lại sinh ra Như Lai? Sao lại làm Đạo sư soi sáng cho thế gian?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đúng vậy, đúng vậy! Tất cả các pháp không biết, không thấy. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều không, không sở hữu, không vững chắc, không chỗ sinh. Cho nên các pháp không chỗ sinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Các pháp không biết, không thấy. Vì sao? Vì các pháp không có chỗ vào, không có chỗ lệ thuộc, cho nên Bát nhã Ba la mật là mẹ của Như Lai, là Đạo sư sáng suốt của thế gian.

Không thấy năm ấm cho nên làm Đạo sư, cho đến trí Nhất thiết cũng không thấy cho nên làm Đạo sư. Vì vậy Bát nhã Ba la mật là mẹ của chư Phật, là Đạo sư sáng suốt của thế gian.

Tu-bồ-đề hỏi Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao không thấy năm ấm lại làm Đạo sư sáng suốt cho thế gian?

Phật dạy:

–Tu-bồ-đề! Không dựa nhân duyên của năm ấm để phân biệt đó là không thấy năm ấm; không dùng trí Nhất thiết để khởi vọng tưởng, đó là không thấy trí Nhất thiết. Vì vậy, Bát nhã Ba la mật là mẹ của Như Lai, là Đạo sư sáng suốt của thế gian.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Vì sao Bát nhã Ba la mật là mẹ của Như Lai, là Đạo sư sáng suốt của thế gian? Tu-bồ-đề, Bát-nhã ba-lamật chỉ bày không của thế gian, vì sao chỉ bày không của thế gian, chỉ bày không của năm ấm, mười hai xứ, mười tám giới, chỉ bày mười pháp ác của thế gian? Từ si có ái do mười hai nhân duyên là pháp căn bản của ngã và ngã sở, sáu mươi hai tà kiến biểu thị không của thế gian, bốn Thiền, bốn Đẳng và bốn Không định biểu thị không của thế gian, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, sáu pháp Ba-lamật, nội không, ngoại không và hữu vô không, biểu thị không của thế gian. Tánh hữu vi, vô vi, mười Lực của Phật, mười tám pháp Bất cộng, cho đến trí Nhất thiết cũng biểu thị không của thế gian.

Tu-bồ-đề, vì vậy, Bát nhã Ba la mật là mẹ của chư Phật, là Đạo sư sáng suốt cho thế gian.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Như Lai lấy không chỉ bày cho thế gian, lấy không niệm thế gian, biết không của thế gian. Vì vậy Bát-nhã ba-lamật là mẹ của chư Phật, là Đạo sư sáng suốt của thế gian.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bát nhã Ba la mật chỉ bày Như Lai, chỉ bày không của thế gian, chỉ bày những không gì? Chỉ bày không của năm ấm, không của mười hai suy, không của mười tám giới, chỉ bày không của trí Nhất thiết. Vì vậy, Bát nhã Ba la mật là mẹ của chư Phật, là Đạo sư sáng suốt của thế gian.

Thế nên, Tu-bồ-đề! Bát nhã Ba la mật chỉ bày Như Lai, chỉ bày chẳng thể nghĩ bàn của thế gian, cho đến chỉ bày trí Nhất thiết, chỉ bày chẳng thể nghĩ bàn của thế gian.

Lại nữa Tu-bồ-đề! Bát nhã Ba la mật sâu xa chỉ bày tịch tĩnh của Như Lai, của thế gian. Chỉ bày những tịch tĩnh gì? Chỉ bày tịch tĩnh của năm ấm và chỉ bày tịch tĩnh của trí Nhất thiết. Cho nên Bát nhã Ba la mật chỉ bày tịch tĩnh của Như Lai, của thế gian.

Tu-bồ-đề! Bát nhã Ba la mật chỉ bày Như Lai, thế gian thường không. Chỉ bày những gì? Từ năm ấm cho đến trí Nhất thiết chỉ bày thế gian thường không.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bát nhã Ba la mật chỉ bày tất cả không của Như Lai, thế gian. Chỉ bày những không gì? Từ năm ấm cho đến trí Nhất thiết chỉ bày tất cả không của thế gian.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bát nhã Ba la mật chỉ bày tất cả không của Như Lai, thế gian. Chỉ bày những gì? Từ năm ấm cho đến trí Nhất thiết chỉ bày không của thế gian.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bát nhã Ba la mật chỉ bày không của sở hữu, vô sở hữu của Như Lai, từ năm ấm cho đến trí Nhất thiết chỉ bày không của sở hữu, không của vô sở hữu.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bát nhã Ba la mật chỉ bày diệt của Như Lai, thế gian. Chỉ bày những diệt gì? Từ năm ấm cho đến trí Nhất thiết là diệt của thế gian.

Vì vậy, Bát nhã Ba la mật là mẹ của Như Lai, là Đạo sư sáng

suốt của thế gian. Bát nhã Ba la mật thị hiện thế gian, không có tướng đời này đời sau. Vì sao? Vì pháp này không có tướng đời này đời sau.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật vì việc lớn mà xuất hiện, vì việc chẳng thể nghĩ bàn mà xuất hiện, vì việc không thể tính kể mà xuất hiện, vì việc không thể giới hạn mà xuất hiện, vì việc không gì sánh bằng mà xuất hiện.

Phật dạy:

–Đúng vậy, Tu-bồ-đề! Bát nhã Ba la mật vì việc lớn, vì việc chẳng thể nghĩ bàn mà xuất hiện.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Bát nhã Ba la mật vì việc lớn mà xuất hiện?

Phật đáp:

–Tu-bồ-đề! Các Đức Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác vì cứu độ tất cả chúng sinh cho nên không bỏ chúng sinh.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Vì sao Bát nhã Ba la mật vì sự chẳng thể nghĩ bàn mà xuất hiện?

Phật đáp:

–Phật sự, tự nhiên và trí Nhất thiết đều chẳng thể nghĩ bàn. Vì vậy Bát nhã Ba la mật vì sự việc chẳng thể nghĩ bàn mà xuất hiện.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Bát nhã Ba la mật vì sự việc không thể tính kể mà xuất hiện?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Tất cả chúng sinh thọ thân đều có thức, không thể biết được hay tính kể Phật sự, tự nhiên và trí Nhất thiết.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Bát nhã Ba la mật vì việc không giới hạn mà xuất hiện?

Phật đáp:

–Tu-bồ-đề! Phật sự không có giới hạn, Như Lai sự cũng không có giới hạn, tất cả chúng sinh không có ai sánh bằng Phật huống chi muốn vượt hơn Như Lai. Vì vậy, Bát nhã Ba la mật vì sự việc không giới hạn của Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác mà xuất hiện.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Phật sự, Như Lai sự, Tự nhiên sự, trí Nhất thiết sự, là chẳng thể nghĩ bàn không thể tính kể, không thể giới hạn chăng?

Phật nói:

–Đúng vậy, đúng vậy! Tu-bồ-đề, Phật sự, Tự nhiên sự, Như Lai sự, trí Nhất thiết sự là chẳng thể nghĩ bàn không thể tính kể, không thể giới hạn.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Năm ấm, trí Nhất thiết chẳng thể nghĩ bàn, không thể tính kể, không có giới hạn.

Này Tu-bồ-đề! Pháp của các pháp lấy tướng lấy tưởng làm tác ý cũng không thể thủ đắc.

Phật dạy:

–Năm ấm chẳng thể nghĩ bàn, không thể tính kể, không có giới hạn, cho đến trí Nhất thiết cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao?

Thế Tôn đáp:

–Vì năm ấm chẳng thể nghĩ bàn không gì sánh bằng. Năm ấm không có giới hạn, cho đến trí Nhất thiết cũng không có giới hạn.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao năm ấm, trí Nhất thiết không có giới hạn?

Phật đáp:

–Vì năm ấm cho đến trí Nhất thiết chẳng thể nghĩ bàn cho nên không có giới hạn. Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Trong chẳng thể nghĩ bàn không có giới hạn đó, có thể tìm được năm ấm và đạo không?

Tu-bồ-đề nói:

–Bạch Thế Tôn! Không thể được.

Phật dạy:

–Thế nên, Tu-bồ-đề! Các pháp chẳng thể nghĩ bàn, không có giới hạn. Pháp của Như Lai chẳng thể nghĩ bàn, không gì sánh bằng, không có giới hạn cũng không tính kể, đó là chẳng thể nghĩ bàn cho nên lời dạy cũng chẳng thể nghĩ bàn, hư không chẳng thể nghĩ bàn, cũng không gì sánh bằng. Tu-bồ-đề, pháp của Như Lai chẳng phải thế gian, Người, chư Thiên và A-tu-la có thể nghĩ bàn.

Khi Phật thuyết phẩm Như Lai chẳng thể nghĩ bàn, không thể tính, không thể giới hạn, không gì sánh bằng, năm trăm Tỳ-kheo và hai ngàn Tỳ-kheo-ni, các lậu tận được giải thoát, tâm giải thoát, sáu vạn Ưu-bà-tắc, ba vạn Ưu-bà-di xa lìa trần cấu đắc pháp nhãn tịnh, hai ngàn Bồ-tát chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn, tất cả đều sẽ làm Phật trong hiền kiếp.

QUYỂN 11

Phẩm 51: ĐẠI SỰ XUẤT HIỆN

Lúc bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật này rất sâu xa vì việc lớn mà xuất hiện, chẳng thể nghĩ bàn không thể tính, không gì sánh bằng, không giới hạn.

Phật dạy:

–Đúng vậy. Tu-bồ-đề! Bát nhã Ba la mật vì việc lớn mà xuất hiện, vì việc không gì sánh bằng mà xuất hiện. Vì sao? Tu-bồ-đề, vì năm pháp Ba-la-mật kia đều từ trong đó mà thành, tương ưng với Bát nhã Ba la mật. Nội không, ngoại không và hữu vô không đều từ trong Bát nhã Ba la mật mà có; ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười Lực, mười tám pháp Bất cộng đều từ trong đó mà có, tương ưng với Bát nhã Ba la mật; địa vị Phật và trí Nhất thiết đều từ trong đó mà có, tương ứng với Bát nhã Ba la mật.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ví như Chuyển luân thánh vương có các nước nhỏ. Khi có việc mỗi nước tự lo cho hoàn thành thì vua Chuyển luân vương không phải lo lắng. Vì sao? Vì vua các nước nhỏ đã làm theo lệnh của Thánh vương. Do dó, Thánh vương không phải lo lắng.

Pháp của các đệ tử, pháp của Bích-chi-phật, pháp của các Bồ-tát và pháp của chư Phật, tất cả đều từ Bát nhã Ba la mật mà có, cho nên Bát nhã Ba la mật làm thành tựu những việc đó.

Vì vậy, Tu-bồ-đề! Bát nhã Ba la mật vì việc lớn, vì sự việc không gì sánh bằng mà xuất hiện, không nhận lấy năm ấm, không nhập vào năm ấm là không nhận lấy, không nhập vào, cho đến trí Nhất thiết cũng vậy. Tu-đà-hoàn đến A-la-hán, Bích-chi-phật cũng không nhận lấy, không nhập vào; Vô thượng Chánh đẳng giác cũng không nhận lấy cũng không nhập vào.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao năm ấm không nhận lấy, không nhập vào, cho đến Vô thượng Chánh đẳng giác cũng không nhận lấy, không nhập vào?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ý ông nghĩ sao? Ông thấy năm ấm có chỗ nhận lấy, có chỗ nhập vào không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Bạch Thế Tôn! Không thấy.

Thế Tôn nói:

–Vô thượng Chánh đẳng giác cũng không nhận lấy cũng không nhập vào.

Tu-bồ-đề đáp:

–Bạch Thế Tôn! Không thấy năm ấm có nhận lấy, có nhập vào, cũng không thấy Vô thượng Chánh đẳng giác có nhận lấy, có nhập vào.

Phật dạy:

–Lành thay, lành thay! Tu-bồ-đề, ta cũng không thấy năm

ấm, ta cũng không giữ lấy năm ấm, cho đến Chánh đẳng giác ta cũng không thấy, không giữ lấy, không nhập vào. Tu-bồ-đề, đối với địa vị Phật, ta cũng không thấy; trí Nhất thiết, ta cũng không thấy, việc của Như Lai ta cũng không nhận lấy, không giữ. Vì vậy, Tu-bồ-đề, Đại Bồ-tát không nên giữ lấy năm ấm. Đối với việc của Phật, việc của trí Nhất thiết, việc của Như Lai cũng không giữ lấy không nhập vào.

Chư Thiên ở cõi Sắc và cõi Dục đều bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật rất sâu xa khó liễu ngộ, chẳng thể nghĩ bàn, thậm thâm vi diệu chỉ có người trí mới có thể hiểu nổi Bát nhã Ba la mật sâu xa này.

Bạch Thế Tôn! Khi Ngài ở nơi chư Phật quá khứ đã tạo công đức căn bản này và thân cận với Thiện tri thức nên đạt đến như vậy.

Bạch Thế Tôn! Giả sử tam thiên đại thiên thế giới, tất cả chúng sinh đều tin tưởng tôn trọng Tam bảo, chứng đắc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật. Những bậc Thánh hiền đó có trí tuệ, có đạo đức cũng không bằng thiện nam, thiện nữ trong một ngày quán niệm xưng tán Bát nhã Ba la mật sâu xa này. Công đức đó vượt lên trên các bậc trên kia. Vì sao? Vì từ quả Tu-đàhoàn đến Bích-chi-phật, bậc Tín hạnh đến bậc Vô sinh pháp nhẫn, chư Thiên cũng không bằng thiện nam, thiện nữ một ngày thọ trì, phúng tụng, biên chép Bát nhã Ba la mật. Họ mau chóng chứng đắc Niết-bàn, công đức thù thắng hơn La-hán, Bích-chi-phật, dù trải qua một kiếp phụng hành những kinh khác mà xa lìa Bát nhã Ba la mật cũng không trụ trong trí Nhất thiết. Vì sao? Vì trong Bát-nhã ba-lamật sâu xa này đã rộng nói ba thừa, làm cho các bậc La-hán,

Bíchchi-phật đều được lòng tin nơi đó, không mất chỗ tương ứng. Các Đại Bồ-tát cũng từ đây mà thành Vô thượng Chánh đẳng giác.

Lúc ấy, chư Thiên ở cõi Dục và cõi Sắc đều tán thán:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bát nhã Ba la mật này chẳng thể nghĩ bàn, trong đây phát sinh lòng tin, ưa thích, làm cho các Thanh văn đều đạt đến sở nguyện, thành Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật. Lại làm cho các Đại Bồ-tát chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác. Bát nhã Ba la mật này cũng không tăng, không giảm.

Chư Thiên ở cõi Sắc và cõi Dục đem đầu mặt đảnh lễ sát đất, àm lễ Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi đi và bỗng nhiên biến mất trở về cõi trời.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa này mà hiểu rõ ngay, vậy họ ở đâu mà sinh vào đây?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nếu Đại Bồ-tát nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa này liền hiểu rõ nghĩa kinh không nhàm chán, không nghi ngờ, không trở ngại, tâm thường nhớ nghĩ, thích được nghe pháp luôn luôn không xa lìa, kể cả khi đi đứng nằm ngồi thường theo vị Pháp sư, lòng không xa lìa. Tubồ-đề, giống như con nghé không muốn rời xa mẹ nó, thiện nam, thiện nữ này nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa, trên miệng thường đọc tụng, trong lòng thì hành trì giải nghĩa kinh, tâm ý không muốn xa lìa Pháp sư dù chỉ chốc lát. Thiện nam, thiện nữ này vốn từ trong cõi người đến, nay sinh trong cõi này, lại được làm người. Vì sao? Vì đời trước thiện nam, thiện nữ đó nghe Bát nhã Ba la mật liền ghi chép, thọ trì, đọc tụng, hành trì những việc trong đó rồi cúng dường hoa hương, cờ, đèn. Nhờ công đức đó mà đến cõi này, nay được nghe Bát nhã Ba la mật liền thấu hiểu ngay.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Có Đại Bồ-tát nào làm các công đức như lời Phật dạy, đầy đủ căn lành cúng dường chư Phật, lại từ cõi ấy sinh đến cõi này, được nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa thì ghi chép thọ trì, đọc tụng, tin tưởng, ưa thích, giữ gìn, hành trì. Có người như vậy không?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Vị nào từ phương khác đã cúng dường chư Phật, được nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa nên sinh đến trong cõi này, lại được nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa liền thấu hiểu, tin tưởng, ưa thích, giữ gìn, hành trì.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nên biết Đại Bồ-tát này cung trời Đâusuất cũng đã có đầy đủ công đức căn lành. Vì sao? Vì Bồ-tát này được nghe kinh sâu xa từ Bồ-tát Di-lặc, cho nên ngày nay sinh vào cõi này được nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa liền tin hiểu, ưa thích, hành trì.

Tu-bồ-đề! Đối với Bát nhã Ba la mật sâu xa, có Bồ-tát nào sinh hoài nghi, trong lòng nhàm chán là do người này đời trước nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa mà không hỏi để hiểu biết, cho nên ngày nay tuy sinh trong cõi này, nghe sáu pháp Ba-la-mật mà trong lòng tiếp tục hồ nghi không tin, không tiếp thu cũng không hoan hỷ.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Trước đây, khi người này nghe nói về nội không, ngoại không và hữu vô không, cũng không hỏi ý nghĩa trong đó, cho nên nay tiếp tục không tin, không ưa thích. Người này đời trước nghe ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng của Phật không tin,

không ưa thích, không hỏi ý nghĩa trong đó, cho nên ngày nay nghe Bát nhã Ba la mật liền kinh hãi, nghi ngờ, không tin, không ưa.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nếu có Bồ-tát nghe Bát nhã Ba la mật, từ một ngày đến năm ngày thường hỏi ý nghĩa trong đó, nhờ vậy nên sinh ở chỗ nào thường được nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa, luôn luôn hỏi ý nghĩa. Vì sao? Tu-bồ-đề, vì Bồ-tát đó chỉ siêng năng nghe hỏi ý nghĩa trong đó, nhưng việc hành trì thì chưa đầy đủ.

Tu-bồ-đề! Nếu có người khi muốn nghe, có lúc không muốn nghe, ý chí không bền vững, hoặc có thể trong khi đó khởi lên nhân duyên khác. Giống như chiếc áo mỏng bị gió thổi bay tứ tung. Nên biết, Bồ-tát này học hỏi chưa lâu dài, không gặp Thiện tri thức, chưa cúng dường chư Phật thời quá khứ, không tạo công đức, chưa được căn lành, không siêng năng học tập, đọc tụng, chẳng thấu đạt sáu pháp Ba-la-mật, chưa thấu đạt nội ngoại không và hữu vô không, không thấu đạt sáu Thần thông, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, trí Nhất thiết. Nên biết đó là người mới học, ít thích giáo pháp, do dó chẳng ghi chép, thọ trì Bát nhã Ba la mật, cũng chưa tu tập, hành trì việc ấy.

Nếu có thiện nam, thiện nữ hành Bồ-tát đạo gặp Bát-nhã bala-mật sâu xa này mà không nhớ nghĩ, ghi chép, thọ trì, đọc tụng, hành trì cho đến trí Nhất thiết cũng không nhớ nghĩ, học tập, thọ trì, gần gũi. Nên biết những người này sẽ rơi vào Nhị địa. Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ này thấy Bát nhã Ba la mật sâu xa không nhớ nghĩ, ghi chép, thọ trì, đọc tụng, học tập và thân cận, cho nên người đó liền đi vào Nhị địa là A-la-hán và Bích-chi-phật.

QUYỂN 11
Phẩm 52: THÍ DỤ

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Vì trong biển lớn có thuyền bị vỡ nát, người trong thuyền nếu không ôm lấy tấm ván mà bám vào thây người chết, nên biết người đó không thể sống, bị chìm không cứu được, vì không bám vào chỗ đáng nên bám. Ngược lại, người trong thuyền ấy biết bám vào tấm ván, cột buồm thì được cứu thoát an ổn, vì người đó biết bám vào vật đáng bám mà được cứu sống.

Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ hành Bồ-tát đạo với lòng tin ưa ít ỏi, tuy gặp Bát nhã Ba la mật nhưng không đọc tụng, thọ trì, nương tựa, gần gũi, không tu tập hành trì sáu pháp Ba-la-mật, cho đến trí Nhất thiết cũng không gần gũi. Nên biết, người đó giữa đường gặp trở ngại, không thể đắc trí Nhất thiết, sẽ giữ lấy quả vị tu chứng của La-hán, Bích-chi-phật.

Nếu có thiện nam, thiện nữ hành Bồ-tát đạo, đối với Vô thượng Chánh đẳng giác có lòng tin, ưa thích, có năng lực, có chánh niệm, có hiểu biết, có phương tiện, có tu tập, gặp Bát nhã Ba la mật liền ghi chép thọ trì, học tập, gần gũi, đọc tụng. Nên biết, những người này có thể thọ trì Bát nhã Ba la mật sâu xa, thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đạt đến trí Nhất thiết, luôn luôn không gặp trở ngại nửa chừng, cũng chẳng rơi vào La-hán, Bích-chi-phật đạo, có thể giáo hóa chúng sinh, làm thanh tịnh cõi Phật.

Ví như có người cầm bình đất chưa nung để lấy nước, nên biết không bao lâu nó sẽ rã nát. Vì sao? Vì dùng vật đất chưa nung chín.

Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ hành Bồ-tát đạo, tuy có tin ưa, có chánh niệm, có phương tiện, có hiểu biết, có gần gũi, có hành trì, nhưng đối với Vô thượng Chánh đẳng giác thì không thọ trì sáu pháp Ba-la-mật, không có phương tiện quyền xảo, lại không thọ trì nội ngoại không và hữu vô không, không thọ trì năm Thần thông, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo cho đến trí Nhất thiết cũng không gần gũi. Nên biết người này giữa đường gặp trở ngại.

Tu-bồ-đề! Giữa đường gặp trở ngại gì? Tức sẽ đi vào La-hán và Bích-chi-phật đạo.

Ví như có người cầm bình nung chín đi đến sông, giếng, ao hồ lấy nước. Nên biết, người này lấy nước trở về được yên ổn, không bị chảy. Vì sao? Vì biết dùng bình đã nung chín.

Nếu có thiện nam, thiện nữ hành Bồ-tát đạo, đối với Vô thượng Chánh đẳng giác có lòng tin ưa, có phương tiện, có chánh niệm, có hiểu biết, có tu tập, có trí tuệ, thọ trì sáu pháp Ba-la-mật và phương tiện quyền xảo, gần gũi trí Nhất thiết. Nên biết người này đạt đến Vô thượng Chánh đẳng giác, không bị cản trở.

Tu-bồ-đề! Ví như trên biển lớn có thuyền mới đóng chưa chắc chắn, chưa hoàn hảo, chưa trang bị đầy đủ, lại chở hàng hóa trong thuyền rất nhiều. Nên biết thuyền đó không bao lâu, giữa đường sẽ bị hư hại, bị tổn thất mỗi thứ một nơi. Vì dùng phương tiện chưa hoàn hảo nên khách buôn bị mất hàng hóa quý báu.

Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ hành Bồ-tát đạo, đối với Vô thượng Chánh đẳng giác, tuy có tin ưa, có chánh tín, có phương tiện, có chánh niệm, có hiểu biết, nhưng công đức ít, dù gặp Bát nhã Ba la mật, nhưng không ghi chép, thọ trì, đọc tụng, học tập đối với sáu pháp Ba-la-mật, không thọ trì học tập cũng không gần gũi việc của trí Nhất thiết, không có phương tiện quyền xảo. Tu-bồ-đề, nên biết người này giữa đường gặp trở ngại, bị mất báu quý, báu quý là trí Nhất thiết. Giữa đường người đó đi vào Lahán, Bích-chi-phật đạo.

Ví như người có trí, trước tiên sửa chữa thuyền đó, trang bị vững chắc đầy đủ, chở hàng hóa đến chỗ muốn đến, nên biết người này sẽ đi đến nơi, không bị mất. Vì sao? Vì người đó dùng thuyền đầy đủ và vững chắc.

Nếu có thiện nam, thiện nữ hành Bồ-tát đạo, có lòng tin ưa lớn, có thí, có niệm, có hiểu biết, có thực hành nơi Vô thượng Chánh đẳng giác, gặp Bát nhã Ba la mật liền học tập, ghi chép, đọc tụng, hành trì. Đối với sáu pháp Ba-la-mật đều có công đức, thường gần gũi trí Nhất thiết, mới chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác, rốt ráo không bị trở ngại, không đi vào La-hán, Bíchchi-phật đạo.

Tu-bồ-đề! Ví như có người một trăm hai mươi tuổi, người này có bệnh, hoặc bị trúng gió, hoặc nóng lạnh. Ý ông nghĩ sao? Người đó có thể tự mình đi, đứng, nằm, ngồi được không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không thể được. Vì sao? Vì người đó tuổi đã già rồi, dù không bệnh đi đứng cũng không nổi, huống chi có bệnh. Sức lực đã tiêu mòn, đâu có thể đi đến chỗ muốn đến.

Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ hành Bồ-tát đạo, đối với Vô thượng Chánh đẳng giác tuy có lòng tin ưa, có thí, có niệm, có năng, có hành, nhưng đối với sáu pháp Ba-la-mật công đức ít, không gần gũi trí Nhất thiết, không có phương tiện quyền xảo. Nên biết, người đó giữa đường gặp trở ngại, đi vào La-hán, Bích-chiphật đạo. Vì sao? Vì không đạt được phương tiện quyền xảo của Bát nhã Ba la mật sâu xa.

Tu-bồ-đề! Như người già kia bệnh đã bớt, nhưng có nhờ hai người khỏe mạnh, một người dìu bên nách, một người đở cánh tay. Họ nói với người già rằng: "Ông hãy yên tâm, đừng sợ hãi, chúng tôi sẽ đưa ông đến nơi và không bỏ ông giữa chừng." Phật hỏi:

–Tu-bồ-đề! Người này có thể đến nơi được không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Bạch Thế Tôn! Có thể đến được.

Phật dạy:

–Nếu thiện nam, thiện nữ hành Bồ-tát đạo, đối với Vô thượng Chánh đẳng giác có lòng tin ưa, có năng lực, có phương tiện, có tu tập, có trí tuệ, có công đức nơi sáu pháp Ba-la-mật, thường gần gũi trí Nhất thiết, có phương tiện quyền xảo. Nên biết Bồ-tát này không bị trở ngại, có khả năng chứng Vô thượng Chánh đẳng giác mà tâm không lay động, không đi vào Thanh văn, Bích-chi-phật đạo.

Bấy giờ, Thế Tôn khen ngợi Tu-bồ-đề:

–Lành thay, lành thay! Tu-bồ-đề vì các Đại Bồ-tát mà thưa hỏi Như Lai việc như vậy.

Nếu có Bồ-tát dùng ý tưởng về tự ngã mà phụng hành sáu pháp Ba-la-mật và nói:

–Ta là người hành trì sáu pháp Ba-la-mật.

Đó là Bồ-tát cống cao ngã mạn. Người làm những hành động đó trọn đời không đắc sáu pháp Ba-la-mật.

Thiện nam, thiện nữ này cũng không biết bờ bên này, bờ bên kia, không được sự hộ trì của sáu pháp Ba-la-mật, của trí Nhất thiết, giữa đường rơi vào La-hán, Bích-chi-phật địa, cũng không sinh từ trong Nhất thiết trí.

Tu-bồ-đề! Thế nào là Bồ-tát không có phương tiện quyền xảo?

Thiện nam, thiện nữ này hành Bồ-tát đạo không dùng phương tiện quyền xảo để hành trì sáu pháp Ba-la-mật nên đối với sáu pháp Ba-la-mật đều có tưởng về tự ngã, tưởng ta có làm việc này. Hành trì sáu pháp Ba-la-mật mà tự cống cao ngã mạn. Vì sao? Vì trong sáu pháp Ba-la-mật không bao giờ có ý niệm ấy, không có sự phân biệt. Người có ý niệm như vậy thường ở bờ bên này, chỉ biết bờ bên này, không biết bờ bên kia, không được sự hộ trì của sáu pháp Ba-la-mật và trí Nhất thiết, giữa đường đi vào La-hán, Bích-chi-phật đạo, cũng không sinh ra từ trong trí Nhất thiết.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát như vậy không được sự hộ trì của phương tiện quyền xảo, liền đi vào La-hán Bích-chi-phật.

Tu-bồ-đề! Thế nào là Bồ-tát hành trì Bát nhã Ba la mật, được

sự hộ trì của phương tiện quyền xảo, không rơi vào La-hán, Bích-chiphật đạo, thành Vô thượng Chánh đẳng giác?

Tu-bồ-đề! Bồ-tát hành trì Bát nhã Ba la mật không có ý niệm về tự ngã, đối với sáu pháp Ba-la-mật không cống cao ngã mạn. Bồ-tát biết bờ bên này, bờ bên kia, được sự hộ trì của sáu pháp Bala-mật và phương tiện quyền xảo, được sinh ra từ trí Nhất thiết; không đi vào La-hán, Bích-chi-phật đạo.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát hành trì như vậy sẽ không đi vào La-hán, Bích-chi-phật đạo vì được sự hộ trì của sáu pháp Ba-la-mật, của phương tiện quyền xảo và trí Nhất thiết.

QUYỂN 12
Phẩm 53: THÂN CẬN BẠN TỐT CHÂN THẬT

Bấy giờ ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hàng tân học Bồ-tát học sáu pháp Ba-la-mật như thế nào?

Phật dạy Tu-bồ-đề:

–Hàng tân học Bồ-tát muốn học sáu pháp Ba-la-mật thường phải đi theo phụng sự, thân cận những bạn tốt chân thật, đi theo và gần gũi những người có khả năng hiểu và giảng Bát nhã Ba la mật. Người có khả năng hiểu rõ và giảng thuyết Bát nhã Ba la mật thường khuyến khích giúp đỡ người khác, làm cho họ học tập sáu pháp Ba-la-mật và giữ gìn phụng hành để chứng đắc Vô thượng Bồđề. Chớ so sánh năm ấm với quả vị Vô thượng Bồ-đề, chớ so sánh sáu pháp Ba-la-mật với quả vị Vô thượng Bồ-đề, chớ so sánh nội ngoại không, hữu vô không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng với trí Nhất thiết. Vì sao? Vì người không so sánh năm ấm liền đạt được trí Nhất thiết; Người không so sánh sáu pháp Ba-la-mật, nội ngoại không, hữu vô không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và mười tám pháp Bất cộng liền đắc được trí Nhất thiết.

Này thiện nam! Khi thực hành Bát nhã Ba la mật chớ nên phát khởi ý tưởng lệ thuộc vào năm ấm. Vì sao? Này thiện nam, năm ấm chẳng nên lệ thuộc cũng chớ lệ thuộc vào sáu pháp Ba-la-mật.

Này thiện nam! Sáu pháp Ba-la-mật chẳng có thể lệ thuộc, cũng không nên lệ thuộc vào nội ngoại không, hữu vô không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng cho đến trí Nhất thiết cũng không lệ thuộc. Vì sao? Vì bậc trí Nhất thiết cũng chẳng lệ thuộc, cũng chớ phát sinh sự lệ thuộc quả vị Tu-đà-hoàn, Tư-đàhàm, A-la-hán và Bích-chi-phật, cũng không phát sinh sự lệ thuộc Bồ-tát thừa và quả vị Vô thượng Bồ-đề. Vì sao? Này thiện nam, quả vị Vô thượng Bồ-đề chẳng có thể lệ thuộc. Vì sao? Vì tướng của các pháp đều là không.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bậc Đại Bồ-tát chịu khổ đối với pháp không, vô tướng nên phát tâm Vô thượng Bồ-đề muốn chứng Phật trí.

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Đúng như vậy. Bồ-tát rất chịu khổ đối với pháp không, vô tướng nên phát tâm Vô thượng Bồ-đề để được Phật trí.

Này Tu-bồ-đề! Vì thế gian nên Bồ-tát thương xót, an ổn thế gian và muốn cứu tất cả chúng sinh trong thế gian. Vì chúng sinh, nên Bồ-tát phát tâm Vô thượng Bồ-đề, vì làm chỗ nương tựa cho thế gian, bảo hộ thế gian, làm ngọn đèn soi sáng cho thế gian, nên Bồ-tát phát tâm Vô thượng Bồ-đề; làm tướng lãnh, làm người dẫn đường cho thế gian, làm nhà, làm quy hướng cho thế gian, nên Bồ-tát phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là Bồ-tát vì chúng sinh phát tâm Vô thượng Bồ-đề? Vì muốn độ thoát chúng sinh trong năm đường làm cho an ổn, ở bờ vô úy, thản nhiên vào Niết-bàn, nên Bồ-tát phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Thế nào là Bồ-tát muốn an ổn cho thế gian? Này Tu-bồ-đề, bậc Đại Bồ-tát vì muốn độ cho chúng sinh thoát khỏi khổ não ưu sầu đến được bờ vô ưu, thản nhiên vào Niết-bàn nên làm an vui cho thế gian.

Này Tu-bồ-đề! Vì sao Bồ-tát cứu giúp thế gian? Thế gian lắm sự sinh tử, nên Bồ-tát chuyên cần vất vả cứu giúp chúng sinh làm cho họ thoát khỏi các sự khổ. Bồ-tát dùng giáo pháp cứu giúp hóa độ rồi tiếp theo dùng ba thừa độ thoát họ, vì thế Bồ-tát cứu giúp thế gian.

Này Tu-bồ-đề! Vì sao Bồ-tát bảo hộ thế gian? Chúng sinh trong thế gian chịu sinh tử nên Bồ-tát bảo hộ làm cho họ không còn tái sinh. Chúng sinh chịu nhiều sự già, bệnh, chết nên Bồ-tát bảo hộ làm cho không già, không bệnh, không chết; những người buồn rầu làm cho họ đạt đến Vô-dư Niết-bàn. Vì thế, Bồ-tát phát tâm Vô thượng Bồ-đề để bảo hộ thế gian.

Này Tu-bồ-đề! Vì sao nói Bồ-tát làm nhà cho thế gian? Bậc Đại Bồ-tát này khi đắc quả Vô thượng Bồ-đề thuyết các pháp không trở ngại cho thế gian. Thế nên nói Bồ-tát làm nhà cho thế gian.

Này Tu-bồ-đề! Vì sao Bồ-tát làm ngọn đèn sáng cho thế gian? Từ nơi tối tăm của ba cõi, bậc Đại Bồ-tát nâng đỡ chúng sinh làm cho họ đạt đến Niết-bàn, thế nên Bồ-tát làm ngọn đèn sáng cho thế gian.

Vì sao Bồ-tát làm tướng lãnh cho thế gian? Bồ-tát khi đắc được Phật trí, vì thế gian nói sắc không phải là của ta, không phải là sắc; thọ, tưởng, hành, thức không phải là của ta, không phải thức; cho đến trí Nhất thiết không phải là của ta, chẳng phải trí Nhất thiết.

Này Tu-bồ-đề! Cũng vậy, sắc chẳng phải ngã, chẳng phải sắc, giống như sắc chẳng phải ngã, các pháp cũng như vậy.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Thế Tôn dạy, năm ấm chẳng phải của ta, các pháp cũng vậy, Bồ-tát không có giác ngộ các pháp. Vì sao? Vì sắc không có chỗ phân biệt cho đến trí Nhất thiết cũng không có chỗ phân biệt, cũng không nói là năm ấm cũng không mới là trí Nhất thiết.

Phật dạy Tu-bồ-đề:

–Như lời ông nói, năm ấm không có chỗ phân biệt, cho đến trí Nhất thiết cũng không có chỗ phân biệt, cũng không nói là năm ấm, cũng không nói là trí Nhất thiết.

Này Tu-bồ-đề! Đây cũng là Bồ-tát chịu khổ thường thực hành Pháp này không nhàm chán mỏi mệt và cũng không biếng nhác. Bồ-tát nói: “Ta sẽ giác ngộ, cũng sẽ hành trì pháp thanh tịnh, rồi tuyên bố chỉ bày cho người chưa giác ngộ.

Này Tu-bồ-đề! Vì thế nên Bồ-tát nói cho thế gian nghe rằng sắc chẳng phải của ta.

Này Tu-bồ-đề! Vì sao Bồ-tát làm hòn đảo cho thế gian? Thí

như vùng đất bị ngăn khỏi đất liền sông biển lớn được gọi là đảo, làm nơi tạm trú rất có lợi ích cho con người. Năm ấm thời tương lai và quá khứ bị chia làm hai, trí Nhất thiết tương lai và quá khứ cũng bị chia làm hai. Theo sự chia cắt này thì các pháp cũng bị chia cắt, các pháp bị chia cắt thì quá khứ tương lai cũng bị chia cắt. Như vậy những sự chia cắt là tịnh là vui, là chân thực, là không, ái hết thì không còn chỗ nương tựa, không còn trần cấu và không còn gì cả. Đó gọi là Niết-bàn.

Này Tu-bồ-đề! Khi Bồ-tát đắc được Phật trí Vô thượng Bồ-đề liền truyền bá đây là giáo hóa bằng Pháp thanh tịnh, đây là giáo hóa bằng pháp chân thật để tế độ chúng sinh. Thế nên nói Bồ-tát làm hòn đảo cho thế gian.

Này Tu-bồ-đề! Vì sao nói Bồ-tát làm người dẫn đường cho thế gian? Khi Bồ-tát đắc được Phật trí Vô thượng Bồ-đề, vì chúng sinh trên thế gian nói pháp năm ấm không sinh không diệt, không đắm trước, không chia cắt, thuyết pháp từ quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, Bích-chi-phật và vì những hàng này nói năm ấm không sinh, không diệt rồi đem giáo pháp này lưu bố khắp thế gian.

Này Tu-bồ-đề! Khi Bồ-tát đắc được Phật trí đã thuyết pháp này nên gọi là người dẫn đường cho thế gian.

Này Tu-bồ-đề! Vì sao nói Bồ-tát làm nơi hướng đến cho thế gian? Khi Bồ-tát đắc được Phật trí Vô thượng Bồ-đề đã nói pháp chân như của năm ấm và chân như của trí Nhất thiết hướng đến không. Năm ấm không thì không có chỗ hướng đến, cũng không hướng đến, cũng không phải không hướng đến. Vì sao? Vì năm ấm và không cũng không đến không đi. Bồ-tát thuyết pháp này rồi lại vì chúng sinh thuyết không của trí Nhất thiết, cũng không đến không đi, hướng mà không có chỗ hướng đến.

Này Tu-bồ-đề! Vì thế nên nói Bồ-tát làm chỗ hướng đến cho thế gian.

Này Tu-bồ-đề. Vì sao? Vì các pháp quá khứ như không, đi qua mà không trở lại. Vì sao? Vì không cũng không đến, không đi; nơi các pháp đến cũng không có tướng, nguyện. Vì sao? Vì tướng, nguyện qua rồi thì không trở lại; tướng, nguyện cũng không đến cũng không đi. Nơi các pháp đến cũng không có chỗ đến, cũng không tạo nghiệp, cũng không sinh, không diệt, không đắm trước; cũng không cắt đứt, như mộng, như huyễn, như tiếng vang, như ảnh, như biến hóa, như sóng nắng. Các pháp cũng như vậy, đã đi rồi thì không trở lại bao giờ. Vì sao? Vì biến hóa cũng không đi không đến bao giờ.

Này Tu-bồ-đề! Nơi các pháp đến cũng không có bờ mé, cũng không trở lại, các pháp không chuyển động, không đứng yên, không đến, không đi, không hòa hợp cũng không tan rã; không có ngã, mạng sống, tuổi thọ…

Này Tu-bồ-đề! Chúng sinh còn không thật có huống chi là có đi và trở lại.

Này Tu-bồ-đề! Chỗ trụ của các pháp có thường, lạc, ngã, tịnh. Các pháp vô thường, khổ, bất tịnh và vô ngã. Chỗ trị của các pháp có dâm, nộ, si, kiến chấp, thân kiến. Các pháp trụ này cũng trụ nơi chân như, như pháp tánh, như chân tế, như khắp cả, như nơi tánh chẳng thể nghĩ bàn; trụ nơi không đổi dời; chỗ trụ của các pháp cũng không đến cũng không đi. Vì sao? Vì các pháp cũng không đến cũng không đi, các pháp trụ như năm ấm. Vì sao? Vì năm ấm còn không thể thấy huống chi là có đến đi. Các pháp trụ như sáu pháp Ba-la-mật, sự trụ này vẫn không thể thấy huống chi là có sự đi và lại.

Các pháp trụ như nội ngoại không và hữu vô không, như trụ nơi ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, trụ nơi mười tám pháp Bất cộng; như mười tám pháp Bất cộng cũng không đến không đi. Các pháp trụ như Thanh văn, Bích-chi-phật đạo, trụ như Vô thượng Bồ-đề cũng không có đi và lại. Vì sao? Vì quả Vô thượng Bồ-đề không có đi và lại cũng không thật có.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người nào có khả năng hiểu được Bát-nhã bala-mật sâu xa này?

Phật dạy:

–Những Đại Bồ-tát tạo công đức từ thời Phật quá khứ, đã cúng dường vô lượng trăm ngàn chư Phật và đã thân cận các bậc bạn lành chân thật mới có khả năng hiểu được Bát nhã Ba la mật sâu xa.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bậc Đại Bồ-tát có những tướng nào thì có khả năng hiểu được Bát nhã Ba la mật sâu xa?

Phật dạy Tu-bồ-đề:

–Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nào đoạn trừ được dâm, nộ, si thì chính là tướng ấy. Bồ-tát nào có khả năng hiểu rõ được Bát nhã Ba la mật sâu xa, thì như là đã đoạn được dâm, nộ, si.

QUYỂN 12
Phẩm 54: HIỂU SÂU XA

Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bậc Đại Bồ-tát hiểu được Bát nhã Ba la mật sâu xa thì đạt được đến đâu?

Phật dạy Tu-bồ-đề:

–Bậc Đại Bồ-tát nào có khả năng hiểu rõ Bát nhã Ba la mật sâu xa này thì đạt được trí Nhất thiết.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người đạt được trí Nhất thiết là bậc Đại Bồ-tát hiểu được Bát nhã Ba la mật sâu xa. Người hướng đến trí Nhất thiết là người dẫn đường cho chúng sinh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Niệm Bát nhã Ba la mật là không niệm các pháp. Niệm Bát nhã Ba la mật là không còn chỗ niệm, không có đầu mối.

Phật hỏi Tu-bồ-đề:

–Niệm Bát nhã Ba la mật thì những gì không có chỗ niệm?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Niệm Bát nhã Ba la mật thì năm ấm không có

chỗ niệm; niệm Bát nhã Ba la mật thì ta và chúng sinh không có chỗ niệm; niệm Bát nhã Ba la mật thì sáu pháp Ba-la-mật không có chỗ niệm; nội ngoại không, hữu vô không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng của Phật không có chỗ niệm; niệm Bát nhã Ba la mật thì từ Tu-đà-hoàn cho đến trí Nhất thiết không có chỗ niệm. Phật dạy:

–Lành thay, lành thay! Đúng như lời của Tu-bồ-đề, niệm Bát nhã Ba la mật thì không niệm năm ấm, cho đến trí Nhất thiết cũng không có chỗ niệm.

Này Tu-bồ-đề! Niệm sáu pháp Ba-la-mật thì được cảm ứng ủng hộ của Bồ-tát không thoái chuyển. Bồ-tát nào thực hành Bát nhã Ba la mật sâu xa thì không vào sáu pháp Ba-la-mật cũng không vào trí Nhất thiết.

Người thực hành Bát nhã Ba la mật không làm theo lời của người khác, không tin vào con đường khác, không giữ gìn theo cho là quan trọng; Đại Bồ-tát không thoái chuyển thực hành Bát-nhã ba-lamật sâu xa không còn dâm, nộ, si; chỉ thực hành Bát nhã Ba la mật sâu xa. Đại Bồ-tát không thoái chuyển không bao giờ lìa sáu pháp Ba-la-mật và khi nghe thuyết Bát nhã Ba la mật sâu xa không sợ sệt, không nhàm chán mỏi mệt, quyết không thoái chuyển, thường tư duy nhớ nghĩ lắng nghe rồi đọc tụng giữ gìn và thực hành theo ứng hợp với giáo lý Bát nhã Ba la mật.

Này Tu-bồ-đề! Ông nên biết Bồ-tát không thoái chuyển đã từng nghe những việc trong Bát nhã Ba la mật từ đời trước, cũng đã từng đọc tụng thọ trì và thực hành theo. Vì sao? Vì Bồ-tát không sợ hãi, từ xa xưa cho đến nay thường thực hành Bát nhã Ba la mật này.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát nghe thuyết Bát nhã Ba la mật sâu xa không sợ hãi cũng không đổi dời, vì sao thực hành lại tăng thêm lợi ích.

Phật dạy:

–Thực hành Bát nhã Ba la mật ứng hợp với trí Nhất thiết.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Tại sao thực hành Bát nhã Ba la mật ứng hợp với trí Nhất thiết?

Phật dạy:

–Như dựa vào sự ứng hợp với Không, Vô tướng, Vô nguyện là ứng hợp với Bát nhã Ba la mật sâu xa. Nương vào Bát nhã Ba la mật sâu xa như nương vào hư không, nương vào không sự sinh, không sự diệt, không nương vào sự đắm trước mà nương vào sự đoạn trừ, như vào chân như, dựa vào pháp tánh, dựa vào sự chẳng thể nghĩ bàn, dựa vào sự không tạo tác, dựa vào mộng.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Dựa vào Bát nhã Ba la mật sâu xa như dựa vào hư không, dựa vào mộng. Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật sâu xa không tùy thuộc theo năm ấm và trí Nhất thiết để thực hành.

Phật dạy Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật cũng không dựa vào năm ấm, không dựa vào trí Nhất thiết. Năm ấm và trí Nhất thiết cũng không có tác giả, cũng không phải không tạo tác, không đến, không đi, không có chỗ dừng, cũng không có chỗ nương tựa, không có chỗ ra, không có nơi vào, không có số lượng, không có giới hạn thì cũng không có khả năng giác ngộ, chẳng phải trí Nhất thiết làm cho giác ngộ. Vì sao?

Vì chân như của năm ấm, chân như của trí Nhất thiết, chân như của năm ấm cùng với trí Nhất thiết như nhau không khác, chân như của mười tám pháp. Chân như của trí Nhất thiết cũng như nhau không khác, tất cả đều như nhau, không có hai.

QUYỂN 12
Phẩm 55: THÁN TÂM SỰ THẬM THÂM

Lúc bấy giờ, các Thiên tử ở cõi Dục và cõi Sắc dùng các hoa thơm ở cõi trời tung rải lên trên Đức Phật rồi đến chỗ Ngài làm lễ và chắp tay thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật thật sâu xa khó hiểu biết

rõ, không thể suy nghĩ và bàn luận, là những điều hiểu biết của bậc trí, là nơi thế gian phải nên tin, là con đường thẳng của các Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác. Chư Phật từ con đường này đến Vô thượng Bồ-đề đều nhờ ân Bát nhã Ba la mật sâu xa này. Đây là giáo lý duy nhất. Giáo lý duy nhất nghĩa là năm ấm là trí Nhất thiết, trí Nhất thiết là năm ấm, chân như của trí Nhất thiết, chân như của năm ấm, trí Nhất thiết và năm ấm là một Như, không hai. Như của Phật và Như của trí Nhất thiết cũng không có hai.

Phật bảo với các Thiên tử cõi Sắc và cõi Dục:

–Đúng như vậy! Như lời các Thiên tử, năm ấm là trí Nhất thiết, trí Nhất thiết là năm ấm; Phật là trí Nhất thiết, trí Nhất thiết là Phật là một Như không hai. Do vậy, này các Thiên tử, Như Lai thản nhiên, vô vi mà không thuyết pháp. Vì sao? Vì pháp này rất sâu xa thanh tịnh, khó hiểu rõ được, đặc biệt có thể tin. đạo của Như Lai thời quá khứ, tương lai, hiện tại không có người giác ngộ, pháp không có hai, đó chính là pháp.

Này các Thiên tử! Như hư không rất sâu xa vi diệu, pháp này cũng như vậy, giống như sự thâm sâu nhiệm mầu của các pháp. Pháp này cũng sâu xa nhiệm mầu, pháp tánh chẳng thể nghĩ bàn, tánh chân thật không có bờ bến, không đến, không đi, không thường, không đoạn, không sinh, không diệt, rất sâu xa vi diệu, không có giác ngộ; do không có giác ngộ nên rất sâu xa vi diệu. Bát-nhã bala-mật rất sâu xa vi diệu.

Này các Thiên tử! Vì các pháp này rất sâu xa vi diệu, nên chúng sinh, ta, người, thọ mạng cũng rất sâu xa vi diệu. Năm ấm sâu xa vi diệu, sáu pháp Ba-la-mật sâu xa vi diệu; nội ngoại không, hữu vô không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật cho đến trí Nhất thiết rất sâu xa vi diệu.

Này các Thiên tử! Do sự rất sâu xa vi diệu này nên Bát nhã Ba la mật rất sâu xa vi diệu.

Các Thiên tử ở cõi Sắc và cõi Dục đều bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đối với thế gian, pháp này rất đặc biệt rất đáng tin. Người nói như vậy nghĩa là cũng không thọ nhận năm ấm cho đến mười tám pháp Bất cộng cũng không có chỗ thọ nhận. Nói như vậy nghĩa là từ Tu-đà-hoàn cho đến trí Nhất thiết cũng không thọ nhận giữ lấy và cũng không thọ nhận. Giữ lấy các pháp thế gian đều là thọ nhận. Thọ nhận, giữ gìn như thế nào? Vì nghĩ năm ấm của ta, ta thuộc về năm ấm, mười tám pháp Bất cộng là của ta, ta thuộc về mười tám pháp Bất cộng; từ Tu-đà-hoàn cho đến trí Nhất thiết đều là của ta, ta thuộc về trí Nhất thiết. Đây là sự thọ nhận của thế gian.

Phật bảo các thiên tử:

–Như lời các Thiên tử thì pháp này cũng không thọ nhận giữ gìn năm ấm cũng không thọ nhận giữ gìn trí Nhất thiết.

Này các Thiên tử! Những ai thọ nhận, thực hành năm ấm, thọ nhận và thực hành trí Nhất thiết thì không chịu tiếp nhận thực hành sáu pháp Ba-la-mật, cũng không chịu thực hành trí Nhất thiết.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp này không trái với các pháp và có pháp thuận là: sáu pháp Ba-la-mật, nội ngoại không, hữu vô không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo cho đến trí Nhất thiết. Những pháp này không trở ngại các pháp. Tại sao không trở ngại? Vì không trở ngại năm ấm cho đến trí Nhất thiết cũng không có trở ngại. Tướng không trở ngại các pháp ví như hư không. Vì sao? Vì trụ ở như của pháp tánh, Như của chân tế, Như của sự chẳng thể nghĩ bàn, như của Không, Vô tướng, Vô nguyện. Pháp Bát nhã Ba la mật này không sinh cũng không diệt, vì năm ấm không sinh, không có; cho đến trí Nhất thiết cũng không sinh, không có. Pháp này không có vì dấu vết của năm ấm không thể thấy, dấu vết của trí Nhất thiết cũng không thể thấy.

Lúc ấy, các Thiên tử ở cõi Dục và cõi Sắc đều bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trong các đệ tử của Ngài, Tôn giả Tu-bồ-đề là chân thật đệ tử của Phật. Vì sao?

Vì Tôn giả chỉ nói về pháp không, pháp không trói buộc.

Lúc ấy Tu-bồ-đề bảo các Thiên tử ở cõi Dục và cõi Sắc:

–Như lời của các ông nói, ta là đệ tử chân chánh trong hàng đệ

tử của Phật. Thế nào là đệ tử chân chánh?

Các Thiên tử đáp:

–Phật sinh từ chân như nên không đi không đến, chân như của Tu-bồ-đề cũng không đến không đi. Do dó, Tu-bồ-đề từ Phật sinh. Chân như của Phật cũng là chân như của tất cả các pháp. Như của các pháp là chân như của Phật. Chân như cũng chẳng phải chân như. Thế nên Tu-bồ-đề từ Phật sinh ra trụ nơi chân như của Phật. Chân như của Tu-bồ-đề cũng trụ như vậy. Chân như của Phật không có tạo tác, không có hành động cũng không có sở hữu. Chân như Tu-bồ-đề cũng như vậy. Chân như của Phật không ngại, chân như của các pháp cũng không trở ngại. Chân như của Phật và các pháp nhất Như, không có hai cũng không có tác giả. Như của không tạo tác thường như vậy, không thể không như vậy, từ sự có như vậy không thể không như thế, thường một không có hai. Thế nên biết Tôn giả Tu-bồ-đề từ Như Lai sinh, Như là chân như của Phật, không thể bị phá hoại. Chân như của Tu-bồ-đề cũng không bị phá hoại, cũng không không bị phá hoại. Như chân như của Phật không thể thấy, cũng không thể phá hoại, chân như của Tu-bồ-đề cũng như vậy. Vì vậy nên biết, Tu-bồ-đề chân thật từ Phật sinh, như chân như của Phật, không có quá khứ, hiện tại, tương lai. Chân như của các pháp cũng không có quá khứ, hiện tại, tương lai. Do đó, nên biết Tu-bồ-đề từ Phật sinh, chân như của quá khứ, hiện tại, tương lai cũng là chân như của Phật. Chân như của Phật cũng là chân như của quá khứ hiện tại tương lai như nhau không có hai. Chân như của năm ấm và Như của Như Lai cũng chỉ có một không có hai. Chân như của ngã, tuổi thọ, mạng sống, chúng sinh giống như chân như của Phật chỉ có một không có hai; chân như của sáu pháp Ba-la-mật, nội ngoại không, hữu vô không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo cho đến trí Nhất thiết cũng như chân như của chư Phật là Nhất như không có hai. Thế nào là chân như?

Này Tu-bồ-đề! Chân như là điều mà Bồ-tát giác ngộ, được danh hiệu là Như Lai.

Khi nói phẩm "Như " này, tam thiên đại thiên thế giới chấn động sáu cách, hiện lên ở phương Đông thì lặn ở phương Tây, hiện lên ở phương Tây thì lặn ở phương Đông, hiện ở phương Nam

thì lặn ở phương Bắc, hiện ở phương Bắc thì lặn ở phương Nam, hiện lên ở bốn góc thì chìm ở giữa, hiện lên ở giữa thì lặn ở bốn góc.

Lúc ấy, các Thiên tử ở cõi Dục, cõi Sắc ở tam thiên đại thiên thế giới dùng hoa trời, hương thơm, chiên-đàn dâng lên Đức Phật và Tôn giả Tu-bồ-đề đồng thời khen ngợi:

–Thế Tôn, thật là kỳ lạ! Thật là đặc biệt thay! Tôn giả Tu-bồđề chính là Phật tử chân chánh từ chân như của Như Lai sinh ra.

Khi ấy, Tôn giả Tu-bồ-đề nói với các Thiên tử:

–Này các Thiên tử! Tu-bồ-đề cũng không từ năm ấm sinh ra, không sinh ra từ chân như của năm ấm, cũng không rời chân như của năm ấm sinh ra, không từ chân như của trí Nhất thiết sinh ra cũng không rời chân như trí Nhất thiết sinh ra, không từ chân như hữu vi và vô vi sinh ra, cũng không rời chân như của hữu vi và vô vi sinh ra. Vì sao? Vì các pháp đều không có sở hữu, cũng không có pháp đáng ưa thích, đắm trước.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chân như và các pháp ấy trụ trong đạo pháp rất sâu xa vô cùng, năm ấm vẫn còn không thể thấy, huống chi chân như của năm ấm. Cho đến trí Nhất thiết còn không thể thấy, huống chi là chân như của trí Nhất thiết.

Phật bảo:

–Đúng như vậy! Này Xá-lợi-phất! Chân như rất sâu xa, năm ấm và trí Nhất thiết vẫn không thể thấy, huống chi là chân như của trí Nhất thiết. Này Xá-lợi-phất! Chân như rất sâu xa, gọi chân như là như vậy.

Lúc ấy, có hai trăm Tỳ-kheo hết sạch các lậu, tâm ý khai phóng; năm trăm Tỳ-kheo-ni xa lìa trần cấu phát sinh Pháp nhãn, năm ngàn Bồ-tát ở cõi người và cõi trời đạt được Vô sinh pháp nhẫn; sáu mươi Bồ-tát dứt hết lậu hoặc, tâm ý khai giải.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Sáu mươi Bồ-tát này đã cúng dường năm trăm vị Phật, hết lòng thực hành sáu pháp Ba-la-mật, nhưng không có phương tiện quyền xảo, nên học hết năm pháp Ba-la-mật xa lìa Bát-nhã ba-lamật, không dùng phương tiện thắng trí để thực hành Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định… Các hành tướng nên không đạt được đạo Bồ-tát mà chỉ đắc được Tu-đà-hoàn, La-hán và Bích-chiphật đạo.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát dù đắc được đạo Không, Vô tướng, Vô nguyện nhưng xa lìa Bát nhã Ba la mật, không có phương tiện thắng trí thì chỉ chứng được Thanh văn thừa.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là đắc được pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện, xa lìa phương tiện thắng trí nên chứng được chân tế đắc được Thanh văn thừa? Thế nào là đầy đủ pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện, đắc được phương tiện thắng trí, chứng đắc được Vô thượng Bồ-đề?

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Xa lìa trí Nhất thiết mà niệm Không, Vô tướng, Vô nguyện, không tương ưng với phương tiện thắng trí thì gọi là Thanh văn thừa.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát nào đắc được pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện ứng hợp với trí Nhất thiết và không xa lìa phương tiện thắng trí, liền đạt được Vô thượng Bồ-đề.

Này Xá-lợi-phất! Ví như con chim to lớn, thân lớn đến một trăm, hai trăm, ba trăm do-tuần nhưng không có hai cánh. Nó muốn đi từ cung trời Đao-lợi xuống cõi Diêm-phù-đề, nhưng khi hạ xuống nửa đường lại muốn trở lên cung trời Đao-lợi. Này Xá-lợi-phất! Con chim này có trở lại chỗ cũ được không?

Xá-lợi-phất đáp:

–Bạch Thế Tôn! Không.

Phật hỏi:

–Giả sử con chim này hạ được xuống đất và muốn thân thể không bị đau đớn có được không?

Xá-lợi-phất đáp:

–Bạch Thế Tôn! Chắc chắn nó phải bị đau đớn, chết ngất hoặc bị chết. Vì sao? Vì thân nó to lớn lại không có cánh.

Này Xá-lợi-phất! Giả sử Bồ-tát này đã từ hằng hà sa số kiếp cùng thực hành năm pháp Ba-la-mật nên dù có đắc đạo lớn, muốn phát tâm lớn, muốn được vô lượng giác tuệ nhưng xa lìa Bát-nhã bala-mật, không có phương tiện thắng trí thì bị đi vào La-hán, Bích-chiphật đạo. Vì sao? Phương tiện thắng trí, xa lìa trí Nhất thiết và Bát nhã Ba la mật mà thực hành năm pháp Ba-la-mật thì liền đi vào Lahán, Bích-chi-phật đạo.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát dù đã tạo các công đức từ quá khứ, hiện tại, vị lai như Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm và Trí tuệ nhưng đắm trước vào tướng đó, thì đó là không thấu hiểu Trì giới, Thiền định, Trí tuệ, Giải thoát kiến và Giải thoát tuệ của Như Lai; cũng không biết không thấy, chỉ nghe về pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện, chỉ nghe âm thanh rồi lấy tướng đó cho là đắc được Vô thượng Bồ-đề, chấp vào tướng cho rằng: Đây là trụ xứ của Bồ-tát, của Phật, của Thanh văn và Bích-chi-phật.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát xa lìa Bát nhã Ba la mật, phương tiện thắng trí, đem công đức này muốn đắc được Vô thượng Bồ-đề thì đó là chấp tướng.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát khởi ý niệm trí Nhất thiết không rời sáu pháp Ba-la-mật, không lìa phương tiện thắng trí và không xa lìa Trì giới, Thiền định, Trí tuệ, Giải thoát và Giải thoát tri kiến của Như Lai trong ba đời, không có đắm trước; đối với pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện cũng không có chấp.

Này Xá-lợi-phất! Nên biết, Bồ-tát ấy không đi vào La-hán, Bích-chi-phật đạo. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát từ khi phát tâm đến nay, không chấp tướng để thực hành sáu pháp Ba-la-mật, không chấp tướng đối với Trí giới, Thiền định, Trí tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến của chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai.

Này Xá-lợi-phất! Không chấp tướng thực hành sáu pháp Ba-lamật, không chấp tướng thực hành trí Nhất thiết thì gọi là Bồ-tát có phương tiện thắng trí.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như những điều con được nghe Như Lai dạy

hôm nay; Bồ-tát không xa lìa Bát nhã Ba la mật, phương tiện thắng trí thì đạt đến Vô thượng Bồ-đề. Vì sao? Vì Bồ-tát này từ khi phát tâm đến nay không bao giờ thấy pháp có người đang giác ngộ, năm ấm cho đến trí Nhất thiết cũng như vậy.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có người thực hành Bồ-tát đạo, nhưng xa lìa Bát nhã Ba la mật và phương tiện thắng trí thì nên biết những Bồ-tát này còn nghi ngờ với những quả vị Vô thượng Bồ-đề. Vì sao? Vì xa lìa Bát nhã Ba la mật, phương tiện thắng trí nên chỉ thực hành sáu pháp Ba-la-mật, vì còn chấp tướng nên biết còn hồ nghi.

–Bạch Thế Tôn! Do đó, Bồ-tát muốn đắc được Vô thượng Bồđề thì không nên xa lìa Bát nhã Ba la mật, phương tiện thắng trí, phải trụ nơi Bát nhã Ba la mật và phương tiện thắng trí, cũng không chấp tướng không ỷ lại, thực hành năm pháp Ba-la-mật cho đến trí Nhất thiết cũng không chấp tướng.

Lúc đó, các Thiên tử cõi Sắc và cõi Dục đều bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Muốn cầu Vô thượng Bồ-đề thì khó được. Vì sao? Vì Bồ-tát giác ngộ hết các pháp nhưng không có chỗ đắc.

Phật dạy:

–Đúng như vậy! Này các Thiên tử! Rất khó, ta cũng đã thành Vô thượng Bồ-đề, không có quả thành, cũng không có chỗ chứng đắc, cũng không thấy Pháp có chỗ thành, có chỗ đắc. Vì sao? Này các Thiên tử, vì các pháp thường tịnh.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như những điều con nghe từ Phật hôm nay, việc cầu quả vị Vô thượng Bồ-đề thật khó đạt được. Con rất là vui thích đạt được quả vị Bồ-đề. Vì sao? Vì các pháp không, không có chỗ giác ngộ. Trong pháp không, các pháp không có chỗ nắm bắt cũng không có pháp giác ngộ và không có người giác ngộ. Vì sao? Vì tùy theo pháp không tăng, không giảm mà học năm pháp Ba-lamật cho đến trí Nhất thiết. Như vậy nên những pháp này đều không, cũng không thể thấy, không thể nắm bắt được. Do đó, bạch Thế Tôn! Thật vui thay khi Bồ-tát giác ngộ thành Vô thượng Bồđề! Vì sao? Vì năm ấm và tự tánh của năm ấm là không; trí Nhất thiết và sự việc của trí Nhất thiết là không.

Xá-lợi-phất nói với ngài Tu-bồ-đề:

–Do vậy, quả vị Vô thượng Bồ-đề khó hiểu, khó chứng đắc; như hư không không có ý niệm: Ta sẽ thành Vô thượng Bồ-đề; Bồ-tát cũng, không thể có ý niệm: Ta sẽ thành Vô thượng Bồ-đề. Vì sao? Vì các pháp như hư không. Bồ-tát hiểu được các pháp như hư không mới thành Vô thượng Bồ-đề. Nếu các Bồ-tát biết được các pháp như hư không thì hay thay, quả vị Vô thượng Bồ-đề rất khó thành. Hằng hà sa các Bồ-tát cầu Vô thượng Bồ-đề nhất định không thoái chuyển! Do đó, này Tu-bồ-đề, hay thay! Quả vị Vô thượng Bồđề rất khó thành.

Tu-bồ-đề hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Ý Tôn giả nghĩ sao? Đối với quả vị Vô thượng Bồ-đề, năm ấm có thoái chuyển không?

Xá-lợi-phất đáp:

–Không!

Tu-bồ-đề hỏi:

–Cho đến chân như có thoái chuyển đối với quả vị Vô thượng Bồ-đề không?

Xá-lợi-phất đáp:

–Không!

Hỏi:

–Ý Tôn giả nghĩ sao? Có sự khác xa lìa năm ấm là thoái chuyển không? Có sự xa lìa trí Nhất thiết là thoái chuyển không?

Đáp:

–Không!

Hỏi:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Ý ngài thế nào? Chân như của năm ấm là thoái chuyển không? Chân như của trí Nhất thiết là thoái chuyển không?

Đáp:

–Không!

Hỏi:

–Có sự xa lìa Như của năm ấm và Như của trí Nhất thiết là thoái chuyển không?

Đáp:

–Không!

Hỏi:

–Ý ngài thế nào? Như pháp, pháp tánh, pháp trụ, đạo pháp, chân tế, tánh chẳng thể nghĩ bàn có thoái chuyển đối với quả vị Vô thượng Bồ-đề không?

Xá-lợi-phất đáp:

–Không!

Hỏi:

–Sự xa lìa chân như đến tánh chẳng thể nghĩ bàn là thoái chuyển không?

Xá-lợi-phất đáp:

–Không có sự việc đó, pháp này cũng không thể nắm bắt được.

Hỏi:

–Vậy pháp này có sự thoái chuyển đối với quả vị Vô thượng Bồ-đề không?

Đáp:

–Như pháp nhẫn mà Tu-bồ-đề đã nói, không có một Bồ-tát nào thoái chuyển đối với quả vị Vô thượng Bồ-đề, hạnh tam thừa của Bồ-tát mà Như Lai đã thọ ký đều không có nơi chốn. Như những lời Tôn giả nói thì chỉ có một Phật thừa thôi.

Bân-nậu-nan-đà-ni-tử thưa với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Tôn giả Tu-bồ-đề chỉ muốn nói một Bồ-tát thừa thôi sao? Tôn giả nên hỏi lại Tu-bồ-đề?

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Có phải Tôn giả muốn nói Bồ-tát chỉ có một thừa phải không?

Tu-bồ-đề nói:

–Tôn giả muốn nói chân như trong ba thừa là La-hán thừa, Bích-chi-phật thừa và Bồ-tát thừa là một thừa có phải không?

Đáp:

–Không!

Hỏi:

–Tôn giả Xá-lợi-phất! Ý Tôn giả nghĩ thế nào? Trong chân như có ba thừa không?

Đáp:

–Không có.

Hỏi:

–Trong chân như có một việc, hai việc, ba việc không?

Đáp:

–Không!

Hỏi:

–Pháp này gọi là vô vi, không sự có. Tại sao lại muốn tìm cầu ba thừa La-hán, Bích-chi-phật và Chánh đẳng giác?

Này Xá-lợi-phất! Bậc Đại Bồ-tát đối với việc chân như sinh ra các pháp, nghe những điều này Bồ-tát không sợ hãi, không thoái chuyển mà đạt đến quả vị Bồ-đề.

Khi ấy, Phật khen ngợi Tu-bồ-đề:

–Lành thay, lành thay! Những lời ông nói đều là Phật sự. Bồ-tát nghe đến Pháp này thì đạt được chân như không còn sợ hãi, không còn thoái chuyển thì nên biết Bồ-tát này sẽ thành Vô thượng Bồ-đề.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bậc Đại Bồ-tát phải theo đường nào?

Phật dạy:

–Bồ-tát phải theo đường Vô thượng Bồ-đề.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát muốn theo và đạt được Vô thượng Bồđề thì trụ ở đâu?

Phật dạy:

–Bồ-tát phải thường có ý bình đẳng, lòng đại Từ nhớ nghĩ không có thiên lệch đối với tất cả chúng sinh, vì các chúng sinh mà nói pháp, làm cho họ an ổn, nói lời từ hòa, không gây thương tổn; xem chúng sinh như cha mẹ, bản thân và con; đem lòng từ khuyến khích người không giết hại sự sống, thường khuyên chúng sinh làm mười điều lành và khi thấy chúng sinh thực hành Chánh kiến xa lìa tà kiến thì rất hoan hỷ. Đại Bồ-tát muốn thành Vô thượng Bồ-đề phải trụ như vậy, tự thực hành bốn Đế, bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng và bốn Không định; khuyến hóa người, thấy người thực hành thì vui theo; tự thực hành sáu pháp Ba-la-mật và khuyên người thực hành sáu pháp Ba-la-mật, thấy ai thực hành sáu pháp Ba-la-mật thì đều hoan hỷ; tự thực hành nội ngoại không, hữu vô không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo; tự thực hành tám Bối xả, mười Lực, đại Từ, đại Bi; tự thực hành quán thuận và quán nghịch mười hai nhân duyên, thấy người thực hành thì rất tùy hỷ; tự thực hành Thanh văn, Bích-chi-phật, khuyên người thực hành nhưng không chứng thật tế, thấy người thực hành thì rất tùy hỷ; tự mình đạt được Bồ-tát, dạy người tiến đến địa vị Bồ-tát, tự thực hành thần thông làm thanh tịnh quốc độ chư Phật và dạy dỗ chúng sinh khuyên họ học, thấy người học thí rất tùy hỷ; tự mình diệt trừ các tập khí, tự thành tự thọ mạng; tự nhận pháp trụ, khuyên người khác trụ pháp, thấy người khác thực hành thì rất hoan hỷ.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát muốn thành tựu Vô thượng Bồ-đề phải học và phải trụ như vậy. Đại Bồ-tát phải học Bát-nhã ba-lamật với phương tiện thắng trí, học như vậy, trụ như vậy không có trở ngại đối với năm ấm, cho đến pháp trụ cũng không có trở ngại. Vì sao? Vì Bồ-tát này học

“Vô sinh”, không nhận năm ấm cho đến trí Nhất thiết cũng không có chỗ nhận. Vì sao? Vì không nhận năm ấm thì chẳng phải năm ấm, không nhận trí Nhất thiết thì chẳng phải trí Nhất thiết.

Khi Phật nói phẩm Bồ-tát trụ này rồi, hai ngàn Bồ-tát đều đắc Vô sinh pháp nhẫn.

QUYỂN 12
Phẩm 56: KHÔNG THOÁI CHUYỂN

Khi ấy, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con phải căn cứ vào hành tướng nào để biết được bậc không thoái chuyển?

Phật dạy Tu-bồ-đề:

–Người hiểu được địa vị phàm phu, Thanh văn, Bích-chi-phật cho đến Như Lai, hết thảy đều Nhất như không có phân biệt, chỉ có một, không có hai, tự thân chân như bình đẳng chỉ có một, không có phân biệt. Nghe như vậy rồi, Bồ-tát nào hiểu rõ không còn nghi ngờ, đối với chân như không còn sai lầm gì cả, lời nói không có thêm bớt, không nhìn lỗi của người khác. Do hành tướng này nên ta biết là Bồ-tát không thoái chuyển.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Lại dùng tướng mạo nào để biết được Bồ-tát không thoái chuyển.

Phật dạy:

–Các pháp không có hình, không có diện mạo, không có tướng.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp không có hình tướng thì từ sự thoái chuyển nào gọi là Bồ-tát không thoái chuyển?

Phật dạy:

–Thoái chuyển đối với năm ấm thì biết được Bồ-tát không thoái chuyển.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thoái chuyển đối với sáu pháp Ba-lamật, nội không, ngoại không, hữu vô không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng, Thanh văn, Bích-chi-phật và Vô thượng Bồ-đề.

Này Tu-bồ-đề! Nên biết đây là Bồ-tát không thoái chuyển. Vì sao? Này Tu-bồ-đề, vì năm ấm không có hình tướng, đạo cũng không có hình tướng. Vì thế nên Bồ-tát không thoái chuyển đối với năm ấm và đạo. Vì sao? Vì năm ấm và đạo không có nơi chốn.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát không quan sát nhìn ngó những hành vi và hiểu biết, nhận thức của ngoại đạo, Sa-môn, Bà-lamôn; không quan sát về nhận thức sai và đúng của ngoại đạo, không nghi ngờ và không phê phán sự giữ giới của Sa-môn, Bà-la-môn, ngoại đạo; cũng không đùa cợt, hý luận, tà kiến; không đem hương, hoa, lọng, lụa, cờ xí phụng sự các Thiên thần, cũng không dạy người khác vâng theo tà kiến. Căn cứ vào hình tướng này nên biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát không thoái chuyển không sinh vào nhà hạ tiện, không sinh vào nơi có tám nạn khổ kịch liệt, không làm thân phụ nữ. Dựa vào những sự kiện này nên biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát không thoái chuyển thường thực hành mười điều lành, không có hủy phạm, ngay trong giấc mộng vẫn thực hành và khuyên người thực hành mười điều lành, khi thấy người thực hành mười điều lành thì rất tùy hỷ. Dựa vào sự việc bày nên biết là Bồ-tát không thoái chuyển.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát không thoái chuyển vì chúng sinh nên thực hành sáu pháp Ba-la-mật và phát nguyện giữ gìn mười hai bộ kinh, khuyến hóa và làm tròn ước nguyện của chúng sinh, đem công đức này bố thí cho chúng sinh được thành Vô thượng Bồ-đề. Dựa vào sự việc này nên biết là Bồ-tát không thoái chuyển.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát không thoái chuyển không có nghi ngờ, bình luận các kinh sâu xa.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát không thoái chuyển không nghi ngờ các kinh sâu xa?

Phật dạy:

–Bồ-tát này cũng không thấy có pháp, không thấy năm ấm, cũng không thấy đạo và có sự bình phẩm nghi ngờ. Do sự việc này nên biết Bồ-tát không thoái chuyển.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát không thoái chuyển thì thân, miệng, ý hành động từ hòa, nhu nhuyễn, thường bố thí cho chúng sinh. Do sự việc này nên biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát không thoái chuyển không tương ứng với năm triền cái, không có sợ hãi và tham luyến. Dựa vào sự việc này nên biết Bồ-tát không thoái chuyển.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát không thoái chuyển nằm, ngồi, đi, đứng, ngủ, thức đều từ tốn không có nôn nóng. Do sự việc này nên biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát không thoái chuyển thanh tịnh, trong sạch vui vẻ không có bụi nhớp; y phục, mền mùng, giường nằm cũng sạch sẽ, ít bệnh tật. Trong thân người có tám mươi bốn ngàn loài trùng rúc rỉa, nhưng Bồ-tát không thoái chuyển thì trong thân không có những loài trùng này. Vì sao? Vì nhờ công đức của Bồ-tát này vượt hơn cả chư Thiên, Quỷ, Thần, A-tu-la và ra khỏi thế gian, làm các việc lành, nên công đức được tăng trưởng, thân, khẩu, ý thanh tịnh. Do sự việc này nên biết đây là Bồ-tát không thoái chuyển.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát được thân, khẩu, ý thanh tịnh?

Phật dạy:

–Tùy theo các việc lành nên thân, khẩu, ý thanh tịnh, phiền não tiêu trừ; khi công đức tăng thêm thì phiền não giảm bớt. Nhờ ba việc: Thân, khẩu, ý thanh tịnh nên Bồ-tát vượt qua địa vị Thanh văn và Bích-chi-phật. Do những sự việc này nên biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát không thoái chuyển không tham lợi dưỡng, không tham y phục, đủ mười hai pháp của Sa-môn; không có ý ganh ghét, cũng không ngu si tham lợi dưỡng, luôn bình đẳng tinh tấn không có ác giới. Do những sự việc này nên biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát không thoái chuyển thường an ổn, nhất tâm phụng hành giáo pháp được nghe và Bát nhã Ba la mật như nhau. Nếu có những việc thế tục nào thì Bồ-tát làm cho đều khế hợp với Bát nhã Ba la mật, nhưng người chưa vào được pháp tánh đều có nhận thức hợp với Bát nhã Ba la mật. Do những sự việc này nên biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Nếu ma Ba-tuần làm địa ngục lớn hoặc nhỏ, rồi trong mỗi địa ngục có vô số ức ngàn Bồ-tát bị các sự khổ não, ma Ba-tuần nói với Bồ-tát: Những người chịu khổ này đều được chư Phật quá khứ thọ ký rồi, đều là Bồ-tát không thoái chuyển, vậy mà ngày nay đều bị đọa vào trong địa ngục chịu những sự thống khổ. Các vị đều được Phật thọ ký là Bồ-tát không thoái chuyển. Đó là Phật đã thọ ký cho các vị vào trong địa ngục chứ không phải thọ ký cho các vị thành Bồ-tát đâu, chi bằng các vị hãy bỏ đạo Bồ-tát đi, mới có thể được sinh Thiên, không phải chịu khổ trong địa ngục.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nào ý không tán loạn thì không bao giờ bị đọa vào địa ngục và nên biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Lúc ấy, ma Ba-tuần mặc y phục của Sa-môn đi đến chỗ Bồ-tát nói: Trước kia ông có thể nhận sáu pháp Ba-la-mật vì muốn cầu Vô thượng Bồ-đề, bây giờ ông hãy ăn năn và từ bỏ những pháp đã hành thì sẽ được giải thoát. Trước kia ông đã phát nguyện cúng dường chư Phật và chúng đệ tử từ khi bắt đầu phát tâm cho đến khi pháp diệt tận, nay ông hãy ăn năn và từ bỏ những phước đức do việc làm lành và tùy hỷ khuyến khích để cầu quả Vô thượng Bồ-đề trong thời gian ấy ta sẽ nói cho bạn nghe về những lới Phật dạy, những giáo pháp trong kinh sâu xa, pháp quan trọng của Như Lai, chớ những điều bạn đã nghe chẳng phải là kinh Phật, chẳng phải là giáo pháp của Như Lai, đó là sự tuyển tập của ngoại đạo.

Bồ-tát nào ý tán loạn nghi ngờ thì nên biết Bồ-tát đó chẳng phải nhận được Như Lai thọ ký, Bồ-tát đó chưa trụ trong Chánh định, chưa không thoái chuyển. Bồ-tát nào không nghi ngờ, không tán loạn, không thay đổi, ý không ghi nhận, không tin những việc khác, không nghe lời dạy của họ và thực hành sáu pháp Ba-la-mật, mau chóng được đạo tuệ trí Nhất thiết, nương tựa chính mình, không nghe những giáo pháp của ngoại đạo. Thí như La-hán, lậu hoặc đã hết tự mình thấy pháp, không tin vào ngoại đạo thì ma quyết chắc không có khả năng phá được. La-hán, Bích-chi-phật nhất định không thể thoái chuyển được Bồ-tát không thoái chuyển.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đúng như lời nói của ông! La-hán và Bích-chi-phật không thể lay động Bồ-tát không thoái chuyển, Bồ-tát không thoái chuyển là người nhất định sẽ đạt đến quả vị Vô thượng Bồ-đề, chính thức trụ nơi không thoái chuyển, vẫn còn không tin Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác, huống nữa là tin La-hán, Bích-chi-phật và các học thuyết khác của ma Ba-tuần. Vì sao? Vì không bao giờ thấy pháp đáng tin cũng không thấy chân như năm ấm có thể tin, cũng không thấy chân như của đạo có thể tin. Tu-bồ-đề nên biết, theo những hình tướng này, quán xét những sự việc này biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Tu-bồ-đề! Ma lại hóa làm Tỳ-kheo mặc pháp phục rồi đi đến trước mặt nói:

–Thiện nam! Như những việc ông làm đều là việc của thế tục, chẳng phải trí Nhất thiết.

Ma lại nói: “Ta sẽ cắt đứt những sự cần khổ của bạn.” Ma lại nói những giáo lý giống như đạo pháp, hoặc chỉ dạy Pháp tử thi, hoặc nói bốn Thiền, bốn Không định.

Ma nói tiếp:

–Thiện nam! Đây là Chánh đạo, từ đây có thể dắc được Tu-đàhoàn đạo; có thể đến A-la-hán, Bích-chi-phật. Từ những lời dạy của ta có thể đoạn trừ sinh tử, gốc rễ của khổ đau, bạn cần gì

phải học khổ cực như vậy! Hãy theo những lời dạy của ta, bạn có thể sinh lên trời cõi Dục, cõi Sắc.

Tu-bồ-đề! Nghe những lời này rồi, Bồ-tát rất vui, ý không tán loạn, không thoái chuyển, cũng không nghi ngờ và suy nghĩ: Tỳkheo này đem những lời giống như pháp đến làm lợi ích cho ta rất nhiều, vì những lời dạy giống như pháp không đưa đến quả vị Tuđà-hoàn, La-hán, Bích-chi-phật đạo cho đến quả vị Vô thượng Bồđề. Nếu ta nghe lời của Tỳ-kheo này nói tương ứng với sự hiểu biết của ta, biết rõ những điều Tỳ-kheo ấy nói cho ta rồi thì hiểu hết cả ba thừa.

Lúc đó biết được Bồ-tát vui vẻ, ma Ba-tuần liền nói với Bồ-tát:

–Này thiện nam! Bạn muốn biết sự cúng dường hằng sa chư Phật các thứ y phục, mền mùng, thức ăn, thức uống, giường nằm, thuốc men của các Bồ-tát lại không những đã nhận được sự thực hành năm pháp Ba-la-mật từ hằng sa chư Phật quá khứ, được nghe, được hỏi chư Phật quá khứ về sự việc Bồ-tát nên học và thực hành như thế nào về năm pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, đại Từ, đại Bi, như những lời dạy của chư Phật nên làm như vầy, nên trụ như vầy, như những sự ứng hợp với Bồ-tát, từ đây sẽ thành Vô thượng Bồ-đề. Theo những lời dạy, như những việc làm, làm đúng như vậy sẽ đạt được trí Nhất thiết. Các Bồ-tát ở quá khứ đã làm và được các công đức này còn không thể đắc được Vô thượng Bồ-đề huống gì bạn chỉ học như vậy thì làm sao đắc được Vô thượng Bồ-đề.

Nghe như vầy! Bồ-tát không đổi ý, không sợ hãi lại còn hoan hỷ gấp bội và nói:

–Tỳ-kheo này làm lợi ích cho ta đắc quả Tu-đà-hoàn cho đến trí Nhất thiết.

Biết được ý của Bồ-tát không lay động, ma Ba-tuần liền hóa làm chúng đại Tỳ-kheo mà bảo với Bồ-tát:

–Hàng Tỳ-kheo này các lậu đã hết, phát tâm cầu Phật không thể thành Phật, nay đều chứng A-la-hán. Như vậy những người này không thể thành Phật, huống nữa là mong muốn thành Vô thượng Bồ-đề.

Người biết được ma sự không bị rơi vào La-hán, Bích-chi-phật đạo sẽ đắc thành Vô thượng Bồ-đề.

Bồ-tát nào thực hành Bát nhã Ba la mật cho đến trí Nhất thiết không thoái chuyển thì sẽ thành Vô thượng Bồ-đề.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nào thực hành Bát-nhã ba-lamật, suy nghĩ như những lời Phật dạy, gắng sức vâng giữ không xa lìa lời dạy của chư Phật đạt đến trí Nhất thiết không có tổn giảm.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật suy nghĩ; người biết được ma sự nhất định không có tổn giảm nơi Vô thượng Bồ-đề.

Này Tu-bồ-đề! Do những sự kiện này nên biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Bồ-tát đối với sự thoái chuyển nào mà nói là không thoái chuyển?

Phật dạy:

–Đối với tướng thoái chuyển, đối với năm ấm, mười hai pháp, mười tám giới, dâm, nộ, si, kiến, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, Thanh văn, Bích-chi-phật và Phật gọi là không thoái chuyển.

Vì sao? Vì Bồ-tát không thoái chuyển không có tướng mạo đạt đến quả vị Bồ-tát; đối với pháp bất sinh cũng không có sở hữu. Đã không có sở hữu nên không có tạo tác cũng không hành động, cũng không sinh, thế nên gọi là Vô sinh pháp nhẫn. Bồ-tát đắc được pháp Nhẫn này thì gọi là Bồ-tát không thoái chuyển. Do những sự kiện này nên biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

QUYỂN 13
Phẩm 57: KIÊN CỐ

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ma Ba-tuần đến chỗ Bồ-tát thưa: Trí Nhất thiết bình đẳng với hư không, pháp có không đều là không, pháp ấy và hình tướng cũng không. Đối với không đã không có pháp thì không thể có việc bắt đầu, việc đã qua cũng không có, hoàn toàn không có pháp nào, việc tương lai đã không thể có, tướng có không đều là không. Nếu cho rằng là không, nên các ông không chịu khổ để thành tựu quả Vô thượng Bồ-đề thì đó là việc ma, chẳng phải do Phật nói. Chư Hiền nên biết việc ma, các vị nên hiểu rõ như vậy thì sẽ không bị đọa trong cảnh giới ác lâu dài.

Phật dạy:

–Thiện nam, thiện nữ nào nếu nghe lời dạy này thì biết đó là việc ma. Ma muốn phá hoại không cho ta chứng đắc Vô thượng Bồđề. Tất cả các pháp có không này tuy bình đẳng với hư không, nhưng tất cả chúng sinh không thể thấy, không thể biết được. Ta sẽ dùng cái không của có không để thực hành đại thệ nguyện, chứng đắc trí Nhất thiết, thuyết pháp cho chúng sinh, làm cho họ đều được độ thoát, làm cho chúng sinh hướng đến quả Tu-đà-hoàn, A-la-hán, Bích-chi-phật, chứng đắc quả Vô thượng Bồ-đề.

Đại Bồ-tát từ khi phát tâm đến nay, ý chí kiên cố, không lay chuyển, ý chí kiên cố rồi thì không tin vào các việc khác, thực hành sáu pháp Ba-la-mật, liền tiến lên địa vị Bồ-tát.

Tu-bồ-đề thưa hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ-tát không thoái chuyển gọi là Aduy-việt-trí, thoái chuyển là A-duy-việt-trí phải không?

Phật đáp:

–Không thoái chuyển là A-duy-việt-trí, thoái chuyển cũng là A-duy-việt-trí.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Việc ấy như thế nào?

Phật đáp:

–Từ địa vị A-la-hán, Bích-chi-phật có thoái chuyển là A-duyviệt-trí, từ A-la-hán, Bích-chi-phật mà không có thoái chuyển mới gọi là Bồ-tát thoái chuyển.

Này Tu-bồ-đề! Do hình tướng và hành động đầy đủ, biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển. Bồ-tát có hình tướng như vậy, ma Batuần kia không thể phá hoại, không thể ngăn chận họ tiến đến quả Vô thượng Bồ-đề.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát không thoái chuyển muốn được bốn Thiền liền chứng được; muốn được thiền diệt thoát, thiền ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, thiền Không, Vô tướng, Vô nguyện đều có thể chứng được; muốn được năm thần thông đều có thể chứng được. Tuy chứng được các

Thiền, nhưng Bồ-tát không chấp vào các chỗ chứng; không chấp vào chỗ chứng Thanh văn, Bích-chi-phật mà theo khả năng của mình để tế độ chúng sinh.

Này Tu-bồ-đề! Do hành tướng và hành động đầy đủ, biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát không thoái chuyển thường nghĩ tới đạo, không xa lìa đạo, không tham hình sắc, thân tướng, chỗ ở, sáu pháp Ba-la-mật, bốn Tâm vô lượng, bốn Không định, Thần thông, mười Lực, mười tám pháp Bất cộng, cũng không tham cõi Phật; không tham việc giáo hóa chúng sinh, không tham thấy Phật, không tham căn lành. Vì đối với không, không có pháp, không thấy, hoàn toàn không. Pháp không tướng làm sao có thể tham được. Vì sao? Vì tướng của các pháp, các việc có không hoàn toàn đều là không.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát không thoái chuyển đã có đầy đủ tâm niệm của Bồ-tát, hoàn hảo bốn việc đi, đứng, nằm, ngồi; thức, ngủ, ra vào, chánh niệm, tỉnh giác, không trạo cử. Tu-bồ-đề, do hình tướng, hành động đầy đủ như vậy, biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Này Tu-bồ-đề! Chúng sinh được Bồ-tát không thoái chuyển dùng phương tiện quyền xảo hiện thân tại gia, hưởng thọ năm dục, bố thí y phục, đồ ăn uống cho những người nghèo khổ, khó khăn, cung cấp đầy đủ những thứ mà họ cần dùng, tự mình và khuyên người thực hành sáu pháp Ba-la-mật, thường khen ngợi công đức của sáu pháp Ba-la-mật, thấy người thực hành thì vui theo.

Bồ-tát không thoái chuyển ở tại gia có châu báu đầy khắp Diêm-phù-đề, Bồ-tát đem bố thí cho chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới mà không chút tham tiếc. Bồ-tát không có ý dâm dục, thường thực hành pháp bình đẳng, nói năng khiêm tốn, nhún nhường, không khinh dễ người, không làm cho chúng sinh sân hận.

Này Tu-bồ-đề! Do hình tướng hành động đầy đủ, nên biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Duyệt-xoa Hòa-di-la-hằng thường theo ủng hộ Bồ-tát. Duyệt-xoa nói: "Chúng tôi thường ủng hộ Bồ-tát này cho đến lúc ngài thành Chánh đẳng giác, làm cho ý Bồ-tát không tán loạn, không xa lìa đạo. Lại có năm dòng họ Duyệt-xoa Hòa-di cũng theo ủng hộ Đại Bồ-tát không thoái chuyển, làm cho các vị tiểu thần, thần phi nhân, không thể làm hại được."

Tu-bồ-đề! Bồ-tát không thoái chuyển có Tín căn, Chí căn, Tinh tấn căn, Tam-muội căn, Trí tuệ căn, các căn đầy đủ, là người dũng mãnh không khiếp sợ.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Đối với đạo ý chí kiên cố không thoái chuyển, đó là dũng mãnh không khiếp sợ, nên biết đó là tướng trạng của Bồ-tát không thoái chuyển.

Phật bảo:

–Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đạo niệm của Bồ-tát không thoái chuyển đều đầy đủ. Bồ-tát không học chú thuật, sách cúng tế, không làm mê hoặc người, không làm thầy thuốc pha chế thuốc thang, không học xem bói tướng của ngoại đạo thần tiên, không đoán biết ý của người nam người nữ. Vì Bồ-tát đối với pháp không, không có pháp tướng, không thấy việc này, không có tướng này, thường nguyện thanh tịnh. Do hành động và tướng mạo đầy đủ, biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nay ta sẽ nói hành động, tướng mạo của Bồ-tát không thoái chuyển; hãy lắng nghe, ghi nhận.

Tu-bồ-đề thưa:

–Xin Thế Tôn dạy cho con.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật không xa lìa đạo hạnh mà thuận theo năm ấm, các giới, các nhập. Vì năm ấm là không, nên giới và nhập cũng không, hành động không trái với sự việc của quốc độ. Vì sao? Vì trị ở pháp không, không thấy pháp có tăng giảm, không nghịch với việc trộm cắp, vì do trụ nơi không, ở trong pháp không, không thấy pháp có đem đến hoặc mang đi, không trái với việc binh, vì trụ ở tánh không, ở trong pháp không, không thấy pháp có nhiều, có ít; không trái với việc đấu tranh, vì trụ ở trong pháp không, không thấy pháp có thương có ghét. Lời nói thường hòa thuận, vì trụ ở các pháp không, cũng không thấy có thường, vô thường.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát không thoái chuyển không nói việc thành quách, vì trụ nơi không như hư không, không thấy hợp cũng không thấy tan, cũng không thấy sự việc hợp tan. Vì sao? Vì trụ ở nơi bốn tế, không thấy có được có mất, không nói ta hoặc việc của ta, không nói các việc thế tục, chỉ nói Bát nhã Ba la mật, không xa lìa trí Nhất thiết. Bồ-tát thực hành Bố thí ba-la-mật, không tham lam ganh tỵ; thực hành Trì giới ba-la-mật, không làm theo ác giới; thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật, không sân hận; thực hành Tinh tấn ba-lamật, không giải đãi, thực hành Thiền định ba-la-mật, không bị tán loạn; thực hành Trí tuệ ba-la-mật, không bị ngu si; thưc hành các pháp không là chủ các pháp chứ không phải là chủ của phi pháp; thực hành pháp tánh khen ngợi những người không phá hoại pháp, làm bạn thân của các đệ tử Như Lai, Duyên giác, với Bồ-tát, những người mới phát tâm Bồ-đề, những thiện nam, tín nữ. Bồ-tát thường mong cầu được gặp các Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác, được chiêm ngưỡng chư Phật mười phương, nguyện vãng sinh về quốc độ của Đức Phật mà Bồ-tát gặp, liền được vãng sinh, ngày đêm thường nhớ đến Phật. Vì sao? Vì các Bồ-tát không thoái chuyển tùy thuận chúng sinh mà vào cõi Dục, vâng giữ mười điều thiện, được sinh ở trước mười phương chư Phật, vượt qua Thiền thứ nhất cho đến Thiền thứ tư, từ Thiền thứ tư đến Thiền vô sắc, liền được sinh ở trước mười phương chư Phật. Tu-bồ-đề, do đầy đủ tướng mạo, hành động, nên biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, an trụ nội không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, ba môn giải thoát cũng không nói ta là không thoái chuyển, không nói ta chẳng phải là không thoái chuyển, tự mình an trú trong địa vị đó, hoàn toàn không nghi ngờ. Vì sao? Vì lúc đầu không thấy pháp có thay đổi, không thay đổi. Ví như vị Tu-đà-hoàn an trú trong đạo của mình, không còn nghi ngờ. Bồ-tát không thoái chuyển cũng như vậy, tự an trú trong địa vị của mình, giáo hóa chúng sinh, làm thanh tịnh cõi Phật. Việc ma vừa phát sinh, Bồ-tát liền hay biết, không theo sự sai khiến của nó mà còn phá hoại nó. Còn như người ngu thì cứ ôm lòng xấu ác, đến chết vẫn không thay đổi.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát không thoái chuyển tự an trú trong địa vị của mình cũng như vậy. Chư Thiên, Nhân loại, Quỷ thần, Rồng, Atu-la, ma Ba-tuần cũng không thể làm cho Bồ-tát lay chuyển được. Vì sao? Vì Bồ-tát vượt lên trên tất cả chư Thiên, Rồng, Quỷ thần trong thế gian, tự mình có đầy đủ năm Thần thông, giáo hóa chúng sinh, làm thanh tịnh cõi Phật. Từ cõi Phật này

đến cõi Phật khác, làm phát triển căn lành ở nơi cõi Phật, thưa hỏi giáo pháp với các Phật. Chỗ trụ xứ có việc ma, Bồ-tát biết liền rồi dùng phương tiện quyền xảo mà ở cảnh giới của ma. Đối với địa vị của mình, Bồ-tát không nghi ngờ chán nản. Vì đối với chân tánh Bồ-tát không hoài nghi, biết chân tánh chẳng phải một cũng chẳng phải hai, vượt qua địa vị A-lahán, Bích-chi-phật.

Này Tu-bồ-đề! Đối với pháp Không, Vô tướng, Bồ-tát không thấy sinh, cũng không thấy diệt, không thấy xả bỏ cũng không thấy dính mắc, cũng không nghĩ rằng: “Ta sẽ chứng đắc Phật trí”; cũng không nói “Ta không chứng đắc Phật trí.” Vì sao? Vì tự tướng của Chánh đẳng giác là không. Bồ-tát này tự an trú ở địa vị hoàn toàn đầy đủ, không mong các việc nào khác, không gì có thể phá hoại được địa vị này, vì Bồ-tát không thoái chuyển có trí tuệ hơn hẳn người khác.

Ma Ba-tuần giả làm Phật đến chỗ Bồ-tát nói:

–Ông hãy chấp nhận địa vị A-la-hán đi, ông không được thọ ký thành Chánh đẳng giác đâu. Ông cũng chưa chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn. Các Đức Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác, không thọ ký cho ông. Ông cũng chưa có việc này, cũng không có tướng mạo thế này, để xứng đáng được thọ ký.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát nghe việc này không sợ sệt, không nghi ngờ, không nhàm chán, không lưỡng lự. Bồ-tát này nên biết đã được các Đức Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác thọ ký rồi. Vì sao? Vì Bồ-tát tự biết mình có đủ những việc như vậy nên có thể thọ ký làm bậc Chánh đẳng giác.

Ma Ba-tuần lại giả làm Phật, đến chỗ Bồ-tát, đem việc ma thọ ký cho Bồ-tát thành Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát này liền biết đó là ma, hoặc là do ma sai khiến giả làm Phật đến chứ không phải là Phật, chỉ muốn làm cho ta chấp nhận quả vị A-la-hán, Bích-chi-phật thôi.

Tu-bồ-đề! Nếu ma Ba-tuần lại giả làm Phật đến chỗ Bồ-tát mà bảo rằng:

–Việc ông làm không phải là Phật nói, cũng chẳng phải do đệ tử của Phật nói, chỉ là việc ma mà thôi.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát cũng biết rõ đó là ma hoặc do ma sai khiến, chứ không phải là Phật. Ma muốn phá hoại không cho ta chứng quả Bồ-đề, nhưng ý ta không hề lay chuyển. Bồ-tát này không bị lay chuyển, vì đã được chư Phật quá khứ thọ ký rồi và đã an trụ ở địa vị không thoái chuyển. Vì sao? Vì hình tướng, hành động đầy đủ có thể giữ vững không thoái chuyển. Vì vậy, nên biết đó là tướng của Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật muốn hộ trì các pháp nên không tiếc thân mạng. Đó là Bồ-tát ủng hộ Chánh pháp của Phật trong quá khứ, vị lai, hiện tại.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bồ-tát muốn hộ trì Chánh pháp không tiếc thân mạng nên hộ trì những pháp nào?

Phật dạy:

–Ta nói pháp không người ngu chê bai, phỉ báng, nói là phi pháp, phi luật hành, phi chánh giáo.

Tu-bồ-đề! Vì pháp này nên Bồ-tát hộ trì Chánh pháp. Bồ-tát nên nghĩ thế này: “Trong hội thuyết pháp của chư Phật đời vị lai, ta là một trong những người được thọ ký. Pháp này lại là pháp của ta, do pháp này nên ta không tiếc thân mạng.”

Tu-bồ-đề! Vì pháp này nên Bồ-tát không tiếc thân mạng. Do hình tướng hành động đầy đủ nên biết là Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nghe nói pháp thâm sâu, Bồ-tát không thoái chuyển không nghi ngờ, không kinh ngạc, thọ trì lời dạy của chư Phật, không hề quên sót. Vì sao? Vì Bồ-tát đã thực hành Đà-lani.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát chứng đắc những Đà-la-ni nào mà có thể thọ trì các pháp của Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác không quên sót?

Phật dạy:

–Bồ-tát do nghe và thọ trì các pháp Đà-la-ni liền có thể thọ trì kinh pháp của chư Phật không quên sót.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đó là lời Như Lai nói, không phải là do Thanh văn nói; cũng không phải Trời, Rồng, Quỷ thần, A-tu-la, Chân-đà-la, Ma-hưu-lặc nói.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Vì chứng đắc pháp Đà-la-ni, nên khi mới nghe các thứ âm thanh, Bồ-tát không kinh ngạc, không hồ nghi. Do hình tướng hành động đầy đủ nên biết đó là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

QUYỂN 13
Phẩm 58: THẬM THÂM

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát không thoái chuyển, có công đức đầy đủ không thể nói hết.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đúng vậy, Bồ-tát không thoái chuyển có công đức lớn không thể nói hết. Vì Bồ-tát có trí tuệ vô ngại, vô hạn, các A-la-hán, Bíchchi-phật không thể sánh bằng. Bồ-tát không thoái chuyển trụ trong tuệ này liền được thần thông; chư Thiên, nhân loại không thể sánh kịp.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Phải trải qua hằng sa kiếp khen ngợi công đức, hành động tướng mạo đầy đủ của Bồ-tát không thoái chuyển. Bồ-tát thể nhập an trụ vào trí tuệ thâm sâu, thực hành sáu pháp Bala-mật, đầy đủ ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và trí Nhất thiết, có thể nhờ đó làm cho mọi người biết được công đức của Đại Bồ-tát không thoái chuyển không?

Phật dạy:

–Lành thay, lành thay! Ông khéo hỏi chỗ thâm áo của Bồ-tát không thoái chuyển. Chỗ thâm áo đây là Không, Vô tướng, Vô nguyện, vô sở hữu, vô sinh diệt, từ các nhiễm mà nói lên Niết-bàn thanh tịnh, nói về Như, về tịch diệt, về pháp tánh, chân tế. Các pháp thâm áo này đều là biểu tượng của Niết-bàn.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nói như vậy chỉ có Niết-bàn là thâm áo, còn các giáo pháp khác không phải là thâm áo sao?

Phật bảo:

–Này Tu-bồ-đề! Thâm áo cũng là các giáo pháp vậy. Này Tubồ-đề! Năm ấm là thâm áo, sáu trần là thâm áo, cho đến đạo cũng là thâm áo.

Này Tu-bồ-đề! Tại sao năm ấm là thâm áo? Năm ấm như như, do đó thâm áo, cũng là đạo Như. Vì vậy năm ấm là thâm áo, đạo cũng là thâm áo. Thế nào là như như? Như không phải là năm ấm, cũng không xa lìa năm ấm. Như chẳng phải là đạo, cũng không xa lìa đạo.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát không thoái chuyển thật là kỳ diệu, thâm áo vi diệu như vậy. Diệt trừ năm ấm là Niết-bàn, các pháp thuộc đạo hay thế tục, thuộc sở tác hay vô tác; hữu lậu hay vô lậu đều phải diệt trừ hết thì mới là Niết-bàn.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đối với pháp Bát nhã Ba la mật sâu xa vi diệu, Đại Bồ-tát nên ghi nhớ hoặc thọ trì, an trụ tâm niệm vào giáo pháp Bát-nhã bala-mật, sự học cũng theo giáo pháp Bát nhã Ba la mật. Như vậy, Bồ-tát đầy đủ như giáo pháp Bát nhã Ba la mật. Bồ-tát thọ trì, nhớ nghĩ đầy đủ như vậy sẽ được vô lượng công đức căn lành, diệt trừ được khổ trong vô lượng kiếp sinh tử, huống chi là hết lòng hộ trì, thực hành Bát nhã Ba la mật là pháp tương ứng vơi đạo.

Ví như người tánh tình ham muốn phóng túng, hẹn với cô gái xinh đẹp, nhưng cô gái ấy có việc không đến chỗ hẹn đúng lúc. Ý ông nhưng ghĩ thế nào? Trong thời gian cô gái chưa đến thì người nam kia có bao nhiêu ý tưởng phát sinh?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát phụng hành Bát nhã Ba la mật đúng như pháp ấy, nhất tâm trong một ngày không thoái chuyển thì dứt trừ được khổ trong nhiều kiếp. Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật trong một ngày được công đức thiện căn còn nhiều hơn Bồ-tát chỉ thực hành bố thí trong hằng hà sa kiếp.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Bồ-tát cúng dường Tam bảo trong hằng hà sa kiếp được phước đức nhiều không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Rất nhiều, không thể đếm được.

Phật dạy:

–Vẫn không bằng phước đức của Bồ-tát nghĩ và thực hành Bát nhã Ba la mật chỉ trong một ngày đúng như lời Bát nhã Ba la mật dạy. Công đức này không thể đếm được. Vì sao? Vì Bồ-tát nhờ đó mà mau thành tựu Chánh đẳng giác.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật trải qua hằng hà sa kiếp tạo công đức cúng dường các bậc Tu-đà-hoàn, A-la-hán, Bích-chi-phật cho đến Chánh đẳng giác, ý ông thế nào? Người đó được công đức nhiều không?

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.

Phật dạy:

–Vẫn không bằng phước đức của Bồ-tát thực hành Bát-nhã bala-mật đúng như pháp ấy, công đức đó không thể đếm được. Vì Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật thì hơn hẳn A-la-hán, Bích-chi-phật, từ địa vị Bồ-tát thành tựu được Chánh đẳng giác.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát trải qua hằng sa kiếp thực hành sáu pháp Ba-la-mật, phước đức ấy nhiều không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.

Phật dạy:

–Vẫn không bằng phước đức của Bồ-tát theo lời dạy của Bát nhã Ba la mật, chỉ trong một ngày thực hành sáu pháp Ba-la-mật, công đức đó không thể tính đếm được. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật là mẹ của các Đại Bồ-tát, an trụ trong Bát nhã Ba la mật thì đầy đủ tất cả Phật pháp.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật,

trải qua hằng sa kiếp thực hành pháp thí, theo ông, công đức của Bồ-tát đó có nhiều không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.

Phật dạy:

–Vẫn không bằng công đức pháp thí của Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật chỉ trong một ngày đúng như pháp ấy dạy, công đức đó không thể đếm được. Vì Bồ-tát không xa lìa Bát nhã Ba la mật thì không xa lìa trí Nhất thiết. Bồ-tát muốn được thành tựu Vô thượng Chánh đẳng giác thì không nên xa lìa Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Có phải năm ấm không thể lường, không thể đếm, không thể giới hạn không?

Phật dạy:

–Đúng vậy!

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Do đâu mà năm ấm không thể lường, không thể đếm, không thể giới hạn?

Phật dạy:

–Năm ấm là không thể đếm, không thể lường được.

Tu-bồ-đề thưa:

–Chỉ có năm ấm là không còn các pháp khác không phải là không hay sao?

Phật dạy:

–Trước đây ta chẳng nói các pháp là không hay sao?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn cũng nói các pháp là không; không cũng là không cùng tận, không thể đếm, không thể lường, không thể đo được tướng. Bạch Thế Tôn, nghĩa pháp này không thể đếm được.

Phật dạy:

–Đúng như lới ông nói. Vì các pháp không thể đắc được. Phật

nói bao nhiêu cũng không thể đắc được. Pháp này là Không, Vô tướng, Vô nguyện, Vô sở hữu, Vô sở sinh. Đó là tịch diệt Niết-bàn, là Như Lai vô tận cho đến Niết-bàn.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu chưa từng có. Con đã từng nghe pháp không sự chứng đắc của Thế Tôn dạy, các pháp như lời Thế Tôn nói cũng không thể chứng đắc. Do các pháp không thể chứng đắc, không cũng không thể chứng đắc, nghĩa không thể chứng đắc có tăng giảm không?

Phật dạy:

–Không có tăng giảm.

Tu-bồ-đề thưa:

–Sáu pháp Ba-la-mật cũng không có tăng, giảm; ba mươi bảy phẩm Trợ đạo cũng không có tăng, giảm; Tám giải thoát, bốn Vô ngại tuệ, bốn Tâm vô lượng, mười tám pháp Bất cộng, mười Lực, bốn Vô sở úy của Phật cũng không tăng, không giảm.

Tu-bồ-đề thưa tiếp:

–Bạch Thế Tôn! Nếu pháp này từ sáu pháp Ba-la-mật cho đến bốn Vô sở úy; nếu có tăng, có giảm thì không thành tựu Vô thượng Bồ-đề.

Phật dạy:

–Đúng vậy! Pháp không thể được, cũng không tăng, không giảm. Nếu thực hành Bát nhã Ba la mật hoặc nghĩ đến Bát-nhã bala-mật, hoặc tu tập phương tiện quyền xảo của Bát nhã Ba la mật, cũng không nghĩ rằng tôi được tăng sáu pháp Ba-la-mật hay bị giảm sáu pháp Ba-la-mật, mà nên nghĩ thế này: "Chỉ có danh tự nên có sáu pháp Ba-la-mật mà thôi, đem tâm niệm, ý nghĩ, thiện căn này, hồi hướng quả Vô thượng Bồ-đề, đúng như các pháp.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Vô thượng Bồ-đề, là Như của các pháp? Bạch Thế Tôn, những gì là tướng Như của các pháp, gọi là Vô thượng Bồ-đề?

Phật dạy:

–Tướng Như của năm ấm, của Niết-bàn là Vô thượng Bồ-đề; tướng Như ấy cũng không tăng, không giảm, vì Bồ-tát không xa lìa Bát nhã Ba la mật lại càng tinh tấn thực hành Bát nhã Ba la mật, cũng không thấy các pháp có tăng, có giảm. Vì vậy, pháp không thể chứng đắc, cũng không tăng không giảm.

Này Tu-bồ-đề! Sáu pháp Ba-la-mật cũng không tăng không giảm, cho đến bốn Vô ngại trí cũng không tăng, không giảm. Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật nên nghĩ rằng không tăng, không giảm.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát thành tựu Vô thượng Bồ-đề là dùng tâm đầu tiên hay dùng tâm sau cùng mà thành. Tâm đầu tiên và tâm cuối cùng đều chẳng phải là một, thì làm sao thiện căn hợp nhau được mà thành tựu Vô thượng Bồ-đề?

Bạch Thế Tôn! Tâm chẳng phải là một thì làm sao thành tựu công đức, mà không thành tựu công đức thì không thành tựu Bồđề?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ta sẽ vì ông mà nói ví dụ, những người có trí nhờ ví dụ mà hiểu rõ vấn đề. Ý ông thế nào? Ví như tim đèn mới đốt là nhờ ngọn lửa ban đầu hay là ngọn lửa lúc sau mà nó cháy được. Khi tim đèn cháy sáng là do ngọn lửa ban đầu hay do ngọn lửa lúc sau?

Tu-bồ-đề thưa:

–Không phải dùng ngọn lửa ban đầu, cũng không phải rời ngọn lửa ban đầu để cháy; không phải dùng ngọn lửa lúc sau, cũng không phải rời ngọn lửa lúc sau mà nó cháy sáng.

Phật bảo:

–Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát không dùng tâm ban đầu cũng không rời tâm ban đầu mà thành Chánh đẳng giác; Bồ-tát không dùng tâm sau cũng không rời tâm sau mà thành Chánh đẳng giác.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật là thực hành từ khi mới phát tâm cho đến khi lên địa vị Thập trụ, thành tựu Chánh đẳng giác.

Tu-bồ-đề thưa:

–Thế nào là từ Thập trụ đến thành tựu Chánh đẳng giác?

Phật dạy:

–Trước tiên nhờ Trí địa, quán địa mới thành tựu Chánh đẳng giác. Từ Bát bối quán địa, Bạt địa, Ly dục địa, Dĩ biện dịa, Bích-chiphật địa, Chánh đẳng giác địa, Phật địa; hoàn thành Phật địa rồi thì thành Chánh đẳng giác.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Sự phát sinh mười hai nhân duyên là thâm áo, không do phát tâm ban đầu cũng không rời nhân duyên phát tâm ban đầu mà thành Chánh đẳng giác; không do phát tâm lúc sau cũng không rời phát tâm lúc sau mà chứng đắc Chánh đẳng giác.

Phật bảo:

–Tu-bồ-đề, ý ông thế nào? Ý đã diệt rồi có thể làm cho sinh lại được không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ý đã diệt rồi thì không sinh lại được nữa.

Phật bảo:

–Tu-bồ-đề! Ý đã sinh là vì pháp diệt phải không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thật là pháp diệt.

Phật dạy:

–Pháp đã diệt là diệt phải không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không phải.

Phật hỏi:

–Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Như vậy là trụ vào đâu?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Trụ vào Như như.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nếu như trụ vào chân tế sẽ trụ vào Như như phải không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không phải.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ý ông thế nào? Như là thâm áo phải không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đúng là thâm áo.

Phật hỏi:

–Tu-bồ-đề! Như là ý phải không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không. Như không phải là ý.

Phật hỏi:

–Tu-bồ-đề! Ý là rời Như chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không phải.

Phật hỏi:

–Tu-bồ-đề! Như thấy được Như chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như không thấy được Như. Như cùng Như không thấy nhau.

Phật hỏi:

–Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành như vậy có phải là thực hành Bát nhã Ba la mật sâu xa không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát thực hành như vậy là thực hành Bát nhã Ba la mật sâu xa.

Tu-bồ-đề thưa tiếp:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát thực hành như vậy là thực hành pháp nào?

Phật dạy:

–Thực hành như vậy là thực hành mà không chỗ thực hành. Vì sao? Vì thực hành Bát nhã Ba la mật là không có điều gì để thực hành.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Như là không có gì cũng không làm gì?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật là thực hành điều gì?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đó là thực hành chỗ cứu cánh không có hai.

Phật hỏi:

–Thực hành chỗ cứu cánh là có bao nhiêu hành động và có tướng hành không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có.

Phật hỏi:

–Vô tướng là niệm hữu tướng phải không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không.

Phật hỏi:

–Thế nào là niệm hữu tướng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật cũng không niệm hữu tướng và vô tướng. Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-lamật không có đủ mười Lực và mười tám pháp Bất cộng của Phật thì không thành tựu Chánh đẳng giác.

Bồ-tát dùng phương tiện quyền xảo đối với các pháp không nhớ nghĩ cũng không không nhớ nghĩ. Vì sao? Vì Bồ-tát biết tướng tất cả các pháp đều là không. Bồ-tát trụ ở pháp không vì chúng sinh mà thực hành ba Tam-muội, dùng ba Tam-muội để giáo hóa chúng sinh.

Bạch Thế Tôn, thế nào là ba Tam-muội của Bồ-tát?

Phật dạy:

–An trụ ở ba Tam-muội này là tương ưng với Không, Vô tướng, Vô nguyện. Tất cả chúng sinh đều vướng mắc vào Không, Vô tướng, Vô nguyện. Đại Bồ-tát làm an ổn giáo hóa chúng sinh bằng pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện, thực hành Bát nhã Ba la mật. Bồ-tát dùng ba Tam-muội này để giáo hóa chúng sinh.

QUYỂN 13
Phẩm 59: THỰC HÀNH TRONG MỘNG

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Trong chiêm bao Bồ-tát thực hành ba Tam-muội Không, Vô tướng, Vô nguyện thì có lợi ích gì đối với Bát nhã Ba la mật không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Nếu ban ngày thực hành ba Tam-muội có lợi ích đối với Bát nhã Ba la mật thì ban đêm trong lúc chiêm bao cũng có lợi ích như vậy. Vì sao? Vì ban ngày với ban đêm lúc chiêm bao giống nhau.

Thưa Xá-lợi-phất! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, nếu có Bát nhã Ba la mật thì lúc nằm mộng liền nghĩ đến Bát-nhã ba-lamật.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Nếu lúc nằm mộng Bồ-tát làm việc gì thì có thành tựu không? Theo lời Phật dạy, các pháp như mộng nên không có sự thành tựu, không có được sự thọ nhận. Vì sao? Vì trong chiêm bao không bao giờ thấy pháp được thành tựu, được thọ nhận, cũng không thấy có chỗ được, khi tỉnh mộng có được gì không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Người trong lúc chiêm bao thấy có giết hại, nói là ta giết, như vậy sướng lắm, khi tỉnh dậy người ấy nhớ lại việc làm trong mộng. Sự việc đó thế nào?

Xá-lợi-phất đáp:

–Mọi việc đều có nhân duyên của nó, không có nhân duyên thì không thể có.

Tu-bồ-đề nói:

–Đúng vậy, mọi việc đều có nhân duyên, có duyên thì có niệm, có niệm thì có việc. Việc do thấy nghe liền có hiểu biết, chấp trước, xả ly, không phải do không thấy, không nghe mà có duyên khởi. Vì thế, Xá-lợi-phất, do nhân duyên nên có việc sinh khởi, nên có niệm sinh.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Phật nói ý nghĩ và việc làm đều tịch tĩnh, tại sao việc làm có sinh khởi có thành tựu và thọ nhận?

Tu-bồ-đề đáp:

–Khi ý tưởng phát sinh liền có nhân duyên, có nhân duyên liền có việc, có việc liền có niệm.

Xá-lợi-phất thưa:

–Nếu Bồ-tát ở trong mộng thực hành sáu pháp Ba-la-mật, đem công đức này để mong cầu Vô thượng Bồ-đề thì đó có phải là hành động không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Bồ-tát Di-lặc được Thế Tôn thọ ký. Ông nên hỏi Di-lặc có thể giải đáp câu hỏi đó.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất hỏi Di-lặc:

–Như lời tôi hỏi, Tu-bồ-đề nói Tôn giả có thể giải đáp, xin ngài giải đáp cho tôi.

Lúc đó Bồ-tát Di-lặc bảo ngài Xá-lợi-phất:

–Các ông muốn ta dùng danh, sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà đáp không, nên dùng việc nào giải đáp, nên dùng không của sắc để giải đáp hay dùng không của thọ, tưởng, hành, thức để giải đáp; không của sắc không thể giải đáp; không của thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy. Trước kia ta không thấy pháp nào có khả năng giải đáp, cũng không có thọ ký quả Vô thượng Bồ-đề, cũng không có chỗ thọ ký, pháp này đều không có hai.

Xá-lợi-phất thưa:

–Theo lời Tôn giả nói như vậy là Tôn giả đã chứng đắc phải không?

Bồ-tát Di-lặc đáp:

–Tuy nói vậy, tôi cũng không chứng đắc.

Xá-lợi-phất nghĩ rằng: “Bồ-tát Di-lặc là bậc đại tài, đã thâm nhập sáu pháp Ba-la-mật, giải đáp các việc không chấp trước.” Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Ông thấy có pháp này để chứng đắc La-hán không?

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con không thấy pháp này có chứng đắc.

Phật dạy:

–Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật cũng không nghĩ là pháp này đã thọ ký, pháp này nên thọ ký được Vô thượng Bồ-đề. Bồ-tát thực hành pháp này là thực hành Bát nhã Ba la mật cũng không có nghi ngờ gì. Ta sẽ chứng đắc Phật trí cũng không nghi ngờ là không được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Khi Bồ-tát thực hành Bố thí ba-la-mật, nếu thấy chúng sinh nào đói khát, áo không đủ mặc, nghèo cùng khốn khổ, không thể tự sống được thì Bồ-tát nên phát lòng đại Bi: “Khi ta chứng đắc Vô thượng Bồ-đề, cõi nước của ta không có nghèo cùng khốn khổ như vậy mà cơm ăn áo mặc đủ như cõi trời Tứ thiên, trời

Đao-lợi, vua trời thứ sáu, ăn mặc đều tự nhiên đầy đủ.”

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành pháp này là đầy đủ Bố thí bala-mật.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành Giới ba-la-mật, nếu thấy chúng sinh không có lòng từ mà giết hại mạng sống, tà kiến, nghi ngờ, phạm mười điều ác, thấy có người mạng sống ngắn ngủi, nhiều tật bệnh, xấu xí, gầy ốm, hạ tiện, liền phát lòng đại Bi làm cho ta vâng giữ Giới ba-la-mật: "Khi ta thành Phật, trong nước ta không có hạng người này." Bồ-tát như vậy là đầy đủ Giới, không bao lâu sẽ chứng đắc Phật trí.

Này Tu-bồ-đề! Khi thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật, nếu thấy chúng sinh sân hận dùng dao, mâu, gạch, đá giết hại lẫn nhau, Bồ-tát phát đại nguyện: "Ta sẽ nỗ lực thực hành nhẫn nhục cho đến khi thành Phật làm cho trong nước của ta không có hạng người và các việc ác này. Khi ta thành Phật, trong nước của ta tất cả chúng sinh đều thân ái hòa thuận với nhau như cha mẹ, anh em, không sát hại lẫn nhau." Bồ-tát thực hành như vậy là đầy đủ nhẫn nhục, không bao lâu sẽ chứng đắc Phật trí.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Khi thực hành Tinh tấn ba-la-mật, nếu thấy chúng sinh đối với pháp ba thừa phát sinh tướng biếng nhác, không tinh tấn, Bồ-tát liền phát đại nguyện: "Ta sẽ tự mình cố gắng tinh tấn, không biếng nhác. Khi thành Phật ta sẽ làm cho chúng sinh tinh tấn đối với giáo pháp Tam thừa trong nước ta đều được độ thoát." Bồ-tát như vậy là đầy đủ tinh tấn, không bao lâu sẽ chứng đắc Phật trí.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Khi thực hành Thiền định ba-la-mật, nếu thấy chúng sinh hành động theo năm triền cái: Dâm dật, sân hận, tham ngủ, trạo cử, nghi ngờ, xa lìa bốn Thiền, bốn Không định, Bồ-tát liền phát đại nguyện làm cho ta thực hành Thiền định ba-la-mật, giáo hóa chúng sinh, làm thanh tịnh cõi Phật: "Khi ta thành Phật, tất cả chúng sinh trong nước của ta không có tán loạn." Bồ-tát như vậy là đầy đủ Thiền định, không bao lâu sẽ chứng đắc Phật trí.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Khi thực hành Trí tuệ ba-la-mật, nếu thấy chúng sinh phạm điều ác hoặc kẻ tục người đạo, xa lìa Chánh kiến, thực hành việc tà đạo, nói không có quả báo, chết là hết, nói có chúng sinh, Bồ-tát phát đại nguyện: "Ta sẽ nỗ lực thực hành sáu pháp Ba-la-mật, làm thanh tịnh cõi Phật giáo hóa chúng sinh. Khi ta thành Phật, trong nước của ta không có hạng người có tà kiến." Như vậy là Bồ-tát đầy đủ Trí tuệ ba-la-mật, mau chứng trí Nhất thiết.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Khi Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật, nếu thấy chúng sinh ở trong ba hạng: Một là chánh kiến, hai là tà kiến, ba là cũng không tà kiến cũng không chánh kiến thì phát nguyện: "Ta sẽ thực hành sáu pháp Ba-la-mật giáo hóa chúng sinh, làm thanh tịnh cõi Phật. Khi ta thành Phật người trong nước của ta không thấy việc tà kiến, không nghe tiếng tà kiến." Như vậy là Bồ-tát đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, mau đến trí Nhất thiết.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Khi thực hành sáu pháp Ba-la-mật, nếu thấy địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, côn trùng, Bồ-tát nên phát đại Từ: "Ta sẽ thực hành sáu pháp Ba-la-mật. Khi ta thành Phật, trong nước của ta không nghe tên ba đường ác." Như vậy Bồ-tát đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, mau đến trí Nhất thiết.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Khi thực hành sáu pháp Ba-la-mật, nếu thấy đất, núi, gò, ngòi, rãnh, hầm hố, gai góc, cây cỏ dơ bẩn, Bồ-tát phát nguyện rộng lớn: "Ta sẽ nỗ lực thực hành Bát nhã Ba la mật. Khi ta thành Phật, nước ta đều bằng phẳng như lòng bàn tay, người trong nước ta không thấy các thứ ô uế." Như vậy Bồ-tát đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, mau đến trí Nhất thiết.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Không thực hành sáu pháp Ba-la-mật, nếu thấy trên mặt đất không có vàng ròng châu báu, chỉ toàn là đất. Bồ-tát liền phát nguyện: "Ta sẽ nỗ lực thực hành sáu pháp Ba-la-mật. Khi ta thành Phật, trong nước ta từ lòng đất trở lên toàn là vàng ròng." Như vậy là Bồ-tát đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, mau đến trí Nhất thiết.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Khi thực hành sáu pháp Ba-la-mật, nếu thấy chúng sinh tham đắm, Bồ-tát phát nguyện rằng: "Ta sẽ nỗ lực thực hành sáu pháp Ba-la-mật, khi ta thành Phật, người trong nước ta không còn tham đắm." Như vậy là Bồ-tát đầy đủ sáu pháp Ba-lamật, mau đến trí Nhất thiết.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Khi thực hành sáu pháp Ba-la-mật, nếu thấy bốn dòng họ: Sát-lợi, Phạm chí, nhà nông, thợ thuyền, quan lại, binh sĩ thì tôi phát nguyện rằng: "Ta sẽ nỗ lực thực hành sáu pháp Ba-la-mật, giáo hóa chúng sinh, làm thanh tịnh cõi Phật. Khi ta thành Phật, trong nước ta không có bốn dòng họ, chỉ thuần một dòng họ." Như vậy là Bồ-tát đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, mau đến trí Nhất thiết.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Khi thực hành sáu pháp Ba-la-mật, nếu thấy chúng sinh thuộc gia đình thượng lưu, trung lưu, hạ lưu; Bồ-tát lại phát nguyện: "Ta sẽ nỗ lực thực hành sáu pháp Ba-la-mật, giáo hóa chúng sinh làm thanh tịnh cõi Phật. Khi ta thành Phật tất cả chúng sinh trong nước ta không có tầng lớp sang hèn." Như vậy là Bồ-tát đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, mau đến trí Nhất thiết.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Khi thực hành sáu pháp Ba-la-mật, nếu

thấy chúng sinh đủ các chủng loại hình sắc, Bồ-tát phát nguyện rằng: "Ta sẽ nỗ lực thực hành sáu pháp Ba-la-mật, giáo hóa chúng sinh làm thanh tịnh cõi Phật. Khi ta thành Phật, người trong nước ta không có nhiều màu da, tất cả đều xinh đẹp, cùng một màu da đẹp nhất." Như vậy Bồ-tát đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, mau đến trí Nhất thiết.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Khi thực hành sáu pháp Ba-la-mật, nếu thấy nhà vua, Bồ-tát phát nguyện rằng: "Ta sẽ nỗ lực thực hành sáu pháp Ba-la-mật, giáo hóa chúng sinh, làm thanh tịnh cõi Phật. Khi ta thành Phật, trong nước ta không có danh hiệu của vua, chỉ có Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác là Pháp vương." Như vậy Bồ-tát đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, mau chứng trí Nhất thiết.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Khi thực hành sáu pháp Ba-la-mật, nếu thấy chúng sinh gây nghiệp sinh vào năm đường, Bồ-tát phát nguyện: "Ta sẽ nỗ lực thực hành sáu pháp Ba-la-mật, giáo hóa chúng sinh, làm thanh tịnh cõi Phật. Khi ta thành Phật người trong nước ta không có hành động làm cho sinh vào năm đường, đều thực hành ba mươi bảy phẩm Trợ đạo." Như vậy Bồ-tát đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, mau chứng trí Nhất thiết.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Khi thực hành sáu pháp Ba-la-mật, nếu thấy bốn cách sinh: Noãn sinh, thai sinh, thấp sinh và hóa sinh, Bồ-tát phát nguyện: "Ta sẽ nỗ lực thực hành sáu pháp Ba-la-mật, giáo hóa chúng sinh làm thanh tịnh cõi Phật. Khi ta thành Phật, người trong nước ta không có ba cách sinh kia mà chỉ có một loại hóa sinh mà thôi." Như vậy Bồ-tát đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, mau chứng trí Nhất thiết.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Khi thực hành sáu pháp Ba-la-mật, Bồ-tát nếu thấy chúng sinh không có năm Thần thông, không có ánh sáng, Bồ-tát phát nguyện: "Khi ta thành Phật, mọi người trong nước ta đều chứng đắc năm Thần thông, đều có ánh sáng chiếu tận nơi xa."

Khi thực hành sáu pháp Ba-la-mật, nếu thấy chúng sinh đại tiểu tiện, Bồ-tát phát nguyện: "Khi ta thành Phật thân người trong nước ta như thân chư Thiên, không có nạn khổ đại tiểu tiện."

Khi thực hành sáu pháp Ba-la-mật, Bồ-tát phát đại nguyện: "Khi ta thành Phật, người trong nước ta không có phân biệt thời gian về ngày, tháng, năm."

Khi thực hành sáu pháp Ba-la-mật, nếu thấy chúng sinh mạng sống ngắn ngủi, Bồ-tát phát đại nguyện: "Khi ta thành Phật, mạng sống người trong nước ta rất dài, không có kỳ hạn." Như vậy, Bồ-tát đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, thành tựu Chánh đẳng giác.

Khi thực hành sáu pháp Ba-la-mật, nếu thấy chúng sinh không có tướng tốt, Bồ-tát phát đại nguyện: "Ta sẽ nỗ lực thực hành sáu pháp Ba-la-mật, khi ta thành Phật, người trong nước ta đều đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân." Như vậy là Bồ-tát đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, mau đến trí Nhất thiết.

Khi thực hành sáu pháp Ba-la-mật, nếu thấy chúng sinh không có thiện căn, Bồ-tát phát nguyện: "Khi ta đắc Phật trí, người trong nước ta đầy đủ thiện căn, đồng như Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác." Bồ-tát suy nghĩ như vậy thì đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, mau đến trí Nhất thiết.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Khi thực hành sáu pháp Ba-la-mật, Bồ-tát nói rằng ta sẽ nỗ lực, mau thành Chánh đẳng giác. Trong nước ta không có ba cấu, bốn bệnh. Như vậy là Bồ-tát đầy đủ sáu pháp Bala-mật, mau đến trí Nhất thiết.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Khi thực hành sáu pháp Ba-la-mật, Bồ-tát nói rằng ta sẽ nỗ lực, mau thành Chánh đẳng giác. Khi ta thành Phật, trong nước ta không có tên của hai đạo, tất cả đều trí Nhất thiết.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật, chứng đắc Phật trí sẽ làm cho trong nước không còn nghe đến tên hung dữ.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật sẽ nghĩ rằng ta chưa đắc Phật trí, trước tiên nên biết tuổi thọ, ánh sáng, số Tỳ-kheo Tăng của ta, sau đó mới đắc Phật trí, tất cả mỗi mỗi đều không thể biết được kiếp số tuổi thọ và số Tỳ-kheo Tăng của ta. Như vậy là Bồ-tát đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, mau đến trí Nhất thiết.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật, nghĩ rằng khi thành Phật, ta sẽ làm cho nước của ta lớn bằng cả hằng hà sa số cõi nước Phật. Như vậy Bồ-tát đầy đủ Chánh đẳng giác, mau đến trí Nhất thiết.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Khi thực hành sáu pháp Ba-la-mật, Bồ-tát nên phát nguyện: "Tuy đường sinh tử thì dài, chúng sinh vô số, hư không vô biên, tánh chúng sinh cũng không có giới hạn, ta ở trong đó cũng không chứng Vô sinh, cũng không Niết-bàn." Nghĩ vậy, nhưng Bồ-tát vẫn phát nguyện độ hết chúng sinh. Đó là Bồ-tát đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, mau đến trí Nhất thiết.

QUYỂN 13

Phẩm 60: HẰNG-GIA-ĐIỀU

Lúc bấy giờ, trong hội chúng có một người tên là Hằng-gia-điều, đứng dậy sửa y phục, quỳ gối, chắp tay bạch Phật rằng:

–Con sẽ phụng hành sáu pháp Ba-la-mật, hộ trì cõi Phật như lời Thế Tôn dạy về Bát nhã Ba la mật.

Tán thán Đức Phật xong, cô gái đem các loại hoa kim ngân, hoa thủy lăng, tấm y hoàng kim, chuỗi anh lạc dâng cúng Đức Phật. Những vật này hóa thành cái đài bốn trụ ở trên đầu Đức Phật, được trang trí bằng bốn thứ báu, trang nghiêm xinh đẹp chưa từng có.

Cô gái nói:

–Con sẽ đem công đức này hồi hướng cho chúng sinh, cùng phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Bấy giờ, biết ý cô gái nên Đức Thế Tôn mỉm cười, theo thường pháp của chư Phật, hào quang từ kim khẩu phóng ra chiếu khắp mười phương, vô số cõi Phật, nhiễu quanh thân Phật ba vòng rồi trở về đỉnh đầu.

Khi đó, A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa sang y phục quỳ gối chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Ngài mỉm cười? Xin nói cho con biết?

Phật bảo A-nan:

–Cô gái tên Hằng-gia-điều này vào đời vị lai sẽ thành Phật, hiệu là Kim Hoa Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác. Khi cô gái này bỏ thân nữ sẽ nhận thân người nam, rồi sinh vào cõi Phật Diệu Lạc. Ở nước Phật đó, tu hành phạm hạnh. Đại Bồ-tát này sinh ra ở nước nào cũng thường có danh hiệu là Kim Hoa. Ở nước đó trọn đời du hóa khắp nước, từ cõi Phật này đến cõi Phật kia, không xa lìa chư Phật.

Này A-nan! Ví như Chuyển luân thánh vương đi từ cung điện này sang cung điện khác, từ lúc sinh đến lúc băng hà, chân không hề chạm đất. Bồ-tát Kim Hoa này cũng vậy, đến lúc đạt Phật trí luôn luôn được thấy Phật.

Lúc bấy giờ A-nan nghĩ rằng: “Bồ-tát Kim Hoa này, sau khi thành Phật, các hội của Bồ-tát là hội của cả chư Phật, chúng Tỳkheo rất nhiều, không thể dùng số ngàn vạn ức để tính được.” Phật bảo A-nan:

–Này A-nan! Bồ-tát Kim Hoa này, lúc thành Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác, cõi nước của Ngài không có các điều ác, điều bất thiện như nói ở trên. Bát nhã Ba la mật làm thanh tịnh, xinh đẹp cõi Phật chứ không có gì ác.

A-nan bạch Phật:

–Cô gái này tu từ thời Đức Phật nào đến nay mà được nhiều công đức như vậy?

Phật bảo A-nan:

–Cô gái này phát tâm từ thời Đức Đề-hòa-kiệt-la. Lúc rải hoa cúng dường, cô gái này nguyện rằng: Con sẽ đem công đức này hồi hướng thành Chánh đẳng giác.

Cũng như lúc ta đem năm cành hoa vàng rải dâng cúng dường Đức Phật Đề-hòa-kiệt-la và phát nguyện thành Chánh đẳng giác. Lúc đó, Đức Phật kia biết ta đầy đủ công đức liền thọ ký cho ta thành Chánh đẳng giác. Bồ-tát Kim Hoa này trông thấy ta được thọ ký liền phát nguyện rằng: “Con cũng sẽ được thọ ký như Bồ-tát này.”

Này A-nan! Bồ-tát Kim Hoa này mới phát tâm từ thời Đức Phật Đề-hòa-kiệt-la.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cô gái này đã thành tựu trí Vô thượng Chánh đẳng giác.

QUYỂN 14
Phẩm 61: HỎI VỀ TƯỚNG HẠNH NGUYỆN

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, thực hành Tam-muội Không, Tam-muội Vô tướng, Tam-muội Vô nguyện như thế nào? Nên thể nhập và thực hành như thế nào? Nên hành và niệm ba mươi bảy phẩm Trợ đạo như thế nào?

Phật dạy:

–Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, quán năm ấm là không, cho đến quán Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới cũng là không, nên quán như vậy mà tâm không tán loạn. Đối với các pháp vì không có chỗ thấy, cho nên không chứng đắc. Vì sao? Vì Bồ-tát đã học thông suốt pháp không, cho nên đạt đến chứng đắc cũng không dừng. Vì các pháp không quyết định, nên đối với các pháp chứng được, cũng không chứng, cũng không thấy pháp này.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy, tại sao Bồ-tát chấp lấy chỗ chứng đối với pháp không? Tại sao lại an trụ pháp không mà lại có chỗ chứng?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Quán không hoàn toàn không thiếu khuyết cũng không nghĩ rằng: Ta sẽ chứng cũng không phải là chứng, pháp của Bồ-tát phụ thuộc vào chỗ thực hành, không lấy chỗ chứng đắc làm thời hạn mà chỉ lấy chỗ thực hành làm thời hạn. Bồ-tát không lệ thuộc vào ý muốn cố định, cũng không lệ thuộc vào sở hữu. Đối với ba mươi bảy phẩm Trợ đạo không có lui sụt, cũng không chứng được lậu tận. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát đầy đủ pháp thậm thâm vi diệu và an trụ trong ba mươi bảy phẩm Trợ đạo. Bồ-tát biết rằng đây là lúc thực hành chứ không phải là lúc chứng đắc. Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật nên quán như vầy: Nay chính là lúc thực hành năm pháp Ba-la-mật chứ không phải lúc chứng đắc, nay chính là lúc thực hành ba mươi bảy phẩm Trợ đạo chứ không phải là lúc chứng đắc; nay chính là lúc thực hành ba Tam-muội, mười Lực, bốn Vô lượng tâm, đại Từ, đại Bi, đó là lúc thực hành trí Nhất thiết chứ không phải là lúc chứng quả Tu-đà-hoàn, A-la-hán, Bích-chi-phật.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, do thực hành Ba Tam-muội là Không, Vô tướng, Vô nguyện; thực hành ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi cũng không nhận lấy chỗ chứng Thanh văn.

Này Tu-bồ-đề! Ví như có người đàn ông khôi ngô, cường tráng, giỏi về binh pháp, người ấy được trang bị đầy đủ áo giáp, đao, trượng, hiểu rõ sáu mươi bốn pháp chiến đấu, được mọi người kính phục, làm việc gì cũng được thành tựu. Được mọi người kính phục tráng sĩ lại càng vui vẻ. Nếu có công việc phải đi đến nơi nào đó, đi qua những chỗ ách nạn nguy hiểm, có những kẻ thù mạnh bạo, những người đi theo như cha mẹ, người lớn, người nhỏ đều sợ hãi. Khi ấy, người mạnh mẽ ấy làm cho cha mẹ an ổn và an ủi những người đi theo rằng: “Đừng có sợ hãi, ta có

phương pháp để trừ bọn giặc và được thoát khỏi ách nạn. Đã được thoát ách nạn còn làm cho bọn giặc hàng phục mà ta không bị hại." Lúc đó, cha mẹ và những người đi theo đều được an ổn và vui vẻ. Vì sao? Vì tráng sĩ dũng mãnh này có đầy đủ phương pháp trừ bọn giặc.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát dùng bốn Tâm vô lượng Từ, Bi, Hỷ, Xả. Vì chúng sinh nên Bồ-tát đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, chưa được lậu tận, mở ra con đường lớn, đưa đến trí Nhất thiết để an trụ trong Vô tướng, Vô nguyện; cũng không do Không, Vô tướng, Vô nguyện, tùy theo chỗ chứng đầy đủ, không đi vào địa vị La-hán, Bích-chi-phật. Ví như đàn chim bay trên hư không mà không bị rơi xuống đất, cũng không đứng yên trong hư không. Bồ-tát thực hành Không, Vô tướng, Vô nguyện như vậy, mà không nhận lấy chỗ chứng, vượt qua địa vị La-hán, Bích-chi-phật, đều đầy đủ mười Lực, bốn Vô sở úy và mười tám pháp Bất cộng của Phật, tuệ trí Nhất thiết đều không nhận lấy chỗ chứng. Ví như tráng sĩ dũng mãnh nhiều sức lực, có tài bắn cung, bắn mũi tên vào hư không, rồi bắn mũi tên sau ghim vào mũi tên trước, hai mũi tên nối nhau đứng yên trong hư không chẳng rơi xuống đất theo ý muốn của tráng sĩ. Mũi tên sau không bắn nữa thì các mũi tên mới rơi xuống đất.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật dùng phương tiện quyền xảo giữ gìn, tăng trưởng các công đức, đầy đủ tất cả thiện căn, không hoàn tất từng các việc mà không chứng đắc nửa chừng, cho đến thành Vô thượng Chánh đẳng giác. Công đức đầy đủ đến tận cùng mới chứng đắc.

Thế nên Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật phải đầy đủ các pháp trên đây.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát học các khổ này rất khó. Người học như vậy là học rốt ráo, đó là học Như, học pháp tánh, học bản không, học tự không, học Ba giải thoát, học những điều như vậy không từ bỏ giữa chừng.

Bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Vì sao? Vì Bồ-tát có chí nguyện không xả bỏ tất cả chúng sinh.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nào có ý không xả bỏ chúng sinh đều nên độ thoát tất cả chúng sinh ra khỏi các pháp không có đầu mối, sau đó Bồ-tát chứng được ba môn giải thoát, nên biết đó là phương tiện quyền xảo. Bồ-tát cần phải thành tựu tuệ trí Nhất thiết, quyết không nhận lấy chỗ chứng chưa rốt ráo.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát muốn quán biết các pháp thâm sâu: Nội không, ngoại không, hữu không, vô không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và ba môn giải thoát, nên suy nghĩ: "Tất cả chúng sinh ngày đêm thường có tưởng về ngã, nhân, thọ mạng, tri kiến, ý nghĩ và hành động đều dựa vào các tưởng này." Do thấy chúng sinh có các tưởng này, muốn làm cho chúng sinh trừ các tưởng này để thành tựu Vô thượng Bồ-đề mà Bồ-tát nói pháp cho họ thực hành Không, Vô tướng, Vô nguyện Tam-muội. Tuy thực hành như vậy nhưng không nên nhận lấy chỗ chứng nửa chừng là La-hán, Bích-chi-phật.

Này Tu-bồ-đề! Do đây, Bồ-tát có nguyện này, công đức đầy đủ cũng không nhận lấy chỗ chứng nửa chừng, không mất bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Không định, ba mươi bảy phẩm

Trợ đạo, ba môn giải thoát, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại trí, mười Lực và mười tám pháp Bất cộng, liền được đầy đủ các pháp, cuối cùng đạt đến Chánh đẳng giác. Các Bồ-tát được phương tiện quyền xảo hộ trì làm cho đầy đủ công đức, thiện pháp tăng trưởng, các căn thông suốt vượt qua La-hán, Bích-chi-phật.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát thường nghĩ đến chúng sinh sống theo bốn điên đảo, tưởng có thường, lạc, ngã, tịnh, vì hạnh người này ta sẽ hành đạo. Khi thành tựu Phật trí, ta sẽ nói pháp cho họ là nói vô thường, bất tịnh, vô lạc, vô ngã. Bồ-tát có đầy đủ hành động ý nghĩ như vậy, là dùng phương tiện quyền xảo thực hành Bát-nhã bala-mật, đầy đủ mười trí Lực, bốn Vô sở úy, đại Bi, bốn Tâm vô lượng, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, Vô nguyện Tam-muội, sau đó mới nhập định của Phật chứng đắc rốt ráo. Bồ-tát nghĩ như vầy: "Tất cả chúng sinh thường có chấp trước, chấp vào bản ngã và thọ mạng của mình; chấp vào năm ấm, sáu trần, mười tám giới, bốn Thiền, bốn Không định, bốn Tâm vô lượng. Khi ta thành Chánh đẳng giác và Phật trí, làm cho chúng sinh đều không có bệnh chấp trước này." Bồ-tát giữ gìn ý nghĩ hành động này dùng phương tiện quyền xảo thực hành Bát nhã Ba la mật. Khi Bồ-tát chưa đầy đủ mười Trí lực, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại trí, Vô nguyện Tam-muội, đều không chứng đắc nửa chừng, đầy đủ các nguyện rồi mới chứng lấy.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật lại nghĩ rằng: Chúng sinh thường chấp tướng hành hoặc tướng niệm, tướng nam nữ, có sắc, không sắc. Lúc ta siêng năng thực hành thành tựu Chánh đẳng giác, làm cho chúng sinh không có bệnh chấp trước này. Do đầy đủ niệm này, Bồ-tát dùng phương tiện quyền xảo thực hành Bát nhã Ba la mật. Lúc chưa đầy đủ mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng của Phật thì không có nhận lấy chứng đắc. Khi thành tựu các công đức đầy đủ Vô tướng Tam-muội thì mới chứng đắc.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật, học nội không, ngoại không, hữu không, vô không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng của Phật. Đầy đủ các hạnh này thì không còn trôi lăn trong tam giới.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành ba mươi bảy phẩm Trợ đạo. Khi thực hành ba mươi bảy phẩm Trợ đạo rồi, Bồ-tát nên hỏi rằng: "Vì sao muốn chứng được Vô thượng Chánh đẳng giác?" Bồ-tát không do pháp không mà chứng, lại do nơi sự hiểu biết rốt ráo mà chứng được Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chiphật, cũng không chứng Vô tướng, Vô nguyện, không chứng Niếtbàn, không chứng sự tạo tác, không chứng sự sinh cũng không chứng không sự có mà nghĩ đến Bát nhã Ba la mật.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có Bồ-tát nào hỏi các Bồ-tát, bằng như nghe nói không thì sẽ nghĩ không; nghe Vô tướng, Vô nguyện thì sẽ nghĩ Vô tướng, Vô nguyện; nghe không sự tạo tác sẽ nghĩ không sự tạo tác; nghe không sự sinh, không sự có, sẽ nghĩ không sự sinh, không sự có, chỉ nên thực hành không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo mà không thực hành Vô tướng, Vô nguyện, không sự tạo tác cũng không thực hành không sự sinh.

Này Tu-bồ-đề! Nên biết Bồ-tát này chưa thọ ký, chưa được các Đức Phật thọ ký. Vì sao? Vì Bồ-tát không thoái chuyển cũng không nghĩ như vậy, không thực hành, không nói, cũng không tưởng như vậy, chỉ thực hành những việc của Bồ-tát không thoái chuyển, chỉ nghĩ, thực hành, nói, tưởng những việc ấy.

Này Tu-bồ-đề! Nên biết Bồ-tát này đã vượt qua các địa vị:

đang ở địa vị không thoái chuyển và vượt qua địa vị ấy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát này có được không thoái chuyển không?

Phật bảo:

–Nếu có Bồ-tát nào nghe sáu pháp Ba-la-mật mà không nghe

về sự việc như trên, đúng là Bồ-tát không thoái chuyển.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng:

–Có nhiều người thực hành Phật đạo, mà ít có người thực hành như Bồ-tát không thoái chuyển. Vì sao? Vì ít có Bồ-tát được thọ ký địa vị Tuệ không thoái chuyển. Bồ-tát không thoái chuyển được thọ ký là đã xa lìa các tưởng chấp trước và các việc không hoàn tất như trên đã nói. Đại Bồ-tát này, chư Thiên, nhân loại không ai có thể sánh kịp.

QUYỂN 14
Phẩm 62: TƯỚNG KHÔNG THOÁI CHUYỂN

Đức Phật bảo Ngài Tu-bồ-đề:

–Ở trong mộng Bồ-tát không thân cận La-hán, Bích-chi-phật, không thân cận ba cõi cũng không hủy hoại ba cõi, cũng không sinh tâm xem các pháp như mộng, như tiếng vang, như ảo thuật, như sóng nắng, nên xem các pháp như huyễn hóa mà không chấp chứng.

Này Tu-bồ-đề! Đó là tướng không thoái chuyển của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ở trong mộng Bồ-tát thấy Phật với trăm ngàn vô số bốn chúng đệ tử vây quanh nghe Phật thuyết pháp. Bồ-tát nghe Phật thuyết pháp liền hiểu biết ý nghĩa rồi thực hành theo giáo pháp, lời nói không trái với phép tắc. Đó là tướng không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ở trong mộng Bồ-tát thấy Phật có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, thần thông biến hóa, bay vọt lên hư không, thuyết pháp giáo hóa cho chúng Tỳ-kheo, khuyến hóa người đến cõi Phật khác làm Phật sự. Đó là tướng không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nếu ở trong mộng, Bồ-tát thấy giặc nổi lên giết hại nhau ở quận, huyện, hoặc thấy nạn lửa cháy, hoặc thấy sói, sư tử, trùng độc, các điều ghê sợ, buồn rầu, đau khổ, hoặc thấy nạn đói khát, hoặc thấy anh em bạn bè thân thiết chết, hoặc thấy những sự việc như vậy mà Bồ-tát vẫn không sợ hãi. Sau khi thức giấc liền suy nghĩ: Những việc trong ba cõi đều như chiêm bao mà thôi, ta sẽ tinh tấn để thành tựu Phật trí, sẽ thuyết pháp cho chúng sinh trong ba cõi.

Này Tu-bồ-đề! Đó là tướng không thoái chuyển.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Làm thế nào mà mọi người biết Bồ-tát thành tựu quả Vô thượng Bồ-đề?

Này Tu-bồ-đề! Nếu thấy địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, các sự khổ trong ba đường ác, Bồ-tát nên phát nguyện rằng: Khi thành tựu Phật trí, ta sẽ làm cho nước ta không có ba đường ác. Vì sao? Vì các việc thấy trong mộng và các pháp không hai, nên biết đó là tướng không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nếu ở trong mộng, Bồ-tát thấy lửa trong địa ngục đốt nấu chúng sinh, tỉnh giấc, Bồ-tát nghĩ rằng: Những sự việc tai biến ta thấy trong chiêm bao hoặc trong mộng tự mình thấy tướng không thoái chuyển liền phát thệ nguyện rằng: Lửa mà ta thấy trong địa ngục sẽ tắt. Nếu lửa tắt, nước sẽ nguội dần, nên biết Bồ-tát này đã được thọ ký sẽ thành Chánh đẳng giác. Đó là tướng Bát thoái chuyển. Nếu lửa đốt cháy nhà này đến nhà khác, làng này qua làng khác, hoặc thiêu đốt nhà này mà không thiêu đốt nhà khác, hoặc thiêu đốt làng này mà không thiêu đốt làng khác, nên biết những nhà bị thiêu đốt là do đời trước hủy hoại Chánh pháp nên đời này phải chịu tai họa ấy. Từ đó về sau, dư nghiệp đều dứt, đây là tội diệt phước sinh, đó là tướng không thoái chuyển.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ta sẽ nói hành tướng của Bồ-tát không thoái chuyển. Nếu có người nam, người nữ bị quỷ thần bắt giữ, Bồ-tát này liền nghĩ: "Chư Phật, Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác đời quá khứ đã thọ ký cho tôi, thực hành hạnh nguyện thanh tịnh không có ô uế, không rơi vào địa vị La-hán, Bích-chi-phật, sẽ thành tựu Phật trí, cũng không thành, cũng không phải là không thành. Mười phương chư Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác trong hiện tại, không có gì là không biết, không thấy, không hiểu. Giả sử chư Phật biết chắc chắn ta sẽ thành tựu Vô thượng Bồ-đề thì quỷ thần sẽ bỏ đi. Nếu quỷ thần không bỏ đi thì nên biết Bồ-tát này chưa được chư Phật quá khứ thọ ký."

Này Tu-bồ-đề! Nên biết Bồ-tát này đã thuyết kinh rồi thì quỷ thần liền bỏ đi, nên biết Bồ-tát này đã được Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác thọ ký.

Này Tu-bồ-đề! Do hình tướng, hành động đầy đủ mà biết là tướng của Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật mà xa lìa phương tiện quyền xảo, chưa thực hành ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, ba môn giải thoát, chưa đạt đến địa vị Bồ-tát, chưa đạt đến Tam-muội Bồ-tát, cũng chưa được chư Phật quá khứ thọ ký, Bồ-tát này đi đến chỗ thiện nam thiện nữ nói rằng: "Tôi đã được thọ ký sẽ thành Chánh đẳng giác, quỷ thần sẽ bỏ đi, bằng như quỷ thần không đi là do Bồ-tát này nói kinh pháp không dứt." Khi ấy ma Ba-tuần đi đến chỗ quỷ thần, nghĩ rằng: "Ta sẽ làm cho quỷ thần này bỏ đi." Vì sao? Vì ma Ba-tuần có oai lực lớn hơn quỷ thần. Khi ấy ma Ba-tuần liền bảo: "Quỷ thần hãy đi đi." Bồ-tát này không biết ma Ba-tuần bảo quỷ thần đi nên vui vẻ bảo là do thần lực của ta mà quỷ thần đi, liền tự cống cao, khinh miệt các người khác và nói rằng: "Tôi đã được chư Phật quá khứ thọ ký, còn những người khác thì chưa được." Do cống cao, khinh dễ người khác nên Bồ-tát ấy xa lìa trí Nhất thiết, không được trí tuệ của Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác. Cũng do cống cao này mà bị mất đi phương tiện quyền xảo, liền đi vào hai bậc La-hán, Bích-chi-phật. Do không chí thành thệ nguyện nên ma sự phát sinh, xa lìa bạn chân chánh, rơi vào lưới ma. Vì sao? Vì Bồ-tát không hành sáu pháp Ba-la-mật, không nắm vững phương tiện quyền xảo.

Này Tu-bồ-đề! Nên biết Bồ-tát này tự làm việc ma.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát này chưa thực hành sáu pháp Ba-la-mật, chưa được phương tiện quyền xảo, chưa đạt đến địa vị Bồ-tát, do làm việc ma nên ma Ba-tuần đến chỗ Bồ-tát hóa ra hình tướng lạ bảo Bồ-tát

rằng: "Này thiện nam, Như Lai sẽ thọ ký cho ông thành Chánh đẳng giác, cha mẹ ngài tên đó, anh chị em tên đó, bạn bè thân thuộc tên đó, cha mẹ bảy đời tên đó, ngài sinh ở trong xóm, làng, huyện, nước đó."

Nếu thấy Bồ-tát tánh hạnh hòa thuận, ma nói: "Đời trước ngài cũng nhu hòa." Nếu thấy Bồ-tát tài trí thông minh, sáng suốt, thực hành mười hai pháp Sa-môn, lời nói dè dặt, ma Ba-tuần tùy theo đó mà nói với Bồ-tát rằng: "Đời trước ngài cũng có những hạnh như vậy, cũng thực hành mười hai pháp Sa-môn này." Nghe ma nói những việc đời trước của mình, Bồ-tát tự quán xét việc làm, lại càng thêm cống cao khinh dễ những bạn đồng học.

Ma lại nói rằng: "Như Lai đời quá khứ đã thọ ký cho ngài, công đức của ngài làm không còn thoái chuyển." Ma Ba-tuần giả làm hình tướng Tỳ-kheo hoặc hiện làm cha mẹ hoặc hiện làm thân tộc đến nói rằng: "Ngài chắc chắn sẽ thành Chánh đẳng giác. Vì sao? Vì ngài đã có đầy đủ hành động, tướng mạo của Bồ-tát không thoái chuyển.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ta sẽ nói hành động của Bồ-tát không thoái chuyển, thật ra Bồ-tát đó không có được tướng này, nên biết Bồ-tát đó bị ma sai sử. Do nghe tiếng khen mà sinh ra cống cao, khinh miệt bạn đồng học, chê cười người khác, không thể nói hết. Do cống cao nên biết đó là ma sự.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đối với nhân duyên của ma, Bồ-tát nên biết đó là việc ma. Vì Bồ-tát này không thực hành sáu pháp Ba-lamật, không biết đúng việc ma, không biết đúng về năm ấm. Bồ-tát ấy do không biết việc ma, nghe Tỳ-kheo trước nói việc thọ ký, nay lại nghe danh từ thọ ký, liền vui vẻ tự nghĩ rằng: "Do chứng cứ như vậy nên ta chắc chắn sẽ được quả Vô thượng Bồ-đề"; lại càng thêm cống cao khinh dễ người khác là không biết gì. Bồ-tát như vậy không có tướng không thoái chuyển, liền xa lìa Bát nhã Ba la mật với phương tiện quyền xảo, đánh mất Trí tuệ Vô thượng Chánh đẳng giác, xa lìa chân tri thức, lại gần ác tri thức. Nên biết Bồ-tát này sẽ không được thành tựu, đi vào hai địa và sau đó chịu khổ rất lâu trong đường sinh tử mới được gặp chân tri thức, mới được nghe Bát nhã Ba la mật. Bấy giờ Bồ-tát mới hối hận trước đây đã chấp trước danh tự, do hối hận nên mới chứng đắc La-hán, Bích-chi-phật. Ví như Tỳkheo phạm bốn giới trọng, hiện đời không thành tựu bốn quả Samôn.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát kia phạm bốn giới trọng do chấp vào danh tự rồi cống cao. Người phạm tội này là cống cao, chấp vào danh tự giả dối, tội đó còn hơn tội ngũ nghịch.

Tu-bồ-đề! Nếu chấp vào danh tự, lệ thuộc vào tưởng thì hãy mau hộ trì Chánh giác những nhân duyên vi tế của ma.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ma Ba-tuần lại đến chỗ Bồ-tát khen ngợi hạnh viễn ly, nói lên công đức của hạnh viễn ly. Ma nói rằng Phật khen ngợi việc làm của ông, hãy nên làm như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Theo lời ta nói, pháp viễn ly của Bồ-tát không phải như vậy. Nếu một mình ở nơi vắng vẻ, không có người như ở trên núi hay dưới gốc cây thì chưa chắc đó là pháp viễn ly.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thế nào là pháp viễn ly của Bồ-tát?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Pháp viễn ly của Bồ-tát là xa lìa ý nghĩ mong cầu quả Thanh văn, Bích-chi-phật, xa lìa ý nghĩ ở một mình nơi rừng vắng hay dưới gốc cây.

Tu-bồ-đề! Đó là pháp đại viễn ly của Bồ-tát, ngày đêm Bồ-tát phải thực hành thì gọi là Bồ-tát có hạnh tịch tĩnh viễn ly. Nếu ở nhân gian theo giáo pháp tịch tĩnh của ta thì tuy ở thành thị cũng không khác gì ở núi rừng, đồng trống. Nếu theo lời ma dạy thì liền mất pháp viễn ly, đi vào địa vị La-hán, Bích-chi-phật, không thích ứng với Bát nhã Ba la mật, không đầy đủ trí Nhất thiết. Nếu nghĩ và làm như vậy thì không phải là pháp thanh tịnh, vì nó bị xen lẫn với tâm La-hán, Bích-chi-phật, trở lại khinh dễ chê cười người có hạnh thanh tịnh ở nhân gian. Mặc dù những người ở nhân gian không xen lẫn tâm La-hán, Bích-chi-phật, mà trở lại khinh dễ họ, cũng lại khinh chê người được thiền định Tam-muội và người được thần thông. Bồ-tát không có phương tiện quyền xảo, tuy ở tận ngoài trăm do-tuần, chỗ mà cầm thú, quỷ thần, giặc cướp không thể đến được, hoặc ở lâu trong đó đến ngàn vạn ức năm mà không biết pháp viễn ly của Bồ-tát thì cũng không có lợi ích gì. Theo lời dạy của ma Ba-tuần, Bồ-tát thực hành hạnh viễn ly mà không thích theo lời dạy của ta thì không thể đầy đủ pháp viễn ly, cũng không ở trong pháp viễn ly. Vì sao? Vì đã xa lìa pháp viễn ly ấy.

Bồ-tát vừa mới xa lìa pháp viễn ly thì ma Ba-tuần ở trong hư không khen rằng: "Lành thay, lành thay! Thiện nam tử, đó là lời nói của Phật, là pháp viễn ly chân thật. Ông thực hành pháp này có thể mau đến Vô thượng Bồ-đề." Bồ-tát quên mất hạnh viễn ly kia, được tán thán như vậy rồi, liền vui vẻ cống cao khinh dễ hạnh viễn ly chân thật, quay lại phỉ báng: "Đây là người không hiểu biết gì, nghĩa là tâm ý rối loạn, không thanh tịnh. Người không thanh tịnh lại cho là thanh tịnh, người không đáng cung kính lại cung kính, người đáng cung kính lại khinh mạn. Vì sao? Vì tôi được chư Thiên, nhân loại, phi nhân giúp đỡ cung kính. Đó là do tôi sống chân thật, còn ông ở ngoài thành thì ai mà đến cung kính khen ngợi." Các thiện nam, thiện nữ ở ngoài thành mong cầu Bồ-tát đạo, Bồ-tát tự cống cao nói rằng: "Không bao lâu ta sẽ đắc đạo."

Tu-bồ-đề! Nên biết Bồ-tát tự cao này như bọn Chiên-đà-la

(Chiên-đà-la là bọn người ngang ngược, hay sát sinh). Bọn người này ở trong hành Bồ-tát mà gây tội lớn. Hạng người này là kẻ bệnh nặng trong hàng Bồ-tát, là kẻ dựa vào pháp giả dạng Bồ-tát, là kẻ giặc lớn trong trời, người; là kẻ đại tặc giả dạng Sa-môn, lại là đại tặc trong hàng thiện nam, thiện nữ. Với hạng người như vậy không nên đi theo, gặp gỡ, cùng ngồi, cùng nói chuyện, cùng ăn uống với họ. Vì sao? Vì hạng người này cống cao, ương ngạnh. Nếu có Bồ-tát không muốn xả bỏ trí Nhất thiết, Chánh đẳng giác mà mong cầu Phật trí, muốn cứu độ tất cả chúng sinh thì nên xa lìa hạng người này, không nên theo họ mà tự mình tu hành, chớ nên qua lại với họ mà nên nhàm chán họ. Đối với thế gian không nên hưởng lạc trong ba cõi mà nên thương xót chúng sinh, sinh lòng đại Bi đối với lòng tà kiến điên đảo này. Bồ-tát nên tự nghĩ rằng: Đời đời ta không gặp những chuyện phi pháp, nếu có ý này thì mau nhanh chóng diệt trừ. Tu-bồđề, nên biết Bồ-tát này tự phát ra thần thông.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nếu có Bồ-tát nào chí thành nghiêm trang mong cầu Chánh đẳng giác thì nên gần gũi chân tri thức.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng:

–Những gì là chân tri thức của Bồ-tát?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Chư Phật Thế Tôn là chân tri thức của Bồ-tát, các Đại Bồ-tát là chân tri thức của Bồ-tát, các chúng đệ tử cũng là chân tri thức của Bồ-tát. Bậc chân tri thức thường giảng nói Bát-nhã balamật cho Bồ-tát. Sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm, mười tám pháp Bất cộng của Phật, chân tế, pháp tánh đều là chân tri thức của Bồ-tát. Sáu pháp Ba-la-mật là cây Đa-la tôn quý trong thế gian, là đạo, là ánh sáng lớn, là ngọn đuốc lớn, là ánh sáng trí tuệ lớn, là hộ trì, là chỗ quay về, là cha, là mẹ, là ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, là trí Nhất thiết, là từ bỏ những tập khí của con người. Vì sao? Này Tu-bồ-đề, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo là mẹ của mười phương chư Phật trong ba đời. Vì chư Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác trong ba đời đều từ trong ba mươi bảy phẩm Trợ đạo mà sinh ra. Vì vậy, Bồ-tát muốn thành tựu Chánh đẳng giác, làm thanh tịnh cõi Phật, giáo hóa chúng sinh thì nên dùng bốn việc làm lợi ích để nhiếp hóa chúng sinh. Đó là Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành và Đồng sự.

Tu-bồ-đề! Do quán sát sự việc này nên ta nói như vậy, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo là cha mẹ của Bồ-tát, là nhà, là sự bảo vệ, là đèn sáng.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát không muốn theo lời dạy của người khác mà muốn đoạn tất cả nghi ngờ của chúng sinh, muốn làm thanh tịnh cõi Phật, giáo hóa chúng sinh thì nên học Bát nhã Ba la mật, vì Bát nhã Ba la mật nói rộng các hạnh của Bồ-tát, các Bồ-tát cần nên học.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Những gì là tướng của Bát nhã Ba la mật?

Phật dạy:

–Tướng của Bát nhã Ba la mật như tướng của hư không, cũng chẳng phải tướng, cũng chẳng phải tạo tướng.

Tu-bồ-đề thưa:

–Nếu có nhân duyên thì có thể biết tướng của Bát-nhã ba-lamật không? Do tướng biết được các pháp không?

Phật bảo:

–Đúng vậy! Này Tu-bồ-đề, muốn biết tướng của Bát-nhã bala-mật thì cũng như tướng của các pháp, vì các pháp vắng lặng thường thanh tịnh. Vì thế, này Tu-bồ-đề, tướng của Bát-nhã balamật là tướng của các pháp, đó là không tịch.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp là vắng lặng, là không thì tại sao biết các pháp có chấp trước, có xả ly, không và vắng lặng cũng không xả bỏ, cũng không đắm trước, cũng không thành Chánh đẳng giác, ở trong không và vắng lặng cũng không có pháp, không thấy đắc trí của Phật. Bạch Thế Tôn, làm thế nào chúng con biết được nghĩa này?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Chúng sinh thường chấp trước vào cái ngã hiện hành.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đúng vậy. Chúng sinh thường chấp trước vào bản ngã hiện hành.

Phật hỏi:

–Ông có biết ngã của mình là không và vắng lặng không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Biết.

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Ông có biết chúng sinh do cái ngã nên ở lâu trong sinh tử không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Biết. Do chúng sinh chấp trước vào ngã nên ở

lâu trong thế gian, chịu nhiều sự cực khổ.

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Không có ngã, ngã sở; không có người lãnh thọ, cũng không ở lâu trong thế gian, chịu nhiều sự cực khổ.

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Không có ngã, ngã sở, không có người lãnh thọ, cũng không ở lâu trong thế gian, cũng không chịu nhiều cực khổ lâu dài, cũng không chấp trước, không xả bỏ.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát thực hành như vậy là không thực hành năm ấm, cũng không thực hành ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, bốn Vô ngại tuệ. Vì không thấy có pháp có thể thực hành được, cũng không thấy pháp đáng để thực hành. Bồ-tát thực hành như vậy thì chư Thiên, nhân loại không thể hàng phục được; La-hán, Bích-chi-phật không thể sánh kịp. Vì sao? Vì đạt đến chỗ không ai sánh kịp. Như vậy Bồ-tát sẽ mau đạt đến trí Nhất thiết.

Phật dạy:

–Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Giả sử chúng sinh trong cõi Diêmphù-đề đều được làm người, đều được thành Chánh đẳng giác. Nếu có thiện nam, thiện nữ trọn đời cung kính, cúng dường chư Phật ấy, rồi đem phước đức cúng dường hồi hướng Vô thượng Bồ-đề. Như vậy, phước đức của thiện nam, thiện nữ đó có nhiều không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.

Phật dạy:

–Nhưng không bằng thiện nam, thiện nữ này đem Bát-nhã bala-mật dạy cho người khác và giảng giải đầy đủ Trí tuệ trong đó, làm cho xa lìa niệm trí Nhất thiết.

Giả như chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đều được làm người, hoặc có thiện nam, thiện nữ dạy họ thực hành mười điều thiện, an trú trong bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Không định; lại an trụ trong quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật đến quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, rồi đem công đức đó hồi hướng quả Vô thượng Bồ-đề. Phước đức của thiện nam, thiện nữ đó có nhiều không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.

Phật dạy:

–Vẫn không bằng thiện nam, thiện nữ này đem Bát-nhã ba-lamật giảng nói đầy đủ, chỉ bày cho người hiểu rõ ý nghĩa của nó, không xa niệm trí Nhất thiết, vượt lên trên tất cả Hiền thánh. Vì sao? Vì trừ Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác ra chỉ có Đại Bồ-tát mới làm được việc này. Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ này thực hành Bát nhã Ba la mật, đối với chúng sinh phát

khởi lòng đại Từ, vì thấy chúng sinh hướng đến chỗ chết nên sinh lòng đại Bi, không cùng chung với vọng niệm liền được đại Hỷ, do thực hành như vậy nên được đại Xả.

Này Tu-bồ-đề! Đó là trí tuệ sáng suốt của Bồ-tát. Trí tuệ sáng suốt là sáu pháp Ba-la-mật. Thiện nam, thiện nữ này tuy chưa đắc đạo, nhưng vì cứu độ chúng sinh nên đối với quả Chánh đẳng giác không thoái chuyển, hưởng thọ sự cúng dường y phục, thức ăn, giường nằm, thuốc thang, đồ vật báu. Do thực hành Bát-nhã ba-lamật, chắc chắn đem phước đức đến cho chúng sinh và tín thí mau gần trí Nhất thiết.

Này Tu-bồ-đề! Nếu không muốn uổng phí việc nhận đồ tín thí, mà muốn chỉ dạy con đường đạo cho chúng sinh, hoặc muốn hiểu rõ về không sự có, hoặc muốn cứu giúp người thoát khỏi lao ngục, hoặc muốn ban con mắt sáng cho tất cả chúng sinh, hành động của thân phải phù hợp với Bát nhã Ba la mật, thì người khác không tìm được khuyết điểm của mình; nên tạo phương tiện để thường nghĩ đến Bát nhã Ba la mật, chớ để quên mất.

Tu-bồ-đề! Ví như có người được ngọc ma-ni, nên vui mừng hớn hở, sau đó bị mất nên rất sầu khổ, thường nhớ tưởng đến viên ngọc đó không một chút nào quên, tự nghĩ rằng: “Tại sao bỗng nhiên ta bị mất viên ngọc quý này?” Phật bảo:

–Tu-bồ-đề, Bồ-tát xa lìa niệm trí Nhất thiết, cũng như người mất viên ngọc báu kia, đứng ngồi không lúc nào quên.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tại sao tất cả các niệm không có chỗ dừng lại đều là không, vắng lặng. Vì sao? Vì Bồ-tát không xa lìa niệm trí Nhất thiết, cũng không từ nơi xa lìa, nơi niệm, nơi trí Nhất thiết mà có thể thành Bồ-tát.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nếu có Bồ-tát nào biết các pháp tự nó là xa lìa, pháp tánh thì thường trụ, đạo pháp và chân như thường trụ chẳng phải do Phật tạo ra, cũng chẳng phải do La-hán, Bích-chi-phật tạo ra. Bồ-tát biết như vậy hoàn toàn không xa lìa Bát nhã Ba la mật. Vì Bát nhã Ba la mật là không, vắng lặng, cũng không tăng, không giảm.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Bát nhã Ba la mật tự nó là không, vắng lặng thì tại sao Bồ-tát cùng với Bát nhã Ba la mật để đạt thành Phật trí?

Phật dạy:

–Bồ-tát cũng không cùng với Bát nhã Ba la mật, không tăng, không giảm; cứu cánh cũng không tăng, không giảm. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật cũng không phải một, cũng không phải hai. Nếu Bồ-tát nghe tướng Bát-nhã như vậy mà không kinh sợ, không nghi ngờ thì nên biết Bồ-tát này đã an trụ địa vị không thoái chuyển, thực hành Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Niệm không và vô sở hữu của Bát-nhã ba-lamật là thực hành Bát nhã Ba la mật chăng?

Phật bảo:

–Không phải!

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Xa lìa Bát nhã Ba la mật là thực hành Bát nhã Ba la mật phải không?

Phật dạy:

–Không phải!

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật thực hành Bát-nhã ba-lamật có được không?

Phật dạy:

–Không được!

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Năm ấm thưc hành Bát nhã Ba la mật được không?

Phật dạy:

–Không được!

Tu-bồ-đề thưa:

–Sáu pháp Ba-la-mật thực hành Bát nhã Ba la mật được không?

Phật dạy:

–Không được!

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Cho đến bốn Vô ngại trí thực hành Bát nhã Ba la mật được không?

Phật dạy:

–Không được!

Tu-bồ-đề thưa:

–Không của năm ấm, pháp như vậy, pháp tánh, bốn Vô ngại tuệ có thực hành Bát nhã Ba la mật được không?

Phật dạy:

–Không được!

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp này không thực hành Bát nhã Ba la mật hoặc không thực hành pháp này thì Bồ-tát làm sao thực hành Bát nhã Ba la mật?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ý ông thế nào? Ông thấy có pháp nào thực hành Bát-nhã bala-mật được không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không thấy.

Phật hỏi:

–Ông thấy có Bồ-tát có thể thực hành Bát nhã Ba la mật không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không thấy.

Phật hỏi:

–Ý ông thế nào? Pháp mà ông thấy đó có thể thấy được không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không.

Phật hỏi Tu-bồ-đề:

–Pháp không thể được đó có sinh diệt không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Như Bồ-tát đã được Vô sinh pháp nhẫn và được thọ ký Chánh đẳng giác cũng vậy. Nếu Bồ-tát học các thừa, nên vận dụng bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại tuệ của Như Lai, tu tập pháp này thì hoàn toàn không xa lìa trí tuệ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trí tuệ trí Nhất thiết, trí tuệ Đại thừa. Vì sao? Vì Bồ-tát đã được Vô sinh pháp nhẫn, cho đến thành tựu Chánh đẳng giác thì hoàn toàn không lui sụt.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thế Tôn! Từ chỗ các pháp vô sinh, các Bồ-tát có thọ ký thành Chánh đẳng giác không?

Phật dạy:

–Không!

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Từ trong các pháp có sinh, có thọ ký cho các Bồ-tát không?

Phật dạy:

–Không!

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát được thọ ký không phải từ pháp vô sinh, cũng không phải từ pháp hữu sinh, như vậy tại sao Bồ-tát được thọ ký thành Chánh đẳng giác?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ông có thấy pháp nào được thọ ký Vô thượng Bồ-đề không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Con cũng không thấy pháp nào được thọ ký, cũng không thấy chứng đắc Vô thượng Bồ-đề, không thấy người sẽ chứng đắc, cũng không thấy người đã chứng đắc Vô thượng Bồ-đề.

Phật dạy:

–Đúng như vậy! Này Tu-bồ-đề! Đối với các pháp vô sở đắc, Bồ-tát cũng không nghĩ rằng: "Có Phật trí"; cũng không nghĩ rằng: "Ta sẽ chứng đắc Phật trí." Vì sao? Vì Bồ-tát thực hành Bát-nhã bala-mật đối với các pháp không có phân biệt, Bát nhã Ba la mật cũng không có phân biệt.

QUYỂN 14
Phẩm 63: THÍCH ĐỀ-HOÀN NHÂN

Lúc bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật rất sâu xa vi diệu, khó hiểu, khó biết không thể suy nghĩ được. Do bản tính thanh tịnh nên nghe Bát nhã Ba la mật thâm sâu này liền ghi chép, thọ trì, tu tập, được như vậy là do chúng sinh ấy đã tạo nhiều công đức, ý tưởng đắm trước không phát sinh trở lại, cho đến không tưởng đến Chánh đẳng giác.

Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Đúng như vậy! Này Thích Đề-hoàn Nhân, người có thực hành Bát nhã Ba la mật chẳng phải từ nơi công đức nhỏ mà được như vậy. Chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề đều thực hành mười điều thiện, bốn Tâm vô lượng, bốn Thiền, bốn Không định; chẳng bằng thiện nam, thiện nữ này ghi chép thọ trì Bát nhã Ba la mật, đọc tụng đúng như giáo pháp, đạt đến Chánh đẳng giác mà không nghĩ đến việc khác. Phước đức ấy gấp trăm ngàn vạn lần, không thể dùng ví dụ để so sánh.

Lúc bấy giờ, có vị Tỳ-kheo khác nói với Thích Đề-hoàn Nhân rằng:

–Thưa Đế Thích! Người thiện nam, thiện nữ này thực hành vâng giữ Bát nhã Ba la mật, rồi chỉ dạy cho người khác thì công đức của người đó vượt lên trên tất cả chúng sinh trong Diêm-phùđề.

Thích Đề-hoàn Nhân nói:

–Người nam, người nữ nào chỉ một lần phát tâm thực hành Bát nhã Ba la mật thì hơn chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề thực hành mười điều thiện, bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, năm Thần thông; huống chi vâng giữ, ghi chép, thọ trì, đọc tụng đúng như giáo pháp Bát-nhã. Người đó vượt hơn chư Thiên, A-tu-la, loài người ở thế gian. Bồ-tát này không chỉ hơn chư Thiên, loài người thế gian mà còn hơn các bậc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật; chẳng phải chỉ hơn các bậc này mà còn hơn Bồ-tát, Bồ-tát thực hành năm pháp Ba-la-mật, Bát-nhã ba-lamật mà không có phương tiện quyền xảo, thực hành đúng như Bát nhã Ba la mật dạy, thì vượt lên trên tất cả chư Thiên, loài người. Chư Thiên, loài người đều không sánh kịp. Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật đúng như giáo pháp thì không mất chủng tánh trí Nhất thiết, hoàn toàn không xa lìa danh hiệu Như Lai, hạnh Bồ-tát không mất đạo tràng. Thực hành như vậy là Đại Bồ-tát muốn cứu vớt chúng sinh ra khỏi biển sinh tử. Người nào học như vậy là học những điều của Bồ-tát, không học những điều của Thanh văn, Bích-chi-phật. Bồ-tát học như vậy, bốn vị Thiên vương sẽ đến chỗ Bồ-tát nói rằng: "Người thiện nam, thiện nữ này siêng năng tinh tấn tu học thành tựu quả Vô thượng Bồ-đề. Khi ngồi đạo tràng này, chư Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác đời quá khứ đã nhận bốn cái bát thì không bao lâu chúng tôi cũng sẽ dâng cho ngài." Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật như vậy, các vị Thích Đề-hoàn Nhân sẽ đến hỗ trợ. Người nam, người nữ đó sẽ được Tu-diễm Thiên tử dẫn các Diễm Thiên tử đến, Đâu-suất Thiên tử sẽ dẫn Đâu-suất Thiên tử đến, các Ni-ma-la Thiên cũng đều đến, các Bala-ni-mật Thiên cho đến chư Thiên Thủ đà hội đều đến. Chư Thiên đến chỗ các Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật này; chư Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác mười phương trong hiện tại đều nghĩ đến thiện nam, thiện nữ này. Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-lamật thâm sâu thì các việc khốn khổ, ách nạn trong thế gian đều không còn nữa.

Này Tu-bồ-đề! Đây là công đức, phước báo hiện đời của việc thực hành Bát nhã Ba la mật.

Tất cả thế gian đều có bốn loại bệnh, một là sự động các căn trong thân đều bị đau đớn, do đó tâm cũng khổ não. vì thực hành Bát nhã Ba la mật, Bồ-tát không còn mắc các bệnh khổ này. Đó là phước báu công đức hiện đời.

Bấy giờ, A-nan nghĩ rằng: "Thiên đế Thích tự mình nói như vậy hay là do thần lực của Phật?" Biết tâm niệm của A-nan, Thích Đề-hoàn Nhân nói:

–Lời tôi nói đều do thần lực của Phật cả.

Phật bảo A-nan:

–Những điều Thích Đề-hoàn Nhân nói đều là oai thần của Phật. Lúc Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật, bọn ma trong ba ngàn thế giới đều nghi ngờ. Bồ-tát này sẽ chứng được rốt ráo, hay chứng quả Thanh văn, Bích-chi-phật; hay là sẽ thành tựu Chánh đẳng giác, Phật trí.

Này A-nan! Khi nào Bồ-tát không xa lìa Bát nhã Ba la mật thì ma rất sầu khổ, khi ấy bọn ma phóng ra gió lớn muốn làm cho Bồ-tát khiếp sợ, biếng nhác, bị rối loạn đối với trí Nhất thiết.

A-nan hỏi Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả các Bồ-tát đều bị ma quấy nhiễu phải không?

Phật bảo:

–Có người bị ma quấy nhiễu, có người không bị ma quấy nhiễu.

A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn! Người nào bị ma quấy nhiễu, người nào không bị ma quấy nhiễu?

Phật dạy:

–Lúc Bồ-tát mới nghe Bát nhã Ba la mật, trong tâm không vui không hiểu nên ma Ba-tuần liền đến quấy nhiễu; hoặc khi nghe chỗ thâm sâu của Bát nhã Ba la mật, trong tâm nghi ngờ không biết có thật hay không thật. Do đó nên ma Ba-tuần đến quấy nhiễu.

Lại nữa, A-nan! Nếu có Bồ-tát xa lìa bạn tốt chân thật nên không nghe không biết Bát nhã Ba la mật, không hiểu rõ việc đó nên ý không vui, do đó ma Ba-tuần liền đến quấy nhiễu.

Lại nữa, A-nan! Bồ-tát xa lìa Bát nhã Ba la mật trở nên tán thán phi pháp, ma vui mừng nghĩ rằng: “Nếu có Bồ-tát nào nói việc phi pháp thì ta sẽ có nhiều bè đảng và thỏa mãn nguyện vọng của ta, lại làm cho người khác đi vào hai thừa La-hán, Bích-chi-phật.”

Lại nữa, A-nan! Nếu có Bồ-tát nào lúc nghe nói Bát-nhã ba-lamật thâm sâu, liền nghĩ rằng: “Thâm sâu đó không phải là thâm sâu hay sao?” Biết điều suy nghĩ của Bồ-tát, ma nghĩ rằng: “Nay ta được chỗ sơ hở của người rồi.”

Lại nữa, A-nan! Nếu có Bồ-tát nào hướng đến người khác mà cống cao nói rằng: “Ta có thể thực hành sáu pháp Ba-la-mật, còn ông thì không thực hành được.” Bồ-tát bị ma tìm được chỗ sơ hở, lúc dó ma Ba-tuần vui mừng hớn hở.

Lại nữa, A-nan! Bồ-tát nào tự ỷ vào trí tuệ, dòng họ, điều thiện, hiểu biết của mình, liền sinh cống cao, khinh rẻ người khác; Bồ-tát này cũng không có hình tướng, hành động không thoái chuyển mà nói với vị khác rằng: “Ông hiện không ở trong dòng họ Bồ-tát, cũng không ở trong Đại thừa.”

Lúc bấy giờ, ma Ba-tuần vui mừng nghĩ rằng: “Nay cung điện của ta không trống không nữa, tăng thêm ba đường ác, dòng họ ta không giảm bớt.” Ma thường xem xét Bồ-tát có nói việc phi pháp không và muốn làm cho mọi người nghe pháp đó, làm cho tà kiến nhơ bẩn tăng thêm, gây ra hành động điên đảo đối với pháp nên thân, khẩu, ý tham đắm vào tà phước, do đó càng tăng thêm ba đường ác, quyến thuộc của ma càng nhiều. Bấy giờ, ma Ba-tuần càng vui mừng hớn hở vui chơi.

Lại nữa, A-nan! Nếu Bồ-tát thực hành Bồ-tát đạo, tranh đấu với người cầu quả Thanh văn thì ma nghĩ rằng: “Người này đã xa lìa trí Nhất thiết, đại Trí.” Vì sao? Vì đấu tranh, oán hận chẳng phải là đạo trí Nhất thiết. Đó là nghiệp của ba đường ác.

Lại nữa, A-nan! Bồ-tát lại đấu tranh với Bồ-tát thì ma Ba-tuần nghĩ rằng: "Cả hai đều xa lìa Phật, trí Nhất thiết, đều không thành Chánh đẳng giác." Vì sao? Vì thiện nam đó tạo ra ba nghiệp ác, chẳng phải là trí Nhất thiết.

Này A-nan! Bồ-tát chưa được thọ ký có ác tâm tranh tụng với Bồ-tát đã được thọ ký, tùy theo ý đó trải qua nhiều số kiếp, tuy có ác tâm như vậy nhưng nhờ không xả bỏ trí Nhất thiết nên phải trải qua nhiều kiếp số trong các cõi, sau đó mới thành Chánh đẳng giác.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ngay trong những kiếp số trải qua đó có thể giảm bớt giữa chừng không?

Phật dạy:

–A-nan! Ta nói pháp cho cả ba thừa tùy theo ý của họ mà có số kiếp ít hay nhiều, phải làm hết các việc không thể nào giảm bớt ở giữa chừng.

Phật dạy tiếp:

–Nếu Bồ-tát cùng nhau tranh tụng, sân hận, mắng chửi, giận hờn mà không ăn năn, ta nói họ không trừ được tranh tụng. Bồ-tát phải trải qua nhiều kiếp siêng năng thực hành đại thệ nguyện, sau đó mới thành Chánh đẳng giác. Nếu có Bồ-tát nào khi tranh tụng sân hận rồi, tự mình hối hận nghĩ rằng: "Lợi này rất khó được, nay ta sẽ hạ mình dưới tất cả mọi người, đời nay và đời sau, ta sẽ làm cho chúng sinh đều được hòa giải. Tại sao ta lại nói điều xấu và nghĩ điều xấu cho người, trọn đời ta sẽ không dám làm như vậy nữa. Ta như con dê điếc, tự tiêu trừ tội lỗi để thành tựu Chánh đẳng giác, độ thoát chúng sinh. Tại sao ta lại sân hận mà tự chôn vùi mình, ta không nên sân hận và tự chôn vùi mình như vậy nữa." Khi Bồ-tát vừa nghĩ như vậy, ma Ba-tuần không tìm được khuyết điểm của Bồ-tát.

Lại nữa, A-nan! Người thực hành Bồ-tát không nên ở chung với hàng Thanh văn, nếu ở chung thì không nên đấu tranh với nhau, nên tự nghĩ rằng: "Ta không nên sân giận, tranh cãi cùng với hạng người này. ta sẽ thành tựu Chánh đẳng giác vượt qua các khổ ách." A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát cùng ở chung với nhau phải như thế nào?

Phật bảo:

–Pháp Bồ-tát ở chung với nhau phải xem nhau như ở chung với Thế Tôn. Nên nghĩ rằng: Bồ-tát này là bạn cùng ngồi chung một thuyền với ta, cùng học với ta, cùng thực hành Bố thí ba-la-mật đến trí Nhất thiết. Nếu Bồ-tát đó không hiểu không thuận theo Nhất thiết rí thì ta không nên theo, còn Bồ-tát đó quyết định không xa lìa trí Nhất thiết thì ta sẽ học theo. Như vậy, Đại Bồ-tát học như vậy gọi là cùng học.

QUYỂN 14
Phẩm 64: HỎI NHỮNG ĐIỀU HỌC

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát nên học những điều gì?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát nên học nội không, ngoại không, tự tánh năm ấm là không, cho đến tự tánh của đạo quả Bồ-đề cũng là không.

Này Tu-bồ-đề! Pháp không này là điều Đại Bồ-tát nên học, an trụ trong pháp không này, Đại Bồ-tát thành tựu Chánh đẳng giác.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát học tiêu trừ năm ấm là học trí Nhất thiết, năm ấm không ô nhiễm là học trí Nhất thiết, học diệt trừ năm ấm là học trí Nhất thiết, không sinh năm ấm là học trí Nhất thiết, cho đến học bốn vô ngại là học trí Nhất thiết.

Phật bảo:

–Tu-bồ-đề! Đúng như lời ông nói! Học tiêu trừ năm ấm là học trí Nhất thiết, cho đến học vô sinh là học trí Nhất thiết.

Phật hỏi:

–Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Như của sự có năm ấm cho đến Như của đạo, Như của Thế Tôn, các Như này có khi nào giảm bớt không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không. Bồ-tát học như vậy là học Như, học trí Nhất thiết, Như cũng không đoạn tận, cũng không giảm, không diệt., học như vậy là học Như, học trí Nhất thiết. Bồ-tát học như vậy là học sáu pháp Ba-la-mật, học ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng, trí Nhất thiết.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát học Phật như vậy là vượt lên trên các môn học, là đệ nhất học; Thiên ma, Ma vương không thể phá hoại được, sẽ mau đến bậc không thoái chuyển. Bồ-tát học như vậy là tu tập nghiệp cao thượng, học pháp của Như Lai, hướng dẫn chúng sinh, làm thanh tịnh cõi Phật; học đại Từ, đại Bi, giáo hóa chúng sinh.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát học như vậy là học ba lần chuyển, mười hai hành pháp luân, độ thoát chúng sinh. Học như vậy là học không mất giống Phật, mở cửa bất tử, học như vậy là học hiển bày pháp vô vi.

Này Tu-bồ-đề! Người hạ liệt không thể học được như vậy. Người học như vậy là muốn cứu vớt chúng sinh ra khỏi biển khổ sinh tử. Người học như vậy không đọa vào ba đường ác, không sinh ở biên địa, không sinh vào nhà Chiên-đà-la. Người học như vậy không bị tật điếc, đui, câm, ngọng, què quặt; các căn đầy đủ, không có khuyết tật, có âm thanh hay, không phạm điều ác, hoàn toàn không học điều tà vạy. Tự mình sống như vậy, làm việc gì cũng thuận tiện, không bị trái nghịch, không tụ tập với người ác.

Tu-bồ-đề! Người học như vậy, do dùng phương tiện quyền xảo, nên không sinh vào cõi trời trường thọ. Phương tiện quyền xảo là những gì? Như trong Bát nhã Ba la mật đã nói, bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Không định, không chấp vào sự chứng về thiền. Người học như vậy có năng lực làm thanh tịnh tất cả các pháp, làm thanh tịnh tâm La-hán, Bích-chi-phật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Tự tánh của tất cả các pháp là thanh tịnh, tại sao Bồ-tát lại muốn làm thanh tịnh các pháp?

Phật bảo:

–Đúng vậy! Bồ-tát bản tánh thanh tịnh, học Bát nhã Ba la mật không nhàm chán, không biếng nhác, đó là Bát nhã Ba la mật. Pháp này người phàm phu, ngu muội không thể học, không thể hiểu được. Vì chúng sinh nên Bồ-tát hành Bố thí ba-la-mật cho đến trí Nhất thiết, Bồ-tát học như vậy là học mười Lực, Vô sở úy lực. Người học như vậy là vượt lên trên việc làm của chúng sinh.

Này Tu-bồ-đề! Ví như bảo vật vàng bạc lấy từ lòng đất ra thật ít nơi có, phần nhiều phát tâm cầu Thanh văn, Bích-chi-phật, ít có người có thể tu tạo phước của Chuyển luân thánh vương, mà người tu tạo phước vua nhỏ thì nhiều, ít có chúng sinh có khả năng thể nhập trí Nhất thiết, phần nhiều người thể nhập đạo La-hán, Bích-chi-phật.

Này Tu-bồ-đề! Nhiều người phát tâm cầu Chánh đẳng giác, mà người thành tựu thì rất ít, phần đông chỉ trụ La-hán, Bích-chi-phật.

Này Tu-bồ-đề! Nhiều người thực hành Bồ-tát đạo, học Bát nhã Ba la mật, nhưng đạt đến không thoái chuyển thì rất ít. Do đó, Tubồ-đề, Bồ-tát muốn trụ vững chắc vào địa vị không thoái chuyển nên học Bát nhã Ba la mật thâm sâu.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Lúc học Bát nhã Ba la mật Bồ-tát không sinh tâm tật đố, phá giới giận hờn, tán loạn, biếng nhác, ngu si; không sinh ba độc tham, sân, si; không sinh tâm chấp lấy năm ấm cho đến đạo Vô thượng Bồ-đề. Vì sao? Vì khi Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật thâm sâu, không thấy pháp hữu sinh, đối với pháp vô sinh cũng không có được, cũng không phát sinh. Vì thế, Bồ-tát thọ trì Bát nhã Ba la mật thâm sâu là tổng trì các Ba-la-mật. Vì sao? Vì khi Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật, các Ba-la-mật đều theo đó. Ví như người sắp chết, trước tiên là tắt thở, sau đó các căn đều diệt.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật sâu xa đều thể nhập trong các độ. Muốn cho các độ được rốt ráo Bồ-tát nên học Bát nhã Ba la mật sâu xa. Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật sâu xa vượt lên trên tất cả các người học khác.

Phật hỏi:

–Tu-bồ-đề! Chúng sinh trong ba ngàn thế giới có nhiều không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề còn rất nhiều, huống gì là chúng sinh trong cả ba ngàn thế giới.

Phật hỏi:

–Nếu chúng sinh này đều được học đạo làm người, đều thành Chánh đẳng giác, Bồ-tát nào đem y phục, đồ ăn uống cúng dường cho những vị đó trọn đời thì phước đức có nhiều không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.

Phật dạy:

–Phước ấy cũng không bằng phước thiện nam, thiện nữ hết lòng trì niệm Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật thâm sâu này làm cho các Đại Bồ-tát được lợi ích lớn, có thể thành tựu Chánh đẳng giác.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát muốn lên trên tất cả chúng sinh, làm chỗ nương tựa cho tất cả chúng sinh, muốn là người dẫn đường thông suốt cho kẻ mù, muốn cầu làm Phật, muốn chứng được cảnh

giới Phật, người muốn được tự tại như Phật, muốn rống tiếng sư tử như Phật, muốn gióng lên tiếng chuông trống của Phật, muốn thổi kèn lớn, muốn lập hội cho Phật thuyết pháp, giải quyết các nghi ngờ cho mọi người, muốn đạt hết những điều này Bồ-tát nên học Bát-nhã bala-mật thâm sâu, thực hành Bát nhã Ba la mật. Bồ-tát được phước đức lành trong ba cõi, không có điều gì là không được.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát này có được phước đức của La-hán, Bích-chi-phật không?

Phật dạy:

–Cũng được phước đức của La-hán nhưng không lệ thuộc vào chỗ chứng đắc. Bồ-tát dùng trí tuệ quán sát tuệ La-hán, Bích-chiphật, liền vượt qua không an trụ vào trong đó và vượt lên địa vị Bồ-tát. Bồ-tát học như vậy là cách trí Nhất thiết không xa, mau thành Chánh đẳng giác.

Này Tu-bồ-đề! Học như vậy là Bồ-tát được chư Thiên, A-tu-la hỗ trợ. Bồ-tát thực hành như vậy là vượt lên trên La-hán, Bích-chiphật, mau gần trí Nhất thiết.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát học như vậy không bao lâu sẽ thực hành Bát nhã Ba la mật và không xa lìa Bát nhã Ba la mật. Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật thâm sâu như vậy, nên biết đó là pháp không hao giảm, không xa trí Nhất thiết, mau gần Tuệ ba thừa. Nếu Bồ-tát nghĩ ngược lại. Bát nhã Ba la mật này không đạt được trí Nhất thiết. Nghĩ như vậy là không thực hành Bát nhã Ba la mật. Hoặc lại nghĩ Bát nhã Ba la mật thâm sâu này, không biết Bát nhã Ba la mật, không thấy Bát nhã Ba la mật, không biết Bát-nhã ba-lamật là ai, cũng không biết ai sẽ ở trong Bát nhã Ba la mật mà chứng được Chánh đẳng giác; hoặc lại nghĩ: Bát nhã Ba la mật cũng không kia cũng không đây, cũng không từ trong đó mà sinh ra, pháp tánh thường trụ chân thật, có Phật hay không có Phật, pháp tánh vẫn thường trụ. Bồ-tát học như vậy là học Bát nhã Ba la mật.

QUYỂN 15
Phẩm 65: THÂN CẬN

Trời Đế Thích nghĩ: "Bồ-tát hành sáu pháp Ba-la-mật và mười tám pháp Bất cộng, còn siêu việt hơn tất cả chúng sinh, huống chi khi thành Vô thượng Bồ-đề. Đối với những người phát tâm học trí Nhất thiết, lợi ích và tuổi thọ của họ còn hơn hẳn mọi người, huống chi người phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Vì vậy, những người chưa phát tâm phải thân cận vị ấy." Nghĩ thế, Đế Thích tung hoa Mạn-đà-la lên cúng dường Phật rồi nguyện: Nếu người nào phát tâm Vô thượng Bồ-đề thì xin cho tôi được những nguyện ước như thành tựu trí Nhất thiết; pháp Tự nhiên; pháp vô lậu.

Đế Thích lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Theo tâm nguyện của con, bậc phát tâm Vô thượng Bồ-đề thì không còn muốn trở lại quả vị A-la-hán hoặc Bíchchi-phật. Ngược lại, vị ấy nên an trụ ở Đại thừa. Hơn thế nữa, vị ấy làm phát triển hạnh nguyện bằng cách thấy những người chịu khổ trong ba cõi tạo điều kiện giúp đỡ cho họ. Có như thế mới gọi là tâm nguyện Bồ-tát. Nguyện rằng: Chúng ta phải sống tương quan tương trợ như: Người được độ rồi độ cho người chưa được độ; mình đã được an giúp người chưa an; mình đã Niết-bàn rồi độ cho người đều chứng Niết-bàn.

Đế Thích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ hoan hỷ với người mới phát tâm Bồ-tát sẽ được bao nhiêu phước? Hoan hỷ với người phát tâm đã lâu được bao nhiêu phước? Hoan hỷ với bậc không thoái chuyển được bao nhiêu phước? Và hoan hỷ với bậc Nhất sinh bổ xứ được bao nhiêu phước?

Phật bảo Đế Thích:

–Này Câu-dực! Người ở trong thiên hạ còn có thể tính lường để biết, còn phước của người tùy hỷ không thể tính lường biết được.

Này Câu-dực! Ví như lấy nước biển cả khắp ba ngàn thế giới rồi phân ra theo đơn vị giọt nước trên một phần trăm của sợi tóc, số giọt nước kia còn có thể tính hết còn phước đức của người tùy hỷ không thể nào tính lường được.

Này Câu-dực! Dùng hộc, đấu, thăng đong lường hết cảnh giới hư không trong a-tăng-kỳ cõi Phật thì còn có thể biết số lượng, nhưng không thể lường được công đức tùy hỷ kia.

Đế Thích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Những người không phát tâm hoan hỷ với Bồ-tát mới phát tâm, vì họ là quyến thuộc của ma, từ cõi ma đi đến. Vì sao? Vì người hoan hỷ với Bồ-tát phát tâm là phá hoại ma. Người nào muốn luôn luôn quy kính ngôi Tam bảo không lệ thuộc vào một tướng, hai tướng thì phải hoan hỷ với người cầu Vô thượng Bồ-đề.

Phật nói:

–Đúng vậy, này Câu-dực! Người phát tâm tùy hỷ ấy được đến cúng dường chư Phật ở các cõi. Vì sao? Vì số người mới phát tâm đều tạo công đức tùy hỷ. Kể từ khi mới phát tâm Bồ-tát cho đến hàng Thập trụ hay Chánh đẳng giác thì việc tạo công đức của nghiệp thiện cũng bắt đầu tùy hỷ, nhờ công đức này nên vị ấy sớm gần đạo quả Vô thượng Bồ-đề. Thành tựu quả vị ấy rồi, Bồ-tát sẽ độ vô số chúng sinh.

Này Câu-dực! Vì thế thiện nam, tín nữ mới phát tâm nên đem công đức hoan hỷ để hồi hướng Vô thượng Bồ-đề, cho đến những bậc không thoái chuyển và Nhất sinh bổ xứ cũng thế. Nhưng vị ấy không cầu bằng tâm mà cũng không rời tâm.

Tu-bồ-đề thưa:

–Tâm như huyễn thì làm sao đạt được Vô thượng Bồ-đề?

Phật dạy:

–Thế nào, ông có thấy tâm như huyễn không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Dạ không! Bạch Thế Tôn, con không thấy tâm như huyễn, cũng không thấy chẳng phải huyễn.

Phật hỏi:

–Cũng không có pháp để thấy tâm ấy chăng? Và cũng không thấy huyễn gắn liền tâm, thấy như thế gọi là pháp thành Vô thượng Bồ-đề?

Tu-bồ-đề thưa:

–Dạ không! Bạch Thế Tôn, cũng không có pháp có thể nắm giữ, huống chi có phát sinh pháp có, pháp không. Pháp môn rỗng vắng không thể nắm bắt, cũng không thể không. Nếu cho rằng pháp thường tịch không thể thành tựu Vô thượng Bồ-đề thì không có gì để thành tựu quả vị ấy.

Bạch Thế Tôn! Vì tất cả pháp không thể nắm bắt cũng không có. Bạch Thế Tôn, sáu pháp Ba-la-mật và đạo thường rỗng lặng nên thành tựu Vô thượng Bồ-đề, nhưng đạo quả ấy cũng thường rỗng lặng.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật và Vô thượng Bồ-đề đều thường rỗng lặng thì làm thế nào để giác ngộ?

Phật khen:

–Lành thay, lành thay! Trí Nhất thiết rỗng lặng nên Vô thượng Bồ-đề cũng rỗng lặng.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Bát nhã Ba la mật và trí Nhất thiết không tịch tĩnh thì không phải Bát nhã Ba la mật và trí Nhất thiết.

Tu-bồ-đề! Thế nên, sự có mặt của Bát nhã Ba la mật và trí Nhất thiết được hiểu như vầy, không phải nhờ Bát nhã Ba la mật mà cũng không phải rời nó thành tựu Chánh giác. Nếu thiếu Bát-nhã bala-mật thì hoàn toàn không thành quả vị ấy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế là sự hành đạo của Bồ-tát thật sâu xa.

Phật đáp:

–Đúng như lời ông nói, sự thể nhập của Bồ-tát rất là khó nhọc

và sâu xa. Tuy chịu khổ nhọc nhưng không chứng pháp nửa đường để đi vào hành La-hán, Bích-chi-phật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con từng nghe Ngài nói, Bồ-tát không làm khổ. Vì sao? Vì vị ấy không thấy làm việc này để chứng đắc, cũng không thấy Bát nhã Ba la mật có thể chứng đắc, vì các pháp đều không thể nắm bắt được. Vì vậy, những nghĩa, những pháp, những Bát nhã Ba la mật nào có thể chứng đắc để thành Vô thượng Bồ-đề?

Tu-bồ-đề nói tiếp: Bồ-tát thực hành chính là hành những điều không thể nắm bắt. Đối với những pháp ấy, Bồ-tát xa những pháp có giới hạn trong vô hạn.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát nghe điều này, không thoái chí, không biếng nhác thì chính vị ấy là người hành Bát nhã Ba la mật, nhưng không thấy mình hành Bát nhã Ba la mật cũng không thấy mình thành tựu Vô thượng Bồ-đề. Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật không nghĩ rằng: "Những quả vị La-hán, Bích-chi-phật cách xa ta, trí Nhất thiết gần ta."

Ví như hư không, không nghĩ đến gần ta, vì hư không không phân biệt. Cũng vậy, Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật không nên nghĩ hai đạo ấy cách xa ta, còn trí Nhất thiết thì gần ta. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật cũng không có phân biệt. Ví như người huyễn không nghĩ, ảo thuật gia ở gần ta, người xem xa ta. Vì người huyễn không có ý niệm. Ví như ánh sáng không nghĩ, khi ở gần ta thì sáng, xa ta thì tối. Vì thế Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật cũng không ái nhiễm với bậc Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật cũng thế. Ví như Đức Như Lai không nghĩ cũng không dạy là Nhị thừa cách xa ta, Đức Phật gần ta. Vì điều Ngài dạy là vô niệm, nên Bát nhã Ba la mật cũng vô niệm. Ví như việc làm của Như Lai không nghĩ rằng Nhị thừa xa ta, quả Phật gần ta. Vì

sao? Vì Như Lai vô niệm nên Bát nhã Ba la mật cũng vô niệm. Thí như việc của mình làm cũng không nghĩ hoặc nói, việc làm của Bát nhã Ba la mật cũng thế.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Trưởng lão Tu-bồ-đề:

–Chỉ có Bát nhã Ba la mật mới không niệm thôi sao?

Tu-bồ-đề đáp:

–Từ sáu pháp Ba-la-mật, năm ấm, sáu căn, sáu nhập, bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Không định, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, ba môn giải thoát, mười Lực, mười tám pháp Bất cộng, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại tuệ, trí Nhất thiết cho đến đạo và tánh hữu vi, tất cả đều vô niệm.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Nếu Trưởng lão nói tất cả pháp đều không có niệm thì từ đâu mà có năm cảnh giới, từ đâu lên đến Tu-đà-hoàn,Tư-đà-hàm, A-nahàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, Phật?

Tu-bồ-đề nói:

–Tất cả chúng sinh từ bốn điên đảo mà phát sinh. Bốn điên đảo mới tạo tác các hạnh nghiệp về thân, khẩu, ý để thọ thân khác nhau như: Địa ngục, Ngạ quỷ, Trời, Người.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Làm sao có bậc Tu-đà-hoàn cho đến bậc Chánh đẳng giác?

Tu-bồ-đề đáp:

–Vì những bậc ấy đều vô niệm. Vì thế, Xá-lợi-phất, Tôn giả nên biết thế này: Tất cả pháp đều vô niệm, biết như vậy là thật tế của pháp tánh.

Xá-lợi-phất! Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật bằng vô niệm nên được giác ngộ bằng pháp vô niệm.

QUYỂN 15
Phẩm 66: KIÊN CỐ

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật là hành không kiên cố chăng?

Tu-bồ-đề đáp:

–Đúng vậy! Vì Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật là hành không

kiên cố cho đến trí Nhất thiết cũng vậy. Thế nên Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật và trí Nhất thiết không có kiên cố và cũng không không kiên cố.

Lúc ấy, có hàng ngàn vị thiên tử ở cõi Dục và cõi Sắc nghĩ: “Nếu có những thiện nam, thiện nữ phát tâm Vô thượng Bồ-đề hành Bát nhã Ba la mật thì ta nên lễ bái họ, hoặc những vị đã hành Bát nhã Ba la mật nhưng không chịu chứng đắc nửa chừng, không đi vào hàng La-hán, Bích-chi-phật, ta nên đảnh lễ những bậc như thế.” Tu-bồ-đề nói với các Thiên tử:

–Hàng Bồ-tát không dừng ở các pháp để chứng quả A-la-hán hoặc Bích-chi-phật thì không có gì lạ. Nếu người vì vô số chúng sinh mà phát nguyện tuy không không thấy có người nhưng muốn độ chúng sinh, như vậy mới đặc biệt. Thế nên Bồ-tát phát tâm Vô thượng Bồ-đề, muốn thu phục chúng sinh tức là người muốn thu phục hư không. Vì sao? Vì hư không và chúng sinh đều

tịch tĩnh, chúng sinh và hư không đều không, hư không không kiên cố nên chúng sinh cũng không kiên cố.

Này các Thiên tử! Do chúng sinh không kiên cố nên vị ấy mới phát thệ nguyện và chính vì thế mà các Bồ-tát này rất là đặc biệt. Vì vị ấy phát nguyện với chúng sinh tức là đấu tranh với hư không, tuy kết thệ nguyện với chúng sinh nhưng Bồ-tát không thấy có chúng sinh, bởi chúng sinh rỗng lặng nên thệ nguyện cũng rỗng lặng.

Vả lại, nhờ hành Bát nhã Ba la mật nên nghe như thế nhưng Bồ-tát không kinh sợ, không lười biếng, không cho là khó rồi thoái lui. Nói như thế nghĩa là do năm ấm rỗng lặng nên chúng sinh rỗng lặng; sáu pháp Ba-la-mật, sáu trần, nội ngoại không, hữu vô không, mười tám giới, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Không định, bốn Vô ngại tuệ, mười Lực, bốn Vô sở úy, đại Từ, đại Bi, mười tám pháp Bất cộng cho đến trí Nhất thiết cũng đều rỗng lặng. Nhờ hành Bát nhã Ba la mật nên Bồ-tát nghe như thế mà không kinh sợ cho đến không thoái lui.

Phật hỏi Tu-bồ-đề:

–Vì sao nói Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật nên không khiếp sợ không lười biếng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì không sở hữu nên không sợ; vì rỗng lặng nên không lười biếng. Cũng vậy, Bồ-tát vì không sở hữu và rỗng lặng nên hành Bát nhã Ba la mật không có khiếp sợ cũng không lười biếng. Vì sao? Vì sợ hãi và lười biếng không thể nắm bắt được. Đó là Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát nhờ hành như thế nên được chư thiên của Phạm vương và Đế Thích đều đảnh lễ. Không những chư thiên của Phạm vương và Đế Thích đều đảnh lễ người hành Bát nhã Ba la mật mà còn đến cả chư thiên ở cõi trời Tịnh cư đều đảnh lễ Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật.

Phật bảo:

–Tu-bồ-đề! Các Đức Phật hiện ở khắp mười phương đều quan tâm đến vị ấy. Tóm lại, Bồ-tát nhờ hành Bát nhã Ba la mật nên đầy đủ năm pháp Ba-la-mật và trí Nhất thiết.

Tu-bồ-đề! Ông nên biết, nếu các Đức Phật quan tâm đến các Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật này, thì ngày thành Phật của vị ấy không xa.

Tu-bồ-đề! Giả sử hằng sa người thành ma và mỗi ma dẫn đến hằng sa quyến thuộc rồi tất cả cùng nhau liên kết với quyến thuộc của mình để nhiễu loạn Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật thì nhất định không thể được. Có hai việc mà ác ma không thể ở trong đạo phá hoại Bồ-tát là:

1. Quán các pháp đều không.
2. Không bỏ chúng sinh.

Còn có hai việc ác ma không thể phá hoại là:

1. Việc làm đúng pháp.
2. Thường tưởng niệm đến các Phật và Bồ-tát.

Người hành Bát nhã Ba la mật được chư Thiên ủng hộ và an ủi rằng: “Thiện nam tử, ngày ngài thành đạo Vô thượng Bồ-đề không còn xa nữa, thế nên ngài đừng bỏ dở hạnh: Không, Vô tướng, Vô nguyện.”

Bồ-tát hành như thế sẽ làm chỗ quy ngưỡng cho người không nơi quy ngưỡng, làm nơi cứu hộ cho người không nơi cứu hộ, làm mái ấm cho những người không nhà, làm ánh sáng cho những người tối tăm, làm mắt sáng cho những người không mắt. Vị Bồ-tát ấy được các Đức Phật cùng chúng Tỳ-kheo và Bồ-tát trong mười phương đều tán dương khen ngợi danh hiệu của vị ấy.

Tu-bồ-đề! Ví như mỗi khi thuyết pháp, ta thường khen ngợi các Bồ-tát như Bồ-tát Bảo Tạo, Bồ-tát Thức Văn và những Bồ-tát tu phạm hạnh ở cõi Phật Diệu Lạc. Ta cũng thường khen ngợi những vị Chánh sĩ ở đó. Như chư Phật ở mười phương với diện mạo hoan hỷ khen ngợi Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật. Những Bồ-tát mới phát tâm muốn đầy đủ hạnh quả của Phật cho đến thành tựu Vô thượng Bồ-đề và trí Nhất thiết, mười phương chư Phật cũng khen ngợi như thế. Vì sao? Vì ít có Bồ-tát có khả năng hành đúng hạnh nghiệp của Phật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chư Phật với dung mạo hoan hỷ khen ngợi hàng Bồ-tát còn thoái chuyển hay bậc không còn thoái chuyển?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Có những Bồ-tát không thoái chuyển hành Bát-nhã ba-lamật và những Bồ-tát chưa thọ ký hành Bát nhã Ba la mật thì Đức Phật cũng thuyết pháp và tán thán họ, đồng thời cũng khen ngợi Bồ-tát ở cõi Diệu lạc đã học pháp ấy. Đối với những Bồ-tát có khả năng hành Bát nhã Ba la mật và biết các pháp không có sự sinh nhưng chưa đắc được không từ đâu sinh; biết các pháp là không, nhưng chưa đắc được không từ đâu sinh; biết các pháp thanh tịnh cũng chưa đắc được không từ đâu sinh, biết các pháp không sở hữu, không kiên cố cũng chưa đắc được không từ đâu sinh. Các Đức Phật dung mạo hoan hỷ tán thán các Bồ-tát này, nêu tên các vị ấy khen ngợi rằng: Vì vị ấy bỏ quả vị La-hán, Bích-chi-phật nên được thọ ký Vô thượng Bồ-đề. Lại có người hành Bát nhã Ba la mật cũng chưa được chư Phật xưng tán cũng sẽ được không thoái chuyển và được trí Nhất thiết.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Khi nghe thuyết Bát nhã Ba la mật, Bồ-tát không phân vân, không sợ hãi, không lười biếng.

Lại nữa, sau khi lãnh sự chỉ giáo của Phật, vị ấy lại đến cõi Phật Diệu lạc nghe Bát nhã Ba la mật và được gặp gỡ các vị Chánh sĩ cõi ấy. Những vị ở đó cũng rất vui mừng, nói: “Người này có hành

Bát nhã Ba la mật nên sinh đến đây, rồi cũng sẽ đạt pháp ấy.”

Này Tu-bồ-đề! Vì thế, ông nên biết âm thanh của Bát-nhã bala-mật có rất nhiều lợi ích. Chỉ có âm thanh của Bát nhã Ba la mật thôi mà còn lợi ích như thế, huống là người hành Bát nhã Ba la mật và an trụ trí Nhất thiết đúng như pháp!

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Luôn an trụ như pháp, luôn như pháp nghĩa là không có sở hữu thì làm sao an trụ trí Nhất thiết?

Bạch Thế Tôn! Như của giải thoát không có pháp để đắc thì ai là người trụ Như, ai trụ trong Như, ai giác ngộ; ai trụ trong Như, ai thuyết pháp? Như không thể thấy được thì làm sao có người trụ ở trong Như, có người giác ngộ, việc ấy hoàn toàn không thể có.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Này Tu-bồ-đề! Như lời ông vừa nói, trụ trong Như thì không khác, vì không sinh không diệt thì ai là người an trụ vào đó để thành Phật, ai thuyết pháp? Tất cả đều không có sở hữu.

Lúc ấy Đế Thích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì Bát nhã Ba la mật sâu xa, Bồ-tát muốn thành tựu Vô thượng Bồ-đề quả thất rất khó.

Bạch Thế Tôn! Không có người trụ Như, không có người thành Phật, không có người thuyết pháp. Tuy là không thấy không có sở hữu nhưng Bồ-tát nghe như thế cũng không khiếp sợ.

Tu-bồ-đề nói với Đế Thích:

–Này Câu-dực! Theo lời nói thì Bồ-tát rất đặc biệt lạ lùng, vì đối với pháp sâu xa không có sự nghi ngờ và thoái chuyển. Tôi hỏi ngài, các pháp đều không thì ai là người hoang mang, ai là người tiến thoái?

Đế Thích nói với Tu-bồ-đề:

–Tôn giả chỉ nói về không, không có trở ngại. Thí như dương cung bắn vào không trung, mũi tên bay đi không bị trở ngại. Những điều ngài vừa nói cũng thế, thật không có sự vướng mắc.

QUYỂN 15
Phẩm 67: GỬI LẠI

Lúc ấy Đế Thích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Những điều con vừa nói có tùy thuận và đúng pháp không?

Phật đáp:

–Đúng thế, này Câu-dực! Những điều ông vừa hỏi là đúng với sự việc ấy không có sai lầm.

Đế Thích thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những điều Tôn giả Tu-bồ-đề vừa nêu rất kỳ lạ, Tôn giả nói là không rời các pháp: Không, Vô tướng, Vô nguyện cho đến ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và Đạo.

Phật bảo Đế Thích:

–Này Câu-dực! Tôn giả Tu-bồ-đề thường hành hạnh không, nên đối với các pháp như sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, bốn Không định, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại, bốn Tâm vô lượng, đại Từ, đại Bi, mười tám pháp Bất cộng, đạo, trí Nhất thiết cho đến Như Lai và tướng hảo của Như Lai. Những pháp ấy còn không có huống gì có người niệm, người trụ, người tu, người chứng.

Này Câu-dực! Tu-bồ-đề nghĩa là hành các pháp rỗng lặng. Tubồ-đề nghĩa là hành không có sở hữu đối với các pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện. Vì thế nên gọi là hạnh Tu-bồ-đề. Đem việc làm của Tu-bồ-đề sánh với hạnh tu Bát nhã Ba la mật của Đại Bồ-tát thì hạnh ấy gấp hàng trăm ngàn vạn ức lần không thể sánh được. Vì sao? Vì Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật chính là Bậc đáng được tôn trọng vượt hơn các hàng La-hán, Bích-chi-phật, chỉ ngoại trừ các Đức Như Lai.

Thế nên, các Đại Bồ-tát muốn siêu việt hơn Trời và Người thì phải hành Bát nhã Ba la mật. Vì hành như thế thì vượt hơn cả hàng Thanh văn và Bích-chi-phật. Vị ấy đầy đủ Phật pháp, thông đạt trí Nhất thiết, thành tựu quả Phật.

Lúc ấy trong hội, chư Thiên cõi trời Đao-lợi tung hoa Mạn-đàla cúng dường Đức Phật. Cùng lúc ấy, có sáu ngàn Tỳ-kheo sửa y phục, đảnh lễ Phật rồi quỳ thẳng hướng về Ngài. Do oai thần của Phật nên trong tay của mỗi vị đều nắm đầy hoa Mạn-đà-la tung lên cúng Phật. Cúng dường xong, các vị ấy cùng thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con sẽ thực hiện diệu hạnh của các Đức Phật đã làm.

Hiểu được tâm nguyện của các Tỳ-kheo, Đức Phật mỉm cười, miệng phóng ra ánh sáng năm màu tỏa chiếu khắp mười phương rồi trở về nhiễu quanh thân ba vòng và nhập vào đỉnh đầu của Ngài.

Khi ấy, Tôn giả A-nan đứng dậy sửa y phục quỳ thẳng chắp tay bạch Phật:

–Vì nhân duyên gì mà Ngài mỉm cười và phóng ánh sáng ấy? Phật không cười vô cớ, con xin được nghe lời chân thật của Ngài.

Phật bảo A-nan:

–Sáu ngàn Tỳ-kheo này, về đời sau, trong kiếp Đa-lâu-ba-ni đều sẽ thành Phật hiệu là Tán Hoa Như Lai. Cõi nước, chúng hội đệ tử của các vị ấy đều như nhau và cũng sống thọ một ngàn tuổi. Khi những Tỳ-kheo này thành Phật, các thế giới đều mưa hoa năm màu cúng dường.

Phật lại bảo A-nan:

–Các Tỳ-kheo này sau khi viên tịch, sinh đến nơi nào cũng đều xuất gia hành đạo, thời gian lâu về sau mới thành tựu Vô thượng Bồđề.

Thế nên, này A-nan Đại Bồ-tát muốn được hạnh vi diệu tối thượng thành tựu Như Lai thì phải hành Bát nhã Ba la mật.

Này A-nan! Nếu có thiện nam, tín nữ hành Bát nhã Ba la mật này, thì ông nên biết đó là những người tới đây từ cõi trời Đâusuất. Ở nơi ấy họ đã từng nghe pháp này rồi và đã được thông tuệ.

Hoặc thiện nam, tín nữ nào nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa này rồi tiếp nhận học tập sao chép, trì tụng, diễn thuyết đúng như lời Phật đã dạy. Nên biết, những người ấy ở nơi giáo pháp của Đức Phật thời quá khứ đã hoàn thiện công đức này rồi mới đến đây. Thiện nam, tín nữ ấy không tạo công đức của hàng Thanh văn, Bích-chiphật và càng không phải nhờ đó mà được nghe Bát nhã Ba la mật này.

Này A-nan! Thiện nam, tín nữ nào được nghe Bát-nhã ba-lamật rồi thọ trì, đọc tụng, diễn thuyết thì sự vinh hạnh của người ấy giống như chính mình được gặp Phật.

Hơn nữa, này A-nan! Nếu thiện nam, tín nữ nào khi nghe giảng Bát nhã Ba la mật sâu xa này mà không khiếp sợ lại phấn khởi. Ở nơi chư Phật quá khứ vị ấy cùng Thiện tri thức đã hoàn thành hạnh này và không còn thoái chuyển nơi ba thừa. Vì dùng tâm tinh tấn kiên cố lâu dài hành sáu pháp Ba-la-mật cho đến trí Nhất thiết, không dừng ở hàng Thanh văn và Bích-chi-phật. Vì thế, này A-nan, Ta đem pháp Bát nhã Ba la mật này phó chúc cho ông.

A-nan! Những pháp ta nói, riêng pháp Bát nhã Ba la mật này nếu để quên mất thì thật đáng tội. Quả như, trì pháp này mà quên hoặc mất một câu, một chữ thì tội rất nặng.

Này A-nan! Ta đem pháp môn Bát nhã Ba la mật sâu xa này phó chúc cho ông, ông nên thận trọng tiếp nhận, ghi nhớ, đọc tụng. Nếu có thiện nam, tín nữ nào tiếp nhận đọc tụng và thực hành theo pháp Bát nhã Ba la mật này tức là người ấy đã thọ trì đạo pháp của chư Phật trong ba đời.

Hoặc giả, có thiện nam, tín nữ nào dùng hương thơm, hoa đẹp, tràng phan, lọng quý cúng dường pháp Bát nhã Ba la mật thì chính người ấy đã cúng dường ta và các Đức Phật trong ba đời. Hoặc thiện nam, tín nữ nào nghe giảng thuyết về Bát-nhã bala-mật sâu xa rồi muốn phát tâm cúng dường thì người ấy đã cúng dường chư Phật trong ba đời.

Vì vậy, này A-nan! Nếu ông cung kính tôn trọng ta, thì phải cung kính tôn trọng Bát nhã Ba la mật. Lúc nào chép kinh này, ông nên thận trọng đừng để sót mất câu nào.

A-nan! Thế nên ta đem pháp môn Bát nhã Ba la mật này phó chúc cho ông.

Này A-nan! Hiện nay, ta là người cao quý trong ba cõi, pháp Bát nhã Ba la mật này cũng thế, hơn cả những giáo pháp đã phó chúc. Ta đem pháp môn Bát nhã Ba la mật này phó chúc cho ông.

Vì vậy, này A-nan! Ông nên tuyên cáo cho tất cả chư Thiên, Long thần và Người trong thế gian đều biết rằng: "Ai muốn kính trọng ta và Tam bảo cũng như muốn giữ gìn đạo của chư Phật trong ba đời thì hãy kính trọng giữ gìn Bát nhã Ba la mật. Có như thế thì Chánh pháp của ta mãi trường tồn."

Này A-nan! Nếu thiện nam, tín nữ nào thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ, tuân hành và diễn giải nghĩa lý pháp môn Bát nhã Ba la mật này cho mọi người thì người ấy sớm đạt trí Nhất thiết và thành tựu Vô thượng Bồ-đề.

Này A-nan! Đạo của các Đức Phật đều phát sinh từ Bát nhã Ba la mật các Đức Phật trong ba đời đều sinh từ Bát nhã Ba la mật.

Này A-nan! Bồ-tát muốn học Bát nhã Ba la mật thì nên học sáu pháp Ba-la-mật. Vì sáu pháp Ba-la-mật là mẹ sinh của các Bồ-tát, nên những người học sáu pháp Ba-la-mật đều sẽ thành tựu Vô thượng Bồ-đề.

Vì vậy, A-nan! Nếu ông hành trì sáu pháp Ba-la-mật thì hơn pháp mà ta đã phó chúc cho ông rồi. Vì sáu pháp Ba-la-mật là pháp tạng của các Đức Như Lai, là tạng Vô tận. Các Đức Phật trong ba đời chuyển pháp luân giáo hóa chúng sinh, các Ngài đều lấy sáu pháp Ba-la-mật làm tạng và chính các Ngài học sáu pháp Ba-la-mật này mà thành tựu Vô thượng Bồ-đề. Hàng đệ tử của các Ngài đều học sáu pháp Ba-la-mật nên nhập Niết-bàn, người nào chưa đạt Niết-bàn thì nên học sáu pháp Ba-la-mật ấy.

A-nan! Giả sử ông thuyết pháp giáo hóa đệ tử khắp ba ngàn thế giới đều chứng quả A-la-hán, như thế cũng chưa xứng đáng là sự giáo hóa của đệ tử ta và cũng không bằng người dạy cho các Bồ-tát học một câu Bát nhã Ba la mật. Người dạy được như thế mới chính là sự giáo hóa của đệ tử ta.

Rồi Đức Phật hỏi:

–Này A-nan! Đem công đức người hành sáu pháp Ba-la-mật so với ví dụ ta nói vừa rồi thì công đức có nhiều hơn không?

A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.

Phật nói:

–Này A-nan! Như thế cũng không bằng đệ tử của ta tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật trong một ngày, một buổi, một giờ cho đến trong khoảnh khắc. Người được phước đức thù thắng ấy

siêu việt hơn người độ Thanh văn đắc quả A-la-hán. Bởi vì công đức của một vị Bồ-tát đã vượt hơn tất cả La-hán, Bích-chi-phật rồi. Vì sao? Vì Bồ-tát muốn thành tựu Vô thượng Bồ-đề, muốn bảo hộ, an ủi tất cả chúng sinh và muốn làm cho họ cùng thành tựu quả vị ấy.

Này A-nan! Người hành sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo cho đến trí Nhất thiết công đức tăng trưởng, nhất định sẽ thành tựu Vô thượng Bồ-đề.

Lúc tuyên thuyết pháp này, trong đại hội gồm bốn hàng đệ tử và tám bộ chúng, Đức Phật hiện Thần túc thông làm cho tất cả chúng hội cùng thấy Đức A-súc Như Lai đang thuyết pháp cùng chúng hội vây quanh. Chúng hội ấy như biển cả, toàn là những bậc La-hán không còn cấu nhiễm, đều được tự tại, đã đạt Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, vứt bỏ gánh nặng, việc làm đã hoàn tất, như bậc Long tượng: Việc cần làm đã làm xong, không còn tập nghiệp, được câu phần giải thoát, các nguyện đã hoàn thành công đức của những bậc La-hán trong hội kia đều như vậy và vô số Đại Bồ-tát oai đức uy nghi không thể lường được.

Bấy giờ, Đức Phật thu hồi thần lực, tất cả chúng hội đều không còn thấy cảnh giới ấy nữa.

Phật bảo A-nan:

–Các pháp cũng thế, không thể dùng mắt để thấy, các pháp không đối nhau, pháp không đồng nhau với pháp, không thấy nhau, không biết nhau, cũng như hiện giờ chúng hội không còn thấy Đức Phật A-súc và cõi nước của Ngài. Các pháp cũng thế, không thể đối nhau, không thể thấy nhau và biết nhau.

A-nan! Pháp không biết, không thấy, vì các pháp không tạo tác. Vì sao? Vì các pháp không, không thể nắm bắt, không thể nghĩ bàn và không niệm.

Ví như người huyễn không biết gì nên làm việc không đáng làm, không chắc thật. Đại Bồ-tát hành như vậy là hành Bát-nhã bala-mật, nên đối với các pháp không có chỗ nhập.

A-nan! Bồ-tát học như thế là học Bát nhã Ba la mật. Ai muốn đạt được các độ thì nên học Bát nhã Ba la mật. Người học như thế là tôn quý hơn hết, vượt hẳn các người đã thành tựu. Vị ấy làm nơi che chở cho những người không nơi che chở trong thế gian, làm chỗ quy y cho những người không chỗ quy y.

Đức Phật nhờ học Bát nhã Ba la mật nên có thể dùng cánh tay phải nâng ba ngàn thế giới này rồi đặt xuống chỗ cũ, nhưng tất cả chúng sinh đều không hay biết. Vì sao? Vì chư Phật trong ba đời nhờ học Bát nhã Ba la mật mà thành tựu và cũng chính nhờ học nó mà các Ngài thành tựu các Tuệ vô ngại.

Này A-nan! Người học Bát nhã Ba la mật tôn quý hơn người học pháp khác và hơn những người thành tựu từ pháp khác. Người học như thế cũng chính là muốn ngang bằng với Bát nhã Ba la mật, đến điểm cuối cùng của hư không. Vì sao? Vì tướng của Trí tuệ đô không thể so sánh.

A-nan! Ta chưa từng nói giới hạn của Bát nhã Ba la mật. Anan, thân người có số lượng, cú pháp có số lượng, ý nghĩa có giới hạn, nhưng Bát nhã Ba la mật này không có giới hạn.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Bát nhã Ba la mật không có giới hạn?

Phật nói:

–A-nan! Vì Bát nhã Ba la mật không cùng tận nên không có giới hạn, vì Bát nhã Ba la mật rỗng lặng nên không có giới hạn. Các Đức Như Lai trong ba đời đều nhờ học pháp này mà thành tựu. Những pháp này cũng không vì thế mà tận.

Này A-nan! Thế nên ta nói Bát nhã Ba la mật không thể tận,

cũng không có người có khả năng làm cho pháp ấy tận. Không tận nghĩa là nếu có người nói: "Ta muốn tận cùng Bát nhã Ba la mật" là muốn tận cùng hư không.

A-nan! Sáu pháp Ba-la-mật không thể tận cũng không có người có khả năng làm tận cho đến trí Nhất thiết cũng không thể tận, không có người làm tận và cũng không tận. Pháp ấy cũng không sinh. Sinh còn không có huống gì có tận.

Lúc ấy, Đức Phật hiện tướng lưỡi rộng dài che khắp cả mặt nói với A-nan:

–Ông hãy đem Bát nhã Ba la mật này trình bày tuyên thuyết, phân biệt giải nghĩa mọi việc đều rành rẽ mạch lạc cho bốn chúng. Vì Bát nhã Ba la mật này phát sinh ra các pháp, hàng ba Thừa đều phải tùy thuận theo pháp này để sự học được thành tựu.

A-nan! Bát nhã Ba la mật sâu xa này là nơi chứa các pháp, tất cả các văn tự đều đến gia nhập ở đó. Vả lại, Bát nhã Ba la mật này đều là những môn Tổng trì. Vì thế các Bồ-tát muốn học các môn tổng trì thì nên học Bát nhã Ba la mật. Những vị Bồ-tát được pháp tổng trì đều có biện tài để gìn giữ các pháp ấy. Tuy nhiên Bát nhã Ba la mật cũng chính là chỗ ẩn trú của Bồ-tát ba đời chư Phật. Vì thế, ta tuyên bố cho tất cả cho những ai tiếp nhận, phúng tụng và học tập Bát nhã Ba la mật, thì chính vị ấy đã nắm hết đạo của chư Phật trong ba đời.

A-nan! Nay ta thuyết hạnh Bát nhã Ba la mật cho ông, ông trì pháp này chính là đã giữ gìn tất cả các pháp.

QUYỂN 15
Phẩm 68: VÔ TẬN

Lúc ấy, Tu-bồ-đề suy nghĩ: "Đạo pháp của các Đức Phật rất rộng lớn sâu xa, ta nên thỉnh vấn Thế Tôn." Rồi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật này vô cùng tận như thế nào?

Phật đáp:

–Hư không không thể tận, Bát nhã Ba la mật không thể tận.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát phải làm thế nào để nhập Bát-nhã bala-mật?

Phật đáp:

–Bồ-tát nên thể nhập Bát nhã Ba la mật bằng các pháp như:

năm ấm vô tận, sáu pháp Ba-la-mật vô tận, cho đến trí Nhất thiết vô tận, nên Bồ-tát thể nhập Bát nhã Ba la mật cũng vậy.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên thể nhập Bát nhã Ba la mật bằng các pháp: vô minh như hư không không thể tận, hành như hư không không thể tận, thức như hư không không thể tận, danh sắc như hư không không thể tận, lục nhập như hư không không thể tận, xúc như hư không không thể tận, thọ như hư không không thể tận, ái như hư không không thể tận, thủ như hư không

không thể tận, hữu như hư không không thể tận; sinh, lão, bệnh, tử, ưu bi, khổ não như hư không không thể tận.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên hành như vậy để thể nhập vào Bát nhã Ba la mật. Nếu Bồ-tát quán sát mười hai duyên khởi là bỏ vô minh và tương ứng với không sự nhập. Bồ-tát quán pháp mười hai duyên khởi này sẽ được ngồi nơi đạo tràng. Ở nơi ấy Bồ-tát quán pháp này liền được trí Nhất thiết.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nào biết được hư không không thể tận nên quán mười hai nhân duyên bằng Bát nhã Ba la mật thì nhất định không rơi vào hàng La-hán và Bích-chi-phật, mà được thành tựu Vô thượng Bồ-đề.

Này Tu-bồ-đề! Những thiện nam, tín nữ hành đạo Bồ-tát mà còn thoái chuyển không có học Bát nhã Ba la mật, không biết hành Bát nhã Ba la mật, không biết mười hai nhân duyên như hư không và không biết phương tiện quyền xảo. Vì vậy nên còn thoái chuyển Vô thượng Bồ-đề.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Những Bồ-tát không bị thoái chuyển là vị ấy hành Bát nhã Ba la mật bằng phương tiện quyền xảo và biết hư không vô tận nên thể nhập Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát quán chiếu mười hai nhân duyên như vậy, không thấy có pháp nào là do nhân duyên sinh, không thấy pháp nào là pháp thường không bị diệt, không thấy ngẫu nhiên; không thấy chúng sinh, ngã, nhân, thọ mạng; không thấy có sự hiểu biết; không thấy vô thường, vô ngã, cũng không thấy pháp tịnh, pháp bất tịnh.

Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát nên quán mười hai nhân duyên bằng Bát nhã Ba la mật như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Vì Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, nên lúc ấy không thấy năm ấm có thường, vô thường, khổ, lạc, ngã, vô ngã, có tịnh, bất tịnh, cho đến trí Nhất thiết cũng không thấy như vậy.

Tu-bồ-đề! Khi Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật cũng không thấy pháp có thể nắm bắt để thấy Bát nhã Ba la mật, cho đến đạo cũng không thấy có pháp hiện hữu để thấy đạo.

Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật như vậy không nương tựa vào các pháp.

Tu-bồ-đề! Lúc Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật như vậy, không nương tựa vào các pháp thì ma Ba-tuần rất buồn khổ, thí như người vừa bị mất cha mẹ.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chỉ có ma ở đây buồn khổ thôi hay tất cả ma trong ba ngàn thế giới đều như vậy?

Phật đáp:

–Tất cả ma trong ba ngàn thế giới đều sầu khổ, bọn chúng đều không thể ngồi yên nơi chỗ của mình. Khi Đại Bồ-tát hành hạnh ấy, thì tất cả chư Thiên và ma vương không thể quản thúc.

Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát muốn thành tựu Vô thượng Bồ-đề thì phải hành Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật chính là đầy đủ các Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Điều quan trọng của Bồ-tát hành sáu pháp Ba-la-mật là niệm hạnh trí Nhất thiết. Đó là Đại Bồ-tát hành sáu pháp Ba-la-mật.

QUYỂN 15
Phẩm 69: SỰ TƯƠNG QUAN GIỮA SÁU ĐỘ

Lúc ấy Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát thực hành Bố thí ba-la-mật mà kiêm cả Trì giới ba-la-mật?

Phật đáp:

–Bồ-tát cầu trí Nhất thiết nên đem thân, khẩu, ý bố thí bằng ba việc thanh tịnh cho chúng sinh. Đó là Bồ-tát hành bố thí kiêm cả Trì giới ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thế nào là Bồ-tát hành bố thí kiêm cả Nhẫn nhục ba-la-mật?

Phật đáp:

–Lúc Bồ-tát bố thí mà người nhận nghịch lại khinh dễ, mắng chửi bằng lời thô tục, nhưng Bồ-tát không sân hận họ. Đó là Bồ-tát hành bố thí kiêm cả Nhẫn nhục ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thế nào là Bồ-tát hành bố thí kiêm cả Tinh tấn ba-la-mật?

Phật đáp:

–Lúc Bồ-tát Bố thí bị người nhận chửi mắng và khinh dễ, nhưng vị ấy vẫn vững tâm và càng bố thí không hối tiếc. Vị ấy luôn nghĩ: “Ta phải luôn bố thí không bỏ qua cơ hội nào. Bồ-tát luôn rộng lượng bố thí cho cả người đang cần và người cần mà không đến được, thường cho người nhận nhưng không kể thân sơ.” Đó là Bồ-tát hành bố thí kiêm cả Tinh tấn ba-la-mật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Thế nào là Bồ-tát hành bố thí kiêm cả Thiền định ba-la-mật?

Phật đáp:

–Bồ-tát bố thí là để cầu trí Nhất thiết, nên tâm vị ấy không

loạn không dừng ở quả vị La-hán và Bích-chi-phật. Đó là Bồ-tát hành bố thí kiêm cả Thiền định ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thế nào là Bồ-tát hành bố thí kiêm cả Bát nhã Ba la mật?

Phật đáp:

–Khi bố thí Bồ-tát luôn quan niệm rằng: Việc bố thí của ta như huyễn như mộng, tùy theo việc làm bố thí nhưng không thấy chúng sinh có sự tăng giảm cũng không thấy có người được, người không. Đó là hành bố thí kiêm cả Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát hành Trì giới ba-la-mật kiêm cả năm pháp Ba-la-mật?

Phật đáp:

–Do sự phòng hộ mà không cầu quả vị La-hán, Bích-chi-phật. Vị ấy an trụ nơi giới, không sát hại chúng sinh, không ăn trộm, không phạm vào phạm hạnh, cho đến không phạm mười giới. Vị ấy giữ giới, bố thí và bố thí người trì giới rồi dạy chúng sinh thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật.

Phật tiếp:

–Bồ-tát hành Trì giới ba-la-mật nếu có người đến cắt bỏ từng phần nơi cơ thể đi nữa thì vị ấy cũng không nổi giận mà vui mừng nói: “Ta được lợi ích lớn, vì có người đến cắt bỏ thân thể hộ cho ta.” Đó là Bồ-tát hành Trì giới ba-la-mật kiêm cả Nhẫn nhục ba-la-mật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Thế nào là Bồ-tát Trì giới ba-la-mật kiêm cả Tinh tấn ba-lamật?

Phật đáp:

–Vì khi Trì giới ba-la-mật, ba nghiệp Bồ-tát không biếng nhác. Vị ấy luôn nghĩ: “Ta nên đưa các chúng sinh từ nơi sinh tử đến bờ giải thoát.” Đó là Bồ-tát hành Trì giới ba-la-mật kiêm cả Tinh tấn ba-la-mật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Thế nào là Bồ-tát Trì giới ba-la-mật kiêm cả Thiền định bala-mật?

Phật đáp:

–Thực hành Trì giới ba-la-mật, Bồ-tát thể nhập thiền thứ nhất đến thiền thứ tư nhưng không nương vào hai thừa. Vị ấy luôn nghĩ rằng: “Ở trong thiền ta nên độ chúng sinh.” Đó là Bồ-tát hành Trì giới ba-la-mật kiêm cả Thiền định ba-la-mật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Thế nào là Bồ-tát Trì giới ba-la-mật kiêm cả Bát-nhã ba-lamật?

Phật đáp:

–Khi trì giới vị ấy không thấy có pháp dừng, pháp trụ, pháp có, pháp không, pháp sai, pháp đúng; vì Bát nhã Ba la mật và phương tiện quyền xảo không rơi vào hai thừa. Đó là Bồ-tát Trì giới ba-lamật kiêm cả Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Thế nào là Bồ-tát hành Nhẫn nhục ba-la-mật kiêm cả Bố thí ba-la-mật?

Phật đáp:

–Bồ-tát hành Nhẫn nhục ba-la-mật, từ khi phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng, nếu bị tất cả chúng sinh đến mắng chửi, khinh dễ, cắt phá tứ chi, nhưng Bồ-tát vẫn đứng vững trên đất nhẫn nhục nên luôn nghĩ: “Tuy người không nhận nhưng ta vẫn bố thí, không bỏ lỡ qua một phút giây nào.” Bồ-tát đem công đức ấy hồi hướng cho chúng sinh đều thành tựu Vô thượng Bồ-đề. Tuy phát nguyện như vậy nhưng vị ấy không dừng nơi hai xứ; hai xứ đó là có tướng nguyện và tướng tạo tác. Đó là Bồ-tát hành Nhẫn nhục ba-la-mật kiêm cả Bố thí ba-la-mật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Thế nào là Bồ-tát hành Nhẫn nhục ba-la-mật kiêm cả Trì giới ba-la-mật?

Phật đáp:

–Từ khi phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng, Bồ-tát không phạm mười điều ác (từ sát sinh đến tà kiến). Vị ấy hành theo mười thiện nghiệp, tâm không nghĩ tưởng về hai thừa. Bồ-tát đem công đức ấy hồi hướng cho tất cả chúng sinh cùng phát tâm Vô thượng Bồ-đề nhưng không lệ thuộc ba thừa. Đó là Bồ-tát hành Nhẫn nhục ba-lamật kiêm cả trí Trì giới ba-la-mật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Thế nào là Bồ-tát hành Nhẫn nhục ba-la-mật kiêm cả Tinh tấn ba-la-mật?

Phật đáp:

–Hành nhẫn nhục, Bồ-tát phát tâm tinh tấn, vị ấy nói: “Ta sẽ đi khắp trăm ngàn do-tuần này, hoặc trăm ngàn cõi nước, hoặc vô số cõi nước, nếu có người nào không trì giới ta sẽ dạy cho họ trì giới và theo sự thích ứng, ta đem giáo pháp ba thừa hướng dẫn để họ giải thoát.” Bồ-tát đem công đức ấy hồi hướng cho tất cả chúng sinh đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Đó là Bồ-tát hành Nhẫn nhục ba-la-mật kiêm cả Tinh tấn ba-la-mật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Thế nào là Bồ-tát hành Nhẫn nhục ba-la-mật kiêm cả Bát nhã Ba la mật? Phật đáp:

–Hành Nhẫn nhục ba-la-mật từ khi phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng, Bồ-tát quán chiếu các pháp là thanh tịnh, rỗng lặng, vô tận. Do pháp thanh tịnh, vị ấy chứng quả Vô thượng Bồ-đề ngồi nơi đạo tràng thành đạt trí Nhất thiết và chuyển pháp luân. Đó là Bồ-tát hành Nhẫn nhục ba-la-mật kiêm cả Bát nhã Ba la mật.

Này Tu-bồ-đề! Sự quy nạp của Bồ-tát là không chấp thủ cũng không xả bỏ.

Tu-bồ-đề thưa:

–Thế nào là Bồ-tát hành Tinh tấn ba-la-mật kiêm cả Bố thí bala-mật?

Phật đáp:

–Bồ-tát thực hành tinh tấn từ khi phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng, khoảng thời gian này, ba nghiệp của vị ấy không có giây phút nào nghĩ đến sự ăn ngủ hoặc lười biếng. Bồ-tát đem tinh tấn ấy hồi hướng về Vô thượng Bồ-đề, nhưng ở đó, vị ấy không thấy có tướng nắm bắt và thành tựu. Vì tất cả chúng sinh, Bồ-tát qua hàng trăm ngàn do-tuần, trăm ngàn cõi nước từ cõi Phật này đến cõi Phật kia. Giả sử còn chúng sinh nào chưa được độ thì Bồ-tát an bài cho họ bằng cách đem giáo pháp ba thừa dạy để họ được giải thoát, nhưng vị ấy cũng không thấy có người được độ. Đối với những người nào không có khả năng hành đạo của Phật và Bồ-tát thì giáo hóa họ bằng pháp của hàng Bích-chi-phật. Nếu không có người hàng Bích-chi-phật thì dạy họ giữ mười điều lành. Dù chỉ hướng dẫn được một người vào đạo, hành trì giáo pháp và bố thí cho các chúng sinh, sự việc hoàn tất, Bồ-tát cũng đem công đức ấy hồi hướng cho tất cả chúng sinh đều được thành tựu Vô thượng Bồđề không đi vào hai thừa. Đó là Bồ-tát hành Tinh tấn ba-la-mật kiêm cả Bố thí ba-la-mật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Thế nào là Bồ-tát hành Tinh tấn ba-la-mật kiêm cả Trì giới ba-la-mật?

Phật đáp:

–Thực hành Tinh tấn ba-la-mật từ khi phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng Bồ-tát giữ mười điều thiện và khuyên mọi người hành theo và hoan hỷ với người hành mười điều thiện. Khi thọ trì giới pháp, vị ấy không màng đến sự vui ba cõi, cũng không nghiêng về hai thừa. Bồ-tát đem công đức ấy hồi hướng cho tất cả chúng sinh đều thành tựu Vô thượng Bồ-đề với hành động ấy, nhưng không nghĩ về người làm trong ba đời. Đó là Bồ-tát hành Tinh tấn ba-la-mật kiêm cả Trì giới ba-la-mật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Thế nào là Bồ-tát thực hành Tinh tấn ba-la-mật kiêm cả Nhẫn nhục ba-la-mật?

Phật đáp:

–Bồ-tát thực hành tinh tấn từ khi phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng. Nếu có người hoặc phi nhân bắt cắt xả tứ chi của mình, nhưng vị ấy không nghĩ: “Ai là người cắt xả ta? Hoặc người lấy đi là ai?”, mà vị ấy chỉ nghĩ: “Ta được lợi ích lớn vì tất cả chúng sinh nên ta thọ thân này, giờ đây chúng sinh đến đem đi, vì hành trì Chánh pháp ta càng hoan hỷ không nên sân hận.” Bồ-tát đem công đức ấy hồi hướng cho tất cả chúng sinh đều thành tựu Vô thượng Bồ-đề, không bị đi vào Nhị thừa. Đó là Bồ-tát hành Tinh tấn ba-la-mật kiêm cả Nhẫn nhục ba-la-mật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Thế nào là Bồ-tát hành Tinh tấn ba-la-mật kiêm cả Thiền định ba-la-mật?

Phật đáp:

–Thực hành tinh tấn, Bồ-tát nhập từ tầng Thiền thứ nhất đến tầng Thiền thứ tư, cùng bốn Tâm vô lượng, bốn Thiền vô sắc nhưng không đoạn trừ, không chấp trước. Vị ấy sinh ra nơi nào cũng chỉ có tâm niệm cứu độ chúng sinh, dùng sáu pháp Ba-la-mật để độ thoát họ. Bồ-tát thường diện kiến các Đức Phật, vị ấy đi từ cõi Phật này đến cõi Phật kia để lễ bái cung kính, cúng dường và trồng các căn lành. Đó là Bồ-tát hành Tinh tấn ba-la-mật kiêm cả Thiền định bala-mật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Thế nào là Bồ-tát hành Tinh tấn ba-la-mật kiêm cả Bát nhã Ba la mật?

Phật đáp:

–Bồ-tát thực hành tinh tấn không thấy năm pháp Ba-la-mật, không thấy các pháp như ba mươi bảy phẩm Trợ đạo cho đến trí Nhất thiết và sự tướng của chúng cũng không làm hang ổ cho các pháp, lời nói hoặc việc làm luôn đi đôi với nhau. Đó là Bồ-tát hành Tinh tấn ba-la-mật kiêm cả Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát hành Thiền định ba-la-mật kiêm cả Bố thí ba-la-mật?

Phật đáp:

–Bồ-tát muốn tâm kiên định nên thực hành bốn Tâm vô lượng, bốn Thiền vô sắc. An trụ nơi cảnh giới của các thiền và thường bố thí hai việc, đó là tài thí và pháp thí, khuyến khích người khác hành hai thí đó và thường tán thán công đức của hai thí, thấy người làm như thế khen ngợi và tùy hỷ. Bồ-tát đem công đức ấy hồi hướng cho tất cả chúng sinh đều thành tựu Vô thượng Bồ-đề. Đó là Bồ-tát hành Thiền định ba-la-mật kiêm cả Bố thí ba-la-mật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Thế nào là Bồ-tát hành Thiền định ba-la-mật kiêm cả Trì giới ba-la-mật?

Phật đáp:

–Hành thiền định, Bồ-tát không sinh tâm dâm, nộ, si cũng không sinh tâm hại, chỉ sinh hạnh trí Nhất thiết, Bồ-tát đem công đức ấy hồi hướng cho tất cả chúng sinh đều thành tựu Vô thượng Bồ-đề không rơi vào hai địa. Đó là Bồ-tát hành Thiền định ba-la-mật kiêm cả Trì giới ba-la-mật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Thế nào là Bồ-tát hành Thiền định ba-la-mật kiêm cả Nhẫn nhục ba-la-mật?

Phật đáp:

–Thực hành Thiền định, Bồ-tát quán chiếu sắc như chùm bọt nước, thọ như bong bóng nước, tưởng như sóng nắng, hành như thân cây chuối, thức như huyễn hóa. Quán xong, vị ấy thấy năm

ấm không an ổn, không kiên cố, không quan trọng. Bồ-tát lại nghĩ: “Trong đây đâu có ai là người cắt ta, xả ta là ai, đâu là sắc, đâu là thọ, đâu là tưởng và đâu là hành và thức.” Quán chiếu như vậy rồi, vị ấy nghĩ tiếp: “Không có người chửi mắng thô tục nên ý không nổi giận. Người giận còn không thì làm gì có người mắng.” Đó là Bồ-tát hành Thiền định ba-la-mật kiêm cả Nhẫn nhục ba-la-mật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Thế nào là Bồ-tát hành Thiền định ba-la-mật kiêm cả Tinh tấn ba-la-mật?

Phật đáp:

–Bồ-tát dùng bốn Thiền định để đi vào cảnh giới thiền và nhờ oai lực của định nên được thần thông biến hóa vô lượng bằng Thiên nhĩ, vị ấy nghe thông suốt hai loại âm thanh, biết rõ ý nghĩ của chúng sinh và vô số việc trong sinh tử. Với Thiên nhãn, vị ấy thấy hành nghiệp của thiện ác và quả báo tốt xấu của chúng sinh. Bồ-tát an trụ trong năm thần thông đi từ cõi Phật này đến cõi Phật kia, cung kính lễ bái cúng dường trồng các căn lành, làm thanh tịnh cõi Phật và giáo hóa chúng sinh. Bồ-tát đem công đức ấy hồi hướng cho tất cả chúng sinh đều thành Vô thượng Bồ-đề nhưng không rơi vào hai thừa. Đó là Bồ-tát hành Thiền định ba-la-mật kiêm cả Tinh tấn ba-la-mật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Thế nào là Bồ-tát hành Thiền định ba-la-mật kiêm cả Bát nhã Ba la mật? Phật đáp:

–Hành thiền định Bồ-tát không rơi vào năm ấm, sáu pháp Bala-mật, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, trí Nhất thiết và tánh hữu vi, tánh vô vi cũng không có sự có và sự tạo tác, tuy không tạo tác cũng không sinh diệt. Vì sao? Vì có Phật hay không có Phật, pháp tánh cũng vẫn thế không sinh, không diệt, chỉ có trí Nhất thiết tương ưng với trí Nhất thiết. Tu-bồ-đề, đó là Bồ-tát hành Thiền địn ba-la-mật kiêm cả Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thế nào là Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật kiêm cả Bố thí bala-mật?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật đối với nội không, không có nội không; đối với ngoại không, không có ngoại không; đối với nội ngoại không cũng không có nội ngoại không. Không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không đều không có, cũng không thấy điểm rốt ráo, điểm cuối cùng của các hành không, tánh không, cho đến tất cả pháp tự nó là không. Đại Bồ-tát an trụ nơi mười bốn không ấy rồi cũng không thấy năm ấm vì bất không cũng không biết cũng không có cho đến ba mươi bảy phẩm Trợ đạo cũng thế, kể cả tánh của hữu vi và vô vi. Đại Bồ-tát bố thí bằng trí tuệ ở cõi Người, cõi Trời nhưng vị ấy thấy vật thí, người thí và người nhận đều không. Quán chiếu tâm tham dâm làm cho nó không bao giờ có điều kiện để phát sinh. Vì Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật không có chút nào ý niệm phân biệt. Từ khi phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng, vị ấy không sinh tâm tham lam tật đố cũng như Đức Phật không có tâm ấy. Vì vậy, Bồ-tát hành Bát-nhã ba-lamật không có tâm tham lam, tật đố. Đó là Bồ-tát hành Bát-nhã bala-mật kiêm cả Bố thí ba-la-mật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Thế nào là Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật kiêm cả Trì giới ba-la-mật?

Phật đáp:

–Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật nên tâm không bị lệ thuộc vào hai thừa. Vì sao? Vì vị ấy không có tâm La-hán, Bích-chi-phật và sự tạo tác của hai bậc ấy cũng không thể nắm bắt. Bồ-tát từ lúc phát tâm đến khi ngồi đạo tràng luôn thực hành mười điều lành và khuyến khích mọi người làm theo, thấy người làm và tùy hỷ khen ngợi. Bằng tâm giữ giới, vị ấy không phê phán các pháp, cũng không phê phán Nhị thừa huống chi những pháp khác. Đó là Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật kiêm cả Trì giới ba-la-mật.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Thế nào là Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật kiêm cả Nhẫn nhục ba-la-mật?

Phật đáp:

–Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật nên được phát sinh sự tùy thuận nhẫn. Vị ấy nghĩ các pháp không sinh, không diệt; không sinh tử nên không có người mắng chửi, không có người cắt xả, không có người đánh đập, cũng không có người trói buộc. Bồ-tát từ khi phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng nếu có chúng sinh cầm dao gậy đánh đập, cắt xả; vị ấy sinh ý niệm: "Thương thay, pháp của các pháp không có mắng chửi, vậy ai là người đánh đập, ai là người cắt xả thế này?" Đó là Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật kiêm cả Nhẫn nhục bala-mật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Thế nào là Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật kiêm cả Tinh tấn ba-la-mật?

Phật đáp:

–Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật thuyết pháp hướng dẫn chúng sinh bằng pháp sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và bằng pháp của ba thừa cho đến Vô thượng Bồ-đề. Tuy hướng dẫn như thế nhưng vị ấy không có lệ thuộc ở pháp hữu vi hay vô vi. Đó là Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật kiêm cả Tinh tấn ba-la-mật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Thế nào là Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật kiêm cả Thiền định ba-la-mật?

Phật đáp:

–Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, chỉ ngoại trừ định của Như Lai, ngoài ra những định của Nhị thừa, định của Bồ-tát đều có thể thực hành trọn vẹn, ở nơi thiền giải thoát, Thiền tứ không, Thiền chín tầng, vị ấy có khả năng nhập xuất thông suốt, khi xả những định ấy liền nhập định Sư tử phấn tấn. Định Sư tử phấn tấn nghĩa là cùng một lúc có nhập thuần thục tất cả các thiền trên; xả thiền ấy liền nhập vào Thiền Mãn-khư-xà siêu việt đẳng trí cùng các thiền khác. Tu-bồ-đề, đó là Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật kiêm cả Thiền định ba-la-mật.

QUYỂN 16
Phẩm 70: PHƯƠNG TIỆN QUYỀN XẢO

Khi ấy Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Từ khi phát tâm đến bao lâu Đại Bồ-tát mới thành tựu phương tiện quyền xảo như vậy?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Phát tâm như vậy đến nay đã vô lượng, vô số kiếp.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Muốn thành tựu phương tiện quyền xảo, Đại Bồ-tát phải cúng dường bao nhiêu Đức Phật?

Phật bảo:

–Này Tu-bồ-đề! Đến nay Bồ-tát đã cúng dường hằng hà sa chư Phật mới thành tựu phương tiện quyền xảo như vậy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát phải làm đầy đủ công đức sáu pháp Ba-la-mật như Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Bát nhã Ba la mật. Thực hành sáu pháp Ba-la-mật trên đây đầy đủ thì mới có thể thành tựu phương tiện quyền xảo.

Tu-bồ-đề lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu! Thật là đặc biệt! Bồ-tát đã làm công đức không thể tính được mới có thể đạt đến phương tiện quyền xảo như vậy phải không?

Phật dạy:

–Do sự kỳ diệu và đặc biệt này mà Bồ-tát được thành tựu phương tiện quyền xảo. Ví như ánh sáng của mặt trời, mặt trăng vận hành bốn châu đem lại nhiều lợi ích.

Cũng vậy, Bát nhã Ba la mật bao khắp trong năm pháp Ba-lamật mà được nhiều lợi ích. Do đó năm pháp Ba-la-mật được tên là Bát nhã Ba la mật; nếu lìa Bát nhã Ba la mật thì năm pháp Ba-lamật không được tên. Cũng như Chuyển luân thánh vương không có bảy báu thì không gọi là Chuyển luân thánh vương.

Cũng vậy, nếu lìa Bát nhã Ba la mật thì năm pháp Ba-la-mật cũng không có tên. Ví như phụ nữ không có chồng thì dễ bị xâm phạm. Nếu năm pháp Ba-la-mật mà xa lìa Bát nhã Ba la mật thì sẽ bị các ác ma và Thiên ma phá hoại; ngược lại thì các ma không thể tùy tiện phá hoại được. Như trong quốc gia có vị dũng tướng, biết rõ về năm loại binh khí và thường ở chỗ đó, sẽ không bị kẻ thù các nước lân cận xâm lăng.

Cũng vậy, năm pháp Ba-la-mật không xa lìa Bát-nhã ba-lamật nên tất cả các bọn ác ma, Thiên ma và bọn Chiên-đà-la không thể tự phá hoại (Chiên-đà-la, bản đời Tấn giải thích: Họ là những

kẻ địa ngục tham lam và ương ngạnh, trá hình tự xưng là Bồ-tát). Cũng như Chuyển luân thánh vương thì cai trị ở đời, các tiểu vương đều phải tuân theo giáo lệnh của vua mà không dám chống trái và vi phạm.

Cũng vậy, thuận theo Bát nhã Ba la mật thì năm pháp Ba-lamật sẽ được trí Nhất thiết. Ví như trăm ngàn sông đều chảy vào biển cả, chẳng khác nào năm pháp Ba-la-mật được Bát nhã Ba la mật bảo hộ. Bát nhã Ba la mật cũng như cánh tay phải của con người, không có việc gì mà không làm được, còn năm pháp Ba-la-mật dụ như cánh tay trái trợ giúp cho cánh tay phải, như các sông lớn nhỏ đều chảy về biển cả, hợp thành một vị.

Cũng vậy, năm pháp Ba-la-mật cùng Bát nhã Ba la mật biến thành một pháp. Như Chuyển luân thánh vương thống lĩnh bốn loại binh ra đi thì bánh xe bằng vàng đi trước dẫn đường; nếu ý

Thánh vương muốn lấy châu báu, bánh xe này dừng lại để vua lấy của báu bố thí cho tất cả; bố thí xong rồi, bánh xe mới lăn đi, nếu mọi người chưa được đầy đủ thì bánh xe không di chuyển.

Cũng vậy, nhờ Bát nhã Ba la mật dẫn đường nên năm pháp Ba-la-mật đạt trí Nhất thiết mà không bị lay chuyển. Ví như bảy loại báu của Chuyển luân thánh vương, ba loại báu thường dẫn đường là: Xe vàng; Vị thống lĩnh binh sĩ; Người giữ kho báu.

Cũng thế, nhờ Bát nhã Ba la mật dẫn đường nên năm pháp Bala-mật đi đến trí Nhất thiết. Nếu thực hành Bát nhã Ba la mật mà không nghĩ rằng năm pháp Ba-la-mật: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí tuệ ba-la-mật phải thường theo ta; cũng không nghĩ rằng, phải thuận theo Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì tánh của chúng là không, nên không có chỗ tạo tác cũng không có chỗ hành động như sóng nắng khi trời nóng.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Pháp Không là thế nào? Đã nói các pháp là không thì làm sao Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật để chứng Chánh đẳng giác?

Phật dạy:

Này Tu-bồ-đề! Khi thực hành Bát nhã Ba la mật, Bồ-tát nghĩ: “Vì chúng sinh trong ba cõi chấp trước vào bốn thứ điên đảo, nếu ta dùng phương tiện quyền xảo để cứu họ thoát ly sinh tử. Lúc thực hành Bát nhã Ba la mật, ta đều xả bỏ ý niệm bố thí cả trong lẫn ngoài.” Trong lúc bố thí Bồ-tát nghĩ: “Ta không có bố thí chi cả, vì mọi sở hữu tài vật, thân thể có hợp tức có ly. Quán sát như vậy Bồ-tát liền thành tựu Bố thí ba-la-mật.”

Vì chúng sinh, Bồ-tát không nghe ác giới, không phạm vào mười điều ác, cũng không rơi vào hai địa. Quán sát như vậy Bồ-tát sẽ thành tựu Trì giới ba-la-mật.

Vì chúng sinh, Bồ-tát không sinh tâm sân hận. Nhờ vậy, Bồ-tát thành tựu Nhẫn nhục ba-la-mật.

Vì chúng sinh, Bồ-tát cầu đạo Chánh đẳng giác, hoàn toàn không sinh lòng buông lung biếng nhác. Nhờ vậy, Bồ-tát thành tựu Tinh tấn ba-la-mật.

Vì chúng sinh, đến khi chứng quả Chánh đẳng giác, tâm Bồ-tát không tán loạn. Nhờ vậy Bồ-tát thành tựu Thiền định ba-la-mật.

Vì chúng sinh, nên từ lúc mới phát tâm cho đến khi chứng Chánh đẳng giác không rời trí tuệ. Nhờ vậy, Bồ-tát thành tựu Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì ngoài Bát nhã Ba la mật ra, không thể dùng pháp nào khác để cứu độ chúng sinh. Do đó mà Bồ-tát phải tu tập Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp không có tướng sai khác thì làm sao Bát nhã Ba la mật đứng đầu năm pháp Ba-la-mật?

Phật dạy:

–Đúng vậy! Tuy các pháp độ không có tướng sai khác, nhưng năm pháp Ba-la-mật phải thuận theo Bát nhã Ba la mật mới được có tên và nhờ có Bát nhã Ba la mật mà năm pháp Ba-la-mật mới có được tên riêng.

Này Tu-bồ-đề! Cũng như có nhiều loại màu sắc, khi đem đến núi Tu-di thì đều giống nhau một màu không khác.

Cũng vậy, nhờ Bát nhã Ba la mật mà năm pháp Ba-la-mật được tên là trí Nhất thiết, nên cả hai thành một thứ không sai khác; cũng không còn phân biệt về tên của Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí tuệ ba-la-mật nữa. Vì sao? Vì các pháp Ba-la-mật không có hình tướng nên không có sai khác.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu chỗ đạt đến không có sai khác thì tại sao Bát nhã Ba la mật được đứng đầu trong năm pháp Ba-la-mật?

Phật dạy:

–Tuy chỗ đạt đến không có chỗ sai khác như vậy nhưng vì thế tục còn trong sinh tử, nên biết có sáu pháp Ba-la-mật là vì họ mà thiết lập ra thôi. Nhưng chúng sinh không biết rằng pháp đó là không sinh, không diệt cũng không sinh tử.

Chúng sinh và các pháp không có biên giới cũng không có ngằn mé. Thế nên, Bát nhã Ba la mật là đứng đầu trong năm pháp Ba-la-mật. Cũng như đối với những người con gái trong cõi Diêmphù-đề thì Ngọc nữ là đứng đầu. Cũng vậy, trong các Ba-la-mật, Bát nhã Ba la mật là đứng đầu.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Do oai thần gì mà làm cho Bát nhã Ba la mật đứng đầu năm pháp Ba-la-mật?

Phật dạy:

–Vì Bát nhã Ba la mật bao trùm công đức của các thiện pháp và trụ vào nơi không có chỗ ở trí Nhất thiết.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật có chỗ lấy và có chỗ bỏ phải không?

Phật dạy:

–Bát nhã Ba la mật đối với các pháp không có chỗ lấy cũng không có chỗ bỏ. Vì sao? Vì các pháp không có chỗ giữ và không có chỗ bỏ.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật không giữ và không bỏ pháp nào?

Phật dạy:

–Bát nhã Ba la mật không lấy và không bỏ năm ấm, cho đến đạo cũng không lấy không bỏ.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao không lấy năm ấm cũng không lấy đạo?

Phật dạy:

–Vì không niệm năm ấm cũng không niệm đạo nên không có chỗ lấy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Việc ấy như thế nào? Nếu năm ấm cho đến đạo cũng không niệm thì làm sao được tăng trưởng công đức? Nếu các Ba-la-mật không thành tựu thì làm sao đạt được trí Nhất thiết?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Vì không niệm đến năm ấm và trí Nhất thiết nên được tăng trưởng công đức để đạt đến trí Nhất thiết; do không niệm đến năm ấm, không niệm đến đạo thì mới đạt được đạo.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao không niệm đến năm ấm và không niệm đến đạo?

Phật dạy:

–Vì niệm thì sẽ bị đắm trước trong cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Còn nếu không niệm sẽ không đắm trước.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật như vậy thì không có chỗ trụ phải không?

Phật dạy:

–Đúng vậy! Bồ-tát thực hành như vậy thì không trụ vào năm ấm cũng không trụ vào trí Nhất thiết.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao mà không trụ?

Phật dạy:

–Vì không có chỗ vào nên không trụ. Vì sao? Vì không thấy pháp có chỗ trụ, cũng không có chỗ đi vào. Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật như vậy là chẳng có chỗ vào nên không có chỗ trụ. Bồ-tát trụ như vậy và thực hành như vậy là Bồ-tát đã thực hành Bát nhã Ba la mật và đã an trụ vào Bát nhã Ba la mật.

Nếu nói rằng, ta đã thực hành Bát nhã Ba la mật, đã niệm Bát nhã Ba la mật thì sẽ xa lìa Bát nhã Ba la mật; nếu đã xa lìa Bát nhã Ba la mật thì sẽ xa lìa năm pháp Ba-la-mật; đã xa lìa năm pháp Bala-mật thì sẽ xa lìa trí Nhất thiết. Vì sao? Bát nhã Ba la mật không có chỗ vào cũng không có người có thể vào Bát nhã Ba la mật, bởi vì không có hình tướng để vào. Nếu Bồ-tát ở trong Bát-nhã ba-lamật mà còn có sự biết thì sẽ rơi vào chấp ngã; Bát nhã Ba la mật bị chấp ngã thì đối với các pháp cũng bị chấp ngã.

Nếu nghĩ trụ vào Bát nhã Ba la mật để thọ trì năm pháp Ba-lamật và thọ trì trí Nhất thiết thì cũng rơi vào chấp ngã; vì không thực hành Bát nhã Ba la mật nên không thành Chánh đẳng giác.

Nếu nghĩ ở trong Bát nhã Ba la mật mà cầu Chánh đẳng giác thì cũng bị rơi vào chấp ngã; Bát nhã Ba la mật đã bị chấp ngã thì không có chứng được Chánh đẳng giác.

Nếu nghĩ ta nên nhờ vào Bát nhã Ba la mật để thực hành năm pháp Ba-la-mật và hành đại Từ thì sẽ bị thoái đọa; đã bị thoái đọa thì không thể thành tựu năm pháp Ba-la-mật và đại Từ.

Nếu nghĩ đối với các pháp, chư Phật không có chỗ nhận lấy cũng không có chỗ thực hành, tự nhiên chứng được giác ngộ, ta đem giáo pháp ấy giáo hóa chúng sinh thì cũng bị thoái đọa. Như Lai đối với các pháp không có sự đạt đến Giác ngộ, thế nên không có pháp xứ, huống gì có pháp để đạt đến Giác ngộ; không thể có như vậy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát phải thực hành Bát nhã Ba la mật như thế nào mới không bị lỗi lầm?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật phải nghĩ rằng: Các pháp ấy không có sở hữu, pháp ở trong pháp mà không có sở hữu thì không có chỗ lấy và không có chỗ đạt đến. Người thực hành như vậy mới là thực hành Bát nhã Ba la mật. Người nào muốn đi vào pháp không có sở hữu thì sẽ xa lìa Bát nhã Ba la mật, vì Bát nhã Ba la mật không có chỗ vào và không có người vào.

Tu-bồ-đề thưa:

–Như vậy là Bát nhã Ba la mật không xa lìa Bát-nhã ba-lamật, Bố thí ba-la-mật không xa lìa Bố thí ba-la-mật, cho đến trí Nhất thiết cũng không xa lìa Nhất thiết trí. Nếu không xa lìa thì làm sao vào Bát nhã Ba la mật, cho đến trí Nhất thiết cũng không làm thế nào để có chỗ vào.

Phật dạy:

–Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật thì không vào năm ấm, không chấp thủ vào năm ấm, cũng không chấp có năm ấm, cho đến trí Nhất thiết cũng vậy. Cũng không cho rằng, năm ấm là thường hay vô thường, khổ hay vui, ngã hay vô ngã, rỗng không hay vắng lặng, cho đến trí Nhất thiết cũng như vậy. Thường hay vô thường, khổ hay vui, ngã hay ngã sở đều không tịch. Vì pháp này không thể nhập vào hữu hình, cũng không nhập vào vô hình.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật là thực hành trí Nhất thiết. Cũng như khi Chuyển luân thánh vương đi đâu thì có bốn binh chủng đều phải đi theo. Cũng vậy, năm pháp Ba-la-mật đều phải thuận theo Bát nhã Ba la mật mới trụ vào trí Nhất thiết. Ví như người đánh xe giỏi thì ngay từ đầu đã không đi lệch đường. Cũng vậy, Bát nhã Ba la mật dẫn đường cho năm pháp Ba-la-mật thuận theo trí Nhất thiết.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những gì là đạo và phi đạo của Bồ-tát?

Phật dạy:

–Thanh văn, Bích-chi-phật là phi đạo của Bồ-tát, trí Nhất thiết là đạo của Bồ-tát.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật làm cho các Bồ-tát thực hành các việc lớn mới có thể phân biệt đạo và phi đạo.

Phật dạy:

–Như lời ông nói, Bát nhã Ba la mật được thực hành là vì vô số a-tăng-kỳ chúng sinh. Dù có khen ngợi thì sự thực hành cũng không có nhận lấy năm ấm và hai địa.

Bát nhã Ba la mật là bậc thầy dẫn đường cho chúng sinh, đưa chúng sinh đi đến trí Nhất thiết mà không dắt họ theo hai địa. Thế nên Bát nhã Ba la mật đối với các pháp không có chỗ sinh cũng không có chỗ diệt, vì pháp tánh bình đẳng.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Bát nhã Ba la mật đối với các pháp không sinh, không diệt thì Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật để làm gì?

Phật dạy:

–Vì Bát nhã Ba la mật ghi nhận sáu pháp Ba-la-mật, đem công đức ấy hồi hướng cho chúng sinh cùng cầu Chánh đẳng giác, đó là thực hành hạnh đại Từ của Bồ-tát. Nếu Bồ-tát xa lìa sáu

pháp Ba-lamật, phải thành tựu công đức của các thiện pháp mới đạt được trí Nhất thiết. Do đó mà Bồ-tát phải thực hành sáu pháp Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát tu tập sáu pháp Ba-la-mật như thế nào?

Phật dạy:

–Bồ-tát phải quán sát Không, tu tập về năm ấm cũng không tu tập về năm ấm, cho đến trí Nhất thiết cũng vậy. Bồ-tát phải tu tập sáu pháp Ba-la-mật như vậy.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát không tu tập nơi năm ấm, cho đến không tu tập trí Nhất thiết. Vì sao? Vì năm ấm và trí Nhất thiết không có tu tập cũng không có chỗ trụ.

Này Tu-bồ-đề! Cũng như có người muốn có trái ngọt thì phải trồng cây, chôn gốc cho thật sâu, tưới nước đều để cây tươi tốt; nẩy mầm, cành, lá, hoa, trái rồi mới được ăn. Cũng vậy, Bồ-tát muốn cầu Chánh đẳng giác thì phải học sáu pháp Ba-la-mật, đem sáu pháp Bala-mật này hộ trì và cứu độ chúng sinh. Thế nên, Tu-bồ-đề, muốn được tự tại trong ba cõi, muốn làm thanh tịnh cõi Phật, muốn ngồi nơi đạo tràng, muốn chuyển pháp luân thì Bồ-tát phải học sáu pháp Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Phải học Bát nhã Ba la mật như thế nào?

Phật dạy:

–Phải học như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Muốn tự tại trong các pháp thì phải học Bát nhã Ba la mật. Vì Bát nhã Ba la mật là đứng đầu trong các pháp, Bát nhã Ba la mật là bao trùm các pháp. Cũng như biển là bao trùm cả bốn dòng sông lớn.

Người nào muốn học trí Nhất thiết phải học Bát nhã Ba la mật. Thế nên Bồ-tát phải học Bát nhã Ba la mật và học trí Nhất thiết. Cũng như người bắn cung giỏi, tay cầm cung tên thì chẳng sợ kẻ thù. Cũng vậy, Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật sẽ không còn sợ ma và thiên ma nữa.

Thế nên, Bồ-tát muốn chứng Chánh đẳng giác phải thực hành Bát nhã Ba la mật, sẽ được chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai hộ niệm.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát phải thực hành sáu pháp Ba-la-mật như thế nào mới được chư Phật hộ niệm?

Phật dạy:

–Niệm là không thấy có sáu pháp Ba-la-mật để niệm, cũng không thấy có trí Nhất thiết để niệm. Bồ-tát trụ tâm như vậy sẽ được chư Phật hộ niệm.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ta không đem năm ấm ra niệm, cho đến trí Nhất thiết cũng không đem ra niệm.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Sự học của Bồ-tát rất nhiều nhưng không có học gì cả hay sao?

Phật dạy:

–Có sự học nhiều như vậy mà không thấy sự học. Vì sao? Vì Bồ-tát không còn thấy pháp để học.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đức Phật thuyết bao nhiêu pháp, Bồ-tát đều phải hành trì phải không?

Phật dạy:

–Bồ-tát muốn chứng Chánh đẳng giác thì phải thực hành về sáu pháp Ba-la-mật, phải thường bền chí quán sát, nhớ nghĩ và giữ gìn không có lay chuyển. Đối với sáu pháp Ba-la-mật, Bồ-tát phải học cho thấu đáo, đối với các pháp cũng phải học và hiểu rõ một cách thấu đáo.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Làm thế nào để hiểu rõ năm ấm một cách thấu đáo?

Phật dạy:

–Phải biết rõ năm ấm và trí Nhất thiết, vì biết rõ năm ấm và trí
Nhất thiết như thật rồi mới biết rõ các pháp.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Làm thế nào để biết rõ năm ấm và trí Nhất thiết như thật, không biết sinh diệt, không biết bao trùm, thường trụ hay bất biến.

Phật dạy:

–Quán sát một cách như thật sẽ biết rõ các pháp.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Quán như thật là thế nào?

Phật dạy:

–Quán như thật tức chẳng phải chân thật. Bồ-tát phải học phi chân thật mới biết rõ các pháp, biết rõ các pháp tánh sẽ biết rõ các pháp; biết rõ sắc tánh, pháp tánh không đoạn tuyệt thì sẽ biết rõ các pháp.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Làm thế nào để biết rõ các pháp?

Phật dạy:

–Các pháp không hợp cũng không ly.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Các pháp không hợp cũng không ly là thế nào?

Phật dạy:

–Năm ấm là không hợp cũng không ly; cho đến tánh hữu vi, vô vi cũng không hợp không ly. Vì sao? Vì pháp ấy không có hình tướng thì làm gì có hợp có ly; vì sở hữu đều không có sở hữu, cũng không hợp và không ly. Bồ-tát phải biết rõ các pháp như vậy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát từ khi mới phát tâm cho đến bậc Thập trụ đều phải học như vậy, tính đến về sau mới rõ các pháp.

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Chỉ có Bồ-tát lợi căn mới biết được pháp môn này, còn kẻ độn căn, người hiểu lưng chừng hoặc người hiểu cạn cợt thì không được vào. Lại người muốn học vào pháp này, những kẻ lười biếng và người có mong cầu thì không được vào. Chỉ có người siêng năng có

chánh định và bậc không thoái chuyển đã đạt được trí Nhất thiết thì mới được vào. Nếu hành trì sáu pháp Ba-la-mật đúng như lời Phật dạy thì sẽ được trí Nhất thiết.

Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, nếu ma sự vừa phát sinh thì biết rõ và diệt ngay. Vậy, muốn được phương tiện quyền xảo phải học Bát nhã Ba la mật.

Bồ-tát thực hành niệm và thể nhập vào Bát nhã Ba la mật thì sẽ được chư Phật hiện tại trong mười phương hộ niệm. Chư Phật và Bồ-tát trong ba cõi đều sinh ra từ Bát nhã Ba la mật. Thực hành Bát nhã Ba la mật, Bồ-tát phải nghĩ như vầy: "Pháp mà chư Phật trong ba đời đã chứng được thì ta cũng chứng được." Khi thực hành Bát nhã Ba la mật, Bồ-tát phải tu tập như vậy, tu tập như vậy sẽ mau chứng Chánh đẳng giác. Do đó, Bồ-tát không nên xa lìa niệm trí Nhất thiết.

Giả sử chúng sinh trong đại thiên thế giới đều y như lời trên mà thực hành sáu pháp Ba-la-mật để được quả Tu-đà-hoàn, A-lahán đến Bích-chi-phật thì không bằng Bồ-tát này thực hành Bát nhã Ba la mật khoảng thời gian rất ngắn. Vì sao? Vì năm pháp Bala-mật, Tu-đà-hoàn, A-la-hán đến Bích-chi-phật đều sinh ra từ Bát nhã Ba la mật; chư Phật trong ba đời cũng từ Bát nhã Ba la mật mà sinh ra.

Giả sử dạy bảo cho hằng hà sa chúng sinh đều bố thí để đạt đến Thanh văn, Bích-chi-phật; không bằng Bồ-tát niệm Bát-nhã bala-mật hợp với trí Nhất thiết; niệm Bát nhã Ba la mật hợp với trí Nhất thiết chứng một ngày đến trăm ngày, hoặc đến trăm kiếp. Vì sao? Vì các Đức Như Lai từ Bát nhã Ba la mật sinh ra, các Ngài lập hạnh Bố thí để giáo hóa chúng sinh và cũng để dạy cho các vị A-lahán và Bích-chi-phật. Nếu có Bồ-tát trụ vào lời dạy đúng như Bát nhã Ba la mật thì phải biết đó là bậc Bồ-tát không thoái chuyển, sẽ được Như Lai hộ niệm. Phải biết, Bồ-tát này đã thực hành sáu pháp Ba-la-mật, đã được phương tiện quyền xảo, đã cúng dường chư Phật rất nhiều, đã được thân cận với bạn lành, mười tám pháp Không, thành tựu bốn Vô ngại tuệ, sáu pháp Thần thông, an trụ đầy đủ các nguyện, đầy đủ hạnh thanh tịnh của đồng nam, không xa lìa công đức của các thiện pháp, không mất các biện tài, được các pháp Tổng trì, các căn đầy đủ và sẽ được thọ ký; đối với các cảnh giới như ba cõi, tám nạn vĩnh viễn dứt tuyệt. Phải biết, Bồ-tát ấy giỏi làm các việc, thể nhập nghĩa Vô tự, khéo nói năng và im lặng, nói nhiều, nói ít, dạy dỗ nam nữ, năm ấm, Niết-bàn, các pháp tướng, tánh hữu vi, vô vi, kia đây, hội hợp chia lìa, không hợp, không lìa, pháp như, pháp tịnh, pháp hữu duyên, pháp vô duyên, năm ấm, sáu trần, mười tám giới, bốn Đế, mười hai nhân duyên, các Thiền: bốn Thiền, bốn Vô hình thiền; sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, trí Nhất thiết, tánh hữu vi, vô vi, ngã, vô ngã, năm ấm cho đến trí Nhất thiết; cũng biết rõ niệm, năm ấm cho đến đạo tự tánh là không. Đạo không, tin đạo không, không tin đạo không, sinh, diệt, thường, trụ, bất biến, tham, sân, si, chánh kiến, không chánh kiến, tà kiến, không tà kiến, việc làm, sự tôn thờ, tướng, Khổ, Tập, Diệt, Đạo, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, ba đường ác, người, cõi người, cõi trời, quả Thanh văn, Bích-chi-phật, trí Nhất thiết và của đạo trí Nhất thiết, mười Lực và sự đầy đủ mười Lực của Phật, biết rõ một cách nhanh lẹ, một cách vi tế, một cách nhàm chán, Đại trí, Vô tận trí, trí tuệ trong ba đời, phương tiện quyền xảo, căn cơ của chúng sinh, nghĩa, giải và sự ra khỏi ba đường ác.

Này Tu-bồ-đề! Đó là những công đức của Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, niệm và sự thể nhập Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát phải thực hành niệm và thể nhập Bát nhã Ba la mật như thế nào?

Phật dạy:

–Phải biết năm ấm là thường hay vô thường, bền chắc hay không bền chắc, chân thật hay không chân thật. Biết rõ như vậy là thực hành Bát nhã Ba la mật, thể nhập Bát nhã Ba la mật như là quán không, sở hữu đều không có sở hữu cũng phải niệm như vậy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật đến bao lâu mới được như vậy?

Phật dạy:

–Bồ-tát khi mới phát tâm thực hành Bát nhã Ba la mật cho đến khi ngồi nơi đạo tràng đều phải thực hành, phải niệm, phải thể nhập như vậy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát niệm Bát nhã Ba la mật là phải niệm cho nhất tâm phải không?

Phật dạy:

–Bồ-tát phải thường nhất tâm, chớ có để niệm nào khác xen vào trong tâm mình.

Thực hành niệm thể nhập Bát nhã Ba la mật như vậy sẽ không xa lìa niệm trí Nhất thiết; niệm Bát nhã Ba la mật là phải niệm theo ý pháp mà không lìa ý đó.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Hành trì, niệm và thể nhập Bát nhã Ba la mật có đạt được trí Nhất thiết không?

Phật dạy:

–Không.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Hành trì mà không niệm có đạt được trí Nhất thiết không?

Phật dạy:

–Không.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Trì niệm rồi mà không niệm thì có đạt được trí Nhất thiết không?

Phật dạy:

–Không.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không niệm cũng không không niệm, có đạt
được trí Nhất thiết không?

Phật dạy:

–Không.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Phải niệm như thế nào mới đạt được trí Nhất thiết?

Phật dạy:

–Phải như như. Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như như là sao?

Phật dạy:

–Là như thật.

–Bạch Thế Tôn! Như thật là thế nào?

Phật dạy:

–Là như pháp tánh, chúng sinh tánh, thọ tánh và mạng tánh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như tánh của pháp, chúng sinh, tuổi thọ và mạng sống là thế nào?

Phật dạy:

–Ý ông hiểu thế nào? Ngã, thọ mạng và chúng sinh có thể nắm bắt được không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ngã, thọ mạng và chúng sinh không thể nắm bắt được thì làm gì có chúng sinh để gọi là chúng sinh?

Phật dạy:

–Bồ-tát phải biết rõ như vậy thì không còn có tên chấp vào Bát nhã Ba la mật, cũng không có tên chấp vào các pháp để đạt đến trí Nhất thiết.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Sáu pháp Ba-la-mật này không dùng tên nữa phải không?

Phật dạy:

–Sáu pháp Ba-la-mật và các pháp hữu vi đều không dùng những pháp hữu vi, vô vi và pháp ba thừa.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp không có tên và không gọi được tên, thì sao có sinh tử trong năm đường, hoặc có Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật và Chánh đẳng giác? Phật dạy:

–Ý ông hiểu thế nào? Tên gọi của chúng sinh có thể thấy được không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không thể thấy được.

Phật dạy:

–Chúng sinh còn không có huống gì có năm đường và pháp ba thừa. Vì vậy, Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật nên học không có tên và không có các pháp.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Thế Tôn nói thì không học năm ấm và trí Nhất thiết nữa phải không?

Phật dạy:

–Phải học năm ấm và trí Nhất thiết. Tuy học nhưng không có sự học.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao học mà nói không có sự học?

Phật dạy:

–Vì học năm ấm và trí Nhất thiết là học không có chỗ sinh, cũng không có chỗ diệt.

Lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Học không có chỗ sinh không có chỗ diệt là thế nào?

Phật dạy:

–Học có chỗ tạo tác là không sự có.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Học chỗ tạo tác là không sự có như thế nào?

Phật dạy:

–Quán tự tướng các pháp như thật là không sự có. Đó là học chỗ tạo tác là không sự có.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Quán tự tướng không sự có là thế nào?

Phật dạy:

–Như quán năm ấm không, như quán sáu tình không, như quán nội ngoại không, như quán hữu vô không; như quán thiền không, như quán Diệt thoát thiền không, như quán ba mươi bảy phẩm Trợ đạo không, như quán đạo không.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, phải quán như vậy và phải quán tự tướng của các pháp là không.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu năm ấm cho đến Đạo là không thì Bồ-tát phải thực hành Bát nhã Ba la mật như thế nào?

Phật dạy:

–Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật là thực hành mà không có thành tựu.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao thực hành mà không có thành tựu?

Phật dạy:

–Vì Bát nhã Ba la mật không thể được, Bồ-tát không thể được, sự thực hành không thể được và người thực hành cũng không thể được. Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật mà không có thành tựu. Vì sao? Vì các trò hý luận không thể thấy được.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát thực hành mà không thấy sự thành tựu như vậy thì lúc mới phát tâm phải hành Bát nhã Ba la mật như thế nào?

Phật dạy:

–Khi mới phát tâm, Bồ-tát không nương tựa vào pháp nào, học và hành sáu pháp Ba-la-mật đều không có chỗ nương tựa. Cho đến trí Nhất thiết cũng phải niệm không có chỗ nương tựa.

–Bạch Thế Tôn! Nương tựa và không nương tựa là thế nào?

Phật dạy:

–Hai pháp thì không nương tựa, một pháp thì không nương tựa.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Hai và một là sao?

Phật dạy:

–Nhãn và sắc, niệm nhập và pháp, đạo và Phật là hai.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là chỗ nương tựa mà không nương tựa? Hoặc từ chỗ không nương tựa mà có nương tựa?

Phật dạy:

–Không từ trong chỗ nương tựa, cũng không từ trong chỗ không nương tựa mà có nương tựa.

Tu-bồ-đề! Đối với sự nương tựa là bình đẳng nên gọi là không nương tựa, phải học như vậy. Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật như vậy là không có nương tựa.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật mà không thực hành sự nương tựa, cũng không hành không nương tựa thì làm sao thực hành Bát nhã Ba la mật để thành tựu các địa và thành tựu trí Nhất thiết?

Phật dạy:

–Nếu Bồ-tát không trụ vào chỗ nương tựa thì sẽ thành tựu các địa. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật không có chỗ nương tựa, đạo không có chỗ nương tựa và người thực hành Bát nhã Ba la mật cũng không thể thấy được. Thế nên Bồ-tát phải thực hành như vậy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật không thể thấy được, đạo không thể thấy được và người hành đạo cũng không thể thấy được thì làm sao Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật và phân biệt các pháp là năm ấm, là đạo?

Phật dạy:

–Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật không có nương tựa vào năm ấm và đạo.

Lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát không nương tựa vào năm ấm và đạo thì làm sao thành tựu sáu pháp Ba-la-mật để vượt qua địa vị Bồ-tát, làm thanh tịnh cõi Phật để giáo hóa chúng sinh, đạt được trí Nhất thiết để chuyển pháp luân; và làm sao làm việc Phật để độ chúng sinh thoát khỏi sinh tử?

Phật dạy:

–Bồ-tát không vì năm ấm, cũng không vì đạo mà thực hành Bát nhã Ba la mật.

Lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Vì lý do gì Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-lamật?

Phật dạy:

–Chính vì không có chỗ làm mà Bồ-tát thực hành Bát-nhã bala-mật. Vì sao? Vì các pháp không có chỗ làm, Bát nhã Ba la mật và đạo cũng không có chỗ làm, cũng không có chỗ thành tựu. Bồ-tát phải thực hành như vậy, vì Bát nhã Ba la mật không có chỗ làm và cũng không có chỗ thành tựu.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp không có chỗ làm và không có chỗ thành tựu cũng không có cảnh giới ba thừa?

Phật dạy:

–Vì các pháp xứ không có chỗ làm, không có sự thành tựu nên không thể được. Vì sao? Vì kẻ phàm phu ngu si chấp vào năm ấm, nương tựa vào năm ấm rồi tự cống cao, nghĩ rằng: “Tôi sẽ chứng đạo và cứu độ chúng sinh thoát ly sinh tử.”

Tu-bồ-đề! Như Lai với năm loại mắt còn không thấy có năm

ấm và đạo huống gì kẻ phàm phu ngu si không có mắt, chấp vào năm ấm mà muốn cứu độ chúng sinh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Ngài dùng năm loại mắt mà không thấy có chúng sinh, cũng không thấy có chúng sinh được độ thì làm sao Đức Thế Tôn thành tựu được Chánh đẳng giác để cứu độ chúng sinh trong ba đời?

Phật dạy:

–Ta không thấy có chứng Phật trí, không thấy có chúng sinh được độ và cũng không thấy có ba đời. Vì chúng sinh không thân mà chúng tưởng ra có thân nên mới có giới luật này và thuyết pháp giáo hóa là vì cho thế tục, chẳng phải Đệ nhất nghĩa là giáo pháp không có lời.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không trụ vào Đệ nhất nghĩa thì có thành Phật trí không?

Phật dạy:

–Không.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Theo bốn thứ điên đảo có thành Phật trí không?

Phật dạy:

–Không.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu không theo Đệ nhất nghĩa và không theo bốn thứ điên đảo không chứng Chánh đẳng giác thì Đức Thế Tôn không chứng Chánh đẳng giác phải không?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Như Lai có chứng Chánh đẳng giác, nhưng không trụ vào tánh hữu vi, vô vi. Cũng như Như Lai tạo ra hóa thân Như Lai. Thân ấy tuy không trụ vào có và không mà không có chỗ tru; nên có đến, đi, ngồi, đứng cũng thực hành sáu pháp Ba-la-mật, cũng có thể hành bốn Thiền, bốn Đẳng, bốn Vô hình thiền, năm phép Thần thông, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, ba Giải thoát môn, nội ngoại không, hữu vô không, tám Giải thoát, Chín Thứ đệ định, mười Lực của Phật, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng và chuyển pháp luân. Vị Hóa Phật này biến hóa ra vô lượng, vô số người và nói với mọi người: “Có cứu độ, có chúng sinh và có cả ba đời.” Phật hỏi:

–Này Tu-bồ-đề! Vị Hóa Phật này có biến hóa ra ba đời chúng sinh không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không.

Phật dạy:

–Như Lai không có chấp trước vào Chánh đẳng giác vì ta biết rõ các pháp như biến hóa nên không có sự độ thoát. Do đó Bồ-tát đối với Bát nhã Ba la mật phải thực hành và phải biết rõ như vậy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Như lời Thế Tôn nói, nếu các pháp như biến hóa thì hóa thân Như Lai cùng với thân của Như Lai có gì khác và sai biệt không?

Phật dạy:

–Không khác và cũng không sai biệt nhau. Vì sao? Vì Như Lai và Hóa thân Như Lai đều có việc làm.

Lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Nếu không có Như Lai thì riêng Hóa thân Như Lai có làm được không? Phật dạy:

–Có thể làm được.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao vậy?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Vào thời quá khứ có Đức Như Lai hiệu là Tu-phiến-đầu (Tu-phiến-đầu, đời Tống gọi là Cực Tịnh Như Lai). Khi Đức Phật ấy xuất hiện ra đời, không có người thực hành Bồ-tát đạo nên Đức Phật ấy thị hiện nhập Niết-bàn rồi làm cho hóa thân Phật trụ lại một kiếp. Sau đó, vị Hóa Phật kia thọ ký cho các hành Bồ-tát rồi nhập diệt. Mọi người đều cho rằng, Hóa Phật đã nhập Niết-bàn mà không biết là Hóa Phật.

Phật dạy:

–Hóa Phật không sinh cũng không diệt. Tu-bồ-đề, Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật phải biết các pháp như Hóa Phật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Hóa Phật có làm, Đức Như Lai cũng có làm, không có sự sai khác thì chỗ đạt công đức bố thí đưa đến kết quả như thế nào? Nếu cúng dường Hóa Phật như cúng dường Như Lai thì người cúng dường ấy cho đến khi Phật nhập Niết-bàn, phước của họ có chấm dứt không?

Phật dạy:

–Như Lai là phước điền cho tất cả nên Hóa thân Như Lai cũng vậy.

Phật dạy tiếp:

–Này Tu-bồ-đề! Hãy để việc làm công đức cúng dường Như Lai và hóa thân của Như Lai lại, nếu có người với Từ tâm thường niệm Phật, phước ấy sẽ đạt đến chỗ hết khổ.

Phật dạy:

–Để việc phước đức của lòng Từ ấy lại. Nếu có người chỉ dùng một bông hoa rải giữa hư không và niệm Phật trong giây phút thì phước ấy cũng sẽ đưa đến hết khổ.

Phật dạy:

–Hãy để việc phước cúng hoa lại, nếu có người niệm Nam-mô Phật thì phước ấy cũng sẽ đưa đến hết khổ.

Này Tu-bồ-đề! Phước cúng dường Như Lai rất là to lớn, ông phải biết rõ như vậy. Vì các pháp bình đẳng nên các Hóa Phật và Phật không có sai khác. Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật như vậy sẽ hiểu rõ pháp của các pháp không diệt và không bỏ. Bát-nhã bala-mật này cũng không có phân biệt cho đến các pháp cũng phải hiểu rõ như vậy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp không phân biệt thì tại sao Đức Như Lai nói rằng, sắc, thọ, tưởng, hành, thức, nội, ngoại pháp, thiện, ác, Hữu lậu, Vô lậu, đạo, thế tục, sinh tử và pháp hữu vi, vô vi?

Bạch Thế Tôn! Các pháp không có phân biệt phải không?

Phật dạy:

–Không! Chỉ dùng danh tự và số lượng để dạy chúng sinh làm cho họ được hiểu rõ chứ không có phân biệt.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Các pháp ấy không có tên thì tại sao dùng danh tướng để chỉ dạy chúng sinh, làm cho họ được hiểu rõ?

Phật dạy:

–Các hành không tên, không tướng cũng không có chỗ thể nhập. Lại nữa, hành là không chỗ, không tướng, không thể nhập. Chư Phật và các đệ tử cũng không nhập vào tướng.

Nếu danh cũng sẽ nhập vào danh, tướng cũng sẽ nhập vào tướng; Không, Vô tướng, Vô nguyện cũng sẽ nhập vào Không, Vô tướng, Vô nguyện; chân tế cũng sẽ nhập vào chân tế; pháp tánh cũng sẽ nhập vào pháp tánh; pháp vô vi cũng sẽ nhập vào pháp vô vi.

Tu-bồ-đề! Các pháp ấy chỉ dùng tên mà không nhập vào tên. Bồ-tát trụ trong danh tướng thực hành Bát nhã Ba la mật chứ không phải chấp vào danh tướng ấy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp hữu vi dựa vào danh tướng mà có thì vì ai mà Bồ-tát phát đạo tâm để chịu nhiều sự cần khổ để thực hành sáu pháp Ba-la-mật, bốn Thiền, bốn Vô hình thiền, bốn Đẳng, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, ba giải thoát môn, đầy đủ đại Bi và vì ai thực hành Bát nhã Ba la mật?

Phật dạy:

–Vì các danh tướng, số tướng, các pháp hữu vi không có danh tướng, là không. Do đó Bồ-tát thực hành đạo của Bồ-tát, đạt đến trí Nhất thiết để chuyển pháp luân, dùng pháp ba thừa độ thoát chúng sinh. Lại nữa, danh tự và tướng đó cũng không sinh cũng không diệt, trụ như vậy không thay đổi.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ngài nói trí Nhất thiết phải không?

Phật dạy:

–Đúng vậy! Ta nói trí Nhất thiết, việc của trí Nhất thiết và nói việc đạo, tuệ.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những điều đó có gì sai khác không?

Phật dạy:

–Trí Nhất thiết là việc của Thanh văn và Bích-chi-phật; việc đạo, tuệ là việc của các Đại Bồ-tát; việc của trí Nhất thiết là việc của chư Phật Như Lai.

Lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao nói trí Nhất thiết là việc của Thanh văn và Bích-chi-phật?

Phật dạy:

–Vì các pháp nội ngoại, La-hán, Bích-chi-phật đều phải biết rõ. Tuy biết nhưng không trụ vào các việc đạo.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những gì là đạo tuệ của Bồ-tát?

Phật dạy:

–Bồ-tát đối với tất cả các đạo đều phải giảng thuyết, biết rõ đạo ba thừa và làm ba việc đạo mà không chấp sự giác ngộ chân tế.

Lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ-tát đã đầy đủ Phật sự mà không chấp sự giác ngộ chân tế đó?

Phật dạy:

–Vì chưa thành tựu Phật sự, chưa giáo hóa chúng sinh nên Bồ-tát chưa nhận sự giác ngộ chân tế đó.

Lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát phải trụ trong đạo mới nhận sự chứng chân tế đó phải không?

Phật dạy:

–Không.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vậy có thể không theo đạo phải không? Phật dạy:

–Không.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không theo đạo cũng không theo phi đạo phải không?

Phật dạy:

–Không.

Tu-bồ-đề thưa:

–Vậy phải làm sao?

Phật hỏi lại:

–Ý ông hiểu thế nào? Nếu ông theo đạo thì có đoạn hết hữu lậu không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không.

Phật hỏi:

–Ông theo phi đạo có đoạn hết hữu lậu không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không.

Phật hỏi:

–Ông theo đạo hoặc phi đạo thì có đoạn hết hữu lậu không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không.

Phật hỏi:

–Ông dùng đạo, phi đạo, cũng chẳng phi đạo, diệt hết các lậu chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không. Con không có chỗ trụ nhưng sẽ đoạn hết hữu lậu. Tuy đoạn hết hữu lậu mà không có chỗ trụ.

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát cũng như thế. Tuy rằng có chứng chân tế mà không có chỗ trụ; tuy nói trí Nhất thiết và việc trí Nhất thiết chỉ là một.

–Bạch Thế Tôn! Một việc là thế nào?

Phật dạy:

–Là tịch tĩnh.

Này Tu-bồ-đề! Những lời nói, hình dáng, sự sinh diệt, chư Phật đều rõ biết. Do đó gọi là trí Nhất thiết.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Trí Nhất thiết, việc của trí Nhất thiết và việc đạo, tuệ, ba việc này thứ tự có khác nhau không?

Phật dạy:

–Đầu mối và chấm dứt không có sai khác. Bởi vì chư Phật đã chấm dứt các đầu mối, còn Thanh văn thì chưa chấm dứt hết các đầu mối.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu chưa chấm dứt hết các đầu mối thì họ có chứng Niết-bàn không?

Phật dạy:

–Không.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Niết-bàn có gì sai khác không?

Phật dạy:

–Không.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu không có sai khác thì tại sao lại nói họ chưa chấm dứt các đầu mối?

Phật dạy:

–Vì đầu mối đó chẳng phải là đầu mối. Do có dâm, nộ, si nên phàm phu gây ra các đầu mối. Đức Như Lai thì không còn đầu mối.

Tu-bồ-đề thưa:

–Đạo và Niết-bàn không có sở hữu thì sao nói có Tu-đà-hoàn, La-hán, Bích-chi-phật và Chánh đẳng giác?

Phật dạy:

–Vì do vô vi mà có tên là Tu-đà-hoàn, A-la-hán, Bích-chi-phật và Chánh đẳng giác.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Từ vô vi mà có tên phải không?

Phật dạy:

–Không! Chỉ vì ngôn thuyết mà có sự nói năng này chứ không từ Đệ nhất nghĩa. Vì sao? Vì trong Đệ nhất nghĩa không có các Hành, cũng không có tạo tác nên vì người đoạn trừ ái mà thiết lập giai đoạn sau.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Tướng các pháp đều như là không, hiện thật còn không thể biết làm sao biết được giai đoạn sau?

Phật dạy:

–Đúng vậy! Tướng các pháp là không, hiện thật còn không biết được huống chi giai đoạn sau. Vì những người không biết tướng các pháp là không nên ta nói có giai đoạn trước và sau. Tướng các pháp cũng không có giai đoạn trước và sau.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật thì phải biết rõ tướng của các pháp là không. Như vậy, các pháp hành đối với các pháp là không, nên không có thể nhập, cũng không có sự thể nhập vào các pháp nội ngoại, hữu vi, vô vi, pháp ba thừa.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao gọi là Bát nhã Ba la mật?

Phật dạy:

–Nói là Bát nhã Ba la mật vì nó vượt qua tất cả các pháp, là

sự vượt qua tối thượng trong ba thừa. Các Đức Như Lai chứng Chánh đẳng giác đều nương vào Bát nhã Ba la mật mà đến được bờ kia. Do đó gọi là Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, sự vượt qua tất cả các pháp như bụi trần mà không có pháp nào ngăn chặn được. Do đó gọi là Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, chân tế pháp tánh và pháp Như đều nhập trong Bát nhã Ba la mật, nên gọi là Bát nhã Ba la mật.

Này Tu-bồ-đề! Vì vậy, Bát nhã Ba la mật đối với các pháp không hợp cũng không ly; dù thấy hay không thấy, ngăn ngại hay không ngăn ngại, thì đối với pháp này cũng không hợp không ly. Vì Bát nhã Ba la mật không có hình tướng, không thể thấy được cũng không có sự đối đãi, một tướng tức là vô tướng. Vì sao? Vì hay sinh ra các pháp, các biện tài, nên trời, người, ma, các oán thù, các ngoại đạo, Thanh văn, Bích-chi-phật đều không thể phá hoại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật. Vì tất cả ác ma oán thù và hai địa đều không thể sánh kịp.

Này Tu-bồ-đề! Trong ý nghĩa này, Bồ-tát phải biết rõ, phải thực hành như vậy.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát đối với ý nghĩa Bát nhã Ba la mật thực hành về vô thường, khổ, vô ngã thì phải biết rõ ý nghĩa Khổ, Tập, Diệt, Đạo, trừ diệt, không sinh, không diệt, các pháp; thấy biết rõ tất cả; biết rõ mình và tâm của người khác. Phải thực hành đúng như lời nói trên.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát đối với Bát nhã Ba la mật phải biết nghĩa đó và phải thực hành đúng như vậy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ý nghĩa Bát nhã Ba la mật này rất là sâu xa, dù nói phi nghĩa cũng không thể nắm được thì làm thế nào Bồ-tát đối với Bát nhã Ba la mật tu tập các nghĩa?

Phật dạy:

–Bồ-tát hiểu nghĩa sâu xa này thì thực hành Bát nhã Ba la mật như vậy. Đối với dâm, nộ, si, Bồ-tát không còn nên không hành nghĩa tà kiến, biết rõ chúng không phải nghĩa nên không hành. Vì sao? Vì như thật của dâm, nộ, si đối với các pháp không tăng không giảm. Lại nữa, nghĩa các tà kiến là như thật, không tăng cũng không giảm.

Nếu cho rằng năm ấm có ích hay không có ích cũng không nên thực hành theo. Vì sao? Vì khi chứng Chánh đẳng giác, Như Lai không thấy tăng giảm. Thế nên, dù có Phật hay không có Phật, các pháp cũng vậy, không tăng cũng không giảm.

Phật dạy:

–Vì các pháp hữu vi thường không bị ngăn ngại, cũng không có chỗ tạo tác. Do đó, Bát nhã Ba la mật cũng không tăng không giảm.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nghĩa các pháp hữu vi chẳng phải là chư Phật và đệ tử phải không?

Phật dạy:

–Các pháp hữu vi đều là chư Phật và đệ tử. Nhưng không vì đó mà có tăng có giảm. Cũng như hư không là như thật, không vì sự tạo tác mà phát sinh, cũng không vì không sự tạo tác mà phát sinh. Bát nhã Ba la mật cũng vậy, không vì có tăng có giảm mà phát sinh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát không theo và không có chỗ làm thì học Bát nhã Ba la mật có chứng Chánh đẳng giác không?

Phật dạy:

–Bồ-tát theo mà không có chỗ làm, học Bát nhã Ba la mật một cách sâu xa thì sẽ thành Chánh đẳng giác, vì không hợp với hai.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Theo một pháp để chứng một pháp có chứng đắc không?

Phật dạy:

–Không.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu không theo một cũng không theo hai pháp thì có chứng đắc không?

Phật dạy:

–Không.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu không thuận theo một cũng không thuận theo hai pháp thì có chứng đắc không?

Phật dạy:

–Không.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu không theo một cũng không theo hai thì làm sao có sự chứng đắc?

Phật dạy:

–Đạt đến chỗ chứng mà không có chỗ đắc thì gọi là có chứng có đắc.

QUYỂN 16
Phẩm 71: TRỒNG CÂY

Khi ấy Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật rất là sâu xa, không có chúng sinh nhưng Bồ-tát vì chúng sinh đau khổ mà cầu Chánh đẳng giác. Cũng như người nào đó muốn trồng cây ở giữa hư không, Bồ-tát vì muốn chúng sinh mà muốn cầu trí Nhất thiết.

Phật dạy:

–Đúng vậy! Này Tu-bồ-đề, vì chúng sinh mà Bồ-tát cầu trí Nhất thiết, chỉ tưởng có chúng sinh để cứu độ họ được giải thoát.

Tu-bồ-đề! Cũng như có người muốn trồng cây mà không biết đến rễ cây, cũng không biết đến thân, cành, lá, hoa, quả; chỉ cần lấy giống đó để trồng, tưới nước và chăm sóc đều đặn; dần dần, thân, cành, lá, hoa, quả đều đầy đủ; đối với cành, lá, thân muốn dùng đoạn nào cứ lấy mà sử dụng, còn quả thì dùng để ăn.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát vì tất cả chúng sinh mà cầu Chánh đẳng giác, tiếp đến thực hành sáu pháp Ba-la-mật để đạt đến trí Nhất thiết; dùng thân, cành, lá, hoa, quả làm lợi ích chúng sinh; dùng lá độ thoát chúng sinh thoát khỏi ba đường ác; dùng hoa giúp họ được bốn dòng họ tôn quý và cõi trời Tứ thiên vương cho đến trời Phất như đàn tưởng, Phi phi tưởng; còn quả thì đạt đến Chánh đẳng giác và trí Nhất thiết, làm cho chúng sinh được đạo quả Tu-đà-hoàn, Tưđà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán.

Nếu có Bồ-tát cầu Chánh đẳng giác đem kết quả lợi ích cho chúng sinh, đó là quả nơi chúng sinh. Tuy ở trong ba thừa thành Phật trí mà không có cảnh giới chúng sinh, tưởng có hóa độ chúng sinh, nhưng không thấy có chúng sinh được độ, cũng không thấy chỗ đạt đến Phật trí.

Này Tu-bồ-đề! Thế nên Bồ-tát phải học, niệm và thực hành Bát nhã Ba la mật như vậy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nên biết Bồ-tát đó cũng như Phật. Bồ-tát đó đi đến đâu thì đoạn trừ ba đường ác, đoạn trừ tám nạn, đoạn trừ các cảnh bần cùng hạ tiện và đoạn trừ ba cõi.

Phật dạy:

–Đúng vậy! Này Tu-bồ-đề, nên biết vị Bồ-tát ấy cũng như Đức Như Lai. Nếu Bồ-tát lười biếng chán nản thì không bao giờ đi được trên đường của chư Phật trong ba đời. Thế gian cũng không có Thanh văn, Bích-chi-phật. Ba cảnh giới ác và ba cõi không có lúc nào bị chấm dứt.

Phật dạy:

–Phải biết Bồ-tát đó như Phật, đúng như lời ông nói. Vì như thật nên biết có Như Lai, Bích-chi-phật và các Hiền thánh; vì như thật mà biết có năm ấm, tánh hữu vi, vô vi; vì Như đó đúng như thật nên gọi là Như. Nếu Bồ-tát học được như thật ấy, thì sẽ đạt được đến trí Nhất thiết; lại từ trong đó mà đến nên gọi là Như; vì Như… nên biết Bồ-tát đó là Phật.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát phải học như thật về Bát nhã Ba la mật.

Học như thật Bát nhã Ba la mật rồi thì mới học tất cả các pháp như thật; đã học các pháp như thật rồi mới đầy đủ tất cả các pháp như thật thì đạt được tự tại như thật; đã được tự tại nhưng hư

thật rồi thì biết được nguồn gốc của các pháp; đã biết rõ nguồn gốc của các pháp rồi thì thấy chúng sinh tùy theo hạnh nghiệp của mình mà đến; đã biết chỗ đi đến rồi thì đầy đủ trí tuệ và hạnh nguyện; đã đầy đủ trí tuệ và hạnh nguyện rồi thì được trí tuệ thanh tịnh trong ba đời; đã được trí tuệ thanh tịnh trong ba đời rồi thì hành Bồ-tát đạo; hành Bồ-tát đạo rồi thì làm lợi ích cho chúng sinh; làm lợi ích cho chúng sinh rồi thì đạt đến trí Nhất thiết; đạt đến trí Nhất thiết rồi thì chuyển pháp luân; chuyển pháp luân rồi thì hướng dẫn chúng sinh vào pháp ba thừa, hướng dẫn chúng sinh rồi thì nhập Niết-bàn.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát tự quán công đức của các thiện pháp và công đức của các người khác mà cầu Chánh đẳng giác.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chư Thiên, A-tu-la và Nhân loại ở thế gian đều phải đảnh lễ Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật phải không?

Phật dạy:

–Đúng vậy! Chư Thiên và Nhân loại ở thế gian đều phải đảnh lễ Bồ-tát đó.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát mới phát tâm vì chúng sinh mà cầu Chánh đẳng giác thì được bao nhiêu phước đức?

Phật dạy:

–Nếu có thiện nam, thiện nữ giáo hóa chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đều trụ bậc A-la-hán, Bích-chi-phật. Ý ông nghĩ thế nào? Phước ấy có nhiều không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.

Phật dạy:

–Không bằng Bồ-tát vì chúng sinh phát tâm cầu Chánh đẳng giác, phước đức ấy nhiều gấp trăm ngàn muôn ức lần.

Hãy để tam thiên đại thiên thế giới đó lại, nếu có người giáo hóa chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đều trụ bậc Tuệ địa, Tín địa, Bát địa, Kiến địa, Bạt địa, Tịnh địa, Dĩ biện địa, Bíchchi địa đều không bằng Bồ-tát phát tâm vì chúng sinh cầu Chánh đẳng giác, phước đức ấy rất nhiều gấp trăm ngàn muôn ức lần.

Tu-bồ-đề! Nếu như tất cả chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đều mới phát tâm, phước đức ấy rất nhiều gấp trăm ngàn muôn ức lần ở trước. Giả sử như tam thiên đại thiên thế giới đều thành tựu Bồ-tát cả thì không bằng phước ấy một phần trăm, một phần ngàn, một phần muôn, ức lần của Đức Như Lai.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bồ-tát mới phát tâm phải niệm những gì?

Phật dạy:

–Phải niệm trí Nhất thiết.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Niệm trí Nhất thiết là làm những việc gì và hình tướng nó ra sao?

Phật dạy:

–Trí Nhất thiết pháp không có sở hữu, không có hình tướng cũng không sinh không diệt.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Trí Nhất thiết là không có sở hữu; năm ấm, nội ngoại không, hữu vô không; bốn Thiền, bốn Đẳng, bốn Vô hình thiền không; ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, ba Tam-muội, tám Giải thoát, chín thứ đệ Định, mười Lực của Phật, bốn Vô sở úy, đại Từ, đại Bi, bốn Vô ngại tuệ, mười tám pháp Bất cộng, sáu pháp Thần thông và các tánh hữu vi, vô vi đều không có sở hữu phải không?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Trí Nhất thiết tự tánh là không có sở hữu, vì không có sở hữu là không.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có sở hữu là sao?

Phật dạy:

–Không có chỗ hành động là không có sở hữu. Do đó các pháp dù có sở hữu hay không có sở hữu cũng đều không.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Các pháp là Không, Vô tướng, Vô nguyện, các pháp như như, các pháp Như chân tế, các pháp Như pháp tánh. Vì vậy các pháp có sở hữu hay không có sở hữu đều không.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp có sở hữu đều không có sở hữu thì làm cách gì để Bồ-tát mới phát tâm thực hành phương tiện quyền xảo, sáu pháp Ba-la-mật, bốn Thiền, bốn Đẳng, bốn Vô hình thiền, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, hành nội ngoại không, hữu vô không, mười tám pháp Bất cộng, trí Nhất thiết, làm thanh tịnh cõi Phật và giáo hóa chúng sinh?

Phật dạy:

–Ngay trong pháp không mà có hành động thì đó là phương tiện quyền xảo, có năng lực làm tịnh cõi Phật, giáo hóa chúng sinh, biết cõi Phật vì chúng sinh có sở hữu đều không có sở hữu.

Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật là vì nhân duyên làm Phật đạo, cho đến trí Nhất thiết cũng vì nhân duyên làm Phật đạo, biết việc đạo có sở hữu đều không có sở hữu.

Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật đều vì nhân duyên làm đạo tràng, cho đến mười Lực của Phật, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại tuệ, bốn Đẳng, mười tám pháp Bất cộng… Nhờ đầy đủ việc đạo, tuệ trí Nhất thiết mà định và tuệ hợp nhau nên đạt được trí Nhất thiết. Ngay khi ấy tập khí của các đầu mối đều dứt hết, không còn chỗ để phát sinh.

Tu-bồ-đề! Ta dùng Phật nhãn quán sát tam thiên đại thiên thế giới còn không thấy không có sở hữu huống gì là có sở hữu.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật như vậy nên đối với các pháp không thấy có sở hữu và không có sở hữu.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành Bố thí ba-la-mật là bố thí không có sở hữu cũng không cần biết đến; người nhận không có sở hữu cũng không cần biết đến; Đạo ý vô sở hữu cũng không cần biết đến; cho đến trí Nhất thiết không có sở hữu cũng không cần biết đến. Đã, đang, sẽ đạt được giác ngộ và không có sở hữu và cũng không cần biết đến. Vì sao? Vì tất cả các pháp là

không có sở hữu, chẳng phải do Đức Phật hay đệ tử hay Bích-chi-phật làm ra. Bởi vì pháp không có sự làm ra nên lìa các sự làm ra.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Sẽ không có pháp nào lìa pháp nào hay sao?

Phật dạy:

–Tuy nói pháp tức là lìa pháp.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu lìa pháp và pháp tướng thì làm sao biết pháp là pháp? Như các pháp có sở hữu, không có sở hữu; pháp không có sở hữu, không biết không có sở hữu; pháp có không biết pháp có; pháp có không biết pháp không có sở hữu. Nếu Bồ-tát không hiểu rõ pháp thì làm sao biết được pháp có sở hữu và không có sở hữu?

Phật dạy:

–Bồ-tát vì tu tập của thế gian mà ta chỉ bày có sở hữu và không có sở hữu, chẳng phải là Đệ nhất nghĩa.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Tục đế cùng Đệ nhất nghĩa đế có khác nhau không?

Phật dạy:

–Không khác! Tục đế cũng như Đệ nhất nghĩa đế. Vì chúng sinh không hiểu như vậy nên ta chỉ bày Tục đế có sở hữu và không có sở hữu.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Vì chúng sinh chấp năm ấm có hình tướng chứ không biết không có sở hữu. Do đó mà ta thuyết pháp phân biệt. Bồ-tát muốn chúng sinh hiểu rõ không có sở hữu thì phải học và thực hành Bát nhã Ba la mật như vậy.

QUYỂN 16
Phẩm 72: BỒ-TÁT HẠNH

Khi ấy Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát thực hành hạnh của Bồ-tát là làm những gì?

Phật dạy:

–Hạnh Bồ-tát là hành đạo nên gọi là Bồ-tát hạnh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thực hành Bồ-tát hạnh là thực hành chỗ nào?

Phật dạy:

–Bồ-tát đối với năm ấm là không, đối với nội ngoại pháp mà hành sáu pháp Ba-la-mật; nội ngoại không, hữu vô không và hành bốn Thiền, bốn Vô hình thiền, bốn Đẳng, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, ba Tam-muội, mười Lực của Phật, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại tuệ, mười tám pháp Bất cộng, làm thanh tịnh cõi Phật và giáo hóa chúng sinh, thể nhập văn tự, không thể nhập văn tự, các môn Đà-lani; tánh hữu vi, vô vi; làm các hạnh như trên mà không làm đạo có hai. Đó gọi là hành pháp không.

Tu-bồ-đề thưa:

–Vì sao gọi là Phật?

Phật dạy:

–Vì giác ngộ đạo nên gọi là Phật. Này Tu-bồ-đề, hiểu các pháp một cách đúng đắn và giác ngộ về các pháp nên gọi là Phật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao gọi là giác?

Phật dạy:

–Vì hiểu rõ các pháp không, pháp Như và pháp Tánh là chỉ dùng danh tự để gọi tên. Tu-bồ-đề, nghĩa của giác không thể đoạn trừ, an trụ một chỗ như vậy, không có biến đổi nên gọi là giác.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Chỉ dùng danh tướng nên gọi là Phật, đạo của chư Phật nên gọi là giác, chư Phật Thế Tôn đều cùng giác ngộ nên gọi là giác.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát hành đạo là thực hành sáu pháp Ba-lamật và trí Nhất thiết phải không? Và thành tựu thiện pháp gì? Tăng trưởng các công đức gì mà có sinh, có diệt, có chấp trước và xả bỏ?

Phật dạy:

–Bồ-tát hành đạo là thực hành sáu pháp Ba-la-mật cho đến trí Nhất thiết. Đối với các pháp không thành, không hoại, không tăng, không giảm, không có chỗ chấp trước và xả bỏ.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật đối với các pháp không bị thoái đọa, đối với các pháp không có sự thành bại hay tăng giảm, cũng không sinh diệt, cũng không chấp thường hay đoạn.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu đối với các pháp, Bồ-tát không bị thoái đọa, không có chỗ quán sát thì làm sao thọ sáu pháp Ba-la-mật? Với hành tướng không thì làm sao thực hành bốn Thiền, bốn Đẳng, bốn Không định, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, ba Giải thoát môn, mười Lực của Phật, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi, Thập trụ Bồ-tát, vượt qua hai địa và vượt qua địa vị Bồ-tát?

Phật dạy:

–Bồ-tát không dùng hai việc thực hành sáu pháp Ba-la-mật, cũng không dùng hai việc thực hành trí Nhất thiết.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát không lấy hai việc để thực hành sáu pháp Ba-la-mật và không lấy hai việc để thực hành trí Nhất thiết thì làm sao từ khi mới phát tâm cho đến sau khi phát tâm được tăng trưởng công đức?

Phật dạy:

–Những người dùng hai việc trên thực hành thì công đức không được phát triển. Vì sao? Vì thực hành hai việc ấy nên kẻ phàm phu ngu si mới không được phát triển công đức. Bồ-tát từ khi phát tâm cho đến cuối cùng không lấy hai việc ấy nên phát triển công đức. Do đó, chư Thiên và loài người không thể phá hoại Bồ-tát, làm cho Bồ-tát rơi vào hai địa và các điều ác khác, cũng không thể làm chướng ngại sự thực hành sáu pháp Ba-la-mật và trí Nhất thiết của Bồ-tát.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Có phải vì công đức nên Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật không?

Phật dạy:

–Không vì công đức mà thực hành cũng không phải không có công đức mà thực hành Bát nhã Ba la mật. Nhưng vì Bồ-tát phải cúng dường chư Phật, phải thành tựu công đức của các thiện pháp, phải thân cận bạn lành thì mới thành tựu Chánh đẳng giác.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát làm thế nào cúng dường chư Phật? Thành tựu các công đức và thân cận bạn lành để đạt được trí Nhất thiết?

Phật dạy:

–Bồ-tát từ lúc mới phát tâm thường phải cúng dường chư Phật, thường phải thọ trì mười hai bộ kinh của chư Phật đã thuyết, quyết chí giữ gìn niệm thì được pháp Đà-la-ni, phát sinh vô ngại trí rồi thì sinh ra ở chỗ nào cũng được trí Nhất thiết, không quên mất điều đã biết, điều đã giữ được về các công đức cúng dường chư Phật, vĩnh viễn không sinh vào đường ác, tám nạn, tâm được thanh tịnh rồi làm thanh tịnh cõi Phật và giáo hóa chúng sinh. Do công đức ấy mà hoàn toàn không xa lìa bạn lành, chư Phật, các vị Bồ-tát, các bậc chân nhân và khen ngợi chư Phật.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát muốn thực hành Bát nhã Ba la mật thì phải cúng dường chư Phật, phải thành tựu công đức của các thiện pháp và phải thân cận bạn lành.

QUYỂN 16
Phẩm 73: THÂN CẬN BẠN LÀNH

Khi ấy Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có Đại Bồ-tát không cúng dường chư Phật, không thành tựu các công đức, không thân cận được bạn lành thì có đạt đến trí Nhất thiết không?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát không thể không cúng dường chư Phật, không thể không thành tựu các công đức, không thể không thân cận bạn lành. Tuy cúng dường chư Phật, làm các công đức, gặp được bạn lành còn chưa đạt đến trí Nhất thiết, huống gì không cúng dường, không làm các công đức, không gặp bạn lành mà muốn đạt đến trí Nhất thiết. Việc ấy không thể có.

Thế nên, này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát muốn học Bát-nhã bala-mật thì phải cúng dường chư Phật, phải làm các công đức và phải thân cận bạn lành.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ-tát phải cúng dường chư Phật, làm các công đức và phải thân cận bạn lành mới đạt đến trí Nhất thiết?

Phật dạy:

–Vì không có phương tiện quyền xảo, chưa học phương tiện quyền xảo từ chư Phật, chưa có công đức đầy đủ, chưa thân cận bạn lành.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát phải đầy đủ những phương tiện quyền xảo gì thì mới đạt đến trí Nhất thiết?

Phật dạy:

–Từ khi mới phát tâm trở đi, Bồ-tát phải đem tâm trí Nhất thiết thực hành Bố thí ba-la-mật, cúng dường cho ba thừa, bố thí người và chẳng phải người, làm cho họ đầy đủ niệm trí Nhất thiết nhưng không tưởng vật cho, không biết người nhận và không tưởng mình có thực hành Bố thí ba-la-mật. Vì sao? Vì các pháp tưởng cũng không có sở hữu, không sinh, không diệt, quán sát thấy tướng của các pháp không di chuyển cũng không hoàn diệt và để vượt qua tướng của các pháp, không thấy các pháp có sự tạo tác. Vì vậy, thành tựu phương tiện quyền xảo thì tăng trưởng các công đức; công đức đã được tăng trưởng rồi thì thực hành Bố thí ba-la-mật, giáo hóa chúng sinh làm thanh tịnh cõi Phật mà tự mình không nhận kết quả đó. Chỉ vì muốn làm lợi ích cho chúng sinh mà thực hành, chứ không muốn được kết quả cho mình về sự thực hành Bố thí ba-la-mật. Việc hành Bố thí bala-mật là chỉ vì muốn cứu độ chúng sinh thoát ly sinh tử.

QUYỂN 17
Phẩm 74: GIÁO HỘI CHÚNG SINH

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Từ lúc mới phát tâm, Đại Bồ-tát ghi nhớ trí Nhất thiết và không xa lìa trí Nhất thiết, thực hành Trì giới ba-lamật. Ngay từ đầu không đọa vào dâm, nộ, si; không nhớ nghĩ dâm, nộ, si; cũng không bị trói buộc vào những pháp chướng đạo như tật đố, ác giới, sân hận, giải đãi, loạn ý, ngu si, ngoan cố, tự mình không còn chấp ngã và cũng không chấp vào hai địa kia.

Vì sao? Vì Bồ-tát đó biết các pháp tự tướng không, không có sở hữu, không có sự thành; quán thấy các pháp đều không lưu chuyển hoàn diệt cũng biết các pháp tướng vượt ngoài thế sự đến chỗ vô vi đầy đủ phương tiện quyền xảo, tăng ích công đức.

Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, giáo hóa chúng sinh, làm thanh tịnh cõi Phật, nhưng chẳng hưởng thọ quả báo Trì giới ba-lamật của thế gian, chỉ vì muốn làm lợi ích giáo hóa cho tất cả chúng sinh mà hành Ba-la-mật cho đến Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát hành bốn Thiền, bốn Đẳng, bốn Thiền vô sắc, mặc dù hành các thiền, nhưng không chấp vào phước của thiền. Vì sao? Vì Bồ-tát dùng phương tiện quyền xảo biết các tướng thiền đều không, cũng biết sự thoái chuyển của chúng.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Từ lúc mới phát tâm, Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, hành phương tiện quyền xảo, hành quán tịnh hạnh, nhưng không đạt quả Tu-đà-hoàn, cũng không chấp lấy quả ấy; đã không chấp quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán cũng không chấp lấy. Vì sao? Vì Bồ-tát biết các pháp tự tướng không và biết các pháp không lưu chuyển hoàn diệt, biết thực hành ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, vượt qua hai địa kia.

Này Tu-bồ-đề! Đây gọi là Vô sinh pháp nhẫn của Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, tám Bối xả thiền và chín thứ đệ Thiền, nhưng không chấp lấy đạo quả Tu-đàhoàn. Vì sao? Vì Bồ-tát biết các pháp tự tướng không, biết không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát hành mười Lực của Phật, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại trí, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi, làm thanh tịnh cõi Phật, giáo hóa chúng sinh, rồi sau mới đạt đến Nhất thiết trí, Bồ-tát nên hành Bát nhã Ba la mật như vậy.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật của Đại Bồ-tát rất rộng lớn, cho đến hành pháp cũng sâu rộng, nhưng không thọ hưởng quả báo ấy.

Phật dạy:

–Đúng vậy! Này Tu-bồ-đề. Vì sao? Vì Bồ-tát đối với các pháp sở hữu không động chuyển.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là pháp sở hữu không động chuyển?

Phật dạy:

–Bồ-tát đối với các pháp vô sở hữu không động chuyển, đối với năm ấm không chuyển, đối với sáu pháp Ba-la-mật không động, đối với bốn Thiền, bốn Đẳng không chuyển, đối với ba mươi bảy phẩm Trợ đạo không chuyển, đối với ba môn Giải thoát không chuyển, đối với đại Từ, đại Bi không chuyển, đối với mười Lực, mười tám pháp Bất cộng không động chuyển. Vì sao? Vì pháp sở hữu đều không có sở hữu.

Này Tu-bồ-đề! Không thể dùng không có sở hữu để đạt đến sự có của giác.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như vậy dùng có sở hữu để đạt được giác được không?

Phật dạy:

–Không thể được.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Dùng không sở hữu để đạt đến không có sự giác chăng?

Phật dạy:

–Có được giác nhưng không do bốn trường hợp trên.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là có được giác?

Phật dạy:

–Giác có được chẳng phải sở hữu, cũng chẳng phải không có sở hữu, chẳng phải hý luận, cũng chẳng phải không hý luận.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là hý luận của Bồ-tát?

Phật dạy:

–Hý luận của Bồ-tát là nói về năm ấm có thường hay vô thường, nói năm ấm có khổ có vui, có ngã sở, chẳng có ngã sở, có tịnh hoặc bất tịnh, phân biệt biết được năm ấm, biết được bốn Đế, nghĩ nhớ bốn Thiền, bốn Đẳng và bốn Vô hình thiền, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, ba môn Giải thoát, tám Bối xả, chín thứ đệ Thiền; nói ta đắc quả Tu-đà-hoàn, đến quả A-na-hàm, đạo Bích-chi-phật, nói ta đầy đủ Thập trụ của Bồ-tát, ta làm thanh tịnh cõi Phật, giáo hóa chúng sinh đầy đủ mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại trí, mười tám pháp Bất cộng, đạt đến trí Nhất thiết, dứt sạch các tạp khí.

Bồ-tát nào hành Bát nhã Ba la mật, đối với năm ấm có thường hay vô thường, cũng không hý luận, không không luận, cho đến trí Nhất thiết có thường hay vô thường, cũng không hý luận hoặc không không hý luận. Vì sao? Vì đối với pháp sở hữu cũng không hý luận sở hữu; đối với không có sở hữu cũng không hý luận không có sở hữu, đối với sở hữu, không có sở hữu cũng không hý luận hay không không hý luận.

Vì vậy, này Tu-bồ-đề! Năm ấm và trí Nhất thiết là chẳng

phải hý luận. Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật cũng không dùng hý luận.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tại sao năm ấm cho đến trí Nhất thiết cũng không hý luận?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Năm ấm không có sở hữu, cho đến trí Nhất thiết cũng không có sở hữu, mà các pháp không có sở hữu đều chẳng hý luận. Vì vậy cho nên năm ấm và Nhất thiết trí đều chẳng có hý ngôn.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nào hành Bát nhã Ba la mật như vậy thì chứng được thượng vị Bồ-tát.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Các pháp sở hữu còn không thể chứng được, vậy làm thế nào mà chứng được thượng vị Bồ-tát và dùng hai địa hay dùng Phật đạo, thực hành các hạnh gì để đắc quả vị?

Phật dạy:

–Bồ-tát không dùng Nhị địa cũng không dùng Phật đạo, chỉ thông suốt các đạo, nên đắc thượng vị Bồ-tát. Như tám bậc Hiền thánh học thông các đạo, tuy được chứng quả nhưng còn ở đời.

Hàng Bồ-tát cũng như vậy, phải hành các đạo, rồi mới đắc Bồ-tát vị, chưa đạt đến trí Nhất thiết, chưa đắc Tam-muội Kim cang. Khi nào tạo công đức rồi mới đầy đủ trí Nhất thiết.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát học thông các đạo mới có thể đạt được thượng vị Bồ-tát, thì vị ấy ở Địa vị thứ tám có nhận lấy đạo quả Tu-đà-hoàn không? Ở Tư-đà-hàm địa, có đạt quả Tư-đà-hàm, ở Ana-hàm địa, có đạt quả A-na-hàm, ở A-la-hán địa, có đạt quả A-lahán, ở Bích-chi-phật địa, có đạt quả Bích-chi-phật, ở Phật địa, có đắc quả Phật không? Các đạo này đều có khác nhau.

Bạch Thế Tôn! Tại sao nói Bồ-tát đều phải học thông các đạo rồi mới đắc bậc Thượng vị? Nếu Bồ-tát ở Địa thứ tám nhận lấy đạo quả thứ tám thì không đúng, còn ở địa vị Bồ-tát liền đạt trí Nhất thiết cũng không đúng; hoặc nói Bồ-tát chứng đắc Thanh văn, Bíchchi-phật đạo cho đến trí Nhất thiết lại càng không đúng.

–Bạch Thế Tôn! Con phải làm thế nào để biết Bồ-tát học thông các đạo, để được vào bậc Thượng vị của Bồ-tát?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Như ông đã nói, Bồ-tát nhất định không ở Địa thứ tám chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, A-la-hán và Bích-chi-phật cho đến trí Nhất thiết.

Này Tu-bồ-đề! Từ lúc mới phát tâm, Bồ-tát thường hành sáu pháp Ba-la-mật, dùng tuệ thấy tám địa: Tám địa đó là:

1- Tịnh địa.

2- Tánh địa.

3- Bốn mươi tám địa của bốn bậc Hiền thánh.

4- Quán địa.

5- Bạc địa.

6- Vô cấu địa.

7. Dĩ biện địa.

8- Bích-chi-phật địa.

Dùng trí tuệ quán vượt hơn tám địa, lại dùng đạo tuệ vượt hơn quả vị Bồ-tát. Vượt hơn quả vị Bồ-tát rồi, mới dùng trí Nhất thiết chặt đứt tất cả tập khí.

Này, Tu-bồ-đề! Địa thứ tám là pháp Nhẫn của Bồ-tát, cũng là của Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, là đoạn trừ tập khí, là tuệ quán của A-la-hán, là tuệ của Bồ-tát và Bích-chi-phật, cũng là nhẫn của Bồ-tát, đầy đủ quả Thanh văn, Bích-chi-phật, dùng đạo tuệ của bậc Thượng vị Bồ-tát, dùng tuệ Nhất thiết trí trừ sạch các tập khí.

Vì vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát phải thấu hiểu các đạo đầy đủ mới thành tựu Vô thượng Chánh đẳng giác; thành Chánh đẳng giác rồi, vì chúng sinh mà lập ra các đạo quả.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ngài đã nói ba thừa là Thanh văn, Bích-chiphật và Phật đạo. Vậy những gì là đạo của tuệ đạo?

Phật dạy:

–Nên dùng tuệ đạo quán sát chúng sinh ở trong các đạo và biết rõ tất cả các hình tượng tướng mạo của chúng sinh. Khi đã biết khắp rồi, mới dùng phương tiện giáo hóa rộng rãi, chọn lựa các âm thanh và dùng âm thanh lớn vang khắp tam thiên đại thiên quốc độ, đều trở thành như tiếng vang. Vì vậy, Bồ-tát phải nên thấu hiểu đầy đủ các đạo.

Lại nữa, Bồ-tát cần phải biết tuệ đạo, biết rõ ý của chúng sinh, phải biết địa ngục và con đường đưa đến địa ngục, biết tội báo của chúng sinh để đoạn trừ duyên gây địa ngục và quả báo tạo tội. Về ngạ quỷ, súc sinh cũng phải biết rõ nó, kể cả nguyên nhân của ngạ quỷ, súc sinh và quả báo tạo tội cũng phải biết để đoạn trừ.

Nên biết các loài rồng như Chân-đà-la, Ma-hầu-lặc, Duyệtxoa; nên biết nguyên nhân quả báo của kiếp người, cũng biết các cõi trời, từ cõi trời Tứ thiên vương lên đến cõi trời Ba mươi ba; biết nguyên nhân quả báo của cõi trời, người; biết ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, ba môn giải thoát; cũng biết mười Lực của Phật, bốn Thiền, bốn Đẳng và bốn Không định, đại Từ, đại Bi và mười tám pháp Bất cộng; biết tất cả rồi mới làm cho chúng sinh vào đạo ba Thừa. Này Tu-bồ-đề, đó là Bồ-tát đầy đủ Tuệ đạo.

Lại nữa, Bồ-tát đã thông hiểu như vậy rồi, đã biết ý nguyện của chúng sinh, biết họ nguyện như vậy, nên luôn luôn thuyết pháp cho họ không gián đoạn. Vì sao? Vì Bồ-tát biết rõ nguồn gốc con đường sinh tử của họ. Thế nên Bồ-tát phải thực hành Bát-nhã ba-lamật. Bởi vì các pháp Bồ-tát đã hành như ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và Nhị Địa, những pháp ấy nằm trong pháp Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các pháp như ba mươi bảy phẩm Trợ đạo cũng như các đạo pháp, các pháp này đều không hợp không tan, không hình, không thể thấy được, chỉ thấy một tướng mà một

tướng tức là vô tướng. Vậy làm sao có thể đạt đến đạo? Tất cả các pháp khác cũng không thấy, không hình, một tướng, mà một tướng tức là vô tướng, vậy làm sao có thể đạt đến đạo?

Bạch Thế Tôn! Giống như hư không, không có chỗ ẩn cũng không có chỗ hiện.

Phật dạy:

–Đúng vậy, Tu-bồ-đề! Pháp không này cũng không có chỗ đạt đến, không có đi đến. Bởi vì chúng sinh không biết pháp tướng là vô sở hữu, ta vì chúng mà nói ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và các pháp có thể đạt đến, có chỗ thành tựu.

Tuy vậy, này Tu-bồ-đề! Các pháp như năm ấm, sáu pháp Bala-mật, nội ngoại không và hữu vô không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và bốn Thiền, bốn Đẳng và bốn Không định, bốn Vô ngại trí, bốn Vô sở úy, mười Lực của Phật, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi, cho đến Nhất thiết trí, kể cả Pháp luật của Thánh hiền đều không hợp không tan, không hình tượng, không thể thấy, cũng không có đối, là một tướng là vô tướng. Vì vậy, nên Như Lai muốn độ thoát chúng sinh, dùng nhân duyên thế tục thuyết pháp, giáo hóa chẳng phải là Đệ nhất nghĩa.

Do đó, hàng Bồ-tát phải nên học thông các đạo, dùng trí tuệ quán theo sự thích hợp ở đời, đối với giáo pháp nên dùng hay không nên dùng.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những pháp nào nên dùng và không nên dùng?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Bậc La-hán, Bích-chi-phật, Bồ-tát dùng tuệ quán thông hiểu các pháp nhưng không dùng, mà chỉ dùng trí Nhất thiết để sử dụng các pháp. Như vậy, hàng Bồ-tát đối với Pháp luật của Hiền thánh, nên hành Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp luật mà các bậc Hiền thánh đã nói, vậy Pháp luật đó như thế nào?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Các bậc Thanh văn, Bích-chi-phật, Đại Bồ-tát, Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác, cũng không cho rằng dâm, nộ, si là không hợp, không tan. Ngã sở phi ngã này cũng không hợp không tan, không hồ nghi không phải không hồ nghi. Đối với các giới hạnh cũng không hợp không tan; đối với Dục, với Sắc, Vô sắc giới, cũng không hợp không tan, đối với si ám, ương ngạnh, hung bạo, cũng không hợp không tan; đối với bốn Thiền, bốn Đẳng, bốn Không định, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, đại Từ, đại Bi và các pháp tánh hữu vi, vô vi cũng không hợp không tan.

Vì sao? Vì các pháp không có hình, không thể thấy, không có đối, là một tướng, là vô tướng, vô sắc không, cùng với vô sắc cũng không hợp không tan. Phật pháp không thể thấy, cùng với pháp không thể thấy, cũng không hợp không tan; pháp vô hữu đối cùng với vô đối cũng không hợp không tan; pháp một tướng cùng với vô tướng cũng không hợp không tan; pháp vô tướng cùng với vô tướng cũng không hợp không tan.

Này Tu-bồ-đề! Đây gọi là Pháp luật của Hiền thánh. Pháp luật ấy vô hình, không thể thấy, là vô đối, là một tướng, vô tướng. Hàng Bồ-tát vượt qua vô tướng thì phải học như vậy, học như vậy rồi mới chứng được vô tướng.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát không học tướng sắc, thanh, hương, vị, tế hoạt thức (xúc) pháp hay sao? Không học về tướng địa, thủy, hỏa, phong, không, thức hay sao? Không học tướng của sáu pháp Ba-la-mật hay sao? Không học về tướng hữu và tướng vô hay sao? Không học về tướng bốn Thiền, bốn Đẳng, bốn Không định, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, ba môn Giải thoát, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn vô ngại trí, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi, bốn Đế của Hiền thánh và tướng thuận, nghịch của mười hai nhân duyên sao? Không học tánh tướng hữu vi, vô vi hay sao? Đối với các pháp vô tướng, hữu tướng cũng không học. Như vậy, thì Bồ-tát nên làm thế nào để vượt qua hai địa, đạt đến bậc Thượng vị Bồ-tát? Nếu đạt đến bậc Thượng vị Bồ-tát rồi, làm sao đạt đến trí Nhất thiết? Đạt đến trí Nhất thiết rồi, làm thế nào để chuyển pháp luân? Chuyển pháp luân rồi, làm thế nào dùng pháp ba Thừa độ thoát chúng sinh?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nếu các pháp có tướng thì Bồ-tát nên học các pháp tướng đó. Bởi vì các pháp không hình, cũng không thể thấy, không có đối, một tướng, mà một tướng là vô tướng. Vì vậy, nên Bồ-tát chẳng học tướng, cũng chẳng học vô tướng.

Vì sao nói như vậy? Vì nếu trước có tướng, sau cũng có tướng thì nên biết pháp trước vô tướng, pháp sau cũng vô tướng. Do đó, Bồ-tát không học tướng, cũng không học vô tướng. Vì sao? Vì có Phật hay không Phật, các pháp vẫn là một tướng, tánh vẫn thường trụ.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp chẳng có tướng, chẳng vô tướng thì làm thế nào Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật? Nếu chẳng hành Bát nhã Ba la mật thì không thể vượt hơn hai địa. Nếu không vượt hơn hai địa thì không đạt đến Bồ-tát vị. Không vượt hơn Bồ-tát vị thì không thể đạt vô sinh pháp nhẫn; nếu không đạt Vô sinh pháp nhẫn thì không được thần thông của Bồ-tát. Không đạt thần thông thì không thể làm thanh tịnh cõi Phật, giáo hóa chúng sinh, thì không đạt đến trí Nhất thiết. Chưa đạt đến trí Nhất thiết thì không thể chuyển pháp luân, nếu chẳng chuyển pháp luân thì không thể làm cho chúng sinh ở trong pháp ba Thừa, cũng không thể làm cho chúng sinh được ba loại phước của bố thí, trì giới, tu tập các pháp lành.

Phật dạy:

–Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Các pháp cũng chẳng phải vô tướng, cũng chẳng phải một tướng.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp vô tướng thì làm cách nào để tu Bát nhã Ba la mật?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Bát nhã Ba la mật chẳng phải là pháp niệm của Bồ-tát. Bồ-tát dùng vô niệm, đó là tướng của Bát-nhã ba-lamật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tại sao vô niệm là tướng của Bát-nhã ba-lamật?

Phật dạy:

–Đối với các pháp không chỗ niệm là tướng của Bát-nhã ba-lamật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là đối với các pháp không có chỗ niệm? Phật dạy:

–Không nhớ nghĩ năm ấm, sáu tình, đó là niệm Bát-nhã ba-lamật.

Không nhớ nghĩ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là niệm Bát nhã Ba la mật.

Không nhớ nghĩ bất tịnh là niệm Bát nhã Ba la mật.

Không nhớ nghĩ bốn Thiền, bốn Đẳng và bốn Không định là niệm Bát nhã Ba la mật.

Không nhớ nghĩ Tam bảo, ba loại phước là niệm Bát-nhã ba-lamật.

Không nhớ nghĩ diệt tận, không nhớ nghĩ hơi thở vào ra ý là niệm Bát nhã Ba la mật.

Không nhớ nghĩ tướng vô thường, tướng khổ, tướng phi ngã, bốn điên đảo, mười hai nhân duyên. Không nhớ nghĩ về ngã về chúng sinh, thọ giả và tướng tri kiến là niệm Bát nhã Ba la mật.

Không nhớ nghĩ ba môn Giải thoát, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo là niệm Bát nhã Ba la mật.

Không nhớ nghĩ tám Bối xả, chín Thứ đệ thiền, bốn Thiền là niệm Bát nhã Ba la mật.

Không nhớ nghĩ mười tuệ, sáu pháp Ba-la-mật, nội ngoại không và hữu vô không là niệm Bát nhã Ba la mật.

Không nhớ nghĩ mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại trí, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi là niệm Bát nhã Ba la mật.

Không nhớ nghĩ quả Tu-đà-hoàn, quả A-la-hán, Bích-chi-phật là niệm Bát nhã Ba la mật.

Không nhớ nghĩ trí Nhất thiết là niệm Bát nhã Ba la mật.

Không nhớ nghĩ dứt các tập khí là niệm Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là không nhớ nghĩ năm ấm cho đến không nhớ nghĩ dứt các tập khí là niệm Bát nhã Ba la mật?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Lúc hành Bát nhã Ba la mật, Bồ-tát chẳng nghĩ không có sở hữu của năm ấm. Vì sao? Vì thấy có các tướng là chẳng phải niệm Bát nhã Ba la mật; chẳng nghĩ đến có của dâm, nộ, si; chẳng nghĩ đến chỗ không có của đạo. Vì sao? Vì có tướng là không niệm Bát nhã Ba la mật, có các tướng là không niệm sáu pháp Ba-la-mật. Vì sao? Vì còn có tham là chẳng có sáu pháp Ba-lamật. Đây gọi là chấp trước nơi có. Người chấp trước vào có như vậy thì không được giải thoát.

Này Tu-bồ-đề! Người chấp trước vào có là không niệm ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, cũng không niệm ba môn giải thoát, cho đến không niệm trí Nhất thiết. Vì sao? Vì người ấy còn có chấp trước vào có.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Những gì là có và những gì là không có?

Phật dạy:

–Có hai là có.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những gì là hai?

Phật dạy:

–Tướng và năm ấm là hai; tướng và mười hai xứ là hai; tướng và có Phật là hai, tướng và có đạo là hai, tướng hữu vi vô vi là hai.

Này Tu-bồ-đề! Tất cả tướng cho đến không có tướng đều là hai. Vừa có hai liền có có; đã có thì có giới và chúng sinh cũng như không xa lìa sinh, già, bệnh, chết, ưu bi khổ não.

Vì thế, này Tu-bồ-đề! Phải biết có hai thì không có sáu pháp Ba-la-mật, cũng không có đạo, không có chỗ đạt đến, không có sự giác ngộ, chỉ có thể xả bỏ năm ấm và Nhất thiết trí.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Niệm về đạo thì không có, làm sao thì đắc quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, Bích-chi-phật đạo và dứt tất cả tập khí.

QUYỂN 17
Phẩm 75: VÔ KIÊN YẾU

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Giả như có tướng thì không thuận với nhẫn, không được giác ngộ, còn nếu vô tướng thì có đạt đến thuận nhẫn, có được tám địa của Thanh văn, của quả Bích-chi-phật, quả Bồ-tát có được độ thoát, có thể đạo niệm và dứt trừ các tập khí của A-la-hán, Bích-chi-phật, làm cho Bồ-tát đạt đến thượng vị Bồ-tát. Đến thượng vị Bồ-tát rồi, có thể đạt Nhất thiết trí, đạt Nhất thiết trí rồi, diệt trừ các tập khí không?

Bạch Thế Tôn! Nếu không có ý, không phát sinh ý, không khởi các pháp tướng ấy, thì có đạt đến trí Nhất thiết không?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đúng như vậy! Nếu không có pháp tướng thì không có thuận nhẫn, cũng không thể đoạn trừ các tập khí.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Lúc hành Bát nhã Ba la mật, Bồ-tát có tướng ý không? Có tướng của năm ấm, cho đến tướng Nhất thiết trí, có tướng dâm, nộ, si hay không có tướng dâm, nộ, si? Có tướng sáu trần hay không có tướng sáu trần? Có tướng gần, tướng xa, có tướng giác hay không có tướng giác? Có tướng ái hay không có tướng ái, có tướng thọ hay không có tướng thọ? Có tướng hữu hay không có tướng hữu? Có tướng sinh hay không có tướng sinh? Có tướng tử hay không có tướng tử? Có tướng ưu bi khổ não hay không có tướng ưu bi khổ não? Có tướng Tứ đế hay không có tướng Tứ đế? Có tướng trí Nhất thiết hay không có tướng trí Nhất thiết? Có tướng tập khí hay không có tướng tập khí?

Phật dạy:

–Không phải vậy.

Này Tu-bồ-đề! Lúc hành Bát nhã Ba la mật, Bồ-tát không có hữu tướng, cũng không có vô tướng.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thuận nhẫn là vô tướng, Bồ-tát không có tướng là tu đạo, không có hữu tướng, không có vô tướng tức là quả của Bồ-tát.

Phật dạy:

–Hữu tướng là Bồ-tát đạo, vô tướng là Bồ-tát quả. Vì vậy, Tubồ-đề phải biết các pháp sở hữu đều không có sở hữu.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp không có sở hữu, thì làm thế nào biết không có sở hữu để được đắc quả và được tự tại đối với các pháp.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Xưa kia, ta còn Bồ-tát hành sáu pháp Ba-la-mật, nhập thiền thứ nhất cho đến Thiền thứ tư, quán tánh thiền không nghĩ đến sự cống cao, không lệ thuộc vào thiền, cũng không đắm say thiền vị. Nơi các thiền ta vẫn tịch tĩnh không mong cầu, đã an trí trong các thiền, ta được thần thông như Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông; biết được đời quá khứ, có thể bay đi khắp cõi. Tuy vậy, ta không vì được các thần thông ấy mà sinh cống cao, đối với sáu thần thông này, ta chẳng phân biệt, chẳng say đắm và chẳng lệ thuộc vào.

Này, Tu-bồ-đề! Ta dùng trí biết rõ các tướng ấy, nên thành Vô thượng Bồ-đề, hiểu rõ bốn Thánh đế, đầy đủ mười Lực của Như Lai, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại trí, mười tám pháp và làm cho chúng sinh ở trong ba thừa?

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ở trong các pháp không có sở hữu làm sao Như Lai phát khởi bốn Thiền, sáu Thần thông? Nếu chúng sinh đều không có sở hữu thì làm sao Như Lai an trú chúng sinh ở trong ba thừa?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nếu dâm, nộ, si và các việc phi pháp khác, có sở hữu hoặc không có sở hữu, thì khi ta làm Bồ-tát không ở trong pháp có pháp không mà phát khởi bốn Thiền.

Vì vậy, này Tu-bồ-đề! Các pháp không có sự đạt đến và có chỗ đạt đến, nên khi ta mới phát tâm hành đạo Bồ-tát thì hành bốn Thiền.

Này Tu-bồ-đề! Nếu trong các thần thông có chỗ đạt đến và không có chỗ đạt đến thì ta nhất định không ở trong thần thông biết được chỗ đạt đến hay không đạt đến để chứng Vô thượng Bồ-đề. Vì trong thần thông biết được chỗ đạt đến, chỗ không đạt đến sẽ chứng Vô thượng Bồ-đề.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Nếu Bồ-tát ở trong các pháp đạt đến và không đạt đến trong bốn Thiền, năm Thần thông, được Vô thượng Bồ-đề, thì tại sao Bồ-tát ở trong các pháp không sở hữu chưa từng biết mà biết được, chưa từng học mà được để được Vô thượng Bồ-đề?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát từ kiếp quá khứ đã ở chỗ các Đức Phật và đã cúng dường nhiều Đức Phật. Bồ-tát từ nơi các Đức Phật mà được nghe các pháp không sở hữu, không có Phật, không có Bích-chi-phật, không có La-hán, không có chúng Hiền thánh, ở trong ấy không có chút mảy may nào cả.

Bồ-tát nghĩ: “Trong không có sở hữu, không có quả Tu-đàhoàn, cho đến quả Phật cũng đều không có. Vì các pháp là không có sở hữu, nên ta sẽ chứng được Vô thượng Bồ-đề, hoặc ta không chứng Vô thượng Bồ-đề. Giả sử ta chứng được Vô thượng Bồ-đề rồi thì tất cả chúng sinh hành hữu tướng, ta sẽ làm cho họ an trụ trong quả vô tướng.”

Này Tu-bồ-đề! Các vị Bồ-tát chứng Vô thượng Bồ-đề rồi, vì muốn độ thoát chúng sinh, liền học những điều chưa từng học. Những điều chưa từng học, chưa từng thọ, vị ấy liền học, liền thọ, như chư Phật thời quá khứ đã học.

Trước hết, Bồ-tát nên học sáu pháp Ba-la-mật, rồi dạy mọi người cũng học sáu pháp Ba-la-mật, thấy người thực hành liền sinh hoan hỷ. Do bố thí không tham lam nên được giàu có; do Bố thí Trì giới nên được sinh trong cõi trời người, được bậc tôn quý, do Bố thí chứng được thiền định; do bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định mà chứng được trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Thọ trì các phần pháp và sáu pháp Ba-la-mật, Bồ-tát vượt hơn hai địa, đạt đến bậc thượng vị Bồ-tát rồi làm thanh tịnh cõi Phật, giáo hóa chúng sinh, được trí Nhất thiết, chuyển pháp luân, dùng ba Thừa độ thoát chúng sinh.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát trước tiên phát sinh Bố thí ba-la-mật, thứ đến đạt các tuệ cũng đều không thủ đắc. Vì sao? Vì tất cả đều không thật có.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Từ lúc mới phát tâm, Bồ-tát tự Trì giới, cũng dạy người trì giới, thấy người trì giới liền sinh hoan hỷ. Do trì giới mà được sinh trong cõi trời, người, được bậc tôn quý, thấy người nghèo đem của cải cho họ. Lại dùng giới, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến để giáo hóa họ.

Nhờ vào năm phần pháp thân Bồ-tát vượt hơn hai địa, chứng đắc bậc Thượng vị Bồ-tát, độ thoát chúng sinh, liền chứng được điều chưa từng biết, chưa từng học, chưa từng tu tập. Nay Bồ-tát đều học, đều biết và đều tu tập. Vì sao? Vì sự tu tập đều không có chỗ đạt đến.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát hành nhẫn nhục, cũng dạy người hành nhẫn nhục, thấy người hành nhẫn nhục liền sinh hoan hỷ, làm cho chúng được đầy đủ, an ổn, hoặc nhờ năm phần Pháp thân vượt hơn hai địa, đạt thượng vị Bồ-tát. Vì sao? Vì chỗ Bố thí cũng hoàn toàn không có.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát tự hành tinh tấn, cũng dạy người hành tinh tấn, thấy người liền sinh hoan hỷ, lại đem tài vật cung cấp cho họ. Do trì giới, nhẫn nhục hoặc nhờ năm phần pháp thân vượt hơn hai địa, đạt bậc Thượng vị Bồ-tát. Vì sao? Vì chỗ bố thí cũng hoàn toàn không có.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành bốn Thiền, bốn Đẳng, bốn

định Vô sắc, cũng dạy người hành thiền, thấy người hành thiền liền sinh hoan hỷ, trụ trong thiền định, bố thí kẻ nghèo cùng, giáo hóa chúng sinh làm cho họ được trí tuệ, giải thoát tri kiến, vượt hơn hai địa, đạt bậc Thượng vị Bồ-tát. Vì sao? Vì các pháp sở hữu hoàn toàn không có.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Từ lúc phát tâm đến nay, Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, đem tài vật cung cấp cho chúng sinh, dạy họ trì giới, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Bồ-tát tự hành sáu pháp Ba-la-mật cũng dạy người hành sáu pháp Ba-la-mật, thấy người hành trì liền sinh hoan hỷ, dùng phương tiện quyền xảo vượt hơn hai địa, đạt bậc thượng vị Bồ-tát, Vô thượng Bồ-đề.

Vì sao? Vì không còn có hình tướng.

Này Tu-bồ-đề! Từ đây Bồ-tát liền chứng được điều trước đây không học, trước đây không biết, trước đây không thích ứng. Nay Bồ-tát đều biết, đều học, đều thích ứng.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Từ lúc phát tâm đến nay, Bồ-tát học các pháp chưa từng học, nhờ tâm trí Nhất thiết, tin hiểu các pháp hữu vô, liền tu niệm Tam bảo, niệm Thiên, niệm Giới, niệm Thí.

Phật hỏi Tu-bồ-đề:

–Thế nào là niệm Phật? Này Tu-bồ-đề! Niệm Phật là không dùng sắc, thọ, tưởng, hành, thức để niệm.

Vì sao? Vì năm ấm đều không chắc chắn, là không có sở hữu, vì không có chỗ niệm đó là niệm Phật.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Niệm Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác, không nên dùng ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp để niệm, cũng không lấy thân kim sắc, quang minh để niệm. Vì sao? Vì thân Phật không có bền chắc, mà không bền chắc là không có sở hữu. Vì không có chỗ niệm, đó là niệm Phật.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Niệm Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác, không nên dùng giới tánh, trí tuệ, thiền định, giải thoát, giải thoát tri kiến, cũng không nên dùng năm phẩm này để niệm Như Lai. Vì sao? Vì đó là không có bền chắc, mà không bền chắc là không có sở hữu, vì không có chỗ niệm đó là niệm Phật.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Niệm Như Lai không nên dùng mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Đẳng, đại Từ, đại Bi của Phật, mười tám pháp, bốn Vô ngại trí, không nên dùng những pháp ấy để niệm Như Lai. Vì sao? Vì đó là không có bền chắc, mà không bền chắc là không có sở hữu, vì không có chỗ niệm đó là niệm Phật.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Niệm Như Lai không nên lấy mười hai nhân duyên để niệm. Vì sao? Vì đó là không có bền chắc, mà không bền chắc là không có sở hữu, vì không có chỗ niệm, đó là niệm Phật.

Này Tu-bồ-đề! Lúc hành Bát nhã Ba la mật, Bồ-tát phải nên niệm Phật như vậy, nên biết các thứ đệ học đối với chỗ chưa từng học, làm được những điều chưa từng thực hành, đầy đủ tương ứng thuận đến các đạo, nên học như vậy. Bồ-tát đầy đủ ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và ba Tam-muội, rồi đầy đủ trí Nhất thiết, tương ứng với sở hữu hay không có sở hữu, giác ngộ chỗ không chắc thật, liền đạt đến chỗ sở hữu hoặc không có sở hữu.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là niệm Pháp?

Bồ-tát lúc hành Bát nhã Ba la mật không nên nhớ pháp thiện, pháp ác, cũng không nên nhớ pháp thọ ký, không thọ ký, pháp thế gian, xuất thế gian, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp Thánh, pháp phàm, pháp tam giới, pháp tánh hữu vi, vô vi. Vì sao? Vì các pháp không có bền chắc mà không bền chắc là không có sở hữu. Vì không có chỗ niệm, đó là niệm Pháp. Vì học pháp sở hữu không có sở hữu liền đạt trí Nhất thiết, đến chỗ sở hữu không có sở hữu.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát phải nên niệm pháp như vậy.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Thế nào là Bồ-tát niệm Tăng?

Bồ-tát từ lúc mới phát tâm cho đến khi đạt Nhất thiết trí, thường không có chỗ niệm, đó là niệm Tăng. Bồ-tát phải nên niệm Tăng như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là Bồ-tát niệm Giới?

Từ lúc phát tâm đến nay, Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, giữ giới không sai phạm, hành trì theo giới luật niệm có và không. Niệm Giới như vậy là thuận với chỗ tương ứng, liền đạt Nhất thiết trí đến chỗ không có, có và không.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là Bồ-tát niệm Thí?

Nên bố thí các pháp sở hữu, không có sở hữu, hoặc bố thí vật, bố thí pháp. Hoặc đối với các pháp không động tâm, cũng không nghĩ đến có chỗ thí hay không có chỗ thí. Tuy đem từng phần thân mạng để bố thí, đối với những thứ ấy cũng không động tâm. Vì sao? Vì những điều ấy

không có bền chắc, mà không bền chắc là không có sở hữu. Thường niệm Thí như vậy thì sẽ đạt đến Vô thượng Bồđề.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là Bồ-tát niệm Thiên?

Các vị Tu-đà-hoàn sinh trên cõi trời Tứ thiên vương cho đến sáu cõi trời Dục. Khi sinh vào các cõi này thì không có bền chắc, mà không bền chắc là không có sở hữu.

Này Tu-bồ-đề! Nên niệm như vậy sẽ đạt đến trí Nhất thiết.

Này Tu-bồ-đề! Các vị A-na-hàm sinh trong các tầng trời cõi Sắc và Vô sắc, cũng không bền chắc; mà không bền chắc là không có sở hữu. Bồ-tát nên niệm như vậy sẽ đạt Vô thượng Bồ-đề.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thường nên niệm sáu niệm như vậy sẽ được tùy theo ý muốn.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Lúc hành Bát nhã Ba la mật, Bồ-tát muốn học thuận theo chỗ thích ứng để tu tập, muốn thành tựu các công đức, nên học nội không và hữu vô không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, đại Từ, đại Bi, nên học theo hạnh của Bồ-tát như vậy, sẽ đạt đến chỗ cốt yếu của có không thì không còn mảy may tướng nào cả, huống gì là có tướng Nhất thiết trí!

Này Tu-bồ-đề! Đây là Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, được tùy theo thứ lớp.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp sở hữu đều không có sở hữu, cho đến năm ấm, tướng sáu trần, các tánh, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, cho đến tuệ Nhất thiết trí cũng đều không có sở hữu, đều không có Phật, Pháp, Tăng; đều không có đạo quả, không có quả báo, không có chấp đoạn, cũng không có giác, các pháp đều không có sở hữu.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Các pháp sở hữu và không có sở hữu có thấy được không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không thấy được.

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Tại sao các pháp sở hữu đều không có sở hữu, không có năm ấm và không có được giác?

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con đối với pháp này không dám nghi ngờ, chỉ vì đời sau những người cầu đạo ba Thừa sợ sệt sẽ nói các pháp là sở hữu hoặc không có sở hữu. Thế nào là thường, thế nào là đoạn. Khi không biết việc thường và đoạn, thì họ sẽ hủy hoại giới pháp và không biết chỗ để đạt đến. Nếu có người nào phá giới như vậy sẽ đọa vào ba đường ác.

Bạch Thế Tôn! Riêng con thì không dám nghi ngờ, mà chỉ sợ chúng sinh ở đời sau, cho nên con thưa hỏi Đức Như Lai như vậy.

QUYỂN 17

Phẩm 76: TƯỚNG KHÔNG CHẤP TRƯỚC

Lúc ấy, Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Đại Bồ-tát cho các pháp sở hữu đều không có sở hữu thì Bồ-tát do thấy những gì để vì chúng sinh mà phát tâm Vô thượng Bồ-đề?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Này Tu-bồ-đề! Vì pháp sở hữu đều không có sở hữu, nên Bồ-tát vì chúng sinh mà cầu Vô thượng Bồ-đề. Vì sao? Vì những ai còn chấp trước vào nó thì khó được giải thoát, còn chấp trước thì không được đạo quả, cũng không thể đắc Vô thượng Bồ-đề.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người không chấp trước có được đạo quả, có thành tựu Vô thượng Bồ-đề không?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Có đạo quả tức là có Vô thượng Bồ-đề thì không còn chấp thủ, vì pháp tánh không còn phân biệt. Nếu muốn được không còn chấp thủ, muốn được đạo Vô thượng Bồ-đề, thì đó là muốn hiển bày tất cả pháp tánh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu không chấp trước vào pháp, tức là không có giác ngộ thì không có Vô thượng Bồ-đề, vậy duyên gì lại có Bồ-tát từ trụ thứ nhất đến trụ thứ mười làm sao được Vô sinh pháp nhẫn, làm sao được năm Thần thông và sáu pháp Ba-la-mật mà thọ hưởng các pháp đức ấy, hộ trì cõi Phật, giáo hóa chúng sinh và cúng dường chư Phật, cho đến Niết-bàn?

Phật dạy:

–Do vì không chấp thủ các pháp nên dùng thực hành với năm Thần thông cùng mười trụ, sáu pháp Ba-la-mật và công đức cúng dường chư Phật. Do đó cho đến khi nhập Niết-bàn, sự cúng dường cũng không dứt.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Không chấp thủ vào các pháp, năm Thần thông và sáu pháp Ba-la-mật có gì sai biệt?

Phật dạy:

–Không có sai biệt nên nói có sai biệt.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là ba việc khác nhau?

Phật dạy:

–Lúc Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật không có vật thí, không có người bố thí và cũng không có người nhận thí. Cho đến Bát nhã Ba la mật cũng không chấp thủ thực hành ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, không chấp thủ thực hành ba Tam-muội, không chấp thủ, giáo hóa chúng sinh, làm thanh tịnh cõi Phật, cũng không chấp thủ có được đạo quả, được các pháp của chư Phật cũng không chấp thủ.

Này Tu-bồ-đề! Đây là Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật không chấp thủ. Đại Bồ-tát thực hành như vậy thì các ma hay Thiên ma không thể phá hoại được.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tại sao Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật chỉ trong một ý niệm mà thọ trì được sáu pháp Ba-la-mật, bốn Thiền, bốn Đẳng, đại Từ, đại Bi, bốn Không định, bốn Vô ngại trí, bốn Vô sở úy, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, ba môn Giải thoát, mười Lực của Phật, mười tám pháp Bất cộng, làm sao thọ trì tám mươi vẻ đẹp.

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Lúc hành Bát nhã Ba la mật, Bồ-tát đã hành bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn và Thiền định, đều dùng Bát nhã Ba la mật để hành trì và dùng ba môn Giải thoát, bốn Đẳng, đại Bi và ba mươi bảy phẩm Trợ đạo. Bồ-tát với hành động ý niệm đều không rời Bát nhã Ba la mật, cho đến ba Tam-muội, mười Lực của Phật, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại trí, mười tám pháp, tám mươi vẻ đẹp cũng không xa rời Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật chỉ trong một ý niệm thọ trì sáu pháp Ba-la-mật cho đến tám mươi vẻ đẹp?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Lúc hành Bát nhã Ba la mật, Bồ-tát hành sáu pháp Ba-la-mật không có hai tướng, cho đến tám mươi vẻ đẹp cũng không có hai tướng.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Làm thế nào Bồ-tát hành sáu pháp Ba-la-mật cho đến tám mươi vẻ đẹp không dùng hai tướng?

Phật dạy:

–Lúc hành Bát nhã Ba la mật, Bồ-tát đều đầy đủ các pháp Tổng trì ba-la-mật và ba mươi bảy phẩm Trợ đạo hành bố thí.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Việc này thế nào?

Phật dạy:

–Lúc hành Bát nhã Ba la mật, Bồ-tát không dùng tâm hữu lậu để hành Bố thí ba-la-mật, nên ở nơi tâm vô lậu mà nghĩ: "Ta bố thí cho ai, thí vật gì và người thọ thí là ai?" Đối với ba việc này đều không có ý niệm về tướng thọ. Bấy giờ Bồ-tát không thấy ý niệm vật thí, kể cả người thọ thí, cho đến mười tám pháp cũng như vậy.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Lúc Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật cho đến pháp Bát nhã Ba la mật cũng không có tướng, không có sáu pháp Ba-la-mật. Bồ-tát hành sáu pháp Ba-la-mật cho đến tám mươi vẻ đẹp cũng vô tướng, không có chỗ thấy.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả pháp đều vô tướng, không có chỗ tạo tác, vậy làm thế nào Bồ-tát đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, đầy đủ ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, ba Không, mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng?

Phật dạy:

–Lúc hành Bát nhã Ba la mật, Bồ-tát dùng tâm vô tướng bố thí tùy theo sở thích của chúng sinh, hoặc bố thí thân thể, vợ con, quốc gia, thành phố, trân bảo, những vật sở hữu như tiền của lúa thóc đều bố thí không trái ý người. Khi làm việc bố thí như vậy, nếu có người đến hỏi Bồ-tát cần gì dùng tâm vô tướng bố thí như vậy. Tuy có người nói nhưng Bồ-tát vẫn tiếp tục bố thí không gián đoạn và đem việc bố thí này cùng chung tất cả chúng sinh đồng hồi hướng Vô thượng Bồ-đề. Lúc ấy, Bồ-tát không còn thấy những tướng niệm, không còn người thí, vật thí, người thọ thí và cũng không còn thấy có Vô thượng Bồ-đề. Vì sao? Vì tất cả chỗ thấy đều không

như vậy, ai là Vô thượng Bồ-đề. Hành động như vậy là hành động chân chánh, làm thanh tịnh cõi Phật, là giáo hóa chúng sinh, hành sáu pháp Bala-mật, đầy đủ ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và ba môn Giải thoát, đầy đủ tám pháp của Phật.

Bồ-tát làm những việc như vậy, nhưng không thọ quả báo bố

thí. Thí như vua cõi trời Thứ sáu, ưa muốn việc gì thì chỉ cần nghĩ tưởng là có ngay. Bồ-tát cũng vậy, vừa nhớ nghĩ thì tất cả pháp đều hiện đến đầy đủ. Do phước đức bố thí, Bồ-tát hay cúng dường chư Phật cũng hay cứu giúp cho tất cả chư Thiên và loài Người. Bồ-tát còn dùng phương tiện quyền xảo hành Bố thí ba-la-mật, an trụ chúng sinh vào pháp ba Thừa. Đây là Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật đầy đủ Bố thí ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật đầy đủ Trì giới ba-la-mật?

Phật dạy:

–Bồ-tát đều phải biết giới pháp vô lậu của Thánh hiền, phụng trì giới pháp ấy không cho hủy phạm. Đối với các pháp không có sự chấp thủ, cũng không chấp thủ năm ấm, không chấp thủ ba mươi hai tướng, bốn chủng tánh; không chấp cõi trời Tứ thiên vương cho đến cõi trời Ba mươi ba; không chấp thủ có quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, Bích-chi-phật; cũng không chấp ngôi Chuyển luân thánh vương, chỗ tạo ra các công đức, chỉ vì tất cả chúng sinh cùng được trí Nhất thiết. Vì không tướng, không chấp thủ, là không hai, chỉ vì tục đế, chẳng phải Đệ nhất nghĩa, mà đầy đủ giới rồi dùng phương tiện quyền xảo phát sinh bốn Thiền, không vì tham đắm mà nhận lấy Thiên nhãn, dùng Thiên nhãn quán mười phương chư Phật để đạt đến Vô thượng Bồ-đề. Ngay từ đầu không lìa Thiên nhãn, dùng Thiên nhĩ thanh tịnh nghe rõ chư Phật thuyết pháp, sự nghe không mất, được tự tại biện tài, biết được ý nguyện của chư Phật, biết ý nguyện chư Phật rồi mới có thể làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Dùng thức túc mạng trí, Bồ-tát hiểu biết các nghiệp nhân quá khứ của chúng sinh, không mất bản hạnh, dùng pháp vô lậu làm cho chúng sinh ở trong ba Thừa, tùy theo chỗ ưa thích của họ mà hóa độ.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát ở trong các pháp vô tướng được đầy đủ Trì giới ba-la-mật.

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Làm thế nào Bồ-tát được đầy đủ Nhẫn nhục ba-la-mật?

Bồ-tát từ lúc mới phát tâm cho đến lúc ngồi đạo tràng, nếu có chúng sinh nào đến dùng dao, gậy đánh đập Bồ-tát, vị này quyết không sinh tâm oán hận, mà phải tu hai thứ nhẫn: một là Nhẫn nhục; hai là Vô sinh pháp nhẫn.

Bồ-tát nên suy nghĩ: “Người cầm dao, gậy đến đánh ta là ai? Người bị đánh là ai?” Bồ-tát nên quán pháp tướng, quán pháp tướng là không có sở hữu, không có sự quán; không có sự quán thì được Vô sinh pháp nhẫn.

An trụ trong hai thứ nhẫn này, Bồ-tát được đầy đủ bốn Thiền, bốn Đẳng và bốn Không định, đầy đủ ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và ba môn Giải thoát, đầy đủ mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại trí.

Bồ-tát đã an trụ trong các pháp rồi, liền đắc thần thông, cho đến hàng Thanh văn, Bích-chi-phật cũng không thể sánh kịp.

Bồ-tát đầy đủ thần thông rồi, lại được sáu pháp Ba-la-mật, dùng Thiên nhãn thấy chư Phật trong mười phương, đạt được Vô thượng Bồ-đề, không bao giờ quên niệm Phật.

Lại nữa, Bồ-tát dùng Thiên nhĩ nghe được giáo pháp của chư Phật diễn nói trong mười phương, biết được tâm niệm của chư Phật, cũng như ý nguyện của chúng sinh, thuận theo tâm họ mà thuyết pháp.

Dùng Túc mạng trí, Bồ-tát biết rõ công đức của chúng sinh, chỉ rõ công đức lành họ đã làm đời trước và dạy họ nỗ lực thêm, dùng trí vô lậu giáo hóa chúng sinh vào được ba Thừa.

Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, dùng phương tiện quyền xảo, giáo hóa chúng sinh, làm thanh tịnh cõi Phật, đầy đủ trí Nhất thiết, được Vô thượng Bồ-đề rồi chuyển pháp luân. Đây là Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật đầy đủ Bố thí ba-la-mật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Làm thế nào Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật được đầy đủ đạo quả Ba-la-mật?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Lúc hành Bát nhã Ba la mật, Bồ-tát được thân và ý tinh tấn, đầy đủ bốn Thiền. Trong các thiền ấy, được vô số thần thông, qua lại biến hóa, dùng tay sờ được mặt trời, mặt trăng.

Nhờ sự tinh tấn này, Bồ-tát bay khắp mười phương thế giới cúng dường chư Phật, đầy đủ tất cả vật dụng cần thiết để cúng dường, cho đến thành Vô thượng Bồ-đề, được chư Thiên, loài Người ở thế gian cung kính. Cho đến khi Bồ-tát nhập Niết-bàn, do sức thần thông đến được mười phương nghe Phật thuyết pháp, nghe rồi chứng được Vô thượng Bồ-đề, không quên làm thanh tịnh cõi Phật, giáo hóa chúng sinh được đầy đủ Nhất thiết trí. Đây là Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, đầy đủ đạo quả Ba-la-mật.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát dùng đạo, đạo pháp vô lậu, đầy đủ ý tinh tấn, miệng không nói lời ác, thân không làm việc ác, ý không nghĩ điều ác; cũng không chấp lấy các pháp là khổ hay vui, là thường hay vô thường, là ngã hay vô ngã, là hữu vi hay vô vi; không chấp vào ba cõi, bốn Thiền và bốn Không định, bốn Đẳng, ba môn Giải thoát, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, cho đến mười tám pháp Bất cộng; và cũng không chấp có quả Thanh văn, Bích-chi-phật, đạo Thanh văn, đạo Bích-chi-phật, đạo Bồ-tát, địa vị Bồ-tát; không chấp vào năm đường, cũng không phân biệt cõi trời, người, địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh; không phân biệt là đạo Tu-đà-hoàn, đạo A-la-hán, đạo Bích-chi-phật, đạo Bồ-tát, trí Nhất thiết đối với tất cả các pháp đều không chấp lấy.

Vì sao? Vì các pháp đều không bền chắc, không thể nắm bắt và cũng không thể phân biệt. Vì đầy đủ tâm tinh tấn này, Bồ-tát mới cứu tất cả ma oán chúng sinh. Cứu chúng sinh rồi cũng không thấy có chúng sinh; đầy đủ tinh tấn, cũng không thấy có tinh tấn; đầy đủ Phật pháp, cũng không thấy có Phật pháp, làm thanh tịnh cõi Phật, nhưng không thấy mình làm; đầy đủ tinh tấn liền thọ các pháp lành và không chấp lấy các pháp lành ấy. Bồ-tát vân du trong các nước, cứu độ làm lợi ích chúng sinh, tùy chỗ biến hóa tự tại vô ngại, hoặc mưa hoa, hoặc rải các loại hương, hoặc trổi các thứ kỷ nhạc, hoặc làm chấn động, hoặc phóng ánh sáng, hoặc hiện thế giới bảy báu, hoặc hiện chiến tranh, hoặc hiện ra nước lửa, theo đó đi vào, tùy duyên giáo hóa chúng sinh thực hành mười điều thiện, hoặc dùng việc bố thí, trì giới để lợi ích chúng sinh, hoặc cất phần thân

thể, hoặc đem vợ con, quốc gia, thành phố, hoặc đem chính thân mình cung cấp cho chúng sinh, tùy theo ý của chúng sinh mà bảo hộ cho họ.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát dùng phương tiện quyền xảo vô tướng, hành Tinh tấn ba-la-mật.

Phật dạy:

–Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật và hành Thiền định trong pháp vô tướng. Lúc Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật chỉ trừ Thiền định của Như Lai, ngoài ra điều được đầy đủ tất cả các Thiền định như bốn Thiền, bốn Đẳng và bốn Không định, các pháp thuận nghịch, hành tám Bối xả và chín Thứ đệ thiền, hành các pháp Tam-muội như Không, Vô tướng, Vô nguyện, Điện quang, Kim cang, Trực trị.

An trụ trong Thiền định ba-la-mật, Bồ-tát được ba mươi bảy phẩm Trợ đạo; an trụ trong Tam-muội đầy đủ đạo tuệ, đầy đủ các môn Tam-muội, đầy đủ mười hạnh Trụ địa, cho đến Nhất thiết trí, quyết không chứng đắc nửa chừng.

An trụ trong Tam-muội, Bồ-tát du hành các quốc độ, cúng dường chư Phật, gieo trồng các công đức với các Đức Phật, làm thanh tịnh cõi Phật, du hành khắp nước, giáo hóa chúng sinh, rộng độ cho họ tu sáu pháp Ba-la-mật, hoặc dạy họ đắc quả Tu-đà-hoàn, Tưđà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán cho đến Bích-chi-phật, tùy theo chỗ ưa muốn của họ mà ban bố cho họ được tròn sở nguyện.

An trụ trong Thiền ba-la-mật, Bồ-tát được đầy đủ các môn tổng trì Đà-la-ni, được bốn trí Vô ngại, được các thần thông, vĩnh viễn chẳng vào bào thai người nữ, chẳng hưởng thọ sắc dục, được vô sinh, bất sinh, mặc dù có sinh nhưng không lệ thuộc vào sinh. Vì sao? Vì Bồ-tát này khéo quán các pháp là huyễn, biết nó là như huyễn để mà cứu vớt chúng sinh, cũng không thấy có tướng chúng sinh. Bồ-tát dùng pháp không có sở đắc giáo hóa, khiến chúng sinh được ở trong pháp không có sở đắc, chỉ dùng pháp thế tục, chẳng phải là Đệ nhất nghĩa.

An trụ Thiền định ba-la-mật, Bồ-tát này hành tất cả Thiền định giải thoát Tam-muội, cho đến Vô thượng Bồ-đề, vĩnh viễn không xa rời Thiền định ba-la-mật.

Lúc hành đạo tuệ như vậy, Bồ-tát thể nhập tuệ Nhất thiết trí, dứt trừ tất cả tập khí, tự lợi, lợi tha; đã tự lợi, lợi tha rồi làm phước điền cho chư Thiên, loài Người và A-tu-la.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Lúc hành Bát nhã Ba la mật, Bồ-tát được đầy đủ Vô tướng Tam-muội.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là lúc hành Bát nhã Ba la mật, Bồ-tát ở trong pháp vô tướng tu tập đầy đủ Bát nhã Ba la mật?

Phật dạy:

–Vì Bồ-tát đối với các pháp không còn thấy có tướng thật, cũng không thấy tướng thật của năm ấm; không thấy tướng sinh của năm ấm; không thấy chỗ đến, chỗ sinh của năm ấm; cho đến đạo Tuđà-hoàn cũng không thấy chỗ sinh, không thấy chỗ đến, chỗ đi, trống rỗng như hư không, không có chỗ chứng đắc, cũng không thấy quả Tu-đà-hoàn hay pháp Lậu tận.

Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, tin hiểu tất cả pháp cốt yếu và không cốt yếu, hiểu như vậy rồi mới thông được nội ngoại không và hữu vô không. Đối với các pháp không chỗ nhập vào như

năm ấm, cho đến Phật đạo cũng đều không chỗ nhập vào. Tất cả các sự học đều không có sở hữu. Hành Bát nhã Ba la mật, Bồ-tát được đầy đủ đạo Bồ-tát.

Đạo Bồ-tát đó là sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại trí, mười tám pháp Bất cộng, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp.

An trụ trong không có sở hữu, Bồ-tát thành Phật đạo, đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và năm Thần thông, tùy thuận theo chỗ ưa thích của chúng sinh.

Ở trong sáu pháp Ba-la-mật, người nào có tham lam tật đố, Bồ-tát dùng Bố thí ba-la-mật giáo hóa họ. Người nào có ác giới, Bồ-tát dùng trì giới giáo hóa; người nào có sân hận, Bồ-tát dùng nhẫn nhục giáo hóa; người nào có giải đãi, Bồ-tát dùng tinh tấn giáo hóa; người nào có loạn ý, Bồ-tát dùng thiền định giáo hóa; người ngu si, Bồ-tát dùng trí tuệ giáo hóa; cho đến dùng giải thoát, giải thoát tri kiến, Bồ-tát đều sử dụng giáo hóa họ.

Người tu hành đạo Thanh văn, tùy khả năng của họ, cần giáo hóa để họ được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán và đạo Bích-chi-phật, tùy theo khả năng Bồ-tát đều giáo hóa họ.

Người tu theo Đại thừa, Bồ-tát dùng Phật đạo giáo hóa họ, dùng các phương tiện, biến hiện vô số thần thông, cho đến hằng hà sa các cõi Phật, tùy theo sự ưa thích của chúng sinh mà biến hiện làm trang nghiêm quốc độ, làm mãn nguyện cho tất cả chúng sinh. Từ cõi Phật này đến cõi Phật kia, Bồ-tát muốn giáo hóa quốc độ nào thì được mãn nguyện, tùy theo ý muốn của chúng sinh mà cung cấp cho họ được đầy đủ, đạt đến trí Nhất thiết. Đối với năm ấm đều không có chỗ thọ và tất cả các pháp thế gian, xuất thế gian, pháp thiện, pháp ác, đều được đầy đủ không có chỗ nhận.

Sau khi Bồ-tát thành Vô thượng Bồ-đề, tất cả đồ dùng trong nước đều tùy ý thọ dụng, không có người đem đến, cũng không có người đem đi, cũng như trên cõi trời Thứ sáu. Vì sao? Vì các pháp không có chỗ nắm giữ và không có chỗ ỷ lại.

Này Tu-bồ-đề! Lúc hành Bát nhã Ba la mật, Bồ-tát này dùng tướng không có sở hữu. Vì vậy, Bồ-tát được đầy đủ Bát nhã Ba la mật.

QUYỂN 17
Phẩm 77: VÔ HỮU TƯỚNG

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Làm thế nào Đại Bồ-tát đối với các pháp không bị phá hoại, pháp không có tướng, pháp không có sở hữu mà được đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật? Làm thế nào mà đối các pháp không có hình tướng mà biết có sai biệt để thể nhập Bát-nhã ba-lamật? Làm thế nào mà đối với các pháp không có tướng dùng một tướng để đạt đến Chánh giác?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, an trụ trong năm ấm như huyễn, như tiếng vang, như mộng, như ảnh, như sóng nắng, như biến hóa. Dùng năm ấm này để hành trì sáu pháp Ba-lamật, biết năm ấm không có tướng, như huyễn, như tiếng vang, như mộng, như ảnh, như sóng nắng. Vì sao? Vì các pháp như mộng huyễn là không có sở hữu. Vì không có sở hữu nên đó

là một tướng, mà một tướng là không có tướng. Vì sao? Này Tu-bồ-đề, nên biết người Bố thí ba-la-mật không có tướng, vật bố thí cho đến người nhận thí đều là không có tướng. Người nào biết được như vậy tức là đầy đủ Bố thí ba-la-mật.

Khi đầy đủ Bố thí ba-la-mật, nhất định không còn thoái chuyển đối với sáu pháp Ba-la-mật. Nơi sáu pháp Ba-la-mật ấy, được đầy đủ bốn Thiền, bốn Đẳng và bốn Không định, được đầy đủ ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, đầy đủ nội ngoại không và hữu vô không; đầy đủ ba môn Giải thoát, tám Bối xả, chín Thứ đệ thiền, năm Thần thông, đầy đủ các môm Đà-la-ni, bốn vô ngại trí, bốn Vô sở úy, mười Lực, mười tám pháp Bất cộng của Phật.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát an trụ trong pháp vô lậu của Hiền thánh có thể đi đến các quốc độ, cúng dường chư Phật và cứu vớt chúng sinh, tùy theo đó làm cho họ được an ổn, hoặc dùng bố thí để giáo hóa. Hoặc dùng trì giới, dùng nhẫn nhục, dùng tinh tấn, dùng thiền định, dùng trí tuệ để giáo hóa họ; hoặc thuận theo các pháp lành để giáo hóa họ.

Vì chúng sinh, nên Bồ-tát chịu các pháp sinh tử nhưng không đồng với họ, cũng không thọ nhận sự khổ não của sinh tử.

Vì chúng sinh nên Bồ-tát gieo trồng phước đức trong cõi trời, cõi người, tất cả là vì giáo hóa họ. Do Bồ-tát biết các pháp không có tướng nhưng vẫn học đạo Tu-đà-hoàn, mà không an trụ trong quả đó và học được quả La-hán, Bích-chi-phật nhưng cũng không an trụ trong đó. Vì sao? Vì Bồ-tát biết các pháp sẽ đạt được tuệ trí Nhất thiết, chẳng phải chỗ biết của A-la-hán và Bích-chi-phật.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Biết các pháp không có tướng như thế, Bồ-tát cũng biết sáu pháp Ba-la-mật không có tướng cho đến biết tất cả các pháp chư Phật cũng đều không có tướng.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, an trụ trong năm ấm như mộng, như huyễn, như tiếng vang, như ảnh, như sóng nắng, như biến hóa. Bồ-tát thực hành Trì giới ba-la-mật, biết năm ấm như mộng, như huyễn hóa, liền được đầy đủ Trì giới ba-lamật vô tướng, giữ giới không phạm, không phá hủy, Bồ-tát khéo giữ giới, không sai phạm, không phá hủy, không tán loạn, học trí tuệ theo nghiệp của Thánh hiền, hộ trì các giới, không vì trì giới để được bốn chủng tánh và ngôi Chuyển luân thánh vương, cũng không nói ta trì giới này sẽ được sinh vào cõi trời Tứ thiên vương hay cõi trời Thứ sáu, cũng không nghĩ rằng trì giới này sẽ được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đạo Bích-chi-phật. Vì sao? Vì các pháp là một tướng, là không có tướng. Pháp không có tướng nhất định không đạt được pháp không tướng, pháp có tướng không đạt được pháp có tướng, pháp có tướng cũng không đạt được pháp không tướng.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật dùng pháp không tướng được đầy đủ Trì giới ba-la-mật, đạt đến bậc Thượng vị Bồ-tát. Đã đạt được bậc Thượng vị Bồ-tát rồi, liền đạt Vô sinh pháp nhẫn, thực hành đạo tuệ đầy đủ thần thông, an trụ các môn Đà-la-ni, được bốn vô ngại trí, từ quốc độ này, đến quốc độ kia, cúng dường chư Phật, hộ trì chúng sinh, làm thanh tịnh cõi Phật. Dẫu sinh vào trong năm đường hay cõi nhân gian cũng không bị lệ thuộc nghiệp sinh tử.

Ví như Chuyển luân thánh vương dầu ngồi đứng hay đến, đi không ai biết được, hay làm lợi ích chúng sinh, nhưng không thấy sự đàn áp bề tôi và quấy rối nhân dân.

Ví như Như Lai Tu-diên-đầu chuyển pháp luân cho ba Thừa, nhưng không có Bồ-tát nào được thành tựu Vô thượng Bồ-đề. Vị ấy liền nhập Niết-bàn và hóa ra vị Phật khác để giáo hóa chúng sinh trong một kiếp.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật đầy đủ Trì giới ba-la-mật và các pháp đều hòa nhập theo đó.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, an trụ trong năm ấm như huyễn, như mộng, như tiếng vang, dùng pháp vô tướng được đầy đủ Nhẫn nhục ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát dùng hai thứ nhẫn để được đầy đủ Nhẫn nhục ba-la-mật. Hai thứ nhẫn đó là: Từ lúc Bồ-tát mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, trong thế gian ấy, nếu có chúng sinh nào cầm dao, gậy, đến đánh đập, chém giết. Bồ-tát vì muốn đầy đủ Nhẫn nhục ba-la-mật, nên tâm không dao động, chỉ suy nghĩ: "Nào có ai mắng ta, ai hại ta và ai đã chém ta." Vì sao? Vì các pháp không có tướng, Bồ-tát quán như vậy, liền đầy đủ Nhẫn nhục ba-la-mật. Do đầy đủ Nhẫn nhục ba-la-mật, Bồ-tát đạt Vô sinh pháp nhẫn.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vô sinh pháp nhẫn gọi là diệt, là trí được không?

Phật dạy:

–Đối với nhẫn, Bồ-tát không sinh mảy may niệm ác nào thì gọi là Trí, dùng trí tuệ ấy mà được Vô sinh pháp nhẫn.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vô sinh pháp nhẫn của hàng Thanh văn, Bíchchi-phật cùng với Vô sinh pháp nhẫn của Đại Bồ-tát có gì khác không?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Trí và diệt của Tu-đà-hoàn cho đến trí và diệt của A-la-hán, Bích-chi-phật là nhẫn của Đại Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Đây là sự sai biệt của Thanh văn và Bích-chiphật. Đại Bồ-tát thành tựu nhẫn vượt hơn hai địa trên, vì trụ trong Vô sinh pháp nhẫn, Đại Bồ-tát hành Bồ-tát đạo, nên thực hành đầy đủ đạo tuệ, không lìa ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, ba môn Giải thoát, các thần thông, giáo hóa chúng sinh, làm thanh tịnh cõi Phật, đạt đến trí Nhất thiết.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát dùng pháp vô tướng được đầy đủ Nhẫn nhục ba-la-mật.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát trụ trong năm ấm như huyễn, như mộng, như tiếng vang, như sóng nắng, như ảo ảnh. Ở nơi pháp vô tướng Bồ-tát thực hành thân, ý tinh tấn, đạt được thần thông. Nhờ được thần thông, nên Bồ-tát du hành các cõi, cúng dường chư Phật, dùng thân tinh tấn này, giáo hóa chúng sinh, làm cho họ an trú trong ba thừa.

Bồ-tát này hành Bát nhã Ba la mật, dùng pháp vô tướng được đầy đủ Tinh tấn ba-la-mật; lại dùng ý tinh tấn trong pháp vô lậu của Hiền thánh được đầy đủ các pháp lành như ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, ba môn Giải thoát, bốn Thiền, bốn Đẳng và bốn Không định, đầy đủ mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng của Phật.

Trong các pháp này, Bồ-tát thực hành rồi sẽ được đầy đủ tuệ trí Nhất thiết, dứt trừ các tập khí, thành tựu tướng tốt, phóng ánh sáng Tam-muội, chuyển mười hai hàng pháp luân, làm cho tam thiên đại thiên thế giới chấn động sáu cách, ánh sáng chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới,

trong ánh sáng đó phát ra âm thanh vang động cả ba ngàn thế giới. Các chúng sinh nghe âm thanh đó, đều được chứng đạo tam Thừa.

Này Tu-bồ-đề! Nhờ tinh tấn mà Bồ-tát làm được lợi ích rộng lớn như vậy và do trụ trong tinh tấn, Bồ-tát được đầy đủ pháp của chư Phật, đạt đến Nhất thiết trí.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, trụ trong năm ấm như mộng, như huyễn, đầy đủ Thiền định ba-la-mật, hành bốn Thiền, bốn Đẳng, bốn Vô sắc thiền, ba môn Giải thoát, Tam-muội Điện quang, Tam-muội Kim Cang, Tam-muội Chân thiền, chỉ trừ Tam-muội của Như Lai, còn vô số Tam-muội khác đều được chứng nhập, dầu chứng nhập nhưng không đắm say thiền vị, cũng không nhận lấy quả báo ấy. Vì sao? Vì Bồ-tát biết các pháp tướng Tam-muội ấy đều là không, sở hữu đều không có sở hữu. Biết pháp vô tướng nhưng không đắm say vị ngọt vô tướng; biết pháp không có sở hữu nhưng không say vị ngọt không có sở hữu. Vì không đắm say nên không lệ thuộc vào thiền sinh lên cõi Sắc hay cõi Vô sắc.

Vì sao? Vì Bồ-tát không thấy cõi Sắc ấy, không thấy thiền định, cũng chẳng thấy tướng của thiền định. Vì không có chỗ thấy nên Bồ-tát được đầy đủ Vô tướng Tam-muội; hành trì Tam-muội này, vượt trên hai địa kia.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát dùng Thiền độ vượt hơn bậc La-hán, đạo Bích-chi-phật?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát dùng thiền để học nội ngoại không và hữu vô không, nơi các pháp không thấy, chẳng thấy có, chỗ an trụ, như pháp của Thanh văn, Bích-chi-phật và trí Nhất thiết đều không. Vì thấy tất cả đều không, nên đạt đến địa vị Bồ-tát.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là địa vị Bồ-tát? Và thế nào chẳng phải địa vị Bồ-tát?

Phật dạy:

–Nếu còn chấp vào các pháp thì chẳng phải địa vị Bồ-tát, còn không còn chấp trước là địa vị Bồ-tát.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là chấp và thế nào là không chấp?

Phật dạy:

–Bồ-tát còn chấp vào năm ấm, mười hai xứ, cho đến trí Nhất thiết là Bồ-tát còn chấp trước địa vị.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát hoàn toàn không thấy các pháp, cũng không có danh tự, không chấp trước gì cả là bậc địa vị Bồ-tát.

Vì sao? Vì sự thật của năm ấm cho đến sự thật của trí Nhất thiết cũng chẳng làm được, chẳng nói được, chẳng thấy được.

Này Tu-bồ-đề! Đây là chỗ nhận lấy của Bồ-tát, là địa vị của Bồ-tát. Bồ-tát đạt đến địa vị thì đầy đủ các thiền định, còn không lệ thuộc vào sức thiền ấy để tái sinh, huống gì là tùy thuộc vào dâm, nộ, si để sinh ra nghiệp, việc này không như vậy.

Bồ-tát chỉ dùng pháp huyễn làm lợi ích chúng sinh nhưng không thấy có chúng sinh, cũng không thấy có pháp huyễn, ở trong pháp không có sở hữu hộ trì cõi Phật, giáo hóa chúng sinh.

Đây là Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, đầy đủ Thiền định bala-mật cho đến chuyển pháp luân còn không chấp trước.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Lúc hành Bát nhã Ba la mật, Bồ-tát biết các pháp như huyễn, như mộng, như tiếng vang, như biến hóa, như bóng sáng, như sóng nắng.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát biết các pháp như huyễn, như sóng nắng?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Lúc hành Bát nhã Ba la mật cũng không thấy mộng hay người hiện trong mộng, không thấy tiếng vang, cũng không thấy người đem đến tiếng vang, không thấy bóng sáng biến hóa và sóng nắng, cũng không thấy đem những thứ ấy chỉ cho người. Vì sao? Vì các thứ mộng huyễn này là các pháp điên đảo của kẻ phàm phu chấp trước. Các bậc La-hán, Bích-chi-phật, chư vị Bồ-tát, các Đức Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác, không thấy có pháp mộng huyễn cũng không thấy người đưa đến. Vì sao? Vì các pháp sở hữu đều không có sở hữu, vì không có sở hữu nên không có sự thành tựu.

Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật hoàn toàn không có tướng tham, không có tướng để thành tựu, cũng không có tướng sinh, những việc này đều không có. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật chẳng nghĩ là pháp có sinh, có thành tựu. Bồ-tát hành như vậy không phát sinh năm ấm, không phát sinh tam giới, không sinh các thiền, cho đến hiền giải thoát; cũng không phát sinh ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, ba môn Giải thoát, cho đến không sinh sáu pháp Ba-la-mật, nên được đầy đủ từ Địa thứ nhất cho đến Địa thứ mười, nhưng cũng không sinh lòng ham muốn. Vì sao? Vì nơi ấy không có được, không thấy được, huống gì ở trong đó phát sinh sự ham muốn. Bồ-tát tuy hành Bát nhã Ba la mật cũng không thấy có Bát nhã Ba la mật.

Trong chỗ không thấy nhưng lại thấy hết các pháp, đều thể nhập Bát nhã Ba la mật cũng không thấy có các pháp ấy. Vì sao? Vì các pháp và Bát nhã Ba la mật không có hai cũng chẳng phải là hai việc. Vì sao? Vì đó là giác Như như, đó là giác đúng với pháp tánh, đúng với hiện thật, các pháp này đều không khác nhau.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Giả sử các pháp không phân biệt, không ly tán, thì tại sao lại dạy có thiện ác, dạy có vô lậu, hữu lậu, có Tục đế, Chân đế, có hữu vi, vô vi?

Phật dạy:

–Theo ý ông thế nào? Như trong các pháp có pháp nào là thiện là ác, hữu lậu, vô lậu, chân đế, tục đế, pháp hữu vi, vô vi không? Có thấy quả Tu-đà-hoàn, quả A-la-hán và pháp của Bích-chi-phật cho đến Phật không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không thể thấy.

Vì vậy, này Tu-bồ-đề! Các pháp không phân biệt không có tướng, không có sinh, không có sự có.

Này Tu-bồ-đề! Xưa ta còn làm Bồ-tát, cũng không thấy các pháp có cốt lõi, không thấy có năm ấm, không thấy có pháp hữu vi, vô vi; từ quả Tu-đà-hoàn đến quả Phật cũng đều không sự thấy, không sự đắc.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát muốn học Bát nhã Ba la mật, từ lúc mới phát tâm đến khi thành Vô thượng Bồ-đề, nên khéo học các pháp sở hữu, không sở hữu.

Bồ-tát khéo thông suốt pháp sở hữu không có sở hữu, nên có thể đầy đủ đạo tuệ, giáo hóa chúng sinh, hộ trì cõi Phật, thành Vô thượng Bồ-đề, thu phục chúng sinh không còn rơi vào ba cõi.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát nên hành Bát nhã Ba la mật như vậy, nên không có sở hữu.

QUYỂN 18
Phẩm 78: TRỤ NHỊ KHÔNG

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là pháp như mộng, như tiếng vang, như huyễn, như hóa, như sóng nắng, như chớp nắng, như bóng? Các pháp ấy đều là không thì làm sao mà có chỗ tạo tác để nói là đạo, là tục, là vô vi, hữu vi, hữu lậu, vô lậu, quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, Chánh đẳng giác?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Người phàm phu ngu si, ít học, dựa vào pháp mộng huyễn mà có những kiến chấp; nhân đó thân, khẩu, ý tạo ra các việc ác, không đúng chánh pháp, hoặc làm việc thiện nên quả báo có tốt, xấu, nhận lấy tội phước trong ba cõi. Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, an trụ ở hai thứ không, từ đầu đến cuối cũng đều là không, vì giáo hóa chúng sinh nên nói có năm ấm, mười hai xứ, mười tám giới đều là không. Các pháp này như mộng, như tiếng vang, như huyễn, như hóa, như sóng nắng, trong đó không có năm ấm, mười hai xứ, mười tám giới, cũng không có mộng, tiếng vang, huyễn hóa, sóng nắng, tất cả đều không thấy. Các pháp đều không có hình tướng, không có sở hữu, không có năm ấm.

Các ông thấy có năm ấm thì không có mười hai xứ, thấy có các xứ thì không có mười tám giới. Các ông có các giới là do nhân duyên điên đảo nên thấy có các pháp tùy theo hành động mà có tiếp nhận.

Tại sao các ông đối với các pháp không có mà cho là có hình tướng! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng phương tiện quyền xảo. Đối với các chúng sinh tham lam tật đố thì dạy cho họ bố thí để được giàu sang. Khi không còn tham lam, tật đố thì Bồ-tát dạy cho họ trì giới, do giữ giới được sinh Thiên, khi đã thành tựu giới thì làm cho họ trụ vào chánh định, nhờ chánh định được sinh lên cõi Phạm thiên. Nhờ đầy đủ bốn Thiền, bốn Không định, vô số phương tiện từ bố thí, trì giới đến Thiền định để đạt đến Niết-bàn.

Bồ-tát lại dùng các pháp không có hình tướng như ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, ba môn Giải thoát, tám Giải thoát, chín Thứ đệ thiền, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Tâm vô lượng, mười tám pháp Bất cộng để lập ra ba Thừa, nói đạo Bồ-tát.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu, chưa từng có! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật sâu xa, các pháp hoàn toàn là không mà lại phân biệt nói là pháp thiện, pháp ác, pháp đạo, pháp tục, pháp hữu lậu, vô lậu, pháp hữu vi, vô vi.

Phật dạy:

–Đúng vậy!

Này Tu-bồ-đề! Thật là kỳ diệu chưa từng có. Các pháp hoàn toàn là không mà các vị ấy lại làm cho có vị trí. Các ông nên biết, việc làm của Bồ-tát thật kỳ diệu mà các bậc La-hán, Bích-chi-phật không thể sánh kịp. Các ông nên đảnh lễ các vị Đại Bồ-tát.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát làm những việc gì chưa từng có mà các bậc La-hán, Bích-chi-phật không thể sánh kịp?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nếu ông muốn nghe thì hãy chú ý, suy nghĩ kỹ, ta sẽ giảng nói. Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, an trụ sáu pháp Ba-la-mật, nội không, ngoại không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, bốn Vô ngại trí và năm Thần thông, đến khắp mười phương, quán sát chúng sinh. Đối với người nào có thể dùng bố thí để giáo hóa thì Bồ-tát dùng bố thí; người nào có thể dùng giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ thì tùy theo đó mà dùng sáu pháp Ba-la-mật để giáo hóa họ; người nào nên dùng bốn Thiền, bốn Không định để được giải thoát thì dùng thiền định để giáo hóa họ; người nào nên dùng Từ, Bi, Hỷ, Xả để được độ thoát thì dùng bốn Vô lượng tâm để giáo hóa họ, người nào nên dùng ba mươi bảy phẩm Trợ đạo để được độ thoát thì dùng năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý để giáo hóa họ; người nào nên dùng ba môn Giải thoát để được độ thoát thì dùng ba môn Giải thoát để giáo hóa họ.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát dùng bố thí để giáo hóa chúng sinh như thế nào?

Phật dạy:

–Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, tùy theo vật chúng sinh cần dùng mà cung cấp cho họ như là: y phục, thức ăn, thuốc uống, voi, ngựa, xe cộ, vàng bạc châu báu. Bồ-tát cúng dường cho Phật, Bích-chi-phật, A-la-hán, Tu-đà-hoàn cho đến bố thí cho phàm phu, các loại côn trùng nhỏ nhít trong ba đường ác, tùy theo sở thích mà không có phân biệt. Vì sao? Vì các pháp không sai khác nên Bồ-tát bình đẳng đối với các pháp, do đó được tuệ trí Nhất thiết không phân biệt.

Phật dạy:

–Thấy người đến xin, nếu Đại Bồ-tát suy nghĩ: "Ta cúng dường cho Phật sẽ được phước đức, còn bố thí cho súc sinh sẽ không có phước đức", thì chẳng phải là Bồ-tát. Vì sao? Vì Bồ-tát phát đạo tâm không nghĩ như vầy: "Nếu ta bố thí thì sẽ được sinh trong bốn dòng họ. Bố thí rồi ta sẽ hướng dẫn chúng sinh đến Vôdư Niết-bàn."

Bồ-tát xem chúng sinh như bà con thân thuộc, bố thí cho họ mà không chút phân biệt, cũng không nói sẽ cho người này, không cho người kia, không phân biệt người thân, kẻ sơ, bố thí chúng sinh mà không có gì ngăn ngại. Vì sao? Bồ-tát vì chúng sinh mà phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nếu có ý phân biệt thì có lỗi đối với Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác, các vị Duyên giác, các bậc Chân nhân. Vì sao? Vì Trời, Người và A-tu-luân không thể thay thế, Bồ-tát đã làm chiếc cầu để cứu độ chúng sinh. Đó là pháp của Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, nếu

có người hoặc phi nhân đến chỗ Bồ-tát, xẻ thân Bồ-tát ra từng đoạn thì Bồ-tát cũng không phân vân là cho hay không cho. Vì sao? Vì Bồ-tát này muốn cứu độ chúng sinh nên nhận lấy khổ hình ấy, dùng thân này làm lợi ích cho tất cả. Bồ-tát nên nghĩ như vầy: "Ta vì chúng sinh mà thọ thân hình này, nay ai cần cứ đến lấy đi."

Tu-bồ-đề! Nếu thấy người đến xin, Bồ-tát nên suy nghĩ: "Người bố thí là ai, người nhận là ai, vật bố thí là những vật gì? Thật ra, các pháp này không thể thấy được, vì các pháp này thường rỗng không, không có chỗ cho, cũng không có chỗ lấy."

Tu-bồ-đề! Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật nên học nội ngoại không, hữu vô không. An trụ trong pháp không này mà bố thí thì đầy đủ Bố thí ba-la-mật. Đã đầy đủ bố thí thì không phân biệt nội pháp và ngoại pháp, sao lại nói ai là người cắt, ai là người bị cắt.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ta dùng Thiên nhãn quán sát vô số quốc độ khắp mười phương, thấy các vị Đại Bồ-tát vào trong địa ngục thì địa ngục trở nên mát mẻ. Bồ-tát thuyết pháp cho chúng sinh trong địa ngục bằng ba pháp biến hóa: Một là Thần túc, hai là tùy theo phương tiện, ba là bốn Tâm vô lượng cho chúng sinh trong địa ngục. Nghe rồi, họ sinh lòng kính ngưỡng Bồ-tát và được xa lìa khổ não. Tiếp theo Bồ-tát nói pháp ba thừa làm cho họ đều được thoát khổ.

Tu-bồ-đề! Ta dùng Phật nhãn quán sát vô số quốc độ khắp cả mười phương, thấy các vị Đại Bồ-tát vui vẻ cúng dường chư Phật, không có kiêu mạn, kính mến chư Phật, không sân giận, oán ghét, chư Phật thuyết pháp thì các vị Bồ-tát đều thọ trì cho đến khi thành Chánh đẳng giác, không hề quên mất.

Tu-bồ-đề! Ta dùng Phật nhãn quán sát vô số quốc độ trong khắp mười phương, thấy các vị Bồ-tát vì chúng sinh mà cắt thân thể làm nhiều đoạn rồi phân tán bốn phía. Các loài chim bay, thú chạy vào ăn thịt Bồ-tát đều sinh lòng Từ. Do có lòng Từ đối với Bồ-tát nên khi súc sinh xả bỏ thân mình, được làm thân người, gặp được chư Phật, nghe giảng kinh pháp, theo đó tu hành, do thực hành pháp ba Thừa nên được giải thoát.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Các Đại Bồ-tát phát tâm Vô thượng Bồ-đề làm nhiều lợi ích cho chúng sinh, có thể làm cho chúng sinh được Vô-dư Niết-bàn.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ta dùng Phật nhãn quán sát vô số quốc độ khắp cả mười phương, thấy các Bồ-tát vào trong ngạ quỷ, ngạ quỷ trông thấy Bồ-tát liền sinh lòng Từ bi, cung kính Bồ-tát, do đó được thoát khổ. Nhờ công đức này, chúng không bao giờ xa lìa chư Phật cho đến khi chứng đắc Niết-bàn.

Tu-bồ-đề! Chư Đại Bồ-tát thực hành đại Từ như vậy làm cho chúng sinh đều chứng đắc Niết-bàn.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ta cũng thấy các vị Bồ-tát đến cõi trời Tứ thiên vương và tầng trời Thứ sáu thuyết pháp cho chư Thiên. Nhờ nghe pháp ba thừa, chư Thiên đều được giải thoát, chứng đắc Niết-bàn. Nếu có thiên chúng nào say đắm năm dục lạc thì Bồ-tát làm cho cung điện trống rỗng, rồi thuyết pháp cho họ: "Này chư Thiên, tất cả vạn vật đều là vô thường, không có tôn quý, không có thấp hèn, đâu có gì thường còn an ổn được."

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Lúc đó, ta dùng Phật nhãn quán sát các quốc độ, thấy Bồ-tát thuyết pháp cho những người ca ngợi cõi Phạm thiên: "Này quý vị! Tại sao đối với pháp hoàn toàn rỗng không này lại cho là có. Các pháp này là không, vô thường, không hiện hữu, bị đoạn diệt, không nên đối với pháp ấy cho là có."

Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát đã an trú tâm đại Từ cho chúng sinh. Đó là pháp rất đặc biệt, chưa từng có của Bồ-tát.

Tu-bồ-đề! Các Đại Bồ-tát trong vô số quốc độ ở mười phương dùng bốn việc để làm lợi ích cho chúng sinh: Một là bố thí, hai là Nhân ái, ba là Lợi người, bốn là Đồng sự.

Đại Bồ-tát dùng hai thứ bố thí để giáo hóa chúng sinh: Một là Tài thí, hai là Pháp thí. Thế nào là dùng tài thí để giáo hóa chúng sinh? Bồ-tát đem vàng bạc, ngọc bích, châu báu để bố thí; hoặc đem thức ăn, y phục, mùng mền, giường chiếu, hương hoa, đồ trang sức, thuốc men bố thí; hoặc bố thí nô tỳ, voi ngựa, xe cộ, tùy theo chúng sinh cần gì, Bồ-tát đều cho, không hề trái ý. Bố thí cho người rồi, Bồ-tát lại dạy họ quy y Tam bảo, hoặc thọ trì năm giới hoặc mười điều thiện, hoặc giới Bát quan trai, hoặc dạy họ thực hành bốn Thiền, bốn tâm Vô lượng, bốn Không định, hoặc khuyên họ niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Thiên, niệm Thí. Đối với những người hành động một cách điên đảo, Bồ-tát dạy họ hành động đúng theo Chánh pháp. Đối với những người không chân thật, Bồ-tát dạy họ hành động chân thật, khuyên bảo họ thực hành ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, ba môn Giải thoát, tám Giải thoát, chín Thứ đệ thiền, mười Lực của Phật, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại tuệ, đại Từ, đại Bi, mười tám pháp Bất cộng, tám mươi vẻ đẹp, khuyên người học giáo pháp ba Thừa. Đó là Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng phương tiện quyền xảo là tài thí để giáo hóa chúng sinh, làm cho được an trụ ở địa vị an ổn vô thượng. Đó là pháp đặc biệt chưa từng có của Đại Bồ-tát.

Thế nào là Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật dùng Pháp thí để giáo hóa chúng sinh?

Bố thí có hai: Một là Đạo thí, hai là Tục thí.

Thế nào là Tục thí? Sự bố thí theo lời nói thế tục là pháp bất tịnh; dạy cho người có ước muốn đắc được bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn định vô sắc và thực hành các thiện pháp khác của phàm phu, đó là pháp thí thế tục. Thực hành pháp thí thế tục như vậy rồi, Bồ-tát giáo hóa chúng sinh làm cho họ xa lìa thế tục. Bồ-tát dùng phương tiện quyền xảo hướng dẫn họ thực hành đạo, chứng quả Hiền thánh.

Đạo pháp và quả vị Hiền thánh là gì? Pháp của Hiền thánh là ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, ba môn Giải thoát. Quả của Hiền thánh là từ Tu-đà-hoàn cho đến La-hán, Bích-chi-phật.

Phật dạy:

–Đạo pháp của Hiền thánh Bồ-tát là biết trí tuệ của quả Tuđà-hoàn, La-hán, Bích-chi-phật; trí tuệ ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười Lực của Phật; trí tuệ đại Từ, đại Bi và các đạo pháp, tục pháp khác, pháp hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi, trí Nhất thiết. Đó là pháp Hiền thánh Bồ-tát.

Quả của Hiền thánh Bồ-tát là gì? Đó là dứt trừ tất cả các tập khí phiền não.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bồ-tát đạt đến trí Nhất thiết phải không?

Phật đáp:

–Đúng vậy! Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát đạt đến trí Nhất thiết.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như vậy Đại Bồ-tát với Như Lai có gì khác?

Phật đáp:

–Có khác! Bồ-tát đạt được trí Nhất thiết thì gọi là Như Lai. Vì sao? Vì tâm Bồ-tát bất khả đắc. Tâm Như Lai cũng không khác. Bồ-tát soi sáng các pháp ở tận nơi tối tăm vô cùng. Nhờ pháp bố thí thế tục đưa đến Bố thí đạo pháp.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát này không bố thí cho chúng sinh theo pháp thế tục nữa mà dùng phương tiện quyền xảo đưa họ đạt đến trí Nhất thiết.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Pháp bố thí đạo của Bồ-tát như thế nào mà người phàm phu không thể sánh kịp? Đó là ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, ba môn Giải thoát, tám Giải thoát, chín Thứ đệ thiền, mười Lực của Phật, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại tuệ, mười tám pháp Bất cộng, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ, các môn Đà-la-ni. Đó là pháp rất đặc biệt, chưa từng có của Bồ-tát.

Bồ-tát dùng Ái ngữ, sáu pháp Ba-la-mật: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ và nhan sắc từ hòa để giáo hóa chúng sinh. Vì sao? Vì sáu pháp Ba-la-mật bao gồm tất cả pháp thiện.

Tại sao Bồ-tát thường dùng sáu pháp Ba-la-mật và bốn pháp làm lợi ích và giáo hóa chúng sinh? Bốn pháp đó là: Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành, Đồng sự.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát dùng Bát nhã Ba la mật để giáo hóa hàng tân học Bồ-tát: "Này thiện nam, phải khéo học phân biệt các chữ, từ một chữ đến bốn mươi hai chữ. Một chữ bao gồm nghĩa các chữ, nghĩa các chữ bao gồm bốn mươi hai chữ, nghĩa bốn mươi hai chữ đều nằm trong một chữ, đều cùng một nghĩa. Vì vậy Bồ-tát nên thông thạo bốn mươi hai chữ ấy. Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác biết hoàn toàn các thiện pháp, biết hoàn toàn văn tự rồi giáo hóa chúng sinh. Như Lai thuyết pháp không lìa văn tự, các pháp cũng không lìa văn tự.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chúng sinh không thể đắc pháp, cũng không thể thấy được, vì các pháp là không. Tại sao, khi thực hành Ba-lamật, bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Không định, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám Không, Không, Vô tướng, Vô nguyện, tám Giải thoát, chín Thứ đệ thiền, mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp của Phật, sáu Thần thông, thuyết pháp cho chúng sinh, Bồ-tát không thấy chúng sinh, cũng không thấy chỗ của chúng sinh, cho đến đối với thức cũng không thể thấy được, sáu pháp Ba-la-mật cũng không thể thấy được, cho đến tám mươi vẻ đẹp cũng không thể thấy được cũng không có chỗ được, không có chúng sinh cũng không có chỗ được, không có tám mươi vẻ đẹp, cũng không có chỗ được?

Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, thuyết pháp cho chúng sinh như thế nào?

Tu-bồ-đề lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Có phải Bồ-tát đem việc không có mối manh giúp đỡ chúng sinh để làm cho họ xa lìa bốn điên đảo, trụ vào Tứ đế hay không? Thực hành Bát nhã Ba la mật, Bồ-tát còn không thấy được huống chi thực hành ba mươi bảy phẩm Trợ đạo.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đúng vậy! Như lời ông nói, chúng sinh bất khả đắc, nên biết các pháp như là nội, ngoại, hữu, vô, năm ấm, xứ, giới, bốn Đế, mười hai nhân duyên, bốn Không định, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, ba môn Giải thoát, tám Giải thoát, chín Thứ đệ thiền, mười tám pháp Bất cộng, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại trí, hai Địa, Bồ-tát, quốc độ Phật, Đạo, đều là không.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát biết các pháp đều không, thuyết pháp cho tất cả chúng sinh, chúng sinh được nghe pháp này, nhờ đó không bị thoái chuyển. Đối với các pháp không chấp thủ, không xả bỏ, cũng không bị chướng ngại, Bồ-tát nói pháp chân thật, không hư dối.

Ví như vô số người Như Lai hóa ra, hoặc là thành tựu sáu pháp Ba-la-mật hoặc thành tựu bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng.

Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Những người này có sở đắc gì không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không. Những người đó không có đắc gì?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Nên biết Bồ-tát giáo hóa chúng sinh cũng vậy, tùy theo khả năng của họ mà thuyết pháp, làm cho chúng sinh xa lìa điên đảo, không trói buộc cũng không cởi mở. Nếu năm ấm có trói buộc, có cởi mở thì chẳng phải là năm ấm, vì năm ấm tự tánh thường vắng lặng. Cho đến pháp hữu vi, vô vi, tự tánh thường vắng lặng. Bồ-tát thuyết pháp cho chúng sinh, ban đầu không thấy chúng sinh, vì các pháp không thủ đắc, Bồ-tát trụ vào chỗ không có chỗ trụ, năm ấm rỗng không nên không có chỗ trụ cho đến hữu vi, vô vi cũng không có chỗ trụ. Vì sao? Vì không thật có mà không chỗ trụ, không sở hữu, không trụ nơi không có sở hữu, có sở hữu cũng không trụ nơi có sở hữu. Vì sao? Vì đều không thủ đắc, pháp không thủ đắc thì không có chỗ trụ.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật nói rõ các pháp, phân biệt các không. Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật như vậy đối với Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác, các bậc Hiền thánh không có lỗi. Vì sao? Vì chư Phật Thế Tôn, chư Hiền thánh đều đạt được pháp này rồi giáo hóa chúng sinh. Do được pháp này nên không thoái chuyển. Vì sao? Vì pháp tánh, thực tế và chân như không thoái chuyển, cũng không có hình tướng có thể thoái chuyển.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp tánh, thực tế và chân như không thoái chuyển thì năm ấm, như, thực tế, pháp tánh có khác không? Hữu vi, vô vi và đạo, hữu lậu, vô lậu có khác không?

Phật dạy:

–Không! Này Tu-bồ-đề, năm ấm và như thực tế, pháp hữu vi, vô vi và đạo… không có khác.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Giả sử năm ấm và Như cho đến hữu vi, vô vi… Không có khác thì tại sao có quả báo tốt, xấu và năm đường sinh tử, tại sao có pháp ba Thừa.

Phật dạy:

–Do chúng sinh quen theo thế tục đế nên có danh hiệu đạo, đối với Đệ nhất nghĩa đế thì không có phân biệt. Vì sao? Vì pháp này thường vắng lặng, không có phân biệt cũng không có ngôn thuyết, năm ấm không sinh diệt cũng không thường, đoạn, vì từ đầu đến cuối đều không.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu do theo thế tục đế liền có tên đạo thì tất cả phàm phu đều đạt đạo, chứng quả ba thừa phải không?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nếu người phàm phu đều biết Tập đế và Đạo đế thì lẽ ra người đó chứng được đạo. Còn nếu người phàm phu không biết thì không thể đắc Đạo đế và Diệt đế.

Tu-bồ-đề thưa:

–Tại sao phàm phu chứng đắc đạo quả?

Phật đáp:

–Các Hiền thánh có tu đạo liền có đạo quả.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Do tu đạo được đạo quả không?

Phật bảo:

–Không! Tu-bồ-đề, không phải là do tu đạo mà có thể đạt đạo, cũng không phải là do không tu đạo, không lìa đạo mà được quả. Vì vậy, Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, vì chúng sinh nên an trú trong đạo, đạo không có phân biệt pháp hữu vi; pháp vô vi cũng không phân biệt.

Tu-bồ-đề! Lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Nếu không phân biệt có đạo thì tại sao Phật nói đoạn được ba kết sử thì chứng quả Tu-đà-hoàn, làm mỏng tham, sân, si thì chứng quả Tư-đà-hàm, dứt trừ năm hạ phần kết sử ở cõi Dục thì chứng quả A-na-hàm, đoạn trừ năm hạ phần kết sử ở cõi Vô sắc thì chứng quả A-la-hán, đối với những hình sắc mà mắt thấy đều là pháp diệt tận thì chứng được Bích-chi-phật, dứt trừ hết tất cả các nghiệp phiền não thì chứng được Vô thượng Bồ-đề. Như vậy, làm sao biết được việc này? Nếu đạo không có phân biệt thì làm sao theo đó thực hành để được đạo?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Tu-đà-hoàn đạo đến Vô thượng Bồ-đề là pháp hữu vi hay vô vi?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chẳng phải là pháp hữu vi.

Phật dạy:

–Pháp vô vi có phạm vi để phân biệt không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có phạm vi để phân biệt.

Phật dạy:

–Ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ khi đạt được pháp hữu vi, vô vi và được nhất tướng thì lúc đó có nói là được pháp hữu vi, vô vi không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không.

Phật dạy:

–Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật thuyết pháp cho chúng sinh không có giới hạn phân biệt, vì nội ngoại không, hữu vô không. Bồ-tát tự mình không chấp trước và dạy tất cả mọi người cũng không chấp trước, không chấp trước sáu pháp Ba-la-mật, bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, trí Nhất thiết, không chấp trước là không sinh chướng ngại.

Như người do Như Lai biến hóa ra, nếu người này có bố thí cũng không được phước báo, chỉ vì muốn độ người, Bồ-tát không trụ vào Ba-la-mật, hữu lậu, vô lậu, không trụ vào đạo, vào tục, hữu vi, vô vi, vì không có chỗ trụ. Vì sao? Vì Bồ-tát đã vượt qua tướng các pháp.

QUYỂN 18
Phẩm 79: SIÊU VIỆT PHÁP TƯỚNG

Lúc bấy giờ, Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là siêu việt các pháp tướng?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ví như người do biến hóa thì không có dâm dật, phẫn nộ, si mê, cũng không hiện hành năm ấm, không có việc nội ngoại, không có chỗ chướng ngại, không có việc đạo, việc tục, hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi, không có đạo và quả báo. Đó là siêu việt các pháp tướng.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Người biến hóa làm sao có tu đạo?

Phật dạy:

–Tu đạo không đoạn cũng không thường, không rơi vào cảnh giới.

–Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Người do Như Lai biến hóa có hình tướng, có đến đi, có đoạn, thường không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Người đó không có đến đi cũng không có thường đoạn, cũng không thuộc vào năm cảnh giới.

Phật dạy:

–Tu-bồ-đề! Đó là siêu việt các pháp tướng.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Năm ấm đều như huyễn phải không?

Phật dạy:

–Đúng vậy!

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp như huyễn hóa, người biến hóa không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không thường, không đoạn, cũng không ra khỏi năm cảnh giới thì Đại Bồ-tát có những gì đặc biệt?

Phật dạy:

–Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Khi ta còn là Bồ-tát có thấy chúng sinh được giải thoát khỏi năm cảnh giới không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không thấy.

Phật dạy:

–Trong ba cõi còn không thấy có chúng sinh được độ thoát huống là trong năm cảnh giới. Vì sao? Vì Bồ-tát quán biết các pháp như huyễn, như hóa.

Tu-bồ-đề thưa:

–Nếu Bồ-tát quán biết các pháp như huyễn hóa thì do đâu mà thực hành sáu pháp Ba-la-mật, bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Không định, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo làm thanh tịnh cõi Phật, giáo hóa chúng sinh.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nếu chúng sinh tự biết các pháp như huyễn, như hóa thì Bồ-tát sẽ không chịu khổ trong vô số kiếp thực hành Bồ-tát đạo.

Này Tu-bồ-đề! Vì chúng sinh không thể tự biết các pháp như huyễn, như hóa nên Bồ-tát phải chịu khổ thực hành sáu pháp Ba-lamật, làm thanh tịnh cõi Phật giáo hóa chúng sinh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Giả sử các pháp như mộng, như huyễn, như hóa, như tiếng vang, như sóng nắng thì làm sao có chúng sinh để Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật mà cứu vớt.

Phật dạy:

–Chúng sinh chỉ là danh tự và số lượng kết hợp với nhau, đắm trước vào chỗ không có đầu mối. Vì thế Đại Bồ-tát hành Bát-nhã bala-mật ở trong tướng danh tự mà cứu vớt họ.

Tu-bồ-đề thưa:

–Thế nào là tướng danh tự?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Danh tự là không chân thật, giả gọi là danh, là năm ấm, là người, là nam, là nữ, là năm cảnh giới, là pháp hữu vi, vô vi là Tuđà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, Chánh đẳng giác.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Pháp và đạo do ngã, ngã sở tạo ra chỉ là danh tự, pháp số mà thôi. Người phàm phu ngu muội chấp trước pháp hữu vi. Vì thế Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật dùng phương tiện quyền xảo, giáo hóa chúng sinh.

Danh tự này chỉ do tướng mà có. Vì có tướng nên sinh vào bào thai của người mẹ. Vật sở hữu không có đầu mối, vật sở hữu là không có. Người trí không chấp trước vào chỗ rỗng không.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Vì vậy, Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng phương tiện quyền xảo, giáo hóa chúng sinh.

–Này Tu-bồ-đề! Thế nào là tướng?

Người phàm phu ngu muội chấp trước vào hai tướng: Một là ình tướng; hai là không hình tướng.

–Thế nào là hình tướng?

Đó là hình đẹp, hình xấu, hình vi tế, tất cả đều suy tàn biến đổi, trong đó có phát sinh tướng, đó gọi là hình tướng.

–Thế nào là không hình tướng?

Ở trong các pháp không hình tướng phát sinh ra phiền não, đó gọi là không hình tướng.

Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật, dùng phương tiện quyền xảo, từ chỗ không hình tướng giáo hóa chúng sinh, đưa họ vào chỗ vô tướng, không chấp trước vào hai tướng là tướng và vô tướng.

Này Tu-bồ-đề! Đó là Đại Bồ-tát ở trong tướng giáo hóa chúng sinh, đưa họ vào vô tướng.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Giả sử các pháp chỉ có danh tướng thì làm sao Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, phân biệt các thiện pháp mà lại khuyên dạy người phân biệt các thiện pháp? Do đầy đủ thiện pháp nên hướng dẫn chúng sinh vào ba Thừa.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ví như Bồ-tát niệm danh năm ấm, tướng năm ấm, vì không thực hành Bát nhã Ba la mật nên không thể phân biệt các thiện pháp, cũng không thể làm cho người khác phân biệt được.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật dùng vô tướng thực hành năm pháp ba-la-mật, do vô tướng, đầy đủ bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Không định, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, nội ngoại không, hữu vô không, tám Giải thoát, chín Thứ đệ thiền, mười Lực của Phật, mười tám pháp Bất cộng. Vì vô tướng nên Bồ-tát tự mình đầy đủ các thiện pháp và giáo hóa người khác đầy đủ các thiện pháp.

Tu-bồ-đề! Nếu có một chút tướng các pháp thì Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật sẽ không đạt đến Không, Vô tướng, Vô nguyện; không thể giáo hóa chúng sinh theo ý nguyện của họ và làm cho họ được pháp lậu tận Không, Vô tướng, Vô nguyện; thực hành Bát nhã Ba la mật làm lợi ích cho tất cả chúng sinh như vậy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Giả sử các pháp là Không, Vô tướng, Vô nguyện. Đại Bồ-tát dùng Vô tướng, Vô nguyện thì làm gì có pháp mà nói là hữu lậu, vô lậu, có sở hữu, không có sở hữu, có pháp Thanh văn, pháp Bích-chi-phật, pháp Bồ-tát, pháp Phật?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ý ông thế nào? Pháp vô tướng với pháp Thanh văn, pháp Bích-chi-phật, pháp Bồ-tát, pháp Phật có khác nhau không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không khác.

Phật dạy:

–Pháp Thanh văn, Bích-chi-phật, pháp Bồ-tát, pháp Phật không phải là vô tướng hay sao?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đó là pháp vô tướng.

Phật dạy:

–Vì vậy, nên biết các pháp đều vô tướng. Bồ-tát học các pháp vô tướng này thì tăng trưởng công đức căn lành sáu pháp Ba-la-mật, bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Không định, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Bất cộng. Vì sao? Vì Bồ-tát không học những pháp khác, chỉ học pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện. Vì các thiện pháp đều thuộc vào ba môn Giải thoát. Ba môn giải thoát tự tánh là Không. Bồ-tát học Không, Vô tướng, Vô nguyện là học năm ấm, mười

hai xứ, mười tám giới, bốn Đế, bốn Duyên khởi, nội ngoại không, hữu vô không, sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười Lực của Phật, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại tuệ, mười tám pháp Bất cộng.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật học năm ấm như thế nào?

Phật dạy:

–Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật biết tướng của sắc, sinh diệt của sắc, như của sắc.

Thế nào là biết tướng của sắc? Sắc không bền chắc như bọt nước.

Thế nào là biết sinh diệt của sắc? Sắc không đến cũng không đi, không trở lại.

Tu-bồ-đề! Đó là biết sinh diệt của sắc.

Thế nào là biết Như của sắc?

Như không sinh cũng không diệt, không đến cũng không đi, không đoạn cũng không thường, không tăng cũng không giảm, biết như vậy là biết Như của sắc. Nó cũng không biến đổi nên gọi là Như của sắc.

Thế nào là biết sinh diệt của thọ, Như của thọ? Đó là biết thọ như bong bóng nước.

Thế nào là biết Như của tưởng? Đó là biết tưởng như sóng nắng, đến nơi thì không phải là nước, nó không đến cũng không đi.

Thế nào là biết Như của hành? Ví như thân vây chuối, bóc ra từng bẹ, không có lõi cứng.

Thế nào là biết sinh diệt của hành? Hành không có đến đi. Biết hành như vậy thì biết Như của hành.

Thế nào là quán thức? Ví như nhà ảo thuật ra bốn binh chủng, không đến cũng không đi. Quán thức cũng như vậy.

Thế nào là quán như của thức? Quán như cũng như thức, là biết về Như của thức.

Thế nào là quán biết tánh của nhãn căn? Đó là quán sở hữu của nhãn là không, nhãn sắc là không, nhãn thức là không, cho đến sở hữu của thức là không.

Thế nào là quán biết mười hai xứ? Đó là biết Như của nội ngoại pháp, biết sở hữu của nội ngoại pháp là không.

Thế nào là quán biết Khổ đế? Đó là biết khổ và sự thật của khổ, biết có ngã, vô ngã, biết sự thật về Tập đế rỗng không.

Thế nào là biết Như của bốn Đế? Biết Như của bốn đế cũng Như biết bốn Đế. Đó là biết Như của bốn Đế.

Thế nào là quán biết Như của mười hai duyên khởi? Mười hai duyên khởi không có chỗ sinh. Vì vậy biết Như của mười hai duyên khởi.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Giả sử Bồ-tát học và hành Bát nhã Ba la mật, phân biệt rõ

từng phần biết các pháp như vậy thì không phân biệt pháp tánh sắc thân?

Phật bảo:

–Nếu có pháp nào khác lìa pháp tánh thì pháp tánh sắc thân này sẽ bị phân biệt. Vì sao? Này Tu-bồ-đề, Như Lai và đệ tử Như Lai không thấy có pháp nào lìa pháp tánh và không thấy có

pháp nào không lìa pháp tánh. Tuy không thấy, không chấp như vậy nhưng pháp không có hai, không lìa pháp tánh.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật nên học pháp tánh này.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bồ-tát học pháp tánh là không có chỗ nào học?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát học pháp tánh là học tất cả các pháp. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều pháp tánh.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Các pháp đều là pháp tánh, các pháp hữu vi đều là pháp tánh.

Phật dạy:

–Tu-bồ-đề! Vì vậy Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật là học pháp tánh.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Nếu các pháp đều là pháp tánh thì do đâu Bồ-tát hành sáu pháp Ba-la-mật, bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Không định, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, ba môn Giải thoát, tám Giải thoát, chín Thứ đệ thiền, mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng, sáu Thần thông, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, sinh trong bốn dòng họ, sinh lên cõi trời Tứ thiên, từ cõi trời tứ thiên cho đến cõi trời ba mươi ba, từ lúc mới phát tâm đến mười Địa, học ba Thừa, làm thanh tịnh cõi Phật, giáo hóa chúng sinh, học các môn Đà-la-ni, học biện tài, học Bồ-tát đạo, học các pháp Như, biết tất cả các pháp.

Bạch Thế Tôn! Trong pháp tánh ấy không có một chút phân

biệt, nên không có Bồ-tát nào làm những việc điên đảo. Vì sao? Vì pháp tánh không phải là năm ấm, cũng không lìa năm ấm. Pháp tánh tức là năm ấm, năm ấm tức là pháp tánh.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đúng vậy! Đúng như lời ông nói, pháp tánh tức là năm ấm, năm ấm tức là pháp tánh. Tu-bồ-đề, Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, nếu thấy pháp xa lìa pháp tánh thì sẽ không phát tâm Vô thượng Bồđề. Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật biết tánh các pháp là đạo. Vì thế, Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật biết các pháp tức là pháp tánh. Pháp không có danh tự nhưng Bồ-tát dùng danh tự để chỉ dạy từ năm ấm đến đạo đều dùng danh hiệu, pháp số mà giảng nói.

Này Tu-bồ-đề! Ví như nhà ảo thuật dùng một tấm gương hóa hiện ra vô số hình tượng hoặc là người nam, người nữ, hoặc là voi, ngựa, hoặc là biệt thự, ao tắm, trong đó bày biện các thứ tòa ngồi, nệm thảm, mền gối, màn che, trướng phủ… có hương hoa, kỹ nhạc, các thứ ăn uống, ca nhạc để giúp vui mọi người. Nhà ảo thuật lại hóa hiện sáu pháp Ba-la-mật, bốn dòng họ lớn, núi Tu-di, cõi trời ba mươi ba, hóa hiện các Thanh văn, Bích-chi-phật, Bồ-tát mới phát tâm, thực hành sáu pháp Ba-la-mật; lại hiện Bồ-tát Thập trụ, Nhất sinh bổ xứ, Bồ-tát an trụ năm Thần thông, làm thanh tịnh cõi Phật, giáo hóa chúng sinh, thực hành chánh định để tự an vui, thực hành mười Lực của Phật, bốn Vô sở úy, đại Từ, đại Bi lại hiện ra thân tướng tốt đẹp của Phật.

Lúc đó, có kẻ ngu si khen ngợi: "Hay thay! Việc làm của người này thật kỳ diệu, làm cho vô số người xem được vui vẻ. Nhà ảo thuật hiện ra nhiều hình tượng, tướng tốt của Thế Tôn." Nhưng trong đó có người trí cười lớn: "Các việc nhà ảo thuật này làm ra đều không có thật. Ông

ấy dùng pháp ảo thuật để làm vui lòng mọi người, làm cho họ trông thấy đều cho là có thật, không có hình tướng cho là có hình tướng.” Phật dạy:

–Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, không thấy có pháp nào ngoài pháp tánh, dùng phương tiện quyền xảo thuyết pháp cho chúng sinh, không thấy chúng sinh và chỗ của chúng sinh mà tự mình thực hành sáu pháp Ba-la-mật và dạy người thực hành sáu pháp Ba-lamật, thấy người thực hành thì vui theo; tự mình thực hành mười điều thiện và khuyên dạy người thực hành, thấy người thực hành thì khen ngợi và vui theo; tự mình thực hành năm giới và khuyên người thọ trì, thấy người thọ trì khen ngợi và vui theo; tự mình thực hành bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Không định và khuyên người thực hành, thấy người thực hành thì khen ngợi và vui theo; tự mình thực hành ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, ba môn Giải thoát, bốn Vô sở úy, mười Lực, mười tám pháp Bất cộng và khuyên người thực hành, thấy người thực hành thì khen ngợi và vui theo.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Pháp tánh trước, sau và giữa đều không tăng, giảm. Vì vậy, Đại Bồ-tát vì chúng sinh mà chịu khổ thực hành Bồ-tát. Nếu pháp tánh trước, sau và giữa khác nhau thì Bồ-tát không dùng phương tiện quyền xảo để giảng thuyết pháp tánh, giáo hóa chúng sinh.

QUYỂN 18

Phẩm 80: TIN VÀO BẢN TẾ

Lúc bấy giờ, Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Giả sử lúc đầu không có chúng sinh và ở chỗ của chúng sinh thì Bồ-tát làm những gì để thực hành Bát-nhã ba-lamật?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát tin pháp thực tế nên thực hành Bát nhã Ba la mật. Thực tế và chúng sinh khác nhau thì Bồ-tát không thực hành Bát nhã Ba la mật nhưng do thực tế và chúng sinh tế không khác nên Bồ-tát vì muốn làm lợi ích cho chúng sinh mà thực hành Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật không phân biệt thực tế mà hướng dẫn chúng sinh vào thực tế.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Nếu hướng dẫn chúng sinh vào thực tế thì Bồ-tát kiến lập thực tế ở nơi thực tế. Nếu kiến lập thực tế ở nơi thực tế thì không thể có. Vì sao đem không có sở hữu kiến lập ở nơi không có sở hữu?

–Bạch Thế Tôn! Như vậy làm sao Bồ-tát hướng dẫn chúng sinh vào thực tế.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Không thể đem thực tế kiến lập ở nơi thực tế, không thể đem sở hữu kiến lập ở nơi sở hữu, cũng không thể đem không sở hữu kiến lập ở nơi không sở hữu.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật dùng phương tiện quyền xảo hướng dẫn chúng sinh vào thực tế, thực tế và chúng sinh không hai, không khác.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát dùng những phương tiện quyền xảo nào để thực hành Bát nhã Ba la mật, hướng dẫn chúng sinh sinh vào nơi thực tế mà không có biểu hiện phân biệt?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật dùng phương tiện quyền xảo hướng dẫn chúng sinh bố thí, hướng dẫn rồi Bồ-tát nói bố thí hoàn toàn rỗng không; vật bố thí, người bố thí, người nhận và quả báo bố thí đều không.

Này thiện nam, chớ có tạo ra các tướng. Vật bố thí và người nhận có khác nhau không? Không khác, đều là không, đều đưa đến thực tế. Nếu các người không phân biệt vật thí, người nhận và quả báo bố thí thì bố thí này có thể đưa đến giải thoát. Chớ nên bố thí chấp trước vào sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì vật thí, người bố thí, người nhận và quả báo của bố thí đều là không. Do bố thí không có mong cầu nên bố thí không thể thủ đắc. Vì sao? Vì các pháp ấy từ đầu đến cuối, tự tánh là không.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng phương tiện quyền xảo hướng dẫn chúng sinh trì giới. Bồ-tát dạy: “Này thiện nam, hãy từ bỏ mười điều ác, các pháp ác này không có thật, nên tự suy nghĩ kỹ, mười việc ác này vốn không có.” Đại Bồ-tát dùng đầy đủ phương tiện quyền xảo giáo hóa chúng sinh, đem bố thí, trì giới chỉ dạy cho chúng sinh tự tịnh quả báo của bố thí và trì giới đều rỗng không. Do đó chúng sinh đạt được tịch tĩnh, liền sinh trí tuệ, đoạn trừ vô minh, dứt hết khổ não. Dùng Niết-bàn thế tục mà không dùng Đệ nhất nghĩa. Vì sao? Vì trong rỗng không mong cầu Niết-bàn, không có rỗng không chắc chắn không vào Niết-bàn, Niết-bàn tự tánh nó rốt ráo cũng là không.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát thấy chúng sinh tâm tán loạn, không chánh định, tranh cãi, giận hờn liền dạy họ nhẫn nhục và tu tập nhẫn nhục: “Việc làm mê muội đều là rỗng không; ông nên suy nghĩ việc xấu ác rỗng không là ta hay là ai nó từ đâu đến. Pháp không ấy không có lúc nào chẳng rỗng không, pháp không này không phải do Như Lai, Bồ-tát, La-hán, Bích-chi-phật tạo ra. Cũng chẳng phải do chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba, Rồng, A-tu-la, Quỷ, Thần, Chân-đà-la, Ma-hầu-lặc làm ra, mà tự nhiên nó là không.” Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật dùng pháp không này hướng dẫn chúng sinh vào không. Tuy có quả báo nhưng không xa lìa quả báo Vô thượng Bồ-đề; tuy Bồ-tát khuyên chúng sinh tinh tấn cầu đạo, nhưng đó chỉ là pháp thế tục, không phải Đệ nhất nghĩa. Vì sao? Vì tánh không không có chỗ giác, cũng không có người giác ngộ, cũng không có người đã và sẽ giác ngộ, đó là tánh thật tế rỗng không. Bồ-tát vì chúng sinh thực hành Bát nhã Ba la mật, không thấy chúng sinh cũng không thấy chỗ ở của chúng sinh. Vì sao? Vì chúng sinh vắng lặng như các pháp.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật dùng phương tiện quyền xảo thấy chúng sinh biếng nhác. Bồ-tát khuyên họ thân và tâm phải tinh tấn thực hành pháp không: “Các pháp không có biếng nhác cũng không thấy có biếng nhác. Pháp không ấy không từ chỗ không mà thoái chuyển. Chớ nên biếng nhác đối với thiện pháp, thân tâm chớ nên thoái lui với sáu pháp Ba-la-mật, bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Không định; chớ nên biếng nhác đối với ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, ba môn Giải thoát, cho đến mười tám pháp Bất cộng của Phật. Chớ có chướng ngại đối với các pháp, hãy quán các pháp không có chướng ngại, không có biếng nhác.”

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật dùng pháp không tánh khuyên dạy chúng sinh hãy tinh tấn an trụ tánh không. Tuy trụ vào pháp không nhưng không rơi vào hai pháp. Vì sao? Vì tánh không là một, không có hai pháp, không hai đó không có chỗ chấp trước.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật đem pháp tánh không giáo hóa chúng sinh làm cho họ tinh tấn.

Bồ-tát dạy: "Này thiện nam! Phải siêng năng tinh tấn tu tập, Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo cho đến mười tám pháp Bất cộng của Phật tùy theo khả năng của mình.

Này thiện nam! Đối với pháp ấy chớ có sinh hai niệm, cũng không lìa hai niệm. Vì sao? Vì các pháp tánh này là không, pháp tánh không hai cũng không phải là không hai."

Tu-bồ-đề! Đó là Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật dùng phương tiện quyền xảo tu tập hạnh Bồ-tát, giáo hóa chúng sinh, làm thanh tịnh cõi Phật. Kế đến, Bồ-tát hướng dẫn chúng sinh tu tập quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, cho đến Vô thượng Bồ-đề.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng phương tiện quyền xảo làm lợi ích cho chúng sinh, khuyên bảo rằng: "Hãy nhất tâm Thiền định, chớ có tán loạn, cũng không sinh tưởng về định. Vì sao? Vì các pháp tánh đều không. Trong các pháp rỗng không ấy cũng không loạn cũng không có nhất tâm, nên trụ vào định này, các việc do thân, khẩu, ý tạo ra hoặc sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, tám Giải thoát, chín Thứ đệ thiền, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại tuệ, đại Từ, đại Bi, mười tám pháp Bất cộng, tám mươi vẻ đẹp hoặc Thanh văn, Bích-chi-phật, Phật đạo, Bồ-tát đạo hoặc quả Thanh văn, quả Bích-chi-phật, quả Phật hoặc trí Nhất thiết, làm thanh tịnh cõi Phật, giáo hóa chúng sinh.

Người nào thực hành pháp không liền được các thiện pháp." Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng phương tiện quyền xảo, làm lợi ích chúng sinh. Từ khi mới phát tâm đến nay, Bồ-tát thường làm lợi lạc cho vô số chúng sinh, từ cõi Phật này đến cõi Phật kia, cúng dường lễ bái chư Phật Thế Tôn, được chư Phật truyền trao giáo pháp cho đến khi thành tựu quả Vô thượng Bồ-đề hoàn toàn không quên mất. Các vị Bồ-tát thường được bảo hộ thân, khẩu, ý đầy đủ không có thiếu sót. Vì sao? Vì Bồ-tát này siêng năng tu tập trí Nhất thiết, do tu tập trí Nhất thiết mà được vào các đạo như Thanh văn, Bích-chi-phật và được thần thông. Bồ-tát không bỏ rơi những chỗ nên hành đạo mà trụ vào thần thông cứu độ chúng sinh khắp trong năm đường sinh tử mà thần thông không bị giảm bớt.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật trụ vào tánh không, làm lợi ích cho chúng sinh như vậy.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng phương tiện quyền xảo trụ vào tánh không làm lợi ích cho chúng sinh, đem trí tuệ giáo hóa chúng sinh: "Này các Hiền giả, hãy làm thanh tịnh, thân, khẩu, ý để nhận lấy giáo pháp bất tử. Người nhận được giáo pháp bất tử thì sẽ không xa lìa pháp tánh không. Vì sao? Vì pháp tánh không chẳng phải là pháp có, cũng chẳng phải là pháp không."

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, lúc nào cũng tinh tấn dạy bảo chúng sinh thực hành và học như vậy. Bồ-tát tự mình thực hành và dạy người hành mười việc thiện, năm giới, tám giới

quan trai, bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Không định, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười Lực, mười tám pháp Bất cộng, tám mươi vẻ đẹp. Tự mình học và dạy cho người học tuệ đạo Tu-đà-hoàn, tuệ Ala-hán, Bích-chi-phật, ở trong đó cũng không mong cầu, tự mình phát tâm Vô thượng Bồ-đề và dạy người học Vô thượng Bồ-đề.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát tu tập hạnh Bồ-tát, dùng phương tiện quyền xảo, không lúc nào biếng nhác.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Giả sử các pháp tánh không, chúng sinh cũng không thể đắc, không có chánh pháp cũng không có phi pháp thì tại sao Bồ-tát chứng đắc tuệ trí Nhất thiết.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đúng vậy! Đúng như lời ông nói. Tất cả pháp tánh đều là không. Trong pháp không không có chúng sinh, không có chánh pháp, cũng không có phi pháp. Nếu có pháp tánh không có rỗng không thì Bồ-tát không ở trong pháp mà thành tựu quả Vô thượng Bồ-đề. Vì tánh không nên Bồ-tát nói pháp năm ấm, tánh cũng là không. Do đó Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, nói tánh năm ấm, mười tám giới, mười hai duyên khởi, bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Không định, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, ba môn Giải thoát, tám Giải thoát, chín Thứ đệ thiền, bốn Vô ngại tuệ, mười tám pháp Bất cộng của Phật, đại Từ, đại Bi, tám mươi vẻ đẹp đều là không. Do đó, Bồ-tát nói pháp cho chúng sinh như pháp Thanh văn, Bích-chi-phật đạo, trí Nhất thiết, dứt trừ các tập khí. Bồ-tát dùng tánh không này thuyết pháp như nội không, ngoại không, hữu không và vô không. Nếu tánh này không rỗng không thì Bồ-tát sẽ không dùng tánh không để thuyết pháp; nếu nội không, ngoại không, hữu không và vô không chẳng phải là tánh không thì tánh không sẽ bị phá hoại. Tánh không thể hoại, cũng không thường. Vì sao? Vì tánh không không có chỗ trụ, cũng không không có chỗ trụ, không đến cũng không đi. Vì vậy, nó là pháp thường trụ, không có tăng, giảm, không có sinh diệt, không có thường đoạn.

Bồ-tát an trụ nơi pháp này để thành tựu quả Chánh đẳng giác, không thấy pháp có chỗ đạt đến, cũng không phải là không có chỗ đạt đến, đó là pháp thường trụ.

Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, thấy các pháp tánh đều là không, nên đối với quả Vô thượng Bồ-đề không thoái chuyển. Vì sao? Vì Bồ-tát không thấy các pháp có chướng ngại thì do đâu mà nghi ngờ đối với quả Vô thượng Bồ-đề.

Tánh không ấy không có chúng sinh cũng không thấy chỗ ở của chúng sinh, không thấy có ngã, thọ mạng và tri kiến; không thấy năm ấm cho đến tám mươi vẻ đẹp.

Này Tu-bồ-đề! Ví như vị hóa Phật hóa làm Tỳ-kheo, Tỳ-kheoni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, nói pháp cho chúng sinh đến vô số kiếp cũng không dừng.

Này Tu-bồ-đề! Hóa thân ấy có chứng đắc pháp ba thừa không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không. Vì không có hình tướng. Các pháp cũng không có hình tướng thì chúng sinh nào được Bồ-tát hướng dẫn chứng đắc Thanh văn, Bích-chi-phật. Chúng sinh bị rơi vào điên đảo thì Bồ-tát đưa họ ra khỏi nơi điên đảo. Như vậy điên đảo tức là không điên đảo, không có điên đảo và các Niệm xứ, không có chúng sinh, cũng không có ngã, thọ mạng, tri kiến, không có năm ấm, cũng không có đạo. Đó là tánh không. Bồ-tát ở nơi điên đảo, thực hành Bát

nhã Ba la mật vượt qua điên đảo và có tưởng nhân, tưởng chúng sinh, tưởng hữu sắc, tưởng vô sắc, pháp hữu lậu, do đó vượt qua pháp vô lậu, chẳng phải là đệ nhất nghĩa.

Pháp vô lậu là gì? Ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, không có cũng không sinh, không tạo tác, đó gọi là tánh không, là đạo chư Phật, Thế Tôn, đạo của chư Phật không có chúng sinh, cũng không có ngã, nhân, thọ mạng, tri kiến, năm ấm, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp. Đó là đạo chân thật của Như Lai.

Bồ-tát không vì Bồ-tát đạo mà phát tâm Vô thượng Bồ-đề, chỉ vì tánh không từ đầu đến cuối không có lúc nào là không rỗng không, mà thường là tánh không. Bồ-tát thực hành không Ba-la-mật, vì chúng sinh chấp trước tướng chúng sinh nên hướng dẫn họ cầu đạo trí Nhất thiết. Vì vậy, Bồ-tát thường hành đạo tuệ, do thực hành đạo tuệ nên có thể chứng nhập các đạo và đạo tam Thừa. Bồ-tát chứng nhập đầy đủ các đạo rồi, giáo hóa chúng sinh, làm thanh tịnh cõi Phật, liền trụ trong pháp hữu vi, thành tựu quả Vô thượng Bồ-đề, không mất giống Phật và các tánh không, trụ vào tánh không là đạo nghiệp của chư Phật trong ba đời. Chỗ sinh tử và các pháp thế tục không lìa tánh không. Các Bồ-tát đều phải học tập các hạnh của chư Phật và thực hành tánh không. Tuy thực hành tánh không nhưng không mất trí Nhất thiết.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát thực là kỳ diệu, thực hành tánh không mà không phân biệt. Những gì là không phân biệt tánh không? Bồ-tát không nói sắc, thọ, tưởng, hành, thức là không; cho đến đạo cũng không khác với tánh không. Tánh không tức là đạo, đạo tức là tánh không.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Giả sử tánh không khác với năm ấm thì Bồ-tát quyết không thể đạt đến trí Nhất thiết. Tánh không và năm ấm không khác. Vì biết các pháp tánh đều là không, nên Bồ-tát phát tâm Vô thượng Bồđề. Vì pháp tánh không bị phá hoại, cũng không tôn trọng mà người đời mê hoặc cho năm ấm là của ta, ta thuộc về năm ấm, nên dựa vào năm ấm làm những việc cho ta, lại dựa vào hình tướng bên trong và bên ngoài nên thọ thấy thân năm ấm, liền có sinh, già, bệnh, chết sầu bi khổ não, đọa vào năm đường không được giải thoát. Vì thế Bồ-tát thực hành không Ba-la-mật, không phân biệt năm ấm, năm ấm là không, không quán nó là chẳng phải không, cho đến đạo là không, cũng không quán đạo là chẳng phải không. Vì sao? Vì không cho năm ấm là không mà hiện ra năm ấm, cũng không cho đạo là không mà hiện ra đạo.

Này Tu-bồ-đề! Ví như hư không không phân biệt hư không, cũng không phân biệt bên trong và bên ngoài hư không. Như vậy, Tu-bồ-đề, không cho năm ấm là không nên hiện ra năm ấm, cũng không cho đạo là không nên hiện ra đạo. Vì sao? Vì không là không có, cũng không phân biệt là không hay là chẳng không, cho đến đạo cũng vậy.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Giả sử các pháp không thể phân biệt, không thể phá hoại thì tại sao Bồ-tát phát tâm Vô thượng Bồ-đề, đối với đạo có hai thì không thể phát tâm Vô thượng Bồ-đề?

Phật dạy:

–Đúng vậy. Tu-bồ-đề! Hành hai tướng thì không có đạo. Đạo là không có hai. Bồ-tát và đạo không phân biệt hai. Bồ-tát tức là đạo, đạo tức là Bồ-tát. Đạo không thực hành trong sắc, thọ,

tưởng, hành, thức, cũng không thực hành trong đạo. Vì sao? Vì đạo không nói được. Ông nên thực hành năm ấm và thực hành đạo, Bồ-tát thực hành đạo không có chấp thủ.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bồ-tát hành đạo không có chấp thủ cũng không có xả bỏ. Như vậy làm những gì và hành đạo chỗ nào?

Phật dạy:

–Ý ông thế nào? Như những vị do Như Lai hóa ra hành đạo ở chỗ nào, có chấp thủ, có xả bỏ không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không. Không chấp thủ cũng không xả bỏ.

Phật hỏi:

–Ở trong mộng, La-hán có chấp thủ, có xả bỏ không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không. La-hán không có chấp thủ thì làm sao có mộng.

Phật dạy:

–Đúng vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành không chấp thủ cũng không xả bỏ.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ý của Bồ-tát không chấp thủ, không xả bỏ năm ấm và đạo Bồ-tát không thực hành các pháp như: mười Trụ, mười Địa, sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Không định, tám Giải thoát, chín Thứ đệ thiền, mười Lực, bốn Vô sở úy, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, năm Thần thông, làm thanh tịnh cõi Phật, giáo hóa chúng sinh, không đạt đến trí Nhất thiết, như vậy Bồ-tát có thể thành tựu quả Vô thượng Bồ-đề không?

Phật dạy:

–Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát không thực hành đầy đủ mười Địa, sáu pháp Ba-la-mật, bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Không định, tám Giải thoát, chín Thứ đệ thiền, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, cho đến tám mươi vẻ đẹp thì quyết sẽ không chứng được quả Vô thượng Bồđề. Bồ-tát không thực hành đầy đủ sẽ không đạt đến Nhất thiết trí, diệt trừ tướng không của năm ấm và tánh không của đạo. Diệt tánh này rồi thì trụ vào tánh diệt, không làm cho pháp tổn giảm, không sinh không diệt, không chấp trước, không xả bỏ, cũng không chứng đắc.

Tu-bồ-đề! Nhờ pháp thế tục mà Bồ-tát chứng đắc Chánh đẳng giác; năm ấm và đạo cũng do pháp thế tục chứ không phải do Đệ nhất nghĩa. Từ khi mới phát tâm đến nay. Bồ-tát tuy hành đạo nhưng ý không diệt, chúng sinh cũng không diệt, đạo không diệt, Bồ-tát cũng không diệt.

Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Nếu các ông trừ bỏ năm ấm, được vô lượng Tam-muội, Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán thì lúc đó có thấy ý, đạo quả không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không thấy.

Phật dạy:

–Tại sao các ông nói có chỗ chứng đắc?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đó chỉ là pháp thế tục thôi.

Phật dạy:

–Do pháp thế tục nên nói năm ấm, có Bồ-tát, có trí Nhất thiết. Đối với đạo, Bồ-tát không có pháp được chứng, không có pháp tăng giảm. Do pháp tánh cho nên không thể đắc được. Các pháp tánh còn không chứng đắc các pháp tánh, huống là sẽ chứng đắc mười Trụ địa và sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, ba môn Giải thoát cho đến mười tám pháp Bất cộng. Do vậy, có sở đắc là điều không thể được.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành Vô thượng Chánh đẳng giác, chứng đắc Phật trí, làm lợi ích chúng sinh.

QUYỂN 19
Phẩm 81: VÔ HÌNH

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Đại Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-lamật, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười Lực của Phật, bốn Vô sở úy, bốn úy tuệ Vô ngại, mười tám pháp Bất cộng hành, mười tám pháp Không, mà không viên mãn Bồ-tát đạo thì không thành tựu được Vô thượng Chánh đẳng giác. Làm sao Đại Bồ-tát được Vô thượng Chánh đẳng giác?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát học trí tuệ với phương tiện quyền xảo, thực hành Bố thí ba-la-mật, không thấy vật thí, không thấy mình thí cũng không thấy người nhận, không lìa pháp đó, cũng không thấy pháp đó. Thực hành như vậy là sáng tỏ Bồ-tát đạo.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật bằng phương tiện quyền xảo, mới đạt đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát thực hành Bố thí ba-la-mật, cũng không thấy có vật thí, không thấy có mình thí, không thấy có người nhận. Hành năm Bát nhã Ba la mật cho đến mười tám pháp Bất cộng, cũng như vậy.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, thì Bát nhã Ba la mật đó như thế nào?

Phật dạy Xá-lợi-phất:

–Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, đối với phương tiện quyền xảo không tập khởi năm ấm, mà cũng không thể không tập khởi. Vì sao? Vì năm ấm không có hình tướng, không thể tập khởi, cũng không thể không tập khởi; đối với sáu pháp Ba-la-mật không tập khởi, cũng không thể không tập khởi. Vì sao? Vì sáu pháp Ba-la-mật không có hình tướng, cho đến mười tám pháp, không thể tập khởi cũng không thể không tập khởi. Vì sao? Vì mười tám pháp đều không, không có hình tướng.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Các pháp không có sở hữu, cũng không có hình tướng không thể thấy được, nên không tập khởi hay không thể không tập khởi? Học thế nào để đi vào trong Bát nhã Ba la mật vì Bồ-tát không học Bát nhã Ba la mật, thì không đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật dạy:

–Như lời ông nói, Bồ-tát không học Bát nhã Ba la mật thì không đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, bằng phương tiện quyền xảo mà không lìa phương tiện quyền xảo. Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, thì các pháp đều không có sở hữu, cho nên Bồ-tát cũng không có sự nắm lấy, sáu pháp Ba-la-mật cũng không có sở hữu, năm ấm cũng không có sở hữu, cho đến mười tám pháp cũng không thấy, vậy nên cần chọn pháp nào? Cho nên Bồ-tát không có sự nhận lấy.

Xá-lợi-phất:

–Bát nhã Ba la mật cũng không có thể hộ trì, cho đến mười tám pháp cũng không có thể hộ trì. Bát nhã Ba la mật như vậy cho nên không thể hộ trì.

Này Xá-lợi-phất! Học như vậy thì không thấy có sự học, huống chi học Bát nhã Ba la mật, huống chi là Bồ-tát, pháp Phật, pháp Thanh văn, Bích-chi-phật, pháp phàm phu. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Các pháp đều không hình tướng, ở trong pháp không có sở hữu, vậy thì chỗ nào là pháp của phàm phu, là pháp Thanh văn, Bích-chi-phật, là Chánh đẳng Chánh giác?

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ba Thừa và pháp của phàm phu còn không thể thấy, làm sao nói rằng đây là pháp phàm phu, là pháp ba thừa, là pháp vô hình. Do đâu mà có pháp phàm phu và pháp ba thừa?

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Năm ấm có hình, có chỗ, có thật không?

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn không thật, nói cho đúng chính là điên đảo.

Phật dạy:

–Hàng phàm phu ở trong Phật đạo, có hình, có chỗ, có thật không?

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn không thật, chỉ là điên đảo.

Phật dạy:

–Cho nên Xá-lợi-phất! Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật với phương tiện quyền xảo, thấy các pháp đều không có hình tướng mới phát tâm Vô thượng Chánh giác.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát với phương tiện quyền xảo, thấy các pháp đều là không có hình tướng mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, cũng không thấy các pháp có hình tướng có thể làm ngăn ngại, không thấy có ngăn ngại để từ bỏ cũng không thấy có biếng nhác.

Phật dạy Xá-lợi-phất:

–Lấy không hình tướng, không có tuổi thọ, dùng để làm sở hữu đều vô sở hữu, tánh tướng của các pháp đều không, bởi chúng sinh ngu tối chấp vào năm ấm, mười hai xứ. Bồ-tát thấy các pháp đều không có sở hữu, thực hành Bát nhã Ba la mật, giống như nhà ảo thuật nói pháp cho chúng sinh. Vì người tham lam mà nói phước bố thí, vì người làm việc ác mà nói phước trì giới, vì người sân nhuế mà nói pháp nhẫn nhục, vì người biếng nhác mà nói pháp tinh tấn, vì người ý loạn mà nói pháp nhất tâm, vì người ngu si mà nói pháp trí tuệ. Dẫn dắt chúng sinh vào ở sáu

pháp Ba-la-mật rồi, đem pháp Thánh hiền tôn quý cao cả ra giảng dạy, làm cho họ được đạo quả ba Thừa.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Có Bồ-tát hay không, mà Bồ-tát vì chúng sinh không có mà nói sáu pháp Ba-la-mật làm cho đạt đạo quả ba Thừa?

Phật dạy Xá-lợi-phất:

–Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, đối với các pháp không có sở đắc. Vì sao? Vì Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, cũng không thấy chúng sinh, cũng không thấy có chỗ đắc, mà chỉ dùng đạo pháp để giáo hóa. Đại Bồ-tát đối với hai đế mà nói pháp cho chúng sinh.

Xá-lợi-phất! Không dùng hai đế mà có chúng sinh và nơi ấy, Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, với phương tiện quyền xảo nói pháp cho chúng sinh, chúng sinh hiện tại vẫn không tự thấy có. Huống gì người đắc đạo rồi, đang đắc và sẽ đắc. Cho nên Xá-lợi-phất! Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, với phương tiện quyền xảo nói pháp cho chúng sinh.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát là bậc Đại sĩ của chư Thiên và Nhân loại, đối với trong giáo pháp cũng không thấy một chữ, không thấy có bao nhiêu, cũng không thấy có sai biệt, so sánh như thế cốt để biết rằng, cũng không có hiện hữu trong ba cõi, cũng không hiện hữu đối với hữu vi và vô vi tánh, mà cứu độ chúng sinh trong ba cõi, cũng không thấy chúng sinh, không thấy có tướng chúng sinh, chúng sinh không trói buộc cũng không giải thoát, không chấp trước; cũng không chấp đoạn, năm cõi đều khác không có hòa hợp, cũng không thấy hủy hoại, không thấy thanh tịnh, cũng không thấy ô nhiễm, huống chi sẽ có sự thọ thân trong năm đường.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đúng thế, đúng thế! Xá-lợi-phất như lời ông nói, giả sử vốn có chúng sinh mà làm cho không có, Bồ-tát và Phật liền đáp có, giả sử vốn không có năm đường sinh tử mà làm cho có cũng thế. Như Lai và Bồ-tát trả lời: Có Phật hay không có Phật, pháp sinh tử vẫn thường trụ, cũng thường trụ ở trong đó, cũng không có chúng sinh, cũng không có mình và người, cũng không có tuổi thọ, cũng không có sự thấy biết, huống chi là phải có năm cõi, pháp ấy cũng không có đầu mối, huống gì có sinh tử trong năm cõi để độ thoát chúng sinh.

Xá-lợi-phất! Bồ-tát từ Phật quá khứ nghe tướng không của các pháp, nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không nói ta ở trong các pháp ấy có sự đắc. Giả sử có sự đắc mà chúng sinh đi trong điên đảo, cũng không có sự độ. Cho nên, Bồ-tát phát đại thệ nguyện, do sự phát nguyện đó, nên đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không còn thoái chuyển, sẽ được thành tựu Chánh Đẳng Chánh Giác; dùng giáo pháp làm lợi ích cho chúng sinh, khiến cho giải thoát khỏi điên đảo. Ví như nhà ảo thuật hiện ra ngàn ức vạn người rồi đem vô số thức ăn làm cho những người ấy no đủ. Khi được làm cho no đủ rồi, họ rất vui mừng nói: “Ngày nay ta làm phước đức nhiều.” Xá-lợi-phất! Ý ông thế nào? Việc đó có no đủ hay không.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không.

Phật dạy Xá-lợi-phất:

–Bồ-tát cũng như vậy. Từ khi phát tâm, cho đến nay hành sáu pháp Ba-la-mật, bốn Thiền, bốn Đẳng, bốn Không định, hành ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Không, ba môn Giải thoát, tám Bối xả, chín cấp độ Thiền, hành mười Lực Như Lai, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại tuệ, cho đến mười tám pháp Bất cộng, đầy đủ Bồ-tát đạo để thanh tịnh cõi nước Phật; dẫn dắt chúng sinh mà không thấy pháp nào và người nào được giáo hóa.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Những gì là pháp mà Đại Bồ-tát có thể dẫn dắt chúng sinh và làm thanh tịnh cõi Phật?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát từ lúc mới phát tâm trở đi, hành sáu pháp Ba-la-mật cho đến mười tám pháp Bất cộng, dẫn dắt chúng sinh làm thanh tịnh cõi Phật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Vì sao Bồ-tát hành Bố thí ba-la-mật dẫn dắt chúng sinh?

Phật dạy:

–Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, tự mình bố thí và dạy người bố thí: “Thiện nam tử, phải học bố thí, có thể rất giàu có và được giải thoát sinh tử, chớ chấp trước vào vật thí, mình thí và người nhận. Đó là ba pháp tánh không, pháp không cũng không thọ, không thọ tánh không.”

Phật dạy:

–Đó là Bồ-tát hành Bố thí ba-la-mật, bố thí cho chúng sinh không thấy vật thí, không thấy mình thí, cũng không thấy người nhận. Bố thí ba-la-mật là độ không bị lệ thuộc, giữ gìn ba pháp không thấy ba pháp và dẫn dắt chúng sinh ba Thừa. Đó là Đại Bồ-tát hành Bố thí ba-la-mật, dẫn dắt chúng sinh, tự mình thực hành bố thí, khuyên giúp người khác làm cho họ bố thí, thấy người bố thí khen ngợi vui mừng (cho họ). Bồ-tát bố thí như thế được sinh vào bốn dòng họ lớn; được làm Chuyển luân vương, liền dùng bốn việc dẫn dắt chúng sinh: Một là Bố thí, hai là Nhân ái, ba là Lợi hành, bốn là Đồng sự. Đó là bốn ân Bố thí dẫn dắt chúng sinh đến Trì giới ba-lamật và Thiền định ba-la-mật, hướng dẫn bốn Thiền, bốn Đẳng, bốn Không định, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, ba môn Giải thoát, siêng năng giúp đỡ người cầu đạo ba thừa và dạy họ: “Thiện nam tử, phải đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chúng sinh bị trói buộc trong pháp điên đảo, cũng không có sở hữu, phải tự thoát ra pháp điên đảo, truyền dạy cho người xa lìa sự trói buộc này, phải làm lợi ích cho mình, làm lợi ích cho chúng sinh.” Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát thực hành Bố thí ba-la-mật, người thực hành như thế rồi, từ khi phát tâm trở về sau, không đọa vào cõi ác, đến đâu cũng thường được phước Chuyển luân vương. Vì sao? Vì tùy theo chỗ thí ấy mà thọ lấy quả báo có người đến cầu xin Thánh vương.

Thánh Vương suy nghĩ: “Ta sở dĩ cầu làm Chuyển luân vương, chỉ vì chúng sinh. Vương nói với người cầu: “Cái gì ta có đều là của ngươi, những phước đức ta có đều Bố thí cho chúng sinh.” Vua thường đem đại Bi làm lợi ích cho chúng sinh, nhưng cũng không thấy có chúng sinh tùy theo thế tục, nói có chúng sinh và có danh hiệu, giống như tiếng vang.”

Tu-bồ-đề! Bồ-tát hành Bố thí ba-la-mật, đối với da thịt vẫn không thương tiếc, huống chi vật bên ngoài. Chỉ muốn cứu độ giải thoát cho chúng sinh khỏi sinh tử, sao gọi là việc ngoài? Đó là sáu pháp Ba-la-mật cho đến mười tám pháp Bất cộng, thực hành như vậy, là độ thoát chúng sinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ở trong Bố thí ba-la-mật, bố thí cho chúng sinh, khuyên họ giữ giới: "Các người hãy giữ giới thì ta làm cho các người không thiếu thốn, sẽ cung cấp đầy đủ theo ý muốn của các người. Vì tài vật mà người ta làm việc phạm giới. Các người trì giới thì ta sẽ làm cho hết tham lam." Nhờ nhân duyên giữ giới, theo pháp ba Thừa, Bồ-tát giúp họ vượt qua làm cho hết khổ.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát hành Bố thí ba-la-mật, nếu thấy chúng sinh sân hận, tranh chấp, Bồ-tát hỏi: "Các người tranh chấp để làm gì? Các ngươi muốn có vàng bạc vật báu, hãy theo ta đến nơi ấy, chớ có cùng nhau tranh chấp." Bồ-tát đối với Bố thí ba-la-mật, dẫn dắt chúng sinh thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật.

Bồ-tát nói với chúng sinh rằng: "Các ngươi cùng nhau tranh chấp là việc không, không có thật, đều không có cơ sở, chớ có tranh chấp việc không mà để hại nhau, gây ra thù oán, chớ có đem việc không mà tranh chấp, rồi đọa vào ba đường ác, phát sinh oán hận, rồi khó mà trở lại làm thân người, huống chi gặp Phật ra đời, thân người khó được. Phật ra đời khó gặp, đừng bỏ dịp may gặp Phật mà đọa vào chỗ cực khổ vô cùng." Bồ-tát hành nhẫn nhục, khuyên người nhẫn nhục, thấy người hành nhẫn nhục khen ngợi vui mừng, dẫn dắt chúng sinh Nhẫn nhục ba-la-mật, dùng pháp ba Thừa mà độ thoát họ.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát hành Nhẫn nhục ba-la-mật theo Bố thí bala-mật mà giáo hóa chúng sinh thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật như vậy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bồ-tát hành Bố thí ba-la-mật giáo hóa làm cho chúng sinh hành Tinh tấn ba-la-mật như thế nào?

Phật dạy:

–Thấy chúng sinh biếng nhác, Bồ-tát hỏi: "Vì sao ông biếng nhác." Chúng sinh đáp: "Bởi không có điều kiện tốt nên biếng nhác." Bồ-tát bảo chúng sinh: "Này thiện nam, thiếu thốn gì ta sẽ cung cấp cho phải tinh tấn, ta tạo điều kiện cho ông bằng bố thí, trì giới, nhẫn nhục." Nghe như vậy, chúng sinh tinh tấn với thân, khẩu, ý, đầy đủ các thiện pháp, được pháp vô lậu của Thánh hiền, tùy theo thiện pháp ấy tu tập giáo pháp ba Thừa làm cho họ được giải thoát.

Tu-bồ-đề! Đó là Bồ-tát hành Bố thí ba-la-mật giáo hóa chúng sinh hành đầy đủ Tinh tấn ba-la-mật.

Sao gọi là Bồ-tát hành Bố thí ba-la-mật dẫn dắt chúng sinh tu tập Thiền định ba-la-mật?

Bồ-tát hỏi chúng sinh: "Vì sao các ông không học pháp thiền?" Chúng sinh trả lời: "Chúng con không có điều kiện nên không thể học thiền." Bồ-tát bảo: "Ta sẽ tạo các nhân duyên để làm cho ông dứt vọng niệm." Bồ-tát liền tạo các điều kiện, vô niệm làm cho vọng niệm chúng sinh dứt tuyệt, nhờ đó liền được bốn Thiền, bốn Đẳng, nhớ nghĩ ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, theo pháp ba Thừa mà được độ thoát, đạt đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không uổng việc hành đạo.

Tu-bồ-đề! Đó là Bồ-tát hành Bố thí ba-la-mật, giáo hóa dẫn dắt chúng sinh hành thiền độ.

Bồ-tát trụ Bố thí ba-la-mật, khuyên nhủ làm chúng sinh thực hành Bát nhã Ba la mật như thế nào?

Bồ-tát hỏi chúng sinh: “Sao không tu tập Bát nhã Ba la mật.” Chúng sinh trả lời: “Do không có điều kiện.” Bồ-tát lại hỏi: “Ta sẽ làm người hướng dẫn cho các ngươi. Các ngươi phải hành đầy đủ các hạnh như: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định.”

Bồ-tát suy nghĩ: “Có pháp nào có người không? Chúng sinh, ta, tuổi thọ, ba cõi mà nắm bắt không? Sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo có nắm bắt không? Tu-đà-hoàn, A-la-hán, Bíchchi-phật có thể nắm bắt được không?” Bồ-tát hành Bát-nhã ba-lamật, không thấy các pháp có sự chứng đắc, cũng không có chỗ nắm bắt được, cũng không thấy có pháp sinh, pháp diệt, có pháp chấp trước, có pháp đoạn tuyệt. Tuy không có chỗ thấy, cũng không có phân biệt, cũng không nói là trời là người, ba cõi ác, cũng không nói có giới hay không giới, cũng không nói Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, Ana-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật; cũng không nói là Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác.

Tu-bồ-đề! Đó là Bồ-tát hành Bố thí ba-la-mật, khuyên bảo dẫn dắt chúng sinh hành Bát nhã Ba la mật.

Thế nào là Bồ-tát hành sáu pháp Ba-la-mật, giáo hóa dẫn dắt chúng sinh thực hành ba mươi bảy phẩm Trợ đạo? Bồ-tát dùng các phương tiện giáo hóa chúng sinh, hành bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Chánh đạo. Người thọ trì liền thoát khỏi sinh tử.

Tu-bồ-đề! Đó là Bồ-tát đem pháp của Hiền thánh giáo hóa chúng sinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát giáo hóa dẫn dắt chúng sinh bằng lời lành: “Các Hiền giả, ta đã từ lâu luôn luôn bố thí, nay được hưởng phước này, sở hữu của ta đều là sở hữu của các vị. Muốn được vàng bạc, bảy báu y phục, tài vật, thực phẩm, muốn điều gì ta sẽ cung cấp đầy đủ, được những tài sản này, thì luôn luôn an ổn. Các vị phải hành sáu pháp Ba-la-mật và khuyên bảo người khác hành sáu pháp Ba-la-mật, các vị phải dìu dắt vô sắc làm cho họ hành ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười Lực của Như Lai, mười tám pháp Bất cộng và phải truyền bá cho tất cả chúng sinh đạo ba thừa và pháp vô lậu.”

Tu-bồ-đề! Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, phải nên dạy bảo giáo hóa chúng sinh, vượt khỏi cõi ác và nguy hại của sinh tử.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đó là Bồ-tát thực hành Trì giới ba-la-mật, giáo hóa chúng sinh: “Các ông sống nơi phạm giới, ta sẽ làm nhân duyên cho các ông được tịnh giới.” Bồ-tát làm việc bố thí tùy phương tiện ấy mà dẫn dắt họ tinh tấn. Giáo hóa làm cho các chúng sinh hành trì mười điều thiện, sống không lỗi lầm, không phạm giới của Thánh hiền, lần lần đem ba Thừa dứt trừ hết khổ.

Bằng Trì giới ba-la-mật đứng đầu, cũng như là Bố thí ba-la-mật đã nói ngoài ra bốn Ba-la-mật kia cũng như vậy.

QUYỂN 19

Phẩm 82: KIẾN LẬP

Lúc bấy giờ, Tu-bồ-đề suy nghĩ: “Đại Bồ-tát tu tập đạo nào mà được như ý, giữ vững thệ nguyện?”

Bấy giờ, biết ý nghĩ của Tu-bồ-đề, Đức Phật bảo:

–Sáu pháp Ba-la-mật là đạo của Đại Bồ-tát; ba mươi bảy phẩm Trợ đạo. Mười tám pháp Không, tám Bối xả, chín Thứ đệ thiền, mười Lực Như Lai và mười tám pháp Bất cộng. Tu-bồ-đề, các pháp đó đều là đạo của Bồ-tát. Ý ông thế nào? Có pháp nào Bồ-tát không học không? Nếu Bồ-tát không học hết các pháp thì không thành tựu trí Nhất thiết.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Các pháp đều là không thì sao Bồ-tát phải học hết các pháp? Cũng không có sở hữu, làm sao có ý nghĩ: Đây là đạo tục, là hữu lậu hay vô lậu, đây là hữu vi hay vô vi, đây là pháp phàm phu, đây là pháp của Thanh văn, là pháp của Bích-chiphật? Thế nào là Phật pháp?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đúng vậy, đúng vậy! Các pháp thật sự là không. Giả sử các pháp không là không, thì Bồ-tát không thể nào đắc được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì các pháp là không nên Bồ-tát đắc được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Tại sao hỏi như vậy, mà giả sử các pháp là không, vì sao Bồ-

tát có ý nghĩ, đây là đạo pháp, là tục pháp? Tu-bồ-đề, ý ông thế nào? Nếu chúng sinh biết tất cả pháp đều là không, thì Bồ-tát không cần chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bởi chúng sinh không biết tất cả các pháp đều là không, cho nên Bồ-tát chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát lấy các pháp làm cơ sở, vì chúng sinh mà thuyết pháp.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát hành Bồ-tát đạo, nên quán xét các pháp không phải chỉ là đắc suông như vậy, đều phải do hành, quán sở hữu của các pháp, không có chỗ nắm bắt không vào sáu pháp Ba-la-mật, không vào ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, cũng không vào ba thừa pháp. Vì sao vậy? Vì sở hữu của các pháp đều tự nó là không, không cũng không vào trong không; không còn không thể được, huống chi vào không. Cho nên Bồ-tát đối với các pháp, cũng không có chỗ vào ở trong các học pháp để quán xét chúng sinh làm những việc không có đầu mối.

Bồ-tát lại suy nghĩ, chúng sinh tuy làm việc không có đầu mối, nhưng dễ vượt qua, nhưng với phương tiện quyền xảo, hành Bát nhã Ba la mật thì được độ thoát.

Bồ-tát nói với chúng sinh rằng: Người hành Bố thí, có thể được nhiều tài vật, cũng chớ đối với của cải cống cao, của cải không có kiên cố. Bồ-tát hướng dẫn chúng sinh thực hành Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm, Trí tuệ phải đều như vậy. Tuy có người hành pháp ba thừa, cũng từng có cống cao, vì đó không bền chắc. Bồ-tát giáo hóa giúp đỡ như thế rồi, tuy hành Bồ-tát đạo mà không có chỗ vào. Vì sao? Vì các pháp không có sở hữu, cho nên các pháp không có chỗ vào. Đạo Bồ-tát cũng không có chỗ trụ, hành sáu pháp Ba-lamật cũng không có chỗ trụ, hành bốn pháp thiền cũng không có chỗ trụ. Vì sao? Vì thiền tự nó vốn không, người hành thiền cũng không, thiền sự cũng không; bốn Đẳng, bốn Không định, tám Bối xả, chín cấp độ Thiền cũng không có chỗ trụ, đắc pháp Thanh văn cũng không trụ trong ấy. Vì sao không trụ? Vì hai pháp không trụ. Hai pháp là gì? Không có chỗ trụ và không có người trụ vào đạo, cũng không có vui mừng nói: “Ta sẽ đắc quả Tu-đà-hoàn, cũng không trụ ở trong đó; ta sẽ đắc quả A-la-hán, Bích-chi-phật, cũng không trụ ở trong đó; ta sẽ đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.” Vì sao? Từ

lúc phát tâm đến nay, ta không hướng đến đạo khác, chỉ hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì Bồ-tát khi phát tâm rồi, cho đến trụ vị Thập trụ, cũng không ở ngoài đạo, chỉ hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề! Thân, khẩu, ý của Bồ-tát chỉ hướng đến đạo ấy, Bồ-tát an trú trong đạo ấy, không sinh các việc khác.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp không có sự sinh, thì sao nói rằng Bồ-tát sinh được đạo ý.

Phật bảo:

–Đúng vậy, đúng vậy! Các pháp không có sự sinh, các cõi không có người nào tạo tác, nên đối với các pháp không có sự sinh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Có Phật hay không có có Phật, pháp tánh có thường trụ không?

Phật dạy:

–Đúng vậy! Có hay không có Phật, pháp tánh vẫn thường trụ. Bởi chúng sinh không biết pháp tánh vẫn thường trụ, cho nên Bồ-tát tạo nhân duyên để độ thoát họ.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sinh ra đạo lý, nên được đạo phải không?

Phật dạy:

–Không phải!

Tu-bồ-đề thưa:

–Không sinh đạo ý được đạo phải không?

Phật bảo:

–Không phải vậy!

Tu-bồ-đề thưa:

–Cũng từ nơi không sinh không diệt mà được đạo phải không? Phật bảo:

–Cũng không phải!

Tu-bồ-đề thưa:

–Nếu không phải vậy thì do nhân duyên gì mà được đạo?

Phật nói:

–Đạo thì không phải từ độ, mà cũng không phải không từ độ.

Tu-bồ-đề! Đạo chính là độ, độ mới là đạo.

Tu-bồ-đề thưa:

–Nếu đạo là độ mới gọi là đạo thì Bồ-tát đã được đạo, đã được độ. Sao nói rằng Như Lai có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, mười Lực Như Lai, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại tuệ, bốn Đẳng, bốn Không định, mười tám pháp Bất cộng?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ý ông thế nào? Phật có đắc đạo chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không phải vậy. Phật là đạo, đạo là Phật.

Phật dạy:

–Tu-bồ-đề! Vì sao nói rằng, Bồ-tát thực hành đạt đạo Bồ-tát nên đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười Lực Như Lai, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại tuệ, bốn Thiền, bốn Đẳng, mười tám pháp Bất cộng. Trí tuệ đối với một tướng, từ Tam-muội Kim cang được đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì thế cho nên gọi là Như Lai đối với các pháp được tự tại.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát làm sao có thể thanh tịnh được cõi Phật?

Phật dạy:

–Bồ-tát từ lúc phát tâm cho đến nay thường thanh tịnh thân, khẩu, ý và giáo hóa người khác làm như vậy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác của Bồ-tát?

Phật dạy:

–Thân, khẩu, ý phạm mười điều ác, ghen ghét, phạm giới, sân hận làm não loạn tâm ý, buông lung, ác trì. Tu-bồ-đề, đó là ý nghĩ ác của Bồ-tát. Giới không thanh tịnh, đó cũng là ác, xa lìa ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, lìa ba môn Giải thoát cũng là ác; gần đạo Tuđà-hoàn cho đến Bích-chi-phật đó cũng là ác, đó là việc làm ác của Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát có năm ấm, mười hai xứ đó cũng là ác; có tướng nam người nữ, có tướng của ba cõi, có tướng thiện ác, có tướng hữu vi vô vi, đó là thân, khẩu, ý ác của Bồ-tát. Cho nên, khi Bồ-tát bỏ các việc ác rồi, tự thực hành sáu pháp Ba-lamật, cũng khuyên người tinh tấn thực hành sáu pháp Ba-la-mật đem công đức cho chúng sinh cùng nhau làm cho cõi Phật thanh tịnh, đem bảy báu trong ba ngàn thế giới cúng dường Tam bảo, Bồ-tát phát nguyện: “Làm cho tất cả những gì trong cõi nước của con đều thành bảy báu.”

Lại nữa Tu-bồ-đề! Bồ-tát đem âm nhạc, giảng đường, tinh xá cúng dường Phật, Thế Tôn và phát thệ nguyện: “Làm cho cõi nước của con thường nghe nhạc trời.”

Tu-bồ-đề! Bồ-tát đem các mùi thơm ở trong ba ngàn cõi nước cúng dường Tam bảo và phát nguyện: “Làm cho cõi nước con thường có hương thơm của chư Thiên.”

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát đem thức ăn có năm trăm vị để cúng dường Như Lai và chúng đệ tử, lại phát nguyện: “Khi con thành Phật, các đệ tử tự nhiên được thức ăn trăm vị.”

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát dùng hương bôi vào thân, cúng dường Phật cùng các đệ tử, phát thệ nguyện: “Khi con thành Phật làm cho cõi nước, thân thể những người ở trong nước được trơn mịn có mùi thơm thanh khiết như chư Thiên.”

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát với thiện nguyện đem năm sự ưa thích ở đời cúng dường Đức Phật và chúng đệ tử, lại phát thệ nguyện: “Khi con thành Phật, làm cho cõi nước của con và tất cả chúng sinh tùy ý mong cầu năm thứ lạc đều được đầy đủ.”

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật và phát thệ nguyện. Tự thực hành bốn Thiền, bốn Đẳng, bốn Không tịnh, giáo hóa chúng sinh làm cho thực hành bốn Thiền, bốn Đẳng, bốn Không tịnh. Tự mình thực hành ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, khuyên các chúng sinh làm cho họ thực hành theo và phát thệ nguyện: “Khi con thành Phật chúng sinh trong cõi nước của con đều không xa lìa bốn Thiền, bốn Không định và ba mươi bảy phẩm Trợ đạo.”

Tu-bồ-đề! Đó là Bồ-tát làm thanh tịnh cõi Phật, Bồ-tát hành đạo viên mãn các nguyện. Nếu không hoàn thành các nguyện thì tiếp tục hành đạo, tự mình thực hành đầy đủ các thiện pháp cũng hoàn thành thệ nguyện cho chúng sinh. Người khuyên dạy thực hành như thế thì thân được tướng trăm phước đức, những người nhận sự dạy bảo cũng như vậy. Cho nên, Bồ-tát làm thanh tịnh cõi Phật. Thế nào là thanh tịnh? Không có ba đường ác, không có tà kiến, không có dâm, nộ, si; không có tên của hai địa, không có vô thường, không có vô ngã, khổ, không; không có gia nghiệp, cũng không có chấp ngã, không có chỗ vệ sinh, không có chịu quả báo, chỉ nghe tiếng Không, Vô tướng, Vô nguyện. Nghe âm thanh trong ngoài, ví như gió thổi qua. Nơi phát ra âm thanh như tướng của các pháp. Có Phật hay không có Phật thì các pháp luôn luôn không. Không là không có tướng, không có tướng là cũng không có nguyện. Âm thanh phát ra dạy họ như vậy. Ngày đêm biết khi nằm, khi thức, khi ngồi, khi đi thường nghe âm thanh đó; hoặc khi thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trong cõi nước kia đều như vậy. Được mười phương Phật pháp tán thán khen ngợi danh hiệu công đức của Phật ấy. Tất cả chúng sinh nghe danh hiệu Đức Phật ấy chắc chắn đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Đức Như Lai nói pháp rộng khắp, người nghe không còn hồ nghi, đó là pháp hay phi pháp. Vì sao? Vì pháp của chư Phật không có phi pháp, đều là chánh pháp. Các người không có công đức trồng căn lành đối với Phật và các đệ tử, nên chưa được hiểu biết chân chánh liền thấy có ta và người. Thấy có ta và người rồi, liền rơi vào sáu mươi hai kiến chấp; vào các kiến chấp rồi, liền chấp ở một bên; chấp ở một bên rồi thì chấp trước có thường, chấp trước có thường rồi, liền chấp vào có đoạn. Trong sự nhận thức bất bình đẳng mà tưởng là hiểu biết đúng đắn, ở nơi giác ngộ bình đẳng lại tưởng rằng không có giác, pháp nói là phi pháp, phi pháp nói là pháp, nên hủy báng chánh pháp; hủy báng chánh pháp rồi, liền mất thân người đọa vào ác thú, địa ngục. Bồ-tát và chư Phật thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mới độ thoát họ được, độ thoát rồi cần phải tu tập theo pháp ba thừa, không để đọa ác thú.

Tu-bồ-đề! Đó là Đại Bồ-tát làm thanh tịnh cõi Phật; thanh tịnh cõi Phật rồi, tất cả chúng sinh cũng không có pháp đó, cũng không có phi pháp hữu lậu, vô lậu, hữu vi vô vi, đều đạt đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

QUYỂN 19
Phẩm 83: RỐT RÁO

Lúc đó, Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát được rốt ráo hay là không được rốt ráo?

Phật dạy:

–Đại Bồ-tát được rốt ráo, chớ không phải không được rốt ráo. Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thừa nào đưa đến rốt ráo?

Phật dạy:

–Không rốt ráo đối với hàng Nhị thừa mà rốt ráo đối với Phật thừa.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Rốt ráo đối với Phật thừa là khi Bồ-tát mới phát tâm hay là Bồ-tát Thập trụ.

Phật dạy:

–Bồ-tát lúc mới phát tâm cũng rốt ráo, không thoái chuyển cũng rốt ráo, Bồ-tát Thập trụ cũng rốt ráo.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát rốt ráo có đọa ác thú không?

Phật đáp:

–Không, Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Bốn đôi tám bậc cho đến Bích-chi-phật bị sinh trong ác thú không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không.

Phật dạy:

–Bồ-tát lúc mới phát tâm hành sáu pháp Ba-la-mật thì các việc ác bị tiêu diệt, nên sinh vào ác thú là việc không thể có; cũng không sinh cõi trời Trường thọ, không sinh vào biên địa, không sinh vào nơi không có Phật pháp, không sinh vào nhà tà kiến, không bao giờ sinh vào những chỗ kia, cũng không bao giờ sinh vào nhà không biết đạo pháp.

Tu-bồ-đề! Bậc tân học Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không có mười việc ác này nữa.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát nào đối với một pháp mà thực hành đầy đủ một pháp thì không đọa vào ác thú. Vì sao Thế Tôn tự nói túc mạng trong nhiều kiếp, hoặc đọa vào loài nai, đọa vào loài khỉ, đọa vào loài ngựa, đọa vào loài voi, cũng chịu nhiều khổ cực, việc đó thế nào?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát không gây nghiệp ác mà đọa ác thú, tùy theo phương tiện độ sinh mà thọ thân ấy, để cứu độ lợi ích cho chúng sinh.

Phật hỏi Tu-bồ-đề:

–Hàng Thanh văn, Bích-chi-phật nếu có phương tiện quyền xảo, vào trong loài súc sinh để độ thoát chúng sinh, bị hại mà họ không phát ý sân, lại lấy lòng Từ bi mà độ như cũ. Thanh văn các ông có như vậy không?

Vì vậy phải biết, Bồ-tát có lòng Từ vĩ đại bằng phương tiện quyền xảo vào trong các loài chúng sinh cứu độ hộ trì chúng sinh thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác:

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát tu tập những công đức pháp thiện nào mà có được hình tướng tùy theo ý mình?

Phật dạy:

–Đối với các pháp công đức đều phải thành tựu đầy đủ, thì mới thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Từ lúc phát tâm cho đến ngồi nơi đạo tràng không có thiện pháp nào mà không đầy đủ. Để thành tựu Chánh đẳng Chánh giác, Bồ-tát phải phát tâm học đầy đủ công đức của các thiện pháp, học như thế rồi sẽ đắc được trí Nhất thiết và đoạn hết các tập khí.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát đầy đủ tất cả các thiện pháp, đắc pháp vô lậu của Thánh hiền mà sinh vào loài ác thú cho đến trong loài súc sinh chăng?

Phật hỏi Tu-bồ-đề:

–Như Lai đã đắc pháp vô lậu của Thánh hiền phải không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Đúng vậy.

Phật dạy:

–Vì làm Phật sự, Như Lai tự mình hiện hình tướng các loài chúng sinh để giáo hóa phải không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đúng vậy! Làm Phật sự Như Lai hóa hiện hình tướng của súc sinh.

Phật bảo:

–Như vậy, Như Lai làm súc sinh có chịu khổ của loài súc sinh không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Không phải vậy, Thế Tôn không chịu các khổ.

Phật dạy:

–Nhờ thọ pháp vô lậu của Thánh hiền, khéo quyền biến hóa hình chúng sinh, như đối với A-la-hán biến hóa ra việc A-la-hán, làm cho chúng sinh hoan hỷ không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Thưa Thế Tôn, đúng vậy!

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát đã thọ đầy đủ pháp vô tướng của các Hiền thánh, tùy theo ý của chúng sinh mà hóa hiện ra thân ấy, vì chúng sinh mà ra đời làm phước, nhưng không chịu khổ của thân hình đó.

Phật dạy Tu-bồ-đề:

–Ví như nhà ảo thuật hoặc hiện ra voi, ngựa với vô số sự biến hóa, ý ông như thế nào?

Tu-bồ-đề thưa:

–Thưa Thế Tôn! Không phải vậy, chẳng phải voi ngựa thật.

Phật dạy:

–Như vậy, Bồ-tát với phương tiện quyền xảo làm lợi ích cho chúng sinh, đi vào từng loài mà giáo hóa chúng, vì vậy, không chịu các khổ.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát với phương tiện rất khéo léo, vì sao? Nghĩa là Bồ-tát đầy đủ trí tuệ vô lậu của Thánh hiền, ở nơi nào Bồ-tát cũng tùy theo tập tục hình dáng ở đó tùy phương tiện, Bồ-tát làm lợi ích cho chúng sinh thực hành việc thiện.

Thưa Đức Thế Tôn! Bồ-tát hành thiện pháp nào, mới có thể dùng phương tiện khéo léo như thế, để không đồng với các loài ấy?

Phật dạy:

–Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, có thể dùng các phương tiện quyền xảo đó làm căn bản, cho mười phương hằng hà sa số chúng sinh, mà không giống như chúng. Vì sao? Cũng không thấy pháp nào có thể gần gũi, cũng không có pháp nào làm ô nhiễm. Vì sao? Vì các pháp đều là

không, cho nên không cũng không ô nhiễm; không cũng không làm ô nhiễm người, người cũng không làm ô nhiễm không. Vì sao? Không không, không có thể được, cho nên không cũng có sự đắc. Bồ-tát trụ ở không có sở đắc, mà thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát chỉ trụ Bát nhã Ba la mật, không trụ vào pháp nào khác ư?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Các pháp có vào được trí tuệ không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn thuyết giảng Bát nhã Ba la mật không, cũng không có sở hữu, sao nói rằng các pháp đi vào Bát nhã Ba la mật? Thế Tôn nói: "Không cũng không có chỗ vào, cũng không không vào." Phật dạy:

–Sao nói các pháp chẳng đi vào các pháp không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thật là không. Nếu các pháp đều không, thì các pháp cũng chẳng đi vào không.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật làm sao an trú mà đầy đủ trí tuệ thần thông. Dùng trí tuệ thần thông qua hằng hà sa cõi ở phương Đông, đều thấy các Đức Như Lai, trồng các căn lành học các giáo pháp?

Phật dạy:

–Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, thấy hằng hà sa cõi nước chư Phật đều không, chỉ dùng danh hiệu để hiện ra nơi ấy, những chỗ ấy là giả danh đều không.

Nếu các cõi chư Phật mà không thì không ấy không có làm sai lệch. Vì không sai lệch nên các pháp đều không. Cho nên, Bồ-tát hành trì Bát nhã Ba la mật, dùng đầy đủ thần thông phương tiện quyền xảo, liền được Thiên nhãn, Thiên nhĩ, thần thông đầy đủ biết được ý người khác. Tự biết sự việc dẫn đưa đến sinh tử. Bồ-tát không được thần thông, thì không thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì vậy, Bát nhã Ba la mật là đạo của Đại Bồ-tát, phải nên cầu đạo ấy, dùng Thiên nhãn tự thấy các thiện pháp, đều thấy mọi người hành thiện pháp, cũng không vào thiện pháp. Vì sao? Vì các pháp đều không, không cũng không có chỗ vào, không có người vào không, cũng không có người thích không, không cũng chẳng có sự thích thú. Cho nên, Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, do được Thiên nhãn thấy các pháp đều không. Nếu không có pháp đó thì không thể làm Phật sự nói pháp cho chúng sinh, cũng không nắm bắt được xứ sở của chúng sinh, nên nhờ không sở đắc mà được thần thông, chỗ đáng làm thì có thể làm Thiên nhãn của Bồ-tát thấy khắp mười phương, trong Sát-na bay đến khắp nơi làm lợi ích cho chúng sinh. Hoặc dùng sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, dùng các thiền định Đẳng chí, hoặc dùng Không định, hoặc dùng các pháp Thanh văn, Bích-chi-phật, Bồ-tát, pháp Chánh Đẳng Chánh Giác.

Vì người tham lam ganh ghét mà nói công đức bố thí, nói về nghèo khổ, nghèo là cái khổ của thế gian, không thể làm cho mình được lợi ích, thì sao có thể làm lợi ích cho người khác. Cho nên, Hiền giả phải nhớ nghĩ đến bố thí, được an ổn cho mình lại còn an ổn cho người khác; chớ

vì sự nghèo nàn mà ăn nuốt nhau thì không thể xa lìa được ba đường ác. Vì người phạm ác nên nói về giới pháp lành. Làm ác là làm thân khổ tự đem việc ác vùi lấp mình, sao có thể làm an ổn cho người khác, quả báo của phạm tội ác không xa lìa ba đường khổ, các ông tự đọa vào ba đường ác làm sao giúp cho người khác. Cho nên các vị không nên phóng túng tâm ý, chớ theo đường ác, sau này tự đốt thân. Nếu thấy có chúng sinh, tâm ý sân hận toan hãm hại người thì vì họ nói pháp. Các ông chớ tranh đấu, chớ tùy theo ý sân hận rồi đọa vào ba đường ác.

Nói phương pháp tinh tấn cho người giải đãi. Vì người tâm ý rối loạn mà nói pháp thiền định. Vì người trí ác mà nói pháp trí tuệ. Vì người dâm dục mà nói pháp bất tịnh. Vì người có tà kiến nên chỉ bày pháp chánh đạo, làm cho họ vào trong ba thừa. Vì họ mà nói pháp: chỗ đi vào của các vị đều là pháp hoàn toàn không, không có sở hữu, không có thể vào, không có chỗ vào.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật trụ ở thần thông, làm gốc thiện cho chúng sinh. Bồ-tát không trụ thần thông thì không thể nói pháp cho chúng sinh. Ví như các con chim không có cánh thì không thể bay. Như vậy, Bồ-tát không trụ vào thần thông thì không thể nói pháp cho chúng sinh. Cho nên, Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật phải học thần thông, đã được thần thông có thể làm lợi ích cho chúng sinh, dùng Thiên nhãn thấy hằng hà sa cõi nước, thấy tất cả chúng sinh và đều biết ý họ, tùy theo trình độ cao thấp mà vì họ nói pháp, hoặc nói sáu pháp Ba-la-mật, hoặc nói Niếtbàn. Bồ-tát dùng Thiên nhãn nghe mỗi mỗi âm thanh, lại nghe Phật thuyết pháp cách hằng hà sa cõi nước ở phương Đông, tùy theo sở thích của chúng sinh mà nói pháp rộng rãi cho ho, hoặc nói sáu pháp Ba-la-mật, hoặc nói Niết-bàn. Dùng ý thanh tịnh để biết được tâm niệm chúng sinh, tự biết gốc ngọn sinh từ đâu đến và việc của người khác. Bằng Trí tuệ thần thông, nhớ biết rõ tất cả danh hiệu chư Phật và đệ tử trong thời quá khứ, lại biết nghiệp đời trước của chúng sinh mà nói pháp cho họ, hoặc nói sáu pháp Ba-la-mật, hoặc nói Niết-bàn. Lại có thể bay đến hằng hà sa cõi nước gặp chư Phật để trồng căn lành, trở về nước mình với trí tuệ vô lậu thanh tịnh, lại dùng trí tuệ đó, nói pháp cho chúng sinh, hoặc nói sáu pháp Ba-lamật, hoặc nói Niết-bàn.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật phải biết Thần thông như vậy. Được thần thông thanh tịnh rồi, tùy theo ý muốn có thể biến hình khác, khổ vui trong ba cõi không thể làm ô nhiễm. Ví như hóa thân của Phật đối với các việc cần làm mà không bị khổ vui.

Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, dùng thần thông du hý, làm thanh tịnh cõi Phật để giáo hóa chúng sinh. Nếu không có đủ thần thông thì không thể giáo hóa làm thanh tịnh cõi Phật. Bồ-tát không làm thanh tịnh cõi Phật, giáo hóa chúng sinh nhất định không thành tựu được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát không hoàn thành các việc như vậy, thì không có đạo.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát có đầy đủ sự việc để thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật dạy:

–Các thiện pháp là việc làm của Bồ-tát.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Vì sao các thiện pháp là việc làm của Bồ-tát?

Phật dạy:

–Từ khi phát tâm thực hành các thiện pháp trong Bố thí ba-lamật, không bảo bố thí vì ai mà cũng không phân biệt. Bằng ý niệm người này nên cho, người kia không nên cho vì phân biệt và ý niệm đều là không, không có. Giữ gìn đầy đủ pháp Ba-la-mật này, tự độ mình qua bờ kia rồi, lại độ người khác. Độ thoát chúng sinh thoát khỏi sinh tử, đó là Bồ-tát đầy đủ các thiện pháp thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Quá khứ, vị lai và hiện tại các Bồ-tát nhờ đó mà được độ, lại dùng pháp đó độ thoát chúng sinh. Sáu pháp Bala-mật cũng lại nhờ bốn Thiền, bốn Đẳng, bốn Không định, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám pháp Không, tám Bối xả, chín Thứ đệ thiền, Đà-la-ni, bốn Vô ngại tuệ, mười tám pháp Bất cộng, đó là các thiện pháp.

Bồ-tát trải qua đường đạo đầy đủ vậy rồi, liền được Nhất thiết chủng trí, được Nhất thiết chủng trí như vậy rồi, liền chuyển pháp luân.

QUYỂN 19
Phẩm 84: PHÂN BIỆT TRÍ

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Giả sử pháp đó là pháp Bồ-tát thì pháp nào là pháp Phật?

Phật dạy:

–Vì đầy đủ pháp đó nên được tuệ trí Nhất thiết dứt hết các tập khí, thì Đại Bồ-tát mới đạt đến giác ngộ; đó là pháp Bồ-tát.

Pháp Phật chỉ dùng một trí tuệ, tương ứng với tất cả trí tuệ mà đắc Chánh giác. Do đó pháp Phật với pháp Bồ-tát mới có sự sai khác.

Tu-bồ-đề! Ví như từ bậc hướng đạo đến bậc đắc đạo, cả hai bậc đều là Thánh hiền. Bồ-tát là giai đoạn giữa Đức Phật hiện tại cùng với chư Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác ở quá khứ. Đó là sự sai khác.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Giả sử như lời Phật nói thì pháp không là có sự khác nhau và có nhiều loại nên nói đó là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, loài người, loài trời, Thanh văn, Bích-chi-phật, Bồ-tát và Phật.

Các đạo như vậy cũng không có sở hữu, hành cũng không có sở hữu, như thế hành không có sở hữu thì quả báo tội phước cũng không có sở hữu.

Phật dạy:

–Đúng thế, đúng thế! Tu-bồ-đề, như lời ông nói, pháp không không, không có hành, không có đắc.

Tu-bồ-đề! Người không biết pháp không không ấy nên hành động thiện hay ác, hữu lậu hay vô lậu, do kết quả của hành động mà có ba đường ác, làm việc thiện thì có quả cõi người, cõi trời, luân hồi mãi trong ba cõi. Bồ-tát hành sáu pháp Ba-la-mật cho đến mười tám pháp Bất cộng, hành pháp Bồ-tát cũng không có lỗi lầm, đó là đầy đủ sự việc của Bồ-tát đắc Tam-muội Kim cang, thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tạo thiện căn, thiện căn ấy quyết không mất để bị sinh vào năm cõi (tạo thiện căn cho chúng sinh).

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Khi thành Chánh đẳng Chánh giác, còn bị sinh tử trong năm đường không?

Đức Phật dạy:

–Không còn.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Như Lai có bị lệ thuộc pháp thiện ác không?

Phật dạy:

–Không!

Tu-bồ-đề lại hỏi:

–Như Lai không thấy các pháp thiện phải không?

Đức Phật dạy:

–Không vậy.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Thế Tôn cũng không thấy các pháp thiện hay ác phải không?

Phật dạy:

–Không vậy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Nếu không do bốn trường hợp ấy, làm sao có cõi trời, cõi trời ba đường ác, nơi nào có Thanh văn, Bích-chi-phật, nơi nào có Bồ-tát và Phật?

Phật hỏi Tu-bồ-đề:

–Chúng sinh có biết tướng không của các pháp không? Nếu chúng sinh biết tướng các pháp là không, thì Bồ-tát quyết không phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không có thể độ chúng sinh xa lìa các đường ác. Do chúng sinh không biết tướng các pháp đều không, nên không thể lìa được năm đường. Từ chư Phật, Bồ-tát nghe tướng không các pháp cho nên liền phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Pháp mà phàm phu đi vào đối với Như Lai thì không có chúng sinh không hiểu pháp không, nên cho mình có sự chứng đắc, không có chúng sinh mà có tưởng chúng sinh, không có năm ấm có tưởng năm ấm, đối với vô vi mà có tưởng hữu vi, tự nó không có sở hữu mà tạo ra tưởng điên đảo với thân niệm ý tạo ra điên đảo, liền đọa vào năm đường, không thể giải thoát được. Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, giữ gìn các thiện pháp, đều ở trong Bát nhã Ba la mật để hành Bồ-tát hạnh mới thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đem pháp bốn Đế giảng rộng và làm cho chúng sinh tu tập theo. Nhờ các thiện pháp như: ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, bốn Đế nên mới có Tam bảo. Chúng sinh nhờ vào Tam bảo mà được giải thoát, xa lìa các khổ.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng sinh được độ là nhờ bốn Đế hay trí tuệ về bốn Đế.

Phật dạy:

–Không chỉ nhờ bốn Đế mà được giải thoát, cũng không chỉ nhờ trí tuệ bốn Đế mà được giải thoát. Ta nói từ nơi bốn Đế mà được Chánh đẳng cho đến giải thoát.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao là Đẳng bốn đế?

Phật dạy:

–Không có Khổ, không có Tuệ khổ, không có Tập, không có Tuệ tập, không có Tận, không có Tuệ tận; không có Đạo, cũng không có Tuệ đạo. Bởi bốn đế như vậy, nên pháp của pháp tánh không có thay đổi. Pháp chân đế này, việc có Phật hay không có Phật vẫn thường trụ như vậy. Nên pháp ấy không diệt không mất, đối với các pháp không bị tổn giảm. Bồ-tát hành trì Bát-nhã ba-lamật, thực hành bốn Đế thì đạt được trí tuệ bốn Đế, cũng được giác ngộ như vậy.

Tu-bồ-đề lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, làm sao tu hành bốn Đế mà giác ngộ bốn Đế? Giác ngộ tùy theo sự hành trì, mà không đi vào hai địa mới là bậc Bồ-tát?

Phật dạy:

–Cốt yếu của các pháp không thể thấy được. Giả sử có thấy được cũng không có sở hữu. Đã không có sở hữu, thấy các pháp đều là không. Ở trong bốn Đế hay không ở trong bốn Đế đều là không, không có sở hữu. Thấy như vậy, rồi trụ vào chủng tánh của Bồ-tát; trụ ở chủng tánh Bồ-tát rồi, không ngăn ngại ở trên, không đi vào hai địa.

Do an trú nơi chủng tánh liền sinh khởi bốn Thiền, bốn Đẳng và bốn Không định, trụ ở Diệt tận định, liền biết các pháp, biết trí tuệ bốn Đế, không sinh các nhân duyên Khổ, Tập, Diệt, Đạo, chỉ có đạo ý quán tưởng các pháp như thật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Quán sát thấy các pháp như thật là như thế nào?

Phật dạy:

–Đó là không.

Tu-bồ-đề thưa:

–Thế nào là không?

Phật dạy:

–Như tự quán tưởng thân tướng là không; so sánh pháp quán này, thấy các pháp là không, không thấy các pháp đạt được giác ngộ, đạo cũng vô sở hữu, chẳng phải do Phật làm ra, chẳng phải do A-la-hán, Bích-chi-phật và Bồ-tát làm ra.

Tất cả chúng sinh không rõ việc này, nên bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng phương tiện quyền xảo nói pháp cho chúng sinh.

QUYỂN 19
Phẩm 85: CÓ VÀ KHÔNG

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Giả sử các pháp sở hữu, không có sinh hoạt, chẳng phải do Phật làm ra, chẳng phải do A-la-hán, Bích-chi-phật và Bồ-tát làm ra. Tại sao có nhiều cõi thiện ác khác nhau, có ba cõi ác, loài người từ cõi trời Tứ Thiên vương lên đến cõi trời Trường thọ, cao thấp có khác nhau?

Tại sao nói làm cái này thì kết quả thế này? Người làm ác thì đọa vào ba cõi ác, còn người làm thiện thì được sinh vào loài người hoặc sinh lên cõi trời?

Tại sao hành đạo thì được Tu-đà-hoàn, cho đến A-la-hán và Bích-chi-phật? Còn làm theo pháp Bồ-tát, thì được Chánh đẳng Chánh giác.

Thưa Thế Tôn! Pháp không có sở hữu không có tạo tác, không có hành, cũng không có hành của Thanh văn, hành của Bích-chiphật, hành của Bồ-tát và hành của Chánh đẳng Chánh giác, cũng không đạt được trí Nhất thiết, để độ thoát chúng sinh, việc này thế nào?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đúng vậy, đúng vậy! Pháp không có sở hữu ấy, cũng không tạo tác, cũng không có hạnh để đạt được. Phàm phu ngu muội không thể biết được pháp của Thánh hiền, cũng không biết được pháp sở hữu và không có sở hữu, bị bốn kiến thức điên đảo lừa dối. Làm được bao nhiêu hạnh thì được bấy nhiêu quả báo nên có năm cõi sinh tử. Pháp không có sở hữu không có hành và không lãnh thọ.

Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Tu-đà-hoàn cho đến Vô thượng Chánh đẳng giác có sở hữu không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Từ Tu-đà-hoàn cho đến Chánh đẳng Chánh giác đều không có sở hữu.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Không có sở hữu có thể được pháp không có sở hữu không?

Đáp rằng:

–Bạch Thế Tôn! Không.

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Vậy cho nên pháp không có sở hữu là đạo. Tất cả các pháp không hội hợp, cũng không chia lìa, không có hình, không thể thấy, cũng không thấy một tướng; một tướng tức là vô tướng.

Tu-bồ-đề! Vậy cho nên Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-lamật, dùng phương tiện quyền xảo, thấy các chúng sinh đi vào điên đảo, vào năm ấm, nên đối với vô thường, tưởng là thường, khổ tưởng là vui, vô ngã tưởng là ngã, bất tịnh tưởng là tịnh, đều thuộc pháp hữu vi.

Bồ-tát dùng phương tiện quyền xảo, làm cho chúng sinh xa lìa các hữu.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Chỗ chúng sinh vào là năm cõi, vậy còn có nhân duyên nào làm ngăn ngại và có quan trọng không?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Không có, không có! Các hành khác không đáng kể, chỉ vì chúng sinh đắm trước bốn điên đảo mà có năm cõi.

Tu-bồ-đề! Hãy lắng nghe, lắng nghe! Do việc này ta nói cho ông được hiểu. Ý ông thế nào? Ở trong mộng thấy vui với năm dục, vậy có người làm không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Thưa Thế Tôn! Mộng còn không có huống chi có năm dục.

Phật dạy:

–Ý ông thế nào, các pháp hữu vi, vô vi, hữu lậu và vô lậu vậy có pháp nào không như mộng không?

Đáp:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả các pháp đều như mộng.

Phật dạy:

–Ý ông thế nào? Người trong mộng có thuộc năm cõi không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không.

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Người trong mộng có đạo niệm, có chấp trước, có từ bỏ không?

Đáp rằng:

–Bạch Thế Tôn! Không có. Tại sao? Thưa Thế Tôn, pháp vô hình không có chỗ tạo tác, pháp chấp trước, từ bỏ cũng không có chỗ.

Phật hỏi:

–Tu-bồ-đề! Tại sao vậy? Vì có gương nên thấy bóng. Vậy bóng ấy có hành động, có quả báo sinh tử của năm cõi không?

Đáp rằng:

–Bạch Thế Tôn! Không. Tại sao? Vì bóng trong gương đó vốn không có mà phàm phu bị mê hoặc tự cho là có. Bóng trong gương đó, cũng không có năm cõi, không tạo tác, không hành động.

Phật hỏi:

–Này Tu-bồ-đề! Bóng trong gương có đạo niệm, có chấp trước, có từ bỏ không?

Đáp:

–Thưa Thế Tôn! Không có.

Tại sao vậy? Vì pháp vô hình không có chỗ tạo tác, cũng không chấp trước, không từ bỏ và cũng không ở đâu cả.

Phật dạy:

–Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Tiếng vang từ trong núi phát ra, tiếng vang ấy có hành động, có tạo tác sinh ra năm cõi không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Thưa Thế Tôn! Không có. Tại sao? Vì pháp vô hình này không hành động, không tạo tác nên không sinh năm cõi.

Phật hỏi:

–Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Tiếng vang có đạo niệm, có chấp trước và từ bỏ không?

Đáp:

–Không có! Tại sao? Vì pháp không có sở hữu, không có tạo tác, không chấp trước, không từ bỏ cũng không ở đâu cả.

Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Ví như lúc sóng nắng, không có nước sông tưởng có nước sông; không có thành quách, tưởng có thành quách; không có vườn cây, tưởng có vườn cây. Ý ông thế nào? Sóng nắng này có thể tạo ra năm cõi không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Thưa Thế Tôn! Sóng nắng không có, chỉ vì lừa dối con mắt phàm phu nên có bóng dáng mà thôi.

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Sóng nắng đó có đạo niệm, chấp trước và từ bỏ không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Thưa Thế Tôn! Không có. Pháp vô hình thì không có tạo tác, không có chấp trước, từ bỏ, cũng không ở nơi nào khác.

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Ví như nhà ảo thuật hóa ra voi, ngựa, người với các loại hình dáng. Người được hóa ra đó có hành động đưa đến năm cõi không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Thưa Thế Tôn! Không có. Tại sao? Vì huyễn nên không hình thật.

Phật hỏi:

–Tu-bồ-đề! Người huyễn được hóa ra có đạo niệm, chấp trước, có từ bỏ không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Bạch Thế Tôn! Không có. Pháp vô hình thì không có sự tạo tác, không chấp trước, không từ bỏ và không có nơi chốn.

Phật hỏi:

–Tu-bồ-đề! Sự biến hóa của Như Lai có hành động đưa đến năm cõi không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Bạch Thế Tôn! Không có. Tại sao? Vì sự biến hóa đó không có.

Phật hỏi:

–Này Tu-bồ-đề! Sự biến hóa có đạo niệm chấp trước và từ bỏ không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Bạch Thế Tôn! Không. Pháp vô hình không có đạo niệm, không có chấp trước, từ bỏ và cũng không có nơi chốn.

Phật hỏi:

–Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Các pháp đó có chấp trước, từ bỏ không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Bạch Thế Tôn! Không. Không chấp trước và từ bỏ.

Phật dạy:

–Nếu như không có chấp trước, từ bỏ thì đó là không có chấp trước và từ bỏ. Tại sao? Vì chúng sinh có chấp ngã, nên có chấp trước, có từ bỏ, nhưng bậc Kiến đế không chấp trước, không từ bỏ. Chỗ thấy của chúng sinh không phải Kiến đế, nên có chấp trước, có từ bỏ.

QUYỂN 20

Phẩm 86: CÁC PHÁP BÌNH ĐẲNG

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Người nhận xét đúng sự thật, thì không chấp trước, không từ bỏ; người không nhận xét đúng sự thật, cũng không chấp trước, không từ bỏ; pháp sở hữu không có sở hữu, cũng không chấp trước, không từ bỏ; sự nhận xét đúng và không nhận xét đúng đều không chấp trước, không từ bỏ. Việc này thế nào?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Vì các pháp bình đẳng cho nên ta nói có đoạn.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Việc đó nghĩa là gì?

Phật dạy:

–Pháp đó, dầu có Phật hay không có Phật thì pháp tánh chân như vẫn như vậy. Pháp đó không bao giờ biến đổi và thường trụ như vậy, cho nên gọi là đoạn. Chỉ do tục đế nên có danh hiệu, có ngôn ngữ, giáo pháp, đều không có sở hữu.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Giả sử các pháp như mộng, như tiếng vang, như bóng trong gương, như sóng nắng, như huyễn thuật, như biến hóa, thì làm sao Bồ-tát đối với pháp không này mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Nói rằng, ta phải đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, đầy đủ thần thông Bát nhã Ba la mật, bốn Thiền, bốn Đẳng và bốn Không định, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, ba môn Giải thoát, chín cấp độ Thiền, mười Lực của Như Lai, mười tám pháp Bất cộng, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp và đầy đủ Đà-la-ni

môn. Vì sao nói ta sẽ làm ánh sáng, chiếu khắp chỗ tối tâm và biết tâm ý của chúng sinh mà thuyết pháp?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Như lời ông hỏi pháp đó là như huyễn như hóa đó chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Giả sử các pháp như mộng, như huyễn thì Bồ-tát làm sao thực hành Bát nhã Ba la mật?

–Bạch Thế Tôn! Mộng là huyễn hóa, không phải là chân thật. Pháp không chân thật thì không thể thực hành sáu pháp Ba-la-mật, cho đến mười tám pháp Bất cộng cũng không thể thực hành được.

Phật bảo:

–Này Tu-bồ-đề! Đúng vậy, đúng vậy! Như lời ông nói, pháp huyễn hóa thì không thể thực hành được sáu pháp Ba-la-mật; không thể thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Pháp đó đều là pháp tướng hữu vi, nhưng pháp tướng hữu vi cũng không thể đạt được Nhất thiết trí; pháp đó là đạo, cũng lại là Niết-bàn, do pháp này không có hình tướng, không có chỗ sinh. Vì vậy, Bồ-tát từ khi mới phát tâm đến nay, tu tập các thiện pháp, sáu pháp Ba-la-mật, cho đến mười tám pháp Bất cộng, biết pháp đó như mộng, như hóa nhưng không đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật và mười tám pháp bất cộng thì không thể giáo hóa chúng sinh.

Bồ-tát tu tập các thiện pháp, quán các pháp như mộng, như huyễn; quán pháp Ba-la-mật; quán Nhất thiết trí; quán chúng sinh đều như mộng, như huyễn. Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật không chấp nhận hình tướng trong pháp huyễn hóa đó mà nói sẽ đạt được đến Nhất thiết trí.

Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, nên đối với mười tám pháp Bất cộng cũng không có chỗ chấp thủ. Bồ-tát biết các pháp không có chấp thủ, nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tại sao? Vì các pháp không có hình tướng, không có chỗ giữ nên không thể nắm được; pháp không có chỗ nắm mà lại nắm bắt thì không thể thấy pháp đó. Cho nên, Bồ-tát vì chúng sinh mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Từ khi phát tâm cho đến nay đều thực hành sáu pháp Ba-la-mật, chỉ vì tất cả chúng sinh chứ không phải vì bản thân mình. Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là vì chúng sinh, nhưng chúng sinh không thấy có; vì chúng sinh có chúng sinh, không thấy mà tướng thấy, không biết mà tướng biết, cho nên Bồ-tát cứu chúng sinh ra khỏi điên đảo ấy để đoạn dứt các tạp tưởng đến chỗ Niết-bàn.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát dùng phương tiện quyền xảo, thực hành Bát nhã Ba la mật. Đối với các pháp không có chỗ nhập, nhưng đối với không có chỗ nhập đó mà giáo hóa chúng sinh, đó chỉ là tục đế chẳng phải Đệ nhất nghĩa đế.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Pháp giác ngộ mà Như Lai đạt được dựa vào thế tục hay Đệ nhất nghĩa đế.

Phật dạy:

–Dựa vào Tục đế, Như Lai đã giác ngộ, nhưng không có pháp giác ngộ và người giác ngộ. Tại sao? Nếu nói ta là người giác ngộ, được giác ngộ, việc đó rất hổ thẹn. Nếu có hai thì không đạt được mà không giác ngộ.

Tu-bồ-đề lại hỏi:

–Thưa Thế Tôn! Giả sử có cả hai, không đạt được giác ngộ, vậy vì từ một được giác ngộ chăng?

Phật dạy:

–Cũng không từ hai, cũng không từ một, người đạt được giác ngộ, không một cũng không hai; vì không một, không hai đó là đạt đến giác ngộ. Vì sao? Có người đạt đến giác ngộ là hý luận, là cống cao. Bậc Chánh đẳng giác không hý luận, không cống cao.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Sở hữu các pháp đều không có, vì sao gọi là Chánh đẳng giác.

Phật dạy:

–Cũng không cũng có; cũng không, không không. Vì không có lời để nói, đó là Chánh đẳng giác. Vì pháp Đẳng giác không có lời để nói và không có pháp nói về bậc Chánh đẳng giác. Bậc Đẳng Giác đã vượt qua các pháp; phàm phu ngu muội còn cách xa Đẳng giác.

Tu-bồ-đề lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai đã xa lìa Chánh đẳng giác chăng?

Phật dạy:

–Đẳng giác không phải thuộc về cảnh giới của Thánh hiền Thanh văn, Bích-chi-phật, Bồ-tát và Phật.

Tu-bồ-đề lại hỏi:

–Thưa Thế Tôn! Đối với các pháp, Như Lai được tự tại không?

Phật đáp:

–Phàm phu, Thanh văn, Bích-chi-phật và Phật cùng một Đẳng giác. Tất cả Đẳng giác đó không có hai, không có phàm phu, không có Chánh đẳng Chánh giác, cho đến Như Lai cũng không có phân hạng gì cả.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Giả sử đối với Bậc Đẳng Giác không phân hạng thì phàm phu, Thanh văn, Bích-chi-phật cũng không có khác nhau.

Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy! Phàm phu cho đến Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác cũng không có sai khác.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Giả sử phàm phu cho đến Chánh đẳng Chánh giác không có sai khác vì làm sao có Tam bảo?

Phật dạy:

Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Về Phật bảo, pháp bảo, Tăng bảo và pháp Đẳng Giác có khác nhau không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Con được nghe Thế Tôn dạy Tam bảo và Đẳng Giác không có khác. Tam bảo và Đẳng giác không hội hợp, không chia lìa, không có hình tướng, cũng không thể thấy; một tướng là vô tướng vì pháp vô tướng nên tạo ra số lượng nơi chốn nên có sự thân cận, có nơi chốn.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bậc Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác khi đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, làm chỗ y cứ của các pháp, nên biết có ba đường ác, có biết nhân đạo, biết có cõi trời Ba mươi ba, biết ba mươi bảy phẩm Trợ đạo cho đến nội ngoại không và sở hữu vô sở hữu không. Biết có mười tám pháp Bất cộng. Vậy cho nên, Tu-bồđề, đó là chỗ đặc biệt của Bậc Như Lai Đại Sĩ bất động đối với pháp Đẳng giác nên thành lập nơi chốn của các pháp.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như Ngài đối với Đẳng giác mà bất động thì: phàm phu, Thanh văn, Bích-chi-phật đối với Đẳng chánh giác cũng bất động chăng? Pháp của Phật, phàm phu, Thanh văn, Bích-chi-phật và Như Lai là một pháp chăng? Cho đến pháp vô hình, pháp sắc, thọ, tưởng, hành, thức có khác biệt không? Các pháp nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý có khác biệt không? Pháp địa, thủy, hỏa, phong, không, thức có khác không? Pháp dâm, nộ, si, có khác không; sáu mươi hai tà kiến, có khác không? Bốn Thiền, bốn Đẳng và bốn Không định, có khác không? Ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, ba môn Giải thoát, nội ngoại không, pháp không có sở hữu, vô sở hữu, tám Bối xả, chín Cấp độ thiền, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại tuệ, mười Lực của Như Lai, mười tám pháp Bất cộng, pháp hữu vi và vô vi, các pháp này đều chỉ có tên.

Thế nào là xứ không thể nắm bắt được?

Nếu Bồ-tát không trụ ở xứ này thì không phân biệt được các pháp và không thể thực hành Bát nhã Ba la mật. Thực hành Bát nhã Ba la mật thì Bồ-tát phải đi khắp mười xứ, mới có thể đạt đến địa vị Bồ-tát, liền vượt qua hai địa, khi qua hai địa rồi được đầy đủ thần thông, nhờ các thần thông đó nên đầy đủ năm pháp ba-la-mật.

Bồ-tát đi khắp cõi Phật để cúng dường chư Phật, trồng các căn lành, giữ gìn công đức để giáo hóa chúng sinh làm thanh tịnh cõi Phật.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Như lời ông hỏi pháp của Như Lai, phàm phu và hai địa tại sao ông hỏi như vậy. Ý ông thế nào? Pháp không của năm ấm và pháp Như Lai có khác chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Đều không.

Phật dạy:

–Đối với pháp không, có thể thấy pháp vô tướng không? Tướng năm ấm và tướng Phật có thể thấy không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không thể thấy.

Phật dạy:

–Vậy nên, Tu-bồ-đề phải biết, pháp của các pháp cũng không có phàm phu, không lìa phàm phu, không phải pháp Như Lai cũng không lìa pháp Như Lai.

Tu-bồ-đề lại hỏi:

–Thưa Thế Tôn! Pháp này là pháp hữu vi hay là pháp vô vi?

Phật đáp:

–Không lìa pháp vô vi mà được pháp hữu vi, không lìa pháp hữu vi mà được pháp vô vi.

Này Tu-bồ-đề! Pháp hữu vi và pháp vô vi là một pháp, không hai, cũng không hội hợp, không chia lìa, không có hình tướng, không thể thấy, là một tướng; một tướng là vô tướng.

Do thế tục cho nên có chỗ tạo tác, không phải Đệ nhất nghĩa đế. Đệ nhất nghĩa đế không phải hành động của thân, miệng, ý; cũng không rời thân, miệng, ý. Đắc Đệ nhất nghĩa đế do các pháp bình đẳng. Thế nên, đối với Đệ nhất nghĩa, Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật cũng không thủ đắc nghĩa Đệ nhất mà thực hành Bồ-tát hạnh.

QUYỂN 20
Phẩm 87: CÁC PHÁP NHƯ HÓA

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Giả sử các pháp đều không, nên đối với các pháp không có tạo tác, tại sao Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật không theo Đệ nhất nghĩa đế, mà lại hành trì Bồ-tát hạnh và làm bốn ân cho chúng sinh?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Như lời ông nói, không cũng không có làm hay không không làm. Nếu chúng sinh biết nghĩa không thì không có Như Lai và cảnh giới của Như Lai. Hiểu rõ đối với pháp không, vượt qua các ngã chấp, vượt qua tướng bốn đại, vượt qua tướng thấy biết của năm ấm, vượt qua tướng mười hai xứ, vượt qua tướng hữu vi, kiến lập thế giới vô vi, đó là tánh không của vô vi. Vậy không là gì?

Phật dạy:

–Đối với các tướng không, thì người do nhà ảo thuật hóa ra là không, không huyễn hóa và không, nó không hội hợp, không chia lìa, do không không; không không và người hóa là không thể phân biệt.

Tại sao vậy? Vì tất cả đều không.

Này Tu-bồ-đề! Năm ấm đều không; vì không cho nên nói năm ấm là không.

Tu-bồ-đề lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Pháp của thế tục như huyễn, vậy đạo pháp cũng lại như huyễn chăng? Giả sử đạo pháp là huyễn thì từ ba mươi bảy phẩm Trợ đạo cho đến mười tám pháp Bất cộng, pháp của ba thừa cũng như huyễn, người thực hành pháp ba thừa cũng như huyễn phải không?

Phật dạy:

–Các pháp hóa này do ai hóa ra? Chỗ hóa ra đó là Thanh văn, Bích-chi-phật hay là Bồ-tát và Phật; hoặc là do tập khí và hành hóa ra.

Tu-bồ-đề thưa:

–Không có người hóa ra.

Phật dạy:

–Thế nên, các pháp như hóa.

Tu-bồ-đề lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Chỗ đoạn diệt của Tu-đà-hoàn cho đến A-lahán, Bích-chi-phật và Phật, các tập khí đã đoạn diệt cũng như hóa chăng?

Phật dạy:

–Tất cả các pháp có sinh, có diệt đều như hóa.

Tu-bồ-đề lại hỏi:

–Thưa Thế Tôn! Những pháp gì không như hóa?

Phật dạy:

–Pháp mà không sinh, không diệt thời không phải như hóa.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Cái gì không sinh, không diệt, không phải là như hóa?

Phật dạy:

–Niết-bàn không phải là hóa.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ngài thường nói không tức là không động chuyển, không có hai pháp, cũng không bất không, cho nên Niết-bàn cũng như hóa?

Phật dạy:

–Đúng thế, đúng thế! Tất cả đều không, cũng chẳng phải chỗ tạo tác của Thanh văn, Bích-chi-phật, Bồ-tát và Phật biết rõ pháp không đó là Niết-bàn.

Tu-bồ-đề lại hỏi:

–Thưa Thế Tôn! Người thực hành về pháp không ở quá khứ thì nhập vào, học và giảng giải?

Phật dạy:

–Này, Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Chỉ có đời quá khứ, chứ không có đời vị lai ư?

QUYỂN 20
Phẩm 88: TÁT-ĐÀ-BA-LUÂN

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bậc Đại Bồ-tát muốn cầu Bát nhã Ba la mật, phải như Bồ-tát Tát-đà-ba-luân, hiện đang tu phạm hạnh thanh tịnh, ở chỗ Đức Phật Lôi Âm Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Bồ-tát Tát-đà-ba-luân cầu Bát nhã Ba la mật như thế nào?

Phật dạy:

–Khi Bồ-tát Tát-đà-ba-luân cầu Bát nhã Ba la mật, không tiếc thân mạng, không mong cúng dường, không cầu tiếng khen. Ngài thường ở chỗ vắng lặng, bỗng nghe giữa hư không có tiếng bảo rằng: “Này thiện nam, tâm ý chớ có mệt mỏi, chán nản muốn ngủ nghỉ; không nên nghĩ đến việc ăn uống, sớm, tối, lạnh, nóng; chớ để cho tâm ý vướng bận ở trong, ngoài, nhìn bên trái, bên phải. Khi thực hành, tâm phải nghĩ như không thực hành; đối với thân năm ấm đừng nghĩ có tướng. Tại sao? Vì cho là có tướng thì Phật pháp bị chướng ngại; nếu có chướng ngại thì bị khổ sinh tử; nếu bị khổ sinh tử thì không thể đạt được Bát nhã Ba la mật.”

Khi đó, Bồ-tát, Tát-đà-ba-luân đáp lời với tiếng giữa hư không: “Tôi sẽ làm xong lời dạy này. Tại sao vậy? Vì tôi muốn làm ánh sáng lớn để giảng giải Phật pháp cho chúng sinh. Tôi muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.” Nói như vậy xong, Bồ-tát nghe trong hư không có tiếng khen:

–Lành thay, lành thay! Này thiện nam, ông muốn nghe pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện thì phải cầu Bát nhã Ba la mật, phải lìa niệm tưởng, lìa mạng kiến, lìa nhân kiến, lánh xa ác tri thức, phải làm theo việc của Thiện tri thức, phải cúng dường bậc tri thức chân chánh. Các vị đó sẽ nói pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện, pháp bất sinh, bất diệt cho ông. Ông phải khuyến khích và giúp đỡ mọi người cầu trí Nhất thiết. Người thực hành việc đó liền được nghe Bát nhã Ba la mật, hoặc nghe từ trong kinh, hoặc nghe từ niệm của bậc Bồ-tát.

Này thiện nam! Từ chỗ nghe được pháp Bát nhã Ba la mật, phải xem người đó như Đức Phật. Ông đối với vị Pháp sư phải biết báo đáp không được bội ân. Nghe Bát nhã Ba la mật ở người nào thì vị đó là bậc Tri thức chân chánh; nghe được kinh thì đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không còn thoái chuyển. Phật tự nghĩ rằng: Ta đã đến gần với Bậc Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Chánh Giác, chỗ ta sinh ra thường gặp chư Phật, thường xa lìa tám chỗ tai nạn và được tám chỗ an vui, gìn giữ đức hạnh, nên cung kính Pháp sư như cung kính Phật; đừng đem tâm ý thế tục mà đối với vị ấy. Đối với Pháp sư phải xem như giáo pháp nên đều cung kính, nếu có trái với tâm ý mong muốn thì biết đó là việc ma.

Nếu ma Ba-tuần dùng năm Lực sắc: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, để dâng hiến Pháp sư, thì Pháp sư dùng phương tiện quyền xảo muốn độ chúng sinh nên nhận cho họ. Nếu ông thấy như vậy chớ có tâm ô nhiễm, chỉ nên nhớ rằng: Ta chưa được phương tiện quyền xảo đó như hành động Pháp sư. Bồ-tát khi đạt được phương tiện quyền xảo rồi thì Bồ-tát được tự tại, ví như kim cương đi xuyên vào các vật, nhưng không bị dính bụi. Ông phải lấy pháp hạnh tổng quát để quán xét Pháp sư.

Những gì là pháp hạnh tổng quát? Vì các pháp không chấp trước, không từ bỏ. Tại sao vậy? Vì các pháp đều không, vô ngã, vô nhân, vô mạng. Ví như sóng nắng là huyễn hóa, phải quán sát rằng: Pháp sư là thầy dẫn đường. Với sự quán sát như vậy không bao lâu sẽ được Bát nhã Ba la mật.

Này thiện nam! Ông nên nắm vững việc ma nầy. Thiện nam tử đến chỗ Pháp sư mà không được vừa ý, không nên có tâm nghi ngại, nên vì pháp mà cung kính Pháp sư.

Sau khi lãnh hội tiếng nói trên không trung thì Bồ-tát Tát-đàba-luân đi về hướng Đông. Đi không được bao lâu lại suy nghĩ: “Lúc nãy ta quên hỏi, vậy ta phải đi đâu? Đi đến chỗ nào? Nghe ai nói?” Bồ-tát liền khóc lớn, sau khi khóc lại nghĩ: “Ta ở đây không ăn uống, không di chuyển từ một ngày, cho đến bảy ngày, nếu không nghe được Bát nhã Ba la mật thì quyết không rời chỗ này.” Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ví như ông trưởng giả có một người con, nhưng người con đó đã chết, cha mẹ buồn thảm chỉ nhớ đến con, ngoài ra không còn nhớ nghĩ đến ai.

Này Tu-bồ-đề! Lúc đó Bồ-tát Tát-đà-ba-luân không còn nhớ nghĩ gì khác chỉ nhớ nghĩ Bát nhã Ba la mật.

Khi Bồ-tát đang khóc, liền có hình tượng của Như Lai hiện ra trước mặt, với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Đức Như Lai đó khen rằng: “Lành thay, lành thay! Này thiện nam, các Đức Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác ở quá khứ, khi thực hành Bồ-tát hạnh phải cầu pháp Bát nhã Ba la mật cũng như vậy. Con hãy quyết giữ ý chí dũng tiến đi về hướng Đông, đi hai vạn dặm thì đến nước Hương thị. Nước đó có bảy lớp thành, vách làm bằng bảy báu và có ao nước chảy mười vòng quanh thành, có cây bằng bảy báu mọc từng hàng nhiều lớp, có hào bằng bảy báu, thành đó dài rộng bốn trăm tám mươi dặm. Nước đó giàu có an vui, nhân dân hưng thịnh, phục sức với những châu báu kỳ diệu. Trong thành có năm trăm dãy hành lang, các đường xá ngõ ngách và phố phường đều thẳng tắp, được trang trí bằng bảy báu, như vàng bạc lót đường và treo cờ phướn; lầu đài ở trên thành xinh đẹp như gấm trời; vách tường đều làm bằng bảy báu. Trên thành, cây báu mọc từng hàng rất xinh đẹp, lại che lọng trang trí bằng vàng ròng, những con đường trang trí rất đẹp. Trên lầu treo những cái linh bằng bảy báu, khi gió thổi nghe tiếng linh vang lên như tiếng nhạc trời. Những chúng sinh nào nghe tiếng linh này thì được vui vẻ. Quanh thành có ao nước nóng, lạnh hòa nhau luôn luôn đầy không vơi, mọi người chèo thuyền dạo chơi trong ao nước đó. Người nào đời trước có làm phước và công đức thì vào được nơi đó. Trong ao đó có các hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng. Ngoài ra, có nhiều loại hoa màu sắc sặc sỡ, số trăm ngàn loại; có các thứ hoa kỳ diệu ở trong tam thiên đại thiên cõi nước, không có loại nào không có tại đó. Ở quanh thành có năm trăm tòa nhà, trang trí bằng bảy báu rất đẹp. Mỗi một tòa nhà có năm trăm ao nước, ao đó dài rộng đến hai mươi dặm và có hoa đẹp nhiều màu lớn như lọng, bánh xe; có năm màu xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, mỗi thứ đều rõ ràng.

Trong ao đó có chim nhạn, chim uyên ương, chim công và chim giao tinh; có nhiều loại chim khác nhau số đến trăm ngàn. Tòa nhà trong thành đó có bảo vật, nhưng không có chủ và người giữ. Những người nhờ phước báu đời trước nên được ở nước này, luôn luôn tu tập và thực hành Bát nhã Ba la mật, do đó phước của họ thọ nhận lâu dài.

Này thiện nam! Nước kia có vị Bồ-tát tên là Pháp Thượng. Ngài có tòa cung điện ở trung tâm nước đó, dài rộng bốn mươi dặm, đều bằng bảy báu, có bảy lớp tường, có cây bằng bảy báu làm lan can, vườn cây ao tắm cũng có bảy lớp; cung điện, lầu gác, lan can, cửa lớn, cửa nhỏ đều có bảy lớp chạm trổ điêu khắc bằng bảy báu.

Trong cung điện Bồ-tát Pháp Thượng có bốn tòa nhà: Một tên là Thường lạc; hai tên là Trừ ưu; ba tên là Tạp hoa; bốn tên là Tạp hương. Mỗi một nhà trọ có tám ao nước: Một là Hiền; hai là Hiền diệu; ba là Lạc; bốn là Diệu lạc; năm là Kiết tường; sáu là Kiết thượng; bảy là Trừ và tám là Bất hoàn.

Bốn bên bờ ao, mỗi bên bằng một thứ báu: vàng, bạc, lưu ly, thủy tinh. Đáy ao vàng ròng, dùng lưới vàng làm lọng che, bậc cấp ở mỗi ao đều bằng vàng, được trang trí bằng xà cừ, mã não. Hai bên bậc thang có cây chuối bằng vàng, lá của nó mềm mại phất phơ theo chiều gió. Trong ao có nhiều loại hoa như đã kể ở trên. Dọc theo hai bên bờ ao lại có hoa, khi gió thổi các hoa đó rơi xuống nước, nhưng vẫn tươi như ở trên cây. Nước ao thơm mùi Chiên-đàn của trời.

Trong cung của Bồ-tát Pháp Thượng có sáu vạn tám ngàn phu nhân, thể nữ vây quanh hưởng lạc. Nam nữ trong thành Hương thị đều hội hợp, ở đó thường cùng vui vẻ trong lầu đài và ao nước.”

Đức hóa Phật kia bảo rằng:

–Này thiện nam! Bồ-tát Pháp Thượng và quyến thuộc cùng nhau vui với ba thời pháp. Nhân dân trong nước Hương thị làm pháp tòa cho Bồ-tát Pháp Thượng, chưng bày ngay ở giữa thành. Tòa đó làm bằng vàng, bạc, thủy tinh, mã não; nệm làm bằng các loại bông mềm mại và tẩm các loại hương thơm lên tấm nệm ấy. Tòa đó cao đến mười dặm; ở trên tòa có những nam nữ cầm các chuỗi ngọc, hoa đẹp và đốt hương thơm. Tại sao? Vì cung kính pháp Bồ-tát Pháp Thượng ngồi trên tòa thuyết pháp Bát nhã Ba la mật cho chúng sinh.

Đức hóa Phật lại bảo:

–Này thiện nam! Người nước Hương thị, họ cung kính, phụng sự hình tượng của Bồ-tát Pháp Thượng như vậy; có trăm ngàn chư Thiên đến pháp hội để nghe pháp và nhận lãnh pháp Bát-nhã ba-lamật. Trong pháp hội đó có người đọc tụng biên chép, nhận lãnh lời dạy ghi nhớ, có người im lặng ghi nhận mà thọ trì. Chúng sinh trong nước đều là bậc không thoái chuyển nơi pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này thiện nam! Ông đi về phương Đông, đến chỗ Bồ-tát Pháp Thượng để được nghe pháp Bát nhã Ba la mật. Bồ-tát Pháp Thượng là vị Tri thức chân chánh đời trước của ông. Ngài thường khuyến khích ông về quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát Pháp Thượng khi xưa cầu pháp Bát nhã Ba la mật cũng như ông vậy.

Này thiện nam! Nay ông đến đó, ngày đêm chớ quên chánh niệm, thì không bao lâu sẽ nghe pháp Bát nhã Ba la mật.

Lúc bấy giờ, Tát-đà-ba-luân nghe nói như vậy, liền vui mừng hớn hở nói: “Đến bao giờ con có thể được thấy Pháp sư và nghe Bát nhã Ba la mật.”

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ví như có người bị trúng mũi tên độc, họ không nhớ nghĩ việc khác, chỉ nghĩ rằng: Lúc đó ta làm sao tìm vị lương y để nhổ mũi tên độc ra làm cho chỗ đó mau lành.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân lại không nhớ nghĩ gì khác, chỉ mong được thấy Pháp sư và nghe pháp Bát nhã Ba la mật rồi diệt trừ các chấp trước.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân liền thấy các pháp với trí tuệ không chướng ngại và đạt được Tam-muội vô thượng.

Các Tam-muội ấy tên là: Tam-muội kiến chư pháp sở hữu, Tam-muội ư chư pháp vô sở đắc, Tam-muội hàng phục chư vô trí, Tam-muội đắc chư pháp vô phân biệt, Tam-muội đắc ư chư pháp vô biến dị, Tam-muội chư pháp vô sở hữu, Tam-muội vô sở trụ, Tam-muội diệt chư minh, Tam-muội ư chư pháp thứ đệ vô dị, Tam-muội ư chư pháp vô sở kiến, Tam-muội tán hoa.

Tát-đà-ba-luân được vô lượng các Tam-muội như vậy, trụ nơi Tam-muội đó, liền thấy mười phương vô số chư Phật đang nói pháp Bát nhã Ba la mật cho các vị Bồ-tát.

Khi ấy, mười phương chư Phật đều tán thán:

–Lành thay, lành thay! Này thiện nam, khi xưa các Như Lai còn là vị Bồ-tát, cầu pháp Bát nhã Ba la mật, cũng từ Tam-muội này mà được như vậy.

Khi được Tam-muội này rồi, thì đi vào pháp Bát nhã Ba la mật, liền thành tựu phương tiện quyền xảo, đạt được không thoái chuyển. Khi các Như Lai đắc pháp Tam-muội này cũng không thấy có hành pháp Tam-muội, không có thấy người hành pháp Tam-muội, không có người lìa Tam-muội, không thấy có người hành đạo, cũng không thấy có người hiện chứng Đẳng giác. Như vậy, người đạt Bát-nhã bala-mật không có cống cao.

Này thiện nam, chúng ta không cống cao nên được sắc vàng, có Ba mươi hai tướng, ánh sáng không hạn lượng, được trí tuệ không thể nghĩ bàn, giác ngộ Phật trí chánh định tối thắng vô thượng, đầy đủ các công đức. Đối với chư Phật không thể bàn, không thể nói hết, huống gì hàng Thanh văn, Bích-chi-phật.

Thế nên, này thiện nam! Đối với pháp này nên cung kính thêm nữa.

Này thiện nam! Nếu có người chí nguyện tinh tấn thì được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không khó khăn gì.

Này thiện nam! Đối với Chân tri thức, nên có cung kính mến mộ như xem Phật Thế Tôn. Bồ-tát được gần Chân tri thức thì mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Khi ấy, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân bạch chư Phật:

–Con phải kính trọng chân tri thức, nhưng đó là ai?

Chư Phật bảo:

–Bồ-tát Pháp Thượng đời đời đem Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chỉ dạy cho ông phát tâm Vô thượng Bát nhã Ba la mật, đầy đủ phương tiện quyền xảo. Thế nên, vị ấy là chân tri thức của ông.

Này thiện nam! Nếu đặt Đại Bồ-tát Pháp Thượng trên đầu, từ kiếp này đến kiếp khác cho đến trăm kiếp, cúng dường các thứ cần dùng ở khắp tam thiên đại thiên thế giới còn chưa thể báo đáp một chút ân. Huống gì nghe được pháp này làm cho ông lợi ích Bát nhã Ba la mật phương tiện quyền xảo.

Sau khi nói vậy rồi, các Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác biến mất.

Bấy giờ, Tát-đà-ba-luân xả chánh định, nhìn khắp bốn phương và suy nghĩ: “Các Như Lai này từ đâu đến rồi đi về đâu?” Nghĩ như thế nên buồn bã không vui và nghĩ: “Bồ-tát pháp

Thượng từng thực hành Bát nhã Ba la mật phương tiện thiện xảo, giữ gìn các môn Đàla-ni. Đối với các pháp được tự tại, đã tạo ra công đức từ Phật quá khứ, đây là bậc Chân sư của ta, ta nên hỏi vị ấy. Các Như Lai này từ đâu đến và đi về đâu?”

Lúc đó, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân suy nghĩ đến Bồ-tát Pháp Thượng thì lại càng mến mộ cung kính: “Nay ta lại nghèo không có đủ trân châu bảo vật, hương hoa kỳ lạ để đến hiến dâng Thầy, vậy đem Bát nhã Ba la mật cúng dường Bồ-tát pháp Thượng, chẳng nên đi không để gặp Ngài. Ta có cung kính mà không có tài sản, không bằng bán thân cúng dường Bát nhã Ba la mật và Thầy. Bởi từ trước đến nay, thân này nhiều lần đã mất, nên nay không diệt, nhưng vẫn bị trói buộc trong dâm, nộ, si; làm phá hoại thân, nên vẫn thống khổ, mà cũng không vì Pháp, không vì Thầy, mà chỉ vì tham dục năm ấm, sáu căn.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát đi con đường lớn thẳng đến thành rao to:

–Tôi muốn bán thân, ai muốn mua tôi?

Khi đó ma Ba-tuần suy nghĩ: “Bồ-tát này đang vì Bát-nhã bala-mật, nên bán thân mình muốn đem cúng dường Bồ-tát Pháp Thượng, để được nghe Bát nhã Ba la mật phương tiện thiện xảo. Bồ-tát làm sao mà hành Bát nhã Ba la mật, mau đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho được; nghe rồi nhất định Bồ-tát cung kính cúi đầu lãnh thọ. Nếu ta không phá hoại thì Bồ-tát sẽ dạy vô số trăm ngàn Bồ-tát và các chúng sinh thoát khỏi cảnh giới của ta. Vậy ta nên đến phá hoại.”

Ma Ba-tuần làm cho nam nữ cả nước không thấy hình và không nghe tiếng nói của Bồ-tát.

Vì bán thân không được, nên Tát-đà-ba-luân buồn rầu khóc lớn: “Tôi rất tha thiết muốn bán thân mình để cúng dường Thầy mà không được.”

Khi đó Thích Đề-hoàn Nhân suy nghĩ: “Bồ-tát đang vì Bát nhã Ba la mật để cúng dường Bồ-tát Pháp Thượng. Ta đến đó xem thử người ấy vì cầu pháp hay là dối tra.” Nghĩ vậy rồi, Thích Đề-hoàn Nhân hóa làm vị Phạm chí trẻ tuổi đến nơi hỏi Bồ-tát Tát-đà-baluân:

–Này thiện nam! Vì sao không vui mà buồn rầu khóc lóc như thế?

Bồ-tát đáp:

–Này thiếu niên! Tôi vì pháp muốn bán thân cúng dường Thầy nhưng vẫn không bán được, không ai hỏi đến nên tôi khóc. Tự nghĩ mình đức mỏng không tài vật quý báu để cúng dường Thầy.

Thiếu niên nói với Bồ-tát:

–Tôi không cần người, tôi đang cúng tế, chỉ muốn cần máu, tủy và tim người. Hãy đưa cho tôi thì tôi sẽ đưa báu vật cho.

Bồ-tát vui mừng nói:

–Thế là tôi được lợi ích hoàn toàn, thiếu niên hãy mua tim tủy

và máu của tôi, cho tôi tài bảo để cúng dường Thầy. Khiến cho tôi được nghe Bát nhã Ba la mật và phương tiện thiện xảo thì tôi được mãn nguyện.

Thiếu niên lại hỏi:

–Ông bán tủy máu và tim giá bao nhiêu?

Bồ-tát đáp:

–Thiếu niên cho tôi nhiều ít tùy ý.

Tát-đà-ba-luân liền dùng tay phải tự đâm vào tay trái lấy máu cho thiếu niên, lại muốn chặt xương lấy tủy.

Trong thành, có một nữ trưởng giả tài giỏi hơn ma, không bị ma chế phục. Đang ở trên lầu trông thấy Bồ-tát đang tự hành hình, cô ta suy nghĩ: "Ta hãy xuống hỏi người ấy muốn gì?"

Đi xuống lầu gặp Bồ-tát, nữ trưởng giả hỏi:

–Này anh kia! Vì sao như vậy? Tự đâm mình lấy máu một cách tàn khốc, rồi lại còn muốn chặt xương nữa?

Tát-đà-ba-luân đáp:

–Vì muốn bán thân cho thiếu niên để được vật báu cúng dường Thầy với mục đích muốn nghe tôn kinh Bát nhã Ba la mật.

Nữ trưởng giả liền nói với Bồ-tát:

–Cúng dường cho Thầy sẽ được các công đức kỳ lạ đặc biệt gì?

Bồ-tát đáp:

–Thầy sẽ dạy cho tôi Bát nhã Ba la mật phương tiện thiện xảo, nói cho tôi sự hành pháp Bồ-tát, thời tôi sẽ học được pháp ấy, nhất định bắt đầu cho tất cả chúng sinh thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thân tôi sẽ được ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng vô thượng, đạt bốn Tâm vô lượng, bốn Vô sở úy, mười Lực của Phật, mười tám pháp Bất cộng, đạt sáu phép Thần thông, giới thanh tịnh không thể nghĩ bàn, thành Phật rồi được Tuệ vô ngại, sẽ được của báu vô thượng, trừ tất cả nghèo. Tôi sẽ được pháp này như vậy.

Nữ trưởng giả nghe nói vậy rồi hớn hở vui mừng nói Bồ-tát:

–Lành thay, lành thay! Hiền giả, thật là kỳ lạ đặc biệt, nên mới nói pháp vi diệu như vậy.

Bồ-tát lại nói:

–Hiền giả! Do một pháp này sẽ tìm gặp hằng hà sa pháp. Vì sao? Vì công dụng của pháp này rất sâu xa vi diệu.

Nữ trưởng giả nói:

–Này thiện nam! Điều mong muốn của ông sẽ được, chớ nghi nan. Các loại báu trân châu, kim ngân, hổ phách, chiên-đàn, hương thơm, lụa cờ, lọng hoa, tùy theo ý muốn của ông, tôi sẽ cho, có thể đem cúng dường Thầy. Ông chớ tự đâm cắt hủy hoại thân mình. Tôi cũng muốn đi đến chỗ đó cùng với ông để vun trồng gốc thiện. Như những gì ông nói, tôi cũng đều muốn đạt được.

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân biến Phạm chí thiếu niên trở lại thân mình, đứng trước Bồ-tát Tát-đà-ba-luân khen: "Hay thay, hay thay! Thiện nam, sự bền chí như Hiền giả quá khứ các Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Chánh Giác, hành Bồ-tát đạo, cầu Bát nhã Ba la mật phương tiện thiện xảo thành hiện Đẳng giác cũng như Hiền giả. Hôm nay, tôi cũng không cần tim tủy và máu người, vì tôi muốn thử nên đến đây, Hiền giả nguyện muốn gì?

Tát-đà-ba-luân đáp:

–Tôi không cần gì khác, chỉ nguyện được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Thiện nam! Đây là cảnh giới của chư Phật, không phải chỗ hiểu biết của tôi, hãy cầu mong chuyện khác để cho tôi hưởng ít nhiều phước.

Bồ-tát đáp:

–Giả sử đại nguyện chẳng phải cảnh giới của bạn thì xin thân thể tôi lành lặn như xưa, đó chính là phước rồi.

Vừa nói dứt lời, thân của Tát-đà-ba-luân liền trở lại như cũ. Lúc ấy, Đế Thích biến mất.

Nữ trưởng giả thưa Bồ-tát:

–Xin ông hãy theo tôi trở về gặp cha mẹ tôi và thưa với họ, tôi tùy theo ý muốn của ngài mà xin cấp những vật cần cúng dường như ý ngài muốn để phục vụ ngài. Tôi sẽ đến nơi Bồ-tát Pháp Thượng.

Khi ấy, Tát-đà-ba-luân đến nhà cô ta và đứng đợi ngoài cửa. Vào nhà, nữ trưởng giả thưa:

–Xin hãy cho con kim ngân, trân bảo, lưu ly, ma-ni, hương thơm, chiên-đàn, lọng, hoa, cờ đủ các loại y phục nhiều màu, cùng năm trăm nữ hầu và các thứ kỳ lạ khác để cúng dường, sẽ vì pháp cùng với Bồ-tát Tát-đà-ba-luân đến chỗ Bồ-tát Pháp Thượng ở nước Hương thị, muốn nghe kinh điển các pháp của Phật, con sẽ đạt được kết quả độ thoát chúng sinh. Cha mẹ hỏi:

–Tát-đà-ba-luân là ai?

Thưa:

–Người này đang đứng ngoài cửa, phát thệ nguyện kiên cố muốn cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì muốn cứu khổ vô cùng cho chúng sinh. Có pháp rất vi diệu tên Bát nhã Ba la mật. Đây là pháp Bồ-tát cần phải học. Thiện nam tử đó chỉ vì pháp này mà bán mình không tiếc thân mạng, tự đâm cắt thân mạng cúng dường Pháp Thượng Đại sư. Người này chí thành nên cảm động đến Đế Thích. Con thấy sự việc ấy nên đến hỏi: “Có oán hận gì kỳ lạ vậy, mà tự đâm cắt thân mình?” Tát-đà-ba-luân bảo con: “Tôi bán thân cho người thiếu niên để được tài vật cúng dường Thầy tôi. Tôi sẽ được ba mươi hai tướng tốt, Tám mươi vẻ đẹp như Phật, sẽ chuyển pháp luân độ thoát chúng sinh.” Con nghe thế rất vui mừng và ai nghe pháp này cũng đều vui cả. Con hứa cho đủ trân bảo cúng dường và theo hầu vị ấy. Vì thế, xin cha mẹ cho con trân bảo và các nữ hầu.

Cha mẹ bảo:

–Như lời con nói, người này tinh tấn một cách kỳ lạ, vì muốn cầu pháp chẳng thể nghĩ bàn mới không tiếc thân mạng như vậy.

Như lời con nói, thiện nam này chắc chắn có đầy đủ pháp Vô thượng làm an ổn chúng sinh. Kiến lập bốn hoằng đại thệ của Bồ-tát, ta làm sao trái nguyện này của con. Ta cũng muốn đến chiêm ngưỡng cúng dường Bồ-tát Pháp Thượng, nhưng vì già yếu không thể đi được. Tùy ý nguyện, con vui vẻ thay ta, tùy ý muốn trân kỳ bảo vật ta hoàn toàn đáp ứng mọi tâm nguyện của con.

Bấy giờ, nữ trưởng giả đem năm trăm chiếc xe trang sức bằng bảy báu và năm trăm thể nữ hầu cùng nhau trang sức xinh đẹp, chở tất cả thứ hoa nhiều màu sắc, y báu… Những thứ nói như trên. Và một chiếc xe riêng chở Tát-đà-ba-luân với năm trăm thể nữ đi theo.

Như vậy, tuần tự đi về phương Đông, họ trông thấy thành Hương thị, các loại thất bảo trân kỳ màu đen, vàng xinh đẹp chưa từng có như trên đã nói.

Lại thấy Bồ-tát Pháp Thượng cùng đại chúng đến trăm ngàn vạn vây quanh thuyết pháp ở giữa thành. Họ thấy vậy rồi lòng rất vui mừng, thân được an ổn như Tỳ-kheo đắc Tứ thiền.

Lại nghĩ: “Ta không nên ngồi trên xe mà phải xuống đi bộ.” Bồ-tát cùng nữ trưởng giả và năm trăm thể nữ theo hầu, tụ họp trước cửa thành. Nhìn thấy đài bằng bảy báu, dùng trân châu, chiên-đàn màu đỏ trang sức hai bên đường. Đài ấy hình tứ giác, có bốn bình báu đựng ngọc ma-ni phát ra ánh sáng suốt ngày đêm. Có lò hương bằng báu, thường đốt hương thơm, thơm ngát ngày đêm. Chính giữa đài có tháp bảy báu, dùng vật báu bốn màu làm rương; dùng vàng ròng tía mỏng để viết Bát nhã Ba la mật làm thành quyển kinh để trong rương đó. Lại dùng bảy báu dệt thành cờ treo hai bên, màu sắc cờ rực rỡ, phất phới theo chiều gió.

Tát-đà-ba-luân và năm trăm người nữ ấy thấy đài trang trí bằng bảy báu. Có Thích Đề-hoàn Nhân cùng các Thiên tử đem bột thơm mịn như vi trần được giả bằng chiên-đàn ở cõi trời, tung vãi khắp hư không lên đài và trổi nhạc cúng dường.

Lúc đó, Tát-đà-ba-luân hỏi thăm Thích Đề-hoàn Nhân:

–Ông dùng hoa này rải lên đài cúng dường để làm gì?

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

–Thiện nam! Ngài không biết thật sao? Bát nhã Ba la mật này

sinh các Bồ-tát, tất cả Bồ-tát đang học pháp này sẽ thành tựu công đức ba-la-mật, đầy đủ các pháp của Phật, đạt Nhất thiết trí, thế nên chúng tôi cúng dường.

Tát-đà-ba-luân nghe như vậy vô cùng vui vẻ.

Lại hỏi:

–Bát nhã Ba la mật hiện đang ở đâu?

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

–Trong rương bảy báu ở giữa đài. Bồ-tát Pháp Thượng đóng dấu bằng ấn bảy báu, các vị và tôi không thể thấy được.

Khi ấy, Tát-đà-ba-luân cùng nữ trưởng giả với trăm ngàn người nữ đều lấy các hoa thơm, hương thơm, chiên-đàn, các thứ báu lưu ly, ma-ni để cúng dường Bát nhã Ba la mật; để dành một phần đem đến nơi tòa để cúng dường Đại sư Pháp Thượng. Những hoa được rải hóa thành đài hoa bảy báu lơ lửng giữa hư không ngay trên Bồ-tát Pháp Thượng và mưa các hoa quý lên Bồ-tát Pháp Thượng, tung các y báu nhiều màu sắc lên đài, có hóa Thiên nhân tay cầm cờ trời phủ xuống.

Tát-đà-ba-luân với năm trăm người nữ thấy sự biến hóa như vậy đều nghĩ: “Sự biến hóa này của Đại Bồ-tát pháp Thượng thật chưa từng có. Huống gì thành bậc hiện chứng Đẳng giác Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Khi ấy, nữ trưởng giả và năm trăm người nữ thấy Bồ-tát Pháp Thượng đều hớn hở vui mừng. Họ đều phát ý Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đồng thời khen: “Nếu giữ gìn công đức này thì được pháp lợi ích cũng như vậy. Làm cho chúng ta được cúng dường Bát nhã Ba la mật như Bồ-tát Pháp Thượng. Chúng ta sẽ truyền bá rộng Bát nhã Ba la mật, độ chúng sinh cũng như Bồ-tát Pháp Thượng. Mong rằng chúng ta được Bát nhã Ba la mật, thành tựu phương tiện quyền xảo, tạo ra sự biến hóa này, đạt Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đối với các pháp được tự tại cũng như Đại sư Pháp Thượng.”

Lúc đó, Tát-đà-ba-luân với nữ trưởng giả cùng năm trăm người nữ cúng dường rồi đến trước đức Pháp Thượng đảnh lễ sát đất lui đứng một bên, cung kính chắp tay thưa:

–Khi xưa, con ở nơi thanh vắng nghe tiếng nói trong hư không: “Này thiện nam, từ đây đi về phương Đông có thể nghe được Bát nhã Ba la mật. Con đi về phương Đông nữa đường, suy nghĩ: “Con không nên theo ai để được nghe Bát nhã Ba la mật.” Nói rồi buồn rầu khóc lóc, đứng yên một chỗ, bảy ngày không nghĩ đến ăn uống, chỉ nghĩ lúc nào sẽ được Bát nhã Ba la mật.

Lúc đó, có Hóa Phật đứng trước con bảo rằng: “Này thiện nam, hãy giữ gìn ý chí dũng mãnh tinh tấn này. Từ đây đi về phương Đông hai vạn dặm, có nước tên Hương thị, có Bồ-tát tên Pháp Thượng thường thuyết Bát nhã Ba la mật, ông có thể nghe. Vị ấy là bậc Chân sư của ông.”

Nghe hóa Phật dạy rồi, con liền đi về phương Đông, nhìn thấy Đại sư trong ý an ổn hớn hở vui mừng. Ví như Tỳ-kheo đắc Tứ thiền. Do nhớ nghĩ Bát nhã Ba la mật nên đắc Vô thượng Tam-muội, liền thấy mười phương chư Phật khen con rằng: “Lành thay, lành thay! Tam-muội mà ông chứng được đều sinh ra từ Bát nhã Ba la mật. Khi còn hành Bồ-tát đạo, ta cầu Bát nhã Ba la mật cũng lại như vậy.” Khen ngợi con rồi, Ngài biến mất. Sau khi ra khỏi Tam-muội con suy nghĩ: “Chư Phật từ đâu đến, rồi đi về đâu?” Con rất buồn, lại nghĩ: “Đại sư Pháp Thượng được Bát nhã Ba la mật phương tiện thiện xảo. Đối với các pháp được tự tại, con nên đến hỏi Thầy: Mười phương chư Phật từ đâu đến và đi về đâu?”

Hôm nay, xin Đại sư giảng giải cho con, các Như Lai này từ đâu đến, con nguyện muốn nghe điều đó. Chúng con nghe rồi thường gặp chư Phật không rời Thế Tôn.

QUYỂN 20
Phẩm 89: PHÁP THƯỢNG

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Pháp Thượng bảo Bồ-tát Tát-đà-ba-luân:

–Này thiện nam! Các Như Lai thường không lay động, không đi cũng không đến. Như Lai nghĩa là: Như như, không sinh không diệt. Không sinh nghĩa là: không đến cũng không đi; không sinh chính là Như Lai.

–Này thiện nam! Thật tế không biết lúc đến cũng không biết lúc đi; thật tế ấy chính là Như Lai. Hư không: không đến cũng không đi; hư không ấy chính là Như Lai. Chân đế: không biết lúc đến cũng không biết lúc đi; Chân đế ấy chính là Như Lai. vô vi: không đến cũng không đi; vô vi ấy chính là Như Lai. Diệt tận: không đến cũng không đi; Diệt tận ấy chính là Như Lai.

Này thiện nam! Như Lai không lìa pháp này, các pháp này chính là chân thật của Như Lai.

Này thiện nam! Như vậy, có một không hai, không ba cũng không số lượng, vì pháp là không vậy.

Này thiện nam! Ví như thời tiết mùa Xuân đã qua, mùa Hạ nóng gắt. Nóng thời có sóng nắng, người ngu đuổi theo bảo cho là nước, chạy theo tìm không ngừng nghỉ, cho rằng sẽ được nước. Ý Hiền giả thế nào? Nước mà người ấy rượt theo là nó từ đâu đến? Từ biển Đông, biển Tây, biển Nam, biển Bắc, hay từ biển nào đến?

Tát-đà-ba-luân đáp:

–Sóng nắng khi trời nóng không phải là nước thì làm sao gọi là từ biển đưa đến đây?

Pháp Thượng nói:

–Này thiện nam! Người phàm phu kia, vì nóng khát tưởng cho là nước, nên đuổi theo mệt nhọc, cuối cùng cũng không được nước.

Như các hữu tình có tưởng cho rằng, các Như Lai có đến có đi, cũng như hàng phàm phu kia không khác. Vì sao? Đừng dùng sắc thân mà quán Như Lai. Như Lai là pháp tánh không đến, cũng không đi. Các Như Lai cũng như vậy, không đến không đi.

Này thiện nam! Ví như ảo thuật hóa ra voi, ngựa, xe cộ. Nếu ai gọi các ảo thuật ấy có đến có đi đều là người ngu. Người cho rằng các Như Lai có đến có đi cũng là phàm phu. Vì sao? Vì pháp tánh không đến cũng không đi.

Tát-đà-ba-luân bạch Pháp Thượng:

–Việc thấy trong mộng đều không, không thật, đều không có.

Pháp Thượng bảo:

–Này thiện nam! Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói: Các pháp đều như có trong mộng. Nếu pháp mộng huyễn có thật tướng thì không biết Như Lai. Chỉ dựa vào thân danh sắc Như Lai mà thôi. Cho rằng, Như Lai có tướng đến đi, hạng này đều là phàm phu vô trí, hạng này sẽ luân hồi vô số trong sinh tử, cách xa Bát-nhã bala-mật, cách xa pháp của chư Phật.

Đối với các pháp mộng huyễn mà biết các pháp ấy như mộng huyễn thì người đó biết Như Lai.

Đối với các pháp Như Lai cầu có tướng đến đi, cũng không cầu các Như Lai có sinh có diệt. Các ông nếu biết Như Lai không đến không đi, không sinh không diệt thì không bao lâu nữa sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó là hành Bát nhã Ba la mật, đó là đệ tử của Phật. Những người này đáng nhận của cúng dường trong nước và làm phước điền cho nhân gian.

Này thiện nam! Ví như báu vật quý giá trong biển lớn, không từ mười phương quốc độ mà đến. Do phước người nên biển sinh báu này, đều do nhân duyên nên sinh ra báu này, khi diệt thì không trở về mười phương. Từ nhân duyên mà có, do nhân duyên mà mất, cũng không từ mười phương đến hay đi.

Này thiện nam! Thân chư Phật do các hành làm nhân duyên nên được tạo thành, đạt được đến bản hạnh rồi không còn dùng hành nữa, đi khắp mười phương. Nếu không có các hành thì luôn luôn nhân duyên để tập hợp, hoặc không nhân duyên thì không có thân.

Này thiện nam! Ví như đàn không hầu nhờ vào sợi dây và con ngựa đàn, có người đánh thì phát ra âm thanh, khi âm thanh dứt thì không biết đi về đâu? Khi tiếng đàn này phát ra cũng không từ đâu đến, khi tiếng dứt cũng không biết về đâu!

Muốn biết thân Phật cũng như vậy, có phước đức vô lượng không do một việc, mà phải do nhiều nhân duyên chủng họp mới thành, không lìa nhân duyên mà có.

Này thiện nam! Nên biết chư Phật không đến đi, tất cả các

pháp đều như vậy cũng không sinh diệt. Ông biết vậy rồi đạt đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhất định hoàn thành Bát-nhã ba-lamật phương tiện thiện xảo.

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân đem hoa trời Mạn-đà-la trao cho Tát-đà-ba-luân và nói:

–Xin cúng dường Bồ-tát Pháp Thượng và hồi hướng phước ấy cho tôi. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh sẽ nhờ ân của Ngài sẽ đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thưa Nhân giả! Ở đời này, bậc Thượng sĩ rất ít có, khó gặp. Các ngài lao khổ nhọc nhần vì chúng sinh trong vô tận số kiếp mà vẫn không cho là khổ nhọc.

Khi ấy, Tát-đà-ba-luân nhận hoa Mạn-đà-la của Thích Đềhoàn Nhân đem rải lên Bồ-tát Pháp Thượng. Rải xong, thưa:

–Từ nay về sau, con đem thân dâng cho Thầy, để cung cấp hầu hạ những điều cần dùng. Nói rồi chắp tay lui đứng một bên.

Bấy giờ, nữ trưởng giả và năm trăm nữ hầu thưa Bồ-tát Tát-đàba-luân:

–Chúng con nguyện đem thân mạng dâng lên cho Thầy, cung cấp những việc cần dùng, đem công đức này nguện được pháp lợi như Đại sư ngày nay. Sẽ cùng với Đại sư cúng dường chư Phật Thế Tôn.

Tát-đà-ba-luân bảo nữ trưởng giả và năm trăm nữ hầu:

–Các vị theo lời dạy của tôi, tôi sẽ nhận các vị.

Các người nữ thưa:

–Thân mạng của chúng con do nơi Thầy dạy bảo, không dám trái lời.

Tát-đà-ba-luân bạch Bồ-tát Pháp Thượng:

–Con nguyện đem thân này với năm trăm người nữ, năm trăm cỗ xe, cùng tất cả tài vật dâng cúng Đại sư. Xin Ngài thương chúng con mà nhận cho.

Thích Đề-hoàn Nhân khen:

–Hay thay, hay thay! Hiền giả phát ý Bồ-tát sẽ được những gì như Hiền giả đã làm. Bồ-tát bố thí như vậy mau đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Việc cung kính dâng nhờ Thầy, có thể mau nghe được Bát nhã Ba la mật phương tiện thiện xảo. Quá khứ các Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác đều như vậy, xả bỏ tâm ý Bố thí sẽ đắc Bát nhã Ba la mật phương tiện thiện xảo, thành bậc hiện chứng Đẳng giác.

Khi ấy, Bồ-tát Pháp Thượng nhận Tát-đà-ba-luân và nữ trưởng giả, năm trăm nữ hầu, năm trăm cỗ xe và tất cả các vật trân bảo vì muốn làm cho Tát-đà-ba-luân thành tựu công đức. Tuy đã nhận nhưng đem hoàn toàn lại cho Bồ-tát Tát-đà-ba-luân.

Khi ấy trời đã tối, Bồ-tát Pháp Thượng từ tòa cao đứng dậy trở vào cung.

Bấy giờ, Tát-đà-ba-luân nghĩ: "Ta vì pháp mà đến không nên ngồi nằm nên thực hành hai việc để đợi Thầy: Một là kinh hành; hai là đứng thẳng."

Khi ấy, Bồ-tát Pháp Thượng vào ngồi giữa cung, dùng Bát nhã Ba la mật phương tiện quyền xảo thực hành vô tận số Tam-muội đến bảy năm. Suốt bảy năm, Tát-đà-ba-luân cũng không ngồi nằm, thường kinh hành, đứng thẳng, không phát sinh ba cấu, không nghĩ đến ăn uống, chỉ nhớ nghĩ Bồ-tát Pháp Thượng sẽ ra thuyết pháp Bát nhã Ba la mật cho mình.

Sau bảy năm, Tát-đà-ba-luân suy nghĩ: "Ta sẽ trang trí chỗ ngồi của Thầy với các loại hoa đẹp, đốt các loại hương thơm để đợi Pháp sư. Ngài sẽ vì đại chúng thuyết Bát nhã Ba la mật."

Tát-đà-ba-luân với năm trăm người nữ đều đem những y phục đẹp quý mềm mại ở trên thân trải lên tòa. Tát-đà-ba-luân đi tìm nước để rưới lên đất nhưng không có. Bởi vì, ma Ba-tuần che giấu nên nước không xuất hiện, muốn phá hoại Bồ-tát làm cho tâm ý loạn động, không muốn làm cho ngài thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tát-đà-ba-luân suy nghĩ: “Ta sẽ tự đâm mình ra máu để dùng rưới nơi đất. Vì sao? Vì sợ đất có bụi bay đến dơ Thầy. Ta không tiếc thân mạng mỏng manh. Vì sao? Vì vô số kiếp từ xưa đến nay đã vứt bỏ thân thể này vô số không thể tính hết mà chưa gặp pháp Vô thượng này.” Nghĩ xong, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân liền dùng dao bén đâm vào thân rồi, lấy máu rưới lên đất, năm trăm người nữ cũng đều làm như vậy. Lúc đó, ma Ba-tuần không làm gì được.

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân nghĩ: “Bồ-tát Tát-đà-ba-luân với năm trăm người nữ rất kỳ lạ đặc biệt, vì ham muốn công đức đến nỗi không tiếc thân mạng để cúng dường Pháp sư. Ma Ba-tuần tuy muốn phá hoại nhưng không được. Do vì đại nguyện kiên cố nên không tiếc thân mạng. Vì muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác để độ chúng sinh thoát khỏi nỗi khổ vô hạn.” Khi ấy, Đế Thích khen:

–Lành thay! Lành thay! Vì nguyện vô lượng nên Hiền giả tinh tấn không thể nghĩ bàn. Thời quá khứ chư Phật thực hành tinh tấn cũng như vậy.

Tát-đà-ba-luân suy nghĩ: “Ta đã trải tòa cho Thầy xong, ước gì có hoa thơm đẹp, để rải lên khi Pháp sư ra.”

Khi ấy, Đế Thích biết được suy nghĩ đó, liền đem hoa Mạn-đàla ngàn cánh trên trời, trao cho Bồ-tát, nói:

–Hãy đem hoa này để cúng dường Thầy và rải lên đất.

Bồ-tát liền lấy hoa rải lên đất và lưu lại một phần.

Đã bảy năm, sau đó Bồ-tát Pháp Thượng từ trong cung đi ra đến chỗ ngồi. Tát-đà-ba-luân với năm trăm người nữ liền cầm hoa trời rải lên Pháp Thượng, cúi đầu đảnh lễ lui ngồi một bên.

Bồ-tát pháp Thượng bảo Bồ-tát Tát-đà-ba-luân:

–Này thiện nam! Hãy lắng nghe lãnh thọ và khéo suy nghĩ! Lúc ấy, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân vâng lời lắng nghe. Các pháp bình đẳng như: Kim cang bình đẳng, như các pháp vắng lặng, các pháp bình đẳng vắng lặng, không động, nên Bát nhã Ba la mật bình đẳng vắng lặng không động cũng như Kim cang.

Các pháp không có chỗ dựa, các pháp không sợ sệt; các pháp chỉ một vị, nên Bát nhã Ba la mật cũng không chỗ dựa; các pháp chỉ một vị không sợ sệt; các pháp không sinh; các pháp không diệt; các pháp như không, nên Bát nhã Ba la mật cũng không sinh, không diệt cũng như hư không. Năm ấm không đáy, không biên tế; các pháp không đáy, bốn đại không đáy nên Bát nhã Ba la mật cũng không đáy. Không, là không có ngằn mé. Biển lớn không có ngằn mé, các pháp không có ngằn mé, nên Bát nhã Ba la mật cũng không ngằn mé. Ví như núi Tu-di, tất cả trang nghiêm tốt đẹp, Bát nhã Ba la mật cũng như vậy.

Các pháp không bị phá hoại, các pháp không thể thấy được, các pháp không chỗ nhận lấy, các pháp không có sở hữu, các pháp không thể nghĩ bàn, nên biết Bát nhã Ba la mật không bị phá hoại, cũng không thể có, không có chỗ nhận, cũng không có sở hữu không thể nghĩ bàn cũng như vậy.

Ngay khi ấy, tại chỗ ngồi Tát-đà-ba-luân đắc các pháp Tam-muội Bình đẳng; Tam-muội Các pháp vắng lặng; Tam-muội Bất động, Tam-muội Vô ỷ; Tam-muội Vô úy; Tam-muội Nhất vị, Tam-muội Vô sinh; Tam-muội Vô diệt; Tam-muội Hư không; Tam-muội năm ấm vô đế; Tam-muội Các pháp vô đế; Tam-muội Tứ đại vô biên; Tam-muội Hư không tánh; Tam-muội Như hải;

Tam-muội Như Tu-di sơn; Tam-muội Kim cang, Tam-muội Vô sở phá hoại, Tam-muội Vô sở đắc, Tam-muội Vô sở thọ; Tam-muội Vô sở hữu; Tam-muội Chẳng thể nghĩ bàn; Tam-muội Như thị đẳng; được sáu vạn môn Tam-muội như vậy.

QUYỂN 20
Phẩm 90: CHÚC LỤY

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Lúc đó, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân đắc sáu vạn Tam-muội rồi, thấy hằng hà sa số mười phương tam thiên đại thiên quốc độ, thấy các Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác và Tỳ-kheo Tăng đại chúng vây quanh thuyết Ba-la-mật, cũng như ta ngày nay, vì các ông thuyết Bát nhã Ba la mật. Mười phương chư Phật cũng như vậy, tên là Thích-ca Văn.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân học hỏi đầy đủ nên trí tuệ như biển, luôn

luôn sinh vào chỗ có Phật, gần gũi Đức Phật, ở trong chiêm bao cũng nhớ đến Phật, vượt qua các nạn đã được tự tại.

Cho nên, Tu-bồ-đề, phải biết Bát nhã Ba la mật làm cho các Đại Bồ-tát đạt đến Nhất thiết trí. Nếu Bồ-tát muốn học sáu pháp Bala-mật, muốn đạt Nhất thiết trí, cảnh giới chư Phật, thì nên học hành Bát nhã Ba la mật nên thọ trì giữ gìn đọc tụng, giảng nói ý nghĩa rộng rãi bên trong cho mọi người. Đem hoa đẹp, hương thơm, tràng phan, lọng báu của mình bằng nhiều phương tiện đem cúng dường cho ngài. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật là chỗ tôn trọng của chư Phật, là pháp đứng đầu các pháp.

Phật bảo A-nan:

–Ý ông thế nào? Ông có tôn trọng kính mến Như Lai không?

A-nan đáp:

–Dạ vâng thưa Thế Tôn, con kính mến Như Lai, điều ấy Như

Lai tự biết.

Phật nói:

–Ông thật kính mến Như Lai. Này A-nan, ông theo ta từ trước đến nay, thân, khẩu, ý ông thường từ hòa tốt đẹp. Nay ta đã già, ông đã làm hoàn tất công việc cúng dường của người đệ tử. Ông từ nay trở đi cung kính vâng thờ Bát nhã Ba la mật.

Thế Tôn đã chúc lụy ba lần như vậy.

Vì sao Ngài ân cần tôn trọng như thế? Là vì Ngài muốn làm cho Bát nhã Ba la mật không đoạn diệt. Nếu bị đoạn diệt thì tất cả chúng sinh chịu cảnh mù tối. Ở đời, nếu Bát nhã Ba la mật không bị đoạn tuyệt thì chư Phật Như Lai cũng không đoạn tuyệt. Nếu Bát nhã Ba la mật bị đoạn tuyệt thì chư Phật Như Lai sẽ đoạn tuyệt.

Này A-nan! Nếu Bát nhã Ba la mật còn ở đời thì phải biết Như Lai thường trụ thuyết pháp. Tất cả chúng sinh không rời Phật, không rời việc thuyết pháp.

Này A-nan! Nếu có người biên chép, phúng tụng, nhớ nghĩ, tu hành giải nói nghĩa kinh và cúng dường quuyển kinh Bát-nhã ba-lamật, lại dạy người khác biên chép phúng tụng, rộng nói cho người hiểu thì phải biết người này thường gặp chư Phật, không lìa chư Phật.

Khi Phật nói như vậy, Bồ-tát Di-lặc, Trưởng lão Tu-bồ-đề, Tôn giả Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Phân-nậu-văn-đà-ni-tử, Ma-ha Câu-hy-la, Ma-ha Ca-chiên-diên, Hiền giả A-nan. Tất cả hội chúng, chư Thiên, A-tu-la, nghe Phật thuyết rồi, đều vui mừng đến trước Phật đảnh lễ.

HẾT

(Kinh "Phóng Quan Bát Nhã")

---o0o---

(Tạng Thư Phật Học)

3. KINH "QUANG TÁN"

*Đại Tạng Kinh Việt Nam mang số số 0222, gồm 10 quyển do Tam tạng Trúc Pháp Hộ dịch từ Phạn sang Hán, **Dịch Hán ra Việt:** Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh.*

--- o0o ---

MỤC LỤC:

--- o0o ---

QUYỂN 1
Phẩm 1: QUANG TÁN

Nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật du hành ở nước La-duyệt-kỳ, ngụ trong núi Kỳ-xà-quật cùng với năm ngàn vị đại Tỳ-kheo Tăng. Các vị đều là A-la-hán, các lậu đã hết, không còn trần cấu, đã được tự tại, tâm an lạc giải thoát, tuệ hoàn toàn giải thoát, nhân từ hòa thuận, là những bậc đại khai đạo, việc làm đã xong, sự tu tập đã rốt ráo, vứt bỏ gánh nặng, đạt được lợi mình, trừ hoạn luân hồi, bình đẳng giải thoát, chỉ trừ một vị là bậc Hữu học Tu-đà-hoàn, đó là Hiền giả A-nan.

Lại còn có năm trăm vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đều hiện diện tại đây và các Đại Bồ-tát đắc các tổng trì, thành tựu Tam-muội, tu hành hạnh không, tuân theo vô tướng, chẳng nghĩ các nguyện, đạt được đẳng nhẫn, vô số tổng trì, chứng đắc năm thông, nói lời thông minh, mẫn tiệp, không có biếng lười, từ bỏ tâm luyến mộ lợi lộc thế tục, giảng nói kinh pháp

chẳng cầu cúng dường, đạt pháp mầu sâu xa, đã được giải thoát, không còn sợ hãi, siêu vượt việc ma, thoát tất cả chướng ngại của ấm, cái, giảng thuyết nhân duyên, chỗ hướng đến của tâm chí, từ vô số kiếp tinh tấn hành hạnh nguyện. Ý hướng của các vị ấy là đối với người khác, thường vui vẻ thăm hỏi trước, xa lìa sự kết oán, vào trong hội chúng đông đảo, oai thế trang nghiêm không hề sợ hãi, nhớ nghĩ sự việc vô lượng ức kiếp, nếu nói kinh pháp thì làm sáng tỏ các nghĩa như huyễn hóa, cảnh ảo, trăng dưới nước, mộng, bóng, tiếng vang, hoặc như hình tượng trong gương, đơn độc, dũng mãnh, dùng tuệ vi diệu biết sự mống khởi của tâm chúng sinh, vượt qua sự phân biệt, lòng không ôm hại, ân cần, nhẫn nhục, đầy đủ hạnh nguyện, quán xét kỹ người sẽ được độ, nguyện lực vô hạn nhận lãnh cõi Phật, thường nhập định Tam-muội, trông thấy vô số thế giới chư Phật, thấu suốt những điều cần thưa hỏi vô lượng chư Phật Thế Tôn, có khả năng quyết định lui tới những nơi đủ loại kiến chấp, dùng định ý tự vui, giảng giải trăm ngàn hạnh. Các Đại Bồ-tát mà đức độ đều như thế, có danh hiệu là Bồ-tát Bạt-đa-hòa, Bồ-tát La-lâu-na-kiệt, Bồ-tát Ma-ha Tu-bồ-hòa, Bồ-tát Na-la-đạt, Bồ-tát Kiều-nhật-đâu, Bồ-tát Hòa Luân Điều, Bồ-tát Nhân Để, Bồ-tát Hiền Thủ, Bồ-tát Diệu Ý, Bồ-tát Tăng Ý, Bồ-tát Bất Hư Kiến, Bồ-tát Lập Nguyện, Bồ-tát Châu Triền, Bồ-tát Thường Tinh Tấn Ứng, Bồ-tát Bất Trí Viễn, Bồ-tát Nhật Thạnh, Bồ-tát Vô Ngô Ngã, Bồ-tát Quan Thế Âm, Bồ-tát Tiệm Thủ, Bồ-tát Bảo Ấn Thủ, Bồ-tát Thường Cử Thủ, Bồ-tát Thường Hạ Thủ, Bồ-tát Từ Thị. Các chúng Bồ-tát như thế vô lượng, ức trăm ngàn cai chẳng thể kể xiết, tất cả đều là bậc diệu đức đồng chân thanh tịnh.

Bấy giờ Đức Thế Tôn ngồi kiết già ngay thẳng trên tòa Sư tử tự nhiên, đã có chủ định là chế chỉ tâm ý. Có Tam-muội tên là Định ý vương, khi nhập định này thì tự nhiên được chánh định và nhập vào khắp các định ý khác, sự cứu độ bình đẳng, chế ngự để hướng dẫn. Đức Phật vừa nhập Tam-muội này thì tâm Ngài an tịnh. Dùng đạo nhãn quan sát thế giới này, thần thái thung dung. Ngài mỉm cười, từ lòng bàn chân phóng ra sáu vạn trăm ngàn ánh sáng, từ mười ngón chân phóng ra mười ức trăm ngàn ánh sáng, từ hai bên sườn phóng ra hai ức trăm ngàn ánh sáng, từ hai đầu gối phóng ra hai ức trăm ngàn ánh sáng, từ hai chân phóng ra hai ức trăm ngàn ánh sáng, từ hai vai phóng ra hai ức trăm ngàn ánh sáng, từ hai khủy tay phóng ra hai ức trăm ngàn ánh sáng, từ rốn phóng ra hai ức trăm ngàn ánh sáng, từ đầu phóng ra ức trăm ngàn ánh sáng, từ mười ngón tay phóng ra mười ức trăm ngàn ánh sáng, từ hai cánh tay phóng ra hai ức trăm ngàn ánh sáng, từ hai mi phóng ra hai ức trăm ngàn ánh sáng, từ sau cổ phóng ra ức trăm ngàn ánh sáng, từ hai mắt phóng ra hai ức trăm ngàn ánh sáng, từ hai tai phóng ra hai ức trăm ngàn ánh sáng, từ mũi phóng ra ức trăm ngàn ánh sáng, từ bốn mặt phóng ra bốn trăm ức trăm ngàn ánh sáng, từ bốn mươi cái răng phóng ra bốn mươi ức trăm ngàn ánh sáng, từ tướng giữa chặn mày phóng ra ức trăm ngàn ánh sáng, từ nhục kế trên đảnh phóng ra sáu vạn ức trăm ngàn ánh sáng. Những luồng ánh sáng này chiếu sáng cả tam thiên đại thiên thế giới, không đâu là không sáng, chiếu khắp hằng hà sa cõi Phật ở phương Đông. Phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn phía, trên dưới cũng đều như vậy. Chúng sinh nào nhờ gặp được ánh sáng này thì tâm tĩnh lặng đều phát đạo Vô thượng chánh chân.

Khi ấy, Đức Thế Tôn liền vui vẻ mỉm cười, từ dưới các lỗ chân lông phóng ra các luồng ánh sáng chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới này và chiếu khắp mười phương, không đâu không

tiếp giáp. Trong hằng hà sa thế giới chư Phật, chúng sinh nào được ánh sáng này chiếu đến đều được tĩnh lặng, chỉ chú tâm đến đạo Vô thượng chánh chân.

Bấy giờ, Thế Tôn liền hiển hiện ánh sáng chí tánh chân diệu thanh tịnh, chiếu tam thiên đại thiên thế giới, soi sáng khắp hằng hà sa các cõi Phật mười phương. Nếu chúng sinh nào gặp được ánh sáng này thì rốt ráo đạt đến đạo Vô thượng chánh chân.

Khi ấy, Đức Thế Tôn từ cái lưỡi vốn che trùm cõi Phật của Ngài, phát ra vô số ức trăm ngàn ánh sáng, chiếu sáng tam thiên đại thiên thế giới này và chiếu khắp hằng hà sa các cõi Phật trong mười phương. Trong ánh sáng ấy, tự nhiên phát sinh những hoa sen báu bằng vàng, trên mỗi hoa sen ấy đều có các Đức Phật ngồi kiết già giảng thuyết kinh pháp, diễn bày sáu pháp Ba-la-mật, tất cả mười phương cũng lại như thế. Nếu có chúng sinh nào nghe pháp được giảng này thì rốt ráo, tất cả đều được an trụ vững chắc ở quả vị giác ngộ cao tột.

Khi ấy, Đức Thế Tôn ngồi trên tòa Sư tử. Có Tam-muội tên là Sư tử ngu lạc, Ngài nhập Tam-muội này tự nhiên chánh định, đúng như trạng thái của nó, biểu hiện oai quang, thị hiện thần túc, cả tam thiên đại thiên thế giới chấn động sáu cách, cả những nơi biên tế cũng lay động, làm cho từ trong đến ngoài đều thuận hòa yên ả, vì thương xót tất cả các loài chúng sinh nên làm cho họ được an ổn, khoái lạc, không còn lo lắng.

Bấy giờ chốn địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh trong tam thiên đại thiên thế giới, các việc không an ổn, các việc sợ hãi, nguy khốn tự nhiên chấm dứt. Ba đường ác đã trừ, họ đều được sinh vào cõi người, cõi bốn Thiên vương, cõi trời Đao-lợi, trời Diệm, trời Đâu-thuật, trời Ni-ma-la, trời Ba-la-ni-mật.

Khi ấy chư Thiên vừa sinh trong nhân gian, trên cõi trời, liền biết đời trước của mình, hoan hỷ mừng vui, đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu sát chân, chắp tay kính lễ. Tất cả mười phương cũng giống như vậy, không gì sai trái.

Bấy giờ các loài chúng sinh trong ba ngàn thế giới này, người mù được thấy các cảnh vật, người điếc nghe hết các âm thanh, người chí loạn tâm mê thì tỉnh lại, người mê muội sân hận thì tức thời định tỉnh, người không có y phục tự nhiên có y phục, người đói khát thiếu thốn tự nhiên no đủ, người khát khao mong cầu, không mong cầu gì nữa, người tật bệnh được lành, người tàn tật các căn đầy đủ, người cực nhọc tự nhiên được thư thả, người từ lâu cô độc không còn cô độc nữa. Tất cả chúng sinh đạt được tâm bình đẳng, tuần tự coi nhau như cha như mẹ, như anh như em, như chị như em, mọi người đều đồng tâm, không thiên vị, cùng hành tâm từ. Tất cả chúng sinh đều tu mười điều thiện, phạm hạnh thanh tịnh, không có phiền não. Tất cả mọi người đều được an ổn, sự an ổn đạt được giống như Tỳ-kheo đắc tầng thiền thứ ba. Khi ấy chúng sinh đạt được trí tuệ và thiền định, an vui trọn vẹn, xa lìa sự thấp hèn, đạt được sự hòa nhã.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở tại tòa Sư tử trong tam thiên đại thiên thế giới, oai thần lồng lộng vô cùng siêu việt khác thường, hào quang chói sáng, không có sợ sệt, tôn nhan toàn bích ánh sáng tinh khiết rực rỡ, chiếu khắp hằng hà sa các cõi Phật ở phương Đông và khắp hằng hà sa các cõi Phật tám phương trên dưới, như núi Tu-di vượt lên trên tất cả các núi, ánh sáng đó chiếu thấu mọi nơi.

Khi ấy Thế Tôn thừa Thánh chỉ tự nhiên của chư Như Lai làm cho chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đều cùng nhìn thấy Như Lai. Lúc đó, ở thế giới này, chư Thiên Thủ đà vệ

Tịnh cư, trời Phạm, trời Ba-la-ni-mật, trời Ni-ma-la, trời Đâu-thuật, trời Diệm, trời Đao-lợi, trời Tứ Thiên vương và nhân dân ở tại tam thiên đại thiên thế giới, tự nhiên thấy mình gần gũi Đức Như Lai, đều được hoa trời tự nhiên truyền đến mùi hương cõi trời như hương, hương tạp, hương bột, các hoa tươi như hoa sen xanh, hoa phù dung. Các loại hoa trời đẹp đẽ đầy đủ cành lá. Mọi người đều mang đến chỗ Như Lai, cúi đầu sát chân Phật, rải cúng trên Ngài. Và tại nhân gian, mọi người đều cầm các loại hoa trên đất, dưới nước đi đến chỗ Thế Tôn để cúng dường. Các loại hoa mà chư Thiên và loài người đã rải cúng dường bay lên hư không, hóa thành cung điện, lầu gác tự nhiên. Từ cung điện ấy thả xuống các loại hoa trời, lọng lụa, cờ phướn tung bay phất phới, hiện rõ khắp nơi. Các loại hoa hương kia trang nghiêm cõi Phật trong tam thiên đại thiên thế giới tự nhiên rạng rỡ, hình dạng màu sắc như vàng mài tía. Tám hướng, trên dưới thơm phức, rực rỡ cũng giống như thế.

Bấy giờ dân chúng ở cõi Diêm-phù-đề nhìn thấy Đức Như Lai hiện thân uy nghiêm biến hóa không thể kể xiết, ai nấy đều nghĩ là hôm nay Đức Như Lai ngồi trước ta. Khắp các cõi Phật khác cũng giống như vậy, ai nấy đều nghĩ là hôm nay Đức Như Lai ngồi ở trước ta mà thuyết kinh pháp.

Khi ấy Đức Thế Tôn ở trên tòa Sư tử lại vui vẻ mỉm cười. Lại một lần nữa, ánh sáng rực rỡ rộng lớn chiếu cả tam thiên đại thiên thế giới. Ở cõi này, dân chúng đều nhìn thấy Như Lai Chí Chân, Đẳng Chánh Giác và chúng Bồ-tát, Thanh văn hiện ở trong hằng hà sa cõi Phật ở phương Đông. Lại nữa, các chúng sinh trong hằng hà sa các cõi Phật ở phương Đông cũng đều trông thấy Đức Phật Thích-ca Văn cùng Tỳ-kheo Tăng và các Bồ-tát đang ngồi thuyết kinh. Tám hướng, trên dưới, cũng lại như thế, đều trông thấy cảnh tượng này không sai khác.

Bấy giờ vượt qua hằng hà sa thế giới chư Phật ở phương Đông, có thế giới cuối cùng tên là Bảo tích, Đức Phật hiệu là Bảo Sự Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác hiện đang vì các chúng sinh giảng thuyết kinh Ma-ha Bát nhã Ba la mật đa. Lúc đó, ở thế giới Phật kia, có Bồ-tát hiệu là Phổ Minh thấy ánh sáng lớn và đại địa chấn động liền đi đến chỗ Đức Như Lai Bảo Sự cúi đầu thưa hỏi:

–Kính bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì ánh sáng lớn ấy chiếu sáng cõi Phật này và đại địa chấn động? Tự nhiên được thấy thân các Đức Như Lai, hẳn có ý gì?

Đức Phật kia bảo Bồ-tát Phổ Minh:

–Này tộc tánh tử, nên biết, ở rất xa về phương Tây, có thế giới Nhẫn, Đức Phật ở cõi ấy hiệu là Thích-ca Văn Như Lai, hiện nay đang vì các Bồ-tát thuyết Bát nhã Ba la mật đa. Đó là ánh sáng oai thần của Đức Phật đó vậy.

Bồ-tát Phổ Minh thưa với Đức Như Lai Bảo Sự:

–Bạch Thế Tôn! Con muốn đến cõi ấy yết kiến Đức Như Lai Thích-ca Mâu-ni và đảnh lễ Ngài. Các chúng Đại Bồ-tát đồng chân… là những vị đắc tổng trì, Tam-muội rốt ráo, định ý tự tại, đã được giải thoát cũng muốn đến chỗ Đức Thích-ca Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.

Đức Bảo Sự Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác bảo Bồ-tát Phổ Minh:

–Thiện nam hãy đi đi! Ông nên biết đã đúng lúc.

Khi ấy Đức Như Lai Bảo Sự ban cho Bồ-tát Phổ Minh hoa sen màu vàng có ngàn cánh và bảo:

Thiện nam tử hãy cầm lấy hoa sen báu này dùng để rải cúng Đức Như Lai Thích-ca. Này thiện nam! Muốn đến đó phải tu hạnh tịch nhiên. Bồ-tát nào sinh vào thế giới nhẫn ấy thì có rất nhiều hoạn nạn, cũng khó gặp gỡ.

Bồ-tát Phổ Minh liền nhận hoa sen màu vàng ấy, cùng với vô số ức trăm ngàn cai các chúng Bồ-tát, nam nữ lớn nhỏ, tại gia xuất gia đem đồ cúng dường chư Phật Thiên Trung Thiên ở phương Đông, cung kính đảnh lễ, dâng lên các thứ hương hoa, hương tạp, hương bột. Rồi họ lần lượt đi đến chỗ Đức Như Lai Thích-ca, cúi đầu sát chân lui đứng một bên.

Bồ-tát Phổ Minh thưa với Thế Tôn:

–Kính bạch Đại Thánh! Đức Như Lai Bảo Sự ân cần kính lời vấn an Ngài, sự khất thực có dễ dàng và sự giáo hóa có an ổn chăng? Lại xin dâng lên Ngài hoa sen màu vàng này.

Đức Phật nhận hoa sen, liền tung rải xa đến hằng hà sa cõi Phật ở phương Đông, tự nhiên có Đức Phật ngồi trên hoa sen màu vàng giảng nói kinh pháp, lại cũng diễn nói sáu pháp Ba-la-mật. Có chúng sinh nào nghe lời thuyết giảng này thông suốt tất cả thì tức thời an trú vững vàng nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nam nữ, lớn nhỏ đều lễ sát chân Phật, đều dùng công đức cúng dường Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.

Ở phương Nam, cách cõi này hằng hà sa cõi, tận cùng biên tế, có cõi Phật tên là Ly nhất thiết ưu. Đức Phật ở đó hiệu là Vô Ưu Thủ Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Ở đó có Bồ-tát tên là Ly Thích, thưa trình sự việc với Phật. Đức Phật ban cho hoa sen. Bồ-tát ấy cùng vô số Bồ-tát đi qua các quốc độ, cúng dường chư Phật, rồi đến chỗ Đức Như Lai Thích-ca Mâu-ni, đảnh lễ cúng dường, lui ngồi nghe kinh.

Ở phương Tây, cách cõi này hằng hà sa cõi, có thế giới tên là Tịch nhiên. Đức Phật hiệu là Bảo Long Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Ở đó có vị Bồ-tát tên là Ý Hành thưa trình sự việc với Phật. Ngài ban cho hoa sen. Bồ-tát ấy cùng vô số Bồ-tát đi qua các quốc độ, cúng dường chư Phật, rồi đến chỗ Đức Như Lai Thích-ca Mâu-ni, đảnh lễ cúng dường, lui ngồi nghe kinh.

Ở phương Bắc, cách cõi này hằng hà sa cõi, có thế giới tên là Trí thắng. Đức Phật hiệu là Thắng Chư Căn Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Ở đó có vị Bồ-tát tên là Thí Thắng, thưa trình sự việc với Phật. Ngài ban cho hoa sen. Bồ-tát ấy cùng với vô số Bồ-tát đi qua các cõi nước, cúng dường chư Phật, rồi đến chỗ Đức Như Lai Thích-ca Mâu-ni, đảnh lễ cúng dường, lui ngồi nghe kinh.

Ở phương dưới, cách cõi này hằng hà sa cõi, có thế giới tên là Nhân hiền. Đức Phật hiệu là Hiền Thủ Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Ở đó có vị Bồ-tát tên là Liên Hoa Thượng, thưa trình sự việc với Phật. Ngài ban cho hoa sen. Bồ-tát ấy cùng vô số Bồ-tát đi qua các cõi nước, cúng dường chư Phật, rồi đến chỗ Đức Như Lai Thíchca Mâu-ni, đảnh lễ cúng dường, lui ngồi nghe kinh.

Ở phương trên, cách cõi này hằng hà sa cõi, có thế giới tên là Hân lạc. Đức Phật ở đó hiệu là Lạc Thủ Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Ở đó có vị Bồ-tát tên là Thí Lạc, thưa trình sự việc với Phật. Ngài ban cho hoa sen. Bồ-tát ấy cùng vô số Bồ-tát đi qua các cõi nước, cúng dường chư Phật, rồi đến chỗ Như Lai Thích-ca Mâu-ni, đảnh lễ cúng dường, lui ngồi nghe kinh.

Bốn hướng còn lại, cũng giống như thế, không có gì sai khác.

Bấy giờ, ở cõi tam thiên đại thiên thế giới này, tức thời từ trên không các loại hoa, hương báu, cờ phướn, lọng báu rơi xuống, tự nhiên trang hoàng cây hương, cây hoa, giống như cõi Phật của Đức Phổ Hoa Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở thế giới Liên hoa tích, chỗ cư trú của Bồ-tát Phổ Thủ. Chư Thiên tử Thiện Trụ Ý và các đại thần, chúng Bồ-tát oai thế vô cùng tôn nghiêm, là tùy tùng của Thế Tôn, chư Thiên, dân chúng ở nhân gian đều đến tụ hội. Các ma, Phạm thiên và chúng Thanh văn, Kiền-đạp-hòa, thần A-tu-luân … đều đến tụ hội. Các Đại Bồ-tát này là đồng tử nên y phục và đồ ăn uống của họ là phước đức tự nhiên.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Ở đây, nếu có các Đại Bồ-tát thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Xá-lợi-tử bạch:

–Kính bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát hiểu biết tất cả các pháp một cách đầy đủ thì tại sao phải học Bát nhã Ba la mật?

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Bồ-tát trụ Bát nhã Ba la mật rồi thì tu không chỗ trụ, liền viên mãn Thí ba-la-mật, khiến chẳng khuyết giảm, của đã đem cho không có tiếc rẻ, liền viên mãn Giới ba-la-mật. Do nhân duyên đó, chưa từng trụ ở tội hay không tội, cũng sẽ viên mãn Nhẫn ba-la-mật, khởi tâm không sân hận, nên học Tinh tấn ba-la-mật, liền được thọ ký. Từ thân ý ấy, phát khởi tinh tấn, không khởi các lậu, sẽ viên mãn Thiền ba-la-mật, do đó, chẳng mong cầu gì.

Đức Phật dạy:

–Này Xá-lợi-phất! Nếu Đại Bồ-tát an trụ Bát nhã Ba la mật thì tự đầy đủ bốn Ý chỉ; phát sinh cái không phát sinh sẽ được đầy đủ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo đều khiến đầy đủ; Tam-muội Không, Tam-muội Vô tướng, Tam-muội Vô nguyện nhất định đầy đủ; bốn Thiền, bốn Đẳng, bốn Tam-muội Vô sắc và tám môn giải thoát dần dần đầy đủ. Khi tu chánh định thì dùng những pháp này để giải thoát, không nghĩ tưởng gì khác, không tưởng trong, hoặc tưởng cúng dường, hoặc tưởng ánh sáng, không tưởng sắc đỏ, không tưởng mục nát, không tưởng màu xanh, không tưởng cắn xé lở lói, cũng không tưởng lẫn lộn, không tưởng xương khô, không tưởng phân tán, không tưởng nơi chốn, lìa bỏ hết các tưởng, luôn luôn niệm Phật, niệm kinh điển, niệm chúng Tăng, niệm giới cấm, niệm bố thí, niệm chư Thiên, niệm hơi thở ra vào, niệm tử vong; tưởng vô thường, tưởng khổ vui, tưởng vô ngã, tưởng chung thủy, tưởng tất cả thế giới đều không an vui, tưởng các tập khởi, tưởng sự diệt tận, tuệ đạo, tuệ tận, tuệ thanh lương, tuệ không chỗ khởi, tuệ pháp, đối với các kinh pháp cũng không có tuệ thuộc về ngã, không có tuệ ngã, không có tuệ bên trong, chỉ có tuệ ý vi diệu hiểu rõ các tuệ. Như cái gọi là tuệ là đều dùng Tam-muội tư niệm sở hành; không tưởng, không niệm, không hành định thì không có gì khác. Các căn thì khác, mà căn khác thì hành khác.

Lại nữa, hễ có hành thì khó đạt được mười Lực Như Lai, bốn Vô sở úy, bốn phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật, đại Từ, đại Bi. Muốn hiểu rõ tất cả duyên này thì Đại Bồ-tát nên hành Bát nhã Ba la mật. Muốn có đầy đủ các đạo tuệ thì Đại Bồ-tát nên hành Bát nhã Ba la mật. Muốn hiểu rõ các tuệ, đầy đủ trọn vẹn các thông tuệ thì nên hành Bát nhã Ba la mật. Các Đại Bồ-tát nếu muốn tiếp cận được và dứt trừ tất cả phiền não thì Đại Bồ-tát nên hành Bát nhã Ba la mật.

Này Xá-lợi-phất! Như vậy, các Bồ-tát phải tu học Bát-nhã bala-mật.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Nếu Đại Bồ-tát nào muốn vào tĩnh lặng thì nên học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát nào muốn vượt qua địa Thanh văn, Bích-chiphật, an trú địa vị không thoái chuyển thì nên học Bát-nhã balamật. Đại Bồ-tát muốn có sáu thần thông thì nên học Bát-nhã ba-lamật. Đại Bồ-tát muốn biết ý hướng của tất cả chúng sinh hữu tình thì nên học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát muốn vượt trí tuệ các Thanh văn, Bích-chi-phật thì nên học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát muốn đắc môn đại tổng trì, khuyến giúp thiện nam tử bố thí, siêu vượt Thanh văn, Bích-chi-phật thì nên học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát muốn vượt qua tâm ý khuyến trợ cấm giới của Thanh văn, Bích-chiphật thì nên học Bát nhã Ba la mật. Nếu muốn đầy đủ Tam-muội, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến thì Đại Bồ-tát nên học Bát-nhã bala-mật. Đại Bồ-tát muốn thành tựu thiền định Tam-muội, khuyến trợ, tập hợp, hiểu rõ tâm niệm thì nên học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát nếu muốn khuyến trợ bố thí, phân biệt sự thành tựu công đức là vô hạn, vô lượng thì nên học Bát nhã Ba la mật. Nếu muốn thành tựu đầy đủ vô hạn vô lượng, giới, nhẫn, tinh tấn, nhất tâm, trí tuệ thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Đức Phật lại nói với Xá-lợi-phất:

–Nếu có Đại Bồ-tát nào kiến lập đầy đủ các hạnh Thí ba-lamật, Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền bala-mật, Trí tuệ ba-la-mật, sinh ra bất cứ chỗ nào cũng được gặp Phật, tự đạt thành Phật thì nên học Bát nhã Ba la mật. Muốn thành tựu ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, đầy đủ tánh Bồ-tát, hoặc muốn làm bậc đồng chân, ngay tức khắc không rời chư Phật Thế Tôn, hoặc tâm ý muốn đem các căn lành công đức cúng dường Như Lai, phụng trì giáo huấn của Ngài và muốn nguyện thành tựu hoặc muốn đáp ứng đầy đủ tâm mong cầu của tất cả chúng sinh như ăn uống, y phục, xe cộ, hương hoa, hương tạp, hương xoa, giường nằm, đèn lửa, khăn tay, giày vớ… và muốn có được đầy đủ của cải đó thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Nếu có Đại Bồ-tát nào muốn khuyến hóa an lập trọn vẹn hằng hà chúng sinh vào Thí ba-la-mật, Giới ba-lamật, Nhẫn ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Nếu Đại Bồ-tát nào muốn dùng một gốc thiện, thuận với đức của Như Lai không có hao tổn, cũng không khuyết giảm cho đến khi thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Nếu Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật thì chư Phật Thiên Trung Thiên ở tám phương trên dưới đều cùng ca tụng công đức của vị ấy. Trong khoảng một niệm, nếu muốn du hành đến hằng hà sa cõi Phật ở phương Đông và đến mười phương thì nên học Bát nhã Ba la mật. Muốn dùng tất cả âm thanh nói với chư Phật ở hằng hà sa cõi nước phương Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phía trên dưới thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Nếu Đại Bồ-tát muốn kiến lập cõi nước của chư Phật để không đoạn tuyệt, muốn an trú pháp nội không, hoặc ngoại không, hoặc nội ngoại không, hoặc không không, hoặc pháp đại không, hoặc cứu cánh không, sở hữu không, vô hữu không, hữu vi không, vô vi không, chân như không, pháp chân không, pháp vô từ tự không, pháp vô nhân duyên không, pháp nhân duyên không, tự nhiên tướng không, nhất thiết pháp không, bất khả đắc không, Vô sở

hữu không , tự nhiên không, vô hình tự nhiên không, pháp oai thần nhân duyên không; nếu muốn đạt đến các hành tướng này thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát muốn được gần gũi tất cả Đức Như Lai, muốn quán rõ tất cả các pháp, muốn hiểu tận nguồn gốc của các pháp, thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Này Xá-lợi-phất! Như thế, Đại Bồ-tát muốn thành tựu Bát nhã Ba la mật nên trụ như thế.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát muốn tính toán biết số cát, đá, cây, hoa, tất cả các bụi trần, những nghi ngờ không quyết chắc của tam thiên đại thiên thế giới thì nên học Bát nhã Ba la mật. Muốn biết số lượng ít nhiều, bao nhiêu giọt nước của biển lớn, sông ngòi, dòng nước, suối nguồn trong tam thiên đại thiên thế giới mà không làm thương tổn đến loài trùng sống trong đó thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Giả sử lửa có trong tam thiên đại thiên thế giới nhất thời bùng cháy như kiếp thiêu, nếu muốn nhất thời dập tắt, làm cho hết cháy thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Giả sử các loại gió trong tam thiên đại thiên thế giới thổi bay cả quốc độ trong đó, làm ngã đổ tan nát các núi Tu-di không còn gì, giống như tro bụi, tan biến hết, như đốt các thứ cỏ dại, nếu Đại Bồ-tát muốn dùng một ngón tay, một ngón chân khiến lửa trong ba cõi diệt hết, thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Hư không của cả tam thiên đại thiên thế giới, nếu Đại Bồ-tát muốn dùng thân ngồi trùm khắp cả hư không ấy thì nên học Bát nhã Ba la mật. Nếu muốn biến hóa tự tại, không gần, không xa, không lớn, không nhỏ thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Nếu Đại Bồ-tát muốn nắm lấy các núi Tu-di trong tam thiên đại thiên thế giới, rồi dùng một tay nâng chúng đặt vào vô lượng thế giới chư Phật khác biệt mà không khởi tưởng tới lui, không tăng không giảm, thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Nếu Đại Bồ-tát muốn trong cùng một lúc tập hợp chư Phật Thiên Trung Thiên, Thanh văn, Bích-chi-phật trong hằng hà sa thế giới chư Phật ở phương Đông để cúng dường, thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát nếu muốn cùng lúc tập hợp chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và chúng Thanh văn để cúng dường y phục, hoa hương, hương bột, hương xoa, lọng lụa, cờ phướn và quy y phụng sự thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát nếu muốn an lập chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới ở Giới ba-la-mật, Tam-muội, trí tuệ, giải thoát tri kiến, quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-nahàm cho đến trụ Niết-bàn vô dư để nhập Niết-bàn, thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, nếu bố thí thì Bố thí ba-la-mật, nên học như thế. Bố thí như vậy thì đạt được quả báo lớn. Bố thí như vậy thì sinh vào nhà dòng họ Quân tử, dòng họ lớn Phạm chí, Trưởng giả. Bố thí như thế thì sinh lên cõi trời Tứ Thiên vương, trời Đao-lợi, trời Đâu-thuật, trời Ni-ma, trời Ba-lani-mật. Người bố thí như thế nương vào bố thí này mà tư duy thiền thứ nhất, thiền thứ hai, thiền thứ ba đến thiền thứ tư, định hư không vô lượng, định ý thức vô lượng, định vô sở hữu, định vô tưởng hữu tưởng. Bố thí như thế thì hưng khởi tám con đường Thánh, đắc quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Bích-chi-phật. Nếu hiểu rõ như thế thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật thường dùng trí tuệ phương tiện trong việc bố thí nên đầy đủ Thí bala-mật, Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Tuệ ba-la-mật.

Ngài Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Thế nào là Đại Bồ-tát đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật?

Đáp:

–Vị thí chủ nào mà không chấp trước việc bố thí người nhận, cũng không quên ân đó là Thí ba-la-mật. Không có gì trái phạm, không dùng cấm giới mà tự làm đẹp, đó là Giới ba-la-mật. Thường giữ tâm nhẫn nhục, không có tâm sân hận hướng đến chúng sinh, đó là Nhẫn ba-la-mật-đa. Tinh tấn chẳng biếng lười, muốn độ tất cả, đó là Tinh tấn ba-la-mật. Nhất tâm tĩnh lặng, không rối loạn, đó là Thiền ba-la-mật. Trí tuệ rõ ràng, không chấp tôi, chấp ta, đó là Trí tuệ ba-la-mật. Nói tóm lại, giải thích lại lần nữa, đối với tội, vô tội cũng không tội, đó là Giới ba-la-mật. Không có sân hận, đó là Nhẫn ba-la-mật. Thân tâm tinh tấn không mệt mỏi, đó là Tinh tấn ba-lamật. Làm phát khởi sự tĩnh lặng, không tưởng việc gì, đó gọi là Thiền ba-la-mật. Hiểu rõ tất cả pháp nhưng không chấp trước, đó là Trí tuệ ba-la-mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Nếu Đại Bồ-tát muốn thành tựu ý nghĩa công đức của chư Phật Thế Tôn quá khứ, vị lai, hiện tại thì nên học Bát nhã Ba la mật. Muốn siêu vượt các pháp hành hữu vi, vô vi, pháp quá khứ, vị lai, hiện tại cho đến vô thủy, đối với sự hưng khởi của các pháp không khởi bản tế, muốn đạt những pháp này, tất cả pháp Thanh văn, Bích-chi-phật, các Bồ-tát; muốn theo chư Phật Thế Tôn để cúng dường, muốn được đầy đủ quyến thuộc, vô lượng người tháp tùng của chư Phật, muốn có được bạn hữu của Bồ-tát, muốn được phước đức rốt ráo thanh tịnh của Thế Tôn, muốn đạt sự bố thí tâm không chấp thọ, không khởi tưởng phạm giới, tâm không sân nhuế, tâm không lười biếng, không muốn phát khởi tâm tán loạn, lại không khởi tâm ngu si thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát muốn an lập chúng sinh ở đức bố thí, trì giới, trí tuệ, để khuyên họ tu hành và làm phát khởi phước đức đã thọ hưởng thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát muốn làm phát khởi năm nhãn thì nên học Bát nhã Ba la mật. Những gì là năm nhãn? Đó là Nhục nhãn, Thiên nhãn, Tuệ nhãn, Pháp nhãn và Phật nhãn.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát muốn thấy chư Phật Thế Tôn trong hằng hà sa cõi nước ở phương Đông và tám hướng, trên dưới và muốn dùng Thiên nhĩ nghe kinh pháp đã thuyết, lại muốn biết được tâm niệm của chư Phật Thế Tôn, thì nên học Bát-nhã ba-lamật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Nếu Đại Bồ-tát muốn liên tục nghe chư Phật Thế Tôn ở khắp mười phương thuyết pháp cho đến khi đạt Vô thượng Chánh đẳng giác thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Nếu Đại Bồ-tát muốn thấy chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quá khứ, muốn thấy cõi nước của chư Phật vị lai, muốn thấy cõi nước của chư Phật trong hiện tại ở mười phương thế giới, thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Mười hai thể loại kinh mà Như Lai đã nói là kinh văn, kinh phân biệt, kinh tụng, kinh thi ca, kinh sơ, kinh thử ứng, kinh sinh, kinh thọ, kinh phương, kinh vị tằng hữu pháp, kinh thí dụ, kinh chú giải chương cú là những kinh mà Thanh văn chẳng nghe được Đại Bồ-tát muốn biết, muốn tụng đọc, học tập, nghiền ngẫm thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát muốn nghe kinh pháp mà Như Lai tám phương, trên dưới đã thuyết, ghi nhớ không quên mất và muốn chấp trì, đã được chấp trì và vì chúng hội khác thuyết giảng thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát muốn thưa hỏi Phật ý nghĩa kinh đã nói trong quá khứ và sẽ nói trong vị lai, đã được nghe rồi, nói lại cho người khác thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát muốn dùng ánh sáng chiếu soi nơi mịt mù tăm tối không thấy ánh sáng mặt trời mặt trăng trong hằng hà sa thế giới chư Phật ở phương Đông và thế giới ở mười phương thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát muốn được khai hóa cho kẻ ngu si mê muội, chưa từng nghe danh hiệu Phật, chưa được nghe kinh và chưa gặp chúng Tăng trong hằng hà sa thế giới chư Phật ở phương Đông và thế giới ở mười phương, muốn khai hóa các loài chúng sinh, đưa họ vào chánh kiến, khiến cho gặp Phật, được nghe kinh pháp và gặp Thánh chúng thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát muốn khiến chúng sinh trong hằng hà sa thế giới chư Phật ở phương Đông và thế giới chư Phật mười phương, những người mù được thấy hình sắc, người điếc nghe được, người điên tỉnh trí, người không có y phục có y phục, người đói được ăn, khát được uống và nguyện cho họ có sức để nhận ân này, thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát muốn gia ân khiến cho các loài chúng sinh trong các đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh ở trong tam thiên đại thiên thế giới được giải thoát và hằng hà sa thế giới ở tám phương, trên dưới cũng như vậy, thì nên học Bát-nhã bala-mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát muốn an lập chúng sinh trong hằng hà sa thế giới chư Phật vào cấm giới, Tam-muội, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tuệ tri kiến, chứng quả Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, Bích-chi-phật cho đến thành Vô thượng Chánh đẳng giác, lại muốn họ tu oai nghi lễ tiết của Như Lai thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật nên quán thế này: Giả sử cái mà thân ta không thấy được mà muốn quán sát nó, thì nên học Bát nhã Ba la mật. Giả sử thân ta dùng chân đi cách đất bốn tấc, không đâu là chẳng khắp từ cõi trời bốn Thiên vương, cõi Dục, cõi Sắc, trời A-ca-nị-tra và có vô số ức trăm ngàn cai quyến thuộc vây quanh, đi đến cây Bồ-đề, ngồi ở đạo tràng, thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hoặc ngồi dưới cội Bồ-đề, trên cõi trời Tứ Thiên vương, trên chỗ chư Thiên, loài người cho đến cõi trời Tịnh cư cũng đều đầy đủ bố thí không gì sai khác, hoặc sẽ thành tựu Vô thượng Chánh đẳng giác, đến đâu, hoặc đứng lại, ngồi, nằm thì đất nơi đó tự nhiên thành kim cương, muốn được như vậy thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, quán thế này: "Ngày nào ta sẽ bỏ nước bỏ nhà ra đi thì ngay ngày ấy sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, đắc thành quả Phật và tức khắc chuyển pháp luân. Do chuyển pháp luân nên các loài chúng sinh vô số không thể kể xiết xa trần, lìa cấu, đắc Pháp nhãn thanh tịnh, vô lượng, vô hạn loài chúng sinh đắc ý giải, lậu tận, không còn khởi nữa, vô lượng vô hạn hữu tình thành tựu Vô thượng Chánh đẳng giác không thoái chuyển", thì Đại Bồ-tát ấy nên học Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát tâm niệm: "Ta muốn khi đắc thành Vô thượng Chánh đẳng giác, có vô số thánh chúng Tỳ-kheo, Thanh văn, Học giả, chỉ một lần nghe diễn nói kinh pháp là chứng đắc A-la-hán, có các Đại Bồ-tát đều đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không thoái chuyển, có vô số các chúng Bồ-tát không thể hạn lượng, không thể kể xiết, thọ mạng vô lượng, ánh sáng chiếu xa không biên giới", thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát muốn đắc Vô thượng Chánh

đẳng Chánh giác, thành quả Phật, muốn làm cho quốc độ của Phật đó không có danh từ dâm, nộ, si, khiến cho tất cả chúng sinh đều đạt được cảnh tượng như thế, thành tựu đầy đủ Bát nhã Ba la mật, bố thí trọn vẹn, điều thuận thông suốt, trí tuệ vi diệu, khéo tu phạm hạnh, thuận hành Thánh đạo, không ở trong chúng sinh, được an lạc, thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát nào nguyện: Khi ta đạt thành quả Phật viên mãn rồi, sẽ dùng tài sản chánh pháp làm giàu thiền định tịch tĩnh, thì nên học Bát nhã Ba la mật. Nếu Bồ-tát nguyện: Ta làm thanh tịnh Thanh văn khiến cho các loài chúng sinh trong hằng hà sa thế giới đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì nên học Bát nhã Ba la mật.

QUYỂN 1
Phẩm 2: THUẬN KHÔNG

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Khi Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật làm hưng khởi đức này thì Tứ Thiên vương tức thời hoan hỷ nói: "Chúng ta sẽ làm bốn chiếc bát." Rồi bốn vị Thiên vương đến trước dâng lên cúng. Chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở quá khứ cũng được người học đạo pháp dâng cúng.

Khi ấy trời Đao-lợi, trời Diệm, trời Đâu-thuật, trời Ni-ma-la, trời Ba-la-ni-mật cũng vui mừng nói: "Chúng ta phải phụng sự cúng dường thiện nam tử này, vì vị này sẽ làm tăng trưởng hàng chư Thiên và làm tổn giảm hàng A-tu-luân." Chư Thiên trong thế giới tam thiên đại thiên lên đến trời A-ca-nị-tra đều vui mừng nói: "Chúng ta sẽ khuyến thỉnh Ngài chuyển pháp luân."

Này Xá-lợi-phất! Khi Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, làm tăng trưởng trọn vẹn sáu pháp Ba-la-mật thì thiện nam tử, thiện nữ nhân hoan hỷ vui mừng nói: "Chúng ta sẽ làm cha mẹ hiền, vợ con, thân thuộc, bằng hữu, thân cận… của vị này." Cha mẹ, anh em, vợ con, thân cận, bằng hữu thương kính ưa nhìn vị ấy. Bốn vị Thiên vương, trời Đao-lợi, trời Diệm, trời Đâu-thuật, trời Ni-ma-la, trời Bala-ni-mật, cho đến trời A-ca-nị-tra không để cho Bồ-tát tiếp giáp dục trần, họ phát tâm đi đến phụng sự lễ bái Bồ-tát và nói với nhau: "Chúng ta sẽ làm cho vị này thanh tịnh hạnh Phạm thiên, lìa hạnh uế trược, không theo thói dâm dục, được sinh Phạm thiên, dùng không phóng dật buộc phóng dật. Người có sắc dục thì không thể tiến đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì vậy Bồ-tát dùng phạm hạnh thanh tịnh, vứt bỏ gia nghiệp mới đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chứ không dùng uế trược mà đắc Phật đạo." Hiền giả Xá-lợi-phất bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp của Bồ-tát cần phải có cha mẹ, vợ con, thân cận bạn bè chăng?

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Nếu có Bồ-tát thì nhất định phải có cha mẹ chứ không nên có vợ con. Hoặc có vị từ khi mới phát ý thanh tịnh tu phạm hạnh là đồng chân cho đến thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hoặc có Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo tập theo năm dục, về sau mới xuất gia đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thí như nhà huyễn thuật tài giỏi và đệ tử học giỏi huyễn thuật, hóa ra năm dục rồi tự vui với năm dục đó. Xá-lợi-phất, theo ý ông thì sao, nhà huyễn thuật ấy có tập quen theo năm dục chăng?

Hiền giả Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không!

Đức Phật dạy:

–Đại Bồ-tát cũng như thế, dùng phương tiện thiện xảo, tập quen năm dục, để khuyến hóa chúng sinh nhưng Đại Bồ-tát ấy không bị năm dục làm ô nhiễm. Đại Bồ-tát dùng vô số sự việc ta thán ái dục, hoặc chê bai năm dục là đốt cháy, ái dục là tội lỗi nhơ nhớp, dục là oán cừu, dục là thù địch. Như thế, này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát vì cứu độ chúng sinh mà phân biệt năm dục này.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-lamật như thế nào?

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, chẳng thấy Bồ-tát, cũng chẳng thấy danh tự Bồ-tát, cũng chẳng thấy danh tự Bát-nhã ba-lamật, cũng chẳng thấy chẳng hành. Vì sao? Vì danh tự Bồ-tát tự nhiên không. Trong không ấy không có sắc, không có thống dương thọ, tư tưởng, sinh tử (hành), thức. Lại nữa, không chẳng khác sắc; cái không chẳng khác thọ, tưởng, hành, thức. Như sắc là không; thọ, tưởng, hành, thức cũng không. Đã là không thì sắc không, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Vì sao? Vì cái gọi là Bồ-tát chỉ là giả hiệu, cái gọi là đạo cũng là giả hiệu, cái gọi là không cũng là giả hiệu. Pháp tự nhiên ấy chẳng khởi chẳng diệt, cũng không trần lao, không chỗ nương tựa, không điều tranh tụng. Nếu có Bồ-tát hành như thế thì không thấy chỗ sinh khởi, cũng không thấy chỗ hoại diệt, không thấy chỗ nương tựa, không thấy điều tranh tụng. Vì sao? Vì dối trá lập nên danh tự, do vọng tưởng nên chạy theo khách trần, hoặc do tưởng niệm mà tạo nên pháp ấy. Do đâu mà lập nên danh tự? Chỉ là mượn hư ngôn mà thôi. Hiểu rõ như vậy, nên Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, chẳng thấy có tất cả danh hiệu. Đã không có đối tượng để thấy, cũng chẳng phải không thấy, không chỗ nương tựa là hành Bát nhã Ba la mật.

QUYỂN 1
Phẩm 3: HÀNH KHÔNG (Phần 1)

Đức Phật lại bảo Xá-lợi-phất:

–Khi Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật nên quán thế này: “Danh hiệu Bồ-tát, danh hiệu Phật cũng là giả hiệu thôi. Cái gọi là sắc, thọ, tưởng, cũng là giả hiệu, tất cả đều do cái ngã. Cái gọi là ngã thì không thật có, không ngã, không nhân, không mạng, không thọ và các loại máy động có máu không tâm, không ý cũng không. Nếu đã tạo tác các việc thì tự nhiên tập quen, thay đổi, hiểu biết. Các loại như thế đều chẳng thể nắm bắt được, rỗng không, không chỗ dính mắc, đều là giả hiệu, chỉ có hư ngôn.” Đại Bồ-tát như thế là hành Bát nhã Ba la mật, không thấy chúng sinh.

Giả sử không có cái thấy, cũng không có thấy, thì cũng không có ngôn thuyết. Đại Bồ-tát đã hành như thế là theo lời dạy hành Bát nhã Ba la mật của Đức Như Lai. Trừ Đức Như Lai ra, trí tuệ của Bồ-tát vượt qua các Thanh văn, Bích-chi-phật, phát khởi việc hành không, không còn mê hoặc. Vì sao? Vì việc tu hành của vị ấy không thấy có danh tự, chỗ nương tựa. Đại Bồ-tát tu hành như thế là hành Bát-nhã bala-mật.

Đức Phật dạy:

–Giả sử các Tỳ-kheo như Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên…

đầy cả Diêm-phù-đề giống như tre, lau, lúa, mè, rừng cây đầy đủ trí tuệ thì cũng không bao giờ có thể bì kịp với việc hành Bát-nhã ba-lamật của Bồ-tát. Dù gấp trăm lần, gấp ngàn lần, gấp vạn lần, gấp ức lần ở trước cũng không bì kịp. Vì sao? Vì mục đích của trí tuệ Bồ-tát là muốn độ tất cả các loài chúng sinh.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật chỉ một ngày, thì trí tuệ cũng đã vượt qua số Thanh văn, Bích-chi-phật đã nêu ở trên. Trí tuệ các Tỳ-kheo như Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiềnliên… đầy cả Diêm-phù-đề ra, giả sử các Tỳ-kheo có trí tuệ như Xálợi-phất, Đại Mục-kiền-liên … thì cùng khắp cả tam thiên đại thiên thế giới thì cũng không bằng sự tu hành của Đại Bồ-tát. Trí tuệ của các Tỳ-kheo như Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên đầy cả thế giới đại thiên, giả sử trí tuệ của các Tỳ-kheo như Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiềnliên cùng khắp cả hằng hà sa cõi nước của chư Phật ở phương Đông và khắp cả mười phương thì cũng không bằng trí tuệ của Bồ-tát tu hành Bát nhã Ba la mật trong một ngày. Trí tuệ ấy đã vượt qua trí tuệ của tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật dù gấp trăm, gấp ngàn vạn ức lần cũng không sánh kịp.

Khi ấy Hiền giả Xá-lợi-phất bạch Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Trí tuệ của Thanh văn, Tu-đà-hoàn, Tư-đàhàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật và trí tuệ của Bồ-tát, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, so sánh tất cả những trí tuệ này không có phá hoại, không có tranh tụng, không có sinh khởi, tự nhiên, rỗng không. Thưa Đấng Thiên Trung Thiên, cái không phá hoại, không tranh tụng, không sinh khởi, tự nhiên, rỗng không đó thì đâu có thể đưa đến nhiều sự sai khác được. Vậy tại sao trí tuệ tu hành một ngày của Bồ-tát lại vượt qua trí tuệ của tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật?

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Này Xá-lợi-phất! Theo ý ông thì sao, việc tu hành Bát nhã Ba la mật của Bồ-tát thế nào? Trong một ngày, sự tu tập trí tuệ, sự kiến lập hành nguyện, sự tu tập phương tiện để hành Từ bi của Bồ-tát đều vì tất cả loài chúng sinh, biết rõ các pháp dùng để hóa độ quần manh, muốn làm cho họ diệt độ. Các Thanh văn, Bích-chi-phật có thể khởi lập duyên trí tuệ như thế chăng?

Ngài Xá-lợi-phất đáp:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không!

Đức Phật dạy:

–Này Xá-lợi-phất! Theo ý ông thì sao, các Thanh văn, Bíchchi-phật có nghĩ là: “Chúng ta sẽ đạt Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, giáo hóa chúng sinh đạt đến cảnh giới Niết-bàn, khiến họ diệt độ” chăng?

Đáp:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không!

Đức Phật dạy:

–Do vậy nên biết trí tuệ của tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật này, dù gấp trăm, gấp ngàn, gấp vạn ức lần, không bao giờ sánh kịp trí tuệ của Bồ-tát. Theo ý ông thì sao? Thanh văn, Bích-chi-phật có nghĩ: “Chúng ta sẽ hành sáu pháp Ba-la-mật, giáo hóa chúng sinh làm nghiêm tịnh cõi Phật, đầy đủ mười Lực của Như Lai, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng, đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, độ thoát các loài chúng sinh vô lượng, vô hạn không thể kể xiết” chăng?

Đáp:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không!

Đức Phật dạy:

–Đại Bồ-tát phát tâm niệm rằng: “Ta sẽ phụng hành sáu pháp Ba-la-mật, đầy đủ tất cả pháp, thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, độ thoát các loài chúng sinh không thể kể xiết.” Đức Phật dạy:

–Thí như mặt trời phát ra ánh sáng, đồng thời chiếu khắp cõi Diêm-phù-đề, không đâu là không sáng. Như vậy, này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành sáu pháp Ba-la-mật, đầy đủ mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật, đắc thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, khai hóa, độ thoát các loài chúng sinh vô lượng vô hạn không thể kể xiết.

Hiền giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Đại Bồ-tát vượt qua địa Thanh văn, Bích-chi-phật để đạt đến địa vị không thoái chuyển, tịnh tu Phật đạo như thế nào?

Đức Phật dạy:

–Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát từ khi mới phát tâm hành sáu pháp Ba-la-mật, qua khởi pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện là đã siêu vượt địa Thanh văn, Bích-chi-phật, trụ địa không thoái chuyển.

Hiền giả Xá-lợi-phất lại bạch Phật:

–Tại sao Đại Bồ-tát đối với tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật là bậc tôn quý nhất?

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Bồ-tát từ khi mới phát tâm hành sáu pháp Ba-la-mật, đến khi ngồi ở cội Bồ-đề luôn đối với Thanh văn, Bích-chi-phật là bậc tôn quý nhất. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát nếu hiện đến thì tự nhiên làm hưng khởi pháp chân diệu, đầy đủ mười điều thiện, lại thành tựu năm giới, lập tám đẳng sự và tám quan trai, bốn Thiền, bốn Đẳng tâm, bốn Định vô sắc, bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo. Bồ-tát hiện ở thế gian mới có mười Lực Như Lai, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Phật bất cộng của Phật. Các pháp như thế và các đức lành xuất hiện ở đời thì mới phân biệt dòng dõi Quân tử, Phạm chí, Trưởng giả, dòng họ thế lực và sinh cõi trời Đao-lợi, cõi trời Tam thập tam, trời Tưởng vô tưởng, quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chiphật, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Nhờ pháp này mà phân biệt biết có những sự việc ấy.

Ngài Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Tại sao Đại Bồ-tát phước đức rốt ráo thanh tịnh?

Đức Thế Tôn dạy:

–Đại Bồ-tát đối với phước đức không rốt ráo thanh tịnh. Vì sao? Vì rốt ráo không thì Đại Bồ-tát mới thành tựu phước đức. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát là người bố thí thì bố thí cái gì? Bồ-tát dùng thiện pháp để khai hóa chúng sinh. Những gì là thiện pháp? Đó là mười điều thiện, năm giới, sáu pháp Ba-la-mật, mười Lực, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Bất cộng của Phật. Bồ-tát là người bố thí và khai hóa Tu-đàhoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.

Ngài Xá-lợi-phất lại bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát tu theo hạnh nào là hành Bát nhã Ba la mật?

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Nếu khi Bồ-tát hành sắc không tức là hành Bát-nhã ba-lamật. Nếu hành thọ, tưởng, hành, thức không là hành Bát-nhã ba-lamật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát biết nhãn là không, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý không, là hành Bát nhã Ba la mật. Hiểu rõ pháp sắc là không, pháp thanh, hương, vị, xúc, pháp là không thì đó là hành Bát nhã Ba la mật. Hiểu rõ nhãn giới là không, thì đó là hành Bát nhã Ba la mật. Hiểu rõ sắc giới, nhãn thức giới, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là không thì đó là hành Bát nhã Ba la mật. Hiểu rõ nhĩ và sự nhận thức của nhĩ về âm thanh, tỷ và sự nhận thức của tỷ về mùi thơm, thiệt và sự nhận thức của thiệt về vị, thân và sự nhận thức của thân về sự mịn màng, trơn láng, ý và sự nhận thức về mong muốn của ý là không, thì đó là hành Bát nhã Ba la mật. Hiểu rõ khổ là không, tập cũng là không, tận (diệt) cũng là không, tám chánh đạo cũng là không thì đó là hành Bát nhã Ba la mật. Hiểu rõ vô minh (hiệt) là không, hành cũng là không, thức cũng là không, danh sắc cũng là không, lục nhập cũng là không, xúc (sở cánh) cũng là không, thọ (thống dương) cũng là không, ái cũng là không, thủ (sở thọ) cũng là không, hữu cũng là không, sinh lão tử cũng là không, thì đó là hành Bát nhã Ba la mật. Hiểu rõ tất cả pháp là không thì đó là hành Bát nhã Ba la mật. Có khả năng hiểu rõ các pháp tự nhiên, hữu vi, vô vi đều là không thì đó là hành Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, hiểu rõ bản tịnh là không, chí tánh cũng vậy thì đó là hành Bát nhã Ba la mật.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật hiểu rõ bảy không thì đó là hành. Dùng bảy không này mà hành Bát-nhã bala-mật, chẳng khởi quán sắc tương ưng hoặc chẳng tương ưng, hành hoặc chẳng hành, chẳng quán thọ, tưởng, hành, thức tương ưng hoặc chẳng tương ưng, hành hoặc chẳng hành, chẳng quán pháp sắc có chỗ khởi, có chỗ diệt, chẳng quán pháp thọ, tưởng, hành, thức có chỗ khởi, có chỗ diệt, chẳng quán pháp sắc có pháp nương tựa, có chỗ tranh tụng, chẳng quán pháp, thọ, tưởng, hành, thức có pháp nương tựa, có chỗ tranh tụng. Chẳng thấy cùng với sắc hòa hợp, chẳng thấy cùng với thọ, tưởng, hành, thức hòa hợp, chẳng thấy cùng với sinh tử hòa hợp, cũng chẳng thấy không cùng với sinh tử hòa hợp. Vì sao? Vì vĩnh viễn không có pháp tương ưng, duyên khởi thì có sự việc, nhưng bản tính là không.

Này Xá-lợi-phất! Sắc tức là không thì không có sắc; thọ, tưởng, hành, thức tức là không thì không có thọ, tưởng, hành, thức.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Cái gọi là không thì không có khởi, không có diệt. Giả sử sắc là không thì không có sắc. Giả sử thọ, tưởng, hành, thức là không thì không có thọ, tưởng, hành, thức. Giả sử sắc là không thì không có thấy. Giả sử thọ là không thì không có họa hoạn. Giả sử tư tưởng là không thì không nhớ nghĩ. Giả sử hành là không thì không tạo tác. Giả sử thức là không thì không phân biệt. Vì sao? Này Xá-lợi-phất, sắc thì không khác cũng không đồng với không, không thì không khác sắc, không phân biệt. Sắc tự nhiên không, sắc tức là không; thọ, tưởng, hành, thức không khác, không cũng không khác. Nếu không không khác thì thức cũng không khác. Thức tự nhiên không, thức tức là không.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Cái gọi là không thì không khởi, không diệt, không có nương tựa, không có tranh tụng, không có tăng, không có giảm, không quá khứ, không vị lai, không hiện tại. Nó cũng không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức cùng nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, cũng không sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp sở dục. Nó không vô minh, không diệt vô minh, không hành, không thức, không danh sắc, không lục nhập, không xúc, không thọ, không ái, không thủ, không hữu, không sinh, không lão, không bệnh, không chết, cũng không diệt trừ sinh, già, bệnh, chết. Nó cũng không khổ, không tập, cũng không sở tận (diệt), cũng không sở do (đạo). Nó cũng không đắc, cũng không có thời. Nó không có quả Tu-đà-hoàn, không có quả Tư-đà-hàm, không có quả A-na-hàm, không có quả A-la-hán, không có Bíchchi-phật, cũng không đắc đạo, cũng không Phật đạo. Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật như thế là Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-lamật. Bồ-tát không thấy Bát nhã Ba la mật tương ưng hay không tương ưng, hành hay không hành; không thấy Thí, không thấy Giới, không thấy Nhẫn, không thấy Tấn, không thấy Thiền, không thấy Trí, không thấy đó là sáu pháp Ba-la-mật; không thấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức tương ưng hay không tương ưng, hành hay không hành; không thấy nhãn tương ưng hay không tương ưng, hành hay không hành; không thấy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý tương ưng hay không tương ưng, hành hay không hành; không thấy sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp tương ưng hay không tương ưng, hành hay không hành; không thấy bốn Ý chỉ tương ưng hay không tương ưng, hành hay không hành; không thấy bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo tương ưng hay không tương ưng, hành hay không hành; không thấy mười Lực, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Bất cộng của Phật tương ưng hay không tương ưng, hành hay không hành; không thấy Như Lai, trí Nhất thiết tương ưng hay không tương ưng, hành hay không hành.

Này Xá-lợi-phất! Đó là Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, như thế mới nên hành.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật thì không chẳng chống trái với không, không chẳng cùng hành với Không; chống trái với Vô tướng, Vô tướng không cùng hành với Vô tướng; Vô nguyện không chống trái với Vô nguyện, Vô nguyện không cùng hành với Vô nguyện. Không chẳng tương ưng với Không, Vô tướng chẳng tương ưng với Vô tướng, Vô nguyện chẳng tương ưng với Vô nguyện. Vì sao? Vì Không thì không có hành nào mà không hành, Vô tướng thì không có hành nào mà không hành, Vô nguyện thì không có hành nào mà không hành. Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật có thể hành như thế mới gọi là hành.

Đức Phật nói với Xá-lợi-phất:

–Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật thì tướng tự nhiên của các pháp đều đắc không, đã đắc không rồi không tranh với sắc, cũng không chỗ hành, không tranh với thọ, tưởng, hành, thức, cũng không chỗ hành. Không tranh với sắc quá khứ, cũng không thấy sắc quá khứ; không tranh với sắc vị lai, cũng không thấy sắc vị lai; không tranh với sắc hiện tại, cũng không thấy sắc hiện tại. Không tranh với thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, cũng không tranh với thọ, tưởng, hành, thức vị lai và hiện tại, thì cũng không thấy thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, vị lai và hiện tại.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật không tranh với quá khứ, vị lai; không tranh với vị lai, quá khứ; không tranh với hiện tại, quá khứ, vị lai; không tranh với quá khứ, vị lai, hiện tại, không thấy ba đời cùng với "không" hành Bát-nhã bala-mật. Hành như thế mới là hành.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật nên hành như đã hành như thế, không hành sự tranh tụng với trí Nhất thiết quá khứ, cũng không thấy trí Nhất thiết quá khứ ở đâu thì đâu có hành sự tranh tụng với trí Nhất thiết quá khứ? Không hành sự tranh tụng với trí Nhất thiết vị lai, cũng không có chỗ hành, cũng không thấy trí Nhất thiết vị lai thì đâu có hành sự tranh tụng với trí Nhất thiết vị lai? Cũng không hành sự tranh tụng với trí Nhất thiết hiện tại, cũng không thấy trí Nhất thiết hiện tại thì đâu có hành sự tranh tụng với trí Nhất thiết hiện tại?

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, không hành trí Nhất thiết của sắc, cũng không thấy trí Nhất thiết của sắc; không hành trí Nhất thiết của thọ, tưởng, hành, thức, cũng không thấy trí Nhất thiết của thọ, tưởng, hành, thức; không hành trí Nhất thiết của nhãn, cũng không thấy trí Nhất thiết của nhãn; không hành trí Nhất thiết của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng không thấy trí Nhất thiết của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; không hành trí Nhất thiết của sắc, cũng không thấy sắc, cũng không hành trí Nhất thiết của thanh, hương, vị, xúc, pháp, cũng không hiện khởi.

Đức Phật nói với Xá-lợi-phất:

–Hành Bát nhã Ba la mật như thế mới là hành.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật cũng không tuân theo trí Nhất thiết của Thí ba-la-mật, cũng không thấy Thí ba-la-mật; Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật cũng lại như thế. Cũng không hành trí nhất thiết của Bát nhã Ba la mật, cũng không thấy trí nhất thiết của Bát-nhã ba-lamật; cũng không tuân theo trí Nhất thiết của bốn Ý chỉ, cũng không thấy trí Nhất thiết của bốn Ý chỉ; cũng không tuân theo trí Nhất thiết của bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, cũng không tuân theo trí Nhất thiết của mười loại phương tiện, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của Phật, cũng không thấy trí Nhất thiết của bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, mười loại phương tiện, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, cũng không thấy các pháp lực trí Nhất thiết của Như Lai. Hành Bát nhã Ba la mật như thế mới là hành.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật không hành trí Nhất thiết của Phật, Phật cũng không hành trí Nhất thiết; không hành trí Nhất thiết của đạo, đạo cũng không hành trí Nhất thiết. Vì sao? Vì Phật tức là trí Nhất thiết, trí Nhất thiết tức là Phật; đạo tức là trí Nhất thiết, trí nhất Thiết tức là đạo. Mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của Phật cũng lại như thế.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Hành Bát nhã Ba la mật, có thể hành như thế mới là hành.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật không hành cái có của sắc, cũng không hành cái không có của sắc; không hành cái có của thọ, tưởng, hành, thức, cũng không hành cái không có của thọ, tưởng, hành, thức; không chấp cái thường của sắc, cũng không chấp cái vô thường của sắc; không chấp cái khổ của sắc, không chấp cái vui của sắc; không chấp cái ngã của sắc, không chấp cái vô ngã của sắc; năm ấm, sáu suy, cũng lại như vậy. Không chấp năm ấm là không hay chẳng không, không chấp năm ấm là có tướng hay vô tướng, không chấp năm ấm là hữu nguyện hay vô nguyện.

Khi hành Bát nhã Ba la mật, Bồ-tát nghĩ: "Việc tu hành của ta hôm nay cũng không có sự lãnh thọ, cũng không có cái để hành, cũng không có đối tượng nắm bắt, không có tu hành, cũng không không tu hành, không có thọ, cũng không phải không thọ, không có nắm bắt, cũng không phải không nắm bắt." Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật mà có thể hành như thế mới là hành.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, không dùng Thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật mà hành Bát nhã Ba la mật; không dùng địa vị không thoái chuyển để giáo hóa chúng sinh mà hành Bát nhã Ba la mật; không dùng việc làm thanh tịnh cõi Phật mà hành Bát nhã Ba la mật; không dùng mười Lực của Như Lai mà hành Bát nhã Ba la mật; không dùng bốn Vô sở úy, bốn phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của Phật mà hành Bát nhã Ba la mật; không dùng pháp cứu cánh không, không dùng pháp nội không, không dùng pháp ngoại không, không dùng pháp nội ngoại không, không dùng pháp không không, không dùng pháp đại không, không dùng pháp chân không, không dùng pháp hữu vi không, không dùng pháp vô vi không, không dùng pháp cứu cánh không, không dùng pháp không phẩm không, không dùng pháp bản tịnh không, không dùng pháp tự nhiên tướng không, không dùng pháp nhất thiết pháp không, không dùng pháp không không khởi, không dùng pháp không không diệt, không dùng pháp không vô hình, không dùng pháp không tự nhiên, không dùng pháp không hữu hình vô hình, không dùng vô bổn, không dùng pháp giới, không dùng bản tế mà hành Bát-nhã ba-lamật. Vì sao? Vì khi Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, đối với các pháp không có sự phá hoại cũng không có sở kiến.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, không dùng thần túc mà hành Bát nhã Ba la mật, không dùng Thiên nhãn, không dùng Thiên nhĩ, không dùng Tha tâm thông, không dùng Túc mạng thông mà hành Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì khi hành Bát nhã Ba la mật cũng không thấy Bát nhã Ba la mật, huống là thấy các thần thông của Bồ-tát! Hành Bát nhã Ba la mật mà hành được như thế mới là hành.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Khi Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, tâm không nghĩ: "Ta sẽ dùng thần túc đi đến hằng hà sa thế giới ở phương Đông để yết kiến lễ bái chư Như Lai", cũng không tự nghĩ: "Đến tám phương, trên, dưới, cũng giống như vậy, không có gì sai khác." Hành Bát nhã Ba la mật mà có thể hành như vậy mới là hành.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, không tự nghĩ: "Pháp mà chư Phật Thế Tôn giảng thuyết, ta sẽ dùng Thiên nhĩ nghe hết, ta sẽ quán sát thấy những điều mà tâm

chúng sinh nghĩ, sẽ nhớ đời sống trong quá khứ. Ta dùng Thiên nhãn thấy các chúng sinh ngay nơi họ ở.” Đức Phật dạy:

–Hành Bát nhã Ba la mật mà có thể hành như thế mới là hành. Như vậy, này Xá-lợi-phất! Người hành như vậy thì độ thoát được vô số các loài chúng sinh không thể kể xiết. Đại Bồ-tát có thể như thế thì ma và quyến thuộc không thể thuận tiện. Lại nữa, nhân dân các thế giới khác nhìn thấy và xa nghe đức của Bồ-tát đều làm lễ. Lại nữa, Thế Tôn ở hằng hà sa thế giới chư Phật ở phương Đông, thế giới chư Phật tám phương, trên, dưới đều ủng hộ Bồ-tát ấy, không bao giờ để rơi vào địa Thanh văn, Bích-chi-phật. Bốn vị Thiên vương cho đến trời A-ca-nị-tra đều ủng hộ vị Đại Bồ-tát ấy, không cần phải cầu tìm mà được sự thuận tiện. Khởi phát làm việc gì sẽ làm được, được phước hiện tại. Vì sao? Vì dùng tâm từ hướng đến chúng sinh. Như vậy, này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật mà có thể hành như thế mới là hành.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật dùng chút ít lao nhọc đắc môn tổng trì và môn Tam-muội, mau chóng gần gũi Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác này, sinh ra bất cứ ở đâu cũng thường gặp Phật, không rời chư Phật, cho đến khi thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Phật dạy:

–Hành Bát nhã Ba la mật mà có thể hành như thế mới là hành.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, không tự nghĩ: “Chắc chắn là có các pháp. Đã gọi là pháp thì tất cả là ứng hợp hoặc không ứng hợp, là bình đẳng hay không bình đẳng.” Vì sao? Vì khi ấy hành giả không thấy các pháp nên hoặc không nên hành hoặc không hành, bình đẳng hoặc không bình đẳng!

Đức Phật dạy:

–Hành Bát nhã Ba la mật mà có thể hành như thế mới là hành.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, không tự nghĩ: “Ta sẽ mau chóng hiểu rõ cảnh giới các pháp, cho đến thành Phật, cũng không thành Phật. Vì sao? Vì đạt đến cảnh giới của pháp cũng không có cái giác.” Hành Bát nhã Ba la mật mà có thể hành như vậy mới là hành.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật không thấy các pháp và pháp giới có các tật bệnh cùng rỗng lặng. Hành Bát nhã Ba la mật mà có thể như thế mới là hành.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, không tự nghĩ các pháp và pháp giới có biết bao sự khác biệt, không thể kể xiết. Hành Bát nhã Ba la mật mà có thể hành như vậy mới là hành.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, không tự nghĩ đây là các pháp và cùng với pháp giới, quán cùng chẳng quán, thấy cùng chẳng thấy. Vì sao? Vì vị ấy không quán thấy các pháp sở hữu có thể giữ gìn, các pháp có thể phân biệt vậy. Hành Bát nhã Ba la mật mà có thể hành như thế mới là hành.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, không nghĩ pháp giới lo hành việc không, việc không không lo pháp giới. Hành Bát nhã Ba la mật mà có thể hành như thế mới là hành.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, không nghĩ nhãn giới là không của không, cũng không lo nhãn giới. Sắc không lo không, không không lo sắc. Sắc giới không lo không, không giới không lo sắc. Nhãn thức giới không lo không, thức giới không lo không của nhãn thức. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng vậy. Tâm giới không lo không, không giới không lo tâm. Pháp giới không lo không, không giới không lo pháp. Thức giới không lo không, không giới không lo thức.

Đức Phật dạy:

–Này Xá-lợi-phất! Đó là đệ nhất hành, gọi là hành "không".

Đại Bồ-tát có thể hành không thì không rơi vào địa Thanh văn, Bích-chi-phật, có thể làm thanh tịnh cõi Phật, khai hóa chúng sinh, mau chóng đạt quả Phật Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Kể các hành về Bát nhã Ba la mật thì hành Bát nhã Ba la mật là hành tôn quý hơn hết, là lâu dài, là trên hết, là không đáy, là không sánh bằng. Vì sao? Vì hành Bát nhã Ba la mật là hành vô thượng, là hành Không, Vô tướng, Vô nguyện. Đại Bồ-tát nên hành như thế, nên giữ gìn như thế thì mau được đến gần chỗ thọ ký. Đại Bồ-tát mà hành hạnh này thì khai hóa cứu độ làm lợi ích cho vô số chúng sinh chẳng thể kể xiết. Nếu không nghĩ là ta hành Bát nhã Ba la mật thì chư Phật Thế Tôn sẽ thọ ký. Cũng không nghĩ là ta gần được thọ ký, ta sẽ làm thanh tịnh cõi Phật và sẽ được thành Phật Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sẽ chuyển pháp luân. Vì sao? Vì vị hành giả ấy không chấp trước pháp giới, cũng không ở trong tịch tĩnh, không thấy pháp nào khác, chỉ hành Bát nhã Ba la mật. Không chấp trước là chư Phật Thiên Trung Thiên thọ ký cho ta chứng đắc quả Phật Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-lamật không khởi tưởng nhân, không khởi tưởng ngã, không khởi tưởng thọ, không khởi tưởng chúng sinh, không khởi tưởng tri kiến. Vì sao? Vì nói về ngã, chúng sinh thì không khởi, không diệt, lại nói về nhân thì vốn không khởi, không diệt. Với cái không khởi không diệt ấy, chỗ nào hành Bát nhã Ba la mật? Đại Bồ-tát là người có thể hành như thế, không khởi sở thuộc, là hành Bát nhã Ba la mật. Chúng sinh là không, chúng sinh không đắc, chúng sinh tĩnh lặng là hành Bát nhã Ba la mật.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát tu theo không là hạnh đệ nhất.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật mà có thể hành như thế thì có thể siêu vượt tất cả các hành, đặt mình vào chỗ đáng làm theo là hành đại Từ, hành đại Bi. Đại Bồ-tát hành pháp này thì không bao giờ khởi tâm tham lam, ganh ghét, không có tâm hủy giới, không có tâm sân hận, không có tâm lười biếng, không có tâm tán loạn, không có tâm tà trí.

Phẩm 3: HÀNH KHÔNG (Phần 2)

Hiền giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật ấy từ chỗ nào qua đời mà sinh đến đây?

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật ấy từ cõi Phật ở phương khác qua đời sinh đến đây, hoặc trên cõi trời Đâu-thuật sinh trở lại nhân gian này, hoặc trong loài người sinh trở lại, nhanh chóng hành Bát nhã Ba la mật ấy. Người hành Bát nhã Ba la mật mà ngay đời này được thành tựu thì

người ấy mau tiếp cận pháp môn thâm diệu, rồi sau đó đạt rốt ráo Bát nhã Ba la mật thường gặp chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, ở tại quốc độ của chư Phật, không rời các Ngài. Hoặc có Đại Bồ-tát nhất sinh bổ xứ từ cõi trời Đâu-thuật hóa thân vào đây. Không mất sáu pháp Ba-la-mật, sinh ra ở đâu đều đầy đủ tất cả môn tổng trì, mau chóng tiếp cận môn Tam-muội.

Đức Phật dạy:

–Này Xá-lợi-phất! Hoặc có Bồ-tát từ trong cõi người mạng chúng sinh trở lại nhân gian. Vị Bồ-tát này là Bồ-tát không thoái chuyển. Người nào thấy vị Bồ-tát này thì các căn định tĩnh nhưng không thể mau đạt định hành Bát nhã Ba la mật, cũng không được tiếp cận với các môn tổng trì, không có môn Tam-muội.

Xá-lợi-phất lại hỏi:

–Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật ấy khi mạng sống kết thúc thì sinh vào nơi nào?

Đức Phật dạy:

–Vị ấy mạng chung ở đây, thì sẽ du hành từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, có mặt ở chỗ chư Phật Thế Tôn, chưa từng rời các Đấng Thiên Trung Thiên. Hoặc có Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, tu thiền thứ nhất cho đến thiền thứ tư, hành sáu pháp Bala-mật. Do pháp thiền này, nên sinh lên cõi trời Trường thọ. Giả sử, sau khi từ đó mạng chung được làm thân người, được chư gặp Phật Thế Tôn, các căn định tĩnh, nhưng không thông minh.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Hoặc có Đại Bồ-tát hành thiền thứ nhất cho đến thiền thứ tư, hành Bát nhã Ba la mật nhưng không có phương tiện thiện xảo, nên sau đó xả thiện sinh vào cõi Dục. Đại Bồ-tát ấy tuy các căn định tĩnh nhưng không thông minh.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Hoặc có Bồ-tát hành thiền thứ nhất cho đến thiền thứ tư, không rời Bát nhã Ba la mật, quán không tuệ (Không vô biên xứ) mà nhập định, quán thức ý tuệ (Thức vô biên xứ) mà nhập định, quán vô dụng tuệ (Vô sở hữu xứ) mà nhập định, cho đến quán hữu tưởng vô tưởng (Phi tưởng phi phi tưởng xứ) mà nhập định. Vượt quá bốn trời đó, tu bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, hành đại Từ bi, có phương tiện thiện xảo, sinh ra ở chỗ nào cũng không theo thiền giáo, không theo Từ, Bi, Hỷ, Hộ (xả), không thuận thiền Sắc giới, tự tại đối với chỗ sinh ra, thường gặp Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hiện tại, không lìa Bát nhã Ba la mật, trong kiếp Bạt địa (hiền kiếp) sẽ đắc thành quả Phật Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Hoặc có Đại Bồ-tát hành thiền thứ nhất cho đến thiền thứ tư, hành bốn Đẳng tâm, vượt qua bốn trời ấy, tu bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, hành đại Từ bi, có phương tiện thiện xảo, nhưng không thiền định ở chỗ sinh ra, không được tự tại. Vị ấy sẽ sinh lại trong cõi Dục này ở dòng Quân tử, Quý nhân, Phạm chí, Trưởng giả để giáo hóa chúng sinh có được lợi ích.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Hoặc có Đại Bồ-tát hành thiền thứ nhất cho đến thiền thứ tư, hành bốn Đẳng tâm, quán không tuệ, thức tuệ, vô dụng tuệ, hữu tưởng vô tưởng, vượt khỏi bốn cõi trời ấy, tu ba mươi bảy

phẩm, hành đại Từ bi, phương tiện thiện xảo, không theo thiền giáo, nếu có thác sinh thì vị ấy liền sinh lên cõi trời bốn đại Thiên vương, trời Đao-lợi, trời Diệm, trời Đâu-thuật, trời Ni-ma-la, trời Ba-la-ni-mật, sinh vào các cõi ấy để giáo hóa chúng sinh, làm nghiêm tịnh cõi Phật, gặp chư Phật Thế Tôn, không rời đạo giáo.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Hoặc có Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, có phương tiện thiện xảo, tu thiền thứ nhất, hành bốn Đẳng tâm, đến lúc mạng chung, sinh lên cõi trời Phạm thân, cõi trời Phạm cụ, cõi trời Phạm độ trước, cõi trời Đại phạm, ở cõi trời Phạm và Đại phạm kia, đi từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, ở cõi của chư Phật thành Phật Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chuyển pháp luân. Vị Đại Bồ-tát ấy khuyến trợ chư Phật chuyển pháp luân.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Hoặc có bậc Đại Khai sĩ nhất sinh bổ xứ, hành Bát-nhã ba-lamật, dùng phương tiện thiện xảo hiện hành thiền thứ nhất đến thiền thứ tư, Tam-muội Từ, Bi, Hỷ, Xả, cho đến không tuệ, thức tuệ, vô dụng tuệ, hữu tưởng vô tưởng, vượt qua bốn cõi trời ấy, tu ba mươi bảy phẩm, hành đại Hỷ, hành Tam-muội Không, Tam-muội Vô tướng, Tam-muội vô nguyện. Vị Đại Khai sĩ ấy du hành tự tại, diện kiến chư Phật Thế Tôn tại nơi mình sinh ra. Ở chỗ chư Phật đó, tịnh tu phạm hạnh, sinh lên cõi trời Đâu-thuật, ở nơi đây làm thầy mở đường dẫn lối làm việc độ thoát như con thuyền, các căn không tỳ vết, thường an vui tịch định, được vô số ức trăm ngàn cai chư Thiên quyến thuộc vây quanh, đều xuống nơi đây, đắc thành đạo Chánh chân vô thượng, thành bậc Chánh giác tối thượng.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Khai sĩ đắc sáu thần thông, không sinh vào cõi trời Dục, trời Sắc, trời Vô sắc, từ cõi Phật này du hành đến cõi Phật khác kính lễ chư Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Khai sĩ đắc sáu thần thông tự lấy làm an vui, từ cõi Phật này du hành đến cõi Phật khác. Ở cõi Phật sở tại, vị ấy không nghe tiếng Thanh văn, Duyên giác, cũng không nghe tên.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Khai sĩ đắc sáu thần thông tự lấy làm an vui, du hành khắp mười phương, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác. Ở cõi Phật mà vị ấy đã đến, thọ mạng cực kỳ dài lâu, không thể kể hết hạn lượng số kiếp.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Khai sĩ đắc sáu thần thông tự lấy làm an vui, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác. Ở cõi Phật đã đến, nếu không có Phật pháp và Thánh chúng thì vị ấy vì chúng sinh ở đó ca tụng, phân biệt, giảng giải các việc công đức của Phật pháp và Thánh chúng. Chúng sinh ngay khi nghe âm thanh Phật pháp và Thánh chúng, tâm ý vui mừng, sau khi mạng chung, đều sinh vào quốc độ hiện đang có Đức Phật Thế Tôn.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Khai sĩ từ khi mới phát tâm, không đắc thiền thứ nhất cho đến thiền thứ tư, bốn Đẳng phạm hạnh, bốn Định vô sắc, bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng

của Phật, chưa bao giờ sinh vào cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, chỗ vị ấy sinh ra là nơi chúng sinh cầu danh dự.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Khai sĩ hành sáu Độ vô cực, từ khi mới phát ý, đạt đến tịch diệt, được không thoái chuyển, trụ địa Bất động chuyển, sẽ đạt đến đạo Vô thượng chánh chân, thành Chánh Giác tối thượng.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Khai sĩ từ khi mới phát ý, đắc đạo Vô thượng chánh chân, thành Chánh giác tối thượng, liền chuyển pháp luân, vì vô số loại chúng sinh không thể kể xiết, mở đường chỉ lối làm tăng thêm lợi ích, sau đó, đạt đến cảnh giới Vô dư Nê-hoàn, rồi nhập Nêhoàn. Sau khi nhập Nê-hoàn, pháp của vị ấy trụ một kiếp, hoặc hơn một kiếp.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Khai sĩ từ khi mới phát ý hành Bát nhã Ba la mật vô cực, cùng với vô số ức trăm ngàn cai các Khai sĩ, từ cõi Phật này du hành đến cõi Phật khác, nơi cõi Phật mà vị ấy sinh ra cảnh giới nghiêm tịnh.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Khai sĩ hành Bát nhã Ba la mật vô cực đạt đến bốn Thiền và bốn Đẳng tâm, định Vô sắc, tự lấy làm an vui. Vị ấy đắc thiền thứ nhất, từ thiền thứ nhất xuất, nhập định tịch nhiên, rồi từ định tịch nhiên xuất, cho đến thiền thứ tư; từ thiền thứ tư xuất, nhập định tịch diệt; từ định tịch diệt xuất,… cho đến thiền không vô lượng; từ thiền không vô lượng xuất, nhập thiền định diệt; từ thiền định diệt xuất cho đến nhập thiền định hữu tưởng vô tưởng; từ thiền định hữu tưởng vô tưởng xuất, nhập thiền định tịch diệt.

Này Xá-lợi-phất! Đó là Đại Khai sĩ hành Bát nhã Ba la mật vô cực, dùng phương tiện thiện xảo mà hiện việc hành định Tam-muội.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Khai sĩ đắc bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của Phật, nhưng không đắc quả Lưu bố, quả Vãng lai, quả Bất hoàn, quả Vô trước, quả Duyên giác.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Trí tuệ của quả Thanh văn, Duyên giác đó so với bậc Khai sĩ đạt được pháp nhẫn thì biết Khai sĩ là không thoái chuyển hành Bát nhã Ba la mật vô cực.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Khai sĩ hành sáu pháp Ba-la-mật vô cực, trụ sáu pháp Bala-mật vô cực, ở tại trời Đâu-thuật đầy đủ các không rốt ráo, vị Khai sĩ ấy đều biết hết. Trong hiền kiếp, vị ấy ở trong số Đại sĩ sẽ thành Phật.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Khai sĩ đã đắc bốn Thiền và bốn Đẳng tâm, bốn Định vô sắc, bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý cho đến tám Thánh đạo, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của Phật. Có người hành Phật đạo nhưng không chứng đắc bốn đế, thì vị Đại Khai sĩ ấy vì họ mà ứng tại Nhất sinh bổ xứ.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Khai sĩ hành sáu pháp Ba-la-mật vô cực, từ cõi Phật này qua cõi Phật kia, du hành khắp các cõi, đến nơi nào cũng giáo hóa chúng sinh, khiến trụ Phật đạo. Vị Đại Khai sĩ ấy trải qua vô số kiếp chẳng thể kể xiết, đạt đến đạo Chánh chân vô thượng, thành bậc Chánh giác tối thượng.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Khai sĩ trụ sáu pháp Ba-la-mật vô cực, thường vì chúng sinh tuân tu tinh tấn, chưa từng phát ý, miệng nói việc vô ích.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Khai sĩ hành sáu pháp Ba-la-mật vô cực, thường tinh tấn muốn cứu chúng sinh, từ cõi Phật này du hành đến cõi Phật khác, khai hóa quần manh, khiến vượt khổ não, dứt sự tra khảo trong đường ác.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Khai sĩ trụ sáu pháp Ba-la-mật vô cực, hành Bố thí ba-lamật vô cực, quyến thuộc vây quanh, dẫn dắt điều phục chúng sinh, khiến hướng đến an vui vĩnh viễn. Vị ấy đối với người đói thì cho ăn, người khát thì cho uống, không có y phục cho y phục, không có hương cho hương tạp, hương bột, cho giường nằm, nô tỳ, xe cộ, vàng bạc, bảy báu, hễ cầu xin thứ gì phục vụ cho sự sống không bao giờ trái ý người, mà theo nhu cầu của họ.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Khai sĩ hành Bát nhã Ba la mật vô cực, tự hóa thân mình giống như Như Lai nhập vào địa ngục, vì người trong ngục giảng nói kinh pháp. Và đối với hàng súc sinh, ngạ quỷ cũng phân biệt giảng nói ý nghĩa.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Khai sĩ hành sáu pháp Ba-la-mật vô cực tự hóa thân tâm giống như hình Phật, qua hằng hà sa cõi Phật ở phương Đông, vì các chúng sinh giảng nói kinh pháp, kính lễ Như Lai làm tịnh cõi Phật. Người nghe kinh đều phát ý đạo, khắp cả mười phương thế giới chư Phật cũng giống như thế, Bồ-tát quán sát cõi nước chư Phật, chọn lấy cõi vừa ý rồi tự làm thanh tịnh, khiến cho nơi đó có năm sự vi diệu hơn cõi Phật kia. Đại Khai sĩ thành tựu đầy đủ Nhất sinh bổ xứ.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Khai sĩ hành sáu Độ vô cực, tức thời đầy đủ ba mươi hai tướng Đại nhân, các căn vô cùng đẹp đẽ và đều thông đạt, do các căn đẹp đẽ này mà mọi người nhìn thấy đều ái kính, khiến cho vô số loài chúng sinh khởi tâm vui mừng, dần dần làm cho người ở trong tam độ được diệt độ.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Khai sĩ hành Bát nhã Ba la mật vô cực sẽ làm thanh tịnh thân, khẩu, ý.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Khai sĩ hành sáu pháp Ba-la-mật vô cực, các căn vô cùng đẹp đẽ, hình sắc đoan chánh, chẳng tự khen ngợi mình và không nói lỗi người khác, thường xét lỗi mình, chẳng nói khuyết điểm của kẻ khác.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Khai sĩ từ khi mới phát ý, hành Bố thí ba-la-mật vô cực, Trì giới ba-la-mật vô cực, đã được an trụ hai độ vô cực này, đã nắm giữ địa vị cực tôn quý là Chuyển luân thánh vương nhiều

không thể kể xiết. Chuyển luân thánh vương ở chỗ nào cũng gặp vô số trăm ngàn chư Phật, cung kính đảnh lễ, phụng sự cúng dường chư Phật Thế Tôn.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Khai sĩ trụ sáu Độ vô cực, vì chúng sinh diễn bày sáu pháp để họ soi chiếu, rồi dùng ánh sáng chưa từng diệt mất này cho đến khi đạt đạo Vô thượng chánh chân, thành bậc Chánh giác tối thượng.

Này Xá-lợi-phất! Như thế, Đại Khai sĩ đã soi chiếu nhiều giáo pháp của chư Phật. Vì vậy, này Xá-lợi-phất! Đại Khai sĩ hành Bát nhã Ba la mật vô cực thường nên tinh cần tu tập giữ gìn thân, khẩu, ý, khiến thân, khẩu, ý không có gì sai phạm.

Hiền giả Xá-lợi-phất thưa:

–Kính bạch Thế Tôn! Dựa vào đâu Đại Khai sĩ tinh tấn tu các hạnh, giữ gìn thân, khẩu, ý không có điều gì sai phạm?

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Khai sĩ tâm tự nghĩ: “Đó là việc làm của thân, sự khởi tạo của thân có sự lập nên, đó là lời nói, đó là sáu tâm. Hễ tâm móng khởi là có sự thành lập.” Đó là Đại Khai sĩ giữ gìn thân, khẩu, ý. Đại Khai sĩ hành Trí tuệ vô cực, không thủ đắc thân, không thủ đắc lời nói, cũng không thủ đắc tâm. Giả sử Đại Khai sĩ hành Bát-nhã ba-lamật vô cực mà thủ đắc thân, khẩu, ý, bám chặt vào thân, khẩu, ý thì có tâm tham lam ganh ghét, lại cũng khởi tâm phạm giới, tâm sân hận, tâm lười biếng, tâm tán loạn, tâm tà trí.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Như thế, hành giả đó không xứng đáng được gọi là Khai sĩ. Đại Khai sĩ hành sáu pháp Ba-la-mật vô cực làm thanh tịnh sự cấu uế của thân, làm thanh tịnh sự cấu uế của miệng, làm thanh tịnh sự cấu uế của tâm, khiến không khuyết giảm mới gọi là Khai sĩ.

Hiền giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Thế nào là Đại Khai sĩ làm thanh tịnh sự cấu uế của thân, miệng, ý?

Đức Thế Tôn đáp:

–Này Xá-lợi-phất! Giả sử Đại Khai sĩ không tự đắc thủ thân, lại cũng không thủ đắc lời nói, ý nghĩ thì như thế Đại Khai sĩ ấy đã làm thanh tịnh sự cấu uế của thân, khẩu, ý. Giả sử thân, khẩu, ý xấu ác thì đó là vì lợi dưỡng. Nếu làm cho Đại Khai sĩ từ khi mới phát tâm, hướng về sự phụng hành mười điều thiện báo ứng, không phát ý Thanh văn, Duyên giác thì Đại Khai sĩ như thế trừ sạch sự cấu uế của thân, khẩu, ý.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Khai sĩ hành Bát nhã Ba la mật vô cực mà muốn cầu Phật đạo, thì hành Bố thí ba-la-mật vô cực, Trì giới ba-la-mật vô cực, Nhẫn độ vô cực, Tinh tấn ba-la-mật vô cực, Nhất tâm độ vô cực. Ngài Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Thế nào là Đại Khai sĩ muốn cầu Phật đạo?

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Giả sử Đại Khai sĩ không thủ đắc việc làm của thân, lời nói của miệng và ý nghĩ của tâm, không thủ đắc Bố thí ba-la-mật vô cực, Trì giới ba-la-mật vô cực, Nhẫn độ vô cực, Tinh tấn ba-la-mật vô cực, Nhất tâm độ vô cực, Bát nhã Ba la mật vô cực, không thủ đắc Thanh văn, Duyên

giác, không thủ đắc Khai sĩ, không thủ đắc Phật đạo, thì đó là Đại Khai sĩ cầu Phật đạo, vì đối tất cả pháp không có sở đắc.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Khai sĩ hành sáu Độ vô cực rồi, có chỗ đạt đến, không chỗ đạt đến cũng không thể được tiện lợi.

Ngài Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Tại sao Đại Khai sĩ hành sáu Độ vô cực rồi, có chỗ đạt đến, không chỗ đạt đến, cũng không thể được tiện lợi?

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Khai sĩ khi hành sáu Độ vô cực, không nghĩ sắc, không nghĩ thọ, tưởng, hành, thức; không nghĩ nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; không nghĩ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không nghĩ nhãn, không nghĩ sắc, không nghĩ nhãn sắc thức; không nghĩ nhĩ, không nghĩ thanh, không nghĩ nhĩ thanh thức; không nghĩ tỷ, không nghĩ hương, không nghĩ tỷ hương thức; không nghĩ thiệt, không nghĩ vị, không nghĩ thiệt vị thức; không nghĩ thân, không nghĩ tế hoạt, không nghĩ thân tế hoạt thức; không nghĩ ý, không nghĩ pháp, không nghĩ ý pháp thức; không nghĩ bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo; không nghĩ Bố thí ba-la-mật vô cực, Giới, Nhẫn, Tinh tấn, Nhất tâm, Bát nhã Ba la mật vô cực; không nghĩ mười Lực Như Lai, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật; không nghĩ Lưu bố, Vãng lai, Bất hoàn, Vô trước, Duyên giác, đạo Chánh chân vô thượng thành bậc Chánh giác tối thượng.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Khai sĩ hành như thế có thể đầy đủ sáu Độ vô cực, lợi ích dài lâu thì chỗ đạt đến, hay không chỗ đạt đến cũng không có thể tiện lợi.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Hoặc có Đại Khai sĩ trụ Bát nhã Ba la mật vô cực, đầy đủ trí tuệ thông đạt, nhờ trí tuệ đó mà ý nghĩa của việc làm không bao giờ lệch lạc, cho đến khi đạt đến vô dư, mọi người thấy không ghét bỏ, cũng không nghèo thiếu, cũng không chết mà là thọ sắc thiện, sở dĩ chết là tự hủy hoại thân Trời, Người, A-tu-luân.

Ngài Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Cái gì là tuệ của Đại Khai sĩ?

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Khai sĩ đã dùng thừa tuệ thấy hằng hà sa Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác ở phương Đông, nghe kinh pháp các Ngài thuyết và thấy Thánh chúng, thấy cõi nước chư Phật thanh tịnh và pháp thanh tịnh. Sở dĩ Đại Khai sĩ thuận theo tuệ ấy, không có tưởng Phật, không có tưởng Khai sĩ, không có tưởng Thanh văn, không có tưởng Duyên giác, không vì thân mình mà có tưởng cõi Phật. Vì sao? Vì Đại Khai sĩ hành Bố thí ba-la-mật vô cực, mà không thủ đắc Bố thí ba-la-mật vô cực; hành Giới, Nhẫn, Tinh tấn, Nhất tâm, Bát nhã Ba la mật vô cực mà không thủ đắc Giới, Nhẫn, Tinh tấn, Nhất tâm, Bát nhã Ba la mật vô cực, cho nên trí tuệ đạt được bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật. Đó là trí tuệ

của Đại Khai sĩ. Do trí tuệ này đầy đủ tất cả căn bản Phật pháp, đối với tất cả pháp cũng không nhớ nghĩ.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Bát nhã Ba la mật vô cực của Đại Khai sĩ làm thanh tịnh năm

nhãn. Những gì là năm nhãn? Đó là Nhục nhãn, Thiên nhãn, Tuệ nhãn, Pháp nhãn, Phật nhãn.

Ngài Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Thế nào là Đại Khai sĩ làm thanh tịnh Nhục nhãn?

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Hoặc có Đại Khai sĩ dùng Nhục nhãn thấy bốn ngàn dặm, hoặc có Đại Khai sĩ dùng Nhục nhãn thấy tám ngàn dặm, hoặc có Đại Khai sĩ dùng Nhục nhãn thấy cả cõi Diêm-phù-đề, hoặc có Đại Khai sĩ dùng Nhục nhãn thấy cả hai Diêm-phù-đề, hoặc có Đại Khai sĩ dùng nhục nhãn thấy bốn thiên hạ, hoặc có Đại Khai sĩ dùng Nhục nhãn thấy ngàn đại thiên thế giới, hoặc có Đại Khai sĩ dùng Nhục nhãn thấy hai ngàn đại thiên thế giới, hoặc có Đại Khai sĩ dùng Nhục nhãn thấy tam thiên đại thiên thế giới.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đó là Đại Khai sĩ đã đắc Nhục nhãn thanh tịnh.

Ngài Xá-lợi-phất lại hỏi:

–Thế nào là Đại Khai sĩ đắc Thiên nhãn thanh tịnh?

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Cõi trời bốn đại Thiên vương với Thiên nhãn đều biết hết, trời Đao-lợi, trời Diệm, trời Đâu-thuật, trời Ni-ma-la, trời Ba-la-nimật, cho đến trời A-ca-nị-tra, Đại Khai sĩ đều biết hết. Thiên nhãn của Đại Khai sĩ ấy, từ cõi Tứ Thiên vương lên đến cõi trời A-ca-nịtra, Khai sĩ đều biết hết. Thiên nhãn của Đại Khai sĩ, dùng Thiên nhãn này thấy chúng sinh trong hằng hà sa cõi Phật ở phương Đông, sau trước đều biết hết, cho đến có thể thấy hết sự sinh tử của chúng sinh trong thế giới chư Phật ở mười phương.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đó là Thiên nhãn thanh tịnh của Đại Khai sĩ.

Ngài Xá-lợi-phất lại hỏi:

–Kính bạch Thế Tôn, thế nào là Tuệ nhãn thanh tịnh của Đại Khai sĩ?

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Tuệ nhãn của Đại Khai sĩ không nghĩ pháp có sở hữu, hữu vi, vô vi, hữu hình, vô hình, pháp thế gian, độ pháp thế gian, hữu lậu, vô lậu. Tuệ nhãn của Đại Khai sĩ thấy các pháp, đều thấy nghe vô lượng, vô số. Đó là Tuệ nhãn thanh tịnh của Đại Khai sĩ.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi:

–Kính bạch Thế Tôn! Thế nào là Pháp nhãn thanh tịnh của Đại Khai sĩ?

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Khai sĩ dùng Pháp nhãn phân biệt biết người nào hành Tín, người nào hành Pháp, người nào hành Không, người nào hành Vô tướng, người nào hành Vô nguyện. Do môn giải thoát ấy mà đắc năm Căn, đắc Tam-muội Vô kiến. Đã đắc Tam-muội Vô kiến rồi thì khởi phát Bát nhã

Ba la mật, đã đắc Bát nhã Ba la mật thì đoạn ba kết. Những gì là ba? Một là tham thân, hai là hồ nghi, ba là hủy giới. Đó là ba kết. Có khả năng trừ tham thân, không có hồ nghi, không hủy cấm giới thì không có kết, không có kết là bậc Lưu bố, vị này được đi trên đường Thánh. Đoạn trừ dâm dục, sân hận, nộ si mỏng thì gọi là người Vãng hoàn. Do con đường Thánh này gia tăng siêng năng, dâm dục, sân hận, dâm, nộ, si dứt, gọi là bậc Bất hoàn. Vị này ở trên đường thánh gia tăng siêng năng, ít sắc dục, không có sắc dục, vô minh, đoạn trừ, kiêu mạn, gọi là bậc Vô trước, là bậc hành không vậy. Hành môn giải thoát không mà đạt được năm Căn, đạt Tam-muội Vô kiến thì dùng Tam-muội Vô kiến, hưng phát tuệ độ, đạt đến Duyên giác. Vị này hành môn giải thoát Vô tướng đạt được năm Căn. Nói tóm lại vị này đạt đến vô trước. Đó là Pháp nhãn thanh tịnh của Đại Khai sĩ. Giả sử Khai sĩ có thể phân biệt hiểu rõ, hễ pháp có hợp hội thì đều trở về không rốt ráo, đã thấy các pháp hoàn toàn không thì đắc năm Căn. Đó là Pháp nhãn thanh tịnh của Khai sĩ.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Khai sĩ phân biệt như thế này: Đây là Khai sĩ mới phát ý, hành Bố thí ba-la-mật vô cực, Trì giới ba-lamật vô cực, Nhẫn độ vô cực, Tinh tấn ba-la-mật vô cực, Nhất tâm độ vô cực, Bát nhã Ba la mật vô cực và (hành) tín căn, tinh tấn căn và căn đã hành đầy đủ phương tiện thiện xảo, thân mình thường trụ nơi căn bản thiện đức. Vị Khai sĩ ấy sinh vào dòng dõi Quân tử, Quý tộc, Phạm chí, Trưởng giả, sinh lên cõi trời Tứ Thiên vương, trời Đao-lợi, trời Diệm, trời Đâu-thuật, trời Ni-ma-la, trời Ba-la-nimật. Sinh vào những cõi trời đó, ở nơi đâu cũng biểu hiện việc khai hóa chúng sinh, khiến cho quần manh đều nhập vào hạnh an lạc, làm thanh tịnh cõi Phật, trực tiếp gặp Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác cúng dường phụng sự, không rơi vào địa Thanh văn, Duyên giác cho đến khi đạt đạo Chánh chân vô thượng thành Tối chánh giác. Đó là Pháp nhãn thanh tịnh của Đại Khai sĩ.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Khai sĩ phân biệt thế này: Khai sĩ nào đã được thọ ký đắc đạo Vô thượng thành Tối chánh giác, vị Khai sĩ nào chưa được thọ ký đạo Chánh chân vô thượng, vị Khai sĩ nào không tạo lập gì, vị Khai sĩ nào là không thoái chuyển, vị Khai sĩ nào chẳng phải không thoái chuyển, vị Khai sĩ nào đầy đủ thần thông, vị Khai sĩ nào chưa đủ thần thông, vị Khai sĩ nào đầy đủ thần thông đi đến hằng hà sa cõi Phật ở phương Đông kính lễ chư Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác cúng dường phụng sự, vị Khai sĩ nào chưa đắc thần thông, vị Khai sĩ nào sẽ đắc thần thông, vị Khai sĩ nào ở cõi Phật có thể làm thanh tịnh, vị Khai sĩ nào ở cõi Phật không thể làm thanh tịnh, vị Khai sĩ nào sẽ giáo hóa chúng sinh, vị Khai sĩ nào không giáo hóa chúng sinh, vị Khai sĩ nào được chư Phật Thế Tôn khen ngợi, vị Khai sĩ nào sẽ được chư Phật Thế Tôn đứng gần ở trước, vị Khai sĩ nào mà chư Phật Thế Tôn không hiện ở trước, vị Khai sĩ nào thọ mạng có hạn lượng, vị Khai sĩ nào thọ mạng không hạn lượng, vị Khai sĩ nào có chúng Tỳ-kheo có hạn lượng, vị Khai sĩ nào có chúng Tỳ-kheo không hạn lượng, vị Khai sĩ nào đắc đạo Vô thượng Chánh chân thành Tối chánh giác dùng chúng Khai sĩ làm Tăng, vị Khai sĩ nào khi làm Phật không có chúng Khai sĩ, vị Khai sĩ nào sẽ do hạnh cần khổ mà thành, vị Khai sĩ nào sẽ rốt ráo chung thủy cùng tận, vị Khai sĩ nào không rốt ráo chung thủy cùng tận, vị Khai sĩ nào sẽ ngồi dưới cây đạo tràng, vị Khai sĩ nào không ngồi dưới cây đạo tràng, vị Khai sĩ nào sẽ có ma thử thách, vị Khai sĩ nào không có ma thử thách, vị Khai sĩ nào như vậy…

Này Xá-lợi-phất! Đó là Pháp nhãn thanh tịnh của Đại Khai sĩ.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Thế nào là Phật nhãn thanh tịnh của Đại Khai sĩ?

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Cái nhân và đạo ý vô thượng mà Đại Khai sĩ đã dùng là chánh thọ Tam-muội Kim cang dụ, đầy đủ tất cả các tuệ thông đạt: mười Lực của Như Lai, bốn Vô sở úy, bốn phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật, đại Từ, đại Bi, cho con mắt của Đại Khai sĩ thông đạt hết tất cả Phật pháp, đối với tất cả Phật pháp, không có pháp nào là không thấy, không có pháp nào là không nghe, không có hạn lượng, không có gì là không thông đạt. Này Xá-lợi-tử, khi Đại Khai sĩ đạt đến đạo Vô thượng Chánh chân thành Tối chánh giác mới có thể đầy đủ Phật nhãn thanh tịnh.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Như thế, Đại Khai sĩ muốn đắc năm nhãn phải phụng hành sáu Độ vô cực. Vì sao? Vì sáu Độ vô cực đều nhập vào tất cả các pháp đức thiện, đều hiểu rõ pháp Thanh văn, pháp Duyên giác, pháp Khai sĩ. Vì vậy, này Xá-lợi-phất! Hành giả hành pháp này, muốn đạt tâm bình đẳng phải gồm thâu tất cả các pháp, phải quán Bát-nhã bala-mật vô cực. Bát nhã Ba la mật vô cực là mẹ của năm nhãn. Đại Khai sĩ học năm nhãn đó để đạt đến đạo Chánh chân vô thượng thành Tối chánh giác.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Hoặc có Đại Khai sĩ tu thần thông, đạt đến Độ vô cực, có vô số việc nhân duyên thần thông trụ ở cõi này, dùng một thân biến hóa biết bao nhiêu hình, rồi trở lại làm một thân. Khi ấy vượt qua sự cách ngăn của tường vách, đồi núi cao không chướng ngại như trong hư không, đi trong nước như đi trong mây. Giống như chim bay trong bầu trời, vào ra đất không có kẻ hở như đi vào nước, đi trên nước như đi trên đất, thân tuôn ánh sáng như lửa lớn, oai thần lồng lộng của ánh sáng mặt trời, mặt trăng khó sánh kịp, dùng tay sờ mặt trời, mặt trăng và nắm bắt ánh sáng một cách tự tại, thân cao đến trời Phạm không vì thần túc mà tự cao ngạo, ý không khinh mạn cũng không nhớ nghĩ đã sở đắc thần túc, cũng không kiêu mạn buông lung, khi khởi lên cũng không có tưởng, cũng không nhớ nghĩ, cái không tự nhiên hưng khởi. Cái tự nhiên đó là tịch mịch. Cái Tự nhiên không đó cũng không có chỗ khởi. Lại như thế thì không phát thần túc và hạnh thần túc, chỉ có chuyên nghĩ các việc tuệ thông đạt. Đó là nguyên do chứng đắc Thần túc tuệ độ vô cực của Đại Khai sĩ.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thiên nhĩ thanh tịnh của Đại Khai sĩ ấy vượt qua tai của trời người, nghe được tất cả các âm thanh của trời người, mà cũng chẳng tưởng nghĩ về loại Thiên nhĩ ấy, chẳng nghĩ rằng ta nghe tiếng, cũng không thủ đắc, cái không tự nhiên, tự nhiên vắng lặng. Cái tự nhiên ấy không chỗ khởi, cũng không chỗ đắc, cũng không chỗ nghĩ, cũng không tự nghĩ là ta đắc Thiên nhĩ, chỉ có chuyên nghĩ các việc thông đạt. Đó là Đại Khai sĩ hành Bát nhã Ba la mật vô cực chứng đắc hạnh tuệ thần thông Thiên nhĩ.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Vị Khai sĩ ấy biết sự hướng đến hư, thật của tâm niệm các chúng sinh khác, là có tâm dục, không có tâm dục; có tưởng dục, không có tưởng dục; có tâm sân hận, lìa tâm sân hận; có tưởng

sân hận, lìa tưởng sân hận; có tâm ngu si, lìa tâm ngu si; có tưởng ngu si, lìa tưởng ngu si; có tâm ân ái, lìa tâm ân ái; có sở thọ, không sở thọ; hoặc đề cao, hoặc hạ thấp; tâm vội vã, tâm an tường; hoặc tâm rộng rãi, hoặc tâm nhỏ mọn; hoặc tâm định, hoặc tâm bất định; hoặc tâm giải thoát, hoặc tâm không giải thoát; tâm đã ô nhiễm, hay vừa, sẽ ô nhiễm; tâm đã nhiễm tưởng, hay vừa, sẽ nhiễm tưởng. Như sự việc xét biết rõ ràng, phân biệt hư thật. Có tâm vô thượng thì nghĩ đến vô thượng, cũng không có sở niệm, cũng không có sở tưởng. Vì sao? Vì do sự phát khởi của các tâm vô tâm. Các tâm không nghĩ tưởng thì lại nhớ nghĩ đời sống quá khứ. Nhờ trí tuệ soi sáng nên bằng thần thông biết đời quá khứ, gọi là túc mạng, tuệ sở chứng minh thần thông (túc mạng trí chứng thần thông). Với loại thần thông này, một niệm biết sự việc trăm ngày, sự việc trăm tháng, sự việc trăm năm, sự việc một kiếp, trăm kiếp, vô số kiếp, vô số trăm kiếp, vô số ngàn kiếp, vô số ức trăm ngàn cai kiếp thảy đều nhớ biết tận nguồn gốc, ở chỗ nào tên là gì, thuộc chủng tánh nào, cuộc sống như vậy, ăn uống như vậy, sống lâu như thế, thọ mạng dài ngắn, khổ lạc, thiện ác, từ nơi kia chết sinh đến nơi nọ, chúng sinh này, chúng sinh kia đã nói như thế… Khai sĩ có thể nhớ biết vô số đời sống quá khứ nhưng cũng không nghĩ tưởng thần thông đã chứng đắc.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Bát nhã Ba la mật vô cực của Đại Khai sĩ có khả năng nhớ biết như thế, đó là Túc mạng trí chứng thần thông. Đó là Hạnh tuệ thần thông.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Vị Đại Khai sĩ ấy dùng Thiên nhãn thấy chúng sinh sinh tử, trước sau, căn lành, căn ác, điều họa, điều phúc, điều thiện, điều ác, hướng đến an lành, hướng đến khổ đau, vi diệu, ô uế, nguyên do tạo tác đều rõ biết hết. Thương những kẻ thân làm ác, miệng nói ác, tâm nghĩ ác, tạo đủ hạnh ác, bài báng Hiền thánh, phụng sự tà kiến. Do nhân duyên ấy khi tan thân mất mạng, hướng đến nơi khổ cực, đọa vào địa ngục. Hàng chúng sinh nhân từ, hiền thiện thì thân làm lành, miệng nói lành, tâm nghĩ lành, tạo đủ các hạnh tốt, không bài báng Hiền thánh, tuân phụng chánh kiến. Do duyên hạnh này cho nên khi thân hoại mạng chung, hướng đến nơi an ổn, sinh lên cõi trời. Rồi lại nhìn thấy tám phương, trên, dưới. Rõ thật đáng thương những kẻ thân làm ác, miệng nói ác, tâm nghĩ ác, tạo đủ các hạnh ác, bài báng Hiền thánh, phụng sự tà kiến. Do nhân duyên này, khi thân hoại mạng chung, hướng đến chỗ khổ cực, đọa vào địa ngục. Nhưng hàng chúng sinh nhân từ hiền thiện thì thân làm lành, miệng nói lành, tâm nghĩ lành, tạo đủ các hạnh lành, không bài báng Thánh hiền, tuân phụng chánh kiến. Do nhân duyên hạnh này, khi thân hoại mạng chung, hướng đến nơi an ổn, sinh lên cõi trời nhìn thấy tám phương, trên, dưới. Khi đã đạt thần thông thì tự nhiên nhìn thấy mười phương, không có gì ngăn che.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Vị Đại Khai sĩ ấy đã đạt đến chỗ biết tâm niệm của người một ngày, trăm ngày, một năm, trăm năm, một kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp, vạn kiếp, ức kiếp, vô số kiếp, vô số ức ức trăm ngàn kiếp, cho đến vô hạn. Vô lượng tâm niệm chẳng thể kể xiết trong các cõi Phật ở nơi mười phương thế giới, đều biết hết không ngăn che đó gọi là Túc mạng trí chứng thần thông biết tâm niệm người khác của Đại Bồ-tát.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Vị Đại Khai sĩ tự biết thân từ đâu đến một đời, trăm đời, ngàn đời, vạn ức đời, vô số ức đời, một kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp, vạn kiếp, ức kiếp, vô số ức kiếp, thiện ác, họa phúc, chỗ thiện ác hướng đến, cha mẹ, anh em, dòng họ, vợ con, thế lực, tôn quý, giàu có, an vui, nghèo hèn, khốn khổ, ngu, trí, bế tắc, thông đạt, tên, dòng họ. Đó là Túc mạng trí chứng thông, biết thân từ đâu đến của Đại Khai sĩ, tự nhiên xem thấy năm đường trong mười phương không bị ngăn che.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Khai sĩ đạt Lậu tận tuệ chứng thần thông không rơi vào địa Thanh văn, Duyên giác, cũng không tưởng nghĩ pháp khác, cũng không tưởng nghĩ ta sẽ đạt đạo Chánh chân vô thượng thành Tối chánh giác, cũng không dựa vào Tuệ thần thông lậu tận mà khởi niệm kiêu mạn, buông lung. Nếu hiểu mười Lực của Như Lai, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật, mười hai nhân duyên không có cội gốc, ba mươi bảy phẩm không manh mối mà giáo hóa tất cả, thì này Xá-lợi-phất! Như vậy là đầy đủ Thần thông Bát nhã Ba la mật vô cực của Đại Khai sĩ, đã đầy đủ rồi thì có lợi ích lâu dài, mới đạt đến đạo Chánh chân vô thượng thành Tối chánh giác.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Hoặc có Đại Khai sĩ hành Bát nhã Ba la mật vô cực, trụ Bố thí ba-la-mật vô cực, thấy có thể làm nghiêm tịnh các con đường thông suốt chân không cứu cánh. Từ sự hưng thọ đó mà hành ân đức.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Hoặc có Đại Khai sĩ hành Bát nhã Ba la mật vô cực, trụ Trì giới ba-la-mật vô cực, làm nghiêm tịnh hoàn toàn thông đạo chân không rốt ráo, điều không tin thì chẳng tin, việc không khởi thì chẳng khởi, hưng lập ý nghĩa vĩnh viễn không chỗ sinh.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Hoặc có Đại Khai sĩ hành Bát nhã Ba la mật vô cực, trụ Nhẫn độ vô cực, làm nghiêm tịnh hoàn toàn các thông đạo chân không rốt ráo, hưng khởi nhẫn nhục, không có sân hận, hiểu rõ vốn không, tất cả đều không.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Hoặc có Đại Khai sĩ hành Bát nhã Ba la mật vô cực, trụ Tinh tấn ba-la-mật vô cực, làm nghiêm tịnh hoàn toàn các thông đạo chân không rốt ráo, thân ý tinh tấn chuyên chú vào một nghĩa, việc thực hiện tinh tấn không có các lậu, hưng lập sự tinh tấn này.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Hoặc có Đại Khai sĩ hành Bát nhã Ba la mật vô cực, trụ Nhất tâm độ vô cực, làm nghiêm tịnh hoàn toàn các thông đạo chân không rốt ráo, tâm ý không loạn động, không cao, không thấp, không khởi, không diệt, hưng lập thiền này.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Hoặc có Đại Khai sĩ hành Bát nhã Ba la mật vô cực, trụ Bát nhã Ba la mật vô cực, làm nghiêm tịnh hoàn toàn các thông đạo chân không rốt ráo, trừ tâm tà kiến, khuyến phát vô trí, hưng lập cái không cho.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Như vậy là Đại Khai sĩ hành Bát nhã Ba la mật vô cực, trụ sáu pháp Ba-la-mật vô cực, làm nghiêm tịnh hoàn toàn các thông đạo chân không rốt ráo, đến hay không đến như không đến đi, cho không người nhận, không bố thí, không tham lam, không giới, không phạm, không nhẫn không giận, không tinh tấn, không biếng lười, không thiền không loạn, không trí không ngu, vật bố thí rồi, không nghĩ đến, cũng không tưởng nhớ, bố thí, tham lam; trì giới, phạm giới; nhẫn nhục, sân hận; tinh tấn, biếng lười; nhất tâm, tán loạn; trí tuệ, ngu si; không nghĩ đến mắng nhiếc, chẳng nhớ đến khen ngợi, có làm việc gì cũng không nghĩ tưởng, không phát khởi, không sân hận, không nhục mạ, cũng không nghĩ tưởng lời lẽ đã nói, chẳng nghĩ có, cũng chẳng nghĩ không.

Đức Phật dạy:

–Này Xá-lợi-phất! Đại Khai sĩ ấy được tôn xưng là danh đức hành Bát nhã Ba la mật vô cực. Thanh văn, Duyên giác không thể sánh kịp. Khai sĩ đầy đủ những đức này rồi, giáo hóa chúng sinh, làm nghiêm tịnh cõi Phật, hành đại Từ, đại Bi, đắc các tuệ thông đạo.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Khai sĩ hành Bát nhã Ba la mật vô cực, thường phát tâm bình đẳng hướng đến chúng sinh, đã có thể phát tâm bình đẳng hướng đến chúng sinh rồi thì đạt đến bình đẳng đối với các pháp, đã có thể đạt được sự bình đẳng đối với các pháp rồi thì có thể lập được sự bình đẳng với các chúng sinh. Ngay tức khắc tất cả các pháp đều hiện hữu, được chư Phật Thế Tôn nhìn thấy thương mến và các Khai sĩ, tất cả Thanh văn, Duyên giác trông thấy khâm phục. Lại nữa, những nơi sinh ra, mắt chưa từng thấy việc chẳng nên, tai chưa từng nghe tiếng ác, mũi chưa từng ngửi mùi hôi, miệng chưa từng nếm vị dở, thân không thô cứng, tâm không pháp tà. Đại Khai sĩ hành Bát nhã Ba la mật vô cực có thể như thế thì không bao giờ quên mất đạo Chánh chân vô thượng.

Khi Đức Phật nói về phẩm Bát nhã Ba la mật vô cực này, có ba trăm vị Tỳ-kheo tu hành dùng anh lạc rải cúng dường chư Phật, phát tâm đạo Chánh chân vô thượng.

Bấy giờ Đức Phật mỉm cười. Hiền giả A-nan liền rời chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục, gối phải quỳ xuống đất, chắp tay bạch Phật:

–Vì nhân duyên gì mà Ngài cười? Đã cười thì chắc có ý!

Đức Phật bảo A-nan:

–Ba trăm Tỳ-kheo này sáu mươi mốt kiếp nữa sẽ đắc quả Phật, hiệu là Đại Anh Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, thiện Thiện Thệ, Vô Thượng Sĩ, đạo pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật Chúng Hựu. Ở đây, họ mạng chung, sẽ thường sinh vào cõi nước của Đức A-súc Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Sáu vạn trời Dục hành sẽ ở vào thời Phật Di-lặc xuất gia làm Sa-môn, thừa Thánh chỉ của Phật, vào thời đó, tìm thấy ngàn Phật du hành trong chúng sinh, tám phương, trên dưới cũng lại như vậy, đều thấy ngàn Phật và các cõi nước. Lại thấy thế giới Kham nhẫn này nghiêm tịnh không nhơ bẩn như thế giới của chư Phật Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác.

Khi ấy hàng vạn người đều tự phát nguyện:

–Hiện nay chúng con phát khởi ý muốn du hành nước Phật hiện tại.

Lúc đó, Đức Phật biết tâm niệm của các thiện nam tử kia, lại mỉm cười.

Ngài A-nan lại quỳ xuống hỏi Đức Phật:

–Do nhân duyên gì mà Ngài mỉm cười? Ngài cười chắc chắn là có ý!

Đức Phật bảo A-nan:

–Hiện ông có thấy vạn người lập nguyện chăng?

Đáp:

–Dạ có!

Thế Tôn bảo:

–Vạn người này khi mạng chung sẽ sinh về nước Phật, họ chưa từng xa rời chư Phật Như Lai, về sau đắc quả Phật, hiệu là Nghiêm Tịnh Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác.

QUYỂN 2
Phẩm 4: THÁN ĐẲNG

Khi ấy Hiền giả Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Đại Ca-diếp, ba vị này và vô số Tỳ-kheo thánh thông minh đạt khác, cùng các Đại Bồ-tát, thiện nam, tín nữ đều bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Hành như thế là hành Ba-la-mật đại độ

vô cực vi diệu không ai hơn của Đại Bồ-tát, là Ba-la-mật tối siêu không ai có thể vượt qua, là Ba-la-mật rất tôn quý có người hành trì, là Ba-la-mật thế lực danh tiếng không gì có thể sánh kịp, là Bala-mật vô thượng không gì có thể vượt qua, là Ba-la-mật không gì so sánh sở độ vô cực, là Ba-la-mật vô song không độ vô cực của Đại Bồ-tát.

Kính bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát ấy đã dùng tướng làm không mà đến bờ giác, dùng Ba-la-mật vô tưởng mà đạt vô niệm, dùng Bala-mật vô nguyện mà đạt vô trước. Tất cả các pháp là không, vì tất cả đều tự nhiên vô sở hữu. Ba-la-mật không vì tự nhiên không. Tất cả đức đầy đủ Ba-la-mật-đã độ vô cực.

Kính bạch Thế Tôn! Tất cả đức của các Đại Bồ-tát đều đầy đủ Bát nhã Ba la mật, không ai có thể sánh được. Ba-la-mật vô sở hành là Ba-la-mật của Đại Bồ-tát. Khi ấy Đại Bồ-tát có thể ngang bằng bậc vô đẳng, ban cho bất cứ cái gì cũng đều đầy đủ. Như vậy là đã đạt đến Ba-la-mật-đẳng vô đẳng, đã có thể đạt được Đẳng vô đẳng rồi thì đạt Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thí ba-la-mật có thể đưa về Đẳng vô đẳng, Giới, Nhẫn, Tinh tấn, Thiền, Bát-nhã ba-lamật là việc phải làm giống như Bồ-tát hành Thí ba-la-mật.

Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Chẳng những chỉ có Bát nhã Ba la mật mới có thể đạt được Đẳng vô đẳng mà còn chân pháp như sắc, thọ, tưởng, hành, thức, hoặc chuyển pháp luân Đẳng vô sở đẳng. Chư Phật Thiên Trung Thiên quá khứ, chư Phật vị lai, hiện tại đều hành Bát nhã Ba la mật, là những bậc chuyển pháp luân Đẳng vô đẳng. Vì vậy, bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát muốn vượt qua tất cả hiện tướng của các pháp thì nên hành Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát vì người hành Bát nhã Ba la mật mà làm lễ. Chư Thiên, loài người, A-tu-luân đều vì người hành Bát nhã Ba la mật mà cúi đầu làm lễ.

Bấy giờ Đức Phật liền bảo với vô số các Thanh văn, Đại Bồ-tát:

–Đúng vậy, đúng vậy! Thiện nam tử, nên đảnh lễ Đại Bồ-tát. Nếu có ai hành Bát nhã Ba la mật thì chư Thiên, loài người, A-tuluân đều đến quy mạng.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Hoặc Đại Bồ-tát hiện thế gian, hiện làm người thế gian, hoặc ở cõi trời, hiện dòng họ Quân tử, Phạm chí, Trưởng giả, hoặc hiện làm Chuyển luân thánh vương, bốn Thiên vương, trời Đao-lợi, trời Diệm, trời Đâu-thuật, trời Ni-ma-la, trời Ba-la-ni-mật, trời A-ca-nịtra, hoặc hiện xuất thế gian như Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hiện ra ở thế gian.

Đức Phật dạy:

–Vì vậy, này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát mà hiện đến đâu, nếu có được đồ ăn uống, y phục, giường, đồ nằm, nhà cửa, đèn sáng, ngọc châu minh nguyệt, thủy tinh báu, lưu ly, ngọc bích, vàng bạc, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não đều dùng để cấp phát cho chúng sinh.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Bồ-tát không chỉ vì vậy mà xuất hiện thế gian, lại còn dùng lời nói cứu hộ thế gian khiến được an ổn. Những cuộc hội họp kỹ nhạc của chư Thiên, nhân gian đều là do Đại Bồ-tát mang đến thể hiện. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát có đối tượng hành trì là sáu pháp Ba-lamật thì an trụ sáu pháp Ba-la-mật, muốn khuyên chúng sinh bố thí thì tự mình Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm, Trí tuệ cũng lại như thế. Vì vậy, này Xá-lợi-phất! Để khuyên quần manh tu Bát nhã Ba la mật, Đại Bồ-tát tạo sự an lạc tất cả loài chúng sinh.

QUYỂN 2
Phẩm 5: THỌ KÝ

Bấy giờ Đức Thế Tôn đưa lưỡi ra che khắp cả tam thiên đại thiên thế giới. Từ lưỡi ấy phát ra vô số ánh sáng rực rỡ, chiếu soi thế giới chư Phật ở phương Đông. Ngay khi đó hằng hà sa cõi nước chư Phật ở phương Đông, có vô số các Đại Bồ-tát, chẳng thể tính biết, thấy ánh sáng ấy. Ở nơi cõi Phật của mình, ai nấy đều tự đi đến thưa hỏi chư Phật Thế Tôn về ý nghĩa này:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đó là oai thần gì mà khiến cho cõi nước này ánh sáng chiếu khắp?

Khi đó chư Như Lai ở nước ấy đều bảo với các Đại Bồ-tát:

–Này thiện nam! Muốn biết sự biến hiện này thì hãy nghe, ở phương Tây, cách đây hằng hà sa thế giới chư Phật, có một cõi Phật tên là Kham nhẫn, Đức Phật hiệu là Thích-ca Văn Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đưa lưỡi ra và ánh sáng chiếu đến hằng sa thế giới của Thế Tôn ở phương Đông và làm cho chiếu sáng khắp mười phương. Sở dĩ như vậy là bởi Phật vì chư Đại Bồ-tát giảng Bát nhã Ba la mật.

Khi ấy các Đại Bồ-tát ở nước đó đều bạch Phật:

–Kính bạch Đại Thánh! Chúng con muốn đến đảnh lễ quy mạng Đức Thích-ca Văn Như Lai và các Đại Bồ-tát, cũng muốn nghe Bát nhã Ba la mật.

Đức Phật đó bảo:

–Hãy đi đi! Các thiện nam, điều mong muốn của các ông đã chọn đúng lúc.

Các Đại Bồ-tát thưa thỉnh và Đức Phật chấp thuận. Mỗi vị tự cầm các lọng, cờ phướn, hương hoa, đồ trang sức, hương tạp, hương bột, hoa vàng, hoa bạc, đi đến chỗ Thích-ca Văn Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác cúi đầu sát chân Phật, rồi dùng các lọng, cờ phướn, hương hoa, đồ trang

sức, hương tạp, hương bột, hoa vàng, hoa bạc đã mang theo tung rải lên Đức Phật và các Bồ-tát, Thanh văn.

Tám phương, trên dưới, vô số các Đại Bồ-tát chẳng thể tính biết, ở ngay trong cõi nước của mình đều cùng bạch Phật:

–Ánh sáng oai thần này từ đâu chiếu đến?

Chư Phật bảo:

–Có Đức Phật hiệu là Thích-ca Văn Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác phát ra đức ánh sáng nơi lưỡi, chiếu sáng hằng hà sa cõi nước chư Phật trong mười phương. Đó là ánh sáng oai thần của Ngài.

Khi ấy các Bồ-tát đều thưa với Phật kia là họ muốn đến kính lễ Thích-ca Văn và gặp gỡ các Bồ-tát, các Đức Phật ấy nói:

–Các thiện nam, hãy đi đi! Các ông đã chọn thời điểm đúng như ý muốn!

Các chúng Bồ-tát đều cùng mang theo đồ cúng dường đi đến chỗ Thích-ca Văn Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác cúi đầu làm lễ, dâng đồ cúng dường lên, rồi lui ngồi bên nghe Phật dạy.

Khi ấy các Thiên nhân trên cõi trời Tứ đại Thiên vương, trời Đao-lợi, trời Diệm, trời Đâu-thuật, trời Ni-ma-la, trời Ba-la-ni-mật, cho đến trời A-ca-nị-tra đều mang hoa trời, hương trời, hương bột trời, hương tạp, hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng, dùng toàn hương hoa vi diệu cõi trời, ai nấy đều cầm trên tay đi đến chỗ Phật.

Khi ấy chư Thiên và các vị Bồ-tát đều mang hương hoa, hương tạp, hương bột rải lên cúng dường Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Hương hoa rải cúng ở trên hư không hóa thành cung điện ở bốn phương trong hư không, hướng về bốn mặt, vi diệu phân minh, đều làm bằng các thứ báu mà ai cũng ưa thích. Hội chúng cả ức trăm ngàn cai đều cùng chắp tay tự quy mạng Phật, rồi hỏi Thế Tôn:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Thân chúng con vào thời vị lai, nguyện được pháp lợi cũng như vậy, như Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, các chúng Thanh văn cũng sẽ như vậy, vì các chúng hội giảng thuyết kinh pháp như hôm nay Ngài đã diễn nói.

Bấy giờ Thế Tôn biết tâm niệm của các thiện nam tử, thấy tất cả pháp vĩnh viễn không chỗ khởi, cũng không chỗ hành, tất cả các pháp không chỗ đạt được, thấy sự chịu đựng của tâm, Ngài liền mỉm cười. Hiền giả A-nan tiến tới trước bạch Phật:

–Vì sao Đức Phật cười? Ngài cười chắc có ý!

Đức Phật bảo A-nan:

–Nay tại chúng hội này, có ức trăm ngàn cai người đều đạt được pháp Nhẫn bất khởi. Vào thời vị lai, hơn sáu mươi tám ức kiếp họ sẽ thành Phật, hiệu là Giác Hoa Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, kiếp tên là Hoa sự, thế giới tên là Nghiêm hoa.

QUYỂN 2
Phẩm 6: PHÂN BIỆT KHÔNG

Bấy giờ Đức Phật bảo Hiền giả Tu-bồ-đề:

–Ông có thể vì các Đại Bồ-tát mà tuyên nói Bát-nhã ba-lamật. Các Đại Bồ-tát nhờ đó được phát sinh.

Khi ấy các chúng Đại Bồ-tát, Thanh văn và Thiên nhân đều nghĩ: “Tu-bồ-đề tự dùng biện tài của mình vì các Đại Bồ-tát nói Bát nhã Ba la mật hay là nương Thánh chỉ của Đức Phật mà nói?”

Hiền giả Tu-bồ-đề biết được tâm niệm của các chúng Đại Bồ-tát, Thanh văn, chư Thiên và người nên nói với Hiền giả Xálợi-phất:

–Đệ tử của Phật có nói ra điều gì phân biệt rõ ràng, tất cả đều nương vào oai đức của Như Lai. Pháp mà Đức Như Lai đã nói ra, tất cả pháp đó vốn không tranh cãi. Các thiện nam tử nên học pháp này. Người chứng được pháp học này thì đều thuận theo cảnh giới tuệ chứng của Như Lai. Các Đại Bồ-tát nói Bát nhã Ba la mật chẳng phải cảnh giới của Thanh văn, Bích-chi-phật. Vì sao? Vì nói pháp đúng lúc thì không ai là không vui mừng.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề:

–Đó gọi là Bồ-tát.

Khi ấy Tu-bồ-đề bạch với Thế Tôn:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Vì sao gọi Bồ-tát là Bồ-tát? Ở trong pháp này, do nhân duyên gì mà có tên gọi Bồ-tát? Con cũng chẳng thấy pháp Bồ-tát, sao gọi là Bồ-tát. Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên, con mãi không thấy Bát nhã Ba la mật và Bồ-tát thì làm sao nói Bát nhã Ba la mật của Đại Bồ-tát? Phải dùng nghĩa nào để các Đại Bồ-tát giảng nói Bát nhã Ba la mật nhằm khai mở dẫn dắt?

Đức Phật bảo Hiền giả Tu-bồ-đề:

–Gọi Bát nhã Ba la mật và Bồ-tát chỉ là giả hiệu mà thôi. Cái danh ấy là vô danh. Cái danh ấy chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở giữa, hai bên. Ví như người mà Tu-bồ-đề thấy chỉ là giả hiệu tạm mượn. Người ấy cũng không có tên, pháp ấy không khởi, không diệt, do nhân duyên hòa hợp, tùy theo thế tục mà gọi tên. Nhưng âm thanh, ngôn ngữ và ngã, nhân, thọ mạng, các loài chúng sinh bò bay máy động, việc làm ra, việc tạo lập, việc hưng khởi, khuyến trợ, cái nhìn, cái thấy, cái biết, cái quán sát, tất cả đều là pháp giả hiệu, tất cả đều không khởi, không diệt. Những lời có thể dạy bảo cho chư Thiên con người cũng như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Như thế kể cả cái tên gọi Bát nhã Ba la mật và Bồ-tát đều là giả hiệu, đều không khởi không diệt, cho đến cái tên gọi Thiên Trung Thiên cũng như vậy không khác.

Này Tu-bồ-đề! Ví như cái có bên trong cùng sắc thân của ta đây cũng là pháp giả danh, vì giả mượn tạo ra cái danh tự đó vậy. Pháp giả hiệu đó không khởi không diệt. Muốn được rõ sự hòa hợp nhân duyên này thì có tiếng nói. Pháp thọ, tưởng, hành, thức là giả hiệu, danh của pháp ấy chẳng khởi chẳng diệt. Như nhờ nhân duyên biểu hiện giả mượn mà có ngôn ngữ âm thanh.

Này Tu-bồ-đề! Như thế thì gọi Bát nhã Ba la mật và Bồ-tát thì tên gọi Bồ-tát pháp ấy cũng chẳng khởi chẳng diệt. Gọi là Bát nhã Ba la mật của Bồ-tát và tên Bồ-tát đều là nương vào nhân duyên, nương vào danh hiệu khác mà có tên gọi đó. Nhãn thì mơ màng hư tịch cho đến pháp giả danh là cái chữ mượn, cũng đều chẳng khởi chẳng diệt, do nhân duyên mà giả gọi có ngôn ngữ âm thanh, cho nên gọi nhãn là không. Nhãn ấy không ở trong, không ở ngoài, không ở giữa. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng lại như vậy. Pháp là giả mượn, pháp ấy chẳng khởi chẳng diệt, do nhân

duyên hòa hợp mà có ngôn ngữ âm thanh. Cái mà gọi là tâm đó thì nó chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, cũng chẳng ở giữa.

Gọi là sắc thì, này Tu-bồ-đề! Đó là pháp giả hiệu, chẳng khởi, chẳng diệt, cũng chẳng ở trong, ngoài, chẳng ở giữa. Cái nhãn giới ấy cũng là giả hiệu, do pháp mà mượn danh. Gọi nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới, nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới, tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới, thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới, thân giới, tế hoạt (xúc) giới, thân thức giới, ý giới, pháp giới, ý thức giới, đều là do pháp giả hiệu mà có ngôn ngữ âm thanh. Pháp ấy không trong, không ngoài, cũng không ở giữa.

Này Tu-bồ-đề! Như vậy, gọi Bồ-tát và Bát nhã Ba la mật là do pháp mà mượn tên gọi. Tên gọi đó chẳng khởi chẳng diệt, do sự nhờ mượn làm tên mà có ngôn ngữ âm thanh. Bát-nhã ba-lamật và Bồ-tát, danh hiệu ấy không trong, không ngoài, cũng không ở giữa.

Này Tu-bồ-đề! Vhí như gọi thân của ta là do chữ cái đầu, mà cái tên ấy chỉ là ngôn ngữ âm thanh. Lại có tên như là cổ, ót, năm ấm, hai tay, lưng, rốn, sườn, hai đầu gối, hai chân… đều chỉ là mượn tên thôi, nhờ pháp nhân duyên âm thanh ngôn ngữ "đầu" làm tên, pháp mà nói ra đó chẳng khởi chẳng diệt, những cái sở hữu kể ra đó đều là giả mượn rồi lập nên ngôn ngữ âm thanh, cái tên mà kể ra đó chẳng khởi, chẳng diệt, không trong, không ngoài, cũng không ở giữa.

Này Tu-bồ-đề! Như vậy là cái tên Bát nhã Ba la mật ba-lamật, Bồ-tát đều là giả hiệu, pháp ấy chẳng khởi, chẳng diệt, không trong, không ngoài, không ở giữa.

Này Tu-bồ-đề! Ví như ở ngoài có cỏ cây, nhánh lá, hoa quả. Tất cả những thứ nêu ra đó đều là giả hiệu mà có ngôn ngữ âm thanh. Cái danh ấy là vô danh, cái danh ấy chẳng khởi, chẳng diệt, giả mượn làm danh mà có ngôn ngữ âm thanh. Cái danh nêu ra đó không trong, không ngoài, cũng chẳng ở giữa.

Này Tu-bồ-đề! Như vậy chữ Bát nhã Ba la mật và Bồ-tát, tất cả đều là pháp giả hiệu. Pháp ấy chẳng khởi chẳng diệt. Cái danh ấy không trong, không ngoài, chẳng ở giữa.

Này Tu-bồ-đề! Ví như chư Phật Thế Tôn quá khứ đều cùng giả truyền danh hiệu, vị lai, hiện tại cũng như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Ví như âm vang của tiếng gọi. Lại như ảnh trong gương, huyễn hóa, huyễn cảnh. Như Lai giảng nói tất cả các pháp đều giống như hóa, chỉ giả có danh hiệu. Cái danh hiệu ấy chẳng khởi, chẳng diệt, nương mượn làm danh mà có âm thanh ngôn ngữ. Cái danh ấy không trong, không ngoài, cũng chẳng ở giữa.

Này Tu-bồ-đề! Như vậy, gọi Bát nhã Ba la mật của Bồ-tát chỉ là giả hiệu thôi. Danh hiệu ấy chẳng khởi, chẳng diệt, không trong, không ngoài, cũng chẳng ở giữa.

Này Tu-bồ-đề! Như vậy, gọi Bát nhã Ba la mật của Đại Bồ-tát là do nhân duyên hòa hợp nên danh hiệu hư giả. Cái danh hiệu thiện quyền, cái danh hiệu pháp đều là giả mượn. Hành Bát nhã Ba la mật nên học thế này: Chẳng trụ danh sắc, cũng không thấy gì, chẳng trụ thọ, tưởng, hành, thức; chẳng trụ danh, chẳng thấy danh sắc chẳng thường, chẳng thấy danh sắc an lạc, chẳng thấy danh sắc khổ não, chẳng thấy có cái danh sắc bên trong, chẳng thấy có cái danh sắc bên ngoài, chẳng thấy có cái danh sắc không, chẳng thấy danh sắc biến đổi vô tướng, chẳng thấy danh sắc làm việc vô nguyện, chẳng thấy danh sắc lặng yên, chẳng thấy danh sắc mơ màng, chẳng thấy danh sắc có dục trần, chẳng thấy danh sắc tranh tụng, chẳng thấy danh sắc có sự phát khởi, chẳng

thấy danh sắc có sự hoại diệt; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế. Nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới, nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới, tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới, thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới, thân giới, tế hoạt (xúc) giới, thân thức giới, ý giới, pháp giới, ý thức giới, tất cả đều vậy; do nhân duyên hợp thành mà có năm ấm ấy, đều là giả hiệu. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật và hạnh Bồ-tát đều là danh hiệu, có, chẳng không, chẳng ở cảnh giới hữu vi, chẳng ở cảnh giới vô vi, cũng không thấy gì. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, đối với tất cả pháp không có tưởng niệm, không có tương ưng hoặc chẳng tương ưng, cũng không tưởng niệm là hành Bát nhã Ba la mật; ở trong pháp vô tưởng, hành các ý chỉ, tu Bát nhã Ba la mật, cũng chẳng thấy Bát nhã Ba la mật, chẳng thấy danh Bát nhã Ba la mật, cũng chẳng thấy hiệu Bồ-tát, cũng chẳng thấy mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của Phật. Khi hành Bát nhã Ba la mật, chẳng thấy Bát-nhã bala-mật, cũng chẳng thấy tên Bát nhã Ba la mật, cũng chẳng thấy Bồ-tát, cũng chẳng thấy danh Bồ-tát, thì ai thấy Bồ-tát hành Bát-nhã bala-mật? Đại Bồ-tát hiểu rõ, phân biệt căn bản của các pháp, tướng của các pháp. Xét căn bản của các pháp, tướng của các pháp nhưng không chấp trước, cũng không tranh tụng.

Này Tu-bồ-đề! Như thế, Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật không nương dựa vào danh, vì pháp tạo ra danh. Pháp ấy đối với Phật đạo cũng dựa vào danh hiệu nhưng không vì giả mượn mà hiểu rõ hết, vì không dựa vào sắc, không dựa vào thọ, tưởng, hành, thức; không dựa vào nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; cũng không dựa vào nhãn sắc thức, không dựa vào nhĩ thanh thức, không dựa vào tỷ hương thức, không dựa vào thiệt vị thức, không dựa vào thân tế hoạt thức, không dựa vào ý pháp thức, không dựa vào việc nhãn tập năm ấm, không dựa vào đâu, không khởi cảm thọ không khổ, không vui, chẳng không khổ vui, cho đến nhân duyên mà ý thức tập quen thì có cảm thọ khổ, vui, không khổ, không vui. Hành giả đối với chúng hoàn toàn không nương dựa, cũng chẳng nương dựa vào cảnh giới hữu vi, cũng chẳng nương dựa vào cảnh giới vô vi, cũng chẳng nương dựa vào Bố thí ba-la-mật, cũng chẳng nương dựa vào Tinh tấn ba-lamật, cũng chẳng nương dựa vào Thiền ba-la-mật, cũng chẳng nương dựa vào Bát nhã Ba la mật, cũng chẳng nương dựa vào tướng, cũng chẳng nương dựa vào thân Bồ-tát, cũng chẳng nương dựa vào Nhục nhãn, cũng chẳng nương dựa vào Thiên nhãn, cũng chẳng nương dựa vào Tuệ nhãn, cũng chẳng nương dựa vào Pháp nhãn, cũng chẳng nương dựa vào Phật nhãn, cũng chẳng nương dựa vào Tuệ độ vô cực, cũng chẳng nương dựa vào Ý thần thông sở độ vô cực, cũng chẳng nương dựa vào bên trong, cũng chẳng nương dựa vào bên ngoài, cũng chẳng nương dựa vào trung gian, cũng chẳng nương dựa vào pháp nội không, cũng chẳng nương dựa vào pháp ngoại không, cũng chẳng nương dựa vào duyên vô hình, cũng chẳng nương dựa vào pháp tự nhiên không, cũng không nương dựa vào việc khai hóa chúng sinh, cũng không nương dựa vào việc làm nghiêm tịnh cõi Phật, cũng không nương dựa vào phương tiện thiện xảo. Vì sao? Vì tất cả pháp đều không sở hữu. Chính cái nương dựa ấy cũng không chỗ nương dựa, cũng không sở hữu. Nên thọ trì như thế.

Này Tu-bồ-đề! Như thế, Đại Bồ-tát đối với tất cả các pháp mà không chấp trước thì việc hành Bát nhã Ba la mật, Thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-lamật, Bát nhã Ba la mật, liền được tăng trưởng lợi ích, nhập vào tịch tĩnh, đắc đạo Bồ-

tát, nhập không thoái chuyển, đầy đủ thần thông. Thần thông đã đủ thì du hành các cõi Phật, giáo hóa chúng sinh. Đã giáo hóa chúng sinh rồi cúng dường chư Phật Thế Tôn, thì có thể làm nghiêm tịnh cõi nước chư Phật. Đã có thể làm nghiêm tịnh cõi nước chư Phật rồi, chư Phật Thế Tôn đều trông thấy. Khi ấy Bồ-tát cũng lại từ xa trông thấy chư Phật Đại Thánh, cũng muốn đạt được gốc thiện công đức, bèn cúng dường chư Phật Thế Tôn, cúi đầu quy mạng nên tự nhiên đạt vô lượng đức. Gần gũi chư Phật, được theo nghe kinh điển đã nói. Đã được nghe pháp chưa từng gián đoạn, đạt đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đắc các môn tổng trì, các môn Tam-muội.

Này Tu-bồ-đề! Như vậy Đại Bồ-tát hành hạnh Bát-nhã ba-lamật phân biệt, hiểu rõ tất cả các pháp là nhân duyên giả hiệu.

Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao, sắc là Bồ-tát chăng? Thọ, tưởng, hành, thức là Bồ-tát chăng?

Ngài Tu-bồ-đề đáp:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

–Này Tu-bồ-đề! Thế nào? Nhãn là Bồ-tát chăng? Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý là Bồ-tát chăng?

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

–Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là Bồ-tát chăng?

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao, nhãn sắc thức là Bồ-tát chăng? Nhĩ thanh thức, tỷ hương thức, thiệt vị thức, thân tế hoạt (xúc) thức, ý pháp thức là Bồ-tát chăng?

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao, yếu tố đất là Bồ-tát chăng?

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

–Các yếu tố nước, lửa, gió, không, thức là Bồ-tát chăng?

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao? Vô minh là Bồ-tát chăng?

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

–Hành, thức, danh sắc, lục nhập, sở tập, ái, thống, thọ, hữu, sinh, già, bệnh, chết là Bồ-tát chăng?

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao? Chắc có sắc khác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

–Chắc có thọ, tưởng, hành, thức khác là Bồ-tát chăng?

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

–Chắc có nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý khác là Bồ-tát chăng?

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

–Chắc có sắc, thanh, hương, vị, tế hoạt (xúc), pháp khác là Bồ-tát chăng?

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

–Chắc có nhãn sắc thức, nhĩ thanh thức, tỷ hương thức, thiệt vị thức, thân tế hoạt (xúc) thức, ý pháp thức khác là Bồ-tát chăng?

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

–Chắc có mười hai nhân duyên khác từ vô minh đến già, bệnh, chết là Bồ-tát chăng?

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao, vô bổn của sắc là Bồ-tát chăng?

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

–Vô bổn của năm ấm, sáu suy, mười tám chủng, bốn đại, mười hai nhân duyên là Bồ-tát chăng?

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao? Chắc có vô bổn khác là Bồ-tát chăng?

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông hiểu nghĩa này như thế nào? Dùng những quán sát nào mà trả lời?

Đức Phật dạy:

–Sắc chẳng phải Bồ-tát, thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải Bồ-tát. Sáu suy, mười tám chủng, bốn đại, mười hai nhân duyên từ vô minh cho đến già, bệnh, chết chẳng phải Bồ-tát. Cái vô bổn ấy chẳng phải Bồ-tát. Hoặc cái vô bổn khác cũng chẳng phải Bồ-tát.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ngã, nhân, thọ cũng chẳng thể nắm bắt được thì làm sao gọi là Bồ-tát? Làm sao gọi cái họa chung chỉ cho năm ấm, sáu suy, mười tám chủng, bốn đại, mười hai nhân duyên là Bồ-tát? Làm sao gọi sắc khác, thọ, tưởng, hành, thức khác là Bồ-tát? Làm sao gọi sáu suy, mười tám chủng, bốn đại, mười hai nhân duyên là Bồ-tát? Làm sao gọi sự vô bổn là Bồ-tát? Làm sao gọi vô bổn khác là Bồ-tát? Ở đây không có việc ấy.

Đức Phật dạy:

–Hay thay, hay thay! Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật nên quán chúng sinh, nhân vật không có sở hữu, chẳng thể nắm bắt được Bát nhã Ba la mật cũng không có sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Bồ-tát nên học như thế.

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao, miệng nói sắc là Bồ-tát chăng?

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

–Miệng nói thọ, tưởng, hành, thức là Bồ-tát chăng?

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

–Cho sắc là thường; cho thọ, tưởng, hành, thức là thường là Bồ-tát chăng?

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao, cho sắc là vô thường, cho thọ, tưởng, hành, thức là vô thường là Bồ-tát chăng?

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao, miệng nói sắc vui, thọ, tưởng, hành, thức cùng vui là Bồ-tát chăng?

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao, miệng nói sắc khổ, thọ, tưởng, hành, thức đều khổ là Bồ-tát chăng?

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao, miệng nói sắc là ngã sở, thọ, tưởng, hành, thức là ngã sở là Bồ-tát chăng?

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao, miệng nói sắc chẳng phải ngã sở, thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải ngã sở là Bồ-tát chăng?

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao, miệng nói sắc không, thọ, tưởng, hành, thức không là Bồ-tát chăng?

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

–Này Thiện Hiện! Theo ý ông thì sao, miệng nói sắc vô tướng, thọ, tưởng, hành, thức vô tướng là Bồ-tát chăng?

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao, miệng nói sắc vô nguyện, thọ, tưởng, hành, thức vô nguyện là Bồ-tát chăng?

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao, miệng nói sắc chẳng không, chẳng vô tướng, chẳng vô nguyện, thọ tưởng, hành, thức chẳng không, chẳng vô tướng, chẳng vô nguyện là Bồ-tát chăng?

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao, năm ấm, sáu suy, mười tám chủng, bốn đại, mười hai nhân duyên không sở hữu là Bồ-tát chăng?

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ông thấy nghĩa gì mà bác lại điều miệng nói cái họa chỉ chung của năm ấm, sáu suy, mười tám chủng, bốn đại, mười hai nhân duyên, khổ vui, thiện ác, Không, Vô tướng, Vô nguyện, có, không đều chẳng phải Bồ-tát?

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Rốt ráo cầu sắc chẳng thể nắm bắt được, huống gì Ngài lại nói sắc là Bồ-tát? Thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy. Rốt ráo cầu cái thường mà chẳng thể nắm bắt được, huống là vô thường mà có thể nắm bắt được và cho là Bồ-tát ư? Rốt ráo khổ, vui chẳng thể nắm bắt được, huống gì miệng nói khổ, vui là Bồ-tát ư? Rốt ráo tìm cái ngã sở chẳng thể nắm bắt được, huống là miệng nói ngã, chẳng phải ngã là Bồ-tát chăng? Sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Rốt ráo cái sắc sở hữu chẳng thể nắm bắt được, huống gì miệng nói sắc không là Bồ-tát? Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế. Rốt ráo tìm cái tướng chẳng thể nắm bắt được, huống gì miệng nói sắc vô tướng là Bồ-tát? Thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy. Rốt ráo tìm cái nguyện chẳng thể nắm bắt được, huống gì miệng nói sắc vô nguyện là Bồ-tát? Thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như thế.

Đức Phật dạy:

–Hay thay, hay thay! Tu-bồ-đề, Đại Bồ-tát muốn học Bát nhã Ba la mật, nên học thế này: Cái mà miệng nói sắc, thọ, tưởng, hành, thức chẳng thể nắm bắt được, cái không, vô tướng, vô

nguyện, chẳng thể nắm bắt được thì đó là học Bát nhã Ba la mật. Vừa rồi Tu-bồ-đề đã, nói trong pháp ngã vĩnh viễn không nhìn thấy là Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Nên biết pháp chẳng thể thấy pháp, pháp chẳng thể thấy pháp giới, pháp giới chẳng thể thấy pháp; sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy. Sắc giới chẳng thấy pháp giới, pháp giới chẳng thấy sắc giới. Nhãn giới chẳng thấy pháp giới, pháp giới chẳng thấy nhãn giới; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng lại như vậy. Ý giới chẳng thấy pháp giới, pháp giới chẳng thấy ý giới. Mười tám chủng giới chẳng thấy pháp giới, pháp giới chẳng thấy mười tám chủng giới. Hữu vi giới chẳng thấy vô vi giới, vô vi giới chẳng thấy hữu vi giới. Hữu vi giới thì chẳng thể chia hai, vô vi giới thì cũng chẳng thể gọi tên. Vô vi thì chẳng thể chia hai, hữu vi thì chẳng thể gọi tên.

Này Tu-bồ-đề! Như vậy, người hành Bát nhã Ba la mật mà có thể hành như vậy, thì đối với tất cả pháp vĩnh viễn không còn phân biệt. Đã không còn phân biệt thì không sợ, không lo, không hãi, tâm không khiếp nhược, cũng không hận. Vì sao? Này Tu-bồ-đề, vì đã không thấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức; không thấy nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; chẳng thấy sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, chẳng thấy sắc dục cho đến pháp dục cũng chẳng thấy; chẳng thấy tham, nộ, si, chẳng thấy vô minh, cho đến hành, thức, danh sắc, lục tập, sở cánh (thủ), thống (xúc), ái, thọ, hữu, sinh, già, bệnh, chết cũng chẳng thấy; chẳng thấy vô ngã, chẳng thấy nhân, chẳng thấy thọ mạng, chẳng thấy cõi Dục, chẳng thấy cõi Sắc, chẳng thấy cõi Vô sắc; chẳng thấy Thanh văn, Bích-chi-phật, chẳng thấy Bồ-tát, cũng chẳng thấy pháp, chẳng thấy chúng Bồ-tát. Đã chẳng thấy tất cả pháp thì không kinh, không sợ, không nạn, không hãi, tâm không khiếp nhược.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Vì sao Đại Bồ-tát tâm không khiếp nhược, không chấp trước?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát chẳng chấp chặt pháp mà tâm nhớ nghĩ, cũng không thấy. Vì vậy Đại Bồ-tát tâm không khiếp nhược cũng không chấp trước.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Tại sao Đại Bồ-tát không kinh sợ?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát chẳng chấp trước tâm sợ, cũng không thấy, vì vậy Đại Bồ-tát không kinh sợ.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Tại sao Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp không chấp chặt mà hành Bát nhã Ba la mật?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Tất cả sự tu hành Bát nhã Ba la mật của Đại Bồ-tát cũng không đắc Bát nhã Ba la mật, lại cũng không đắc tâm Bồ-tát. Điều đó, ở đây chính là lời dạy cho hàng Bồ-tát.

QUYỂN 3
Phẩm 7: LIỄU KHÔNG

Khi ấy ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Đại Bồ-tát muốn đầy đủ Thí ba-la-mật thì nên học Bát nhã Ba la mật; muốn đầy đủ Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Đại Bồ-tát muốn dứt trừ sắc thì nên học Bát nhã Ba la mật; muốn dứt trừ thọ, tưởng, hành, thức thì nên học Bát nhã Ba la mật; muốn dứt trừ nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thì nên học Bát-nhã ba-lamật; muốn dứt trừ thanh, hương, vị, xúc, pháp thì nên học Bát nhã Ba la mật; muốn dứt trừ nhãn sắc thức, nhĩ thanh thức, tỷ hương thức, thiệt vị thức, thân tế hoạt (xúc) thức, ý pháp thức thì nên học Bát nhã Ba la mật; muốn dứt trừ nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc thì nên học Bát nhã Ba la mật; muốn dứt trừ tập khí nhân duyên của sắc xúc, thọ xúc, tưởng xúc, hành xúc, thức xúc thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Đại Bồ-tát muốn dứt trừ tham, dâm, sân hận, ngu si thì nên học Bát nhã Ba la mật; muốn dứt trừ tham, thân kiến thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Đại Bồ-tát muốn dứt trừ hồ nghi, phạm giới thì nên học Bát nhã Ba la mật; muốn dứt trừ dục, các sự đắm trước sắc dục, vô sắc dục thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Đại Bồ-tát muốn dứt trừ nhân duyên trói buộc, đắm trước đối với tưởng cảm thọ thì nên học Bát nhã Ba la mật; muốn dứt trừ bốn quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Đại Bồ-tát muốn dứt trừ bốn ưu, bốn trước, bốn hung thọ, bốn

điên đảo thì nên học Bát nhã Ba la mật; muốn dứt trừ năm cái, sáu nhập, bảy thức, tám tà, chín não, mười ác, nghiệp tội phước thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Đại Bồ-tát muốn dứt trừ mười điều thiện, bốn Thiền, bốn đế, năm thần thông, muốn dứt trừ bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo thì nên học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát muốn dứt trừ mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, bốn Đẳng tâm, bốn Định vô sắc, tất cả các ý chỉ, mười tám pháp Bất cộng của Phật thì nên học Bát-nhã ba-lamật.

Đại Bồ-tát muốn định rõ Tam-muội giác ý thì nên học Bát nhã Ba la mật; muốn phân biệt Tam-muội Hư không tuệ, Tam-muội Thức tuệ, Tam-muội Bất dung tuệ, Tam-muội Hữu tưởng tuệ, Tam-muội Vô tưởng tuệ, định Chánh thọ diệt thì nên học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát muốn thành tựu Tam-muội Sư tử ngu lạc, Tam-muội Sư tử chấn hống, muốn đạt được môn tổng trì thì nên học Bát nhã Ba la mật; muốn đắc Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, Tam-muội Bảo hải, Tam-muội Chánh thọ Tuệ ấn thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Đại Bồ-tát muốn đắc Tam-muội Nguyệt diệu, Tam-muội Nguyệt tràng, nhập tất cả các pháp Tam-muội Chánh thọ thì nên học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát muốn đắc Tam-muội Đổ minh ấn, Tam-muội Sinh chư pháp, Tam-muội Chánh thọ xuất ư khuyến từ tràng phan ác thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Đại Bồ-tát muốn đắc Tam-muội Kim cang dụ, Tam-muội Nhập nhất thiết chư pháp môn, Tam-muội Định ý vương, Tam-muội Chánh thọ Đế vương ấn thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Đại Bồ-tát muốn đắc Tam-muội Thế lực thanh tịnh, Tam-muội Siêu chư bình đẳng, Tam-muội Thuận sinh chư pháp sở qui nhập, Tam-muội Chánh thọ nhập nhất thiết chư pháp ngôn thanh thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Đại Bồ-tát muốn đắc Tam-muội Quán thập phương, muốn đắc Tam-muội Nhất thiết chư pháp tổng trì môn ấn, Tam-muội Nhất thiết chư pháp bình đẳng ấn tạo ấn, Tam-muội Chánh thọ trụ ư không xứ thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Đại Bồ-tát muốn đắc Tam-muội Nghiêm tịnh, Tam-muội Đạo tràng, Tam-muội Chánh thọ siêu việt thần thông thì nên học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát muốn đắc Tam-muội Phản xuất, Tam-muội Đẳng tràng hộ anh, Tam-muội Chánh thọ dục trí thị và các môn Tam-muội khác thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Lại nữa, Đại Bồ-tát muốn khiến cho tất cả loài chúng sinh được đầy đủ nguyện thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Lại nữa, Đại Bồ-tát muốn được đầy đủ gốc công đức, do đầy đủ gốc lành ấy mà không đọa vào cõi ác, không sinh về chốn ti tiện, không rơi vào địa Thanh văn, Bíchchi-phật, chẳng tranh tụng với thượng pháp Bồ-tát thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Hiền giả Xá-lợi-phất hỏi Hiền giả Tu-bồ-đề:

–Thế nào là Đại Bồ-tát chẳng tranh tụng thượng pháp?

Hiền giả Tu-bồ-đề trả lời Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Đại Bồ-tát không khởi phương tiện thiện xảo, không khởi “không từ đâu sinh” mà dùng phương tiện thiện xảo hành sáu pháp Ba-la-mật, hiểu rõ Không, Vô tướng, Vô nguyện, không từ đâu sinh, mang đến môn Tam-muội, không rơi vào Thanh văn, Bích-chi-phật, cũng không độ người diệt định Bồ-tát. Đó gọi là Bồ-tát sinh chẳng thuần thục.

Hiền giả Xá-lợi-phất hỏi Hiền giả Tu-bồ-đề:

–Sao gọi là Bồ-tát sinh chẳng thuần thục?

Hiền giả Tu-bồ-đề trả lời Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Sở dĩ nói không thuần thục là vì tham vướng nơi pháp. Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất, Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, đứng trên cái không của sắc mà biết tưởng thức có chỗ nương dựa. Thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy, đứng trên không mà biết tưởng thức có chỗ nương dựa. Đó gọi là Đại Bồ-tát tham vướng nơi pháp nhẫn nhu thuận, sinh ra chẳng thuần thục.

Lại nữa, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát đứng trên sắc vô tướng mà biết tưởng thức có chỗ nương dựa, đứng trên sắc vô nguyện mà biết tưởng thức có chỗ nương dựa. Đó là Đại Bồ-tát tham vướng nơi pháp nhẫn nhu thuận. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy, đứng trên không sở hữu mà biết tưởng thức có chỗ nương dựa. Nhãn sắc thức, nhĩ thanh thức, tỷ hương thức, thiệt vị thức, thân tế hoạt (xúc) thức, ý pháp thức, cũng đứng trên mặt này mà biết tưởng thức có chỗ nương dựa. Đó là Đại Bồ-tát tham vướng nơi pháp nhẫn nhu thuận. Sắc vô thường, thọ, tưởng, hành, thức vô thường. Sắc khổ, thọ, tưởng, hành, thức khổ. Sắc vô ngã, thọ, tưởng, hành, thức vô ngã cũng đều đứng trên mặt này mà biết tưởng thức có chỗ nương dựa.

Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Đó là Đại Bồ-tát tham vướng nơi pháp nhẫn nhu thuận, sinh ra không thuần thục, nên đoạn sắc, thọ, tưởng, hành, thức ấy. Sắc này chẳng phải sắc thì trừ sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy, đó là diệt tận. Còn thiết lập sự chứng đắc, đó chẳng phải diệt tận mà là tạo lập sự chứng đắc. Nên tu theo con đường trước ấy, nên tập hành theo việc ấy. Còn điều này sau là nhiễm trần tranh chấp, đừng tập hành theo. Một bên là việc nên làm của Bồ-tát, một bên chẳng phải là việc Bồ-tát nên làm, một bên là đạo Bồ-tát, một bên là Bồ-tát học giới không

nên học: Nào là Thí ba-la-mật của Bồ-tát, nào là Giới ba-la-mật của Bồ-tát, nào là Nhẫn ba-la-mật của Bồ-tát, nào là Tinh tấn ba-la-mật của Bồ-tát, nào là Thiền ba-la-mật của Bồ-tát, nào là Bát nhã Ba la mật của Bồ-tát, nào là Bồ-tát có phương tiện thiện xảo, nào là Bồ-tát không có phương tiện quyền xảo, nào là Bồ-tát nhập tịch nhiên, nào là Bồ-tát sinh khởi không thuần thục.

Hiền giả Tu-bồ-đề nói với Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Nói Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, trụ trên sự kiến lập các pháp như thế này để biết tưởng thức có chỗ nương tựa. Đó gọi là Đại Bồ-tát tham vướng nơi pháp nhẫn nhu thuận, sinh ra không thuần thục.

Hiền giả Xá-lợi-phất hỏi Hiền giả Tu-bồ-đề:

–Sao gọi là Đại Bồ-tát tịch nhiên?

Hiền giả Tu-bồ-đề trả lời Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật chẳng thấy pháp nội không, chẳng thấy pháp ngoại không, chẳng thấy pháp nội ngoại không, chẳng thấy pháp không của nội ngoại không, nhưng pháp không không có pháp nội ngoại không, pháp không chẳng thấy pháp nội ngoại không, chẳng thấy pháp không của đại không, pháp không của pháp đại không chẳng thấy pháp không, pháp không của pháp đại không chẳng thấy pháp chân cứu cánh không, pháp chân cứu cánh không chẳng thấy pháp đại không, pháp chân cứu cánh không chẳng thấy pháp hữu vi không, pháp hữu vi không chẳng thấy pháp vô vi không, pháp vô vi không chẳng thấy pháp hữu vi không, pháp vô vi không chẳng thấy pháp vô thỉ vô chung không, pháp vô thỉ vô chung không chẳng thấy pháp vô vi không, pháp vô thỉ vô chung không chẳng thấy pháp không vị phân biệt, pháp không vị phân biệt chẳng thấy pháp không rộng lớn dài lâu, pháp không vị phân biệt chẳng thấy pháp bản tịnh không, pháp bản tịnh không chẳng thấy pháp không vị phân biệt, pháp bản tịnh không chẳng thấy pháp tự nhiên tướng không, pháp tự nhiên tướng không chẳng thấy pháp bản tịnh không, pháp tự nhiên tướng không chẳng thấy pháp nhất thiết chư pháp không, pháp nhất thiết chư pháp không chẳng thấy pháp tự nhiên tướng không, pháp nhất thiết chư pháp không chẳng thấy pháp vô sở hữu không, pháp vô sở hữu không chẳng thấy pháp nhất thiết chư pháp không, pháp vô sở hữu không chẳng thấy pháp không tự nhiên, pháp tự nhiên không chẳng thấy pháp vô sở hữu không, pháp không của tự nhiên không chẳng thấy pháp vô sở hữu không, pháp vô sở hữu không chẳng thấy pháp không của không tự nhiên.

Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Như thế Đại Bồ-tát khi hành Bát nhã Ba la mật có khả năng như thế thì Bồ-tát đã đạt tịch nhiên.

Lại nữa thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát muốn hành Bát nhã Ba la mật thì nên học thế này, nên thuận theo như thế này: Chẳng nên nghĩ sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế. Đối với thức chẳng nên nghĩ thức, chẳng nên nghĩ nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; chẳng nên nghĩ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; chẳng nên nghĩ Thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát nhã Ba la mật; cũng chẳng nên dựa vào bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, bốn Đẳng tâm, mười tám pháp Bất cộng của Phật.

Như vậy, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật chẳng nên nghĩ Đại Bồ-tát, mà nên nghĩ tâm bình đẳng vô đẳng, nhập tâm vi diệu. Vì sao? Vì tâm ấy vô tâm, tâm ấy bản tịnh. Tâm bản tịnh là tự nhiên mà vui, trong sáng mà tịnh.

Hiền giả Xá-lợi-phất hỏi Hiền giả Tu-bồ-đề:

–Thế nào là tâm trong sáng mà tịnh?

Hiền giả Tu-bồ-đề trả lời Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Giả sử tâm không hợp với dục cũng không lìa dục, không hợp với sân cũng không lìa sân, không hợp với si cũng không lìa si, không trụ nhân duyên, không có ràng buộc, không bị ràng buộc, cũng không không ràng buộc, đối với tất cả nghi, sáu mươi hai kiến, không hợp không lìa, không hợp với tâm hành của Thanh văn, Bíchchi-phật, cũng chẳng lìa hợp, thì thưa Hiền giả Xá-lợi-phất, đó là tâm của Đại Bồ-tát vốn thanh tịnh trong sáng mà tịnh.

Hiền giả Xá-lợi-phất hỏi Hiền giả Tu-bồ-đề:

–Có tâm này chăng? Tâm ấy vô tâm mà!

Hiền giả Tu-bồ-đề hỏi lại Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Thế nào là có tâm? Đâu có tâm này mà có thể biết là có tâm, vô tâm? Có thể thủ đắc chăng? Có thể nắm bắt được chăng?

Đáp:

–Không, thưa Hiền giả! Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất, giả sử tâm ấy chẳng thể biết có cùng không có thì cũng không thể thủ đắc, cũng không thể nắm bắt. Lại có điều này, do nhân duyên mà có lời này là có cái "tâm có tâm vô tâm" này.

Hiền giả Xá-lợi-phất hỏi Hiền giả Tu-bồ-đề:

–Thưa Hiền giả Tu-bồ-đề! Thế nào là vô tâm?

Đáp:

–Không có cái tạo tác, không có điều nhớ nghĩ, đó là cái vô tâm vô niệm đối với tất cả pháp.

Hiền giả Xá-lợi-phất hỏi Hiền giả Tu-bồ-đề:

–Thưa Hiền giả Tu-bồ-đề! Thế nào? Người phát tâm không có cái tạo tác, không có điều nhớ nghĩ chăng? Giả sử sắc không có tạo tác thì nhớ nghĩ, thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế. Giả sử không tạo tác, không nhớ nghĩ thì cho đến ý Thanh văn, Bích-chi-phật, trên đến Bồ-tát đều là vô tâm, vô niệm chăng?

Đáp:

–Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Tâm như thế là không tạo tác, không nhớ nghĩ.

Hiền giả Xá-lợi-phất khen Hiền giả Tu-bồ-đề:

–Hay thay, hay thay! Hiền giả Tu-bồ-đề, Hiền giả chính là con của Đức Thế Tôn, từ pháp sinh ra, thường tùy thuận pháp, được pháp hóa sinh, nhờ pháp mà hưng phát, nhưng không vì sự vinh hiển, do nhân duyên tự nhiên mà chứng pháp thân. Hiền giả là người hành pháp Không đệ nhất. Thế Tôn khen Hiền giả là người rõ nghĩa Không hơn hết, khó bì kịp. Khó bì kịp!

Thưa Hiền giả Tu-bồ-đề! Như thế, Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật thì nên theo như thế, nên quán như thế. Người vì địa không thoái chuyển mà muốn học địa Thanh văn thì nên học Bát nhã Ba la mật, nên lắng nghe, nên thọ trì, đọc tụng, thường nên suy nghĩ. Người muốn học địa Bích-chi-phật thì nên học Bát-nhã ba-lamật, nên lắng nghe, nên thọ trì, đọc tụng, thường nên suy

nghĩ. Người muốn học địa Bồ-tát thì nên học Bát nhã Ba la mật, nên lắng nghe, nên thọ trì, đọc tụng, thường nên suy nghĩ. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật này rộng khắp đầy đủ cả ba thừa, đó là Bồ-tát, Thanh văn, Bích-chi-phật. Bồ-tát đều học thông suốt không có gì ngăn ngại.

QUYỂN 3
Phẩm 8: GIẢ HIỆU

Khi ấy Hiền giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Như điều Ngài đã dạy cho Đại Bồ-tát, con chẳng thấy cũng chẳng có thể chứng đắc. Hành giả như con không thấy, không đắc thì đối với Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-lamật nên nói thế nào? Dạy hành Bát nhã Ba la mật như thế nào cho các Bồ-tát đây? Giả sử con nói tất cả pháp mà có thể đắc thì đó là cái chữ tạo ra danh hiệu Bồ-tát. Nếu như thế thì sẽ rơi vào hồ nghi. Lại nói cái danh hiệu ấy thì cũng không sở hữu, cũng không chỗ đứng. Vì sao? Vì từ vô minh mà đưa đến cái danh này, cái danh ấy như thế cũng không có nơi chốn, cũng không có trụ. Đã không có nơi chốn, cũng không có trụ mà gọi là sắc, là ngã sở thì chẳng thể nắm bắt được, gọi thọ, tưởng, hành, thức là ngã sở thì cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì giả danh vậy. Vì vậy cho nên nhân duyên và cái danh hiệu nêu ra đó cũng không có chỗ trụ, cũng không không trụ. Vì sao? Vì từ vô minh mà đưa đến danh hiệu này thì cái danh hiệu ấy cũng không trụ, không không trụ.

Kính bạch Thế Tôn! Con quán nhãn, vĩnh viễn chẳng thể nắm bắt được cái gọi là ngã sở, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, tâm cũng lại như vậy, quán sát tâm cũng không thể nắm bắt được cái gọi là ngã sở. Đã quán nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý mà vĩnh viễn không nắm bắt được ngọn ngành gốc rễ cái gọi là ngã sở thì dựa vào đâu để lập danh hiệu Bồ-tát? Lại quán sát nhãn ấy là hư vô, lờ mờ thì danh ấy không trụ cũng không trụ. Vì sao? Vì từ vô minh mà lập giả hiệu rồi đặt ra cái danh ấy. Cái giả như thế cũng không trụ, chẳng không trụ.

Kính bạch Thế Tôn! Con tìm gốc ngọn ngã sở của hình sắc mà hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được. Sáu tình cũng vậy, tìm cầu gốc ngọn phát xuất của danh hiệu mà nói là ngã sở ấy, vĩnh viễn không nắm bắt được. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy, tìm gốc ngọn của cái gọi là ngã sở cũng chẳng thể nắm bắt được. Như vậy, đối với nhãn sắc thức, nhĩ thanh thức, tỷ hương thức, thiệt vị thức, thân xúc thức, ý pháp thức, quán sát gốc ngọn cái gọi là ngã sở mà hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được. Sáu tình (căn), sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, mười tám chủng cũng lại như vậy. Thế thì sẽ dựa vào đâu để lập danh hiệu Bồ-tát? Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, mười tám chủng ấy, xét ra không có danh, cũng không có chỗ trụ, cũng không không trụ. Vì sao? Vì do vô minh mà có danh tự.

Lại quán sát danh tự, cũng không chỗ trụ, không không trụ. Nhãn xúc, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, xúc cũng lại như vậy. Từ lúc nhãn tiếp xúc với đối tượng duyên đến khi tâm hành, sắc, thọ, tưởng, hành, thức tiếp xúc đối tượng duyên cho đến cảm thọ, quán sát gốc ngọn cái gọi là ngã sở, vĩnh viễn chẳng thể nắm bắt được. Sáu tình (căn), sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, sắc, thọ, tưởng, hành, thức và mười tám chủng, quán sát gốc ngọn cái gọi là ngã sở, vĩnh viễn chẳng thể nắm bắt được, cũng không có danh tự. Cái giả hiệu ấy cũng không chỗ trụ, không không trụ. Do

vô minh mà khởi lên như thế, cái ngã sở ấy hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được. Hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh lão bệnh tử, quán sát gốc ngọn cái gọi là ngã sở, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, cũng không chỗ trụ, không không trụ. Vô minh diệt, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh lão bệnh tử diệt, quán sát gốc ngọn cái gọi là ngã sở diệt, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được. Dâm, tật, sân, nộ, ngu si, quán sát gốc ngọn cái gọi là ngã sở, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, do từ danh tự ấy mà khởi lập như vậy. Xét cái danh ấy cũng không chỗ trụ, cũng không không trụ.

Sắc, thọ, tưởng, hành, thức; nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, mười tám chủng diệt hết trừ xong, quán sát tìm cầu gốc ngọn của cái gọi là ngã sở, vĩnh viễn chẳng thể nắm bắt được, do từ danh hiệu mà khởi lập như thế. Lại cái danh hiệu ấy cũng không chỗ trụ, cũng không không trụ. Thí ba-la-mật, Giới bala-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát nhã Ba la mật, quán sát gốc ngọn cái gọi là ngã sở, vĩnh viễn chẳng thể nắm bắt được, do từ danh hiệu mà khởi lập như thế.

Lại quán sát cái ngã để biết gốc ngọn của cái gọi là ngã sở thì cũng do từ danh hiệu, cái giả hiệu ấy hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, cũng không chỗ trụ, cũng không không trụ. Nhân, thọ mạng, cái tạo tác, cái quán sát, cái thấy cũng lại như thế, quán sát gốc ngọn của cái gọi là ngã sở, vĩnh viễn chẳng thể nắm bắt đuợc, do từ danh hiệu mà khởi lập như thế.

Lại danh hiệu ấy cũng không chỗ trụ, cũng không không trụ. Bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, quán sát gốc ngọn cái gọi là ngã sở, vĩnh viễn chẳng thể nắm bắt được, do danh hiệu này mà khởi lập như thế. Lại cái giả hiệu ấy cũng không chỗ trụ, cũng không không trụ. Không, Vô tướng, Vô nguyện, quán sát gốc ngọn của cái gọi là ngã sở, vĩnh viễn chẳng thể nắm bắt được, do từ danh hiệu mà khởi lập như thế.

Lại cái giả hiệu của nó cũng không chỗ trụ, cũng không không trụ. Bốn Thiền, bốn Đẳng tâm, bốn Tam-muội chánh thọ vô sắc, quán sát gốc ngọn cái gọi là ngã sở, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, do từ danh hiệu mà khởi lập như thế. Lại danh hiệu ấy cũng không chỗ trụ, cũng không không trụ. Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Thánh chúng, niệm thức, niệm thí, niệm bác văn, niệm xuất nhập thủ ý, niệm lão bệnh tử, quán sát gốc ngọn cái gọi là ngã sở hoàn toàn không thể nắm bắt được, cũng chẳng thể thấy, do từ danh hiệu mà khởi lập như thế. Lại cái giả hiệu ấy cũng không chỗ trụ, cũng không không trụ. Mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của Phật, quán sát gốc ngọn cái gọi là ngã sở, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, do từ danh hiệu mà khởi lập như thế. Lại cái giả hiệu ấy, cũng không chỗ trụ, cũng không không trụ, chẳng thấy gốc ngọn, không có xứ sở, cũng không thể nắm bắt được thì làm thế nào để lập danh hiệu Bồ-tát mà gọi là Bồ-tát? Giả sử có danh hiệu ấy cũng không chỗ trụ, cũng không không trụ, do từ vô minh mà đưa đến danh tự. Lại cái danh tự ấy cũng không chỗ trụ, cũng không không trụ. Xét danh hiệu ấy cho đến năm thạnh ấm, quán sát gốc ngọn của nó, cũng chẳng thể nắm bắt được, do từ danh hiệu mà khởi lập như thế.

Lại danh hiệu ấy cũng không chỗ trụ, cũng không không trụ.

Quán sát sắc thọ, tưởng, hành, thức; nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; mười tám chủng, mười hai nhân duyên như vang theo tiếng kêu, như bóng, ảo ảnh, trăng dưới nước, huyễn hóa. Quán sát năm ấm và năm thạnh ấm cũng lại như vậy để biết gốc ngọn cái

gọi là ngã sở, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, do từ danh hiệu mà khởi lập như thế. Lại cái danh hiệu của nó cũng không chỗ trụ, cũng không không trụ, là hư vô mờ mịt. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, Không, Vô tướng, Vô nguyện, quán sát gốc ngọn của cái gọi là ngã sở thì hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, do từ danh hiệu mà khởi lập như thế. Lại cái danh hiệu ấy cũng không chỗ trụ, cũng không không trụ, giống như vang của tiếng, hình bóng, ảo ảnh, cây chuối, trăng dưới nước, huyễn hóa, quán sát gốc ngọn của nó thì hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, không khởi, không diệt, giống như bóng dưới nước, không nhiễm ô, cũng không sân hận. Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, mười tám chủng, mười hai nhân duyên, pháp giới, bản tế, pháp, chỗ hướng đến của pháp, pháp tịch nhiên, danh của các pháp thiện ác, họa phúc, pháp hữu vi, pháp vô vi, có tạo tác, không tạo tác, hữu lậu, vô lậu, quán sát gốc ngọn nơi phát xuất của pháp, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, cũng không chỗ trụ, cũng không không trụ, giống như vang của tiếng, hình bóng, trăng dưới nước, ảo ảnh, cây chuối, huyễn hóa. Pháp của quá khứ, vị lai, hiện tại, quán sát gốc ngọn của nó, cũng chẳng thể nắm bắt được, cũng không chỗ trụ, cũng không không trụ. Pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, không thể thấy nguồn gốc.

Sao gọi là pháp không sở hữu? Cái gọi là pháp không sở hữu là không có quá khứ, vị lai, hiện tại. Tìm cầu, quán sát gốc ngọn của pháp vô vi, hoàn toàn chẳng thể thấy.

Kính bạch Thế Tôn! Con quán sát, xem xét gốc ngọn của hằng hà sa thế giới chư Phật ở phương Đông, vĩnh viễn không thể thấy. Lại quán sát, xem xét gốc ngọn của chúng Bồ-tát và chúng Thanh văn, Bích-chi-phật của Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, hoàn toàn không thấy. Xem xét gốc ngọn của chúng Bồ-tát và chúng Thanh văn, Bích-chi-phật của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở chín phương: phương Nam, phương Tây, phương Bắc, phương Đông nam, phương Tây nam, phương Tây bắc, phương Đông bắc, phương Trên, phương Dưới, hoàn toàn không thấy, thì chỗ nào là Bát nhã Ba la mật của Bồ-tát. Nương vào cái gì mà nói danh hiệu Bồ-tát?

Lại danh hiệu ấy cũng không chỗ trụ, không không trụ. Vì sao? Vì loài chúng sinh từ tâm vô minh mà giả mượn danh hiệu, hành, thức, danh sắc, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, già, bệnh, chết cũng lại như vậy, giả mượn mà có danh tự, gốc của danh tự đó, hoàn toàn không chỗ trụ, cũng không không trụ. Vì sao? Kính bạch Thế Tôn, vì tất cả pháp đều không có cội gốc. Vì vậy cho nên tìm cầu cội gốc của nó, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được. Vậy thì dựa vào nhân duyên nào mà vì Bồ-tát lập danh hiệu? Lại nữa, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Cái không cội gốc ấy không danh, không trụ, cũng không không trụ. Vì sao? Vì chúng sinh vô minh, từ tâm vô minh mà đưa đến danh tự này.

Lại danh tự này cũng không chỗ trụ, cũng không không trụ. Pháp nhân duyên hợp nên có giả hiệu, gọi là Bồ-tát. Nó không có ngôn thuyết, không có các ấm, các chủng, các nhập, vô minh, mười tám chủng, mười hai nhân duyên và các pháp Phật. Duyên là giả hiệu.

Kính Đức bạch Thế Tôn, xin dẫn thí dụ: Bóng, tiếng vang, ảo ảnh, cây chuối, huyễn hóa, chỉ có giả hiệu hoặc như hư không, rỗng không, không tên. Ví như tên địa, thủy, hỏa, phong, không, thì địa thủy hỏa phong tự nó không có tên. Sở dĩ gọi là giới, định, tuệ, giải thoát, tri kiến, Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hoàn, A-na-hàm, A-la-hán, thì chỉ có danh hiệu. Thanh văn, Bích-chi-phật cũng lại như thế, chỉ có giả hiệu. Cái gọi là Bồ-tát và danh tự Bồ-tát chỉ là giả hiệu thôi. Cái gọi là Phật

và pháp của chư Phật cũng không có tên thật, chỉ là giả hiệu thôi. Thiện, ác, họa, phúc, hoặc thường, vô thường, khổ, lạc, hoặc ngã, phi ngã, tịch mịch, đạm bạc, có phước, không có phước, hoặc thường, vô thường, khổ, lạc, con quán những nghĩa này nên gọi đó là do nhân duyên. Giả sử sẽ vì Đại Bồ-tát mà lập danh hiệu thì đối với tất cả pháp tất có hồ nghi, quán sát gốc ngọn của nó, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Kính bạch Thế Tôn! Có danh hiệu ấy thì không có pháp giới, cũng không có chỗ trụ. Vì sao? Vì loài chúng sinh từ tâm vô minh mà đưa đến danh tự này. Cái danh hiệu ấy cũng không có chỗ trụ, cũng không không trụ, cũng không có nơi chốn.

Hiền giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát giả sử nghe nói chủng loại và hiện tướng như thế của Bát nhã Ba la mật mà không kinh, không khiếp, không sợ, không băn khoăn, tâm không lo lắng thì nên biết là Đại Bồ-tát ấy đã trụ quả không thoái chuyển, trụ không chỗ trụ, hành không chỗ hành.

Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Lại nữa, Đại Bồ-tát chẳng nên trụ sắc, chẳng nên trụ thọ, tưởng, hành, thức; chẳng nên trụ nhãn, chẳng nên trụ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; chẳng nên trụ sắc, chẳng nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp; chẳng nên trụ nhãn sắc thức, nhĩ thanh thức, tỷ hương thức, thiệt vị thức, thân xúc thức, ý pháp thức; chẳng nên trụ nhãn xúc, chẳng nên trụ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc; chẳng nên trụ thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, chẳng nên trụ thọ do nhĩ, tỷ thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra; chẳng nên trụ địa, thủy, hỏa, phong; chẳng nên trụ không; chẳng nên trụ các chủng thức; chẳng nên trụ vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, ái, thọ, thủ, hữu, sinh lão bệnh tử. Vì sao? Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Vì sắc tức là không; thọ, tưởng, hành, thức cũng không. Cái nói là không đó chính là sắc không chứ chẳng phải gọi cái không nào khác. Sắc ấy là không. Không nương vào sắc. Đại Bồ-tát muốn cầu tưởng tự duyên mà hành Bát nhã Ba la mật thì nên trụ sắc, nên trụ thọ, tưởng, hành, thức; nên trụ nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, mười tám chủng, mười hai nhân duyên. Vì sao? Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức là không, mười hai nhân duyên cũng không. Mà mười hai nhân duyên, nguồn gốc sinh tử, không có không nào khác, không có chỗ trụ nào khác. Lão bệnh tử trong mười hai nhân duyên đó chính là không thì mười hai nhân duyên… sinh lão bệnh tử tự nhiên là không, không vốn tự nhiên. Vì vậy cho nên, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên, chẳng nên trụ sắc, thọ, tưởng, hành, thức, nhãn, nhĩ, tỷ thiệt, thân, ý, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, mười tám chủng, là đầu mối của mười hai nhân duyên vậy.

Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Lại nữa, Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, chẳng nên trụ bốn Ý chỉ. Vì sao? Vì quán bốn Ý chỉ cũng lại là không, chẳng phải có cái không nào khác bốn Ý chỉ, chẳng có không khác. Bốn Ý chỉ ấy tự nhiên là không. Cũng không nên trụ bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của Phật. Vì sao? Vì pháp bốn Ý chỉ, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật ấy cũng lại là không. Mười tám pháp Bất cộng của chư Phật tự nhiên là không, không có cái không khác. Mười tám pháp Bất cộng của chư Phật bản tánh là không, không có cái không khác. Vì sao? Vì xét về Phật pháp thì lại là không. Không cho nên gọi là Phật pháp.

Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Vì vậy cho nên Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, chẳng nên trụ năm ấm, sáu suy, mười tám chủng, mười hai nhân duyên, ba mươi bảy phẩm, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật.

Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Lại nữa Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, chẳng nên trụ Thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát-nhã bala-mật. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật cũng lại là không. Nếu Bát nhã Ba la mật là không thì chẳng phải cái không khác Bát-nhã bala-mật. Vì sao? Vì không có cái không nào khác Bát nhã Ba la mật. Tự thân Bát nhã Ba la mật là không. Bát nhã Ba la mật tự nhiên không, chỉ dùng văn tự làm giả hiệu mà thôi. Văn tự là không mới là Bát nhã Ba la mật. Vì vậy, Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, thì đối với Bát nhã Ba la mật không trụ. Năm ấm, sáu suy, mười tám chủng, mười hai nhân duyên, ba mươi bảy phẩm, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của phật, người hành Bát nhã Ba la mật chẳng nên trụ trong đó.

Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật chẳng nên trụ văn tự, chẳng nên trụ Văn tự thuyết, chẳng nên trụ một bữa ăn, hai bữa ăn, ba bữa ăn, bốn bữa ăn, ăn bằng nắm vắt, ăn bằng tâm, ăn bằng thức. Vì sao? Vì gọi văn tự thì văn tự là không, không có cái không khác. Văn tự tự nhiên là không. Cái không ấy không có văn tự. Văn tự vốn không. Cái gọi là không đó không có tên gọi.

Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Lại nữa Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, chẳng nên trụ thần thông. Vì sao? Vì loại thần thông ấy là thần thông tự thân không, thần thông vốn không, không có thần thông khác mà là cái không, thần thông là không, không có cái không khác. Thần thông là cái không tự không. Kính bạch Thế Tôn, vì vậy cho nên Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật chẳng nên trụ thần thông.

Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Lại nữa Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, chẳng nên trụ tưởng sắc, chẳng nên trụ tưởng thọ, chẳng nên trụ tưởng tưởng, chẳng nên trụ tưởng hành, chẳng nên trụ tưởng thức. Vì sao? Vì chúng vô thường, mà vô thường là không. Cái vô thường ấy tự nhiên là không thì cái không vô thường không khác vô thường mà là không, không có cái không khác. Vô thường tự không. Cái không ấy không có vô thường. Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên, vì vậy, Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật chẳng nên trụ không của sắc, chẳng nên trụ không của thọ, tưởng, hành, thức; chẳng nên trụ vô thường của sắc, chẳng nên trụ vô thường của thọ, tưởng, hành, thức; chẳng nên trụ vô thường của nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; chẳng nên trụ vô thường của sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; chẳng nên trụ vô thường của mười tám chủng, mười hai nhân duyên chung thủy; chẳng nên trụ khổ, chẳng nên trụ lạc; chẳng nên trụ ngã sở và phi ngã sở của sắc; chẳng nên trụ ngã sở và phi ngã sở của thọ, tưởng, hành, thức; chẳng nên trụ cái không của sắc, cái không của thọ, tưởng, hành, thức; chẳng nên trụ cái không của nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; chẳng nên trụ không của sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; chẳng nên trụ không của mười tám chủng, mười hai nhân duyên là hoạn của sinh tử; chẳng nên trụ hữu vi, vô vi; chẳng nên trụ pháp bản tế; chẳng nên trụ sự tịch nhiên của sắc, chẳng nên trụ sự tịch nhiên của thọ, tưởng, hành, thức; chẳng nên trụ cái hư vô mịt mờ của sắc, chẳng nên trụ cái hư vô mịt mờ của thọ, tưởng, hành, thức. Sáu suy, mười tám chủng, mười hai nhân duyên cũng lại như thế.

Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Lại nữa, Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, chẳng trụ vô bổn. Vì sao? Vì cái vô bổn ấy rốt ráo không có sở hữu, cũng lại là không. Vô bổn không khác, vô bổn là không, không có cái không khác, mà không có cái không khác là vô bổn vậy. Vô bổn tự nhiên không. Không cũng là vô bổn. Vì vậy, Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật chẳng trụ vô bổn. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng trụ vô bổn. Cho đến các pháp và các pháp giới, các pháp tịch nhiên cho đến bản tế cũng không chỗ trụ.

Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Lại nữa, Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, chẳng trụ tất cả các môn Tổng trì, cũng chẳng trụ tất cả các môn Tam-muội. Vì sao? Cái gọi là môn Tổng trì thì môn tổng trì ấy cũng lại là không. Cái gọi là môn Tam-ma-địa thì môn Tam-ma-địa ấy cũng lại là không. Môn Tam-muội, môn Tổng trì tự nhiên là không, không có không khác. Tự nhiên không là không có cái không khác. Môn Tổng trì, môn Tam-muội là bản tịnh, mà bản tịnh là không, tánh tự nhiên không.

Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ví như Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật không có phương tiện thiện xảo, nghĩ là có ta, đó là ngã sở. Mà nghĩ như thế là trụ sắc, ở trong sắc có hành tạo tác sinh tử, trụ thọ, tưởng, hành, thức, trong đó có cái tạo tác là hành. Không trừ cái nhân tạo tác sinh tử mà trở lại thọ Bát nhã Ba la mật, không chịu tinh cần hành Bát nhã Ba la mật thì không đủ điều kiện phát sinh Bát nhã Ba la mật-đạt đến trí Nhất thiết.

Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ví như Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, vị ấy nghĩ việc tôi ta, thị phi, sắc, thọ, tưởng, hành, thức, khổ, lạc, thiện ác, môn Tổng trì, môn Tam-muội thì không thể tu hành môn tổng trì, cũng không thể thuận theo môn Tam-muội, không thể tạo hành vô tưởng để thọ Bát nhã Ba la mật, cũng không thể tinh cần hành Bát nhã Ba la mật. Vì không đầy đủ Bát nhã Ba la mật nên không thể thành tựu trí nhất thiết. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật mà không có phương tiện thiện xảo thì chẳng nên thọ sắc, chẳng nên thọ thọ, tưởng, hành, thức nhưng vị Bồ-tát ấy ngược.

Lại nữa, thọ sắc, mà sắc thì bản tịnh, rõ ràng là không. Lấy đó mà suy thì nếu thọ thọ, tưởng, hành, thức, như đã nói là bản tịnh thì cũng lại là không, chẳng thọ các môn Tổng trì, các môn Tam-muội. Nếu chẳng thọ môn Tam-muội, môn Tổng trì thì có thể hưng lập bản tịnh là không, cũng chẳng thọ Bát nhã Ba la mật. Do biết bản tịnh là không nên Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật. Như thế thì quán sát các pháp, bản tịnh là không, nên trụ quán này, chẳng nghĩ pháp ngã sở là hạnh, đó là Đại Bồ-tát làm mà không thọ nhận, gọi là Tam-muội vô thọ. Đạo tràng đầy đủ, rộng khắp không có biên giới, không có hạn lượng. Tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật chẳng thể sánh kịp. Lại chẳng thọ trí Nhất thiết. Còn quán sát nội không, ngoại cũng không, có cái nội ngoại không, cầu không cũng không tức là không lớn, mới là cái không chân không, cái không có sở hữu, cái không không sở hữu, cái không hoàn toàn rốt ráo, cái không xa rộng, cái không có sở tạo, cái bản tịnh không, cái tự nhiên tướng không, cái không tất cả chư pháp, cái không không sở hữu, cái không tự nhiên, cái không do từ tự nhiên phát khởi. Vì sao? Vì vừa hướng đến cái hóa thì cái hóa ấy là trần lao.

Sao gọi là hóa? Sao gọi là tưởng? Sắc là hóa, thọ, tưởng, hành, thức là tưởng. Mười tám chủng, mười hai nhân duyên, môn tổng trì, môn Tam-muội, đó là tưởng trần lao. Nên tiếp nhận

làm theo, không có cái nương dựa, không có cái dưỡng dục. Thanh văn, Bích-chi-phật không tin trí Nhất thiết.

Sao gọi là tin ưa? Tin là Bát nhã Ba la mật, dốc lòng ưa thích, không nghi ngờ, tư duy, phân biệt. Quán yếu nghĩa của nó thì không tưởng, hành trì cũng không tưởng. Cho nên không thọ tưởng, chuyên nhất nương tựa, hoan hỷ ưa thích hành trì, dốc hết lòng tin thì đối với cái bản tịnh không ấy sẽ được đạt đến, không trở lại thọ sắc, cũng không thọ thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì tướng tự nhiên ấy hiện tại là pháp không. Cái không đã thọ ấy cũng không có đối tượng chứng đắc. Vì sao? Vì cái bên trong của định Tam-muội ấy chẳng thể nắm bắt được, gọi là thời tuệ, chẳng ở ngoài, chẳng ở trong, chẳng ở trong ngoài mà có thể nắm bắt được. Thời tuệ ấy cũng không thấy được, trong ngoài đều không. Trừ nhân duyên ấy thì sở học, niềm tin giống như ngoại đạo. Bồ-tát ưa thích pháp này rồi thì dốc hết lòng tin, cho nên gọi là trí Nhất thiết. Dùng giới hạn các pháp, xét tất cả pháp, hoàn toàn không nắm bắt được cái nguyên ủy của nó. Khởi lòng tin như thế rồi thì không có thọ pháp lại chẳng tưởng niệm cái có, cũng chẳng có thể nắm bắt được vô số pháp. Ngay đối với cái đang thọ, thì thọ hay không thọ cũng lại không nghĩ. Cái mà con người có thể dùng để tu tập là đối với tất cả pháp không niệm gì hết. Đó là Bát nhã Ba la mật của Đại Bồ-tát. Các vị cũng không khứ lai, độ không có sở độ mà lại đi cùng khắp. Sở dĩ được như vậy vì chẳng thọ sắc, chẳng thọ thọ, tưởng, hành, thức. Đối với tất cả pháp, cũng không thọ, cũng không thọ các môn Tổng trì, không thọ các môn Tam-muội. Đối với tất cả pháp không thọ sự phát khởi, cũng không trung gian mà nhập Niết-bàn, dùng đầy đủ hết mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của Phật, bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo. Vì sao? Vì bốn Ý chỉ ấy là dừng không chỗ dừng, bốn Ý đoạn ấy là đoạn không chỗ đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo cũng đều như vậy. Mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật, giác ngộ các pháp ấy là không có chỗ giác ngộ. Xét pháp ấy cũng chẳng phải là pháp. Đó là Bát nhã Ba la mật của Đại Bồ-tát, không thọ sắc, cũng không thọ thọ, tưởng, hành, thức, cho đến môn Tổng trì, môn Tam-muội như vậy, không có gì khác.

Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Lại nữa Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật nên nghĩ thế này: Chỗ nào là Bát nhã Ba la mật? Vì sao gọi là Bát nhã Ba la mật? Cái gì là Bát nhã Ba la mật này? Duyên cớ gì có Bát nhã Ba la mật ấy? Dùng Bát nhã Ba la mật ấy cũng là không có cái chứng đắc, cũng không có cái thấy, cũng không có cái không thấy. Đó là Bát nhã Ba la mật của Đại Bồ-tát.

Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Lại nữa, Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, nên tư duy thế này: Cái pháp không sở hữu đó cũng không thể nắm bắt được, cũng không có Bát nhã Ba la mật.

Hiền giả Xá-lợi-phất hỏi Hiền giả Tu-bồ-đề:

–Thưa nhân giả! Pháp nào gọi là không sở hữu cũng chẳng thể nắm bắt được?

Đáp:

–Pháp Bát nhã Ba la mật không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được. Thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát nhã Ba la mật cũng lại như thế, không sở hữu cũng chẳng thể nắm bắt được, vì ở trong không, ở ngoài cũng không, trong

ngoài cũng không. Cái không đó đạt đến cái không lớn, đưa đến chân không, vô sở hữu không. Do cái không này đưa đến không có không, vô thường cũng không, sợ hãi cũng không, hữu vi không, bản tịnh cũng không, tự nhiên tướng không, nhất thiết pháp không, tự nhiên cũng không, sở hữu tự nhiên cũng không. Vì duyên cớ đó nên sắc không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được, thọ, tưởng, hành, thức cũng không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được. Cái nội không ấy cũng không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được, cái sở hữu không, cái vô sở hữu không, cái tự nhiên không đều không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được. Bốn Ý chỉ ấy cũng đều không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được. Bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo cũng đều không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được. Mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật cũng đều không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sáu Thần thông cũng đều không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được. Cái vô bổn ấy cũng không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được. Cái gọi là pháp trụ ở pháp, hoặc pháp tịch nhiên, xét bản tế cũng đều không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được. Cái gọi là Phật đó cũng không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được. Trí Nhất thiết cũng không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được. Nhất thiết cụ tuệ cũng không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được. Tất cả trong cũng không, xét ngoài cũng không, trong ngoài cũng không, sở hữu cũng không.

Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật tư duy như thế, quán sát như thế. Tư duy như thế rồi thì không thể thấy tâm, tâm không đắm trước, không nhiễm ô, không sợ, không hãi, không khiếp, không lo, không xấu hổ, nên biết đó là Đại Bồ-tát không lìa Bát nhã Ba la mật.

Hiền giả Xá-lợi-phất hỏi Hiền giả Tu-bồ-đề:

–Thế nào là Đại Bồ-tát biết điều đó thì không lìa Bát-nhã bala-mật?

Hiền giả Tu-bồ-đề trả lời Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Cái gọi là lìa sắc là lìa cái tự nhiên của sắc, cái gọi là lìa thọ, tưởng, hành, thức là lìa cái tự nhiên của thọ, tưởng, hành, thức. Cái gọi là lìa Thí ba-la-mật là lìa cái tự nhiên của Thí ba-la-mật, cái gọi là lìa Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền bala-mật, Bát nhã Ba la mật là lìa cái tự nhiên của Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát-nhã ba-lamật. Cái gọi là lìa Ý chỉ, Ý đoạn, Thần túc, Căn, Lực, Giác ý, tám Thánh đạo là lìa cái tự nhiên của ba mươi bảy phẩm. Cái gọi là lìa mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật là lìa cái tự nhiên của pháp Phật. Cái gọi là lìa các môn Tổng trì, các môn Tam-muội, bản tế là lìa cái tự nhiên của các môn tổng trì, các môn Tam-muội và bản tế.

Hiền giả Xá-lợi-phất hỏi Hiền giả Tu-bồ-đề:

–Sao gọi là tự nhiên của sắc? Sao gọi là tự nhiên của thọ, tưởng, hành, thức? Sao gọi là tự nhiên của mười hai nhân duyên, ba mươi bảy phẩm, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật?

Hiền giả Tu-bồ-đề trả lời:

–Đã không sở hữu nên gọi là tự nhiên. Sắc không sở hữu nên gọi là sắc tự nhiên, thọ, tưởng, hành, thức không sở hữu nên gọi là thọ, tưởng, hành, thức tự nhiên. Cho đến bản tế không sở hữu nên gọi là bản tế tự nhiên. Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Vì vậy người khởi quán này thì biết lìa sắc là tự nhiên của sắc, biết lìa thọ, tưởng, hành, thức là tự nhiên của thọ, tưởng, hành, thức. Năm

ấm, sáu suy, mười tám chủng, mười hai nhân duyên, ba mươi bảy phẩm, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật cho đến bản tịnh không sở hữu nên gọi là bản tịnh tự nhiên. Cái gọi là lìa sắc là lìa bản tướng của sắc, cái gọi là lìa thọ, tưởng, hành, thức là lìa bản tướng của thọ, tưởng, hành, thức. Tất cả các pháp và các Phật pháp lìa bản tế là lìa tướng của bản tế. Tướng tự nhiên của sắc là tướng tự nhiên nên gọi là tướng tự nhiên mà được xa lìa.

Hiền giả Xá-lợi-phất hỏi Hiền giả Tu-bồ-đề:

–Phải chăng Đại Bồ-tát nào học pháp này đều hướng về trí Nhất thiết?

Hiền giả Tu-bồ-đề trả lời Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Đúng vậy, đúng vậy! Hiền giả! Ai học pháp này đều hướng về trí Nhất thiết. Vì sao? Vì tất cả pháp đều không có chỗ khởi, không chỗ diệt.

Hiền giả Xá-lợi-phất hỏi Hiền giả Tu-bồ-đề:

–Thưa Hiền giả Tu-bồ-đề! Vì sao tất cả các pháp không khởi, không diệt?

Đáp:

–Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Gọi sắc thì sắc ấy là không, vì vậy nên chẳng khởi chẳng diệt, cũng chẳng thể nắm bắt được. Thọ, tưởng, hành, thức cũng là không, vì vậy nên chẳng khởi, chẳng diệt, cũng chẳng thể nắm bắt được. Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, mười tám chủng, mười hai nhân duyên, ba mươi bảy phẩm, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật, các môn Tổng trì, các môn Tam-muội cho đến bản tế đều chẳng khởi, chẳng diệt, cũng chẳng thể nắm bắt được. Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật có thể được như thế thì tiếp cận với trí Nhất thiết. Giả sử có thể tiếp cận với trí Nhất thiết thì thân, khẩu, ý tự nhiên thanh tịnh. Các tướng thanh tịnh tự nhiên đầy đủ. Thân, khẩu, ý đã có thể thanh tịnh, đầy đủ các tướng đạt đến thanh tịnh thì ngay khi ấy Bồ-tát liền chẳng còn khởi tâm dâm, nộ, si. Tâm dâm, nộ, si đã thanh tịnh rồi thì không có kiêu mạn, sân hận, tham lam, lại cũng không khởi sáu mươi hai kiến. Các tâm tà, nghi, tham, giận, đã không khởi thì có thể trừ sáu mươi hai kiến, các điều ý nghi ở các chỗ sinh ra không tạo thường kiến, chỗ sinh ra là cõi nước của chư Phật, từ cõi Phật này du hành đến cõi Phật khác, giáo hóa chúng sinh, làm nghiêm tịnh cõi Phật, luôn luôn chuyên nhất, không rời chư Phật Thế Tôn cho đến khi đạt Vô thượng Bồ-đề thành Đẳng Chánh Giác. Như vậy là Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật.

QUYỂN 4
Phẩm 9: HÀNH

Bấy giờ Hiền giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Giả sử Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo mà hành Bát nhã Ba la mật thì hoặc hành sắc là hành tưởng, hành thọ, tưởng, hành, thức là hành tưởng; hoặc hành sắc thường là hành tưởng, hoặc hành thọ, tưởng, hành, thức thường là hành tưởng; hoặc hành sắc vô thường là hành tưởng, hoặc hành thọ, tưởng, hành, thức vô thường là hành tưởng; hoặc hành sắc khổ là hành tưởng, hoặc hành thọ, tưởng, hành, thức khổ là hành tưởng; hoặc hành sắc vui là hành tưởng, hoặc hành thọ, tưởng, hành, thức vui là hành tưởng;

hoặc hàznh sắc ngã sở là hành tưởng, hoặc hành thọ, tưởng, hành, thức ngã sở là hành tưởng; hoặc hành sắc chẳng phải ngã sở là hành tưởng, hoặc hành thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải ngã sở là hành tưởng; hoặc hành sắc hư vô là hành tưởng, hoặc hành thọ, tưởng, hành, thức hư vô là hành tưởng.

Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Hoặc giả sử Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật mà hành sắc tịch mịch là hành tưởng, hành thọ, tưởng, hành, thức tịch mịch là hành tưởng. Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên, giả sử Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật mà không có phương tiện thiện xảo thì hành bốn Ý chỉ là hành tưởng, hành bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo là hành tưởng; hoặc mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật là hành tưởng. Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Giả sử Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật mà tự nghĩ là ta hành Bát nhã Ba la mật thì Đại Bồ-tát ấy trở lại hành tưởng. Giả sử Đại Bồ-tát tự nghĩ, hành như thế tức là hành Bát nhã Ba la mật thì cũng là hành tưởng. Đó là Đại Bồ-tát hành Bát-nhã bala-mật không có phương tiện thiện xảo.

Hiền giả Xá-lợi-phất hỏi Hiền giả Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát nên hành Bát nhã Ba la mật như thế nào mới đắc Bát nhã Ba la mật?

Hiền giả Tu-bồ-đề trả lời Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Thưa Hiền giả! Giả sử Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật mà thiết lập sắc tưởng thì không tin hiểu. Nếu lập sắc thì không thoát tưởng là hành tưởng sinh tử. Nếu hành sắc tưởng thì không thoát được vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh lão bệnh tử, sầu lo khổ não. Đại Bồ-tát ấy vì không hành Bát nhã Ba la mật nên không có phương tiện thiện xảo mà thiết lập nhãn tưởng thì chẳng tin giải thoát. Giả sử Đại Bồ-tát thiết lập các tưởng nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thì chẳng tin giải thoát. Thiết lập các tưởng, nhãn sắc thức, nhĩ thanh thức, tỷ hương thức, thiệt vị thức, thân xúc thức, ý pháp thức thì chẳng tin giải thoát. Hoặc đối với nhãn xúc, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc mà lập các tưởng ấy thì chẳng tin giải thoát. Giả sử lập tưởng bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo thì chẳng tin giải thoát. Thiết lập tưởng mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật thì chẳng tin giải thoát mà đối với Phật pháp, niệm hành trước tưởng. Mà niệm tưởng hành thì chẳng tin thoát khỏi hoạn khổ não mười hai nhân duyên. Đại Bồ-tát ấy chẳng xứng đáng chứng Thanh văn, Bích-chi-phật, huống gì chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là chỗ chẳng thể đạt đến!

Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Như vậy là Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật mà không có phương tiện thiện xảo.

Hiền giả Xá-lợi-phất hỏi Hiền giả Tu-bồ-đề:

–Thế nào là Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật mà có phương tiện thiện xảo?

Hiền giả Tu-bồ-đề trả lời Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Giả sử Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật mà chẳng hành

sắc, chẳng hành thọ, tưởng, hành, thức; chẳng hành tưởng sắc, chẳng hành tưởng thọ, tưởng, hành, thức; chẳng hành sắc thường, chẳng hành thọ, tưởng, hành, thức thường; chẳng hành sắc vô thường, chẳng hành thọ, tưởng, hành, thức vô thường; chẳng hành sắc khổ, chẳng hành thọ, tưởng, hành, thức khổ; chẳng hành sắc vui, chẳng hành thọ, tưởng, hành, thức vui; chẳng hành

sắc là ngã sở, chẳng hành thọ, tưởng, hành, thức là ngã sở; chẳng hành sắc chẳng phải là ngã sở, chẳng hành thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là ngã sở; chẳng hành sắc là hư vô, chẳng hành thọ, tưởng, hành, thức là hư vô; chẳng hành sắc là Không, chẳng hành thọ, tưởng, hành, thức là Không; chẳng hành sắc Vô tướng, chẳng hành thọ, tưởng, hành, thức là Vô tướng; chẳng hành sắc là Vô nguyện, chẳng hành thọ, tưởng, hành, thức là Vô nguyện; chẳng hành sắc là tịch mịch, chẳng hành thọ, tưởng, hành, thức là tịch mịch; chẳng hành sắc là vô tưởng, chẳng hành thọ, tưởng, hành, thức là vô tưởng. Vì sao? Vì sắc là không, sắc chẳng khác không, sắc tức là không, không tức là sắc, sắc tự nhiên không. Thọ, tưởng, hành, thức là không, thọ, tưởng, hành, thức chẳng khác không. Thọ, tưởng, hành, thức tức là không; không tức là thọ, tưởng, hành, thức. Thọ, tưởng, hành, thức tự nhiên không. Bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo là không, không có khác không. Ba mươi bảy phẩm cũng là không, không khác biệt không. Ba mươi bảy phẩm là không, không đó là ba mươi bảy phẩm. Mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật là không, không có khác không. Phật pháp là không, không có cái khác không. Không đó là pháp. Pháp đó là không.

Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Như thế Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật là thành tựu phương tiện thiện xảo. Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật như thế thì đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật rồi, không sở thọ, không sở hành, chẳng thọ chẳng hành, chẳng hành chẳng thọ, chẳng có sở hành, cũng chẳng phải chẳng hành. Vì vậy không sở thọ, cũng không có sở thọ.

Hiền giả Xá-lợi-phất hỏi Hiền giả Tu-bồ-đề:

–Vì sao Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật rồi không sở thọ?

Hiền giả Tu-bồ-đề đáp:

–Bởi vì Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật tự nhiên chẳng thể nắm bắt. Do vậy cho nên Bát nhã Ba la mật là không sở hữu, tức là tự nhiên. Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Vì vậy, Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật không sở thọ, không sở hành, chẳng thọ chẳng hành, chẳng hành chẳng thọ, chẳng có sở hành, cũng chẳng phải chẳng hành. Vì vậy, không sở thọ, cũng chẳng có sở thọ. Vì sao? Vì tất cả các pháp là không sở hữu tức là tự nhiên. Vì vậy không chỗ đến, không chỗ sai phạm. Đó gọi là định Tam-muội nhất thiết bất thọ, Đại Bồ-tát phổ biến rộng rãi sâu xa vô lượng, là điều mà Thanh văn, Bích-chi-phật chẳng thể sánh kịp. Đại Bồ-tát dùng Tam-muội ấy mau chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hiền giả Xá-lợi-phất hỏi Hiền giả Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát chẳng thể lìa Tam-muội ấy mau chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lại có Tam-muội nào khác chăng?

Hiền giả Tu-bồ-đề trả lời Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Lại có Tam-muội khác nữa mau chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hiền giả Xá-lợi-phất hỏi Hiền giả Tu-bồ-đề:

–Hành loại Tam-muội nào khác mà Đại Bồ-tát mau chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hiền giả Tu-bồ-đề trả lời Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Đại Bồ-tát hành Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm mau chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hiền giả Tu-bồ-đề lại nói với Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Lại có Tam-muội tên là Bảo ấn, lại có Tam-muội tên là Sư tử ngu lạc, lại có Tam-muội tên là Nguyệt diệu, lại có Tam-muội tên là Nguyệt tràng anh, lại có Tam-muội tên là Nhất thiết ấn, lại có Tam-muội tên là Vô năng kiến đảnh, lại có Tam-muội tên là Liễu pháp giới, lại có Tam-muội tên là Phân biệt tràng anh, lại có Tam-muội tên là Dụ kim cang, lại có Tam-muội tên là Nhập pháp ấn, lại có Tam-muội tên là Lập định ý vương, lại có Tam-muội tên là Ấn vương, lại có Tam-muội tên là Thế lực tinh tấn, lại có Tam-muội tên là Siêu đẳng, lại có Tam-muội tên là Nhập ứng thuận phân biệt, lại có Tam-muội tên là Nhập biện ư thập phương giới, lại có Tam-muội tên là Tổng trì ý, lại có Tam-muội tên là Độ vô vi, lại có Tam-muội tên là Đẳng ngự chư pháp hải ấn, lại có Tam-muội tên là Phổ châu hư không, lại có Tam-muội tên là Kim cang đạo tràng, lại có Tam-muội tên là Chấp anh tràng, lại có Tam-muội tên là Đế anh như môn khổn, lại có Tam-muội tên là Khởi bổn, lại có Tam-muội tên là Sư tử hống, lại có Tam-muội tên là Tinh tấn lập, lại có Tam-muội tên là Thắng bảo. Lại có Tam-muội tên là Chiếu minh, lại có Tam-muội tên là Bất huyễn, lại có Tam-muội tên là Bất trụ ư hạ, lại có Tam-muội tên là Quyết liễu, lại có Tam-muội tên là Đăng minh quảng khổ, lại có Tam-muội tên là Quang tạo, lại có Tam-muội tên là Hữu sở chiếu diệu, lại có Tam-muội tên là Trung nghiêm tịnh, lại có Tam-muội tên là Ly cấu quang, lại có Tam-muội tên là Hữu sở tạo lạc, lại có Tam-muội tên là Điển đăng minh, lại có Tam-muội tên là Tận sách, lại có Tam-muội tên là Oai thần tích, lại có Tam-muội tên là Ly tận sách, lại có Tam-muội tên là Vô năng thắng, lại có Tam-muội tên là Khai đạo, lại có Tam-muội tên là Đăng minh, lại có Tam-muội tên là Ly đăng cấu, lại có Tam-muội tên là Nghiêm tịnh biện tài, lại có Tam-muội tên là Hữu sở quang diệu, lại có Tam-muội tên là Tạo sự, lại có Tam-muội tên là Tuệ anh, lại có Tam-muội tên là Trụ duy, lại có Tam-muội tên là Phổ minh, lại có Tam-muội tên là Thiện lập, lại có Tam-muội tên là Bảo tích, lại có Tam-muội tên là Siêu chư pháp ấn, lại có Tam-muội tên là Phổ pháp, lại có Tam-muội tên là Thắng ngu lạc, lại có Tam-muội tên là Độ pháp đảnh, lại có Tam-muội tên là Hữu sở hủy hoại, lại có Tam-muội tên là Nhất thiết minh cú, lại có Tam-muội tên là Đẳng tự sở tác, lại có Tam-muội tên là Thú tự, lại có Tam-muội tên là Đoạn nhân duyên, lại có Tam-muội tên là Vô sự, lại có Tam-muội tên là Vô tường, lại có Tam-muội tên là Quyết liễu nhập hiệu, lại có Tam-muội tên là Vô ty hành, lại có Tam-muội tên là Trì minh, lại có Tam-muội tên là Tu hành tích, lại có Tam-muội tên là Vô động, lại có Tam-muội tên là Quảng giới, lại có Tam-muội tên là Quyết nhất thiết đức, lại có Tam-muội tên là Trụ vô tâm, lại có Tam-muội tên là Tịnh ư nghiêm chỉnh, lại có Tam-muội tên là Độ giác ý, lại có Tam-muội tên là Vô lượng đăng minh, lại có Tam-muội tên là Đẳng bất đẳng, lại có Tam-muội tên là Độ nhất thiết, lại có Tam-muội tên là Đoạn chư sự, lại có Tam-muội tên là Ly ý liễu trừ, lại có Tam-muội tên là Ly kiến lập, lại có Tam-muội tên là Nhất thắng, lại có Tam-muội tên là Hành chư sự, lại có Tam-muội tên là Nhất sự, lại có Tam-muội tên là Trừ oán sự, lại có Tam-muội tên là Diệt chư sở hữu bất đương, lại có Tam-muội tên là Nhập tùy nhân duyên âm, lại có Tam-muội tên là Thanh tích ngôn vô tập độ, lại có Tam-muội tên là Oai thần tích, lại có Tam-muội tên là Quang diệu xí thạnh, lại có Tam-muội tên là Thanh tịnh thọ, lại có Tam-muội tên là Thanh chứng nhi

nhàn, lại có Tam-muội tên là Nhất thiết thắng, lại có Tam-muội tên là Bất nhạo nhất thiết chư khổ lạc, lại có Tam-muội tên là Vô tận sự, lại có Tam-muội tên là Tổng trì cú, lại có Tam-muội tên là Đẳng ư chánh tà sư tử tòa, lại có Tam-muội tên là Nhập hưởng ly hưởng, lại có Tam-muội tên là Vô hưởng đắc hưởng, lại có Tam-muội tên là Ly cấu minh, lại có Tam-muội tên là Ngự tích, lại có Tam-muội tên là Mãn nguyệt ly cấu quang, lại có Tam-muội tên là Điển đỉnh quang, lại có Tam-muội tên là Đại nghiêm tịnh, lại có Tam-muội tên là Phổ chiếu thế gian, lại có Tam-muội tên là Phổ định ý, lại có Tam-muội tên là Ưng vô nhiễm ly nhiễm, lại có Tam-muội tên là Ngự không nhất thiết đẳng ngự, lại có Tam-muội tên là Vô thanh bất thanh bảo, lại có Tam-muội tên là Lập vô bổn niệm, lại có Tam-muội tên là Thân thời đệ nhất, lại có Tam-muội tên là Ngôn thời trừ không niệm, lại có Tam-muội tên là Thoát hư không ngại diệt hộ.

Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành các môn Tam-muội đó mau chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Và vô số không thể kể xiết các môn Tam-muội, các môn tổng trì khác mà Đại Bồ-tát học thì sẽ mau chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Khi ấy ngài Tu-bồ-đề vâng theo lời dạy của Phật nói:

–Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Nên biết, chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quá khứ đã thọ ký cho các Đại Bồ-tát này và chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hiện tại ở mười phương thế giới đều đã thọ ký cho những Đại Bồ-tát này. Khi những vị Bồ-tát này hành Tam-muội ấy, chẳng thấy Tam-muội, cũng chẳng nghĩ Tam-muội, cũng không có đối tượng Tam-muội, cũng không tưởng ta được Tam-muội, cũng không nghĩ ta trụ Tam-muội không. Đó là Đại Bồ-tát không tưởng niệm.

Hiền giả Xá-lợi-phất hỏi Hiền giả Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát trụ Tam-muội ấy được chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quá khứ thọ ký chăng?

Đáp:

–Không, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất. Vì sao? Thưa Hiền giả Xálợi-phất, vì Bát nhã Ba la mật và Tam-muội chẳng khác, Đại Bồ-tát cũng chẳng khác. Đại Bồ-tát tức là Tam-muội, Tam-muội tức là Đại Bồ-tát.

Hiền giả Xá-lợi-phất hỏi Hiền giả Tu-bồ-đề:

–Như nhân giả đã nói, Đại Bồ-tát, Bát nhã Ba la mật và các môn Tam-muội chẳng khác nhau. Bồ-tát tức là Tam-muội, Tam-

muội tức là Bồ-tát. Như vậy tất cả pháp đều bình đẳng thì không biết Tam-muội. Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất, vì vậy nên đối với Tam-muội ấy, thiện nam tử cũng không biết, cũng chẳng rõ.

Ngài Xá-lợi-phất lại hỏi:

–Vì sao chẳng biết, chẳng rõ?

Đáp:

–Vì dùng vô minh mà làm Tam-muội. Vì vậy Bồ-tát không biết, không rõ.

Bấy giờ Đức Thế Tôn khen Hiền giả Tu-bồ-đề:

–Hay thay, hay thay! Tu-bồ-đề, đúng như ta đã khen ông là bậc tối tôn, hành không bậc nhất. Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật nên học Thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tinh tấn ba-lamật, Thiền ba-la-mật, Bát nhã Ba la mật, bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm

Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật như thế.

Hiền giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Phải chăng Đại Bồ-tát học như thế là học Bát nhã Ba la mật chăng?

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy, Đại Bồ-tát học như thế là học Bát nhã Ba la mật. Cái học đó cũng không sở đắc. Thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát nhã Ba la mật cũng lại như thế. Bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật tự nhiên đầy đủ, tuy có sở đắc cũng không sở đắc.

Hiền giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Đại Bồ-tát học như vậy, thực hiện cái học ấy là học Bát nhã Ba la mật, đắc Bát nhã Ba la mật chăng?

Đức Phật dạy:

–Học như thế là học Bát nhã Ba la mật, đắc cái không đắc.

Hiền giả Xá-lợi-phất lại bạch Phật:

–Thế nào là đắc cái không đắc?

Đức Thế Tôn đáp:

–Không đắc tôi ta, không đắc nhân, thọ mạng cũng không đắc cái thấy. Năm ấm rốt ráo gốc ngọn thảy đều thanh tịnh, cũng chẳng thấy đắc. Ấm, chủng, các nhập, rốt ráo gốc ngọn cũng đều thanh tịnh như thế, cũng chẳng đắc. Cội gốc của vô minh gốc ngọn rốt ráo đều thanh tịnh. Hành thức, lục nhập, danh sắc, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh lão bệnh tử, gốc ngọn rốt ráo thảy đều thanh tịnh. Nếu không sở đắc thì gốc ngọn rốt ráo thảy đều thanh tịnh. Con đường tập tận, cũng chẳng thể nắm bắt, gốc ngọn rốt ráo đều thanh tịnh. Cõi Dục cũng chẳng thể nắm bắt được, gốc ngọn rốt ráo thảy đều thanh tịnh. Cõi Sắc, cõi Vô sắc cũng chẳng thể nắm bắt được, gốc ngọn rốt ráo thảy đều thanh tịnh. Bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật cũng chẳng thể nắm bắt được, gốc ngọn rốt ráo thảy đều thanh tịnh. Sáu pháp Ba-la-mật cũng chẳng thể nắm bắt được, gốc ngọn rốt ráo thảy đều thanh tịnh. Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, cũng chẳng thể nắm bắt được, gốc ngọn rốt ráo thảy đều thanh tịnh. Bồ-tát cũng vậy, cũng chẳng thể nắm bắt được, gốc ngọn rốt ráo thảy đều thanh tịnh. Phật, cũng chẳng thể nắm bắt được, gốc ngọn rốt ráo thảy đều thanh tịnh.

Hiền giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Thanh tịnh chỗ nào?

Thế Tôn đáp:

–Không chỗ khởi, không chỗ sinh, không chỗ đắc, không chỗ hành tức là thanh tịnh.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi:

–Kính bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát học như thế là học pháp gì?

Đức Phật dạy:

–Đại Bồ-tát học như thế là học pháp vô sở học. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Vì các pháp ấy, nếu nêu ra cái sở hữu của nó thì phàm phu ngu si sẽ nương dựa vào đó.

Ngài Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Ai đạt pháp ấy?

Đức Phật dạy:

–Đúng như không sở đắc, vì vậy nên đắc cái đắc như thế. Cho nên gọi là không sở đắc.

Lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Cái gì không sở đắc mà có sở đắc?

Đức Phật dạy:

–Sắc không sở đắc, bên trong cũng không, bên ngoài cũng không, trong ngoài cũng không, cái gọi là sở hữu tự nhiên, không, có đều là không. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng không bên trong, không bên ngoài, trong ngoài cũng không, sở hữu tự nhiên, không, có đều không. Bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật cũng không trong, cũng không ngoài, cũng không trong ngoài, sở hữu tự nhiên, không, có đều không. Phàm phu ngu si kia theo vô minh sai khiến nương tựa đắm tham vướng nơi ái mà có tưởng niệm. Vì nương vào vô minh, bị mù cả hai mắt nên chẳng biết và không thấy gì. Đã không biết không thấy thì họ có nghĩ tưởng cũng chẳng thể nắm bắt được. Danh sắc lại gắn liền Phật pháp. Đã có chỗ nương tựa mà muốn hiểu rõ pháp không sở hữu nên chẳng biết chẳng thấy. Chẳng biết chẳng thấy cái gì? Sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng biết, chẳng thấy. Mười hai nhập, mười tám chủng, ba mươi bảy phẩm, mười hai nhân duyên, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật cũng lại chẳng biết, chẳng thấy. Do đó nên gọi là ngu. Họ chẳng xả bỏ. Chẳng xả bỏ cái gì? Chẳng xả bỏ cõi Dục, chẳng xả bỏ cõi Sắc, chẳng xả bỏ cõi Vô sắc, chẳng xả bỏ địa Thanh văn, Bích-chi-phật. Họ chẳng dốc lòng tin. Chẳng tin gì? Chẳng tin sắc là không, chẳng tin thọ, tưởng, hành, thức là không; chẳng tin mười hai nhập, mười tám chủng, mười hai nhân duyên, ba mươi bảy phẩm, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật là không. Họ chẳng có thể kiến lập, kiến lập Thí ba-lamật, Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền bala-mật, Bát nhã Ba la mật, chẳng trụ địa vị không thoái chuyển. Lại chẳng kiến lập pháp của chư Phật. Vì vậy nên gọi là ngu. Họ nương tựa vào nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Nương tựa vào các chủng, các ấm, nhập. Nương tựa, tìm cầu dâm, nộ, si. Nương tựa, mến mộ các nghi, tà kiến. Nương tựa, mến mộ Phật đạo.

Hiền giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Đại Bồ-tát học như thế là chẳng học Bát nhã Ba la mật chăng? Không sinh trí Nhất thiết chăng?

Đức Phật dạy:

–Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật như thế thì chẳng đắc trí Nhất thiết.

Hiền giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát học như thế vì sao chẳng đắc trí Nhất thiết?

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật như thế là không có phương tiện thiện xảo vì có tưởng nghĩ, có nương tựa vào Thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát nhã Ba la mật. Đã tưởng nghĩ mong cầu, nương tựa vào sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật, lại tưởng nghĩ mong cầu trí Nhất thiết, đã tưởng nghĩ mong cầu trí Nhất thiết mà lại nương bám vào thì, này Xá-lợi-phất! Vì vậy Đại Bồ-tát chẳng học Bát nhã Ba la mật, chẳng đắc trí Nhất thiết.

Hiền giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật như thế là chẳng học Bát nhã Ba la mật, là chẳng hành trí Nhất thiết chăng?

Đức Thế Tôn dạy:

–Đúng vậy, Xá-lợi-phất! Học Bát nhã Ba la mật như thế là chẳng đắc trí nhất thiết.

Hiền giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đại Bồ-tát nên học Bát nhã Ba la mật như thế nào để thuận tiện với việc học đắc trí Nhất thiết?

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Giả sử Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật mà chẳng thấy Bát nhã Ba la mật thì như thế là Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, là học Bát nhã Ba la mật, đắc trí Nhất thiết, đắc vô sở đắc của vô sở đắc, cũng lại chẳng đắc Thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-lamật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát nhã Ba la mật, cũng chẳng đắc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chiphật, Bồ-tát, Phật, lại cũng chẳng đắc trí Nhất thiết.

Như thế, này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành như thế là hành Bát nhã Ba la mật, là học Bát nhã Ba la mật, đắc trí Nhất thiết, đắc vô sở đắc.

Hiền giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Sao gọi là vô sở đắc?

Đức Thế Tôn đáp:

–Ở trong cũng không, ở ngoài cũng không, trong ngoài cũng không, tất cả pháp đều không.

QUYỂN 4

Phẩm 10: HUYỄN

Khi ấy Hiền giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Giả sử có người hỏi: “Người huyễn học Bát nhã Ba la mật muốn đắc trí Nhất thiết được chăng?”, với câu hỏi như thế, con sẽ trả lời như thế nào? “Huyễn sĩ ấy lại học Thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật để muốn đắc trí Nhất thiết, học bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo để muốn đắc trí nhất thiết được chăng?” Giả sử có người đến hỏi như thế con sẽ trả lời thế nào?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nay ta hỏi ông. Theo sự hiểu biết của ông mà trả lời.

Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao, sắc khác, huyễn khác chăng? Thọ, tưởng, hành, thức khác, huyễn khác chăng?

Hiền giả Tu-bồ-đề trả lời:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao, huyễn khác, nhãn khác chăng? Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý khác, huyễn khác chăng? Nhãn sắc thức, nhĩ thanh thức, tỷ hương thức, thiệt vị thức, thân xúc thức, ý pháp thức khác, huyễn khác chăng? Nhân duyên tạo thành lạc thọ khác, huyễn khác chăng?

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao, bốn Ý chỉ khác, huyễn khác chăng? Bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo khác, huyễn khác chăng? Không, Vô tướng, Vô nguyện khác, huyễn khác chăng?

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao, huyễn khác, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật khác chăng?

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao, huyễn khác, đạo khác chăng?

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên, không. Huyễn chẳng khác, sắc cũng chẳng khác. Sắc tức là huyễn, huyễn tức là sắc. Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên, huyễn chẳng khác, thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng khác. Thọ, tưởng, hành, thức tức là huyễn, huyễn tức là thọ, tưởng, hành, thức.

Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Huyễn chẳng khác, nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng chẳng khác. Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý tức là huyễn, huyễn tức là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Nhãn sắc thức, nhĩ thanh thức, tỷ hương thức, thiệt vị thức, thân xúc thức, ý pháp thức tức là huyễn, huyễn tức là nhãn sắc thức, nhĩ thanh thức, tỷ hương thức, thiệt vị thức, thân xúc thức, ý pháp thức. Nhân duyên tạo thành lạc thọ chẳng khác, huyễn cũng chẳng khác. Lạc thọ tức là huyễn, huyễn tức là lạc thọ.

Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Huyễn chẳng khác, bốn Ý chỉ cũng chẳng khác. Bốn Ý chỉ tức là huyễn, huyễn tức là bốn Ý chỉ. Bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo tức là huyễn, huyễn tức là bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo. Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên, huyễn chẳng khác, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật cũng chẳng khác. Mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật tức là huyễn, huyễn tức là mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật.

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao, cái gọi là huyễn đó là có trần cấu và sân hận chăng?

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao, cái gọi là huyễn đó có chỗ khởi, có chỗ diệt không?

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao, đối với cái chẳng khởi chẳng diệt ấy, Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật rồi, chứng đắc trí Nhất thiết, có đạt đến tất cả đại Từ, đại Bi chăng?

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao, từ đó phát khởi tư tưởng hiểu biết, theo tập tục giáo hóa, nhân nơi năm thạnh ấm làm Bồ-tát chăng?

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên, đúng vậy.

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao, có tư tưởng biết, tùy theo tập tục mà phát ra lời dạy bảo, do năm thạnh ấm mà có chỗ khởi có chỗ diệt, có thể lại bị trần lao sân hận chăng?

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao, cái không có tư tưởng, không có tập tục, không có ngôn giáo, không có khởi lập, không có danh hiệu, không có thân, không có việc của thân, không có nói không có việc của lời nói, không có ý và không có việc của ý, chẳng khởi chẳng diệt, không có trần lao, không có sân hận, lại dùng sự việc này để học Bát nhã Ba la mật, thành tựu trí Nhất thiết chăng?

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy, Tu-bồ-đề, Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật như thế để thành tựu trí Nhất thiết thì không có việc đó.

Hiền giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Đại Bồ-tát nếu muốn học Bát nhã Ba la mật và học Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì nên biết như huyễn. Vì sao?

Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên, nên quán năm ấm như người huyễn.

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao, năm ấm này học Bát nhã Ba la mật thành tựu trí Nhất thiết chăng?

–Kính bạch Thế Tôn, không. Vì sao? Vì năm ấm ấy tự nhiên không sở hữu. Cái có tự nhiên không sở hữu ấy cũng chẳng thể nắm bắt được.

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao, giả dụ tự nhiên năm ấm như mộng thì học Bát nhã Ba la mật thành tựu trí Nhất thiết chăng?

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên, không. Vì sao? Vì xét về mộng thì tự nhiên không có. Mà đã tự nhiên không có thì chẳng thể nắm bắt được.

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao, âm vang của tiếng kêu dụ cho năm ấm, lại ví như ảnh trong nước. Ảo ảnh, sự biến hóa dụ như năm ấm, học Bát nhã Ba la mật có thành tựu trí Nhất thiết chăng?

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên, không. Vì sao? Vì âm vang của tiếng kêu, ảnh trong nước, ảo ảnh, sự biến hóa tự nhiên không có. Mà đã là tự nhiên không có thì chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên, vì phân biệt rõ sắc giống như huyễn, thọ, tưởng, hành, thức, mười tám chủng, sáu căn, năm ấm và năm thạnh ấm tự nhiên như mộng. Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên, sắc thọ, tưởng, hành, thức, mười tám chủng, sáu căn, năm thạnh ấm giống như mộng thì bên trong là rỗng không, chẳng thể nắm bắt được. Mà đã tự nhiên không tức là rỗng không, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được.

Hiền giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Nay thuyết Bát nhã Ba la mật này, pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát tân học nghe thuyết như thế thì không còn sợ sệt, kinh hãi lo lắng.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Giả sử pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát mới học đối với Bát nhã Ba la mật, không biết phương tiện thiện xảo, không gần gũi thầy lành thì sẽ hoặc sợ, hoặc kinh, hoặc lo lắng.

Hiền giả Tu-bồ-đề hỏi Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Sao gọi là Đại Bồ-tát gần gũi thầy lành hành Bát nhã Ba la mật có phương tiện thiện xảo, thì Đại Bồ-tát ấy chẳng kinh, chẳng sợ, chẳng lo lắng?

Đức Phật dạy:

–Đại Bồ-tát này hành Bát nhã Ba la mật, tâm ý tinh chuyên về trí Nhất thiết chẳng quán sắc vô thường, sắc cũng chẳng thể nắm bắt được, chẳng quán thọ, tưởng, hành, thức vô thường; thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng thể nắm bắt được, tâm chí quán trí Nhất thiết, chẳng thể quán sát vô thường, cũng chẳng thể nắm bắt được. Đó là Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật có phương tiện thiện xảo.

Lại nữa Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát ý chí chuyên chú trí Nhất thiết, chẳng quán sắc là khổ, cũng chẳng thủ đắc sắc. Chẳng quán thọ, tưởng, hành, thức là khổ, cũng chẳng thủ đắc thọ, tưởng, hành, thức. Chẳng quán sắc là ngã sở, cũng chẳng thủ đắc ngã sở. Chẳng quán thọ, tưởng, hành, thức là ngã sở, cũng chẳng thủ đắc ngã sở. Chẳng quán sắc chẳng phải ngã sở, cũng chẳng thủ đắc cái chẳng phải ngã sở. Chẳng quán thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải ngã sở, cũng chẳng thủ đắc cái chẳng phải ngã sở.

Lại nữa Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát chú tâm học trí Nhất thiết, quán sắc là không, cũng chẳng thủ đắc không. Quán thọ, tưởng, hành, thức là không, cũng chẳng thủ đắc không. Chẳng quán sắc là thường, cũng chẳng thủ đắc thường. Chẳng quán thọ, tưởng, hành, thức là thường, cũng chẳng thủ đắc thường. Chẳng quán sắc chẳng phải thường, cũng chẳng thủ đắc vô thường. Chẳng quán thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải thường, cũng chẳng thủ đắc vô thường. Quán sắc là tịch mịch, cũng chẳng thủ đắc cái tịch mịch của sắc. Quán thọ, tưởng, hành, thức là tịch mịch, cũng chẳng thủ đắc cái tịch mịch của thọ, tưởng, hành, thức. Quán sắc là hư vô, cũng chẳng thủ đắc cái hư vô của sắc. Quán thọ, tưởng, hành, thức là hư vô, cũng chẳng thủ đắc cái hư vô của thọ, tưởng, hành, thức.

Đó là Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật có phương tiện thiện xảo.

Lại nữa Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát chẳng quán vô thường, cũng không sở đắc. Khổ, không, vô ngã, phi thân, cũng không sở đắc. Chẳng quán vô thường, cũng không sở đắc. Không, Vô tướng, Vô nguyện, tịch mịch, hư vô, cũng không sở đắc. Thọ, tưởng, hành, thức chẳng quán vô thường, cũng không sở đắc. Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp chẳng quán vô thường, cũng không sở đắc. Phi thường, khổ, không, vô ngã, phi thân, Không, Vô tướng, Vô nguyện, tĩnh lặng, hư vô. Quán những pháp ấy rồi nhưng không có sở đắc. Bồ-tát ấy vì chúng sinh khởi ý thế này: “Ta vì tất cả loài chúng sinh thuyết pháp vô thường, vì người điên đảo khiến chẳng mê hoặc. Lại phân biệt pháp, là khổ, vô ngã, Không, Vô tướng, Vô nguyện là tịch mịch,

hư vô, vì người điên đảo khiến chẳng mê hoặc." Đó là Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật có phương tiện thiện xảo.

Lại nữa Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật học hạnh trí Nhất thiết, tư duy ý nghĩa đó, chẳng quán sắc vô thường, chẳng rơi vào điên đảo, cũng không sở đắc. Chẳng quán thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, chẳng rơi vào điên đảo, cũng không sở đắc. Chẳng quán vô thường, khổ, vô ngã là không; Không, Vô tướng, Vô nguyện là tịch mịch, hư vô, chẳng rơi vào điên đảo, cũng không sở đắc. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức lìa bốn pháp: Vô thường, Không, Vô tướng, Vô nguyện là tịch mịch, hư vô. Quán các pháp này, chẳng khiến điên đảo, cũng không sở đắc. Giả sử, đối với trí Nhất thiết tưởng niệm không xả thì đây gọi là Đại Bồ-tát Tinh tấn ba-la-mật. Đại Bồ-tát khi hành Bát nhã Ba la mật, tâm chí chẳng nghĩ đến việc của Thanh văn, Bích-chi-phật, cũng chẳng nghe tâm chí khuyên theo việc làm ấy. Đó là Đại Bồ-tát hành Thiền ba-la-mật chẳng kinh, chẳng sợ, cũng chẳng lo lắng.

Lại nữa Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, nên khởi quán này. Không vì sắc không mà cho là không, sắc tức là không, không tức là sắc. Sắc ấy tức là không. Thọ, tưởng, hành, thức chẳng chỉ là không; thọ, tưởng, hành, thức tự nhiên không, thọ, tưởng, hành, thức tức là không, không tức là thọ, tưởng, hành, thức.

Nhãn chẳng chỉ là không; nhãn tự nhiên không; nhãn tức là không, không tức là nhãn, nhãn chẳng chỉ là không. Nhĩ thanh thức, tỷ hương thức, thiệt vị thức, thân xúc thức, ý pháp thức chẳng chỉ là không; nhĩ thanh thức, tỷ hương thức, thiệt vị thức, thân xúc thức, ý pháp thức tự nhiên không, nhĩ thanh thức, tỷ hương thức, thiệt vị thức, thân xúc thức, ý pháp thức tức là không, không tức là nhĩ thanh thức, tỷ hương thức, thiệt vị thức, thân xúc thức, ý pháp thức. Các lạc thọ do nhân duyên tạo ra tức là không, các lạc thọ do nhân duyên tạo ra tự nhiên là không, các lạc thọ do nhân duyên tạo ra, quán chúng là không, tâm ấy tự không, các lạc thọ do nhân duyên tạo ra cũng là không. Bốn Ý chỉ chẳng chỉ là không, nên bốn Ý chỉ là không, do vậy nên không, bốn Ý chỉ ấy tự nhiên là không. Bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo chẳng chỉ là không. Ba mươi bảy phẩm tự nhiên là không, không tức là ba mươi bảy phẩm, ba mươi bảy phẩm là không. Mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật chẳng chỉ là không, các pháp ấy là tự nhiên không. Không tức là Phật. Pháp tức là không, không tức là pháp. Đó là Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật chẳng kinh, chẳng sợ, cũng chẳng lo lắng.

Hiền giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thầy lành của Đại Bồ-tát ở đâu mà thuyết Bát nhã Ba la mật có sự ủng hộ để khi nghe chẳng kinh, chẳng sợ, cũng chẳng lo lắng?

–Này Tu-bồ-đề! Thầy lành của Đại Bồ-tát là người khi thuyết pháp chẳng bàn luận sắc là vô thường, sắc cũng chẳng thể nắm được, cũng không chấp trước. Với gốc đức ấy chẳng dùng để khuyến khích hỗ trợ tạo lập địa Thanh văn, Bích-chi-phật mà thường tạo lập trí Nhất thiết.

Lại nữa Tu-bồ-đề! Thầy lành của Đại Bồ-tát là người khi thuyết kinh pháp chẳng bàn sắc là khổ, sắc chẳng thể nắm bắt được, cũng không chấp trước. Thọ, tưởng, hành, thức chẳng thể nắm bắt được, cũng chẳng chấp trước. Sắc là ngã sở, chẳng phải ngã sở. Thọ, tưởng, hành, thức là ngã sở, chẳng phải ngã sở, chẳng thể nắm bắt được, cũng không chấp trước. Trái lại nữa, thuyết pháp

bàn sắc là Không, Vô tướng, Vô nguyện, chẳng thể nắm bắt được, cũng chẳng chấp trước. Thọ, tưởng, hành, thức là Không, Vô tướng, Vô nguyện, chẳng thể nắm bắt được, cũng không chấp trước. Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp và mười tám chủng, ngã sở, chẳng phải ngã sở, chẳng thể nắm bắt được, cũng không chấp trước.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Thầy lành của Đại Bồ-tát là người khi thuyết pháp, bàn sắc là tịch mịch, hư vô, chẳng thể nắm bắt được, cũng không chấp trước. Thọ, tưởng, hành, thức là tịch mịch, hư vô, chẳng thể nắm bắt được, cũng không chấp trước. Với gốc đức ấy, chẳng dùng để khuyến khích hỗ trợ địa Thanh văn, Bích-chi-phật mà thường dùng khuyến khích hỗ trợ trí Nhất thiết.

Này Tu-bồ-đề! Đó gọi là thầy lành của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, giảng thuyết nhãn là tịch mịch, hư vô, chẳng thể nắm bắt được, cũng không chấp trước. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý là tịch mịch, hư vô, chẳng thể nắm bắt được, cũng không chấp trước. Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là tịch mịch, hư vô, chẳng thể nắm bắt được, cũng không chấp trước. Nhân duyên cảm thọ do nhãn tạo thành, nói là pháp vô thường. Nhân duyên lạc thọ do nhãn sắc thức, nhĩ thanh thức, tỷ hương thức, thiệt vị thức, thân xúc thức, ý pháp thức tạo thành, nói là pháp vô thường, tịch mịch, hư vô, chẳng thể nắm bắt được, cũng không chấp trước. Với gốc đức này, chẳng dùng để khuyến khích hỗ trợ địa Thanh văn, Bích-chi-phật mà thường dùng để tạo lập trí Nhất thiết. Đó là thầy lành của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Tu-bồ-đề! Thầy lành của Đại Bồ-tát là người thuyết pháp chẳng bàn về vô thường, bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo. Điều mà vị ấy nói là vô thường, khổ, vô ngã là không. Không, Vô tướng, Vô nguyện là tịch mịch, hư vô. Tuy nói pháp này, nhưng chẳng thể nắm bắt được, cũng không chấp trước. Với gốc đức này, chẳng dùng để khuyến khích hỗ trợ địa Thanh văn, Bích-chi-phật mà thường dùng để kiến lập trí Nhất thiết. Đó là thầy lành của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Thầy lành của Đại Bồ-tát là người thuyết pháp mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật, chẳng bàn về vô thường, khổ, không, phi thân (vô ngã), Không, Vô tướng, Vô nguyện là tịch mịch, hư vô, nhưng chẳng thể nắm bắt được, cũng không chấp trước. Đó là thầy lành của Đại Bồ-tát. Với gốc đức này, chẳng dùng để khuyến khích hỗ trợ việc của Thanh văn, địa Bích-chi-phật mà thường dùng để tạo lập trí Nhất thiết. Đó là thầy lành của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Tu-bồ-đề! Thầy lành của Đại Bồ-tát là người giảng pháp, thị hiện nói sắc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Thị hiện nói nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý là vô thường, khổ, không, vô ngã. Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là vô thường, khổ, không, vô ngã. Nhãn sắc thức, nhĩ thanh thức, tỷ hương thức, thiệt vị thức, thân xúc thức, pháp ý thức là vô thường, khổ, không, vô ngã. Thị hiện nói vô minh là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão, bệnh, tử là vô thường, khổ, không, vô ngã. Sắc, ngã sở, chẳng phải ngã sở là tịch mịch, hư vô. Thọ, tưởng, hành, thức, ngã sở, chẳng phải ngã sở là tịch mịch, hư vô. Tuy nói pháp này để khai hóa cho người, nhưng không thủ đắc, cũng không chấp trước. Với gốc đức này chẳng dùng để khuyến khích hỗ trợ việc của Thanh văn, Bích-chi-phật mà thường dùng để tạo lập trí Nhất thiết. Đó là thầy lành của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát vì người nói kinh pháp, thị hiện luận bàn bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo là vô thường, khổ, không, vô ngã. Không, Vô tướng, Vô nguyện, ngã sở, chẳng phải ngã sở là tịch mịch, hư vô. Với gốc đức này, chẳng dùng để khuyến khích hỗ trợ việc của Thanh văn, địa Bích-chi-phật mà thường dùng để tạo lập trí Nhất thiết. Đó là thầy lành của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát vì người thuyết pháp, thị hiện luận bàn mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật, sắc là vô thường, khổ, không, vô ngã, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, khổ, không, vô ngã. Ngã sở, chẳng phải ngã sở, Không, Vô tướng, Vô nguyện là tịch mịch, hư vô. Với gốc công đức này, chẳng dùng để khuyến khích hỗ trợ địa Thanh văn, Bích-chi-phật mà thường dùng để tạo lập trí Nhất thiết. Đó là thầy lành của Đại Bồ-tát.

Khi ấy ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Sao gọi là Đại Bồ-tát đối với Bát nhã Ba la mật không có phương tiện thiện xảo, gần gũi thầy ác nên nghe nói Bát-nhã ba-lamật này thì hoặc kinh, hoặc sợ, hoặc lo lắng?

Đức Thế Tôn bảo Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát ấy lìa hạnh trí Nhất thiết, không tiếp cận Bát nhã Ba la mật. Giả sử gặp Bát nhã Ba la mật này thì tâm chấp trước Thiền ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Giới ba-lamật, Thí ba-la-mật. Nếu làm được việc bố thí nào đó thì tâm niệm cứ chấp trước vào việc bố thí ấy. Đó là thầy ác của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát lìa trí Nhất thiết, cũng chẳng chịu an trú các thông tuệ mà trái lại đối với bên trong nghĩ sắc là không, sắc không có sở hữu, chấp trước tư duy sắc tự nhiên không. Đối với thọ, tưởng, hành, thức, nghĩ bên trong là không, tâm chí trụ ở thọ, tưởng, hành, thức, nhưng không sở hữu, nghĩ tự nhiên không. Và đối với pháp nội không thủ đắc pháp nội ngoại không, đạt đến pháp không tự nhiên, không sở hữu thấy có cái đạt được, tưởng nghĩ cái sở đắc. Nghĩ cái không bên trong của nhãn, đạt đến không sở hữu, tự nhiên là không, nghĩ cái "không" đạt được, tưởng là có sở đắc. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng lại như vậy, nghĩ cái nội không tư duy chấp tưởng, đối vô sở hữu, tự nhiên đắc không. Đó là thầy ác của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, nghĩ bốn Ý chỉ, rồi thủ đắc bốn Ý chỉ, tức là tự chấp trước rồi nắm bắt cái đó. Nghĩ bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, rồi thủ đắc ba mươi bảy phẩm, tức là tự chấp trước rồi nắm bắt cái đó. Đó là thầy ác của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát hành mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật, tự cho là đã đạt được pháp của chư Phật, đã có vọng tưởng, lìa trí Nhất thiết, tâm bị dính mắc vào sự suy nghĩ. Đó là Đại Bồ-tát hành Bát-nhã bala-mật không có phương tiện thiện xảo, nghe nói Bát nhã Ba la mật thì hoặc kinh, hoặc sợ, hoặc lo lắng.

Lúc đó ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đại Bồ-tát bị thầy ác câu thúc như thế nào mà làm theo lời dạy của vị ấy, nghe nói Bát nhã Ba la mật thì hoặc kinh, hoặc sợ, rồi sinh ra lo lắng?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Này Tu-bồ-đề! Khi ấy thầy ác của Đại Bồ-tát là người ngăn cản hành giả, làm cho không được học Bát nhã Ba la mật, Thiền bala-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Thí bala-mật, mà trái lại bảo họ không nên dạy sáu pháp Ba-la-mật này, nói là chẳng phải lời dạy của Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác mà do con người tập hợp tai họa ngang trái tạo ra kinh này, chẳng nên nghe, chẳng nên thọ trì, đọc tụng, cũng chẳng nên tư duy và nói cho người khác. Đó thầy ác của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Tu-bồ-đề! Thầy ác của Đại Bồ-tát là người chẳng chịu phân biệt sự giác ngộ, chẳng làm cho thấy rõ tội lỗi xấu xa của ma. Do đó ma Ba-tuần tệ ác hóa làm hình Phật đi đến chỗ Đại Bồ-tát khống chế Bồ-tát, làm cho chẳng tu học sáu pháp Ba-la-mật, nói: "Này thiện nam, học Bát nhã Ba la mật này làm gì? Học Thiền bala-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Thí bala-mật này làm gì? Phụng hành để làm gì?" Nên biết, đó là thầy ác của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Tu-bồ-đề! Khi ấy, tệ ma hóa làm hình dáng của Phật, nói kinh Thanh văn, Bích-chi-phật cho Đại Bồ-tát, giảng rằng nên vứt bỏ bố thí, phân biệt giảng giải ý nghĩa mục đích, phô diễn bằng danh từ hoa mỹ làm cho xa lìa pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát, rơi vào địa Thanh văn, Bích-chi-phật. Nên biết, đó là thầy ác của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Tu-bồ-đề! Khi ấy, tệ ma hóa làm hình dáng của Phật, đi đến chỗ Đại Bồ-tát, nói: "Này thiện nam, chỗ học hiện nay của ông chẳng phải là đạo tâm, chẳng phải là không thoái chuyển. Cái sở học của ông không bao giờ đạt đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác." Hình dạng và tội duyên của ma như thế, chẳng thể quán sát, cũng chẳng thể hiểu biết được. Đó là thầy ác của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành hạnh tinh tấn. Khi ấy tệ ma hóa làm hình dạng của chư Phật đi đến chỗ Đại Bồ-tát, nói: "Này thiện nam, biết nhãn tức là không, đó là lời dạy của ta, cũng là thân ta. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng là không, đó là lời dạy của ta, cũng là thân ta, vì ông mà nói pháp. Sắc tức là không, đó là lời dạy của ta, cũng là thân ta. Thọ, tưởng, hành, thức cũng là không, đó là lời dạy của ta, cũng là thân ta. Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là không, đó là lời dạy của ta, cũng là thân ta. Cảm thọ do nhãn xúc làm duyên tạo ra tức là không, đó là lời dạy của ta, cũng là thân ta. Lạc thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý làm duyên tạo ra, mười tám chủng tức là không, đó là lời dạy của ta, cũng là thân ta. Thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-lamật, Bát nhã Ba la mật tức là không, đó là lời dạy của ta, cũng là thân ta. Bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý. tám Thánh đạo tức là không, đó là lời dạy của ta, cũng là thân ta. Mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật tức là không, đó là lời dạy của ta, cũng là thân ta." Dùng những lời này để mong cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng? Vị Bồ-tát ấy chẳng phân biệt sự phát khởi của hình dạng ma như thế, dù có phân biệt nói ra, cũng chẳng hiểu rõ. Đó là thầy ác của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Tu-bồ-đề! Tệ ma lại biến hóa làm hình dạng của chư Phật đi đến chỗ của Đại Bồ-tát, nói: "Này thiện nam, chư Phật Thế Tôn và các Bồ-tát, Thanh văn, Bích-chi-phật ở phương Đông và chư Phật, Thanh văn, Bích-chi-phật ở mười phương thế giới không có." Ai đối việc phát khởi ma sự như thế, chẳng thể phân biệt, cũng chẳng biết rõ thì nên biết đó là thầy ác của Đại Bồ-tát.

Tệ ma Ba-tuần lại hóa làm hình dạng của Thanh văn, đi đến chỗ Đại Bồ-tát, nói: “Chúng tôi đây đời trước đều tinh tấn học trí Nhất thiết, tư duy pháp không, lại cũng tu học việc của Thanh văn, Bích-chi-phật, tư duy phân biệt mà thấy được sự dạy bảo trao truyền.” Chẳng phân biệt được việc ma như thế nào thì nên biết, đó là thầy ác của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Tu-bồ-đề! Tệ ma Ba-tuần hóa làm hình dạng Hòa thượng, đi đến chỗ của Đại Bồ-tát, cho là hành Bồ-tát là không tịch, chí chuyên tinh tấn tu trí Nhất thiết, tư duy rỗng không, tịch mịch. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là rỗng không, tịch mịch. Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng rỗng không, tịch mịch. Mười tám chủng, mười hai nhân duyên, bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo cũng rỗng không, tịch mịch. Mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật cũng tịch mịch, Không, Vô tướng, Vô nguyện. Rồi dạy bảo trao truyền cho Bồ-tát: “Này thiện nam, hiểu rõ pháp ấy là ở địa Thanh văn chứ tìm cầu chỗ nào nữa? Chẳng bằng ngay nơi đó mà cầu diệt độ. Cần gì đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.” Nên biết, đó là thầy ác của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Tu-bồ-đề! Thầy ác của Đại Bồ-tát là tệ ma Ba-tuần hóa làm hình dạng cha mẹ, đi đến chỗ Đại Bồ-tát, nói: “Thiện nam này đã chứng được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán mà còn tinh tấn hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm gì. Vào những đời quá khứ vô số kiếp không thể kể xiết xoay vòng trong sinh tử bố thí tay chân, tu hạnh tinh tấn không phân biệt, làm những hình thức như thế nào có ích gì!” Nên biết, đó là thầy ác của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát do đó, dựa vào những hình dáng đó để quán xét thầy ác. Đã thấy rồi, dùng cái thấy ấy để mà xa lìa, rồi phân biệt nói khổ, không, vô thường, vô ngã, vô tướng, vô nguyện là tịch mịch, đó là việc phân biệt điên đảo, có tư duy. Bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo cũng không có sở đắc. Mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật là không giải thoát. Pháp như thế là pháp do ma hưng khởi, phụng sự, chẳng rõ ràng. Nên biết, đó là thầy ác của Đại Bồ-tát. Cho nên, Đại Bồ-tát có mười hai duyên thầy ác như thế, thường phải từ bỏ, huống gì các duyên khác!

QUYỂN 5
Phẩm 11: MA-HA-TÁT

Khi ấy Hiền giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ý nghĩa của danh hiệu Bồ-tát là gì? Hướng đến chỗ nào?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Không có ý nghĩa là danh hiệu của Bồ-tát. Vì sao? Bồ-tát ấy không có dấu vết của ý nghĩa, không có tôi ta, cho nên nói không có ý nghĩa là danh hiệu của Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Ví như chim bay trong hư không không có dấu chân.

Này Tu-bồ-đề! Như thế, muốn cầu ý nghĩa của Bồ-tát là không thể có.

Ví như trong mộng không có dấu vết.

Này Tu-bồ-đề! Như vậy, muốn cầu ý nghĩa Bồ-tát cũng không có cái để nắm bắt, giống như huyễn biến, ảo ảnh, tiếng vang, hình bóng. Sự biến hóa của Như Lai không có dấu vết.

Này Tu-bồ-đề! Như thế, muốn cầu ý nghĩa của Bồ-tát là không thể có.

Này Tu-bồ-đề! Giống như cái mà không có cội gốc thì không có dấu vết. Lại quán sát pháp giới thì cũng không có cội gốc. Pháp của pháp ấy tịch nhiên không có dấu vết. Như vậy, Bồ-tát không có ý nghĩa, giống như bản tế không có ý nghĩa.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát không có ý nghĩa, giống như người do nhà ảo thuật biến hóa ra, người ấy không có dấu vết. Người biến hóa ấy không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

Này Tu-bồ-đề! Như thế, Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật là Bồ-

tát không có ý nghĩa, ví như người huyễn không có nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, tâm không dấu vết, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng lại như thế, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Ví như, muốn cầu pháp nội không thì không có dấu vết. Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, quán sát Bồ-tát không có ý nghĩa, ngã sở, chẳng phải ngã sở, khổ lạc, thiện ác. Nếu có cái có tự nhiên không thì cái hành ấy không có dấu vết Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật chẳng có thể đạt đến ý nghĩa của Bồ-tát. Thí như nhà ảo thuật hóa hiện bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật không có dấu vết.

Này Tu-bồ-đề! Như thế, Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật không có ý nghĩa Bồ-tát. Ví như hóa thân của Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không có dấu vết.

Này Tu-bồ-đề! Như thế, Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật thì không có ý nghĩa Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Ví như Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không có dấu vết của pháp nội không.

Này Tu-bồ-đề! Như vậy, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Ví như ngã sở, chẳng phải ngã sở, khổ lạc, thiện ác và cái không sở hữu tự nhiên ấy không có dấu vết.

Này Tu-bồ-đề! Như thế, Đại Bồ-tát không có ý nghĩa Bồ-tát vậy.

Này Tu-bồ-đề! Ví như Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật không có ý nghĩa Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Ví như Đức Như Lai không có bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật.

Này Tu-bồ-đề! Như thế, Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật như vậy không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Ví như cảnh giới vô vi, cảnh giới vô vi ấy không có dấu vết, còn cảnh giới hữu vi, cảnh giới hữu vi ấy cũng không có dấu vết.

Này Tu-bồ-đề! Như thế, Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật cũng lại như thế, không có ý nghĩa Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Ví như chỗ không sinh khởi, không có dấu vết. Như thế, Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật cũng lại như thế, không có ý nghĩa của Bồ-tát, cũng không có hành, không có tác giả, không có dấu vết. Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật cũng lại như thế, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Giống như cái không thể nắm bắt được, không có trần lao, không có sân hận, không có dấu vết, Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-lamật cũng lại như vậy, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Ví như cái không chỗ phát khởi, chẳng có nơi chốn, không có dấu vết, Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật cũng lại như thế, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Ví như không có tranh tụng, chẳng bị sân hận, không có dấu vết, Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật cũng lại như thế, không có ý nghĩa Bồ-tát.

Hiền giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Sao gọi là không có sắc, không có chỗ phát khởi, không có dấu vết?

Đức Phật dạy:

–Sắc không có chỗ khởi; thọ, tưởng, hành, thức không có chỗ khởi thì không có dấu vết, Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật cũng lại như thế, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Ví như sắc không có trần lao, cũng không có sân hận, không có dấu vết, Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật cũng lại như thế, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Ví như nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, các chủng, suy, nhập vốn không chỗ hướng đến, không có dấu vết, Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật cũng lại như thế, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Ví như bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm

Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo không có dấu vết, Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật cũng lại như vậy, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Ví như mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật không có dấu vết, Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật cũng lại như vậy, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Ví như bốn Ý chỉ tự nhiên rốt ráo, vô vi đạt đến thanh tịnh, Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật cũng lại như thế, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Ví như bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, tự nhiên rốt ráo, vô vi đạt đến thanh tịnh, Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật cũng lại như thế, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Ví như mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật tự nhiên rốt ráo, vô vi đạt đến thanh tịnh, Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật cũng lại như thế, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Ví như thân thanh tịnh thì không có sở hữu, cái tôi ta ấy là hư vô, không có thật, Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật cũng lại như vậy, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Ví như không biết, không thấy tức là thanh tịnh, không có dấu vết, thì cái không biết không thấy là hư vô không có, Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật cũng lại như thế, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Ví như mặt trời trên hư không chiếu đến chỗ tối tăm, không có dấu vết, Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật cũng lại như thế, không có ý nghĩa của Bồ-tát. Ví như khi lửa nổi lên trong kiếp thiêu, phá hoại đất trời thành tro bụi, tất cả vạn vật đều chẳng còn gì, chẳng biết dấu vết chỗ nào, Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật cũng lại như thế, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Ví như Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tuân theo giới pháp không có hủy cấm, Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật cũng lại như vậy, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Ví như Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có Tam-muội định

chí không rối loạn, Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật cũng lại như thế, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Ví như Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác được giải thoát, không có dấu vết không giải thoát, Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-lamật cũng lại như thế, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Ví như Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác giải thoát tuệ tri kiến, không có dấu vết không giải thoát tuệ tri kiến, Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật cũng lại như vậy, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Ví như đối với ánh sáng của Như Lai thì ánh sáng của mặt trời, mặt trăng đều không dấu vết, Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật cũng lại như thế, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Ví như ánh sáng của bốn Đại Thiên vương, trời Đao-lợi, trời Đâu-thuật, trời Diệm không có dấu vết, Đại Bồ-tát hành Bát-nhã bala-mật cũng lại như thế, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Ví như ánh sáng của trời Ni-ma-la, trời Ba-la-ni-mật và cảnh giới ma đối với ánh sáng của Như Lai, đều không có dấu vết, Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật cũng lại như thế, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Ví như ánh sáng của trời Phạm, trời Phạm Ca-di, trời Phạm cụ, trời Hữu quang, trời Thiểu quang, trời Vô lượng quang, trời Quang âm, trời Thanh tịnh, trời Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Nan cập tịnh, trời Thiện kiến, trời Sở kiến thiện, trời Ư thị kiến, trời Nhất thiện, đối với ánh sáng của Như Lai, không có dấu vết, Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật cũng lại như vậy, không có ý nghĩa của Bồ-tát. Vì sao?

Này Tu-bồ-đề! Gọi đạo tâm và Bồ-tát, có ý nghĩa là danh hiệu của Bồ-tát là đối với tất cả pháp, không có thuận hay chẳng thuận, không có nên hoặc chẳng nên, không có có hoặc chẳng có, không có sắc nào mà chẳng thấy, cũng không có đối tượng nắm bắt, đó là nhất tướng, gọi là không có tướng.

Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp mà muốn không có sự chấp trước thì nên học như thế. Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp, chẳng nên hiểu biết ý nghĩa tất cả pháp.

Hiền giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Tất cả pháp là gì? Tại sao Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp không có chỗ chấp trước thì nên học? Tại sao Đại Bồ-tát chẳng nên hiểu biết ý nghĩa các pháp?

Phật bảo Hiền giả Tu-bồ-đề:

–Gọi tất cả pháp tức là các việc thiện hoặc việc bất thiện, có thể phân biệt việc thế gian, việc xuất thế gian, có các lậu, không có các lậu, hữu vi, vô vi, có oán địch, không có oán địch.

Này Tu-bồ-đề! Đó gọi là tất cả pháp. Đại Bồ-tát đối với các pháp ấy, chẳng nên có sự chấp trước, do đó phải học. Đó là Đại Bồ-tát rõ tất cả pháp mà không hiểu biết.

Hiền giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Pháp nào là pháp thiện ở thế gian?

Đức Phật bảo Hiền giả Tu-bồ-đề:

–Pháp thiện ở thế gian là hiếu thuận cha mẹ, phụng sự Samôn, Phạm chí, tôn kính người già cả, bố thí công đức, tu theo giới kinh, khuyên niệm công đức, có sự tu tập, thiện quyền phương tiện. Mười điều thiện là căn bản việc làm trong thế gian, các định tưởng như tưởng về sự hư rã, tưởng về uế trược, tưởng về sự tan hoại, tưởng về sự nuốt ăn, tưởng về sự rối loạn, tưởng về sự không vững chắc, tưởng về sự thiêu đốt. Rồi khởi quán: bốn Thiền, bốn Đẳng, bốn Định vô sắc, niệm Phật, niệm Pháp và niệm Thánh chúng, niệm cấm giới, niệm bố thí, niệm Thiên, niệm hơi thở ra vào tĩnh lặng, tâm chí đặt ở thân, niệm già, bệnh, chết.

Này Tu-bồ-đề! Đó là pháp thiện thế gian.

Những gì là pháp bất thiện thế gian?

Sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, hai lưỡi, nói ác, thêu dệt, tham, ganh ghét, tà kiến là mười việc ác. Đó là pháp bất thiện thế gian.

Những gì là pháp chẳng phân biệt?

Đó là chẳng có thể phân biệt việc làm của thân, chẳng có thể phân biệt lời nói của miệng, chẳng có thể phân biệt ý nghĩ của tâm, chẳng có thể phân biệt gốc của bốn đại, chẳng có thể phân biệt nguồn gốc của năm Căn, chẳng có thể phân biệt chỗ ở của sáu suy, chẳng có thể phân biệt việc của sắc ấm, các chủng, các nhập, chẳng phân biệt được chỗ quay về của thiện ác. Đó là pháp chẳng phân biệt, gọi là pháp thế gian. Sự việc của năm ấm và mười hai nhập, mười tám chủng, mười việc thiện, bốn Thiền, bốn Đẳng tâm, bốn Định vô sắc. Đó là pháp thiện thế gian.

Những pháp nào có thể gọi là pháp vượt thế gian?

Đó là bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo và ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện. Không có pháp đặc thù và sai biệt nào khác hơn là căn dị căn và các biệt căn, Tam-muội Sở niệm sở hành, Tam-muội Vô niệm sở hành chí thú, Tam-muội Vô niệm vô hành, dùng tuệ giải thoát, tâm được an tường. Tâm niệm tùy thuận tám môn giải thoát.

Những gì là tám?

Quán sắc trên các sắc, đó là môn giải thoát thứ nhất.

Bên trong không có tưởng sắc mà quán sắc bên ngoài, tuy trụ không mà không giải thoát, thì chẳng thể vượt tất cả các tưởng, đó là môn giải thoát thứ hai.

Đắc các tưởng ngay nơi cội gốc, không có nhiều tạp niệm, đó là môn giải thoát thứ ba.

Hành hư không là vô lượng, thành tựu hư không, đó là môn giải thoát thứ tư.

Vượt qua được hết tất cả hư không, trí hư không trụ ở việc hành tuệ thức vô lượng và được thành tựu, đó là môn giải thoát thứ năm.

Vượt qua được trời trí tuệ vô lượng và trụ ở tuệ vô hữu vô lượng, thành tựu các hạnh, đó là môn giải thoát thứ sáu.

Vượt qua tất cả, không dùng tuệ vô lượng, trụ ở hữu tưởng thành tựu các hạnh, đó là môn giải thoát thứ bảy.

Vượt qua tất cả hữu tưởng vô tưởng, dứt bỏ các tưởng, an trú hạnh tịch nhiên, đó là môn giải thoát thứ tám.

Đó là tám môn giải thoát. Không theo thiền, cũng chẳng học
định, dần dần tiến tới nhập vào Tam-muội.

Sao gọi là dần dần tiến tới nhập vào Tam-muội? Tịch nhiên đối với dục, dứt trừ các pháp ác bất thiện có tưởng có hành tịch mịch được an. Hành tầng thiền thứ nhất, trừ tưởng niệm, không tưởng không niệm, bên trong an tường, vắng lặng được an. Hành tầng thiền thứ hai, thường được an ổn, không có tỳ vết, việc lập hạnh không trái với Thánh hiền, hoan hỷ an vui. Hành tầng thiền thứ ba, dứt khổ, trừ an mà trước đây đã từng tiếp xúc, ý an hay ý hoạn, các việc có thể hay chẳng thể đều diệt hết, không khổ, không an, tâm chí tịch nhiên, thanh tịnh. Hành tầng thiền thứ tư, ngay khi ấy vượt qua tất cả tưởng sắc, trừ các niệm tưởng đã có, không còn các nghĩ tưởng nào khác. Khi ấy đối với tuệ vô lượng hư không, đầy đủ hạnh, vượt qua tất cả các tuệ hư không, đối với tuệ vô lượng thức, đầy đủ hạnh, vượt qua tất cả hạnh tuệ vô lượng thức, đối với tuệ vô hữu vô lượng bất dụng, đầy đủ các hạnh, vượt qua tất cả tuệ vô lượng bất dụng rồi, đối với xứ hữu tưởng vô tưởng vô lượng, đầy đủ các hạnh, vượt qua tất cả hạnh hữu tưởng vô tưởng vô lượng rồi, dứt trừ các tưởng, thành hạnh tịch diệt, siêu việt ngã sở, chẳng phải ngã sở, không khổ không vui, tất cả sự xúc phạm, Khổ, Tập, Diệt, Đạo, bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo cho đến pháp Tự nhiên không vô sở hữu, mười Lực của Như Lai, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật.

Những gì là pháp các lậu chưa hết?

Năm ấm, mười hai nhập, mười tám chủng, mười hai nhân duyên, bốn Thiền, bốn Đẳng tâm, bốn Định vô sắc, đó là các pháp chưa hết lậu.

Những gì là pháp vô lậu?

Bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật, đó là pháp vô lậu.

Những gì là pháp hữu vi?

Đó là cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc và các việc khác chẳng thể

phân biệt, chẳng tận cội nguồn căn bản của các pháp. Ở đây sao gọi bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật là pháp hữu vi.

Sao gọi là pháp vô vi?

Pháp ấy chẳng khởi chẳng diệt, cũng không tạo tác, cũng không chỗ trụ, không có nghĩa khác. Dâm, nộ, si hết tức là vô bổn. Cái vô bổn ấy tức là không có pháp khác, nó là pháp giới, là tịch nhiên, xét bản tế của nó là pháp vô vi.

Những gì là pháp oán địch?

Bốn Thiền, bốn Đẳng tâm, bốn Định vô sắc là pháp oán địch. Những gì là pháp không oán địch? bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật là những pháp không oán địch. Khi ấy đối với thân mình, Bồ-tát tưởng "không", không có pháp chấp trước, hiểu rõ không có đối tượng chấp trước nên chẳng thể dao động. Đối với tất cả pháp, pháp môn để hướng đến không có hai. Do không hiểu rõ các pháp nên không dao động.

Hiền giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Vì nhân duyên gì mà gọi

Bồ-tát là Đại Bồ-tát?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát là bậc trừ các tích tụ đạt được rốt ráo, là bậc Tối tôn có sự thành tựu. Vì vậy gọi là Đại Bồ-tát.

Hiền giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Sở dĩ được gọi là Đại Bồ-tát là do lìa tích tụ mà đạt được rốt ráo. Vị Đại Bồ-tát ấy là bậc Tối tôn có sự thành tựu.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đối với Đại Bồ-tát, các tích tụ là chủng tánh, gồm tám hạng người: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, Bồ-tát mới phát tâm cho đến trụ địa không thoái chuyển. Vị Đại Bồ-tát kia ở trong cái rốt ráo của các tích tụ ấy làm hạnh Bồ-tát, ở trong đó là bậc Tối tôn có sự thành tựu. Đại Bồ-tát du hành và ở trong đó, có sự phát khởi nào thì tâm như kim cương. Đại Bồ-tát ấy ở trong sự rốt ráo của các tích tụ là bậc Tối tôn có sự thành tựu, cho nên gọi là Đại Bồ-tát.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Sao gọi là tâm như kim cang?

Đức Thế Tôn bảo Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát phát tâm thế này: "Ở trong sinh tử không có kỳ hạn, trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn, bỏ tất cả sở hữu mà chẳng bỏ. Ta sẽ dùng tâm bình đẳng đối với tất cả loài chúng sinh này, phát chí bình đẳng, sẽ dùng ba thừa đưa tất cả chúng sinh nhập Niết-bàn. Diệt độ cho tất cả loài chúng sinh rồi, cũng không thấy con người nhập Niết-bàn. Ta nên hiểu rõ tất cả các pháp, không có chỗ phát khởi nhưng nên tiếp cận trí Nhất thiết, tâm vẫn luôn giữ sáu hạnh Ba-la-mật, học khắp tất cả mà chỗ nương tựa là trí tuệ, phải học trọn vẹn, nên phân biệt hiểu biết pháp nhất thừa. Lại nên, hiểu rõ không thể kể xiết các âm thanh nhập từ đâu." Học các pháp này, đó là Đại Bồ-tát phát tâm Kim cang. Chỗ trụ của Đại Bồ-tát mà được rốt ráo thì đó là bậc Tối tôn có sự thành tựu, không còn điên đảo, cũng không sở đắc.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát phát tâm thế này: "Có chúng sinh nào ở chốn địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh bị tra khảo đau đớn khổ sở, thì ta sẽ vì loài chúng sinh này mà chịu khổ nạn ấy, để cho họ được an ổn." Đại Bồ-tát ấy sẽ phát tâm này: "Thân ta vì tất cả mọi người ở chốn địa ngục chịu nỗi khổ khảo tra đau đớn trải qua trăm ngàn ức kiếp mà không cho là kịch liệt. Ta phải làm cho những người đó đạt đến cảnh giới Vô dư Niết-bàn để được diệt độ. Dùng phương tiện, vì tất cả loài người và chúng sinh chịu biết bao nỗi khổ không bao giờ dừng nghỉ, khiến cho mọi người đạt đến cảnh giới Vô dư Niết-bàn để được diệt độ. Sau đó, thân ta cũng vì người khác mà trồng các gốc đức, ở trong ngàn ức kiếp đạt đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác."

Này Tu-bồ-đề! Đó là Đại Bồ-tát phát tâm Kim cang. Chốn an trú của Đại Bồ-tát ấy, đối với các tích tụ mà được rốt ráo là bậc Tối tôn có sự thành tựu.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thường nên tu tập tạo lập tâm vi diệu, nên dùng tâm này khiến chúng sinh đạt đến chỗ tôn quý. Cái gọi là tâm vi diệu của Đại Bồ-tát kia là từ khi mới phát tâm, chưa từng khởi tâm dâm dục, lại cũng chẳng khởi tâm sân hận, lại cũng chẳng sinh tâm ngu si, tâm không khởi điều gì, không phát khởi tâm Thanh văn, Bích-chi-phật.

Này Tu-bồ-đề! Đó là Đại Bồ-tát tu hành, tạo lập tâm vi diệu, khiến cho các chúng sinh thành bậc Tối tôn, có sự thành tựu nhưng cũng không nghĩ đến.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thường nên tạo lập tâm khiến không dao động. Tâm của vị Đại Bồ-tát kia bất động rồi thì cái tâm tư duy về trí Nhất thiết cũng chẳng nghĩ đến. Đó là tâm chẳng dao động của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tâm chí đặt ở tất cả loài chúng sinh, muốn làm cho họ được an lạc. Đại Bồ-tát đối với tất cả chúng sinh tạo lập sự an lạc rồi, muốn cho họ không bỏ ba thừa, cũng không nhớ nghĩ, cũng không khinh mạn.

Này Tu-bồ-đề! Đó là Đại Bồ-tát đối với các chúng sinh, tạo lập tâm an lạc.

Này Tu-bồ-đề! Đó là Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, khiến các chúng sinh đạt đến sự thành tựu tột bậc.

Lại nữa Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát nên mến pháp, ưa pháp, thích pháp, dùng tinh tấn làm hạnh.

Sao gọi là mến pháp? Nếu đối với các pháp không sợ, không phá hoại thì đó là mến pháp.

Sao gọi là ưa pháp? Chí ưa kinh điển, chẳng lìa sự ưa thích ấy, đó là ưa pháp.

Sao gọi là thích pháp? Tư duy về pháp, phân biệt nhiều, nghe rộng, đó là thích pháp.

Này Tu-bồ-đề! Đó là Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật gọi là

Đại Bồ-tát, đối với các tích tụ đạt đến rốt ráo, là bậc Tối tôn có sự thành tựu, không có điên đảo, cũng không sở đắc.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật trụ ở pháp nội không, trụ ở pháp ngoại không, trụ ở pháp nội ngoại không, cũng không có nội ngoại, cho đến pháp tự nhiên vô sở hữu không, gọi là Đại Bồ-tát, đối với các tích tụ đạt được sự rốt ráo, là bậc tối tôn có sự thành tựu, không có sự điên đảo, cũng không sở đắc.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, trụ bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật. Trụ ở những pháp này gọi là Đại Bồ-tát, đối với các tích tụ đã đạt được rốt ráo, là bậc Tối tôn có sự thành tựu, không bị điên đảo, cũng không sở đắc.

Lại nữa Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát kiến lập và trụ Tam-muội Kim cang, siêu việt vô lượng không tuệ, vô lượng thức tuệ, vô lượng bất dung tuệ, vô lượng hữu tưởng vô tưởng, cho đến hư vô vi không, vô sắc, các bậc định Tam-muội giới, định, tuệ, giải thoát tri kiến, Tam-muội trụ độ, gọi là Đại Bồ-tát, đối với các tích tụ đạt được cứu cánh, là bậc Tối tôn có sự thành tựu, chẳng bị điên đảo, cũng không sở đắc.

Đức Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát trụ những pháp này rồi, đối với sự tích tụ đạt được cứu cánh, là bậc Tối tôn có sự thành tựu, gọi là Đại Bồ-tát.

QUYỂN 5
Phẩm 12: ĐẲNG VÔ ĐẲNG

Bấy giờ Hiền giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên, con có thể giảng nghĩa Đại Bồ-tát và do đâu mà gọi là Đại Bồ-tát chăng?

Đức Thế Tôn dạy:

–Được, ông cứ nói!

Hiền giả Xá-lợi-phất nói:

–Vứt bỏ tất cả kiến chấp, kiến chấp tôi ta, người, thọ mạng, việc phàm phu, loài hữu tình, có tạo tác, không tạo tác, chấp chặt với quan điểm thường, chấp chặt với quan điểm không, chấp chặt với quan điểm ấm, chấp chặt với quan điểm chủng, chấp chặt với quan điểm suy, chấp chặt với quan điểm nhập, chấp chặt với quan điểm hư, chấp chặt với quan điểm thật, chấp chặt với quan điểm mười hai nhân duyên, chấp chặt với quan điểm bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật, hoặc chấp chặt với quan điểm giáo hóa chúng sinh, chấp chặt với quan điểm làm thanh tịnh trang nghiêm cõi Phật, chấp chặt với quan điểm Phật đạo, chấp chặt với quan điểm giác ngộ, chấp chặt với quan điểm chuyển pháp luân. Dứt trừ tất cả sự chấp chặt đối với các quan điểm này mà thuyết pháp, thì gọi là Đại Bồ-tát.

Hiền giả Tu-bồ-đề hỏi Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Thưa Hiền giả! Vì sao Đại Bồ-tát chấp chặt với quan điểm về sắc, thọ, tưởng, hành, thức, nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, tôi, ta, người, thọ mạng, bốn chủng, suy, nhập, mười tám chủng, bốn Ý chỉ, Ý đoạn, Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật?

Hiền giả Xá-lợi-phất trả lời:

–Thưa Hiền giả! Đại Bồ-tát này hành Bát nhã Ba la mật không có phương tiện thiện xảo, khi tiếp xúc sắc phát khởi chấp chặt quan điểm cho là có sở đắc. Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; tôi, ta, người, thọ mạng, bốn chủng, suy, nhập, mười tám chủng, ba mươi bảy phẩm, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật, khi đã tiếp xúc với những pháp này, rồi phát khởi các chấp chặt với quan điểm cho là có sở đắc. Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, kinh qua những pháp ấy, dùng phương tiện thiện xảo trừ các chấp chặt quan điểm, vì họ thuyết pháp, khiến cho xa lìa điên đảo, chẳng cầu sở đắc.

Hiền giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Con có thể nói danh hiệu Đại Bồ-tát và mục đích ý nghĩa của Đại Bồ-tát chăng?

Đức Thế Tôn dạy:

–Được, ông cứ nói!

–Vâng lời dạy của Thế Tôn, theo con hiểu thì tâm của Bồ-tát bình đẳng không ai bằng, không có tâm oán địch, tâm của các Thanh văn, Bích-chi-phật không thể sánh kịp. Vì sao? Vì tâm trí Nhất thiết không có các lậu, cũng không nhân duyên. Giả sử tâm trí Nhất thiết không có các lậu, cũng không nhân duyên như thế, thì đối với tâm ấy, không có chỗ chấp trước. Cho nên gọi Đại Bồ-tát là giả hiệu Đại Bồ-tát.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi ngài Tu-bồ-đề:

–Vì sao cái gọi là tâm của Đại Bồ-tát bình đẳng không ai bằng, tâm không oán địch, tâm của các Thanh văn, Bích-chi-phật không thể sánh kịp?

Tu-bồ-đề trả lời Xá-lợi-phất:

–Thưa Hiền giả! Đại Bồ-tát ấy từ khi mới phát tâm chưa từng thấy phát khởi, phát diệt, không từ đâu đến, chẳng tăng, chẳng giảm, không có trần cấu, cũng không kết hận.

Thưa Hiền giả! Giả sử cái chẳng khởi, chẳng diệt, không từ đâu đến, chẳng tăng, chẳng giảm, không có trần cấu, cũng không kết hận, không có tâm Thanh văn, Bích-chi-phật, không có tâm Bồ-tát, cũng không có tâm Phật thì, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất, đó là tâm Đại Bồ-tát, bình đẳng không ai bằng, tâm không oán địch, tâm Thanh văn, Bích-chi-phật chẳng thể sánh kịp.

Ngài Xá-lợi-phất nói với ngài Tu-bồ-đề:

–Thưa Hiền giả Tu-bồ-đề! Hiền giả không chỉ giảng tâm Thanh văn, Bích-chi-phật chẳng thể sánh kịp, mà còn giảng tâm chẳng chấp trước Thanh văn, Bích-chi-phật, lại chẳng nên chấp trước sắc là đối tượng tìm cầu, thọ, tưởng, hành, thức là đối tượng tìm cầu.

Hiền giả Tu-bồ-đề trả lời:

–Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất, đúng vậy! Thật chẳng chấp trước

sắc thọ, tưởng, hành, thức; cũng chẳng chấp trước nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; chẳng chấp trước mười tám chủng, các suy, nhập, mười hai nhân duyên; chẳng chấp trước bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo. Chẳng chấp trước mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật.

Ngài Xá-lợi-phất nói với ngài Tu-bồ-đề:

–Như vừa rồi, Hiền giả Tu-bồ-đề đã giảng luận, tâm Trí nhất thiết ấy không có các lậu, cũng không nhân duyên, thì thưa Hiền giả, tại sao tâm phàm phu ngu si cũng chẳng vô lậu, không có nhân duyên, bản tịnh là không, cho đến tâm của Thanh văn, Bích-chiphật, Thế Tôn không có các lậu, không có nhân duyên sao?

Hiền giả Tu-bồ-đề trả lời:

–Đúng vậy!

Hiền giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

–Thưa Hiền giả Tu-bồ-đề! Sắc cũng chẳng là vô lậu sao? Không nhân duyên sao? Bản tịnh là không sao? Thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng là vô lậu sao? Không nhân duyên sao? Bản tịnh là không sao? Hiền giả Tu-bồ-đề trả lời:

–Đúng vậy!

Hiền giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

–Thưa Hiền giả Tu-bồ-đề! Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, mười tám chủng, bốn đại, suy, nhập, mười hai nhân duyên chẳng là vô lậu, không nhân duyên, bản tịnh là không sao? Bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, Năm năn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo chẳng là vô lậu, không nhân duyên, bản tịnh là không sao? Mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật, vô vi, vô lậu, không nhân duyên, bản tịnh là không sao?

Tu-bồ-đề trả lời:

–Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất, đúng vậy! Đúng như Hiền giả đã nói, tâm phàm phu ngu si, tâm Thanh văn, Bích-chi-phật cũng vô lậu, cũng không nhân duyên, bản tịnh là không. Ấm, chủng, nhập, bốn đại, mười hai nhân duyên, ba mươi bảy phẩm, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật cũng vô lậu, cũng không nhân duyên, bản tịnh là không.

Ngài Xá-lợi-phất nói với ngài Tu-bồ-đề:

–Đối với các tâm này, không nên chấp trước. Lại chẳng nên chẳng chấp trước không có sắc và sắc sao? Chẳng nên chẳng chấp trước không có thọ, tưởng, hành, thức và thọ, tưởng, hành, thức sao? Lại nữa, thưa Hiền giả Tu-bồ-đề, chẳng nên chẳng chấp trước không có Ý chỉ và Ý chỉ sao? Không có Ý đoạn và Ý đoạn sao? Không có thần túc và thần túc sao? Không có năm Căn và năm Căn sao? Không có năm Lực và năm Lực sao? Không có bảy Giác ý và bảy Giác ý sao? Không có tám Thánh đạo và tám Thánh đạo sao? Không có mười Lực và mười Lực sao? Không có bốn Vô sở úy và bốn Vô sở úy sao? Không có bốn Phân biệt biện và bốn Phân biệt biện sao? Không có mười tám pháp Bất cộng và mười tám pháp Bất cộng sao?

Ngài Tu-bồ-đề đáp:

–Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất, đúng vậy! Chẳng nên chấp trước không có sắc và sắc, chẳng nên chấp trước không có thọ, tưởng, hành, thức và thọ, tưởng, hành, thức. Chẳng nên chấp trước không có nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý và nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Chẳng nên chấp trước không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp và sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Chẳng nên chấp trước không có bốn đại, suy, nhập và bốn đại, suy, nhập. Chẳng nên chấp trước không có mười hai nhân duyên và mười hai nhân duyên. Chẳng nên chấp trước không có ba mươi bảy phẩm và ba mươi bảy phẩm. Chẳng nên chấp trước không có mười Lực và mười Lực. Chẳng nên chấp trước không có bốn Vô sở úy và bốn Vô sở úy. Chẳng nên chấp trước không có bốn phân biệt biện và bốn phân biệt biện. Chẳng nên chấp trước không có mười tám pháp Bất cộng của chư Phật và mười tám pháp Bất cộng của chư Phật.

Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Vì vậy cho nên Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật với tâm đạo, không có tâm oán địch. Tâm các Thanh văn, Bích-chi-phật đều không sánh kịp, cũng chẳng tưởng nghĩ Thanh văn, Bích-chi-phật, không chỗ nương tựa, chẳng theo điên đảo, cũng không sở đắc. Vậy nên thành tựu tất cả các pháp.

QUYỂN 5
Phẩm 13: ĐẠI THỪA

Khi ấy Hiền giả Phân-nậu-văn-đà-ni-phất bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Con có thể giảng luận về mục đích ý nghĩa danh hiệu Đại Bồ-tát chăng?

Đức Thế Tôn dạy:

–Được, ông cứ nói!

Ngài Phân-nậu-văn-đà-ni-phất nói:

–Trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn, mặc áo giáp đại đức, Đại Bồ-tát vì chí Đại thừa chăng? Vị ấy là người nương Đại thừa. Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên, vì vậy Đại Bồ-tát hiệu là Đại Bồ-tát.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi ngài Phân-nậu-văn-đà-ni-phất:

–Vì nhân duyên gì mà gọi Đại Bồ-tát là trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn Đại thừa không thoái chuyển?

Ngài Phân-nậu-văn-đà-ni-phất đáp:

–Thưa Hiền giả! Đại Bồ-tát chẳng vì sự tu học riêng cho một loài chúng sinh nào mà trụ Thí ba-la-mật để có việc bố thí mà vì tất cả các loài chúng sinh nên trụ Thí ba-la-mật để có việc bố thí.

Chẳng vì sự tu học riêng cho một loài chúng sinh nào mà trụ Giới ba-la-mật để thành tựu cấm giới mà vì tất cả các loài chúng sinh nên trụ Giới ba-la-mật để thành tựu cấm giới.

Chẳng vì riêng cho việc tu học của một loài chúng sinh nào mà trụ Nhẫn ba-la-mật để có nhẫn mà vì tất cả các loài chúng sinh nên trụ Nhẫn ba-la-mật để hành nhẫn nhục.

Chẳng vì sự tu học riêng cho một loài chúng sinh nào mà trụ Tinh tấn ba-la-mật để thực hiện tinh tấn mà vì tất cả các loài hữu tình nên trụ Tinh tấn ba-la-mật để tinh tấn.

Chẳng vì sự tu học riêng cho một loài chúng sinh nào mà trụ Thiền ba-la-mật để không loạn ý mà vì tất cả các loài chúng sinh nên trụ Thiền ba-la-mật để được nhất tâm.

Chẳng vì việc tu học riêng cho một loài chúng sinh nào mà trụ Bát nhã Ba la mật để hành trí tuệ mà vì tất cả các loài chúng sinh nên trụ Bát nhã Ba la mật để tuân theo trí tuệ.

Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật chẳng vì dứt hết loài chúng sinh hoặc giới hạn chúng sinh mà trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn rằng: "Ta sẽ diệt độ ngần ấy chúng sinh, chẳng diệt độ ngần ấy chúng sinh, an lập ngần ấy người vào Phật đạo, không an lập ngần ấy người vào Phật đạo." Mà Đại Bồ-tát vì tất cả các loài chúng sinh, trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn và tự nghĩ: "Ta sẽ tự thành tựu viên mãn Thí ba-la-mật, khuyến trợ chúng sinh khiến nhập vào tất cả nghiệp Thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-lamật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát nhã Ba la mật. Ta sẽ thành tựu viên mãn việc hành Ba-la-mật, khuyến trợ tất cả chúng sinh, khiến nhập vào Bát nhã Ba la mật vô cực."

Lại nữa, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Giả sử Đại Bồ-tát hành Thí ba-la-mật thì cái có thể cho tất cả là trí Nhất thiết để tu sửa tâm ý. Bồ-tát ấy xem các chúng sinh là bè bạn, là con của mình, còn khuyến trợ họ đạt Vô thượng Chánh đẳng giác.

Thưa Hiền giả! Đó là Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn.

Lại nữa, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Thí ba-lamật, cái có thể cho là trí Nhất thiết để tu sửa tâm ý. Đối với người đã phát tâm, chẳng vì họ mà vẫn khuyến trợ địa Thanh văn, Bíchchi-phật.

Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Đó là Đại Bồ-tát hành Thí ba-lamật trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn.

Lại nữa, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Thí ba-lamật, cái có thể cho là trí Nhất thiết để tu sửa tâm ý. Bồ-tát ấy thường suy nghĩ, giữ gìn cấm giới, không để có điều trái phạm,

chẳng dùng để khuyến trợ địa Thanh văn, Bích-chi-phật, mà khuyến trợ đạt được Vô thượng Chánh đẳng giác. Đó là Đại Bồ-tát hành Giới ba-la-mật trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn.

Lại nữa, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Thí ba-lamật, cái có thể cho là trí Nhất thiết để tu sửa tâm ý. Bồ-tát ấy thường suy nghĩ, nhẫn chịu các pháp, dùng nhẫn nhục để khuyến khích chúng sinh, xem họ là bè bạn, là con mình. Dùng nhẫn nhục để khuyến trợ họ, chẳng vì Thanh văn, Bích-chi-phật mà vì đạt được Vô thượng Chánh đẳng giác. Đó là Đại Bồ-tát hành Nhẫn ba-la-mật trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Thí ba-la-mật, cái có thể cho là trí Nhất thiết để tu sửa tâm ý. Bồ-tát ấy thường thực hiện tinh tấn, chẳng bỏ chuyên cần, việc làm tinh tấn không có thiếu sót, chẳng dùng để khuyến trợ Thanh văn, Bích-chi-phật mà để đạt được Vô thượng Chánh đẳng giác. Đó là Đại Bồ-tát hành Tinh tấn ba-lamật trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn.

Lại nữa, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, cái có thể cho là trí Nhất thiết để tu sửa tâm ý. Bồ-tát ấy không nghĩ gì khác, chỉ tư duy nghiệp trí nhất thiết tuệ, tư duy không bỏ, chẳng nghe hạnh Thanh văn, Bích-chi-phật, chỉ cầu đạt được Vô thượng Chánh đẳng giác. Đó là Đại Bồ-tát hành Thiền ba-la-mật trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn.

Lại nữa, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Thí ba-lamật, cái có thể cho là trí Nhất thiết để tu sửa tâm ý. Bồ-tát ấy thường làm theo trí tuệ, lìa tà tuệ, dùng nghiệp trí tuệ khai phát tất cả, không có các lậu, chẳng dùng để khuyến trợ địa Thanh văn, Bích-chi-phật mà cầu đạt được Vô thượng Chánh đẳng giác. Đó là Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn.

Lại nữa, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Thí bala-mật, cái có thể cho là trí Nhất thiết để tu sửa tâm ý. Khi cho khởi tâm huyễn hóa, không có gì để cho, cũng không có người cho, cũng không có người nhận. Đại Bồ-tát bố thí như thế, không vì khuyến trợ Thanh văn, Bích-chi-phật mà vì cầu đạt được Vô thượng

Chánh đẳng giác. Đó là Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn.

Ngài Phân-nậu-văn-đà-ni-phất nói với ngài Xá-lợi-phất:

–Giả sử Đại Bồ-tát tâm tôn sùng trí Nhất thiết thì đối với các Ba-la-mật không có tưởng cầu, cũng không sở đắc. Đó gọi là thệ nguyện rộng lớn của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Giới bala-mật, tâm tôn sùng trí Nhất thiết để bố thí, tôn sùng tâm trí nhất thiết để cứu độ chúng sinh tức là để khuyến trợ tâm Vô thượng Chánh đẳng giác. Đó là Đại Bồ-tát hành Giới ba-la-mật vì Thí bala-mật.

Lại nữa, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Khi hành Giới ba-la-mật, đối với những việc làm mà không ai nhẫn được, chẳng thể nhẫn được, Đại Bồ-tát không gì là chẳng nhẫn được. Đó là Đại Bồ-tát hành Giới ba-la-mật vì Nhẫn ba-la-mật.

Lại nữa, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Giới bala-mật, thì tự nhiên phát khởi việc tinh tấn không có lười biếng bỏ bê. Đó là Đại Bồ-tát hành Giới ba-la-mật vì Tinh tấn ba-la-mật.

Lại nữa, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Giới bala-mật, tâm tôn sùng trí nhất thiết, suy nghĩ việc làm, chẳng tin tâm Thanh văn, Bích-chi-phật, tâm thường chuyên nhất, tư duy thiền định không có loạn. Đó là Đại Bồ-tát hành Giới ba-la-mật vì Thiền ba-lamật.

Lại nữa, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Giới bala-mật, đối với tất cả các pháp sở hữu, quán niệm như huyễn, cũng chẳng nghĩ giới, cũng không sở đắc, chẳng tin tâm Thanh văn, Bíchchi-phật, phân biệt trí tuệ vi diệu. Đó là Đại Bồ-tát hành Giới ba-lamật vì Bát nhã Ba la mật.

Như thế, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Giới bala-mật tức là bao gồm đầy đủ hết các Ba-la-mật. Đó gọi là thệ nguyện rộng lớn của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Nhẫn bala-mật mà có sự bố thí, tôn sùng phát khởi tâm trí Nhất thiết, chẳng tin tâm Thanh văn, Bích-chi-phật, có thể nhẫn nhục hết, không kết hận, để khuyến trợ quả Chánh đẳng giác.

Lại nữa, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Tinh tấn ba-la-mật mà có sự bố thí, tôn sùng phát khởi tâm trí Nhất thiết, chẳng tin tâm Thanh văn, Bích-chi-phật, thường hành tinh tấn, chẳng tiến chẳng thoái thì đạt đến Chánh đẳng giác.

Lại nữa, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Thiền bala-mật, mà có sự bố thí, tôn sùng phát khởi tâm trí Nhất thiết, chẳng tin tâm Thanh văn, Bích-chi-phật, tâm thường định, không bị loạn động, không loạn nào mà chẳng loạn, cũng chẳng thấy loạn, chẳng thấy định ý.

Lại nữa, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, tôn sùng phát khởi tâm trí Nhất thiết, chẳng tin tâm Thanh văn, Bích-chi-phật, tâm ý to lớn không có gì mà chẳng thông, chẳng tại sinh tử, chẳng ở diệt độ.

Lại nữa, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát dùng định vô sắc để hành Tam-muội, chẳng theo Thiền giáo mà có chỗ phát sinh. Đó là Đại Bồ-tát có phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Giả sử Đại Bồ-tát hoặc hành Thiền định, hay bốn Đẳng tâm mà dùng Tam-muội định vô sắc thì chẳng mất Thiền định và bốn Đẳng tâm, Tam-muội vô sắc. Đó là Đại Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát lại tu thiền tư, hành bốn Đẳng tâm, Tam-muội vô sắc. Ở trong sự tĩnh lặng quán thấy Không, Vô tướng, Vô nguyện. Thấy như thế rồi thì đó là Đại Bồ-tát trang nghiêm bằng áo giáp Bát nhã Ba la mật.

Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Như thế, gọi là Đại Bồ-tát được trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn.

Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Như thế, Đại Bồ-tát giả sử mặc áo giáp này thì chư Phật Thiên Trung Thiên ở thế giới chư Phật trong tám phương, trên dưới đều có thể tuyên dương lời dạy vi diệu, khen ngợi công đức bằng âm thanh thông suốt, rằng ở thế giới đó có Đại Bồ-tát mặc áo giáp đại đức, giáo hóa chúng sinh, làm nghiêm tịnh cõi Phật.

Xá-lợi-phất hỏi ngài Phân-nậu-văn-đà-ni-phất:

–Sao gọi là Đại Bồ-tát không thoái chuyển ngang bằng Đại thừa?

Ngài Phân-nậu-văn-đà-ni-phất trả lời:

–Thưa Hiền giả! Đại Bồ-tát hành sáu pháp Ba-la-mật, tịnh trừ các dục, diệt bỏ các pháp ác bất thiện, thuận theo tưởng hữu hành mà trụ tịch nhiên, chỉ còn sự an ổn, có thể thành tựu tầng

thiền thứ nhất. Đã lìa dục, không có các ác, dứt bỏ các tưởng có thể nghĩ đến, tịch nhiên an ổn, có thể thành tựu tầng thiền thứ hai. Dứt bỏ các tưởng, không nghĩ không tưởng mà tâm tự tu như lời dạy của Thánh hiền, chẳng trái với sự minh đạt, được vui vẻ an ổn, thì liền đắc tầng thiền thứ ba. Dứt an, bỏ khổ, đối với các việc thiện ác đã tiếp xúc, vừa ý, hoặc không vừa ý, cũng không khổ không vui mà an trú tịch nhiên, được vui vẻ, an ổn thì liền thành tựu tầng Thiền thứ tư.

Hành, bốn Đẳng tâm, tâm Từ luôn thương yêu không oán, không kết, cũng không điên đảo, rộng lớn vô cùng, tốt lành vô lượng, chỗ tâm hành trong khắp các thế gian, đều không rời nó. Tâm Bi, Hỷ, Hộ (xả) cũng giống như thế. Tâm Xả thường có mặt, không oán không kết, cũng không điên đảo, rộng lớn vô biên, tốt lành vô lượng, chỗ tâm hành trong khắp các thế gian đều không rời nó. Đó là thiền tư của Đại Bồ-tát. Đại Bồ-tát dùng thiền tư này hành bốn Đẳng tâm, dùng điều tốt đẹp này hành định Tam-muội. Sau khi hành pháp này rồi, dùng để khuyến trợ trí Nhất thiết. Đó là sáu pháp Ba-la-mật của Đại Bồ-tát mà Thí ba-la-mật là gốc, Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-lamật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát nhã Ba la mật, tất cả đều như thế. Đó gọi là trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát cùng với tâm Từ rộng lớn cùng khắp nhưng không có hai, không có ranh giới, không có ràng buộc mà cũng không ở tại một chỗ. Tin thiền thứ nhất, thiền thứ hai, thiền thứ ba, thiền thứ tư cũng giống như thế, cho đến ở dưới không ranh giới, trên không giới hạn, tám phương trên dưới không đâu là chẳng khắp, đầy đủ bốn Thiền. Đó là Tam-muội của Đại Bồ-tát. Giả sử Đại Bồ-tát tôn sùng tâm ấy ở trí Nhất thiết, hành thiền thứ nhất để cứu độ tất cả chúng sinh, thì khuyến trợ họ đắc các thông tuệ. Đại Bồ-tát ấy đầy đủ trí Nhất thiết mà phát tâm tuệ rồi mới dùng phương tiện diễn bày thông suốt ý nghĩa, vì người nói kinh. Đó là Thí ba-la-mật của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, Đại Bồ-tát, tâm đạt đến trí Nhất thiết, tư duy tu theo thiền thứ nhất. Giả sử có thể trụ ở thiền thứ nhất thì lại chẳng tin ưa phát tâm nào khác, chẳng theo tâm Thanh văn, Bích-chi-phật. Đó là Đại Bồ-tát chẳng phạm Giới ba-la-mật.

Giả sử Đại Bồ-tát, tâm chí đặt ở trí nhất thiết, tuân tu tư duy, liền tự phát sinh ý nghĩa khiến cho tất cả loài chúng sinh diệt trừ khổ cực, vì họ thuyết kinh pháp, tùy theo tâm niệm ưa thích của họ, quán căn nguyên của họ để khai hóa. Đó là Đại Bồ-tát hành Bát-nhã bala-mật.

Giả sử Đại Bồ-tát, tâm tu theo trí Nhất thiết, khuyến trợ tất cả gốc công đức, đối với các thông tuệ chẳng thấy chỗ hướng tới của tinh tấn. Đó là Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật.

Giả sử Đại Bồ-tát, tâm tu theo trí Nhất thiết, từ thiền thứ nhất cho đến thiền thứ tư lại quán sát vô thường, khổ, không, vô ngã, Không, Vô tướng, Vô nguyện. Đó là Đại Bồ-tát hành Thiền ba-lamật.

Giả sử Đại Bồ-tát, tâm tôn sùng trí Nhất thiết, quán tất cả pháp giống như huyễn hóa, không có ba cõi mà vì người thuyết kinh thì đó là Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật. Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất, Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát tạo lập tất cả bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo. Lại tạo lập đầy đủ tất cả Tam-muội Không, Tam-muội Vô tướng, Vô nguyện, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng. Đó là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát chẳng bảo là không cầu hai địa này là địa Thanh văn và địa Bích-chi-phật, tâm chỉ ưa trí Nhất thiết. Đại Bồ-tát ấy hành không phóng dật, thực hiện bốn Đẳng tâm, thành tựu Nhẫn ba-la-mật.

Giả sử Đại Bồ-tát, tâm tu theo và tự hưng phát trí tuệ thương yêu tất cả, việc làm vô hạn, không gì phá hoại. Đó là Đại Bồ-tát hành Tinh tấn ba-la-mật.

Giả sử Đại Bồ-tát đối với bốn Vô đẳng tâm mà hành thiền định, chẳng do thiền định và bốn Đẳng tâm mà có điều quên mất, thì đó là Đại Bồ-tát hành bốn Đẳng tâm không phóng dật có phương tiện thiện xảo.

Lại nữa, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Tam-muội Từ tâm: "Ta nên cứu hộ tất cả chúng sinh", liền tu theo Tam-muội Bi, thương xót chúng sinh thực hiện lòng bi thuận theo hướng này. Thực hiện Tam-muội Hỷ: "Ta sẽ độ thoát các loài chúng sinh", dần dần tiến tới Tam-muội Hộ (xả) giúp cho chúng sinh đạt đến lậu tận. Đó là Đại Bồ-tát hành bốn Đẳng tâm không có phóng dật có Thí bala-mật. Giả sử thiền tư không phóng dật hành bốn Đẳng tâm, duyên vào điềm lành, không dùng để khuyến khích hỗ trợ địa Thanh văn, Bích-chi-phật, mà thuận theo tuệ thương yêu tất cả. Đó là Đại Bồ-tát hành bốn Đẳng tâm, không trái phạm Giới ba-la-mật.

Lại nữa, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát hiểu rõ pháp nội không chẳng rơi vào điên đảo, cũng không cầu gì, chẳng có sở đắc về khổ vui, thiện ác, có sở hữu cái không tự nhiên. Đối với các thông tuệ, cũng không sở đắc, không có trong, ngoài, chẳng có trung gian. Đó là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp không có loạn, cũng không có tuệ Tam-muội. Đó là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát luôn có chí hướng Đại thừa, trí tuệ của họ tự do, trí tuệ ấy chẳng trụ tại thường, chẳng trụ tại vô thường, chẳng chấp khổ hay chẳng khổ, vui hay chẳng vui, điều ấy chẳng do trí tuệ trụ ở ngã sở hay chẳng phải ngã sở. Đó là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát vì không sở đắc nên chẳng rơi vào điên đảo.

Lại nữa, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát, trí tuệ của họ tự do chẳng ở tại quá khứ, chẳng ở tại vị lai, chẳng ở tại hiện tại, chẳng ở tại ba đời, không có chỗ của trí tuệ. Đó là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát thường không sở đắc, chẳng rơi vào điên đảo.

Lại nữa, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát, trí tuệ của họ chẳng buộc ràng vào cõi Dục, chẳng buộc ràng vào cõi Sắc, chẳng buộc ràng vào cõi Vô sắc mà là trí tuệ tự tại, biết hết cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc một cách tự tại, cũng không sở đắc, cũng chẳng rơi vào điên đảo. Đó là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát, trí tuệ tự tại, chẳng đồng trí tuệ thế gian, cũng chẳng chìm trong trí tuệ thế gian, chẳng ở tại hữu vi, chẳng ở tại vô vi, chẳng ở tại hữu lậu, chẳng ở tại vô lậu. Pháp tuệ này tự do, biết hết trí tuệ thế tục, trí tuệ vượt thế tục, chẳng phải chẳng biết. Biết hết pháp hữu vi, vô vi, chẳng phải chẳng biết, cũng không sở đắc, chẳng rơi vào điên đảo. Đó là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát.

QUYỂN 6

Phẩm 14: NƯƠNG THEO ĐẠI THỪA

Hiền giả Xá-lợi-phất hỏi Hiền giả Phân-nậu-văn-đà-ni-phất:

–Thế nào là Đại Bồ-tát nương ở Đại thừa?

Phân-nậu-văn-đà-ni-phất trả lời:

–Thưa Hiền giả! Đại Bồ-tát khi hành Bát nhã Ba la mật nương vào Thí ba-la-mật, cũng lại chẳng thủ đắc Thí ba-la-mật, cũng không có Bồ-tát, chẳng thấy có người nhận, chẳng có sở đắc, cũng không có kết quả gì. Nương vào Thí ba-la-mật thì gọi là Đại Bồ-tát. Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát nhã Ba la mật ba-la-mật, nương Bát nhã Ba la mật thì cũng chẳng đắc Bát nhã Ba la mật, cũng chẳng đắc Bồ-tát, cũng không có kết quả gì, cũng không sở đắc. Đó là Đại Bồ-tát nương Bát-nhã bala-mật.

Lại nữa, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát cũng chẳng hủy mất tâm tu theo trí nhất thiết, tức là phụng hành bốn Ý chỉ, đối tượng để niệm là vô niệm, đối tượng để hành trì là không hành trì, đối với những nghĩa này cũng không sở đắc. Đó là Đại Bồ-tát nương Đại thừa.

Lại nữa, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát cũng chẳng hủy mất tâm tu theo trí nhất thiết, tức là phụng hành bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, đối với những nghĩa này cũng không sở đắc. Đó là Đại Bồ-tát nương Đại thừa.

Lại nữa, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát cũng chẳng hủy mất tâm tu theo trí Nhất thiết, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật, đối với những nghĩa này đều không sở đắc. Đó là Đại Bồ-tát nương theo Đại thừa.

Lại nữa, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát phân biệt rõ điều này:

Gọi là Bồ-tát đó là giả hiệu, tùy theo thế tục, muốn cầu người cũng chẳng thể nắm bắt được, cũng không có chỗ phát khởi.

Gọi là sắc đó chỉ là giả hiệu thôi, cũng chẳng thể nắm bắt được, cũng không có chỗ phát khởi.

Gọi là thọ, tưởng, hành, thức chỉ là giả hiệu, cũng chẳng thể nắm bắt được, cũng không có chỗ phát khởi.

Gọi là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý chỉ là giả hiệu, cũng chẳng thể nắm bắt được, cũng không có chỗ phát khởi.

Gọi là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp chỉ là giả hiệu, cũng chẳng thể nắm bắt được, cũng không có chỗ phát khởi.

Gọi là bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo chỉ là giả hiệu, cũng chẳng thể nắm bắt được, cũng không có chỗ phát khởi.

Gọi là mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật chỉ là giả hiệu thôi, cũng chẳng thể nắm bắt được, cũng không có chỗ phát khởi.

Gọi là pháp nội không, pháp ngoại không và pháp không không chỉ là giả hiệu, cũng chẳng thể nắm bắt được, cũng không có chỗ phát khởi.

Gọi là pháp sở hữu không, pháp tự nhiên không, pháp sở hữu tự nhiên không, chỉ là giả hiệu, cũng chẳng thể nắm bắt được, cũng không có chỗ phát khởi.

Gọi là pháp của Như Lai, pháp vô bổn, cảnh giới của các pháp, pháp ấy tịch nhiên và bản tế, cái bản tế ấy cũng chẳng thể nắm bắt được, cũng không có chỗ phát khởi.

Gọi là Phật đạo có sở giác, thì Phật đạo ấy cũng chẳng thể nắm bắt được, cũng không có chỗ phát khởi. Đó gọi là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát từ khi mới phát tâm đã đầy đủ thần thông. Bồ-tát này khai hóa chúng sinh, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, cúng dường phụng sự chư Phật Thế Tôn, ân cần gần gũi chư Phật Thế Tôn để nghe kinh pháp cầu thừa Bồ-tát. Vị ấy đối với hạnh Bồ-tát của Đại thừa, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, làm nghiêm tịnh cõi Phật, giáo hóa chúng sinh, cũng không tham vướng cõi nước chư Phật, cũng không có tướng nhân, trụ chỗ vô nhị, dùng sức tự thân, thường vì chúng sinh dẫn dắt làm lợi ích cho họ. Sao gọi vị ấy là tự thân có sự thu nhận, vì tâm chưa từng rời thừa như thế, để đạt đến trí Nhất thiết. Đã đạt được trí Nhất thiết rồi thì liền chuyển pháp luân. Đã chuyển pháp luân thì tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật, Trời, Rồng, Quỷ thần và người thế gian đều có thêm sự lợi ích. Khi ấy chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở tám phương, trên dưới đều cùng khen ngợi tuyên dương: "Có Đại Bồ-tát ấy, ở thế giới ấy, nương vào Đại thừa, đắc trí Nhất thiết. Đã đắc trí Nhất thiết rồi thì liền chuyển pháp luân."

Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Đó là Đại Bồ-tát nương theo Đại thừa.

QUYỂN 6
Phẩm 15: VÔ PHƯỢC

Hiền giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Tại sao gọi Đại Bồ-tát mặc áo giáp đại đức là trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Khi Đại Bồ-tát mặc áo giáp giới đức, hành Thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-lamật, Bát nhã Ba la mật thì gọi là trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn. Mặc áo giáp bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật. Mặc áo giáp pháp nội không, pháp ngoại không, pháp chư sở hữu tự nhiên không, mặc áo giáp trí nhất thiết. Mặc áo giáp trang nghiêm bằng hình tượng Phật rồi, liền dùng ánh sáng chiếu sáng tam thiên đại thiên thế giới, tám phương trên dưới cũng lại như thế, ánh sáng ấy không đâu mà không khắp. Lại có khả năng làm chấn động cả tam thiên đại thiên thế giới, cho đến hằng hà sa các cõi Phật ở phương Đông, tám phương trên dưới cũng lại như thế, không đâu là không chấn động. Đại Bồ-tát ấy dùng ánh sáng này trụ Thí ba-la-mật, mặc áo giáp đại thệ nguyện Đại thừa, biến tam thiên đại thiên thế giới đều thành lưu ly biếc. Vừa biến tam thiên đại thiên thế giới thành lưu ly biếc xong, lại biến làm Chuyển luân thánh vương. Đã biến thành hình dạng trang nghiêm của Chuyển luân thánh vương, liền bố thí rộng rãi, người đói thì cho ăn, người khát thì cho uống, không có y phục thì cho y phục, không hương cho hương. Các loại trang sức, hương tạp, hương bột, xe cộ, voi ngựa, tôi tớ, người giúp việc, đều thỏa mãn theo ý người xin. Nhà cửa, chỗ cư ngụ hiện có, nghề nghiệp sinh sống và các thứ khác, theo ý của mọi người muốn có đều làm cho họ có được. Đồ ăn thức uống, y phục, hương hoa, voi ngựa, nhà cửa đang sở hữu đều bố thí cho mọi người. Làm cho mọi người có được những vật theo ý muốn rồi, liền vì họ phân biệt

thuyết pháp, nói nghĩa đầy đủ, làm cho tu theo sáu pháp Ba-la-mật. Các loài chúng sinh theo thuyết pháp rồi liền theo sự hướng dẫn hành Ba-la-mật, khiến cho đạt đến Vô thượng Chánh đẳng giác. Đó là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn.

Này Tu-bồ-đề! Ví như nhà ảo thuật thông minh và đệ tử thông minh ở tại ngã tư đường hóa làm mọi người đang làm ăn sinh sống. Vì sao? Vì pháp của các nhà ảo thuật tự hiện ra như thế. Rồi nhà ảo thuật dùng các thứ huyễn này bố thí cho vô số người thiếu thốn như là đồ ăn uống, y phục, hương hoa, các đồ trang sức, voi ngựa, nhà cửa…

Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao? Nhà ảo thuật ấy có sự ban phát cho mọi người chăng?

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

Đức Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Như thế việc Đại Bồ-tát mặc áo giáp thệ nguyện rộng lớn hành sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm, pháp nội không, pháp ngoại không, pháp nội ngoại không và pháp chư sở hữu tự nhiên không; mặc áo giáp thệ nguyện rộng lớn hành mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật và mặc áo giáp thệ nguyện rộng lớn trí nhất thiết; mặc áo giáp đại đức hóa làm hình dạng Phật, ánh sáng chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới và hằng hà sa cõi nước chư Phật ở phương Đông, cùng tám phương trên dưới, không đâu là chẳng khắp, hằng hà sa cõi nước chư Phật trong mười phương chấn động sáu cách, dùng ánh sáng lớn trụ Thí ba-la-mật, theo nhu cầu của mọi người, cho thức uống, y phục, hương hoa, đồ trang sức, voi ngựa, nhà cửa, nghề nghiệp sinh sống, tuy là hóa hiện sự bố thí đã xong, nhưng không cho gì hết. Tuy mọi người có đến nhận lãnh vật dụng sinh sống, nhưng không có người cho, cũng không có người nhận. Vì sao? Này Tu-bồ-đề, vì các pháp như thế cũng lại như huyễn, huyễn chẳng lìa pháp. Đó là Đại Bồ-tát trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát trụ Giới ba-la-mật, muốn dùng để cứu hộ các loài thọ sinh cho nên hiện làm dòng Chuyển luân vương. Vị này khi đã được lập nên ngôi Chuyển luân vương rồi, liền dùng mười điều thiện để xây dựng và khai mở chúng sinh tu bốn Thiền, bốn Đẳng tâm, bốn Định vô sắc, bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật vì các chúng sinh nói kinh điển rộng khắp, chưa từng làm cho chúng sinh lìa đạo nghĩa ấy, có khả năng khiến cho họ an ổn đến được Phật đạo. Đó là Đại Bồ-tát trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn.

Này Tu-bồ-đề! Ví như nhà ảo thuật tài giỏi, hoặc đệ tử thông minh, ở ngã tư đường, hóa ra vô số người chẳng thể kể xiết, rồi vì các người đó giảng thuyết kinh pháp, tạo lập mười điều thiện, ba mươi bảy phẩm, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật.

Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao?

Thật có người trụ mười điều thiện, ba mươi bảy phẩm, mười

Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật chăng?

Trả lời:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

–Này Tu-bồ-đề! Như thế, Đại Bồ-tát khai hóa chúng sinh, khiến trụ mười điều thiện, ba mươi bảy phẩm, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật,

cũng không có sự khuyến hóa chúng sinh. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì cái gọi là các pháp ấy cũng lại như huyễn, huyễn chẳng lìa pháp.

Này Tu-bồ-đề! Như thế là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát trụ Nhẫn ba-la-mật, khai hóa tất cả các loài chúng sinh xây dựng Nhẫn độ vô cực.

Sao gọi là Bồ-tát trụ Nhẫn ba-la-mật, khai hóa tất cả các loài chúng sinh xây dựng pháp Nhẫn nhục ba-la-mật vô cực?

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát từ khi mới phát ý, mặc áo giáp đại đức mà tự thệ nguyện: "Giả sử tất cả các loài chúng sinh dùng đao gây hại ta thì ta là Đại Bồ-tát, chẳng nên phát khởi ý sân hận, dù trong giây lát, cũng lại giáo hóa tất cả các loài chúng sinh khiến an lập ở nhẫn này."

Này Tu-bồ-đề! Ví như nhà ảo thuật tài giỏi và đệ tử thông minh, ở ngã tư đường, hóa làm vô số người chẳng thể tính đến, rồi liền dùng gậy đánh. Dùng đao chặt gây hại. Như vậy, thật có sự đánh đập và chặt phá gây hại không?

Ngài Tu-bồ-đề trả lời:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

Đức Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Như vậy, Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, nếu có đao gậy gây hại thân mình thì đều nhẫn chịu. Lại giáo hóa chúng sinh khiến an lập nhẫn này, không có người đánh, cũng không có người nhẫn chịu.

Này Tu-bồ-đề! Đó là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát trụ Nhẫn ba-la-mật, trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát trụ Tinh tấn ba-la-mật khuyến hóa tất cả các loài chúng sinh, khiến đều an lập ở Tinh tấn ba-lamật.

Sao gọi là Đại Bồ-tát an lập chúng sinh ở Tinh tấn ba-la-mật vô cực?

Này Tu-bồ-đề! Khi Đại Bồ-tát, tâm ý tu theo trí Nhất thiết mà phát đạo ý, thì cũng không tưởng nghĩ, cũng không tinh tấn, khuyến khích chúng sinh khiến đi theo hạnh ấy.

Này Tu-bồ-đề! Ví như nhà ảo thuật tài giỏi và đệ tử thông minh, ở tại ngã tư đường, hóa làm vô số người chẳng thể tính đếm, rồi khiến họ hành tinh tấn, giữ gìn thân, khẩu, ý, thì thực ra cũng không có người, cũng không có thân, khẩu, ý, cũng không có việc hành trì.

Này Tu-bồ-đề! Cũng như thế, Đại Bồ-tát tạo lập Tinh tấn bala-mật, khuyến hóa tất cả các loài chúng sinh, khiến hành tinh tấn thì không có tưởng tinh tấn, cũng không có việc hành trì, cũng không có khai hóa các loài chúng sinh an lập tinh tấn. Đó là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát trụ Tinh tấn ba-la-mật trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát trụ Thiền ba-la-mật, khuyến hóa tất cả các loài chúng sinh hành Thiền ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là Đại Bồ-tát trụ Thiền ba-la-mật? Bồ-tát bình đẳng trụ các pháp thì các pháp không loạn, cũng chẳng thấy các pháp phiền não. Đại Bồ-tát có thể dùng sự an trụ này, đối với Thiền ba-la-mật bình đẳng tại vô bổn, khuyến khích trợ giúp chúng sinh đối với pháp bình đẳng mà vị ấy đã giáo hóa, chưa từng trái nghịch, xa rời lời dạy của chư Phật, cho đến khi

đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng không thấy đạt đến Vô thượng Bồđề. Thí như nhà ảo thuật tài giỏi và đệ tử thông minh, ở ngã tư đường, hóa làm vô số người chẳng thể tính đếm, rồi khiến đều ngồi thiền, định tĩnh tâm ý, nhưng thật không có định, cũng không có loạn.

Này Tu-bồ-đề! Cũng vậy, Đại Bồ-tát khuyến hóa chúng sinh, khiến hành pháp như thế, nhưng chẳng thấy các pháp có người nhất tâm hoặc có người loạn ý. Đó là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát trụ Thiền ba-la-mật trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát trụ Bát nhã Ba la mật khuyến hóa các loài chúng sinh, khiến họ đều trụ ở Trí độ vô cực.

Sao gọi là tự trụ Bát nhã Ba la mật, khuyến hóa chúng sinh trụ Trí độ vô cực?

Này Tu-bồ-đề! Như vậy, Đại Bồ-tát cũng không có pháp để hành, cũng không có kết quả đạt được. Đại Bồ-tát ấy trụ Bát-nhã bala-mật rồi, cũng dùng pháp này khai hóa tất cả các loài chúng sinh, khiến đạt đến chỗ không chướng ngại. Thí như nhà ảo thuật tài giỏi và đệ tử thông minh, hóa làm vô số người chẳng thể tính đếm, có trí tuệ biện tài, phân biệt nhiều sự việc, thật ra không có trí tuệ, cũng không nói điều gì.

Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao? Thật có nói có nghe chăng?

Đáp:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

Đức Phật dạy:

–Đó là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn, tự trụ pháp tự nhiên, khai hóa hằng hà sa chúng sinh, khiến đều thật hành Thí-ba-mật, Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát nhã Ba la mật, vì họ giảng thuyết pháp. Giả sử chúng sinh được nghe sáu pháp Bala-mật này, thì chẳng bao giờ lìa sáu pháp Độ vô cực, cho đến khi đạt Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tất cả mười phương đều như thế. Giống như cõi nước chư Phật ở phương Đông, tất cả mười phương đều như thế, không có gì sai khác.

Này Tu-bồ-đề! Ví như nhà ảo thuật tài giỏi và đệ tử thông minh, ở ngã tư đường, hóa làm vô số người không thể tính đếm, thật hành việc Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm, Trí tuệ, nhưng thật ra cũng không Bố thí, cũng không Trì giới, cũng không Nhẫn nhục, cũng không Tinh tấn, cũng không Nhất tâm, cũng không Trí tuệ.

Này Tu-bồ-đề! Như thế là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát không thoái chuyển tâm chí tôn sùng trí Nhất thiết chưa từng khởi phát tâm niệm nào khác, cũng không tin điều gì, không nghe thọ gì, hoặc khai hóa người an lập ở Thí ba-la-mật, hoặc khai hóa người an lập ở Giới ba-la-mật, hoặc khai hóa người an lập ở Nhẫn ba-la-mật, hoặc khai hóa người an lập ở Tinh tấn ba-la-mật, hoặc khai hóa người an lập ở Thiền ba-la-mật, hoặc khai hóa người an lập ở Bát nhã Ba la mật, hoặc khai hóa người đạt đến không chỗ an lập, không chỗ khai hóa. Hoặc khai hóa một số người an lập ở bốn Ý chỉ, khai hóa một số người an lập ở bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, khai hóa một số người an lập ở mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám

pháp Bất cộng của chư Phật, hoặc chẳng khai hóa. Hoặc khai hóa người an lập ở quả Tu-đà-hoàn, hoặc khai hóa người an lập ở quả Tư-đà-hàm, hoặc khai hóa người an lập ở quả A-na-hàm, hoặc khai hóa người an lập ở quả A-la-hán, hoặc khai hóa người an lập ở quả Bích-chi-phật. Hoặc có một số người chẳng thể khai hóa, hoặc an lập một số người ở trí Nhất thiết, hoặc một số người chẳng nên khai hóa. Có một số loài chúng sinh nhiều chẳng thể đếm biết, chẳng thể hạn lượng nên khai hóa an lập họ ở Thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát nhã Ba la mật, bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật. Khai hóa chúng sinh nhiều chẳng thể tính đếm, chẳng thể hạn lượng an lập ở trí Nhất thiết.

Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thế nào? Bồ-tát khai hóa một số người chẳng thể tính đếm đều có chỗ hướng đến, đều có chỗ phát khởi, đều khiến được độ. Vậy thật có chỗ phát khởi, có người được độ chăng?

Đáp:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không.

Đức Phật dạy:

–Như vậy, Đại Bồ-tát dùng sáu pháp Ba-la-mật có sự khai hóa ba mươi bảy phẩm và các Phật pháp, bốn Đạo, Duyên giác cũng không có chỗ hướng đến, cũng không có chỗ độ thoát.

Này Tu-bồ-đề! Đó là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Nếu con nghe pháp, quán sát ý nghĩa trong đó, thường quán Đại Bồ-tát thì chẳng phải trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn. Vì sao? Vì từ không mà hưng khởi các tướng tự nhiên. Vì vậy cho nên, bạch Đức Thiên Trung Thiên, quán sát các sắc thì sắc là không, các thọ, tưởng, hành, thức là không. Quán sát nhãn thì nhãn là không; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý là không. Quán sát nhãn sắc thức, nhĩ thanh thức, tỷ hương thức, thiệt vị thức, thân xúc thức, ý pháp thức, mười tám chủng cũng đều là không. Nhãn xúc, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, sở xúc của sáu tình ấy, cũng lại như vậy, đều là không, tất cả đều không, pháp sở tập cũng không.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Thí ba-la-mật cũng không, Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-lamật, Bát nhã Ba la mật cũng đều là không. Quán sát bên trong cũng không, cái nội không cũng không, cái tự nhiên vô sở hữu cũng không, cái không ấy cũng không. Bốn Ý chỉ cũng đều là không, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo cũng đều là không. Mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật cũng đều là không. Cái gọi là Bồ-tát cũng không, trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn cũng không.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Vì vậy nên quán Đại Bồ-tát là không trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đúng vậy, đúng vậy! Này Tu-bồ-đề, đúng như lời ông nói. Trí

Nhất thiết có tạo tác mà không có đối tượng tạo tác, cũng chẳng phải chẳng tạo tác, cũng không sở hữu. Tất cả chúng sinh cũng không tạo tác, cũng không sở hữu. Đại Bồ-tát vì chúng

sinh nên trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn, cũng không tạo tác, cũng chẳng phải chẳng tạo tác, cũng không sở hữu.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Vì sao trí Nhất thiết không tạo tác, cũng chẳng phải chẳng tạo tác, cũng không sở hữu? Loài chúng sinh này cũng không có tạo tác, cũng chẳng phải chẳng tạo tác, cũng không sở hữu? Và sự trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn của các Đại Bồ-tát cũng như thế?

Đức Thế Tôn trả lời:

–Có tạo tác, có sở đắc thì có sự hưng khởi, nhưng trí nhất thiết thì không tạo tác, cũng chẳng phải chẳng tạo tác, cũng không sở hữu. Các chúng sinh ấy cũng không có sự tạo tác, cũng chẳng phải chẳng tạo tác, cũng không có sở hữu. Vì sao? Vì sắc không có sự tạo tác, cũng chẳng phải không tạo tác, cũng không có sở hành, cũng không có sở tác. Thọ, tưởng, hành, thức cũng không có sự tạo tác, cũng chẳng phải không tạo tác, cũng không có sở hành, cũng không có sở tác. Nhãn cũng không có sự tạo tác, cũng chẳng phải không tạo tác, cũng không có sở hành, cũng không có sở tác. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng không có sự tạo tác, cũng chẳng phải không tạo tác, cũng không có sở hành, cũng không có sở tác. Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng không có sự tạo tác, cũng chẳng phải không tạo tác, cũng không có sở hành, cũng không có sở tác. Mười tám chủng, các thọ do sáu tình tiếp xúc làm duyên sinh ra cũng không có sự tạo tác, cũng chẳng phải không tạo tác, cũng không có sở hành, cũng không có sở tác.

Này Tu-bồ-đề! Tôi, ta không có sự tạo tác, cũng chẳng phải không tạo tác, cũng không có sở hành, cũng không có sở tác. Và có cái biết, cái thấy, cũng không có sự tạo tác, cũng chẳng phải không tạo tác, cũng không có sở hành, cũng không có sở tác. Vì vậy cho nên, rốt ráo gốc ngọn không có căn nguyên, cũng chẳng thể nắm bắt được. Chúng sinh và mộng cũng không có sự tạo tác, cũng chẳng phải không tạo tác, cũng không có sở hành, cũng không có sở tác. Vì sao? Vì rốt ráo gốc ngọn không có căn nguyên, cũng chẳng thể nắm bắt được, giống như tiếng vang, trăng trong nước, trò huyễn hóa, ảnh ảo, cũng không có sự tạo tác, cũng chẳng phải không tạo tác, cũng không có sở hành, cũng không có sở tác. Vì sao? Vì rốt ráo gốc ngọn không có căn nguyên, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Này Tu-bồ-đề! Pháp nội không cũng không có sự tạo tác, cũng chẳng phải không tạo tác, cũng không có sở hành, cũng không có sở tác. Pháp ngoại không cũng như vậy. Pháp tự nhiên không có sở hữu ấy cũng không có sự tạo tác, cũng chẳng phải không tạo tác, cũng không có sở hành, cũng không có sở tác. Ba mươi bảy phẩm, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật cũng không có sự tạo tác, cũng chẳng phải không tạo tác, cũng không có sở hành, cũng không có sở tác. Vì sao? Vì rốt ráo gốc ngọn không, có căn nguyên, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Này Tu-bồ-đề! Cái vô bổn ấy cũng không có sự tạo tác, cũng chẳng phải không tạo tác, cũng không có sở hành, cũng không có sở tác. Vô bổn cũng lại như thế, cũng không có pháp khác. Các loại pháp ấy trụ ở pháp giới, các pháp tịch nhiên. Cái bản tế ấy cũng không có sự tạo tác, cũng chẳng phải không tạo tác, cũng không có sở hành, cũng không có sở tác. Vì sao? Vì rốt ráo gốc ngọn không có căn nguyên, cũng chẳng thể nắm bắt được. Bồ-tát ấy cũng không có tạo tác, cũng

chẳng phải không tạo tác, cũng không có sở hành, cũng không có sở tác. Trí Nhất thiết tuệ, nhất thiết ai tuệ cũng không có sự tạo tác, cũng chẳng phải không tạo tác, cũng không có sở hành, cũng không có sở tác. Vì sao? Vì rốt ráo gốc ngọn không có căn nguyên, cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì vậy cho nên, này Tu-bồđề, trí Nhất thiết không có sở tác, cũng chẳng phải không tác. Chúng sinh cũng vậy, không có sở hành, cũng không có sở tác, cũng chẳng phải chẳng tác. Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát nương vào sự trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn.

Này Tu-bồ-đề! Vì vậy cho nên, nên quán sát pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát cũng không có trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn.

Hiền giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Như vậy, Thế Tôn dạy phân biệt ý nghĩa con xin phân biệt ý nghĩa: sắc không trước, không buộc, không thoát. Thọ, tưởng, hành, thức không trước, không buộc, không thoát.

Phân-nậu-văn-đà-ni-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Thưa Hiền giả! Có phải sắc không trước, không buộc, không thoát? Có phải thọ, tưởng, hành, thức không trước, không buộc, không thoát?

Ngài Tu-bồ-đề trả lời ngài Phân-nậu-văn-đà-ni-phất:

–Thưa Hiền giả, đúng vậy! Sắc không trước, không buộc, không thoát. Thọ, tưởng, hành, thức không trước, không buộc, không thoát.

Ngài Phân-nậu-văn-đà-ni-phất lại hỏi:

–Thưa Hiền giả Tu-bồ-đề! Vì sao sắc không trước, không buộc, không thoát? Vì sao thọ, tưởng, hành, thức không trước, không buộc, không thoát?

Hiền giả Tu-bồ-đề trả lời:

–Sắc tự nhiên, không trước, không buộc, không thoát. Thọ, tưởng, hành, thức tự nhiên, không trước, không buộc, không thoát.

Sắc như tiếng vang, không trước, không buộc, không thoát. Thọ, tưởng, hành, thức như tiếng vang, không trước, không buộc, không thoát.

Sắc như ảnh ảo, không trước, không buộc, không thoát. Thọ, tưởng, hành, thức như cảnh ảo, không trước, không buộc, không thoát.

Sắc như huyễn, không trước, không buộc, không thoát. Thọ, tưởng, hành, thức như huyễn, không trước, không buộc, không thoát.

Sắc như hóa, không trước, không buộc, không thoát. Thọ, tưởng, hành, thức như hóa, không trước, không buộc, không thoát.

Sắc quá khứ, không trước, không buộc, không thoát. Thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, không trước, không buộc, không thoát.

Sắc vị lai không trước, không buộc, không thoát. Thọ, tưởng,

hành, thức vị lai không trước, không buộc, không thoát.

Sắc hiện tại không trước, không buộc, không thoát. Thọ, tưởng, hành, thức hiện tại không trước, không buộc, không thoát.

Sắc không thật, không trước, không buộc, không thoát. Thọ, tưởng, hành, thức không thật, không trước, không buộc, không thoát.

Sắc tịch mịch, không trước, không buộc, không thoát. Thọ, tưởng, hành, thức tịch mịch, không trước, không buộc, không thoát.

Sắc không chỗ sinh, không trước, không buộc, không thoát. Thọ, tưởng, hành, thức không chỗ sinh, không trước, không buộc, không thoát. Thưa Hiền giả Phân-nậu, sắc thiện không trước, không buộc, không thoát. Thọ, tưởng, hành, thức thiện không trước, không buộc, không thoát.

Sắc bất thiện không trước, không buộc, không thoát. Thọ, tưởng, hành, thức bất thiện không trước, không buộc, không thoát.

Sắc vô ký, không trước, không buộc, không thoát. Thọ, tưởng, hành, thức vô ký, không trước, không buộc, không thoát.

Sắc không phân biệt, không trước, không buộc, không thoát. Thọ, tưởng, hành, thức không phân biệt, không trước, không buộc, không thoát. Thưa Hiền giả Phân-nậu, sắc thế tục, không trước, không buộc, không thoát. Thọ, tưởng, hành, thức thế tục, không trước, không buộc, không thoát.

Sắc siêu thế, không trước, không buộc, không thoát. Thọ, tưởng, hành, thức siêu thế, không trước, không buộc, không thoát.

Sắc hữu lậu vô lậu, không trước, không buộc, không thoát. Thọ, tưởng, hành, thức hữu lậu vô lậu, không trước, không buộc, không thoát.

Hư vô không trước, không buộc, không thoát. Hoảng hốt không trước, không buộc, không thoát. Tất cả pháp không trước, không buộc, không thoát. Không sở hữu không trước, không buộc, không thoát. Tịch nhiên không trước, không buộc, không thoát.

Thí ba-la-mật không trước, không buộc, không thoát. Giới bala-mật không trước, không buộc, không thoát. Nhẫn ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát nhã Ba la mật không trước, không buộc, không thoát. Phát chí thật không trước, không buộc, không thoát.

Phát chí tịch mịch không trước, không buộc, không thoát. Pháp nội không không trước, không buộc, không thoát. Pháp ngoại không không trước, không buộc, không thoát. Pháp sở hữu tự nhiên không không trước, không buộc, không thoát. Bốn Ý chỉ không trước, không buộc, không thoát. Bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo không trước, không buộc, không thoát. Mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật không trước, không buộc, không thoát. Từ hư không khởi không trước, không buộc, không thoát. Phật đạo không trước, không buộc, không thoát. Trí Nhất thiết không trước, không buộc, không thoát. Học đạo Bồ-tát không trước, không buộc, không thoát. Từ hư không sinh không trước, không buộc, không thoát. Tịch nhiên không sinh khởi không trước, không buộc, không thoát. Vô bổn không trước, không buộc, không thoát. Lại cái không khác vô bổn, thuận theo pháp trụ, không trước, không buộc, không thoát. Pháp tịch định không trước, không buộc, không thoát. Bản tế và vô vi không trước, không buộc, không thoát. Sự hưng khởi không thật không trước, không buộc, không thoát. Không tịch không có sự hưng khởi không trước, không buộc, không thoát. Thưa Hiền giả Phânnậu, đó là Đại Bồ-tát không trước, không buộc, không thoát Ba-lamật. Thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tinh tấn ba-lamật, Thiền ba-la-mật, Bát nhã Ba la mật không trước, không buộc, không thoát. Trí Nhất thiết, vô bổn tuệ, nhất thiết ai tuệ thúc đẩy thăng tiến cũng đều không trước, không buộc, không thoát. Thúc

đẩy sự thăng tiến Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm, Trí tuệ không trước, không buộc, không thoát. Thúc đẩy sự thăng tiến trụ trí Nhất thiết tuệ, Nhất thiết ai tuệ không trước, không buộc, không thoát. Giáo hóa chúng sinh không trước, không buộc, không thoát. Nghiêm tịnh cõi Phật không trước, không buộc, không thoát. Phụng sự chư Phật Thế Tôn không trước, không buộc, không thoát. Lắng nghe kinh điển không trước, không buộc, không thoát. Chưa từng rời chư Phật không trước, không buộc, không thoát. Chưa từng quên mất thần thông không trước, không buộc, không thoát. Chẳng lìa năm Căn không trước, không buộc, không thoát. Chẳng bỏ tổng trì không trước, không buộc, không thoát. Chẳng bỏ Tam-muội không trước, không buộc, không thoát. Phát lòng thương đạo không trước, không buộc, không thoát. Trí nhất thiết tuệ không trước, không buộc, không thoát. Chuyển pháp luân không trước, không buộc, không thoát. Khai hóa chúng sinh trụ ở ba thừa không trước, không buộc, không thoát.

Thưa Hiền giả Phân-nậu-văn-đa-ni-phất, đó là sáu pháp Ba-lamật của Đại Bồ-tát không trước, không buộc, không thoát. Hiểu rõ tất cả các pháp Chánh giác từ hư không sinh khởi, tịch mịch đạm bạc cùng với không từ đâu sinh.

–Thưa Hiền giả Phân-nậu! Đó là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn không trước, không buộc, không thoát.

QUYỂN 6
Phẩm 16: TAM-MUỘI

Hiền giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, sao gọi là thệ nguyện rộng lớn của pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát ? Sao gọi là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát? Người học Đại thừa thệ nguyện gì đối với thừa? Thừa trụ chỗ nào? Từ đâu sinh? Trong thừa, ai là người thành tựu thừa?

Phật bảo Hiền giả Tu-bồ-đề:

–Như lời Tu-bồ-đề hỏi, sao gọi là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát? Sáu pháp Ba-la-mật tức là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Những gì là sáu? Thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-lamật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát nhã Ba la mật.

Sao gọi là Thí ba-la-mật?

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát phát tâm tôn sùng trí Nhất thiết mà hành Bố thí. Tất cả sở hữu trong ngoài đều không tiếc, dùng chúng cấp pháp cho chúng sinh để cho họ được vững vàng an ổn, chẳng đề phòng oán địch, tức là dùng để khuyến khích hỗ trợ Vô thượng Chánh đẳng giác. Đó là Thí ba-la-mật của Đại Bồ-tát.

Sao gọi là Giới ba-la-mật của Đại Bồ-tát?

Đại Bồ-tát phát tâm tôn sùng trí Nhất thiết, thân tự phụng hành mười điều thiện. Lại dùng mười điều thiện đó khuyến khích trợ giúp người chẳng theo điên đảo, cũng không sở đắc. Đó là Giới ba-la-mật của Đại Bồ-tát, không quên mất, chẳng rơi vào điên đảo, cũng không sở đắc.

Hiền giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Sao gọi là Nhẫn ba-la-mật của Đại Bồ-tát?

Đức Phật bảo Hiền giả Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát tự thân đã viên mãn Nhẫn nhục, giáo hóa cho người đối với Nhẫn nhục không rơi vào điên đảo, cũng không sở đắc. Đó là Nhẫn ba-la-mật của Đại Bồ-tát.

Hiền giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Sao gọi là Tinh tấn ba-la-mật của Đại Bồ-tát?

Đức Phật bảo Hiền giả Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát phát tâm tôn sùng trí Nhất thiết, đối với năm pháp Ba-la-mật chẳng lơ là xa cách, dùng năm pháp Ba-la-mật giáo hóa chúng sinh, chẳng rơi vào điên đảo, cũng không sở đắc. Đó là Tinh tấn ba-la-mật của Đại Bồ-tát.

Ngài Tu-bồ-đề lại hỏi Thế Tôn:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Sao gọi là Thiền ba-la-mật của Đại Bồ-tát?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát phát tâm tôn sùng trí Nhất thiết, tự thân thường dùng phương tiện thiện xảo hành Thiền Tam-muội, chẳng tùy thuận theo Tam-muội mà sinh, cũng dạy người khiến học thiền định, chẳng rơi vào điên đảo, cũng không sở đắc. Đó là Thiền ba-la-mật của Đại Bồ-tát.

Hiền giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Sao gọi là Bát nhã Ba la mật của Đại Bồ-tát?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát phát tâm tôn sùng trí Nhất thiết, đối với tất cả pháp, không nương tựa, quán các pháp, tất cả vốn là thanh tịnh, chẳng rơi vào điên đảo, cũng không sở đắc. Đối với tất cả pháp, không chấp trước. Vì quán các pháp, tất cả vốn là thanh tịnh nên dùng pháp này để giáo hóa chúng sinh, chẳng rơi vào điên đảo, cũng không sở đắc. Đó là Bát nhã Ba la mật của Đại Bồ-tát. Đó là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát là trong không, ngoài cũng không, trong ngoài đều không, không cũng không, cho đến hoàn toàn không, chân diệu không, thanh tịnh không, hữu vi không, vô vi không, tướng tự nhiên không, tất cả pháp không, không sở đắc không, không có không, tự nhiên không, hữu sở kiến không, vô sở kiến không.

Sao gọi là trong không? Đó là pháp bên trong: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Cái gọi là mắt và những gì mà mắt thấy cũng đều là không, chẳng thể làm thương tổn, chẳng thể hoại, khởi. Vì sao? Vì vốn thanh tịnh. Tai và những điều tai nghe cũng là không, chẳng thể làm thương tổn, chẳng thể hoại, khởi. Vì sao? Vì vốn thanh tịnh. Mũi và những mùi mũi ngửi cũng là không, chẳng thể làm thương tổn, chẳng thể hoại, khởi. Vì sao? Vì vốn thanh tịnh. Lưỡi và những vị mà lưỡi nếm cũng là không, chẳng thể làm thương tổn, chẳng thể hoại, khởi. Vì sao? Vì vốn thanh tịnh. Thân và những xúc chạm của thân cũng là không, chẳng thể làm thương tổn, chẳng thể hoại, khởi. Vì sao? Vì vốn thanh tịnh. Tâm và những ý nghĩ của tâm cũng là không, chẳng thể làm thương tổn, chẳng thể hoại, khởi. Vì sao? Vì vốn thanh tịnh. Đó là trong không.

Sao gọi là ngoài không? Pháp ngoài là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Đã là sắc thì sắc cũng là không, chẳng thể làm tổn thương, chẳng thể hoại, khởi. Vì sao? Vì vốn thanh tịnh. Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp ấy là không, chẳng thể làm tổn thương, chẳng thể hoại, khởi. Vì sao? Vì vốn thanh tịnh.

Sao gọi là pháp trong ngoài không? sáu nhập bên trong, sáu nhập bên ngoài là pháp trong ngoài không, chẳng thể làm thương tổn, chẳng thể hoại, khởi. Vì sao? Vì vốn thanh tịnh. Đó là pháp trong, pháp ngoài đều không.

Sao gọi là không cũng không? Nghĩa là tất cả pháp là không, các pháp là không, không này cũng không. Đó là không không.

Sao gọi là hoàn toàn không? Nghĩa là phương Đông cũng không, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, phương Đông nam, phương Tây nam, phương Tây bắc, phương Đông bắc, phương Trên, phương Dưới cũng đều không, chẳng thể làm tổn thương, chẳng thể hoại, khởi. Vì sao? Vì vốn thanh tịnh. Đó là hoàn toàn không.

Sao gọi là chân diệu không? Nghĩa là vô vi, cái vô vi ấy cũng không, chẳng thể làm tổn thương, chẳng thể hoại, khởi. Vì sao? Vì vốn thanh tịnh. Đó là chân diệu không.

Sao gọi là sở hữu không? Sở hữu không là cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc cũng đều không, chẳng thể làm tổn thương, chẳng thể hoại, khởi. Vì sao? Vì vốn thanh tịnh. Đó là sở hữu không.

Sao gọi là vô vi không? Gọi là vô vi không là chẳng khởi, chẳng diệt, cũng chẳng tự tại, cũng không chỗ trụ, chân đế thường tại. Đó là vô vi không. Đã gọi là vô vi không thì cái vô vi đó chẳng thể làm thương tổn, chẳng thể hoại, khởi. Vì sao? Vì vốn thanh tịnh.

Sao gọi là rốt ráo không? Rốt ráo không là chẳng thể đạt tới bến bờ. Vì sao? Vì vốn thanh tịnh. Đó là rốt ráo không.

Sao gọi là quảng viễn không? Nghĩa là chẳng thấy đến, cũng không sở đắc. Vì sao? Vì vốn thanh tịnh. Đó là quảng viễn không.

Sao gọi là không phân biệt không? Đó là pháp không thể bỏ, cũng không chỗ trụ. Vì sao? Vì vốn thanh tịnh. Đó là không phân biệt không.

Sao gọi là bản tịnh không? Có khả năng hiểu rõ tất cả các pháp vốn là thanh tịnh, hữu vi, vô vi chẳng phải là pháp Thanh văn tạo ra, chẳng phải là pháp Bích-chi-phật tạo ra. Đó là bản tịnh không.

Sao gọi là tất cả pháp không? Tất cả pháp, nghĩa là sắc thọ, tưởng, hành, thức, nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, nhãn sắc thức, nhĩ thanh thức, tỷ hương thức, thiệt vị thức, thân xúc thức, ý pháp thức, nhãn xúc, nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc, các thọ, pháp hữu vi, vô vi. Đó là tất cả pháp không. Pháp không của các pháp chẳng thể làm thương tổn, chẳng thể hoại, khởi. Vì sao? Vì vốn thanh tịnh. Đó là tất cả pháp không.

Sao gọi là tướng tự nhiên không? Gọi là tướng của sắc mà sắc thì không có tướng sở hữu. Tướng thọ tưởng tạo ra tướng hành. Biết tướng hành, thức thì thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, mười tám chủng, tất cả xúc, tướng của pháp hữu vi, tướng của pháp vô vi, tất cả pháp là tướng tự nhiên không.

Sao gọi là chẳng thể nắm bắt được không có sở hữu không? Tất cả các pháp cũng chẳng thể nắm bắt được, không thể hủy hại, chẳng thể hoại, khởi. Vì sao? Vì vốn thanh tịnh. Đó là chẳng thể nắm bắt được không có sở hữu không.

Sao gọi là không sở hữu không? Tìm cầu hình dáng sở hữu nhưng chẳng thể nắm bắt được. Đó là không sở hữu không.

Sao gọi là tự nhiên không? Không hợp hội là tự nhiên. Đó là tự nhiên không.

Sao gọi là không sở hữu tự nhiên không? Cái tự nhiên ấy không có hợp hội. Đó là không sở hữu tự nhiên không.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Cái sở hữu ấy là sở hữu không, cái vô sở hữu ấy là vô sở hữu không. Tự nhiên là tự nhiên không. Vì người khác nên người khác cũng không.

Sao gọi là sở hữu của sở hữu là không? Đó là năm ấm. Sở hữu của năm ấm ấy là sở hữu không. Đó là sở hữu của sở hữu là không.

Sao gọi là vô sở hữu của vô sở hữu là không? Đó là vô vi. Cái vô vi ấy là vô vi cho nên không. Đó là vô sở hữu của vô sở hữu là không.

Sao gọi là tự nhiên của tự nhiên là không? Cái không ấy tức là không có tướng, cũng không có tạo tác, cũng không có cái thấy. Đó là tự nhiên không.

Sao gọi là vị tha cho nên không? Giả sử Đức Như Lai xuất

hiện, hoặc Như Lai không xuất hiện thì pháp ấy vẫn thường trụ. Pháp giới ấy cũng tịch diệt cho nên vốn không, mà cái vốn không ở đây tức là bản tế. Cái ấy đối với cái này là vị tha không. Đó là vị tha cho nên không.

Này Tu-bồ-đề! Đó gọi là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát là Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, lại có Tam-muội tên là Thật ấn, có Tam-muội tên là Sư tử ngu lạc, có Tam-muội tên là Thiện nguyệt, có Tam-muội tên là Nguyệt tràng anh, có Tam-muội tên là Nhất thiết pháp siêu thượng, có Tam-muội tên là Quán đảnh, có Tam-muội tên là Phân biệt nhất thiết pháp, có Tam-muội tên là Liễu tràng anh, có Tam-muội tên là Kim cang dụ, có Tam-muội tên là Nhập pháp ấn, có Tam-muội tên là Phóng quang vô sở đoạt, có Tam-muội tên là Định ý vương, có Tam-muội tên là Thiện trụ, có Tam-muội tên là Phóng quang, có Tam-muội tên là Lực tinh tấn, có Tam-muội tên là Đẳng siêu, có Tam-muội tên là Phân biệt tùy thuận, có Tam-muội tên là Nhập chư ngữ, có Tam-muội tên là Chiếu chư phương diện, có Tam-muội tên là Tổng trì ấn, có Tam-muội tên là Vô sở đoạt, có Tam-muội tên là Đẳng ngự chư pháp hải ấn, có Tam-muội tên là Phổ biến hư không, có Tam-muội tên là Kim cang đạo tràng, có Tam-muội tên là Thắng chư bảo, có Tam-muội tên là Chiếu minh, có Tam-muội tên là Bất huyễn, có Tam-muội tên là Trụ bất cứu cánh, có Tam-muội tên là Quyết liễu, có Tam-muội tên là Ly cấu đăng minh, có Tam-muội tên là Vô lượng quang, có Tam-muội tên là Quang tạo, có Tam-muội tên là Phổ chiếu, có Tam-muội tên là Tịnh ngự định, có Tam-muội tên là Ly cấu minh, có Tam-muội tên là Vi ngu lạc cố, có Tam-muội tên là Tuệ đăng, có Tam-muội tên là Vô tận, có Tam-muội tên là Oai thần cụ, có Tam-muội tên là Trừ tận, có Tam-muội tên là Vô đặc, có Tam-muội tên là Khai thông, có Tam-muội tên là Nhựt đăng minh, có Tam-muội tên là Nguyệt ly cấu, có Tam-muội tên là Tịnh chiếu minh, có Tam-muội tên là Hữu sở chiếu diệu, có Tam-muội tên là Tác đương sở tác, có Tam-muội tên là Tuệ anh, có Tam-muội tên là Thí kim cang, có Tam-muội tên là Thiện kiến chí, có Tam-muội tên là Bảo tích, có Tam-muội tên là Siêu pháp ấn, có Tam-muội tên là pháp phổ, có Tam-muội tên là Thắng ngu lạc, có Tam-muội tên là Độ pháp đảnh, có Tam-muội tên là Hữu sở phá hoại, có Tam-muội tên là Phân biệt chư cú, có Tam-muội tên là Đẳng tạo tự, có Tam-muội tên là Ly văn tự, có Tam-muội tên là Trừ đoạn duyên, có Tam-muội tên là Ly sở tác, có Tam-muội tên là Vô sở tác, có Tam-muội tên là Hành bất sử liễu, có Tam-muội tên là Trừ minh, có Tam-muội tên là Hành tích, có

Tam-muội tên là Vô động, có Tam-muội tên là Độ cảnh giới, có Tam-muội tên là Quyết nhất thiết đức, có Tam-muội tên là Quyết sở trú, có Tam-muội tên là Thanh tịnh nghiêm hoa, có Tam-muội tên là Giác ý cú, có Tam-muội tên là Vô lượng đăng minh, có Tam-muội tên là Đẳng vô đẳng, có Tam-muội tên là Độ nhất thiết pháp, có Tam-muội tên là Đoạn tuyệt cố, có Tam-muội tên là Ly sở tác, có Tam-muội tên là Ly sở trụ, có Tam-muội tên là Nhất nghiêm tịnh, có Tam-muội tên là Ngự hành sự, có Tam-muội tên là Nhất sự cố, có Tam-muội tên là Chế chư sự, có Tam-muội tên là Trừ yểm nhất thiết sở tác, có Tam-muội tên là Nhập duyên hợp tượng âm, có Tam-muội tên là Thoát âm giáo văn tự ngôn, có Tam-muội tên là Quang hiểm xí thạnh, có Tam-muội tên là Tướng nghiêm tịnh, có Tam-muội tên là Vô tướng, có Tam-muội tên là Tạo nhất thiết chư cụ, có Tam-muội tên là Bất duyệt nhất thiết khổ lạc, có Tam-muội tên là Vô tận cố, có Tam-muội tên là Tổng trì cú, có Tam-muội tên là Ái hộ nhất thiết chánh tà, có Tam-muội tên là Nhập nhất thiết chư sắc vô sắc, có Tam-muội tên là Vô âm đoạn âm, có Tam-muội tên là Ly cấu diệu, có Tam-muội tên là Ngự cố yếu, có Tam-muội tên là Ly cấu mãn nguyệt, có Tam-muội tên là Đại nghiêm tịnh, có Tam-muội tên là Nhất thiết quang thế minh cố, có Tam-muội tên là Phổ minh, có Tam-muội tên là Ngự không, có Tam-muội tên là Đẳng ngự, có Tam-muội tên là Vô thanh cứu cánh vô sở ngu lạc, có Tam-muội tên là Cứu cánh vô bổn trụ, có Tam-muội tên là Thân thời an tường, có Tam-muội tên là Khẩu ngôn thời quyên trừ hư không niệm, có Tam-muội tên là Thoát hư vô sắc vô sở trước.

Tất cả là một trăm mười định.

Sao gọi là Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm? Định ý ấy đều nhập vào hạnh của tất cả các Tam-muội. Đó gọi là Tam-muội Thủ-lăngnghiêm.

Sao gọi là Tam-muội Thật ấn? Dùng định ý này ấn tất cả Tam-muội. Đó gọi là Tam-muội Thật ấn.

Sao gọi là Tam-muội Sư tử ngu lạc? Khi trụ định ý này đều làm vui vẻ tất cả định ý. Đó gọi là Tam-muội Sư tử ngu lạc.

Sao gọi là Tam-muội Thiện nguyệt? Khi trụ định ý này, tất cả đều bình đẳng, không có sở hữu. Đó gọi là Tam-muội Thiện nguyệt.

Sao gọi là Tam-muội Nguyệt tràng anh? Khi trụ Tam-muội định ý ấy, thì dùng định ý nắm hết tất cả các Tam-muội tràng. Đó gọi là Tam-muội Nguyệt tràng anh.

Sao gọi là Tam-muội Siêu nhất thiết pháp thượng? Khi trụ định ý ấy, tất cả đều đạt đến sự bình đẳng. Đó gọi là Tam-muội Siêu nhất thiết pháp thượng.

Sao gọi là Tam-muội Quán đảnh? Khi trụ định ý ấy, thì liền quán thấy các đảnh định ý của tất cả Tam-muội. Đó gọi là Tam-muội Quán đảnh.

Sao gọi là Tam-muội Phân biệt pháp giới? Khi trụ định ý ấy, thì có thể phân biệt các pháp giới. Đó gọi là Tam-muội Phân biệt pháp giới.

Sao gọi là Tam-muội Quyết liễu tràng anh? Khi trụ định ý ấy, thì tất cả định ý rốt ráo chấp tràng. Đó gọi là Tam-muội Quyết liễu tràng anh.

Sao gọi là Tam-muội Kim cang? Khi trụ định ý ấy, thì tất cả đều bình đẳng, không thể phá hoại. Đó gọi là Tam-muội Kim cang.

Sao gọi là Tam-muội Nhập pháp ấn? Khi trụ định ý ấy, thì liền được nhập tất cả pháp ấn. Đó gọi là Tam-muội Nhập pháp ấn.

Sao gọi là Tam-muội Thiện trụ vương? Khi trụ định ý ấy, thì tất cả các Tam-muội pháp vương đều được tạo lập. Đó gọi là Tam-muội Thiện trụ vương.

Sao gọi là Tam-muội Phóng quang minh? Khi trụ định ý ấy, thì tất cả các Tam-muội đều phát ra ánh sáng. Đó gọi là Tam-muội Phóng quang minh.

Sao gọi là Tam-muội Tinh tấn lực? Khi trụ định ý ấy, thì sức tinh tấn của tất cả các Tam-muội đều phát khởi. Đó gọi là Tam-muội Tinh tấn lực.

Sao gọi là Tam-muội Đẳng hộ? Khi trụ định ý ấy, thì tất cả các Tam-muội đều đạt đến sự bình đẳng. Đó gọi là Tam-muội Đẳng hộ.

Sao gọi là Tam-muội Thuận nhập ngôn giáo? Khi trụ định ý ấy, thì đều được nhập khắp âm thanh thuận ý. Đó gọi là Tam-muội Thuận ngôn giáo.

Sao gọi là Tam-muội Nhập chư ngôn giáo? Khi trụ định ý ấy, thì tất cả đều theo ngôn giáo của Tam-muội. Đó gọi là Tam-muội Nhập ngôn giáo.

Sao gọi là Tam-muội Chiếu chư phương diện? Khi trụ định ý ấy, thì đều chiếu tất cả các phương diện định ý. Đó gọi là Tam-muội Chiếu chư phương diện.

Sao gọi là Tam-muội Tổng trì ấn? Khi trụ định ý ấy, thì bao gồm tất cả ấn Tam-muội tổng trì. Đó gọi là Tam-muội Tổng trì ấn.

Sao gọi là Tam-muội Vô sở đoạt? Khi trụ định ý ấy, thì tức khắc chẳng quên tất cả định ý. Đó gọi là Tam-muội Vô sở đoạt.

Sao gọi là Tam-muội Đẳng ngự chư pháp hải ấn? Khi trụ định ý ấy, thì hành việc bình đẳng, thâu nhiếp tất cả. Đó gọi là Tam-muội Đẳng ngự chư pháp hải ấn.

Sao gọi là Tam-muội Phổ biến hư không? Khi trụ định ý ấy, thì tất cả các Tam-muội đều biến khắp hư không, không chỗ nào là chẳng khắp. Đó gọi là Tam-muội Phổ biến hư không.

Sao gọi là Tam-muội Kim cang đạo tràng? Khi trụ định ý ấy, thì gồm thâu hết tất cả định ý đạo tràng. Đó gọi là Tam-muội Kim cang đạo tràng.

Sao gọi là Tam-muội Thắng chư bảo? Khi trụ định ý ấy, thì dứt hết tất cả các dục trần cấu, chẳng còn dấu vết. Đó gọi là Tam-muội Thắng chư bảo.

Sao gọi là Tam-muội Chiếu minh? Khi trụ định ý Tam-muội ấy, thì đạt được tất cả sự bình đẳng với các đường, không đâu là không chiếu sáng. Đó gọi là Tam-muội Chiếu minh.

Sao gọi là Tam-muội Bất huyễn? Khi trụ định ý ấy, thì đối với các Tam-muội chẳng cầu các pháp. Đó gọi là Tam-muội Bất huyễn.

Sao gọi là Tam-muội Bất cứu cánh trụ? Khi trụ định ý ấy, thì chẳng thấy sở trụ của các pháp ba cõi. Đó gọi là Tam-muội Bất cứu cánh trụ.

Sao gọi là Tam-muội Quyết liễu? Khi trụ định ý ấy, thì không tâm không niệm pháp hướng đến. Đó gọi là Tam-muội Quyết liễu.

Sao gọi là Tam-muội Ly cấu minh? Khi trụ định ý ấy, thì tất cả các Tam-muội chuyển tướng chiếu sáng. Đó gọi là Tam-muội Ly cấu minh.

Sao gọi là Tam-muội Vô lượng quang? Khi trụ định ý ấy, thì ánh sáng đó không chỗ nào là không chiếu. Đó gọi là Tam-muội Vô lượng quang.

Sao gọi là Tam-muội Tạo sở vi quang? Khi trụ định ý ấy, thì tất cả định ý Tam-muội đã đắc, đều phóng ánh sáng. Đó gọi là Tam-muội Tạo sở vi quang.

Sao gọi là Tam-muội Phổ chiếu? Đạt được Tam-muội này, thì tất cả các môn Tam-muội tự nhiên chiếu sáng. Đó gọi là Tam-muội Phổ chiếu.

Sao gọi là Tam-muội Ngộ chư tịnh? Khi trụ định ý ấy, liền đạt được tất cả các Tam-muội đều thanh tịnh. Đó gọi là Tam-muội Ngộ chư tịnh.

Sao gọi là Tam-muội Ly cấu quang? Khi trụ định ý Tam-muội ấy, thì đối với các Tam-muội trừ hết tất cả cấu, khiến tiêu tan hết. Đó gọi là Tam-muội Ly cấu quang.

Sao gọi là Tam-muội Sở ngu lạc? Khi trụ định ý ấy, thì ưa thích tất cả Tam-muội. Đó gọi là Tam-muội Sở ngu lạc.

Sao gọi là Tam-muội Tuệ đăng minh? Khi trụ định ý ấy, thì chiếu sáng tất cả Tam-muội. Đó gọi là Tam-muội Tuệ đăng minh.

Sao gọi là Tam-muội Vô tận? Khi trụ định ý ấy, thì đối với tất cả Tam-muội cũng không tận, cũng không không tận, lại cũng không thấy tận và chẳng tận. Đó gọi là Tam-muội Vô tận.

Sao gọi là Tam-muội Oai thần cú? Khi trụ định ý ấy, thì tất cả ánh sáng oai thần lồng lộng bình đẳng chiếu xa. Đó gọi là Tam-muội Oai thần cú.

Sao gọi là Tam-muội Trừ chư tận? Khi trụ định ý ấy thì thấy các Tam-muội tất cả đều vô tận, thấy mà không cội gốc, mà không chỗ thấy. Đó gọi là Tam-muội Trừ chư tận.

Sao gọi là Tam-muội Vô đặc dị? Khi trụ định ý ấy thì tất cả bình đẳng không trước không niệm, không có, không có hoạ khổ, cũng không nhân duyên. Đó gọi là Tam-muội Vô đặc dị.

Sao gọi là Tam-muội Khai thông? Khi trụ định ý ấy thì chẳng thấy các pháp có chỗ thông đạt, cũng không điên đảo. Đó gọi là Tam-muội Khai thông.

Sao gọi là Tam-muội Nhật đăng minh? Khi trụ định ý ấy thì khai phát tất cả các môn Tam-muội, làm phát ánh sáng. Đó gọi là Tam-muội Nhật đăng minh.

Sao gọi là Tam-muội Ly nguyệt cấu? Khi trụ định ý ấy đối với các Tam-muội dùng sáng trừ tối. Đó gọi là Tam-muội Ly nguyệt cấu.

Sao gọi là Tam-muội Thanh tịnh đăng minh? Khi trụ định ý ấy thì đối với các Tam-muội đạt được tất cả bốn phân biệt biện. Đó gọi là Tam-muội Thanh tịnh đăng minh.

Sao gọi là Tam-muội Hữu sở chiếu diệu? Khi trụ định ý ấy thì đều chiếu sáng các môn Tam-muội. Đó gọi là Tam-muội Hữu sở chiếu diệu.

Sao gọi là Tam-muội Sở tạo tác? Khi trụ định ý ấy thì đi đến sự thành tựu tất cả các Tam-muội hiện có. Lại khi lập định ý của các Tam-muội Sở tạo tác, thì thấy hết tinh anh trí tuệ của tất cả các Tam-muội. Đó gọi là Tam-muội Sở tạo tác.

Sao gọi là Tam-muội Kim cang dụ? Khi trụ định ý ấy thì diệt trừ tất cả các pháp tạo ra, lại chẳng thấy các hoạn khổ não. Đó gọi là Tam-muội Kim cang dụ.

Sao gọi là Tam-muội Tâm trụ? Khi trụ định ý ấy thì tâm không

dao động, cũng chẳng mở, đóng, cũng chẳng chiếu sáng, cũng chẳng thấy chỗ khởi, cũng chẳng nghĩ là có tâm này. Đó gọi là Tam-muội Tâm trụ.

Sao gọi là Tam-muội Phổ thế? Khi trụ định ý ấy thì thấy khắp tất cả các định Tam-muội, không đâu là không chiếu. Đó gọi là Tam-muội Phổ thế.

Sao gọi là Tam-muội Thiện chí trụ? Khi trụ định ý ấy thì tất cả các Tam-muội đều an lập. Đó gọi là Tam-muội Thiện chí trụ.

Sao gọi là Tam-muội Bảo tích? Khi trụ định ý ấy thì thấy khắp tất cả các Tam-muội đều chứa báu. Đó gọi là Tam-muội Bảo tích.

Sao gọi là Tam-muội Thắng pháp ấn? Khi trụ định ý ấy thì đều ấn chứng các pháp, nếu chưa gặp ấn chứng thì đều được thấy ấn chứng, ấn chứng rồi đều có thể rốt ráo. Đó gọi là Tam-muội Thắng pháp ấn.

Sao gọi là Tam-muội pháp bình đẳng? Khi trụ định ý ấy thì chẳng thấy các pháp bình đẳng hoặc hiểm trở. Đó gọi là Tam-muội pháp bình đẳng.

Sao gọi là Tam-muội Thắng ngu lạc? Khi trụ định ý ấy thì hàng phục tất cả các pháp lạc. Đó gọi là Tam-muội Thắng ngu lạc.

Sao gọi là Tam-muội Độ chư pháp đảnh? Khi trụ định ý ấy thì điều định tất cả các thượng pháp, đều vượt qua các Tam-muội khác. Đó gọi là Tam-muội Độ chư pháp đảnh.

Sao gọi là Tam-muội Hoại trừ? Khi trụ định ý ấy thì trừ tất cả pháp hoại các Tam-muội. Đó gọi là Tam-muội Hoại trừ.

Sao gọi là Tam-muội Phân biệt các pháp? Khi trụ định ý ấy thì đều có thể phân biệt các Tam-muội, hiểu rõ ý nghĩa của tất cả các pháp. Đó gọi là Tam-muội Phân biệt các pháp.

Sao gọi là Tam-muội Đẳng tạo văn tự? Khi trụ định ý ấy, thì phân biệt hiểu rõ văn tự, đạt đến Tam-muội. Đó gọi là Tam-muội Đẳng tạo văn tự.

Sao gọi là Tam-muội Trừ chư văn tự? Khi trụ định ý ấy thì đối với các Tam-muội không có một văn tự nào, cũng không sở đắc. Đó gọi là Tam-muội Trừ chư văn tự.

Sao gọi là Tam-muội Trừ đoạn nhân duyên? Khi trụ định ý ấy thì đoạn các duyên Tam-muội, không có các loạn động. Đó gọi là Tam-muội Trừ đoạn nhân duyên.

Sao gọi là Tam-muội Vô sở tác? Khi trụ định ý ấy thì chẳng bị sự tác động của các pháp, cũng không tạo tác. Đó gọi là Tam-muội Vô sở tác.

Sao gọi là Tam-muội Ly sở tác? Khi trụ định ý ấy thì chẳng bị sự tạo tác của các pháp nhân duyên. Đó gọi là Tam-muội Ly sở tác.

Sao gọi là Tam-muội Bất cứu cánh hành? Khi trụ định ý ấy, thì chẳng phải hành đến rốt ráo biên tế của tất cả các Tam-muội. Đó gọi là Tam-muội Bất cứu cánh hành.

Sao gọi là Tam-muội Trừ chư minh? Khi trụ định ý ấy thì tất cả Tam-muội trừ các tăm tối, diệt hết các loạn động, khiến đạt đến thanh tịnh. Đó gọi là Tam-muội Trừ chư minh.

Sao gọi là Tam-muội Hành chư cú? Khi trụ định ý ấy thì thấy hết tất cả hạnh của Tam-muội. Đó gọi là Tam-muội Hành chư cú.

Sao gọi là Tam-muội Vô động? Khi trụ định ý ấy thì thấy tất cả các Tam-muội có sự chấn động. Đó gọi là Tam-muội Bất động.

Sao gọi là Tam-muội Độ chư giới? Khi trụ định ý ấy thì tất cả Tam-muội vượt qua các tà vạy, cũng không sai lầm, thuận theo nghĩa chân chánh. Đó gọi là Tam-muội Độ chư giới.

Sao gọi là Tam-muội Phân biệt chư đức? Khi trụ định ý ấy thì quyết định tất cả các pháp, hiểu rõ Tam-muội chúng sinh. Đó gọi là Tam-muội Phân biệt chư đức.

Sao gọi là Tam-muội Sở trụ cứu cánh? Khi trụ định ý ấy, thì đối với tất cả định cầu tìm cội gốc của tâm, chẳng thể nắm băt được. Đó gọi là Tam-muội Sở trụ cứu cánh.

Sao gọi là Tam-muội Tịnh hoa nghiêm sức? Khi trụ định ý ấy, thì được trang nghiêm bằng tất cả hoa thanh tịnh của các Tam-muội. Đó gọi là Tam-muội Tịnh hoa nghiêm sức.

Sao gọi là Tam-muội Giác ý cú? Khi trụ định ý ấy, thì tất cả Tam-muội nhanh chóng đạt giác ý. Đó gọi là Tam-muội Giác ý cú.

Sao gọi là Tam-muội Vô lượng biện? Khi trụ định ý ấy, thì lập tức đạt được vô lượng biện tài, tùy hạnh phân biệt. Đó gọi là Tam-muội Vô lượng biện.

Sao gọi là Tam-muội Đẳng vô đẳng? Khi trụ định ý ấy, thì tất cả định đạt được Tam-muội Đẳng vô đẳng, có khả năng làm cho các tà đều đạt bình đẳng. Đó gọi là Tam-muội Đẳng vô đẳng.

Sao gọi là Tam-muội Độ nhất thiết chư pháp? Khi trụ định ý ấy thì đều có thể vượt qua ba cõi. Đó gọi là Tam-muội Độ nhất thiết chư pháp.

Sao gọi là Tam-muội Đoạn chư sở tác? Khi trụ định ý ấy, thì thấy định Tam-muội của tát cả pháp đều dứt hết. Đó gọi là Tam-muội Đoạn chư sở tác.

Sao gọi là Tam-muội Vô ý vô hủy? Khi trụ định ý ấy, thì đạt được các định, rõ các pháp đều trở về hoại diệt. Đó gọi là Tam-muội Vô ý vô hủy.

Sao gọi là Tam-muội Vô sở trụ? Khi trụ định ý ấy, thì chẳng thấy các pháp có chỗ trụ. Đó gọi là Tam-muội Vô sở trụ.

Sao gọi là Tam-muội Nhất thanh tịnh? Khi trụ định ý ấy, thì chẳng thấy các pháp có hai việc. Đó gọi là Tam-muội Nhất thanh tịnh.

Sao gọi là Tam-muội Ngự chư sự hành? Khi trụ định ý ấy, thì chẳng thấy các pháp có quan hệ nhân duyên. Đó gọi là Tam-muội Ngự chư sự hành.

Sao gọi là Tam-muội Thắng chư sự? Khi trụ định ý ấy, thì đối với tất cả Tam-muội chẳng thấy hai việc, cũng không có cái thấy. Đó gọi là Tam-muội Thắng chư sự.

Sao gọi là Tam-muội Trừ diệt nhất thiết sở hữu đoạn chư căn? Khi trụ định ý ấy, thì đối với tất cả các Tam-muội diệt trừ các việc, đạt đến tuệ sở, nhập vào chỗ không có sự gặp gỡ. Đó gọi là Tam-muội Trừ diệt nhất thiết sở hữu đoạn chư căn.

Sao gọi là Tam-muội Nhập hợp tùy âm? Khi trụ định ý ấy, thì chẳng theo các âm thanh Tam-muội. Đó gọi là Tam-muội Nhập hợp tùy âm.

Sao gọi là Tam-muội Độ chư ngôn tự âm thanh? Khi trụ định ý ấy, thì đều độ thoát tất cả việc các hành văn tự, cũng không sở kiến. Đó gọi là Tam-muội Độ chư ngôn tự âm thanh.

Sao gọi là Tam-muội Xí thạnh quang diệu? Khi trụ định ý ấy, thì ánh sáng chiếu khắp lấn át ánh sáng mặt trời. Đó gọi là Tam-muội Xí thạnh quang diệu.

Sao gọi là Tam-muội Chư tướng nghiêm tịnh? Khi trụ định ý ấy, thì trang nghiêm tất cả các tướng công đức. Đó gọi là Tam-muội Chư tướng nghiêm tịnh.

Sao gọi là Tam-muội Vô tướng? Khi trụ định ý ấy, thì đối với tất cả Tam-muội, vĩnh viễn chẳng thấy tất cả tướng. Đó gọi là Tam-muội Vô tướng.

Sao gọi là Tam-muội Nhất thiết cụ túc? Khi trụ định ý ấy, thì tất cả điều mong cầu đều được đầy đủ. Đó gọi là Tam-muội Nhất thiết cụ túc.

Sao gọi là Tam-muội Bất duyệt khổ an? Khi trụ định ý ấy, thì chẳng thấy tất cả khổ, an của Tam-muội. Đó gọi là Tam-muội Bất duyệt khổ an.

Sao gọi là Tam-muội Vô tận cố? Khi trụ định ý ấy, thì đối với tất cả Tam-muội không có sự cùng tận, cũng không thấy được. Đó gọi là Tam-muội Vô tận.

Sao gọi là Tam-muội Tổng trì cú? Khi trụ định ý ấy, thì nắm giữ hết tất cả sự của các Tam-muội. Đó gọi là Tam-muội Tổng trì cú.

Sao gọi là Tam-muội Hộ chư chánh tà? Khi trụ định ý ấy, thì đối với các Tam-muội, vĩnh viễn chẳng thấy chánh ngang bằng tà. Đó gọi là Tam-muội Hộ chư chánh tà.

Sao gọi là Tam-muội Diệt trừ chư thanh sắc vô thanh vô sắc? Khi trụ định ý ấy, thì đối với các Tam-muội, tất cả đều chẳng thấy có thanh sắc, vĩnh viễn không thanh sắc. Đó gọi là Tam-muội Diệt trừ chư thanh sắc vô thanh vô sắc.

Sao gọi là Tam-muội Vô âm đoạn âm? Khi trụ định ý ấy, thì thấy tất cả pháp không tiếng, không âm. Đó gọi là Tam-muội Vô âm (Đoạn âm).

Sao gọi là Tam-muội Ly cấu minh? Khi trụ định ý ấy, thì chẳng đắc cái quang minh hoặc cấu uế của tất cả Tam-muội. Đó gọi là Tam-muội Ly cấu minh.

Sao gọi là Tam-muội Yếu ngự? Khi trụ định ý ấy, thì chẳng thấy các Tam-muội có quan trọng hoặc không quan trọng, có chế ngự hoặc không chế ngự. Đó gọi là Tam-muội Yếu ngự.

Sao gọi là Tam-muội Mãn nguyệt ly cấu minh? Khi trụ định ý ấy, thì tất cả bình đẳng, đầy đủ trọn vẹn phước công đức. Thí như mặt trăng tròn đầy vào ngày rằm. Đó gọi là Tam-muội Mãn nguyệt ly cấu minh.

Sao gọi là Tam-muội Đại nghiêm tịnh? Khi trụ định ý ấy, thì tất cả bình đẳng, vô cùng thanh tịnh trang nghiêm đầy đủ. Đó gọi là Tam-muội Đại nghiêm tịnh.

Sao gọi là Tam-muội Phổ chiếu thế gian? Khi trụ định ý ấy, thì tất cả đều bình đẳng, đều có thể chiếu sáng tất cả các pháp. Đó gọi là Tam-muội Phổ chiếu thế gian.

Sao gọi là Tam-muội Phổ định ý? Khi trụ định ý ấy thì tất cả định không loạn động, cũng chẳng đắc nhất tâm. Đó gọi là Tam-muội Phổ định ý.

Sao gọi là Tam-muội Ngự không? Khi trụ định ý ấy thì bình đẳng chế ngự tất cả pháp không an lạc làm cho an lạc. Đó gọi là Tam-muội Ngự không.

Sao gọi là Tam-muội Ngự trí nhất thiết không đẳng ngự? Khi trụ định ý ấy thì đối với tất cả sự ngự bình đẳng cũng không chỗ ngự. Đó gọi là Tam-muội Ngự trí nhất thiết không đẳng ngự.

Sao gọi là Tam-muội Vô thanh cứu cánh vô lạc? Khi trụ định ý ấy thì chẳng đắc danh hiệu, cũng không có cái đạt được. Đó gọi là Tam-muội Vô thanh cứu cánh vô lạc.

Sao gọi là Tam-muội Trụ ư vô bổn vô tâm? Khi trụ định ý ấy thì trụ ở các Tam-muội vào khắp vô bổn, không chỗ chuyển cầu. Đó gọi là Tam-muội Trụ ư vô bổn vô tâm.

Sao gọi là Tam-muội Thân thời an tường? Khi trụ định ý ấy thì đối với các Tam-muội vĩnh viễn không sở đắc, cũng không thấy thân. Đó gọi là Tam-muội Thân thời an tường.

Sao gọi là Tam-muội Khẩu ngôn thời hoại trừ hư không niệm? Khi trụ định ý ấy thì tất cả Tam-muội chẳng đắc chỗ hướng tới của lời nói. Đó gọi là Tam-muội Khẩu ngôn thời hoại trừ hư không niệm.

Sao gọi là Tam-muội Thoát hư vô vô sắc? Khi trụ định ý ấy thì đạt được vô số tất cả pháp tịch hư vô vi không. Đó gọi là Tam-muội Thoát hư vô vô sắc.

Này Tu-bồ-đề! Đó là Bát nhã Ba la mật của pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát.

QUYỂN 7
Phẩm 17: QUÁN

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát là bốn Ý chỉ.

Thế nào là bốn Ý chỉ? Tự quán trong thân, chẳng cùng thân tương ưng, cũng chẳng tưởng niệm, cũng chẳng đắc thân. Quán ngoài thân, chẳng cùng thân tương ưng, cũng chẳng tưởng niệm, cũng chẳng đắc thân. Khi ấy an tường điều ngự tâm ý, thấy thế gian là vô minh sầu não. Quán thọ (thống dương) tâm, pháp bên trong, khi ấy an tường điều ngự tâm ý, thấy thế gian là pháp vô minh sầu não. Quán thọ bên ngoài chẳng cùng thọ tương ưng, cũng không tưởng niệm, cũng chẳng đắc thân. Quán tâm (tư tưởng) bên trong chẳng cùng tâm tương ưng, cũng không tưởng niệm, chẳng đắc tâm (tư tưởng). Quán tâm bên ngoài, chẳng cùng tâm tương ưng, cũng không tưởng niệm, cũng chẳng đắc tâm. Quán pháp bên trong, chẳng cùng pháp tương ưng, cũng không tưởng pháp, cũng chẳng đắc pháp. Quán pháp bên ngoài, chẳng cùng pháp tương ưng, cũng không nghĩ pháp, cũng chẳng đắc pháp. Khi ấy tịch nhiên điều ngự tâm ý, thấy thế gian là pháp vô minh sầu não.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát quán trong thân như thế nào? Khi ấy Đại Bồ-tát biết sở hành của tâm; hoặc đứng, hoặc đã đứng, cũng biết; đã ngồi, sẽ ngồi, cũng biết; đi, nằm, đã sẽ đi, nằm cũng như thân đang ở đâu, đến đâu đều biết hết. Đó là Đại Bồ-tát quán nội thân. Khi đó an tường điều ngự tâm ý thấy thế gian là pháp vô minh sầu não.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát đi lại an tường, quán sát, nhìn xem chẳng vội vàng. Bước, dừng, co, duỗi, mặc y, mang bát, ăn uống, nằm ngủ, nghỉ ngơi đều hành theo luật. Đi lại, ngồi xuống, đứng lên, ngủ, dậy, nói năng, thong thả, đàng hoàng, ưa ở chỗ thanh vắng, tâm không rong ruổi.

Này Tu-bồ-đề! Đó là Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật tự quán nội thân, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát chuyên nhất tâm ý, quán hơi thở ra vào, hơi thở dài, hơi thở ngắn cũng đều biết hết; hơi thở gần hoặc xa cũng đều biết hết; hơi thở chậm hoặc nhanh cũng đều biết hết; hơi thở dồn dập hoặc điều hòa cũng đều biết hết. Ví như Chuyển luân thánh vương biết cõi nước dài ngắn, rộng hẹp. Ví như thợ gốm làm ra đồ đựng biết bao lớn nhỏ, sâu rộng.

Này Tu-bồ-đề! Cũng như thế, Đại Bồ-tát biết hơi thở ra vào, dài ngắn, chậm nhanh, cương nhu. Đại Bồ-tát quán nội thân như thế biết an tường điều ngự tâm mình khiến thuận pháp giáo.

Này Tu-bồ-đề! Đó là Đại Bồ-tát quán nội thân, chế ngự tâm ý thấy thế gian là pháp vô minh sầu não.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tự quán bốn phần đại chủng trên thân mình: thân này có các thứ đất, nước, lửa, gió. Giống như người đồ tể cầm dao bén giết chết trâu, chặt làm bốn đoạn, rồi ngồi quan sát, thì thấy không có trâu, mà do nhân duyên hợp thành.

Này Tu-bồ-đề! Cũng như thế, Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-lamật, tự quán thân mình, thân có những thứ này tức là đất, nước, lửa, gió. Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, tự quán nội thân cũng chẳng thấy thân, cũng không thể nắm bắt được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tự quán sát thân mình từ đầu đến chân: Có thân tóc, tủy, não đầy dẫy sự nhơ nhớp bất tịnh. Có thân này thì có tóc, lông, móng, răng, da, gân, mạch, xương, đốt, ruột, bao tử, bụng, gan, phổi, tim, thận, ngũ tạng, máu, thịt, mỡ, tủy, nước mắt, nước miếng, đại tiện, tiểu tiện nhơ nhớp bất tịnh. Thí như nhà nông dùng bao đựng đủ loại ngũ cốc như mè, gạo, thóc, đậu, đại mạch, tiểu mạch, lúa. Người sáng mắt đổ ra trên đất, phân biệt biết hết: Đây là mè, đây là gạo, đây là đậu, thóc, đây là lúa…

Này Tu-bồ-đề! Cũng như thế, Đại Bồ-tát biết thân này từ chân đến đầu gồm có tóc, lông, móng, răng, da, gân, mạch, xương đốt, ruột, bao tử, bụng, gan, phổi, tim, thận, ngũ tạng, máu, thịt, mỡ, tủy, nước miếng, đại tiện, tiểu tiện dơ bẩn bất tịnh.

Này Tu-bồ-đề! Như thế, Đại Bồ-tát quán nội thân, điều ngự tâm ý, thấy thế gian là pháp vô minh sầu não, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát nay quán thân người chết tiếp xúc lạnh nóng, hoặc đã một ngày, hoặc ba bốn ngày, năm ngày. Thân ấy sình chướng, sắc da biến thành màu xanh, thối vữa, máu mủ chảy ra. Xét thân này chẳng thể lìa pháp vô thường.

Này Tu-bồ-đề! Như thế, Đại Bồ-tát tự quán nội thân, biết rồi, an tường điều ngự tâm ý, thấy thế gian là pháp vô minh sầu não, cũng chẳng thể nắm bắt được, cũng không thấy có.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát nay quán người chết tiếp xúc lạnh, nóng, mặt trời thiêu đốt, gió thổi. Sau khi chết một ngày, hoặc hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày, bị chim quạ mổ ăn, chồn, sói, gấu, hổ, báo, cú vô, chó ăn thịt, vô số loài trùng từ thân sinh ra rồi lại rúc rỉa thân thể. Vị ấy tự quán sát chỗ mà thân đi đến thì thấy vô thường, phân tán ly biệt, không ai thoát được điều này. Tự quán thân nội, điều ngự tâm ý, thấy thế gian là pháp vô minh sầu não, cũng không thấy có.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Giả sử Đại Bồ-tát quán thân người sau khi chết (vô thường), tiếp xúc lạnh, nóng, mặt trời thiêu đốt, gió thổi, sình chướng, xanh bầm, chim thú mổ xẻ, hôi thối bất tịnh, trở lại quán thân mình cũng sẽ như vậy, điều ngự tâm ý, thấy thế gian là pháp vô minh sầu não, cũng chẳng thể nắm bắt được, cũng không thấy có.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Giả sử Đại Bồ-tát quán thân người sau khi chết, tiếp xúc nóng, lạnh, mặt trời thiêu đốt, gió thổi, chỉ còn xương đốt dính liền, giống như vòng xích, thịt bủn, máu đông, gân buộc, da che, rồi tự quán thân mình, điều ngự tâm ý thấy thế gian là pháp vô minh, sầu não, cũng chẳng thể nắm bắt được, cũng chẳng thấy có.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Giả sử Đại Bồ-tát quán thân người sau khi chết, chỉ còn xương trắng liền nhau, trước kia cũng có máu mạch, da thịt, gân tủy. Nay quán thân thể này cũng chỉ như thế, phân tán biệt ly, đó là pháp vô thường, không ai thoát khỏi.

Này Tu-bồ-đề! Như thế, Đại Bồ-tát quán thân rồi, điều định tâm ý, thấy thế gian là pháp vô minh sầu não, cũng chẳng thể nắm bắt được, cũng chẳng thấy có.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Giả sử Đại Bồ-tát quán thân người thấy xương tủy gân tan nát, phân tán, hòa trộn với đất, quán sát như thế thấy thân thể này cũng giống như vậy. Tự quán nội thân, điều ngự tâm ý, thấy thế gian là pháp vô minh sầu não, cũng chẳng thể nắm bắt được, cũng chẳng thấy có.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Giả sử Đại Bồ-tát quán thấy xương phân tán trên mặt đất khắp cả Đông, Tây, Nam, Bắc, xương chân một nơi, xương đầu gối, bánh chè, cổ, nhực, sườn, đầu sọ mỗi thứ mỗi ngã. Quán sát như thế, biết nay thân thể này cũng giống như thế, chân tay phân tán, biệt ly, đây là pháp vô thường, không ai thoát khỏi điều này. Bồ-tát quán nội thân, điều ngự tâm ý, thấy thế gian là pháp vô minh sầu não, cũng chẳng thể nắm bắt được, cũng chẳng thấy có.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát lại quán thân chết đã lâu, xương tan trên đất, trải qua nhiều năm chẳng thể tính đếm, cũng khó suy lường xương xanh tan nát, lẫn lộn với bụi đất. Nay thân này cũng giống như thế, phân tán biệt ly. Đây là pháp vô thường, không có ai thoát khỏi.

Này Tu-bồ-đề! Như thế, Đại Bồ-tát tự quán thân, điều định tâm ý, thấy thế gian là pháp vô minh sầu não, cũng chẳng thể nắm bắt được, cũng chẳng thấy có. Quán thọ, tâm, pháp cũng lại như thế, rồi hộ trì hướng dẫn, sách tấn người mới phát tâm, thực hiện phép quán vô thường, dần dần nhập pháp không mới biết vô bổn. Người vì phát ý thành đạt thì quán nội ngoại thân, cũng không có thân. Quán nội ngoại tâm (tưởng), cũng không có tâm. Quán nội ngoại pháp, cũng không có pháp, cũng không có đối tượng quán sát, cũng không thấy có, đạo chẳng lìa tục, tục chẳng lìa đạo, cả hai đều không, cũng không nắm bắt được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát hành Đại thừa là bốn Ý đoạn.

Những gì là bốn Ý đoạn? Đó Đại Bồ-tát đối với các việc ác bất thiện chưa phát sinh, nếu phát sinh thì chận đứng khiến không sinh, ân cần tinh tấn nhiếp phục tâm ý, làm cho dứt trừ các điều xấu. Các việc ác bất thiện, phi pháp vừa móng khởi, liền dứt trừ, ân cần tinh tấn, tự nhiếp phục tâm, khiến cho bình đẳng loạn trừ. Các gốc thiện đức nếu phát khởi mà bị cắt đứt thì phải cần tinh tấn cứu giúp tâm ấy, bình đẳng giải thoát. Pháp thiện đã phát sinh thì giữ vững không để mất, tư duy đầy đủ, rộng khắp khiến càng thêm lợi ích an lạc, ân cần tinh tấn nhiếp hộ tâm ấy, bình đẳng giải thoát, có sở đắc, không sở đắc cũng đều không thấy.

Này Tu-bồ-đề! Đó là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát là năm Căn: Tín căn, Tinh tấn căn, Ý căn, Định căn, Tuệ căn. Đó là Đại Bồ-tát hành Đại thừa, có sở đắc, không có sở đắc, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát là năm Lực. Những gì là Năm Lực? Tín lực, Tinh tấn lực, Ý lực, Định lực, Tuệ lực. Đó la Đại Bồ-tát hành Đại thừa, có sở đắc, không có sở đắc, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát là bảy Giác ý.

Những gì là bảy Giác ý? Này Tu-bồ-đề, đó là Đại Bồ-tát chuyên tu Tư giác ý, nương vào sự tĩnh lặng, không có tham dục, cũng không chỗ nương, dứt tranh tụng, bỏ các pháp. Đó là Tư giác ý. Lại hành Tinh tấn giác ý, nương vào sự tĩnh lặng, không có tham dục, cũng không chỗ nương,

dứt tranh tụng, bỏ các pháp. Đó là Tinh tấn giác ý. Lại hành Duyệt dự giác ý, hành Tín giác ý, hành An giác ý, hành Định giác ý, hành Quán giác ý, nương vào sự tĩnh lặng, không có tham dục, cũng không chỗ nương, dứt tranh tụng, bỏ các pháp. Đó là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát hành bảy Giác ý, có sở đắc, không có sở đắc, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát là tám Thánh đạo.

Những gì là tám Thánh đạo? Chánh kiến, Chánh niệm, Chánh ngữ, Chánh trị, Chánh nghiệp, Chánh phương tiện, Chánh ý, Chánh định. Đó là tám pháp Thánh đạo, có sở đắc, không có sở đắc, cũng chẳng thể nắm bắt được. Đó là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát là Ba phẩm Tam-muội. Những gì là ba? Tam-muội Không, Tam-muội Vô tướng, Tam-muội Vô nguyện.

Sao gọi là Tam-muội Không? Pháp tướng là không. Không là môn giải thoát tức là Vô tướng. Cái Vô tướng ấy tức là môn giải thoát. Cái có sở hành ấy là không có sở hành. Đó là môn giải thoát Vô nguyện.

Này Tu-bồ-đề! Đó là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát. Đã đạt được pháp này rồi, cũng không sở đắc, cũng không nắm bắt được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát nên phân biệt, hiểu rõ Tập để quyết đoán Diệt tận, hiểu rõ thánh đạo. Biết sự diệt tận thì biết không chỗ khởi, hiểu rõ các pháp, phân biệt vô ngã, hiểu rõ sự kết cuộc nhu hòa, tự biết tâm mình biết tâm người. Đó gọi là tuệ.

Sao gọi là phân biệt? Đối với khổ biết khổ, không từ đâu sinh, cũng không chỗ khởi. Đó là phân biệt Khổ.

Sao gọi là hiểu rõ Tập? Đó là diệt trừ nguyên nhân, khiến chẳng sinh lại.

Sao gọi là quyết đoán Diệt tận? Đó là khổ đã hết, khiến không còn gốc rễ.

Sao gọi là biết rõ Thánh đạo? Đó là pháp tám Thánh đạo.

Sao gọi là biết sự diệt tận? Đó dâm, nộ, si, diệt.

Sao gọi là biết không chỗ khởi? Đó là trí tuệ không từ đâu sinh khởi.

Sao gọi là hiểu rõ pháp tuệ? Đó là trí tuệ dứt sinh tội phước do năm ấm tạo ra.

Sao gọi là phân biệt vô ngã? Đó là sắc vô thường; thọ, tưởng, hành, thức vô thường; nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý chẳng phải là sở hữu của ngã; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp chẳng phải là sở hữu của ngã; nhãn sắc thức, nhĩ thanh thức, tỷ hương thức, thiệt vị thức, thân xúc thức, ý pháp thức cũng chẳng phải là sở hữu của ngã.

Sao gọi là hiểu rõ kết cuộc nhu hòa? Đó là có sự than thở thì có nhiều sự phát sinh.

Sao gọi là tự biết tâm mình? Đó là tự biết căn nguyên xưa nay.

Sao gọi là biết tâm người? Đó là có thể phân biệt được tâm niệm của người khác, của chúng sinh.

Sao gọi là Như sở tuệ tâm? Đó là trí Nhất thiết của Như Lai, là trí Nhất thiết Như Lai đã đắc, cũng không nắm bắt được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát là ba căn. Đó là Dị nhân căn, Dị căn, Biệt căn.

Sao gọi là Dị nhân căn? Đó là có các học sĩ chưa đắc bình đẳng về Tín căn, Tinh tấn căn, Ý căn, Định căn, Tuệ căn. Đó gọi là Dị nhân căn.

Sao gọi là Dị căn? Các học sĩ ấy không có niềm tin khác với Tín căn, Tinh tấn căn, Ý căn, Định căn, Tuệ căn. Đó là Dị căn.

Sao gọi là Biệt căn? Đó là người chưa học mà đã phát ý lớn về Tín căn, Tinh tấn căn, Ý căn, Định căn, Tuệ căn. Đó là Đại Bồ-tát có biệt căn Đại thừa, có sở đắc, cũng không sở đắc, cũng không nắm bắt được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát là định bình đẳng. Định này có ba là Tam-muội hữu tưởng hữu hành, Tam-muội vô tưởng hữu hành, Tam-muội vô tưởng vô hành.

Sao gọi là Tam-muội hữu tưởng hữu hành? Thoát khỏi các dục, tịch nhiên diệt trừ các pháp ác bất thiện, có tưởng, có hành, hành tịch tĩnh thứ nhất. Đó là Tam-muội có tưởng có hành.

Sao gọi là Tam-muội vô tưởng hữu hành? Đó là trong tâm không tưởng có hành, cũng không chấp trước, đạt đến tịch tĩnh thứ hai, cũng không trong ngoài. Đó là Tam-muội vô tưởng hữu hành.

Sao gọi là Tam-muội vô tưởng vô hành? Vượt qua tịch tĩnh thứ hai, thứ ba, vượt qua định vô lượng hữu tuệ, vượt qua định vô lượng thức tuệ, vượt qua định vô lượng bất dung tuệ, vượt qua định vô lượng hữu tưởng vô tưởng, thì đó là vô tưởng vô hành.

Này Tu-bồ-đề! Đó là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát là hành mười niệm. Những gì là mười niệm? Đó là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Thánh chúng, niệm Giới, niệm Bố thí, niệm Thiên, niệm Thiện, niệm không chỗ khởi, niệm thân, niệm tử vong. Đó là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát, có sở đắc, cũng không sở đắc, cũng không nắm bắt được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát là bốn Thiền, bốn Định vô sắc, bốn Đẳng tâm, tám môn giải thoát, định chưa từng nếm trải vị thiền.

Này Tu-bồ-đề! Đó là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát, có sở đắc, cũng không sở đắc, cũng không nắm bắt được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát là mười Lực của Như Lai.

Sao gọi là mười Lực của Như Lai? Đó là biết người khác, các loài chúng sinh đúng đạo lý, chẳng đúng đạo lý, có giới hạn, không có giới hạn; như thật biết rõ nhân duyên tội, phước trong quá khứ, vị lai, hiện tại sẽ đi về đâu, sẽ có báo ứng thế nào; như thật biết rõ người thế gian có bao nhiêu loại hình thể bất đồng; như thật biết rõ con người và chúng sinh có bao nhiêu tâm niệm ưa thích khác nhau; như thật biết rõ căn nguyên, mục đích của con người và chúng sinh, gốc ngọn khác nhau; như thật biết rõ chỗ quy về sau, trước của tất cả năm đường; như thật biết rõ tâm hành giả, chúng sinh, căn, lực, giác ý, nhất tâm giải thoát môn, Tam-muội chánh thọ, các việc ràng buộc, sân hận, đấu tụng có thể dùng trí tuệ phân biệt; như thật biết rõ vô số tịch nhiên, biết việc vô số ức kiếp trong quá khứ, biết vô số ức đời sống chúng sinh ở quá khứ, biết chỗ sinh về sau khi chết, dùng đạo nhãn nhìn khắp cõi nước tất cả chư Phật trong mười phương, sự sinh tử, họa phúc, thiện ác, khởi diệt, chung thủy trong năm đường; như thật biết rõ các lậu đã hết, không có trần cấu, vượt qua tưởng niệm, dùng trí tuệ thoát qua nghiệp hiện tại, tự dùng thần thông chứng biết các hạnh, sinh tử đã đoạn, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, biết người chưa độ.

Này Tu-bồ-đề! Như thế, pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát có sở đắc, cũng không sở đắc, cũng không nắm bắt được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát là bốn Vô sở úy.

Sao gọi là bốn Vô sở úy? Nay ta đã thành Bình đẳng giác, nếu có Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, loài người, hoặc dị thiên, hoặc người ở học phái khác đến muốn tranh luận để tìm sở đoản của ta để cho là ta không thành Bình đẳng giác. Họ chẳng thấy điềm lành, dám khởi ý đương đầu với Như Lai, nhưng không dám bộc lộ ý nghĩ đó, cho nên Như Lai an ổn với việc làm của mình, không bị vấn nạn, cũng không sợ, dũng mãnh tiến bước, không có chấp trước, vì người khác rống tiếng rống sư tử, giảng thuyết phân biệt pháp luân thanh tịnh. Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm thiên ở cõi trời, nhân gian không ai có thể sánh kịp ý nghĩa đạo pháp. Như Lai, các lậu đã hết, không còn sinh tử nên Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm trên cõi trời, ở nhân gian, muốn tìm sở đoản của Như Lai để nói là chẳng đúng như thế vì các lậu chưa hết nhưng hoàn toàn chẳng thấy ai bộc lộ tâm tìm sở đoản, cho nên Như Lai an ổn, không có sợ hãi, vì mọi người rống tiếng rống sư tử. Như Lai biết hết nội pháp không có nội, ngoại, chẳng thấy tôi ta, nên Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm của trên cõi trời, ở thế gian muốn tìm sở đoản của Như Lai để nói là không đúng như thế, chẳng biết nội pháp, chấp có tô ta nhưng hoàn toàn chẳng thấy ai bộc lộ tâm tìm sở đoản, cho nên Như Lai an ổn, không có sợ hãi, vì mọi người rống tiếng rống sư tử, giảng thuyết Hiền thánh làm cho người chẳng hiểu hiểu được, người chẳng đạt đạt được, rồi dùng bình đẳng trừ hết khổ não, chẳng bao giờ tìm được sở đoản của Như Lai. Vì phụng sự pháp nên chẳng trái với nghĩa đạo, dũng mãnh không sợ hãi, vì người giảng thuyết pháp luân thanh tịnh, làm sư tử hống.

Này Tu-bồ-đề! Đó là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát có sở đắc, cũng không sở đắc, cũng không nắm bắt được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát là bốn phân

biệt biện? Những gì là bốn? Một là phân biệt nghĩa, hai là phân biệt pháp, ba là phân biệt chỗ quy thuận, bốn là phân biệt biện.

Này Tu-bồ-đề! Đó là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát có sở đắc, cũng không sở đắc, cũng không nắm bắt được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát là mười tám pháp Bất cộng của chư Phật. Những gì là mười tám? Đó là Như Lai không có lầm lỗi, nói ra đúng lúc, không có tâm hẹp hòi, không quên mất, không có các tưởng, không có tâm bất định, không có gì là không phân biệt, phân biệt đối tượng quán chiếu, không có gì ưa thích, tinh tấn không dứt mất, không bao giờ thất niệm, trí tuệ không tổn giảm, giải thoát không khiếm khuyết, giải thoát tri kiến không giảm, tất cả việc của thân không gì là chẳng đạt, tất cả lời là do miệng nói ra không gì là chẳng thông, tất cả đều đúng chỗ, dùng tâm trí tuệ biết hết cội nguồn của tất cả tâm niệm, lại dùng trí tuệ thấy biết hết việc của vô số kiếp chẳng thể tính biết ở quá khứ, lại dùng trí tuệ thấy biết hết việc của vô số kiếp chẳng thể tính biết trong vị lai, lại dùng trí tuệ thấy biết hết việc của vô số kiếp chẳng thể tính biết trong hiện tại.

Này Tu-bồ-đề! Đó là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát có sở đắc, cũng không sở đắc, cũng không nắm bắt được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát là môn Tổng trì.

Sao gọi là môn Tổng trì? Các văn tự bình đẳng, lời nói bình đẳng là chỗ vào văn tự của môn văn tự.

Sao gọi là chỗ vào văn tự của môn văn tự? Môn nhân duyên là tất cả các pháp, vì từ quá khứ cũng không có chỗ khởi. Sự tạo tác của môn ấy là môn La; pháp lìa các cấu ấy là môn Ba; phân biệt các nghĩa là môn Giá; đạt đến hành của tất cả các pháp cũng không sở đắc, cũng không mất đi, cũng không chỗ sinh ra là môn Na; tất cả pháp lìa danh hiệu, xét cái bản tịnh chẳng thể nắm bắt được, đó là môn Ra; siêu vượt tất cả pháp ân ái, báo ứng, nhân duyên của thế gian, đó là môn Đà; tất cả các pháp đều là vốn không, không có đoạn tuyệt là môn Ba; mở hết sự trói buộc của các pháp. Đó là môn Tra; đốt hết các pháp, đạt đến thanh tịnh là môn Sa; tất cả các pháp không có chướng ngại, chẳng đắc các việc là môn Hòa; đoạn trừ tất cả dấu vết hướng đến, cú, âm thanh của tất cả các pháp là môn Đa; tất cả pháp không có cội gốc, chẳng thể dao động là môn Kế; tất cả pháp không chỗ sinh khởi là môn Tra; tất cả pháp đạt đến cứu cánh là môn A; tất cả các pháp hiện đang thực hiện đều đạt được là môn Ba; tất cả các pháp đều dùng thời gian để được thông suốt, chẳng bị trở ngại là môn Ma; hiểu biết các pháp từ tôi ta sinh khởi là môn Ca; tất cả các pháp đạt đến sự ủng hộ là môn Đản; tất cả các pháp đạt đến đạo lý của các pháp là môn Xà; tất cả các pháp không có chỗ là môn Ba; tất cả các pháp sinh khởi là môn Đà-ha; tất cả các chủng loại của các pháp không chỗ sinh khởi là môn Xa; tất cả các pháp tịch nhiên chẳng khởi là môn Khư; tất cả các pháp giống như hư không không có chỗ sinh là môn Xoa; tất cả các pháp đều diệt tận, chẳng thể nắm bắt được là môn Thi-đản; tất cả các pháp đứng vững nơi tự thể, chẳng thể động, cũng chẳng thể nắm bắt được là môn Nhã; tất cả các pháp tuệ chẳng thể nắm bắt được là môn Tra-ha; tất cả các pháp đạt được sở trì là môn Phi-hà; tất cả các pháp đã đắc nhàn tịnh là môn Xa; tất cả các pháp đều đã thiêu đốt là môn Na; tất cả các pháp đạt được chí tín là môn Ta; tất cả các pháp đều đắc tận diệt là môn Cahà; tất cả các pháp có sở trụ đắc vô sở trụ là môn Na; tất cả các pháp chẳng đến chẳng đi, chẳng đứng chẳng ngồi, chẳng nằm chẳng ngủ, không ứng nào chẳng ứng, không tưởng nào chẳng tưởng là môn Phả; tất cả các pháp chẳng thể trình bày là môn Thica; tất cả các pháp chẳng đắc năm ấm là môn Tha; tất cả các pháp chẳng đắc tha niệm là môn Y-đà; bỏ tất cả pháp, không có sở đắc là môn Đa; tất cả các pháp rốt ráo ranh giới, tận cùng nơi chốn không sinh, không tử, không có, không tạo tác, dẹp bỏ thuyết âm thanh, văn tự. Vì sao? Vì chán các chướng ngại, nên không ngôn từ, không danh hiệu, không nơi chốn, cũng chẳng thể nắm bắt được, cũng chẳng thể nói, cũng chẳng thể tận, cũng chẳng thể thấy.

Này Tu-bồ-đề! Ví như hư không rỗng không, tất cả các pháp cũng đều như thế.

Này Tu-bồ-đề! Đó là nhân duyên văn tự phân biệt chỗ vào Tổng trì. Có Đại Bồ-tát nào biết tất cả nhân duyên văn tự như thế, phương tiện phân biệt thì chẳng chấp trước vào âm thanh, ngôn thuyết, có thể lần lượt hiểu rõ chỗ hướng về của các pháp.

QUYỂN 7
Phẩm 18: THẬP TRỤ

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Như ông đã hỏi, sao gọi Đại Bồ-tát là Đại thừa không thoái chuyển? Này Tu-bồ-đề! Như thế, Đại Bồ-tát hành sáu pháp Ba-lamật nhập đạo địa. Thế nào là Bồ-tát nhập đạo địa? Nhập vào tất cả các pháp không từ đâu đến cũng chẳng đi đâu, không đi, cũng không hoại, tất cả các pháp, chẳng thể biết nơi chốn, cũng không tưởng niệm. Hành mười đạo địa mà chẳng thấy đạo địa.

Sao gọi là Bồ-tát hành mười đạo địa? Đại Bồ-tát ấy hành trụ thứ nhất nên hành mười việc. Những gì là mười? Tu sửa tâm tánh chẳng bị điên đảo; tu sửa lòng thương trừ bỏ các tưởng; tâm bình đẳng đối với chúng sinh chẳng thủ đắc chúng sinh; hành việc bố thí, người nhận không khác; kính Thiện tri thức không có khinh mạn; cầu pháp là sự nghiệp nhưng không thủ đắc; ân cần xuất gia tu học mà không luyến mộ; cầu thân Phật không tưởng tướng hảo; mở mang pháp sự cho chúng sinh mà không mong cầu; dứt bỏ cao ngạo đối với các pháp không chấp trước, lời nói chí thành của miệng là nghiệp.

Này Tu-bồ-đề! Đó là mười việc của Đại Bồ-tát hành đạo địa thứ nhất.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát hành trụ thứ hai nên hành tám pháp. Những gì là tám? Giới thanh tịnh, luôn luôn tri ân và báo ân, an trụ nhẫn nhục, thường lành hoan hỷ, chẳng bỏ chúng sinh, siêng hành đại Từ bi, nghe theo lời dạy bảo của người trên, xem người xuất gia như là Thế Tôn, hành ba-la-mật tìm cầu phương tiện thiện xảo. Đó là tám việc.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát hành trụ thứ ba nên hành năm pháp. Những gì là năm? Học hỏi nhiều không chán, chẳng chấp trước văn tự, khai mở pháp thí, không tưởng y phục, làm thanh tịnh cõi Phật, khuyên làm các công đức, cũng không mong cầu. Đó là năm việc.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát hành trụ thứ tư nên hành mười pháp, không bao giờ bỏ. Những gì là mười? Chẳng bỏ chỗ thanh vắng, tâm ít tham cầu, biết đủ, chẳng rời thiền tọa, chẳng hủy cấm giới, nhàm chán chẳng thọ dục, chẳng diệt độ, tất cả sở hữu, bố thí không tiếc, chẳng khiếp nhược, không ham muốn các sở hữu. Đó là mười.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát hành trụ thứ năm nên bỏ tám việc. Những gì là tám? Vứt bỏ nhà cửa, xả Tỳ-kheo-ni, xả bỏ dòng họ, chẳng tham công đức, bỏ ngủ nghỉ, lìa tranh cãi sân si, chẳng tự khen mình, chẳng chê bai người. Đó là tám việc.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát hành trụ thứ sáu nên đủ sáu pháp. Những gì là sáu? Đó là sáu pháp Ba-la-mật, chẳng làm sáu pháp: chẳng cầu Thanh văn, không tưởng Duyên giác, chẳng nghĩ việc nhỏ, thấy người nghèo xin, tâm diện hòa vui, có cho vật gì thì không lo rầu tâm không hối tiếc. Đó là sáu pháp.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát hành trụ thứ bảy nên lìa hai mươi pháp. Những gì là hai mươi? Không thọ nhận, không tôi ta, chẳng chấp nhận, chẳng có mạng, chẳng nghĩ tuổi thọ, chẳng nghĩ thường, chẳng chấp đoạn diệt, không có các tưởng chấp trước, lìa kiến chấp nhân duyên, chẳng dựa vào các ấm, chẳng mộ các chủng, xả bỏ các chủng, không tưởng ba cõi, chẳng chấp trước Phật, chẳng chấp trước pháp, chẳng chấp trước Thánh chúng, hộ cấm giới, bỏ kiến chấp, chẳng dựa vào niệm không, bỏ các tà kiến, không có nhiễm ô. Đó là hai mươi pháp. Lại nên đầy đủ hai mươi pháp sự. Những gì là hai mươi? Hiểu rõ không, chẳng chứng vô tướng, biết không sở nguyện, thanh tịnh ba nghiệp, thương xót chúng sinh, chẳng thấy chúng sinh, không có khinh mạn, bình đẳng quán các pháp, hiểu thấu pháp nghĩa, không có phân biệt, hiểu rõ chân chánh,

cũng không chấp trước, đạt vô sinh nhẫn, giảng thuyết nhất phẩm, diệt trừ các tưởng, vứt bỏ trần lao, vắng lặng lìa tà, tâm ý điều hòa định tĩnh, không rời trí tuệ, không có vội vã. Đó là hai mươi.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát hành trụ thứ tám nên đầy đủ bốn pháp. Những gì là bốn? Nhập vào tâm chúng sinh, dùng thần thông tự vui; hiện ở các cõi Phật, tùy theo chỗ mà quán sát; thành tựu đầy đủ cõi nước của mình; đảnh lễ chư Phật, dùng chân đế quán thân chư Phật. Đó là bốn pháp.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát hành trụ thứ chín nên đầy đủ bốn pháp. Những gì là bốn? Hiểu rõ các căn, thành tựu cõi Phật, ân cần tu theo Tam-muội huyễn, tùy thuận hóa độ chúng sinh, khiến cho việc tạo gốc đức của họ đạt đến thuần thục, vì chúng sinh thị hiện đủ loại thân để nói đạo nghĩa. Đó là bốn.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát hành trụ thứ mười nên đầy đủ mười hai việc. Những gì là mười hai? Vì vô lượng nơi chốn mà thiết lập sự ủng hộ, theo ý nguyện của số đông, đều làm cho thỏa mãn, những điều đã nói ra, chư Thiên, Long thần, Kiền-đạp-hòa, A-tuluân, Ca-lầu-la, Chân-đà-la, Ma-hưu-lặc nghe âm thanh ấy đều hiểu rõ biện tài như thế, thì các việc bào thai, dòng họ tôn quý, chỗ sinh ra, quyến thuộc, cõi nước, bỏ nước, bỏ nhà, đi đến cây Bồ-đề thanh tịnh hoàn toàn, tất cả danh đức đều đầy đủ. Đó là mười hai.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Trụ thứ mười của Đại Bồ-tát tức là Phật.

NgàiTu-bồ-đề bạch Phật:

–Sao gọi là Đại Bồ-tát tu theo chí tánh?

Đức Phật dạy:

–Đối với việc gầy dựng gốc đức, tâm đều khuyến trợ trí Nhất thiết.

Sao gọi là tâm bình đẳng của Bồ-tát? Với tâm trí Nhất thiết, thật hành bốn Đẳng tâm Từ, Bi, Hỷ, Hộ (xả).

Sao gọi Bồ-tát là sự nghiệp bố thí? Vì bố thí cho tất cả mà không tưởng nghĩ. Sao gọi Bồ-tát kết Thiện tri thức? Vì khuyến hóa tất cả, khiến lập chánh đạo, lễ phép thăm hỏi, tin tưởng, cung kính bậc Tôn trưởng.

Sao gọi là Bồ-tát cầu pháp đầy đủ? Vì đối với các việc cầu
pháp, tâm thường đặt ở trí Nhất thiết, không rơi vào địa Thanh văn, Bích-chi-phật.

Sao gọi là Bồ-tát ân cần xuất gia? Vì đối với nơi chốn sinh ra, đời đời bỏ nghiệp, không bị hủy hoại, theo lời dạy của Như Lai, vị ấy xuất gia tu hạnh vô thượng.

Sao gọi là Bồ-tát theo yêu cầu thân Phật? Vì nếu thấy thân Phật tâm vị ấy chưa từng rời Phật, khi ấy mới đạt đến trí Nhất thiết.

Sao gọi là Bồ-tát khai mở các pháp? Giả sử hiện tại thấy Phật nhập Niết-bàn, Bồ-tát vì chúng sinh giảng nói kinh pháp, lời đầu cũng thiện, lời giữa cũng thiện và lời cuối cũng thiện, ý nghĩa hoàn bị vi diệu, đầy đủ hạnh thanh tịnh, đủ cả mười hai bộ loại: Kinh Văn, kinh Đức, kinh Thính, kinh Phân biệt, kinh Thị hiện, kinh Thí dụ, kinh Sở thuyết, kinh Sở sinh, kinh Phương đẳng, kinh Vị tằng hữu, kinh Chương cú, kinh Sở hành, đó là mười hai bộ loại kinh điển khai mở các pháp của Bồ-tát.

Sao gọi là Bồ-tát dứt bỏ tâm kiêu mạn? Chưa từng ôm lòng tự đại, không bao giờ sinh vào nhà dòng họ thấp kém.

Sao gọi là lời nói của Bồ-tát chí thành? Nếu đã nói ra thì lời nói và hành động tương xứng. Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đó là Đại Bồ-tát hành địa thứ nhất mà phụng hành mười việc.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Sao gọi là Bồ-tát giới phẩm thanh tịnh?

Đức Phật dạy:

–Tâm chẳng nghĩ cầu thừa Thanh văn, Bích-chi-phật, cũng chẳng chê bai các Bồ-tát. Nếu có người phạm giới thì khuyến dụ khiến không đọa lạc.

Sao gọi Bồ-tát là người luôn luôn biết tri ân và báo ân? Giả sử khi Bồ-tát hành đạo Bồ-tát đối với người bố thí ít còn chẳng quên, huống gì đối với người bố thí nhiều.

Sao gọi là Bồ-tát trụ Nhẫn lực? Đối với chúng sinh thường không có tâm loạn động, không ôm lòng làm hại.

Sao gọi là Bồ-tát tâm sắc hòa vui? Nghĩ việc giáo hóa chúng sinh không trái chánh hạnh.

Sao gọi là Bồ-tát không bỏ chúng sinh? Luôn luôn cứu giúp, hộ trì tất cả mọi người.

Sao gọi là Bồ-tát gần đại Bi? Giả sử khi Bồ-tát hành đạo, tâm tự nghĩ, vì thấy tất cả mọi người trong hằng hà sa số kiếp ở tại địa ngục, bị tra khảo, thiêu nấu, nên không bao giờ ta giải đãi, nên khiến cho họ thành tựu Phật thừa để được diệt độ. Đối với tất cả các loài chúng sinh cũng như thế, tâm Bồ-tát cũng tự khuyến khích vi diệu như thế.

Sao gọi là Bồ-tát tiếp nhận sự dạy bảo của bậc Tôn trưởng? Thầy người xuất gia hoặc thầy mình thì xem họ như là Phật.

Sao gọi là Bồ-tát cầu Ba-la-mật? Đó là Bồ-tát không nghĩ việc khác, không nghĩ pháp khác, không khinh mạn, chỉ cầu giải thoát.

Sao gọi là Bồ-tát nghe rộng không chán? Những lời mà chư Phật Thiên Trung Thiên đã giảng nói và những điều mà từ miệng chư Phật mười phương đã diễn nói, Bồ-tát đều tuân phụng thọ trì.

Sao gọi là Bồ-tát nói pháp thí không tưởng áo cơm? Vì đối với pháp thí này mà tâm niệm như thế thì chẳng nghĩ đến Phật đạo.

Sao gọi là Bồ-tát làm thanh tịnh cõi Phật? Vì Bồ-tát trồng cội phúc đức đều dùng để khuyến khích trợ giúp làm nghiêm tịnh cõi Phật.

Sao gọi là Bồ-tát chẳng ngán sinh tử? Vì luôn muốn đầy đủ tất cả công đức, thành tựu gốc lành, khai hóa chúng sinh, làm tịnh cõi Phật, chưa từng mệt mỏi, cho đến khi làm cho đầy đủ trí Nhất thiết.

Sao gọi là Bồ-tát biết xấu hổ? Vì luôn không có tâm Thanh văn, Bích-chi-phật.

Sao gọi là Bồ-tát chẳng bỏ nơi thanh vắng? Vì không nhập vào địa Thanh văn, Bích-chi-phật.

Sao gọi là Bồ-tát chí ít tham cầu? Vì hành đạo Bồ-tát không tham cầu gì, chí tại Phật đạo.

Sao gọi là Bồ-tát biết đủ? Vì để thành tựu trí Nhất thiết.

Sao gọi là Bồ-tát chẳng bỏ tiết hạn? Vì luôn phân biệt hiểu pháp sâu sắc.

Sao gọi là Bồ-tát không bỏ học giới? Vì việc trì cấm giới chẳng buông thả.

Sao gọi là Bồ-tát nhàm chán chẳng thọ dục? Vì tâm Bồ-tát chưa từng khởi tham dục.

Sao gọi là Bồ-tát tâm chẳng diệt độ? Vì đối với tất cả pháp tâm không chuyển động.

Sao gọi là Bồ-tát sở hữu tất cả? Vì luôn dùng bố thí giúp đỡ tất cả, không tham các pháp trong, ngoài.

Sao gọi là Bồ-tát chí không khiếp nhược? Vì chưa từng phát tâm Nhị thừa.

Sao gọi là Bồ-tát quán các sở hữu mà không tham? Vì đối với vạn vật không tưởng nghĩ.

Sao gọi là Bồ-tát bỏ nước bỏ nhà? Vì từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, sinh ra ở chỗ nào cũng cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, hiện làm Sa-môn.

Sao gọi là Bồ-tát lánh xa Tỳ-kheo-ni? Dù trong khoảnh khắc cũng chẳng cùng họ làm việc. Đối với họ nếu có duyên sự, tâm không móng khởi.

Sao gọi là Bồ-tát từ bỏ dòng họ? Vì Bồ-tát thường nghĩ làm cho chúng sinh ở chỗ an ổn để tự nhiên an, nếu có ai thấy cũng không khởi tâm ganh ghét.

Sao gọi là Bồ-tát vứt bỏ các tham và sự ngủ nghỉ? Giả sử Bồ-tát ở trong hội chúng mà có người khởi tâm Thanh văn, Bích-chiphật thì chẳng nên làm việc với họ.

Sao gọi là Bồ-tát lìa sân hận? Vì chẳng theo tâm sân hận nguy hại, không có ý đấu tranh, không có kiện tụng.

Sao gọi là Bồ-tát chẳng tự khen mình? Vì chẳng thấy nội pháp có đối tượng quán chiếu.

Sao gọi là Bồ-tát không chê bai người khác? Vì đối với tất cả ngoại pháp, không thấy có.

Sao gọi là Bồ-tát vứt bỏ mười ác? Vì làm theo đạo Hiền thánh, là hạnh cao thượng làm thanh tịnh thân, khẩu, ý.

Sao gọi là Bồ-tát vứt bỏ khinh mạn? Vì việc làm như thế chẳng thấy các pháp có kiêu mạn.

Sao gọi là Bồ-tát vứt bỏ tự đại? Vì việc làm chẳng thấy hình mạo và sở hữu.

Sao gọi là Bồ-tát lìa điên đảo? Vì quán sát các sở hữu chẳng thể nắm bắt được.

Sao gọi là Bồ-tát bỏ dâm, nộ, si? Vì vĩnh viễn chẳng nhìn thấy sự tồn tại của dâm, nộ, si, cấu uế.

Sao gọi là Bồ-tát đầy đủ sáu pháp? Vì địa thứ sáu thì phải đầy đủ sáu pháp.

Sao gọi là sáu? Đó là sáu pháp Ba-la-mật nên đầy đủ.

Sao gọi là đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật? Vì trụ sáu pháp Ba-lamật thì có thể siêu việt Thanh văn, Bích-chi-phật.

Sao gọi là Bồ-tát không khởi tâm Thanh văn, Bích-chi-phật? Vì những hạnh này chẳng xứng là đạo, người hành Tiểu thừa chẳng thuận Phật đạo, nếu họ thấy người cầu xin thì lòng khiếp nhược. Người hành Bồ-tát nên có tâm xả ly, không lo lắng. Vì sao? Vì những hạnh này là chẳng ăn nhập với đạo. Từ khi mới phát tâm thường hành bố thí, tâm chẳng quên xả. Vì sao? Vì Bồ-tát chẳng tự tham thân, vì vậy suy tìm gốc ngọn không có tôi ta, xét về nhân, thọ mạng cũng lại như thế. Vì sao? Vì tâm quán sát kỹ không có sở hữu.

Sao gọi là Bồ-tát chẳng rơi vào kiến chấp diệt tận? Sở dĩ như vậy vì tất cả pháp cũng không có chỗ sinh khởi.

Sao gọi là Bồ-tát chẳng chấp có thường? Sở dĩ như vậy vì tất cả pháp đều không có chỗ sinh khởi nên không có thường.

Sao gọi là Bồ-tát không có tưởng chấp trước? Sở dĩ như vậy vì nếu xét như thế thì không có trần lao, không có kiến chấp nhân duyên. Sở dĩ như thế vì kiến chấp ấy chẳng thấy các kiến chấp.

Sao gọi là Bồ-tát chẳng dựa vào danh sắc? Sở dĩ như thế vì tất cả các việc làm đều không sở hữu.

Sao gọi là Bồ-tát chẳng chấp trước các ấm, chẳng dựa vào các chủng, chẳng mộ các nhập? Sở dĩ như thế vì hành giả làm như thế thì đều là tự oán, không có sở hữu. Vì vậy cho nên chẳng nên dựa vào ấm, chủng, các nhập.

Sao gọi là Bồ-tát chẳng dựa vào ba cõi? Ba cõi ấy tự nhiên vô hình, tuy ở trong ba cõi nhưng không chỗ nương dựa.

Sao gọi là Bồ-tát chẳng trụ sở hữu? Vì nó chẳng có hạn kỳ mà là hư không, tất cả sở hữu đều là vô sở hữu.

Sao gọi là Bồ-tát thấy Phật mà chẳng chấp trước? Vì chẳng dựa vào cái thấy cho là thấy Phật.

Sao gọi là Bồ-tát chẳng tranh với không? Vì tất cả các pháp đều là không, chẳng không, chẳng loạn, rỗng không, không có chỗ tranh.

Sao gọi là Bồ-tát đầy đủ không? Thân tướng hư không tức là Bồ-tát đầy đủ không.

Sao gọi là Bồ-tát chẳng chứng vô tướng? Đối với tất cả tướng không nghĩ đến.

Sao gọi là Bồ-tát nhớ tuệ vô nguyện? Vì đối với ba cõi không sở hành.

Sao gọi là Bồ-tát làm thanh tịnh ba nghiệp? Vì luôn luôn đầy đủ mười đức lành.

Sao gọi là Bồ-tát thương yêu tất cả các loài chúng sinh? Vì luôn luôn hành đức đại Từ bi vô cực.

Sao gọi là Bồ-tát chẳng khinh thường chúng sinh? Vì muốn viên mãn cõi Phật.

Sao gọi là Bồ-tát bình đẳng quán các pháp? Vì quán sát các pháp không cao không thấp.

Sao gọi là Bồ-tát quán kỹ các địa? Vì đối với tất cả các pháp không gây nhân, không dao động.

Sao gọi là Bồ-tát đạt pháp nhẫn Vô tùng sinh? Vì tất cả các pháp đều không chỗ sinh khởi, cũng không chỗ diệt, nhẫn không sở hữu.

Sao gọi là Bồ-tát tuệ không chỗ sinh? Vì đối với danh sắc, Bồ-tát ấy không phát khởi tuệ.

Sao gọi là Bồ-tát nói một phẩm? Vì chẳng hành hai việc.

Sao gọi là Bồ-tát chẳng nhập các niệm? Vì đối với tất cả pháp không có đối tượng nhớ nghĩ.

Sao gọi là Bồ-tát vứt bỏ các kiến chấp? Vì luôn xả ly địa Thanh văn, Bích-chi-phật.

Sao gọi là Bồ-tát diệt trừ trần lao? Vì nguyên nhân của tất cả các lậu ngừng lại, dục ô uế dứt hết.

Sao gọi là Bồ-tát tịch tĩnh xa lìa cái thấy biết? Vì có khả năng thành tựu trí Nhất thiết.

Sao gọi là Bồ-tát có tâm điều hòa? Vì đối với ba cõi không còn hoạn nạn.

Sao gọi là tâm tịch tĩnh? Vì có khả năng chế ngự sáu căn.

Sao gọi là Bồ-tát chẳng bỏ trí tuệ? Vì có khả năng đạt được minh nhãn.

Sao gọi là Bồ-tát không có sự vội vàng? Vì quán sáu nhập không nhiễm trước.

Sao gọi là Bồ-tát tâm có chỗ vào? Vì tất cả tâm thấy hết các ý nghĩ của chúng sinh.

Sao gọi là Bồ-tát dùng thần thông tự vui? Vì từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, những nơi đi đến, không tưởng nghĩ cõi Phật.

Sao gọi là Bồ-tát thấy các cõi Phật? Vì trụ ở cõi Phật này thì thấy vô lượng cõi Phật ở mười phương, đối với các cõi Phật cũng không vướng mắc.

Sao gọi là Bồ-tát quán sát đúng như thật? Vì thấy các cõi Phật viên mãn nghiêm tịnh, đến bất cứ đâu trong ba ngàn thế giới đều làm Chuyển luân vương.

Sao gọi là Bồ-tát lễ kính chư Phật cúng dường phụng sự quy mạng? Vì phân biệt ý nghĩa của tất cả kinh pháp.

Sao gọi là Bồ-tát thường quán sát kỹ thân chư Phật? Vì nhìn một cách chân chánh chư Phật chính là Pháp thân.

Sao gọi là Bồ-tát hiểu rõ các căn? Nếu có thể trụ mười Lực của Như Lai thì có thể hiểu rõ cội gốc các căn của tất cả chúng sinh.

Sao gọi là cõi Phật thanh tịnh của Bồ-tát? Chúng sinh thanh tịnh tức là cõi Phật thanh tịnh.

Sao gọi là Tam-muội như huyễn của Bồ-tát? Vì trụ Tam-muội này thì Bồ-tát có thể biến hiện khắp tất cả không chỗ nào là không vào, tâm không trụ một chỗ nào.

Sao gọi là Bồ-tát ngang bằng Tam-muội? Vì Bồ-tát đối với Tam-muội không mong cầu.

Sao gọi là Bồ-tát có thể giáo hóa chúng sinh? Tùy theo gốc đức đã tạo và việc làm của họ mà khai hóa. Đại Bồ-tát dùng sự chí thành để hộ trì thân mình, tùy theo chúng sinh mà khai hóa, cứu độ họ.

Sao gọi là Bồ-tát chí thành? Tự nhiên có sự khuyến phát muốn độ thoát tất cả chúng sinh.

Sao gọi là Bồ-tát chắc chắn có thể đạt được chí nguyện? Vì Bồ-tát thường đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật.

Sao gọi là âm thanh mà Bồ-tát phát ra, chư Thiên, Long thần và Kiền-đạp-hòa nghe âm thanh ấy đều hiểu được mà làm theo sự giáo hóa? Vì có đại Từ bi nhuận khắp trong âm thanh đó.

Sao gọi là Bồ-tát nhập vào bào thai? Đại Bồ-tát đời đời sinh ra mà không chỗ sinh.

Sao gọi là Bồ-tát ở vị tôn quý? Bồ-tát sinh ra ở chủng tánh nào thì có thể giáo hóa chủng tánh ấy.

Sao gọi là Bồ-tát chỗ sinh ra đầy đủ? Giả sử Bồ-tát ở dòng Quân tử, ở dòng Phạm chí, ở dòng Cư sĩ thì có thể khuyến hóa dòng đó.

Sao gọi là Bồ-tát ở dòng tôn quý? Vì ngang bằng dòng của chúng Bồ-tát quá khứ, không sai khác.

Sao gọi là Bồ-tát đầy đủ quyến thuộc? Vì các quyến thuộc theo làm thị giả Bồ-tát không thiếu.

Sao gọi là cõi nước của Bồ-tát nghiêm tịnh? Vì khi mới sinh ánh sáng chiếu sáng vô số thế giới. Ai nhờ ánh sáng đó đều được an ổn.

Sao gọi là Bồ-tát bỏ nước, bỏ nhà? Khi Đại Bồ-tát bỏ nhà học đạo, giáo hóa vô số ức trăm ngàn người đi theo, có thể khiến cho họ an lập ở ba thừa.

Sao gọi là Bồ-tát đến cây Bồ-đề? Cây ấy, gốc, thân, cành, lá, hoa, quả đều là bảy báu, màu vàng tía, chiếu vô số cõi Phật trong mười phương đều chói sáng. Đó là Bồ-tát đi đến cây Bồ-đề nghiêm tịnh.

Sao gọi là Bồ-tát đầy đủ tất cả danh đức? Giả sử Bồ-tát thanh tịnh thì cõi Phật cũng thanh tịnh. Đó là Bồ-tát đầy đủ danh đức.

Sao gọi là Bồ-tát trụ mười địa thành Như Lai? Đại Bồ-tát đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật, chứng đắc trí Nhất thiết, dứt trừ trần lao, không có chướng ngại thì đó là Bồ-tát trụ mười địa thành Như Lai.

Này Tu-bồ-đề! Như thế là Đại Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo hành sáu pháp Ba-la-mật, Ý chỉ, Ý đoạn, Thần túc, Căn, Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật, tịch nhiên lìa kiến, hiện nhập chủng tánh địa Bát đẳng, nếu có nơi chốn thì lìa địa Dục, địa Sở tác biện, lìa địa Thanh văn, Bích-chi-phật, địa Bồ-tát. Đó là Đại Bồ-tát vào trụ thứ chín ở Phật địa. Đó là Đại Bồ-tát hành trụ thứ mười. Đó là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

QUYỂN 8
Phẩm 19: SỞ NHÂN XUẤT DIỄN

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Như lời ông hỏi, thừa phát xuất từ đâu? Thừa trụ nơi nào? Ai là người thành tựu thừa?

Từ ba cõi sinh, trụ trí Nhất thiết. Nếu có cái vốn không sinh thì không có khởi thủy sẽ sinh. Vì sao? Vì Đại thừa, trí Nhất thiết, hai pháp này là pháp không hợp cũng không tan, không sắc, không thấy, không có thủ, xả, chỉ có một tướng tức là vô tướng. Vì sao? Vì pháp vô tướng ấy không chỗ xuất sinh, pháp có sinh là muốn làm cho pháp giới xuất sinh. Pháp vô tướng đó mà có sinh là muốn làm cho cái vốn không xuất sinh. Pháp vô tướng ấy không sinh mà muốn làm cho sinh tức là muốn khiến cho chân bản tế sinh. Nếu muốn khiến cho pháp vô tướng xuất sinh tức khiến cho pháp giới chẳng thể nghĩ bàn xuất sinh, muốn khiến cho pháp vô tướng sinh tức là muốn khiến cho sự chuyên tinh tu hành xuất sinh. Muốn khiến cho pháp vô tướng sinh tức là muốn khiến cho "đoạn giới" xuất sinh.

Này Tu-bồ-đề! Nói tóm lại, tức là muốn khiến cho "Ly dục giới" sinh. Muốn khiến cho pháp vô tướng sinh tức là muốn khiến cho "Diệt độ giới" sinh.

Này Tu-bồ-đề! Đó là muốn khiến cho pháp không tịch nhiên không xuất sinh. Nếu muốn khiến cho pháp vô tướng của sắc, thọ, tưởng, hành, thức xuất sinh tức là muốn khiến cho pháp hữu tướng xuất sinh. Vì sao? Vì sắc tức là không, từ ba cõi sinh, trụ ở trí Nhất thiết. Thọ, tưởng, hành, thức cũng không có tức là rỗng không, từ ba cõi sinh, trụ trí Nhất thiết, tức là không chỗ trụ. Vì sao? Vì nếu hiểu sắc tức là không, hiểu thọ, tưởng, hành, thức tức là không, nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng là không là muốn khiến cho xuất sinh thì tức là muốn khiến cho hư không xuất sinh. Nhãn sắc thức, nhĩ thanh thức, tỷ hương thức, thiệt vị thức, thân xúc thức, ý pháp thức, mười tám loại nhân duyên vừa nêu đó tức là không, không muốn khiến cho xuất sinh tức là muốn khiến cho pháp vô tướng sinh. Vì sao? Này Tubồ-đề! Vì cái mà mắt trông thấy đều là không, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng như vậy đều là không.

Này Tu-bồ-đề! Ba cõi là không, cái mà mắt trông thấy cũng là không, từ ba cõi sinh, trụ trí Nhất thiết tức không chỗ trụ. Sáu tình cũng không, từ ba cõi sinh, trụ trí Nhất thiết tức không chỗ trụ. Sự thọ nhận và tạo tác của sáu tình đều là không, không có tướng, nếu muốn khiến cho sinh tức là muốn khiến cho mộng huyễn xuất sinh. Vì sao? Vì mộng huyễn, trăng dưới nước, cây

chuối, cảnh ảo, tiếng vang trong núi sâu thảy đều tự nhiên. Việc tự nhiên là sự giáo hóa của Như Lai. Ba cõi tự nhiên tức là không có chỗ sinh, trí Nhất thiết thì không chỗ trụ. Vì sao? Này Tu-bồ-đề, như mộng tự nhiên thì không sở hữu. Việc huyễn hóa cũng là như thế.

Này Tu-bồ-đề! Nếu muốn Thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát nhã Ba la mật xuất sinh tức là muốn khiến cho pháp vô tướng xuất sinh. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì sáu pháp Ba-la-mật đều tự nhiên, từ ba cõi sinh, trí Nhất thiết không chỗ trụ. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì sáu pháp Bala-mật tức là tự nhiên. Cái tự nhiên ấy tức là không. Nếu muốn khiến cho pháp vô tướng sinh tức là muốn khiến cho pháp nội không, pháp ngoại không, pháp không hữu, pháp không vô, pháp không gần, pháp không xa, pháp không chân thật xuất sinh. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì bảy pháp không ấy tức là tự nhiên. Vì tự nhiên nên từ ba cõi sinh, trí Nhất thiết thì không chỗ trụ. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì bảy pháp không là tự nhiên cho nên gọi là không, vì không là không.

Này Tu-bồ-đề! Nếu muốn khiến cho pháp vô tướng sinh tức là muốn khiến cho bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo. Vì sao? Vì đều là tự nhiên không, do ba cõi sinh, trí Nhất thiết không chỗ trụ.

Này Tu-bồ-đề! Nếu muốn khiến cho ba mươi bảy phẩm xuất sinh tức là muốn khiến cho pháp vô tướng sinh. Vì sao? Này Tu-bồđề! Vì ba mươi bảy phẩm tức là tự nhiên, chẳng sinh từ ba cõi, trí Nhất thiết thì không chỗ trụ. Vì sao? Vì ba mươi bảy phẩm là tự nhiên không, vì rỗng không cho nên gọi là không.

Này Tu-bồ-đề! Nếu muốn khiến cho mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật đều là tự nhiên không, vì không cho nên gọi là không. Nếu muốn khiến cho Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, cho đến Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác sinh tức là muốn khiến cho pháp vô tướng sinh. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì ba thừa ấy lại cũng tự nhiên, chẳng xuất ra từ ba cõi, trí Nhất thiết thì không chỗ trụ. Vì sao? Vì A-la-hán tức là tự nhiên, vì tự nhiên cho nên không, nên gọi là không. Như Lai tức là tự nhiên, vì tự nhiên cho nên rỗng không, nên gọi là không.

Này Tu-bồ-đề! Nếu muốn khiến cho danh hiệu sinh tức là muốn khiến cho pháp vô tướng sinh; Không, Vô tướng, Vô nguyện cũng giống như thế. Nếu muốn khiến cho nhân duyên, ngôn từ sinh tức là muốn khiến cho pháp vô tướng sinh. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Cái danh hiệu ấy là không, chẳng sinh từ ba cõi, trí Nhất thiết không có chỗ trụ. Vì sao? Vì danh hiệu là rỗng không, vì danh hiệu là rỗng không cho nên gọi là không. Nhân duyên ngôn từ, các xứ sở đều là không, các pháp xứ rỗng không cho nên gọi là không. Nếu muốn khiến cho không chỗ sinh tức là muốn khiến cho pháp vô tướng sinh. Vì sao? Vì pháp vô tướng là không, không có xứ sở, xứ sở là không cho nên gọi là không. Nếu muốn khiến cho không diệt, không tưởng, không trần, không sân, không sở hữu sinh tức là muốn khiến cho pháp vô tướng sinh. Vì sao? Vì các pháp này là không, vì không cho nên gọi là không. Danh hiệu, nhân duyên, ngôn từ, xứ sở, ba mươi bảy phẩm, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật cũng giống như thế.

Này Tu-bồ-đề! Vì vậy cho nên, Đại thừa từ ba cõi sinh là không chỗ sinh, sinh trí Nhất thiết, sinh cũng không chỗ sinh, không có chỗ động.

Lại như Tu-bồ-đề hỏi, trụ ở nơi nào? Tâm không chỗ trụ, thừa không có chỗ. Vì sao? Vì không chỗ trụ. Tất cả các pháp cũng không chỗ trụ.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Chỗ trụ của thừa là trụ không chỗ trụ. Pháp giới ấy cũng không chỗ trụ, trụ không chỗ trụ. Thừa cũng như thế, trụ không chỗ trụ. Như trên, hư không không chỗ chuyển đổi, thừa cũng như thế, trụ không chỗ trụ. Lại nữa, ví như vô sinh trụ không chỗ trụ, thừa cũng như vậy, trụ không chỗ trụ. Ví như không diệt, không trần, không sân và không sở hữu, trụ không chỗ trụ, thừa cũng như vậy, trụ không chỗ trụ. Vì sao? Vì pháp giới tự nhiên, trụ không chỗ trụ. Vì sao? Pháp giới tự nhiên, vì tự nhiên nên tự nhiên là không và cùng bảy không đều không sở hữu, tự nhiên là không, không không có sở hữu cho nên gọi là không.

Này Tu-bồ-đề! Vì vậy, thừa không chỗ trụ, trụ không chỗ trụ nên không động chuyển. Tu-bồ-đề hỏi là trụ từ chỗ nào để thành tựu thừa? Thừa không chỗ sinh. Vì sao? Vì không có cái từ trong sinh ra, không có cái đầu mối sinh ra. Tất cả các pháp đều không sở hữu, vì vậy nên không có. Tất cả các pháp cũng như thế thì có pháp nào sẽ sinh. Vì sao? Vì ngã, nhân, thọ mạng cũng giống như thế, cũng không có như, cũng không sở kiến, cũng không sở đắc, xưa nay thanh tịnh. Vì vậy ngã, nhân, thọ mạng, như, kiến, pháp giới đều chẳng thể nắm bắt được, xưa nay đều không. Vì vậy, Như Lai cũng chẳng thể nắm bắt được. Cái bản tế ấy, cũng chẳng thể nắm bắt được, xưa nay đều thanh tịnh. Vì vậy, các cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, đều chẳng thể nắm bắt được, xưa nay đều thanh tịnh. Vì vậy, ấm, chủng, các nhập đều chẳng thể nắm bắt được, xưa nay đều thanh tịnh. Sáu pháp Ba-la-mật đều chẳng thể nắm bắt được, xưa nay đều thanh tịnh. Vì vậy, bảy không cũng chẳng thể nắm bắt được, xưa nay đều thanh tịnh. Ý chỉ, Ý đoạn, Thần túc, Căn, Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, ba mươi bảy phẩm, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật, cũng chẳng thể nắm bắt được, xưa nay đều thanh tịnh. Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật cho đến Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, đều chẳng thể nắm bắt được, xưa nay đều thanh tịnh. Pháp ba thừa, trí Nhất thiết, chẳng thể nắm bắt được, xưa nay đều thanh tịnh. Cái không có sinh đó chẳng thể nắm bắt được, xưa nay đều thanh tịnh. Không diệt, không trần, không sân, không tranh, các cái không sở hữu và các sở hữu, đều chẳng thể nắm bắt được, xưa nay đều thanh tịnh. Các việc quá khứ, vị lai, hiện tại, sự qua lại, chỗ ở, chỗ dừng, chỗ sinh, đều chẳng thể nắm bắt được, xưa nay đều thanh tịnh. Sự tăng thêm, sự tổn giảm, đều chẳng thể nắm bắt được, xưa nay đều thanh tịnh. Ai là người sẽ đạt được cái chẳng thể nắm bắt? Cái pháp giới ấy cũng chẳng thể đạt được, không có ai đạt được. Vì sao? Vì muốn đạt được pháp giới thì cũng chẳng thể nắm bắt được. Nếu cầu A-la-hán, Bích-chi-phật, Như Lai mà muốn đắc pháp này thì đều chẳng thể nắm bắt được. Nếu có người muốn đắc ba mươi bảy phẩm, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật thì cũng chẳng thể nắm bắt được, không ai có thể đạt được. Nếu có người muốn đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều chẳng thể nắm bắt được; bản tế đều không, chẳng thể nắm bắt được. Sáu pháp Ba-la-mật và bảy Không cũng lại như thế, đều chẳng thể nắm bắt được. Hễ không chỗ sinh thì cũng không chỗ diệt; không trần, không sân, không sở hữu, đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì quán sát một cách chân chánh thì đều không sở hữu, đều chẳng thể nắm bắt được. Ai muốn đạt được trụ thứ nhất thì cũng chẳng có thể nắm bắt được, cho đến trụ thứ mười cũng chẳng thể nắm bắt được, xưa nay thanh tịnh. Chỗ nào có trụ thứ nhất?

Nếu ai thanh tịnh quán sát và thị hiện địa chủng tánh Bát đẳng là địa Sở hữu, địa Ly dục, địa Sở tác biện, địa Bích-chi-phật, địa đạo Bồ-tát, địa Chánh đẳng giác và địa Đệ nhất thì đều chẳng thể nắm bắt được. Bảy pháp không ấy, chẳng thể nắm bắt được. Xét pháp nội không cho đến mười trụ đều chẳng thể nắm bắt được. Bảy không, mười trụ đều không sở hữu, đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Này Tu-bồ-đề, trụ thứ nhất ấy chỉ có danh tự mà thôi, thì chẳng thể nắm bắt được. Cho đến trụ thứ mười cũng giống như thế, giả sử có sở đắc thì cũng chẳng thể nắm bắt được, xưa nay thanh tịnh. Vì chúng sinh nên giảng thuyết pháp nội không chẳng thể nắm bắt được; tất cả chúng sinh cũng chẳng thể nắm bắt được; vì chúng sinh nói việc bảy phẩm không, điều mà có thể nói đó đều chẳng thể nắm bắt được, xưa nay thanh tịnh. Vì pháp nội không nên cõi Phật thanh tịnh, đều không có sở đắc. Bảy không là tự nhiên, tự nhiên là không cho nên cõi Phật thanh tịnh đều chẳng thể nắm bắt được, xưa nay thanh tịnh. Vì vậy pháp nội không và năm nhãn đều chẳng thể nắm bắt được, đều không sở hữu tự nhiên, tự nhiên không là năm nhãn ấy, đều không xứ sở, xưa nay thanh tịnh.

Này Tu-bồ-đề! Vì vậy, Đại Bồ-tát đối với tất cả đều không sở đắc, tức là đạt đến sự thành tựu trí Nhất thiết không thoái chuyển Đại thừa.

QUYỂN 8
Phẩm 20: VÔ KHỨ LAI

Bấy giờ Hiền giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Cái gọi là Đại thừa đó là ý nghĩa hướng đến của Đại thừa. Ở trên cõi trời, trong cõi người thế gian nó là tôn quý hơn hết, không ai là không quy ngưỡng thừa và không bình đẳng. Thí như hư không dung chứa, che chở vô lượng, vô số người, không ai là không được che chở.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đại thừa cũng giống như vậy, Đại Bồ-tát che chở vô số người chẳng thể tính đếm, đều nhờ đó mà được độ. Đại thừa là khi đến chẳng thấy, lúc đi chẳng hay, chẳng thấy ở đâu.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Như thế Đại thừa là chẳng thấy ở quá khứ, vị lai, hiện tại, cũng không thấy ở trung gian, cũng không sở đắc. Tên của nó ngang bằng ba cõi, cho nên gọi là thừa và vì vậy cho nên là Đại thừa.

Bấy giờ Thế Tôn bảo Tu-bồ-đề:

–Đúng vậy, đúng vậy! Cái gọi là Đại thừa đó là sáu pháp Ba-la-mật: Thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tinh tấn bala-mật, Thiền ba-la-mật, Bát nhã Ba la mật của Đại Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Đó là Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại thừa của Đại Bồ-tát đó là tất cả các môn Đà-la-ni, các môn Tam-muội, Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, Tam-muội không đẳng, Tam-muội Giải thoát, Tam-muội Vô trước, Tam-muội Tịch tĩnh. Đó là Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại thừa của Đại Bồ-tát là hiểu rõ bảy không, ba mươi bảy phẩm, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật. Đó là Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nói là Đại thừa là vì trên cõi trời và dưới chốn nhân gian, nó là tối thượng không ai là không quy ngưỡng.

Này Tu-bồ-đề! Ví như cõi Dục vốn không nhưng không vốn không, nó là pháp bình đẳng không có khác, chẳng thể phân biệt, không có điên đảo, thành thật tự nhiên, lâu dài vững chắc, không có phân ly, không hợp, không tan, chưa từng có mặt. Đó là Đại thừa, trên cõi trời, dưới nhân gian không ai là không quy ngưỡng.

Này Tu-bồ-đề! Giả sử khi tiếp tận thiêu đốt, Bồ-tát sẽ thị hiện giáo hóa tất cả, khiến biết vô thường, không có dài lâu, không vững chắc, đều không sở hữu. Vì vậy, Đại thừa, ở trên cõi trời, dưới chốn nhân gian, là tôn quý không ai là không quy ngưỡng.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Cõi Dục cũng như thế, như nhau không có khác, là pháp không có điên đảo, thành thật tự nhiên, lâu dài vững chắc, không có biệt ly, không có nhân duyên, không sở hữu, không bao giờ sở hữu. Đó là Đại thừa, trên cõi trời, dưới nhân gian, là tôn quý hơn hết.

Này Tu-bồ-đề! Giả sử, cõi Dục có tưởng thì là vô thường, điên đảo, hiện bị phá hoại, tất cả đều là pháp vô thường, không có lâu dài, chẳng thể vững chắc, biệt ly, không sở hữu.

Này Tu-bồ-đề! Vì vậy, Đại thừa ở cõi trời, chốn nhân gian đối với cõi Vô sắc cũng giống như thế.

Này Tu-bồ-đề! Giả sử các sắc vốn không, đều không sở hữu, cũng giống như thế, như nhau không sai khác là pháp không có điên đảo, thành thật tự nhiên, lâu dài vững chắc, không biệt ly. Nó không có, chẳng thể làm cho có. Đó là Đại thừa, trên cõi trời, dưới nhân gian, nó là tôn quý hơn hết.

Này Tu-bồ-đề! Giả sử đối với sắc có niệm tưởng nên đáng lẽ thanh tịnh thì lại bị điên đảo, khiến cho đầy dẫy, đều là pháp vô thường, không có dài lâu, chẳng được vững chắc, biệt ly, không sở hữu. Vì vậy, đối với Đại thừa, sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng giống như thế. Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý như nhau không có khác. Nhãn sắc thức, nhĩ thanh thức, tỷ hương thức, thiệt vị thức, thân xúc thức, ý pháp thức như nhau không khác, đều không sở hữu, có thể phân biệt, chí thành, chân thật. Nếu chấp có thường, lâu dài bền vững thì chẳng phải là Đại thừa vì tập theo sáu việc, tâm có tưởng niệm, nhân duyên tạo tác, mê hoặc cầu nhiều, để tự no đủ. Tất cả pháp ấy đều vô thường, không có tồn tại lâu dài, chẳng thể vững chắc. Vì vậy, trên cõi trời, dưới nhân gian, Đại thừa là tôn quý hơn hết.

Này Tu-bồ-đề! Giả sử sở hữu của pháp giới đều không sở hữu thì đó là Đại thừa, trên cõi trời, dưới nhân gian, nó là tôn quý hơn hết, vững chắc không có chỗ sinh.

Này Tu-bồ-đề! Như sở hữu của pháp giới đều không sở hữu, hành không sở hữu. Vì vậy, trên cõi trời, dưới nhân gian, Đại thừa là tôn quý hơn hết.

Này Tu-bồ-đề! Giả sử sở hữu hiện có của Như Lai đều không sở hữu, cái sở hữu của cảnh giới chân bản tế chẳng thể nghĩ bàn ấy đều không sở hữu, thì đó là Đại thừa. Trên cõi trời, dưới nhân gian, nó là tôn quý hơn hết.

Này Tu-bồ-đề! Giả sử cái sở hữu của các cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn đều không sở hữu thì đó là Đại thừa. Trên cõi trời, dưới nhân gian, nó là tôn quý hơn hết.

Này Tu-bồ-đề! Giả sử sở hữu của sáu pháp Ba-la-mật đều không sở hữu, cũng lại không không, thì đó là Đại thừa.

Này Tu-bồ-đề! Giả sử pháp nội không chẳng có, chẳng không, tự nhiên, rỗng không, chẳng có, chẳng không, thì đó là Đại thừa.

Này Tu-bồ-đề! Vì vậy, pháp nội không ấy tự nhiên không có, có rồi không, chẳng có, chẳng không, cho nên gọi là Đại thừa.

Này Tu-bồ-đề! Giả sử ba mươi bảy phẩm, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật chẳng có, chẳng không, cũng chẳng không không, thì đó là Đại thừa.

Này Tu-bồ-đề! Giả sử pháp chủng tánh ấy chẳng có chẳng không, vì pháp chủng tánh chẳng có chẳng không, cũng chẳng không không, thì đó là Đại thừa.

Này Tu-bồ-đề! Giả sử pháp Bát đẳng ấy chẳng có chẳng không, pháp Tu-đà-hoàn, pháp Tư-đà-hàm, pháp A-na-hàm, pháp A-la-hán, pháp Bích-chi-phật, pháp chư Phật chẳng có, chẳng không, vì chẳng có chẳng không, cũng chẳng không không, thì đó là Đại thừa.

Này Tu-bồ-đề! Giả sử pháp Bát đẳng ấy và chư Phật chẳng có, chẳng không, cũng chẳng không không, thì đó là Đại thừa.

Này Tu-bồ-đề! Vì các chủng tánh chẳng có chẳng không, cũng chẳng không không, vì các Bát đẳng chẳng có chẳng không, cũng chẳng không không. Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, cho đến Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng có chẳng không, cũng chẳng không không, cho nên đó là Đại thừa.

Này Tu-bồ-đề! Vì muốn biết các Bát đẳng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng có chẳng không, cũng chẳng không không cho nên gọi là Đại thừa.

Này Tu-bồ-đề! Giả sử chư Thiên, loài người, A-tu-luân trong thế gian chẳng có chẳng không, cũng chẳng không không, vì chư Thiên, loài người, A-tu-luân trong thế gian chẳng có, chẳng không, cũng chẳng không không cho nên là Đại thừa.

Này Tu-bồ-đề! Giả sử Đại Bồ-tát từ khi mới phát ý cho đến khi ngồi gốc Bồ-đề tại đạo tràng, trong khoảng trung gian phát tâm chẳng có, chẳng không, cũng chẳng không không thì, này Tu-bồ-đề, đó là Đại thừa.

Này Tu-bồ-đề! Giả sử Đại Bồ-tát trí tuệ giống như kim cương chẳng có, chẳng không, cũng chẳng không không, thì đó là Đại Bồ-tát hiểu rõ, thấy rõ tất cả các chướng ngại và các trần lao, đắc trí Nhất thiết.

Này Tu-bồ-đề! Vì Đại Bồ-tát rõ các chướng ngại, tất cả trần lao đều không có sở hữu nên đắc trí Nhất thiết, cho nên gọi là Đại thừa.

Này Tu-bồ-đề! Giả sử Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, ba mươi hai tướng đại nhân của Ngài chẳng có, chẳng không không, cũng chẳng không không, vì vậy cho nên Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, ở trên cõi trời, dưới chốn nhân gian, là bậc Tôn quý hơn hết, oai thần thánh đức, ánh sáng vi diệu, không đâu là không chiếu đến, không có gì sánh bằng. Vì vậy Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác oai thần rạng rỡ, Thánh đức quang minh chiếu hằng hà sa thế giới chư Phật ở mười phương và chư Thiên trên cõi trời, loài người chốn nhân gian, các A-tu-luân, ánh sáng đều soi khắp, vì chẳng có, chẳng không, cũng chẳng không không, cho nên Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ánh sáng chiếu hằng hà sa thế giới mười phương.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có tám bộ âm thanh chẳng có, chẳng không, cũng chẳng không không, vì vậy cho nên âm thanh của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác truyền khắp vô số vô lượng thế giới trong mười phương. Tám bộ âm thanh của Như Lai chẳng có, chẳng không, cũng chẳng không không, cho nên có tám loại âm thanh truyền khắp vô lượng thế giới chẳng thể tính đếm được trong mười phương.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Sự chuyển pháp luân của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng có, chẳng không, cũng chẳng không không, đó là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chuyển pháp luân. Samôn, Bà la môn, các chúng Phạm thiên, trên cõi trời, dưới chốn nhân gian không ai có thể làm được, đều khiến đúng như pháp, đều đúng căn cơ. Vì vậy, Như Lai chuyển pháp luân, Sa-môn, Bà-lamôn trên cõi trời, con người dưới chốn nhân gian không ai có thể làm được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Tất cả chúng sinh chẳng có, chẳng không, cũng chẳng không không, vì vậy Như Lai thường chuyển pháp luân, khiến cho các chúng sinh chẳng đạt đến cảnh giới Niết-bàn vô dư.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Các chúng sinh này chẳng có, chẳng không, cũng chẳng không không. Rõ như thế rồi, Như Lai chuyển pháp luân, vì vậy chúng sinh đạt đến cảnh giới vô dư, ở cảnh giới Niết-bàn mà nhập Niết-bàn.

QUYỂN 8
Phẩm 21: DIỄN DỮ KHÔNG

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Như lời ông nói thì thừa và không bình đẳng. Đúng thế, đúng thế! Quả đúng như lời ấy. Thừa với không bình đẳng. Thí như hư không, chẳng thể tính biết số dặm ở phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn góc, trên, dưới, cũng chẳng thể biết, không xa, không gần, không có giới hạn. Trí tuệ của Như Lai cũng vậy, chẳng thể cùng tận tám phương, trên dưới, không có giới hạn, không có xa gần, trí tuệ chẳng thể cùng tận. Ví như hư không không dài, không ngắn, không có góc cạnh, không tăng không giảm, trí tuệ của Như Lai cũng như thế, không dài, không ngắn, chẳng tròn, chẳng vuông, chẳng tăng, chẳng giảm.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ví như hư không không có quá khứ, vị lai, hiện tại. Thừa cũng như vậy, không có quá khứ, vị lai, hiện tại.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ví như hư không không thể tăng, không thể giảm, thừa cũng như vậy, chẳng tăng, chẳng giảm. Cho nên nói thừa cùng với không bình đẳng.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ví như hư không không có trần lao, không có sân hận, không có tăng, cũng không có giảm, cũng không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ, cũng không chỗ nghĩ, thừa cũng như vậy. Cho nên nói thừa cùng với không bình đẳng.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ví như hư không không có thiện ác, không có ngôn từ, cũng chẳng phải không ngôn từ, thí như hư không không thấy, không nghe, không nghĩ, không biết, thừa cũng như vậy. Vì vậy, nói thừa cùng hư không bình đẳng.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ví như hư không cũng không có khác, cũng chẳng phải không khác, cũng không chỗ đoạn, cũng không chỗ trừ, cũng không chỗ chứng đắc, thừa cũng như vậy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ví như hư không không có pháp dục, chẳng lìa pháp dục, không có pháp sân hận, chẳng lìa pháp sân hận, không có pháp ngu si, chẳng lìa pháp ngu si, thừa cũng như vậy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ví như hư không chẳng cùng cõi Dục phối hợp, chẳng cùng cõi Sắc, cõi Vô sắc phối hợp, cũng chẳng lìa ba cõi, thừa cũng như vậy.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ví như hư không không có phát ý ban đầu từ trụ thứ nhất, thừa cũng như vậy, không có mười trụ.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ví như hư không không có thanh, trược, không chỗ quán thấy, không có xứ sở, không có địa chủng tánh, không có địa Bát đẳng, không có địa Thị hiện, không có địa Ngã sở, không có địa Sở dục, không có địa Sở tác bất tác, thừa cũng như vậy.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ví như hư không, không có quả Tu-đàhoàn, không có quả Tư-đà-hàm, không có quả A-na-hàm, không có quả A-la-hán, thừa cũng như vậy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Thí như hư không, không có địa Thanh văn, không có địa Bích-chi-phật, không có địa Chánh đẳng giác, thừa cũng như vậy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ví như hư không, không có hình dạng, cũng chẳng phải không hình, cũng không có thấy, cũng chẳng phải không thấy, không nhận không xả, không hợp không tan, thừa cũng như vậy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ví như hư không, không có thường, cũng chẳng phải không thường, không khổ, không vui, không ngã, chẳng ngã, thừa cũng như vậy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ví như hư không, không có không, cũng không có chẳng phải không, không có khác không, cũng có tướng, cũng chẳng phải không tướng, cũng không có nguyện, cũng chẳng phải không nguyện, thừa cũng như vậy. Cho nên nói thừa cùng không bình đẳng.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ví như hư không, không có vắng lặng, cũng chẳng phải không vắng lặng, không có buồn, cũng chẳng phải không buồn, thừa cũng như vậy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ví như hư không, không có ánh sáng, cũng không có bóng tối, thừa cũng như vậy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ví như hư không, không chỗ đạt đến, cũng chẳng phải không đạt, thừa cũng như vậy. Vì vậy nên nói thừa cùng với không bình đẳng.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ví như hư không, không ngôn không thuyết, cũng chẳng phải không ngôn, thừa cũng như vậy. Vì vậy cho nên nói thừa cùng với không bình đẳng.

Này Tu-bồ-đề! Vì vậy hư không bình đẳng, thừa cũng bình đẳng, như lời Tu-bồ-đề nói, thí như hư không, không có giới hạn phủ che vô số người không thể tính kể, thừa cũng như vậy, làm an lạc vô số người chẳng thể tính kể.

Này Tu-bồ-đề! Như thế, thí như hư không phủ che vô số người, chẳng thể tính đếm, thừa cũng như vậy, hộ trì vô số người chẳng thể tính đếm. Ví như hư không chẳng thể nắm bắt được cái hữu không vì không có, Đại thừa cũng như thế.

Này Tu-bồ-đề! Vì vậy, Đại thừa làm an lạc, hộ trì cho vô số người. Vì sao? Vì con người, hư không và Đại thừa, tất cả pháp này, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Con người chẳng thể tính đếm, không cũng chẳng thể tính đếm, hư không cũng chẳng thể tính đếm, Đại thừa cũng chẳng thể tính đếm. Vì vậy, nên Đại thừa che chở

vô số người chẳng thể tính đếm. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì con người cùng hư không và Đại thừa đều chẳng thể tính đếm, đều chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Vì chẳng thể tính đếm, nên Đại thừa che chở hộ trì vô số người chẳng thể tính đếm.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Con người không sở hữu, pháp cũng không sở hữu, tất cả các pháp cũng không sở hữu, cho nên nói hư không cũng không sở hữu. Người cùng hư không và Đại thừa đều không sở hữu, vô số không sở hữu, vô lượng không sở hữu, không có bờ đáy không sở hữu. Vì vậy nên Đại thừa che chở hộ trì vô số người chẳng thể tính đếm. Vì sao? Vì pháp giới chúng sinh cùng Đại thừa và vô số chẳng thể hạn lượng, không có bờ đáy, đều chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa, nàyTu-bồ-đề! Con người không sở hữu, Như Lai cũng không sở hữu, hư không cũng không sở hữu, Đại thừa cũng không sở hữu, vô số cũng không sở hữu, chẳng thể tính đếm cũng không sở hữu, không đáy cũng không sở hữu, tất cả các pháp cũng không sở hữu.

Này Tu-bồ-đề! Vì vậy, Đại thừa vì vô số người chẳng thể tính đếm hạn lượng, thiết lập sự ủng hộ. Vì sao? Vì Như Lai, hư không, chúng sinh, Đại thừa, vô số, chẳng thể tính đếm, không có bờ đáy đều chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Tôi ta không sở hữu, cái biết, cái thấy cũng không sở hữu, bản tế không sở hữu, nên hiểu là bản tế không sở hữu cho đến chẳng thể tính đếm và vô lượng, vô số cũng không sở hữu, vì không sở hữu nên tất cả các pháp cũng không sở hữu. Vì vậy cho nên Đại thừa che chở hộ trì vô số vô lượng người chẳng thể tính đếm. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Cái biết, cái thấy của tất cả chúng sinh và bản tế đến vô lượng, vô số chẳng thể tính đếm đều chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Tôi ta và con người đều không sở hữu, cái biết, cái thấy cũng không sở hữu, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng không sở hữu, sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng không sở hữu, hư không cũng không sở hữu, Đại thừa cũng không sở hữu, vô số cũng không sở hữu, chẳng thể tính đếm cũng không sở hữu, vô ương số cũng không sở hữu, tất cả các pháp cũng không sở hữu, cho nên Đại thừa che chở hộ trì cho vô số người chẳng thể tính đếm. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì như tôi ta, tất cả các pháp đều chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Tôi ta và con người đều là hư không, cái biết, cái thấy cũng là hư không, nhãn cũng là hư không, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng là hư vô, vì hư không, hư vô cũng hư vô, vì không hư vô nên Đại thừa cũng hư vô, vì cả hai hư vô nên vô số, vô ương số, chẳng thể tính đếm cũng lại hư vô, vì chẳng thể tính đếm hư vô nên tất cả các pháp cũng lại là hư vô. Vì vậy nên Đại thừa che chở vô số người chẳng thể tính đếm. Vì sao? Này Tu-bồ-đề, tôi ta và con người, tất cả các pháp đều chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Tôi ta không sở hữu, cái biết, cái thấy cũng không sở hữu. Vì cái biết, cái thấy không sở hữu, nên Thí bala-mật cũng không sở hữu. Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát nhã Ba la mật cũng không sở hữu. Vì Bát nhã Ba la mật không sở hữu nên hư không cũng không sở hữu, Đại thừa cũng không sở hữu. Vì vậy nên Đại thừa che chở hộ trì vô lượng, vô số người chẳng thể tính đếm. Vì sao? Này Tu-bồ-đề, tôi ta và thọ, tất cả các pháp đều chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Tôi ta và con người không sở hữu, cái biết của thế gian, pháp nội không, pháp ngoại không, pháp không gần, pháp không xa, pháp chân không, pháp sở hữu không cũng không sở hữu. Vì bảy chẳng không có nên hư không cũng không sở hữu, Đại thừa cũng không sở hữu, vô ương số, vô lượng chẳng thể tính đếm, cũng không sở hữu, tất cả các pháp cũng không sở hữu. Vì vậy nên Đại thừa che chở hộ trì vô lượng, vô số người chẳng thể tính đếm. Vì sao? Vì ngã, con người, thọ, tất cả các pháp đều chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Tôi ta, con người, tri kiến đều không sở hữu. Ý chỉ, Ý đoạn, Thần túc, Căn, Lực, Giác ý, tám Thánh đạo, ba mươi bảy phẩm cũng không sở hữu. Mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật cũng không sở hữu. Hư không, Đại thừa cũng không sở hữu. Vì vậy nên Đại thừa che chở, hộ trì vô lượng, vô số người chẳng thể tính đếm. Vì sao? Vì tôi ta, con người, tất cả các pháp đều chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Tôi ta, con người, tri kiến đều không sở hữu. Chủng tánh, các pháp cũng không sở hữu. Vì địa sở tác không sở hữu nên hư không cũng không sở hữu, Đại thừa cũng không sở hữu, vô lượng, vô số người chẳng thể tính đếm, tất cả các pháp cũng không sở hữu. Vì vậy cho nên Đại thừa che chở, hộ trì vô lượng, vô số người chẳng thể tính đếm.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Tôi ta, con người, tri kiến đều không sở

hữu. Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật cũng không sở hữu, tất cả các pháp cũng không sở hữu. Vì vậy cho nên Đại thừa che chở, hộ trì vô lượng, vô số người chẳng thể tính đếm. Vì sao? Vì tôi ta, con người, tất cả các pháp đều chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Thanh văn, Bích-chi-phật cho đến Như Lai cũng không sở hữu, trí Nhất thiết cũng không sở hữu, tất cả các pháp cũng không sở hữu. Vì vậy cho nên Đại thừa che chở, hộ trì vô lượng, vô số người chẳng thể tính đếm. Vì sao? Vì tôi ta, con người, tất cả các pháp đều chẳng thể nắm bắt được.

Này Tu-bồ-đề! Cảnh giới Niết-bàn che chở hộ trì vô số người chẳng thể tính đếm, Thừa cũng như vậy. Vì vậy cho nên thừa cùng hư không bình đẳng, che chở, hộ trì vô số người chẳng thể tính đếm. Còn Đại thừa, theo lời ông hỏi thì khi đến cũng chẳng thấy, lúc đi cũng chẳng thấy, cũng chẳng thấy chỗ trụ, thừa cũng như thế. Vì sao? Vì tất cả các pháp chẳng thể chuyển động. Vì vậy nên không có cái trụ, không có cái đến, cũng không chỗ trụ. Vì sao? Này Tu-bồđề! Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, cũng không chỗ trụ.

Này Tu-bồ-đề! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng thanh tịnh, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không chỗ trụ. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là không cội gốc, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không chỗ trụ. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là tự nhiên, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không chỗ trụ. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là tướng tự nhiên, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không chỗ trụ. Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý là tướng tự nhiên, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không chỗ trụ. Đất, nước, lửa, gió, không, các thứ ấy không có, thanh tịnh, cũng không không cội gốc. Cái tự nhiên ấy cũng không có địa chủng, cái tướng tự nhiên ấy không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không chỗ trụ. Các thứ nước, lửa, gió, hư không, thức cũng giống như thế. Như Lai không cội gốc, tự nhiên và tướng tự nhiên, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không chỗ trụ.

Này Tu-bồ-đề! Bản tế thanh tịnh, bản tế không có cội gốc, vốn

tự nhiên, vốn là tướng tự nhiên, là cảnh giới thanh tịnh chẳng thể tính bàn, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không chỗ trụ. Tướng tự nhiên của cảnh giới không sở niệm chẳng thể nghĩ bàn, không cội gốc và cảnh giới tự nhiên chẳng nghĩ bàn, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không chỗ trụ.

Này Tu-bồ-đề! Sáu pháp Ba-la-mật cũng thanh tịnh. Bát nhã Ba la mật cũng không không cội gốc, cũng không tự nhiên, tướng tự nhiên, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không chỗ trụ. Ba mươi bảy phẩm, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật là đạo đức thanh tịnh. Phật và Chánh Giác không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không chỗ trụ. Cái không sở hữu, không cội gốc và cái vô vi ấy chẳng phải tự nhiên, cái vô vi ấy là tướng không tự nhiên, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không chỗ trụ.

Như Tu-bồ-đề đã nói, Đại thừa quá khứ chẳng đắc, vị lai chẳng đắc, hiện tại chẳng đắc, ba đời bình đẳng. Đại thừa chỉ có danh tự mà thôi. Như lời Tu-bồ-đề nói thì Đại thừa không có quá khứ, vị lai, hiện tại, ba đời bình đẳng. Đại thừa chỉ có danh tự thôi. Vì sao?

Này Tu-bồ-đề! Vì quá khứ cũng không, vị lai cũng không, hiện tại cũng không, ba đời bình đẳng, ba đời rỗng không bình đẳng. Đại thừa cũng rỗng không, bình đẳng. Bồ-tát cũng không. Cái không ấy không một, không hai, không ba, không bốn, chẳng nhiều, chẳng ít. Vì vậy cho nên gọi là ba đời bình đẳng, là công đức chói lọi của Bồ-tát Đại thừa, không ai sánh bằng, không chánh, không tà, cũng chẳng dục, cũng chẳng lìa dục, cũng chẳng sân hận, chẳng lìa sân hận, cũng chẳng ngu si, chẳng lìa ngu si, cũng chẳng kiêu mạn, chẳng lìa kiêu mạn, chẳng tham lam ganh ghét, cũng không lìa chúng, chẳng đắc pháp thiện, pháp ác, chẳng đắc hữu thường, vô thường, chẳng đắc khổ, vui, chẳng đắc ngã, vô ngã, cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc cũng chẳng thể nắm bắt được, chẳng vượt qua cõi Dục, chẳng vượt qua cõi Sắc, chẳng vượt qua cõi Vô sắc. Vì sao? Vì chẳng đắc tự nhiên. Sắc quá khứ không, sắc vị lai không, sắc hiện tại không. Thọ, tưởng, hành, thức cũng giống như thế. Sắc, chẳng thể nắm bắt được vì sắc quá khứ, vị lai, hiện tại là không, chẳng nắm bắt được cái không cho nên gọi là không. Không, chẳng thể nắm bắt được, huống gì nghĩ không hay có quá khứ, vị lai, hiện tại. Thọ, tưởng, hành, thức cũng giống như thế.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Sáu pháp Ba-la-mật chẳng đắc quá khứ, chẳng đắc vị lai, chẳng đắc hiện tại.

Này Tu-bồ-đề! Sáu pháp Ba-la-mật cũng chẳng thể nắm bắt được, vì ba đời bình đẳng nên sáu pháp Ba-la-mật cũng chẳng thể nắm bắt được. Cái bình đẳng ấy không có quá khứ, vị lai, hiện tại, vì bình đẳng vậy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ba mươi bảy phẩm, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật cũng chẳng thể nắm bắt được, vì quá khứ, vị lai, hiện tại, ba đời bình đẳng. Ba mươi bảy phẩm, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, pháp của chư Phật cũng chẳng thể nắm bắt được. Cái bình đẳng ấy không có quá khứ, vị lai, hiện tại. Mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật không có quá khứ, vị lai, hiện tại, vì bình đẳng cho nên gọi là bình đẳng, huống gì ba mươi bảy phẩm, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đã bình đẳng mà có thể nắm bắt được sao?

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Quá khứ, vị lai, hiện tại, phàm phu cũng chẳng thể nắm bắt được. Ba đời bình đẳng cho nên phàm phu bình đẳng. Vì sao? Vì suy tìm con người, vĩnh viễn chẳng thể nắm bắt được. Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chiphật, Bồ-tát, Như Lai cũng chẳng thể nắm bắt được. Vị lai, hiện tại cũng giống như vậy, ba đời bình đẳng, nên Thanh văn, Bích-chi-phật, Bồ-tát, Như Lai cũng chẳng thể nắm bắt được. Suy tận cùng nguồn gốc con người, chẳng thể nắm bắt được.

Này Tu-bồ-đề! Vì thế cho nên Đại Bồ-tát trụ Bát-nhã ba-lamật, hiểu rõ ba đời, dùng đầy đủ trí Nhất thiết đó là Đại Bồ-tát, vì Đại thừa ba đời bình đẳng. Đại Bồ-tát vì trụ như thế nên trên cõi trời, dưới chốn nhân gian là tôn quý hơn hết, vì phát sinh trí Nhất thiết.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, hay thay, hay thay! Đại thừa là thừa mà Đại Bồ-tát theo học. Đại Bồ-tát quá khứ cũng nhờ học thừa này mà đắc trí Nhất thiết. Đại Bồ-tát vị lai cũng nhờ học thừa này mà đắc trí Nhất thiết. Các Đại Bồ-tát hiện tại ở vô lượng, vô số thế giới chẳng thể tính đếm cũng học Đại thừa này mà đắc trí Nhất thiết. Bạch Đức Thiên Trung Thiên, đó là Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đúng vậy, đúng vậy! Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quá khứ, vị lai, hiện tại đều học pháp này mà đắc trí Nhất thiết.

QUYỂN 9
Phẩm 22: PHÂN-MẠN-ĐÀ-NI-PHẤT

Bấy giờ Hiền giả Phân-mạn-đà-ni-phất bạch Phật:

–Đức Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề nói Bát nhã Ba la mật, nhưng mới nói việc làm của Đại thừa.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Con nói Đại thừa nhưng vẫn không lỗi.

Đức Phật dạy:

–Không lỗi! Ông nói Đại thừa là theo lời dạy của Bát-nhã bala-mật. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Các pháp thiện hiện có như pháp Thanh văn, Bích-chi-phật, pháp Phật Chánh giác đều từ Bát-nhã bala-mật xuất sinh, gốc từ giáo pháp ấy.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Tại sao các pháp thiện như pháp Thanh văn, Bích-chi-phật, pháp của chư Phật và pháp của Bồ-tát đều từ Bát nhã Ba la mật xuất sinh, đều từ giáo pháp ấy?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tinh tấn bala-mật, Thiền ba-la-mật, bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, Không, Vô tướng, Vô nguyện, các môn giải thoát, mười Lực Như Lai, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật, đại Từ, đại Bi, pháp không quên mất, Từ, Bi, Hỷ, Xả,

pháp hiểu rõ đạo phẩm để thi hành, pháp Thanh văn, Bích-chi-phật, pháp Bồ-tát, tất cả các pháp đều từ Bát nhã Ba la mật xuất sinh, đều từ giáo pháp ấy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bát nhã Ba la mật và năm ba-la-mật của Đại thừa; sắc thọ, tưởng, hành, thức; nhãn sắc thức, nhĩ thanh thức, tỷ hương thức, thiệt vị thức, thân xúc thức, ý pháp thức, nhân duyên tiếp xúc, nhân duyên huân tập, các loại huân tập vừa ý hay không vừa ý, bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật, Không, Vô tướng, Vô nguyện, các môn giải thoát, tất cả pháp thiện, hữu lậu, vô lậu, có sở hữu, không sở hữu, hữu vi, vô vi, khổ, tập, tận, đạo, cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, pháp nội không, pháp ngoại không, pháp không gần, pháp không xa, pháp chân không, pháp sở hữu không, pháp không sở hữu không, tất cả đều bình đẳng và các môn Tam-muội, Đà-la-ni, pháp Như Lai đã hiểu, tự đạt đến thành tựu, pháp giới của chư Phật, bản tế của Như Lai, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, hoặc hợp, hoặc tan, không hợp, không tan, có sắc, không sắc, có thấy, không thấy, có hình, không hình, có tướng, không tướng, tất cả các pháp đó đều từ Đại thừa xuất sinh, đều thuận theo giáo pháp Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Này Tu-bồ-đề, Đại thừa Bát nhã Ba la mật bình đẳng không khác, sáu pháp Ba-la-mật cũng không khác, mười Lực, vô úy, pháp của chư Phật cũng không có khác. Vì vậy, Đại thừa, pháp của chư Phật không có khác, cũng không có hai, cũng không có nhiều.

Này Tu-bồ-đề! Vì vậy nên cái gọi là Đại thừa tức là nói Bát nhã Ba la mật.

QUYỂN 9
Phẩm 23: ĐẲNG TAM THẾ

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bồ-tát cũng chẳng nghĩ quá khứ, cũng chẳng nghĩ vị lai, cũng chẳng nghĩ hiện tại. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng không có biên giới, Bồ-tát cũng không có biên giới. Sắc và Bồ-tát đều không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được. Thọ, tưởng, hành, thức và Bồ-tát đều không sở hữu cũng chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Như thế, tất cả Đại Bồ-tát đều chẳng thể nắm bắt được, vậy nên dạy Bát nhã Ba la mật cho Đại Bồ-tát như thế nào? Nên nói Bát nhã Ba la mật thế nào để dạy Bồ-tát? Bồ-tát mà có hiệu là Bồ-tát thì chỉ có danh tự thôi. Thí như người tự nói ta có ngã, nhưng tìm cầu gốc ngọn đều không sở hữu. Các pháp là tự nhiên thì chỗ nào sinh sắc mà sắc đã sinh? Chỗ nào sinh thọ, tưởng, hành, thức mà thọ, tưởng, hành, thức đã sinh?

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Nếu không chỗ sinh thì không có sắc cũng không có thọ, tưởng, hành, thức. Vậy có gì đâu mà nói Bát nhã Ba la mật? Và nên dạy Bồ-tát như thế nào về việc cũng không có chỗ khác, cũng không có xuất sinh, cũng chẳng thể nắm bắt được, Bồ-tát cũng chẳng thể hành đạo, để Bồ-tát nghe như thế mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ để Đại Bồ-tát hành Bát-nhã bala-mật?

Ngài Xá-lợi-phất hỏi ngài Tu-bồ-đề:

–Tại sao Bồ-tát chẳng thể nắm bắt được quá khứ, vị lai, hiện tại? Vì sao sắc không có biên giới? Thọ, tưởng, hành, thức cũng không có biên giới? Bồ-tát cũng không có biên giới? Sắc, thọ,

tưởng, hành, thức đều không sở hữu cũng chẳng thể nắm bắt được? Tất cả Bồ-tát đều chẳng thể nắm bắt được thì dạy Đại Bồ-tát Bát-nhã bala-mật như thế nào? Chỗ nào nói tôi ta hoàn toàn chẳng thấy? Bồ-tát cũng chẳng thể nắm bắt được, làm thế nào dạy Bát nhã Ba la mật cho Đại Bồ-tát? Vì sao nói Đại Bồ-tát chỉ có danh tự thôi, cầu tìm tôi ta mà không có gốc ngọn? Các pháp là tự nhiên thì sắc từ đâu sinh? Thọ, tưởng, hành, thức từ đâu sinh?

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Hễ đã không có chỗ sinh thì không có sắc, đã không có chỗ sinh thì không có thọ, tưởng, hành, thức. Vừa rồi, Tôn giả Tu-bồ-đề nói, không chỗ sinh thì sẽ dạy Bát nhã Ba la mật thế nào? Vì sao nói cũng không chỗ khác? Nếu có chỗ sinh thì có thể đắc Bồ-tát chăng? Thưa Tôn giả Tu-bồ-đề, người hành đạo tại sao nói lời này: "Đại Bồ-tát nghe lời ấy mà tâm chẳng kinh sợ tức là hành Bát nhã Ba la mật"?

Ngài Tu-bồ-đề trả lời ngài Xá-lợi-phất:

–Con người không sở hữu nên quá khứ Bồ-tát chẳng thể nắm bắt được. Chúng sinh đều rỗng không, vì vậy nên quá khứ Bồ-tát không chỗ thọ. Chúng sinh không thật, vì vậy nên quá khứ Bồ-tát không chỗ thọ. Sắc không sở hữu, vì vậy nên Bồ-tát chẳng thọ quá khứ. Thọ, tưởng, hành, thức là rỗng không, không sở hữu, vì vậy nên Bồ-tát chẳng thọ cái thọ quá khứ. Sắc quá khứ là rỗng không; thọ, tưởng, hành, thức cũng rỗng không. Sắc không thật; thọ, tưởng, hành, thức cũng không thật. Sắc tự nhiên, thọ, tưởng, hành, thức cũng tự nhiên. Vì vậy nên Bồ-tát chẳng thọ quá khứ. Thí ba-la-mật, Giới bala-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát nhã Ba la mật đều không sở hữu. Vì vậy nên Bồ-tát chẳng đắc quá khứ. Vì sao? Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Vì nếu đã là rỗng không thì chẳng thể nắm bắt quá khứ, vị lai, hiện tại, không có cái khác không, không có Bồ-tát, không có quá khứ không, Bồ-tát và quá khứ đều không hai, không nhiều. Vì vậy nên Bồ-tát chẳng thọ quá khứ; vị lai, hiện tại cũng lại như thế. Nói tóm lại, Thí ba-la-mật cũng lại không thật, Thí ba-la-mật tự nhiên, Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát nhã Ba la mật cũng đều là rỗng không. Bát nhã Ba la mật cũng lại không thật tức là không tự nhiên. Vì vậy Bồ-tát chẳng thọ quá khứ.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Cho nên cái gì đã là rỗng không thì không có quá khứ, vị lai, hiện tại. Không, Bồ-tát và quá khứ đã qua cũng không có hai, cũng không có nhiều.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Vì vậy, Bồ-tát chẳng thọ quá khứ. Bảy không ấy cũng không sở hữu, vì vậy Bồ-tát chẳng thọ quá khứ.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Ý chỉ, Ý đoạn, Thần túc, Căn, Lực, Giác ý, tám Thánh đạo, ba mươi bảy phẩm cũng là không, cũng là không thật. Bảy không ấy cũng lại như thế. Vì vậy, Bồ-tát chẳng thọ quá khứ, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật đều rỗng không, không thật. Vì vậy, Bồ-tát chẳng thọ quá khứ. Sáu pháp Ba-la-mật cũng không sở hữu, cũng không thật, cũng không tự nhiên. Vì vậy, Bồ-tát chẳng thọ quá khứ.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Tất cả Tam-muội đều không sở hữu, môn Đà-la-ni cũng đều rỗng không, cũng lại không thật. Các môn Tam-muội, môn Đà-la-ni đều không tự nhiên. Vì vậy, Bồ-tát không thọ quá khứ. Sáu pháp Ba-la-mật cũng lại như vậy.

Lại nữa, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Các pháp giới cũng không sở hữu, pháp giới đều rỗng không, pháp giới không thật, pháp giới tự nhiên, pháp giới cũng không có bảy không. Vì vậy, Bồ-tát chẳng thọ quá khứ.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Như Lai cũng không sở hữu, cũng đều không có cội gốc, không có cội gốc không thật, không có cội gốc cũng rỗng không. Cái vốn không ấy cũng không tự nhiên. Vì vậy, Bồ-tát chẳng thọ quá khứ. Cái bản tế ấy cũng không sở hữu, bản tế đều rỗng không, bản tế không thật, cũng không tự nhiên, chẳng thể nghĩ bàn. Tất cả các cõi cũng không tự nhiên. Vì vậy, Bồ-tát chẳng thọ quá khứ.

Lại nữa, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Các Thanh văn, Bích-chiphật, Như Lai cũng không sở hữu. Như Lai rỗng không, không thật cũng không tự nhiên. Vì vậy, Bồ-tát chẳng thọ quá khứ. Đạo không sở hữu, không thật cũng không tự nhiên. Vì vậy, Bồ-tát chẳng thọ quá khứ. Vì sao? Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, vì không và không thật, quá khứ, vị lai, hiện tại cũng như thế, chẳng thể nắm bắt được. Bồ-tát, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Vì vậy, không, không thật, quá khứ, vị lai không có hai, cũng không có nhiều. Vì vậy, Bồ-tát chẳng thọ quá khứ.

Lại nữa, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Tôn giả đã hỏi là tại sao sắc không có biên giới, thọ, tưởng, hành, thức cũng không có biên giới? Bồ-tát cũng không có biên giới? Thọ, tưởng, hành, thức như hư không rỗng không. Ví như hư không không có biên giới; không có khoảng giữa, không có bờ đáy, hư không chỉ có danh tự.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế, không có biên giới, không có khoảng giữa, không có bờ đáy, vì sắc rỗng không. Nếu đã là rỗng không thì không biên giới, không có khoảng giữa, không có bờ đáy, chẳng thể nắm bắt được. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế. Vì vậy, thưa Tôn giả Xá-lợiphất, sắc không có biên giới, thọ, tưởng, hành, thức cũng không có biên giới. Bồ-tát cũng không có biên giới, đều không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì vậy, sắc và Bồ-tát cũng không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Sáu pháp Ba-la-mật rỗng không nên gọi là không, pháp nội không cũng không, pháp ngoại không cũng rỗng không. Vì không cho nên không. Pháp không gần, pháp không xa, pháp chân không,… Bảy không, ba mươi bảy phẩm, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật cũng đều rỗng không. Vì không cho nên không, không có bản tế, chẳng thể nghĩ bàn. Tất cả các cõi cũng lại là rỗng không. Vì không cho nên không. Các môn Tam-muội, môn Đà-la-ni cũng lại là rỗng không. Trí Nhất thiết cũng lại là rỗng không. Đạo tuệ hiểu rõ đạo phẩm cũng lại là rỗng không. Vì không cho nên không. Pháp ba thừa cũng lại là rỗng không. Như Lai cũng lại là rỗng không.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Cho nên Như Lai là rỗng không, cũng không sở hữu, sắc cũng chẳng thể nắm bắt được. Sắc và Bồ-tát cũng không sở hữu, đều chẳng thể nắm bắt được. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Theo Tôn giả hỏi thì vì sao tất cả Bồ-tát đều chẳng thể nắm bắt được? Bồ-tát nói Bát nhã Ba la mật thế nào?

Sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng thể nắm bắt được. Sắc chẳng thể nắm bắt được; thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng thể nắm bắt được. Cái tưởng về tưởng cũng không sở hữu, cái tưởng về thọ cũng không sở hữu, cái tưởng về hành cũng không sở hữu, cái tưởng về thức cũng không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được. Cái biết về thức cũng không sở hữu, cũng chẳng

thể nắm bắt được. Cái biết về sắc, cái biết về thọ, cái biết về tưởng, cái biết về hành đều không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Sáu tình cũng không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được. Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý đều không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được. Nhĩ không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được. Nhĩ và nhãn đều không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được. Nhĩ và tỷ đều không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được. Tỷ và sự ngửi đều không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được. Tỷ và nhãn đều không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được. Tỷ và thiệt đều không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được. Xét thiệt, không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được. Thiệt, nhãn, nhĩ, tỷ đều không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được. Hương và thân đều không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được. Thân cùng với thân đều không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được. Ý cùng với ý đều không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được. Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý đều không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được. Nhãn sắc, nhĩ thanh, tỷ hương, thiệt vị, thân xúc, ý pháp, sáu tình, sáu thức, sáu vị, mười tám nhập, nhân duyên, tất cả các sự việc đều không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được. Sắc trong, sắc ngoài, thọ… các pháp cũng lại như thế. Sáu pháp Ba-la-mật và bảy không, ba mươi bảy phẩm, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật, các môn Tam-muội, môn Đà-la-ni, chủng tánh, các pháp, pháp A-la-hán, pháp Bích-chi-phật, pháp Như Lai, pháp Bồ-tát, pháp mười trụ, trí Nhất thiết và các đạo tuệ cho đến Như Lai và Bồ-tát đều không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được. Bồ-tát và Bát nhã Ba la mật đều không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa, Bát nhã Ba la mật đối với Bát nhã Ba la mật đều không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được. Bát nhã Ba la mật và Bồ-tát đều không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được. Bát-nhã bala-mật không ngôn, không thuyết, không giáo, không hóa, cũng không sở hữu, cũng không nắm bắt được. Đối với Bồ-tát, không ngôn, không thuyết, không giáo, không hóa, cũng không sở hữu, cũng không nắm bắt được. Bát nhã Ba la mật cũng không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Vì vậy, tất cả các pháp cũng không sở hữu, cũng không đắc, cũng chẳng thể nắm bắt được. Đại Bồ-tát cũng chẳng thể nắm bắt được, cũng không ngôn thuyết. Như Tôn giả Xá-lợi-phất đã hỏi, sao gọi là danh tự mà danh tự Bồ-tát từ đâu mà ra? Danh tự ấy ở chỗ nào là Bồ-tát, vì vậy gọi là Bồ-tát? Nói Bồ-tát chỉ dùng danh tự thôi thì từ đâu mà đến! Sắc thọ, tưởng, hành, thức, chỉ dùng danh tự thôi. Chỉ có danh tự thì danh tự vướng mắc vào ngôn từ, nhưng không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì danh tự cũng rỗng không, danh tự tự nhiên rỗng không, chẳng vì danh tự ấy cho nên gọi là Bồ-tát, nhưng không có danh tự cho riêng mình là Bồ-tát.

Lại nữa, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Sáu pháp Ba-la-mật chỉ dùng danh tự thôi, chẳng dùng danh tự cho nên gọi là sáu pháp Bala-mật. Cái gọi là Bồ-tát chỉ dùng danh tự thôi. Vì vậy, nói Bát nhã Ba la mật, chỉ dùng danh tự thôi, chẳng dùng danh tự cho nên gọi là Bát nhã Ba la mật. Bát nhã Ba la mật không có danh tự. Vì sao? Vì danh tự cùng Bát nhã Ba la mật, hai pháp đó đều rỗng không, chẳng thể nắm bắt được.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Cái gọi là Bồ-tát chỉ là giả hiệu. Cái gọi là pháp nội không, pháp ngoại không, pháp không gần, pháp không xa, pháp chân không, pháp sở hữu không, pháp không

sở hữu không chỉ dùng danh tự thôi. Bảy không ấy, chẳng dùng danh tự thì rỗng không. Vì sao? Vì chẳng dùng danh tự cho nên gọi là rỗng không. Cái rỗng không này chẳng thể nắm bắt được. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, vì vậy, cái gọi là Bồ-tát chỉ là giả hiệu.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Cái danh tự này là giả hiệu. Ý chỉ, Ý đoạn, Căn, Lực, Giác ý, tám Thánh đạo, ba mươi bảy phẩm, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật chỉ là giả hiệu thôi. Vì chẳng dùng danh tự, nên là pháp của chư Phật, mà pháp của chư Phật là rỗng không. Vì vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, cái gọi là Bồ-tát chỉ là giả hiệu. Các môn Tam-muội, môn Đà-la-ni, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, Bồ-tát cho đến Phật cũng là giả hiệu thôi, vì chẳng dùng danh tự làm danh tự. Cái gọi là tôi ta, ngã sở, suy tìm gốc ngọn của nó cũng không sở hữu, cũng không thành tựu, tôi ta chẳng thể nắm bắt được, huống gì đối với đạo mà có cái sở đắc.

Cái biết, cái thấy cũng chẳng thể nắm bắt được, huống gì muốn khiến cho có sự thành tựu.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Gốc ngọn của sắc thọ, tưởng, hành, thức, chẳng thể nắm bắt được, huống gì muốn khiến cho sắc, thọ, tưởng, hành, thức có sự thành tựu. Nhãn và các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý… chỗ nhập của sáu tình cũng chẳng thể nắm bắt được. Gốc ngọn của sáu pháp Ba-la-mật, bảy không cũng chẳng thể nắm bắt được, huống gì muốn khiến cho thành tựu. Ba mươi bảy phẩm, mười Lực, bốn Vô úy, pháp của chư Phật, suy tìm gốc ngọn cũng chẳng thể nắm bắt được, huống gì muốn khiến cho có sự thành tựu. Các môn Tam-muội, môn Đà-la-ni, suy tìm gốc ngọn, đều chẳng thể nắm bắt được, huống gì muốn khiến cho có sự thành tựu. Thanh văn, Bích-chi-phật, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được. Vì vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Cái gọi là tôi ta đều không có sở hữu, tất cả các pháp cũng không có sở hữu, đều là tự nhiên. Vì sao? Vì tự nhiên không hợp, không tan.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi ngài Tu-bồ-đề:

–Sao gọi là tự nhiên không hợp, không tan?

Trả lời:

–Sắc, thọ, tưởng, hành, thức vì tự nhiên nên không hợp, không tan, sự tập hợp của các thọ do sự tiếp xúc của sáu tình: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý sinh ra đều là tự nhiên, không hợp, không tan. Sáu pháp Ba-la-mật cũng không hợp, không tan, đều là tự nhiên. Vì vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Tất cả các pháp đều không sở hữu, đều là tự nhiên.

Lại nữa, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Tất cả các pháp cũng vô thường, cũng không chỗ đến.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi lại ngài Tu-bồ-đề:

–Sao gọi là tất cả các pháp vô thường, không chỗ đến?

Tu-bồ-đề đáp:

–Sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng vô thường, không có chỗ hướng đến. Vì sao? Vì cái vô thường ấy hoàn toàn không sở hữu, cũng không có nhãn. Vì vậy, tất cả các pháp đều vô thường, không có chỗ đến. Các pháp sở hữu cũng lại như thế, đều vô thường, không có chỗ hướng đến. Tất cả các lậu cho đến vô lậu, pháp có thể nói, không thể nói, cái hữu thường ấy đều là không sở hữu, cũng không có nhãn. Vì vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, tất cả vạn vật đều vô thường, không có chỗ đến.

Lại nữa, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Tất cả các pháp không chỗ tích tụ, cũng không hủy hoại.

Ngài Xá-lợi-phất lại hỏi ngài Tu-bồ-đề:

–Thế nào là tất cả các pháp cũng không tích tụ, cũng không hủy hoại?

Đáp:

–Sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng không tích tụ, cũng không hủy hoại. Vì sao? Vì thanh tịnh vậy. Các pháp thiện, bất thiện, pháp sở hữu, không sở hữu, pháp hữu lậu, vô lậu đều không tích tụ, cũng không hủy hoại. Vì sao? Vì thanh tịnh vậy. Thưa Tôn giả Xá-lợiphất, vì vậy, tất cả sở hữu đều không sở hữu.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Trả lời câu hỏi sắc từ đâu sinh, đó là sắc không chỗ sinh; thọ, tưởng, hành, thức cũng không chỗ sinh. Vì sao? Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng không sở hữu. Hiểu rõ hành thì không có sắc, cũng không chỗ sinh. Thọ, tưởng, hành, thức cũng không chỗ sinh. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng không sở hữu. Vì sao? Vì hiểu rõ hành thì không có nhãn, nhãn không sở hữu. Vì sao? Vì hiểu rõ hành thì không có sở hữu. Sáu tình cũng như vậy.

Lại nữa, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Tất cả các pháp đều không sở hữu. Vì sao? Vì hiểu rõ hành thì không tạo sở hữu. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, vì vậy sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng không chỗ sinh.

Lại nữa, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Theo lời Tôn giả hỏi thì, sắc không có chỗ sinh thì chẳng phải là sắc; thọ, tưởng, hành, thức không có chỗ sinh thì chẳng phải là thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì sắc thanh tịnh, rỗng không, không khởi diệt, cũng không chỗ trụ, cũng không sai khác. Vì thọ, tưởng, hành, thức cũng thanh tịnh, vì rỗng không, thanh tịnh, cho nên gọi là thanh tịnh, cũng không khởi diệt, cũng không chỗ trụ, cũng chẳng thể phân biệt. Tất cả sở hữu cũng lại thanh tịnh, vì rỗng không, thanh tịnh cho nên gọi là thanh tịnh, cũng không chỗ khởi, cũng không chỗ diệt, cũng không chỗ trụ, chẳng thể phân biệt để biết.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Vì vậy, sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng không chỗ sinh. Như Tôn giả Xá-lợi-phất đã hỏi là vì sao nói những pháp này đều không chỗ sinh thì do đâu mà nói Bát-nhã bala-mật? Vì sao? Bát nhã Ba la mật cũng không chỗ sinh. Nếu không chỗ sinh thì Bát nhã Ba la mật cũng không chỗ xuất, không có hai pháp, cũng không có nhiều. Vì vậy thì điều nên nói ở đây là sẽ từ đâu mà nói Bát nhã Ba la mật! Tôn giả Xá-lợi-phất đã hỏi: Chẳng từ chỗ khác xuất sinh mà Bồ-tát đắc đạo hạnh là vì sao? Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật chẳng từ chỗ khác sinh, cũng lại chẳng thấy khác. Bát nhã Ba la mật lại cũng chẳng phải chỗ sai khác, đều thấy như nhau, các hạnh Bồ-tát cũng không chỗ sinh. Lại nữa, Bồ-tát không có hai pháp, cũng không có nhiều, cũng chẳng thấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức có chỗ khác sinh. Vì sao? Vì vô sinh cho nên sắc không có hai, cũng không nhiều, cũng chẳng từ cái khác mà có chỗ sinh, cũng chẳng thấy, sắc từ chỗ khác sinh. Vì sao? Vì sắc không chỗ sinh, thức không có sinh, cũng không có nhiều. Mười tám chủng, ba mươi bảy phẩm, pháp của chư Phật, bảy không, pháp ba thừa chẳng thấy chỗ sinh. Vì sao? Vì không có chỗ sinh, không có hai pháp, cũng không có nhiều. Thưa Tôn giả Xálợi-phất! Vì vậy, Bồ-tát chẳng nắm bắt được cái có chỗ khác sinh mà hành đạo.

Lại nữa, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Vừa rồi Tôn giả hỏi: Giả sử Đại Bồ-tát nghe nói như thế mà không sợ, không kinh, không hãi tức là Bát nhã Ba la mật là vì sao? Vì Đại Bồ-tát quán tất cả các pháp đều như mộng, như huyễn, cảnh ảo, cây chuối, bóng, vang. Vì vậy cho nên, thưa Tôn

giả Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát nghe như thế chẳng kinh, chẳng sợ, cũng chẳng hãi. Đó là hành Bát nhã Ba la mật.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Khi Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, quán pháp như thế, chẳng thọ sắc thọ, tưởng, hành, thức, cũng chẳng xả, cũng không trụ, cũng không chấp trước. Bát nhã Ba la mật thì không có sắc thọ, tưởng, hành, thức, cũng chẳng thọ, cũng chẳng xả, cũng không trụ, cũng không chấp trước, không phân biệt, cũng chẳng thọ nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, chỗ nương tựa của sáu tình, chẳng thọ tôi ta, cũng chẳng thọ Thí ba-la-mật, cũng không xả, cũng không trụ, cũng không chấp trước, chẳng trụ tôi ta. Giới, Nhẫn, Tinh tấn, Thiền, Bát nhã Ba la mật, cũng chẳng thọ bảy không, cũng không xả, cũng không trụ, cũng không chấp trước, chẳng trụ tôi ta.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Lại nữa, người hành Bát-nhã bala-mật, đối với ba mươi bảy phẩm, mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật cũng lại như thế, cũng không thọ, cũng không xả, cũng không trụ, cũng không chấp trước, cũng chẳng trụ tôi ta.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Lại nữa, Bồ-tát chẳng thọ tất cả các môn Tam-muội, môn Đà-la-ni cũng không thọ, cũng không xả, cũng không trụ, cũng không chấp trước, chẳng trụ tôi ta. Vì sao? Vì Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật chẳng thấy sắc thọ, tưởng, hành, thức, chẳng thấy mười tám chủng, ba mươi bảy phẩm và bảy không, Thanh văn, Bích-chi-phật, cho đến Phật và trí Nhất thiết cũng không thấy. Vì sao? Vì không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng không chỗ khởi, cũng không có sắc thọ, tưởng, hành, thức. Sáu tình không chỗ khởi, cũng không có sáu tình. Sáu pháp Ba-lamật cũng không chỗ khởi, cũng không có sáu pháp Ba-la-mật. Bát nhã Ba la mật cũng không chỗ khởi, cũng không có hai, cũng không có nhiều. Pháp nội không, pháp ngoại không cũng không chỗ khởi. Pháp không gần, pháp không xa, pháp chân không, pháp sở hữu không, pháp không sở hữu không cũng lại như thế. Vì sao? Vì bảy pháp không ấy cũng không chỗ khởi, cũng không có hai, cũng không có nhiều.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Vì vậy, bảy pháp không ấy, ba mươi bảy phẩm, mười Lực, bốn Vô úy, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật cũng không chỗ khởi, cũng không có hai, cũng không có nhiều. Vì sao? Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Vì không chỗ khởi cho nên không hai, không ba, không có nhiều. Pháp của chư Phật đều không chỗ khởi, chẳng phải là Phật pháp.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Cái không cội gốc ấy cũng chẳng thể nghĩ bàn. Cảnh giới của các pháp cũng không chỗ khởi, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn ấy không có hai, cũng không có nhiều.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-nahàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, Bồ-tát cho đến trí Nhất thiết đều không chỗ khởi, cũng không sở hữu. Cho nên trí Nhất thiết không có chỗ khởi. Vì sao? Vì không có tinh tấn, đó là không hai, không ba, cũng không nhiều. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là diệt tận, cũng không có sắc. Vì vậy thức cũng diệt tận, không có hai, cũng không nhiều. Vì sao? Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Vì cái tinh tấn ấy không một, không hai, không ba, cũng không nhiều. Cái thức tinh tấn ấy cũng không có thức, đó là Thí ba-la-mật, cũng không chỗ khởi, cũng không tinh tấn, không hai, không ba, cũng không nhiều. Giới,

Nhẫn, Tinh tấn, Thiền, Bát nhã Ba la mật cũng lại như vậy. Bảy không, ba mươi bảy phẩm, mười Lực, bốn Vô úy, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật cũng lại như vậy.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Nói không chỗ tinh tấn ấy ở trong hành là điều không thể kể ra. Năm ấm, sáu pháp Ba-la-mật, pháp ba thừa cho đến trí Nhất thiết cũng lại như vậy.

QUYỂN 9
Phẩm 24: QUÁN HẠNH

Bấy giờ ngài Tu-bồ-đề hỏi ngài Xá-lợi-phất:

–Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật quán các pháp như thế nào? Sao gọi là Bồ-tát hành đạo vì tất cả mọi người mà nói? Bồ-tát mà hiểu rõ tất cả đạo pháp, đối với tất cả pháp không chấp trước, hiểu rõ các pháp thì hiểu rõ sắc, thọ, tưởng, hành, thức, nhưng đối với việc của sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng không chấp trước, hiểu rõ ba mươi bảy phẩm, mười Lực, bốn Vô úy, pháp của chư Phật cũng không chấp trước, thì sao gọi là việc của tất cả các pháp?

Tu-bồ-đề trả lời Xá-lợi-phất:

–Bồ-tát quán hình dạng, hiện tượng, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp của các pháp, hình dạng, hiện tượng của các pháp trong, ngoài, hữu vi, vô vi, sở hữu, không sở hữu, hiểu rõ là không nhân duyên thì đó là quán pháp.

Lại nữa, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả hỏi, sao gọi là Bát nhã Ba la mật? Rốt ráo không có gì ưa thích là Bát-nhã ba-lamật.

Sao gọi là rốt ráo không có gì ưa thích? Thưa Tôn giả Xá-lợiphất! Chẳng ưa thích ấm, chủng, các nhập, chẳng ưa thích sáu pháp Ba-la-mật: Thí, Giới, Nhẫn, Tinh tấn, Thiền, Bát nhã Ba la mật, chẳng ưa thích bảy không, chẳng ưa thích ba mươi bảy phẩm, mười Lực, bốn Vô úy, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật, đó gọi là rốt ráo không có gì ưa thích, đó là Bát nhã Ba la mật. Đối với trí Nhất thiết cũng không có gì ưa thích, đó là Bát nhã Ba la mật, đó là rốt ráo không có gì ưa thích. Đó là Bát nhã Ba la mật.

Sao gọi là quán? Đại Bồ-tát khi hành Bát nhã Ba la mật, chẳng quán sắc thường hay vô thường, chẳng quán sắc khổ hay vui, chẳng quán sắc có ngã hay không ngã, chẳng quán sắc có không hay không không, có tướng hay không tướng, có nguyện hay không nguyện, chẳng quán sắc tịch tĩnh hay chẳng tịch tĩnh, chẳng quán sắc không thật hay chẳng phải không thật. Thọ, tưởng, hành, thức và bảy không cùng Ba môn giải thoát cũng lại như vậy. Chẳng quán ba mươi bảy phẩm, Ý chỉ, Ý đoạn, Thần túc, Căn, Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, pháp của chư Phật là khổ vui, thiện ác, hữu ngã vô ngã, hữu thường vô thường, các môn Tam-muội, môn Đà-la-ni. Trí Nhất thiết là hữu thường vô thường, khổ vui, thiện ác, hữu ngã vô ngã, có không không không và ba môn giải thoát.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Đó là Đại Bồ-tát quán hành Bát nhã Ba la mật.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi ngài Tu-bồ-đề:

–Vì sao nói sắc, thọ, tưởng, hành, thức không có chỗ khởi là không có sắc thọ, tưởng, hành, thức? Căn, Lực, Giác ý, ba mươi bảy phẩm, bảy Không, bốn pháp phi thường, trí Nhất thiết đều không có chỗ khởi? Trí Nhất thiết thì không sở hữu?

Ngài Tu-bồ-đề trả lời ngài Xá-lợi-phất:

–Sắc, bảy không, đã là không thì không có hình, vì vậy sắc không có chỗ khởi, thì không có sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế. Sáu pháp Ba-la-mật là không, đã là không thì chẳng phải là Bát nhã Ba la mật. Trí tuệ không chỗ khởi.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Vì vậy, Bát nhã Ba la mật không chỗ khởi thì chẳng phải Bát nhã Ba la mật. Bảy không, ba mươi bảy phẩm, mười Lực, Vô úy, pháp của chư Phật, các môn Tam-muội, môn Đà-la-ni, trí Nhất thiết cũng lại như vậy. Sắc không chỗ khởi tức là không có sắc; thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí Nhất thiết cũng lại như thế, không chỗ khởi tức là không có trí tuệ.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi ngài Tu-bồ-đề:

–Vì sao nói sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí Nhất thiết là không có hai?

Ngài Tu-bồ-đề đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy! Nó không hai, sắc thì không có hai. Thọ, tưởng, hành, thức, tất cả pháp không có hai. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức không hợp không tan, không sắc, không thấy, không có thủ, xả. Tướng như thế tức là không tướng. Bảy không, ba mươi bảy phẩm, bốn pháp phi thường, trí Nhất thiết cũng lại như thế. Năm ấm, sáu suy cho đến trí Nhất thiết đều không có hai.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi ngài Tu-bồ-đề:

–Vì sao nói sắc không có hai, thanh tịnh không chỗ đến? Thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí Nhất thiết cũng như vậy?

Ngài Tu-bồ-đề trả lời ngài Xá-lợi-phất:

–Đúng vậy, đúng vậy! Sắc chẳng khác cái không chỗ khởi, cũng lại không khác sắc không chỗ khởi. Thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí Nhất thiết cũng lại như thế.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Như thế, sắc không có hai, năm ấm,

sáu suy cho đến trí Nhất thiết cũng không có hai, tất cả đều thanh tịnh không từ đâu đến.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật quán tất cả các pháp, thấy tất cả sắc cũng không chỗ khởi, xưa nay thanh tịnh. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế. Tôi ta, tri kiến đều không chỗ khởi, xưa nay thanh tịnh. Thí, Giới, Nhẫn, Tinh tấn, Thiền, Bát nhã Ba la mật cũng lại như thế, đều không chỗ khởi, xưa nay thanh tịnh. Bảy không, ba mươi bảy phẩm, Căn, Lực, Giác ý, mười Lực, Vô úy, pháp của chư Phật, chẳng thấy chỗ khởi, xưa nay thanh tịnh. Quán các môn Tam-muội, môn Đà-la-ni, trí Nhất thiết, chẳng thấy chỗ khởi, xưa nay thanh tịnh. Quán pháp phàm phu, thấy pháp phàm phu đều không chỗ khởi, xưa nay thanh tịnh. Quán Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Thanh văn, Bích-chi-phật và Bồ-tát, thấy các pháp này đều không chỗ khởi, xưa nay thanh tịnh. Quán tất cả Phật pháp, chẳng thấy chỗ khởi, xưa nay thanh tịnh.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi ngài Tu-bồ-đề:

–Những điều nói đó nên hiểu như thế nào? Năm ấm, sáu suy, pháp Ba thừa và trí Nhất thiết đều không chỗ khởi, cũng không có năm đạo, cũng không có Đại Bồ-tát, cũng không đắc thần thông. Thưa Tôn giả Tu-bồ-đề, nếu tất cả các pháp đều không chỗ khởi thì vì sao để thành tựu Tu-đà-hoàn phải đoạn trừ ba kiết tu hành đạo? Tư-đà-hàm cũng đoạn trừ ba kiết, dâm, nộ, si mỏng, tu hành đạo? Ana-hàm vứt bỏ gánh nặng, đoạn trừ các kiết, tu hành đạo? A-la-hán đoạn

trừ các kiết và năm Căn, không còn sinh tử mà tu hành đạo? Bích-chi-phật vì nhân Duyên giác ngộ mà tu hành đạo? Vì sao Bồ-tát siêng tu đạo khổ hạnh vì vô số chúng sinh mà chịu khổ? Vì sao khi thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi chuyển pháp luân?

Ngài Tu-bồ-đề trả lời:

–Tôi không muốn khiến cho pháp không chỗ khởi mà có chỗ chứng đắc, cũng không muốn khiến cho pháp không chỗ khởi mà đạt đến Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, cũng lại như thế, tôi cũng chẳng khiến cho Đại Bồ-tát siêng tu khổ hạnh, chẳng khiến cho Bồ-tát tinh cần khổ hạnh. Vì sao? Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Vì chẳng riêng nghĩ việc khổ cực nên độ vô số người chẳng thể tính đếm.

Lại nữa, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Người hành đạo Bồ-tát nên độ vô số người chẳng thể tính đếm, nghĩ họ như cha, nghĩ họ như mẹ, nghĩ họ như con, nghĩ họ như bản thân mình, việc làm cũng không chỗ khởi. Bồ-tát nên nghĩ: “Tìm cầu tôi ta đều không sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt được.” Quán pháp trong ngoài nên hiểu như thế. Nếu khởi tưởng thì chẳng nghĩ khổ cực, cũng không khởi tưởng. Vì sao? Tất cả các pháp đều không chỗ khởi, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Tôi cũng chẳng muốn khiến cho Như Lai không có chỗ khởi, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng chẳng muốn khiến chuyển pháp luân, cũng chẳng muốn khiến đắc pháp không chỗ khởi.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Nói là muốn khiến có khởi mà đạt được pháp và nói là không khởi thì chẳng đạt các pháp là thế nào?

Ngài Tu-bồ-đề đáp:

–Chẳng vì không khởi mà chứng đắc các pháp, cũng chẳng vì khởi mà chứng đắc các pháp.

Ngài Xá-lợi-phất lại hỏi ngài Tu-bồ-đề:

–Thế nào là pháp không chỗ khởi, cũng chẳng không khởi mà chứng đắc pháp?

Ngài Tu-bồ-đề đáp:

–Tôi chẳng muốn khiến cho không chỗ khởi sinh mà chứng đắc các pháp, cũng chẳng muốn khiến cho không không chứng đắc.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi:

–Thưa Tôn giả Tu-bồ-đề! Theo ý Tôn giả thì sao? Không có chứng đắc không thành đạo chăng?

Ngài Tu-bồ-đề trả lời:

–Có chứng đắc, có thành đạo, thật không có hai. Lại nữa, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, chứng đắc, thành đạo là đứng về mặt thế tục mà nói. Cái gọi là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật đều là do giáo hóa thế tục mà có những danh hiệu này. Suy tìm gốc ngọn thì không có chứng đắc, không có thành đạo, không có Ba thừa.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Phải chăng sự chứng đắc thành đạo là dựa vào mặt thế tục? Như vậy, năm đạo đứng về mặt thế tục mà nói thì hễ có, tất cả phải hoại, chẳng phải là chân đế?

Đáp:

–Đúng như vậy! Do thế tục mà nói có chứng đắc thành đạo. Năm đạo cũng vậy, đứng về mặt thế tục thì hoại hết, chẳng phải chân đế. Vì sao? Vì muốn thành chân đế thì không có thiện ác, chẳng khởi chẳng diệt, không có các trần lao, cũng không sân hận mới là chân đế.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi ngài Tu-bồ-đề:

–Pháp vô sinh ấy sinh khởi chăng? Hay là pháp sinh sinh khởi?

Ngài Tu-bồ-đề trả lời:

–Pháp vô sinh cũng không sinh, mà pháp sinh cũng lại không sinh.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi:

–Thế nào là muốn khiến cho pháp không sinh có chỗ sinh?

Ngài Tu-bồ-đề trả lời:

–Sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng không chỗ sinh, tự nhiên rỗng không chẳng muốn khiến sinh. Thanh văn, Bích-chi-phật trên cho đến Phật đạo đều không sinh, tự nhiên rỗng không, chẳng muốn khiến sinh.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi:

–Pháp sinh ấy lại có sinh chăng? Pháp không sinh khởi sinh chăng?

Ngài Tu-bồ-đề trả lời:

–Pháp sinh ấy cũng không sinh, pháp không sinh ấy cũng không sinh. Vì sao? Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Vì sinh, không sinh, hai pháp này không hợp, không tan, không sắc, không thấy, không chỗ nắm bắt tức là nhất tướng, không có tướng sở hữu. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, vì vậy, sinh là không sinh. Pháp không sinh ấy lại cũng không sinh.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi:

–Pháp nào có thể tương ưng pháp không sinh? Thưa Tôn giả Tu-bồ-đề, pháp không sinh ấy không chỗ sinh. Pháp không chỗ sinh cũng không sinh?

Ngài Tu-bồ-đề trả lời:

–Pháp không sinh ấy là pháp không sinh, vì không sinh có thể tương ưng pháp không sinh, không chỗ sinh. Vì sao? Vì pháp không sinh, không chỗ sinh ấy và biện tài đều không sinh. Tất cả các pháp này không hợp, không tan, không sắc, không thấy, chẳng thể nắm bắt, tức là nhất tướng, không có tướng sở hữu.

Ngài Xá-lợi-phất nói:

–Không chỗ sinh, không biện luận về chỗ sinh, pháp không chỗ sinh cũng không sinh, vì vậy có thể tương ưng.

Ngài Tu-bồ-đề nói:

–Đúng vậy, đúng vậy! Vì không sinh nên không biện luận về chỗ sinh, pháp không sinh cũng không chỗ sinh mới là tương ưng. Vì sao? Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng không chỗ sinh. Sáu tình là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng không chỗ sinh. Thanh văn, Bíchchi-phật cho đến Phật cũng không chỗ sinh. Vì vậy, thưa Tôn giả Xálợi-phất, không biện luận về chỗ sinh, không không chỗ sinh, pháp không chỗ sinh, cho nên hành trạng của nó là không chỗ sinh. Như thế mới có thể tương ưng pháp không sinh.

Ngài Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề:

–Hiền giả Tu-bồ-đề là bậc Thuyết pháp đệ nhất. Vì sao? Vì nếu có ai hỏi thì tùy theo câu hỏi mà giải đáp, nhưng đối với tất cả các pháp không vướng mắc.

Ngài Xá-lợi-phất nói tiếp:

–Thế nào là đối với tất cả pháp không vướng mắc? Ngài Tu-bồ-đề trả lời:

–Sắc, thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh, rỗng không, cũng không vướng mắc, cũng không trong ngoài, cũng không trung gian. Sự tiếp xúc của sáu tình, mười tám chủng cũng rỗng không, thanh tịnh, chẳng vướng mắc trong ngoài, cũng không trung gian. Sáu pháp Ba-la-mật và bảy không, ba mươi bảy phẩm, mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật cũng thanh tịnh, rỗng không, chẳng vướng mắc trong ngoài, trung gian.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Đối với tất cả các pháp ấy không vướng mắc, Đại Bồ-tát hành sáu pháp Ba-la-mật, thì đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh, cho đến trí Nhất thiết đều thanh tịnh.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi:

–Sao gọi là Đại Bồ-tát thuần hành sáu pháp Ba-la-mật mà làm thanh tịnh đạo Bồ-tát?

Ngài Tu-bồ-đề trả lời:

–Thí ba-la-mật ấy, có thí thế gian, chẳng vượt thế gian. Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát nhã Ba la mật cũng có trí thế tục và trí vượt thế tục.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi:

–Sao gọi là Thí ba-la-mật thế tục? Thí ba-la-mật vượt thế tục?

Ngài Tu-bồ-đề trả lời:

–Đại Bồ-tát bố thí nhiều cho Sa-môn, Bà-la-môn, người nghèo cùng, kẻ ăn xin. Đối với người đói cho ăn, người khát cho uống, hương hoa, âm nhạc, nhà cửa, bảy báu, nghề nghiệp sinh sống, thuốc thang trị bệnh, tất cả đều thỏa mãn theo ý muốn, kể cả vợ con nam nữ, đầu mắt, da thịt, thân thể, những cái mà con người ham muốn, nhưng Bồ-tát chẳng thương tiếc, mở lòng ban cho, theo nhu cầu mà trao tặng, không có bỏn sẻn. Tự nghĩ: "Ta là thí chủ buông bỏ tất cả, theo lời Phật dạy, hành Thí ba-la-mật." Thí như thế rồi, nhưng nếu có vông tưởng, đối với các chúng sinh, tâm chí còn điên đảo cho là chắc thật, đem sự bố thí này, khuyến trợ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Dùng sự bố thí này khiến cho quần sinh hiện thế an ổn cho đến đạt cảnh giới Vô dư Niết-bàn. Bồ-tát ấy có ba việc mà thấy có bố thí. Những gì là ba? Tưởng về mình, tưởng tôi ta, tưởng có quả báo khi bố thí cho người khác. Đó là Thí ba-la-mật thế gian, chẳng phải vượt thế gian. Thế nào là Thí ba-lamật thế gian, chẳng phải vượt thế gian? Ở tại thế gian chẳng dời đổi, chẳng được độ thoát đạt đến vô chướng ngại, đó là Thí ba-lamật thế gian. Có thể làm thanh tịnh ba phẩm. Những gì là ba? Đại Bồ-tát có bố thí nhưng chẳng thủ đắc tôi ta, chẳng thấy người nhận, có sự nhận lấy cũng chẳng tưởng nghĩ báo đáp. Đó là Đại Bồ-tát làm thanh tịnh ba phẩm.

Lại nữa, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát bố thí cho chúng sinh nhưng cũng không thấy có người, vì để khuyến trợ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên không có các tưởng, đều không thấy có, đó là Thí ba-la-mật vượt thế gian. Cho nên gọi là Thí ba-la-mật vì vượt thế gian nên chẳng vướng mắc thế gian. Giới, Nhẫn, Tinh tấn, Thiền, Bát nhã Ba la mật cũng lại như thế, nếu có vọng tưởng thì là trí thế gian, không có vông tưởng là trí vượt thế gian.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Đó là Đại Bồ-tát thuần hành sáu pháp Ba-la-mật thành đạo Bồ-tát.

Ngài Xá-lợi-phất lại hỏi ngài Tu-bồ-đề:

–Sao gọi là Đại Bồ-tát thành tựu đạo Bồ-tát?

Ngài Tu-bồ-đề đáp:

–Ý chỉ, Ý đoạn, Thần túc, Căn, Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, mười Lực, bốn Vô úy, mười tám pháp Bất cộng, Ba môn giải thoát: Không, Vô tướng, Vô nguyện, bảy không, tất cả các môn Tam-muội, môn Đà-la-ni, bốn phân biệt biện, đại Từ, đại Bi, đó là đạo của Đại Bồ-tát.

Ngài Xá-lợi-phất khen:

–Hay thay, hay thay! Thưa Tôn giả Tu-bồ-đề! Cái gì làm cho ba-la-mật thành dũng mãnh, là đệ nhất trong việc độ thoát? Ngài Tu-bồ-đề trả lời:

–Nhờ ân của Bát nhã Ba la mật dũng mãnh mà được độ thoát.

Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật là mẹ của tất cả các pháp, hộ trì, độ thoát cho Thanh văn, Bích-chi-phật, vì khiến thành tựu được Bồ-tát nên gọi là Bát nhã Ba la mật. Bát nhã Ba la mật đều nhập trong Tam thừa. Chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quá khứ, vị lai, hiện tại, trong mười phương thế giới đều nhờ Bát nhã Ba la mật mà đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thành bậc không thoái chuyển. Nếu có Đại Bồ-tát nghe nói Bát nhã Ba la mật mà không hồ nghi, chẳng do dự thì nên biết Đại Bồ-tát ấy tùy thuận tất cả chúng sinh, vì tất cả, không có gì tiếc nuối, bố thí hết, không điên đảo. Như thế là chẳng lìa hạnh Đại Bồ-tát. Như vậy điều tưởng niệm là tư duy về đại Bi rộng lớn.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát ưa tư duy về đại Từ, đại Bi tức là xả ly tất cả chúng sinh. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh chẳng lìa niệm.

Ngài Tu-bồ-đề nói:

–Hay thay, hay thay! Hiền giả Xá-lợi-phất! Nay tôi khen ngợi lời nói của Hiền giả là chân là thật. Con người không sở hữu, điều nghĩ tưởng ấy cũng không sở hữu, con người không tự nhiên, điều nghĩ tưởng ấy cũng không tự nhiên. Con người cũng rỗng không, niệm cũng rỗng không, con người không thật, niệm cũng không thật, thân người rỗng không, vô niệm cũng rỗng không, không có con người, không có sự giác ngộ, niệm cũng không giác ngộ. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng không sở hữu, niệm cũng không sở hữu, bảy không cũng không sở hữu, sắc không sở hữu, rỗng không, không thật. Sắc không giác, niệm cũng không giác. Mười tám chủng, địa, thủy, hỏa, phong, thức, giới; Thí, Giới, Nhẫn, Tinh tấn, Thiền, Bát nhã Ba la mật, ba mươi bảy phẩm, mười Lực, Vô úy, pháp của chư Phật, tất cả các môn Tam-muội, môn Đà-la-ni, trí Nhất thiết, hiểu rõ những pháp đó đều là không sở hữu thì đó là đạo. Sở niệm không sở hữu, con người không giác, sở niệm cũng không giác, hiểu rõ điều đó rồi mới thành Chánh giác. Đại Bồ-tát nên hành như thế. Đại Bồ-tát chẳng lìa niệm ấy mới thành Chánh giác.

Bấy giờ Đức Phật khen ngợi Tu-bồ-đề:

–Hay thay, hay thay! Đại Bồ-tát nên nói như thế. Bát-nhã bala-mật-đa như ông đã nói là đều nương vào oai thần của Như Lai. Đại Bồ-tát nên hành Bát nhã Ba la mật như thế.

Khi Hiền giả Tu-bồ-đề nói Bát nhã Ba la mật thì trong tam thiên đại thiên thế giới, sáu thứ chấn động, các phương Đông, Tây, Nam, Bắc trên dưới đều chấn động. Khi ấy Đức Phật mỉm cười.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Vì sao hôm nay Ngài cười?

Chắc là có lý do?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đúng! Hôm nay ta ở cõi Nhẫn này, nói Bát nhã Ba la mật, thì các Đấng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hiện tại trong mười phương cũng đều nói Bát nhã Ba la mật.

Khi Phật nói lời ấy có mười hai triệu chư Thiên, con người đều đắc pháp nhẫn không từ đâu sinh, ngay khi ấy thấy hết chư Phật mười phương đều nói Bát nhã Ba la mật. Và Đức Phật khi nói lời ấy, vô số vô số người đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

QUYỂN 10
Phẩm 25: VẤN

Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân, bốn Thiên vương, các trời Diệm, các trời Đâu-thuật, các trời Ni-ma-la, các trời Ba-la-ni-mật, các trời Phạm, các trời Ca-di, các trời Thủ-đà-vệ, cùng vô số ức trăm ngàn thiên nhân trong tam thiên đại thiên thế giới, chư Thiên nhân này do phước đức đời trước nên ánh sáng rực rỡ, nhưng so với Như Lai thì ánh sáng của Ngài gấp trăm ức ngàn ức vạn lần, gấp hơn ức vạn lần. Ngài là bậc Tôn quý, là bậc Cao thượng, là bậc không ai sánh bằng, là bậc không ai so sánh, không gì là chẳng thông đạt.

Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân thưa với Hiền giả Tu-bồ-đề:

–Nay bốn Thiên vương, chư Thiên Thủ-đà-vệ… đều đến dự đại hội, muốn nghe Hiền giả Tu-bồ-đề nói pháp Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát an trụ trong Bát nhã Ba la mật như thế nào? Nên hành như thế nào?

Ngài Tu-bồ-đề nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Chư Thiên tử muốn nghe, tôi sẽ nói.

Ngài Tu-bồ-đề nương oai thần của Đức Phật, nhờ ân Đức Phật trợ giúp để nói Bát nhã Ba la mật, ứng với sự lập hạnh của các Bồ-tát. Ngài Tu-bồ-đề nói:

–Vị Thiên tử nào chưa phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác thì nay nên phát. Vị nào vào chánh kiến Thanh văn thì chẳng thể phát tâm đại đạo. Vì sao? Vì đã bít lấp đường sinh tử. Nhưng tôi chính thức khiến cho những người này hành đạo Bồ-tát. Tôi nhân danh niềm vui của họ để khuyến trợ làm cho họ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tôi không bao giờ đoạn mất công đức của họ. Tôi muốn làm cho họ chọn pháp trung đạo tôn quý, chính là muốn cho họ đạt Phật đạo vô thượng.

Ngài Tu-bồ-đề nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Vừa rồi, ông hỏi, Bồ-tát an trú trong Bát nhã Ba la mật như thế nào? Tâm trí Nhất thiết của Đại Bồ-tát chẳng chấp sắc có thường hoặc vô thường, hoặc khổ hoặc vui, hoặc ngã hoặc vô ngã, chẳng chấp họa hoạn về bệnh tật lo sầu, có hại, không hại, có ràng buộc, không ràng buộc, có độ thoát, không độ thoát, hoại diệt sự sợ hãi thường gặp, đạt đến thân rỗng không, rốt ráo không còn tin gì, không tranh tụng, cũng không nhớ nghĩ, không có điên đảo. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế. Đối với nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; địa, thủy, hỏa, phong, không, thức chẳng thấy có

thường, vô thường, có ngã, vô ngã, hoặc khổ, hoặc vui và các hoạn nạn tật bệnh lo sầu. Đối với các loại thanh sắc, không nhớ nghĩ, cũng không điên đảo. Năm ấm, sáu suy và các thức chủng tịch nhiên, không thật. Các điều tưởng nghĩ, xét theo Phật pháp, đều là điên đảo.

Lại nữa, này Câu-dực! Đại Bồ-tát muốn tương ưng tâm trí Nhất thiết để hành Thí ba-la-mật thì không chấp trước, hành Giới, Nhẫn, Tinh tấn, Thiền đều không chấp trước.

Lại nữa, này Câu-dực! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, quán sát các pháp, biết rõ các pháp, biết rõ các pháp lần lượt là nhân duyên thành tựu cho nhau, được đầy đủ rồi, lần lượt hình thành sự hiểu biết về các pháp là không có tôi ta, cũng không có thân. Bồ-tát dùng điều đó để khuyến trợ đạo tâm. Cái đạo tâm ấy cũng không sở hữu.

Ngài Tu-bồ-đề nói với Câu-dực:

–Khuyến trợ đạo tâm biết không sở hữu tức là biết đạo tâm. Mà không sở hữu thì chẳng thể nắm bắt được. Nếu khuyến trợ đạo tâm, chẳng nắm bắt được thì, này Câu-dực! Đó là Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, quán tất cả các pháp chẳng thấy các pháp là cái có thể nắm bắt được.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Thế nào là khuyến trợ đạo tâm mà không sở hữu? Thế nào là khuyến trợ đạo tâm mà chẳng thể nắm bắt được? Thế nào là khuyến trợ đạo tâm không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được?

Ngài Tu-bồ-đề trả lời Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực! Tâm khuyến trợ ấy cùng với tâm vốn là đạo tâm. Như vậy thì không có tâm nào khác. Không có tâm thì dùng không tâm mà khuyến trợ, không có không niệm, dùng không niệm để khuyến trợ. Nếu không tâm thì dùng không tâm, không có niệm thì dùng không có niệm tức là Bát nhã Ba la mật của Đại Bồ-tát.

Đức Phật dạy:

–Hay thay, hay thay! Này Tu-bồ-đề! Nếu có thể khuyến trợ Đại Bồ-tát thì mới nói Bát nhã Ba la mật như vậy.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Con đem thân mình báo đáp công ân của Phật, hành sự nhiều lần. Vì sao? Vì chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quá khứ khiến các đệ tử vì các Bồ-tát nói Bát nhã Ba la mật. Thuở quá khứ, chư Phật vì các Bồ-tát khuyến trợ giảng nói sáu pháp Ba-la-mật, các Ngài tuần tự khen ngợi, dẫn dụ tiến tới, khuyến hóa kiến lập đạo phẩm ấy. Thuở ấy, Thế Tôn vốn cùng với các Bồ-tát hưng khởi sáu pháp Ba-la-mật, đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thành không thoái chuyển.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Nay con cũng như thế, sẽ

khuyến trợ các Đại Bồ-tát phát khởi sự tin ưa thọ trì sáu pháp Ba-lamật, khai hóa kiến lập Phật đạo. Con đã thọ trì rồi, đã khiến họ ưa thích rồi, ân cần khuyến lập sẽ khiến cho Đại Bồ-tát mau thành tựu Vô thượng Bồ-đề không thoái chuyển.

Ngài Tu-bồ-đề nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực! Hãy lắng nghe! Vừa rồi ông hỏi, Bồ-tát an trú trong Bát nhã Ba la mật thế nào mà không chỗ trú?

Này Câu-dực! Cái gọi là sắc thì sắc đó tức là không. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại là không. Cái gọi là Bồ-tát thì Bồ-tát là không. Vì sắc là không cho nên Bồ-tát là không, không có

hai, cũng không nhiều. Vì thọ, tưởng, hành, thức là không nên Bồ-tát cũng là không, không có hai, cũng không nhiều.

Này Câu-dực! Đó là Đại Bồ-tát an trú trong Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, này Câu-dực! Cái gọi là nhãn thì nhãn tức là không. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng lại như thế. Cái gọi là Bồ-tát thì Bồ-tát cũng là không. Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý là không cho nên Bồ-tát cũng là không, không có hai, cũng không có nhiều. Địa, thủy, hỏa, phong là không vì vậy Bồ-tát cũng là không. Sáu sự trong thân đều không sở hữu, gốc ngọn đều là không, cũng không có hai, cũng không có nhiều.

Này Câu-dực! Như vậy là Đại Bồ-tát an trú trong Bát-nhã bala-mật.

Lại nữa, này Câu-dực! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, hiểu rõ si là không, sắc, lục nhập, cánh, lạc, thống, ái, thọ, hữu, sinh lão bệnh tử cũng lại là không. Vì mười hai nhân duyên diệt hết cho nên gọi là không. Mười hai nhân duyên là không cho nên Bồ-tát cũng là không, không có hai, cũng không có nhiều.

Này Câu-dực! Như vậy là Đại Bồ-tát an trú trong Bát-nhã bala-mật.

Lại nữa, Câu-dực! Vì Thí ba-la-mật là không nên Bồ-tát là không. Giới, Nhẫn, Tinh tấn, Thiền, Bát nhã Ba la mật cũng lại là không. Vì sáu pháp Ba-la-mật là không nên Bồ-tát là không. Đó là Đại Bồ-tát an trú trong Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, này Câu-dực! Pháp nội không, pháp ngoại không, pháp không gần, pháp không xa, pháp chân không, pháp sở hữu không, pháp không sở hữu không đều là không cho nên Bồ-tát cũng là không. Bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật, tất cả các môn Tam-muội, môn Đà-la-ni đều là không cho nên Bồ-tát là không. Sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm đều là không, bảy không là không, pháp của chư Phật là không, các môn Tam-muội là không, môn Đà-la-ni là không, không có hai, cũng không có nhiều.

Này Câu-dực! Đó là Đại Bồ-tát an trú trong Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, này Câu-dực! Trí Nhất thiết là không. Vì trí Nhất thiết

là không nên Bồ-tát cũng là không. Trí Nhất thiết là không và Bồ-tát cũng là không cho nên đều không có hai, không có nhiều.

Này Câu-dực! Đó là Đại Bồ-tát an trú trong Bát nhã Ba la mật.

Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát an trú trong Bát nhã Ba la mật như thế nào? Ngài Tu-bồ-đề trả lời:

–Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật chẳng nên trụ trong sắc, chẳng nên trụ trong thọ, tưởng, hành, thức, chẳng nên trụ trong nhãn xúc. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng lại như thế, không xúc, không trụ. Địa, thủy, hỏa, phong cũng không xúc, cũng không trụ. Chẳng nên trụ Ý chỉ, Ý đoạn, Căn, Lực, Giác ý, tám Thánh đạo. Chẳng nên trụ trí Nhất thiết. Chẳng nên trụ Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, Ala-hán, Bích-chi-phật và Phật đạo. Chẳng nên trụ có thường, vô thường của sắc. Chẳng nên trụ có thường, vô thường của thọ, tưởng, hành, thức. Chẳng nên trụ khổ, vui của sắc. Chẳng nên trụ tịnh, bất tịnh của sắc. Chẳng nên trụ ngã sở, chẳng phải ngã sở của sắc. Chẳng nên trụ không, bất không của sắc. Chẳng nên trụ tịch tĩnh, bất tịch tĩnh của sắc. Chẳng nên trụ không thật, không không thật. Chẳng nên trụ có Tu-đà-hoàn, không có Tu-đà-hoàn. Chẳng nên

trụ có Tư-đà-hàm, không có Tư-đà-hàm. Chẳng nên trụ có A-na-hàm, không có A-na-hàm. Chẳng nên trụ có A-la-hán, không có A-la-hán. Chẳng nên trụ có Bích-chi-phật, không có Bích-chi-phật. Chẳng nên trụ có Phật, không có Phật. Chẳng nên trụ bốn đạo Thế Tôn, Bíchchi-phật, Phật Thế Tôn.

Lại nữa, này Câu-dực! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật chẳng nên trụ trụ địa Bồ-tát thứ nhất, thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy, thứ tám, thứ chín, thứ mười, từ lúc mới phát tâm cho đến không thoái chuyển, cũng không chỗ trụ. Bồ-tát chẳng nên trụ đầy đủ Thí ba-la-mật, Giới, Nhẫn, Tinh tấn, Thiền, Bát nhã Ba la mật cũng lại như thế; chẳng nên trụ ba mươi bảy phẩm, mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật.

Đại Bồ-tát chẳng nên nghĩ thế nào? Đó là "Ta nhập pháp Bồ-tát. Ta nhập địa không thoái chuyển." Chẳng nên khởi trụ như thế.

Đại Bồ-tát chẳng nên trụ năm Thần thông, cũng chẳng nên trụ năm Thần thông của Bồ-tát. Đã đắc năm thần thông rồi đến vô số vô số cõi nước chư Phật, chiêm ngưỡng chư Phật Thiên Trung Thiên, cúi đầu làm lễ, lắng nghe thuyết pháp, như pháp đã thọ, nói lại cho hội chúng.

Đại Bồ-tát chẳng nên khởi trụ này: "Như cõi nước mà Đức Phật Thiên Trung Thiên đã biến hiện, ta sẽ hóa hiện thế giới như thế."

Đại Bồ-tát chẳng nên khởi trụ thế giới này: "Ta sẽ khai hóa tất cả chúng sinh.

Chẳng nên nghĩ: "Ta sẽ trụ ở vô số vô số thế giới, chiêm ngưỡng chư Như Lai, cúng dường hoa hương, hương bột, hương tạp, cờ phướn, lọng lụa."

Chẳng nên nghĩ: "Ta sẽ khai hóa vô số vô số người, khiến khởi tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác."

Bồ-tát chẳng nên nghĩ thế này: "Ta sẽ thành lập năm nhãn đầy đủ. Những gì là năm? Đó là Nhục nhãn, Thiên nhãn, Tuệ nhãn, Pháp nhãn, Phật nhãn."

Chẳng nên nghĩ: "Ta sẽ khởi lập tất cả bình đẳng mới có thể thành tựu các môn Tam-muội, để dùng chúng tự vui."

Chẳng nên nghĩ: "Đắc môn Đà-la-ni, mười Lực của Như Lai, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, bốn sự bất hộ, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật."

Chẳng nên nghĩ: "Ta sẽ đầy đủ đại Từ, đại Bi."

Chẳng nên trụ ba mươi hai tướng, đầy đủ tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân. Chẳng nên trụ pháp Bát đẳng, dốc lòng tin thọ trì. Chẳng nên trụ Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật. Chẳng nên trụ Tu-đà-hoàn bảy lần chết, bảy lần sinh để giải thoát. Chẳng nên trụ "Phược kỳ" là một hạng chân nhân đứng đầu, hết các trần lao.

Chẳng trụ trong Niết-bàn của Tu-đà-hoàn. Chẳng nên trụ Tưđà-hàm. Vì sao? Vì tới lui trong thế gian để dứt hết khổ, vào diệt độ.

Chẳng nên trụ quả chứng A-na-hàm. Vì sao? Vì thành A-na-

hàm rồi liền ở trên cõi trời vào Niết-bàn.

Chẳng nên trụ quả chứng A-la-hán. Vì sao? Vì thành đạo A-lahán rồi liền trụ trong Vô dư Niết-bàn. Chẳng nên nhập Niết-bàn cho nên chẳng nên trụ. Niết-bàn của Bích-chi-phật vượt qua Niết-bàn địa Thanh văn, mhưng chẳng thể sánh kịp Niết-bàn của Phật. Vì vậy, chẳng nên trụ trong đạo của Bích-chi-phật. Chẳng nên trụ việc đạo, ở trong đạo tuệ mà không chấp trước.

Chẳng nên trụ trí Nhất thiết. Vì sao? Vì trí Nhất thiết hiểu rõ tất cả pháp, thành Đẳng chánh giác, dứt các kiết trần lao chướng ngại. Vì sao? Vì Như Lai thành Đẳng chánh giác liền chuyển pháp luân, tức là làm Phật sự độ vô số người chẳng thể tính đếm, khiến nhập Niết-bàn. Vì vậy, chẳng nên trụ trong Phật, trụ bốn Thần túc, dùng Tam-muội sắc tượng, loại Tam-muội vượt qua và tồn tại hằng hà sa số kiếp.

Chẳng nên trụ thọ mạng vô số. Chẳng nên trụ ba mươi hai tướng mà mỗi tướng cả trăm công đức được thành tựu. Chẳng nên trụ hằng hà sa thế giới chư Phật. Chẳng nên trụ cõi Phật ở Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phía, trên dưới và một cõi Phật. Chẳng nên trụ mười phương cõi Phật là một cõi. Chẳng nên trụ ngồi dưới cây Bồ-đề, vì cây ấy phát ra mùi hương, khiến cho chúng sinh nghe mùi hương này đúng như hương vị của nó, thì không bị dâm, nộ, si ràng buộc, chẳng phát ý Thanh văn, Bích-chi-phật mà đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bất kỳ chúng sinh nào nghe mùi hương này rồi thì thân, khẩu, ý đều không bệnh. Ở cõi Phật đó, cũng không chỗ trụ, tức không có âm thanh của sắc, không có âm thanh của thọ, tưởng, hành, thức.

Chẳng nên trụ âm thanh của Thí, Giới, Nhẫn, Tinh tấn, Thiền, Bát nhã Ba la mật.

Chẳng nên trụ âm thanh của bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật.

Chẳng nên trụ âm thanh Niết-bàn của Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thành Đẳng Chánh Giác.

Này Câu-dực! Như trên là Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, chẳng nên trụ vào những âm thanh vướng mắc này.

Bấy giờ Hiền giả Xá-lợi-phất, tâm tự nghĩ: “Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật như thế nào?” Ngài Tu-bồ-đề biết tâm niệm của Xá-lợi-phất, liền nói với Xá-lợi-phất:

–Theo ý ông thì sao? Như Lai trụ ở chỗ nào?

Ngài Xá-lợi-phất trả lời ngài Tu-bồ-đề:

–Như Lai không chỗ trụ, chẳng phải không trụ. Phật không tâm, không sắc, chẳng trụ ở sắc; chẳng trụ thọ, tưởng, hành, thức, chẳng trụ cảnh giới hữu vi, chẳng trụ cảnh giới vô vi, chẳng trụ các Tam-muội không, ba mươi bảy phẩm, mười Lực, Vô úy, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật, chẳng trụ trí Nhất thiết.

Ngài Tu-bồ-đề khen Xá-lợi-phất:

–Đúng vậy, đúng vậy! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật nên trụ như thế. Chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác cũng chẳng có trụ, Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật nên trụ không có chỗ trụ như thế.

Bấy giờ trong hội các Thiên tử… đều nghĩ: “Lời nói, ý nghĩ của các Duyệt-xoa đều có thể hiểu rõ điều âm thanh phát ra. Nhưng lời nói của Tôn giả Tu-bồ-đề chẳng thể hiểu được.” Tu-bồ-đề biết tâm niệm của các Thiên tử, bảo họ:

–Chẳng biết ư?

Các Thiên tử trả lời:

–Dạ, chẳng biết!

Khi ấy Tôn giả Tu-bồ-đề vì các Thiên tử phân biệt nói:

–Không có một loại văn tự để có thể nói, chẳng thể phân biệt, cũng không người nghe. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật không có văn tự để nói, cũng không người nghe. Vì sao? Vì Như Lai không văn tự.

Này các Thiên tử! Ví dụ như Đức Như Lai hóa làm hóa nhân.

Có hóa nhân rồi, hóa làm bốn bộ chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưubà-tắc, Ưu-bà-di. Rồi vì bốn bộ chúng ấy nói pháp. Theo ý các Thiên tử thì sao? Có người nói, có người hiểu chăng?

Trả lời:

–Thưa không!

Ngài Tu-bồ-đề nói:

–Này các Thiên tử! Như thế tất cả các pháp cũng hóa hiện ra, không có người nói, không có người nghe. Ví như trong mộng nghe Phật nói kinh. Thế nào? Có người nói, có người nghe hiểu chăng?

Đáp:

–Thưa không!

Ngài Tu-bồ-đề nói:

–Tất cả các pháp đều như mộng, không có người nói, không có người nghe, không có người biết. Ví như hai vị Thiên tử đứng ở cửa địa ngục, khen ngợi Phật, Pháp, Tăng. Âm thanh của hai người cùng phát ra. Thế nào? Hai âm thanh ấy có hình thành âm thanh thứ hai chăng?

Đáp:

–Thưa không!

Ví như nhà ảo thuật ở ngã tư đường, hóa làm Như Lai nói pháp cho bốn bộ chúng. Thế nào? Có người nói pháp, có người nghe hiểu chăng?

Các Thiên tử lại nghĩ: “Bát nhã Ba la mật mà Tu-bồ-đề đã nói rất sâu xa, rất sâu xa, đạt đến chỗ thâm diệu!”

Ngài Tu-bồ-đề biết ý nghĩ của các Thiên tử, bảo với họ:

–Sắc chẳng phải chẳng sâu xa, chẳng phải vi diệu? Thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải chẳng sâu xa, chẳng phải vi diệu? Sắc chẳng phải chẳng tự nhiên, sâu xa, vi diệu? Thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải chẳng tự nhiên, sâu xa, vi diệu? Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng lại như thế. Thí, Giới, Nhẫn, Tinh tấn, Thiền, Bát-nhã ba-lamật chẳng phải chẳng tự nhiên, sâu xa, vi diệu? Pháp nội không, pháp ngoại không, pháp không gần, pháp không xa, pháp chân không, pháp sở hữu không, pháp không sở hữu không, mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật, tất cả các môn Tam-muội, môn Đà-la-ni, trí Nhất thiết chẳng phải chẳng phải tự nhiên, sâu xa, vi diệu?

Khi ấy các Thiên tử nghĩ: “Người nói pháp chẳng quyết định sắc, thọ, tưởng, hành, thức chăng? Chẳng quyết định sáu pháp Ba-lamật, bảy không, ba mươi bảy phẩm, mười Lực, Vô úy, pháp của chư Phật chăng? Chẳng quyết định Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật chăng?”

Ngài Tu-bồ-đề biết tâm niệm của các Thiên tử, liền nói với họ. Này các Thiên tử, đúng vậy! Phật đạo không chứng đắc. Như Lai cũng chẳng thuyết pháp, cũng không có người nghe, cũng

không có người hiểu. Ai muốn đắc quả chứng Tu-đà-hoàn, quả chứng Tư-đàhàm, quả chứng A-na-hàm, A-la-hán thì đừng rời trí nhẫn. Quả Bíchchi-phật cũng như vậy.

Này các Thiên tử! Như vậy, Đại Bồ-tát sơ phát tâm trụ Bát nhã Ba la mật không có nói năng, tức cũng chẳng nghe.

QUYỂN 10
Phẩm 26: PHÁP SƯ NHƯ HUYỄN

Bấy giờ các Thiên tử suy nghĩ: "Tôn giả Tu-bồ-đề nói pháp như thế, thì nên dùng gì để nghe?"

Ngài Tu-bồ-đề biết ý nghĩ của các Thiên tử, bảo với họ:

–Pháp sư như huyễn, người nghe như hóa, những điều nghe được cũng chẳng tác chứng.

Các Thiên tử lại nghĩ: "Tại sao Tu-bồ-đề nói người như huyễn,

Pháp sư như huyễn, người như hóa, người nghe như hóa?" Ngài Tu-bồ-đề nói:

–Này các Thiên tử! Đúng vậy, đúng vậy! Người như huyễn, pháp sư như huyễn, người như hóa, pháp sư như hóa, tôi ta như mộng. Sắc cũng như thế, thọ, tưởng, hành, thức cũng như mộng. Nhãn sắc như mộng, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng lại như thế. Các xúc cũng lại như mộng. Pháp nội không, pháp ngoại không, pháp không gần, pháp không xa, pháp chân không, pháp sở hữu không, pháp không sở hữu không cũng đều như mộng. Ba mươi bảy phẩm, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật cũng lại như mộng, như huyễn, như hóa. Quả Tu-đàhoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán cũng như huyễn mộng. Bích-chi-phật lên đến Chánh đẳng Chánh giác cũng như huyễn mộng.

Các Thiên tử hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Cho đến Phật đạo phải chăng cũng là như huyễn mộng?

Ngài Tu-bồ-đề đáp:

–Cho đến Niết-bàn cũng là như huyễn mộng.

Các Thiên tử hỏi ngài Tu-bồ-đề:

–Cho đến Niết-bàn, mà Niết-bàn cũng như mộng chăng?

Ngài Tu-bồ-đề đáp:

–Niết-bàn là pháp xưa nay rất tôn quý, nhưng không sở hữu. Tôi gọi nó như huyễn như mộng. Vì sao? Vì huyễn mộng và Niếtbàn không có hai, cũng không có nhiều, rỗng không, không sở hữu.

Khi ấy Hiền giả Xá-lợi-phất, Ma-ha Mục-kiền-liên, Ma-ha Câu-hy-la, Ma-ha Ca-chiên-diên, Bân-nậu Văn-đà-phất, Ma-ha Cadiếp và vô số chúng Bồ-tát hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Bát nhã Ba la mật ấy rất sâu xa khó hiểu, tịch nhiên, vi diệu, ai là người có thể lãnh thọ pháp thâm diệu khó đạt ấy?

Ngài Tu-bồ-đề trả lời các đệ tử Phật và các Bồ-tát:

–Đại Bồ-tát không thoái mới có thể lãnh thọ hạnh uyên thâm, vô niệm, không nghĩ bàn ấy. Nó phát xuất từ chỗ huyền viễn, tịch nhiên vời vợi, khó đạt, khó hiểu. Chỉ có bậc Hiền thánh thông tuệ mới có thể lãnh thọ Bát nhã Ba la mật này. Bậc Kiến đế là A-lahán, chí nguyện đầy đủ,

đối với Phật quá khứ đã tạo hạnh, cúng dường vô số trăm ngàn chư Phật, trồng các cội đức, được Thiện tri thức hộ trì, thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy mới có thể lãnh thọ Bát nhã Ba la mật sâu xa. Họ lắng nghe, lãnh thọ lời dạy này, hiểu biết sắc là rỗng không, chẳng tưởng. Sắc là rỗng không, chẳng tưởng thì thọ, tưởng, hành, thức cũng rỗng không, chẳng tưởng. Thần thức là rỗng không, chẳng tưởng, chấp sắc cũng chẳng tưởng. Nếu nghĩ không có sắc thì chẳng nghĩ năm ấm vô tướng, chẳng nghĩ thần thức vô tướng, chẳng nghĩ thức vô nguyện, chẳng nghĩ sắc vô nguyện. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Chẳng nghĩ năm ấm vô tưởng, chẳng nghĩ năm ấm không vô tưởng, chẳng nghĩ sắc không chỗ sinh, cũng chẳng nghĩ sắc không chỗ diệt, chẳng nghĩ tịch nhiên, không thật. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế. Chẳng nghĩ nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý không chỗ sinh, không chỗ diệt, tịch nhiên, không thật. Chẳng nghĩ các xúc do các duyên sinh khởi. Đối với Thí, Giới, Nhẫn, Tinh tấn, Thiền, Bát nhã Ba la mật, chẳng nghĩ chỗ sinh, cũng không chỗ diệt, tịch nhiên, không thật. Cho đến bảy không, ba mươi bảy phẩm, mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật, tất cả các môn Tam-muội, môn Đà-la-ni cũng lại như thế, chẳng nghĩ chỗ sinh, cũng không chỗ diệt. Quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán và Bích-chi-phật, trí Nhất thiết, đều biết rõ là rỗng không. Trí Nhất thiết chẳng tưởng niệm không, trí Nhất thiết cũng không sở nguyện. Cái không sở nguyện ấy cũng chẳng tưởng niệm trí Nhất thiết. Cái sở hữu ấy chẳng tưởng không, cái không ấy cũng chẳng tưởng sở hữu. Vô nguyện, vô tướng cũng lại như vậy. Cảnh giới vô vi chẳng tưởng không, không cũng chẳng tưởng cảnh giới vô vi. Vô nguyện, vô tướng cũng lại như vậy, không chỗ sinh, cũng không chỗ diệt, cũng không tịch nhiên, cũng không thật, đều không tưởng niệm.

Ngài Tu-bồ-đề nói với các Thiên tử:

–Bát nhã Ba la mật sâu xa, vi diệu chẳng phải là pháp mà bậc Hiền thánh minh trí được lãnh thọ. Vì sao? Vì pháp ấy không phải pháp để lãnh thọ, cũng không phải pháp để nghe, cũng không nói rõ. Nếu không người nghe, thì không người nói. Do đó, tức là không có người, không đối tượng lãnh thọ.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi ngài Tu-bồ-đề:

–Bát nhã Ba la mật này chẳng phải nói rộng ra cho tất cả các thừa A-la-hán, Bích-chi-phật, Chánh đẳng Chánh giác sao?

Bát-nhã ấy sẽ hộ trì cho hạnh Đại Bồ-tát từ khi mới phát ý

đạo Bồ-tát cho đến đạt được thập Trụ, sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm, mười Lực, Vô úy, pháp của chư Phật. Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật phát sinh thần thông, không quên mất pháp thuận. Như thế, gốc đức đã đạt từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, Bồ-tát muốn được cúng dường chư Phật Thế Tôn, đúng như lòng mong muốn, đều được toại nguyện. Cúng dường xong, theo chư Phật nghe thọ kinh pháp, chưa từng quên mất, tự đạt thành trí Nhất thiết, thường định tâm Tam-muội, chưa hề tán loạn, chưa từng tư niệm, biện tài vô ngại, nói ra điều gì không ai có thể cắt đứt nửa chừng, biện tài đúng với nghĩa lý cao siêu mầu nhiệm, vượt qua tất cả sự thông minh của thế gian.

Ngài Xá-lợi-phất nói với ngài Tu-bồ-đề:

–Đúng vậy, đúng vậy! Đúng như Tôn giả đã nói: Bát-nhã bala-mật giải nói cho ba thừa tức là trí tuệ biện tài của Đại Bồ-tát vượt qua thế gian, tôn quý không thể bì kịp, tâm không chấp trước,

tự hiểu rõ thân, không có điên đảo, cũng chẳng chấp vào sở kiến, đó là sở kiến đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cũng chẳng chấp vào sáu pháp Ba-la-mật, chẳng chấp vào bảy không, ba mươi bảy phẩm, mười Lực, Vô úy, pháp của chư Phật, cũng chẳng chấp trước trí Nhất thiết.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Vì lý do gì mà đem Bát nhã Ba la mật nói rộng cho ba thừa thì Đại Bồ-tát đạt được biện tài Bồ-tát, vượt qua tất cả thế gian mà không chấp trước?

Ngài Tu-bồ-đề trả lời Xá-lợi-phất:

–Vì pháp nội không, pháp ngoại không nên nói rộng ba thừa. Bảy không cũng lại như vậy, đều không sở hữu nên nói ba thừa. Đại Bồ-tát hiểu rõ các pháp không nên giảng thuyết pháp này cho hành giả. Vì vậy cho nên biện tài của Bồ-tát vượt qua tất cả thế gian, rất tôn quý mà không vướng mắc.

QUYỂN 10
Phẩm 27: MƯA PHÁP BẢO

Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân tự nghĩ: "Những điều Tôn giả Tu-bồ-đề đã nói hôm nay là mưa pháp báu cho cả tam thiên đại thiên thế giới, từ cõi trời Tứ Thiên vương lên đến trời A-ca-nị-sất. Pháp mà Tu-bồ-đề đã nói hôm nay là mưa pháp báu. Ta nên biến hóa ra hoa để rải lên Đức Phật, Bồ-tát và Thánh chúng cùng ngài Tu-bồ-đề.

Thích Đề-hoàn Nhân và chúng chư Thiên cả tam thiên đại thiên thế giới đều biến hóa ra hoa rải lên Đức Thế Tôn, các Đại Bồ-tát, Thánh chúng Tỳ-kheo và ngài Tu-bồ-đề để cúng dường, tự quy về Bát nhã Ba la mật. Vừa rải hoa xong, hoa này biến khắp ba ngàn cõi Phật, ở trên hư không hóa làm lầu gác vời vợi cao ngất, nhanh không thể tưởng. Tôn giả Tu-bồ-đề tự nghĩ: "Xưa kia ta từng dạo khắp các cung trời nhưng chưa được thấy các loại hoa này. Hoa vừa rải cúng đó là hoa biến hóa, chẳng phải từ cây sinh. Loại hoa mà các Thiên tử vừa rải cúng là từ cây tâm sinh ra chứ chẳng phải từ cây thường sinh."

Thích Đề-hoàn Nhân nói với Tu-bồ-đề:

–Hoa này không từ đâu sinh, chẳng từ cây tâm sinh.

Ngài Tu-bồ-đề nói:

–Như Câu-dực nói thì hoa này không từ đâu sinh, chẳng từ cây tâm sinh, nếu như lời Câu-dực nói không từ đâu sinh thì chẳng phải là hoa.

Thích Đề-hoàn Nhân trả lời ngài Tu-bồ-đề:

–Quả thật hoa không từ đâu sinh thì sắc không từ đâu sinh; thọ, tưởng, hành, thức không từ đâu sinh.

Ngài Tu-bồ-đề nói:

–Này Câu-dực! Hoa này chẳng phải không từ đâu sinh. Sắc không chỗ sinh, mà không chỗ sinh thì không có sắc. Thọ, tưởng, hành, thức không chỗ sinh, mà không chỗ sinh thì không có thọ, tưởng, hành, thức. Nhãn không chỗ sinh, mà không chỗ sinh thì không có nhãn. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng lại như thế. Thí ba-lamật cũng không chỗ sinh, mà không chỗ sinh thì không có Thí bala-mật. Giới, Nhẫn, Tinh tấn, Thiền, Bát nhã Ba la mật cũng không chỗ sinh, mà không

chỗ sinh thì không có Giới, Nhẫn, Tinh tấn, Thiền, Bát nhã Ba la mật. Bảy không, ba mươi bảy phẩm cũng không chỗ sinh, mà không chỗ sinh thì không có bảy không, ba mươi bảy phẩm. Mười Lực, Vô úy, pháp của chư Phật cũng không chỗ sinh, mà không chỗ sinh thì không có mười Lực, Vô úy, pháp của chư Phật. Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bíchchi-phật, trí Nhất thiết cũng không chỗ sinh, mà không chỗ sinh thì không có Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chiphật, trí Nhất thiết.

Thích Đề-hoàn Nhân tự nghĩ: "Tôn giả Tu-bồ-đề đã nhập trí tuệ sâu xa nên pháp đã nói ra đều không có chỗ tranh biện, cũng không lầm lẫn."

Khi ấy Đức Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực! Đúng vậy. Tu-bồ-đề đã nhập trí tuệ sâu xa. Do đã thâm nhập tuệ nên kinh pháp đã nói ra đều không có chỗ tranh biện, cũng không lầm lẫn.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Tôn giả Tu-bồ-đề thâm nhập trí tuệ thế nào mà do sự thâm nhập trí tuệ ấy, kinh pháp Tôn giả nói ra đều không chỗ tranh biện, cũng không lầm lẫn?

Đức Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Chỗ thâm nhập đó là sắc, nhập pháp này rồi thì pháp được nói ra, đều không có chỗ tranh biện, cũng chẳng lầm lẫn. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế. Vì sao? Vì đúng như pháp, không hòa không tranh. Pháp Tu-bồ-đề đã nói cũng lại như thế, chẳng động, chẳng loạn. Sáu pháp Ba-la-mật cũng lại như thế. Và bảy không, ba mươi bảy phẩm, mười Lực, Vô úy, pháp của chư Phật, chẳng đồng, chẳng loạn. Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-lahán, Bích-chi-phật, trí Nhất thiết cũng lại như thế, chẳng đồng, chẳng loạn. Vì sao? Vì pháp mà Tu-bồ-đề nói chẳng hòa, chẳng tranh mà không có hòa, tranh thì không có chỗ tranh.

Này Câu-dực! Như thế, Tu-bồ-đề do thâm nhập trí tuệ nên pháp nói ra vi diệu sáng chói như thế.

Ngài Tu-bồ-đề nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Như Thế Tôn đã dạy tất cả pháp, Đại Bồ-tát hiểu rõ như thế, lý giải tất cả các pháp, học Bát nhã Ba la mật cũng nên như vậy. Đại Bồ-tát học như thế là chẳng học sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì chẳng thấy sắc, chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức. Đại Bồ-tát học như thế là chẳng học Thí, Giới, Nhẫn, Tinh tấn, Thiền, Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì chẳng thấy học Bát nhã Ba la mật. Chẳng học Bảy không, ba mươi bảy phẩm. Vì sao? Vì chẳng thấy Bảy không, ba mươi bảy phẩm. Chẳng học mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật. Chẳng học Tu-đà-hoàn, Tư-đàhàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, trí Nhất thiết. Vì sao? Vì chẳng thấy học trí Nhất thiết.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Thưa Tôn giả Tu-bồ-đề! Vì sao chẳng thấy sắc thọ, tưởng, hành, thức, bảy không, ba mươi bảy phẩm, Thanh văn, Bích-chi-phật, Trí Nhất thiết?

Ngài Tu-bồ-đề đáp:

–Vì sắc rỗng không; thọ, tưởng, hành, thức rỗng không, cho đến trí Nhất thiết cũng rỗng không.

Này Câu-dực! Vì sắc rỗng không nên chẳng học sắc không. Vì thọ, tưởng, hành, thức rỗng không cho nên chẳng học thọ, tưởng, hành, thức không. Cho đến trí Nhất thiết cũng lại rỗng không cho nên chẳng học tuệ không.

Này Câu-dực! Đó là vì không, vì cái không ấy cho nên chẳng học không. Nếu học không thì chẳng phải một pháp mà là hai pháp. Nếu học sắc không lên đến trí Nhất thiết thì chẳng phải một. Nếu học tuệ thì chẳng phải một.

Này Câu-dực! Vì vậy sắc, thọ, tưởng, hành, thức là không, tức là không có hai, lên đến trí Nhất thiết cũng đều là không, cho nên không có hai. Sáu pháp Ba-la-mật cũng lại như thế, đều không có hai. Bảy không, ba mươi bảy phẩm, mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật, Thanh văn, Bích-chi-phật lên đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng không có hai. Trí Nhất thiết cũng không có hai. Ai có thể học trí Nhất thiết của Phật tức là học được vô số pháp chẳng thể tính đếm. Đã có thể học vô số Phật pháp thì chẳng học sắc có tăng có giảm. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy, lên đến trí Nhất thiết chẳng tăng chẳng giảm. Học năm ấm chẳng tăng chẳng giảm rồi thì có thể học trí Nhất thiết. Đã có thể học trí Nhất thiết chẳng tăng chẳng giảm rồi thì chẳng thọ học sắc, cũng không để mất, chẳng thọ học thọ, tưởng, hành, thức, cũng không để mất, chẳng thọ học Thanh văn, Bích-chi-phật lên đến trí Nhất thiết cũng không để mất.

Ngài Xá-lợi-phất nói với ngài Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát học như thế thì chẳng vì thọ học, cũng không để mất.

Ngài Tu-bồ-đề nói:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, đúng vậy! Đại Bồ-tát học như thế là chẳng vì thọ học sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cũng không để mất, chẳng thọ học trí Nhất thiết, cũng không để mất.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi ngài Tu-bồ-đề:

–Sao gọi là Đại Bồ-tát chẳng thọ học năm ấm, cũng không để mất, chẳng thọ học trí Nhất thiết, cũng không để mất?

Ngài Tu-bồ-đề trả lời:

–Sắc không sở hữu, chẳng thể thọ trì nên không thọ sắc. Thọ, tưởng, hành, thức, trí Nhất thiết đều không sở hữu, chẳng thể thọ trì nên không thọ thọ, tưởng, hành, thức, trí Nhất thiết. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, đó là Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp đều không thọ, thành tựu trí Nhất thiết.

Xá-lợi-phất hỏi ngài Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát học như thế là học Bát nhã Ba la mật, làm phát sinh trí Nhất thiết chăng?

Ngài Tu-bồ-đề trả lời:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, đúng vậy! Đại Bồ-tát học như thế

là học Bát nhã Ba la mật làm phát sinh trí Nhất thiết, đối với tất cả pháp không thọ.

Ngài Xá-lợi-phất nói với ngài Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát học như thế, đối với tất cả các pháp không thọ học, cũng không để mất. Đại Bồ-tát học như thế là làm phát sinh trí Nhất thiết.

Ngài Tu-bồ-đề nói:

–Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, chẳng thấy sắc có sinh, cũng không có diệt, chẳng thọ, chẳng xả, không trì, không tranh, chẳng tăng, chẳng giảm. Vì sao? Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Vì

sắc tự nhiên cho nên không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức, chẳng thấy sinh, cũng không diệt, chẳng thọ, chẳng xả, không trần lao, không sân hận, không buông thả, cũng chẳng phải không buông thả, không tăng, không giảm. Vì sao? Vì trí Nhất thiết tức là tự nhiên, không sở hữu.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Vì vậy, Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp, không sinh, cũng không diệt, không thọ, không xả, không trần lao, không sân hận, không buông thả, cũng chẳng phải không buông thả, không tăng, không giảm, học Bát nhã Ba la mật rồi, phát sinh trí Nhất thiết, tức là dùng vô học nên không sinh.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Đại Bồ-tát nên cầu Bát nhã Ba la mật ở đâu?

Ngài Xá-lợi-phất đáp:

–Này Câu-dực! Nên cầu ở Tôn giả Tu-bồ-đề.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi ngài Tu-bồ-đề:

–Do oai thần của Tôn giả, do sự kiến lập của Tôn giả nên khiến cho Tôn giả Xá-lợi-phất nói thế này: Tôn giả Tu-bồ-đề nói Bát nhã Ba la mật thì nên theo Tôn giả mà cầu.

Tu-bồ-đề nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Chẳng phải do oai thần của tôi kiến lập đâu.

Lại hỏi:

–Vậy do oai thần của ai mà tạo lập?

Đáp:

–Này Câu-dực! Nhờ ân oai thần của Như Lai mà tạo lập.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi Tu-bồ-đề:

–Tất cả các pháp đều không chỗ lập, như vậy tại sao gọi là do oai thần của Như Lai kiến lập? Cũng không do chỗ khác kiến lập? Chấp vào các pháp thì chẳng đắc Như Lai!

Tôn giả Tu-bồ-đề trả lời Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực! Đúng vậy. Như Lai thì không chỗ trụ, cũng không chỗ khác. Cái có thể trụ thì không khác Như Lai, hễ có sở đắc thì chẳng lìa trụ. Như Lai cũng không chỗ trụ, nhưng đối với tất cả các pháp chẳng lìa chỗ trụ, chẳng cho sắc là Như Lai, chẳng cho không cội gốc là Như Lai, chẳng cho sắc không cội gốc là Như Lai, chẳng cho Như Lai là không cội gốc, sắc là không cội gốc, sắc pháp là Như Lai, chẳng cho Như Lai là không cội gốc. Vì pháp không cội gốc cho nên các sắc không cội gốc, vì thọ, tưởng, hành, thức không cội gốc nên Như Lai không cội gốc, chẳng cho Như Lai là không cội gốc, chẳng cho thọ, tưởng, hành, thức là không cội gốc, chẳng cho thọ, tưởng, hành, thức không cội gốc là pháp của Như Lai, chẳng cho pháp của Như Lai là pháp của thức, chẳng cho Thanh văn, Bích-chiphật lên đến trí Nhất thiết, Như Lai là không cội gốc, chẳng cho Như Lai là không cội gốc, trí Nhất thiết là không cội gốc, chẳng cho pháp trí Nhất thiết là pháp của Như Lai, chẳng cho pháp của Như Lai là pháp của trí Nhất thiết.

Lại nữa, này Câu-dực! Như Lai đối với pháp không hợp không tan, đối với pháp thọ, tưởng, hành, thức không hợp không tan, đối với cái khác năm ấm chẳng có hợp có tan, đối với Như Lai chẳng có hợp có tan, đối với pháp trí Nhất thiết chẳng có hợp có tan, đối với trí Nhất thiết của Như Lai không hợp, không tan, đối với pháp trí Nhất thiết chẳng có hợp có tan, đối với cái khác trí Nhất thiết, Như Lai chẳng có hợp có tan.

Lại nữa, này Câu-dực! Đối với các pháp này chẳng hợp chẳng tan. Dùng oai thần này kiến lập mà có chỗ trụ. Vừa rồi Câu-dực hỏi rằng: Đại Bồ-tát sẽ cầu Bát nhã Ba la mật ở đâu? Chẳng cầu ở sắc, chẳng cầu khác sắc, chẳng cầu ở thọ, tưởng, hành, thức, chẳng cầu khác thọ, tưởng, hành, thức. Bát nhã Ba la mật đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức, tất cả các pháp không hợp, không tan, không sắc, không thấy, chẳng thể thọ trì, chỉ có một tướng, tức là tướng không sở hữu.

Lại nữa, này Câu-dực! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật lên đến trí Nhất thiết đều không có sự mong cầu, chẳng đối với nơi khác mà cầu trí Nhất thiết. Vì sao? Vì cầu trí Nhất thiết của Bát nhã Ba la mật, đối với tất cả các pháp không hợp, không tan, không sắc, không thấy, chẳng thể thọ trì, tức là chỉ có một tướng, là tướng không sở hữu. Vì sao? Này Câu-dực! Vì Bát nhã Ba la mật không có sắc, cũng không có cái khác sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức, cũng không có cái khác thọ, tưởng, hành, thức. Thức chẳng khác Bát nhã Ba la mật, cũng không có khác trí Nhất thiết, chẳng phải Bát nhã Ba la mật không khác trí Nhất thiết. Bát nhã Ba la mật của Như Lai không sắc, cũng không khác sắc, cũng không khác thọ tưởng, hành thức. Bát nhã Ba la mật cũng không khác thức. Trí Nhất thiết chẳng phải Bát nhã Ba la mật, Bát nhã Ba la mật không khác trí Nhất thiết. Bát nhã Ba la mật của Như Lai không sắc, cũng không khác sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế, không khác thọ, tưởng, hành, thức, cũng chẳng phải không cội gốc. Bát nhã Ba la mật không có pháp sắc, cũng không có pháp khác sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế. Bát nhã Ba la mật không sắc, không có cội gốc, cũng không khác sắc, không không cội gốc. Bát nhã Ba la mật không có pháp sắc, cũng không có khác pháp sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế. Thanh văn, Bích-chi-phật, lên đến trí Nhất thiết cũng lại như thế, không có pháp sắc trí Nhất thiết cũng không khác pháp sắc trí Nhất thiết. Bát nhã Ba la mật không có trí Nhất thiết, không có cội gốc, cũng không khác trí Nhất thiết, chẳng phải không cội gốc.

Ngài Thích Đề-hoàn Nhân nói với Tu-bồ-đề:

–Đó là Bát nhã Ba la mật của Đại Bồ-tát không khác ba-lamật vô hạn. Pháp mà Đại Bồ-tát có thể học là Tu-đà-hoàn, Tư-đàhàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, Bồ-tát, Phật theo đó mà học. Nếu Đại Bồ-tát học pháp này dùng để khai hóa chúng sinh, làm nghiêm tịnh cõi Phật thì sẽ chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Ngài Tu-bồ-đề nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực! Đúng vậy. Đó là Bát nhã Ba la mật của Đại Bồ-tát không khác ba-la-mật vô hạn. Nên học như thế. Vì ba thừa đều do đó sinh Đại Bồ-tát tự đạt đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thành bậc Đẳng Chánh Giác.

Sắc không có biên giới, đó là Ba-la-mật vô cực của Đại Bồ-tát. Vì sao? Vì chẳng thể nắm bắt sắc quá khứ, cũng chẳng thể nắm bắt sắc hiện tại, cũng chẳng thể nắm bắt sắc vị lai. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế; thọ, tưởng, hành, thức không có biên giới, Ba-la-mật vô cực. Vì sao? Vì chẳng thể nắm bắt thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, cũng chẳng thể nắm bắt thọ, tưởng, hành, thức vị lai, cũng chẳng thể nắm bắt thọ, tưởng, hành, thức hiện tại. Thanh văn, Bích-chi-phật cho đến Phật không cùng cực, không biên giới, cũng lại như vậy.

Này Câu-dực! Đó là Ba-la-mật vô cực của Đại Bồ-tát. Sắc không có hạn lượng, Bát nhã Ba la mật cũng không có hạn lượng. Vì sao? Vì sắc chẳng thể nắm bắt được hạn lượng.

Này Câu-dực! Thí như hư không chẳng thể nắm bắt được giới hạn, sắc không có hạn lượng, cũng lại như thế. Hư không không có hạn lượng cho nên sắc không có hạn lượng. Sắc không có hạn lượng cho nên Bát nhã Ba la mật không có hạn lượng, lên đến trí Nhất thiết cũng không có hạn lượng, cho nên Bát nhã Ba la mật không có hạn lượng. Đó là hạnh của các Đại Bồ-tát. Vì sao? Này Câu-dực! Vì trí Nhất thiết, chẳng thể nắm bắt được biên giới. Thí như hư không chẳng thể nắm bắt được biên giới, trí Nhất thiết cũng lại như vậy. Hư không không có giới hạn nên trí Nhất thiết cũng không có giới hạn. Trí Nhất thiết không có giới hạn nên Bát nhã Ba la mật cũng không có giới hạn.

Này Câu-dực! Vì vậy Bát nhã Ba la mật không có giới hạn. Đó là các Đại Bồ-tát như hư không vô biên. Sắc không cùng tận, Ba-la-mật không cùng tận. Vì sao? Này Câu-dực! Vì sắc không biên giới, cũng không trung gian. Thọ, tưởng, hành, thức cũng không biên giới, cũng không trung gian. Vì vậy ba-la-mật của các Đại Bồ-tát không có biên giới, không cùng tận. Vì sao? Vì Thần túc, chẳng thể nắm bắt được cái cùng tận, không có trung gian, lên đến trí Nhất thiết cũng không cùng tận, Ba-la-mật cũng không cùng tận. Đó là hạnh của các Đại Bồ-tát. Vì sao? Này Câu-dực! Vì trí Nhất thiết, chẳng thể nắm bắt được biên giới, cũng không có trung gian. Ba-la-mật không cùng tận. Đó là sắc của Đại Bồ-tát không cùng tận cho nên trí Nhất thiết cũng không cùng tận.

Lại nữa, này Câu-dực! Sự việc không cùng tận, ba-la-mật không cùng tận. Có thể hiểu như thế tức là Đại Bồ-tát.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi Tu-bồ-đề:

–Vì sao sự việc không cùng tận, Ba-la-mật không cùng tận? Ngài Tu-bồ-đề trả lời:

–Này Câu-dực! Vì sự việc của trí Nhất thiết không cùng tận, cho nên ba-la-mật của các Đại Bồ-tát cũng không cùng tận. Lại nữa, Câu-dực, pháp không cùng tận, cho nên Ba-la-mật của các Đại Bồ-tát cũng không cùng tận.

Thích Đề-hoàn Nhân lại hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Vì sao pháp không cùng tận, ba-la-mật của các Đại Bồ-tát cũng không cùng tận?

Ngài Tu-bồ-đề trả lời:

–Vì pháp giới không cùng tận cho nên Ba-la-mật của các Đại Bồ-tát cũng không cùng tận. Lại nữa, này Câu-dực! Vì sự việc không cội gốc đều không cùng tận nên ba-la-mật của các Đại Bồ-tát cũng không cùng tận.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi ngài Tu-bồ-đề:

–Vì sao việc không cội gốc đều không cùng tận nên ba-la-mật của các Đại Bồ-tát cũng không cùng tận?

–Này Câu-dực! Vì không cội gốc, không cùng tận nên không cùng tận. Vì sự việc không đầu mối, không cội gốc, không cùng tận, nên không cội gốc, không cùng tận. Vì sự việc không cùng tận, vì không cùng tận cho nên Ba-la-mật của các Đại Bồ-tát cũng không cùng tận. Lại nữa, vì con người không cùng tận cho nên ba-la-mật của các Đại Bồ-tát cũng không cùng tận.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi ngài Tu-bồ-đề:

–Vì sao con người không cùng tận nên ba-la-mật của các Đại Bồ-tát cũng không cùng tận?

Ngài Tu-bồ-đề trả lời:

–Này Câu-dực! Theo ý ông thì sao? Trong pháp nào có dạy cái gọi là Đại Bồ-tát chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân trả lời ngài Tu-bồ-đề:

–Thưa ngài Tu-bồ-đề! Không có trong giáo pháp cũng chẳng phải không có trong giáo pháp. Đây là danh tự, từ duyên ngoài đến, đều không sở hữu, không cội gốc, hình tượng, chỉ là tương tự giả danh. Cái gọi là con người, thật ra không có nhân duyên chính mà chỉ là danh tự giả lập.

–Này Câu-dực! Ông hiểu về Bát nhã Ba la mật như thế nào? Có phải là thuyết minh về con người chăng?

Trả lời:

–Thưa không phải!

Ngài Tu-bồ-đề nói:

–Này Câu-dực! Nếu chẳng nói về con người thì đâu không cùng tận.

Này Câu-dực! Vậy tại sao Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác sống lâu số kiếp nhiều như số cát sông Hằng mà ai ai cũng nói? Có phải Ngài là người có sinh có diệt chăng?

–Thưa Tôn giả Tu-bồ-đề, không phải! Vì sao? Vì con người vốn thanh tịnh.

–Này Câu-dực! Vì vậy con người không cùng tận, Bát-nhã bala-mật không cùng tận. Bồ-tát học, phải biết như vậy, hành pháp Bát nhã Ba la mật như vậy.

HẾT

(Kinh "Quang Tán")

---o0o---

4. "MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT"

Đại Tạng Kinh số mang số 0223, gồm 27 quyển do Pháp sư Cưu Ma La Thập dịch từ Phạn sang Hán và Tỳ kheo Thích trí Tịnh dịch từ Hán sang Việt. Viện Phật Học Phổ Hiền Xuất Bản PL. 2530 DL 1986 (Trọn bộ 3 tập). Thành Hội Phật Giáo TP. Hồ Chí Minh Ấn hành P.L 2539 DL. 1995 (Trọn bộ 3 tập).

Lưu ý:

Kinh "Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa" do Phật thuyết ở Pháp hội thứ II của kinh Đại Bát Nhã Ba La Mật Đa viết tắt là Đại Bát Nhã(ĐBN). Để tiện việc trì tụng và tu tập nên trong mỗi phần tựa của kinh "Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa", chúng tôi có ghi thêm phần tựa tương đương với kinh ĐBN để quý vị độc giả tiện việc nghiên cứu, đối chiếu. Lại nữa, cuối mỗi quyển chúng tôi có ghi thêm phần thích nghĩa để quý vị nào mới học Phật dễ lãnh hội.

--- o0o ---

MỤC LỤC: Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa.

--- o0o ---

QUYỂN THỨ NHẤT
PHẨM TỰ: THỨ NHỨT

(Tương đương với phẩm "Duyên Khởi" và phẩm "Học Quán", Q.01 đến đầu Q.03 , kinh ĐBN)

Tôi nghe như vầy: Một thuở nọ đức Phật ở trong núi Kỳ Xà Quật tại thành Vương Xá cùng với đại Tỳ Kheo Tăng trên năm ngàn người, đều là những bậc A La Hán đã hết hữu lậu dứt phiền não, tâm được giải thoát, huệ được giải thoát, tâm ý điều nhu, là bực đại long tượng(1), chỗ làm đã xong, lợi mình đã được, sạch hết kiết sử(2), bỏ gánh hoặc nghiệp(3), kham gánh chánh pháp, do chánh trí mà được giải thoát. Riêng Ngài A Nan là còn ở bực hữu học, chứng quả Tu Đà Hoàn.

Lại có năm trăm Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di thấy được thánh đế.

Lại có hàng đại Bồ Tát đều được những môn đà là ni và những môn tam muội, thật hành không, vô tướng, vô tác, đã được đẳng nhẫn(4) và vô ngại tổng trì(5). Đây đều là bực ngũ thần thông không còn giải đãi, đã rời bỏ danh lợi, thuyết pháp không cầu báo, lời nói ra tất được mọi người kính tin, chứng thâm pháp nhẫn được sức vô úy, giải thoát tất cả ma hạnh nghiệp chướng,

khéo tuyên nói pháp nhơn duyên. Từ vô số kiếp đến nay, các Ngài phát thệ nguyện lớn, nhan sắc hòa vui thường thưa hỏi trước, lời nói dịu dàng, ở giữa đại chúng tự tại không sợ, từng khéo thuyết pháp từ vô số ức kiếp, biết rõ các pháp như ảo, như diệm, như bóng trăng trong nước, như hư không, như vang, như bóng, như mộng, như thành càn thát bà(6), như tượng trong gương, như biến hóa, đã được vô ngại vô úy biết rõ tâm hành của chúng sanh dùng trí huệ vi diệu mà cứu độ chúng. Các Ngài đã thành tựu đại nhẫn vô ngại như thật, nguyện lãnh thọ vô lượng thế giới của chư Phật, tưởng niệm đến vô lượng thế giới, chư Phật chánh định thường hiện tiền, có thể thỉnh vô lượng chư Phật, có thể dứt những kiến chấp và các phiền não, xuất sanh và du hí trăm ngàn muôn tam muội. Hàng đại Bồ Tát đây thành tựu vô lượng công đức như vậy. Danh hiệu của các Ngài là: Bạt Đà Là Bồ Tát, Kế Na Na Dà La Bồ Tát, Đạo Sư Bồ Tát, Na La Đạt Bồ Tát, Tinh Đắc Bồ Tát, Thủy Thiên Bồ Tát, Chủ Thiên Bồ Tát, Đại Ý Bồ Tát, Ých Ý Bồ Tát, Tăng Ý Bồ Tát, Bất Hư Kiến Bồ Tát, Thiện Tấn Bồ Tát, Thế Thắng Bồ Tát, Thường Cần Bồ Tát, Bất Xả Tinh Tấn Bồ Tát, Nhựt Tạng Bồ Tát, Bất Khuyết Ý Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Chấp Bửu Ấn Bồ Tát, Thường Cử Thủ Bồ Tát, Từ Thị Bồ Tát, có trăm ngàn muôn ức na do tha(7) đại Bồ Tát như vậy. Hàng đại Bồ Tát nầy đều là bực nhất sanh bổ xứ(8) nối ngôi Phật.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn tự trải tòa sư tử rồi ngồi kiết già ngay thẳng nhiếp niệm nhập tất cả môn vương tam muội. Sau đó đức Phật an tường xuất định dùng thiên nhãn nhìn xem thế giới trọn thân mỉm cười, từ tướng thiên bức luân(9) dưới lòng bàn chân phóng ra sáu trăm muôn ức quang minh. Từ mười ngón chân, hai mắt cá, hai bắp chân, hai gối, hai vế, eo, lưng, rún, bụng, hông, ngực, chữ vạn, vai, cánh tay, mười ngón tay, cổ, miệng, bốn mươi răng, mũi, mắt, tai, bạch hào, nhục kế, mỗi chỗ trên thân Phật phóng sáu trăm muôn ức quang minh. Từ những quang minh nầy phát ra quang minh lớn chiếu khắp Đại Thiên thế giới, rồi chiếu đến hằng sa thế giới của chư Phật ở mười phương, từ đây quang minh lại chiếu vượt qua hằng sa thế giới khắp mười phương. Nếu chúng sanh nào gặp được quang minh nầy thời quyết định được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tất cả lỗ lông khắp thân của Phật cũng đều mỉm cười phóng quang minh chiếu khắp cõi Đại Thiên suốt đến hằng sa thế giới ở mười phương. Nếu chúng sanh nào gặp được quang minh nầy thời quyết định được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Thế Tôn lại phóng quang minh thường chiếu khắp cõi Đại Thiên suốt đến hằng sa thế giới ở mười phương. Nếu chúng sanh nào gặp được quang minh nầy thời quyết định được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Thế Tôn mỉm cười vui vẻ hiện tướng lưỡi rộng dài(10) trùm khắp Đại Thiên thế giới, phóng ra vô lượng ngàn muôn ức quang minh. Mỗi quang minh nầy hóa thành hoa báu ngàn cánh màu hoàng kim. Trên hoa báu đều có Hóa Phật ngồi kiết già tuyên nói sáu phép ba la mật. Chúng sanh nào nghe được thời quyết định được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Quang minh nầy cũng chiếu đến hằng sa thế giới ở mười phương và cũng hiện hoa báu Hóa Phật thuyết pháp như vậy.

Bấy giờ đức Phật vẫn ngồi trên tòa sư tử mà nhập sư tử du hí tam muội. Do thần lực của Phật, cả Đại Thiên thế giới đều chấn động sáu cách(11), làm cho mọi loài đều hòa vui.

Trong cõi Đại Thiên nầy, hàng địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và bát nạn(12) đều được sanh lên cõi trời Tứ Vương đến trời Tha Hóa Tự Tại. Các vị Thiên Tử nầy tự biết túc mạng(13) đều rất vui mừng đồng đến chỗ đức Phật ngự, đảnh lễ chân Phật rồi ngồi qua một phía. Hằng sa thế giới ở mười phương cũng chấn động sáu cách, các loài địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và bát nạn đều được sanh lên sáu cõi trời Dục Giới.

Bấy giờ chúng sanh ở cõi Đại Thiên nầy, kẻ mù được thấy, kẻ điếc được nghe, kẻ câm được nói, kẻ điên được tỉnh, kẻ loạn được định, kẻ bịnh được lành, kẻ tàn tật được hết tật nguyền, kẻ rách được được mặc, kẻ đói khát được ăn uống.

Tất cả mọi loài đều phát thiện tâm xem nhau như cha mẹ, anh em, chị em ruột thịt, đồng thực hành mười nghiệp đạo lành, tịnh tu phạm hạnh không phạm lỗi lầm, lòng họ điềm nhiên khoái lạc như Tỳ Kheo nhập đệ tam thiền. Họ đều được trí huệ tốt giữ mình theo giới luật không làm tổn não kẻ khác.

Đức Thế Tôn ngự trên tòa sư tử, quang minh sắc tướng oai đức nguy nguy tôn nghiêm bực nhứt, hơn cả Đại Thiên cùng hằng sa thế giới ở mười phương, như núi Tu Di cao sáng hơn tất cả núi non.

Lúc đức Thế Tôn đem thân thường hiển thị cho chúng sanh trong cõi Đại Thiên, nhơn chúng cùng hàng phi nhơn và chư Thiên ở Dục giới, Sắc giới đem những thiên hoa, thiên hương, thiên anh lạc đến rải trên đức Phật. Những hoa hương báu nầy dừng ở hư không hóa thành đài báu lớn thòng những chuỗi ngọc cùng lọng báu nhiều màu giăng trùm Đại Thiên thế giới, do đây nên toàn cõi Đại Thiên thành màu hoàng kim, đến hằng sa thế giới ở mười phương cũng như vậy.

Chúng sanh ở cõi nầy và chúng sanh ở thế giới mười phương đều tự cho là đức Phật chỉ riêng thuyết pháp cho mình.

Đức Thế Tôn vui vẻ mỉm cười, miệng Phật phóng quang minh chiếu khắp Đại Thiên thế giới. Do quang minh nầy mà chúng sanh đồng thấy chư Phật và Tăng chúng trong hằng sa thế giới ở mười phương. Chúng sanh ở hằng sa thế giới ở mười phương kia cũng thấy Phật Thích Ca Mâu Ni và đại chúng ở cõi Đại Thiên nầy.

Phương đông qua khỏi hằng sa thế giới có cõi Đa Bửu của Phật Bửu Tích. Đức Phật đây hiện đương giảng Bát nhã ba la mật cho chư Đại Bồ Tát. Nơi đó có Bồ Tát hiệu Phổ Minh thấy quang minh thấy chấn động lại thấy thân Phật Thích Ca Mâu Ni, Ngài liền đến bạch hỏi duyên do với Phật Bửu Tích. Đức Phật Bửu Tích bảo đó là thần lực của Phật Thích Ca Mâu Ni ở cõi Ta Bà(14) cách đây hằng sa thế giới về phương Tây. Đức Thích Ca Mâu Ni sắp vì chúng đại Bồ Tát mà tuyên nói Bát nhã ba la mật. Phổ Minh Bồ Tát bạch đức Phật Bửu Tích rằng nay tôi muốn đến lễ bái cúng dường Phật Thích Ca Mâu Ni và gặp gỡ các vị đại Bồ Tát. Phật Bửu Tích thuận cho và trao hoa sen ngàn cánh màu hoàng kinh cho Phổ Minh Bồ Tát mà dặn rằng ông đem hoa nầy cúng dường Phật Thích Ca Mâu Ni. Ông nên nhứt tâm trân trọng đến cõi Ta Bà. Các vị Bồ Tát sanh vào cõi đó thật là khó bằng khó hơn. Phổ Minh Bồ Tát lãnh hoa sen ngàn cánh màu hoàng kim từ tạ Phật Bửu Tích rồi cùng vô số đại chúng đem những hoa hương phan lọng đến chỗ Phật Thích Ca Mâu Ni đảnh lễ bạch rằng, đức Phật Bửu Tích gởi lời thăm và dâng hoa cúng dường.

Phật Thích Ca Mâu Ni nhận hoa sen ngàn cánh màu hoàng kim rồi rải vụt qua phương Đông cúng dường hằng sa chư Phật. Hoa sen ấy hóa thành hằng sa đóa hoa khắp cả hằng sa thế giới ở phương Đông. Trên mỗi đóa hoa sen đều có Hóa Bồ Tát ngồi kiết già nói sáu pháp ba la mật, ai nghe được tiếng pháp nầy thời quyết định đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đại chúng theo Phổ Minh Bồ Tát cũng đem hoa hương phan lọng của mình dâng cúng Phật Thích Ca Mâu Ni.

Phương Nam qua khỏi hằng sa thế giới có cõi Ly Nhứt Thiết Ưu của Phật Vô Ưu Đức. Nơi đó có Bồ Tát hiệu Ly Ưu.

Phương Tây qua khỏi hằng sa thế giới có cõi Diệt Ác của Phật Bửu Sơn. Nơi đó có Bồ Tát hiệu Nghĩa Ý.

Phương Bắc qua khỏi hằng sa thế giới có cõi Thắng Quốc của đức Phật Thắng Vương. Nơi đó có Bồ Tát hiệu Đức Thắng.

Hạ phương qua khỏi hằng sa thế giới có cõi Thiện Quốc của đức Phật Thiện Đức. Nơi đó có Bồ Tát hiệu Hoa Thượng.

Thượng phương qua khỏi hằng sa thế giới có cõi Hỉ Quốc của đức Phật Hỉ Đức. Nơi đó có Bồ Tát hiệu Đức Hỉ.

Chư Bồ Tát trên đây ở cõi mình thấy quang minh thấy chấn động.v.v…liền cùng đại chúng cầm hoa hương phan lọng đến Ta Bà thế giới kính lễ cúng dường Phật Thích Ca Mâu Ni đồng như Phổ Minh Bồ Tát ở phương Đông.

Lúc bấy giờ Đại Thiên thế giới thành trang nghiêm vi diệu như Hoa Tích thế giới cùng Phổ Hoa thế giới.

Đức Như Lai biết hàng đại Bồ Tát cùng chư Nhơn Thiên Bát bộ(15) ở hằng sa thế giới đều đã vân tập bèn gọi Ngài Xá Lợi Phất mà dạy rằng: "Đại Bồ Tát muốn dùng Nhất thiết chủng trí để biết tất cả pháp, thời phải tu tập Bát nhã ba la mật".

Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát muốn dùng Nhất thiết chủng trí để biết tất cả pháp, thời phải tu tập Bát nhã Ba la mật như thế nào?"

Phật dạy: "Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát **dùng phương pháp chẳng an trụ mà an trụ trong Bát nhã Ba la mật.**

Bởi không có pháp để xả bỏ nên được đầy đủ Đàn na Ba la mật(bố thí), vì người cho, kẻ nhận và tài vật đều bất khả đắc.

Vì tội và không tội đều bất khả đắc nên đầy đủ Thi la Ba la mật(trì giới).

Vì tâm chẳng động nên đầy đủ Sằn đề Ba la mật(an nhẫn).

Vì thân tâm tinh tấn chẳng giải đải nên đầy đủ Tỳ lê gia Ba la mật(tinh tấn).

Vì chẳng tán loạn, chẳng say mê nên đầy đủ Thiền na Ba la mật(thiền định).

Vì chẳng chấp trước tất cả pháp nên đầy đủ Bát nhã Ba la mật(bát nhã).

Đại Bồ Tát dùng phương pháp chẳng an trụ mà an trụ trong Bát nhã Ba la mật. Vì bất sanh nên đầy đủ bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bẩy giác phần, tám thánh đạo phần, không tam muội, vô tướng tam muội, vô tác tam muội, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, tám bội xả, tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười nhất thiết xứ(16).

Cũng đầy đủ chín pháp tưởng thây chết(17): Tưởng sình, tưởng nứt, tưởng máu chảy, tưởng thúi rã, tưởng bầm xanh, tưởng dòi trùng ăn, tưởng nát, tưởng xương trắng, tưởng cháy tan.

Cũng đầy đủ tám chánh niệm: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí xả, niệm thiên, niệm xuất tức nhập tức(18), niệm chết.

Cũng đầy đủ mười pháp quán: Quán vô thường, quán khổ, quán vô ngã, quán món ăn nhơ nhớp, quán thế gian tất cả đều không đáng vui ưa, quán chết, quán bất tịnh, quán đoạn trừ, quán ly dục, quán diệt tận.

Cũng đầy đủ mười một trí(19): Pháp trí, tỷ trí, tha tâm trí, thế trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, tận trí, vô sanh trí, như thiệt trí.

Cũng đầy đủ ba môn tam muội: Tam muội có giác có quán, tam muội không giác có quán, tam muội không giác không quán.

Cũng đầy đủ ba căn: Căn chưa biết sắp biết, căn biết, căn đã biết.

Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát muốn biết tất cả công đức của Phật như mười trí lực, bốn vô sở úy, bốn trí vô ngại, mười tám pháp bất cộng, đại từ, đại bi, thời phải tu tập Bát nhã Ba la mật.

Đại Bồ Tát muốn đầy đủ đạo huệ, muốn dùng đạo huệ để đầy đủ đạo chủng huệ, muốn dùng đạo chủng huệ để đầy đủ Nhất thiết trí, muốn dùng Nhất thiết trí để đầy đủ Nhất thiết chủng trí, muốn dùng Nhất thiết chủng trí để dứt tập khí phiền não, đều phải tu tập Bát nhã Ba la mật.

Đại Bồ Tát phải học tập Bát nhã ba la mật như vậy.

Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát muốn lên địa vị Bồ Tát, muốn hơn bực Thanh Văn, Duyên Giác, muốn trụ bực bất thối chuyển, muốn có lục thần thông, muốn biết chí hướng của tất cả chúng sanh, muốn có trí huệ hơn tất cả trí tuệ của Thanh Văn, Bích Chi Phật, muốn được những môn đà la ni, những môn tam muội, đều phải học Bát nhã Ba la mật.

Đại Bồ Tát muốn dùng tâm tùy hỉ để hơn trên những sự bố thí, trì giới, tam muội thiền định, trí huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, giải thoát tam muội của tất cả những người cầu Thanh Văn, Bích Chi Phật, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ Tát thực hành phần ít bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, mà muốn do sức phương tiện hồi hướng để được vô lượng vô biên công đức, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ Tát muốn thực hành Đàn na ba la mật, Thi la ba la mật, Sằn đề ba la mật, Tỳ lê gia ba la mật, Thiền na ba la mật, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ Tát muốn đời đời thân thể giống như thân Phật đủ ba mươi hai tướng đại nhơn, tám mươi tùy hình hảo, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Muốn sanh nhà Bồ Tát, muốn được bực đồng chân(20), muốn chẳng rời Phật, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Muốn đem những thiện căn cúng dường chư Phật và cung kính tôn trọng tán thán tùy ý thành tựu, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Muốn làm cho chúng sanh thỏa nguyện về những thứ uống, ăn, y phục, giường nệm, đèn đuốc, phòng nhà, xe cộ, thuốc men, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát muốn làm cho chúng sanh ở hằng sa thế giới đứng vững nơi sáu môn ba la mật, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Muốn gieo một thiện căn ở trong phước điền của Phật còn mãi đến khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vẫn không hết, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Muốn chư Phật ở mười phương ca ngợi danh hiệu của mình, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Muốn vừa phát ý thời thân liền đến hằng sa thế giới ở mười phương, muốn vừa phát âm thời tiếng vang đến hằng sa thế giới ở mười phương, đều phải học Bát nhã ba la mật.

Muốn thế giới của chư Phật chẳng dứt diệt, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ Tát muốn an trụ nơi nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô thỉ không, tán không, tánh không, tự tướng không, chư pháp không, vô sở đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Muốn biết nhân duyên, thứ đệ duyên, duyên duyên và tăng thượng duyên của các pháp(21), thời phải học Bát nhã ba la mật.

Muốn biết pháp như, pháp tánh và thật tế của các pháp, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ Tát phải như vậy mà an trụ trong Bát nhã ba la mật.

Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát muốn đếm biết số vi trần của những hòn núi, của những quả đất trong Đại Thiên thế giới, muốn phân tích một sợ lông làm trăm phần rồi lấy một phần lông chấm hết nước của những suối ao, sông ngòi, biển cả trong Đại Thiên thế giới mà không kinh động đến loài thủy tộc, muốn thổi một cái liền tắt ngọn lửa cháy khắp Đại Thiên thế giới như hỏa tai lúc kiếp tận, muốn lấy một ngón tay ngăn dừng những cơn gió lớn có thể làm tan nát Đại Thiên thế giới đến tất cả những núi Tu Di như thổi tan đống cỏ mục, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Muốn một lần ngồi kiết già có thể làm cho thân thể biến khắp tất cả không gian trong Đại Thiên thế giới, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Muốn lấy một sợ lông vít những núi Tu Di trong Đại Thiên thế giới ném qua khỏi vô số thế giới phương khác mà không kinh động đến chúng sanh trong đó, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Muốn đem một suất ăn, một bộ y phục, một nén hương, một cành hoa, một cây đèn, một tràng phan, một bảo cái mà có thể cúng dường đầy đủ khắp chư Phật cùng chư Tăng trong hằng sa thế giới ở mười phương, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát muốn làm cho chúng sanh trong hằng sa thế giới ở mười phương đều đủ giới hạnh, tam muội, trí huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, cùng làm cho được quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, nhẫn đến được vô dư Niết Bàn, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật lúc bố thí nên biết rõ rằng: Bố thí như vậy được quả báo rất lớn, bố thí như vậy được sanh vào giòng quý hiền, bố thí như vậy được sanh lên trời Tứ Vương, trời Đao Lợi, trời Dạ Ma, trời Đâu Suất, trời Hóa Lạc, trời Tha Hóa, bố thí như vậy được nhập sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, không vô biên xứ, thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ, phi hữu tưởng, phi vô tưởng xứ, nhơn bố thí nầy được bát thánh đạo phần, nhơn bố thí nầy được quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến quả Phật, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát thực hành Bát nhã ba la mật, lúc bố thí, do nơi sức huệ phương tiện nên có thể đầy đủ Đàn na ba la mật, Thi la ba la mật, Sằn đề ba la mật, Tỳ lê gia ba la mật, Thiền na ba la mật và Bát nhã ba la mật".

Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát lúc bố thí, do nơi sức huệ phương tiện nên đầy đủ sáu ba la mật?"

Đức Phật nói: "Nầy Xá Lợi Phất! Do vì người bố thí, kẻ thọ và tài vật đều bất khả đắc nên có thể đầy đủ Đàn na ba la mật. Vì có tội cùng chẳng tội đều chẳng dính mắc nên đầy đủ Thi la ba la mật. Vì tâm bất động nên đầy đủ Sằn đề ba la mật. Vì thân tâm tinh tấn nên đầy đủ Tỳ lê gia ba la mật. Vì chẳng tán loạn chẳng say đắm nên đầy đủ Thiền na ba la mật. Vì biết tất cả pháp đều bất khả đắc nên đầy đủ Bát nhã ba la mật.

Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát muốn được công đức của chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Muốn đến bờ kia của pháp hữu vi và pháp vô vi, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Muốn biết pháp như, pháp tướng và biên tế vô sanh của các pháp quá khứ, hiện tại, vị lai, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát muốn đứng trước tất cả hàng Thanh Văn, Duyên Giác, muốn hầu hạ chư Phật, muốn làm nội quyến của chư Phật, muốn được quyến thuộc lớn, muốn được quyến thuộc Bồ Tát, muốn thanh tịnh báo đại thí, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát muốn những tâm xan lẫn, phá giới, sân khuể, giải đãi, tán loạn, ngu si đều chẳng phát khởi, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát muốn làm cho tất cả chúng sanh đứng vững nơi phước bố thí, nơi phước trì giới, nơi phước tu tập thiền định, nơi phước khuyến đạo, nơi tài phước và pháp phước, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát muốn được ngũ nhãn thời phải học Bát nhã ba la mật. Đây là ngũ nhãn: nhục nhãn, thiên nhãn, huệ nhãn, pháp nhãn và Phật nhãn.

Đại Bồ Tát muốn dùng thiên nhãn thấy chư Phật trong hằng sa thế giới, muốn dùng thiên nhĩ nghe pháp của chư Phật ở mười phương tuyên nói, muốn hiểu biết tâm của Phật, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Muốn nghe được pháp của chư Phật ở mười phương tuyên nói, nghe xong nhớ mãi đến khi thành Vô thượng Bồ đề vẫn không quên, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Muốn thấy thế giới của chư Phật ở quá khứ, thấy thế giới của chư Phật vị lai và thế giới ở mười phương của chư Phật hiện tại, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Muốn nghe mười hai bộ kinh(22), từ khế kinh trường hàng đến luận nghị kinh mà hàng Thanh Văn nghe cùng chẳng nghe, nghe xong đều muốn đọc tụng, thọ trì trọn vẹn, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Chánh pháp của chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai trong hằng sa thế giới đã tuyên nói, hiện nay nói và sẽ nói, được nghe xong đều muốn tin lãnh thọ trì, thực hành và giảng nói lại cho người khác, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Muốn đem quang minh chiếu khắp những chỗ mà mặt nhựt mặt nguyệt chẳng chiếu đến trong hằng sa thế giới ở mười phương, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Muốn làm cho tất cả chúng sanh trong hằng sa thế giới ở mười phương, những nơi không có danh hiệu Phật, Pháp, Tăng, đều được chánh kiến nghe danh hiệu Tam Bảo, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Muốn làm cho chúng sanh trong hằng sa thế giới ở mười phương, do năng lực của ta mà kẻ mù được thấy, kẻ điếc được nghe, kẻ rách được lành, kẻ đói khát được no đủ, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát muốn làm cho chúng sanh trong hằng sa thế giới ở mười phương, do năng lực của ta mà những loài trong ba ác đạo đều được thân người, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Muốn làm cho chúng sanh trong hằng sa thế giới ở mười phương, do năng lực của ta mà được đứng vững nơi giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến(23), được quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến quả Vô thượng Bồ đề, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ Tát muốn học oai nghi của chư Phật, muốn nhìn ngó như tượng vương, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ Tát nguyện rằng khiến cho tôi lúc đi, chân tôi cách đất bốn lóng tay cách mặt đất, tôi sẽ được vô lượng chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc, từ Tứ Thiên Vương đến Sắc Cứu Cánh Thiên cung kính vây quanh cùng đi đến dưới cội bồ đề. Tôi sẽ ngồi dưới cội bồ đề và chư Thiên sẽ trải tòa cho tôi. Muốn được như vậy, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Lại nguyện lúc tôi thành Phật, chỗ tôi đi đứng ngồi nằm đều sẽ là Kim cang. Muốn được vậy, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát nếu muốn ngày xuất gia liền thành đạo Vô thượng Bồ đề, liền chuyển pháp luân có vô lượng vô số chúng sanh xa lìa trần cấu ở trong các pháp được pháp nhãn thanh tịnh, có vô lượng vô số chúng sanh vì chẳng thọ tất cả pháp nên được vô lậu giải thoát, có vô lượng vô số chúng sanh được bất thối chuyển Vô thượng Bồ đề, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ Tát muốn lúc thành Phật sẽ dùng vô lượng vô số Thanh Văn làm Tăng, lúc nói một thời pháp, tất cả chư Tăng nầy liền được quả A La Hán, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ Tát muốn lúc thành Phật, sẽ dùng vô lượng vô số Bồ Tát làm Tăng, lúc nói một thời pháp, tất cả chư Tăng nầy đều được bất thối chuyển, được vô lượng thọ mạng đầy đủ quang minh, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ Tát muốn lúc thành Phật, trong thế giới không có danh từ tam độc, dâm dục, sân khuể, ngu si, tất cả chúng sanh đều thành tựu chánh trí huệ, thiện thí, thiện giới, thiện định, thiện phạm hạnh, thiện từ bi, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ Tát muốn lúc thành Phật, sau khi nhập Niết Bàn, chánh pháp không diệt tận, cũng không có danh từ diệt tận, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ Tát muốn lúc thành Phật, chúng sanh ở hằng sa thế giới ở mười phương nghe danh hiệu của ta quyết định sẽ được Vô thượng Bồ đề, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát muốn được những công đức như vậy, thời phải học Bát nhã ba la mật.

Thích nghĩa:

(1). Bậc đại long tượng: Nguyên chỉ cho những con voi khỏe mạnh nhất trong loài voi. Từ ngữ này được dùng để chỉ cho người có năng lực mạnh mẽ, có uy đức hơn người như Bồ tát chẳng hạn.

(2). Kiết sử: (kiết hay kết tiếng Phạm: Bandhana hoặc Saôyojana): Cũng gọi Kết sử. Trói buộc, chỉ cho phiền não. Vì phiền não trói buộc chúng sinh vào cảnh mê, khiến cho không thể thoát khỏi cái khổ sinh tử, nên gọi là Kết(trói buộc).

*(3). Hoặc nghiệp: **Hoặc**: cũng gọi là phiền não, **nghiệp**: kết quả của tạo tác . Do các hoặc tham, sân, si mà tạo các nghiệp thiện ác, rồi lại do các nghiệp này làm nhân mà chiêu cảm quả khổ sống chết trong 3 cõi. Vì hoặc khởi nghiệp, vì nghiệp mà phải chịu khổ, vì khổ lại khởi hoặc, cứ thế xoay vần, qua lại trong sinh tử tạo thành một chu kỳ bất tận.*

(4). Đẳng nhẫn: Một trong thập nhẫn. Quán xét tất cả pháp không sinh không diệt, bình đẳng tĩnh lặng gọi là vô sinh nhẫn.

*(5). Vô ngại tổng trì: Đây là một trong **tam vô ngại** của Bồ tát nói trong kinh Đại bảo tích quyển 14, đó là: 1). Tổng trì vô ngại: Bồ tát được đại tổng trì, đối với các thiện pháp giữ gìn không mất, đối với các pháp ác kiềm chế không để phát sinh, vì thế tất cả ngôn ngữ, các pháp phân biệt đều biết, đều không quên mất, không có điều gì trở ngại. 2). Biện tài vô ngại: Bồ tát được đại biện tài, đối với các pháp Đại, Tiểu thừa, có các khả năng tùy theo căn cơ chúng sinh mà tự tại tuyên giảng, thảy đều thông suốt, không bị ngăn ngại. 3). Đạo pháp vô ngại: Bồ tát được đại trí tuệ, đối với tất cả đạo pháp Đại thừa, Tiểu thừa và các loại ngôn ngữ văn tự của thế gian, thảy đều thông suốt, không hề bị trở ngại.*

(6). Thành Càn thát bà(Phạm: Gandharva-nagara): Cũng gọi là Kiện thát bà thành, Kiện đạt phọc thành, Hiến đạt phọc thành. Nói tắt là Bà thành, Càn đạt thành, Càn thành. Dịch ý là Tầm hương thành. Chỉ lầu gác, núi sông, rừng rậm, không có thực mà hiện giữa hư không. Truyền thuyết cho rằng, thần Càn thát bà hóa hiện thành quách giữa hư không, vì thế mà gọi là Càn thát bà thành. Hoặc chỉ các ảo ảnh trên biển, sa mạc, giữa đồng không mông quạnh ở vùng nhiệt đới, do nhiệt độ nung nóng thay đổi chiết suất của không khí tạo thành lâu cát thành quách nhưng không có thật. Trong kinh thường dùng hình ảnh này để thí dụ các pháp không thật có.

(7). Na do tha (Phạm: Nayuta, Niyuta): Cũng gọi Na dữu đa, Na do tha, Ni do đa, Na thuật. Hán dịch: Triệu, Câu. Danh từ chỉ số lượng của Ấn độ. Một con số rất lớn. Có nơi nói là một ngàn ức, lại có nơi nói là một vạn ức, hoặc một ngàn vạn ức. Đây chỉ là cách nói tượng trưng cho một con số rất lớn.

(8). Nhất sanh bổ xứ: Bậc Bồ tát thọ thân cuối cùng trước khi thành Phật và được ủy thác giáo hóa chúng sinh ở một cõi nước (xứ) nào đó.

(9). Tướng thiên bức luân: Dưới bàn chân Thế Tôn có các tướng xoáy tròn như bánh xe có ngàn nan hoa, cái nào cũng tròn đầy. Đó là tướng thứ hai trong 32 tướng Đại sĩ(Phật).

(10). Tướng lưỡi rộng dài hay quảng trường thiệt tướng (Phạm: Prabhùta-jihvatà, hoặc Prabhùta-tanu-jihvatà): Cũng gọi: Quảng trường luân tướng. Gọi tắt: Trường thiệt tướng, Quảng trường thiệt. Tướng lưỡi rộng dài: Một trong ba mươi hai tướng Lưỡi của chư Phật rộng dài, mềm mại, có màu hồng và mỏng; khi thè ra thì trùm cả mặt cho đến lằn tóc ở trán. Tướng

này có 2 đặc trưng: 1). Nói lời chân thật. 2). Biện thuyết vô cùng tận, không ai có thể hơn được. Kinh Đại Bát Nhã tả tướng lưỡi rộng dài trùm khắp Đại thiên Thế giới và phát hào quang chiếu tận mười phương hằng sa cõi nước.

(11). Chấn động sáu cách(Lục chủng chấn động):

1). Phương đông vọt lên, phương tây chìm xuống.

2). Phương tây vọt lên, phương đông chìm xuống.

3). Phương nam vọt lên, phương bắc chìm xuống.

4). Phương bắc vọt lên, phương nam chìm xuống.

5). Bốn phương vọt lên, ở giữa chìm xuống.

6). Ở giữa vọt lên, bốn phương chìm xuống.

(12). Bát nạn: Là tám nạn, tám trường hợp không may có thể xảy ra trên con đường học đạo giác ngộ của một tu sĩ. Bát nạn bao gồm: 1). Địa ngục (s: naraka); 2). Súc sinh (s: tiryañc*); 3). Ngạ quỷ (s: preta); 4). Trường thọ thiên (s:dīrghāyur-deva), là cõi trời thuộc sắc giới với thọ mệnh cao. Thọ mệnh cao cũng là một chướng ngại vì nó làm mê hoặc hành giả, làm hành giả dễ quên những nỗi khổ của sinh bệnh lão tử trong Luân hồi; 5). Biên địa (s: prat-yantajanapāda), là những vùng không nằm nơi trung tâm, không thuận tiện cho việc tu học chánh pháp; 6). Căn khuyết (s: indriyavaikalya), không có đủ giác quan hoặc các giác quan bị tật nguyền như mù, điếc…; 7). Tà kiến (s: mithyādarśana), những kiến giải sai lệch, bất thiện; 8). Như Lai bất xuất sinh (s: tathāga-tānām anutpāda), nghĩa là sinh sống trong thời gian không có Phật xuất hiện hoặc giáo pháp của Ngài. (Từ điển Đạo Uyển).*

(13). Túc mạng: Trí biết được đời trước của mình gọi là túc mạng thông. (Phạn ngữ là prvanivsnusmṛti), chỉ năng lực biết được những đời trước, là một trong Ngũ thông. Cũng gọi là Túc mạng trí.

(14). Cõi Ta bà: hay cõi Sa bà (Phạm: Sahàlokadhàtu) là thế giới hiện thực do đức Phật Thích ca mâu ni giáo hóa tức thế giới mà chúng ta đang sống. Trong kinh Phật thường gọi cõi Ta bà là Diêm Phù Đề là một châu trong bốn châu có tên là Thiệm bộ châu (danh từ cũ gọi là Uế châu), nằm ở phương nam núi Tu di, cho nên cũng gọi là Nam diêm phù đề (Phạm: Dakwiịa-jambu-dvìpa).

(15). Chư Nhơn Thiên Bát bộ: Đây chỉ về người, trời và ***bát bộ chúng*** *(Tám bộ chúng): Chỉ các thần giữ gìn pháp của Phật. Cũng gọi là Thiên long bát bộ, Long thần bát bộ, Bát bộ. Đó là: Trời (Phạm: deva), Rồng (Phạm:nàga), Dạ xoa (Phạm: yakwa), Càn thát bà (Phạm:gandharva …- thần hương hoặc thần âm nhạc), A tu la (Phạm:asura), Ca lâu la (Phạm: garuđa - chim kim sí), Khẩn na la (Phạm: kiônara – người không phải người, mình người đầu ngựa, Nhạc thần), Ma hầu la già (Phạm:mahoraga - thần trăn). Các loài trên đây đều do đức của Phật cảm hóa mà qui phục và trở thành quyến thuộc của Phật, thường ở các cõi Thụ dụng của chư Phật để che chở, giữ gìn Phật pháp. Từ điển Phật Quang.*

(16). Xem lại ***phần thứ I,*** *Tổng luận, các thiện pháp hay các pháp mầu Phật đạo.*

(17). Chín pháp tưởng thây chết (còn gọi là cửu tưởng quán): Tưởng sình, tưởng nứt, tưởng máu chảy, tưởng thúi rã, tưởng bầm xanh, tưởng dòi trùng ăn, tưởng nát, tưởng xương trắng, tưởng cháy tan. Đây là pháp "Cửu tưởng quán", hay còn gọi là quán lâm thi. Người quán pháp

này thường vào khu rừng nơi dân chúng vứt xác chết (một tục lệ khác của người Ấn như thả xát chết trên sông Hằng) rồi quan sát chín giai đoạn từ sình, nứt, máu chảy… cho đến xương rơi tan nát. Pháp quán nay dùng đối trị lòng tham dục…

(18). Niệm xuất tức nhập tức (còn gọi là Sổ tức quán): Tức nhớ thở ra hít vào, nhiếp tâm theo dõi hơi thở, mục đích đối trị tán loạn.(Xem lại ***Phần thứ I****, Tổng luận).*

(19). Mười một trí: Pháp trí, tỷ trí, tha tâm trí, thế trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, tận trí, vô sanh trí, như thiệt trí. Mười trí (Phạm:Daza jïànàni): Chỉ cho 10 trí được phân biệt theo tính chất hữu lậu, vô lậu. Đó là: 1). ***Pháp trí*** *(Phạm: Dharma-jïàna): Trí vô lậu duyên theo lí Tứ đế ở cõi Dục, đoạn trừ các phiền não cõi Dục; 2). "Tỷ trí": chúng tôi cố gắng truy tầm từ tỷ trí nhưng không tìm ra, tập 20, quyển 489, phẩm "Thiện Hiện" cũng không có ghi trí này, chỉ có ghi* ***Loại trí*** *(tiếng Phạm:Anvaya-jïàna): Trí vô lậu theo Pháp trí mà phát sinh, duyên theo lí Tứ đế ở cõi Sắc, cõi Vô sắc và đoạn trừ phiền não của các cõi nay; 3).* ***Tha tâm trí*** *(Phạm: Para-cittajïàna): Trí biết rõ tâm, tâm sở hiện tại của cõi Dục, cõi Sắc và tâm, tâm sở vô lậu; 4).* ***Thế trí hay thế tục trí*** *(Phạm: Saôvftì-jïàna): Trí thường chấp vào các cảnh thế tục gọi chung là Hữu lậu tuệ; 5).* ***Khổ trí****(Phạm:Du#kha-jïàna); 6).****Tập trí*** *(Phạm: Samudaya-jïàna); 7).* ***Diệt trí*** *(Phạm:Nirodha-jïàna); 8).* ***Đạo trí*** *(Phạm:Màrga-jïàna). Bốn trí này theo thứ tự đoạn trừ phiền não của Tứ đế; 9).* ***Tận trí*** *(Phạm:Kwaya-jïàna): Trí tuệ của bậc Thánh ở giai vị Vô học, biết rõ rằng ta đã biết khổ, ta đã đoạn tập, ta đã chứng diệt, ta đã tu đạo, là trí vô lậu sinh cùng lúc với Đắc của lậu tận; 10).* ***Vô sinh trí*** *(Phạm: Anutpàdajïàna): Trí tuệ của bậc Thánh ở giai vị Vô học biết ta đã biết khổ, không còn gì để biết; ta đã đoạn tập, không còn gì để đoạn; ta đã chứng diệt, không còn gì để chứng; ta đã tu đạo, không còn gì để tu, là trí vô lậu sinh cùng lúc với Đắc của phi trạch diệt. Kinh Đại bát nhã quyển 489, ngoài 10 trí trên đây còn nêu thêm* ***Như thuyết trí****, cộng chung là 11 trí. Nếu trí lấy vô sở đắc làm phương tiện, biết tướng như thuyết của tất cả pháp, thì chính là trí Nhất thiết tướng của Như lai, gọi là Như thuyết trí (luận Câu xá quyển 26).*

Mười trí trên cộng với Như thuyết trí thành mười một. Thượng tọa Thích trí Tịnh ghi trí thứ 11 là Như "thiệt" trí, trong khi Đại Bát Nhã tập 03, quyển thứ 53, phẩm "Biện Đại Thừa" gọi trí thứ 11 là "như thật trí". Tập 20, quyển thứ 489, phẩm "Thiện Hiện", ĐBN, cũng do thượng tọa Thích trí Nghiêm dịch, ghi trí thứ 11 là Như "thuyết" trí giống như tự điển Phật Quang.

Kinh ĐBN quyển thứ 53, phẩm "Biện Đại Thừa" giải thích 11 trí nầy như sau: 1). Biết sự chuyển biến tướng sai biệt của năm uẩn v.v... thì đó là ***pháp trí;*** *2). Biết uẩn giới, xứ và các duyên khởi, hoặc tổng, hoặc biệt là vô thường v.v... thì đó là* ***loại trí****; 3). Biết tất cả pháp là danh tự giả thiết, thì đó là* ***thế tục trí;*** *4). Biết tâm, tâm sở pháp của hữu tình và tu hành chứng diệt, thì đó là* ***tha tâm trí****; 5). Biết khổ nên chẳng thọ sanh, thì đó là* ***khổ trí****; 6). Biết tập nên đoạn trừ vĩnh viễn, thì đó là* ***tập trí****; 7.) Biết diệt nên tác chứng, thì đó là* ***diệt trí****; 8). Biết đạo nên tu tập, thì đó là* ***đạo trí****; 9). Biết tham, sân, si hết, thì đó là* ***tận trí****; 10.) Biết cõi đến của chúng sanh chẳng sanh lại, thì đó là* ***vô sanh trí****; 11). Nhất thiết trí , Nhất thiết tướng trí của Như Lai, đó là như thật trí.*

Kinh MHBNBLM cũng như quyển 53, Phẩm "Biện Đại Thừa", ĐBN ghi trí thứ 11 là "như Thiệt trí" hay "như thật trí". Trí nầy là Nhất thiết chủng trí hay Bát nhã trí chính là thật trí của Như Lai.

(20). Bực đồng chân: Kinh Bồ tát Anh Lạc Bản nghiệp phân chia giai vị thứ bậc của Bồ tát rõ ràng và được xử dụng rộng rãi nhất. Theo kinh này một người từ sơ phát tâm cho đến khi thành chánh quả Vô thượng Bồ đề phải trải qua 52 địa vị khác nhau: Thập tín, thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, Đẳng giác, vào Diệu giác tức thành Phật. Bậc đồng chân theo chúng tôi hiểu là thuộc thập trụ. Thập trụ gồm 10 giai vị là 1).Sơ phát tâm trụ, 2). Trị địa trụ, 3). Tu hành trụ, 4). Sinh quí trụ, 5). Phương tiện cụ túc trụ, 6). Chính tâm trụ, 7). Bất thoái trụ, 8). ***Đồng chân trụ****, 9). Pháp vương tử trụ, 10). Quán đính trụ.*

Bậc đồng chân nằm ở giai vị thứ tám trong thập trụ(cũng gọi Cưu ma la phù đồng nam Bồ tát pháp trụ): Nghĩa là từ khi phát tâm trở đi, trước sau không sụt lùi, không khởi tà ma thoái thất tâm Bồ đề, đến đây thì 10 thân linh tướng của Phật cùng lúc đầy đủ.

(21). Nhân duyên, thứ đệ duyên, duyên duyên và tăng thượng duyên của các pháp: Bốn duyên này phát triển nhiều nhất trong Duy thức học: 1). **Nhân duyên** *(cái duyên thuộc về duyên, Phạm: Hetu-pratyaya): Từ gọi chung nhân và duyên. Nhân là nguyên nhân bên trong trực tiếp sinh ra kết quả. Duyên chỉ cho nguyên nhân gián tiếp giúp đỡ bên ngoài. Do vậy mà Nhân duyên còn được gọi là Nội nhân ngoại duyên, Thân nhân sơ duyên. Thí dụ: Hạt lúa nhờ đất nước, ánh sáng mà sanh ra cây lúa. Vậy, hạt lúa là nhân, đất nước, nắng... là duyên. Có nhân mà thiếu duyên thì cũng không thành. Nói theo nghĩa rộng thì Nhân hàm ý là Nhân và duyên, bao gồm Nội nhân ngoại duyên. Hết thảy muôn vật đều tùy thuộc vào sự tan hợp của nhân duyên mà sinh diệt, gọi là Nhân duyên sinh, Duyên sinh, Duyên thành, Duyên khởi. Tất cả pháp do nhân duyên mà sinh diệt, gọi là Nhân duyên sinh diệt pháp; còn cái kết quả do nhân và duyên hòa hợp mà sinh ra thì gọi là Nhân duyên hòa hợp. Hết thảy vạn hữu đều do nhân duyên hòa hợp mà giả sinh, không có tự tính, đó chính là lí Nhân duyên tức không. Nếu lấy phiền não làm nhân, lấy nghiệp làm duyên thì sẽ chiêu cảm quả cõi mê; còn nếu lấy trí làm nhân, lấy định làm duyên thì sẽ chiêu cảm quả cõi ngộ, 2).* ***Thứ đệ duyên hay đẳng vô gián duyên*** *(cái duyên bình đẳng tương tục, không gián đoạn, tiếng Phạm: Samanantara-pratyaya): Chỉ cho tác dụng của tâm pháp ở niệm trước mở đường, nhường chỗ cho tâm pháp ở niệm sau sinh ra. Đẳng nghĩa là đồng đẳng (cùng nhau, giống nhau). Số tâm và tâm sở của niệm trước và niệm sau tuy có thêm bớt, nhưng thể dụng của chúng thì đều như nhau và không một pháp nào có hai thể cùng khởi lên một lượt. Tuy có trước, có sau, nhưng các niệm đều giống nhau, như nhau, nên gọi là Đẳng. Niệm trước, niệm sau, niệm niệm sinh diệt, sát na không dừng, không có xen hở, gọi là vô gián. Vô gián duyên là giữa tâm trước, tâm sau không có gián cách, dù trong thời gian bao lâu thì tâm pháp của niệm trước vẫn làm duyên cho tâm pháp của niệm sau sinh khởi. 3).* ***Duyên duyên hay sở duyên duyên*** *(Cái duyên thuộc về sở duyên, tiếng Phạn là Àlambana-pratyaya): Sở duyên chỉ cho đối tượng của tâm và tác dụng tâm (đối tượng của tác dụng nhận thức). Nếu khi đối tượng của tâm và tác dụng tâm trở thành nguyên nhân khiến tâm và tác dụng tâm sinh ra kết quả, thì đối tượng của tâm và tác dụng tâm được gọi là Sở duyên duyên. Nói theo Duy thức học: Khi kiến phần duyên qua tướng phần, thì gọi "kiến phần" là năng duyên(như mắt), "tướng phần" là sở duyên (như lãng hoa). Duy thức học cho rằng phải những vật có thật thể như Tâm vương và Tâm sở, nó cập hợp cái tướng phần của nó, có sở lự(bị phân biệt) và nương gá(sở thác) để phát sanh, mới được gọi là sở duyên duyên. Thí dụ: lãng hoa đặt trên bàng là vật có thật thể cho nhãn thức*

*nương gá vào đó mà sanh phân biệt. Khi nhãn căn thấy lãng hoa, thì Tâm vương Tâm sở của nhãn thức cập hợp cái tướng của lãng hoa, nó làm cái chỗ phân biệt (sở lự) của nhãn thức, nên gọi lãng hoa là sở duyên duyên của nhãn thức.4). **Tăng thượng duyên** (Phạm: Adhipati-pratyaya): Nguyên nhân gián tiếp giúp cho tất cả pháp hữu vi sinh khởi hay kết quả, nghĩa là bất cứ lực dụng mạnh mẽ nào có khả năng giúp thêm sức cho sự sinh khởi hoặc đưa đến kết quả của các pháp khác thì đều gọi là Tăng thượng duyên. Cũng sức lao động, phân, nước... đều là Tăng thượng duyên giúp cho lúa mạ phát triển mạnh và kết quả tốt. (Phỏng theo từ điển Phật Quang).*

(22). Mười hai bộ kinh (Thập nhị bộ kinh): Bao gồm: 1). Tu-đa-la (Phạn ngữ: Stra), dịch nghĩa: khế kinh, trường hàng, pháp bổn, là những lời Phật dạy thích hợp với từng căn cơ chúng sanh; 2). Kỳ-dạ (Phạn ngữ: Geya), dịch nghĩa: ứng tụng, trùng tụng, là những lời dạy trong kinh được lặp lại để người nghe ghi nhớ và thực hành; 3). Hòa-ca-la-na (Phạn ngữ: Vyakarana), dịch nghĩa: thọ ký, là lời dạy của Phật về kết quả tu tập trong tương lai của các vị đệ tử, nói trước về sự chứng đắc quả vị của mỗi người căn cứ vào nỗ lực tu tập, hành trì của họ; 4). Già-đà (Phạn ngữ: Gth), dịch nghĩa: phúng tụng, cô khởi tụng hay kệ tụng, là những lời dạy của Phật được diễn đạt theo thể kệ tụng để dễ ghi nhớ, thường là lặp lại phần ý nghĩa đã diễn thuyết trong khế kinh; 5). Ưu-đà-na (Phạn ngữ: Udana), dịch nghĩa: tự thuyết, hay vô vấn tự thuyết, là những kinh điển do đức Phật quán xét căn cơ chúng sanh rồi tự nói ra, không cần có nhân duyên dẫn khởi, không cần đợi người thưa hỏi; 6. Ni-đà-na (Phạn ngữ: Nidna), dịch nghĩa: nhân duyên, là những nhân duyên dẫn khởi sự thuyết dạy của Phật, như do có việc thế này nên thuyết dạy pháp như thế này...; 7). A-ba-đà-na (Phạn ngữ: Avadna), dịch nghĩa: thí dụ, là những lời dạy bằng phương thức thí dụ, dẫn dụ, so sánh nghĩa là so sánh các sự việc; 8). Y-đế-mục-đa-già (Phạn ngữ: Itivrtaka), dịch nghĩa: bổn sự, là những lời dạy về tiền thân tu tập của các vị đệ tử Phật, được dẫn ra như những bài học cho thính chúng; 9). Xà-đà-già (Phạn ngữ: Jtaka), dịch nghĩa: bổn sanh, là lời dạy về các tiền thân của chính đức Phật, cũng được dẫn ra vì mục đích giáo hóa; 10). Tỳ-phật-lược (Phạn ngữ: Vaipulya), dịch nghĩa: Phương quảng, là chỉ chung các kinh điển truyền dạy giáo pháp Đại thừa; 11). A-phù-đà-đạt-ma (Phạn ngữ: Adbhutadharma), dịch nghĩa: Vị tằng hữu, là những kinh điển thuyết giảng những điều bất khả tư nghị, xưa nay chưa từng có, như nói về thần lực, phước đức của chư Phật, Bồ Tát...; 12). Ưu-ba-đề-xá (Phạn ngữ: Upadçsa), dịch nghĩa: Luận nghị, là những lời dạy mang tính luận thuyết, bàn giải, để giúp người nghe nắm hiểu được giáo pháp cũng như các pháp môn tu tập. Trong 12 bộ kinh này thì 9 bộ trước là thuộc về giáo nghĩa quyền thừa, nhằm dẫn dắt mọi chúng sanh sơ cơ, 3 bộ cuối cùng giảng thuyết những ý nghĩa cứu cánh rốt ráo, đưa đến quả vị Phật. Từ điển mở rộng tâm hồn. (Ban Tư liệu Rộng mở tâm hồn).

(23). Giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến (ý nói về ngũ phần pháp thân, Phạm: Asamasama-paîcaskandha): Năm thứ công đức đầy đủ trong tự thể của Phật và A la hán. Văn chương Phật học thường đề cập cụm từ này nhất là Đại thừa giáo. Bát nhã thuộc Đại thừa, vì vậy chúng tôi thích nghĩa cụm từ nầy theo từ điển Phật Quang thuộc Đại thừa. Trong “Đại thừa Nghĩa chương” quyển 20, phần đầu, ngài Tuệ Viễn giải thích năm phần pháp thân như sau: 1). Giới thân: Chỉ cho Giới pháp thân Như lai đã xa lìa hết thảy lỗi lầm của 3 nghiệp thân, khẩu, ý. 2). Định thân: Trong Định pháp thân của Như lai, chân tâm vắng lặng, tự tính không động, xa

lìa tất cả vọng niệm. 3). Tuệ thân: Tuệ pháp thân của Như lai thể chân tâm tròn sáng, tự tính sáng tỏ, quán xét thấu suốt hết thảy pháp tính, tức chỉ cho trí căn bản. 4). Giải thoát thân: Giải thoát pháp thân của Như lai tự thể không bị câu thúc, giải thoát khỏi tất cả sự trói buộc. 5). Giải thoát tri kiến thân: Giải thoát tri kiến pháp thân của Như lai tự thể chứng biết xưa nay vốn thanh tịnh vô nhiễm, đã thực sự giải thoát. Về danh nghĩa của Ngũ phần pháp thân thì sách đã dẫn trên giải thích rằng : Phần tức là nhân, vì 5 thứ nói trên là nhân để thành thân, nên gọi là phần; Pháp là tự thể, vì 5 thứ trên là tự thể của bậc Vô học nên gọi là pháp; lại nữa, pháp nghĩa là khuôn phép, mà 5 thứ trên là khuôn phép để thành thân nên gọi là pháp; Thân tức là thể, 5 thứ trên là thể của chư Phật, cho nên gọi là thân; thân cũng có nghĩa là chỗ tích tụ mọi công đức, vì thế gọi là thân. Về thứ tự của Ngũ phần pháp thân thì rất rõ ràng, từ giới sinh định, từ định phát tuệ, do tuệ mà được giải thoát, do giải thoát mà có giải thoát tri kiến. Giới, định, tuệ là căn cứ theo nhân mà đặt tên, còn giải thoát và giải thoát tri kiến thì căn cứ theo quả mà đặt tên, tuy nhiên, cả 5 thứ đều là công đức của Phật.

Xin lưu ý: *Khi thích nghĩa kinh chúng tôi thường tra cứu nhiều sách vở Phật học nhất là các từ điển, như tự điển của Đoàn trung Còn, của Phật Quang, Đạo Uyển hay của nhóm Mở Rộng Tâm Hồn… Có khi chúng tôi giữ y nguyên văn, có khi lược tóm, có khi thêm vào một vài chi tiết hay rút gọn cho thích hợp với các phẩm mà chúng tôi đang thích nghĩa. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn nêu tên của tác giả để tránh hiểu lầm. Pháp thí là một trong tứ nhiếp pháp hay lục Ba la mật chỉ có đối với bậc đại tâm, xin vì chúng sanh, vì đạo pháp mà lượng thứ cho!*

PHẨM PHỤNG BÁT
THỨ HAI

(Kinh ĐBN không có một phẩm nào có phẩm tựa là "Phụng Bát", nhưng Q.04, có thể xem như tương đương phẩm này, tên là "Học Quán", có thuật lại sự tích phụng bát).

Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: "Nếu đại Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật có thể làm những công đức ấy thời bốn vị Thiên Vương đều rất vui mừng mà nghĩ rằng chúng ta phải đem bốn cái bát dâng lên Bồ Tát như những bát mà chư Thiên Vương thuở xưa đã dâng cho Phật.

Lúc đó trời Đao Lợi nhẫn đến trời Tha Hóa Tự Tại cũng rất hoan hỷ mà nghĩ rằng chúng ta phải hầu hạ cúng dường Bồ Tát để hàng Thiên chúng được thêm đông và giảm bớt hàng A tu la.

Chư Thiên trong cõi Đại Thiên, từ cõi Tứ Vương đến cõi Sắc Cứu Cánh(1) đều rất vui mừng mà nghĩ rằng chúng ta phải cần thỉnh Bồ Tát chuyển pháp luân.

Nầy Xá Lợi Phất! Lúc vị đại Bồ Tát nầy thực hành Bát nhã Ba la mật tăng ích sáu Ba la mật, các thiện nam tử và thiện nữ nhân đều tự vui mừng mà nghĩ rằng chúng ta phải làm cha mẹ, vợ con, thân tộc, họ hàng với người nầy.

Lúc đó trời Tứ Vương nhẫn đến trời Sắc Cứu Cánh đều rất vui mừng mà tự nghĩ rằng chúng ta phải tìm cách làm cho Bồ Tát nầy xa lìa dâm dục, từ sơ phát tâm luôn là đồng nhân(2), chớ để

vị nầy hội hiệp với sắc dục, nếu hưởng thọ ngũ dục thời sẽ chướng ngại sanh về Phạm Thiên huống là quả Vô thượng Bồ đề.

Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát cần phải là người đoạn dục xuất gia mới đáng được Vô thượng Bồ đề, chẳng phải là người không đoạn dục mà được".

Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát cần phải có cha mẹ, vợ con, thân tộc, họ hàng chăng?"

Đức Phật nói: "Nầy Xá Lợi Phất! hoặc có Bồ Tát có cha mẹ, vợ con, thân tộc. Hoặc có Bồ Tát từ khi sơ phát tâm đoạn dục tu hạnh đồng nhơn mãi đến thành Vô thượng Bồ đề chẳng phạm sắc dục. Hoặc có Bồ Tát dùng phương tiện lực hưởng thọ ngũ dục xong mới xuất gia thành Vô thượng Bồ đề.

Ví như nhà ảo thuật giỏi khéo dùng ảo thuật hóa ra cảnh ngũ dục rồi vui đùa trong đó. Ý ông nghĩ thế nào, nhà ảo thuật có thiệt hưởng thọ cảnh ngũ dục ấy chăng?"

- Bạch đức Thế Tôn! Không ạ.

- Nầy Xá Lợi Phất! cũng vậy đại Bồ Tát dùng phương tiện lực hóa ra cảnh ngũ dục rồi ở trong đó hưởng thọ để độ chúng sanh.

Đại Bồ Tát nầy chẳng nhiễm ngũ dục, lại dùng nhiều cách quở trách ngũ dục: Ngũ dục là lửa cháy, ngũ dục là nhơ nhớp xấu xa, ngũ dục là thứ phá hoại, ngũ dục như oán thù.

Do đây nên biết rằng vì độ chúng sanh mà Bồ Tát hưởng thọ ngũ dục.

- Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát phải thực hành Bát nhã Ba la mật thế nào?

- Nầy Xá Lợi Phất! Lúc thực hành Bát nhã Ba la mật, đại Bồ Tát chẳng thấy danh tự Bồ Tát, chẳng thấy Bát nhã Ba la mật, cũng chẳng thấy là mình có thực hành Bát nhã Ba la mật cùng không thực hành Bát nhã ba la mật.

Tại sao vậy? Vì Bồ Tát là danh tự Bồ Tát, tánh vốn rỗng không. Trong tánh không chẳng có sắc, thọ, tưởng, hành, thức, rời lìa sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng có tánh không, tánh không tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

Tại sao vậy? Vì chỉ có danh tự gọi là Bồ đề, chí có danh tự gọi là Bồ Tát, chỉ có danh tự gọi là tánh không.

Tại sao vậy? Vì thật tánh của các pháp vốn là không sanh, không diệt, không cấu, không tịnh.

Đại Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật như vậy cũng chẳng thấy sanh, chẳng thấy diệt, cũng chẳng thấy cấu, chẳng thấy tịnh.

Tại sao vậy? Vì danh tự là những pháp do nhơn duyên hòa hiệp làm thành, chỉ do nhớ tưởng phân biệt giả danh mà nói.

Vì thế nên đại Bồ Tát lúc thực hành Bát nhã Ba la mật chẳng thấy tất cả danh tự. Vì chẳng thấy nên chẳng chấp trước.

Thích nghĩa:

(1). Xem lại ***phần thứ I,*** *Tổng luận, nói về các cõi trời Dục, Sắc và Vô sắc, mục(6) nói về Tứ thiền, Tứ không định.*

(2). Xin đừng nhầm đồng nhân với đồng chân. Đồng nhân là người chưa biết gì về sắc dục, còn đồng chân là bậc Bồ tát ở giai vị thứ tám của Thập trụ đã giải thích ở trên.

PHẨM TU TẬP ĐÚNG
THỨ BA

(Tương đương với phẩm "Tương Ưng",
phần cuối Q.4 cho đến phần đầu Q.7, kinh ĐBN)

Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: "Lúc thực hành Bát nhã Ba la mật, đại Bồ Tát phải suy nghĩ như thế nầy:

Bồ Tát chỉ có danh tự, Phật cũng chỉ có danh tự, Bát nhã Ba la mật cũng chỉ có danh tự, sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng chỉ có danh tự.

Nầy Xá Lợi Phất! Như ngã, chúng sanh, thọ giả, mạng giả, sanh giả, dưỡng dục giả, tác giả, sử tác giả, khởi giả, sử khởi giả, thọ giả, sử thọ giả, tri giả, kiến giả(1) đều là bất khả đắc tất cả. Vì là bất khả đắc nên rỗng không. Vì rỗng không nên chỉ dùng danh tự để tuyên nói. Đại Bồ Tát cũng thực hành Bát nhã Ba la mật như vậy: Chẳng thấy ngã, chẳng thấy chúng sanh, nhẫn đến chẳng thấy tri giả, kiến giả. Những danh tự tuyên nói đó cũng chẳng thấy.

Đại Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật như vậy hơn tất cả hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật, trừ trí huệ của Phật, do vì tánh không, tác dụng bất khả đắc.Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát nầy đối với những pháp danh tự cùng chỗ mà danh tự dính đến, tất cả đều bất khả đắc.

Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát có thể thực hành như vậy đó là thực hành Bát nhã ba la mật.

Ví như số Tỳ Kheo nhiều bằng số tre, lau, mía, mè, lúa, đậu, lùm rừng đầy cả cõi Diêm Phù Đề, tất cả đều có trí huệ như Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, đem tất cả trí huệ ấy muốn so sánh với trí huệ của Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật, thời không bằng một phần trăm, không bằng một phần ngàn, không bằng một phần trăm ngàn ức, nhẫn đến không bằng một phần ví dụ.Tại sao vậy? Vì dùng trí huệ nầy mà Bồ Tát độ thoát tất cả chúng sanh.

Nầy Xá Lợi Phất! Cho dầu trí tuệ của Xá Lợi Phất và Đại Mục Kiền Liên ví như đầy cả cõi Đại Thiên, hoặc nhẫn đến đầy cả hằng sa thế giới ở mười phương, đem tất cả trí huệ ấy muốn so sánh với trí huệ của Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật cũng không bằng một phần trăm, nhẫn đến không bằng một phần ví dụ.

Nầy Xá Lợi Phất! "Đại Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật, một ngày tu tập trí huệ hơn tất cả hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật".

Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Trí huệ của hàng Thanh Văn, Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, trí huệ của hàng Bích Chi Phật, trí huệ của Phật, những trí huệ nầy không sai biệt, không chống trái nhau, đều là vô sanh tánh không. Nếu đã là vô sanh tánh không, chẳng trái nhau thời là không sai khác nhau. Cớ sao đức Thế Tôn lại dạy rằng Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật một ngày tu tập trí huệ hơn trên tất cả hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật?"

Phật nói: "Đại Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật một ngày tu tập trí huệ, tâm niệm rằng: Ta hành đạo trí tuệ lợi ích tất cả chúng sanh, ta sẽ dùng Nhất thiết chủng trí biết rõ tất cả pháp, độ thoát tất cả chúng sanh. Nầy Xá Lợi Phất! Ý của ông nghĩ thế nào, trí huệ của hành Thanh Văn, Bích Chi Phật có làm được như vậy không?"

- Bạch đức Thế Tôn! Không ạ.

- Nầy Xá Lợi Phất! Hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật có quan niệm nầy: Ta sẽ thành Vô thượng Bồ đề độ thoát tất cả chúng sanh, làm cho họ đều được vô dư y Niết Bàn, như chư đại Bồ Tát không?

- Bạch đức Thế Tôn! Không ạ.

- Nầy Xá Lợi Phất! Do những cớ trên đây nên biết rằng trí tuệ của hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật sánh với trí tuệ của đại Bồ Tát không bằng một phần trăm, nhẫn đến không bằng một phần thí dụ.

Nầy Xá Lợi Phất! Hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật có quan niệm nầy: Ta thực hành sáu Ba la mật, thành tựu chúng sanh, trang nghiêm Phật độ, đầy đủ mười trí lực, bốn vô sở úy, bốn vô ngại trí, mười tám pháp bất cộng, độ thoát vô lượng vô số chúng sanh đến quả Niết Bàn như chư đại Bồ Tát không?

- Bạch đức Thế Tôn! Không ạ.

- Nầy Xá Lợi Phất! Ví như loài đom đóm kia chẳng bao giờ nghĩ rằng mình như mặt nhựt mọc lên chiếu ánh sáng khắp Diêm Phù Đề.

Cũng vậy, hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật chẳng có quan niệm như đại Bồ Tát: Ta thực hành sáu Ba la mật nhẫn đến mười tám pháp bất cộng được Vô Thượng Bồ đề, độ vô lượng vô số chúng sanh đến quả Niết Bàn".

Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát hơn bực Thanh Văn, Bích Chi Phật mà đến bực bất thối chuyển thanh tịnh Phật đạo?"

Đức Phật nói: "Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát từ lúc sơ phát tâm thực hành sáu Ba la mật, an trụ nơi pháp không, vô tướng, vô tác, có thể vượt hơn bực Thanh Văn, Bích Chi Phật mà đến bực bất thối chuyển thanh tịnh Phật đạo".

- Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát an trụ bực nào mà có thể làm phước điền cho hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật?

- Nầy Xá Lợi Phất! Từ lúc sơ phát tâm thực hành sáu Ba la mật nhẫn đến lúc ngồi đạo tràng thành Vô thượng Bồ đề, trong khoảng thời gian ấy, luôn thường làm phước điền cho hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật. Tại sao vậy? Vì do có nhân duyên của đại Bồ Tát nên những thiện pháp của thế gian phát sanh. Như những pháp thập thiện, ngũ giới, bát quan trai, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác phần, bát thánh đạo phần, lục Ba la mật, thập bát không, thập lực, tứ vô úy, tứ vô ngại trí, thập bát bất cộng, đại từ, đại bi, Nhất thiết chủng trí, do nhơn duyên của đại Bồ Tát mà những pháp nầy hiện ra trên thế gian. Cũng do nhơn duyên của Bồ Tát mà những đại tộc Sát Đế Lợi, Bà La Môn, Cư Sĩ, Tứ Thiên Vương nhẫn đến Phi Phi Tưởng Thiên, Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật và Phật Đà đều xuất hiện trên thế gian.

- Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát có thanh tịnh xong phước bố thí chăng?

- Nầy Xá Lợi Phất! Không có. Vì bổn lai đã thanh tịnh xong.

Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát là vị đại thí chủ bố thí những thiện pháp như thập thiện, ngũ giới nhẫn đến Nhất thiết chủng trí".

Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào đại Bồ Tát tu tập đúng Bát nhã Ba la mật tương ứng với Bát nhã Ba la mật?"

Đức Phật nói: "Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát **tu tập đúng sắc không**, tu tập đúng thọ, tưởng, hành, thức không, đây gọi là tương ứng với Bát nhã Ba la mật.

Lại nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát tu tập đúng nhãn không, tu tập đúng nhĩ, tĩ, thiệt, thân, ý không, đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ Tát tu tập đúng sắc không, tu tập đúng thinh, hương, vị, xúc, pháp không, đây gọi là tương ứng với Bát nhã Ba la mật.

Đại Bồ Tát tu tập đúng nhãn giới không, đúng sắc giới không, nhãn thức giới không, nhãn đến tu tập đúng ý thức giới không, đây gọi là tương ứng với Bát nhã Ba la mật.

Đại Bồ Tát tu tập đúng khổ không, tu tập đúng tập, diệt, đạo không, đây gọi là tương ứng với Bát nhã Ba la mật.

Đại Bồ Tát tu tập đúng vô minh không, tu tập đúng hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão, tử không, đây gọi là tương ứng với Bát nhã Ba la mật.

Đại Bồ Tát tu tập đúng tất cả pháp không, hoặc hữu vi hoặc vô vi, đây gọi là tương ứng với Bát nhã Ba la mật.

Lại nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát tu tập đúng tánh không, tự tướng không, chư pháp không, vô sở đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không **bảy môn không**(2), đây gọi là tương ứng với Bát nhã Ba la mật.

Nầy Xá Lợi Phất! Lúc tu tập bảy môn không, đại Bồ Tát chẳng thấy sắc hoặc tương ứng hay không tương ứng, chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức hoặc tương ứng hay không tương ứng, chẳng thấy sắc hoặc sanh tướng hay diệt tướng, chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức hoặc sanh tướng hay diệt tướng, chẳng thấy sắc hoặc cấu tướng hay tịnh tướng, chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức hoặc cấu tướng hay tịnh tướng, chẳng thấy sắc hiệp với thọ, chẳng thấy thọ hiệp với tưởng, chẳng thấy tưởng hiệp với hành, chẳng thấy hành hiệp với thức. Tại sao vậy? Vì tánh của các pháp vốn rỗng không, nên không có pháp nào hiệp với pháp nào.

Nầy Xá Lợi Phất! Trong sắc không chẳng có sắc, trong thọ không, tưởng không, hành không, thức không chẳng có thọ, tưởng, hành, thức.

Nầy Xá Lợi Phất! Vì sắc rỗng không nên không có tướng não hoại, vì thọ rỗng không nên không có tướng thọ, vì tưởng rỗng không nên không có tướng biết, vì hành rỗng không nên không có tướng tác giả, vì thức rỗng không nên không có tướng tri giác. Tại sao vậy? Vì chẳng phải sắc khác với không, cũng chẳng phải không khác với sắc, mà sắc chính là không và không chính là sắc, thọ, tưởng, hành, thức chính là không và không chính là thọ, tưởng, hành, thức.

Nầy Xá Lợi Phất! Tướng rỗng không của các pháp vốn chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng phải quá khứ, vị lai, hiên tại, vì thế nên trong không pháp ấy không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không có nhãn, nhĩ, tĩ, thiệt, thân, ý, không có sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp, không có nhãn giới, nhẫn đến không có ý thức giới, không có vô minh cũng không có vô minh tận, nhẫn đến không có lão tử, cũng không có lão tử tận, không có khổ, tập, diệt, đạo, không có trí cũng không có đắc, không có Tu Đà Hoàn và quả Tu Đà Hoàn, không có Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán và Phật, cũng không có quả Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A Na Hán, quả Bích Chi Phật và quả Phật.

Đại Bồ Tát tu tập đúng như vậy gọi là tương ứng với Bát nhã Ba la mật.

Nầy Xá Lợi Phất! Lúc thực hành Bát nhã Ba la mật, đại Bồ Tát **chẳng thấy Bát nhã Ba la mật hoặc tương ứng hay chẳng tương ứng,** cũng chẳng thấy Đàn na Ba la mật, Thi la Ba la mật, Sằn đề Ba la mật, Tỳ lê gia Ba la mật và Thiền na Ba la mật hoặc tương ứng hay chẳng tương ứng. Đại Bồ Tát cũng chẳng thấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức, chẳng thấy nhãn, nhĩ, tĩ, thiệt, thân, ý, chẳng thấy sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp, chẳng thấy nhãn giới nhẫn đến ý thức giới hoặc tương ứng hay chẳng tương ứng. Đại Bồ Tát cũng chẳng thấy tứ niệm xứ đến bát thánh đạo phần, nhẫn đến Nhất thiết chủng trí hoặc tương ứng hay chẳng tương ứng.

Như trên đây, nầy Xá Lợi Phất! Phải biết đó là đại Bồ Tát tương ứng với Bát nhã Ba la mật.

Lại nầy Xá Lợi Phất! Lúc đại Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật, không chẳng hiệp với không, vô tướng chẳng hiệp với vô tướng, vô tác chẳng hiệp với vô tác. Tại sao vậy? **Vì không, vô tướng, vô tác chẳng có hiệp với chẳng hiệp.**

Đại Bồ Tát tu tập đúng như vậy gọi là tương ứng với Bát nhã Ba la mật.

Lại nầy Xá Lợi Phất! Lúc thực hành Bát nhã Ba la mật, đại Bồ Tát nhập vào tự tướng không của các pháp, nhập xong nơi sắc, thọ, tưởng, hành, thức, Bồ Tát **chẳng cho là hiệp chẳng cho là chẳng hiệp**, sắc, thọ, tưởng, hành, thức chẳng hiệp với tiền tế cũng chẳng hiệp với hậu tế, chẳng hiệp với hiện tại. Tại sao vậy? Vì Bồ Tát chẳng thấy tiền tế, chẳng thấy hậu tế cũng chẳng thấy hiện tại.

Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát lúc thực hành Bát nhã Ba la mật, vì tam tế(3) là danh từ rỗng không, nên tiền tế chẳng hiệp với hậu tế, hậu tế chẳng hiệp với tiền tế, hiện tại chẳng hiệp với tiền tế, hậu tế, tiền tế với hậu tế cũng chẳng hiệp với hiện tại. Như đây gọi là tương ứng với Bát nhã Ba la mật. Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật, Nhất thiết trí chẳng hiệp với đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại. Tại sao vậy? Vì đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại đều còn chẳng thể thấy huống là có hiệp. Như đây gọi là tương ứng với Bát nhã Ba la mật.

Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật, vì sắc, thọ, tưởng, hành, **thức chẳng thể thấy**, vì nhãn đến ý chẳng thể thấy, vì sắc nhẫn đến pháp chẳng thể thấy, vì nhãn thức nhẫn đến ý thức chẳng thể thấy nên sắc, thọ đến ý thức đều chẳng hiệp với Nhất thiết trí. Như đây gọi là tương ứng với Bát nhã Ba la mật.

Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát thực hành Bát nhã ba la mật, vì Đàn na ba la mật đến Bát nhã Ba la mật đều chẳng thể thấy nên Đàn na đến Bát nhã Ba la mật chẳng hiệp với Nhất thiết trí. Vì tứ niệm xứ đến bát thánh đạo phần nhẫn đến thập lực, thập bát bất cộng pháp đều chẳng thể thấy nên tất cả đều chẳng hiệp với Nhất thiết trí. Như đây gọi là tương ứng với Bát nhã Ba la mật.

Nầy Xá Lợi Phất! Lúc thực hành Bát nhã Ba la mật, đại Bồ Tát chẳng tu tập sắc là hữu hay là vô, chẳng tu tập sắc là thường hay là vô thường, chẳng tu tập sắc là khổ hay là lạc, chẳng tu tập sắc là ngã hay là phi ngã, chẳng tu tập sắc là tịch diệt hay là chẳng phải tịch diệt, chẳng tu tập sắc là rỗng không hay là chẳng phải rỗng không, chẳng tu tập sắc là hữu tướng hay là vô tướng, chẳng tu tập sắc là hữu tác hay là vô tác; thọ, tưởng. hành. thức cũng như vậy. Như đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật.

Lúc thực hành Bát nhã Ba la mật, đại Bồ Tát **chẳng có quan niệm** là ta thực hành hay chẳng thực hành Bát nhã Ba la mật, cũng chẳng có quan niệm chẳng phải thực hành cùng chẳng phải chẳng thực hành. Như đây gọi là tương ứng với Bát nhã Ba la mật.

Lại nầy Xá Lợi Phất! **Chẳng vì Bát nhã** Ba la mật mà đại Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật. Cũng chẳng vì Đàn na, Thi la, Sằn đề, Tỳ lê gia, Thiền na Ba la mật, cũng chẳng vì bực bất thối chuyển thành tựu chúng sanh thanh tịnh Phật độ, cũng chẳng vì thập lực, tứ vô úy, tứ vô ngại trí, thập bát bất cộng pháp mà đại Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật. Cũng chẳng vì nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô thỉ không, tán không, tánh không, chư pháp không, tự tướng không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không, cũng chẳng vì như pháp tánh, thật tế mà đại Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật. Tại sao vậy? Vì lúc thực hành Bát nhã Ba la mật, **đại Bồ Tát chẳng phá hoại tướng của các pháp.** Tu tập đúng như đây thời gọi là tương ứng vơi Bát nhã Ba la mật.

Nầy Xá Lợi Phất! Chẳng vì thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm, túc mạng, thần túc, lậu tận sáu môn thần thông mà đại Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật. Tại sao vậy? Vì lúc thực hành, đại Bồ Tát còn chẳng thấy Bát nhã Ba la mật huống là thấy Bồ Tát thần thông. Như đây gọi là tương ứng với Bát nhã Ba la mật.

Nầy Xá Lợi Phất! Lúc thực hành Bát nhã Ba la mật, đại Bồ Tát chẳng quan niệm rằng ta dùng như ý thần thông bay đến phương Đông cùng bay đến khắp mười phương để cúng dường hằng sa chư Phật, cũng chẳng quan niệm rằng ta dùng thiên nhĩ nghe hằng sa chư Phật mười phương thuyết pháp, dùng tha tâm thông trí biết tâm niệm của hằng sa chúng sanh mười phương, dùng túc mạng trí biết việc làm của vô lượng đời của hằng sa chúng sanh ở mười phương, cũng chẳng nghĩ rằng ta dùng thiên nhãn thấy hằng sa chúng sanh chết đây sanh kia. Như đây gọi là đại Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật tương ứng với Bát nhã Ba la mật và cũng có thể độ thoát vô lượng vô số chúng sanh.

Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát có thể thực hành Bát nhã Ba la mật như vậy thời ác ma không hại được, tất cả sự việc thế gian đều tùy ý muốn, hằng sa chư Phật mười phương đều ủng hộ cho Bồ Tát nầy chẳng sa vào hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật. Chư Thiên từ Tứ Vương đến Sắc Cứu Cánh Thiên cũng đều ủng hộ Bồ Tát giúp thêm tự tại. Nếu Bồ Tát nầy đã có trọng tội thì hiện đời bị báo nhẹ. Tại sao vậy? Vì Bồ Tát nầy dùng lòng bình đẳng lợi ích chúng sanh. Như đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật.

Nầy Xá Lợi Phất! Lúc thực hành Bát nhã Ba la mật, đại Bồ Tát mau được các môn đà la ni và các môn tam muội, sanh về đâu cũng thường gặp được chư Phật mãi đến khi chứng quả Vô thượng Bồ đề không bao giờ rời chư Phật. Đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật.

Nầy Xá Lợi Phất! Lúc thực hành Bát nhã Ba la mật, **đại Bồ Tát chẳng nghĩ rằng có pháp nầy với pháp nầy hoặc hiệp hay chẳng hiệp nhau, hoặc bằng hay chẳng bằng nhau**. Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát chẳng thấy có pháp nầy cùng những pháp khác hoặc hiệp hoặc bằng hay chẳng hiệp chẳng bằng. Đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật.

Nầy Xá Lợi Phất! Lúc thực hành Bát nhã Ba la mật, đại Bồ Tát chẳng nghĩ rằng **ta sẽ chóng được pháp tánh hoặc chẳng được**. Tại sao vậy? Vì pháp tánh chẳng phải là tướng được. Đây gọi là tu tập tương ứng với Bát nhã ba la mật.

Lại nầy Xá Lợi Phất! Lúc thực hành Bát nhã Ba la mật, đại Bồ Tát **chẳng thấy có pháp nào ra ngoài pháp tánh, cũng chẳng nghĩ rằng pháp tánh khác với các pháp, cũng chẳng nghĩ rằng pháp nầy có thể được pháp tánh hay chẳng được**. Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát chẳng thấy dùng pháp nầy có thể được pháp tánh hay chẳng được pháp tánh. Đại Bồ Tát tu tập đúng như đây thời gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật.

Nầy Xá Lợi Phất**!** Lúc đại Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật, **pháp tánh chẳng hiệp với không, không cũng chẳng hiệp với pháp tánh**. Đây gọi là tương ứng với Bát nhã ba la mật.

Nầy Xá Lợi Phất! Lúc đại Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật, nhãn giới chẳng hiệp với không, không cũng chẳng hiệp với nhãn giới, sắc giới chẳng hiệp với không, không cũng chẳng hiệp với sắc giới, nhãn thức giới chẳng hiệp với không, không cũng chẳng hiệp với nhãn thức giới, nhẫn đến ý giới, pháp giới và ý thức giới chẳng hiệp với không, không cũng chẳng hiệp với ý giới, pháp giới và ý thức giới. Tương ứng không như vậy gọi là tương ứng đệ nhất.

Nầy Xá Lợi Phất! Bồ Tát thực hành pháp không chẳng sa vào hành Thanh Văn, Bích Chi Phật, có thể thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh, chóng được Vô thượng Bồ đề.

Nầy Xá Lợi Phất! Trong các môn tương ứng, thời tương ứng với Bát nhã ba la mật là tối đệ nhất, là tối tôn, tối thắng, tối diệu không có gì hơn. Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát nầy thực hành tương ứng với Bát nhã Ba la mật, chính đó là không, vô tướng, vô tác. Phải biết rằng Bồ Tát nầy như đã được thọ ký hoặc đã gần được thọ ký.

Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát tương ứng như vậy có thể làm lợi ích cho vô lượng vô số chúng sanh. Đại Bồ Tát nầy cũng chẳng nghĩ rằng ta tương ứng với Bát nhã ba la mật, chư Phật sẽ thọ ký cho ta, ta sẽ gần được thọ ký, ta sẽ thanh tịnh Phật độ, sẽ thành Phật chuyển pháp luân. Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát nầy **chẳng thấy có pháp nào ra ngoài pháp tánh**, cũng chẳng thấy có pháp nào thực hành Bát nhã Ba la mật, chẳng thấy có pháp nào được Phật thọ ký, chẳng thấy có pháp nào thành Phật chuyển pháp luân. Tại sao vậy? Vì lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng sanh tướng ngã, tướng chúng sanh nhẫn đến chẳng sanh tướng tri giả, tướng kiến giả. Tại sao vậy? Vì chúng sanh rốt ráo bất sanh bất diệt, chúng sanh không có sanh, không có diệt. Nếu các pháp đã không có tướng sanh diệt thời làm sao lại có pháp thực hành Bát nhã ba la mật.

Nầy Xá Lợi Phất! Thế nên vì đại Bồ Tát chẳng thấy chúng sanh đó chính là thực hành Bát nhã Ba la mật. Tại sao vậy? Vì chúng sanh là bất thọ, là bất khả đắc, là ly, chính đây là thực hành Bát nhã ba la mật.

Nầy Xá Lợi Phất! Trong các môn tương ứng của đại Bồ Tát, tương ứng với không là tối đệ nhất. Tương ứng với không đây hơn tất cả các môn tương ứng.

Đại Bồ Tát tu tập pháp không như vậy có thể phát sanh đại từ, chẳng sanh những tâm xan lẫn, phạm giới, sân hận, giải đãi, tán loạn, vô trí”.

Thích nghĩa:

(1). Ngã, chúng sanh, thọ giả, mạng giả, sanh giả, dưỡng dục giả, tác giả, sử tác giả, khởi giả, sử khởi giả, thọ giả, sử thọ giả, tri giả, kiến giả. Đây là 14 khoa danh tướng trong ***Bát thập nhất khoa*** *(Tám mươi mốt khoa): 1).* ***Ngã:*** *Trong 5 ấm (sắc thọ tưởng hành thức), vọng chấp có thực ngã, ngã sở. 2).* ***Chúng sinh****: Trong pháp 5 ấm hòa hợp, vọng chấp có chúng sinh từ đó sinh ra. 3).* ***Thọ giả****: Trong 5 ấm, vọng chấp có thọ mệnh dài ngắn. 4).* ***Mạng giả****: Trong 5 ấm, vọng chấp mệnh căn của ta liên tục không dứt mất. 5).* ***Sanh giả****: Trong 5 ấm, vọng chấp ta có khả năng sinh khởi các việc, trong vị lai ta sẽ sinh vào cõi người. 6).* ***Dưỡng dục giả****: Trong 5 ấm, vọng chấp ta sinh ra được cha mẹ nuôi nấng và ta có thể nuôi dưỡng người khác. 7).* ***Tác giả****: Trong 5 ấm, vọng chấp ta có sức mạnh của thân thể, tay chân và có năng lực làm việc. 8). Sử tác giả: Trong 5 ấm, vọng chấp ta có thể sai khiến người khác làm việc. 9).* ***Khởi giả****: Trong 5 ấm, vọng chấp ta có năng lực khởi tạo các nghiệp tội phúc ở đời sau. 10).* ***Sử khởi giả****: Trong 5 ấm, vọng chấp ta có thể sai khiến người khác khởi tạo các nghiệp tội phúc ở đời sau. 11).* ***Thọ giả****: Trong 5 ấm, vọng chấp thân sau của ta sẽ nhận chịu quả báo tội phúc. 12).* ***Sử thọ giả:*** *Trong 5 ấm, vọng chấp ta có khả năng sai khiến người khác nhận chịu quả báo tội phúc đời sau. 13).* ***Tri giả****: Trong 5 ấm, vọng chấp ta có 5 căn và nhận biết được 5 trần. 14).* ***Kiến giả****: Trong 5 ấm, vọng chấp ta có căn mắt, thấy được tất cả sắc tướng. Lại vọng chấp ta có thể khởi lên các tà kiến, chính kiến cũng gọi là Kiến giả. Mười bốn tri kiến trên đây đều là tên khác của Ngã. (Phỏng theo từ điển Phật Quang).*

Vì Bát nhã luôn luôn đề cập đến 81 khoa danh tướng này, nên chúng tôi xin liệt kê để đọc giả hiểu rõ hơn. 81 khoa danh tướng Bát nhã được chép trong Đại Tạng Nhất Lãm Tập quyển 3. Đó là: năm uẩn, sáu căn, sáu trần, sáu thức, sáu xúc (hợp lại thành 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới), sáu duyên sở sinh, bốn duyên, sáu đại, mười hai nhân duyên, sáu độ (lục độ Ba la mật), ngã giả, sinh giả, thọ giả, mệnh giả, hữu tình giả, dưỡng dục giả, chúng số giả, tác giả, sử tác giả, khởi giả, sử khởi giả, thọ giả, sử thọ giả, kiến giả, tri giả, hai mươi không, bốn đế, chân như, pháp giới, pháp tánh, bất hư vọng tánh, bất biến dịch tánh, bình đẳng tánh, ly sinh tánh, pháp định, pháp trụ, thực tế, xứ không giới, bất tư nghị giới, bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn vô sắc định, tám giải thoát, tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ, bốn niệm xứ, bốn chính cần, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy chi giác, tám chi thánh đạo, không giải thoát môn, vô tướng giải thoát môn, vô nguyện giải thoát môn, Bồ tát thập địa, năm nhãn, sáu thông, mười lực, bốn vô úy, bốn vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỉ, đại xả, mười tám pháp bất cộng, pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí, nhất thiết đà la ni môn, nhất thiết tam ma địa môn, Dự lưu quả, Nhất lai quả, Bất hoàn quả, A la hán quả, Độc giác Bồ đề, Bồ tát hạnh (nhân tròn quả đầy), Phật v.v... tất cả tám mươi mốt khoa.

(2). Bảy pháp không trong 18 pháp không mà chúng ta có học qua trong ***phần thứ I****, tổng luận.*

(3).Tam tế hay còn gọi là tam thế: 1).Tiền tế (Phạm:Pùrvànta): Chỉ cho quá khứ. 2). Hậu tế (Phạm:Aparànta): Chỉ cho vị lai. 3).Trung tế (Phạm: Madhyànta): Chỉ cho hiện tại.

QUYỂN THỨ HAI

PHẨM VÃNG SANH
THỨ TƯ

(Tương đương với phẩm "Chuyển Sanh", phần cuối Q.07 cho đến hết Q.09, kinh ĐBN)

Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật có thể tu tập tương ứng như vậy, những vị ấy từ cõi nào chết rồi sanh đến cõi nầy, từ cõi nầy chết rồi sẽ sanh về đâu?"

Đức Phật nói: "Nầy Xá Lợi Phất! Những đại Bồ Tát ấy hoặc từ cõi khác sanh đến cõi nầy, hoặc từ cung trời Đâu Suất sanh xuống đây, hoặc có vị vẫn từ nhơn gian sanh trở lại nhơn gian đây.

Nầy Xá Lợi Phất! Những Bồ Tát từ cõi khác sanh đến đây mau tương ứng với Bát nhã Ba la mật. Vì tương ứng với Bát nhã Ba la mật nên khi sanh đến cõi nầy, những pháp thâm diệu đều hiện ra lại tương ứng với Bát nhã ba la mật. Bồ Tát nầy sanh đến đâu cũng thường gặp được chư Phật.

Nầy Xá Lợi Phất! Có bực Bồ Tát nhất sanh bổ xứ từ cung trời Đâu Suất sanh xuống đây. Bồ Tát nầy chẳng mất sáu môn ba la mật, tùy sanh đến chỗ nào, tất cả môn đà la ni, tất cả môn tam muội đều hiện ra.

Nầy Xá Lợi Phất! Có bực Bồ Tát từ nhơn gian sanh trở lại nhơn gian, Bồ Tát nầy căn tánh chậm lụt, trừ bực bất thối chuyển, chẳng thể mau chóng tương ứng với Bát nhã ba la mật, các môn đà la ni, các môn tam muội chẳng thể mau hiện ra.

Nầy Xá Lợi Phất! Như lời ông hỏi, đại Bồ Tát tương ứng với Bát nhã ba la mật, từ cõi nầy chết sẽ sanh về đâu? Ông nên biết rằng những đại Bồ Tát nầy từ một Phật độ chết sẽ sanh đến một Phật độ khác, luôn luôn chẳng xa rời chư Phật.

Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát chẳng dùng phương tiện mà nhập sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền và cũng thực hành sáu Ba la mật. Vì đắc thiền nên đại Bồ Tát nầy sanh lên Trường Thọ Thiên. Rồi từ cung trời ấy sanh xuống nhơn gian gặp chư Phật. Hàng Bồ Tát nầy căn tánh không được lanh lẹ.

Nầy Xá Lợi Phất! Có bực đại Bồ Tát nhập sơ thiền đến tứ thiền và cũng thực hành Bát nhã Ba la mật, vì chẳng dùng phương tiện nên xả thiền sanh xuống Dục giới. Hàng Bồ Tát nầy căn tánh cũng châm lụt.

Nầy Xá Lợi Phất! Có bực đại Bồ Tát nhập sơ thiền đến tứ thiền, nhập từ tâm đến xả tâm, nhập hư không xứ định đến phi phi tưởng xứ định, tu tập tứ niệm xứ đến bát thánh đạo, thực hành thập lực, đại từ, đại bi. Hàng đại Bồ Tát nầy dùng sức phương tiện chẳng sanh theo sắc thiền, chẳng sanh theo vô lượng tâm, chẳng sanh theo sắc định, mà sanh nơi nào có Phật xuất thế, thường chẳng rời hạnh Bát nhã Ba la mật. Bồ Tát nầy sẽ thành Phật trong Hiền kiếp.

Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát nhập sơ thiền đến tứ thiền, nhập từ tâm đến xả tâm, nhập hư không xứ định đến phi phi tưởng xứ định. Vì dùng sức phương tiện nên chẳng sanh theo thiền mà sanh trở lại Dục giới để thành tựu chúng sanh.

Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát nhập sơ thiền đến tứ thiền, nhập từ tâm đến xả tâm, nhập hư không xứ định đến phi phi tưởng xứ định. Vì dùng sức phương tiện nên chẳng sanh theo thiền mà sanh vào các cõi trời Dục giới, như cõi Tứ Vương hoặc cõi Đao Lợi, Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc, Tha Hóa để thành tựu chúng sanh trong các cõi nầy và cũng để thanh tịnh Phật độ, gần gũi chư Phật.

Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng sức phương tiện nhập sơ thiền, ở cõi nầy mạng chung sanh trời Phạm Thiên làm Đại Phạm Vương, rồi đến các Phật độ mới thành Vô thượng Chánh giác mà chưa chuyển pháp luân thời khuyến chuyển pháp luân.

Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát bậc nhất sanh bổ xứ thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng sức phương tiện nhập sơ thiền đến tứ thiền, nhập từ tâm đến xả tâm, nhập hư không xứ định đến phi phi tưởng xứ định, tu tứ niệm xứ đến bát thánh đạo, nhập không tam muội, vô tướng tam muội, vô tác tam muội, chẳng sanh theo thiền mà sanh nơi có Phật xuất thế, tu phạm hạnh, hoặc sanh cung trời Đâu Suất, lúc mạng chung chẳng mất chánh niệm, đủ thiện căn, cùng vô số trăm ngàn ức vạn chư Thiên cung kính vây quanh đến sanh nơi đây mà được thành Vô thượng Bồ đề.

Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát được lục thần thông chẳng sanh Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, mà từ một Phật độ, cung kính cúng dường tôn trọng tán thán chư Phật.

Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát du hí thần thông từ một Phật độ đến một Phật độ. Nơi nào mà Bồ Tát nầy đến thời không có Thanh Văn và Bích Chi Phật thừa, cũng không có danh từ Nhị thừa.

Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát du hí thần thông từ một Phật độ đến một Phật độ, chỗ nào có Bồ Tát nầy đến thời cõi đó thọ mạng vô lượng.

Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát du hí thần thông từ một Phật độ đến một Phật độ, nơi không có Tam Bảo Phật, Pháp và Tăng thời tán thán công đức của Phật, Pháp và Tăng. Chúng sanh nơi đó thời được nghe danh của Phật, của Pháp và của tăng, nên sau khi mạng chung sanh trước chỗ chư Phật.

Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát lúc sơ phát tâm được sơ thiền đến tứ thiền, được tứ vô lượng tâm, được tứ vô sắc định, tu tứ niệm xứ đến bát thánh đạo nhẫn đến mười tám pháp bất cộng. Bồ Tát nầy không sanh trong tam giới mà thường sanh nơi chúng sanh có lợi ích.

Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát lúc sơ phát tâm thật hành sáu Ba la mật lên ngôi Bồ Tát được bậc bất thối chuyển.

Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát lúc sơ phát tâm bèn được Vô thượng Bồ đề chuyển pháp luân, sau khi đem sự lợi ích cho chúng sanh xong liền nhập Niết Bàn, chánh pháp trụ thế hoặc một kiếp hoặc dưới một kiếp.

Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát lúc sơ phát tâm liền tương ứng với Bát nhã Ba la mật, cùng vô số trăm ngàn ức Bồ Tát từ một Phật độ đến một Phật độ để thanh tịnh Phật độ.

Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát lúc thực hành Bát nhã Ba la mật được tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, rồi du hí trong đó: nhập sơ thiền, xuất sơ thiền, nhập diệt tận định, xuất diệt tận định, nhập nhị thiền nhẫn đến tứ thiền, nhập diệt tận định, xuất diệt tận định, nhập hư không xứ định nhẫn đến phi phi tưởng xứ định, nhập diệt tận định. Đó là đại Bồ Tát dùng sức phương tiện, lúc thực hành Bát nhã Ba la mật, nhập siêu việt định.

Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát lúc thực hành Bát nhã Ba la mật, tu tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng mà chẳng trụ lấy những quả Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật. Bồ Tát nầy dùng sức phương tiện để độ chúng sanh nên phát khởi bát thánh đạo phần**,** đem bát thánh đạo phần nầy làm cho chúng sanh được quả Tu Đà Hoàn đến quả Bích Chi Phật.

Nầy Xá Lợi Phất! tất cả những quả A La Hán, Bích Chi Phật và trí huệ của các bậc nầy đều là vô sanh pháp nhẫn(1) của đại Bồ Tát đây.

Nầy Xá Lợi Phất! Phải biết rằng đại Bồ Tát như đây thực hành Bát nhã Ba la mật như vậy, an trụ trong bậc bất thối chuyển như vậy.

Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát an trụ sáu Ba la mật mà trang nghiêm cung trời Đâu Suất. Nên biết đây là Bồ Tát trong Hiền kiếp.

Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát tu tứ thiền đến mười tám pháp bất cộng mà chưa chứng tứ đế. Nên biết đây là bậc Bồ Tát nhất sanh bổ xứ.

Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát tu hành đạo Vô thượng Bồ đề trong vô lượng a tăng kỳ kiếp.

Có đại Bồ Tát an trụ sáu Ba la mật thường siêng tinh tấn lợi ích chúng sanh, chẳng nói bàn đến sự vô ích.

Có đại Bồ Tát an trụ sáu Ba la mật thường siêng tinh tấn lợi ích chúng sanh, từ một Phật độ đến một Phật độ để dứt diệt ba ác đạo(2) của chúng sanh.

Có đại Bồ Tát an trụ sáu Ba la mật lấy Đàn na làm đầu để đem sự lợi lạc cho tất cả chúng sanh, ban cho họ những thức ăn uống, y phục, giường phòng, hương hoa, đèn đuốc, châu ngọc, tùy theo chỗ đáng cần dùng mà cung cấp cho chúng sanh.

Có đại Bồ Tát lúc thực hành Bát nhã Ba la mật biến thân hình như Phật để vì chúng sanh trong địa ngục, trong súc sanh, trong ngạ quỷ mà thuyết pháp.

Có đại Bồ Tát lúc thực hành sáu Ba la mật biến thân hình như chư Phật đến khắp mười phương hằng sa thế giới để thuyết pháp cho chúng sanh, cũng để cúng dường chư Phật và nghe Phật pháp, cũng để xem xét lựa lấy những tướng dạnh thanh tịnh tốt đẹp của các cõi nước hầu phát khởi quốc độ của mình cho được siêu thắng, hàng đại Bồ Tát trong đây đều là bậc nhất sanh bổ xứ.

Có đại Bồ Tát lúc thật hành sáu Ba la mật thành tựu ba mươi hai tướng tốt, sáu căn tịnh lợi. Vì sáu căn của Bồ Tát đây tịnh lợi nên được chúng sanh mến kính. Do chúng sanh đã mến kính, Bồ Tát nầy bèn lần lần đem pháp tam thừa cứu độ họ.

Nầy Xá Lợi Phất! Vì cớ trên đây, lúc thực hành Bát nhã Ba la mật, đại Bồ Tát phải học thân thanh tịnh và khẩu thanh tịnh.

Có đại Bồ Tát lúc thực hành sáu Ba la mật được các căn thanh tịnh vẫn không tự cao, cũng chẳng khinh người.

Có đại Bồ Tát từ lúc sơ phát tâm an trụ Đàn na Ba la mật nhẫn đến bậc bất thối chuyển trọn chẳng sa vào ba ác đạo.

Có đại Bồ Tát từ lúc sơ phát tâm nhẫn đến bậc bất thối chuyển thường chẳng bỏ rời hạnh thập thiện.

Có đại Bồ Tát an trụ trong Đàn na và Thi la Ba la mật mà làm Chuyển Luân Thánh Vương, đặt chúng sanh nơi thập thiện đạo và cũng đem tài vật bố thí cho chúng sanh.

Có đại Bồ Tát an trụ trong Đàn na và Thi la ba la mật, trong vô lượng ngàn muôn đời làm Chuyển Luân Thánh Vương, gặp vô lượng ngàn muôn đức Phật và đều cung kính cúng dường tôn trọng tán thán tất cả.

Có đại Bồ Tát thường đem chánh pháp để soi sáng cho chúng sanh cũng được lợi ích tự soi sáng, nhẫn đến lúc thành Vô thượng Bồ đề trọn chẳng rời sự soi sáng đó.

Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát như vậy đã được tôn trọng ở trong Phật pháp. Thế nên đại Bồ Tát lúc thực hành Bát nhã Ba la mật, thân, khẩu và ý đều thanh tịnh chẳng để vọng khởi".

Ngài Xá Lợi Phất thưa: **"Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ Tát thân nghiệp bất tịnh, khẩu nghiệp bất tịnh, ý nghiệp bất tịnh?"**

Đức Phật nói: "Nầy Xá Lợi Phất! Nếu đại Bồ Tát nghĩ rằng đây là thân, là khẩu, là ý. Thấy có tướng dạng tác dụng như vậy thời gọi là thân, khẩu, ý bất tịnh.

Nầy Xá Lợi Phất! **Lúc thực hành Bát nhã Ba la mật, đại Bồ Tát chẳng thấy có thân, chẳng thấy có khẩu, chẳng thấy có ý.**

Nếu thấy có thân, khẩu, ý, thời do vì thấy có, nên thân, khẩu, ý có thể sanh những tâm niệm xan tham, phạm giới, sân khuể, giả đãi, tán loạn, ngu si. Phải biết Bồ Tát như đây, lúc thực hành Bát nhã ba la mật, chẳng có thể trừ được thô nghiệp của thân, khẩu và ý".

Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát dứt trừ thô nghiệp của thân, khẩu và ý?"

Đức Phật nói: "Nếu chẳng thấy có thân, khẩu và ý, đại Bồ Tát nầy có thể dứt trừ thô nghiệp của thân, khẩu và ý.

Nầy Xá Lợi Phất! Nếu đại Bồ Tát từ lúc sơ phát tâm thực hành thập thiện đạo, chẳng móng tâm Thanh Văn, chẳng móng tâm Bích Chi Phật, thời có thể dứt trừ được thô nghiệp của thân, khẩu và ý.

Có đại Bồ Tát lúc thực hành Bát nhã Ba la mật thanh tịnh Phật đạo, mà thực hành Đàn na, Thi na, Sằn đề, Tỳ lê gia và Thiền na Ba la mật, Bồ Tát trừ được thô nghiệp của thân, khẩu và ý".

Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Phật đạo của đại Bồ Tát?"

Đức Phật nói: "Nầy Xá Lợi Phất! Nếu chẳng thấy có thân, khẩu và ý, chẳng thấy có Đàn na, Thi na, Sằn đề, Tỳ lê gia, Thiền na và Bát nhã Ba la mật, chẳng thấy có Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát và Phật, đây gọi là Phật đạo của đại Bồ Tát. **Chính đó có nghĩa là vì tất cả pháp đều bất khả đắc**.

Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát lúc thực hành sáu Ba la mật không ai có thể phá hoại được.

Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! thế nào là đại Bồ Tát lúc thực hành sáu Ba la mật không ai phá hoại được?"

Đức Phật nói: "Nầy Xá Lợi Phất! Nếu lúc thực hành Bát nhã Ba la mật, đại Bồ Tát chẳng nghĩ rằng có sắc, thọ, tưởng, hành và thức, chẳng nghĩ rằng có nhãn, nhĩ, tĩ, thiệt, thân và ý, chẳng nghĩ rằng có sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp, chẳng nghĩ rằng có nhãn gới, nhĩ giới, tĩ giới, thiệt giới, thân giới, ý giới, sắc giới, thanh giới, hương giới, vị giới, xúc giới, pháp giới, nhãn thức giới, nhĩ thức giới, tĩ thức giới, thiệt thức giới, thân thức giới và ý thức giới, chẳng

nghĩ rằng có tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất bồ đề phần, bát thánh đạo phần, chẳng nghĩ rằng có Đàn na Ba la mật, Thi la Ba la mật, Sằn đề Ba la mật, Tỳ lê gia Ba la mật, Thiền na Ba la mật, Bát nhã Ba la mật, chẳng nghĩ rằng có thập lực, tứ vô úy, tứ vô ngại trí, thập bát bất cộng pháp, chẳng nghĩ rằng có những quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến quả Vô thượng Bồ đề, **thực hành tăng ích sáu Ba la mật như vậy thời không ai phá hoại được**.

Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát an trụ trong Bát nhã Ba la mật đầy đủ trí huệ, nhờ trí huệ nầy mà không sa vào ác đạo, cũng chẳng sanh vào trong loài người tệ ác, nghèo cùng. Thân thể của Bồ Tát nầy cảm thọ chẳng bị hàng Thiên Nhơn và A tu la chê ghét".

Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Những gì là **trí huệ của đại Bồ Tát**?"

Đức Phật nói: "Nhờ trí huệ ấy mà đại Bồ Tát thấy hằng sa chư Phật ở mười phương và cũng nghe Phật thuyết pháp cùng thấy Tăng chúng và thấy Phật độ nghiêm tịnh.

Do trí huệ ấy mà đại Bồ Tát chẳng có cảm tưởng Phật, Bồ Tát, Bích Chi Phật, Thanh Văn, cũng chẳng có cảm tưởng ngã và quốc độ.

Nhờ trí huệ ấy mà đại Bồ Tát thực hành Đàn na đến Bát nhã Ba la mật mà chẳng thấy có Đàn na đến Bát nhã Ba la mật, thật hành tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng mà chẳng thấy có tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng. (Trí tuệ đó là trí không thảy. Không thấy, không mong cầu, không chứng đắc, đó chính là trí tuệ của Bồ tát)

Trên đây gọi là trí huệ của đại Bồ Tát. Nhờ trí huệ ấy mà đại Bồ Tát có thể đầy đủ tất cả pháp mà vẫn không thấy có tất cả pháp.

Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát lúc thực hành Bát nhã Ba la mật thanh tịnh được nhục nhãn, thiên nhãn, huệ nhãn, pháp nhãn và Phật nhãn. Đây cũng gọi là ngũ nhãn thanh tịnh".

Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là **nhục nhãn** thanh tịnh của đại Bồ Tát?"

Đức Phật nói: "Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát nhục nhãn thấy xa trăm do tuần, có vị thấy toàn thể Diêm Phù Đề, có vị thấy hai thiên hạ hoặc ba bốn thiên hạ, có vị thấy khắp Tiểu Thiên thế giới, có Bồ Tát nhục nhãn thấy suốt Đại Thiên thế giới. Đây là nhục nhãn thanh tịnh của đại Bồ Tát".

Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là **thiên nhãn** thanh tịnh của đại Bồ Tát?

Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát thiên nhãn thấy như tứ Thiên Vương đã thấy, hoặc như Đao Lợi Thiên, như Dạ Ma Thiên, như Đâu Suất Thiên, như Hóa Lạc Thiên, như Tha Hóa Thiên, như Phạm Thiên Vương nhẫn đến như Sắc Cứu Cánh Thiên đã thấy.

Thiên nhãn của đại Bồ Tát lại thấy chúng sanh trong hằng sa thế giới chết nơi đây sanh nơi kia. Chỗ thấy nầy chư Thiên và Tứ Vương đến cõi Sắc Cứu Cánh Thiên chẳng biết, chẳng thấy được và cũng chính là thiên nhãn thanh tịnh của đại Bồ Tát.

Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là **huệ nhãn** thanh tịnh của đại Bồ Tát?

Nầy Xá Lợi Phất! Huệ nhãn của đại Bồ Tát chẳng nghĩ rằng có những pháp là hữu vi, là vô vi, là thế gian, là xuất thế gian, là hữu lậu, là vô lậu, mà không pháp nào chẳng thấy, không pháp nào chẳng nghe, không pháp nào chẳng hay, không pháp nào chẳng biết. Đây là huệ nhãn thanh tịnh của đại Bồ Tát. (tịch mà chiếu)

Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là **pháp nhãn** thanh tịnh của đại Bồ Tát?

Nầy Xá Lợi Phất! Do nơi pháp nhãn, đại Bồ Tát biết người nầy là tùy tín hành, người nầy là tùy pháp hành, người nầy là vô tướng hành, cũng biết người nầy tu môn không giải thoát, người nầy tu môn vô tướng giải thoát, người nầy tu môn vô tác giải thoát, người nầy được ngũ căn, do được ngũ căn mà được vô gián tam muội, do được vô gián tam muội mà được trí giải thoát, do được trí giải thoát mà dứt trừ tam kiết(3), là thấy có ngã, nghi ngờ và giới thủ, người nầy được gọi là quả Tu Đà Hoàn. Bồ Tát cũng biết người nầy được tư duy đạo làm mỏng bớt tham sân si, được quả Tư Đà Hàm, người nầy tăng tấn tư duy đạo dứt tham sân si Dục giới, được quả A Na Hàm, người nầy tăng tấn tư duy đoạn dứt tham sân si mạn Sắc giới và Vô sắc giới, được quả A La Hán. Bồ Tát cũng biết người nầy tu môn giải thoát không vô tướng, vô tác được ngũ căn, được vô gián tam muội mà được trí giải thoát, do trí giải thoát biết rõ bao nhiêu phiền não nghiệp nhơn tích tập đều là pháp tịch diệt, được quả Bích Chi Phật. Pháp nhãn thanh tịnh của Bồ Tát thấy như vậy.

Nầy Xá Lợi Phất! Do nơi pháp nhãn, đại Bồ Tát biết người nầy sơ phát tâm bồ đề thực hành sáu Ba la mật thành tựu tín căn và tinh tấn căn, người nầy thiện căn thuần hậu, vì dùng sức phương tiện mà thọ thân để lợi ích chúng sanh: hoặc sanh dòng Sát Đế Lợi, hoặc sanh dòng Bà La Môn, hoặc sanh dòng Cư Sĩ, hoặc sanh cõi trời Tứ Vương, trời Đau Lợi, trời Dạ Ma, trời Đâu Suất, trời Hóa Lạc, trời Tha Hóa, luôn giáo hóa thành tựu chúng sanh và cấp thí cho họ đầy đủ mọi thứ cần dùng, đồng thời thanh tịnh Phật độ, cung kính cúng dường chư Phật mãi đến đạo Vô thượng Bồ đề chẳng sa vào bực Thanh Văn, Bích Chi Phật. Pháp nhãn thanh tịnh của Bồ Tát thấy biết như vậy.

Nầy Xá Lợi Phất! Do nơi pháp nhãn, đại Bồ Tát biết vị Bồ Tát nầy thối chuyển nơi đạo Vô thượng Bồ đề, vị Bồ Tát nầy không thối chuyển, vị Bồ Tát nầy đã được thọ ký làm Phật, vị Bồ Tát nầy chưa được thọ ký, vị Bồ Tát nầy đã đến bực bất thối chuyển, vị Bồ Tát nầy chưa đến bực bất thối chuyển, cũng biết vị Bồ Tát nầy đầy đủ thần thông bay đến mười phương hằng sa thế giới, cung kính cúng dường chư Phật, cũng biết vị nầy chưa được thần thông rồi sẽ được thần thông, cũng biết vị nầy thanh tịnh Phật độ, vị nầy chưa thanh tịnh Phật độ, vị nầy thành tựu chúng sanh, vị nầy chưa thành tựu chúng sanh, vị nầy được chư Phật khen ngợi, vị nầy chưa được chư Phật khen ngợi, vị nầy hầu hạ chư Phật, vị nầy không hầu hạ gần chư Phật, vị nầy thọ mạng vô lượng, vị nầy thọ mạng hữu lượng, vị Bồ Tát nầy lúc thực hành Phật chúng Tỳ Kheo hữu lượng, vị nầy chúng Tỳ Kheo vô lượng, vị nầy lúc thực hành Phật dùng Bồ Tát làm Tăng, vị nầy không dùng Bồ Tát làm Tăng, vị nầy tu khổ hạnh khó làm, vị nầy không tu khổ hạnh khó làm, vị nầy là nhất sanh bổ xứ, vị nầy chưa nhất sanh bổ xứ, vị nầy thọ thân tối hậu, vị nầy chưa thọ thân tối hậu, vị nầy ngồi đạo tràng, vì nầy không thể ngồi đạo tràng, vị nầy có phá ma, vì nầy không có ma. Những sự thấy biết nầy là pháp nhãn thanh tịnh của đại Bồ Tát.

Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là **Phật nhãn** thanh tịnh của đại Bồ Tát?

Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát từ nơi tâm cầu Phật đạo tuần tự nhập Kim cang tam muội **được Nhất thiết chủng trí**, bấy giờ thành tựu thập lực, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, thập bát bất cộng pháp, đại từ, đại bi. Dùng nhất thiết chủng trí, trong tất cả pháp, không pháp nào chẳng thấy, chẳng nghe, chẳng hay, chẳng biết. Nên biết đây là Phật nhãn thanh tịnh lúc đại Bồ Tát được Vô thượng Bồ đề.

Nầy Xá Lợi Phất! **Muốn được ngũ nhãn thời phải học Bát nhã ba la mật.**

Tại sao vậy? Vì trong sáu Ba la mật nhiếp tất cả thiện pháp, những là Thanh Văn pháp, Bích Chi Phật pháp, Bồ Tát pháp và Phật pháp.

Nầy Xá Lợi Phất! Nếu có thật ngữ có thể nhiếp tất cả thiện pháp, thời chính đó là Bát nhã ba la mật.

Nầy Xá Lợi Phất! Bát nhã Ba la mật hay phát sanh ngũ nhãn. Bồ Tát học ngũ nhãn thời được Vô thượng Bồ đề.

Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát lúc thực hành Bát nhã Ba la mật tu thần thông Ba la mật, do đây được những sự như ý. Như là chấn động đại địa, biến một thân làm vô số thân, vô số thân hoàn lại một thân, hoặc ẩn hoặc hiện đều tự tại, đi qua núi vách cây đá không chướng ngại như đi trong hư không, đi trên mặt nước như đi trên đất bằng, đi trong không gian như chim bay, vào ra trong đất đá như trồi hụp trong nước, trong thân tuôn lửa, tuôn nước như đống lửa to, như nguồn suối trên núi tuyết, có thể lấy tay rờ mặt nhựt, mặt nguyệt, có thể rờ đến Phạm Thiên, thân thể luôn được tự tại. Dầu hiện những thần thông như ý mà đại Bồ Tát nầy chẳng thấy có thần thông, chẳng thấy có sự thần thông cũng chẳng thấy có thân, tất cả đều bất khả đắc, vì là tự tánh không, tự tánh ly, tự tánh vô sanh. Thế nên đại Bồ Tát nầy chẳng nghĩ rằng ta được như ý thần thông, trừ khi vì tâm Nhất thiết trí.

Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát được như **ý thần thông trí chứng** như vậy.

Nầy Xá Lợi Phất! Vì thiên nhĩ thanh tịnh hơn nhơn nhĩ, **Bồ Tát nầy nghe hai thứ tiếng: tiếng của cõi trời và tiếng của loài người**. Dầu như vậy nhưng Bồ Tát nầy cũng chẳng thấy có thiên nhĩ thần thông. Thiên nhĩ cùng âm thanh và thân mình đều bất khả đắc. Vì là tự tánh không, tự tánh ly, tự tánh vô sanh nên Bồ Tát chẳng nghĩ rằng ta có thiên nhĩ, trừ khi vì tâm Nhất thiết trí.

Lúc thực hành Bát nhã Ba la mật Bồ Tát nầy được **thiên nhĩ thần thông trí chứng** như vậy.

Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát nầy **biết đúng như thật tâm của những chúng sanh khác**. Nếu là dục tâm, sân tâm, si tâm, khát ái tâm, thọ tâm, tán tâm, loạn tâm, tiểu tâm, bất giải thoát tâm, hữu thượng tâm, thời Bồ Tát nầy biết đúng là dục tâm nhẫn đến biết đúng là hữu thượng tâm. Nếu là ly dục tâm, ly sân tâm, ly si tâm, vô khát ái tâm, vô thọ tâm, nhiếp tâm, định tâm, đại tâm, giải thoát tâm, vô thượng tâm, thời Bồ Tát nầy biết là đúng là tâm ly dục nhẫn đến biết đúng là tâm vô thượng. Dầu biết đúng như thật nhưng Bồ Tát nầy chẳng thấy có những tâm ấy. Tại sao vậy? Vì tâm ấy chẳng phải có thật tâm tướng, vốn là chẳng thể nghĩ bàn. Vì là tự tánh không, tự tánh ly, tự tánh vô sanh nên Bồ Tát nầy chẳng nghĩ rằng ta được tha tâm trí chứng, trừ khi vì tâm Nhất thiết trí.

Lúc thực hành Bát nhã Ba la mật, Bồ Tát nầy được **tha tâm thần thông trí chứng** như vậy.

Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát **dùng túc mạng trí chứng thần thông nhớ** một ngày, một tháng, một năm, một kiếp(4) nhẫn đến nhớ vô số trăm ngàn muôn ức kiếp ta ở chỗ đó, tên họ đó, sanh hoạt ăn uống như vậy, sống bao lâu, bị khổ hưởng vui như vậy, từ chỗ đó chết sanh đến chỗ kia, từ chỗ kia chết sanh đến chỗ đó, có tướng dạng, có nhơn duyên như vậy nhưng Bồ Tát nầy chẳng thấy có túc mạng thần thông, chẳng thấy có sự túc mạng thần thông và thân mình. Tất cả

đều bất khả đắc. Vì là tự tánh không, tự tánh ly, tự tánh vô sanh nên Bồ Tát nầy chẳng nghĩ rằng ta có túc mạng thần thông, trừ lúc vì tâm Nhất thiết trí.

Lúc thực hành Bát nhã Ba la mật, Bồ Tát nầy được **túc mạng thần thông trí chứng** như vậy.

Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát nầy dùng thiên nhãn thấy những chúng sanh lúc sau, lúc tử thân đẹp hay xấu, chỗ ở tốt hay xấu, hoặc thân lớn hoặc thân nhỏ, cũng thấy chúng sanh theo nhơn duyên của nghiệp, có những chúng sanh vì thân khẩu ý ác nghiệp kết tựu nên hủy báng hiền thánh, do nhân duyên tà kiến mà khi chết phải đọa ác đạo sanh trong địa ngục, có những chúng sanh thân, khẩu, ý thiện nghiệp thành tựu mà kính tin hiền thánh, do nhân duyên chánh kiến mà khi chết được vào thiện đạo sanh lên các cõi trời. Dầu thấy biết như vậy mà Bồ Tát nầy chẳng thấy có thiên nhãn thần thông cùng sự thiên nhãn thần thông và thân mình. Tất cả đều bất khả đắc. Vì là tự tánh không, tự tánh ly, tự tánh vô sanh nên Bồ Tát nầy chẳng nghĩ rằng ta có thiên nhãn thần thông, trừ lúc vì tâm Nhất thiết trí.

Lúc thực hành Bát nhã Ba la mật, Bồ Tát nầy được **thiên nhãn thần thông trí chứng** như vậy.

Bồ Tát nầy cũng thấy rõ chúng sanh trong hằng sa thế giới ở mười phương chết đây sanh kia nhẫn đến sanh lên các cõi trời, tất cả bốn thần thông đều có công năng thấu suốt như vậy. Đây là lậu tận thần thông của Bồ Tát. Dầu được lậu tận thần thông mà Bồ Tát nầy chẳng sa vào hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật, mãi đến quả vô thượng Bồ đề vẫn chẳng y cú pháp nào khác ngoài Bát nhã ba la mật. Bồ Tát nầy cũng chẳng thấy có lậu tận thần thông cùng sự lậu tận thần thông và thân mình. Tất cả đều bất khả đắc. Vì là tự tánh không, tự tánh ly, tự tánh vô sanh nên Bồ tát nầy chẳng nghĩ ta được lậu tận thần thông, trừ lúc vì Nhất thiết trí.

Lúc thực hành Bát nhã Ba la mật, Bồ Tát nầy được **lậu tận thần thông trí chứng** như vậy.

Nầy Xá Lợi Phất! Lúc thực hành Bát nhã Ba la mật, đại Bồ Tát đầy đủ thần thông Ba la mật, do đây mà quả vô thượng Bồ đề được tăng ích.

Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát lúc thực hành Bát nhã Ba la mật an trụ trong Đàn na Ba la mật để thanh tịnh Nhất thiết chủng trí, vì rốt ráo rỗng không, chẳng sanh tâm xan lẫn vậy.

Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát lúc thực hành Bát nhã Ba la mật an trụ trong Thi la Ba la mật để thanh tịnh Nhất thiết chủng trí, vì rốt ráo rỗng không, chẳng dích mắc nơi có tội cùng chẳng có tội vậy.

Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật an trụ trong Sằn đề ba la mật để thanh tịnh Nhất thiết chủng trí, vì rốt ráo rỗng không, chẳng sân hận vậy.

Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật an trụ trong Tỳ lê gia ba la mật để thanh tịnh Nhất thiết chủng trí, vì rốt ráo rỗng không, thân tâm luôn tinh tấn, chẳng trễ lười thôi nghĩ vậy.

Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát lúc thực hành Bát nhã Ba la mật an trụ trong Thiền na Ba la mật để thanh tịnh Nhất thiết chủng trí, vì rốt ráo rỗng không, chẳng loạn động, chẳng say sưa thiền vị vậy.

Nầy Xá Lợi Phất! Có đại Bồ Tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật an trụ trong Bát nhã Ba la mật để thanh tịnh Nhất thiết chủng trí, vì rốt ráo rỗng không, chẳng sanh tâm ngu si vậy.

Nầy Xá Lợi Phất! **Đại Bồ Tát lúc thực hành bát nhã Ba la mật an trụ trong sáu Ba la mật như vậy để thanh tịnh Nhất thiết chủng trí** *(Tát Bà Nhã)*, **vì rốt ráo rỗng không, vì chẳng đến chẳng đi, vì chẳng thí chẳng thọ, vì chẳng phải giới cấm chẳng phải phạm tội, vì chẳng phải nhẫn chẳng phải sân, vì chẳng phải siêng năng chẳng phải lười, vì chẳng định chẳng loạn, vì chẳng trí chẳng ngu vậy. Bấy giờ đại Bồ Tát chẳng phân biệt bố thí cùng chẳng bố thí, chẳng phân biệt trì giới cùng phạm giới, chẳng phân biệt nhẫn nhục cùng sân khuể, chẳng phân biệt tinh tấn cùng giải đãi, chẳng phân biệt định tâm cùng loạn tâm, chẳng phân biệt trí tuệ cùng ngu si, chẳng phân biệt hủy hại khinh mạn cùng cung kính tôn trọng.**

Tại sao vậy? Vì trong pháp vô sanh chẳng có ai lãnh thọ sự hủy hoại, không có ai lãnh thọ sự khinh mạn hay cung kính.

Nầy Xá Lợi Phất! Thực hành Bát nhã Ba la mật, đại Bồ Tát được những công đức như vậy, hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật không có được những công đức nầy. Do đây đại Bồ Tát đầy đủ thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, được Nhất thiết chủng trí.

Nầy Xá Lợi Phất! Lúc thực hành Bát nhã Ba la mật, ở trong tất cả chúng sanh đại Bồ Tát sanh tâm bình đẳng. Đã sanh tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sanh, Bồ Tát được pháp bình đẳng. Đã được tất cả pháp bình đẳng, Bồ Tát đặt để tất cả chúng sanh trong pháp bình đẳng đó.

Đại Bồ Tát nầy hiện đời được chư Phật mười phương yêu mến, cũng được tất cả Bồ Tát, Bích Chi Phật, Thanh Văn kính mến.

Bất luận thọ sanh ở chỗ nào, đại Bồ Tát nầy, trong nhãn căn chẳng thấy có sắc cũng chẳng ái sắc, nhẫn đến trong ý căn chẳng biết có pháp cũng chẳng ái pháp.

Nầy Xá Lợi Phất!? Đại Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật như vậy chẳng tổn giảm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc đức Phật giảng thuyết phẩm Bát nhã Ba la mật, trong pháp hội có ba trăm Tỳ Kheo đứng dậy dâng y cúng dường đức Phật và phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Đức Phật mỉm cười, từ miệng Phật chiếu ra những ánh sáng nhiều màu.

Ngài A Nan (5)liền đứng dậy sửa y phục quỳ gối chắp tay bạch đức Phật hỏi duyên cớ mà đức Phật mỉm cười.

Đức Phật nói: "Nầy A Nan! Sáu mươi mốt kiếp sau, ba trăm Tỳ Kheo nầy sẽ thành Phật hiệu là Đại Tướng. Sau khi bỏ thân nầy, ba trăm Tỳ Kheo đây sẽ sanh về cõi nước của đức Phật A Súc, cùng với sáu vạn thiên tử Dục giới đồng phát tâm Vô thượng Bồ đề, sẽ xuất gia tu hành Phật đạo trong chánh pháp của đức Phật Di Lặc.

Bấy giờ do oai thần của Phật mà hàng tứ chúng trong pháp hội thấy ngàn đức Phật ở mỗi phương trong mười phương, quốc độ trong mười phương ấy đều nghiêm tịnh hơn cõi Ta Bà nầy. Có mười ngàn người phát nguyện tu tịnh hạnh để sanh về thế giới của chư Phật đó.

Đức Phật biết tâm nguyện của chúng thiện nam tử nầy nên lại mỉm cười, từ miệng Phật phóng ra những ánh sáng.

Ngài A Nan bạch đức Phật hỏi duyên cớ. Đức Phật nói mười ngàn người ấy sẽ sanh về các thế giới mười phương, mãi không rời chư Phật. Sau đây sẽ đều thành Phật, đồng hiệu là Trang Nghiêm Vương Như Lai.

Thích nghĩa:

(1). Vô sanh pháp nhẫn: Đã giải thích ở ***phần thứ I****, tổng luận. Nhưng định nghĩa sau đây của thầy tăng Nhật tên Liễu Huệ dẫn lời giải thích của ngài Nghĩa Tịch, người nước Tân la về tam pháp nhẫn, mà pháp nhẫn thứ ba là "vô sanh pháp nhẫn" có vẽ thích thú nên chúng tôi ghi thêm: Bồ tát không thấy có pháp sanh, không thấy có pháp diệt; nếu không sanh thì không diệt, không diệt thì không hết, không hết thì lìa cấu, lìa cấu thì không hoại, không hoại thì chẳng động, chẳng động thì vắng lặng, đó là Vô sanh pháp nhẫn. (Phỏng theo từ điển Phật Quang).*

(2). Ba ác đạo gồm ngạ quỷ (s: preta), địa ngục (s: nāraka) và súc sanh (s: paśu). Đó là ba cửa luân hồi của kẻ tạo nghiệp dữ!

(3). Tam kiết (hay tam kết hay còn gọi là tam độc) là ba cái phiền não trói buộc chúng sanh trong bể khổ sanh tử. Đó là tham kết, nhuế kết và si kết.

(4). Kiếp: Nếu tính theo mạng sống của con người thì một kiếp là 100 năm. Nhưng trong đạo Phật lại tính khác. Có quá nhiều thuyết, có thuyết phân chia thời gian làm nhiều loại gọi là tiểu kiếp hoặc trung kiếp hoặc đại kiếp; có thuyết phân chia thời gian theo sự cấu tạo của vũ trụ, là: Thành Kiếp, Trụ Kiếp, Hoại Kiếp: và Không Kiếp. Khái niệm thời gian dù chỉ là một kiếp trong đạo Phật, nếu tính đếm theo qui ước của con người, cũng là một khoảng thời gian thật lâu dài. Theo Từ điển Phật học Việt Anh - Thiện Phúc: 1). Một đại kiếp(sanskrit Mahakalpa)là 1.334.000.000 năm, một kiếp là 336.000.000 năm, một tiểu kiếp là 16.800.000 năm. 2). Một chu kỳ thành, trụ, hoại, không của vũ trụ, mỗi thời kiếp được chia ra làm 20 tiểu kiếp, mỗi tiểu kiếp lại được chia ra làm hai thời "tăng" và "giảm". Thời "tăng" được cai trị bởi "tứ thiên vương", trong thời đó tuổi thọ của con người cứ tăng một tuổi cho mỗi một trăm năm cho đến 84.000 năm, và thân người cũng cao tới 84.000 bộ. Kế đó là thời "giảm" lại được chia làm ba giai đoạn chướng ngại là nạn dịch, chiến tranh và đói khát, lúc mà tuổi thọ của con người giảm từ từ đến lúc chỉ còn 10 tuổi thọ và chiều cao chỉ còn một bộ. Không cần phải biết đích xác về kiếp số, thời gian làm gì. Vì trong Bát nhã ba thời đều bất khả đắc. Bồ tát chẳng ngại thời gian, chẳng nệ kiếp số, qua lại cõi này trong muôn ngàn kiếp dù chỉ độ cho một người. Vì vậy, nên nói thời gian phi thời gian, kiếp số phi kiếp số!

(5). A Nan: (s, p: Ānanda): từ gọi tắt của âm dịch A Nan Đà, ý dịch là Khánh Hỷ, Vô Nhiễm, con trai của vương tộc Sĩ Cam Lộ Phạn (s: Amṛtodana, còn gọi là Bạch Phạn Vương thuộc dòng họ Thích Ca (s: Śākya, p: Sakya), anh em với Đề Bà Đạt Đa (s, p: Devadatta), anh em chú bác với đức Phật, là thị giả hầu cận đức Phật trong một thời gian lâu dài. Ngày đức Thế Tôn thành đạo là ngày A Nan ra đời; Ngài giảng kinh xong 20 năm thì khi ấy A Nan mới xuất gia. Sau khi thành đạo, lần đầu tiên đức Thế Tôn trở về thành Ca Tỳ La Vệ (s: Kapilavastu, p: Kapilavatthu), khi Ngài trú tại Vườn Xoài (s: Āmrapāli-vana, p: Ambapāli-vana, tức Am Bà Ba Lợi Viên), Tôn giả A Nan đã cùng với các vương tử thuộc dòng họ Thích Ca và người thợ hớt tóc Ưu Ba Ly (s, p: Upāli) xin xuất gia theo Phật. Từ đó trở đi, Tôn giả thường hầu hạ bên đức Thích Tôn, phần nhiều nghe được những lời dạy của Ngài, nên được xưng tụng là Đa Văn Đệ Nhất. Có thuyết cho rằng Tôn giả đã tu đắc pháp gọi là Tánh Giác Tự Tại Tam Muội, có thể ở trong định thấu hiểu các pháp; cho nên khi kết tập Pháp Tạng thì A Nan được suy cử. Khi dưỡng mẫu của Phật là bà

Ma Ha Ba Xà Ba Đề (s: Mahāprajāpatī Gautamī, s: Mahāpajāpatī Gotamī) cầu xin xuất gia nhưng không được phép, chính Tôn giả đã đích thân xin Phật và sau khi được phép thì Tôn giả là người đã tận lực sáng lập giáo đoàn Tỳ Kheo Ni đầu tiên. Vào tháng thứ 2 sau khi Phật diệt độ, khi cuộc kết tập lần đầu tiên được tiến hành tại Hang Thất Diệp (s: Sapta-parṇa-guhā) ngoài Thành Vương Xá (s: Rājagṛha, p: Rājagaha), Tôn giả đã cùng tham dự với 499 vị đệ tử của đức Phật chứng quả A La Hán. Khi đức Phật diệt độ, tương lai của giáo đoàn được phó thác lại cho Ma Ha Ca Diếp (s: Mahākāśyapa, p: Mahākassapa), sau này Ca Diếp lại truyền trao giáo pháp cho A Nan, trở thành vị tổ thứ 2 của Thiền Tông Tây Thiên.

---o0o---

PHẨM TÁN THÁN BA LA MẬT
THỨ NĂM

(Tương đương phẩm "Khen Ngợi Thắng Đức", phần đầu Q.10, Kinh ĐBN)

Bấy giờ các Ngài Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, Tu Bồ Đề, Ma Ha Ca Diếp cùng chúng đại Tỳ Kheo, chúng đại Bồ Tát, chúng Ưu Bà Tắc, chúng Ưu Bà Di đứng dậy quỳ gối chấp tay thưa rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Ma ha Ba la mật là Bát nhã Ba la mật của đại Bồ Tát. Tôn Ba la mật, đệ nhất Ba la mật, thắng Ba la mật, diệu Ba la mật, vô thượng Ba la mật, vô đẳng Ba la mật, vô đẳng đẳng Ba la mật, như hư không Ba la mật đều là Bát nhã Ba la mật của đại Bồ Tát.

Bạch đức Thế Tôn! **Tự tướng không Ba la mật, tự tánh không Ba la mật, chư pháp không Ba la mật, vô pháp hữu pháp không Ba la mật, khai nhất thiết công đức Ba la mật, thành tựu nhất thiết công đức Ba la mật, bất khả hoại Ba la mật đều là Bát nhã Ba la mật của đại Bồ Tát.**

Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật nầy làm vô đẳng đẳng bố thí, đầy đủ vô đẳng đẳng Đàn na Ba la mật, được vô đẳng đẳng thân và vô đẳng đẳng pháp, đây chính là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như Đàn na Ba la mật, năm Ba la mật kia cũng vậy.

Đức Thế Tôn cũng vốn đã thực hành Bát nhã Ba la mật nầy mà đầy đủ sáu Ba la mật, được vô đẳng đẳng pháp, được vô đẳng đẳng sắc, thọ, tưởng, hành, thức, thành Phật chuyển vô đẳng đẳng pháp luân.

Quá khứ chư Phật cũng thực hành bát nhã Ba la mật nầy mà đầy đủ vô đẳng đẳng bố thí nhẫn đến chuyển vô đẳng đẳng pháp luân.

Vị lai chư Phật cũng thực hành Bát nhã Ba la mật nầy sẽ đầy đủ vô đẳng đẳng bố thí nhẫn đến sẽ chuyển vô đẳng đẳng pháp luân.

Vì thế nên chư đại Bồ Tát muốn vượt đến tất cả pháp bỉ ngạn phải thực hành Bát nhã Ba la mật.

Bạch đức Thế Tôn! Tất cả thế gian, hàng Trời, Người và A tu la đều phải lễ kính cúng dường đại Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật.

Đức Phật nói: "Đúng như vậy! Đúng như vậy! Nầy các thiện nam tử! Tất cả thế gian hàng Trời, Người và A tu la đều phải lễ kính cúng dường người thực hành Bát nhã Ba la mật. Tại sao vậy? Vì nhơn nơi Bồ Tát nầy qua lại mà thế gian xuất sanh các thiện đạo như loài Người, loài Trời từ Tứ Thiên Vương đến Sắc Cứu Cánh Thiên, cũng xuất sanh Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật và chư Phật. Nhơn nơi Bồ Tát nầy qua lại mà thế gian xuất sanh những thứ cần dùng như đồ uống ăn, y phục, đèn đuốc, phòng nhà, châu báu.

Nầy Xá Lợi Phất! Tất cả những thứ vui thích của thế gian hoặc là dục lạc hay ly dục lạc trong nhơn gian hay trên các cõi trời đều là do Bồ Tát nầy mà có.

Tại sao vậy? Vì lúc thực hành Bồ Tát đạo, đại Bồ tát nầy an trụ nơi sáu Ba la mật, tự làm bố thí cũng đem sự bố thí để thành tựu chúng sanh, nhẫn đến tự làm Bát nhã Ba la mật và cũng đem Bát nhã Ba la mật để thành tựu chúng sanh.

Nầy Xá Lợi Phất! Thế nên vì an lạc tất cả chúng sanh mà đại Bồ Tát xuất hiện thế gian vậy.

Thích nghĩa:

*(1). Ma Ha Ba la mật: **Ma ha** (Phạm, Pàli: Mah: Cũng gọi Mạc ha, Ma hê. Hán dịch: Đại). Hàm ý là nhiều, lớn, thù thắng, mầu nhiệm); **Ba la mật** (Phạm: Pàramità, Pàli: Pàramì hoặc Pàramità): Tức là từ bờ sống chết cõi mê bên này mà đến bờ Niết bàn giải thoát bên kia. Còn gọi là Ba la mật đa, Ba la nhĩ đa. Dịch ý là Đáo bỉ ngạn, Độ vô cực, Độ, Sự cứu kính. Thông thường, nói về sự tu hành của Bồ tát, đại hạnh của Bồ tát có khả năng hoàn thành tất cả mọi việc lợi mình lợi người một cách mỹ mãn rốt ráo, cho nên gọi là Sự cứu kính. Làm theo hạnh lớn ấy mà có thể từ bờ sống chết bên này đến được bờ Niết bàn bên kia, cho nên gọi là Đáo bỉ ngạn. Hạnh lớn ấy có khả năng cứu giúp mọi loài một cách bao la vô hạn, cho nên gọi là Độ vô cực. Tiếng Phạm: Pàramità, có các nghĩa: đến bờ bên kia, trọn vẹn, đầy đủ; tiếng Pàli: Pàramì, thì có các nghĩa: tối thượng, chung cực. **Ma ha Ba la mật** có nghĩa là cứu cánh viên mãn thù thắng. (Phỏng theo từ điển Phật Quang).*

PHẨM TƯỚNG LƯỠI
THỨ SÁU
(Tương đương với phẩm"Hiện Tường Lưỡi", phần sau quyển 10, kinh ĐBN)

Bấy giờ đức Thế Tôn hiện tướng lưỡi rộng dài trùm khắp Đại Thiên thế giới. Từ nơi tướng lưỡi phóng ra vô số ánh sáng, vô lượng màu chiếu suốt hằng sa thế giới ở mười phương.

Đông phương, trong hằng sa thế giới có vô lượng vô số Bồ Tát thấy ánh sáng nầy đều bạch hỏi đức Phật của mình về ánh sáng ấy. Chư Phật bảo đó là từ tướng lưỡi của đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai ở Ta Bà thế giới phương Tây phóng ra ánh sáng ấy để vì chư đại Bồ Tát mà thuyết Bát nhã Ba la mật.

Như phương Đông chín phương kia chư Bồ Tát bạch hỏi và chư Phật giải đáp cũng vậy.

Chư Bồ Tát ở mười phương đều bạch cùng đức Phật của mình cầu được đến Ta Bà để kính lễ Thích Ca Mâu Ni Phật cùng gặp gỡ chư đại Bồ Tát và nghe Bát nhã Ba la mật. Chư Phật đều bằng lòng.

Chư Bồ Tát ở mười phương đem theo những hoa báu, hương báu, tràng phan bửu cái, vàng bạc, châu ngọc đến Ta Bà thế giới. Chư Thiên ở cõi Tứ Vương đến Sắc Cứu Cánh Thiên cũng đem những hoa trời, hương trời, cây trời, lá trời cùng nhiều loại hoa sen cõi trời, đồng đến chỗ Thích Ca Mâu Ni Phật.

Những hoa của chư đại Bồ Tát và của Chư Thiên rải cúng dường đều dừng ở không gian hóa thành đài báu có bốn trụ nhiều màu sắc rất trang nghiêm.

Trong chúng hội của Thích Ca Mâu Ni Phật có mười vạn ức người đều đứng dậy chấp tay thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đời vị lai, chúng tôi cũng sẽ được những pháp như Thích Ca Mâu Ni Phật, chúng hội đệ tử và thuyết pháp cũng vậy”.

Vì biết đại chúng nầy chí tâm nơi pháp bất sanh, bất diệt, bất xuất, bất tác đã được pháp nhẫn nên đức Phật mỉm cười, từ miệng đức Phật phóng ra những ánh sáng nhiều màu.

Ngài A Nan bạch Phật hỏi duyên cớ.

Đức Phật nói: "Nầy A Nan! Mười vạn ức người nầy đã được vô sanh nhẫn, sáu mươi tám ức kiếp sau sẽ được thành Phật nơi kiếp Hoa Tích, đồng hiệu là Giác Hoa Như Lai"

Thích nghĩa:

*(1). Tướng lưỡi rộng dài hay **quảng trường thiệt tướng** (Phạm: Prabhùta-jihvatà, hoặc Prabhùta-tanu-jihvatà): Cũng gọi: Quảng trường luân tướng. Gọi tắt: Trường thiệt tướng, Quảng trường thiệt. Tướng lưỡi rộng dài, một trong ba mươi hai tướng. Lưỡi của chư Phật rộng dài, mềm mại, có màu hồng và mỏng; khi thè ra thì trùm cả mặt cho đến lằn tóc ở trán. Tướng này có 2 đặc trưng: 1). Nói lời chân thật. 2). Biện thuyết vô cùng tận, không ai có thể hơn được. Kinh Đại Bát Nhã tả tướng lưỡi rộng dài trùm khắp Đại thiên Thế giới và phát hào quang chiếu tận 10 phương hằng sa cõi nước.(Xem lại thích nghĩa của “Phẩm Tự”, Q.01)*

---o0o---

PHẨM TAM GIẢ(1)
Quyển 03, Phẩm thứ bảy.
(Tương đương với phẩm “Dạy Bảo Trao Truyền”, Q.11 cho đến phần đầu Q.36, kinh ĐBN)

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Ông nên dạy chư đại Bồ tát về Bát nhã Ba la mật đúng như chư đại Bồ Tát đáng phải thành tựu”.

Liền đó toàn thể chúng hội Bồ Tát, Thanh Văn, chư Nhơn, Thiên đều nghĩ rằng Ngài Tu Bồ Đề sẽ tự dùng trí tuệ của Ngài hay là nương thần lực của đức Phật mà giảng thuyết Bát nhã Ba la mật cho chư đại Bồ Tát?

Biết quan niệm của chúng hội, Ngài Tu Bồ Đề nói với Ngài Xá Lợi Phất:

"Phàm hàng Thanh Văn đệ tử có thuyết pháp, có giáo thọ(2) đều là nương thần lực của đứ Phật cả”.

Lời của Phật giảng dạy chẳng trái với pháp tướng, như ngọn đèn sáng. Các thiện nam tử tu học theo pháp ấy được chứng pháp ấy.

Hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật thật không có khả năng giảng thuyết Bát nhã Ba la mật cho chư đại Bồ Tát.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Chư Bồ Tát đã nói đó, pháp gì gọi là Bồ Tát?

Chúng con chẳng thấy pháp chính xác nào gọi là Bồ Tát, thời thế nào dạy Bồ Tát về Bát nhã Ba la mật?

Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! thật ra chỉ có danh tự gọi là Bát nhã Ba la mật. Bồ Tát cùng tên Bồ Tát cũng chỉ có danh tự mà thôi. Danh tự nầy chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở trung gian**.(danh giả)**

Nầy Tu Bồ Đề! Ví như nói ngã, chúng sanh, thọ giả, mạng giả, sanh giả, tri giả, kiến giả, tác giả, khởi giả, đều là những pháp do hoà hiệp mà có. Những tên gọi đây vốn là bất sanh, bất diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói**.(thọ giả)**

Cũng vậy Bát nhã Ba la mật cùng Bồ Tát và tên Bồ Tát đều do hòa hiệp mà có, cũng vốn là bất sanh, bất diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói.

Ví như thân thể do hòa hiệp mà có, sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng do hòa hiệp mà có, đều là bất sanh, bất diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói. Bát nhã Ba la mật cùng Bồ Tát và tên Bồ Tát cũng như vậy**.(pháp giả)**

Nầy Tu Bồ Đề! Ví như nhãn, nhĩ, tĩ, thiệt, thân, ý, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, nhãn giới, nhĩ giới nhẫn đến ý thức giới, tất cả thập nhị xứ cùng thập bát giới ấy, đều do hòa hiệp mà có, vốn là bất sanh, bất diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói. Những thứ ấy chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở trung gian.

Cũng vậy, Bát nhã Ba la mật cùng Bồ Tát và tên Bồ Tát đều do hòa hiệp mà có, vốn là bất sanh, bất diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói, chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở trung gian,

Nầy Tu Bồ Đề! Ví như nội thân gọi là đầu, cổ, vai, cánh, lưng, hông, vế, chân, ngoại vật gọi là cỏ, cây, nhánh, lá, cọng, mắt, đều do hòa hiệp mà có, vốn là bất sanh, bất diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói, cũng chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở trung gian.

Bát nhã Ba la mật cùng Bồ Tát và tên Bồ Tát cũng như vậy, đều do hòa hiệp mà có, vốn là bất sanh, bất diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói, chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở trung gian.

Nầy Tu Bồ Đề! Ví như danh hiệu của chư Phật quá khứ do hòa hiệp mà có, cũng là bất sanh, bất diệt, chỉ dùng danh tự để nói, chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở trung gian. Bát nhã Ba la mật cùng Bồ Tát và tên Bồ Tát cũng như vậy.

Ví như bóng vang, mộng ảo, diệm hóa đều do hòa hiệp mà có, chỉ dùng danh tự để nói, những thứ ấy cùng danh tự vốn là bất sanh, bất diệt, chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, chẳng phải trung gian. Bát nhã Ba la mật cùng Bồ Tát và tên Bồ Tát cũng như vậy, đều do hòa hiệp mà có, là bất sanh, bất diệt, chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở trung gian.

Nầy Tu Bồ Đề! Phải học tập như vầy: Đại Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật, danh tự của Bát nhã Ba la mật cùng sự nhẫn thọ Bát nhã Ba la mật và chính pháp Bát nhã Ba la mật đều là giả thi thiết(3) cả.

Lúc thực hành Bát nhã Ba la mật, đại Bồ Tát chẳng thấy sắc danh tự cùng thọ, tưởng, hành, thức danh tự là thường, là vô thường, là khổ, là lạc, là ngã, là vô ngã, là cấu, là tịnh, cũng chẳng thấy danh tự năm uẩn nầy là không, là vô tướng, là vô tác, là tịch diệt, là sanh, là diệt, là ở trong, ở ngoài, ở trung gian.

Như năm uẩn, nhãn căn, sắc trần, nhãn thức, nhãn xúc sanh ra những cảm thọ, nhẫn đến ý căn, pháp trần, ý thức, ý xúc cùng nhơn duyên của ý xúc sanh ra những cảm thọ cũng vậy. Đại Bồ Tát đều chẳng thấy là thường, là vô thường nhẫn đến chẳng thấy ở trung gian.

Tại sao vậy? Vì lúc thực hành Bát nhã Ba la mật, đại Bồ Tát ở trong tánh hữu vi, trong tánh vô vi đều không thấy Bát nhã Ba la mật cùng Bồ Tát và tên Bồ Tát. Đối với những pháp nầy, đại Bồ Tát chẳng **móng niệm phân biệt**.

Thực hành Bát nhã Ba la mật, đại Bồ Tát nầy an trụ trong bất hoại pháp, lúc tu tứ niệm xứ cho đến lúc tu mười tám pháp bất cộng, chẳng thấy Bát nhã Ba la mật cùng danh tự của Bát nhã Ba la mật chẳng thấy Bồ Tát cùng danh tự của Bồ Tát.

Lúc thực hành Bát nhã Ba la mật, đại Bồ Tát chỉ biết thật tướng của các pháp. **Thật tướng nầy là chẳng cấu, chẳng tịnh.**

Lúc thực hành Bát nhã Ba la mật đại Bồ Tát phải biết danh tự là giả thi thiết. Đã biết danh tự là giả thi thiết rồi thời **chẳng chấp trước** nơi sắc, thọ tưởng, hành, thức, chẳng chấp trước nơi nhãn, nhĩ, tĩ, thiệt, thân, ý, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, chẳng chấp trước nơi nhãn giới đến ý thức giới, chẳng chấp trước nơi nhãn xúc cùng nhơn duyên của xúc đến ý xúc cùng nhơn duyên của ý xúc sanh ra sự cảm thọ hoặc khổ, hoặc lạc, hoặc bất khổ, bất lạc, chẳng chấp trước tánh hữu vi, tánh vô vi, chẳng chấp trước Đàn na, Thi la, Sằn đề, Tỳ lê gia, Thiền na và Bát nhã Ba la mật, chẳng chấp trước ba mươi hai tướng, chẳng chấp trước thân Bồ Tát, chẳng chấp trước nhục nhãn, thiên nhãn, huệ nhãn, pháp nhãn, Phật nhãn, chẳng chấp trước trí Ba la mật, thần thông Ba la mật, chẳng chấp trước nội không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không, chẳng chấp trước thành tựu chúng sanh, chẳng chấp trước thanh tịnh Phật độ, chẳng chấp trước pháp phương tiện.

Tại sao vậy? Vì những pháp nầy đều là rỗng không nên chẳng có người chấp trước, chẳng có pháp bị chấp trước, chẳng có chỗ chấp trước.

Lúc thực hành Bát nhã Ba la mật, đại Bồ Tát **chẳng chấp trước tất cả pháp bèn tăng ích sáu Ba la mật** lên bậc Bồ Tát bất thối chuyển, đủ đại thần thông từ Phật độ nầy đến Phật độ kia để cúng dường chư Phật, độ thoát chúng sanh, thanh tịnh Phật quốc, cũng để nghe chư Phật thuyết pháp. Nghe xong nhớ mãi đến lúc thành Vô thượng Bồ đề vẫn chẳng quên, được những môn đà la ni cùng những môn tam muội.

Thế nên đại Bồ Tát lúc thực hành Bát nhã Ba la mật phải biết rõ các pháp danh tự là giả thi thiết.

Nầy Tu Bồ Đề! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức có phải là Bồ Tát chăng?

- Không phải. Bạch đức Thế Tôn!

Nầy Tu Bồ Đề! Nhãn, nhĩ, tĩ, thiệt, thân, ý, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, nhãn thức, nhĩ thức, tĩ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức có phải là Bồ Tát chăng?

- Không phải. Bạch đức Thế Tôn!

Nầy Tu Bồ Đề! Địa chủng, thủy chủng, hỏa chủng, phong chủng, không chủng, thức chủng có phải là Bồ Tát chăng?

- Không phải. Bạch đức Thế Tôn!

Nầy Tu Bồ Đề! Vô minh, hành thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão, tử có phải là Bồ Tát chăng?

- Không phải. Bạch đức Thế Tôn!

Nầy Tu Bồ Đề! Như như tướng của ngũ uẩn nhẫn đến như như tướng của thập nhị nhơn duyên có phải là Bồ Tát chăng?

- Không phải. Bạch đức Thế Tôn!

Nầy Tu Bồ Đề! Rời ngoài như như tướng ấy có phải là Bồ Tát chăng?

- Không phải. Bạch đức Thế Tôn!

Nầy Tu Bồ Đề! Ông thấy nghĩa gì mà cho rằng tất cả những pháp kể trên và ly những pháp ấy không phải là Bồ Tát như vậy?

Bạch đức Thế Tôn! Chúng sanh còn rốt ráo bất khả đắc huống lại là Bồ Tát. Sắc còn bất khả đắc huống là sắc hay rời sắc là Bồ Tát, huống là như như tướng của sắc hay rời như như tướng của sắc là Bồ Tát. Nhẫn đến thập nhị nhơn duyên hay rời thập nhị nhơn duyên là Bồ Tát, huống là như như tướng hay rời như như tướng của thập nhị nhơn duyên là Bồ Tát.

Lành thay, lành thay! Đúng như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Vì đại Bồ Tát và chúng sanh bất khả đắc nên Bát nhã Ba la mật cũng bất khả đắc. Cần phải học như vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức có phải là nghĩa của Bồ Tát chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không phải.

Nầy Tu Bồ Đề! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức thường vô thường, lạc, khổ, ngã vô ngã có phải là nghĩa của Bồ Tát chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không phải.

Nầy Tu Bồ Đề! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, **không** phi không tướng? **Vô tướng**, tác **vô tác** có phải là nghĩa của Bồ Tát chăng? Nhẫn đến lão, tử cũng như vậy.

- Bạch đức Thế Tôn! Không phải.

Nầy Tu Bồ Đề! Ông thấy những nghĩa gì mà cho rằng ngũ uẩn đến thập nhị nhơn duyên không phải nghĩa của Bồ Tát, ngũ uẩn đến thập nhị nhơn duyên, thường vô thường nhẫn đến tác vô tác đều không phải nghĩa của Bồ Tát?

- Bạch đức Thế Tôn! Ngũ uẩn đến thập nhị nhơn duyên còn rốt ráo bất khả đắc huống lại là nghĩa của Bồ Tát. Ngũ uẩn đến thập nhị nhơn duyên, thường nhẫn đến vô tác còn rốt ráo bất khả đắc huống lại là nghĩa của Bồ Tát.

Lành thay, lành thay! Đúng như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật, nghĩa của sắc, thọ, tưởng, hành, thức, nhẫn đến nghĩa vô tác đều bất khả đắc. Phải học Bát nhã Ba la mật như vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! Ông nói rằng ông không thấy có pháp chính xác nào gọi là Bồ Tát.

Phải biết rằng các pháp chẳng thấy các pháp. Các pháp chẳng thấy pháp tánh. Pháp tánh cũng chẳng thấy các pháp. Pháp tánh chẳng thấy địa chủng(4), địa chủng chẳng thấy pháp tánh, nhẫn

đến thức chủng(5) cũng như vậy. Pháp tánh chẳng thấy nhãn và sắc cùng nhãn thức tánh nhẫn đến ý thức tánh, nhãn sắc, nhãn thức tánh nhẫn đến ý thức tánh cũng chẳng thấy pháp tánh.

Nầy Tu Bồ Đề! Hữu vi tánh chẳng thấy vô vi tánh, vô vi tánh cũng chẳng thấy hữu vi tánh. Tại sao vậy? Vì rời hữu vi chẳng thể nói vô vi, rời vô vi chẳng thể nói hữu vi.

Đúng như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật đối với các pháp đều không chỗ thấy. Bấy giờ Bồ Tát không kinh sợ, chẳng hối tiếc, tâm cũng chẳng trầm một.

Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát nầy chẳng thấy ngũ uẩn, thập nhị xứ, thập bát giới nhẫn đến chẳng thấy thập nhị nhơn duyên, chẳng thấy ngã chúng sanh nhẫn đến tri giả, kiến giả, chẳng thấy Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, chẳng thấy Thanh Văn, Bích Chi Phật, chẳng thấy Bồ Tát và pháp của Bồ Tát, chẳng thấy Phật, Phật pháp và Phật đạo.

Vì tất cả pháp đều chẳng thấy nên Bồ Tát chẳng kinh sợ, chẳng hối tiếc, chẳng trầm một. Bạch đức Thế Tôn! Do cớ gì mà tâm của Bồ Tát nầy chẳng hối tiếc, chẳng trầm một?

Nầy Tu Bồ Đề! Tất cả tâm và tâm sở(6) của đại Bồ Tát đều bất khả đắc và chẳng thể thấy. Vì thế nên tâm của Bồ Tát chẳng trầm một, chẳng hối tiếc.

Bạch đức Thế Tôn! Do cớ gì mà tâm của Bồ Tát chẳng kinh sợ?

Nầy Tu Bồ Đề! **Ý và ý thức của Bồ Tát nầy đều bất khả đắc và chẳng thể thấy**. Vì thế nên Bồ Tát chẳng kinh, chẳng sợ.

Đúng như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Vì tất cả pháp bất khả đắc nên đại Bồ Tát phải thực hành Bát nhã Ba la mật.

Nầy Tu Bồ Đề! Tất cả nơi chỗ(tất cả thời, tất cả xứ) đại Bồ Tát chẳng thấy Bát nhã Ba la mật, chẳng thấy Bồ Tát, chẳng thấy danh dự Bồ Tát, cũng chẳng thấy tâm Bồ Tát. Đây chính là dạy hàng đại Bồ Tát.

Thích nghĩa:

(1). Tam giả là tiếng gọi tắt của Tam giả thi thiết chỉ cho ba thứ giả lập là danh giả, thụ giả và pháp giả:

*1- Danh là tên gọi của tất cả các pháp; vì pháp nương theo ý tưởng giả mà đặt ra tên gọi cho nên gọi là **Danh giả**.*

*2- **Thọ giả:** Pháp chung hàm chứa pháp riêng mà cấu thành nhất thể, như hợp tứ đại mà thành cỏ cây, hòa hợp ngũ uẩn mà thành chúng sanh, tức hợp riêng làm chung, nên gọi là Thụ giả. Nhưng cái nhất thể cũng do những cái riêng hòa hợp mà nói "có". Một khi tứ đại tan rã thì trở thành "không", nên nói là giả lập thì có, đương thể tức không, gọi là thụ giả. Ví như nói ngã, chúng sanh, thọ giả, mạng giả, sanh giả, tri giả, kiến giả, tác giả, khởi giả, đều là những pháp do hoà hiệp mà có. **Đó là thọ giả.***

*3- **Pháp giả**: Pháp có hai thứ: 1). Sắc pháp; 2) phép tắc, giáo điều (không phải sắc pháp với tâm pháp).*

1/ Sắc pháp hay sắc tướng: Chỉ chung mọi biểu hiện có thể nhận biết được của vật chất, gồm cả năm căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân), năm trần (hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, đối tượng xúc chạm) và mọi vật hữu hình. Nói cụ thể, pháp chỉ cho cây cỏ, sông núi v.v… Nhưng tự tính của các pháp ấy xưa nay vốn hư giả không thật, cho nên

gọi là Pháp giả. Các pháp nhờ nhân duyên giả hợp mà sinh, không có thực tính, đó là Tự tính giả.

2/ Phép tắc, luật lệ, giáo điều: Tất cả các thiện pháp như tứ thiền bát định, 37 pháp trợ đạo, thập nhị nhân duyên, lục Ba la mật v.v… là pháp, pháp Phật.

(2). Giáo thọ (Phạn là acarya, âm là A xà lê): Thầy truyền đạo hay thầy dạy giáo pháp cho các đệ tử.

(3). Thi thiết: 1). Phương pháp hoặc hệ thống được thiết lập tạm thời, đồng nghĩa với an lập: Trình bày, đưa ra các pháp môn khác nhau, như Kinh, Luận, Thiền và tham công án; 2). Giả định, giả lập; 3). Lập ra một điều gì đó không có thực trong thực tế (s: prajñapti, prajñapta, upacāra, vijñapti). (Từ điển Phật học Anh Hán Việt, C. Muller soạn - Thích Nhuận Châu Việt dịch)

Giả thi thiết hay an lập là giả lập, có nghĩa là không thật có chỉ tạm đặt ra để nói, để gọi.

(4). và (5). Địa chủng và Thức chủng nói chung là "Đại chủng" chỉ cho các yếu tố lớn như Địa đại chủng, Thủy đại chủng, Hỏa đại chủng, Phong đại chủng. Bốn yếu tố lớn nầy hợp lại tạo thành sắc pháp (vật chất), cũng gọi là năng tạo đại chủng, Tứ đại chủng, nói tắt là Tứ đại, Tứ giới; nếu thêm Không đại chủng thành Ngũ đại; lại thêm Thức đại chủng thành Lục đại; thêm Kiến đại chủng thì thành Thất đại. Đại có nghĩa là trùm khắp pháp giới. Loài vô tình chỉ có 5 đại trước, loài hữu tình thì đủ cả 7 đại. Trong đó, địa đại là tính cứng của muôn pháp, hỏa đại là tính nóng, thủy đại là tính ướt, phong đại là tính động, không đại là tính thông suốt, kiến đại là tính hay biết và thức đại là tính phân biệt. Năm đại trước thuộc về 6 cảnh, kiến đại thuộc về 6 căn, thức đại thuộc về 6 thức, cho nên 7 đại tức 18 giới chỉ con người và vạn hữu hay Vật và Tâm.

(6). Tâm và tâm sở: Ý muốn nói là tâm vương và tâm sở. Gọi là tâm vương vì chúng rất tự tại, tự chủ giống như những vị Quốc vương. Tâm vương có tám: Nhãn thức, nhĩ thức, tĩ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, mạc na thức và A lại da thức. Goi là tâm sở, vì tùy thuộc tâm vương mà sanh khởi giống như các quần thần phải tuần phục mệnh lệnh của Vua. Tâm sở có 51 món, chia làm sáu loại: 1). Tâm sở biến hành: xúc, tác ý, thọ, tưởng, tư, 2). Tâm sở biệt cảnh: dục, thắng giải, niệm, định, huệ, 3). Tâm sở thiện: tín, tinh tấn, tàm, quí, vô tham, vô sân, vô si, khinh an, bất phóng dật, hành xả, bất hại, 4). Căn bản phiền não: tham, sân , si, mạn, nghi, ác kiến(ác kiến gồm: thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tà kiến), 5). Tùy phiền não lại chia làm ba:1/ Tiểu tùy gồm phẫn, hận, phú, não, tật, san, cuống, siểm, hại, kiêu; 2/ Trung tùy gồm vô tàm, vô quý; 3/ Đại tùy gồm trạo cử, hôn trầm, bất tín, giải đãi, phóng dật, thất niệm, tán loạn, bất chánh tri, 6). Bất định tâm sở: hối, miên, tầm và tư.

Chúng tôi không thể đi sâu vào chi tiết vì sự giới hạn của khuôn khổ thích nghĩa, nếu quí vị đọc giả có hứng thú, xin đọc quyển Duy Thức Học, do HT. Thích thiện Hoa dịch, nhà xuất bản Tôn Giáo xuất hành.

---o0o---

QUYỂN THỨ BA
PHẨM KHUYẾN HỌC
PHẨM THỨ TÁM

(Cùng một tên phẩm là "Khuyến Học", phần giữa Q.36, kinh ĐBN)

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát muốn đầy đủ Đàn na Ba la mật thời phải học Bát nhã Ba la mật, muốn đầy đủ Thi la Ba la mật, Sằn đề Ba la mật, Tỳ lê gia Ba la mật, Thiền na ba la mật và Bát nhã Ba la mật thời phải học Bát nhã Ba la mật.

Đại Bồ Tát muốn biết ngũ uẩn, thập nhị xứ, thập bát giới, muốn biết nhãn xúc cùng nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra thọ, nhẫn đến ý xúc làm nhân duyên sanh ra thọ, thời phải học Bát nhã Ba la mật.

Đại Bồ Tát muốn dứt tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, giới cấm thủ, các thứ tâm sở phiền não, thời phải học Bát nhã Ba la mật. Muốn dứt tứ phược(1), tứ kiết(2), tứ điên đảo(3), thời phải học Bát nhã Ba la mật.

Đại Bồ Tát muốn biết thập thiện, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, tứ niệm xứ nhẫn đến mười tám pháp bất cộng, đều phải học Bát nhã Ba la mật.

Đại Bồ Tát muốn nhập giác ý tam muội, muốn nhập lục thần thông, muốn nhập cửu thứ đệ định, muốn nhập siêu việt tam muội, đều phải học Bát nhã Ba la mật.

Đại Bồ Tát muốn được sư tử du hí tam muội, sư tử phấn tấn tam muội, muốn được tất cả môn đà la ni, muốn được thủ lăng nghiêm tam muội, bửu ấn tam muội, diệu nguyệt tam muội, nguyệt tràng tướng tam muội, nhứt thiết pháp ấn tam muội, quán ấn tam muội, tất pháp tánh tam muội, tất trụ tương tam muội, như kim cang tam muội, nhập nhứt thiết pháp môn tam muội, tam muội vương tam muội, vương ấn tam muội, tịnh lực tam muội, cao xuất tam muội, tất nhập nhứt thiết biện tài tam muội, nhập chư pháp danh tam muội, quán thập phương tam muội, chư đà la ni môn ấn tam muội, nhật thiết pháp bất vong tam muội, nhiếp nhứt thiết pháp tụ ấn tam muội, hư không trụ tam muội, tam phần thanh tịnh tam muội, bất thối thần thông tam muội, xuất bát tam muội, chư tam muội tràng tướng tam muội, đều phải học Bát nhã Ba la mật.

Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát muốn thỏa mãn nguyện vọng của tất cả chúng sanh thời phải học Bát nhã Ba la mật.

Muốn được đầy đủ những thiện căn sau đây: thường chẳng đọa vào ác đạo, chẳng sanh nhà ti tiện, chẳng ở trong hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật, chẳng sa vào Bồ Tát đảnh, thời phải học Bát nhã Ba la mật".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Thế nào là sa vào **Bồ Tát đảnh**?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nếu đại Bồ Tát chẳng dùng pháp phương tiện mà thực hành sáu Ba la mật nhập không, vô tướng vô tác tam muội, chẳng sa vào hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật, cũng chẳng nhập Bồ Tát vị, đây gọi là đại Bồ Tát pháp ái sanh, vì thế nên sa vào Bồ Tát đảnh".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Thế nào gọi là **Bồ Tát sanh**?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Sanh gọi là pháp ái".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Những gì là pháp ái(5)?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Đại Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật, sắc, thọ, tưởng, hành, thức là không, là vô tướng, là vô tác, là tịch diệt, là vô thường, là khổ, là vô ngã, **Bồ Tát nhẫn thọ ghi nhớ nắm giữ** nơi đây, thời gọi là thuận đạo pháp ái sanh.

Đây là khổ phải biết, đây là tập phải dứt, đây là diệt phải chứng, đây là đạo phải tu pháp nầy cấu, pháp nầy tịnh, nên gần pháp nầy, chẳng nên gần pháp nầy, chỗ nầy nên làm, chỗ nầy chẳng nên làm, đây là Bồ Tát đạo, đây chẳng phải Bồ Tát đạo, đây là chỗ học của Bồ Tát, đây chẳng phải chỗ học của Bồ Tát, đây là Đàn na Ba la mật nhẫn đến Bát nhã Ba la mật của Bồ Tát, đây chẳng phải sáu pháp Ba la mật của Bồ Tát, đây là phương tiện của Bồ Tát, đây chẳng phải phương tiên của Bồ Tát, đây là chỗ thành thục của Bồ Tát, đây chẳng phải chỗ thành thục của Bồ Tát. Lúc thực hành Bát nhã Ba la mật, nếu đại Bồ Tát nhẫn thọ ghi nhớ nắm giử những pháp trên đây thời gọi là thuận đạo pháp ái sanh".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Thế nào là **Bồ Tát bất sanh**?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Đại Bồ Tát lúc thực hành Bát nhã Ba la mật, trong nội không chẳng thấy ngoại không, trong ngoại không chẳng thấy nội không, trong ngoại không chẳng thấy nội ngoại không, trong nội ngoại không chẳng thấy ngoại không, trong nội ngoại không chẳng thấy không không, trong không không chẳng thấy nội ngoại không, trong đại không chẳng thấy không không, trong đại không chẳng thấy đệ nhứt nghĩa không, trong đệ nhất nghĩa không chẳng thấy đại không, trong đệ nhất nghĩa không chẳng thấy hữu vi không, trong hữu vi không chẳng thấy đệ nhứt nghĩa không, trong hữu vi không chẳng thấy vô vi không, trong vô vi không chẳng thấy hữu vi không, trong vô vi không chẳng thấy tất cánh không, trong tất cánh không chẳng thấy vô vi không, trong tất cánh không chẳng thấy vô thỉ không, trong vô thỉ không chẳng thấy tất cánh không, trong vô thỉ không chẳng thấy tán không, trong tán không chẳng thấy vô thỉ không, trong tán không chẳng thấy tánh không, trong tánh không chẳng thấy tán không, trong tánh không chẳng thấy chư pháp không, trong chư pháp không chẳng thấy tánh không, trong chư pháp không chẳng thấy tự tướng không, trong tự tướng không chẳng thấy chư pháp không, trong tự tướng không chẳng thấy vô sở đắc không, trong vô sở đắc không chẳng thấy tự tướng không, trong vô sở đắc không chẳng thấy vô pháp không, trong vô pháp không chẳng thấy vô sở đắc không, trong vô pháp không chẳng thấy hữu pháp không, trong hữu pháp không chẳng thấy vô pháp không, trong hữu pháp không chẳng thấy vô pháp hữu pháp không, trong vô pháp hữu pháp không chẳng thấy hữu pháp không.

Như trên đây là Bồ Tát bất sanh, là được nhập Bồ Tát vị(6).

Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát muốn học Bát nhã Ba la mật phải học thế nầy: Chẳng nghĩ nhớ ngũ uẩn, thập nhị xứ, thập bát giới, chẳng nghĩ nhớ sáu Ba la mật nhẫn đến mười tám pháp bất cộng.

Lúc được những tâm nầy, tâm vô đẳng đẳng, đại tâm, đại Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật chẳng nên nghĩ nhớ, chẳng nên tự đắc.

Tại sao vậy? Vì tâm nầy chẳng phải tâm, vì tâm tướng vốn là thường tịnh vậy".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: **"Thế nào là tâm tính thường thanh tịnh**?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Bồ Tát biết rõ tâm tướng cùng với tham, sân, si, tất cả kiết sử, phiền não vốn chẳng hiệp, chẳng ly nhau, với tâm Thanh Văn, tâm Bích Chi Phật vốn chẳng hiệp, chẳng ly nhau. Đây gọi là Bồ Tát tâm tướng thường thanh tịnh".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Có cái tâm không tâm tướng nầy chăng?"

Ngài Tu Bồ Đề hỏi lại: "Trong tâm không tướng nầy có thể được những tướng hữu tâm cùng tướng vô tâm chăng?"

Ngài Xá Lợi Phất nói: "Chẳng thể được".

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nếu là chẳng thể được thời chẳng nên hỏi có cái tâm không tâm tướng chăng".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Những gì là không tâm tướng?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Với các pháp, chẳng hư hoại, chẳng phân biệt, đây gọi là không tâm tướng".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Chỉ có tâm nầy chẳng hư hoại, chẳng phân biệt, còn sắc nhẫn đến Phật đạo cũng chẳng hư hoại, chẳng phân biệt chăng?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nếu có thể biết tâm tướng chẳng hư hoại, chẳng phân biệt, thời cũng có thể biết sắc nhẫn đến Phật đạo cũng chẳng hư hoại, chẳng phân biệt".

Ngài Xá Lợi Phất tán thán: " Lành thay, lành thay! Tu Bồ Đề là chơn Phật tử từ miệng Phật mà sanh, từ thấy pháp mà sanh, từ pháp hóa sanh, lấy được pháp phần, chẳng lấy tài phần. Trong chánh pháp tự tin thân được chứng.

Đúng như lời đức Phật từng khen ông là bực nhất trong những người được vô tránh tam muội(4).

Đại Bồ Tát phải học Bát nhã Ba la mật như vậy. Trong đây cũng phải biết rõ Bồ Tát đúng như lời ông đã nói mà thực hành, thời chẳng rời Bát nhã Ba la mật.

Những thiện nam tử, thiện nữ nhơn muốn học bực Thanh Văn cũng phải nghe Bát nhã Ba la mật để thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ, thực hành. Người muốn học bực Bích Chi Phật cũng phải nghe Bát nhã Ba la mật để thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ, thực hành. Người muốn học bực Bồ Tát cũng phải nghe Bát nhã Ba la mật để thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ, thực hành.

Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã Ba la mật nói rộng về tam thừa, nên Bồ Tát, Thanh Văn, Bích Chi Phật đều phải học".

Thích nghĩa:

(1). Tứ phược: Phược là tên khác của phiền não. Theo kinh Chúng Tập trong Trường A hàm quyển 8, thì có 4 thứ phiền não trói buộc thân tâm của chúng sinh là: Tham dục, sân khuể, giới đạo và ngã kiến. (Phật Quang Từ điển).

(2). Tứ kiết hay tứ kết (Kết tiếng Phạm: Bandhana hoặc Saôyojana): Cũng gọi Kết sử. Trói buộc, chỉ cho phiền não. Vì phiền não trói buộc chúng sanh vào cảnh mê, khiến cho không thể thoát khỏi cái khổ sanh tử, nên gọi là Kết(trói buộc). Tứ kết: Kinh Tăng nhất A hàm quyển 20 nêu 4 loại Kết: Dục kết, Sân kết, Si kết và Lợi dưỡng kết. (Chú giải của Nhóm "Mở Rộng Tâm Hồn").

Trong văn chương Phật giáo thường nói đến tam kết, tam phược nhiều hơn tứ kết hay tứ phược, nhưng cả hai từ "phược" hay " kết" cùng chỉ cho phiền não. Tam kết hoặc Ba kết phược (Tam kết phược), là ba mối trói buộc đối với tất cả phàm phu chưa đạt được sự giải thoát, bao gồm: 1). Kiến kết: trói buộc bởi bản ngã, chấp có mình dựa trên thân thể (ngã kiến); 2). Giới thủ kết: trói buộc do giữ theo tà giới, hoặc quá cố chấp vào giới luật; 3). Nghi kết: trói buộc do nghi ngờ Chánh pháp, chân lý.

Cổi bỏ, rữa sạch được tất cả phiền não thì được coi là giải thoát. Phiền não là những nguyên nhân chính đưa con người đến chỗ trầm luân. Phiền não càng nhiều thì trầm luân càng sâu. Tất cả những từ lậu, hoặc, triền, kết, phược v.v…đều dẫn xuất từ phiền não. Nghiên cứu tam phược, tứ điên đão, ngũ kết là nghiên cứu về ngọn, cái gốc chính là phiền não. Tất nhiên, đốn được gốc là giải thoát. Vậy, tu thân chẳng qua chỉ là gội sạch tất cả phiền não chớ không có cái gì khác!

Hiểu rõ phiền não thì có thể trừ được nó. Phiền não (Phạm: Kleza. Pàli:Kilesa. Hán âm: Cát lệ xá): Cũng gọi là Hoặc. Gọi chung là những tác dụng tinh thần làm cho tâm hữu tình điên loạn, khổ não. Để đạt mục đích tham muốn, thỏa mãn những dục vọng của cái ta mà con người có ý thức hoặc vô ý thức thường đắm chìm trong cảnh buồn vui nên bị phiền não trói buộc. Trong tất cả các loại tác dụng đối với tâm: Giác ngộ là mục đích cao nhất trong Phật giáo, cho nên bất luận tác dụng tinh thần nào làm trở ngại sự thực hiện giác ngộ đều được gọi là phiền não. Phiền não tùy theo tính chất có nhiều tên gọi như: Tùy miên (Phạm: Anuzaya), Triền (Phạm:Paryavasthàna), Cái (Phạm: Nivaraịa), Kết (Phạm:Saôyojana), Phược (Phạm: Bandhana), Lậu (Phạm: Àsrava), Thủ (Phạm: Upàdàna), Hệ (Phạm: Grantha), Sử, Cấu, Bạo lưu, Ách, Trần cấu, Khách trần... Nếu phân loại thêm nữa thì rất phức tạp, nhưng thông thường cho Tham, Sân, Si là nguồn gốc của tất cả phiền não và chia làm 2 loại là Căn bản phiền não (phiền não gốc) và Chi mạt phiền não (phiền não ngọn). Căn bản phiền não có 6: Tham, Sân, Si (Vô minh), Mạn, Nghi và Kiến (Ác kiến); trong đó, Kiến lại được chia làm 5 thứ: Thân kiến, Biên kiến, Kiến thủ, Giới cấm thủ và tà kiến, gọi chung là Thập phiền não (còn gọi là Thập sử vì nó sai sử mình). Chi mạt phiền não thì tùy thuộc vào Căn bản phiền não mà sanh khởi, theo luận Câu xá thì có 19 thứ gồm: Phóng dật, giải đãi..., còn theo luận Duy thức thì có 20 thứ gồm:Phẫn Hận, Phú, Não, Tật, San, Cuống, Siểm, Hại, Kiêu,Vô tàm, Vô quý, Trạo cử, Hôn trầm, Bất tín, Giải đãi, Phóng dật, Thất niệm, tán loạn, Bất chính tri. Ngoài ra còn có các phương pháp phân loại như: Tam lậu, Tam kết, Tứ bạo lưu, Tứ thủ, Ngũ cái, Ngũ kết, Lục cấu, Thất lưu, Thập triền..., hoặc gọi là Bát bách phiền não (108 phiền não), hoặc vì cách tính toán khác nhau, nên có các thuyết bất đồng như Bát vạn tứ thiên phiền não (84.000 phiền não). (Xem luận Nhập A tì đạt ma Quyển thượng; luận Đại tì bà sa Quyển 43, 46, 60; luận Câu xá Quyển 20, 21; luận Phật tính Quyển 3; luận Thành duy thức Quyển 6). Từ điển Phật Quang.

(3). Tứ điên đảo (cũng gọi là tứ đảo): Bốn tư tưởng sai trái, đi ngược với chân lý. Đó là: 1). Vô thường cho là thường; 2). Khổ cho là vui; 3). Vô ngã cho là có ngã; 4). Bất tịnh cho là tịnh. Bốn thứ điên đảo này khiến chúng sanh không nhận chân được bản chất của đời sống, và do bốn thứ điên đảo này mà phạm vào mọi thứ sai trái đi ngược với Chánh pháp.

(4). Vô tránh tam muội: Vô tránh hay vô tranh là một trong năm trí, tam muội là định. Theo Niết bàn kinh sớ giải dẫn Thành luận quyển 6, phẩm Ngũ trí, thì Ngũ trí này gồm: 1). Pháp trụ

trí: rõ biết sự sanh khởi của tất cả các pháp; 2). Nê hoàn trí: rõ biết sự diệt mất của tất cả các pháp; 3). Vô tranh trí: rõ biết lẽ chân thật không còn phải tranh cãi, biện luận với bất cứ ai; 4). Nguyện trí: đối với tất cả các pháp không còn có sự chướng ngại; 5). Biên tế trí: đạt được trí tuệ tối thượng, đối với tất cả các pháp thiền định đều có thể tu tập tăng trưởng, được sức tự tại. Chứng đắc năm trí này tức là chứng quả Tam-muội, nên gọi là Ngũ trí Tam-muội. (Phỏng theo chú giải cúa Nhóm "Mở rộng tâm hồn").

(5). Pháp ái: Từ ngữ dùng trong trường hợp này là để chỉ trích những người chưa chứng trọn vẹn các pháp chân thật mà trái lại còn đắm trước các pháp thay vì vô ái, ly ái, khiển ái…

(6). Bồ tát vị ***(****bồ tát giai vị)****:*** *Chỉ cho các giai vị (giai đoạn tu hành và địa vị chứng đắc) mà Bồ tát phải trải qua, kể từ lúc mới phát tâm Bồ đề rồi qua nhiều kiếp tu hành chứa góp công đức, cho đến khi đạt đến quả vị Phật. Thông thường chữ Vị hoặc chữ Tâm được dùng để gọi thay cho từ giai vị, như: Thập tín vị (cũng gọi là Thập tín tâm), Thập hồi hướng vị (cũng gọi Thập hồi hướng tâm) v.v... đều là tên gọi giai vị Bồ tát.*

---o0o---

PHẨM TẬP TÁN(1) **THỨ CHÍN**

(Tương đương với phẩm "Vô Trụ", phần cuối Q.36 đến hết Q.37, ĐBN)

Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Con chẳng cảm thấy cũng chẳng được gì là Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật thời sẽ vì ai mà giảng thuyết Bát nhã Ba la mật?

Bạch đức Thế Tôn! Con chẳng thấy được tất cả các pháp tập hợp rời tan, nếu con vì Bồ Tát mà gọi tên là Bồ Tát có thể con sẽ hối hận.

Bạch đức Thế Tôn! Tên gọi ấy chẳng an trụ cũng chẳng phải chẳng an trụ. Tại sao vậy? Vì tên gọi vốn vô sở hữu. Vì thế tên gọi ấy chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ.

Bạch đức Thế Tôn! Con chẳng thấy được sắc nhẫn đến thức, nhãn nhẫn đến ý, sắc nhẫn đến pháp, nhãn thức nhẫn đến ý thức, nhãn xúc nhẫn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ, con cũng chẳng thấy được vô minh nhẫn đến lão tử hợp tan, vô minh diệt nhẫn đến lão tử hợp tan, vô minh diệt nhẫn đến lão tử diệt hợp tan. Nếu đã là chẳng thấy được thời thế nào lại đặt tên. Thế nên tên gọi chẳng trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Tại sao vậy? Vì tên gọi vô sở hữu vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Con chẳng thấy được tham, sân, si các phiền não, kiết sử hợp tan, chẳng thấy được sáu Ba la mật đến mười tám pháp bất cộng tập hợp rời tan, thời thế nào sẽ đặt tên gọi là Bồ Tát. Tên gọi nầy chẳng an trụ chẳng phải chẳng an trụ. Tại sao vậy? Vì tên gọi vô sở hữu vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Con chẳng thấy được ngũ ấm hợp tan như mộng, như bóng, như vang, như dương diệm, như biến hóa(2).

Con chẳng được rời hợp tan, cùng tịch diệt, bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh hợp tan.

Con chẳng được pháp tánh, thật tế, pháp tướng, pháp vị hợp tan.

Con chẳng được những pháp thiện, pháp bất thiện hợp tan.

Con chẳng được những pháp hữu vi, vô vi, hữu lậu, vô lậu hợp tan.

Con chẳng được những pháp quá khứ, vị lai, hiện tại hợp tan.

Con chẳng được những pháp chẳng quá khứ, chẳng vị lai, chẳng hiện tại hợp tan.

Những gì là pháp chẳng quá khứ, chẳng vị lai, chẳng hiện tại? Chính là pháp vô vi vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Con chẳng thấy được pháp vô vi hợp tan. Chẳng thấy được Phật hợp tan, cũng chẳng thấy được hằng sa Phật quốc, chư Phật và Bồ Tát cùng Thanh Văn, Bích Chi Phật hợp tan. Vì đều vô sở hữu nên chẳng trụ, chẳng phải chẳng trụ.

Như thế thời thế nào sẽ có thể giáo Bồ Tát về Bát nhã Ba la mật.

Bạch đức Thế Tôn! Danh tự Bồ Tát đây chẳng an trụ, cũng chẳng phải chẳng an trụ. Tại sao vậy? Vì danh tự nầy vô sở hữu vậy, thế nên chẳng trụ, cũng chẳng phải chẳng an trụ.

Bạch đức Thế Tôn! Con chẳng thấy được chư pháp thật tướng hợp tan thời thế nào đặt tên cho Bồ Tát mà gọi là Bồ Tát. Danh tự thật tướng của các pháp chẳng trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì danh tự nầy vô sở hữu. Thế nên danh tự chẳng trụ, cũng chẳng phải chẳng an trụ.

Bạch đức Thế Tôn! **Các pháp do nhơn duyên hòa hiệp mà có giả danh thi thiết**. Danh tự Bồ Tát trong ngũ ấm, thập nhị xứ, thập bát giới nhẫn đến trong mười tám pháp bất cộng đều bất khả thuyết, ở trong pháp hòa hiệp cũng là bất khả thuyết.

Ví như mộng, ảnh, hưởng, diệm, hóa trong các pháp, đều bất khả thuyết.

Ví như danh tự hư không, địa, thủy, hỏa, phong cũng chỉ có thể nói trong không có pháp.

Danh tự của giới, tam muội, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, danh tự của Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật cũng chỉ có thể nói trong không có pháp.

Danh tự của Phật, của Pháp cũng chỉ có thể nói trong không có pháp. Những pháp là thiện, bất thiện, thường vô thường, khổ, lạc, ngã vô ngã, tịch diệt, ly, hữu, vô.

Bạch đức Thế Tôn! Vì thế nên lòng con sẽ hối hận nếu con đạt danh tự Bồ Tát mà gọi là Bồ Tát, vì **tướng hợp tan của tất cả pháp đều bất khả đắc**. Danh tự ấy chẳng trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ, vì là vô sở hữu vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát nghe nói tướng và nghĩa của Bát nhã Ba la mật như vậy mà tâm chẳng trầm một, chẳng hối tiếc, chẳng kinh, chẳng sợ, thời phải biết Bồ Tát nầy quyết định an trụ trong tánh bất thối chuyển, vì chẳng an trụ nơi các pháp vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát muốn thực hành Bát nhã Ba la mật, chẳng nên an trụ trong ngũ uẩn, thập nhị xứ, thập bát giới, chẳng nên an trụ trong sáu đại chủng, thập nhị nhơn duyên. Tại sao vậy? **Vì sắc và sắc tướng là không nhẫn đến lão tử và tướng lão tử là không**.

Sắc không nhẫn đến lão tử không chẳng gọi là sắc nhẫn đến chẳng gọi là lão tử. Rời ngoài không cũng không có sắc, nhẫn đến rời ngoài không cũng không có lão tử. Sắc tức là không, không tức là sắc. Nhẫn đến lão tử tức là không, không tức là lão tử.

Vì lẽ trên đây nên lúc muốn thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng nên an trụ trong sắc, nhẫn đến chẳng nên an trụ trong lão tử. Chẳng nên an trụ trong tứ niệm xứ nhẫn đến chẳng nên an trụ trong mười tám pháp bất cộng. Tại sao vậy? Vì tứ niệm xứ và tướng của tứ niệm xứ là không. Tứ niệm xứ không chẳng gọi là tứ niệm xứ, rời ngoài không cũng không có tứ niệm xứ. Tứ niệm xứ tức là không, không tức là tứ niệm xứ. Nhẫn đến mười tám pháp bất cộng cũng như vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Lúc muốn thực hành Bát nhã Ba la mật, đại Bồ Tát chẳng nên an trụ trong sáu Ba la mật. Tại sao vậy? Vì sáu Ba la mật và tướng của sáu Ba la mật là không. Sáu Ba la mật không chẳng gọi là sáu ba la mật, rời ngoài không cũng chẳng có sáu Ba la mật. Sáu Ba la mật tức là không, không tức là sáu Ba la mật.

Bạch đức Thế Tôn! Lúc muốn thực hành Bát nhã Ba la mật, đại Bồ Tát chẳng nên an trụ trong nhất tự môn, nhị tự môn nhẫn đến vô lượng tự môn. Vì ý nghĩa cũng như trên đã nói.

Bạch đức Thế Tôn! Lúc muốn thực hành Bát nhã Ba la mật, đại Bồ Tát chẳng nên an trụ trong các môn thần thông. Vì ý nghĩa cũng như trên đã nói.

Bạch đức Thế Tôn! Lúc muốn thực hành Bát nhã Ba la mật, đại Bồ Tát chẳng nên an trụ trong sắc là vô thường, sắc là khổ, sắc là vô ngã, sắc là không, sắc là tịch diệt, là ly. Tại sao vậy? Vì vô thường và tướng vô thường là không. Vô thường không chẳng gọi là vô thường, rời ngoài không cũng chẳng có vô thường. Vô thường tức là không, không tức là vô thường. Khổ, vô ngã không tịch diệt và ly cũng như vậy. Nhẫn đến thọ, tưởng, hành, thức là ly, đại Bồ Tát chẳng nên an trụ cũng như vậy.

Bạch đức Thế Tôn**! Lúc muốn thực hành Bát nhã Ba la mật, đại Bồ Tát chẳng nên an trụ trong như như. Tại sao vậy? Vì như và như tướng là không. Như không chẳng gọi là như như, rời ngoài không cũng chẳng có như như. Như tức là không, không tức là như.**

Bạch đức Thế Tôn! Muốn thực hành Bát nhã Ba la mật, đại Bồ Tát chẳng nên an trụ trong pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, thật tế. Tại sao vậy? Vì thật tế và thật tế tướng là không. Thật tế không chẳng gọi là thật tế, rời ngoài không cũng chẳng có thật tế. Thật tế tức là không, không tức là thật tế.

Bạch đức Thế Tôn! Muốn thực hành Bát nhã Ba la mật, đại Bồ tát chẳng nên an trụ trong tất cả môn đà la ni, môn tam muội. Tại sao vậy? Vì tướng của đà la ni và tam muội là không. Đã là không thời chẳng gọi là môn đà la ni, môn tam muội. Rời ngoài không cũng chẳng có môn đà la ni, môn tam muội. Môn đà la ni và môn tam muội tức là không, không tức là môn đà la ni và môn tam muội.

Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát muốn thực hành Bát nhã Ba la mật, vì không phương tiện nên an trụ trong sắc, thọ, tưởng, hành, thức, vì có tâm chấp ngã nên Bồ Tát nầy sanh khởi sắc hành. Nếu đã sanh khởi hành thời chẳng nhẫn thọ Bát nhã Ba la mật và cũng chẳng đầy đủ Bát nhã Ba la mật. Vì chẳng đầy đủ Bát nhã Ba la mật nên chẳng thành tựu được Nhất thiết chủng trí.

Như ngũ uẩn, thập nhị xứ đến tam muội môn cũng như vậy. Do tâm chấp ngã mà Bồ Tát sanh khởi tam muội môn hành. Vì có hành nên chẳng nhẫn thọ và chẳng đầy đủ Bát nhã Ba la mật, do đây nên chẳng thành tựu được Nhất thiết chủng trí. Tại sao vậy? Vì sắc đến tam muội môn vốn chẳng thọ nhận. Vì chẳng thọ nhận nên sắc chẳng phải sắc, đến tam muội môn chẳng phải tam muội môn, vì là tánh không. Bát nhã Ba la mật cũng chẳng thọ nhận, thế nên chẳng phải Bát nhã Ba la mật, vì là tánh không.

Vì thế nên muốn thực hành Bát nhã Ba la mật, đại Bồ Tát phải quán các pháp tánh không, quán tâm không hành xứ. Đây gọi là Bồ Tát chẳng thọ nhận, công dụng tam muội quảng đại nầy chẳng cùng chung với hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật.

Nhất thiết chủng trí đây cũng chẳng thọ nhận, vì là nội không, vì là ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô thỉ không, tán không, tánh không, tự tướng không, chư pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không. Tại sao vậy? Vì Nhất thiết chủng trí chẳng thể dùng tướng và hành mà có thể được tướng hành. **Vì tướng hành là cấu tướng.**

Những gì là cấu tướng? Sắc tướng đến tam muội môn tướng gọi là tướng cấu uế (3).

Nếu nhẫn thọ, nếu tu hành cấu tướng nầy mà có thể được Nhất thiết chủng trí thời phạm chí Tiên Ni tất chẳng phát tín tâm(Phạm chí cũng không phát khởi tín tâm).

Tin thế nào? Tin Bát nhã Ba la mật. Suy gẫm phân biệt rõ biết chẳng do pháp hữu tướng, chẳng do pháp vô tướng. Như thế, phạm chí Tiên Ni chẳng chấp lấy tướng mà an trụ. Trong tín hành, phạm chí Tiên Ni dùng tín không trí nhập trong pháp tướng, chẳng nhẫn thọ sắc, thọ, tưởng, hành, thức, vì các pháp vốn tự tướng không nên chẳng thể nhẫn thọ.

Phạm chí Tiên Ni nầy do chẳng phải nội quán, ngoại quán và nội ngoại quán mà được trí tuệ nầy. Cũng do chẳng phải là không trí huệ quán nên được trí huệ nầy. Tại sao vậy? Phạm chí nầy chẳng thấy có pháp, vì người trí biết pháp, biết xứ vậy.

Chẳng phải ở trong sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cũng chẳng phải ở ngoài sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà phạm chí nầy được trí, cũng chẳng ở trong nội ngoại sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà được trí huệ nầy, cũng chẳng phải rời ngoài sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà được trí tuệ nầy, vì nội ngoại không vậy.

Ở trong đây phạm chí Tiên Ni **tâm được tín giải** nơi Nhất thiết trí. Thế nên phạm chí tin thật tướng của các pháp, vì tất cả các pháp bất khả đắc. Tín giải như vậy rồi thời không có pháp để có thể nhẫn thọ, vì các pháp không tướng, không ức niệm.

Nơi các pháp, phạm chí Tiên Ni cũng vô sở đắc, không thủ, không xả, vì thủ xả đều bất khả đắc vậy.

Phạm chí Tiên Ni cũng chẳng niệm trí huệ, vì các pháp tướng vốn vô niệm vậy.

Đây gọi là Bát nhã Ba la mật của đại Bồ Tát vì **Bát nhã Ba la mật chẳng phải Bát nhã Ba la mật vậy.**

Đại Bồ Tát chẳng nhẫn thọ sắc, thọ, tưởng, hành, thức, vì tất cả các pháp chẳng nhẫn thọ vậy. Nhẫn đến chẳng thọ tam muội môn, vì tất cả pháp chẳng thọ vậy.

Ở trong đây, Bồ Tát nầy cũng chẳng lấy Niết Bàn niệm xứ, vì chưa đầy đủ tứ niệm xứ nhẫn đến chưa đầy đủ mười tám pháp bất cộng. Tứ niệm xứ nầy chẳng phải tứ niệm xứ, nhẫn đến mười tám pháp bất cộng chẳng phải pháp bất cộng. Những pháp nầy chẳng phải pháp, cũng không chẳng phải pháp.

Đây gọi là Bát nhã Ba la mật của đại Bồ Tát chẳng thọ sắc, nhẫn đến chẳng thọ pháp bất cộng.

Bạch đức Thế Tôn! Muốn thực hành Bát nhã Ba la mật, đại Bồ Tát phải tư duy như vầy: Gì là Bát nhã Ba la mật? Tại sao gọi là Bát nhã Ba la mật? Bát nhã Ba la mật của ai?

Nếu thực hành Bát nhã Ba la mật, đại Bồ Tát nên nghĩ nhớ rằng nếu các pháp vô sở hữu bất khả đắc thời là Bát nhã Ba la mật".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Những pháp gì vô sở hữu bất khả đắc?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Bát nhã Ba la mật là pháp vô sở hữu bất khả đắc, Thiền na, Tỳ lê gia, Sằn đề, Thi la, Đàn na Ba la mật là pháp vô sở hữu bất khả đắc. Tại sao vậy? Vì là nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, tự tướng không, chư pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không vậy.

Nầy Xá Lợi Phất! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là pháp vô sở hữu bất khả đắc, nhẫn đến vô pháp hữu pháp không là pháp vô sở hữu bất khả đắc. Tứ niệm xứ đến bất cộng pháp là pháp vô sở hữu bất khả đắc. Các môn thần thông cùng như như pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, pháp trụ và thật tế đều là pháp vô sở hữu bất khả đắc.

Nầy Xá Lợi Phất! Phật cùng Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí là pháp vô sở hữu bất khả đắc. Vì là nội không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không vậy.

Nầy Xá Lợi Phất! Nếu lúc tư duy như vậy, quán sát như vậy, đại Bồ Tát tâm chẳng trầm một, chẳng hối tiếc, chẳng kinh, chẳng sợ, phải biết đại Bồ Tát nầy chẳng rời hạnh Bát nhã Ba la mật".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Do nhơn duyên gì mà biết Bồ Tát chẳng rời hạnh Bát nhã Ba la mật?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Sắc rời sắc tánh, nhẫn đến thức rời thức tánh. Sáu Ba la mật rời sáu Ba la mật tánh, nhẫn đến thật tế rời thật tế tánh".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Thế nào là sắc **tánh** đến thật tế tánh?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Vô sở hữu là sắc tánh, nhẫn đến vô sở hữu là thật tế tánh. Vì duyên cớ nầy nên biết rằng sắc rời sắc tánh nhẫn đến thật tế rời thật tế tánh.

Nầy Ngài Xá Lợi Phất! Sắc cũng rời sắc **tướng,** nhẫn đến thật tế cũng rời thật tế tướng. **Tướng cũng rời tướng, tánh cũng rời tánh".**

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Nếu học như vậy, đại Bồ Tát được Nhất thiết chủng trí chăng?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Đúng như vậy. Nếu đại Bồ Tát học như vậy thời thành tựu Nhất thiết chủng trí. Tại sao vậy? Vì các pháp chẳng sanh khởi, chẳng thành tựu vậy".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Duyên cớ gì các pháp chẳng sanh, chẳng thành?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Vì sắc tức là sắc không, nhẫn đến vì thật tế là thật tế không nên sắc sanh thành bất khả đắc, nhẫn đến thật tế sanh thành bất khả đắc.

Nầy Ngài Xá Lợi Phất! **Học như vậy, đại Bồ Tát lần lần gần Nhất thiết chủng trí, lần lần được thân thanh tịnh, tâm thanh tịnh và tướng thanh tịnh.** Vì được thân và tâm cùng tướng thanh tịnh nên đại Bồ Tát nầy chẳng phát sanh những tâm phiền não, tham, sân, si, mạn, xan tà kiến. Vì chẳng phát sanh tâm phiền não nên Bồ Tát nầy chẳng sanh từ bụng người mẹ mà thường hóa sanh từ một Phật quốc đến một Phật quốc để thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, mãi đến khi thành Vô thượng Bồ đề trọn chẳng lúc nào rời chư Phật.

Đại Bồ Tát phải học và hành Bát nhã Ba la mật như vậy".

Thích nghĩa:

(1). Tập tán: Tập hợp và ly tán, ý nói mong manh hợp rồi tan, như sương sáng, như mây chiều,, như bong bóng nỗi trôi trên nước…

*(2). **Như mộng, như bóng, như vang, như dương diệm, như biến hóa**...Còn gọi Đại thừa thập dụ: Các kinh điển Đại thừa thường dùng 10 thí dụ hiển bày lí Không để giúp người học thành tựu Không quán. Đó là: 1). Như huyễn: Ví như nhà ảo thuật giả tạo ra các vật và tướng nam nữ, thể tuy không thực, nhưng huyễn sắc thì có thể thấy. Tất cả các pháp cũng giống như thế, đều là có giả. Nhưng vì chúng sinh ngu mê, vọng chấp là thực. Người tu không quán, đối với các pháp huyễn hóa, tâm không dính mắc, thảy đều rỗng lặng. 2). Như dương diệm: Người không có trí, mới thấy dợn nắng, lầm tưởng là nước; các pháp phiền não cũng giống như thế, người ngu không rõ, ở trong kết sử, chấp càn tướng ngã, người trí biết suốt, đều là vọng tưởng, hư dối chẳng thật. 3). Như bóng trăng trong nước: Trăng giữa hư không hiện bóng trong nước, lũ trẻ dại khờ, thấy thế vui mừng, muốn bắt lấy trăng. Người ngu cũng giống như vậy, ở trong năm ấm vọng chấp là ta, của ta, cho giả là thật, ở trong pháp khổ mà sinh vui mừng, bị người có trí chê cười, thực cũng đáng thương. 4). Như hư không: Hư không chỉ có tên suông chứ không có thật thể, người ngu không rõ lại cho là thật. Tất cả các pháp cũng hệt như thế, chẳng có gì hết, người không có trí, ở trong hư vọng, chấp bậy có thật, khởi lên ngã chấp. Người tu pháp Không quán biết rõ tất cả các pháp đều là có giả. 5). Như tiếng vang: Ở trong núi thẳm, hang sâu, khi người ta gọi hoặc gõ vào vật gì thì lập tức có tiếng vang dội lại. Người ngu không rõ, cho là thật có. Tất cả âm thanh, ngôn ngữ cũng thế, người trí biết rõ lời nói chẳng thật, tâm không dính mắc. 6). Như cung điện Càn thát bà: Lúc mặt trời mới mọc, trên mặt biển lặng sóng, thấy có cung điện lâu đài thuyền bè thành thị, khi mặt trời lên cao dần thì tất cả đều biến mất. Hết thảy các pháp cũng giống như thế, người trí biết rõ nên không tham đắm. 7). Như chiêm bao: Việc trong chiêm bao vốn không phải thật mà cho là thật, đến khi tỉnh dậy mình tự cười mình. Tất cả các pháp cũng giống như thế, hết thảy phiền não kết sử đều là giả dối, người ngu không biết chấp là có thật, đến khi đắc đạo giác ngộ liền biết là giả cũng lại mỉm cười một mình. 8). Như bóng: Người ta thấy bóng mà không nắm bắt được, tất cả các pháp cũng lại như thế; như các căn mắt, tai v.v... tuy có thấy nghe hay biết, nhưng không có thực thể. 9). Như hình trong gương: Hình dáng trong gương chẳng phải gương làm ra, chẳng phải mặt làm ra, chẳng phải gương và mặt hòa hợp mà làm ra, cũng chẳng phải không nhân duyên mà tạo ra, tuy chẳng phải có thật, nhưng vẫn thấy được; người ngu không biết, cho là có thật, rồi sinh phân biệt. Tất cả các pháp cũng giống như thế, do nhân duyên sinh, không có thực thể, chỉ có tên suông, phàm phu không biết, khởi tâm phân biệt mà sinh phiền não.Người trí tuy cũng thấy, nghe, nhưng biết rõ đó là giả dối. 10). Như hóa: Những vật do chư thiên và các vị tiên dùng thần thông biến hóa ra, tuy có tướng nam nữ mà thực sự không có khổ, vui, sống, già, bệnh, chết. Tất cả các pháp cũng giống như thế, không có sinh diệt, như hóa mà thành, chứ không có thật; như người sanh ra, chỉ do nhân kiếp trước mà có thân đời này, thảy là hư dối. (Xem Pháp giới thứ đệ sơ môn Quyển hạ phần trên). Từ điển Phật Quang.*

(3). Cấu uế: Tên gọi khác của phiền não. Chỉ cái làm cho tâm nhơ nhớp. Lại như tham, sân, si được gọi là Tam cấu (ba cái nhơ nhớp), vì thế nên còn gọi phiền não cấu, trần cấu, hoặc cấu, nhiễm cấu v.v...

---o0o---

PHẨM HÀNH TƯỚNG
THỨ MƯỜI

(Kinh ĐBN cũng có phẩm tương đương với kinh MHBNBLM, tên là "Bát Nhã Hành Tướng", ghi trong Q.38 đến hết Q.41, kinh ĐBN)

Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát nếu **không phương tiện** mà muốn thực hành Bát nhã Ba la mật, nếu duyên nơi sắc, nếu duyên nơi thọ, tưởng, hành, thức, thời là hành tướng, nếu duyên nơi sắc, thọ, tưởng, hành, thức, hoặc thường hay vô thường, hoặc lạc hay khổ, hoặc có hay không, hoặc ngã hay vô ngã, hoặc ly, hoặc tịch diệt, đây đều là hành tướng cả.

Nếu đại Bồ Tát không phương tiện mà duyên nơi tứ niệm xứ, nhẫn đến duyên nơi mười tám pháp bất cộng, đây là hành tướng.

Nếu thực hành Bát nhã Ba la mật, đại Bồ Tát nghĩ rằng: Tôi có thực hành Bát nhã Ba la mật, đây là hành tướng. Hoặc lại nghĩ rằng có thể thật hành như vậy thời là tu hành Bát nhã Ba la mật, đây cũng là hành tướng. Nên biết đại Bồ Tát nầy không có phương tiện mà thực hành Bát nhã Ba la mật.

Ngài Tu Bồ Đề lại nói với Ngài Xá Lợi Phất: "Lúc thực hành Bát nhã Ba la mật, nếu đại Bồ Tát phân biệt duyên nơi sắc, vì (vấn đề) sắc mà khởi hạnh. Nếu vì (vấn đề) sắc mà khởi hạnh, thời chẳng thể thoát ly sanh, lão, bệnh, tử, ưu bi, khổ não và khổ quả đời sau. Như sắc với thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy.

Như ngũ ấm với lục căn, lục trần, thập bát giới với tứ niệm xứ, nhẫn đến mười tám pháp bất cộng cũng vậy. Nếu đại Bồ Tát phân biệt duyên nơi pháp bất cộng, vì (vấn đề) pháp bất cộng mà khởi hạnh thời chẳng thể thoát ly sanh, lão, bịnh, tử, ưu bi, khổ não và quả khổ đời sau.

Bồ Tát như đây còn chẳng thể chứng bực Thanh Văn, Bích Chi Phật huống là có thể được Vô thượng Bồ đề.

Nên biết Bồ Tát như vậy là không phương tiện mà thực hành Bát nhã Ba la mật".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Thế nào là đại Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật **có phương tiện**?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Lúc muốn thực hành Bát nhã Ba la mật, đại Bồ Tát chẳng duyên nơi sắc, chẳng duyên nơi thọ, tưởng, hành, thức, chẳng duyên nơi tướng của sắc, chẳng duyên nơi tướng của thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng duyên nơi sắc, thọ, tưởng, hành, thức là thường, là vô thường, là lạc, là khổ, là ngã, là vô ngã, là không, là vô tướng, là vô tác, là ly, là tịch diệt. Với tất cả, đại Bồ Tát đều chẳng duyên. Tại sao vậy?

Nầy Xá Lợi Phất! Sắc không đây thời chẳng phải sắc, rời ngoài không cũng chẳng có sắc, rời ngoài sắc cũng chẳng có không, sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Nhẫn đến mười tám pháp bất cộng, pháp bất cộng không thời là chẳng phải pháp bất cộng, rời không chẳng có pháp bất cộng, rời pháp bất cộng cũng chẳng có không, pháp bất cộng tức là không, không tức là pháp bất cộng.

Nên biết đây là đại Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật có phương tiện vậy.

Thực hành Bát nhã Ba la mật mà có phương tiện như vậy, đại Bồ Tát nầy có thể được Vô thượng Bồ đề.

Lúc thực hành Bát nhã Ba la mật, đại Bồ Tát nầy chẳng tự nhận mình thực hành, chẳng tự nhận chẳng thực hành, chẳng tự nhận thực hành chẳng thực hành, cũng chẳng tự nhận chẳng phải thực hành chẳng phải chẳng thực hành. Chẳng tự nhận, cũng chẳng nhận".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Duyên cớ gì mà đại Bồ Tát chẳng tự nhận?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Vì tự tánh bất khả đắc nên chẳng tự nhận.

Tại sao vậy? Vì không có tánh, chính đó là Bát nhã Ba la mật. Thế nên đại Bồ Tát với tất cả đều chẳng tự nhận. Cái chẳng tự nhận, cũng chẳng nhận.

Tại sao vậy? Vì pháp tánh là vô sở hữu nên chẳng duyên nơi pháp, cũng chẳng tự nhận các pháp tướng.

Đây gọi là tác dụng quảng đại của chư pháp vô sở thọ tam muội của đại Bồ Tát. Tam muội chẳng cùng chung với hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật.

Đại Bồ Tát thường thực hành tam muội nầy mà chẳng rời thời mau được Vô thượng Bồ đề".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Chỉ chẳng rời tam muội nầy mà đại Bồ Tát mau được Vô thượng Bồ đề, hay là còn những tam muội khác?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Những tam muội sau đây cũng làm cho đại Bồ Tát mau được Vô thượng Bồ đề. Như là thủ lăng nghiêm tam muội, bửu ấn tam muội, sư tử du hí tam muội, diệu nguyệt tam muội, nguyệt tràng tướng tam muội, xuất chư pháp ấn tam muội, quán đảnh tam muội, tất pháp tánh tam muội, tất tràng tướng tam muội, kim cang tam muội, nhập pháp ấn tam muội, tam muội vương an lập tam muội, vương ấn tam muội, phóng quang tam muội, lực tấn tam muội, xuất sanh tam muội, tất nhập biện tài tam muội, nhập danh tự tam muội, quán phương tam muội, đà la ni ấn tam muội, bất vong tam muội, nhiếp chư pháp hải ấn tam muội, biến phú hư không tam muội, kim cang luân tam muội, bửu đoạn tam muội, năng chiếu diệu tam muội, bất cầu tam muội, tam muội vô xứ trụ tam muội, vô tâm tam muội, tịnh đăng tam muội, vô biên minh tam muội, năng tác minh tam muội, phổ chiếu minh tam muội, kiên tịnh chư tam muội tam muội, vô cấu minh tam muội, tác nhạc tam muội, điển quang tam muội, vô tịnh tam muội, oai đức tam muội, ly tận tam muội, bất động tam muội, trang nghiêm tam muội, nhựt quang tam muội, nguyệt tịnh tam muội, tịnh minh tam muội, tác hành tam muội, tri tướng tam muội, như kim cang tam muội, tâm trụ tam muội, biến chiếu tam muội, an lập tam muội, bửu đảng tam muội, diệu pháp ấn tam muội, pháp đẳng tam muội, lập sanh hỉ tam muội, đáo pháp đảnh tam muội, năng tán tam muội, hoại chư pháp xứ tam muội, tự đẳng tướng tam muội, ly tự tam muội, đoạn duyên tam muội, bất hoại tam muội, vô chủng tướng tam muội, vô xứ hành tam muội, ly ám tam muội, vô khứ tam muội, độ duyên tam muội, tập chư đức tam muội, trụ vô tâm tam muội, tịnh diệu hoa tam muội, giác ý tam muội, vô lượng biện tam muội, vô đẳng đẳng tam muội, độ chư pháp tam muội, phân biệt chư pháp tam muội, tán nghi tam muội, vô trụ xứ tam muội, nhứt tướng tâm muội, bất nhứt hạnh tam muội, diệu hạnh tam muội, đạt nhứt thiết hữu để tán tam muội, nhập ngôn ngữ tam muội, ly âm thanh tự ngữ tam muội, nhiên cự tam muội, tịnh tướng tam muội, phá tướng tam muội, nhứt thiết chủng như túc tam muội, bất hỷ khổ lạc tam

muội, bất tận hành tam muội, đà la ni tam muội, thủ chư tà chánh tướng tam muội, diệt tắng ái tam muội, nghịch thuận tam muội, tịnh quang tam muội, kiên cố tam muội, mãn nguyệt tịnh quang tam muội, đại trang nghiêm tam muội, năng chiếu nhứt thiết thế tam muội, đẳng tam muội, vô tránh hạnh tam muội, vô trụ xứ lạc tam muội, như trụ định tam muội, hoại thân tam muội, hoại ngữ như hư không tam muội, ly trước như hư không bất nhiễn tam muội.

Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát thực hành các môn tam muội trên đây cùng vô lượng vô số môn tam muội môn đà la ni đều có thể mau được Vô thượng Bồ đề".

Thuận theo ý của đức Phật, Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nên biết rằng chư đại Bồ Tát thực hành các môn tam muội nầy, thời đã được chư Phật quá khứ thọ ký. Chư Phật hiện tại ở mười phương cũng thọ ký cho đại Bồ Tát nầy.

Chư đại Bồ Tát nầy chẳng thấy, chẳng nghĩ những tam muội ấy, cũng chẳng nghĩ rằng tôi sẽ nhập, đương nhập, hay đã nhập những tam muội ấy. Chư đại Bồ Tát nầy hoàn toàn không (có quan niệm) phân biệt".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Đại Bồ Tát an trụ nơi những tam muội nầy, có phải đã được thọ ký từ chư Phật quá khứ chăng?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Không phải. Tại sao vậy? Nầy Xá Lợi Phất! Bát nhã Ba la mật chẳng khác những tam muội. Những tam muội chẳng khác Bát nhã Ba la mật. Bồ Tát chẳng khác Bát nhã Ba la mật và tam muội. Bát nhã Ba la mật và tam muội chẳng khác Bồ Tát. Bát nhã Ba la mật tức là tam muội. Tam muội tức là Bát nhã Ba la mật. Bồ Tát tức là Bát nhã Ba la mật và tam muội. Bát nhã Ba la mật và tam muội tức là Bồ Tát".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Nếu tam muội chẳng khác Bồ Tát, Bồ Tát chẳng khác tam muội, tam muội tức là Bồ Tát, Bồ Tát tức là tam muội, thời Bồ Tát làm thế nào biết tất cả pháp là tam muội?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Lúc Bồ Tát nhập tam muội nầy chẳng nghĩ rằng tôi dùng pháp nầy để nhập tam muội. Do duyên cớ đây nên đối với các tam muội, Bồ Tát chẳng biết, chẳng nhớ".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Tại sao chẳng biết, chẳng nhớ ?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Vì các tam muội vô sở hữu nên Bồ Tát chẳng biết, chẳng nhớ".

Đức Phật khen: "Lành thay, lành thay! Nầy Tu Bồ Đề! Đúng như lời của Phật từng nói, ông là người thực hành vô tránh tam muội đệ nhất được tương ứng với nghĩa nầy.

Đại Bồ Tát phải y theo nghĩa nầy mà học sáu Ba la mật, tứ niệm xứ nhẫn đến mười tám pháp bất cộng".

Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát học như vậy có phải là học Bát nhã Ba la mật chăng?"

Đức Phật nói: "Đại Bồ Tát học như vậy chính là học Bát nhã Ba la mật vì pháp ấy là bất khả đắc. Cũng chính là học năm Ba la mật kia cùng tứ niệm xứ nhẫn đến mười tám pháp bất cộng, vì pháp ấy là bất khả đắc vậy".

Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát học Bát nhã Ba la mật như vậy, có phải pháp ấy là bất khả đắc chăng?"

Đức Phật nói: "Đại Bồ Tát học Bát nhã Ba la mật như vậy, pháp ấy là bất khả đắc".

Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Những pháp gì là bất khả đắc?"

Đức Phật nói: "Ngã là bất khả đắc, nhẫn đến tri giả, kiến giả là bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Ngũ ấm, thập nhị xứ, thập bát giới là bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Tứ đế, thập nhị nhơn duyên là bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới là bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Tứ niệm xứ nhẫn đến mười tám pháp bất cộng là vô sở đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Sáu ba la mật là vô sở đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, Phật là vô sở đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Bạch đức Thế Tôn! Những gì là rốt ráo thanh tịnh?"

Đức Phật nói: **"Chẳng xuất, chẳng sanh, không được, không làm, đây gọi là rốt ráo thanh tịnh".**

Bạch đức Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát học như vậy, đó là học những pháp gì ?

Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát học như vậy, với các pháp là vô sở học. Tại sao vậy? Nầy Xá Lợi Phất! Các pháp tướng chẳng phải như chỗ chấp trước của kẻ phàm phu.

Bạch đức Thế Tôn! Các pháp thật tướng thế nào có ?

Nầy Xá Lợi Phất! Các pháp vô sở hữu. Hữu như vậy, vô sở hữu như vậy, nơi sự nầy mà chẳng biết thời gọi là vô minh.

Bạch đức Thế Tôn! Những gì là vô sở hữu, nơi sự nầy chẳng biết nên gọi là vô minh?

Nầy Xá Lợi Phất! Ngũ ấm đến thập bát giới là vô sở hữu, tứ niệm xứ đến pháp bất cộng là vô sở hữu. Tại sao vậy? Vì là nội không, nhẫn đến vô pháp hữu pháp không vậy.

Ở trong đây, vì sức vô minh làm cho khát ái nên kẻ phàm phu vọng thấy phân biệt. Đây gọi là vô minh. Kẻ phàm phu nầy bị nhị biên(1) trói buộc nên chẳng biết, chẳng thấy các pháp vô sở hữu. Do đây mà nhớ tưởng phân biệt chấp trước nơi sắc, nhẫn đến pháp bất cộng.

Nơi pháp vô sở hữu, vì chấp trước nên người nầy sanh ra phân biệt biết và thấy. Đây là kẻ phàm phu chẳng biết, chẳng thấy. Chẳng thấy, chẳng biết những gì ? Chẳng thấy, chẳng biết sắc, nhẫn đến chẳng thấy, chẳng biết pháp bất cộng. Do cớ nầy mà sa vào hàng phàm phu như trẻ nít.

Người nầy chẳng ra khỏi. Chẳng ra khỏi chỗ nào? Chẳng ra khỏi Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, chẳng ra khỏi trong pháp của Thanh Văn, Bích Chi Phật.

Người nầy cũng chẳng tin. Chẳng tin những gì ? Chẳng tin sắc không, nhẫn đến chẳng tin pháp bất cộng không.

Người nầy cũng chẳng an trụ. Chẳng an trụ nơi đâu? Chẳng an trụ nơi lục Ba la mật, chẳng an trụ bực bất thối chuyển, nhẫn đến chẳng an trụ pháp bất cộng.

Do duyên cớ nầy mà gọi là phàm phu như trẻ nít. Cũng gọi là kẻ chấp trước. Chấp trước những gì ? Chấp trước sắc, nhẫn đến ý thức giới, chấp trước tham, nhẫn đến tà kiến, chấp trước tứ niệm xứ, nhẫn đến Phật đạo.

Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát học như vậy, có phải cũng là chẳng học Bát nhã Ba la mật, chẳng được Nhất thiết chủng trí chăng?

Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát học như vậy cũng là chẳng học Bát nhã Ba la mật, chẳng được Nhất thiết chủng trí.

Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát nầy không phương tiện nên nghĩ tưởng phân biệt chấp trước Bát Nhã, Thiền na, Tỳ lê gia, Sằn đề, Thi la và Đàn na Ba la mật, nhẫn đến nghĩ tưởng, phân biệt,

chấp trước pháp bất cộng và Nhất thiết chủng trí. Vì duyên cớ nầy nên đại Bồ Tát học như vậy cũng là chẳng học Bát nhã Ba la mật, chẳng được Nhất thiết chủng trí.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu như vậy thời đại Bồ Tát phải học Bát nhã Ba la mật như thế nào mới là học Bát nhã Ba la mật được Nhất thiết chủng trí?

Nầy Xá Lợi Phất! Lúc học Bát nhã Ba la mật, nếu đại Bồ Tát chẳng thấy Bát nhã Ba la mật thời là học Bát nhã Ba la mật được Nhất thiết chủng trí, vì bất khả đắc vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Tại sao gọi là bất khả đắc?

Nầy Xá Lợi Phất! Vì tất cả pháp nội không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không vậy".

Thích nghĩa:

(1). Nhị biên hay lưỡng nguyên: Phàm thánh là hai, Phật chúng sanh là hai, địa ngục niết bàn là hai… Cái gì có hai là có chấp. Đó là nhị biên, thế giới của đối đãi. Kinh nói: "Phi mắt phi sắc, phi tai phi thanh, phi ý phi pháp, cho đến phi giác phi Phật; lìa hết thảy những hí luận như thế, đó là vô nhị, không hai. Đó là chỗ Vô sở đắc". Các pháp đối đãi nhau mà có. Chúng ta còn trở lại tham cứu giáo pháp nầy.

---o0o---

QUYỂN THỨ TƯ

PHẨM ẢO HỌC
THỨ MƯỜI MỘT

(Tương đương với phẩm "Thí Dụ", Q.42 cho đến đầu Q.45, kinh ĐBN)

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu sẽ có người hỏi rằng: Ảo nhơn học Bát nhã ba la mật nhẫn đến Đàn na ba la mật, ảo nhơn học tứ niệm xứ nhẫn đến mười tám pháp bất cộng có được Nhất thiết chủng trí chăng? Thời con sẽ phải giải đáp thế nào?"

Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! Ta hỏi lại ông, tùy ý ông đáp.

Nầy Tu Bồ Đề! Sắc với ảo có khác nhau chăng? Thọ, tưởng, hàng, thức với ảo có khác nhau chăng?"

Bạch đức Thế Tôn! Không khác.

Nầy Tu Bồ Đề! Nhãn đến ý, sắc đến pháp, nhãn giới đến ý thức giới cùng với ảo có khác nhau chăng?

Bạch đức Thế Tôn! Không khác.

Nầy Tu Bồ Đề! Sáu ba la mật, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng với ảo có khác nhau chăng?

Bạch đức Thế Tôn! Không khác nhau.

Nầy Tu Bồ Đề! Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác với ảo có khác nhau chăng.?

Bạch đức Thế Tôn! Không khác. Tại sao vậy? Vì sắc chẳng khác ảo, ảo chẳng khác sắc, sắc tức là ảo, ảo tức là sắc. Nhẫn đến vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng khác ảo ảo chẳng

khác Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tức là ảo, ảo tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nầy Tu Bồ Đề! Ảo có cấu, có tịnh chăng?

Bạch đức Thế Tôn! Không vậy.

Ngày Tu Bồ Đề! Ảo có sanh, có diệt chăng?

Bạch đức Thế Tôn! Không vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu ảo chẳng sanh, chẳng diệt, ảo nầy có thể học Bát nhã ba la mật sẽ được Nhất thiết chủng trí chăng?

Bạch đức Thế Tôn! Không vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! Ngũ ấm giả danh có sanh, diệt, cấu, tịnh chăng?

Bạch đức Thế Tôn! Không vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu những pháp chỉ có danh tự, chẳng phải thân, ngữ, ý, chẳng phải thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp, chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh, thời có thể học Bát nhã ba la mật được Nhất thiết chủng trí chăng?

Bạch đức Thế Tôn! Không vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát có thể học Bát nhã ba la mật như vậy thời sẽ được Nhất thiết chủng trí. Tại sao vậy? Vì vô sở đắc vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát phải như vậy mà học Bát nhã ba la mật được Vô thượng Bồ đề như ảo nhơn học. Tại sao vậy? Nên biết rằng ngũ ấm tức là ảo nhơn, ảo nhơn tức là ngũ ấm.

Nầy Tu Bồ Đề! Ngũ ấm ấy học Bát nhã ba la mật được Nhất thiết chủng trí chăng?

Bạch đức Thế Tôn! Không vậy. Vì ngũ ấm nầy tánh vô sở hữu. Tánh vô sở hữu cũng là bất khả đắc.

Nầy Tu Bồ Đề! Ngũ ấm như mộng, như ảnh, như hưởng, như dương diệm, như biến hoá, học Bát nhã ba la mật sẽ được Nhất thiết chủng trí chăng?

Bạch đức Thế Tôn! Không vậy. Vì mộng tánh nhẫn đến biến hóa tánh vô sở hữu. Tánh vô sở hữu cũng là bất khả đắc.

Lục tình cũng như vậy. Ngũ ấm tức là lục tình, lục tình tức là ngũ ấm.

Vì những pháp ấy tức là nội không, nhẫn đến vô pháp hữu pháp không nên bất khả đắc.

Bạch đức Thế Tôn! Bồ Tát mới phát tâm nghe nói Bát nhã ba la mật có kinh sợ rụt rè chăng?

Nầy Tu Bồ Đề! Bồ Tát mới phát tâm đối với Bát nhã ba la mật, nếu không phương tiện cũng chẳng gặp được bực thiện tri thức hướng dẫn có kinh sợ, hoặc rụt rè .

Bạch đức Thế Tôn! Gì là phương tiện mà Bồ Tát thực hành theo đó được chẳng kinh sợ, rụt rè đối với Bát nhã ba la mật?

Nầy Tu Bồ Đề! Có Bồ Tát thực hành Bát nhã ba la mật đúng với tâm Nhất thiết chủng trí, quán tướng vô thường của ngũ uẩn cũng bất khả đắc. Đây gọi là có phương tiện.

Quán tướng khổ, tướng vô ngã tướng vô tác của ngũ uẩn cũng bất khả đắc. Đây gọi là có phương tiện.

Quán tướng ly, tướng tịch diệt của ngũ uẩn cũng bất khả đắc. Đây gọi là đại Bồ Tát thực hành Bát nhã ba la mật có phương tiện.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát thực hành Bát nhã ba la mật quán tướng vô thường của ngũ uẩn cũng là bất khả đắc, quán tướng khổ, tướng vô ngã, tướng vô tướng, tướng vô tác, tướng ly, tướng tịch diệt của ngũ uẩn cũng là bất khả đắc. Bấy giờ đại Bồ Tát nghĩ rằng tôi nên vì tất cả chúng sanh mà giảng thuyết tướng vô thường cũng là bất khả đắc, tướng khổ, tướng vô ngã nhẫn đến tướng tịch diệt cũng là bất khả đắc. Đây gọi là đại Bồ Tát Đàn na ba la mật.

Lại nữa, nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát chẳng dùng tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật để quán ngũ uẩn, vô thường cũng bất khả đắc, nhẫn đến chẳng dùng tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật để quán ngũ uẩn, tịch diệt cũng bất khả đắc. Đây gọi là đại Bồ Tát Thi ba la mật.

Lại nữa, nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát thực hành Bát nhã ba la mật nhẫn thọ ưa thích nơi tướng vô thường, nhẫn đến tướng tịch diệt của các pháp cũng là bất khả đắc. Đây gọi là đại Bồ Tát Sằn đề ba la mật.

Lại nữa, nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã Ba la mật đúng với tâm Nhất thiết chủng trí, quán tướng vô thường nhẫn đến tướng tịch diệt của ngũ uẩn cũng bất khả đắc, chẳng rời bỏ, chẳng thôi nghĩ. Đây gọi là đại Bồ Tát Tỳ lê gia ba la mật.

Lại nữa, nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát thực hành Bát nhã ba la mật chẳng móng khởi tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật cùng những tâm bất thiện ác. Đây gọi là đại Bồ Tát Thiền na ba la mật.

Lại nữa, nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát thực hành Bát nhã ba la mật suy nghĩ như vầy: Chẳng do không(có) sắc nên sắc là không, mà sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến ý thức giới cũng như vậy, chẳng phải do không(có) ý thức giới nên ý thức giới là không, mà ý thức giới tức là không, không tức là ý thức giới. Tứ niệm xứ nhẫn đến mười tám pháp bất cộng cũng như vậy, chẳng phải do không(có) pháp bất cộng nên pháp bất cộng là không, mà pháp bất cộng tức là không, không tức là pháp bất cộng. Đại Bồ Tát thực hành Bát nhã ba la mật như vậy không có kinh sợ, rụt rè".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát được bực thiện trí thức hộ trì nên chẳng kinh sợ rụt rè ?"

Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! **Có thiện tri thức giảng thuyết sắc nhẫn đến ý thức giới**, vô thường, khổ, vô ngã nhẫn đến tịch diệt cũng đều bất khả đắc, gìn giữ thiện căn nầy chẳng hướng về Thanh Văn, Bích Chi Phật đạo mà chỉ hướng về Nhất thiết chủng trí, đây gọi là bậc thiện tri thức của đại Bồ Tát.

Nầy Tu Bồ Đề! Có thiện tri thức giảng thuyết tu tứ niệm xứ nhẫn đến tu mười tám pháp bất cộng cũng là bất khả đắc, giữ gìn thiện căn nầy chẳng hướng về Thanh Văn, Bích Chi Phật đạo, chỉ hướng về Nhất thiết chủng trí, đây gọi là bực thiện tri thức của đại Bồ Tát".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ Tát vì không phương tiện và theo ác tri thức nên kinh sợ, rụt rè khi nghe nói Bát nhã ba la mật nầy".

Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! Bồ Tát rời tâm Nhất thiết trí, mà tu Bát nhã ba la mật nên được và nhớ Bát nhã ba la mật nầy, cũng được và nhớ Thiền na ba la mật, Tỳ lê gia ba la mật, Sằn đề ba la mật, Thi la ba la mật, Đàn na ba la mật.

Bồ Tát rời tâm Nhất thiết trí mà quán các pháp ngũ uẩn, thập nhị xứ, thập bát giới, nội không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không, nơi pháp không đây **có nhớ, có được**.

Bồ Tát rời tâm Nhất thiết trí mà tu tứ niệm xứ nhẫn đến tu mười tám pháp bất cộng cũng nhớ, cũng được.

Như trên đây là vì không phương tiện nên có kinh sợ, rụt rè khi nghe Bát nhã ba la mật nầy.

Nầy Tu Bồ Đề! Có ác tri thức bảo Bồ Tát xa rời sáu Ba la mật, hoặc chẳng giảng nói ma sự, chẳng giảng nói ma tội, chẳng nói rằng ác ma hiện hình Phật đến bảo Bồ Tát xa rời sáu Ba la mật mà nói rằng: "Nầy thiện nam tử, cần gì tu sáu Ba la mật làm chi! Nầy Tu Bồ Đề! Phải biết đây là ác tri thức của Bồ Tát.

Lại có ác ma hiện hình Phật đến chỗ Bồ Tát mà giảng thuyết kinh pháp Thanh văn, hoặc trường hàng nhẫn đến luận nghị(1). Chẳng vì Bồ Tát mà nói ma sự ma tội nầy phải biết đây là ác tri thứ của Bồ Tát.

Cũng chẳng vì Bồ Tát mà nói ma sự ma tội nầy: Ác ma hiện hình Phật đến bảo Bồ Tát: Nầy thiện nam tử! Ngươi không có tâm thật Bồ Tát, ngươi chẳng phải bực bất thối chuyển, ngươi cũng chẳng thể được Vô thượng Bồ đề. Nầy Tu Bồ Đề! Phải biết đây là ác tri thức của Bồ Tát.

Cũng chẳng giảng, chẳng dạy ma sự, ma tội như vậy: Ác ma hiện hình Phật đến bảo Bồ Tát rằng sắc không nhẫn đến pháp bất cộng không, Bát nhã ba la mật không nhẫn đến Đàn na ba la mật không, vậy ngươi cầu Vô thượng Bồ đề để làm gì !

Nầy Tu Bồ Đề! Phải biết đây là ác tri thức của Bồ Tát.

Cũng chẳng giảng, chẳng dạy ma sự ma tội như vậy: Ác ma hiện hình Bích Chi Phật đến bảo Bồ Tát rằng mười phương đều rỗng không, trong đó chẳng có Phật, Bồ Tát và Thanh văn. Nầy Tu Bồ Đề! Phải biết đây là ác tri thức của Bồ Tát.

Cũng chẳng giảng dạy ma sự, ma tội như vầy: Ác ma hiện hình Hòa Thượng A Xà Lê(2) đến bảo Bồ Tát bỏ Nhất thiết chủng trí, bỏ Bồ Tát đạo, bảo Bồ Tát bỏ tứ niệm xứ nhẫn đến mười tám pháp bất cộng, bảo Bồ Tát nhập không, vô tướng, vô tác để chứng quả Thanh Văn, cần gì Vô thượng Bồ đề. Nầy Xá Lợi Phất! Phải biết đây là ác tri thức của Bồ Tát.

Cũng chẳng giảng dạy ma sự, ma tội như vầy: Ác ma hiện hình cha mẹ đến bảo Bồ Tát tinh tấn cầu chứng quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến quả A La Hán, cần gì phải cầu Vô thượng Bồ đề. Nếu cầu Vô thượng Bồ đề sẽ phải thọ sanh tử trong vô lượng vô số kiếp, phải bị chặt tay, chặt chân đau khổ. Nầy Xá Lợi Phất! Phải biết đây là ác tri thức của Bồ Tát.

Có thượng tri thức chẳng giảng, chẳng dạy ma sự ma tội như vầy: Ác ma hiện hình Tỳ Kheo đến bảo Bồ Tát các pháp nhãn sắc nhẫn đến ý vô thường, khổ, vô ngã, không, vô tướng, vô tác, ly, tịch diệt đều là pháp bất khả đắc. Cũng dùng pháp khả đắc để nói tứ niệm xứ nhẫn đến pháp bất cộng. Nầy Tu Bồ Đề! Phải biết đây là ác tri thức của Bồ Tát. Đã biết rồi thời phải lánh xa hạng ác tri thức nầy”.

Thích nghĩa:

(1). “Trường hàng (hay khế kinh, thể văn xuôi trực tiếp ghi chép các giáo thuyết của đức Phật) nhẫn đến luận nghị” (thể loại kinh ghi chép việc đức Phật luận về thể tánh các pháp, phân biệt rõ ràng ý nghĩa): Trường hàng đến luận nghị, ý nói mười hai bộ kinh.

(2). A xà lê (Phạm: Àcàrya, Pāli: Àcariya): Nói tắt là Xà lê. Dịch ý là Giáo thọ, Trí hiền, Truyền thụ. Hàm ý là dạy bảo học trò, khiến hành vi được ngay thẳng hợp nghi, mà bản thân mình cũng phải là người thầy khuôn mẫu đối với học trò, vì thế, còn gọi là Đạo sư.

---o0o---

PHẨM CÚ NGHĨA(1)
THỨ MƯỜI HAI

(Tương đương với phẩm "Bồ tát", phần sau Q.45 đến hết Q.46, kinh ĐBN)

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ Tát cú nghĩa?"

Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! Không cú nghĩa là Bồ Tát cú nghĩa.

Tại sao vậy? Vì? Vô thượng Bồ đề không có nghĩa xứ cũng không có ngã, thế nên không cú nghĩa là Bồ Tát cú nghĩa.

Ví như chim bay trong hư không chẳng có dấu tích, Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy.

Ví như những sự thấy trong giấc mộng không chỗ có, Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy

Ví như ảo thuật, dương diệm, ảnh hưởng, biến hóa đều không có thật nghĩa, Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy.

Ví như pháp như, pháp tánh, pháp tướng, pháp vị và thật tế không có nghĩa, Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy.

Ví như **sắc, thọ, tưởng, hành, thức của ảo nhơn** không có nghĩa, đại Bồ Tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy.

Ví như **lục căn, lục trần, lục thức của ảo nhơn** không có nghĩa, ví như nhãn xúc, nhơn duyên, sanh thọ nhẫn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ của ảo nhơn không có nghĩa, Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy.

Như lúc ảo nhơn thực hành nội không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không chẳng có nghĩa, Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy.

Như lúc ảo nhơn thực hành tứ niệm xứ nhẫn đến pháp bất cộng không có nghĩa, Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy.

Như Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng, Chánh Giác, sắc, thọ, tưởng, hành, thức không có nghĩa vì ngũ uẩn đây không có vậy, Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy.

Như đức Phật, nhãn đến ý, sắc đến pháp, nhãn xúc đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ đều không xứ sở , đại Bồ Tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy.

Như đức Phật, nội không đến vô pháp hữu pháp không, tứ niệm xứ đến pháp bất cộng đều không xứ sở , Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy.

Như trong tánh hữu vi không, tánh nghĩa vô vi, trong tánh vô vi không, tánh nghĩa hữu vi, đại Bồ Tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy.

Như bất sanh, bất diệt không xứ sở như bất tác, bất xuất, bất đắc, bất cấu, bất tịnh đều không xứ sở , Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Vì pháp gì bất sanh, bất diệt nên không xứ sở ? Vì pháp gì bất tác, bất xuất, bất đắc, bất cấu, bất tịnh nên không xứ sở ?"

Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! Vì ngũ uẩn, thập nhị xứ, thập bát giới đều bất sanh, bất diệt nhẫn đến bất cấu, bất tịnh nên không xứ sở. Vì tứ niệm xứ đến pháp bất cộng đều bất sanh, bất diệt nhẫn đến bất cấu, bất tịnh nên không xứ sở.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! Như nơi tứ niệm xứ đến pháp bất cộng, tịnh nghĩa rốt ráo bất khả đắc, đại Bồ Tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy.

Như trong tịnh, ngã nhẫn đến tri giả, kiến giả đều bất khả đắc, vì ngã đến kiến giả đều không chỗ có vậy. Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! Ví như lúc mặt nhựt mọc lên thời không có tối tăm. Đại Bồ Tát lúc thục hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy.

Như thời kỳ kiếp thiêu không có tất cả vật. Đại Bồ Tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy.

Như trong Phật giới không có phá giới. Đại Bồ Tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy.

Như trong Phật định không có loại tâm, trong Phật huệ không có ngu si, trong Phật giải thoát không có chẳng giải thoát, trong Phật giải thoát tri kiến không có chẳng giải thoát tri kiến. Đại Bồ Tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy.

Như trong Phật quang thời nguyệt quang, nhựt quang không hiện, như trong Phật quang thời quang minh của chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc đều không hiện. Đại Bồ Tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát cú nghĩa không chỗ có cũng vậy.

Tại sao vậy? Vì **Vô thượng Bồ đề cùng Bồ Tát và Bồ Tát cú nghĩa, tất cả pháp đây đều chẳng hiệp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đối là nhất tướng, chính là vô tướng.**

Nầy Tu Bồ Đề! Vô ngại tướng trong tất cả pháp đây, đại Bồ Tát phải nên học, cũng phải nên biết".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Những gì là tất cả pháp? Thế nào là vô ngại tướng trong tất cả pháp mà phải học? phải biết?"

Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! Tất cả pháp là pháp thiện, pháp bất thiện, pháp hữu ký, pháp vô ký, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp cộng, pháp bất cộng. Đây gọi là tất cả pháp, trong tất cả pháp vô ngại tướng đây, đại Bồ Tát phải học, phải biết".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Những gì là pháp thiện thế gian nhẫn đến những gì là **pháp bất cộng**?"

Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! Pháp thiện thế gian là hiếu thuận với cha mẹ , cúng dường Sa Môn, Bà La Môn, cúng thờ bậc tôn trưởng, chỗ phước bố thí, chỗ phước trì giới, chỗ phước tu thiền định, chỗ phước khuyến đạo, phương tiện sanh phước đức, thập thiện đạo thế gian, quán tưởng chín tướng bất tịnh : tướng xanh, tướng sình, tướng máu, tướng nứt, tướng nhũn bấy, tướng bị ăn, tướng tan rã, tướng xương, tướng thiêu, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định,

niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng niệm giới, niệm xả, niệm Thiên, niệm thiện, niệm hơi thở , niệm thân thể, niệm chết. Đây gọi là pháp thiện thế gian.

Nầy Tu Bồ Đề! Những gì là **pháp bất thiện**? Sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, tham lẫn, não hại, tà kiến, thập bát thiện đạo(2) nầy gọi là pháp bất thiện.

Nầy Tu Bồ Đề! những gì là **pháp hữu ký**? Pháp thiện hoặc pháp bất thiện gọi là pháp hữu ký.

Nầy Tu Bồ Đề! Những gì là **pháp vô ký**(3)? Vô ký thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, vô ký tứ đại, vô ký ngũ ấm, thập nhị nhập(4), thập bát giới(5), vô ký báo, đây gọi là pháp vô ký.

Nầy Tu Bồ Đề! Những gì là **pháp thế gian**? Ngũ ấm, thập nhị nhập, thập bát giới, thập thiện đạo, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, đây gọi là pháp thế gian.

Nầy Tu Bồ Đề! Những gì là **pháp xuất thế gian**? Tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ vô ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác phần, bát thánh đạo phần, không giải thoát môn, vô tướng giải thoát môn, vô tác giải thoát môn, vị tri dục tri căn, tri căn dĩ tri căn(6), hữu giác hữu quán tam muội, vô giác hữu quán tam muội, vô giác vô quán tam muội, bát bội xả, nội không đến vô pháp hữu pháp không, thập lực, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí, đây gọi là pháp xuất thế gian.

Nầy Tu Bồ Đề! Những gì là **pháp hữu lậu**? Ngũ ấm, thập nhị nhập, thập bát giới, lục chủng(7), lục xúc(8), lục thọ(9), tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, đây gọi là pháp hữu lậu.

Nầy Tu Bồ Đề! Những gì là **pháp vô lậu**? Tứ niệm xứ nhẫn đến bất cộng pháp và Nhất thiết trí, đây gọi là pháp vô lậu.

Nầy Tu Bồ Đề! Những gì là **pháp hữu vi**? Nếu là pháp có sanh, có trụ, có diệt, Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, ngũ ấm nhẫn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ, tứ niệm xứ nhẫn đến pháp bất cộng và Nhất thiết trí, đây gọi là pháp hữu vi.

Nầy Tu Bồ Đề! Những gì là **pháp vô vi**? Nếu là pháp bất sanh, bất trụ, bất diệt, sạch tham, sân, si, pháp như, pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, thật tế, đây gọi là pháp vô vi.

Nầy Tu Bồ Đề! Những gì là **cộng pháp**? Tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, đây gọi là cộng pháp.

Nầy Tu Bồ Đề! Những gì là **bất cộng pháp**? Tứ niệm xứ nhẫn đến mười tám pháp bất cộng, đây gọi là bất cộng pháp.

Nầy Tu Bồ Đề! Ở trong những pháp tứ tướng không đây, đại Bồ Tát chẳng nên chấp trước, vì bất động vậy. Đại Bồ Tát cũng phải biết tất cả pháp chẳng có hai tướng(10), vì bất động vậy.

Đây gọi là Bồ Tát nghĩa”.

Thích nghĩa:

(1). Cú nghĩa: Ý nghĩa đích thực: Nhất cú, đệ nhất cú, hay tối sơ cú, mạt hậu cú là câu nói tối hậu, là câu nói hàm ẩn tất cả diệu lý Phật, ai hiểu được thì thoát ly tất cả nghiệp báo và chứng đạo tức thì. Đó là lối giải thích đơn giản. Theo từ điển Phật Quang cú nghĩa là nguyên lý chỉ đạo hay phạm trù quyết định, dùng để trình bày thực thể thuộc tánh và nguyên lý sanh thành, hoại diệt của tất cả mọi hiện tượng trong vũ trụ. Thí dụ: 10 nguyên lý: Thực, đức, nghiệp, đồng,

*dị, hòa hợp, hữu năng, vô năng, câu phân, vô thuyết, chi phối hoàn toàn tất cả pháp. Tương truyền, Tổ sáng lập ra tông Thắng luận là Ưu lâu già (Phạm: Ulùka) từng soạn kinh Thắng luận, trở thành Thánh điển căn bản của phái nầy, trong kinh nêu ra 6 cú nghĩa: Thực, đức, nghiệp, đồng, dị và hòa hợp, đồng thời cho rằng từ chân trí của 6 cú nghĩa sanh ra các pháp, đó là tông nghĩa của phái này. Đến khoảng thế kỷ V, VI, Luận sư Tuệ Nguyệt (Phạm: Mati-candra) của phái này mới soạn luận và mở rộng 6 cú nghĩa thành 10 cú nghĩa, bàn rộng về yếu chỉ của Thắng luận, gọi là Thắng tông thập cú nghĩa luận. Các cú nghĩa như Thực, đức, nghiệp, đồng, dị, hòa hợp thuộc về cú nghĩa Hữu (có), còn Vô thuyết (cú nghĩa thứ 10) thì thuộc về cú nghĩa Phi hữu (chẳng phải có). Bát nhã thiên không, nên cú nghĩa Vô thuyết có lẻ hợp với phẩm này. Học phái Thắng nghĩa có nêu 5 thứ thắng nghĩa Vô thuyết đáng chú ý như sau: 1). **Vị sanh vô** (Phạm: Pràg-abhàva): Các nhân duyên Thực, Đức, Nghiệp không đầy đủ nên vẫn chưa sanh ra. 2). **Dĩ diệt vô** (Phạm: Pradhavaô= sàbhàva): Các nhân duyên Thực, Đức, Nghiệp hoặc vì thế lực của nhân đã hết, hoặc do trái duyên mà sanh, nên mặc dù đã sanh thành nhưng cuối cùng cũng sẽ hoại diệt, không tồn tại được. 3). **Cánh hỗ vô** (Phạm: Anyonyàbhàva): Các nhân duyên Thực (đất, nước, lửa, gió, không, thời gian, phương sở, ngã, ý), Đức, Nghiệp... chẳng tồn tại lẫn cho nhau. 4). **Bất hội vô**: Hữu tánh và các nhân duyên Thực, Đức, Nghiệp... không hòa hợp nhau, cho nên rốt cuộc không có. 5). **Tất cánh vô** (Phạm:Atyantàbhàva): Vì không có nhân nên trong 3 thời quá khứ, hiện tại và vị lai đều không sanh khởi, tức là từ đầu đến cuối đều chẳng có, tuyệt đối không tồn tại. (Phỏng theo Từ điển Phật Quang).*

(2). Thập "bát" thiện đạo: Đây phải dịch là "thập bất thiện đạo" đúng hơn. Có lẽ là đánh máy thiếu sót.

(3). Vô ký: Chỉ các hành vi không thuộc về thiện cũng không thuộc về bất thiện.

(4). Thập nhị nhập còn gọi thập nhị xứ gồm 6 căn cộng 6 trần: Nhãn, nhĩ, tị, thiệt, thân, ý (lục nhập) cộng với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp (ngoại nhập).

(5). Thập bát giới: Sáu thức năng y, 6 căn sở y và 6 cảnh sở duyên. Giới nghĩa là chủng loại, chủng tộc. Vì 18 chủng loại này đều có tự tánh khác nhau cho nên gọi là Thập bát giới. Tức 6 căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; 6 cảnh: đối tượng của sự nhận biết là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp và 6 thức là nhãn thức, nhĩ thức , tỷ thức, vị thức, thân thức, ý thức .

*(6). Vị tri dục tri căn, tri căn dĩ tri căn (tức tam vô lậu căn, Phạm: Trìny anàsravendriyàịi, gọi tắt là Tam căn): Chỉ cho 3 căn vô lậu trong 22 căn. Ba căn vô lậu này do lấy 9 căn là ý, lạc, hỉ, xả, tín, cần, niệm, định và tuệ làm thể mà được lập ra, vì 3 căn vô lậu này có lực dụng tăng thượng, không nhiễm ô, không khởi phiền não, có công năng sinh ra Thánh pháp thanh tịnh vô lậu, nên gọi là Căn. Đó là: 1).**Vị tri đương tri căn** (Phạm: Anàjĩàtàjĩàsyàmìndriya), cũng gọi Vị tri dục tri căn. Căn cơ thuộc giai vị Kiến đạo. Người ở giai vị này từ vô thủy đến nay chưa từng nghe chân lý Tứ đế, vì muốn biết đế lý chân như ấy, liền tu tập giải hành của Địa tiền phương tiện, nên gọi là Vị tri dục tri căn (căn chưa biết muốn biết). 2).**Dĩ tri căn** (Phạm:Àjĩendriya), cũng gọi Tri căn. Căn cơ thuộc giai vị Tu đạo. Người ở giai vị này đã biết chân lý Tứ đế, đồng thời đã đoạn trừ các hoặc mê lý, nhưng vì muốn đoạn trừ các hoặc mê sự, nên tiến tới quán lý Tứ đế, biết rõ cảnh Tứ đế, nên gọi là Dĩ tri căn (Căn đã biết). 3).**Cụ tri căn** (Phạm: Àjĩàtàvìndriya), cũng gọi Tri dĩ căn, Vô tri căn. Căn cơ thuộc địa vị Vô học. Người ở địa vị này*

đã biết suốt lý Tứ đế một cách đầy đủ, vì đã dứt hết các phiền não, tất cả việc cần làm đã làm xong, nên gọi là Cụ tri căn (Căn biết đầy đủ). Người ở địa vị Vô học này đã được Tận trí và Vô sinh trí. (Xem luận Câu xá Q.3; luận Du già sư địa Quyển 57; luận Phát trí Quyển 14; luận Thuận chính lý Quyển 9; Du già luận ký Quyển 16, thượng). (Từ điển Phật Quang).

*Kinh Ma Ha Bát nhã Ba la mật , quyển thứ 6, phẩm "Quảng Thừa" giải thích "Vị tri dục tri căn, tri căn và trí giả căn" là Tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn và huệ căn. Ngũ căn của hàng hữu học chưa đắc quả, đây gọi là **vị tri dục tri căn**. Ngũ căn của hàng hữu học đã đắc quả, đây gọi là **tri căn**. Ngũ căn của bậc vô học, hoặc A La Hán, Bích Chi Phật, hoặc chư Phật, đây gọi là **trí giả căn**.*

(7). Lục chủng: lục là sáu, chủng là loại. Sáu loại là sáu loại gì? Kinh có đề cập đến "ngũ ấm, thập nhị nhập, thập bát giới, lục chủng, lục xúc, lục thọ…" thì có thể đoán lục chủng tức muốn nói lục đại chủng. Kinh thường đề cập đến tứ đại(hay còn gọi là tứ đại chủng)gồm phong thủy hỏa thổ, nếu thêm hai đại nữa là không đại và thức đại thì gọi là lục đại chủng, cộng thêm kiến đại thì gọi thất đại chủng. Đó là tất cả các thành phần cấu tạo nên sắc và tâm. (Xem lại thích nghĩa trong phẩm "Tam Giả")

(8). Lục xúc: Do sự tiếp xúc giữa căn và trần mà sanh ra sáu xúc, như: 1). mắt chạm với hình sắc, 2). Tai chạm với âm thanh, 3). Mũi chạm với mùi, 4). Lưỡi chạm với vị, 5). Thân chạm với đồ vật, 6). Ý chạm với pháp. Xúc cảm là hậu quả của những biến thái của sinh lý và tâm lý.

(9). Lục thọ: Sáu mối cảm thọ, lảnh nạp do căn, trần và thức tạo nên.

1- Nhãn (căn), nhãn thức hợp với sắc (trần) sanh ra cảm thọ về hình dáng…

2- Nhĩ, nhĩ thức hợp với thanh sanh ra cảm thọ về âm thanh như nghe nhạc cảm thấy buồn vui.

3-. Tỷ, tỷ thức hợp với hương sanh ra cảm thọ về mùi thơm hay thúi.

4- Thiệt, thiệt thức hợp với vị sanh ra cảm thọ ngon dở.

5- Thân, Thân thức hợp với xúc sanh ra cảm thọ êm diệu dể chịu…

6- Ý, ý thức và pháp sanh ra cảm thọ như đọc kinh thấy hoan hỷ…

(10). Chẳng hai tướng (bất nhị tướng): Nhiễm và tịnh là hai, đoạn và thường là hai, bỉ và thử là hai… Đối với hết thảy hiện tượng không phân biệt, hoặc vượt lên các thứ phân biệt thì gọi là đệ nhất nghĩa đế: Chỉ có nhất tướng, chỗ gọi là vô tướng, tuyệt đối bình đẳng, như như bất động, không năng sở, vắng lặng nhiệm mầu, cũng gọi là chân như, pháp giới, pháp tính, bất hư vọng tính, bất biến dị tánh, hư không giới, pháp định, pháp trụ, thật tế…

Đoạn kinh sau đây của Đại Bát Nhã, Phật giải thích cho Tu Bồ đề về chẳng hai tướng:

"Những nơi nào có hai tướng, là Hữu sở đắc; những nơi nào không có hai tướng, là Vô sở đắc. Khi mắt đối sắc, hay ý đối pháp (dharma) là có hai tướng. Khi có giác để chứng, đối Phật là người chứng, là có hai tướng. Pháp nào nương tựa nơi hai tướng là pháp hí luận, thuộc vào cõi Hữu sở đắc. "Phi mắt phi sắc, phi tai phi thanh, phi ý phi pháp, cho đến phi giác phi Phật; lìa hết thảy những hí luận như thế, đó là vô nhị, không hai. Đó là chỗ Vô sở đắc". Hữu sở đắc là tương đối, nghĩa là vẫn còn có biên. Vô sở đắc là tuyệt đối vẫn là một biên tế khác. Vậy, hữu sở đắc hay vô sở đắc vẫn còn nằm trong đối đãi, nghĩa là vẫn không thoát nổi sự chi phối của thế tục. Chỉ khi nào vượt qua và vượt trên tất các đối đãi thì mới thoát khỏi sự kiềm chế hay phong

tỏa của nó. Tới đây mới nói là vô biên: cái hữu sở đắc biến thành cái vô sở đắc hay ngược lại. Đó chính là đệ nhất nghĩa đế!

---o0o---

PHẨM KIM CANG

THỨ MƯỜI BA

(Tương đương với phẩm "Ma Ha Tát", từ Q.47 đến phần đầu Q.49, kinh ĐBN)

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Do cớ gì mà Bồ Tát được gọi là đại Bồ Tát?"

Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! Ở trong quyết định chúng, Bồ Tát nầy là bực thượng thủ nên gọi là đại Bồ Tát.

Đây là quyết định chúng(1): tánh địa nhơn, bát nhơn, Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật, sơ phát tâm Bồ Tát nhẫn đến bất thối chuyển địa Bồ Tát.

Nầy Tu Bồ Đề! **Đại Bồ Tát phát đại tâm chẳng hư hoại như kim cang, thời sẽ là bực thượng thủ trong quyết định chúng".**

Ngài Tu Bồ Đề thưa "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát phát tâm thế nào mà gọi là phát đại tâm như kim cang chẳng hư hoại?"

Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phát sanh tâm như vầy:

Ở trong vô lượng đời sanh tử, tôi sẽ đại thệ trang nghiêm, tôi sẽ bỏ tất cả sở hữu, tôi sẽ đối với tất cả chúng sanh bằng tâm bình đẳng, tôi sẽ phải đem Tam thừa độ thoát tất cả chúng sanh, làm cho họ nhập vô dư Niết Bàn, tôi độ tất cả chúng sanh xong rồi nhẫn đến không có một người nhập Niết Bàn, tôi sẽ phải hiểu rõ tướng bất sanh của tất cả pháp, tôi sẽ thuần dùng tâm Nhất thiết chủng trí để thực hành sáu ba la mật, tôi sẽ phải học trí huệ tỏ thấu tất cả pháp, tôi sẽ phải tỏ thấu chư pháp nhất tướng trí môn, tôi sẽ phải tỏ thấu nhẫn đến chư pháp vô lượng tướng trí môn.

Đây gọi là đại Bồ Tát phát sanh đại tâm chẳng hư hoại như kim cang. An trụ trong đại tâm này , đại Bồ Tát là bực thượng thủ trong quyết định chúng. Vì pháp dụng đây vô sở đắc vậy.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phát tâm như vầy:

Tôi sẽ thay thế cho tất cả chúng sanh trong mười phương mà chịu những sự đau khổ, hoặc chúng sanh Địa ngục, hoặc chúng sanh các loài Súc sanh hoặc chúng sanh Ngạ quỷ , nhẫn đến thay thế chịu khổ nhọc cho mỗi một chúng sanh trong vô lượng trăm ngàn ức kiếp đến khi nào chúng sanh ấy đã được nhập vô dư Niết Bàn, sau đó tôi tự vun trồng thiện căn trong vô lượng trăm ngàn ức vô số kiếp sẽ được Vô thượng Bồ đề.

Đây là đại tâm như kim cang chẳng hư hoại. An trụ trong đại tâm nầy, đại Bồ Tát là bực thượng thủ trong quyết định chúng.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lại phát sanh đại khoái tâm. Từ lúc sơ phát tâm nhẫn đến khi thành Vô thượng Bồ đề, đại Bồ Tát chẳng sanh tâm tham nhiễm, sân khuể, ngu si, kiêu mạn, cũng chẳng sanh tâm Thanh Văn, tâm Bích Chi Phật.

Đây là đại khoái tâm. An trụ trong đại khoái tâm nầy, đại Bồ Tát là bực thượng thủ trong quyết định chúng. Đại Bồ Tát cũng chẳng nghĩ nhớ có đại khoái tâm nầy.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lại phải phát sanh bất động tâm, chính là tâm thường nghĩ nhớ Nhất thiết chủng trí, cũng chẳng nghĩ nhớ là mình có tâm bất động nầy.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lại phải phát sanh tâm lợi ích an lạc cho tất cả chúng sanh, chính là cứu tế tất cả chúng sanh và chẳng rời bỏ tất cả chúng sanh, cũng chẳng nghĩ nhớ có tâm lợi ích an lạc nầy.

Do đây nên đại Bồ Tát thực hành Bát nhã ba la mật là bậc thượng thủ trong quyết định chúng

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải phát sanh tâm dục pháp, hỷ pháp, lạc pháp.

Gì là pháp? Chính là thật tướng của các pháp. Nơi pháp nầy mà tin chịu và lãnh thọ thời gọi là dục pháp và hỉ pháp. Còn thường tu hành pháp nầy thời gọi là lạc pháp.

Do đây nên đại Bồ Tát thực hành Bát nhã ba la mật có thể làm bực thượng thủ trong quyết định chúng. Vì pháp dụng đây vô sở đắc vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát an trụ nội không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không, thời có thể làm thượng thủ trong quyết định chúng. Vì pháp dụng đây vô sở đắc vậy.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát an trụ trong tứ niệm xứ nhẫn đến trong mười tám pháp bất cộng, thời có thể làm thượng thủ trong quyết định chúng. Vì pháp dụng đây vô sở đắc vậy.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát an trụ trong như kim cang tam muội nhẫn đến an trụ trong ly chấp trước như hư không bất nhiễm tam muội, thời là bực thượng thủ trong quyết định chúng. Vì pháp dụng đây vô sở đắc vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trong các pháp như vậy thời có thể làm thượng thủ trong quyết định chúng. Do duyên cớ gì mà Bồ Tát được gọi là đại Bồ Tát".

Thích nghĩa:

(1). Quyết định chúng (nếu ghi đầy đủ như quyển thứ 06, phẩm "Xuất Đáo" thì gồm có: Càn huệ địa, tánh địa, bát nhơn địa, kiến địa, bạc địa, ly dục địa, dĩ tác địa, Bích Chi Phật địa, Bồ Tát địa và Phật địa) hay gọi là quyết định chủng tính. Tùy theo kinh mà phân loại các chủng tính khác nhau như kinh Nhân vương Bát nhã quyển thượng lập thuyết ba chủng tính, tức là Tập chủng tính, Tính chủng tính, Đạo chủng tính, theo thứ tự có thể phối với mười tín tâm, mười trụ tâm và mười kiên tâm trong giai vị tu hành của Bồ tát Đại thừa. Lại kinh Bồ tát Anh lạc bản nghiệp quyển thượng, lập sáu chủng tính là: Tập chủng tính, Tính chủng tính, Đạo chủng tính, Thánh chủng tính, Đẳng giác chủng tính, và Diệu giác chủng tính, theo thứ tự, có thể phối với mười trụ, mười hành, mười hồi hướng, mười địa, Đẳng giác và Diệu giác. Trong đây, trừ tính Diệu giác(tức giai vị Phật), còn năm tính kia gọi chung là năm chủng tính. Ngoài ra, kinh Đại tập quyển 8 cũng nêu lên mười chủng tính là: 1). Tính phàm phu. 2). Tính tín hành. 3). Tính pháp hành. 4). Tính tám nhẫn. 5). Tính Tu đà hoàn. 6). Tính Tư đà hàm. 7). Tính A na hàm. 8). Tính A la hán. 9). Tính Bích chi phật. 10). Tính Phật chủng. Đoạn kinh trên nói về quyết định chúng, tức tổng hợp giai vị Ba thừa là: ***Càn tuệ địa****(còn gọi Tịnh quán địa: Nghĩa là địa vị này chỉ có tuệ*

chứ chưa có định, tương đương với giai vị Tam hiền của Thanh văn và Giác vị của Bồ tát từ Sơ phát tâm cho đến trước khi được Thuận nhẫn), ***Tính địa****(cũng gọi Chủng tính địa, Chủng địa: Tức địa vị tương đương với giai vị Tứ thiện căn của Thanh văn và giai vị Thuận nhẫn của Bồ tát, tuy đắm trước thực tướng các pháp, nhưng không sinh tà kiến, đầy đủ trí tuệ và thiền định),* ***Bát nhân địa****(cũng gọi Đệ bát địa, Bát địa. Nhân nghĩa là nhẫn. Tương đương với 15 tâm kiến đạo của Thanh văn và vô sinh pháp nhẫn của Bồ tát),* ***Kiến địa****(cũng gọi Cụ kiến địa: Tương đương với quả Tu đà hoàn của Thanh văn và địa vị A bệ bạt trí(bất thoái chuyển) của Bồ tát),* ***Bạc địa****(cũng gọi Nhu nhuyến địa, Vi dục địa: Tức giai vị đã đoạn trừ 1 phẩm(tùy theo kinh, có kinh như Pháp hoa huyền nghĩa quyển 4 hạ và Ma ha chỉ quán quyển 6 thượng nói là trừ 6 phẩm) trong 9 phẩm Tư hoặc (phiền não) ở cõi Dục, tức quả Tư đà hàm. Cũng chỉ cho địa vị Bồ tát đã đoạn trừ các phiền não, nhưng vẫn còn các tập khí mỏng(bạc), tức địa vị từ A bệ bạt trí trở lên cho đến trước quả Phật),* ***Ly dục địa****(cũng gọi Ly tham địa: Tức giai vị Thanh văn đoạn hết phiền não cõi Dục được quả A na hàm và địa vị Bồ tát lìa dục được 5 thần thông),* ***Dĩ tác địa****(cũng gọi Sở tác biện địa, Dĩ biện địa: Tức địa vị Thanh văn được tận trí, vô sinh trí chứng đắc A la hán quả, hoặc Bồ tát thành tựu Phật địa),* ***Bích chi Phật địa****(Duyên giác quán xét 12 nhân duyên mà thành đạo),* ***Bồ tát địa****(Chỉ cho các địa vị từ Càn tuệ địa cho đến Li dục địa đã nói ở trên, hoặc chỉ cho Bồ tát thập địa từ Hoan hỉ địa cho đến Pháp vân địa),* ***Phật địa****(Chỉ cho địa vị hoàn toàn đầy đủ các pháp của chư Phật như Nhất thiết chủng trí...) - Phỏng theo Từ điển Phật Quang.*

---o0o---

PHẨM ĐOẠN CHƯ KIẾN
THỨ MƯỜI BỐN

(Phẩm này của kinh MHBNBLM, tức là một phần thuộc phẩm "Ma Ha Tát", Q.47 trở đi của kinh ĐBN: Đoạn ngài Xá Lợi Phất phát biểu thế nào là đoạn chư kiến. Kinh ĐBN không lập thành một phẩm riêng như phẩm "Đoạn Chư Kiến" trong kinh MHBNBLM).

Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Con cũng muốn nói sở dĩ Bồ Tát được gọi là đại Bồ Tát".

Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: "Ông cứ nói"

Ngài Xá Lợi Phất nói: "Ngã kiến, thọ kiến, mạng kiến, chúng sanh kiến, sanh kiến, dưỡng dục kiến, chúng số kiến, nhơn kiến, tác kiến, sử tác kiến, khởi kiến, sử khởi kiến, thọ kiến, sử thọ kiến, tri giả kiến, kiến giả kiến, đoạn kiến, thường kiến, hữu kiến, vô kiến, ấm kiến, nhập kiến, giới kiến, đế kiến, nhơn duyên kiến, niệm xứ kiến, nhẫn đến bất cộng pháp kiến, Phật đạo kiến, thành tựu chúng sanh kiến, tịnh Phật quốc độ kiến, Phật kiến, chuyển pháp luân kiến.

Vì dứt trừ những kiến chấp trên đây mà vì mọi người thuyết pháp nên Bồ Tát được gọi là đại Bồ Tát".

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: "Duyên cớ gì mà sắc kiến là vọng kiến(1)? Duyên cớ gì thọ, tưởng, hành, thức kiến nhẫn đến chuyển pháp luân kiến là vọng kiến?"

Ngài Xá Lợi Phất nói: "Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, vì không phương tiện nên Bồ Tát ở nơi sắc sanh kiến chấp, ở nơi thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến chuyển pháp luân sanh kiến chấp, vì pháp dụng hữu sở đắc vậy.

Nơi đây đại Bồ Tát thực hành Bát nhã ba la mật dùng sức phương tiện mà vì họ thuyết pháp để dứt trừ những vọng kiến, vì pháp dụng vô sở đắc vậy"

Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Con cũng muốn nói sở dĩ mà Bồ Tát được gọi là đại Bồ Tát".

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Ông cứ nói".

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Tâm Vô thượng Bồ đề, tâm vô đẳng đây chẳng cùng chung với tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật. Tại sao vậy? Vì đây là tâm Nhất thiết trí vô lậu chẳng hệ phược. Cũng chẳng chấp trước trong tâm Nhất thiết trí vô lậu chẳng hệ phược đây. Do duyên cớ nầy mà Bồ Tát được gọi là đại Bồ Tát".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Những gì là tâm vô đẳng đẳng của đại Bồ Tát chẳng cùng chung với tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Đại Bồ Tát từ lúc sơ phát tâm trở đi trọn không thấy một pháp nào có sanh, có diệt, có cấu, có tịnh, có tăng, có giảm. Nếu đã là pháp chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng tăng, chẳng giảm, thời trong đó không tâm Thanh Văn, không tâm Bích Chi Phật, không tâm Vô thượng Bồ đề, không Phật tâm. Đây gọi là tâm vô đẳng đẳng của đại Bồ Tát chẳng cùng chung với tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật".

Ngài Xá Lợi Phất nói: "Như lời Ngài Tu Bồ Đề nói, trong tâm Nhất thiết trí vô lậu chẳng hệ phược đây cũng chẳng chấp trước.

Nầy Ngài Tu Bồ Đề! Sắc cũng chẳng chấp trước, thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng chấp trước, tứ niệm xứ nhẫn đến bất cộng pháp cũng chẳng chấp trước. Sao Ngài chỉ nói tâm đây chẳng chấp trước?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Phải lắm! Sắc nhẫn đến pháp bất cộng cũng chẳng chấp trước".

Ngài Xá Lợi Phất nói**: "Tâm phàm phu cũng là vô lậu chẳng hệ phược, vì tánh rỗng không vậy. Tâm Thanh Văn, tâm Bích Chi Phật, tâm chư Phật cũng là vô lậu chẳng hệ phược, vì tánh rỗng không vậy".**

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Phải lắm!"

Ngài Xá Lợi Phất nói: **"Sắc cũng là vô lậu chẳng hệ phược, vì tánh không vậy. Thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ cũng là vô lậu chẳng hệ phược, vì tánh không vậy. Tứ niệm xứ nhẫn đến mười tám pháp bất cộng cũng là vô lậu chẳng hệ phược, vì tánh không vậy".**

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Vâng ! Như lời Ngài Xá Lợi Phất đã nói, tâm phàm phu nhẫn đến pháp bất cộng cũng là vô lậu chẳng hệ phược, vì tánh không vậy".

Ngài Xá Lợi Phất nói: "Như lời Ngài Tu Bồ Đề đã nói, vì tâm là không nên chẳng chấp trước tâm.

Nầy Tu Bồ Đề! Vì sắc là không nên chẳng chấp trước sắc. Vì thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến ý xúc, sanh thọ là không nên chẳng chấp trước, thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến chẳng chấp

trước ý xúc, sanh thọ. Vì tứ niệm xứ là không nhẫn đến bất cộng pháp là không nên chẳng chấp trước tứ niệm xứ, nhẫn đến chẳng chấp trước bất cộng pháp".

Ngài Tu Bồ Đề nói: **"Vâng, vì sắc là không nên trong sắc chẳng chấp trước. Nhẫn đến vì bất cộng pháp là không nên trong bất cộng pháp chẳng chấp trước.**

Đại Bồ Tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật dùng tâm Vô thượng Bồ đề, tâm vô đẳng đẳng chẳng cùng chung với tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật, cũng chẳng nghĩ nhớ có tâm vô đẳng đẳng nầy, vì pháp dụng vô sở hữu vậy. Do duyên cớ nầy mà Bồ Tát được gọi là đại Bồ Tát".

Thích nghĩa:

(1). Vọng kiến (Phạm là vitatha): Chấp mê một cách phi lý như vọng kiến, vọng thức, vọng tâm, vọng niệm, vọng chấp, vọng tình v.v…

(2). Hệ phược (cũng gọi kết phược): Chỉ cho thân tâm của chúng sanh bị các phiền não vọng tưởng hoặc những sự vật của thế giới bên ngoài ràng buộc mà mất tự do, mãi trôi lăn trong dòng sanh tử. Cứ theo kinh Chúng tập trong Trường A hàm quyển 8, thì có 4 thứ phiền não trói buộc thân tâm của chúng sanh là: Tham dục, sân khuể, giới đạo và ngã kiến. Hệ phược trong phẩm nầy chính là các ngã kiến.

---o0o---

PHẨM PHÚ LÂU NA(1)
THỨ MƯỜI LĂM

(Tương đương với phần cuối Q.47 trở đi, phẩm "Ma Ha Tát", ĐBN)

Ngài Phú Lâu Na Đa La Ni Tử bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Con cũng thích nói sở dĩ mà Bồ Tát được gọi là đại Bồ Tát".

Đức Phật bảo Ngài Phú Lâu Na: "Ông cứ nói".

Ngài Phú Lâu Na nói: "Bồ Tát nầy đại thệ trang nghiêm, Bồ Tát nầy phát xu Đại thừa, Bồ Tát nầy ngồi nơi Đại thừa, nên Bồ Tát nầy được gọi là đại Bồ Tát".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: **"Thế nào gọi là đại thệ trang nghiêm?"**(2)

Ngài Phú Lâu Na nói: "Đại Bồ Tát chẳng phân biệt là vì bao nhiêu người mà an trụ Đàn na ba la mật và thực hành Đàn na ba la mật. Mà chính là vì tất cả chúng sanh mà đại Bồ Tát an trụ Đàn na ba la mật và thực hành Đàn na ba la mật.

Như Đàn na ba la mật, về Thi la, Sằn đề, Tỳ lê gia, Thiền na và Bát nhã ba la mật cũng vậy. Chẳng phải vì bao nhiêu người, mà chính là vì tất cả chúng sanh mà đại Bồ Tát an trụ Bát nhã ba la mật và thực hành Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ Tát đại thệ trang nghiêm, chẳng hạn cuộc trong một số chúng sanh. Chẳng nghĩ rằng tôi sẽ cứu độ những người nầy mà chẳng độ các người kia. Cũng chẳng nói rằng tôi sẽ làm cho những người nầy đến Vô thượng Bồ đề còn những người kia thời không. Đại Bồ Tát vì tất cả chúng sanh mà đại thệ trang nghiêm.

Đại Bồ Tát lại nghĩ rằng tôi sẽ tự đầy đủ Đàn na ba la mật nhẫn đến tự đầy đủ Bát nhã ba la mật, cũng làm cho tất cả chúng thực hành sáu Ba la mật.

Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! **Lúc thực hành Đàn na ba la mật**, đại Bồ Tát có bố thí bao nhiêu đều đúng với tâm Nhất thiết trí, cùng chung với tất cả chúng sanh hướng về Vô thượng Bồ đề. Đây là **Đàn na ba la mật** đại thệ trang nghiêm lúc đại Bồ Tát thực hành Đàn na ba la mật.

Lúc thực hành Đàn na ba la mật, đại Bồ Tát đúng với tâm Nhất thiết trí mà bố thí, chẳng hướng đến quả Thanh Văn, Bích Chi Phật. Đây gọi là **Thi la ba la mật** đại thệ trang nghiêm lúc thực hành Đàn na ba la mật.

Lúc thực hành Đàn na ba la mật, đại Bồ Tát đúng với tâm Nhất thiết trí mà bố thí. Tin chịu ưa thích nơi pháp bố thí nầy. Đây gọi là **Sằn đề ba la mật** đại thệ trang nghiêm lúc thực hành Đàn na ba la mật.

Lúc thực hành Đàn na ba la mật, đại Bồ Tát đúng với tâm Nhất thiết trí mà bố thí. Luôn siêng năng bố thí như vậy không thôi nghĩ. Đây gọi là **Tỳ lê gia ba la mật** đại thệ trang nghiêm lúc thực hành Đàn na ba la mật.

Lúc thực hành Đàn na ba la mật, đại Bồ Tát đúng với tâm Nhất thiết trí mà bố thí. Thường nhiếp tâm chẳng để móng tâm thanh Văn, Bích Chi Phật. Đây gọi là **Thiền na ba la mật** đại thệ trang nghiêm lúc hành thực Đàn na ba la mật.

Lúc thực hành Đàn na ba la mật, đại Bồ Tát đúng với tâm Nhất thiết trí mà bố thí. Quán các pháp như ảo. Chẳng thấy có người thí, chẳng thấy có vật cho, chẳng thấy có người thọ. Đây gọi là **Bát nhã ba la mật** đại thệ trang nghiêm lúc đại Bồ Tát thực hành Đàn na ba la mật.

Đại Bồ Tát đúng với tâm Nhất thiết trí, chẳng lấy, chẳng được những tướng của Ba la mật, phải biết đó là đại Bồ Tát đại thệ trang nghiêm.

Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! Lúc thực hành **Thi la ba la mật**, đại Bồ Tát đúng với tâm Nhất thiết trí mà bố thí, cùng chung với tất cả chúng sanh hướng về Vô thượng Bồ đề. Đây gọi là **đại Bồ Tát Đàn na ba la mật** đại thệ trang nghiêm lúc thực hành Thi la ba la mật.

Lúc thực hành Thi la ba la mật, đối với các pháp nầy, đại Bồ Tát tin chịu ưa thích. Đây gọi là **Sằn đề ba la mật** đại thệ trang nghiêm lúc thực hành thi la ba la mật.

Lúc thực hành Thi la ba la mật, đại Bồ Tát siêng tu chẳng nghĩ. Đây gọi là **Tỳ lê gia ba la mật** đại thệ trang nghiêm lúc thực hành Thi la ba la mật.

Lúc thực hành Thi la ba la mật đại Bồ Tát chẳng nhiếp thọ tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật. Đây gọi là **Thiền na ba la mật** đại thệ trang nghiêm lúc thực hành Thi la ba la mật.

Lúc thực hành Thi la ba la mật, đại Bồ Tát quán tất cả pháp như ảo, cũng chẳng nghĩ nhớ có giới luật nầy, vì pháp dụng vô sở đắc vậy. Đây gọi là **Bát nhã ba la mật** đại thệ trang nghiêm lúc thực hành thi la ba la mật.

Đại Bồ Tát lúc thực hành Thi la ba la mật, nhiếp cả năm Ba la mật kia nên gọi là đại thệ trang nghiêm.

Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! **Lúc thực hành Sằn đề ba la mật**, đại Bồ Tát cùng chung với tất cả chúng sanh hướng về vô thượng Bồ đề. Đây gọi là **Đàn na ba la mật** lúc thực hành Sằn đề ba la mật.

Lúc thực hành? Sằn đề ba la mật, đại Bồ Tát chỉ thọ tâm Nhất thiết trí mà chẳng thọ tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật. Đây gọi là **Thi la ba la mật** lúc thực hành Sằn đề ba la mật.

Lúc thực hành Sằn đề ba la mật, đại Bồ Tát thân tâm tinh tấn chẳng thối nghĩ đúng với tâm Nhất thiết trí. Đây gọi là **Tỳ lê gia ba la mật** lúc thực hành Sằn đề ba la mật.

Lúc thực hành Sằn đề ba la mật, đại Bồ Tát nhiếp tâm một chỗ, dầu có bị đau khổ cũng chẳng tán loạn. Đây gọi là **Thiền na ba la mật** lúc thực hành Sằn đề ba la mật.

Lúc thực hành Sằn đề ba la mật, đại Bồ Tát đúng với tâm Nhất thiết trí, quán các pháp rỗng không, chẳng có tác giả, chẳng có thọ giả, dầu bị người mắng nhiếc, chém đâm, tâm Bồ Tát như ảo, như mộng. Đây gọi là **Bát nhã ba la mật** lúc thực hành Sằn đề ba la mật.

Đại Bồ Tát lúc thực hành Sằn đề ba la mật nhiếp cả các môn Ba la mật kia nên gọi là đại thệ trang nghiêm.

Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! **Lúc thực hành Tỳ lê gia ba la mật**, đại Bồ Tát đúng với tâm Nhất thiết trí mà bố thí, chẳng để thân tâm giải đãi. Đây gọi là Đàn na ba la mật lúc thực hành Tỳ lê gia ba la mật.

Lúc thực hành Tỳ lê gia ba la mật, đại Bồ Tát thỉ chung vẫn trì giới thanh tịnh đầy đủ. Đây gọi là Thi la ba la mật lúc thực hành Tỳ lê gia ba la mật.

Lúc thực hành Tỳ lê gia ba la mật, đại Bồ Tát đúng với tâm Nhất thiết trí mà tu hành nhẫn nhục. Đây gọi là Sằn đề ba la mật lúc thực hành Tỳ lê gia ba la mật.

Lúc thực hành Tỳ lê gia ba la mật, đại Bồ Tát đúng với tâm Nhất thiết trí mà nhiếp tâm ly dục nhập các môn thiền định. Đây gọi là Thiền na ba la mật lúc thực hành Tỳ lê gia ba la mật.

Lúc thực hành Tỳ lê gia ba la mật, đại Bồ Tát đúng với tâm Nhất thiết trí, chẳng chấp lấy tướng của các pháp, nơi tướng chẳng chấp lấy nầy cũng chẳng chấp trước. Đây gọi là Bát nhã ba la mật lúc thực hành Tỳ lê gia ba la mật.

Đại Bồ Tát lúc thực hành Tỳ lê gia ba la mật nhiếp cả các môn Ba la mật kia nên gọi là đại thệ trang nghiêm.

Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! **Lúc thực hành Thiền na ba la mật**, đại Bồ Tát đúng với tâm Nhất thiết trí mà bố thí. Tâm vẫn ở trong định không xao động. Đây gọi là Đàn na ba la mật lúc thực hành Thiền na ba la mật.

Lúc thực hành Thiền na ba la mật, đại Bồ Tát đúng với tâm Nhất thiết trí mà trì giới, do sức thiền định nên các pháp phá giới không xen vào được. Đây gọi là Thi la ba la mật lúc thực hành Thiền na ba la mật.

Lúc thực hành Thiền na ba la mật, đại Bồ Tát đúng với tâm Nhất thiết trí, vì sức từ bi tam muội nên nhẫn chịu tất cả khổ hại. Đây gọi là Sằn đề ba la mật lúc thực hành Thiền na ba la mật.

Lúc thực hành Thiền na ba la mật, đại Bồ Tát đúng với tâm Nhất thiết trí, nơi thiền định chẳng ham, chẳng chấp, thường cầu tăng tiến từ một thiền đến một thiền. Đây gọi là Tỳ lê gia ba la mật lúc thực hành Thiền na ba la mật.

Lúc thực hành Thiền na ba la mật, đại Bồ Tát đúng với tâm Nhất thiết trí, không y chỉ nơi tất cả pháp, cũng chẳng thọ sanh theo thiền. Đây gọi là Bát nhã ba la mật lúc thực hành Thiền na ba la mật.

Đại Bồ Tát lúc thực hành Thiền na ba la mật, nhiếp cả các môn ba la mật kia nên gọi là đại thệ trang nghiêm.

Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! **Lúc thực hành Bát nhã ba la mật**, đại Bồ Tát đúng với tâm Nhất thiết trí mà bố thí, không lẫn tiếc những sở hữu trong thân, ngoài thân, chẳng thấy người cho, kẻ thọ và tài vật. Đây gọi là Đàn na ba la mật lúc thực hành Bát nhã ba la mật.

Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát đúng với tâm Nhất thiết trí nên không thấy có hai sự trì giới và phá giới. Đây gọi là Thi la ba la mật lúc thực hành Bát nhã ba la mật.

Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát đúng với tâm Nhất thiết trí, chẳng thấy kẻ mắng nhiếc, kẻ đánh đập, kẻ giết hại, cũng chẳng thấy dùng pháp không nầy để nhẫn nhục. Đây gọi là Sằn đề ba la mật lúc thực hành Bát nhã ba la mật.

Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát đúng với tâm Nhất thiết trí, quán các pháp rốt ráo không cho tâm đại bi mà tinh cần thực hành các pháp hạnh. Đây gọi là Tỳ lê gia ba la mật.

Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát đúng với tâm Nhất thiết trí mà nhập thiền định, quán các thiền định ly tướng, tướng không, tướng vô tướng, tướng vô tác. Đây gọi là Thiền na ba la mật lúc thực hành Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ Tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật, nhiếp cả năm môn ba la mật kia nên gọi là đai thệ trang nghiêm.

Bồ Tát đại thệ trang nghiêm nầy được chư Phật mười phương hoan hỉ xưng danh giữa đại chúng để ca ngợi rằng cõi nước đó có đại Bồ Tát đó đại thệ trang nghiêm, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật quốc”.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: **"Thế nào là đại Bồ Tát phát xu đại thừa?"**(3)

Ngài Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử nói: "Lúc thực hành sáu Ba la mật, đại Bồ Tát xa lìa ái dục cùng những pháp ác bất thiện, ly sanh hỉ lạc hữu giác hữu quán nhập sơ thiền, nhẫn đến xả niệm thanh tịnh nhập tứ thiền, dùng tâm từ bi hỉ xả quảng đại vô nhị vô lượng khắp cùng một phương nhẫn đến mười phương tất cả thế gian. Lúc nhập thiền, xuất thiền, Bồ Tát nầy đem các thiền, các vô lượng tâm cùng chung với tất cả chúng sanh hướng đến Nhất thiết trí. Đây gọi là đại Bồ Tát Thiền na ba la mật phát xu Đại thừa.

Bồ Tát nầy an trụ trong thiền vô lượng tâm nghĩ rằng tôi sẽ được Nhất thiết chủng trí vì dứt sạch phiền não cho tất cả chúng sanh nên sẽ vì họ mà thuyết pháp. Đây gọi là **Đàn na** ba la mật lúc đại Bồ Tát thực hành Thiền na ba la mật.

Nếu đại Bồ Tát đúng với tâm Nhất thiết trí mà tu tứ thiền? Và trụ trong tứ thiền chẳng nạp thọ tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật. Đây gọi là **Thi la** ba la mật lúc đại Bồ Tát thực hành Thiền na ba la mật.

Nếu đại Bồ Tát đúng với tâm Nhất thiết trí nhập các thiền mà nghĩ rằng tôi vì dứt phiền não cho tất cả chúng sanh nên sẽ thuyết pháp, nơi đây nhẫn thọ ưa thích. Đây gọi là **Sằn đề** ba la mật lúc đại Bồ Tát thực hành Thiền na ba la mật.

Nếu đại Bồ Tát đúng với tâm Nhất thiết trí nhập các thiền, bao nhiêu thiện căn đều hướng về Nhất thiết trí, siêng tu không thôi nghỉ. Đây gọi là **Tỳ lê gia** ba la mật lúc đại Bồ Tát thực hành Thiền na ba la mật.

Nếu đại Bồ Tát đúng với tâm Nhất thiết trí nhập tứ thiền, quán tướng vô thường, tướng khổ, tướng vô ngã, tướng không, tướng vô tướng, tướng vô tác, cùng chung với tất cả chúng sanh hướng về Nhất thiết trí. Đây gọi là **Bát nhã** ba la mật lúc đại Bồ Tát thực hành Thiền na ba la mật.

Đây gọi là đại Bồ Tát phát xu Đại thừa vậy.

Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát phát xu Đại thừa thực hành **từ tâm**, nghĩ rằng tôi sẽ làm cho tất cả chúng sanh được an lạc. Nhập **bi tâm** nghĩ rằng tôi sẽ cứu tế tất cả chúng sanh. Nhập **hỉ tâm** nghĩ rằng tôi sẽ độ tất cả chúnh sanh. Nhập **xã tâm** nghĩ rằng tôi sẽ làm cho tất cả chúng sanh được lậu tận. Đây gọi là Đàn na ba la mật lúc đại Bồ Tát thực hành tứ vô lượng tâm.

Đại Bồ Tát thực hành tứ vô lượng tâm tam muội nầy chỉ hướng về Nhất thiết trí mà chẳng hướng đến Thanh Văn, Bích Chi Phật. Đây gọi là **Thi la** ba la mật lúc đại Bồ Tát thực hành tứ vô lượng tâm.

Đại Bồ Tát thực hành tứ vô lượng tâm chẳng ham quả Thanh Văn, Bích Chi Phật, chỉ nhẫn thọ ưa thích Nhất thiết trí. Đây gọi là **Sằn đề** ba la mật lúc đại Bồ Tát thực hành tứ vô lượng tâm.

Đại Bồ Tát đúng với tâm Nhất thiết trí mà thực hành tứ vô lượng tâm chỉ thực hiện hạnh thanh tịnh. Đây gọi là **Tỳ lê gia** ba la mật lúc đại Bồ Tát thực hành tứ vô lượng tâm.

Đại Bồ Tát đúng với tâm Nhất thiết trí nhập vô lượng tâm tam muội, cũng chẳng thọ sanh theo thiền vô lượng tâm. Đây gọi là phương tiện **Bát nhã** ba la mật lúc đại Bồ Tát thực hành tứ vô lượng tâm.

Đây gọi là đại Bồ Tát phát xu Đại thừa vậy.

Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! **Đại Bồ Tát đúng với tâm Nhất thiết trí mà tu tứ niệm xứ đến bát thánh đạo phần, đúng với tâm Nhất thiết trí mà tu ba môn giải thoát đến mười tám pháp bất cộng. Đây gọi là đại Bồ Tát phát xu Đại thừa.**

Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát trí huệ trong nội không, vì pháp dụng vô sở đắc vậy. Nhẫn đến trí huệ trong vô pháp hữu pháp không, vì pháp dụng vô sở đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ Tát phát xu Đại Thừa.

Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! trong tất cả pháp, đại Bồ Tát trí huệ chẳng loạn, chẳng định. Đây gọi là đại Bồ Tát phát xu Đại thừa.

Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát trí huệ chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, trí huệ chẳng phải lạc, chẳng phải khổ, chẳng phải thật, chẳng phải không hư, chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã. Đây gọi là đại Bồ Tát phát xu Đại thừa, vì pháp dụng vô sở đắc vậy.

Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát trí huệ chẳng đi trong ba thời gian quá khứ, hiện tại, vị lai, cũng chẳng phải là chẳng biết rõ ba thời gian. Đây gọi là đại Bồ Tát phát xu Đại thừa, vì pháp dụng vô sở đắc vậy.

Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát trí huệ chẳng đi trong ba cõi Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, cũng chẳng phải là chẳng biết rõ ba cõi, vì pháp dụng vô sở đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ Tát phát xu Đại thừa.

Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát trí huệ chẳng đi trong pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, cũng chẳng phải là chẳng biết rõ tất cả pháp, vì pháp dụng vô sở đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ Tát phát xu Đại thừa".

Thích nghĩa:

(1). Phú Lâu Na Di đa la ni tử. (Hán dịch: Mãn Từ tử, Mãn Chúc tử, Mãn Nguyện tử. Mãn là tên của ngài, Từ là họ mẹ; vì lấy họ mẹ nên gọi là Mãn Từ tử. Di đa la là tên tộc của bà mẹ, có nghĩa là chúc, nguyện, vì thế gọi là Mãn Chúc tử, Mãn Nguyện tử): Một trong mười đại đệ tử của đức Phật, người Ca tì la vệ, con vị Quốc sư triều vua Tịnh phạn, thuộc dòng Bà la môn. Ngài có dung mạo đoan chính, thông minh từ thủa nhỏ, am hiểu các luận Phệ đà, lớn lên ngài cảm thấy chán thế tục, muốn tìm đường giải thoát, nên đầu Phật xuất gia thụ giới Cụ túc, sau đó chứng được quả A la hán. Ngài có biện tài thuyết pháp không ai bằng trừ Phật. Ngài xin Phật đến xứ Thâu lu na thuyết pháp độ sinh. Người xứ nầy có tiếng là hung bạo, nhưng ngài hóa độ gần 10 vạn người, sau đó ngài nhập Niết bàn tại xứ nầy.

(2). Đại thệ trang nghiêm cũng gọi Hoằng thệ nguyện: Thệ nguyện rộng lớn bao trùm khắp cả chúng sanh. Nguyện nghĩa của tiếng Phạm là mặc giáp lớn, tức là lập thệ nguyện rộng lớn cứu độ chúng sanh để thành tựu Vô thượng Bồ đề.

(3). Phát xu Đại thừa: Phát tâm hướng đến Đại thừa, tu sữa nghiệp của mình từ một địa vị đến một địa vị, cho công hạnh vuông tròn để hóa độ chúng sanh khi thành Phật quả.

---o0o---

PHẨM THỪA ĐẠI THỪA
THỨ MƯỜI SÁU

(Tương đương với phần đầu Q.49, thuộc phẩm "Ma Ha Tát", kinh ĐBN)

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Thế nào là đại Bồ Tát **ngồi Đại thừa**?"(1)

Ngài Phú Lâu Na nói: "Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát ngồi Đàn na ba la mật nhẫn đến ngồi Bát nhã ba la mật, cũng chẳng thấy có Đàn na nhẫn đến chẳng thấy có Bát nhã, cũng chẳng thấy có Bồ Tát, vì pháp dụng vô sở đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ Tát ngồi sáu Ba la mật, cũng gọi là ngồi Đại thừa.

Lại nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát nhất tâm đúng với Nhất thiết trí mà tu tứ niệm xứ nhẫn đến tu mười tám pháp bất cộng, vì pháp không, nên cũng bất khả đắc. Đây gọi là đại Bồ Tát ngồi Đại thừa.

Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát nghĩ rằng Bồ Tát chỉ có danh tự vì chúng sanh bất khả đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ Tát ngồi Đại thừa.

Đại Bồ Tát nghĩ rằng sắc đến thức, nhãn đến ý, nhãn giới đến ý thức giới đều chỉ có danh tự, vì đều bất khả đắc vậy. Lại nghĩ rằng tứ niệm xứ đến bát thánh đạo phần, nội không đến vô pháp hữu pháp không đến mười tám pháp bất cộng đều chỉ có danh tự vì đều bất khả đắc vậy. Lại nghĩ rằng pháp như, pháp tướng, pháp tánh, pháp vị, thật tế đều chỉ có danh tự vì đều bất khả đắc vậy. Lại nghĩ rằng Vô thượng Bồ đề và Phật chỉ có danh tự vì bất khả đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ Tát ngồi Đại thừa.

Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! Từ khi sơ phát tâm, đại Bồ Tát đầy đủ thần thông thành tựu chúng sanh, từ một quốc độ đến một quốc độ, đại Bồ Tát cúng dường kính trọng tán thán chư Phật, nghe chư Phật dạy pháp Đại thừa. Đây gọi là đại Bồ Tát ngồi Đại thừa.

Đại Bồ Tát từ một Phật quốc đến một Phật quốc để thanh tịnh quốc độ, thành tựu chúng sanh, trọn không có cảm tưởng Phật quốc, cũng không có cảm tưởng chúng sanh. Bồ Tát nầy an trụ trong pháp bất nhị(2), vì chúng sanh mà thọ thân, tùy chỗ đáng được độ mà tự hiện thân hình để thuyết pháp giáo hóa chúng sanh. Như vậy mãi đến Nhất thiết chủng trí vẫn không rời Đại thừa. Đây gọi là đại Bồ Tát ngồi đại thừa.

Ngồi Đại thừa nầy, đại Bồ Tát được Nhất thiết chủng trí chuyển pháp luân mà Thanh Văn, Bích Chi Phật và Thiên Long bát bộ đến tất cả người thế gian không thể chuyển được. Bấy giờ chư Phật mười phương đều hoan hỉ xưng danh hiệu để ca ngợi rằng phương đó, quốc độ đó có đại Bồ Tát ngồi Đại thừa được Nhất thiết chủng trí chuyển pháp luân.

Đây gọi là đại Bồ Tát ngồi Đại thừa”.

Thích nghĩa:

(1). “Ngồi Đại thừa”: Kinh MHBNBLM do Thượng tọa Thích trí Tịnh dịch là “ngồi”. Bản dịch cũ kinh ĐBN do Thượng tọa Thích trí Nghiêm dịch lại dùng từ “cưỡi”Đại thừa. Bản dịch mới có lẽ cửu soát bản dịch cũ của cùng một tác giả, lại dùng từ “nương” Đại thừa. Ai đọc phẩm nầy đều có thể tạm hiểu ý nghĩa của ba từ “ngồi”, “cưỡi” hay “nương”. Các từ này dịch từ chữ Hán là “thừa” (乘), Phạm:Yàna. Hán âm: Diễn na. Hán dịch: Thừa vật, vận tải, vận độ. Chỉ cho vật có khả năng chuyên chở chúng sanh đến bờ bên kia, cũng tức là chỉ cho giáo pháp của đức Phật. Thừa có Đại thừa, Tiểu thừa, Nhất thừa, Nhị thừa, Tam thừa, Ngũ thừa... Giáo pháp chân thực gọi là Chính thừa; giáo pháp phương tiện (được tạm thời giả đặt ra để đưa đến giáo pháp chân thực) gọi là Phương tiện thừa. Giáo pháp chuyển Phương tiện thừa thành Tu chính thừa gọi là Cứu tế thừa… Trong 3 từ trên, chúng tôi chọn là “nương”, vì nương vào giáo pháp của chư Phật mà có thể đến bến bờ bên kia.

(2). Pháp bất nhị (hay bất nhị pháp môn): Pháp môn không hai. Là giáo pháp hiển bày chân lý bình đẳng tuyệt đối, siêu việt hết thảy mọi tương đối sai biệt. Trong 84.000 pháp môn, bất nhị pháp môn là tối thượng hơn cả. Giáo pháp nầy được kinh Duy Ma và Đại Bát Nhã xiển dương nhiều nhất. Chúng tôi đã thích nghĩa nhiều lần: Vì phân biệt là giới xứ tương đối của phàm phu. Có phân biệt là có đối đãi, có đối đãi là có chấp trước, có chấp trước là mắc kẹt ở hai đầu. Hai đầu (có không) là nhị biên đối đãi. Để tránh phân biệt chấp trước nên Phật chủ trương pháp bất nhị. Siêu vượt trên có và không là giới xứ tuyệt đối của Thành giả. Vì vậy, pháp môn bất nhị cùng với “bất phân biệt” được coi như là Chân như. Bồ tát phải vượt qua bậc Viễn hành địa trở lên mới đạt được tri kiến nầy!

---o0o---

QUYỂN THỨ NĂM

PHẨM TRANG NGHIÊM
THỨ MƯỜI BẢY

(Tương đương với phẩm "Áo Giáp Đại Thừa", tức phần sau Q.49 đến phần đầu Q. 51, kinh ĐBN).

Bấy giờ Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát đại trang nghiêm.

Những gì là đại trang nghiêm?

Bực Bồ Tát nào có thể đại trang nghiêm?"

Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát Đại thừa đại trang nghiêm. Chính là Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật trang nghiêm. Tứ niệm xứ đến bát thánh đạo phần trang nghiêm. Nội không đến vô pháp hữu không trang nghiêm. Thập lực đến pháp bất cộng và Nhất thiết chủng trí trang nghiêm.

Biến thân chư Phật trang nghiêm, quang minh chiếu khắp tam thiên Đại Thiên quốc độ, cũng chiếu khắp mười phương, mỗi phương đều hằng sa quốc độ. Làm chấn động Đại Thiên quốc, cũng chấn động hằng sa quốc độ trong mười phương.

Bồ Tát nầy an trụ trong Đàn na ba la mật Đại thừa đại trang nghiêm. Đại Thiên quốc độ nầy biến thành cõi lưu ly. Bồ Tát nầy hóa thành Chuyển Luân Thánh Vương, chúng sanh cần dùng thứ gì thời đều cung cấp đầy đủ thứ ấy, cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cần mặc cho y phục, cần chỗ ở cho nhà phòng giường nệm, cần ánh sáng cho đèn đuốc, cần lành bệnh cho thuốc men, cần trang điểm cho chuỗi ngọc châu báu cùng các loại hoa hương. Cấp cho xong rồi lại thuyết pháp cho họ tu hành pháp Đại thừa. Chúng sanh nghe xong, trọn chẳng rời sáu Ba la mật nhẫn đến Vô thượng Bồ đề.

Đây gọi là đại Bồ Tát Đại thừa đại trang nghiêm.

Nầy Tu Bồ Đề! Ví như nhà ảo thuật giỏi, ở giữa ngã tư đường hóa làm đại chúng, rồi cung cấp đồ ăn uống, nhà phòng, thuốc men, hoa hương cho đại chúng ấy. Tu Bồ Đề nghĩa thế nào? Đối với nhà ảo thuật nầy thật có cho đại chúng chăng?"

Bạch đức Thế Tôn! Không có thật.

Nầy Tu Bồ Đề! Cũng vậy, đại Bồ Tát hóa làm Chuyển Luân Thánh Vương cung cấp nhu cầu đầy đủ cho tất cả chúng sanh, mặc dù có làm mà thật thời không chỗ cho. Tại sao vậy? Vì pháp tướng như ảo vậy.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ Thi la ba la mật hiện sanh vào nhà Chuyển Luân Thánh Vương, đem thập thiện đạo giáo hóa chúng sanh. Có vị đem tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng giáo hóa chúng sanh. Chúng sanh nghe pháp tin hiểu thọ trì mãi đến thành Vô thượng Bồ đề trọn không rời pháp ấy.

Ví như nhà ảo thuật giỏi, ở giữa ngã tư đường hóa làm đại chúng rồi đem pháp thập thiện đạo giáo hóa, cũng đem tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng để giáo hóa khiến thực hành. Tu Bồ Đề nghĩ thế nào? Có chúng sanh thật được nhà ảo thuật giáo hóa chăng?

Bạch đức Thế Tôn! Không có thật.

Cũng vậy, nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát giáo hóa chúng sanh thực hành thập thiện đạo đến mười tám pháp bất cộng, nhưng thật không có chúng sanh thực hành thập thiện đạo đến pháp bất cộng. Tại sao vậy? Vì pháp tướng như ảo vậy.

Đây gọi là đại Bồ Tát đại trang nghiêm.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ Sằn đề ba la mật, giáo hóa chúng sanh làm cho họ thực hành Sằn đề ba la mật. An trụ và giáo hóa thế nào? Đại Bồ Tát từ lúc sơ phát tâm đến nay, dầu bị tất cả chúng sanh mắng nhiếc, đánh đập, chém giết vẫn không móng khởi một niệm động tâm và cũng dạy tất cả chúng sanh thực hành nhẫn nhục nầy, nhưng thật không có chúng sanh thọ giáo và thực hành nhẫn nhục. Tại sao vậy? Vì pháp tướng như ảo vậy. Ví như nhà ảo thuật giỏi, hóa hiện đại chúng rồi dạy thực hành nhẫn nhục.

Đây gọi là đại Bồ Tát đại trang nghiêm.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ Tỳ lê gia ba la mật, giáo hóa tất cả chúng sanh thực hành Tỳ lê gia ba la mật. An trụ và giáo hóa thế nào? Đại Bồ Tát đúng với tâm Nhất thiết trí, thân tâm tinh tấn giáo hóa chúng sanh. Nhưng thật không có chúng sanh thọ giáo. Tại sao vậy? Vì pháp tướng như ảo vậy. Ví như nhà ảo thuật giỏi.

Đây gọi là đại Bồ Tát đại trang nghiêm.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ Thiền na ba la mật, giáo hóa tất cả chúng sanh thực hành Thiền na ba la mật. An trụ và giáo hóa thế nào? Đại Bồ Tát an trụ trong pháp bất động, chẳng thấy có loạn, chẳng thấy có định, giáo hóa tất cả chúng sanh thực hành Thiền na ba la mật, nhẫn đến Vô thượng Bồ đề trọn chẳng rời Thiền na ba la mật. Nhưng thật không có chúng sanh thọ giáo thực hành Thiền na ba la mật. Tại sao vậy? Vì pháp tướng như ảo vậy. Ví như nhà ảo thuật giỏi.

Đây gọi là đại Bồ Tát đại trang nghiêm.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ Bát nhã ba la mật, giáo hóa tất cả chúng sanh thực hành Bát nhã ba la mật. An trụ và giáo hóa thế nào? Đại Bồ Tát lúc an trụ trong Bát nhã ba la mật, không có pháp được thử ngạn bỉ ngạn, giáo hóa tất cả chúng sanh thực hành Bát nhã ba la mật, nhẫn đến Vô thượng Bồ đề trọn chẳng rời Bát nhã ba la mật. Nhưng thật không có chúng sanh thực hành Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì pháp tướng như ảo vậy. Ví như nhà ảo thuật giỏi.

Đây gọi là đại Bồ Tát đại trang nghiêm.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Tùy theo chỗ đáng được độ của chúng sanh trong hằng sa quốc độ ở mười phương, đại Bồ Tát tự biến thân hình an trụ Đàn na ba la mật nhẫn đến Bát nhã ba la mật, cũng giáo hóa chúng sanh thực hành sáu ba la mật. Chúng sanh tuân hành pháp nầy đến Vô thượng Bồ đề trọn chẳng rời pháp nầy. Nhưng thật không có chúng sanh tuân hành. Tại sao vậy? Vì pháp tướng như ảo vậy. Ví như nhà ảo thuật giỏi.

Đây là đại Bồ Tát đại trang nghiêm.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát đại trang nghiêm đúng với tâm Nhất thiết trí, chẳng nghĩ rằng tôi dạy bao nhiêu người nầy an trụ sáu Ba la mật mà chẳng dạy những người kia.

Cũng chẳng nghĩ rằng tôi dạy bao nhiêu người nầy an trụ tứ niệm xứ đến bất cộng pháp mà chẳng dạy bao nhiêu người kia.

Cũng chẳng nghĩ rằng tôi dạy bao nhiêu người nầy cho họ được quả Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật, Nhất thiết chủng trí mà chẳng dạy bao nhiêu người kia.

Đại Bồ Tát đúng với tâm Nhất thiết trí, nghĩ rằng tôi sẽ làm cho vô lượng vô biên vô số tất cả chúng sanh an trụ sáu Ba la mật. Tôi sẽ đặt tất cả chúng sanh nơi tứ niệm xứ nhẫn đến mười tám pháp bất cộng. Tôi sẽ làm cho tất cả chúng sanh được quả Tu Đà Hoàn đến Nhất thiết chủng trí. Nhưng thật không có chúng sanh an trụ sáu Ba la mật nhẫn đến được Nhất thiết chủng trí. Tại sao vậy? Vì pháp tướng như ảo vậy. Ví như nhà ảo thuật giỏi.

Đây gọi là đại Bồ Tát đại trang nghiêm.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Theo ý nghĩa mà con được nghe nơi đức Phật dạy, thời **đại Bồ Tát không đại trang nghiêm là đại trang nghiêm. Vì các pháp tự tánh rỗng không vậy.**

Nghĩa là sắc tự tướng rỗng không nhẫn đến thức tự tướng rỗng không, nhãn tự tướng rỗng không nhẫn đến ý tự tướng rỗng không, sắc tự tướng rỗng không nhẫn đến pháp tự tướng rỗng không, nhãn thức tự tướng rỗng không nhẫn đến ý thức tự tướng rỗng không, nhãn xúc tự tướng rỗng không nhẫn đến ý xúc tự tướng rỗng không, nhãn xúc làm nhân duyên, sanh thọ tự tướng rỗng không nhẫn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ tự tướng rỗng không, Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật tự tướng rỗng không, nội không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không tự tướng rỗng không, tứ niệm xứ nhẫn đến mười tám pháp bất cộng tự tướng rỗng không, Bồ Tát tự tướng rỗng không.

Do duyên cớ trên đây mà biết rằng đại Bồ Tát không đại trang nghiêm là đại trang nghiêm".

Đức Phật nói: "Phải lắm, đúng như lời ông nói. Nầy Tu Bồ Đề! Nhất thiết trí chẳng phải là tác pháp, chúng sanh cũng chẳng phải là tác pháp. Đại Bồ Tát vì chúng sanh nầy mà đại trang nghiêm. Tại sao vậy? Vì tác giả bất khả đắc vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! Nhất thiết trí chẳng phải là pháp làm ra, sanh ra, chúng sanh nầy cũng chẳng phải pháp làm ra, sanh ra. Tại sao vậy? Vì sắc chẳng phải làm ra chẳng phải chẳng làm ra, thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải làm ra chẳng phải chẳng làm ra, ngã nhơn nhẫn đến tri giả, kiến giả chẳng phải làm ra chẳng phải chẳng làm ra.

Tại sao vậy? Vì **các pháp rốt ráo bất khả đắc** vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! Mộng nhẫn đến biến hóa chẳng phải làm ra chẳng phải chẳng làm ra, vì rốt ráo bất khả đắc vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! Nội không nhẫn đến vô pháp hữu hữu pháp không chẳng phải làm ra chẳng phải chẳng làm ra, vì rốt ráo bất khả đắc vậy. Tứ niệm xứ nhẫn đến mười tám pháp bất cộng chẳng phải làm ra chẳng phải chẳng làm ra, vì rốt ráo bất khả đắc vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! Pháp như, pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế chẳng phải làm ra chẳng phải chẳng làm ra, vì rốt ráo bất khả đắc vậy. Bồ Tát chẳng phải làm ra chẳng phải chẳng làm ra, vì rốt ráo bất khả đắc vậy. Nhất thiết trí và Nhất thiết chủng trí chẳng phải làm ra chẳng phải chẳng làm ra, vì rốt ráo bất khả đắc vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! Do duyên cớ nầy nên Nhất thiết trí chẳng phải pháp làm ra, sanh ra, chúng sanh nầy cũng chẳng phải pháp làm ra sanh ra. Đại Bồ Tát vì chúng sanh nầy mà đại trang nghiêm".

Ngài thưa Tu Bồ Đề: "Bạch đức Thế Tôn! như con quán sát nghĩa của đức Phật nói thời sắc không phược không thoát(1), thọ, tưởng, hành, thức không phược, không thoát".

Ngài Phú Lâu Na hỏi Ngài Tu Bồ Đề: "Những sắc gì không phược, không thoát, những thọ, tưởng, hành, thức gì không phược, không thoát?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: **"Sắc như mộng và thọ, tưởng, hành, thức như mộng không phược, không thoát. Sắc như ảnh, như hưởng, như ảo, như diệm, như hóa và thọ, tưởng, hành, thức như ảnh, như hưởng, như ảo, như diệm, như hóa không phược, không thoát.**

Nầy Ngài Phú Lâu Na! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, không phược, không thoát. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức vị lai không phược, không thoát. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức hiện tại, không phược, không thoát.

Tại sao không phược, không thoát?

Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức đây là vô sở hữu nên không phược, không thoát.

Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức đây là ly, là tịch diệt, là bất sanh nên không phược, không thoát.

Nầy Ngài Phú Lâu Na! Thiện và bất thiện cùng vô ký, sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng không phược, không thoát.

Thế gian, xuất thế gian và hữu lậu cùng vô lậu, sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng không phược, không thoát.

Tại sao vậy? Vì là vô sở hữu, là ly, là tịch diệt, là bất sanh nên không phược, không thoát.

Tất cả pháp cũng không phược, không thoát. Tại sao vậy? **Vì là vô sở hữu, là ly, là tịch diệt, là bất sanh nên không phược, không thoát.**

Nầy Ngài Phú Lâu Na! Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật không phược, không thoát. Vì là vô sở hữu, là ly, là tịch diệt, là bất sanh nên không phược, không thoát.

Nầy Ngài Phú Lâu Na! Nội không đến vô pháp hữu pháp không, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng, Vô thượng Bồ đề, Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí, Bồ Tát và Phật cũng đều không phược, không thoát.

Nầy Ngài Phú Lâu Na! **Pháp như, pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế, vô vi pháp cũng đều không phược, không thoát. Vì là vô sở hữu, là ly, là tịch diệt, là vô sanh nên không phược, không thoát.**

Nầy Ngài Phú Lâu Na! Đây gọi là đại Bồ Tát Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật không phược, không thoát, tứ niệm xứ đến Nhất thiết chủng trí không phược, không thoát.

Đại Bồ Tát an trụ trong sáu ba la mật không phược, không thoát, nhẫn đến an trụ Nhất thiết chủng trí không phược, không thoát để thực hiện không phược, không thoát thành tựu chúng sanh, không phược, không thoát thanh tịnh Phật độ không phược, không thoát cúng dường chư Phật, không phược, không thoát nghe chánh pháp, không phược, không thoát trọn chẳng rời chư Phật, không phược, không thoát trọn chẳng rời các thần thông, không phược, không thoát trọn chẳng rời ngũ nhãn, không phược, không thoát trọn chẳng rời các môn đà la ni, không phược,

không thoát trọn chẳng rời các môn tam muội, không phược, không thoát sẽ sanh Đạo chủng trí, không phược, không thoát sẽ được Nhất thiết chủng trí, không phược, không thoát chuyển pháp luân, không phược, không thoát an lập chúng sanh nơi Tam thừa.

Nầy Ngài Phú Lâu Na! **Đại Bồ Tát thực hành không phược, không thoát sáu Ba la mật, phải biết tất cả pháp đều không phược, không thoát, vì là vô sở hữu, là ly, là tịch diệt, là bất sanh nên không phược, không thoát.**

Đây gọi là đại Bồ Tát không phược, không thoát đại trang nghiêm".

Thích nghĩa:

*(1). **Phược**: trói buộc chỉ cho phiền nhiễu.*

*(2). **Thoát:** Tháo gở các trói buộc(thì được giải thoát). Không phược không thoát hay không phược không giải như nhau.*

---o0o---

PHẨM VẤN THỪA
THỨ MƯỜI TÁM

(Tương đương với phần sau Q.51 cho đến hết Q.52, thuộc phẩm "Biện Đại Thừa", kinh ĐBN)

Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Những gì là đại Bồ Tát Đại thừa? Làm thế nào để biết là đại Bồ Tát phát xu Đại thừa? Thừa ấy là pháp từ đâu? Thừa ấy đến chỗ nào? Sẽ an trụ chỗ nào? Ai sẽ ngồi nơi thừa ấy để ra?"

Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! Sáu Ba la mật là đại Bồ Tát Đại thừa.

Đây là sáu Ba la mật: Đàn na ba la mật, Thi la ba la mật, Sằn đề ba la mật, Tỳ lê gia ba la mật, Thiền na ba la mật và Bát nhã ba la mật.

Thế nào gọi là Đàn na ba la mật?

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát dùng tâm đúng với Nhất thiết trí để bố thí những sở hữu trong thân ngoài thân, cùng chung tất cả chúng sanh hướng về Vô thượng Bồ đề, vì pháp dụng vô sở đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ Tát Đàn na ba la mật.

Thế nào gọi là Thi la ba la mật?

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát dùng tâm đúng với Nhất thiết trí, để tự thật hành thập thiện đạo và cũng dạy người khác thật hành, vì vô sở đắc vậy. Đây gọi là Bồ Tát Thi la ba la mật.

Thế nào gọi là Sằn đề ba la mật ?

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát dùng tâm đúng với Nhất thiết trí, tự đầy đủ nhẫn nhục và cũng dạy người khác thật hành nhẫn nhục, vì vô sở đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ Tát Sằn đề ba la mật.

Thế nào gọi là Tỳ lê gia ba la mật?

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát dùng tâm đúng với Nhất thiết trí, thật hành năm ba la mật kia, siêng tu không thôi nghĩ, cũng an lập chúng sanh nơi năm ba la mật, vì vô sở đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ Tát Tỳ lê gia ba la mật.

Thế nào gọi là Thiền na ba la mật?

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát dùng tâm đúng với Nhất thiết trí, tự dùng phương tiện nhập các thiền chẳng thọ sanh theo thiền và cũng dạy người khác nhập các thiền, vì vô sở đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ Tát Thiền na ba la mật.

Thế nào gọi là Bát nhã ba la mật?

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát dùng tâm đúng với Nhất thiết trí, chẳng chấp trước tất cả các pháp và quán pháp tánh vì vô sở đắc vậy. Cũng dạy người khác chẳng chấp trước tất cả các pháp và quán pháp tánh vì vô sở đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật.

Nầy Tu Bồ Đề! Đây là đại Bồ Tát Đại thừa.

Đại Bồ Tát lại có Đại thừa. Những là nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhứt nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô thỉ không, tán không, tánh không, tự tướng không, chư pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không.

Những gì là nội không?

Nội pháp là nhãn, nhĩ, tĩ, thiệt, thân và ý. Xét về nhãn thời nhãn rỗng không, nhẫn đến xét về ý thời ý rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tự tánh như vậy. Đây gọi là nội không.

Những gì là ngoại không?

Ngoại pháp là sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Xét về sắc thời sắc rỗng không, nhẫn đến xét về pháp thời pháp rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là ngoại không.

Những gì là nội ngoại không?

Nội ngoại pháp là thập nhị nhập : nội lục nhập tức là sáu căn và ngoại lục nhập tức là sáu trần.

Xét về nội pháp thời nội pháp rỗng không, xét về ngoại pháp thời ngoại pháp rỗng không, vì đều chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là nội ngoại không.

Những gì là không không?

Không là tất cả pháp rỗng không. Không nầy cũng là rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tự tánh như vậy. Đây gọi là không không.

Những gì là đại không?

Đại là nói mười phương. Xét về Đông phương thời Đông phương rỗng không, nhẫn đến Hạ phương thời Hạ phương rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là đại không.

Những gì là đệ nhất nghĩa không?

Đệ nhứt nghĩa là nói Niết Bàn. Xét về Niết Bàn thời Niết Bàn rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây là đệ nhất nghĩa không.

Những gì là hữu vi không?

Hữu vi pháp là nói tam giới: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Xét về Dục giới thời Dục giới rỗng không. Sắc giới thời Sắc giới rỗng không, Vô sắc giới thời Vô sắc giới rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là hữu vi không.

Những gì là vô vi không?

Vô vi pháp là nói không tướng sanh, không tướng trụ, không tướng diệt. Xét về vô vi pháp thời vô vi pháp rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là vô vi không.

Những gì là tất cánh không?

Tất cánh là nói các pháp rốt ráo bất khả đắc, tức là tất cánh rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là tất cánh không.

Những gì là vô thỉ không?

Xét về chỗ khởi đầu đến các pháp thời bất khả đắc, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là vô thỉ không.

Những gì là tán không?

Tán là nói các pháp không diệt. Không diệt nầy cũng rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là tán không.

Những gì là tánh không?

Hoặc hữu vi pháp tánh hoặc vô vi pháp tánh, tánh nầy chẳng phải Thanh Văn, Bích Chi Phật làm ra, chẳng phải Phật làm ra, cũng chẳng phải người khác làm ra. Xét về tánh nầy, thời tánh nầy rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là tánh không.

Những gì là tự tướng không?

Tự tướng là nói sắc thời tướng biến hoại, thọ thời tướng lãnh thọ, tưởng thời tướng lấy tướng dạng, hành thời tướng tạo tác, thức thời tướng rõ biết. Tự tướng của những pháp hữu vi, pháp vô vi đều rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy? ? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là tự tướng không.

Những gì là chư pháp không?

Chư pháp là nói ngũ ấm, thập nhị nhập, thập bát giới. Xét về chư pháp nầy thời chư pháp nầy rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tự tánh như vậy. Đây gọi là chư pháp không.

Những gì là bất khả đắc không?

Tìm cầu các pháp bất khả đắc đây là bất khả đắc không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là bất khả đắc không.

Những gì là vô pháp không?

Nếu pháp không có thời cũng rỗng không, vì chẳng thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là vô pháp không.

Những gì là hữu pháp không?

Hữu pháp là nói trong các pháp hòa hiệp có tự tánh tướng. Hữu pháp nầy rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là hữu pháp không.

Những gì là vô pháp hữu pháp không?

Vô pháp trong các pháp và hữu pháp trong các pháp đều rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là vô pháp hữu pháp không.

Nầy Tu Bồ Đề! Lại còn pháp pháp tướng không, vô pháp vô pháp tướng không, tự pháp tự pháp tướng không, tha pháp tha pháp tướng không.

Những gì gọi là pháp pháp tướng không?

Pháp nơi đây là nói ngũ ấm. Ngũ ấm rỗng không. Đây gọi là pháp pháp tướng không.

Những gì gọi là vô pháp vô pháp tướng không?

Vô pháp nơi đây là nói vô vi pháp. Đây gọi là vô pháp vô pháp tướng không.

Những gì gọi là tự pháp tự pháp tướng không?

Xét về các pháp thời tự pháp rỗng không. Rỗng không nầy chẳng phải do biết cũng chẳng phải do thấy. Đây gọi là tự pháp tự pháp tướng không.

Những gì gọi là tha pháp tha pháp tướng không?

Hoặc Phật xuất thế hoặc Phật chưa xuất thế, pháp trụ, pháp tướng, pháp vị, pháp tánh, như thật tế vượt quá những pháp không nầy. Đây gọi là tha pháp tha pháp tướng không.

Đây gọi là đại Bồ Tát Đại thừa.

Nầy Tu Bồ Đề! Lại có đại Bồ Tát Đại thừa. Chính là thủ lăng nghiêm tam muội, bữu ấn tam muội, sư tử du hí tam muội, diệu nguyệt tam muội, nguyệt tràng tướng tam muội, xuất chư pháp tam muội, quán đảnh tam muội, tất pháp tánh tam muội, tất tràng tướng tam muội, kim cang tam muội, nhập pháp ấn tam muội, tam muội vương an lập tam muội, phóng quang tam muội, lực tấn tam muội, cao xuất tam muội, tất nhập biện tài tam muội, thích danh tự tam muội, quán phương tam muội, đà la ni ấn tam muội, vô cuống tam muội, nhiếp chư pháp hải tam muội, biến phú hư không tam muội, kim cang luân tam muội, bửu đoạn tam muội, năng chiếu tam muội, bất cầu tam muội, vô trụ tam muội, vô tâm tam muội, tịnh đăng tam muội, vô biên minh tam muội, năng tác minh tam muội, phổ chiếu minh tam muội, kiên tịnh chư tam muội tam muội, vô cấu minh tam muội, hoan hỉ tam muội, điển quang tam muội, vô tận tam muội. oai đức tam muội, ly tận tam muội, bất động tam muội, bất thối tam muội, nhựt đăng tam muội, nguyệt tịnh tam muội, tịnh minh tam muội, năng tác minh tam muội, tác hành tam muội, tri tướng tam muội, như kim cang tam muội, tâm trụ tam muội, phổ minh tam muội, an lập tam muội, bửu tụ tam muội, diệu pháp ấn tam muội, , pháp đẳng tam muội, đoạn hỉ tam muội, đáo pháp đảnh tam muội, năng tán tam muội, phân biệt chư pháp cú tam muội, tự đẳng tướng tam muội, ly tự tam muội, đoạn duyên tam muội, bất hoại tam muội, vô chủng tướng tam muội, vô xứ hành tam muội, ly mông muội tam muội, vô khứ tam muội, bất biến dị tam muội, độ duyên tam muội, tập chư công đức tam muội, trụ vô tâm tam muội, tịnh diệu hoa tam muội, giác ý tam muội, vô lượng biện tam muội, vô đẳng đẳng tam muội, độ chư pháp tam muội, phân biệt chư pháp tam muội, tán nghi tam muội, vô xứ tam muội, nhứt trang nghiêm tam muội, sanh hành tam muội, nhứt hành tam muội, bất nhứt hành tam muội, diệu hành tam muội, đạt nhứt thiết hữu để tán tam tam muội, nhập danh ngữ tam muội, ly âm thanh tự ngữ tam muội, nhiên cự tam muội, tịnh tướng tam muội, phá tướng tam muội, nhứt thiết chủng diệu túc tam muội, bất hỉ khổ lạc tam muội, vô tận tướng tam muội,

đà la ni tam muội, nhiếp chư tà chánh tướng tam muội, diệt tắng ái tam muội, nghịch thuận tam muội, tịnh quang tam muội, kiên cố tam muội, mãn nguyệt tịnh quang tam muội, đại trang nghiêm tam muội, năng chiếu nhứt thiết thế tam muội, tam muội đẳng tam muội, nhiếp nhứt thiết hữu tránh vô tránh tam muội, bất lạc nhứt thiết trụ xứ tam muội, như trụ định tam muội, hoại thân suy tam muội, hoại ngữ như hư không tam muội, ly trước như hư không bất nhiễm tam muội.

Thế nào gọi là thủ lăng nghiêm tam muội?

Biết chỗ hành xứ của các tam muội, đây gọi là thủ lăng nghiêm tam muội.

Thế nào gọi là bửu ấn tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời có thể ấn các tam muội, đây gọi là bửu ấn tam muội.

Thế nào gọi là sử tử du hí tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời có thể du hí trong các tam muội như sư tử, đây gọi là sư tử du hí tam muội.

Thế nào gọi là diệu nguyệt tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời có thể soi sáng các tam muội như mặc nguyệt sáng, đây gọi là diệu nguyệt tam muội.

Thế nào gọi là nguyệt tràng tướng tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời có thể nắm giữ tướng của các tam muội, đây gọi là nguyệt tràng tướng tam muội.

Thế nào gọi là xuất chư pháp tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời có thể xuất sanh các tam muội, đây gọi là xuất chư pháp tam muội.

Thế nào gọi là quán đảnh tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời có thể xem thấy tột đảnh của các tam muội, đây gọi là quán đảnh tam muội.

Thế nào gọi là tất pháp tánh tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời quyết định biết pháp tánh, đây gọi là tất pháp tánh tam muội.

Thế nào gọi là tất tràng tướng tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời có thể nắm giữ bảo tràng của các tam muội.

Thế nào gọi là kim cang tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời có thể phá các tam muội, đây gọi là kim cang tam muội.

Thế nào gọi là nhập pháp ấn tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời nhập vào các pháp ấn, đây gọi là nhập pháp ấn tam muội.

Thế nào gọi là tam muội vương an lập tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời an trụ vững vàng trong tất cả tam muội như đế vương, đây gọi là tam muội vương an lập tam muội.

Thế nào gọi là phóng quang tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời có thể phóng quang chiếu các tam muội, đây gọi là phóng quang tam muội.

Thế nào gọi là lực tấn tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời có thể làm thế lực đối với các tam muội, đây gọi là lực tấn tam muội.

Thế nào gọi là cao xuất tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời có thể tăng trưởng các tam muội, đây gọi là cao xuất tam muội.

Thế nào gọi là tất nhập biện tài tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời có thể biện thuyết các tam muội, đây gọi là tất nhập biện tài tam muội.

Thế nào gọi là thích danh tự tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời có thể giải thích danh tự của các tam muội, đây gọi là thích danh tự tam muội.

Thế nào gọi là quán phương tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời có thể quán sát phương hướng các tam muội, đây gọi là quán phương tam muội.

Thế nào gọi là đà la ni ấn tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời có thể nắm giữ các tam muội ấn, đây gọi là đà la ni ấn tam muội.

Thế nào gọi là vô cuống tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời không khi dối đối với các tam muội, đây gọi là vô cuống tam muội.

Thế nào gọi là nhiếp chư pháp hải tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời có thể nhiếp lấy các tam muội như nước đại hải, đây gọi là nhiếp chư pháp hải tam muội.

Thế nào gọi là biến phú hư không tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời che trùm các tam muội như hư không, đây gọi là biến phú hư không tam muội.

Thế nào gọi là kim cang luân tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời có thể nắm giữ các tam muội phần, đây gọi là kim cang luân tam muội.

Thế nào gọi là bửu đoạn tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời có thể dứt trừ phiền não cấu của các tam muội, đây gọi là bửu đoạn tam muội.

Thế nào gọi là năng chiếu tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời có thể dùng quang minh chiếu rõ các tam muội, đây gọ褐là năng chiếu tam muội.

Thế nào gọi là bất cầu tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời không có pháp để cầu, đây gọi là bất cầu tam muội.

Thế nào gọi là vô trụ tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy tất cả pháp trụ, đây gọi là vô trụ tam muội.

Thế nào gọi là vô tâm tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời tâm và tâm sở chẳng hiện hành, đây gọi là vô tâm tam muội.

Thế nào gọi là tịnh đăng tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời đối với các tam muội chiếu sáng như đèn sáng, đây gọi là tịnh đăng tam muội.

Thế nào gọi là vô biên minh tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời làm ánh sáng vô biên cho các tam muội đây gọi là vô biên minh tam muội.

Thế nào gọi là năng tác minh tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời liền có thể làm sáng cho các tam muội, đây gọi là năng tác minh tam muội.

Thế nào gọi là phổ chiếu minh tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời có thể chiếu các tam muội môn, đây gọi là phổ chiếu minh tam muội.

Thế nào gọi là kiên tịnh chư tam muội tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời có thể làm cho tướng của các tam muội bền chắc trong sạch, đây gọi là kiên tịnh chư tam muội tam muội.

Thế nào gọi là vô cấu minh tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời có thể trừ cấu nhơ của các tam muội, đây gọi là vô cấu minh tam muội.

Thế nào gọi là hoan hỉ tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời lãnh thọ sự hoan hỉ của các tam muội, đây gọi là hoan hỉ tam muội.

Thế nào gọi là điển quang tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời chiếu suốt các tam muội như điển quang, đây gọi là điển quanq tam muội.

Thế nào gọi là vô tận tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời đối với các tam muội chẳng thấy cùng tận, đây gọi là vô tận tam muội.

Thế nào gọi là oai đức tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời có oai đức chiếu rõ đối với các tam muội, đây gọi là oai đức tam muội.

Thế nào gọi là ly tận tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy các tam muội cùng tận, đây gọi là ly tận tam muội

Thế nào gọi là bất động tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời làm cho các tam muội chẳng động, chẳng lay, đây gọi là bất động tam muội.

Thế nào gọi là bất thối tam muội?

An trụ torng tam muội nầy thời có thể chẳng thấy các tam muội bất thất, đây gọi là bất thối tam muội.

Thế nào gọi là nhựt đăng tam muội.

An trụ trong tam muội nầy thời phóng quang chiếu các tam muội môn, đây gọi là nhựt đăng tam muội.

Thế nào gọi là nguyệt tịnh tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời có thể trừ sự tối tăm của các tam muội, đây gọi là nguyệt tịnh tam muội.

Thế nào gọi là tịnh minh tam muội?

An trụ trong tam muội nầy nơi các tam muội được tứ vô ngại trí, đây gọi là tịnh minh tam muội.

Thế nào gọi là năng tác minh tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời nơi các tam muội môn có thể làm sáng, đây gọi là năng tác minh tam muội.

Thế nào gọi là tác hành tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời có thể làm cho các tam muội có chỗ tạo tác.

Thế nào gọi là tri tướng tam muội?

An trụ trong các tam muội nầy thời thấy các tam muội liền biết tướng của các tam muội, đây gọi là tri tướng tam muội.

Thế nào gọi là như kim cang tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời có thể quán xuyến thấu suốt các pháp, nhưng cũng chẳng thấy có thấu suốt, đây gọi là như kim cang tam muội.

Thế nào gọi là tâm trụ tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời tâm chẳng động, chẳng chuyển, chẳng não, cũng chẳng nghĩ nhớ có tâm nầy, đây gọi là tâm trụ tam muội.

Thế nào gọi là phổ minh tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời thời thấy khắp quang minh của các tam muội, đây gọi là phổ minh tam muội.

Thế nào gọi là an lập tam muội?

An trụ ở trong tam muội nầy thời ở nơi các tam muội an lập chẳng động, đây gọi là an lập tam muội.

Thế nào gọi là bửu tụ tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời thấy khắp các tam muội như thấy đống châu báu, đây gọi là bửu tụ tam muội.

Thế nào gọi là diệu pháp ấn tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời có thể ấn khả các tam muội, vì dùng vô ấn để ấn vậy, đây gọi là diệu pháp ấn tam muội.

Thế nào gọi là pháp đẳng tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời quán sát các pháp bình đẳng, không pháp nào chẳng bình đẳng, đây gọi là pháp đẳng tam muội.

Thế nào gọi là đoạn hỉ tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời dứt sự hỉ trong tất cả pháp, đây gọi là đoạn hỉ tam muội.

Thế nào gọi là đáo pháp đảnh tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời diệt các pháp ám, cũng là ở trên các tam muội, đây gọi là đáo pháp đảnh tam muội.

Thế nào gọi là năng tán tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời có thể phá tan các pháp, đây gọi là năng tán tam muội.

Thế nào gọi là phân biệt chư pháp cú tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời phân biệt các pháp cú của các tam muội, đây gọi là phân biệt chư pháp cú tam muội.

Thế nào gọi là tự đẳng tướng tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời được tự đẳng của các tam muội, đây gọi là tự đẳng tướng tam muội.

Thế nào gọi là ly tự tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời nơi các tam muội nhẫn đến không thấy một chữ, đây gọi là ly tự tam muội.

Thế nào gọi là đoạn duyên tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời dứt duyên của các tam muội, đây gọi là đoạn duyên tam muội.

Thế nào gọi là bất hoại tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy các pháp biến dị, đây gọi là bất hoại tam muội.

Thế nào gọi là vô chủng tướng tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy các pháp có nhiều thứ loại, đây gọi là vô chủng tướng tam muội?

Thế nào gọi là vô xứ hành tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy xứ hành của các tam muội, đây gọi là vô xứ hành ta muội.

Thế nào gọi là ly mông muội tam muội?

An trụ torng tam muội nầy thời lìa rời sự tối tăm vi tế của các tam muội, đây gọi là ly mông muội tam muội.

Thế nào gọi là vô khứ tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy tướng đi của tất cả tam muội, đây gọi là vô khứ tam muội.

Thế nào gọi là bất biến dị tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy tướng biến dị của các tam muội, đây gọi là bất biến dị tam muội.

Thế nào gọi là độ duyên tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời vượt qua cảnh giới của các tam muội duyên, đây gọi là dộ duyên tam muội.

Thế nào gọi là tập chư công đức tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời chứa nhóm công đức của các tam muội, đây gọi là tập chư công đức tam muội.

Thế nào gọi là trụ vô tâm tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời đối với các tam muội tâm vô sở nhập, đây gọi là trụ vô tâm tam muội.

Thế nào gọi là tịnh diệu hoa tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời làm cho các tam muội tịnh diệu như hoa xinh đẹp sạnh thơm, đây gọi là tịnh diệu hoa tam muội.

Thế nào gọi là giác ý tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời được thất giác phần ở trong các tam muội, đây gọi là giác ý tam muội.

Thế nào gọi là vô lượng biện tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời ở trong các pháp được vô lượng biện, đây gọi là vô lượng biện tam muội.

Thế nào gọi là vô đẳng đẳng tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời được tướng vô đẳng đẳng nơi các tam muội, đây gọi là vô đẳng đẳng tam muội.

Thế nào gọi là độ chư pháp tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời vượt qua tất cả tam giới, đây gọi là độ chư pháp tam muội.

Thế nào gọi là phân biệt chư pháp tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời phân biệt thấy các tam muội và các pháp, đây gọi là phân biệt chư pháp tam muội.

Thế nào gọi là tán nghi ta muội?

An trụ trong tam muội nầy thời được tiêu tan sự nghi đối với các pháp, đây gọi là tán nghi tam muội.

Thế nào gọi là vô trụ xứ tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy chỗ trụ xứ của các pháp, đây gọi là vô trụ xứ tam muội.

Thế nào gọi là nhứt trang nghiêm tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời trọn chẳng thấy các pháp có hai tướng, đây gọi là nhứt thiết trang nghiêm tam muội.

Thế nào gọi là sanh hành tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy các hành sanh khởi, đây gọi là sanh hành tam muội.

Thế nào gọi là nhất hành tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy các tam muội thử ngạn, bỉ ngạn, đây gọi là nhất hành tam muội.

Thế nào gọi là bất nhất hành ta muội?

An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy các tam muội một tướng, đây gọi là bậc nhất hành tam muội.

Thế nào gọi là diệu hành tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy các tam muội hai tướng, đây gọi là diệu hành tam muội.

Thế nào gọi là đạt nhất thiết hữu để tán tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời nhập vào tất cả cõi, tất cả tam muội, trí huệ thông đạt cùng không chỗ thông đạt, đây gọi là đạt nhất thiết hữu để tán tam muội.

Thế nào gọi là nhập danh ngữ tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời nhập vào danh ngữ của tất cả tam muội, đây gọi là nhập danh ngữ tam muội.

Thế nào gọi là ly âm thanh tự ngữ tam muội?

An trũ trong tam muội nầy thời chẳng thấy âm thanh tự ngữ của các tam muội, đây gọi là ly âm thanh tự ngữ của các tam muội.

Thế nào gọi là nhiên cự tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời oai đức chiếu sánh như ngọn đuốc, đây gọi là nhiên cự tam muội.

Thế nào gọi là tịnh tướng tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời sạch tướng của các tam muội, đây gọi là tịnh tướng tam muội

Thế nào gọi là phá tướng tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy tướng của các tam muội, đây gọi là phá tướng tam muội.

Thế nào gọi là nhất thiết chủng diệu túc tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời tất cả tam muội chủng đều đầy đủ, đây gọi là nhất thiết chủng diệu túc tam muội.

Thế nào gọi là bất hỷ khổ lạc tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy các tam muội khổ lạc, đây gọi là bất hỷ khổ lạc tam muội.

Thế nào gọi là vô tận tướng tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy các tam muội chung tận, đây gọi là vô tận tướng tam muội.

Thế nào gọi là đà la ni tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời có thể chấp trì các tam muội, đây gọi là đà la ni tam muội.

Thế nào gọi là nhiếp chư tà chánh tướng tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời nơi các tam muội chẳng thấy tướng tà chánh, đây gọi là nhiếp chư tà chánh tướng tam muội.

Thế nào gọi là diệt tắng ái tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời không thấy sự ưa ghét của các tam muội, đây gọi là diệt tắng ái tam muội.

Thế nào gọi là nghịch thuận tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy sự nghịch thuận của các pháp, của các tam muội, đây gọi là nghịch thuận tam muội.

Thế nào gọi là tịnh quang tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy sự cấu nhơ nơi quang minh của các tam muội, đây gọi là tịnh quang tam muội.

Thế nào gọi là kiên cố tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy các tam muội chẳng kiên cố, đây gọi là kiên cố tam muội.

Thế nào gọi là mãn nguyệt tịnh quang tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời các tam muội đầy đủ như mặt nguyệt đêm rằm, đây gọi là mãn nguyệt tịnh quang tam muội.

Thế nào gọi là đại trang nghiêm tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời đại trang nghiêm thành tựu các tam muội, đây gọi là đại trang nghiêm tam muội.

Thế nào gọi là năng chiếu nhứt thiết thế tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời có thể chiếu các tam muội và tất cả pháp, đây gọi là năng chiếu nhứt thiết thế tam muội.

Thế nào gọi là tam muội đẳng tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời nơi các tam muội chẳng thấy tướng định, tướng loạn, đây gọi là tam muội đẳng tam muội.

Thế nào gọi là nhiếp nhất thiết hữu tránh vô tránh tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời có thể làm cho các tam muội chẳng phân biệt có kia đây, không kia đây, đây gọi là nhiếp nhất thiết hữu tránh vô tránh tam muội.

Thế nào gọi là bất lạc nhất thiết trụ xứ tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy chỗ y tựa của các tam muội, đây gọi là bất lạc nhất thiết trụ xứ tam muội.

Thế nào gọi là như trụ định tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời chẳng vượt quá tướng như của các tam muội, đây gọi là như trụ định tam muội.

Thế nào gọi là hoại thân suy tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy thân tướng, đây gọi là hoại thân suy tam muội.

Thế nào gọi là hoại ngữ như hư không tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời chẳng thấy ngữ nghiệp của các tam muội như hư không, đây gọi là hoại ngữ như hư không tam muội.

Thế nào gọi là ly trước như hư không bất nhiễm tam muội?

An trụ trong tam muội nầy thời thấy các tam muội như hư không vô ngại, cũng chẳng nhiễm tam muội nầy, đây gọi là ly trước như hư không bất nhiễm tam muội.

Nầy Tu Bồ Đề! Đây gọi là đại Bồ Tát Đại thừa”.

---o0o---

QUYỂN THỨ SÁU

PHẨM QUẢNG THỪA
THỨ MƯỜI CHÍN

(Tương đương với Q.53 phẩm "Biện Đại Thừa", kinh ĐBN)

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Có đại Bồ Tát Đại thừa, chính là **tứ niệm xứ**.

Thế nào là bốn?

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát, trong nội thân, theo thân quán sát, cũng không có thân giác, vì bất khả đắc vậy.

Trong ngoại thân, theo thân quán sát, cũng không có thân giác, vì bất khả đắc vậy.

Trong nội ngoại thân, theo thân quán sát, cũng không có thân giác, vì bất khả đắc vậy.

Đại Bồ Tát quán thân, siêng tinh tấn nhất tâm trừ sự tham ưu của thế gian.

Nội thọ, nội tâm, nội pháp, ngoại thọ, ngoại tâm, ngoại pháp, nội ngoại thọ, nội ngoại tâm, nội ngoại pháp, đại Bồ Tát theo thọ tâm pháp quán sát, cũng không có thọ giác, tâm giác, pháp giác, vì bất khả đắc vậy, siêng tinh tấn nhất tâm trừ sự tham ưu của thế gian.

Nầy Tu Bồ Đề! Thế nào là đại Bồ Tát trong nội thân theo thân quán sát?

Lúc đại Bồ Tát đi thời biết là đi, lúc đứng thời biết là đứng, lúc ngồi thời biết là ngồi, lúc nằm thời biết là nằm. Thân hành động thế nào thời biết như vậy. Đây là trong nội thân, đại Bồ Tát theo thân quán sát, siêng tinh tấn nhất tâm trừ sự tham ưu của thế gian, vì bất khả đắc vậy.

Đại Bồ Tát lúc đến, lúc đi, lúc nhìn ngó, co duỗi, cúi ngửa, lúc đắp y, cầm bát, lúc ăn uống, lúc nằm nghĩ, ngủ, thức, ngồi, đứng, nói, nín, lúc nhập thiền, xuất thiền cũng thường nhất tâm. Đây là trong nội thân, đại Bồ Tát theo thân quán sát lúc thực hành Bát nhã ba la mật, vì bất khả đắc vậy.

Trong nội thân, lúc theo thân quán sát, đại Bồ Tát nhất tâm niệm, lúc thở vào biết là thở vào, lúc thở ra biết là thở ra, lúc thở vào dài thời biết là thở vào dài, lúc thở ra dài thời biết là thở ra dài, lúc thở vào vắn thời biết là thở vào vắn, lúc thở ra vắn thời biết là thở ra vắn, . Đây là trong nội thân, đại Bồ Tát theo thân quán sát, siêng tinh tấn nhất tâm trừ sự tham ưu của thế gian, vì bất khả đắc vậy.

Đại Bồ Tát quán sát thân tứ đại nghĩ rằng trong thân thể có địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại.

Ví như nhà hành thịt dùng dao bén giết bò chia làm bốn phần rồi hoặc đứng hoặc ngồi quán sát bốn phần thịt bò nầy.

Cũng vậy đại Bồ Tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật **quán sát thân thể bốn đại:** thủy đại, hỏa đại, phong đại. Đây là trong nội thân, đại Bồ Tát theo thân quán sát, vì bất khả đắc vậy.

Đại Bồ Tát lại quán sát thân thể từ đảnh đầu đến chân, da mỏng bao bọc nhiều thứ bất tịnh đầy trong thân. Nghĩ rằng thân thể có tóc, lông, móng, răng, da mỏng, da dầy, gân, thịt, xương, tủy, tim, gan, phổi, tùy, cật, mật, tiểu trường, đại trường, bao tử, bàng quang, phân dãi, mồ hôi, cáu ghét, nước mắt, nước mũi, nước miếng, máu, mủ, đàm, nhớt, não óc.

Ví như trong kho của nhà nông chứa lộn lạo đầy những lúa, nếp, mè , đậu, bắp. Người có đôi mắt sáng mở kho liền thấy rõ là lúa, là nếp, là mè , là đậu, là bắp.

Đại Bồ Tát quán sát trong thân từ đầu đến chân thấy rõ từng **chi tiết bất tịnh**, siêng tinh tấn nhất tâm trừ sự tham ưu của thế gian, vì bất khả đắc vậy.

Đại Bồ Tát nếu **thấy thân người chết** đã trải qua một ngày, hai ngày đến năm ngày, xanh ứ sình trương mủ nước rỉ chảy, tự nghĩ rằng thân thể của ta đây rồi cũng sẽ như vậy, tất chẳng thoát khỏi thế ấy. Đây là đại Bồ Tát trong nội thân theo thân quán sát, siêng tinh tấn nhứt tâm trừ sự tham ưu của thế gian, vì bất khả đắc vậy.

Đại Bồ Tát nếu thấy thân người chết vất bỏ đã sáu ngày, bảy ngày, bị chồn, chó, sài lang, quạ, kên kên, xé ăn, tự nghĩ rằng thân thể của ta đây rồi cũng sẽ như vậy, tất chẳng thoát khỏi thế ấy. Đây là đại Bồ Tát trong nội thân theo thân quán sát, siêng tinh tấn nhất tâm trừ sự tham ưu của thế gian, vì bất khả đắc vậy.

Đại Bồ Tát nếu thân người chết vất bỏ bị cầm thú xé ăn rã rời hôi thúi bất tịnh, tự nghĩ rằng thân thể của ta đây rồi cũng sẽ như vậy, tất chẳng thoát khỏi thế ấy. Nếu thấy thân người chết vất bỏ, da thịt đã tan lộ bày gân xương liên tỏa, đại Bồ Tát tự nghĩ rằng thân thể của ta đây rồi cũng sẽ như vậy, tất chẳng thoát khỏi thế ấy. Nếu thân người chết vất bỏ, xương cốt đã rã rời trên đất, đại Bồ Tát tự nghĩ rằng thân thể của ta đây rồi cũng sẽ như vậy, tất chẳng thoát khỏi thế ấy. Nếu thấy thân người chết vất bỏ, xương cốt rã rời trên đất, xương chân chỗ nầy, xương đầu chỗ nọ, mỗi lóng, mỗi đốt đều khác chỗ, đại Bồ Tát tự nghĩ rằng thân thể của ta rồi cũng như vậy, tất chẳng thoát khỏi thế ấy. Nếu thấy xương khô bỏ lâu ngày, gió thổi, nắng soi, màu trắng như vỏ ốc, đại Bồ Tát tự nghĩ rằng thân thể của ta rồi cũng như vậy, tất chẳng thoát khỏi thế ấy. Nếu thấy xương khô bỏ trên đất lâu ngày mục rã nát bấy lộn với đất, đại Bồ Tát tự nghĩ rằng thân thể của ta rồi cũng như vậy, tất chẳng thoát khỏi thế ấy. Trong nội thân, đại Bồ Tát theo thân quán sát, siêng tinh tấn nhất tâm trừ sự tham ưu của thế gian, vì bất khả đắc vậy.

Như quán sát nội thân với ngoại thân cùng nội ngoại thân, cũng theo thân quán sát như vậy.

Cũng phải theo như trên đây mà giải thuyết rộng về **thọ** niệm xứ, **tâm** niệm xứ, và **pháp** niệm xứ.

Đây gọi là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! Lại có đại Bồ Tát Đại thừa, chính là **tứ chánh cần**.

Những gì là bốn?

Đại Bồ Tát đối với những pháp ác bất thiện chưa phát sanh, vì làm cho pháp ác chẳng sanh nên muốn có tâm siêng tinh tấn mà nhất tâm hành đạo. Đối với pháp ác bất thiện đã phát sanh, vì dứt trừ nên muốn có tâm siêng tinh tấn mà nhất tâm hành đạo. Đối với pháp thiện chưa phát sanh, vì chưa phát sanh nên muốn có tâm siêng tinh tấn mà nhiếp tâm hành đạo. Đối với pháp thiện đã phát sanh, vì làm cho còn mãi để tu tập đến được đầy đủ rộng lớn nên muốn có tâm siêng tinh tấn mà nhiếp tâm hành đạo, vì bất khả đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ Tát Đại thừa.

Nầy Tu Bồ Đề! Lại có đại Bồ Tát Đại thừa, chính là **tứ như ý phần**.

Những gì là bốn?

Đại Bồ Tát dùng sự mong muốn định hạnh thành tựu mà tu như ý phần, dùng sự tinh tấn định hạnh thành tựu mà tu như ý phần, dùng sự tư duy định hạnh thành tựu mà tu như ý phần, dùng sự nhứt tâm định hạnh thành tựu mà tu như ý phần. Đây gọi là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy,

Nầy Tu Bồ Đề! Lại có đại Bồ Tát Đại thừa, chính là **ngũ căn.**

Những gì là năm? Tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, huệ căn. Đây là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Lại có đại Bồ Tát Đại thừa, chính là **ngũ lực**.

Những gì là năm? Tín lực, tinh tấn lực, niệm lực, định lực, huệ lực, đây là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Lại có đại Bồ Tát Đại thừa, chính là **thất giác phần.**

Những gì là bảy? Đại Bồ Tát tu niệm giác phần, trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỉ giác phần, trừ giác phần, định giác phần và xã giác phần, nương nơi ly, nơi vô nhiễm hướng đến Niết Bàn. Đây gọi là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Lại có **bát thánh đạo phần** là đại Bồ Tát Đại thừa.

Những gì là tám? Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Đây gọi là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Lại có **ba môn tam muội** là đại Bồ Tát Đại thừa.

Những gì là ba? Không tam muội, vô tướng tam muội và vô tác tam muội.

Không tam muội là nói các pháp tự tướng rỗng không. Đây gọi là không giải thoát môn.

Vô tướng tam muội là nói diệt hoại các pháp tướng, không nghĩ, không nhớ. Đây gọi là vô tướng giải thoát môn.

Vô tác tam muội là nói đối với các pháp không mong cầu tạo tác. Đây gọi là vô tác giải thoát môn.

Ba môn nầy là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Lại có đại Bồ Tát Đại thừa**, chính là khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, tận trí, vô sanh trí, pháp trí, tỉ trí, thế trí, tha tâm trí, và như thật trí.**

Thế nào gọi là khổ trí? Biết khổ chẳng sanh, đây gọi là khổ trí.

Thế nào gọi là tập trí? Biết tập phải dứt, đây gọi là tập trí.

Thế nào gọi là diệt trí? Biết khổ dứt diệt, đây gọi là diệt trí.

Thế nào gọi là đạo trí? Biết bát thánh đạo phần, đây gọi là đạo trí.

Thế nào gọi là tận trí? Biết tham, sân, si, diệt tận, đây gọi là tận trí.

Thế nào gọi là vô sanh trí? Biết trong các cõi hữu lậu là vô sanh, đây gọi là vô sanh trí.

Thế nào gọi là pháp trí? biết bổn sự của ngũ ấm, đây gọi là pháp trí.

Thế nào gọi là tỉ trí? Biết nhân vô thường nhẫn đến biết ý xúc nhơn duyên sanh thọ vô thường, đây gọi là tỉ trí.

Thế nào gọi là thế trí? Biết nhơn duyên danh tự, đây gọi là thế trí.

Thế nào gọi là tha tâm trí? Biết tâm niệm của những chúng sanh khác, đây gọi là tha tâm trí.

Thế nào gọi là như thiệt trí? Biết Nhất thiết chủng trí của chư Phật, đây gọi là như thật trí.

Mười một trí nầy là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Lại có **tam căn** là đại Bồ Tát Đại thừa.

Những gì là ba? Vị tri dục tri căn, tri căn và trí giả căn.

Tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn và huệ căn, ngũ căn của hàng hữu học chưa đắc quả, đây gọi là vị tri dục tri căn.

Ngũ căn của hành hữu học đã đắc quả, đây gọi là tri căn.

Ngũ căn của bậc vô học, hoặc A La Hán, Bích Chi Phật, hoặc chư Phật, đây gọi là trí giả căn.

Tam căn nầy là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Lại có **tam tam muội** là đại Bồ Tát Đại thừa. Những gì là ba? Hữu giác hữu quán tam muội, vô giác hữu quán tam muội và vô giác vô quán tam muội.

Rời những dục nhiễm và rời những pháp ác bất thiện có giác, có quán, rời dục nhiễm pháp sanh hỉ lạc nhập sơ thiền, đây gọi là hữu giác hữu quán tam muội.

Chặng giữa của sơ thiền và nhị thiền, đây gọi là vô giác hữu quán tam muội.

Từ nhị thiền đến phi hữu tưởng phi vô tưởng định, đây gọi là vô giác vô quán tam muội.

Tam tam muội nầy là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Lại có **thập niệm** là đại Bồ Tát Đại thừa.

Những gì là mười? Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm xã, niệm thiên, niệm thiện, niệm xuất nhập tức, niệm thân và niệm tử.

Mười chánh niệm nầy là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Lại có **tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, bát bội xả và cửu thế đệ định** là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Lại có đại Bồ Tát Đại thừa, chính là **thập lực**.

Những gì là mười? Một là Phật biết như thật những tướng thị xứ, bất thị xứ của tất cả pháp. Hai là Phật biết như thật những nghiệp, những thọ pháp của chúng sanh khác, biết chỗ tạo nghiệp, biết nhơn duyên, biết nghiệp báo của chúng sanh khác. Ba là Phật biết như thật những tướng cấu tịnh sai khác của các thiền giải thoát, các tam muội và các định. Bốn là Phật biết như thật những tướng căn tánh thượng hạ của chúng sanh khác. Năm là Phật như thật biết những loại dục giải của chúng sanh khác. Sáu là Phật như thật biết vô số tánh loại sai khác của thế gian. Bảy là Phật như thật biết chỗ đến của tất cả đạo hạnh. Tám là Phật như thật biết túc mạng của mình và của chúng sanh khác từ một đời đến vô lượng đời trong vô lượng kiếp có tướng như vậy, có nhơn duyên như vậy. Chín là Phật thiên nhãn thanh tịnh hơn chư Thiên, như thật thấy biết chúng sanh chết đây sanh kia, hoặc thiện đạo hoặc ác đạo. Mười là Phật biết như thật các lậu tận nên được vô lậu tâm giải thoát, vô lậu huệ giải thoát, trong pháp hiện tại tự chứng biết nhập vào pháp ấy, nghĩa là chứng biết như thật ta đã hết sanh tử, đã hoàn thành phạm hạnh, từ đời nay chẳng còn lại thấy có đời sau nữa.

Mười trí lực nầy là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Lại có đại Bồ Tát Đại thừa, chính là **tứ vô sở úy**.

Thế nào là bốn? Phật nói lời thành thật rằng ta là bực đượcvNhất thiết chánh trí. Đối với những điều như thật gạn hỏi về các pháp của tất cả đại chúng, Phật không tự thấy có mảy may e sợ. Vì thế nên Phật được rất an ổn, được vô sở úy an trụ ngôi thánh chúa, ở giữa đại chúng như sư tử hống(1) chuyển pháp luân thanh tịnh mà tất cả hàng Sa Môn, Bà La Môn, chư Thiên Vương, Phạm Vương, Ma Vương, cùng chúng sanh khác đều không chuyển được. Đây là vô sở úy thứ nhất.

Phật nói lời thành thật rằng ta là bực mà tất cả lậu đã dứt diệt hết sạch. Đối với chỗ gạn hỏi như thật về lậu phiền não dứt diệt đây của tất cả đại chúng, Phật không tự thấy có mảy may e sợ. Vì thế nên Phật được rất an ổn, được vô sở úy, an trụ ngôi thánh chúa, ở giữa đại chúng như sư

tử hống chuyển pháp luân thanh tịnh mà tất cả Trời, Người cùng chúng sanh khác không chuyển được. Đây là vô sở úy thứ hai.

Phật nói lời thành thật rằng đây là những pháp chướng ngại chánh đạo giải thoát. Đối với những lời gạn hỏi như thật về pháp chướng đạo đây của tất cả đại chúng, Phật không tự thấy có mảy may e sợ. Vì thế nên Phật được rất an ổn, được vô sở úy, an trụ bực thánh chúa, ở giữa đại chúng như sư tử hống chuyển pháp luân thanh tịnh mà tất cả Nhơn, Thiên cùng chúng sanh khác đều không chuyển được. Đây là vô sở úy thứ ba.

Phật nói lời thành thật rằng những thánh đạo mà ta đã dạy quyết định có thể ra khỏi thế gian, theo đây thực hành thời có thể hết khổ. Đối với những lời gạn hỏi như thật về thánh đạo đây của tất cả đại chúng, Phật không tự thấy có mảy may e sợ. Vì thế nên Phật được rất an ổn, được vô sở úy, an trụ bực thánh chúa. ở giữa đại chúng như sư tử hống chuyển pháp luân thanh tịnh mà tất cả Nhơn, Thiên cùng chúng sanh khác đều không chuyển được. Đây là vô sở úy thứ tư.

Tứ vô sở úy nầy là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Lại có đại Bồ Tát Đại thừa, chính là **tứ vô ngại trí**.

Những gì là bốn? Pháp vô ngại trí, nghĩa vô ngại trí, từ vô ngại trí và lạc thuyết vô ngại trí đây là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Lại có đại Bồ Tát Đại thừa, chính là **thập bát bất cộng pháp**.

Những gì là mười tám? Một là thân của chư Phật không đổi, hai là khẩu của chư Phật không lỗi, ba là ý niệm của chư Phật không lỗi, bốn là chư Phật không có dị tướng, năm là chư Phật không có tâm bất định, sáu là chư Phật không có tâm chẳng biết rồi mà xả, bảy là nguyện dục không diệt, tám là tinh tấn không diệt, chín là chánh niệm không diệt, mười là huệ không diệt, mười một là giải thoát không diệt, mười hai là giải thoát tri kiến không diệt, mười ba là tất cả thân nghiệp của chư Phật đều theo nghiệp trí huệ mà hiện hành, mười bốn là tất cả khẩu nghiệp đều theo trí huệ mà hiện hành, mười lăm là tất cả ý nghiệp đều theo trí huệ mà hiện hành, mười sáu là trí huệ của chư Phật thấy biết thuở quá khứ không ngại, không chướng, mười bảy là trí huệ thấy biết thuở vị lai không ngại, không chướng, mười tám là trí huệ thấy biết thuở hiện tại không ngại, không chướng. Đây là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy.

Lại có đại Bồ Tát Đại thừa, chính là **tự đẳng ngữ đẳng chư tự nhập môn**.

Những gì là tự đẳng ngữ đẳng chư tự nhập môn?

A tự môn, vì tất cả pháp từ đầu vốn là bất sanh vậy.

La tự môn, vì tất cả pháp ly cấu vậy.

Ba tự môn, vì tất cả pháp đệ nhứt nghĩa vậy.

Giá tự môn, vì tất cả pháp trọn bất khả đắc vậy, vì tất cả pháp bất diệt, bất sanh vậy.

Na tự môn, vì tất cả pháp rời danh tánh tướng bất đắc, bất thất vậy.

Lã tự môn, vì tất cả pháp thoát khỏi thế gian vậy, cũng là vì ái chi nhơn duyên dứt diệt vậy.

Đà tự môn, vì tất cả pháp thiện tâm phát sanh, cũng là tướng xả thí vậy.

Bà tự môn, vì các pháp bà tự rời lìa vậy.

Đồ tự môn, vì các pháp đồ tự thanh tịnh vậy.

Sa tự môn, vì các pháp tự tại tánh thanh tịnh vậy.

Hòa tự môn, vì nhập vào các pháp, dứt bặt ngữ ngôn vậy.

Đa tự môn, vì nhập vào các pháp, như tướng bất động vậy.

Dạ tự môn, vì nhập vào các pháp, như thiệt bất sanh vậy.

Tra tự môn, vì nhập vào các pháp, chiết phục bất khả đắc vậy.

Ca tự môn, vì nhập vào các pháp, tác giả bất khả đắc vậy.

Ta tự môn, vì nhập vào các pháp, thời gian bất khả đắc vậy, vì các pháp thời gian lay chuyển vậy.

Ma tự môn, vì nhập vào các pháp, ngã sở bất khả đắc vậy.

Già tự môn, vì nhập vào các pháp, khứ giả bất khả đắc vậy.

Tha tự môn, vì nhập vào các pháp, xứ sở bất khả đắc vậy.

Xà tự môn, vì nhập vào các pháp, sanh bất khả đắc vậy.

Bả tự môn, vì nhập vào các pháp, bả tự bất khả đắc vậy.

Đà tự môn, vì nhập vào các pháp, tánh bất khả đắc vậy.

Xa tự môn, vì nhập vào các pháp, định bất khả đắc vậy.

Khư tự môn, vì nhập vào các pháp, hư không bất khả đắc vậy.

Xoa tự môn, vì nhập vào các pháp, diệt tận bất khả đắc vậy.

Đá tự môn, vì nhập vào các pháp, hữu bất khả đắc vậy.

Nhã tự môn, vì nhập vào các pháp, trí bất khả đắc vậy.

Tha tự môn, vì nhập vào các pháp, tha tự bất khả đắc vậy.

Bà tự môn, vì nhập vào các pháp, phá hoại bất khả đắc vậy.

Xa tự môn, vì nhập vào các pháp, dục bất khả đắc vậy, ngũ ấm như ảnh cũng bất khả đắc vậy.

Ma tự môn, vì nhập vào các pháp, ma tự bất khả đắc vậy.

Hòa tự môn, vì nhập vào các pháp, kêu gọi bất khả đắc vậy.

Ta tự môn, vì nhập vào các pháp, ta tự bất khả đắc vậy.

Noa tự môn, vì nhập vào các pháp, chẳng đến, chẳng đi, chẳng đứng, chẳng ngồi, chẳng nằm vậy.

Phả tự môn, vì nhập vào các pháp, biên bờ bất khả đắc vậy.

Ca tự môn, vì nhập vào các pháp, tụ họp bất khả đắc vậy.

Sai tự môn, vì nhập vào các pháp, sai tự bất khả đắc vậy.

Già tự môn, vì nhập vào các pháp, hiện hành bất khả đắc vậy.

Tra tự môn, vì nhập vào các pháp, cong vậy bất khả đắc vậy.

Đồ tự môn, vì nhập vào các pháp, chỗ tột biên bờ nên chẳng diệt, chẳng sanh vậy.

Quá chữ Đồ thời không chữ có thể tuyên thuyết. Tại sao vậy? Vì không còn có chữ vậy.

Những chữ vô ngại, vô danh, cũng diệt, chẳng nói được, chẳng chỉ được, chẳng thấy được, chẳng biên chép được.

Nầy Tu Bồ Đề! Phải biết tất cả pháp như hư không. Đây gọi là đà la ni môn chính là nghĩa của chữ A.

Nếu đại Bồ Tát, nơi những tự môn ấn, a tự ấn nầy, hoặc nghe, hoặc thọ, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc trì, hoặc giảng nói cho người khác, thời biết rằng sẽ được **hai mươi công đức**.

Những gì là hai mươi? Được nhớ biết dai. Được tâm kiên cố. Được chỉ thú của kinh. Được trí huệ. Được lạc thuyết vô ngại. Dễ được những môn đà la ni khác. Được tâm không nghi hối. Được nghe lành chẳng mừng, nghe dữ chẳng giận. Được chẳng cao, chẳng hạ, an trụ tâm không tăng, không giảm. Được thiện xảo, biết lời nói của chúng sanh. Được khéo phân biệt ngũ ấm, thập nhị nhập, thập bát giới, thập nhị nhơn duyên, tứ duyên và tứ đế. Được khéo phân biệt những căn tánh lợi độn của các chúng sanh. Được khéo biết tâm niệm của kẻ khác. Được khéo phân biệt ngày, tháng, năm, mùa. Được khéo phân biệt thiên nhĩ thông, Được khéo phân biệt túc mạng thông. Được khéo phân biệt sanh tử thông. Được có thể khéo tuyên thuyết **thị xứ, phi xứ**(2). Được khéo biết thân oai nghi qua, lại, ngồi, đứng.

Những đà la ni môn, tự môn, a tự môn nầy gọi là đại Bồ Tát Đại thừa, vì bất khả đắc vậy".

Thích nghĩa:

(1). Sư tử hống(Phạn: Siôhanàda). Tiếng rống (kêu) của sư tử. Đức Phật dùng âm thanh vô úy để thuyết pháp như tiếng rống của sư tử. Sư tử là vua của trăm loài thú, đức Phật cũng là bậc chí tôn trong loài người, gọi là Nhân trung sư tử, cho nên tiếng thuyết pháp của Phật được ví với tiếng rống của sư tử. Khi đức Phật thuyết pháp, các Bồ tát khởi tâm dũng mãnh cầu đạo Bồ đề, do đó mà ngoại đạo và ác ma sợ hãi; cũng như khi sư tử cất tiếng rống thì những con sư tử nhỏ cũng tăng thêm uy lực, khiến trăm thú sợ hãi, nép phục.

Kinh thường ví Phật, Bồ tát là sư tử hay long tượng trong Trời người. Thiền sư Phật Quốc có bài tụng:

Sư tử hống thời phương thảo lục
Tượng vương hồi xứ lạc hoa hồng.

"Khi sư tử cất lên tiếng rống, thì bao nhiêu chồi non của cây cỏ đều bị chấn động để nảy mầm. Khi con voi chúa trở về thì tất cả hoa héo tàn sẽ khởi sắc hồng như xưa".

(2). Thị xứ, phi xứ (cũng gọi Tri thị xứ phi xứ trí lực, Thị xứ phi xứ lực): Xứ nghĩa là đạo lý, tức là Như lai biết rõ đúng như thực đối với tất cả nhân duyên quả báo, nếu tạo nghiệp thiện thì biết nhất định được quả báo vui, gọi là Tri thị xứ; nếu tạo nghiệp ác mà được quả báo vui thì không có đạo lý(xứ) nầy, nên gọi là Tri phi xứ.

---o0o---

PHẨM PHÁT THÚ(1)
THỨ HAI MƯƠI

(Tương đương với với phần đầu Q.53 đến phần đầu Q.55, ĐBN)

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: Ông hỏi thế nào là đại Bồ Tát Đại thừa phát thú?

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát lúc thực hành sáu Ba la mật, từ một địa đến một địa, đây gọi là đại Bồ Tát Đại thừa phát thú".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát từ một địa đến một địa?

Đức Phật nói: Đại Bồ Tát biết tất cả pháp không có tướng lai khứ, cũng không có pháp hoặc lai khứ, hoặc đến, chẳng đến, vì các pháp tướng bất diệt vậy.

Đại Bồ Tát đối với các địa chẳng niệm, chẳng tư duy mà tu tập trị địa nghiệp(2), cũng chẳng thấy địa.

Những gì là trị địa nghiệp?

Lúc an trụ bực **sơ địa**, đại Bồ Tát thật hành mười việc.

Một là thâm tâm kiên cố, vì dụng vô sở đắc vậy.

Hai là đối với tất cả chúng sanh tâm bình đẳng, vì chúng sanh bất khả đắc vậy.

Ba là bố thí cho người, vì thọ giả bất khả đắc vậy.

Bốn là thân cận thiện tri thức, cũng chẳng tự cao vậy.

Năm là cầu pháp, vì tất cả pháp bất khả đắc vậy.

Sáu là thường xuất gia, vì gia bất khả đắc vậy.

Bảy là mến thích Phật thân, vì tướng hảo bất khả đắc vậy.

Tám là diễn nói giáo pháp xuất thế vì các pháp chẳng phân biệt bất khả đắc vậy.

Chín là phá kiêu mạn, vì pháp sanh huệ bất khả đắc vậy.

Mười là thật ngữ, vì những ngữ ngôn bất khả đắc vậy.

Trên đây là mười sự trị địa nghiệp của đại Bồ Tát an trụ trong bậc sơ địa tu tập.

Nầy Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ trong bực **nhị địa** thường niệm tám pháp.

Những gì là tám?

Một là giới thanh tịnh. Hai là biết ơn và báo ơn. Ba an trụ nhẫn nhục lực. Bốn là thọ hoan hỉ. Năm là chẳng rời bỏ tất cả chúng sanh. Sáu là nhập đại bi tâm. Bảy là tin kính và thưa hỏi nơi thầy. Tám là cần cầu các môn ba la mật.

Đây là đại Bồ Tát an trụ trong bực nhị địa đầy đủ tám pháp.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trong bực **tam địa** thực hành năm pháp.

Những gì là năm?

Một là học vấn nhiều không nhàm đủ. Hai là thanh tịnh pháp thí cũng chẳng tự cao. Ba là thanh tịnh Phật độ cũng chẳng tự cao. Bốn là nhận chịu vô lượng sự cần khổ thế gian mà vẫn chẳng nhàm. Năm là an trụ nơi tàm quý.

Đây là năm pháp mà đại Bồ Tát an trụ trong bực tam địa phải đầy đủ.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trong bực **tứ địa** phải thọ hành chẳng bỏ mười pháp.

Những gì là mười?

Một là chẳng bỏ chỗ ở A lan nhã. Hai là thiểu dục. Ba là tri túc. Bốn là chẳng bỏ công đức đầu đà. Năm là chẳng bỏ giới. Sáu là tránh ghét các dục nhiễm. Bảy là nhàm tâm thế gian, thuận tâm Niết Bàn. Tám là xả bỏ tất cả sở hữu. Chín là tâm chẳng trầm một. Mười là chẳng tiếc tất cả vật.

Đây là mười pháp mà đại Bồ Tát an trụ trong bực tứ địa chẳng bỏ .

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trong bực **ngũ địa** xa rời mười hai pháp.Những gì là mười hai?

Một là xa lìa sự thân cận hành bạch y. Hai là xa lìa hàng Tỳ Kheo Ni. Ba là xa lìa sự tham tiếc nhà người khác. Bốn là xa lìa sự đàm thuyết vô ích. Năm là xa lìa sự giận hờn. Sáu là xa lìa sự tự tôn đại. Bảy là xa lìa sự khinh miệt người khác. Tám là xa lìa mười nghiệp đạo bất thiện. Chín là xa lìa đại mạn. Mười là xa lìa tự dụng. Mười một là xa lìa điên đảo. Mười hai là xa lìa tham sân si.

Đây là mười hai điều mà đại Bồ Tát an trụ trong bực ngũ địa xa lìa.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trong bực **lục địa** nên đầy đủ sáu pháp, chính là sáu ba la mật.

Bực lục địa lại có sáu pháp chẳng nên làm. Những gì là sáu? Một là chẳng móng tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật. Hai là chẳng có ý lo ngại khi bố thí. Ba là bị đòi hỏi cầu xin, không có lòng trốn tránh. Bốn là những vật sở hữu đều đem bố thí. Năm là sau khi bố thí xong, không có lòng hối tiếc. Sáu là chẳng nghi ngờ pháp thâm diệu.

Đây là sáu pháp phải đầy đủ và sáu pháp phải xa lìa của đại Bồ Tát an trụ trong bực lục địa.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trong bực **thất địa** phải xa lìa hai mươi pháp chẳng nên chẳng phải.

Những gì là hai mươi?

Một là chẳng chấp ngã. Hai là chẳng chấp chúng sanh. Ba là chẳng chấp thọ giả. Bốn là chẳng chấp chúng sanh số nhẫn đến tri giả, kiến giả. Năm là chẳng chấp đoạn kiến. Sáu là chẳng chấp thường kiến. Bảy là chẳng nên khởi tướng dạng. Tám là chẳng nên khởi nhơn duyên kiến. Chính là chẳng chấp danh sắc. Mười là chẳng chấp ngũ ấm. Mười một là chẳng chấp thập nhị nhập. Mười hai là chẳng chấp thập bát giới. Mười ba là chẳng chấp tam giới. Mười bốn là chẳng khởi tâm chấp trước. Mười lăm là chẳng khởi chỗ mong cầu. Mười sáu là chẳng khởi chỗ y chỉ. Mười bảy là chẳng chấp trước nơi sự thấy là phải nương nơi Phật. Mười tám là chẳng chấp trước nơi sự thấy là phải nương nơi Pháp. Mười chín là chẳng chấp trước nơi sự thấy là phải nương nơi Tăng. Hai mươi là chẳng chấp trước nơi sự thấy là phải nương nơi giới. Đây là hai mươi điều chẳng nên chấp trước.

Lại có hai mươi pháp mà bực thánh địa phải đầy đủ.

Những gì là hai mươi?

Một là đầy đủ không. Hai là chứng vô tướng. Ba là biết vô tác. Bốn là ba phần thanh tịnh. Năm là ở trong chúng sanh đầy đủ trí từ bi. Sáu là chẳng niệm tưởng tất cả chúng sanh. Bảy là bình đẳng xem tất cả pháp, nơi trong đây cũng chẳng chấp trước. Tám là biết thiệt tướng của các pháp, cũng chẳng niệm tưởng sự nầy. Chín là vô sanh pháp nhẫn. Mười là vô sanh trí. Mười một là tuyên thuyết các pháp nhất tướng. Mười hai là phá tướng phân biệt. Mười ba là chuyển ức tưởng.? Mười bốn là chuyển kiến. Mười lăm là chuyển phiền não. Mười sáu là đồng huệ đồng đẳng(3). Mười bảy là điều ý. Mười tám là tâm tịch diệt. Mười chín là vô ngại trí. Hai mươi là chẳng nhiễm ái.

Trên đây là hai mươi điều chẳng nên chấp trước và hai mươi điều phải đầy đủ của bực thất địa đại Bồ Tát.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trong **bát địa** phải đầy đủ năm pháp.

Những gì là năm?

Một là thuận nhập vào tâm chúng sanh. Hai là du hí các thần thông. Ba là thấy các Phật quốc. Bốn là tự trang nghiêm quốc độ mình như Phật quốc đã thấy. Năm là quán thân Phật như thật, tự trang nghiêm Phật thân.

Lại phải đầy đủ năm điều. Một là biết các căn tánh thượng hạ . Hai là thanh tịnh Phật độ. Ba là nhập như huyễn tam muội(4). Bốn là thường nhập tam muội. Năm là tùy theo thiện căn mà chúng sanh đáng được để thọ thân.

Trên đây là năm pháp và năm điều mà đại Bồ Tát bát địa đầy đủ.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trong **cửu địa** phải đầy đủ mười hai pháp. Một là nhiếp thọ vô biến thế giới mà phần mình hóa độ. Hai là Bồ Tát được như chỗ nguyện cầu. Ba là biết tiếng nói của các Thiên long, Càn thát bà để thuyết pháp cho họ. Bốn là thành tựu thai sanh. Năm là thành tựu nhà? Sáu là thành tựu chỗ sanh. Bảy là thành tựu họ. Tám là thành tựu quyến thuộc. Chín là thành tựu xuất sanh. Mười là thành tựu xuất gia. Mười một là thành tựu bồ đề thọ trang nghiêm. Mười hai là thành tựu tất cả những công đức lành.

Trên đây là mười hai pháp mà bậc cửu địa đại Bồ Tát phải đầy đủ.

Nầy Tu Bồ Đề! Phải biết bậc **thập địa** đại Bồ Tát thời như đức Phật”.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là thâm tâm nhẫn đến thế nào là thật ngữ?"

Đức Phật nói: "Nếu đại Bồ Tát đúng với tâm Nhất thiết trí, tích tập tất cả thiện căn, đây gọi là thâm tâm trị địa nghiệp. Nếu sanh khởi tứ vô lượng tâm là từ , bi, hỉ và xả, đây gọi là tâm bình đẳng ở trong tất cả chúng sanh. Nếu bố thí cho tất cả chúng sanh mà không phân biệt, đây gọi là tu bố thí. Nếu thân cận học hỏi, cung kính cúng dường các bực có thể giáo hóa người an trụ trong Nhất thiết trí, đây gọi là thân cận thiện tri thức. Nếu cầu pháp đúng với tâm Nhất thiết trí, không sa vào hành Thanh Văn, Bích Chi Phật, đây gọi là cầu pháp. Nếu đời đời chẳng rời tâm xuất gia, luôn xuất gia trong Phật pháp không ai ngăn trở được, đây gọi là thường xuất gia trị địa nghiệp. Nếu thấy thân tướng của Phật, nhẫn đến khi thành Vô thượng Bồ đề trọn chẳng rời niệm Phật, đây gọi là ái lạc Phật thân. Hoặc Phật hiện tại hoặc Phật đã nhập diệt, nếu vì chúng sanh mà thuyết pháp sơ trung hậu đều thiện, diệu nghĩa hảo ngữ trong sạch tinh thuần, hoàn cụ cả mười hai bộ kinh từ tu đa la đến luận nghị, đây gọi là diễn nói giáo pháp xuất thế trị địa nghiệp. Vì phá kiêu mạn nên trọn chẳng hạ sanh nhà hạ tiện, đây gọi là pháp kiêu mạn trị địa nghiệp. Đúng như lời mà thật hành, đây gọi là thật ngữ trị địa nghiệp. Trên đây là mười sự trị địa nghiệp của đại Bồ Tát an trụ trong bực **sơ địa** tu hành.

Thế nào là giới thanh tịnh nhẫn đến cần cầu các Ba la mật?

Nầy Tu Bồ Đề! nếu đại Bồ Tát chẳng có tâm niệm xu hướng Thanh Văn, Bích Chi Phật và những sự phá giới chướng ngại Phật đạo, đây gọi là giới thanh tịnh. Nếu thật hành Bồ Tát hạnh, cho đến một chút ơn nhỏ còn chẳng quên huống là nhiều, đây gọi là biết ơn báo ơn. Nếu đối với tất cả chúng sanh không giận hờn, không làm não hại, đây gọi là an trụ sức nhẫn nhục. Lấy sự thành tựu chúng sanh làm niềm vui, đây gọi là thọ hoan hỉ. Nghĩ nhớ muốn cứu tất cả chúng sanh, đây gọi là chẳng bỏ tất cả chúng sanh. Nếu nghĩ như vầy: Tôi vì mỗi mỗi chúng sanh mà chịu cần khổ trong địa ngục đến hằng sa kiếp chừng nào chúng sanh ấy thành Phật nhập Niết

Bàn, đây là vì tất cả chúng sanh mười phương mà nhẫn thọ sự khổ nhọc nên gọi là nhập đại bi tâm. Nếu đối với bực sư trưởng xem như Phật, đây gọi là tin tưởng cung kính học hỏi nơi thầy. Nếu nhất tâm siêng cầu các môn Ba la mật mà không cầu sự khác, đây gọi là cần cầu các Ba la mật.

Trên đây gọi là tám pháp đầy đủ của đại Bồ Tát an trụ trong bậc **nhị địa**.

Thế nào là học vấn nhiều không nhàm đủ nhẫn đến an trụ nơi tàm quý?

Nầy Tu Bồ Đề! Hoặc trong thế giới nầy hay ở thế giới mười phương có bao nhiêu chánh pháp của chư Phật tuyên thuyết thời đều muốn được nghe nhớ thọ trì cả, đây gọi là học vấn nhiều không nhàm đủ. Có bao nhiêu pháp thí vẫn không mong cầu, cho đến còn chẳng cầu Vô thượng Bồ đề huống là những sự khác, đây gọi là pháp thí chẳng cầu danh lợi, cũng gọi là thanh tịnh pháp thí. Đem tất cả thiện căn hồi hướng thanh tịnh Phật độ, đây gọi là tịnh Phật quốc độ. Vì đầy đủ thiện căn nên có thể thành tựu chúng sanh, cũng trang nghiêm Phật độ cho đến đầy đủ Nhất thiết trí trọn không mỏi nhàm, đây gọi là chịu lấy vô lượng sự cần khổ mà chẳng nhàm. Hổ thẹn nơi tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật, đây gọi là an trụ nơi tàm quý(5).

Trên đây là đại Bồ Tát an trụ bực **tam địa** đầy đủ năm pháp.

Thế nào là chẳng bỏ chỗ ở A lan nhã nhẫn đến chẳng tiếc tất cả vật?

Nầy Tu Bồ Đề! Bồ Tát có thể hơn bực Thanh Văn, Bích Chi Phật, đây gọi là chẳng bỏ chỗ ở A lan nhã. Còn không có niệm mong muốn Vô thượng Bồ đề huống là những sự mong muốn khác, đây gọi là thiểu dục, được Nhất thiết chủng trí, đây gọi là tri túc. Quán sát các thâm pháp nhẫn, đây gọi là chẳng bỏ đầu đà công đức. Chẳng chấp lấy giới tướng, đây gọi là chẳng bỏ giới. Vì dục tâm chẳng phát sanh, đây gọi là tránh ghét các dục nhiễm. Vì biết tất cả pháp chẳng tạo tác, đây gọi là nhàm tâm thế gian mà thuận tâm Niết Bàn. Chẳng tiếc tất cả nội pháp, ngoại pháp, đây gọi là xả bỏ tất cả sở hữu. Tâm chẳng sanh khởi nơi hai thứ thức xứ, đây gọi là tâm chẳng trầm một. Đối với tất cả vật chẳng chấp trước, chẳng nghĩ nhớ, đây gọi là chẳng tiếc tất cả vật.

Trên đây là mười pháp chẳng bỏ của đại Bồ Tát an trụ trong bực **tứ địa**.

Thế nào là xa lìa gần gũi hàng bạch y nhẫn đến xa lìa tham, sân, si?

Nầy Tu Bồ Đề! Bồ Tát sanh nơi đâu cũng đều xuất gia, từ một Phật quốc đến một Phật quốc thường xuất gia cạo đầu mặc cà sa, đây gọi là xa lìa gần gũi bạch y. Chẳng ở chung với Tỳ Kheo Ni, nhẫn đến chẳng nghĩ tưởng dầu là khoảng đàn chỉ , đây gọi là xa lìa Tỳ Kheo Ni. Bồ Tát suy nghĩ như vầy: Tôi phải an lạc chúng sanh, nay họ giúp tôi an lạc thời đâu nên sanh lòng lẫn tiếc, đây gọi là xa lìa sự lẫn tiếc nhà người khác. Nếu có chỗ nào luận đàm có thể phát sanh tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật, thời tôi phải xa lìa, đây gọi là xa lìa chỗ luận đàm vô ích, Chẳng để cho tâm giận hờn, tâm não hại, tâm đấu tranh xen vào, đây gọi là xa lìa tâm sân. Chẳng thấy có nội pháp, đây gọi là xa lìa sự tôn đại. Chẳng thấy có ngoại phải, đây gọi là xa lìa sự khi dễ người. Mười nghiệp đạo bất thiện còn là chướng ngại bát thánh đạo huống là Vô thượng Bồ đề, đây gọi là xa lìa mười nghiệp đạo bất thiện. Chẳng thấy có pháp gì có thể làm đại mạn, đây gọi là xa lìa đại mạn. Chẳng thấy có pháp gì có thể tự dùng được, đây gọi là xa lìa tự dụng. Chỗ điên đảo bất khả đắc, đây gọi là xa lìa điên đảo. Chẳng thấy được chỗ tham, sân, si, đây gọi là xa lìa tham, sân, si.

Trên đây là đại Bồ Tát an trụ trong bực **ngũ địa** xa lìa mười hai pháp.

Thế nào là đầy đủ sáu pháp? An trụ trong sáu ba la mật có thể vượt đến bờ kia, đây gọi là đầy đủ sáu pháp.

Thế nào là chẳng móng tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật nhẫn đến chẳng nghi ngờ pháp thâm diệu?

Nầy Tu Bồ Đề! Bồ Tát nghĩ rằng tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật chẳng phải đạo Vô thượng Bồ đề, đây gọi là chẳng móng tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật. Bồ Tát nghĩ rằng bố thí có lòng lo ngại thời là chẳng phải đạo Vô thượng Bồ đề, đây gọi là bố thí chẳng sanh lòng lo sợ. Bồ Tát nghĩ rằng thấy người cầu xin mà có tâm trốn tránh chẳng phải đạo Vô thượng Bồ đề, đây gọi là chẳng có lòng trốn tránh khi bị cầu xin. Lúc bố thí chẳng nói cái nầy cho được, cái nầy chẳng cho được, đây gọi là những vật sở hữu đều đem bố thí. Vì sức từ bi nên sau khi bố thí chẳng ăn năn. Vì sức tín công đức nên chẳng nghi ngờ pháp thâm diệu.

Trên đây là sáu pháp phải đầu đủ và sáu pháp phải xa lìa của đại Bồ Tát an trụ bậc **lục địa**.

Thế nào là chẳng chấp ngã nhẫn đến chẳng chấp nơi sự thấy là phải nương nơi giới?

Nầy Tu Bồ Đề! Vì rốt ráo vô ngã, vì chúng sanh đến tri giả, kiến giả đều rốt ráo bất khả đắc nên chẳng chấp trước những pháp ấy. Không có pháp đoạn diệt vì các pháp rốt ráo bất sanh nên chẳng chấp đoạn kiến. Nếu pháp đã chẳng sanh thời cũng chẳng thường nên chẳng chấp thường kiến. Vì không các phiền não nên chẳng chấp lấy tướng. Vì chư kiến đều chẳng thể thấy được nên chẳng khởi nhơn duyên kiến. Vì danh sắc, ngũ ấm, thập nhị nhập, thập bát giới, tam giới, tâm nguyện và y chỉ đều là tánh không nên chẳng chấp trước. Vì khởi sự thấy là phải nương nơi Phật thời chẳng thấy Phật nên chẳng khởi sự thấy y chỉ nơi Phật. Vì Pháp chẳng thể thấy nên chẳng khởi sự thấy y chỉ Pháp. Vì Tăng tướng vô vi chẳng thể nương nên chẳng khởi sự thấy y chỉ nơi Tăng. Vì nơi tội cùng vô tội đều không dính mắc nên chẳng khởi sự thấy y chỉ nơi giới.

Trên đây là hai mươi pháp chẳng nên chấp trước của đại Bồ Tát an trụ trong bậc **thất địa.**

Thế nào là đầy đủ không nhẫn đến chẳng nhiễm ái?

Nầy Tu Bồ Đề! Đầy đủ tự tướng không của các pháp, đây là đầy đủ không. Chẳng tưởng nhớ các tướng, đây là chứng vô tướng. Chẳng tạo tác trong tam giới, đây là biết là vô tác. Đầy đủ mười nghiệp đạo lành, đây là ba phần thanh tịnh. Vì được đại bi nên đầy đủ trí từ bi. Vì đầy đủ thanh thanh tịnh Phật độ nên chẳng niệm tưởng tất cả chúng sanh. Vì chẳng tổn ích đối với tất cả pháp nên bình đẳng quán sát tất cả pháp. Vì các pháp thật tướng là vô tri nên Bồ Tát biết thật tướng của các pháp. Vì các pháp bất sanh, bất diệt, bất tác nên Bồ Tát được vô sanh pháp nhẫn. Vì biết danh sắc bất sanh nên được vô sanh trí. Vì tâm chẳng hiện hành hai tướng nên tuyên nói các pháp nhất tướng. Vì tất cả pháp chẳng phân biệt nên phá tướng phân biệt. Vì vô lượng tưởng niệm lớn nhỏ chuyển nên Bồ Tát chuyển nhớ tưởng. Vì kiến chấp Thanh Văn, Bích Chi Phật chuyển nên chuyển kiến. Vì dứt trừ những phiền não nên chuyển phiền não. Vì được Nhất thiết chủng trí nên định huệ đồng đẳng. Vì bất động đối với tam giới nên ý được điều. Vì chế ngự sáu căn nên tâm tịch diệt. Vì được Phật nhãn nên trí vô ngại. Vì xả bỏ sáu trần nên chẳng nhiễm ái.

Trên đây là hai mươi pháp phải đầy đủ của đại Bồ Tát an trụ trong bậc thất địa.

Thế nào là đại Bồ Tát thuận nhập tâm chúng sanh nhẫn đến tự trang nghiêm Phật thân?

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát dùng một tâm biết rõ tâm và tất sở của tất cả chúng sanh, đây là thuận nhập tâm chúng sanh. Dùng thần thông từ một Phật quốc đến một Phật quốc, cũng không

có tưởng niệm Phật quốc, đây là du hí các thần thông. Từ ở cõi mình mà thấy vô lượng Phật quốc, cũng không có tưởng Phật quốc, đây là xem thấy các Phật quốc. Trụ ngôi Chuyển Luân Thánh Vương đi khắp Đại Thiên thế giới để tự trang nghiêm nước của mình, đây là tự trang nghiêm nước mình như Phật quốc đã được thấy. Vì như thật quán pháp thân nên là như thật quán Phật thân. Trên đây là đại Bồ Tát an trụ trong bậc **bát địa** đầy đủ năm pháp.

Thế nào là biết các căn tánh thượng hạ nhẫn đến thế nào là tùy theo thiện căn để thọ thân?

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trong Phật thập lực biết những căn tánh thượng hạ của tất cả chúng sanh. Vì tịnh chúng sanh nên Phật độ tịnh. Trụ trong như huyễn tam muội thời có thể thành tựu tất cả sự, cũng chẳng phát sanh tâm tướng. Vì được báo sanh tam muội nên thường nhập tam muội. Vì thành tựu chúng sanh nên tùy theo thiện căn mà chúng sanh đáng được thọ thân hầu giáo hóa họ.

Trên đây là năm điều mà đại Bồ Tát trụ bực bát địa được đầy đủ.

Thế nào là đại Bồ Tát nhiếp thọ vô biên thế giới mà phần mình hóa độ nhẫn đến công đức thành tựu đầy đủ?

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hóa độ chúng sanh trong vô biên thế giới đúng như chỗ đáng được độ của Phật pháp, đây là nhiếp thọ vô biên thế giới mà phần mình hóa độ. Được đầy đủ sáu ba la mật, đây la được như chỗ nguyện cầu. Do từ vô ngại biện lực nên biết tiếng nói của chư Thiên Long, Càn thát bà. Vì đời đời được hóa sanh nên thai sanh được thành tựu. Vì thường sanh trong nhà vọng tộc nên nhà được thành tựu. Vì sanh nơi dòng Sát Đế Lợi hoặc Bà La Môn nên chỗ sanh thành tựu. Như họ của Bồ Tát quá khứ sanh mà sanh trong đó nên họ được thành tựu. Vì thuần dùng hàng đại Bồ Tát làm quyến thuộc nên quyến thuộc được thành tựu. Vì lúc sanh ra quang minh của Bồ Tát chiếu khắp vô lượng vô biên thế giới cũng chẳng chấp lấy tướng quang minh nên xuất sanh được thành tựu. Vì khi xuất gia có vô lượng chư Thiên theo hầu hạ và quyết định đưa chúng sanh đến quả Tam thừa nên xuất gia thành tựu. Cây bồ đề dùng hoàng kim làm gốc, bảy báu làm thân, nhánh, lá chiếu sáng khắp vô lượng vô biên thế giới mười phương, đây là trang nghiêm Phật thọ thành tựu. Chúng sanh được thanh tịnh, Phật độ cũng thanh tịnh, đây là tất cả công đức lành thành tựu đầy đủ.

Trên đây là mười hai pháp của bậc **cửu địa** đại Bồ Tát thành tựu đầy đủ.

Thế nào là đại Bồ Tát an trụ trong bực thập địa phải biết như Phật?

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát đầy đủ sáu ba la mật, tứ niệm xứ nhẫn đến đầy đủ mười tám pháp bất cộng và Nhất thiết chủng trí dứt tất cả phiền não và tập khí, thời gọi là đại Bồ Tát an trụ trong bực **thập địa** phải biết là chư Phật.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trong bậc thập địa nầy dùng sức phương tiện để thực hành sáu ba la mật, tứ niệm xứ nhẫn đến thực hành mười tám pháp bất cộng, vượt qua bậc càn huệ địa, bậc tánh địa, bậc bát nhơn địa, bậc kiến địa, bậc bạc địa, bậc ly dục địa, bậc dĩ tác địa, bậc Bích Chi Phật địa, bậc Bồ Tát địa. vượt qua chín bậc trên mà an trụ nơi Phật địa, đây là Bồ Tát thập địa.

Đây gọi là đại Bồ Tát Đại thừa phát thú”.

Thích nghĩa:

(1). Phát thú: Phát tâm đến.

(2). Trị địa nghiệp: Tu sửa nghiệp ở địa vị mình đang trụ trì.

(3). Đồng huệ đồng đẳng: Có lẽ ý muốn nói là "định huệ đồng đẳng" hay còn gọi là "định huệ song tu".

(4). Như huyễn tam muội: (Tam muội, tam ma địa, Phạm: Samàdhi, Hán dịch: Đẳng trì, đẳng chí, chính định). Như huyễn tam muội hay Như huyễn đẳng trì: Tam muội thấu suốt lý tất cả các pháp như huyễn, cũng chỉ cho Tam muội biến hóa ra các sự vật như huyễn. Tam muội này giống như nhà ảo thuật biến hiện ra nam, nữ, binh lính... đều được như ý, không bị trở ngại. Bồ tát ở trong Tam muội này, tuy dùng năng lực biến hóa của Tam muội như huyễn để hóa độ chúng sanh, nhưng cũng biết rõ lý các pháp đều như huyễn, cho nên Bồ tát không bị dính mắc vào việc độ sanh mà hóa dụng một cách tự tại vô ngại. (Từ điển Phật Quang).

*(5). Tàm quý: Tàm (Phạm: Hrì), Quí (Phạm: Apatràpya), cũng gọi Hữu tàm hữu quí, phản nghĩa là Vô tàm vô quí. Từ gọi chung tàm và quí là hổ và thẹn (**hổ:** Tự mình biết xấu hổ và **thẹn**: Biết thẹn đối với người). Trong Duy thức Học gọi chung là tùy phiền não. Tùy phiền não chia làm ba bậc tùy theo tác dụng nặng nhẹ hay trung bình của nó. Tâm sở tàm và quí phạm vi tác dụng của nó trung bình, nên gọi là "Trung Tùy".*

---o0o---

PHẨM XUẤT ĐÁO(1)
THỨ HAI MƯƠI MỐT

"Nầy Tu Bồ Đề! Ông hỏi Đại thừa nầy từ chỗ nào phát xuất và đến an trụ chỗ nào?

Nầy Tu Bồ Đề! Đại thừa nầy phát xuất từ trong tam giới đến an trụ trong Nhất thiết trí, vì là pháp bất nhị vậy.

Tại sao vậy?

Đại thừa và Nhất thiết trí là hai pháp chẳng hiệp, chẳng tan, chẳng sắc, không hình, không đối là nhất tướng, chính là vô tướng.

Nếu có người muốn cho thật tế phát xuất thời là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất.

Nếu có người muốn cho pháp như, pháp tánh, bất tư nghì tánh phát xuất thời là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất.

Nếu có người muốn cho sắc không, thọ, tưởng, hành, thức không, phát xuất thời là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất.

Tại sao vậy?

Nầy Tu Bồ Đề! Tướng không của sắc, thọ, tưởng, hành, thức chẳng ra từ tam giới cũng chẳng an trụ Nhất thiết trí, vì sắc sắc tướng rỗng không, thọ, tưởng, hành, thức thức tướng rỗng không vậy.

Nếu có người muốn cho nhãn không, phát xuất thời là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất.

Nếu có người muốn cho nhĩ, tĩ, thiệt, thân, ý không, phát xuất thời là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất.

Nếu có người muốn cho sắc không, thanh không nhẫn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ không, phát xuất thời là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất.

Tại sao vậy?

Nầy Tu Bồ Đề! Nhãn không nhẫn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ không chẳng ra từ tam giới cũng chẳng an trụ Nhất thiết trí, vì nhãn nhãn tướng rỗng không nhẫn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ, ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ tướng rỗng không vậy.

Nếu có người muốn cho mộng, ảo, diệm, hưởng, ảnh và hóa phát xuất thời là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất.

Tại sao vậy?

Nầy Tu Bồ Đề! Mộng tướng nhẫn đến hóa tướng chẳng ra từ tam giới cũng chẳng an trụ trong Nhất thiết trí, vì mộng mộng tướng rỗng không nhẫn đến hóa hóa tướng rỗng không vậy.

Nếu có người muốn cho Đàn na ba la mật phát xuất thời là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất.

Nếu có người muốn cho Thi la ba la mật, Sằn đề ba la mật, Tỳ lê gia ba la mật, Thiền na ba la mật, Bát nhã ba la mật phát xuất thời là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất.

Tại sao vậy?

Nầy Tu Bồ Đề! Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật chẳng ra từ tam giới cũng chẳng an trụ trong Nhất thiết trí, vì Đàn na Đàn na tướng rỗng không nhẫn đến Bát nhã Bát nhã tướng rỗng không vậy.

Nếu có ngươi muốn nội không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không phát xuất thời là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất.

Tại sao vậy?

Nầy Tu Bồ Đề! Nội không tướng đến vô pháp hữu pháp không tướng chẳng ra từ tam giới cũng chẳng an trụ trong Nhất thiết trí, vì nội không nội không tánh rỗng không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không vô pháp hữu pháp không tánh rỗng không vậy.

Nếu có người muốn cho tứ niệm xứ đến thập bát bất cộng pháp phát xuất thời là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất.

Tại sao vậy?

Nầy Tu Bồ Đề! Tứ niệm xứ tánh đến thập bát bất cộng pháp tánh chẳng ra từ tam giới cũng chẳng an trụ trong Nhất thiết trí, vì tứ niệm xứ tứ niệm xứ tánh rỗng không nhẫn đến bất cộng pháp bất cộng pháp tánh rỗng không vậy.

Nếu có người muốn cho A La hán phát xuất thời là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất.

Nếu có người muốn cho Bích Chi Phật phát xuất thời là muốn cho pháp vô tướng phát xuất.

Nếu có người muốn cho Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác phát xuất thời là người muốn cho pháp vô tướng phát xuất.

Tại sao vậy?

Nầy Tu Bồ Đề! A La Hán tánh, Bích Chi Phật tánh và Phật tánh chẳng ra từ tam giới cũng chẳng an trụ trong Nhất thiết trí, vì A La Hán A La Hán tánh rỗng không, Bích Chi Phật Bích Chi Phật tánh rỗng không, Phật Phật tánh rỗng không vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! Do nhơn duyên trên đây nên Đại thừa nầy phát xuất từ trong tam giới đến an trụ trong Nhất thiết trí, vì bất động vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! Ông hỏi Đại thừa nầy đến an trụ chỗ nào?

Nầy Tu Bồ Đề! Đại thừa nầy không chỗ an trụ, vì tất cả pháp không có tướng an trụ vậy. Đại thừa nầy nếu có an trụ thời là chẳng phải an trụ.

Nầy Tu Bồ Đề! Ví như pháp tánh bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, vô khởi, vô tác, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ vì pháp tánh pháp tánh tướng rỗng không vậy, nhẫn đến vì vô tác vô tác tánh rỗng không vậy.

Như pháp tánh, các pháp khác cũng như vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ.

Đại thừa nầy cũng như vậy, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ.

Nầy Tu Bồ Đề! Do nhơn duyên như thế nên Đại thừa nầy không chỗ an trụ, vì là pháp bất trụ, là pháp bất cộng vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! Ông hỏi ai ngồi Đại thừa nầy để phát xuất?

Nầy Tu Bồ Đề! Không có ai ngồi Đại thừa nầy để phát xuất. Tại sao vậy? Vì Đại thừa nầy cùng người phát xuất và pháp bị sử dụng cùng thời gian phát xuất đều vô sở hữu cả.

Nếu tất cả pháp đều vô sở hữu thời dùng pháp gì để phát xuất?

Tại sao vậy?

Ngã bất khả đắc nhẫn đến tri giả, kiến giả bất khả đắc, vì rốt ráo **thanh tịnh** vậy.

Bát khả tư nghì tánh bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Ngũ ấm, thập nhị nhập, thập bát giới bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Nội không đến vô pháp hữu pháp không bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Tu Đà Hoàn đến Bồ Tát, chư Phật bật khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Tu Đà Hoàn quả đến Nhất thiết chủng trí bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, vô khởi, vô tác bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Quá khứ thế, vị lai thế, hiện tại thế, sanh, trụ, diệt bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Tăng, giảm bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Vì những pháp gì bất khả đắc nên là bất khả đắc?

Nầy Tu Bồ Đề! Vì pháp tánh bất khả đắc nên là bất khả đắc.

Vì như thật tế, bất khả tư nghì tánh, pháp tướng, pháp vị bất khả đắc nên là bất khả đắc.

Vì Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật bất khả đắc nên là bất khả đắc.

Vì nội không đến vô pháp hữu pháp không bất khả đắc nên là bất khả đắc.

Vì tứ niệm xứ đến bất cộng pháp bất khả đắc nên là bất khả đắc.

Vì Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật, chư Phật bất khả đắc nên là bất khả đắc.

Vì Tu Đà Hoàn quả, Tư Đà Hàm quả, A Na Hàm quả, A La Hán quả, Bích Chi Phật đạo, Phật đạo bất khả đắc nên là bất khả đắc.

Vì bất sanh, bất diệt đến vô khởi, vô tác bất khả đắc nên là bất khả đắc.

Lại vì sơ địa đến thập địa bất khả đắc nên là bất khả đắc, vì rốt ráo vậy.

Thế nào là sơ địa đến thập địa? Chính là càn huệ địa, tánh địa, bát nhơn địa, kiến địa, bạc địa, ly dục địa, dĩ tác địa, Bích Chi Phật địa, Bồ Tát địa và Phật địa.

Trong nội không đến vô pháp hữu pháp không chẳng có thể được sơ địa đến thập địa.

Tại sao vậy? Vì sơ địa chẳng phải được chẳng phải chẳng được, nhẫn đến thập địa chẳng phải được chẳng phải chẳng được, vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Trong nội không đến vô pháp hữu pháp không, thành tựu chúng sanh bất khả đắc, tịnh Phật quốc độ bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Trong nội không đến vô pháp hữu pháp không, ngũ nhãn bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! vì thế nên đại Bồ Tát do nơi tất cả pháp bất khả đắc mà ngồi Đại thừa nầy từ tam giới phát xuất an trụ trong Nhất thiết trí".

Thích nghĩa:

(1). Xuất đáo: Bồ tát Đại thừa (ở ba giai vị Bất động địa, Thiện tuệ địa, Pháp vân địa)trụ trong Bát nhã Ba la mật được sức phương tiện, nhưng cũng không chấp trước Bát nhã Ba la mật, đoạn trừ hết thảy phiền não, chứng được Vô sanh pháp nhẫn, ra khỏi 3 cõi, đạt đến Nhất thiết trí trí.

---o0o---

QUYỂN THỨ BẢY

PHẨM THẮNG XUẤT
THỨ HAI MƯƠI HAI

(Tương đương với phần sau Q.56 cho đến phần đầu Q.57, phẩm "Tán Đại Thừa", kinh ĐBN)

Ngài Huệ Mạng Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đại thừa và người Đại thừa vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Bạch đức Thế Tôn! Đại thừa nầy đồng đẳng với hư không.

Như hư không dung thọ vô lượng vô biên a tăng kỳ chúng sanh. Cũng vậy, Đại thừa nầy dung thọ vô lượng vô biên a tăng kỳ chúng sanh.

Đại thừa nầy chẳng thấy chỗ đến, chẳng thấy chỗ đi, chẳng thấy chỗ dừng ở.

Đại thừa nầy, chẳng thể được quá khứ, chẳng thể được vị lai, chẳng thể được hiện tại. Ba đời bình đẳng là Đại thừa nầy.

Do duyên cớ trên đây nên gọi là Đại thừa".

Đức Phật nói: "Đúng như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát Đại thừa là sáu ba la mật: Đàn na ba la mật, Thi la ba la mật, Tỳ lê gia ba la mật, Thiền na ba la mật, Bát nhã ba la mật.

Lại có đại Bồ Tát Đại thừa là tất cả đà la ni môn, tất cả tam muội môn. Như là thủ lăng nghiêm tam muội đến ly trước như hư không bất nhiễm tam muội.

Lại có đại Bồ Tát Đại thừa là nội không đến vô pháp hữu pháp không.

Lại có đại Bồ Tát Đại thừa là tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng.

Nầy Tu Bồ Đề! Như lời ông nói, Đại thừa nầy vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu Dục giới là có chơn thật chẳng hư vọng, là đế lý chẳng điên đảo, thường hằng chẳng hư hoại chẳng phải pháp không có, thời Đại thừa nầy không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Bởi dục giới hư vọng, nhớ tưởng, phân biệt, hoà hiệp danh tự v.v. có tất cả tướng vô thường phá hoại là pháp không có. Thế nên Đại thừa nầy vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu Sắc giới và Vô sắc giới là chơn thật chẳng hư vọng, là đế lý chẳng điển đảo, thường hằng chẳng hư hoại, chẳng phải pháp không có, thời Đại thừa nầy không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Bởi sắc giới và Vô sắc giới hư vọng, nhớ tưởng, phân biệt, hòa hiệp danh tự v.v.. có tất cả tướng vô thường phá hoại là pháp không có. Thế nên Đại thừa nầy vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu sắc uẩn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ là chơn thật chẳng hư vọng, là đế lý chẳng điên đảo, thường hằng chẳng hư hoại, chẳng phải pháp không có, thời Đại thừa nầy không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Bởi sắc uẩn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ hư vọng, nhớ tưởng, phân biệt, hòa hiệp danh tự v.v. có tất cả tướng vô thường phá hoại là pháp không có, nên Đại thừa nầy vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu pháp tánh như thật tế, bất khả tư nghì tánh là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thời Đại thừa nầy không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Bởi pháp tánh đến bất tư nghì tánh không có pháp, chẳng phải pháp, nên Đại thừa nầy vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thời Đại thừa nầy không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Bởi Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật không có pháp chẳng phải pháp, nên Đại thừa nầy vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Nầy Tu Bồ Đề! nếu nội không đến vô pháp hữu pháp không là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thời Đại thừa nầy không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Bởi nội không đến vô pháp hữu pháp không không có pháp, chẳng phải pháp, nên Đại thừa nầy vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thời Đại thừa nầy không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Bởi tứ niệm xứ đến bất cộng pháp không có pháp, chẳng phải pháp, nên Đại thừa nầy vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu tánh nhơn pháp, bát nhơn pháp, Tu Đà Hoàn pháp, Tư Đà Hàm pháp, A Na Hàm pháp, A La Hán pháp, Bích Chi Phật pháp và Phật pháp là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thời Đại thừa nầy không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Bởi tánh nhân pháp đến Phật pháp không có pháp, chẳng phải pháp, nên Đại thừa nầy vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Nầy Tu Bồ Đề! nếu bậc tánh địa, bực bát nhơn, bực Tu Đà Hoàn nhẫn đến Phật là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thời Đại thừa nầy không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Bởi tánh địa đến chư Phật không có pháp chẳng phải pháp, nên Đại thừa nầy vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thời Đại thừa nầy không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Bởi tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la không có pháp chẳng phải pháp, nên Đại thừa nầy vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát từ lúc mới phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng, những tâm trong khoảng trung gian đó là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thời Đại thừa nầy không thể vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Bởi những tâm trong khoảng trung gian từ lúc phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng của đại Bồ Tát không có pháp chẳng phải pháp, nên Đại thừa nầy vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu như kim cang huệ của đại Bồ Tát là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thời đại Bồ Tát nầy không thể biết được tất cả kiết sử và tập khí không có pháp, chẳng phải pháp để được Nhất thiết chủng trí. Bởi như kim cang huệ không có pháp, chẳng phải pháp, nên đại Bồ Tát biết được, tất cả kiết sử(1) và tập khí(2) không có pháp, chẳng phải pháp được Nhất thiết chủng trí. Thế nên Đại thừa nầy vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu ba mươi hai tướng của chư Phật là pháp có (mà chẳng là pháp không có), thời oai đức của chư Phật chẳng thể chiếu sáng vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la. Bởi ba mươi hai tướng không có pháp, (chẳng phải pháp), nên oai đức của chư Phật chiếu sáng vượt hơn tất cả thế gian và chư Thiên, Nhơn, A tu la.

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu quang minh của chư Phật là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thời chẳng thể chiếu sáng hằng sa quốc độ. Bởi quang minh của chư Phật không có pháp, chẳng phải pháp, nên có thể chiếu khắp hằng sa quốc độ.

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu sáu mươi thứ âm thanh trang nghiêm của chư Phật là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thời chư Phật chẳng thể dùng sáu mươi thứ âm thanh trang nghiêm ấy thấu đến khắp vô lượng a tăng kỳ quốc độ mười phương. Bởi sáu mươi thứ âm thanh trang nghiêm của chư Phật không có pháp, chẳng phải pháp, nên chư Phật có thể dùng âm thanh trang nghiêm ấy thấu đến khắp vô lượng a tăng kỳ quốc độ mười phương.

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu pháp luân của chư Phật là pháp có mà chẳng phải là pháp không có, thời chư Phật không thể chuyển pháp luân mà tất cả Sa Môn, Bà La Môn hoặc chư Thiên vương, Ma vương, Phạm vương và tất cả thế gian chúng sanh đều chẳng chuyển được. Bởi pháp luân của chư Phật không có pháp, chẳng phải pháp, nên chu Phật có thể chuyển pháp luân mà tất cả Sa Môn, Bà La Môn hoặc Trời, Người và tất cả chúng khác trong thế gian đều chẳng chuyển được.

Nầy Tu Bồ Đề! Chư Phật vì chúng sanh chuyển pháp luân. Nếu chúng sanh ấy là pháp thật có mà chẳng phải là pháp không có, thời không thể làm cho chúng sanh ấy ở nơi vô dư y Niết Bàn mà nhập Niết Bàn. Bởi chư Phật vì chúng sanh chuyển pháp luân. Chúng sanh ấy không có pháp, chẳng phải pháp, nên có thể làm cho chúng sanh ấy ở trong vô dư y Niết bàn đã diệt độ, nay diệt độ, sẽ diệt độ".

Thích nghĩa:

(1). Kiết sử hay còn gọi là kết sử, tên khác của phiền não. Kiết là trói buộc, sử là sai khiến. Các phiền não như sắc dục nó trói buộc và sai khiến con người đi vào vòng tội lỗi.

(2). Tập khí: Do tư tưởng, hành vi(đặc biệt là phiền não) của người ta dấy sinh hằng ngày, rồi huân tập(xông ướp, tập tành) thành những thói quen, hơi hướng sót lại, rớt lại trong tâm của con người, gọi là Tập khí, giống như để hương trong hộp, khi lấy hương ra rồi mà trong hộp vẫn còn mùi thơm. Nói cách nôm na là tất cả ý nghĩa và việc làm của chúng ta đều để lại trong ta những kinh nghiệm và thói quen, đó chính là Tập khí.

PHẨM ĐẲNG KHÔNG
THỨ HAI MƯƠI BA

(Phần sau Q.57 đến phần đầu Q.61, phẩm "Tán Đại Thừa", kinh ĐBN, tương đương với phẩm "Đẳng Không", Q.07, kinh MHBNBLM).

"Nầy Tu Bồ Đề! Ông nói Đại thừa đồng đẳng với hư không(1)?

Đúng như vậy, Đại thừa đồng đẳng với hư không.

Nầy Tu Bồ Đề! Như hư không không có Đông, Tây v.v. mười phương, Đại thừa cũng không có mười phương.

Như hư không chẳng phải dài, vắn, vuông, tròn Đại thừa cũng chẳng phải dài, vắn, vuông, tròn.

Như hư không chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, Đại thừa cũng chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng, đen.

Thế nên nói rằng Đại thừa đồng đẳng với hư không.

Nầy Tu Bồ Đề! Như hư không chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại.

Như hư không chẳng tăng, chẳng giảm. Cũng vậy, Đại thừa chẳng tăng, chẳng giảm.

Như hư không chẳng cấu, chẳng tịnh. Cũng vậy, Đại thừa chẳng cấu, chẳng tịnh.

Như hư không chẳng sanh, chẳng diệt, không dừng, không đổi. Cũng vậy, Đại thừa chẳng sanh, chẳng diệt, không dừng, không đổi.

Như hư không chẳng phải thiện bất thiện, chẳng phải ký vô ký. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải thiện bất thiện, chẳng phải ký vô ký.

Như hư không chẳng thấy nghe, chẳng hay biết. Cũng vậy, Đại thừa không thấy nghe, hay biết.

Như hư không chẳng thể biết được, chẳng thể hay được, chẳng thể thấy được, chẳng thể dứt được, chẳng thể chứng được, chẳng thể tu được. Cũng vậy, Đại thừa chẳng thể biết được, hay được, thấy được, dứt được, cũng chẳng thể chứng được, tu được.

Thế nên nói rằng Đại thừa đồng đẳng với hư không.

Nầy Tu Bồ Đề! hư không chẳng phải tướng nhiễm, tướng ly. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải tướng nhiễm, chẳng phải tướng ly.

Như hư không chẳng hệ thuộc Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Cũng vậy, Đại thừa chẳng hệ thuộc Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới.

Như hư không chẳng có sơ phát tâm nhẫn đến đệ thập tâm. Cũng vậy, Đại thừa không có sơ pháp tâm nhẫn đến đệ thập tâm.

Như hư không chẳng có càn huệ địa, tánh nhơn địa, bát nhơn địa, kiến địa, bạc địa, ly dục địa, dĩ tác địa. Cũng vậy, Đại thừa không có càn huệ địa đến dĩ tác địa.

Như hư không chẳng có quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán. Cũng vậy, Đại thừa không có quả Tu Đà Hoàn đến quả A La Hán.

Như hư không chẳng có Thanh Văn địa, Bích Chi Phật địa. Cũng vậy Đại thừa không có Thanh Văn địa đến Phật địa.

Thế nên nói rằng Đại thừa đồng đẳng với hư không.

Nầy Tu Bồ Đề! Như hư không chẳng phải sắc vô sắc, chẳng phải khả kiến, bất khả kiến, chẳng phải hữu đối, vô đối, chẳng phải hiệp, chẳng phải tán. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải sắc nhẫn đến chẳng phải hiệp, chẳng phải tán.

Như hư không chẳng phải thường vô thường, chẳng phải lạc, khổ, chẳng phải ngã vô ngã. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải thường vô thường, lạc, khổ, ngã vô ngã.

Như hư không chẳng phải không bất không, chẳng phải tướng vô tướng, chẳng phải tác vô tác. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải không đến chẳng phải vô tác.

Như hư không chẳng phải tịch diệt chẳng tịch diệt, chẳng phải ly chẳng ly. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải tịch diệt đến chẳng phải ly.

Như hư không chẳng phải tối sáng. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải tối sáng.

Như hư không chẳng phải khả đắc, bất khả đắc. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải khả đắc, chẳng phải bất khả đắc.

Như hư không chẳng phải khả thuyết, bất khả thuyết. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải khả thuyết, chẳng phải bất khả thuyết.

Thế nên nói rằng Đại thừa đồng đẳng với hư không.

Nầy Tu Bồ Đề! Như lời ông nói, như hư không dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh, Đại thừa cũng dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh.

Đúng như vậy. Vì chúng sanh vô sở hữu, nên biết rằng hư không vô sở hữu. Vì hư không vô sở hữu, nên biết rằng Đại thừa cũng vô sở hữu. Do đây nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh.

Tại sao vậy? Vì chúng sanh hư không và Đại thừa đều bất khả đắc vậy.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Vì Đại thừa vô sở hữu nên biết rằng vô số vô sở hữu. Vì vô số vô sở hữu nên biết rằng vô lượng vô sở hữu. Vì vô lượng vô sở hữu nên biết rằng vô biên vô sở hữu. Vì vô

biên vô sở hữu nên biết rằng tất cả các pháp vô sở hữu. Do đây nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh.

Tại sao vậy? Vì chúng sanh hư không, Đại thừa vô số vô lượng vô biên, tất cả các pháp đều bất khả đắc vậy.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Vì ngã nhẫn đến tri giả, kiến giả đều vô sở hữu, nên biết rằng pháp như, pháp tánh, thật tế vô sở hữu.

Vì pháp như, pháp tánh, thật tế vô sở hữu, nên biết nhẫn đến vô số vô lượng vô biên đều vô sở hữu.

Vì vô số vô lượng vô biên vô sở hữu nên biết tất cả pháp vô sở hữu.

Do nhơn duyên nầy nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Tại sao vậy? Vì chúng sanh ngã nhẫn đến tri giả, kiến giả cùng thật tế vô biên và tất cả pháp đều bất khả đắc vậy.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Vì ngã đến tri giả, kiến giả đều vô sở hữu nên biết rằng bất khả tư nghì tánh vô sở hữu.

Vì bất khả tư nghì tánh vô sở hữu nên biết sắc, thọ, tưởng, hành, thức vô sở hữu.

Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức vô sở hữu nên biết hư không vô sở hữu.

Vì hư không vô sở hữu nên biết Đại thừa vô sở hữu.

Vì Đại thừa vô sở hữu nên biết vô số vô lượng vô biên đều vô sở hữu.

Vì vô biên vô sở hữu nên biết tất cả các pháp vô sở hữu.

Do nhơn duyên nầy nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Vì ngã nhẫn đến tri giả, kiến giả, tất cả các pháp đều bất khả đắc vậy.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Vì ngã vô sở hữu nhẫn đến tri giả, kiến giả vô sở hữu nên biết nhãn, nhĩ, tĩ, thiệt, thân, ý vô sở hữu.

Vì nhãn, nhĩ, tĩ, thiệt, thân, ý vô sở hữu nên biết hư không vô sở hữu.

Vì hư không vô sở hữu nên biết Đại thừa vô sở hữu.

Vì Đại thừa vô sở hữu nên biết vô số vô lượng vô biên và tất cả các pháp vô sở hữu.

Do nhơn duyên nầy nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Vì ngã đến tất cả các pháp đều bất khả đắc vậy.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Vì ngã nhẫn đến tri giả, kiến giả đều vô sở hữu nên Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật đều vô sở hữu.

Vì Bát nhã ba la mật vô sở hữu nên biết hư không vô sở hữu.

Vì hư không vô sở hữu nên biết Đại thừa vô sở hữu.

Vì Đại thừa vô sở hữu nên biết vô số vô lượng vô biên vô sở hữu.

Vì vô số vô lượng vô biên vô sở hữu nên biết tất cả các pháp vô sở hữu.

Do nhơn duyên nầy nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Tại sao vậy? **Vì ngã chúng sanh đến tất cả các pháp đều bất khả đắc vậy.**

Lại nầy Tu Bồ Đề! Vì ngã đến tri giả, kiến giả đều vô sở hữu nên biết nội không đến vô pháp hữu pháp không đều vô sở hữu.

Vì vô pháp hữu pháp không vô sở hữu nên biết hư không vô sở hữu.

Vì hư không vô sở hữu nên biết Đại thừa vô sở hữu.

Vì Đại thừa vô sở hữu nên biết vô số vô lượng vô biên vô sở hữu.

Do nhơn duyên nầy nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Tại sao vậy? Vì ngã chúng sanh đến tất cả các pháp đều bất khả đắc vậy.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Vì ngã chúng sanh đến tri giả, kiến giả vô sở hữu nên biết tứ niệm xứ đến bất cộng pháp vô sở hữu.

Vì bất cộng pháp vô sở hữu nên biết hư không vô sở hữu.

Vì hư không vô sở hữu nên biết Đại thừa vô sở hữu.

Vì Đại thừa vô sở hữu nên biết vô số vô lượng vô biên vô sở hữu.

Vì vô biên vô sở hữu nên biết tất cả các pháp vô sở hữu.

Do nhơn duyên nầy nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Tại sao vậy? Vì ngã chúng sanh đến tất cả các pháp đều bất khả đắc vậy.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Vì ngã chúng sanh đến tri giả, kiến giả vô sở hữu nên biết tánh địa đến dĩ tác địa vô sở hữu.

Vì dĩ tác địa vô sở hữu nên biết hư không vô sở hữu.

Vì hư không vô sở hữu nên biết Đại thừa vô sở hữu.

Vì Đại thừa vô sở hữu nên biết vô số vô lượng vô biên vô sở hữu.

Do nhơn duyên nầy nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Tại sao vậy? Vì ngã chúng sanh đến tất cả các pháp đều bất khả đắc vậy.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Vì ngã đến tri giả, kiến giả vô sở hữu nên biết Tu Đà Hoàn đến A La Hán vô sở hữu.

Vì A La Hán? Vô sở hữu nên biết tất cả các pháp vô sở hữu.

Do nhơn duyên nầy nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Tại sao vậy? Vì bất khả đắc vậy.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Vì ngã đến tri giả, kiến giả vô sở hữu nên biết Thanh Văn thừa vô sở hữu.

Vì Thanh văn thừa vô sở hữu nên biết Bích Chi Phật thừa vô sở hữu.

Vì Bích Chi Phật thừa vô sở hữu nên biết Phật thừa vô sở hữu.

Vì Phật thừa vô sở hữu nên biết Thanh Văn vô sở hữu.

Vì Thanh Văn vô sở hữu nên biết Tu Đà Hoàn vô sở hữu nhẫn đến Phật vô sở hữu.

Vì Phật vô sở hữu nên biết Nhất thiết chủng trí vô sở hữu.

Vì Nhất thiết chủng trí vô sở hữu nên biết hư không vô sở hữu.

Vì hư không vô sở hữu nên biết Đại thừa vô sở hữu.

Vì Đại thừa vô sở hữu nên vô số đến tất cả các pháp vô sở hữu.

Do nhơn duyên nầy nên Đại thừa dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Tại sao vậy?

Vì bất khả đắc vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! Như trong tánh Niết bàn dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh, Đại thừa nầy cũng dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh.

Do nhơn duyên nầy nên nói rằng Đại thừa đồng đẳng với hư không cũng dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh.

Nầy Tu Bồ Đề! Như lời ông nói Đại thừa nầy chẳng thấy chỗ đến, chẳng thấy chỗ đi, chẳng thấy chỗ ở.

Đúng như vậy. Đại thừa nầy chẳng thấy chỗ đến, chỗ đi, chỗ ở. Tại sao vậy? Vì tất cả các pháp tướng chẳng lay động vậy nên các pháp chẳng có chỗ đến, chỗ đi, chỗ ở.

Tại sao vậy? Nầy Tu Bồ Đề! Sắc không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở. Thọ, tường, hành, thức cũng như vậy.

Sắc pháp, thọ pháp, tưởng pháp, hành pháp, thức pháp không từ đây đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở.

Sắc như, thọ như, tưởng như, hành như, thức như không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở.

Sắc tánh đến thức tánh không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở.

Sắc tướng đến thức tướng không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở.

Như ngũ uẩn, thập nhị nhập, thập bát giới, lục đại chủng(2) cũng vậy. Nhãn, nhãn pháp, nhãn như, nhãn tánh, nhãn tướng, đến thức chủng, thức chủng pháp, thức chủng như, thức chủng tánh, thức chủng tướng không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở.

Nầy Tu Bồ Đề**! Như, như pháp, như** như, như tánh, như tướng, thật tế, thật tế pháp, thật tế như, thật tế tánh, thật tế tướng, bất khả tư nghì, bất khả tư nghì pháp, bất khả tư nghì như, bất khả tư nghì tánh, bất khả tư nghì tướng, đều không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở.

Nầy Tu Bồ Đề! Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, ba la mật, ba la mật pháp, ba la mật như, ba la mật tánh, ba la mật tướng, không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở.

Tứ niệm xứ, tứ niệm xứ pháp, tứ niệm xứ như, tứ niệm xứ tánh, tứ niệm xứ tướng, không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở. Nhẫn đến mười tám pháp bất cộng cũng vậy

Nầy Tu Bồ Đề! Bồ Tát, Bồ Tát pháp, Bồ Tát như, Bồ Tát tánh, Bồ Tát tướng, không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở.

Phật, Phật pháp, Phật như, Phật tánh, Phật tướng không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở.

Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác pháp, Chánh giác như, Chánh giác tánh, Chánh giác tướng không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chở ở.

Nầy Tu Bồ Đề! Hữu vi, hữu vi pháp, hữu vi như, hữu vi tánh, hữu vi tướng không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở.

Vô vi, vô vi pháp, vô vi như, vô vi tánh, vô vi tướng, không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không chỗ ở.

Do nhơn duyên nầy nên Đại thừa đây chẳng thấy chỗ đến, chẳng thấy chỗ đi, chẳng thấy chỗ ở.

Nầy Tu Bồ Đề! Như lời ông nói, Đại thừa đây tiền tế, hậu tế, trung tế đều bất khả đắc, Đại thừa đây gọi là ba đời bình đẳng nên gọi là Đại thừa.

Đúng như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Đại thừa đây tiền tế bất khả đắc, hậu tế bất khả đắc, trung tế bất khả đắc, ba đời bình đẳng nên gọi là Đại thừa.

Tại sao vậy? Vì đời quá khứ thời đời quá khứ rỗng không, đời vị lai thời đời vị lai rỗng không, đời hiện tại thời đời hiện tại rỗng không, ba đời bình đẳng thời ba đời bình đẳng rỗng không, Đại thừa thời Đại thừa rỗng không, Bồ Tát thời Bồ Tát rỗng không. Tại sao vậy? tánh

không nầy chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải khác, thế nên gọi là ba đời bình đẳng, là đại Bồ Tát Đại thừa.

Trong Đại thừa nầy, bình đẳng cùng chẳng bình đẳng đều bất khả đắc, nhiễm cùng chẳng nhiễm, sân cùng chẳng sân, si cùng chẳng si, mạn cùng chẳng mạn đều bất khả đắc, nhẫn đến tất cả pháp thiện cùng pháp bất thiện đều bất khả đắc.

Trong Đại thừa nầy, thường cùng vô thường, lạc cùng khổ, thật cùng không thật, ngã cùng vô ngã đều bất khả đắc.

Trong Đại thừa nầy, Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới đều bất khả đắc. Vượt qua Dục giới, vượt qua Sắc giới, vượt qua Vô sắc giới đều bất khả đắc.

Tại sao vậy? Vì Đại thừa nầy, tự pháp bất khả đắc vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! Quá khứ sắc, thọ, tưởng, hành, thức, quá khứ sắc, thọ, tưởng, hành, thức rỗng không. Vị lai sắc, thọ, tưởng, hành, thức rỗng không. Hiện tại sắc thọ, tưởng, hành, thức, hiện tại sắc, thọ, tưởng, hành, thức rỗng không.

Trong tánh không, quá khứ, vị lai, hiện tại sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều bất khả đắc. Tại sao vậy? Vì trong tánh không, không đó còn là bất khả đắc huống là trong tánh không mà có được những tam thế ngũ uẩn.

Nầy Tu Bồ Đề! Quá khứ, vị lai, hiện tại lục ba la mật đều bất khả đắc. Trong ba đời bình đẳng, lục ba la mật cũng bất khả đắc. Tại sao vậy? Vì trong bình đẳng quá khứ, vị lai, hiện tại đều bất khả đắc. Trong bình đẳng, bình đẳng cũng còn là bất khả đắc, huống là trong bình đẳng mà có được quá khứ, hiện tại, vị lai.

Như lục ba la mật, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng cũng vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! Trong quá khứ, vị lai, hiện tại, người phàm phu bất khả đắc. Trong ba đời bình đẳng, người phàm phu cũng bất khả đắc.

Tại sao vậy? Vì chúng sanh đến tri giả, kiến giả đều bất khả đắc vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! Trong quá khứ, vị lai, hiện tại, Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát và Phật đều bất khả đắc. Trong ba đời bình đẳng, Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát và Phật cũng đều bất khả đắc.

Tại sao vậy? Vì chúng sanh đến tri giả, kiến giả đều bất khả đắc vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trong Bát nhã ba la mật học tướng ba đời bình đẳng sẽ được đầy đủ Nhất thiết chủng trí. Đây gọi là đại Bồ Tát Đại thừa, cũng chính là tướng ba đời bình đẳng.

Đại Bồ Tát an tụ trong đây thời hơn tất cả thế gian, hàng trời, Người, A tu la thành tựu Nhất thiết trí".

Bấy giờ Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Lành thay, lành thay! Đại Bồ Tát Đại thừa nầy, quá khứ chư đại Bồ Tát học trong đây đã được Nhất thiết chủng trí. Vị lai chư đại Bồ Tát học trong đây sẽ được Nhất thiết chủng trí. Hiện tại chư đại Bồ Tát trong vô lượng vô số quốc độ mười phương cũng học trong đây mà được Nhất thiết chủng trí.

Bạch đức Thế Tôn! Do đây nên Đại thừa nầy thật là đại Bồ Tát Đại thừa vậy".

Đức Phật nói: "Đúng như vậy. Quá khứ, hiện tại, vị lai, hiện tại chư Phật học trong Đại thừa nầy nên đã được, sẽ được và hiện được Nhất thiết chủng trí".

Thích nghĩa:

(1). Hư không: Xem thích nghĩa ở Phẩm "Xuất Đáo", quyển thứ sáu, MHBNBLM.

(2). Lục đại chủng: Nói đến sáu đại như đất nước gió lửa, không đại và thức đại, nếu thêm kiến đại thì thành thất đại chủng.

---o0o---

PHẨM HỘI TÔNG
THỨ HAI MƯƠI BỐN

(Tương đương với phẩm "Tùy Thuận", giữa Q.61, kinh ĐBN)

Bấy giờ Ngài Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đức Phật sai Ngài Tu Bồ Đề vì chư đại Bồ Tát giảng thuyết Bát nhã ba la mật. Nay sao lại nói Đại thừa làm chi?"

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Con nói Đại thừa có rời Bát nhã ba la mật chăng?"

Đức Phật nói: "Tu Bồ Đề nói Đại thừa không rời Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì tất cả pháp thiện, pháp trợ đạo(1), Thanh Văn pháp hoặc Bích Chi Phật pháp, hoặc Bồ Tát pháp, hoặc Phật pháp đều nhiếp vào trong Bát nhã ba la mật".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Những thiện pháp, trợ đạo pháp, Thanh Văn pháp, Bích Chi Phật pháp, Bồ Tát pháp, Phật pháp nào đều nhiếp vào trong Bát nhã ba la mật?"

Đức Phật nói: "Những lục ba la mật, tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác phần, bát thánh đạo phần, ba giải thoát môn, thập lực, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, đại từ đại bi, mười tám pháp bất cộng đây và là những thiện pháp, trợ đạo pháp khác, hoặc Thanh Văn pháp, hoặc Bích Chi Phật pháp, hoặc Bồ Tát pháp, hoặc Phật pháp đều nhiếp vào trong Bát nhã ba la mật.

Nầy Tu Bồ Đề! Hoặc đại Bồ Tát Đại thừa, hoặc sáu môn ba la mật, hoặc ngũ ấm đến ý xúc, nhơn duyên, danh thọ, hoặc sáu đại chủng, hoặc tứ niệm xứ đến bát thánh đạo phần, ba môn giải thoát và những thiện pháp, hoặc hữu lậu, vô lậu, hoặc hữu vi, vô vi, hoặc tứ đế, hoặc tam giới, hoặc thập bát không, hoặc các môn tam muội, các môn đà la ni đến mười tám pháp bất cộng, hoặc Phật, Phật pháp, Phật tánh, Phật như, thật tế, bất khả tư nghì tánh, Niết Bàn, **tất cả những pháp nầy đều chẳng hiệp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đối, không ngại, cùng một tướng, chính là vô tướng.**

Nầy Tu Bồ Đề! Do nhơn duyên đây nên Đại thừa của ông nói tùy thuận với Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì Đại thừa chẳng khác Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật chẳng khác Đại thừa, Bát nhã ba la mật cùng Đại thừa không hai không khác. Năm ba la mật kia cũng như vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! Tứ niệm xứ chẳng khác Đại thừa, Đại thừa chẳng khác tứ niệm xứ, Đại thừa cùng tứ niệm xứ không hai, không khác. Tứ chánh cần đến mười tám pháp bất cộng cũng như vậy.

Do nhơn duyên đây nên Tu Bồ Đề nói Đại thừa chính là nói Bát nhã ba la mật".

Thích nghĩa:

(1). Pháp trợ đạo: Có ý nói về 37 pháp trợ đạo, còn gọi là Tam thập thất trợ đạo chi pháp, Tam thập thất đạo phẩm, Tam thập thất Bồ đề phần, Tam thập thất giác phần. Ba mươi bảy pháp này gồm có: Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác phần và Bát thánh đạo phần. Tu các pháp tu nầy thì có cơ hội giải thoát hay nhập Niết bàn.

LƯỢC GIẢI:

Tất cả các thiện pháp từ lục Ba la mật, tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác phần, bát thánh đạo phần, ba giải thoát môn, thập lực, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, đại từ đại bi, mười tám pháp bất cộng và những thiện pháp hoặc Thanh Văn pháp, hoặc Bích Chi Phật pháp, hoặc Bồ Tát pháp, hoặc Phật pháp đều nhiếp vào trong Bát nhã ba la mật.

"Đại thừa cũng tùy thuận Bát nhã Ba la mật, vì Đại thừa chẳng khác Bát nhã Ba la mật, Bát nhã Ba la mật chẳng khác Đại thừa. Bát nhã Ba la mật và Đại thừa không hai không khác. Tứ niệm xứ chẳng khác Đại thừa. Đại thừa không khác tứ niệm xứ. Đại thừa cùng tứ niệm xứ không hai không khác. Tất cả các Phật pháp khác cũng như thế. Vì vậy, khi

nói tới Đại thừa là phải nói Bát nhã Ba la mật hay ngược lại".

Vì vậy, Tập 03, quyển thứ 61, phẩm "Khen Đại Thừa, ĐBN, Phật bảo Tu Bồ Đề:

"Thiện Hiện! Do vì nhân duyên đây, nên ngươi trước kia đã thuyết Đại thừa đối với Bát nhã Ba la mật đa thảy đều tùy thuận, không chỗ trái vượt. Hoặc thuyết Đại thừa thời là đã thuyết Bát nhã Ba la mật đa, hoặc thuyết Bát nhã Ba la mật đa thời là đã thuyết Đại thừa, vì hai pháp như thế không riêng không khác".

Đại thừa, hoặc Nhất thiết trí, hoặc Bát nhã, hoặc tất cả pháp đều chẳng hiệp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đối, không ngại, cùng một tướng, chỗ gọi là vô tướng. Đây có thể coi là anh em, bà con thân thuộc sanh ra trong cùng một thai tạng của Như Lai.

---o0o---

PHẨM THẬP VÔ
THỨ HAI MƯƠI LĂM

(Tương đương với phẩm "Vô Sở Đắc",
phần cuối Q.61 cho đến phần đầu Q.70, kinh ĐBN)

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát tiền tế bất khả đắc, hậu tế bất khả đắc, trung tế bất khả đắc.

Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức là đại Bồ Tát, đây cũng là bất khả đắc.

Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, là đại Bồ Tát, đây cũng là bất khả đắc.

Nơi tất cả thứ, tất cả chỗ cầu tìm đại Bồ Tát đều bất khả đắc.

Bạch đức Thế Tôn! Con sẽ dạy cho những đại Bồ Tát nào về Bát nhã ba la mật?

Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát chỉ có danh tự. Như nói danh tự ngã, ngã rốt ráo **chẳng sanh**. Như ngã, **các pháp cũng không tự tánh** như vậy.

Những sắc gì rốt ráo chẳng sanh? Những thọ, tưởng, hành, thức gì rốt ráo chẳng sanh?

Bạch đức Thế Tôn! Rốt ráo chẳng sanh thời chẳng gọi là sắc. Rốt ráo chẳng sanh thời chẳng gọi là thọ, tưởng, hành, thức.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu pháp rốt ráo chẳng sanh sẽ dạy Bát nhã ba la mật nầy chăng? Rời pháp rốt ráo chẳng sanh cũng không có Bồ Tát thực hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nếu Bồ Tát nghe lời nói nầy mà tâm chẳng trầm một, chẳng ăn năn, chẳng kinh hãi, chẳng sợ sệt phải biết rằng đây là bực đại Bồ Tát có thể thực hành Bát nhã ba la mật".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi Ngài Tu Bồ Đề: "Nhơn duyên gì mà nói rằng đại Bồ Tát tiền tế bất khả đắc, hậu tế bất khả đắc, trung tế bất khả đắc?

Nhơn duyên gì mà nói rằng vì sắc vô biên nên biết Bồ Tát cũng vô biên. Vì thọ, tưởng, hành, thức vô biên nên biết Bồ Tát cũng vô biên?

Nhơn duyên gì mà nói rằng sắc là Bồ Tát đây cũng bất khả đắc; thọ, tưởng, hành, thức là Bồ Tát đây cũng bất khả đắc?

Nhơn duyên gì mà nói rằng nơi tất cả thứ tất cả chỗ, Bồ Tát đều bất khả đắc, thời sẽ dạy những Bồ Tát nào về Bát nhã ba la mật?

Nhơn duyên gì mà nói rằng Bồ Tát chỉ có danh tự?

Nhơn duyên gì mà nói rằng như nói danh tự ngã, ngã rốt ráo chẳng sanh. Như ngã, các pháp cũng không tự tánh như vậy. Những sắc gì rốt ráo chẳng sanh, những thọ, tưởng, hành, thức gì rốt ráo chẳng sanh?

Nhơn duyên gì mà nói rằng rốt ráo chẳng sanh chẳng gọi là sắc, rốt ráo chẳng sanh chẳng gọi là thọ, tưởng, hành, thức?

Nhơn duyên gì mà nói rằng nếu pháp rốt ráo chẳng sanh sẽ dạy Bát nhã ba la mật nầy chăng?

Nhơn duyên gì mà nói rằng rời pháp rốt ráo chẳng sanh cũng không có Bồ Tát thực hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Nhơn duyên gì mà nói rằng nếu Bồ Tát nghe lời nói nầy mà tâm chẳng trầm một, chẳng ăn năn, chẳng kinh hãi, chẳng sợ sệt thời gọi là đại Bồ Tát thực hành Bát nhã ba la mật?

Ngài Tu Bồ Đề trả lời Ngài Xá Lợi Phất: "Vì chúng sanh vô sở hữu, nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc, hậu tế bất khả đắc, trung tế bất khả đắc. Vì chúng sanh **không**, vì chúng sanh **ly** nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc.

Vì sắc vô sở hữu, vì thọ, tưởng, hành, thức vô sở hữu nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc. Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức không, vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức ly nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc.

Vì ngũ ấm tánh vô sở hữu nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc. Vì lục ba la mật vô sở hữu nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc.

Tại sao vậy? Vì trong **tánh không**, tiền tế bất khả đắc, hậu tế bất khả đắc, trung tế bất khả đắc.

Tánh không chẳng khác Bồ Tát. Bồ Tát chẳng khác tiền tế.

Tánh không cùng Bồ Tát và tiền tế, ba pháp ấy không hai, không khác. Vì nhơn duyên nầy mà Bồ Tát tiền tế bất khả đắc.

Nầy Ngài Xá Lợi Phất! Vì sáu ba la mật rỗng không, vì sáu ba la mật rời lìa, vì sáu ba la mật tánh không có nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc.

Tại sao vậy? **Vì trong tánh không, tiền tế bất khả đắc, hậu tế bất khả đắc, trung tế bất khả đắc.**

Tánh không chẳng khác Bồ Tát. Bồ Tát chẳng khác tiền tế. Tánh không cùng Bồ Tát và tiền tế, ba pháp nầy không hai không khác. Do đây nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc.

Nầy Ngài Xá Lợi Phất! Vì nội không đến vô pháp hữu pháp không là vô sở hữu, là rỗng không, là rời lìa, là tánh không có nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc.

Vì tứ niệm xứ đến bất cộng pháp là vô sở hữu, là rỗng không, là rời lìa, là tánh không có nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc.

Tại sao vậy? Vì trong tánh không, tiền tế, hậu tế và trung tế đều bất khả đắc. Tánh không cùng Bồ Tát và tiền tế không hai, không khác. Do đây nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc.

Nầy Ngài Xá Lợi Phất! Vì tất cả tam muội môn, tất cả đà la ni môn là vô sở hữu, là rỗng không, là rời lìa, là tánh không có nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc.

Vì pháp tánh, pháp như, thật tế, bất khả tư nghì tánh là vô sở hữu, **rỗng không**, rời lìa tánh không có nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc.

Nầy Ngài Xá Lợi Phất! Vì Thanh Văn, Bích Chi Phật, Phật Đà là vô sở hữu rỗng không, rời lìa tánh không có nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc.

Vì Vô thượng Bồ đề, Nhất thiết chủng trí là vô sở hữu, rỗng không, rời lìa tánh không có nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc.

Tại sao vậy? Vì trong tánh không, tiền tế, hậu tế, trung tế đều bất khả đắc, Bồ Tát cũng bất khả đắc.

Không chẳng khác Bồ Tát, cũng chẳng khác tiền tế. Không cùng Bồ Tát và tiền tế, các pháp nầy không hai không khác. Do đây nên Bồ Tát tiền tế bất khả đắc.

Như tiền tế, hậu tế và trung tế cũng như vậy.

Lại nầy Xá Lợi Phất! **Sắc như hư không, thọ, tưởng, hành, thức cũng như hư không.**

Tại sao vậy? Như hư không, biên bờ và trung gian đều bất khả đắc. Vì không có biên và trung nên chỉ gọi tên là hư không.

Cũng vậy, sắc, thọ, tưởng, hành, thức, biên bờ và trung gian đều bất khả đắc. Vì sắc rỗng không. Trong rỗng không cũng không có biên bờ, không có trung gian. Thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy.

Do nhơn duyên nầy nên vì sắc vô biên mà biết Bồ Tát cũng vô biên. Vì thọ, tưởng, hành, thức vô biên nên biết Bồ Tát cũng vô biên. Nhẫn đến bất cộng pháp cũng luận thuyết như vậy.

Lại nầy Xá Lợi Phất! Sắc sắc tướng rỗng không, nhẫn đến thức thức tướng rỗng không.

Đàn na ba la mật Đàn na ba la mật tướng rỗng không, nhẫn đến Bát nhã ba la mật Bát nhã ba la mật tướng rỗng không.

Nội không nội không tướng rõng không, nhẫn đến vô pháp hữu pháp không tướng rỗng không.

Tứ niệm xứ tứ niệm xứ tướng rỗng không, nhẫn đến bất cộng pháp bất cộng pháp tướng rỗng không.

Pháp như pháp như tướng rỗng không nhẫn đến bất khả tư nghì tánh bất khả tư nghì tánh tướng rỗng không.

Tam muội môn tam muội môn tướng rỗng không, nhẫn đến Nhất thiết chủng trí Nhất thiết chủng trí tánh rỗng không.

Thanh Văn thừa Thanh Văn thừa tướng rỗng không, nhẫn đến Phật thừa Phật thừa tướng rỗng không.

Thanh Văn nhơn Thanh Văn nhơn tướng rỗng không, nhẫn đến Phật tướng tánh rỗng không.

Trong rỗng không đó, sắc bất khả đắc, thọ, tưởng. hành, thức bất khả đắc. Do đây nên sắc là Bồ Tát đây cũng bất khả đắc. Thọ, tưởng, hành, thức là Bồ Tát đây cũng bất khả đắc.

Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! Trong sắc, sắc bất khả đắc. Trong thọ, sắc bất khả đắc. Trong thọ, thọ bất khả đắc. Trong sắc, thọ bất khả đắc. Trong tưởng, thọ bất khả đắc. Trong tưởng, tưởng

bất khả đắc. Trong sắc thọ, tưởng bất khả đắc. Trong hành, tưởng bất khả đắc. Trong hành, hành bất khả đắc.

Trong sắc thọ tưởng, hành bất khả đắc. Trong thức, thức bất khả đắc. Trong sắc thọ tưởng hành, thức bất khả đắc.

Nầy Ngài Xá Lợi Phất! Trong nhãn, nhãn bất khả đắc. Trong nhĩ, nhĩ bất khả đắc. Trong nhãn, nhĩ bất khả đắc. Trong tĩ, tĩ bất khả đắc. Trong nhãn nhĩ, tĩ bất khả đắc. Trong thiệt, tĩ bất khả đắc. Trong thiệt, thiệt bất khả đắc. Trong nhãn nhĩ tĩ, thiệt bất khả đắc. Trong thân, thân bất khả đắc. Trong nhãn nhĩ tĩ thiệt, thân bất khả đắc. Trong ý, thân bất khả đắc. Trong ý, ý bất khả đắc. Trong nhãn nhĩ tĩ thiệt thân, ý bất khả đắc.

Như ngũ ấm và sáu căn, sáu trần, sáu thức và sáu xúc cùng sáu xúc, nhơn duyên, sanh thọ cũng vậy.

Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, nội không đến vô pháp hữu pháp không, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng, tất cả tam muội đến tất cả đà la ni môn, tánh pháp đến Bích Chi Phật pháp, sơ địa đến thập địa, Nhất thiết chủng trí, Đạo chủng trí và Nhất thiết chủng trí cũng như vậy.

Tu Đà Hoàn đến Phật cũng như vậy.

Nầy Ngài Xá Lợi Phất! Trong Bồ Tát, Bồ Tát bất khả đắc. Trong Bát nhã ba la mật, Bồ Tát bất khả đắc. Trong Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật bất khả đắc. Trong Bồ Tát, Bát nhã ba la mật bất khả đắc. Trong Bát nhã ba la mật, giáo hóa vô sở hữu bất khả đắc. Trong giáo hóa, giáo hóa vô sở hữu bất khả đắc. Trong giáo hóa, Bồ Tát và Bát nhã ba la mật vô sở hữu bất khả đắc.

Tất cả pháp vô sở hữu bất khả đắc như vậy. Do nhơn duyên nầy nên trong tất cả thứ, tất cả chỗ, Bồ Tát bất khả đắc. Thời sẽ dạy Bồ Tát nào về Bát nhã ba la mật?

Lại nầy Xá Lợi Phất! Sắc là giả danh. Thọ, tưởng, hành, thức là **giả danh**. Sắc gọi là chẳng phải sắc, nhẫn đến thức gọi là chẳng phải thức.

Tại sao vậy? Vì danh danh tướng rỗng không. Nếu rỗng không thời chẳng phải là Bồ Tát. Do nhơn duyên nầy Bồ Tát chỉ có giả danh.

Nầy Ngài Xá Lợi Phất! Đàn na ba la mật chỉ có danh tự. Trong danh tự chẳng phải có Đàn na ba la mật. Trong Đàn na ba la mật chẳng phải có danh tự. Do nhơn duyên nầy Bồ Tát chỉ có giả danh.

Như Đàn na ba la mật, năm ba la mật kia cũng vậy.

Như lục ba la mật, nội không đến vô pháp hữu pháp không, tứ niệm xứ đến bất cộng pháp, tam muội môn, đà la ni môn, đến Nhất thiết chủng trí cũng vậy. Do đây nên Bồ Tát chỉ có giả danh.

Lại nầy Xá Lợi Phất! Ngã rốt ráo bất khả đắc thời thế nào có sanh. Nhẫn đến tri giả, kiến giả rốt ráo bất khả đắc thời thế nào có sanh.

Sắc đến thức rốt ráo bất khả đắc thời thế nào có sanh.

Nhãn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ rốt ráo bất khả đắc thời thế nào có sanh.

Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật rốt ráo bất khả đắc thời thế nào có sanh.

Nội không đến vô pháp hữu pháp không rốt ráo bất khả đắc thời thế nào có sanh.

Tứ niệm xứ đến bất cộng pháp rốt ráo bất khả đắc thời thế nào có sanh.

Tam muội môn đến Nhất thiết chủng trí rốt ráo bất khả đắc thời thế nào có sanh.

Thanh Văn đến Phật rốt ráo bất khả đắc thời thế nào có sanh.

Do nhơn duyên nầy nên nói rằng như ngã, danh tự ngã cũng rốt ráo chẳng sanh.

Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất**! Vì các pháp hòa hiệp sanh nên không có tự tánh.**

Những gì hòa hiệp sanh nên không có tự tánh?

Sắc hòa hiệp sanh nên không có tự tánh.

Thọ, tưởng, hành, thức hòa hiệp sanh nên không có tự tánh.

Nhãn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ hòa hiệp sanh nên không có tự tánh.

Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật hòa hiệp sanh nên không có tự tánh.

Tứ niệm xứ đến bất cộng pháp hòa hiệp sanh nên không có tự tánh.

Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! Tất cả pháp vô thường cũng không mất".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Sắc vô thường cũng không mất. Thọ, tưởng, hành, thức vô thường cũng không mất.

Tại sao vậy? Vì pháp vô thường thời là tướng lay động, tướng rỗng không. Do đây nên tất cả pháp hữu vi vô thường cũng không mất.

Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! Hoặc pháp hữu lậu hoặc pháp vô lậu, hoặc pháp hữu ký, hoặc pháp vô ký, là pháp vô thường cũng không mất.

Tại sao vậy? Vì pháp vô thường thời là tướng lay động, là tướng rỗng không. Do đây nên tất cả pháp có tạo tác vô thường cũng không mất.

Lại nầy Ngài Xá Lợi Phất! Tất cả pháp chẳng phải thường, chẳng phải diệt".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Những pháp nào chẳng phải thường, chẳng phải diệt?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Sắc chẳng phải thường chẳng phải diệt, thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì tánh tự như vậy. Nhẫn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ, chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao vậy? Vì **tánh tự** như vậy**.**

Do những nhơn duyên trên đây, nên các pháp hòa hiệp sanh không có tự tánh".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Do duyên cớ gì mà sắc đến thức rốt ráo chẳng sanh?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Sắc đến thức chẳng phải pháp tạo tác. Vì tác giả bất khả đắc.

Nhẫn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ chẳng phải pháp tạo tác, vì tác giả bất khả đắc.

Tất cả pháp đều chẳng phải khởi, chẳng phải tác, vì tác giả bất khả đắc.

Do đây nên sắc đến thức rốt ráo bất khả sanh".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Do nhơn duyên gì mà rốt ráo bất khả sanh chẳng gọi là sắc đến thức?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Sắc tánh rỗng không. Rỗng không nầy không có sanh, không có diệt, không có trụ, không có dị. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Nhẫn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ cùng tất cả pháp hữu vi tánh rỗng không. Rỗng không nầy không có sanh, diệt, trụ, dị.

Do đây nên rốt ráo chẳng sanh chẳng gọi là sắc. Rốt ráo chẳng sanh chẳng gọi là thọ, tưởng, hành, thức".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Pháp rốt ráo chẳng sanh, nên dạy Bát nhã ba la mật nầy chăng?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Rốt ráo chẳng sanh chính là Bát nhã ba la mật. Bát nhã ba la mật chính là rốt ráo chẳng sanh. Bát nhã ba la mật cùng rốt ráo chẳng sanh không hai không khác. Do đây nên nói rằng rốt ráo chẳng sanh, nên dạy Bát nhã ba la mật nầy chăng?"

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Do nhơn duyên gì mà rời lìa rốt ráo chẳng sanh thời không Bồ Tát thực hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Đại Bồ Tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật, chẳng thấy rốt ráo chẳng sanh khác với Bát nhã ba la mật, cũng chẳng thấy rốt ráo chẳng sanh khác với Bồ Tát. Rốt ráo chẳng sanh với Bồ Tát không hai, không khác.

Chẳng thấy rốt ráo chẳng sanh khác với sắc, vì rốt ráo chẳng sanh với sắc không hai, không khác.

Chẳng thấy rốt ráo chẳng sanh khác với thọ, tưởng, hành, thức vì rốt ráo chẳng sanh với thọ, tưởng, hành, thức không hai, không khác, nhẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng như vậy.

Do đây nên lìa rốt ráo chẳng sanh nên không có Bồ Tát thực hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Do nhơn duyên gì mà Bồ Tát nghe thuyết trên đây tâm chẳng trầm một, chẳng ăn năn, chẳng kinh hãi, chẳng sợ sệt, thời gọi là Bồ Tát thực hành Bát nhã ba la mật?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Đại Bồ Tát chẳng thấy các pháp có giác tri tưởng. Đại Bồ Tát thấy tất cả các pháp như mộng, như hưởng, như ảnh, như ảo, như diệm, như hóa. Do đây nên nghe thuyết trên đây, Bồ Tát tâm chẳng trầm một, chẳng ăn năn, chẳng kinh hãi, chẳng sợ sệt".

Bấy giờ Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: "Thế Tôn! Đại Bồ Tát thực hành Bát nhã ba la mật quán sát các pháp như vậy. Lúc ấy đại Bồ Tát chẳng lãnh thọ sắc, chẳng hiển thị sắc, chẳng an trụ sắc, chẳng chấp trước sắc, cũng chẳng nói là sắc. Với thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Với nhãn, nhĩ, tĩ, thiêt, thân, ý chẳng thọ, chẳng thị, chẳng trụ, chẳng trước, cũng chẳng nói là nhãn đến ý.

Với Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, chẳng lãnh thọ, chẳnh hiển thị, chẳng an trụ, chẳng chấp trước, cũng chẳng nói là Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật.

Với nội không đến vô pháp hữu pháp không, chẳng lãnh thọ, chẳng hiển thị, chẳng an trụ, chẳng chấp trước, cũng chẳng nói là nội không đến vô pháp hữu pháp không.

Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát đối với tứ niệm xứ đến bất cộng pháp nhẫn đến Nhất thiết chủng trí, chẳng lãnh thọ, chẳng hiển thị, chẳng an trụ chẳng chấp trước.

Bạch đức Thế Tôn! Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng thấy sắc nhẫn đến chẳng thấy Nhất thiết chủng trí.

Tại sao vậy? Sắc **chẳng sanh** thời chẳng phải sắc. Thọ, tưởng, hành, thức chẳng sanh thời chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức.

Nhãn chẳng sanh thời chẳng phải nhãn. Nhĩ, tĩ, thiệt, thân, ý chẳng sanh thời chẳng phải nhĩ, tĩ, thiệt, thân, ý.

Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật chẳng sanh thời chẳng phải Đàn na ba la mật đến chẳng phải Bát nhã ba la mật.

Nội không đến vô pháp hữu pháp không chẳng sanh thời chẳng phải nội không đến chẳng phải vô pháp hữu pháp không.

Tại sao vậy? Sắc chẳng sanh thời chẳng hai, chẳng khác. Nhẫn đến vô pháp hữu pháp không chẳng sanh thời chẳng hai, chẳng khác.

Bạch đức Thế Tôn! Tứ niệm xứ chẳng sanh thời chẳng phải tứ niệm xứ. Nhẫn đến bất cộng pháp chẳng sanh thời chẳng phải bất cộng pháp.

Pháp như, pháp tánh đến bất khả tư nghì(1) tánh chẳng sanh thời chẳng phải pháp như đến chẳng phải bất khả tư nghì tánh. Nhẫn đến Nhất thiết chủng trí chẳng sanh thời chẳng phải Nhất thiết chủng trí.

Tại sao vậy? Tứ niệm xứ đến Nhất thiết chủng trí chẳng sanh thời chẳng hai, chẳng khác. Bất sanh đây chẳng phải một, chẳng phải hai, ba, chẳng phải sai khác. Thế nên pháp ấy chẳng sanh thời chẳng phải pháp ấy.

Bạch đức Thế Tôn! Sắc tướng **chẳng diệt** thời chẳng phải sắc.

Tại sao vậy? Sắc và tướng chẳng diệt chẳng hai, chẳng khác. Vì pháp chẳng diệt nầy chẳng phải một, chẳng phải hai, ba, chẳng phải sai khác. Thế nên sắc tướng chẳng diệt thời chẳng phải sắc.

Như sắc, thọ, tướng, hành, thức nhẫn đến bất cộng pháp cũng vậy.

Do đây nên sắc vào trong pháp số(2) vô nhị, thọ, tưởng, hành, thức vào trong pháp số vô nhị, nhẫn đến Nhất thiết chủng trí vào trong pháp số vô nhị”.

Thích nghĩa:

(1). Bất khả tư nghị, bất khả thuyết, bất khả đắc là những chữ đồng nghĩa và có thể thay thế cho nhau. Sẽ giải thích sau ở phần lược giải của phẩm nầy.

(2). Pháp số: Cũng gọi Danh số, Sự số. Chỉ cho những danh từ trong Phật giáo có chữ chỉ số đứng trước. Như: Tam giới (3 cõi), Tứ đế(4 đế), Ngũ uẩn(5 uẩn), Lục độ (6 độ), Bát chính đạo(8 chính đạo), Thập nhị nhân duyên (12 nhân duyên), Ngũ vị thất thập ngũ pháp (5 vị 75 pháp) v.v... Thông thường các số này được ghi theo hình thức tăng 1 số từ 1 theo thứ tự đến 2, 3, 4 v.v... Kinh Tạp a hàm, kinh Bản sự... lấy pháp số làm trung tâm để giải thích các kinh nói về pháp số. Kinh Pháp tập danh số cũng là kinh điển liệt kê pháp số. Lí sư chính đời Đường biên soạn Pháp môn danh nghĩa tập, Nhất như đời Minh biên soạn Đại minh tam tạng pháp số... đều là các trứ tác sưu tập các pháp số. Ngoài ra, các sách đồng loại còn có: Đại tạng pháp số, Tạng thừa pháp số, Chư thừa pháp số... lưu hành rất rộng.

---o0o---

QUYỂN THỨ TÁM

PHẨM VÔ SANH
THỨ HAI MƯƠI SÁU

(Tương dương đương với phẩm “Vô sanh”,
phần cuối Q74 cho đến phần đầu Q.75, kinh ĐBN)

Bấy giờ Ngài Xá Lợi Phất hỏi Ngài Tu Bồ Đề: "Đại Bồ Tát thực hành Bát nhã ba la mật quán các pháp. Những gì là Bồ Tát? Những gì là Bát nhã ba la mật? Những gì là quán?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Vì vô thượng Chánh đẳng Chánh giác phát đại tâm, người nầy gọi là Bồ Tát. Người nầy cũng biết tất cả pháp, tất cả tướng mà chẳng chấp trước, biết tướng của sắc nhẫn đến biết tướng của bất cộng pháp cũng chẳng chấp trước".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Những gì là tất cả pháp tướng?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nếu dùng danh tự, nhơn duyên hòa hiệp v.v…để biết các pháp, đây là sắc, đây là thanh, hương, vị, xúc, pháp, là pháp hữu vi, là pháp vô vi. Dùng tướng danh tự ngữ ngôn để biết các pháp thời gọi là biết các pháp tướng.

Như lời Xá Lợi Phất hỏi, những gì là Bát nhã ba la mật? Vì viễn ly nên gọi là Bát nhã ba la mật.

Những pháp gì viễn ly? Viễn ly ấm giới nhập(1). Viễn ly ba la mật. Viễn ly không, Do đây nên viễn ly gọi là Bát nhã ba la mật.

Lại viễn ly tứ niệm xứ đến viễn ly mười tám pháp bất cộng, viễn ly Nhất thiết trí. Do đây nên viễn ly gọi là Bát nhã ba la mật.

Những gì là quán? Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát quán sắc chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải lạc, chẳng phải khổ, chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã, chẳng phải không, chẳng phải bất không, chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải tác, chẳng phải vô tác, chẳng phải tịch diệt, chẳng phải chẳng tịch diệt, chẳng phải ly, chẳng phải chẳng ly, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, nội không đến vô pháp hữu pháp không, tứ niệm xứ đến bất cộng pháp, tất cả môn tam muội đến Nhất thiết chủng trí cũng như vậy. Đây gọi là đại Bồ Tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật quán các pháp".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Do nhơn duyên gì mà sắc chẳng sanh là chẳng phải sắc; nhẫn đến Nhất thiết chủng trí chẳng sanh là chẳng phải Nhất thiết chủng trí?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Sắc sắc tướng rỗng không. Trong sắc không ấy không có sắc cũng không có sanh, nhẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng như vậy. Do đây nên sắc chẳng sanh là chẳng phải sắc, nhẫn đến Nhất thiết chủng trí chẳng sanh là chẳng phải Nhất thiết chủng trí".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Do nhơn duyên gì mà nói rằng sắc chẳng hai là chẳng phải sắc, nhẫn đến Nhất thiết chủng trí chẳng hai là chẳng phải Nhất thiết chủng trí?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Có sắc là có chẳng hai, nhẫn đến có Nhất thiết chủng trí là có chẳng hai. Tất cả những pháp nầy đều chẳng hiệp, chẳng tan,, không sắc, không hình, không đối một tướng. Do đây nên sắc chẳng hai là chẳng phải sắc, nhẫn đến Nhất thiết chủng trí chẳng hai là chẳng phải Nhất thiết chủng trí". ???

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Do nhơn duyên gì mà nói rằng sắc nầy vào trong pháp số vô nhị, nhẫn đến Nhất thiết chủng trí vào trong pháp số vô nhị ?" Ngài Tu Bồ Đề nói: "Sắc chẳng khác vô sanh, vô sanh chẳng khác sắc, sắc tức là vô sanh, vô sanh tức là sắc. Do đây nên sắc vào trong pháp số vô nhị. Nhẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng như vậy".

(Phần này bắt đầu phẩm "Vô Sanh", Q74 - Q.75, kinh ĐBN)

Bấy giờ Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: "Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát thực hành Bát nhã ba la mật quán các pháp như vậy thời thấy sắc vô sanh, vì rốt ráo tịnh vậy. Thấy thọ, tưởng, hành, thức vô sanh vì rốt ráo tịnh vậy. Nhẫn đến thấy Phật và Phật pháp vô sanh vì rốt ráo tịnh vậy".

Ngài Xá Lợi Phất nói: "Cứ theo nghĩa của Tu Bồ Đề nói mà tôi được nghe thời sắc là chẳng sanh, thọ, tưởng, hành, thức là chẳng sanh, nhẫn đến Phật và Phật pháp cũng chẳng sanh.

Nếu như vậy thời lẽ ra nay chẳng nên được Tu Đà Hoàn Tu Đà Hoàn quả, Tư Đà Hàm Tư Đà Hàm quả, A Na Hàm A Na Hàm quả, A La Hán A La Hán quả, Bích Chi Phật Bích Chi Phật đạo, chẳng nên được đại Bồ Tát Nhất thiết chủng trí, cũng không có lục đạo chúng sanh(2) sai khác, cũng chẳng nên được đại Bồ Tát năm thứ bồ đề(3).

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu tất cả pháp là tướng chẳng sanh, cớ chi Tu Đà Hoàn tu đạo đế để dứt ba kiết sử? Tư Đà Hàm tu đạo đế để làm mỏng tham, sân, si? A Na Hàm tu đạo đế để dứt năm hạ phần kiết sử? A La Hán tu đạo đế để dứt năm thượng phần kiết sử? Bích Chi Phật vì pháp Bích Chi Phật mà tu đạo đế ? Cớ chi đại Bồ Tát vì thọ khổ thay chúng sanh mà làm những việc khó làm? Cớ chi Phật chuyển pháp luân?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Tôi chẳng muốn cho pháp vô sanh có sở đắc. Tôi cũng chẳng muốn cho trong pháp vô sanh có được Tu Đà Hoàn và Tu Đà Hoàn quả, nhẫn đến có được Bích Chi Phật và Bích Chi Phật đạo. Tôi cũng chẳng muốn trong pháp vô sanh có Bồ Tát làm việc khó làm để thay khổ cho chúng sanh, Bồ Tát cũng chẳng dùng tâm khó làm để hành đạo.

Tại sao vậy? Vì nếu sanh tâm khó, tâm khổ thời chẳng thể lợi ích cho vô lượng vô số chúng sanh.

Nầy Xá Lợi Phất! Nay đây Bồ Tát thương xót chúng sanh. Với chúng sanh, Bồ Tát tưởng như cha mẹ, anh em, con cháu, cũng tưởng như thân mình. Thế nên Bồ Tát có thể lợi ích cho vô lượng vô số chúng sanh, vì pháp dụng vô sở đắc vậy.

Bồ Tát nên sanh tâm như thế nầy: Như ngã bất khả đắc, nơi tất cả thứ, tất cả chỗ, nội pháp, ngoại pháp cũng vậy, đều bất khả đắc. Nếu sanh tâm như trên đây thời Bồ Tát không có tâm khó, tâm khổ. Tại sao vậy? Vì Bồ Tát nầy nơi tất cả thứ, tất cả chỗ, tất cả pháp đều chẳng lãnh thọ.

Nầy Xá Lợi Phất! Tôi cũng chẳng muốn cho trong vô sanh có Phật chứng Vô thượng Bồ đề, trong vô sanh có chuyển pháp luân, tôi cũng chẳng muốn dùng pháp vô sanh để đắc đạo".

Ngài Xá Lợi Phất nói: "Nay Tu Bồ Đề muốn khiến dùng pháp sanh đắc đạo hay là dùng pháp vô sanh đắc đạo?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Tôi chẳng muốn khiến dùng pháp sanh đắc đạo".

Ngài Xá Lợi Phất nói: "Vậy thời Tu Bồ Đề muốn khiến dùng pháp vô sanh đắc đạo?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Tôi cũng chẳng muốn khiến dùng pháp vô sanh đắc đạo".

Ngài Xá Lợi Phất nói: "Như lời Tu Bồ Đề nói thời là vô tri, vô đắc".

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Có tri, có đắc không phải hai pháp. Nay theo danh tự thế gian nên có tri, có đắc. Theo danh tự thế gian nên có Tu Đà Hoàn đến có chư Phật.

Trong đệ nhất nghĩa đế thời vô tri, vô đắc, cũng không Tu Đà Hoàn đến không chư Phật".

Ngài Xá Lợi Phất nói: "Nếu theo danh tự thế gian nên có tri, có đắc, thời sáu loài sai khác cũng do danh tự thế gian mà có, chẳng phải là đệ nhất nghĩa đế(4)".

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Đúng như vậy. Theo danh tự thế gian nên có tri, có đắc. Sáu loài sai khác cũng do danh tự thế gian mà có, chẳng phải là đệ nhất nghĩa đế.

Tại sao vậy? Vì trong đệ nhất nghĩa đế không có nghiệp, không có báo, không có sanh, không có diệt, không có tịnh, không có cấu".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Pháp chẳng sanh sanh chăng? Pháp sanh sanh chăng?"

Ngià Tu Bồ Đề nói: "Tôi chẳng muốn khiến pháp chẳng sanh sanh, cũng chẳng muốn khiến pháp sanh sanh".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Pháp chẳng sanh nào không muốn khiến sanh?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Sắc là pháp chẳng sanh, tự tánh nó rỗng không chẳng muốn khiến sanh. Nhẫn đến Vô thượng Bồ đề là pháp chẳng sanh, tự tánh nó rỗng không chẳng muốn khiến sanh".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Sanh sanh hay chẳng sanh?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Chẳng phải sanh, cũng chẳng phải chẳng sanh sanh.

Tại sao vậy? Vì sanh và chẳng sanh là hai pháp chẳng hiệp, chẳng tan, không sắc không hình, không đối, một tướng tức là không có tướng. Do đây nên chẳng phải sanh sanh cũng chẳng phải chẳng sanh sanh".

Ngài Xá Lợi Phất nói: "Tu Bồ Đề khéo thích nói pháp vô sanh và tướng vô sanh".

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Tôi thích nói pháp vô sanh và tướng vô sanh.

Tại sao vậy? Vì những pháp vô sanh, tướng vô sanh và những lời thích nói đều chẳng hiệp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đối, một tướng, tức là không có tướng".

Ngài Xá Lợi Phất nói: "Tu Bồ Đề thích nói pháp chẳng sanh, cũng thích nói tướng chẳng sanh, những lời thích nói nầy cũng chẳng sanh".

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Đúng như vậy. Vì sắc chẳng sanh nhẫn đến Nhất thiết chủng trí chẳng sanh. Do đây nên tôi thích nói pháp chẳng sanh, cũng thích nói tướng chẳng sanh, lời thích nói nầy cũng chẳng sanh".

Ngài Xá Lợi Phất nói: "Trong những người thuyết pháp, Tu Bồ Đề đáng là người trên hết. Vì có hỏi điều chi, Tu Bồ Đề đều đáp được cả".

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Vì các pháp không có sở y vậy".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Thế nào là các pháp không có sở y?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: **"Sắc tánh thường không, chẳng y tựa trong, chẳng y tựa ngoài, chẳng y tựa trung gian. Nhẫn đến Nhất thiết chủng trí tánh thường không, chẳng y tựa trong, chẳng y tựa ngoài, chẳng y tựa trung gian. Do đây nên tất cả pháp không chỗ y tựa, vì tánh thường không vậy.**

(Đây nói về tịnh đạo Bồ đề, tương đương với phẩm "Tịnh Đạo", Q.75 – Q.76, ĐBN)

Ngài Xá Lợi Phất! Thế nên đại Bồ Tát lúc thực hành sáu môn ba la mật phải tịnh sắc, thọ, tưởng, hành, thức, nhẫn đến phải tịnh Nhất thiết chủng trí".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Thế nào là đại Bồ Tát lúc thực hành sáu môn ba la mật tịnh Bồ Tát đạo?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: “Có **thế gian** Đàn na ba la mật. Có **xuất thế gian** Đàn na ba la mật. Năm ba la mật kia cũng đều có thế gian và có xuất thế gian”.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: “Thế nào là thế gian Đàn na ba la mật? Thế nào là xuất thế gian Đàn na ba la mật?”

Ngài Tu Bồ Đề nói: “Nếu đại Bồ Tát làm thí chủ có thể bố thí cho Sa Môn, Bà La Môn và người nghèo cùng đi xin: cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cần mặc cho mặc, cần chỗ ở cho chỗ ở, cần tiền bạc, châu báu, hoa hương, cần cầu thuốc mem cho thuốc mem, tất cả thứ cần dùng đều cấp cho. Lúc bố thí, Bồ Tát nghĩ rằng tôi cho họ nhận, tôi chẳng bỏn xẻn tham lam, tôi là thí chủ, tôi có thể thí xả tất cả, tôi y theo lời Phật dạy mà thật hành Đàn na ba la mật

Bố thí xong, Bồ Tát lúc dùng pháp đã được, cùng chung với tất cả chúng sanh hồi hướng Vô thượng Bồ đề mà nghĩ rằng nhân duyên bố thí nầy khiến chúng sanh được sự an lạc đời nay, về sau khiến họ được sự an lạc nhập Niết Bàn.

Nầy Xá Lợi Phất! Bồ Tát nầy bố thí có ba điều chướng ngại: Một là ngã tướng, hai là tha tướng, ba là thí tướng. Vì bố thí mà có ba tướng nầy nên gọi là thế gian Đàn na ba la mật.

Tại sao gọi là thế gian? Vì ở trong thế gian chẳng động dời, chẳng siêu xuất vậy.

Nầy Xá Lợi Phất! Thế nào gọi là xuất thế gian Đàn na ba la mật? Chính là ba phần thanh tịnh vậy.

Những gì là ba? Lúc bố thí, đại Bồ Tát chẳng thấy có mình, chẳng thấy có người nhận, chẳng có thấy vật bố thí, cũng chẳng trong mong báo đáp. Đây gọi là đại Bồ Tát ba phần thanh tịnh Đàn na ba la mật.

Lại lúc bố thí, đại Bồ Tát bố thí cho tất cả chúng sanh mà không thấy có chúng sanh, đem sự bố thí nầy hồi hướng Vô thượng Bồ đề nhẫn đến không thấy có pháp tướng vi tế.

Đây gọi là xuất thế gian Đàn na ba la mật.

Tại sao gọi là xuất thế gian? **Vì ở trong thế gian có thể động dời, có thể siêu xuất vậy.**

Năm môn ba la mật kia nếu có sở y thời gọi là thế gian, nếu không sở y thời gọi là xuất thế gian, ngoài ra như đã giải nói về Đàn na ba la mật.

Lúc thật hành sáu môn ba la mật, đại Bồ Tát tịnh Bồ Tát đạo như vậy”

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: **“Thế nào là đại Bồ Tát vì đạo Vô thượng Bồ đề?”**

Ngài Tu Bồ Đề nói: “Tứ niệm xứ là đại Bồ Tát vì đạo Vô thượng Bồ đề, nhẫn đến Bát thánh đạo phần, giải thoát môn, nội không đến vô pháp hữu pháp không, tất cả tam muội môn và đà la ni môn, thập lực, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi, đây gọi là đại Bồ Tát vì đạo Vô thượng Bồ đề”.

Ngài Xá Lợi Phất khen: “Lành thay lành thay!

Nầy Tu Bồ Đề! “Gì là ba la mật lực?”

Ngài Tu Bồ Đề nói: “Là Bát nhã ba la mật lực. Vì Bát nhã ba la mật hay sanh tất cả pháp lành của Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát và Phật.

Bát nhã ba la mật hay nạp thọ tất cả pháp lành, hoặc pháp Thanh Văn, pháp Bích Chi Phật, hoặc pháp Bồ Tát và Phật pháp.

Nầy Xá Lợi Phất! Quá khứ chư Phật thực hành Bát nhã ba la mật được Vô thượng Bồ đề. Vị lai chư Phật cũng thực hành Bát nhã ba la mật sẽ được Vô thượng Bồ đề. Hiện tại, chư Phật trong các quốc độ mười phương cũng thực hành Bát nhã ba la mật được Vô thượng Bồ đề.

Nếu lúc nghe nói Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng nghi ngờ, chẳng cho là khó, thời nên biết đại Bồ Tát nầy thật hành Bồ Tát đạo.

Người thật hành Bồ Tát đạo vì cứu tất cả chúng sanh nên tâm chẳng rời bỏ tất cả chúng sanh, bởi vô tâm đắc vậy. Bồ Tát phải thường chẳng rời niệm nầy: **Chính là đại bi niệm**".

Ngài Xá Lợi Phất lại hỏi: "Muốn khiến đại Bồ Tát thường chẳng rời niệm nầy: chính là đại bi niệm. Nếu đại Bồ Tát thường chẳng rời đại bi niệm, thời nay đây tất cả chúng sanh sẽ làm Bồ Tát. Vì tất cả chúng sanh cũng chẳng rời các niệm vậy".

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Lành thay, lành thay! Xá Lợi Phất muốn chất vấn tôi mà trở thành nghĩa của tôi.

Tại sao vậy? Vì chúng sanh không có nên niệm không. Vì chúng sanh tánh không có nên niệm tánh cũng không. Vì chúng sanh pháp không có nên niệm pháp cũng không. Vì chúng sanh ly nên niệm cũng ly. Vì chúng sanh rỗng không nên niệm cũng rỗng không. Vì chúng sanh bất khả tri nên niệm cũng bất khả tri.

Nầy Xá Lợi Phất! Vì sắc không có nên niệm cũng không. Vì sắc tánh không có nên niệm tánh cũng không. Vì sắc pháp không có nên niệm pháp cũng không. Vì sắc ly nên niệm cũng ly. Vì sắc rỗng không nên niệm cũng rỗng không. Vì sắc bất khả tri nên niệm cũng bất khả tri. Nhẫn đến Vô thượng Bồ đề cũng như vậy.

Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát thực hành Bồ Tát đạo, tôi muốn khiến chẳng rời niệm nầy: chính là đại bi niệm".

Bấy giờ đức Phật khen: "Lành thay, lành thay! Đây chính là Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát. Ai muốn nói thời phải nói như vậy.

Tu Bồ Đề nói về Bát nhã ba la mật đều là tuân thừa ý của Phật. Đại Bồ Tát học Bát nhã ba la mật phải học như lời của Tu Bồ Đề nói".

Lúc Ngài Tu Bồ Đề nói phẩm Bát nhã ba la mật, cõi Đại Thiên chấn động sáu cách.

Bấy giờ đức Phật mỉm cười.

Ngài Tu Bồ Đề bạch hỏi duyên do.

Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! Như ta nói Bát nhã ba la mật tại quốc độ nầy, mười phương trong vô lượng vô số quốc độ, chư Phật cũng nói Bát nhã ba la mật như vậy".

Lúc đức Phật nói phẩm Bát nhã ba la mật, có mười hai na do tha Nhơn, Thiên được vô sanh pháp nhẫn.

Lúc mười phương chư Phật nói Bát nhã ba la mật cũng có vô lượng vô số chúng sanh phát tâm Vô thượng Bồ đề".

Thích nghĩa:

*(1). **Ấm** hay ngũ ấm là sắc thọ tưởng hành thức; **giới** gồm sáu căn hợp với sáu trần cộng với sáu thức thành 18 giới; **xứ** gồm sáu căn (lục nhập) cộng sáu trần (ngoại nhập) họp lại thành 12 xứ.*

(2). Lục đạo chúng sanh: Sáu đường luân hồi tùy theo nghiệp của chúng sanh là: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A tu la, trời, người.

(3). Năm thứ Bồ đề: (Bồ đề Phạm, Pàli: bodhi. Dịch ý là giác, trí, tri, đạo). Nói theo nghĩa rộng, Bồ đề là trí tuệ đoạn tuyệt phiền não thế gian mà thành tựu Niết bàn. Tức là trí giác ngộ mà Phật, Duyên giác, Thanh văn đã đạt được ở quả vị của các ngài. Trong ba loại Bồ đề này, Bồ đề của Phật là rốt ráo tột bậc, nên gọi là A nậu đa la tam miệu tam Bồ đề, dịch là Vô thượng Chính đẳng Chính giác, Vô thượng Bồ đề. Về Bồ đề của Phật, theo luận Đại trí độ quyển 53, có năm loại sau: 1). Phát tâm Bồ đề, nghĩa là Bồ tát ở giai vị Thập tín phát tâm bồ đề, tâm ấy là nhân đưa đến quả bồ đề. 2). Phục tâm Bồ đề, nghĩa là Bồ tát ở các giai vị Thập trụ, Thập hành, Thập hồi hướng v.v... tu các hạnh ba la mật, chế phục phiền não, hàng phục tâm mình. 3). Minh tâm Bồ đề, nghĩa là Bồ tát ở giai vị Đăng địa biết rõ thực tướng các pháp rốt ráo trong sạch, là tướng Bát nhã ba la mật. 4). Xuất đáo Bồ đề, nghĩa là Bồ tát ở ba giai vị Bất động địa, Thiện tuệ địa, Pháp vân địa, ở trong Bát nhã ba la mật, diệt trừ phiền não trói buộc, ra khỏi ba cõi, đến Nhất thiết trí, nên gọi là xuất đáo Bồ đề. 5). Vô thượng Bồ đề, nghĩa là bậc Đẳng giác, Diệu giác chứng thành A nậu đa la tam miệu tam Bồ đề, tức là giác trí của quả Phật. Trên đây gọi chung là năm thứ hay năm loại Bồ đề. (Phỏng theo từ điển Phật Quang).

(4). Đệ nhất nghĩa đế (Phạm: Paramàrtha-satya, Pàli: Paramattha-sacca, gọi tắt là Đệ nhất nghĩa, cũng gọi là Thắng nghĩa đế, Chân đế, Thánh đế, Chân như, Thực tướng, Pháp giới, Niết bàn...): Chân thật nghĩa, là chân lý tuyệt đối, dựa vào trí tuệ viên mãn của bậc giác ngộ, vượt trên trên nhị nguyên đối đãi của cuộc đời thường. Đối lại Đệ nhị nghĩa đế còn gọi là Thế đế hay Tục đế, là chân lý tương đối dựa trên cảm quan và ý thức.

---o0o---

PHẨM THIÊN VƯƠNG
THỨ HAI MƯƠI BẢY
(Tương đương với phẩm "Thiên Đế", Q.77 đến đầu Q.81, kinh ĐBN)

Bấy giờ trong Đại Thiên thế giới, chư vị Tứ Thiên Thiên Vương cùng vô số trăm ngàn ức chư Thiên đồng đến pháp hội.

Chư vị Đao Lợi Thiên Vương cùng vô số trăm ngàn ức chư Thiên, chư vị Dạ Ma Thiên Vương, chư vị Đâu Suất Thiên Vương cùng vô số trăm ngàn ức chư Thiên, chư vị Hóa Lạc Thiên Vương cùng vô số trăm ngàn ức chư Thiên, chư vị Tự Tại Thiên Vương cùng vô số trăm ngàn ức chư Thiên, chư vị Phạm Thiên Vương cùng vô số trăm ngàn ức chư Thiên đồng đến pháp hội.

Thân quang minh do nghiệp báo sanh của chư vị Tứ Thiên Vương nhẫn đến chư vị Đại Tự Tại Thiên so với thường quang của đức Phật không bằng một phần muôn ức, ở bên Phật khác nào cột cháy nám sánh với đống vàng diêm phù đàn.

Thích Đề Hoàn Nhơn, vị Thiên Vương cõi trời Đâu Lợi bạch Ngài Tu Bồ Đề: "Chư vị Thiên Vương đây cùng hòa hiệp đều muốn nghe Đại Đức Tu Bồ Đề nói Bát nhã ba la mật.

Bạch Ngài Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát nên an trụ trong Bát nhã ba la mật thế nào? Những gì là Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát? Thế nào đại Bồ Tát thực hành Bát nhã ba la mật?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Tôi sẽ thừa thuận ý của đức Phật mà nói Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát, như chỗ chư đại Bồ Tát phải an trụ trong Bát nhã ba la mật.

Nay chư Thiên Tử nào chưa phát tâm Vô thượng Bồ đề thời nên phát tâm. Người nào nhập chánh vị Thanh Văn thời chẳng thể phát tâm Vô thượng Bồ đề. Tại sao vậy? Vì chướng cách với sanh tử vậy.

Người nầy nếu phát bồ đề tâm, tôi cũng tùy hỉ. Vì bực thượng nhân phải nên lại cầu thượng pháp. Tôi trọn không dứt tuyệt công đức của họ.

Nầy Kiều Thi Ca! **Gì là Bát nhã ba la mật?**

Đại Bồ Tát đúng với tâm Nhất thiết trí để tư niệm sắc là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã. Tư niệm sắc như bịnh, như mụn nhọt vỡ bể, như mũi tên ghim vào thân, làm cho đau đớn, suy hoại, lo sợ chẳng an, **vì vô sở đắc vậy**.

Tư niệm thọ, tưởng, hành, thức đến địa, thủy, hỏa, phong không thức, sáu đại chủng cũng như vậy, vì đều vô sở đắc cả.

Bồ Tát lại quán sắc đến thức chủng là tịch diệt, là ly, là bất sanh, là bất diệt, là bất cấu, là bất tịnh, vì vô sở đắc vậy.

Lại nầy Kiều Thi Ca! Đại Bồ Tát đúng với tâm Nhất thiết trí quán vô minh duyên ra các hành nhẫn đến lão tử nhơn duyên tụ tập những sự khổ lớn, vì cũng vô sở đắc vậy.

Đại Bồ Tát quán vì vô minh diệt nên các hành diệt, nhẫn đến vì sanh diệt nên lão tử diệt. Vì lão tử diệt nên nhóm khổ lớn ưu bi khổ não cũng diệt, vì vô sở đắc vậy.

Lại nầy Kiều Thi Ca! Đại Bồ Tát đúng với tâm Nhất thiết chủng trí tu tứ niệm xứ, vì vô sở đắc vậy. Nhẫn đến mười tám pháp bất cộng, vì vô sở đắc vậy.

Lại nầy Kiều Thi Ca! Đại Bồ Tát đúng với tâm Nhất thiết trí thực hành Đàn na ba la mật đến Thiền na ba la mật, vì vô sở đắc vậy.

Lại Kiều Thi Ca! Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát quán như vầy: **Chỉ có các pháp và các pháp làm nhơn duyên cho nhau mà có thuận ích, tăng trưởng, phân biệt, so tính, trong đây không có ngã và ngã sở.**

Tâm hồi hướng của Bồ Tát chẳng ở trong tâm Vô thượng Bồ đề, tâm Bồ đề chẳng ở trong tâm hồi hướng.

Ở trong tâm Vô thượng Bồ đề, tâm hồi hướng bất khả đắc.

Ở trong tâm hồi hướng, tâm Vô thượng Bồ đề bất khả đắc.

Đại Bồ Tát dù quán tất cả pháp, nhưng cũng không có pháp khả đắc.

Đây gọi là Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát".

Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi Ngài Tu Bồ Đề: "Thế nào là tâm hồi hướng của Bồ Tát chẳng ở trong tâm Vô thượng Bồ đề, nhẫn đến ở trong tâm hồi hướng, tâm Vô thượng Bồ đề bất khả đắc".

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Tâm hồi hướng và tâm Vô thượng Bồ đề chẳng phải tâm, là chẳng phải tâm tướng.

Trong (cái) chẳng phải tâm tướng chẳng hồi hướng được, chẳng phải tâm tướng nầy thường chẳng phải tâm tướng. Bất khả tư nghì tướng thường bất khả tư nghì tướng. Đây gọi là Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát".

Đức Phật khen: "Lành thay, lành thay! Tu Bồ Đề vì chư đại Bồ Tát mà nói Bát nhã ba la mật, an ổn tâm của đại Bồ Tát".

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: "Thế Tôn! Con phải báo ân.

Thuở quá khứ, chư Phật và các đệ tử vì hàng đại Bồ Tát nói sáu ba la mật dạy bảo lợi ích vui mừng. Lúc ấy đức Thế Tôn cũng ở nơi đó học được Vô thượng Bồ đề.

Hôm nay cũng phải vì hàng Bồ Tát nói sáu ba la mật, dạy bảo lợi ích vui mừng cho họ được Vô thượng Bồ đề".

Ngài Tu Bồ Đề nói với Thích Đề Hoàn Nhơn: "Nầy Kiều Thi Ca! Nay Ngài nên nghe chỗ nên an trụ cùng chỗ chẳng nên an trụ trong Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát.

Nầy Kiều Thi Ca! Sắc sắc rỗng không, đến thức thức rỗng không, Bồ Tát Bồ Tát rỗng không.

Sắc không và Bồ Tát không nầy chẳng hai, chẳng khác, đến thức không và Bồ Tát không chẳng hai, chẳng khác.

Nầy Kiều Thi Ca! Trong Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát nên an trụ như vậy.

Lại nhãn nhãn rỗng không, đến ý rỗng không, Bồ Tát Bồ Tát rỗng không.

Nhãn không nhãn đến Bồ Tát không chẳng hai, chẳng khác.

Lục trần, sắc đến pháp, lục đại, đại địa đến thức đại thức đại rỗng không, Bồ Tát Bồ Tát rỗng không.

Thức đại không và Bồ Tát không chẳng hai, chẳng khác.

Vô minh vô minh rỗng không đến lão tử lão tử rỗng không. Vô minh diệt vô minh diệt rỗng không đến lão tử diệt lão tử diệt rỗng không, Bồ Tát Bồ Tát rỗng không.

Vô minh không đến lão tử diệt không và Bồ Tát không chẳng hai, chẳng khác.

Nầy Kiều Thi Ca! Trong Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát phải an trụ như vậy.

Lại Đàn na ba la mật đến Nhất thiết chủng trí Nhất thiết chủng trí rỗng không, Bồ Tát Bồ Tát rỗng không.

Nhứt thiết chủng trí không và Bồ Tát không chẳng hai, chẳng khác.

Nầy Kiều Thi Ca! Trong Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát phải an trụ như vậy.

Thế nào trong Bát nhã ba la mật chỗ chẳng nên an trụ?

Nầy Kiều Thi Ca! Đại Bồ Tát chẳng nên an trụ trong sắc, thọ, tưởng, hành, thức, vì có sở đắc vậy. Chẳng nên an trụ trong nhãn đến ý. Chẳng nên an trụ trong sắc đến pháp. Chẳng nên an trụ trong nhãn thức đến ý thức. Chẳng nên an trụ trong nhãn xúc, nhơn duyên, sanh thọ, **vì có sở đắc** vậy.

Chẳng nên an trụ trong Đàn na ba la mật đến Nhất thiết trí, vì có sở đắc vậy.

Lại nầy Kiều Thi Ca! Đại Bồ Tát đối với sắc là thường, sắc là vô thường, sắc là lạc, là khổ, sắc là tịnh, sắc là bất tịnh, sắc là ngã, sắc là vô ngã, sắc là không, sắc là bất không, sắc là tịch diệt, sắc là chẳng tịch diệt, sắc là ly, sắc là chẳng ly, đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy. Như với sắc, với thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy.

Lại nầy Kiều Thi Ca! Đại Bồ Tát đối với vô vi tướng và phước điền của quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến của Phật đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy.

Ở trong sơ phát tâm: Tôi phải đầy đủ sáu môn ba la mật, sẽ nhập Bồ Tát vị, sẽ ở bực bất thối chuyển, có đủ năm thần thông, đại Bồ Tát đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy.

Có đủ năm thần thông rồi tôi sẽ đến vô lượng vô số cõi Phật để lễ kính cúng dường, nghe Phật thuyết pháp, nghe xong nói lại cho người khác. Tất cả như vậy, đại Bồ Tát đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy.

Như quốc độ nghiêm tịnh của chư Phật, tôi cũng sẽ nghiêm tịnh quốc độ như vậy, sẽ thành tựu chúng sanh khiến họ nhập Phật đạo, sẽ đến chỗ của vô lượng vô số chư Phật để tán thán kính trọng cúng dường phát tâm Vô thượng Bồ đề. Tất cả như vầy, đại Bồ Tát đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy.

Tôi sẽ sanh ngũ nhãn, sẽ sanh tất cả tam muội, tất cả đà la ni, sẽ được nhập lực, tứ vô úy, tứ vô ngại trí, mười tám pháp bất cộng, sẽ đầy đủ đại từ đại bi, ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình. Tất cả như vậy, đại Bồ Tát đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy.

Đây là bát nhơn, là tín hành nhơn, là pháp hành nhơn, Tu Đà Hoàn tột bảy đời, Tu Đà Hoàn mạng chung sạch phiền não, Tu Đà Hoàn trung gian nhập Niết Bàn, người nầy hướng Tư Đà Hàm quả chứng, Tư Đà Hàm nhứt lai nhập Niết Bàn, người nầy hướng A Na Hàm quả chứng, A Na Hàm nơi kia nhập Niết Bàn, người nầy hướng A La Hán quả chứng, A La Hán đời nay nhập vô dư Niết Bàn, người nầy là Bích Chi Phật, trụ Bồ Tát địa, vượt hơn Thanh Văn, Bích Chi Phật, được Đạo chủng trí, Nhất thiết chủng trí, đắc Vô thượng Bồ đề, sẽ chuyển pháp luân, làm Phật sự độ vô lượng chúng sanh nhập Niết Bàn. Tất cả như vậy, đại Bồ Tát đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy.

Được tứ như ý túc, trụ trong tam muội nầy sẽ trụ thọ số kiếp như số cát sông Hằng, sẽ được ba mươi hai tướng, mỗi mỗi tướng có trăm phước trang nghiêm, thế giới của ta như hằng sa thế giới mười phương, Đại Thiên thế giới của ta thuần kim cang, cây bồ đề của ta sẽ phát ra mùi thơm làm cho chúng sanh dứt sạch thân bịnh và tâm bịnh, chúng sanh nghe mùi thơm nầy sẽ sạch tham, sân, si, cũng không có tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật, tất cả sẽ được Vô thượng Bồ đề. Tất cả như vậy, đại Bồ Tát đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy.

Sẽ khiến trong thế giới của tôi không có danh tự sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không có danh tự Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, không có danh tự tứ niệm xứ đến bất cộng pháp, cũng không có danh tự Tu Đà Hoàn đến Phật. Tất cả như vậy, đại Bồ Tát đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy.

Tại sao vậy? Vì chư Phật lúc đắc Vô thượng Bồ đề, tất cả pháp đều **vô sở đắc** vậy.

Nầy Kiều Thi Ca! Thế nên ở trong Bát nhã ba la mật, Bồ Tát chẳng nên an trụ, vì có sở đắc vậy.

Ngài Xá Lợi Phất nghĩ rằng **nay đây Bồ Tát phải an trụ trong Bát nhã ba la mật như thế nào?"**

Biết tâm niệm của Ngài Xá Lợi Phất, Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nầy Xá Lợi Phất! Cứ theo ý Ngài thời chư Phật an trụ chỗ nào?"

Ngài Xá Lợi Phất nói: "**Chư Phật không có chỗ an trụ**.

Chư Phật chẳng an trụ trong sắc, chẳng an trụ trong thọ, tưởng, hành, thức, chẳng an trụ trong tánh hữu vi, trong tánh vô vi, chẳng an trụ trong tứ niệm xứ đến bất cộng pháp, chẳng an trụ trong Nhất thiết chủng trí.

Trong Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát phải an trụ như chư Phật an trụ. Nơi tất cả pháp chẳng phải an trụ chẳng phải chẳng an trụ.

Trong Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát phải học như vậy, phải an trụ nơi pháp chẳng trụ".

Bấy giờ trong pháp hội có chư Thiên Tử nghĩ rằng lời nói câu chữ của hàng Dạ Xoa còn có thế rõ biết được, Đại Đức Tu Bồ Đề luận nói, giải thích Bát nhã ba la mật, chúng tôi trọn chẳng biết chi cả.

Ngài Tu Bồ Đề biết tâm niệm của Chư Thiên Tử nên hỏi rằng: "Các Ngài chẳng hiểu, chẳng biết ư?"

Chư Thiên Tử nói: "Bạch Đại Đức! Chúng tôi chẳng hiểu, chẳng biết".

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Đúng ra thời các Ngài phải nên chẳng biết, còn tôi thì không có luận nói, nhẫn đến tôi không nói đến một chữ, cũng không có người nghe.

Tại sao vậy? Vì những chữ chẳng phải Bát nhã ba la mật. Trong Bát nhã ba la mật không có thích giả.

Vô thượng Bồ đề của chư Phật không có chữ, không có lời.

Nầy các Ngài! Như đức Phật biến hóa thành hóa nhơn. Hoá nhơn nầy lại biến hóa bốn bộ chúng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Như-lai-tạng Tiểu thừa, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di. Ở giữa bốn bộ chúng nầy, hóa nhơn thuyết pháp.

Ý các Ngài nghĩ thế nào, trong đó có thuyết giả, có thích giả, có trí giả chăng?"

Chư thiên Tử nói: "Bạch Đại Đức! Không có".

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nầy các Ngài! Tất cả pháp đều như biến hóa, trong đó không có thuyết giả, không có thính giả cũng không có tri giả.

Nầy các Ngài! Ví như có người chiêm bao thấy Phật thuyết pháp, ý các Ngài nghĩ thế nào, trong đó có thuyết giả, thính giả và tri giả chăng?"

Chư Thiên Tử nói: "Bạch Đại Đức! Không có".

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nầy các Ngài! Tất cả các pháp đều như chiêm bao, không có người nói, không có người nghe, không có người biết.

Nầy các Ngài! Ví như có hai người ở một bên bờ khe sâu lên tiếng ca ngợi Phật, Pháp và Tăng phát ra hai vang.

Ý các Ngài nghĩ thế nào, hai vang ấy có hiểu lẫn nhau chăng?"

Chư Thiên Tử nói: "Bạch Đại Đức! Không".

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nầy các Ngài! Tất cả pháp cũng như vang, không thuyết giả, không thích giả, không tri giả.

Nầy các Ngài! Như nhà ảo thuật giỏi, ở giữa ngã tư đường hóa làm Phật và bốn bộ chúng rồi thuyết pháp. Ý các Ngài nghĩ thế nào, trong đó có người nói, người nghe, người biết không?"

Chư Thiên Tử nói: "Bạch Đại Đức! Không có".

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nầy các Ngài! Tất cả pháp như ảo huyễn, trong đó không có thuyết giả, thích giả, cũng không có tri giả".

Bấy giờ chư Thiên Tử nghĩ rằng Đại Đức Tu Bồ Đề giải nói muốn cho dễ hiểu mà trở lại càng thâm, càng vi diệu hơn.

Ngài Tu Bồ Đề biết tâm niệm của chư Thiên Tử mà nói rằng: "Nầy các Ngài! Sắc chẳng phải thâm, chẳng phải diệu, thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải thâm, chẳng phải diệu. Sắc tánh đến thức tánh chẳng phải thâm, chẳng phải diệu. Nhãn tánh đến ý tánh, sắc tánh đến pháp tánh, nhãn giới tánh đến ý thức giới tánh, nhãn xúc đến ý xúc, nhãn xúc, nhơn duyên, sanh thọ đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ đều chẳng phải thâm, chẳng phải diệu.

Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, nội không đến vô pháp hữu pháp không, tứ niệm xứ đến bất cộng pháp, tất cả tam muội đến tất cả đà la ni, Nhất thiết chủng trí và Nhất thiết chủng trí tánh đều chẳng phải thâm, chẳng phải diệu".

Chư Thiên Tử nghĩ rằng trong thuyết pháp ấy chẳng phải nói sắc đến chẳng nói Nhất thiết chủng trí, chẳng nói Tu Đà Hoàn quả đến A La Hán quả, chẳng nói Bích Chi Phật đạo, chẳng nói Vô thượng Bồ đề đạo, trong chẳng pháp ấy chẳng nói danh tự ngữ ngôn.

Ngài Tu Bồ Đề biết tâm niệm của chư Thiên Tử nên nói rằng: "Nầy các Ngài! Đúng như vậy, trong pháp ấy, Vô thượng Bồ đề của chư Phật không có tướng nói được, trong ấy không có thuyết giả, không có thính giả, không có tri giả.

Nầy các Ngài! Do đây nên thiện nam tử, thiện nữ nhơn, người muốn an trụ Tu Đà Hoàn quả(1), muốn y chứng Tu Đà Hoàn quả, người nầy chẳng lìa rời trí nhẫn trên đây. Người muốn an trụ, muốn chứng Tư Đà Hàm quả, A Na Hàm quả, A La Hán quả, Bích Chi Phật đạo và Phật đạo, người nầy chẳng rời lìa trí nhẫn trên đây.

Nầy các Ngài! Đại Bồ Tát từ sơ phát tâm, ở trong Bát nhã ba la mật, phải an trụ như vậy. Vì không có nói, không có nghe vậy".

Thích nghĩa:

(1). Tu Đà Hoàn quả, Tư Đà Hàm quả…Ý muốn nói đến tám thánh Thanh văn tức bốn ***hướng*** *bốn* ***quả*** *của Thanh văn thừa.(Hướng có nghĩa là người còn trong giai đoạn tu tập để hướng tới địa vị mong muốn; Quả là người đã đoạn trừ hết các kiến hoặc hay tư hoặc mà đạt được kết quả mong muốn). Đó là: 1).Tu đà hoàn hướng (Phạm: Srotàpattipratipannaka) 2). Tu đà hoàn quả (Phạm: Srotàpanna) 3). Tư đà hàm hướng (Phạm: Sakfdàgàmi-pratipannaka) 4). Tư đà hàm quả (Phạm: Sakfdàgàmin) 5). A na hàm hướng (Phạm: Anàgàmipratipannaka) 6. A na hàm quả (Phạm: Anàgàmin) 7). A la hán hướng (Phạm: Arhatpratipannaka) 8). A la hán quả.*

---o0o---

QUYỂN THỨ CHÍN

PHẨM ẢO NHƠN THÍNH PHÁP THỨ HAI MƯƠI TÁM

(Tương đương với phẩm "Chư Thiên Tử", phần sau Q.81 cho đến phần đầu Q.82, kinh ĐBN).

Bấy giờ chư Thiên Tử nghĩ rằng nên dùng những người nào để nghe Đại Đức Tu Bồ Đề thuyết pháp?

Biết tâm niệm của chư Thiên Tử, Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nầy các Ngài! Như người ảo hóa nghe pháp, tôi phải dùng người như vậy. Vì người như vậy không có nghe, không có biết, không có chứng".

Chư Thiên Tử hỏi: "Bạch Đại Đức! Chúng sanh như ảo, người nghe pháp cũng như ảo chăng? Chúng sanh như hóa, người nghe pháp cũng như hóa chăng?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Đúng như vậy. Nầy các Ngài! Chúng sanh như ảo, người nghe pháp cũng như ảo, chúng sanh như hóa, người nghe pháp cũng như hóa.

Nầy các Ngài! Ngã như ảo, như mộng, chúng sanh đến tri giả, kiến giả cũng như ảo, như mộng.

Sắc đến thức, nhãn đến ý, sắc đến pháp, nhãn thức đến ý thức, nhãn xúc đến ý xúc, nhãn xúc nhơn duyên, sanh thọ đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ cũng như ảo, như mộng.

Nội không đến vô pháp hữu pháp không, Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, tứ niệm xứ đến bất cộng pháp cũng đều như ảo, như mộng.

Tu Đà Hoàn quả đến Phật đạo cũng như ảo, như mộng".

Chư Thiên Tử hỏi: "Đại Đức nói Phật đạo như ảo, như mộng. Niết Bàn, Đại Đức cũng nói như ảo, như mộng chăng?

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Tôi nói Phật đạo như ảo, như mộng. Tôi nói Niết Bàn cũng như ảo, như mộng. Nếu còn có pháp nào hơn Niết Bàn tôi nói cũng như ảo, như mộng. Tại sao vậy? Vì ảo mộng và Niết Bàn không hai, không khác".

(Các pháp như ảo như mộng: Phần này tương đương với phần đầu phẩm "Giáo Thọ", Q.82 trở đi, kinh ĐBN)

Bấy giờ các Ngài Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, Ma Ha Câu Si La, Ma Ha Ca Chiên Diên, Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử, Ma Ha Ca Diếp và vô số Bồ Tát hỏi Ngài Tu Bồ Đề: **"Bát nhã ba la mật như vậy rất là sâu xa, khó thấy, khó hiểu, khó biết, tịch diệt vi diệu. Ai sẽ là người lãnh thọ được?**

Ngài A Nan nói với chư đại đệ tử và chư Bồ Tát: "Chư đại Bồ Tát bất thối chuyển có thể lãnh thọ Bát nhã ba la mật rất sâu, khó thấy, khó hiểu, khó biết, tịch diệt vi diệu nầy.

Những người thành tựu chánh kiến, những bậc lậu tận A La Hán, sở nguyện đã mãn cũng có thể tín thọ.

Lại những thiện nam tử, thiện nữ nhơn đã thấy nhiều Phật, ở chỗ chư Phật đã nhiều cúng dường trồng căn lành, thường gần thiện tri thức, có căn tánh lanh lợi, những người nầy có thể lãnh thọ, chẳng nói là phải hay chẳng phải".

Ngài Tu Bồ Đề nói: **"Chẳng dùng không để phân biệt sắc, chẳng dùng sắc để phân biệt không, chẳng dùng vô tướng, vô tác để phân biệt sắc, chẳng dùng sắc để phân biệt vô tướng, vô tác, chẳng dùng vô sanh, vô diệt, tịch diệt và ly để phân biệt sắc, chẳng dùng sắc để phân biệt vô sanh, vô diệt, tịch diệt và ly. Như sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy, nhãn đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ cũng vậy, Đàn na ba la mật đến Nhất thiết chủng trí cũng vậy. Chẳng dùng không đến ly để phân biệt Nhất thiết chủng trí, chẳng dùng Nhất thiết chủng trí để phân biệt không".**

Ngài Tu Bồ Đề lại nói với chư Thiên Tử: **"Bát nhã ba la mật rất sâu nầy ai có thể lãnh thọ ư?**

Nầy các Ngài! Trong Bát nhã ba la mật nầy không có pháp chỉ bày được, không có pháp nói luận được.

Nếu đã không có pháp chỉ được, không có pháp nói được, thời người lãnh thọ cũng bất khả đắc".

Ngài Xá Lợi Phất nói với Ngài Tu Bồ Đề: "Trong Bát nhã ba la mật nói rộng giáo pháp tam thừa và giáo pháp nhiếp thủ Bồ Tát, từ bậc sơ phát ý đến bậc thập địa, từ Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, từ tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng.

Đại Bồ Tát thực hành Bát nhã ba la mật như vậy, thường hóa sanh(1) chẳng mất thần thông, đầy đủ thiện căn đi đến các cõi Phật, muốn có phẩm vật để cúng dường thời liền được như nguyện. Ở chỗ chư Phật nghe lãnh giáo pháp mãi đến Nhất thiết trí không đoạn tuyệt, chưa từng rời chánh định, sẽ được biện tài mau chóng, biện tài lanh lẹ, biệt tài bất tận, biện tài bất đoạn, biện tài đúng cơ, biện tài đúng nghĩa, biện tài hơn tất cả thế gian".

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Đúng như vậy. Như lời Xá Lợi Phất nói, Bát nhã ba la mật nói rộng giáo pháp Tam thừa và giáo pháp hộ trì Bồ Tát, nhẫn đến đại Bồ Tát được tối thượng biện tài của tất cả thế gian, vì bất khả đắc vậy.

Ngã nhẫn đến tri giả, kiến giả bất khả đắc. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật bất khả đắc. Tứ niệm xứ đến Nhất thiết chủng trí bất khả đắc".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: **"Nhơn duyên gì mà trong Bát nhã ba la mật nói rộng về giáo pháp Tam thừa vì bất khả đắc?**

Nhơn duyên gì mà trong Bát nhã ba la mật hộ trì Bồ Tát vì bất khả đắc?

Nhơn duyên gì đại Bồ Tát được biện tài mau lẹ đến tối thượng biện tài trong tất cả thế gian vì bất khả đắc?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Vì nội không nên Bát nhã ba la mật nói rộng giáo pháp Tam thừa bất khả đắc. Vì ngoại không đến vô pháp hữu pháp không nên nói rộng giáo pháp Tam thừa bất khả đắc vậy.

Vì nội không nên hộ trì Bồ Tát đến tối thượng biện tài trong tất cả thế gian bất khả đắc. Vì ngoại không đến vô pháp hữu pháp không nên Bát nhã ba la mật hộ trì Bồ Tát đến được tối thượng biện tài trong tất cả thế gian bất khả đắc vậy".

Thích nghĩa:
(1). Hóa sanh: Do chuyển hóa sanh ra, như sanh ra từ hoa sen cõi Tịnh độ của Phật A Di Đà, chớ không qua bào thai trong bụng mẹ như người ở cõi nầy.

---o0o---

PHẨM TÁN HOA
THỨ HAI MƯƠI CHÍN

(Phẩm "Tán Hoa" của kinh MHBNBLM tương đương với bốn phẩm của ĐBN:
1. Phẩm "Rải Hoa", tức cuối Q.84, ĐBN;
2. Phẩm "Học Bát Nhã", tức Q.85 cho đến phần đầu Q.89, ĐBN;
3. Phẩm "Cầu Bát Nhã", tức cuối Q.89 cho đến phần đầu Q.98, ĐBN;
4. Phẩm "Khen Các Đức", tức phần sau Q.98 cho đến phần đầu Q.99, ĐBN).

1. (Đoạn kinh sau đây tương đương với phẩm "Rải Hoa" của kinh ĐBN)

Bấy giờ Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn và chư Thiên Vương trong Đại Thiên thế giới nghĩ rằng Đại Đức Tu Bồ Đề vì chúng ta mà ban pháp vũ(1). Chúng ta nên hóa hiện hoa đẹp để rải trên đức Phật, chư đại Bồ Tát, chư Tỳ Kheo Tăng, Đại Đức Tu Bồ Đề và Bát nhã ba la mật.

Liền đó chư Thiên Vương hóa hiện hoa đẹp rải trên đức Phật, chư đại Bồ Tát, chư Tỳ Kheo Tăng, Đại Đức Tu Bồ Đề và cũng cúng dường Bát nhã ba la mật. Khắp Đại Thiên thế giới lúc bấy giờ đầy những hoa trong không gian. Những hoa nầy hóa thành những hoa đài đoan nghiêm vi diệu.

Ngài Tu Bồ Đề nghĩ rằng những hoa trên hư không do chư Thiên Tử rải, từ nào chưa từng thấy. Đây là hóa hoa, chẳng phải hoa từ cây sanh ra. Đây là hoa từ tâm thọ sanh, chẳng phải từ cây sanh.

Biết tâm niệm của Ngài Tu Bồ Đề, Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn nói: "Bạch Đại Đức! Hoa nầy chẳng phải sanh, hoa cũng chẳng từ tâm thọ sanh".

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Ngài nói hoa nầy chẳng phải sanh, hoa cũng phải từ tâm thọ sanh. Hoa nầy nếu chẳng phải là sanh pháp thời chẳng gọi là hoa".

Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn nói: "Bạch Đại Đức! Chỉ có hoa nầy là chẳng sanh, hay là sắc và thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng sanh?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Chẳng phải chỉ có hoa nầy là chẳng sanh, mà sắc cũng chẳng sanh. **Nếu đã chẳng sanh thời chẳng gọi là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng sanh. Nếu chẳng sanh thời chẳng gọi là thọ, tưởng, hành, thức.**

Như ngũ ấm(2), lục nhập(3), lục thức(4), lục xúc(5) và lục xúc, nhơn duyên, sanh thọ cũng vậy.

Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật chẳng sanh, nếu chẳng sanh thời chẳng gọi là Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật. Nội không đến vô pháp hữu pháp không cũng như vậy. Tứ niệm xứ đến bất cộng pháp chẳng sanh, Nhất thiết chủng trí cũng chẳng sanh. Nếu chẳng sanh thời chẳng gọi là tứ niệm xứ đến Nhất thiết chủng trí".

2. (Đoạn kinh sau đây tương đương với phẩm "Học Bát Nhã, kinh ĐBN)

Thiên Đế nghĩ rằng Đại Đức Tu Bồ Đề có trí huệ rất sâu, chẳng hoại giả danh mà nói các pháp tướng.

Đức Phật biết tâm niệm của Thiên Đế nên nói rằng: "Đúng như vậy. Nầy Kiều Thi Ca! Tu Bồ Đề có trí huệ rất sâu, chẳng hoại giả danh mà nói các pháp tướng".

Thiên Đế thưa: "Bạch Thế Tôn! Đại Đức Tu Bồ Đề chẳng hoại giả danh mà nói các pháp tướng như thế nào?"

Đức Phật nói: "Sắc chỉ là giả danh, Tu Bồ Đề chẳng hoại giả danh mà nói các pháp tướng. Thọ, tưởng, hành, thức cũng chỉ là giả danh, Tu Bồ Đề cũng chẳng hoại giả danh mà nói các pháp tướng.

Tại sao vậy? **Vì các pháp tướng không có hoại, chỗ nói của Tu Bồ Đề cũng không có hoại và chẳng hoại vậy.**

Như ngũ ấm, lục nhập đến lục xúc, nhơn duyên, thọ sanh, Đàn na ba la mật đến vô pháp hữu pháp không, tứ niệm xứ đến bất cộng pháp, Tu Đà Hoàn quả đến Phật đạo, Nhất thiết trí đến Nhất thiết chủng trí, Tu Đà Hoàn đến Phật, tất cả chỉ là giả danh, Tu Bồ Đề cũng chẳng hoại giả danh mà nói các pháp tướng.

Tại sao vậy? Vì các pháp tướng không có hoại và chẳng hoại, chỗ nói của Tu Bồ Đề cũng không có hoại và chẳng hoại vậy.

Nầy Kiều Thi Ca! đúng như vậy, Tu Bồ Đề chẳng hoại giả danh mà nói các pháp tướng".

Ngài Tu Bồ Đề nói với Thiên Đế: "Đúng như vậy. Nầy Kiều Thi Ca! Như lời đức Phật nói, các pháp chỉ là giả danh.

Đại Bồ Tát phải biết các pháp chỉ là giả danh như vậy. Phải học Bát nhã ba la mật như vậy.

Đại Bồ Tát học như vậy là chẳng học sắc, chẳng học thọ, tưởng, hành, thức.

Tại sao vậy? Vì chẳng thấy có sắc để học, cũng chẳng thấy có thọ, tưởng, hành, thức để học

Đại Bồ Tát học như vậy là chẳng học Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật.

Tại sao vậy? Vì chẳng thấy có Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật để học.

Đại Bồ Tát học như vậy là chẳng học nội không đến vô pháp hữu pháp không, là chẳng học tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng.

Tại sao vậy? Vì chẳng thấy có nội không đến pháp bất cộng để học.

Đại Bồ Tát học như vậy là chẳng học Tu Đà Hoàn quả đến Nhất thiết chủng trí.

Tại sao vậy? Vì chẳng thấy có quả Tu Đà Hoàn đến Nhất thiết chủng trí để học".

Thiên Đế hỏi: "Bạch Đại Đức! Do nhơn duyên gì mà chẳng thấy sắc đến chẳng thấy thấy Nhất thiết chủng trí?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "**Sắc sắc không nhẫn đến Nhất thiết chủng trí không.**

Nầy Kiều Thi Ca! Sắc không chẳng học sắc không, nhẫn đến Nhất thiết chủng trí không chẳng học Nhất thiết chủng trí không.

Nầy Kiều Thi Ca! Nếu chẳng học không như vậy thời gọi là học không, vì chẳng hai vậy.

Đại Bồ Tát nầy học sắc không nhẫn đến học Nhất thiết chủng trí không, vì chẳng hai vậy.

Nếu học sắc không vì chẳng hai, nhẫn đến học Nhất thiết chủng trí không vì chẳng hai, đại Bồ Tát nầy có thể học Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật vì chẳng hai vậy. Có thể học tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng vì chẳng hai vậy. Có thể học quả Tu Đà Hoàn đến Nhất thiết chủng trí vì chẳng hai vậy.

Đại Bồ Tát nầy có thể học vô lượng vô biên a tăng kỳ pháp.

Nếu có thể học vô lượng vô biên vô số pháp, thời đại Bồ Tát nầy **chẳng vì sắc tăng mà học, chẳng vì sắc giảm mà học**. Nhẫn đến chẳng vì Nhất thiết chủng trí tăng mà học, cũng chẳng vì Nhất thiết chủng trí giảm mà học.

Nếu chẳng vì sắc tăng giảm mà học, nhẫn đến nếu chẳng vì Nhất thiết chủng trí tăng giảm mà học, thời đại Bồ Tát nầy chẳng vì sắc thọ mà học, cũng chẳng vì sắc diệt mà học. Nhẫn đến chẳng vì Nhất thiết chủng trí thọ và diệt mà học".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi Ngài Tu Bồ Đề: "Học như vậy, đại Bồ Tát nầy **chẳng vì thọ sắc mà học, chẳng vì diệt sắc mà học**. Nhẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng chẳng vì thọ và diệt mà học?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Đại Bồ Tát nếu học như vậy thời chẳng vì thọ sắc mà học, chẳng vì diệt sắc mà học, nhẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng chẳng vì thọ diệt mà học".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Do nhơn duyên gì mà đại Bồ Tát chẳng vì thọ sắc mà học, chẳng vì diệt sắc mà học, nhẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng chẳng vì thọ diệt mà học?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Sắc nầy chẳng thọ được cũng không có ai thọ sắc, nhẫn đến Nhất thiết chủng trí chẳng thọ được cũng không ai thọ, vì nội ngoại rỗng không vậy.

Vì chẳng thọ tất cả pháp nên đại Bồ Tát có thể đến Nhất thiết chủng trí".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Đại Bồ Tát học Bát nhã ba la mật như vậy có thể đến Nhất thiết chủng trí chăng?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Đại Bồ Tát học Bát nhã ba la mật như vậy có thể đến Nhất thiết chủng trí, **vì chẳng thọ pháp vậy**".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Nếu đại Bồ Tát đối với tất cả pháp chẳng thọ, chẳng diệt mà học, thời làm sao đến được Nhất thiết chủng trí?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: **"Đại Bồ Tát thực hành Bát nhã ba la mật, chẳng thấy sắc sanh, chẳng thấy sắc diệt, chẳng thấy sắc thọ, chẳng thấy sắc chẳng thọ, chẳng thấy sắc cấu, chẳng thấy sắc tịnh, chẳng thấy sắc tăng, chẳng thấy sắc giảm. Tại sao vậy? Vì sắc sắc tánh rỗng không vậy.**

Nhẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng chẳng thấy sanh, chẳng thấy diệt, chẳng thấy thọ, chẳng thấy chẳng thọ, chẳng thấy cấu, chẳng thấy tịnh, chẳng thấy tăng, chẳng thấy giảm. Tại sao vậy? Vì Nhất thiết chủng trí tánh rỗng không vậy.

Đại Bồ Tát vì tất cả pháp chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng thọ, chẳng xả, chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng hiệp, chẳng tan, chẳng tăng, chẳng giảm, nên học Bát nhã ba la mật có thể đến Nhất thiết chủng trí. Vì không chỗ học, không chỗ đến được vậy".

3. (Đoạn kinh sau đây tương đương với phẩm “Cầu Bát Nhã”, kinh ĐBN)

Bấy giờ Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi Ngài Xá Lợi Phất: “Đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật nên cầu chỗ nào?”

Ngài Xá Lợi Phất nói: **“Đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật nên cầu ở trong phẩm Tu Bồ Đề**”.

Thiên Đế hỏi Ngài Tu Bồ Đề: “Có phải thần lực của Đại Đức khiến Xá Lợi Phất nói đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật nên cầu ở trong phẩm Tu Bồ Đề chăng?”

Ngài Tu Bồ Đề nói: “ Chẳng phải thần lực của tôi”.

Thiên Đế hỏi: “Thần lực của ai vậy?”

Ngài Tu Bồ Đề nói: “Đó là thần lực của Phật”.

Thiên đế nói: “Tất cả pháp đều không thọ xứ. Tại sao vậy? Nói là thần lực của Phật, rời tướng không thọ xứ thời Như Lại bất khả đắc, rời pháp như thời Như Lai cũng bất khả đắc”.

Ngài Tu Bồ Đề nói**: “Đúng như vậy. Nầy Kiều Thi Ca! Rời tướng không thọ xứ thời Như Lai bất khả đắc, rời pháp như thời Như Lai cũng bất khả đắc. Trong tướng không thọ xứ, Như Lai bất khả đắc. Trong pháp như, Như Lai bất khả đắc.**

Trong sắc như, Như Lai như bất khả đắc. Trong Như Lai như, sắc như bất khả đắc.

Trong sắc pháp tướng, Như Lai pháp tướng bất khả đắc. Trong Như Lai pháp tướng, sắc pháp tướng bất khả đắc. Nhẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng như vậy.

Nầy Kiều Thi Ca! Như Lai trong **sắc như** chẳng hiệp, chẳng tan, Như Lai trong thọ, tưởng, hành, thức như chẳng hiệp, chẳng tan.

Như Lai rời sắc như chẳng hiệp, chẳng tan, Như Lai rời thọ, tưởng, hành, thức như chẳng hiệp, chẳng tan.

Nhẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng như vậy.

Như Lai **trong sắc pháp tướng** chẳng hiệp, chẳng tan, Như Lai trong thọ, tưởng, hành, thức pháp tướng chẳng hiệp, chẳng tan.

Như Lai **rời sắc pháp tướng** chẳng hiệp, chẳng tan, Như Lai rời thọ, tưởng, hành, thức pháp tướng chẳng hiệp, chẳng tan.

Nhẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng như vậy.

Nầy Kiều Thi Ca! Trong tất cả pháp chẳng hiệp, chẳng tan là thần lực của Như Lai, vì dùng pháp vô sở thọ vậy.

Như lời Kiều Thi Ca nói, đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật nên cầu ở chỗ nào?

Nầy Kiều Thi Ca! **Chẳng nên ở trong sắc hay rời ngoài sắc mà cầu Bát nhã ba la mật. Chẳng nên ở trong thọ, tưởng, hành, thức hay rời ngoài thọ, tưởng, hành, thức mà cầu Bát nhã ba la mật.**

Tại sao vậy? **Bát nhã ba la mật nầy và sắc, thọ, tưởng, hành, thức, tất cả pháp đây đều chẳng hiệp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đối, một tướng duy nhứt đó là vô tướng.**

Nhẫn đến chẳng nên ở trong Nhất thiết chủng trí mà cầu Bát nhã ba la mật, cũng chẳng nên rời ngoài Nhất thiết chủng trí mà cầu Bát nhã ba la mật.

Tại sao vậy? Bát nhã ba la mật đây và Nhất thiết chủng trí, tất cả pháp nầy đều chẳng hiệp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đối, một tướng duy nhứt là vô tướng.

Tại sao vậy? Bát nhã ba la mật chẳng phải sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cũng chẳng phải rời ngoài sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Nhẫn đến chẳng phải Nhất thiết chủng trí, cũng chẳng phải rời ngoài Nhất thiết chủng trí.

Bát nhã ba la mật chẳng phải sắc như, cũng chẳng phải rời ngoài sắc như. Nhẫn đến chẳng phải Nhất thiết chủng trí như, cũng chẳng phải rời ngoài Nhất thiết chủng trí như.

Bát nhã ba la mật chẳng phải sắc pháp, cũng chẳng phải rời ngoài sắc pháp. Nhẫn đến chẳng phải Nhất thiết chủng trí pháp, cũng chẳng phải rời ngoài Nhất thiết chủng trí pháp.

Tại sao vậy? Nầy Kiều Thi Ca! **Tất cả pháp nầy đều vô sở hữu bất khả đắc.**

Vì vô sở hữu bất khả đắc, nên Bát nhã ba la mật chẳng phải sắc cũng chẳng phải rời sắc, nhẫn đến cũng chẳng phải Nhất thiết chủng trí cũng chẳng phải rời Nhất thiết chủng trí. Chẳng phải sắc như cũng chẳng phải rời sắc như, nhẫn đến cũng chẳng phải Nhất thiết chủng trí như cũng chẳng phải rời Nhất thiết chủng trí như. Chẳng phải sắc pháp cũng chẳng phải rời sắc pháp, nhẫn đến cũng chẳng phải Nhất thiết chủng trí pháp cũng chẳng phải rời Nhất thiết chủng trí pháp".

4. (Đoạn kinh sau đây tương đương với phẩm "Khen Các Đức", kinh ĐBN)

Thiên Đế nói: **"Ma ha ba la mật**(6) **nầy là đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật.**

Vô lượng ba la mật, vô biên ba la mật là đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật.

Chư Tu Đà Hoàn và quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến chư A La Hán và quả A La Hán, chư Bích Chi Phật và đạo Bích Chi Phật, chư đại Bồ Tát đều từ trong Bát nhã ba la mật nầy mà học thành.

Có thể thành tựu chúng sanh, thanh tịnh phật độ, chứng Vô thượng Bồ đề đều từ trong Bát nhã ba la mật nầy mà học thành".

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Đúng như vậy. Nầy Kiều Thi Ca! Ma ha ba la mật nầy là đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật. Vô lượng ba la mật, vô biên ba la mật là đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật.

Cũng từ trong Bát nhã ba la mật nầy mà học thành quả Tư Đà Hoàn đến thành Vô thượng Bồ đề.

Nầy Kiều Thi Ca! Vì sắc rộng lớn nên Bát nhã ba la mật cũng rộng lớn.

Tại sao vậy?

Sắc tiền tế, hậu tế và trung tế đều bất khả đắc.

Thọ, tưởng, hành, thức rộng lớn nên Bát nhã ba la mật cũng rộng lớn, vì thọ, tưởng, hành, thức, tiền tế, hậu tế và trung tế đều bất khả đắc.

Nhẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng như vậy.

Do nhơn duyên nầy nên Ma ha ba la mật nầy là đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật.

Nầy Kiều Thi Ca! Vì sắc vô lượng nên Bát nhã ba la mật vô lượng, vì sắc lượng bất khả đắc vậy.

Như hư không lượng bất khả đắc, cũng vậy sắc lượng bất khả đắc.

Hư không vô lượng nên sắc vô lượng. Vì sắc vô lượng nên Bát nhã ba la mật vô lượng.

Nhẫn đến vì Nhất thiết chủng trí vô lượng nên Bát nhã ba la mật vô lượng.

Tại sao vậy? Vì Nhất thiết chủng trí vô lượng bất khả đắc.

Như hư không lượng bất khả đắc, cũng vậy Nhất thiết chủng trí lượng bất khả đắc.

Hư không vô lượng nên Nhất thiết chủng trí cũng vô lượng.

Nhất thiết chủng trí vô lượng nên Bát nhã ba la mật cũng vô lượng.

Do nhơn duyên nầy nên đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật vô lượng.

Nầy Kiều Thi Ca! Sắc vô biên nên đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật vô biên.

Tại sao vậy? Sắc, tiền tế, hậu tế, trung tế đều bất khả đắc.

Nhẫn đến Nhất thiết chủng trí vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên. Vì Nhất thiết chủng trí, tiền tế, hậu tế, trung tế đều bất khả đắc vậy.

Do nhơn duyên nầy nên Bát nhã ba la mật vô biên.

Lại nầy Kiều Thi Ca! Vì duyên nơi vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên".

Thiên Đế hỏi: "Thế nào là duyên nơi vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Vì duyên tất cả pháp vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên".

Thiên Đế hỏi: "Thế nào duyên tất cả pháp vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Vì duyên vô biên pháp tánh nên Bát nhã ba la mật vô biên.

Lại nầy Kiều Thi Ca! Vì duyên vô biên pháp như nên Bát nhã ba la mật vô biên".

Thiên Đế hỏi: "Thế nào duyên vô biên pháp như nên Bát nhã ba la mật vô biên?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Vì pháp như vô biên nên duyên cũng vô biên. Vì duyên vô biên nên pháp như cũng vô biên".

Do nhơn duyên nầy nên đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật cũng vô biên.

Lại nầy Kiều Thi Ca! Vì chúng sanh vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên".

Thiên Đế hỏi: "Thế nào chúng sanh vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Theo ý Ngài thời những pháp gì gọi là chúng sanh?"

Thiên Đế nói: "Không có pháp gì gọi là chúng sanh. Vì giả danh nên gọi là chúng sanh.

Danh tự ấy vốn không có pháp cũng không có chỗ đến. Chỉ gượng đặt tên thôi".

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Ý Ngài nghĩ thế nào. Trong Bát nhã ba la mật nầy nói chúng sanh có thật chăng?"

Thiên Đế nói: "Không có thật".

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nếu trong Bát nhã ba la mật chẳng nói thật có, thời chúng sanh vô biên cũng bất khả đắc.

Nầy Kiều Thi Ca! Ý Ngài nghĩ thế nào? Chư Phật trong hằng sa kiếp nói chúng sanh và danh tự chúng sanh. Vả có pháp chúng sanh có sanh, có diệt chăng?"

Thiên Đế nói: "Không có. Vì bổn lai chúng sanh thường thanh tịnh vậy".

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Do nhơn duyên nầy, vì chúng sanh vô biên nên biết Bát nhã ba la mật cũng vô biên".

Thích nghĩa:

(1). Pháp vũ: Mưa pháp, ý nói bố thí pháp như mưa to tưới mát vạn vật cỏ cây.

(2). Ngũ ấm: Sắc thọ tưởng hành thức.

(3). Lục nhập: Sáu chỗ xâm nhập hay sáu căn nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý.

(4). Lục thức: Là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Khi 6 căn tiếp xúc 6 trần thì phát sinh 6 nhận thức này.

(5). Lục xúc: Chỉ cho 6 tác dụng tinh thần do 6 căn, 6 cảnh và 6 thức hòa hợp mà sinh ra. Đó là: Nhãn xúc, nhĩ xúc, tỉ xúc, thiệt xúc, thân xúc và ý xúc. 1. Nhãn xúc sinh ái: Mắt tiếp xúc với những màu sắc, hình dáng xinh đẹp ở thế gian mà sinh tâm ưa thích, không chịu lìa bỏ. 2. Nhĩ xúc sinh ái: Tai thường tiếp xúc với tất cả tiếng ca hát, đàn sáo, âm điệu du dương ở thế gian mà sinh tâm ưa thích, không lìa bỏ. 3. Tỉ xúc sinh ái: Mũi thường tiếp xúc với các mùi thơm ở thế gian như chiên đàn, trầm thủy v.v... mà tâm sinh ưa thích, không lìa bỏ. 4. Thiệt xúc sinh ái: Lưỡi thường tiếp xúc với tất cả hương vị thơm ngon của thế gian mà sinh tâm ưa thích, không lìa bỏ. 5. Thân xúc sinh ái: Thân tiếp xúc với làn da mịn màng trơn láng của người nam, người nữ mà sinh tâm ham thích, không lìa bỏ. 6. Ý xúc sinh ái: Ý thường duyên theo tất cả các pháp như sắc, thanh, hương, vị, xúc của thế gian mà sinh tâm ưa thích, không lìa bỏ. [X. kinh Tạp a hàm Q.13; luận Câu xá Q.10; luận Thuận chính lí Q.29; luận Đại thừa a tì đạt ma tạp tập Q.1]. Từ điển Phật Quang.

Ai học Phật đều có thể hiểu ý nghĩa của tất cả các pháp trên. Chỗ dẫn ý ở đây là: Khi kinh đề cập đến ngũ uẩn, lục nhập, lục thức, lục xúc tức muốn nói đến thân căn và thế giới hay nói khác là có ý đề cập đến nhân sinh và vũ trụ. Tất cả quan điểm triết học Phật giáo đều xoay quanh chủ đề này, gọi là Nhân sinh quan và Vũ trụ quan Phật giáo.

(6). Ma Ha Ba la mật: ***Ma ha*** *(Phạm: Pàli: Mahà) Cũng gọi Mạc ha, Ma hạ, Ma hê. Hán dịch: Đại. Hàm ý là nhiều, lớn, thù thắng, mầu nhiệm;* ***Ba la mật*** *(Phạm: Pàramità, Pàli: Pàramì hoặc Pàramità) Tức là từ bờ sống chết cõi mê bên này mà đến bờ Niết bàn giải thoát bên kia. Còn gọi là Ba la mật đa, Ba la nhĩ đa. Dịch ý là Đáo bỉ ngạn, Độ vô cực, Độ, Sự cứu kính. Thông thường, nói về sự tu hành của Bồ tát, đại hạnh của Bồ tát có khả năng hoàn thành tất cả mọi việc lợi mình lợi người một cách mĩ mãn rốt ráo, cho nên gọi là Sự cứu kính. Làm theo hạnh lớn ấy mà có thể từ bờ sống chết bên này đến được bờ Niết bàn bên kia, cho nên gọi là Đáo bỉ ngạn. Hạnh lớn ấy có khả năng cứu giúp mọi loài một cách bao la vô hạn, cho nên gọi là Độ vô cực. Tiếng Phạm: Pàramità, có các nghĩa: đến bờ bên kia, trọn vẹn, đầy đủ; tiếng Pàli: Pàramì, thì có các nghĩa: tối thượng, chung cực. Hợp lại Ma ha Ba la mật là pháp lớn có thể giúp mọi loài từ bờ sanh tử bên này sang bờ giác ngộ bên kia.*

---o0o---

PHẨM TAM THÁN
THỨ BA MƯƠI

Bấy giờ chư Thiên Vương và chư Thiên, chư Phạm Vương và chư Phạm Thiên, chư Thần Tiên và chư Thiên Nữ đồng thời ba phen ca ngợi rằng: "Hay thay! Pháp của Đại Đức Tu Bồ Đề tuyên đều do ân lực nhơn duyên của đức Phật ban bố cho. Nếu có đại Bồ Tát nào thực hành Bát nhã ba la mật nầy chẳng xa rời, thời chúng tôi xem vị đó như đức Phật. Tại sao? Vì trong Bát nhã

ba la mật nầy **dầu không có pháp nào có thể nắm bắt được**, từ sắc đến Nhất thiết chủng trí, nhưng có giáo pháp Tam thừa(1), tức là Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa và Phật thừa".

Đức Phật nói: "Đúng như vậy. Nầy chư Thiên Tử! Như lời các Ngài nói: Trong Bát nhã ba la mật nầy dầu không có pháp nào có thể nắm bắt được, từ sắc đến Nhất thiết chủng trí, nhưng có giáo pháp Tam thừa: Thanh Văn thừa và Bích chi Phật thừa và Phật thừa.

Nầy chư Thiên Tử! Nếu có đại Bồ Tát thực hành Bát nhã ba la mật nầy mà **chẳng lìa** thời nên xem như đức Phật, vì vô sở đắc vậy. Tại sao vậy? Trong Bát nhã ba la mật nói rộng về giáo pháp Tam thừa: Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa và Phật thừa. Trong Đàn na ba la mật, Phật bất khả đắc. Rời Đàn na ba la mật, Phật cũng bất khả đắc. Nhẫn đến trong Nhất thiết chủng trí, Phật bất khả đắc. Rời Nhất thiết chủng trí, Phật cũng bất khả đắc.

Nầy chư Thiên Tử! Đại Bồ Tát nếu có thể học tất cả pháp nầy, từ Đàn na ba la mật đến Nhất thiết chủng trí, vì cớ sự trên đây nên xem vị ấy như đức Phật.

Nầy chư Thiên Tử! Thuở xưa, thời Phật Nhiên Đăng, nơi đầu ngã tư đường trong thành Hoa Nghiêm, ta được thấy Phật và nghe pháp, liền **chẳng rời** công hạnh Đàn na ba la mật nhẫn đến chẳng rời công hạnh Bát nhã ba la mật; chẳng rời nội không đến vô pháp hữu pháp không; chẳng rời tứ niệm xứ đến bát thánh đạo phần; chẳng rời tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vố sắc định; chẳng rời tất cả tam muội môn; tất cả đà la ni môn; chẳng rời tứ vô sở úy, thập lực, tứ vô ngại trí, thập bát bất cộng pháp; chẳng rời đại từ đại bi và vô lượng Phật pháp khác, vì vô sở đắc vậy.

Bấy giờ đức Phật Nhiên Đăng thọ ký cho ta, qua khỏi một a tăng kỳ kiếp vị lai, sẽ thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn".

Chư Thiên Tử thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Rất là hi hữu, Bát nhã ba la mật nầy có thể làm cho chư đại Bồ Tát được Nhất thiết trí, vì nơi sắc đến Nhất thiết chủng trí **chẳng thủ, chẳng xả** vậy".

Bấy giờ đức Phật nhìn khắp hội chúng: Chư Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, chư đại Bồ Tát, chư Thiên Vương, chư Phạm Vương và chư Thiên Tử, Thiên Nữ.

Nhìn khắp hội chúng xong, đức Phật nói với Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn: "Nầy Kiều Thi Ca! Hoặc đại Bồ Tát, hoặc hàng tứ chúng, hoặc chư Thiên Tử, Thiên Nữ, nếu ai nghe, thọ trì, đọc tụng, thân cận, giảng thuyết, chánh ức niệm Bát nhã ba la mật nầy, chẳng rời Nhất thiết trí, thời các loài ma chẳng phá hoại được. Tại sao vậy? Vì thiện nam, thiện nữ nầy **biết rõ chắc sắc không nhẫn đến Nhất thiết chủng trí không, không chẳng thể phá hoại không, vô tướng chẳng thể phá hoại vô tướng, vô tác chẳng thể phá hoại vô tác. Tại sao vậy? Vì các pháp nầy tự tánh, tự tướng bất khả đắc nên không có sự gì phá hoại được thời đâu có ai chịu lấy não hại!**

Lại nầy Kiều Thi Ca! Thiện nam và thiện nữ nầy, hàng Nhơn Phi Nhơn không thể não hại được.

Tại sao vậy? Vì thiện nam và thiện nữ nầy, ở trong tất cả chúng sanh khéo tu tâm từ bi hỉ xã, vì vô sở đắc vậy.

Lại nầy Kiều Thi Ca! Thiện nam và thiện nữ nầy trọn không bị hoạch tử.

Tại sao vậy? Vì thiện nam và thiện nữ nầy thực hành Đàn na ba la mật, đối với tất cả chúng sanh đều dùng **tâm bình đẳng** mà bố thí vậy.

Lại nầy Kiều Thi Ca! Trong Đại Thiên thế giới, chư Thiên Vương, chư Phạm Vương và chư Thiên Tử, chư Thiên Nữ, có ai phát tâm Vô thượng Bồ đề mà chưa nghe Bát nhã ba la mật nầy và chưa thọ trì, thân cận, thời vị Trời ấy nay đây phải nghe thọ trì, thân cận, đọc tụng, chánh ức niệm, chẳng rời tâm Nhất thiết trí.

Lại nầy Kiều Thi Ca! Các thiện nam và thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật nầy rồi thọ trì, thân cận, đọc tụng, chánh ức niệm, chẳng rời tâm Nhất thiết trí, thời hoặc ở nhà vắng, hoặc ở núi rừng, hoặc ở chỗ đông người trọn không có sự kinh sợ. Tại sao vậy? Vì các thiện nam và thiện nữ nầy biết rõ nội không, biết rõ ngoại không, nhẫn đến biết rõ vô pháp hữu pháp không, vì vô sở đắc vậy".

Chư Thiên Tử thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Các thiện nam và thiện nữ có thể thọ trì Bát nhã ba la mật và thân cận, đọc tụng, chánh ức niệm, chẳng rời tâm Nhất thiết trí, thời chư Thiên chúng tôi phải thường thủ hộ người đó. Tại sao vậy? Bạch đức Thế Tôn! Vì do đại Bồ Tát nhơn duyên nơi dứt được ba ác đạo, dứt được sự nghèo cùng của Trời, Người, dứt được những tai hoạn, tật bịnh, đói khát.

Vì do đại Bồ Tát nhơn duyên nên có mười nghiệp đạo lành xuất hiện thế gian, và cũng xuất hiện tứ thiền đến Nhất thiết chủng trí.

Vì do đại Bồ Tát nhơn duyên nên thế gian bèn có những nhà đại tộc, những dòng tôn quý và Chuyển Luân Thánh Vương cùng chư Thiên và Tứ Vương Thiên đến Sắc Cứu Cánh Thiên.

Vì do đại Bồ Tát nhơn duyên nên có quả xuất thế Tu Đà Hoàn đến Bích Chi Phật đạo.

Vì do đại Bồ Tát nhơn duyên nên có thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ mà có chư Phật xuất hiện thế gian, mà có chuyển pháp luân, mà biết có Phật bửu và Tỳ Kheo Tăng bửu.

Bạch đức Thế Tôn! Do nhơn duyên trên đây nên tất cả thế gian, chư Thiên và mọi người cùng A tu la **phải thủ hộ đại Bồ Tát nầy**".

Đức Phật nói: "Đúng như vậy! Nầy chư Thiên Tử! Do đại Bồ Tát nhơn duyên mà dứt ba ác đạo nhẫn đến có Tam Bửu(2) xuất hiện thế gian. Vì thế nên chư Thiên và mọi người cùng A tu la phải thường thủ hộ, cúng dường cung kính, tôn trọng tán thán đại Bồ Tát nầy.

Nầy chư Thiên Tử! Cúng dường kính trọng đại Bồ Tát nầy thời là cúng dường đức Phật.

Nầy chư Thiên Tử! Ví như trong cõi Đại Thiên, hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật đông nhiều như rừng rậm, lúa mè, tre lau, có thiện nam, thiện nữ cúng dường kính trọng khắp tất cả cũng không bằng phước đức cúng dường kính trọng bực đại Bồ Tát sơ phát tâm chẳng rời sáu Ba la mật.

Tại sao vậy? Vì chẳng do nơi Thanh Văn và Bích Chi Phật nhơn duyên nên có đại Bồ Tát và chư Phật xuất thế. Mà **do đại Bồ Tát nhơn duyên** nên có Thanh Văn và Bích Chi Phật cùng chư Phật xuất hiện thế gian.

Vì thế nên, nầy Kiều Thi Ca! Tất cả thế gian, chư Thiên và mọi người cùng A tu la phải thường thủ hộ, cúng dường cung kính, tôn trọng tán thán đại Bồ Tát nầy".

Thích nghĩa:

(1). Chỉ cho 3 loại xe chuyên chở chúng sinh vượt sanh tử đến bờ Niết bàn. Tùy theo căn cơ của chúng sanh Phật đặt ra 3 thứ giáo pháp là Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Bồ tát thừa,

gọi là Tam thừa: 1). Thanh văn thừa (Phạm: Zràvakayàna): Nhờ tu Tứ đế mà được ngộ đạo và giải thoát nên gọi là Thanh văn. Hàng Thanh văn biết khổ, đoạn tập, ưa diệt, tu đạo, dùng tứ đế làm thừa. 2). Duyên giác thừa (Phạm:Pratyekabuddha-yàna), cũng gọi Bích chi Phật thừa, Độc giác thừa: Nhờ quán xét 12 nhân duyên sanh diệt từ Vô minh, hành, danh sắc, lục nhập… cho tới lảo tử theo hai chiều thuận nghịch mà giác ngộ lý bất sanh diệt cho nên gọi là Duyên giác. Vì vậy, bậc giác ngộ lấy 12 nhân duyên này làm thừa. 3). Bồ tát thừa (Phạm: Boddhisattvayàna), cũng gọi Đại thừa (Phạm: Mahàyàna), Phật thừa, Như lai thừa: Tu lục độ vạn hạnh, trên cầu Vô thượng Bồ đề, dưới hóa độ chúng sanh mà thành Bồ tát, Phật. Bậc nầy lấy lục độ muôn hạnh làm thừa. Bậc nhị thừa (Thanh văn và Bích chi) chỉ tự lợi, không lợi tha nên gọi chung là Tiểu thừa, còn Bồ tát thừa thì đủ cả tự lợi và lợi tha, cho nên gọi Đại thừa. Nhưng không nên phân biệt: Các danh xưng Đại thừa hay Tiểu thừa là do sự phân biệt về hạnh nguyện tu tập, không hàm ý phân chia cao thấp. Đến giai đoạn căn cơ chúng sanh thành thục thì Phật gôm ba thừa làm một là Nhất thừa tức Phật thừa (kinh Pháp Hoa: "Hội tam quy nhất" là hợp ba thừa phương tiện Thanh văn, Độc giác và Bồ tát thừa vào Nhất thừa chân thực là Phật thừa).

Phẩm "Tam Thán" nói trên liệt kê tam thừa gồm Thanh Văn thừa, Độc giác thừa và Phật thừa. Bồ tát là giai đoạn tu tập trước khi thành Phật. Hạnh nguyện của Bồ tát là đưa tất cả chúng sanh vào Niết bàn, nếu còn một chúng sanh chưa vào Niết bàn thì Bồ tát sẽ không nhập Niết bàn. Bồ tát là tiền thân của Phật, nên coi Bồ tát thừa hay Phật thừa không khác nhau.

(2). Tam Bửu hay Tam bảo là Phật, Pháp và Tăng.

---o0o---

PHẨM DIỆT TRÁNH(1)
THỨ BA MƯƠI MỐT

Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn thưa: " Bạch đức Thế Tôn! Rất lạ lùng hi hữu, đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật! Nếu ai được nghe, thọ trì, thân cận, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm được công đức trong hiện đời như vậy, cũng thành tựu chúng sanh, trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật, từ một Phật quốc đến một Phật quốc cúng dường chư Phật, muốn có đồ cúng dường liền tùy ý liền được Vô thượng Bồ đề trọn không giữa chừng quên sót. Đại Bồ Tát nầy cũng được gia thành tựu, mẫu thành tựu, sanh thành tựu, quyến thuộc thành tựu, tướng thành tựu, quang minh thành tựu, nhãn thành tựu, nhĩ thành tựu, tam muội thành tựu, đà la ni thành tựu.

Đại Bồ Tát nầy dùng phương tiện lực biến thân chư Phật, đến các quốc độ không Phật để tán dương lục Ba la mật, tứ niệm xứ đến thập bát bất cộng pháp, dùng sức phương tiện mà thuyết pháp, dùng pháp Tam thừa để độ thoát chúng sanh, chính là Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa và Phật thừa.

Bạch đức Thế Tôn! Rất hi hữu! Thọ trì Bát nhã ba la mật là đã tổng nhiếp năm ba la mật đến mười tám pháp bất cộng, cũng là tổng nhiếp pháp Tu Đà Hoàn đến Phật đạo và Nhất thiết chủng trí".

Đức Phật nói: "Đúng như vậy. Nầy Kiều Thi Ca! **Thọ trì Bát nhã ba la mật là đã tổng nhiếp năm ba la mật đến Nhất thiết chủng trí.**

Lại nầy Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ thọ trì, thân cận, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm Bát nhã ba la mật nầy hiện đời được công đức, nên nhứt tâm nghe kỹ".

Thiên Đế thưa: " Bạch đức Thế Tôn! Chúng tôi kính xin thọ giáo".

Đức Phật nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Nếu có các ngoại đạo phạm chí, hoặc ma vương ma dân, hoặc kẻ tăng thượng mạn muốn chống trái, phá hoại tâm Bát nhã ba la mật của Bồ Tát, những kẻ ấy vừa sanh lòng ác thời liền diệt mất, trọn chẳng được theo ý muốn.

Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát thường thật hành sáu Ba la mật.

Do các chúng sanh mãi mãi tham tránh nên đại Bồ Tát xã tất cả những nội vật, ngoại vật để an lập chúng sanh trong Đàn na ba la mật.

Do các chúng sanh mãi mãi đấu tranh nên đại Bồ Tát xã tất cả nội pháp, ngoại pháp để an lập chúng sanh nơi Nhẫn nhục ba la mật.

Do các chúng sanh mãi mãi giải đãi nên đại Bồ Tát xã tất cả nội pháp, ngoại pháp để an lập chúng sanh nơi Tinh tấn ba la mật.

Do các chúng sanh mãi mãi loại tâm nên đại Bồ Tát xả tất cả nội pháp, ngoại pháp để an lập chúng sanh nơi Thiền na ba la mật.

Do các chúng sanh mãi mãi ngu si nên đại Bồ Tát xả tất cả nội pháp, ngoại pháp để an lập chúng sanh nơi Bát nhã ba la mật.

Do chúng sanh mãi mãi vì ái kiết(2) mà luân chuyển sanh tử, nên đại Bồ Tát dùng sức phương tiện dứt ái kiết của chúng sanh, để an lập chúng sanh nơi tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, tứ niệm xứ đến Phật đạo.

Trên đây là đại Bồ Tát thực hành Bát nhã ba la mật được **công đức trong đời hiện tại.**

Công đức đời sau được Vô thượng Bồ đề, chuyển pháp luân, đầy đủ hạnh nguyện, nhập vô dư Niết Bàn.

Lại nầy Kiều Thi Ca! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhơn nghe, thọ trì, thân cận, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm Bát nhã Ba la mật nầy, thời chỗ ở của người nầy, các hàng ngoại đạo, ma vương, ma dân, kẻ tăng thượng mạn muốn khinh hủy, vấn nạn, phá hoại Bát nhã Ba la mật trọn chẳng thành được. Ác tâm của người nầy lần giảm diệt, lại nhờ nghe Bát nhã Ba la mật nầy nên lần lần do đạo Tam thừa đặng hết những khổ.

Nầy Kiều Thi Ca! Ví như có vị thuốc tên ma kỳ. Có rắn đói đi kiếm ăn thấy mồi muốn mổ ăn, con mồi chạy, đến chỗ vị thuốc ma kỳ. Do sức của hơi thuốc nên rắn không giám tiến lại mà phải trở lui. Vì sức thuốc có thể thắng sức độc vậy.

Nầy Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ nầy nghe, thọ trì, thân cận, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm Bát nhã ba la mật nầy, nếu có những sự đấu tranh muốn đến phá hoại, do oai lực của Bát nhã ba la mật, ác sự liền tiêu mau diệt, người nầy liền sanh thiện tâm, thêm nhiều công đức.

Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật nầy có thể diệt những sự đấu tranh.

Những gì là sự đấu tranh? Chính là tham, sân, si, vô minh nhẫn đến những cái, kiết, sử, triền, nhóm khổ lớn, ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, đoạn kiến, thường kiến, cấu kiến, tịnh kiến, hữu kiến, vô kiến, xan tham, phạm giới, sân khuể, giải đãi, loạn ý, vô trí, thường tưởng, lạc tưởng, tịnh tưởng, ngã tưởng, chấp sắc, chấp thọ, tưởng, hành, thức,

chấp Đàn na ba la mật nhẫn đến chấp Nhất thiết chủng trí, chấp Niết Bàn, những sự đấu tranh nầy đều có thể tiêu diệt không cho tăng trưởng.

Lại nầy Kiều Thi Ca! Trong Đại Thiên thế giới, chư Thiên Vương đến Sắc Cứu Cánh Thiên thường thủ hộ thiện nam, thiện nữ nào có thể nghe, thọ trì Bát nhã ba la mật, cúng dường người đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm Bát nhã ba la mật. Hiện tại chư Phật mười phương cũng đồng ủng hộ thiện nam, thiện nữ nầy.

Các thiện nam tử, thiện nữ nầy dứt pháp ác, thêm lớn pháp lành, như là Đàn na ba la mật cùng tăng đến Nhất thiết chủng trí, càng tăng vì vô sở đắc vậy. Các thiện nam, thiện nữ nầy có lời nói ra đều được lời tín thọ, hàng thân hữu bền chặt. Thiện nam, thiện nữ nầy không nói lời vô ích, chẳng bị sân khuể che đậy, chẳng bị kiêu mạn, xan tham, tật đố che đậy. Người nầy tự mình chẳng sát sanh, tán thán pháp chẳng sát sanh, cũng hoan hỷ tán thán người chẳng sát sanh. Người nầy tự mình xa lìa trộm cắp, dạy người chẳng trộm cắp, tán thán pháp chẳng trộm cắp, cũng hoan hỷ tán thán người chẳng trộm cắp. Người nầy tự mình chẳng tà dâm, dạy người chẳng tà dâm, tán thán pháp chẳng tà dâm, cũng hoan hỷ tán thán người chẳng tà dâm. Người nầy tự mình chẳng vọng ngữ, dạy người chẳng vọng ngữ, tán thán pháp chẳng vọng ngữ, cũng hoan hỷ tán thán người chẳng vọng ngữ. Nơi chẳng lưỡng thiệt, chẳng ác khẩu và chẳng vô ích ngữ cũng như vậy.

Người nầy tự mình chẳng tham, dạy người chẳng tham, tán thán pháp chẳng tham, cũng hoan hỷ tán thán người chẳng tham. Nơi chẳng sân não và chẳng tà kiến cũng như vậy.

Người nầy tự thực hành Đàn na ba la mật, dạy người thực hành Đàn na ba la mật, dạy người thực hành Đàn na ba la mật, tán thán pháp Đàn na ba la mật, cũng hoan hỷ tán thán người thực hành Đàn na ba la mật. Nhẫn đến tự được Nhất thiết chủng trí, dạy người được Nhất thiết chủng trí, tán thán pháp Nhất thiết chủng trí, cũng hoan hỷ tán thán người được Nhất thiết chủng trí.

Đại Bồ Tát nầy lúc thực hành sáu ba la mật, có bố thí bao nhiêu đều cùng chúng sanh hồi hướng Vô thượng Bồ đề, vì vô sở đắc vậy.

Lúc thực hành lục ba la mật như vậy, thiện nam, thiện nữ nầy nghĩ rằng nếu không bố thí, tôi sẽ sanh nhà bần cùng, chẳng có thể thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, cũng chẳng có thể được Nhất thiết chủng trí.

Nếu không giữ giới, tôi sẽ sanh trong ba ác đạo, còn chẳng được nhơn thân huống là có thể thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, được Vô thượng Bồ đề.

Nếu không tu nhẫn nhục, thân tôi sẽ hủy hoại các căn, sắc lực sẽ không đầy đủ, chẳng thể được sắc thân toàn vẹn của Bồ Tát mà chúng sanh ngó thấy ắt thêm lớn căn lành mãi đến Vô thượng Bồ đề, cũng không thể thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, được Nhất thiết chủng trí.

Nếu giải đãi, tôi chẳng thể được Bồ Tát đạo thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, được Nhất thiết chủng trí.

Nếu loạn tâm, tôi sẽ chẳng sanh được các thiền định, cũng chẳng thể thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, được Nhất thiết chủng trí.

Nếu tôi vô trí, không được phương tiện trí thời không thể vượt hơn bực Thanh Văn, Bích Chi Phật để thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, được Nhất thiết chủng trí.

Đại Bồ Tát nầy lại nghĩ rằng tôi chẳng nên vì tùy xan tham và chẳng đầy đủ Đàn na ba la mật, chẳng nên vì tùy phạm giới mà chẳng đầy đủ Thi na ba la mật, chẳng nên vì tùy sân khuể mà chẳng đầy đủ Nhẫn nhục ba la mật, chẳng nên vì tùy giải đãi mà chẳng đầy đủ Tinh tấn ba la mật, chẳng nên vì tùy loạn ý mà chẳng đầy đủ Thiền na ba la mật, chẳng nên vì tùy si tâm mà chẳng đầy đủ Bát nhã ba la mật.

Nếu chẳng đầy đủ sáu ba la mật, thời tôi trọn chẳng thể thành tựu Nhất thiết chủng trí.

Thiện nam, thiện nữ nầy thọ trì, thân cận, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm Bát nhã ba la mật như vậy cũng chẳng rời tâm Nhất thiết chủng trí, **được những công đức đời nầy và đời sau**".

Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Hi hữu thay, đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật, vì hồi hướng tâm Nhất thiết chủng trí, cũng vì chẳng **cao tâm**".

Đức Phật nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Thế nào là đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật vì hồi hướng tâm Nhất thiết trí, cũng vì chẳng cao tâm?"

Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát nếu thực hành thế gian Đàn na ba la mật bố thí cho chư Phật, Bích Chi Phật, Thanh Văn và người nghèo cùng khốn khổ, vì **không phương tiện lực** nên sanh cao tâm.

Nếu thực hành thế gian Thi na ba la mật, nghĩ rằng tôi thật hành trì giới, tôi có thể đầy đủ Giới ba la mật, vì không phương tiện nên sanh cao tâm.

Nhẫn đến thực hành thế gian Bát nhã ba la mật, **nghĩ rằng tôi thực hành Bát nhã ba la mật, tôi tu Bát nhã ba la mật, vì không phương tiện nên sanh cao tâm.**

Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát lúc tu thế gian tứ niệm xứ, tự nghĩ rằng tôi tu tứ niệm xứ, tôi đầy đủ tứ niệm xứ, vì không phương tiện nên sanh cao tâm.

Nhẫn đến mười tám pháp bất cộng đến Nhất thiết chủng trí, nghĩ rằng tôi tu pháp bất cộng, tôi sẽ thành tựu chúng sanh, tôi sẽ thanh tịnh Phật độ, tôi sẽ được Nhất thiết chủng trí. Vì còn có ngô ngã không phương tiện nên sanh cao tâm.

Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát thực hành thế gian thiện pháp như vậy, vì **thấy có ngô ngã** nên sanh cao tâm.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát thực hành xuất thế gian Đàn na ba la mật chẳng thấy có người thí, chẳng thấy có kẻ nhận, chẳng thấy có vật bố thí. Thực hành xuất thế gian Đàn na ba la mật như vậy thì hồi hướng Nhất thiết chủng trí cũng chẳng sanh cao tâm.

Thực hành Thi na ba la mật, Thi na ba la mật bất khả đắc.

Thực hành Tinh tấn ba la mật, Tinh tấn ba la mật bất khả đắc.

Thực hành Thiền na ba la mật, Thiền na ba la mật bất khả đắc.

Thực hành Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật bất khả đắc.

Tu tứ niệm xứ, tứ niệm xứ bất khả đắc.

Nhẫn đến tu Nhất thiết chủng trí, Nhất thiết chủng trí bất khả đắc.

Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật như vậy, vì hồi hướng Nhất thiết chủng trí, vì chẳng sanh cao tâm".

Thích nghĩa:

(1). Diệt tránh: Diệt trừ tranh cãi, đấu tranh.

(2). Ái kiết hay ái kết, nói tắt là kết. Kết có nghĩa là trói buộc. Vì tham ái trói buộc con người nên gọi là kết. Vì chúng sinh tham ái mà tạo các nghiệp bất thiện: giết hại, trộm cướp, dâm dục, nói dối v.v..., do đó dẫn đến cái khổ sống chết trong đời sau, trôi lăn trong ba cõi, không thoát ra được, cho nên gọi là ái kết.

---o0o---

QUYỂN THỨ MƯỜI

PHẨM BỬU THÁP ĐẠI MINH
THỨ BA MƯƠI HAI

(Tương đương với phần cuối của phẩm "Nhiếp Thọ", Q.102 và phần đầu phẩm "So Lường Công Đức", từ số Q.103 trở đi của kinh ĐBN)

Đức Phật nói với Thiên Đế: "Nầy Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật nầy rồi thọ trì, thân cận, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm, chẳng rời tâm Nhất thiết trí, lúc lâm trận, do tụng Bát nhã ba la mật nên vào trong quân trận trọn chẳng mất mạng, đao tên không hại. Tại sao vậy? Thiện nam, thiện nữ nầy mãi mãi thực hành sáu ba la mật, tự trừ đao tên dâm dục của mình, cũng trừ đao tên dâm dục của người khác, tự trừ đao tên sân khuể của mình, cũng trừ đao tên sân khuể của người khác, tự trừ đao tên ngu si của mình, cũng trừ đao tên ngu si của người khác, tự trừ đao tên tà kiến của mình, cũng trừ đao tên tà kiến của người, tự trừ đao tên triền cấu, cũng trừ đao tên triền cấu của người, tự trừ đao tên kiết sử, cũng trừ đao tên kiết sử của người.

Nầy Kiều Thi Ca! Do nhơn duyên nầy, nên thiện nam, thiện nữ nầy chẳng bị đao tên làm hại.

Lại nầy Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật nầy thọ trì, thân cận, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm, chẳng rời tâm Nhất thiết trí, tất cả những độc, cổ độc, hầm lửa, nước sâu, dao chém đều không làm hại được.

Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật nầy là **đại minh chú, là vô thượng chú**.

Nếu thiện nam, thiện nữ học đại minh chú nầy thời chẳng tự não hại lấy thân mình, cũng chẳng não hại người khác, cũng chẳng não hại cả mình lẫn người.

Tại sao vậy? Vì thiện nam, thiện nữ nầy chẳng thấy có ngã, chẳng thấy có chúng sanh, nhẫn đến tri giả, kiến giả đều bất khả đắc. Chẳng thấy có sắc, nhẫn đến chẳng thấy có Nhất thiết chủng trí.

Vì chẳng thấy có, nên chẳng tự não hại thân mình, chẳng não hại người khác, cũng chẳng não hại lẫn mình cả người.

Vì học đại minh chú nầy nên được Vô thượng Bồ đề, quán tâm của tất cả chúng sanh mà tùy ý thuyết pháp.

Tại sao vậy? Vì quá khứ chư Phật học đại minh chú nầy đã được Vô thượng Bồ đề, vị lai chư Phật học đại minh chú nầy sẽ được Vô thượng Bồ đề, hiện tại chư Phật học đại minh chú nầy được Vô thượng Bồ đề.

Lại nầy Kiều Thi Ca! Nếu có người chỉ biên chép quyển kinh Bát nhã ba la mật nầy mà thờ nơi nhà, chớ không thọ trì, không đọc tụng, chẳng giảng thuyết, chẳng chánh ức niệm, tất cả hàng Nhơn, Phi Nhơn không thể phá hoại chỗ đó được.

Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật nầy được tất cả chư Thiên Vương, chư Phạm Vương cùng chư Thiên trong Đại Thiên thế giới và trong vô số vô lượng thế giới mười phương đồng ủng hộ.

Chỗ thờ Bát nhã ba la mật nầy, chư Thiên đều đến cúng dường, kính trọng, lễ lại rồi đi.

Chỉ có biên chép Bát nhã ba la mật để thờ tại nhà, mà thiện nam, thiện nữ ấy còn được công đức hiện đời như vậy.

Ví như hoặc có người hoặc có súc vật đến dưới cây bồ đề, thời hàng Nhơn, Phi Nhơn mang ác ý đến không làm hại được.

Tại sao vậy? Vì chỗ cây bồ đề nầy là nơi mà quá khứ chư Phật được Vô thượng Bồ đề, vị lai chư Phật và hiện tại chư Phật cũng ở nơi đó mà được Vô thượng Bồ đề. Khi được thành Phật rồi, đều bố thí sự không kinh sợ*(bố thí úy)* cho tất cả chúng sanh, làm cho vô lượng vô số chúng sanh được phước lạc trong Người trên Trời, cũng làm cho vô lượng vô số chúng sanh được quả Tu Đà Hoàn đến quả Vô thượng Bồ đề.

Do oai lực của Bát nhã ba la mật, nên chỗ ấy được sự cung kính, lễ bái, cúng dường".

(Phần này tương đương với phần đầu phẩm "So lường Công Đức", từ Q.103 trở đi của kinh ĐBN)

Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ biên chép cúng dường Bát nhã ba la mật, hoặc có thiện nam, thiện nữ sau khi đức Phật nhập diệt xây tháp cúng dường Xá Lợi(1), hai người nầy ai được phước nhiều?"

Đức Phật nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Ta hỏi lại Ngài, tùy ý Ngài đáp.

Do học đạo gì mà Phật được Vô thượng Bồ đề thân tướng hảo nầy?"

Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Do học trong Bát nhã ba la mật mà đức Phật được Vô thượng Bồ đề cùng thân tướng hảo trang nghiêm".

Đức Phật nói: "Đúng như vậy! Nầy Kiều Thi Ca! Đức Phật từ trong Bát nhã ba la mật mà học được Nhất thiết chủng trí.

Nầy Kiều Thi Ca! Chẳng phải do thân tướng hảo mà gọi là Phật. Chính là do được Nhất thiết chủng trí nên gọi là Phật.

Nầy Kiều Thi Ca! Nhất thiết chủng trí của Phật sanh từ trong Bát nhã ba la mật.

Nầy Kiều Thi Ca! Thân của Phật đây là chỗ sở y(2) của Nhất thiết chủng trí. Nhơn nơi thân nầy mà Phật được Nhất thiết chủng trí. Nên nghĩ rằng thân của đức Phật đây là chỗ sở y của Nhất thiết chủng trí. Vì thế nên sau khi Phật nhập Niết Bàn, Xá Lợi sẽ được cúng dường.

Lại nầy Kiều Thi Ca! Nếu thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật nầy rồi biên chép, thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán, thời tức là cúng dường Nhất thiết chủng trí.

Do cớ nầy nên thiện nam, thiện nữ nên biên chép Bát nhã ba la mật nầy, rồi hoặc thọ trì, thân cận, đọc tụng, chánh ức niệm, kính trọng, cúng dường, tán thán.

Sau khi đức Phật nhập Niết Bàn, nếu có thiện nam, thiện nữ xây tháp cúng dường Xá Lợi, kính lễ, tán thán. Lại có thiện nam, thiện nữ biên chép, thọ trì Bát nhã ba la mật nầy mà kính thọ, cúng dường, tán thán, thời được phước rất nhiều.

Tại sao vậy? **Vì trong Bát nhã ba la mật nầy xuất sanh nội không đến vô pháp hữu pháp không, xuất sanh tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng, xuất sanh tất cả tam muội, tất cả thiền định, tất cả đà la ni. Thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ đều xuất phát từ trong Bát nhã ba la mật nầy. Bồ Tát thành tựu tất cả công hạnh cũng từ trong Bát nhã ba la mật nầy. Tất cả phước quả của loài Người cùng cõi Trời đến Sắc Cứu Cánh Thiên đều từ Bát nhã ba la mật nấy sanh. Những Thánh quả từ Tu Đà Hoàn đến chư Phật và Nhất thiết chủng trí của chư Phật đều từ trong Bát nhã ba la mật nầy xuất sanh".**

Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Người Diêm Phù Đề(3) chẳng cúng dường, tán thán Bát nhã ba la mật, phải chăng vì họ chẳng biết cúng dường thời được nhiều lợi ích?"

Đức Phật nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Trong Diêm Phù Đề, đối với Phật, Pháp và Tăng có bao nhiêu người có lòng tin bất hoại? Có bao nhiêu người không nghi? Có bao nhiêu người quyết liễu(4)?"

Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đối với Phật, Pháp và Tăng, trong Diêm Phù Đề ít người có lòng tin bất hoại, cũng ít người không nghi và quyết liễu".

Đức Phật nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Trong Diêm Phù Đề, có bao nhiêu người được ba mươi bảy phẩm trợ đạo, ba môn giải thoát, tám bội xả, chín thứ đệ định, bốn trí vô ngại, sáu thần thông?

Trong Diêm Phù Đề có bao nhiêu người dứt ba kiết sử, được đạo Tu Đà Hoàn? Bao nhiêu người dứt ba kiết sử cũng mõng tham, sân, si, được đạo Tư Đà Hàm? Bao nhiêu người dứt **năm hạ phần kiết**(5), được đạo A Na Hàm? Bao nhiêu người dứt năm hạ(thượng) phần kiết(6), được đạo A La Hán? Bao nhiêu người cầu đạo Bích Chi Phật? Bao nhiêu người phát tâm Vô thượng Bồ đề?"

Thiên Đế thưa: "Trong Diêm Phù Đề, ít người được ba mươi bảy phẩm trợ đạo, nhẫn đến ít người phát tâm Vô thượng Bồ đề".

Đức Phật nói: "Đúng như vậy. Nầy Kiều Thi Ca! Trong Diêm Phù Đề ít người đối với Phật, Pháp Tăng có lòng tin bất hoại, không nghi và quyết liễu. Cũng ít người được ba mươi bảy phẩm trợ đạo, nhẫn đến ít người phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Trong những người phát tâm nầy lại ít người thực hành Bồ Tát hạnh.

Tại sao vậy? Vì những chúng sanh trong Diêm Phù Đề, đời trước của họ chẳng thấy Phật, chẳng nghe Pháp, chẳng cúng dường Tỳ Kheo Tăng, chẳng bố thí, chẳng trì giới, chẳng nhẫn nhục, chẳng tin tấn, chẳng thiền định, chẳng trí tuệ, chẳng nghe nội không đến vô pháp hữu pháp không, chẳng nghe, chẳng tu tứ niệm xứ đến bất cộng pháp, chẳng nghe, chẳng tu những môn tam muội, những môn đà la ni, cũng chẳng tu Nhất thiết chủng trí.

Do cớ trên đây nên ít chúng sanh tin bất hoại nơi Tam Bảo, nhẫn đến ít người phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Trong những người phát tâm lại ít người thực hành Bồ Tát đạo.

Trong những người thực hành Bồ Tát đạo lại ít người được Vô thượng Bồ đề.

Nầy Kiều Thi Ca! Ta dùng Phật nhãn thấy trong những thế giới phương Đông có vô lượng vô số chúng sanh phát tâm Vô thượng Bồ đề, thật hành Bồ Tát đạo, nhưng vì xa lìa sức phương tiện Bát nhã ba la mật nên có rất ít người được an trụ bực bất thối chuyển, còn phần nhiều thời sa vào hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật. Trong chín phương kia cũng như vậy.

Vì thế nên thiện nam, thiện nữ phát tâm cầu Vô thượng Bồ đề phải nghe Bát nhã ba la mật và phải thọ trì, thân cận, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm. Xong rồi lại phải biên chép, cung kính, tôn trọng, tán thán và cúng dường Bát nhã ba la mật.

Những thiện pháp khác vào trong Bát nhã ba la mật cũng phải nghe, thọ trì nhẫn đến cúng dường. Những gì là thiện pháp khác? Chính là Đàn na ba la mật đến Thiền na ba la mật, nội không đến vô pháp hữu pháp không, những tam muội môn, đàn la ni môn, tứ niệm xứ đến bất cộng pháp, đại từ đại bi.

Vô lượng thiện pháp như vậy đều vào trong Bát nhã ba la mật cũng phải nghe, thọ trì nhẫn đến chánh ức niệm và tán thán, cúng dường.

Thiện nam, thiện nữ phải nghĩ rằng lúc làm Bồ Tát, đức Phật học và thực hành Bát nhã ba la mật cùng vô lượng thiện pháp cũng như vậy.

Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật cùng vô lượng thiện pháp là chỗ tôn quý của ta, là **pháp ấn**(7) của chư Phật, cũng là pháp ấn của Thanh Văn, Bích Chi Phật.

Chư Phật do học Bát nhã ba la mật nhẫn đến Nhất thiết chủng trí mà được đến bỉ ngạn.

Chư Bích Chi Phật và Thanh Văn cũng học Bát nhã ba la mật nhẫn đến Nhất thiết trí mà đến bỉ ngạn.

Nầy Kiều Thi Ca! Thế nên thiện nam, thiện nữ, lúc Phật còn tại thế hoặc sau khi Phật nhập Niết Bàn, phải y chỉ(8) Bát nhã ba la mật, Thiền na ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Thi na ba la mật, Đàn na ba la mật, nhẫn đến phải y chỉ Nhất thiết chủng trí.

Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật nhẫn đến Nhất thiết chủng trí là chỗ mà chư Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát, chư Phật và tất cả thế gian, Trời, Người, A tu la đều đáng y chỉ nơi đó.

Sau khi Phật nhập Niết Bàn, nếu thiện nam, thiện nữ, vì **cúng dường Phật mà xây tháp bảy báu(9)** cao một do tuần, dùng hoa hương, an lạc, phan cái, kỹ nhạc cõi Trời để cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán. Nầy Kiều Thi Ca! Do nhơn duyên nầy, thiện nam, thiện nữ ấy được phước nhiều chăng?"

Thiên Đế nói: "Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều, rất nhiều!"

Đức Phật nói: "Nhưng vẫn không bằng phước của thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật nầy và **biên chép, thọ trì, thân cận, đọc tụng**, chánh ức niệm, chẳng rời tâm bát nhã, cùng cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường.

Nầy Kiều Thi Ca! Chẳng luận một tháp bảy báu. Sau khi Phật nhập Niết Bàn, vì cúng dường Phật nên thiện nam, thiện nữ xây tháp bảy báu **khắp Diêm Phù Đề** cũng đều cao một do tuần, dùng hoa hương, anh lạc, phan cái, kỹ nhạc cõi Trời để cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán. Thiện nam, thiện nữ ấy được phước nhiều chăng?"

Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Phước của thiện nam, thiện nữ ấy rất nhiều".

Thích nghĩa:

(1). Xá lợi: Phần còn lưu lại của nhục thân Phật sau khi trà tì (thiêu), chính là Phật cốt.

(2). Sở y (Phạn: Àzraya. Pàli: Assay): Sở Y đối với Năng y. Chỗ được nương tựa. Duy thức học gọi cái chỗ mà khi 8 thức tâm, tâm sở sinh khởi nương gá vào là Sở y. Có 3 loại: 1). Nhân duyên y (cũng gọi Chủng tử y): Chỉ cho nhân sinh khởi của các pháp hữu vi, cũng tức là chủng tử của mỗi pháp trong tất cả các pháp. 2). Tăng thượng duyên y (cũng gọi Câu hữu y): Chỉ cho chỗ nương của tâm, tâm sở pháp khi khởi chuyển, tức chỉ cho Nội lục xứ. 3). Đẳng vô gián duyên y (cũng gọi Khai đạo y): Chỉ cho chỗ nương hiện khởi của tâm, tâm sở pháp, tức là nghĩa tiền diệt

(3). Diêm Phù Đề còn gọi là Thiệm bộ châu, danh từ cũ gọi là Uế châu, một trong bốn châu nằm ở phương nam núi Tu di, cho nên cũng gọi là Nam diêm phù đề (Phạm: Dakwiịa-jambu-dvìpa). Có sách gọi Diêm Phù Đề là Cõi Sa bà (Phạm:Sahàlokadhàtu) hay Ta bà tức thế giới mà chúng ta đang sống và do đức Phật Thích Ca Mâu ni giáo hóa.

(4). Quyết liễu: 1. Quyết định dứt khoát. 2. Hiểu rõ tường tận.

*(5). Năm hạ phần kiết (hay Năm kiết(kết) thuận hạ phần, Phạm: Paĩca-àvarahàgìya-saôyo= janàni): Đối lại: Ngũ thượng phần kết. Chỉ cho 5 thứ kết hoặc(phiền não buộc chặt)thuận theo hạ phần giới, tức là 5 thứ kết hoặc thuộc hạ phần giới (cõi Dục) trong 3 cõi(Dục, sắc và Vô sắc). Năm thứ kết hoặc này buộc chặt chúng sinh trong cõi Dục, khiến không thể nào thoát ra được. Ngũ hạ phần kết là: **1. Dục tham**: Đối với cảnh vừa ý sinh tâm tham đắm, không biết thế nào là đủ. **2. Sân khuể**: Đối với cảnh trái ý nổi lòng giận tức, mãi không thôi. **3. Hữu thân kiến**: Đối với danh(tâm), sắc(sắc thân), 5 ấm, 12 nhập, 18 giới, vọng chấp là thân, bám chặt vào ngã kiến. **4. Giới cấm thủ kiến**: Chấp lấy các tà giới phi lí, vô đạo. **5. Si**: Tâm mê trái lí, ngờ vực không quyết, do sự ngờ vực này mà mê chân theo vọng, bỏ giác hợp trần. Do 2 kết Dục tham và Sân khuể nói trên mà chúng sinh cõi Dục không thể thoát ra khỏi cõi Dục, nếu người có khả năng vượt thoát nhưng lại do 3 kết sau (Hữu thân kiến, Giới cấm thủ kiến, Nghi) nên cuối cùng cũng trở lại cõi Dục, vì thế lập riêng 5 thứ kết hoặc này mà gọi là Thuận hạ phần kết. Ngũ thuận hạ phần kết lấy 31 việc làm tự tính, Dục tham và Sân khuể mỗi thứ đều là sở đoạn(cái được đoạn trừ)của 5 bộ cõi Dục, cho nên có 10 việc; Hữu thân kiến là Kiến khổ sở đoạn(phiền não do Kiến đạo dứt trừ) trong 3 cõi, vì thế có 3 việc; Giới cấm thủ kiến đều là sở đoạn của Kiến đạo và Tu đạo trong 3 cõi, cho nên có 6 việc; Nghi đều là sở đoạn của 4 bộ trong 3 cõi, vì thế có 12 việc, tổng cộng là 31 việc. [X. kinh Tạp a hàm Q.32; luận Câu xá Q.21; luận Đại tì bà sa Q.49; luận Thuận chính lí Q.54; Đại thừa nghĩa chương Q.5, phần cuối]. (xt. Ngũ Bộ). Từ điển Phật Quang.*

*(6). Năm thượng phần kiết(gọi đủ: Ngũ thuận thượng phần kết, gọi tắt: Ngũ thượng kết, Ngũ thượng hay Năm kiết(kết) thuận thượng phần, Phạm: Paĩcaùrdhvabhàgìyasaôyojanàni): Năm thứ phiền não (kết = thắt, buộc) trói buộc chúng sinh ở 2 cõi Sắc và Vô sắc thuộc thượng phần giới, làm cho không ra khỏi được 2 cõi này. Đó là: **1. Sắc tham**: Phiền não tham đắm 5 món dục lạc của cõi Sắc. **2. Vô sắc tham**: Phiền não tham đắm cảnh giới thiền định của cõi Vô sắc. **3. Điệu cử**: Chúng sinh trong 2 cõi trên do tâm niệm loạn động mà lui mất thiền định. **4. Mạn**: Chúng sinh trong 2 cõi trên do tâm kiêu mạn mà cậy mình, lấn lướt người khác. **5. Vô minh**: Phiền não do tham đắm thiền định mà không rõ biết chân tính. Năm phiền não (kết) này lấy 8*

việc ở cõi trên do Tu đạo đoạn trừ trong thân bậc Thánh làm tự tính, nghĩa là Sắc tham, tức ái của cõi Sắc do Tu đạo đoạn trừ (1 việc); Vô sắc tham, tức là ái của cõi Vô sắc do Tu đạo đoạn trừ (1 việc); Điệu cử tức là Điệu cử của 2 cõi trên đều do Tu đạo đoạn trừ (2 việc); Mạn tức là Mạn của 2 cõi trên đều doTu đạo đoạn trừ (2 việc); Vô minh tức là Vô minh của 2 cõi trên đều do Tu đạo đoạn trừ (2 việc). Ngũ thượng phần kết này chỉ giới hạn ở Tu đạo đoạn chứ không chung cho Kiến đạo đoạn, vì những phiền não(kết hoặc)do Kiến đạo đoạn thường làm cho con người sa đọa, cho nên không được lập làm Thượng phần kết. [X. kinh Chúng tập trong Trường a hàm Q.8; luận Câu xá Q.21; luận Đại tì bà sa Q.49; luận A tì đạt ma phát trí Q.3; luận Thành thực Q.10]. (xt. Ngũ Hạ Phần Kết). Từ điển Phật Quang.

(7). Pháp ấn (Phạm: Dharma-mudrà) chỉ cho dấu ấn (ấn là con mộc bằng cây hay kim loại có khắc tín hiệu hay chữ ký thí dụ dấu ấn của vua) đóng trên văn kiện hay kinh Phật. Ấn cũng có nghĩa là chân thực bất biến, là chuẩn mực chứng minh sự chân chính của Phật pháp, cho nên gọi là Pháp ấn.

*(8). Y chỉ: **Y** (依) là nương dựa, **chỉ** (止) là dừng lại, ở yên. Y chỉ là chỗ để cho người ta nương dựa và dừng yên ở đó. Trong trường hợp này, kinh bảo là phải y chỉ Bát nhã Ba la mật: điều đó có nghĩa Bát nhã Ba la mật là chỗ nương tựa vì mang lại phước đức và trí tuệ cho người thọ trì nó.*

(9). Tháp bảy báu hay tháp thất bảo là tháp có gắn bảy thứ bảo vật quý giá như vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não.

---o0o---

PHẨM THUẬT THÀNH
THỨ BA MƯƠI BA

(Tương đương với phẩm "So lường Công Đức", phần cuối Q.104, ĐBN)

Bấy giời đức Phật bảo Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn: "Đúng như vậy. Nầy Kiều Thi Ca! Các thiện nam, thiện nữ biên chép Bát nhã ba la mật nầy, và học tập, thọ trì, đọc tụng, thân cận, giảng thuyết, chánh ức niệm, lại thêm dùng hoa hương, chuỗi ngọc, phan cái(1), kỹ nhạc cúng dường, sẽ được vô số vô lượng bất khả tư nghì, bất khả xưng lượng vô biên phước đức.

Tại sao vậy?

Vì Nhất thiết trí và **Nhất thiết chủng trí của chư Phật đều từ trong Bát nhã ba la mật nầy sanh.**

Vì Thiền na ba la mật đến Đàn na ba la mật của chư Bồ Tát đều từ trong Bát Nhã mà sanh.

Vì nội không đến vô pháp hữu pháp không đều từ trong Bát nhã ba la mật mà sanh.

Vì tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng và ngũ nhãn của Phật đều từ trong Bát nhã ba la mật mà sanh.

Vì thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, Đạo chủng trí, Nhất thiết chủng trí, tất cả Phật pháp, Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa và Phật thừa đều trong Bát nhã ba la mật mà sanh.

Nầy Kiều Thi Ca! Thế nên phước đức biên chép đến cúng dường Bát nhã ba la mật nầy hơn phước đức cúng dường bửu tháp trước kia, trăm ngàn muôn phần chẳng bằng một phần, nhẫn đến toán số thí dụ đều chẳng bằng được.

Tại sao vậy?

Vì nếu Bát nhã ba la mật tồn tại thế gian, thời Phật bảo, Pháp bảo và Tỳ Kheo Tăng bảo trọn chẳng đoạn tuyệt.

Vì nếu Bát nhã ba la mật tồn tại thế gian, thời thập thiện đạo, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, lục ba la mật, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí đều hiện ra nơi đời.

Vì nếu Bát nhã ba la mật tồn tại thế gian, thời có những đại tộc, trưởng giả, cư sĩ, trời Tứ Thiên Vương đến trời Sắc Cứu Cánh, quả Tu Đà Hoàn đến quả A La Hán, đạo Bích Chi Phật, đạo Bồ Tát, đạo Phật vô thượng, chuyển pháp luân, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ".

Thích nghĩa:

(1). Phan cái: Cờ, phướn.

---o0o---

PHẨM KHUYẾN TRÌ
THỨ BA MƯƠI BỐN

(Tương đương với phẩm "So lường Công Đức", Q.105, ĐBN)

Bấy giờ cả Đại Thiên thế giới có bao nhiêu hàng Tứ Thiên Vương đến Sắc Cứu Cánh Thiên, bảo Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn và chư Thiên rằng: "Các Ngài phải thọ, phải trì, phải thân cận, phải đọc tụng, phải giảng thuyết, phải chánh ức niệm Bát nhã ba la mật nầy. Tại sao vậy?

Vì thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật nầy, thời tất cả pháp lành tu tập sẽ được đầy đủ. Hàng Thiên chúng thêm đông, hàng A tu la giảm bớt.

Vì thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật nầy, thời Phật chủng chẳng dứt, Pháp chủng chẳng dứt, Tăng chủng chẳng dứt.

Vì Phật chủng, Pháp chủng và Tăng chủng chẳng dứt, nên có lục ba la mật, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng xuất hiện nơi đời, nên có quả Tu Đà Hoàn đến Phật quả xuất hiện nơi đời".

Đức Phật bảo Thiên Đế: "Nầy Kiều Thi Ca! Ngài nên thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm Bát nhã ba la mật nầy. Tại sao vậy? Nếu A tu la sanh tâm muốn chiến đấu với chư Thiên cõi Đao Lợi, Ngài nên tụng niệm Bát nhã ba la mật, tâm ác của A tu la liền tiêu diệt, chẳng còn muốn đấu chiến.

Nếu có Thiên Tử hay Thiên Nữ hiện năm tướng chết(1) và sẽ sa vào loài chẳng vừa ý, Ngài nên ở trước mặt họ mà đọc tụng Bát nhã ba la mật. Nhờ nghe Bát nhã ba la mật, các Thiên Tử, Thiên Nữ ấy tăng trưởng công đức nên được sanh trở lại bổn xứ. Vì nghe Bát nhã ba la mật thời được lợi ích lớn.

Nầy Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ hay là Thiên Tử, Thiên Nữ nghe Bát nhã ba la mật nầy, vì được công đức nên lần lần sẽ được Vô thượng Chánh giác. Tại sao vậy? Vì quá khứ chư Phật và hàng đệ tử đều học Bát nhã ba la mật nầy mà được Vô thượng Bồ đề, nhập vô dư Niết Bàn. Vị lai và hiện tại chư Phật cùng hàng đệ tử cũng đều học Bát nhã ba la mật nầy mà được Vô thượng Bồ đề, nhập vô dư y Niết Bàn.

Nầy Kiều Thi Ca! Bát nhã ba la mật nầy nhiếp tất cả pháp lành như là pháp Thanh Văn, pháp Bích Chi Phật, pháp Bồ Tát và Phật pháp".

Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật là đại minh chú, là vô thượng minh chú, là vô đẳng đẳng minh chú. Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật nầy hay **trừ tất cả pháp bất thiện, hay cho tất cả pháp thiện".**

Đức Phật nói: "Đúng như vậy. Nầy Kiều Thi Ca! Bát nhã ba la mật là đại minh chú, là vô thượng minh chú, là vô đẳng đẳng minh chú. Tại sao vậy? Vì quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật đều nhơn minh chú nầy mà được Vô thượng Bồ đề.

Nhơn minh chú nầy nên thế gian có mười nghiệp đạo lành(2), có tứ thiền, có vô lượng tâm, tứ vô sắc định, có Đàn na ba la mật đến pháp bất cộng, có pháp tánh, pháp như, pháp tướng, pháp trụ, pháp vị, thật tế, có ngũ nhãn, quả Tu Đà Hoàn đến Nhất thiết trí và Nhất thiết chủng trí.

Nầy Kiều Thi Ca! Do nơi đại Bồ Tát nên thế gian xuất hiện thập thiện, tứ thiền nhẫn đến Nhất thiết chủng trí, Tu Đà Hoàn nhẫn đến Phật.

Ví như trăng tròn chiếu sáng, các tinh tú cũng có thể chiếu sáng.

Tất cả thiện pháp đến Nhất thiết chủng trí tại thế gian, nếu thời kỳ không có Phật xuất thế, thời đều phát sanh từ chư Bồ Tát.

Phương tiện lực của đại Bồ Tát nầy đều sanh từ Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ Tát dùng phương tiên lực nầy để thực hành Đàn na ba la mật đến Thiền na ba la mật, để thực hành nội không đến vô pháp hữu pháp không, để thực hành tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng, chứng đặng Thanh Văn, Bích Chi Phật, cũng có thể thành tựu chúng sanh, thành tịnh Phật độ, có thể thành tựu thọ mạng, thành tựu quốc độ, thành tựu quyến thuộc Bồ Tát, được Nhất thiết chủng trí. Tất cả như thế đều từ Bát nhã ba la mật phát sanh. Lại nầy Kiều Thi Ca! Nếu thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật, thọ trì, thân cận, nhẫn đến chánh ức niệm thời sẽ được thành tựu công đức đời nầy, đời sau".

Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ thọ trì nhẫn đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật được **công đức đời hiện tại** như thế nào?"

Đức Phật nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Nếu thiện nam, thiện nữ thọ trì Bát nhã ba la mật nhẫn đến chánh ức niệm thời trọn chẳng bị trúng độc mà chết, đao thương chẳng hại được, nước lửa cũng chẳng chìm đốt được, nhẫn đến bốn trăm lẻ bốn thứ bịnh chẳng xâm được, trừ nghiệp báo đời trước của người ấy.

Nếu có quan sự phát khởi, thiện nam, thiện nữ nầy đến trước mặt quan không ai khiển trách được. Tại sao vậy? Vì oai lực của Bát nhã ba la mật vậy.

Nếu thiện nam, thiện nữ đọc tụng Bát nhã ba la mật đến trước mặt vua chúa, đại thần, thời vua chúa đại thần đều hoan hỷ đón tiếp, chuyện trò niềm nở. Tại sao vậy? Vì thiện nam, thiện nữ nầy thường có tâm từ bi hỉ xả đối với chúng sanh vậy.

Nầy Kiều Thi Ca! Đó là Thiện nam, thiện nữ thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật được công đức trong đời hiện tại.

Những gì là **công đức ở đời vị lai**?

Thiện nam, thiện nữ thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật thời trọn chẳng rời thập thiện đạo, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ không định, lục ba la mật, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng. Người nầy trọn chẳng sa vào ba ác đạo(3). Thân mạo hoàn cụ. Trọn chẳng sanh vào nhà nghèo hèn hạ tiện. Thường được ba mươi hai tướng. Thường được hóa sanh trong nước hiện có Phật. Trọn chẳng rời lìa Bồ Tát thần thông. Nếu muốn từ một Phật quốc đến một Phật quốc để cúng dường chư Phật và nghe Phật thuyết pháp thời được như ý. Những nước đã được đến, người nầy đều có thể thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, lần lần được Vô thượng Bồ đề.

Nầy Kiều Thi Ca! Đó là công đức ở đời sau.

Vì thế nên thiện nam, thiện nữ phải thọ trì, thân cận, đọc tụng, chánh ức niệm Bát nhã ba la mật nầy, dùng hoa hương, phan cái, kỹ nhạc cúng dường, thường chẳng rời tâm Nhất thiết trí. Thiện nam, thiện nữ nầy được thành tựu công đức đời nầy, đời sau nhẫn đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác".

Thích nghĩa:

(1). Năm tướng suy: Năm tướng hiện ra khi chư Thiên(Thiên nữ hay Thiên tử) ở các cõi trời đã hưởng hết phước đức, sắp phải xả thân để sanh về một cảnh giới khác. Năm tướng suy đó là: 1). Quần áo thường dơ bẩn; 2). Đầu tóc rối bời, hoa trên đầu tàn tạ; 3). Thân thể hôi hám và nhơ nhớp; 4). Dưới nách thường ra mồ hôi; 5). Không ưa thích ngôi vị.

(2). Mười nghiệp đạo lành hay thập thiện đạo là ba nghiệp lành của thân: không Sát, Đạo, Dâm; 4 nghiệp lành của khẩu: không nói dối, không nói thêu dệt, không nói lưỡi hai chiều, không nói lời hung ác; và ba nghiệp lành của ý: không tham, sân, si.

(3). Ba ác đạo là địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.

PHẨM KHIỂN TRỪ MA NGOẠI
THỨ BA MƯƠI LĂM

(Tương đương với phẩm "So Lường Công Đức",
phần cuối Q.105 và các quyển kế tiếp thuộc kinh ĐBN)

Bấy giờ chư ngoại đạo Phạm chí muốn đến tìm chỗ sở đoản của đức Phật.

Thiên Đế nghĩ rằng như ngoại đạo Phạm chí nầy muốn đến tìm chỗ sở đoản của đức Phật, tôi nên tụng niệm Bát nhã ba la mật của đức Phật vừa giáo thọ, tất chư ngoại đạo phạm chí nầy trọn không thể làm trở ngại công việc giảng thuyết Bát nhã ba la mật.

Nghĩ xong, Thiên Đế liền niệm Bát nhã ba la mật.

Lúc đó chư ngoại đạo Phạm chí ở xa nhiễu quanh đức Phật rồi đi trở về.

Ngài Xá Lợi Phất tâm niệm cớ chi mà chư ngoại đạo Phạm chí ở xa nhiễu quanh đức Phật rồi đi trở về?

Đức Phật bảo ngài Xá Lợi Phất: “Vì Thích Đề Hoàn Nhơn tụng niệm Bát nhã ba la mật, nên chư ngoại đạo Phạm chí ở xa nhiễu quanh đức Phật rồi đi trở về.

Nầy Xá Lợi Phất! Ta chẳng thấy chư ngoại đạo Phạm chí ấy có chút thiện tâm, họ mang ý ác đến muốn tìm chỗ sở đoản của đức Phật.

Nầy Xá Lợi Phất! Lúc thuyết Bát nhã ba la mật, ta chẳng thấy tất cả thế gian hoặc chư Thiên, chư Ma, chư Phạm, hoặc trong chúng Sa Môn, trong chúng Bà La Môn, có ai mang ác ý mà có thể đến phá hoại được.

Tại sao vậy? Vì trong Đại Thiên quốc độ nầy, chư Tứ Thiên Vương đến Đại Tự Tại Thiên, chư Thanh Văn, chư Bích Chi Phật, chư Bồ Tát và chư Phật đồng thủ hộ Bát nhã ba la mật nầy.

Tại sao vậy? Vì chư Thiên đến chư Phật đều xuất sanh từ trong Bát nhã ba la mật.

Lại nầy Xá Lợi Phất! Trong hằng sa quốc độ mười phương, chư Thiên đến chư Phật cũng đồng thủ hộ Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì chư Thiên đến chư Phật mười phương cũng đều xuất sanh từ trong Bát nhã ba la mật.

Bấy giờ có ác ma nghĩ rằng nay đây Phật cùng tứ chúng hội hợp với chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc, trong đó tất có bậc đại Bồ Tát được thọ ký sẽ thành Vô thượng Bồ đề. Ta phải đến đó để phá hoại đạo tâm của họ.

Nghĩ xong, ác ma liền hóa hiện bốn bộ binh kéo đến chỗ đức Phật.

Thiên Đế biết là không phải binh chủng của vua Tần Bà La(1) hay vua Ba Tư Nặc(2), cũng không phải của dòng Thích Ca và dòng Lê Xa(3). Đây tất là binh của ác ma hóa hiện. Ác ma nầy mãi tìm dịp hại chúng sanh, ta phải tụng niệm Bát nhã ba la mật.

Thiên Đế liền tụng niệm Bát nhã ba la mật.

Ác ma nghe tiếng tụng niệm, lần lần tan rã trở về.

Chư Thiên cõi Tứ Vương đến cõi Sắc Cứu Cánh ở cõi nầy và hằng sa cõi ở mười phương đồng hóa hiện những thiên hoa từ trên không rải trên đức Phật và đồng xướng rằng cầu nguyện Bát nhã ba la mật ở lâu nơi Diêm Phù Đề. Tại sao vậy? Vì người Diêm Phù Đề thọ trì Bát nhã ba la mật thời Bát nhã ba la mật được trụ nơi thế gian. Tùy thời gian Bát nhã ba la mật an trụ, thời ở Diêm Phù Đề Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo cũng an trụ chẳng diệt. Cũng phân biệt biết rõ đạo đại Bồ Tát.

Và lại chỗ nào có thiện nam, thiện nữ biên chép quyển Bát nhã ba la mật, thời chỗ đó tất chói sáng, rời xa sự tối tâm”.

Đức Phật bảo Thiên Đế và tất cả chư Thiên: “Đúng như vậy. Nầy Kiều Thi Ca và chư Thiên Tử! Người Diêm Phù Đề thọ trì Bát nhã ba la mật, theo thời gian mà sự thọ trì nầy còn tồn tại, thời cũng là thời gian mà Tam Bảo tồn tại. Nhẫn đến chỗ nào có thiện nam, thiện nữ biên chép quyển kinh Bát nhã ba la mật, thời chỗ ấy tất chói sáng, rời xa sự tối tăm”.

Chư Thiên Tử hóa hiện thiên hoa rải trên đức Phật mà thưa rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ thọ trì Bát nhã ba la mật nhẫn đến chánh ức niệm thời ma chúa, ma dân không làm hại được. Bạch đức Thế Tôn! Chúng con cũng phải ủng hộ những người nầy, vì chúng con xem những người nầy như đức Phật hoặc kế đức Phật”.

Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ thọ trì Bát nhã ba la mật nhẫn đến chánh ức niệm, phải biết những người nầy đời trước đã làm công đức nhiều ở chỗ đức Phật, đã thân cận cúng dường chư Phật, được bậc thiện tri thức hộ niệm.

Bạch đức Thế Tôn! **Nhất thiết trí của chư Phật phải tìm cầu trong Bát nhã ba la mật. Bát nhã ba la mật cũng phải tìm cầu trong Nhất thiết trí. Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật chẳng khác Nhất thiết trí. Nhất thiết trí chẳng khác Bát nhã ba la mật. Bát nhã ba la mật cùng Nhất thiết trí chẳng phải hai, chẳng phải khác.**(Q. !10, MHBNBLM)

Do đây nên hàng chư Thiên chúng con xem những người nầy như đức Phật hoặc kế đức Phật".

Đức Phật nói: "Đúng như vậy! Nầy Kiều Thi Ca! Nhất thiết trí của chư Phật tức là Bát nhã ba la mật. Bát nhã ba la mật tức là Nhất thiết trí. Tại sao vậy? Nầy Kiều Thi Ca! Nhất thiết trí của chư Phật đều xuất sanh từ trong Bát nhã ba la mật. Bát nhã ba la mật chẳng khác Nhất thiết trí. Nhất thiết trí chẳng khác Bát nhã ba la mật. Bát nhã ba la mật cùng Nhất thiết trí chẳng phải hai, chẳng phải khác".

Thích nghĩa:

(1). Tần Bà Sa La **(***Phạm, Pàli: Bimbisàra): Cũng gọi Tần bà sa la vương, Bình sa vương. Vua nước Ma kiệt đà, sống cùng thời với đức Thích tôn. Trước khi vào núi tuyết tu, Phật có ghé nước Ma kiệt đà thăm vị vua nầy. Lúc ấy Phật chỉ là thái tử nhưng tỏ ra người thông minh, đoan chính…nên được vua Tàn bà Sa la đề nghị chia đôi sơn hà. Nhưng thái tử không nhận, quyết chí vào núi tuyết tu cho đến khi thành Chánh giác. Trước khi từ giả ra đi thái tử có hứa khi thành đạo sẽ cứu độ vua. Sau thành Chánh đẳng Chánh giác, đức Thế Tôn có trở lại thành Vương xá thuyết pháp, nhà vua bèn xây tịnh xá Trúc lâm cúng dường. Vua Tần bà Sa la là người hộ pháp đầu tiên trong lịch sử. Về sau thái tử A xà thế (con trai của vua Tần bà Sa la) nghe lời xúi dục của Đề bà đạt đa, soán ngôi, hạ ngục vua cha bỏ đói cho đến chết. Khi vua và Hoàng hậu Vi đề Hy bị giam trong ngục thất thì bà Vi đề Hy có hướng về đức Thế Tôn ở núi Linh Thứu cầu nguyện. Phật cho hai đệ tử là Mục kiền liên và Phú lâu na truyền giới và giảng pháp. Vua Tần bà Sa la giải thoát nỗi oan nghiệp của tiền kiếp, hết phiền muộn, trí tuệ thông suốt và chứng quả A na hàm, còn Hoàng Hậu Vi đề Hy thì được vãng sanh về Tây phương Cực lạc. (kinh Quán Vô Lượng Thọ, Thích phước Nhơn lược giải).*

(2). Ba Tư Nặc (Phạm: Prasenajit, Pàli: Pasenadi): Là vua xứ Kosala (Phạm: Kauzàla), một quốc gia lớn thuộc trung Ấn, cùng thời đại với đức Thế tôn. Vua cùng hoàng hậu và thái tử Kỳ Đà là những cư sỉ quan trọng trong tăng đoàn Phật giáo thời bấy giờ.

Cả hai quốc gia (Ma kiệt đà và Kosala) nầy tương đối lớn thời bấy giờ, có binh hùng tướng mạnh nên được Phật nhắc đến trong kinh.

(3). Lê xa: Phiên âm từ Phạn ngữ là Liçavy, cũng đọc là Ly xa, Lực sĩ, là một dòng họ lớn thuộc giai cấp Sát đế lợi, rất có thế lực ở thành Câu thi na và thành Tỳ da li vào thời bấy giờ.

---o0o---

PHẨM TÔN ĐẠO
THỨ BA MƯƠI SÁU

(Q.106 đến phần đầu Q.127, Phẩm "So Lường Công Đức", ĐBN).

Ngài A Nan thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Cớ sao chẳng ca ngợi Đàn na ba la mật(1) đến mười tám pháp bất cộng mà chỉ ca ngợi Bát nhã ba la mật?"

Đức Phật nói: "Đối với năm môn ba la mật đến mười tám pháp bất cộng thời Bát nhã ba la mật là tôn đạo của tất cả.

Nầy A Nan! Bố thí mà chẳng hồi hướng Nhất thiết trí thời có được gọi là Đàn na ba la mật chăng? Trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ mà chẳng hồi hướng Nhất thiết trí thời có được gọi là thi na ba la mật(2) chăng?"

Ngài A Nan thưa: 'Bạch đức Thế Tôn! Không".

Đức Phật nói: "Do đó mà biết rằng Bát nhã ba la mật là tôn đạo đối với năm Ba la mật đến mười tám pháp bất cộng, nên phải ca ngợi".

Ngài A Nan thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là bố thí đến trí huệ hồi hướng Nhất thiết trí được thành Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật?"

Đức Phật nói: "Dùng bố thí không có hai pháp(3) mà hồi hướng Nhất thiết trí, thời gọi là Đàn na ba la mật, vì bất sanh, bất khả đắc nên bố thí, hồi hướng Nhất thiết trí thời gọi là Đàn na ba la mật.

Nhẫn đến dùng trí huệ không có hai pháp hồi hướng Nhất thiết trí thời gọi là Bát nhã ba la mật, vì bất sanh bất khả đắc nên trí huệ hồi hướng Nhất thiết trí thời gọi là Bát nhã ba la mật".

Ngài A Nan thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào dùng pháp không hai mà bố thí nhẫn đến dùng pháp không hai mà trí huệ hồi hướng Nhất thiết trí, thời gọi là Đàn na ba la mật đến gọi là Bát nhã ba la mật?"

Đức Phật nói: "Nầy A Nan! **Vì sắc không hai pháp, vì thọ, tưởng, hành, thức không hai pháp, nhẫn đến vì Vô thượng Bồ đề không hai pháp vậy. Tại sao vậy? Vì sắc sắc tướng rỗng không. Đàn na ba la mật và sắc không hai, không khác, nhẫn đến Vô thượng Bồ đề và Đàn na ba la mật không hai, không khác. Năm ba la mât kia cũng như vậy. Vì thế nên, nầy A Nan! Chỉ ca ngợi Bát Nhã là tôn đạo của năm ba la mật đến Nhất thiết chủng trí.**

(Tức phẩm "So Lường Công Đức", quyển 126, ĐBN)

Nầy A Nan! Ví như mặt đất, đem hột giống rải lên trên, đủ nhơn duyên hòa hiệp bèn mọc lên. Các hột giống ấy nương nơi đất mà mọc lên. Cũng vậy, năm Ba la mật nương Bát nhã ba la mật mà sanh. Tứ niệm xứ đến Nhất thiết chủng trí đều nương Bát nhã ba la mật mà sanh. Thế nên Bát nhã ba la mật là tôn đạo của năm Ba la mật đến mười tám pháp bất cộng".

Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đức Phật nói chưa hết công đức của người thọ trì đến chánh ức niệm của Bát nhã ba la mật. Tại sao? Vì người thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật thời thọ lấy đạo Vô thượng của tam thế(4) chư Phật. **Vì muốn được Nhất thiết trí phải tìm**

cầu trong Bát nhã ba la mật. Muốn được Bát nhã ba la mật phải tìm cầu trong Nhất thiết trí.

Bạch đức Thế Tôn! Do thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật mà thế gian xuất hiện thập thiện đạo, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định nhẫn đến mười tám pháp bất cộng.

Do thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật mà thế gian bèn có những danh nhơn vọng tộc, trời Tứ Vương đến trời Sắc Cứu Cánh.

Do thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật mà thế gian bèn có Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật, đại Bồ Tát.

Do thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật mà có chư Phật, Thế Tôn xuất hiện thế gian".

Đức Phật nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Người thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật, ta chẳng nói họ chỉ được ngần ấy công đức.

Nầy Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật chẳng rời tâm Nhất thiết trí thời thành tựu vô lượng giới phẩm, thành tựu vô lượng định phẩm, huệ phẩm, giải thoát phẩm, giải thoát tri kiến phẩm(5). Phải biết người nầy như Phật.

Tất cả giới phẩm, định phẩm, huệ phẩm, giải thoát phẩm, giải thoát tri kiến phẩm của hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật đối với người nầy không bằng một phần trăm ngàn muôn ức, nhẫn đến toán số thí dụ đều không bằng.

Nầy Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ biên chép, thọ trì quyển kinh Bát nhã ba la mật rồi cúng dường, tôn kính, tôn trọng **cũng được công đức trong đời nầy và đời sau".**

Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Tôi phải thường thủ hộ những thiện nam, thiện nữ thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật chẳng rời tâm Nhất thiết trí, cúng dường, cung kính, tôn trọng Bát nhã ba la mật".

Đức Phật nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Lúc thiện nam, thiện nữ muốn đọc tụng, giảng thuyết Bát nhã ba la mật, thời vô lượng trăm ngàn chư Thiên đều đến nghe pháp.

Thiện nam, thiện nữ giảng thuyết pháp Bát nhã ba la mật, thời chư Thiên giúp thêm đởm lực cho những người ấy.

Các pháp sư ấy nếu mỏi mệt, nhờ chư Thiên giúp thêm đởm lực nên lại có thể giảng thuyết nữa.

Thiện nam, thiện nữ thọ trì đến chánh ức niệm, cúng dường Bát nhã ba la mật cũng được công đức hiện đời nầy.

Lại nầy Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ ấy ở giữa bốn bộ chúng(6), lúc giảng thuyết Bát nhã ba la mật, lòng không khiếp nhược. Lúc bị luận nạn cũng không sợ sệt. Tại sao vậy? Vì thiện nam và thiện nữ ấy được sự hộ trì của Bát nhã ba la mật.

Trong Bát nhã ba la mật cũng phân biệt tất cả pháp, hoặc thế gian hay xuất thế gian, hoặc hữu lậu hay vô lậu, hoặc thiện hay bất thiện, hoặc hữu vi hay vô vi, hoặc pháp Thanh Văn hay pháp Bích Chi Phật, pháp Bồ Tát hay Phật pháp.

Vì thiện nam, thiện nữ ấy an trụ trong nội không hay vô pháp hữu pháp không, nên chẳng thấy có ai chướng nạn được Bát nhã ba la mật, cũng chẳng thấy người bị luận nạn, cũng chẳng thấy Bát nhã ba la mật.

Thiện nam, thiện nữ ấy được Bát nhã ba la mật ủng hộ, nên không ai nạn hoại được.

Lúc thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật, thiện nam, thiện nữ ấy chẳng mất, chẳng kinh, chẳng sợ. Tại sao vậy? Vì thiện nam, thiện nữ ấy chẳng thấy có pháp mất, chẳng thấy có pháp kinh sợ.

Nầy Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ thọ trì đến chánh ức niệm, cúng dường Bát nhã ba la mật, lại được công đức đời hiện tại nầy.

Lại nầy Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ thọ trì đến chánh ức niệm, biên chép, cúng dường quyển kinh Bát nhã ba la mật, **người nầy được cha mẹ yêu thương, thân tộc, bạn bè kính mến**, được Sa Môn, Bà La Môn kính nể, được chư Phật, chư đại Bồ Tát, chư A La Hán đến chư Tu Đà Hoàn ái kính, tất cả thế gian, chư Thiên, Ma, Phạm, A tu la cũng ái kính người nầy.

Người nầy thực hành Đàn na ba la mật không lúc nào đoạn tuyệt. Thi la ba la mật đến Bát nhã ba la mật cũng như vậy, không lúc nào đoạn tuyệt.

Người nầy tu nội không chẳng dứt, đến tu vô pháp hữu pháp không chẳng dứt, tu niệm xứ đến bất cộng pháp chẳng dứt, tu các môn tam muội chẳng dứt, tu các môn đà la ni chẳng dứt, tu những Bồ Tát thần thông chẳng dứt, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ chẳng dứt, nhẫn đến tu Nhất thiết chủng trí chẳng dứt. Người nầy cũng có thể hàng phục kẻ luận nạn hủy báng.

Nầy Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ thọ trì đến cúng dường Bát nhã ba la mật cũng được công đức đời nầy, đời sau như vậy.

Lại nầy Kiều Thi Ca! Tại chỗ ở của thiện nam, thiện nữ biên chép quyển kinh, chư Thiên cõi trời Tứ Vương, Đao Lợi nhẫn đến cõi trời Sắc Cứu Cánh, toàn thể chư Thiên trong cõi Đại Thiên nầy và trong thế giới mười phương, những vị đã phát tâm Vô thượng Bồ đề, đều đến chỗ ấy để ra mắt quyển Bát nhã ba la mật và thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, cúng dường, lễ lạy rồi trở về.

Ngoài ra những hàng Thiên, Long, Bát bộ trong cõi nầy và trong những thế giới mười phương cũng đều đến chỗ ấy để ra mắt quyển kinh Bát nhã ba la mật và thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, cúng dường, lễ lạy rồi trở về.

Thiện nam, thiện nữ nầy nghĩ rằng chư Thiên cùng Bát bộ thần trong cõi nầy và trong những thế giới mười phương đều ra mắt quyển Bát nhã ba la mật và thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, cúng dường, lễ bái, như thế thời ta đã ban bố pháp thí rồi.

Nầy Kiều Thi Ca! Chư Thiên trong cõi Đại Thiên cùng chư Thiên trong những thế giới mười phương, từ trời Tứ Vương đến trời Sắc Cứu Cánh, những vị đã phát tâm Vô thượng Bồ đề, đều ủng hộ các thiện nam, thiện nữ nầy, làm cho những kẻ ác, những việc ác không xâm hại được. Ngoại trừ đời trước của người ấy có trọng tội.

Nầy Kiều Thi Ca! Các thiện nam, thiện nữ nầy cũng được công đức đời hiện tại. Những Thiên Tử đã phát tâm Vô thượng Bồ đề đều đến chỗ ở của người nầy.

Tại sao vậy? Vì những Thiên Tử đã phát tâm Vô thượng Bồ đề đều muốn cứu hộ tất cả chúng sanh, chẳng bỏ tất cả chúng sanh, muốn an lạc tất cả chúng sanh vậy".

Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Các thiện nam, thiện nữ nầy làm sao biết được chư Thiên trong thế giới đây cùng chư Thiên trong những thế giới ở mười phương đều ra mắt Bát nhã ba la mật để thọ trì, đọc tụng, giảng nói, cúng dường, lễ lạy?"

Đức Phật nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ **thấy quang minh thanh tịnh lớn**, thời biết chắc là lúc có chư Thiên đến ra mắt Bát nhã ba la mật để thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, cúng dường, lễ lạy.

Lại nếu các thiện nam, thiện nữ nghe **mùi hương lạ vi diệu**, cũng biết chắc là lúc có chư Thiên đến ra mắt để thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, cúng dường lễ lạy.

Lại nầy Kiều Thi Ca! Vì các thiện nam, thiện nữ công hạnh tịnh khiết, nên chư Thiên đến ra mắt Bát nhã ba la mật để thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, cúng dường hoan hỉ lễ lạy.

Trong chỗ đó nếu có hàng tiểu quỉ liền tức thời đi ra, vì họ chẳng kham nổi oai đức lớn của chư Thiên.

Do hàng Đại Đức chư Thiên đến, nên thiện nam, thiện nữ nầy phát đại tâm. Vì thế nên chỗ nào có Bát nhã ba la mật, thời bốn phía phải sạch sẽ. Phải thắp đèn, đốt hương thơm, rải những hoa đẹp, dầu thơm rưới đất, nghiêm sức với những bảo cái, tràng phan.

Lúc thuyết pháp, các thiện nam, thiện nữ nầy trọn không mõi mệt, tự cảm thấy thân thể thơ thới, tâm thần an vui. Đúng pháp nằm nghĩ, an ổn không ác mộng. Trong giấc mơ thấy Phật ba mươi hai tướng tốt, tám mươi tùy hình hảo. Chúng Tỳ Kheo cung kính vây quanh. Đức Phật vì chư Tăng mà thuyết pháp.

Các thiện nam, thiện nữ nầy nghe và lãnh thọ giáo pháp. Những là lục ba la mật, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng. Cũng phân biệt nghĩa của lục ba la mật đến nghĩa của pháp bất cộng.

Trong giấc mơ, các thiện nam, thiện nữ nầy cũng thấy cây bồ đề trang nghiêm rất đẹp. Thấy chư Bồ Tát đến cội cây bồ đề thành Đẳng Chánh Giác, chuyển pháp luân. Cũng thấy trăm ngàn muôn Bồ Tát đồng kết tập chánh pháp, luận nghị rằng: Phải cầu Nhất thiết trí như vậy, phải thành tựu chúng sanh như vậy, phải tịnh Phật quốc độ như vậy. Cũng thấy mười phương vô số trăm ngàn muôn ức chư Phật. Cũng nghe danh hiệu của chư Phật ấy ở mười phương nào, nước nào, hiệu là gì, có bao nhiêu Bồ Tát, bao nhiêu Thanh Văn vây quanh cung kính, đức Phật ấy vì đại chúng mà thuyết pháp. Lại thấy mười phương vô số trăm ngàn muôn ức chư Phật nhập Niết Bàn. Lại thấy vô số trăm ngàn muôn ức tháp thất bảo của chư Phật. Lại thấy cúng dường bảo tháp với những hương hoa nhẫn đến phan lọng, cung kính, tôn trọng, tán thán.

Nầy Kiều Thi Ca! Các thiện nam, thiện nữ nầy chiêm bao thấy những cảnh lành như vậy, nên lúc ngủ yên, lúc thức cũng yên. Chư Thiên giúp thêm khí lực, nên người nầy tự cảm thấy thân thể nhẹ nhàng, chẳng quá ham những đồ uống ăn, y phục, đồ nằm, thuốc men. Đối với tứ sự cúng dường(7), lòng người nầy phớt nhẹ. Như Tỳ Kheo tọa thiền, sau khi xuất thiền định, tâm hiệp với thiền định, chẳng ham uống ăn, tâm họ phớt nhẹ.

Tại sao vậy? Vì chư Thiên tự nhiên dùng tinh chất của món ăn để thêm khí lực cho người nầy.

Mười phương chư Phật và hàng Thiên, Long, Quỷ thần, A tu la, Càn thát bà, Ca lâu na, Khẩn na la, Ma hầu la già cũng giúp thêm khí lực cho người nầy.

Nầy Kiều Thi Ca! Vì thế nên các thiện nam, thiện nữ muốn được công đức đời hiện tại như vậy, thời phải thọ trì, thân cận, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm Bát nhã ba la mật, cũng chẳng rời tâm Nhất thiết trí.

Nếu không thể thọ trì đến chánh ức niệm, các thiện nam, thiện nữ **phải biên chép quyển kinh** rồi cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường hoa hương, anh lạc, tràng phan, bảo cái.

Nầy Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật nầy, rồi thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm, biên chép quyển kinh, cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường hoa hương, anh lạc, phan cái thời công đức tứ sự cúng dường mười phương chư Phật và hàng đệ tử, cũng xây tháp bảy báu sau khi chư Phật và đê tử nhập Niết Bàn".

HẾT TẬP I

Thích nghĩa:

(1). Đàn na Ba la mật (Phạm: Dànapàramità): còn gọi là thí ba la mật nghĩa là Bố thí rốt ráo, gồm: Tài thí, pháp thí và vô úy thí.

(2). Thi na Ba la mật , không tìm thấy âm nghĩa của danh từ nầy, có lẽ dịch giả muốn nói là Thí ba la mật. Nếu là Thí Ba la mật thì đồng nghĩa với Đàn na Ba la mật là tên khác của Bố thí. Còn nói Thi la Ba la mật(Phạm: Zìlapàramità) thì lại có nghĩa là giử giới, trì giới. Trong đoạn này, kinh ý muốn đề cập đến Thi la Ba la mật.

(3). Không có hai pháp (tức bất nhị pháp): không phân biệt khổ hay lạc, nhiễm hay tịnh, thường hay vô thường v.v... tức mắc kẹt ở hai đầu của nhị nguyên đối đãi (đã thích giải nhiều lần ở phần trên).

(4). Tam thế hay tam tế là ba đời: Qua khứ, vị lai, hiện tại.

(5). Giới phẩm, định phẩm, huệ phẩm, giải thoát phẩm, giải thoát tri kiến phẩm gọi là Năm phần pháp thân (Phạm: Asamasama-paîcaskandha) cũng gọi là Vô lậu ngũ uẩn: Trong Đại thừa nghĩa chương quyển 20, phần đầu, ngài Tuệ viễn giải thích năm phần pháp thân như sau: 1). ***Giới phẩm*** *(Phạm: Zìla-skandha), cũng gọi Giới thân, Giới uẩn, Giới chúng: Chỉ cho Giới pháp thân Như lai đã xa lìa hết thảy lỗi lầm của 3 nghiệp thân, khẩu, ý; 2).* ***Định phẩm*** *(Phạm: Samàdhiskandha), cũng gọi Định thân, Định uẩn, Định chúng: Trong Định pháp thân của Như lai, chân tâm vắng lặng, tự tính không động, xa lìa tất cả vọng niệm; 3).* ***Huệ phẩm*** *(Phạm:Prajïà-skandha), cũng gọi Huệ thân, Huệ uẩn, Huệ chúng: Huệ pháp thân của Như lai thể chân tâm tròn sáng, tự tính sáng tỏ, quán xét thấu suốt hết thảy pháp tính, tức chỉ cho căn bản trí; 4).* ***Giải thoát phẩm*** *(Phạm: Vimuktiskandha), cũng gọi Giải thoát thân, Giải thoát uẩn, Giải thoát chúng: Giải thoát pháp thân của Như lai tự thể không bị câu thúc, giải thoát khỏi tất cả sự trói buộc; 5).* ***Giải thoát tri kiến phẩm*** *(Phạm: Vimukti-jïàna-darzana-skandha), cũng gọi Giải thoát tri kiến thân, Giải thoát tri kiến uẩn, Giải thoát tri kiến chúng: Giải thoát tri kiến pháp thân của Như lai tự thể chứng biết xưa nay vốn thanh tịnh vô nhiễm, đã thực sự giải thoát. Đó là năm thứ công đức trong tự thể của Phật hay A la hán. Thân tức là thể, 5 thứ trên là thể của chư Phật, cho nên gọi là thân; thân cũng có nghĩa là chỗ tích tụ mọi công đức, vì thế gọi là thân. Về thứ tự của Ngũ phần pháp thân thì rất rõ ràng, từ giới sinh định, từ định phát huệ, do huệ mà được giải thoát, do giải thoát mà có giải thoát tri kiến. Đó là lối giải thích của Đại thừa. (Phỏng theo tự điển Phật Quang).*

(6). Bốn bộ chúng: Cũng gọi là Bốn chúng (Tứ chúng), bao gồm 2 chúng xuất gia là tỳ kheo và tỳ kheo ni, 2 chúng tại gia là cư sĩ nam (ưu bà tắc) và cư sĩ nữ (ưu bà di).

(7). Tứ sự cúng dường: Bốn thứ cúng dường gồm thức ăn thức uống, chỗ ở, y phục, thuốc men.

---o0o---

QUYỂN THỨ MƯỜI MỘT

PHẨM XÁ LỢI(1)
THỨ BA MƯƠI BẢY

(*Phẩm nầy tương đương với Q.127 đến phần đầu quyển 130,*
phẩm "So Lường Công Đức", ĐBN)

Đức Phật nói với Thiên Đế Thích: "Nầy Kiều Thi Ca! Nếu đem Xá lợi của Phật đầy cả Diêm Phù Đề làm một phần, lại có người chép quyển kinh Bát nhã ba la mật làm một phần. Trong hai phần nầy Ngài lấy phần nào?"

Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Con dành lấy quyển kinh Bát nhã ba la mật.

Tại sao vậy?

Đối với Xá lợi của đức Phật, chẳng phải con chẳng cung kính tôn trọng, nhưng vì Xá lợi nầy xuất sanh từ Bát nhã ba la mật do Bát nhã ba la mật huân tu, nên Xá lợi nầy mới được cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi Thiên Đế: "Bát nhã ba la mật nầy chẳng thể lấy được, nó không sắc, không hình, không đối, một tướng duy nhất, tức là vô tướng, sao Ngài lại muốn lấy? Tại sao vậy? Bát nhã ba la mật nầy chẳng do lấy mà có, chẳng do bỏ mà có, chẳng do tăng giảm tụ tán tổn ích cấu tịnh mà có.

Bát nhã ba la mật nầy chẳng cho Phật pháp, chẳng bỏ phàm phu pháp, cũng chẳng cho Bích Chi Phật pháp, A La Hán pháp, hữu học pháp, chẳng bỏ phàm phu pháp, chẳng cho tánh vô vi, chẳng bỏ tánh hữu vi, chẳng cho nội không đến vô pháp hữu pháp không, chẳng cho tứ niệm xứ đến Nhất thiết chủng trí, cũng chẳng bỏ phàm phu pháp".

Thiên Đế nói: "Đúng như vậy, thưa Ngài Xá Lợi Phất! Nếu có người biết Bát nhã ba la mật nầy chẳng cho Phật pháp cũng chẳng bỏ phàm phu pháp, nhẫn đến chẳng cho Nhất thiết chủng trí pháp cũng chẳng bỏ phàm phu pháp. Đại Bồ Tát nầy có thể thực hành Bát nhã ba la mật, có thể tu Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật chẳng hiện hành hai pháp vậy. Pháp chẳng hai là Bát nhã ba la mật. Pháp chẳng hai là Thiền na đến Đàn na ba la mật".

Đức Phật khen: "Lành thay, lành thay! Nầy Kiếu Thi Ca! Đúng như lời Ngài đã nói. Vì Bát nhã ba la mật chẳng hiện hành hai pháp. Pháp chẳng hai là Bát nhã ba la mật, nhẫn đến là Đàn na ba la mật.

Nầy Kiếu Thi Ca! Nếu có người muốn được pháp tánh hai tướng, thời là muốn được Bát nhã ba la mật hai tướng.

Tại sao vậy? Vì pháp tánh và Bát nhã ba la mật không hai không khác, nhẫn đến Đàn na ba la mật cũng vậy.

Nếu có người muốn được thật tế bất tư nghì tánh hai tướng, thời là muốn được Bát nhã ba la mật hai tướng.

Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật và thật tế(2) bất tư nghì tánh không hai không khác vậy. Nhẫn đến Đàn na ba la mật cũng như vậy".

Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Tất cả thế gian, loài người cùng chư thiên, A tu la đều phải kính lạy, cúng dường Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì từ trong Bát nhã ba la mật mà đại Bồ Tát học được Vô thượng Bồ đề.

Bạch đức Thế Tôn! Con thường ngồi tại Thiện Pháp Đường.

Những lúc con không ngồi tại Thiện Pháp Đường, các Thiên Tử đến cúng dường con, hướng về phía tòa con ngồi kính lễ đi nhiễu rồi trở về. Các Thiên Tử nầy nghĩ rằng vì Thiên Đế thường ngồi tại tòa nầy thuyết pháp cho chư Thiên cõi Trời Đao Lợi vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Cũng vậy, chỗ nào biên chép quyển kinh Bát nhã ba la mật nầy, chỗ nào thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết Bát nhã ba la mật nầy, hàng Trời, Rồng, Bát bộ đều đến kính lễ Bát nhã ba la mật, cúng dường xong rồi đi. Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật nầy xuất sanh chư Phật, và xuất sanh tất cả những đồ cần thiết thích ý của tất cả chúng sanh.

Xá lợi của Phật cũng là chỗ làm nhơn duyên cho Nhất thiết chủng trí.

Do cớ trên đây nên, bạch đức Thế Tôn! Trong hai phần, con lấy phần Bát nhã ba la mật.

Lại kính bạch đức Thế Tôn! Lúc thọ trì, đọc tụng Bát nhã ba la mật, nếu tâm con nhập vào trong pháp, thời lúc ấy con chẳng thấy tướng bố úy. Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật nầy không tướng mạo, không ngôn thuyết.

Bạch đức Thế Tôn! Không tướng mạo, không ngôn thuyết là Bát nhã ba la mật, nhẫn đến là Nhất thiết chủng trí.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bát nhã ba la mật sẽ là có tướng mà chẳng phải là vô tướng, thời chư Phật lẽ ra chẳng nên biết tất cả pháp không tướng mạo, không ngôn thuyết mà chứng được Vô thượng Bồ đề, rồi lại vì hàng đệ tử giảng nói các pháp cũng không tướng mạo, không ngôn thuyết.

Bạch đức Thế Tôn! Bởi Bát nhã ba la mật đích thật là không tướng mạo, không ngôn thuyết mà chứng được Vô thượng Bồ đề, rồi vì hàng đệ tử giảng nói các pháp cũng không tướng mạo, không ngôn thuyết.

Bạch đức Thế Tôn! Vì thế nên tất cả thế gian, loài người, chư Thiên, A Tu La đều phải tôn trọng, tán thán, cung kính, cúng dường Bát nhã ba la mật nầy với những hương hoa, anh lạc, nhẫn đến các thứ phan lọng.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu có người nào thọ trì, thân cận, đọc tụng, chánh ức niệm Bát nhã ba la mật, và biên chép, cúng dường với những hoa hương, anh lạc, phan lọng, thời chẳng bị sa vào các loài Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, cũng như sa vào bực Thanh Văn, Bích Chi Phật, nhẫn đến khi thành Vô thượng Bồ đề thường thấy chư Phật, từ một cõi Phật đến một cõi Phật, cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường chư Phật.

Bạch đức Thế Tôn! Xá lợi của Phật đầy cả cõi Đại thiên đem làm một phần, chép quyển kinh Bát nhã ba la mật làm một phần. Trong hai phần nầy, con vẫn chọn lấy Bát nhã ba la mật. Tại sao? Vì trong Bát nhã ba la mật nầy sanh Xá lợi của chư Phật. Thế nên Xá lợi được cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán.

Thiện nam, thiện nữ do cung kính, cúng dường Xá lợi nên được hưởng phước lạc trên cõi Trời, trong loài người, thường chẳng sa vào ba ác đạo, theo sở nguyện lần lần do pháp Tam thừa mà nhập Niết Bàn.

Vì thế nên, bạch đức Thế Tôn! Nếu người được thấy hiện tại Phật, nếu được thấy quyển kinh Bát nhã ba la mật, cũng đồng không khác. Vì Bát nhã ba la mật với Phật không hai không khác vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Như đức Phật trụ thế có ba sự thị hiện, nói mười hai bộ kinh từ Tu Đa La đến Ưu Bà Đề Xá.

Có thiện nam, thiện nữ thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết Bát nhã ba la mật nầy cũng đồng như đức Phật trụ thế không khác. Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật nầy xuất sanh ba sự thị hiện và mười hai bộ kinh(3) vậy.

Lại có người thọ trì Bát nhã ba la mật rồi giảng nói cho người khác, cũng đồng như trên không khác. Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật xuất sanh chư Phật, cũng xuất sanh mười hai bộ kinh từ Tu Đa La đến Ưu Bà Đề Xá vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu có người cúng dường chư Phật trong hằng sa thế giới ở mười phương, cũng cung kính, tôn trọng, tán thán. Lại có người chép quyển kinh Bát nhã ba la mật, cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường với những hoa hương, phan lọng. Hai người nầy được phước đồng nhau. Tại sao vậy? Vì mười phương chư Phật đều xuất sanh từ trong Bát nhã ba la mật vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật nầy rồi thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, cũng giảng nói cho người khác, thời chẳng còn sa vào ba ác đạo, cũng chẳng sa vào bực Thanh Văn, Bích Chi Phật. Tại sao vậy? Vì phải biết người nầy đã an trụ trong bực bất thối chuyển vậy.

Bát nhã ba la mật nầy xa rời tất cả khổ não suy bịnh.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ biên chép quyển kinh Bát nhã ba la mật nầy và thọ trì, đọc tụng, cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường, thời sẽ tránh được các tai họa.

Ví như người mang nợ mà gần bên Quốc vương để hầu hạ cung cấp, thời chủ nợ trở lại cung kính, cúng dường người nầy. Người nầy không còn bố úy, vì nương oai lực của Quốc vương vậy.

Cũng vậy, nhờ sự huân tu Bát nhã ba la mật mà các Xá lợi của chư Phật được cúng dường, cung kính. Xá lợi ví như người mang nợ, còn Bát nhã ba la mật ví như Quốc vương. Nhờ nương quốc vương mà người mang nợ được cúng dường.

Cũng vậy, Xá lợi nương sự huân tu của Bát nhã ba la mật mà được cúng dường.

Nhất thiết chủng trí của chư Phật cũng do Bát nhã ba la mật huân tu(4) mà được thành tựu.

Vì những lẽ như trên, nên trong hai phần, con lấy phần Bát nhã ba la mật.

Tại sao vậy?

Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật xuất sanh Xá lợi và ba mươi hai tướng của chư Phật.

Trong Bát nhã ba la mật cũng xuất sanh mười trí lực, bốn vô úy, bốn vô ngại, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi của chư Phật.

Trong Bát nhã ba la mật xuất sanh năm ba la mật, cũng làm cho được danh tự Ba la mật.

Trong Bát nhã ba la mật xuất sanh Nhất thiết chủng trí của chư Phật.

Bạch đức Thế Tôn! Trong đại thiên thế giới, nếu có ai thọ trì, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán Bát nhã ba la mật, chỗ đó tất cả người hoặc quỷ thần không làm hại được, người nầy lần lần được nhập Niết Bàn.

Bát nhã ba la mật có lợi ích lớn như vậy, có thể làm Phật sự trong Đại Thiên thế giới.

Bạch đức Thế Tôn! **Chỗ nào có Bát nhã ba la mật thời chỗ đó chính là có Phật.**

Ví như chỗ để vô giá ma ni bửu châu thời hàng Phi nhơn không xâm hại được. Nếu có người bị bịnh nhiệt, hay bịnh hàn, bịnh phong, hoặc bị bệnh tạp nhiệt phong hàn, đem bửu châu nầy cho người bịnh đeo, thời liền được lành mạnh.

Bửu châu nầy lại làm cho chỗ tối thành sáng, lúc nóng bức thành mát mẻ, lúc lạnh lẽo thành ấm áp.

Chỗ nào có bửu châu nầy thời chỗ đó chẳng lạnh, chẳng nóng, thời tiết hòa thích, cũng không có các loài trùng độc.

Có ai bị rắn độc cắn, đem bửu châu đến gần thời nọc được liền tiêu.

Có người nào đau mắt mù lòa, đem bửu châu đến gần thời mắt liền sáng tỏ hết bịnh.

Nếu người bị bịnh phung cùi ghẻ độc, cho đeo bửu châu nầy thời được lành mạnh.

Để bửu châu nầy trong nước, thời nước liền một màu.

Nếu dùng vật màu xanh gói bửu châu nầy để vào nước, thời nước liền màu xanh.

Nếu dùng vật màu vàng, đỏ, trắng, hồng hay màu tạp gói bửu châu nầy để vào nước, thời nước liền thành màu ấy.

Nếu đem bửu châu nầy để vào nước đục, thời nước đục liền trong".

Ngài A Nan hỏi Thiên Đế: "Ma ni bửu châu ấy là vật trên trời hay là vật nhơn gian?"

Thiên Đế nói: "Là bửu châu trên trời. Người Diêm Phù Đề cũng có bửu châu như vậy, nhưng công lực có chỗ chẳng đầy đủ.

Bửu châu ở cõi trời thanh tịnh nhẹ nhàng, tốt đẹp, không thể lấy gì để ví dụ được.

Đem bửu châu nầy đựng vào hộp. Khi đã lấy bửu châu, vì công đức của bửu châu huân ướp, nên hộp ấy được người quý trọng.

Cũng vậy, bạch đức Thế Tôn! Chỗ nào có người biên chép quyển kinh Bát nhã ba la mật, thời chỗ ấy không có những sự não hại.

Sau khi đức Phật nhập Niết Bàn, Xá lợi được cúng dường, đều là do lực của Bát nhã ba la mật, công lực của thiền na ba mật, công lực của Thiền na ba la mật đến Đàn na ba la mật, nội không đến vô pháp hữu pháp không, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí, pháp tướng, pháp trụ, pháp vị, pháp tánh, thực tế, bất tư nghì tánh đến Nhất thiết chủng trí.

Thiện nam, thiện nữ nghĩ rằng: Xá lợi của Phật đây là chỗ Nhất thiết chủng trí đại từ đại bi, là chỗ những công đức dứt diệt hẳn tất cả kiết sử và tập khí(5), do đây nên Xá lợi được cung kính, cúng dường.

Bạch đức Thế Tôn! Xá lợi là trụ xứ của những công đức của ba la mật, là trụ xứ của bất cấu bất tịnh ba la mật, là trụ xứ của bất sanh bất diệt ba la mật, là trụ xứ của bất nhập bất xuất ba la mật, là trụ xứ của bất tăng bất giảm ba la mật, là trụ xứ của bất lai bất khứ bất trụ ba la mật.

Xá lợi của Phật là trụ xứ của các pháp tướng ba la mật. Do các pháp tướng ba la mật huân tu nên Xá lợi được kính trọng, cúng dường.

Bạch đức Thế Tôn! Chẳng luận Xá lợi đầy cả Đại Thiên thế giới. Giả sử Xá lợi của Phật đầy cả hằng sa thế giới làm một phần. Lại có người chép quyển kinh Bát nhã ba la mật làm một phần. Trong hai phần trên đây, con lấy phần Bát nhã ba la mật.

Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật nầy xuất sanh Xá lợi của chư Phật. Do Bát nhã ba la mật nầy huân tu nên Xá lợi được cúng dường vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu thiện nam, thiện nữ cúng dường, cung kính, tông trọng, tán thán Xá lợi, được công đức báo vô biên, hưởng thọ phước lạc nhơn gian và trên cõi Trời, nhẫn đến do nhơn duyên phước nầy nên sẽ được tận khổ(6).

Nếu thiện nam, thiện nữ thọ trì, đọc tụng, giải thuyết, chánh ức niệm Bát nhã ba la mật nầy, sẽ được đầy đủ Thiền na ba la mật đến Đàn na ba la mật, sẽ được đầy đủ tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng, hơn bực Thanh Văn, Bích Chi Phật mà an trụ bực Bồ Tát.

Đã an trụ bậc Bồ Tát thì được thần thông Bồ Tát, từ một Phật quốc đến một Phật quốc.

Bồ Tát nầy vì chúng sanh mà thọ thân. Theo chỗ chúng sanh đáng được thành tựu mà Bồ Tát nầy được làm Chuyển Luân Thánh Vương, hoặc làm Sát Đế Lợi, Bà La Môn để cho chúng sanh được thành tựu.

Bạch đức Thế Tôn! Chẳng phải khinh mạn bất kính mà con chẳng lấy Xá lợi. Vì thiện nam, thiện nữ cúng dường Bát nhã ba la mật thời chính là cúng dường Xá lợi vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Có người muốn thấy pháp thân và sắc thân của chư Phật hiện tại trong vô lượng vô số thế giới ở mười phương, người nầy phải nghe Bát nhã ba la mật và thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, vì người khác diễn thuyết. Thiện nam, thiện nữ nầy sẽ được thấy pháp thân và sắc thân của chư Phật hiện tại trong vô lượng thế giới mười phương.

Thiện nam, thiện nữ thật hành Bát nhã ba la mật cũng phải dùng pháp tướng để tu niệm Phật tam muội.

Thiện nam, thiện nữ muốn thấy hiện tại chư Phật thời phải thọ trì Bát nhã ba la mật nầy nhẫn đến chánh ức niệm.

Bạch đức Thế Tôn! Có hai loại pháp tướng: những pháp tướng hữu vi và những pháp tướng vô vi. Thế nào gọi là những pháp tướng hữu vi? Chính là trí huệ trong nội không nhẫn đến trí huệ trong vô pháp hữu pháp không, trí huệ trong tứ niệm xứ nhẫn đến trí huệ trong mười tám pháp bất cộng, trí huệ trong pháp thiện, trong pháp bất thiện, trí huệ trong pháp hữu lậu, trong pháp vô lậu, trí huệ trong pháp thế gian, trong pháp xuất thế gian. Trên đây gọi là những pháp tướng của pháp hữu vi.

Thế nào gọi là những pháp tướng vô vi? Chính là tự tánh của các pháp, tự tánh nầy không sanh, không diệt, không cấu, không tịnh, không tăng, không giảm. Thế nào gọi là tự tánh của các pháp? Tánh vô sở hữu của các pháp là tự tánh của các pháp. Đây gọi là những pháp tướng vô vi".

Đức Phật nói: "Đúng như vậy. Nầy Kiều Thi Ca! Chư Phật quá khứ do nơi Bát nhã ba la mật mà được Vô thượng Bồ đề. Hàng đệ tử của chư Phật quá khứ cũng do nơi Bát nhã ba la mật mà đạo Tu Đà Hoàn đến đạo A La Hán, đạo Bích Chi Phật.

Chư Phật vị lai và hiện tại cùng hàng đệ tử cũng như vậy.

Tại sao vậy? **Vì trong Bát nhã ba la mật nói rộng nghĩa Tam thừa. Vì là pháp vô tướng vậy. Vì là pháp vô sanh, vô diệt vậy. Vì là pháp vô cấu, vô tịnh vậy. Vì là pháp vô tác, vô khởi vậy. Ví là pháp bất nhập, bất xuất, bất tăng, bất tổn, bất thủ, bất xả vậy. Bởi là thế tục pháp nên chẳng phải là đệ nhất nghĩa. Tại sao vậy? Bát nhã ba la mật nầy chẳng phải bỉ thử, chẳng phải cao, hạ, chẳng phải đẳng, bất đẳng, chẳng phải tướng, phi tướng, chẳng phải thế gian, xuất thế gian, chẳng phải hữu lậu, vô lậu, chẳng phải hữu vi, vô vi, chẳng phải thiện, bất thiện, chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại.**

Nầy Kiều Thi Ca! Bát nhã ba la mật chẳng lấy pháp Thanh văn, Bích Chi Phật, cũng chẳng bỏ pháp phàm phu".

Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát thực hành Bát nhã ba la mật biết rõ tâm của tất cả chúng sanh, cũng chẳng được chúng sanh nhẫn đến chẳng được tri giả, kiến giả.

Đại Bồ Tát nầy chẳng được sắc, thọ, tưởng, hành, thức, chẳng được nhãn đến ý, chẳng được sắc đến pháp, chẳng được nhãn xúc, nhơn duyên, sanh thọ, chẳng được tứ niệm xứ đến pháp bất cộng, chẳng được Vô thượng Bồ đề, chẳng được Phật pháp, chẳng được Phật. Tại sao vậy? Bát nhã ba la mật chẳng vì được pháp mà xuất hiện.

Tại sao vậy?

Vì tánh Bát nhã ba la mật vô sở hữu bất khả đắc. Chỗ bất khả đắc của pháp sở dụng cũng bất khả đắc".

Đức Phật nói: "Đúng như vậy. Nầy Kiều Thi Ca! Như lời Ngài đã nói, đại Bồ Tát luôn thực hành Bát nhã ba la mật, Vô thượng Bồ đề còn bất khả đắc, huống là Bồ Tát vì Bồ Tát pháp".

Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát chỉ thực hành Bát nhã ba la mật, mà chẳng thực ba la mật khác ư!"

Đức Phật nói: Nầy Kiều Thi Ca! Đại Bồ Tát thực hành tất cả sáu ba la mật, vì vô sở đắc.

Thực hành Đàn na ba la mật, chẳng thấy người thí, chẳng thấy kẻ thọ, chẳng thấy tài vật.

Thực hành Thi la ba la mật(7), chẳng thấy giới, chẳng thấy người trì giới, chẳng thấy người phá giới.

Nhẫn đến thực hành Bát nhã ba la mật, chẳng thấy trí huệ, chẳng thấy người trí huệ, chẳng thấy người không trí huệ.

Nầy Kiều Thi Ca! Lúc đại Bồ Tát thực hành bố thí, chính Bát nhã ba la mật làm minh đạo cho bố thí, nên được đầy đủ Đàn ba la mật.

Lúc đại Bồ Tát thực hành trì giới, chính Bát nhã ba la mật làm minh đạo cho trì giới, nên được đầy đủ Thi la ba la mật.

Lúc đại Bồ Tát thực hành nhẫn nhục, chính Bát nhã ba la mật làm minh đạo cho nhẫn nhục, nên được đầy đủ Sằn đề ba la mật.

Lúc đại Bồ Tát thực hành tinh tấn, chính Bát nhã ba la mật làm minh đạo cho tinh tấn, nên được đầy đủ Tỳ lê gia ba la mật.

Lúc đại Bồ Tát thực hành thiền na, chính Bát nhã ba la mật làm minh đạo cho thiền na, nên được đầy đủ Thiền na ba la mật.

Lúc đại Bồ Tát quán các pháp, chính Bát nhã ba la mật làm minh đạo cho quán trí, nên được đầy đủ Bát nhã ba la mật.

Bởi tất cả pháp từ sắc đến Nhất thiết chủng trí đều vô sở đắc vậy.

Nầy Kiều Thi Ca! Ví như cây diêm phù đề, những lá, những hoa, những quả, những màu sắc, nhiều thứ sai khác, bóng mát của cây thời không sai khác.

Các ba la mật vào trong Bát nhã ba la mật đến Nhất thiết trí, không sai khác cũng như vậy, vì vô sở đắc vậy".

Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật thành tựu đại công đức, thành tựu tất cả công đức, Bát nhã ba la mật thành tựu vô lượng công đức, thành tựu vô biên công đức, thành tựu vô đẳng công đức.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ biên chép quyển kinh Bát nhã ba la mật nầy, rồi cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán, lại chính ức niệm đúng như lời kinh Bát nhã ba la mật.

Lại có thiện nam, thiện nữ chép quyển kinh Bát nhã ba la mật nầy rồi đem cho người khác.

Bạch đức Thế Tôn! Hai người trên đây ai được phước nhiều?"

Đức Phật nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Nay Phật hỏi lại Ngài, tùy ý Ngài đáp.

Nếu có người cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán Xá lợi của chư Phật. Lại có người chia Xá lợi ra như hột cải để cho người khác cúng dường. ai được phước nhiều hơn?"

Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Như con nghe pháp nghĩa của đức Phật nói: người tự mình cúng dường Xá lợi. Nếu lại có **người phân Xá lợi như hột cải để cho người khác cúng dường, người nầy được phước rất nhiều.**

Vì thấy phước nầy lợi ích chúng sanh, nên đức Phật nhập kim cang tam muội, làm nát thân kim cang thành hột Xá lợi.

Tại sao vậy? Vì sau khi đức Phật nhập diệt, người cúng dường Xá lợi của đức Phật dầu bằng hột cải, người nầy cũng được phước vô biên nhẫn đến tận khổ".

Đức Phật nói: "Đúng như vậy. Nầy Kiều Thi Ca! Nếu thiện nam, thiện nữ biên chép quyển kinh Bát nhã ba la mật rồi cúng dường, cung kính. **Nếu lại có người biên chép quyển kinh Bát nhã ba la mật đem cho người khác học. Thiện nam, thiện nữ nầy được phước rất nhiều**.

Nếu có thiện nam, thiện nữ đúng với nghĩa trong Bát nhã ba la mật mà diễn nói cho người khác được hiểu biết. Công đức của người nầy hơn người trước.

Những người theo nghe Bát nhã ba la mật phải xem người nầy như Phật. Cũng xem như người phạm hạnh cao thắng. Tại sao vậy? **Vì phải biết Bát nhã ba la mật tức là Phật. Bát nhã ba la mật chẳng khác Phật. Phật chẳng khác Bát nhã ba la mật.**

Chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đều từ trong Bát nhã ba la mật mà học được Vô thượng Bồ đề.

Hàng Thanh văn học Bát nhã ba la mật nầy mà được đạo A La Hán.

Người cầu Bích Chi Phật đạo học Bát nhã ba la mật nầy mà được đạo Bích Chi Phật.

Hàng Bồ Tát học Bát nhã ba la mật mà được nhập Bồ Tát vị.

Nầy Kiều Thi Ca! Vì thế nên thiện nam, thiện nữ muốn cung kính, cúng dường chư Phật hiện tại, thời nên cúng dường Bát nhã ba la mật.

Ta thấy sự lợi ích nầy, nên lúc mới thành Vô thượng Bồ đề, ta nghĩ rằng có ai là người đáng được cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, y chỉ?

Nầy Kiều Thi Ca! Trong tất cả thế gian, trong những hàng chư Thiên, Ma Phạm, hoặc Sa Môn, Bà La Môn, ta chẳng thấy ai sánh bằng Phật cả, huống là có người hơn.

Ta lại tự nghĩ rằng pháp của ta được tự làm cho ta thành Phật. Ta cúng dường, cung kính, tánh thán pháp nầy và y chỉ pháp nầy mà an trụ.

Những gì là pháp nầy?

Chính là Bát nhã ba la mật.

Nầy Kiều Thi Ca! Phật còn tự mình cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán và y chỉ Bát nhã ba la mật. Huống là thiện nam, thiện nữ muốn được Vô thượng Bồ đề mà chẳng cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật xuất sanh chư đại Bồ Tát. Chư đại Bồ Tát xuất sanh chư Phật.

Nầy Kiều Thi Ca! Thế nên thiện nam, thiện nữ hoặc cầu Phật đạo, hoặc cầu Bích Chi Phật đạo, hoặc cầu Thanh văn đạo, thời đều phải cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán Bát nhã ba la mật với những hoa hương, anh lạc nhẫn đến phan lọng".

Thích nghĩa:

(1). Xá lợi (C: fóshèlì; J: butsushari): Phần còn lưu lại của nhục thân Phật (tro) sau khi trà tì (thiêu), chính là Phật cốt (s: buddha-dhātu, jina-dhātu). Từ điển Đạo Uyển.

(2). Thực tế hay thật tế: Thực tế một trong những từ khó giải thích nhất mà Bát nhã thường lập đi lập lại nhiều lần. Tùy các tông phái, tùy theo trình độ tu tập, công phu hành trì của mỗi cá nhân mà có những nhận định khác nhau về từ nầy. Trong văn chương Phật học thường đặt từ nầy ngang hàng hay có thể thay thế cho các từ như chân như, pháp giới, pháp tánh, pháp định, pháp trụ, hư không giới, bất tư nghì giới, bất khả thuyết, Phật tánh, bình đẳng tánh, như như, Như lai tạng v.v…Thực tế (Bhutakoti) theo D.T. Suzuki là "Biên tế của Thực tại", bhùta: ***Thực*** *(thực tại), và koti:* ***Tế*** *(biên tế). Vì thường được dùng đồng nghĩa với Tánh Không, nó chỉ cho cùng đích biên tế của hết thảy thực tại. Nếu Tánh Không được đồng hóa với Tuyệt Đối, Thực tế (Bhutakoti) cũng là một từ ngữ khác chỉ cho Tuyệt Đối. Nó có một âm hưởng lạnh lùng của trí năng. Các hàng Thanh văn và Duyên giác, theo các nhà Đại thừa, cứ bị đắm sâu trong đó với đôi mắt hoàn toàn khép kín trước những thống khổ của quần sinh. Họ thủ chứng Thực tế. Nhưng Bồ tát từ chối đồng nhất mình với Tuyệt Đối, bởi vì đồng nhất như thế là chận đứng những rung động của con tim đang rung cảm trước thế giới sai biệt và bất ổn. Nói cách khác, với con mắt của thanh tịnh tuyệt đối, Bồ tát trực nhận Như tính (Tathatà) của vạn hữu, và đó là Tánh Không*

(Sùnyatà), nhưng con mắt kia vẫn mở, nhìn vào thiên sai vạn biệt, nghĩa là nhìn vào thế giới của vô minh và khổ lụy. Nói theo chuyên môn, cái đó gọi là "Quán không bất chứng": Na bhutakotim saksatkaroti, không thủ chứng Thực tế ở đó.

(3). Ba sự thị hiện và mười hai bộ kinh (hay còn gọi là 3 lần chuyển 12 hành pháp luân):

a. Ba sự thị hiện là ba thứ biến hóa của chư Phật hay Bồ tát dùng để cứu độ chúng sanh. Kinh Đại Bát Nhã do ngài Huyền Trang dịch, quyển thứ 469, phẩm "Nhiều Đức Tướng" có nêu ba thứ chỉ dẫn gọi là "tam chủng thị đạo": 1). Thần biến thị đạo, 2). Kí thuyết thị đạo và 3). Giáo giới thị đạo. Ngoài ra các kinh khác như Như kinh Thương Ca la trong Trung A hàm quyển 35, nói về ba thị hiện như sau: 1). Như ý túc thị hiện, cũng gọi Thần túc biến hóa thị hiện: Tướng thị hiện này lấy Thần cảnh thông trong 6 thông làm tự tánh; 2). Chiêm niệm thị hiện cũng gọi Tha tâm thị hiện: Tướng thị hiện này lấy Tha tâm thông (Thần thông biết được ý nghĩ của người khác) trong 6 thông làm tự tánh; 3). Giáo huấn thị hiện cũng gọi Giáo giới thị hiện: Tướng thị hiện này lấy Lậu tận thông trong 6 thông làm tự tánh.

b. Mười hai bộ kinh: Khế kinh, trùng tụng, cô khởi, thọ ký, tự thuyết, nhân duyên, thí dụ, bổn sự, bổn sanh, phương quảng, vị tằng hữu, nghị luận. (Xem lại thích nghĩa ở quyển thứ 01, "Phẩm Tự", kinh MHBNBLM).

(4). Huân tu: Dùng đức để tu thân như lấy hương hoa xông ướp y phục.

(5). Tập khí (Phạm, Pàli:Vàsanà): Cũng gọi Phiền não tập, Dư tập, Tàn khí, gọi tắt là Tập. Do tư tưởng, hành vi (đặc biệt là phiền não) nẫy sinh hằng ngày, rồi huân tập (xông ướp, tập tành) thành những thói quen, hơi hướng lưu lại trong tâm, gọi là Tập khí, giống như để nước hoa trong lọ thủy tinh, trúc hết ra, xúc sạch, nhưng lọ vẫn còn mùi thơm. Nói cách nôm na là tất cả tư tưởng, hành động lập đi lập lại nhiều lần đều được giữ lại trong tâm biến thành những kinh nghiệm và thói quen, đó chính là Tập khí.

(6). Tận khổ: Hết khổ, chấm dứt các khổ.

(7). Thi la Ba la mật (Phạm: Zìlapàramità). Cũng gọi Giới Ba la mật, Giới độ vô cực. Giữ gìn giới luật một cách trọn đủ để đối trị nghiệp ác, khiến cho thân tâm thanh tịnh và an lạc.

---o0o---

PHẨM PHÁP THÍ
THỨ BA MƯƠI TÁM

(Phần trên)

(Q.130 đến Q.135, Phẩm "So Lường Công Đức, ĐBN)

Đức Phật nói với Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn: "Nầy Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ dạy người một Diên Phù Đề **thực hành thập thiện đạo**. Người nầy được phước nhiều chăng?"

Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Người nầy được phước rất nhiều".

Đức Phật nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Vẫn không bằng phước của người biên chép, thọ trì quyển kinh Bát nhã ba la mật rồi đem cho người khác bảo đọc, tụng giải thuyết.

Tại sao vậy?

Trong Bát nhã ba la mật nói rộng các pháp vô lậu. Các thiện nam, thiện nữ từ trong đây tu học, đã học, sẽ học, hiện đương học, đã được, sẽ được, hiện được nhập trong chánh pháp vị, đã được, sẽ được, hiện được quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến quả A La Hán. Người cầu Bích Chi Phật đạo cũng vậy.

Chư đại Bồ Tát cầu Vô thượng Bồ đề đã nhập, sẽ nhập, hiện nhập trong chánh pháp vị, đã được, sẽ được, hiện được Vô thượng Bồ đề.

Nầy Kiều Thi Ca! Những gì là **pháp vô lậu**?

Chính là tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng.

Thiện nam, thiện nữ học pháp nầy, đã được, sẽ được, hiện được Vô thượng Bồ đề.

Nầy Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ dạy cho một người được **quả Tu Đà Hoàn**, người nầy được phước nhiều hơn dạy người một Diêm Phù Đề thực hành thập thiện đạo.

Tại sao vậy? Vì dạy người một Diêm Phù Đề thực hành thập thiện đạo, chẳng xa rời hẳn khổ ba ác đạo.

Còn dạy một người cho quả Tu Đà Hoàn thời xa rời hẳn khổ Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh.

Nhẫn đến quả A La Hán và đạo Bích Chi Phật cũng vậy.

Nầy Kiều Thi Ca! Nếu thiện nam, thiện nữ dạy người một Diêm Phù Đề cho được quả Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật đạo, chẳng bằng dạy một người cho được **Vô thượng Bồ** đề được phước rất nhiều.

Tại sao vậy?

Do nhơn duyên Bồ Tát mà xuất sanh Tu Đà Hoàn đến Bích Chi Phật. Do nhơn duyên Bồ Tát mà xuất sanh chư Phật.

Nầy Kiều Thi Ca! Vì thế nên biết rằng thiện nam, thiện nữ chép quyển kinh Bát nhã ba la mật đem cho người khác đọc tụng, giải thuyết được phước rất nhiều.

Tại sao vậy?

Vì trong Bát nhã ba la mật nầy nói rộng các pháp thiện. Học các thiện pháp nầy bèn xuất sanh những đại tộc ở nhơn gian và chư Thiên các cõi trời nhẫn đến Phi Phi Tưởng Thiên.

Học các thiện pháp nầy bèn xuất sanh tứ niệm xứ đến Nhất thiết chủng trí, bèn có Tu Đà Hoàn đến Bích Chi Phật, bèn có chư Phật.

Lại nầy Kiều Thi Ca! Không luận dạy người một Diêm Phù Đề. Nếu có thiện nam, thiện nữ dạy cả chúng sanh trong bốn châu thiên hạ thực hành thập thiện đạo, chẳng bằng người chép quyển kinh Bát nhã ba la mật đem cho người khác đọc tụng, giải thuyết, được phước rất nhiều. Những điều khác như trên đã nói.

Không luận bốn châu thiên hạ. Nếu có thiện nam, thiện nữ dạy cả chúng sanh trong Tiểu thiên thế giới, Trung thiên thế giới, Đại thiên thế giới, nhẫn đến dạy cả chúng sanh trong hằng sa thế giới thực hành thập thiện đạo, chẳng bằng người chép quyển kinh Bát nhã ba la mật đem cho người khác đọc tụng, giải thuyết, được phước rất nhiều. Những điều khác như trên đã nói.

Lại nầy Kiều Thi Ca! Có người dạy cả chúng sanh trong một Diêm Phù Đề cho họ đứng vững **nơi tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, ngũ thần thông**. Người nầy được phước nhiều chăng?

Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Người nầy được phước rất nhiều".

Đức Phật nói: "Vẫn không bằng thiện nam, thiện nữ chép quyển kinh Bát nhã ba la mật đem cho người khác đọc tụng, giải thuyết, được phước rất nhiều.

Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật nầy nói rộng các thiện pháp. Những điều khác như trên đã nói. Nhẫn đến dạy cả chúng sanh trong hằng sa thế giới ở trong mười phương thực hành thập thiện đạo, so sánh phước đức cũng như vậy.

Lại nầy Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ thọ trì, đọc tụng, giải thuyết, chánh ức niệm Bát nhã ba la mật. Người nầy được phước hơn người dạy cả chúng sanh trong Diêm Phù Đề thật hành thập thiện đạo cùng an lập nơi tứ thiền đến ngũ thần thông.

Người chánh ức niệm, thọ trì, thân cận nhẫn đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật chẳng do nhị pháp cũng chẳng do bất nhị pháp.

Thọ trì, thân cận nhẫn đến chánh ức niệm Thiền na ba la mật, Tỳ lê gia ba la mật, Sằn đề ba la mật, thi la ba la mật, Đàn na ba la mật, chẳng do nhị pháp.

Vì Vô thượng Bồ đề nên chánh ức niệm nội không đến Nhất thiết chủng trí, chẳng do nhị pháp.

Lại nầy Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ dùng nhiều nhơn duyên vì người khác mà diễn thuyết nghĩa Bát nhã ba la mật, phân biệt, khai thị cho họ được hiểu biết.

Những gì là nghĩa Bát nhã ba la mật?

Nghĩa Bát nhã ba la mật là:

Chẳng nên dùng nhị tướng để quán, chẳng phải tướng có, chẳng phải tướng không, chẳng nhập, chẳng xuất, chẳng tăng, chẳng tổn, chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng thủ, chẳng xả, chẳng trụ, chẳng bất trụ, chẳng phải chẳng thật, chẳng phải hư, chẳng phải hiệp, chẳng phải tan, chẳng phải trước, chẳng phải bất trước, chẳng chơn, chẳng phải chẳng chơn, chẳng phải pháp, chẳng phải phi pháp, chẳng phải như, chẳng phải bất như, chẳng phải thật tế, chẳng phải chẳng thật tế.

Thiện nam, thiện nữ đem nghĩa Bát nhã ba la mật nầy dùng nhiều nhơn duyên diễn thuyết phân biệt, khai thị cho người khác được hiểu biết. Người nầy được phước đức rất nhiều, hơn là tự mình thọ trì, đọc tụng đến chánh ức niệm.

Lại nầy Kiều Thi Ca! thiện nam, thiện nữ tự thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật cũng dùng nhiều nhơn duyên diễn thuyết, phân biệt, khai thị cho người khác được hiểu biết, người nầy được công đức rất nhiều".

Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ phải diễn thuyết, khai thị, phân biệt nghĩa Bát nhã ba la mật như vậy làm cho được hiểu biết?"

Đức Phật nói: "Đúng như vậy. Nầy Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ diễn thuyết, khai thị, phân biệt nghĩa Bát nhã ba la mật như vậy làm cho người khác được hiểu biết, được vô lượng vô biên phước đức.

Nếu có người cúng dường vô lượng vô số chư Phật mười phương theo chỗ cần dùng mà cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường hoa hương nhẫn đến phan lọng.

Nếu lại có người dùng nhiều nhơn duyên giảng rộng nghĩa Bát nhã ba la mật, khai thị, phân biệt làm cho người khác được hiểu biết, được công đức rất nhiều. Tại sao vậy? Vì quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật học trong Bát nhã ba la mật nầy mà đã được, sẽ được, hiện được Vô thượng Bồ đề.

Lại nầy Kiều Thi Ca! Nếu thiện nam, thiện nữ trong vô lượng vô biên vô số kiếp thực hành Đàn na ba la mật, chẳng bằng thiện nam, thiện nữ diễn nói nghĩa Bát nhã ba la mật, khai thị, phân biệt cho người khác được hiểu, phước đức rất nhiều. Tại sao vậy? Vì vô sở đắc vậy.

Thế nào gọi là hữu sở đắc?

Nầy Kiều Thi Ca! Nếu đại Bồ Tát dùng hữu sở đắc mà bố thí. Lúc bố thí, quan niệm tôi cho, người nhận, của vật để cho. Đây gọi là được Đàn na mà chẳng được ba la mật.

Lúc trì giới, quan niệm tôi trì giới, đây là giới. Đó gọi là được Thi la mà chẳng được ba la mật.

Lúc nhẫn nhục, quan niệm tôi nhẫn nhục, vì người ấy mà nhẫn nhục. Đây gọi là được Sằn đề mà chẳng được ba la mật.

Lúc tinh tấn, quan niệm tôi tinh tấn, vì sự đó mà siêng năng tinh tấn. Đây gọi là được Tỳ lê gia mà chẳng được ba la mật.

Lúc tu thiền, quan niệm tôi tu thiền, chỗ tu là thiền. Đây gọi là Thiền na mà chẳng được ba la mật.

Lúc tu huệ, quan niệm tôi tu huệ, chỗ tu là huệ. Đây gọi là được Bát nhã mà chẳng được ba la mật.

Thiện nam, thiện nữ thực hành như vậy thời chẳng được đầy đủ Đàn na ba la mật, nhẫn đến chẳng được đầy đủ Bát nhã ba la mật”.

Thiên Đế thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát tu thế nào được đầy đủ Đàn na ba la mật, nhẫn đến đầy đủ Bát nhã ba la mật?”

Đức Phật nói: “Nầy Kiều Thi Ca! Lúc bố thí, đại Bồ Tát **chẳng thấy người cho, chẳng thấy người thọ, chẳng thấy của vật đem cho**. Người nầy được đầy đủ Đàn na ba la mật.

Nhẫn đến lúc tu huệ, đại Bồ Tát chẳng thấy huệ, chẳng thấy huệ bị tu tập. Người nầy được đầy đủ Bát nhã ba la mật.

Thiện nam, thiện nữ thật hành Bát nhã ba la mật như vậy, nên vì người khác mà diễn thuyết nghĩa Bát nhã ba la mật, khai thị, phân biệt cho họ được hiểu biết. Năm ba la mật kia cũng như vậy.

Tại sao vậy?

Vì đời vị lai có người muốn nói Bát nhã ba la mật mà nói tương tợ Bát nhã ba la mật.

Có thiện nam, thiện nữ phát tâm Vô thượng Bồ đề, vì nghe tương tợ Bát nhã ba la mật nầy mà thất chánh đạo.

Thế nên đại Bồ Tát phải vì người nầy mà diễn nói đủ nghĩa Bát nhã ba la mật, khai thị, phân biệt cho họ hiểu biết”.

---o0o---

QUYỂN THỨ MƯỜI HAI

PHẨM TƯƠNG TỢ
THỨ BA MƯƠI TÁM

(Phần dưới)

(Phần cuối Q.136 đến phần đầu Q.168, phẩm "So Lường Công Đức", ĐBN)

Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Những gì là tương tợ Bát nhã ba la mật?"

Đức Phật nói: "Có Thiện nam, thiện nữ nói **sở hữu đắc** Bát nhã ba la mật, đây là tương tợ Bát nhã ba la mật".

Thiên Đế thưa: "Thế nào là thiện nam, thiện nữ nói hữu sở đắc Bát nhã ba la mật, đây là tương tợ Bát nhã ba la mật?"

Đức Phật nói: "Thiện nam, thiện nữ nói rằng sắc vô thường, thọ, tưởng, hành, thức vô thường, thực hành vậy là thực hành Bát nhã ba la mật. Người tu hành cầu sắc vô thường, cầu thọ, tưởng, hành, thức vô thường. Đây là thật hành tương tợ Bát nhã ba la mật.

Nói nhãn vô thường đến ý vô thường, nói sắc vô thường đến pháp vô thường, nói nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới vô thường đến ý thức giới, pháp giới, ý thức giới vô thường, nói địa chủng vô thường đến thức chủng vô thường, nói nhãn xúc vô thường đến ý xúc vô thường, nói nhãn xúc nhơn duyên sanh thọ vô thường đến ý xúc, nhơn duyên sanh thọ vô thường.

Như nói về vô thường, nói khổ, nói vô ngã cũng như vậy.

Lúc hành giả thực hành Đàn na ba la mật, vì sắc đến ý xúc, nhơn duyên, sanh thọ vô thường, khổ, vô ngã, có thể thực hành như vậy là thực hành Bát nhã ba la mật.

Như lúc thực hành Đàn na ba la mật, lúc thực hành Thi là ba la mật đến Bát nhã ba la mật, lúc thực hành tứ thiền đến tứ vô sắc định, lúc thực hành tứ niệm xứ đến Nhất thiết trí, cũng vì nói vô thường, khổ, vô ngã, có thể thực hành như vậy là thực hành Bát nhã ba la mật.

Nầy Kiều Thi Ca! Như trên đó gọi là tương tợ Bát nhã ba la mật.

Lại nầy Kiều Thi Ca! Thuở vị lai, thiện nam, thiện nữ nói tương tợ Bát nhã ba la mật rằng các người tu hành Bát nhã ba la mật: Lúc tu hành Bát nhã ba la mật, các người sẽ được Sơ địa đến Thập địa. Với Thiền na đến Đàn na ba la mật cũng nói như vậy.

Nghe lời giải thuyết như trên, hành giả tương tợ hữu sở đắc, dùng tổng tướng tu Bát nhã ba la mật nầy. Đây gọi là tương tợ Bát nhã ba la mật.

Lại nầy Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ muốn nói Bát nhã ba la mật, bảo rằng các người tu hành Bát nhã ba la mật rồi sẽ hơn hàng Thanh văn, Bích Chi Phật. Đây gọi là nói tương tợ Bát nhã ba la mật.

Lại nầy Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ vì cầu Phật đạo, nên giải thuyết rằng các người tu hành Bát nhã ba la mật xong, sẽ nhập Bồ Tát vị, được vô sanh pháp nhẫn. Đã được vô sanh pháp nhẫn bèn trụ Bồ Tát thần thông, từ một Phật quốc đến một Phật quốc, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán chư Phật. Đây là giải thuyết tương tợ Bát nhã ba la mật.

Lại nầy Kiều Thi Ca! Vì cầu Phật đạo, thiện nam, thiện nữ giải thuyết rằng các người học Bát nhã ba la mật nầy, thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, thời sẽ được vô lượng vô biên vô số công đức. Đây gọi là nói tương tợ Bát nhã ba la mật.

Lại nầy Kiều Thi Ca! Vì cầu Phật đạo, thiện nam, thiện nữ nói rằng như quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật, tất cả công đức thiện căn từ sơ phát tâm đến thành Phật, đều hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Đây là giải thuyết tương tợ Bát nhã ba la mật".

Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ vì cầu Phật đạo, **thế nào là chẳng nói tương tợ Bát nhã ba la mật?"**

Đức Phật nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Nếu vì cầu Phật đạo, thiện nam, thiện nữ giải thuyết Bát nhã ba la mật như vầy: Nầy thiện nam tử! Nhà ngươi tu hành Bát nhã ba la mật **chớ quán sắc vô thường.**

Tại sao vậy? Vì sắc sắc tánh rỗng không. Sắc tánh ấy chẳng phải pháp. Nếu chẳng phải pháp, thời gọi là Bát nhã ba la mật.

Trong Bát nhã ba la mật, sắc chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật, sắc còn bất khả đắc, huống là thường với vô thường.

Giải thuyết thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Giải thuyết như vậy thời gọi là chẳng nói tương tợ Bát nhã ba la mật.

Lại nầy Kiều Thi Ca! Vì cầu Phật đạo, thiện nam, thiện nữ nói rằng: Nhà ngươi tu hành Bát nhã ba la mật, đối với các pháp **chớ có đi qua cũng chớ có đi lại**. Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật, không có pháp gì qua được, đứng được. Bởi tất cả pháp tự tánh rỗng không. Tự tánh rỗng không là chẳng phải pháp. Nếu chẳng phải pháp thời tức là Bát nhã ba la mật.

Trong Bát nhã ba la mật không có pháp gì nhập được, xuất được, sanh được, diệt được.

Giải thuyết như vậy thời gọi là chẳng nói tương tợ Bát nhã ba la mật.

Nhẫn đến nói rộng như vậy trái hẳn với tương tợ, thời gọi là chẳng nói tương tợ Bát nhã ba la mật.

Nầy Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ phải thuyết nghĩa Bát nhã ba la mật như vậy.

Nếu nói nghĩa Bát nhã ba la mật như vậy, thời được công đức hơn trước.

Nầy Kiều Thi Ca! Nếu có người giáo hóa tất cả chúng sanh trong Diêm Phù Đề, trong tứ thiên hạ, trong Tiểu thiên thế giới, trong Trung thiên thế giới, trong Đại thiên thế giới, nhẫn đến giáo hóa tất cả chúng sanh trong hằng sa quốc độ mười phương đều được quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, quả Bích Chi Phật. Ngài nghĩ thế nào, người nầy được phước nhiều chăng?"

Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Người nầy được phước rất nhiều".

Đức Phật nói: "Vẫn không bằng thiện nam, thiện nữ đem nghĩa Bát nhã ba la mật nầy, dùng nhiều nhơn duyên vì người khác giải thuyết, khai thị, phân biệt cho họ hiểu biết. Bảo rằng các người đến lãnh thọ Bát nhã ba la mật nầy, siêng đọc siêng tụng, giải thuyết, chánh ức niệm. Thực hành đúng như trong Bát nhã ba la mật đây nói.

Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật xuất sanh hàng Tu Đà Hoàn đến đạo Bích Chi Phật vậy.

Lại nầy Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ giáo hóa chúng sanh trong một Diêm Phù Đề nhẫn đến giáo hóa chúng sanh trong hằng sa quốc độ mười phương, làm cho phát tâm Bồ đề nhẫn đến làm cho được bực bất thối chuyển, dầu được phước rất nhiều, nhưng vẫn **không bằng người đem Bát nhã ba la mật giảng thuyết cho người khác, dùng những nhơn duyên khai thị, phân biệt cho họ được hiểu biết, bảo họ tu hành đúng như lời dạy trong Bát nhã ba la mật**, sẽ được Nhất thiết trí và Vô thượng Bồ đề. Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật xuất sanh những đại Bồ Tát sơ phát tâm, nhẫn đến xuất sanh những đại Bồ Tát bất thối chuyển.

Lại nầy Kiều Thi Ca! Chúng sanh trong một Diêm Phù Đề nhẫn đến trong hằng sa thế giới mười phương phát tâm cầu Vô thượng Bồ đề. Nếu có thiện nam, thiện nữ vì họ mà giảng rộng nghĩa Bát nhã ba la mật và khai thị, phân biệt cho họ được hiểu biết.

Có người vì một Bồ Tát bất thối chuyển mà diễn thuyết Bát nhã ba la mật và khai thị, phân biệt cho được hiểu biết, người nầy được phước rất nhiều.

Lại Nầy Kiều Thi Ca! Nếu có chúng sanh trong một Diêm Phù Đề nhẫn đến trong hằng sa thế giới mười phương **đều được bậc bất thối chuyển**. Có thiện nam, thiện nữ đem Bát nhã ba la mật giảng giải ý nghĩa cho những bực nầy. Trong đây có một Bồ Tát muốn mau chứng Vô thượng Bồ đề, nếu có người đem Bát nhã ba la mật giảng giải ý nghĩa cho Bồ Tát nầy, thời được phước nhiều hơn hết".

Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Như đại Bồ Tát càng gần đến Vô thượng Bồ đề, lại càng nên giáo hóa thực hành sáu Ba la mật, càng nên giáo hóa thực hành nội không đến vô pháp hữu pháp không, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng. Lại nên cúng dường y phục, ngọa cụ, ẩm thực, y dược, tùy theo chỗ cần dùng mà cung cấp.

Thiện nam, thiện nữ pháp thí và tài thí cúng dường đại Bồ Tát nầy thời được công đức. Vì đại Bồ Tát nầy mau thành Vô thượng Bồ đề vậy".

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Lành thay, lành thay! Nầy Kiều Thi Ca! Ngài vì thánh đệ tử mà an ủy chư đại Bồ Tát vì Vô thượng Bồ đề, nên đem pháp thí, tài thì làm lợi ích, theo lẽ thời phải như vậy.

Tại sao thế? Vì trong hàng Bồ Tát xuất sanh chư Phật thánh chúng.

Nếu Bồ Tát chẳng pháp tâm Vô thượng Bồ đề, thời Bồ Tát nầy chẳng thể học sáu ba la mật đến mười tám pháp bất cộng, chẳng thể được Vô thượng Bồ đề.

Nếu chẳng thể được Vô thượng Bồ đề, thời không có Thanh văn và Bích Chi Phật.

Nầy Kiều Thi Ca! Vì thế nên chư đại Bồ Tát học sáu ba la mật đến mười tám pháp bất cộng. Do học sáu ba la mật đến mười tám pháp bất cộng mà được Vô thượng Bồ đề. Do được Vô thượng Bồ đề nên dứt diệt ba ác đạo Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Thế gian bèn có những dòng hào tộc, bèn có các cõi trời từ Tứ Vương Thiên đến Phi Phi Tưởng Thiên, bèn có Đàn na ba la mật, bèn có nội không đến vô pháp hữu pháp không, bèn có tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng, bèn có Thanh văn thừa, Bích Chi Phật thừa và Phật thừa đều xuất hiện thế gian".

---o0o---

PHẨM TÙY HỈ(1)

THỨ BA MƯƠI CHÍN

(Nửa sau Q.168 đến đầu Q.172, ĐBN.)

Ngài Di Lặc(2) đại Bồ Tát nói với Ngài Tu Bồ Đề: "Hoặc Thanh văn, hoặc Bích Chi Phật, hoặc tất cả chúng sanh, hoặc bố thí, trì giới, hoặc tu thiền định tùy hỷ phước đức.

Có đại Bồ Tát tùy hỉ phước đức cùng với tất cả chúng sanh chung hưởng, hồi hướng(3) Vô thượng Bồ đề. Phước đức nầy bậc nhất trên hết, rất diệu Vô thượng, không gì bằng.

Tại sao vậy?

Vì chúng Thanh văn, Bích Chi Phật và tất cả chúng sanh bố thí, trì giới, tu thiền định tùy hỉ phước đức, là để **tự điều phục, tự thanh tịnh, tự độ**, mà tu hành những tứ niệm xứ đến bát thánh đạo và không, vô tướng, vô tác.

Bồ Tát tùy hỉ phước đức hồi hướng Vô thượng Bồ đề, đem công đức nầy **để điều phục tất cả chúng sanh, để thanh tịnh tất cả chúng sanh, để độ tất cả chúng sanh**, vì vô sở đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Chư đại Bồ Tát tưởng niệm vô lượng vô biên vô số chư Phật diệt độ trong vô lượng vô biên vô số quốc độ mười phương, từ sơ phát tâm đến được Vô thượng Bồ đề, nhập vô dư y Niết Bàn đến chánh pháp diệt tận có tất cả thiện căn(4) đúng với sáu ba la mật. Cùng với thiện căn của hành Thanh văn, như phước đức bố thí, phước đức trì giới, phước đức tu tập thiền định. Cùng với thiện căn vô lậu của hàng hữu học, vô học. Cùng với tụ, định tụ, huệ tụ, giải thoát tụ, giải thoát tri kiến tụ, Nhất thiết trí, đại từ đại bi của chư Phật. Cùng với vô lượng vô số những Phật pháp khác và pháp của chư Phật diễn thuyết. Trong những pháp nầy học được quả Tu Đà Hoàn đến quả A La Hán và đạo Bích Chi Phật, nhập ngôi đại Bồ Tát. Cùng với những chúng sanh khác gieo trồng thiện căn.

Tất cả những thiện căn ấy hòa hợp phước đức hồi hướng Vô thượng Bồ đề, thời là phước đức đệ nhất trên hết, rất diệu vô thượng, không gì bằng.

Tùy hỉ như vậy rồi, đem phước tùy hỉ nầy hồi hướng Vô thượng Bồ đề.

Nếu có thiện nam, thiện nữ tu hành Bồ Tát thừa, nghĩ rằng lòng tôi hướng về Vô thượng Bồ đề.

Đây là **sanh tâm duyên nơi sự.**

Nếu thiện nam, thiện nữ nắm lấy tướng Vô thượng Bồ đề, có thể được như chỗ đã nghĩ tưởng chăng?"

Di Lặc Bồ Tát nói: **"Nếu thiện nam, thiện nữ nắm lấy tướng, thời chẳng được như chỗ đã tưởng nghĩ".**

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nếu những duyên, những sự vô sở hữu, thiện nam, thiện nữ nầy thực hành Bồ Tát thừa, nắm lấy tướng, đối với thiện căn từ sơ phát tâm đến chánh pháp diệt tận của chư Phật mười phương, cùng với thiện căn của hàng hữu học vô học Thanh văn, đều hòa hiệp tất cả tùy hỉ công đức hồi hướng Vô thượng Bồ đề, vì vô tướng vậy.

Như thế thời Bồ Tát nầy há chẳng phải vô thường cho là thường, khổ cho là lạc, vô ngã cho là ngã, bất tịnh cho là tịnh, mà thành tưởng điên đảo, kiến điên đảo.

Hoặc như duyên và như sự hồi hướng Vô thượng Bồ đề cũng như vậy.

Tâm hồi hướng cũng như vậy.

Đàn na ba la mật đến mười tám pháp bất cộng cũng như vậy.

Nếu như vậy, thời những gì là duyên, những gì là sự, những gì là Vô thượng Bồ đề, những gì là thiện căn, những gì là tâm tùy hỉ hồi hướng Vô thượng Bồ đề?"

Ngài Di Lặc Bồ Tát nói: "Nếu chư đại Bồ Tát đã từ lâu thực hành sáu ba la mật, nhiều cúng dường chư Phật, gieo trồng thiện căn, luôn gần thiện trí thức, khéo tu học pháp tự tướng không. Chư đại Bồ Tát nầy dùng duyên như vậy và sự như vậy, nơi thiện căn của chư Phật, **tùy hỉ phước đức, chẳng nắm lấy tướng Vô thượng Bồ đề. Bởi chẳng hai pháp chẳng phải chẳng hai pháp, chẳng phải tướng chẳng phải không tướng, chẳng phải pháp có thể được chẳng phải pháp chẳng thể được, chẳng phải pháp cấu chẳng phải pháp tịnh, chẳng phải phải pháp sanh chẳng phải pháp diệt, nên đây gọi là hồi hướng Vô thượng Bồ đề.**

Nếu chư Bồ Tát tu hành sáu ba la mật chẳng được lâu, cúng dường chư Phật chẳng được nhiều, chẳng gieo trồng căn lành, chẳng gần thiện tri thức, chẳng khéo tu học pháp tự tướng không. Bồ Tát nầy dùng duyên như vậy sự như vậy mà tùy hỉ phước đức của chư Phật, tâm lấy tướng hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Đây thời **chẳng gọi là chơn thật hồi hướng** Vô thượng Bồ đề.

Nầy Ngài Tu Bồ Đề! Nghĩa Bát nhã ba la mật như vậy, nhẫn đến nghĩa Nhất thiết chủng trí, như là nội không đến vô pháp hữu pháp không, chẳng nên giải nói với hàng tân học Bồ Tát. Vì sẽ làm mất lòng kính tin thanh tịnh mà Bồ Tát nầy đã được chút ít.

Nên đem nói với bậc đại Bồ Tát bất thối chuyển.

Hoặc với người được sự hộ trì của thiện tri thức, hoặc với người từ lâu cúng dường chư Phật, gieo trồng thiện căn. Cũng nên giải thuyết Bát nhã ba la mật nầy nhẫn đến nghĩa Nhất thiết chủng trí, như là nội không đến vô pháp hữu pháp không.

Những người nầy nghe pháp như vậy không mất, không kinh, không sợ.

Nầy Ngài Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tùy hỉ phước đức phải hồi hướng Vô thượng Bồ đề như vậy.

Nghĩa là Bồ Tát dùng tâm tùy hỉ phước đức hồi hướng Vô thượng Bồ đề, tâm nầy tận diệt biến ly. Duyên ấy, sự ấy, những thiện căn ấy cũng tận diệt biến ly.

Trong đây, những gì là tâm tùy hỉ, những gì là duyên, những gì là sự, những gì là thiện căn tùy hỉ hồi hướng Vô thượng Bồ đề?

Nếu đại Bồ Tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật, biết rõ Bát nhã ba la mật nầy không có pháp như vậy, nhẫn đến Đàn na ba la mật không có pháp, sắc, thọ, tưởng hành thức đến Vô thượng Bồ đề không có pháp như vậy.

Đại Bồ Tát phải tùy hỉ công đức như vậy mà hồi hướng Vô thượng Bồ đề.

Nếu có thể hồi hướng như vậy, thời gọi là tùy hỉ công hồi hướng Vô thượng Bồ đề".

Thiên Đế hỏi Ngài Tu Bồ Đề: "Bồ Tát mới phát tâm nghe việc nầy há không kinh sợ ư?

Thế nào là Bồ Tát mới phát tâm tu các thiện căn hồi hướng Vô thượng Bồ đề?

Lại thế nào là tùy hỉ phước đức hồi hướng Vô thượng Bồ đề?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nếu Bồ Tát mới phát tâm thực hành Bát nhã ba la mật, chẳng thọ Bát nhã ba la mật nầy, vì vô sở đắc vậy, vì vô tướng vậy. Nhẫn đến Đàn na ba la mật cũng như vậy. Lại nhiều tin hiểu nội không đến vô pháp hữu pháp không. Nhiều tin hiểu tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng, thường theo thiện tri thức.

Thiện tri thức nầy giảng nói nghĩa sáu ba la mật và khai thị, phân biệt cho. Dạy dỗ như vậy làm cho thường chẳng rời Bát nhã ba la mật, nhẫn đến được vào bậc Bồ Tát chẳng rời Bát nhã ba la mật, nhẫn đến chẳng rời Đàn na ba la mật. Chẳng rời tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng. Cũng dạy nói về ma sự. Nghe những ma sự rồi vẫn chẳng tăng, chẳng giảm.

Tại sao vậy? Vì Bồ Tát nầy chẳng thọ tất cả pháp vậy.

Bồ Tát nầy cũng thường chẳng rời chư Phật. Nhẫn đến lúc nào bậc Bồ Tát luôn gieo trồng thiện căn. Do thiện căn nầy mà vào nhà Bồ Tát. Nhẫn đến lúc thành Vô thượng Bồ đề trọn chẳng rời thiện căn nầy.

Lại đại Bồ Tát mới phát tâm nầy đối với quá khứ chư Phật vô lượng vô biên vô số quốc độ mười phương, dứt đường sanh tử, dứt đường hí luận, bỏ hẳn gánh nặng, diệt gai tụ lạc, dứt những hữu lậu, được chánh trí giải thoát, cùng hàng đệ tử tu hành công đức. Hoặc hàng đại trưởng giả cư sĩ, chư Thiên từ Trời Tứ Thiên Vương đến Sắc Cứu Cánh gieo trồng thiện căn, tất cả công đức đều hòa hiệp. Dùng tâm tùy hỉ đệ nhất trên hết, hơn hết, không gì bằng mà tùy hỉ. Tùy hỉ rồi hồi hướng Vô thượng Bồ đề".

Ngài Di Lặc Bồ Tát nói với Ngài Tu Bồ Đề: "Nếu Bồ Tát mới phát tâm tưởng niệm thiện căn của chư Phật và hàng đệ tử, dùng tâm tùy hỉ đệ nhất vi diệu hơn hết không gì bằng mà tùy hỉ công đức. Tùy hỉ rồi hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Bồ Tát nầy thế nào chẳng sa nơi tưởng điên đảo, tâm điên đảo và kiến đảo?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nếu đại Bồ Tát niệm Phật và Tăng. Trong đây, chẳng móng khởi tưởng là Phật, tưởng là Tăng, cũng chẳng móng khởi tưởng là thiện căn. Dùng tâm nầy hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Trong tâm nầy cũng chẳng móng khởi tưởng là tâm. Bồ Tát hồi hướng như vậy thời tưởng chẳng điên đảo, tâm chẳng điên đảo, kiến chẳng điên đảo.

Nếu đại Bồ Tát niệm(nghĩ tới) thiện căn của Phật và Tăng, nắm lấy tướng rồi hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Bồ Tát hồi hướng như vậy, thời gọi là tưởng điên đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo.

Nếu đại Bồ Tát dùng tâm nầy niệm thiện căn của chư Phật và chúng Tăng. Lúc tâm niệm như vậy liền biết diệt tận. Nếu diệt tận thời pháp ấy bất khả đắc. Tâm dùng để hồi hướng cũng là tướng tận diệt. Chỗ hồi hướng và pháp cũng là tướng tận diệt.

Nếu hồi hướng như đây thời gọi là chánh hồi hướng mà chẳng phải tà hồi hướng.

Đại Bồ Tát phải hồi hướng Vô thượng Bồ đề như vậy.

Và lại nếu đối với thiện căn của chư Phật quá khứ và hàng đệ tử, thiện căn của phàm phu nghe pháp, thiện căn Thiên, Long, Bát bộ nhẫn đến của trời Sắc Cứu Cánh nghe pháp phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Tất cả phước đức nầy đều hòa hiệp. Bồ Tát dùng tâm đệ nhất vi diệu hơn hết, không gì bằng mà tùy hỉ công đức rồi hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Bấy giờ nếu đại Bồ Tát biết những pháp ấy tận diệt, chỗ hồi hướng và pháp cũng tự tánh không. Có thể hồi hướng như vậy thời gọi là chân thật hồi hướng Vô thượng Bồ đề.

Lại đại Bồ Tát biết không có pháp nào hồi hướng được pháp nào. Vì tất cả pháp tự tướng không. Hồi hướng như đây thời gọi là chánh hồi hướng Vô thượng Bồ đề.

Đại Bồ Tát thực hành Bát nhã ba la mật đến Đàn na ba la mật như vậy, thời chẳng sa vào tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Bởi Bồ Tát nầy chẳng nắm lấy hồi hướng ấy, cũng chẳng đem những thiện căn hồi hướng đến chỗ tâm Bồ đề. Đây gọi là đại Bồ Tát Vô thượng hồi hướng.

Lại nếu đại Bồ Tát biết phước đức đã gieo trồng, rời hẳn ngũ ấm, thập nhị xứ, thập bát giới. Cũng biết Bát nhã ba la mật là ly tướng, biết nội không đến vô pháp hữu pháp không là ly tướng, biết tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng là ly tướng. Đại Bồ Tát khởi tâm tùy hỉ phước đức như vậy, thời gọi là hồi hướng Vô thượng Bồ đề.

Nếu đại Bồ Tát tùy hỉ phước đức, biết tùy hỉ phước đức tự tánh ly, cũng biết chư Phật ly, Phật tánh các thiện căn cũng ly, thiện căn tánh cũng ly, hồi hướng và hồi hướng tánh cũng ly, Bồ Tát và Bồ Tát tánh cũng ly, Bát nhã ba la mật đến Đàn na ba la mật cũng ly, nội không đến vô pháp hữu pháp không cũng ly, nội không tánh đến vô pháp hữu pháp không tánh cũng ly, tứ niệm xứ đến pháp bất cộng cũng ly, tứ niệm xứ tánh đến bất cộng pháp tánh cũng ly.

Đại Bồ Tát thực hành Bát nhã ba la mật ly tướng như vậy.

Đây gọi là đại Bồ Tát trong Bát nhã ba la mật phát sanh tùy hỉ phước đức.

Lại đại Bồ Tát đối với thiện căn của chư Phật quá khứ diệt độ, nếu muốn hồi hướng thời phải hồi hướng như vầy:

Phải quan niệm rằng như tướng chư Phật diệt độ, tướng các thiện căn cũng vậy, tướng pháp diệt độ cũng như vậy. Tôi dùng tâm hồi hướng, tướng của tâm nầy cũng như vậy.

Nếu hồi hướng được như vậy thời gọi là hồi hướng Vô thượng Bồ đề.

Hồi hướng như vậy thời chẳng sa vào tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo.

Nếu đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật nắm lấy tướng thiện căn của chư Phật để hồi hướng Vô thượng Bồ đề, thời chẳng gọi là hồi hướng.

Tại sao vậy?

Vì chư Phật quá khứ và thiện căn chẳng phải tướng duyên, chẳng phải không tướng duyên.

Nếu đại Bồ Tát nắm lấy tướng như vậy thời chẳng gọi là thiện căn hồi hướng Vô thượng Bồ đề.

Bồ Tát nầy sa vào tưởng điên đảo, tâm diên đảo, kiến điên đảo.

Nếu Bồ Tát chẳng nắm lấy tướng chư Phật, các thiện căn, cũng chẳng lấy tướng hồi hướng, thời gọi là đem các thiện căn hồi hướng Vô thượng Bồ đề.

Bồ Tát nầy chẳng sa vào tưởng điên đảo, tâm diên đảo, kiến điên đảo".

Ngài Di Lặc hỏi Ngài Tu Bồ Đề: "Đại Bồ Tát thế nào đối với các thiện căn chẳng nắm lấy tướng mà có thể hồi hướng Vô thượng Bồ đề?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Do sự nầy nên phải biết trong đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật cần có phương tiện lực Bát nhã ba la mật.

Nếu là phước đức rời Bát nhã ba la mật, thời chẳng được hồi hướng Vô thượng Bồ đề.

Tại sao vậy?

Vì trong Bát nhã ba la mật, chư Phật bất khả đắc, các thiện căn bất khả đắc, tâm hồi hướng Vô thượng Bồ đề cũng bất khả đắc.

Ở trong đây, lúc đại Bồ Tát thực hành Bát nhã ba la mật, nên quan niệm rằng thân của chư Phật quá khứ và đệ tử đều tận diệt, các thiện căn cũng tận diệt. Nay nếu ta nắm lấy tướng phân biệt chư Phật, thiện căn và tâm hồi hướng Vô thượng Bồ đề, thời chư Phật chẳng hứa khả.

Tại sao vậy?

Vì nắm lấy tướng thời là hữu sở đắc vậy.

Nghĩa là ở nơi chư Phật quá khứ nắm lấy tướng phân biệt vậy.

Thế nên đại Bồ Tát muốn dùng các thiện căn hồi hướng Vô thượng Bồ đề, thời chẳng nên lấy để hồi hướng.

Nếu có được và nắm lấy để hồi hướng, thời chư Phật chẳng nói có lợi ích lớn.

Tại sao vậy? Vì hồi hướng như vậy là tạp độc.

Ví như đồ ăn ngon lộn tạp độc, dầu có màu đẹp hương thơm được người ham mà trong đó có chất độc. Kẻ ngu dại thích ăn vì tham màu đẹp hương thơm vị ngon vừa miệng. Lúc ăn nầy tiêu hóa, kẻ ngu ấy bèn thọ những đau đớn chết chóc.

Nếu thiện nam, thiện nữ chẳng thọ trì, đọc tụng rành rẽ, chẳng hiểu nghĩa trong đây mà giảng dạy người khác rằng:

Quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật mười phương, từ sơ phát tâm đến Vô thượng Bồ đề, nhập vô dư y Niết Bàn đến chánh pháp tận diệt. Trong thời gian đó, lúc thật hành sáu ba la mật gieo trồng căn lành, lúc tu tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, tứ niệm xứ đến mười tám pháp bất cộng, gieo trồng căn lành, lúc thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh, gieo trồng căn lành, cùng với những giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, Nhất thiết chủng trí, pháp không sai lầm thường xả hành của chư Phật và hàng đệ tử gieo trồng căn lành, cùng những người được chư Phật thọ ký sẽ thành Bích Chi Phật, hàng Thiên, Long, Bát bộ gieo trồng căn lành, tất cả phước đức hòa hiệp tùy hỉ hồi hướng Vô thượng Bồ đề.

Sự hồi hướng nầy vì nắm lấy tướng và có pháp được nên như là món ăn lộn chất độc.

Người có pháp được thời trọn không có chánh hồi hướng.

Tại sao vậy? Vì có pháp được đây thời gọi là lộn độc, có tướng, có động, có hí luận.

Nếu hồi hướng như vậy thời là hủy báng Phật, là chẳng theo lời Phật dạy, là chẳng theo chánh pháp đã nói.

Thiện nam, thiện nữ nầy cầu Phật đạo phải học như thế nầy:

Thiện căn của tam thế chư Phật từ sơ phát tâm đến thành Phật nhập vô dư y Niết Bàn chánh pháp tận diệt cùng hàng đệ tử lúc tu hành Bát nhã ba la mật đã gieo trồng, nhẫn đến lúc được Nhất thiết chủng trí, tất cả phước đức hồi hướng như vầy: Như trí huệ vô thượng mà chư Phật đã biết, những thiện căn tướng ấy, những thiện căn tánh ấy, tôi cũng tùy hỉ như vậy. Như chư Phật đã biết, tôi cũng hồi hướng Vô thượng Bồ đề như vậy.

Nếu thiện nam, thiện nữ hồi hướng như vậy, thời là chẳng hủy báng Phật, đúng như lời Phật dạy, đúng với Phật pháp đã nói. Hồi hướng như vậy là không xen lộn chất độc.

Lại thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo, lúc thật hành Bát nhã ba la mật phải hồi hướng thiện căn như vầy:

Như sắc chẳng thuộc Dục giới, chẳng thuộc Sắc giới, chẳng thuộc Vô sắc giới, chẳng thuộc pháp, chẳng gọi quá khứ, vị lai, hiện tại. Nội không đến vô pháp hữu pháp không cũng như vậy.

Như pháp tánh, pháp tướng, pháp trụ, thật tế, bất tư nghì tánh, giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, Nhất thiết chủng trí chẳng thuộc Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, chẳng thuộc pháp, chẳng thuộc quá khứ, vị lai và hiện tại.

Hồi hướng nầy, chỗ hồi hướng nầy và hành giả chẳng hệ thuộc cũng như vậy. Chư Phật và những thiện căn đây cũng chẳng hệ thuộc. Thiện căn của Thanh văn, Bích Chi Phật đây cũng chẳng hệ thuộc, chẳng thuộc pháp, chẳng thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại.

Nếu đại Bồ Tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật biết sắc v.v… đều chẳng hệ thuộc, chẳng thể đem pháp nắm lấy tướng hữu sở đắc để hồi hướng Vô thượng Bồ đề.

Tại sao vậy?

Sắc v.v… đây là vô sanh. Nếu pháp đã vô sanh thời là vô pháp, trong vô pháp không thể hồi hướng.

Hồi hướng như trên đây thời không xen lộn chất độc.

Nếu thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo nắm lấy tướng hữu sở đắc đem thiện căn hồi hướng Vô thượng Bồ đề, thời gọi là tà hồi hướng.

Nếu là tà hồi hướng thời chư Phật chẳng khen ngợi.

Dùng tà hồi hướng nầy thời chẳng đầy đủ Đàn na ba la mật nhẫn đến Bát nhã ba la mật. Chẳng đầy đủ tứ niệm xứ đến thập lực. Chẳng thể thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh.

Nếu chẳng thể thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh, thời chẳng thể được Vô thượng Bồ đề.

Tại sao vậy? Vì hồi hướng nầy xen lộn chất độc.

Lại lúc Bồ Tát thực hành Bát nhã ba la mật, phải quan niệm rằng như những thiện căn hồi hướng mà chư Phật đã biết, đó là chân thật hồi hướng, tôi cũng dùng pháp tướng hồi hướng ấy. Đây gọi là chánh hồi hướng”.

Đức Phật khen Ngài Tu Bồ Đề: “Lành thay, lành thay! Vì làm Phật sự, vì đại Bồ Tát mà ông nói pháp hồi hướng chân chánh phải thực hành. Bởi không tướng, không được, không xuất, không cấu, không tịnh, không pháp tánh, tự tướng rỗng không, thường tự tánh rỗng không, như pháp tánh, như thật tế vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu chúng sanh trong Đại Thiên quốc độ đều thực hành thập thiện đạo, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, ngũ thần thông, ông nghĩ sao, chúng sanh ấy được nhiều phước chăng?”

Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Được phước rất nhiều”.

Đức Phật nói: “Chẳng bằng thiện nam, thiện nữ đối với những thiện căn, tâm chẳng nắm lấy mà hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Phước đức nầy đệ nhất hơn hết, rất vi diệu vô thượng, không gì bằng.

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu chúng sanh trong Đại Thiên quốc độ đều được Tu Đà Hoàn đến Bích Chi Phật. Có thiện nam, thiện nữ đem tứ sự cúng dường trọn đời và cung kính, tôn trọng, tán thán, cung cấp đủ đồ cần dùng. Nhơn duyên nầy được phước nhiều chăng?”

Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Người nầy được phước rất nhiều”.

Đức Phật nói: “Vẫn chẳng bằng thiện nam, thiện nữ đối với những thiện căn, tâm chẳng nắm lấy mà hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Phước đức nầy đệ nhất hơn hết, rất là vi diệu vô thượng, không gì bằng.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Nếu chúng sanh trong Đại Thiên trong quốc độ đều phát tâm Bồ đề. Mỗi mỗi chúng sanh trong hằng sa thế giới(5), đều cung kính, cúng dường Bồ Tát nầy trong hằng sa kiếp. Nhơn duyên nầy được phước đức rất nhiều chăng?”

Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Được phước rất nhiều vô lượng vô biên không gì thí dụ được. Nếu phước đức nầy có hình dạng thời hằng sa quốc độ cũng không dung thọ được”.

Đức Phật nói: “Lành thay, lành thay! Đúng như lời ông nói. Dầu vậy, nhưng chẳng bằng thiện nam, thiện nữ đối với những thiện căn, tâm chẳng nắm lấy mà hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Công đức hồi hướng không nắm lấy nầy, sánh với công đức trên thời hơn cả trăm ngàn muôn ức lần, nhẫn đến toán số thí dụ cũng không sánh được.

Tại sao vậy?

Vì người trên kia nắm lấy tướng có pháp được mà thực hành thập thiện đạo, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, ngũ thần thông, và nắm lấy tướng có pháp được mà cúng dường, cung kính Tu Đà Hoàn đến cung kính, cúng dường Bồ Tát vậy.

Tứ Thiên Vương và hai vạn Thiên Tử chấp tay lễ Phật mà thưa rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát hồi hướng rất là rộng lớn. Vì là phương tiện lực vậy. Vì là vô sở đắc vậy. Vì là vô tướng vậy. Vì là vô giác vậy. Đem những thiện căn hồi hướng Vô thượng Bồ đề như vậy, thời chẳng sa vào hai pháp”.

Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn cũng cùng vô số chư Thiên cõi Đao Lợi và chư Thiên Tử khác đồng đem thiên hoa, thiên hương, anh lạc, thiên tràng phan, thiên cổ, thiên nhạc cúng dường lên đức Phật, thưa rằng: “Bạch đức Thế Tôn! đại Bồ Tát hồi hướng rất là rộng lớn. Vì là phương tiện lực vậy. Vì là vô sở đắc vậy. Vì là vô giác vậy. Đem những thiện căn hồi hướng Vô thượng Bồ đề như vậy, thời chẳng sa vào hai pháp”.

Chư Phạm Thiên cùng vô số chư Thiên đến lễ chân Phật thưa rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Vị tằng hữu Bồ Tát được sự hộ trợ của Bát nhã ba la mật, do phương tiện lực nên hơn người nắm lấy tướng có pháp được trên kia”.

Quang Âm Thiên đến Sắc Cứu Cánh Thiên cũng lễ Phật, thưa như vậy.

Đức Phật bảo Tứ Thiên Vương nhẫn đến chư Thiên Sắc Cứu Cánh: “Chư Thiên Tử! Nếu tất cả chúng sanh trong Đại thiên thế giới đều phát tâm Vô thượng Bồ đề. Tất cả Bồ Tát nầy niệm thiện căn của quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật và của chư Thanh văn, Bích Chi Phật, từ lúc mới phát tâm đến trụ, cùng với thiện căn của tất cả chúng sanh như là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, giới, định, huệ, giải thoát, tri kiến giải thoát và vô lượng Phật pháp khác đều hòa hiệp tùy hỉ tất cả. Tùy hỉ xong, đều hồi hướng Vô thượng Bồ đề, vì là nắm lấy tướng hữu sở đắc vậy.

Lại có thiện nam, thiện nữ phát tâm Vô thượng Bồ đề cũng là niệm thiện căn của tam thế chư Phật và chư Thanh văn, Bích Chi Phật, cùng thiện căn của tất cả chúng sanh và những Phật pháp khác đều hòa hiệp tùy hỉ, nhưng vì vô sở đắc, vì không hai pháp, vì không có tướng, vì chẳng nắm lấy pháp, vì không thấy có, đây là sự tùy hỉ đệ nhất hơn hết, vi diệu vô thượng, không gì

bằng. Tùy hỉ xong, hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Công đức của thiện nam, thiện nữ nầy hơn công đức trên cả trăm ngàn muôn ức lần, nhẫn đến không thể ví dụ được".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đức Phật nói thiện nam, thiện nữ hòa hiệp tùy hỉ đệ nhất hơn hết, vi diệu vô thượng, không gì bằng.

Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là tùy hỉ đệ nhất đến không gì bằng?"

Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! Nếu thiện nam, thiện nữ đối với các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại mà chẳng thủ, chẳng xả, chẳng nhớ chẳng phải chẳng nhớ, chẳng được chẳng phải chẳng được. Trong các pháp đó cũng chẳng có pháp sanh diệt, cấu tịnh, tăng giảm, lai khứ, hiệp tán, nhập xuất.

Như các pháp tướng, như như tướng, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, quá khứ, vị lai, hiện tại, ta cũng tùy hỉ như vậy. Tùy hỉ xong, hồi hướng Vô thượng Bồ đề.

Đây là hồi hướng đệ nhất hơn hết, vi diệu vô thượng, không gì bằng.

Nầy Tu Bồ Đề! Pháp tùy hỉ nầy sánh với những pháp tùy hỉ khác trăm ngàn muôn ức lần hơn, nhẫn đến thí dụ cũng không kịp được.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo, đối với tam thế thiện căn từ sơ phát tâm đến pháp trụ của chư Phật và chư Thanh văn, Bích Chi Phật, nhẫn đến vô lượng Phật pháp khác, cùng thiện căn của những chúng sanh khác, nếu muốn tùy hỉ thời phải tùy hỉ như thế nầy:

Phải quan niệm rằng bố thí đồng đẳng với giải thoát, năm độ kia cũng đồng đẳng với giải thoát, sắc, thọ, tưởng, hành, thức đồng đẳng với giải thoát, nội không đến vô pháp hữu pháp không đồng đẳng với giải thoát, tứ niệm xứ đến bát thánh đạo phần đồng đẳng với giải thoát, thập lực đến Nhất thiết chủng trí đồng đẳng với giải thoát, giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến đồng đẳng với giải thoát, tùy hỉ đồng đẳng với giải thoát, các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại đồng đẳng với giải thoát, chư Phật mười phương cùng giải thoát đồng đẳng, chư Phật hồi hướng cùng giải thoát đồng đẳng, chư Phật cùng giải thoát đồng đẳng, chư Phật diệt độ cùng giải thoát đồng đẳng, Thanh văn, Bích Chi Phật cùng giải thoát đồng đẳng, Thanh văn, Bích Chi Phật diệt độ cùng giải thoát đồng đẳng, pháp tướng của chư Phật cùng giải thoát đồng đẳng, pháp tướng của Thanh văn, Bích Chi Phật cùng giải thoát đồng đẳng. Tất cả các pháp tướng cũng cùng giải thoát đồng đẳng, tôi đem tướng những thiện căn nầy tùy hỉ công đức hồi hướng Vô thượng Bồ đề cũng đồng đẳng với giải thoát, vì bất sanh bất diệt vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! Đây gọi là đại Bồ Tát tùy hỉ công đức đệ nhất hơn hết, vi diệu vô thượng, không gì bằng. Nầy Tu Bồ Đề! Bồ Tát thành tựu công đức nầy thời mau được Vô thượng Bồ đề.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Hiện tại nếu có thiện nam, thiện nữ vì cầu Phật đạo nên trọn đời cúng dường hiện tại hằng sa chư Phật và Thanh văn, Bích Chi Phật mười phương, cung phụng tất cả đồ cần dùng và cung kính, tôn trọng, tán thán, vì nắm lấy tướng hữu sở đắc vậy. Thực hành trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, vì nắm lấy tướng hữu sở đắc.

Lại có thiện nam, thiện nữ phát tâm cầu vô thượng, thực hành lục ba la mật, đem những thiện căn chẳng nắm lấy tướng vô sở đắc, phương tiện lực hồi hướng Vô thượng Bồ đề.

Phước đức nầy đệ nhất hơn hết, vi diệu vô thượng, không gì bằng, hơn phước đức trên trăm ngàn muôn ức lần, nhẫn đến ví dụ cũng không kịp được.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc thực hành lục ba la mật như vậy, vì phương tiện nên phải đem thiện căn hồi hướng Vô thượng Bồ đề, vì chẳng nắm lấy tướng vô sở đắc vậy".

Thích nghĩa:

(1). "Tùy hỉ": Nói nôm na là vui theo. "Tùy hỉ hồi hướng": Đem công đức thiện căn do mình tạo được đem san xẻ với người khác và mong mõi họ cũng được như mình. "Tùy hỉ hồi hướng công đức" nói một cách cụ thể là mình không có nhiều tiền của tín vật đem bố thí cho người khác, nhưng mình biết vui mừng, tán thưởng kẻ khác đã làm được như vậy. Hai Công đức nầy: Công đức bố thí và công đức tùy hỉ được coi như ngang nhau.

(2). Di lặc Bồ tát **(***Phạm: Maitreya, Pàli: Metteyya, Hán dịch: Từ thị): Theo kinh Di lặc thượng sinh và kinh Di lặc hạ sinh chép, thì ngài Di lặc sinh ra trong một gia đình Bà la môn, sau xuất gia tu Phật và nhập diệt trước đức Phật, mang thân Bồ tát trụ ở cõi trời Đâu suất, giảng pháp cho các trời ở cõi này. Theo truyền thuyết thì vị Bồ tát này vì muốn giáo hóa thành tựu cho chúng sinh nên ngay từ lúc mới phát tâm đã không ăn thịt, do nhân duyên ấy mà có tên là Từ thị. Đại nhật kinh sớ quyển 1 nói, bồ tát Từ thị là lấy Từ trong bốn tâm vô lượng của Phật làm đầu. Lòng từ đó sinh ra từ hạt giống Như lai, khiến hết thảy thế gian không mất tính Phật, cho nên gọi là Từ thị. Đức Thích tôn từng thọ ký cho Bồ tát Di Lặc, hết thời kỳ loài người sống lâu 4000 tuổi (ước chừng 57 tỉ 6o triệu năm nữa), Bồ tát Từ thị sẽ giáng sanh xuống cõi nầy thành Phật dưới gốc cây Long hoa, chia làm ba hội thuyết pháp, độ vô số chúng sanh. Trong thực tế, Phật tử đã tôn xưng Di Lặc Bồ tát là Phật và gọi là Di lặc Như lai, mặc dầu ngài chỉ là Bồ tát bổ xứ, đang thuyết pháp tại cung trời Đâu suất. Các kinh thuộc về Di Lặc Bồ tát gồm Di Lặc bổn kinh, Di Lặc thượng sanh kinh, Di Lặc hạ sanh kinh, Di Lặc đại thành Phật kinh.*

(3). Hồi hướng (Phạm: Parìịàma): Cũng gọi Chuyển hướng, Thí hướng. Đem công đức thiện căn do chính mình tu được chuyển lại cho chúng sanh để cùng được lợi ích như mình. Trong Đại thừa hồi hướng có hai ý nghĩa: 1). Hướng thượng: Trên cầu Vô thượng Bồ đề; 2). Hướng hạ: Dưới là phục vụ chúng sanh (hạ hoá chúng sanh).

(4). Thiện căn: Căn lành, hạnh lành là cội gốc sanh ra quả lành, nên gọi là thiện căn như ba tính vô tham, vô sân, vô si là thể của thiện căn, gọi chung là tam thiện căn. Còn bất thiện căn tương phản với thiện căn là tham, sân, si thì gọi là tam bất thiện căn hay là Tam độc.

(5). Hằng sa thế giới: Hằng hà sa số tức số lượng rất lớn, không thể tính đếm, như số cát của sông Hằng (như cát Căng già). Trong kinh Phật thường dùng cách nói này để diễn đạt số lượng rất lớn. "Những phước này nếu có hình tướng thì hằng hà sa thế giới khắp mười phương không thể chứa hết được". Nếu phước đức có hình tướng giống như lúa mè, tre sậy, rừng cây gốc nhánh hoặc bất cứ thứ gì có thể sờ mó đụng chạm được, thì cả tam thiên đại thiên to lớn như vậy cũng không thể chứa hết nổi.

---o0o---

QUYỂN THỨ MƯỜI BA

PHẨM CHIẾU MINH
THỨ BỐN MƯƠI

(Tương đương Phẩm "Khen Bát Nhã", phần sau Q.172 đến Q.182, ĐBN)

Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đây chính là Bát nhã ba la mật?"

Đức Phật nói: "Chính là Bát nhã ba la mật!"

Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật hay chiếu sáng tất cả pháp, vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Nên kính lễ Bát nhã ba la mật.

Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật chẳng dính mắc ba cõi.

Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật trừ các sự tối tăm, vì tất cả phiền não kiến chấp đều dứt trừ vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Trong tất cả pháp trợ đạo, thời Bát nhã ba la mật là tối thượng.

Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật là an ổn, vì hay dứt trừ tất cả bố úy khổ não vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật hay đem lại quang minh, vì trang nghiêm với ngũ nhãn vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật hay chỉ dẫn những chúng sanh đã sa vào tà kiến, vì rời hẳn hai bên vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật là Nhất thiết chủng trí, vì tất cả phiền não và tập khí dứt diệt vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật là mẹ của chư đại Bồ Tát, vì hay xuất sanh các Phật pháp vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật bất sanh bất diệt, vì tự tướng rỗng không vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật xa rời sanh tử, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật là chỗ hộ vệ của người không ai cứu giúp, vì ban bố tất cả trân bửu vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật đầy đủ năng lực, vì không gì phá hoại được vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật hay chuyển ba lần chuyển mười hai hành pháp luân(1), vì tất cả các pháp chẳng chuyển, chẳng hườn vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật hay hiển thị các pháp tánh, vì vô pháp hữu pháp không vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Phải cúng dường Bát nhã ba la mật thế nào?"

Đức Phật nói: "Phải như cúng dường Phật mà cúng dường Bát nhã ba la mật. Phải như lễ Phật mà lễ Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy?

Vì Phật chẳng khác Bát nhã ba la mật và Bát nhã ba la mật tức là Phật. Phật tức là Bát nhã ba la mật và Bát nhã ba la mật tức là Phật.

Trong Bát nhã ba la mật nầy xuất sanh chư Phật, chư Bồ Tát, Bích Chi Phật, A La Hán, A Na Hàm, Tư Đà Hàm, Tu Đà Hoàn.

Trong Bát nhã ba la mật nầy xuất sanh mười thiện đạo, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, năm thần thông, nội không đến vô pháp hữu pháp không, tứ niệm xứ đến bát thánh đạo.

Trong Bát nhã ba la mật nầy xuất sanh thập lực, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi, Nhất thiết chủng trí".

Bấy giờ Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn nghĩ rằng do cớ gì mà Ngài Xá Lợi Phất hỏi đức Phật những sự như vậy.

Thiên Đế bèn đem ý nghĩ đó hỏi Ngài Xá Lợi Phất.

Ngài Xá Lợi Phất nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Đại Bồ Tát được Bát nhã ba la mật thủ hộ, do phương tiện lực, đối với thiện căn của tam thế chư Phật từ sơ phát tâm đến pháp trụ, đều hòa hiệp tùy hỉ, tất cả hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Vì cớ ấy nên tôi bạch hỏi việc như vậy.

Nầy Kiều Thi Ca! Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát hơn Đàn na ba la mật, Thi la ba la mật, Sằn đề ba la mật, Tỳ lê gia ba la mật và Thiền na ba la mật.

Ví như những người sanh manh(2), hoặc số trăm, số ngàn, hoặc cả trăm ngàn người, mà không ai dẫn đường, thời họ không đi vào thành được.

Cũng vậy, năm ba la mật mà rời Bát nhã ba la mật thời như kẻ mù không người dẫn đường, không thể tiến đạo, không thể được Nhất thiết chủng trí.

Nếu được Bát nhã ba la mật dắt dẫn, thời năm ba la mật gọi là có con mắt và được danh tự Ba la mật".

Thiên Đế hỏi Ngài Xá Lợi Phất: "Như lời Ngài nói là Bát nhã ba la mật tương tợ thời năm ba la mật chẳng dược danh tự Ba la mật. Nếu không Thi la ba la mật, hoặc nếu không Sằn đề ba la mật, hoặc không Tỳ lê gia ba la mật hay Thiền na ba la mật tương tợ thời năm ba la mật chẳng được danh tự Ba la mật.

Nếu đã như thế, tại sao chỉ riêng ca ngợi Bát nhã ba la mật?"

Ngài Xá Lợi Phất nói: "Đúng như lời Kiều Thi Ca nói. Nếu không Đàn na ba la mật v.v… thời năm ba la mật chẳng được danh tự Ba la mật.

Nhưng vì đại Bồ Tát an trụ trong Bát nhã ba la mật thời hay đầy đủ Đàn na ba la mật đến Thiền na ba la mật.

Vì thế nên đối với với năm ba la mật, thời Bát nhã ba la mật là đệ nhất trên hết, là tối diệu vô lượng, không gì bằng".

Ngài Xá Lợi Phất thưa đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Phải phát sanh Bát nhã ba la mật thế nào?"

Đức Phật nói: "Vì sắc chẳng sanh nên Bát nhã ba la mật sanh. Vì thọ, tưởng, hành, thức chẳng sanh nên Bát nhã ba la mật sanh. Vì Đàn na ba la mật đến Thiền na ba la mật chẳng sanh nên Bát nhã ba la mật sanh. Vì nội không đến pháp hữu pháp không chẳng sanh, vì tứ niệm xứ đến Nhất thiết chủng trí chẳng sanh nên Bát nhã ba la mật sanh.

Vì tất cả các pháp chẳng sanh như vậy nên Bát nhã ba la mật phải sanh".

Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là vì sắc chẳng sanh nên Bát nhã ba la mật sanh. Nhẫn đến thế nào là vì tất cả pháp chẳng sanh nên Bát nhã ba la mật phải sanh?"

Đức Phật nói: “Sắc chẳng khởi, chẳng sanh vì là chẳng được, chẳng mất vậy. Nhẫn đến tất cả các pháp chẳng khởi, chẳng sanh vì là chẳng được, chẳng mất vậy, Do đó, mà Bát nhã ba la mật sanh”.

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Sanh Bát nhã ba la mật như vậy hiệp với những pháp nào?”

Đức Phật nói: “Không có cùng hiệp. Thế nên được gọi là Bát nhã ba la mật”.

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Chẳng cùng hiệp với những pháp nào?”

Đức Phật nói: “Chẳng cùng hiệp với pháp bất thiện, chẳng cùng hiệp với pháp thiện, chẳng cùng hiệp với pháp thế gian, chẳng cùng hiệp với pháp xuất thế gian, chẳng cùng hiệp với pháp hữu lậu, chẳng cùng hiệp với pháp vô lậu, chẳng cùng hiệp với pháp tội, chẳng cùng hiệp với pháp vô tội, chẳng cùng hiệp với pháp hữu vi, chẳng cùng hiệp với pháp vô vi. Tại sao vậy?

Vì Bát nhã ba la mật chẳng vì được các pháp mà sanh. Thế nên đối với các pháp không chỗ cùng hiệp”.

Thiên Đế thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật nầy cũng chẳng hiệp với Nhất thiết trí chăng?”

Đức Phật nói: “Đúng như vậy. Nầy Kiều Thi Ca! Bát nhã ba la mật cũng chẳng hiệp vì Nhất thiết trí cũng chẳng được. Tại sao vậy?

Bát nhã ba la mật chẳng như danh tự, chẳng như tướng, chẳng như pháp khởi tác hiệp”.

Thiên Đế thưa: “Nay hiệp thế nào?”

Đức Phật nói: “Nếu đại Bồ Tát như chẳng lấy, chẳng thô, chẳng ở, chẳng mắc, chẳng dứt, hiệp như vậy cũng không chỗ hiệp, cũng vậy, Bát nhã ba la mật (đối với)tất cả pháp hiệp cũng không chỗ hiệp”.

Thiên Đế thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Thật là chưa từng có. Bát nhã ba la mật nầy vì tất cả pháp chẳng khởi, chẳng sanh, chẳng được, chẳng mất nên sanh”.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật mà quan niệm rằng Bát nhã ba la mật hoặc hiệp với tất cả pháp, hoặc chẳng hiệp, thời vị Bồ Tát nầy đã bỏ Bát nhã ba la mật, đã lìa Bát nhã ba la mật”.

Đức Phật nói: “Nầy Tu Bồ Đề! Lại có nhơn duyên mà đại Bồ Tát bỏ và xa lìa Bát nhã ba la mật.

Nếu đại Bồ Tát quan niệm rằng Bát nhã ba la mật nầy không chỗ có, trống rỗng, chẳng cứng chắc.

Đại Bồ Tát nầy thời là bỏ và lìa xa Bát nhã ba la mật”.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Tin Bát nhã ba la mật là chẳng tin pháp nào?”

Đức Phật nói: “Tin Bát nhã ba la mật thời chẳng tin sắc, chẳng tin thọ, tưởng, hành, thức, chẳng tin nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, chẳng tin sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp, chẳng tin nhã giới đến ý thức giới, chẳng tin Đàn na ba la mật đến Thiền na ba la mật, chẳng tin nội không đến vô pháp hữu pháp không, chẳng tin tứ niệm xứ đến bát thánh đạo phần, chẳng tin thập lực đến mười tám pháp bất cộng, chẳng tin quả Tu Đà Hoàn đến đạo Bích Chi Phật, chẳng tin đạo Bồ Tát, chẳng tin Vô thượng Bồ đề nhẫn đến Nhất thiết chủng trí. Tại sao vậy?

Vì sắc bất khả đắc nên tin Bát nhã ba la mật thời chẳng tin sắc. Nhẫn đến vì Nhất thiết chủng trí bất khả đắc nên Bát nhã ba la mật thời chẳng tin Nhất thiết chủng trí.

Thế nên, nầy Tu Bồ Đề! Lúc tin Bát nhã ba la mật thời chẳng tin sắc nhẫn đến Nhất thiết chủng trí".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật nầy gọi là Đại ba la mật. Tại sao vậy?

Vì Bát nhã ba la mật nầy chẳng làm sắc lớn, chẳng làm sắc nhỏ, nhẫn đến Vô thượng Bồ đề chẳng làm lớn, chẳng làm nhỏ, chư Phật chẳng làm lớn, chẳng làm nhỏ.

Vì Bát nhã ba la mật nầy chẳng làm sắc hiệp, chẳng làm sắc tan, nhẫn đến chư Phật chẳng làm hiệp, chẳng làm tan.

Vì Bát nhã ba la mật nầy chẳng làm sắc vô lượng, chẳng làm sắc chẳng phải vô lượng, nhẫn đến chư Phật chẳng làm vô lượng, chẳng làm chẳng phải vô lượng.

Vì Bát nhã ba la mật nầy chẳng làm sắc rộng, chẳng làm sắc hẹp, nhẫn đến chư Phật chẳng làm rộng, chẳng làm hẹp.

Vì Bát nhã ba la mật nầy chẳng làm sắc hữu lực, chẳng làm sắc vô lực, nhẫn đến chư Phật chẳng làm hữu lực, chẳng làm vô lực.

Do nhơn duyên trên đây nên Bát nhã ba la mật gọi là đại ba la mật.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ Tát mới phát tâm chẳng xa lìa Bát nhã ba la mật, chẳng xa lìa Thiền na ba la mật đến Đàn na ba la mật, quan niệm rằng Bát nhã ba la mật nầy chẳng làm sắc lớn, chẳng làm sắc nhỏ, chẳng làm sắc hiệp, chẳng làm sắc tan, chẳng làm sắc vô lượng, chẳng làm sắc chẳng phải vô lượng, chẳng làm sắc hữu lực, chẳng làm sắc vô lực. Nhẫn đến chư Phật cũng như vậy.

Bồ Tát biết như vậy thời chẳng hiện hành Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì chẳng phải tướng Bát nhã ba la mật. Nghĩa là làm sắc lớn, nhỏ đến hữu lực, vô lực, nhẫn đến chư Phật làm lớn, nhỏ, hữu lực, vô lực.

Bạch đức Thế Tôn! Vì dụng hữu sở đắc, Bồ Tát nầy bèn có lỗi lầm lớn. Nghĩa là lúc thật hành Bát nhã ba la mật làm sắc lớn, nhỏ đến hữu lực, vô lực, nhẫn đến chư Phật làm lớn nhỏ, nhỏ, hữu lực, vô lực.

Bạch đức Thế Tôn! Vì dụng hữu sở đắc, Bồ Tát nầy bèn có lỗi lầm lớn. Nghĩa là lúc thật hành Bát nhã ba la mật làm sắc lớn, nhỏ, nhẫn đến chư Phật làm hữu lực, vô lực. Tại sao vậy?

Vì người hữu sở đắc thời không Vô thượng Bồ đề.

Tại sao vậy?

Vì chúng sanh chẳng sanh nên Bát nhã ba la mật chẳng sanh, nhẫn đến vì Phật chẳng sanh nên Bát nhã ba la mật chẳng sanh.

Vì chúng sanh tánh không nên Bát nhã ba la mật tánh không. Vì sắc tánh không nên Bát nhã ba la mật tánh không. Nhẫn đến vì Phật tánh không nên Bát nhã ba la mật tánh không.

Vì chúng sanh chẳng phải pháp nên Bát nhã ba la mật chẳng phải pháp. Vì sắc chẳng phải pháp nên Bát nhã ba la mật chẳng phải pháp. Nhẫn đến vì Phật chẳng phải pháp nên Bát nhã ba la mật chẳng phải pháp.

Vì chúng sanh sắc đến Phật **rỗng không** nên Bát nhã ba la mật rỗng không.

Vì chúng sanh sắc đến Phật **ly** nên Bát nhã ba la mật ly.

Vì chúng sanh sắc đến Phật **không có** nên Bát nhã ba la mật không có.

Vì chúng sanh sắc đến Phật **bất khả tư nghì** nên Bát nhã ba la mật bất khả tư nghì.

Vì chúng sanh sắc đến Phật **chẳng diệt** nên Bát nhã ba la mật chẳng diệt.

Vì chúng sanh sắc đến Phật **bất khả tri** nên Bát nhã ba la mật bất khả tri.

Vì chúng sanh đến Phật lực **chẳng thành tựu** nên Bát nhã ba la mật lục chẳng thành tựu.

Thế nên, bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát gọi là Đại ba la mật vậy".

Thích nghĩa:

(1). Ba lần chuyển 12 hành pháp luân: Coi lại thích nghĩa ở quyển thứ 11, phẩm "Xá lợi".

(2). Người sanh manh: Mắt bị đóng mây thành mù.

PHẨM TÍN HỦY
THỨ BỐN MƯƠI MỐT

Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Có đại Bồ Tát tin hiểu Bát nhã ba la mật nầy, đại Bồ Tát ấy từ đâu sanh nơi đây? Phát tâm Bồ đề đã được bao lâu? Đã cúng dường bao nhiêu đức Phật? Thực hành sáu ba la mật được bao lâu mà nay có thể tùy thuận và hiểu thâm nghĩa Bát nhã ba la mật?'

Đức Phật nói: "Đại Bồ Tát nầy cúng dường chư Phật mười phương đến sanh nơi đây. Đại Bồ Tát nầy đã phát tâm Vô thượng Bồ đề từ vô lượng vô biên a tăng kỳ trăm ngàn muôn ức kiếp. Từ lúc mới phát tâm Bồ đề, đại Bồ Tát nầy thường thực hành sáu ba la mật.

Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát nầy hoặc thấy hay nghe Bát nhã ba la mật liền nghĩ rằng tôi thấy Phật, nghe Phật thuyết pháp.

Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát nầy hay tùy thuận hiểu thâm nghĩa Bát nhã ba la mật. Vì vô tướng, vô nhị và vô sở đắc vậy".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật nầy có thể nghe, có thể thấy chăng?"

Đức Phật nói: "Bát nhã ba la mật nầy không có ai nghe, cũng không có ai thấy.

Bát nhã ba la mật không nghe không thấy, vì các pháp độn (1) vậy.

Thiền na ba la mật, Tỳ lê gia ba la mật, Sằn đề ba la mật, Thi la ba la mật và Đàn na ba la mật không nghe không thấy, vì các pháp độn vậy.

Tứ niệm xứ đến bát thánh đạo không nghe không thấy, vì các pháp độn vậy.

Thập lực đến bất cộng pháp không nghe thấy, vì các pháp độn vậy.

Phật và Phật đạo không nghe không thấy, vì các pháp độn vậy".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thực hành đạo bao lâu mà Bồ Tát nầy có thể thực hành thâm Bát nhã ba la mật nầy?"

Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! Trong đây phải phân biệt để nói.

Có đại Bồ Tát sơ phát tâm tập thực hành thâm sáu ba la mật, do sứ phương tiện nên đối với các pháp không chỗ phá hoại, chẳng thấy các pháp có pháp nào là không lợi ích, cũng trọn chẳng xa rời thực hành sáu ba la mật, cũng chẳng xa lìa chư Phật. Từ một thế giới đến một thế giới, nếu muốn dùng sức thiện căn để cúng dường chư Phật, thời tùy ý liền được. Vĩnh viễn chẳng còn thác sanh trong bụng bà mẹ nhân loại. Trọn chẳng rời những thần thông, trọn chẳng sanh những phiền não và tâm niệm Thanh văn, Bích Chi Phật. Từ một quốc độ đến một quốc độ để thành tựu chúng sanh thanh tịnh Phật độ.

Nầy Tu Bồ Đề! Chư đại Bồ Tát có thể tập thực hành Bát nhã ba la mật như vậy.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Có đại Bồ Tát thấy chư Phật nhiều. Hoặc từ vô lượng trăm ngàn ức kiếp theo chư Phật thực hành sáu ba la mật, vì không sức phương tiện, đều vì có sở đắc, nên lúc nghe giảng thuyết thâm Bát nhã ba la mật, liền từ trong chúng hội bỏ đi, chẳng cung kính thâm Bát nhã ba la mật và chư Phật. Chư đại Bồ Tát ấy hiện nầy ngồi trong đại chúng nầy, nghe thâm Bát nhã ba la mật, vì không thích nên bèn bỏ đi. Tại sao vậy?

Vì những người nầy đời trước lúc nghe nói thâm Bát nhã ba la mật bèn bỏ đi nên đời nay nghe nói thâm Bát nhã ba la mật nên cũng bỏ đi, thân tâm không hòa.

Những người nầy gieo trồng giống nghiệp duyên ngu si.

Do nghiệp duyên ngu si nên khi nghe giảng thâm Bát nhã ba la mật bèn khinh chê. Vì khinh chê Bát nhã ba la mật nên tức là khinh chê Nhất thiết trí và Nhất thiết chủng trí của tam thế chư Phật.

Vì người nầy khinh che Nhất thiết trí của tam thế chư Phật nên phát khởi nghiệp phá pháp. Do tội phá pháp kết hợp nhơn duyên nên đọa trong đại địa ngục vô lượng trăm ngàn muôn ức năm.

Những người phá pháp nầy, từ một đại địa ngục đến một đại địa ngục. Nơi đó, lúc hỏa kiếp phát khởi, người nầy lại dời đến một đại địa ngục ở cõi khác mà thác sanh, từ một đại địa ngục đến một đại địa ngục. Nếu lúc cõi đó hỏa tai phát khởi, thời người nầy lại thác sanh vào đại địa ngục ở cõi khác. Lần lượt thác sanh như vậy khắp thế giới mười phương. Vì tội phá pháp chưa hết, nên sanh trở lại cõi nầy, từ một đại địa ngục đến một đại địa ngục thọ vô lượng khổ. Cõi nầy phát khởi hỏa kiếp lại thác sanh vào đại địa ngục cõi khác.

Người nầy lúc thác sanh vào súc sanh chịu khổ vì tội phá pháp cũng vậy.

Lúc tội nặng lần mỏng nhẹ, người nầy hoặc được thân nhơn loại, sanh vào nhà người sanh manh, hoặc sanh vào nhà Chiên đà la(2), sanh vào những nhà hạ tiện như hốt phân hay khiêng thây người chết v.v… Hoặc không có con mắt, hoặc một mắt, hoặc mắt mù, không lưỡi, không tai, không chân tay. Nơi người thác sanh không có Phật, không có chánh pháp, không Phật đệ tử. Tại sao vậy? Vì tội phá pháp chứa nhóm quá sâu nặng nên thọ lấy quả báo như vậy".

Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Tội ngũ nghịch(3) cùng tội phá pháp(4) có tương tợ nhau không?"

Đức Phật nói: "Chẳng nên bảo là tương tợ. Tại sao vậy?"

Nếu có người nghe nói thâm Bát nhã ba la mật mà chẳng tin nổi rồi hủy báng rằng chẳng nên học pháp ấy. Đó là phi pháp, chẳng phải pháp lành, chẳng phải lời Phật dạy, chẳng phải Phật giáo.

Người nầy tự mình hủy báng, cũng bảo người khác hủy báng Bát nhã ba la mật.

Người nầy tự phá hoại thân mình, cũng phá hoại thân người khác.

Người nầy tự uống thuốc độc dược giết thân mình, cũng đầu độc người khác.

Người nầy tự làm mất thân mình, cũng làm mất thân người khác.

Người nầy tự chẳng tin, chẳng biết thâm Bát nhã ba la mật, cũng làm người khác chẳng tin, chẳng biết.

Nầy Xá Lợi Phất! Ta còn chẳng cho nghe danh tự của người ấy, huống là mắt thấy và cùng ở.

Tại sao vậy?

Phải biết người nầy gọi là kẻ làm nhơ chánh pháp, bị sa vào tánh đen trược suy hoại.

Những ai nghe và tin dùng lời người nầy thời cũng thọ khổ như vậy.

Nầy Xá Lợi Phất! Nếu người nào phá hủy Bát nhã ba la mật thời gọi là kẻ hoại pháp".

Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Đức Thế Tôn nói người hoại pháp phải mang lấy trọng tội mà chẳng nói thân thể lớn nhỏ của người nầy phải thọ".

Đức Phật nói: "Chẳng cần nói người nầy thọ thân lớn nhỏ.

Tại sao vậy?

Người phá pháp nầy nếu nghe thân thể lớn nhỏ mà mình phải thọ thời sẽ thổ máu nóng, hoặc chết hoặc sắp chết.

Người phá pháp nầy nghe thân thể như vậy, có trọng tội như vậy, sẽ rất buồn lo như mũi tên đâm vào tim, sẽ lần khô héo mà nghĩ rằng vì tội phá pháp nên mắc lấy thân đại quỷ thọ vô lượng khổ như vậy".

Vì thế nên Phật chẳng cho Xá Lợi Phất hỏi thân lớn nhỏ mà người phá pháp nầy phải thọ.

Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Xin đức Thế Tôn nói để làm điều răn sáng suốt cho người đời sau, khiến biết rằng tội nghiệp phá pháp mắc phải thân lớn xấu thọ khổ như vậy".

Đức Phật nói: "Người đời sau nếu nghe tội phá pháp nghiệp nhơn dầy nặng đầy đủ phải chịu vô lượng khổ rất lâu trong đại địa ngục, cũng đủ làm điều răn sáng suốt rồi".

Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu thiện nam, thiện nữ tánh thiện thanh tịnh được nghe pháp nầy cũng đủ làm chỗ y chỉ(5), thà mất thân mạng chớ hủy phá chánh pháp. Họ tự nghĩ rằng nếu ta hủy phá chánh pháp thời sẽ phải thọ lấy sự khổ như vậy".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Những thiện nam, thiện nữ phải khéo nhiếp thân khẩu ý ba nghiệp, chớ để thọ lấy sự khổ như vậy, hoặc chẳng được thấy Phật, hoặc chẳng được nghe pháp, hoặc chẳng được thân cận chư tăng, hoặc sanh ở quốc độ không Phật, hoặc sanh ở nhà bần cùng, hoặc mọi người chẳng tín thọ lời nói.

Bạch đức Thế Tôn! Do nơi thân khẩu nghiệp nhơn duyên, có tội nặng phá pháp như vậy chăng?"

Đức Phật nói: "Do nơi khẩu nghiệp nhơn duyên có tội nặng phá pháp như vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! Người ngu si ấy ở trong Phật pháp xuất gia thọ giới rồi phá thâm Bát nhã ba la mật, chê bai chẳng tín thọ.

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu phá Bát nhã ba la mật, chê bai Bát nhã ba la mật, thời là phá Nhất thiết trí của chư Phật mười phương. Phá Nhất thiết trí là phá Phật Bảo. Phá Phật Bảo thời là phá Pháp Bảo. Phá Pháp Bảo thời là phá Tăng Bảo. Phá Tam Bảo thời là phá chánh kiến của thế gian. Phá

chánh kiến thế gian thời là phá tứ niệm xứ đến Nhất thiết chủng trí. Phá Nhất thiết chủng trí thời mắc vô lượng vô biên a tăng kỳ tội, thời phải thọ lấy vô lượng vô biên a tăng kỳ sự ưu khổ".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Có mấy nhơn duyên mà người ngu si nầy chê bai phá hoại thâm Bát nhã ba la mật?"

Đức Phật nói: "Có bốn nhơn duyên. Một là bị ma sai sử. Hai là chẳng tin thâm pháp, chẳng tin, chẳng hiểu, tâm không thanh tịnh. Ba là gần gủi thầy bạn ác, tâm mê tối giải đãi, chấp chặt thân ngũ ấm. Bốn là nhiều sân giận, tự cao, khinh người.

Nầy Tu Bồ Đề! Do bốn nhơn duyên trên đây mà người ngu si muốn phá hoại thâm Bát nhã ba la mật".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Người tương đắc với bạn ác, gieo trồng điều bất thiện, chẳng siêng năng tinh tấn tu pháp lành thời khó tin, khó hiểu thâm Bát nhã ba la mật nầy".

Đức Phật nói: "Đúng như vậy, Người ấy khó tin, khó hiểu thâm Bát nhã ba la mật nầy".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào Bát nhã ba la mật nầy rất sâu khó tin, khó hiểu?"

Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! Sắc chẳng trói, chẳng mở. Tại sao vậy? Vì tánh vô sở hữu là sắc.

Thọ, tưởng, hành, thức chẳng trói chẳng mở. Tại sao vậy? Vì tánh vô sở hữu là thọ, tưởng, hành, thức.

Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật chẳng trói, chẳng mở. Tại sao vậy? Vì tánh vô sở hữu là sáu ba la mật.

Nội không đến vô pháp hữu pháp không chẳng trói, chẳng mở. Tại sao vậy? Vì tánh vô sở hữu là nội không đến vô pháp hữu pháp không.

Tứ niệm xứ đến Nhất thiết trí và Nhất thiết chủng trí chẳng trói, chẳng mở. Tại sao vậy? Vì tánh vô sở hữu là tứ niệm xứ đến Nhất thiết trí và Nhất thiết chủng trí chẳng trói, chẳng mở. Tại sao vậy? Vì tánh vô sở hữu là tứ niệm xứ đến Nhất thiết trí và Nhất thiết chủng trí.

Nầy Tu Bồ Đề! Sắc bổn tế(6) chẳng trói, chẳng mở. Tại sao vậy? Vì bổn tế tánh vô sở hữu là sắc.

Nhẫn đến Nhất thiết chủng trí bổn tế chẳng trói, chẳng mở. Tại sao vậy? Vì bổn tế tánh vô sở hữu là Nhất thiết chủng trí.

Nầy Tu Bồ Đề! Sắc hậu tế nhẫn đến Nhất thiết chủng trí hậu tế chẳng chẳng trói, chẳng mở. Tại sao vậy? Vì hậu tế vô sở hữu là sắc, nhẫn đến là Nhất thiết chủng trí.

Nầy Tu Bồ Đề! Sắc hiện tại nhẫn đến Nhất thiết chủng trí hiện tại chẳng trói, chẳng mở. Tại sao vậy? Vì hiện tại tánh vô sở hữu là sắc nhẫn đến là Nhất thiết chủng trí".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Những người chẳng chuyên cần tinh tấn, chẳng gieo trồng căn lành, gần gũi bạn ác, giải đãi, ưa quên, không trí huệ thiện xảo phương tiện, thiệt khó tin, khó hiểu Bát nhã ba la mật".

Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Những người ấy thiệt khó tin khó hiểu Bát nhã ba la mật nầy. Tại sao vậy? Vì **sắc** thanh tịnh thời quả cũng thanh tịnh. **Thọ, tưởng, hành, thức** thanh tịnh thời quả cũng thanh tịnh. Nhẫn đến Vô thượng Bồ đề thanh tịnh thời quả cũng thanh tịnh. **(Nói về thanh tịnh).**

Lại vì sắc thanh tịnh tức là Bát nhã ba la mật thanh tịnh. Bát nhã ba la mật thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh.

Nhẫn đến **Nhất thiết chủng trí** thanh tịnh tức là Bát nhã ba la mật thanh tịnh. Bát nhã ba la mật thanh tịnh tức là Nhất thiết chủng trí thanh tịnh.

Sắc thanh tịnh và Bát nhã ba la mật thanh tịnh không hai, không khác, không đoạn, không hoại. Nhẫn đến Nhất thiết chủng trí thanh tịnh và Bát nhã ba la mật thanh tịnh không hai, không khác, không đoạn, không hoại.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Vì chẳng hai thanh tịnh nên sắc thanh tịnh. Vì chẳng hai thanh tịnh nên Nhất thiết chủng trí thanh tịnh.

Tại sao vậy? Vì chẳng hai thanh tịnh nầy cùng sắc thanh tịnh đến Nhất thiết chủng trí thanh tịnh không hai, không khác.

Vì **ngã** thanh tịnh, chúng sanh đến **tri giả, kiến giả** thanh tịnh nên sắc nhẫn đến Nhất thiết chủng trí thanh tịnh.

Vì sắc nhẫn đến Nhất thiết chủng trí thanh tịnh nên ngã chúng sanh nhẫn đến tri giả, kiến giả thanh tịnh.

Tại sao vậy? Vì ngã đến kiến giả thanh tịnh nầy cùng với sắc đến Nhất thiết chủng trí thanh tịnh chẳng hai, chẳng khác, không đoạn, không hoại.

Nầy Tu Bồ Đề! **Vì tham, sân, si** thanh tịnh nên sắc đến Nhất thiết chủng trí thanh tịnh.

Tại sao vậy? Vì tham, sân, si thanh tịnh cùng với sắc đến nhứt thiết chủng trí thanh tịnh chẳng hai, chẳng khác.

Nầy Tu Bồ Đề! Vì vô minh thanh tịnh nên hành thanh tịnh. Vì hành thanh tịnh nên thức thanh tịnh. Vì thức thanh tịnh nên danh sắc thanh tịnh. Vì danh sắc thanh tịnh nên lục nhập thanh tịnh. Vì lục nhập thanh tịnh nên xúc thanh tịnh. Vì xúc thanh tịnh nên thọ thanh tịnh. Vì thọ thanh tịnh nên ái thanh tịnh. Vì ái thanh tịnh nên thủ thanh tịnh. Vì thủ thanh tịnh nên hữu thanh tịnh. Vì hữu thanh tịnh nên sanh thanh tịnh. Vì sanh thanh tịnh nên lão tử thanh tịnh. Vì lão tử thanh tịnh nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh(kinh có ý nói **12 duyên khởi**). Vì Bát nhã ba la mật thanh tịnh nên Thiền na thanh tịnh. Nhẫn đến vì Đàn na thanh tịnh nên nội không thanh tịnh(**lục ba la mật**). Vì nội không thanh tịnh nên nhẫn đến vô pháp hữu pháp không thanh tịnh(**18 pháp không**). Vì vô pháp hữu pháp không thanh tịnh nên tứ niệm xứ nhẫn đến Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì Nhất thiết trí thanh tịnh nên Nhất thiết chủng trí thanh tịnh.

Tại sao vậy? Vì Nhất thiết trí nầy cùng với Nhất thiết chủng trí không hai, không khác, không đoạn, không hoại.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Vì Bát nhã ba la mật thanh tịnh nên sắc thanh tịnh. Nhẫn đến vì Bát nhã ba la mật thanh tịnh nên Nhất thiết trí thanh tịnh.

Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật nầy cùng với Nhất thiết trí không hai, không khác.

Nầy Tu Bồ Đề! Vì Thiền na ba la mật thanh tịnh nên nhẫn đến Nhất thiết trí thanh tịnh. Nhẫn đến vì Đàn na ba la mật thanh tịnh nên nhẫn đến Nhất thiết trí thanh tịnh(**lục Ba la mật**). Vì nội không thanh tịnh nên nhẫn đến Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì tứ niệm xứ thanh tịnh nên nhẫn đến Nhất thiết trí thanh tịnh.

Nầy Tu Bồ Đề! Vì Nhất thiết trí thanh tịnh nên nhẫn đến Bát nhã ba la mật thanh tịnh.

Nầy Tu Bồ Đề! Vì hữu vi thanh tịnh nên vô vi thanh tịnh(**tất cả pháp**).

Tại sao vậy? Vì hữu vi thanh tịnh nên vô vi thanh tịnh. Vì hữu vi thanh tịnh cùng với vô vi thanh tịnh không hai, không khác, không đoạn, không hoại.

Nầy Tu Bồ Đề! Vì quá khứ thanh tịnh nên vị lai và hiện tại thanh tịnh nên vị lai và hiện tại thanh tịnh. Vì vị lai thanh tịnh nên quá khứ và hiện tại thanh tịnh. Vì hiện tại thanh tịnh nên quá khứ và vị lai thanh tịnh.

Tại sao vậy? Vì hiện tại thanh tịnh cùng với quá khứ và vị lai thanh tịnh không hai, không khác, không đoạn, không hoại vậy".

Thích nghĩa:

(1). Pháp độn hay Trì độn: Từ này rất khó dịch, Anh ngữ gọi là dull, như dao "lụt", cá tính "thường" hay "lạt phèo" hay "lạt nhách".

(2). Chiên đà la: Chiên đồ la, dịch âm từ tiếng Phạm(Caịđàla). Dịch ý là lửa hừng, dữ tợn, người hiểm độc, người bạo ác, người chủ mưu giết chóc. Trong xã hội Ấn độ, Chiên đà la bị coi là hạng người thấp hèn nhất, dưới giai cấp Thủ đà la. Hạng người này chuyên làm các nghề như coi nhà tù, đồ tể, lưới cá v.v...... Cứ theo pháp điển Ma nô chép, thì Chiên đà la là chỉ giống người pha trộn, cha là Thủ đà la, mẹ là Bà la môn. Kinh Tăng nhất A hàm quyển 18 (Đại 2, 636 thượng), nói: Hoặc có người sanh vào nhà ti tiện hoặc giống Chiên đà la, hoặc giống ăn thịt người… (Phỏng theo Từ điển Phật quang).

(3). Tội ngũ nghịch: Chỉ cho 5 cái tội cực ác trái với đạo lý. Cứ theo thuyết của Tiểu thừa thì 5 tội nghịch là: 1). Giết mẹ. (Phạm: Màtf-ghàta). 2). Hại cha(Phạm: Pitfghàta). 3). Hại A la hán (Phạm: Arhad-ghàta). 4). Làm thân Phật chảy máu (Phạm: Tathàgatasyàntike duwỉa-cittarudhirotpàdana). 5). Phá hòa hợp tăng. Trong 5 tội trên đây, 2 tội trước là bỏ ruộng ân nghĩa, 3 tội sau là hủy hoại ruộng đức, vì thế gọi là Năm tội nghịch. Vì hành vi của 5 tội là nguyên nhân làm cho người vi phạm phải rơi vào địa ngục Vô gián nên cũng gọi là Năm nghiệp Vô gián (Phạm: Paĩca anantarya-karmàịi)

(4). Tội phá pháp (Phạm: Saddharma-pratikwepa): Cũng gọi là Phỉ báng chánh pháp, Báng pháp, Đoạn pháp. Dèm chê chính pháp của đức Phật. Cứ theo kinh Vô lượng thọ quyển thượng thì đức Phật A di đà phát nguyện cứu độ những chúng sanh niệm Phật, chỉ trừ những người phạm tội Ngũ nghịch và phỉ báng chính pháp. Kinh Bồ tát thiện giới cho tội phỉ báng chính pháp là 1 trong 8 Ba la di (8 giới nặng) của Bồ tát. Còn kinh Phạm võng quyển hạ thì cho tội phỉ báng Tam bảo là 1 trong 10 Ba la di của Bồ tát. Nói chung, phỉ báng chính pháp có 2 loại: 1). Không tin pháp Tiểu thừa hay Đại thừa mà nghi ngờ phỉ báng. 2). Không tin các kinh Đại thừa là do chính đức Phật nói mà dèm chê; hoặc thấy người đọc tụng, biên chép, thụ trì các kinh Đại thừa mà sanh lòng khinh dễ, ghen ghét.

(5). Chỗ y chỉ: y (依) là nương dựa, chỉ (止) là dừng lại, ở yên. Y chỉ là chỗ để cho người ta nương dựa và dừng yên ở đó, tức là bậc có đủ phước đức và trí huệ, đủ sức dìu dắt người khác, như Phật là bậc Y chỉ của tất cả chúng sanh. (Mở rộng tâm hồn)

(6). Bổn tế: cội nguồn (bổn) và giới hạn (tế) của tất cả các pháp. Ở đây kinh nói đến đời sau (hậu tế), nói hiện tại, nên có thể hiểu là tam tế hay tam thế.

---o0o---

QUYỂN THỨ MƯỜI BỐN

PHẨM THÁN TỊNH
THỨ BỐN MƯƠI HAI

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Thanh tịnh nầy **rất sâu**!”

Đức Phật nói: “Vì rốt ráo thanh tịnh vậy”.

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Những pháp nào thanh tịnh nên thanh tịnh nầy rất sâu?”

Đức Phật nói: “Vì sắc thanh tịnh nên thanh tịnh nầy rất sâu. Vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh, vì tứ niệm xứ thanh tịnh, nhẫn đến vì mười tám pháp bất cộng thanh tịnh, vì Bồ Tát thanh tịnh, vì Phật thanh tịnh, vì Nhất thiết trí và Nhất thiết chủng trí thanh tịnh nên thanh tịnh nầy rất sâu”.

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Thanh tịnh nầy **rất sáng**!”

Đức Phật nói: “Vì rốt ráo thanh tịnh vậy”.

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Những pháp nào thanh tịnh nên thanh tịnh nầy rất sáng?”

Đức Phật nói: “Vì Bát nhã ba la mật nhẫn đến Đàn na ba la mật thanh tịnh nên thanh tịnh nầy rất sáng. Vì tứ niệm xứ nhẫn đến Nhất thiết chủng trí thanh tịnh nên thanh tịnh nầy rất sáng”.

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Thanh tịnh nầy **chẳng tương tục**!”

Đức Phật nói: “Vì rốt ráo thanh tịnh vậy”.

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Những pháp nào chẳng tương tục nên thanh tịnh nầy chẳng tương tục?”

Đức Phật nói: “Vì sắc chẳng đi, chẳng tương tục nên thanh tịnh nầy chẳng tương tục. Nhẫn đến Nhất thiết chủng trí chẳng đi, chẳng tương tục nên thanh tịnh nầy chẳng tương tục”.

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Thanh tịnh nầy **vô cấu**(1)!”

Đức Phật nói: Vì rốt ráo thanh tịnh vậy”.

Ngài Xá Lợi Phất nói: “Những pháp nào vô cấu nên thanh tịnh nầy vô cấu?”

Đức Phật nói: “Vì sắc tánh thường thanh tịnh nên thanh tịnh nầy vô cấu. Nhẫn đến vì Nhất thiết chủng trí tánh thường thanh tịnh nên thanh tịnh nầy vô cấu”.

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Thanh tịnh **vô đắc, vô trước**(2)!” Đức Phật nói: “Vì rốt ráo thanh tịnh vậy”.

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Những pháp nào vô đắc, vô trước nên thanh tịnh nầy vô đắc, vô trước?”

Đức Phật nói: “Vì sắc vô cấu, vô trước nhẫn đến vì Nhất thiết chủng trí vô đắc, vô trước nên thanh tịnh nầy vô đắc, vô trước”.

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Thanh tịnh nầy **vô sanh**!”

Đức Phật nói: “Vì rốt ráo thanh tịnh vậy”.

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Những pháp nào vô sanh nên thanh tịnh nầy vô sanh?”

Đức Phật nói: “Vì sắc vô sanh, nhẫn đến vì Nhất thiết chủng trí vô sanh nên thanh tịnh nầy vô sanh”.

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Thanh tịnh nầy **chẳng sanh** trong Dục giới!”

Đức Phật nói: “Vì rốt ráo thanh tịnh vậy”.

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Tại sao thanh tịnh nầy chẳng sanh trong Dục giới?”

Đức Phật nói: “Dục giới tánh bất khả đắc nên thanh tịnh nầy chẳng sanh trong Dục giới!”

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Thanh tịnh nầy chẳng sanh trong Sắc giới!”

Đức Phật nói: “Vì rốt ráo thanh tịnh vậy”.

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Tại sao thanh tịnh nầy chẳng sanh trong Sắc giới?”

Đức Phật nói: “Sắc giới tánh bất khả đắc nên thanh tịnh nầy chẳng sanh trong Sắc giới”.

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Thanh tịnh nầy chẳng sanh trong Vô sắc giới?”

Đức Phật nói: “Vì rốt ráo thanh tịnh vậy”.

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Tại sao thanh tịnh nầy chẳng sanh trong Vô sắc giới?”

Đức Phật nói: “Vô sắc giới tánh bất khả đắc nên thanh tịnh nầy chẳng sanh trong Vô sắc giới“.

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Thanh tịnh nầy **vô tri**(3)!”

Đức Phật nói: “Vì rốt ráo thanh tịnh vậy”.

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Tại sao thanh tịnh nầy vô tri?”

Đức Phật nói: “Vì các pháp độn nên thanh tịnh nầy vô tri”.

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Sắc vô tri nên thanh tịnh nầy thanh tịnh!”

Đức Phật nói: “Vì rốt ráo thanh tịnh vậy”.

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Tại sao sắc vô tri nên thanh tịnh nầy thanh tịnh?”

Đức Phật nói: “Vì sắc tự tánh rỗng không nên sắc vô tri mà thanh tịnh nầy thanh tịnh”.

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Thọ, tưởng, hành, thức vô tri nên thanh tịnh nầy thanh tịnh!”

Đức Phật nói: “Vì rốt thanh tịnh vậy”.

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Tại sao thọ, tưởng, hành, thức, vô tri nên thanh tịnh nầy thanh tịnh?”

Đức Phật nói: “Vì thọ, tưởng, hành, thức **tự tánh rỗng không** nên thọ, tưởng, hành, thức vô tri mà thanh tịnh nầy thanh tịnh”.

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Tất cả pháp thanh tịnh nên thanh tịnh nầy thanh tịnh!”

Đức Phật nói: "Vì rốt ráo thanh tịnh vậy".

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Tại sao tất cả pháp thanh tịnh nên thanh tịnh nầy thanh tịnh?”

Đức Phật nói: **“Vì tất cả pháp bất khả đắc nên tất cả pháp thanh tịnh mà thanh tịnh nầy thanh tịnh”.**

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật nầy đối với Nhất thiết trí **không làm thêm, không làm bớt**!”

Đức Phật nói: "Vì rốt ráo thanh tịnh vậy".

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch đức Thế Tôn! tại sao đối với Nhất thiết trí, Bát nhã ba la mật nầy không làm thêm, không làm bớt?”

Đức Phật nói: “Vì pháp thường trụ, nên đối với Nhất thiết trí, Bát nhã ba la mật nầy không làm thêm, không làm bớt.

Ngài Xá Lợi Phất thưa: Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật thanh tịnh nầy đối với các pháp **không chỗ thọ nhận**!”

Đức Phật nói: "Vì rốt ráo thanh tịnh vậy".

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Tại sao Bát nhã ba la mật thanh tịnh đối với các pháp không chỗ thọ nhận?”

Đức Phật nói: “Vì pháp tánh bất động nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh nầy không chỗ thọ nhận đối với các pháp”.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bạch đức Thế Tôn! **Ngã** thanh tịnh nên sắc thanh tịnh mà rốt ráo thanh tịnh?”

Đức Phật nói: “Vì ngã vô sở hữu nên sắc vô sở hữu mà rốt ráo thanh tịnh”.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Ngã thanh tịnh nên **thọ, tưởng, hành, thức** thanh tịnh!”

Đức Phật nói: "Vì rốt ráo thanh tịnh vậy".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Do cớ gì ngã thanh tịnh nên thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh mà rốt ráo thanh tịnh?”

Đức Phật nói: “Vì ngã **vô sở hữu** nên thọ, tưởng, hành, thức vô sở hữu mà rốt ráo thanh tịnh”.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Ngã thanh tịnh nên sáu ba la mật, tứ niệm xứ nhẫn đến mười tám pháp bất cộng thanh tịnh!”

Đức Phật nói: "Vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Tại sao vậy?

Vì ngã vô sở hữu nên sáu ba la mật nhẫn đến mười tám pháp bất cộng vô sở hữu mà rốt ráo thanh tịnh”.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Ngã thanh tịnh nên quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến Phật đạo thanh tịnh!”

Đức Phật nói: "Vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Tại sao vậy?

Vì **tự tướng không** vậy”.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Ngã thanh tịnh nên Nhất thiết trí thanh tịnh!”

Đức Phật nói: "Vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Tại sao vậy?

Vì **vô tướng vô niệm**(4) vậy?”

Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Do hai thanh tịnh nên vô đắc, vô trước là thanh tịnh!”

Đức Phật nói: "Vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Tại sao vậy?

Vì **vô cấu, vô tịnh**(5) vậy".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Ngã **vô biên** nên sắc, thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh!"

Đức Phật nói: "Vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Tại sao vậy?

Vì **rốt ráo không và vô thỉ không** vậy".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát có thể biết như vậy thời gọi là đại Bồ Tát Bát nhã ba la mật!"

Đức Phật nói: "Vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Tại sao vậy?

Vì biết đạo chủng vậy".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật, do sức phương tiện nên nghĩ rằng sắc chẳng biết sắc, thọ, tưởng, hành, thức chẳng biết thọ, tưởng, hành, thức, pháp quá khứ chẳng biết pháp quá khứ, pháp vị lai chẳng biết pháp vị lai, pháp hiện tại chẳng biết pháp hiện tại".

Đức Phật nói: "Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật, do sức phương tiện nên chẳng nghĩ tôi bố thí cho người, cũng chẳng nghĩ rằng tôi trì giới, trì giới như vậy, tôi nhẫn nhục, tu nhẫn nhục như vậy, tôi tinh tấn, tinh tấn như vậy, tôi nhập thiền, nhập thiền như vậy, tôi tu trí huệ, tu trí huệ như vậy, tôi được phước đức, được phước đức như vậy.

Đại Bồ Tát nầy cũng chẳng nghĩ rằng tôi sẽ vào trong bực Bồ Tát, tôi sẽ thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh, tôi sẽ được Nhất thiết chủng trí.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát nầy thực hành Bát nhã ba la mật, do phương tiện lực nên không có những nhớ tưởng phân biệt, vì là nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô thỉ không, tán không, tánh không, chư pháp không, tự tướng không vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! Đây gọi là đại Bồ Tát thực hành Bát nhã ba la mật, do phương tiện lực nên được vô ngại".

Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi Ngài Tu Bồ Đề: "Thế nào là thiện nam tử cầu Bồ Tát đạo có pháp chướng ngại?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nầy Kiều Thi Ca! **Có những thiện nam, thiện nữ cầu Bồ Tát đạo mà nắm lấy tâm tướng.** Những là nắm lấy tướng Đàn na ba la mật, nắm lấy tướng Thi la ba la mật nhẫn đến tướng Bát nhã ba la mật, nắm lấy tướng nội không nhẫn đến tướng vô pháp hữu pháp không, nắm lấy tướng tứ niệm xứ nhẫn đến tướng bát thánh đạo, nắm lấy tướng thập lực nhẫn đến tướng mười tám pháp bất cộng, nắm lấy tướng chư Phật, nắm lấy tướng thiện căn của chư Phật gieo trồng. Đem tướng nắm lấy tất cả phước đức hòa hiệp đó hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Đây là pháp chướng ngại của thiện nam, thiện nữ cầu đạo Bồ Tát.

Dụng pháp trên đây thời có trở ngại cho sự thực hành Bát nhã ba la mật.

Tại sao vậy?

Vì tướng sắc, thọ, tưởng, hành, thức chẳng thể hồi hướng, nhẫn đến tướng Nhất thiết chủng trí chẳng hồi hướng.

Nầy Kiều Thi Ca! Nếu giáo hóa cho người đến Vô thượng Bồ đề, đại Bồ Tát phải giáo hóa thật tướng của tất cả pháp.

Thiện nam, thiện nữ nếu cầu đạo Bồ Tát, lúc thực hành Đàn na ba la mật, chẳng nên phân biệt rằng tôi thí cho, tôi trì giới, tôi nhẫn nhục, tôi tinh tấn, tôi nhập thiền, tôi trí huệ, chẳng nên phân biệt rằng tôi tu nội không đến tôi tu vô pháp hữu pháp không, tôi tu tứ niệm xứ đến pháp bất cộng nhẫn đến Vô thượng Bồ đề.

Nếu giáo hóa Vô thượng Bồ đề như vậy, thời tự mình không sai lầm cũng như chỗ thuyết pháp của đức Phật, làm cho thiện nam, thiện nữ xa lìa tất cả pháp chướng ngại".

Đức Phật khen Ngài Tu Bồ Đề: "Lành thay, lành thay! Đúng như lời của ông nói về những pháp chướng ngại cho chư Bồ Tát.

Nay ông lại lắng nghe **tướng chướng ngại vi tế**(6).

Có thiện nam, thiện nữ phát tâm Vô thượng Bồ đề nắm lấy tướng để tưởng chư Phật.

Nầy Tu Bồ Đề! Những tướng có thể có, thời đều là tướng chướng ngại.

Lại đối với chư Phật, từ lúc phát tâm đến lúc pháp trụ, có bao nhiêu thiện căn, các thiện nam, thiện nữ nầy nắm lấy tướng mà tưởng nhớ, rồi hồi hướng Vô thượng Bồ đề.

Nầy Tu Bồ Đề! Những tướng có được thời đều là tướng chướng ngại.

Lại đối với những thiện căn của chư Phật, của đại đệ tử, của những chúng sanh khác, mà nắm lấy tướng hồi hướng Vô thượng Bồ đề.

Nầy Tu Bồ Đề! Những tướng có được thời đều là tướng chướng ngại.

Tại sao vậy?

Chẳng nên nắm lấy tướng để tưởng niệm chư Phật. Cũng chẳng nên nắm lấy tướng để tưởng niệm thiện căn của chư Phật".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật nầy rất sâu!"

Đức Phật nói: "Vì tất cả pháp thường ly vậy".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Tôi phải kính lễ Bát nhã ba la mật".

Đức Phật nói: **"Vì Bát nhã ba la mật nầy không khởi, không tác nên không ai có thể được".**

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Tất cả các pháp cũng chẳng thể biết, chẳng thể được".

Đức Phật nói: "Tất cả pháp một tánh duy nhứt, chẳng phải hai tánh.

Pháp tánh duy nhứt nầy cũng là vô tánh. Vô tánh nầy chính là tánh. Tánh nầy chẳng khởi, chẳng tác.

Đúng vậy, **nếu đại Bồ Tát biết các pháp một tánh duy nhứt là vô tánh không khởi, không tác, thời xa lìa tất cả tướng chướng ngại**".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật nầy khó biết, khó hiểu".

Đức Phật nói: "Đúng như lời ông nói. Bát nhã ba la mật nầy không người thấy, không người nghe, không người hay, không người biết, không người được".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật nầy chẳng thể nghĩ bàn".

Đức Phật nói: "Đúng như lời ông nói. Bát nhã ba la mật nầy chẳng từ tâm sanh, chẳng từ sắc, thọ, tưởng, hành, thức sanh, nhẫn đến chẳng từ mười tám pháp bất cộng sanh".

Thích nghĩa:

(1). Vô cấu: Không dơ bẩn, xấu xa trái với tịnh. Tịnh có nghĩa là trong sạch, thanh tịnh, không cấu bẩn.

(2). Vô trước: không chấp đắm.

(3). Vô tri: Không biết.

(4). Vô niệm: Không tưởng nghĩ.

(5). Vô tịnh: Không còn trong sạch, thanh tịnh.

(6). Vi tế: Nhỏ nhiệm, tế nhị.

---o0o---

PHẨM VÔ TÁC
THỨ BỐN MƯƠI BA

Dẫn ý:

Phần đầu phẩm "Vô Tác" của kinh MHBNBLM không nhấn mạnh về giáo pháp "Trước và Chẳng Trước tướng" như kinh ĐBN. Phần giữa phẩm "Vô Tác" của kinh MHBNBLM tương đương với phẩm "Trước, Chẳng Trước Tướng", từ Q.287 – Q.292, kinh ĐBN và phần sau phẩm "Vô Tác" lại tương đương với phẩm "Thuyết Tướng Bát Nhã", từ Q.292 – Q.296, kinh ĐBN. Sự phân chia phẩm của hai bản kinh ĐBN và MHBNBLM, có nhiều điểm rất khác biệt kể cả về tên phẩm lẫn cách phân đoạn, nếu không đọc kỹ hai tác phẩm thì chắc chắn có sự nhầm lẫn!

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật nầy không sở tác!"

Đức Phật nói: "Vì tác giả bất khả đắc. Vì sắc bất khả đắc nhẫn đến tất cả pháp bất khả đắc".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Nếu đại Bồ Tát muốn thực hành Bát nhã ba la mật thời phải thực hành thế nào?"

Đức Phật nói: "Muốn thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng thực hành nơi sắc, chẳng hành nơi thọ, tưởng, hành, thức, nhẫn đến chẳng hành Nhất thiết chủng trí, thời đó là thực hành Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ Tát, nơi sắc nhẫn đến Nhất thiết chủng trí, **chẳng hành thường hay vô thường**, thời là thực hành Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ Tát, nơi sắc nhẫn đến Nhất thiết chủng trí, **chẳng hành hoặc khổ hoặc vui**, thời thực hành Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ Tát, nơi sắc nhẫn đến Nhất thiết chủng trí, **chẳng hành là ngã hay chẳng phải ngã**, thời thực hành Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ Tát, nơi sắc nhẫn đến Nhất thiết chủng trí, **chẳng hành tịnh hay bất tịnh**, thời là thực hành Bát nhã ba la mật.

Tại sao vậy?

Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến Nhất thiết chủng trí đây **vốn không có tánh**, thời thế nào lại có thường, có vô thường, có khổ, có vui, có ngã, có chẳng ngã, có tịnh, có bất tịnh được.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng hành sắc chẳng đầy đủ, nhẫn đến chẳng hành Nhất thiết chủng trí chẳng đầy đủ, thời là thực hành Bát nhã ba la mật.

Tại sao vậy? Vì sắc chẳng đầy đủ thời chẳng gọi là sắc, như đây cũng chẳng hành thời là thực hành Bát nhã ba la mật. Nhẫn đến Nhất thiết chủng trí chẳng đầy đủ thời chẳng gọi là Nhất thiết chủng trí, như đây cũng chẳng hành thời là thực hành Bát nhã ba la mật".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Thật chưa từng có! Đức Thế Tôn khéo nói tướng dạng ngại cùng tướng dạng chẳng ngại của những thiện nam, thiện nữ cầu đạo Bồ Tát".

Đức Phật nói: "Đúng như vậy. Phật khéo nói tướng dạng ngại cùng tướng dạng chẳng ngại của những thiện nam, thiện nữ cầu đạo Bồ Tát.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, **nếu đại Bồ Tát chẳng hành sắc**, chẳng chướng ngại, thời hành Bát nhã ba la mật. Nhẫn đến chẳng hành Nhất thiết chủng trí, chẳng chướng ngại, thời là hành Bát nhã ba la mật.

Nầy Tu Bồ Đề! Lúc thực hành Bát nhã ba la mật như vậy, đại Bồ Tát biết sắc là chẳng chướng ngại, biết thọ, tưởng, hành, thức là chẳng chướng ngại, nhẫn đến biết Nhất thiết chủng trí là chẳng chướng ngại. Biết quả Tu Đà Hoàn là chẳng chướng ngại, nhẫn đến biết đạo Vô thượng Bồ đề là chẳng chướng ngại",

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Chưa từng có vậy, Bạch đức Thế Tôn!

Pháp thậm thâm nầy, hoặc giảng thuyết, hoặc chẳng giảng thuyết cũng đều chẳng tăng, chẳng giảm".

Đức Phật nói: "Đúng như vậy. Pháp thậm thâm nầy, hoặc nói hoặc chẳng nói cũng đều chẳng tăng, chẳng giảm.

Nầy Tu Bồ Đề! Như ảo nhơn, lúc khen hay lúc chê cũng đều chẳng tăng, chẳng giảm. Lúc khen chẳng mừng, lúc chê chẳng lo.

Nầy Tu Bồ Đề! Pháp tướng của các pháp cũng như vậy, lúc nói cũng như bổn không khác, lúc chẳng nói cũng như bổn không khác".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Chỗ làm của chư đại Bồ Tát rất khó. Lúc tu hành Bát nhã ba la mật nầy, các Ngài chẳng mừng chẳng lo, mà có thể thực tập Bát nhã ba la mật. Cũng chẳng thối chuyển nơi Vô thượng Bồ đề.

Tại sao vậy?

Bạch đức Thế Tôn! Tu hành Bát nhã ba la mật như tu hành hư không.

Như trong hư không, không có Bát nhã ba la mật nhẫn đến không có Đàn na ba la mật. Như trong hư không, không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến không có mười tám pháp bất cộng. Như trong hư không, không có quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến đạo Vô thượng Bồ đề. Tu Bát nhã ba la mật cũng như vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Tất cả đều nên kính lễ chư đại Bồ Tát có thể đại thệ trang nghiêm nầy.

Bạch đức Thế Tôn! Chư đại Bồ Tát nầy vì chúng sanh mà đại thệ trang nghiêm chuyên cần tinh tấn, như hư không đại thệ trang nghiêm chuyên cần tinh tấn.

Bạch đức Thế Tôn! Chư đại Bồ Tát nầy muốn độ chúng sanh như muốn độ hư không.

Bạch đức Thế Tôn! Chư đại Bồ Tát nầy đại thệ trang nghiêm, như là hư không khắp cả chúng sanh đại thệ trang nghiêm.

Bạch đức Thế Tôn! Chư đại Bồ Tát nầy đại thệ trang nghiêm muốn độ chúng sanh như là cất hư không lên.

Bạch đức Thế Tôn! Chư đại Bồ Tát nầy được sức đại tinh tấn, vì muốn độ chúng sanh mà phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Bạch đức Thế Tôn! Chư đại Bồ Tát nầy rất dũng mãnh, vì độ chúng sanh đồng như hư không mà phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Tại sao vậy?

Bạch đức Thế Tôn! Nếu chư Phật đầy cả trong cõi Đại Thiên như là tre, lau, mía, lúa, mè, lùm rừng, thường thuyết pháp luôn cả một kiếp hoặc gần một kiếp. Mỗi đức Phật độ vô lượng vô biên vô số chúng sanh làm cho họ nhập Niết Bàn.

Tánh chúng sanh nầy cũng vẫn chẳng tăng, chẳng giảm.

Tại sao vậy?

Vì chúng sanh vốn vô sở hữu vậy, là ly vậy.

Nhẫn đến chư Phật trong quốc độ mười phương độ chúng sanh, tánh chúng sanh vẫn không tăng, không giảm cũng như vậy.

Do nhơn duyên ấy, bạch đức Thế Tôn! Tôi nói rằng chư đại Bồ Tát nầy vì muốn độ chúng sanh mà phát tâm Vô thượng Bồ đề, là muốn độ hư không.

Bấy giờ có một Tỳ Kheo nói rằng: Tôi phải đảnh lễ Bát nhã ba la mật.

Trong Bát nhã ba la mật dầu không pháp sanh, không pháp diệt, mà có chúng chánh giới, có chúng chánh định, có chúng chánh huệ, có chúng giải thoát, có chúng giải thoát tri kiến. Mà có các bực Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật, chư Phật. Mà có Phật Bửu, Pháp Bửu, Tỳ Kheo Tăng Bửu. Mà có chuyển pháp luân".

Lúc đó Thiên Đế hỏi Ngài Tu Bồ Đề: "Nếu đại Bồ Tát tu tập Bát nhã ba la mật là tu tập pháp gì?"

Ngài Tu Bồ Đề bảo Thiên Đế: "Nầy Kiều Thi Ca! **đại Bồ Tát nầy tu tập Bát nhã ba la mật là tu tập không".**

Thiên Đế bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu thiện nam, thiện nữ thọ trì Bát nhã ba la mật nầy và thân cận, đọc tụng, giải thuyết, chánh ức niệm, thời tôi phải thủ hộ những gì?"

Ngài Tu Bồ Đề hỏi Thiên Đế: "Nầy Kiều Thi Ca! Ngài có pháp gì có thể thủ được chăng?"

Thiên Đế nói: "Không! Bạch Đại Đức! Tôi chẳng thấy pháp gì có thể thủ hộ được".

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nếu thiện nam, thiện nữ tu hành đúng như lời Phật dạy trong Bát nhã ba la mật, thời chính là thủ hộ. Nghĩa là thường tu hành đúng như lời Phật dạy trong Bát nhã ba la mật mà chẳng xa rời, thời hoặc người hay phi nhơn không làm hại được thiện nam, thiện nữ nầy.

Phải biết rằng thiện nam, thiện nữ nầy chẳng xa rời Bát nhã ba la mật.

Nầy Kiều Thi Ca! Nếu ai muốn thủ hộ hàng Bồ Tát tu hành Bát nhã ba la mật, thời là muốn thủ hộ hư không.

Nầy Kiều Thi Ca! Ý Ngài nghĩ sao? Ngài có thể thủ hộ mộng, diệm, ảnh, hưởng, ảo, hóa được chăng?"

Thiên Đế nói: "Không thể thủ hộ được".

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nếu ai muốn thủ hộ chư Bồ Tát tu hành Bát nhã ba la mật thời cũng như vậy. Chỉ luống nhọc nhằn thôi.

Nầy Kiều Thi Ca! Ngài có thể thủ hộ chỗ biến hóa của chư Phật chăng?"

Thiên Đế nói: "Tôi chẳng thủ hộ được".

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nếu ai muốn thủ hộ chư Bồ Tát thực hành Bát nhã ba la mật thời cũng như vậy."

Nầy Kiều Thi Ca! Có thể thủ hộ pháp tánh, thật tế, pháp như, bất tư nghì tánh chăng?"

Thiên Đế nói: "Không thể thủ hộ được".

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nếu có ai muốn thủ hộ chư Bồ Tát thực hành Bát nhã ba la mật thời cũng như vậy".

Thiên Đế hỏi: "Thưa Ngài Tu Bồ Đề! Thế nào đại Bồ Tát thực hành Bát nhã ba la mật thấy biết các pháp như mộng, như diệm, như ảnh, như ảo, như hóa? Thế nào chư đại Bồ Tát như chỗ mình thấy biết nên chẳng quan niệm mộng, chẳng quan niệm là mộng, chẳng quan niệm dùng mộng, chẳng quan niệm tôi mộng?

Như mộng với diệm, ảnh, hưởng, ảo và hóa cũng vậy".

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Nếu đại Bồ Tát thực hành Bát nhã ba la mật, chẳng quan niệm sắc, chẳng quan niệm là sắc, chẳng quan niệm dùng sắc, chẳng quan niệm sắc với tôi, thời đại Bồ Tát nầy cũng có thể chẳng quan niệm mộng, chẳng quan niệm là mộng, chẳng quan niệm dùng mộng, chẳng quan niệm tôi mộng, nhẫn đến ảo và hóa cũng vậy.

Nếu đại Bồ Tát nhẫn đến Nhất thiết trí, chẳng quan niệm Nhất thiết trí, chẳng quan niệm là Nhất thiết trí, chẳng quan niệm dùng Nhất thiết trí, chẳng quan niệm Nhất thiết trí của tôi, thời đại Bồ Tát cũng có thể nhẫn đến chẳng quan niệm hóa, chẳng quan niệm là hóa, chẳng quan niệm dùng hóa, chẳng quan niệm hóa của tôi.

Nầy Kiều Thi Ca! **Đại Bồ Tát như vậy biết các pháp như mộng, như diệm, như ảnh, như hưởng, như ảo, như hóa".**

Bấy giờ do thần lực của Phật, nên trong Đại thiên thế giới, các hàng Trời Tứ Thiên Vương, Trời Đao Lợi, Trời Dạ Ma, Trời đâu Suất, Trời Hóa lạc, Trời Tha Hóa Tự Tại, Trời Phạm Thiên, Trời Phạm Phụ, Trời Phạm Chúng, Trời Đại Phạm, Trời Thiểu Quang, nhẫn đến Trời Tịnh Cư, tất cả những hàng Trời nầy đem hương chiên đàn cõi Trời vói rải trên đức Phật, cùng nhau đến chỗ Phật, đầu mặt lạy chơn Phật, rồi đứng qua một phía.

Do thần lực của Phật, nên những hàng Trời nầy đều thấy ngàn đức Phật phương Đông thuyết pháp, cùng tướng dạng như vậy, danh hiệu như vậy, giảng nói phẩm Bát nhã ba la mật nầy, chư Tỳ Kheo đều tên Tu Bồ Đề, người gạn hỏi phẩm Bát nhã ba la mật đều tên Thích đề Hoàn Nhơn.

Như phương Đông, chín phương kia cũng đều hiện ngàn đức Phật như vậy.

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Thời kỳ Di Lặc Đại Bồ Tát chứng Vô thượng Bồ đề chánh đẳng Chánh giác, cũng sẽ nói Bát nhã ba la mật tại chỗ nầy. Chư đại Bồ Tát trong Hiền kiếp, lúc chứng Vô thượng Bồ đề cũng ở tại chỗ nầy mà nói Bát nhã ba la mật".

(Đây là phần mở đầu phẩm "Thuyết Tướng Bát nhã",
phần sau Q.292 đến phần đầu Q.296, kinh ĐBN)

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Lúc Ngài Di Lặc Bồ Tát thành Phật, dùng tướng gì, nhơn gì, nghĩa gì mà nói nghĩa Bát nhã ba la mật?"

Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! Lúc Di Lặc Bồ Tát chứng Vô thượng Bồ đề sẽ thuyết pháp như vầy:

Sắc chẳng phải thường, chẳng phải vô thường.

Sắc chẳng phải khổ, chẳng phải lạc.

Sắc chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã.

Sắc chẳng phải phải tịnh, chẳng phải bất tịnh.

Sắc chẳng phải hệ phược, chẳng phải giải thoát.

Sắc chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại.

Sắc rốt ráo thanh tịnh.

Thọ, tưởng, hành và thức nhẫn đến Nhất thiết trí cũng như vậy".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật nầy thanh tịnh?"

Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! Vì sắc thanh tịnh nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh. Vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh?"

Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! Nếu sắc chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh, thời gọi là sắc thanh tịnh. Nếu thọ, tưởng, hành, thức chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh, thời gọi là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Vì hư không thanh tịnh nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào vì hư không thanh tịnh nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh?"

Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! Vì hư không chẳng sanh, chẳng diệt nên thanh tịnh. Bát nhã ba la mật cũng vậy.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Vì sắc chẳng nhiễm ô nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh. Vì thọ, tưởng, hành, thức chẳng nhiễm ô nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh.

Tại sao vậy?

Nầy Tu Bồ Đề! Như hư không chẳng thể nắm lấy được nên hư không thanh tịnh. Vì hư không thanh tịnh nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Vì hư không có thể thuyết minh nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh.

Tại sao vậy?

Nhơn trong hư không hai âm thanh xuất phát.

Như hư không, vì Bát nhã ba la mật có thể thuyết minh nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh.

Nầy Tu Bồ Đề! Vì hư không chẳng thể thuyết minh nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh.

Tại sao vậy?

Như hư không vì không chỗ thuyết minh được nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh.

Nầy Tu Bồ Đề! Lại như hư không vì chẳng thể được nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh.

Tại sao vậy?

Như hư không vì không chỗ được nên hư không thanh tịnh, Bát nhã ba la mật cũng không chỗ được nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Vì tất cả pháp chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh.

Tại sao vậy?

Vì tất cả pháp rốt ráo thanh tịnh nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu thiện nam, thiện nữ thọ trì Bát nhã ba la mật nầy và gần gũi, chánh ức niệm, thời trọn chẳng mắc bịnh, nhãn, nhỉ, tỉ, thiệt, thân cũng trọn chẳng bịnh, thân không tàn tật cũng chẳng suy già, chẳng hoạnh tử, vô số hàng chư Thiên, từ Trời Tứ Thiên Vương đến Trời Tịnh Cư thảy đều đi theo nghe học. Mỗi tháng đến sáu ngày trai: mùng tám, mười bốn, mười lăm, hai mươi ba, hai mươi chín và ngày ba mươi, tại chỗ thiện nam, thiện nữ nầy làm pháp sư, giảng thuyết Bát nhã ba la mật, chư Thiên chúng hội đều vân tập đến. Ở giữa đại chúng, thiện nam, thiện nữ giảng thuyết Bát nhã ba la mật nầy được vô lượng vô biên vô số bất khả tư nghì, bất khả xưng lượng phước đức".

Đức Phật nói: "Đúng như lời Tu Bồ Đề nói. Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật là đại trân bửu.

Những gì là đại trân bửu?

Bát nhã ba la mật nầy có thể nhổ được sự bần cùng của Địa ngục, Súc sanh, Ngạ quỷ và trong loài người. Bát nhã ba la mật nầycó thể ban cho hào tộc đại tánh Sát Lợi, Bà La Môn, Cư Sĩ, ban cho cõi Trời Tứ Vương đến Phi Phi Tưởng, ban cho quả Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật, Vô thượng Bồ đề.

Tại sao vậy?

Vì trong Bát nhã ba la mật nói rộng về thập thiện, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác phần, bát thánh đạo phần, Đàn na ba la mật, Thi la ba la mật, Sằn đề ba la mật, Tỳ lê gia ba la mật, Thiền na ba la mật, Bát nhã ba la mật, thập bát không, thập lực, tứ vô úy, thập bát bất cộng, nhẫn đến Nhất thiết chủng trí.

Học theo đây thời xuất sanh đại tánh Sát Lợi, đại tánh Bà La Môn, đại tánh Cư Sĩ, Trời Tứ Vương, Trời Đao Lợi, Trời Dạ Ma, Trời Đâu Suất Đà, Trời Hóa Lạc, Trời Tha Hóa Tự Tại, Trời Phạm Chúng, Trời Phạm Phụ, Trời Phạm Vương, Trời Thiểu Quang, Trời Vô Lượng Quang, Trời Quang Âm, Trời Thiểu Tịnh, Trời Vô Lượng Tịnh, Trời Biến Tịnh, Trời Vô Vân, Trời Phước Sanh, Trời Quảng Quả, Trời Vô Tưởng, Trời Vô Phiền, Trời Vô Nhiệt, Trời Thiện Kiến, Trời Thiện Hiện, Trời Sắc Cứu Cánh, Trời Không Vô Biên Xứ, Trời Thức Vô Biên Xứ, Trời Vô Sở Hữu Xứ, Trời Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng Xứ.

Học trong pháp nầy thời được quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, A La Hán đạo Bích Chi Phật, đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Nầy Tu Bồ Đề! Vì thế nên Bát nhã ba la mật gọi là đại trân bửu.

Trong trân bửu ba la mật, không pháp gì có thể được là hoặc sanh, hoặc diệt, hoặc cấu, hoặc tịnh, hoặc lấy, hoặc bỏ.

Trong trân bửu ba la mật cũng không có pháp hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc hữu vi, hoặc vô vi.

Vì thế nên gọi là vô sở đắc trân bửu ba la mật.

Nầy Tu Bồ Đề! Trân bửu ba la mật nầy không có pháp gì làm ô nhiễm được

Tại sao vậy?

Vì chỗ dùng nhiễm pháp là bất khả đắc.

Vì thế nên gọi là vô nhiễm trân bửu ba la mật.

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật, cũng chẳng biết như vậy, chẳng phân biệt như vậy, cũng bất khả đắc như vậy, chẳng hí luận như vậy. Đây là có thể tu hành Bát nhã ba la mật, cũng có thể kính lễ chư Phật, từ một cõi Phật đến một cõi Phật để cúng dường, cung kính tán thán chư Phật, đi đến các cõi Phật để thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ.

Nầy Tu Bồ Đề! Đối với các pháp, Bát nhã ba la mật nầy không có năng lực, không chẳng phải năng lực, cũng không lãnh thọ, không ban cho, chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng thêm, chẳng bớt.

Bát nhã ba la mật nầy cũng chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại, chẳng bỏ cõi Dục, Cõi Sắc, cõi Vô sắc, cũng chẳng trụ cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc. Bát nhã ba la mật nầy chẳng ban cho Đàn na ba la mật đến Thiền na ba la mật và Bát nhã ba la mật, cũng chẳng bỏ Đàn na ba la mật đến Thiền na ba la mật và Bát nhã ba la mật.

Bát nhã ba la mật nầy chẳng cho nội không đến vô pháp hữu pháp không cũng chẳng bỏ, chẳng cho tứ niệm xứ đến bát thánh đạo cũng chẳng bỏ, chẳng cho thập lực đến thập bát bất cộng pháp cũng chẳng bỏ, chẳng cho quả Tu Đà Hoàn đến Nhất thiết trí cũng chẳng bỏ.

Bát nhã ba la mật nầy chẳng cho pháp A La Hán, chẳng bỏ pháp phàm phu, chẳng cho pháp Bích Chi Phật, chẳng bỏ pháp A La Hán, chẳng cho Phật pháp, chẳng bỏ Bích Chi Phật.

Bát nhã ba la mật nầy cũng chẳng cho pháp vô vi, chẳng bỏ pháp hữu vi.

Tại sao vậy?

Vì hoặc có Phật, những pháp tướng nầy luôn thường trụ không khác, vì pháp tướng, pháp trụ, pháp vị thường trụ chẳng sai, chẳng mất vậy".

Bấy giờ chư Thiên đứng trong hư không vui mừng hớn hở phát âm thanh lớn, đem hoa âu bát la, hoa ba đầu ma, hoa câu vật đầu, hoa phân đà lợi rải lên trên đức Phật mà nói rằng ở Diêm Phù Đề chúng tôi thấy pháp luân chuyển lần thứ hai.

Trong đây có vô lượng trăm ngàn Thiên Tử được vô sanh pháp nhẫn.

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Pháp luân nầy chuyển, chẳng phải chuyển lần thứ nhứt, chẳng phải chuyển lần thứ hai.

Bát nhã ba la mật nầy chẳng do chuyển, chẳng do hườn mà xuất hiện, vì vô pháp hữu pháp rỗng không vậy".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! thế nào vì vô hữu pháp rỗng không nên Bát nhã ba la mật chẳng do chuyển, chẳng do hườn mà xuất hiện?"

Đức Phật nói: "**Nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật Bát nhã ba la mật tướng rỗng không nhẫn đến Đàn na ba la mật Đàn na ba la mật tướng rỗng không, nội không nội không tướng rỗng không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không vô pháp hữu pháp tướng rỗng không, tứ niệm xứ tứ niệm xứ tướng rỗng không nhẫn đến bát thánh đạo bát thánh đạo tướng rỗng không, Phật thập lực thập lực tướng rỗng không nhẫn đến mười tám pháp bất cộng pháp bất cộng tướng rỗng không, quả Tu Đà Hoàn quả Tư Đà Hàm tướng rỗng không nhẫn đến Nhất thiết trí Nhất thiết trí tướng rỗng không".**

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! **Bát nhã ba la mật của chư đại Bồ Tát là Ma ha Bát nhã ba la mật.** Tại sao vậy?

Dầu tất cả pháp, tự tánh rỗng không, nhưng chư đại Bồ Tát nhơn nơi Bát nhã ba la mật mà được Vô thượng Bồ đề, cũng không có pháp được chuyển pháp luân, cũng không có pháp chuyển được, cũng không có pháp hườn được.

Trong Ma ha Bát nhã ba la mật nầy cũng không có pháp thấy được. Tại sao vậy?

Pháp nầy không có được hoặc chuyển hoặc hườn, vì tất cả pháp rốt ráo chẳng sanh vậy. Tại sao vậy?

Vì tướng không nầy, tướng vô tướng nầy, tướng vô tác nầy chẳng chuyển được, chẳng hườn được.

Nếu giải thuyết Bát nhã ba la mật được như vậy, có thể giảng dạy, khai thị, phân biệt rành rẽ, giải thích cặn kẽ, thời gọi là thanh tịnh giải thuyết Bát nhã ba la mật. Cũng không người nói, cũng không người nghe, cũng không người chứng.

Nếu không nói, không nghe, không chứng, thời cũng không diệt mất.

Trong thuyết pháp nầy, cũng không phước điền quy định".

---o0o---

PHẨM KHẮP CA NGỢI TRĂM BA LA MẬT THỨ BỐN MƯƠI BỐN

(Tương đương với phẩm Ba la mật đa, phần sau Q.296 – Q.297, ĐBN)

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! **Vô biên** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"

Đức Phật nói: "Vì như hư không vô biên vậy".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "**Bình đẳng** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"

Đức Phật nói: "Vì các pháp bình đẳng vậy".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "**Ly** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"

Đức Phật nói: "Vì rốt ráo rỗng không vậy".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "**Bất hoại** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"

Đức Phật nói: "Vì tất cả pháp bất khả đắc vậy".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "**Không bỉ ngạn** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"

Đức Phật nói: "Vì không danh, không thân vậy".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "**Không đại chủng** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"

Đức Phật nói: "Vì thở ra, thở vào bất khả đắc vậy".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "**Bất khả thuyết** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"

Đức Phật nói: “Vì giác quán bất khả đắc vậy”.
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Vô danh ba la mật là Bát nhã ba la mật?”
Đức Phật nói: “Vì thọ, tưởng, hành, thức bất khả đắc vậy”.
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Bất khứ** ba la mật là Bát nhã ba la mật?”
Đức Phật nói: “Vì tất cả pháp bất lai vậy”.
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Không di chuyển** ba la mật là Bát nhã ba la mật?”
Đức Phật nói: “Vì tất cả pháp không thể nép phục vậy”.
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Tận** ba la mật là Bát nhã ba la mật?”
Đức Phật nói: “Vì tất cả pháp rốt ráo tận vậy”.
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Bất sanh** ba la mật là Bát nhã ba la mật?”
Đức Phật nói: “Vì tất cả pháp bất diệt vậy”.
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Bất diệt** ba la mật là Bát nhã ba la mật?”
Đức Phật nói: “Vì tất cả pháp bất sanh vậy”.
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Vô tác** ba la mật là Bát nhã ba la mật?”
Đức Phật nói: “Vì tác giả bất khả đắc vậy”.
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Vô tri** ba la mật là Bát nhã ba la mật?”
Đức Phật nói: “Vì tri giả bất khả đắc vậy”.
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Bất đáo** ba la mật là Bát nhã ba la mật?”
Đức Phật nói: “Vì sanh tử bất khả đắc vậy”.
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Bất thất** ba la mật là Bát nhã ba la mật?”
Đức Phật nói: “Vì tất cả pháp chẳng mất vậy”.
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Mộng** ba la mật là Bát nhã ba la mật?”
Đức Phật nói: “Vì nhẫn đến những sự thấy trong mộng đều bất khả đắc vậy”.
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Hưởng** ba la mật là Bát nhã ba la mật?”
Đức Phật nói: “Vì người nghe tiếng bất khả đắc vậy”.
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Ảnh** ba la mật là Bát nhã ba la mật?”
Đức Phật nói: “Vì **bóng** mặt trong gương bất khả đắc vậy”.
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Dương diệm** ba la mật là Bát nhã ba la mật?”
Đức Phật nói: “Vì dòng nước bất khả đắc vậy”.
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Ảo** ba la mật là Bát nhã ba la mật?”
Đức Phật nói: “Vì sự ảo thuật bất khả đắc vậy”. (nói vềtrò ảo thuật)
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Bất cấu** ba la mật là Bát nhã ba la mật?”
Đức Phật nói: “Vì các phiền não bất khả đắc vậy”.
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Vô tịnh** ba la mật là Bát nhã ba la mật?”
Đức Phật nói: “Vì các phiền não hư dối vậy”.
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Bất ô** ba la mật là Bát nhã ba la mật?”
Đức Phật nói: “Vì xứ sở bất khả đắc vậy”.
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Bất hí luận** ba la mật là Bát nhã ba la mật?”
Đức Phật nói: “Vì tất cả hí luận phá hoại vậy”.
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Bất niệm** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"

Đức Phật nói: “Vì tất cả niệm phá hoại vậy”.
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Bất động** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: “Vì pháp tánh thường trụ vậy”.
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Vô nhiễm** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: “Vì biết tất cả pháp vọng giải vậy”.
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Bất khởi** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: “Vì tất cả pháp vô phân biệt vậy”.
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Tịch diệt** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: “Vì tất cả pháp tướng bất khả đắc vậy”.
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Vô dục** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: “Vì dục bất khả đắc vậy”.
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Vô sân** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: “Vì sân khuể bất khả đắc vậy”.
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Vô si** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: “Vì vô minh hắc ám dứt diệt vậy”.
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Vô phiền não** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: “Vì phân biệt ức tưởng hư vọng vậy”.
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Vô chúng sanh ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: “Vì chúng sanh vô sở hữu vậy”.
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Vô đoạn** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: “Vì các pháp chẳng sanh khởi vậy”.
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Vô nhị biên** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: “Vì không nhị biên vậy”.
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Bất phá** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: “Vì tất cả pháp chẳng rời lìa nhau vậy”.
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Bất thủ** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: “Vì vượt hơn bực Thanh văn, Bích Chi Phật vậy”.
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Bất phân biệt** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: “Vì các vọng tưởng bất khả đắc vậy”.
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Vô lượng** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: “Vì các pháp hạn lượng bất khả đắc vậy”.
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Hư không** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: “Vì tất cà pháp vô sở hữu vậy”.
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Vô thường** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: “Vì tất cả pháp bất khả đắc vậy".
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Vô tướng** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: “Vì tất cả pháp chẳng sanh vậy”.
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Nội không** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: “Vì nội pháp bất khả đắc vậy".
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Ngoại không** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"

Đức Phật nói: “Vì ngoại pháp bất khả đắc vậy".
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Nội ngoại không** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: “Vì nội ngoại pháp bất khả đắc vậy".
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Không không** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: “Vì pháp không không bất khả đắc vậy".
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Đại không** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: “Vì tất cả pháp bất khả đắc vậy".
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Đệ nhứt nghĩa** không ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: “Vì Niết Bàn bất khả đắc vậy".
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Hữu vi không** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: “Vì pháp hữu vi bất khả đắc vậy".
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Vô vi không** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: “vì pháp vô vi bất khả đắc vậy".
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Tất cánh** không ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: “Vì các pháp rốt ráo bất khả đắc vậy".
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Vô thỉ** không ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: “Vì các pháp vô thỉ bất khả đắc vậy".
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Tán không** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: “Vì tán pháp bất khả đắc vậy".
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Tánh không** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: “Vì hữu vi vô vi tánh bất khả đắc vậy".
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Chư pháp không** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: "Vì tất cả pháp bất khả đắc vậy".
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Vô sở đắc** không ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: "Vì vô sở hữu vậy”.
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Tự tướng không** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: "Vì vô pháp bất khả đắc vậy".
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**hữu pháp không** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: "Vì hữu pháp bất khả đắc vậy".
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Vô pháp hữu pháp** không ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: "Vì vô pháp và hữu pháp đều bất khả đắc vậy".
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Niệm xứ** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: "Vì thân, thọ, tâm và pháp bất khả đắc vậy".
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Chánh cần** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: "Vì pháp thiện và pháp bất thiện bất khả đắc vậy".
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Như ý túc** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: "Vì bốn như ý túc bất khả đắc vậy".
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Căn** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: "Vì ngũ căn bất khả đắc vậy".
Ngài Tu Bồ Đề thưa: “**Lực** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"

Đức Phật nói: "Vì ngũ lực bất khả đắc vậy".
Ngài Tu Bồ Đề thưa: "**Giác** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: "Vì thất giác phần bất khả đắc vậy".
Ngài Tu Bồ Đề thưa: "**Đạo** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: "Vì bát thánh đạo phần bất khả đắc vậy".
Ngài Tu Bồ Đề thưa: "**Vô tác** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: "Vì vô tác bất khả đắc vậy".
Ngài Tu Bồ Đề thưa: "**Không** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: "Vì không tướng bất khả đắc vậy".
Ngài Tu Bồ Đề thưa: "**Vô tướng** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: "Vì tướng tịch diệt bất khả đắc vậy".
Ngài Tu Bồ Đề thưa: "**Bội xả** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: "Vì bất bội xả bất khả đắc vậy".
Ngài Tu Bồ Đề thưa: "**Định** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: "Vì cửu thứ đệ định bất khả đắc vậy".
Ngài Tu Bồ Đề thưa: "**Đàn na** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: "Vì xan tham bất khả đắc vậy".
Ngài Tu Bồ Đề thưa: "**Thi la** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: "Vì phá giới bất khả đắc vậy".
Ngài Tu Bồ Đề thưa: "**Sằn đề** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: "Vì nhẫn và chẳng nhẫn đều bất khả đắc vậy".
Ngài Tu Bồ Đề thưa: "**Tỳ lê gia** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: "Vì giải đãi và tinh tấn đều bất khả đắc vậy".
Ngài Tu Bồ Đề thưa: "**Thiền na** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: "Vì định và loạn đều ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Ngài Tu Bồ Đề thưa: "**Bát nhã** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: "Vì ngu si và trí huệ đều bất khả đắc vậy".
Ngài Tu Bồ Đề thưa: "**Thập lực** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: "Vì tất cả pháp chẳng thể khuất phục vậy".
Ngài Tu Bồ Đề thưa: "**Tứ vô sở úy** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: "Vì đạo chủng trí chẳng mất vậy".
Ngài Tu Bồ Đề thưa: "**Vô ngại trí** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: "Vì tất cả pháp không chướng, không ngại vậy".
Ngài Tu Bồ Đề thưa: "**Phật pháp** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: "Vì vượt hơn tất cả pháp vậy".
Ngài Tu Bồ Đề thưa: "**Như thật thuyết** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: "Vì tất cả lời nói đều như thật vậy".
Ngài Tu Bồ Đề thưa: "**Tự nhiên** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"
Đức Phật nói: "Vì tự tại trong tất cả pháp vậy".
Ngài Tu Bồ Đề thưa: "**Phật** ba la mật là Bát nhã ba la mật?"

Đức Phật nói: "Vì biết Nhất thiết chủng trí vậy”.

---o0o---

QUYỂN THỨ MƯỜI LĂM

PHẨM KINH NHĨ VĂN TRÌ
THỨ BỐN MƯƠI LĂM

(Phẩm nầy tương đương với phẩm “Công Đức Khó Nghe”, phần sau Q.297 đến Q.302, ĐBN).

Lúc đó Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn nghĩ rằng: “Nếu thiện nam, thiện nữ nơi tai được nghe Bát nhã ba la mật, thời người nầy đã ở chỗ Phật đời trước tu tạo các công đức, đã gần gũi thiện tri thức. Huống là người thọ trì, thân cận, đọc tụng, chánh ức niệm, đúng như lời mà tu hành Bát nhã ba la mật nầy.

Phải biết thiện nam, thiện nữ đây đã thân cận nhiều đức Phật.

Người có thể được nghe thọ, đọc tụng, chánh ức niệm, tu hành như lời và có thể hỏi, có thể đáp Bát nhã ba la mật nầy. Phải biết người đây đời trước đã nhiều lần cúng dường thân cận chư Phật.

Người nghe Bát nhã ba la mật nầy mà chẳng kinh sợ. Phải biết người đây đã từ vô lượng ức kiếp thực hành Đàn ba la mật, Thi ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật”.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn! Có thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật thậm thâm nầy mà chẳng kinh sợ. Nghe rồi thọ trì, thân cận, đúng như lời mà tu tập. Phải biết người đây như bậc đại Bồ Tát bất thối chuyển. Tại sao vậy?

Bạch đức Thế Tôn! Vì Bát nhã ba la mật nầy rất sâu.

Nếu là người đời trước thực hành sáu ba la mật chưa được lâu, thời không thể tin được.

Bạch đức Thế Tôn! **Nếu có thiện nam, thiện nữ nào khinh chê thâm Bát nhã ba la mật. Phải biết người đây đời trước cũng đã từng khinh chê thâm Bát nhã ba la mật**. Tại sao vậy?

Lúc nghe nói thâm Bát nhã ba la mật, người đây không tin ưa, lòng không thanh tịnh. Người đây đời trước chẳng thưa hỏi chư Phật và đệ tử Phật phải thực hành sáu ba la mật thế nào, phải tu tập nội không đến vô pháp hữu pháp không thế nào, phải tu tứ niệm xứ đến bát thánh đạo thế nào, phải tu thập lực đến mười tám pháp bất cộng thế nào”.

Thiên Đế nói với Ngài Xá Lợi Phất: “Nếu có thiện nam, thiện nữ đời trước chẳng lâu ngày tu tập sáu ba la mật nhẫn đến mười tám pháp bất cộng. Những người nầy nghe nói Bát nhã ba la mật đây không có lòng tin hiểu, thời có gì đáng lấy làm lạ.

Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Tôi kính lễ Bát nhã ba la mật. Kính lễ Bát nhã ba la mật tức là kính lễ Nhất thiết trí”.

Đức Phật nói: "Đúng như vậy. Kính lễ Bát nhã ba la mật tức là kính lễ Nhất thiết trí. Tại sao vậy? Vì Nhất thiết trí của chư Phật đều phát sanh từ Bát nhã ba la mật. Nhất thiết trí tức là Bát nhã ba la mật.

Thế nên, nầy Kiều Thi Ca, **thiện nam, thiện nữ muốn trụ nhất thiết trí, thời phải trụ Bát nhã ba la mật. Muốn sanh Đạo chủng trí thời phải tập hành Bát nhã ba la mật. Muốn dứt tất cả kiết sử và tập khí thời phải tập hành Bát nhã ba la mật. Muốn chuyển pháp luân thời phải tập hành Bát nhã ba la mật.** Thiện nam, thiện nữ muốn được quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, quả Bích Chi Phật, thời phải tập hành Bát nhã ba la mật. Thiện nam, thiện nữ muốn giáo chúng sanh cho được quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến quả Bích Chi Phật thời phải tập hành Bát nhã ba la mật. Thiện nam, thiện nữ muốn giáo hóa chúng sanh cho được Vô thượng Bồ đề, muốn tổng nhiếp Tỳ Kheo Tăng, thời phải tập hành Bát nhã ba la mật".

Thiên Đế thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Lúc muốn thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát thế nào gọi là trụ Bát nhã ba la mật, Thiền na ba la mật, Tinh tấn ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Trì giới ba la mật, Bố thí ba la mật? Thế nào trụ nơi nội không đến vô pháp hữu pháp không? Thế nào trụ tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, ngũ thần thông? Thế nào trụ tứ niệm xứ đến bát thánh đạo? Thế nào trụ thập lực đến pháp bất cộng? Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát thế nào tập hành Bát nhã ba la mật đến Đàn na ba la mật, thế nào tập hành nội không đến mười tám pháp bất cộng?"

Đức Phật nói: "Lành thay, lành thay, nầy Kiều Thi Ca! Ông có thể hỏi được những điều như vậy. Đó là do thần lực của Phật cả.

Nầy Kiều Thi Ca! Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát **nếu không an trụ trong sắc**, trong an trụ trong thọ, tưởng, hành, thức, không an trụ trong nhãn, nhĩ, nhẫn đến không an trụ trong ý thức giới, thời là tập hành Bát nhã ba la mật. Đại Bồ Tát nếu không an trụ trong Bát nhã ba la mật thời là tập hành Bát nhã ba la mật. Không an trụ trong Thiền na ba la mật thời là tập hành Thiền na ba la mật. Không an trụ trong Tỳ lê gia ba la mật thời tập hành Tỳ lê gia ba la mật. Không an trụ trong Sằn đề ba la mật thời là tập hành Sằn đề ba la mật. Chẳng an trụ trong Thi la ba la mật thời là tập hành Thi la ba la mật. Không an trụ trong Địa ngục ba la mật thời là tập hành Địa ngục ba la mật.

Đây gọi là đại Bồ Tát không an trụ trong Bát nhã ba la mật thời là tập hành Bát nhã ba la mật.

Nầy Kiều Thi Ca! **Chẳng an trụ trong nội không t**hời là tập hành nội không. Nhẫn đến không an trụ trong vô pháp hữu pháp không thời là tập hành vô pháp hữu pháp không.

Chẳng an trụ trong tứ thiền thời là tập hành tứ thiền.

Chẳng an trụ trong tứ vô lượng tâm thời là tập tứ vô lượng tâm.

Chẳng an trụ tứ vô sắc định thời là tập hành tứ vô sắc định.

Chẳng an trụ trong ngũ thần thông thời là tập hành ngũ thần thông.

Chẳng an trụ trong tứ niệm xứ thời là tập hành tứ niệm xứ. Nhẫn đến chẳng an trụ trong bát thánh đạo thời là tập hành bát thánh đạo.

Chẳng an trụ trong thập lực thời là tập hành thập lực. Nhẫn đến chẳng an trụ trong mười tám pháp bất cộng thời là tập hành mười tám pháp bất cộng. Tại sao vậy?

Nầy Kiều Thi Ca! đại Bồ Tát nầy, nơi sắc, chẳng được chỗ an trụ được, chẳng được chỗ tập hành được. Nhẫn đến nơi mười tám pháp bất cộng, chẳng được chỗ trụ được, chẳng được chỗ tập được.

Lại nầy Kiều Thi Ca! Đại Bồ Tát chẳng tập hành sắc nhẫn đến tập hành pháp bất cộng, đây gọi là tập hành sắc nhẫn đến gọi là tập hành mười tám pháp bất cộng. Tại sao vậy?

Đại Bồ Tát nầy, nơi sắc, tiền tế bất khả đắc, trung tế bất khả đắc, hậu tế bất khả đắc. Nhẫn đến pháp bất cộng cũng như vậy".

Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật nầy **rất sâu**!"

"Đức Phật nói: "Vì sắc như rất sâu, nhẫn đến vì bất cộng pháp như rất sâu nên Bát nhã ba la mật".

Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bát nhã ba la mật nầy **khó đo lường** được!"

Đức Phật nói: "Vì sắc khó đo lường được, nhẫn đến pháp bất cộng khó đo lường được nên Bát nhã ba la mật khó đo lường được".

Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bát nhã ba la mật nầy **vô lượng**".

Đức Phật nói: "Vì sắc vô lượng, nhẫn đến pháp bất cộng vô lượng nên Bát nhã ba la mật vô lượng.

Nầy Xá Lợi Phất! **Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, nếu đại Bồ Tát chẳng thực hành sắc thậm thâm thời là hành Bát nhã ba la mật, chẳng hành sắc khó đo lường thời là hành Bát nhã ba la mật, chẳng hành sắc vô lượng thời là hành Bát nhã ba la mật.**

Tại sao vậy?

Vì tướng thậm thâm của sắc là chẳng phải sắc, nhẫn đến tướng thậm thâm của pháp bất cộng là chẳng phải pháp bất cộng.

Vì tướng khó đo lường của sắc là chẳng phải sắc, nhẫn đến tướng khó đo lường của pháp bất cộng là chẳng phải pháp bất cộng.

Vì tướng vô lượng của sắc là chẳng phải sắc, nhẫn đến vô lượng của pháp bất cộng là chẳng phải pháp bất cộng.

Chẳng hành như vậy là hành Bát nhã ba la mật".

Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật nầy rất sâu. Tướng rất sâu, khó thấy, khó hiểu, chẳng nghĩ lường được. Chẳng nên đem nói với hàng Bồ Tát mới phát tâm. Tại sao vậy?

Hàng Bồ Tát mới phát tâm nghe Bát nhã ba la mật rất sâu, hoặc sẽ kinh sợ rồi sinh lòng nghi hối mà chẳng tin, chẳng tu hành.

Bát nhã ba la mật rất sâu nầy nên nói với bậc Bồ Tát bất thối chuyển. Nghe Bát nhã ba la mật rất sâu, bậc đại Bồ Tát nầy chẳng kinh sợ, chẳng sanh lòng nghi hối, tất có thể tin và hành".

Thiên Đế hỏi Ngài Xá Lợi Phất: "Nếu đối với hàng Bồ Tát mới phát tâm mà nói Bát nhã ba la mật rất sâu, thời sẽ có lỗi thế nào?"

Ngài Xá Lợi Phất nói: "Nầy Kiều Thi Ca! Nghe Bát nhã ba la mật rất sâu nầy, hàng Bồ Tát mới phát tâm hoặc có thể sẽ kinh sợ hũy báng chẳng tin; hủy báng chẳng tin Bát nhã ba la mật rất sâu nầy thời là gieo **nghiệp nhơn ba ác đạo**. Do nghiệp nhơn nầy nên khó được Vô thượng Bồ đề".

Thiên Đế hỏi: "Có Bồ Tát chưa được thọ ký nào nghe Bát nhã ba la mật rất sâu nầy mà chẳng kinh sợ chăng?"

Ngài Xá Lợi Phất nói: “Thật vậy, nầy Kiều Thi Ca, nếu có Bồ Tát nào nghe Bát nhã ba la mật rất sâu đây mà chẳng kinh sợ, thời nên biết đó là bậc Bồ Tát chẳng bao lâu sẽ được thọ ký Vô thượng Bồ đề, chẳng quá một hai đức Phật”.

Đức Phật nói: "Đúng như vậy. Nầy Xá Lợi Phất! Bực Bồ Tát đó từ lâu đã phát tâm thực hành sáu ba la mật, đã cúng dường nhiều đức Phật, nghe Bát nhã ba la mật rất sâu nầy, chẳng kinh sợ, nghe rồi thọ trì, tu hành đúng như lời nói trong Bát nhã ba la mật”,

Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Tôi muốn nói tỉ dụ.

Như thiện nam, thiện nữ cầu Bồ Tát đạo, trong chiên bao thấy mình tu hành Bát nhã ba la mật, nhập thiền định, siêng tinh tấn, đầy đủ nhẫn nhục, giữ gìn cấm giới, thực hành bố thí, tu tập nội không, ngoại không nhẫn đến ngồi đạo tràng. Phải biết thiện nam, thiện nữ nầy gần đạo Vô thượng Bồ đề, lúc thức, chơn thật tu hành Bát nhã ba la mật, nhập thiền định, siêng tinh tấn, đầy đủ nhẫn nhục, giữ gìn cấm giới, thực hành bố thí mà lại chẳng mau thành Vô thượng Bồ đề ngồi đạo tràng.

Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ thành tựu thiện căn nên được nghe Bát nhã ba la mật liền thọ trì và tu hành đúng như lời. Phải biết người nầy là bậc đại Bồ Tát, đã phát tâm từ lâu, gieo trồng căn lành, đã cúng dường nhiều đức Phật, gần gũi thiện tri thức. Người nầy có thể thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật. Phải biết đó là bậc gần được thọ ký đạo Vô thượng Bồ đề. Phải biết người nầy như bậc đại Bồ Tát bất thối chuyển.

Người nầy chẳng thối chuyển đạo Vô thượng Bồ đề, có thể được Bát nhã ba la mật rất sâu. Được rồi có thể thọ trì, đọc tụng nhẫn đến chánh ức niệm.

Bạch đức Thế Tôn! **Ví như có người đi qua trăm do tuần, hoặc hai trăm, ba trăm, bốn trăm do tuần đường hiểm trở hoang vắng. Người nầy trước tiên thấy người chăn súc vật, hoặc thấy ranh giới, hoặc thấy vườn tược, thời đã biết là đã gần thành ấp, xóm làng. Lòng người nầy an ổn, chẳng còn sợ ác thú, độc trùng, giặc cướp, đói khát.**

Bạch đức Thế Tôn! Cũng vậy, đại Bồ Tát nếu được Bát nhã ba la mật sâu xa nầy mà thọ trì, đọc tụng nhẫn đến chánh ức niệm, thì biết là gần được thọ ký Vô thượng Chánh giác, thì biết đại bồ tát nầy chẳng còn sợ sa vào bậc Thanh văn hay Bích Chi Phật, vì đã phát hiện những tướng tiên khởi, đó là được nghe thấy, được thọ trì nhẫn đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật sâu xa nầy vậy”.

Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: “Đúng như vậy. Nếu người thích nói thí dụ nữa thì nên nói”.

Ngài Xá Lợi Phất thưa: **"Bạch đức Thế Tôn! Như người muốn thấy biển cả mà đi về hướng biển cả. Đến lúc chẳng còn thấy cây, chẳng còn thấy núi thì biết là đã gần đến biển cả mặc dầu chưa thấy biển cả, vì mặt biển cả bằng phẳng, không cây, không núi.**

Cũng vậy, đại Bồ Tát được nghe Bát nhã ba la mật sâu xa nầy rồi thọ trì, đọc tụng nhẫn đến chánh ức niệm, thì biết là gần được thọ ký Vô thượng Chánh giác.

Như đầu xuân, trên các cây lá cũ đã rụng hết thì biết những cây ấy sẽ nẩy lộc, trổ lá, đơm bông, kết trái. Mọi người thấy tướng lá cũ rụng hết đều sanh lòng vui mừng.

Cũng vậy, đại Bồ Tát được nghe Bát nhã ba la mật sâu xa nầy rồi thọ trì, đọc tụng nhẫn đến chánh ức niệm và thực hành đúng như lời. Phải biết đại Bồ Tát nầy đã thành tựu thiện căn, cúng dường nhiều đức Phật. Đại Bồ Tát nầy nên nghĩ rằng mình nhờ thiện căn hướng về Vô thượng

Chánh giác đời trước theo dõi nên nay được nghe Bát nhã ba la mật sâu xa nầy rồi thọ trì, đọc tụng nhẫn đến chánh ức niệm, thực hành đúng như lời. Chư Thiên Tử đã từng thấy chư Phật đều vui mừng mà nghĩ rằng các vị Bồ Tát trước cũng có tướng tiên khởi được thọ ký như vậy. Hiện nay đại Bồ Tát nầy chắc sẽ gần được thọ ký Vô thượng Chánh giác.

Bạch đức Thế Tôn**! Như người mẹ mang thai, thân thể nặng nhọc, đi đứng bất tiện, ngồi nằm chẳng an, ăn ngủ càng kém, chẳng ưa nói cười, chán việc quen trước. Có những người mẹ khác thấy biết bà nầy sắp sanh sản.**

Cũng vậy, đại Bồ Tát gieo thiện căn cúng dường chư Phật nhiều, thực hành lục độ, gần gũi thiện tri thức, nay thiện căn thành tựu, được nghe Bát nhã ba la mật sâu xa, thọ trì, đọc tụng nhẫn đến chánh ức niệm, thực hành đúng như lời. Mọi người cũng biết đại Bồ Tát nầy sắp được thọ ký Vô thượng Chánh giác".

Đức Phật phán: "Lành thay, lành thay! Lời của Xá Lợi Phất vừa nói đều là Phật lực cả".

Bấy giờ Ngài Tu Bồ Đề bạch rằng: "Đức hi hữu Thế Tôn Vô thượng Ứng cúng đẳng Chánh giác rất khéo phó thác sự việc của chư đại Bồ Tát!"

Đức Phật phán: "Nầy Tu Bồ Đề! Chư đại Bồ Tát phát tâm Vô thượng Chánh giác, an ổn đa số chúng sanh, làm cho vô lượng chúng sanh được lợi lạc vì đại Bồ Tát thương xót hàng Trời, Người vậy.

Lúc thực hành Bồ Tát đạo, chư Bồ Tát nầy dùng bốn sự kiện để nhiếp độ vô lượng chúng sanh. Đó là bố thí, ái ngữ, lợi ích và đồng sự.

Chư Bồ Tát nầy cũng đem pháp thập thiện để thành tựu chúng sanh. Tự mình tu sơ thiền nhẫn đến phi phi tưởng định. Cũng dạy mọi người tu sơ thiền nhẫn đến phi phi tưởng định. Tự mình thực hành Bố thí ba la mật nhẫn đến Bát nhã ba la mật, cũng dạy mọi người thực hành Bố thí ba la mật nhẫn đến Bát nhã ba la mật.

Chư Bồ Tát nầy được Bát nhã ba la mật, dùng sức phương tiện dạy cho chúng sanh được quả Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán mà tự mình chẳng chứng lấy quả ấy. Cũng dạy cho chúng sanh được quả Bích Chi Phật mà tự mình chẳng chứng lấy quả ấy.

Chư Bồ Tát nầy tự tu sáu ba la mật, cũng dạy Vô lượng Bồ Tát khác tu sáu ba la mật, tự trụ bậc bất thối, cũng dạy người khác trụ bậc bất thối, tự tịnh Phật độ, cũng dạy người khác tịnh Phật độ, tự thành tựu chúng sanh, cũng dạy người khác thành tựu chúng sanh, tự được thần thông, tự được môn đà la ni, cũng dạy người khác được đà là ni, tự đầy đủ biện tài vô ngại, cũng dạy người khác đủ biện tài vô ngại, tự thọ sắc thân trọn vẹn ba mươi hai tướng, cũng dạy người khác thành tựu sắc thân ba mươi hai tướng, tự thành tựu bực đồng chơn, cũng dạy người khác thành tựu bực đồng chơn. Tự thành tựu thập trí lực, cũng dạy người khác thành tựu thập trí lực, tự thành tựu tứ vô úy, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi, cũng dạy người khác thật hành tứ vô úy, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi, tự được Nhất thiết chủng trí, cũng dạy người khác được Nhất thiết chủng trí, tự rời lìa tất cả kiết sử và tập khí, cũng dạy người khác rời lìa tất cả kiết sử và tập khí, tự chuyển pháp luân, cũng dạy người khác chuyển pháp luân".

Ngài Tu Bồ Đề bạch rằng: **"Đức Thế Tôn hi hữu! Chư đại Bồ Tát thành tựu đại công đức, vì tất cả chúng sanh mà thực hành Bát nhã ba la mật để được Vô thượng Bồ đề.**

Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là chư đại Bồ Tát tu hành Bát nhã ba la mật đầy đủ?"

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Nếu lúc tu hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát chẳng thấy tướng tăng cũng chẳng thấy tướng giảm của sắc, của thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến của Nhất thiết chủng trí, đó là lúc Bồ Tát đầy đủ Bát nhã ba la mật.

Lại Nầy Tu Bồ Đề! Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát chẳng thấy là pháp, là phi pháp, cũng chẳng thấy pháp quá khứ, pháp vị lai, pháp hiện tại, pháp thiện, pháp ác, pháp vô ký, pháp hữu vi, pháp vô vi, cũng chẳng thấy cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, cùng chẳng thấy Bố thí ba la mật, Trì giới ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Tinh tấn ba la mật, Thiền na ba la mật, Bát nhã ba la mật, nhẫn đến chẳng thấy Nhất thiết chủng trí. Đó là Bồ Tát tu hành đầy đủ Bát nhã ba la mật.

Tại sao vậy? Vì các pháp đều không có tướng, các pháp là không, là hư giả, là chẳng bền chắc, không có giác tri, không có thọ mạng.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Lời phán dạy của đức Thế Tôn quả thật chẳng thể nghĩ bàn".

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Vì sắc chẳng thể nghĩ bàn nên lời Phật nói chẳng thể nghĩ bàn. Vì thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến Nhất thiết chủng trí chẳng thể nghĩ bàn nên lời Phật nói chẳng thể nghĩ bàn.

Nầy Tu Bồ Đề! Lúc thực hành Bát nhã ba la mật, nếu đại Bồ Tát biết sắc là chẳng thể nghĩ bàn, biết thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến Nhất thiết chủng trí là chẳng thể nghĩ bàn thì Bồ Tát nầy chẳng đầy đủ được Bát nhã ba la mật".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật sâu xa nầy ai là người sẽ tìm hiểu?"

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Nếu có đại Bồ Tát nào từ lâu đã thực hành sáu ba la mật, gieo căn lành, cúng dường chư Phật nhiều, gần gũi thiện tri thức luôn, Bồ Tát nầy tin hiểu được Bát nhã ba la mật sâu xa".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát tu hành sáu ba la mật lâu, gieo căn lành, cúng dường chư Phật nhiều, gần gũi thiện tri thức luôn?"

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Nếu đại Bồ Tát chẳng phân biệt sắc, chẳng phân biệt sắc tướng, chẳng phân biệt sắc tánh, nhẫn đến chẳng phân biệt Nhất thiết chủng trí, chẳng phân biệt Nhất chủng tướng, chẳng phân biệt Nhất thiết chủng tánh.

Tại sao vậy? Nầy Tu Bồ Đề! Vì sắc chẳng thể nghĩ bàn nhẫn đến vì Nhất thiết chủng trí chẳng thể nghĩ bàn.

Thế nên đại Bồ Tát trên đây được gọi là tu hành lục ba la mật lâu, gieo căn lành, cúng dường chư Phật nhiều, gần gũi thiện tri thức luôn".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Vì sắc rất sâu nên Bát nhã ba la mật rất sâu. Vì thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến Nhất thiết chủng trí rất sâu nên Bát nhã ba la mật rất sâu.

Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật nầy là **kho trân bảo**, vì nơi đó báu Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, Bích Chi Phật, Vô Thượng Chánh Giác. Vì nơi đó có báu tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, ngũ thần thông, tứ niệm xứ nhẫn đến bát chánh đạo, thập trí lực, tứ vô ý, tứ vô ngại trí, đại từ đại bi, thập bát bất cộng và Nhất thiết chủng trí vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật nầy là **kho thanh tịnh**. Vì sắc thanh tịnh nên Bát nhã ba la mật là kho thanh tịnh. Vì thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến Nhất thiết chủng trí thanh tịnh nên Bát nhã ba la mật là kho thanh tịnh.

Bạch đức Thế Tôn! Rất quái lạ, lúc nói Bát nhã ba la mật nầy lại **có nhiều sự lưu nạn**".

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Đúng như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật rất sâu nầy có nhiều sự lưu nạn. Vì lẽ ấy nên lúc thiện nam, thiện nữ nào muốn biên chép Bát nhã ba la mật nầy thì nên biên chép mau đi. Lúc muốn đọc tụng, tư duy, giảng nói, chánh ức niệm, tu hành thì nên tu hành mau đi. Tại sao vậy? Vì lúc biên chép, đọc tụng nhẫn đến tu hành Bát nhã ba la mật rất sâu nầy chẳng muốn có các lưu nạn phát khởi vậy.

Thiện nam, thiện nữ nào nếu có thể một tháng, hai tháng, ba tháng hoặc nhẫn đến một năm biên chép xong thì nên siêng cần chép cho xong. Nếu đọc tụng nhẫn đến tu hành trong một tháng hoặc một năm được thành tựu thì nên siêng cần cho thành tựu. Vì kho trân bảo nầy có nhiều lưu nạn phát khởi vậy".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Trong Bát nhã ba la mật rất sâu nầy **ác ma ưa làm lưu nạn**, chẳng cho biên chép, đọc tụng, tư duy, giảng nói, chánh ức niệm, tu hành".

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Dầu ác ma muốn làm lưu nạn Bát nhã ba la mật rất sâu nầy, chẳng cho biên chép nhẫn đến tu hành, nhưng ác ma cũng chẳng phá hoại được sự biên chép nhẫn đến tu hành Bát nhã ba la mật của chư đại Bồ Tát nầy".

Bấy giờ Ngài Xá Lợi Phất thưa: Bạch đức Thế Tôn! Do sức lực nào làm cho ác ma chẳng lưu nạn được chư đại Bồ Tát biên chép nhẫn đến tu hành Bát nhã ba la mật rất sâu nầy?"

Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: "Đó là do Phật lực làm cho ác ma chẳng lưu nạn được chư đại Bồ Tát biên chéo nhẫn đến tu hành Bát nhã ba la mật rất sâu nầy".

Nầy Xá Lợi Phất! Cũng do thần lực của chư Phật hiện tại ở mười phương quốc độ **hộ niệm cho đại Bồ Tát nầy nên ác ma chẳng lưu nạn được**.

Nầy Xá Lợi Phất! Thiện nam, thiện nữ phải nghĩ rằng tôi biên chép nhẫn đến tu hành Bát nhã ba la mật sâu xa nầy đều là do thần lực của mười phương chư Phật".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ biên chép nhẫn đến tu hành Bát nhã ba la mật sâu xa nầy đều do thần lực của chư Phật nên biết rằng những người nầy được chư Phật hộ niệm".

Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: "Đúng như vậy. Nầy Xá Lợi Phất! Vì biên chép nhẫn đến tu hành Bát nhã ba la mật sâu xa nầy đều do Phật lực nên biết rằng cũng được chư Phật hộ niệm".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Hiện tại mười phương vô lượng vô biên vô số chư Phật đều biết, đều thấy lúc thiện nam, thiện nữ nầy biên chép nhẫn đến tu hành Bát nhã ba la mật sâu xa nầy?"

Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: "Đúng như vậy. Nầy Xá Lợi Phất! HIện tại mười phương vô lượng vô biên vô số chư Phật đều biết, đều thấy lúc thiện nam, thiện nữ nầy biên chép nhẫn đến lúc tu hành Bát nhã ba la mật sâu xa nầy".

Nầy Xá Lợi Phất! Trong thiện nam, thiện nữ cầu đạo Bồ Tát mà biên chép nhẫn đến tu hành Bát nhã ba la mật sâu xa nầy, nên biết rằng những người ấy đã đến gần Vô thượng Chánh giác.

Nầy Xá Lợi Phất! Thiện nam, thiện nữ biên chép nhẫn đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật sâu xa nầy, những người đây đối với Bát nhã ba la mật sâu xa có nhiều tin hiểu, lại cũng cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi. Chư Phật đều biết đều thấy thiện nam, thiện nữ nầy.

Do công đức cúng dường mà thiện nam, thiện nữ nầy sẽ được lợi ích lớn, sẽ được quả báo lớn.

Nầy Xá Lợi Phất! Do công đức cúng dường nầy mà thiện nam, thiện nữ ấy chẳng sa vào ác đạo, không bao giờ xa rời chư Phật cho đến chứng được bất thối địa.

Nầy Xá Lợi Phất! Do nhơn duyên căn lành mà thiện nam, thiện nữ ấy mãi đến khi được Vô thượng Bồ đề vĩnh viễn chẳng xa rời sáu ba la mật, chẳng xa rời nội không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không, chẳng xa rời tứ niệm xứ nhẫn đến bát thánh đạo, chẳng xa rời mười trí lực nhẫn đến Vô thượng Chánh giác.

Nầy Xá Lợi Phất! Sau khi Phật nhập diệt, Bát nhã ba la mật sâu xa nầy sẽ đến **cõi nước phương Nam**. Nơi đó, các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di sẽ biên chép, sẽ thọ trì, đọc tụng, tư duy, giảng nói, chánh ức niệm, tu hành Bát nhã ba la mật sâu xa nầy.

Do nhơn duyên căn lành đây mà tứ chúng ấy chẳng còn sa vào ác đạo, được hưởng phước vui cõi Trời, cõi Người, thêm lớn sáu ba la mật, cúng dường, cung kính ngợi khen chư Phật, lần lần đắc quả Thanh văn, Bích Chi Phật và Phật thừa.

Nầy Xá Lợi Phất! Bát nhã ba la mật sâu xa nầy sẽ **từ phương Nam truyền đến phương Tây, từ phương Tây sẽ truyền đến phương Bắc,** hàng tứ chúng ở các cõi nước ấy sẽ biên chép, thọ trì, đọc tụng, tư duy, giảng nói, chánh ức niệm, tu hành, Bát nhã ba la mật sâu xa nầy. Do nhơn duyên căn lành ấy mà họ chẳng còn sa vào ác đạo, hưởng phước vui cõi Trời, cõi Người, thêm lớn sáu ba la mật, cúng dường, cung kính, ngợi khen chư Phật, lần lần đắc quả Thanh văn, Bích Chi Phật và Phật thừa.

Nầy Xá Lợi Phất! Bấy giờ ở phương Bắc, Bát nhã ba la mật sâu xa nầy sẽ làm Phật sự tại đó.

Bởi vì sao? Nầy Xá Lợi Phất! Thời kỳ pháp của ta thạnh hành không có tướng diệt hoại.

Nầy Xá Lợi Phất! Ta đã nhớ đến các thiện nam, thiện nữ thọ trì nhẫn đến tu hành Bát nhã ba la mật sâu xa nầy. Các thiện nam, thiện nữ ấy có thể biên chép và cung kính, cúng dường, ca ngợi Bát nhã ba la mật sâu xa nầy. Các thiện nam, thiện nữ ấy do nhơn duyên căn lành trên mà chẳng sa vào ác đạo, được hưởng phước vui cõi Trời, cõi Người, thêm lớn sáu ba la mật, cúng dường, cung kính, ngợi khen chư Phật, lần lần đắc quả Thanh văn, Bích Chi Phật và Phật thừa.

Nầy Xá Lợi Phất! ta dùng Phật nhãn thấy các người ấy, ta cũng ngợi khen các người ấy. Vô lượng vô biên vô số chư Phật ở mười phương cũng thấy, cũng ngợi khen các người ấy".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật sâu xa nầy về sau sẽ thạnh hành ở phương Bắc ư?"

Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: "Đúng như vậy. Bát nhã ba la mật sâu xa nầy về sau sẽ thạnh hành ở phương Bắc.

Nầy Xá Lợi Phất! Sau nầy ở phương Bắc, nếu thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật sâu xa nầy mà biên chép, thọ trì, đọc tụng, tư duy, giảng nói, chánh ức niệm, tu hành như lời, phải

biết các người ấy từ lâu đã phát tâm Đại thừa, đã cúng dường nhiều chư Phật, gieo căn lành, luôn gần gũi thiện tri thức".

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Sau nầy ở phương Bắc có bao nhiêu thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo mà biên chép nhẫn đến tu hành Bát nhã ba la mật sâu xa nầy?"

Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: "Sau nầy ở Bắc phương dầu có nhiều thiện nam, thiện nữ cầu Phật **đạo nhưng ít có người nghe Bát nhã ba la mật sâu xa nầy mà không kinh sợ.**

Tại sao vậy? Vì các người nầy gần gũi cúng dường nhiều chư Phật, nhiều học hỏi nơi chư Phật. các người nầy có thể đủ sáu ba la mật, đầy đủ tứ niệm xứ nhẫn đến đầy đủ mười tám pháp bất cộng.

Nầy Xá Lợi Phất! Các người nầy nhờ căn lành thuần thục vì Vô thượng Bồ đề, mà có thể đem lợi ích nhiều cho chúng sanh.

Nay ta cũng như chư Phật quá khứ vì thiện nam, thiện nữ nầy mà nói pháp Nhất thiết chủng trí. Do nhơn duyên đây nên đời sau các người ấy tiếp nối được Vô thượng Chánh giác rồi cũng vì người khác mà nói pháp Vô thượng Chánh giác.

Các thiện nam, thiện nữ ấy đều nhất tâm hòa hiệp. Ma và dân ma còn không phá hoại được tâm Vô thượng Bồ đề của họ, huống là những người ác chê bai người thực hành Bát nhã ba la mật sâu xa nầy mà phá hoại được tâm Vô thượng Bồ đề của họ.

Nầy Xá Lợi Phất! Các thiện nam, thiện nữ cầu Bồ Tát đạo, nghe Bát nhã ba la mật sâu xa nầy được pháp hỉ lớn, được pháp lạc lớn, cũng gầy dựng nhiều người ở nơi căn lành để được Vô thượng Bồ đề.

Các thiện nam, thiện nữ nầy ở trước Phật tuyên thệ rằng lúc tôi thực hành Bồ Tát đạo sẽ độ vô số chúng sanh phát tâm Vô thượng Chánh giác, dạy bảo cho họ được lợi ích vui mừng nhẫn đến thọ ký bậc bất thối. Phật biết rõ tâm nguyện của họ và Phật cũng tùy hỉ.

Các thiện nam, thiện nữ nầy ở trước chư Phật quá khứ đã từng tuyên thệ như trên và cũng được chư Phật quá khứ biết rõ tâm nguyện của họ mà tùy hỉ cho họ.

Nầy Xá Lợi Phất! Vì các thiện nam, thiện nữ ấy tâm nguyện của họ lớn nên sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp của họ hưởng thọ cũng lớn, họ cũng có thể bố thí lớn, gieo căn lành lớn. Họ gieo căn lành lớn xong được quả báo lớn. Vì để nhiếp chúng sanh nên họ lấy quả báo lớn. Ở giữa chúng sanh họ có thể xả thí những vật sở hữu trong ngoài thân. Do nhơn duyên căn lành nầy họ phát nguyện muốn sanh về quốc độ phương khác, nơi mà chư Phật hiện đương nói Bát nhã ba la mật sâu xa. Ở trước chư Phật nghe Bát nhã ba la mật sâu xa rồi, họ cũng dạy lợi ích vui mừng cho trăm ngàn muôn ức chúng sanh nơi đó, đều khiến phát tâm Vô thượng Bồ đề".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đức Phật đối với những pháp quá khứ, vị lai, hiện tại không gì chẳng biết, không pháp như nào mà Phật chẳng biết, tất cả hạnh nghiệp của chúng sanh không sự nào mà chẳng biết. Nay đức Phật biết rõ chư Phật và Bồ Tát, Thanh văn quá khứ. Đức Phật cũng biết rõ chư Phật và Bồ Tát, Thanh văn hiện tại, biết rõ chư Phật và Bồ Tát, Thanh văn vị lai.

Bạch đức Thế Tôn! Đời vị lai những thiện nam, thiện nữ cần cầu sáu ba la mật để thọ trì, đọc tụng nhẫn đến tu hành có được hay chẳng được?"

Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: “Nếu thiện nam, thiện nữ nhất tâm tinh tấn cần cầu sẽ được các kinh đúng sáu ba la mật sâu xa”.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Các thiện nam, thiện nữ cần hành như vậy sẽ được kinh đúng sáu ba la mật sâu xa ư?”

Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: “Các thiện nam, thiện nữ ấy được kinh đúng sáu ba la mật sâu xa nầy. Tại sao vậy? Các thiện nam, thiện nữ ấy vì Vô thượng Chánh giác mà thuyết pháp lợi ích vui mừng cho chúng sanh an trụ sáu ba la mật. Do đây nên các thiện nam, thiện nữ ấy chuyển sanh đời sau để được kinh đúng sáu ba la mật sâu xa. Khi được rồi họ tu hành đúng như sáu ba la mật đã được nói. Họ tinh tấn chẳng nghĩ nhẫn đến tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, chứng Vô thượng Chánh giác”.

PHẨM MA SỰ
THỨ BỐN MƯƠI SÁU

(Phẩm nầy tương đương với phần đầu Q.303, phẩm “Ma Sự”, ĐBN).

Lúc bấy giờ Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Đức Phật đã ngợi khen, đã nói công đức của các thiện nam, thiện nữ phát tâm Vô thượng Bồ đề thật hành sáu ba la mật, thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ.

Bạch đức Thế Tôn! Các thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo sanh ra những lưu nạn như thế nào?”

Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: “Lạc thuyết biện tài chẳng liền phát sanh, phải biết đây là ma sự của Bồ Tát.

Tại sao vậy? Vì có đại Bồ Tát lúc thực hành Bát nhã ba la mật khó đầy đủ sáu ba la mật. Thế nên Lạc thuyết biện tài chẳng liền phát sanh là ma sự của Bồ Tát.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Lạc thuyết biện tài vụt khởi cũng là ma sự của Bồ Tát.

Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát thực hành sáu ba la mật ham thích thuyết pháp. Thế nên Lạc thuyết biện tài vụt khởi cũng ma sự của Bồ Tát.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc biên chép kinh Bát nhã ba la mật mà khinh lờn ngạo mạn, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc biên chép kinh nầy mà cười đùa loạn tâm, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc biên chép kinh nầy mà khinh cười, chẳng cung kính, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc biên chép kinh nầy nếu tâm loạn bất định, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc biên chép kinh nầy nếu các người chẳng hòa hiệp, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Thiện nam, thiện nữ nào nghĩ rằng tôi không được tự vị trong kinh rồi bèn bỏ đi, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc thọ trì, đọc tụng, giảng nói, chánh ức niệm khinh lờn ngạo mạn, đó là ma sự của Bồ Tát.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc thọ trì kinh nầy, lúc gần gũi, chánh ức niệm nếu cùng nhau ra dấu cười cợt, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc thọ trì nhẫn đến tu hành kinh nầy nếu khinh miệt lẫn nhau, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc thọ trì nhẫn đến chánh ức niệm kinh nầy nếu tâm tán loạn, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc thọ trì nhẫn đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật mà tâm chẳng hòa hiệp, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Như đức Phật phán dạy rằng thiện nam, thiện nữ tự nghĩ tôi không được tư vị trong kinh rồi bèn bỏ đi.

Bạch đức Thế Tôn! Do cớ gì Bồ Tát chẳng được tư vị trong kinh nói rồi bèn bỏ đi?"

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Bồ Tát nầy đời trước chẳng dày công thực hành sáu ba la mật, nên nghe nói Bát nhã ba la mật nầy liền nghĩ rằng tôi chẳng ghi nhận Bát nhã ba la mật, tôi chẳng thanh tịnh, bèn đứng dạy bỏ đi".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Cớ sao chẳng thọ ký cho người nghe Bát nhã ba la mật đứng dậy bỏ đi?"

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Nếu Bồ Tát chưa vào trong pháp vị thì chư Phật chẳng thọ ký Vô thượng Bồ đề.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Nếu lúc nghe nói Bát nhã ba la mật mà nghĩ rằng trong đây không có nói đến danh tự của tôi, do đó mà tâm chẳng thanh tịnh, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Cớ sao trong Bát nhã ba la mật sâu xa nầy chẳng nói danh tự của Bồ Tát ấy?"

Đức Phật nói: "Chư Phật chẳng nói danh tự của Bồ Tát chưa được thọ ký.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc nghe Bát nhã ba la mật mà nghĩ rằng trong đây không nói đến tên xứ sở của tôi sanh, người nầy không muốn nghe bèn đứng dậy rời pháp hội bỏ đi. Lúc người nầy đứng dậy, cứ mỗi niệm phải một kiếp tinh tấn cầu Vô thượng Bồ đề trở lại.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Bỏ Bát nhã ba la mật mà học các kinh khác, Bồ Tát nầy trọn không thể đến Nhất thiết chủng trí, đây là bỏ gốc mà níu nhánh lá, phải biết đó là sự của Bồ Tát".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Những kinh nào mà thiện nam, thiện nữ học theo trọn chẳng đến được Nhất thiết chủng trí?"

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Đó là những kinh hàng Thanh văn thực hành. Như là tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác chi, bát thánh đạo, không, vô tướng, vô tác, giải thoát môn. Các thiện nam, thiện nữ an trụ trong pháp trên đây được quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, đây là chỗ của hàng Thanh văn đi, không thể đến được Nhất thiết chủng trí.

Nầy Tu Bồ Đề! Trong Bát nhã ba la mật xuất sanh chư Phật Bồ Tát thành tựu pháp thế gian và pháp xuất thế gian. Lúc học Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát cũng học pháp thế gian và pháp xuất thế gian.

Nầy Tu Bồ Đề! Ví như con chó chẳng theo chủ nhà để đòi ăn mà theo gã cần vụ. Cũng vậy, đời sau có thiện nam, thiện nữ bỏ Bát nhã ba la mật sâu xa cội gốc, trở lại nắm lấy kinh pháp sở hành của Thanh văn, Bích Chi Phật nhánh lá, hảy biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Như có người muốn thấy voi, được thấy voi rồi trở lại nhìn dấu chân voi. Theo ý người, kẻ đó có khôn chăng?"

Bạch đức Thế Tôn! Người ấy chẳng khôn.

Cũng vậy, Nầy Tu Bồ Đề! Thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo được Bát nhã ba la mật sâu xa lại bỏ đi cầu lấy kinh pháp sở hành của Thanh văn, Bích Chi Phật, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Nầy Tu Bồ Đề! Như có người muốn thấy biển lớn trở lại tìm nước đọng ở dấu chân trâu mà nghĩ rằng nước biển lớn có bằng nước dấu chân trâu chăng? Ý ngươi thế nào, người ấy có khôn chăng?

Bạch đức Thế Tôn! Người ấy chẳng khôn.

Cũng cậy, nầy Tu Bồ Đề! đời sâu có thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo được Bát nhã ba la mật sâu xa lại bỏ đi cầu lấy kinh pháp sở hành của Thanh văn, Bích Chi Phật, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Nầy Tu Bồ Đề! Như thợ vẽ nghĩ muốn vẽ thắng điện của Thiên Đế mà trở lại vẽ cung điện nhựt nguyệt. Ý ngươi thế nào, thợ vẽ nầy có khôn chăng?

Bạch đức Thế Tôn! Thợ vẽ nầy chẳng khôn.

Nầy Tu Bồ Đề! Cũng vậy, đời sau có thiện nam, thiện nữ phước đức mỏng cầu Phật đạo được Bát nhã ba la mật sâu xa nầy lại bỏ đi cầu các kinh hàng Thanh văn, Bích Chi Phật, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Như có người muốn lấy Chuyển Luân Thánh Vương, được gặp mà chẳng biết, về sau thấy các Tiểu Quốc Vương cho rằng không khác Chuyển Luân Thánh Vương. Ý ngươi thế nào, người nầy có khôn chăng?

Bạch đức Thế Tôn! Người nầy chẳng khôn.

Nầy Tu Bồ Đề! Cũng vậy, đời sau có thiện nam, thiện nữ phước đức mỏng cầu Phật đạo được Bát nhã ba la mật sâu xa nầy lại bỏ đi cầu các kinh sở hành của hàng Thanh văn, Bích Chi Phật, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Như có người đang đói, bỏ cơm sốt ngon đi ăn cơm thiu lâu ngày. Ý ngươi thế nào, người đó nầy có khôn chăng?

Bạch đức Thế Tôn! người đó nầy chẳng khôn.

Cũng vậy, nầy Tu Bồ Đề! Đời sau có thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo được nghe Bát nhã ba la mật sâu xa nầy lại bỏ đi lấy các kinh sở hành của Thanh văn, Bích Chi Phật để cầu được Nhất thiết chủng trí, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Như có người được châu ma ni vô giá lại đem sánh với châu thủy tinh. Ý ngươi thế nào, người nầy có khôn chăng?

Bạch đức Thế Tôn! Người nầy chẳng khôn.

Cũng vậy, nầy Tu Bồ Đề! Đời sau có thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo được nghe Bát nhã ba la mật sâu xa nầy lại bỏ đi lấy các kinh sở hành của Thanh văn, Bích Chi Phật, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Các thiện nam, thiện nữ ấy lúc biên chép Bát nhã ba la mật nầy ưa nói những sự chẳng đúng pháp, biên chép Bát nhã ba la mật sâu xa nầy chẳng thành. Những gì là ưa nói những sự chẳng đúng pháp? Đó là ưa sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp. Ưa nói trì giới, các thiền, các định. Ưa nói sáu ba la mật. Ưa nói tứ tứ niệm xứ nhẫn đến Vô thượng Bồ đề.

Tại sao vậy?

Nầy Tu Bồ Đề! Trong Bát nhã ba la mật nầy không có tướng ưa nói.

Nầy Tu Bồ Đề**! Bát nhã ba la mật là tướng bất khả tư nghì, là tướng bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh bất loạn, bất tán. Bát nhã ba la mật là tướng không nói, không dạy, không lời, không nghĩa. Bát nhã ba la mật là tướng vô sở đắc.**

Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật không tất cả các pháp ấy.

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu có Thiện nam cầu Phật đạo, lúc biên chép kinh Bát nhã ba la mật nầy mà tâm tán loạn duyên theo các pháp ấy, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật nầy biên chép được chăng?"

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Biên chép không được. Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật tự tánh không. Vì Thiền na ba la mật nhẫn đến Nhất thiết chủng trí tự tánh không. Tự tánh đã không thì chẳng gọi là pháp. Không pháp chẳng thể biên chép được không pháp.

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu thiện nam, thiện nữ cầu Bồ Tát đạo nghĩ rằng không pháp là Bát nhã ba la mật sâu xa, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ cầu đạo Bồ Đề, dùng văn tự để biên chép Bát nhã ba la mật, tự nghĩ rằng mình biên chép Bát nhã ba la mật, dùng chữ đặt Bát nhã ba la mật, phải biết đó cũng là ma sự của Bồ Tát.

Tại sao vậy? Bạch đức Thế Tôn! Vì Bát nhã ba la mật không có văn tựvThiền na ba la mật nhẫn đến Thiền na ba la mật không có văn tự, sắc thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến Nhất thiết chủng trí không có văn tự.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu chấp không văn tự là Bát nhã ba la mật nhẫn đến chấp không văn tự là Nhất thiết chủng trí, cũng là ma sự của Bồ Tát.

Như biên chép, đọc tụng, giảng nói, chánh ức niệm, tu hành đúng như lời như vậy".

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo, lúc biên chép Bát nhã ba la mật mà tưởng nhớ quốc độ, thành ấp, phương hướng, nghe hủy báng thầy mình mà nghĩ đến hoặc nghĩ đến cha mẹ; anh em, chị em, bà con, nghĩ đến kẻ giặc cướp, nam nữ, nghĩ đến những sự khác như vậy sẽ bị ác ma xúi nghĩ nhớ thêm, phá hư công việc biên chép Bát nhã ba la mật, phá hư công việc đọc tụng, giảng nói, chánh ức niệm, tu hành Bát nhã ba la mật. Phải biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo, lúc biên chép nhẫn đến lúc tu hành Bát nhã ba la mật, ác ma tìm phương tiện đem những kinh sâu xa khác đến tặng cho. Người có sức phương tiện chẳng nên ham muốn những kinh sâu xa khác của ác ma đem đến vì những kinh ấy không đưa người đến Nhất thiết chủng trí.

Kẻ không đủ sức phương tiện, nghe nói những kinh sâu xa khác bèn bỏ Bát nhã ba la mật sâu xa nầy. Trong Bát nhã ba la mật sâu xa nầy, đức Phật đã giảng dạy nhiều phương tiện của đạo Bồ Tát. Chư đại Bồ Tát nên tìm ở trong đây. Nếu thiện nam, thiện nữ cầu Bồ Tát đạo mà bỏ Bát nhã ba la mật sâu xa nầy, đi cầu phương tiện nơi những kinh sâu xa của Thanh văn, Bích Chi Phật, phải biết cũng là ma sự của Bồ Tát".

---o0o---

QUYỂN THỨ MƯỜI SÁU

PHẨM LƯỠNG BẤT HÒA HIỆP QUÁ
THỨ BỐN MƯƠI BẢY

(Tương đương với phần sau Q.303 và Q.304 kế tiếp, phẩm "Ma Sự", ĐBN).

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Người thính pháp nơi Bát nhã ba la mật muốn biên chép, đọc tụng, vấn nghĩa, chánh ức niệm mà người thuyết pháp lười biếng chẳng muốn nói, phải biết đây là ma sự của Bồ Tát.

Người thuyết pháp tâm chẳng lười biếng mà người nghe pháp chẳng chịu nghe lãnh, tâm hai bên chẳng hòa hiệp, phải biết đây là ma sự của Bồ Tát.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thính pháp muốn biên chép đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật mà người thuyết pháp muốn đi qua phương khác, phải biết đây cũng là ma sự của Bồ Tát.

Người thuyết pháp muốn cho biên chép, thọ trì mà người thích pháp muốn đi qua phương khác, tâm hai bên chẳng hòa hiệp, phải biết đây là ma sự của Bồ Tát.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp quý trọng của bố thí, những y phục, thực phẩm, phòng nhà, thuốc men, người thính pháp thiểu dục tri túc, nhiếp niệm tinh tấn, thiền định, trí tuệ, tâm hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đây là ma sự của Bồ Tát.

Người thuyết pháp thiểu dục tri túc, nhiếp niệm tinh tấn, thiền định, trí huệ, người thính pháp quý trọng của bố thí, những tứ sự tư sanh, tâm hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mậtt, phải biết đây là ma sự của Bồ Tát.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp thọ mười hai hạnh Đầu Đà: một là thường là thường khất thực, hai là thứ đệ khất thực, ba là nhứt tọa thực, bốn là tiết lượng thực, năm là sau ngọ trung chẳng ẩm tương, sáu là chỉ chứa ba y, bảy là nạp y, tám là ở a lan nhã, chín là ở trong gò mã, mười là ở gốc cây, mười một là ở đất trống, mười hai là ngồi luôn không nằm, người thính pháp chẳng thọ mười hai hạnh Đầu Đà, hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đây là ma sự của Bồ Tát.

Người thính pháp thọ mười hai hạnh Đầu Đà, người thuyết pháp chẳng thọ mười hai hạnh Đầu Đà, hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đây là ma sự của Bồ Tát.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp có tín tâm, có giới hạnh, muốn biên chép, thọ trì Bát nhã ba la mật nhẫn đến chánh ức niệm, người thính pháp không tín tâm, không giới hạnh, chẳng

muốn biên chép nhẫn đến chẳng muốn chánh ức niệm Bát nhã ba la mật, phải biết đây là ma sự của Bồ Tát.

Người thính pháp có tín tâm, có giới hạnh, người thuyết pháp không tín tâm, không giới hạnh, hai bên chẳng hòa hiệp, phải biết đây là ma sự.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thuyết hay bố thí tất cả chẳng lẫn tiếc, người thính pháp bỏn xẻn, chẳng thí xả, hai bên chẳng hòa hiệp, phải biết đây là ma sự.

Người thính pháp hay bố thí tất cả chẳng lẫn tiếc, người thuyết pháp bỏn xẻn, chẳng thí xả, hai bên chẳng hòa hiệp, phải biết đây là ma sự.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thích pháp muốn cúng dường cho người thuyết pháp những đồ vật tư sanh, người thuyết pháp chẳng chịu nhận, phải biết đây là ma sự.

Người thuyết pháp muốn cung cấp đồ tư sanh cho người thính pháp, người thính pháp chẳng chịu nhận, hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đây là ma sự.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp dễ tỏ ngộ, người thuyết pháp ám độn, phải biết đây là ma sự.

Người thính pháp mau tỏ ngộ, người thính pháp ám độn, hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được, nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đây là ma sự.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp biết nghĩa thứ lớp của mười hai bộ kinh là khế kinh nhẫn đến luận nghị, người thính pháp chẳng biết. Hoặc người thính pháp biết nghĩa thứ đệ của mười hai bộ kinh, người thuyết pháp chẳng biết, hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đều là ma sự.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp thành tựu sáu ba la mật, người thính pháp chẳng thành tựu. Hoặc người thính pháp có sáu ba la mật, người thuyết pháp chẳng có. Hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đều là ma sự.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp có sức phương tiện nơi sáu ba la mật, người thính pháp không có. Hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đều là ma sự.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp đắc đà la ni, người thính pháp không đắc. Hoặc người thính pháp đắc đà la ni, người thuyết pháp không đắc. Hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đều là ma sự.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp muốn cho biên chép nhẫn đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật, người thính pháp chẳng muốn. Hoặc người thính pháp muốn biên chép nhẫn đến chánh ức niệm, người thuyết pháp chẳng muốn biên chép nhẫn đến chẳng muốn cho chánh ức niệm Bát nhã ba la mật, hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đều là ma sự.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp không tham dục, giận hờn, ngủ nghỉ, điệu hối, nghi ngờ, người thính pháp có tham dục nhẫn đến nghi ngờ. Hoặc người thính pháp lìa ngũ cái(1): tham dục nhẫn đến nghi ngờ, người thuyết pháp có ngũ cái. Hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đều là ma sự.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc biên chép nhẫn đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật, có người đến nói những sự thống khổ trong ba ác đạo rồi bảo rằng sao Ngài chẳng ở tại thân đời nầy dứt khổ nhập Niết Bàn, lại cầu Vô thượng Bồ đề làm chi? Hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đây là ma sự.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc biên chép nhẫn đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật, có người đến ca ngợi các cõi Trời, ca ngợi Trời Tứ Thiên Vương đến Trời Phi Phi Tưởng, ca ngợi sơ thiền đến phi phi tưởng định rồi bảo rằng: Thưa Ngài, ba cõi dầu hưởng thọ phước vui nhưng cũng đều là vô thường, là khổ không, vô ngã, tướng biến tận tán ly. Sao ngài chẳng ở tại thân đời nầy chứng quả Tu Đà Hoàn đến quả A La Hán, quả Bích Chi Phật, lại ở trong thế gian sanh tử chịu khổ để cầu Vô thượng Bồ đề làm chi? Hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đây là ma sự.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp một thân không phiền lụy, tự tại vô ngại, người thính pháp dắt theo chúng nhơn đông, hoặc người thính pháp một thân không phiền lụy, tự tại vô ngại, người thuyết pháp dắt theo chúng nhơn đông, hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đây là ma sự.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp bảo người thính pháp rằng nếu ngươi có thể tùy theo ý ta, thời sẽ cho người biên chép nhẫn đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật, bằng không tùy theo ý ta, thời không cho. Hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đây là ma sự.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thính pháp muốn thuận theo ý người thuyết pháp mà người thuyết pháp chẳng cho, hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đây là ma sự.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp vì muốn được tài lợi mà cho biên chép nhẫn đến cho chánh ức niệm Bát nhã ba la mật, người thính pháp vì cớ nầy nên chẳng chịu theo nghe. Hoặc người thính pháp vì tài lợi mà muốn biên chép nhẫn đến muốn chánh ức niệm Bát nhã ba la mật, vì cớ nầy nên người thuyết pháp chẳng muốn cho. Hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đều là ma sự.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp muốn đến xứ nguy nạn, người thính pháp chẳng muốn đi theo. Hoặc người thính pháp muốn đến xứ nguy nạn, người thuyết pháp chẳng muốn đến. Hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đều là ma sự.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp muốn đến xứ lúc mắc nghèo đói, người thính pháp không muốn đi theo. Hoặc người thính pháp muốn đến xứ đói khát, người thuyết pháp chẳng muốn đến. Hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đều là ma sự.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp muốn đến xứ giàu vui, người thính pháp muốn đi theo. Người thuyết pháp bảo rằng ngươi vì tài lợi mà đi theo ta, ngươi nên suy nghĩ kỹ, hoặc được tài lợi hoặc chẳng được, chớ để ngày sau ăn năn, người thính pháp nghe nói cho rằng không muốn mình đi theo nên sanh lòng chán mà không đi. Hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đây là ma sự.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp muốn đến xứ hoang vắng có nạn giặc ướp, ác thú, độc trùng, người thính pháp muốn đi theo. Người thuyết pháp bảo rằng ngươi đến xứ hoang vắng hiểm nạn làm chi. Người thính pháp nghe nói cho rằng không muốn cho mình biên chép nhẫn đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật, sanh lòng chán chẳng đi theo. Hai bên chẳng hòa hiệp, đây là ma sự.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp có nhiều thí chủ, thường đến nhà họ viếng thăm, bảo người thính pháp rằng ta có việc phải đến nhà họ. Người thính pháp biết ý bèn chẳng cùng đi. Hai bên chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đây là ma sự.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Ác ma làm Tỳ Kheo đến chỗ thiện nam, thiện nữ dùng phương tiện phá hoại chẳng cho biên chép nhẫn đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Ác ma làm Tỳ Kheo dùng cách nào để phá hoại?"

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Ác ma làm Tỳ Kheo đến chỗ thiện nam, thiện nữ mà bảo rằng kinh của ta nói mới là Bát nhã ba la mật, còn kinh đó không phải. Lúc ác ma dùng lời phá hoại tín tâm như vậy, có thiện nam, thiện nữ chưa được thọ ký bèn sanh lòng nghi, vì nghi nên chẳng biên chép nhẫn đến chẳng chánh ức niệm Bát nhã ba la mật. Chẳng hòa hiệp, phải biết đây là ma sự.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Ác ma làm Tỳ Kheo đến bảo rằng Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật, chứng thật tế được quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến quả Bích Chi Phật. Do đó mà chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đây là ma sự.

Nầy Tu Bồ Đề! Lúc nói Bát nhã ba la mật sâu xa nầy, có nhiều ma sự khởi lên làm trở ngại. Đại Bồ Tát phải sớm biết để xa lìa".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Những ma sự gì làm trở ngại Bát nhã ba la mật mà Bồ Tát phải sớm biết để xa lìa?"

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Tương tợ Bát nhã ba la mật nhẫn đến Đàn na ba la mật là ma sự phát khởi. Bồ Tát phải sớm biết để xa lìa.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Những kinh sở hành của hàng Thanh văn, Bích Chi Phật là ma sự của Bồ Tát, phải sớm hay biết xa lìa.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Ác ma làm Tỳ Kheo tìm phương tiện trao cho Bồ Tát những kinh dạy về nội không, ngoại không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không, dạy về tứ niệm xứ nhẫn đến bát chánh đạo, ba môn giải thoát, không, vô tướng, vô tác để được quả Tu Đà Hoàn đến quả Bích Chi Phật. Do đó chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đây là ma sự.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Ác ma do hóa làm Phật thân vàng trượng lục chói sáng đến chỗ Bồ Tát. Vì ham thích thân Phật nầy mà Bồ Tát hao tổn chánh trí huệ. Do đó chẳng hòa hiệp, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đây là ma sự.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Ác ma hóa làm Phật và chúng Tỳ Kheo đến chỗ Bồ Tát. Các Tỳ Kheo nầy nói pháp cho Bồ Tát. Bồ Tát ham thích tự nghĩ rằng đời sau tôi cũng sẽ được như vậy. Vì ham

thích thân ma mà hao tổn chánh trí huệ, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đây là ma sự.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Ác ma hóa làm vô số Bồ Tát thật hành sáu ba la mật, chỉ dạy cho thiện nam, thiện nữ. Vì ham thích mà thiện nam, thiện nữ hao tổn chánh trí huệ, chẳng biên chép được nhẫn đến chẳng chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật, phải biết đây là ma sự.

Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật sâu xa nầy không có sắc thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến không có Nhất thiết chủng trí.

Nầy Tu Bồ Đề! **Vì không có sắc nhẫn đến không có Nhất thiết chủng trí, nên trong Bát nhã ba la mật sâu xa nầy không có Phật, không có Bồ Tát, Thanh văn , Bích Chi Phật. Tại sao vậy? Vì tất cả pháp tự tánh không vậy.**

Lại nầy Tu Bồ Đề! Như vàng bạc châu ngọc ở Diêm Phù Đề có nhiều nạn, nhiều cướp. Cũng vậy, lúc thiện nam, thiện nữ biên chép nhẫn đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật phát khởi nhiều nạn, nhiều oán".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đúng như vậy. Vàng bạc châu ngọc trong Diêm Phù Đề có nhiều nạn, nhiều cướp. Lúc thiện nam, thiện nữ biên chép nhẫn đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật phát khởi nhiều nạn, nhiều oán, nhiều ma sự.

Tại sao vậy? Hạng người ngu si bị ma sai sử mà phá hoại, xa lìa công việc biên chép nhẫn đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật sâu xa.

Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ ngu si ít trí ít huệ nầy lúc biên chép nhẫn đến lúc chánh ức niệm Bát nhã ba la mật sâu xa lại phá hoại, xa lìa.

Bạch đức Thế Tôn! Hạng người ngu si nầy lòng họ chẳng thích pháp Đại thừa nên họ chẳng biên chép, đọc tụng, thọ trì, chánh ức niệm, chẳng tu hành đúng như lời, họ lại phá hoại người khác chẳng cho biên chép nhẫn đến chánh ức niệm".

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Đúng như vậy. Hàng thiện nam, thiện nữ mới phát tâm Đại thừa vì bị ma sai sử, chẳng gieo căn lành, chẳng cúng dường chư Phật, chẳng theo thiện tri thức nên chẳng biên chép nhẫn đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật mà lại làm sự lưu nạn.

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ hay biên chép nhẫn đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật sâu xa nầy thì ma sự chẳng phát khởi. Người nầy đầy đủ Thiền na ba la mật nhẫn đến Đàn na ba la mật, đầy đủ được tứ niệm xứ nhẫn đến Nhất thiết chủng trí.

Nầy Tu Bồ Đề! Phải biết đó là do Phật lực nên thiện nam, thiện nữ ấy có thể biên chép được nhẫn đến chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật sâu xa nầy, cũng đầy đủ được Thiền na ba la mật nhẫn đến Đàn na ba la mật, đầu đủ được nội không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không, đầy đủ được tứ niệm xứ nhẫn đến Nhất thiết chủng trí.

Nầy Tu Bồ Đề! Hiện tại mười phương vô lượng vô biên vô số chư Phật, chư đại Bồ Tát bất thối chuyển cũng trợ giúp ủng hộ cho thiện nam, thiện nữ nầy biên chép nhẫn đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật sâu xa".

Thích nghĩa:

(1). Ngũ cái(Phạm: Païca àvaraịàni): Cái nghĩa là che lấp, tức chỉ cho 5 thứ phiền não che lấp tính giác, làm cho pháp lành không sinh ra được. Đó là: 1). Tham dục cái(Phạm:

Ràgaàvaraịa), 2). Sân khuể cái(Phạm: Pratighaàvaraịa), 3). Hôn miên cái(Phạm: Styànamiddha-àvaraịa), 4). Trạo cử ác tác cái(Phạm:Auddhatya -kaukftya-àvaraịa), 5). Nghi cái(Phạm: Vicikitsà-àvaraịa).

---o0o---

PHẨM PHẬT MẪU
THỨ BỐN MƯƠI TÁM
(Tương đương với phẩm "Phật Mẫu", thuộc Q.305 và phần đầu Q.306, ĐBN).

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Ví như bà mẹ có con trai, hoặc năm hoặc mười hoặc trăm ngàn người con trai. Bà mẹ phải bịnh, các con đều lo buồn cần cầu cứu chữa, vì nhớ ơn mẹ sanh dục và dạy dỗ mình.

Cũng vậy, nầy Tu Bồ Đề! Phật và chư Phật hiện tại mười phương đều thường dùng Phật nhãn nhìn Bát nhã ba la mật sâu xa nầy.

Tại sao vậy? vì Bát nhã ba la mật sâu xa nầy hay hiển thị(1) tướng thế gian, hay xuất sanh chư Phật, hay cho Nhất thiết chủng trí, cũng hay sanh Thiền ba la mật nhẫn đến Đàn na ba la mật, hay sanh nội không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không, hay sanh tứ niệm xứ nhẫn đến Nhất thiết chủng trí, hay sanh Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật, hay sanh chư Phật.

Nầy Tu Bồ Đề! Chư Phật đã được Vô thượng Bồ đề, chư Phật hiện nay được cùng chư Phật sẽ được Vô thượng Bồ đề đều do Bát nhã ba la mật sâu xa nầy mà được.

Nầy Tu Bồ Đề! Thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo nên biên chép nhẫn đến chánh ức niệm Bát nhã ba la mật sâu xa nầy. Chư Phật thường dùng Phật nhãn nhìn người nầy, gia hộ cho họ được chẳng thối chuyển Vô thượng Chánh giác".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Như lời đức Phật dạy, Bát nhã ba la mật hay sanh chư Phật, hay hiển thị tướng thế gian.

Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Bát nhã ba la mật hay sanh chư Phật? Hay hiển thị tướng thế gian? Thế nào là chư Phật từ Bát nhã ba la mật sanh? Chư Phật nói tướng thế gian như thế nào?

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: **"Trong Bát nhã ba la mật sâu xa nầy xuất sanh mười trí lực nhẫn đến Nhất thiết chủng trí. Vì được các pháp trên đây mà gọi là Phật, nên Bát nhã ba la mật hay sanh chư Phật.**

Nầy Tu Bồ Đề! "Chư Phật nói ngũ ấm là tướng thế gian".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! thế nào là trong Bát nhã ba la mật nói ngũ ấm? thế nào là trong Bát nhã ba la mật hiển thị tướng ngũ ấm?"

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Bát nhã ba la mật chẳng hiển thị ngũ ấm phá, chẳng hiển thị ngũ ấm hoại, chẳng hiển thị sanh, diệt, cấu, tịnh, tăng, giảm, chẳng hiện thị xuất, nhập, chẳng hiện thị quá khứ, vị lai, hiện tại.

Tại sao vậy?

Vì tướng không chẳng phá chẳng hoại. Vì tướng vô tướng chẳng phá chẳng hoại. Vì tướng vô tác chẳng phá chẳng hoại. Vì pháp bất khởi, pháp bất sanh, pháp vô sở hữu, pháp

tánh chẳng phá chẳng hoại. Vì tướng hiển thị như vậy nên Phật nói Bát nhã ba la mật sâu xa hay hiển thị tướng thế gian.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Do Bát nhã ba la mật mà chư Phật biết rõ tâm niệm của vô lượng vô biên vô số chúng sanh.

Nầy Tu Bồ Đề! **Trong Bát nhã ba la mật sâu xa nầy không chúng sanh, không danh từ chúng sanh, không sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không danh từ sắc, thọ, tưởng, hành, thức, nhẫn đến không Nhất thiết chủng trí, không danh từ Nhất thiết chủng trí. Thế nên Bát nhã ba la mật sâu xa nầy hay hiển thị tướng thế gian.**

Nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật sâu xa nầy chẳng hiển thị sắc, thọ, tưởng, hành, thức, nhẫn đến chẳng hiển thị Nhất thiết chủng trí.

Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật sâu xa nầy còn không Bát nhã ba la mật huống là sắc nhẫn đến Nhất thiết chủng trí.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Có bao nhiêu danh số chúng sanh hoặc loài có sắc hay không sắc, có tưởng hay không tưởng, hoặc chẳng phải có tưởng, chẳng phải có tưởng, chẳng phải không tưởng, ở quốc độ nầy nhẫn đến khắp quốc độ mười phương. Những chúng sanh ấy hoặc nhiếp tâm, đức Phật đều biết thiệt rõ tất cả tâm niệm của họ.

Do đâu mà đức Phật biết thiệt rõ tướng dạng tâm niệm của chúng sanh?

Vì đức Phật **dùng pháp tướng** nên biết rõ.

Dùng pháp tướng gì để biết?

Nầy Tu Bồ Đề! Trong pháp tướng nầy còn không có tướng pháp tướng huống là nhiếp tâm với loạn tâm. Vì dùng pháp tướng nầy mà đức Phật biết rõ nhiếp tâm, loạn tâm của tất cả chúng sanh.

Lại nầy Tu Bồ Đề! đức Phật biết thật rõ nhiếp tâm, loạn tâm của chúng sanh.

Do đâu mà biết?

Vì do tận tướng nên biết, do vô nhiễm tướng nên biết, do diệt tướng nên biết, do đoạn tướng nên biết, do tịch tướng nên biết, do ly tướng nên biết. Đức Phật do nơi Bát nhã ba la mật mà biết rõ nhiếp tâm, loạn tâm của tất cả chúng sanh.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Do Bát nhã ba la mật mà đức Phật biết thật rõ nhiễm tâm của chúng sanh, biết thật rõ sân tâm, si tâm của chúng sanh, nếu chúng sanh có nhiễm tâm, sân tâm, si tâm.

Tại sao đức Phật biết thật rõ như vậy? Nầy Tu Bồ Đề! Vì thật tướng của nhiễm tâm không có tướng nhiễm, vì thật tướng của sân tâm, si tâm không có tướng sân, không có tướng si.

Tại sao vậy? **Vì trong thật tướng(2) không có tâm vương, tâm sở(3), huống là có được nhiễm tâm, sân tâm, si tâm, huống là có được tâm chẳng nhiễm, chẳng sân, chẳng si.**

Thế nên, nầy Tu Bồ Đề! Do Bát nhã ba la mật mà đức Phật biết thật rõ tâm nhiễm, tâm sân, tâm si của tất cả chúng sanh.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Do Bát nhã ba la mật mà đức Phật biết thật rõ tâm không nhiễm, không sân, không si của tất cả chúng sanh nếu chúng sanh không tâm nhiễm, sân, si.

Tại sao vậy? **Vì trong tâm không nhiễm, không sân, không si nầy chẳng có tướng nhiễm, sân, si. Vì hai tâm chẳng cùng chung vậy. Thế nên, nầy Tu Bồ Đề! Do Bát nhã ba la mật mà**

đức Phật biết rõ tâm không nhiễm, sân, si của chúng sanh nếu có chúng sanh không có tâm nhiễm sân, si.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Do Bát nhã ba la mật, nếu chúng sanh có **quảng tâm**, đức Phật biết thiệt rõ quảng tâm của chúng sanh.

Tại sao vậy? Vì đức Phật biết tâm tướng của chúng sanh chẳng rộng, chẳng hẹp, chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng đến, chẳng đi, vì tâm tướng rời lìa, vì tâm tánh vốn không, nên không có gì làm rộng, làm hẹp, làm tăng, làm giảm, chẳng đến, chẳng đi.

Thế nên, nầy Tu Bồ Đề! Do Bát nhã ba la mật mà đức Phật biết thật rõ **đại tâm** của chúng sanh. Tại sao vậy? Vì đức Phật chẳng thấy tâm chúng sanh có tướng lai, tướng khứ, tướng sanh, trụ, dị, diệt. Tại sao vậy? vì tâm tánh vốn không nên không có ai đến, đi, không có sanh, trụ, dị, diệt.

Thế nên, nầy Tu Bồ Đề! Nếu chúng sanh có đại tâm, do Bát nhã ba la mật mà đức Phật biết thật rõ đại tâm của chúng sanh.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Nếu chúng sanh có **tâm vô lượng**, do Bát nhã ba la mật mà đức Phật biết thật rõ tâm vô lượng của chúng sanh. Tại sao vậy? Vì do Bát nhã ba la mật mà đức Phật biết rõ tâm ấy của chúng sanh; chẳng thấy an trụ, chẳng thấy chẳng an trụ. Vì tướng của tâm vô lượng không chỗ y chỉ(4), nào có chỗ trụ, chẳng trụ.

Thế nên, nầy Tu Bồ Đề! Chúng sanh có tâm vô lượng, do Bát nhã ba la mật mà đức Phật biết thật rõ tâm vô lượng ấy.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Tâm chẳng thể thấy được của chúng sanh, do Bát nhã ba la mật mà đức Phật biết thật rõ tâm chẳng thể thấy được ấy. Tại sao vậy? Vì **tâm chúng sanh là vô tướng, vì tự tướng vốn không**, đức Phật biết thật rõ vô tướng. Tâm của chúng sanh cả ngũ nhãn đều không thấy được.

Thế nên, nầy Tu Bồ Đề! Tâm chẳng thể thấy được của chúng sanh, do Bát nhã ba la mật mà đức Phật biết thật rõ tâm chẳng thể thấy được ấy.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Do Bát nhã ba la mật, những tâm số xuất một co giãn của chúng sanh, đức Phật biết thật rõ. Tại sao vậy? Vì **tất cả tâm số xuất một co giản của chúng sanh đều y cứ nơi sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà sanh khởi**. Ở trong ấy, đức Phật biết rõ tâm số xuất một co giãn của chúng sanh. Đó là thần và thế gian thường, đây là sự thật, ngoài ra là nói sai. Kiến thức nầy y cứ nơi sắc thần và thế gian vô thường, đây là sự thật, ngoài ra là nói sai. Kiến thức nầy y cứ nơi sắc thần và thế gian cũng thường cũng vô thường, đây là sự thật, ngoài ra là nói sai. Kiến thức nầy y cứ nơi sắc thần và thế gian chẳng thường chẳng vô thường, đây là sự thật, ngoài ra là nói sai. Kiến thức nầy y cứ nơi sắc thần và thế gian thường, đây là sự thật, ngoài ra là nói sai.

Như kiến thức nầy y cứ nơi sắc, kiến nầy y cứ nơi thọ, y cứ nơi tưởng, y cứ nơi hành, y cứ nơi thức cũng như vậy.

Kiến thức nầy y cứ nơi sắc và thế gian hữu biên, đây là sự thật, ngoài ra là nói sai. Kiến thức nầy y cứ nơi sắc và thế gian vô biên, đây là sự thật, ngoài ra là nói sai. Kiến thức nầy cứ nơi sắc và thế gian cũng hữu biên cũng vô biên, đây là sự thật, ngoài ra là nói sai. Kiến thức nầy y cứ nơi sắc và thế gian chẳng hữu biến chẳng vô biên, đây là sự thật, ngoài ra là nói sai.

Như y cứ nơi sắc, kiến thức nầy y cứ nơi thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Thần chính là thân.

Kiến thức nầy y cứ nơi sắc thần khác thân khác, y cứ nơi thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Sau khi chết có như đi, đây là sự thật, ngoài ra là nói sai. Kiến thức nầy y cứ nơi sắc, sau khi chết có như đi hoặc không có như đi, đây là sự thật, ngoài ra là nói sai. Kiến thức nầy y cứ nơi sắc, sau khi chết chẳng phải có như đi, chẳng phải không có như đi, đây là sự thật, ngoài ra là nói sai.

Như y cứ nơi sắc, y cứ nơi thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Thế nên, Nầy Tu Bồ Đề! Do Bát nhã ba la mật mà đức Phật biết thật rõ những tâm số xuất một co giãn của chúng sanh.

Lại nầy Tu Bồ Đề! đức Phật biết rõ sắc tướng. Biết rõ sắc tướng thế nào? **Như là như tướng**: chẳng hoại, không phân biệt, không tướng, không nhớ ghi, không hí luận, không được. Đức Phật biết rõ thọ tướng nhẫn đến biết rõ thức tướng là chẳng hoại, không phân biệt… nhẫn đến không được như là như tướng.

Thế nên, nầy Tu Bồ Đề! **đức Phật biết rõ chúng sanh như tướng và chúng sanh tâm số xuất một co giãn như tướng, ngũ ấm như tướng, chư hành như tướng, cũng chính là tất cả pháp như tướng, đó là sáu Ba la mật như tướng, đó là ba mươi bảy phẩm trợ đạo như tướng, đó là thập bát không như tướng, đó là bát bội xả như tướng, đó là chín thứ đệ định như tướng, đó là mười trí lực như tướng, đó là tứ vô úy, tứ vô ngại trí, đại từ đại bi, mười tám pháp bất cộng như tướng, đó là Nhất thiết chủng trí như tướng, đó là pháp thiện, pháp bất thiện, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, pháp hữu vi, pháp vô vi như tướng, đó là quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, quả Bích Chi Phật, quả Vô thượng Bồ đề và chư như tướng. Chư Phật như tướng đều là tướng nhất như, chẳng hai chẳng khác, chẳng tận. Đây gọi là tất cả pháp như tướng.**

Đức Phật do Bát nhã ba la mật mà được như tướng vậy.

Vì thế nên Bát nhã ba la mật hay sanh chư Phật, hay hiển thị tướng thế gian. thế nên, nầy Tu Bồ Đề! **Đức Phật biết rõ tất cả pháp như tướng, chẳng biệt dị, chẳng phải chẳng như. Vì được như tướng như vậy nên đức Phật được gọi là Như Lai".**

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Các pháp như tướng chẳng biệt dị, chẳng phải chẳng như ấy là rất sâu xa.

Bạch đức Thế Tôn! Chư Phật dùng pháp ấy mà vì người nói Vô thượng Bồ đề. Ai là người tin hiểu được? Chỉ có bậc bất thối Bồ Tát, người đầy đủ chánh kiến, bậc vô lậu A La Hán. Vì pháp nầy rất sâu xa",

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Vì pháp nầy tướng vô tận nên rất là sâu xa".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Pháp nào tướng vô tận nên là rất sâu xa?"

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Vì tất cả pháp vô tận nên là rất sâu xa.

Như vậy, nầy Tu Bồ Đề! Đức Phật được tất cả pháp như ấy rồi vì chúng sanh mà thuyết pháp".

Thích nghĩa:

(1). Hiển thị: Hiển bày rõ ràng.

*(2). Trong Phật đạo có Pháp Tướng Tông, có Pháp Tánh Tông, lấy Tướng hay Tánh làm tôn chỉ tu hành. Bát nhã Ba la mật lấy Không hay Tánh Không làm tôn chỉ. Đoạn kinh trên nói đến **thật tướng**(kinh MHBNBLM do TT Thích Quảng Tịnh dịch) hay **thật tánh**(kinh ĐBN do HT Thích Trí Nghiêm dịch) của tâm, có ý đề cập đến chân tâm. **Trong chân tâm không có tánh tướng thể dụng, không có sanh diệt, cấu tịnh, tăng giảm, xuất nhập, không có tham sân si, không thiện ác…** Tôn chỉ của Bát nhã là không và chúng ta không lấy làm lạ với những "diễn tả" như vậy trong suốt 600 quyển ĐBN hay bất cứ quyển kinh nào thuộc hệ Bát nhã.*

*(3). Tâm vương, tâm sở: Bản thể của thức là tâm vương, tương ứng với tâm vương mà khởi lên tác dụng riêng là tâm sở. Duy Thức Học quan niệm Tâm Thức có oai lực, tự chủ cũng như ông Vua có quyền ra lệnh, sai xử các quần thần, nên gọi là **Tâm vương**. Còn Tâm sở giống như những quần thần thi hành mệnh lệnh của Vua, nên gọi là **Tâm sở**. Tâm vương gồm có tám thức là nhãn thức, nhĩ thức, tỹ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, Mạc na thức và A lại Da thức. Tâm sở có sáu loại là 1. Biến hành, 2. Biệt cảnh, 3. Thiện, 4. Căn bản phiền não, 5. Tùy phiền não, 6. Bất định. Sáu loại tâm sở nầy lại chia làm 51 món. Thí dụ **Biến hành tâm sở** có năm là Xúc, Tác ý, Tưởng và Tư; **Biệt cảnh tâm sở** có năm là Dục, Thắng giải, Niệm, Định và Tuệ; **Thiện tâm sở** có 11 là Tín, Tàm, Quý, Vô tham, Vô sân, Vô si, Tinh tấn, Khinh an, Bất phóng vật, Hành xả, Bất hại; **Căn bản phiền não tâm sở** có sáu là Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi, Ác kiến; **Tùy phiền não tâm sở** có 20 là Phẫn, Hận, Phú, Não, Tật, Xan, Cuống, Siểm, Hại, Kiêu, Vô tàm, Vô quý, Trạo cử, Hôn trầm, Bất tín, Giải đãi, Phóng dật, Thất niệm, Tán loạn, Bất chánh tri; **Bất định tâm sở** có bốn là Hối, Miên, Tầm, Tư.*

*(4). Y chỉ: **Y** là nương dựa, **chỉ** là dừng lại, ở yên. **Y chỉ** là chỗ để cho người ta nương dựa và dừng yên ở đó, tức là bậc có đủ phước đức và trí huệ, đủ sức dìu dắt người khác, như Phật là bậc Y chỉ của tất cả chúng sanh. (**Rộng mở tâm hồn)***

---o0o---

PHẨM VẤN TƯỚNG
THỨ BỐN MƯƠI CHÍN

(Phẩm nầy tương đương với phần sau Q.306 và kế tiếp, phẩm "Phật Mẫu", ĐBN)

Lúc bấy giờ trong cõi Đại Thiên có chư Thiên cõi Dục, Sắc vói rải hoa hương rồi bay đến chỗ đức Phật, đảnh lễ chân Phật rồi đứng qua một phía mà thưa rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Đã nói ba la mật rất sâu. Những gì là tướng Bát nhã ba la mật rất sâu?"

Đức Phật bảo chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc: "Nầy chư Thiên Tử! **Tướng không, tướng vô tướng, tướng vô tác là tướng Bát nhã ba la mật rất sâu, tướng vô khởi, vô sanh, vô diệt, vô cấu, vô tịnh, vô sở hữu, vô tướng, vô sở y, tướng hư không là tướng Bát nhã ba la mật.**

Nầy chư Thiên Tử! Những tướng như là tướng Bát nhã ba la mật rất sâu.

Đức Phật dùng pháp thế gian để giảng nói cho chúng sanh, chớ chẳng phải là đệ nhất nghĩa.

Nầy chư Thiên Tử! Các tướng ấy, tất cả Thiên, Nhơn, A Tu La trong đời không phá hoại được. Tại sao vậy? Vì Thiên, Nhơn, A Tu La trong đời cũng là tướng.

Nầy chư Thiên Tử! Tướng không thể phá hoại tướng, tướng không thể biết tướng, tướng không thể biết vô tướng, vô tướng không thể biết tướng, tướng và vô tướng chỗ biết cho rằng biết đó là vì pháp biết đều chẳng thể được. Tại sao vậy? Nầy chư Thiên Tử! Các tướng chẳng phải sắc làm ra, chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức làm ra, chẳng phải sáu ba la mật làm ra, nhẫn đến chẳng phải Nhất thiết chủng trí làm ra.

Nầy chư Thiên Tử! các tướng ấy chẳng phải sở hữu của người, của trời, chẳng phải thế gian, xuất thế gian, chẳng phải hữu lậu, vô lậu, chẳng phải hữu vi, vô vi.

Nầy chư Thiên Tử! Như có người hỏi rằng những gì là tướng của hư không? Lời hỏi nầy có đúng không?

Chư Thiên thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Lời hỏi ấy không đúng. Vì hư không chẳng có tướng nói được, vì hư không chẳng sanh khởi, chẳng bị làm ra".

Đức Phật bảo chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc: **"Có Phật hay không có Phật, tánh tướng vẫn thường trụ. Vì được tánh tướng đúng như thật mà đức Phật được gọi là Như Lai".**

Chư Thiên thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đức Phật được các pháp tánh tướng rất sâu. Được tánh tướng ấy rồi được vô ngại trí. An trụ trong tướng nầy dùng Bát nhã ba la mật họp tự tướng của các pháp.

Bát nhã ba la mật nầy là chỗ thường hành đạo của chư Phật. Do hành đạo nầy nên được Vô thượng Chánh giác. Do được Vô thượng Bồ đề mà thông đạt tất cả pháp tướng, hoặc sắc tướng nhẫn đến Nhất thiết chủng trí tướng".

Đức Phật phán: "Đúng như vậy. Nầy chư Thiên Tử! Tướng não hoại là tướng của sắc, cảm giác là tướng của thọ, duyên lấy tướng của tưởng, sanh khởi tạo tác là tướng của hành, liễu biệt là tướng của thức. Đức Phật được không các tướng ấy.

Nầy chư Thiên Tử! Hay xả thí là tướng Đàn na ba la mật, không nhiệt não là tướng của Thi la ba la mật, chẳng đổi khác là tướng của Nhẫn ba la mật, chẳng thối lui là tướng của Tấn ba la mật, nhiếp tâm là tướng của Thiền ba la mật, bỏ lìa là tướng Bát nhã ba la mật. Đức được không có các tướng ấy.

Nầy chư Thiên Tử! Lòng không nhiễu hại não loạn là tướng của tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định. Đức Phật không có các tướng ấy.

Nầy chư Thiên Tử! Xuất thế gian là tướng của ba mươi bảy phẩm trợ đạo, rời lìa là tướng của không giải thoát, tịch diệt là tướng của vô tướng giải thoát, khổ là tướng của vô tác giải thoát. Đức Phật không có các tướng ấy.

Nầy chư Thiên Tử! Siêu thắng là tướng của mười trí lực, chẳng kinh sợ là tướng của bốn vô úy, biết khắp hết là tướng của bốn trí vô ngại, người khác không được là tướng của mười tám pháp bất cộng. Đức Phật được không các tướng ấy.

Nầy chư Thiên Tử! Thương xót chúng sanh là tướng của đại từ đại bi, chơn thiệt là tướng của không sai lầm, vô sở thủ là tướng của thường xả, hiện tại biết rõ là tướng của Nhất thiết chủng trí. Đức Phật được không các tướng ấy.

Nầy chư Thiên Tử! **Vì được tất cả pháp không tướng nên đức Phật được gọi là bậc trí vô ngại”.**

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: “Bát nhã ba la mật là mẹ chư Phật. Bát nhã ba la mật hay hiển thị tướng thế gian. Thế nên Phật y chỉ pháp để an trụ, cúng dường, cung kính, tôn trọng, ca ngợi pháp ấy. Pháp ấy là gì? Chính là Bát nhã ba la mật. Đức Phật y chỉ nơi Bát nhã ba la mật để an trụ, cúng dường, cung kính, tôn trọng, ca ngợi Bát nhã ba la mật. Vì Bát nhã ba la mật nầy xuất sanh chư Phật.

Nầy Tu Bồ Đề! Vì đức Phật là người biết tác động. Nếu có người hỏi đúng. Là người biết tác động đáp đúng, không ai hơn đức Phật.

Nầy Tu Bồ Đề! Vì đức Phật là người biết tác động nên pháp của đức Phật đi và đạo của đức Phật đến chừng được Vô thượng Bồ đề. Đức Phật trở lại cúng dường, cung kính, tôn trọng, ca ngợi pháp ấy, đạo ấy và thọ trì thủ hộ pháp ấy, đạo ấy.

Nầy Tu Bồ Đề! Đó gọi là đức Phật là người biết tác động.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đức Phật biết tất cả pháp không có tướng tạo tác vì không có tướng tác giả. Tất cả pháp không có tướng sanh khởi vì không có hình sự.

Nầy Tu Bồ Đề! Do Bát nhã ba la mật mà đức Phật biết các pháp không có tướng tạo tác, không có tướng sanh khởi. Cũng vì cớ nầy mà đức Phật là người biết tác động.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đức Phật do Bát nhã ba la mật mà được tất cả pháp chẳng sanh, vì là vô sở đắc vậy. Thế nân Bát nhã ba la mật hay sanh chư Phật, hay hiển thị tướng thế gian”.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp là không biết, là không thấy, sao Bát nhã ba la mật lại hay sanh chư Phật, hay hiển thị tướng thế gian?”

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: “Đúng như vậy. **Tất cả pháp không biết, không thấy. Thế nào là không biết, là không thấy? Vì tất cả pháp vốn không, là hư giả chẳng kiên cố, nên tất cả pháp không biết, không thấy.**

Lại nầy Tu Bồ Đề! Tất cả pháp không y chỉ, không chỗ hệ phược, thế nên tất cả pháp không biết không thấy.

Do đó mà Bát nhã ba la mật hay sanh chư Phật, hay hiển thị tướng thế gian.

Vì chẳng thấy sắc, chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến chẳng thấy nhứt thiết chủng trí nên Bát nhã ba la mật hay hiển thị tướng thế gian, hay sanh chư Phật”.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Tại sao chẳng thấy sắc nhẫn đến chẳng thấy nhứt thiết chủng trí nên Bát nhã ba la mật hay hiển thị tướng thế gian?”

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: “Nếu chẳng duyên nơi sắc để sanh phân biệt, chẳng duyên nơi thọ, tưởng, hành, thức để sanh phân biệt, nhẫn đến chẳng duyên nơi nhứt thiết chủng trí để sanh phân biêt, đó chẳng gọi là chẳng thấy tướng của sắc, thọ, tưởng, hành, thức, nhẫn đến chẳng gọi là chẳng thấy tướng của nhứt thiết chủng trí, nên hiển thị tướng thế gian. Do đây mà Bát nhã ba la mật hay sanh chư Phật, hay hiển thị tướng thế gian.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Thế nào là Bát nhã ba la mật hay sanh chư Phật, hay hiển thị tướng thế gian?

Nầy Tu Bồ Đề! **Bát nhã ba la mật hiển thị thế gian không.**

Hiển thị thế gian không như thế nào?

Hiển thị ngũ ấm thế gian không, hiển thị thập nhị nhập thế gian không, hiển thị thập bát giới thế gian không, hiển thị thập nhị nhơn duyên thế gian không, hiển thị ngã kiến cùng sáu mươi hai kiến thức thế gian không, hiển thị mười thiện đạo thế gian không, hiển thị tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ định thế gian không, hiển thị ba mươi bảy phẩm trợ đạo thế gian không, hiển thị sáu ba la mật thế gian không, hiển thị nội không, ngoại không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không thế gian không, hiển thị hữu vi tánh, vô vi tánh thế gian không, hiển thị mười trí lực nhẫn đến nhứt thiết chủng trí thế gian không. Đó là hiển thị thế gian không.

Thế nên, nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật hay sanh chư Phật, hay hiển thị tướng thế gian.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đức Phật do Bát nhã ba la mật hiển thị thế thế gian không nên biết thế gian không, hay thế gian không, tư duy thế gian không, phân biệt thế gian không. Thế nên Bát nhã ba la mật hay sanh chư Phật, hay hiển thị tướng thế gian.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật hiển thị Phật thế gian không.

Hiển thị Phật thế gian không thế nào?

Hiển thị ngũ ấm thế gian không, nhẫn đến hiển thị nhứt thiết chủng trí thế gian không.

Thế nên Bát nhã ba la mật hay sanh chư Phật, hay hiển thị tướng thế gian.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật hiển thị Phật thế gian bất khả tư nghì:

Hiển thị ngũ ấm thế gian bất khả tư nghì nhẫn đến hiển thị nhứt thiết chủng trí thế gian bất khả tư nghì.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật hiển thị Phật thế gian ly:

Hiển thị ngũ ấm thế gian ly nhẫn đến hiển thị nhứt thiết chủng trí thế gian ly.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật hiển thị Phật thế gian tịch diệt:

Hiển thị ngũ ấm thế gian tịch diệt nhẫn đến hiển thị nhứt thiết chủng trí thế gian tịch diệt.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật hiển thị Phật thế gian rốt ráo không:

Hiển thị ngũ ấm thế gian rốt ráo không nhẫn đến hiển thị nhứt thiết chủng trí thế gian rốt ráo không.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật hiển thị Phật thế gian tánh không:

Hiển thị ngũ ấm thế gian tánh không nhẫn đến hiển thị nhứt thiết chủng trí thế gian tánh không.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật hiển thị Phật thế gian vô pháp không:

Hiển thị ngũ ấm thế gian vô pháp không nhẫn đến hiển thị nhứt thiết chủng trí thế gian vô pháp không.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật hiển thị Phật thế gian hữu pháp không:

Hiển thị ngũ ấm thế gian hữu pháp không nhẫn đến hiển thị Nhất thiết chủng trí thế gian hữu pháp không.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật hiển thị Phật thế gian hữu pháp không, hiển thị ngũ ấm thế gian hữu pháp không, nhẫn đến hiển thị nhứt thiết chủng trí thế gian hữu pháp không.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật hiển thị Phật thế gian vô pháp hữu pháp không:

Hiển thị ngũ ấm thế gian vô pháp hữu pháp không nhẫn đến hiển thị nhứt thiết chủng trí thế gian vô pháp hữu pháp không.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật hiển thị Phật thế gian độc không:

Hiển thị ngũ ấm thế gian độc không nhẫn đến hiển thị nhứt thiết chủng trí thế gian độc không.

Thế nên, nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật hay xuất sanh chư Phật, hay hiển thị tướng Phật thế gian.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật sâu xa nầy hiển thị tướng thế gian, đó là tướng chẳng sanh đời nầy, đời sau. Tại sao vậy? Vì các pháp không có tướng dùng sanh đời nầy, đời sau được".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật nầy vì sự lớn mà phát khởi, vì sự bất khả tư nghì mà phát khởi, vì sự bất khả xưng mà phát khởi, vì sự vô lượng mà phát khởi, vì sự vô đẳng mà phát khởi".

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Đúng như vậy. Nầy Tu Bồ Đề, Bát nhã ba la mật nầy vì đại sự, vì bất khả tư nghì sự, vì bất khả xưng sự, vì vô đẳng đẳng sự, vì vô đẳng sự mà phát khởi.

Thế nào Bát nhã ba la mật vì đại sự nên phát khởi?

Nầy Tu Bồ Đề! Đại sự của chư Phật là: cứu tất cả chúng sanh, chẳng rời bỏ tất cả chúng sanh.

Thế nào Bát nhã ba la mật vì bất khả tư nghì sự nên phát khởi?

Nầy Tu Bồ Đề! bất khả tư nghì sự là Phật pháp, là pháp của Như Lai, là pháp của đấng tự nhiên, là pháp của bực nhứt thiết trí.

Thế nào là Bát nhã ba la mật vì bất khả xưng mà phát khởi?

Nầy Tu Bồ Đề! Sự bất khả xưng là vì trong tất cả chúng sanh không ai có thể tư duy xưng lược được pháp của Phật, pháp của Như Lai, pháp của đấng tự nhiên, pháp của bực nhứt thiết trí.

Thế nào là Bát nhã ba la mật vì sự vô lượng mà phát khởi?

Nầy Tu Bồ Đề! Trong tất cả chúng sanh không có ai thể lường được pháp của Phật, pháp của đấng Như Lai, pháp của đấng tự nhiên, pháp của bực nhứt thiết trí, thế nên Bát nhã ba la mật vì sự bất khả lượng mà phát khởi.

Thế nào là Bát nhã ba la mật vì vô đẳng đẳng sự mà phát khởi?

Nầy Tu Bồ Đề! Trong tất cả chúng sanh không ai có thể ngang bằng đức Phật huống là hơn, thế nên Bát nhã ba la mật vì sự vô đẳng đẳng mà phát khởi".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật chỉ vì pháp của Phật, pháp của Như Lai, pháp của đấng tự nhiên, pháp của bực nhứt thiết trí, là sự bất khả tư nghì, bất khả xưng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng mà phát khởi ư?"

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Đúng như vậy. Pháp của Phật, của Như Lai, của đấng tự nhiên, của bực nhứt thiết trí là sự bất khả tư nghì, bất khả xưng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng. sắc thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến nhứt thiết chủng trí, pháp tánh, pháp tướng đều cũng bất khả tư nghì, bất khả xưng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng. Trong đây, tâm và tâm đều bất khả đắc.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Vì sắc bất khả đắc nhẫn đến nhứt thiết chủng trí bất khả đắc nên sắc nhẫn đến nhứt thiết chủng trí đều bất khả nghì, bất khả xưng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Do đâu mà vì sắc bất khả đắc nên sắc bất khả tư nghì, đến vô đẳng đẳng? Nhẫn đến do đâu mà vì nhứt thiết chủng trí bất khả đắc nên nhứt thiết chủng trí bất khả tư nghì đến vô đẳng đẳng?"

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: “Vì không ai có thể lường được sắc nhẫn đến không ai có thể lường được nhứt thiết chủng trí nên sắc bất khả đắc, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí bất khả đắc.

Tại sao vậy? Nầy Tu Bồ Đề! Vì sắc tướng bất khả tư nghì nên không ai lường được nhẫn đến vì sắc tướng vô đẳng đẳng nên không ai lường được. Vì nhứt thiết chủng trí bất khả tư nghì nên không ai lường được nhẫn đến vì nhứt thiết chủng trí vô đẳng đẳng nên không ai lường được.

Nầy Tu Bồ Đề! Ý của ông thế nào? Trong bất khả tư nghì đến trong vô đẳng đẳng chừng có thể được chăng? Sắc, thọ, tưởng, hành, thức đến nhứt thiết chủng trí chừng có thể được chăng?”

Bạch đức Thế Tôn! Không thể được!

Thế nên, nầy Tu Bồ Đề! tất cả pháp đều bất khả tư nghì nhẫn đến cũng đều vô đẳng đẳng.

Nầy Tu Bồ Đề! Phật pháp đây bất khả tư nghì, bất khả xưng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng. Đây gọi là Phật pháp bất khả tư nghì nhẫn đến gọi là vô đẳng đẳng.

Nầy Tu Bồ Đề! Phật pháp bất khả tư nghì vì quá tư nghì vậy. Phật pháp bất xưng vì quá xưng vậy. Phật pháp bất khả lượng vì quá lượng vậy. Phật pháp vô đẳng đẳng vì quá đẳng đẳng vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! Do đây nên tất cả pháp bất khả tư nghì đến vô đẳng đẳng.

Nầy Tu Bồ Đề! Bất khả tư nghì là gọi nghĩa ấy bất khả tư nghì, bất khả xưng là gọi nghĩa ấy bất khả xưng, bất khả lượng là gọi nghĩa ấy bất khả lượng, vô đẳng đẳng là gọi nghĩa ấy vô đẳng đẳng.

Nầy Tu Bồ Đề! Pháp của chư Phật đây bất khả tư nghì đến vô đẳng đẳng.

Bất khả tư nghì như hư không bất khả tư nghì, bất khả xưng như hư không bất khả xưng, bất khả lượng như hư không bất khả lượng, vô đẳng đẳng như hư không vô đẳng đẳng.

Nầy Tu Bồ Đề! Đây gọi là Phật pháp bất khả tư nghì nhẫn đến vô đẳng đẳng.

Phật pháp vô lượng như vậy. Tất cả Trời, Người, A Tu La không ai có thể tính lường nghĩ bàn được”.

Lúc đức Phật nói phẩm Phật pháp bất khả tư nghì, bất khả xưng, vô lượng , vô đẳng đẳng nầy, có năm trăm Tỳ Kheo và hai mươi Tỳ Kheo Ni vì chẳng thọ tất cả pháp nên phiền não hết, tâm được giải thoát, chứng A La Hán, sáu muôn Ưu Bà Tắc và ba muôn Ưu Bà Di xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh, hai mươi đại Bồ Tát được vô sanh pháp nhẫn, sẽ được thọ ký trong Hiền Kiếp nầy.

---o0o---

QUYỂN THỨ MƯỜI BẢY

PHẨM THÀNH BIỆN
THỨ NĂM MƯƠI

(Phẩm “Thành Biện” MHBNBLM gồm cả 2 phẩm “Chẳng Nghĩ Bàn Thảy”, Q.308 và Phẩm “Biện Sự”, Q.310, ĐBN).

Lúc bấy giờ Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật rất sâu nầy vì đại sự mà phát khởi, vì bất khả tư nghì sự, vì bất khả xưng sự, vì bất khả lượng sự, vô đẳng đẳng sự mà phát khởi”

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: “Đúng như vậy. Bát nhã ba la mật rất sâu nầy vì bất khả tư nghì sự đến vì vô đẳng đẳng sự mà phát khởi,

Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật chứa đựng năm ba la mật, chứa đựng mười tám không, chứa đựng tứ niệm xứ đến bát thánh đạo, chứa đựng mười trí lực đến nhứt thiết chủng trí.

Ví như nhà vua là bực tôn quý trong nước, bao nhiêu việc nước đều ủy nhiệm cho đại thần, nhà vua vô sự an vui nhàn nhã.

Cũng vậy, nầy Tu Bồ Đề! Bao nhiêu pháp Thanh văn, pháp Bích Chi Phật, pháp Bồ Tát, pháp Phật, tất cả đều ở trong Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật hay hoàn thành những sự việc đó.

Thế nên, nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật vì đại sự mà phát khởi nhẫn đến vì vô đẳng đẳng sự mà phát khởi.

Lại nầy Tu Bồ Đề! **Bát nhã ba la mật chẳng lấy sắc, chẳng dính sắc nên có thể hoàn thành được, chẳng lấy, chẳng dính thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến chẳng lấy, chẳng dính nhứt thiết chủng trí nên có thể hoàn thành được, chẳng lấy, chẳng dính quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến chẳng lấy, chẳng dính Vô thượng Bồ đề nên Bát nhã ba la mật nầy có thể hoàn thành tất cả pháp”.**

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! thế nào vì chẳng lấy, chẳng dính, sắc, thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến vì chẳng lấy, chẳng dính nhứt thiết chủng trí mà Bát nhã ba la mật hay hoàn thành tất cả pháp?”

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: “Ý ông nghĩ thế nào? Vả thấy sắc, thấy thọ, tưởng, hành, thức có thể lấy, có thể dính được chăng? Nhẫn đến thấy nhứt thiết chủng trí có thể lấy, có thể dính được chăng?”

Bạch đức Thế Tôn! Không thể được.

Lành thay! Nầy Tu Bồ Đề! Đức Phật cũng chẳng thấy sắc có thể lấy, có thể dính được nhẫn đến chẳng thấy Nhứt thiết chủng trí có thể lấy, có thể dính được. **Vì chẳng thấy nên chẳng lấy, vì chẳng lấy nên chẳng dính.**

Nầy Tu Bồ Đề! Đức Phật cũng chẳng thấy pháp của Phật, pháp của Như Lai, pháp của đấng tự nhiên, pháp của bực nhứt thiết trí có thể lấy, có thể dính được. Vì chẳng thấy nên chẳng lấy, vì chẳng lấy nên chẳng dính.

Thế nên, nầy Tu Bồ Đề! Chư đại Bồ Tát chẳng nên lấy, chẳng nên dính nơi sắc, nhẫn đến chẳng nên lấy, chẳng nên dính nơi pháp của bậc Nhất thiết trí”.

Bấy giờ chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật rất sâu nầy khó thấy, khó hiểu chẳng thể suy nghĩ so sánh để biết được. Bậc thiện xảo vi diệu trí huệ tịch diệt mới biết được.

Người tin được Bát nhã ba la mật nầy, phải biết là đại Bồ Tát cúng dường nhiều đức Phật, gieo căn lành nhiều, gần gũi thiện tri thức, nên tin hiểu được Bát nhã ba la mật rất sâu nầy.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu trong cõi Đại Thiên có bao nhiêu chúng sanh, tất cả đều làm người tín hành(1), người pháp hành(2), làm Bát Nhơn(3), làm Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, làm Bích Chi Phật hoặc trí hoặc đoạn, đều chẳng bằng được Bồ Tát nầy thực hành Bát

nhã ba la mật trong một ngày. Tại sao vậy? Vì người tín hành, pháp hành nhẫn đến Bích Chi Phật hoặc trí hoặc đoạn chính là vô sanh pháp nhẫn của Bồ Tát”.

Đức Phật bảo chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc: “Đúng như vậy. Nầy chư Thiên Tử! Người tín hành, người pháp hành nhẫn đến Bích Chi Phật chính là vô sanh pháp nhẫn đến Bích Chi Phật chính là vô sanh pháp nhẫn của đại Bồ Tát.

Nầy chư Thiên Tử! Nếu thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật sâu xa nầy rồi biên chép, thọ trì, đọc tụng nhẫn đến chánh ức niệm thì sẽ mau được Niết Bàn hơn thiện nam, thiện nữ vì cầu Thanh văn hay Bích Chi Phật mà lìa bỏ Bát nhã ba la mật, đi thật hành theo kinh khác hoặc một kiếp hoặc dưới một kiếp.

Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật sâu xa nầy nói rộng về pháp thượng diệu mà người tín hành, người pháp hành nhẫn đến đại Bồ Tát đều phải nên học. Học xong chứng được Vô thượng Bồ đề”.

Lúc bấy giờ chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc đồng phát thanh rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật nầy gọi là Ma ha ba la mật, gọi là bất khả tư nghì, bất khả xưng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng ba la mật. Người tín hành, pháp hành nhẫn đến Bích Chi Phật học Bát nhã ba la mật được thành đại Bồ Tát, được thành Vô thượng Bồ đề, Bát nhã ba la mật nầy cũng chẳng tăng, chẳng giảm”.

Bạch xong, chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc đảnh lễ chưn Phật, nhiễu Phật rồi trở về Thiên cung.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát nghe Bát nhã ba la mật sâu xa nầy mà liền tin, liền hiểu. Người nầy từ nơi nào chết rồi sanh nhơn gian đây?”

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: “Nếu đại Bồ Tát nghe Bát nhã ba la mật sâu xa nầy liền tin, liền hiểu, chẳng quên, chẳng bỏ, chẳng thắc mắc, chẳng nghi, chẳng ăn năn mà vui mừng ưa nghe, nghe xong ghi nhớ chẳng rời lìa, hoặc lúc đi đứng hoặc lúc nằm ngồi chẳng hề quên sót, thường theo sát Pháp sư.

Như trâu nghé theo sát trâu mẹ, Bồ Tát vì nghe Bát nhã ba la mật mà thường theo sát Pháp sư, khi được Bát nhã ba la mật miệng tụng, tâm hiểu, chánh kiến thông suốt.

Nầy Tu Bồ Đề! Phải **biết đại Bồ Tát nầy từ loài người chết mà sanh trở lại trong nhơn gian nầy**. Tại sao vậy? người cầu Phật đạo, đời trước nghe Bát nhã ba la mật rồi biên chép, cung kính, cúng dường, nên sau khi chết sanh trở lại nhơn gian được nghe Bát nhã ba la mật liền tin, liền hiểu”.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Có vị Bồ Tát nào ở phương khác thành tựu công đức trên đây, cúng dường chư Phật rồi bỏ thân mà đến sanh tại nhơn gian nầy, được nghe Bát nhã ba la mật liền tin, liền hiểu, biên chép, đọc tụng, chánh ức niệm chăng?”

Đức Phật phán: “Có. Ở phương khác, Bồ Tát thành tựu công đức trên đây, cúng dường chư Phật, bỏ thân đến sanh tại nhơn gian nầy được nghe Bát nhã ba la mật sâu xa liền tin, liền hiểu, biên chép, thọ trì, đọc tung, chánh ức niệm. Phải biết đó là do công đức thành tựu ở đời trước nên được như vậy.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Có Bồ Tát ở nơi Di Lặc Bồ Tát được nghe Bát nhã ba la mật sâu xa, do căn lành ấy mà đến tại nhơn gian nầy.

Nầy Tu Bồ Đề! Lại có Bồ Tát đời trước nghe Bát nhã ba la mật mà chẳng thưa hỏi những cớ sự trong đó. Vì không thưa hỏi nên đến sanh tại nhơn gian nghe Bát nhã ba la mật, nghe Bát nhã ba la mật sâu xa nầy lòng họ tiếp tục nghi ngờ, khó tỏ ngộ.

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát đời trước hoặc nghe Thiền ba la mật, hoặc nghe Tinh tấn ba la mật, hoặc nghe Nhẫn nhục ba la mật, hoặc nghe Trì giới ba la mật, hoặc nghe Bố thí ba la mật mà không thưa hỏi cớ sự trong đó. Vì đời trước không thưa hỏi nên đến sanh tại nhơn gian nầy, nghe Bát nhã ba la mật sâu xa lòng họ tiếp tục nghi ngờ, khó tỏ ngộ.

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đời trước Bồ Tát hoặc nghe nội không, ngoại không nhẫn đến nghe Nhứt thiết chủng trí mà không thưa hỏi cớ sự trong ấy, vì đời trước không thưa hỏi để được hiểu quyết định nên đến sanh tại nhơn nầy, nghe Bát nhã ba la mật sâu xa lòng họ nghi ngờ, khó tỏ ngộ.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Nếu đời trước Bồ Tát nghe Bát nhã ba la mật sâu xa rồi thưa hỏi sự việc trong ấy mà không thực hành, khi bỏ thân sanh đời sau nghe Bát nhã ba la mật sâu xa nầy trong khoảng một ngày hoặc hai, ba, bốn, năm ngày, lòng họ vững chắc không ai phá hoại được. Nếu họ xa rời chỗ nghe thì sẽ thối thất. Tại sao vậy? Vì ở đời trước, lúc nghe Bát nhã ba la mật dầu họ có thưa hỏi sự việc trong ấy nhưng họ chẳng thực hành đúng như lời. Người nầy có lúc muốn nghe, tâm chẳng vững chắc, chí chẳng quyết định, như cái lông nhẹ, theo gió mà bay mà bay qua Đông hoặc qua Tây.

Nầy Tu Bồ Đề! Phải biết Bồ Tát nầy phát tâm chẳng được lâu, chẳng thường gần gũi thiện tri thức, chẳng cúng dường nhiều Phật, đời trước dầu được nghe mà chẳng biên chép, chẳng đọc tụng, chẳng chánh ức niệm Bát nhã ba la mật, chẳng học sáu ba la mật, chẳng học nội không, ngoại không nhẫn đến chẳng học Nhứt thiết chủng trí. Bồ Tát mới phát tâm Đại thừa, vì ít tin ít thích nên chẳng đọc tụng, chẳng chánh ức niệm Bát nhã ba la mật, chẳng thể biên chép được nhẫn đến chánh ức niệm được Bát nhã ba la mật sâu xa nầy.

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo mà chẳng biên chép, chẳng thọ trì nhẫn đến chẳng chánh ức niệm Bát nhã ba la mật sâu xa nầy, cũng chẳng được sự gia hộ của Bát nhã ba la mật sâu xa nầy, nhẫn đến cũng chẳng được sự gia hộ của Nhứt thiết chủng trí. Người nầy cũng chẳng thực hành Bát nhã ba la mật đúng như lời. Người nầy hoặc sa vào bực Thanh văn hoặc Bích Chi Phật.

Tại sao vậy? Người nầy chẳng biên chép nhẫn đến thực hành Bát nhã ba la mật được sự gia hộ của Bát nhã ba la mật sâu xa, thế nên họ sẽ sa vào trong hai thừa ấy".

Thích nghĩa:

*(1). **Tùy tín hành**: (S: śraddhānusārin; P: saddhānu-sārin)Chỉ người dựa vào lòng tin (Tín; s: śraddhā; p: saddhā), lấy lòng tin làm căn bản để tu tập Phật pháp. Một trong hai hạng người đang chuẩn bị đắc quả Dự lưu. Hạng người thứ hai là Tuỳ pháp hành (s: dharmānussarin; p: dhammānussarin). (Từ điển Đạo uyển)*

*(2). **Tùy pháp hành:** (S: dharmānussarin; p: dhammānussarin). Một trong hai hạng người trên đường đạt quả Dự lưu, lấy lý trí phân tích lý thuyết Phật mà đạt. (Từ điển Đạo uyển)*

*(3). **Bát nhân:** Còn gọi là Bát nhẫn. Giai vị của các bậc tu 8 pháp nhẫn để đoạn Kiến hoặc.*

---o0o---

PHẨM THÍ DỤ
THỨ NĂM MƯƠI MỐT

(Tương đương với phẩm "Các Dụ" tức phần sau Q.311 đến hết Q.312, ĐBN).

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Ví như thuyền hư chìm giữa biển lớn, nếu **người nào trong thuyền chẳng nắm phao**, chẳng ôm cây ván hoặc tử thi, phải biết những người ấy không thể vào bờ và sẽ chìm chết. Người nào nắm phao hoặc ôm cây ván, tử thi, phải biết người nầy chẳng bị chìm chết, sẽ được vào đến bờ an ổn tự tại.

Cũng vậy, nầy Tu Bồ Đề! Thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo, nếu chỉ có lòng tin ưa mà chẳng y Bát nhã ba la mật, chẳng biên chép, chẳng thọ trì, chẳng đọc, chẳng tụng, chẳng giảng thuyết, chẳng chánh ức niệm, với năm ba la mật kia nhẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng đều chẳng y, chẳng biên chép, đọc tụng, chánh ức niệm, phải biết thiện nam, thiện nữ nầy giữa đường suy hao, chẳng đến được Nhất thiết chủng trí, sẽ chứng lấy bực Thanh văn hoặc Bích Chi Phật.

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo**, có đức tin, đức nhẫn, có tịnh tâm, thâm tâm, có nguyện, có giải, có xả, có tinh tấn**, y Bát nhã ba la mật, biên chép, thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm, người nầy được sự gia hộ của Bát nhã ba la mật sâu xa, nhẫn đến được sự gia hộ của Nhất thiết chủng trí. Vì được gia hộ nên người nầy chẳng giữa đường suy hao, vượt khỏi bực Thanh văn, Bích Chi Phật, hay tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh, sẽ chứng Vô thượng Bồ đề.

Nầy Tu Bồ Đề! Ví như có **người dùng các bình đất chưa nung chín để múc nước**, phải biết không bao lâu cái bình ấy sẽ bể rã, trở về nơi đất.

Cũng vậy, thiện nam, thiện nữ dầu có tâm Vô thượng Bồ đề, có đức tin, đức nhẫn, có tịnh tâm, thâm tâm, có nguyện, có giải, có xả, có tinh tấn, mà chẳng được sự gia hộ của Bát nhã ba la mật sâu xa nhẫn đến của Nhất thiết chủng trí, người nầy giữa đường suy hao, sẽ sa vào bực Thanh văn, Bích Chi Phật.

Nầy Tu Bồ Đề! Ví như có người dùng bình đất đã nung chín để múc nước, phải biết cái bình nầy sẽ chứa được mà không rã.

Cũng vậy, thiện nam, thiện nữ cầu Vô thượng Bồ đề, có đức tin, đức nhẫn, có tịnh tâm, thâm tâm, có nguyện, giải, xả, tinh tấn, lại được sự gia hộ của Bát nhã ba la mật sâu xa nhẫn đến của Nhất thiết chủng trí, phải biết người nầy chẳng suy hao giữa đường mà vượt khỏi bực Thanh văn, Bích Chi Phật, hay tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh, chứng được Vô thượng Bồ đề.

Lại nầy Tu Bồ Đề! **Ví như thuyền trang bị chưa hoàn thành mà chở tài vật vượt biển khơi,** sẽ biết thuyền nầy sẽ hư chìm giữa đường, người một nơi, thuyền và tài vật chìm trôi một ngả. Vì phương tiện không đầy đủ nên lái buôn phải mất tài vật.

Cũng vậy, thiện nam, thiện nữ dầu có tâm Bồ đề, có đức tin, có nhẫn, nguyện, tịnh tâm, thâm tâm đến tinh tấn mà không được phương tiện lực của Bát nhã ba la mật nhẫn đến của Nhất thiết chủng trí gia hộ, phải biết người nầy giữa đường suy hao, mất đại trân bảo Nhất thiết chủng trí, sa vào bực Thanh văn, Bích Chi Phật.

Nầy Tu Bồ Đề! Ví như người có trí, trang bị thuyền lớn hoàn hảo, sau đó mới hạ thuyền xuống biển chuyên chở tài vật, phải biết thuyền nầy tất không hư giữa đường, sẽ đến được chỗ muốn đến.

Cũng vậy, thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo, có đức tin, có nhẫn, có tịnh tâm, thâm tâm, có nguyện, giải, xả, tinh tấn, lại được phương tiện lực của Bát nhã ba la mật đến Nhất thiết chủng trí gia hộ, phải biết người nầy sẽ được Vô thượng Bồ đề, không bị suy hao giữa đường, sa vào Thanh văn, Bích Chi Phật.

Nầy Tu Bồ Đề! **Ví như có người tuổi già hơn trăm**, suy yếu nhiều bịnh. Người già bịnh nầy nằm liệt trên giường không thể dậy đi được, hoặc có dậy đi được cũng không thể bước đi xa một, hai mươi dặm được.

Cũng vậy, thiện nam, thiện nữ dầu có tâm Bồ đề có đức tin, nhẫn có tịnh tâm, thâm tâm, có nguyện, giải, xả, tinh tấn nhưng chẳng được phương tiện lực của Bát nhã ba la mật gia hộ, nhẫn đến chẳng được phương tiện lực của Nhất thiết chủng trí gia hộ, phải biết người nầy giữa đường sa vào bực Thanh văn, Bích Chi Phật.

Như người già hơn trăm tuổi, suy yếu nhiều bịnh muốn đứng dậy bước đi, có hai người khỏe mạnh tận lực kèm dìu hai bên, nhờ đó người già bịnh đi đến được chỗ muốn.

Cũng vậy, thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo, có đức tin, có nhẫn, có tịnh tâm, thâm tâm, có dục, giải, xả, tinh tấn, lại được phương tiện lực của Bát nhã ba la mật nhẫn đến của Nhất thiết chủng trí gia hộ, phải biết người nầy giữa không sa vào bực Thanh văn, Bích Chi Phật mà đến được chỗ muốn đến, đó là Vô thượng Bồ đề".

Đến đây đức Phật lại khen Ngài Tu Bồ Đề: "Lành thay, lành thay! Tu Bồ Đề vì chư Bồ Tát mà thưa hỏi nơi Như Lai sự việc như vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! nếu có thiện nam, thiện nữ từ lúc mới phát tâm đến nay dùng tâm ngã ngã sở mà bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ. Lúc bố thí nhẫn đến trí huệ, người nầy có quan niệm: Tôi là thí chủ, tôi bố thí cho người ấy, tôi bố thí vật ấy, nhẫn đến có quan niệm tôi là người tu trí huệ, tôi tu trí huệ ấy, tôi có trí huệ. Người nầy chẳng biết, thử ngạn, chẳng được sự gia hộ của Bát nhã ba la mật nhẫn đến chẳng được sự gia hộ của nhứt thiết chủng trí. Vì trong Bát nhã ba la mật nhẫn đến trong Đàn na ba la mật không có sự phân biệt như vậy. Xa lìa thử ngạn, bỉ ngạn, đó là tướng của sáu ba la mật. Vì không được gia hộ nên người nầy chẳng đến Nhất thiết chủng trí mà sa vào bực Thanh văn, Bích Chi Phật.

Nầy Tu Bồ Đề! Thế nào là người cầu Phật đạo mà không có phương tiện?

Người cầu Phật đạo từ lúc sơ phát tâm đến nay không có sức phương tiện trong khi thực hành sáu độ, người nầy quan niệm rằng tôi là thí chủ bố thí cho người và dùng tài vật ấy để bố thí, nhẫn đến quan niệm rằng tôi tu huệ ấy, có huệ ấy, do đó mà có quan niệm tự cao: Nơi bố thí tự cao, trì giới tự cao, nhẫn nhục tự cao, tinh tấn tự cao, thiền định tự cao, trí huệ tự cao. người nầy không biết rằng không phân biệt nhớ tưởng, xa lìa thử ngạn, bỉ ngạn là tướng của sáu ba la mật. Vì không biết thử ngạn, không biết bỉ ngạn nên người nầy không được thủ hộ của Đàn na ba la mật nhẫn đến không được thủ hộ của Nhất thiết chủng trí, do đó không thể đến được Nhất thiết chủng trí mà phải sa vào bực Thanh văn hay Bích Chi Phật.

Thế nên, nầy Tu Bồ Đề! đại Bồ Tát nếu chẳng được sức phương tiện của Bát nhã ba la mật thủ hộ, tất phải sa vào bực Thanh văn hay Bích Chi Phật.

Nếu được sự gia hộ của phương tiện lực Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát tất mau được Vô thượng Bồ đề, không bị sa vào bực Thanh văn hay Bích Chi Phật.

Thế nào là được sự gia hộ?

Nầy Tu Bồ Đề! Từ ban sơ đến nay, Bồ Tát dùng sức phương tiện mà bố thí, không tâm nghĩ có ngã ngã sở nhẫn đến không tâm ngã ngã sở mà tu trí huệ. Bồ Tát nầy chẳng nghĩ rằng tôi có bố thí, đó là của tôi bố thí, chẳng vì bố thí mà tự cao, nhẫn đến chẳng vì trí huệ mà tự cao. Bồ Tát nầy chẳng nghĩ rằng tôi là thí chủ, tôi bố thí cho người ấy, tôi đem vật ấy để bố thí, nhẫn đến chẳng nghĩ rằng tôi tu trí huệ, tôi có trí huệ ấy. Tại sao vậy? Vì trong Đàn na ba la mật không có sự phân biệt như vậy, xa lìa thử ngạn, bỉ ngạn là tướng của Đàn na ba la mật, nhẫn đến xa lìa thử ngạn, bỉ ngạn là tướng Bát nhã ba la mật. Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật không sự nhớ nghĩ, phân biệt như vậy.

Bồ Tát nầy biết thử ngạn, biết bỉ ngạn. Bồ Tát nầy được Đàn na ba la mật hộ niệm nhẫn đến được Bát nhã ba la mật hộ niệm, được nội không, ngoại không nhẫn đến được Nhất thiết chủng trí hộ niệm. Vì được sự hộ niệm đó nên Bồ Tát nầy chẳng sa vào bực Thanh văn, Bích Chi Phật mà được đến bực Nhất thiết chủng trí.

Thế nên, nầy Tu Bồ Đề! đại Bồ Tát vì được phương tiện lực của Bát nhã ba la mật gia hộ nên chẳng sa vào bực Thanh văn, Bích Chi Phật mà mau được Vô thượng Bồ đề”.

---o0o---

PHẨM THIỆN TRI THỨC
THỨ NĂM MƯƠI HAI

(Phần này tương đương với phẩm “Chơn Thiện Hữu”,
tức phần sau Q.313 đến phần đầu Q.316 , ĐBN).

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Hàng tân học Bồ Tát phải học sáu ba la mật như thế nào?”

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: “Nếu muốn học sáu ba la mật, **hàng tân học Bồ Tát phải trước cúng dường gần gũi bực thiện tri thức thường hay giảng nói Bát nhã ba la mật sâu xa nầy**. Thiện tri thức ấy giảng dạy rằng: Nầy thiện nam tử! Có bao nhiêu bố thí đều hồi hướng Bồ đề tất cả, có bao nhiêu trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ đều hồi hướng Vô thượng Bồ đề tất cả. Ngươi **chớ cho** sắc, thọ, tưởng, hành, thức là Vô thượng Bồ đề, chớ cho sáu ba la mật là Vô thượng Bồ đề, chớ cho nội không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không là Vô thượng Bồ đề, chớ cho tứ niệm xứ đến bát thánh đạo là Vô thượng Bồ đề, chớ cho mười trí lực đến mười tám pháp bất cộng là Vô thượng Bồ đề. Tại sao vậy? Vì chẳng nắm lấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức thì được Vô thượng Bồ đề, chẳng nắm lấy sáu ba la mật nhẫn đến chẳng nắm lấy mười tám pháp bất cộng thì được Vô thượng Bồ đề.

Nầy thiện nam tử! Lúc thực hành Bát nhã ba la mật sâu xa nầy **chớ tham sắc**, chớ tham thọ, tưởng, hành, thức, chớ tham sáu ba la mật nhẫn đến chớ tham nhứt thiết chủng trí. Vì sắc chẳng phải cái có thể tham được, nhẫn đến vì nhứt thiết chủng trí chẳng phải có cái để tham được.

Nầy thiện nam tử! Chớ tham quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến chớ tham bực Bồ Tát, chớ tham Vô thượng Bồ đề. Tại sao vậy? Vì Vô thượng Bồ đề chẳng phải cái có thể được. Tại sao vậy? Vì pháp tánh không vậy".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Chư Bồ Tát hay làm việc khó: ở trong pháp tánh không mà cầu Vô thượng Bồ đề, mà muốn được Vô thượng Bồ đề.

Đức Phật dạy: "Đúng như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! đại Bồ Tát hay làm được việc khó: Ở trong pháp tánh không mà cầu Vô thượng Bồ đề, mà muốn được Vô thượng Bồ đề.

Nầy Tu Bồ Đề**! Vì muốn an ổn thế gian nên chư đại Bồ Tát phát tâm Vô thượng Bồ đề, vì muốn an lạc thế gian, cứu thế gian, làm chỗ về cho thế gian, làm chỗ ý cứ cho thế gian, làm cồn đảo cho thế gian, làm nhà dìu dắt thế gian, làm con đường rốt ráo cho thế gian, làm chỗ đến cho thế gian mà chư đại Bồ Tát phát tâm Vô thượng Bồ đề.**

Nầy Tu Bồ Đề! Thế nào **vì an ổn thế gian, vì an lạc thế gian** mà chư đại Bồ Tát phát tâm Vô thượng Bồ đề? Đại Bồ Tát lúc được Vô thượng Bồ đề để cứu vớt lục đạo chúng sanh ra khỏi lo khổ sầu não, đặt lên bờ Niết Bàn vô úy.

Nầy Tu Bồ Đề! Thế nào vì **cứu thế gian** mà chư đại Bồ Tát phát tâm Vô thượng Bồ đề? Đại Bồ Tát lúc được Vô thượng Bồ đề cứu khổ sanh tử cho chúng sanh, thuyết pháp cho chúng sanh, chúng sanh được nghe pháp lần lần do ba thừa mà được độ thoát.

Nầy Tu Bồ Đề! thế nào là vì **làm chỗ về cho thế gian** mà chư đại Bồ Tát phát tâm Vô thượng Bồ đề? Đại Bồ Tát lúc được Vô thượng Bồ đề cứu chúng sanh ra khỏi tướng sanh, già, bịnh, chết, lo buồn sầu não, đặt chúng nơi bờ Niết Bàn vô úy.

Nầy Tu Bồ Đề! Thế nào vì **làm chỗ y cứ cho thế gian** mà chư đại Bồ Tát phát tâm Vô thượng Bồ đề? Đại Bồ Tát lúc được Vô thượng Bồ đề vì chúng sanh mà nói tất cả pháp không chỗ y cứ".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là tất cả pháp không chỗ y cứ?"

Đức Phật dạy: "Nầy Tu Bồ Đề! Sắc chẳng tương tục(1) đó là sắc không sanh, sắc không sanh đó là sắc không diệt, sắc không diệt đó là sắc không chỗ y cứ. Như sắc, thọ, tưởng, hành, thức đến nhứt thiết chủng trí cũng vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! thế nào vì **làm con đường rốt ráo cho thế gian** mà chư đại Bồ Tát phát tâm Vô thượng Bồ đề? Lúc được Vô thượng Bồ đề, đại Bồ Tát vì chúng sanh mà nói pháp như vầy: Tướng rốt ráo của sắc, thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến của Nhất thiết chủng trí **chẳng phải** sắc, chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến chẳng phải Nhất thiết chủng trí.

Như tướng rốt ráo, tất cả pháp tướng đều như vậy".

Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp đều như tướng rốt ráo, tại sao chư đại Bồ Tát đều phải được Vô thượng Bồ đề. Vì trong tướng rốt ráo của sắc, thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến trong tướng rốt ráo của Nhất thiết chủng trí đều không có phân biệt là sắc, là thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến không có phân biệt là Nhất thiết chủng trí. Đức Phật dạy: "Đúng như vậy. Nầy Tu Bồ

Đề! Trong tướng rốt ráo của sắc, của thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến không có phân biệt là sắc, là thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến không có phân biệt là Nhất thiết chủng trí.

Tu Bồ Đề! Đây là việc khó của đại Bồ Tát: quán sát tướng tịch diệt của các pháp mà tâm Bồ Tát chẳng mất, chẳng bỏ. Vì đại Bồ Tát nghĩ rằng pháp sâu xa như vậy tôi phải biết như vậy, lúc được Vô thượng Bồ đề sẽ vì chúng sanh mà nói **pháp tịch diệt vi diệu** như vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! Thế nào **vì làm cồn đảo cho thế gian** mà đại Bồ Tát phát tâm Vô thượng Bồ đề? Trong sông trong biển, chỗ đất mà bốn phía đều bị nước cắt đứt thì gọi là cồn đảo. Cũng vậy, sắc trước sau đứt đoạn, thọ, tưởng, hành, thức trước sau đứt đoạn, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí trước sau đứt đoạn. Vì trước sau đứt đoạn nên tất cả pháp đều đứt đoạn.

Tu Bồ Đề! **Tất cả pháp trước sau đứt đoạn đó là tịch diệt, đó là diệu bảo, tức là không, là vô sở đắc, nhiễm ái dứt sạch, là ly dục Niết Bàn.**

Lúc được Vô thượng Bồ đề, đại Bồ Tát vì chúng sanh mà nói pháp tịch diệt vi diệu.

Nầy Tu Bồ Đề! Thế nào vì **làm nhà dìu dắt thế gian** mà chư đại Bồ Tát phát tâm Vô thượng Bồ đề? Đại Bồ Tát lúc được Vô thượng Bồ đề vì chúng sanh mà giảng nói sắc, thọ, tưởng, hành, thức **chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh**, vì chúng sanh mà giảng nói thập nhị nhập, thập bát giới, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ không định, tứ niệm xứ đến bát thánh đạo, ngũ thần thông là chẳng sanh, diệt, chẳng cấu, tịnh, giảng nói Tu Đà Hoàn quả nhẫn đến nhứt thiết chủng trí là chẳng sanh, diệt, cấu, tịnh.

Nầy Tu Bồ Đề! Thế nào vì **làm chỗ đến cho chúng sanh** mà chư đại Bồ Tát phát tâm Vô thượng Bồ đề! Đại Bồ Tát lúc được Vô thượng Bồ đề vì chúng sanh mà giảng nói sắc đến không, thọ, tưởng, hành, thức đến không nhẫn đến nhứt thiết chủng trí đến không. Vì chúng sanh mà giảng nói sắc chẳng phải đến chẳng phải chẳng đến, nhẫn đến giảng nói nhứt thiết chủng trí chẳng phải đến chẳng phải chẳng đến. Tại sao vậy? Vì tướng không của sắc chẳng phải đến chẳng phải chẳng đến, vì tướng không của thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến tướng không của nhứt thiết chủng trí chẳng phải đến chẳng phải chẳng đến. Vì tất cả pháp đến **không** tức là đến mà chẳng có qua đến đâu(2). Tại sao vậy? Vì trong không đều không có đến hay chẳng phải đến.

Tu Bồ Đề! Tất cả pháp đến **vô tướng**. Sự đến nầy là chẳng qua đến đâu. Tại sao vậy? Vì trong vô tướng, đến và chẳng đến đều không có được.

Tu Bồ Đề! Tất cả pháp đến **vô tác**. Sự đến nầy là chẳng qua đến đâu. Tại sao vậy? Vì trong vô tác, đến và chẳng đến đều không có được.

Tu Bồ Đề! Tất cả pháp **đến vô khởi, đến bất sanh diệt, đến bất cấu tịnh, đến vô sở hữu.** Sự đến nầy là chẳng qua đến đâu. Tại sao vậy? Vì trong vô khởi, trong vô sở hữu, trong bất sanh diệt, bất cấu tịnh, đến và chẳng đến đều không có được.

Tu Bồ Đề! Tất cả pháp đến **mộng, ảo, hưởng, ảnh, hóa.** Sự đến nầy là chẳng qua đến đâu. Tại sao vậy? Vì trong mộng, ảo, hưởng, ảnh, hóa, đến và chẳng đến đều không có được.

Tu Bồ Đề! Tất cả pháp đến **vô lượng vô biên**. Sự đến nầy là chẳng qua đến đâu. Tại sao vậy? Vì trong vô lượng vô biên, đến và chẳng đến đều không có được.

Tu Bồ Đề! Tất cả pháp đến **chẳng cho, chẳng lấy**. Sự đến nầy là chẳng qua đến đâu. Tại sao vậy? Vì trong chẳng cho, chẳng lấy nầy, đến và chẳng đến đều không có được.

Tu Bồ Đề! Tất cả pháp đến **chẳng cao, chẳng hạ**. Sự đến nầy là chẳng qua đến đâu. Tại sao vậy? Vì trong chẳng cao, chẳng hạ nầy, đến và chẳng đến đều không có được.

Tu Bồ Đề! Tất cả pháp đến **bất tăng, bất giảm**. Sự đến nầy là chẳng qua đến đâu. Tại sao vậy? Vì trong bất tăng, bất giảm nầy, đến và chẳng đến đều không thể được.

Tu Bồ Đề! Tất cả pháp **đến bất lai, bất khứ, bất nhập xuất, bất hiệp tán, bất trước đoạn**. Sự đến nầy là chẳng qua đến đâu. Tại sao vậy? Vì trong bất lai khứ, nhập xuất, hiệp tán, trước đoạn, đến và chẳng đến đều không có được.

Tu Bồ Đề! Tất cả pháp đến **ngã, đến nhơn, đến chúng sanh, đến thọ giả**, đến khởi, đến sử khởi, đến tác, đến sử tác, đến tri giả, đến kiến giả. Sự đến nầy là chẳng qua đến đâu. Tại sao vậy? Vì ngã nhẫn đến tri giả, kiến giả đều rốt ráo không có được thì làm sao có đến, chẳng phải đến.

Tu Bồ Đề! Tất cả pháp đến **thường, đến lạc, đến ngã, đến tịnh**. Sự đến nầy là chẳng qua đến đâu. Tại sao vậy? Vì thường, lạc, ngã, tịnh rốt ráo không có được thì làm sao có đến, chẳng đến.

Tu Bồ Đề! Tất cả pháp đến **tham, sân, si, mạn, nghi, kiến**. Sự đến nầy là chẳng qua đến đâu. Tại sao vậy? Vì tham, sân, si, mạn, nghi, kiến rốt ráo không có được thì làm sao có đến, chẳng đến.

Tu Bồ Đề! Tất cả pháp đến như, đến pháp tánh, đến thiệt tế, đến bất tư nghì tánh. Sự đến nầy là chẳng qua đến đâu. Tại sao vậy? Vì trong như, trong pháp tánh, thật tế, bất tư nghì tánh không có lai, không có khứ.

Tu Bồ Đề! Tất cả pháp đến **bình đẳng, đến bất động tướng**. Sự đến nầy là chẳng qua đến đâu. Tại sao vậy? Vì trong bình đẳng, trong tướng bất động không có đến và chẳng đến.

Tu Bồ Đề! Tất cả pháp đến sắc, đến thọ, tưởng, hành, thức, đến thập nhị nhập, thập bát giới. Sự đến nầy là chẳng qua đến đâu. Tại sao vậy? Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức, nhập, giới đều chẳng có được thì làm sao có đến, chẳng đến.

Tu Bồ Đề! Tất cả pháp đến lục ba la mật nhẫn đến thập bát không, đến ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Sự đến nầy là chẳng qua đến đâu. Tại sao vậy? Vì sáu ba la mật nhẫn đến bát thánh đạo đều không có được thì làm sao có đến, chẳng đến.

Tu Bồ Đề! Tất cả pháp đến mười trí lực nhẫn đến nhứt thiết chủng trí. Sự đến nầy là chẳng qua đến đâu. Tại sao vậy? Vì trong nhứt thiết chủng trí không có đến và chẳng đến.

Tu Bồ Đề! Tất cả pháp đến quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến Vô thượng Bồ đề. Sự đến nầy là chẳng qua đến đâu. Tại sao vậy? Vì trong quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến trong Vô thượng Bồ đề không có đến và chẳng đến".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! **Ai là người tin hiểu Bát nhã ba la mật sâu xa nầy**?"

Đức Phật dạy: "Nầy Tu Bồ Đề! Có đại Bồ Tát từ trước ở chỗ chư Phật đã tu sáu Ba la mật, thiện căn thuần thục, cúng dường vô số trăm ngàn muôn ức chư Phật, thường gần gũi thiện tri thức. Những người nầy hay tin hiểu Bát nhã ba la mật sâu xa".

Bạch đức Thế Tôn! Người hay tin hiểu Bát nhã ba la mật sâu xa nầy có tánh gì, tướng gì, mạo gì?

Tánh, tướng, mạo rời lìa tham, sân, si, đại Bồ Tát nầy tin hiểu Bát nhã ba la mật sâu xa”.

Thích nghĩa:

(1). Tương tục: Liên tục, kế tiếp, kế thừa.

*(2). Chữ **đến** dùng để dịch ở đây quá khó hiểu. Thay vì dịch: “Vì tất cả pháp đến **không** tức là đến mà chẳng có qua đến đâu. Tại sao vậy? Vì trong không đều không có đến hay chẳng phải đến” nếu dịch là “Vì tất cả pháp đều **lấy không** làm chỗ hướng đến; đối với chỗ hướng đến ấy, cũng chẳng thể vượt qua được. Vì sao? Vì trong tánh không, chỗ hướng đến, chỗ chẳng hướng đến đều chẳng thể nắm bắt được”. Như vậy, có lẽ dễ hiểu hơn chăng?*

---o0o---

PHẨM XU HƯỚNG NHẤT THIẾT TRÍ
THỨ NĂM MƯƠI BA

(Phẩm nầy tương đương với phẩm “Trí Hướng Đến”, tức phần sau Q.316 đến phần đầu Q.318, ĐBN).

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát hiểu Bát nhã ba la mật sâu xa nầy sẽ đến chỗ nào?”

Đức Phật dạy: “Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hiểu Bát nhã ba la mật sâu xa nầy sẽ đến nhứt thiết chủng trí”.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát hay đến nhứt thiết chủng trí nầy làm chỗ về đến cho tất cả chúng sanh, vì tu Bát nhã ba la mật vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Tu Bát nhã ba la mật là tu tất cả pháp.

Bạch đức Thế Tôn! Không chỗ tu là tu Bát nhã ba la mật. Chẳng thọ tu, hư hoại tu là tu Bát nhã ba la mật”.

- Do pháp gì hư hoại mà Bát nhã ba la mật là hư hoại tu.

- Bạch đức Thế Tôn! Vì sắc hư hoại nên Bát nhã ba la mật là hư hoại tu.

Vì thọ, tưởng, hành, thức hư hoại, vì thập nhị nhập, thập bát giới hoại nên Bát nhã ba la mật là hoại tu.

Vì ngã nhẫn đến tri giả, kến giả hoại nên Bát nhã ba la mật là hoại tu.

Vì Đàn na ba la mật hoại nhẫn đến Bát nhã ba la mật hoại nên Bát nhã ba la mật là hoại tu.

Vì nội không hoại nhẫn đến mười tám pháp bất cộng hoại nên Bát nhã ba la mật là hoại tu.

Vì tứ niệm xứ hoại nhẫn đến nhứt thiết chủng trí hoại nên Bát nhã ba la mật là hoại tu”.

Đức Phật dạy: “Đúng như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Vì sắc hoại nhẫn đến nhứt thiết chủng trí hoại nên Bát nhã ba la mật là hoại tu.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Trong Bát nhã ba la mật sâu xa nầy, bực bất thối địa Bồ Tát phải nghiệm biết.

Nếu ở trong Bát nhã ba la mật sâu xa nầy mà chẳng trước chấp, phải biết đó là bực bất thối địa Bồ Tát.

Nếu trong Thiền na ba la mật nhẫn đến trong nhứt thiết chủng trí mà chẳng trước chấp, phải biết đó là bực bất thối địa Bồ Tát.

Lúc hành thâm Bát nhã ba la mật, bực bất thối địa Bồ Tát chẳng lấy lời người khác làm khẩn yếu, cũng chẳng làm theo lời chỉ bảo của người khác.

Bực bất thối địa Bồ Tát chẳng bị tâm dục, tâm sân, tâm si kéo dắt, chẳng bao giờ rời lìa sáu ba la mật.

Lúc nghe nói Bát nhã ba la mật sâu xa, bực bất thối địa Bồ Tát chẳng kinh sợ, chẳng ăn năn, nghi ngờ mà hoan hỉ ưa nghe, thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm và thật hành đúng như lời.

Nầy Tu Bồ Đề! Phải biết Bồ Tát nầy đời trước đã từng nghe sự việc trong Bát nhã ba la mật sâu xa nầy và đã thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm. Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát nầy hiện tại có oai đức lớn, nghe Bát nhã ba la mật sâu xa mà lòng không kinh sợ, ăn năn, nghi ngờ, lại hoan hỉ ưa nghe, thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát nghe Bát nhã ba la mật sâu xa nầy mà không kinh sợ, lại ưa nghe nhẫn đến chánh ức niệm thì thực hành Bát nhã ba la mật nầy thế nào?"

Đức Phật dạy**: "Tùy thuận tâm nhứt thiết chủng trí, đây là chỗ phải thực hành Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát".**

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào gọi là tùy thuận tâm nhứt thiết chủng trí mà đại Bồ Tát thực hành Bát nhã ba la mật phải như vậy?

- Nầy Tu Bồ Đề! Lấy không để tùy thuận, lấy vô tướng, vô tác để tùy thuận, lấy vô sở hữu, bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh để tùy thuận, đó là đại Bồ Tát thực hành Bát nhã ba la mật sâu xa.

Lấy như mộng, như ảo, diệm. hưởng, hóa để tùy thuận, đó là thực hành Bát nhã ba la mật.

- Bạch đức Thế Tôn! Như đức Phật tuyên dạy lấy không nhẫn đến lấy như mộng, ảo để tùy thuận, người thật hành Bát nhã ba la mật phải như vậy. Đại Bồ Tát nầy hành pháp gì?

- Nầy Tu Bồ Đề! đại Bồ Tát chẳng hành nơi sắc, thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến chẳng hành nơi nhứt thiết chủng trí. Tại sao vậy? Vì chỗ hành của Bồ Tát nầy không pháp làm, không pháp hoại, không từ đâu đến cũng chẳng đến đâu, không chỗ trụ, không tính được, không lường được. Nếu là không tính được, không lường được thì pháp ấy là chẳng thể được, chẳng thể dùng sắc để được nhẫn đến chẳng thể dùng nhứt thiết chủng trí để được. Tại sao vậy? Vì sắc tức là Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật tức là sắc, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí tức là Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật tức là nhứt thiết chủng trí.

Nếu sắc tướng như nhẫn đến Nhất thiết chủng trí tướng như thì đều là như duy nhứt, không hai, không khác.

Sắc tướng như, Bát nhã ba la mật tướng như: như duy nhứt, không hai, không khác.

Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí tướng như, Bát nhã ba la mật tướng như: như duy nhất, không hai, không khác".

---o0o---

QUYỂN THỨ MƯỜI TÁM

PHẨM ĐẠI NHƯ
THỨ NĂM MƯƠI BỐN

(Tương đương với phần sau Q.318 trở đi, phẩm "Chơn Như", ĐBN).

Lúc bấy giờ chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc đem hương bột chiên đàn cõi Trời và những hoa sen xanh, đỏ, hồng, trắng cõi Trời vói rải cúng dường đức Phật, rồi đến chỗ đức Phật đảnh lễ chơn Phật đứng qua một phía mà thưa rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Vô thượng Bồ đề của chư Phật thật là rất sâu, khó thấy, khó hiểu, chẳng thể suy gẫm mà biết được, là vi diệu tịch diệt, chỉ có bậc trí mới biết được, ngoài ra tất cả thế gian chẳng thể tin được. Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật sâu xa nói thế nầy: Sắc tức là Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật tức là sắc, nhẫn đến Nhất thiết chủng trí tức là Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật tức là Nhất thiết chủng trí. Sắc tướng như, Bát nhã ba la mật tướng như là một như, không hai, không khác. Nhẫn đến Nhất thiết chủng trí tướng như, Bát nhã ba la mật tướng như là một không hai, không khác".

Đức Phật dạy: "Đúng như vậy. Nầy chư Thiên Tử! **Sắc tức là Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật tức là sắc. Nhẫn đến Nhất thiết chủng trí là Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật là Nhất thiết chủng trí. Sắc tướng như, nhẫn đến Nhất thiết chủng trí tướng như là một như, không hai, không khác.**

Thế nên, nầy chư Thiên Tử! **Lúc mới thành đạo, lòng đức Phật muốn yên lặng chẳng muốn thuyết pháp. Tại sao vậy? Vì pháp Vô thượng Bồ đề của đức Phật chứng được rất sâu, khó thấy, khó hiểu, chẳng thể suy gẫm được, là vi diệu tịch diệt, chỉ bậc trí biết được, còn tất cả thế gian chẳng thể tin được.**

Tại sao vậy? Vì Vô thượng Bồ đề không người được, không chỗ được, không thời gian được, đây là tướng rất sâu của các pháp, chính là không có hai pháp.

Nầy chư Thiên Tử! Ví như vì hư không rất sâu nên pháp nầy rất sâu, vì như rất sâu nên pháp nầy rất sâu, vì pháp tánh, thật tế, bất khả tư nghì, vô biên rất sâu nên pháp nầy rất sâu , vì vô lai, vô khứ rất sâu nên pháp nầy rất sâu, vì bất sanh, bất diệt, vô cấu, vô tịnh, vô trí, vô đắc rất sâu nên pháp nầy rất sâu.

Nầy chư Thiên Tử! Vì ngã rất sâu nhẫn đến tri giả, kiến giả rất sâu nên pháp nầy rất sâu.

Nầy chư Thiên Tử! Vì sắc rất sâu, thọ, tưởng, hành, thức rất sâu nên pháp nầy rất sâu. Vì sáu ba la mật nhẫn đến vô pháp hữu pháp không rất sâu nên pháp nầy rất sâu. Vì tứ niệm xứ đến Nhất thiết chủng trí rất sâu nên pháp nầy rất sâu".

Chư thiên cõi Dục, cõi Sắc thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Pháp đức Phật vừa dạy, tất cả thế gian chẳng thể tin được.

Bạch đức Thế Tôn! Pháp sâu xa nầy chẳng vì lấy hay bỏ sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà nói, nhẫn đến chẳng vì bỏ hay lấy Nhất thiết chủng trí mà nói.

Các thế gian đều thọ lấy mà thực hành nào sắc là ngã, là ngã sở, nào thọ, tưởng, hành, thức là ngã, là ngã sở, nhẫn đến Nhất thiết chủng trí là ngã, là ngã sở".

Đức Phật dạy: "Đúng như vậy. Nầy chư Thiên Tử! Pháp rất sâu xa nầy chẳng phải vì lấy hay bỏ sắc mà nói, nhẫn đến chẳng phải vì lấy hay bỏ Nhất thiết chủng trí mà nói.

Nầy chư Thiên Tử! Nếu có Bồ Tát vì thọ lấy sắc nhẫn đến vì thọ lấy Nhất thiết chủng trí mà tu hành, Bồ Tát nầy chẳng tu hành được Bát nhã ba la mật, chẳng tu hành được Thiền na ba la mật nhẫn đến chẳng tu hành được Nhất thiết chủng trí".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Pháp rất sâu xa nầy tùy thuận tất cả pháp: Tùy thuận Đàn ba la mật nhẫn đến tùy thuận Nhất thiết chủng trí.

Pháp nầy vô ngại: Chẳng ngại sắc, thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến chẳng ngại Nhất thiết chủng trí.

Nầy chư Thiên Tử! **Pháp nầy tên là vô ngại tướng, vì đồng như hư không, vì đồng như pháp tánh**(1)**, pháp trụ, thật tế, bất khả tư nghì tánh, vì đồng như hư không, vô tướng, vô tác.**

Pháp nầy chẳng sanh tướng: Sắc chẳng sanh nhẫn đến Nhất thiết chủng trí chẳng sanh, vì bất khả đắc vậy.

Pháp nầy không xứ sở, vì xứ sở của sắc nhẫn đến xứ sở của Nhất thiết chủng trí bất khả đắc vậy".

(Phần nầy nói về Như Lai tùy sinh).

Bấy giờ chư Thiên cõi Dục cõi Sắc thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Ngài Tu Bồ Đề là Phật tử, tùy Phật sanh. Tại sao vậy? Vì chỗ nói của Ngài Tu Bồ Đề đều hiệp với không".

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nầy chư Thiên Tử! Các Ngài bảo Tu Bồ Đề là Phật tử, tùy Phật sanh?

Thế nào là tùy Phật sanh?

Vì tướng như nên Tu Bồ Đề tùy Phật sanh. Tại sao vậy? Vì đức Như Lai tướng như chẳng lai, chẳng khứ, Tu Bồ Đề tướng như cũng chẳng lai, chẳng khứ, thế nên Tu Bồ Đề là tùy Phật sanh.

Lại Tu Bồ Đề từ nào đến giờ vẫn tùy Phật sanh. Tại sao vậy? Vì đức Như Lai tướng như tức là tất cả pháp tướng như, tất cả pháp tướng như tức là đức Như Lai tướng như. Trong tướng như nầy cũng không có tướng như. Thế nên Tu Bồ Đề là tùy Phật sanh.

Lại đức Như Lai như là tướng thường trụ, Tu Bồ Đề như cũng là tướng thường trụ. Đức Như Lai như tướng cũng không dị biệt. Thế nên Tu Bồ Đề là tùy thuận Phật sanh.

Đức Như Lai tướng không có chỗ ngại, tất cả pháp như tướng cũng không có chỗ ngại, đây là Như Lai như tướng cùng Nhất thiết pháp như tướng là một như, không hai, không khác. Như tướng nầy vô tác trọn không chẳng như, nên như tướng nầy là như duy nhất, không hai, không khác. Thế nên Tu Bồ Đề là tùy Phật sanh.

Đức Như Lai như tướng tất cả chỗ vô niệm, vô biệt, Tu Bồ Đề như tướng cũng tất cả chỗ vô niệm, vô biệt. Đức Như Lai như tướng chẳng dị biệt, chẳng thể được, Tu Bồ Đề cũng vậy. Thế nên Tu Bồ Đề là tùy Phật sanh.

Đức Như Lai như tướng chẳng xa rời các pháp như tướng, như: nầy trọn không chẳng như, vì như chẳng khác nên Tu Bồ Đề là tùy Phật sanh, mà cũng không chỗ tùy.

Lại đức Như Lai như tướng chẳng quá khứ, chẳng vị lai, chẳng hiện tại, các pháp như tướng cũng chẳng quá khứ, chẳng vị lai, chẳng hiện tại, thế nên Tu Bồ Đề là tùy Phật sanh.

Lại đức Như Lai như chẳng ở trong như quá khứ, chẳng ở trong như vị lai, chẳng ở trong như hiện tại. Quá khứ như, vị lai như, hiện tại như cũng chẳng ở trong Như Lai như, là một như, không hai, không khác.

Sắc như, Như Lai như, thọ, tưởng, hành, thức như, Như Lai như, là một như, không hai, không khác.

Ngã như nhẫn đến tri giả như, Như Lai như, là một như, không hai, không khác.

Đàn ba la mật như nhẫn đến Nhấtt thiết chủng trí như, Như Lai như, là một như, không hai, không khác.

Đại Bồ Tát do được như vậy nên gọi là Như Lai".

Lúc Ngài Tu Bồ Đề nói phẩm Như tướng trên đây, cõi Đại thiên thế giới nầy chấn động sáu cách. Chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc đem bột chiên đàn hương Trời rải trên đức Phật, cũng rải trên Ngài Tu Bồ Đề mà thưa rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Phật là chưa từng có. Ngài Tu Bồ Đề do đức Như Lai như mà tùy Phật sanh".

Ngài Tu Bồ Đề lại nói với chư thiên: "Nầy các Ngài! Tu Bồ Đề chẳng từ trong sắc mà Phật sanh, cũng chẳng từ trong sắc như mà tùy Phật sanh. Tu Bồ Đề chẳng rời sắc mà tùy Phật sanh, cũng chẳng rời sắc như mà tùy Phật sanh. Nhẫn đến Tu Bồ Đề chẳng từ trong Nhất thiết chủng trí mà tùy Phật sanh, cũng chẳng trong Nhất thiết chủng trí mà tùy Phật sanh, chẳng rời Nhất thiết chủng trí như mà tùy Phật sanh.

Tu Bồ Đề chẳng từ trong vô vi mà tùy Phật sanh, chẳng từ vô vi như mà tùy Phật sanh, chẳng rời vô vi mà tùy Phật sanh, cũng chẳng rời vô vi như mà tùy Phật sanh.

Tại sao vậy? Vì tất cả pháp ấy đều là vô sở hữu, đều là bất khả đắc, không người tùy sanh, cũng không pháp tùy sanh".

Lúc bấy giờ Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Như ấy chơn thiệt chẳng hư. Pháp tướng, pháp trụ, pháp vị rất sâu. Trong đây, sắc không thể được, sắc như không thể được. Tại sao vậy? Vì sắc còn không thể được, huống gì sắc như mà lại có thể được.

Nhẫn đến Nhất thiết chủng trí chẳng thể được, Nhất thiết chủng trí như chẳng thể được. Tại sao vậy? Vì Nhất thiết chủng trí còn chẳng thể được, huống gì Nhất thiết chủng trí như mà lại có thể được".

Đức Phật dạy: "Đúng như vậy. Nầy Xá Lợi Phất! Như ấy chơn thiệt chẳng như. Pháp tướng, pháp trụ, pháp vị rất sâu. Trong đây, sắc nhẫn đến Nhất thiết chủng trí đều chẳng thể được, sắc như nhẫn đến Nhất thiết chủng trí như đều chẳng thể được. Tại sao vậy? Vì sắc nhẫn đến Nhất thiết chủng trí còn chẳng thể được, huống gì sắc như nhẫn đến Nhất thiết chủng trí như mà lại có thể được".

Lúc Ngài Xá Lợi Phất nói như tướng trên đây, trong pháp hội có hai trăm vị Tỳ Kheo vì chẳng thọ tất cả pháp nên được hết phiền não, thành A La Hán, năm trăm Tỳ Kheo Ni xa trần lìa

cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Năm ngàn đại Bồ Tát được vô sanh pháp nhẫn. Sáu ngàn Bồ Tát vì chẳng thọ tất cả pháp nên hết phiền não, tâm được giải thoát, thành A La Hán.

Đức Phật phán dạy: "Nầy Xá Lợi Phất! Sáu ngàn Bồ Tát thành A La Hán trên đây, đời trước họ gặp năm trăm đức Phật, cúng dường, gần gũi. Họ thực hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định. Vì không có sức phương tiện của Bát nhã ba la mật nên họ thực hành biệt dị. Họ nghĩ rằng đây là bố thí, đây là trì giới, đây là nhẫn nhục, đây là tinh tấn, đây là thiền định. Vì không có Bát nhã ba la mật nên không có sức phương tiện. Vì không có sức phương tiện nên thực hành biệt dị. Vì biệt dị nên không được tướng không biệt dị. Vì không được tướng không biệt dị nên chẳng được vào bậc Bồ Tát. Vì chẳng được vào bậc Bồ Tát nên được quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến quả A La Hán.

Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát dẫu thực hành Bồ Tát đạo mà xa rời Bát nhã ba la mật thì không có sức phương tiện, nên ở nơi thật tế chứng lấy mà thành quả vị Thanh văn thừa".

Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! do nhơn duyên gì cũng đồng tu hành pháp không, vô tướng, vô tác, mà người không sức phương tiện thì chứng lấy thật tế, thành Thanh văn thừa, người có sức phương tiện lại được Vô thượng Bồ đề?"

Đức Phật phán dạy: "Nầy Xá Lợi Phất! Có Bồ Tát vì rời tâm Bát nhã ba la mật mà tu pháp không, vô tướng, vô tác nên không có sức phương tiện, do đây mà thành Thanh văn thừa.

Nầy Xá Lợi Phất! Lại có Bồ Tát **chẳng rời tâm Bát nhã ba la mật** mà tu pháp không, vô tướng, vô tác nên có sức phương tiện, do đây mà vào bậc Bồ Tát, được Vô thượng Bồ đề.

Nầy Xá Lợi Phất! **Như thân chim dài lớn đến trăm do tuần hoặc hai trăm, ba trăm do tuần mà không có cánh, từ Trời Đao Lợi rơi xuống Diêm Phù Đề. Ý ngươi nghĩ sao, nầy Xá Lợi Phất! Giữa đường đang rơi, chim không cánh ấy muốn trở về cung Trời có được chăng?"**

- Bạch đức Thế Tôn! Không thể được.

- Nầy Xá Lợi Phất! Chim ấy mong rằng sau khi rơi xuống Diêm Phù Đề, thân chim sẽ nguyên vẹn không đau đớn có được chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không thể được. Lúc đã rơi xuống đất, chim ấy tất phải đau đớn hoặc chết. Vì chim ấy thân thể đã lớn lại không cánh.

- Cũng vậy, nầy Xá Lợi Phất! Bồ Tát dầu có thời gian kiếp số bằng cát sông Hằng, tu hạnh bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, sanh đại tâm, làm đại sự vì được Vô thượng Bồ đề mà thọ vô lượng nguyện, nếu xa rời sức phương tiện của Bát nhã ba la mật tất phải sa vào Thanh Văn thừa hoặc Bích Chi Phật.

Nầy Xá Lợi Phất! Nếu Bồ Tát dầu tưởng niệm trì giới, thiền định, trí huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại nhưng lại tướng thọ trì, Bồ Tát nầy chẳng biết, chẳng hiểu chư Phật, giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, chỉ nghe tiếng nói về danh tự, không, vô tướng, vô tác, rồi nắm lấy tiếng danh tự ấy để hồi hướng Vô thượng Bồ đề, Bồ Tát nầy trụ trong bực Thanh Văn, Bích Chi Phật, không thể qua khỏi được. Tại sao vậy? Vì Bồ Tát nầy xa rời sức phương tiện của Bát nhã ba la mật mà thọ trì các thiện căn để hồi hướng Vô thượng Bồ đề.

Nầy Xá Lợi Phất! Có Bồ Tát từ khi mới phát tâm đến nay không xa rời tâm Bát nhã ba la mật, tu hạnh bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, ví có sức phương tiện của Bát nhã ba la mật nên không nắm lấy tướng, ở nơi giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, chẳng nắm lấy tướng không, vô tướng, vô tác, giải thoát môn. Phải biết Bồ Tát nầy chẳng sa vào Thanh Văn, Duyên Giác mà thẳng đến Vô thượng Bồ đề. Tại sao vậy? Vì Bồ Tát nầy từ nào vẫn không nắm lấy tướng trong khi tu các thiện căn: không nắm lấy tướng bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, không nắm lấy tướng giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại.

Nầy Xá Lợi Phất! đây gọi là Bồ Tát có **sức phương tiện dùng tâm ly tướng** mà tu hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, nhẫn đến dùng tâm ly tướng tu hành Nhất thiết chủng trí".

Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Như tôi nhận hiểu nghĩa của đức Phật nói, nếu đại Bồ Tát chẳng rời sức phương tiện của Bát nhã ba la mật, phải biết Bồ Tát nầy gần Vô thượng Bồ đề. Tại sao vậy? Vì từ khi mới phát tâm đến nay, Bồ Tát nầy không pháp biết được: hoặc là sắc hoặc là thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến Nhất thiết chủng trí.

Bạch đức Thế Tôn! có thiện nam, thiện nữ cầu Bồ Tát đạo mà xa rời Bát nhã ba la mật và sức phương tiện, phải biết người ấy nơi Vô thượng Bồ đề hoặc được hoặc chẳng được. Tại sao vậy? Vì thiện nam, thiện nữ cầu Bồ Tát đạo ấy có bố thí đều nắm lấy tướng, có trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định đều nắm lấy tướng, thế nên nhất định chẳng được Vô thượng Bồ đề.

Bạch đức Thế Tôn! Vì cớ trên đây nên đại Bồ Tát muốn được Vô thượng Bồ đề chẳng nên xa rời sức phương tiện của Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát nầy trụ trong sức phương tiện của Bát nhã ba la mật, dùng tâm vô tướng, vô đắc xứng đáng tu hạnh bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định. Nhẫn đến dùng tâm vô tướng, vô đắc xứng đáng tu Nhất thiết chủng trí".

Lúc bấy giờ chư Thiên cõi Sắc, cõi Dục bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Vô thượng Bồ đề thật là khó được. Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát phải biết tất cả các pháp rồi mới được Vô thượng Bồ đề, pháp ấy cũng chẳng thể được".

Đức Phật phán dạy: "Đúng như vậy. Nầy chư Thiên Tử! Vô thượng Bồ đề rất khó được. Đức Phật cũng đã được tất cả pháp Nhất thiết chủng trí rồi được Vô thượng Bồ đề, cũng không chỗ được, không hay biết, không bị biết, không người biết. Tại sao vậy? Vì các pháp rốt ráo thanh tịnh vậy".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Như lời dạy của Phật, Vô thượng Bồ đề rất khó được. Theo tôi hiểu nghĩa của Phật dạy thì Vô thượng Bồ đề nầy rất dễ được. Tại sao vậy? Vì không có người được Vô thượng Bồ đề, cũng không có pháp bị được, tất cả pháp, tất cả pháp tướng không: không pháp bị được, không người hay được, vì tất cả pháp không vậy. Cũng không pháp tăng được, không pháp giảm được. Từ bố thí nhẫn đến Nhất thiết chủng trí, các pháp nầy đều không có cái bị được, không có ai hay được. Do đây nên theo ý tôi thì Vô thượng Bồ đề dễ được. Tại sao vậy? Vì sắc sắc tướng không nhẫn đến Nhất thiết chủng trí Nhất thiết chủng trí tướng không".

Ngài Xá Lợi Phất nói với Tu Bồ Đề: "Thưa Ngài! Nếu tất cả pháp không như hư không, hư không kia chẳng nghĩ rằng tôi sẽ được Vô thượng Bồ đề.

Nếu đại Bồ Tát tin hiểu tất cả pháp không như hư không mà Vô thượng Bồ đề nầy dễ được, tại sao hiện nay có hằng hà sa Bồ Tát cầu Vô thượng Bồ đề lại thối chuyển? Thế nên biết rằng Vô thượng Bồ đề chẳng phải dễ được".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Nơi Vô thượng Bồ đề, sắc, thọ, tưởng, hành, thức có thối chuyển chăng? Nhẫn đến Nhất thiết chủng trí có thối chuyển chăng?"

- Không có thối chuyển.

- Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Nơi Vô thượng Bồ đề, rời sắc, thọ, tưởng, hành, thức có pháp gì thối chuyển chăng? Nhẫn đến rời Nhất thiết chủng trí có pháp thối chuyển chăng?

- Không có thối chuyển!

- Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Ý Ngài nghĩ thế nào? Sắc như tướng, thọ như tướng nhẫn đến rời Nhất thiết chủng trí như tướng, nơi Vô thượng Bồ đề có thối chuyển chăng?

- Không có gì thối chuyển!

- Thưa ngài Xá Lợi Phất! Rời sắc như tướng nhẫn đến rời Nhất thiết chủng trí như tướng, có pháp gì thối chuyển nơi Vô thượng Bồ đề chăng?

- Không có pháp thối chuyển.

- Thưa ngài Xá Lợi Phất! Nơi Vô thượng Bồ đề như có thối chuyển chăng? Nhẫn đến pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế, bất tư nghì tánh, nơi Vô thượng Bồ đề có thối chuyển chăng?

- Không có thối chuyển.

- Thưa ngài Xá Lợi Phất! Rời như, rời pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế, bất tư nghì tánh, nơi Vô thượng Bồ đề có pháp gì thối chuyển chăng?

- Không có pháp gì thối chuyển.

- Thưa ngài Xá Lợi Phất! Nếu các pháp rốt ráo chẳng thể được thì pháp gì thối chuyển nơi Vô thượng Bồ đề?

- Như lời Ngài Tu Bồ Đề nói, trong pháp nhẫn ấy không có Bồ Tát thối chuyển nơi Vô thượng Bồ đề.

Nếu không thối chuyển, cứ theo đức Phật dạy, người cầu đạo có ba hạng: A La Hán đạo, Bích Chi Phật đạo và Phật đạo, ba hạng nầy là không sai khác. Như lời Tu Bồ Đề nói thời chỉ có một hạng đại Bồ Tát cầu Phật đạo thôi".

Bây giờ Ngài Mãn Từ Tử bảo Ngài Xá Lợi Phất: "Ngài nên hỏi Tu Bồ Đề là có một Bồ Tát thừa chăng?"

Ngài Xá Lợi Phất hỏi Ngài Tu Bồ Đề: "Phải chăng Ngài muốn nói có một Bồ Tát thừa?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Ở trong chư pháp như, Ngài muốn có ba thừa: Thanh Văn, Bích Chi Phật và Phật thừa chăng?"

- Thưa Ngài Tu Bồ Đề! Không.

- Thưa ngài Xá Lợi Phất! Trong ba thừa sai biệt ấy có như để được chăng?

- Thưa Ngài Tu Bồ Đề! Không.

- Thưa ngài Xá Lợi Phất! Như ấy có một tướng, hai tướng, ba tướng chăng?

- Thưa Ngài Tu Bồ Đề! Không.

- Thưa ngài Xá Lợi Phất! Trong như ấy, Ngài muốn có nhiều Bồ Tát nhẫn đến có một Bồ Tát được chăng?

- Thưa Ngài Tu Bồ Đề! Không.

- Thưa ngài Xá Lợi Phất! Trong bốn thứ ấy đều không thể có được người ba thừa, sao Xá Lợi Phất lại nghĩ rằng người cầu Thanh Văn thừa, người cầu Bích Chi Phật thừa, người cầu Phật thừa?

Thưa ngài Xá Lợi Phất! đại Bồ Tát nghe chư pháp như tướng nầy mà lòng chẳng kinh, chẳng sợ, chẳng ăn năn, chẳng nghi thì gọi là đại Bồ Tát hay thành tựu Vô thượng Bồ đề".

Đức Phật khen Ngài Tu Bồ Đề: "Lành thay! Lành thay! Nầy Tu Bồ Đề! Lời của ngươi nói đó đều là Phật lực.

Nếu **đại Bồ Tát nghe nói như ấy không có các pháp biệt dị** mà chẳng kinh sợ, nghi ngờ, phải biết Bồ Tát nầy hay thành tựu Vô thượng Bồ đề".

Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thành tựu Bồ Đề nào?"

Đức Phật dạy: "Thành tựu Phật Vô thượng Bồ đề".

(Đoạn kinh kế tiếp tương đương với phẩm "Bồ Tát An Trụ", phần sau quyển 324 đến phần đầu quyển 325, ĐBN, kinh MHBNBLM không có phẩm tên là "Bồ Tát An Trụ")

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu muốn thành tựu Vô thượng Bồ đề, đại Bồ Tát phải tu hành thế nào?"

Đức Phật dạy: "Phải **sanh khởi tâm bình đẳng với tất cả chúng sanh**, cũng dùng tâm bình đẳng khi nói với họ, không có thiên lệch.Với tất cả chúng sanh phát khởi tâm đại từ, cũng dùng tâm đại từ khi nói với họ.

Với tất cả chúng sanh phải có **tâm khiêm hạ**, cũng dùng tâm khiêm hạ khi nói với họ.

Với tất cả chúng sanh phải có **tâm làm an ổn**, cũng dùng tâm làm an ổn khi nói với họ.

Với tất cả chúng sanh phải có **tâm vô ngại**, cũng dùng tâm vô ngại khi nói với họ.

Với tất cả chúng sanh phải có **tâm không não hại**, cũng dùng tâm không não hại nói với họ.

Với tất cả chúng sanh phải có **tâm ái kính**, cũng dùng tâm ái kính khi nói với họ. Ái kính họ như cha mẹ, như anh chị em, như con cháu, như bà con, như bạn bè.

Đại Bồ Tát nầy phải tự mình chẳng sát sanh,cũng chẳng dạy người khác **chẳng sát sanh**, khen ngợi pháp chẳng sát sanh, vui mừng khen ngợi các người chẳng sát sanh. Nhẫn đến tự mình phải **không tà kiến**, cũng dạy người khác không tà kiến, khen ngợi pháp không tà kiến, vui mừng khen ngợi những người không tà kiến.

Muốn thành tựu Vô thượng Bồ đề, đại Bồ Tát phải tu hành như vậy.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Muốn thành tựu Vô thượng Bồ đề, đại Bồ Tát phải tu hành sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, phải tự tu hành từ tâm, bi tâm, hỉ tâm, xả tâm, phải tự tu hành không xứ định, thức xức định, vô sở hữu xứ định, phi phi tưởng xứ định, khen ngợi pháp sơ thiền đến pháp phi phi tưởng xứ định, vui mừng khen ngợi những người tu hành sơ thiền đến tu hành phi phi tưởng xứ định.

Phải tự mình đầy đủ Đàn ba la mật, Thi ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật, cũng dạy người khác đầy đủ sáu ba la mật, khen ngợi sáu pháp ba la mật, vui mừng khen ngợi những người đầy đủ sáu ba la mật.

Nầy Tu Bồ Đề! Muốn thành tựu Vô thượng Bồ đề, đại Bồ Tát phải tự mình **tu nội không** nhẫn đến bát thánh đạo, tự tu không, vô tướng, vô tác, tam muội, tự tu bát bội xả, tự tu cửu thứ đệ định, cũng dạy người khác tu nội không nhẫn đến cửu thứ đệ định, khen ngợi các pháp nội không nhẫn đến cửu thứ đệ định, vui mừng ngợi khen những người tu nội không nhẫn đến cửu thứ đệ định.

Đại Bồ Tát phải tự đầy đủ mười trí lực, bốn vô úy, bốn trí vô ngại, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi, cũng dạy người khác đầy đủ mười trí lực nhẫn đến đại từ đại bi, khen ngợi các pháp ấy, vui mừng khen ngợi những người đầy đủ mười trí lực nhẫn đến đại từ đại bi.

Đại Bồ Tát phải tự mình thuận quán, nghịch quán mười hai nhơn duyên, cũng dạy người khác thuận quán, nghịch quán mười hai nhơn duyên, khen ngợi pháp quán ấy và vui mừng khen ngợi người thực hành.

Muốn thành tựu Vô thượng Bồ đề, đại Bồ Tát phải tu hành như vậy.

Đại Bồ Tát lại phải tự mình biết khổ dứt tập chứng diệt tu đạo, cũng dạy người biết khổ dứt chứng diệt tu đạo, khen ngợi pháp biết dứt chứng tu ấy và vui mừng khen ngợi người biết khổ dứt tập chứng diệt tu đạo.

Đại Bồ Tát tự mình phát sanh chứng trí quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến tự phát sanh chứng trí quả Bích Chi Phật mà chẳng tự chứng lấy quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến chẳng tự chứng lấy quả Bích Chi Phật, cũng dạy người khác chứng quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến dạy người khác chứng quả Bích Chi Phật, khen ngợi pháp Tu Đà Hoàn quả nhẫn đến khen ngợi pháp Bích Chi Phật đạo, vui mừng khen ngợi người chứng nhập quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến người chứng nhập Bích Chi Phật đạo.

Đại Bồ Tát tự mình nhập Bồ Tát vị, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, cũng dạy người khác nhập Bồ Tát vị, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, khen ngợi pháp nhập Bồ Tát vị, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, vui mừng khen ngợi người nhập Bồ Tát vị, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh.

Đại Bồ Tát tự mình phát khởi Bồ Tát thần thông, tự sanh Nhất thiết chủng trí, cũng dạy người khác phát khởi Bồ Tát thần thông, sanh Nhất thiết chủng trí, khen ngợi pháp phát khởi Bồ Tát thần thông, phát sanh Nhất thiết chủng trí, vui mừng khen ngợi người phát khởi Bồ Tát thần thông, sanh Nhất thiết chủng trí.

Đại Bồ Tát phải tự dứt tập khí tất cả kiết sử, cũng dạy người dứt tập khí tất cả kiết sử, khen ngợi pháp dứt tập khí, vui mừng khen ngợi người dứt tập khí tất cả kiết sử.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Muốn thành tựu Vô thượng Bồ đề, đại Bồ Tát phải tự nắm lấy thọ mạng thành tựu, cũng dạy người nắm lấy thọ mạng thành tựu, khen ngợi pháp nắm lấy thọ mạng thành tựu, vui mừng khen ngợi người nắm lấy thọ mạng thành tựu.

Đại Bồ Tát thành tựu pháp trụ, cũng dạy người **thành tựu pháp trụ**, khen ngợi pháp thành tựu pháp trụ, vui mừng khen ngợi người thành tựu pháp trụ.

Nầy Tu Bồ Đề! Muốn thành tựu Vô thượng Bồ đề, đại Bồ Tát phải tu hành như vậy. Cũng phải học sức phương tiện của Bát nhã ba la mật như vậy.

Lúc học như vậy, Bồ Tát nầy sẽ được sắc vô ngại, sẽ được thọ, tưởng, hành, thức vô ngại, nhẫn đến sẽ được pháp trụ vô ngại.

Tại sao vậy?

Vì đại Bồ Tát nầy từ trước nhẫn lại chẳng thọ lấy sắc, chẳng thọ lấy thọ, tưởng, hành, thức, nhẫn đến chẳng thọ lấy Nhất thiết chủng trí.

Tại sao vậy?

Vì sắc mà chẳng người thọ là chẳng phải sắc. Nhẫn đến Nhất thiết chủng trí mà chẳng người thọ là chẳng phải Nhất thiết chủng trí".

Lúc nói Bồ Tát hạnh nầy, có hai ngàn Bồ Tát được vô sanh pháp nhẫn.

Thích nghĩa:

*(1). **Pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, hư không giới, bất tư nghì giới.***

***Đây ý nói đến thập nhị chân như:** Cũng gọi Thập nhị vô vi, Thập nhị không. Chỉ cho 12 tên gọi của Chân như. 1). **Chân như**: Chân là chân thực, như là thường như. Thể tính của các pháp chân thực thường như. 2). **Pháp giới**: Giới nghĩa là chỗ nương. Chân như là chỗ nương của các pháp. 3). **Pháp tính**: Tức là thể tính của các pháp. 4). **Bất hư vọng tính**: Pháp tính chân thực, xa lìa hư vọng. 5). **Bất biến dị tính**: Tức pháp thể không biến đổi. 6). **Bình đẳng tính**: Lìa tướng sai biệt của các pháp, bình đẳng không hai. 7). **Ly sanh tính**: Tức lìa sinh diệt. 8). **Pháp định**: Tức pháp tính thường trụ. 9). **Pháp trụ**: Trụ trong pháp vị chân như. 10). **Thật tế**: Thực lý chân như rất mực, đến mé cùng cực. 11). **Hư không giới**: Tức lý thể của chân như cùng khắp. 12). **Bất tư nghị giới**: Ly thể chân như dứt bặt mọi suy tư nói năng, không thể nghĩ bàn.*

*Hiểu biết về Chân như tức là hiểu biết về pháp tánh, pháp giới, pháp định, pháp trụ v.v… hay ngược lại. Phật Quang tự điển giải thích Chân như như sau: Phạm: Bhùta-tathatà hoặc tathatà. **Chỉ bản thể chân thực tràn khắp vũ trụ - là nguồn gốc của hết thảy muôn vật**. Còn gọi Như như, Như thực, Pháp giới, Pháp tính, Thực tế, Thực tướng, Như lai tạng, Pháp thân, Phật tính, Tự tính thanh tịnh thân, Nhất tâm, Bất tư nghị giới. Trong sách Phật ở thời kì đầu Hán dịch là Bản vô. **Chân**: chân thật không hư dối, **Như**: tính của sự chân thật ấy không thay đổi. Tức là cái mà Phật giáo Đại thừa gọi là Bản thể của muôn vật. Nhưng luận cứu một cách tường tận, thì mỗi tông, mỗi nhà giải thích danh từ Chân như đều có khác, tổng kết có thể đưa ra mấy định nghĩa như sau đây. Cứ theo các kinh điển A hàm chép, thì lí pháp duyên khởi là chân lí vĩnh viễn bất biến, cho nên gọi là Chân như. Lại cứ theo luận Dị bộ tông luân, thì trong chín vô vi mà Hóa địa bộ liệt kê, có Thiện pháp Chân như, Bất thiện pháp Chân như, Vô kí pháp Chân như, Đạo chí Chân như, Duyên khởi Chân như. Trong đây, ba tính Thiện, Bất thiện, Vô kí, tám chính đạo và lí pháp sinh tử duyên khởi, đều là chân thực và vĩnh viễn bất biến, cho nên gọi là Chân như. Phật giáo Đại thừa chủ trương: bản tính của hết thảy sự tồn tại là Nhân vô ngã, Pháp vô ngã, bản tính ấy siêu việt các tính sai biệt, cho nên gọi là Chân như - như tự tính Pháp thân của Như lai chẳng hạn. Cứ theo Phật địa kinh luận quyển 7, thì Chân như là thực tính của hết thảy hiện tượng (chư pháp), hình tướng tuy sai biệt, nhưng bản thể thì là một, lời nói, suy tư không thể lường được. Để phân biệt với quan điểm sai lầm, hư dối mà tạm gọi là Chân như thôi. Nếu cho đó là chỗ nương tựa của hết thảy pháp lành, thì gọi là **Pháp giới** - để tránh quan niệm cho là không, thì gọi **Thực hữu** - để tránh quan niệm nhận là có, thì gọi **Không vô** - là chân thực, thì*

gọi ***Thực tế*** *- vì là trí không phân biệt nên tạm gọi là* ***Thắng nghĩa****. Kinh Đại bát nhã quyển 360, nêu mười hai tên gọi:* ***Pháp giới, Pháp tính, Tính không hư dối, Tính không đổi khác, Tính bình đẳng, Tính lìa sống, Pháp định, Pháp trụ, Thực tế, Hư không giới và Bất tư nghị giới****. Luận Đại thừa a tì đạt ma tạp tập quyển 2 thì nêu ra sáu tên:* ***Chân như, Tính không, Vô tướng, Thực tế, Thắng nghĩa và Pháp giới****. Pháp hoa huyền nghĩa quyển 8 phần dưới thì nêu ra mười bốn tên:* ***Thực tướng, Diệu hữu, Chân thiện diệu sắc, Thực tế, Tất kính không, Như như, Niết bàn, Hư không, Phật tính, Như lai tạng, Trung thực li tâm, Phi hữu phi vô trung đạo, Đệ nhất nghĩa đế và Vi diệu tịch diệt****. Ngoài ra còn gọi là* ***Nhất như thực tướng, Chân như nhất thực, Chân thực tế, Chân thắng nghĩa đế*** *v.v... Vì tướng chân như bình đẳng tuyệt đối nên cũng gọi là* ***Nhất tướng****. Kinh Giải thâm mật quyển 3, có nói bảy Chân như: 1.* ***Lưu chuyển chân như*** *(lí pháp duyên khởi). 2.* ***Thực tướng chân như*** *(thực tính của các pháp). 3.* ***Liễu biệt chân như*** *(lí pháp vạn pháp duy thức). 4 đến 7 phối hợp với bốn đế Khổ, Tập, Diệt, Đạo theo thứ tự là:* ***An lập chân như, Tà hành chân như, Thanh tịnh chân như và Chính hành chân như****. Trong bảy Chân như kể trên, ngoài Thực tướng chân như ra, sáu thứ còn lại cũng gọi là sáu Chân như, vì tự thể của các lí pháp vĩnh viễn bất biến, cho nên gọi là Chân như, đó là do các tướng trạng được hiển hiện bởi Chân như thực tướng mà đặt tên là Chân như. Thuyết của tông Pháp tướng, cứ theo luận Thành duy thức quyển 9 chép, thì Chân như là pháp xa lìa sự phân biệt hư dối, là tính Nhân vô ngã, Pháp vô ngã, tương đương với tính Viên thành thực trong ba tính. Tông này chủ trương hết thảy hiện tượng đều từ thức A lại da sinh ra, cho nên bản thân Chân như là cái thể vắng lặng tuyệt đối, siêu việt hết thảy hiện tượng, tự thể của nó không trở thành hiện tượng, cho nên nói Chân như vắng lặng, không tạo các pháp. Cứ theo luận Thành duy thức quyển 10 chép, thì Bồ tát phải đến Sơ địa mới ngộ lí Chân như. Theo thứ tự sâu, cạn của nội dung giác ngộ mà lập mười Chân như khác nhau: 1.* ***Biến hành chân như****, tức lí nhân không, pháp không tràn khắp muôn vật. 2.* ***Tối thắng chân như****, Chân như do thân hoàn toàn trụ trì giới Cụ túc mà ngộ được, vì nó có vô lượng công đức, nên gọi Tối thắng. 3.* ***Thắng lưu chân như****, giáo pháp từ Chân như lưu xuất, có phần hơn các giáo khác, mà căn bản của giáo ấy tức là Chân như. 4.* ***Vô nhiếp thụ chân như****, ý là không trở thành đối tượng của sự chấp trước. 5.* ***Loại vô biệt chân như****, nghĩa là sinh tử và Niết bàn chẳng phải hai, mê ngộ nhất như. 6.* ***Vô nhiễm tịnh chân như****, Chân như siêu việt nhơ và sạch. 7.* ***Pháp vô biệt chân như****, nghĩa là Chân như đã lìa tướng sai biệt, cho nên bất luận bàn về pháp nào thì thể của nó vẫn là một. 8.* ***Bất tăng giảm chân như****, nghĩa là đoạn diệt các phiền não ô nhiễm nó chẳng giảm, mà tu các pháp thanh tịnh nó cũng chẳng vì thế mà tăng, tức lìa sự chấp trước tăng giảm. Một khi ngộ được Chân như này, có thể biến hiện các loại hình trạng và quốc độ một cách tự tại, cho nên cũng gọi là Tướng độ tự tại sở y chân như. 9.* ***Trí tự tại sở y chân như****, ý là được tự tại đối với bốn trí vô ngại. 10.* ***Nghiệp tự tại đẳng sở y chân như****, tất cả tác dụng của thân khẩu ý, như thần thông, tổng trì, Thiền định v.v... đều được tự tại. Lấy mười Chân như trên đây làm thuận tự, từ Sơ địa đến Thập địa, tu hành mười Ba la mật, đoạn trừ mười trọng chướng mà đến Bồ đề. Ngoài ra, Chân như của nhân vô ngã (Nhân không chân như) và Chân như của pháp vô ngã (Pháp không chân như) gộp lại gọi là* ***Nhị không chân như*** *- trong đó, Nhị thừa chỉ ngộ được Nhân không chân như, Bồ tát thì có thể ngộ Nhị không chân như. Tông Địa luận chủ trương, tự thể của thức A lại da thứ tám (tông*

Nhiếp luận gọi là thức "A ma la thứ chín" hay còn gọi là "A đà Na" thức) là tâm tự tính thanh tịnh, tâm tự tính thanh tịnh ấy tức là Chân như. Thức của nó, vì chịu sự huân tập của vô minh, cho nên mới hiển hiện ra các hiện tượng nhơ và sạch. Luận Đại thừa khởi tín chủ trương, Chân như là bản thể của tâm chúng sinh, vì nó dứt tuyệt nói năng, suy tưởng nên gọi là ***Li ngôn chân như*** *- nhưng nếu phải miễn cưỡng dùng lời nói mà biểu hiện, thì gọi là* ***Y ngôn chân như****, cả hai Chân như này gộp lại, gọi là Nhị chân như. Đứng về phương diện Y ngôn chân như mà nói thì thể của nó xa lìa tâm mê mà không, cho nên là Như thực không (Không chân như) - vả lại, thể của nó đầy đủ công đức thanh tịnh vô lậu rất mực trong sạch, cho nên là chân thực bất không (Bất không chân như). Đồng thời tâm chúng sinh (tức Chân như) có đủ cả* ***Tâm chân như môn*** *tuyệt đối bất động, và duyên với vô minh mà khởi động sinh diệt, rồi hình thành* ***Tâm sinh diệt môn*** *của các hiện tượng nhơ và sạch, là Tùy duyên chân như, gộp cả hai lại, cũng gọi là Nhị chân như. Thông thường, đối với pháp sinh khởi vạn hữu, nếu thuyết minh theo Chân như bất biến hoặc tùy duyên, thì gọi là Chân như duyên khởi (Như lai tạng duyên khởi). Còn hai Chân như sau đây đều là tiếng đồng loại:* ***Thanh tịnh chân như và Nhiễm tịnh chân như****, hoặc Phi an lập Chân như và An lập chân như (An lập, hàm ý là khiến vạn hữu sinh khởi đều đúng vị trí). Tông Hoa nghiêm y theo thuyết Tính khởi, chủ trương Bản thể tức hiện tượng, hàm ý Chân như vốn là muôn pháp, muôn pháp vốn là chân như. Đồng thời, chia Chân như thành* ***Nhất thừa chân như và Tam thừa chân như*** *- Nhất thừa chân như lại chia làm Biệt giáo chân như, Đồng giáo chân như - Tam thừa chân như lại chia làm Đốn giáo chân như, Tiệm giáo chân như, đều do lí giải Chân như một cách bất đồng mà có sự khác nhau như thế. Tông Thiên thai y theo thuyết Tính cụ, chủ trương bản thân Chân như xưa nay vốn có đủ các pháp sạch nhơ thiện ác. Lại tự tính (Chân như) của chư Phật, gọi là* ***Vô cấu chân như****, hoặc* ***Xuất triền chân như*** *- còn thể tính Chân như của chúng sinh, vì bị phiền não làm cho nhơ bẩn, cho nên gọi là Hữu cấu chân như, hoặc Tại triền chân như. Gộp cả hai lại, tức là Lưỡng cấu chân như (hai Chân như cáu bẩn). Cứ theo luận Ma ha diễn quyển 3 chép, thì Chân như là ngộ được lí của hai trí Thủy giác và Bản giác, cho nên lập hai nghĩa Tính chân như và Lí hư không. Lí hư không thanh tịnh có mười nghĩa: nghĩa vô ngại, nghĩa chu biến, nghĩa bình đẳng, nghĩa quảng đại, nghĩa vô tướng, nghĩa thanh tịnh, nghĩa bất động, nghĩa hữu không, nghĩa không không và nghĩa vô đắc. [X. kinh Tạp a hàm Q.12, Q.21 - Phật địa kinh luận Q.4, Q.7 - Đại thừa trang nghiêm kinh luận Q.12 - luận Thành duy thức Q.2 - luận Nhiếp đại thừa (bản dịch đời Lương) Q.hạ - Nhiếp đại thừa luận thích (bản dịch đời Đường) Q.8 - Đại thừa pháp uyển nghĩa lâm chương Q.1 phần cuối].*

Vì mỗi nhà mỗi tông quan niệm khác nhau, nên có nhiều Chân như khác nhau như phần giải thích trên. Phẩm "Chân Như", quyển thứ 318, ĐBN, Phật nói: "... hoặc Chân như của sắc, hoặc Chân như của Nhất thiết trí trí, hoặc Chân như của tất cả pháp, đều là một Chân như, không hai, không khác, cũng không cùng tận; hoặc Chân như của thọ, tưởng, hành, thức, hoặc Chân như của Nhất thiết trí trí, hoặc Chân như của tất cả pháp, đều là một Chân như, không hai, không khác, cũng không cùng tận". Như vậy, là có nhiều Chân như, nhưng tất cả đều như, vì là anh em với nhau trong cùng một Như Lai tạng nên không hai không khác. Đó chính là Chân

như quan Bát nhã. Hay nói một cách đại cương và giản dị nhất: ***Chân như là chỉ cái thật tướng chân thực, nghĩa là cái chân tướng bất biến nhất như của vạn hữu.***

Từ cái định nghĩa sơ khởi này hy vọng sẽ mở ngỏ cho ta hiểu biết về Chân Như Quan Bát nhã sau đây.

---o0o---

PHẨM BẤT THỐI CHUYỂN(1)
THỨ NĂM MƯƠI LĂM

Lúc bấy giờ Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Do hạnh gì, loại gì, tướng mạo gì mà biết là bậc đại Bồ Tát bất thối chuyển?"

Đức Phật dạy: "Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát biết được bậc phàm phu, bậc Thanh Văn, bậc Bích Chi Phật và bậc Phật. Trong tướng như của các bậc ấy không hai, không khác, cũng chẳng nghĩ, chẳng phân biệt. Vào trong như ấy, nghe sự ấy suốt thẳng qua không nghi. Tại sao vậy? Vì trong như ấy không một tướng, không hai tướng.

Đại Bồ Tát nầy cũng chẳng nói lời vô ích, chỉ nói toàn lời lợi ích, chẳng nhìn đến chỗ hay dỡ của người khác.

Nầy Tu Bồ Đề! Do những hạnh, loại, tướng mạo như vậy mà biết được bậc đại Bồ Tát bất thối chuyển".

- Bạch đức Thế Tôn! Lại còn do hạnh, loại, tướng mạo nào mà biết là bậc đại Bồ Tát bất thối chuyển?

- Nầy Tu Bồ Đề! **Đại Bồ Tát có thể xem thấy được tất cả pháp không hạnh, không loại, không tướng mạo, phải biết đây là bậc bất thối chuyển**.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp không hạnh, không loại, không tướng mạo, đại Bồ Tát chuyển những pháp gì mà gọi là bậc bất thối chuyển.

- Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát ở trong **sắc** mà chuyển nhẫn đến ở trong Vô thượng Bồ đề mà chuyển thì gọi là đại Bồ Tát bất thối chuyển.

Tại sao vậy? Vì sắc tánh không nhẫn đến Vô thượng Bồ đề tánh không thì Bồ Tát nầy sẽ trụ chỗ nào.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát chẳng nhìn xem diện mạo, ngôn ngữ của ngoại đạo, của Sa Môn, của Bà La Môn. Bồ Tát chẳng bao giờ có sự nghĩ rằng các nhà ngoại đạo, Sa Môn, Bà La Môn nầy thật biết, thật thấy hoặc nói chánh kiến.

Bồ Tát **chẳng có tâm nghi ngờ**, chẳng mắc giới thủ, chẳng sa tà kiến, cũng chẳng cầu việc tốt thế tục để làm thanh tịnh, chẳng lễ lạy cúng dường chư Thiên.

Do những hạnh, loại, tướng mạo nầy mà biết là bậc đại Bồ Tát bất thối chuyển.

Lại nữa, nầy Tu Bồ Đề! đại Bồ Tát **chẳng sanh nơi nhà hạ tiện**, nhẫn đến chẳng sanh chỗ bát nạn, thường chẳng thọ thân người nữ. Do những hạnh, loại, tướng mạo nầy mà biết là bực bất thối chuyển đại Bồ Tát.

Lại nầy Tu Bồ Đề**! Đại Bồ Tát thường thực hành mười nghiệp đạo lành**: tự mình chẳng sát sanh nhẫn đến chẳng tà kiến, cũng dạy người chẳng sát sanh nhẫn đến chẳng tà kiến, vui mừng khen ngợi người chẳng sát sanh nhẫn đến chẳng tà kiến. Bồ Tát nầy dầu trong giấc chiêm bao cũng chẳng phạm mười nghiệp đạo ác. Do những hạnh, loại, tướng mạo trên đây mà biết là bực đại Bồ Tát bất thối chuyển.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Vì lợi ích cho chúng sanh mà đại Bồ Tát **thực hành Đàn ba la mật nhẫn đến Bát nhã** ba la mật. Đây gọi là bậc bất thối chuyển.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Tất cả **mười hai bộ kinh**, từ khế kinh đến luận nghị, đại Bồ **Tát thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm.** Lúc ban pháp thí, đại Bồ Tát nghĩ rằng do pháp thí nầy mà tâm nguyện của tất cả chúng sanh hoàn mãn, đem công đức pháp thí nầy cho tất cả chúng sanh cùng hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Đây gọi là bậc đại Bồ Tát bất thối chuyển.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Trong pháp rất sâu, đại Bồ Tát chẳng nghi ngờ.

Tại sao vậy? Vì bậc đại Bồ Tát bất thối chuyển nầy đều chẳng thấy có pháp nào sanh được chỗ nghi ngờ. Từ sắc đến Nhất thiết chủng trí, chẳng thấy pháp nào sanh được chỗ nghi ngờ. Do những hạnh, loại, tướng mạo đây mà biết là bậc bất thối chuyển.

Lại nầy Tu Bồ Đề! **Thân, khẩu, ý, ba nghiệp của đại Bồ Tát đều dịu dàng**. Do đức từ mà thân, khẩu, ý thành tựu. Do đây mà biết là bậc bất thối chuyển.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát chẳng chung cùng với **ngũ cái: dâm dục, sân khuể, thùy miên, điệu hối và nghi.** Do hạnh, loại, tướng mạo nầy mà biết là bực bất thối chuyển.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Với tất cả chỗ, đại Bồ Tát đều **không ái trước**. Do đây mà biết là bậc bất thối chuyển.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc ra vào **đi lại ngồi, nằm, đi, đứng, cất chân, hạ chân, đại Bồ Tát luôn an ổn, thường tự chánh niệm, nhất tâm nhìn đất mà bước**. Do những hạnh, loại, tướng mạo nầy mà biết là bậc bất thối chuyển.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Y phục, mền nệm của đại Bồ Tát mặc dùng không ai gớm nhơ, Bồ Tát nầy ưa thích sạch sẽ, ít mang bịnh tật. Do đây mà biết là bậc bất thối chuyển.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Thân thể người thường có tám vạn hộ trùng xâm phạm cắn ăn. Thân thể của bậc đại Bồ Tát bất thối chuyển **không có hộ trùng** ấy. Vì công đức của Bồ Tát nầy vượt ngoài thế gian. Tùy theo công đức xuất thế nầy tăng ích mà Bồ Tát được thân thanh tịnh, được tâm thanh tịnh. Do những hạnh, loại, tướng mạo đây mà biết là bậc bất thối chuyển đại Bồ Tát".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát được thân thanh tịnh, được tâm thanh tịnh thế nào?"

Đức Phật phán dạy: "Nầy Tu Bồ Đề! Tùy thiện căn tăng ích đã được mà diệt trừ tâm vày vò, tâm tà vọng, đây gọi là **thân thanh tịnh và tâm thanh tịnh**. Do thân thanh tịnh và tâm thanh tịnh nầy mà đại Bồ Tát vượt hơn bâc Thanh Văn, bậc Bích Chi Phật để vào trong Bồ Tát vị. Đây gọi là bậc bất thối chuyển.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát **chẳng quý lợi dưỡng**. Dầu thật hành mười hai Hạnh Đầu đà(2) mà chẳng quý pháp Đầu Đà. Do đây mà gọi là bậc bất thối chuyển.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát thường **chẳng phát sanh tâm xan tham, tâm tật đố, tâm ngu si, thường chẳng phát sanh tâm phá giới, tâm sân động, tâm giải đãi, tâm tán loạn**. Do những hạnh, loại, tướng mạo đây mà biết là bậc bất thối chuyển.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát **tâm an trụ chẳng lay động, thâm nhập trí huệ**, nhất tâm nghe nhận những pháp theo nghe và sự việc thế gian đều hiệp với Bát nhã ba la mật. Đây là tướng mạo bất thối chuyển của bậc đại Bồ Tát bất thối chuyển.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Ở trước đại Bồ Tát, nếu ác ma hóa làm tám đại Địa ngục, trong đó có ngàn ức vạn Bồ Tát đang bị đốt nấu thống khổ. Ác ma bảo đại Bồ Tát nầy rằng: Những người trong Địa ngục đây toàn là bậc bất thối chuyển đại Bồ Tát được đức Phật thọ ký mà đọa vào đây, nếu Ngài được đức Phật thọ ký bậc bất thối chuyển cũng sẽ đọa vào đại Địa ngục nầy. Chi bằng Ngài xả bỏ tâm Bồ Tát thì chẳng bị đọa Địa ngục mà sẽ được sanh lên cõi Trời.

Dầu thấy sự trên, dầu nghe lời nói trên, Bồ Tát nầy vẫn chẳng động tâm, chẳng nghi, chẳng sợ mà tự nghĩ rằng không bao giờ có sự ấy.

Do hạnh, loại, tướng mạo trên đây mà biết là bậc bất thối chuyển đại Bồ Tát.

Nầy Tu Bồ Đề! Ác ma lại hóa làm Tỳ Kheo đắp y đến bảo Bồ Tát rằng: Trước kia Ngài nghe bảo phải tu sáu ba la mật nhẫn đến bảo phải tịnh tu được Vô thượng Bồ đề đó, Ngài nên mau bỏ đi, từ lúc mới phát tâm đến nay có bao nhiêu thiện căn hồi hướng Vô thượng Bồ đề, Ngài cũng nên mau bỏ đi. Nếu Ngài bằng lòng bỏ, tôi sẽ dạy Ngài Phật pháp chơn thật. Chỗ nghe học trước kia của Ngài đều chẳng phải Phật pháp, chẳng phải của Phật dạy, đó là đều văn sức nhóm hiệp làm ra thôi. Chỗ nói của tôi mới thật là Phật pháp.

Nếu Bồ Tát nghe nói như vậy rồi sanh tâm kinh sợ, nghi ngờ, phải biết đây là chưa được đức Phật thọ ký, chưa vào trong tánh bất thối. Nếu là bậc bất thối dầu nghe nói như vậy mà **tâm chẳng lay động, chẳng sợ, chẳng nghi, luôn tùy thuận y chỉ nơi pháp vô tác, vô sanh,** chẳng tin làm theo lời người khác. Lúc thật hành sáu ba la mật chẳng theo lời người khác, nhẫn đến lúc thực hành Vô thượng Bồ đề cũng chẳng theo lời người khác, hiện thấy thật tướng của các pháp, chẳng tin làm theo lời người khác, ví như bậc lậu tận A La Hán(3), ác ma chẳng lay chuyển được.

Nầy Tu Bồ Đề! Với đại Bồ Tát bất thối chuyển, những hàng cầu Thanh Văn, Bích Chi Phật chẳng thể phá hoại được, chẳng thể chiết phục(4) được tâm của Bồ Tát nầy.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát nầy quyết định an trụ trong bậc bất thối chuyển chẳng theo lời người khác, dầu là lời của Phật dạy cũng chẳng liền tin lấy ngay, huống là lời nói của những người cầu Thanh Văn, cầu Bích Chi Phật và của ác ma, ngoại đạo, phạm chí mà lại tin theo, không bao giờ có việc ấy.

Tại sao vậy?

Đại Bồ Tát nầy **chẳng thấy có pháp gì có thể tin theo**: chẳng thấy có sắc hoặc thọ, tưởng, hành, thức, hoặc sắc như nhẫn đến thức như, nhẫn đến chẳng thấy Vô thượng Bồ đề, hoặc Vô thượng Bồ đề như.

Do hạnh, loại, tướng mạo nầy mà biết là bậc bất thối chuyển.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Ác ma hóa thân Tỳ Kheo đến bảo Bồ Tát rằng: Chỗ tu hành của Ngài là pháp sanh tử, chẳng phải đạo Nhất thiết trí, Ngài nên tại thân đời nay chứng quả khổ tận. Khi đó

ác ma dùng hạnh thế gian nói pháp tợ đạo, pháp tợ đạo nầy là sự hệ phược tam giới, như là tướng xương trắng, hoặc nói về sơ thiền nhẫn đến nói về phi phi tưởng xứ. Ngài dùng đạo nầy, hạnh nầy sẽ được quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến sẽ được quả A La Hán. Ngài dùng đạo nầy, đời nay sẽ dứt hết khổ sanh tử, sao Ngài lại mãi chịu lấy những khổ não trong sanh tử làm gì. Còn chẳng cần thọ lấy thân tứ đại đời nay huống là sẽ lại thọ lấy thân đời sau.

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát nầy khi nghe lời nói ấy lòng chẳng kinh sợ, nghi ngờ, tự nghĩ rằng vị Tỳ Kheo nầy làm lợi ích cho tôi chẳng ít, vì tôi mà nói pháp tợ đạo, thật hành pháp tợ đạo nầy còn chẳng chứng được quả Tu Đà Hoàn, huống là chứng được quả Vô thượng Bồ đề. Đại Bồ Tát nầy càng thêm vui mừng mà nghĩ rằng: Vị Tỳ Kheo nầy làm lợi ích cho tôi không ít, vì tôi mà nói pháp chướng đạo, chướng học đạo Tam thừa.

Khi đó ác ma biết Bồ Tát vui mừng nên bảo rằng: Ngài muốn thấy hàng đại Bồ Tát cúng dường hằng sa chư Phật, cùng ở chỗ hằng sa chư Phật tu hành sáu ba la mật, cũng hầu cận hằng sa chư Phật thưa hỏi Bồ Tát đạo: thế nào an trụ Bồ Tát thừa? Thế nào thực hành sáu ba la mật, tứ niệm xứ nhẫn đến đại từ đại bi? Hàng đại Bồ Tát ấy theo đúng như lời chư Phật dạy mà an trụ, mà thực hành, mà tu tập. Hàng đại Bồ Tát tu học như vậy mà còn chẳng được Vô thượng Bồ đề, chẳng được Nhất thiết chủng trí huống là Ngài mà lại sẽ được Vô thượng Bồ đề!

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát nầy khi nghe nói như vậy mà lòng chẳng kinh lạ, càng thêm vui mừng mà tự nghĩ rằng: Tỳ Kheo nầy làm lợi cho tôi chẳng ít, vì tôi mà nói pháp chướng đạo.

Bấy giờ ác ma biết tâm Bồ Tát nầy chẳng kinh nghi nên liền hóa làm đông nhiều Tỳ Kheo mà bảo Bồ Tát nầy rằng: Những vị nầy đều là Bồ Tát phát tâm cầu Phật đạo, hiện nay đều an trụ bậc bất thối chuyển cả. Những vị nầy còn chẳng thể được Vô thượng Bồ đề, huống là Ngài có thể được!

Nghe và thấy sự việc trên đây, đại Bồ Tát nầy liền nghĩ rằng đây là ác ma nói pháp tương tợ đạo, đại Bồ Tát thực hành Bát nhã ba la mật chẳng nên thối chuyển tâm Vô thượng Bồ đề, cũng chẳng được sa vào đạo Thanh Văn, đạo Bích Chi Phật, lại nghĩ rằng: Thực hành Đàn ba la mật nhẫn đến Nhất thiết chủng trí mà chẳng được Vô thượng Bồ đề, không bao giờ có sự ấy.

Nầy Tu Bồ Đề! Do những hạnh, loại, tướng mạo trên đây mà biết là bậc bất thối chuyển đại Bồ Tát.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tự nghĩ rằng: Nếu Bồ Tát có thể theo đúng lời Phật dạy, chẳng xa rời Bát nhã ba la mật nhẫn đến Nhất thiết chủng trí, Bồ Tát nầy trọn chẳng thối chuyển Vô thượng Bồ đề, nếu Bồ Tát hay biết ma sự cũng chẳng mất Vô thượng Bồ đề.

Do hạnh, loại, tướng mạo nầy mà biết là tướng đại Bồ Tát bất thối chuyển“.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Chuyển nơi pháp gì gọi là bất thối chuyển?”

Đức Phật dạy: “Chuyển nơi sắc tướng, chuyển nơi thọ, tưởng, hành, thức tướng, nhẫn đến chuyển nơi Phật tướng, do đây mà gọi là tướng đại Bồ Tát bất thối chuyển.

Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát nầy dùng pháp tự tướng không để nhập Bồ Tát vị, được vô sanh pháp nhẫn.

Cớ sao gọi là vô sanh pháp nhẫn? Vì trong đây không có chút pháp nào có thể được, vì chẳng thể được nên chẳng làm, vì chẳng làm nên chẳng sanh, đây gọi là vô sanh pháp nhẫn.

Do hạnh, loại, tướng mạo nầy nên gọi là bậc đại Bồ Tát bất thối chuyển".

Thích nghĩa:

*(1). Bất thối chuyển: (Phạm: avinivartanìya): Cũng gọi là Bất thoái chuyển nghĩa là không sa ngã, không lùi bước trước mọi trở lực hay cám dỗ. Bồ tát bất thối: Kinh Đại Bát Nhã quyển 449 nói, vào ngôi Kiến đạo được vô sinh pháp nhẫn, thì không còn rơi vào bậc Nhị thừa, nên được gọi là bất thoái. Còn đứng về phương diên giai vị, trong 52 giai vị Bồ tát(Thập tín vị, Thập trụ vị, Thập hành vị, Thập hồi hướng vị, Thập địa vị, Đẳng giác, Diệu giác)thì trong Thập trụ vị gồm có 10 bậc Thập trụ tâm là: 1). Phát tâm trụ, 2). Trị địa (tâm) trụ, 3). Tu hành (tâm) trụ, 4). Sinh quí (tâm) trụ, 5). Phương tiện (tâm) trụ, 6.) Chính tâm trụ, 7). **Bất thoái (tâm) trụ**, 8). Đồng chân (tâm) trụ, 9). Pháp vương tử (tâm) trụ và 10). Quán đính (tâm) trụ. Ở giai vị thứ bảy, bất thoái(tâm) trụ nầy Bồ tát không còn thoái chuyển nữa nên gọi là Bất thoái chuyển Bồ tát.*

*(2). Mười hai hạnh Đầu đà hay **thập nhị đầu đà hạnh**: Cũng gọi Thập nhị thệ hạnh, Thập nhị đỗ đa công đức, Đầu đà thập nhị pháp hạnh. Chỉ cho "12 phạm hạnh tu sửa thân tâm", trừ sạch phiền não trần cấu.(Xin xem lại thích nghĩa trong phần lược giải thuộc phẩm "Phát Thú").*

(3). Lậu tận A la hán: Oai lực của quả vị A la hán, hàm ý diệt trừ sạch mọi phiền não, lậu hoặc. (Từ điển Phật học Anh Hán Việt, C. Muller soạn - Thích Nhuận Châu Việt dịch)

(4). Chiết phục hay khắc phục dùng uy lực bắt buộc kẻ khác phải theo mình.

---o0o---

QUYỂN THỨ MƯỜI CHÍN

PHẨM KIÊN CỐ
THỨ NĂM MƯƠI SÁU

(Tương đương với phần đầu phẩm "Phương Tiện Thiện Xảo", Q.327 và kế tiếp, ĐBN)

Đức Phật phán dạy: "Lại Nầy Tu Bồ Đề! Ác ma đến Bồ Tát, muốn phá hoại tâm của Bồ Tát mà bảo rằng: Nhứt thiết chủng trí đồng với hư không rỗng không, chẳng có tướng, các pháp đồng với hư không rỗng không, chẳng có tướng. Ở trong các pháp đồng với hư không rỗng không, chẳng có tướng ấy, không có ai được Vô thượng Bồ đề, cũng không có chẳng được, các pháp ấy đều như hư không, chẳng có tướng. Ngài luống chịu khổ siêng tu vô ích. Vô thượng Bồ đề của Ngài nghe đó đều là ma sự, chẳng phải lời của Phật dạy. Ngài luôn bỏ tâm nguyện ấy đi. Ngài chớ mãi thọ lấy sự khổ, lo lắng chẳng an ấy mà phải đọa vào ác đạo.

Lúc nghe lời trách cứ ấy, Bồ Tát nầy nên nghĩ rằng đây là ác ma muốn phá hoại tâm Vô thượng Bồ đề của tôi.

Các pháp dầu như hư không, chẳng chỗ có, tự tướng rỗng không, nhưng chúng sanh chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu.

Tôi cũng do đại thệ trang nghiêm rỗng không, chẳng có tự tướng, đồng như hư không mà được nhứt thiết chủng trí rồi vì chúng sanh mà thuyết pháp cho họ được giải thoát, chứng quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến quả Vô thượng Bồ đề.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát từ lúc sơ phát tâm về sau, nếu nghe sự việc trên tự phải vững tâm, chẳng động chuyển. Do tâm vững chắc, chẳng động chuyển nầy mà thực hành sáu ba la mật tất sẽ được vào Bồ Tát vị".(1)

- Bạch đức Thế Tôn! Vì bất chuyển mà gọi là bất thối chuyển hay là vì chuyển mà gọi là bất thối chuyển?

- Nầy Tu Bồ Đề! Vì bất chuyển, vì chuyển cũng gọi là bất thối chuyển.(2)

Tại sao vậy?

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát chẳng bị chuyển nơi bực Thanh Văn, bực Bích Chi Phật thì gọi là bất thối chuyển. Nếu đại Bồ Tát chuyển bực Thanh Văn, bực Bích Chi Phật thì cũng gọi là bất thối chuyển.

Do những hạnh, loại, tướng mạo trên đây mà được gọi là đại Bồ Tát bất thối chuyển.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Bậc đại Bồ Tát bất thối chuyển lúc muốn nhập sơ thiền đến diệt tận định liền được nhập. Lúc muốn tu tứ niệm xứ đến ngũ thần thông liền có thể tu. Dầu tu tứ niệm xứ đến ngũ thần thông, nhưng đại Bồ Tát nầy chẳng thọ lấy tứ niệm xứ, dầu tu các thiền mà chẳng thọ lấy các thiền, nhẫn đến chẳng thọ lấy quả A La Hán, quả Bích Chi Phật. Đại Bồ Tát nầy vì chúng sanh mà thọ lấy thân để tùy theo chỗ đáng, chỗ nên hầu làm lợi ích họ.

Do hạnh, loại, tướng mạo nầy mà được gọi đại Bồ Tát bất thối chuyển.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát bất thối chuyển thường nghĩ nhớ Vô thượng Bồ đề, trọn chẳng xa lìa tâm nhứt thiết chủng trí.

Vì chẳng xa lìa tâm nhứt thiết chủng trí nên chẳng quý sắc, chẳng quý tướng, chẳng quý Thanh Văn, Bích Chi Phật, chẳng quý sáu độ, chẳng quý tứ thiền, tứ vô lượng tâm nhẫn đến ngũ thần thông, chẳng quý tứ niệm xứ đến bát thánh đạo, chẳng quý mười trí lực đến mười tám pháp bất cộng, chẳng quý tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, chẳng quý thấy Phật, chẳng quý chủng thiện căn.

Tại sao vậy? Vì tất cả pháp tự tướng không, chẳng có pháp quý được và tâm hay quý. Tất cả pháp vô sở hữu, tự tướng không như hư không.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát bất thối chuyển nầy thành tựu tâm như đây ở trong bốn oai nghi của thân thể: đi, đứng, nằm, ngồi, tới lui, ra vào luôn nhứt tâm bất loạn.

Do những hạnh, loại, tướng mạo nầy mà gọi là đại Bồ Tát bất thối chuyển.

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát hiện thân tại gia vì lợi ích chúng sanh mà thọ lấy ngũ dục để bố thí cho chúng sanh: người cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cần y phục, ngọa cụ, thuốc men đều cung cấp cho. Đại Bồ Tát nầy tự làm đàn ba la mật(3) và dạy người làm Đàn ba la mật, khen ngợi pháp Đàn ba la mật, cũng vui mừng khen ngợi người làm Đàn ba la mật, nhẫn đến Bát nhã ba la mật cũng vậy. Ở tại gia, đại Bồ Tát nầy đem trân bửu đầy Diêm Phù Đề, đầy cõi cõi Đại Thiên để cấp thí cho mọi loài chúng sanh, chẳng tự vì mình mà thường tu phạm hạnh, chẳng hiếp đáp, khinh dễ, cướp giựt của kẻ khác cho họ phải sầu lo.

Do những hạnh, loại, tướng mạo nầy mà gọi là bực bất thối chuyển đại Bồ Tát.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Chấp Kim Cang Thần Vương nhẫn đến Ngũ Tánh Chấp Kim Cang Thần thường theo kề cận thủ hộ đại Bồ Tát nầy mà nghĩ rằng: Đại Bồ Tát nầy sẽ được Vô thượng Bồ đề. Do đây nên hoặc chư Thiên Tử, hoặc hư Ma Vương, Phạm Vương, hoặc người thế lực ở

nhơn gian đều chẳng phá hoại được tâm nhứt thiết trí của đại Bồ Tát nầy, nhẫn đến thành Vô thượng Bồ đề.

Đây gọi là tướng đại Bồ Tát bất thối chuyển.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát thường đầy đủ ngũ căn của bực Bồ Tát: tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, huệ căn. Đây gọi là tướng bất thối chuyển.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát bất thối chuyển làm thượng nhơn chớ chẳng làm hạ nhơn.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là thượng nhơn?

- Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát nhứt tâm thục hành Vô thượng Bồ đề, lòng chẳng tán loạn thời gọi là thượng nhơn.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát thường nhất tâm niệm Phật đạo, vì sanh hoạt thanh tịnh nên chẳng làm những nghề chú thuật, hòa hiệp, thuốc men, chẳng phù chú quỷ thần, sai nhập nam nữ để hỏi sự kiết hung, phước lộc, sống chết. Tại sao vậy? Vì rõ biết các pháp tự tướng không, chẳng thấy các tướng nên chẳng làm việc tà mạng mà làm chánh mạng. Đây gọi là tướng bất thối chuyển đại Bồ Tát.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Nay Phật sẽ lại nói hạnh, loại, tướng mạo của đại Bồ Tát bất thối chuyển, ngươi nên nhứt tâm lắng nghe.

Đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật. Vì thường chẳng xa rời Vô thượng Bồ đề nên chẳng nói sự ngũ ấm, chẳng nói sự thập nhị nhập, chẳng nói sự thập bát giới. Tại sao vậy? Vì thường quan niệm ngũ ấm, thập nhị nhập, thập bát giới tướng không.

Đại Bồ Tát nầy chẳng thích nói đến việc quan. Tại sao vậy? Vì an trụ trong tướng không của các pháp nên chẳng có sự sang, sự hèn.

Chẳng thích nói việc cướp trộm, vì các pháp tự tướng không nên chẳng thấy hoặc được hoặc mất.

Chẳng thích nói việc quân trận, vì các pháp tự tướng không nên chẳng thấy hoặc nhiều hoặc ít.

Chẳng thích nói việc chiến đấu, vì các pháp tự tướng không nên chẳng thấy hoặc thương hoặc ghét.

Chẳng thích nói việc phụ nữ, trụ trong pháp không nên chẳng thấy việc đẹp hoặc xấu.

Chẳng thích nói việc xóm làng, vì các pháp tự tướng không nên chẳng thấy hoặc hiệp hoặc tan.

Chẳng thích nói việc thành thị, vì trong thiệt tế chẳng thấy hoặc thắng hoặc thua.

Chẳng thích nói quốc sự, vì an trụ trong thiệt tế chẳng thấy có pháp thuộc nơi đó hoặc chẳng thuộc nơi đó.

Chẳng thích nói đến chính mình, vì an trụ trong pháp tánh nên chẳng thấy có pháp nào là ngã hoặc là vô ngã, nhẫn đến chẳng thấy có ai biết, ai thấy.

Như vậy, đại Bồ Tát chẳng thích nói các sự việc thế gian, chỉ ưa nói Bát nhã ba la mật, chẳng xa rời tâm nhứt thiết trí.

Lúc làm **Đàn ba la mật chẳng làm sự xan tham, lúc làm Thi ba la mật chẳng làm sự phá giới, lúc làm Nhẫn ba la mật chẳng làm sự giận tranh, lúc làm Tấn ba la mật chẳng làm sự**

giải đãi, lúc làm Thiền ba la mật chẳng làm sự tán loạn, lúc làm Huệ ba la mật chẳng làm sự ngu si.

Đại Bồ Tát nầy dầu thật hành tất cả pháp không(4), nhưng thích chánh pháp, mến chánh pháp. Dầu thật hành pháp tánh nhưng thường tán thán pháp bất hoại mà mến thích thiện tri thức như là chư Phật và chư Bồ Tát, Thanh Văn, Bích Chi Phật. Có thể giáo hóa người ưa muốn Vô thượng Bồ đề.

Đại Bồ Tát nầy thường muốn thấy chư Phật. Khi nghe nói Phật hiện ở cõi nước nào liền nguyện vãng sanh. Ngày đêm luôn tưởng niệm Phật.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát nầy nhập sơ thiền đến phi phi tưởng xứ định, vì dùng sức phương tiện nên phát khởi tâm cõi Dục, thác sanh vào trong hàng chúng sanh hay thật hành thập thiện nghiệp, và trong chỗ hiện tại có Phật ở.

Do những hạnh, loại, tướng mạo trên đây, phải biết đó là bậc đại Bồ Tát bất thối chuyển.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát an trụ nơi nội không, ngoại không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không, an trụ nơi tứ niệm xứ nhẫn đến ba môn giải thoát: không, vô tướng, vô tác. Với trong địa vị của mình tự biết rất rõ, chẳng còn nghi là phải hay không phải bậc bất thối chuyển.

Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát nầy chẳng còn thầy có chút pháp nào ở trong Vô thượng Bồ đề hoặc chuyển hay bất thối chuyển.

Nầy Tu Bồ Đề! Ví như có người được quả Tu Đà Hoàn, an trụ trong bậc Tu Đà Hoàn, tự biết rõ ràng, trọn chẳng nghi ngờ. Cũng vậy, an trụ trong bất thối chuyển, đại Bồ Tát nầy tự biết rõ ràng, trọn chẳng nghi ngờ. An trụ trong bậc nầy, đại Bồ Tát thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh. Lúc các ma sự phát khởi thì hay biết, cũng chẳng theo ma sự phá hoại ma sự.

Nầy Tu Bồ Đề! Ví như có người phạm tội ngũ nghịch, tâm tội ngũ nghịch luôn theo dính người đói cho đến chết chẳng rời, dầu có nghĩ việc khác cũng vẫn không ngăn cách tâm tội ấy. Cũng vậy, đại Bồ Tát nầy tự an trụ trong địa vị của mình, tâm thường bất động. Tất cả Thiên, Nhơn, A Tu La trong đời không làm động chuyển được tâm Bồ Tát nầy. Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát nầy vượt trên tất cả hàng Thiên, Nhơn, A Tu La mà vào trong địa vị chánh Pháp, an trụ nơi bực mình đã chứng, đầy đủ thần thông Bồ Tát, hay tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh, từ một Phật độ đến một Phật độ. Ở chỗ chư Phật mười phương gieo trồng những thiện căn, hầu gần thưa hỏi chư Phật. Đại Bồ Tát nầy an trụ như vậy, lúc có ma sự phát khởi liền hay biết mà chẳng theo, dùng sức phương tiện đặt ma sự vào trong thật tế. Với địa vị tự chứng, đại Bồ Tát nầy chẳng nghi ngờ, hối tiếc. Rõ biết thật tế nầy chẳng phải một, chẳng phải hai. Do cớ trên đây mà đại Bồ Tát nầy nhẫn đến lúc chuyển thân, trọn chẳng hướng về bậc Thanh Văn, Bích Chi Phật.

Trong các pháp tự tướng không, đại Bồ Tát nầy chẳng thấy có pháp nào hoặc sanh hoặc diệt hoặc cấu hoặc tịnh.

Nầy Tu Bồ Đề! Nhẫn đến lúc chuyển thân, đại Bồ Tát nầy trọn chẳng nghi rằng mình sẽ được hay chẳng được Vô thượng Bồ đề. Vì các pháp tự tướng không chính đó là Vô thượng Bồ đề.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát nầy an trụ trong địa vị của mình chứng, chẳng theo lời người khác, không ai phá hoại được. Vì bực nầy đã thành tựu trí huệ bất động vậy.

Do những hạnh, loại, tướng mạo trên đây, phải biết đó gọi là bực đại Bồ Tát bất thối chuyển.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Nếu có ác ma hiện thân Phật đến bảo đại Bồ Tát nầy rằng: Nay Ngài ở trong đây chứng lấy quả A La Hán, Ngài cũng chẳng được thọ ký Vô thượng Bồ đề, cũng chưa được vô sanh pháp nhẫn, Ngài không có hạnh, loại, tướng mạo của bực bất thối chuyển, cũng không có tướng để được thọ ký Vô thượng Bồ đề. Lúc nghe lời nói như trên, đại Bồ Tát nầy trọn không kinh sợ, nghi ngờ và tự biết quyết định sẽ được chư Phật thọ ký Vô thượng Bồ đề. Tại sao vậy? Vì chư Bồ Tát do pháp ấy mà được thọ ký, nay tôi cũng có pháp ấy tất được thọ ký.

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu ác ma hoặc người bị ma sai hiện hình Phật đến thọ ký quả Thanh Văn, Bích Chi Phật cho đại Bồ Tát nầy.

Đại Bồ Tát nầy liền tự nghĩ rằng đây là ác ma hoặc người bị ác ma sai hiện hình Phật đến làm như vậy. Vì chư Phật chẳng bao giờ bảo Bồ Tát xa lìa Vô thượng Bồ đề để an trụ bực Thanh Văn, Bích Chi Phật.

Do những hạnh, loại, tướng mạo như trên mà gọi là bực đại Bồ Tát bất thối chuyển.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Ác ma hiện thân Phật đến chỗ Bồ Tát mà bảo rằng: Kinh sách của Ngài học chẳng phải của Phật nói, cũng chẳng phải của Thanh Văn nói, đó là của ma nói.

Đại Bồ Tát nầy liền tự nghĩ biết là ác ma hiện ra bảo tôi xa rời Vô thượng Bồ đề.

Nầy Tu Bồ Đề! Phải biết đại Bồ Tát nầy đã được chư Phật quá khứ thọ ký cho, đã ở bậc bất thối chuyển.

Tại sao vậy? Vì chư đại Bồ Tát có bao nhiêu hạnh, loại, tướng mạo bất thối chuyển thì đại Bồ Tát nầy cũng có đủ những hạnh, loại, tướng mạo ấy. Đây gọi là bậc đại Bồ Tát bất thối chuyển.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát nầy vì hộ trì chánh pháp mà chẳng tiếc thân mạng huống là những vật khác. Lúc hộ trì Phật pháp, đại Bồ Tát nghĩ rằng chẳng phải vì hộ trì chánh pháp của một đức Phật mà vì hộ trì chánh pháp của thập phương tam thế tất cả chư Phật nên chẳng tiếc thân mạng.

Nầy Tu Bồ Đề! Như lời Phật đã dạy: Tất cả pháp chơn không.(5)

Lúc có kẻ ngu si phá hoại, chẳng lời của Phật mà tuyên nói rằng đó là phi pháp, là chẳng lành, chẳng phải lời dạy của Phật.

Nầy Tu Bồ Đề! Vì hộ trì pháp chơn không như vậy mà đại Bồ Tát chẳng tiếc thân mạng.

Đại Bồ Tát cũng tự nghĩ rằng tôi cũng ở trong số chư Phật vị lai, đã thọ ký trong số đó, pháp chơn không ấy cũng là pháp của tôi. Tôi vì hộ pháp ấy mà chẳng tiếc thân mạng.

Nầy Tu Bồ Đề! Vì thấy sự lợi ích quan hệ như vậy nên đại Bồ Tát chẳng tiếc thân mạng để hộ trì.

Do những hạnh, loại, tướng mạo ấy mà biết là tướng của bậc bất thối chuyển .

Lại nầy Tu Bồ Đề! Nghe đức Phật thuyết pháp, đại Bồ Tát chẳng nghi hối, nghe xong ghi nhớ, thọ trì, trọn chẳng quên mất. Tại sao vậy, vì đại Bồ Tát đã được đà la ni.

- Bạch đức Thế Tôn! Được đà la ni gì mà khi nghe đức Phật thuyết các kinh pháp lại chẳng quên mất?

- Nầy Tu Bồ Đề! Vì Bồ Tát được văn trì đà la ni nên chẳng quên mất các kinh pháp của đức Phật đã dạy và chẳng nghi hối.

- Bạch đức Thế Tôn! Chỉ chẳng quên, chẳng nghi kinh pháp của đức Phật dạy, còn Thanh Văn, Bích Chi Phật, Thiên Long, Bát Bộ nói có được chẳng quên, chẳng nghi chăng?

- Nầy Tu Bồ Đề! Tất cả lời nói về các sự việc, Bồ Tát được đà la ni nầy đều chẳng quên, chẳng nghi.

Nầy Tu Bồ Đề! Những hạnh, loại, tướng mạo như vậy, phải biết đó là bậc đại Bồ Tát bất thối chuyển".

Thích nghĩa:

(1). Bồ tát vị: giai vị Bồ tát tức các giai đoạn thực chứng tâm linh, đã thích nghĩa ở phẩm "Khuyến Học", quyển thứ ba, MHBNBLM.

(2). Bồ tát phát tâm hướng đến giác ngộ: Trong suốt quá trình tu tập trãi qua biết bao gian nan thử thách mà không sa ngã, không chùn bước thối lui thì gọi là Bất thối chuyển Bồ tát. Kinh nói "vì bất chuyển" nên thành bất thối chuyển. Nhưng vào bậc Thanh văn hay Độc giác thay vì chứng thực tế vào Niết bàn lại vì Đại thừa phát nguyện rộng lớn tu hành đến Vô thượng Bồ đề để cứu độ chúng sanh thì kinh nói "vì chuyển" mà thành Bồ tát bất thối chuyển. Chuyển ở đây là chuyển cái tâm "khôi thân diệt trí" để trở thành tâm quảng đại nên mới được gọi là bất thối chuyển. Đây chỉ là cách dùng từ, "nên theo nghĩa chớ không theo ngôn từ"!

*(3). Đàn(bố thí), thi(trì giới), sằn đề(nhẫn nhục), tì lê da(tinh tấn), thiền na(thiền), Bát nhã(huệ): Đó là những âm viết tắt của tiếng Phạn. (Xem lại **phần thứ I**, tổng luận).*

(4). Pháp không: Tánh không của các pháp. Tiểu thừa chỉ thấy ngã không, pháp có nên chỉ lo phá ngã. Đại thừa chủ trương nhân không(nhân vô ngã) và pháp cũng không(pháp vô ngã). Bát nhã thuyết về Tánh Không quan niệm tất cả vạn hữu là không, không có tự tánh, không có chủ thể, do duyên hợp giả có, nên gọi là không.

*(5). **Chơn không, chân không(**眞空): (Đây là trích dẫn chú giải nguyên văn của **Phật học Tinh tuyển và Thuật ngữ, Điển tích Tam giáo**): Cảnh giới Niết Bàn của Phật Giáo Nguyên Thủy. Không phải ngụy nghĩa là chân (眞), lìa tướng gọi là không (空). Lý tánh của chân như lìa hết thảy tướng mê tình thấy được, dứt bặt và vượt qua tương đối của cái gọi là "có" và "không"; nên gọi là chân không. Đó là Không Chân Như (空眞如) của Khởi Tín Luận (起信論), là Nhị Không Chơn Như (二空眞如) của Duy Thức (唯識), cũng là Chân Không Quán (眞空觀) trong Tam Quán của Hoa Nghiêm (華嚴). Bên cạnh đó, Phật Giáo Đại Thừa lấy cái có (有, hữu) của chẳng phải có (非有, phi hữu) gọi là diệu hữu (妙有), và gọi cái không (空) của chẳng phải không (非空, phi không) là chân không. Đây chính là cảnh giới chân không tối cực của Phật Giáo Đại Thừa. Như trong Lục Tổ Đại Sư Pháp Bảo Đàn Kinh (六祖大師法寶壇經, Taishō Vol. 48, No. 2008) có câu: "Niệm niệm thuyết không, bất thức chơn không (念念**說空、不識眞空**, dịch: mỗi niệm bảo không, chẳng biết chơn không)." Hay trong bản văn Trường Can Tự Chúng Thực Bi (長干寺眾食碑) của Từ Lăng (徐陵, 507-583) nhà Trần thời Nam Triều có đoạn: "An trú Đại Bát Niết Bàn, hành tại chơn không, thâm nhập vô vi Bát Nhã (安住於大般涅槃、行在眞空、深入於無爲般若, an trú Đại Bát Niết Bàn, hành ở chơn không,*

nhập sâu vô vi Bát Nhã).” Trong Pháp Giới Thánh Phàm Thủy Lục Đại Trai Phổ Lợi Đạo Tràng Tánh Tướng Thông Luận (法界聖凡水陸大齋普利道場性相通論, 卍 Tục Tạng Kinh Vol. 74, No. 1498) quyển 3 lại có bài kệ rằng: “Diệu hương khởi xứ vô sở khởi, bổn lai vô vật tức chân không, thái hư châu biến thành hương vân, bất ly chân không hiện diệu giả (妙香起處無所起、本來無物卽眞空、太虛周遍成香雲、不離眞空現妙假, dịch: hương mầu dấy khởi không chốn khởi, xưa nay không vật tức chân không, trời đất cùng khắp thành mây hương, chẳng lìa chân không hiện tướng giả).” Thiền sư Thanh Đàm (清潭, ?-1173) của Việt Nam có bài thơ rằng: “Tây lai trực chỉ vị tâm tông, hà nãi cửu niên diện bích trung, tất dã đầu cơ cơ vị thục, thục thời nhiên hậu hiển chân không (西來直指謂心宗、何乃九年面壁中、悉也投機機未熟、熟時然後顯眞空, dịch: từ Tây thẳng đến chỉ tâm tông, sao lại chín năm mặt trông tường, ắt cũng căn cơ chưa được chín, chín rồi sau mới lộ chân không)”.

Lưu ý: *Thỉnh thoảng trong phần thích nghĩa chúng tôi nhắc lại một vài từ ngữ như pháp không, chơn không để quý vị có thể phân biệt với những từ “gần tương tự” như Tánh Không, Chơn Như v.v… Càng đi sâu vào Bát nhã thì càng thông hiểu thêm.*

---o0o---

PHẨM THÂM ÁO
THỨ NĂM MƯƠI BẢY

(Phẩm nầy tương đương với phẩm “Phương Tiện Thiện Xảo”,
Q.328 đến Q.330 của ĐBN, do ngài Huyền Trang dịch).

Lúc ấy Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát bất thối chuyển thành tựu đại công đức, thành tựu vô lượng công đức, thành tựu vô biên công đức”.

Đức Phật phán dạy: “Đúng như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát bất thối chuyển thành tựu đại công đức, thành tựu vô lượng công đức, thành tựu vô biên công đức.

Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát bất thối chuyển được vô lượng vô biên trí huệ, chẳng đồng với hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật.

An trụ trong trí huệ ấy, đại Bồ Tát nầy phát sanh bốn trí vô ngại(1). Vì được bốn trí vô ngại nầy nên tất cả Trời, Người, thế gian không thể cùng tận được”.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! đức Phật có thể hằng sa kiếp khen ngợi những hạnh, loại, tướng mạo của đại Bồ Tát bất thối chuyển.

Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát bất thối chuyển nầy an trụ trong chỗ thâm áo nào mà lúc thực hành sáu Ba la mật được đầy đủ tứ niệm xứ nhẫn đến đầy đủ Nhất thiết chủng trí?”

- Lành thay, lành thay! Nầy Tu Bồ Đề! Người vì đại Bồ Tát bất thối chuyển mà hỏi chỗ thâm áo đó.

Nầy Tu Bồ Đề! **Chỗ thâm áo đây nghĩa của nó là không, là vô tướng, vô tác, vô khởi, vô sanh, vô nhiễm, là ly, là tịch diệt, là như, là pháp tánh, thật tế, là Niết Bàn**. Những pháp trên đây là nghĩa của thâm áo.

- Bạch đức Thế Tôn! Chỉ có không, vô tướng, vô tác nhẫn đến Niết Bàn là thâm áo, còn tất cả pháp là chẳng phải ư?

- Nầy Tu Bồ Đề! Tất cả pháp cũng là nghĩa thâm áo cả: sắc cũng thâm áo, thọ, tưởng, hành, thức cũng thâm áo, nhẫn đến ý cũng thâm áo, sắc đến pháp cũng thâm áo, nhãn giới đến ý thức giới cũng thâm áo, Đàn na ba la mật đến Vô thượng Bồ đề cũng thâm áo.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là sắc nhẫn đến Vô thượng Bồ đề cũng đều thâm áo?

- Nầy Tu Bồ Đề! Vì sắc như thâm áo nên sắc cũng thâm áo, nhẫn đến vì Vô thượng Bồ đề như thâm áo nên Vô thượng Bồ đề cũng thâm áo.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là sắc như thâm áo nhẫn đến Vô thượng Bồ đề như thâm áo?

- Nầy Tu Bồ Đề! sắc như đó chẳng phải sắc chẳng phải rời sắc, nhẫn đến Vô thượng Bồ đề như đó chẳng phải Vô thượng Bồ đề chẳng phải rời Vô thượng Bồ đề.

- Bạch đức Thế Tôn! Thật là hy hữu. Đức Phật dùng sức phương tiện vi diệu **làm cho đại Bồ Tát bất thối chuyển rời (1)sắc xứ Niết Bàn, cũng làm cho rời tất cả pháp xứ Niết Bàn.**

- Đúng như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Đức Phật dùng sức phương tiện vi diệu làm cho đại Bồ Tát bất thối chuyển rời sắc xứ Niết Bàn, cũng làm cho rời tất cả pháp xứ Niết Bàn.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát có pháp thâm áo như vậy cùng Bát nhã ba la mật tương ứng, quan sát, tính lường, suy gẫm, nghĩ rằng: Tôi phải thực hành như thế, đúng như lời dạy trong Bát nhã ba la mật, tôi phải học tập như thế, đúng như trong Bát nhã ba la mật đã nói.

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát có thể làm, có thể học đúng như lời, quán sát đúng như trong Bát nhã ba la mật, siêng năng tinh tấn đây thì lúc phát khởi một niệm sẽ được vô lượng vô biên vô số phước đức, siêu việt vô lượng kiếp, gần quả Vô thượng Bồ đề, huống là thường thực hành Bát nhã ba la mật đúng với niệm Vô thượng Bồ đề.

Ví như người tánh nhiều dâm dục hẹn ước với cô gái xinh đẹp, đến giờ hẹn cô gái vì trở ngại nên không đến được. Ý ngươi thế nào? Nầy Tu Bồ Đề! Chỗ nhớ tưởng của gã đàn ông đó sẽ ở đâu?

- Bạch đức Thế Tôn! Gã ấy niệm niệm luôn nhớ đến cô gái, mong cô sẽ đến để cùng ngồi, cùng nằm, cùng vui.

- Nầy Tu Bồ Đề! Trong một ngày đêm, nơi tâm gã ấy có mấy niệm phát sanh?

- Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều.

- Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát niệm Bát nhã ba la mật đúng như lời trong Bát nhã ba la mật, thật hành trong khoảng một niệm sẽ siêu việt số kiếp cũng như số tâm niệm trong một ngày đêm của gã đó.

Đại Bồ Tát nầy thực hành Bát nhã ba la mật, xa rời những tội Vô thượng Bồ đề.

Đại Bồ Tát nầy trong một ngày thật hành Bát nhã ba la mật được thiện căn công đức chẳng giảm, công đức đầy cả hằng sa cõi Đại Thiên. Với những công đức kém khác sánh chẳng bằng một phần trăm, một phần ngàn, nhẫn đến toán số thí dụ cũng chẳng bằng công đức nầy.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Nếu có người xa rời Bát nhã ba la mật mà cúng dường Tam Bảo: Phật Bảo, Pháp Bảo và Tăng Bảo trong thời gian hằng sa kiếp được phước nhiều chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều, được vô lượng vô biên vô số phước.

- Nầy Tu Bồ Đề! Vẫn không bằng phước đức của đại Bồ Tát ở trong Bát nhã ba la mật hành đúng như lời.

Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật là đạo chư đại Bồ Tát. Thừa đạo nầy mau được Vô thượng Bồ đề.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Nếu có người xa rời Bát nhã ba la mật, trải qua số kiếp như hằng sa cúng dường các bực Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, Bích Chi Phật và chư Phật. người nầy được phước nhiều chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Được phước rất nhiều.

- Nầy Tu Bồ Đề! Vẫn không bằng phước đức của đại Bồ Tát ở trong Bát nhã ba la mật tu hành đúng như lời.

Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát thật hành Bát nhã ba la mật nầy thì hơn hẳn bực Thanh Văn, Bích Chi Phật, nhập địa vị Bồ Tát, sẽ được Vô thượng Bồ đề.

Nầy Tu Bồ Đề! Có người xa rời Bát nhã ba la mật, trong khoảng thời gian hằng sa kiếp tu tập bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ. Người nầy được phước nhiều chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Được phước rất nhiều.

- Nầy Tu Bồ Đề! Phước đức đó vẫn không bằng phước của đại Bồ Tát ở trong Bát nhã ba la mật đúng như lời trong một ngày bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ.

Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật là mẹ của chư đại Bồ Tát, hay sanh thành chư đại Bồ Tát. Vì chư đại Bồ Tát an trụ trong Bát nhã ba la mật thì đầy đủ được tất cả Phật pháp vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát xa rời Bát nhã ba la mật, trong khoảng hắng sa kiếp làm việc pháp thí. Người nầy được phước nhiều chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Được rất nhiều.

- Nầy Tu Bồ Đề! Vẫn không bằng phước pháp thí trong một ngày của người ở trong Bát nhã ba la mật thực hành đúng như lời.

Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát nầy chẳng xa rời Bát nhã ba la mật thì chẳng xa rời Nhất thiết chủng trí, chẳng xa rời Nhất thiết chủng trí thì chẳng xa rời Bát nhã ba la mật.

Thế nên đại Bồ Tát muốn được Vô thượng Bồ đề thì chẳng xa rời Bát nhã ba la mật.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Nếu có đại Bồ Tát xa rời Bát nhã ba la mật mà tu hành tứ niệm xứ đến Nhất thiết chủng trí trải qua hằng sa kiếp người nầy được phước nhiều chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Được phước rất nhiều.

- Nầy Tu Bồ Đề! Vẫn không bằng một ngày tu tập tứ niệm xứ đến Nhất thiết chủng trí của người ở trong Bát nhã ba la mật thực hành đúng như lời.

Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát chẳng xa rời Bát nhã ba la mật thì không bao giờ thối chuyển Nhất thiết chủng trí. Còn xa rời thì có thể thối chuyển.

Thế nên, Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành chẳng nên xa rời Bát nhã ba la mật.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát xa rời Bát nhã ba la mật, trải hằng sa kiếp thật hành tài thí, pháp thí và thiền định, rồi đem công đức hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Người nầy được phước nhiều chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Được phước rất nhiều.

- Nầy Tu Bồ Đề! Vẫn không bằng phước một ngày tài thí, pháp thí, thiền định, hồi hướng Vô thượng Bồ đề của thiện nam, thiện nữ ở trong Bát nhã ba la mật thực hành đúng như lời.

Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật hồi hướng là hồi hướng đệ nhứt. Nếu rời Bát nhã ba la mật hồi hướng thì chẳng gọi là hồi hướng. **Thế nên muốn được Vô thượng Bồ đề, đại Bồ Tát phải học Bát nhã ba la mật hồi hướng.**

Lại nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát xa rời Bát nhã ba la mật, trải hằng sa kiếp hòa hiệp, tùy hỉ thiện căn của tam thế chư Phật và của hàng đệ tử Phật rồi hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Người nầy được phước nhiều chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Được phước rất nhiều.

- Nầy Tu Bồ Đề! Nhiều không bằng phước một ngày tùy hỉ thiện căn, hồi hướng Vô thượng Bồ đề của thiện nam, thiện nữ ở trong Bát nhã ba la mật thực hành đúng như lời.

Thế nên muốn được Vô thượng Bồ đề, **đại Bồ Tát phải học phương tiện trong Bát nhã ba la mật hồi hướng Vô thượng Bồ đề.**

- Bạch đức Thế Tôn! Cứ theo lời đức Phật đã phán dạy thì các pháp do nhân duyên khởi tác đều từ vọng tưởng sanh ra, chẳng phải chân thật, thế sao thiện nam, thiện nữ lại được phước đức lớn?

Bạch đức Thế Tôn! Vì là pháp nhân duyên khởi tác thì chẳng được chánh kiến nhập pháp vị, chẳng được quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến chẳng được Vô thượng Bồ đề.

- Nầy Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Vì là pháp nhân duyên khởi tác thì chẳng nên được chánh kiến, nhập pháp vị, nhẫn đến chẳng nên được Vô thượng Bồ đề.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát thực hành Bát nhã ba la mật biết **pháp nhân duyên khởi tác cũng không**, chẳng kiên cố, hư dối chẳng thiệt. Vì đại Bồ Tát nầy khéo học nội không nhẫn đến khéo vô pháp hữu pháp không. An trụ trong mười tám pháp không nầy, đại Bồ Tát quán sát pháp khởi tác không, bèn chẳng xa rời Bát nhã ba la mật, lần lần được vô lượng vô biên vô số phước đức

- Bạch đức Thế Tôn! Vô số cùng vô lượng với vô biên có gì khác nhau?

- Nầy Tu Bồ Đề! Vô số là nói chẳng ở trong số những pháp hữu vi hoặc vô vi. Vô lượng là nói chẳng lường được hoặc là quá khứ hoặc là vị lai hoặc là hiện tại. Vô biên là nói các pháp không thể được bờ mé.

- Bạch đức Thế Tôn! Vả có sắc, thọ, tưởng, hành, thức nào cũng vô số vô lượng vô biên chăng?

- Nầy Tu Bồ Đề! Có nhơn duyên mà sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng vô số vô lượng vô biên.

- Bạch đức Thế Tôn! Do nhơn duyên gì mà sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng vô số vô lượng vô biên?

- Nầy Tu Bồ Đề! Vì sắc không, vì thọ, tưởng, hành, thức không nên cùng chúng sanh vô lượng vô biên.

- Bạch đức Thế Tôn! Chỉ sắc không, chỉ thọ, tưởng, hành, thức không mà chẳng phải tất cả pháp đều không cả ư?

- Nầy Tu Bồ Đề! Phật thường nói tất cả pháp không ư?

- Bạch đức Thế Tôn! **Đức Phật thường phán dạy tất cả pháp không.**

Bạch đức Thế Tôn! Các pháp không thì tức là vô tận vô số vô lượng vô biên.

Bạch đức Thế Tôn! **Trong không đó, số chẳng thể được, lượng chẳng thể được, biên chẳng thể được. Thế nên vô tận vô số vô lượng vô biên nghĩa không khác nhau.**

- Nầy Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Những pháp ấy nghĩa chẳng khác biết nhau.

Nầy Tu Bồ Đề! Pháp ấy chẳng nói được. Đức Phật dùng sức phương tiện mà phân biệt tuyên nói, đó là vô tận, vô số, vô lượng, vô biên, vô trước, không, vô tướng, vô tác, vô khởi, vô sanh, vô diệt, vô nhiễm, Niết Bàn. Dùng sức phương tiện mà đức Phật phân biệt tuyên nói.

- Bạch đức Thế Tôn! Thật là hi hữu. các pháp thật tướng chẳng nói được mà đức Phật dùng sức phương tiện tuyên nói.

Cứ theo chỗ tôi hiểu nghĩa của đức Phật dạy thì **tất cả pháp cũng chẳng nói được**.

- Đúng như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Tất cả pháp chẳng nói được. Tướng chẳng nói được của tất cả pháp tức là không. Tướng không đó chẳng nói được.

- Bạch đức Thế Tôn! Nghĩa chẳng nói được có tăng, có giảm chăng?

- Nầy Tu Bồ Đề! Nghĩa chẳng nói được chẳng tăng, chẳng giảm.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu nghĩa chẳng nói được đó chẳng tăng chẳng giảm thì Đàn ba la mật cũng chẳng tăng giảm, nhẫn đến mười tám pháp bất cộng cũng chẳng tăng giảm.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu sáu ba la mật nhẫn đến pháp bất cộng chẳng tăng tại sao đại Bồ Tát lại được Vô thượng Bồ đề?

- Nầy Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Nghĩa chẳng nói được đó chẳng tăng, chẳng giảm.

Đại Bồ Tát lúc tu tập Bát nhã ba la mật, vì có sức phương tiện nên chẳng nghĩ rằng tôi làm tăng Bát nhã ba la mật nhẫn đến tăng Đàn na ba la mật, mà quan niệm rằng chỉ vì danh tự mà gọi là Đàn na ba la mật thôi.

Đại Bồ Tát lúc thật hành Đàn na ba la mật, tâm và thiện căn hồi hướng đúng như tướng của Vô thượng Bồ đề, nhẫn đến lúc thực hành Bát nhã ba la mật, tâm và hồi hướng đúng như tướng của Vô thượng Bồ đề.

- Bạch đức Thế Tôn! Những gì là Vô thượng Bồ đề?

- Nầy Tu Bồ Đề! **Tất cả pháp như tướng, đây gọi là Vô thượng Bồ đề.**

- Bạch đức Thế Tôn! Những gì là tất cả pháp như tướng gọi là Vô thượng Bồ đề?

- Nầy Tu Bồ Đề! Sắc như tướng, thọ, tưởng, hành, thức như tướng, nhẫn đến Niết Bàn như tướng là Vô thượng Bồ đề. Tướng như ấy cũng chẳng tăng, chẳng giảm.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát chẳng rời Bát nhã ba la mật thường quán sát pháp như ấy chẳng thấy có tăng, có giảm. Thế nên nghĩa bất khả thuyết không tăng giảm, Đàn na ba la mật nhẫn đến pháp bất cộng cũng không tăng giảm. Đại Bồ Tát do vì pháp bất tăng giảm nầy ứng với hạnh Bát nhã ba la mật.

- Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát dùng sơ tâm được Vô thượng Bồ đề hay là dùng hậu tâm được Vô thượng Bồ đề?

Bạch đức Thế Tôn! Sơ tâm ấy chẳng đến hậu tâm, còn hậu tâm kia chẳng ở tại sơ tâm. Tâm và tâm sở chẳng cùng chung như vậy thì làm sao thiện căn lại tăng ích. Nếu thiện căn chẳng tăng thì sao lại được Vô thượng Bồ đề?

- Nầy Tu Bồ Đề! Vì người mà Phật sẽ dùng ví dụ. Người có trí được ví dụ thì dễ hiểu được nghĩa.

Nầy Tu Bồ Đề! Như thắp đèn, là dùng ngọn lửa ban đầu để đốt cháy tim đèn hay là dùng ngọn lửa lúc sau?

- Bạch đức Thế Tôn! Chẳng phải ngọn lửa ban đầu cháy tim đèn, cũng chẳng phải rời ngọn lửa ban đầu. Chẳng phải ngọn lửa lúc sau cháy tim đèn, cũng chẳng phải rời ngọn lửa lúc sau.

- Nầy Tu Bồ Đề! Tim đèn ấy có bị đốt cháy không?

- Bạch đức Thế Tôn! Tim đèn ấy thật bị đốt cháy.

- Cũng vậy, nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát chẳng dùng sơ tâm được Vô thượng Bồ đề, cũng chẳng rời sơ tâm được Vô thượng Bồ đề, chẳng dùng hậu tâm hậu tâm cũng chẳng rời hậu tâm được Vô thượng Bồ đề mà thiệt được Vô thượng Bồ đề.

Nầy Tu Bồ Đề! Trong đại Bồ Tát từ sơ phát tâm thực hành Bát nhã ba la mật đầy đủ thập địa, được Vô thượng Bồ đề.

- Bạch đức Thế Tôn! Những gì là thập địa mà đại Bồ Tát đầy đủ rồi được Vô thượng Bồ đề?

- Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát đầy đủ Càn Huệ địa, Tánh địa, Bát Nhơn địa, Kiến địa, Bạc địa, Ly Dục địa, Dĩ Tác địa, Bích Chi Phật địa, Bồ Tát địa và Phật địa. Đầy đủ những địa đó rồi đại Bồ Tát được Vô thượng Bồ đề.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát học đủ mười địa đó rồi, chẳng phải sơ tâm cũng chẳng rời sơ tâm, chẳng phải hậu tâm cũng chẳng rời hậu tâm được Vô thượng Bồ đề mà thiệt được Vô thượng Bồ đề.

- Bạch đức Thế Tôn! Pháp nhơn duyên ấy rất sâu: chẳng phải sơ tâm cũng chẳng rời sơ tâm, chẳng phải hậu tâm cũng chẳng rời hậu tâm được Vô thượng Bồ đề, mà đại Bồ Tát được Vô thượng Bồ đề.

- Nầy Tu Bồ Đề! Nếu tâm đã diệt, tâm ấy có sanh trở lại chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không.

- Nầy Tu Bồ Đề! Tâm sanh có phải là tướng diệt chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Là tướng diệt.

- Nầy Tu Bồ Đề! Tâm tướng diệt đó, tâm là diệt chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không.

- Nầy Tu Bồ Đề! Cũng trụ như vậy chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Cũng trụ như vậy, như như trụ.

- Nầy Tu Bồ Đề! Tâm đó như như trụ sẽ chứng thật tế chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không.

- Nầy Tu Bồ Đề! Như thế có phải là rất sâu chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! thiệt là rất sâu.

- Nầy Tu Bồ Đề! Chỉ tâm như vậy thôi ư?

- Bạch đức Thế Tôn! Không.

- Nầy Tu Bồ Đề! Rời tâm như vậy ư?

- Bạch đức Thế Tôn! Không.

- Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát có thể hành như vậy có phải hành sâu Bát nhã ba la mật chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Đó là hành sâu Bát nhã ba la mật.

- Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát hành như vậy, đó là hành chỗ nào?

- Bạch đức Thế Tôn! Đó là **hành mà không có chỗ hành** được. Vì đại Bồ Tát nếu hành Bát nhã ba la mật thì trụ trong các pháp như, không có quan niệm như thế: không chỗ quan niệm, không ai quan niệm.

- Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát hành như vậy, đó là hành chỗ nào?

- Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát ấy hành chỗ như vầy: **hành trong đệ nhứt nghĩa, vì không có tướng sai biệt vậy.**

- Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát hành trong đệ nhứt vô niệm, đó là tướng hành ư?

- Bạch đức Thế Tôn! Không.

- Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát ấy có hoại các tướng chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không.

- Nầy Tu Bồ Đề! Thế nào là không hoại các tướng?

- Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát ấy hành Bát nhã ba la mật chẳng quan niệm tôi sẽ hoại các pháp tướng. Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật mà chưa đầy đủ mười trí lực, bốn vô úy, bốn trí vô ngại, đại từ đại bi, mười tám pháp bất cộng thì chẳng được Vô thượng Bồ đề.

Bạch đức Thế Tôn! Do vì sức phương tiện nên đại Bồ Tát đối với các pháp cũng **chẳng nắm lấy tướng, cũng chẳng phá hoại tướng.**

Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát rõ biết **tất cả pháp tự tướng không**.

An trụ trong tự tướng không, đại Bồ Tát vì chúng sanh mà nhập ba tam muội. Dùng ba tam muội đó để thành tựu chúng sanh.

Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát nhập ba tam muội thành tựu chúng sanh như thế nào?

- Nầy Tu Bồ Đề! An trụ trong ba tam muội, đại Bồ Tát thấy chúng sanh đi trong pháp tạo tác, bèn dùng sức phương tiện dạy cho họ được vô tác. Thấy chúng sanh đi trong ngã tướng, bèn dùng sức phương tiện dạy cho họ đi trong không. thấy chúng sanh đi trong tất cả tướng, bèn dùng sức phương tiện dạy chọ đi trong vô tướng.

Nầy Tu Bồ Đề! Đó là đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật ba tam muội rồi dùng ba tam muội để thành tựu chúng sanh".

Thích nghĩa:

(1). Bốn trí vô ngại(tứ vô ngại trí): Bốn năng lực lý giải và diễn đạt vô ngại: 1. Pháp vô ngại, 2. Nghĩa vô ngại, 3. Từ vô ngại, 4. Nhạo thuyết vô ngại. Bốn trí không ngăn ngại này cũng chính là Bốn biện tài vô ngại (Tứ vô ngại biện), Bồ Tát khi đạt được bốn trí này thì có thể vì tất cả chúng sinh mà biện thuyết Chánh pháp không ngăn ngại.

(2). Rời: từ "rời" dịch nghĩa ở đây nhẹ nhàng hơn từ ngăn khiển hay trừ khiển dịch trong kinh ĐBN. Nhưng rời không có nghĩa là lìa hay xa lìa(trong nghĩa viễn ly).

---o0o---

PHẨM MỘNG HÀNH
THỨ NĂM MƯƠI TÁM

Lúc đó Ngài Xá Lợi Phất hỏi Ngài Tu Bồ Đề: "Nếu đại Bồ Tát lúc chiêm bao nhập ba tam muội: không, vô tướng và vô tác tam muội, chừng có lợi ích nơi Bát nhã ba la mật chăng?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nếu lúc ban ngày, đại Bồ Tát nhập ba tam muội có lợi ích nơi Bát nhã ba la mật thì ban đên trong chiêm bao cũng sẽ có lợi ích. Tại sao vậy? Vì ngày, đêm chiêm bao đồng nhau không khác.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Nếu ban ngày đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật có lợi ích Bát nhã ba la mật thì trong chiêm bao, hành Bát nhã ba la mật cũng phải có lợi ích".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi Ngài Tu Bồ Đề: "Trong chiêm bao, đại Bồ Tát hành động tác nghiệp, những nghiệp đó có hợp thành chăng? Cứ như lời đức Phật dạy thì tất cả pháp như chiêm bao, vì thế chẳng nên có hợp thành. Tại sao vậy? Vì trong chiêm bao không có pháp hợp thành, lúc thức nhớ tưởng, phân biệt mới nên có hợp thành".

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Nếu người trong chiêm bao giết chết chúng sanh, khi thức dậy nghĩ nhớ, phân biệt hành động đó: tôi giết như thế được lắm!

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Sự việc đó như thế nào?"

Ngài Xá Lợi Phất nói: "Không có cảnh duyên thì nghiệp chẳng sanh, không có cảnh duyên thì tư chẳng sanh. Có duyên thì nghiệp sanh, có duyên thì tư sanh.

Tâm phát sanh ở trong kiến văn, giác tri, chớ tâm chẳng sanh từ nơi chẳng có kiến văn, giác tri.

Trong đây có tâm tịnh, có cấu. Thế nên vì có cảnh duyên(1) **mà nghiệp sanh, nghiệp chẳng sanh nơi không có duyên. Vì có cảnh duyên mà tư**(2) **sanh, tư chẳng sanh nơi không có duyên".**

Ngài Xá Lợi Phất nói: "Như lời đức Phật nói: Tất cả nghiệp, tất cả tư đều là tự tướng ly, sao lại bảo rằng vì có duyên nên nghiệp(3) sanh, không duyên thì nghiệp chẳng sanh. Vì có duyên nên tư sanh, không duyên thì tư sanh chẳng sanh?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Vì nắm lấy tướng nên có duyên thì nghiệp sanh, không duyên thì chẳng sanh. Vì nắm lấy tướng nên có duyên thì tư sanh, không duyên thì chẳng sanh".

Ngài Xá Lợi Phất nói: "Nếu đại Bồ Tát trong chiêm bao bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, đem thiện căn phước đức nầy hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Đây có phải là thiệt hồi hướng chăng?"

Ngài Tu Bồ Đề! Nói: "Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Hiện đây có Di Lăc Bồ Tát đã được đức Phật thọ ký bất thối chuyển, sẽ thành Phật, Ngài nên hỏi Di Lặc Bồ Tát sẽ giải đáp".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi Ngài Di Lặc Bồ Tát: "Thưa Ngài Tu Bồ Đề vừa bảo rằng hiện đây có Di Lặc Bồ Tát đã được đức Phật thọ ký bực bất thối chuyển, sẽ thành Phật. Ngài Di Lặc Bồ Tát sẽ giải đáp".

Di Lặc Bồ Tát bảo Ngài Xá Lợi Phất: "Sẽ dùng danh từ Di Lặc để đáp chăng? Hoặc là sắc, thọ, tưởng, hành, thức để đáp chăng? Hoặc dùng sắc, thọ, tưởng, hành, thức không để đáp chăng?

Sắc, thọ, tưởng, hành, thức chẳng thể đáp được. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức không chẳng thể đáp được. Tôi chẳng thấy pháp ấy có thể đáp được, cũng chẳng thấy ai hay đáp được. Tôi chẳng thấy người ấy được thọ ký, cũng chẳng thấy pháp có thể thọ ký, chẳng thấy nơi chỗ thọ ký.

Tất cả các pháp ấy đều không hai, không khác".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Như lời của Ngài nói đó, là được pháp tác chứng chăng?"

Ngài Di Lặc Bồ Tát nói: "Như pháp của tôi nói đó, như vậy chẳng chứng".

Lúc đó Ngài Xá Lợi Phất nghĩ rằng: Di Lặc Bồ Tát có trí huệ sâu xa, từ lâu đã thật hành sáu ba la mật, vì dùng vô sở đắc nên hay nói như vậy.

Bấy giờ đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: "Ngươi dùng pháp ấy được A La Hán, ngươi có thấy pháp ấy chăng?"

Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Chẳng thấy".

Đức Phật dạy: "Nầy Xá Lợi Phất Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật cũng như vậy, chẳng nghĩ rằng pháp ấy sẽ được thọ ký, pháp ấy đã được thọ ký, pháp ấy sẽ được Vô thượng Bồ đề.

Nầy Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật chẳng nghi ngờ rằng tôi được hay chẳng được mà tự biết mình thật được Vô thượng Bồ đề.

(Đoạn kinh dưới đây tương đương với phẩm "Hạnh Nguyện", phần đầu Q.331, ĐBN)

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Có đại Bồ Tát lúc **hành bố thí** ba la mật, hoặc thấy chúng sanh đói rét, y phục rách rưới, phát nguyện rằng: Trong thời gian tôi hành bố thí ba la mật đó, nguyện lúc tôi thành Phật, chúng sanh trong cõi nước tôi không có sự đói rét như vậy. Những đồ dùng, đồ uống ăn, y phục, như cõi Trời Tứ Thiên Vương, Trời Đao Lợi, Trời Dạ Ma, Trời Đâu Suất, Trời Hóa Lạc, Trời Tha Hóa Tự tại.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ bố thí ba la mật, gần kề Vô thượng Bồ đề.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc **hành trì giới** ba la mật, đại Bồ Tát thấy chúng sanh sát sanh, trộm cướp nhẫn đến tà kiến, bị chết yểu, nhiều bịnh, xấu tướng, thiếu oai đức, nghèo hèn, tàn tật, phải phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi hành Trì giới ba la mật đây, nguyện lúc tôi thành Phật, chúng sanh trong cõi nước tôi không có nghiệp ác và báo xấu như vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ Trì giới ba la mật, gần kề Vô thượng Bồ đề.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc **hành Nhẫn nhục** ba la mật, đại Bồ Tát thấy chúng sanh giận thù, mắng nhiếc, đánh đập, tàn sát lẫn nhau, phải phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi hành Nhẫn nhục ba la mật đây, nguyện lúc tôi thành Phật, chúng sanh trong cõi nước tôi không có những sự đó, tất cả đều xem nhau như cha, như mẹ, như anh chị em, như thiện tri thức, đều có lòng từ bi.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ Nhẫn nhục ba la mật, gần kề Vô thượng Bồ đề.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc thực **hành Tinh tấn** ba la mật, đại Bồ Tát thấy chúng sanh lười biếng, chẳng siêng tu pháp lành, rời bỏ ba thừa Thanh Văn, Bích Chi Phật, Phật thừa, phải phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi hành Tinh tấn ba la mật, nguyện lúc tôi thành Phật, chúng sanh trong cõi nước tôi không có sự như vậy, tất cả đều siêng tu tinh tất, đều được đắc độ nơi pháp Tam thừa.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy có thể đầy đủ Tinh tấn ba la mật, gần kề Vô thượng Bồ đề.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc **hành Thiền** ba la mật, đại Bồ Tát thấy chúng sanh bị ngũ cái che trùm: dâm dục, ngủ nghỉ, điệu hối, nghi ngờ, mất thiền, mất định, mất vô lượng tâm, phái phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi tu Thiền ba la mật, nguyện lúc tôi thành Phật, chúng sanh trong cõi nước tôi đều không có sự như vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy có thể đầy đủ Thiền ba la mật, gần kề Vô thượng Bồ đề.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc **hành Bát nhã** ba la mật, đại Bồ Tát thấy chúng sanh ngu si, mất chánh kiến thế gian, xuất thế gian hoặc cho rằng không nghiệp, không nhơn duyên nghiệp, hoặc cho rằng thân là thường còn, hoặc cho rằng đoạn diệt, hoặc nói là vô sở hữu, phải phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi hành Bát nhã ba la mật, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, nguyện lúc tôi thành Phật, chúng sanh trong cõi nước tôi không có sự như vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ Bát nhã ba la mật, gần kề Vô thượng Bồ đề.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc **hành sáu ba la mật**, đại Bồ Tát thấy chúng sanh an trụ nơi ba tụ: một là chánh định tụ, hai là tà định tụ, ba là bất định tụ, phải phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi hành lục ba la mật, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, nguyện lúc tôi thành Phật, chúng sanh trong cõi nước tôi không có tà định tụ, cũng không có danh từ tà tụ.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần kề nhứt thiết chủng trí.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc thật hành sáu ba la mật, đại Bồ Tát thấy chúng sanh Địa ngục, Ngạ quỷ và Súc sanh, phải phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi hành sáu ba la mật, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, nguyện lúc tôi thành Phật, trong cõi nước tôi không có ba ác đạo, cũng không có danh từ ba ác đạo.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần kề nhứt thiết chủng trí.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc hành sáu ba la mật, đại Bồ Tát thấy **mặt đất gai chông, hầm hố, gò mương rãnh nhơ uế,** phải phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi hành sáu Ba la mật, nguyện lúc tôi thành Phật, cõi nước tôi không có như vậy, mặt đất bằng phẳng như bàn tay.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành tư như vậy có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần kề nhứt thiết chủng trí.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc hành sáu ba la mật, đại Bồ Tát thấy cõi nầy thuần đất, phải phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi hành sáu Ba la mật, nguyện lúc tôi thành Phật, **cõi nước tôi toàn vàng ròng làm cát trải khắp.**

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần kề nhứt thiết chủng trí.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc hành sáu ba la mật, đại Bồ Tát thấy chúng sanh luyến trước, phải phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi hành sáu Ba la mật, nguyện lúc tôi thành Phật, chúng sanh trong cõi nước tôi không có luyến trước như vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần kề nhứt thiết chủng trí.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc thật hành sáu ba la mật, đại Bồ Tát thấy **bốn giai cấp** trong chúng sanh: Sát Đế Lợi, Bà La Môn, Tỳ Xá, Thủ Đà La, phải phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi hành sáu Ba la mật, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, nguyện lúc tôi thành Phật, trong cõi nước tôi không có danh từ bốn giai cấp.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần Vô thượng Bồ đề.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc hành sáu ba la mật, đại Bồ Tát thấy chúng sanh có những hạng hạ, trung, thượng, có nhà hạ, trung, thượng, phải phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi hành sáu Ba la mật, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, nguyện lúc tôi thành Phật, chúng sanh trong cõi nước tôi không có ưu liệt như vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần nhứt thiết chủng trí.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành sáu ba la mật, thấy chúng sanh có **thân hình dị biệt**, phải phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi hành sáu Ba la mật, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, nguyện lúc tôi thành Phật, chúng sanh trong cõi nước tôi không có thân hình biệt dị nhau, tất cả đều xinh đẹp, đoan trang, sạch sẽ, đầy đủ tướng mạo.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần nhứt thiết chủng trí.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành sáu ba la mật, thấy **chúng sanh có chúa có tôi**, phải phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi hành sáu Ba la mật, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, nguyện lúc tôi thành Phật, cõi nước tôi không có danh từ chúa tôi, cũng không có hình tượng dị biệt, chỉ trừ đức Phật Pháp vương.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy, thì có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần nhứt thiết chủng trí.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành sáu ba la mật, thấy chúng sanh **chia ra sáu loài** khác nhau, phải phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi hành sáu Ba la mật, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, nguyện lúc tôi thành Phật, cõi nước tôi không có sáu loài, cũng không có danh từ sáu loài: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, Nhơn loại, Chư Thần, chư Thiên, tất cả chúng sanh trong nước tôi đều đồng tu hành tứ niệm xứ đến bát thánh đạo.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần nhứt thiết chủng trí.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành sáu ba la mật, thấy chúng sanh **có bốn loài**: noãn, thai, thấp và hóa sanh, phải phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi hành sáu Ba la mật, tịnh Phật

quốc độ, thành tựu chúng sanh, nguyện lúc tôi thành Phật, trong cõi nước tôi tất cả chúng sanh chỉ có hóa sanh mà không ba thứ sanh kia.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần nhứt thiết chủng trí.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành sáu ba la mật, thấy chúng sanh **không có ngũ thần thông**, phải phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi hành sáu Ba la mật, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, nguyện lúc tôi thành Phật, tất cả chúng sanh trong cõi nước tôi đều được ngũ thần thông.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần nhứt thiết chủng trí.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành sáu ba la mật, thấy chúng sanh **đại tiểu tiện ô uế**, phải phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi hành sáu Ba la mật, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, nguyện lúc tôi thành Phật, tất cả chúng sanh trong cõi nước tôi đều dùng pháp hỉ làm sự ăn, trọn không có đại tiểu tiện ô uế.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần nhứt thiết chủng trí.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành sáu ba la mật, thấy **chúng sanh không có quang minh**, phải phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi hành sáu Ba la mật, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, nguyện lúc tôi thành Phật, tất cả chúng sanh trong cõi nước tôi thân thể đều có ánh sáng.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần nhứt thiết chủng trí.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành sáu ba la mật, thấy có **thời tiết giờ ngày, tháng, năm,** phải phát nguyện rằng: Lúc tôi thành Phật, cõi nước tôi không co danh từ giờ, ngày, tháng, năm.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần nhứt thiết chủng trí.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành sáu ba la mật, thấy chúng sanh **yểu mạng**, phải phát nguyện rằng: Lúc tôi thành Phật, tất cả chúng sanh trong cõi nước tôi đều sống lâu vô lượng kiếp.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần nhứt thiết chủng trí.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành sáu ba la mật, thấy chúng sanh **không có tướng hảo**, phải phát nguyện rằng: Lúc tôi thành Phật, chúng sanh trong cõi nước tôi đều đầy đủ ba mươi hai tướng hảo.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần nhứt thiết chủng trí.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành sáu ba la mật, thấy chúng sanh **rời lìa thiện căn**, phải phát nguyện rằng: Lúc tôi thành Phật, chúng sanh trong cõi nước tôi đều thành tựu thiện căn, do phước đức ấy mà có thể cúng dường chư Phật mười phương.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần nhứt thiết chủng trí.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành sáu ba la mật, thấy chúng sanh có **ba độc, bốn bịnh**, phải phát nguyện rằng: Lúc tôi thành Phật, tất cả chúng sanh trong cõi nước tôi không có bốn bịnh hàn, nhiệt, phong, đàm, không có ba độc tham, sân, si.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần nhứt thiết chủng trí.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành sáu ba la mật, thấy **chúng sanh có ba thừa**, phải phát nguyện rằng: Lúc tôi thành Phật, chúng sanh trong cõi nước tôi không có danh tự hai thừa, chỉ có thuần một thừa.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần nhứt thiết chủng trí.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành sáu ba la mật, thấy chúng sanh có **tăng thượng mạn**, phải phát nguyện rằng: Lúc tôi thành Phật, chúng sanh trong cõi nước tôi không có danh từ tăng thượng mạn.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần nhứt thiết chủng trí.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành sáu ba la mật, nghĩ quang minh, thọ mạng của tôi hữu lượng số tăng thêm hữu hạn, phải phát nguyện rằng: Lúc tôi thành Phật, quang minh, thọ mạng vô lượng số tăng thêm vô hạn.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần nhứt thiết chủng trí.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành sáu ba la mật, phải phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi hành sáu ba la mật, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, nguyện lúc tôi thành Phật, cõi nước tôi rộng lớn bằng hằng sa quốc độ của chư Phật.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần nhứt thiết chủng trí.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc hành sáu ba la mật, đại Bồ Tát nên nghĩ rằng **dầu đường sanh tử dài**, chúng sanh tánh nhiều, nhưng bờ sanh tử như hư không, bờ chúng sanh tánh cũng như hư không. Trong đó thiệt không có sanh tử qua lại, cũng không có ai giải thoát.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ sáu ba la mật, gần nhứt thiết chủng trí.

Thích nghĩa:

(1). Cảnh duyên: Tức sở duyên. Xem thích nghĩa dưới đây.

(2). Tư: 1). Có nghĩa suy tư, nghĩ tưởng; 2). Tư trong tam hữu lậu học (Văn, Tư, Tu)có nghĩa là hỏi.

(3). Nghiệp: Theo đạo Phật những điều xấu ác do suy nghĩ hay tạo tác đều có thể tạo thành nghiệp. Vậy, nghiệp là kết quả của tạo tác, bắt nguồn từ thân, khẩu, ý. Thân là sát, đạo, dâm;

khẩu là nói dối, nói thêu dệt, nói lưỡi hai chiều, nói lời hung ác; ý là tham, sân, si v.v… Hậu quả của nó phải chịu là quả khổ trong hiện tại hay vị lai.

---o0o---

QUYỂN THỨ HAI MƯƠI

PHẨM HẰNG GIÀ ĐỀ BÀ(1)
THỨ NĂM MƯƠI CHÍN

Bấy giờ trong đại chúng có một nữ nhơn tên Hằng Già Đề Bà, từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai hữu, gối hữu chấm đất, chấp tay bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Tôi sẽ hành sáu ba la mật để tịnh Phật quốc độ, đúng như lời dạy của đức Phật trong Bát nhã ba la mật".

Nữ nhơn nầy đem hoa vàng, hoa bạc, cùng hoa tươi dưới nước, trên đất với những món cúng dường trang nghiêm và hai tấm thảm dệt bằng chỉ vàng, trải lên đức Phật. Trên hư không ngay đảnh đức Phật, những món của nữ nhơn vừa rải để cúng dường đó liền hóa thành bốn cột đài báu ngay ngắn xinh đẹp. Nữ nhơn nầy đem công đức cúng dường Phật cùng chung với tất cả chúng sanh hồi hướng Vô thượng Bồ đề.

Khi đó đức Phật biết rõ thâm tâm của nữ nhơn nầy nên liền mỉn cười, đúng như cách thức của chư Phật, những tia sáng nhiều màu xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng từ miệng đức Phật chiếu khắp mười phương vô lượng vô biên Phật độ, những tia sáng ấy xoay trở về nhiễu quanh bên hữu đức Phật ba vòng rồi nhập vào đảnh đức Phật.

Ngài A Nan từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối hữu, chắp tay thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Do nhơn duyên gì mà đức Phật mỉn cười? Theo pháp của chư Phật, không bao giờ vô cớ mà cười".

Đức Phật phán dạy: "Nầy A Nan! Hằng Già Bà Đề nầy sẽ thành Phật ở đời vị lai trong kiếp Tinh Tú, hiệu là Kim Hoa Phật.

Nầy A Nan! Nữ nhơn nầy sau khi chết sẽ thọ thân nam tử, sanh về nước Diệu Hỷ của đức Phật A Súc. Ở nước Diệu Hỷ đó tu phạm hạnh thanh tịnh.

Nầy A Nan! Ở nước Diệu Hỷ, Bồ Tát đó hiệu là Kim Hoa. Khi mãn báo ở nước Diệu Hỷ, Bồ Tát Kim Hoa sẽ sanh về cõi nước chư Phật khác, mãi mãi chẳng xa rời chư Phật.

Như Chuyển Luân Thánh Vương từ một hành cung nầy đến một hành cung khác, trọn đời chân Vương chẳng đạp đất.

Cũng vậy, từ một nước Phật đến một nước Phật, mãi đến khi thành Vô thượng Bồ đề, Kim Hoa Bồ Tát chưa có lúc nào chẳng thấy Phật".

Ngài A Nan thầm nghĩ Kim Hoa đại Bồ Tát sau nầy thành Phật, phải biết đại hội Bồ Tát cũng như pháp hội của Phật.

Đức Phật bảo Ngài A Nan: "Đúng như chỗ ngươi vừa nghĩ, thời kỳ Phật Kim Hoa, đại hội Bồ Tát phải biết là như pháp hội của Phật.

Nầy A Nan! Thuở Phật Kim Hoa, Tỳ Kheo Tăng đông vô lượng vô biên, chẳng đếm được, có thể là ngàn trăm, ngàn vạn ức na do tha. Trong nước đó không có những thứ xấu uế như đây".

- Bạch đức Thế Tôn! Từ nơi nào mà nữ nhơn nầy gieo cội phước đức, trồng căn lành?

- Nầy A NanTừ nơi Phật Nhiên Đăng, nữ nhơn nầy mới đầu phát tâm Bồ đề(2), trồng căn lành, hồi hướng Phật đạo.

Lúc đó, nữ nhơn nầy cũng dùng hoa vàng, rải cúng dường Phật Nhiên Đăng để cầu Vô thượng Bồ đề.

Nầy A Nan! Như lúc đó chính ta dùng năm cành hoa, rải cúng dường Phật Nhiên Đăng để cầu Vô thượng Bồ đề. Phật Nhiên Đăng biết thiện căn của ta đã thành tựu nên thọ ký Vô thượng Bồ đề cho ta. Nữ nhơn nầy nghe ta được thọ ký liền nguyện rằng: Cầu mong cho tôi ở đời sau cũng được thọ ký Vô thượng Bồ đề như đại Bồ Tát nầy.

Nầy A Nan! Ngươi nên biết rằng từ nơi Phật Nhiên Đăng, nữ nhơn nầy mới đầu phát Bồ đề tâm.

- Bạch đức Thế Tôn! Phải chăng nữ nhơn nầy từ lâu đã tu tập Vô thượng Bồ đề?

- Đúng như vậy. Nầy A Nan! Từ lâu nữ nhơn nầy đã tu tập Vô thượng Bồ đề".

Thích nghĩa:

(1). Hằng Già Đề Bà: Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật gọi là Hằng Già Đề Bà, Kinh Đại Bát Nhã gọi là Căng gia Thiên. Hai tên nhưng chỉ là một nhận vật.

(2). Phát tâm Bồ đề hay Bồ đề tâm: Phạm: bodhi-citta. Gọi đủ: A nậu đa la tam miệu tam bồ đề tâm. Cũng gọi là Vô thượng đạo tâm, Vô thượng đạo ý, Vô thượng tâm, Đạo tâm, Đạo ý, Đạo niệm, Giác ý. Tức là tâm cầu Bồ đề vô thượng (cầu thành Phật). Tâm Bồ đề là hạt giống sinh ra hết thẩy chư Phật, là ruộng tốt nuôi lớn các pháp trong sạch. Nếu phát khởi tâm nầy mà tu hành tinh tiến, thì sẽ mau chóng được Bồ đề vô thượng. Cho nên biết tâm Bồ đề là chỗ bắt đầu của tất cả thệ nguyện chân chính, là gốc của Bồ đề, là chỗ dựa của đại bi và Bồ tát học. Bồ tát Đại thừa trước hết cần phải phát tâm rộng lớn, gọi là phát tâm Bồ đề, phát tâm, phát ý; mới bắt đầu phát tâm, gọi là sơ phát tâm, tân phát ý. Người cầu sanh về Tịnh độ, cũng phải phát tâm Bồ đề. Kinh Vô lượng thọ quyển hạ nói, ba bậc người cầu vãng sanh đều phải phát tâm Vô thượng bồ đề. Về thể tính của tâm Bồ đề, kinh Đại nhật quyển 1 phẩm Trụ tâm nói, biết tâm mình một cách như thực, đó là Bồ đề. ***Tức tâm tự tính trong sạch sẵn có là tâm Bồ đề****. Tâm Bồ đề nhờ vào nhiều duyên mà phát khởi. Theo kinh Bồ tát Địa trì quyển 1, thì có bốn thứ: 1.Thấy nghe thần thông biến hóa không thể nghĩ bàn của chư Phật và Bồ tát mà phát tâm. 2. Tuy chưa thấy thần biến, nhưng được nghe nói về Bồ đề và Bồ tát tạng mà phát tâm. 3. Tuy chưa nghe pháp, nhưng tự thấy tướng pháp diệt, vì muốn giữ gìn pháp mà phát tâm. 4. Tuy không thấy tướng pháp diệt, nhưng thấy chúng sinh đời ô trọc bị phiền não quấy phá khó phát được nên mình phát tâm. Lại Phát Bồ đề Tâm kinh luận quyển thượng phẩm Phát tâm cũng nói có bốn duyên: 1. Tư duy về chư Phật. 2. Quán xét lỗi lầm của thân. 3. Thương xót chúng sinh. 4. Cầu quả tối thắng. Vô Lượng Thọ kinh tông yếu lấy bốn thệ nguyện rộng lớn làm tâm Bồ đề và chia làm hai loại là Tùy sự phát tâm (do những việc cụ thể mà phát) và Thuận lí phát tâm (do chân lí phổ thông mà phát). Đại thừa Nghĩa chương quyển 9 thì lập ba loại phát tâm: 1. Tướng phát tâm, thấy tướng sinh tử và Niết bàn, nhàm chán sinh tử mà phát tâm cầu Niết bàn. 2. Tức tướng phát tâm, biết bản tính của sinh tử vắng lặng không khác gì Niết bàn; lìa tướng sai biệt mới khởi tâm bình đẳng. 3. Chân phát tâm, biết bản tính Bồ đề là tự tâm mình, bồ đề tức là tâm, tâm tức là bồ đề, mà quay*

về tâm gốc của chính mình. Ma Ha Chỉ Quán quyển 1 thượng nói, các Bồ tát Tạng giáo, Thông giáo, Biệt giáo, cho đến Viên giáo đều do suy lường về cái lí của Sinh diệt tứ đế, Vô sinh tứ đế, Vô lượng tứ đế, Vô tác tứ đế mà phát tâm, cho nên gọi là suy lí phát tâm. Luận Đại thừa Khởi tín thì nói ba loại phát tâm: Tín thành tựu phát tâm, Giải hành phát tâm, và Chứng phát tâm. Trong tín thành tựu phát tâm mà sinh khởi Trực tâm, Thâm tâm, Đại bi tâm thì cũng gọi là ba loại phát tâm. Mật giáo chủ trương phát tâm là một trong năm lần chuyển biến của chữ A, và dựa vào ba thứ tâm bồ đề: Hạnh nguyện, Thắng nghĩa, Tam ma địa trong luận Bồ đề tâm mà lập bốn loại phát tâm: 1. Tín tâm, chỉ cho tâm đối với việc cầu Vô thượng bồ đề không một mảy may ngờ vực. Vì tâm này là nền tảng của muôn hạnh nên cũng gọi là Bạch tịnh tín tâm (lòng tin trắng sạch). 2. Đại bi tâm, sau khi phát Bạch tịnh tín tâm, lại lập bốn thệ nguyện rộng lớn, tâm này cũng gọi là Hạnh nguyện tâm, Hạnh nguyện Bồ đề tâm. 3. Thắng nghĩa tâm, trong các giáo pháp, chọn lựa giáo pháp chân thực. Tâm này cũng gọi là Thâm bát nhã tâm, Thắng nghĩa Bồ đề tâm. 4. Đại Bồ đề tâm, ngay lúc quyết định bỏ phần kém, chọn phần hơn, thì chư Phật mười phương liền hiện ở trước mặt để chứng minh, các ma thấy thế sợ mà rút lui. Đại Bồ đề tâm này cũng gọi Tam ma địa Bồ đề tâm. Tuy chia ra bốn tâm như trên, nhưng vốn là một thể, cho đến lúc thành quả Phật cũng không giây phút nào rời nhau. Được như thế là nhờ tự hành hóa tha, thế gian xuất thế gian tu tam mật của chư tôn mà ra, nên gọi là Hữu tướng Bồ đề tâm. Nhưng vì xưa nay vốn có tướng tức không tướng, cũng như hư không lìa tất cả tướng, nên khế hợp với Vô tướng Bồ đề tâm. Trong tông Tịnh độ Nhật bản, ngài Nguyên không có soạn Tuyển trạch bản nguyện niệm Phật tập, cho Bồ đề tâm là tạp hành, nên loại bỏ. Căn cứ vào lí này, phái Trấn tây thuộc tông Tịnh độ mới chia tâm Bồ đề thành Bồ đề tâm Thánh đạo môn và Bồ đề tâm Tịnh độ môn, và cho rằng Bồ đề tâm là Tổng an tâm, Tam tâm (Chí thành tâm, Thâm tâm, Hồi hướng phát nguyện tâm) là Biệt an tâm, vì thế chủ trương cần phải phát tâm Bồ đề. Lại nữa, phái Tây sơn thuộc tông Tịnh độ chia Bồ đề tâm làm Bồ đề tâm hành môn và Bồ đề tâm quán môn, chủ trương không cần Bồ đề tâm hành môn là vì trong Bồ đề tâm quán môn đã đầy đủ tam tâm rồi. Còn Tịnh độ chân tông thì chia Bồ đề tâm thành Tự lực Bồ đề tâm và Tha lực Bồ đề tâm. Trong hai tâm này, Phật dùng thệ nguyện gốc cho chúng sinh tâm tin ưa, tức là tín tâm chân thực vì tâm nguyện làm Phật (tâm tự lợi nguyện thành Phật), tâm độ chúng sinh (tâm lợi tha cứu độ hết thảy chúng sinh), cho nên gọi là Tha lực Bồ đề tâm, Tịnh độ đại Bồ đề tâm. [X. kinh Đại phẩm bát nhã Q.9; kinh Hoa nghiêm (bản dịch cũ) Q.9; kinh Ưu bà tắc giới Q.1; Kim cương đính liên hoa bộ tâm niệm tụng nghi quĩ; Đại nhật kinh sớ Q.1, Q.14; Ma ha chỉ quán Q.1 hạ]. Từ điển Phật Quang.

Lưu ý: *Muốn hiểu về ý nghĩa Bồ đề tâm, một tiêu đề vĩ đại trong mạch sống Đại thừa, xin xem Luận Bốn: "Gandavỳuha và mong cầu giác ngộ" của Thiền sư D.T. Suzuki trong Thiền luận III, trang 163 trở đi.*

---o0o---

PHẨM HỌC KHÔNG BẤT CHỨNG
THỨ SÁU MƯƠI

(Tương đương với phần đầu của phẩm "Khéo Học", Q. 331, ĐBN).

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Muốn hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát học không tam muội và nhập **không** tam muội thế nào? Học **vô tướng** tam muội, **vô tác** tam muội và nhập vô tướng, vô tác tam muội thế nào? Học tứ niệm xứ nhẫn đến học bát thánh đạo và tu tứ niệm xứ nhẫn đến tu bát thánh đạo thế nào?

- Nầy Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát phải quán sắc không, phải quán thọ, tưởng, hành, thức không, phải quán thập nhị nhập, thập bát giới không, nhẫn đến phải quán Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới không.

Lúc quán như vậy chớ cho tâm tán loạn.

Nếu tâm chẳng tán loạn, đại Bồ Tát chẳng thấy pháp ấy. Nếu chẳng thấy pháp ấy thì chẳng chứng. Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát nầy khéo học tự tướng không, chẳng có gì khác, chẳng có ai, phần chứng pháp chứng đều chẳng thể thấy được.

- Bạch đức Thế Tôn! Như đấng Phật dạy**:** Đại Bồ Tát chẳng nên ở nơi không pháp mà tác chứng.

Bạch đức Thế Tôn! Tại sao đại Bồ Tát an trụ trong không pháp mà tác chứng?

- Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát quán không được đầy đủ, trước hết nguyện như vầy: Nay tôi chẳng nên ở nơi không mà tác chứng, nay là lúc tôi học, chẳng phải lúc tôi chứng. Đại Bồ Tát chẳng chuyên nhiếp tâm cột ở trong cảnh duyên, vì thế mà đại Bồ Tát chẳng thối chuyển trong Vô thượng Bồ đề, cũng chẳng chứng lấy quả vô lậu.

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát rất khéo hành như vậy, thời diệu pháp được thành tựu. Tại sao vậy? Lúc an trụ trong không pháp, **đại Bồ Tát tự nghĩ nay là lúc tôi học, chẳng phải lúc chứng**.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải nghĩ rằng: Nay là lúc tôi học Đàn ba la mật nhẫn đến lúc tôi học Bát nhã ba la mật, chẳng phải là lúc chứng, là lúc tôi tu tứ niệm xứ, chẳng phải là lúc chứng, nhẫn đến là lúc tu bát thánh đạo, chẳng phải là lúc chứng, là lúc tu ba tam muội, chẳng phải là lúc chứng, là lúc tu mười trí lực, chẳng phải là lúc chứng, nhẫn đến là lúc tôi học nhứt thiết chủng trí, chẳng phải là lúc chứng quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến quả A La Hán cùng đạo Bích Chi Phật.

Nầy Tu Bồ Đề! Như thế đó, đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật học không quán, an trụ trong không, học vô tướng, vô tác, tu tứ niệm xứ nhẫn đến tu bát thánh đạo chẳng chứng tứ niệm xứ nhẫn đến chẳng chứng lấy bát thánh đạo.

Đại Bồ Tát nầy dầu học, dầu hành ba mươi bảy phẩm trợ đạo mà chẳng tác chứng quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến chẳng tác chứng quả Bích Chi Phật.

Nầy Tu Bồ Đề! Ví như tráng sĩ dũng mãnh, giỏi binh pháp sáu mươi bốn môn, tay nắm chặt binh khí đứng yên bất động, nghệ thuật giỏi, tướng đẹp sạch, mọi người ai cũng yêu kính, tạo sự nghiệp ít, được hưởng lợi nhiều. Do duyên cớ nầy mà được đại chúng cung kính, tôn trọng, ca ngợi. Thấy mọi người kính trọng, tráng sĩ nầy lại càng hoan hỉ, vì sự duyên ít nên sẽ đến xứ khác để giúp đỡ kẻ già yếu qua khỏi chỗ hiểm nạn khủng bố. Giữa đường hiểm trở có nhiều giặc cướp núp ngầm cướp hại. Do tráng sĩ đó đầy đủ trí lực nên mọi người qua được đường hiểm trở, về đến nhà chẳng bị cướp hại, đều an ổn vui mừng.

Nầy Tu Bồ Đề! Cũng vậy, đại Bồ Tát ở trong tất cả chúng sanh, tâm từ bi hỉ xả tràn đầy cùng khắp, khi đó đại Bồ Tát an trụ trong bốn tâm vô lượng, đầy đủ sáu ba la mật, chẳng chứng lấy quả vô lậu, học nhứt thiết chủng trí, nhập ba môn giải thoát: không, vô tướng, vô tác. Bấy giờ Bồ Tát chẳng theo tất cả các tướng, cũng chẳng chứng vô tướng tam muội. Vì chẳng chứng vô tướng tam muội nên chẳng sa vào các bực Thanh Văn và Bích Chi Phật.

Nầy Tu Bồ Đề! **Ví như chim có đủ cánh, bay lượn trong hư không chẳng bị rơi rớt, dầu chim ở trong hư không mà chẳng an trụ trong hư không.**

Cũng vậy, đại Bồ Tát dầu học không, vô tướng, vô tác giải thoát môn mà chẳng tác chứng. Vì chẳng tác chứng nên chẳng sa vào bực Thanh Văn, Bích Chi Phật. Dầu chưa đủ mười trí lực, đại từ, đại bi, vô lượng Phật pháp, nhứt thiết chủng trí mà cũng chẳng chứng lấy không, vô tướng, vô tác giải thoát môn.

Nầy Tu Bồ Đề! Ví như xạ thủ đại tài, bắn tên lên hư không lại nối tiếp bắn tên lên ghim lấy tên trước, các mũi tên ghim giữ nhau chẳng cho rơi xuống đất theo ý của xạ thủ đó, nếu cho rớt thì thôi không bắn tên lên nữa, bấy giờ các mũi tên mới rớt xuống đất.

Cũng vậy, **đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật. Vì Vô thượng Bồ đề do sức phương tiện, lúc các thiện căn chưa đầy đủ thì chẳng chứng lấy thật tế, nếu thiện căn đã đầy đủ mới chứng lấy thật tế.**

Thế nên, Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát nên như vậy mà quán pháp tướng của các pháp.

- Bạch đức Thế Tôn! Chỗ làm của đại Bồ Tát thật là rất sâu. Tại sao vậy? Vì dầu đại Bồ Tát học các pháp tướng ấy, học thật tế, học như, học pháp tánh, học rốt ráo không, nhẫn đến học tự tướng không và ba môn giải thoát mà trọn chẳng giữa đường sa vào bực Nhị thừa: Thanh Văn, Bích Chi Phật. Thật là ít có vậy.

- Nầy Tu Bồ Đề! Vì chẳng rời bỏ tất cả chúng sanh nên đại Bồ Tát nầy phát nguyện như vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát nghĩ rằng tôi chẳng nên rời bỏ tất cả chúng sanh. Tất cả chúng sanh chìm trong pháp vô sở hữu, tôi phải cứu độ họ. Lúc đó Bồ Tát liền nhập không giải thoát môn, vô tướng giải thoát môn, vô tác giải thoát môn. Phải biết đại Bồ Tát nầy thành tựu sức phương tiện, **lúc chưa được nhứt thiết chủng trí, hành ba môn giải thoát mà chẳng giữa đường chứng lấy thật tế.**

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát muốn quán những pháp thậm thâm, đó là nội không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không, tứ niệm xứ nhẫn đến ba môn giải thoát. Bấy giờ đại Bồ Tát phải có tâm niệm như vầy: Các chúng sanh mãi đi trong tướng ngã nhẫn đến tướng tri giả, kiến giả, dính nơi pháp sở đắc, tôi vì dứt các tướng nầy cho chúng sanh nên lúc được Vô thượng Bồ đề tôi sẽ thuyết pháp. Bấy giờ đại Bồ Tát hành không vô tướng, vô tác giải thoát môn mà chẳng chứng thật tế. Vì chẳng chứng nên chẳng sa vào bực Thanh Văn và Bích Chi Phật.

Nầy Tu Bồ Đề! Do tâm muốn thành tựu thiện căn như vậy nên đại Bồ Tát chẳng giữa đường tác chứng thật tế, chẳng mất tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ định, tứ niệm xứ, nhẫn đến chẳng mất mười tám pháp bất cộng. Khi đó đại Bồ Tát thành tựu tất cả pháp trợ đạo, nhẫn đến thành tựu Vô thượng Bồ đề trọn chẳng hao, chẳng giảm. Vì có sức phương tiện nên Bồ Tát nầy thường tăng ích pháp lành, căn trí thông lợi hơn cả căn trí của A La Hán và Bích Chi Phật.

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát nghĩ rằng: Các chúng sanh mãi dính nơi bốn điên đảo: chấp thường, chấp lạc, chấp tịnh và chấp ngã. Vì các chúng sanh nầy mà tôi cầu nhứt thiết chủng trí. Lúc tôi được Vô thượng Bồ đề, sẽ vì họ mà nói pháp vô thường, khổ, bất tịnh và pháp vô ngã. Đại Bồ Tát thành tựu tâm nguyện như vậy, dùng sức phương tiện Bát nhã ba la mật, dầu chưa được Phật tam muội, chưa đầy đủ mười trí lực, tứ vô úy, tứ vô ngại trí, đại từ đại bi, mười tám pháp bất cộng, nhưng chẳng chứng lấy thật tế. Lúc ấy tu vô tác giải thoát môn, dầu chưa được Vô thượng Bồ đề nhưng chẳng chứng lấy thật tế.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát nghĩ rằng: các chúng sanh mãi chấp trước pháp sở đắc. Đó là ngã, chúng sanh nhẫn đến tri giả, kiến giả. Ấy là sắc, là thọ, tưởng, hành, thức, là nhập, là giới, là tứ thiền, là tứ vô lượng tâm, là tứ định, là tu hành như vậy. Lúc tôi được Vô thượng Bồ đề, sẽ làm cho chúng sanh **chẳng chấp pháp sở đắc** như vậy.

Bồ Tát thành tựu tâm đó, dùng sức phương tiện hành Bát nhã ba la mật, lúc chưa đầy đủ mười trí lực nhẫn đến mười tám pháp bất cộng thì chẳng chứng lấy thật tế, khi đó Bồ Tát tu không tam muội đầy đủ.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát nghĩ rằng: Chúng sanh mãi mãi đi trên các tướng, đó là những tướng nam, nữ, sắc, vô sắc. Nếu lúc tôi được Vô thượng Bồ đề, sẽ làm cho chúng sanh không có nhận thức các tướng sai lầm như vậy. Bồ Tát thành tựu tâm đó, dùng sức phương tiện hành Bát nhã ba la mật, lúc chưa đầy đủ mười trí lực nhẫn đến pháp bất cộng thì không chứng lấy thật tế. **Khi đó Bồ Tát tu vô tướng tam muội đầy đủ.**

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát học sáu ba la mật, học nội không nhẫn đến học vô pháp hữu pháp không, học tứ niệm xứ nhẫn đến học ba giải thoát môn, học mười trí lực, bốn vô úy, bốn vô ngại, đại từ đại bi, học mười tám pháp bất cộng, thành tựu trí huệ như vậy thì chẳng bao giờ chấp trước những pháp tạo tác hoặc trụ trước trong tam giới.

Lúc đại Bồ Tát nầy học pháp trợ đạo cùng hành pháp trợ đạo, nên thử hỏi rằng: Đại Bồ Tát muốn được Vô thượng Bồ đề sao lại học quán các pháp không mà chẳng chứng lấy thật tế, vì chẳng chứng lấy nên chẳng sa vào hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật. Quán vô tướng, vô tác, vô khởi, vô sanh, vô sở hữu, cũng chẳng chứng lấy thật tế mà tu Bát nhã ba la mật?

Nầy Tu Bồ Đề! Lúc thử hỏi như trên, nếu đại Bồ Tát đó đáp thế nầy: Đại Bồ Tát chỉ nên quán không, chỉ nên quán vô tướng, vô tác, vô khởi, vô sanh, vô sở hữu. Đại Bồ Tát chẳng nên học không, vô tướng, vô tác, vô sanh, vô khởi, vô sở hữu, chẳng nên học pháp trợ đạo.

Nầy Tu Bồ Đề! Phải biết Bồ Tát đó chưa được chư Phật thọ ký Vô thượng Bồ đề. Tại sao vậy? Vì người nầy chẳng nói được chỗ sở học của bực Bồ Tát bất thối chuyển, chẳng trình bày được, chẳng giải đáp được.

Nếu đại Bồ Tát đó nói được, giải đáp được chỗ sở học của bực bất thối chuyển, phải biết đó là bực đã học đạo Bồ Tát, nhập bực Bạc địa(1) như chư đại Bồ Tát bất thối chuyển khác".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Chừng có Bồ Tát chưa được bất thối chuyển mà giải đáp được chăng?"

Đức Phật phán: "Có. Nầy Tu Bồ Đề! Bồ Tát đó nơi Bát nhã ba la mật hoặc đã nghe hoặc chẳng nghe, có thể giải đáp được như bực đại Bồ Tát bất thối chuyển".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Rất đông Bồ Tát cầu Phật đạo mà ít có Bồ Tát giải đáp được như các bực đại Bồ Tát bất thối chuyển trong hàng hữu học và vô học như vậy".

Đức Phật phán dạy: "Đúng như vậy. Bồ Tát rất ít. Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát ít có được thọ ký bực Càn Huệ(2) bất thối chuyển. Nếu người nào được thọ ký thì có thể giải đáp được. Thiện căn của người đó sáng rõ. Tất cả chư thiên cùng người đời không ai phá hoại được".

Thích nghĩa:

(1). Bạc địa (Phạm Tanù-bhùmi): Chỉ địa vị thứ năm trong thập địa chung cho Tam thừa(liệt kê trong thích nghĩa Càn huệ dưới đây). Đó là bậc quán "Tư hoặc" tức không, phát được sáu trí vô ngại, dứt trừ sáu phẩm trong chín phẩm tư hoặc thuộc Dục giới, do đó mà dục hoặc trở nên mỏng(bạc), cho nên gọi là Bạc địa. Địa vị này cũng giống như quả Tư đà hàm của Tiểu thừa.

(2). Càn Huệ địa: Pháp hoa Huyền nghĩa quyển 4 hạ và Ma ha Chỉ quán quyển 6 thượng, ngài Trí khải liệt kê thập địa chung cho Tam thừa là: 1. Càn tuệ địa (Phạm: Zukla-vida): Còn gọi Tịnh quán địa: Nghĩa là địa vị này chỉ có tuệ chứ chưa có định, tương đương với giai vị Tam hiền của Thanh văn và Giác vị của Bồ tát từ Sơ phát tâm cho đến trước khi được Thuận nhẫn), 2. Tính địa (Phạm: Gotra-bhùmi), 3. Bát nhân địa (Phạm: Awỉamakabhùmi), 4. Kiến địa (phạm: Durzana-bhùmi), 5. Bạc địa (Phạm:Tanù-bhùmi), 6. Li dục địa (Phạm:Vìta-ràga-bhùmi), 7. Dĩ tác địa (Phạm:Kftàvì-bhùmi), 8. Bích chi Phật địa, 9. Bồ tát địa và 10. Phật địa.

Đoạn kinh nầy đề cập hai địa vị Bạc địa và Càn huệ địa, ý muốn nói đến thập địa chung cho Tam thừa chớ không phải giai vị thập địa trong Thập địa Bồ tát từ Hoan hỉ địa cho đến Pháp vân địa đã thích nghĩa trong phẩm "Kim Cang", quyển thứ tư, MHBNBLM. (Xin xem lại thích nghĩa ở phẩm "Kim Cang").

---o0o---

PHẨM MỘNG TRUNG BẤT CHỨNG
THỨ SÁU MƯƠI MỐT

(Tương đương với phần sau phẩm "Khéo Học", Q.332 và kế tiếp, ĐBN).

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Nếu đại Bồ Tát nhẫn đến trong chiêm bao, chẳng tham muốn bực Thanh Văn, Bích Chi Phật, cũng chẳng tham muốn ba cõi. Quán các pháp như mộng, như ảo, như hưởng, như diệm, như hóa, cũng chẳng chứng lấy.

Nầy Tu Bồ Đề! Phải biết đó là tướng bất thối chuyển của đại Bồ Tát bất thối chuyển.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát trong chiêm bao thấy Phật cùng vô số Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, Thiên, Long, Quỷ, Thần. Thấy đức Phật thuyết pháp cho đại chúng. Bồ Tát nầy theo Phật nghe pháp liền hiểu nghĩa trong đó rồi thực hành theo pháp.

Phải biết đó là tướng bất thối chuyển của đại Bồ Tát bất thối chuyển.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Trong chiêm bao, đại Bồ Tát thấy đức Phật đủ ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo, phóng ánh sáng vọt lên không trung thuyết pháp cho chúng đại Tỳ Kheo, rồi hiện đại thần lực biến làm hóa nhơn đến Phật độ khác mà làm Phật sự.

Phải biết đó là tướng bất thối chuyển của đại Bồ Tát bất thối chuyển.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Nếu trong chiêm bao, đại Bồ Tát thấy giặc nổi dậy đánh phá xóm làng, thành thị, hoặc phóng hỏa, hoặc thấy những ác thú cọp, sói, sư tử, hoặc thấy có kẻ muốn đến chặt đầu mình, hoặc thấy cha mẹ, anh chị, bạn hữu chết. Dầu thấy bao nhiêu sự dữ hung, khổ sầu như vậy mà chẳng kinh sợ, buồn lo. Sau khi thức giấc liền suy gẫm ba cõi hư vọng đều như cảnh chiêm bao thôi. Lúc tôi được Vô thượng Bồ đề, sẽ vì chúng sanh mà giảng nói ba cõi như chiêm bao.

Phải biết đó là tướng bất thối chuyển của đại Bồ Tát bất thối chuyển.

Lại nầy Tu Bồ Đề! thế nào mà biết là đại Bồ Tát bất thối chuyển lúc được Vô thượng Bồ đề, trong nước không có ba ác đạo?

Trong chiêm bao, nếu đại Bồ Tát thấy các Súc sanh, Ngạ quỷ, Địa ngục liền nghĩ rằng tôi phải siêng năng tinh tấn, lúc được Vô thượng Bồ đề, trong cõi nước tôi không có ba ác đạo. Tại sao vậy? Vì cảnh chiêm bao cùng các pháp không hai, không sai khác.

Phải biết đó là tướng bất thối chuyển của đại Bồ Tát bất thối chuyển.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Trong chiêm bao, đại Bồ Tát thấy lửa Địa ngục nấu chúng sanh liền phát thệ: Nếu tôi thiệt là bực bất thối chuyển, nguyện lửa nầy liền tắt.

Nếu lửa Địa ngục liền tắt theo lời nguyện, phải biết đó là tướng bất thối chuyển.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Ban ngày đại Bồ Tát thấy thành thị bị hỏa hoạn liền nghĩ rằng: Trong chiêm bao, tôi thấy hạnh, loại, tướng mạo bất thối chuyển, nay tôi thiệt có như vậy. Tự lập thệ rằng: Xin cho lửa nầy liền tắt.

Sau khi lập thệ, nếu lửa liền tắt thì phải biết đó là đại Bồ Tát được thọ ký Vô thượng Bồ đề, trụ bực bất thối chuyển.

Nếu lửa đó chẳng liền tắt, đốt cháy từ nhà nầy đến nhà khác, từ xóm nầy đến xóm khác, nầy Tu Bồ Đề! Phải biết những nhà bị cháy là do đời trước nghiệp nhơn phá pháp sâu dầy nên đời nay mang tai họa thừa ấy.

Do nhơn duyên đó, phải biết là tướng bất thối chuyển của đại Bồ Tát bất thối chuyển.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Nay đức Phật lại vì người mà nói hạnh, loại, tướng mạo của đại Bồ Tát bất thối chuyển.

Nếu có nam tử hay nữ nhơn bị quỷ thần dựa. Khi đó Bồ Tát tự nghĩ: Nếu tôi được chư Phật quá khứ thọ ký, tâm tôi thanh tịnh cầu Vô thượng Bồ đề, hành chánh đạo thanh tịnh, xa rời tâm cầu Thanh Văn, Bích Chi Phật, đáng được Vô thượng Bồ đề. Tôi quyết chắc sẽ được Vô thượng Bồ đề, chẳng phải là không được. Hiện tại chư Phật ở mười phương quốc độ không gì chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu, chẳng chứng. Chư Phật biết thâm tâm tôi định chắc quyết sẽ được Vô thượng Bồ đề. Do lòng chí thành phát thệ ấy, nam tử hay nữ nhơn bị quỷ thần dựa não hại đây sẽ được khỏi khổ nạn, quỷ thần sẽ rời xa.

Nầy Tu Bồ Đề! Bồ Tát phát thệ như vậy, nếu quỷ thần chẳng rời đi, thì phải biết Bồ Tát đó chưa được chư Phật quá khư thọ ký Vô thượng Bồ đề. Nếu quỷ thần rời, thì phải biết đã được chư Phật quá khứ thọ ký Vô thượng Bồ đề.

Do những hạnh, loại, tướng mạo đó mà biết là đại Bồ Tát bất thối chuyển.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát xa rời sáu ba la mật và sức phương tiện, tu hành tứ niệm xứ nhẫn đến ba môn tam muội chưa lâu, chưa nhập địa vị Bồ Tát. Bồ Tát đó bị ác ma nhiễu hại bèn

thệ rằng, nếu tôi thiệt được chư Phật thọ ký thì quỷ thần nầy phải rời đi. Ác ma có oai lực hơn quỷ thần nên quỷ thần liền rời đi. Bồ Tát nầy nghĩ rằng do sức thệ nguyện của tôi mà quỷ thần phải rời đi, chớ chẳng biết là sức của ác ma. Vì cậy chỗ chức chứng đắc nên khinh dễ các Bồ Tát khác: Tôi đã được chư Phật thọ ký, còn các Ngài thì chưa. Sanh lòng tăng thượng mạn. Do đây mà xa lìa nhứt thiết chủng trí, xa lìa Vô thượng Bồ đề.

Nầy Tu Bồ Đề! Phải biết người đó sa vào hai bực: hoặc bực Thanh Văn, hoặc bực Bích Chi Phật.

Do nhơn duyên luống thệ như trên, không có sức phương tiện nên mà sự phát khởi. Người đó vì chẳng thân cận, y chỉ thiện tri thức, chẳng hỏi rành tướng mạo bất thối chuyển nên bị ma trói buộc càng thêm kiên cố.

Tại sao vậy? Vì Bồ Tát đó hành sáu ba la mật chẳng được lâu nên không có sức phương tiện.

Phải biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Nầy Tu Bồ Đề! Thế nào là Bồ Tát hành sáu ba la mật chẳng được lâu, nhẫn đến chưa nhập địa vị Bồ Tát, bị ác ma nhiễu hại?

Nầy Tu Bồ Đề! Ác ma hóa hiện các thứ thân hình đến bảo Bồ Tát rằng: Ở chỗ chư Phật, Ngài được thọ ký Vô thượng Bồ đề, Ngài tên ấy, cha tên ấy, mẹ tên ấy, anh chị em tên ấy, bảy đời cha mẹ của Ngài tên họ như vậy, Ngài sanh trong ấp ấy, làng ấy, thành ấy, nước ấy, tại địa phương ấy. Nếu thấy Bồ Tát tánh hạnh hòa nhu, ác ma nói: Đời trước Ngài cũng hòa nhu. Nếu thấy Bồ Tát thấy tánh nóng gấp, ác ma nói: Đời trước ngài cũng như vậy. Nếu thấy Bồ Tát tu hạnh tịch tịnh, ác ma nói: Đời trước Ngài cũng tu như vậy. Nếu thấy Bồ Tát khất thực, nạp y, chiều chẳng uống tương, một lần ngồi ăn, ăn một bát, ở nơi gò mả, ở chỗ trống, ở dưới cây, ngồi luôn chẳng nằm, ngồi kiết già, chỉ thọ ba y, hoặc thiểu dục, hoặc tri túc, hoặc tu hạnh xa lìa, hoặc chẳng thoa chưn, hoặc ít nói chuyện, ác ma bèn nói: đời trước Ngài cũng có hạnh như vậy, đời nay Ngài có công đức Đầu Đà nầy, đời trước Ngài cũng có công đức như vậy.

Bồ Tát nghe nói việc đời trước và họ tên, lại nghe khen ngợi công đức Đầu Đà liền vui mừng, sanh lòng kiêu mạng.

Bấy giờ ác ma nói: Ngài có công đức như vậy, có tướng như vậy, Ngài đã thiệt chư Phật tho ký Vô thượng Bồ đề.

Nầy Tu Bồ Đề! Ác ma hiện làm Tỳ Kheo vấn y, hoặc hiện làm Cư Sĩ, hoặc hiện hình cha mẹ đến bảo Bồ Tát: Ngài đã được thọ ký Vô thượng Bồ đề. Tại sao? Vì bao nhiêu tướng bất thối chuyển, Ngài đều có đủ.

Nầy Tu Bồ Đề! Thiệt ra những tướng mạo bất thối chuyển chơn thiệt của đức Phật nói, người nầy hoàn toàn không có.

Phải biết Bồ Tát đó bị ma nhiễu hại. Tại sao vậy? Vì Bồ Tát đó hoàn toàn không có tướng mạo bất thối chuyển. Nhơn nghe khen tặng mà sanh. Lại nầy Tu Bồ Đề!; lòng kiêu mạn, khinh miệt người khác.

Phải biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Bồ Tát hành sáu ba la mật chẳng được lâu, chẳng biết tướng danh tự, chẳng biết tướng sắc, tướng thọ, tưởng, hành, thức. Ác ma đến nói: Đời sau, lúc Ngài được Vô thượng Bồ đề, sẽ có những danh hiệu như vầy. Rồi ác ma theo chỗ tưởng niệm của Bồ Tát đó mà

nói danh hiệu. Bồ Tát vô trí, không có phương tiện đó nghĩ rằng tôi đã trước có danh hiệu thành Phật như người nầy nói, hiệp đúng với bổn ý của tôi. Chắc là tôi đã được chư Phật thọ ký.

Nầy Tu Bồ Đề! Tướng mạo bất thối chuyển của đức Phật nói, người nầy hoàn toàn không có. Chỉ theo danh hiệu trống rỗng ấy rồi kiêu mạn, khinh miệt người khác. Vì thế mà xa lìa Vô thượng Bồ đề. Bồ Tát nầy xa lìa Bát nhã ba la mật, không có sức phương tiện, xa lìa thiện tri thức, theo ác tri thức nên sa vào hai bực Thanh Văn, Bích Chi Phật. Nếu được liền tại thân đời nầy, ăn năn sám hối, lâu lâu qua lại trong sanh tử rồi sau mới trở lại y chỉ Bát nhã ba la mật. Nếu gặp thiện tri thức rồi thường gần gũi thì sẽ được Vô thượng Bồ đề. Còn nếu tại thân nầy chẳng liền sám hối sẽ phải sa vào hai bực: hoặc Thanh Văn, hoặc Bích Chi Phật.

Nầy Tu Bồ Đề! Nơi tứ trọng giới(1), nếu Tỳ Kheo phạm một giới thì chẳng phải là Sa Môn, chẳng phải là Thích tử, hiện đời chẳng được bốn quả Sa Môn.

Nầy Tu Bồ Đề! Bồ Tát đó ham danh tự giả, có tâm kiêu mạn, khinh miệt người khác, phải biết tội nầy nặng hơn tội phạm giới trọng của Tỳ Kheo. Nầy Tu Bồ Đề! Chẳng những nặng hơn bốn trọng giới mà còn hơn cả tội ngũ nghịch(2). Bởi ham nhận danh hiệu giả mà sanh lòng cao ngạo, khinh miệt người khác, phải biết là tội rất nặng. Như về những danh hiệu, còn các ma sự nhỏ nhặt khác, Bồ Tát phải cảnh giác biết rõ.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Bồ Tát ở chỗ vắng vẻ núi đầm trống xa. Ma đến khen ngợi rằng: Hạnh Ngài làm là pháp viễn ly của Phật ca ngợi.

Nầy Tu Bồ Đề! Đức Phật chẳng ca ngợi sự viễn ly như vậy, nghĩa là chỉ ở nơi vắng vẻ núi đầm trống xa mà gọi là viễn ly.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu ở chỗ vắng vẻ núi đầm trống xa như vậy mà chẳng phải là pháp viễn ly thì có pháp viễn ly khác thế nào?

- Nầy Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát xa rời tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật, ở chỗ vắng vẻ núi đầm trống xa, đây là pháp viễn ly mà đức Phật hứa khả. Pháp viễn ly nầy Bồ Tát phải tu hành. Ngày đêm hành pháp viễn ly nầy thì gọi là Bồ Tát viễn ly hạnh.

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu pháp viễn ly của ác ma nói, ở chỗ vắng vẻ núi đầm trống vắng mà tâm Bồ Tát nầy ở tại nơi ồn náo; đó là chẳng xa rời tâm niệm Thanh Văn, Bích Chi Phật chẳng siêng tu Bát nhã ba la mật, Bồ Tát nầy chẳng đầy đủ được nhứt thiết chủng trí. Bồ Tát nầy hành pháp viễn ly của ác ma nói, lòng chẳng thanh tịnh mà đi khinh khi các Bồ Tát ở gần thành thị tâm thanh tịnh, không có tâm niệm ồn náo, Thanh Văn, Bích Chi Phật, cũng không có tâm tạp ác khác, đầy đủ thiền định, giải thoát, trí huệ, thần thông.

Bồ Tát xa rời Bát nhã ba la mật không có sức phương tiện đó, dầu ở chỗ tuyệt trống vắng lặng ngoài trăm do tuần, chỗ cầm thú, quỷ thần, la sát ở, hoặc một năm cho đến trăm ngàn vạn ức năm, hoặc lâu hơn thời gian trên, mà chẳng biết pháp viễn ly chơn thiệt của Bồ Tát: đó là thâm phát Vô thượng Bồ đề, chẳng có tâm tạp ác, ồn náo. Chỗ làm của Bồ Tát nầy đức Phật không hứa khả.

Nầy Tu Bồ Đề! Đức Phật nói pháp viễn ly chơn thiệt. Bồ Tát nầy chẳng ở trong đó, cũng chẳng thấy tướng viễn ly đó. Tại sao? Vì Bồ Tát nầy chỉ hành theo pháp viễn ly hư giả. Bấy giờ ác ma đến đứng trong hư không khen rằng: Lành thay! Lành thay! Nầy thiện nam! Đó là pháp viễn ly chơn thiệt của Phật nói. Ngài hành pháp viễn ly ấy sẽ mau được Vô thượng Bồ đề. Nghe

lời khen ấy, Bồ Tát nầy có tâm niệm ham pháp viễn ly ấy tất sẽ khinh dễ các người cầu Phật đạo khác cho là ồn náo.

Đó là lấy ồn náo làm chẳng ồn náo, đáng cung kính mà chẳng cung kính, chẳng đáng cung kính mà cung kính. Bồ Tát nầy nói: Chư quỷ thần nhớ tưởng đến khen ngợi tôi. Chỗ tôi hành trì đúng là hạnh viễn ly, không ai khen tặng những người ở gần thành thị. Do cớ đó mà Bồ Tát nầy khinh khi các Bồ Tát khác.

Nầy Tu Bồ Đề! Phải biết Bồ Tát nầy gọi là Bồ Tát Chiên Đà La làm ô nhiễm chư Bồ Tát. Người nầy giống hình Bồ Tát mà thiệt là kẻ đại tặc trong nhơn nhơn gian và trên trời, cũng là kẻ giặc vấn y trong hàng Sa Môn. Với người như vậy, những người cầu Phật đạo chẳng nên gần gũi, cúng dường, cung kính. Tại sao vậy?

Nầy Tu Bồ Đề! Phải biết người nầy sa vào hàng tăng thượng mạn.

Thế nên nếu đại Bồ Tát muốn chẳng rời bỏ nhứt thiết chủng trí, muốn được Vô thượng Bồ đề, nhứt tâm muốn cầu Vô thượng Bồ đề, muốn lợi ích tất cả chúng sanh thì chẳng nên gần gũi hạng người như vậy để cung kính, cúng dường.

Theo pháp của đại Bồ Tát, phải thường xuyên cầu tự lợi, nhàm sợ thế gian, tâm luôn xa rời ba cõi, đối với hạng người ấy phải có lòng từ bi hỉ xả. Tôi hành Bồ Tát đạo chẳng nên sanh tội lỗi như vậy. Nều có lỗi như vậy phải mau dứt trừ.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải khéo cảnh giác ma sự ấy. Ở trong ma sự ấy phải khéo cố gắng ra khỏi.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát thâm tâm muốn được Vô thượng Bồ đề, phải gần gũi, cung kính, cúng dường thiện tri thức.

- Bạch đức Thế Tôn! Những ai là thiện tri thức của đại Bồ Tát?

- Nầy Tu Bồ Đề! Chư Phật là thiện tri thức của đại Bồ Tát. Chư đại Bồ Tát cũng là thiện tri thức của Bồ Tát. A La Hán cũng là thiện tri thức của Bồ Tát.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Sáu ba la mật là thiện tri thức của Bồ Tát. Tứ niệm xứ nhẫn đến mười tám pháp bất cộng cũng là thiện tri thức của Bồ Tát. Như, thiệt tế, pháp tánh cũng là thiện tri thức của Bồ Tát.

Nầy Tu Bồ Đề! Sáu ba la mật là đạo, là rất sáng, là đuốc, là trí, là huệ, là cứu, là quy, là cồn đảo, là đường rốt ráo, là cha, là mẹ. Tứ niệm xứ nhẫn đến nhứt thiết chủng trí cũng vậy.

Tại sao? Vì sáu ba la mật và ba mươi bảy phẩm trợ đạo là cha, là mẹ của mười phương chư Phật quá khứ, chư Phật vị lai, chư Phật hiện tại. Tại sao? Vì sáu ba la mật và ba mươi bảy phẩm trợ đạo hay sanh mười phương chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát muốn được Vô thượng Bồ đề, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh thì phải học sáu ba la mật, ba mươi bảy phẩm trợ đạo và bốn nhiếp pháp để nhiếp lấy chúng sanh. Đây là bốn nhiếp pháp: bố thí, ái ngữ, lợi ích và đồng sự.

Nầy Tu Bồ Đề! Vì có công năng lợi ích như vậy nên ta nói sáu ba la mật và ba mươi bảy phẩm trợ đạo là đại Bồ Tát, là Thế Tôn, là đạo, là rất sáng, là đuốc, là trí, là huệ, là cứu, là quy, là cồn đảo, là đường rốt ráo , là cha, là mẹ.

Thế nên đại Bồ Tát muốn an trụ chẳng theo lời người khác, muốn dứt nghi cho tất cả chúng sanh, muốn tịnh Phật quốc độ, muốn thành tựu chúng sanh, thì phải học Bát nhã ba la mật nầy.

Tại sao? Vì trong Bát nhã ba la mật nói rộng các pháp mà chư đại Bồ Tát cần phải học.

- Bạch đức Thế Tôn! Những gì là tướng của Bát nhã ba la mật?

- Nầy Tu Bồ Đề! Như tướng hư không là tướng Bát nhã ba la mật. Bát nhã ba la mật không có tướng.

- Bạch đức Thế Tôn! Chừng có duyên cớ mà tướng các pháp cũng như tướng Bát nhã ba la mật chăng?

- Nầy Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Tướng các pháp cũng như tướng Bát nhã ba la mật. Vì tất cả pháp tướng ly, tướng không. Do nhơn duyên ấy nên tướng các pháp cũng như tướng Bát nhã ba la mật. Đó là tướng ly, tướng không.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp là tất cả pháp ly, tất cả pháp là tất cả pháp không, thì làm sao biết chúng sanh là cấu hoặc tịnh?

Bạch đức Thế Tôn! Pháp ly tướng không cấu, không tịnh. Pháp ly tướng, không tướng chẳng thể được Vô thượng Bồ đề. Ly tướng và không tướng chẳng có pháp để được.

Bạch đức Thế Tôn! Trong ly tướng, trong không tướng không có Bồ Tát được Vô thượng Bồ đề.

Bạch đức Thế Tôn! Như vậy thì tôi làm sao có thể biết được nghĩa đức Phật tuyên nói?

- Nầy Tu Bồ Đề! Chúng sanh có mãi mãi hiện hành tâm ngã, ngã sở chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Có. Chúng sanh mãi mãi hiện hành tâm ngã, ngã sở.

- Nầy Tu Bồ Đề! Tâm ngã, ngã sở đó có ly tướng chăng? Có không tướng chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Tâm ngã, ngã sở ly tướng, không tướng.

- Nầy Tu Bồ Đề! Do tâm ngã, ngã sở đó, chúng sanh có qua lại trong sanh tử chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Do tâm ngã, ngã sở đó, chúng sanh qua lại trong sanh tử.

- Nầy Tu Bồ Đề! Vì chúng sanh qua lại trong sanh tử nên biết là có cấu, có não.

Nầy Tu Bồ Đề! Nếu chúng sanh không tâm ngã, ngã sở, tâm không chấp trước thì chẳng còn qua lại trong sanh tữ. Nếu chẳng qua lại trong sanh tử thì không có cấu, não. Thế là chúng sanh có tịnh.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát hành như vậy, đó là chẳng hành sắc, thọ, tưởng, hành, thức là chẳng hành tứ niệm xứ đến bát thánh đạo, là chẳng hành nội không đến vô pháp hữu pháp không, là chẳng hành mười trí lực đến Nhất thiết chủng trí.

Tại sao vậy? Vì pháp ấy chẳng thể được, cũng không người hành, cũng không chỗ hành, cũng không phép hành.

Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát hành như vậy, tất cả Thiên, Nhơn, A Tu La ở thế gian chẳng hàng phục được đại Bồ Tát nầy. Tất cả Thanh Văn, Bích Chi Phật chẳng bằng được Bồ Tát nầy.

Tại sao vậy? Vì chỗ an trụ của Bồ Tát nầy không ai bằng được, đó là địa vị Bồ Tát.

Bạch đức Thế Tôn! Chỗ hành của đại Bồ Tát nầy đúng với tâm Nhất thiết chủng trí, không ai bằng được.

- Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành như vậy mau gần với Nhất thiết chủng trí.

Nầy Tu Bồ Đề! Cứ theo ý ngươi thế nào? nếu như tất cả mọi loài chúng sanh ở Diêm Phù Đề đều hành nghiệp người, đều được thân người và đều được Vô thượng Bồ đề cả. Nếu có thiện

nam, thiện nữ trọn đời cung kính, cúng dường, ngợi khen tất cả chư Phật đó, rồi đem tất cả thiện căn hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Do cơ ấy được phước nhiều chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều.

- Nầy Tu Bồ Đề! Phước không nhiều bằng thiện nam, thiện nữ ở giữa đại chúng tuyên nói Bát nhã ba la mật, chỉ dạy rành rẽ, khai diễn rõ ràng đúng với Bát nhã ba la mật và cũng chánh ức niệm. Nhẫn đến chúng sanh trong cõi Đại Thiên cũng như vậy.

Nầy Tu Bồ Đề! Như tất cả chúng sanh trong Diêm Phù Đề đồng thời đều được thân người. Có thiện nam, thiện nữ dạy họ hành thập thiện, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, dạy họ được quả Tu Đà Hoàn đến quả Bích Chi Phật, dạy họ được Vô thượng Bồ đề. Đem thiện căn dạy bảo đó hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Thiện nam, thiện nữ đó được phước nhiều chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều.

- Nầy Tu Bồ Đề! Phước nhiều không bằng thiện nam, thiện nữ đem Bát nhã ba la mật nầy diễn nói, chỉ dạy rõ ràng, rành rẽ cho chúng sanh, cũng chẳng xa rời Nhất thiết chủng trí.

Như Diêm Phù Đề, nhẫn đến cõi Đại Thiên cũng như vậy.

Đại Bồ Tát nầy chẳng xa rời tâm Nhất thiết chủng trí thì đến tột cùng bờ tất cả phước điền. Trừ chư Phật, không có pháp nào bằng thế lực của đại Bồ Tát.

Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát lúc hành Bát nhã ba la mật, đối với tất cả chúng sanh phát khởi lòng đại từ, vì thấy các chúng sanh hướng đến chỗ chết nên sanh lòng đại bi. Lúc hành đạo, Bồ Tát vui thích nên sanh lòng đại hỉ. Vì chẳng cùng chung với tưởng niệm nên được đại xả.

Nầy Tu Bồ Đề! Đó là đại Bồ Tát được ánh đại trí. Ánh sáng đại trí đây tức là sáu Ba la mật.

Nầy Tu Bồ Đề! Thiện nam, thiện nữ dầu chưa làm Phật mà có thể làm phước điền lớn cho tất cả chúng sanh, chẳng thối chuyển nơi Vô thượng Bồ đề. Hưởng thọ bốn sự cúng dường, hành đúng tâm Bát nhã ba la mật, quyết định báo ơn thí chủ, mau gần nhứt thiết chủng trí.

Thế nên đại Bồ Tát muốn chẳng luống hưởng thọ bốn sự thí cúng của người, muốn đạo Tam thừa cho chúng sanh, muốn làm ánh sáng lớn cho chúng sanh, muốn cứu vớt lao ngục tam giới, muốn ban con mắt sáng cho chúng sanh, thì phải thường hành Bát nhã ba la mật.

Lúc hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát có muốn nói thì nói Bát nhã ba la mật. Nói Bát nhã ba la mật rồi thường ghi nhớ Bát nhã ba la mật.

Thường ghi nhớ Bát nhã ba la mật rồi thường hành Bát nhã ba la mật, chẳng cho tâm niệm khác phát sanh được, ngày đêm siêng hành Bát nhã ba la mật, tâm niệm tương ứng, chẳng thôi, chẳng nghĩ.

Nầy Tu Bồ Đề! Ví như có người chưa từng được châu ma ni, lúc sau được, được rồi vui mừng hớn hở. Rồi sau lại đánh mất bèn rất lo sầu, thường nhớ tưởng châu ma ni đó, tự tại sao tôi lại đánh mất châu ma ni.

Cũng vậy, đại Bồ Tát luôn nghĩ nhớ Bát nhã ba la mật, chẳng rời tâm Nhất thiết chủng trí.

- Bạch đức Thế Tôn! Tất cả niệm tưởng, tánh của nó tự ly, tánh của nó tự không, tại sao đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật lại chẳng rời lìa tâm nhứt thiết chủng trí? Trong pháp viễn ly, pháp không đó, không có Bồ Tát, cũng không có niệm, không nhứt thiết chủng trí.

- Nầy Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát biết tất cả pháp như vậy, tánh nó tự ly, tánh nó tự không, chẳng phải do Thanh Văn, Bích Chi Phật làm ra, cũng chẳng phải do Phật làm ra. Các pháp

tướng thường trụ, pháp tướng, pháp trụ, pháp vị, như, thật tế, đây gọi là Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, chẳng rời lìa tâm nhứt thiết chủng trí. Tại sao? Vì Bát nhã ba la mật tánh tự ly, tánh tự không, chẳng tăng, chẳng giảm vậy.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bát nhã ba la mật, tánh nó tự ly, tánh nó tự không, thì thế nào đại Bồ Tát bằng với Bát nhã ba la mật, được Vô thượng Bồ đề?

- Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát bằng với Bát nhã ba la mật, chẳng tăng, chẳng giảm. Tại sao? Vì Bát nhã ba la mật chẳng phải một, chẳng phải khác.

Nếu đại Bồ Tát nghe tướng Bát nhã ba la mật như vậy mà chẳng kinh sợ, nghi ngờ. Phải biết đại Bồ Tát nầy hành Bát nhã ba la mật, phải biết đại Bồ Tát nầy an trụ bực bất thối chuyển.

- Bạch đức Thế Tôn! Không, chẳng chỗ có, là hành Bát nhã ba la mật chăng?

- Không phải.

- Bạch đức Thế Tôn! Rời không, còn có pháp hành Bát nhã ba la mật chăng?

- Không có.

- Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật đó hành Bát nhã ba la mật chăng?

- Không.

- Bạch đức Thế Tôn! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là hành Bát nhã ba la mật chăng?

- Không.

- Bạch đức Thế Tôn! Sáu ba la mật hành Bát nhã ba la mật chăng?

- Không.

- Bạch đức Thế Tôn! Tứ niệm xứ đến pháp bất cộng là hành Bát nhã ba la mật chăng?

- Không.

- Bạch đức Thế Tôn! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức tướng không, hư dối chẳng thiệt, không chỗ có, tướng chẳng kiên cố, tướng như, pháp tướng, pháp trụ, pháp vị, thiệt tế là hành Bát nhã ba la mật chăng?

- Không.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp đó đều chẳng hành, thì Bát nhã ba la mật thế nào mà gọi là đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật?

- Nầy Tu Bồ Đề! Ngươi có thấy pháp nào hành Bát nhã ba la mật chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không.

- Nầy Tu Bồ Đề! Ngươi có thấy chỗ hành Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không.

- Nầy Tu Bồ Đề! Pháp mà ông chẳng thấy đó, pháp ấy có thể được chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không.

- Nầy Tu Bồ Đề! Pháp ấy chẳng thể được, pháp ấy sẽ sanh chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không.

- **Nầy Tu Bồ Đề! Đó gọi là vô sanh pháp nhẫn của đại Bồ Tát. Bồ Tát thành tựu nhẫn nầy được thọ ký Vô thượng Bồ đề. Đây gọi là vô sở úy, vô ngại trí của Phật**. Đại Bồ Tát hành pháp đó siêng cần tinh tấn thì chẳng mất đại trí Nhất thiết chủng trí, đó là trí Vô thượng Bồ đề. Không bao giờ chẳng được. Tại sao? Vì đại Bồ Tát được vô sanh pháp nhẫn, nhẫn đến Vô thượng Bồ đề chẳng lui sụt, chẳng giảm bớt.

- Bạch đức Thế Tôn! Các pháp tướng vô sanh, trong đó được thọ ký Vô thượng Bồ đề chăng?

- Không.

- Bạch đức Thế Tôn! Các pháp tướng sanh, trong đó được thọ ký Vô thượng Bồ đề chăng?

- Không.

- Bạch đức Thế Tôn! Các pháp chẳng sanh, chẳng vô sanh, trong đó được thọ ký Vô thượng Bồ đề chăng?

- Không.

- Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát làm sao biết là các pháp được thọ ký Vô thượng Bồ đề?

- Nầy Tu Bồ Đề! Ngươi thấy có các pháp được thọ ký Vô thượng Bồ đề chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không. Tôi chẳng thấy có pháp được thọ ký Vô thượng Bồ đề. Tôi cũng chẳng thấy có người được chỗ được.

- Đúng như vậy. Nầy Tu Bồ Đề! Nếu lúc đại Bồ Tát ở nơi tất cả pháp vô sở đắc, chẳng nghĩ rằng tôi sẽ được Vô thượng Bồ đề, cũng chẳng nghĩ dùng sự đó được Vô thượng Bồ đề, đây gọi là chỗ Vô thượng Bồ đề.

Tại sao? Vì chư đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật không có tưởng nhớ, phân biệt.

Tại sao? Vì trong Bát nhã ba la mật không có tưởng nhớ, phân biệt vậy".

Thích nghĩa:

(1). Bốn tội lớn của Tỳ kheo: 1. Sát(giết hại), 2. Đạo(trộm cắp), 3. Dâm(hiếp dâm), 4. Vọng ngữ hay nói láo.

(2). Tội ngũ nghịch hay năm tội vô gián: 1. Giết cha, 2. Giết mẹ, 3. Giết A la hán, 4. Phá hòa hợp tăng, 5. Làm thân Phật chảy máu.

Hết tập II

---o0o---

PHẨM "DỨT PHÂN BIỆT"

Gợi ý:

Phẩm nầy không có trong kinh MHBNBLM cũng như phẩm "Trước và Chấp Trước Tướng". Chúng tôi thêm vào, vì đây là một phẩm quan trọng đối với việc học hỏi và tu tập Bát nhã. Phẩm "Tùy Hỉ", quyển 21, kinh MHBNBLM có đề cập tới "phân biệt và vô phân biệt", nhưng đây không phải là một phẩm dành riêng nói về phân biệt như kinh ĐBN. Đáng lẽ phẩm "Dứt Phân Biệt" nầy phải được trình bày trước phẩm "Trước và Chấp Trước Tướng", nhưng kinh ĐBN do ngài Huyền Trang dịch đã sắp xết như vậy nên chúng tôi không tiện sữa đổi. Có phân biệt nên mới có chấp, nghĩa là do cảm quan và ý thức khởi ra như là một nguyên nhân và chấp trước là hậu quả tất nhiên của phân biệt. Vì vậy, phân biệt phải được trình bày trước, trước khi trình bày chấp trước. Xin quý vị độc giả xem lại phẩm "Trước và Chấp Trước Tướng" sau khi xem xong Phẩm "Dứt Phân Biệt" nầy.

(Dưới đây là phần tóm lược phẩm "Đoạn Phân Biệt", Q.335 – Q.336, ĐBN):

Tất cả pháp và tất cả tác ý đều lìa tự tánh, đều không có tự tánh thì cái lìa, cái không như thế chẳng phải Thanh văn làm, chẳng phải Độc giác làm, chẳng phải các đại Bồ tát làm, chẳng phải Phật làm, cũng chẳng phải ai khác làm. Nhưng tất cả pháp: Pháp trụ, pháp định, pháp tánh, pháp giới, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, chơn như, thật tế là pháp nhĩ(1) thường trụ đều như vậy. Đại Bồ tát ấy chẳng lìa tác ý tương ưng Bát nhã, cũng chẳng lìa tác ý tương ưng Nhất thiết trí. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật sâu xa, Nhất thiết trí và các tác ý đều lìa tự tánh, đều không có tự tánh. Cái lìa, cái không như thế không tăng, không giảm. Có khả năng thông đạt đúng đắn như thế, gọi là không ly, không lìa vậy.

Chẳng phải tất cả Phật pháp có tăng có giảm mà Bồ tát khi tu mới chứng được tánh bình đẳng Bát nhã; cũng chẳng phải tất cả pháp: Pháp trụ, pháp định, pháp tánh, pháp giới, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, chơn như, thật tế có tăng có giảm. Vì sao? Vì Bát nhã chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải ba, chẳng phải bốn, cũng chẳng phải nhiều. Nếu đại Bồ tát nghe nói Bát nhã Ba la mật thậm thâm như thế, tâm họ không kinh, không sợ, không hãi, chẳng chìm, chẳng đắm cũng chẳng do dự, thì nên biết đại Bồ tát ấy tu hành Bát nhã được rốt ráo, an trụ bậc Bất thối chuyển của Bồ tát.

Chẳng phải do tánh chẳng chắc thật, tánh chẳng tự tại, rỗng không của Bát nhã mà Bồ tát có thể hành Bát nhã Ba la mật. Cũng chẳng phải lìa tánh chẳng chắc thật, tánh chẳng tự tại, rỗng không của Bát nhã mà có pháp có thể đắc, có thể hành. Chẳng phải do Bát nhã thậm thâm hay lìa Bát nhã thậm thâm mà có thể hành Bát nhã. Chẳng phải do tánh không hay lìa tánh không mà có thể hành không. Chẳng phải do sắc hay lìa sắc mà có thể hành Bát nhã, cũng chẳng phải do hay lìa thọ tưởng hành thức mà có thể hành Bát nhã. Chẳng phải do hay lìa hạnh Bồ tát, quả vị Giác ngộ tối cao mà có thể hành Bát nhã Ba la mật.

Chẳng phải do tánh chẳng chắc thật, tánh chẳng tự tại, rỗng không của sắc mà có thể hành Bát nhã. Chẳng phải lìa tánh chẳng chắc thật, tánh chẳng tự tại, rỗng không của sắc mà có thể hành Bát nhã; cũng chẳng phải do hay lìa tánh chẳng chắc thật, tánh chẳng tự tại, rỗng không của thọ tưởng hành thức, 12 xứ, 18 giới, tứ thiền, bát định, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao mà có thể hành Bát nhã.

Chẳng phải do chơn như, pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì của sắc mà có thể hành Bát nhã. Chẳng phải lìa chơn như, pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng v,v…, cảnh giới bất tư nghì của sắc mà có thể hành Bát nhã. Chẳng phải do hay lìa chơn như, pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng v.v…, cảnh giới bất tư nghì của thọ tưởng hành thức hay tất cả pháp Phật mà có thể hành Bát nhã Ba la mật.

Tất cả pháp chẳng thể hành, chẳng thể chứng đạt, chẳng sanh chẳng diệt tức là vô sanh pháp nhẫn(2) của đại Bồ tát. Nếu đại Bồ tát thành tựu vô sanh pháp nhẫn như thế thì liền được Phật thọ ký bất thối chuyển. Nên biết, Bồ tát chẳng phải nhờ tánh sanh, tánh vô sanh hay tánh phi sanh, phi vô sanh mà được thọ ký. Rốt ráo, chẳng thấy có pháp nào được Phật thọ ký bất thối

chuyển, cũng chẳng thấy pháp nào đối với quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật có năng chứng, sở chứng, thời chứng và do đây mà chứng, vì tất cả đều chẳng thể nắm bắt được. **Các đại Bồ tát tu hành thậm thâm Bát nhã, không có phân biệt như thế thì mau chứng đắc. Nhưng, chứng hay chẳng chứng rốt ráo cũng vô phân biệt. Vì sao? Vì Bát nhã là vô phân biệt.**

Có phân biệt là có chấp, vô phân biệt là vô chấp. Tu vô chấp ấy tức tu Bát nhã. Có tu như vậy mới được vô phân biệt trí, mới được vô ngại trí. Còn chúng sanh lúc nào cũng phân biệt, nên lúc nào cũng bị trở ngại. Vì vậy, kinh Lăng Nghiêm Phật bảo: "Bất tùy phân biệt là giải thoát"

Trong"Phân biệt kinh"(3): Phật dạy:

"Này các Tỳ kheo! Nói đến tánh không, là không có gì cả, không vọng tưởng, không sanh, không diệt, xa lìa mọi sự thấy biết. Tại sao thế? Vì tánh Không không có nơi chốn, không có sắc tướng, không có tư tưởng, vốn không sanh, chẳng phải sự thấy biết có thể thấu được. Xa lìa mọi đắm chấp, nên thâu nhiếp được tất cả pháp, trú ở sự thấy biết bình đẳng, là sự thấy biết chơn thật. Các ông nên biết, tánh Không như vậy, các pháp cũng như vậy. Đó gọi là Pháp Ấn.

Lại nữa, các Tỳ kheo, Pháp ấn nầy là cửa ngõ của ba pháp giải thoát, là căn bản của chư Phật, là con mắt của chư Phật, là nơi chư Phật đạt đến. Vậy nên các ông nghe cho kỹ, ghi nhận cho đúng, như sự thật mà suy nghĩ quán sát.

Lại nữa, các Tỳ kheo! Nếu có người nào tu hành, nên đi vào chốn núi rừng, hoặc ở dưới gốc cây và các nơi vắng vẻ yên tĩnh, đúng như sự thật quán sát: Sắc là khổ, là không, là vô thường, nên sanh tâm nhàm chán xa lìa; như vậy quán sát về Thọ, Tưởng, Hành, Thức là khổ, là không, là vô thường nên sanh tâm nhàm chán xa lìa. Trú ở sự thấy biết bình đẳng.

Các Tỳ kheo! Các uẩn vốn không, chỉ do tâm phát sanh. Khi tâm diệt thì các uẩn không còn tác động. Biết đúng như vậy, tức là chánh giải thoát. Khi được chánh giải thoát, xa lìa mọi sự thấy biết, thì gọi là cửa Giải-thoát-không.

Lại nữa, trú trong chánh định quán sát các sắc cảnh, tất cả đều tiêu diệt, xa lìa mọi ý(nghĩ) tưởng. Như vậy, thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng đều tiêu diệt, xa lìa mọi ý(nghĩ) tưởng. Quán sát như vậy gọi là cửa Giải-thoát-vô-tướng. Vào được cửa Giải thoát này tức thấy được sự thanh tịnh. Do sự thấy biết thanh tịnh đó, dứt trừ được tất cả tham sân si. Tham sân si đã dứt trừ, trú ở sự thấy biết bình đẳng, trú ở sự thấy biết bình đẳng nầy rồi, tức xa lìa được cái thấy ta và vật sở hữu của ta. Thấu rõ được mọi sự thấy biết không nơi sanh khởi, cũng không nơi nương tựa.

Lại nữa, khi xa lìa được cái thấy ta rồi, tức không còn thấy, không còn hay, không còn biết. Tại sao thế? Vì do nhơn duyên cho nên mới sanh các thức, tức nhơn duyên kia cùng với thức được phát sanh đều là vô thường. Vì là vô thường nên thức không thể thật có được. Thức uẩn đã không, không có tạo tác, thì gọi là cửa Giải-thoát-vô-tác. Vào được cửa Giải thoát nầy, tức biết được pháp cứu cánh, không còn đắm chấp các pháp và chứng được pháp tịch diệt".

Đoạn kinh nầy nói rõ chính cảm quan và ý thức là nguyên nhân của phân biệt và vì phân biệt nên mới có chấp, vì chấp nên không còn tự tại. Đó chính là lý do tại sao Bát nhã chủ trương

vô thức. Vô thức không có nghĩa không có ý thức theo tâm lý học mà vô thức có nghĩa là vô chấp, vô trước, vô thủ. Đó là chánh tông Đại thừa!

Thích nghĩa:

(1). Pháp nhĩ: Cũng gọi Pháp nhiên, Tự nhiên, Thiên nhiên, Tự nhĩ, Pháp nhĩ tự nhiên, Tự nhiên pháp nhĩ. Chỉ cho trạng thái tự nhiên, thiên nhiên của các pháp(muôn vật), không trải qua bất kì sự tạo tác nào. Tức chỉ cho tướng trạng của sự vật xưa nay vốn như thế. Cứ theo Hoa nghiêm kinh Thám huyền kí quyển 3, thì nghĩa Pháp nhĩ có thể nhận xét về 2 phương diện: 1. Nhận xét về sự tồn tại của tất cả các pháp: Hết thảy các pháp đều do nhân duyên hòa hợp mà thành, dù nước chảy xuống thấp, lửa bốc lên cao, đều là việc tự nhiên như thế. 2. Nhận xét theo lí chân như của các pháp: Các pháp vốn tùy duyên mà sinh khởi, tính của các pháp xưa nay vốn bình đẳng thường nhiên. Theo luận Du già sư địa quyển 88, thì Pháp nhĩ là đạo lí thứ 4 trong 4 đạo lí, là đạo lí tự nhiên biểu trưng cái tướng vốn như thế của mỗi sự vật, như tính của lửa vốn nóng, tính của nước vốn ướt... Tịnh độ chân tông của Nhật bản cho rằng nhờ nguyện lực của đức Phật A di đà mà tự nhiên được vãng sinh Cực lạc, gọi là Pháp nhĩ vãng sinh. Pháp nhĩ trong trường hợp này có nghĩa là tự nhiên và tha lực. (xt. Tự Nhiên Pháp Nhĩ). Phật Quang từ điển.

(2). Vô sanh pháp nhẫn: Thấu hiểu các pháp không sanh không diệt tức thấu hiểu thật tướng các pháp thì không còn lo rầu, phiền muộn trước mọi cảnh huống, nên đối người đối vật không sanh lòng hờn giận, oán ghét mà được vô sanh pháp nhẫn.

(3). Pháp ấn kinh, Đại tạng Tích Sa quyển 514, dịch theo bản chữ Hán của Thi Hộ, dịch giả Thích thiện Trì.

Phần thứ II

MỤC LỤC - TẬP III
GỒM 10 QUYỂN - TỪ Q.21 ĐẾN Q.30

75 Phẩm Tam Thứ Đệ Hành
76 Phẩm Nhứt Niệm
Quyển Hai Mươi Sáu
77 Phẩm Lục Dụ
78 Phẩm Tứ Nhiếp
Quyển Hai Mươi Bẩy
78 Phẩm Tứ Nhiếp (tiếp theo)
79 Phẩm Thiện Đạt
Quyển Hai Mươi Tám
80 Phẩm Thật Tế
81 Phẩm Cụ Túc
Quyển Hai Mươi Chín
82 Phẩm Tịnh Phật Quốc
83 Phẩm Quyết Định
84 Phẩm Tứ Đế
85 Phẩm Thất Dụ
86 Phẩm Bình Đẳng
87 Phẩm Như Hóa
Quyển Ba Mươi
88 Phẩm Tát Đà Ba Luân
89 Phẩm Đàm Vô Kiệt
90 Phẩm Chúc Lụy

LỜI BẠT
của DỊCH GIẢ.

Phật lịch 2511 (1967), tôi bắt đầu phiên dịch bộ Ma ha bát nhã ba la mật Kinh ba mươi quyển trong Hán Tạng ra việt văn và được đại đức trụ trì chùa Hải Tuệ ở chợ Trương Minh Giảng lo ấn hành. Cứ mười bộ ở quyển chữ Hán được dịch ra Việt văn thì in thành một tập. Bổn thảo Việt dịch tập lần thứ nhất đưa cho nhà in Sen vàng, lo ấn loát chưa xong thì bị đại nạn Tết Mậu Thân, phần lên khuôn bị cháy mất, may mà mấy tập bổn thảo còn sót lại. Vì biến cố ấy mà tập thứ nhất đến năm Phật lịch 2513 (1969) mới in xong và đến tay đọc giả.

Lúc sắp in tập thứ hai, biến cố thứ hai lại xảy ra, người đứng lo ấn hành, Đại đức trụ trì chùa hải Tuệ bị đại nạn mất tích.

Đến năm Phật lịch 2515 (1971), Đại đức Thông Phương tiếp nối công trình dở dang của Đại đức trụ trì chùa Hải Tuệ phụ trách, và đầu năm Phật lịch 2516 (1972), tập kinh thứ hai mới đến tay chư Phật tử, và Đại đức Thông Phương cũng viên tịch vì bạo bệnh cách vài tháng sau cùng năm.

Đầu năm nay, Phật lịch 2517 (1973), Đại đức Thích Hồng Minh tiếp nối đảm nhận ấn hành tập thứ ba, và bộ kinh Ma ha bát nhã ba la mật ba mươi quyển (30) Việt dịch này được lưu hành trọn vẹn bốn ngàn bộ (mỗi bộ gồm ba tập).

Bao cam go, bao trở ngại, bộ kinh Việt văn mới được hoàn thành. Nhưng xét lại cũng chưa bằng muôn một sự hi sanh vì chánh pháp, vì Bát nhã ba la mật của chư Phật, chư Đại Bồ Tát, từ nhiều kiếp nhiều đời.

Xin ghi lại nguyên thủy cội ngành của bộ kinh Việt văn này hầu chư quý đọc giả nay và mai.

Ngưỡng vọng Tam Bảo oai thần, Bát nhã công đức gia hộ cho mọi người tất cả chúng sanh: tội chướng tiêu trừ, căn lành tăng trưởng, đồng được đầy đủ Bát nhã ba la mật, đồng viên thành Phật đạo.

PHẬT LỊCH 2517 (1973)

*Ngày tiền an cư năm Quý Sửu **Dịch giả: Tỳ Kheo THÍCH TRÍ TỊNH** Kính ghi.*

QUYỂN THỨ HAI MƯƠI MỐT

PHẨM MA SẦU
THỨ SÁU MƯƠI HAI

(Tương đương với phần đầu phẩm "Học Phương Tiện Thiện Xảo", Q.337, ĐBN)

Khi đó Thích Đề Hoàn Nhơn thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật này rất sâu khó thấy, không có nhớ tưởng, phân biệt, vì là rốt ráo ly vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Chúng sanh nào nghe Bát nhã ba la mật này mà có thể thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm, gần gũi, thực hành đúng như lời, nhẫn đến lúc được Vô Thượng Bồ Đề chẳng xen tạp tâm và tâm sở khác, phải biết là chẳng từ nơi công đức nhỏ".

Đức Phật dạy: "Đúng như vậy. Này Kiều Thi Ca! Người nghe Bát nhã ba la mật này nhẫn đến chẳng xen tạp các tâm, tâm sở khác, chẳng phải từ nơi công đức nhỏ mà được như vậy.

Này Kiều Thi Ca! Theo ý ngươi thế nào? Nếu chúng sanh trong Diêm Phù Đề thành tựu thập thiện đạo, thành tựu tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định. Lại có thiện nam, thiện nữ thọ trì Bát nhã ba la mật, đọc tụng, gần gũi, chánh ức niệm, thực hành đúng như lời. Thiện nam, thiện nữ này hơn hẳn chúng sanh kia trăm ngàn muôn ức lần, nhẫn đến toán số ví dụ đều chẳng bằng được".

Bấy giờ có một Tỳ Kheo nói với Thích Đề Hoàn Nhơn: "Thiện nam, thiện nữ hành Bát nhã ba la mật đó, công đức hơn Ngài".

Thích Đề Hoàn Nhơn nói: "Thiện nam, thiện nữ đó chỉ một phen phát tâm còn hơn tôi, huống là nghe Bát nhã ba la mật này, thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, thực hành đúng như lời.

Thiện nam, thiện nữ đó chẳng phải chỉ hơn tôi, mà cũng hơn tất cả chư Thiên, Nhơn, A tu la ở thế gian. Chẳng phải chỉ hơn tất cả chư Thiên, Nhơn, A tu la ở thế gian, mà cũng hơn các bậc Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán và Bích Chi Phật. Chẳng phải chỉ hơn các bậc Tu Đà Hoàn đến Bích Chi Phật, mà cũng hơn chư Bồ Tát hành năm ba la mật xa lìa Bát nhã ba la mật, cũng hơn Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật mà không có sức phương tiện.

Thiện nam, thiện nữ đó hành Bát nhã ba la mật đúng như lời, thì chẳng dứt giống Phật, thường thấy Phật, sớm gần đạo tràng.

Đại Bồ Tát thực hành như vậy là vì muốn cứu vớt chúng sanh khỏi bị chìm đắm trong biển rộng.

Đại Bồ Tát học như vậy là vì chẳng học những môn học của Thanh Văn, của Bích Chi Phật.

Đại Bồ Tát học như vậy, bốn Thiên Vương đến chỗ Bồ Tát thưa rằng: Ngài nên siêng học gấp. Lúc ngồi đạo tràng thành Vô Thượng Bồ Đề, như chư Phật quá khứ thọ bốn cái bát, chúng

tôi sẽ mang đến dưng lên Ngài. Và chư Thiên khác nhẫn đến Đại Tự Tại Thiên cũng sẽ cúng dường. Chư Phật mười phương cũng thường hộ niệm đại Bồ Tát này.

Tất cả sự nạn ách khốn khổ thế gian, Bồ Tát này đều khỏi cả, cũng không có bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh thế gian.

Vì hành Bát nhã ba la mật đại Bồ Tát này được công đức trong thời hiện tại như vậy".

Ngài A Nan nghĩ rằng: Thiên Đế Thích tự lực mình nói như vậy, hay là do thần lực của Phật?

Biết tâm niệm của Ngài A Nan, Thích Đề Hoàn Nhơn nói: "Lời nói của tôi vừa rồi đều là thần lực của đức Phật cả".

Đức Phật bảo Ngài A Nan: "Đúng như lời Thích Đề Hoàn Nhơn nói, đều là oai thần của Phật.

Này A Nan! Lúc Đại Bồ Tát học Bát nhã ba la mật sâu xa này, các ác ma trong cõi Đại Thiên đều hồ nghi: Bồ Tát này sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, hay sẽ giữa đường chứng thật tế, sa vào bực Thanh Văn, Bích Chi Phật.

Lại này A Nan! Lúc Đại Bồ Tát nếu chẳng rời lìa Bát nhã ba la mật thì ác ma rất sầu khổ như tên nhọn xoi tim. Ác ma lại phóng gió lửa lớn nổi lên bốn phía, muốn làm cho Bồ Tát khiếp sợ biếng trễ, nhẫn đến sanh một niệm loạn tâm ở trong nhứt thiết chủng trí".

- Bạch đức Thế tôn! Chư Bồ Tát đều bị ác ma làm nhiễu loạn, hay có người chẳng bị làm nhiễu loạn?

- Này A Nan! Có người bị nhiễu loạn, có người chẳng bị nhiễu loạn.

- Bạch đức Thế Tôn! Những Bồ Tát nào bị ác ma làm nhiễu loạn?

- Này A Nan! Có Bồ Tát ở đời trước nghe Bát nhã ba la mật mà lòng không tin, không hiểu. Bồ Tát này bị ma nhiễu loạn.

Lại này A Nan! Lúc nghe Bát nhã ba la mật, Bồ Tát có ý nghi ngờ: Bát nhã ba la mật là thật có hay là thật không? Bồ Tát này bị ma nhiễu loạn.

Lại này A Nan! Có Bồ Tát xa lìa thiện tri thức, chẳng nghe Bát nhã ba la mật. Vì chẳng nghe nên chẳng thấy, chẳng hỏi nên hành Bát nhã ba la mật thế nào? Nên tu Bát nhã ba la mật thế nào? Bồ Tát này ác ma nhiễu loạn được.

Lại này A Nan! Nếu Bồ Tát xa lìa Bát nhã ba la mật để thọ những pháp khác. Bồ Tát này bị ác ma nhiễu loạn. Ác ma nghĩ rằng: Bọn này sẽ có bạn có đảng, sẽ thỏa mãn nguyện vọng của ta. Bồ Tát này tự mình sa vào hai bậc(1), cũng làm cho người khác sa vào hai bậc.

Lại này A Nan! Lúc nghe nói Bát nhã ba la mật, nếu đại Bồ Tát bảo người khác rằng: Bát nhã ba la mật sâu xa này, chính tôi còn chẳng thấu đáo được, các người nghe học làm gì. Bồ Tát này ác ma nhiễu loạn được.

Lại này A Nan! Nếu Bồ Tát khinh khi Bồ Tát khác rằng: Tôi hành Bát nhã ba la mật, hành viễn ly không, Ngài không có công đức đó. Bấy giờ ác ma rất vui mừng hớn hở: Nếu có Bồ Tát tự thị danh tánh bè đảng đông mà khinh khi chư Bồ Tát tốt khác, Bồ Tát này không thiệt có công đức bất thối chuyển. Vì không có thiệt nên sanh các phiền não, chỉ ham hư danh mà khinh tiện người khác không ở trong pháp của mình được. Ác ma nghĩ rằng: Nay cảnh giới cung diện của ta sẽ không trống, sẽ thêm đông ba ác đạo.

Bấy giờ ác ma giúp oai lực cho Bồ Tát đó làm cho người khác tin lời nói của Bồ Tát đó.

Vì tin lời nói nên thọ lãnh tu học theo kinh của Bồ Tát đó. Lúc tu học theo kinh của Bồ Tát đó. Lúc tu học theo kinh đó thêm nhiều các kết sử(2). Vì tâm của các người này điên đảo nên thân khẩu ý ba nghiệp gây tội mà đều thọ ác báo, do đó thêm nhiều ba ác đạo mà cung điện quyến thuộc ma càng đông. Vì thấy lợi như vậy nên ác ma vui mừng hớn hở.

Này A Nan! Nếu người hành Bồ Tát đạo tranh đấu với người cầu Thanh Văn, ác ma thấy vậy nghĩ rằng đó là xa rời nhứt thiết chủng trí.

Nếu Bồ Tát tranh đấu giận giữ mắng, nhiếc ác ma rất mừng rằng cả hai đều xa rời nhứt thiết chủng trí.

Này A nan! Nếu Bồ Tát chưa được thọ ký có ác tâm tranh đấu mắng nhiếc đối với Bồ Tát đã được thọ ký, tùy khởi niệm nhiều ít, sẽ phải trãi qua số kiếp bao nhiêu đó, nếu chẳng bỏ nhứt thiết chủng trí, rồi sau mới được bổ nhậm bao nhiêu số kiếp đại trang nghiêm.

- Bạch đức Thế Tôn! Ác tâm đó trải qua bao nhiêu kiếp số như vậy, giữa chừng có được xuất trừ chăng?

- Này A Nan! Dầu ta có nói người cầu Bồ Tát đạo và người cầu Thanh Văn được xuất tội, nhưng với người cầu Bồ Tát đạo mà giận dữ tranh đấu mắng nhiếc ôm hờn chẳng ăn năn, chẳng bỏ lỗi, ta chẳng nói có xuất tội. Quyết sẽ lại thọ bao nhiêu kiếp số đó. Nếu chẳng bỏ nhứt thiết chủng trí vậy sau mới đại trang nghiêm.

Nếu Bồ Tát đó tự cải hối rằng: Tôi có lỗi lớn, tôi sẽ chịu khuất dưới tất cả chúng sanh, đời này và đời sau tôi đều làm cho họ được hòa giải. Tôi sẽ chịu sự đạp đi của tất cả chúng sanh như cầu, như đò, như kẻ điếc câm. Sao tôi lại mắng nhiếc người, tôi chẳng nên phá hoại tâm Vô Thượng Bồ Đề, tôi phải độ tất cả chúng sinh khổ não này, sao tôi lại giận dữ đối với họ.

- Bạch đức Thế Tôn! Bồ Tát cùng ở chung với Bồ Tát thời phải thế nào?

- Này A Nan! Cùng ở chung, Bồ Tát phải xem nhau như Phật. Tại sao vậy? Vì Bồ Tát phải quan niệm rằng: Bồ Tát này là bạn cùng ngồi một thuyền với tôi, cùng tôi đồng học sáu ba la mật đến nhứt thiết chủng trí.

Nếu Bồ Tát đó tạp hạnh, rời tâm nhứt thiết chủng trí thì tôi không nên học theo như vậy.

Bồ Tát học như vậy thì gọi là bạn đồng học.

Thích nghĩa:

(1). Sa vào hai bậc: Rơi vào hai bậc tức hai bậc Thanh văn và Duyên giác.

(2). Kết sử hay kiết sử: Phiền não trói buộc hay còn gọi là triền cái.

---o0o---

PHẨM ĐẲNG HỌC
THỨ SÁU MƯƠI BA

(Phẩm nầy tương đương với Q.338, Kinh ĐBN)

Ngài Tu Bồ Đề thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Những gì là đẳng pháp(1) của đại Bồ Tát mà Bồ Tát phải học?”.

- Này Tu Bồ Đề! Nội không đến vô pháp hữu pháp không là đẳng pháp của Bồ Tát.

Sắc và sắc tướng không, thọ, tưởng, hành, thức và thọ, tưởng, hành, thức tướng không, nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề tướng không là đẳng pháp của Bồ Tát.

Đây gọi là đẳng pháp của đại Bồ Tát. An trụ trong đẳng pháp này mà đại Bồ Tát được Vô Thượng Bồ Đề.

- Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát vì sắc tận, vì sắc ly, vì sắc diệt, vì sắc bất sanh nên học, đó là học nhứt thiết chủng trí? Nhẫn đến vì tứ niệm xứ đến pháp bất cộng: tận, ly, diệt và bất sanh nên học nhứt thiết chủng trí?

- Này Tu Bồ Đề? Theo ý ngươi thế nào? Sắc như, nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề như, Phật như. Các như đó có tận, có diệt, đoạn chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không.

- Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát học như đó là học nhứt thiết chủng trí, chẳng tác chứng(2), chẳng diệt, chẳng đoạn như vậy, học như thế ấy là đại Bồ Tát học nhứt thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát học như vậy là học sáu ba la mật, là học tứ niệm xứ đến học pháp bất cộng. Nếu học tứ niệm xứ đến pháp bất cộng, đó là học nhứt thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Học như vậy là cùng tận mé bờ của các môn học. Ma và Thiên ma chẳng phá hoại được. Học như vậy thì đạt đến bậc bất thối chuyển. Học như vậy là học đạo sở hành của Phật. học như vậy là được pháp ủng hộ, là học đại từ đại bi, là học tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh.

Này Tu Bồ Đề! Học như vậy là học ba lần chuyển mười hai hành pháp luân(3). Học như vậy là học độ chúng sanh. Học như vậy là học chẳng dứt giống Phật. Học như vậy là học mở cửa cam lồ. Học như vậy là học muốn hiển thị tánh vô vi.

Này Tu Bồ Đề! Người hạ liệt chẳng thể học được như vậy. Người học như vậy là vì muốn cứu vớt chúng sanh chìm đắm trong sanh tử.

Người học như vậy trọn chẳng sa vào Địa ngục, Ngạ quỉ, Súc sanh, trọn chẳng sanh ở biên địa, trọn chẳng sanh vào nhà Chiên Đà La, trọn chẳng mang tật điếc đuôi, câm ngọng, què thọt, các căn đầy đủ, quyến thuộc thành tựu, trọn chẳng cô độc, nghèo cùng.

Người học như vậy trọn chẳng sát sanh, nhẫn đến trọn chẳng tà kiến.

Người học như vậy chẳng sanh sống tà mạng, chẳng gần người ác, người phá giới.

Người học như vậy, do sức phương tiện nên chẳng sanh cõi Trời Trường Thọ. Những gì là sức phương tiện? Như trong Bát nhã ba la mật đã nói: Đại Bồ Tát do sức phương tiện mà nhập tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định mà chẳng theo thiền tâm định để thọ sanh.

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát học như vậy, ở trọng tất cả Pháp được thanh tịnh, đó là thanh tịnh tâm Thanh Văn, tâm Bích Chi Phật vậy.

- Bạch đức Thế Tôn! Tất cả pháp bổn tánh thanh tịnh sao đức Phật dạy rằng Bồ Tát ở trong tất cả pháp được thanh tịnh?

- Này Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Tất cả pháp bổn tánh thanh tịnh. Ở trong các Pháp đó, nếu đại Bồ Tát tâm thông đạt, chẳng mê mờ, đó chính là Bát nhã ba la mật.

Các pháp như vậy, tất cả phàm phu chẳng biết, chẳng thấy.

Vì những chúng sanh đó mà đại Bồ Tát hành Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, hành tứ niệm xứ đến nhứt thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Học như vậy, Bồ Tát ở trong tất cả pháp được mười trí lực, bốn vô sở úy. Học như vậy để biết tâm xu hướng của tất cả chúng sanh.

Ví như ở quả đất, một ít chỗ sản xuất vàng bạc, châu báu.

Cũng vậy trong chúng sanh có số ít người học được Bát nhã ba la mật, còn phần nhiều sa vào Thanh Văn, Bích Chi Phật.

Ví như trong loài người, ít người tạo nghiệp Chuyển Luân Thánh Vương, còn người tạo nghiệp Tiểu Vương thì đông.

Cũng vậy, một số ít chúng sanh hành Bát nhã ba la mật cầu nhứt thiết chủng trí, phần đông học đạo Thanh Văn, đạo Bích Chi Phật.

Này Tu Bồ Đề! Trong hàng chư Bồ Tát phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề, ít có người hành trúng như lời, mà phần nhiều sa vào bực Thanh Văn, bực Bích Chi Phật. Nhiều Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật không có sức phương tiện, số ít người trụ bực bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Vì thế nên đại Bồ Tát muốn trụ bực bất thối chuyển, muốn trụ trong số bất thối chuyển, phải học Bát nhã ba la mật sâu xa này.

Lại này Tu Bồ Đề! Lúc học Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng sinh lòng tham lam, căm giận, ngu si, giải đãi, tán loạn, phá giới, chẳng sanh tâm lầm lỗi khác, chẳng sanh tâm nắm lấy sắc tướng, chẳng sanh tâm nắm lấy tướng tứ niệm xứ đến Vô Thượng Bồ Đề.

Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật này thì không có pháp để được.

Vì không có pháp để được nên chẳng sanh tâm nắm lấy tướng.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát học Bát nhã ba la mật sâu xa như vậy thì tổng nhiếp tất cả ba la mật, làm cho các ba la mật được tăng trưởng, các ba la mật đều tùy tùng. Vì Bát nhã ba la mật sâu xa này là chỗ vào của tất cả ba la mật.

Ví như trong ngã kiến nhiếp hết sáu mươi hai kiến.

Cũng vậy, Bát nhã ba la mật này nhiếp hết các ba la mật.

Ví như người chết, vì mạng căn diệt nên các căn khác cũng đều diệt theo.

Cũng vậy, lúc đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật sâu xa này thì các ba la mật đều tùy tùng!

Này Tu Bồ Đề! Muốn cho các ba la mật được thành tựu rốt ráo, đại Bồ Tát phải học Bát nhã ba la mật sâu xa này.

Đại Bồ Tát học Bát nhã ba la mật sâu xa này thì lên trên tất cả chúng sanh.

Này Tu Bồ Đề! Trong cõi Đại Thiên, chúng sanh có nhiều chăng?

- Bạch đức Thế tôn! Chúng sanh trong Diêm Phù Đề còn rất nhiều huống là trong cõi Đại Thiên.

- Này Tu Bồ Đề! Nếu tất cả chúng sanh trong cõi Đại Thiên đồng thời được thân người đều chứng Vô Thượng Bồ Đề, có vị Bồ Tát đem y phục, đồ uống ăn, đồ nằm, thuốc men cúng dường bao nhiêu Phật như vậy, do nhơn duyên cúng dường đó được phước nhiều chăng?

- Bạch đức Thế tôn! rất nhiều, rất nhiều.

- Này Tu Bồ Đề! Phước ấy không nhiều bằng thiện nam, thiện nữ học Bát nhã ba la mật, chánh ức niệm, thực hành đúng như lời.

Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật có thế lực làm cho đại Bồ Tát được Vô Thượng Bồ Đề.

Thế nên, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát muốn lên trên tất cả chúng sanh thì phải học Bát nhã ba la mật. Muốn làm chỗ cứu hộ cho chúng sanh không được cứu hộ, muốn làm chỗ về nương cho chúng sanh không chỗ về nương, muốn làm cho con đường rốt ráo cho chúng sanh không có đường rốt ráo, muốn làm mắt sáng cho chúng sanh mù, muốn được công đức Phật, muốn làm Phật tự tại du hí, muốn làm Phật sư tử hống, muốn dộng chuông Phật, đánh trống Phật, thổi ốc Phật, lên tòa Phật cao thuyết Pháp, muốn dứt nghi cho tất cả chúng sanh thì phải học Bát nhã ba la mật sâu xa.

Này Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát học Bát nhã ba la mật sâu xa thì không công đức lành nào mà chẳng được.

- Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát đó chừng có được công đức Thanh Văn, Bích Chi Phật chăng?

- Này Tu Bồ Đề! Đều có thể được cả, nhưng chẳng an trụ trong đó, dùng trí quán xong liền thẳng qua nhập vào trong ngôi vị Bồ Tát.

Đại Bồ Tát học như vậy thì gần nhứt thiết chủng trí, mau được Vô Thượng Bồ Đề.

Đại Bồ Tát học như vậy thì làm phước điền cho tất cả Thiên, Nhơn, A Tu La ở thế gian.

Học như vậy, đại Bồ Tát lên trên bực Thanh Văn, Bích Chi Phật, mau gần nhứt thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát học Bát nhã ba la mật sâu xa như vậy, phải biết là bực bất thối chuyển Bồ Tát, mau gần nhứt thiết chủng trí, xa rời Thanh Văn, Bích Chi Phật, gần Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, nếu đại Bồ Tát này nghĩ rằng: Đây là Bát nhã ba la mật, tôi do Bát nhã ba la mật này mà được nhứt thiết chủng trí. Nếu Bồ Tát có ý nghĩ như trên thì chẳng gọi là hành Bát nhã ba la mật.

Nếu Bồ Tát lúc hành Bát nhã ba la mật mà không có ý nghĩ: Đây là Bát nhã ba la mật, đây là người có Bát nhã ba la mật, đây là pháp Bát nhã ba la mật, đây là người hành Bát nhã ba la mật được Vô Thượng Bồ Đề. Nếu Bồ Tát chẳng có ý nghĩ như trên thì gọi là hành Bát nhã ba la mật.

Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát nghĩ rằng không có Bát nhã ba la mật ấy, không có người có Bát nhã ba la mật ấy, không có hành Bát nhã ba la mật được Vô Thượng Bồ Đề. Tại sao? Vì tất cả pháp như, pháp tánh, thật tế thường trụ vậy. Hành như vậy, đó là đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật".

Thích nghĩa:

(1). Đẳng pháp: Các pháp cũng như nhau, tất cả đều bình đẳng. Tùy theo nhận thức phân biệt mà có sai khác. Kinh Bát nhã nói: "Chỗ học, thời gian học và pháp học tất cả đều không khác" ý nói "đẳng học, đẳng pháp" như nhau.

(2). Tác chứng: Kinh nghiệm chứng ngộ rốt ráo riêng của một người. Thành tựu công phu tu đạo. Sự ấn chứng trạng thái giác ngộ cho một người. (Từ điển Phật học Anh Hán Việt, C. Muller soạn - Thích Nhuận Châu Việt dịch).

(3). Ba lần chuyển, mười hai hành pháp luân hay còn gọi "Ba sự thị hiện và mười hai bộ kinh", đã thích nghĩa trong ***phẩm "Xá Lợi", quyển thứ 11, kinh MHBNBLM.***

---o0o---

PHẨM TÙY HỈ
THỨ SÁU MƯƠI BỐN

(Phẩm nầy tương đương với phẩm "Huyễn Dụ", phần sau Q.341 đến phần đầu Q.342, ĐBN)

Khi đó, Thích Đề Hoàn Nhơn nghĩ rằng: Lúc đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, Thiền ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật, nhẫn đến mười tám pháp bất cộng, thì lên trên tất cả chúng sanh, huống là lúc được Vô Thượng Bồ Đề.

Các chúng sanh nghe Nhất thiết chủng trí này, nếu người nào tin hiểu thì được lợi lành trong hàng người, được hơn thế trong hàng có thọ mạng, huống là phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Chúng sanh này hay phát được tâm Vô Thượng Bồ Đề, các chúng sanh khác đều phải mong muốn.

Thích Đề Hoàn Nhơn đem bông mạn đà la cõi trời rải trên đức Phật mà tuyên lời rằng: "Do phước đức này, nếu có ai phát tâm Vô Thượng Bồ Đề thì làm cho người ấy đầy đủ Phật pháp, đầy đủ Nhất thiết trí, đầy đủ pháp tự nhiên, nếu ai cầu Thanh Văn thì làm cho họ đầy đủ pháp Thanh Văn.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu có Bồ Tát phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, tôi trọn chẳng sanh một niệm muốn họ thối chuyển, tôi cũng chẳng sanh một niệm khiến họ thối chuyển, sa vào bực Thanh Văn, Bích Chi Phật.

Bạch đức Thế Tôn! Tôi nguyện cho chư Bồ Tát thêm tinh tấn nơi Vô Thượng Bồ Đề hơn, thấy chúng sanh ở trong sanh tử bị nhiều khổ não nên muốn lợi ích an vui cho tất cả thế gian, Thiên, Nhơn, A tu la, do tâm đó mà nguyện rằng: Tôi cũng tự độ cũng sẽ độ người chưa được độ, tôi đã tự giải thoát cũng sẽ giải thoát người chưa giải thoát, tôi đã an ổn cũng sẽ an người chưa được an, tôi đã diệt độ cũng sẽ khiến người chưa được diệt độ được diệt độ.

Bạch đức Thế Tôn! Đối với Bồ Tát mới phát tâm, thiện nam, thiện nữ có tâm tùy hỷ công đức thì được bao nhiêu phước? Với Bồ Tát phát tâm lâu, có tâm tùy hỷ công đức thì được bao nhiêu phước? Với nhất sanh bổ xứ Bồ Tát, có tâm tùy hỷ công đức thì được bao nhiêu phước?"

Đức Phật phán dạy: "Này Kiều Thi Ca! Cõi nước Tứ Thiên Hạ(1) có thể cân biết được cân lượng, không thể cân lường được phước đức tùy hỷ này. Cõi nước Đại Thiên có thể cân biết được cân lượng, không thể cân lường được phước tùy hỷ này.

Lại này Kiều Thi Ca! Cõi nước Đại Thiên, nước biển đầy trong đó, lấy một sợi tóc chẻ ra làm trăm phần, đem một phần tóc đó chấm lấy nước biển có thể biết được số giọt, không thể đếm biết được phước tùy hỷ này".

Thích Đề Hoàn Nhơn thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu chúng sanh nào tâm chẳng tùy hỷ Vô Thượng Bồ Đề thì đều là quyến thuộc của ma. Các người tâm chẳng tùy hỷ là từ trong ma sanh ra. Tại sao? Vì những người phát tâm tùy hỷ đều vì phá cảnh giới ma mà thọ sanh. Thế nên muốn

ái kính Tam Bảo thì phải có tâm tùy hỷ, rồi hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, do vì chẳng một tướng, chẳng hai tướng".

Đức Phật phán dạy: "Đúng như vậy. Này Kiều Thi Ca! Với chư Bồ Tát, nếu người có tâm tùy hỷ hồi hướng như vậy thì thường gặp chư Phật. Người đó trọn chẳng thấy sắc ác, trọn chẳng nghe tiếng ác, trọn chẳng ngửi mùi ác, trọn chẳng ăn vị ác, trọn chẳng chạm vật ác, trọn chẳng theo niệm ác, trọn chẳng xa rời chư Phật. Người đó sẽ sanh từ một cõi Phật đến một cõi Phật, luôn gần bên Phật và gieo trồng căn lành.

Tại sao vậy? Vì người đó ở vô lượng vô số thiện căn của chư Bồ Tát mới phát tâm, của chư Bồ Tát đệ nhị địa đến cửa đệ thập địa nhất sanh bổ xứ chư đại Bồ Tát mà tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, do nhơn duyên căn lành này mà người đó mau gần Vô Thượng Bồ Đề.

Chư Bồ Tát này được Vô Thượng Bồ Đề rồi độ thoát vô lượng vô biên vô số chúng sanh.

(Tậm như huyễn làm sao chứng Vô Thượng Giác Ngộ)

Này Kiều Thi Ca! Vì thế nên thiện nam, thiện nữ ở nơi thiện căn của Bồ Tát mới phát tâm phải tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, chẳng phải tâm cũng chẳng phải rời tâm".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Tâm ấy như huyễn, làm sao có thể được Vô Thượng Bồ Đề?".

- Này Tu Bồ Đề! Ngươi có thấy tâm như huyễn đó chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không, tôi chẳng thấy huyễn, cũng chẳng thấy tâm như huyễn.

- Này Tu Bồ Đề! Nếu không huyễn, cũng không tâm như huyễn, ngươi có thấy tâm đó chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không.

- Này Tu Bồ Đề! Rời huyễn và rời tâm như huyễn, ngươi thấy có pháp nào được Vô Thượng Bồ Đề chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không. Tôi chẳng thấy rời huyễn và rời tâm như huyễn lại có pháp được Vô Thượng Bồ Đề.

Bạch đức Thế Tôn! Tôi chẳng thấy lại có những pháp nào có thể nói được là có là không, vì pháp tướng đó rốt ráo ly, nên chẳng sa vào có, chẳng sa vào không.

Nếu pháp rốt ráo ly(2) thì chẳng thể được Vô Thượng Bồ Đề.

Pháp vô sở hữu cũng chẳng thể được Vô Thượng Bồ Đề. Tại sao? Vì tất cả pháp vô sở hữu, trong đó không có ai cấu, không có ai tịnh vậy.

Thế nên Bát nhã ba la mật rốt ráo ly, Thiền ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật và Thí ba la mật đều rốt ráo ly, nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề cũng rốt ráo ly.

Nếu pháp đã rốt ráo ly thì chẳng nên tu, chẳng nên hoại. Hành Bát nhã ba la mật cũng không có pháp có thể được, vì rốt ráo ly vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bát nhã ba la mật rốt ráo ly, sao lại nhơn nơi Bát nhã ba la mật để được Vô Thượng Bồ Đề. Vô Thượng Bồ Đề cũng rốt ráo ly. Trong hai thứ rốt ráo ly đó làm sao có thể có cái bị được".

Đức Phật phán dạy: "Lành thay! Lành thay! Bát nhã ba la mật rốt ráo ly, Thiền, Tấn, Nhẫn, Giới và Thí ba la mật đều rốt ráo ly, nhẫn đến Nhất thiết chủng trí rốt ráo ly.

Này Tu Bồ Đề! Nếu Bát nhã ba la mật rốt ráo ly, nhẫn đến Nhất thiết chủng trí rốt ráo ly. Vì thế nên có thể được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Nếu chẳng phải rốt ráo ly thì chẳng gọi là Thiền, Tấn, Nhẫn, Giới, Thí ba la mật, nhẫn đến chẳng gọi là Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Nếu là Bát nhã ba la mật thì rốt ráo ly, nhẫn đến Nhất thiết chủng trí rốt ráo ly. Vì thế nên chẳng phải chẳng nhơn nơi Bát nhã ba la mật mà được Vô Thượng Bồ Đề. Cũng chẳng do ly mà được ly. Nhưng Vô Thượng Bồ Đề chẳng phải nhơn nơi Bát nhã ba la mật".

- Bạch đức Thế Tôn! Nghĩa sở hành của đại Bồ Tát thật là rất sâu.

- Đúng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Nghĩa sở hành của đại Bồ Tát rất sâu.

Này Tu Bồ Đề! Chư đại Bồ Tát có thể làm những sự khó làm: đó là hành nghĩa sâu mà chẳng chứng bực Thanh Văn, Bích Chi Phật.

- Bạch đức Thế Tôn! Như con nghe nghĩa của đức Phật dạy thì sở hành của đại Bồ Tát chẳng lấy làm khó. Tại sao? Vì đại Bồ Tát chẳng được nghĩa sâu đó để tác chứng, cũng chẳng được Bát nhã ba la mật để tác chứng, cũng không người tác chứng.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp chẳng thể được, những nghĩa gì có thể tác chứng, những gì là Bát nhã ba la mật tác chứng, những gì là người tác chứng, tác chứng rồi được Vô Thượng Bồ Đề?

Bạch đức Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát nghe pháp đó mà tâm chẳng kinh sợ mê mờ thì gọi là hành Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ Tát lúc hành Bát nhã ba la mật chẳng thấy mình hành Bát nhã ba la mật, chẳng thấy là Bát nhã ba la mật, cũng chẳng thấy mình sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Tại sao vậy? Vì lúc hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng nghĩ rằng: Thanh Văn, Bích Chi Phật cách xa tôi, Nhất thiết chủng trí cách tôi gần.

Bạch đức Thế Tôn! Như hư không kia chẳng nghĩ rằng có pháp cách xa nó hay gần nó, vì hư không vô phân biệt.

Cũng vậy, đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật chẳng nghĩ rằng: bậc Thanh Văn, Bích Chi Phật cách tôi xa, Nhất thiết chủng trí cách tôi gần. Vì trong Bát nhã ba la mật vô phân biệt.

Bạch đức Thế Tôn! Như người huyễn chẳng nghĩ huyễn sư cách tôi gần, khán giả cách tôi xa. Vì người huyễn vô phân biệt.

Cũng vậy, đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật chẳng nghĩ là gần là xa, vì vô phân biệt vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Như tượng trong gương chẳng nghĩ rằng hình vật sở nhơn gần tôi, thứ khác thì xa tôi. Vì tượng vô phân biệt.

Cũng vậy, đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật chẳng nghĩ là gần, là xa, vì vô phân biệt vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Như đức Phật không thương, không ghét. Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật cũng không thương, không ghét. Vì trong Bát nhã ba la mật không thương, không ghét.

Bạch đức Thế Tôn! Như đức Phật, tất cả phân biệt, tưởng niệm đã dứt mất. Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật tất cả phân biệt, tưởng niệm cũng dứt mất. Vì rốt ráo không vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Như đức Phật hiện ra hóa nhơn. Hóa nhơn đó chẳng nghĩ rằng: bực Thanh Văn, Bích Chi Phật cách xa tôi, Vô Thượng Bồ Đề cách tôi gần, vì hóa nhơn đó vô phân biệt vậy.

Cũng vậy, đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật chẳng nghĩ rằng Thanh Văn, Bích Chi Phật cách tôi xa, Vô Thượng Bồ Đề cách tôi gần.

Bạch đức Thế Tôn! Như người vì có chỗ làm nên biến hóa, sự việc biến hóa đó vô phân biệt.

Bát nhã ba la mật cũng vậy, vì có việc phải làm mà tu. Việc ấy thành tựu mà Bát nhã ba la mật cũng không phân biệt.

Bạch đức Thế Tôn! Như người thợ, vì có sự nghiệp phải làm nên thầy trò tạo ra người gỗ hoặc voi, ngựa, trâu, dê gỗ. Các hình gỗ đó cũng làm được việc mà vô phân biệt.

Bát nhã ba la mật cũng vậy, vì có sự việc phải làm nên nói sự việc ấy thành tựu, nhưng Bát nhã ba la mật vô phân biệt".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi Ngài Tu Bồ Đề: "Chỉ có Bát nhã ba la mật vô phân biệt thôi, còn năm ba la mật kia có vô phân biệt chăng?".

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Năm ba la mật kia cũng đều vô phân biệt".

Ngài Xá Lợi Phất hỏi Ngài Tu Bồ Đề: "Sắc vô phân biệt, thọ, tưởng, hành, thức vô phân biệt, thập nhị nhập, thập bát giới vô phân biệt, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, tứ niệm xứ đến bát thánh đạo, không, vô tướng, vô tác, mười trí lực, bốn vô úy, bốn vô ngại, đại từ đại bi, mười tám pháp bất cộng, Vô Thượng Bồ Đề, Vô vi tánh cũng đều vô phân biệt.

Thưa Ngài Tu Bồ Đề! Nếu tất cả pháp, từ sắc đến Vô vi tánh đều vô phân biệt thì làm sao phân biệt có sáu đạo sanh tử: đó là Địa ngục, là Ngạ quỉ, là Súc sanh, là Thiên, là Nhơn, là A tu la? Làm sao phân biệt là Tu Đà Hoàn, là Tư Đà Hàm, là A Na Hàm, là A La Hán, là Bích Chi Phật, là chư Phật?".

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Vì nhơn duyên chúng sanh điên đảo tạo nghiệp nơi thân, khẩu, ý, theo nghiệp trước mà thọ thân sáu đạo: thân Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh, A tu la, Nhơn, Thiên.

Như lời Ngài nói, làm sao phân biệt có Tu Đà Hoàn nhẫn đến chư Phật?

Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Tu đà Hoàn tức là vô phân biệt mà có. Quả Tu Đà Hoàn cũng là vô phân biệt mà có. Nhẫn đến Phật và quả Phật cũng là vô phân biệt mà có.

Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Chư Phật quá khứ cũng là vô phân việt, do dứt phân biệt mà có.

Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Vì thế nên phải biết tất cả pháp không có phân biệt, vì tướng bất hoại, các pháp như, pháp tánh, thật tế vậy.

Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Thế nên đại Bồ Tát phải hành Bát nhã ba la mật vô phân biệt. Hành Bát nhã ba la mật vô phân biệt rồi thì được Vô Thượng Bồ Đề vô phân biệt".

Thích nghĩa:

(1). Tứ Thiên hạ: Bốn châu ở bốn phương núi Tu di, dưới quyền thống lãnh của Chuyển luân Thánh vương: Phương bắc là Câu lô châu(Uất đan việt), phương nam là Thiệm bộ châu(Diêm phù đề), phương tây là Ngưu hóa châu(Cồ da ni), phương đông là Thắng thần châu(Phất bà đề). Rộng mở tâm hồn

(2). Ly hay lìa: Từ chữ viễn ly hay xa lìa mà ra.

---o0o---

PHẨM HƯ KHÔNG
THỨ SÁU MƯƠI LĂM

(Tương đương với phẩm "Khen Tánh Chẳng Chắc Thật", phần sau Q.342 đến phần đầu Q.346, ĐBN)

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: "Thưa Ngài Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật là hành **pháp chơn thật** hay là hành pháp không chơn thật?"

Ngài Tu Bồ Đề nói: "Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật là hành pháp không chơn thật. Tại sao? Vì Bát nhã ba la mật này không chơn thật, nhẫn đến Nhất thiết chủng trí không chơn thật vậy.

Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật chơn thật chẳng thể được, huống là không chơn thật. Nhẫn đến hành Nhất thiết chủng trí pháp chơn thật chẳng thể được, huống là pháp không chơn thật".

Lúc đó chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc nghĩ rằng: Có thiện nam, thiện nữ phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, hành đúng như nghĩa Bát nhã ba la mật đã nói, nơi đẳng pháp chẳng chứng thật tế, chẳng sa vào bực Thanh Văn, Bích Chi Phật, người như vậy đáng được đảnh lễ.

Ngài Tu Bồ Đề nói với chư thiên tử: "Chư đại Bồ Tát ở nơi đẳng pháp chẳng chứng bực Thanh Văn, Bích Chi Phật chẳng lấy làm khó.

Chư đại Bồ Tát đại trang nghiêm, tôi sẽ độ vô lượng vô biên vô số chúng sanh. Biết chúng sanh rốt ráo chẳng thể được mà độ chúng sanh, đây mới là khó.

Chư Thiên Tử! Đại Bồ Tát phát tâm Vô Thượng Bồ Đề nguyện rằng: Tôi sẽ độ tất cả chúng sanh.

Chúng sanh thật chẳng thể được, người này muốn độ chúng sanh như muốn độ hư không.

Tại sao? **Vì hư không là viễn ly, phải biết chúng sanh cũng viễn ly. Vì hư không là không, phải biết chúng sanh cũng là không. Vì hư không chẳng kiên cố, phải biết chúng sanh cũng không kiên cố. Vì hư không hư dối, phải biết chúng sanh cũng hư dối.**

Chư Thiên Tử! Thế nên biết chỗ làm của Đại Bồ Tát là khó. Vì lợi ích chúng sanh không có được mà đại trang nghiêm. Bồ Tát này vì chúng sanh mà kết thệ nguyên, là muốn cùng tranh đấu với hư không.

Bồ Tát này kết thệ nguyện rồi cũng chẳng thấy có chúng sanh mà vì chúng sanh kết thệ nguyện.

Tại sao? Vì chúng sanh là viễn ly, phải biết thệ nguyện cũng viễn ly. Vì chúng sanh hư dối, phải biết thệ nguyện cũng hư dối.

Nếu đại Bồ Tát nghe pháp như vậy mà lòng chẳng sợ, chẳng mê, phải biết đó là đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật.

Tại sao? Vì sắc viễn ly tức là chúng sanh viễn ly; thọ, tưởng, hành, thức viễn ly tức là chúng sanh viễn ly. Sắc viễn ly tức là sáu ba la mật viễn ly; thọ, tưởng, hành, thức viễn ly tức là sáu ba la mật viễn ly, nhẫn đến Nhất thiết chủng trí viễn ly tức là sáu ba la mật viễn ly.

Nếu nghe tất cả pháp ly tướng như vậy mà lòng chẳng kinh sợ, mê mờ, phải biết đó là đại Bồ Tát ở trong Bát nhã ba la mật lòng không mê mờ?".

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Duyên cớ gì mà đại Bồ Tát ở trong Bát nhã ba la mật lòng không mê mờ?".

Bạch đức Thế Tôn! Do nhơn duyên như vậy nên đại Bồ Tát ở trong Bát nhã ba la mật lòng chẳng mê mờ. Nơi Bồ Tát này: chẳng có người mê mờ, chẳng có sự mê mờ, chẳng có chỗ mê mờ, vì tất cả pháp này đều chẳng có thể được vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát nghe pháp như vậy mà lòng chẳng sợ sệt, chẳng mê mờ, phải biết là Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật. Tại sao? Vì người, sự và chỗ đều chẳng thể có được vậy.

Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật như vậy, chư Thiên, Thích Đề Hoàn Nhơn, Phạm Vương, Thiên và chư Thiên chủ thế giới đều nên đảnh lễ".

Đức Phật phán dạy: "Chẳng như chư Thiên Tử ấy nên đảnh lễ, mà chư thiên cõi trên nữa như Quang Âm Thiên, Biến Tịnh Thiên, Quảng Quả Thiên, Tịnh Cư Thiên, đều nên đảnh lễ Bồ Tát đó.

Này Tu Bồ Đề! Hiện tại nay chư Phật ở mười phương cũng hộ niệm đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật đó. Phải biết Bồ Tát đó như là Phật.

Này Tu Bồ Đề! Nếu chúng sanh trong hằng sa thế giới đều làm ma. Mỗi một ma này lại biến hóa làm hằng sa ma. Tất cả số ma đó chẳng lưu nạn được đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật.

Này Tu Bồ Đề! **Đại Bồ Tát thành tựu hai pháp sau đây thời ma chẳng phá hoại được: một là quán tất cả pháp không, hai là chẳng rời bỏ tất cả chúng sanh. Bồ Tát thành tựu hai pháp này thì ma chẳng phá hoại được.**

Lại có hai pháp mà đại Bồ Tát thành tựu thì ma chẳng phá hoại được: **một là việc làm đúng như lời nói, hai là được chư Phật hộ niệm.**

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành như vậy, chư Thiên đều đến chỗ Bồ Tát để thân cận, thăm hỏi, khuyến dụ, an ủi rằng: Không lâu Ngài sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, Ngài thường phải hành những hạnh không, vô tướng, vô tác. Tại sao? Vì Ngài hành những hạnh đó thì Ngài hộ cho chúng sanh không được hộ, Ngài y chỉ cho chúng sanh không chỗ y chỉ, Ngài cứu chúng sanh không được cứu, Ngài làm con đường rốt ráo cho chúng sanh không đường rốt ráo, Ngài làm chỗ về cho chúng sanh không nơi về, làm cồn đảo cho chúng sanh không cồn đảo, làm ánh sáng cho kẻ tối, làm mắt sáng cho kẻ mù.

Tại sao? Vì đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật thì hiện tại vô thượng vô số chư Phật mười phương ở trong đại chúng thuyết pháp, đều khen ngợi tuyên dương danh tánh của đại Bồ Tát rằng: Đại Bồ Tát tên hiệu đó thành tựu công đức Bát nhã ba la mật.

Này Tu Bồ Đề! Như lúc ta thuyết pháp, ta khen ngợi Bửu Tướng Bồ Tát, Thi Khí Bồ Tát.

Lại có chư đại Bồ Tát ở tại nước của đức Phật A Súc hành Bát nhã ba la mật, tịnh tu phạm hạnh, ta cũng khen ngợi danh tánh của Bồ Tát đó.

Này Tu Bồ Đề! Cũng như phương Đông hiện tại chư Phật thuyết pháp. Trong đó có đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, tịnh tu phạm hạnh, ta cũng hoan hỷ ngợi khen Bồ Tát đó. Chín phương kia cũng vậy.

Lại có Bồ Tát từ khi mới phát tâm muốn đầy đủ Phật đạo nhẫn đến được Nhất thiết chủng trí, lúc chư Phật thuyết pháp cũng hoan hỷ khen ngợi Bồ Tát đó. Tại sao? Vì chỗ làm của chư đại Bồ Tát rất khó, là những công hạnh chẳng dứt mất giống Phật".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Những Bồ Tát nào, lúc chư Phật thuyết pháp tự khen ngợi tuyên dương?".

- Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát bất thối chuyển, lúc chư Phật thuyết pháp tự khen ngợi tuyên dương.

- Bạch đức Thế Tôn! Bồ Tát bất thối chuyển nào được Phật ngợi khen?

- Này Tu Bồ Đề! Như đức Phật A Súc lúc làm Bồ Tát thực hành học tập, chư Bồ Tát cũng học như vậy. Chư Bồ Tát bất thối chuyển này được chư Phật lúc thuyết pháp hoan hỷ ngợi khen.

Lại này Tu Bồ Đề! Có Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật tin hiểu tất cả pháp vô sanh mà chưa được vô sanh pháp nhẫn, tin hiểu tất cả pháp không mà chưa được vô sanh pháp nhẫn, tin hiểu tất cả pháp hư dối chẳng thiệt, không chỗ có, chẳng bền chắc mà chưa được vô sanh pháp nhẫn.

Này Tu Bồ Đề! Chư đại Bồ Tát như vậy, lúc chư Phật thuyết pháp hoan hỷ khen ngợi, tuyên dương danh tánh.

Này Tu Bồ Đề! Nếu chư đại Bồ Tát nào được chư Phật lúc thuyết pháp hoan hỷ tự ngợi khen thì diệt dứt được bực Thanh Văn, Bích Chi Phật, sẽ được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát nào được chư Phật thuyết pháp hoan hỷ tự ngợi khen thì sẽ được an trụ bực bất thối chuyển. An trụ bực đó rồi sẽ được Nhất thiết chủng trí.

Lại này Tu Bồ Đề! Lúc nghe Bát nhã ba la mật sâu xa này, đại Bồ Tát tâm sáng lẹ chẳng nghi ngờ mà nghĩ rằng: sự đó đúng như đức Phật đã nói.

Đại Bồ Tát đó cũng ở nơi đức Phật A Súc và chư Bồ Tát được nghe rộng Bát nhã ba la mật này cũng tin hiểu. Tin hiểu rồi hành đúng như Phật đã nói sẽ được trụ bực bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Chỉ nghe Bát nhã ba la mật được lợi ích lớn, huống là tin hiểu rồi trụ đúng lời, hành đúng như lời. Trụ và hành đúng như lời rồi an trụ trong Nhất thiết chủng trí.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu như đức Phật nói chư đại Bồ Tát trụ đúng như lời, hành đúng như lời, an trụ trong Nhất thiết chủng trí. Đại **Bồ Tát không pháp để được** thế nào an trụ trong Nhất thiết chủng trí?

- Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát **trụ trong pháp như** đó là an trụ Nhất thiết chủng trí.

- Bạch đức Thế Tôn! Trừ như ra, không còn pháp nào để được thì ai trụ trong như, trụ trong như rồi sẽ được Vô Thượng Bồ Đề? Ai trụ trong như để thuyết pháp? Như ấy còn chẳng thể được, huống là trụ trong như được Vô Thượng Bồ Đề. Không bao giờ có ai trụ trong như để thuyết pháp.

- Này Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Trừ như ra không còn pháp nào để được, ai trụ trong như. Trụ trong như rồi sẽ được Vô Thượng Bồ Đề. Ai trụ trong như để thuyết pháp. Như ấy còn chẳng thể được, huống là ai trụ trong như được Vô Thượng Bồ Đề. Ai trụ trong như để thuyết pháp.

Tại sao vậy? **Như ấy: không có sanh, không có diệt, không có trụ, không có dị. Nếu pháp không có sanh, diệt, trụ, dị thì trong đó ai sẽ trụ như. Ai sẽ trụ như mà thuyết pháp. Không bao giờ có sự đó".**

Thích Đề Hoàn Nhơn thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Chỗ làm của chư đại Bồ Tát rất là khó: ở trong Bát nhã ba la mật sâu xa muốn được Vô Thượng Bồ Đề.

Tại sao vậy? Vì không có ai trụ trong như, cũng không ai sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, cũng không ai thuyết pháp. Đại Bồ Tát ở nơi đây lòng chẳng kinh sợ, nghi ngờ".

Ngài Tu Bồ Đề nói với Thiên Đế Thích: "Ngài nói chỗ làm của Đại Bồ Tát rất là khó: ở trong pháp rất khó đó mà tâm chẳng kinh sợ, nghi ngờ.

Thưa Ngài Kiều Thi Ca! Trong các pháp không, ai kinh sợ? Ai nghi ngờ?".

Thiên Đế Thích nói: "Thưa Ngài Tu Bồ Đề! Chỗ Ngài nói chỉ là pháp không, chẳng có chướng ngại. Như người bắn giữa hư không, mũi tên bay đi không chướng ngại. Ngài Tu Bồ Đề thuyết pháp vô ngại cũng như vậy".

---o0o---

QUYỂN THỨ HAI MƯƠI HAI

PHẨM CHÚC LỤY(1)
THỨ SÁU MƯƠI SÁU

(Tương đương Q.346 đến phần đầu Q.347, ĐBN)

Khi đó Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Con nói như vậy, đáp như vậy, có phải là thuận theo pháp mà chẳng là chánh đáp chăng?".

Đức Phật phán dạy: "Này Kiều Thi Ca! Lời đáp của ngươi thiệt đều thuận theo pháp cả".

- Bạch đức Thế Tôn! Thiệt là hi hữu! Chỗ nói của Ngài Tu Bồ Đề đều là không, là vô tướng, là vô tác, là tứ niệm xứ nhẫn đến là Vô Thượng Bồ Đề.

- Này Kiều Thi Ca! Tỳ Kheo Tu Bồ Đề lúc hành không, Đàn ba la mật còn là bất khả đắc huống là người hành Đàn ba la mật. Nhẫn đến Bát nhã ba la mật còn bất khả đắc, huống là người hành Bát nhã ba la mật. Tứ niệm xứ còn bất khả đắc, huống là người tu tứ niệm xứ. Nhẫn đến bát thánh đạo.Thiền, giải thoát, tam muội định còn bất khả đắc, huống là người phát sanh tứ vô ngại trí. Đại từ đại bi còn bất khả đắc, huống là người hành đại từ đại bi. Mười tám pháp bất cộng còn bất khả đắc, huống là người hay sanh mười tám pháp bất cộng. Vô Thượng Bồ Đề còn khả đắc, huống là người được Vô Thượng Bồ Đề. Nhứt thiết trí còn bất khả đắc, huống là người được nhứt thiết trí. Như Lai còn bất khả đắc, huống là người sẽ làm Như Lai. Pháp vô sanh còn bất khả đắc, huống là người chứng được pháp vô sanh. Ba mươi hai tướng còn bất khả đắc, huống là người được ba mươi hai tướng. Tám mươi tùy hình hảo còn bất khả đắc, huống là người được tám mươi tùy hình hảo.

Tại sao vậy? Này Kiều Thi Ca! Vì Tỳ Kheo Tu Bồ Đề ở nơi tất cả pháp: hành ly, hành vô sở đắc, hành không, hành vô tướng, hành vô tác.

Này Kiều Thi Ca! Đem chỗ sở hành của Tỳ Kheo Tu Bồ Đề đây muốn so sánh với hạnh Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát thì không bằng một phần trăm, không bằng một phần ngàn, không bằng một phần ngàn muôn ức, nhẫn đến toán số thí dụ cũng không bằng được.

Tại sao vậy? Vì trừ công hạnh của Phật, đối với công hạnh của Thanh Văn và Bích Chi Phật, thì công hạnh Bát nhã ba la mật của đại Bồ Tát là tối tôn, tối thượng, tối diệu. Thế nên đại Bồ Tát muốn được tối thượng ở trong tất cả chúng sanh thì phải hành Bát nhã ba la.

Lúc hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát vượt trên bực Thanh Văn và Bích Chi Phật mà vào bực Bồ Tát, hay đầy đủ Phật pháp, được nhứt thiết chủng trí, dứt tất cả tập khí phiền não mà làm Phật".

Bấy giờ trong đại hội, chư Thiên Đao Lợi đem hoa mạn đà la cõi trời rãi trên đức Phật và chư Tăng.

Khi đó, tám trăm vị Tỳ Kheo đứng dậy rải hoa cúng Phật, trịch y quỳ gối chắp tay bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Chúng tôi sẽ thật hành công hạnh vô thượng mà hành Thanh Văn và Bích Chi Phật không thể thực hành này".

Đức Phật biết tâm niệm của các vị Tỳ Kheo nên mỉm cười. Như pháp của Chư Phật, những ánh sáng nhiều màu: xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tía từ miệng đức Phật phóng ra chiếu khắp cõi Đại Thiên, nhiễu quanh đức Phật ba vòng rồi rót vào đảnh đức Phật.

Ngài A Nan liền đứng dậy trịch y quỳ gối chắp tay bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Duyên cớ gì mà đức Phật mỉm cười? Chư Phật không bao giờ không nhơn duyên mà cười".

Đức Phật phán dạy: "Này A Nan! Tám trăm vị Tỳ Kheo đây, trong kiếp Tinh Tú sẽ thành Phật đồng hiệu là Tán Hoa, đại chúng, quốc độ và thọ mạng cũng đều đồng. Mỗi vị đều qua tám muôn tuổi đi xuất gia làm Phật. Thời kỳ đó, các quốc độ của chư Phật ấy thường mưa hoa trời năm màu.

Thế nên, này A Nan! Đại Bồ Tát muốn thực hành công hạnh tối thượng thì phải hành Bát nhã ba la mật.

Này A Nan! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào có thể thực hành Bát nhã ba la mật sâu xa này thì phải biết đó là Bồ Tát bỏ thân trong loài người mà sanh đến trong đây, hoặc từ trên cung trời Đâu Suất chết mà đến sanh nơi đây, đã từ trong loài người hoặc trên cung trời Đâu Suất rộng nghe Bát nhã ba la mật sâu xa này.

Này A Nan! Ta thấy chư đại Bồ Tát hay thực hành Bát nhã ba la mật sâu xa này.

Này A Nan! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe Bát nhã ba la mật sâu xa này rồi thọ trì, đọc tụng, thân cận, chánh ức niệm, lại đem dạy cho người hành đạo Bồ Tát, phải biết thiện nam, thiện nữ đó hiện diện từ chư Phật, nghe Bát nhã ba la mật sâu xa rồi thọ trì, đọc tụng, thân cận, cũng đã trồng căn lành từ chỗ chư Phật.

Thiện nam, thiện nữ đó nên nghĩ rằng: Tôi trồng căn lành chẳng phải từ chỗ Thanh Văn, cũng chẳng phải từ chỗ Thanh Văn nghe Bát nhã ba la mật sâu xa.

Này A Nan! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, đọc tụng, thân cận, tùy nghĩa, tùy pháp thực hành Bát nhã ba la mật sâu xa này, phải biết đó là người hiện diện thấy Phật.

Này A Nan! Nếu có thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật sâu xa này mà lòng tin thanh tịnh không bị ngăn phá, phải biết đó là người đã từng cúng dường Phật trồng căn lành, cùng thiện tri thức tương đắc.

Này A Nan! Người ở chỗ phước điền chư Phật trồng căn lành dầu rằng chẳng dối hư nhưng cần được Thanh Văn, Bích Chi Phật và Phật mà được giải thoát. Phải rành rẽ thấu đáo thực hành sáu ba la mật nhẫn đến nhứt thiết chủng trí. Không bao giờ có sự người này được Vô Thượng Bồ Đề mà trụ bực Thanh Văn, Bích Chi Phật.

Này A Nan! Thế nên ta đem Bát nhã ba la mật chúc lụy cho ngươi.

Này A Nan! Nếu người thọ trì tất cả pháp, trừ Bát nhã ba la mật, nếu quên mất thì lỗi còn ít chẳng thành đại tội. Người thọ trì Bát nhã ba la mật sâu xa nếu quên mất thì tội rất nhiều. Thế nên ta đem Bát nhã ba la mật sâu xa này chúc lụy cho ngươi. Ngươi phải khéo thọ trì, đọc tụng thông thuộc.

Này A Nan! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì Bát nhã ba la mật, đó là thọ trì Vô Thượng Bồ Đề của tam thế chư Phật: quá khứ, vị lai và hiện tại.

Này A Nan! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào hiện tại cúng dường ta với những hoa hương, chuỗi ngọc, y phục, phan lọng và khung kính, tôn trọng, ca ngợi, thì phải thọ trì Bát nhã ba la mật và đọc tụng, giảng thuyết, thân cận, cung kính, tôn trọng, ca ngợi, cúng dường hoa hương, chuỗi ngọc, phan lọng.

Này A Nan! Cúng dường Bát nhã ba la mật là cúng dường ta, cũng là đã cúng dường tam thế chư Phật rồi.

Nếu thiện nam, thiện nữ nào nghe nói Bát nhã ba la mật mà lòng tin thanh tịnh cung kính mến thích, đó là đã có lòng tinh thanh tịnh, cung kính mến thích tam thế chư Phật.

Này A Nan! Người mến thích chẳng lìa Phật thì phải mến thích chẳng lìa Bát nhã ba la mật nhẫn đến một câu chớ để quên mất.

Này A Nan! Ta nói nhơn duyên chúc lụy rất nhiều, nay ta chỉ nói tóm lược:

Như ta là Thế Tôn thì Bát nhã ba la mật cũng là Thế Tôn. Thế nên vì nhiều nhơn duyên, ta đem Bát nhã ba la mật chúc lụy cho ngươi.

Này A Nan! Nay ta ở giữa tất cả thế gian, Trời, Người, A tu la chúc lụy ngươi: những ai muốn bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng, chẳng bỏ Vô Thượng Bồ Đề của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại thì cẩn thận chớ bỏ Bát nhã ba la mật.

Này A Nan! Đây chánh là pháp mà ta dạy bảo hàng đệ tử.

Này A Nan! Nếu có thiện nam, thiện nữ thọ trì Bát nhã ba la mật sâu xa, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm, rồi lại vì người khác nói rộng những ý nghĩa của Bát nhã ba la mật đó, chỉ dạy tuyên nói rành rẽ làm cho dễ hiểu. Người này mau được Vô Thượng Bồ Đề, mau gần nhứt thiết chủng trí. Vì trong Bát nhã ba la mật hay sanh Vô Thượng Bồ Đề của chư Phật.

Này A Nan! Vô Thượng Bồ Đề của chư Phật quá khứ và vị lai đều xuất sanh từ Bát nhã ba la mật. Vô Thượng Bồ Đề của mười phương chư Phật hiên nay cũng xuất sanh từ Bát nhã ba la mật.

Thế nên đại Bồ Tát muốn được Vô Thượng Bồ Đề phải nên học sáu ba la mật. Vì sáu ba la mật là mẹ của Bồ Tát, hay sanh ra chư Bồ Tát.

Này A Nan! Nếu có đại Bồ Tát học sáu ba la mật này thì đều sẽ được Vô Thượng Bồ Đề. Vì thế mà ta đem sáu ba la mật chúc lụy cho ngươi lần nữa.

Này A Nan! Sáu Bát nhã ba la mật đây là tạng pháp(2) vô tận của chư Phật:

Chư Phật hiện tại thuyết pháp ở mười phương đều ra từ trong tạng pháp sáu ba la mật.

Chư Phật quá khứ cũng từ trong sáu ba la mật mà học được Vô Thượng Bồ Đề.

Chư Phật vị lai sẽ từ trong sáu ba la mật mà học được Vô Thượng Bồ Đề.

Hàng đệ tử của tam thế chư Phật đều từ trong sáu ba la mật mà học được diệt độ: hoặc đã diệt độ, hoặc đương diệt độ, hoặc sẽ được diệt độ.

Này A Nan! Người và hàng Thanh Văn mà thuyết pháp, làm cho chúng sanh trong cõi Đại Thiên đều chứng được quả A La Hán, vẫn chưa phải là sự việc của đệ tử Phật. Nếu người đem một câu đúng với Bát nhã ba la mật dạy cho đại Bồ Tát mới phải là sự việc của đệ tử Phật. Ta cũng rất vui mừng hơn là người dạy cho chúng sanh trong cõi Đại Thiên đều chứng được quả A La Hán.

Lại này A Nan! Chúng sanh trong cõi Đại Thiên đây, không trước không sau, đồng thời đều chứng được quả A La Hán. Chư A La Hán này thật hành công đức bố trí, trì giới, thiền định. Công đức đó có nhiều chăng?".

- Bạch đức Thế Tôn! Công đức đó rất nhiều.

- Vẫn chẳng bằng đệ tử của ta đem pháp đúng với Bát nhã ba la mật nói cho đại Bồ Tát nhẫn đến chừng một ngày. Phước đức người này rất nhiều.

Chẳng những một ngày, chỉ chừng nửa ngày, chỉ chừng khoảng bữa ăn, hoặc chỉ nói pháp đó trong giây phút, phước đức cũng rất nhiều. Vì căn lành của đại Bồ Tát hơn tất cả Thanh Văn và Bích Chi Phật.

Đại Bồ Tát tự mình muốn được Vô Thượng Bồ Đề cũng dạy bảo người khác cho học được Vô Thượng Bồ Đề.

Này A Nan! Bồ Tát như vậy hành sáu ba la mật, hành tứ niệm xứ nhẫn đến hành nhứt thiết chủng trí, thêm lớn căn lành mà chẳng được Vô Thượng Bồ Đề thì không bao giờ có".

Lúc nói Bát nhã ba la mật như vậy, đức Phật ở giữa tứ chúng Trời, Người, Quỷ thần, Bát bộ mà hiện thần thông biến hóa. Tất cả đại chúng đều thấy đức Phật A Súc đương thuyết pháp cho chư Tỳ Kheo Tăng. Chư Tăng này đông nhiều như nước biển cả, đều là bực A La Hán sạch hết phiền não, đều được tự tại giải thoát: tâm giải thoát và huệ giải thoát, tâm đều hòa nhu thuận như đại tượng, chỗ làm đã xong, đã được tự lợi, hết kiết sử, được chánh trí giải thoát, trong tất cả tâm và tâm sở đều được tự tại. Cũng thấy chư đại Bồ Tát thành tựu vô lượng công đức.

Bấy giờ đức Phật nhiếp thần túc, đại chúng không còn thấy đức Phật A Súc và đại hội Thanh Văn Bồ Tát cùng nước Diệu Hỷ đối trước mắt nữa.

Đức Phật bảo Ngài A Nan: "Này A Nan! Tất cả pháp chẳng đối lập với mắt: các pháp chẳng thấy nhau, các pháp chẳng biết nhau.

Như cõi nước Phật A Súc và Thanh Văn Bồ Tát chẳng đối lập trước mắt, các pháp cũng chẳng đối lập trước mắt: các pháp chẳng thấy nhau, các pháp chẳng biết nhau. Vì các pháp không thấy, không biết, không tác, không động, chẳng nắm lấy được, chẳng nghĩ bàn được.

Như huyễn nhơn không lãnh thọ, không cảm giác, không chơn thiệt. Đại Bồ Tát hành như vậy là hành Bát nhã ba la mật, chẳng nắm lấy các pháp.

Này A Nan! Đại Bồ Tát học như vậy gọi là học Bát nhã ba la mật.

Người muốn được các ba la mật phải học Bát nhã ba la mật.

Học như vậy gọi là đệ nhứt học, là tối thượng học, là vi diệu học.

Học như vậy là an lạc lợi ích tất cả thế gian: kẻ không được cứu hộ thì làm người cứu hộ họ.

Học như vậy là chỗ học của chư Phật. Chư Phật an trụ trong sự học đó có thể dùng tay hữu cất cõi Đại Thiên lên rồi đặt lại chỗ cũ mà chúng sanh trong đó vẫn không hay biết.

Tại sao vậy? Này A Nan! Chư Phật học Bát nhã ba la mật này, được tri kiến vô ngại đối với tất cả pháp quá khứ, vị lai và hiện tại.

Này A Nan! Trong các sự học, Bát nhã ba la mật là tối tôn đệ nhứt vi diệu vô thượng.

Này A Nan! Có người nào muốn được ngằn mé của Bát nhã ba la mật, đó là muốn được bờ mé của hư không.

Tại sao vậy? Vì Bát nhã ba la mật là vô lượng. Ta chẳng bao giờ nói lượng của Bát nhã ba la mật. Những danh từ, những câu, những chữ là hữu lượng. Bát nhã ba la mật là vô lượng".

- Bạch đức Thế Tôn! Tại sao Bát nhã ba la mật là vô lượng?

- Này A Nan! Vì Bát nhã ba la mật vô tận nên vô lượng. Vì Bát nhã ba la mật ly nên vô lượng.

Này A Nan! Chư Phật quá khứ học Bát nhã ba la mật này mà đắc độ nên là vô tận. Chư Phật vị lai học Bát nhã ba la mật này mà đắc độ nên là vô tận. Chư Phật hiện tại mười phương học Bát nhã ba la mật này mà đắc độ nên là vô tận, đã, đương và sẽ vô tận.

Người nào muốn cùng tận Bát nhã ba la mật này, đó là kẻ muốn cùng tận hư không.

Bát nhã ba la mật chẳng cùng tận: đã, sẽ và đương chẳng cùng tận.

Năm ba la mật: Thiền đến Thí ba la mật cũng chẳng cùng tận: đã, sẽ và đương chẳng cùng tận.

Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí cũng như vậy.

Tại sao vậy? Vì tất cả pháp đó đều vô sanh. Nếu các pháp đó đã vô sanh thì làm so có tận".

Khi đó đức Phật hiện tướng lưỡi che trùm cả mặt mà bảo Ngài A Nan rằng: "Từ ngày nay ở giữa bốn bộ chúng giảng dạy rộng rãi rành rẽ Bát nhã ba la mật, phải cho rõ ràng dễ hiểu.

Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật sâu xa này nói rộng các pháp tướng. Trong đại chúng đây, người cầu Thanh Văn cầu Bích Chi Phật, cầu Phật đạo đều phải học trong này. Học xong thì đều được thành tựu cả.

Này A Nan! Bát nhã ba la mật này là tất cả tự môn(3). Hành nơi đây có thể vào môn đà la ni. Bồ Tát học môn đà la ni này thì được tất cả biện tài vô ngại.

Này A Nan! Bát nhã ba la mật là diệu pháp của tất cả tam thế chư Phật.

Vì thế nên ta vì ngươi mà giảng dạy rành rẽ.

Nếu có người nào thọ trì, đọc tụng, thân cận Bát nhã sâu xa thì có thể thọ trì Vô Thượng Bồ Đề của tam thế chư Phật.

Này A Nan! Ta nói Bát nhã ba la mật là đôn chưn của hành giả. Ngươi thọ trì Bát nhã ba la mật này thì có thể thọ trì tất cả pháp, vì ngươi được đà la ni vậy".

Thích nghĩa:

(1). Chúc lụy hay phó chúc: Chúc, nghĩa là dặn dò, phó thác - Lụy, nghĩa là gánh vác sự vất vả phiền lụy. Có nghĩa là đem công việc mà giao phó và dặn dò người khác khiến họ gánh vác. Trong tông môn, mỗi khi đem đại pháp của Phật tổ trao truyền khiến người sau gìn giữ và phát huy, thì gọi là Chúc lụy. [X. Duy ma kinh sớ lược Q.10 phẩm Thích chúc lụy (Trí khải)]. Từ điển Phật Quang.

(2). Pháp tạng: Kinh tạng, kho tàng kinh sách Phật, phân biệt với luật tạng.

(3). Tự môn: Là những chữ cái gồm nguyên âm và phụ âm chính, cần phải học để dễ nhớ những chữ đồng âm khác.

---o0o---

PHẨM BẤT KHẢ TẬN
THỨ SÁU MƯƠI BẢY

(Tương đương Q.347 cho đến hết Q.348, ĐBN)

Khi đó Ngài Tu Bồ Đề nghĩ rằng: Vô Thượng Bồ Đề của chư Phật rất sâu xa, tôi phải hỏi đức Phật.

Suy nghĩ xong, Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật này **bất khả tận**. Như đức Phật dạy vì hư không bất khả tận nên Bát nhã ba la mật bất khả tận.

Bạch đức Thế Tôn! Tại sao phải sanh khởi Bát nhã ba la mật?".

Đức Phật phán dạy: "Này Tu Bồ Đề! Vì sắc bất khả tận nên Bát nhã ba la mật phải sanh. Vì thọ, tưởng, hành, thức bất khả tận nên Bát nhã ba la mật phải sanh. Vì đàn na ba la mật bất khả tận nên Bát nhã ba la mật phải sanh. Vì thi la ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật bất khả tận nên Bát nhã ba la mật phải sanh. Nhẫn đến vì nhứt thiết chủng trí bất khả tận nên Bát nhã ba la mật phải sanh.

Lại này Tu Bồ Đề! Vì vô minh không bất khả tận nên Bát nhã ba la mật của Bồ Tát phải sanh. Vì hành không bất khả tận nên Bát nhã ba la mật phải sanh. Vì thức không bất khả tận nên Bát nhã ba la mật phải sanh. Vì danh sắc không bất khả tận nên Bát nhã ba la mật phải sanh. Vì lục nhập không bất khả tận nên Bát nhã ba la mật phải sanh. Vì lục xúc không bất khả tận nên Bát nhã ba la mật phải sanh. Vì thọ không bất khả tận nên Bát nhã ba la mật phải sanh. Vì ái không bất khả tận nên Bát nhã ba la mật phải sanh. Vì thủ không bất khả tận nên Bát nhã ba la mật phải sanh. Vì hữu không bất khả tận nên Bát nhã ba la mật phải sanh. Vì sanh không bất khả tận nên Bát nhã ba la mật của Bồ Tát phải sanh.

Như vậy, Bát nhã ba la mật của Bồ Tát phải sanh.

Mười hai nhơn duyên như vậy là pháp riêng của Bồ Tát, hay trừ được các biên chấp điên đảo.

Lúc ngồi đạo tràng nên quán như vậy sẽ được nhứt thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Nếu có đại Bồ Tát nào đem pháp hư không bất khả tận mà hành Bát nhã ba la mật, quán mười hai nhơn duyên, thì chẳng sa vào bực Thanh Văn, Bích Chi Phật, được an trụ Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Người cầu đạo Bồ Tát mà thối chuyển, đó là vì xa rời tâm niệm Bát nhã ba la mật vậy.

Người đó chẳng biết hành Bát nhã ba la mật dùng pháp hư không bất khả tận như thế nào để quán mười hai nhơn duyên.

Này Tu Bồ Đề! Vì người cầu đạo Bồ Tát mà chẳng được sức phương tiện như vậy nên thối chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát được không thối chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề, đều do được sức phương tiện như vậy cả.

Này Tu Bồ Đề! Phải Đại Bồ Tát phải dùng pháp hư không bất khả tận để quán Bát nhã ba la mật, dùng pháp hư không bất khả tận để sanh khởi Bát nhã ba la mật.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc quán mười hai nhơn duyên, chẳng thấy có pháp nào không do nhơn duyên mà sanh, chẳng thấy có pháp nào thường còn chẳng diệt, chẳng thấy có pháp nào có ngã, có nhơn, có thọ giả, mạng giả, chúng sanh nhẫn đến tri giả, kiến giả, chẳng thấy có pháp vô thường, chẳng thấy pháp khổ, vô ngã, chẳng thấy pháp tịch diệt và phi tịch diệt.

Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật phải quán mười hai nhơn duyên như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát có thể hành Bát nhã ba la mật như vậy, thì lúc đó chẳng thấy sắc là thường hay vô thường, là khổ hay lạc, là ngã hay vô ngã, là tịch diệt hay phi tịch diệt.

Như với sắc, với thọ,, tưởng, hành, thức cũng vậy.

Lúc đó đại Bồ Tát cũng chẳng thấy Bát nhã ba la mật, cũng chẳng thấy dùng pháp ấy để thấy Bát nhã ba la mật. Nhẫn đến chẳng thấy Vô Thượng Bồ Đề, cũng chẳng thấy dùng pháp ấy dùng pháp ấy để thấy Vô Thượng Bồ Đề. Vì tất cả pháp đều bất khả đắc vậy. Đó là đúng với hạnh Bát nhã ba la mật.

Nếu lúc đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật vô sở đắc, thì ác ma sầu khổ như bị tên xoi tim, như người có cha mẹ mới chết mất".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Chỉ một ác ma sầu khổ, hay là ác ma trong cõi Đại Thiên cũng đều sầu khổ?".

- Này Tu Bồ Đề! Các ác ma trong cõi Đại Thiên đều sầu khổ như tên xoi tim, không thể tự an.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát có thể hành Bát nhã ba la mật như vậy, lúc đó tất cả thế gian, Trời, Người, A tu la chẳng thể nào hại được.

Thế nên đại Bồ Tát muốn được Vô Thượng Bồ Đề phải hành Bát nhã ba la mật này.

Đại Bồ Tát lúc hành Bát nhã ba la mật thì trọn vẹn tu Thí, Giới, Nhẫn, Tất, Thiền và Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ Tát lúc hành Bát nhã ba la mật thì đầy đủ các ba la mật.

- Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát lúc hành Bát nhã ba la mật, thế nào đầy đủ các ba la mật?

- Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát có **bố thí** bao nhiêu đều hồi hướng nhứt thiết trí, thế nên lúc hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát đầy đủ Bố thí ba la mật.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát có **trì giới** đều hồi hướng nhứt thiết trí, thế nên lúc hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát đầy đủ trì giới ba la mật.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát có **nhẫn nhục** bao nhiêu đều hồi hướng nhứt thiết trí, thế nên lúc hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát đầy đủ Nhẫn nhục ba la mật.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát có **tinh tấn** bao nhiêu đều hồi hướng nhứt thiết trí, thế nên lúc hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát đầy đủ Tinh tấn ba la mật.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát có **thiền định** bao nhiêu đều hồi hướng nhứt thiết trí, thế nên lúc hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát đầy đủ Thiền ba la mật.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát có **trí huệ** bao nhiêu đều hồi hướng nhứt thiết trí, thế nên lúc hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát đầy đủ Bát nhã ba la mật.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật thì đầy đủ sáu ba la mật".

---o0o---

PHẨM LỤC ĐỘ TƯƠNG NHIẾP(1)
THỨ SÁU MƯƠI TÁM

(Tương đương với phẩm "Dẫn Nhiếp", Q.349 và Q.350, ĐBN).

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là **đại Bồ Tát an trụ Bố thí ba la mật**(**thí**) mà nắm lấy Trì giới ba la mật(**thi la**)?".

Đức Phật phán dạy: "Này Tu Bồ Đề! Lúc bố thí, đại Bồ Tát đem sự bố thí đó hồi hướng nhứt thiết trí, ở trong tất cả chúng sanh, thân, khẩu, ý an trụ nơi đức từ. Đây là đại Bồ Tát an trụ Bố thí ba la mật mà nắm lấy Trì giới ba la mật".

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát an trụ Bố thí ba la mật mà nắm lấy Nhẫn nhục ba la mật(**sằn đề**)?

- Này Tu Bồ Đề! Lúc đại Bồ Tát bố thí, kẻ lãnh thọ giận mắng Bồ Tát, Bồ Tát nhịn nhục chẳng sanh lòng phiền giận. Đây là đại Bồ Tát an trụ Bố thí ba la mật mà nắm lấy Nhẫn nhục ba la mật.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát an trụ Bố thí ba la mật mà nắm lấy Tinh tấn ba la mật(**tì lê da**)?

- Này Tu Bồ Đề! Lúc đại Bồ Tát bố thí, kẻ lãnh thọ giận mắng, Bồ Tát bố thí thêm và nghĩ rằng tôi phải bố thí chẳng nên có lòng hối tiếc, liền lúc đó phát sanh hai tinh tấn: thân tinh tấn và tâm tinh tấn. Đây là đại Bồ Tát an trụ Bố thí ba la mật mà nắm lấy Tinh tấn ba la mật.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát an trụ Bố thí ba la mật mà nắm lấy Thiền na ba la mật(**thiền na**)?

- Này Tu Bồ Đề! Lúc bố thí, Bồ Tát hồi hướng nhứt thiết trí, chẳng mong bực Thanh Văn, Bích Chi Phật, chỉ nhứt tâm nghĩ đến nhứt thiết trí. Đây là Đại Bồ Tát an trụ bố thí ba la mật mà nắm lấy Thiền na ba la mật.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát an trụ Bố thí ba la mật mà nắm lấy Bát nhã ba la mật(**tuệ**)?

- Này Tu Bồ Đề! Lúc bố thí, đại Bồ Tát biết bố thí là không như huyễn ảo, chẳng thấy vì chúng sanh bố thí có ích hay vô ích. Đây là đại Bồ Tát an trụ Bố thí ba la mật mà nắm lấy Bát nhã ba la mật.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là **đại Bồ Tát an trụ Trì giới ba la mật**, thân, khẩu, ý ba nghiệp phát sanh phước đức bố thí giúp nên Vô Thượng Bồ Đề, giữ lấy công đức này, chẳng lấy bực Thanh Văn, Bích Chi Phật, an trụ trong Trì giới ba la mật, chẳng biết đoạt mạng sống kẻ khác, chẳng biết trộm của cải tài vật kẻ khác, chẳng làm tà dâm, chẳng vọng ngôn, chẳng lưỡng

thiệt, chẳng ác khẩu, chẳng ỷ ngữ, chẳng tham lam bỏn sẻn, chẳng giận giữ ganh ghét, chẳng tà kiến, thật hành bố thí: kẻ đói cho ăn, kẻ khát cho uống, cần xe cho xe, cần áo cho áo, cần chuỗi ngọc cho chuỗi ngọc, cần hương hoa cho hương hoa, cần giường nệm, phòng nhà, đèn đuốc, tất cả đồ tư sanh đều cung cấp cho cả, đem sự bố thí đó cùng chung với chúng sanh hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, hồi hướng như vậy thì chẳng sa vào bực Thanh Văn, Bích Chi Phật. Đây là đại Bồ Tát an trụ Trì giới ba la mật mà nắm lấy Bố thí ba la mật.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trong Thi ba la mật, nếu có ai đến làm rã rời thân thể, lúc đó Bồ Tát chẳng sanh một niệm giận thù mà nghĩ rằng: Tôi được sự lợi ích rất lớn, họ đến làm thân thể tôi rời rã, tôi không có một niệm hận thù. Đây là đại Bồ Tát an trụ Trì giới ba la mật mà nắm lấy Nhẫn nhục ba la mật.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát thân tinh tấn và tâm tinh tấn thường chẳng lìa bỏ, nghĩ rằng: Tất cả chúng sanh ở trong biển sanh tử, tôi phải cứu vớt đặt họ trên bờ cam lồ. Đây là đại Bồ Tát an trụ Trì giới ba la mật mà nắm lấy Tinh tấn ba la mật.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát nhập sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, chẳng tham bực Thanh Văn, Bích Chi Phật, nghĩ rằng: Tôi phải an trụ trong Thiền na ba la mật để độ tất cả chúng sanh trong sanh tử. Đây là đại Bồ Tát an trụ trì giới ba la mật mà nắm lấy Thiền na ba la mật.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ Trì giới ba la mật không có pháp nào thấy được: hoặc pháp tác, pháp vô tác, pháp số, pháp tướng, hoặc hữu hoặc vô, chỉ thấy tất cả đều chẳng ngoài tướng như, do sức phương tiện Bát nhã ba la mật nên chẳng sa vào bực Thanh Văn, Bích Chi Phật. Đây là Đại Bồ Tát an trụ Trì giới ba la mật mà nắm lấy Bát nhã ba la mật.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là **đại Bồ Tát an trụ Nhẫn nhục ba la mật** mà nắm lấy năm ba la mật kia?

- Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát từ lúc mới phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng, trong khoảng thời gian đó, nếu có chúng sanh nào đến giận mắng, hoặc chặt đức thân thể, Bồ Tát an trụ nhẫn nhục nghĩ rằng: Tôi phải bố thí tất cả chúng sanh, chẳng nên chẳng cho, chúng sanh cần ăn uống, cho ăn uống, nhẫn đến tất cả đồ tư sanh nếu cần tôi đều cho họ tất cả, đem công đức đó cùng chung với tất cả chúng sanh hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề. Lúc Bồ Tát hồi hướng chẳng sanh hai tâm niệm: ai hồi hướng và hồi hướng chỗ nào. Đây là đại Bồ Tát an trụ nhẫn nhục ba la mật mà **nắm lấy Bố thí** ba la mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát từ lúc mới phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng, trong khoảng thời gian đó trọn chẳng giết hại, trộm cướp, tà dâm nhẫn đến chẳng tà kiến, cũng chẳng tham bực Thanh Văn, Bích Chi Phật. Đem công đức đó cùng chung với tất cả chúng sanh hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề. Lúc hồi hướng, Bồ Tát chẳng sanh ba tâm niệm: ai hồi hướng, dùng pháp gì để hồi hướng và hồi hướng chỗ nào. Đây là đại Bồ Tát an trụ Nhẫn nhục ba la mật mà **nắm lấy trì giới** ba la mật.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ Nhẫn nhục ba la mật, phát sinh Tinh tấn nghĩ rằng: Tôi sẽ qua một do tuần, hoặc mười trăm ngàn muôn ức do tuần, tôi sẽ qua một thế giới nhẫn đến qua trăm ngàn muôn ức thế giới hoặc chỉ để khuyên dạy một người trì ngũ giới thôi, huống là làm cho họ được quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến quả A La Hán, Bích Chi Phật hay quả Phật. Đem công đức đó cùng chung với tất cả chúng sanh hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề. Đây là đại Bồ Tát an trụ Nhẫn nhục ba la mật mà **nắm lấy Tinh tấn** ba la mật.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ Nhẫn nhục ba la mật, lìa dục, lìa ác, những pháp bất thiện, có giác, có quán, ly sanh hỉ lạp nhập sơ thiền, nhẫn đến xả niệm thanh tịnh nhập tứ tứ thiền, trong các thiền ấy tâm tâm sở thanh tịnh đều hồi hướng nhứt thiết trí. Lúc hồi hướng, Bồ Tát này ở nơi thiền và thiền chi đều bất khả đắc. Đây là đại Bồ Tát an trụ nhẫn nhục ba la mật mà **nắm lấy Thiền na** ba la mật.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ nhẫn nhục ba la mật, quán các pháp hoặc tướng ly, tướng tịch diệt, tướng vô tận, chẳng chứng lấy tướng tịch diệt, nhẫn đến ngồi đạo tràng được nhứt thiết chủng trí, rời đạo tràng để chuyển pháp luân. Đây là đại Bồ Tát an trụ Nhẫn nhục ba la mật mà **nắm lấy Bát nhã** ba la mật, vì là chẳng lấy bỏ vậy.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là **đại Bồ Tát an trụ Tinh tấn ba la mật** mà nắm lấy ba la mật kia?

- Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ tinh tấn ba la mật, thân tâm tinh tấn chẳng lười chẳng nghỉ, tự nghĩ rằng: Tôi quyết chắc sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, chẳng phải không được. Vì lợi ích cho chúng sanh mà Bồ Tát này đến một do tuần hoặc đến trăm ngàn muôn ức do tuần, hoặc qua một thế giới hoặc qua trăm ngàn muôn ức thế giới, hoặc chẳng dạy được một người vào trong Phật đạo, Thanh Văn đạo, hoặc chỉ dạy được một người hành mười nghiệp đạo lành, tinh tấn chẳng biếng trễ, làm pháp thí và tài thí cho họ được đầy đủ. Đem công đức này cùng chung với tất cả chúng sanh hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, chẳng hồi hướng bực Thanh Văn, Bích Chi Phật. Đây là Bồ Tát an trụ Tinh tấn ba la mật mà nắm lấy Bố thí ba la mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ Tinh tấn ba la mật từ lúc mới phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng, tự mình chẳng sát sanh, chẳng bảo người sát sanh, hoan hỷ khen ngợi người chẳng sát sanh, nhẫn đến tự mình xa rời tà kiến, bảo người xa rời tà kiến, hoan hỷ khen ngợi người chẳng tà kiến. Bồ Tát này an trụ Trì giới ba la mật, chẳng cầu phước cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, chẳng cầu bực Thanh Văn, Bích Chi Phật. Đem công đức này cùng chung với tất cả chúng sanh hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, Bồ Tát chẳng sanh ba tâm niệm: chẳng thấy người hồi hướng, chẳng thấy pháp hồi hướng và chẳng thấy chỗ hồi hướng. Đây là Bồ Tát an trụ Tinh tấn ba la mật mà nắm lấy trì giới ba la mật.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ Tinh tấn ba la mật từ lúc mới phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng, trong khoảng thời gian đó hoặc có Người hay Phi Nhơn đến chặt đứt rời rã thân thể, Bồ Tát suy nghĩ: Ai chém tôi, ai chặt tôi, ai cướp hại tôi. Bồ Tát lại nghĩ rằng: Tôi được lợi ích lành rất lớn, tôi vì chúng sanh mà thọ lấy thân này, hôm nay chúng sanh đến lấy lại. Khi đó Bồ Tát chánh ức niệm thiệt tướng các pháp. Đem công đức này cùng chung với chúng sanh hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, chẳng cầu bực Thanh Văn, Bích Chi Phật. Đây là Bồ Tát an trụ Tinh tấn ba la mật mà nắm lấy Nhẫn nhục ba la mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ Tinh tấn ba la mật lìa dục ác bất thiện, có giác, có quán, ly sanh hỉ lạc nhập sơ thiền, nhập nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, nhập từ, bi, hỉ, xả, nhẫn đến nhập phi tưởng phi phi tưởng xứ định, thọ trì bốn thiền, bốn vô lượng tâm và bốn vô sắc định này, chẳng thọ quả báo mà thọ sanh nơi lợi ích chúng sanh để đem sáu ba la mật thành tựu chúng sanh, đó là Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, từ một Phật độ này đến một Phật độ khác, cúng dường

thân cận chư Phật để trồng căn lành. Đây là Bồ Tát an trụ tinh tấn ba la mật mà nắm lấy Thiền na ba la mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ Tinh tấn ba la mật, chẳng thấy pháp Đàn na ba la mật, nhẫn đến chẳng thấy pháp Thiền na ba la mật, chẳng thấy tướng Thiền na ba la mật, chẳng thấy pháp tứ niệm xứ, chẳng thấy tướng tứ niệm xứ, nhẫn đến chẳng thấy pháp nhứt thiết chủng trí, chẳng thấy tướng nhứt thiết chủng trí. Thấy tất cả pháp: phi pháp, phi phi pháp. Đối với tất cả pháp, Bồ Tát không chấp trước. Bồ Tát này chỗ làm đúng như chỗ nói. Đây là Bồ Tát an trụ tinh tấn ba la mật.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là **đại Bồ Tát an trụ Thiền na ba la mật** mà nắm lấy năm ba la mật kia?

- Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ Thiền na ba la mật lìa dục, lìa ác bất thiện, có giác, có quán, ly sanh hỉ nhập sơ thiền, nhập nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, nhập từ, bi, hỉ, xả, nhẫn đến nhập phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ định, an trụ trong Thiền na ba la mật, tâm chẳng loạn động, thật hành tài pháp hai sự bố thí lợi ích chúng sanh. Bồ Tát này tự mình hành hai sự bố thí, dạy người hành bố thí, ca ngợi pháp bố thí và hoan hỉ khen ngợi người hành bố thí. Đem công đức này cùng chung với tất cả chúng sanh hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, chẳng cầu bực Thanh Văn, Bích Chi Phật. Đây là Bồ Tát an trụ thiền na ba la mật mà nắm lấy Đàn na ba la mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ Thiền na ba la mật chẳng sanh tâm dâm dục, sân khuể, ngu si, chẳng não hại người, chỉ tu hành tâm tương ưng nhứt thiết trí. Đem công đức này cùng chung với tất cả chúng sanh hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, chẳng cầu bực Thanh Văn, Bích Chi Phật. Đây là Bồ Tát an trụ Thiền na ba la mật mà nắm lấy Trì giới ba la mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ Thiền na ba la mật quán sắc như đống bọt, quán thọ như bong bóng nước, quán tưởng như ánh nắng chói, quán hành như cây chuối, quán thức như huyễn ảo. Lúc quán như vậy, thấy năm ấm là tướng không bền chắc, nghĩ rằng: Chém tôi là ai? Chặt tôi là ai? Ai là thọ, là tưởng, ai là hành, là thức, ai là người mắng, ai là người bị mắng, ai sanh lòng giận. Đây là Bồ Tát an trụ Thiền na ba la mật mà nắm lấy nhẫn nhục ba la mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ Thiền na ba la mật nhập các thiền định. Các thiền, các định và những tướng thiền chi đó sanh khởi những thứ thần thông: đi trên nước như đất, vào trong đất như nước, có thiên nhĩ, biết tâm niệm người khác là loạn hay định, biết những đời trước, có thiên nhãn. Nương năm thần thông đó, Bồ Tát từ một Phật độ đến một Phật độ, thân cận cúng dường chư Phật để trồng căn lành, thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh. Đem công đức này cùng chung với tất cả chúng sanh hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề. Đây là Bồ Tát an trụ Thiền na ba la mật mà nắm lấy Tinh tấn ba la mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ Thiền na ba la mật chẳng thấy có sắc, chẳng thấy có thọ, tưởng, hành, thức, chẳng thấy có sáu ba la mật, chẳng thấy có tứ niệm xứ đến nhứt thiết chủng trí, chẳng thấy có tánh hữu vi, tánh vô vi, vì chẳng thấy có nên chẳng tác, vì chẳng tác nên chẳng sanh, vì chẳng sanh nên chẳng diệt. Tại sao vậy? Vì có Phật hay không Phật vẫn là như: pháp tướng, pháp tánh thường trụ, chẳng sanh, chẳng diệt. Bồ Tát này thường nhứt tâm đúng nhứt thiết chủng trí. Đây là Bồ Tát an trụ Thiền na ba la mật.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là **Bồ Tát an trụ Bát nhã ba la mật** mà nắm lấy năm ba la mật kia?

- Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ Bát nhã ba la mật: nội không, nội không bất khả đắc, ngoại không, ngoại không bất khả đắc, nội ngoại không, nội ngoại không bất khả đắc, không không, không không bất khả đắc, nhẫn đến nhứt thiết pháp không, nhứt thiết pháp không bất khả đắc. Bồ Tát an trụ trong mười bốn không đó, chẳng thấy có tướng sắc hoặc không hay chẳng không, chẳng thấy có tướng thọ, tưởng, hành, thức hoặc không hay chẳng không, nhẫn đến chẳng thấy có Vô Thượng Bồ Đề hoặc không hay chẳng không, chẳng thấy có tánh hữu vi, tánh vô vi hoặc không hay chẳng không. Bồ Tát này an trụ trong Bát nhã ba la mật như vậy có bố thí đều quán bố thí không. Những gì là không? Người thí, kẻ thọ và tài vật đều không, chẳng cho tâm niệm bỏn sẻn tham trước sanh khởi. Tại sao vậy? Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật từ lúc mới phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng không có vọng tưởng phân biệt, như chư Phật lúc được Vô Thượng Bồ Đề không có tâm tham trước, đại Bồ Tát lúc hành Bát nhã ba la mật cũng không có tâm tham trước. Chỗ đáng tôn trọng nhứt của Bồ Tát này chính là Bát nhã ba la mật vậy. Đây là Bồ Tát an trụ Bát nhã ba la mật mà nắm lấy Đàn na ba la mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ Bát nhã ba la mật chẳng sanh tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật. Với Bồ Tát này, bực Thanh Văn, Bích Chi Phật bất khả đắc, tâm xu hướng Thanh Văn, Bích Chi Phật cũng bất khả đắc. Bồ Tát này từ lúc mới phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng, trong khoảng thời gian đó tự mình chẳng sát sanh, chẳng bảo người sát sanh, hoan hỉ khen ngợi người chẳng sát sanh, nhẫn đến tự mình không tà kiến, chẳng bảo người tà kiến, ca ngợi pháp chẳng tà kiến, hoan hỉ khen ngợi người chẳng tà kiến. Do vì nhơn duyên trì giới này không có pháp nắm lấy được, hoặc bực Thanh Văn, Bích Chi Phật huống là những pháp khác. Đây là Bồ Tát an trụ Bát nhã ba la mật nắm lấy Trì giới ba la mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ Bát nhã ba la mật phát sanh tùy thuận pháp nhẫn, nghĩ rằng trong pháp này không có pháp gì hoặc sanh hoặc diệt, hoặc sanh hoặc tử, không có pháp gì hoặc chửi hoặc mắng, hoặc chém hoặc chặt, hoặc trói hoặc đánh, hoặc đạp hoặc giết. Bồ Tát này từ lúc mới phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng, nếu hoặc có tất cả chúng sanh đến mắng chửi, dùng dao gậy ngói đá chém chặt tổn hại, Bồ Tát chẳng động tâm, Bồ Tát nghĩ rằng: Rất lạ thay, trong pháp này chẳng có ai bị mắng giết tổn hại cả mà chúng sanh lại nhận sự khổ não này. Đây là Bồ Tát an trụ Bát nhã ba la mật nắm lấy Nhẫn nhục ba la mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ Bát nhã ba la mật vì chúng sanh mà thuyết pháp khiến họ hành sáu ba la mật, dạy họ tu tứ niệm xứ đến bát thánh đạo, cho họ được quả Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chí Phật, cho họ được quả Vô Thượng Bồ Đề, chẳng an trụ trong tánh hữu vi, chẳng an trụ trong tánh vô vi. Đây là Bồ Tát an trụ Bát nhã ba la mật mà nắm lấy Tinh tấn ba la mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ Bát nhã ba la mật nhập tất cả các tam muội, ngoại trừ tam muội của chư Phật, hoặc tam muội của Thanh Văn, của Bích Chi Phật, của Bồ Tát đều hành, đều nhập cả. Nơi các tâm tam muội đó, Bồ Tát nghịch thuận xuất nhập **tám bội xả**: bội xả thứ nhất là trong có sắc tướng ngoài quán sắc, bội xả thứ hai là trong không sắc tướng ngoài quán sắc, bội xả thứ ba là tịnh bội xả thân tác chứng, bội xả thứ tư là vượt qua tất cả sắc tướng, dứt diệt tướng

có đối đãi, vì chẳng nghĩ nhớ các thứ sắc tướng nên nhập hư không vô biên xứ, bội xả thứ năm là vượt qua tất cả hư không xứ, nhập thức vô biên xứ, bội xả thứ sáu là vượt qua tất cả thức xứ, nhập vô sở hữu xứ, bội xả thứ bảy là vượt qua tất cả vô sở hữu xứ, nhập phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, bội xả thứ tám là vượt qua tất cả phi tưởng phi phi tưởng xứ, nhập diệt thọ, tưởng, định. Nơi chánh định tám thứ bội xả, Bồ Tát này nghịch thuận xuất nhập **chín thứ đệ định**: bốn thiền, bốn định vô sắc và diệt thọ tưởng định. Bồ Tát này nói tám bội xả và chín thứ đệ định mà nhập **sư tử phấn tấn tam muội**: nhập sơ thiền, xuất sơ thiền, nhập nhị thiền, nhẫn đến xuất phi phi tưởng xứ định nhập diệt tận định, xuất diệt tận định nhập phi phi tưởng xứ định nhẫn đến xuất nhị thiền, nhập sơ thiền. Bồ Tát này y nơi sư tử phấn tấn tam muội mà nhập **siêu việt tam muội(2)**: nhập sơ thiền, xuất sơ thiền nhập nhị thiền, nhẫn đến xuất phi phi tưởng xứ nhập diệt thọ tưởng định, xuất diệt tận định nhập sơ thiền, xuất sơ thiền nhập diệt tận định, xuất diệt tận định nhập nhị thiền, xuất nhị thiền nhập diệt tận định, xuất diệt tận định nhập tam thiền, xuất tam thiền nhập diệt tận định, xuất diệt tận định nhập hư không xứ, xuất hư không xứ nhập diệt tận định, xuất diệt tận định nhập thức xứ, xuất thức, xứ nhập diệt tận định nhập thức xứ, xuất thức, xứ nhập diệt tận định, xuất diệt tận định nhập vô sở hữu xứ, xuất vô sở hửu xứ nhập diệt tận định, xuất diệt tận định nhập phi phi tưởng xứ, xuất phi phi tưởng xứ nhập diệt tận định nhập tán tâm ra tán tâm nhập diệt tận định, xuất diệt tận định lại nhập tán tâm, ra tán tâm nhập phi phi tưởng xứ, xuất phi phi tưởng xứ lại vào tán tâm, ra tán tâm nhập vô sỡ hữu xứ, xuất vô sở hữu xứ vào tán tâm, ra tán tâm nhập thức xứ, xuất thức xứ vào tán tâm, ra tán tâm nhập không xứ, xuất không xứ vào tán tâm, ra tán tâm nhập tứ thiền, xuất tứ thiền vào tán tâm, ra tán tâm nhập tam thiền, xuất tam thiền vào tán tâm, ra tán tâm nhập nhị thiền, xuất nhị thiền vào tán tâm, ra tán tâm nhập sơ thiền, xuất sơ thiền vào tán tâm. Bồ Tát này ở nơi siêu việt tam muội chứng được tướng bình đẳng của tất cả pháp. Đây là Bồ Tát an trụ Bát nhã ba la mật mà nắm lấy Thiền na ba la mật".

Thích nghĩa:

(1). Tương nhiếp: Bao hàm lẫn nhau, bao gồm lẫn nhau; nhiếp phục lẫn nhau; có chung với nhau, chia sẻ cùng nhau. ***Từ điển Phật học Anh Hán Việt, C. Muller soạn - Thích Nhuận Châu, Việt dịch.***

(2). Các loại thiền như Bát bội xả, Cửu thứ đệ định chúng tôi có giải thích sơ lược ở ***phần thứ I****, Tổng luận. Còn các thứ tam muội khác như Sư tử phấn tấn tam muội, Siêu việt tam muội thuộc phẩm "Dẫn Nhiếp", quyển 350, Kinh ĐBN có giải thích, nên không cần ghi lại.*

---o0o---

QUYỂN THỨ HAI MƯƠI BA

PHẨM ĐẠI PHƯƠNG TIỆN
THỨ SÁU MƯƠI CHÍN

(Phẩm nầy tương đương với phẩm "Đa Vấn Bất Nhị",
Q.351 đến hết Q.363, ĐBN)

Khi đó Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát đó thành tựu sức phương tiện như vậy, từ lúc phát tâm đến nay được bao lâu?".
Đức Phật phán dạy: "Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát đó thành tựu được sức phương tiện, từ lúc phát tâm đến nay **đã vô lượng vô số kiếp**".
- Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát đó thành tựu sức phương tiện như vậy là cúng dường bao nhiêu đức Phật?
- Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát đó thành tựu sức phương tiện như vậy cúng dường chư Phật **như số cát sông Hằng.**
- Bạch đức Thế Tôn! Bồ Tát được sức phương tiện như vậy là trồng thứ căn lành nào?
- Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát thành tựu sức phương tiện như vậy, từ lúc mới phát tâm đến nay đầy đủ cả Đàn na ba la mật, Thi la ba la mật, Sằn đề ba la mật, Tỳ lê gia ba la mật, Thiền na ba la mật và Bát nhã ba la mật.
- Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát thành tựu sức phương tiện như vậy thật là rất ít có.
- Này Tu Bồ Đề! Như mặt trời, mặt trăng đi quanh soi sáng bốn thiên hạ đem lại nhiều sự lợi ích.
Cũng vậy, Bát nhã ba la mật chiếu năm ba la mật kia đem nhiều sự lợi ích.
Này Tu Bồ Đề! Như Chuyển Luân Thánh Vương, do thành tựu **luân bửu**(1) nên được gọi là Chuyển Luân Thánh Vương.
Cũng vậy, năm ba la mật kia nếu rời Bát nhã ba la mật thì chẳng được tên Ba la mật. Nếu chẳng rời Bát nhã ba la mật thì năm ba la mật kia được tên Ba la mật.
Này Tu Bồ Đề! Như phụ nữ không chồng dễ bị xâm phạm.
Cũng vậy, nếu năm ba la mật kia xa lìa Bát nhã ba la mật thì ác ma, hoặc thiên ma phá hoại rất dễ dàng. Nếu năm ba la mật kia được Bát nhã ba la mật thì ma không ngăn phá được. Như phụ nữ có chồng thì khó bị xâm phạm.
Này Tu Bồ Đề! Như binh tướng trang bị giáp trượng đầy đủ thì lân quốc cường địch không xâm lăng được.
Cũng vậy, năm ba la mật kia chẳng xa lìa Bát nhã ba la mật thì ác ma hoặc thiên ma, hoặc kẻ tăng thượng mạn, hoặc Bồ Tát, Chiên Đà La không phá hoại được.
Này Tu Bồ Đề! Như các Tiểu Vương tùy thời về chầu Chuyển Luân Thánh Vương.
Cũng vậy, **năm ba la mật tùy thuận Bát nhã ba la mật**.
Này Tu Bồ Đề! Như các dòng nước chảy vào sông Hằng đổ vào biển cả.
Cũng vậy, năm ba la mật nhờ Bát nhã ba la mật thủ hộ theo đến nhứt thiết chủng trí.
Này Tu Bồ Đề! Như tay mặt của người làm việc tiện lợi, Bát nhã ba la mật cũng vậy.
Như tay trái của người làm việc chẳng tiện, năm ba la mật cũng vậy.
Này Tu Bồ Đề! Như các dòng nước hoặc lớn hoặc nhỏ đều chảy vào biển lớn.
Cũng vậy, năm ba la mật được Bát nhã ba la mật thủ hộ, theo Bát nhã ba la mật nhập nhứt thiết chủng trí được tên Ba la mật.

Này Tu Bồ Đề! Như bốn binh chủng của Chuyển Luân Thánh Vương, luân bửu dẫn đạo ở trước. Ý vua muốn dừng lại thì luân bửu liền dừng lại khiến bốn binh chủng đều được mãn nguyện mà luân bửu cũng chẳng rời khỏi vị trí của nó.

Cũng vậy, Bát nhã ba la mật dẫn đạo năm ba la mật đến nhứt thiết chủng trí, luôn ở trong đó chẳng rời khỏi chỗ.

Này Tu Bồ Đề! Như luân bửu dẫn đạo bốn binh chủng của Luân Vương.

Cũng vậy, **Bát nhã ba la mật dẫn đạo năm ba la mật đến nhứt thiết chủng trí.**

An trụ Bát nhã ba la mật cũng chẳng phân biệt rằng Bố thí ba la mật tùy tùng tôi, còn bốn ba la mật kia thì không tùy tùng. Bố thí ba la mật cũng chẳng phân biệt rằng tôi tùy tùng Bát nhã ba la mật, còn bốn ba la mật kia thì không tùy tùng. Các ba la mật kia cũng đều chẳng phân biệt như vậy.

Tại sao vậy?

Vì tánh của các ba la mật không chỗ năng vi tạo tác, tự tánh nó là không, là hư dối như huyễn ảo".

Khi đó Ngài Tu Bồ Đề thưa: **"Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp tự tánh không, thế nào đại Bồ Tát hành sáu ba la mật lại sẽ được Vô Thượng Bồ Đề?"**

- Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành sáu ba la mật nghĩ rằng tâm thế gian này đều điên đảo, nếu tôi không dùng sức phương tiện thì không thể độ chúng sanh thoát sanh tử. Vì chúng sanh mà tôi **hành Bố thí** ba la mật, Trì giới ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Tinh tấn ba la mật, Thiền na ba la mật và Bát nhã ba la mật.

Vì chúng sanh mà Bồ Tát xả thí vật sở hữu trong thân, ngoài thân. Lúc xả nghĩ rằng tôi không xả chi cả. Tại sao vậy? Vì những vật đó sẽ bại hoại.

Suy nghĩ như vậy, Bồ Tát có thể trọn vẹn được Bố thí ba la mật.

Vì chúng sanh mà Bồ Tát trọn **không phá giới**, nghĩ rằng: Tôi vì chúng sanh mà phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, nếu giết hại chúng sanh thì không phải. Nhẫn đến nghĩ rằng: Tôi vì chúng sanh mà phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, nếu tà kiến hay tham bực Thanh Văn, bực Bích Chi Phật thì không phải.

Suy nghĩ như vậy, Bồ Tát có thể trọn vẹn được Trì giới ba la mật.

Vì chúng sanh mà Bồ Tát chẳng sanh lòng sân hận dầu chỉ một niệm, nghĩ rằng tôi phải làm lợi ích cho chúng sanh, sao tôi lại sanh khởi sân hận.

Suy nghĩ như vậy, Bồ Tát có thể **trọn vẹn được Nhẫn nhục** ba la mật.

Vì chúng sanh nên từ lúc phát tâm đến lúc được Vô Thượng Bồ Đề, Bồ Tát không hề sanh lòng lười biếng.

Siêng cần như vậy, Bồ Tát có thể **trọn vẹn được Tinh tấn** ba la mật.

Vì chúng sanh nên từ lúc phát tâm đến lúc được Vô Thượng Bồ Đề, Bồ Tát không hề để tâm tán loạn.

Nhiếp tâm như vậy, Bồ Tát có thể **trọn vẹn được Thiền na** ba la mật.

Vì chúng sanh nên từ lúc phát tâm đến lúc được Vô Thượng Bồ Đề, Bồ Tát trọn **chẳng rời trí tuệ**. Vì ngoài trí tuệ không còn pháp nào để có thể độ thoát chúng sanh.

Tu trí tuệ như vậy, Bồ Tát có thể trọn vẹn được Bát nhã ba la mật.

- Bạch đức Thế Tôn! **Nếu các ba la mật không tướng sai biệt, tại sao ở trong năm ba la mật, Bát nhã ba la mật lại là vi diệu tối thượng đệ nhứt**?
- Đúng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Các ba la mật vẫn không sai biệt, nhưng nếu không Bát nhã ba la mật thì năm ba la mật kia không được tên Ba la mật. Do Bát nhã ba la mật mà năm ba la mật kia được tên Ba la mật.
Này Tu Bồ Đề! Như những loài chim nhiều màu sắc, đến kế bên núi Tu Di thì đều đồng một màu.
Năm ba la mật cũng vậy, do Bát nhã ba la mật đến trong nhứt thiết chủng trí chuyển thành một thứ không sai khác. Chẳng còn phân biệt là bố thí ba la mật, Trì giới ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Tinh tấn ba la mật, Thiền na ba la mật, Bát nhã ba la mật.
Tại sao vậy? **Vì các ba la mật không tự tánh, do đó mà các ba la mật không sai khác.**
- Bạch đức Thế Tôn! Nếu theo thật nghĩa không phân biệt, tại sao Bát nhã ba la mật ở trong năm ba la mật lại là vi diệu tối thượng?
- Đúng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Dầu trong thật nghĩa không phân biệt, nhưng **vì thế tục mà nói** là Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật.
Vì muốn độ chúng sanh thoát ly sanh tử, nhưng thật thì chúng sanh chẳng sanh, chẳng tử, chẳng khởi, chẳng thối.
Này Tu Bồ Đề! **Vì chúng sanh vô sở hữu nên phải biết tất cả pháp vô sở hữu. Do cớ đó mà Bát nhã ba la mật ở trong năm ba la mật là vi diệu tối tôn tối thượng.**
Này Tu Bồ Đề! Như ở Diêm Phù Đề trong hàng phụ nữ, thì ngọc nữ(2)là đệ nhứt tối thượng tối diệu.
Cũng vậy, ở trong năm ba la mật thì Bát nhã ba la mật là đệ nhứt tối thượng vi diệu.
- Bạch đức Thế Tôn! Do ý gì mà đức Phật nói Bát nhã ba la mật là tối thượng tối diệu?
- Này Tu Bồ Đề! Vì Bát nhã ba la mật này giữ lấy tất cả pháp lành đem đến trong nhứt thiết chủng trí, trụ mà chẳng trụ vậy.
- Này Tu Bồ Đề! Không. Bát nhã ba la mật không pháp lấy được, không pháp bỏ được. Tại sao? Vì tất cả pháp chẳng lấy, chẳng bỏ vậy.
- Bạch đức Thế Tôn! Nơi những pháp nào mà Bát nhã ba la mật chẳng lấy, chẳng bỏ?
- Này Tu Bồ Đề! **Bát nhã ba la mật nơi sắc chẳng lấy, chẳng bỏ, nơi thọ, tưởng, hành, thức chẳng lấy, chẳng bỏ. Nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề chẳng lấy, chẳng bỏ.**
- Bạch đức Thế Tôn! Tại sao chẳng lấy sắc nhẫn đến chẳng lấy Vô Thượng Bồ Đề?
- Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát chẳng nhớ nghĩ sắc nhẫn đến chẳng nhớ nghĩ Vô Thượng Bồ Đề, đó gọi là chẳng lấy sắc nhẫn đến chẳng lấy Vô Thượng Bồ Đề.
- Bạch đức Thế Tôn! Nếu chẳng nghĩ nhớ sắc nhẫn đến chẳng nghĩ nhớ Vô Thượng Bồ Đề, thì thế nào tăng ích được căn lành. Căn lành chẳng tăng ích thì thế nào trọn vẹn được các ba la mật. Các ba la mật nếu chẳng trọn vẹn thì làm sao được Vô Thượng Bồ Đề?
- Này Tu Bồ Đề! **Nếu Bồ Tát chẳng nghĩ nhớ sắc nhẫn đến chẳng nghĩ nhớ Vô Thượng Bồ Đề, chính lúc đó căn lành được tăng ích. Do căn lành tăng ích nên trọn vẹn các ba la mật. Do trọn vẹn các ba la mật nên được Vô Thượng Bồ Đề.**

Tại sao? Vì lúc chẳng nghĩ nhớ sắc nhẫn đến chẳng nghĩ nhớ Vô Thượng Bồ Đề thì chính là lúc được Vô Thượng Bồ Đề vậy.

- Bạch đức Thế Tôn! Tại sao lúc chẳng nghĩ nhớ sắc nhẫn đến chẳng nghĩ nhớ Vô Thượng Bồ Đề bèn được Vô Thượng Bồ Đề?

- Này Tu Bồ Đề! Vì **nhớ nghĩ nên tham trước** ba cõi: Dục, Sắc và Vô sắc. Vì chẳng nhớ nghĩ nên không tham trước. Thế nên đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật chẳng nên có chỗ tham trước.

- Bạch đức Thế Tôn! Hành Bát nhã ba la mật như vậy, đại Bồ Tát an trụ chỗ nào?

- Này Tu Bồ Đề! Hành như vậy, đại Bồ Tát **chẳng trụ nơi sắc, nhẫn đến chẳng trụ nhứt thiết chủng trí.**

- Bạch đức Thế Tôn! Do vì cớ gì mà đại Bồ Tát chẳng trụ trong nhứt thiết chủng trí?

- Này Tu Bồ Đề! Vì chẳng tham trước nên chẳng trụ. Tại sao? Vì Bồ Tát này chẳng thấy có pháp nào để trước được, trụ được. Như vậy, Bồ Tát dùng chẳng trước, chẳng trụ nơi pháp mà hành Bát nhã ba la mật.

- Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát nghĩ rằng hành được như vậy, tu được như vậy đó là hành Bát nhã ba la mật. Nay tôi hành Bát nhã ba la mật, tôi tu Bát nhã ba la mật. Nếu Bồ Tát **nắm lấy tướng như vậy thì chính là xa rời** Bát nhã ba la mật. Nếu xa rời Bát nhã ba la mật thì chính là xa rời Đàn na ba la mật đến nhứt thiết chủng trí.

Tại sao? **Vì Bát nhã ba la mật không chỗ trước, tự tánh không.**

Nếu Bồ Tát trước tướng như vậy thì thối nơi Bát nhã ba la mật. Nếu thối Bát nhã ba la mật thì thối Vô Thượng Bồ Đề, chẳng được thọ ký.

Nếu Bồ Tát lại nghĩ rằng trụ Bát nhã ba la mật này hay sanh Đàn na ba la mật nhẫn đến hay sanh đại bi. Nghĩ như vậy thì mất Bát nhã ba la mật. Mất Bát nhã ba la mật thì chẳng sanh được Đàn na ba la mật nhẫn đến chẳng sanh được đại bi.

Nếu Bồ Tát lại nghĩ rằng chư Phật vì biết các pháp không thọ, không thưởng nên được Vô Thượng Bồ Đề. Nếu Bồ Tát diễn thuyết khai thị dạy bảo như vậy thì mất Bát nhã ba la mật.

Tại sao? Vì đối với các pháp, chư Phật **không chỗ biết, không chỗ được, cũng không có pháp nói được** huống là có chỗ được. Không bao giờ có như vậy.

- Bạch đức Thế Tôn! Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật làm sao không bị lỗi lầm đó?

- Này Tu Bồ Đề! **Nếu đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật nghĩ rằng các pháp vô sở hữu, chẳng lấy được. Nếu pháp đã là vô sở hữu, không lấy được thì là vô sở đắc. Hành như vậy chính là hành Bát nhã ba la mật.**

Nếu **Bồ Tát chấp trước pháp vô sở hữu thì xa rời Bát nhã ba la mật**. Tại sao? Vì trong Bát nhã ba la mật không có pháp "chấp trước" vậy.

- Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật xa rời Bát nhã ba la mật chăng? Đàn na ba la mật xa rời Đàn na ba la mật chăng? Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí xa rời nhứt thiết chủng trí chăng?

Nếu như vậy thì làm sao Bồ Tát được Bát nhã ba la mật nhẫn đến được nhứt thiết chủng trí?

- Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát không quan niệm sắc: đây là sắc, là sắc gì? Nhẫn đến không quan niệm nhứt thiết chủng trí: đây là nhứt thiết chủng trí, nhứt thiết chủng trí gì? Như vậy là Bồ Tát đó hay sanh được Bát nhã ba la mật nhẫn đến hay sanh được nhứt thiết chủng trí.

Lại này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng quán sắc là thường hay vô thường, là khổ hay lạc, là ngã hay vô ngã, là không hay bất không, là ly hay phi ly.

Tại sao? Vì tự tánh chẳng sanh được tự tánh.

Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí cũng như vậy.

Nếu hành Bát nhã ba la mật mà quán sắc nhẫn đến quán nhứt thiết chủng trí như vậy, thì Bồ Tát hay sanh được Bát nhã ba la mật nhẫn đến hay sanh được nhứt thiết chủng trí.

Như Chuyển Luân Thánh Vương đến chốn nào thì bốn binh chủng đều tùy tùng.

Cũng vậy, Bát nhã ba la mật đến đâu thì năm ba la mật đều tùy tùng theo, đến an trụ trong nhứt thiết chủng trí.

Như giỏi đánh xe tứ mã chẳng lạc được bằng thẳng thì tùy ý đến chỗ muốn.

Cũng vậy, Bát nhã ba la mật ngồi trên năm Bát nhã ba la mật chẳng mất chánh đạo đến nhứt thiết chủng trí.

- Bạch đức Thế Tôn! **Gì là đạo, gì là phi đạo của đại Bồ Tát**?

- Này Tu Bồ Đề! Đạo Thanh Văn, đạo Bích Chi Phật chẳng phải là đạo của Bồ Tát. Đạo nhứt thiết trí là đạo của Bồ Tát. Đó gọi là đạo và phi đạo của đại Bồ Tát.

- Bạch đức Thế Tôn**! Chư đại Bồ Tát vì đại sự mà Bát nhã ba la mật phát khởi: đó là hiển thị, là đạo, là phi đạo.**

Này Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật vì độ vô lượng chúng sanh mà phát khởi, vì lợi ích vô số chúng sanh mà phát khởi.

Dầu làm sự lợi ích đó mà Bát nhã ba la mật chẳng thọ sắc, chẳng thọ, tưởng, hành, thức, cũng chẳng thọ bực Thanh Văn, Bích Chi Phật.

Này Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật là hướng đạo của chư đại Bồ Tát, chỉ bày Vô Thượng Bồ Đề, hay xa rời bực Thanh Văn, bực Bích Chi Phật mà an trụ nhứt thiết chủng trí. Vì Bát nhã ba la mật không sanh, không diệt, các pháp thường trụ vậy.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bát nhã ba la mật không sanh, không diệt, chư đại Bồ Tát lúc hành Bát nhã ba la mật sao lại phải bố thí, phải trì giới, phải nhẫn nhục, phải tinh tấn, phải thiền định? Sao lại phải tu trí huệ?

- Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát niệm nhứt thiết chủng trí phải bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ. Đại Bồ Tát đem công đức đó cùng chung với tất cả chúng sanh hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề. Hồ hướng như vậy thì trọn vẹn sáu ba la mật và tâm từ bi cùng các công đức.

Này Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát chẳng xa rời sáu ba la mật thì chẳng rời nhứt thiết chủng trí.

Thế nên đại Bồ Tát muốn được Vô Thượng Bồ Đề thì phải học, phải hành sáu ba la mật.

Đại Bồ Tát hành sáu ba la mật thì đầy đủ tất cả các căn lành, sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Thế nên đại Bồ Tát phải tập hành sáu ba la mật.

- Bạch đức Thế Tôn! **Đại Bồ Tát phải tập hành sáu ba la mật thế nào**?

- Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải quán như thế này:

Sắc chẳng hiệp, chẳng tan. Thọ, tưởng, hành và thức chẳng hiệp, chẳng tan. Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí chẳng hiệp, chẳng tan. Đây gọi là đại Bồ Tát tập hành sáu ba la mật.

Lại này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải suy nghĩ như vầy:

Tôi chẳng nên trụ trong sắc, tôi chẳng nên trụ trong thọ, tưởng, hành, thức. Nhẫn đến tôi chẳng nên trụ trong nhứt thiết chủng trí. Tại sao vậy? Vì sắc không chỗ trụ, vì thọ, tưởng, hành, thức không chỗ trụ. Nhẫn đến vì nhứt thiết chủng trí không chỗ trụ.

Đại Bồ Tát cùng pháp vô trụ tập hành sáu ba la mật thì sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Như có người muốn ăn trái am la, trái ba na bà thì phải gieo hột của nó, rồi tùy thời mà tưới bón vun vén, cây đó lần lần mọc lớn, đến thời tiết hòa hiệp thì có trái để được ăn.

Cũng vậy, đại Bồ Tát muốn được Vô Thượng Bồ Đề phải học sáu ba la mật: dùng bố thí để nhiếp lấy chúng sanh, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ để nhiếp thủ chúng sanh, độ chúng sanh thoát sanh tử. Đại Bồ Tát hành như vậy sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Thế nên, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát muốn chẳng theo lời người thì phải học Bát nhã ba la mật, muốn tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, muốn ngồi đạo tràng, muốn chuyển pháp luân thì phải học Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ Tát muốn ở nơi tất cả pháp được tự tại thì phải học Bát nhã ba la mật. Học Bát nhã ba la mật này thì được tự tại ở trong tất cả pháp.

Lại này Tu Bồ Đề! ở trong tất cả các pháp, Bát nhã ba la mật là tối đại. Như biển cả là tối đại trong muôn dòng sông. Thế nên người muốn cầu Thanh Văn, Bích Chi Phật và Bồ Tát đạo thì phải học Bát nhã ba la mật nhẫn đến nhứt thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Như nhà thiện xạ, tay cầm cung tên như ý thì chẳng sợ giặc thù.

Cũng vậy, đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật thì ma và thiên ma chẳng phá hoại được.

Thế nên đại Bồ Tát muốn được Vô Thượng Bồ Đề thì phải hành Bát nhã ba la mật.

Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật này được chư Phật mười phương hộ niệm.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào chư Phật mười phương hộ niệm cho đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật?

- Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành Đàn na ba la mật, chư Phật mười phương đều hộ niệm, lúc hành Thi la ba la mật, Sằn đề ba la mật, Tỳ lê gia ba la mật, Thiền na ba la mật, Bát nhã ba la mật thì chư Phật mười phương đều hộ niệm.

Hộ niệm thế nào?

Bố thí bất khả đắc, trì giới nhẫn đến nhứt thiết chủng trí bất khả đắc.

Đại Bồ Tát có thể chẳng được các pháp như vậy thì chư Phật đều hộ niệm đại Bồ Tát.

Lại này Tu Bồ Đề! Chư Phật chẳng vì sắc, chẳng vì thọ, tưởng, hành, thức mà niệm, nhẫn đến chẳng vì nhứt thiết chủng trí mà niệm.

- Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát chỗ học rất nhiều, thật ra không chỗ học.

- Đúng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Đại Bố Tát chỗ học rất nhiều, thật ra không chỗ học. Tại sao? Vì đại Bồ Tát chỗ học các pháp đều bất khả đắc.

- Bạch đức Thế Tôn! Chỗ thuyết pháp hoặc(giải) lược, hoặc(giảng) rộng của đức Phật. Ở trong các pháp đó, chư đại Bồ Tát muốn cầu Vô Thượng Bồ Đề, đối với sáu ba la mật hoặc lược, hoặc rộng phải thọ trì, đọc tụng, rồi suy gẫm chánh quán, vì tâm và tâm sở chẳng hiện hành vậy.

- Này Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Đại Bồ Tát học sáu ba la mật hoặc lược, hoặc rộng thì phải biết tướng lược, tướng rộng của tất cả pháp.

- Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát biết tướng lược, rộng của tất cả pháp thế nào?

- Này Tu Bồ Đề! Biết sắc **tướng như** biết thọ, tưởng, hành, thức tướng như, nhẫn đến biết nhứt thiết chủng trí tướng như. Đó là biết được tướng lược và rộng của tất cả pháp.
- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là tướng như của sắc, thế nào là tướng như của thọ, tưởng, hành, thức, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí?
- Này Tu Bồ Đề! **Sắc ấy như: không sanh, không diệt, không trụ, không dị, đây gọi là tướng của sắc. Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí như: không sanh, không diệt, không trụ, không dị, đây gọi là tướng như của Nhứt thiết chủng trí. Trong đây đại Bồ Tát cần phải học.**

Lại này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc biết **thật tế của các pháp**, đó là biết tướng lược và rộng của tất cả pháp.
- Bạch đức Thế Tôn! Những gì là thật tế của các pháp?
- Này Tu Bồ Đề! **Vô tế gọi là thật** tế. Bồ Tát học thật tế này thì biết tướng lược, rộng tất cả pháp.
Này Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát biết **pháp tánh của các pháp** thì biết được tướng lược, rộng của tất cả pháp.
- Bạch đức Thế Tôn! Những gì là **pháp tánh của các pháp**?
- Này Tu Bồ Đề! **Sắc tánh gọi là pháp tánh.**
Tánh đó không phần, không phi phần. Vì biết pháp tánh mà Bồ Tát biết tướng lược, rộng của tất cả pháp.
- Bạch đức Thế Tôn! Lại phải biết thế nào biết tướng lược, rộng của tất cả pháp?
- Này Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát biết tất cả pháp chẳng hiệp, chẳng tan.

- Bạch đức Thế Tôn! Những **pháp gì chẳng hiệp, chẳng tan**?
- Này Tu Bồ Đề! Sắc chẳng hiệp, chẳng tan. Thọ, tưởng, hành, thức chẳng hiệp, chẳng tan. Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí chẳng hiệp, chẳng tan. Hữu vi tánh, vô vi tánh chẳng hiệp, chẳng tan.
Tại sao? **Vì các pháp đó tự tánh không thì làm sao có hiệp có tan! Nếu các pháp đã là tự tánh không thì là phi pháp. Pháp cùng phi pháp chẳng hiệp, chẳng tan. Phải nên biết tướng lược, rộng của tất cả pháp như vậy.**
- Bạch đức Thế Tôn! Đó gọi là đại Bồ Tát **lược nhiếp** Bát nhã ba la mật.
Bạch đức Thế Tôn! Trong lược nhiếp Bát nhã ba la mật này, hàng Bồ Tát mới phát tâm cần phải học, nhẫn đến đại Bồ Tát bực thập địa cũng phải học.
Đại Bố Tát học lược nhiếp Bát nhã ba la mật này thì biết tướng lược, rộng của tất cả pháp.
Bạch đức Thế Tôn! Pháp môn này, bực đại Bồ Tát lợi căn có thể nhập được.
- Này Tu Bồ Đề! Bực Bồ Tát độn căn cũng nhập được pháp môn này. Bực Bồ Tát trung căn và Bồ Tát tán tâm(3) cũng nhập được môn này.
Pháp môn này không trở ngại.
Nếu đại Bồ Tát nhứt tâm học, đều nhập được pháp môn này.
Người giải đãi ít tinh tấn, vọng ức niệm loạn tâm thì chẳng nhập được. Người tinh tấn chẳng giải đãi, chánh ức niệm nhiếp tâm thì vào được.
Người muốn trụ bực bất thối chuyển, người muốn đến nhứt thiết chủng trí thì vào được.

Các Bồ Tát này phải học đúng như Bát nhã ba la mật đã nói, nhẫn đến phải học đúng như Đàn na ba la mật đã nói.

Đại Bồ Tát Này sẽ được nhứt thiết chủng trí.

Đại Bồ Tát này hành Bát nhã ba la mật, nếu có bao nhiêu ma sự vừa phát sanh thì liền diệt mất.

Vì thế nên đại Bồ Tát muốn có sức phương tiện thì phải hành Bát nhã ba la mật.

Nếu đại Bồ Tát hành, tập và tu Bát nhã ba la mật như vậy thì được hiện tại chư Phật trong vô lượng vô số thế giới hộ niệm.

Tại sao vậy? Vì trong Bát nhã ba la mật này xuất sanh chư Phật quá khứ, chư Phật vị lai và chư Phật hiện tại.

Thế nên đại Bồ Tát phải nghĩ rằng pháp của tam thế chư Phật được, tôi cũng sẽ được như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải tập Bát nhã ba la mật. Nếu tập Bát nhã ba la mật như vậy, thì màu được Vô Thượng Bồ Đề.

Do đó nên đại Bồ Tát thường chẳng được xa rời tâm nhứt thiết chủng trí.

Nếu đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật như vậy, nhẫn đến chừng khoảng khẩy ngón tay, được phước đức rất nhiều.

Nếu có người giáo hóa chúng sanh trong cõi Đại Thiên bố thí vô giá, dạy họ trì giới, thiền định, trí huệ, dạy học được giải thoát, giải thoát tri kiến, dạy họ được quả Tu Đà Hoàn đến quả Bích Chi Phật, vẫn chẳng bằng Bồ Tát **này tu Bát nhã ba la mật chừng khoảng khẩy móng tay**.

Tại sao? Vì trong Bát nhã ba la mật hay xuất sanh bố thí đến trí huệ, hay xuất sanh quả Tu Đà Hoàn đến quả Bích Chi Phật.

Chư Phật hiện tại mười phương đều từ trong Bát nhã ba la mật này mà xuất sanh.

Chư Phật quá khứ, chư Phật vị lai cũng đều từ trong Bát nhã ba la mật mà xuất sanh.

Lại này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát đúng tâm nhứt thiết chủng trí mà hành Bát nhã ba la mật, hoặc chừng khoảng khẩy ngón tay, hoặc nửa ngày hay một ngày, một tháng, trăm ngày, một năm, hoặc trăm năm, một kiếp, trăm kiếp, nhẫn đến hoặc vô lượng vô biên vô số kiếp. Bồ Tát đó tu Bát nhã ba la mật này được phước đức rất nhiều, hơn là dạy chúng sanh trong hằng sa thế giới ở mười phương bố thí, trì giới, thiền định, trí huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, được quả Tu Đà Hoàn đến quả Bích Chi Phật.

Tại sao? Vì chư Phật xuất sanh từ trong Bát nhã ba la mật tuyên thuyết bố thí đến giải thoát tri kiến, tuyên thuyết quả Tu Đà Hoàn đến quả Bích Chi Phật.

Nếu có đại Bồ Tát an trụ đúng như Bát nhã ba la mật đã nói, phải biết đó là bực Bồ Tát bất thối chuyển được chư Phật hộ niệm.

Sức phương tiện như vậy thành tựu, phải biết Bồ Tát đó gần gũi cúng dường vô lượng ngàn muôn ức chư Phật, trồng căn lành, theo sát các bực thiện tri thức, **từ lâu đã hành sáu ba la mật, từ lâu đã tu mười tám không, tứ niệm xứ đến bát thánh đạo, mười trí lực đến nhứt thiết chủng trí.** Phải biết đại Bồ Tát đó trụ bực Pháp Vương Tử(4), đầy đủ các hạnh nguyện, thường chẳng rời chư Phật, chẳng rời căn lành, từ một cõi Phật đến một cõi Phật. Phải biết Bồ Tát đó biện tài vô tận, đầy đủ đà la ni, thân sắc đầy đủ, thọ ký đầy đủ, vì chúng sanh mà thọ lấy thân. Phải biết Bồ Tát đó giỏi tự môn, giỏi biết phi tự môn. Khéo nơi nói, khéo nơi chẳng nói. Khéo nơi một lời, hai lời và nhiều lời. Khéo biết tướng nữ, tiếng nam. Khéo biết sắc nhẫn đến thức.

Khéo biết tánh thế gian, tánh Niết Bàn. Khéo biết các pháp tướng. Khéo biết tánh hữu vi, tướng vô vi, khéo biết pháp hữu, pháp vô. Khéo biết tự tánh, tha tánh. Khéo biết pháp hiệp, pháp tan. Khéo biết pháp tương ứng, pháp chẳng tương ứng. Khéo biết như và chẳng như. Khéo biết pháp tánh, pháp vị. Khéo biết duyên và không duyên. Khéo biết ấm nhập và giới. Khéo biết tứ đế, khéo biết mười hai nhơn duyên. Khéo biết tứ thiền, tứ vô lượng tâm và tứ vô sắc định. Khéo biết sáu ba la mật, tứ niệm xứ nhẫn đến nhứt thiết chủng trí. Khéo biết tánh hữu vi, tánh vô vi. Khéo biết tánh có, tánh không. Khéo biết quán sắc, quán thọ, tưởng, hành, thức, nhẫn đến quán nhứt thiết chủng trí. Khéo biết sắc sắc tướng không nhẫn đến Bồ Đề Bồ Đề tướng không. Khéo biết xả đạo và chẳng xả đạo. Khéo biết sanh và diệt. Khéo biết trụ và dị. Khéo biết dục, sân, si. Khéo biết chẳng dục, chẳng sân, chẳng si. Khéo biết kiến và bất kiến. Khéo biết tất cả kiến. Khéo biết danh, khéo biết sắc, khéo biết danh sắc, khéo biết nhơn duyên, thứ đệ duyên, duyên duyên, tăng thượng duyên. Khéo biết hành tướng, khéo biết khổ. Khéo biết tập, khéo biết diệt, khéo biết đạo. Khéo biết Ngạ quỷ và Ngạ quỷ thú. Khéo biết súc sanh và Súc sanh thú. Khéo biết Nhơn và Nhơn thú. Khéo biết Thiên và Thiên thú. Khéo biết Tu Đà Hoàn. Khéo biết Tư Đà Hàm, quả tư Đà Hàm và đạo Tư Đà Hàm. Khéo biết A Na Hàm, quả A Na Hàm và đạo A Na Hàm. Khéo biết A La Hán và đạo A La Hán. Khéo biết Bích Chi Phật. Khéo biết Phật, nhứt thiết chủng trí và đạo nhứt thiết chủng trí. Khéo biết các căn và đầy đủ các căn. **Khéo biết huệ, tật huệ, hữu lực huệ, lợi huệ, xuất huệ, đại huệ, quảng huệ, thâm huệ, đại huệ, vô đẳng huệ, thiệt huệ.** Khéo biết đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại. Khéo biết phương tiện. Khéo biết thuận chúng sanh. Khéo biết tâm, thân tâm. Khéo biết nghĩa. Khéo biết ngữ. Khéo biết phân biệt Tam thừa.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, sanh Bát nhã ba la mật, tu Bát nhã ba la mật được những lợi ích như vậy”.

Thích nghĩa:

(1). Luân bửu hay luân bảo(Phạm: Cakra-ratna. Pàli: Cakka-ratana): Bánh xe báu, 1 trong 7 thứ báu của vua Chuyển luân Thánh vương. Phẩm Chuyển luân Thánh vương trong kinh Khởi thế quyển 2 (Đại 1, 317 thượng), nói: Vua Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở châu Diêm phù (...) vào ngày trăng tròn, quần thần vây chung quanh vua, lúc ấy trước mặt vua, có bảo luân hốt nhiên xuất hiện, đầy đủ 1.000 nan hoa, tự nhiên thành tựu, không do thợ tạo tác. Bảo luân có 4 loại: Kim luân bảo (bánh xe bằng vàng), Ngân luân bảo (bánh xe bằng bạc), Đồng luân bảo (bằng đồng) và Thiết luân bảo (bằng sắt). Ngoài ra, giáo pháp của đức Phật nói ra có thể phá tan vô minh phiền não, các điều xấu ác và tà kiến của ngoại đạo, cho nên giáo pháp ấy được ví như bánh xe của Luân vương đánh dẹp quân địch ở 4 phương và khi đức Phật thuyết pháp gọi là Chuyển pháp luân. Bánh xe có 8 nan hoa hoặc 12 nan hoa, tượng trưng cho 8 chính đạo và 12 nhân duyên. Ngoài ra, trong các vị tôn của Mật giáo, cũng có vị dùng Kim luân làm danh hiệu. Lại như Nhất tự kim luân, Tối thắng Phật đính, Kim cương luân trì Kim cương bồ tát, Chuyển pháp luân bồ tát, v.v... đều dùng Kim luân làm hình Tam muội da. Còn như Chuẩn đề Phật mẫu, Như ý luân Quan âm, Đại tùy cầu bồ tát, v.v... đều cầm Kim luân. Lại nữa, trong 40 tay của bồ tát Thiên thủ Quan âm, thì tay cầm Kim luân được gọi là Kim luân thủ. (X. Tạp a hàm Q.27; kinh Đại thiện kiến vương trong Trung a hàm Q.14; kinh Chuyển luân vương trong Trung a hàm

Q.15; kinh Chuyển luân Thánh vương tu hành trong Trường a hàm Q.7; phẩm Chuyển luân Thánh vương trong Trường a hàm Q.18; kinh Tăng nhất a hàm Q.33, 48; phẩm Chuyển luân vương trong kinh Đại lâu thán Q.1; kinh Nhân vương hộ quốc bát nhã ba la mật; luận Câu xá Q.11, 12). Từ điển Phật Quang.

(2). Ngọc nữ hay tiên đồng ngọc nữ: Chỉ thanh niên nam nữ thanh tú, dễ thương, không bị dục nhiễm thế tục xâm phạm.

(3). Bồ tát lợi căn, trung căn, độn căn, định căn, bất định căn: ***Lợi căn****: Căn tánh bẩm sanh lanh lợi, bén nhại có thể chứng nhận lý đạo dễ dàng. Lợi căn còn gọi là thượng căn.* ***Trung căn*** *là căn tánh trung bình, không bén nhại so với thượng căn mà cũng không đần độn so với hạ căn.* ***Độn căn****:* ***Độn*** *có nghĩa là chậm chạp, trái lại,* ***lợi*** *có nghĩa lanh lẹ. Độn căn là căn tánh chậm chạp, chậm hiểu.* ***Định căn****: Định là lắng tâm yên tịnh, chuyên chú vào chánh pháp để hiểu rõ thật nghĩa của nó. Căn là gốc rễ, như rễ cây có tác dụng làm cho cây lớn mạnh. Định căn là cội nguồn của sự tập trung trí tuệ để tiến đến giác ngộ.* ***Bất định căn****, trái lại, tâm ý không an định, không có quyết định mạnh mẽ, khi như thế nầy, khi như thế khác.*

(4). Pháp Vương Tử: (Phạm: Kumàrabhùta. Hán âm: Cứu ma la phù đa, Cưu ma la phù. Hán dịch là Đồng chân). Con bậc Pháp vương, là tên khác của Bồ tát. Bồ tát là người kế thừa ngôi vị của Phật, Phật là Pháp vương, nên Bồ tát được gọi chung là Pháp vương tử. Sự quan hệ giữa Pháp vương Như lai và Bồ tát cũng giống như quan hệ giữa Quốc vương và Vương tử ở thế gian, vì thế gọi Bồ tát là Pháp vương tử. (X. kinh A di đà; phẩm Báo ân trong kinh Đại thừa bản sinh tâm địa quán Q.2; luận Đại trí độ Q.4, 32; Chú duy ma kinh Q.1). Từ điển Phật Quang.

---o0o---

PHẨM TAM HUỆ
THỨ BẢY MƯƠI
(Phẩm này tương đương với phần sau phẩm "Đa Vấn Bất Nhị", Q.360 đến hết Q.363, Kinh ĐBN).

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật thế nào? Sanh Bát nhã ba la mật thế nào? Tu Bát nhã ba la mật thế nào?".

Đức Phật phán dạy: "Này Tu Bồ Đề! Vì sắc tịch diệt, vì sắc không, vì sắc hư dối, vì sắc chẳng cứng chắc nên phải hành Bát nhã ba la mật.

Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Như lời ngươi hỏi, sanh Bát nhã ba la mật thế nào?

Vì như hư không sanh, nên sanh Bát nhã ba la mật.

Như lời ngươi hỏi, tu Bát nhã ba la mật thế nào?

Vì tu các pháp phá hoại, nên tu Bát nhã ba la mật".

- Bạch đức Thế Tôn! Hành Bát nhã ba la mật, sanh Bát nhã ba la mật, tu Bát nhã ba la mật phải bao nhiêu thời gian?

- Này Tu Bồ Đề! Từ lúc mới phát tâm đến lúc mời đạo tràng nên hành, nên sanh, nên tu Bát nhã ba la mật.

- Bạch đức Thế Tôn! Tâm niệm nào nên hành Bát nhã ba la mật?

- Này Tu Bồ Đề! Thường chẳng bỏ tâm nhứt thiết chủng trí, chẳng cho tâm niệm khác xen vào được, đó là hành Bát nhã ba la mật, là sanh Bát nhã ba la mật, là tu Bát nhã ba la mật. Nếu tâm và tâm sở chẳng hiện hành, đó là hành, là sanh, là tu Bát nhã ba la mật.

- Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát tu Bát nhã ba la mật sẽ được nhứt thiết chủng trí chăng?

- Này Tu Bồ Đề! Không.

- Bạch đức Thế Tôn! Chẳng tu Bát nhã ba la mật được nhứt thiết chủng trí chăng?

- Này Tu Bồ Đề! Không.

- Bạch đức Thế Tôn! Cũng tu, cũng chẳng tu được nhứt thiết chủng trí chăng?

- Này Tu Bồ Đề! Không.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu không như vậy thì làm thế nào sẽ được nhứt thiết chủng trí?

- Này Tu Bồ Đề! **Đại Bồ Tát được nhứt thiết chủng trí như như tướng.**

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là như như tướng?

- Này Tu Bồ Đề! Như thật tế.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là như thật tế?

- Này Tu Bồ Đề! Như pháp tánh.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là như pháp tánh.

- Này Tu Bồ Đề! Như ngã tánh, chúng sanh tánh, thọ mạng tánh.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là ngã tánh, chúng sanh tánh, thọ mạng tánh?

- Này Tu Bồ Đề! Theo ý ngươi thế nào? Pháp ngã, chúng sanh, thọ mạng có thể được chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Chẳng thể được.

- Này Tu Bồ Đề! Nếu ngã, chúng sanh, thọ mạng chẳng thể được thì sao lại nói là có ngã tánh, chúng sanh tánh, thọ mạng tánh.

Nếu trong Bát nhã ba la mật chẳng nói có tất cả pháp thì sẽ được nhứt thiết chủng trí.

- Bạch đức Thế Tôn! Chỉ Bát nhã ba la mật là chẳng thể nói, còn Thiền na ba la mật đến Đàn na ba la mật cũng chẳng thể nói chăng?

- Này Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật chẳng thể nói, Đàn na ba la mật đến tất cả pháp hoặc hữu vi, vô vi, hoặc Thanh Văn Pháp, Bích Chi Phật Pháp, Bồ Tát Pháp, Phật Pháp cũng đều chẳng thể nói.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp chẳng thể nói, sao lại nói là Địa ngục, là Ngạ quỷ, là Súc sanh, là Nhơn, là Thiên, là Tu Đà Hoàn, là Tư Đà Hàm, là A Na Hàm, là A La Hán, là Bích Chi Phật, là Bồ Tát, là chư Phật?

- Này Tu Bồ Đề! Theo ý ngươi thế nào? Danh tự của chúnh sanh thật có thể được chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không thể được.

- Này Tu Bồ Đề! Nếu chúng sanh đã là không thể được thì làm sao nói là có Địa ngục nhẫn đến chư Phật?

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành Bát nhã ba la mật phải nên học tất cả pháp không nói được.

- Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát lúc hành Bát nhã ba la mật phải học sắc, thọ, tưởng, hành, thức, nhẫn đến phải học nhứt thiết chủng trí.

- Này Tu Bồ Đề! **Lúc hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát phải học sắc chẳng tăng, chẳng giảm, nhẫn đến phải học nhứt thiết chủng trí chẳng tăng, chẳng giảm.**

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là sắc bất tăng, bất giảm học, nhẫn đến thế nào là nhứt thiết chủng trí bất tăng, bất giảm học?

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là bất sanh, bất diệt học?

- Này Tu Bồ Đề! **Vì chẳng khởi, chẳng tác các hành nghiệp, hoặc có hoặc không.**

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào gọi là chẳng khởi, chẳng tác các hành nghiệp hoặc có hoặc không?

- Này Tu Bồ Đề! **Vì quán các pháp tự tánh không.**

- Bạch đức Thế Tôn! Phải quán các pháp tự tánh không thế nào?

- Này Tu Bồ Đề! **Phải quán sắc sắc tướng không**. Phải quán thọ, tưởng, hành, thức, tướng không. Phải quán nhã nhãn tướng không. Nhẫn đến phải quán ý thức giới ý thức giới tướng không. Nhẫn đến phải quán vô pháp hữu pháp không vô pháp hữu pháp không tướng không. Phải quán tứ thiền tứ thiền tướng không. Nhẫn đến phải quán diệt thọ tưởng định diệt thọ tưởng định tướng không. Phải quán tứ niệm xứ tứ niệm xứ tướng không. Nhẫn đến phải quán Vô Thượng Bồ Đề tướng không.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát phải quán các pháp tự tướng không.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu sắc sắc tướng không, nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề, Vô Thượng Bồ Đề tướng không, thì đại Bồ Tát sao lại phải hành Bát nhã ba la mật?

- Này Tu Bồ Đề! **Chẳng hành, đó gọi là hành Bát nhã ba la mật.**

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào chẳng hành mà gọi là hành Bát nhã ba la mật?

- Này Tu Bồ Đề! Vì Bát nhã ba la mật bất khả đắc nên Bồ Tát bất khả đắc, hành cũng bất khả đắc, vì người hành, pháp hành, chỗ hành đều bất khả đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ Tát hành, chẳng hành Bát nhã ba la mật, vì tất cả các hí luận đều bất khả đắc vậy.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu chẳnh hành là đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, thì Bồ Tát mới phát tâm hành Bát nhã ba la mật thế nào?

- Này Tu Bồ Đề! Từ lúc mới phát tâm trở lại, Bồ Tát phải học pháp không vô sở đắc.

Vì Bồ Tát này dùng pháp vô sở đắc mà bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, nhẫn đến dùng pháp vô sở đắc tu nhứt thiết chủng trí.

- Bạch đức Thế Tôn! **Thế nào gọi là hữu sở đắc? Thế nào gọi là vô sở đắc?**

- Này Tu Bồ Đề! Những pháp có hai là có sở đắc. Không có hai là không sở đắc.

- Bạch đức Thế Tôn! Những gì có hai là có sở đắc? Những gì không hai là không sở đắc?

- Này Tu Bồ Đề! Nhãn và sắc là hai, nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề và Phật là hai. Đó gọi là hai.

- Bạch đức Thế Tôn! Từ trong hữu sở đắc mà không sở đắc, hay là từ trong vô sở đắc mà không sở đắc?

- Này Tu Bồ Đề! Chẳng từ trong hữu sở đắc mà không sở đắc, chẳng từ trong vô sở đắc mà không sở đắc.

Này Tu Bồ Đề! **Hữu sở đắc và vô sở đắc bình đẳng, đây gọi là không sở đắc.**

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát ở trong pháp hữu sở đắc và vô sở đắc bình đẳng cần phải học.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát học Bát nhã ba la mật như vậy thì gọi là người vô sở đắc, người không lầm lỗi.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật mà chẳng hành hữu sở đắc, chẳng hành vô sở đắc thì sao lại từ một bực lên một bực đến được nhứt thiết chủng trí?

- Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng ở trong hữu sở đắc để từ một bực lên một bực.

Tại sao vậy? Này Tu Bồ Đề! Vô sở đắc là tướng của Bát nhã ba la mật, vô sở đắc là tướng của Vô Thượng Bồ Đề, vô sở đắc cũng là tướng của người hành Bát nhã ba la mật.

Đại Bồ Tát phải hành Bát nhã ba la mật như vậy.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bát nhã ba la mật bất khả đắc, Vô Thượng Bồ Đề bất khả đắc, người hành Bát nhã ba la mật bất khả đắc, thì làm sao chư đại Bồ Tát phân biệt các pháp tướng: là sắc, là thọ, tưởng, hành, thức, nhẫn đến là Vô Thượng Bồ Đề?

- Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng thấy có sắc, nhẫn đến chẳng thấy có Vô Thượng Bồ Đề.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu lúc hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát chẳng thấy có sắc, nhẫn đến chẳng thấy có Vô Thượng Bồ Đề, làm sao đầy đủ được sáu ba la mật vào trong Bồ Tát vị. Vào xong, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh được nhứt thiết chủng trí. Được nhứt thiết chủng trí xong, chuyển pháp luân làm Phật sự độ chúng sanh thoát sanh tử.

- Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát chẳng vì sắc mà hành Bát nhã ba la mật, nhẫn đến chẳng vì Vô Thượng Bồ Đề mà hành Bát nhã ba la mật.

- Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát vì sự gì mà hành Bát nhã ba la mật?

- Này Tu Bồ Đề! Vì không chỗ làm mà đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật.

Tại sao vậy? **Vì tất cả pháp không chỗ làm, không chỗ tác, Bát nhã ba la mật cũng không chỗ làm, không chỗ tác, Vô Thượng Bồ Đề cũng không chỗ làm, không chỗ tác, đại Bồ Tát cũng không chỗ làm, không chỗ tác.**

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải hành Bát nhã ba la mật không chỗ làm, không chỗ tác.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp không chỗ làm, không chỗ tác thì chẳng nên phân biệt có ba thừa: Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa, Phật thừa.

- Này Tu Bồ Đề! Trong các pháp không chỗ làm, không chỗ tác thì không có phân biệt. Trong có chỗ làm, có chỗ tác thì có phân biệt.

Tại sao vậy? Vì phàm phu ngu nhơn chẳng nghe thánh pháp, chấp trước năm ấm: sắc, thọ, tưởng, hành và thức. Họ chấp trước Đàn na ba la mật nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề. Ngu nhơn này quan niệm có sắc và được sắc đó, nhẫn đến có Vô Thượng Bồ Đề và được Vô Thượng Bồ Đề đó.

Bồ Tát nghĩ rằng tôi sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, tôi sẽ độ chúng sanh thoát sanh tử.

Này Tu Bồ Đề! Ta dùng ngũ nhãn quan sát còn chẳng thấy có sắc nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề, huống là ngu nhơn không có con mắt mà muốn được Vô Thượng Bồ Đề độ chúng sanh thoát sanh tử.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu đức Phật dùng ngũ nhãn quan sát chẳng thấy kẻ được độ trong những chúng sanh bị sanh tử, tại sao ngày nay đức Thế Tôn được Vô Thượng Bồ Đề, phân biệt chúng sanh có ba tụ: chánh định, tà định và bất định.

- Này Tu Bồ Đề! Ta được Vô Thượng Bồ Đề, vốn chẳng thấy có chúng sanh ba tụ: chánh định, tà định, bất định.

Này Tu Bồ Đề! **Vì chúng sanh ở nơi không pháp mà tưởng có pháp. Để trừ sự hư vọng chấp trước pháp thế tục của họ nên ta nói có được, chớ chẳng phải là đệ nhứt nghĩa.**

- Bạch đức Thế Tôn! Chẳng phải ở nơi đệ nhứt nghĩa mà được Vô Thượng Bồ Đề ư?

- Này Tu Bồ Đề! Không.

- Bạch đức Thế Tôn! Ở nơi điên đảo mà được Vô Thượng Bồ Đề ư?

- Này Tu Bồ Đề! Không.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu chẳng ở nơi đệ nhứt nghĩa được Vô Thượng Bồ Đề cũng chẳng ở nơi điên đảo được Vô Thượng Bồ Đề; phải chăng là không có Thế Tôn được Vô Thượng Bồ Đề?

- Này Tu Bồ Đề! Không phải như vậy. Ta thật được Vô Thượng Bồ Đề không trụ nơi tướng hữu vi, nơi tướng vô vi.

Này Tu Bồ Đề! Như hóa nhơn của Phật biến hóa ra đó, chẳng trụ nơi tướng hữu vi, vô vi, mà hóa nhơn cũng có đến, đi, ngồi, đứng.

Này Tu Bồ Đề! Hóa nhơn đó hoặc hành sáu ba la mật, hành tứ thiền, tứ vô lượng tâm, hành vô sắc định, ngũ thần thông, hành tứ niệm xứ đến bát thánh đạo, nhập không tam muội, vô tướng tam muội, vô tác tam muội, hành nội không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không, hành bát bội xả, cửu thứ đệ định, hành mười trí lực, bốn vô úy, bốn vô ngại, đại từ đại bi, được Vô Thượng Bồ Đề, chuyển pháp luân. Hóa nhơn đó biến hóa vô lượng chúng sanh có ba tụ(1).

Này Tu Bồ Đề! Theo ý ngươi nghĩ thế nào? Hóa nhơn đó hành Đàn ba la mật nhẫn đến có ba tụ chúng sanh chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không.

- Này Tu Bồ Đề! Đức Phật cũng như vậy. Đức Phật biết các pháp như hóa. Như hóa nhơn độ chúng sanh. Không có chúng sanh thật để độ.

Như vậy, này Tu Bồ Đề**! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, hành như hóa nhơn hành vậy.**

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp đều như hóa, thì Phật cùng hóa nhơn có gì khác?

- Này Tu Bồ Đề! Phật cùng hóa nhơn không khác. Tại sao? Vì Phật hay làm sự việc; hóa nhơn cũng hay làm sự việc.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu không Phật, riêng hóa nhơn hay làm sự việc chăng?

- Này Tu Bồ Đề! Riêng hóa nhơn hay làm sự việc.

- Bạch đức Thế Tôn! Tại sao không Phật, hóa nhơn lại hay làm sự việc.

- Này Tu Bồ Đề! Như thuở quá khứ có Phật hiệu Tu Phiến Đa, vì muốn độ hàng Bồ Tát mà hiện hóa Phật, rồi tự diệt độ. Hóa Phật đó trụ thế nửa kiếp làm Phật sự, thọ ký cho chư Bồ Tát

xong rồi diệt độ. Tất cả chúng sanh thế gian đều cho là Phật thật diệt độ. Nhưng này Tu Bồ Đề! Hóa nhơn thật không sanh, không diệt.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, phải tin và biết rằng tất cả pháp như hóa.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu đức Phật cùng hóa nhơn do đức Phật biến hóa ra đó không sai khác nhau, thì làm sao khiến người bố thí thanh tịnh?

Như có người cúng dường đức Phật. Người này nhẫn đến lúc vô dư Niết Bàn được phước đức chẳng cùng tận.

Nếu như có người cúng dường hóa Phật, cũng được phước đức chẳng cùng tận như vậy chăng?

- Này Tu Bồ Đề! Đức Phật dùng thật tướng của các pháp mà làm phước điền cho Trời, Người và tất cả chúng sanh. Hóa Phật cũng dùng thật tướng của các pháp mà làm phước điền cho Trời, Người và tất cả chúng sanh.

Này Tu Bồ Đề! Để hóa Phật và gieo phước đức chỗ hóa Phật đó lại, nếu có thiện nam, thiện nữ **thành tâm cung kính niệm Phật**. Nhơn duyên căn lành này mãi đến giải thoát, phước đức của thiện nam, thiện nữ ấy vẫn chẳng cùng tận.

Để sự thành tâm cung kính niệm Phật đó lại, nếu có thiện nam, thiện nữ đem một bông hoa rãi trên hư không mà niệm Phật, người này mãi đến lúc giải thoát, phước đức đó chẳng cùng tận.

Để sự thành tâm cung kính niệm Phật đó lại, nếu có người chỉ một lần xưng Nam Mô Phật, người này mãi đến lúc giải thoát, phước đức ấy vẫn chẳng cùng tận.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Gieo căn lành trong phước điền Phật, được phước vô lượng.

Vì thế nên biết rằng đức Phật cùng hóa Phật không sai khác. Vì pháp tướng của các pháp không khác vậy.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải hành Bát nhã ba la mật, nhập trong thật tướng các pháp như vậy. Thật tướng các pháp như vậy. Thật tướng các pháp đó chẳng hư hoại, đó gọi là tướng Bát nhã ba la mật nhẫn đến là tướng Vô Thượng Bồ Đề chẳng hư hoại.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu thật tướng các pháp chẳng hư hoại, tại sao đức Phật lại hoại các pháp tướng mà dạy rằng đây là sắc, là thọ, tưởng, hành và thức, là nội pháp, là ngoại pháp, là thiện pháp, là bất thiện pháp, là hữu lậu, là vô lậu, là thế gian, là xuất thế gian, là hữu tránh pháp, là hữu vi pháp, là vô vi pháp v.v… Đức Thế Tôn! chừng không hoại các pháp tướng chăng?

- Này Tu Bồ Đề! Không. **Vì dùng tướng danh tự để chỉ bày các pháp** muốn cho chúng sanh được hiểu. Đức Phật chẳng hoại pháp tướng các pháp.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu vì dùng tướng danh tự để chúng sanh được hiểu mà nói các pháp.

Nếu các pháp không danh, không tướng thì làm sao dùng danh tướng hiển bày muốn chúng sanh được hiểu?

- Này Tu Bồ Đề! Theo pháp thế tục có danh tướng chớ thật thì không chỗ chấp trước.

Này Tu Bồ Đề! Như người phàm nghe nói khổ liền chấp danh lấy tướng. Còn chư Phật và các thánh đệ tử thì chẳng chấp danh lấy tướng. Này Tu Bồ Đề! Nếu danh chấp danh, tướng chấp tướng thì lẽ ra hư không cũng chấp hư không, vô tướng cũng chấp vô tướng, vô tác cũng chấp vô tác, thật tế cũng chấp thật tế, pháp tánh cũng chấp pháp tánh, vô vi tánh cũng chấp vô vi tánh.

Này Tu Bồ Đề! Tất cả pháp đó chỉ có danh tướng, pháp đó chẳng ở trong danh tướng.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát chỉ ở trong danh tướng phải hành Bát nhã ba la mật, trong danh tướng đó cũng chẳng nên chấp.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp hữu vi chỉ có danh tướng, thì đại Bồ Tát vì ai mà phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, thọ nhiều sự cần khổ? Lúc Bồ Tát hành đạo, Bồ Tát bố thí, trì giới, hành nhẫn nhục, siêng tinh tấn, nhập thiền định, tu trí huệ, hành tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, tứ niệm xứ đến bát thánh đạo, hành không, vô tướng, vô tác, hành mười trí lực đến đại từ đại bi?

- Này Tu Bồ Đề! Như lời Tu Bồ Đề vừa nói, nếu tất cả pháp hữu vi chỉ có danh tướng thì đại Bồ Tát vì ai mà hành Bồ Tát đạo?

Này Tu Bồ Đề! Nếu hữu vi pháp chỉ có danh tướng, bằng đồng danh tướng đó, danh tướng cũng không. Vì thế nên đại Bồ Tát hành Bồ Tát đạo được nhứt thiết chủng trí, chuyển pháp luân, dùng pháp ba thừa độ thoát chúng sanh.

Danh tướng đó cũng không sanh, không diệt, không trụ, không dị.

- Bạch đức Thế Tôn! Đức Thế Tôn nói nhứt thiết chủng trí?

- Này Tu Bồ Đề! Ta nói nhứt thiết chủng trí.

- Bạch đức Thế Tôn! **Đức Phật nói nhứt thiết trí, nói đạo chủng trí, nói nhứt thiết chủng trí. Ba trí đó khác nhau như thế nào?**

- Này Tu Bồ Đề! **Nhất thiết trí** là trí của tất cả Thanh Văn và Bích Chi Phật, Đạo chủng trí là trí của đại Bồ Tát, Nhất thiết chủng trí là trí của chư Phật.

- Bạch đức Thế Tôn! Duyên cớ gì mà nhứt thiết trí là trí của Thanh Văn và Bích Chi Phật?

- Này Tu Bồ Đề! Danh từ nhứt thiết là nói pháp nội pháp ngoại, là pháp mà hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật biết được mà chẳng dùng được, nhứt thiết đạo và nhứt thiết chủng trí.

- Bạch đức Thế Tôn! Duyên cớ gì mà **đạo chủng trí** là trí của chư đại Bồ Tát?

- Này Tu Bồ Đề? Nhứt thiết đạo, hoặc Thanh Văn đạo, Bích Chi Phật đạo, Bồ Tát đạo, đại Bồ Tát phải biết đầy đủ. Cũng phải dùng đạo này độ chúng sanh, cũng chẳng làm thật tế để chứng.

- Bạch đức Thế Tôn! Như lời đức Phật dạy: Đại Bồ Tát phải đầy đủ các đạo mà chẳng nên lấy đạo này làm thật tế để chứng. Tại sao vậy? Bạch đức Thế Tôn!

- Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát này chưa tịnh Phật độ, chưa thành tựu chúng sanh, lúc này chẳng nên chứng lấy thật tế.

- Bạch đức Thế Tôn! Bồ Tát trụ trong đạo nên chứng thật tế chăng?

- Này Tu Bồ Đề! Không.

- Bạch đức Thế Tôn! Trụ trong phi đạo có nên chứng thật tế chăng?

- Này Tu Bồ Đề! Không.

- Bạch đức Thế Tôn! Trụ trong chẳng phải đạo chẳng phải phi đạo có nên chứng thật tế chăng?

- Này Tu Bồ Đề! Không.

- Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát trụ chỗ nào nên chứng thật tế?

- Này Tu Bồ Đề! Theo ý ngươi thế nào? Người trụ trong đạo, vì chẳng thọ các pháp nên lậu tận tâm được giải thoát phải chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không.

- Này Tu Bồ Đề! Người trụ phi đạo mà lậu tận tâm được giải thoát chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không.

- Này Tu Bồ Đề! Người trụ trong chẳng phải đạo chẳng phải phi đạo mà lậu tận tâm giải thoát chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không. **Tôi không chỗ trụ, chẳng thọ các pháp, lậu tận tâm được giải thoát vậy.**

- Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát cũng như vậy, không chỗ trụ (mới)chứng thật tế.(Kinh ĐBN đoạn này nói rõ nghĩa hơn)

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là tướng **nhứt thiết chủng trí**?

- Này Tu Bồ Đề! Vì tướng duy nhất mà gọi là nhứt thiết chủng trí, đó là tất cả pháp tịch diệt tướng.

Lại những hành loại, tướng mạo, danh tự hiển bày ngôn thuyết, đức Phật đều biết đúng như thật, vì thế nên gọi là nhứt thiết chủng trí.

- Bạch đức Thế Tôn! Nhứt thiết trí, đạo chủng trí và nhứt thiết chủng trí, ba trí đó kiết sử đoạn có hết hẳn và còn thừa sai khác chăng?

- Này Tu Bồ Đề! Phiền não đoạn không sai khác. Tập khí phiền não, chư Phật đều đoạn hẳn tất cả, Thanh Văn và Bích Chi Phật chẳng đoạn hết hẳn.

- Bạch đức Thế Tôn! Những người đó chẳng được pháp vô vi có đoạn được phiền não chăng?

- Này Tu Bồ Đề! Không.

- Bạch đức Thế Tôn! Trong pháp vô vi có được sai khác chăng?

- Này Tu Bồ Đề! Không.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu trong pháp vô vi không thể được sai khác, cớ sao nói người này phiền não tập khí đoạn hẳn, người này chẳng đoạn hẳn?

- Này Tu Bồ Đề! Tập khí chẳng phải phiền não. Người Thanh Văn, Bích Chi Phật đó, thân và khẩu có những tướng dạng tương tợ dâm dục, sân khuể và ngu si mà kẻ phàm phu vì đó mắc phải tội, đó là tập khí của tam độc(2) vậy. Chư Phật không có như vậy.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu đạo không pháp, Niết Bàn cũng không pháp, tại sao lại phân biệt nói là Tu Đà Hoàn, là Tư Đà Hàm, là A Na Hàm, là A La Hán, là Bích Chi Phật, là Bồ Tát, là Phật?

- Này Tu Bồ Đề! Đó đều do vô vi pháp mà có phân biệt sai khác như vậy.

- Này Tu Bồ Đề! Do thế gian ngôn thuyết mà có sai biệt như vậy chớ chẳng phải là đệ nhứt nghĩa. Trong đệ nhứt nghĩa không có phân biệt ngôn thuyết. Tại sao? Vì trong đệ nhứt nghĩa không có ngôn thuyết. Vì kiết sử đoạn dứt mà nói hậu tế.

- Bạch đức Thế Tôn! Trong các pháp tự tướng không, tiền tế còn bất khả đắc, huống là nói có hậu tế(3).

- Này Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Trong các pháp tự tướng không còn chẳng có tiền tế, huống là có hậu tế.

Này Tu Bồ Đề! Vì chúng sanh chẳng biết các pháp tự tướng không nên nói là tiền tế, nói là hậu tế. Trong các pháp tự tướng không, tiền tế, hậu tế đều bất khả đắc.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải ở trong các pháp tự tướng không mà hành Bát nhã ba la mật.

Nếu đại Bồ Tát hành pháp tự tướng không, thì không chỗ chấp, hoặc nội pháp hoặc ngoại pháp, hoặc hữu vi pháp, hoặc vô vi pháp, hoặc Thanh Văn pháp, hoặc Độc giác pháp, hoặc Phật pháp.

- Bạch đức Thế Tôn! Thường nói Bát nhã ba la mật. Do nghĩa gì mà Bát nhã ba la mật gọi là Bát nhã ba la mật?

- Này Tu Bồ Đề! Được đệ nhứt nghĩa độ tất cả pháp đến bờ kia, do nghĩa trên đây mà gọi là Bát nhã ba la mật?

Lại này Tu Bồ Đề! Chư Phật, Bồ Tát, Bích Chi Phật và A La Hán dùng Bát nhã ba la mật này để đến bờ kia, do nghĩa này mà gọi là Bát nhã ba la mật.

Lại này Tu Bồ Đề! Phân biệt tính lường phá hoại tất pháp đến vi trần, trong đó chẳng được cứng chắc, do nghĩa này mà gọi là Bát nhã ba la mật.

Lại này Tu Bồ Đề! Các pháp như, pháp tánh và thật tế đều vào trong Bát nhã ba la mật, do nghĩa này mà gọi là Bát nhã ba la mật.

Lại này Tu Bồ Đề! **Bát nhã ba la mật này không có pháp hoặc hiệp hoặc tan, hoặc có sắc hoặc không sắc, hoặc thấy được hoặc chẳng thấy được, hoặc có đối hoặc không đối, hoặc hữu lậu hoặc vô lậu, hoặc hữu vi hoặc vô vi. Tại sao? Vì Bát nhã ba la mật này không sắc, không hình, không dối, một tướng duy nhứt, đó là vô tướng.**

Lại này Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật này hay sanh tất cả pháp, tất cả biện tài, tất cả chiếu minh.

Này Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật này, tất cả ma hoặc thiên ma, hoặc người cầu Thanh Văn, Bích Chi Phật, cùng các ngoại đạo, phạm chí, kẻ oán thù, người ác chẳng phá hoại được Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật.

Tại sao? Vì những hạng người đó, ở trong Bát nhã ba la mật đều bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải hành đúng nghĩa Bát nhã ba la mật như vậy.

Lại này Tu Bồ Đề! **Đại Bồ Tát muốn hành nghĩa Bát nhã ba la mật, phải hành nghĩa vô thường, nghĩa khổ, nghĩa không, nghĩa vô ngã. Cũng phải hành nghĩa khổ trí, nghĩa tập trí, nghĩa diệt trí, nghĩa đạo trí, nghĩa pháp trí, nghĩa tỉ trí, nghĩa thế trí, nghĩa tha tâm trí, nghĩa tận trí, nghĩa vô sanh trí, nghĩa như thật trí(4).**

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát vì nghĩa Bát nhã ba la mật mà phải hành Bát nhã ba la mật.

- Bạch đức Thế Tôn! Trong Bát nhã ba la mật sâu xa này, **nghĩa cùng phi nghĩa đều bất khả đắc**, tai sao đại Bồ Tát lại vì nghĩa Bát nhã ba la mật sâu xa mà hành Bát nhã ba la mật?

- Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát vì nghĩa Bát nhã ba la mật sâu xa nên nghĩ rằng: Tham dục là phi nghĩa, nghĩa như vậy chẳng nên hành, sân khuể và ngu si là phi nghĩa, nghĩa như vậy chẳng

nên hành, tất cả tà kiến là phi nghĩa, nghĩa như vậy chẳng nên hành. Tại sao? Vì tướng như của ba độc không có nghĩa, không có phi nghĩa, tướng như của tất cả tà kiến không có nghĩa, không có phi nghĩa.

Lại này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải nghĩa rằng: Sắc chẳng phải nghĩa, chẳng phải phi nghĩa, nhẫn đến thức chẳng phải nghĩa, chẳng phải phi nghĩa, Đàn na ba la mật nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề chẳng phải nghĩa, chẳng phải phi nghĩa. Tại sao vậy?

Này Tu Bồ Đề! Đức Phật lúc được Vô Thượng Bồ Đề không có phá để được, hoặc nghĩa hoặc phi nghĩa.

Này Tu Bồ Đề! Có Phật hay không Phật, các pháp, pháp tướng thường trụ không có nghĩa, không có phi nghĩa.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật phải rời nghĩa và phi nghĩa.

- Bạch đức Thế Tôn! Tại sao Bát nhã ba la mật chẳng phải nghĩa, chẳng phải phi nghĩa?

- Này Tu Bồ Đề! Tất cả pháp hữu vi không tướng vi tác, vì lẽ đó mà Bát nhã ba la mật chẳng phải nghĩa, chẳng phải phi nghĩa.

- Bạch đức Thế Tôn! Tất cả Thánh Hiền như Phật và đệ tử Phật đều lấy vô vi làm nghĩa, tại sao đức Phật nói Bát nhã ba la mật không có nghĩa và phi nghĩa?

- Này Tu Bồ Đề! Dầu tất cả Thánh Hiền đều lấy vô vi làm nghĩa, cũng chẳng vì thế mà tăng, cũng chẳng vì thế mà tổn.

- Này Tu Bồ Đề! Ví như hư không như, chẳng hay lợi ích cho chúng sanh, cũng chẳng làm tổn hại chúng sanh. Cũng vậy, Bát nhã ba la mật của Bồ Tát cũng không tăng, không tổn.

- Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát chẳng học vô vi Bát nhã ba la mật, được nhứt thiết chủng trí chăng?

- Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát học vô vi Bát nhã ba la mật này sẽ được nhứt thiết chủng trí, **vì chẳng lấy hai pháp** vậy.

- Bạch đức Thế Tôn! Chẳng hai pháp có thể được chẳng hai pháp chăng?

- Này Tu Bồ Đề! Không.

- Bạch đức Thế Tôn! Hai pháp có thể được chẳng hai pháp chăng?

- Này Tu Bồ Đề! Không.

- Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát không lấy hai pháp, không lấy chẳng hai pháp thì làm sao sẽ được nhứt thiết chủng trí?

- Này Tu Bồ Đề! **Không chỗ được tức là được. Bởi được này là không chỗ được".**

Thích nghĩa:

(1). Ba tụ: Ba nhóm chánh tánh định, tà tánh định và bất định.

(2). Tam độc: Tham, sân. si gọi là tam độc.

(3). Tiền tế: là quá khứ; Trung tế: là hiện tại; Hậu tế: là tương lai, gọi chung là tam tế.

(4). Các loại trí: Gồm có thập trí và như thật trí, tổng cộng là 11 trí. Thập trí: Chỉ cho 10 trí tùy theo tính chất hữu lậu hay vô lậu của chúng. Đã thích nghĩa rồi, đây chỉ lập lại. Đó là: 1. ***Thế tục trí*** *(Phạm:Saôvftì-jĩäna): Trí thường chấp vào các cảnh thế tục gọi chung là Hữu lậu tuệ. 2.* ***Pháp trí*** *(Phạm: Dharma-jĩäna): Trí vô lậu duyên theo lí Tứ đế ở cõi Dục, đoạn trừ các*

phiền não cõi Dục. 3. ***Loại trí*** *(Phạm:Anvaya-jïàna): Trí vô lậu theo Pháp trí mà phát sinh, duyên theo lí Tứ đế ở cõi Sắc, cõi Vô sắc và đoạn trừ phiền não của các cõi này. 4.* ***Khổ trí*** *(Phạm: Du#kha-jïàna). 5.* ***Tập trí*** *(Phạm: Samudaya-jïàna). 6.* ***Diệt trí*** *(Phạm:Nirodha-jïàna). 7.* ***Đạo trí*** *(Phạm:Màrga-jïàna). Bốn trí này theo thứ tự đoạn trừ phiền não của Tứ đế. 8.* ***Tha tâm trí*** *(Phạm: Para-cittajïàna): Trí biết rõ tâm, tâm sở hiện tại của cõi Dục, cõi Sắc và tâm, tâm sở vô lậu. 9.* ***Tận trí*** *(Phạm:Kwaya-jïàna): Trí tuệ của bậc Thánh ở giai vị Vô học, biết rõ rằng ta đã biết khổ, ta đã đoạn tập, ta đã chứng diệt, ta đã tu đạo, là trí vô lậu sinh cùng lúc với Đắc của lậu tận. 10.* ***Vô sinh trí*** *(Phạm: Anutpàdajïàna): Trí tuệ của bậc Thánh ở giai vị Vô học biết ta đã biết khổ, không còn gì để biết; ta đã đoạn tập, không còn gì để đoạn; ta đã chứng diệt, không còn gì để chứng; ta đã tu đạo, không còn gì để tu, là trí vô lậu sinh cùng lúc với Đắc của phi trạch diệt. Kinh Đại bát nhã quyển thứ 363 hay 489, ngoài 10 trí trên đây còn nêu thêm Như thuyết trí (MHBNBLM phẩm "Tam Huệ", quyển thứ 23 nói trên gọi Như thuyết trí là Như thật trí), cộng chung là 11 trí. Nếu trí lấy vô sở đắc làm phương tiện, biết tướng như thuyết của tất cả pháp, thì chính là Nhất thiết tướng trí của Như lai, gọi là Như thuyết trí. (Phật Quang tự điển).*

---o0o---

QUYỂN THỨ HAI MƯƠI BỐN

PHẨM ĐẠO THỌ
THỨ BẢY MƯƠI MỐT

(Phẩm này tương đương với phẩm "Nói Thật", cuối Q.363 đến đầu Q.364, ĐBN).

Ngài Tu Bồ Đề thưa: " Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật này rất sâu. Chư đại Bồ Tát chẳng thấy có chúng sanh mà vì chúng sanh cầu Vô Thượng Bồ Đề, đây là rất khó. Như người muốn trồng cây giữa hư không thì rất khó.

Bạch đức Thế Tôn! Cũng vậy, đại Bồ Tát vì chúng sanh mà cầu Vô Thượng Bồ Đề, chúng sanh cũng bất khả đắc".

Đức Phật phán dạy: "Đúng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Chỗ làm của chư đại Bồ Tát rất khó: vì chúng sinh mà cầu Vô Thượng Bồ Đề, cứu độ những chúng sanh điên đảo chấp ngô, chấp ngã.

Này Tu Bồ Đề! Như người trồng cây chẳng biết gốc, thân, cành, lá, bông, trái mà yêu quí vun bón xới tưới, cây lớn dần hoa, lá, trái, hột đều thành tựu mà được hưởng thọ.

Cũng vậy, chư đại Bồ Tát vì chúng sanh cầu Vô Thượng Bồ Đề, lần lần hành sáu ba la mật, được nhứt thiết chủng trí, thành tựu Phật thọ, đem hoa, lá, trái, hột lợi ích chúng sanh.

Này Tu Bồ Đề! Thế nào là **lá cây** lợi ích chúng sanh?

Chúng sanh nhờ nơi đại Bồ Tát mà được lìa khỏi ba ác đạo, đó là lợi ích.

Thế nào là **hoa** lợi ích chúng sanh?

Nhờ nơi đại Bồ Tát mà chúng sanh được sanh làm người dòng sang quý, được sanh cõi Trời Tứ Thiên Vương nhẫn đến cõi Trời Phi Phi Tưởng, đó là hoa lợi ích.

Thế nào là **quả** lợi ích chúng sanh?

Đại Bồ Tát đó được nhứt thiết chủng trí làm cho chúng sanh được quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến quả Phật, chúng sanh này lần lần dùng pháp ba thừa nhập vô dư Đại Niết Bàn, đó là quả lợi ích chúng sanh.

Đại Bồ Tát đó chẳng thấy có thật chúng sanh mà độ chúng sanh khiến lìa chấp ngã điên đảo. Đại Bồ Tát nghĩ rằng: Trong tất cả pháp không có chúng sanh, ta vì chúng sanh mà cầu nhứt thiết chủng trí, chúng sanh đó thật bất khả đắc.

- Bạch đức Thế Tôn! Phải biết rằng Bồ Tát đó như là Phật.

Tại sao vậy?

Vì do nơi Bồ Tát đó mà dứt tất cả mầm giống Địa ngục, Súc sanh, Ngạ quỷ, dứt tất cả mầm giống các nạn, bần cùng hạ tiện, dứt tất cả mầm giống cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc.

- Đúng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Phải biết rằng Bồ Tát đó như là Phật.

Này Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát chẳng phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề thì thế gian không có chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, thế gian cũng không có Bích Chi Phật, A La Hán, A Na Hàm, Tư Đà Hàm, Tu Đà Hoàn. Cũng không lúc nào dứt ba ác đạo và ba cõi.

Này Tu Bồ Đề! Đúng như lời người nói, đại Bồ Tát đó như là Phật.

Tại sao vậy? Vì **do như mà gọi là Như Lai**. Vì do như mà gọi là Bích Chi Phật, A La Hán và tất cả Hiền Thánh. Vì do như mà gọi là sắc, thọ, tưởng, hành và thức. Vì do như mà gọi là tất cả pháp nhẫn đến tánh hữu vi, tánh vô vi. Những như đó đều như thật không sai khác, vì thế mà gọi là như.

Chư đại Bồ Tát học như đó được nhứt thiết chủng trí, được gọi là Như Lai.

Do nhân duyên đó, do hành tướng đó mà nói rằng phải biết đại Bồ Tát như là Phật. Vì là **tướng như**.

Này Tu Bồ Đề! Thế nên đại Bồ Tát phải học như Bát nhã ba la mật.

Bồ Tát học như Bát nhã ba la mật thì có thể học tất cả pháp như. Học tất cả pháp như thì được đầy đủ tất cả pháp như. Được đầy đủ tất cả pháp như rồi thì trụ tất cả pháp như được tự tại. Trụ tất cả pháp như, được tự tại rồi thì khéo biết căn của tất cả chúng sanh. Khéo biết căn của tất cả chúng sanh rồi thì khéo biết căn cụ túc(1) của tất cả chúng sanh và khéo biết nghiệp nhơn duyên của tất cả chúng sanh.

Biết nghiệp nhơn duyên của tất cả chúng sanh rồi thì được nguyện trí đầy đủ.

Được nguyện trí đầy đủ rồi thì tam thế huệ thanh tịnh.

Tam thế huệ thanh tịnh rồi thì lợi ích tất cả chúng sanh.

Lợi ích tất cả chúng sanh rồi thì thanh tịnh Phật quốc độ.

Thanh tịnh Phật quốc độ rồi thì được nhứt thiết chủng trí.

Được nhứt thiết chủng trí rồi thì chuyển pháp luân.

Chuyển pháp luân rồi thì an lập chúng sanh nơi ba thừa khiến nhập vô dư y Niết Bàn.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát muốn được tất cả công đức lợi mình lợi người thì phải phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

- Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát có thể hành Bát nhã ba la mật sâu xa đúng như lời, tất cả thế gian, Trời, Người, A tu la phải nên đảnh lễ.

- Này Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Đại Bồ Tát có thể hành Bát nhã ba la mật sâu xa đúng như lời, tất cả thế gian, Trời, Người, A tu la phải nên đảnh lễ.

- Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát mới phát tâm vì chúng sanh mà cầu Vô Thượng Bồ Đề được bao nhiêu phước đức?

- Này Tu Bồ Đề! Nếu chúng sanh trong Tiểu Thiên quốc độ đều phát tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật, theo ý ngươi thế nào, phước của họ có nhiều chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều vô lượng.

- Này Tu Bồ Đề! Phước của họ sánh với phước của Bồ Tát mới phát tâm chẳng bằng phần trăm, phần ngàn, phần muôn ức, nhẫn đến toán số thí dụ cũng vẫn không bằng được.

Tại sao? Vì phát tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật đều do Bồ Tát mà ra. Còn Bồ Tát trọn không do Thanh Văn, Bích Chi Phật mà ra.

Đến Trung Thiên nhị thiên quốc độ và Đại Thiên tam thiên quốc độ so sánh cũng như vậy.

Và để chúng sanh trong Đại Thiên tam thiên quốc độ phát tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật lại. Cứ như chúng sanh trong Đại Thiên tam thiên quốc độ đều trụ bực Càn Huệ địa, bực Tánh địa, bực Bát Nhơn địa, bực Kiến địa, bực Bạc địa, bực Ly dục địa, bực Dĩ Biên địa, bực Bích Chi Phật địa(2), tất cả phước đức đó nếu muốn đem sánh với Bồ Tát mới phát tâm thì vẫn chẳng bằng phần trăm, phần ngàn, phần muôn ức, nhẫn đến toán số thí dụ đều chẳng bằng được.

Này Tu Bồ Đề! Chư đại Bồ Tát mới phát tâm trong Đại Thiên quốc độ chẳng bằng Bồ Tát nhập pháp vị. Chư đại Bồ Tát nhập pháp vị trong Đại Thiên quốc độ chẳng bằng Bồ Tát hướng Phật đạo. Chư Bồ Tát hướng Phật đạo trong Đại Thiên quốc độ chẳng bằng công đức của Phật, một phần trăm, phần ngàn, phần muôn ức, nhẫn đến toán số thí dụ đều chẳng bằng được.

- Bạch đức Thế Tôn! Bồ Tát mới phát tâm nên niệm nhớ những pháp gì?

- Này Tu Bồ Đề! Nên niệm nhớ nhứt thiết chủng trí.

- Bạch đức Thế Tôn! Những gì là nhứt thiết chủng trí? Những duyên gì, tăng thượng gì, hành loại gì, tướng mạo gì của nhứt thiết chủng trí?

- Này Tu Bồ Đề! Nhứt thiết chủng trí không chỗ có, không niệm, không sanh, không hiển thị.

Như Tu Bồ Đề hỏi những duyên, những tăng thượng, những hành, những tướng của nhứt thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! **Nhứt thiết chủng trí không có pháp, duyên niệm làm tăng thượng, tịch diệt làm hành, vô tướng làm hướng. Đó gọi là duyên, tăng thượng, hành và tướng của nhứt thiết chủng trí.**

- Bạch đức Thế Tôn! Chỉ có nhứt thiết chủng trí không pháp, hay là sắc, thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến hữu vi tướng, vô vi tướng cũng không pháp?

- Này Tu Bồ Đề! Sắc nhẫn đến hữu vi tướng, vô vi tướng cũng không pháp.

- Bạch đức Thế Tôn! Do nhơn duyên gì mà nhứt thiết chủng trí không pháp, sắc đến hữu vi tướng, vô vi tướng không pháp?

- Này Tu Bồ Đề! Vì nhứt thiết chủng trí tự tánh không, nếu pháp tự tánh không thì gọi là không pháp. Sắc nhẫn đến hữu vi tướng, vô vi tướng cũng như vậy.

- Bạch đức Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà các pháp tự tánh không?

- Này Tu Bồ Đề! **Các pháp hòa hiệp nhơn duyên sanh, trong pháp không tự tánh, nếu không tự tánh thì gọi là không pháp.**

(đoạn này nói nhiều về Không Tánh)

Vì thế nên đại Bồ Tát phải biết tất cả pháp không tánh. Tại sao vậy? Vì tất cả pháp tánh không vậy.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp không tánh, Bồ Tát mới phát tâm dùng sức phương tiện gì để có thể hành Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, để có thể hành tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, nội không đến vô pháp hữu pháp không, tứ niệm xứ đến bát thánh đạo, tam tam muội, bát bội xả, cửu thứ đệ định, Phật thập lực, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi, nhứt thiết chủng trí, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh?

- Này Tu Bồ Đề! **Đại Bồ Tát có thể học các pháp không tánh, cũng có thể tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, biết quốc độ và chúng sanh cũng không tánh, đó chính là sức phương tiện**.

- Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát đó hành sáu ba la mật tu học Phật đạo, nhẫn đến hành nhứt thiết chủng trí tu học Phật đạo, cũng biết Phật đạo không tánh. Đại Bồ Tát này hành sáu ba la mật tu học Phật đạo, nhẫn đến chưa thành tựu Phật thập lực, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi, nhứt thiết chủng trí, đó là tu học Phật đạo, khi đã đầy đủ Phật đạo nhơn duyên rồi, dùng một niệm tương ứng huệ được nhứt thiết chủng trí, đồng thời tất cả phiền não tập khí dứt hẳn, vì chẳng sanh vậy.

Bấy giờ dùng Phật nhãn nhìn xem Đại Thiên quốc độ, pháp không còn là bất khả đắc, huống là pháp có.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải hành không tánh Bát nhã ba la mật.

Này Tu Bồ Đề! Đây gọi là sức phương tiện của đại Bồ Tát, pháp không còn là bất khả đắc, huống là pháp có.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát này lúc bố thí: bố thí, người thọ và Bồ Tát tâm, pháp không còn chẳng biết được, huống là pháp có. Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí: người được, pháp được và chỗ được, pháp không còn chẳng biết được, huống là pháp có.

Tại sao? Vì **tất cả pháp bổn tánh như vậy. Chẳng phải do Phật làm, chẳng phải do Thanh Văn, Bích Chi Phật hay người khác làm. Vì tất cả pháp không có tác giả.**

- Bạch đức Thế Tôn! Các pháp tánh các pháp ly chăng?

- Đúng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Các pháp tánh các pháp ly.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp tánh các pháp ly, thì làm sao pháp ly lại biết được pháp ly, hoặc là có hoặc là không?

Tại sao? Vì pháp không chẳng biết được pháp không, pháp có chẳng biết được pháp có, pháp không chẳng biết được pháp có, pháp có chẳng biết được pháp không.

Bạch đức Thế Tôn! Như vậy thì tất cả các pháp không có tướng, tại sao đại Bồ Tát lại phân biệt pháp đó là có hay không?

- Này Tu Bồ Đề! Do nơi thế tục đế mà đại Bồ Tát vì chúng sanh nói hoặc có hoặc không, chớ chẳng phải là đệ nhứt nghĩa đế.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế tục đế(3) cùng đệ nhứt nghĩa đế(4) khác nhau chăng?

- Này Tu Bồ Đề! Thế đế cùng đệ nhứt nghĩa đế không khác. Tại sao? Vì thế đế như tức là đệ nhứt nghĩa như. Bởi chúng sanh chẳng thấy, chẳng biết như này nên đại Bồ Tát dùng thế đế dạy chúng sanh mà nói hoặc có hoặc không.

(các pháp không tánh tự tánh thì mới hiển thị cái như thị của chúng, các pháp như thế là như thế, như vậy là như vậy, lúc nào cũng như, chẳng lúc nào chẳng như)

Lại này Tu Bồ Đề! Vì chúng sanh đối trong năm ấm có chấp lấy tướng mà chẳng biết là vô sở hữu. Vì dạy chúng sanh đó mà đại Bồ Tát nói hoặc có hoặc không, khiến chúng sanh biết vô sở hữu.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải nên hành Bát nhã ba la mật như vậy".

Thích nghĩa:

(1). Cụ túc: Tròn đầy, nói đủ là cụ bị mãn túc.

*(2). Các trụ địa này được thích nghĩa nhiều lần, tuy nhiên cũng xin nhắc lại để quí vị đọc giả dể nhớ. Thập địa được nói ở đây là thập địa chỉ chung cho Tam thừa, khác với thập địa Bồ tát. Thập địa Tam thừa thuộc Thông giáo gồm: Càn Huệ địa, Tánh địa, Bát Nhơn địa, Kiến địa, Bạc địa, Ly dục địa, Dĩ Biên địa, Bích Chi Phật địa, Bồ tát địa và Phật địa. Còn Bồ tát thập địa có mười giai vị là: Hoan hỉ địa, Li cấu địa, Phát quang địa, Diệm huệ địa, Cực nan thắng địa, Hiện tiền địa, Viễn hành địa, Bất động địa, Thiện huệ địa và Pháp vân địa. (X. thích nghĩa trong **phần thứ I**, Tổng luận)*

(3) và (4). Thế tục đế: Chân lí tương đối. Thực tại được nhìn từ tâm phân biệt của chúng sanh: Thành hoại, đoạn thường, sanh diệt…. Đệ nhất nghĩa đế: Chân lý tuyệt đối. Thực tại chân thực, ngược với mọi chân lý tương đối: Không thành không hoại, bất đoạn bất thường, vô sanh vô diệt…(Xem lại thích nghĩa phẩm "Tam Huệ", quyển thứ 23, Kinh MHBNBLM trên).

---o0o---

PHẨM BỒ TÁT HẠNH
THỨ BẢY MƯƠI HAI

(ĐBN chỉ có một phẩm tên "Xảo Tiện Hành", nằm trong hai quyển, Q.365 và Q.366. Phẩm "Xảo Tiện Hành" của kinh ĐBN gồm hai phẩm là phẩm "Bồ Tát Hạnh" và phẩm "Chủng Thiện Căn"của Kinh MHBNBLM. Phẩm "Bồ Tát Hạnh" này tương đương phần đầu Q.365 cho tới phần đầu Q.366, ĐBN).

Ngài Tu Bồ Đề thưa: " Bạch đức Thế Tôn! Đức Thế Tôn nói Bồ Tát hạnh. Những gì là Bồ Tát hạnh?".

Đức Phật phán dạy: "Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát hạnh là vì Vô Thượng Bồ Đề mà thật hành, đây gọi là Bồ Tát hạnh".

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát vì Vô Thượng Bồ Đề mà thật hành, đây gọi là Bồ Tát hạnh".

- Này Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát **hành sắc không**, hành, thọ, tưởng, hành, thức không, hành nhãn không đến ý, hành sắc không đến pháp, hành nhãn giới không đến ý thức giới, hành Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, hành nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhứt nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô thỉ không, tán không, chư pháp không, tánh không, tự tướng không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không, hành sơ thiền đến tứ thiền, hành từ bi hỷ xả, hành hư không vô biên xứ đến phi tưởng phi phi tưởng xứ, hành tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác phần, bát thánh đạo phần, hành không tam muội, vô tác tam muội, hành bát bội xả, hành cửu thứ đệ định, hành Phật thập lực, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, hành mười tám pháp bất cộng, hành đại từ đại bi, hành tịnh Phật quốc độ, hành thành tựu chúng sanh, hành các thứ biện tài, hành văn tự, hành không văn tự, hành các môn đà la ni, hành tánh hữu vi, hành tánh vô vi, tất cả hành đều như Vô Thượng Bồ Đề duy nhứt, chẳng hành có hai sai khác.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật gọi là Vô Thượng Bồ Đề hạnh, đây là Bồ Tát hạnh.

- Bạch đức Thế Tôn! Đức Thế Tôn nói Phật. Có nghĩa gì mà gọi là Phật?

- Này Tu Bồ Đề! Biết thật nghĩa của các pháp nên gọi là Phật.

Được thật tướng của các pháp nên gọi là Phật.

Thông đại thật nghĩa nên gọi là Phật.

Biết tất cả các pháp đúng như thật nên gọi là Phật.

- Bạch đức Thế Tôn! Có nghĩa gì mà gọi là Bồ Đề?

- Này Tu Bồ Đề! **Nghĩa không là nghĩa Bồ Đề. Nghĩa như, nghĩa pháp tánh, nghĩa thật tế** là nghĩa Bồ Đề.

Lại này Tu Bồ Đề! Danh tướng ngôn thuyết là nghĩa Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Thật nghĩa của Bồ Đề chẳng hoại được, chẳng phân biệt được, đó là nghĩa Bồ Đề.

Lại này Tu Bồ Đề! Thật tướng của các pháp chẳng hư dối, chẳng dị biệt là nghĩa Bồ Đề. Vì thế nên gọi là Bồ Đề.

Lại này Tu Bồ Đề! Bồ Đề đó là sở hữu của chư Phật nên gọi là Bồ Đề.

Lại này Tu Bồ Đề! Chư Phật Chánh Biến Tri nên gọi là Bồ Đề.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát vì Bồ Đề đó mà hành sáu ba la mật nhẫn đến hành nhứt thiết chủng trí, đối với các pháp, gọi là đắc, là thất, là tăng, là giảm, là sanh, là diệt, là cấu, là tịnh?

- Này Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát vì Bồ Đề mà hành sáu ba la mật nhẫn đến hành nhứt thiết chủng trí, đối với các pháp không được, không mất, không thêm, không bớt, không sanh, không diệt, không nhơ, không sạch.

Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, chẳng vì được, mất, thêm, bớt, sanh, diệt, nhơ, sạch mà phát xuất.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật chẳng vì được, mất, thêm, bớt, sanh, diệt, nhơ, sạch mà phát xuất, thì đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật làm sao có thể lấy được Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, làm sao hành nội không đến vô pháp hữu pháp không,

làm sao hành tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, làm sao hành tứ niệm xứ đến bát thánh đạo, làm sao hành không, vô tướng, vô tác giải thoát môn, làm sao hành Phật thập lực, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi, làm sao hành Bồ Tát thập địa, làm sao hơn bực Thanh Văn, bực Bích Chi Phật, nhập trong Bồ Tát vị?

- Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát vì **chẳng lấy hai pháp(1)** mà hành sáu ba la mật nhẫn đến vì chẳng lấy hai pháp mà hành nhứt thiết chủng trí.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát vì chẳng lấy hai pháp mà hành sáu ba la mật, nhẫn đến vì chẳng lấy hai pháp mà hành nhứt thiết chủng trí, thì Bồ Tát từ lúc mới phát tâm đến tối hậu tâm làm sao thêm lớn căn lành?

- Này Tu Bồ Đề! Nếu lấy hai pháp mà hành thì căn lành chẳng thêm lớn được.

Tại sao? Vì tất cả phàm phu đều nương hai pháp mà chẳng thêm lớn được căn lành. Đại Bồ Tát chẳng lấy hai pháp mà hành nên từ sơ tâm đến hậu tâm, căn lành được thêm lớn. Vì thế nên tất cả thế gian, Trời, Người, A tu la đều không thể phục, không thể hoại được căn lành của đại Bồ Tát để làm cho sa vào bực Thanh Văn, bực Bích Chi Phật và các pháp ác bất thiện, đều không thể chế ngự đại Bồ Tát khiến chẳng thể hành sáu ba la mật để thêm lớn căn lành.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải như vậy mà hành Bát nhã ba la mật.

- Bạch đức Thế Tôn! Có phải đại Bồ Tát vì căn lành mà hành Bát nhã ba la mật?

- Này Tu Bồ Đề! Không phải vì căn lành, cũng chẳng phải chẳng vì căn lành, và cũng chẳng phải vì chẳng phải căn lành mà đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật.

Tại sao vậy?

Này Tu Bồ Đề! Theo pháp đại Bồ Tát, chưa cúng dường chư Phật, chưa đầy đủ căn lành, chưa được chơn thiệt tri thức, thì chẳng có thể được nhứt thiết chủng trí.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát cúng dường chư Phật, đầy đủ căn lành, được chơn thiện tri thức có thể được nhứt thiết chủng trí?

- Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát từ lúc mới phát tâm cúng dường chư Phật, mười hai bộ kinh của chư Phật tuyên nói: tu đa la nhẫn đến luận nghị, đại Bồ Tát đó nghe, thọ trì, tụng thuộc, suy gẫm, thấu rõ. Vì thấu rõ nên được đà la ni. Vì được đà la ni nên phát khởi vô ngại trí. Vì phát khởi vô ngại trí nên sanh về đâu, nhẫn đến khi được nhứt thiết trí trọn chẳng quên mất. Đại Bồ Tát cũng ở chỗ chư Phật trồng căn lành. Do thiện căn đó hộ trì mà trọn chẳng sa vào ác đạo(2) các nạn(3). Do nhờ thiện căn đó mà được thâm tâm thanh tịnh. Vì được thâm tâm thanh tịnh nên có thể tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh. Nhờ thiện căn đó gia hộ nên luôn chẳng xa rời thiện tri thức, đó là chư Phật, chư đại Bồ Tát và chư Thanh Văn hay tán thánh Phật Pháp Tăng.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải cúng dường chư Phật, trồng căn lành, gần gũi chơn thiện tri thức".

Thích nghĩa:

(1). Chẳng hai pháp là Bất nhị pháp(Không hai). Cũng gọi Vô nhị, Ly lưỡng biên (lìa hai bên). Đối với hết thảy hiện tượng không phân biệt, hoặc vượt lên các thứ phân biệt. Cứ theo Đại thừa nghĩa chương quyển 1 nói, thì lí Nhất thực màu nhiệm, vắng lặng, lìa các tướng, như bình đẳng, không đây, không kia, cho nên gọi là Bất nhị. Cũng gọi Chân như, pháp tính. Nhưng đặc

biệt được xem trọng về phương diện nhận thức luận và phương pháp luận. Như Trung luận v.v... đã tổng kết tư tưởng Bát nhã, dùng Bát bất: bất sinh, bất diệt v.v... để biểu hiện rõ bản chất của pháp tính tạo thành nhận thức Phật giáo không dính mắc thiên kiến, khế hợp pháp tính: gọi là Trung đạo quán. (Phật Quang từ điển).

Pháp môn Bất nhị được Kinh "Duyên ma cật sở thuyết" xiển dương nhiều nhất, chúng tôi đã thích nghĩa nhiều lần, xin xem lại phần trên.

(2). Ác đạo là đường ác: Người hành các pháp ác bất thiện gây tổn hại cho sinh mạng, tài sản, phẩm hạnh... của người khác, tức tạo nghiệp thì phải bị quả báo, nghĩa là khi chết sẽ bị đọa vào đường ác. Đó là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A tu la.

(3). Các nạn ý muốn nói đến bát nạn. Đó là: 1. Địa ngục; 2. Ngạ quỷ; 3. Súc sinh; 4. Trường thọ thiên : thọ mệnh cao cũng là một chướng ngại(hay nạn) làm cho chúng sanh quên những nỗi khổ của sinh lão bệnh tử trong Luân hồi mà không chịu tu hành; 5. Biên địa là những vùng xa xôi, không thuận tiện cho việc tu học chánh pháp; 6. Căn khuyết tật: như đui, mù, câm điếc, ngọng nghịu; 7. Tà kiến: những kiến chấp sai lệch; 8. Như Lai bất xuất sinh: nghĩa là sinh sống trong thời gian không có Phật xuất hiện. Đó là tám nạn làm chướng ngại cho việc tu học để được giải thoát. (Đã thích nghĩa rồi, đây chỉ lập lại để nhớ thêm).

---o0o---

PHẨM CHỦNG THIỆN CĂN(1)
THỨ BẢY MƯƠI BA

(Như đã nói, phẩm "Xảo Tiện Hành", Q.365 và Q.366 của ĐBN gồm hai phẩm "Bồ Tát Hạnh" và phẩm "Chủng Thiện Căn" trong Kinh MHBNBLM. Phẩm "Chủng Thiện Căn" này của MHBNBLM tương đương với phần sau của Q.366 của Kinh ĐBN).

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát chẳng cúng dường chư Phật, chẳng đầy đủ căn lành, chẳng được chơn thiện tri thức, sẽ được nhứt thiết chủng trí chăng?".

Đức Phật phán dạy: "Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát cúng dường chư Phật, trồng căn lành, được chơn thiện tri thức còn khó được nhứt thiết chủng trí, huống là không cúng dường Phật, chẳng trồng căn lành, chẳng được chơn thiện tri thức".

- Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát cúng dường chư Phật, trồng căn lành, được chơn thiện tri thức tại sao lại khó được nhứt thiết chủng trí?

- Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát đó xa rời sức phương tiện, chẳng theo chư Phật nghe sức phương tiện, chỗ trồng căn lành chẳng đầy đủ, chẳng thường theo sự chỉ dạy của chơn thiện tri thức.

- Bạch đức Thế Tôn! Những gì là sức phương tiện mà đại Bồ Tát hành theo đó để được nhứt thiết chủng trí?

- Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát từ lúc mới phát tâm **hành Đàn na ba la mật**, đúng theo tâm nhứt thiết trí mà bố thí cho Phật hoặc Bích Chi Phật hoặc Thanh Văn, hoặc cho Nhơn hay Phi Nhơn. Đại Bồ Tát đó lúc ấy chẳng sanh tưởng niệm bố thí, chẳng sanh tưởng niệm người lãnh thọ. Tại sao? Vì quán tất cả pháp tự tướng không, không sanh, không tướng, nhứt định, không

chỗ chuyển mà nhập vào thiệt tướng các pháp, đó là tướng vô tác, vô khởi của tất cả pháp. Đại Bồ Tát đó dùng sức phương tiện này làm cho thiện căn thêm lớn. Vì thiện căn thêm lớn mà hành Đàn na ba la mật, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, bố thí chẳng hưởng thọ quả báo thế gian. Đại Bồ Tát đó chỉ vì muốn cứu độ tất cả chúng sanh mà hành Đàn na ba la mật.

Lại này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát từ lúc mới phát tâm **hành Thi la ba la mật**, đúng theo tâm nhứt thiết chủng trí mà trì giới, chẳng sa vào trong dâm nộ si, cũng chẳng sa vào trong sự phiền trược của phiền não, và những pháp phá đạo bất thiện như xan tham, phá giới, sân khuể, giải đãi, loạn ý, ngu si, mạn, đại mạn, mạn mạn, ngã mạn, tăng thượng mạn, bất như mạn, tà mạn, hoặc có tâm Thanh Văn, hoặc có tâm Bích Chi Phật.

Tại sao vậy? Vì đại Bố Tát đó quán tất cả pháp tự tướng không, không sanh, không tướng nhứt định, không chỗ chuyển mà nhập vàp thiệt tướng các pháp, đó là tướng vô tác, vô khởi của các pháp. Vì đại Bồ Tát đó thành tựu sức phương tiện này nên căn lành Thi la ba la mật tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, trì giới chẳng tưởng thọ quả báo thế gian, chỉ vì muốn cứu độ tất cả chúng sanh mà hành Thi la ba la mật.

Lại này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát từ lúc mới phát tâm **hành Sằn đề ba la mật**, đúng theo tâm nhứt thiết trí, vì sức phương tiện thành tựu nên hành kiến đế đạo và tư duy đạo, nhưng chẳng lấy quả Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán. Tại sao? Vì đại Bồ Tát đó biết các pháp tự tướng không, không sanh, không tướng nhứt định, không chỗ chuyển. Đại Bồ Tát đó dầu hành các pháp trợ đạo mà hơn bực Thanh Văn, Bích Chi Phật. Đây gọi là đại Bồ Tát vô sanh pháp nhẫn.

Lại này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát từ lúc mới phát tâm **hành Tỳ lê gia ba la mật**, nhập sơ thiền đến tứ thiền, nhập tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định. Dầu xuất nhập các thiền mà chẳng thọ quả báo. Tại sao? Vì đại Bồ Tát đó thành tựu sức phương tiện, biết các thiền định tự tướng không, không sanh, không tướng nhứt định, không chỗ chuyển, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, tinh tấn mà chẳng hưởng thọ quả báo thế gian. Chỉ vì muốn cứu độ tất cả chúng sanh mà hành Tinh tấn ba la mật.

Lại này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát từ lúc mới phát tâm **hành Thiền na ba la mật,** đúng tâm nhứt thiết trí nhập bát bội xả, cửu thứ đệ định, cũng chẳng chứng quả Tu Đà Hoàn đến quả A La Hán. Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát đó biết các pháp tự tướng không, không sanh, không tướng nhứt định, không chỗ chuyển.

Lại này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát từ lúc mới phát tâm **hành Bát nhã ba la mật**, học Phật thập lực, bốn vô sở úy, bốn vô ngại trí, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi, nhẫn đến chưa được nhứt thiết chủng trí, chưa tịnh Phật độ, chưa thành tựu chúnh sanh, trong thời gian chặng giữa đó phải học như vậy. Tại sao? Vì đại Bồ Tát đó biết các pháp tự tướng không, không sanh, không tướng nhứt định, không chỗ chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải hành Bát nhã ba la mật chẳng hưởng thọ quả báo như vậy”.

Thích nghĩa:

(1). Chủng thiện căn: Chủng là loại; thiện căn hay căn lành, hạnh lành là cội rễ của đức hạnh, trí tuệ. Nhân thiện thì quả tốt. Luận Đại tì bà sa quyển 112 giải nghĩa các pháp: Năng

sanh thiện (hay sanh điều thiện), tăng thiện(thêm điều thiện), trưởng thiện(nuôi lớn điều thiện), ích thiện(làm cho điều thiện thêm nhiều lên), trì thiện(giữ gìn điều thiện), quảng bá thiện(mở rộng điều thiện)... là thiện căn

---o0o---

PHẨM BIẾN HỌC
THỨ BẢY MƯƠI BỐN

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát đó thành tựu đại trí huệ hành pháp rất sâu đó mà cũng chẳng hưởng thọ quả báo".

Đức Phật phán dạy: "Đúng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát thành tựu đại trí huệ hành Bát nhã ba la mật sâu xa đó cũng chẳng thọ lấy quả báo. Tại sao vậy? Vì Đại Bồ Tát đó ở trong các pháp tánh bất động".

- Bạch đức Thế Tôn! Trong các pháp, tánh gì bất động?

- Này Tu Bồ Đề! Trong tánh vô sỡ hữu bất động. Trong tánh sắc bất động. Trong tánh thọ, tưởng, hành, thức bất động. Trong tánh Đàn na ba la mật bất động. Trong tánh Thi la ba la mật đến tánh Bát nhã ba la mật bất động. Trong tánh tứ thiền, tánh tứ vô lượng tâm, tánh vô sắc định bất động. Trong tánh tứ niệm xứ đến tánh bát thánh đạo phần bất động. Trong tánh tam tam muội, tánh đại từ đại bi bất động.

Tại sao vậy? Vì các pháp tánh đó chính là vô sở hữu. Vì pháp vô sở hữu chẳng có thể được pháp sở hữu.

- Bạch đức Thế Tôn! Pháp sở hữu có thể được pháp sở hữu chăng?

- Này Tu Bồ Đề! Không.

- Bạch đức Thế Tôn! Pháp sở hữu có thể được pháp vô sở hữu chăng?

- Này Tu Bồ Đề! Không.

- Bạch đức Thế Tôn! Pháp vô sở hữu có được pháp vô sở hữu chăng?

Này Tu Bồ Đề! Không.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu pháp vô sở hữu chẳng có thể được pháp sở hữu, pháp sở hữu chẳng có thể được pháp sở hữu, pháp sở hữu chẳng có thể được pháp vô sở hữu, pháp sở hữu chẳng có thể được pháp vô sở hữu, pháp vô sở hữu chẳng có thể được pháp vô sở hữu, phải chăng đức Thế Tôn chẳng được đạo?

- Này Tu Bồ Đề! Có được, chẳng do bốn câu đó.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là có được?

- Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải sở hữu, chẳng phải không sở hữu, không các hí luận, đó gọi là được đạo.

- Bạch đức Thế Tôn! Những gì là Đại Bồ Tát hí luận?

- Này Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ Tát quan niệm sắc hoặc là thường hoặc là vô thường, đó là hí luận. Quan niệm thọ, tưởng, hành, thức là thường hoặc vô thường, đó là hí luận. Quan niệm sắc là khổ hoặc lạc, đó là hí luận. Quan niệm thọ, tưởng, hành, thức là khổ hoặc lạc, đó là hí luận.

Quan niệm sắc là ngã, là vô ngã, đó là hí luận. Quan niệm thọ, tưởng, hành, thức là ngã, là vô ngã, đó là hí luận. Quan niệm sắc là tịch diệt hoặc chẳng tịch diệt, đó là hí luận. Quan niệm thọ, tưởng, hành, thức tịch diệt hoặc chẳng tịch diệt, đó là hí luận. Quan niệm khổ thánh đế phải thấy, tập thánh đế phải dứt, diệt thánh đế phải chứng, đạo thánh đế phải tu, đó là hí luận. Quan niệm phải tu tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, đó là hí luận. Quan niệm phải tu tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác chi, bát thánh đạo phần, đó là hí luận. Quan niệm phải tu không giải thoát môn, vô tướng giải thoát môn, vô tác giải thoát môn, đó là hí luận. Quan niệm phải tu bát bội xả, cửu thứ đệ định, đó là hí luận. Quan niệm tôi phải hơn quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, đạo Bích Chi Phật, đó là hí luận. Tôi phải trọn vẹn Bồ Tát thập địa, đó là hí luận. Tôi phải nhập Bồ Tát vị, đó là hí luận. Tôi phải tịnh Phật quốc độ, đó là hí luận. Tôi phải thành tựu chúng sanh, đó là hí luận. Tôi phải phát sanh Phật thập lực, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, mười tám pháp bất cộng, đó là hí luận. Tôi sẽ được nhứt thiết chủng trí, đó là hí luận. Tôi sẽ dứt tập khí tất cả phiền não, đó là hí luận.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát đó lúc hành Bát nhã ba la mật, vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến nhứt thiết chủng trí chẳng hí luận được nên chẳng hí luận.

Tại sao vậy? Tánh chẳng hí luận tánh, vô tánh chẳng hí luận vô tánh. Rời ngoài tánh và vô tánh không còn pháp gì có thể được để gọi là kẻ hí luận, là pháp hí luận và chỗ hí luận.

Thế nên, này Tu Bồ Đề! Sắc nhẫn đến nhứt thiết chủng trí không hí luận.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải hành vô hí luận Bát nhã ba la mật.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là sắc chẳng hí luận được, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí chẳng hí luận được?

- Này Tu Bồ Đề! Sắc tánh không, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí tánh không.

Nếu pháp tánh không tức là không hí luận. Vì thế nên sắc nhẫn đến nhứt thiết chủng trí chẳng hí luận được.

Này Tu Bồ Đề! Nếu Đại Bồ Tát hay hành vô hí luận Bát nhã ba la mật như vậy thì liền được nhập Bồ Tát vị.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu pháp không có tánh, Bồ Tát hành đạo gì mà nhập Bồ Tát vị? Dùng Thanh Văn đạo, dùng Bích Chi đạohay dùng Phật đạo?

- Này Tu Bồ Đề! Chẳng dùng Thanh Văn đạo, chẳng dùng Bích Chi Phật đạo, chẳng dùng Phật đạo mà được vào Bồ Tát vị.

Đại Bồ Tát học khắp các đạo mà được vào Bồ Tát vị.

Này Tu Bồ Đề! Như Bát Nhơn trước học các đạo rồi sau mới vào chánh vị, chưa được quả mà trước sanh đạo của quả.

Cũng vậy, Bồ Tát trước học khắp các đạo rồi sau mới nhập Bồ Tát vị, chưa được nhứt thiết chủng trí mà trước sanh khởi kim cang tam muội. Bấy giờ dùng một niệm tương ứng huệ được nhứt thiết chủng trí.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ Tát học khắp các đạo nhập Bồ Tát vị, vậy thì Bát Nhơn hướng Tu Đà hoàn được Tu Đà Hoàn, hướng Tư Đà Hàm được Tư Đà Hàm, hướng Đại Bồ Tát Na Hàm được A Na Hàm, hướng A La Hán được A La Hán, Bích Chi Phật đạo, Phật đạo. Các đạo như vậy đều riêng khác.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ Tát học khắp các đạo rồi sau nhập Bồ Tát vị, Bồ Tát này nếu sanh bát đạo lẽ ra phải làm Bát Nhơn, nếu sanh kiến đạo lẽ ra phải làm Tu Đà hoàn, nếu sanh tư duy đạo lẽ ra phải làm Tư Đà Hàm, A Na Hàm, là A La Hán, nếu sanh Bích Chi Phật đạo lẽ ra phải làm Bích Chi Phật.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ Tát mà làm Bát Nhơn rồi sau nhập Bồ Tát vị thì không bao giờ có. Chẳng nhập Bồ Tát vị mà được nhứt thiết chủng trí cũng không bao giờ có. Nếu Đại Bồ Tát mà làm Tu Đà Hoàn nhẫn đến làm Bích Chi Phật rồi sau nhập Bồ Tát vị cũng không bao giờ có. Chẳng nhập Bồ Tát vị mà được nhứt thiết chủng trí cũng không bao giờ có.

Bạch đức Thế Tôn! Tôi phải nên biết thế nào về Đại Bồ Tát khắp học các đạo được nhập Bồ Tát vị?

- Đúng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Nếu Đại Bồ Tát mà làm Bát Nhơn, được quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến được quả A La Hán, được quả Bích Chi Phật đạo rồi sau nhập Bồ Tát vị, không bao giờ có. Chẳng nhập Bồ Tát vị mà được nhứt thiết chủng trí cũng không bao giờ có.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát từ lúc mới phát tâm hành sáu ba la mật, dùng trí quán tâm địa. Những gì là tám? Đó là Càn Huệ địa, Tánh địa, Bát Nhơn địa, Kiến địa, Bạc địa, Ly Dục địa, Dĩ Biện địa và Bích Chi Phật địa, dùng đạo chủng trí nhập Bồ Tát vị. Sau khi đã nhập Bồ Tát vị, dùng nhứt thiết chủng trí dứt tất cả tập khí phiền não.

Này Tu Bồ Đề! Hoặc là trí, hoặc là đoạn của bực Bát nhơn, của bực Tu Đà Hoàn, nhẫn đến hoặc là trí hoặc là đoạn của A La Hán, của Bích Chi Phật đều là vô sanh pháp nhẫn của Bồ Tát đó.

Bồ Tát đó học đạo Thanh Văn, đạo Bích Chi Phật như vậy, dùng đạo chủng trí nhập Bồ Tát vị. Nhập Bồ Tát vị rồi dùng nhứt thiết chủng trí dứt tất cả tập khí phiền não được Phật đạo.

Như vậy, Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hoặc khắp các đạo đầy đủ thì được Vô Thượng Bồ Đề. Được Vô Thượng Bồ Đề rồi thì lợi ích tất cả chúng sanh.

- Bạch đức Thế Tôn! Đạo của đức Thế Tôn tuyên nói: Thanh Văn đạo, Bích Chi Phật đạo và Phật đạo. Những gì là đạo chủng trí của Bồ Tát?

- Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải sanh khởi tất cả đạo chủng tịnh trí.

Những gì đạo chủng tịnh trí?

Như tướng mạo các pháp, những pháp có thể hiển thị được, Bồ Tát phải chánh tri. Đã chánh tri rồi vì người khác mà diễn thuyết khai thị, làm cho chúng sanh được hiểu.

Đại Bồ Tát này phải hiểu tất cả âm thanh ngữ ngôn. Dùng âm thanh đó mà thuyết pháp khắp cùng Đại Thiên thế giới dường như tiếng vang.

Vì thế nên, Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát trước phải học đầy đủ tất cả đạo. Đạo trí đầy đủ rồi phân biệt biết thâm tâm của chúng sanh. Đó là chúng sanh Địa ngục đạo, Súc sanh đạo, Ngạ quỷ đạo, Địa ngục, Súc sanh, Ngạ quỷ nhơn, Địa ngục, Súc sanh, Ngạ quỷ quả, Bồ Tát phải biết, phải ngăn. Long thần, A tu la, Bát bộ đạo nhơn và quả, Bồ Tát phải biết, phải ngăn. Nhơn, Thiên đạo nhơn và quả, Bồ Tát phải biết. Tứ niệm xứ đến Bát thánh đạo phần nhơn và quả, Bồ Tát phải biết. Không, vô tướng, vô tác giải thoát môn, Phật thập lực, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi nhơn và quả, Bồ Tát phải biết.

Bồ Tát dùng đạo này làm cho chúng sanh nhập quả Tu Đà Hoàn đến quả A La Hán, nhập đạo Bích Chi Phật và đạo Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Đó gọi là tịnh đạo chủng trí của đại Bồ Tát.

Bồ Tát học đạo chủng trí này rồi vào tướng thâm tâm của chúng sanh. Vào xong, tùy theo tâm của chúng sanh mà thuyết pháp đúng chỗ, lời nói chẳng luống.

Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát đó khéo biết căn tướng của chúng sanh, khéo biết tâm và tâm sở của tất cả chúng sanh, sống chết đi về đâu.

Này Tu Bồ Đề! Phải hành Bát nhã ba la mật như vậy.

Tại sao? Vì tất cả pháp hành, tất cả pháp trợ đạo đều vào trong Bát nhã ba la mật mà chư Đại Bồ Tát, chư Thanh Văn, chư Bích Chi Phật phải hành.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu tứ niệm xứ đến Vô Thượng Bồ Đề, tất cả pháp đó đều chẳng hiệp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đối, là nhứt tướng, đó là vô tướng, thì những pháp trợ đạo đó thế nào lại có thể lấy được Vô Thượng Bồ Đề?

Bạch đức Thế Tôn! Pháp nhứt tướng chẳng hiệp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đối, đó là pháp vô tướng, không chỗ lấy, không chỗ bỏ, như hư không, không lấy không bỏ.

- Này Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Các pháp tự tướng không, không chỗ lấy, không chỗ bỏ.

Này Tu Bồ Đề! Có những chúng sanh chẳng biết các pháp tự tướng không. Vì những chúng sanh đó mà hiển thị pháp trợ đạo làm cho họ đến Vô Thượng Bồ Đề.

Lại này Tu Bồ Đề! Bao nhiêu những pháp: sắc, thọ, tưởng, hành, thức, lục độ, mười tám không, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ đến tám thánh đạo phần, ba môn giải thoát, tám bội xả, chính định thứ đệ, Phật thập lực, bốn vô úy, bốn trí vô ngại, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi, nhứt thiết chủng trí, trong những thánh pháp này đều không hiệp, không hình, không sắc, không đối, là nhứt tướng, đó là vô tướng.

Vì dùng pháp thế tục tuyên nói cho chúng sanh được hiểu, chớ chẳng phải dùng đệ nhứt nghĩa.

Này Tu Bồ Đề! Ở trong tất cả pháp này, Đại Bồ Tát phải dùng trí thấy biết mà học. Học xong, phân biệt các pháp nên dùng hay chẳng nên dùng.

- Bạch đức Thế Tôn! Những pháp gì Bồ Tát phân biệt rồi nên dùng hay chẳng nên dùng?

- Này Tu Bồ Đề! Pháp Thanh Văn, pháp Bích Chi Phật, Bồ Tát phân biệt biết nhưng chẳng nên dùng.

Nhứt thiết chủng trí, Bồ Tát phân biệt biết và nên dùng.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát ở trong những thánh pháp đó, phải học Bát nhã ba la mật.

- Bạch đức Thế Tôn! Do cớ gì mà gọi thánh pháp và những gì là thánh pháp?

- Này Tu Bồ Đề! Chư Thanh Văn, chư Bích Chi Phật, chư Đại Bồ Tát và chư Phật nơi tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến chẳng hiệp, chẳng tan, nơi sắc nhiễm, vô sắc nhiễm, điệu cử, tán loạn, vô minh chẳng hiệp, chẳng tan, nơi sơ thiền đến tứ thiền chẳng hiệp, chẳng tan, nơi từ bi hỉ xả đến phi phi tưởng xứ chẳng hiệp, chẳng tan, nơi tứ niệm xứ đến bát thánh đạo phần chẳng hiệp, chẳng tan, nơi nội không đến đại bi, hữu vi, vô vi tánh chẳng hiệp, chẳng tan.

Tại sao vậy? Vì tất cả pháp đó đều không sắc, không hình, không đối, nhứt tướng, đó là vô tướng.

Pháp vô sắc với pháp vô sắc không hiệp, không tan. Pháp vô hình với pháp vô hình chẳng hiệp, chẳng tan. Pháp vô đối với pháp vô đối chẳng hiệp, chẳng tan. Pháp nhứt tướng với pháp nhứt tướng chẳng hiệp, chẳng tan. Pháp vô tướng với pháp vô tướng chẳng hiệp, chẳng tan.

Này Tu Bồ Đề! Bát nhã ba la mật vô sắc, vô hình, vô đối, nhứt tướng, đó là vô tướng này, chư đại Bồ Tát phải học. Học xong, chẳng được các pháp tướng.

- Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát chẳng học tướng sắc, tướng thọ, tưởng, hành, thức chăng?

Chẳng học tướng nhãn đến tướng ý, chẳng học tướng sắc đến tướng pháp, chẳng học tướng địa chủng đến tướng thức chủng ư?

Chẳng học tướng Đàn na ba la mật đến tướng Bát nhã ba la mật ư?

Chẳng học tướng nội không đến tướng vô pháp hữu pháp không ư?

Chẳng học tướng tứ thiền, tướng tứ vô lượng tâm, tướng tứ vô sắc định ư?

Chẳng học tướng tứ niệm xứ đến tướng bát thánh đạo phần ư?

Chẳng học tướng không, tướng vô tướng, tướng vô tác ư?

Chẳng học tướng bát bội xả, tướng cửu thứ đệ định ư?

Chẳng học tướng thập lực đến tướng đại từ đại bi ư?

Chẳng học tướng tứ đế, tướng thuận nghịch mười hai nhơn duyên ư?

Chẳng học tướng hữu vi tánh, vô vi tánh ư?

Bạch đức Thế Tôn! Nếu chẳng học các pháp tướng thì Đại Bồ Tát làm sao lại học các pháp tướng để vượt hơn bực Thanh Văn, bực Bích Chi Phật?

Nếu chẳng vượt hơn bực Thanh Văn, bực Bích Chi Phật thì làm sao nhập Bồ Tát vị?

Nếu chẳng nhập Bồ Tát vị thì làm sao sẽ được nhứt thiết chủng trí?

Nếu chẳng được nhứt thiết chủng trí làm sao sẽ chuyển pháp luân?

Nếu chẳng chuyển pháp luân thì làm sao dùng ba thừa độ chúng sanh thoát sanh tử?

- Này Tu Bồ Đề! Nếu các pháp thiệt có tướng, Bồ Tát nên học tướng đó.

Này Tu Bồ Đề! Bởi tất cả pháp thiệt không tướng, không sắc, không hình, không đối, là nhứt tướng, đó là vô tướng. Vì thế nên Đại Bồ Tát chẳng học tướng, chẳng học vô tướng. Tại sao? Vì có Phật hay không Phật, các pháp vẫn nhứt tướng, vẫn tánh thường trụ.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp chẳng phải có tướng, chẳng phải không tướng, thì đại Bồ Tát làm sao tu Bát nhã ba la mật? Nếu chẳng tu Bát nhã ba la mật thì chẳng vượt hơn bực Thanh Văn, bực Bích Chi Phật. Nếu chẳng vượt hơn bực Thanh Văn, bực Bích Chi Phật thì chẳng nhập Bồ Tát vị. Nếu chẳng nhập Bồ Tát vị thì chẳng được vô sanh pháp nhẫn. Nếu chẳng được vô sanh pháp nhẫn thì không thể được các thứ thần thông của Bồ Tát. Nếu chẳng được Bồ Tát thần thông thì không thể tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh. Nếu chẳng tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh thì không thể được nhứt thiết chủng trí. Nếu chẳng được nhứt thiết chủng trí thì không thể chuyển pháp luân. Nếu chẳng chuyển pháp luân thì không thể làm cho chúng sanh được các quả: Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, đạo Bích Chi Phật và Vô Thượng Bồ Đề. Cũng chẳng thể làm cho chúng sanh được phước bố thí, trì giới, phước tu thiền định.

- Này Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Các pháp vô tướng: Chẳng phải nhứt tướng, dị tướng. Nếu tu vô tướng là tu Bát nhã ba la mật.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào tu vô tướng là tu Bát nhã ba la mật?

- Này Tu Bồ Đề! Tu các pháp hư hoại là tu Bát nhã ba la mật.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là tu các pháp hư hoại là tu Bát nhã ba la mật?

- Này Tu Bồ Đề! Tu sắc hoại, thọ, tưởng, hành, thức hoại là tu Bát nhã ba la mật.

Tu nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý hoại, tu sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp hoại, tu bất định quán hoại là tu Bát nhã ba la mật.

Tu sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền hoại là tu Bát nhã ba la mật.

Tu từ, bi, hỉ, xả hoại là tu Bát nhã ba la mật.

Tu không vô biên xứ, thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ, phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ hoại là tu Bát nhã ba la mật.

Tu niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm xả, niệm Thiên, A na bát ba hoại là tu Bát nhã ba la mật.

Tu tướng vô thường, tướng khổ, tướng vô ngã, tướng không, tướng tập, tướng nhơn, tướng sanh, tướng duyên, tướng bế, tướng diệt, tướng diệu, tướng xuất, tướng đạo, tướng chánh, tướng tích, tướng ly đều hoại là tu Bát nhã ba la mật.

Tu nhập nhị nhơn duyên hoại, tu tướng ngã nhơn, chúng sanh, thọ giả, nhẫn đến tướng tri giả, kiến giả hoại là tu Bát nhã ba la mật.

Tu tướng thường, lạc, ngã, tịnh hoại là tu Bát nhã ba la mật.

Tu tứ niệm xứ nhẫn đến tu bát thánh đạo phần hoại là tu Bát nhã ba la mật.

Tu không tam muội, vô tướng tam muội, vô tác tam muội hoại là tu Bát nhã ba la mật.

Tu hữu giác hữu quán tam muội, vô giác hữu quán tam muội, vô giác vô quán tam muội hoại là tu Bát nhã ba la mật.

Tu khổ thánh đế, tập thánh đế, diệt thánh đế, đạo thánh đế hoại là tu Bát nhã ba la mật.

Tu khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí hoại là tu Bát nhã ba la mật.

Tu tận trí, vô sanh trí hoại là tu Bát nhã ba la mật.

Tu pháp trí, tỉ trí, thế trí, tha tâm trí hoại là tu Bát nhã ba la mật.

Tu sáu ba la mật hoại là tu Bát nhã ba la mật.

Tu nội không hoại nhẫn đến vô pháp hữu pháp không hoại là tu Bát nhã ba la mật.

Tu Phật thập lực nhẫn đến bất cộng pháp hoại là tu Bát nhã ba la mật.

Tu quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến quả A La Hán, đạo Bích Chi Phật hoại là tu Bát nhã ba la mật.

Tu nhứt thiết trí hoại là tu Bát nhã ba la mật.

Tu dứt hẳn tập khí tất cả phiền não hoại là tu Bát nhã ba la mật.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào gọi là tu sắc hoại nhẫn đến tu dứt hẳn tập khí tất cả phiền não hoại là tu Bát nhã ba la mật?

Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát chẳng quan niệm có sắc pháp, có thọ, tưởng, hành, thức pháp, nhẫn đến chẳng quan niệm có dứt hẳn tập khí tất cả phiền não pháp, đó là tu Bát nhã ba la mật.

Tại sao vậy?

Vì người quan niệm có pháp là chẳng tu Bát nhã ba la mật. Người quan niệm có pháp là chẳng tu Đàn na ba la mật đến chẳng tu Bát nhã ba la mật.

Này Tu Bồ Đề! Vì người đó chấp trước nơi pháp, chẳng hành Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật.

Người chấp trước như vậy, không có giải thoát, không có đạo, không có Niết Bàn.

Tu bát bội xả, cửu thứ đệ định hoại là tu Bát nhã ba la mật.

Người có quan niệm có pháp, chẳng tu tứ niệm xứ đến bát thánh đạo phần, chẳng tu không tam muội đến nhứt thiết chủng trí. Vì người đó chấp trước pháp vậy.

- Bạch đức Thế Tôn! Những gì là có pháp? Những gì là không pháp?

- Này Tu Bồ Đề! Hai là có pháp, không hai là không pháp.

- Bạch đức Thế Tôn! Những gì là hai?

- Này Tu Bồ Đề! Sắc tướng đến thức tướng là hai. Nhãn tướng đến ý tướng là hai. Sắc tướng đến pháp tướng là hai. Đàn na ba la mật tướng đến Phật tướng là hai. Vô Thượng Bồ Đề tướng đến vô vi tánh là hai.

- Này Tu Bồ Đề! Tất cả tướng là hai cả. Tất cả hai đều là có pháp.

Vừa có pháp liền có sanh tử.

Vừa có sanh tử liền chẳng rời được những sanh, già, bịnh, chết, buồn khổ não.

Này Tu Bồ Đề! Vì thế nên phải biết tướng hai có pháp thì không có Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, không có đạo, không có quả, nhẫn đến không có thuận nhẫn, huống là thấy sắc tướng nhẫn đến thấy nhứt thiết chủng trí tướng.

Nếu không tu tập đạo hành làm sao được quả Tu Đà hoàn đến quả A La Hán, đạo Bích Chi Phật, Vô Thượng Bồ Đề và dứt hẳn tập khí tất cả phiền não!".

---o0o---

QUYỂN THỨ HAI MƯƠI LĂM

PHẨM "TAM THỨ ĐỆ HÀNH"
THỨ BẢY MƯƠI LĂM

Lúc Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu có pháp tướng hãy còn chẳng được thuận nhẫn, huống là đắc đạo.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu pháp không tướng thì sẽ được thuận nhẫn chăng? Thì sẽ được các bực này chăng? Hoặc Càn Huệ địa, hoặc Tánh địa, hoặc Bát Nhơn địa, hoặc Kiến địa, hoặc Bạc địa, hoặc Ly Dục địa, hoặc Bồ Tát địa, hoặc Bích Chi Phật địa, hoặc Bồ Tát địa, hoặc Phật địa, hoặc tu đạo, do tu đạo này sẽ dứt được phiền não chăng? Vì những phiền não ấy nên chẳng vượt qua được bực Thanh Văn, bực Bích Chi Phật để nhập Bồ Tát vị. Nếu chẳng nhập bực Bồ Tát vị thì chẳng được nhứt thiết chủng trí. Nếu chẳng được nhứt thiết chủng trí thì chẳng dứt được tất cả tập khí phiền não.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu không có pháp tướng thì những đạo pháp ấy chẳng phát sanh. Nếu chẳng phát sanh những đạo pháp ấy thì chẳng thể được nhứt thiết chủng trí".

Đức Phật bảo ngài Tu Bồ Đề: "Đúng như vậy. Nếu người không có pháp thì có thuận nhẫn cho đến dứt tất cả tập khí phiền não".

- Bạch đức Thế Tôn! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát có pháp tướng chăng? Đó là tướng sắc đến tướng thức, tướng nhãn đến tướng ý, tướng sắc đến tướng pháp, tướng nhãn giới đến tướng ý thức giới, tướng tứ niệm xứ đến tướng nhứt thiết chủng trí, tướng sắc, tướng sắc đoạn đến tướng thức, tướng thức đoạn, tướng thập nhị xứ, tướng thập nhị xứ đoạn, tướng thập bát giới, tướng thập bát giới đoạn, tướng thập nhị nhơn duyên, tướng thập nhị nhơn duyên đoạn, tướng tham dục, tướng tham dục đoạn, tướng sân, tướng sân đoạn, tướng si, tướng si đoạn, tướng tứ đế, tướng tứ đế đoạn, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí, tướng đoạn tất cả tập khí phiền não.

- Không. Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát không có tướng pháp và tướng phi pháp, chính đây là thuận nhẫn.

Nếu không có tướng pháp và tướng phi pháp thì là tu đạo, là đạo quả.

Này Tu Bồ Đề! Nơi Đại Bồ Tát, có pháp là Bồ Tát đạo, không pháp là Bồ Tát quả. Vì như vậy nên phải biết tất cả pháp đều không có tánh.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp không có tánh, thì làm sao đức Phật do vì biết tất cả pháp không tánh mà được thành Phật, có sức tự tại nơi tất cả pháp?

- Này Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Tất cả pháp không có tánh.

Ngày trước, lúc ta hành đạo Bồ Tát, ta tu sáu ba la mật, lìa các ái dục, lìa các pháp ác bất thiện, có giác, có quán, lìa dục ái, sanh hỉ lạc, nhập sơ thiền, nhẫn đến nhập tứ thiền. Nơi các thiền ấy cùng những chi thiền, ta chẳng nắm lấy tướng của nó, ta chẳng nghĩ là có các thiền ấy, ta chẳng hưởng thọ thiền vị, cũng chẳng thấy được thiền, ta hành bốn thiền mà vẫn thanh tịnh không nhiễm trước. Nơi các thiền ấy ta chẳng nhận lấy quả báo. Y trụ nơi bốn thiền, ta phát khởi năm thần thông: thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, túc mạng thông, tha tâm thông và thần túc thông. Nơi các thần thông ấy ta chẳng nắm lấy tướng, chẳng nghĩ là có thần thông ấy, chẳng hưởng thọ thần thông vị, chẳng thấy được thần thông, nơi năm thần thông ấy ta chẳng phân biệt.

Này Tu Bồ Đề! Khi ấy ta dùng một niệm tương ứng huệ được Vô Thượng Chánh Giác, đó là khổ thánh đế, tập thánh đế, diệt thánh đế, đạo thánh đế, thành tựu mười trí lực, bốn vô úy, bốn trí vô ngại, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi, được thành bực Phật, biết rõ ba tụ chúng sanh: chánh định tụ, tà định tụ và bất định tụ.

- Bạch đức Thế Tôn! Ở trong các pháp không có tánh, làm sao đức Thế Tôn phát khởi bốn thiền, năm thần thông? Chúng sanh cũng không có, sao lại phân biệt làm ba tụ?

Này Tu Bồ Đề! Nếu các pháp dục ác bất thiện có tánh tự, tánh tha thì lúc làm hạnh Bồ Tát trước kia, ta không thể quán các pháp dục ác bất thiện là không có tánh để nhập sơ thiền.

Bởi các pháp dục ác bất thiện không có tánh tự, tánh, tha, đều là không có tánh, nên lúc làm hạnh Bồ Tát trước kia, ta rời lìa các pháp dục ác bất thiện, nhập sơ thiền nhẫn đến nhập tứ thiền.

Này Tu Bồ Đề! Nếu các thần thông có tánh tự, tánh tha thì không thể biết được các thần thông là không có tánh để chứng Vô Thượng Bồ Đề.

Bởi các thần thông không có tánh tự, tánh tha đều là không có tánh. Vì thế nên chư Phật ở nơi các thần thông biết là không có tánh mà được Vô Thượng Bồ Đề.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ Tát biết các pháp không có tánh, nhơn tứ thiền và ngũ thần thông mà được Vô Thượng Bồ Đề, thì hàng tân học Bồ Tát ở trong các pháp không có tánh, sao lại thứ đệ hành, thứ đệ học, thứ đệ đạo, rồi do thứ đệ hành, thứ đệ học và thứ đệ đạo mà được Vô Thượng Bồ Đề?

- Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát lúc ban sơ hoặc từ chư Phật mà được nghe, hoặc từ nơi sự cúng dường nhiều chư Phật, chư Bồ Tát mà được nghe, hoặc từ chư A La Hán, chư A Na Hàm, chư Tư Đà Hàm, chư Tu Đà Hoàn mà được nghe, rằng vì được vô sở hữu nên là Phật, vì được vô sở hữu nên là A La Hán, là A Na Hàm, là Tư Đà Hàm, là Tu Đà Hoàn. Rằng tất cả Hiền Thánh đều vì được vô sở hữu mà có danh hiệu. Tất cả pháp hữu vi tạo tác đều không có tánh, nhẫn đến không có mảy may như chừng lông tơ.

Bồ Tát có được nghe như vậy rồi nghĩ rằng nếu tất cả pháp đều không có tánh, vì được tánh vô sở hữu nên là Phật, vì được vô sở hữu tánh nên là A La Hán, là A Na Hàm, là Tư Đà Hàm, là Tu Đà Hoàn.

Tôi sẽ được Vô Thượng Bồ Đề nếu tôi chẳng được tất cả pháp thường, không có tánh. Tại sao tôi không phát tâm được Vô Thượng Bồ Đề!

Tôi được Vô Thượng Bồ Đề rồi, tất cả chúng sanh đi trong hữu tướng, tôi sẽ làm cho họ an trụ trong vô sở hữu.

Này Tu Bồ Đề! Sau khi suy nghĩ như vậy rồi, Bồ Tát phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, để độ tất cả chúng sanh, chỗ làm thứ đệ hành, thứ đệ học và thứ đệ đạo của Bồ Tát đó đúng như chỗ làm của quá khứ chư Bồ Tát được Vô Thượng Bồ Đề.

Hàng tân học Bồ Tát đó nên học sáu môn ba la mật: Bố thí ba la mật, Trì giới ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Tinh tiến ba la mật, Thiền định ba la mật và Bát nhã ba la mật.

Bồ Tát đó lúc hành Bố thí ba la mật: tự bố thí, cũng dạy người bố thí, khen công đức bố thí và vui mừng ca ngợi người làm việc bố thí.

Do nhơn duyên bố thí ấy, mà Bồ Tát được giàu có lớn. Bồ Tát này rời xa lòng bỏn sẻn, đem đồ uống ăn, y phục, đồ nằm, phòng nhà, đèn đuốc, hương hoa, chuỗi ngọc, những vật dụng sanh sống đều cung cấp cho tất cả chúng sanh.

Bồ Tát này hành bố thí, trì giới như vậy nên sanh trong Nhơn, Thiên được bực tôn quý lớn. Do bố thí, trì giới như vậy nên được những thiền định. Do bố thí, trì giới, thiền định như vậy nên được những trí huệ, những giải thoát, những giải thoát tri kiến, vượt hơn bực Thanh Văn, Bích Chi Phật mà vào bực Bồ Tát. Được vào bực Bồ Tát rồi được tịnh Phật quốc độ. Được tịnh Phật quốc độ rồi được thành tựu chúng sanh. Được thành tựu chúng sanh rồi được nhứt thiết chủng trí. Được nhứt thiết chủng trí rồi chuyển pháp luân, đem pháp tam thừa độ chúng sanh thoát khỏi sanh tử.

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát đem sự bố thí ấy mà thứ đệ hành, thứ đệ học, thứ đệ đạo đều là bất khả đắc cả. Tại sao? Vì tất cả pháp không có tự tánh vậy.

Lại này Tu Bồ Đề! Bồ Tát từ lúc ban sơ phát tâm đến nay, tự trì giới, cũng dạy người trì giới, khen công đức trì giới, vui mừng ca ngợi người trì giới. Do nhơn duyên trì giới nên sanh trong

Trời, Người được rất tôn quý, thấy người nghèo cùng ban cho của cải, thấy người chẳng trì giới dạy họ trì giới, thấy người loạn tâm dạy họ thiền định, thấy người si mê dạy họ trí huệ, thấy người không giải thoát dạy họ giải thoát, thấy người không giải thoát tri kiến dạy họ giải thoát tri kiến. Do sự trì giới, thiền định, trí huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến nên vượt hơn bực Thanh Văn, Bích Chi Phật mà vào bực Bồ Tát. Vào bực Bồ Tát rồi được tịnh Phật quốc độ. Được tịnh Phật quốc độ rồi thành tựu chúng sanh. Thành tựu chúng sanh rồi được nhứt thiết chủng trí. Được nhứt thiết chủng trí rồi chuyển pháp luân, đem pháp ba thừa độ chúng sanh thoát khỏi sanh tử.

Này Tu Bồ Đề! Dùng trì giới ấy, Bồ Tát thứ đệ hành, thứ đệ học, thứ đệ đạo như vậy. Sự đó đều bất khả đắc. Tại sao? Vì tất cả pháp không có tự tánh vậy.

Lại này Tu Bồ Đề! Bồ Tát từ lúc ban sơ phát tâm đến nay, tự hành nhẫn nhục, cũng dạy người nhẫn nhục, khen công đức nhẫn nhục, vui mừng ca ngợi người nhẫn nhục. Lúc hành nhẫn nhục ba la mật như vậy, Bồ Tát bố thí cho chúng sanh được đầy đủ, dạy họ trì giới, dạy họ thiền định, dạy họ trí huệ, dạy họ giải thoát, dạy họ giải thoát tri kiến. Do nhơn duyên bố thí, trì giới, thiền định, trí huệ như vậy nên vượt hơn bực Thanh Văn, Bích Chi Phật mà vào bực Bồ Tát. Được vào bực Bồ Tát rồi được tịnh Phật quốc độ. Được tịnh Phật quốc độ rồi thành tựu chúng sanh. Thành tựu chúng sanh rồi được nhứt thiết chủng trí. Được nhứt thiết chủng trí rồi chuyển pháp luân, đem pháp ba thừa độ chúng sanh thoát khỏi sanh tử.

Này Tu Bồ Đề! Dùng nhẫn nhục ba la mật, Bồ Tát thứ đệ hành, thứ đệ học, thứ đệ đạo như vậy. Sự đó đều bất khả đắc. Tại sao? Vì tất cả pháp không có tự tánh vậy.

Lại này Tu Bồ Đề! Bồ Tát từ lúc ban sơ phát tâm đến nay, tự hành Tinh tiến ba la mật, cũng dạy người tinh tiến, khen công đức tinh tiến, vui mừng ca ngợi người tinh tiến. Lúc hành tinh tiến ba la mật như vậy, Bồ Tát bố thí cho chúng sanh được đầy đủ, dạy họ trì giới, thiền định, trí huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Do nhơn duyên đó nên vượt hơn bực Thanh Văn, Bích Chi Phật mà vào bực Bồ Tát. Vào bực Bồ Tát rồi được tịnh Phật quốc độ. Tịnh Phật quốc độ rồi thành tựu chúng sanh. Thành tựu chúng sanh rồi được nhứt thiết chủng trí. Được nhứt thiết chủng trí rồi chuyển pháp luân, đem pháp ba thừa giáo hóa chúng sanh thoát khỏi sanh tử.

Này Tu Bồ Đề! Dùng tinh tiến ba la mật, Bồ Tát thứ đệ hành, thứ đệ học, thứ đệ đạo như vậy. Sự đó đều bất khả đắc. Tại sao? Vì tất cả pháp không có tự tánh vậy.

Lại này Tu Bồ Đề! Bồ Tát từ lúc ban sơ phát tâm, tự nhập thiền, tự nhập vô lượng tâm, nhập vô sắc định, cũng dạy người nhập thiền định, khen công đức nhập thiền định, vui mừng ca ngợi người nhập thiền định. Trụ những thiền định, Bồ Tát bố thí cho chúng sanh được đầy đủ, dạy cho họ trì giới, thiền định, trí huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Do nhơn duyên đó nên vượt hơn bực Thanh Văn, Bích Chi Phật mà vào bực Bồ Tát. Vào bực Bồ Tát rồi được tịnh Phật quốc độ. Tịnh Phật quốc độ rồi thành tựu chúng sanh. Thành tựu chúng sanh rồi được nhứt thiết chủng trí. Được nhứt thiết chủng trí rồi chuyển pháp luân, đem pháp ba thừa độ chúng sanh thoát khỏi sanh tử.

Này Tu Bồ Đề! Dùng thiền ba la mật, Bồ Tát thứ đệ hành, thứ đệ học, thứ đệ đạo như vậy. Sự đó đều bất khả đắc. Tại sao? Vì tất cả pháp không có tự tánh vậy.

Lại này Tu Bồ Đề! Bồ Tát từ lúc ban sơ phát tâm đến nay, tự hành Bát nhã ba la mật, bố thí cho chúng sanh được đầy đủ, dạy họ trì giới, thiền định, trí huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Lúc hành Bát nhã ba la mật như vậy, Bồ Tát tự hành sáu ba la mật, cũng dạy người hành sáu ba la mật, khen công đức người hành sáu ba la mật, vui mừng ca ngợi người hành sáu ba la mật. Bồ Tát do nhơn duyên bố thí ba la mật, Trì giới ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Tinh tiến ba la mật, Thiền định ba la mật, Bát nhã ba la mật như vậy và sức phương tiện nên vượt hơn bực Thanh Văn, Bích Chi Phật mà vào bực Bồ Tát. Vào bực Bồ Tát rồi được tịnh Phật quốc độ. Tịnh Phật quốc độ rồi thành tựu chúng sanh. Thành tựu chúng sanh rồi được nhứt thiết chủng trí. Được nhứt thiết chủng trí rồi chuyển pháp luân, đem pháp ba thừa độ chúng sanh thoát khỏi sanh tử.

Này Tu Bồ Đề! Dùng sáu ba la mật, Bồ Tát thứ đệ hành, thứ đệ học, thứ đệ đạo như vậy. Sự đó đều bất khả đắc. Tại sao? Vì tất cả pháp đều không có tự tánh vậy.

Đây gọi là Bồ Tát ban sơ phát tâm thứ đệ hành, thứ đệ học, thứ đệ đạo.

Lại này Tu Bồ Đề! Bồ Tát từ lúc ban sơ phát tâm đến nay, do tâm tương ứng nhứt thiết chủng trí, tin hiểu các pháp không có tánh mà tu sáu niệm. Đó là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm xả và niệm Thiên.

Thế nào là Bồ Tát tu **niệm Phật**?

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát niệm Phật chẳng lấy sắc để niệm, chẳng lấy thọ, tưởng, hành, thức để niệm. Tại sao? Vì sắc không tự tánh, thọ, tưởng, hành, thức không tự tánh. Nếu pháp không có tự tánh, đó là vô sở hữu. Tại sao? Vì không nhớ đó là niệm Phật.

Lại này Tu Bồ Đề! Bồ Tát niệm Phật chẳng lấy ba mươi hai tướng để niệm, cũng chẳng lấy thân kim sắc, chẳng lấy vầng trượng quang, chẳng lấy tám mươi tùy hình hảo để niệm. Tại sao? Vì thân Phật đó không có tự tánh. Nếu pháp không có tánh, đó là vô sở hữu. Tại sao? Vì không nhớ đó là niệm Phật.

Lại này Tu Bồ Đề! Chẳng nên lấy những giới niệm để niệm Phật. Chẳng nên lấy những định, những huệ, những giải thoát, những giải thoát tri kiến để niệm Phật. Tại sao? Vì những giới v.v … ấy không có tự tánh, đó là vô sở hữu. Tại sao? Vì không nhớ đó là niệm Phật.

Lại này Tu Bồ Đề! Chẳng nên lấy mười trí lực, bốn vô sở úy, bốn vô ngại trí, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi để niệm Phật. Tại sao? Vì không tự tánh. Nếu pháp không có tự tánh, đó là vô sở hữu. Tại sao? Vì không nhớ đó là niệm Phật.

Lại này Tu Bồ Đề! Chẳng nên lấy mười hai nhơn duyên để niệm Phật. Tại sao? Vì pháp nhơn duyên không có tự tánh. Nếu pháp không có tự tánh, đó là vô sở hữu. Tại sao? Vì không nhớ đó là niệm Phật.

Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát phải nên niệm Phật như vậy.

Đây là Bồ Tát ban sơ phát tâm thứ đệ hành, thứ đệ học, thứ đệ đạo.

Bồ Tát đó an trụ trong thứ đệ hành, thứ đệ học, thứ đệ đạo hay đầy đủ tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác phần, bát thánh đạo phần, tu hành không, vô tướng, vô tác tam muội nhẫn đến nhứt thiết chủng trí, vì các pháp không có tánh vậy. Bồ Tát đó biết các pháp không có tánh, trong ấy không có tánh có, không tánh không.

Thế nào là Bồ Tát tu **niệm Pháp**?

Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát chẳng niệm pháp thiện, chẳng niệm pháp bất thiện, chẳng niệm pháp ký, chẳng niệm pháp vô ký, chẳng niệm pháp thế gian, chẳng niệm pháp xuất thế gian, chẳng niệm pháp tịnh, chẳng niệm pháp bất tịnh, chẳng niệm pháp thánh, chẳng niệm pháp phàm, chẳng niệm pháp hữu lậu, chẳng niệm pháp vô lậu, chẳng niệm pháp thuộc Dục giới, thuộc Sắc giới, thuộc Vô sắc giới, chẳng niệm pháp hữu vi, pháp vô vi. Tại sao? Vì các pháp ấy không có tự tánh. Nếu pháp không có tự tánh, đó là vô sở hữu. Tại sao? Vì không nhớ đó là niệm pháp. Vì học trong pháp không có tánh nên sẽ được đầy đủ tứ niệm xứ nhẫn đến sẽ được Nhứt thiết chủng trí. Lúc Bồ Tát này được Vô Thượng Chánh Giác, được các pháp không có tánh. Trong không có tánh ấy: chẳng phải tướng có, chẳng phải tướng không.

Bồ Tát phải nên tu niệm Pháp như vậy. Ở trong pháp ấy, nhẫn đến không có chút niệm, huống là niệm Pháp.

Thế nào là Bồ Tát tu **niệm Tăng**?

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát niệm Tăng, vì pháp vô vi nên phân biệt có chúng đệ tử Phật. Trong đó nhẫn đến không có chút niệm, huống là niệm Tăng. Bồ Tát phải nên niệm Tăng như vậy.

Thế nào là Bồ Tát tu **niệm giới**?

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát từ ban sơ đến nay phải niệm thánh giới: giới không khuyết, giới không hở, giới không tì, giới không dục, giới không vướng, giới tự tại, giới của bực trí khen, giới cụ túc, giới theo chánh định. Phải niệm giới đó không có tự tánh, nhẫn đến không có chút niệm, huống là niệm giới.

Thế nào là Bồ Tát tu **niệm xả**?

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát từ ban sơ đến nay phải nên niệm xả: hoặc niệm tự xả, hoặc niệm tha xả, hoặc xả tài, hoặc xả pháp, hoặc xả phiền não, vì quán sự xả ấy không có được, nhẫn đến không có chút niệm, huống là niệm xả.

Thế nào là Bồ Tát tu **niệm Thiên**?

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát nghĩ rằng chư Thiên cõi Trời Tứ Thiên Vương có tín, giới, thí, văn, huệ. Ở tại đây chết sanh về cõi Trời ấy. Tôi cũng có tín, giới, thí, văn, huệ đó. Nhẫn đến Trời Tha Hóa, Trời Tự Tại có những tín, giới, thí, văn, huệ. Ở đây chết sanh về cõi Trời ấy. Tôi cũng có tín, giới, thí, văn, huệ đó. Bồ Tát phải nên niệm trong các cõi Trời không có tự tánh, còn không có chút niệm, huống là niệm Thiên.

Bồ Tát hành sáu niệm như vậy thì gọi là thứ đệ hành, thứ đệ học, thứ đệ đạo.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp không có tánh, những là niệm sắc không có tánh thọ, tưởng, hành, thức không có tánh, nhãn đến ý, sắc đến pháp đều không có tánh , nhãn giới đến ý thức giới không có tánh, Đàn na ba la mật đến Bát nhã ba la mật, nội không đến vô pháp hữu pháp không đều không có tánh, tứ niệm xứ đến nhứt thiết chủng trí đều không có tánh.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp không có tánh thời không đạo, không trí, không quả?

- Này Tu Bồ Đề! Ngươi thấy sắc tánh đó thiệt có chăng? Nhẫn đến nhứt thiết chủng trí tánh đó thiệt có chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không thấy có.

- Này Tu Bồ Đề! Ngươi chẳng thấy các pháp thiệt có, sao lại hỏi như vậy?

- Bạch đức Thế Tôn! Nơi đây tôi không dám có nghi, mà chỉ vì đời sau những Tỳ Kheo cầu Thanh Văn, Bích Chi Phật đạo, Bồ Tát đạo sẽ bảo rằng: Nếu tất cả pháp không có tánh thì ai cấu, ai tịnh, ai triền phược, ai giải thoát? Vì chẳng hiểu biết, họ có thể phá giới, phá kiến, phá oai nghi, phá tịnh mạng. Vì phá như vậy, họ sẽ đọa vào ba ác đạo.

Bạch đức Thế Tôn! Tôi sợ đời sau sẽ có sự tệ hại như vậy nên tôi hỏi đức Phật.

Bạch đức Thế Tôn! Ở trong pháp không có tánh, tôi tin hiểu, không nghi ngờ, không ăn năn".

---o0o---

PHẨM NHỨT NIỆM
THỨ BẢY MƯƠI SÁU
(Tương đương với phẩm "Vô Tướng Vô Đắc", phần sau Q.373 đến phần đầu Q.374)

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp không có tánh, thì Bồ Tát vì những lợi ích gì mà vì chúng sanh phát tâm Vô Thượng Bồ Đề?".

Đức Phật dạy: "Này Tu Bồ Đề! Vì tất cả pháp không có tánh nên Bồ Tát vì chúng sanh cầu Vô Thượng Bồ Đề.

Tại sao? Vì những ai có được có chấp thì khó được giải thoát.

Này Tu Bồ Đề! Người có được tướng thì không có đạo, không có quả, không có Vô Thượng Bồ Đề".

- Bạch đức Thế Tôn! Người không được tướng thì có đạo, có quả, có Vô Thượng Bồ Đề chăng?

- Này Tu Bồ Đề! Không có được tức là đạo, tức là quả, tức là Vô Thượng Bồ Đề, vì pháp tánh chẳng hoại diệt vậy.

Nếu pháp không có được mà muốn được đạo, muốn được quả, muốn được Vô Thượng Bồ Đề, đó là muốn hoại pháp tánh.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu pháp không có được tức là đạo, tức là quả, tức là Vô Thượng Bồ Đề, sao lại có Bồ Tát bực sơ địa đến bực thập địa, sao lại có pháp vô sanh nhẫn, sao lại có báo đắc thần thông, sao lại có báo đắc bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí huệ, an trụ trong những báo đắc ấy có thể tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh và cúng dường chư Phật những y phục, uống ăn, hoa hương, chuỗi ngọc, nhà phòng, giường niệm, đèn đuốc, những vật dụng cần để sống, nhẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề chẳng dứt mất phước đức đó, cho đến sau khi nhập diệt, Xá lợi và đệ tử được cúng dường?

- Này Tu Bồ Đề! Do vì **các pháp không có tướng** nên được bực Bồ Tát sơ địa đến thập địa, có báo đắc ngũ thần thông, sáu ba la mật, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, cũng do nhơn duyên thiện căn mà có thể lợi ích chúng sanh, nhẫn đến sau khi nhập diệt, Xá Lợi và đệ tử được cúng dường

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp không có tướng thì sáu ba la mật, năm thần thông có gì sai biệt?

- Này Tu Bồ Đề! **Nơi pháp không có tướng, bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí huệ, các thần thông không có sai biệt. Do chúng sanh chấp có bố thí đến các thần thông nên phân biệt mà nói thôi.**

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào nơi pháp không có tướng, bố thí đến các thần thông không có sai biệt?

- Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành Bát nhã ba la mật, người thí, kẻ thọ đều không có được mà hành bố thí, không được giới mà trì giới, không được nhẫn mà hành nhẫn nhục, không được tinh tiến mà hành tinh tiến, không được thiền mà hành thiền, không được trí huệ mà hành trí huệ, không được thần thông mà hành thần thông, không được tứ niệm xứ đến bát thánh đạo mà hành tứ niệm xứ đến bát thánh đạo, không được ba tam muội mà hành ba tam muội, chẳng được chúng sanh mà thành tựu chúng sanh, không được tịnh Phật quốc độ mà tịnh Phật quốc độ, không được các pháp Phật mà được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải nên hành Bát nhã ba la mật không có được như vậy. Lúc đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật không có được này, thì ma hay thiên ma không phá hoại được

- Bạch đức Thế Tôn! Lúc đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, thế nào trong một niệm đầy đủ sáu ba la mật, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ đến tám phần thánh đạo, ba môn giải thoát, mười trí lực, bốn vô úy, bốn trí vô ngại, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi, ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo?

- Này Tu Bồ Đề! Khi hành bố thí, Bồ Tát chẳng xa rời Bát nhã ba la mật, khi tu trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí huệ chẳng xa rời Bát nhã ba la mật, nhẫn đến tám mươi tùy hình hảo chẳng xa rời Bát nhã ba la mật.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào Đại Bồ Tát vì chẳng xa rời Bát nhã ba la mật nên trong một niệm đầy đủ hành sáu ba la mật nhẫn đến tám mươi tùy hình hảo?

- Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát có hành bố thí chẳng xa rời Bát nhã ba la mật, chẳng thấy có hai tướng, lúc trì giới cũng chẳng thấy có hai tướng, nhẫn đến tám mươi tùy hình hảo cũng chẳng thấy có hai tướng.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào Đại Bồ Tát lúc bố thí nhẫn đến lúc tu tám mươi tùy hình hảo chẳng thấy có hai tướng?

- Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành Bát nhã ba la mật muốn đầy đủ bố thí ba la mật, trong bố thí ba la mật nhiếp hết các ba la mật và tứ niệm xứ đến tám mươi tùy hình hảo.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào Đại Bồ Tát lúc bố thí nhiếp hết các pháp vô lậu?

- Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát **an trụ tâm vô lậu mà bố thí**. Trong tâm vô lậu chẳng thấy tướng ai thí, ai thọ và vật thí. Do tâm vô tướng, tâm vô lậu này dứt trừ tâm ái nhiễm, tâm xan tham mà hành bố thí. Bấy giờ chẳng thấy bố thí nhẫn đến chẳng thấy pháp Vô Thượng Bồ Đề.

Bồ Tát này dùng tâm vô tướng, tâm vô lậu mà trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí huệ, chẳng thấy là giới, là nhẫn nhục, là tinh tiến, nhẫn đến chẳng thấy pháp Vô Thượng Bồ Đề.

Bồ Tát này dùng tâm vô tướng, tâm vô lậu tu tứ niệm xứ, chẳng thấy là tứ niệm xứ nhẫn đến chẳng thấy tám mươi tùy hình hảo.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp vô tướng, vô tác, thế nào đầy đủ bố thí ba la mật nhẫn đến đầy đủ tám mươi tùy hình hảo?

- Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, dùng tâm vô tướng, tâm vô lậu mà hành bố thí: người cần ăn cho ăn, nhẫn đến cần dùng đến thứ gì đều cung cấp cho tất cả, hoặc vật ngoài thân, vật trong thân, hoặc cắt xẻ thân thể, hoặc quốc thành thê tử đều bố thí cho chúng sanh.

Nếu có người đến bảo: Cần chi bố thí như vậy, không có lợi ích gì.

Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật này nghĩ rằng dầu người này đến trách tôi bố thí nhưng vẫn không hối hận, tôi phải siêng bố thí, chẳng nên chẳng ban cho, bố thí xong cùng chung tất cả chúng sanh hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề. Cũng chẳng thấy có những tướng người thí, người thọ, vật thí, người hồi hướng, pháp hồi hướng, chỗ hồi hướng là Vô Thượng Bồ Đề. Đều không thấy có những tướng đó. Tại sao? Vì tất cả pháp do nội không nên không, do ngoại không nên không, do nội ngoại không nên không, do không không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô thỉ không, tán không, nhứt thiết pháp không, tự tướng không nên không. Lúc quán như vậy nghĩ rằng: Ai hồi hướng? Hồi hướng chỗ nào? Dùng pháp gì để hồi hướng? Đây gọi là chánh hồi hướng.

Bấy giờ Bồ Tát hay thành tựu chúng sanh, hay tịnh Phật quốc độ, hay đầy đủ sáu ba la mật, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, ba tam muội nhẫn đến mười tám pháp bất cộng.

Bồ Tát này đầy đủ Bố thí ba la mật mà chẳng hưởng thọ quả báo thế gian.

Thí như Trời Tha Hóa Tự Tại tùy ý cần dùng thứ gì đều liền được cả. Cũng vậy, Bồ Tát tâm nguyện những gì liền được như ý.

Do quả báo bố thí đó, đại Bồ Tát hay cúng dường chư Phật, cũng hay ban đầy đủ tất cả chúng sanh Trời, Người, A tu la.

Bồ Tát này dùng bố thí ba la mật nhiếp lấy chúng sanh. Dùng sức phương tiện đem pháp tam thừa độ chúng sanh khỏi sanh tử.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát ở trong những pháp vô tướng, vô đắc, vô tác mà đầy đủ Bố thí ba la mật như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Thế nào là Đại Bồ Tát ở trong pháp vô tướng, vô đắc, vô tác mà **đầy đủ Trì giới ba la mật?**

Lúc hành trì giới ba la mật, Đại Bồ Tát trì các thứ giới. Đó là thánh vô lậu giới nhập bát thánh đạo phần, giới tự nhiên, giới báo đắc, giới thọ đắc, giới tâm sanh, tất cả những giới đây đều chẳng thiếu, chẳng phá, chẳng tạp, chẳng trược, chẳng chấp. Là giới tự tại, là giới của người trí ca ngợi. Dùng giới này mà không chỗ nắm lấy hoặc sắc hoặc thọ, tưởng, hành, thức, hoặc ba mươi hai tướng, hoặc tám mươi tùy hình hảo, hoặc dòng lớn Sát Đế Lợi, Bà La Môn, Cư SĨ, hoặc Trời Tứ Vương, Trời Đao Lợi, Trời Dạ Ma, Trời Đâu Suất, Trời Hóa Lạc, Trời Tha Hóa Tự Tại, Trời Cõi Sắc, Trời Vô Sắc, hoặc quả Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật, hoặc Chuyển Luân Thánh Vương. Chỉ vì tất cả chúng sanh mà cùng họ hồi hướng Vô

Thượng Bồ Đề. Bởi vô tướng, vô đắc, vô nhị mà hồi hướng là pháp thế tục, chẳng phải đệ nhứt thiệt nghĩa.

Bồ Tát này đầy đủ Trì giới ba la mật, dùng sức phương tiện khởi tứ thiền, vì không tham mê nơi thiền nên được năm thần thông. Nhơn tứ thiền mà được thiên nhãn. Bồ Tát này có hai thiên nhãn: tu đắc và báo đắc.

Được thiên nhãn rồi, Bồ Tát này thấy phương đông chư Phật hiện tại nhẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề, chín phương kia cũng đều thấy như vậy. Những sự đã thấy không sai, không quên.

Bồ Tát này dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn hai thường, nghe chư Phật mười phương thuyết pháp. Chỗ được nghe không sai, không quên, hay lợi ích mình và người.

Dùng tha tâm trí, Bồ Tát này biết tâm của chư Phật mười phương và biết tâm của tất cả chúng sanh, cũng hay làm lợi ích tất cả chúng sanh.

Dùng túc mạng trí, Bồ Tát này biết những nghiệp nhơn quá khứ, vì nghiệp nhơn duyên chẳng mất nên chúng sanh đó sanh nơi nào ở đây đều biết rõ.

Dùng lậu tận trí, Bồ Tát này làm cho chúng sanh được những quả Tu Đà Hoàn đến A La Hán, Bích Chi Phật. Chỗ nào nơi nào cũng đều có thể làm cho chúng sanh vào trong pháp lành.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát ở trong các pháp vô tướng, vô đắc, vô tác mà đầy đủ Thi la ba la mật".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ Tát ở trong các pháp vô tướng, vô đắc, vô tác mà có thể **đầy đủ nhẫn nhục ba la mật**?".

- Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát từ lúc mới phát tâm đến nay, mãi đến lúc ngồi đạo tràng, trong thời gian đó có bị bất luận chúng sanh nào đến đánh đập chém giết, Bồ Tát này chẳng sanh lòng giận dù chỉ là một niệm.

Bồ Tát là phải tu hai thứ nhẫn.

Một là chẳng sanh lòng giận thù đối với bất luận chúng sanh nào đến mắng chửi, đánh đập, chém giết. ***(Phần này đã nói trước đây rồi)***

Hai là tất cả pháp vô sanh.

Bồ Tát sanh pháp nhẫn, nếu lúc bị người đến mắng chửi, đánh đập, Bồ Tát phải suy nghĩ như vầy: Mắng ta là ai? Ai chê, ai đánh, ai đập? Ai nhận chịu? Bồ Tát phải suy gẫm thiệt tánh của các pháp, đó là rốt ráo không, không pháp, không chúng sanh. Các pháp còn là bất khả đắc huống gì chúng sanh mà có. Lúc quán sát như vậy, Bồ Tát chẳng thấy người mắng, chẳng thấy người chém giết. Lúc quán sát như vậy, Bồ Tát này liền được vô sanh pháp nhẫn.

Sao gọi là vô sanh pháp nhẫn? Vì biết các pháp tướng thường chẳng sanh, các phiền não từ nào đến giờ cũng thường chẳng sanh.

An trụ trong hai thứ nhẫn này, Đại Bồ Tát có thể đầy đủ tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, đầy đủ tứ niệm xứ đến bát thánh đạo, ba môn giải thoát, mười trí lực, bốn vô úy, bốn trí vô ngại, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi.

Bồ Tát này an trụ pháp thánh vô lậu xuất thế, chẳng cùng đồng với hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật, đầy đủ thánh thần thông.

An trụ trong thánh thần thông, Bồ Tát này dùng thiên nhãn thấy chư Phật phương đông, liền được niệm Phật tam muội nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề, chín phương kia cũng vậy.

Dùng thiên nhĩ, Bồ Tát này nghe pháp của chư Phật mười phương diễn nói, rồi đem chỗ đã được nghe dạy lại chúng sanh.

Bồ Tát này cũng biết tâm chư Phật, biết tâm niệm của tất cả chúng sanh. Biết tâm của tất cả chúng sanh rồi theo tâm của họ mà thuyết pháp.

Dùng túc mạng trí, Bồ Tát này biết căn lành đời trước của tất cả chúng sanh rồi vì chúng sanh mà thuyết pháp cho họ vui mừng.

Dùng lậu tận thần thông, Bồ Tát này giáo hóa chúng sanh cho họ được thánh quả tam thừa.

Đại Bồ Tát này thật hành Bát nhã ba la mật dùng sức phương tiện thành tựu chúng sanh, đầy đủ nhứt thiết chủng trí, được Vô Thượng Bồ Đề, chuyển pháp luân.

Này Tu Bồ Đề! Ở trong pháp vô tướng, vô đắc, vô tác đầy đủ Nhẫn nhục ba la mật như vậy.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào ở trong pháp vô tướng, vô đắc, vô tác, Đại Bồ Tát có thể **đầy đủ Tinh tiến ba la mật?**

- Này Tu Bồ Đề! Lúc thật hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát thành tựu thân tinh tiến, tâm tinh tiến, nhập sơ thiền đến tứ thiền, được các thứ thần thông, hay phân một thân làm nhiều thân, nhẫn đến tay rờ mó mặt trời, mặt trăng.

Vì thành tựu thân tinh tiến, Bồ Tát này bay đến vô lượng trăm ngàn muôn thế giới cúng dường chư Phật đủ tất cả vật dụng cần thiết, cho đến lúc được Vô Thượng Bồ Đề, phước đức quả báo vẫn chẳng dứt hết.

Lúc Bồ Tát này được Vô Thượng Bồ Đề, tất cả Trời và Người ở thế gian đến ân cần cúng dường y phục, thức ăn, đồ uống, cho đến sau khi nhập Niết bàn, Xá Lợi và đệ tử được cúng dường, cũng do sức thần thông đến chỗ đức Phật để nghe, để lãnh giáo pháp, cho đến lúc được Vô Thượng Bồ Đề trọn chẳng trái, chẳng mất.

Bồ Tát này lúc tu nhứt thiết chủng trí, thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh.

Này Tu Bồ Đề! Thật hành Bát nhã ba la mật, đại Bồ Tát thành tựu thân tinh tiến hay đầy đủ Tinh tiến ba la mật như vậy.

Này Tu Bồ Đề! **Thế nào là Bồ Tát thành tựu tâm tinh tiến hay đầy đủ tinh tiến ba la mật?**

Đại Bồ Tát tâm tinh tiến, dùng tâm tinh tiến thánh vô lậu này vào tám phần thánh đạo, chẳng cho nghiệp bất thiện của thân hay khẩu được vào, cũng chẳng nắm lấy các pháp tướng là thường hay vô thường, là khổ hay vui, là ngã hay vô ngã, là hữu vi hay vô vi, là cõi Dục, cõi Sắc hay cõi Vô Sắc, là tánh hữu lậu hay tánh vô lậu, là sơ thiền nhẫn đến hay là tứ thiền, là từ, là bi hay là hỉ, là xả, là hư không vô biên xứ nhẫn đến hay là phi tưởng phi phi tưởng xứ, là tứ niệm xứ, là tứ chánh cần, là tứ như ý túc, là ngũ căn, là ngũ lực, là thất giác phần, là bát thánh đạo phần, là không, vô tướng, vô tác, là mười trí lực nhẫn đến hay là mười tám pháp bất cộng.

Bồ Tát này chẳng nắm lấy tướng là thường hay vô thường, là khổ hay vui, là ngã hay vô ngã, là quả Tu Đà Hoàn, là quảTư Đà Hàm, là quả A Na Hàm, là quả A La Hán, là đạo Bích Chi Phật, là đạo Bồ Tát, là Vô Thượng Bồ Đề, là vị Tu Đà Hoàn, là vị Tư Đà Hàm, là vị A Na Hàm, là vị A La Hán, là vị Bích Chi Phật, là vị Bồ Tát, là vị Phật.

Bồ Tát này chẳng nắm lấy tướng do chúng sanh này dứt kiết sử ba cõi nên được quả Tu Đà hoàn, vì chúng sanh này tam độc mỏng nên được quả Tư Đà Hàm, vì chúng sanh này dứt kiết tập cõi Dục nên được quả A Na Hàm, vì chúng sanh này dứt kiết tập cõi trên nên được quả A La Hán, vì chúng sanh này dùng đạo Bích Chi Phật, vì chúng sanh này hành đạo chủng trí nên gọi là Bồ Tát.

Cũng chẳng nắm lấy những pháp tướng này. Tại sao? Vì chẳng nên đem tánh nắm lấy tướng, do vì là tánh không.

Dùng tâm tinh tiến này, Bồ Tát làm lợi ích rộng lớn cho chúng sanh, cũng chẳng thấy có chúng sanh ấy.

Đây là Bồ Tát đầy đủ Tinh tiến ba la mật mà đầy đủ các pháp, thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh, do vì bất khả đắc vậy.

Vì thành tựu thân tinh tiến và tâm tinh tiến, Bồ Tát này nhiếp lấy tất cả pháp lành, và vì cũng chẳng nắm lấy những pháp lành này, Bồ Tát đi từ một cõi Phật đến một cõi Phật làm lợi ích chúng sanh, hiện những thần thông tùy ý vô ngại: hoặc mưa hoa, mưa hương, hoặc trỗi các thứ kỹ nhạc, hoặc động địa, hoặc phóng ánh sáng, hoặc hiện thế giới bảy báu trang nghiêm, hoặc hiện nhiều thứ thân hình, hoặc phóng ánh sáng đại trí huệ, làm cho chúng sanh biết thánh đạo, làm cho chúng sanh rời xa sát sanh đến tà kiến, hoặc dùng việc bố thí để lợi ích chúng sanh, hoặc dùng trì giới hoặc dùng thân thể chia xẻ, hoặc đem vợ con, quốc thành, hoặc đem chính thân mình để cấp cho, tùy phương các tiện lợi làm lợi ích chúng sanh.

Này Tu Bồ Đề! Hành Bát nhã ba la mật ở trong các pháp vô tướng, vô đắc, vô tác, Đại Bồ Tát dùng thân và tâm tinh tiến, hay đầy đủ Tinh tiến ba la mật.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào ở các pháp vô tướng, vô đắc, vô tác, Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật hay đầy đủ Thiền ba la mật?

- Này Tu Bồ Đề! Trừ những thiền định của Phật, Đại Bồ Tát đều có thể đầy đủ tất cả những thiền định.

Bồ Tát này rời lìa các dục nhiễm, các pháp bất thiện, các pháp ác, do lìa dục mà hỉ lạc, có giác, có quán, nhập sơ thiền nhẫn đến nhập tứ thiền.

Bồ Tát này dùng tâm từ bi hỉ xả trùm khắp mười phương tất cả thế gian.

Bồ Tát này qua khỏi tất cả sắc tướng, dứt tướng có đối đãi, vì chẳng nghĩ nhớ tướng biệt dị mà nhập vô biên hư không xứ, nhẫn đến nhập phi tưởng phi phi tưởng xứ.

An trụ trong Thiền ba la mật, Bồ Tát này thuận và nghịch nhập bát bội xả, cửu thứ đệ định, nhập không tam muội, vô tướng tam muội, vô tác tam muội, hoặc có lúc nhập điện quang tam muội, hoặc có lúc nhập thánh chánh tam muội, hoặc có lúc nhập như kim cang tam muội.

An trụ trong Thiền ba la mật, Bồ Tát này tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo, dùng đạo chủng trí nhập tất cả thiền định, vượt qua Càn Huệ địa, Tánh địa, Bát nhơn địa, Kiến địa, Bạc địa, Ly Dục địa, Dĩ Biện địa và Bích Chi Phật địa mà vào Bồ Tát vị, khi đã nhập Bồ Tát vị rồi đầy đủ Phật địa, đi trong các địa ấy nhẫn đến lúc được Vô Thượng Bồ Đề, chẳng bao giờ ở giữa đường nắm lấy đạo quả.

An trụ trong Thiền ba la mật, Bồ Tát này từ một nước Phật đến một nước Phật cúng dường chư Phật, ở chỗ chư Phật gieo trồng căn lành thanh tịnh cõi Phật, từ một nước Phật đến một nước

Phật làm lợi ích chúng sanh, hoặc dùng bố thí nhiếp lấy chúng sanh, hoặc dùng trì giới, hoặc dùng tam muội, hoặc dùng trí huệ, hoặc dùng giải thoát, hoặc dùng tri kiến giải thoát nhiếp lấy chúng sanh, giáo hóa chúng sanh khiến họ được những pháp lành của quả Tu Đà Hoàn đến đạo Bích Chi Phật, đều có thể dạy cho chúng sanh đắc đạo.

An trụ trong Thiền ba la mật, Đại Bồ Tát này hay phát sanh tất cả môn đà la ni, được bốn trí vô ngại, được những thần thông báo đắc.

Bồ Tát này vĩnh viễn chẳng vào bào thai người mẹ, vĩnh viễn chẳng thọ ngũ dục, luôn vô sanh bất sanh, dầu có sanh cũng chẳng bị phát sanh làm ô nhiễm. Tại sao? Vì Bồ Tát này thấy tất cả pháp như huyễn ảo mà làm lợi ích chúng sanh, cũng không thấy có chúng sanh và tất cả pháp để được giáo hóa chúng sanh khiến họ được chỗ vô sở đắc vì là pháp thế tục, chẳng phải thật nghĩa đệ nhất.

An trụ Thiền ba la mật, Bồ Tát này hành tất cả thiền định, giải thoát, tam muội, nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề trọn chẳng rời lìa Thiền ba la mật.

Lúc hành đạo chủng trí như vậy, Bồ Tát này được nhứt thiết chủng trí, dứt tất cả tập khí phiền não. Dứt xong, tự lợi ích cho mình đồng thời cũng lợi ích cho người. Đã tự lợi và lợi tha rồi làm phước điền cho tất cả Trời, Người, A tu la trong đời.

Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát hay đầy đủ Thiền ba la mật vô tướng như vậy.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là an trụ trong pháp vô tướng, vô tác, vô đắc lúc hành Bát nhã ba la mật, **Đại Bồ Tát tu tập đầy đủ Bát nhã ba la mật?**

- Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát đối với các pháp chẳng thấy tướng quyết định thật. Bồ Tát này thấy sắc bất định chẳng phải thật tướng, nhẫn đến thấy thức bất định chẳng phải thật tướng, chẳng thất sắc sanh nhẫn đến chẳng thấy thức sanh.

Nếu chẳng thấy sắc sanh nhẫn đến chẳng thấy thức sanh thì với tất cả pháp hữu lậu hay vô lậu đều chẳng thấy chỗ đến, chỗ đi, cũng chẳng thấy chỗ tập học. Lúc quán sát như vậy, Bồ Tát chẳng thấy có sắc tánh nhẫn đến thức tánh, cũng chẳng thấy có tánh pháp hữu lậu và tánh pháp vô lậu.

Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã ba la mật tin hiểu tất cả pháp không có tướng. Tin hiểu như vậy rồi Bồ Tát hành nội không nhẫn đến hành vô pháp hữu pháp không, với các pháp từ sắc đến Vô Thượng Bồ Đề không nắm lấy.

Hành Bát nhã ba la mật vô sở hữu, Bồ Tát này hay đầy đủ đạo Bồ Tát, đó là sáu ba la mật nhẫn đến ba mươi bảy phẩm trợ đạo, mười trí lực, bốn vô úy, bốn trí vô ngại, mười tám pháp bất cộng, ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo.

Bồ Tát này an trụ trong không tịnh Phật đạo, đó là sáu ba la mật, ba mươi bảy pháp trợ đạo, thần thông báo đắc, dùng những pháp này làm lợi ích cho chúng sanh: nên dùng bố thí để nhiếp thì dạy họ bố thí; nên dùng trì giới để nhiếp thì dạy họ trì giới, nên dùng thiền định, trí huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến để nhiếp thì dạy họ thiền định, trí huệ, giải thoát và tri kiến giải thoát; nên dùng các đạo pháp để dạy thì dạy họ được quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán và đạo Bích Chi Phật; nên dùng Phật đạo để giáo hóa thì dạy họ được đạo

Bồ Tát đầy đủ Phật đạo. Tùy theo chỗ nên để giáo hóa chúng sanh, cho họ đều được sự lợi ích đáng được.

Lúc hiện những thứ thần thông lực như vậy, Bồ Tát đi qua vô lượng hằng sa cõi nước độ chúng sanh ra khỏi sanh tử, cung cấp những đồ cần dùng cho chúng sanh được đầy đủ, từ một cõi Phật đến một cõi Phật, thấy cõi nước thanh tịnh vi diệu để tự trang nghiêm cõi nước mình.

Như trong cung Trời Tha Hóa Tự Tại, những đồ cần dùng tùy ý hiện đến, cũng như những tịnh độ rời lìa cầu dục, Bồ Tát trang nghiêm cõi mình như vậy.

Do phước báo này, Bồ Tát được Đàn na ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tiến ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật, năm thần thông báo đắc, hành đạo Bồ Tát, đạo chủng trí, thành tựu tất cả công đức sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Lúc bấy giờ, Bồ Tát này chẳng thọ sắc nhẫn đến chẳng thọ thức, chẳng thọ tất cả pháp lành hay chẳng lành, thế gian hay xuất thế, hữu lậu hay vô lậu, hữu vi hay vô vi, tất cả pháp như vậy đều chẳng thọ.

Lúc Bồ Tát này được Vô Thượng Bồ Đề, tất cả đồ vật cần dùng sanh sống trong nước đều không có chủ. Tại sao? Vì Bồ Tát này hành chẳng thọ tất cả pháp, bởi đều bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Ở trong pháp vô tướng, Đại Bồ Tát hay đầy đủ Bát nhã ba la mật”.

---o0o---

QUYỂN THỨ HAI MƯƠI SÁU

PHẨM LỤC DỤ

(Tương đương phẩm “Pháp Nghĩa Vô Tạp”,
phần sau Q.378 đến phần đầu Q.378, kinh ĐBN)

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là ở trong các pháp vô tướng tự tướng không chẳng phân biệt mà trọn vẹn tu sáu ba la mật, đó là Thí la ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tiến ba la mật, Thiền ba la mật và Bát nhã ba la mật?

Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là ở trong pháp không biệt dị mà phân biệt nói tướng dị biệt?

Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Bát nhã ba la mật nhiếp lấy thí, giới, nhẫn, tiến và thiền?

Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là hành pháp có tướng biệt dị rồi dùng đạo nhứt tướng mà đắc quả?”.

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: “Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trong năm ấm như mộng, như hưởng, như ảnh, hư diệm, như huyễn, như hóa mà thực hành bố thí, trì giới, mà tu nhẫn nhục, tinh tiến, mà nhập thiền định, mà rèn trí huệ, biết năm ấm này như mộng, như hưởng, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa, biết năm ấm vô tướng như mộng cho đến biết năm ấm vô tướng như hóa.

Tại sao? Vì mộng không tự tánh, hưởng, ảnh, diệm, huyễn, hóa đều không tự tánh. Nếu pháp không tự tánh thì là pháp vô tướng. Nếu pháp vô tướng thì là pháp nhứt tướng, đó là vô tướng.

Này Tu Bồ Đề! Do nhơn duyên như vậy nên biết Bồ Tát **bố thí vô tướng**: người thí vô tướng, người thọ cũng vô tướng. Có thể biết bố thí như vậy thì hay đầy đủ Bố thí ba la mật nhẫn

đến hay đầy đủ Bát nhã ba la mật, hay đầy đủ tứ niệm xứ đến bát thánh đạo, hay đầy đủ nội không đến vô pháp hữu pháp không, hay đầy đủ không, vô tướng, vô tác tam muội, hay đầy đủ bát bội xả, cửu thứ đệ định, năm thần thông, năm trăm môn đà la ni, hay đầy đủ mười trí lực, bốn vô úy, bốn trí vô ngại, mười tám pháp bất cộng.

Bồ Tát này an trụ trong pháp báo đắc vô lậu hay quán vô lượng cõi nước phương Đông, nhẫn đến bay qua vộ lượng cõi nước mười phương, cúng dường chư Phật và lợi ích chúng sanh. Chúng sanh nào nên dùng bố thí để nhiếp thì dùng bố thí nhiếp họ, nên dùng trì giới để nhiếp thì dùng trì giới để dạy họ, nên dùng nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí huệ để nhiếp thì dạy họ nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí huệ, nhẫn đến nên dùng các thứ pháp lành để nhiếp thì dùng các thứ pháp lành để nhiếp lấy họ.

Bồ Tát này thành tựu tất cả pháp lành như vậy thọ thân thế gian chẳng bị thế gian sanh tử làm vô tướng, vô tác, vô đắc nhiễm. Do vì chúng sanh nên Bồ Tát ở trên trời, trong Người thọ sự tôn quý giàu vui, đem sự tôn quý giàu vui này nhiếp lấy chúng sanh.

Vì Bồ Tát này biết tất cả pháp vô tướng nên biết quả Tu Đà hoàn mà chẳng an trụ trong đó, biết quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, đạo Bích Chi Phật mà chẳng an trụ trong đó. Tại sao? Vì Bồ Tát này dùng nhứt thiết chủng trí biết tất cả pháp rồi sẽ phải được nhứt thiết chủng trí nên chẳng cùng đồng với hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật.

Này Tu Bồ Đề! **Đại Bồ Tát biết tất cả pháp vô tướng như vậy rồi biết sáu ba la mật vô tướng nhẫn đến biết tất cả Phật pháp vô tướng.**

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trong năm ấm như mộng, như hưởng, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa thì hay đầy đủ **Giới ba la mật vô tướng**. Giới này chẳng thiếu, chẳng hư, chẳng tạp, chẳng chấp, là giới vô lậu mà thánh nhơn khen ngợi vào tám phần thánh đạo. An trụ trong giới này trì tất cả giới, đó là danh tự giới, tự nhiên giới, luật nghi giới(1), tác giới, vô tác giới(2), oai nghi giới, phi oai nghi giới(3).

Đại Bồ Tát này thành tựu các giới chẳng nguyện cầu sanh vào dòng lớn Sát Đế Lợi, Bà La Môn, Cư Sĩ, cũng chẳng nguyện cầu sanh vào nhà Tiểu Vương hay Chuyển Luân Thánh Vương, chẳng nguyện cầu sanh các cõi Trời, chẳng nguyện cầu được quả Thanh Văn, đạo Bích Chi Phật. Tại sao? Vì tất cả pháp vô tướng đó là nhứt tướng, pháp vô tướng không thể được pháp vô tướng, pháp hữu tướng không thể được pháp hữu tướng, pháp hữu tướng không thể được pháp vô tướng, pháp vô tướng không thể được pháp hữu tướng.

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát này lúc hành Bát nhã ba la mật như vậy hay đầy đủ Giới ba la mật mà vào Bồ Tát vị, vào Bồ Tát vị rồi được sanh vô pháp nhẫn, hành đạo chủng trí, được báo đắc năm thần thông, an trụ năm trăm môn đà la ni, được bốn trí vô ngại, từ một cõi Phật đến một cõi Phật cúng dường chư Phật, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, dầu vào trong năm đường chúng sanh mà nghiệp báo sanh tử không làm nhiễm vô tướng, vô tác, vô đắc được.

Này Tu Bồ Đề! Ví như hóa Chuyển Luân Thánh Vương dầu ngồi, nằm, đi, đứng chẳng thấy chỗ đến, chẳng thấy chỗ đi, chẳng thấy chỗ đứng, chỗ ngồi, chỗ nằm mà hay lợi ích chúng sanh, cũng chẳng thấy có chúng sanh. Bồ Tát này cũng như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Ví như Tu Phiến Đa Phật được Vô Thượng Bồ Đề vì ba thừa mà chuyển pháp luân, không có ai được thọ ký Bồ Tát, hóa làm Phật rồi xả thọ mạng nhập vô dư Niết Bàn.

Bồ Tát lúc hành Bát nhã ba la mật cũng như vậy, hay đầy đủ Giới ba la mật. Đầy đủ Giới ba la mật rồi nhiếp tất cả pháp lành.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát an trụ trong năm ấm như mộng, như hưởng, như ảnh như diệm, như huyễn, như hóa, đầy đủ **Nhẫn ba la mật vô tướng**.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trong hai thứ nhẫn thì có thể đầy đủ Nhẫn ba la mật, đó là sanh nhẫn và pháp nhẫn. Từ lúc mới phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng, nếu có bất luận chúng sanh nào đến mắng chửi, đánh đập, chém giết Bồ Tát, Bồ Tát này vì muốn đầy đủ Nhẫn ba la mật nên chẳng sanh lòng giận thù, dầu chỉ một niệm.

Bồ Tát này suy nghĩ như vầy: Ai mắng ta? Ai đánh ta? Ai chém ta?

Tại sao vậy? Vì Bồ Tát này ở trong tất cả pháp được vô tướng nhẫn, nên chẳng bao giờ nghĩ rằng người đó mắng ta, hại ta.

Nếu thật hành như vậy, Đại Bồ Tát hay đầy đủ Nhẫn ba la mật. Do đầy đủ Nhẫn ba la mật nên được vô sanh pháp nhẫn".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là vô sanh pháp nhẫn? Nhẫn này đoạn dứt những gì và biết những gì?".

Đức Phật bảo Ngài tu Bồ Đề: "Này Tu Bồ Đề! Được pháp nhẫn, nhẫn đến chẳng sanh mảy may pháp chẳng lành nên gọi là vô sanh pháp nhẫn. Tất cả phiền não sở đoạn của Bồ Tát đều hết, đó gọi là đoạn dứt. Dùng trí huệ biết tất cả pháp chẳng sanh, đây gọi là biết".

- Bạch đức Thế Tôn! Vô sanh pháp nhẫn của hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật cùng vô sanh pháp nhẫn của Bồ Tát có gì khác nhau?

- Này Tu Bồ Đề! Hoặc trí hoặc đoạn của Tu Đà Hoàn gọi là nhẫn của Bồ Tát, hoặc trí hoặc đoạn của Tư Đà Hàm gọi là nhẫn của Bồ Tát, hoặc trí hoặc đoạn của A Na Hàm gọi là nhẫn của Bồ Tát, hoặc trí hoặc đoạn của A La Hán gọi là nhẫn của Bồ Tát, hoặc trí hoặc đoạn của Bích Chi Phật gọi là nhẫn của Bồ Tát, đó là sai khác.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát thành tựu nhẫn này hơn cả hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật.

An trụ trong báo đắc vô sanh nhẫn này, Đại Bồ Tát hành Bồ Tát đạo đầy đủ đạo chủng trí. Vì đầy đủ đạo chủng trí nên thường chẳng rời lìa ba mươi bảy phẩm trợ đạo nhẫn đến không, vô tướng, vô tác tam muội, thường chẳng rời lìa năm thần thông. Vì chẳng rời lìa năm thần thông nên hay thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ. Thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ xong sẽ được nhứt thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát đầy đủ Nhẫn ba la mật vô tướng như vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ trong năm ấm vô tướng như mộng, như hưởng, như ảnh như diệm, như huyễn, như hóa mà **thực hành thân tinh tiến và tâm tinh tiến.**

Do thân tinh tiến mà khởi thần thông. Do khởi thần thông mà đến thế giới mười phương cúng dường chư Phật, lợi ích chúng sanh. Dùng sức thân tinh tiến mà giáo hóa chúng sanh cho họ an trụ nơi ba thừa.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật hay đầy đủ Tinh tiến ba la mật vô tướng như vậy.

Bồ Tát này do tâm tinh tiến, tinh tiến vô lậu của bực thánh mà nhập trong tám phần thánh đạo, hay đầy đủ Tinh tiến ba la mật. Tinh tiến ba la mật này nhiếp hết tất cả pháp lành, những là

tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác phần, bát thánh đạo, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, bát bội xả, cửu thứ đệ định, mười trí lực, bốn vô úy, bốn trí vô ngại, mười tám pháp bất cộng. Bồ Tát thật hành những pháp lành trong đây tất phải đầy đủ nhứt thiết chủng trí.

Đầy đủ nhứt thiết chủng trí rồi dứt tất cả tập chủng phiền não, đầy đủ ba mươi hai tướng, thân phóng vô lượng vô đẳng quang minh.

Phóng quang minh rồi chuyển ba lần mười hai hành pháp luân(ba lần chuyển pháp luân với 12 hành pháp).

Do chuyển pháp luân nên Đại Thiên thế giới chấn động sáu cách, quang minh chiếu khắp Đại Thiên thế giới.

Chúng sanh trong Đại Thiên thế giới nghe âm thanh thuyết pháp đều được do ba thừa mà được độ thoát.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trong Tinh tiến ba la mật hay lợi ích lớn cho chúng sanh, hay đầy đủ nhứt thiết chủng trí như vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ trong năm ấm vô tướng như mộng, như hưởng, như ảnh như diệm, như huyễn, như hóa, hay **đầy đủ Thiền ba la mật**.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát nhập sơ thiền nhẫn đến nhập đệ tứ thiền, nhập tứ vô lượng tâm: từ, bi, hỉ, xả, nhập hư không vô biên xứ nhẫn đến nhập phi tưởng phi phi tưởng xứ, nhập không tam muội đến nhập vô tướng, vô tác tam muội, nhập điện quang tam muội, nhập như kim cang tam muội, nhập thánh chánh tam muội. Trừ tam muội của chư Phật, những tam muội khác, hoặc những tam muội cùng đồng Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát này đều chứng, đều nhập. Dầu nhập nhưng cũng chẳng thọ mùi vị tam muội, cũng chẳng thọ quả tam muội.

Tại sao? Vì Bồ Tát này biết những tam muội ấy không tướng, không tánh sở hữu thì có đâu lại ở trong pháp không tướng mà thọ mùi vị pháp không tướng mà thọ mùi vị pháp không tướng, ở trong pháp vô sở hữu mà thọ mùi vị pháp vô sở hữu.

Nếu chẳng thọ mùi vị thì chẳng theo sức của thiền định sanh trời cõi Sắc hay Vô sắc.

Tại sao? Vì Bồ Tát này chẳng thấy hai cõi ấy, cũng chẳng thấy thiền định ấy, cũng chẳng thấy người nhập thiền, cũng chẳng thấy ngươi dùng pháp ấy nhập thiền, chẳng thấy chỗ nhập thiền.

Nếu ở nơi pháp ấy mà chẳng có được. Bấy giờ Bồ Tát liền hay đầy đủ Thiền na ba la mật vô tướng.

Bồ Tát dùng Thiền na ba la mật vô tướng này có thể vượt hơn bực Thanh Văn, Bích Chi Phật.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ Tát do đầy đủ Thiền ba la mật vô tướng mà hay vượt hơn bực Thanh Văn, Bích Chi Phật.

- Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát này khéo học nội không, khéo học ngoại không, nhẫn đến khéo học vô pháp hữu pháp không. Nơi các thứ không ấy, không có pháp để làm chỗ an trụ được, như hoặc là quả Tu Đà Hoàn, hoặc là quả Tư Đà Hàm, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí. Những pháp không này cũng không.

Đại Bồ Tát thật hành những pháp không như vậy hay vào trong bực Bồ Tát.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là bực đại Bồ Tát? Thế nào là chẳng phải bực?

- Này Tu Bồ Đề! Tất cả sở hữu đắc là chẳng phải bực Bồ Tát. Tất cả vô sở đắc là bực Bồ Tát.

- Bạch đức Thế Tôn! Những gì là hữu sở đắc? Những gì là vô sở đắc?

- Này Tu Bồ Đề! Sắc là hữu sở đắc, thọ, tưởng, hành, thức là hữu sở đắc. Nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý là hữu sở đắc, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí là hữu sở đắc. Đây là chẳng phải bực Bồ Tát.

Này Tu Bồ Đề! Bực Bồ Tát là các pháp ấy chẳng chỉ bày được, chẳng nói phô được.

Các pháp nào chẳng chỉ bày được? Đó là sắc nhẫn đến nhứt thiết chủng trí.

Tại sao?

Này Tu Bồ Đề! Sắc tánh là chẳng chỉ được, chẳng nói được, nhẫn đến nhứt thiết chủng trí tánh là chẳng chỉ được, chẳng nói được. Như thế gọi là Bồ Tát.

Bồ Tát vào trong bực Bồ Tát rồi, tất cả thiền định tam muội đầy đủ còn chẳng theo sức của thiền định để sanh, huống là an trụ trong tham, sân, si, để sanh khởi những tội nghiệp ư?

Bồ Tát an trụ trong pháp như huyễn lợi ích cho chúng sanh, nhưng cũng chẳng thấy có chúng sanh, cũng chẳng thấy có huyễn. Nếu tất cả không thấy có được thì hay thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ.

Này Tu Bồ Đề! Như thế gọi là Bồ Tát đầy đủ Thiền ba la mật vô tướng hay chuyển pháp luân, đó là pháp luân không có được.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành **Bát nhã ba la mật biết** tất cả pháp như mộng, như hưởng, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ Tát biết tất cả pháp như mộng, như hưởng, như ảnh như diệm, như huyễn, như hóa?

- Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát chẳng thấy mộng, chẳng thấy người thấy mộng, chẳng thấy hưởng, chẳng thấy người nghe hưởng, chẳng thấy ảnh, chẳng thấy người thấy ảnh, chẳng thấy diệm, chẳng thấy người thấy diệm, chẳng thấy huyễn, chẳng thấy hóa, chẳng thấy người thấy hóa.

Tại sao? Vì những mộng, hưởng, ảnh, diệm, huyễn và hóa ấy là pháp điên đảo của kẻ phàm, người ngu vậy.

A La Hán chẳng thấy mộng, chẳng thấy người thấy mộng, nhẫn đến chẳng thấy hóa, chẳng thấy người thấy hóa.

Bích Chi Phật, Đại Bồ Tát và chư Phật đều cũng chẳng thấy mộng, chẳng thấy người thấy mộng, nhẫn đến chẳng thấy hóa, chẳng thấy người thấy hóa.

Tại sao? Vì tất cả pháp không có tánh sở hữu, chẳng sanh, chẳng định.

Nếu là pháp không có tánh sở hữu, chẳng sanh, chẳng định thì thế nào Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật lại ở trong ấy nắm lấy tướng sanh, tướng định, việc ấy chẳng phải vậy.

Thiệt vậy, này Tu Bồ Đề! Hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát chẳng trước chấp nơi sắc nhẫn đến chẳng trước chấp nơi thức, chẳng trước chấp Dục, Sắc, Vô sắc ba cõi, chẳng trước chấp các thiền, các giải thoát tam muội, chẳng trước chấp tứ niệm xứ nhẫn đến bát thánh đạo, chẳng chấp trước không tam muội, vô tướng tam muội, vô tác tam muội, chẳng chấp trước Đàn na ba la mật nhẫn đến Bát nhã ba la mật.

Do vì chẳng chấp trước nên hay đầy đủ Bồ Tát sơ địa. Trong sơ địa cũng chẳng trước chấp.

Tại sao? Vì Bồ Tát này còn chẳng thấy có được địa ấy, huống là sanh lòng trước chấp! Nhẫn đến thập địa cũng vậy.

Đại Bồ Tát này hành Bát nhã ba la mật cũng chẳng thấy có được Bát nhã ba la mật.

Nếu lúc hành Bát nhã ba la mật chẳng thấy có được Bát nhã ba la mật, thì lúc ấy thấy tất cả pháp đều vào trong Bát nhã ba la mật, cũng chẳng thấy có được các pháp ấy. Vì các pháp ấy cùng Bát nhã ba la mật không hai, không khác.

Tại sao? Vì các pháp vào trong như, pháp tánh, thật tế nên là vô phân biệt.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp vô tướng, vô phân biệt sao lại nói là thiện, là bất thiện, là hữu lậu, là vô lậu, là thế gian, là xuất thế gian, là hữu vi là vô vi?

- Này Tu Bồ Đề! Theo ý ông thế nào? Trong thật tướng của các pháp, có pháp nào nói được là thiện, là bất thiện, nhẫn đến hữu vi, vô vi chăng? Có pháp nào nói được là quả Tu Đà Hoàn, nhẫn đến A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, Vô Thượng Bồ Đề chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Chẳng nói được.

- Này Tu Bồ Đề! Vì nhơn duyên như vậy nên phải biết tất cả pháp vô tướng, vô phân biệt, không sanh, không định, chẳng chỉ bày, nói phô được.

Này Tu Bồ Đề! Ngày trước lúc ta hành Bồ Tát đạo, cũng không có pháp nào có tánh được hoặc là sắc, hoặc là thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến hoặc là hữu vi hoặc là vô vi, hoặc là quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật từ lúc mới phát tâm đến lúc thành Vô Thượng Bồ Đề phải khéo học các pháp tánh.

Vì khoa học các pháp tánh nên gọi là đạo Vô Thượng Bồ Đề.

Hành đạo ấy hay đầy đủ sáu ba la mật, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ.

An trụ trong pháp ấy được Vô Thượng Bồ Đề, dùng pháp tam thừa độ thoát chúng sanh, cũng chẳng chấp trước pháp tam thừa.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát dùng pháp vô tướng phải học Bát nhã ba la mật như vậy".

Thích nghĩa:

(1). Luật nghi giới (Phạm: Saôvara-zìla) còn gọi là nhiếp luật nghi giới, cũng gọi Tự tính giới, Nhất thiết bồ tát giới. Là một trong Tam tụ tịnh giới. Nhiếp hàm ý là thâu tóm hết, tức là tuân thủ tất cả các loại giới luật do đức Phật chế định, tích thiện ngừa ác; là giới pháp do 7 chúng(tỉ khưu, tỉ khưu ni, thức xoa ma na, sa di, sa di ni, ưu bà tắc, ưu bà di) thụ trì, gồm có 5 giới, 8 giới, 10 giới và Cụ túc giới... Theo Thích môn qui kính nghi quyển thượng thì Nhiếp luật nghi giới có công năng đoạn trừ các điều ác, là nhân của pháp thân.(X. kinh Bồ tát địa trì Q.4; luận Du già sư địa Q.40; luận Thành duy thức Q.9). Phật Quang từ điển.

(2). Tác và vô tác giới còn gọi là Hữu biểu giới vô biểu giới: Giới câm cốt ngăn ngừa nghiệp có thể xảy ra hay sẽ xảy ra. Phật Quang từ điển giải thích biểu và vô biểu như sau: Biểu vô biểu là nói tắt của Biểu nghiệp (Phạm: Vijĩapti-karman) và Vô biểu nghiệp (Phạm: Avijĩapti-karman). Cũng gọi Hữu biểu nghiệp vô biểu nghiệp, Hữu biểu sắc vô biểu sắc, Tác vô tác, Giáo vô giáo. Nghiệp biểu hiện ra ở ngoài khiến người khác biết rõ, là Biểu nghiệp; nghiệp không hiển hiện ra bên ngoài và người khác không biết được, là Vô biểu nghiệp. Nghĩa là những hành vi biểu hiện

ra bên ngoài, như động tác của cơ thể, lời nói, âm thanh, khiến người khác thấy được, nghe được, gọi là Biểu nghiệp. Trái lại, nghiệp do thân, ngữ dẫn khởi, nó có công năng cản trở thiện hoặc ác, nhưng người khác không thấy được, gọi là Vô biểu nghiệp. Thuyết nhất thiết hữu bộ của Tiểu thừa chủ trương: trong ba nghiệp thân, ngữ, ý thì chỉ có thân nghiệp, ngữ nghiệp là có biểu nghiệp và vô biểu nghiệp. Và cho rằng thân biểu nghiệp lấy hình sắc làm thể, ngữ biểu nghiệp lấy âm thanh làm thể, Vô biểu nghiệp lấy sắc ở trong pháp xứ làm thể, đều là pháp có thật. Còn đối với Ý nghiệp thì không lập Biểu nghiệp, Vô biểu nghiệp. Biểu nghiệp thông cả ba tính thiện, ác, vô kí, nó do Tầm, Tứ phát khởi, cho nên nó tồn tại ở cõi Dục và Sơ thiền. Vô biểu nghiệp thì chỉ thông với hai tính thiện, ác, nên nó chỉ tồn tại ở cõi Dục và cõi Sắc. Các nhà Duy thức Đại thừa thì cho rằng vì ý nghiệp có khả năng biểu thị tự ngã trong nội tâm, nên không lập vô biểu nghiệp (có thuyết nói cũng lập vô biểu nghiệp) và chủ trương thể của biểu nghiệp và vô biểu nghiệp đều là có giả. Luận Thành duy thức quyển 1 (Đại 31, 4 hạ), nói: Thân biểu nghiệp chẳng phải có thật, nhưng vì tâm là nhân, khiến biến hiện ra các sắc tướng nối nhau sinh diệt, chuyển đến các phương khác, tựa hồ như có động tác biểu thị tâm, nên mới tạm gọi là Thân biểu. Ngữ biểu cũng chẳng phải thật có tính của tiếng nói, vì trong một sát na tiếng nói không bày tỏ rõ ràng được, mà phải trải qua nhiều sát na nối tiếp nhau, cho nên tính của tiếng nói chẳng phải có thật. Vì sắc hữu đối ở bên ngoài trước đã bị phá, nhưng vì tâm là nhân, nên thức mới biến ra tựa hồ như có tiếng nói, rồi sinh diệt liên tục dường như có biểu thị, nên tạm gọi là Ngữ biểu. [X. kinh Ưu bà tắc giới Q.6; luận Câu xá Q.13; luận Thuận chính lí Q.33; luận Đại tì bà sa Q.122, Q.123; luận Thành duy thức Q.8; luận Du già sư địa Q.53; luận Tạp a tì đàm tâm Q.3; Đại thừa pháp uyển nghĩa lâm chương Q.3 phần cuối]. (xt. Nghiệp).

*(3). **Oai nghi giới*** và ***Phi oai nghi giới:*** *Oai nghi giới và phi oai nghi giới: Oai nghi giới là giử thân oai nghi trong khi đi, đứng, nằm, ngồi lúc nào cũng tỏ ra mẫu mực, mô phạm… lấy thân làm thân giáo. Phi oai nghi giới: Giử giới để lừa phỉnh, dối gạt người để được cung kính, lợi dưỡng, danh vọng…*

---o0o---

PHẨM TỨ NHIẾP
THỨ BẢY MƯƠI TÁM

(Tương đương với phẩm "Pháp nghĩa Không Tạp" và phẩm "Các Tướng Công Đức", phần sau Q.378 cho đến phần đầu Q.383, ĐBN).

Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp như mộng, như hưởng, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa, không có thật sự, không có tánh, tự tướng rỗng không, thì làm thế nào phân biệt là pháp lành, pháp chẳng lành, là pháp thế gian, là pháp xuất thế gian, là pháp hữu lậu, là pháp vô lậu, là pháp hữu vi, là pháp vô vi, là pháp hay được quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, là pháp hay được đạo Bích Chi Phật, là pháp hay được Vô Thượng Bồ Đề?"

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Kẻ phàm, người ngu có mộng, có người thấy mộng, nhẫn đến có hóa, có người thấy hóa. Họ phát khởi thân, khẩu, ý gây nghiệp thiện, nghiệp bất thiện, nghiệp vô ký, nghiệp phước, nghiệp tội, nghiệp bất động.

Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật an trụ trong hai thứ không: tất cánh không (1)và vô thỉ không(2), vì chúng sanh mà thuyết pháp rằng:

Các chúng sanh này! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức rỗng không, không có sở hữu; thập nhị nhập, thập bát giới rỗng không, không có sở hữu.

Sắc thọ, tưởng, hành, thức, thập nhị nhập, thập bát giới là mộng, là hưởng, là ảnh, là diệm, là huyễn, là hóa.

Trong đó không có năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, không có mộng(giấc mơ) cũng không có người thấy mộng, không có hưởng(tiếng vang) cũng không có người nghe hưởng, không có ảnh(bóng) cũng không có người thấy ảnh, không có diệm(như tia chớp) cũng không có người thấy diệm, không có huyễn (trò ảo thuật)cũng không có người thấy huyễn, không có hoá(sự biến hóa) cũng không có người thấy hóa.

Tất cả pháp không có căn bổn, thật tánh vô sở hữu.

Các người ở trong không có ấm lại thấy có ấm(ngũ ấm), không có nhập(12 xứ) lại thấy có nhập, không có giới(18 gioi) lại thấy có giới.

Tất cả pháp ấy đều từ nhơn duyên hòa hợp mà sanh. Do tâm điên đảo mà khởi, thuộc nghiệp quả báo.

Tại sao các người ở trong những pháp rỗng không, không có căn bổn mà lại nắm lấy tướng căn bổn?

Lúc bấy giờ Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật dùng sức phương tiện ở trong pháp xan tham mà cứu thoát chúng sanh ra, dạy họ thực hành Đàn na ba la mật, giữ công đức bố thí này được phước báo lớn. Từ nơi phước báo lớn cứu thoát ra, dạy họ trì giới, nương công đức trì giới, được sanh chỗ tôn quý trên Trời. Rồi lại cứu thoát ra, dạy họ an trụ sơ thiền, do công đức sơ thiền, sanh Trời Phạm Thiên, nhẫn đến dạy họ an trụ nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, không vô biên xứ, thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ, phi phi tưởng xứ cũng như vậy.

Chúng sanh thực hành bố thí ấy và quả báo bố thí, trì giới và quả báo trì giới, thiền định và quả báo thiền định, từ nơi đó mà cứu thoát họ, đặt họ nơi vô dư Niết Bàn, đó là tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác phần, bát thánh đạo phần, không, vô tướng, vô tác giải thóat môn, bát bội xả, cửu thứ đệ định, thập lực, tứ vô úy, tứ vô ngại trí, thập bát bất cộng pháp.

Bồ Tát làm an ổn chúng sanh, cho họ an trụ trong pháp vô lậu của bực thánh, không sắc, không hình, không đối.

Có ai có thể được quả Tu Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, đạo Bích Chi Phật thì Bồ Tát an ổn giáo hóa, làm cho họ an trụ quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, đạo Bích Chi Phật.

Có ai có thể được Vô Thượng Bồ Đề thì Bồ Tát an ổn giáo hóa làm cho họ an trụ Vô Thượng Bồ Đề".

- Bạch đức Thế Tôn! Chư Đại Bồ Tát là hi hữu khó theo kịp. Các Ngài hay thực hành Bát nhã ba la mật sâu xa này.

Các pháp không có tánh là rốt ráo không, vô thỉ không, mà các ngài phân biệt các pháp là thiện, là bất thiện, là hữu lậu, là vô lậu, nhẫn đến là hữu vi là vô vi.

- Đúng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Chư Đại Bồ Tát rất là hi hữu khó theo kịp, hay thật hành Bát nhã ba la mật sâu xa này. Các pháp không có tánh, rốt ráo không, vô thỉ không, mà các Ngài phân biệt các pháp.

Này Tu Bồ Đề! Nếu các ông biết pháp của Đại Bồ Tát này là rất hi hữu khó theo kịp, thì biết rằng tất cả hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật chẳng có thể được, huống là người khác.

- Bạch đức Thế Tôn! Những gì là pháp hi hữu khó theo kịp của Đại Bồ Tát mà tất cả hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật không thể có được?

- Này Tu Bồ Đề! Nên nhứt tâm lắng nghe**. Có Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật an trụ trong báo đắc sáu ba la mật, và an trụ trong báo đắc ngũ thần thông, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, các đà la ni, các trí vô ngại, đi qua đến cõi nước mười phương, có ai đáng dùng bố thí được độ thì dùng bố thí nhiếp họ, có ai dùng trì giới được độ thì dùng trì giới nhiếp họ, có ai đáng dùng nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí huệ để nhiếp họ. Có ai đáng dùng sơ thiền được độ thì dùng sơ thiền để nhiếp họ. Có ai đáng dùng nhị thiền, tam thiền nhẫn đến phi phi tưởng xứ được độ thì theo chỗ thích ứng mà nhiếp lấy họ. Có ai nên dùng từ, bi, hỉ, xả được độ thì dùng từ bi hỉ xả để nhiếp họ. Cá ai nên dùng tứ niệm xứ, tứ chánh cần, có ai nên dùng tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác phần, bát thánh đạo phần, không tam muội, vô tác tam muội được độ thì theo chỗ thích ứng để nhiếp lấy họ.**

- Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát dùng bố thí lợi ích chúng sanh thế nào?

- Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát **bố thí** tùy chỗ chúng sanh cần dùng mà cung cấp tất cả cho họ, như là thức ăn, món uống, Nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, y phục, xe ngựa, hương hoa, anh lạc v.v… đồng như cúng dường chư Phật, A La Hán, A Na Hàm, Tư Đà hàm, Tu Đà Hoàn không khác. Hoặc bố thí cho bực đã nhập chánh đạo, người phàm, dưới đến chim thú đều không phân biệt sai khác, bố thí đồng đẳng.

Tại sao? Vì tất cả pháp chẳng khác, chẳng phân biệt nên Bồ Tát này không khác, không phân biệt.

Bố thí như vậy rồi sẽ được báo pháp vô phân biệt, đó là nhứt thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Nếu Đại Bồ Tát thấy kẻ ăn xin mà quan niệm rằng: Phật là phước điền, ta nên cúng dường, chim thú chẳng phải là phước điền, ta chẳng nên bố thí thì chẳng phải là pháp Bồ Tát.

Tại sao? Đại Bồ Tát phát tâm Vô Thượng Bồ Đề chẳng nghĩ rằng: Chúng sanh này nên bố thí lợi ích, chúng sanh này chẳng nên bố thí, do vì bố thí chúng sanh này được sanh dòng lớn Sát Đế Lợi, Bà La Môn, Cư Sĩ, nhẫn đến do vì bố thí nên dùng pháp tam thừa độ họ vào vô dư Niết Bàn.

Nếu có chúng sanh đến xin, Bồ Tát chẳng sanh lòng phân biệt sai khác: nên cho người này, không nên cho người này.

Tại sao? Vì Bồ Tát vì những chúng sanh này mà phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, nếu còn phân biệt chọn lựa thì sa vào chỗ quở trách của chư Phật, Bồ Tát, Bích Chi Phật, Thanh Văn và tất cả Trời, Người, thế gian.

Ai thỉnh Ngài cứu tất cả chúng sanh! Ngài là nhà của tất cả chúng sanh, là chỗ hỗ trợ tất cả chúng sanh, là chỗ nương tựa của tất cả chúng sanh mà lại phân biệt, lựa chọn nên cho, chẳng nên cho.

Lại nữa, lúc Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, hoặc có người hay Phi Nhơn đến muốn cầu xin thân thể, tay chưn của Bồ Tát, bấy giờ Bồ Tát chẳng nên sanh hai lòng: nên cho hay chẳng nên cho.

Tại sao? Vì Đại Bồ Tát vì chúng sanh mà thọ thân, nay chúng sanh đến lấy đâu nên chẳng cho. Bồ Tát phải quan niệm rằng tôi vì lợi ích chúng sanh mà thọ thân này, chúng sanh chẳng xin còn phải cho họ, huống là xin mà lại chẳng cho!

Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật phải học như vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Nếu thấy có người đến xin, Đại Bồ Tát phải quan niệm: Trong đây ai cho, ai nhận, gì là vật cho? Tất cả pháp ấy đều không có tự tánh, vì là rốt ráo không vậy. Pháp không tướng thì không có cho, không có giựt. Tại sao? Vì là rốt ráo không, là nội không, là ngoại không, là nội ngoại không, là đại không, là đệ nhứt nghĩa không, là tự tướng không. **An trụ trong các thứ không ấy mà bố thí thì đầy đủ Đàn na ba la mật**. Vì đầy đủ Đàn na ba la mật nên nếu bị đâm chém thân thể hay bị cướp giựt tài vật, Bồ Tát này liền nghĩ rằng: Chặt chém ta là ai? Cướp giựt của ta là ai?

Này Tu Bồ Đề! Đức Như Lai dùng Phật nhãn thấy phương Đông có hằng sa Đại Bồ Tát, vào **địa ngục** làm cho lửa tắt, nước sôi lạnh, dùng ba sự để giáo hóa: một là thần thông, hai là biết tâm niệm kẻ khác, ba là thuyết pháp.

Bồ Tát này dùng sức thần thông làm cho trong Địa ngục lửa tắt, nước sôi lạnh, biết tâm niệm kẻ khác, dùng từ bi hỉ xả tùy ý thuyết pháp. Những chúng sanh ấy ở nơi Bồ Tát sanh lòng thanh tịnh, thoát khỏi địa ngục rồi lần lần do pháp tam thừa mà được hết khổ sanh tử.

Như phương Đông, chín phương kia cũng vậy.

Này Tu Bồ Đề! Đức Như Lai dùng Phật nhãn quan sát trong hằng sa quốc độ mười phương, thấy chư Bồ Tát hầu hạ chư Phật, cung cấp đồ cần dùng, mến kính chư Phật. Nếu chư Phật có dạy bảo thì chư Bồ Tát ấy đều hay thọ trì tất cả nhẫn đến lúc thành Vô Thượng Bồ Đề trọn chẳng quên sót.

Này Tu Bồ Đề! Đức Như Lai dùng Phật nhãn quan sát mười phương hằng sa quốc độ, thấy chư đại Bồ Tát vì **Súc sanh** mà xả thân thể phân tán các nơi, có Súc sanh nào ăn thịt của Đại Bồ Tát ấy đều sanh lòng mến kính. Do có lòng mến kính Bồ Tát nên thoát ly loài Súc sanh, được gặp chư Phật, nghe pháp tu hành, do ba thừa Thanh Văn, Bích Chi Phật và Phật pháp mà nhập vô dư Niết Bàn.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Chư Đại Bồ Tát làm lợi ích chúng sanh rất nhiều, giáo hóa chúng sanh khiến phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, đúng pháp tu hành nhẫn đến nhập vô dư Niết Bàn.

Lại này Tu Bồ Đề! Đức Như Lai dùng Phật nhãn thấy chư Đại Bồ Tát trong hằng sa quốc độ mười phương trừ những khổ đói khát của hàng **Ngạ quỉ**. Hàng Ngạ quỉ này đều kính mến Bồ

Tát. Do sự kính mến Bồ Tát này mà được thoát ly Ngạ quỉ, gặp Phật nghe pháp, tu hành đúng pháp, lần lần do ba thừa Thanh Văn, Bích Chi Phật, Phật thừa mà nhập vô dư Niết Bàn.

Đại Bồ Tát vì độ chúng sanh mà thật hành tâm đại bi như vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Đức Như Lai dùng Phật nhãn thấy chư Đại Bồ Tát ở trên **Trời Tứ Thiên Vương** thuyết pháp. Cũng thuyết pháp tại cung trời Đao Lợi, Trời Dạ Ma, Trời Đâu Suất, Trời Hóa Lạc, Trời Tha Hóa. Chư Thiên nghe Bồ Tát thuyết pháp, lần lần do ba thừa mà được diệt độ.

Này Tu Bồ Đề! Trong hàng Thiên chúng này, nếu có ai say mê ngũ dục, Bồ Tát hiện lửa nổi dậy đốt cháy cung điện họ rồi thuyết pháp cho họ: Này chư Thiên! Tất cả pháp hữu vi đều vô thường, đâu có an ổn được.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Đức Như Lai dùng Phật nhãn thấy hàng Phạm Thiên trong hằng sa quốc độ ở mười phương thế giới chấp lấy tà kiến. Chư Bồ Tát dạy họ xa rời tà kiến mà bảo rằng: Sao các Ngài ở trong các pháp hư vọng không tướng mà lại sanh tà kiến!

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát **an trụ tâm đại từ** vì chúng sanh mà thuyết pháp.

Này Tu Bồ Đề! Đó là pháp hi hữu khó theo kịp của Đại Bồ Tát vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Đức Như lai dùng Phật nhãn thấy chư Đại Bồ Tát trong hằng sa quốc độ mười phương thế giới dùng bốn sự để nhiếp lấy chúng sanh. Đó là **bố thí, ái ngữ, lợi ích và đồng sự**.

Thế nào là Bồ Tát dùng **bố thí** để nhiếp lấy chúng sanh?

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát dùng hai thứ bố thí để nhiếp lấy chúng sanh. Đó là **tài thí và pháp thí**.

Những gì là **tài thí** nhiếp lấy chúng sanh?

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát đem các thứ bảo vật: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu, kha bối, san hô v.v…, hoặc đem đồ uống ăn, Nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý phục, mền mùng, phòng nhà, đèn đuốc, hoa hương, anh lạc, hoặc con trai, con gái, hoặc bò, dê, voi, ngựa, xe cộ, hoặc đem thân thể mình mà cung cấp cho chúng sanh. Bồ Tát bảo chúng sanh rằng: Các ngươi nếu có cần dùng gì thì đến lấy như đến lấy vật của mình chớ có nghi ngại. Bố thí xong, Bồ Tát này dạy cho họ pháp tam quy: quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Hoặc dạy họ thọ ngũ giới, thọ bát trai giới, hoặc dạy sơ thiền, nhẫn đến phi tưởng, phi phi tưởng định, hoặc dạy từ bi hỉ xả, hoặc dạy niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm xả, niệm Thiên, hoặc dạy quán bất tịnh, quán xuất nhập tức, hoặc tướng hoặc xúc, hoặc dạy họ tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác phần, bát thánh đạo phần, không tam muội, vô tướng tam muội, vô tác tam muội, bát bội xả, cửu thứ đệ định, thập lực, tứ vô úy, tứ vô ngại trí, thập bát bất cộng pháp, đại từ đại bi, ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo, hoặc dạy quả Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, đạo Bích Chi Phật, hoặc dạy Vô Thượng Bồ Đề.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát dùng sức phương tiện giáo hóa chúng sanh: tài thí xong lại dạy cho họ được Niết Bàn an ổn vô thượng. Đây gọi là pháp hi hữu khó theo kịp của Đại Bồ Tát.

Này Tu Bồ Đề! Thế nào là Bồ Tát dùng **pháp thí** nhiếp chúng sanh?

Này Tu Bồ Đề! Pháp thí có hai thứ: một là thế gian, hai là xuất thế gian?

Những gì là pháp thí thế gian?

Trình bày dạy rõ pháp thế gian như là quán bất tịnh, quán xuất nhập tức, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định. Những pháp thế gian như vậy với những pháp cùng đồng với pháp sở hành của phàm phu, thì gọi là pháp thí thế gian.

Bồ Tát này pháp thí thế gian như vậy rồi dùng nhiều các giáo hóa cho họ xa rời pháp thế gian. Xa rời pháp thế gian xong, Bồ Tát dùng sức phương tiện làm cho họ được pháp vô lậu của bực Thánh và quả vô lậu của bực Thánh.

Những gì là pháp vô lậu của bực Thánh?

Những gì là quả vô lậu của bực Thánh?

Pháp vô lậu của bực Tháh là ba mươi bảy phẩm trợ đạo và ba môn giải thoát.

Quả vô lậu của bực Thánh là quả Tu Đà Hoàn, nhẫn đến quả A La Hán, đạo Bích Chi Phật, Vô Thượng Bồ Đề.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Pháp Thánh vô lậu của Đại Bồ Tát còn có trí huệ trong quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến trí huệ trong quả A La Hán, trí huệ trong đạo Bích Chi Phật, trí huệ trong ba mươi bảy phẩm trợ đạo, trí huệ trong sáu ba la mật nhẫn đến trí huệ trong đại từ đại bi.

Tất cả pháp như vậy, hoặc pháp thế gian, xuất thế gian, trí huệ, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc hữu vi, hoặc vô vi, nhứt thiết chủng trí trong pháp ấy thì gọi là pháp Thánh vô lậu của Đại Bồ Tát.

Những gì là quả Thánh vô lậu?

Dứt tất cả chủng tập phiền não thì gọi quả Thánh vô lậu.

- Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát có được nhứt thiết chủng trí chăng?

- Này Tu Bồ Đề! Đúng như vậy, Đại Bồ Tát được nhứt thiết chủng trí.

- Bạch đức Thế Tôn! Bồ Tát với Phật có những gì khác?

- Này Tu Bồ Đề! Có khác. Đại Bồ Tát được nhứt thiết chủng trí thì gọi là Phật.

Tại sao? Vì tâm Bồ Tát cùng tâm Phật không khác.

Bồ Tát an trụ trong nhứt thiết chủng trí, đối với tất cả pháp không pháp nào chẳng soi sáng.

Đây gọi là Đại Bồ Tát thế gian pháp thí.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát nhơn thế gian pháp thí mà được xuất thế gian pháp thí.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát giáo hóa chúng sanh cho họ được pháp thế gian, dùng sức phương tiện dạy cho họ được pháp xuất thế gian.

Này Tu Bồ Đề! Những gì là pháp xuất thế gian của Bồ Tát? **Những pháp chẳng cùng đồng với pháp phàm phu.** Đó là tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác phần, bát thánh đạo phần, tám giải thoát môn, bát bội xả, cửu thứ đệ định, thập lực, tứ vô úy, tứ vô ngại trí, thập bát bất cộng pháp, ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo, năm trăm đà la ni môn. Đây gọi là pháp xuất thế gian.

Này Tu Bồ Đề! Thế nào là **tứ niệm xứ**?

Đại Bồ Tát quán nội thân theo thân mà quán sát, quán ngoại thân theo thân mà quán sát, siêng năng tinh tiến dùng nhứt tâm trí huệ quán sát, quán tập nhơn của thân do nhơn duyên sanh,

quán thân diệt, quán sát hành sanh diệt của thân tập, đạo này không sở Nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý, nơi thế gian không sở thọ. Đó là thân niệm xứ.

Thọ niệm xứ, tâm niệm xứ, pháp niệm xứ cũng như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Thế nào là **tứ chánh cần**?

Những pháp ác bất thiện chưa sanh nên siêng năng tinh tiến.

Những pháp ác bất thiện đã sanh, vì dứt trừ nên siêng năng tinh tiến.

Những pháp thiện chưa sanh, vì sanh khởi nên siêng năng tinh tiến.

Những pháp thiện đã sanh, vì thêm lớn đầy đủ nên siêng năng tinh tiến. Đây gọi tứ chánh cần.

Này Tu Bồ Đề! Thế nào là **tứ như ý túc**?

Nguyện dục tam muội quyết đoán thực hành thành tựu.

Tinh tiến tam muội quyết đoán thật hành thành tựu.

Nhứt tâm tam muội quyết đoán thật hành thành tựu.

Tư duy tam muội quyết đoán thật hành thành tựu.

Đây gọi là tứ như ý túc.

Này Tu Bồ Đề! Thế nào là **ngũ căn**? Đó là tín căn, tinh tiến căn, niệm căn, định căn và huệ căn.

Này Tu Bồ Đề! Thế nào là **ngũ lực**? Đó là tín lực, tinh tiến lực, niệm lực, định lực và huệ lực.

Thế nào là **thất giác phần**? Đó là niệm giác phần, hỉ giác phần, khinh an giác phần, định giác phần và xả giác phần.

Thế nào là **bát thánh đạo phần**? Đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tiến, chánh niệm và chánh định.

Thế nào là tam tam muội? Đó là không tam muội môn, vô tướng tam muội môn và vô tác tam muội môn.

Thế nào là không tam muội? Dùng không hành và vô ngã hành để nhiếp tâm gọi là không tam muội.

Thế nào là vô tướng tam muội? Dùng tịch diệt hành và ly hành để nhiếp tâm gọi là vô tướng tam muội.

Thế nào là vô tác tam muội? Dùng vô thường hành và khổ hành để nhiếp tâm gọi là vô tác tam muội.

Thế nào là **bát bội xả**?

Trong có tướng sắc, ngoài quán sắc là bội xả thứ nhứt.

Trong không tướng sắc, ngoài quán sắc là bội xả thứ hai.

Tịnh bội xả là bội xả thứ ba.

Qua khỏi tất cả tướng sắc, diệt tướng có đối ngại, vì chẳng nghĩ đến tất cả tướng dị biệt mà quán hư không vô biên, nhập vô biên hư không xứ, là bội xả thứ tư.

Nhẫn đến qua khỏi phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, nhập diệt thọ tưởng bội xả, là bội xả thứ tám.

Thế nào là **cửu thứ đệ định**?

Hành giả rời lìa pháp ái dục, ác bất thiện có giác, có quán, ly dục, sanh hỉ lạc, nhập sơ thiền, nhẫn đến qua khỏi phi phi tưởng xứ, nhập diệt thọ tưởng định, gọi là cửu thứ đệ định.

Thế nào là **mười trí lực** của Phật?

Sức trí biết đúng thật phải chỗ, chẳng phải chỗ.

Sức trí biết đúng thật về những nghiệp, những thọ, biết chỗ tạo nghiệp, biết nhơn duyên, biết quả báo suốt thuở quá khứ, hiện tại và vị lai của chúng sanh.

Sức trí biết đúng thật tất cả thiền định, giải thoát tam muội.

Sức trí biết đúng thật căn tánh thượng, trung hay hạ của tất cả chúng sanh.

Sức trí biết đúng thật những tri kiến hiểu biết và chỗ thích muốn của tất cả chúng sanh.

Sức trí biết đúng thật những cảnh giới sai khác của tất cả chúng sanh.

Sức trí biết đúng thật chỗ đục đến của tất cả đạo hạnh.

Sức trí biết đúng thật t đời trước của tất cả chúng sanh từ một kiếp đến vô lượng kiếp.

Sức trí biết đúnh thật, dùng thiên nhãn thấy chúng sanh sanh về đường lành, đường dữ nhẫn đến nhập Niết Bàn.

Sức trí biết đúng thật vô lậu tam giải thoát.

Đây là mười trí lực của Phật”.

---o0o---

QUYỂN THỨ HAI MƯƠI BẢY

PHẨM TỨ NHIẾP
THỨ BẢY MƯƠI TÁM
(tiếp theo)

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: “Thế nào là **tứ vô sở úy**?

Đức Phật nói lời thành thiệt rằng: Ta là người nhứt thiết chánh trí. Nếu có Sa Môn hay Bà La Môn, hoặc chư Thiên, Ma Vương, Phạm Vương, hoặc người nào bảo thật rằng pháp ấy chẳng biết. Cũng chẳng thấy nhẫn đến chút tướng sợ sệt. Vi thế nên ta được an ổn, được không chỗ trụ, an trụ chỗ của bực thánh chúa, ở giữa đại chúng như sư tử rống hay chuyển pháp luân thanh tịnh, mà tất cả chúng khác, hoặc Sa Môn hay Bà La Môn, chư Thiên, Ma, Phạm thật chẳng chuyển được. Đây là sự vô úy thứ nhứt vậy.

Đức Phật nói lời thành thật rằng: Nơi ta tất cả tập lậu đã hết sạch. Nếu có Sa Môn hay Bà La Môn, hoặc chư Thiên hay Ma Vương, Phạm Vương, hoặc những chúng khác như thật nói tập lậu ấy chẳng hết. Cũng chẳng thấy nhẫn đến có chút tướng sợ sệt. Vì thế nên ta được an ổn, được không sợ sệt, an trụ chỗ của bực thánh chúa, ở giữa đại chúng như sư tử rống hay chuyển pháp luân thanh tịnh, mà các Sa Môn hay Bà La Môn hoặc chư Thiên, Ma Vương, Phạm Vương, hoặc những chúng khác thật chẳng chuyển được. Đây là sự vô úy thứ hai vậy.

Đức Phật nói lời thành thật rằng: Ta nói đây là pháp chướng đạo. Nếu có Sa Môn hay Bà La Môn, hoặc chư Thiên hay Ma Vương, Phạm Vương, hoặc những sanh chúng khác như thật nói thọ pháp ấy chẳng chướng đạo. Cũng chẳng thấy nhẫn đến có chút tướng sợ sệt. Vì thế nên ta

được an ổn, được không sợ sệt, an trụ chỗ của bực thánh chúa, ở giữa đại chúng như sư tử rống hay chuyển pháp luân thanh tịnh, mà các Sa Môn hay Bà La Môn hoặc chư Thiên, Ma Vương, hoặc những chúng khác chẳng chuyển được. Đây là sự vô úy thứ ba vậy.

Đức Phật nói lời thành thật rằng: Thánh đạo của ta nói có thể ra khỏi thế gian, thực hành theo đây có thể biết khổ. Nếu có Sa Môn hay Bà La môn, hoặc chư Thiên, hay Ma Vương, Phạm Vương, hoặc những chúng khác như thật nói hành đạo ấy chẳng hay ra khỏi thế gian, chẳng hay hết khổ. Cũng chẳng thấy nhẫn đến có chút tướng sợ sệt. Vì thế nên ta được an ổn, được không sợ sệt, an trụ chỗ của bực thánh chúa, ở giữa đại chúng như sư tử rống hay chuyển pháp luân thanh tịnh, mà các Sa Môn, Bà La Môn hoặc chư Thiên, Ma Vương, Phạm Vương, hoặc những chúng khác thật chẳng chuyển được. Đây là sự vô úy thứ tư vậy.

Này Tu Bồ Đề! Thế nào là **bốn trí vô ngại**?

Một là nghĩa vô ngại trí. Hai là pháp vô ngại trí. Ba là từ vô ngại trí. Bốn là nhạo thuyết vô ngại trí.

Trí huệ duyên nơi nghĩa là nghĩa vô ngại trí.

Trí huệ duyên nơi pháp là pháp vô ngại trí.

Trí huệ duyên nơi ngôn từ là từ vô ngại trí.

Trí huệ duyên nơi nhạo thuyết là nhạo thuyết vô ngại trí.

Này Tu Bồ Đề! Thế nào là **mười tám pháp bất cộng**?

Nơi chư Phật: một là thân không lỗi, hai là miệng không lỗi, ba là niệm không lỗi, bốn là không có tưởng dị biệt, năm là không có tâm chẳng định, sáu là không có sự chẳng biết rồi mà bỏ, bảy là nguyện dục không giảm, tám là tinh tiến không giảm, chín là niệm không giảm, mười là huệ không giảm, mười một là giải thoát không giảm, mười hai là giải thoát tri kiến không giảm, mười ba là tất cả thân nghiệp hành động theo trí huệ, mười bốn là tất cả khẩu nghiệp hành động theo trí huệ, mười lăm là tất cả ý nghiệp hành động theo trí huệ, mười sáu là trí huệ biết đời quá khứ vô ngại, mười bảy là trí huệ biết đời vị lai vô ngại, mười tám là trí huệ biết đời hiện tại vô ngại.

Này Tu Bồ Đề! Thế nào là **ba mươi hai tướng**?

Một, lòng bàn chân bằng phẳng. Hai, lòng bàn chưn làn chỉ xoáy hình bánh xe ngàn cọng. Ba, ngón tay và ngón chưn dài hơn người khác. Bốn, tay và chưn dịu mềm hơn chỗ khác trên thân. Năm, gót chưn rộng no đầy đẹp tốt. Sáu, các ngón tay, ngón chưn có màn lưới mỏng trong suốt liền nhau, đẹp hơn người khác. Bảy, lưng bàn chưn cao bằng đẹp tương xứng với gót chưn. Tám, bắp chưn thon đẹp như bắp chưn của Lộc Vương. Chín, đứng thẳng hai tay rờ đến gối. Mười, tướng âm ẩn kín như mã vương, tượng vương. Mười một, thân ngang rộng như cội cây ny câu lô. Mười hai, mỗi lỗ lông mọc một sợi lông màu xanh dịu mềm mà xoắn về phía hữu. Mười bốn, thân màu hoàng kim, màu đẹp hơn vàng diêm phù đàn. Mười lăm, ánh sáng từ thân chiếu ra một tượng. Mười sáu, da mỏng mịn trơn chẳng dính bụi, ruồi muỗi chăng đậu được. Mười bảy, bảy chỗ trên thân no đầy: hai lòng bàn chưn, hai lòng bàn tay, trên đầu hai vai và giữa cổ. Mười tám, dưới hai nách no đầy. Mười chín, phần thân trên như sư tử. Hai mươi, thân hình ngay thẳng. Hai mươi mốt, vai tròn đẹp. Hai mươi hai, có bốn mươi cái răng. Hai mươi ba, răng trắng bằng kín và chưn rất sâu. Hai mươi bốn, bốn cái răng nanh rất trắng hơn cả và lớn. Hai mươi lăm, hai

má vuông bầu như má sư tử. Hai mươi sáu, trong yết hầu có hai chỗ rịn nước tân dịch, vị ngọt ngon trên hết các vị ngọt ngon nhứt. Hai mươi bảy, lưỡi lớn mỏng mềm có thể che trùm đến tóc và tai. Hai mươi tám, âm thanh trong trẻo, vang xa như tiếng chim ca lăn tần già. Hai mươi chín, màu mắt sáng như vàng ròng. Ba mươi, lông nheo như của ngưu vương. Ba mươi mốt, giữa chặng hai mày có lông trắng mềm nhuyễn như bông. Ba mươi hai, xương thịt trên đỉnh đầu vun thành búi.

Thân đức Phật thành tựu đủ ba mươi hai tướng này, ánh sáng chiếu khắp cõi Đại Thiên. Nếu lúc muốn chiếu rộng thời chiếu khắp vô lượng vô số thế giới mười phương. Vì chúng sanh nên đức Phật thọ thân ánh sáng một trượng. Nếu phóng vô lượng quang thì không có thời tiết, năm tháng, ngày giờ.

Âm thanh của đức Phật vang khắp cõi Đại Thiên. Nếu lúc muốn tiếng lớn thì vang khắp vô lượng vô số thế giới mười phương. Tùy theo số chúng sanh nhiều ít, âm thanh của đức Phật đều khắp đến họ cả.

Này Tu Bồ Đề! Thế nào là **tám mươi tùy hình hảo**?

Một, đỉnh đầu không thể thấy đến. Hai, mũi thẳng cao đẹp và lỗ kín. Ba, mày như vành trăng mới sanh và màu ngọc lưu ly biếc. Bốn, vành tai lớn dầy. Năm, thân vóc vững chắc như Na la diên. Sáu đầu xương móc nhau như móc xích. Bảy, lúc xoay mình lại dạng như tượng vương. Tám, lúc đi bàn chưn cách đất bốn tấc mà chỉ chưn lại hiện trên đất. Chín, móng tay như màu đồng đỏ mỏng mà láng bóng. Mười, xương gối cứng chắc tròn đẹp. Mười một, toàn thân sạch sẽ. Mười hai, thân mềm dịu. Mười ba, thân chẳng cong. Mười bốn, ngón tay dài vót tròn. Mười lăm, chỉ tay trang nghiêm. Mười sáu, mạch máu ẩn sâu. Mười bảy, mắt cá chẳng lộ. Mười tám, thân nhuần láng. Mười chín, thân tự giữ ngay, đi thẳng xiên. Hai mươi, thân đầy đủ. Hai mươi mốt, biết đầy đủ. Hai mươi hai, dung nghi đầy đủ. Hai mươi ba, luôn an ổn không gì làm động được. Hai mươi bốn, oai chấn tất cả. Hai mươi lăm, tất cả đều thích nhìn. Hai mươi sáu, khuôn mặt chẳng lớn dài. Hai mươi bảy, chánh dung mạo chẳng đổi sắc. Hai mươi tám, khuôn mặt đầy đủ. Hai mươi chín, môi đỏ màu như màu trái tần bà. Ba mươi, âm thanh vẳng sâu. Ba mươi mốt, lỗ rún sâu tròn đẹp. Ba mươi hai, lông xoắc về phía hữu. Ba mươi ba, tay chưn đều bằng đầy. Ba mươi bốn, tay chưn như ý. Ba mươi lăm, chỉ tay thẳng sáng. Ba mươi sáu, chỉ tay dài. Ba mươi bảy, chỉ tay thẳng dứt. Ba mươi tám, tất cả chúng sanh ác tâm khi nhìn thấy đều hòa vui. Ba mươi chín, gương mặt rộng rất đẹp. Bốn mươi, gương mặt đầy sạch như mặt trăng. Bốn mươi mốt, tùy theo ý chúng sanh mà hòa vui cùng nói chuyện. Bốn mươi hai, chưn lông ra hơi thơm. Bốn mươi ba, miệng ra hơi thơm vô thượng. Bốn mươi bốn, nghi dung như sư tử. Bốn mươi lăm, đi đứng như tượng vương. Bốn mươi sáu, cách đi như nga vương. Bốn mươi bảy, đầu như trái ma đà na. Bốn mươi tám, đầy đủ tất cả âm thanh. Bốn mươi chín, răng bén. Năm mươi, lưỡi màu đỏ. Năm mươi mốt, lưỡi mỏng. Năm mươi hai, lông màu hồng. Năm mươi ba, lông sạch sẽ. năm mươi bốn, mắt rộng dài. Năm mươi lăm, cửa lỗ đủ tướng. Năm mươi sáu, tay chưn trắng đỏ như màu hoa sen hồng. Năm mươi bảy, rún chẳng lộ. Năm mươi tám, bụng chẳng lộ. Năm mươi chín, bụng nhỏ. Sáu mươi, thân chẳng nghiêng động. Sáu mươi mốt, thân vững nặng. Sáu mươi hai, thân phần lớn. Sáu mươi ba, thân cao. Sáu mươi bốn, tay chưn dịu láng sạch sẽ. Sáu mươi lăm, từ nơi thân ánh sáng chiếu ra một trượng. Sáu mươi sáu, ánh sáng chiếu thân mà đi. Sáu

mươi bảy, bình đẳng xem chúng sanh. Sáu mươi tám, chẳng khinh chúng sanh. Sáu mươi chín, tùy theo chúng sanh âm thanh chẳng hơn kém. Bảy mươi, thuyết pháp chẳng thấp. Bảy mươi mốt, tùy theo ngữ ngôn của chúng sanh mà thuyết pháp cho họ. Bảy mươi hai, phát âm đúng các âm thanh. Bảy mươi ba, thứ đệ có nhơn duyên thuyết pháp. Bảy mươi bốn, tất cả chúng sanh không ai có thể nhìn xem hết những tướng trên thân đức Phật. Bảy mươi lăm, người xem không nhàm chán. Bảy mươi sáu, tóc dài đẹp. Bảy mươi bay, tóc chẳng rối. Bảy mươi tám, tóc xoắn đẹp. Bảy mươi chín, tóc màu như thanh châu. Tám mươi, tay chưn có tướng phước đức.

Này Tu Bồ Đề! Thân của đức Phật thành tựu tám mươi tùy hình hảo như vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát giáo hóa chúng sanh rằng: Này thiện nam tử! Phải khéo học phân biệt các chữ, cũng khéo biết một chữ nhẫn đến bốn mươi hai chữ. Tất cả ngôn ngữ đều **nhập tự môn** đầu tiên. Tất cả ngữ ngôn cũng nhập tự môn thứ hai, nhẫn đến tự môn thứ bốn mươi hai, tất cả ngữ ngôn đều nhập trong đó. Một chữ đều nhập trong bốn mươi hai chữ. Bốn mươi hai chữ cũng nhập trong một chữ.

Chúng sanh phải khéo học **bốn mươi hai chữ** ấy. Khéo học bốn mươi hai chữ rồi có thể khéo giảng thuyết tự pháp. Khéo giảng nói tự pháp rồi khéo giảng nói vô tự pháp.

Này Tu Bồ Đề! Như đức Phật khéo biết pháp, khéo biết tự, khéo biết vô tự. Vì vô tự pháp mà nói tự pháp. Tại sao? Vì vượt qua tất cả danh tự pháp nên gọi là Phật pháp.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát dùng hai thứ bố thí nhiếp lấy chúng sanh, đó là tài thí và pháp thí.

Đây là việc hi hữu khó theo kịp của Bồ Tát.

Này Tu Bồ Đề! Thế nào là Đại Bồ Tát **ái ngữ nhiếp** lấy chúng sanh?

Đại Bồ Tát dùng sáu ba la mật, vì chúng sanh thuyết pháp, bảo rằng: Các ngươi thật hành sáu ba la mật nhiếp lấy tất cả thiện pháp.

Này Tu Bồ Đề! Thế nào là Đại Bồ Tát **lợi hành nhiếp** lấy chúng sanh?

Đại Bồ Tát luôn luôn giáo hóa chúng sanh, bảo họ thật hành sáu ba la mật.

Này Tu Bồ Đề! Thế nào là Đại Bồ Tát **đồng sự nhiếp** lấy chúng sanh?

Do dùng sức sáu thứ thần thông, Đại Bồ Tát biến hóa nhiều cách vào trong sáu loài cùng với chúng sanh đồng sự, rồi dùng bốn pháp nhiếp mà nhiếp lấy họ".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu chúng sanh rốt ráo bất khả đắc, pháp cũng bất khả đắc, pháp tánh cũng bất khả đắc, vì rốt ráo không, vô thỉ không vậy. Đại Bồ Tát thế nào lúc hành Bát nhã ba la mật, hành Thiền ba la mật, hành Tiến ba la mật, hành Nhẫn ba la mật, hành Giới ba la mật, hành Thí ba la mật lại hành tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, ba mươi bảy pháp trợ đạo, mười tám không; lại hành không, vô tướng và vô tác tam muội, bát bội xả, cửu thứ đệ định, lại hành Phật thập lực, tứ vô úy, bốn trí vô ngại, mười tám pháp bất cộng, ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo? Thế nào lại an trụ báo đắc năm món thần thông mà vì chúng sanh thuyết pháp; chúng sanh thiệt bất khả đắc vì chúng sanh bất khả đắc vậy. Sắc bất khả đắc, nhẫn đến thức bất khả đắc, vì năm ấm bất khả đắc vậy. Sáu ba la mật, nhẫn đến tám mươi tùy hình hảo đều bất khả đắc.

Trong những bất khả đắc ấy, không có chúng sanh, không có sắc, nhẫn đến không có tám mươi tùy hình hảo.

Bạch đức Thế Tôn! Thế nào Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, vì chúng sanh thuyết pháp?

Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát lúc hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát còn bất khả đắc, huống là có Bồ Tát pháp!”.

Đức Phật bảo ngài Tu Bồ Đề: “Đúng như vậy. Đúng như lời ông nói. Vì chúng sanh bất khả đắc nên biết là nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhứt nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô thỉ không, tán không, chư pháp không, tánh không, tướng không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không.

Vì chúng sanh bất khả đắc nên biết là ngũ ấm không, thập nhị nhập không, thập bát giới không, thập nhị nhơn duyên không, tứ đế không, ngã, chúng sanh thọ mạng đều không, sanh giả, dưỡng giả, dục giả, chúng số giả đều không, nhơn giả, tác giả, sử tác giả đều không, khởi giả, sử khởi giả, thọ giả, sử thọ giả đều không, tri giả, kiến giả đều không.

Vì chúng sanh bất khả đắc nên biết tứ thiền không, tứ vô lượng tâm không, tứ vô sắc định không, nên biết ba mươi bảy pháp trợ đạo không, không, vô tướng, vô tác đều không, bát bội xả không, cửu thứ đệ định không.

Vì chúng sanh bất khả đắc nên biết Phật thập lực không, tứ vô úy không, bốn trí vô ngại không, mười tám pháp bất cộng không. Nên biết quả Tu Đà Hoàn không, quả Tư Đà Hàm không, quả A Na Hàm không, quả A La Hán không, đạo Bích Chi Phật không. Nên biết Bồ Tát địa không, Vô Thượng Bồ Đề không.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát thấy tất cả pháp không như vậy, vì chúng sanh thuyết pháp chẳng mất các tướng không.

Bồ Tát này lúc quán như vậy biết rõ tất cả pháp vô ngại. Biết tất cả pháp vô ngại rồi chẳng phá hoại các pháp tướng, chẳng thấy khác, chẳng phân biệt, chỉ vì chúng sanh, thuyết pháp đúng như thật.

Ví như hóa nhơn của đức Phật biến hóa ra, hóa nhơn này lại hóa ra làm vô lượng ngàn trăm ức người, có người dạy bố thí, có người dạy trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí huệ, có người dạy tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định.

Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Hóa nhơn của đức Phật biến hóa ra đó có phân biệt, phá hoại các pháp chăng?”.

- Bạch đức Thế Tôn! Hóa nhơn đó không có tâm, không có tâm sở, đâu có phân biệt, phá hoại các pháp.

- Này Tu Bồ Đề! Vì thế nên phải biết Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật vì chúng sanh mà thuyết pháp đúng chỗ đáng nói, đem chúng sanh ra khỏi chỗ điên đảo, làm cho chúng sanh được đến chỗ an trụ, vì pháp chẳng trói, chẳng mở vậy.

Tại sao vậy?

Này Tu Bồ Đề! Sắc chẳng trói, chẳng mở. Thọ, tưởng, hành, thức chẳng trói, chẳng mở.

Sắc không trói, không mở chẳng phải sắc. Thọ, tưởng, hành, thức không trói, không mở chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức.

Tại sao? Vì sắc rốt ráo thanh tịnh. Vì thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến tất cả pháp hoặc hữu vi hoặc vô vi cũng đều rốt ráo thanh tịnh.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát vì chúng sanh thuyết pháp cũng chẳng có được chúng sanh và tất cả pháp. Vì tất cả pháp bất khả đắc vậy.

Bồ Tát vì chẳng an trụ nơi pháp nên an trụ trong các pháp tướng, đó là sắc không nhẫn đến pháp hữu vi, pháp vô vi không.

Tại sao? Vì sắc nhẫn đến pháp hữu vi, pháp vô vi tự tánh bất khả đắc nên không có chỗ an trụ. Pháp vô sở hữu chẳng an trụ pháp vô sở hữu. Pháp tự tánh chẳng an trụ pháp tự tánh. Pháp tha tánh chẳng an trụ pháp tha tánh.

Tại sao? Vì tất cả pháp ấy đều bất khả đắc. Pháp bất khả đắc sẽ an trụ chỗ nào?

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, dùng các pháp không ấy có thể thuyết pháp như vậy.

Hành Bát nhã ba la mật như vậy, ở nơi chư Phật và hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật không có lỗi.

Tại sao? Chư Phật, chư Bồ Tát và Bích Chi Phật cùng A La Hán được pháp này rồi vì chúng sanh thuyết pháp cũng chẳng chuyển các pháp tướng. Vì như, pháp tánh, thiệt tế chẳng chuyển được vậy. Tại sao? Vì các pháp không có tánh.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu pháp tánh, như, thật tế chẳng chuyển thì sắc cùng pháp tánh có khác chăng? Sắc cùng với như và thật có khác chăng. Thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu lậu, pháp vô lậu có khác chăng?

- Không. Này Tu Bồ Đề! Sắc chẳng khác pháp tánh, chẳng khác như, chẳng khác thật tế, thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến hữu lậu, vô lậu cũng chẳng khác.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu sắc chẳng khác pháp tánh, chẳng khác như, chẳng khác thật tế, thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến hữu lậu, vô lậu chẳng khác thì làm sao phân biệt pháp ác có ác báo là Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, pháp lành có báo lành là Người và Trời? Thế nào phân biệt pháp ác, không thiện có báo không ác, không thiện là quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề?

Này Tu Bồ Đề! Vì là thế đế nên phân biệt nói có quả báo, chẳng phải trong đệ nhứt nghĩa đế. Trong đệ nhứt nghĩa đế chẳng thể nói nhơn duyên, quả báo. Tại sao? Đệ nhứt nghĩa đế thiệt không có tướng, không có phân biệt, cũng không có ngôn thuyết. Dó là vì sắc nhẫn đến pháp hữu lậu, vô lậu bất sanh bất diệt, bất cấu, bất tịnh, rốt ráo không, vô thỉ không vậy.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu do nơi thế đế mà phân biệt nói có quả báo chớ chẳng phải đệ nhứt nghĩa đế, thì tất cả người phàm lẽ ra có quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề?

- Này Tu Bồ Đề! Ý của ông nghĩ thế nào? Người phàm có biết là thế đế, có biết là đệ nhứt nghĩa đế chăng? Nếu biết thì người phàm ấy lẽ ra đã là quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Bởi người phàm thiệt chẳng biết thế đế, chẳng biết đệ nhứt nghĩa đế, chẳng biết đạo, chẳng biết phân biệt đạo quả thì làm sao có được các quả.

Này Tu Bồ Đề! Thánh nhơn biết thế đế, biết đệ nhứt nghĩa đế, có đạo, có tu đạo, thế đế thánh nhơn sai biệt có các quả.

- Bạch đức Thế Tôn! Tu đạo được quả chăng?

- Không. Này Tu Bồ Đề! Tu đạo chẳng được quả, cũng chẳng rời lìa đạo được quả, cũng chẳng an trụ trong đạo được quả.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát vì chúng sanh mà phân biệt các quả, cũng chẳng phân biệt là tánh hữu vi, tánh vô vi.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu chẳng phân biệt tánh hữu vi, tánh vô vi mà được các quả, tại sao đức Phật lại nói vì kiết sử tam giới hết nên gọi là quả Tu Đà hoàn, vì tham, sân, si mỏng nên gọi là Tư Đà Hàm, vì tham, sân, si mạn nghi cõi Dục hết nên gọi là quả A Na Hàm, vì tham, sân, si, mạn, nghi cõi Sắc, Vô Sắc hết nên gọi là quả A La Hán, bao nhiêu pháp tập nhơn đều diệt tan thì gọi là Bích Chi Phật đạo, vì tất cả tập chủng phiền não dứt hẳn nên gọi là Vô Thượng Bồ Đề.

Bạch đức Thế Tôn! Con phải biết phân biệt tánh hữu vi, tánh vô vi thế nào để được các quả?

- Này Tu Bồ Đề! Ông cho quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, đạo Bích Chi Phật, Vô Thượng Bồ Đề là hữu vi? Là vô vi?

- Bạch đức Thế Tôn! Đều là vô vi.

- Này Tu Bồ Đề! Trong pháp vô vi có phân biệt chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không.

- Này Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thông đạt tất cả pháp, hoặc hữu vi hoặc vô vi là nhứt tướng, đó là vô tướng, thì có phân biệt là hữu vi hay vô vi chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không.

- Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát vì chúng sanh thuyết pháp chẳng phân biệt các pháp. Đó là vì nội không nhẫn đến vì vô pháp hữu pháp không vậy.

Bồ Tát ấy tự mình được pháp không chỗ chấp trước rồi cũng dạy người khác pháp không chỗ chấp trước: Hoặc là sáu ba la mật, hoặc là tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, hoặc là ba mươi bảy pháp trợ đạo nhẫn đến nhứt thiết chủng trí. Vì Bồ Tát này tự mình chẳng chấp trước, nên cũng dạy người khác được chẳng chấp trước.

Vì không chỗ chấp trước nên không chỗ ngại.

Ví như hóa nhơn của đức Phật biến hóa ra, bố thí cũng chẳng thọ báo bố thí, chỉ vì độ chúng sanh. Nhẫn đến thành nhứt thiết chủng trí chẳng thọ báo nhứt thiết chủng trí.

Cũng vậy, Đại Bồ Tát hành sáu ba la mật nhẫn đến hành tất cả pháp, hoặc hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi, Đại Bồ Tát chẳng trụ cũng chẳng thọ báo, chỉ vì độ chúng sanh.

Tại sao? Vì Đại Bồ Tát ấy khéo thông đạt tất cả pháp tướng vậy".

---o0o---

PHẨM THIỆN ĐẠT
THỨ BẢY MƯƠI CHÍN

(Tương đương với phẩm "Các Pháp Bình Đẳng", tức phần cuối Q.383 cho đến phần đầu Q.386, ĐBN).

Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ Tát khéo thông đạt các pháp tướng?".

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: “Ví như hóa nhơn chẳng hiện hành tham, sân, si, chẳng hiện hành sắc, thọ, tưởng, hành, thức, chẳng hiện hành nội ngoại pháp, chẳng hiện hành phiền não kiết sử, chẳng hiện hành pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu vi, pháp vô vi, cũng không có thánh quả.

Cũng như vậy, Bồ Tát không có những sự ấy, cũng chẳng phân biệt pháp ấy. Đây gọi là thông đạt các pháp tướng”.

- Bạch đức Thế Tôn! Hóa nhơn thế nào có tu đạo?

- Này Tu Bồ Đề! Hóa nhơn tu đạo chẳng cấu, chẳng tịnh, cũng chẳng ở năm loài sanh tử.

Ý của ông nghĩ sao, này Tu Bồ Đề! Hóa nhơn của đức Phật biến hóa ra có sự thật căn bổn, có cấu, có tịnh chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không. Hóa nhơn của đức Phật biến ra không có sự thật căn bổn, cũng không có cấu, cũng không có tịnh, cũng chẳng ở năm loài sanh tử.

- Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát khéo thông đạt các pháp tướng cũng như vậy.

- Bạch đức Thế Tôn! Tất cả sắc, thọ, tưởng, hành, thức như hóa chăng?

- Này Tu Bồ Đề! Tất cả sắc như hóa, tất cả thọ, tưởng, hành, thức như hóa.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả sắc như hóa, tất cả thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến tất cả pháp như hóa.

Hóa nhơn không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức, không cấu, không tịnh, không năm loài sanh tử, cũng không chỗ giải thoát, thì Bồ Tát có những công dụng gì?

- Này Tu Bồ Đề! Ý của ông nghĩ sao, Đại Bồ Tát lúc hành đạo Bồ Tát, các Ngài có thấy chúng sanh từ trong Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, Nhơn, Thiên được giải thoát chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Các Ngài không thấy có.

- Đúng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát chẳng thấy có chúng sanh từ ba cõi được giải thoát. Tại sao? Vì Đại Bồ Tát thấy biết tất cả pháp như huyễn, như hóa.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ Tát thấy biết tất cả pháp như huyễn, như hóa, vì những sự gì mà Bồ Tát hành sáu ba la mật, hành tứ thiền, tứ vô lượng tâm, hành tứ vô sắc định, hành ba mươi bảy pháp trợ đạo nhẫn đến hành đại từ đại bi, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh?

- Này Tu Bồ Đề! Nếu chúng sanh tự biết các pháp như huyễn, như hóa thì Đại Bồ Tát trọn chẳng ở vô số kiếp vì chúng sanh mà hành Bồ Tát đạo.

Bởi chúng sanh chẳng tự biết các pháp như huyễn, như hóa nên Đại Bồ Tát ở vô lượng vô số kiếp hành sáu ba la mật, thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ, được Vô Thượng Bồ Đề.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp như như mộng, như hưởng, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa thì chúng sanh an trụ tại chỗ nào để được Bồ Tát hành sáu ba la mật cứu vớt?

- Này Tu Bồ Đề! Chúng sanh chỉ an trụ trong danh tướng, hư vọng, ức tưởng, phân biệt, vì thế nên Bồ Tát hành sáu ba la mật ở trong danh tướng, hư vọng cứu chúng sanh ra.

- Bạch đức Thế Tôn! Gì là danh? Gì là tướng?

- Này Tu Bồ Đề! Danh ấy chỉ là cưỡng làm giả đặt ra: này là sắc, là thọ, tưởng, hành, thức, này là nam, là nữ, là lớn, là nhỏ, này là Địa ngục, là Ngạ quỷ, là Súc sanh, là Nhơn, là Thiên, này là hữu vi, là vô vi, này là quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, đạo Bích Chi Phật, này là Phật đạo.

Này Tu Bồ Đề! Tất cả pháp hòa hiệp đều là giả danh. Dùng danh lấy các pháp thế nên là danh. Tất cả pháp hữu vi chỉ có danh tướng. Người phàm ở trong đó sanh chấp trước.

Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, vì dùng sức phương tiện nên ở trong danh tự, dạy cho họ xa rời mà bảo rằng: Các chúng sanh này! Danh ấy chỉ có danh rỗng không, phát sanh trong hư vọng, ức tưởng, phân biệt. Các ngươi chớ chấp trước hư vọng, ức tưởng. Sự ấy bổn lại đều không có, vì tự tánh rỗng không vậy, bực trí giả chẳng chấp trước nó.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, dùng sức phương tiện vì chúng sanh mà thuyết pháp. Đó là danh.

Những gì là tướng?

Này Tu Bồ Đề! Có hai thứ tướng là chỗ mà người phàm chấp trước:

Một là sắc tướng. Hai là vô sắc tướng.

Những gì gọi là **sắc tướng**? Những thứ có sắc hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, đều là rỗng không. Ở trong những pháp rỗng không ấy ức tưởng, phân biệt để tâm nắm lấy tướng. Đây gọi là sắc tướng.

Những gì là **vô sắc tướng**?

Nơi các pháp vô sắc ức tưởng, phân biệt để tâm nắm lấy tướng nên sanh phiền não. Đây gọi là vô sắc tướng.

Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, dùng sức phương tiện dạy chúng sanh xa lìa sự chấp trước phương tiện dạy chúng sanh xa lìa sự chấp trước tướng ấy. Ở trong pháp vô tướng khiến họ rời lìa hai pháp, đó là tướng, là vô tướng.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật dạy chúng sanh rời lìa tướng khiến họ an trụ trong tánh vô tướng.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp chỉ có danh tướng, thế nào Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật có thể tự lợi ích, cũng dạy người khác khiến họ được lợi hành? Thế nào Bồ Tát đầy đủ các quả địa: từ một quả địa đến một quả địa, cũng dạy chúng sanh khiến họ được quả Tam thừa?

- Này Tu Bồ Đề! Nếu các pháp căn bổn quyết định có mà chẳng phải chỉ là danh tướng, thì Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật chẳng có thể tự lợi ích, cũng chẳng có thể lợi ích người khác.

Này Tu Bồ Đề! Vì các pháp không có căn bổn sự thật mà chỉ có danh tướng, nên Bồ Tát lúc hành Bát nhã ba la mật có thể đầy đủ Thiền ba la mật, Tiến ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật, vì vô tướng vậy. Có thể đầy đủ thứ Thiền ba la mật, Tứ vô lượng tâm ba la mật, Tứ vô sắc định ba la mật, vì vô tướng vậy. Có thể đầy đủ Tứ niệm xứ ba la mật nhẫn đến bát thánh đạo phần ba la mật. Có thể đầy đủ nội không Ba la mật nhẫn đến Vô pháp Hữu pháp không ba la mật, vì vô tướng vậy. Có thể đầy đủ Giải thoát ba la mật, Cửu thứ đệ định ba la mật, vì vô tướng vậy. Có thể đầy đủ giải thoát ba la mật, Cửu thứ đệ định ba la mật, vì vô tướng vậy. Có thể đầy đủ Phật thập lực nhẫn đến mười tám pháp bất cộng ba la mật, vì vô tướng vậy.

Vì vô tướng, nên Bồ Tát tự mình đầy đủ các pháp lành, cũng giáo hóa người khác khiến họ đầy đủ pháp lành, vì vô tướng vậy.

Này Tu Bồ Đề! Nếu các pháp tướng mà thật có chừng hào ly, thì lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát chẳng biết được các pháp vô tướng, vô niệm được Vô Thượng Bồ Đề, cũng dạy

chúng sanh khiến họ được pháp vô lậu. Tại sao? **Vì tất cả pháp vô lậu đều vô tướng, vô niệm vậy.**

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật dùng pháp vô lậu lợi ích chúng sanh.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp vô tướng, vô niệm, sao lại kể là pháp Thanh Văn, là pháp Bích Chi Phật, là Bồ Tát, là pháp Phật?

- Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao, pháp vô tướng với pháp Thanh Văn có khác chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không có khác.

- Này Tu Bồ Đề! Pháp vô tướng có phải tức là quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, pháp Bích Chi Phật, pháp Bồ Tát, pháp Phật chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Đúng như vậy.

- Này Tu Bồ Đề! Vì lẽ ấy nên biết tất cả pháp đều vô tướng.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát học tất cả pháp vô tướng này thì được thêm lớn pháp lành, đó là sáu ba la mật, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, tứ niệm xứ nhẫn đến mười tám pháp bất cộng. **Tại sao vậy? Bồ Tát chẳng lấy những pháp khác làm trọng yếu bằng ba môn giải thoát. Vì tất cả pháp tự tướng không, đó gọi là không giải thoát môn. Vì tất cả pháp vô tướng, đó gọi là vô tướng giải thoát môn. Vì tất cả pháp vô tác, vô khởi, đó gọi là vô tác giải thoát môn.**

Nếu Đại Bồ Tát học ba môn giải thoát thì có thể học **tướng ngũ ấm, có thể học tướng thập nhị nhập, có thể học tướng thập bát giới, có thể học tướng tứ thánh đế, có thể học mười hai nhơn duyên, có thể học nội không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không, có thể học sáu ba la mật đến mười tám pháp bất cộng.**

- Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật có thể học **tướng ngũ ấm** như thế nào?

- Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật biết sắc tướng, biết sắc sanh diệt, biết sắc như.

Thế nào là **biết sắc tướng**?

Biết sắc rốt ráo không, thành phần của nó phân chia sai khác hư giả không thật như bọt nước, không bền, không chắc. Đó là biết sắc tướng.

Thế nào là **biết sắc sanh diệt**?

Lúc sanh khởi, sắc không từ đâu lại, lúc đi không chỗ đến. Nếu biết chẳng lại, chẳng đi, đó là biết sắc sanh diệt.

Thế nào **là biết sắc như**?

Sắc như ấy chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng lại, chẳng đi, chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng cấu, chẳng tịnh, đó là biết sắc như.

Này Tu Bồ Đề! **Như đó là nói như thật chẳng hư. Như đó là trước sau và chặng giữa cũng vậy, thường chẳng đổi khác. Đó là biết sắc như.**

Thế nào là **biết thọ tướng**? Thế nào là biết thọ sanh diệt? Thế nào là biết thọ như?

Bồ Tát biết các **thọ** tướng như bong bóng nước: một khởi, một diệt. Đó là biết thọ tướng.

Biết thọ không từ đâu lại, đi không chỗ đến. Đó là biết thọ sanh diệt.

Thọ như ấy chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng đến, chẳng đi, chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng cấu, chẳng tịnh, đó là biết thọ như.

Thế nào là biết **tưởng** tướng? Tưởng sanh diệt? Tưởng như?

Tưởng ấy, Bồ Tát biết như diệm, chẳng thể được, mà vọng tưởng là nước. Đó là tưởng tướng.

Tưởng ấy không từ đâu lại, đi không chỗ đến. Đó là biết tưởng sanh diệt.

Tưởng như ấy chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng đến, chẳng đi, chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng chuyển đổi nơi thiệt tướng. Đó là biết tưởng như.

Thế nào là biết **hành** tướng? Hành sanh diệt? Hành như?

Bồ Tát biết hành như thân cây chuối, từ bẹ từ bẹ lột bỏ chẳng có cứng chắc. Đó là biết hành tướng.

Các hành sanh khởi không từ đâu lại, đi không chỗ đến. Đó là biết hành sanh diệt. Các hành chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng đến, chẳng đi, chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng cấu, chẳng tịnh. Đó là biết hành như.

Thế nào là biết **thức** tướng? Thức sanh diệt? Thức như?

Bồ Tát biết thức như nhà ảo thuật, ảo thuật ra bốn binh chủng, không có thiệt. Đó là biết thức tướng.

Thức ấy lúc phát sanh không từ đâu lại, lúc diệt không chỗ đến. Đó là biết thức sanh diệt.

Thức như ấy chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng đến, chẳng đi, chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng cấu, chẳng tịnh. Đó là biết thức như.

Thế nào là **biét thập nhị nhập**?

Bồ Tát biết nhãn căn nhãn căn tánh không, nhẫn đến ý căn ý căn tánh không, biết sắc sắc tánh không, nhẫn đến pháp pháp tánh không.

Thế nào là **biết thập bát giới**?

Bồ Tát biết nhãn giới nhãn giới tánh không, nhẫn đến ý thức ý thức giới không.

Thế nào là biết tứ thánh đế?

Lúc **biết khổ thánh đế**, Bồ Tát xa rời quan niệm dị biệt, thấy có hai pháp mà biết khổ đế chẳng hai, chẳng khác.

Với tập, diệt và đạo cũng như vậy.

Thế nào là **biết mười hai nhơn duyên**?

Bồ Tát biết mười hai nhơn duyên chẳng có tướng sanh".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Lúc hành Bát nhã ba la mật, nếu Đại Bồ Tát đều riêng phân biệt biết các pháp, toan không do sắc tánh mà pháp hoại pháp tánh, nhẫn đến do nhứt thiết chủng trí tánh mà phá hoại pháp tánh chăng?".

- Này Tu Bồ Đề! Nếu ngoài pháp tánh lại còn có pháp thì mới có lẽ là pháp hoại pháp tánh.

Ngoài pháp tánh, pháp chẳng thể có được nên chẳng hoại.

Tại sao? Này Tu Bồ Đề! Phật và đệ tử của đức Phật biết ngoài pháp tánh, pháp chẳng thể có được.

Vì pháp chẳng thể có được nên chẳng thể nói ngoài pháp tánh có pháp.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật phải học pháp tánh.

- Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát nếu học pháp tánh phải chăng là không chỗ học?

- Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát học pháp tánh thì học tất cả pháp.

Tại sao? **Vì tất cả pháp là pháp tánh.**

- Bạch đức Thế Tôn! Duyên cớ gì tất cả pháp là **pháp tánh**?

- Này Tu Bồ Đề! Tất cả pháp vào trong tánh vô vi vô tướng. Vì thế nên học pháp tánh thì học tất cả pháp.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp là pháp tánh, tại sao Đại Bồ Tát học sáu ba la mật, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định? Tại sao Bồ Tát học ba mươi bảy pháp trợ đạo, ba môn giải thoát, tám bội xả, chín định thứ đệ, mười trí lực nhẫn đến mười tám pháp bất cộng? Tại sao học sáu thần thông, ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo? Tại sao Bồ Tát học sanh vào nhà đại tộc, các cõi Trời? Tại sao Bồ Tát học địa phát tâm thứ nhứt đến địa thứ mười? Tại sao Bồ Tát học địa Thanh Văn, địa Bích Chi Phật, vị Bồ Tát? Tai sao Bồ Tát học thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ, các môn đà là ni, nhạo thuyết biện tài. Tại sao Bồ Tát học Vô Thượng Bồ Đề, học xong được nhứt thiết chủng trí biết tất cả pháp?

Bạch đức Thế Tôn! Trong pháp tánh của các pháp không có sự khác biệt ấy.

Bạch đức Thế Tôn! Phải chăng Bồ Tát sa vào phi đạo? Tại sao? Vì trong pháp tánh không có sự khác biệt ấy. Trong pháp tánh không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Pháp tánh cũng chẳng xa rời sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Sắc tức là pháp tánh, pháp tánh tức là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy. Tất cả pháp cũng vậy.

- Này Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Đúng như lời ông nói: **sắc tức là pháp tánh, thọ, tưởng, hành, thức tức là pháp tánh.**

Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, nếu Đại Bồ Tát thấy có pháp ngoài pháp tánh thì là chẳng cầu Vô Thượng Bồ Đề.

Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát biết tánh của tất cả các pháp là Vô Thượng Bồ Đề. Vì thế nên lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát biết tất cả pháp là pháp tánh rồi ở nơi pháp không danh tướng dùng danh tướng để giảng thuyết, đó là sắc, là thọ, tưởng, hành, thức, nhẫn đến là Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Ví như nhà ảo thuật ở trước công chúng thuật làm các thứ hình sắc, nào là gái, trai, voi, ngựa, nào là vườn rừng xinh tươi và những nhà cửa, nào là suối chảy, ao tắm, xiêm Nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý, hoa hương, anh lạc, đồ uống, món ăn, nào là hòa ca tấu nhạc để giúp vui mọi người.

Nhà ảo thuật lại thuật làm ra người rồi bảo bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, tu trí huệ.

Nhà ảo thuật này lại thuật làm dòng đại tộc, các cõi Trời, các Thánh Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật, Đại Bồ Tát từ sơ phát tâm thật hành sáu ba la mật, hành sơ địa đến thập địa, nhập vị Bồ Tát, du hí thần thông, thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ, du hí các thiền định giải thoát tam muội, thật hành Phật thập lực nhẫn đến thân Phật đủ ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo.

Nhà ảo thuật, thuật làm ra như vậy cho mọi người xem.

Trong hàng khán giả, người vô trí hết sức khen ngợi tài giỏi của nhà ảo thuật. Người có trí suy gẫm rằng: thật chưa từng có, trong ấy không có sự thật mà có thể dùng pháp không chỗ có để

làm vui đẹp mọi người, từ nơi không hình tướng, không sự có sự tướng nhưng vẫn không có tướng có.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát chẳng thấy có pháp rời ngoài pháp tánh. Lúc hành Bát nhã ba la mật, vì sức phương tiện, Đại Bồ Tát dầu chẳng thấy có chúng sanh mà tự bố thí, cũng dạy người khác bố thí, khen ngợi bố thí, vui mừng khen ngợi bố thí. Nhẫn đến tự tu trí huệ, cũng dạy người tu trí huệ, vui mừng khen ngợi người tu trí huệ.

Đại Bồ Tát tự thực hành thập thiện, ngũ giới, bát giới, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, ba mươi bảy pháp trợ đạo, nhẫn đến tự thật hành mười tám pháp bất cộng, khen ngợi mười tám pháp bất cộng, vui mừng khen ngợi người thật hành mười tám pháp bất cộng.

Này Tu Bồ Đề! Nếu pháp tánh trước, sau và giữa có dị biệt thì Đại Bồ Tát chẳng thể do sức phương tiện để hiển thị pháp tánh, thành tựu chúng sanh.

Này Tu Bồ Đề! **Do vì pháp tánh trước, sau và giữa không dị biệt, thế gian Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật vì lợi ích chúng sanh mà thực hành Bồ Tát đạo vậy".**

---o0o---

QUYỂN THỨ HAI MƯƠI TÁM

PHẨM THẬT TẾ
THỨ TÁM MƯƠI

(Tương đương với phẩm "Bất Khả Động",
phần cuối Q.386 cho đến phần đầu Q.390, ĐBN)

Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu chúng sanh rốt ráo bất khả đắc thì Bồ Tát vì ai mà thực hành Bát nhã ba la mật?".

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Bồ Tát vì thật tế(1) mà hành Bát nhã ba la mật.

Này Tu Bồ Đề! Nếu thật tế cùng chúng sanh tế dị biệt thì Bồ Tát chẳng hành Bát nhã ba la mật. Nhưng do vì thật tế, chúng sanh tế chẳng dị biệt nên Đại Bồ Tát vì lợi ích chúng sanh mà hành Bát nhã ba la mật.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát vì chẳng phá hoại thật tế mà kiến lập chúng sanh trong thật tế.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu thật tế tức là chúng sanh tế thì Bồ Tát kiến lập thật tế ở nơi thật tế.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu kiến lập thật tế ở nơi thật tế thì là kiến lập tự tánh ở nơi tự tánh.

Bạch đức Thế Tôn! Chẳng được kiến lập tự tánh ở nơi tự tánh.

Bạch đức Thế Tôn! Tại sao lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát kiến lập chúng sanh ở nơi thật tế?

- Này Tu Bồ Đề! Thật tế chẳng thể kiến lập ở thật tế, tự tánh chẳng thể kiến lập ở tự tánh.

Nay Đại Bồ Tát lúc hành Bát nhã ba la mật vì sức phương tiện nên kiến lập chúng sanh ở thật tế.

Thật tế chẳng khác chúng sanh tế. Thật tế cùng chúng sanh tế không hai, không khác.

- Bạch đức Thế Tôn! Những gì là sức phương tiện của Đại Bồ Tát? Dùng sức phương tiện ấy, Đại Bồ Tát lúc hành Bát nhã ba la mật kiến lập chúng sanh ở thật tế, cũng chẳng phá hoại tướng thật tế.

- Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát vì sức phương tiện nên kiến lập chúng sanh ở nơi bố thí. Kiến lập xong, Bồ Tát nói bố thí rốt ráo rỗng không: Bố thí như vậy trước, sau, chặng giữa đều rỗng không, người thí rỗng không, quả báo bố thí rỗng không, kẻ thọ nhận cũng rỗng không. Này các người! Trong thật tế, tất cả pháp ấy đều bất khả đắc. Các người chớ quan niệm bố thí khác, người thí khác, quả bố thí khác, kẻ thọ nhận khác. Nếu các người chẳng quan niệm dị biệt thì bố thí có thể đưa đến mùi cam lồ(2), được quả mùi vị cam lồ. Vì bố thí như thế nên các người chớ chấp trước sắc, chớ chấp trước thọ, tưởng, hành, thức. Tại sao? Bố thí ấy, tướng bố thí rỗng không. Người thí, người thí rỗng không. Quả báo thí, quả báo thí rỗng không. Kẻ thọ nhận, kẻ thọ nhận rỗng không. Trong rỗng không mà bố thí thì bố thí bất khả đắc, người thí bất khả đắc, quả báo thí bất khả đắc, kẻ thọ nhận bất khả đắc. Tại sao? Vì các pháp ấy rốt ráo tự tánh rỗng không vậy.**(Kinh nói về bố thí)**

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát vì sức phương tiện nên dạy chúng sanh trì giới, bảo họ rằng các người trừ bỏ sát sanh nhẫn đến trừ bỏ tà kiến. Tại sao? Vì pháp mà các người phân biệt không có tánh như vậy. Các người nên suy nghĩ kỹ: những gì là chúng sanh mà muốn giết chết? Dùng những vật gì để giết chết? Nhẫn đến tà kiến cũng suy nghĩ kỹ như vậy.**(Kinh nói về trì giới)**

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát dùng sức phương tiện như vậy thành tựu chúng sanh.

Đại Bồ Tát này liền vì chúng sanh mà nói quả báo bố thí, trì giới. Quả báo bố thí, trì giới ấy tự tánh rỗng không.

Biết quả báo bố thí, trì giới tự tánh rỗng không rồi, trong ấy chẳng chấp trước. Vì chẳng chấp trước nên tâm chẳng tán loạn hay sanh trí huệ. Dùng trí huệ ấy dứt diệt tất cả kiết sử phiền não, nhập vô dư Niết Bàn.

Trên đây là pháp thế tục, chẳng phải đệ nhất thật nghĩa. Tại sao? Vì trong rỗng không, không có diệt, cũng không có kẻ diệt. **Các pháp rốt ráo không chính đó là Niết Bàn.**

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát thấy chúng sanh tâm phiền não giận hờn bèn dạy rằng: Người lại đây! Người nên tu hạnh nhẫn nhục, làm người nhẫn nhục, người nên thích nhẫn nhục. Sân hận của người, tự tánh nó rỗng không.

Người nên suy nghĩ kỹ như vầy: Tôi ở trong pháp nào mà giận? Ai là người giận? Người bị giận là ai? Pháp ấy đều không. Pháp tánh không ấy không có lúc nào là chẳng rỗng không. Rỗng không ấy chẳng phải do Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Bích Chi Phật làm ra, cũng chẳng phải do chư Thiên hay quỷ thần làm ra.

Người nên suy nghĩ kỹ như vầy: Giận ai? Ai là người giận? Những gì là sự giận? Tất cả pháp ấy tự tánh rỗng không. Pháp rỗng không không có chỗ giận.**(Kinh nói về an nhẫn)**

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát dùng pháp nhơn duyên ấy kiến lập chúng sanh nơi tánh không, thứ lớp lần lần chỉ dạy cho họ được lợi ích vui mừng, cho họ được Vô Thượng Bồ Đề. Đây là pháp thế tục, chẳng phải đệ nhất thật nghĩa. Tại sao? **Vì trong tánh không ấy không có người được, không có pháp được, không có chỗ được.**

Này Tu Bồ Đề! Đó gọi là **pháp thật tế tánh không**.

Đại Bồ Tát vì chúng sanh mà hành pháp ấy.

Chúng sanh ấy cũng bất khả đắc. Tại sao? Vì tất cả pháp rời lìa tướng chúng sanh vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát vì sức phương tiện nên thấy chúng sanh giải đãi dạy cho họ thân tinh tiến, tâm tinh tiến, bảo họ rằng: Này các người! Trong tánh không của các pháp không có giải đãi, không có người giải đãi, tánh của tất cả pháp này đều không, không gì vượt qua tánh không. Các người sanh thân tinh tiến, tâm tinh tiến. Vì sanh pháp lành nên chớ có giải đãi. Đây là pháp lành: hoặc bố thí, hoặc trì giới, hoặc nhẫn nhục, hoặc tinh tiến, hoặc thiền định, hoặc trí huệ, hoặc các thiền định giải thoát tam muội, hoặc tứ niệm xứ đến bát thánh đạo, hoặc không vô tướng, vô tác giải thoát môn đến mười tám pháp bất cộng. Chớ có giải đãi.**(Kinh nói về tinh tiến)**

Này các người! Trong tánh không của tất cả pháp ấy phải biết không có tướng đối ngại. Trong pháp không đối ngại ấy, không có người giải đãi, không có pháp giải đãi.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát dạy chúng sanh cho họ an trụ tánh không, chẳng rơi vào pháp có hai. Tại sao? Vì trong tánh không ấy không có hai, không có dị biệt vậy. Pháp không hai ấy không có chỗ chấp trước được.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Lúc hành tánh không Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát dạy chúng sanh cho họ tinh tiến, bảo họ rằng: Này các người! Phải siêng năng tinh tiến hoặc bố thí, hoặc trì giới, hoặc nhẫn nhục, hoặc tinh tiến, hoặc thiền định, hoặc trí huệ, hoặc thiền định giải thoát tam muội, hoặc tứ niệm xứ đến bát thánh đạo phần, hoặc không, vô tướng, vô tác giải thoát môn, hoặc Phật thập lực, hoặc tứ vô úy, hoặc tứ vô ngại trí, hoặc mười tám pháp bất cộng, hoặc đại từ, đại bi. Với các pháp ấy các người chớ quan niệm là tướng hai, cũng chớ quan niệm là tướng chẳng hai.

Tại sao? **Vì tánh các pháp ấy đều không. Pháp tánh không này, chẳng nên dùng tướng hai để quan niệm, cũng chẳng nên dùng tướng chẳng hai để quan niệm.**

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát vì sức phương tiện nên thành tựu chúng sanh. Thành tựu chúng sanh xong, thứ đệ dạy cho họ được quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, đạo Bích Chi Phật, nhập Bồ Tát vị, được Vô Thượng Bồ Đề.

Lại nữa, Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát thấy chúng sanh loạn tâm bèn dùng sức phương tiện vì lợi ích chúng sanh nên bảo họ rằng: Này các người! Phải tu thiền định, các người chớ sanh loạn tưởng, phải sanh nhất tâm. Tại sao? Tánh của các pháp ấy đều là tánh không. Trong tánh rỗng không ấy không có pháp để được, hoặc là loạn hoặc là nhất tâm. Các người an trụ trong tam muội ấy, chỗ có những tác nghiệp hoặc là thân, là khẩu, là ý, hoặc bố thí, trì giới, nhẫn nhục, hoặc siêng tinh tiến, hành thiền định, tu trí huệ, hoặc hành tứ niệm xứ đến bát thánh đạo phần, hoặc hành các giải thoát, các định thứ đệ, hoặc hành Phật thập lực đến đại từ đại bi, hoặc hành ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo, hoặc Thanh Văn đạo, Bích Chi Phật đạo, Phật đạo, hoặc quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, hoặc đạo Bích Chi Phật, hoặc Nhất thiết chủng trí, hoặc thành tựu chúng sanh, hoặc tịnh Phật quốc độ.

Các người phải tùy theo sở nguyện của mình mà thực hành để được an trụ tánh không. **(Kinh nói về thiền định)**

Như vậy, Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật dùng sức phương tiện vì làm lợi ích chúng sanh nên từ khi sơ phát tâm trọn chẳng lười bỏ, thường cầu pháp lành để lợi ích chúng sanh, từ một cõi Phật đến một cõi Phật, theo chư Phật nghe pháp, bỏ thân thọ thân nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề trọn chẳng quên mất.

Chư Bồ Tát ấy thường được các đà là ni, các căn đầy đủ, đó là thân căn, ngữ căn và ý căn.

Tại sao? Vì Đại Bồ Tát này thường tu Nhất thiết chủng trí. Vì tu Nhất thiết chủng trí nên tất cả đạo hạnh đều tu, hoặc là đạo Thanh Văn, đạo Bích Chi Phật, hoặc là đạo Bồ Tát thần thông. Lúc hành đạo thần thông, Bồ Tát thường lợi ích chúng sanh, vào trong năm loài sanh tử mà trọn chẳng hao mất.

Như vậy, Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật an trụ tánh không dùng thiền định lợi ích chúng sanh.

Lại nữa, Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật an trụ tánh không, vì sức phương tiện nên lợi ích chúng sanh, bảo họ rằng: Này các người! Phải quán tất cả pháp tánh không. Các người nên làm các nghiệp: hoặc thân nghiệp, hoặc khẩu nghiệp, hoặc ý nghiệp hướng đến mùi vị cam lồ. Trong tánh không không có pháp thối lui, cũng không có người thối. Bởi tánh không chẳng phải là pháp. Ở trong pháp vô sở hữu sao lại có thối!

Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát dạy bảo chúng sanh như vậy, thường chẳng lười bỏ.

Bồ Tát này tự thật hành thập thiện, cũng dạy người khác làm thập thiện. Với năm giới, bát giới trai cũng như vậy.

Bồ Tát này tự hành tứ thiền, cũng dạy người khác hành tứ thiền. Thường tự hành từ, bi, hỉ, xả, tự hành bốn định vô sắc, tự hành tứ niệm xứ đến tám phần thánh đạo, tự hành Phật thập lực đến mười tám pháp bất cộng, đến tám mươi tùy hình hảo, cũng dạy người khác hành từ tâm nhẫn đến hành tám mươi tùy hình hảo như vậy.

Bồ Tát này ở trong quả Tu Đà Hoàn sanh trí huệ nhưng chẳng an trụ trong quả ấy, cũng dạy người khác được quả Tu Đà hoàn, nhẫn đến A La Hán cũng vậy.

Bồ Tát này tự ở trong đạo Bích Chi Phật sanh trí huệ nhưng chẳng an trụ trong đó, cũng dạy người khác được đạo Bích Chi Phật.

Bồ Tát này tự mình đến đạo Vô Thượng Bồ Đề, cũng dạy người khác được đạo Vô Thượng Bồ Đề.

Như vậy, Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật vì sức phương tiện nên trọn chẳng lười bỏ".

Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu tánh các pháp thường không. Trong tánh thường rỗng không ấy, chúng sanh bất khả đắc, pháp và phi pháp cũng bất khả đắc thì đại Bồ Tát thế nào cầu Nhất thiết chủng trí?".

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Đúng như vậy. Đúng như lời ông nói, tánh các pháp đều không. Trong tánh không ấy, chúng sanh bất khả đắc, pháp và phi pháp cũng bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Nếu tất cả pháp tánh chẳng không thì Đại Bồ Tát chẳng Nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý cứ tánh không thành Vô Thượng Bồ Đề và vì chúng sanh nói pháp tánh không.

Này Tu Bồ Đề! Sắc tánh rỗng không, thọ, tưởng, hành, thức tánh rỗng không. Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát nói pháp ngũ ấm tánh không, pháp thập nhị nhập tánh không, pháp thập bát giới tánh không, pháp tứ thiền, tứ tâm, tứ vô sắc định tánh không, pháp tứ niệm xứ đến bát thánh đạo phần tánh không, pháp ba môn giải thoát, tám bội xả, chín định thứ đệ, mười trí lực, bốn vô úy, bốn trí vô ngại, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi, ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo đều tánh không.

Đại Bồ Tát cũng nói những pháp Tu Đà Hoàn quả, Tư Đà Hàm quả, A Na Hàm quả, A La Hán quả, Bích Chi Phật đạo, Nhất thiết chủng trí dứt tập chủng phiền não đều tánh không.

Này Tu Bồ Đề! Nếu nội không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không mà tánh chẳng không thì phá hoại tánh không.

Này Tu Bồ Đề! Tánh không ấy chẳng thường, chẳng đoạn. Tại sao? Vì tánh không ấy không chỗ trụ, cũng không chỗ từ đâu lại, cũng không chỗ từ đâu đi. Đây gọi là **tướng pháp trụ**. Trong đây không có pháp, không có trụ, không có tán, không có tăng, không có giảm, không có sanh, không có diệt, không có cấu, không có tịnh. Đây là các pháp tướng.

Đại Bồ Tát an trụ trong các pháp tướng ấy phát tâm Vô Thượng Bồ Đề chẳng thấy pháp có chỗ phát, không có phát, không có trụ. Đây gọi là tướng pháp trụ.

Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát ấy thấy tất cả pháp tánh không, chẳng thối chuyển Vô Thượng Bồ Đề. Tại sao? Vì Bồ Tát ấy chẳng thấy có pháp hay chướng ngại thì ở chỗ nào mà sanh nghi. Đây gọi là Vô Thượng Bồ Đề.

Tánh không ấy chẳng có chúng sanh, chẳng có ngã, chẳng có nhơn, chẳng có thọ, chẳng có mạng, nhẫn đến chẳng có tri giả, kiến giả.

Trong tánh không ấy, sắc bất khả đắc, thọ, tưởng, hành, thức bất khả đắc, nhẫn đến tám mươi tùy hình hảo bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Ví như đức Phật hóa làm tứ chúng: Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu bà Di, rồi thường vì tứ chúng này mà thuyết pháp ngàn vạn ức kiếp chẳng dứt. Ý của ông nghĩ sao, hóa chúng ấy sẽ được quả Tu Đà Hoàn, nhẫn đến sẽ được Vô Thượng Bồ Đề chăng?”.

- Bạch đức Thế Tôn! Không. Tại sao? Vì các hóa chúng ấy không có căn bổn thật sự. Tất cả pháp tánh không, cũng không có căn bổn thật sự, thì có những chúng sanh nào được quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề?

- Này Tu Bồ Đề! Cũng như vậy, Đại Bồ Tát vì chúng sanh nói pháp tánh không. Chúng sanh ấy thật bất khả đắc. Vì chúng sanh rơi vào trong điên đảo nên cứu vớt chúng sanh, khiến họ an trụ nơi chẳng điên đảo.

Điên đảo tức là không điên đảo.

Điên đảo và không điên đảo đều là một tướng mà có nhiều điên đảo, có ít chẳng điên đảo.

Trong chỗ không điên đảo thì không có ngã, không có chúng sanh, nhẫn đến không có tri giả, kiến giả.

Trong chỗ không điên đảo cũng không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức, không có mười hai nhập, nhẫn đến không có Vô Thượng Bồ Đề.

Đây gọi là các pháp tánh không.

Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát an trụ trong đây, ở nơi trong tướng chúng sanh điên đảo mà cứu vớt chúng sanh.

Đó là trong tướng không chúng sanh, có chúng sanh mà cứu vớt ra. Nhẫn đến trong tướng tri giả, kiến giả mà cứu vớt ra. Ở trong tướng không sắc, thọ, tưởng, hành, thức, có sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà cứu vớt chúng sanh. Mười hai nhập, mười tám giới nhẫn đến tất cả pháp hữu lậu cũng như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Cũng có các pháp vô lậu. Đó là tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác phần, bát thánh đạo phần. Các pháp ấy đều là pháp vô lậu, cũng chẳng bằng tướng đệ nhất nghĩa.

Tướng đệ nhất nghĩa ấy vô tác, vô vi, vô sanh, vô tướng, vô thuyết. Đây gọi là đệ nhất nghĩa, cũng gọi là tánh không, cũng gọi là Phật đạo. Trong ấy chúng sanh bất khả đắc, nhẫn đến tri giả, kiến giả bất khả đắc, sắc, thọ, tưởng, hành, thức bất khả đắc nhẫn đến tám mươi tùy hình hảo bất khả đắc.

Tại sao vậy?

Vì Đại Bồ Tát chẳng phải vì đạo pháp mà cầu Vô Thượng Bồ Đề. **Đại Bồ Tát vì chư pháp thật tướng tánh không mà cầu Vô Thượng Bồ Đề. Tánh không ấy, tiền tế, hậu tế và trung tế đều tánh không! Thường là tánh không, chẳng có lúc nào là chẳng tánh rỗng không.**

Đại Bồ Tát hành tánh không Bát nhã ba la mật ấy, vì những chúng sanh chấp trước tướng chúng sanh, muốn cứu vớt họ mà cầu Đạo chủng trí.

Lúc cầu Đạo chủng trí, Đại Bồ Tát thật hành khắp tất cả đạo như là Thanh Văn đạo, Bích Chi Phật đạo. Đại Bồ Tát ấy đầy đủ tất cả đạo, cứu vớt chúng sanh ra khỏi là tưởng, chấp trước. Thanh tịnh cõi Phật xong, tùy theo thọ mạng được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! **Thuở quá khứ, đạo của chư Phật mười phương là tánh không. Thuở vị lai, thuở hiện tại, đạo của chư Phật mười phương là tánh không. Rời tánh không, thế gian không có đạo, không có quả. Cần phải gần gũi chư Phật nghe dạy các pháp tánh không này. Hành pháp này chẳng mất Nhất thiết chủng trí.**

- Bạch đức Thế Tôn! Rất là hi hữu. Chư Đại Bồ Tát có hành pháp tánh không ấy mà cũng chẳng phá hoại tướng tánh không. Đó là sắc khác với tánh không, thọ, tưởng, hành, thức khác với tánh không, nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề khác với tánh không.

- Này Tu Bồ Đề! Sắc tức là tánh không, tánh không tức là sắc. Nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề tức là tánh không, tánh không tức là Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Nếu sắc khác với tánh không, nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề khác với tánh không thì Đại Bồ Tát chẳng thể được Nhất thiết chủng trí.

Nay sắc chẳng khác tánh không, nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề chẳng khác tánh không. Vì thế nên Đại Bồ Tát biết tất cả pháp tánh không, phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề.

Tại sao? Vì trong ấy không có pháp nào hoặc là thật hoặc là thường, chỉ vì hàng phàm phu chấp trước sắc, thọ, tưởng, hành, thức, có tâm chấp ngã trước nội pháp ngoại pháp, nên thọ lấy thân ngũ ấm sắc, thọ, tưởng, hành, thức kế sau. Vì lẽ ấy mà chẳng thoát được sanh, già, bệnh, chất, sầu bi khổ não, qua lại năm loài.

Vì cớ sự ấy nên Đại Bồ Tát hành tánh không Bát nhã ba la mật, chẳng phá hoại các pháp tướng sắc, thọ v.v… hoặc không hoặc bất không.

Tại sao? Vì tướng sắc tánh không chẳng phá hoại sắc, đó là sắc, là không, là thọ, tưởng, hành, thức, nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề cũng như vậy.

Ví như hư không chẳng phá hoại hư không. Nội hư không chẳng phá hoại ngoại hư không, ngoại hư không chẳng phá hoại nội hư không.

Như vậy, Này Tu Bồ Đề! Sắc chẳng phá hoại sắc tướng không. Tướng sắc không chẳng phá hoại sắc. Tại sao? Vì hai pháp ấy không có tánh có thể có bị phá hoại, đó là không, là chẳng phải không.

Nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề cũng như vậy.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp rỗng không vô phân biệt, tại sao Đại Bồ Tát từ lúc mới phát tâm đến nay phát nguyện rằng tôi sẽ được Vô Thượng Bồ Đề?

Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp vô phân biệt, tại sao Bồ Tát phát tâm rằng tôi sẽ được Vô Thượng Bồ Đề?

Bạch đức Thế Tôn! Nếu phân biệt các pháp chẳng thể được Vô Thượng Bồ Đề.

- Đúng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Nếu Đại Bồ Tát hành hai tướng thì không có Vô Thượng Bồ Đề. Nếu phân biệt làm hai phần thì không có Vô Thượng Bồ Đề. Nếu chẳng hai, chẳng phân biệt các pháp thì là Vô Thượng Bồ Đề.

Bồ Đề là tướng bất nhị, là tướng bất hoại.

Này Tu Bồ Đề! Bồ Đề ấy chẳng hành trong sắc, chẳng hành trong thọ, tưởng, hành, thức. Nhẫn đến Bồ Đề chẳng hành trong Bồ Đề.

Tại sao? Vì sắc tức là Bồ Đề, Bồ Đề tức là sắc, chẳng hai, chẳng phân biệt. Nhẫn đến mười tám pháp bất cộng cũng như vậy.

Bồ Đề ấy chẳng thấy vì lấy mà hành, chẳng phải vì bỏ mà hành.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ Tát, Bồ Đề chẳng phải vì lấy mà hành, chẳng phải vì bỏ mà hành, vậy Đại Bồ Tát, Bồ Đề chỗ nào mà hành?

- Này Tu Bồ Đề! Như ý ông nghĩ sao? Như hóa nhơn của đức Phật biến hóa ra hành tại chỗ nào, là hành trong lấy, là hành trong bỏ?

- Bạch đức Thế Tôn! Chẳng phải hành trong lấy, chẳng phải hành trong bỏ.

- Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát, Bồ Đề cũng như vậy, chẳng phải hành trong lấy, chẳng phải hành trong bỏ.

Này Tu Bồ Đề! Như ý ông nghĩ sao? A La Hán trong chiêm bao, Bồ Đề hành chỗ nào? Là hành trong lấy, là hành trong bỏ?

- Bạch đức Thế Tôn! Không. Chẳng phải hành trong lấy, chẳng phải hành trong bỏ. Tại sao? Vì A La Hán rốt ráo không ngủ thì thế nào trong chiêm bao, Bồ Đề là hành trong lấy, là hành trong bỏ.

- Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát, Vô Thượng Bồ Đề cũng như vậy. Chẳng phải hành trong lấy, chẳng phải hành trong bỏ, chỗ gọi là hành trong sắc, nhẫn đến hành trong Nhất thiết chủng trí.

- Bạch đức Thế Tôn! Phải chăng Đại Bồ Tát chẳng hành thập địa, chẳng hành sáu ba la mật, chẳng hành ba mươi bảy pháp trợ đạo, chẳng hành mười tám không, chẳng hành các thiền giải

thoát tam muội, chẳng hành mười trí lực, nhẫn đến chẳng hành tám mươi tùy hình hảo, trụ năm thần thông, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, được Vô Thượng Bồ Đề?

- Đúng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Đúng như lời ông nói. Nay Bồ Tát dầu Bồ Đề không chỗ hành, nếu chẳng đầy đủ thập địa, sáu ba la mật, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ, nhẫn đến tám mươi tù hình hảo, hạnh thường xả, pháp chẳng hư luống, pháp chẳng sai lầm, nếu chẳng đầy đủ những pháp ấy thì trọn chẳng được Vô Thượng Bồ Đề.

Đại Bồ Tát ấy trụ trong tướng sắc, trụ trong tướng thọ, tưởng, hành, thức, nhẫn đến trụ trong tướng Vô Thượng Bồ Đề, có thể đầy đủ thập địa, nhẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Tướng ấy thường tịch diệt, không có pháp hay tăng, hay giảm, hay sanh, hay diệt, hay cấu, hay tịnh, có thể đắc đạo, có thể đắc quả.

Vì pháp thế tục đế mà Bồ Tát được Vô Thượng Bồ Đề chớ chẳng phải đệ Nhất thiệt nghĩa. Tại sao? Vì trong đệ Nhất nghĩa không có sắc, nhẫn đến không có Vô Thượng Bồ Đề, cũng không có người hành Vô Thượng Bồ Đề. Tất cả pháp ấy đều vì thế tục mà nói, chớ chẳng phải đệ nhất nghĩa.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát từ lúc mới phát tâm đến nay hành Vô Thượng Bồ Đề, Bồ Đề cũng chẳng tăng thêm, chúng sanh cũng chẳng giảm bớt, Bồ Tát cũng không tăng giảm.

Này Tu Bồ Đề! Như ý ông nghĩ sao? Nếu người lúc ban sơ đắc đạo trụ vô gián tam muội, được căn vô lậu thành tựu, hoặc quả Tu Đà Hoàn, hoặc quả Tư Đà Hàm, hoặc quả A Na Hàm, hoặc quả A La Hán. Lúc bấy giờ ông có sở đắc, hoặc là mộng, hoặc là tâm, hoặc là đạo, hoặc đạo quả chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không có chỗ được.

- Này Tu Bồ Đề! Làm thế nào biết người được đạo A La Hán?

- Bạch đức Thế Tôn! Vì thế tục đế nên phân biệt gọi là đạo A La Hán.

- Đúng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Vì thế tục đế nên gọi là Bồ Tát, nên gọi là sắc, thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến Nhất thiết chủng trí.

Trong Bồ Đề ấy không có pháp để được hoặc tăng, hoặc giảm. Bởi vì các pháp tánh không vậy.

Các pháp tánh không còn là bất khả đắc, huống là có được tâm sơ địa nhẫn đến tâm thập địa, huống là có sáu ba la mật, ba mươi bảy pháp trợ đạo nhẫn đến tất cả Phật pháp!

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát hành Vô Thượng Bồ Đề được pháp Vô Thượng Bồ Đề lợi ích chúng sanh như vậy".

---o0o---

PHẨM CỤ TÚC(1)
THỨ TÁM MƯƠI MỐT

(Tương đương với Phẩm "Thành Thục Hữu Tình", phần cuối Q.390 cho đến phần đầu Q.393, ĐBN).

Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật: “Bạch đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ Tát hành sáu ba la mật, mười tám không, ba mươi bảy pháp trợ đạo, mười trí lực, bốn vô úy, bốn trí vô ngại, mười tám pháp bất cộng mà chẳng đầy đủ Bồ Tát đạo, chẳng có thể được Vô Thượng Bồ Đề, vậy Đại Bồ Tát phải thế nào để được Vô Thượng Bồ Đề?”.

Đức Phật bảo ngài Tu Bồ Đề: “Lúc hành Bát nhã ba la mật, nếu Đại Bồ Tát vì sức phương tiện nên hành Đàn na ba la mật: chẳng thấy có bố thí, chẳng thấy có người thí, chẳng thấy có người thọ, cũng chẳng xa rời các pháp ấy mà hành Đàn na ba la mật. Đây là soi sáng Bồ Tát đạo.

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát vì sức phương tiện nên đầy đủ Bồ Tát đạo như vậy. Đầy đủ xong thì có thể được Vô Thượng Bồ Đề.

Trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí huệ nhẫn đến mười tám pháp bất cộng cũng như vậy”.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát tu tập Bát nhã ba la mật thế nào?”

Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: “Nếu Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, vì sức phương tiện nên chẳng phá hoại sắc, chẳng tùy theo sắc. Tại sao? Vì sắc tánh không, nên chẳng hoại chẳng tùy. Nhẫn đến thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Này Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, vì sức phương tiện nên hành Đàn na ba la mật chẳng hoại, chẳng tùy. Tại sao? Vì Đàn na ba la mật tánh không, nên chẳng hoại, chẳng tùy. Nhẫn đến mười tám pháp bất cộng cũng như vậy”.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp không có tự tánh có thể hoại được, có thể tùy được, thì thế nào Đại Bồ Tát có thể tu tập Bát nhã ba la mật và các học xứ của chư Đại Bồ Tát. Tại sao? Vì Đại Bồ Tát nếu chẳng học Bát nhã ba la mật thì chẳng có thể được Vô Thượng Bồ Đề?

- Này Xá Lợi Phất! Như lời ông nói, Bồ Tát chẳng học Bát nhã ba la mật thì chẳng có thể được Vô Thượng Bồ Đề. Vì chẳng rời sức phương tiện nên có thể được.

Này Xá Lợi Phất! Nếu Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật mà có một pháp tánh khả đắc thì mới nên lấy, còn nếu là bất khả đắc thì sẽ lấy chỗ nào? Những Bát nhã ba la mật, Thiền na ba la mật, Tinh tiến ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Thi la ba la mật, Đàn na ba la mật, sắc, thọ, tưởng, hành, thức nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề.

Này Xá Lợi Phất! Bát nhã ba la mật ấy chẳng nắm lấy tướng được. Nhẫn đến tất cả Phật pháp chẳng nắm lấy tướng được.

Này Xá Lợi Phất! Đó gọi là **bất thủ** Bát nhã ba la mật nhẫn đến Phật pháp, là chỗ phải nên học của Đại Bồ Tát.

Lúc Đại Bồ Tát học trong ấy, tướng học còn là bất khả đắc huống là Bát nhã ba la mật, Phật pháp, Bồ Tát pháp, Bích Chi Phật pháp, Thanh Văn pháp, phàm phu pháp.

Tại sao? Này Xá Lợi Phất! Các pháp không một pháp nào có tánh.

Các pháp không có tánh như vậy thì những gì là phàm phu, là Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, Phật!

Nếu không có các Hiền Thánh ấy thì sao lại có pháp, vì biết pháp ấy nên phân biệt nói là phàm phu, là Tu Đà Hoàn nhẫn đến Phật.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp không có tánh không thật, không căn bổn thì sao lại biết là phàm phu nhẫn đến là Phật?

- Này Xá Lợi Phất! Chỗ nắm lấy phàm phu như sắc v.v… có tánh có thật chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không chỉ là do tâm điên đảo thôi.

- Này Xá Lợi Phất! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát vì sức phương tiện, vì thấy các pháp không có tánh không có căn bổn nên có thể phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát vì sức phương tiện, vì thấy các pháp không có tánh không có căn bổn nên phát tâm Vô Thượng Bồ Đề?

- Này Xá Lợi Phất! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát chẳng thấy các pháp căn bổn ở trong đó thối mất, sanh lòng giải đãi.

Này Xá Lợi Phất! Nay các pháp căn bổn thật không ngã, không có tánh sở hữu, thường rỗng không. Chỉ vì điên đảo ngu si nên chúng sanh nắm lấy ấm, nhập giới.

Đại Bồ Tát này lúc thấy các pháp không có tánh sở hữu, thường rỗng không, tự tướng không, thực hành Bát nhã ba la mật, tự lập mình như nhà ảo thuật mà vì chúng sanh thuyết pháp.

Với người xan tham, Bồ Tát vì họ nói pháp bố thí. Với người phá giới, nói pháp trì giới. Với người sân hận, nói pháp nhẫn nhục. Với người giải đãi, nói pháp tinh tiến. Với người tán loạn, nói pháp Thiền định. Với người ngu si, nói pháp trí huệ.

Bồ Tát thuyết pháp làm cho chúng sanh an trụ nơi bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí huệ. Rồi sau đó vì họ mà nói thánh pháp có thể ra khỏi khổ. Dùng pháp ấy có thể được quả Tu Đà hoàn nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề.

- Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát khả đắc chúng sanh vô sở hữu ấy, dạy họ bố thí nhẫn đến trí huệ rồi sau nói thánh pháp có thể ra khỏi khổ. Vì dùng pháp ấy nên được quả Tu Đà hoàn nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề.

- Này Xá Lợi Phất! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát không có lỗi hữu sở đắc.

Tại sao? Này Xá Lợi Phất! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát chẳng có được chúng sanh. Chỉ vì pháp rỗng không tương tục mà gọi là chúng sanh.

Này Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát an trụ trong hai đế mà vì chúng sanh thuyết pháp, đó là thế đế và đệ nhứt nghĩa đế.

Này Xá Lợi Phất! Trong hai đế, dầu chúng sanh bất khả đắc, Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật vì sức phương tiện nên thuyết pháp cho chúng sanh.

Chúng sanh nghe pháp ấy, đời nay ngô ngã còn là bất khả đắc, huống là người sẽ được Vô Thượng Bồ Đề và pháp dùng để tu.

Này Xá Lợi Phất! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát vì sức phương tiện nên thuyết pháp cho chúng sanh như vậy.

- Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát ấy tâm quảng đại, không có pháp khả đắc, hoặc là nhứt tướng, hoặc là dị tướng, hoặc là biệt tướng mà có thể đại trang nghiêm như vậy.

Vì dùng sự trang nghiêm ấy nên chẳng sanh cõi Dục, chẳng sanh cõi Sắc, chẳng sanh cõi vô sắc.

Bồ Tát ấy chẳng thấy tánh hữu vi, tánh vô vi mà ở trong ba cõi độ thoát chúng sanh, cũng chẳng có được chúng sanh.

Tại sao? Vì chúng sanh chẳng phược, chẳng giải được. Vì chúng sanh chẳng phược, chẳng giải nên không cấu, không tịnh. Vì không cấu, không tịnh nên không phân biệt năm loài. Vì không phân biệt năm loài nên không nghiệp, không phiền não. Vì không nghiệp, không phiền não thì chẳng nên có quả báo. Vì do quả báo ấy mà sanh trong ba cõi.

- Đúng như vậy. Này Xá Lợi Phất! Như lời ông nói, nếu chúng sanh là trước có sau không thì chư Phật, Bồ Tát có tội lỗi. Các pháp, năm loài sanh tử cũng như vậy, nếu trước có sau không thì chư Phật, chư Bồ Tát có tội lỗi.

Này Xá Lợi Phất! Nay đây không luận có Phật hay không Phật, các pháp tướng vẫn trụ không dị biệt.

Trong pháp tướng ấy còn không có ngã, không có chúng sanh, thọ giả nhẫn đến không có tri giả, kiến giả, huống là có sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

Nếu không có những pháp ấy thì thế nào có năm loài qua lại, và chỗ cứu vớt chúng sanh ra.

Này Xá Lợi Phất! Các pháp ấy, tánh của nó thường không.

Vì thế nên chư Đại Bồ Tát từ nơi chư Phật quá khứ nghe pháp tướng ấy mà phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Trong ấy không có pháp gì để sẽ được, cũng không có chỗ nào chúng sanh quyết định nắm lấy.

Pháp chẳng thể ra được. Chỉ vì chúng sanh điện đảo nên nắm lấy. Bởi thế mà Đại Bồ Tát phát đại trang nghiêm thường chẳng thối chuyển Vô Thượng Bồ Đề.

Bồ Tát này chẳng nghi ngờ rằng tôi sẽ chẳng được Vô Thượng Bồ Đề. Chắc chắn tôi sẽ được Vô Thượng Bồ Đề. Sau khi được Vô Thượng Bồ Đề rồi, dùng thật pháp lợi ích chúng sanh cho họ ra khỏi điên đảo.

Này Xá Lợi Phất! Ví như nhà ảo thuật, thuật làm trăm ngàn muôn ức người, những thứ uống ăn cho no đủ. Những người này vui mừng hô rằng tôi được phước lớn, tôi được phước lớn.

Ý của ông nghĩ sao, trong đây có người nào ăn uống no đủ chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không.

- Này Xá Lợi Phất! Đại Bồ Tát từ khi mới phát tâm trở lại, thực hành sáu ba la mật, tứ thiền, tứ tâm, tứ định, tứ niệm xứ nhẫn đến mười tám pháp bất cộng, đầy đủ Bồ Tát đạo, thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ. Nhưng không có pháp chúng sanh có thể được độ".

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật : "Bạch đức Thế Tôn! Những gì là Bồ Tát đạo ấy có thể thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ.

- Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát từ lúc mới phát tâm trở lại, hành Bố thí ba la mật, Trì giới ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Tinh tiến ba la mật, Thiền định ba la mật, Bát nhã ba la mật nhẫn đến hành mười tám pháp bất cộng, thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ Tát hành Bố thí ba la mật thành tựu chúng sanh?

- Này Tu Bồ Đề! Có Đại Bồ Tát lúc hành Bố Thí ba la mật, tự mình bố thí, cũng dạy người khác bố thí, bảo họ rằng các người chớ nắm lấy bố thí, nếu nắm lấy bố thí thì sẽ lại phải thọ thân nữa. Vì phải thọ thân nữa nên phải nhận nhiều sự khổ. Này các người! Trong các pháp tướng không có bị bố thí, không có người bố thí, không có kẻ nhận lãnh. Ba thứ ấy đều tánh rỗng không ấy chẳng thể lấy được. Tướng không thể lấy được là tánh rỗng không.

Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bố thí ba la mật, Đại Bồ Tát bố thí chúng sanh, trong ấy chẳng có được bố thí, chẳng có được người thí, chẳng có được kẻ nhận. Tại sao? Vì vô sở đắc ba la mật gọi là Bố thí ba la mật.

Vì Bồ Tát ấy chẳng có được ba pháp ấy nên có thể dạy chúng sanh cho họ được quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề.

Như vậy, Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bố thí ba la mật, Đại Bồ Tát thành tựu chúng sanh. Bồ Tát ấy tự mình hành bố thí, cũng dạy người bố thí, khen ngợi pháp bố thí, vui mừng khen ngợi người bố thí.

Bố thí như vậy xong, Bồ Tát ấy sanh nhà dòng Sát Đế Lợi, Bà La Môn, Cư Sĩ, hoặc làm Tiểu Vương, hoặc làm Chuyển Luân Thánh Vương. Bấy giờ dùng bốn việc nhiếp lấy chúng sanh. Đó là bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự.

Dùng bốn việc ấy nhiếp lấy chúng sanh rồi, chúng sanh lần lần an trụ nơi giới, tứ thiền, tứ tâm, tứ định, tứ niệm xứ nhẫn đến bát thánh đạo phần, ba giải thoát môn, được vào trong chánh vị, được quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến quả A La Hán, hoặc được đạo Bích Chi Phật. Hoặc dạy cho họ được Vô Thượng Bồ Đề ấy rất dễ được. Tại sao? Không có pháp nhứt định làm chỗ chúng sanh nắm lấy được, chỉ vì điên đảo nên chúng sanh nắm lấy thôi. Vì thế mà các người nên tự mình rời lìa sanh tử, cũng phải dạy người khác rời lìa sanh tử. Các người phát tâm hay lợi ích cho mình, cũng sẽ lợi ích người khác.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải hành Bố thí ba la mật như vậy.

Do hành bố thí ba la mật mà từ khi mới phát tâm trở lại, Bồ Tát trọn chẳng đọa ác đạo, thường làm Chuyển Luân Thánh Vương. Tại sao? Vì tùy theo chỗ gieo giống mà được quả báo lớn vậy.

Lúc Bồ Tát ấy làm Chuyển Luân Thánh Vương thấy có người đến xin nghĩ rằng tôi chẳng vì việc nào khác mà thọ ngôi Chuyển Luân Thánh Vương, mà chỉ vì lợi ích tất cả chúng sanh. Suy nghĩ xong bảo người đến xin rằng đây là vật của nhà người, nhà ngươi tự lấy đi chớ e dè, ta không tiếc đâu. Ta vì chúng sanh mà thọ lấy sanh tử, vì thương xót các người mà ta đầy đủ lòng đại bi.

Bồ Tát thực hành đại bi ấy làm lợi ích cho chúng sanh, cũng chẳng được tướng chúng sanh quyết định thật, chỉ giả danh mà có thể gọi là chúng sanh. Danh tự ấy rỗng không. Như tiếng vang, thật chẳng thể nói tướng quyết định được.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát phải hành Bố thí ba la mật như vậy, ở trong chúng sanh không tiếc gì cả, nhẫn đến chẳng tiếc da thịt của chính thân mình, huống là vật ngoài thân. Do pháp này mà có thể cứu vớt chúng sanh ra khỏi sanh tử. Pháp này là những gì? Đó là Bố thí ba la mật, Trì giới ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Tinh tiến ba la mật, Bát nhã ba la mật nhẫn đến mười tám pháp bất cộng, dùng những pháp ấy làm cho chúng sanh từ trong sanh tử được ra khỏi.

Lại Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trong Bố thí ba la mật, Trì giới ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Tinh tiến ba la mật, Bát nhã ba la mật nhẫn đến mười tám pháp Phật bất cộng, bố thí xong bảo rằng: Này các người! Các người đến đây giữ giới, tôi sẽ cung cấp các người không để thiếu hụt. Những đồ uống ăn, Nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý phục, đồ nằm, nhẫn đến tất cả đồ cần để

sống tôi sẽ cung cấp đầy đủ đồ dùng cho các người không thiếu hụt, hoặc là món ăn, thức uống nhẫn đến bảy báu.

Các người an trụ trong **giới luật nghi(2)** này, lần lần sẽ được hết khổ, nương nơi ba thừa mà được giải thoát, hoặc Thanh Văn thừa, hoặc Bích Chi Phật thừa, hoặc Phật thừa.

Lại Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trong Bố thí ba la mật, nếu thấy chúng sanh sân hận thì bảo họ rằng: Này các người! Duyên cớ gì mà các người giận hờn? Tôi sẽ cấp đồ cần dùng cho các người. Các người muốn vật gì cứ lấy ở nơi tôi, tôi sẽ cung cấp đầy đủ để các người khỏi thiếu hụt.

Bồ Tát này an trụ trong Bố thí ba la mật dạy chúng sanh **nhẫn nhục**, bảo họ rằng: Trong tất cả pháp, không có pháp nào thật chắc, chỗ giận của các người là nhơn duyên rỗng không, chẳng thật chắc, đều từ nhớ tưởng, hư vọng mà sanh. Các người bị cái sân hận không căn bổn phá hoại nơi tâm mà ác khẩu mắng nhiếc, dao gậy hại nhau, nhẫn đến giết chết. Các người chớ vì pháp hư vọng ấy mà sanh sân hận không căn bổn phá hoại nơi tâm mà ác khẩu mắng nhiếc, dao gậy hại nhau, nhẫn đến giết chết. Các người chớ vì pháp hư vọng ấy mà sanh sân hận để rồi phải đọa trong Địa ngục, Súc sanh, Ngạ quỷ, chịu vô lượng khổ. Các người chớ vì những pháp hư vọng không thiệt mà gậy tội nghiệp. Vì tội nghiệp ấy thì còn chẳng được thân người, huống là được sanh đời có Phật. Này các người! Đời có Phật khó gặp, thân người khó được. Các người chớ để mất dịp tốt. Nếu mất dịp tốt thì chẳng cứu được**.**

Đại Bồ Tát ấy giáo hóa chúng sanh như vậy. Tự mình hành nhẫn nhục, cũng dạy người khác hành nhẫn nhục, khen ngợi pháp nhẫn nhục, vui mừng khen ngợi người hành nhẫn nhục.

Bồ Tát ấy làm cho chúng sanh an trụ trong nhẫn nhục, lần lần do tam thừa mà được hết khổ.

Như vậy, Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ Bố thí ba la mật làm cho chúng sanh an trụ nhẫn nhục.

Này Tu Bồ Đề! Thế nào là Đại Bồ Tát an trụ bố thí ba la mật làm cho chúng sanh **tinh tiến**?

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát thấy chúng sanh giải đãi, bảo họ rằng: Các người sao lại giải đãi? Chúng sanh thưa vì nhơn duyên ít. Bồ Tát ấy bảo mọi người rằng tôi sẽ làm cho các người đầy đủ nhơn duyên: hoặc bố thí, hoặc trì giới, hoặc nhẫn nhục, những nhơn duyên như vậy làm cho các người đều đầy đủ.

Những chúng sanh ấy được Bồ Tát lợi ích nhơn duyên nên họ được thân tinh tiến, khẩu tinh tiến, tâm tinh tiến. Vì ba nghiệp tinh tiến nên đầy đủ tất cả pháp lành, tu pháp thánh vô lậu. Vì tu pháp thánh vô lậu nên được quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề.

Như vậy, Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc hành Bố thí ba la mật, an trụ Tinh tiến ba la mật để nhiếp lấy chúng sanh.

Này Tu Bồ Đề! Thế nào là Đại Bồ Tát lúc hành Bố thí ba la mật, giáo hóa chúng sanh khiến họ tu **Thiền ba la mật**?

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát thấy chúng sanh loạn tâm, bảo họ rằng các người nên tu thiền định. Chúng sanh thưa chúng tôi chẳng đầy đủ nhơn duyên. Bồ Tát bảo ta sẽ làm cho các người đầy đủ nhơn duyên, để các người tâm chẳng theo giác quán, tâm chẳng chạy tan. Do đủ nhơn duyên ấy, chúng sanh dứt giác quán, nhập sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, hành từ, bi, hỉ, xả. Do thiền và tâm vô lượng ấy mà chúng sanh có thể tu tứ niệm xứ nhẫn đến bát thánh đạo phần. lúc

tu ba mươi bảy pháp trợ đạo ấy, chúng sanh lần nhập tam thừa mà được Niết Bàn, trọn chẳng mất đạo.

Này Tu Bồ Đề! Như vậy, lúc hành Bố thí ba la mật, Đại Bồ Tát dùng Thiền ba la mật nhiếp lấy chúng sanh, khiến họ hành Thiền ba la mật.

Này Tu Bồ Đề! Thế nào là Đại Bồ Tát hành Bố thí ba la mật, dùng **Bát nhã ba la mật** nhiếp lấy chúng sanh?

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát thấy chúng sanh ngu si, không trí huệ, bảo họ rằng: Các người sao không tu trí huệ? Chúng sanh thưa vì không đầy đủ nhơn duyên. Bồ Tát ấy bảo những nhơn duyên mà các người cần để được đầy đủ trí huệ có thể lấy ở ta, đó là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định. Khi những nhơn duyên ấy đã đầy đủ, các ngươi tư duy như vầy: Lúc tư duy Bát nhã ba la mật, có pháp gì có thể được chăng? Những là ngã, chúng sanh, thọ mạng, nhẫn đến tri giả, kiến giả có thể được chăng? Những là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, sáu ba la mật, ba mươi bảy pháp trợ đạo, quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, đạo Bích Chi Phật, Vô Thượng Bồ Đề có thể được chăng?

Lúc tư duy như vậy, ở trong Bát nhã ba la mật, chúng sanh ấy không có pháp nào có thể được, có thể nắm lấy.

Nếu chẳng nắm lấy các pháp, bấy giờ chúng sanh ấy chẳng thấy pháp có sanh, có diệt, có cấu, có tịnh, chẳng phân biệt là Địa ngục, là Súc sanh, là Ngạ quỷ, là A tu la, là Nhơn, là Thiên, là Trì giới, là phá giới, là Tu Đà Hoàn, là Tư Đà Hàm, là A Na Hàm, là A La Hán, là Bích Chi Phật, là Phật.

Như vậy, Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bố thí ba la mật, Đại Bồ Tát dùng Bát nhã ba la mật nhiếp lấy chúng sanh.

Này Tu Bồ Đề! Thế nào là Đại Bồ Tát an trụ trong Bố thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tiến ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật nhẫn đến ba mươi bảy pháp trợ đạo nhiếp lấy chúng sanh?

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trong Bố thí ba la mật, đem đồ cấp dưỡng làm lợi ích cho chúng sanh. Do nhơn duyên làm lợi ích này, chúng sanh có thể tu tứ niệm xứ nhẫn đến bát thánh đạo phần. Chúng sanh hành ba mươi bảy phẩm trợ đạo ấy được ra khỏi sanh tử.

Như vậy, Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát dùng thánh pháp vô lậu nhiếp lấy chúng sanh.

Lại Này Tu Bồ Đề! Lúc Đại Bồ Tát giáo hóa chúng sanh bảo họ rằng: Này các người! Các người đến nơi ta mà lấy những vật cần dùng, những là đồ uống ăn, Nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, Nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý phục, đồ nằm, hương hoa, nhẫn đến bảy báu. Từ nay các người mãi mãi được lợi ích an vui. Các người chớ nghĩ rằng những vật này chẳng phải sở hữu của chúng tôi. Từ lâu luôn luôn ta vì chúng sanh mà tập hợp những vật ấy, các người nên lấy những vật ấy như vật của mình không khác.

Bồ Tát giáo hóa chúng sanh khiến họ hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí huệ, nhẫn đến khiến họ được ba mươi bảy pháp trợ đạo, mười trí lực nhẫn đến mười tám pháp bất cộng, cũng khiến họ được các pháp vô lậu, những là quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, đạo Bích Chi Phật, Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Như vậy, lúc hành Bố thí ba la mật, Đại Bồ Tát giáo hóa chúng sanh cho họ được rời lìa ba ác đạo và tất cả sự khổ sanh tử qua lại.

Lại nữa, Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trì giới ba la mật giáo hóa chúng sanh, bảo họ rằng: Các người thiếu nhơn duyên gì mà phá giới? Ta sẽ cấp cho các người để đầy đủ nhơn duyên, những là bố thí, nhẫn đến trí huệ và các thứ vật dùng để sống.

Đại Bồ Tát này an trụ Trì giới ba la mật làm lợi ích chúng sanh, khiến họ hành mười điều lành, xa rời mười điều bất thiện.

Những chúng sanh ấy trì các giới, chẳng phá giới, chẳng tạp giới, chẳng nắm lấy giới, lần lần do ba thừa mà được hết khổ.

Thi ba la mật làm đầu như Bố thí ba la mật.

Bốn ba la mật kia cũng như vậy".

Thích nghĩa:

(1). Cụ túc: 1). Nói tắt của Cụ bị mãn túc, tức là hoàn bị, đầy đủ. Thí dụ cung cấp phương tiện để sanh sống đầy đủ. 2). Nếu nói về giới luật: Giới cụ túc là giới do tỳ kheo, tỳ kheo ni thọ nhận.

(2). Giới luật nghi:

1). Phạm: Saôvara-zìla. Cũng gọi Nhiếp luật nghi giới, Tự tính giới, Nhất thiết bồ tát giới. Là một trong Tam tụ tịnh giới. Nhiếp hàm ý là thâu tóm hết, tức là tuân thủ tất cả các loại giới luật do đức Phật chế định, tích thiện ngừa ác; là giới pháp do 7 chúng(tỉ khưu, tỉ khưu ni, thức xoa ma na, sa di, sa di ni, ưu bà tắc, ưu bà di) thụ trì, gồm có 5 giới, 8 giới, 10 giới và Cụ túc giới... Theo Thích môn qui kính nghi quyển thượng thì Nhiếp luật nghi giới có công năng đoạn trừ các điều ác, là nhân của pháp thân.[X. kinh Bồ tát địa trì Q.4; luận Du già sư địa Q.40; luận Thành duy thức Q.9]. (xt. Tam Tụ Tịnh Giới).

2). Tam tụ tịnh giới: Phạm:Tri-vidhàni Zìlàni. Cũng còn gọi Tam tụ thanh tịnh giới, Tam tụ viên giới. Gọi tắt: Tam tụ giới, Tam tụ. Chỉ cho giới pháp của Bồ tát Đại thừa. Tụ nghĩa là chủng loại. Vì 3 loại giới pháp này rất thanh tịnh, bao hàm các giới Đại thừa, viên dung vô ngại, cho nên gọi là Tam tụ tịnh giới, Tam tụ viên giới. Tức là:

*a. **Nhiếp luật nghi giới** (Phạm: Saôvara-zìla), cũng gọi Tự tính giới, Nhất thiết bồ tát giới: Chỉ cho môn ngăn ác, bao hàm mọi luật nghi, dứt bỏ tất cả các điều ác; là giới của 7 chúng thụ trì, tùy theo tại gia, xuất gia khác nhau mà chia ra các giới điều như: 5 giới, 8 giới, 10 giới, giới Cụ túc...; cũng có thể qui thành 3 loại chung là Biệt giải thoát giới, Định cộng giới và Đạo cộng giới. Lại nữa, giới này là nhân của Pháp thân, vì Pháp thân vốn tự thanh tịnh, nhưng bị điều ác che lấp nên không hiển lộ ra được; nay dứt lìa các điều ác thì thì công thành đức hiện.*

*b. **Nhiếp thiện pháp giới** (Phạm: Kuzala-dharma-saôgràhaka-zìla), cũng gọi Thụ thiện pháp giới, Nhiếp trì nhất thiết bồ tát đạo giới. Nghĩa là tu tập tất cả pháp lành. Đây là môn tu thiện, là luật nghi giới mà Bồ tát tu hành, đem các điều thiện do thân, khẩu, ý tu được hồi hướng về Vô thượng bồ đề, như thường siêng chăm tinh tiến, cúng dường Tam bảo, tâm không buông thả, giữ gìn các căn và thực hành 6 ba la mật..., nếu phạm lỗi thì như pháp sám trừ, nuôi lớn các thiện pháp. Đây là nhân của Báo thân, do tu thiện dứt ác nên trở thành duyên của Báo thân Phật.*

*c. **Nhiếp chúng sinh giới** (Phạm: Sattvàrtha-kriyà-zìla), cũng gọi Nhiêu ích hữu tình giới, Tác chúng sinh ích giới. Nghĩa là vận dụng từ tâm nhiếp thụ làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, đây là môn lợi sinh. Kinh Bồ tát địa trì nêu ra 11 thứ lợi ích như sau: - Cùng làm bạn với những việc lợi ích mà chúng sinh thực hiện. - Cùng làm bạn với các bệnh khổ của chúng sinh đã khởi hoặc chưa khởi và người khán bệnh. -Nói pháp thế gian, xuất thế gian cho các chúng sinh nghe, hoặc dùng phương tiện giúp họ đạt được trí tuệ. - Biết ân báo ân. - Chúng sinh gặp các thứ sợ hãi, đều ra tay cứuhộ. Nếu họ bị các tai nạn như mất người thân thích, tài vật thì làm cho họ hết lo buồn. - Thấy có chúng sinh nghèo cùng khốn khó thì chu cấp những vật cần dùng. - Đức hạnh đầy đủ, xứng đáng làm chỗ y chỉ, nuôi chúng đúng pháp. - Trước nói lời an úy, tùy thời qua lại, cấp cho thức ăn uống, nói các lời tốt lành, tới lui thăm viếng... - Đối với những người có thực đức, tâm vui vẻ khen ngợi. - Đối với người có lỗi xấu, dùng từ tâm quở trách, chiết phục xử phạt, khiến họ hối cải. - Dùng sức thần thông, thị hiện đường ác, khiến chúng sinh sợ hãi các điều ác, tu theo Phật pháp, vui mừng tin ưa, sinh tâm hiếm có. Tam tụ định giới này là giới chung của tăng, tục Đại thừa thực hành, nhưng chúng tăng Đại thừa trước hết thụ Nhiếp luật nghi giới, tức thụ 250 giới, đây gọi là Biệt thụ; sau đó lại thụ chung Tam tụ tịnh giới, gọi là Thông thụ. [X. kinh Đại thừa bản sinh tâm địa quán Q.3; kinh Giải thâm mật Q.4; luận Du già sư địa Q.41; Nhiếp đại thừa luận thích Q.11 (bản dịch đời Lương); Phạm võng kinh bồ tát giới bản sớ Q.1 (Pháp tạng)].*

Để hiểu biết các giới luật nói chung nên chúng tôi trích dẫn 2 loại giải thích trên của Phật Quang từ điển. Thật sự giới luật nghi chỉ là một phần của tam tụ tịnh giới. Giử giới nhiều chừng nào thì thân tâm càng được thanh tịnh chừng nấy, kết quả có thể đưa đến Thánh quả. Đó là chủ trương của Giới tướng tôn. Tuy nhiên, muốn được Vô Thượng Bồ đề phải tu tất cả các thiện pháp vô lậu.

---o0o---

QUYỂN THỨ HAI MƯƠI CHÍN

PHẨM TỊNH PHẬT QUỐC
THỨ TÁM MƯƠI HAI.

(Tương đương với Phẩm "Nghiêm Tịnh Cõi Phật",
tức phần sau Q.393 đến đầu Q.394, ĐBN).

Bấy giờ Ngài Tu Bồ Đề suy nghĩ: Những gì là Đại Bồ Tát đạo?

Bồ Tát an trụ đạo ấy có thể làm được đại trang nghiêm(1) như vậy.

Đức Phật biết tâm niệm của Ngài Tu Bồ Đề liền dạy rằng: "Này Tu Bồ Đề! Sáu ba la mật là Đại Bồ Tát đạo, ba mươi bảy pháp trợ đạo là Đại Bồ Tát đạo, tám pháp bất bội xả, chín định thứ đệ là Đại Bồ Tát đạo, mười trí lực nhẫn đến mười tám pháp bất cộng là Đại Bồ Tát đạo, tất cả pháp cũng là Đại Bồ Tát đạo.

Này Tu Bồ Đề! Vả có pháp nào Bồ Tát chẳng học mà có thể được Vô Thượng Bồ Đề chăng?

Này Tu Bồ Đề! Không có pháp nào mà Bồ Tát chẳng học. Tại sao? Vì nếu Bồ Tát chẳng học tất cả pháp thì chẳng thể được nhứt thiết chủng trí".

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp không, sao lại nói Bồ Tát học tất cả pháp. Phải chăng đức Thế Tôn ở trong không hí luận mà làm hí luận ư! Những là cái này, cái kia, là pháp thế gian, là pháp xuất thế, là hữu lậu, là vô lậu, là hữu vi, là vô vi, là pháp phàm phu, là pháp A La Hán, là pháp Bích Chi Phật, là pháp Phật.

- Đúng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Tất cả pháp thật rỗng không.

Này Tu Bồ Đề! Nếu tất cả pháp chẳng rỗng không thì Đại Bồ Tát chẳng thể được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Nay vì tất cả pháp thật rỗng không nên Đại Bồ Tát có thể được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Như lời ông nói, nếu tất cả pháp rỗng không, phải chăng đức Phật ở trong không hí luận mà làm hí luận, những là phân biệt đây kia, là pháp thế gian, là pháp xuất thế gian nhẫn đến là Phật pháp.

Này Tu Bồ Đề! nếu chúng sanh thế gian biết tất cả pháp không thì Đại Bồ Tát chẳng học tất cả pháp, được nhứt thiết chủng trí.

Nay vì chúng sanh chẳng biết tất cả pháp không nên Đại Bồ Tát được Vô Thượng Bồ Đề rồi phân biệt các pháp, giảng nói cho chúng sanh.

Này Tu Bồ Đề! Nơi đạo Bồ Tát này, từ ban sơ đến nay phải tư duy như vầy: Trong tất cả pháp không có được tánh nhứt định, chỉ từ nơi hòa hiệp nhơn duyên mà sanh khởi, nên có danh tự là các pháp, tôi phải tư duy các pháp không có tánh thật có thể nắm lấy được, hoặc là sáu ba la mật, ba mươi bảy pháp trợ đạo, hoặc là quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến quả A La Hán, đạo Bích Chi Phật, Vô Thượng Bồ Đề.

Tại sao? **Vì tất cả pháp, tất cả pháp tánh rỗng không, không chẳng nắm lấy không. Không còn là chẳng có được, huống là trong không mà có nắm lấy.**

Này Tu Bồ Đề! Tư duy như vậy, Bồ Tát chẳng nắm lấy tất cả pháp mà học tất cả pháp.

Bồ Tát an trụ trong sự học ấy quan sát tâm hành của chúng sanh: tâm chúng sanh này hành tại chỗ nào?

Bồ Tát biết **tâm chúng sanh hành trong hư vọng chẳng thật**, bèn nghĩ rằng chúng sanh ấy nắm lấy pháp hư vọng chẳng thật, rất dễ độ.

Bấy giờ Đại Bồ Tát an trụ trong Bát nhã ba la mật, vì dùng sức phương tiện nên giáo hóa chúng sanh rằng: Này các người, nên hành bố thí sẽ được nhiều của cải, cũng chẳng nên cậy quả báo bố thí mà tự cống cao. Tại sao? Vì trong ấy không có pháp chắc thật.

Giáo hóa họ trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí huệ cũng như vậy.

Chúng sanh hành pháp ấy có thể được quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề. Nhưng chớ nghĩ rằng có pháp ấy.

Giáo hóa như vậy thì gọi là hành Bồ Tát đạo, vì ở nơi các pháp không chỗ nắm lấy, vì trong các pháp ấy không có chắc thật.

Tại sao? Vì tất cả pháp không có tướng nắm lấy, bởi là tánh không có, là tánh rỗng không.

Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bồ Tát đạo như vậy, Đại Bồ Tát không chỗ an trụ.

Bồ Tát ấy vì dùng pháp chẳng an trụ, nên hành Bố thí ba la mật cũng chẳng an trụ trong ấy, hành Trì giới ba la mật cũng chẳng an trụ trong ấy, hành Nhẫn nhục ba la mật cũng chẳng an trụ trong ấy, hành Tinh tiến ba la mật cũng chẳng an trụ trong ấy, hành Thiền na ba la mật cũng chẳng an trụ trong ấy, hành Bát nhã ba la mật cũng chẳng an trụ trong ấy, hành bốn thiền, bốn tâm, bốn định, tám bội xả, chín định thứ đệ cũng chẳng an trụ trong ấy. Tại sao? Vì sơ thiền v.v…, sơ thiền v.v.. tánh rỗng không, người hành thiền v.v… cũng rỗng không, pháp được dùng cũng rỗng không.

Được quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến được đạo Bích Chi Phật cũng chẳng an trụ trong ấy.

- Bạch đức Thế Tôn! Duyên cớ gì mà chẳng an trụ trong ấy?

- Này Tu Bồ Đề! Do hai nhơn duyên mà chẳng an trụ trong ấy:

Một là các đạo quả tánh rỗng không, không có chỗ an trụ, cũng không có pháp được dùng, cũng không có người an trụ.

Hai là chẳng lấy chút ít làm đủ. Bồ Tát nghĩ rằng tôi chẳng nên chẳng được quả Tu Đà Hoàn, tôi chắc chắn sẽ được quả Tu Đà Hoàn. Chỉ chẳng nên an trụ trong quả ấy. Tại sao? Vì từ lúc ban sơ phát tâm trở lại, tôi không còn có tâm nào khác, chỉ nhứt tâm hướng về Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát ấy an trụ nhứt tâm như vậy có thể sanh Bồ Đề đạo.

- Bạch đức Thế Tôn! nếu tất cả pháp bất sanh thì thế nào Đại Bồ Tát hay sanh Bồ Đề đạo?

- Đúng như vậy. Này Tu Bồ Đề! **Tất cả pháp vô sanh. Vì sao vô sanh? Vì không chỗ làm, không chỗ khởi nên tất cả pháp bất sanh.**

- Bạch đức Thế Tôn! Có Phật hay không có Phật, các pháp pháp tướng thường trụ ư?

- Đúng như vậy. Này Tu Bồ Đề! Có Phật hay không có Phật, các pháp pháp tướng thường trụ.

Bởi chúng sanh chẳng biết pháp ấy an trụ pháp tướng, nên Đại Bồ Tát vì chúng sanh mà tu đạo Bồ Đề. Bồ Tát dùng đạo ấy cứu chúng sanh ra khỏi sanh tử.

- Bạch đức Thế Tôn! Dùng đạo sanh được Bồ Đề chăng?

- Không.

- Bạch đức Thế Tôn! Dùng đạo bất sanh, chẳng phải bất sanh được Bồ Đề chăng?

- Không.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào sẽ được Bồ Đề?

- Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải dùng đạo được Bồ Đề, cũng chẳng dùng phi đạo được Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Bồ Đề tức là đạo, đạo tức là Bồ Đề.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ Đề tức là đạo và đạo tức là Bồ Đề, nay lúc Bồ Tát chưa thành Phật lẽ ra phải được Vô Thượng Bồ Đề. Sao lại nói chư Phật, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác có ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo, mười trí lực, bốn vô úy, bốn trí vô ngại, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi?

- Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Đức Phật có được Bồ Đề chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Đức Phật không có được Bồ Đề. Tại sao? Vì Phật tức là Bồ Đề, Bồ Đề tức là Phật.

- Này Tu Bồ Đề! Như lời hỏi của Tu Bồ Đề, lúc làm Bồ Tát cũng lẽ ra được Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát ấy đầy đủ sáu ba la mật, ba mươi bảy pháp trợ đạo, đầy đủ mười trí lực, bốn vô úy, bốn trí vô ngại, mười tám pháp bất cộng, đầy đủ an trụ như kim cang tam muội, dùng một niệm tương ứng huệ được Vô Thượng Bồ Đề, bấy giờ gọi là Phật, ở trong tất cả pháp được tự tại.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ Tát tịnh Phật quốc độ?

- Này Tu Bồ Đề! Có Bồ Tát từ ban sơ phát tâm trở lại tự trừ nghiệp thô nơi thân, trừ nghiệp thô nơi khẩu, trừ nghiệp thô nơi ý, cũng làm sạch ba nghiệp thô của người khác.

- Bạch đức Thế Tôn! Những gì là nghiệp thô nơi thân, nghiệp thô nơi khẩu, nghiệp thô nơi ý.

- Này Tu Bồ Đề! Những nghiệp bất thiện như sát sanh nhẫn đến tà kiến gọi là ba nghiệp thô của Bồ Tát.

Lại này Tu Bồ Đề! Lòng xan tham, lòng phá giới, lòng giận hờn, lòng giải đãi, lòng tán loạn, lòng ngu si gọi là ý nghiệp thô của Bồ Tát.

Giới chẳng thanh tịnh gọi là thân, khẩu nghiệp thô.

Lại này Tu Bồ Đế! Nếu Bồ Tát xa rời hạnh tứ niệm xứ thì gọi là Bồ Tát nghiệp thô, xa rời tứ chánh cần nhẫn đến bát thánh đạo phần, tám giải thoát môn cũng gọi là Bồ Tát nghiệp thô.

Lại này Tu Bồ Đề! Nếu Đại Bồ Tát tham quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến tham quả A La Hán, đạo Bích Chi Phật thì gọi là Bồ Tát nghiệp thô.

Lại này Tu Bồ Đề! nếu Bồ Tát có tướng sắc, thọ, tưởng, hành, thức, có tướng Nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý, có tướng sắc, thanh, hương, vi, xúc, pháp, tướng nam, tướng nữ, tướng cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, có tướng pháp thiện, pháp bất thiện, hữu vi, vô vi thì gọi là Bồ Tát nghiệp thô.

Đại Bồ Tát đều xa rời những tướng nghiệp thô như vậy, tự mình bố thí, cũng dạy người khác bố thí: cần thức ăn cho thức ăn, cần Nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý phục, cho Nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý phục, nhẫn đến cần các thứ vật dùng để sống đều cấp cho tất cả. Cũng dạy người khác hành bố thí như vậy. Đem phước đức ấy cùng chung với tất cả chúng sanh hồi hướng tịnh Phật quốc độ.

Trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí huệ cũng như vậy.

Đại Bồ Tát ấy hoặc đem trân bảo đầy cả cõi Đại Thiên cúng dường Tam Bảo, phát nguyện rằng do nhơn duyên căn lành này làm cho quốc độ tôi đều bảy báu làm thành.

Lại nữa, Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát đem kỹ nhạc trời trỗi trước Phật và tháp Phật, phát nguyện rằng do nhơn duyên căn lành này làm cho trong cõi nước tôi thường nghe nhạc trời.

Lại nữa, Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát đem hương trời đầy cả cõi Đại Thiên cúng dường chư Phật và tháp Phật, phát nguyện rằng do nhơn duyên căn lành này làm cho cõi nước tôi thường có hương trời.

Lại nữa, Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát dùng trăm thức uống ăn cúng dường Phật và Tăng, phát nguyện rằng do nhơn duyên căn lành này làm cho chúng sanh trong cõi nước tôi đều được trăm thức uống ăn.

Lại nữa, Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát dùng hương trời mịn trơn cúng dường Phật và Tăng, phát nguyện rằng do nhơn duyên căn lành này làm cho chúng sanh trong cõi nước tôi, tất cả đều thọ hương trời mịn trơn.

Lại nữa, Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát dùng tùy ý ngũ dục cúng dường Phật và Tăng cùng tất cả chúng sanh, phát nguyện rằng do nhơn duyên căn lành này làm cho trong cõi nước tôi, hàng đệ tử và tất cả chúng sanh đều được tùy ý ngũ dục, cùng tất cả chúng sanh đồng hồi hướng tịnh Phật quốc độ. nguyện rằng chúng tôi thành Phật, trong cõi nước tôi như ngũ dục cõi Trời ứng theo tâm hiện đến.

Lại nữa, Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát nguyện rằng tôi sẽ tự mình nhập sơ thiền, cũng dạy tất cả chúng sanh nhập sơ thiền, với nhị thiền nhẫn đến ba mươi bảy phẩm trợ đạo cũng như vậy.

Đại Bồ Tát ấy cũng nguyện: Lúc tôi được Vô Thượng Bồ Đề, tôi sẽ làm cho chúng sanh chẳng xa rời tứ thiền nhẫn đến ba mươi bảy phẩm trợ đạo.

Như vậy, Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát có thể tịnh Phật quốc độ.

Bồ Tát ấy ngần ấy thời gian hành Bồ Tát đạo, đầy đủ các nguyện.

Bồ Tát ấy tự thành tựu tất cả pháp lành, cũng cho tất cả chúng sanh thành tựu pháp lành.

Bồ Tát ấy tự thọ thân hình đoan chánh, những chúng sanh được hóa độ cũng đoan chánh. Tại sao? Vì nhơn duyên phước đức sâu dày vậy.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát nên tịnh Phật quốc độ như vậy.

Trong quốc độ ấy nhẫn đến không có danh từ ba ác đạo, cũng không có danh từ tà kiến, ba độc, hai thừa Thanh Văn và Bích Chi Phật. Tai chẳng nghe tiếng vô thường khổ không, cũng chẳng có ngã và ngã sở hữu, nhẫn đến không tên các kiết sử phiền não, cũng không những tên phân biệt các quả.

Trong quốc độ ấy, gió thổi cây bảy báu, tùy theo chỗ đáng được độ mà vang ra âm thanh, như là âm thanh không vô tướng, vô tác, chư pháp thiệt tướng, có Phật hay không có Phật, tất cả pháp, tất cả pháp tướng đều không, trong rỗng không ấy không có tướng, trong không có tướng thì không có tác, phát ra pháp âm như vậy. Hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc nằm, hoặc ngồi, hoặc đứng, hoặc đi thường nghe pháp âm ấy.

Lúc Bồ Tát ấy được Vô Thượng Bồ Đề, chư Phật trong mười phương quốc độ đều khen ngợi. Chúng sanh nghe danh hiệu chư Phật ấy chắc chắn sẽ đến Vô Thượng Bồ Đề.

Lúc Bồ Tát được Vô Thượng Bồ Đề rồi thuyết pháp. Chúng sanh nghe pháp, không có ai chẳng tin mà sanh nghi nói rằng: đúng pháp, chẳng đúng pháp. Tại sao? Vì trong các pháp thật tướng đều đúng pháp, không có chẳng đúng pháp.

Có những kẻ phước mỏng, ở nơi chư Phật và chư đệ tử Phật chẳng gieo căn lành, chẳng theo thiện tri thức, chìm trong ngã kiến, nhẫn đến chìm trong tất cả thứ kiến chấp, rơi vào biên kiến(2) hoặc đoạn hoặc thường. Kẻ ấy vì tà kiến nên chẳng phải Phật nói là Phật, là Phật lại nói là chẳng phải Phật. Kẻ ấy với phi pháp nói là pháp, pháp lại nói là phi pháp. Vì phá pháp nên kẻ ấy khi thân hoại mạng chết phải đọa vào ác đạo, Địa ngục …

Lúc chư Phật được Vô Thượng Bồ Đề thấy những chúng sanh ấy qua lại năm loài, bèn làm cho họ rời lìa tà tụ, an lập họ trong chánh định tụ. Chúng sanh không còn tâm tạp uế, hoặc là pháp thế gian, hoặc là pháp xuất thế, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc hữu vi, hoặc vô vi. Nhẫn đến làm cho chúng sanh trong cõi nước ấy, chắc chắn đến Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Đây là Đại Bồ Tát tịnh Phật quốc độ vậy”.

Thích nghĩa:

(1). Trang nghiêm:(s: vyūha, alaṃkāra), theo nguyên ngữ Sanskrit thì từ vyūha có nghĩa là được phối trí một cách tuyệt hảo, còn từ alaṃkāra thì có nghĩa là trang hoàng lộng lẫy. Đặc biệt riêng trong Phật Giáo thì từ trang nghiêm có nghĩa là trang hoàng lộng lẫy quốc độ của Phật hay nơi thuyết pháp. Bên cạnh đó nó còn có nghĩa là chư Phật và Bồ Tát trang sức thân mình bằng phước đức, trí tuệ v.v… (Phật học tinh tuyển)

(2). Biên kiến: Chấp một bên, cực đoan như chấp có chấp không, chấp thường chấp đoạn… thuộc thế giới đối đãi. Biên kiến, thân kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tà kiến là những kiến hoặc tương đối có thể cải sửa , nếu có đạo sư hay thiện tri thức chỉ dạy chân lý, không như những tư hoặc phải tu đến bậc vô học mới có thể đoạn trừ.

---o0o---

PHẨM QUYẾT ĐỊNH
THỨ TÁM MƯƠI BA

(Tương đương với phẩm "Phương Tiện Tịnh Độ", phần cuối Q.394 cho đến phần đầu Q.395, Kinh ĐBN).

Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát ấy là quyết định hay chẳng quyết định?".

Đức Phật dạy: "Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát quyết định, không phải chẳng quyết định".

- Bạch đức Thế Tôn! Quyết định nơi đâu: trong đạo Thanh Văn, trong đạo Bích Chi Phật hay là trong đạo Phật?

- Đại Bồ Tát chẳng phải quyết định trong đạo Thanh Văn, Bích Chi Phật mà quyết định trong Phật đạo.

- Bạch đức Thế Tôn! Là sơ phát tâm Bồ Tát quyết định hay là tối hậu thân Bồ Tát quyết định?

- Này Tu Bồ Đề! Sơ phát tâm Bồ Tát quyết định, bất thối Bồ Tát quyết định, hậu thân Bồ Tát quyết định. (Đoạn kinh này Phật dùng thí dụ đốt đèn)

- Bạch đức Thế Tôn! Quyết định Bồ Tát có đọa sanh ác đạo chăng?

- Không. Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Hoặc bực Bát Nhơn(1), hoặc bực Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật có đọa sanh trong ác đạo chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không.

- Cũng vậy. Này Tu Bồ Đề! Từ lúc mới phát tâm trở lại, Đại Bồ Tát bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, hành thiền, tu huệ, dứt tất cả nghiệp bất thiện, không bao giờ còn đọa ác đạo, hoặc không bao giờ sanh Trời Trường Thọ, hoặc sanh chỗ chẳng được tu pháp làm lành, hoặc sanh biên địa, hoặc sanh nhà ác, tà kiến, địa phương, không tên Phật, không tên Pháp, không tên Tăng. Bồ Tát ấy không bao giờ còn sanh vào những nơi đó.

Này Tu Bồ Đề! Sơ phát tâm Bồ Tát ở nơi Vô Thượng Bồ Đề không bao giờ dùng tâm hành mười điều bất thiện.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ Tát có thiện căn công đức thành tựu như vậy thì tất chẳng thọ lấy quả báo bất thiện.

Như đức Phật tự thuật đời trước của mình thọ lấy quả báo bất thiện. Lúc đó thiện căn công đức ở đâu?

- Này Tu Bồ Đề! Vì lợi ích cho chúng sanh, Đại Bồ Tát tùy theo đó mà thọ lấy thân, rồi dùng thân ấy làm lợi ích cho chúng sanh.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát lúc làm Súc sanh có sức phương tiện lớn. Nếu bị kẻ oán tắc muốn tìm giết hại, Bồ Tát dùng sức nhẫn nhục vô thượng, dùng tâm từ bi vô thượng bỏ thân mà chẳng não hại kẻ oán tặc.

Hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật các ông có sức phương tiện ấy chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không có.

- Này Tu Bồ Đề! Vì lẽ ấy nên phải biết rằng Đại Bồ Tát muốn đầy đủ tâm đại từ bi, vì thương xót lợi ích cho chúng sanh mà thọ thân Súc sanh.

- Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát an trụ trong những căn lành gì mà thọ những thân vậy?

- Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát từ ban sơ phát tâm nhẫn đến lúc ngồi đạo tràng thành Phật, trong khoảng thời gian ấy không có căn lành nào mà chẳng đầy đủ. Đầy đủ rồi sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Vì thế nên từ ban sơ phát tâm, Đại Bồ Tát phải học đầy đủ tất cả căn lành. Học căn lành rồi sẽ được nhứt thiết chủng trí, sẽ dứt tất cả tập khí phiền não.

- Bạch đức Thế Tôn! Tại sao Đại Bồ Tát thành tựu pháp lành vô lậu như vậy mà lại sanh vào loài ác đạo, Súc sanh?

- Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sa? Đức Phật có thành tựu pháp lành vô lậu chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Tất cả pháp lành vô lậu đức Phật đều đã thành tựu.

- Này Tu Bồ Đề! Nếu đức Phật tự hóa làm thân Súc sanh để làm Phật sự độ chúng sanh thì có phải là thật Súc sanh chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không phải.

- Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát cũng như vậy, thành tựu pháp lành vô lậu, vì độ chúng sanh mà thọ thân Súc sanh, dùng thân ấy để giáo hóa chúng sanh.

Này Tu Bồ Đề! Như A La Hán biến hóa các thứ thân có thể làm cho chúng sanh hoan hỷ chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Có thể.

- Này Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Đại Bồ Tát dùng pháp lành vô lậu ấy tùy theo chỗ nên mà thọ lấy thân, dùng thân ấy làm lợi ích chúng sanh, cũng chẳng thọ đau khổ.

Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Như nhà ảo thuật, thuật ra các thứ thân hình, nào là voi, ngựa, bò, dê, nam, nữ v.v… để trình bày cho mọi người.

Này Tu Bồ Đề! Những vật và người ấy có thật chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Chẳng thật.

- Này Tu Bồ Đề! Cũng vậy, Đại Bồ Tát thành tựu pháp lành vô lậu hiện làm các thứ thân để dùng các thứ thân ấy làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, cũng chẳng thọ các sự khổ.

- Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát được thành vô lậu trí huệ mà tùy theo thân hình nào thích ứng để độ chúng sanh thì hiện các thứ thân hình ấy.

Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát an trụ pháp lành nào để có thể làm những phương tiện như vậy mà chẳng bị vô tướng, vô tác, vô đắc nhiễm?

- Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát dùng Bát nhã ba la mật làm sức phương tiện như vậy, ở trong hằng hà sa quốc độ mười phương làm lợi ích cho chúng sanh, cũng chẳng tham lấy những thân ấy.

Tại sao? Vì kẻ nắm lấy, pháp lấy và cho chỗ lấy, cả ba thứ ấy đều bất khả đắc, vì tự tánh rỗng không vậy. **Không chẳng lấy không. Trong không chẳng có kẻ lấy, cũng chẳng có chỗ lấy. Tại sao? Vì tướng rỗng không, trong rỗng không bất khả đắc vậy.**

Này Tu Bồ Đề! Đây gọi là bất khả đắc không. Bồ Tát an trụ trong đây có thể được Vô Thượng Bồ Đề.

- Bạch đức Thế Tôn! Bồ Tát chỉ an trụ trong Bát nhã ba la mật được Vô Thượng Bồ Đề mà chẳng an trụ trong pháp khác chăng?

- Này Tu Bồ Đề! Có pháp nào chẳng vào trong Bát nhã ba la mật chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bát nhã ba la mật tự tánh không, thì tất cả pháp sao lại đều vào trong Bát nhã ba la mật.

Bạch đức Thế Tôn! Trong không chẳng có pháp vào hay chẳng vào?

- Này Tu Bồ Đề! Tất cả pháp, tất cả pháp tướng có không chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Đều không cả.

- Này Tu Bồ Đề! Nếu tất cả pháp, tất cả pháp tướng không, sao ông lại nói tất cả pháp chẳng vào trong không.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ Tát lúc hành Bát nhã ba la mật an trụ trong tất cả pháp không mà có thể khởi thần thông ba la mật. An trụ trong thần thông ba la mật ấy, đi đến hằng sa quốc độ mười phương cúng dường hiện tại chư Phật, nghe chư Phật thuyết pháp, ở chỗ chư Phật gieo căn lành?

- Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát xem hằng sa quốc độ mười phương đều không. Chư Phật trong quốc độ ấy cũng tánh không, chỉ vì giả danh tự nên chư Phật hiện thân. Giả danh tự ấy cũng không.

Nếu quốc độ mười phương và chư Phật tánh chẳng không, thì thành ra không ấy có thiên lệch.

Bởi không ấy chẳng thiên lệch nên tất cả pháp, tất cả pháp tướng không. Vì lẽ ấy nên tất cả pháp, tất cả pháp tướng không. Thế nên Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật dùng sức phương tiện sanh Thần thông ba la mật, **khởi thiên Nhãn, thiên hĩ, như ý túc, tri tha tâm, túc mạng trí,** biết chúng sanh sanh tử.

Nếu rời lìa thần thông ba la mật, Bồ Tát chẳng có thể làm lợi ích chúng sanh, cũng chẳng có thể được Vô Thượng Bồ Đề.

Thần thông ba la mật ấy của Đại Bồ Tát là đạo lợi ích Vô Thượng Bồ Đề.

Tại sao? Vì dùng thiên nhãn ấy tự thấy các pháp lành của mình và cũng dạy người khác được các pháp lành. Đối với pháp lành ấy cũng chẳng nắm lấy, vì là tự tánh không vậy. Rỗng không chẳng có chỗ nắm lấy. Nếu nắm lấy thì thọ mùi vị, trong rỗng không chẳng có mùi vị.

Đại Bồ Tát ấy lúc hành Bát nhã ba la mật hay sanh thiên nhãn như vậy. Dùng thiên nhãn ấy xem tất cả pháp rỗng không.

Thấy pháp rỗng không ấy chẳng lấy tướng, chẳng tác nghiệp, và cũng nói pháp ấy cho người, cũng chẳng thấy có tướng chúng sanh, chẳng thấy có tên chúng sanh.

Đại Bồ Tát ấy vì dùng pháp vô sở đắc nên khởi thần thông ba la mật.

Dùng thần thông ba la mật ấy, bao nhiêu chỗ nên làm của thần thông, Bồ Tát ấy đều có thể làm được.

Bồ Tát dùng thiên nhãn quá hơn nhơn nhãn, thấy quốc độ mười phương. Thấy rồi, Bồ Tát ấy bay đến mười phương làm lợi ích chúng sanh: hoặc dùng bố thí, hoặc dùng trì giới, hoặc dùng bố thí, hoặc dùng nhẫn nhục, hoặc dùng thiền định, hoặc dùng trí huệ làm lợi ích chúng sanh. Hoặc dùng ba mươi bảy pháp trợ đạo, các thiền giải thoát tam muội, hoặc dùng pháp Thanh Văn, pháp Bích Chi Phật, pháp Bồ Tát, hoặc dùng pháp Phật lợi ích chúng sanh.

Bồ Tát vì kẻ xan tham mà nói pháp như vầy: Các người **nên bố thí**. Nghèo cùng là sự khổ não. Người nghèo cùng còn chẳng tự lợi ích, làm sao có thể lợi ích người khác. Vì thế nên các người phải siêng bố thí. Bố thí thì tự mình được vui sướng, cũng làm cho kẻ khác vui sướng. Chớ vì ngheo cùng mà ăn nuốt trộm cắp lẫn nhau, để rồi chẳng rời khỏi ba ác đạo.

Bồ Tát vì kẻ **phá giới** mà nói pháp như vầy: Này các người! Sự phá giới rất là khổ não. Người pháp giới còn tự mình chẳng lợi ích, làm sao có thể lợi ích người khác. Sự phá giới phải nhận quả báo khổ: hoặc ở Địa ngục, hoặc Ngạ quỷ, hoặc ở Súc sanh. Các người phá giới bị đọa trong ba ác đạo còn chẳng tự cứu được, làm sao cứu được người khác. Vì thế các người chớ nên chìu theo tâm niệm phá giới, đến lúc chết sẽ hối hận.

Với những người **giận hờn**, cãi lộn nhau, Bồ Tát nói pháp như vầy: Các người chớ nên giận nhau. Sự giận làm rối loạn lòng người, chẳng thuận với pháp lành. Nay các người giận nhau loạn tâm hoặc sẽ bị đọa Địa ngục, Ngạ quỷ hoặc Súc sanh. Vì thế nên các người còn chẳng nên sanh một niệm giận thù, huống là nhiều.

Với những người giải đãi, Bồ Tát thuyết pháp làm cho họ **tinh tiến.**

Với những người tâm loạn, Bồ Tát thuyết pháp làm cho họ được **thiền định**.

Với nhhững người ngu si, Bồ Tát thuyết pháp cho họ được **trí huệ.**

Với kẻ hành dâm dục, dạy họ quán bất tịnh.

Với kẻ giận hờn, dạy họ quán từ bi.

Với kẻ ngu si, dạy họ quán mười hai nhơn duyên.

Chúng sanh hành phi đạo, dạy họ vào chánh đạo, đó là Thanh Văn đạo, Bích Chi Phật đạo, Phật đạo.

Vì chúng sanh ấy, Bồ Tát thuyết pháp như vầy:

Cứ như chỗ chấp trước của các người, chỗ pháp tánh ấy tánh nó rỗng không. Trong pháp tánh rỗng không ấy chẳng nên chấp trước. Tướng chẳng chấp trước là rỗng không.

Như vậy, Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát an trụ trong Thần thông ba la mật làm lợi ích cho chúng sanh.

Này Tu Bồ Đề! Nếu xa rời thần thông, Bồ Tát chẳng thể tùy thuận ý của chúng sanh để khéo thuyết pháp.

Này Tu Bồ Đề! Vì thế nên lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát phải phát khởi thần thông.

Này Tu Bồ Đề! Ví như chim kia không cánh thì chẳng bay cao được.

Cũng vậy**, không thần thông thì Bồ Tát chẳng thể giáo hóa chúng sanh theo ý mình**.

Này Tu Bồ Đề! Vì thế nên lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát phải phát khởi các thần thông, phát khởi thần thông rồi, nếu muốn lợi ích chúng sanh thì tùy ý có thể làm lợi ích.

Bồ Tát ấy dùng **thiên nhãn** thấy hằng hà sa quốc độ, cũng thấy chúng sanh trong các quốc độ ấy. Thấy rồi dùng sức thần thông qua đến các nơi ấy, biết rõ tâm chúng sanh rồi theo chỗ thích ứng mà thuyết pháp cho họ được lợi ích. Hoặc nói bố thí, hoặc nói trì giới, hoặc nói nhẫn nhục, hoặc nói tinh tiến, hoặc nói thiền định, hoặc nói trí huệ, nhẫn đến hoặc nói pháp Niết Bàn.

Dùng **thiên nhĩ**, Bồ Tát ấy nghe hai loại âm thanh: của Người và của Phi nhơn.

Dùng thiên nhĩ, Bồ Tát ấy nghe chư Phật mười phương thuyết pháp, nghe rồi đều có thể thọ trì. Bồ Tát ấy đúng như chỗ đã được nghe, đem dạy lại cho chúng sanh.

Bồ Tát ấy dùng **tha tâm trí** biết rõ tâm chúng sanh rồi tùy theo chỗ thích ứng để thuyết pháp. Hoặc nói bố thí, nhẫn đến hoặc nói pháp Niết Bàn.

Bồ Tát ấy dùng **túc mạng trí** nhớ biết những đời trước của mình, cũng nhớ biết những đời trước của người khác.

Dùng túc mạng trí, Bồ Tát ấy nhớ biết danh tự của chư Phật và thánh chúng thuở quá khứ cùng các nơi chỗ.

Có chúng sanh nào tin ưa túc mạng, Bồ Tát ấy vì họ mà hiện sự việc đời trước để thuyết pháp cho họ: hoặc nói bố thí, nhẫn đến hoặc nói pháp Niết Bàn.

Dùng sức **như ý thần thông**, Bồ Tát ấy qua đến vô lượng quốc độ của chư Phật, cúng dường chư Phật, theo chư Phật gieo căn lành rồi trở về bổn quốc.

Dùng lậu tận thần thông trí chứng, Bồ Tát này tùy theo chỗ thích ứng mà thuyết pháp cho chúng sanh. Hoặc nói bố thí, nhẫn đến hoặc nói pháp Niết Bàn.

Như vậy, Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát phải phát khởi các thần thông như vậy.

Do tu những thần thông ấy nên Bồ Tát tùy ý thọ thân, sự khổ, cảnh vui chẳng làm nhiễu được.

Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát du hí thần thông như vậy thì có thể tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh.

Lại này Tu Bồ Đề! Nếu Đại Bồ Tát chẳng tịnh Phật quốc độ, chẳng thành tựu chúng sanh thì chẳng thể được Vô Thượng Bồ Đề. Tại sao? Vì chẳng đầy đủ nhơn duyên nên chẳng thể được Vô Thượng Bồ Đề.

- Bạch đức Thế Tôn! Những gì là nhơn duyên đầy đủ, do đó Đại Bồ Tát được Vô Thượng Bồ Đề?

- Này Tu Bồ Đề! **Tất cả pháp lành là nhơn duyên Vô Thượng Bồ Đề của Đại Bồ Tát.**

- Bạch đức Thế Tôn! Những gì là pháp lành, do những pháp lành ấy nên được Vô Thượng Bồ Đề?

- Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát từ lúc ban sơ phát tâm nhẫn lại, Bồ Thí ba la mật là nhơn duyên pháp lành, trong ấy chẳng phân biệt người thí, kẻ nhận, vì là tánh rỗng không.

Dùng **bố thí** ba la mật này, Bồ Tát có thể tự lợi ích và lợi ích chúng sanh, từ chốn sanh tử cứu họ ra khỏi, cho họ được Niết Bàn.

Các pháp lành ấy đều là nhơn duyên Vô Thượng Bồ Đề của Đại Bồ Tát.

Hạnh đạo ấy, chư Đại Bồ Tát quá khứ, vị lai, hiện tại được ra khỏi sanh tử, đã ra khỏi, nay ra khỏi, sẽ ra khỏi.

Trì giới ba la mật nhẫn đến Bát nhã ba la mật, bốn thiền, bốn vô lượng tâm, bốn vô sắc định, bốn niệm xứ nhẫn đến tám phán thánh đạo, mười tám không nhẫn đến mười tám pháp bất cộng, những công đức như vậy đều là đạo Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! **Đó gọi là pháp lành**. Đại Bồ Tát đầy đủ những pháp lành ấy rồi sẽ được nhứt thiết chủng trí.

Được nhứt thiết chủng trí rồi, Đại Bồ Tát sẽ chuyển pháp luân độ tất cả chúng sanh".

Thích nghĩa:

*(1). Các vị ở địa thứ tám: tức Bậc bát nhân, là một trong Tam thừa cộng Thập địa. Tam thừa cộng Thập địa gồm: Càn tuệ địa, Tính địa, **Bát nhân địa**, Kiến địa, Bạc địa, Li dục địa, Dĩ tác địa, Bích chi phật địa, Bồ tát địa, Phật địa. Bát nhân địa này cũng giống như quả Tư đà hàm của Tiểu thừa.*

---o0o---

PHẨM TỨ ĐẾ
THỨ TÁM MƯƠI BỐN

(Tương đương với phần đầu phẩm "Vô Tánh Tự Tánh", thuộc Q.395, ĐBN)

Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp ấy là Bồ Tát pháp thì những gì là Phật pháp?".

Đức Phật dạy: "Này Tu Bồ Đề! Như ông hỏi, những pháp ấy là Bồ Tát pháp thì những gì là Phật pháp?

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát pháp cũng là Phật pháp. Nếu biết nhứt thiết chủng trí là được nhứt thiết chủng trí, dứt tất cả tập chủng phiền não, Bồ Tát sẽ được pháp ấy.

Đức Phật do nhứt niệm tương ứng huệ biết tất cả pháp rồi được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Đó là sự khác biệt nơi đức Phật và Bồ Tát.

Ví như hướng đạo khác với đắc quả. Hai người ấy đều là thánh nhơn mà có hướng với đắc khác nhau(1).

Này Tu Bồ Đề! Người đi trong đạo vô ngại thì gọi là Đại Bồ Tát.

Trong đạo giải thoát không có tất cả ám chướng(2) thì gọi là Phật".

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp tự tướng rỗng không. Trong pháp tướng rỗng không ấy, sao lại có sự khác biệt là Địa ngục, là Ngạ quỷ, là Súc sanh, là Nhơn, là Thiên, là bực Càn Huệ, là bực Tánh địa, là bực Bát Nhơn địa, là Tu Đà Hoàn, là Tư Đà Hàm, là A Na Hàm, là A La Hán, là Bích Chi Phật, là Bồ Tát, là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác?

Bạch đức Thế Tôn! Như người bất khả đắc, nghiệp nhơn duyên cũng bất khả đắc, quả báo cũng bất khả đắc.

- Này Tu Bồ Đề! Đúng như lời ông nói, trong pháp tự tướng không không có chúng sanh, không có nghiệp nhơn duyên, không có quả báo.

Này Tu Bồ Đề! Chúng sanh chẳng biết các pháp tự tướng không. Chúng sanh ấy gây tạo nghiệp nhơn duyên, hoặc tội, hoặc phước, hoặc bất động.

Do tội nghiệp nhơn duyên mà chúng sanh ấy đọa trong ba ác đạo, do phước nghiệp nhơn duyên sanh loài người hay cõi Trời Dục Giới, do bất động nghiệp nhơn duyên sanh trong cõi Sắc hay cõi Vô sắc.

Đại Bồ Tát ấy lúc hành Đàn na ba la mật nhẫn đến mười tám pháp bất cộng, thọ thành hết những phẩm trợ đạo ấy, vào Kim Cang tam muội, được Vô Thượng Bồ Đề rồi, làm lợi ích cho chúng sanh.

Vì sự lợi ích ấy thường chẳng mất nên chẳng đọa trong sáu đường sanh tử.

- Bạch đức Thế Tôn! Đức Phật được Vô Thượng Bồ Đề rồi, có được sáu đường sanh tử chăng?

- Này Tu Bồ Đề! Đức Phật không có được sáu đường sanh tử.

- Bạch đức Thế Tôn! Đức Phật có được nghiệp ác, nghiệp thiện, nghiệp vô ký chăng?

- Này Tu Bồ Đề! Không có được.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu không có được, sao đức Phật lại nói là Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, Nhơn, Thiên; lại nói là Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát và chư Phật?

- Này Tu Bồ Đề! Nếu chúng sanh biết các pháp tự tướng không thì Đại Bồ Tát chẳng cầu Vô Thượng Bồ Đề, cũng chẳng cứu chúng sanh nơi ba ác đạo, nhẫn đến qua lại trong sáu đường sanh tử.

Này Tu Bồ Đề! Bởi chúng sanh thiệt chẳng biết các pháp tự tướng không, nên chẳng thoát được sáu đường sanh tử.

Bồ Tát ấy ở chỗ chư Phật, nghe các pháp tự tướng không, phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Các pháp chẳng phải như là của hàng phàm phu chấp trước.

Các chúng sanh ấy ở trong pháp vô sở hữu lại điên đảo vọng tưởng phân biệt có được pháp:

Không có chúng sanh lại tưởng là có chúng sanh, không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức lại tưởng là có sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Nhẫn đến tất cả pháp hữu vi đều vô sở hữu, lại dùng tâm điên đảo vọng tưởng gây tạo các nghiệp: thân, khẩu, ý rồi qua lại trong sáu đường sanh tử chẳng thoát ra được.

Đại Bồ Tát lúc hành Bát nhã ba la mật, tất cả pháp lành đều nhiếp vào trong Bát nhã ba la mật, hành Bồ Tát đạo, được Vô Thượng Bồ Đề.

Được Vô Thượng Bồ Đề rồi vì chúng sanh mà **thuyết pháp tứ thánh đế: khổ thánh đế, khổ tập thánh đế, khổ diệt thánh đế, khổ diệt đạo thánh đế. Khai thị rành rẽ tất cả pháp lành trợ đạo đều nhiếp vào trong bốn thánh đế.**

Vì dùng pháp lành trợ đạo ấy nên phân biệt có Tam Bảo là: Phật bảo, Pháp bảo và Tăng Bảo.

Vì chẳng tin và nghịch chống Tam Bảo ấy nên chẳng rời lìa được sáu đường sanh tử.

- Bạch đức Thế Tôn! Có phải là dùng khổ thánh đế được độ, dùng khổ trí được độ, dùng tập thánh đế được độ, dùng tập trí được độ, dùng diệt thánh đế được độ, dùng diệt trí được độ, dùng đạo thánh đế được độ, dùng đạo trí được độ chăng?

- Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải khổ Thánh đế bình đẳng, nên ta nói tức là Niết Bàn. Chẳng dùng khổ Thánh đế nhẫn đến chẳng dùng đạo thánh đế, cũng chẳng dùng khổ trí nhẫn đến chẳng dùng đạo trí được Niết Bàn.

- Bạch đức Thế Tôn! Những gì là tướng bình đẳng của bốn thánh đế?

- Này Tu Bồ Đề**! Nếu là không có khổ, không có khổ trí, không có tập, không có tập trí, không có diệt, không có diệt trí, không có đạo, không có đạo trí thì gọi là tướng bình đẳng của tứ thánh đế.**

Lại nữa, Này Tu Bồ Đề! Bốn thánh đế như chẳng khác với pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế.

Có Phật hay không có Phật, pháp tướng vẫn thường trụ. Tại sao? Vì chẳng hư, chẳng mất vậy.

Đại Bồ Tát ấy lúc hành Bát nhã ba la mật.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ Tát vì thông đạt thật tế nên hành Bát nhã ba la mật? Như vì thông đạt thật tế nên chẳng đọa Thanh Văn địa, Bích Chi Phật địa mà thẳng vào Bồ Tát vị.

- Này Tu Bồ Đề! Nếu Đại Bồ Tát như thật thấy các pháp. Thấy rồi được pháp vô sở hữu. Được pháp vô sở hữu rồi thấy tất cả pháp không đều nhiếp nơi tứ thánh đế. Những pháp chẳng nhiếp nói tứ thánh đế cũng đều không.

Nếu xem thấy như vậy, lúc ấy Đại Bồ Tát bèn vào trong Bồ Tát vị. Đó là Bồ Tát an trụ trong tánh địa(3) chẳng theo đảnh đọa(4). Tại sao? Vì dùng đảnh đọa ấy thì đọa vào Thanh Văn địa, Bích Chi Phật địa.

Bồ Tát ấy an trụ trong tánh địa hay phát sanh bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn vô sắc định.

Bồ Tát ấy an trụ trong sơ định địa, phân biệt tất cả các thông đạt bốn thánh đế: biết khổ, chẳng móng tâm duyên khổ, nhẫn đến biết đạo, chẳng móng tâm duyên đạo, chỉ thuận theo tâm Vô Thượng Bồ Đề mà quán các pháp như thật tướng.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là quán các pháp tướng như thật?

- Này Tu Bồ Đề! Là quán các pháp không.

- Bạch đức Thế Tôn! Những gì là quán không?

- Này Tu Bồ Đề! Là tự tướng không. Bồ Tát ấy dùng trí huệ như vậy quán tất cả pháp không, không có pháp tánh có thể thấy được. An trụ trong pháp tánh ấy được Vô Thượng Bồ Đề.

Tại sao vậy?

Vì tướng vô tánh là Vô Thượng Bồ Đề.

Tướng vô tánh ấy chẳng phải chư Phật làm ra, chẳng phải Bích Chi Phật làm ra, chẳng phải A La Hán làm ra, cũng chẳng phải bực hướng đạo làm ra, cũng chẳng phải bực đắc quả làm ra, cũng chẳng phải Bồ Tát làm ra. Chỉ vì chúng sanh chẳng biết, chẳng thấy các pháp như thật tướng, nên Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, dùng sức phương tiện mà vì chúng sanh thuyết pháp".

Thích nghĩa:

*(1). Hướng và đắc hay hướng và quả: Mỗi quả vị được xem như có hai bậc: chuẩn bị chứng nhập quả vị, gọi là Hướng và đã thể nhập quả vị rồi, gọi là Quả. Thí dụ: Dự lưu(còn gọi Tu đà hoàn, Thất lai) đã đoạn được kiến hoặc, ý thức sáng suốt không còn mắc phải tà kiến, chứng được Ngũ thập tâm trong Kiến đạo, xong giai đoạn nầy gọi là Dự lưu **hướng**; nhưng thất thức còn chấp ngã nên phải trở lại Dục giới ít nhất bảy lần để đoạn dứt các tư hoặc thầm kín. Khi thể nhập địa vị Tu đạo, là đạt Dự lưu **quả**.*

(2). Ám chướng: Tối tăm mờ mịch làm ngăn ngại đạo Bồ đề.

*(3). Tánh địa còn gọi là chủng tánh địa, Chủng địa: Một trong Tam thừa cộng Thập địa: bực Càn Huệ, là bực **Tánh địa**, là bực Bát Nhơn địa, là Tu Đà Hoàn, là Tư Đà Hàm, là A Na Hàm, là A La Hán, là Bích Chi Phật, là Bồ Tát, là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác.*

*(4). Đỉnh đọa: Từ giai vị Đính rơi xuống. Cũng gọi Đính thoái. Chỉ cho hàng Thanh văn từ giai vị Đính thiện căn tụt xuống mà sanh vào đường ác. Bởi vì, giai vị Noãn và Đính trong bốn thiện căn là thuộc về thiện căn động, cho nên, nếu hành giả trụ nơi tâm tán loạn, lại gần bạn xấu, không nghe chính pháp, hoặc tự mình hiểu sai lạc, thì ắt sẽ tụt khỏi giai vị đã chứng được mà rơi vào đường ác. Còn giai vị Nhẫn và Thế đệ nhất pháp thì thuộc về thiện căn bất động, cho nên vĩnh viễn không bị rơi vào đường ác nữa. Nhưng ngài Trí khải lại giải thích Đính đọa là ở lì nơi giai vị Đính, không tiến, không lui. Tức là hàng Thập tín thuộc Viên giáo đắm trước pháp, không chịu tiến vào giai vị Sơ trụ. Mặt khác, hàng Thập tín đã dứt hết kiến hoặc và tư hoặc nên không bị tụt lùi; không tiến, không lui giống như ở trên đỉnh núi; hoặc có thuyết cho là vì đã xa lìa phiền não trong 3 cõi, cho nên gọi là Đính, ở mãi giai vị Đính này, không chịu tiến lên nữa thì là Đính đọa**. Ngoài ra, kinh Đại bát nhã ba la mật đa thì cho rằng Bồ tát tụt xuống hàng Nhị thừa là Đính đọa.** [X. kinh Đại bát nhã ba la mật đa Q.36; luận Đại trí độ Q.86; luận Đại tì bà sa Q.6; luận Phát trí Q.1; Pháp hoa kinh huyền nghĩa Q.9 phần trên; Chỉ quán phụ hành truyền hoằng quyết Q.7 phần 4]. (Phật Quang tự điển)*

---o0o---

PHẨM THẤT DỤ(1)
THỨ TÁM MƯƠI LĂM

(Tương đương với phần sau phẩm "Vô Tanh Tự Tánh" thuộc Q.395 – Q.396, ĐBN)

Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp tánh vô sở hữu, chẳng phải Phật làm ra nhẫn đến chẳng phải Bồ Tát làm ra, thì sao lại phân biệt có các pháp dị biệt, những là Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, Người, Trời, những là do nơi nghiệp nhơn duyên mà biết có kẻ sanh Địa Ngục, có kẻ sanh Ngạ quỷ, có kẻ sanh Súc sanh, do nơi nghiệp nhơn duyên như vậy mà biết có kẻ sanh trong loài Người, sanh các cõi Trời, nhẫn đến Trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng, do nơi nghiệp nhơn duyên ấy mà biết có người được Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật, do nghiệp nhơn duyên ấy mà biết là Như Lai, Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bạch đức Thế Tôn! Trong pháp vô tánh không có nghiệp dụng, sao lại có vì tác nghiệp nhơn duyên, hoặc đọa Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, hoặc sanh trong Người trên Trời, hoặc được Tu Đà Hoàn nhẫn đến Bích Chi Phật, Đại Bồ Tát hành Bồ Tát đạo sẽ được nhứt thiết chủng trí, vì được nhứt thiết chủng trí nên có thể cứu chúng sanh ra khỏi sanh tử?".

Đức Phật dạy: "Này Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Trong pháp vô tánh không có nghiệp, không có quả báo.

Này Tu Bồ Đề! Hàng phàm phu chẳng nhập thánh pháp, chẳng biết các pháp không có tánh tướng. Vì điên đảo ngu si nên họ khởi các nghiệp nhơn duyên.

Các chúng sanh ấy, theo nghiệp mà có thân, hoặc thân Địa ngục, thân Ngã quỷ, thân Súc sanh, thân Người, thân Trời.

Pháp vô tánh ấy không có nghiệp, không có quả báo. Vô tánh thường là vô tánh.

Như Tu Bồ Đề nói, nếu tất cả pháp vô tánh, sao lại có Tu Đà Hoàn nhẫn đến chư Phật được nhứt thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Đạo có phải là vô tánh chăng? Quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến chư Phật, nhứt thiết chủng trí có phải là vô tánh chăng?"

- Bạch đức Thế Tôn! Đạo vô tánh, quả Tu Đà Hoàn cũng vô tánh, nhẫn đến chư Phật, nhứt thiết chủng trí cũng vô tánh.

- Này Tu Bồ Đề! Pháp vô tánh có thể được pháp vô tánh chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Pháp vô tánh không thể được pháp vô tánh.

- Này Tu Bồ Đề! Pháp hữu tánh có thể được pháp hữu tánh chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Pháp hữu tánh không thể được pháp hữu tánh.

- Này Tu Bồ Đề! Pháp vô tánh và đạo, tất cả pháp ấy đều chẳng hiệp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đối, là nhứt tướng, đó là vô tướng.

- Này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát dùng sức phương tiện thấy chúng sanh do vì điên đảo chấp trước năm ấm, trong vô thường thấy là thường, trong khổ thấy là lạc, trong bất tịnh thấy là tịnh, trong vô ngã thấy là ngã. Chấp trước chỗ vô sở hữu.

Bồ Tát ấy vì sức phương tiện, ở trong vô sở hữu cứu thoát chúng sanh.

- Bạch đức Thế Tôn! Chỗ chấp trước của phàm phu có thiệt chăng? Có khác biệt chăng? Có khác biệt chăng? Vì chấp trước nên khởi nghiệp, vì nghiệp nhơn duyên nên ở trong năm đường sanh tử chẳng ra khỏi được.

- Này Tu Bồ Đề! Chỗ chấp trước khởi nghiệp của phàm phu không có một chút sự thiệt như lông tóc. Chỉ vì điên đảo thôi.

Này Tu Bồ Đề! Nay sẽ vì ông mà nói ví dụ. Người trí do ví dụ mà được hiểu.

Này Tu Bồ Đề! **Như chỗ thấy trong chiêm bao,** người hưởng thọ ngũ dục có chỗ nơi thiệt chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Chiêm bao còn là hư vọng bất khả đắc, huống là người ở trong chiêm bao hưởng thọ ngũ dục có chỗ nơi thiệt!

- Này Tu Bồ Đề! Các pháp, hoặc hữu lậu vô lậu, hoặc hữu vi vô vi, và có pháp gì chẳng như chiêm bao chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Các pháp hoặc hữu lậu, vô lậu, hoặc hữu vi vô vi, không có pháp gì chẳng như chiêm bao.

- Này Tu Bồ Đề! Trong chiêm bao có năm đường sanh tử qua lại chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không.

- Này Tu Bồ Đề! Trong chiêm bao có tu đạo, do sự tu đạo này hoặc cấu nhiễm, hoặc thanh tịnh chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không. Tại sao? Vì chiêm bao không có sự thiệt, chẳng thể nói là cấu, là tịnh được.

- Này Tu Bồ Đề! **Tượng trong gương có sự thiệt chăng**? Có hay khởi nghiệp, do nghiệp nhơn duyên ấy mà đọa Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, hoặc sanh trong Người, trên Trời chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không. Tượng ấy không có sự thiệt, chỉ có gạt được trẻ nít thôi. Tượng ấy làm sao có được nghiệp nhơn duyên, rồi do nghiệp nhơn duyên sẽ đọa Địa ngục nhẫn đến sanh trong Người, trên Trời!

- Này Tu Bồ Đề! Tượng trong gương ấy có tu đạo, do sự tu đạo ấy mà bị cấu hay tịnh chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không. Tại sao? Vì tượng ấy rỗng không chẳng có sự thiệt nên không thể nói là cấu, là tịnh.

- Này Tu Bồ Đề! **Như trong khe sâu có vang**. Vang ấy có nghiệp, rồi do nghiệp nhơn duyên ấy hoặc đọa Địa ngục nhẫn đến sanh trong Người, trên Trời chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không. Vang ấy rỗng không, chẳng có âm thanh thiệt gì làm sao có nghiệp rồi do nghiệp nhơn duyên mà đọa Địa ngục nhẫn đến sanh trong Người, trên Trời.

- Này Tu Bồ Đề! Vang ấy vả có tu đạo, do tu đạo ấy mà có nhiễm, có tịnh chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không. Tại sao? Vì vang ấy không có sự thiệt nên chẳng thể nói là cấu, là tịnh.

- Này Tu Bồ Đề! **Như nắng dợn chẳng phải nước như tướng nước**, chẳng phải sông như tướng sông. Nắng dợn ấy vả có nghiệp, do nghiệp nhơn duyên mà đọa Địa ngục, nhẫn đến do tu đạo mà có cấu, có tịnh chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không. Thành Càn Thát Bà ấy rốt ráo không có, chỉ gạt được mắt kẻ vô trí thôi, thì làm sao có nghiệp nhẫn đến có thể nói được là cấu, là tịnh.

- Này Tu Bồ Đề! **Nhà ảo thuật, thuật ra các thứ vật**, những là voi, ngựa, bò, dê, nam, nữ. Huyễn ảo ấy vả có nghiệp, do nhơn duyên ấy hoặc đọa Địa ngục, nhẫn đến do sự tu đạo mà có cấu, có tịnh chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Vật huyễn ảo ấy rỗng không, chẳng có sự thiệt thì làm sao có được nghiệp, nhẫn đến có thể nói là cấu, là tịnh.

- Này Tu Bồ Đề! **Như hóa nhơn do đức Phật biến hóa ra.** Hóa nhơn ấy vả có nghiệp, do nghiệp nhơn duyên ấy hoặc đọa Địa ngục, nhẫn đến có cấu, có tịnh chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không. Hóa nhơn ấy không có sự thiệt, thì làm sao có được nghiệp, rồi do nghiệp nhơn duyên ấy hoặc đọa Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, hoặc sanh trong Người, trên Trời, làm sao có được sự tu đạo, rồi do sự tu đạo ấy mà có cấu, có tịnh.

- Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Ở trong tướng rỗng không ấy có kẻ cấu, có kẻ tịnh chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không. Trong ấy vô sở hữu, không có kẻ bị cấu, không có kẻ được tịnh.

- Này Tu Bồ Đề! Như không có kẻ bị cấu, không có kẻ được tịnh thì cũng không có cấu, tịnh.

Tại sao? Vì chúng sanh ở trong ngã và ngã sở có cấu, có tịnh.

Người thấy thiệt thì chẳng cấu, chẳng tịnh. Như người thấy thiệt chẳng cấu, chẳng tịnh nên cũng không có cấu, tịnh".

Thích nghĩa:

(1). Thất dụ là bảy thí dụ về tính cách hư ảo của vạn pháp trong 10 dụ của các kinh điển Đại thừa (Xem lại thích nghĩa ở phẩm "Tập Tán", quyển thứ ba). Kinh MHBNBLM lấy: Cảnh mộng, hình ảnh phản chiếu trong gương, tiếng dội từ hang động, bóng hiện trên tường do đèn phản chiếu, trò ảo thuật, thân do biến hóa, thành Càn thát bà để làm bảy thí dụ, chỉ cho những hiện tượng hư vọng, dời đổi, biến dị..., thấy như thật nhưng không phải thật, hiện rồi mất, đến rồi đi. Kinh Kim Cương cũng lấy mộng, huyễn, bào (bọt nước trôi nổi), ảnh (bóng trong gương, hiện rồi mất), lộ (hạt sương sớm), điện (tia chớp trên không) làm thí dụ muôn pháp trong thế gian đều hư giả không thật, sinh diệt vô thường, và khuyên người lúc nào cũng tâm niệm như vậy:

"Nhất thiết hữu vi pháp,
Như mộng huyễn bào ảnh,
Như lộ diệt như điện,
Ưng tác như thị quán".

---o0o---

PHẨM BÌNH ĐẲNG
THỨ TÁM MƯƠI SÁU

(Tương đương với phẩm "Thắng Nghĩa Du Già",
phần sau Q.396 cho đến phần đầu Q.376, Kinh ĐBN)

Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Người thấy thật chẳng cấu, chẳng tịnh. Người thấy chẳng thật cũng chẳng cấu, chẳng tịnh. Tại sao? Vì tất cả pháp tánh vô sở hữu(1).

Bạch đức Thế Tôn! Trong vô sở hữu không có cấu, không có tịnh. Trong sở hữu cũng không có cấu, không có tịnh.

Bạch đức Thế Tôn! Trong vô sở hữu, trong hữu sở hữu cũng không có cấu, không có tịnh.

Bạch đức Thế Tôn! Tại sao người như thật ngữ chẳng cấu, chẳng tịnh, người chẳng thật ngữ cũng chẳng cấu, chẳng tịnh?".

Đức Phật dạy: "Này Tu Bồ Đề! **Tướng các pháp bình đẳng ấy ta nói là tịnh**.

Này Tu Bồ Đề! **Những gì là các pháp bình đẳng? Đó là như, bất dị, bất cuồng, pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế. Có Phật hay không Phật, pháp tánh thường trụ, đó gọi là tịnh.**

Đây là vì thế đế mà nói, chớ chẳng phải đệ nhất nghĩa.

Đệ nhất nghĩa vượt qua tất cả ngữ ngôn, luận nghị, âm thanh".

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp rỗng không, chẳng thể nói được như mộng, như hưởng, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa. Tại sao? Đại Bồ Tát dùng những pháp như mộng, như hưởng, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa. Làm sao phát được tâm Vô Thượng Bồ Đề mà nguyện rằng: Tôi sẽ đầy đủ sáu ba la mật, tôi sẽ đầy đủ Thần thông ba la mật, tôi sẽ đầy đủ Trí ba la mật, tôi sẽ đầy đủ bốn thiền, bốn tâm, bốn vô sắc định, bốn niệm xứ nhẫn đến tám phần thánh đạo, tôi sẽ đầy đủ giải thoát môn, tám bội xả, chín định thứ đệ, tôi sẽ đầy đủ mười trí lực nhẫn đến đầy đủ mười tám pháp bất cộng, tôi sẽ đầy đủ ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo, tôi sẽ đầy đủ các môn đà la ni, các môn tam muội, tôi sẽ phóng quang minh chiếu khắp mười phương, biết tâm niệm chúng sanh thuyết pháp thích ứng?

- Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Các pháp của ông nói có như mộng, như hưởng, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Vâng.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp như mộng đến như hóa, thì làm sao Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật?

Như mộng đến như hóa là hư vọng chẳng thật, chẳng nên dùng pháp hư vọng chẳng thật để được đầy đủ Đàn na ba la mật nhẫn đến mười tám pháp bất cộng.

- Này Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Pháp hư vọng chẳng thật chẳng có thể được đầy đủ Đàn na ba la mật nhẫn đến mười tám pháp bất cộng. Hành pháp hư vọng chẳng thật ấy chẳng thể được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Tất cả pháp ấy đều là pháp tạo ác ức tưởng tư duy. Dùng pháp tạo tác ức tưởng tư duy ấy chẳng có thể được nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Tất cả pháp ấy có thể trợ giúp đạo pháp mà chẳng có thể thêm ích cho quả, các pháp ấy không có sanh, không có xuất, không có tướng.

Từ lúc ban sơ phát tâm đến nay, Đại Bồ Tát thực hành nghiệp lành như là Bố thí ba la mật nhẫn đến Nhất thiết chủng trí.

Tại sao? Vì Đại Bồ Tát ấy biết các pháp như mộng nhẫn đến như hóa, các pháp như vậy chẳng có được Bố thí ba la mật nhẫn đến Nhất thiết chủng trí, chẳng thành tựu chúng sanh được, chẳng được Vô Thượng Bồ Đề.

Đại Bồ Tát ấy thực hành nghiệp lành Bố thí ba la mật nhẫn đến Nhất thiết chủng trí, biết như mộng nhẫn đến biết như hóa, cũng biết tất cả chúng sanh như đi trong mộng nhẫn đến như đi trong hóa. Đại Bồ Tát ấy chẳng nắm lấy Bát nhã ba la mật là pháp có. Do vì chẳng nắm lấy như vậy nên được Nhất thiết chủng trí, biết các pháp như mộng, không chỗ nắm lấy được, nhẫn đến biết các pháp như hóa, không chỗ nắm lấy được.

Tại sao vậy?

Vì Bát nhã ba la mật không thể nắm lấy tướng được, Thiền ba la mật nhẫn đến mười tám pháp bất cộng chẳng thể nắm lấy tướng được.

Đại Bồ Tát ấy biết tất cả pháp là chẳng thể nắm lấy tướng được rồi phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề.

Tại sao vậy?

Tất cả pháp chẳng thể nắm lấy tướng được, không có căn bổn định thật, nó như mộng nhẫn đến như hóa.

Dùng pháp chẳng thể nắm lấy tướng, không thể được pháp chẳng thể nắm lấy tướng. Chỉ vì chúng sanh chẳng biết, chẳng thấy các pháp tướng như vậy, nên Đại Bồ Tát ấy vì chúng sanh mà cầu Vô Thượng Bồ Đề!

Từ lúc mới phát tâm đến nay, Đại Bồ Tát ấy chỗ có bố thí là vì tất cả chúng sanh, nhẫn đến chỗ có tu trí huệ đều vì tất cả chúng sanh, chẳng phải vì chính thân mình.

Cầu Vô Thượng Bồ Đề, Đại Bồ Tát chẳng vì sự khác mà chỉ vì tất cả chúng sanh.

Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát thấy chúng sanh không có chúng sanh mà trụ trong tướng chúng sanh, nhẫn đến không có tri giả, không có kiến giả(2) mà trụ trong tướng tri, tướng kiến. Đại Bồ Tát ấy làm cho chúng sanh rời xa điên đảo, rời xa rồi an trí chúng sanh trụ trong pháp tánh cam lồ không có tướng hư vọng, đó là không có tướng chúng sanh nhẫn đến không có tướng tri giả, tướng kiến giả.

Lúc bấy giờ Bồ Tát ấy đều rời bỏ tâm động, tâm có niệm, tâm hí luận mà thường hành tâm chẳng động, tâm chẳng niệm, tâm chẳng hí luận.

Này Tu Bồ Đề! Do sức phương tiện như vậy, lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát tự mình không chỗ nắm lấy, cũng dạy tất cả chúng sanh cho họ được không chỗ nắm lấy. Đó là thế đế chớ chẳng phải đệ nhất nghĩa đế.

- Bạch đức Thế Tôn! Lúc được Vô Thượng Bồ Đề, đức Thế Tôn được các Phật pháp, đó là do thế đế mà được hay là do đệ nhất nghĩa đế mà được?

- Này Tu Bồ Đề! Do vì thế đế mà nói đức Phật được pháp ấy.

Trong pháp ấy không có pháp gì có thể được gọi là người ấy được pháp ấy.

Tại sao? Vì người ấy được pháp ấy là hữu sở đắc. Nếu dùng pháp nhị thì không có đạo, không có quả.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu hành pháp nhị thì không có đạo, không có quả, còn hành pháp bất nhị thì có đạo, có quả chăng?

- Này Tu Bồ Đề! Hành pháp nhị không đạo, không quả, hành pháp bất nhị cũng không đạo, không quả.

Nếu không có pháp nhị, không có pháp bất nhị tức là đạo, tức là quả.

Tại sao vậy?

Dùng pháp như vậy đắc đạo, đắc quả, dùng pháp như vậy chẳng đắc đạo, chẳng đắc quả, đó là hí luận.

Trong các pháp bình đẳng không có hí luận. Tướng không có hí luận là các pháp bình đẳng.

- Bạch đức Thế Tôn! Các pháp không có tánh, trong đó những gì là bình đẳng?

- Này Tu Bồ Đề! **Nếu không pháp có, không pháp không, cũng chẳng nói các pháp tướng bình đẳng, trừ bình đẳng không còn pháp nào khác rời lìa tất cả pháp tướng bình đẳng.**

Tướng bình đẳng ấy, hoặc phàm phu, hoặc thánh nhơn đều không thể đi được, không thể đến được.

-Bạch đức Thế Tôn! Cho đến đức Phật cũng chẳng thể đi, chẳng thể đến ư!

- Này Tu Bồ Đề! Các pháp bình đẳng ấy tất cả thánh nhơn đều chẳng thể đi, chẳng thể đến, dầu là Phật.

- Bạch đức Thế Tôn! Đức Phật có sức tự tại đi trong tất cả pháp, sao lại nói đức Phật cũng chẳng thể đi, cũng chẳng thể đến?

- Này Tu Bồ Đề! Nếu các pháp bình đẳng cùng Phật có khác nhau thì nên hỏi như vậy.

Nay hàng phàm phu bình đẳng, các Thánh Nhơn Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật, Đại Bồ Tát, chư Phật và thánh pháp đều bình đẳng, là bình đẳng duy nhứt, không có hai.

Nghĩa là hàng phàm phu ấy, Tu Đà Hoàn nhẫn đến chư Phật ấy ở trong tất cả pháp bình đẳng ấy đều là bất khả đắc.

- Bạch đức Thế Tôn! nếu trong các pháp bình đẳng đều chẳng có được phàm phu nhẫn đến Phật, thì hàng phàm phu, Tu Đà Hoàn nhẫn đến Phật không có sai khác nhau ư!

- Này Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Trong các pháp bình đẳng không có sai khác nhau, là phàm phu, thì làm sao phân biệt có Tam Bảo xuất hiện thế gian?

- Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Phật Bảo, Pháp Bảo, Tăng Bảo cùng các pháp bình đẳng có khác nhau chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Như chỗ tôi được nghe ý nghĩa từ đức Phật dạy thì Tam Bảo cùng các pháp bình đẳng không khác nhau.

Bạch đức Thế Tôn! Phật Bảo, Pháp Bảo và Tăng Bảo ấy tức là bình đẳng. Pháp ấy đều chẳng hiệp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đối, là nhất tướng, nghĩa là vô tướng.

Đức Phật có trí lực ấy có thể phân biệt được nơi chỗ các pháp vô tướng: là phàm phu, là Tu Đà Hoàn, là Tư Đà Hàm, là A Na Hàm, là A La Hán, là Bích Chi Phật, là Đại Bồ Tát, là chư Phật.

- Này Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Ý ông nghĩ sao? Nếu chư Phật được Vô Thượng Bồ Đề mà chẳng phân biệt các pháp thì sẽ biết là Địa ngục, là Ngạ quỷ, là Súc sanh, là Nhơn, là Thiên, là Trời Tứ Thiên Vương, nhẫn đến là Trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng, là bốn niệm xứ nhẫn đến là tám phần thánh đạo, là nội không nhẫn đến là vô pháp hữu pháp không, là Phật thập lực nhẫn đến mười tám pháp bất cộng chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Sẽ chẳng biết vậy.

- Này Tu Bồ Đề! Vì thế nên biết rằng đức Phật có đại ân lực, ở trong các pháp bình đẳng chẳng động mà phân biệt các pháp.

- Bạch đức Thế Tôn! Như đức Phật ở trong các pháp bình đẳng chẳng động, người phàm phu ở các pháp bình đẳng cũng chẳng động, Tu Đà Hoàn nhẫn đến Bích Chi Phật ở trong các pháp bình đẳng cũng chẳng động.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu tướng các pháp bình đẳng tức là tướng Tu Đà Hoàn nhẫn đến chư Phật, tức là tướng bình đẳng.

Bạch đức Thế Tôn! Nay các pháp đều riêng tướng. Nghĩa là tướng sắc khác, tướng, thọ, tưởng, hành, thức khác, tướng, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý khác, tướng địa khác, tướng thủy, hỏa, phong, không, thức, khác, tướng tham khác, tướng sân, si khác, tướng tà kiến khác, tướng thiền khác, tướng vô lượng tâm khác, tướng vô sắc định khác, tướng tứ niệm xứ khác, nhẫn đến tướng

bát thánh đạo phần khác, tướng Bố thí ba la mật khác, nhẫn đến tướng Bát nhã ba la mật khác, tướng ba giải thoát môn khác, tướng mười tám không khác, tướng Phật thập lực khác, tướng bốn vô úy khác, tướng bốn trí vô ngại khác, tướng mười tám pháp bất cộng khác, tánh pháp hữu vi khác, tánh pháp vô vi khác.

Tướng người phàm phu khác, nhẫn đến tướng Phật khác, các pháp đều riêng tướng khác như vậy, làm thế nào lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát ở trong các pháp tướng sai khác mà chẳng sanh phân biệt. Nếu chẳng sanh chẳng phân biệt thì chẳng thể hành Bát nhã ba la mật. Nếu chẳng thể hành Bát nhã ba la mật thì chẳng thể từ một địa đến một địa. Nếu chẳng thể từ một địa đến một địa thì chẳng thể vào Bồ Tát vị. Vì chẳng thể vào Bồ Tát vị nên chẳng thể vượt qua Thanh Văn địa, Bích Chi Phật địa. Vì chẳng vượt qua Thanh Văn, Bích Chi Phật địa nên chẳng đầy đủ được thần thông ba la mật nên chẳng đầy đủ được Bố thí ba la mật nhẫn đến chẳng đầy đủ được Bát nhã ba la mật, từ một Phật quốc đến một Phật quốc cúng dường chư Phật, ở chỗ chư Phật gieo các căn lành, dùng căn lành ấy có thể thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ.

- Này Tu Bồ Đề! Như lời ông hỏi, các pháp tướng ấy cũng là tướng người phàm phu, cũng là Tu Đà Hoàn nhẫn đến Phật.

- Bạch đức Thế Tôn! Các pháp ấy đều riêng tướng, nghĩa là tướng sắc khác, nhẫn đến tướng pháp hữu vi, tướng pháp vô vi khác, làm sao Đại Bồ Tát quán nhất tướng chẳng khởi phân biệt?

- Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Tướng sắc ấy có rỗng không chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Thật rỗng không.

- Này Tu Bồ Đề! Trong rỗng không, các pháp tướng riêng khác có thể có được chăng? Nghĩa là tướng sắc nhẫn đến tướng Phật.

- Bạch đức Thế Tôn! Chẳng thể có được.

- Này Tu Bồ Đề! Vì lẽ ấy nên phải biết rằng trong các pháp bình đẳng chẳng phải người phàm phu, cũng chẳng rời lìa người phàm phu, nhẫn đến chẳng phải Phật, cũng chẳng rời lìa Phật.

- Bạch đức Thế Tôn! Bình đẳng ấy là pháp hữu vi hay pháp vô vi?

- Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải pháp hữu vi, chẳng phải pháp vô vi.

Tại sao vậy?

Rời lìa pháp hữu vi thì chẳng có được pháp vô vi. Rời lìa pháp vô vi thì chẳng có được pháp hữu vi.

Này Tu Bồ Đề! **Tánh hữu vi, tánh vô vi ấy, cả hai pháp ấy chẳng hiệp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đối, là nhất tướng, nghĩa là vô tướng.**

Đức Phật cũng dùng thế đế để nói chớ chẳng phải lấy đệ nhất nghĩa.

Tại sao?

Trong đệ nhất nghĩa không có thân hành, không có khẩu hành, không có ý hành, cũng chẳng rời lìa thân, khẩu, ý hành mà được đệ nhất nghĩa.

Tướng bình đẳng của các pháp hữu vi, vô vi ấy, tức là đệ nhất nghĩa.

Lúc hành Bát nhã ba la mật, Đại Bồ Tát ở trong đệ nhất nghĩa chẳng động mà làm việc Bồ Tát làm lợi ích cho chúng sanh”.

Thích nghĩa:

*(1). Kinh MHBNBLM viết: "Vì tất cả pháp tánh **vô sở hữu**", trong khi Kinh ĐBN viết: "Vì tất cả pháp đều lấy **vô tánh làm tự tánh**". Quyển thứ 395-396, ĐBN, vừa trích dẫn trên, có phẩm tựa tên là "Vô Tánh Tự Tánh", nên ở đây tiếp tục thuyết minh "tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh" có vẽ hợp lý hơn, mặc dầu tất cả pháp tánh vô sở hữu"!*

*(2). Thấy chúng sanh không có chúng sanh mà trụ trong tướng chúng sanh, nhẫn đến không có tri giả, không có kiến giả: Nói đủ là "ở trong cái chẳng phải ngã mà chấp tưởng là ngã; ở trong cái chẳng phải hữu tình, mạng giả, sanh giả, dưỡng giả, sĩ phu, bổ đặc già la, ý sanh, nho đồng, tác giả, khiến tác giả, khởi giả, khiến khởi giả, thọ giả, khiến thọ giả, tri giả, khiến tri giả, kiến giả, khiến kiến giả". Đây là các khoa trong "**Bát thập nhất khoa**", mà kinh Đại Bát Nhã thường đề cập, được chép trong Đại Tạng Nhất Lãm Tập quyển 3. Đó là: năm uẩn, sáu căn, sáu trần, sáu thức, sáu xúc (hợp lại thành 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới), sáu duyên sở sinh, bốn duyên, sáu đại, mười hai nhân duyên, sáu độ (lục độ Ba la mật), ngã giả, sinh giả, thọ giả, mệnh giả, hữu tình giả, dưỡng dục giả, chúng số giả, tác giả, sử tác giả, khởi giả, sử khởi giả, thọ giả, sử thọ giả, kiến giả, tri giả, hai mươi không, bốn đế, chân như, pháp giới, pháp tánh, bất hư vọng tánh, bất biến dịch tánh, bình đẳng tánh, ly sinh tánh, pháp định, pháp trụ, thực tế, xứ không giới, bất tư nghị giới, bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn vô sắc định, tám giải thoát, tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ, bốn niệm xứ, bốn chính cần, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy chi giác, tám chi thánh đạo, không giải thoát môn, vô tướng giải thoát môn, vô nguyện giải thoát môn, Bồ tát thập địa, năm nhãn, sáu thông, mười lực, bốn vô úy, bốn vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỉ, đại xả, mười tám pháp bất cộng, pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí, nhất thiết đà la ni môn, nhất thiết tam ma địa môn, Dự lưu quả, Nhất lai quả, Bất hoàn quả, A la hán quả, Độc giác Bồ đề, nhất thiết Bồ tát ma ha tát hạnh, Phật v.v... tất cả tám mươi mốt khoa.(Xem lại thích nghĩa của phẩm "Tu Tập Đúng", quyển thứ nhất, Kinh MHBNBLM).*

---o0o---

PHẨM NHƯ HÓA
THỨ TÁM MƯƠI BẢY

(Tương đương với phẩm "Pháp Tánh Vô Động", tức phần sau Q.397, ĐBN)

Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp bình đẳng không có tạo tác thi vi, thì làm sao Đại Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật ở trong pháp bình đẳng chẳng động mà làm việc Bồ Tát để bố thí, ái ngữ, lợi ích, đồng sự?".

Đức Phật dạy: "Này Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Đúng như lời ông nói, các pháp bình đẳng ấy không có tạo tác.

Nếu chúng sanh tự biết các pháp bình đẳng, thì đức Phật chẳng dùng thần lực ở trong các pháp bình đẳng chẳng động mà cứu vớt họ ra khỏi tướng ngô, tướng ngã nhẫn đến tướng tri giả, tướng kiến giả, do rỗng không mà ra khỏi năm đường sanh tử, ra khỏi tướng sắc nhẫn đến tướng thức, ra khỏi tướng nhãn nhẫn đến tướng ý, ra khỏi tướng địa chủng nhẫn đến tướng thức chủng.

Làm cho họ xa lìa tánh tướng hữu vi để được tánh tướng vô vi. **Vô vi tánh tướng tức là rỗng không vậy**".

- Bạch đức Thế Tôn! Dùng những không gì mà tất cả pháp không?

- Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát xa rời tất cả pháp tướng. Vì dùng không ấy nên tất cả pháp không.

- Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Nếu có hóa nhơn làm hóa nhơn. Hóa nhơn ấy vả có sự thật mà chẳng rỗng không chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Hóa nhơn ấy không có sự thật nào mà chẳng rỗng không.

- Này Tu Bồ Đề! Không ấy và hóa nhơn, hai sự ấy chẳng hiệp, chẳng tan, vì do không không nên không, chẳng nên phân biệt là không, là hóa. Tại sao? Vì hai sự ấy ở trong không đều chẳng có được là không, là hóa.

Tại sao vậy?

Này Tu Bồ Đề! Sắc tức là hóa, thọ, tưởng, hành, thức là hóa, nhẫn đến Nhất thiết chủng trí là hóa.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế gian pháp là hóa, còn pháp xuất thế có là hóa chăng?

- Này Tu Bồ Đề! **Tất cả pháp đều là hóa.**

Ở trong pháp ấy, có pháp Thanh Văn biến hóa, có pháp Bích Chi Phật biến hóa, có pháp chư Phật biến hóa, có pháp phiền não biến hóa, có pháp nghiệp nhơn duyên biến hóa.

Vì lẽ ấy, Này Tu Bồ Đề! Nên tất cả pháp đều là biến hóa.

- Bạch đức Thế Tôn! Các phiền não đoạn dứt ấy, nghĩa là quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, đạo Bích Chi Phật, Phật đạo, dứt đoạn tập chủng các phiền não có phải đều là biến hóa chăng?

- Này Tu Bồ Đề! nếu có pháp tướng sanh diệt thì đều là biến hóa.

- Bạch đức Thế Tôn! Những pháp gì không phải biến hóa?

- Này Tu Bồ Đề! **Nếu là pháp không sanh, không diệt, không phải biến hóa.**

- Bạch đức Thế Tôn! Pháp gì không sanh, không diệt, không phải biến hóa?

- Này Tu Bồ Đề! **Niết Bàn** không tướng hư dối là chẳng phải biến hóa.

- Bạch đức Thế Tôn! Như đức Phật tự nói, các pháp bình đẳng chẳng phải Thanh Văn làm ra, chẳng phải Bích Chi Phật làm ra, chẳng phải Đại Bồ Tát làm ra, chẳng phải chư Phật làm ra. Có Phật hay không có Phật, tánh các pháp thường không. **Tánh không tức là Niết Bàn**. Sao đức Phật lại nói một pháp Niết Bàn chẳng phải biến hóa?

- Này Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Các pháp bình đẳng chẳng phải Thanh Văn làm ra, nhẫn đến tánh không tức là Niết Bàn.

Nếu hàng Bồ Tát mới phát tâm, nghe tất cả pháp đều rốt ráo tánh không nhẫn đến Niết Bàn cũng đều như hóa ấy thì lòng rất kinh sợ. Đó là vì mới phát tâm nên Bồ Tát ấy còn phân biệt pháp sanh diệt thì như hóa, pháp chẳng sanh diệt thì chẳng như hóa.

- Bạch đức Thế Tôn! Làm sao dạy Bồ Tát mới phát tâm biết được tánh không?

- Này Tu Bồ Đề! Các pháp có phải là trước có mà nay không chăng?".

Phẩm này tới đây chấm dứt đột ngột, nếu so chiếu với Đại Bát Nhã do HT. Thích trí Nghiêm dịch, thì câu trả lời để kết thúc phẩm này, sẽ có như sau:

Phật dạy:

- "**Này Thiện Hiện! Đâu phải tất cả pháp trước có sau không, nhưng tất cả pháp chẳng phải có, chẳng phải không, không có tự tánh, không có tha tánh, trước đã chẳng phải có, sau cũng chẳng không, tự tánh thường không, không gì sợ hãi, nên dạy bảo trao truyền Bồ tát sơ nghiệp như thế, khiến họ tin hiểu tự tánh các pháp rốt ráo đều không**".

---o0o---

QUYỂN THỨ BA MƯƠI

PHẨM TÁT ĐÀ BA LUÂN
THỨ TÁM MƯƠI TÁM

(Tương đương với phẩm "Thường Đề Bồ tát", phần cuối Q.398 đến phần đầu Q.399, Kinh ĐBN)

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Đại Bồ Tát cầu Bát nhã ba la mật phải như Đại Bồ Tát Đàn Ba Luân. Đại Bồ Tát ấy hiện nay ở chỗ Đại Lôi Âm Phật mà hành Bồ Tát đạo".

Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát Đàn Ba Luân(1) cầu Bát nhã ba la mật như thế nào?".

- Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát Đàn Ba Luân trước kia, lúc cầu Bát nhã ba la mật chẳng tiếc thân mạng, chẳng màng danh lợi.

Ngài ở trong rừng vắng vẻ, nghe trên hư không có tiếng bảo rằng:

Này thiện nam tử! Người từ đây đi qua phương Đông chớ nhớ đến mỏi mệt, chớ nhớ đến ngủ nghỉ, chớ nhớ đến uống ăn, chớ nhớ đến ngày đêm, chớ nhớ đến lạnh nóng, chớ nhớ đến trong ngoài.

Khi đi người chớ nhìn hai bên. Khi đi người chớ phá hoại tướng thân, chớ phá hoại tướng sắc, tướng thọ, tưởng, hành, thức.

Tại sao vậy?

Nếu phá hoại các tướng ấy thì ở trong Phật pháp có trở ngại.

Nếu ở Phật pháp có trở ngại thì qua lại ở năm đường sanh tử, cũng chẳng được Bát nhã ba la mật.

Bồ Tát Đàn Ba Luân đáp:

Tôi sẽ Nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý theo lời dạy. Tại sao vậy? Vì tôi muốn vì tất cả chúng sanh mà làm ánh sáng lớn, tôi muốn tập hợp pháp của tất cả chư Phật, tôi muốn được Vô Thượng Bồ Đề.

Trên hư không lại có tiếng nói:

Lành thay, lành thay! Người nên có lòng tin pháp không, vô tướng, vô tác.

Đem tâm lý mà cầu Bát nhã ba la mật: ly tướng ngã, nhẫn đến ly tướng tri giả, kiến giả.

Người phải xa rời ác tri thức, phải gần gũi cúng dường thiện tri thức.

Ai là thiện tri thức?

Là người có thể nói pháp không, vô tướng, vô tác, vô sanh, vô diệt và nhứt thiết chủng trí, làm cho người nghe, tâm họ thâm nhập vui mừng tin ưa. Đó là thiện tri thức.

Nếu người đi như vậy không lâu sẽ được nghe Bát nhã ba la mật. Hoặc được nghe từ trong quyển kinh. Hoặc được nghe từ nơi Bồ Tát nói.

Chỗ mà người theo đó được nghe Bát nhã ba la mật, người phải xem nơi ấy như đức Phật. Người phải tri ân, phải nghĩ rằng đây tức là thiện tri thức của tôi. Do nghe pháp Bát nhã ba la mật ấy, tôi sẽ chóng được chẳng thối chuyển Vô Thượng Bồ Đề, được ở gần chư Phật, thường sanh trong nước có Phật, xa rời các chướng nạn, được đầy đủ chỗ không chướng nạn.

Người phải suy lường công đức ấy, phải ở chỗ được nghe pháp xem như đức Phật.

Người chớ mong tâm về thế lợi mà theo bên pháp sư, mà chỉ vì ưa thích chánh pháp, chỉ vì kính trọng chánh pháp nên theo bên Bồ Tát pháp sư.

Lúc bấy giờ người phải cảnh giác biết những ma sự.

Nếu ác ma giả vì pháp mà đem ngũ dục đến dâng cho Bồ Tát pháp sư.

Nếu Bồ Tát pháp sư nhập thật pháp minh vì công đức lực nên nhận lấy, nhưng không hề nhiễm ngũ dục ấy.

Bồ Tát pháp sư lại vì ba việc nên nhận lấy ngũ dục ấy: một là vì sức phương tiện, hai là vì muốn cho chúng sanh gieo căn lành, ba là vì muốn cùng chúng sanh đồng sự ấy.

Đối với sự ấy, người chớ sanh tâm chẳng kính tin mà phải sanh lòng kính tin, nghĩ rằng: Tôi chưa được phương tiện trí. Đại sư vì độ chúng sanh nên dùng pháp phương tiện cho họ được phước đức, nên đại sư mới nhận lấy ngũ dục ấy, nơi Bồ Tát trí huệ vẫn không trước, không ngại, chẳng bị ngũ dục nhiễm ô.

Người liền phải quán thật tướng các pháp, nghĩa là tất cả pháp chẳng cấu, chẳng tịnh. Tại sao vậy? **Tất cả pháp tự tánh rỗng không, không có chúng sanh, không có ngã, không có nhơn. Tất cả pháp như ảo, như mộng, như hưởng, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa.**

Người quán các pháp thật tướng ấy rồi phải theo pháp sư, không lậu người sẽ thành tựu Bát nhã ba la mật.

Lại nữa, người phải cảnh giác biết ma sự.

Nếu Bồ Tát pháp sư thấy người muốn học Bát nhã ba la mật mà chẳng để ý đến thì người chớ có sanh lòng oán hận. Người chẳng phải nên vì pháp mà sanh lòng cung kính, chớ có ý chán lười, phải thường theo bên pháp sư.

Sau khi nghe lời chỉ bảo từ trên hư không, Tát Đà Ba Luân Bồ Tát đi qua phương Đông không bao lâu chợt nghĩ rằng sao tôi không hỏi tiếng trên hư không phải đi đến xứ nào, xa hay gần, sẽ phải theo ai để được nghe Bát nhã ba la mật.

Tát Đà Ba Luân Bồ Tát liền đứng lại, ưu sầu khóc than mà nghĩ rằng: Tôi ở lại đây chỉ nhớ đến mỏi nhọc nhẫn đến chẳng nhớ đến đói khát, lạnh nóng, nếu chẳng được nhơn duyên nghe học Bát nhã ba la mật, tôi quyết chẳng rời khỏi nơi đây.

Này Tu Bồ Đề! Như người chỉ có một đứa con trai, đứa con ấy bỗng chết, người ấy ưu sầu đau khổ, trong lòng chỉ có sầu khổ chớ chẳng nghĩ gì khác.

Cũng vậy, lúc ấy Tát Đà Ba Luân Bồ Tát không nghĩ gì khác ngoài sự mong muốn được biết bao giờ tôi được nghe Bát nhã ba la mật, tai sao tôi không hỏi tiếng trên hư không: tôi phải đến xứ nào, xa hay gần, sẽ theo ai để học Bát nhã ba la mật.

Lúc Tát Đà Ba Luân Bồ Tát buồn nghĩ như vậy, trên hư không có đức Phật bảo rằng:

Lành thay, lành thay! Này thiện nam tử! Chư Phật quá khứ lúc hành Bồ Tát đạo, cầu Bát nhã ba la mật cũng như ngươi ngày nay vậy.

Người giữ gìn tâm siêng năng tinh tiến, ưa thích chánh pháp ấy mà đi qua phương Đông cách đây năm trăm do tuần có tòa thành tên Chúng Hương(2). Thành ấy có bảy lớp, bảy báu trang nghiêm, nhà cửa bao lớn đều trang sức bằng bảy báu, hào bằng bảy báu, hàng cây bảy báu vòng quanh bảy vòng. Tòa thành ấy ngang rộng mười hai do tuần, giàu vui an tịnh, nhơn dân đông đảo, có năm trăm thị xã, đường xá tương đương đẹp tốt như tranh vẽ. Cầu cống rộng rãi sạch sẽ như đất bằng. Trên bảy lớp thành đều có lâu đài, cây bảy báu hàng, nhánh lá bằng hoàng kim, bạch ngân, ngọc xa cừ, mã não, san hô, lưu ly, pha lê và chân châu màu hồng. giây báu kết giăng, linh lưới(3) bằng vàng trùm lên thành. Gió thổi Linh khua vang tiếng hòa nhã làm vui lòng người nghe, như ngũ nhạc khéo hòa tấu rất là vui vẻ, tiếng lưới vàng và linh báu cũng như vậy. Bốn phía thành có ao nước chảy trong sạch, lạnh ấm vừa thích. Trong ao có những chiếc thuyền bằng bảy báu. Đó là do nghiệp đời trước của chúng sanh nơi ấy gây nên. Ngồi thuyền báu ấy qua lại vui chơi. Trong nước ao có các loại hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng và nhiều thứ hoa khác che khắp mặt ao. Bao nhiêu thứ hoa trong cõi Đại Thiên đều có trong ấy. Bốn phía thành lại có năm trăm khu vườn nhà bảy báu trang nghiêm rất đáng ưa thích. Trong mỗi khu vườn ấy đều có năm trăm ao nước. Mỗi ao rộng mười dặm cũng bằng bảy báu nhiều màu trang nghiêm. Trong ao nước ấy cũng có hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng chen đầy mặt nước. Hoa sen ấy lớn như bánh xe: màu xanh ánh sáng xanh, màu vàng ánh sáng vàng, màu đỏ ánh sáng đỏ, màu trắng ánh sáng trắng. Mặt nước ao lại có nhiều loại chim: chim le, chim nhạn, chim uyên ương kêu tiếng hòa nhau. Các khu vườn nhà ấy không thuộc riêng ai. Đó là do nghiệp đời trước của chúng sanh xứ ấy gây nên, họ luôn mãi tin ưa chánh pháp sâu xa và thật hành Bát nhã ba la mật nên hưởng thọ quả báo ấy.

Này thiện nam tử! Trong thành Chúng Hương có tòa đài cao, cung điện của Đại Bồ Tát Đàm Vô kiệt(4) ở trên đài ấy. Cung ấy rộng một do tuần, bằng bảy báu nhiều màu trang nghiêm rất đáng ưa thích. Tường rào bảy lớp cũng bằng bảy báu, bao lơn bảy báu, lầu gác bảy báu, hào báu bảy lớp cũng bằng bảy báu chồng chất xây thành, bảy lớp hàng cây, nhánh lá bảy báu, bảy lớp vườn bao quanh. Trong cung điện ấy có bốn khu vườn vui chơi: một khu vườn tên Thường Hỉ, khu thứ hai tên Ly Ưu, khu thứ ba tên Hoa Sức, khu thứ tư tên Hương Sức. Trong mỗi khu vườn có tám ao: ao thứ nhất tên Hiền, ao thứ hai tên Hiền Thượng, ao thứ ba tên Hoan Hỉ, ao thứ tư tên Hỉ Thượng, ao thứ năm tên An Ổn, ao thứ sáu tên Đa An Ổn, ao thứ bảy tên Viễn Ly, ao thứ tám tên Bất Thối Chuyển. Bốn bên ao, mỗi mặt riêng một thứ báu: hoàng kim, bạch ngân, lưu ly và pha lê. Ngọc mai côi làm đáy ao, trên trải cát hoàng kim. Cạnh mỗi ao đều có thềm bực bằng các thứ báu. Khoảng giữa thềm bực có hàng cây ba tiêu bằng vàng diêm phù đàn. Trong tất cả ao đều có hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng che trùm mặt nước. Bốn bên các ao đều có cây hoa đẹp, gió

thổi các hoa rơi vào trong nước ao. Nước ao có đủ tám công đức, thơm như chiên đàn(5), đầy đủ màu sắc và mùi vị, vừa nhẹ vừa nhu nhuyễn.

Đàm Vô Kiệt Bồ Tát cùng sáu muôn tám ngàn thể nữ, ngũ dục đầy đủ, chung vui cùng hưởng.

Nhơn dân trong thành cùng vào các vườn Thường Hỉ và ao Hiền v.v…, ngũ dục đầy đủ, cũng chung vui cùng hưởng.

Này thiện nam tử! Sau khi cùng các thể nữ dạo chơi vui thú xong, ngày ba thời, Đàm Vô Kiệt Bồ Tát giảng thuyết Bát nhã ba la mật.

Nam nữ lớn nhỏ trong thành Chúng Hương chọn nơi đông người tụ họp, thiết lập pháp tia lớn. Bốn chưn pháp tọa ấy hoặc bằng bạch ngân, hoặc bằng lưu ly, hoặc bằng pha lê, trên trải nệm êm dầy nhiều màu thòng những tua tụa, dùng bạch điệp đẹp trùm lên trên, rải những hoa đẹp hương thơm. Pháp tọa ấy cao năm dặm, giăng trướng bạch châu. Bốn phía khoảng đấy ấy rải hoa năm màu, đốt những hương thơm, nước thơm tưới trên đất. Đó là để cúng dường Bát nhã ba la mật vậy.

Đàm Vô Kiệt Bồ Tát ngồi trên pháp tòa ấy giảng thuyết Bát nhã ba la mật.

Nhơn chúng nơi thành ấy cúng dường cung kính Đàm Vô kiệt Bồ Tát để nghe Bát nhã ba la mật.

Đại hội ấy có trăm ngàn vạn chúng, chư Thiên cùng người thế gian hòa hiệp một chỗ. Trong đó có người lắng nghe, có người thọ, có người trì, có người tụng, có người biên, có người chánh quán, có người thật hành đúng theo lời dạy.

Bấy giờ do nhơn duyên ấy nên chúng sanh đều chẳng đọa ác đạo, chẳng thối chuyển Vô Thượng Bồ Đề.

Này thiện nam tử! Người qua đến chỗ Đàm Vô Kiệt Bồ Tát sẽ được nghe Bát nhã ba la mật.

Đàm Vô Kiệt Bồ Tát là thiện tri thức trong nhiều đời trước của người, hay dạy cho người Vô Thượng Bồ Đề, chỉ dạy cho người được lợi ích vui mừng.

Thuở trước, lúc Đàm Vô Kiệt Bồ Tát cầu Bát nhã ba la mật cũng như người ngày nay.

Người đi chớ kể ngày đêm, chớ e ngại, không lâu người sẽ được nghe Bát nhã ba la mật.

Khi nghe lời chỉ bảo trên hư không, Tát Đà Ba Luân Bồ Tát lòng rất vui mừng nghĩ rằng bao giờ tôi sẽ được thấy vị thiện tri thức ấy để được nghe Bát nhã ba la mật.

Này Tu Bồ Đề! Ví như có người trúng phải tên độc, trong lòng người ấy không nghĩ gì khác, chỉ nghĩ rằng lúc nào gặp được lương y nhổ tên độc ra, chữa khỏi nạn khổ cho tôi.

Cũng vậy, Tát Đà Ba Luân Bồ Tát không còn nghỉ gì khác, chỉ tâm nguyện lúc nào tôi được thấy Đàm Vô Kiệt Bồ Tát, cho tôi được nghe Bát nhã ba la mật, dứt hết tâm chấp có.

Ở tại chỗ cũ ấy, Tát Đà Ba Luân tâm tưởng niệm Đàm Vô Kiệt Bồ Tát, ở trong tất cả pháp được tri kiến vô ngại, liền được vô lượng môn tam muội hiện tiền, đó là: chư pháp tánh quán tam muội, chư pháp tánh bất khả đắc tam muội, pháp chư pháp vô minh tam muội, chư pháp bất dị tam muội, chư pháp bất hoại tự tại tam muội, chư pháp năng chiếu minh tam muội, chư pháp ly ám tam muội, chư pháp vô dị tương tục tam muội, chư pháp bất khả đắc tam muội, tán hoa tam muội, chư pháp vô ngã tam muội, như huyễn oai thế tam muội, đắc như cảnh tượng tam muội, đắc nhứt thiết chúng sanh ngữ ngôn tam muội, nhứt thiết chúng sanh hoan hỷ tam muội, nhập

phân biệt âm thanh tam muội, đắc chủng chủng ngữ ngôn tự cú trang nghiêm tam muội, vô úy tam muội, tánh thường mặc nhiên tam muội, đắc vô ngại giải thoát tam muội, ly trần cấu tam muội, danh tự ngữ cú trang nghiêm tam muội, kiến chư pháp tam muội, chư pháp vô ngại đảnh tam muội, như hư không tam muội, như kim cang tam muội, bất úy trước sắc tam muội, đắc thắng tam muội, chuyển nhãn tam muội, tất pháp tánh tam muội, năng giữ an ổn tam muội, sư tử hống tam muội, thắng nhứt thiết chúng sanh tam muội, hoa trang nghiêm tam muội, đoạn nghi tam muội, đoạn nhứt thiết kiên cố tam muội, xuất chư pháp đắc thần thông lực vô úy tam muội, năng đạt chư pháp tam muội, chư pháp tài ấn tam muội, chư pháp vô phân biệt kiến tam muội, ly chư kiến tam muội, ly nhứt thiết ám tam muội, giải thoát nhứt thiết tướng tam muội, trừ nhứt thiết giải đãi tam muội, đắc thâm pháp minh tam muội, bất khả đoạt tam muội, phá ma tam muội, bất trước tam giới tam muội, khởi quang minh tam muội, kiến chư Phật tam muội.

An trụ trong các tam muội ấy, Tát Đà Ba Luân Bồ Tát liền thấy mười phương vô lượng vô số chư Phật vì chư Đại Bồ Tát mà nói Bát nhã ba la mật.

Lúc ấy chư Phật mười phương an ủi Tát Đà Ba Luân Bồ Tát rằng: Lành thay, lành thay! Này thiện nam tử! Lúc chúng ta hành Bồ Tát đạo thuở trước cầu Bát nhã ba la mật được các tam muội ấy cũng như chỗ được của người hiện nay vậy.

Được các tam muội ấy rồi chúng ta khéo vào Bát nhã ba la mật, thành tựu sức phương tiện, trụ bực bất thối chuyển.

Chúng ta quán tánh các tam muội ấy chẳng thấy có pháp gì xuất tam muội, nhập tam muội, cũng chẳng thấy ai hành Phật đạo, cũng chẳng thấy ai được Vô Thượng Bồ Đề.

Này thiện nam tử! Đó gọi là Bát nhã ba la mật, nghĩa là chẳng quan niệm có các pháp ấy.

Này thiện nam tử! Chúng ta **an trụ trong pháp vô sở niệm** mà được thân màu hoàng kim rất sáng chói này, có ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo, trí huệ chẳng thể nghĩ bàn được, giới vô thượng, tam muội vô thượng, Phật vô thượng trí huệ, tất cả công đức thảy đều đầy đủ.

Đã đầy đủ tất cả công đức mà đức Phật còn chẳng thể lấy tướng nói hết được, huống là hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật và những người khác!

Này thiện nam tử! Vì lẽ ấy nên ở trong Phật pháp này phải càng cung kính mến nhớ, sanh lòng tin thanh tịnh. Đối với thiện tri thức phải xem như đức Phật.

Tại sao vậy?

Vì nhờ thiện tri thức thủ hộ mà Bồ Tát mau được Vô Thượng Bồ Đề.

Lúc ấy Tát Đà Ba Luân Bồ Tát bạch chư Phật mười phương:

Ai là thiện tri thức của tôi mà tôi phải thân cận cúng dường?

Chư Phật mười phương bảo Tát Đà Ba Luân Bồ Tát:

Đàm Vô Kiệt Bồ Tát đã nhiều đời giáo hóa Vô Thượng Bồ Đề cho người thành tựu. Đàm Vô Kiệt Bồ Tát cho người thành tựu. Đàm Vô Kiệt Bồ Tát thủ hộ người, dạy cho người sức phương tiện Bát nhã ba la mật, Bồ Tát ấy là thiện tri thức của người.

Dầu người có cúng dường Đàm Vô Kiệt Bồ Tát hoặc một kiếp, hai kiếp, ba kiếp nhẫn đến hơn trăm kiếp, dầu đội cung kính, đem tất cả đồ sắc, thanh, hương, vị, xúc, vui thích trong cõi Đại Thiên cúng dường hết chưa đáp được ơn trong khoảnh khắc.

Tại sao vậy?

Vì do nhơn duyên của Đàm Vô Kiệt Bồ Tát làm cho người được những tam muội như vậy, được sức phương tiện Bát nhã ba la mật như vậy.

Chư Phật an ủi giáo hóa Tát Đà Ba Luân Bồ Tát như vậy, làm cho ngài vui mừng xong, bỗng nhiên chẳng hiện(6).

Từ tam muội dậy, Tát Đà Ba Luân Bồ Tát chẳng còn thấy chư Phật bèn nghĩ rằng: Chư Phật ấy từ đâu đến, đi về đâu?

Vì chẳng thấy chư Phật nên Ngài lại buồn rầu chẳng vui: Ai sẽ dứt hết chỗ nghi ngờ của tôi?

Ngài lại nghĩ rằng Đàm Vô Kiệt Bồ Tát từ lâu đã thường hành Bát nhã ba la mật, được sức phương tiện và các đà la ni, nơi pháp Bồ Tát được tự tại, cúng dường nhiều chư Phật quá khứ, nhiều đời làm thầy tôi, thường làm lợi ích cho tôi. Tôi sẽ hỏi Đàm Vô Kiệt Bồ Tát : **chư Phật từ đâu đến, đi đến đâu?**

Lúc ấy đối với Đàm Vô Kiệt Bồ Tát, Tát Đà Ba Luân Bồ Tát sanh lòng cung kính, tôn trọng, mến ưa, nghĩ rằng: Tôi phải lấy gì cúng dường Đàm Vô Kiệt Bồ Tát?

Hiện nay tôi nghèo cùng, không có hoa hương, vàng bạc, châu báu. Không có những vật khả dĩ cúng dường Bát nhã ba la mật và pháp sư Đàm Vô Kiệt Bồ Tát. Tôi không nên đi tay không để đến chỗ Đàm Vô Kiệt Bồ Tát. Nếu tôi đi không thì khó sanh lòng mừng rỡ. Vì Bát nhã ba la mật, tôi phải bán thân để có tài vật cúng dường Đàm Vô Kiệt Bồ Tát.

Từ nhiều đời tôi đã mất vô số thân. Trong vô thỉ sanh tử hoặc chết, hoặc bán, hoặc vì dục vọng mà nhiều đời chịu vô lượng khổ não ở trong địa ngục. Chưa bao giờ vì pháp thanh tịnh, vì pháp sư mà mất thân.

Giữa đường, Tát Đà Ba Luân Bồ Tát vào một thành, đến giữa chợ rao lớn rằng: Ai cần người! Ai cần người! Ai muốn mua người?

Bấy giờ ác ma nghĩ rằng, vì mến chánh pháp mà Tát Đà Ba Luân này tự bán thân, vì Bát nhã ba la mật mà cúng dường Đàm Vô Kiệt Bồ Tát. Ông ấy sẽ chánh vấn Bát nhã ba la mật thế nào để chóng được Vô Thượng Bồ Đề? Ông ấy sẽ được đầy đủ đa văn như nước biển cả, lúc đó chẳng thể ngăn trở phá hoại được. Ông ấy sẽ đầy đủ tất cả công đức lợi ích chư Đại Bồ Tát nơi Vô Thượng Bồ Đề, qua khỏi cảnh giới của ta, và cũng dạy những người khác ra khỏi cảnh giới của ta để được Vô Thượng Bồ Đề. Ta phải phá hoại công việc của ông ấy.

Bấy giờ ác ma che các nhà Bà La Môn, Cư Sĩ chẳng nghe tiếng rao bán thân của Tát Đà Ba Luân Bồ Tát, chỉ trừ một trưởng giả nữ, vì nhơn duyên đời trước, nên ác ma chẳng che được.

Tát Đà Ba Luân Bồ Tát rao bán thân chẳng ai hỏi mua, bèn buồn rầu rồi khóc lóc, đứng lại một nơi, rơi lệ tự nghĩ rằng vì tôi có một tội lớn nên bán thân mà chẳng ai mua, vì Bát nhã ba la mật mà tôi tự bán thân để cúng dường Đàm Vô Kiệt Bồ Tát.

Bấy giờ Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn nghĩ rằng Tát Đà Ba Luân Bồ Tát mến chánh pháp mà tự bán thân, vì Bát nhã ba la mật nên muốn cúng dường Đàm Vô Kiệt Bồ Tát, ta sẽ thử ông ấy coi có phải thiệt vì thâm tâm mến pháp mà xả thân chăng?

Thiên Đế Thích liền hóa làm người Bà La Môn đi ngang qua chỗ Tát Đà Ba Luân đứng hỏi rằng: Cớ chi mà ngươi đứng nơi đây khóc than buồn rầu, nhan sắc tiều tụy như vậy?

Thưa Bà La Môn! Tôi mến kính chánh pháp. Vì Bát nhã ba la mật nên tôi bán thân để cúng dường Đàm Vô Kiệt Bồ Tát nhưng không ai mua. Tôi nghĩ mình phước bạc không có của báu,

muốn bán thân cũng chẳng ai mua. Tôi lấy gì cúng dường Bát nhã ba la mật và Đàm Vô Kiệt Bồ Tát.

Bà La Môn nói:

Tôi chẳng cần người. Hiện nay tôi muốn tế Trời, cần có tim, máu và tủy người. Ông có thể bán những vật ấy cho tôi không?

Tát Đà Ba Luân Bồ Tát nghĩ rằng tôi được lợi lớn, được lợi đệ nhứt. Nay tôi vì đầy đủ Bát nhã ba la mật, phương tiện lực nên được người mua tim, máu và tủy.

Nghĩ xong, Tát Đà Ba Luân trong lòng rất vui mừng không còn buồn rầu, bảo Bà La Môn rằng:

Tôi bằng lòng trao cho ông tất cả những gì ông muốn dùng.

Bà La Môn hỏi:

Ông lấy giá bao nhiêu?

Tát Đà Ba Luân đáp:

Tùy ý ông cho bao nhiêu cũng được.

Liền đó, Tát Đà Ba Luân tay mặt cầm dao bén đâm vào cánh tay tả tuôn máu ra, rồi cắt thịt bắp vế bên mặt, muốn chặt xương để lấy tủy.

Khi ấy có một người trưởng giả nữ ở trên gác cao thất Tát Đà Ba Luân tự cắt thân thể, chẳng tiếc mạng sống, muốn biết duyên do, nàng liền xuống gác đến hỏi Tát Đà Ba Luân rằng:

Người Trời, Người, A tu la, sao lại tự hủy thân khốn khổ đến như vậy. Dùng tim, máu, tủy này để làm gì?

Tát Đà Ba Luân đáp:

Tôi bán thân cho ông Bà La Môn đây, để có tiền vật cúng dường Bát nhã ba la mật và Đàm Vô Kiệt Bồ Tát.

Trưởng giả nữ hỏi:

Ông muốn đem bán tim, máu và tuỷ để cúng dường Đàm Vô Kiệt Bồ Tát sẽ được công đức gì?

Tát Đà Ba Luân đáp:

Đàm Vô Kiệt Bồ Tát khéo học Bát nhã ba la mật và phương tiện lực. Ngài sẽ giảng dạy tôi việc phải làm của Bồ Tát và đạo sở hành của Bồ Tát.

Tôi học pháp ấy, đạo ấy, lúc được Vô Thượng Bồ Đề làm y chỉ cho chúng sanh sẽ được thân màu hoàng kim đủ ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo quang minh vô lượng, đại từ đại bi hỉ xả, bốn vô úy, bốn trí vô ngại, Phật thập lực, mười tám pháp bất cộng, sáu thần thông chẳng thể nghĩ bàn, giới định trí huệ thanh tịnh, được Vô Thượng Bồ Đề. Ở trong các pháp được tri kiến nhứt thiết vô ngại.

Đem pháp bảo vô lượng phân bố cho tất cả chúng sanh.

Những công đức lợi ích như vậy, tôi sẽ được từ nơi Đàm Vô Kiệt Bồ Tát ấy.

Trưởng giả nữ nghe Phật pháp thượng diệu ấy lòng rất vui mừng kinh ngạc, rởn ốc nói:

Rất là hi hữu. Chỗ ông nói vi diệu khó được nghe. Vì mỗi mỗi pháp công đức ấy đáng xả cả hằng sa thân mạng. Chỗ ông nói đó rất là vi diệu!

Nay ông cần những gì, tôi sẽ cung cấp hết. Những vàng bạc, châu báu, hoa hương, phan lọng, y phục, nhạc khí, tôi sẽ cấp cho ông tất cả để ông cúng dường Bát nhã ba la mật và Đàm Vô Kiệt Bồ Tát.

Ông chớ nên hủy hoại thân thể. Tôi cũng sẽ đến chỗ Đàm Vô Kiệt Bồ Tát cùng ông gieo căn lành để được pháp vi diệu như lời ông nói đó.

Lúc ấy Thiên Đế Thích hoàn lại bổ hình khen:

Lành thay, lành thay! Ông bền chịu sự đau khổ như vậy mà chẳng động tâm. Chư Phật quá khứ lúc hành đạo Bồ Tát cũng như vậy mà cầu Bát nhã ba la mật và phương tiện lực nên được Vô Thượng Bồ Đề.

Tôi thiệt chẳng dùng tim, máu, tủy người, chỉ đến để thử nhau thôi. Ông cầu mong điều gì, tôi sẽ ban cho!

Tát Đà Ba Luân đáp:

Tôi cầu mong Vô Thượng Bồ Đề.

Thiên Đế Thích nói:

Điều ấy sức tôi làm không được. Đó là cảnh giới chư Phật.

Tôi quyết phải báo đền, vậy ông nên cầu việc khác.

Tát Đà Ba Luân nói:

Nếu như vậy, xin thân thể tôi bình phục như cũ.

Liền đó thân thể của Tát Đà Ba Luân bình phục không còn thương tích y như trước không khác.

Thiên Đế Thích bỗng nhiên biến mất.

Trưởng giả nữ bảo Tát Đà Ba Luân:

Người đến nhà tôi, cần thứ gì tôi sẽ xin cha mẹ tôi cấp cho. Tôi cũng sẽ từ giả cha mẹ rồi mang theo kẻ hầu hạ cùng người đi đến chỗ Đàm Vô Kiệt Bồ Tát để cúng dường và cầu pháp.

Tát Đà Ba Luân liền đứng ngoài cửa nhà trưởng giả nữ. Nàng vào thưa cha mẹ xin đủ đồ dùng để cúng dường và xin pháp cha mẹ cho nàng mang theo năm trăm thị nữ vốn là kẻ hầu hạ nàng cùng đi với Tát Đà Ba Luân đến chỗ Đàm Vô Kiệt Bồ Tát để cúng dường Bát nhã ba la mật. Bồ Tát ấy sẽ vì chúng con mà thuyết pháp. Con sẽ thực hành đúng theo và sẽ được pháp của chư Phật.

Cha mẹ nàng hỏi:

Tát Đà Ba Luân là người nào?

Nàng thưa:

Người ấy hiện đứng ngoài cửa.

Người ấy dùng thâm tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề, muốn độ tất cả chúng sanh khỏi vô lượng khổ sanh tử. Vì cầu pháp mà người ấy tự bán thân mình để cúng dường Bát nhã ba la mật.

Bát nhã ba la mật có tên là **đạo sở học của Bồ Tát.**

Vì cúng dường Bát nhã ba la mật và Đàm Vô Kiệt Bồ Tát mà Tát Đà Ba Luân ở giữa chợ rao lớn: Ai muốn cần người, ai muốn mua người?

Bán thân không ai hỏi mua, người ấy đứng một chỗ buồn rầu khóc than.

Thiên Đế Thích hóa làm người Bà La Môn đến thử thách hỏi duyên cớ.

Tát Đà Ba Luân nói tôi muốn bán thân để cúng dường Bát nhã ba la mật và Đàm Vô Kiệt Bồ Tát, nhưng vì phước bạc nên chẳng ai hỏi mua.

Bà La môn nói tôi chẳng cần người, tôi muốn tế Trời, phải dùng tim, máu và tuỷ người. ông có bán được không?

Tát Đà Ba Luân nghe nói hết buồn rầu, vui mừng ưng bán không cần giá cả.

Lúc ấy Tát Đà Ba Luân tay mặt cầm dao bén đâm vào cánh tay trái lấy máu, rồi cắt thịt bắp vế mặt, muốn chẻ xương lấy tủy.

Con ở trên gác ngó thấy vội xuống hỏi duyên cớ.

Khi biết rõ duyên do, con hứa cung cấp đầy đủ đồ cúng dường và ngăn người ấy hủy hoại thân thể. Con cũng hứa sẽ xin phép cha mẹ cùng đi với người ấy đến cúng dường Bát nhã ba la mật và Đàm Vô Kiệt Bồ Tát.

Cha mẹ nàng nói:

Thật là hi hữu khó có. Người ấy tinh tiến vì pháp và rất thích pháp tướng.

Những Phật pháp ấy chẳng thể nghĩ bàn, là tối đệ nhứt ở tất cả thế gian, là nhơn duyên an lạc của tất cả chúng sanh.

Vì pháp ấy mà người ấy đại thệ trang nghiêm.

Cha mẹ cho phép con đến gặp Đàm Vô Kiệt Bồ Tát để thân cận cúng dường. Vì con đã phát tâm lớn muốn được Phật pháp. Con tinh tiến như vậy cha mẹ đâu được chẳng tùy hỉ.

Được cha mẹ cho phép, trưởng giả nữ rất vui mừng, liền trang nghiêm xe bảy báu năm trăm cỗ. Đích thân nàng cùng năm trăm thị nữ sắm sửa đồ cúng dường, đem các thứ hoa tươi và hoa bằng vàng, bằng bạc, những Nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý phục trân báu, chuỗi ngọc, hương tốt, đồ ăn uống thơm ngon, rồi cùng Tát Đà Ba Luân và năm trăm thị nữ, mỗi người ngồi một xe, cung kính trang trọng đi lần về phương đông, thấy thành Chúng Hương bày báu trang nghiêm, bảy lớp vây quang, hào bằng bảy báu và hàng cây bảy báu cũng đều bảy lớp. Thành ấy rộng mười hai do tuần, giàu thạnh an tĩnh rất là vui sướng. Trong thành nhơn dân đông đúc, có năm trăm thị xã, đường xá tương được đẹp đẽ như tranh vẽ. Cầu kỳ bằng phẳng, rộng rãi, sạch sẽ. Đến khi vào trong thành, thấy Đàm Vô Kiệt Bồ Tát ngồi trên pháp tòa giữa đài cao đang thuyết pháp cho vô lượng trăm ngàn muôn ức thính chúng cung kính vây quanh.

Lúc thấy Đàm Vô Kiệt Bồ Tát, Tát Đà Ba Luân lòng liền vui mừng như Tỳ Kheo nhập đệ tam thiền nhiếp tâm an tĩnh, tự nghĩ rằng theo nghĩ thì chúng ta chẳng nên ngồi xe đến Đàm Vô Kiệt Bồ Tát. Suy nghĩ xong liền xuống xe đi bộ.

Trưởng giả nữ cùng năm trăm thị nữ cũng xuống xe đi bộ.

Bấy giờ Tát Đà Ba Luân cùng trưởng giả nữ và năm trăm thị nữ châu báu trang nghiêm, cung kính vây quang, đồng đến chỗ Đàm Vô Kiệt Bồ Tát.

Đàm Vô Kiệt Bồ Tát có đài bảy báu trang nghiêm với ngưu đầu chiên đàn(6) đỏ, màn lưới chơn châu che trùm phía trên, bốn gốc đều treo bửu châu ma ni để làm đèn sáng và có bốn lò hương báu thường đốt hương thơm để cúng dường Bát nhã ba la mật.

Trong đài có giường lớn bảy báu, giường nhỏ bốn báu đặt trên giường lớn.

Bát nhã ba la mật được biên vào là vàng hoàng kim và an trí trên giường nhỏ.

Các thứ phan lọng trang nghiêm treo che phía trên.

Tát Đà Ba Luân Bồ Tát cùng chúng nữ nhơn thấy đài báu thờ Bát nhã ba la mật ấy có các châu báu trang nghiêm. Lại thấy Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn cùng vô lượng trăm ngàn vạn chư Thiên dùng hoa trời mạn đà la, chiên đàn nghiền bột, mạt các thứ báu rải trên đài. Trên hư không trỗi nhạc trời để cúng dường đài báu ấy.

Tát Đà Ba Luân hỏi Thiên Đế Thích:

Ngài Kiều Thi Ca! Có duyên cớ gì mà Ngài cùng vô lượng trăm ngàn vạn chư Thiên đem hoa hương trời và kỹ nhạc trời cúng dường đài ấy như vậy?

Thiên Đế Thích đáp:

Người chẳng biết ư Đây là Ma ha bát nhã ba la mật, là mẹ của chư Đại Bồ Tát, hay sanh chư Phật và nhiếp trì Bồ Tát.

Bồ Tát học Bát nhã ba la mật ấy thành tựu tất cả công đức, được các Phật pháp và nhứt thiết chủng trí.

Tát Đà Ba Luân liền vui mừng hỏi Thiên Đế Thích:

Ngài Kiều Thi Ca! Bát nhã ba la mật ấy là mẹ chư Đại Bồ Tát, hay sanh chư Phật và nhiếp trì Bồ Tát. Bồ Tát học Bát nhã ba la mật ấy thành tựu tất cả công đức, được các Phật pháp và nhứt thiết chủng trí nay ở tại chỗ nào?

Thiên Đế Thích đáp:

Trong đài cao ấy có giường lớn bảy báu, trên giường lớn đặt giường nhỏ bốn báu, Bát nhã ba la mật được biên trên lá vàng hoàng kim an trí trên giường nhỏ ấy. Đàm Vô Kiệt Bồ Tát dùng ấn bảy báu ấn lên. Chúng ta không thể mở được để cho người xem.

Lúc ấy Tát Đà Ba Luân Bồ Tát cùng trưởng giả nữ và năm trăm thị nữ đem đồ cúng dường như hoa hương, chuỗi ngọc, phan lộng chia làm hai phần: một phần cúng dường Bát nhã ba la mật, một phần cúng dường Đàm Vô Kiệt Bồ Tát đang ngồi trên pháp tọa.

Sau khi cúng dường phần Bát nhã ba la mật xong, Tát Đà Ba Luân Bồ Tát cùng các nữ nhơn đem phần cúng dường thứ hai đến chỗ Đàm Vô Kiệt Bồ Tát. Thấy Đàm Vô Kiệt Bồ Tát ngồi trên pháp tọa, liền vì pháp lấy đồ cúng dường dâng lên Đàm Vô Kiệt Bồ Tát. Những đồ cúng dường ấy hiện lên hư không, phía trên Đàm Vô Kiệt Bồ Tát, hóa thành hoa đài, bửu trướng(8), bửu cái**(**9), bốn phía bửu các treo thòng những phan(10) báu.

Tát Đà Ba Luân và các nữ nhơn thấy Đàm Vô Kiệt Bồ Tát biến hóa như vậy lòng rất vui mừng nghĩ rằng: Thật chưa từng có. Công đức thần thông của Đàm Vô Kiệt Bồ Tát là như vậy. Lúc hành Bồ Tát đạo mà sức thần thông còn được từng ấy huống là lúc được Vô Thượng Bồ Đề.

Trưởng giả nữ và năm trăm thị nữ lòng tin thanh tịnh kính trọng Đàm Vô Kiệt Bồ Tát, đều phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, đồng nguyện rằng:

Như Đàm Vô Kiệt Bồ Tát được các thâm pháp Bồ Tát, như Đàm Vô Kiệt Bồ Tát cúng dường Bát nhã ba la mật, như Đàm Vô Kiệt Bồ Tát ở trong đại chúng hiển thị diễn thuyết nghĩa Bát nhã ba la mật, như Đàm Vô Kiệt Bồ Tát được sức phương tiện Bát nhã ba la mật, thành tựu thần thông, ở nơi công việc Bồ Tát được tự tại, chúng tôi cũng sẽ như vậy.

Tát Đà Ba Luân Bồ Tát và các nữ nhơn cúng dường Bát nhã ba la mật và Đàm Vô Kiệt Bồ Tát rồi, đồng đảnh lễ Đàm Vô Kiệt Bồ Tát. Sau đó cùng đứng qua một phía.

Đứng qua một phía xong, Tát Đà Ba Luân Bồ Tát bạch Đàm Vô Kiệt Bồ Tát rằng:

Ngày trước lúc tôi cầu Bát nhã ba la mật, ở trong rừng vắng vẻ nghe tiếng trên hư không dạy rằng: này thiện nam tử! Từ đây người đi qua phương Đông sẽ được nghe Bát nhã ba la mật. Tôi theo lời đi qua phương Đông. Chẳng bao lâu tôi nghĩ rằng sao tôi chẳng hỏi nơi tiếng hư không: Tôi phải đi đến xứ nào, xa gần, nghe pháp nơi ai? Tôi quá buồn khổ khóc lóc, ở lại đó bảy ngày đêm, vì quá buồn khổ nên tôi không màng ăn uống, chỉ nghĩ rằng lúc nào tôi được nghe Bát nhã ba la mật? Đương lúc tôi buồn rầu nhứt tâm niệm Bát nhã ba la mật như vậy, tôi thấy đức Phật hiện thân trên hư không bảo tôi rằng: Nhà ngươi chớ buông bỏ tâm đại nguyện, đại tinh tiến. Dùng tâm đại nguyện, đại tinh tiến ấy, nhà ngươi đi qua phương Đông cách đây năm trăm do tuần có tòa thành tên Chúng Hương, trong thành ấy có Đại Bồ Tát tên Đàm Vô Kiệt Bồ Tát. Nhà người sẽ được nghe Bát nhã ba la mật nơi Đàm Vô Kiệt Bồ Tát. Bồ Tát ấy là thiện tri thức nhiều đời của nhà ngươi, thường thủ hộ nhà ngươi.

Đức Phật chỉ bảo xong, tôi đi qua phương Đông, trong lòng chẳng nghĩ gì khác, chỉ tâm niệm bao giờ tôi được thấy Đàm Vô Kiệt Bồ Tát vì tôi mà nói Bát nhã ba la mật?

Lúc ấy tôi dừng lại giữa đường, nơi tất cả pháp, tôi được tri kiến vô ngại, được các tam muội quán chư Pháp tánh v.v… hiện ra trước. Tôi an trụ trong các tam muội ấy, thấy mười phương vô lượng vô số chư Phật giảng thuyết Bát nhã ba la mật. Chư Phật giảng thuyết Bát nhã ba la mật. Chư Phật khen tôi rằng: Lành thay, lành thay! Này thiện nam tử! Thuở trước, lúc cầu Bát nhã ba la mật, ta được các tam muội cũng như nhà ngươi hôm nay vậy. Được các tam muội ấy rồi thì được khắp các Phật pháp.

Chư Phật vì tôi thuyết pháp và an ủi tôi xong, bỗng nhiên chẳng hiện.

Tôi từ tam muội dậy, suy nghĩ rằng: Chư Phật từ đâu đến và đi đến đâu?

Vì không còn thấy chư Phật nên tôi rất buồn rầu.

Tôi lại suy nghĩ rằng Đàm Vô Kiệt Bồ Tát trước đã cúng dường chư Phật gieo các căn lành, từ lâu hành Bát nhã ba la mật và sức phương tiện, ở trong Bồ Tát đạo đã được tự tại, là thiện tri thức của tôi, thủ hộ tôi.

Tôi sẽ hỏi Đàm Vô Kiệt Bồ Tát sự việc ấy: Chư Phật từ đâu đến và đi đến đâu.

Nay tôi hỏi đại sư: Chư Phật ấy từ đâu đến và đi đến đâu?

Đại sư vì tôi nói chỗ chư Phật từ đâu đến và đi cho tôi được biết.

Tôi biết rồi cũng thường chẳng rời thấy chư Phật".

Thích nghĩa:

(1). Bồ tát Đàm Ba Luân còn gọi là Bồ tát Thường Khóc hay Bồ tát Thường Đề.

(2). Thành Chúng Hương, Kinh ĐBN gọi là thành Diệu Hương.

(3). Linh: Chuông

(4). Bồ tát Đàm Vô Kiệt, Kinh ĐBN gọi là Đại Bồ tát Pháp Dũng. Một vài bản dịch khác lại gọi là Pháp Thượng.

(5). Chiên đàn: Âm dịch là Chiên Đàn Na, Chơn Đàn: là tên của một loại cây có hương thơm ở các vùng nhiệt đới như Ấn Độ, v.v. Cây rất to lớn, gỗ của nó có mùi hương ngào ngạt. Người ta thường dùng nó để tạc tượng Phật hay Bồ Tát, còn rễ của nó thì nghiền thành bột làm nhan.

(6). Bỗng nhiên chẳng hiện: Cụm từ này khó hiểu vì khó diễn đạt, cả hai Kinh ĐBN và MHBNBLM đều thuật lại là Bồ tát Thường Đề khi ở Tam ma địa thấy chư Phật chỉ bảo, nhắn nhủ, xong từ Tam ma địa xuất thì không còn thấy chư Phật nữa, nên kinh nói là "bỗng nhiên không hiện". Nếu trong trạng thái " thức", dùng mắt thường để nhìn thì ai cũng thấy cũng biết: có ẩn, có hiện. Nhưng trong trạng thái tập trung tinh thần tức "vào định, hay đang ở Tam ma địa", không thể dùng giác quan, nên chẳng thấy chẳng biết. Kinh thuật rằng " Bồ tát Thường Đề từ Tam ma địa xuất, chẳng thấy chư Phật, ôm lòng buồn than, liền nghĩ : " Khi ở Tam ma địa được thấy chư Phật mười phương trước từ đâu đến, giờ lại đi đâu, ai là người có thể dứt nghi này"? Như vậy, bỗng nhiên chẳng hiện có nghĩa là khi xuất định chẳng thấy gì cả.

Trong luận bốn của quyển Thiền luận II của thiền sư D.T. Suzuki do Trúc Thiên dịch nói về "Tính kham nhẫn trong đời sống đạo Phật", có nói về Thường Đề Bồ tát, nội dung như sau: "Khi Thường Đề vừa nghe tiếng nói ấy liền thâm nhập Tam muội, nhờ đó thấu suốt rõ ràng các điều kiện tâm linh của hết thảy Chư Phật. Rồi khi ra khỏi Tam muội, tất cả Chư Phật hiện tiền ***bỗng nhiên biến mất****. Tức thì sinh lòng phiền muộn, lại hỏi nữa: "Chư Phật này từ đâu đến? Các ngài đã đi đâu?" Thường Đề buồn bã nhưng cùng lúc càng quyết định gặp cho kỳ được Pháp Thượng Bồ tát.*

Ở đây thay vì dịch là "Bỗng nhiên chẳng hiện" thì dịch là "bỗng nhiên biến mất". Mong rằng những so chiếu và giải thích tuy dài dòng nhưng có thể giúp đọc giải quyết một dài thắc mắc trong cách dùng từ "chẳng hiện hay biến mất".

(7). Ngưu đầu chiên đàn: Phạn ngữ là Goyṛṣaka-candana, là một loại chiên đàn cực quý, chỉ có ở núi Ngưu Đầu, nên gọi là chiên đàn Ngưu Đầu. Ngọn núi này cao vút, đỉnh có hình giống đầu trâu nên gọi là núi Ngưu Đầu. Theo Trí độ luận quyển 18 thì ngoài ngọn núi này ra không còn nơi nào khác có thể tìm được loại gỗ thơm này.(nhóm "Mở Rộng Tâm Hồn")

---o0o---

PHẨM ĐÀM VÔ KIỆT
THỨ TÁM MƯƠI CHÍN

(Tương đương với phẩm "Bồ tát Pháp Dũng", thuộc phần đầu Q.400, ĐBN)

Lúc ấy Đàm Vô Kiệt Bồ Tát bảo Tát Đà Ba Luân Bồ Tát:

Này thiện nam tử! Chư Phật không từ đâu đến, đi cũng không đến đâu.

Tại sao vậy?

Chư pháp như, tướng chẳng động.

Chư pháp như túc là chư Phật.

Pháp vô sanh không đến, không đi. Pháp vô sanh tức là chư Phật.

Pháp vô diệt không đến, không đi. Pháp vô diệt tức là chư Phật.

Pháp thiệt tế không đến, không đi. Pháp thiệt tế là chư Phật.

Pháp không không đến, không đi. Pháp không là chư Phật.

Pháp vô nhiễm không đến, không đi. Pháp vô nhiễm là chư Phật.

Pháp tịch diệt không đến, không đi. Pháp tịch diệt là chư Phật.

Tánh hư không không đến, không đi. Tánh hư không là chư Phật.

Này thiện nam tử! Rời các pháp ấy không còn có Phật.

Chư Phật như, các pháp như, một như không sai khác.

Này thiện nam tử! Như ấy thường một, không có hai, không có ba, ra ngoài các pháp số, vì là vô sở hữu.

Ví như tháng cuối xuân, giữa ngày lúc nắng nóng, có người thấy ánh nắng dợn động bèn đuổi theo mong tìm được nước. Ý ông nghỉ sao? Nước ấy từ ao nào, núi nào, suối nào chảy đến, nay đi về đâu, hoặc là chảy về biển Đông, biển Tây, biển Nam, biển Bắc ư.

Tát Đà Ba Luân thưa:

Thưa Đại sư! Trong ánh nắng còn không có nước, làm sao có được chỗ nước đến, nước đi!

Này thiện nam tử! Kẻ ngu vô trí bị sự khát bức ngặt, thấy nắng dợn bèn tưởng là nước.

Này thiện nam tử! nếu có người phân biệt chư Phật có đi, phải biết các người ấy đều là ngu phu.

Tại sao vậy?

Này thiện nam tử! Chư Phật, chẳng thể lấy sắc thân thấy được. Chư Phật, pháp thân không đến, không đi, cũng không chỗ đến, chỗ đi.

Này thiện nam tử! Thí như **nhà ảo thuật**, thuật ra các thứ như voi, ngựa, bò, dê, nam, nữ. Ý ông nghĩ sao? Ảo sự ấy từ chỗ nào đến, đi đến đâu?

Thưa Đại sư! Ảo sự không thật làm sao có chỗ đến, chỗ đi.

Này thiện nam tử! Người mà phân biệt đức Phật có đến, có đi cũng như vậy.

Này thiện nam tử! Ví như **chiêm bao** thấy voi, ngựa, bò, dê, nam, nữ. ý ông nghĩ sao? Cảnh vật được thấy trong chiêm bao có chỗ đến chỗ đi chăng?

Thưa Đại sư! Cảnh vật được thấy trong chiêm bao đều là hư vọng, làm sao lại có đến, có đi.

Này thiện nam tử! Nếu người mà phân biệt đức Phật có đến, có đi cũng như vậy.

Này thiện nam tử! Đức Phật nói các pháp như chiêm bao. Nếu có chúng sanh nào chẳng biết pháp nghĩa ấy, cho danh tự sắc thân là Phật, người ấy phân biệt chư Phật có đến, có đi.

Vì chẳng biết tướng thật tế của các pháp, nên đều là hạng ngu phu vô trí.

Các người ấy mãi mãi qua lại năm đường, xa rời Bát nhã ba la mật, xa rời các Phật pháp.

Này thiện nam tử! Đức Phật nói các pháp như ảo, như mộng. Nếu có chúng sanh nào biết đúng thật, thì người ấy chẳng phân biệt các pháp, hoặc đến, hoặc đi, hoặc sanh, hoặc diệt.

Nếu chẳng phân biệt các pháp hoặc đến, hoặc đi, hoặc sanh, hoặc diệt thì có thể biết được thật tướng của các pháp mà đức Phật đã nói. Người ấy hành Bát nhã ba la mật gần Vô Thượng Bồ Đề, gọi là chơn Phật đệ tử, chẳng hư vọng ăn của tín thí. Người ấy đáng nhận cúng dường. Là phước điền thế gian.

Này thiện nam tử! Ví như ở đại hải, những châu báu trong nước chẳng từ phương Đông lại, chẳng từ phương Nam lại, chẳng từ phương Tây lại, chẳng từ phương Bắc lại, cũng chẳng từ bốn phương cạnh và trên dưới lại. Vì do nơi căn lành của chúng sanh mà biển sanh châu báu ấy. Châu báu ấy cũng chẳng phải không nhơn duyên mà sanh. Châu báu ấy đều từ nhơn duyên hòa hiệp mà sanh. Châu báu ấy nếu diệt mất, nó cũng chẳng đi đến mười phương. Các duyên hòa hiệp thì có. Các duyên rời thì diệt.

Này thiện nam tử Thân chư Phật cũng vậy, từ bổn nghiệp nhơn duyên quả báo mà sanh. Lúc sanh chẳng từ mười phương đến, lúc diệt cũng chẳng đi đến mười phương. Chỉ các duyên hiệp thì có, các duyên rời thì diệt.

Này thiện nam tử! Ví như đờn không hầu, lúc tiếng phát ra không chỗ đến, lúc tiếng diệt không chỗ đi. Vì các duyên hòa hiệp nên có tiếng.

Có thùng, có cổ, có da, có dây, có trụ, có cần, có người lấy tay khảy, các duyên ấy hòa hiệp mà có âm thanh. Âm thanh ấy cũng chẳng từ riêng thùng nhẫn đến chẳng riêng từ tay người khải phát ra. Các duyên hòa hiệp bèn có âm thanh. Lúc các duyên ấy rời tan, âm thanh cũng không có chỗ đi.

Này thiện nam tử Thân chư Phật cũng như vậy, từ vô lượng công đức nhơn duyên sanh, chẳng từ một nhơn, một duyên, một công đức sanh, cũng chẳng không nhơn duyên mà có. Vì các duyên hòa hiệp nên có. Thân chư Phật chẳng riêng từ một sự mà thành. Đến không từ đâu, đi không đến đâu.

Này thiện nam tử Phải biết chư Phật, tướng đến, tướng đi như vậy.

Này thiện nam tử cũng phải biết tất cả pháp không có tướng đến, đi.

Nếu ông biết chư Phật và các pháp không có tướng đến, đi, sanh, diệt thì tất là được Vô Thượng Bồ Đề, cũng hay hành Bát nhã ba la mật và phương tiện lực.

Lúc ấy Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn đem hoa trời mạn đà la(1) trao cho Tát Đà Ba Luân Bồ Tát mà nói rằng:

- Người lấy hoa này cúng dường Đàm Vô Kiệt Bồ Tát. Tôi phải thủ hộ cúng dường Ngài.

Tại sao vậy?

Vì do nơi ngài mà hôm nay đem sự lợi ích đến cho trăm ngàn muôn ức chúng sanh, khiến họ được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Ngài! Đàm Vô Kiệt Bồ Tát ấy rất khó gặp được. Vì lợi ích cho tất cả chúng sanh mà Đại Bồ Tát chịu những sự nhọc nhằn khổ sở trong vô lượng vô số kiếp.

Tát Đà Ba Luân Bồ Tát nhận lấy hoa mạn đà la rải trên Đàm Vô Kiệt Bồ Tát mà bạch rằng:

- Thưa Đại sư! Từ ngày hôm nay, thân tôi thuộc về Đại sư dùng cung cấp cúng dường.

Lúc ấy trưởng giả và năm trăm thị nữ thưa với Tát Đà Ba Luân Bồ Tát rằng:

- Từ hôm nay chúng tôi cũng đem thân thuộc về Ngài. Do căn lành nhơn duyên này, chúng tôi sẽ được pháp như vậy, cũng như Ngài đã được. Chúng tôi cùng Ngài đời đời cúng dường chư Phật, đời đời thường cúng dường ngài.

Tát Đà Ba Luân Bồ Tát bảo chúng nữ nhơn:

- Các người lấy tâm chí thành thuộc về tôi, tôi sẽ nhận các người.

Chúng nữ thưa:

- Chúng tôi tâm chí thành thuộc về Ngài, tùy theo chỗ Ngài dạy bảo.

Tát Đà Ba Luân Bồ Tát và chúng nữ đem những đồ bửu vật trang nghiêm cùng năm trăm cỗ xe bảy báu dâng lên Đàm Vô Kiệt Bồ Tát mà bạch rằng:

- Tôi đem năm trăm nữ nhơn này phụng cấp đại sư. Năm trăm cỗ xe này tùy đại sư dùng.

Thiên Đế Thích liền khen rằng:

- Lành thay, lành thay! Này Ngài Đại Bồ Tát thí xả tất cả sở hữu phải như vậy. Bố thí như vậy sẽ chóng được Vô Thượng Bồ Đề.

Cúng dường người thuyết pháp như vậy ắt có thể được nghe Bát nhã ba la mật và phương tiện lực.

Chư Phật quá khứ, thuở trước lúc hành Bồ Tát đạo cũng an trụ trong sự bố thí như vậy mà được nghe Bát nhã ba la mật và phương tiện lực rồi được Vô Thượng Bồ Đề.

Lúc ấy Đàm Vô Kiệt Bồ Tát muốn cho Tát Đà Ba Luân Bồ Tát được căn lành đầy đủ nên thọ lấy năm trăm cỗ xe, năm trăm thị nữ và trưởng giả nữ, thọ lấy xong bèn đem cho lại Tát Đà Ba Luân Bồ Tát.

Đàm Vô Kiệt Bồ Tát thuyết pháp đến mặt trời lặn, Ngài rời khỏi pháp tọa vào cung.

Tát Đà Ba Luân Bồ Tát nghĩ rằng: Tôi vì pháp mà đến đây, vậy tôi chẳng nên ngồi và nằm. Tôi phải dùng hai oai nghi: hoặc đi, hoặc đứng để chờ pháp sư từ nội cung ra thuyết pháp.

Lúc ấy Đàm Vô Kiệt Bồ Tát trọn bảy năm nhứt tâm nhập trong Vô lượng A tăng kỳ Bồ Tát tam muội và hành Bát nhã ba la mật cùng phương tiện lực.

Tát Đà Ba Luân Bồ Tát cũng trọn bảy năm đi tu kinh hành hoặc đứng, chẳng ngồi, chẳng nằm, không có ngủ nghỉ, không tham dục giận phiền, lòng chẳng chấp luyến, chỉ niệm Đàm Vô Kiệt Bồ Tát bao giờ xuất định ra thuyết pháp.

Qua bảy năm, Tát Đà Ba Luân Bồ Tát nghĩ rằng tôi phải vì Đàm Vô Kiệt Bồ Tát mà trần thiết pháp tọa để Ngài sẽ ngồi trên đó thuyết pháp. Tôi phải rưới quét sạch sẽ, rải các thứ hoa, trang nghiêm chỗ thuyết pháp, vì Đàm Vô Kiệt Bồ Tát sẽ thuyết Bát nhã ba la mật và phương tiện lực.

Lúc ấy Tát Đà Ba Luân Bồ Tát cùng trưởng giả nữ và năm trăm thị nữ đặt giường bảy báu. Năm trăm nữ nhơn đều cởi thượng Nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý của mình trải trên pháp tọa, tâm niệm Đàm Vô Kiệt Bồ Tát sẽ ngồi trên pháp tọa này thuyết Bát nhã ba la mật và phương tiện lực.

Sắp đặt pháp tọa xong, tìm nước rưới đất mà tìm không được. Tại sao? Vì ác ma che ngăn làm cho nước chẳng hiện.

Ma nghĩ rằng Tát Đà Ba Luân Bồ Tát tìm nước chẳng được, ở nơi Vô Thượng Bồ Đề nếu móng khởi chừng một niệm kém khác thì trí huệ chẳng chiếu, căn lành chẳng thêm, sẽ chậm trễ nơi nhứt thiết trí.

Lúc ấy Tát Đà Ba Luân Bồ Tát nghĩ rằng tôi phải tự đâm thân mình lấy máu rưới đất để bụi không bay lấm dơ Đại sư. Tôi còn cần thân thể này, nó sẽ hư hại. Từ vô thỉ đến nay, tôi luôn luôn mất thân mạng chưa từng được có pháp.

Tát Đà Ba Luân Bồ Tát liền cầm dao bén tự đâm vào thân, lấy máu rưới đất.

Tát Đà Ba Luân Bồ Tát với trưởng giả nữ và năm trăm thị nữ đều không có tâm thiện khác, ma cũng không có dịp hại được.

Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn nghĩ rằng: Thiệt chưa từng có, Tát Đà Ba Luân Bồ Tát mến yêu chánh pháp đến đỗi như vậy. Tự đâm thân mình lấy máu rưới đất. Bồ Tát ấy cùng chúng nữ nhơn tâm chẳng động chuyển. Ác ma Ba Tuần chẳng phá hư được căn lành của họ. Tâm họ kiên cố, phát đại trang nghiêm, chẳng tiếc thân mạng. Dùng thân tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề. Sẽ độ tất cả chúng sanh khỏi vô lượng sanh tử.

Thiên Đế Thích khen ngợi Tát Đà Ba Luân Bồ Tát:

- Thiện nam tử! Ngài có sức tinh tiến kiến cố khó lay động, chẳng nghĩ bàn được. Ngài yêu mến chánh pháp, cầu được chánh pháp rất là vô thượng.

Thiện nam tử! Chư Phật thuở quá khứ cũng như vậy. Dùng thân tâm yêu pháp, tiếc pháp, trọng pháp, tập họp các công đức, được Vô Thượng Bồ Đề.

Tát Đà Ba Luân Bồ Tát nghĩ rằng tôi đã vì Đàm Vô Kiệt Bồ Tát trần thiết pháp tọa, quét rưới đất sạch sẽ rồi, tôi phải tìm ở đâu để được hoa đẹp thơm để trang nghiêm đất chỗ thuyết pháp này. Và lúc Bồ Tát ngồi trên pháp tọa thuyết pháp còn phải rải hoa cúng dường.

Biết tâm niệm Tát Đà Ba Luân Bồ Tát, Thiên Đế Thích liền đem ba ngàn thạch hoa trời mạn đà la trao cho Tát Đà Ba Luân Bồ Tát.

Được hoa rồi, Tát Đà Ba Luân Bồ Tát dùng phân nửa số hoa rải đất, còn phân nửa số hoa chờ Đàm Vô Kiệt Bồ Tát ra ngồi thuyết pháp sẽ cúng dường.

Lúc ấy Đàm Vô Kiệt Bồ Tát nhập tam muội quá bảy năm rồi, từ tam muội dậy, vì thuyết Bát nhã ba la mật nên cùng vô lượng trăm ngàn vạn chúng cung kính vây quanh đến ngồi trên pháp tọa.

Lúc thấy Đàm Vô Kiệt Bồ Tát, Tát Đà Ba Luân Bồ Tát lòng rất vui mừng như Tỳ Kheo nhập đệ tam thiền, bèn cùng trưởng giả nữ và năm trăm thị nữ đến chỗ Đàm Vô Kiệt Bồ Tát rải hoa cúng dường, đầu mặt đảnh lễ rồi ngồi qua một phía.

Đàm Vô Kiệt Bồ Tát thấy đại chúng ngồi xong, bèn bảo Tát Đà Ba Luân Bồ Tát rằng:

- Này thiện nam tử! Lắng nghe và lãnh thọ kỹ. Nay tôi sẽ vì ông mà thuyết tướng Bát nhã ba la mật.

Này thiện nam tử! Vì các pháp bình đẳng nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng bình đẳng. Vì các pháp rời lìa nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng rời lìa. Vì các pháp bất động nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng bất động. Vì các pháp vô niệm nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng vô niệm. Vì các pháp vô úy nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng vô úy. Vì các pháp nhứt vị nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng nhứt vị. Vì các pháp vô biên nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng vô biên. Vì các pháp vô sanh nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng vô sanh. Vì các pháp vô diệt nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng vô diệt. Vì hư không vô biên nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng vô biên. Vì nước đại hải vô biên nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng vô biên. Vì núi Tu Di trang nghiêm nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng trang nghiêm. Vì hư không vô phân biệt nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng vô phân biệt. Vì sắc vô biên nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng vô biên. Vì thọ, tưởng, hành, thức vô biên nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng vô biên. Vì địa chủng vô biên nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng vô biên. Vì thủy chủng, hỏa chủng, phong chủng vô biên nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng vô biên. Vì không chủng vô biên nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng vô biên. Vì như kim cang bình đẳng nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng bình đẳng. Vì các pháp vô phân biệt nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng vô phân biệt. Vì các tánh bất khả đắc nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng bất khả đắc. Vì các pháp vô sở hữu bình đẳng nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng sở hữu bình đẳng. Vì các

pháp vô tác nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng vô tác. Vì các pháp bất khả tư nghì nên phải biết Bát nhã ba la mật cũng bất khả tư nghì.

Liền lúc ấy, Tát Đà Ba Luân Bồ Tát tại chỗ ngồi được các tam muội. Những là chư pháp đẳng tam muội, chư pháp ly tam muội, chư pháp vô úy tam muội, chư pháp nhứt vị tam muội, chư pháp vô sanh tam muội, pháp vô diệt tam muội, hư không vô biên tam muội, đại hải thủy vô biên tam muội, tu di sơn trang nghiêm tam muội, hư không vô phân biệt tam muội, sắc vô biên tam muội, thọ, tưởng, hành, thức vô biên tam muội, địa chủng vô biên tam muội, thủy, hỏa, phong, không chủng vô biên tam muội, như kim cang đẳng tam muội, chư pháp vô phân biệt tam muội, chư pháp bất khả tư nghì tam muội. Được sáu trăm vạn môn tam muội như vậy".

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đế: "Như ta hôm nay ở trong tam thiên Đại thiên thế giới cùng chư tăng Tỳ kheo vây quanh, lấy tướng ấy, lấy tướng mạo ấy, lấy danh tự ấy thuyết Bát nhã ba la mật.

Tát Đà Ba Luân Bồ Tát được sáu trăm muôn tam muội ấy, thấy mười phương hằng sa chư Phật ở trong Đại Thiên thế giới cùng chư Tăng Tỳ Kheo cung kính vây quanh, lấy tướng như vậy, lấy tướng mạo như vậy, lấy danh tự ấy thuyết đại Bát nhã ba la mật ấy cũng như vậy.

Từ thuở ấy về sau, Tát Đà Ba Luân Bồ Tát đa văn trí huệ chẳng nghĩ bàn được, như nước đại hải thường chẳng rời chư Phật, sanh nơi nước có Phật, nhẫn đến trong giấc mơ cũng chẳng có lúc nào chưa từng thấy Phật, tất cả các nạn thảy đều đã dứt, tại cõi nước Phật tùy theo nguyện sanh về.

Này Tu Bồ Đề! phải biết nhơn duyên Bát nhã ba la mật ấy có thể thành tựu tất cả công đức Đại Bồ Tát, được nhứt thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Vì thế nên chư Đại Bồ Tát nếu muốn học sáu ba la mật, muốn thâm nhập chư Phật trí huệ, muốn được nhứt thiết chủng trí thì phải thọ trì Bát nhã ba la mật ấy, đọc tụng, chánh ức niệm, rộng vì người mà giảng thuyết, cũng biên chép quyển kinh, tôn trọng tán thán, cúng dường hương hoa nhẫn đến kỷ nhạc.

Tại sao vậy?

Vì Bát nhã ba la mật là mẹ của mười phương chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Mười phương chư Phật đều tôn trọng Bát nhã ba la mật vậy".

Thích nghĩa:

(1). Hoa trời mạn đà la còn gọi là mạn đà la hoa: Mội loại hoa mọc ở Ấn độ, rất rậm rạp và xanh tốt, hoa nở vào tháng 5 và khoảng tháng 6, 7 thì kết trái. Đây là loại thực vật thuộc giống Mã lợi cân, hoa dùng để dâng cúng thần Thấp bà. [X. phẩm Tựa kinh Pháp hoa Q.1; kinh A di đà; Pháp hoa nghĩa sớ Q.2 (Cát tạng); Tuệ uyển âm nghĩa Q.thượng]. (Phật quang từ điển)

---o0o---

PHẨM CHÚC LỤY
THỨ CHÍN MƯƠI

Bấy giờ đức Phật bảo Ngài A Nan: “Này A Nan! Ý ông nghĩ sao? Đức Phật có phải là đại sư của ông chăng? Còn ông có phải là đệ tử của đức Phật chăng?”

Ngài A Nan thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Đức Phật là đại sư của tôi. Đấng Thiện Thệ là đại sư của tôi. Tôi là đệ tử của đức Phật”.

- Đúng như vậy. Đức Phật là đại sư của ông. Ông là đệ tử của đức Phật.

Nếu như chỗ phải làm của hàng đệ tử thì ông đã làm rồi.

Này A Nan! Ông dùng nghiệp thân, khẩu, ý nhơn từ cúng dường, hầu hạ đức Phật, cũng thường đúng theo ý của đức Phật, không có trái lỗi.

Này A Nan! Thân ta hiện tại đây, ông ái kính, cúng dường, cung cấp, hầu hạ, tâm ông thường thanh tịnh.

Sau khi ta diệt độ, tất cả sự ái kính, cúng dường, cung cấp ấy ông phải dành cho Bát nhã ba la mật.

Nhẫn đến lần thứ hai, lần thứ ba, đức Phật đem Bát nhã ba la mật chúc lụy cho ông.

Này A Nan! Ông chớ có quên, chớ để mất, chớ làm người đoạn Phật chủng tối hậu.

Này A Nan! Tùy bao nhiêu thời gian mà Bát nhã ba la mật còn tại thế gian, phải biết là bao nhiêu thời gian có Phật ở đời thuyết pháp.

Này A Nan! Nếu có ai biên chép Bát nhã ba la mật, rồi thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, rộng giảng thuyết cho người, lấy các thứ hoa hương, phan lọng, bửu Nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý, đèn đuốc cung kính, tôn trọng, ca ngợi, cúng dường, phải biết người ấy chẳng rời thấy Phật, chẳng rời nghe pháp, được thường gần bên Phật”.

Đức Phật nói Bát nhã ba la mật rồi, Di Lặc Bồ Tát v.v… chư Thiên Đế Thích, Huệ Mạng Tu Bồ Đề, Huệ Mạng Xá Lợi phất, Đại Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp, Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử, Ma Ha Câu Si La, Ma Ha Ca Chiên Diên, A Nan v.v… cùng tất cả đại chúng và tất cả thế gian, chư Thiên, nhơn chúng, Càn thát bà, A tu la v.v..nghe lời đức Phật nói đều rất vui mừng.

HẾT.

(Đến đây chấm dứt Kinh MHBNBLMĐ)

---o0o---

(Tạng Thư Phật Học)

5. KINH "ĐẠO HÀNH BÁT NHÃ BA LA MẬT"

Đại Tạng kinh Việt Nam mang số 0224, gồm 10 quyển. Tam tạng Pháp sư Chi-lâu-ca-sấm người nước Nhục Chi, đời Hậu Hán dịch từ Phạn sang HÁN. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng ***Kinh, d****ịch Hán ra Việt:*

---o0o---

QUYỂN 1
Phẩm 1: ĐẠO HÀNH

Đức Phật ngự trong núi Kỳ-xà-quật gần thành La-duyệtkỳ cùng với các vị đại Tỳ-kheo đông không kể xiết. Các đệ tử như Tôn giả Xá-lợi-phất, Tu-bồ-đề… và vô số các vị Đại

Bồ-tát như Bồ-tát

Di-lặc, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi…

Bấy giờ nhằm ngày rằm thuyết giới, Đức Phật bảo Tubồ-đề:

–Hôm nay là ngày hội lớn của Bồ-tát, ông hãy thuyết pháp Bát nhã Ba la mật cho các Bồ-tát để họ tu học.

Xá-lợi-phất thầm nghĩ: "Hôm nay nếu Tôn giả Tu-bồ-đề thuyết pháp Bát nhã Ba la mật cho các Bồ-tát thì đó là do tự sức của Tôn giả hay là nhờ oai thần của Phật?"

Tu-bồ-đề biết ý nghĩ của Xá-lợi-phất, liền nói với Xá-lợi-phất:

–Đệ tử của Phật đâu dám tự ý thuyết pháp, pháp được tuyên thuyết đều nhờ vào oai thần của Phật. Vì sao? Vì pháp Phật nói, y vào đó tu học đều có chứng đắc. Rồi đều y theo pháp ấy lần lượt truyền dạy cho nhau để đều được chứng đắc. Trong Chánh pháp, không bao giờ có tranh cãi. Vì sao? Vì lúc nghe thuyết pháp không ai tự cảm thấy không thích thú. Thiện nam, thiện nữ nên theo đó mà tu học.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Phật bảo con thuyết pháp Bát nhã Ba la mật cho các Bồ-tát. Bồ-tát phải theo pháp này tu học để được thành tựu. Phật bảo con nói với Bồ-tát nhưng với Bồ-tát mà có danh tự tức là chấp trước vào Bồ-tát. Có danh tự tức chẳng phải là danh tự, thì làm sao trong pháp này có danh tự gọi là Bồ-tát, mà thật ra hoàn toàn không thấy có pháp gọi là Bồ-tát. Pháp Bồ-tát và danh tự Bồ-tát hoàn toàn không có, cũng không thấy có Bồ-tát, cũng không thấy có pháp của Bồ-tát thì làm sao có Bồ-tát để dạy Bát nhã Ba la mật! Bồ-tát nghe nói pháp Bát nhã Ba la mật này mà tâm không chán ngán, không kinh, không khiếp, không ghét, không sợ thì Bồ-tát phải nghĩ là học như thế, phải nghĩ là trụ như thế. Hễ người vào trong pháp này, thì tâm chẳng nên nghĩ mình là Bồ-tát. Vì sao? Vì có tâm tức là chẳng phải tâm.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Vì sao có tâm tức là chẳng phải tâm?

Tu-bồ-đề đáp:

–Vì tâm cũng chẳng có, cũng chẳng không, cũng chẳng thật có, cũng chẳng biết được chỗ trụ.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Vì sao tâm cũng chẳng có, cũng chẳng không, cũng chẳng thật có, cũng chẳng biết được chỗ trụ. Như vậy cũng chẳng có, cũng chẳng không, cũng chẳng có "có tâm", cũng chẳng không "không tâm"?

Tu-bồ-đề nói:

–Đúng thế, cũng chẳng có "có tâm", cũng chẳng không "không tâm".

Xá-lợi-phất khen:

–Hay thay, Tu-bồ-đề! Người học vì muốn thành Phật mà học Phật thì không thể không nghe nói đến bậc trụ trí tuệ thân không (Tu-bồ-đề), vì Tôn giả là người bậc nhất thuyết pháp về trí tuệ thân không. Bồ-tát từ trong pháp này được không thoái chuyển (A-duyviệt trí). Người nào học pháp Không này thì chẳng bao giờ còn đánh mất Bát nhã Ba la mật. Như vậy là do Bồ-tát đã trụ trong Bát nhã Ba la mật. Người muốn học pháp A-la-hán thì phải nghe Bát-nhã bala-mật, phải học tập, phải thọ trì. Người muốn học pháp Bích-chiphật thì phải nghe Bát-nhã bala-mật, phải học tập, phải thọ trì. Người muốn học pháp Bồ-tát thì phải nghe Bát nhã Ba la mật, phải học tập, phải thọ trì. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật thâm diệu nên Bồ-tát cần phải học.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Con nghĩ kỹ, vì tâm của Bồ-tát chẳng thật có, cũng chẳng thể biết chỗ trụ, cũng chẳng thể thấy nó ở đâu, cho nên Bát-nhã ba-lamật của Bồ-tát chẳng thể nói, danh tự Bồ-tát cũng chẳng thể nói. Bồ-tát không có chỗ trụ, hoàn toàn không thật có, cũng không ra, cũng không vào, cũng không trụ, cũng không dừng. Vì sao? Vì danh tự Bồ-tát hoàn toàn không thật có, không trụ, không dừng. Bồ-tát nghe nói Bát nhã Ba la mật đa như thế, tâm không chán ngán, không kinh, không khiếp, không ghét, không sợ. Vì bước vào quả vị không thoái chuyển nên biết không còn lui sụt.

Bồ-tát tu thực hành Bát nhã Ba la mật không trụ trong sắc, không trụ trong thống dương (thọ), tư tưởng, sinh tử (hành), thức. Vì sao? Vì trụ trong sắc là tu hành bằng vọng thức, trụ trong thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức là tu hành bằng vọng thức. Chẳng nên tu hành bằng vọng thức. Nếu trụ trong đó, nghĩa là chẳng tuân theo lời dạy của Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì tu hành bằng vọng thức, nên chẳng tu thực hành Bát-nhã ba-lamật. Bồ-tát chẳng tu thực hành Bát nhã Ba la mật thì chẳng đắc trí Nhất thiết trí.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát phải tu thực hành Bát nhã Ba la mật như thế nào để đắc Bát nhã Ba la mật?

Tu-bồ-đề đáp:

–Bồ-tát tu thực hành Bát nhã Ba la mật không chấp sắc, không chấp thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức. Chẳng chấp sắc tức là không sắc, chẳng chấp thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức tức là không có thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức. Cả Bát nhã Ba la mật cũng không chấp. Vì sao không chấp? Vì như bóng không thật có, không thật có nên không chấp. Bồ-tát tu thực hành

Bát-nhã ba-lamật, không chấp tất cả danh tự, vì thế Tam-muội không có hai bên, không có chính giữa. Các bậc A-la-hán, Bích-chi-phật không thể sánh bằng.

Lại nữa Xá-lợi-phất! Bồ-tát không chấp trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì Bồ-tát không nên mang ý tưởng thấy trí Nhất thiết trí, dù nghĩ muốn thấy cũng không bao giờ thấy được, thì cũng như đạo nhân khác chẳng tin trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì họ chấp có thân. Giả sử vị đạo nhân ấy tin Phật. Tin Phật rồi, phản lại tiểu đạo để vào trong Phật đạo. Hễ vào trong Phật đạo rồi thì người ấy chẳng còn chấp, nghĩa là chẳng chấp sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức. Chẳng chấp rồi nhưng cũng chưa hiểu, vẫn chưa thành tựu, cũng chẳng thấy trí này, nghĩa là chẳng thấy trí này ở nơi sắc bên trong, cũng chẳng thấy trí này ở nơi sắc bên ngoài, cũng chẳng thấy trí này ở chỗ khác, cũng chẳng thấy trí này ở nơi thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức bên trong, cũng chẳng thấy trí này ở nơi thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức bên ngoài, cũng chẳng thấy trí này ở chỗ khác, cũng chẳng nhờ pháp khác mà được giải thoát. Vì học được Phật pháp mới rõ biết là nhờ pháp này mà được giải thoát, rồi cho rằng: Pháp này đồng với Nê-hoàn. Bồ-tát chớ làm như thế, đừng thấy pháp từ bên trong, bên ngoài, rồi nói là đồng với Bát nhã Ba la mật. Tất cả đều không nhận theo thì ai là người đắc pháp, không nắm không buông, cũng không có ý tưởng về Nê-hoàn, vì thế Bồ-tát cũng không chấp cả Bát nhã Ba la mật, cũng không chấp sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức, cũng chẳng ở giữa chừng mà Bátnêhoàn thì ắt đầy đủ mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng của Phật. Bồ-tát đã tu thực hành Bát-nhã bala-mật thì phải thấy điều gì? Và Bát nhã Ba la mật này trụ ở đâu? Pháp Bát-nhã ba-lamật này hoàn toàn không thật có, hoàn toàn không thể biết chỗ trụ, thế nên Bồ-tát phải nghĩ rằng: "Bồ-tát nào nghe Bát nhã Ba la mật này mà không chán ngán, không kinh, không hãi, không ghét, không sợ thì biết Bồ-tát ấy không lìa Bát nhã Ba la mật. Bồ-tát cần phải biết rõ như vậy."

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát do đâu hiểu Bát nhã Ba la mật? Có phải là do sắc lìa ngay nơi sắc; thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức lìa ngay nơi thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức; Bát nhã Ba la mật lìa chính Bát nhã Ba la mật hay không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Đúng thế!

Xá-lợi-phất khen:

–Hay thay, Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát lìa các pháp ấy thì liền tự đạt đến trí Nhất thiết trí.

Tu-bồ-đề nói:

–Đúng thế! Bồ-tát lìa các pháp ấy liền tự đạt đến trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì trí Nhất thiết trí không từ đâu sinh, cũng không từ đâu ra. Bồ-tát như vậy mau gần thành Phật. Bồ-tát tu thực hành Bát nhã Ba la mật thì không ngăn cách với trí Nhất thiết trí.

Xá-lợi-phất nói:

–Vị Bồ-tát tinh tấn nói như vầy: Nếu như hành sắc tức là hành tưởng (chấp tướng), sinh sắc hành tức là hành tưởng, quán sắc hành tức là hành tưởng, diệt sắc hành tức là hành tưởng, không sắc hành tức là hành tưởng, thức hành lập ra vì muốn thủ đắc, ấy là hành tưởng, hành thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức tức là hành tưởng, sinh thức hành tức là hành tưởng, quán thức hành tức là hành tưởng, diệt thức hành tức là hành tưởng, không thức hành tức là hành tưởng.

Bồ-tát này vì hành tưởng và chấp lấy cái hành ấy nên chẳng thâu giữ được Bát nhã Ba la mật, nghĩa là chẳng thực hành Bát-nhã ba-lamật. Nếu Bồ-tát muốn thực hành Bát nhã Ba la mật thì đừng có hành tưởng (chấp tướng).

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát phải thực hành Bát nhã Ba la mật như thế nào? Tu-bồ-đề đáp:

–Chẳng hành sắc, chẳng sinh hành, chẳng quán sắc hành, chẳng diệt sắc hành, chẳng không sắc hành, chẳng hành thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức chẳng sinh thức hành, chẳng quán thức hành, chẳng diệt thức hành, chẳng không thức hành. Chẳng hành sắc, chẳng hành sắc tưởng, chẳng hành sắc sinh, chẳng hành sắc quán, chẳng hành thức diệt, chẳng hành thức không, cũng không chấp, cũng không hành, cũng không chấp hành, không chấp không hành, không cũng không hành, cũng không đình chỉ hành, như vậy là không chấp. Vì sao? Vì tất cả pháp không từ đâu đến cũng không bị mang đi đâu. Đại Bồ-tát không chấp danh tự đối với tất cả pháp danh tự, vì thế Tam-muội không có hai bên, không có chính giữa, các vị A-la-hán, Bích-chi-phật không thể biết đến. Đại Bồ-tát tu theo Tam-muội này chóng được thành Phật.

Tu-bồ-đề nương nhờ oai thần của Phật nói lời này:

–Bồ-tát đều được mang danh tự không thoái chuyển, được Đức Phật quá khứ thọ ký thành Phật, tu theo Tam-muội này, nhưng cũng chẳng chấp Tam-muội, cũng chẳng có ý tưởng về Tam-muội, cũng chẳng cho là Tam-muội, cũng chẳng nhớ về Tam-muội, cũng chẳng nghĩ là trụ Tam-muội, cũng chẳng nói là Tam-muội của tôi. Người đã tu theo pháp này thì không có nghi.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Làm thế nào để tu theo Tam-muội này? Bồ-tát đã được mang danh tự không thoái chuyển, được Đức Phật quá khứ thọ ký thành Phật có thể thấy được chỗ trụ của Tam-muội này không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Không thể thấy được. Này Xá-lợi-phất! Thiện nam tử cũng chẳng biết cũng chẳng hiểu.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Vì sao chẳng biết, chẳng hiểu?

Tu-bồ-đề đáp:

–Cũng không đắc Tam-muội, cũng không có Tam-muội, cũng không có danh tự Tam-muội.

Đức Phật dạy:

–Hay thay, này Tu-bồ-đề! Như ta đã nói ông là người khéo trụ nơi trí tuệ thân không. Ông nói như thế là vì các Bồ-tát, là vì thuận theo giáo pháp Bát nhã Ba la mật. Bồ-tát học như thế tức là học Bát nhã Ba la mật.

Xá-lợi-phất bạch Đức Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bồ-tát học như thế tức là học Bát nhã Ba la mật.

Xá-lợi-phất hỏi Đức Phật:

–Học như thế là học pháp nào?

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát học như thế là học pháp không có gì để học. Vì pháp vô sở đắc, đừng ngu si như trẻ con học.

Xá-lợi-phất thưa:

–Ai có thể đắc pháp này?

Đức Phật dạy:

–Không có đắc, do thế mà đắc pháp vô sở đắc. Đừng ngu si như trẻ con học, cho rằng có giả danh thì chẳng thể đắc mà muốn học tập pháp này thì đúng là mang hai lớp ngu si, cũng chẳng biết, cũng chẳng hiểu, cũng chẳng rõ pháp. Vì sao? Vì học danh tự cũng là sắc, vì muốn đắc pháp này thế nên không rõ pháp sở niệm, cũng chẳng chứng pháp này, vì không hiểu, không tin nên không trụ trong pháp này, rồi nói là có thân, vì thế ngu si như trẻ con học.

Xá-lợi-phất bạch Đức Phật:

–Bồ-tát học như thế là chẳng học pháp nào cả! Đức Phật dạy:

–Học như thế là chẳng học pháp nào cả! Phật chẳng học như thế mới chính là học, nên Phật được thành Phật. Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Nếu có người hỏi: Người huyễn hóa có tu học thì họ có thể chứng đắc Phật quả và thành Phật không? Hoặc hỏi phải lấy pháp nào để chỉ dạy họ?

Đức Phật dạy:

–Ta hỏi lại ông, tùy ý ông đáp. Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, huyễn cùng sắc có khác nhau không, huyễn cùng với thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức có khác nhau không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, vâng! Huyễn không khác sắc.

Sắc là huyễn, huyễn là sắc. Huyễn không khác thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức. Đức Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào, có phải là theo năm ấm khởi vọng tưởng không đúng pháp đặt ra giả danh Bồ-tát không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Đúng thế, bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bồ-tát tu học muốn thành Phật chỉ cần học huyễn mà thôi. Vì sao? Vì người huyễn phải tu học pháp huyễn, nghĩa là phải tu học năm ấm sắc thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức như huyễn, sáu suy (sáu căn) như huyễn, nói là chỉ có giả danh, gọi là năm ấm, sáu suy.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Có Bồ-tát mới học nào nghe lời dạy này mà không sợ hãi chăng?

Đức Phật dạy:

–Nếu Bồ-tát mới học mà gặp phải thầy ác và theo học với thầy ác thì có sợ hãi. Còn nếu Bồ-tát mới học gặp được thầy lành và theo học với thầy lành thì không sợ hãi.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Ai là thầy ác của Bồ-tát? Và làm sao biết được? Đức Phật dạy:

–Thầy ác là người không tôn trọng Bát nhã Ba la mật, bảo người lìa bỏ tâm Bồ-tát, trở lại dạy học các tạp kinh, ưa thích các tạp kinh, còn dạy học các kinh nói về đạo pháp A-lahán, Bích-chi-phật và khuyến khích đọc tụng. Hoặc nói việc ma, ma, nhân đó làm hư hỏng Bồ-tát. Hoặc đem những nỗi nhọc nhằn khổ sở trong sinh tử nói ra để chứng tỏ đạo Bồ-tát không thật có.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Ai là thầy lành của Bồ-tát? Làm sao biết được? Đức Phật dạy:

–Thầy lành là người tôn trọng Bát nhã Ba la mật, luôn luôn dạy người khiến cho việc học thành tựu và nói việc ma để Bồ-tát hiểu biết mà phòng hộ.

Tu-bồ-đề thưa hỏi Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Vì sao gọi là Bồ-tát? Thế nào là đúng nghĩa Bồ-tát?

Đức Phật dạy:

–Người nào học và hiểu biết các kinh pháp, biết rõ hết các kinh pháp, thì được gọi là Bồ-tát.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Người hiểu biết rành rẽ hết các kinh pháp nên được gọi là Bồ-tát. Vì sao còn gọi là Ma-ha-tát?

Đức Phật dạy:

–Ma-ha-tát nghĩa là bậc cao quý nhất trong hàng trời, người.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Con cũng thích nghe nói vì sao gọi là Ma-ha-tát?

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Nếu ông thích nghe, Phật sẽ vì ông nói. Ma-ha-tát nghĩa là người tự thấy rõ hết, tự biết rõ hết mọi điều ở khắp mười phương của người trong thiên hạ, biết tuổi thọ của người, biết có ác hay không ác, vui hay không vui, có chí hay không chí, hiểu rõ căn tánh của họ mà thuyết pháp nhưng không chấp trước, thế nên gọi là Ma-ha-tát.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Con xin hỏi về Ma-ha-tát. Vì sao gọi là Ma-ha-tát? Giả sử tâm Bồ-tát này không có ai sánh bằng, không có tâm nào có thể bì kịp thì tâm của các vị A-la-hán, Bích-chi-phật không thể sánh bằng. Tâm Phật cũng vậy, là tâm không chấp trước, tâm không ra, không vào. Nếu tâm Phật không ra, không vào là tâm không chấp trước, nên được gọi là Ma-ha-tát, cao tột không có ai sánh bằng.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Vì sao tâm của Bồ-tát không chấp trước?

Tu-bồ-đề đáp:

–Vì tâm không sinh nên không chấp trước?

Bân-kỳ-văn-đà-phất (Mãn Từ Tử) bạch Phật:

–Vì sao gọi Bồ-tát vì mọi người mà mặc áo giáp đại công đức phát tâm hướng đến Đại thừa?

Phật nói:

–Đúng thế! Bồ-tát vì mọi người mà mặc áo giáp đại công đức, phát tâm hướng đến Đại thừa.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Vì sao Bồ-tát vì mọi người mà mặc áo giáp đại công đức? Do đâu mà biết Đại Bồ-tát vì mọi người mà mặc áo giáp đại công đức? Đức Phật dạy:

–Tâm của Đại Bồ-tát nghĩ thế này: “Ta phải độ vô lượng, vô biên người khiến cho họ đều Bát-nê-hoàn. Bát-nê-hoàn như thế mà trong pháp ấy không thấy có một người nào được Bát-nê-hoàn. Vì sao? Vì vốn là không. Ví như nhà huyễn thuật biến hóa ra hai tòa thành lớn ở chỗ đất trống và biến hóa ra người đầy trong thành, rồi chặt đầu hết những người được biến hóa ra ấy. Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao, trong hai thành đó, có người bị tử thương chăng?

Tu-bồ-đề đáp:

–Bạch Thế Tôn, không!

Đức Phật dạy:

–Đại Bồ-tát độ vô lượng, vô biên người, khiến họ đều Bát-nêhoàn mà không thấy có một người nào được Bát-nêhoàn. Bồ-tát nào nghe lời nói này mà không kinh, không sợ, không giận, không bỏ đi theo đạo khác, thì biết đó là Bồ-tát vì mọi người mà mặc áo giáp đại công đức.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Như con đã được nghe lời Phật dạy, con nghĩ: "Bồ-tát không vì mọi người mà mặc áo giáp đại công đức. Vì sao? Bồ-tát làm như thế, vì trí Nhất thiết trí không tạo tác, mọi người cũng không tạo tác, thì Bồ-tát vì ai mà mặc áo giáp đại công đức! Sắc không nhiễm, không buộc, không mở.

Bân-kỳ-văn-đà-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Sắc không nhiễm, không trói, không mở; thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức cũng không nhiễm, không trói, không mở là nghĩa gì?

Tu-bồ-đề đáp:

–Sắc không nhiễm, không trói, không mở; thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức cũng không nhiễm, không trói, không mở. Bân-kỳ-văn-đà-phất hỏi:

–Thế nào là sắc không nhiễm, không trói, không mở? Thế nào là thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức cũng không nhiễm, không trói, không mở?

Tu-bồ-đề nói với Bân-kỳ-văn-đà-phất:

–Vì sắc như huyễn nên không nhiễm, không trói, không mở. Vì thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức như huyễn nên không nhiễm, không trói, không mở. Vì vô biên nên không nhiễm, không trói, không mở, ví như hư không không nhiễm, không trói, không mở. Thế nên Đại Bồ-tát mặc áo giáp đại công đức.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Vì sao phát tâm hướng đến Đại thừa? Thế nào là Đại thừa? Đại thừa trụ ở đâu? Đại thừa từ đâu ra? Ai là người thành tựu Đại thừa?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đại thừa không có chính giữa, không có hai bên. Tu-bồ-đề hỏi Phật:

–Con muốn biết Đại thừa từ đâu ra? Từ ba cõi mà ra và trụ vào trí Nhất thiết trí hay cũng không từ trong ba cõi sinh ra, không có sinh ra lại ở vị lai. Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Vì sao? Đức Phật dạy:

–Nếu đã sinh ra rồi mà vị lai còn sinh lại nữa thì thành ra có hai pháp. Giả sử có hai pháp thì không thật có pháp Đại thừa. Nếu không đắc pháp Đại thừa thì do pháp nào mà đi ra khỏi ba cõi.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đại thừa có nghĩa là người nào trụ trong ấy thì trong trời người không có ai sánh bằng. Đại thừa rộng lớn bằng hư không. Như hư không che chở vô lượng, vô số người, Đại thừa cũng che chở vô lượng, vô số người, nên gọi là Đại thừa. Đại thừa nghĩa là chẳng thấy có đến, cũng chẳng thấy có đi, cũng chẳng thấy chỗ trụ, cũng chẳng thấy có

chính giữa và hai bên, cũng chẳng thuộc thấy nghe, cũng không phải là đối tượng để thấy, cũng không thấy ở ba cõi. Bạch Đức Thiên Trung Thiên, vì thế cho nên gọi là Đại thừa. Đức Phật dạy:

–Hay thay, này Tu-bồ-đề! Vì thế gọi là Đại thừa.

Bân-kỳ-văn-đà-phất bạch Phật:

–Đức Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề thuyết Bát-nhã ba-lamật, nhưng nay vì sao Tôn giả lại nói Đại thừa?

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Tu-bồ-đề nói các nghĩa của Đại thừa phải chăng không trái với Bát nhã Ba la mật? Đức Phật dạy:

–Nếu nói các nghĩa Đại thừa không trái với Bát-nhã bala-mật là nói đúng với Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bồ-tát cũng không nghĩ quá khứ, vị lai, hiện tại. Vì sắc vô biên nên Bồ-tát cũng vô biên. Sắc cùng với Bồ-tát không thể nắm, không thể bắt. Tất cả Bồ-tát không thể nắm, không thể bắt, thì chỗ nào là Bát nhã Ba la mật của Bồ-tát? Phải từ đâu mà nói Bồ-tát đều không thể thấy, cũng không thể biết chỗ nơi? Phải từ đâu mà nói Bát nhã Ba la mật khiến Bồ-tát được gọi trở lại là Bồ-tát?

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Tại sao nghĩ rằng chỉ là giả danh mà thôi? Thế nào là ý? Ý không có chỗ nơi, ý không có hình tướng hay ý vốn là pháp có hình tướng. Thế nào là sắc? Sắc chẳng thể được thấy, cũng không có thân thì trong pháp này chỗ nào có sắc! Thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức chẳng thể được thấy, Bồ-tát cũng chẳng thể được thấy. Bồ-tát và thức (năm ấm) hoàn toàn không biết chỗ nơi cũng chẳng thể thấy. Tất cả Bồ-tát hoàn toàn không có chỗ nơi, hoàn toàn không thể thấy, thì chỗ nào là Bát nhã Ba la mật của Bồ-tát? Như vậy nói Bồ-tát đều chẳng thể được thấy, cũng chẳng thể biết chỗ nơi, hoàn toàn không thật có thì phải từ trong pháp nào mà thuyết Bát nhã Ba la mật, thế nên giả danh gọi là Bồ-tát.

–Đúng thế, đúng thế! Tưởng về giả danh cũng không có, giả danh cũng không có tưởng thì chỗ nào là ý? Cái gì được đặt tên là ý? Đến chỗ gốc thì ý này sinh, ý thì không có tướng, do đâu mà biết thức không thật có. Nắm đến gốc thì cũng không có đối tượng bị nắm thì do đâu có thức? Tướng của pháp như thế, tướng cũng không có gốc. Nếu như tướng không có gốc thì pháp cũng không có ai tạo tác, cũng không có gốc. Pháp vốn không có gốc thì từ đâu mà thuyết pháp. Bát nhã Ba la mật cũng không khác, cũng không có gốc.

Pháp của Bồ-tát cũng vô sở đắc. Nếu có người nào hành đạo Bồ-tát, nghe lời nói này mà không kinh, không sợ, không ghét, thì biết đó chính là người thực hành Bát nhã Ba la mật.

Người thực hành Bát nhã Ba la mật cần phải suy nghĩ chín chắn như vậy. Ngay lúc ấy chẳng nhập vào sắc. Vì sao? Vì sắc không sinh tức là chẳng phải sắc. Nếu như vậy chẳng phải sắc tức là không có sắc, cũng không có sinh. Từ trong pháp này mà vô sở đắc thì gọi là bổn vô (chân như) ở trong pháp sắc. Bổn vô này là pháp mà Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật phải nhận thấy, là pháp mà Bồ-tát phải tư duy thâm nhập. Bấy giờ Bồ-tát cũng không nhập vào thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức. Vì sao? Vì thức không sinh tức là chẳng phải thức, cũng chẳng ra từ trong thức, cũng chẳng vào từ trong thức.

Pháp này hoàn toàn không thật có.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề:

–Tôi nghe Tôn giả thuyết pháp, nói rằng Bồ-tát hoàn toàn chẳng sinh. Nếu Bồ-tát hoàn toàn chẳng sinh thì Bồ-tát đâu cần tu các hạnh khổ của đạo Bồ-tát, đâu cần vì mọi người ở khắp mười phương mà tu các hạnh khổ khó làm?

Tu-bồ-đề đáp lời Xá-lợi-phất:

–Tôi cũng không cho rằng có Bồ-tát tu các hạnh khổ khó làm. Lúc hành đạo Bồ-tát, Bồ-tát tự nghĩ: "Ta không xem đây là hạnh khổ khó làm." Vì sao? Vì tâm Bồ-tát chẳng nên nghĩ rằng: "Ta nhẫn chịu các khổ khó làm." Tâm Bồ-tát chưa từng có ý nghĩ như thế và cũng đừng nên nghĩ như thế. Vì muốn làm cho vô lượng, vô số người an ổn nên nghĩ họ như cha, như mẹ, như con, như bản thân không khác, thường nên xót thương nghĩ đến họ. Bồ-tát phải gìn giữ tâm như thế. Tất cả Bồ-tát chẳng thấy, cũng chẳng biết chỗ nơi. Pháp bên trong, pháp bên ngoài cũng vậy. Phải nghĩ như thế, phải làm như thế. Bồ-tát làm như thế chẳng cho là nhẫn chịu các khổ. Này Xá-lợiphất, giả sử nói như thế, thì chẳng thấy Bồ-tát có sinh, vì Bồ-tát thì không sinh.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề:

–Giả sử Bồ-tát không sinh, trí Nhất thiết trí cũng không sinh.

Tu-bồ-đề nói:

–Đúng thế, trí Nhất thiết trí không sinh.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề:

–Giả sử nói như thế về Bồ-tát, nghĩa là Bồ-tát chẳng thấy sinh vì Bồ-tát không sinh.

Xá-lợi-phất nói tiếp với Tu-bồ-đề:

–Giả sử Bồ-tát không sinh thì trí Nhất thiết trí cũng không sinh.

Tu-bồ-đề nói:

–Đúng thế, trí Nhất thiết trí không sinh.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề:

–Giả sử trí Nhất thiết trí không sinh cho đến đắc Thiền cũng không sinh.

Tu-bồ-đề nói:

–Đúng thế, cho đến đắc Thiền cũng không sinh.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề:

–Trong pháp này, Bồ-tát không sinh. Vì Bồ-tát không sinh nên trí Nhất thiết trí cũng không sinh. Vì pháp trí Nhất thiết trí không sinh, nên cho đến đắc Thiền đầy đủ cũng không sinh. Cho đến đắc pháp Thiền cũng không sinh, ấy là Bồ-tát vô sở đắc, là trí Nhất thiết trí vô sở đắc.

Tu-bồ-đề nói:

–Pháp không sinh đắc không sinh, cũng đắc pháp không sinh, cũng chẳng phải không đắc không sinh.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề:

–Giả sử chẳng phải không có không sinh đắc pháp không sinh, vì thế nên đắc pháp không sinh.

Tu-bồ-đề nói:

–Giả sử pháp không sinh mà sinh thì lại chẳng phải là không sinh, vì thế nên đắc không sinh.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề:

–Này Tu-bồ-đề! Giả sử không sinh chẳng phải là không sinh, thế nên, thưa Tôn giả, không sinh mới là không sinh.

Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất:

–Không sinh là không sinh khởi sự thích nghe. Này Xálợiphất! Không sinh sự ưa thích nên gọi là thích.

Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất:

–Không khởi sự sinh nghe tức là nghe.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề: – Nghe lời nói đó.

Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất:

–Chẳng phải không có lời nói, ấy là nói mà không nói, ấy là thích mà không thích, cho nên nói, cho nên thích. Xá-lợi-phất khen:

–Hay thay, này Tu-bồ-đề! Tôn giả là người bậc nhất trong hàng đệ tử thuyết pháp. Vì sao? Vì Tôn giả Tu-bồ-đề đã tùy theo câu hỏi mà đáp.

Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất:

–Việc thuyết pháp khắp mười phương của đệ tử Phật cũng không biết người được giáo hóa từ đâu lại, cứ tùy theo điều hỏi mà giải đáp. Vì sao? Vì pháp trong mười phương cũng không biết từ đâu sinh.

Xá-lợi-phất nói:

–Hay thay, này Tu-bồ-đề! Tôn giả từ trong pháp nào độ Bồ-tát?

Tu-bồ-đề đáp:

–Từ trong Bát nhã Ba la mật đa sinh. Khi nghe nói pháp này hoặc khi được đọc pháp này, Bồ-tát tin hiểu, không nghi. Bồ-tát phải biết dù có theo thì pháp này cũng chẳng thêm, hay dù không theo thì pháp này cũng chẳng giảm.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề:

–Theo thì pháp này cũng chẳng thêm, không theo thì pháp này cũng chẳng giảm. Theo pháp này dạy mọi người. Ai theo pháp này thì đều trở thành Đại Bồ-tát không sót người nào.

Vì sao? Vì mọi người đều học pháp này mà pháp này vẫn tiếp tục như cũ.

Tu-bồ-đề nói:

–Hay thay! Tôn giả Xá-lợi-phất! Việc lý giải này đúng như lời Tôn giả nói, không khác. Vì sao? Vì phải quán niệm kỹ càng về thân người, phải thấu rõ như vầy: Thân người có ngần ấy thứ rỗng không thì ý niệm cũng có ngần ấy thứ rỗng không. Biết thân người thật khó biết rõ thì ý niệm của nó cũng thật khó biết rõ.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát cần phải học như thế, cần phải hành như thế.

QUYỂN 1
Phẩm 2: NẠN VẤN

Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân và bốn vạn Thiên tử cùng nhau đến ngồi trong pháp hội. Tứ Thiên vương và hai vạn Thiên tử cùng nhau đến ngồi trong pháp hội. Phạm thiên Ca-di và một

vạn Thiên tử cùng nhau đến ngồi trong pháp hội. Phạm thiên Đa Hội và năm ngàn Thiên tử cùng nhau đến ngồi trong pháp hội. Do phước đức đời trước nên hào quang của các Thiên tử được chiếu sáng.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Thưa Hiền giả Tu-bồ-đề! Ngần ấy ngàn vạn Thiên tử tập họp muốn nghe Hiền giả nói Bát nhã Ba la mật. Bồ-tát trụ trong Bát nhã Ba la mật như thế nào?

Tu-bồ-đề nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực! Nếu ngần ấy ngàn vạn Thiên tử muốn nghe, tôi sẽ nói.

Tu-bồ-đề nương nhờ sức oai thần của Phật nói với các Thiên tử một cách đầy đủ về Bát nhã Ba la mật. vị Thiên tử nào chưa hành đạo Bồ-tát, hôm nay đều nên hành. Người đã đắc đạo Tu-đà-hoàn thì không thể nào đắc đạo Bồ-tát. Vì sao? Vì người ấy đã đóng chặt đường sinh tử. Giả sử, người ấy hành đạo Bồ-tát, tôi sẽ mừng thay cho người đó, tôi không bao giờ đoạn dứt pháp công đức. Tôi khiến cho họ muốn tu học đạo pháp chân thật vô thượng, bước lên ngôi vị Phật. Đức Phật dạy:

–Hay thay, Tu-bồ-đề! Khuyên bảo các Bồ-tát là phải như vậy đó.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Con phải báo ân, con chẳng được báo ân. Vì sao? Vì các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thời quá khứ đều sai các đệ tử vì các Bồ-tát mà thuyết Bát nhã Ba la mật. Trước kia, Đức Như Lai cũng học pháp này, nhờ pháp này mà được thành Phật, vì thế phải báo ân Phật. Hôm nay con cũng lại thuyết như thế về Bát-nhã bala-mật. Bồ-tát cũng phải họ trì pháp Bồ-tát! Con lại khuyên bảo họ. Con đã thọ trì và đã khuyên bảo rồi, do đó Bồ-tát mau chóng được thành Phật.

Tu-bồ-đề nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực! Hãy nghe tôi đáp điều ông đã hỏi: “Bồ-tát trụ trong Bát nhã Ba la mật như thế nào?” Bồ-tát thọ trì pháp không, đó là trụ trong Bát nhã Ba la mật.

Này Câu-dực! Đại Bồ-tát mặc áo giáp đại công đức phát tâm hướng đến Đại thừa chẳng nên trụ sắc; chẳng nên trụ thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức; chẳng nên trụ Tu-đàhoàn, chẳng nên trụ Tư-đà-hàm, chẳng nên trụ A-na-hàm, chẳng nên trụ A-la-hán, chẳng nên trụ Bích-chi-phật, chẳng nên trụ nơi Phật; chẳng nên trụ nơi có sắc, không sắc, chẳng nên trụ nơi có thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức, không thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức; chẳng nên trụ nơi có Tu-đàhoàn, không Tư-đà-hàm; chẳng nên trụ nơi có Tưđà-hàm; không Tư-đà-hàm; chẳng nên trụ nơi có A-na-hàm, không A-nahàm, chẳng nên trụ nơi có A-la-hán, không A-la-hán; chẳng nên trụ nơi có Bích-chi-phật, không Bích-chi-phật; chẳng nên trụ nơi có Phật, không Phật; chẳng nên trụ nơi sắc chẳng phải vô thường, chẳng nên trụ nơi thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức chẳng phải vô thường; chẳng nên trụ nơi sắc hoặc khổ hoặc vui; chẳng nên trụ nơi thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức hoặc khổ hoặc vui, chẳng nên trụ nơi sắc hoặc tốt hoặc xấu; chẳng nên trụ nơi thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức hoặc tốt hoặc xấu; chẳng nên trụ nơi sắc thuộc về ngã, chẳng thuộc về ngã; chẳng nên trụ nơi thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức thuộc về ngã, chẳng thuộc về ngã; chẳng nên trụ vào sự thành tựu bất động (Thiền định) của đạo Tu-đà-hoàn, chẳng nên trụ nơi đạo Tu-đà-hoàn đã thành tựu. Vì sao? Vì đạo Tu-đà-hoàn còn bảy lần sinh tử mới Bát-nê-hoàn, vì thế chẳng nên trụ nơi đạo Tuđà-hoàn.

Chẳng nên trụ vào sự thành tựu bất động của đạo Tư-đàhàm, chẳng nên trụ nơi đạo Tư-đà-hàm đã thành tựu. Vì sao? Vì đạo Tưđà-hàm có một lần sinh tử nữa mới Bát-nê-hoàn, vì thế chẳng nên trụ nơi đạo Tư-đà-hàm.

Chẳng nên trụ vào sự thành tựu bất động của đạo A-nahàm, chẳng nên trụ nơi đạo A-na-hàm đã thành tựu. Vì sao? Vì đạo A-nahàm thành tựu rồi thì sinh lên trời mới Bát-nê-hoàn, vì thế chẳng nên trụ nơi đạo A-na-hàm.

Chẳng nên trụ nơi sự thành tựu bất động của đạo A-lahán, chẳng nên trụ vào đạo A-la-hán đã thành tựu. Vì sao? Vì đạo A-lahán thành tựu rồi thì không còn qua lại ở thế gian nữa, ở trong Nêhoàn Bát-nê-hoàn, vì thế chẳng nên trụ nơi đạo Ala-hán.

Chẳng nên trụ nơi sự thành tựu bất động của đạo Bích-chiphật. Vì sao? Vì đạo Bích-chi-phật thành tựu rồi thì hơn đạo A-lahán mà không bằng Phật đạo và ở trong khoảng giữa ấy Bátnê-hoàn, vì thế chẳng nên trụ nơi đạo Bích-chi-phật.

Chẳng nên trụ nơi Phật đạo. Vì sao? Vì tạo lợi lạc cho không thể tính kể vô số người nên tạo tác công đức, ta đều làm cho không thể tính kể vô số người đều Bát-nê-hoàn, chính là trụ vào ngôi vị Phật, vì thế chẳng nên trụ nơi Phật đạo.

Xá-lợi-phất thầm nghĩ: “Phật phải trụ như thế nào?” Tubồ-đề biết ý nghĩ của Xá-lợi-phất, bèn hỏi Xá-lợiphất:

–Ý Tôn giả nghĩ sao? Phật trụ ở chỗ nào?

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề:

–Phật không trụ nơi nào cả. Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tâm không trụ nơi nào cả, không trụ nơi động (hữu vi), cũng không trụ nơi không động (vô vi).

Tu-bồ-đề nói:

–Đúng thế, đúng thế! Bồ-tát phải học như thế, như Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trụ cũng chẳng thể trụ, phải trụ như thế, chính là học không có chỗ trụ.

Bấy giờ các vị Thiên tử thầm nghĩ: “Các ý nghĩ của hàng Dạxoa chúng ta đều biết, lời nói hoặc to, hoặc nhỏ của hàng Dạ-xoa chúng ta đều biết, nhưng những điều của Tôn giả Tu-bồ-đề nói ra thì chúng ta lại hoàn toàn không biết.”

Tu-bồ-đề biết ý nghĩ này của các Thiên tử, nên nói với các Thiên tử:

–Lời này khó hiểu, cũng chẳng thể nghe, cũng chẳng thể biết.

Các Thiên tử lại thầm nghĩ: “Lời nói này phải được lý giải, vì Tôn giả Tu-bồ-đề hiểu sâu, biết sâu.”

Tu-bồ-đề biết ý nghĩ của các Thiên tử, mới nói với các

Thiên tử:

–Người đã chứng đắc đạo Tu-đà-hoàn, nếu trụ trong đó thì không thích lìa khỏi cái nhân (Vô sinh pháp nhẫn) này. Người đã chứng đắc đạo Tư-đà-hàm, nếu trụ ở trong đó thì không thích lìa khỏi cái nhân này. Người đã chứng đắc đạo A-na-hàm, nếu trụ ở trong đó thì chẳng thích lìa khỏi cái nhân này. Người đã chứng đắc đạo A-la-hán, nếu trụ ở trong đó thì chẳng thích lìa khỏi cái nhân này. Người đã chứng đắc đạo Bích-chi-phật, nếu trụ ở trong đó thì chẳng thích lìa khỏi cái nhân này. Người đã chứng đắc đạo quả Phật, nếu trụ ở trong đó thì chẳng thích lìa khỏi cái nhân này.

Các Thiên tử lại thầm nghĩ: “Lời của Tôn giả Tu-bồ-đề là như thế, thì phải còn tìm ở đâu vị Pháp sư thuyết pháp như Tu-bồ-đề.”

Tu-bồ-đề biết ý nghĩ của các Thiên tử, mới nói với các

Thiên tử:

–Pháp sư như huyễn, muốn theo tôi nghe pháp, cũng không có pháp được nghe, cũng không chứng đắc.

Các Thiên tử lại thầm nghĩ: “Pháp nào làm cho người nghe phải như vậy?”

Tu-bồ-đề biết ý nghĩ của các Thiên tử, mới nói với họ:

–Huyễn như người, người như huyễn. Tôi nói đạo Tu-đàhoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật đều như huyễn, thậm chí Phật đạo, cũng nói như huyễn.

Các Thiên tử nói với Tu-bồ-đề:

–Thậm chí Phật đạo cũng nói là như huyễn. Tu-bồ-đề nói:

–Thậm chí Nê-hoàn hữu dư, Nê-hoàn vô dư và Nê-hoàn vô trụ đều cũng như huyễn sao?

Tu-bồ-đề nói với các Thiên tử:

–Giả sử có một pháp nào hơn cả Nê-hoàn, tôi cũng nói như huyễn. Vì sao? Vì Nê-hoàn của người huyễn thì rỗng lặng như hư không không thật có.

Xá-lợi-phất, Bân-kỳ-văn-đà-phất, Ma-ha Câu-tư, Ma-ha Cachiên-diên hỏi Tu-bồ-đề:

–Thế nào là tướng của Bát nhã Ba la mật? Và từ pháp này sinh ra pháp nào?

Tu-bồ-đề đáp:

–Từ pháp này sinh ra Bồ-tát không thoái chuyển, đó là tướng của Bát nhã Ba la mật. Cũng như các đệ tử nghe pháp đều đầy đủ mau chóng thành A-la-hán.

Tu-bồ-đề nói tiếp:

–Nói về tướng của Bát nhã Ba la mật là như thế, từ trong này không thật có, không nghe, không đắc. Tỳ-kheo đúng như pháp thì không nghe pháp, không đắc pháp, từ trong pháp này không có thọ nhận.

Thích Đề-hoàn Nhân thầm nghĩ: “Lời thuyết pháp của Tôn giả Tu-bồ-đề là mưa pháp bảo. Ta nên biến hóa ra hoa để rải lên Tôn giả Tu-bồ-đề.”

Thích Đề-hoàn Nhân biến hóa ra hoa, rải lên Tu-bồ-đề. Tâm Tôn giả Tu-bồ-đề rõ biết, nói:

–Hoa này chẳng sinh từ trên trời Đao-lợi, tôi đã từng thấy hoa này. Hoa này rải lên trên tôi là hoa do biến hóa ra mà thôi. Hoa này là hoa được hóa ra, không từ cây cối sinh ra. Thích Đề-hoàn Nhân hóa ra hoa này rải lên trên tôi là từ cây tâm sinh ra, chẳng từ cây cối sinh ra.

Thích Đề-hoàn Nhân nói với Tu-bồ-đề:

–Hoa này không từ đâu sinh ra. Thưa Tôn giả Tu-bồ-đề, hoa này cũng chẳng từ cây tâm sinh ra.

Tu-bồ-đề nói:

–Như lời Câu-dực nói, hoa này không từ đâu sinh ra, cũng chẳng từ cây tâm sinh, thì chẳng phải hoa.

Thích Đề-hoàn Nhân nói:

–Tôn giả Tu-bồ-đề biết một cách sâu sắc nên nói pháp không tăng, không giảm. Tôi nói như thế là theo lời dạy của Tôn giả Tubồ-đề. Bồ-tát cần phải học như vậy.

Tu-bồ-đề nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực! Lời này không sai. Bồ-tát học như vậy là đi sâu vào pháp này. Bồ-tát học như vậy là không học đạo Tuđà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, mà là học Phật đạo, học đạo trí Nhất thiết trí, học như vậy là học không thể tính kể vô số quyển kinh, chẳng học về sắc, chẳng học về thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức, không học lấy pháp khác, cũng không học lấy, cũng không học bỏ; không học lấy, bỏ, tức là học trí Nhất thiết trí, tức là sinh ra trí Nhất thiết trí. Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Học pháp này cũng là học không lấy không bỏ, là học trí Nhất thiết trí, là sinh ra trí Nhất thiết trí chăng?

Tu-bồ-đề đáp:

–Đúng thế, Xá-lợi-phất! Học như thế cũng là học không lấy không bỏ. Học như thế là học trí Nhất thiết trí, là sinh ra trí Nhất thiết trí.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi Xá-lợi-phất:

–Bồ-tát phải thực hành Bát nhã Ba la mật như thế nào? Xá-lợi-phất đáp:

–Ông nên hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Nhờ ân oai thần của ai mà có thể học và hiểu? Tu-bồ-đề đáp:

–Nhờ ân oai thần của Phật mà có thể học và hiểu. Này Câudực, ông hỏi Bồ-tát phải thực hành Bát nhã Ba la mật như thế nào? Cũng chẳng thể từ sắc hành, cũng chẳng thể lìa sắc hành, cũng chẳng thể từ thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức hành, cũng chẳng thể lìa thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức hành. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật cũng chẳng phải là sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức. Bát nhã Ba la mật cũng chẳng lìa sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi:

–Ma-ha ba-la-mật vô lượng, vô biên là Ba-la-mật như thế nào?

Tu-bồ-đề đáp:

–Này Câu-dực! Ma-ha ba-la-mật vô biên là Ba-la-mật vô lượng. Ma-ha ba-la-mật hoàn toàn chẳng thật có. Ba-la-mật vô biên hoàn toàn không thể thấy. Ba-la-mật vô lượng hoàn toàn không thể đo lường. Người vô lượng lại cũng chẳng phải vô lượng, vô lượng lại cũng chẳng phải vô lượng, Ba-la-mật vô lượng lại cũng chẳng phải vô lượng. Ba-la-mật vô lượng lại cũng chẳng phải vô lượng, cũng không có ở giữa hay hai bên, cũng không có trước sau, hoàn toàn không thể lường, hoàn toàn không thể biết.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi:

–Thưa Tôn giả Tu-bồ-đề! Ý Tôn giả nghĩ sao, vì sao người vô lượng nên Ba-la-mật vô lượng?

Tu-bồ-đề nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Việc này đều không thể tính kể, giả sử tính gấp bội lại gấp bội, người vô lượng nên Ba-la-mật vô lượng.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi:

–Do đâu mà Tôn giả nói người vô lượng nên Ba-la-mật vô lượng?

Tu-bồ-đề đáp:

–Ý ông Câu-dực nghĩ sao! Ở trong pháp nào dạy người vốn được sinh ra?

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

–Không có pháp dạy như thế, cũng không có pháp dạy trụ chỉ như thế. Giả sử có nói ra đi nữa cũng chỉ là giả danh mà thôi, giả sử có trụ chỉ cũng chỉ là giả danh mà thôi. Chỉ là dùng giả danh để gọi mà thôi. Hễ có chỗ trụ chỉ thì chỉ là giả danh, hoàn toàn không thật có, chỉ là dùng giả danh để gọi mà thôi. Người trở lại chỗ của người, gốc ngọn vốn không, không thật có.

Tu-bồ-đề nói:

–Ý ông Câu-dực nghĩ sao người có thể được thấy chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

–Người, không thể được thấy!

Tu-bồ-đề nói:

–Này Câu-dực! Vì sao có người nghĩ đến chỗ nào là giới hạn của loài người? Giả sử Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tuổi thọ với số kiếp như cát ở bờ sông Hằng độ người, mọi người lại lần lượt độ nhau, sự sinh ra của họ có lúc đoạn tuyệt chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

–Không có lúc đoạn tuyệt. Vì sao? Vì người không có lúc tận.

Tu-bồ-đề nói:

–Người vô lượng nên Bát nhã Ba la mật vô lượng. Người học đạo Bồ-tát phải hiểu và phải biết rằng thực hành Bát nhã Ba la mật là như thế.

QUYỂN 2
Phẩm 3: CÔNG ĐỨC

Bấy giờ các vị trời Đế-thích, Phạm thiên, Phạm phụ, Đại tự tại và các Thiên nữ đồng thời nói lời ngợi khen pháp này ba lần:

–Pháp Bát nhã Ba la mật mà Hiền giả Tu-bồ-đề tuyên thuyết rất sâu xa, các Đức Như Lai đều từ pháp này sinh. Người nào nghe pháp này rồi hoặc đọc tụng, hoặc tu hành thì được chúng con cung kính coi như Đức Như Lai. Chúng con cung kính người thọ trì Bát nhã Ba la mật như vị Đại Bồ-tát.

Phật bảo chư Thiên:

–Đúng thế, đúng thế! Thuở xưa, ta ở trước Đức Phật Nhiên Đăng đắc pháp Bát nhã Ba la mật. Ta được Đức Phật Nhiên Đăng thọ ký: “Về sau sẽ đắc trí tuệ Phật, làm bậc Đạo sư trong loài người. Sau vô số a-tăng-kỳ kiếp, ông sẽ thành Phật hiệu Thích-ca Văn, là bậc tôn quý hơn hết trong hàng Trời, người, chánh pháp rực rỡ soi sáng thế gian, tôn hiệu là

Phật.”

Các Thiên đồng thanh bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, hay thay! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật tự đạt đến trí Nhất thiết trí.

Lúc ấy Đức Phật ngồi trong chúng hội, giữa chư Thiên. Đức Phật bảo Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di:

–Nay đây bốn chúng hãy làm chứng, chư Thiên cõi Dục, chư Thiên cõi Sắc là Phạm thiên, Quang âm thiên đều chứng biết.

Đức Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Nếu có thiện nam, thiện nữ học Bát nhã Ba la mật hoặc thọ trì hoặc đọc tụng, thì ma hoặc thiên ma không bao giờ có cơ hội

thuận tiện để phá hại. Này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ này không bị chết oan.

Này Câu-dực! Chư Thiên trên cung trời Đao-lợi, nếu vị nào tu hành Phật đạo mà chưa được gặp Bát nhã Ba la mật, hoặc chưa học, hoặc chưa tụng thì các vị trời ấy đều nên qua đến chỗ của thiện nam, thiện nữ này thọ học. Này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ học Bát nhã Ba la mật hoặc thọ trì, hoặc đọc tụng, hoặc ở chỗ rảnh rang, hoặc ở nơi vắng vẻ thì cũng không kinh, không sợ, không hãi.

Tứ Thiên vương bạch Phật:

–Chúng con tự nguyện cùng nhau ủng hộ thiện nam, thiện nữ học Bát nhã Ba la mật hoặc thọ trì hoặc đọc tụng. Phạm thiên vương và chúng Phạm thiên cũng đều bạch Phật:

–Chúng con tự nguyện cùng nhau ủng hộ thiện nam, thiện nữ học Bát nhã Ba la mật hoặc thọ trì, hoặc đọc tụng.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Con tự nguyện ủng hộ thiện nam, thiện nữ học Bát-nhã ba-lamật hoặc thọ trì, hoặc đọc tụng. Thích Đề-hoàn Nhân bạch tiếp:

–Thật khó có ai bì kịp với người học Bát nhã Ba la mật, vì thiện nam, thiện nữ này tâm không lay động, vì người thọ trì Bát nhã Ba la mật tức là thọ trì đủ cả sáu pháp Ba-la-mật. Đức Phật dạy:

–Đúng thế, này Câu-dực! Người thọ trì Bát nhã Ba la mật tức là thọ trì đủ cả sáu pháp Ba-la-mật.

Lại nữa, này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ hãy lắng nghe ta nói về việc học tập, thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật. Này Câudực, ta nói lời trước cũng thiện, lời giữa cũng thiện, lời sau cũng thiện, vậy ông phải nên lắng nghe lời ta nói.

Thích Đề-hoàn Nhân sẵn sàng lắng nghe và tiếp nhận giáo pháp của Phật.

Đức Phật nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Đối với giáo pháp của ta, nếu có người muốn khuấy nhiễu, có người muốn phá hoại, có người muốn làm loạn, những kẻ ấy vừa khởi ác ý muốn đi đến phá hoại, họ đang đi giữa đường chưa đến đã tiêu tan ác ý. Bọn họ về sau không bao giờ được làm như ý muốn. Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ này học Bát nhã Ba la mật, nhờ thọ trì, đọc tụng, khiến cho bọn người mang ác ý kia chưa đến nơi đã quay về, cuối cùng không được như ý.

Này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ học Bát-nhã ba-lamật, hoặc thọ trì, hoặc đọc tụng, hễ làm điều gì cũng đều tự thể hiện pháp này. Ví như có cây thuốc tên là Ma-thỉ, có con rắn đói đang bò đi tìm thức ăn, giữa đường gặp con trùng, rắn muốn ăn con trùng, nhưng mùi của cây thuốc Ma-thỉ xông đến chỗ của con trùng. Con rắn ngửi thấy mùi thuốc, liền bò đi. Vì sao? Vì công năng của thuốc là làm tiêu tan nọc độc loài rắn, làm cho loài rắn phải bỏ đi.

Này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ học Bát-nhã ba-lamật, hoặc thọ trì, hoặc đọc tụng, nếu có người muốn hại thì ác ý của họ tự tiêu tan là do bị sức oai thần của Bát-nhã ba-lamật-đẩy lui, là do bị sức oai thần của Bát nhã Ba la mật làm cho họ bỏ đi.

Đức Phật dạy:

–Giả sử có người mưu toan phá hoại, thì người ấy đang trên đường đi tự mất ác ý, việc ác không thành. Tứ Thiên vương đều ủng hộ thiện nam, thiện nữ thâm nhập Bát-nhã bala-mật hoặc suy nghĩ làm mọi việc một cách tự tại, lời nói như cam lộ, lời nói không khinh bạc, không sinh giận hờn, không tự kiêu ngạo. Tứ Thiên vương đều ủng hộ thiện nam, thiện nữ học Bát nhã Ba la mật hoặc thọ trì, hoặc đọc tụng, thì lời nói không có sai ngoa, lời nói như cam lộ, lời nói không khinh bạc, không sinh giận hờn, không tự kiêu ngạo cao mạn. Vì sao? Vì học Bát nhã Ba la mật nên chẳng tự giận hờn, chẳng tự kiêu ngạo, chẳng tự ỷ thị. Thiện nam, thiện nữ tự nghĩ: "Nếu có sự đấu tranh nổi dậy, ta phải tránh xa, vì ta không thích việc ấy." Đỏ mặt xấu hổ tự nghĩ: "Ta không nên gần gũi bọn người ác này." Tự nghĩ: "Ta cầu Phật đạo không nên nghe theo lời nói giận dữ khiến cho tâm ta trở nên hiếu thắng." Thiện nam, thiện nữ làm việc gì cũng đều tự thể hiện là người khéo học Bát-nhã bala-mật, khéo thọ trì, khéo đọc tụng.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bát nhã Ba la mật hay vượt lên trên các điều ác, làm điều gì cũng đều tự tại, không pháp nào sánh bằng.

Đức Phật nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Lại nữa, này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ học Bát-nhã bala-mật hoặc thọ trì, hoặc đọc tụng, hoặc dù phải trải qua hoạn nạn nguy kịch nhưng vẫn không sợ hãi, giả sử vào trong quân trận cũng chẳng bị đao binh làm tổn hại. Lời ta nói không bao giờ sai.

Này Câu-dực! Đúng như Phật dạy là không có thể hại được. Thiện nam, thiện nữ đang lúc hoặc đọc tụng, hoặc thọ trì, hoặc quán niệm Bát nhã Ba la mật, giả sử cái chết đang tới, nếu ở trong chánh niệm Bát nhã Ba la mật mà chết thì dẫu cho oan gia ngay lúc ấy muốn cũng không hãm hại được.

Thiện nam, thiện nữ trụ trong pháp này không bao giờ chết oan, giả sử ở trong quân trận hoặc bị bắn, bị đâm cũng không bao giờ bị trúng vào thân. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật này là đại thần chú, là thần chú mãnh liệt trong loài người. Thiện nam, thiện nữ nào học thần chú này thì không tự nghĩ đến điều ác, cũng không nghĩ đến điều ác của người khác, tất cả đều không nghĩ, được làm bậc tôn quý trong loài người, tự tiến tới thành Phật cứu vớt mọi người cho đến các loài bò bay máy cựa. Do đó người học thần chú này mau chóng thành Phật đạo.

Lại nữa, này Câu-dực! Người tuy đã biên chép kinh Bát nhã Ba la mật nhưng không thể tu học, không thể đọc tụng thì nên mang kinh điển này theo bên mình, dù người hay quỷ thần cũng không thể làm hại, trừ phi người ấy có tội nghiệp đời trước, nay phải đền trả.

Này Câu-dực! Ví như nơi Phật mới thành đạo, bốn phía nếu có người từ một phía nào đi vào, thì quỷ thần hay cầm thú cũng không thể hại người này. Dù là quỷ thần hay cầm thú muốn đến khuấy nhiễu, muốn đến hại người này cũng không thể nào được. Vì sao? Vì nơi Phật thành đạo có sức oai thần của Phật bảo vệ. Các Đức Phật Thiên Trung Thiên quá khứ, hiện tại, vị lai đều là bậc tôn quý trong loài người. Các Ngài đều ở nơi ấy thành Phật. Cũng vậy, nếu ở đời vị lai,

người cầu Phật đạo đều phải nhờ pháp Bát nhã Ba la mật này mà đắc Phật đạo. Nếu người nào đi vào nơi này thì không kinh, không hãi, không lo, không sợ, vì nhờ oai lực của Bát nhã Ba la mật. Chỗ nào có kinh Bát nhã Ba la mật thì hàng Trời, Người, A-tuluân, Quỷ, Thần, Rồng, đều phải lễ bái, cung kính, hộ trì. Vì thế nên người nào đến nơi này đều được sức oai thần của Bát nhã Ba la mật bảo hộ.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Nếu có người biên chép, thọ trì kinh Bát-nhã thì phải hướng về người ấy đảnh lễ phụng sự, cúng dường bằng các thứ như hoa quý, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, lụa là, cờ phướn, lọng báu. Nếu lại có người, sau khi Phật Bátnê-hoàn, xây tháp phụng thờ xá-lợi Phật, tự đến đảnh lễ, phụng sự, cúng dường bằng các thứ như hoa quý, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, lụa là, cờ phướn, lọng báu. Như vậy, phước của người này có nhiều chăng?

Đức Phật dạy:

–Này Câu-dực! Ta nay hỏi ông, tùy ý đáp lại. Này Câudực, thế nào là trí Nhất thiết trí của Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nương vào thân này mà xuất hiện? Như Lai học pháp nào mà chứng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Đức Như Lai học Bát nhã Ba la mật mà chứng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Không do thân xá-lợi mà do trí Nhất thiết trí được thành Phật. Như Lai được sinh ra từ Bát nhã Ba la mật. Đúng thế, này Câu-dực! Trí Nhất thiết trí nương vào thân này, từ Bát-nhã bala-mật sinh ra. Trí Nhất thiết trí của Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nương vào thân. Thân làm chỗ nương tựa cho trí Nhất thiết trí, mà được gọi là thân Phật. Xá-lợi sau khi ta Bátnê-hoàn từ trí Nhất thiết trí sinh nên cũng được cúng dường như thân Phật.

Này Câu-dực! Nếu có thiện nam, thiện nữ biên chép Bát nhã Ba la mật rồi thọ trì, đọc tụng, tu hành, tự hướng về đảnh lễ, phụng sự, cúng dường bằng các thứ như hoa quý, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, lụa là, cờ phướn, lọng báu tức là cúng dường trí Nhất thiết trí.

Này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ biên chép rồi, cúng dường kinh này như thế ắt được công đức không gì sánh bằng.

Vì sao? Vì đã cúng dường trí Nhất thiết trí.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Nếu người trong châu Diêm-phù-lợi này chẳng cúng dường, phụng sự Bát nhã Ba la mật nghĩa là họ chẳng biết sự cao quý của pháp này. Còn nếu người nào cúng dường Bát nhã Ba la mật thì phước của người ấy to tát không gì sánh bằng, do đó cần phải cúng dường Bát nhã Ba la mật.

Đức Phật hỏi Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực! Trong châu Diêm-phù-lợi này, có được bao nhiêu người tin Phật, tin Pháp, tin Tỳ-kheo Tăng?

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

–Có rất ít người trong châu Diêm-phù-lợi này tin Phật, tin

Pháp, tin Tỳ-kheo Tăng, còn người hành đạo Tu-đà-hoàn, Tưđàhàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật cho đến hành Phật đạo thì càng ít hơn nữa!

Đức Phật dạy:

–Này Câu-dực, đúng thế, rất ít! Dù cho người cầu Phật đạo, người hành Phật đạo tuy rất nhiều nhưng cuối cùng thành Phật thì rất ít. Như vậy không thể tính kể vô số người từ lúc bắt đầu cầu Phật đạo đến cuối cùng trong số người này chỉ có một, hai người trụ được địa vị không thoái chuyển.

Này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ tu hành cầu Phật đạo về sau thành Phật đạo là như thế đó!

Phật dạy tiếp:

–Thiện nam, thiện nữ học Bát nhã Ba la mật hoặc thọ trì hoặc đọc tụng, các ông phải đảnh lễ, phụng sự cúng dường họ. Vì sao? Vì nhờ hiểu các điều dạy trong Bát nhã Ba la mật mà biết thuở quá khứ ít có Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Các Bồ-tát thuở xưa hành Phật đạo đều do học Bát nhã Ba la mật mà thành. Đến thời ta, các ông cũng nên cùng nhau học pháp này. Sau khi Như Lai Bát-nêhoàn, các Đại Bồ-tát đều nên thọ trì Bát nhã Ba la mật.

Này Câu-dực! Sau khi Như Lai Bát-nê-hoàn, có thiện nam, thiện nữ xây tháp bảy báu cúng dường xá-lợi, suốt đời tự hướng về đảnh lễ, phụng sự, đem hoa đẹp cõi trời, hương bột cõi trời, hương xoa cõi trời, hương tổng hợp cõi trời, lụa là cõi trời, cờ phướn cõi trời, lọng báu cõi trời để cúng dường đó. Này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ ấy được phước có nhiều chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều! Phật nói:

–Không đúng, thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã balamật, tự hướng về đảnh lễ, phụng sự, cúng dường quyển kinh này bằng các thứ hoa quý, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, lụa là, cờ phướn, lọng báu được phước mới nhiều.

Đức Phật dạy:

–Hãy gác việc xây tháp bảy báu lại. Nếu có tháp xây bằng bảy chất liệu quý báu đầy cả châu Diêm-phù-lợi, thiện nam, thiện nữ suốt đời tự hướng về đảnh lễ, phụng sự, cúng dường bằng các thứ như hoa đẹp cõi trời, hương bột cõi trời, hương xoa cõi trời, hương tổng hợp cõi trời, lụa là cõi trời, cờ phướn cõi trời, lọng báu cõi trời. Này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ này được phước có nhiều chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều! Phật nói:

–Không đúng! Thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã balamật rồi hướng về đảnh lễ, phụng sự, cúng dường quyển kinh này bằng các thứ như hoa quý, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, lụa là, cờ phướn, lọng báu được phước mới nhiều. Đức Phật dạy:

–Hãy gác việc tạo tháp bảy báu khắp một châu Diêmphù-lợi. Này Câu-dực! Tháp bảy báu đầy khắp bốn châu thiên hạ, nếu có Thiện nam, thiện nữ suốt đời tự hướng về đảnh lễ, phụng sự, cúng dường bằng các thứ như hoa đẹp cõi trời, hương bột cõi trời, hương xoa cõi trời, hương tổng hợp cõi trời, lụa là cõi trời, cờ phướn cõi trời, lọng báu cõi trời. Phước của người ấy có nhiều chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều! Phật nói:

–Không đúng! Thiện nam, thiện nữ nào biên chép Bátnhã bala-mật rồi tự hướng về đảnh lễ, phụng sự, cúng dường quyển kinh này bằng các thứ như hoa quý, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, lụa là, cờ phướn, lọng báu được phước mới nhiều.

Đức Phật dạy:

–Hãy gác việc cúng dường tháp bảy báu khắp một tứ thiên hạ lại. Này Câu-dực! Ví như một tứ thiên hạ rồi lại một tứ thiên hạ, như vậy lên đến một ngàn tứ thiên hạ đều kiến tạo đầy tháp bảy báu. Nếu có thiện nam, thiện nữ suốt đời tự hướng về đảnh lễ, phụng sự, cúng dường bằng các thứ như hoa đẹp cõi trời, hương bột cõi trời, hương xoa cõi trời, hương tổng hợp cõi trời, lụa là cõi trời, cờ phướn cõi trời, lọng báu cõi trời. Này Câu-dực! Người ấy được phước có nhiều chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều! Phật bảo:

–Không đúng! Thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã balamật rồi tự hướng về đảnh lễ, phụng sự, cúng dường quyển kinh này bằng các thứ như hoa quý, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, lụa là, cờ phướn, lọng báu được phước mới nhiều. Đức Phật dạy:

–Hãy gác lại việc cúng dường tháp bảy báu một ngàn tứ thiên hạ lại. Này Câu-dực! Cũng vậy, trong hai ngàn tứ thiên hạ đều kiến tạo đầy tháp bảy báu. Nếu có thiện nam, thiện nữ suốt đời tự hướng về đảnh lễ, phụng sự, cúng dường bằng các thứ như hoa đẹp cõi trời, hương bột cõi trời, hương xoa cõi trời, hương tổng hợp cõi trời, lụa là cõi trời, cờ phướn cõi trời, lọng báu cõi trời. Này Câu-dực! Phước của người ấy có nhiều chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều! Phật nói:

–Không đúng! Thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã balamật rồi tự hướng về đảnh lễ, phụng sự, cúng dường quyển kinh này bằng các thứ như hoa quý, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, lụa là, cờ phướn, lọng báu được phước mới nhiều.

Đức Phật dạy:

–Hãy gác việc cúng dường tháp bảy báu khắp hai ngàn tứ thiên hạ lại. Này Câu-dực! Trong ba ngàn tứ thiên hạ đều kiến tạo đầy tháp bảy báu. Nếu có thiện nam, thiện nữ suốt đời tự hướng về đảnh lễ, phụng sự, cúng dường bằng các thứ như hoa đẹp cõi trời, hương bột cõi trời, hương xoa cõi trời, hương tổng hợp cõi trời, lụa là cõi trời, cờ phướn cõi trời, lọng báu cõi trời. Này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ này được phước có nhiều chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều! Phật nói:

–Không đúng, thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã balamật rồi tự hướng về đảnh lễ, phụng sự, cúng dường quyển kinh này bằng các thứ như hoa quý, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, lụa là, cờ phướn, lọng báu được phước mới nhiều. Đức Phật dạy:

–Hãy gác việc cúng dường tháp bảy báu đầy khắp ba ngàn tứ thiên hạ lại. Này Câu-dực! Nếu tất cả hữu tình trong khắp tam thiên đại thiên thế giới đều được sinh trong loài người, đều được

làm người, mỗi người đều làm tháp bảy báu. Những người này suốt đời cúng dường bằng các thứ kỹ nhạc, hoa đẹp, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, lụa là, cờ phướn, lọng báu. Rồi lại còn đem các thứ hoa đẹp cõi trời, hương bột cõi trời, hương xoa cõi trời, hương tổng hợp cõi trời, lụa là cõi trời, cờ phướn cõi trời, lọng báu cõi trời cúng dường. Các hữu tình này và các hữu tình trong tam thiên đại thiên thế giới thảy đều dựng tháp bảy báu, đều dùng kỹ nhạc… cúng dường. Này Câu-dực! Công đức phước đức của họ có nhiều chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều!

Phật bảo:

–Không đúng! Thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã balamật rồi tự hướng về đảnh lễ, phụng sự, cúng dường quyển kinh này bằng các thứ như hoa quý, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, lụa là, cờ phướn, lọng báu được phước mới nhiều.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, đúng thế! Chúng con phải tự hướng về đảnh lễ, phụng sự, cúng dường Bát-nhã ba-lamật cực kỳ an ổn này. Chúng con phải tự hướng về lễ bái, phụng sự, cúng dường trí Nhất thiết trí của chư Phật Thiên Trung Thiên quá khứ, hiện tại, vị lai. Chúng con vì cúng dường mà đến.

Đức Phật dạy:

–Hãy gác việc dựng tháp báu khắp tam thiên đại thiên thế giới lại. Lại như cõi nước Phật nhiều như số cát sông Hằng, mỗi một hữu tình đều xây tháp bảy báu, đều cúng dường một kiếp hoặc hơn một kiếp bằng các thứ như hoa đẹp cõi trời, hương bột cõi trời, hương xoa cõi trời, hương tổng hợp cõi trời, lụa là cõi trời, cờ phướn cõi trời, lọng báu cõi trời, các thứ kỹ nhạc trong cõi trời người đều đem cúng dường. Này Câu-dực! Như vậy công đức phước đức của các hữu tình ấy có nhiều không?

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều! Phật nói:

–Không đúng, thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã balamật, tự hướng về đảnh lễ, phụng sự, cúng dường quyển kinh này bằng các thứ như hoa quý, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, lụa là, cờ phướn, lọng báu được phước mới nhiều.

Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Như vậy, này Câu-dực, không đúng! Thiện nam, thiện nữ từ trong pháp này được phước rất nhiều, không thể tính, không thể bàn, không thể cân, không thể lường, không thể cùng. Vì sao? Vì từ trong Bát nhã Ba la mật sinh ra trí Nhất thiết trí của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Như thế, này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ biên chép Bát nhã Ba la mật rồi tự hướng về đảnh lễ, phụng sự, cúng dường quyển kinh này bằng các thứ như hoa quý, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, lụa là, cờ phướn, lọng báu. Như vậy, này Câu-dực! Công đức đạt được, phước đức đạt được và công đức đời trước đạt được, phước đức của Phật đạt được đem nhân lên một trăm lần phước đức của hữu tình trong cõi nước Phật nhiều như số cát sông Hằng đều dựng tháp bảy báu thờ xá-lợi Phật cũng không sao tính được! Đem chúng nhân lên một ngàn lần cũng không sao tính được! Đem chúng nhân lên trăm ngàn lần cũng không sao tính được! Đem chúng nhân lên

vạn ức lần cũng không sao tính được! Đem chúng nhân lên vô số lần vẫn không sao so tường với phước đức cúng dường Bát nhã Ba la mật!

Bấy giờ bốn vạn Thiên nhân cùng Thích Đề-hoàn Nhân đến đại hội. Các Thiên nói với Thích Đề-hoàn Nhân.

–Ngài nên thọ trì Bát nhã Ba la mật, phải nên phúng tụng Bát nhã Ba la mật.

Đức Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực! Ông nên học Bát nhã Ba la mật, nên thọ trì, nên phúng tụng kinh này. Vì sao? Vì trong tâm A-tu-luân khởi ý muốn đấu tranh với trời Đao-lợi thì A-tu-luân liền khởi binh đánh lên Thiên cung. Lúc ấy Câu-dực nên tụng niệm Bát nhã Ba la mật, thì binh của A-tu-luân lập tức thoái lui.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật là cực đại chú, Bát nhã Ba la mật là cực tôn chú, Bát nhã Ba la mật là vô đẳng đẳng chú.

Đức Phật dạy:

–Đúng thế, này Câu-dực! Bát nhã Ba la mật là cực đại chú, Bát nhã Ba la mật là cực tôn chú, Bát nhã Ba la mật là vô đẳng đẳng chú. Này Câu-dực! Người trì chú này sẽ được thành Phật như các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thời quá khứ đều từ chú này mà được thành Phật, các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đời vị lai cũng đều do học chú này mà thành Phật, mười phương chư Phật hiện tại cũng từ chú này mà thành Phật.

Này Câu-dực! Chú này vốn sinh ra mười giới công đức (thập thiện) soi sáng thiên hạ, bốn Thiền, bốn Đế, bốn Thần túc, năm Thần thông soi sáng thế gian. Đại Bồ-tát từ trong Bát-nhã ba-lamật sinh ra mười giới công đức đến khắp thế gian, bốn Thiền, bốn Đế, bốn Thần túc, năm Thần thông soi sáng thế gian. Nay đây, Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chưa xuất hiện nơi thế gian, thì Bồ-tát soi sáng thế gian bằng bốn Thiền, bốn Đế, bốn Thần túc, năm Thần thông như mặt trăng ngày rằm soi sáng các ngôi sao giữa hư không. Cũng vậy, này Câu-dực, công đức của Bồ-tát cũng trọn vẹn đầy đủ như thế. Lúc Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chưa xuất hiện nơi thế gian thì Bồ-tát xuất hiện soi sáng thế gian. Đại Bồ-tát đều từ trong phương tiện thiện xảo của Bát nhã Ba la mật sinh ra. Ông cần phải biết như thế.

Lại nữa, này Câu-dực! Nếu thiện nam, thiện nữ học tập, trì tụng Bát nhã Ba la mật thì được phước đức đầy đủ.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Sao gọi là phước đức đầy đủ?

Đức Phật dạy:

–Người này không bao giờ bị trúng độc chết, không bị chết chìm, không bị chết vì binh đao. Lúc đến cửa quan, nếu bị quan huyện đánh đập oan ức, nên tụng Bát nhã Ba la mật trong lúc ngồi hoặc đi thì quan huyện không thể hãm hại được. Vì sao? Vì được Bát nhã Ba la mật ủng hộ. Nếu gặp những việc khác, cũng nên tụng niệm Bát nhã Ba la mật như là đến chỗ nhà vua, thái tử, đại thần thì được họ nói lời thân mật, rồi cùng nhau luận đàm, cùng nhau tươi cười vui vẻ. Vì sao? Vì học Bát nhã Ba la mật nên người này niệm thiện, nghĩ thiện đem tâm Từ bi thương xót tất cả mọi người cho đến các loài bò bay máy cựa. Vì thế nên ai thấy người ấy cũng đều đứng

dậy nghênh đón. Này Câu-dực! Nếu có kẻ nào tìm cách hãm hại cũng không thể nào hãm hại được người này.

Bấy giờ có kẻ dị đạo từ xa thấy Phật ngồi trong đại hội. Ông ta chậm rãi đi đến muốn phá rối pháp hội. Lúc ông ta đi gần đến chỗ Phật thì Thích Đề-hoàn Nhân nghĩ: “Phải làm thế nào khi ta suốt đời thường ở bên Phật thọ trì, phúng tụng Bát nhã Ba la mật? Kẻ dị đạo kia muốn gây rối, ta phải ngăn chặn lại”. Thích Đề-hoàn Nhân liền phúng tụng Bát nhã Ba la mậtđã được nghe từ Đức Phật. Kẻ dị đạo liền từ xa nhiễu quanh Phật ba vòng rồi theo đường tắt ra đi.

Xá-lợi-phất thầm nghĩ: “Trong việc này, tại sao khiến cho kẻ dị đạo kia theo đường tắt ra đi?”

Đức Phật biết ý nghĩ của Xá-lợi-phất, bèn nói:

–Thích Đề-hoàn Nhân tụng niệm Bát nhã Ba la mật khiến cho kẻ dị đạo kia phải đi ra. Kẻ dị đạo không có thiện ý đến, vì mang ác ý đến.

Lúc ấy, ma tệ ác nghĩ: “Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ngồi chung với bốn chúng đệ tử, Đế Thích, Phạm thiên và Thiên chúng cũng đều có mặt trong pháp hội, không có kẻ dị đạo, thì Đại Bồ-tát đến nhóm họp sẽ được Phật thọ ký làm vị tướng soái trong loài người, tự tiến lên thành Phật. Ta phải đến phá rối họ.” Ma tệ ác đi xe tứ mã từ từ tiến tới chỗ Phật. Thích Đề-hoàn Nhân nghĩ: “Ma tệ ác đi xe tứ mã muốn đến chỗ Phật. Xe tứ mã này của ma tệ ác tuy không khác, nhưng không phải là loại xe tứ mã của quốc vương Bìnhsa, cũng không phải là loại xe tứ mã của quốc vương Ba-tư-nặc, cũng không phải là loại xe tứ mã của dòng họ Thích, cũng không phải là loại xe tứ mã của Tùy-xá-lợi (Sát-đế-lợi), mà xe tứ mã này do ma tệ ác biến hóa ra. Ngày đêm ma tệ ác thường tìm cơ hội phá rối Phật, thường não loạn người ở thế gian.” Thích Đề-hoàn Nhân luôn luôn nguyện: “Ta phải niệm Bát-nhã ba-lamật, tâm thường niệm thường trì, tụng niệm rốt ráo.” Lúc trong tâm Thích Đề-hoàn Nhân tụng niệm Bát nhã Ba la mật gần xong thì ma tệ ác theo lối cũ quay về.

Thiên đế Câu-dực ở cõi trời Đao-lợi đem hoa trời bay đến đứng trên hư không rải lên Đức Phật và bốn phía rồi nói:

–Bát nhã Ba la mật-đã đoạn tuyệt từ lâu, đến nay người ở châu Diêm-phù-lợi này mới được nghe, mới được gặp.

Thiên đế lại còn đem ngần ấy hoa trời từ bốn phía rải lên Đức Phật.

Đức Phật dạy:

–Người nào thực hành Bát nhã Ba la mật, thọ trì Bát-nhã bala-mật thì chẳng bị ma và bè đảng của ma phá rối.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Người nghe Bát nhã Ba la mật được phước đức, công đức chẳng nhỏ, hà huống học tập, thọ trì, đọc tụng. Học rồi, trì rồi, tụng rồi, lấy cái học ấy dùng làm pháp để an trụ. Người này đời trước đã từng gặp Phật nghe thuyết pháp Bát nhã Ba la mật, hà huống là học tập, thọ trì, đọc tụng. Học rồi, trì rồi, tụng rồi hành đúng như lời dạy, an trụ đầy đủ nơi pháp này, chính là đã cúng dường Như Lai. Công đức của người này là như vậy đó! Vì sao? Vì trí Nhất thiết trí do thực hành Bát nhã Ba la mật mà ra.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ví như muốn được châu báu quý giá thì phải tìm từ trong biển cả, còn muốn được trân bảo trí Nhất thiết trí để thành Đấng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thì phải tìm từ trong Bát nhã Ba la mật.

Phật nói:

–Đúng thế! Từ trong Bát nhã Ba la mật sinh ra trí Nhất thiết trí của Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. A-nan bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, vì sao không có ai nói Bố thí ba-la-mật, cũng không nói Trì giới ba-la-mật, cũng không nói Nhẫn nhục ba-la-mật, cũng không nói Tinh tấn ba-la-mật, cũng không nói Thiền định ba-la-mật, cũng không nói đến danh tự của chúng mà chỉ cùng nhau nói Bát nhã Ba la mật? Đức Phật hỏi A-nan:

–Vì Bát nhã Ba la mật tôn quý hơn các Ba-la-mật kia. Này Anan! Bố thí mà không hồi hướng đến trí Nhất thiết trí thì có phải là Bố thí ba-la-mật không? Trì giới mà không hồi hướng đến trí Nhất thiết trí thì có phải là Trì giới ba-la-mật không? Nhẫn nhục mà không hồi hướng đến trí Nhất thiết trí thì có phải là Nhẫn nhục ba-lamật không? Tinh tấn mà không hồi hướng đến trí Nhất thiết trí thì có phải là Tinh tấn ba-la-mật không? Nhất tâm mà không hồi hướng đến trí Nhất thiết trí thì có phải là Thiền định ba-la-mật không? Trí tuệ mà không hồi hướng đến trí Nhất thiết trí thì có phải là Bát-nhã ba-lamật không?

A-nan đáp:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bố thí mà không hồi hướng đến trí Nhất thiết trí thì không phải là Bố thí ba-la-mật. Trì giới mà không hồi hướng đến trí Nhất thiết trí thì không phải là Trì giới bala-mật. Nhẫn nhục mà không hồi hướng đến trí Nhất thiết trí thì không phải là Nhẫn nhục ba-la-mật. Tinh tấn mà không hồi hướng đến trí Nhất thiết trí thì không phải là Tinh tấn ba-la-mật. Nhất tâm mà không hồi hướng đến trí Nhất thiết trí thì không phải là Thiền định ba-la-mật Trí tuệ mà không hồi hướng đến trí Nhất thiết trí thì không phải là Bát nhã Ba la mật.

Đức Phật dạy:

–Đúng thế, này A-nan! Bát nhã Ba la mật thì tôn quý hơn năm pháp Ba-la-mật kia. Ví như gieo hạt giống xuống đất thì đồng thời sẽ mọc lên cây to. Cũng vậy, này A-nan! Bát-nhã ba-lamật là đất, năm pháp Ba-la-mật kia là hạt giống. Năm pháp Ba-la-mật kia từ Bát nhã Ba la mật sinh. Trí Nhất thiết trí từ Bát nhã Ba la mật thành. Như vậy, này A-nan! Đối với năm pháp Ba-la-mật thì Bát nhã Ba la mật được gọi là tôn quý hơn hết.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nói không hết về công đức của thiện nam, thiện nữ học Bát nhã Ba la mật, thọ trì, đọc tụng là sao?

Đức Phật nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Ta không thể nào nói hết công đức của người thực hành Bát nhã Ba la mật, mà ta nói thiện nam, thiện nữ biên chép Bát nhã Ba la mật rồi tự hướng về đảnh lễ, phụng sự, cúng dường quyển kinh này bằng các thứ như hoa quý, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, lụa là, cờ phướn, lọng báu. Ta chỉ nói về công đức cúng dường mà thôi.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bản thân con sẽ ủng hộ thiện nam, thiện nữ nào biên chép Bát nhã Ba la mật rồi tự hướng về đảnh lễ, phụng sự, cúng dường quyển kinh này bằng các thứ như hoa quý, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, lụa là, cờ phướn, lọng báu. Con chỉ ủng hộ công đức cúng dường mà thôi.

Đức Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Thiện nam, thiện nữ đọc tụng Bát nhã Ba la mật nếu có ngần ấy ngàn vị chư Thiên đến chỗ người trì kinh nghe pháp mà không hiểu. Chư Thiên vừa muốn hỏi Pháp sư về pháp này thì Thiên thần nói với họ rằng: "Do lòng Từ trong pháp này, vị Pháp sư kia sẽ lập tức tự thông hiểu và giảng giải được những điều chư Thiên không hiểu." Công đức của thiện nam, thiện nữ này tạo ra, ông cần phải tự thấy biết!

Lại nữa, này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ biên chép Bát nhã Ba la mật, chư Thiên trên cõi trời như Tứ Thiên vương, có vị đang cầu Phật đạo liền đến chỗ người trì kinh này thưa hỏi lắng nghe, thọ nhận pháp Bát nhã Ba la mật, lễ bái, nhiễu quanh xong rồi lui về. Chư Thiên trên cõi trời Đao-lợi có vị đang cầu Phật đạo cũng đến chỗ người trì kinh này thưa hỏi lắng nghe pháp Bát nhã Ba la mật, lễ bái, nhiễu quanh xong rồi lui về. Chư Thiên trên cõi trời Diệm (Diệm-ma) có vị đang cầu Phật đạo cũng qua đến chỗ người trì kinh này thưa hỏi lắng nghe, thọ nhận pháp Bát nhã Ba la mật, lễ bái, nhiễu quanh xong rồi lui về.

Thiện nam, thiện nữ nên biết các Trời, Rồng, A-tu-luân, các Quỷ, Thần, Dạ-xoa, Ca-lâu-la, Chân-đà-la, Càn-đà-la, Mahầu-lạc, Người và hàng phi nhân trong vô số cõi nước Phật ở mười phương đều đi đến chỗ người trì kinh này để thưa hỏi, lắng nghe, thọ nhận pháp Bát nhã Ba la mật, lễ bái, nhiễu quanh rồi mỗi người đều tự lui về, họ đều được công đức như nhau.

Chư Thiên trên cõi trời Đâu-thuật-đà, có vị cầu Phật đạo qua đến chỗ của người trì kinh này thưa hỏi, lắng nghe, thọ nhận pháp Bát nhã Ba la mật, lễ bái, nhiễu quanh xong rồi lui về. Chư Thiên ở cõi trời Hóa lạc, có vị cầu Phật đạo qua đến chỗ của người trì kinh này thưa hỏi, lắng nghe, thọ nhận pháp Bát nhã Ba la mật, lễ bái, nhiễu quanh xong rồi lui về. Chư Thiên trên cõi trời Tha hóa tự tại, có vị cầu Phật đạo qua đến chỗ của người trì kinh này thưa hỏi, lắng nghe, thọ nhận pháp Bát nhã Ba la mật, lễ bái, nhiễu quanh xong rồi lui về.

Chư Thiên cõi Sắc ở các cõi Phạm thiên, Phạm phụ, Phạm chúng, Đại phạm, Quang phiên, Thiểu quang, Vô lượng quang, Quang âm, Tịnh thiên, Thiểu tịnh, Vô lượng tịnh, Biến tịnh, Nghiêm sức, Tiểu nghiêm sức, Vô lượng nghiêm sức, Nghiêm sức quả thật, Vô tưởng, Vô tạo, Vô nhiệt, Thiện kiến, Đại thiện kiến, Sắc cứu cánh, có các vị cầu Phật đạo đều qua đến chỗ của người trì kinh này thưa hỏi, lắng nghe, thọ nhận pháp Bát nhã Ba la mật, lễ bái, nhiễu quanh xong rồi mỗi người tự lui về. Thậm chí các vị trời Sắc cứu cánh hãy còn đi xuống vào trong hàng ngũ chư Thiên, huống chi Câu-dực. Chư Thiên cõi Dục, chư Thiên cõi Sắc trong tam thiên đại thiên thế giới đều đến thưa hỏi, lắng nghe, thọ nhận pháp Bát-nhã bala-mật, lễ bái, nhiễu quanh xong rồi mỗi người tự lui về.

Thiện nam, thiện nữ này ở chỗ nào cũng luôn được an ổn vững vàng, không bị khuấy nhiễu, trừ phi do nghiệp đời trước, nay phải đền trả, ngoài ra đều không thể làm động đến được. Chư Thiên đến đây hôm nay phải biết công đức của thiện nam, thiện nữ này đạt được là như thế!

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Làm thế nào thiện nam, thiện nữ biết rằng chư Thiên đến chỗ của mình lắng nghe, thọ nhận pháp Bát nhã Ba la mật, đảnh lễ, thừa sự? Đức Phật đáp:

–Thiện nam, thiện nữ phải biết thế này! Chư Thiên đến thọ nhận pháp Bát nhã Ba la mật, đảnh lễ, thừa sự. Do đâu có chư Thiên đến? Nếu lúc ấy thiện nam, thiện nữ vui mừng hớn hở. Lúc trong lòng vui vẻ thì biết là chư Thiên đến, đã biết rồi thì phải buông bỏ.

Hoặc Trời, hoặc Rồng, hoặc quỷ thần Dạ-xoa, hoặc quỷ thần

Chân-đà-la đến chỗ của thiện nam, thiện nữ kia. Lại nữa, này Câudực, thiện nam, thiện nữ nghe mùi hương của quỷ thần như là đã từng biết rồi. Đại quỷ thần đến chỗ của thiện nam, thiện nữ thì tiểu quỷ phải tránh đi.

Lại nữa, này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ thường nên giữ thân thể sạch sẽ. Vì quỷ thần đều rất thích thân thể sạch sẽ. Tiểu thiên thấy Đại thiên đến thì liền tránh đi. Oai thần của Đại tôn thiên vòi vọi, hào quang rực rỡ từ từ an tường đi đến, vị trời này đi đến chỗ có kinh. Vào đến chỗ có kinh rồi thì thiện nam, thiện nữ cảm thấy vui mừng hớn hở. Chỗ của thiện nam, thiện nữ ở thường sạch sẽ thì không bị mắc bệnh, chỗ ở thường yên ổn, chưa từng có ác mộng, trong mộng không thấy chi khác, chỉ thấy Phật, chỉ thấy tháp, chỉ thấy, nghe Bát nhã Ba la mật, chỉ thấy các đệ tử của Phật, chỉ thấy sự vượt qua sinh tử, chỉ thấy Phật ngồi, chỉ thấy Phật thuyết pháp, chỉ thấy lúc Phật sắp thành đạo, chỉ thấy chư Phật đã thành Phật, chỉ thấy Phật chuyển pháp luân lần đầu tiên, chỉ thấy ngần ấy Bồ-tát, chỉ thấy sáu pháp Ba-la-mật và các pháp giải thoát, chỉ thấy Phật sẽ thành, chỉ thấy các cõi Phật khác, chỉ thấy Phật, Tôn pháp và các bậc không ai sánh bằng (Thánh Tăng), chỉ thấy Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở một phương nào đó có ngần ấy trăm đệ tử, có ngần ấy ngàn đệ tử, có ngần ấy vạn đệ tử. Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đang ở trong chúng đệ tử ấy thuyết pháp.

Này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ mộng thấy như thế rồi an ổn thức dậy cảm thấy thân thể trong sạch nhẹ nhàng, không còn nghĩ đến ăn uống, thân tự no đủ. Này Câu-dực! Ví như Tỳ-kheo đắc Thiền, từ trong Thiền định dậy, cảm thấy no đủ, tâm không còn nghĩ đến ăn uống. Cũng vậy, này Câudực! Thiện nam, thiện nữ tỉnh giấc rồi, không nghĩ đến ăn uống, tự cảm thấy no đủ. Vì sao? Vì khí lực mạnh mẽ nên quỷ thần chẳng dám đến gần. Người muốn thành Phật thì công đức của người ấy tự thể hiện. Người muốn thành Phật phải học Bát nhã Ba la mật, cần phải thọ trì, đọc tụng. Giả sử không học, không trì, không tụng thì thiện nam, thiện nữ chỉ cần biên chép rồi tự hướng về đảnh lễ, phụng sự, cúng dường quyển kinh này bằng các thứ như hoa quý, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, lụa là, cờ phướn, lọng báu.

Lại nữa, này Câu-dực! Nếu có người đem xá-lợi của Như Lai đầy trong châu Diêm-phù-lợi hoặc kinh điển Bát-nhã ba-lamật-đã biên chép xong ban cho, thì ông chọn lấy phần nào? Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Con thà chọn Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Con không dám không kính xá-lợi, vì từ trong đó sinh ra sự cúng dường xá-lợi. Bát nhã Ba la mật sinh ra xá-lợi, rồi từ trong đó được cúng dường. Như con có lúc cùng ngồi với chư Thiên ở trên cõi trời trên tòa đặc biệt. Khi con tự ngồi vào tòa, chưa ngồi, các Thiên nhân cũng đều đảnh lễ và nhiễu quanh tòa của con rồi lui ra. Tòa ấy tôn quý vì Thích Đề-hoàn Nhân ngồi trên đó thuyết pháp nên chư Thiên ở cõi trời Đao-lợi đều đảnh lễ. Cũng vậy, bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật

sinh ra xá-lợi của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, trí Nhất thiết trí và cũng từ pháp này sinh ra thân Phật. Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Vì thế trong hai phần, con chọn lấy Bát nhã Ba la mật, chứ không chọn lấy xá-lợi của Như Lai đầy khắp trong châu Diêm-phù-lợi.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Giả sử xá-lợi Phật đầy trong tam thiên đại thiên thế giới là một phần, kinh Bát-nhã ba-lamật là một phần. Trong hai phần đó, con chọn lấy Bát-nhã bala-mật. Vì sao? Vì từ trong Bát nhã Ba la mật sinh ra xá-lợi để cúng dường.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ví như người mắc nợ nhưng được ở bên cạnh vua, cùng vua ra vào, được nhà vua rất mực kính trọng, không ai dám hỏi đến và người ấy cũng không còn sợ. Vì sao? Vì người ấy ở bên cạnh nhà vua nên có oai lực. Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Từ trong Bát nhã Ba la mật sinh ra xálợi, từ trong pháp này sinh ra sự cúng dường. Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Kinh này như vua. Bát nhã Ba la mật ví như nhà vua hùng mạnh đáng được cung phụng. Xá-lợi của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác từ trong trí Nhất thiết trí sinh ra đáng được cúng dường. Cũng vậy, bạch Đức Thiên Trung Thiên! Trí Nhất thiết trí của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác từ Bát-nhã ba-lamật sinh ra. Vì biết như thế nên trong hai phần con chọn lấy Bát nhã Ba la mật.

Người thọ trì Bát nhã Ba la mật ví như châu ma-ni vô giá. Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Người có châu báu này thì không ai dám bằng. Nếu cầm bảo châu này đi đến đâu thì quỷ thần cũng không dám rình rập, nên chẳng bị quỷ thần làm hại. Nếu thiện nam, thiện nữ đeo bảo châu ma-ni trên thân, quỷ thần liền bỏ đi. Nếu trúng nhiệt, đeo bảo châu ma-ni trên thân thì nhiệt ấy liền được trừ khử. Nếu trúng phong, đeo bảo châu ma-ni trên thân thì phong ấy chẳng thêm thêm, liền được trừ khử. Nếu trúng hàn, đeo bảo châu ma-ni trên thân thì hàn ấy chẳng thêm thêm, liền được trừ khử. Ban đêm, đeo bảo châu ma-ni thì trong tối liền sáng. Lúc nóng, đeo bảo châu ma-ni thì đi đến đâu ở đó liền mát mẻ. Lúc lạnh, đeo bảo châu ma-ni đi đến đâu thì ở đó liền ấm áp. Đến đâu, các chất độc đều chẳng hoành hành, những điều khác cũng vậy. Nếu có người bị rắn cắn, thiện nam, thiện nữ đưa châu ma-ni cho người ấy thấy thì độc liền trừ.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Như vậy châu ma-ni cực kỳ tôn quý. Nếu người có bệnh mắt, hoặc mắt đau nhức, hoặc mắt mù lòa, đưa bảo châu ma-ni đến gần mắt, bệnh mắt liền lành. Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Như vậy châu ma-ni vòi vọi tự tại, mang để vào trong nước thì nước liền có màu sắc của châu ma-ni, lấy lụa bọc châu ma-ni để vào trong nước, nước liền có màu sắc như màu của châu ma-ni. Giả sử đem ngần ấy các thứ lụa màu khác nhau bọc châu ma-ni lại để vào trong nước, nước cũng có màu của châu ma-ni. Nước đục liền trở thành trong, đặc tánh của châu ma-ni không gì sánh bằng.

A-nan hỏi Thích Đề-hoàn Nhân:

–Thưa Câu-dực! Có phải trên trời và châu Diêm-phù-lợi cũng đều có châu ma-ni chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân đáp lời Tôn giả A-nan:

–Trên trời và châu Diêm-phù-lợi cũng đều có châu mani, điều này không cần phải nói. Nhưng tôi muốn nó đến chỗ khác nhau là châu ma-ni trên trời thì nhẹ và đặc tánh của nó quý gấp mười, gấp trăm, gấp ngàn, gấp vạn, gấp ức ức vạn châu ở châu Diêm-phù-lợi.

Tôi nói, chỗ nào có châu ma-ni này như để nó trong tráp hoặc trong hộp, thì ánh sáng của nó phát ra gấp bội, giả sử đem châu đi nơi khác rồi mà tráp hộp ấy vẫn tiếp tục sáng như cũ. Công

đức của trí Nhất thiết trí Bát nhã Ba la mật là đến lúc Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác Bát-nê-hoàn rồi xá-lợi vẫn được cúng dường như cũ. Xálợi của Đấng có trí Nhất thiết trí được phân bố khắp thiên hạ để cúng dường như cũ.

Lại nữa, này A-nan! Thiện nam, thiện nữ muốn thấy chư Phật hiện tại trong vô số cõi Phật ở khắp mười phương thì phải thực hành Bát nhã Ba la mật, phải thọ trì Bát-nhã ba-lamật.

Đức Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Đúng vậy, này Câu-dực! Các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thời quá khứ đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra, là vị tướng soái trong loài người, tự tiến lên thành Phật. Các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thời vị lai cũng đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra, là vị tướng soái trong loài người, tự tiến lên thành Phật. Chư Phật hiện tại ở trong vô số cõi Phật khắp cả mười phương cũng từ Bát nhã Ba la mật sinh ra, làm vị tướng soái trong loài người, tự tiến lên thành Phật.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Tâm của tất cả mọi người cho đến các loài bò bay máy cựa niệm Bát nhã Ba la mật, Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nhờ Bát nhã Ba la mật mà đều biết rõ hết.

Đức Phật dạy:

–Vì thế nên Đại Bồ-tát ngày đêm thực hành Bát-nhã balamật.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Các vị chỉ thực hành Bát nhã Ba la mật chứ không hành các Ba-la-mật khác sao?

Đức Phật dạy:

–Các Đại Bồ-tát đều hành đủ cả sáu pháp Ba-la-mật. Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật là bậc tôn quý hơn hết trong hàng Bồ-tát. Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-lamật tôn quý hơn Bồ-tát hành Bố thí. Bồ-tát hành Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm (thiền định), truyền bá kinh điển dạy người không bằng Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã bala-mật.

Này Câu-dực! Ví như các loài cây mọc trên đất của châu Diêm-phù-lợi dù màu sắc khác nhau, dù lá khác nhau, dù hoa khác nhau, dù trái khác nhau, dù nhánh khác nhau, nhưng bóng của chúng thì như nhau. Cũng giống như vậy, này Câu-dực! Năm pháp Ba-la-mật kia từ Bát nhã Ba la mật sinh ra, Bát-nhã ba-lamật sinh ra trí Nhất thiết trí. Các pháp ấy lần lượt đắp đổi sinh ra từ trong Bát nhã Ba la mật không có khác.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đức của Bát nhã Ba la mật hết sức tôn quý. Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đức của Bátnhã ba-lamật không thể tính kể. Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Không có pháp nào sánh bằng Bát nhã Ba la mật. Nếu có người biên chép Bát nhã Ba la mật rồi tự hướng về đảnh lễ, phụng sự, cúng dường quyển kinh này bằng các thứ như hoa quý, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, lụa là, cờ phướn, lọng báu. Lại nếu có người biên chép kinh này đem cho người khác, phước của người này có nhiều chăng? Đức Phật dạy:

–Này Câu-dực! Ta nay hỏi ông, tùy ý ông đáp. Nếu có người tự cúng dường xá-lợi của Như Lai, rồi lại còn chia cho người khác để cúng dường, so với người chỉ tự cúng dường không chia xá-lợi cho người khác cúng dường thì người nào phước nhiều hơn?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Thiện nam, thiện nữ tự cúng dường xá-lợi còn chia xálợi cho người khác cúng dường thì phước nhiều hơn. Đức Phật dạy:

–Cũng vậy, này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ biên chép Bát nhã Ba la mật rồi tự hướng về đảnh lễ, phụng sự, cúng dường quyển kinh này bằng các thứ như hoa quý, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, lụa là, cờ phướn, lọng báu, lại còn truyền bá cho người khác thì phước của thiện nam, thiện nữ này rất nhiều.

Lại nữa, này Câu-dực! Pháp sư đến bất cứ chỗ nào hễ thuyết kinh pháp thì phước đức rất nhiều, rất nhiều.

Lại nữa, này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ giáo hóa cho mọi người ở châu Diêm-phù-lợi đều thọ trì mười giới (thập thiện). Này Câu-dực, phước của thiện nam, thiện nữ này có nhiều chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều! Đức Phật dạy:

–Không đúng! Thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã balamật, đem quyển kinh này cho người khác rồi dạy họ biên chép hoặc đọc cho họ nghe thì phước của thiện nam, thiện nữ này nhiều gấp bội phước của người đã kể trên.

Lại nữa, này Câu-dực! Hãy gác việc ở tứ thiên hạ lại. Thiện nam, thiện nữ giáo hóa mọi người trong tiểu thiên thế giới, một ngàn đại thiên thế giới, hai ngàn đại thiên thế giới, tam thiên đại thiên thế giới, cõi nước Phật như số cát sông Hằng đều thọ trì mười giới. Ý ông nghĩ sao? Phước thiện nam, thiện nữ này có nhiều chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều! Đức Phật dạy:

–Không đúng! Thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã balamật, đem quyển kinh này cho người khác rồi dạy họ biên chép hoặc đọc cho họ nghe thì phước của thiện nam, thiện nữ này nhiều gấp bội phước của người kể trên.

Lại nữa, này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ đều giáo hóa cho mọi người ở châu Diêm-phù-lợi thực hành bốn Thiền, bốn Đế, bốn Thần túc, năm Thần thông. Ý ông nghĩ sao, phước của thiện nam, thiện nữ này có nhiều chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều! Đức Phật dạy:

–Không đúng! Thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã ba-la-

mật, rồi đem quyển kinh này cho người khác và dạy họ biên chép hoặc đọc cho họ nghe thì phước của thiện nam, thiện nữ này nhiều gấp bội phước của người kể trên.

Lại nữa, này Câu-dực! Hãy gác việc giáo hóa người ở Diêmphù-lợi lại. Người trong tứ thiên hạ, tiểu thiên thế giới, trung thiên thế giới, một ngàn đại thiên thế giới, hai ngàn đại thiên thế giới, tam thiên đại thiên thế giới, cõi nước Phật như số cát sông Hằng, thiện nam, thiện nữ đều giáo hóa họ thực hành bốn Thiền, bốn Đế, bốn Thần túc, năm Thần thông và đều làm cho họ chứng đắc các pháp ấy. Ý ông nghĩ sao? Phước của thiện nam, thiện nữ này có tăng thêm nhiều gấp bội chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều! Đức Phật dạy:

–Không đúng! Thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã balamật, rồi đem quyển kinh này cho người khác và dạy họ biên chép hoặc đọc cho họ nghe thì phước của thiện nam, thiện nữ này còn nhiều gấp bội người kể trên.

Lại nữa, này Câu-dực! Người đem quyển kinh Bát-nhã balamật này trao cho người khác và bảo họ biên chép hoặc dạy họ học hoặc tự mình học thì phước của người này nhiều gấp bội.

Lại nữa, này Câu-dực! Nếu có người tự học và hiểu đúng nghĩa Bát nhã Ba la mật thì phước của người này nhiều gấp bội.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Thế nào là học và hiểu đúng nghĩa Bát nhã Ba la mật thì được phước nhiều gấp bội?

Đức Phật dạy:

–Thiện nam, thiện nữ chẳng hiểu việc học Bát-nhã là vì sao? Vì ở đời vị lai, có thiện nam, thiện nữ muốn đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng giác ưa thích học Bát nhã Ba la mật, lại gặp phải hạng ác tri thức dạy Bát nhã Ba la mật cành nhánh.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi Phật:

–Thế nào là Bát nhã Ba la mật cành nhánh? Đức Phật dạy:

–Tỳ-kheo đời vị lai muốn học Bát nhã Ba la mật, lại bị hạng ác tri thức dạy cho học sắc vô thường, hành sắc vô thường rồi cho như thế là học và thực hành Bát-nhã ba-lamật; học thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức vô thường và hành chúng vô thường, rồi cho như thế là học và thực hành Bát nhã Ba la mật. Này Câu-dực! Đó là Bát nhã Ba la mật cành nhánh.

Đức Phật dạy tiếp:

–Người thực hành Bát nhã Ba la mật chẳng hoại sắc mà quán vô thường, chẳng hoại thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức mà quán vô thường. Vì sao? Vì vốn là không. Này Câudực! Học một ít tuệ Bát nhã Ba la mật này thì phước kia đã nhiều gấp bội.

Này Câu-dực! Nếu thiện nam, thiện nữ làm cho mọi người ở châu Diêm-phù-lợi, tam thiên đại thiên thế giới, cõi Phật như số cát sông Hằng đều đắc quả Tu-đà-hoàn. Thế nào, này Câu-dực! Phước của thiện nam, thiện nữ này có nhiều chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều! Đức Phật dạy:

–Không đúng! Thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã balamật, đem quyển kinh này cho người khác và bảo họ biên chép hoặc đọc cho họ nghe thì phước của thiện nam, thiện nữ này nhiều gấp bội người đã kể trên. Vì sao? Vì quả Tu-đàhoàn đều từ trong Bát nhã Ba la mật sinh ra.

Lại nữa, này Câu-dực! Nếu thiện nam, thiện nữ giáo hóa người trong cõi Diêm-phù-lợi làm cho đều đắc quả Tưđà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Thế nào, này Câu-dực! Phước của thiện nam, thiện nữ này có nhiều gấp bội chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều! Đức Phật dạy:

–Không đúng! Thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã balamật, đem quyển kinh này cho người khác và bảo họ biên chép hoặc đọc cho họ nghe thì phước của thiện nam, thiện nữ này

nhiều gấp bội người đã kể trên. Vì sao? Vì đức của trí Nhất thiết trí tạo thành đức của pháp, tất cả đều học từ trong Bát nhã Ba la mật mà thành Phật; lại sinh ra các quả vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật.

Này Câu-dực! Hãy gác việc của người ở châu Diêmphù-lợi lại. Nếu thiện nam, thiện nữ làm cho mọi người ở tam thiên đại thiên thế giới, cõi Phật như số cát sông Hằng đều đắc các quả vị Tu-đàhoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật. Thế nào, này Câu-dực! Phước của thiện nam, thiện nữ này có nhiều chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều! Đức Phật dạy:

–Không đúng! Thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã balamật, đem quyển kinh này cho người khác và bảo họ biên chép hoặc đọc cho họ nghe thì phước của thiện nam, thiện nữ này nhiều gấp bội người đã kể trên. Vì sao? Vì tất cả đều học từ trong Bát-nhã ba-lamật mà được thành tựu trí Nhất thiết trí tạo thành đức của pháp. Do diệu dụng như thế nên thành Phật, sinh ra các quả vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, Ala-hán, Bích-chi-phật; cho nên phước của thiện nam, thiện nữ này càng nhiều gấp bội phần.

Lại nữa, này Câu-dực! Người ở châu Diêm-phù-lợi đều hành Phật đạo, đã vào Phật đạo rồi, tâm học Phật đạo đã phát sinh. Nếu thiện nam, thiện nữ đem quyển kinh Bát-nhã bala-mật cho họ và bảo họ biên chép quyển kinh này để trao cho Bồ-tát không thoái chuyển, vì vị ấy sẽ theo đây học thì có khả năng thâm nhập vào trong Bát nhã Ba la mật, học trí tuệ Bát nhã Ba la mật ngày càng tăng tiến cho đến thành tựu viên mãn trí tuệ vô cực, thì phước của thiện nam, thiện nữ này càng nhiều gấp bội.

Này Câu-dực! Hãy gác việc của người ở châu Diêmphù-lợi lại. Nếu mọi người trong tam thiên đại thiên thế giới và cõi Phật nhiều như số cát sông Hằng đều hành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều phát tâm hành Phật đạo. Nếu thiện nam, thiện nữ đem quyển kinh Bát nhã Ba la mật cho họ và bảo họ biên chép hoặc dạy họ học hoặc vì họ mà giảng nói, thậm chí biên chép quyển kinh này rồi trao cho Bồ-tát không thoái chuyển, vì vị ấy sẽ theo đây học thì có khả năng thâm nhập vào trong Bát nhã Ba la mật, học trí tuệ Bát nhã Ba la mật ngày càng tăng tiến cho đến thành tựu viên mãn Trí tuệ vô cực, thì phước của người này nhiều gấp bội.

Lại nữa, này Câu-dực! Người ở châu Diêm-phù-đề đều hành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều phát tâm cầu thành Phật. Nếu thiện nam, thiện nữ đem quyển kinh Bát nhã Ba la mật cho họ và bảo họ biên chép, vì họ giảng nói về trí tuệ trong đó, dạy cho họ học, thậm chí đem quyển kinh này trao cho Bồ-tát không thoái chuyển để khiến cho vị ấy nhập vào trong trí tuệ, thì phước của thiện nam, thiện nữ này càng nhiều gấp bội.

Hãy gác việc của người ở châu Diêm-phù-lợi lại! Người trong tam thiên đại thiên thế giới cho đến cõi Phật nhiều như số cát sông Hằng đều hành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều phát tâm cầu thành Phật. Nếu thiện nam, thiện nữ đem quyển kinh Bát nhã Ba la mật cho họ và bảo họ biên chép, dạy họ học tập thâm nhập vào trí tuệ hoặc đem quyển kinh Bát nhã Ba la mật-đã biên chép trao cho vị ấy và bảo học trí tuệ ở trong ấy, thì phước của thiện nam, thiện nữ này càng nhiều gấp bội.

Lại nữa, này Câu-dực! Người trong châu Diêm-phù-lợi đều khiến cho họ hành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Bồ-tát không thoái chuyển. Nếu có thiện nam, thiện nữ dạy họ nhập vào trong Bát nhã Ba la mật. Thế nào, này Câudực! Phước của thiện nam, thiện nữ này có nhiều chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều! Đức Phật dạy:

–Trong số các vị Bồ-tát này, nếu có một vị nói: "Tôi muốn mau thành Phật." Giả sử muốn mau thành Phật, nếu có người đem quyển kinh Bát nhã Ba la mật-đã biên chép trao cho vị ấy, thì phước của người này càng nhiều gấp bội.

Hãy gác việc của người trong châu Diêm-phù-lợi lại. Người trong tam thiên đại thiên thế giới cho đến cõi nước Phật nhiều như số cát sông Hằng đều khiến cho họ hành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Bồ-tát không thoái chuyển. Nếu có thiện nam, thiện nữ dạy họ nhập vào trong Bát nhã Ba la mật. Thế nào, này Câu-dực! Phước của thiện nam, thiện nữ ấy có nhiều chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều! Đức Phật dạy:

–Nếu có một vị Bồ-tát trong đó, bước ra nói: "Tôi muốn mau thành Phật." Giả sử muốn mau thành Phật, nếu có người đem quyển kinh Bát nhã Ba la mật-đã biên chép trao cho vị ấy, thì phước của người này càng nhiều gấp bội.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Đúng thế, bạch Đức Thiên Trung Thiên! Nếu có người đem Bát nhã Ba la mật giảng dạy hoặc truyền trao cho Đại Bồ-tát cực kỳ an ổn mau chóng gần thành Phật thì phước của người này càng nhiều gấp bội. Vì sao? Bạch Đức Thiên Trung Thiên?

Đức Phật dạy:

–Vì người đắc Bát nhã Ba la mật mau gần thành Phật là người ở gần tòa Phật.

Tu-bồ-đề nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Lành thay, lành thay, này Câu-dực! Ông là đệ tử của Phật, ông phải làm những việc đáng làm, đó là hộ trì các vị Đại Bồ-tát như thế để cho các vị ấy mau chóng thành Phật. Nếu như trong số đệ tử Phật có người không cầu Phật đạo thì Đại Bồ-tát không nên theo người ấy học. Người không học sáu pháp Ba-la-mật thì không thể thành Phật, còn nếu theo pháp này học thì mau đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

QUYỂN 3
Phẩm 4: PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO KHUYẾN TRỢ

Bấy giờ Bồ-tát Di-lặc nói với Tu-bồ-đề:

–Nếu có Đại Bồ-tát khuyến trợ làm phước nghiệp thì phước khuyến trợ của Đại Bồ-tát này hơn phước của người bố thí, trì giới tự thu hoạch được! Vì thế nên biết phước đức khuyến trợ là vô cùng cao quý, không phước nào hơn. Đó là phước đức khuyến trợ của Đại Bồ-tát.

Tu-bồ-đề hỏi Bồ-tát Di-lặc:

–Lại có Đại Bồ-tát tạo các công đức ở chỗ các Đức Phật trong vô số cõi nước, mỗi mỗi cõi nước có các Đức Phật nhiều không kể xiết đã Bát-nê-hoàn. Công đức của các Đức Phật từ lúc phát tâm tu tập tự tiến lên Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho đến Nê-hoàn vô dư. Sau khi Đức Phật Bát-nê-hoàn cho đến lúc chánh pháp diệt tận, công đức chúng sinh gieo trồng trong khoảng thời gian ấy vô cùng vô cực. Và phước của các vị Thanh văn tu hạnh bố thí, trì giới thu hoạnh được, rồi từ công đức hữu dư tự tiến đến vô dư. Công đức của các vị đạt đến Nê-hoàn có đầy đủ tịnh giới thân (giới uẩn), Tam-muội thân (định uẩn), trí tuệ thân (tuệ uẩn), dĩ thoát thân (giải thoát uẩn), thoát tuệ sở hiện thân (giải thoát tri kiến uẩn). Vì Phật pháp rất thâm thương, nên không kể xiết các Đức Phật Thiên Trung Thiên thuyết pháp, công đức của người có được do học pháp này và công đức tạo ra sau khi Đức Phật Bát-nê-hoàn đem tập hợp lại thì công đức khuyến trợ mới là cao quý. Trong các công đức thì công đức khuyến trợ là hơn hết. Sự khuyến trợ ấy mới đúng là khuyến trợ. Khuyến trợ rồi đem hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nguyện nhờ công đức này sẽ đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát này được ghi nhận là người có công đức vì đã phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như thế. Bồ-tát phát tâm như thế là muốn có sở đắc chăng?

Bồ-tát Di-lặc bảo Tu-bồ-đề:

–Người không phát tâm cầu như thế mới là có sở đắc. Người khởi tưởng phân biệt là người không sáng suốt, sinh ra ý tưởng là do vì tư tưởng hối hoàn (tưởng điên đảo), tín hối hoàn (kiến điên đảo). Chỉ vì không sáng suốt nên người ấy rơi vào bốn thứ điên đảo: vô thường cho là hữu thường, khổ cho là vui, rỗng không cho là có thật, không có thân (vô ngã) cho là có thân (ngã), vì thế nên tư tưởng hối hoàn, tâm hối hoàn (tâm điên đảo), tín hối hoàn. Bồ-tát chẳng nên nghĩ tâm có sở cầu như thế. Vì sở cầu không có chỗ nơi thì làm sao cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác!

Bồ-tát Di-lặc nói tiếp:

–Không nên nói lời vừa rồi cho Bồ-tát mới học. Vì sao? Vì lời nói này sẽ khiến cho họ đánh mất niềm tin, hoặc mất niềm vui, hoặc mất nỗi mừng, hoặc bỏ việc tu, rồi từ đó mà bị đọa lạc. Phải nên vì Đại Bồ-tát không thoái chuyển mà thuyết pháp khuyến trợ này. Nếu Đại Bồ-tát là người đã gần gũi bậc thầy lành từ lâu thì nên vì vị này mà thuyết. Vị này nghe qua pháp này ắt không kinh, không sợ, không hãi. Đại Bồ-tát này có khả năng khuyến trợ thì phải phát tâm hồi hướng trí Nhất thiết trí. Khuyến trợ như thế thì tâm cũng tận diệt, vô sở hữu, vô sở kiến, vậy tâm nào là tâm hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Phải dùng tâm nào để hồi hướng? Tâm không có hai, tâm không phân biệt mới có thể hồi hướng.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát mới học nghe pháp khuyến trợ này hoặc kinh hoặc sợ. Nếu Đại Bồ-tát muốn tạo tác công đức thì phải khuyến trợ phước đức kia hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như thế nào?

Tu-bồ-đề nói với Bồ-tát Di-lặc:

–Phải hộ trì vị Đại Bồ-tát đang khuyến trợ đối với công đức của chư Phật trong vô số cõi nước Phật đang phá các điều ác bằng cách đoạn trừ ái dục, thực hiện bình đẳng như nhau, hàng phục chúng ma, trút bỏ gánh nặng, siêng tu khổ hạnh, dứt hết các khổ, biết tâm đã giải thoát cho

đến Bátnê-hoàn. Công đức của các Đức Phật ấy và công đức của hàng Thanh văn tạo ra đều đem tập hợp lại thì công đức khuyến trợ của Đại Bồ-tát mới là cao quý. Trong các công đức, không có công đức nào hơn công đức khuyến trợ. Sự khuyến trợ ấy mới đúng là khuyến trợ. Khuyến trợ rồi đem hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thế nào là Đại Bồ-tát tưởng bất hối hoàn, tâm bất hối hoàn, tín bất hối hoàn? Nếu Đại Bồ-tát phát tâm hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà tâm vị ấy không có tưởng (chấp tướng) thì tâm của Đại Bồ-tát này được hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu tâm khởi niệm chấp tâm này là tâm hồi hướng thì đó là tưởng hối hoàn, tâm hối hoàn, tín hối hoàn. Nếu Đại Bồ-tát có tâm phân biệt thì phải giác biết tâm này tận diệt tướng, vô sở hữu. Giác biết tâm này tận diệt tướng thì nắm giữ tâm nào? Có khuyến trợ thì phải rõ biết phát tâm, tâm sở nào có khuyến trợ đối với pháp? Khuyến trợ đúng như pháp nghĩa là tùy thuận pháp thì mới được gọi là khuyến trợ đúng, tức là chẳng phải khuyến trợ sai lầm. Đó là sự khuyến trợ của Đại Bồ-tát.

Nếu có Đại Bồ-tát đối với công đức của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại hoặc công đức của Thanh văn cho đến phàm phu tạo tác hoặc súc sinh nghe pháp hoặc hàng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Kiện-đà-la, A-tu-luân, Câu-lâu-la, Chân-đà-la, Ma-hầu-lặc, loài Người, chẳng phải nhân nghe pháp, phát tâm làm các công đức và người bắt đầu học đạo Bồ-tát. Đem tất cả các công đức ấy tập hợp lại, tích lũy lại thì công đức khuyến trợ là vượt lên trên. Sự khuyến trợ ấy mới đúng là sự khuyến trợ cực kỳ cao quý, trong tất cả các công đức thì không có công đức nào hơn công đức khuyến trợ này. Thế nên khuyến trợ nghĩa là pháp nào đáng khuyến trợ thì khuyến trợ. Đem công đức khuyến trợ này hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu Bồ-tát biết các pháp đều tận diệt nghĩa là các pháp không sinh, không diệt, không xứ sở. Đem pháp không sinh hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì không trái với pháp dùng để hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Người này không có Tưởng hối hoàn, Tâm hối hoàn, Tín hối hoàn. Không có sự mong muốn như thế thì không ai bì kịp. Đó là hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nếu có Đại Bồ-tát không hiểu kỹ, không biết rõ người tạo ra phước đức là vì sao? Vì bản thân mù mờ (chấp tướng) nên đối với khuyến trợ phước đức cũng mù mờ. Bồ-tát rõ biết thì sự mù mờ không có, đó là Bát nhã Ba la mật của Đại Bồ-tát. Nếu đối với chư Phật Bát-nê-hoàn mà tạo tác công đức. Đem công đức này muốn làm đối tượng để cầu thì trí không phân biệt ấy có thể hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Sự thấy biết của chư Phật Thiên Trung Thiên không chấp tướng, quá khứ đã diệt cũng không có tưởng, cũng không khởi tưởng. Người khởi tưởng thì không có công đức.

Đại Bồ-tát phải học phương tiện thiện xảo. Người chưa đắc Bát nhã Ba la mật thì chẳng được vào, người đắc Bát nhã Ba la mật mới được vào. Đừng vì thân mà khởi thức tưởng, vì nó có diệt, thế nên không có thân. Người chấp có công đức, có tưởng phân biệt thì bị chướng ngại, trở lại vào trong đau khổ. Đức Như Lai Ưng Chánh Đẳng Giác không công nhận sự khuyến trợ công đức chấp tướng này. Vì sao? Vì khuyến trợ ấy không đúng. Thấy Phật Bát-nê-hoàn rồi, lại chấp tướng, vì thế làm chướng ngại công đức khuyến trợ, là chẳng được lợi ích, trái lại còn bị đau khổ. Người không khởi tưởng phân biệt mới là người có công đức của Như Lai Ưng Chánh Đẳng

Giác. Còn người khởi tưởng phân biệt thì ví như tạp độc, vì sao? Như dọn thức ăn ngon có trộn thuốc độc, tuy màu sắc hấp dẫn, mùi vị thơm tho, không ai không thích, nhưng không biết trong thức ăn ấy có độc. Kẻ ngu si ăn một cách thích thú no nê, đến khi thức ăn tiêu hóa, chẳng bao lâu thân bị tổn hại. Người không biết khuyến trợ phước đức thì rất là khó, chẳng hiểu hộ trì, chẳng hiểu đọc tụng, chẳng hiểu đúng sự việc, chẳng thể hiểu nghĩa. Người khuyến trợ phước đức như vậy thì như thức ăn có độc.

Theo lời Phật dạy, thì thiện nam, thiện nữ khuyến trợ công đức của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đầy đủ trì giới thân, Tam-muội thân, trí tuệ thân, dĩ thoát thân, thoát tuệ sở hiện thân và công đức của Thanh văn, Bích-chi-phật tạo tác. khuyến trợ rồi, đem phước đức này hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu khởi tưởng chấp tướng về sự khuyến trợ này thì ví như tạp độc. Đại Bồ-tát phải học như thế.

Thế nào là công đức của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại? Phải khuyến trợ làm phước nghiệp như thế nào để thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Bồ-tát theo lời dạy của Như Lai biết công đức của Phật được sinh ra từ tự tánh và biết thật tướng của các pháp, rồi đem phước đức này làm khuyến trợ. Nhân sự khuyến trợ như thế thì không có pháp nào hơn, không bao giờ xa lìa Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Khuyến trợ như thế thì chẳng phải là tạp động, lời của Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nói ra đều rất thành thật.

Lại nữa Đại Bồ-tát phải khuyến trợ như thế này, nghĩa là như tịnh giới, như Tam-muội, như trí tuệ, như dĩ thoát, như thoát tuệ sở hiện thân, không có cõi Dục, không có cõi Sắc, không có cõi Vô sắc, cũng không có quá khứ, vị lai, hiện tại cũng vô sở hữu, công đức khuyến trợ cũng vô sở hữu. Công đức khuyến trợ đúng như pháp, pháp cũng vô sở hữu. Khuyến trợ như thế là khuyến trợ không có tạp độc. Nếu khuyến trợ khác đi, tức là khuyến trợ sai trái. Đại Bồ-tát khuyến trợ đúng như pháp, Đức Phật Thiên Trung Thiên biết sự khuyến trợ này là hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Phật nói:

–Hay thay, hay thay, này Tu-bồ-đề! Khuyến trợ như Phật, đó là sự khuyến trợ của Bồ-tát. Phước đức của mọi người trong tam thiên đại thiên thế giới phát tâm bình đẳng từ bi hộ niệm chúng sinh cũng không vượt lên trên phước đức khuyến trợ của Đại Bồ-tát, vì phước đức khuyến trợ là cao quý hơn hết.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu mọi người trong tam thiên đại thiên thế giới đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, khiến cho mọi người trong các cõi nước Phật nhiều như số cát sông Hằng đều cúng dường các vị Bồ-tát này y phục thích hợp, thức uống ăn, giường nệm, thuốc thang, trải qua số kiếp nhiều như số cát sông Hằng cúng dường theo sở thích của các vị ấy. Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao, phước cúng dường này có nhiều chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều! Đức Phật dạy:

–Phước của công đức khuyến trợ vượt hơn phước đức nói trên không thể tính kể.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Vì cõi nước Phật nhiều như số cát sông Hằng cũng không thể dung chứa hết phước đức khuyến trợ này. Phật nói:

–Hay thay, hay thay, này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát thọ trì Bát nhã Ba la mật thì phước đức khuyến trợ của Bồ-tát này hơn phước đức của người bố thí kể trên gấp trăm lần, ngàn lần, vạn lần, ức lần, vạn ức lần.

Bấy giờ hai vạn chư Thiên trên cõi trời Tứ Thiên vương đảnh lễ dưới chân Phật và bạch:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Sự khuyến trợ cực kỳ vĩ đại, chỉ bậc Đại Bồ-tát có phương tiện thiện xảo mới có thể thực thi sự khuyến trợ này. Công đức khuyến trợ này rất lớn. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này học Bát nhã Ba la mật và khuyến trợ từ trong pháp ấy.

Chư Thiên trên cõi trời Đao-lợi đem hoa trời, danh hương, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, hương đốt, lụa trời, lọng báu, cờ phướn, kỹ nhạc cúng dường Đức Phật. Cúng dường xong, chư Thiên đều bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Sự khuyến trợ cực kỳ vĩ đại, chỉ bậc Đại Bồ-tát có phương tiện thiện xảo mới có thể thực thi sự khuyến trợ này. Công đức khuyến trợ này rất lớn. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật và khuyến trợ từ trong pháp ấy.

Chư Thiên trên cõi trời Viêm (Diệm-ma) đem hoa trời, danh hương, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, hương đốt, lụa trời, lọng báu, cờ phướn, kỹ nhạc cúng dường Đức Phật. Cúng dường xong, chư Thiên đều bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Sự khuyến trợ cực kỳ vĩ đại, chỉ bậc Đại Bồ-tát có phương tiện thiện xảo mới có thể thực thi sự khuyến trợ này. Công đức khuyến trợ này rất lớn. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật và khuyến trợ từ trong pháp ấy.

Chư Thiên trên cõi trời Đâu-thuật đem hoa trời, danh hương, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, hương đốt, lụa trời, lọng báu, cờ phướn, kỹ nhạc cúng dường Đức Phật. Cúng dường xong, chư Thiên đều bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Sự khuyến trợ cực kỳ vĩ đại, chỉ bậc Đại Bồ-tát có phương tiện thiện xảo mới có thể thực thi sự khuyến trợ này. Công đức khuyến trợ này rất lớn. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật và khuyến trợ từ trong pháp ấy.

Chư Thiên trên cõi trời Hóa lạc đem hoa trời, danh hương, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, hương đốt, lụa trời, lọng báu, cờ phướn, kỹ nhạc cúng dường Đức Phật. Cúng dường xong, chư Thiên đều bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Sự khuyến trợ cực kỳ vĩ đại, chỉ bậc Đại Bồ-tát có phương tiện thiện xảo mới có thể thực thi sự khuyến trợ này. Công đức khuyến trợ này rất lớn. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật và khuyến trợ từ trong pháp ấy.

Chư Thiên trên cõi trời Tha hóa tự tại đem hoa trời, danh hương, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, hương đốt, lụa trời, lọng báu, cờ phướn, kỹ nhạc cúng dường Đức Phật. Cúng dường xong, chư Thiên đều bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Sự khuyến trợ cực kỳ vĩ đại, chỉ bậc Đại Bồ-tát có phương tiện thiện xảo mới có thể thực thi sự khuyến trợ này. Công đức khuyến trợ này rất lớn. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật và khuyến trợ từ trong pháp ấy.

Chư Thiên trên các cõi trời Phạm thiên, Phạm phụ, Phạm chúng, Đại phạm, Quang thiên, Thiểu quang, Vô lượng quang, Quang âm, Tịnh thiên, Thiểu tịnh, Vô lượng tịnh, Biến tịnh, Nghiêm sức, Tiểu nghiêm sức, Vô lượng nghiêm sức, Nghiêm sức quả thật, Vô tưởng, Vô tạo,

Vô nhiệt, Thiện kiến, Đại thiện kiến, Sắc cứu cánh đều cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật và thưa rằng:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, lành thay! Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật có công đức khuyến trợ rất lớn. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này học Bát nhã Ba la mật và khuyến trợ từ trong pháp ấy.

Đức Phật nói với chư Thiên ở cõi trời Tịnh cư:

–Hãy gác việc của Đại Bồ-tát trong tam thiên đại thiên thế giới lại. Nếu mọi người trong cõi nước Phật nhiều như số cát sông Hằng đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại có mọi người ở trong cõi nước Phật nhiều như số cát sông Hằng khác đều cùng cúng dường các Đại Bồ-tát này các thứ áo chăn thích hợp, thức uống ăn, giường nệm, thuốc thang, cúng dường như thế trải qua số kiếp nhiều như cát sông Hằng tùy theo sở thích của người thọ nhận. Hoặc cúng dường hơn thế nữa, công đức cũng không bằng vị Đại Bồ-tát thực thi sự khuyến trợ. Công đức của tịnh giới thân, Tam-muội thân, trí tuệ thân, dĩ thoát thân, thoát tuệ sở hiện thân của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại và công đức của hàng Thanh văn tạo ra, đều đem tập hợp lại cũng không bằng công đức khuyến trợ. Nếu khuyến trợ thì cao quý vô cùng, không có công đức nào hơn, vì thế cần phải thực thi sự khuyến trợ này. Khuyến trợ rồi, đem hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Như lời Đức Thiên Trung Thiên vừa nói, tất cả các công đức tập hợp lại, cực tôn quý thì không công đức nào hơn công đức khuyến trợ. Do đó, Đại Bồ-tát đều vì tất cả các công đức kia mà khuyến trợ. Khuyến trợ xong thì Đại Bồ-tát được thế nào?

Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát là người đạo đức thường biết các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại không nắm giữ, cũng không xả bỏ, cũng không chỗ hiểu biết, cũng không có chứng đắc. Pháp ấy là pháp không sinh, pháp không diệt, cũng là pháp không từ đâu sinh ra, cũng không diệt mất đi đâu. Ở trong pháp không sinh thì rõ ràng là pháp không từ đâu sinh, cũng không có chỗ diệt, đó là thật tướng của pháp. Ta vì pháp ấy mà khuyến trợ thì mới đúng là khuyến trợ. Người khuyến trợ như thế mau chóng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thế nên, này Tu-bồ-đề! Sự khuyến trợ của Đại Bồ-tát rất là cao quý.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát ở chỗ chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại vì người hành bố thí mà khuyến trợ, vì người trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, trí tuệ mà khuyến trợ, vì người dĩ thoát mà khuyến trợ, vì người thoát tuệ sở hiện thân mà khuyến trợ. Sự giải thoát ấy chính là bố thí. Sự giải thoát ấy chính là trì giới. Sự giải thoát ấy chính là nhẫn nhục. Sự giải thoát ấy chính là tinh tấn. Sự giải thoát ấy chính là nhất tâm. Sự giải thoát ấy chính là trí tuệ. Sự giải thoát ấy chính là thoát tuệ. Sự giải thoát ấy chính là thoát tuệ sở hiện thân. Sự giải thoát ấy chính là dĩ thoát. Sự giải thoát ấy chính là vì sự khuyến trợ kia.

Sự giải thoát ấy chính là pháp. Thế nên tương lai sẽ có người giải thoát như thế. Nay trong vô số cõi nước, chư Phật Thiên Trung Thiên hiện đang có mặt thì người được giải thoát là chư Phật và đệ tử Phật. Người đã được giải thoát là chư Phật và đệ tử ở quá khứ. Người đang được giải thoát là chư Phật và đệ tử hiện tại. Ở trong pháp ấy không chấp trước, không trói, không mở. Pháp như thế, đem hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Từ trong pháp này

khuyến trợ thì không có công đức nào hơn, không ai có thể phá hoại được. Thế nên, này Tu-bồ-đề! Sự khuyến trợ của Đại Bồ-tát là cao quý.

Nếu các Bồ-tát trong cõi nước Phật nhiều như số cát sông Hằng có tuổi thọ hằng hà sa số kiếp được số người trong cõi nước Phật nhiều như số cát sông Hằng cúng dường áo chăn thích hợp, thức uống ăn, giường nệm, thuốc thang trong hằng hà sa số kiếp. Này Tubồ-đề, và công đức của người trì giới thành nhẫn nhục, tinh tấn không biếng nhác, thiền định đắc Tam-muội trăm lần, ngàn lần, vạn lần, ức lần, ngần ấy ức vạn lần cũng không bằng công đức khuyến trợ. Phước đức khuyến trợ cao quý hơn hết, vượt lên trên phước thực hành năm pháp Ba-la-mật kể trên.

QUYỂN 3
Phẩm 5: ĐỊA NGỤC

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật mang lại nhiều sự thành tựu.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Do Bát nhã Ba la mật mà không pháp nào không được mệnh danh là Ba-la-mật.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật là cực kỳ sáng chói.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật là trừ khử tối tăm.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật là không chấp trước.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật là cực kỳ cao quý.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật làm con mắt cho người không có mắt.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật là người dẫn đường cho kẻ lạc lối.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Trí Nhất thiết trí tức là Bát nhã Ba la mật.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật là mẹ của Đại Bồ-tát.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Không sinh, không diệt tức là Bát nhã Ba la mật.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Chuyển đầy đủ ba hành mười hai pháp luân tức là chuyển Bát nhã Ba la mật.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật làm cho người khốn khổ được an ổn.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật làm người cứu hộ trong biển sinh tử.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật là thật tướng của các pháp.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đại Bồ-tát phải trụ trong Bát nhã Ba la mật như thế nào?

Đức Phật nói với Xá-lợi-phất:

–Đại Bồ-tát nhờ Bát nhã Ba la mật mà trụ thì phải kính lễ Bát nhã Ba la mật như kính lễ Phật.

Thích Đề-hoàn Nhân thầm nghĩ: “Tôn giả Xá-lợi-phất vì sao đặt câu hỏi này.” Thích Đề-hoàn Nhân liền hỏi Xá-lợiphất:

–Vì sao Tôn giả hỏi như thế?

Xá-lợi-phất đáp Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực! Bát nhã Ba la mật là pháp hộ trì của Bồ-tát. Nhân công đức khuyến trợ pháp này, đem hồi hướng đến trí Nhất thiết trí, thì vượt lên trên công đức của Bồ-tát thực hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định. Ví như hoặc người mới sinh ra đã mù hoặc trăm người

hoặc ngàn người hoặc vạn người hoặc ngàn vạn người vừa sinh ra đã mù, lại không có người dẫn đường mà muốn đi đến thành ấp thì những người ấy không biết phải đi như thế nào.

Cũng vậy, này Câu-dực! Năm pháp Ba-la-mật kia cũng như người mù không thấy đường, nếu lìa Bát nhã Ba la mật mà muốn đạt đến trí Nhất thiết trí thì không biết phải làm thế nào. Bát-nhã ba-lamật là pháp hộ trì của năm pháp Ba-lamật kia, đem lại đôi mắt cho năm pháp Ba-la-mật kia. Bát nhã Ba la mật là pháp hộ trì khiến cho năm pháp Ba-la-mật kia được mệnh danh là Ba-la-mật.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Phải làm thế nào để thể nhập vào trong Bát-nhã bala-mật?

Đức Phật đáp Xá-lợi-phất:

–Chẳng thấy sắc là đối tượng để nhập, chẳng thấy thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức là đối tượng để nhập. Chẳng thấy năm ấm là đối tượng để nhập tức là thể nhập vào Bát nhã Ba la mật.

Xá-lợi-phất hỏi Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Người như thế là người thể nhập Bát nhã Ba la mật. Thể nhập như thế thì sẽ hoàn thành pháp gì?

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Không thành pháp nào hết tức là Bát nhã Ba la mật.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bát nhã Ba la mật không thành trí Nhất thiết trí, cũng không thật có. Nếu đặt câu hỏi: Bát nhã Ba la mật không đắc trí Nhất thiết trí, cũng không được thành, cũng không có danh tự gọi là thành. Đối với sinh tử cũng không có danh tự gọi là thành. Đối với sinh tử cũng không có thành. Bạch Thế Tôn! Vậy phải thế nào mới là thành?

Đức Phật dạy:

–Vì không thành nên mới là thành.

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Hy hữu thay! Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Nếu Bát-nhã bala-mật đối với các pháp không sinh, không đắc thì chỗ trụ là vô sở trụ.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Nếu Bồ-tát nghĩ như thế tức là xa lìa Bát nhã Ba la mật. Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Nếu như Bồ-tát có nhân duyên với Bát nhã Ba la mật thì quán niệm Bát nhã Ba la mật, biết Bát nhã Ba la mật là không, vô sở hữu, không gần, không xa. Đó là Bát-nhã ba-lamật của Đại Bồ-tát.

Tu-bồ-đề hỏi Phật:

–Tin Bát nhã Ba la mật là tin pháp nào?

Đức Phật đáp Tu-bồ-đề:

–Người tin Bát nhã Ba la mật là không tin sắc, không tin thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức là có, không tin quả vị Tuđà-hoàn, không tin các quả vị Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-lahán, Bích-chi-phật và Phật đạo là có.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đại Ba-la-mật chính là Bát nhã Ba la mật.

Phật hỏi Tu-bồ-đề:

–Tại sao biết Đại Ba-la-mật chính là Bát nhã Ba la mật? Tu-bồ-đề đáp:

–Đối với sắc không có lớn, không có nhỏ, chẳng lấy sắc làm chứng đắc, chẳng vì sắc mà chứng đắc. Thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức cũng không có lớn, không có nhỏ, chẳng lấy thức làm chứng đắc, chẳng vì thức mà chứng đắc, thì đối với mười Lực của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không còn yếu kém. Trí Nhất thiết trí thì không rộng, không hẹp. Vì sao trí Nhất thiết trí không rộng, không hẹp biết là vô sở hành đối với Bát nhã Ba la mật? Vì Bát-nhã ba-lamật vô sở hữu, nếu đối với pháp này có sở cầu nghĩa là có sở hữu, thì đó là một sai lầm lớn. Vì sao? Vì chúng sinh không sinh nên Bát nhã Ba la mật và chúng sinh đều không sinh, Bát nhã Ba la mật không nên chấp tướng chúng sinh, mà chúng sinh cũng không diệt. Bát nhã Ba la mật cũng giống như vậy. Chúng sinh như Bát-nhã bala-mật nghĩa là đạt đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì chúng sinh có năng lực nên Như Lai hiện có năng lực.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật rất thâm diệu! Nếu có Đại Bồ-tát tin sâu Bát nhã Ba la mật, chẳng nói chỗ kém dở, cũng chẳng hồ nghi pháp này. Người này từ chỗ nào sinh đến đây? Người này là người đã hành đạo Bồ-tát, đã nghe và hiểu pháp Bát nhã Ba la mật, rồi theo lời dạy trong đó mà sinh vào chỗ này.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Từ cõi Phật phương khác đến sinh ở đây. Đại Bồ-tát này ở phương khác cúng dường Phật xong, vì muốn được học hỏi pháp Bát nhã Ba la mật thâm diệu nên khi được nghe nói đến Bát nhã Ba la mật, liền tự nghĩ: “Ta gặp Bát-nhã ba-lamật như gặp Phật, không khác.” Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bát nhã Ba la mật có thể được thấy nghe chăng?

Phật đáp:

–Không thể được thấy nghe.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bồ-tát tu hành theo Bát nhã Ba la mật thâm diệu từ trước đến này đã được nghe pháp này bao nhiêu lần?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Các vị Bồ-tát ấy không phải cùng tu học như nhau, mà mỗi người đều có hạnh riêng. Hoặc có người đã cúng dường ngần ấy trăm, ngần ấy ngàn Đức Phật, đã gặp được pháp Bát nhã Ba la mật rồi đều tu hành giới thanh tịnh. Hoặc có người ở trong chúng nghe Bát nhã Ba la mật mà bỏ đi, vì chẳng kính pháp của Đại Bồ-tát, nay nghe Phật nói pháp Bát nhã Ba la mật thâm diệu, người này cũng bỏ đi, không muốn nghe. Vì sao? Vì người này ở đời trước cũng đã từng nghe thuyết pháp Bát nhã Ba la mật thâm diệu mà bỏ đi. Thâm tâm chẳng yên là do tội nghiệp vô tri gây ra. Vì tội nghiệp này nên hoặc nghe nói đến pháp Bát nhã Ba la mật thâm diệu lại ngăn người khác không cho họ nói. Người ngăn Bát-nhã ba-lamật tức là ngăn trí Nhất thiết trí. Người ngăn trí Nhất thiết trí là người ngăn Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Do vì tội đoạn pháp này mà sau khi chết đi bị đọa vào đại địa ngục ngần ấy trăm ngàn năm, ngần ấy ức ngàn vạn năm, còn phải ở trong ngần ấy địa ngục chịu đủ các sự đau khổ không thể nói hết.

Hết tuổi thọ ở địa ngục này lại sinh qua đại địa ngục ở phương khác, hết tuổi thọ ở đó lại sinh qua đại địa ngục ở phương khác nữa.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Tội ấy như tội ngũ nghịch.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Tội ấy dù muốn ví dụ cũng không thể so sánh được. Nếu lúc người ấy được nghe đọc tụng, giảng nói Bát-nhã ba-lamật thâm diệu thì tâm người ấy nghi ngờ pháp này mà chẳng chịu học, nghĩ rằng: “Chẳng phải là pháp của Như Lai thuyết”, rồi nói lời ngăn cản người khác: “Đừng học pháp này”. Đó là tự làm hỏng mình còn làm hỏng người khác, tự mình uống thuốc độc rồi lại còn cho người khác uống thuốc độc. Hạng người này tự bỏ mất mình, còn bỏ mất người khác, tự chẳng hiểu biết Bát nhã Ba la mật thâm diệu, lại còn làm hại người khác. Bồ-tát chẳng nên gần gũi hạng người này.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát chẳng nên sinh hoạt chung với hạng người này. Vì sao? Vì hạng người này là hạng phỉ báng pháp, tự ở trong chỗ tối tăm, còn lôi kéo người khác vào trong chỗ tối tăm. Họ không khác gì người tự uống thuốc độc hại thân chết. Lời của kẻ đoạn pháp cũng có người tin. Người nào tin lời kẻ ấy nói thì tội cũng đồng như kẻ ấy. Vì sao như thế? Vì phỉ báng lời Phật dạy. Người phỉ báng Bát-nhã ba-lamật chính là đã phỉ báng các pháp.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Con xin được nghe nói về kẻ phỉ báng. Kẻ ấy thọ thân như thế nào, chẳng biết thân lượng thế nào?

Phật nói với Xá-lợi-phất:

–Kẻ phỉ báng pháp này, nếu được nghe nói đến thân lượng của họ, thì họ sẽ mửa máu hoặc sợ hãi mà chết vì bị đau đớn quá. Kẻ ấy nghe qua sẽ bị sự buồn rầu nung nấu mà chết ví như ngắt bông hoa để ngoài ánh nắng mặt trời thì phải bị khô héo.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Cúi xin Ngài vì mọi người mà nói về thân lượng của kẻ phỉ báng pháp như thế nào để làm gương cho đời sau. Người nào được nghe qua sẽ sợ hãi tự nghĩ: “Ta không nên phỉ báng và đoạn pháp như người kia. Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đây là vì làm gương cho mọi người. Do nhân duyên tội nghiệp mà thọ thân rất xấu xí, đau khổ ở chỗ hôi hám không thể nói hết. Kẻ ấy đau khổ lớn lao và lâu dài. Thiện nam, thiện nữ nghe lời này rồi không còn dám phỉ báng.

Đức Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thiện nam, thiện nữ thường phải gìn giữ thân, khẩu, ý. Người chỉ ngồi không, lời nói ở cửa miệng làm cho mang tội này.

Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Người ngu si này ở trong pháp của ta làm Sa-môn trở lại phỉ báng Bát nhã Ba la mật tức là ngăn Phật, Bồ-tát. Ngăn Phật, Bồ-tát tức là đoạn trí Nhất thiết trí của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Đoạn trí Nhất thiết trí tức là đoạn pháp. Đoạn pháp tức là đoạn Tỳkheo Tăng. Đoạn Tỳ-kheo Tăng thì phải chịu tội vô số không thể kể xiết.

Tu-bồ-đề hỏi Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Nếu có người đoạn Bát nhã Ba la mật thâm diệu thì do mấy nguyên nhân?

Đức Phật đáp Tu-bồ-đề:

–Một là bị ma sai khiến, hai là không tin không ưa pháp thâm diệu. Do hai nguyên nhân này nên thiện nam, thiện nữ đoạn Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Người đoạn Bát nhã Ba la mật còn có bốn nguyên nhân. Thế nào là bốn nguyên nhân do nghe theo lời thầy ác nói? Một là không học theo diệu pháp, hai là không phụng hành diệu pháp, ba là chủ trương phỉ báng, bốn là tìm chỗ kém dở của người để tự đề cao mình.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Hiếm có người tin Bát-nhã bala-mật vì họ không hiểu nổi pháp này.

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Đúng thế, đúng thế! Hiếm có người tin Bát-nhã ba-lamật vì họ không hiểu nổi pháp này.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Bát nhã Ba la mật thâm diệu thế nào mà ít có người tin hiểu?

Đức Phật đáp Tu-bồ-đề:

–Sắc không dính mắc, không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì chân tánh của sắc là sắc. Thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức không dính mắc, không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì chân tánh của thức là thức. Sắc quá khứ không dính mắc, không trói buộc, không cởi mở. Vì sao. Vì chân tánh của sắc quá khứ là sắc. Sắc vị lai không dính mắc, không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì chân tánh của sắc vị lai là sắc. Sắc hiện tại không dính mắc, không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì chân tánh của sắc hiện tại là sắc. Thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức quá khứ không dính mắc, không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì chân tánh của thức quá khứ là thức. Thức vị lai không dính mắc, không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì chân tánh của thức vị lai là thức. Thức hiện tại không dính mắc, không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì chân tánh của thức hiện tại là thức. Thế nên, này Tu-bồ-đề! Bát nhã Ba la mật thâm diệu ít có người tin hiểu.

QUYỂN 3
Phẩm 6: THANH TỊNH

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bát nhã Ba la mật ít có người hiểu phải chăng là do vì chưa quen?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đúng thế, đúng thế! Bát nhã Ba la mật ít có người hiểu là do vì chưa quen. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì sắc thanh tịnh thì đạo quả cũng thanh tịnh, nên nói sắc thanh tịnh thì đạo quả cũng thanh tịnh. Thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức cũng thanh tịnh nên nói đạo quả thanh tịnh, thế nên thức cũng thanh tịnh thì đạo quả cũng đồng thanh tịnh.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Vì sắc thanh tịnh thì trí Nhất thiết trí cũng thanh tịnh, nên nói trí Nhất thiết trí thanh tịnh thì sắc cũng thanh tịnh, thế nên sắc thanh tịnh thì trí Nhất thiết trí cũng đồng thanh tịnh, không khác. Nay chẳng đoạn pháp trước, pháp trước chẳng đoạn pháp sau, cho nên không hoại, vì thế pháp trước không bị đoạn. Nói thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức thanh tịnh, thì trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Trí Nhất thiết trí thanh tịnh thì thức cũng đồng thanh tịnh không khác. Nay chẳng đoạn pháp trước, pháp trước chẳng đoạn pháp sau, cho nên không hoại, vì thế pháp trước không bị đoạn.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Thanh tịnh thì thâm diệu. Đức Phật dạy:

–Rất thanh tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Thanh tịnh thì rất sáng.

Đức Phật dạy:

–Rất thanh tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Thanh tịnh không có nhơ bẩn.

Đức Phật dạy:

–Rất thanh tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Thanh tịnh không có tỳ vết. Đức Phật dạy:

–Rất thanh tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Thanh tịnh vô sở hữu. Đức Phật dạy:

–Rất thanh tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Thanh tịnh thì đối với dục mà vô dục.

Đức Phật dạy:

–Rất thanh tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Thanh tịnh thì đối với sắc mà vô sắc.

Đức Phật dạy:

–Rất thanh tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Vô sở sinh thì vô sắc rất thanh tịnh.

Đức Phật dạy:

–Rất thanh tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ở nơi hữu trí mà vô trí thì rất thanh tịnh.

Đức Phật dạy:

–Rất thanh tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ở nơi trí mà không có biết (phân biệt) thì rất thanh tịnh.

Đức Phật dạy:

–Rất thanh tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đối với sắc mà có trí nhưng không có biết (phân biệt) thì rất thanh tịnh.

Đức Phật dạy:

–Rất thanh tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đối với thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức mà có trí nhưng không có biết (phân biệt) thì rất thanh tịnh.

Đức Phật dạy:

–Rất thanh tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật rất thanh tịnh thì trí Nhất thiết trí không tăng, không giảm.

Đức Phật dạy:

–Rất thanh tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật rất thanh tịnh thì không chấp thủ đối với các pháp.

Đức Phật dạy:

–Rất thanh tịnh.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ngã thanh tịnh thì sắc cũng thanh tịnh.

Đức Phật dạy:

–Vốn thanh tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ngã thanh tịnh thì thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức cũng thanh tịnh.

Đức Phật dạy:

–Vốn thanh tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ngã thanh tịnh thì đạo quả cũng thanh tịnh.

Đức Phật dạy:

–Vốn thanh tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ngã thanh tịnh thì trí Nhất thiết trí cũng thanh tịnh.

Đức Phật dạy:

–Vốn thanh tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ngã thanh tịnh thì không có manh mối.

Đức Phật dạy:

–Vốn thanh tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ngã thanh tịnh vô biên thì thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức cũng vô biên. Đức Phật dạy:

–Vốn thanh tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật cũng chẳng bờ bên này, cũng chẳng bờ bên kia, cũng chẳng ở giữa dòng.

Đức Phật dạy:

–Vốn thanh tịnh.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Đại Bồ-tát biết như thế tức là thực hành Bát-nhã ba-lamật. Người có tưởng (phân biệt chấp tướng) là đã lìa xa Bátnhã ba-lamật rồi.

Đức Phật dạy:

–Hay thay, hay thay! Này Tu-bồ-đề! Hễ có danh tự thì có tưởng, vì thế sinh ra chấp trước.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Hy hữu thay! Như Lai khéo nói pháp Bát nhã Ba la mật giải quyết một cách ổn thỏa đối với chấp trước.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Thế nào là chấp trước?

Tu-bồ-đề đáp:

–Phân biệt sắc với không, đó là chấp trước. Phân biệt thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức với không, đó là chấp trước. Đối với pháp quá khứ thì phân biệt pháp quá khứ, đó là chấp trước. Đối với pháp vị lai thì phân biệt pháp vị lai, đó là chấp trước. Đối với pháp hiện tại thì phân biệt pháp hiện tại, đó là chấp trước. Người đúng như pháp phát tâm Bồ-tát rồi cho là có công đức lớn thì đó là chấp trước.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi Tu-bồ-đề:

–Tại sao việc ấy bị gọi là chấp trước?

Tu-bồ-đề đáp:

–Này Câu-dực! Vì người ấy phân biệt tâm này hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thiện nam, thiện nữ nên lìa bỏ sự chấp trước để chỉ ra bản tế (thật tướng của pháp).

Đức Phật dạy:

–Hay thay, hay thay! Này Tu-bồ-đề! Ông khiến cho Đại Bồ-tát biết bản tế chính là giác biết sự chấp trước.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Có sự chấp trước rất vi tế. Nay ta sắp giảng nói, ông hãy lắng nghe. Lời của Như Lai nói trước, sau, giữa đều thiện. Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Con mong muốn được nghe.

Đức Phật dạy:

–Thiện nam, thiện nữ muốn tưởng niệm Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, vì theo ý tưởng nên có chấp trước. Các Đức Phật Thiên Trung Thiên quá khứ, vị lai, hiện tại vì pháp vô dư mà khuyến trợ, đó là khuyến trợ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì đối với pháp mà vô pháp nên nói không có quá khứ, vị lai, hiện tại. Vì thế không thể có sở tác, cũng không thể có tưởng, cũng không thể làm nhân duyên, không thể thấy nghe như tâm có thể phân biệt.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Cội nguồn ấy rất thanh tịnh. Đức Phật dạy:

–Rất thanh tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Nay con tự quy hướng về Bát nhã Ba la mật. Đức Phật dạy:

–Vì pháp vô tác nên đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu-bồ-đề thưa:

–Các pháp thật vô tác là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Không có hai pháp vì nói vốn thanh tịnh cho nên nói là một. Sự thanh tịnh ấy là đối với tất cả pháp không có người tạo tác.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Thế nên lìa các chấp trước là để chỉ ra bản tế. Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật rất khó hiểu.

Đức Phật dạy:

–Như Lai không có đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật không thể tính lường.

Đức Phật dạy:

–Đúng thế, này Tu-bồ-đề! Chẳng phải là đối tượng nhận biết của tâm.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Vì không có người tạo tác. Đức Phật dạy:

–Vì không có người tạo tác nên không chấp trước.

Tu-bồ-đề hỏi Phật:

–Bồ-tát phải thực hành Bát nhã Ba la mật như thế nào? Đức Phật dạy:

–Chẳng tưởng (chấp trước) sắc mà hành tức là thực hành Bát nhã Ba la mật. Chẳng tưởng thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức mà hành tức là thực hành Bát nhã Ba la mật. Chẳng thỏa mãn sắc mà hành tức là thực hành Bát-nhã bala-mật. Chẳng thỏa mãn thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức mà hành tức là thực hành Bát-nhã bala-mật. Sắc chẳng thỏa mãn là chẳng phải hành sắc, tức là thực hành Bát-nhã bala-mật. Thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức chẳng thỏa mãn là chẳng phải hành thức, tức là thực hành Bát-nhã balamật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Hy hữu thay! Như Lai ở trong các chấp trước mà thuyết không chấp trước thì sự chấp trước này mới thật là chẳng chấp trước.

Đức Phật dạy:

–Chẳng chấp sắc mà hành tức là thực hành Bát-nhã bala-mật. Chẳng chấp thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức mà hành tức là thực hành Bát nhã Ba la mật. Đây là Đại Bồ-tát hành nơi sắc không chấp trước, hành nơi thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức cũng không chấp trước, hành nơi đạo Tu-đàhoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, Phật đạo cũng không chấp trước. Vì sao? Vì đã vượt qua chấp trước nên còn thoát ra khỏi sự chấp trước trí Nhất thiết trí. Đó là Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Pháp của Như Lai tuyên thuyết rất thâm diệu hiếm có, dù Như Lai có nói thì pháp cũng không tăng, không nói thì pháp cũng không giảm. Đức Phật dạy:

–Đúng thế, đúng thế! Này Tu-bồ-đề! Ví như Như Lai suốt đời ngợi khen hư không thì hư không cũng không tăng, nếu chẳng ngợi khen hư không thì hư không cũng không giảm. Ví như ngợi khen thì người huyễn hóa cũng không tăng, nếu chẳng ngợi khen thì người huyễn hóa cũng không giảm, vì nghe khen cũng không mừng, nghe chê cũng không giận. Cũng vậy, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp, được mọi người phúng tụng, pháp cũng không tăng, không giảm.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Đại Bồ-tát rất siêng năng tinh tấn thực hành Bát-nhã ba-lamật. Hoặc có vị thọ trì Bát nhã Ba la mật không biếng nhác, không lo, không sợ, không động, không thoái lui. Vì sao? Vì thọ trì Bát nhã Ba la mật như là thọ trì hư không. Mọi người đều nên đảnh lễ vị Đại Bồ-tát này. Đại Bồ-tát vì tất cả chúng sinh mà mặc áo giáp đại công đức chiến đấu với hư không. Bạch Đức Thiên Trung Thiên, vị Đại Bồ-tát này rất dũng mãnh, vì pháp là không, nên tự đạt đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác được thành Phật. Có một vị Tỳ-kheo khác thầm nghĩ: "Ta phải kính lễ Bát nhã Ba la mật, vì đó là pháp không sinh, cũng là pháp không diệt."

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi Tu-bồ-đề:

–Nếu Bồ-tát tu học pháp Bát nhã Ba la mật thì phải tu học pháp nào?

Tu-bồ-đề đáp:

–Phải tu học pháp không.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi:

–Thế nào là tu học pháp Không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Người muốn tịch tĩnh là Đại Bồ-tát, vì người ấy biết Bát nhã Ba la mật.

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Con sẽ giữ gìn người tu học Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề hỏi Thích Đề-hoàn Nhân:

–Thế nào? Này Câu-dực! Ông thấy có pháp để giữ gìn chăng, mà nói là muốn giữ gìn?

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

–Không có.

Tu-bồ-đề nói:

–Người trụ nơi pháp Bát nhã Ba la mật tức là đã được giữ gìn. Dù người hay chẳng phải người cũng không thể rình rập hãm hại được.

Tu-bồ-đề nói tiếp:

–Nếu Đại Bồ-tát giữ gìn Không tức là tu học Bát-nhã balamật rồi. Này Câu-dực! Ý ông nghĩ sao, có thể giữ gìn tiếng vang được chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

–Không thể.

Tu-bồ-đề nói:

–Này Câu-dực! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật thì pháp ấy cũng như tiếng vang. Vì biết như thế nên không còn tưởng. Vì không có tưởng niệm tức là thực hành Bát-nhã bala-mật. Do oai thần của Đức Phật, các vị Tứ Thiên vương, Đế Thích, Phạm vương và các vị trời tôn quý khác đều đến chỗ Phật, trước tiên đảnh lễ Phật rồi nhiễu quanh ba vòng, mỗi vị đều đứng qua một bên. Các vị Tứ Thiên vương, Đế Thích, Phạm vương và các vị trời tôn quý khác đều thừa oai thần của Phật nghĩ là ngàn Đức Phật đều là Phật Thích-ca Văn, Tỳ-kheo của các Ngài đều tên Tu-bồ-đề và người thưa hỏi pháp Bát nhã Ba la mật đều là Thích Đề-hoàn Nhân.

QUYỂN 4
Phẩm 7: KHEN NGỢI

Đức Phật dạy:

–Đại Bồ-tát Di-lặc lúc thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng sẽ ở tại nơi này thuyết pháp Bát-nhã ba-lamật.

Tu-bồ-đề hỏi Phật:

–Tại sao Đại Bồ-tát Di-lặc cũng ở tại nơi này thuyết pháp Bát nhã Ba la mật?

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Lúc Đại Bồ-tát Di-lặc ở nơi này thành Đẳng chánh giác chẳng chấp nhận sắc mà thuyết Bát nhã Ba la mật, cũng chẳng phủ nhận sắc mà thuyết Bát nhã Ba la mật. Chẳng chấp nhận thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức mà thuyết Bát nhã Ba la mật, cũng chẳng phủ nhận thức mà thuyết Bát nhã Ba la mật. Cũng chẳng cởi mở sắc mà thuyết Bát nhã Ba la mật, cũng chẳng trói buộc sắc mà thuyết Bátnhã ba-lamật. Cũng chẳng cởi mở thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức mà thuyết Bát nhã Ba la mật, cũng chẳng trói buộc thức mà thuyết Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật rất thanh tịnh.

Đức Phật dạy:

–Sắc cũng thanh tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Cho nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.

Đức Phật dạy:

–Thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức cũng thanh tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Cho nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.

Đức Phật dạy:

–Sắc thanh tịnh không có tỳ vết, Bát nhã Ba la mật cũng giống như vậy. Thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức thanh tịnh không có tỳ vết, Bát nhã Ba la mật cũng giống như vậy. Phật dạy tiếp:

–Như hư không không có tỳ vết cho nên Bát-nhã ba-lamật cũng thanh tịnh.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Người thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật không bao giờ bị chết oan, ngần ấy trăm vị trời, ngần ấy ngàn vị trời thường theo bảo hộ. Nếu thiện nam, thiện nữ làm Pháp sư, mỗi tháng vào các ngày mồng tám, mười bốn, rằm thuyết pháp thì được công đức không thể kể xiết.

Đức Phật dạy:

–Đúng thế, đúng thế! Này Tu-bồ-đề! Người ấy được công đức không thể kể xiết. Nếu có người giữ gìn Bát nhã Ba la mật thì công đức còn hơn cả người kia. Vì sao? Này Tu-bồđề! Vì Bát-nhã ba-lamật tức là trân bảo, đối với pháp, không có người tạo tác cũng không có người đắc pháp, cũng không có người thọ trì. Vì sao? Vì pháp này rất thâm diệu, cũng không thể thấy, cũng không thật có, cũng không có người đắc. Này Tu-bồ-đề! Cũng chẳng thấy Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Cũng chẳng thể đặt tên, cũng không có thấy. Người đắc Bát nhã Ba la mật tìm cầu cũng không thật có, cũng không thể thấy. Bát nhã Ba la mật rất thâm diệu như vậy cũng không có chỗ sinh ra. Bát nhã Ba la mật không có chỗ hành mà cũng không có chỗ nào chẳng hành. Bát nhã Ba la mật cũng không có người thọ trì pháp, cũng không có người giữ gìn pháp, như hư không không có chỗ thủ, không có chỗ trì, không chỗ thấy mà cũng không có chỗ nào chẳng thấy.

Các vị Thiên tử trong tam thiên đại thiên thế giới bay ở trên
quan sát đồng thanh khen ngợi:

–Ở châu Diêm-phù-lợi, lại thấy bánh xe pháp chuyển lần thứ hai.

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Không có bánh xe pháp chuyển lần thứ hai cũng đừng nghĩ có bánh xe pháp chuyển lần thứ nhất. Chẳng chuyển bánh xe pháp tức là Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, đúng thế! Rất an ổn là Bát nhã Ba la mật. Đối với Đại Bồ-tát không có pháp ngăn ngại Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không có pháp thành Vô Thượng Giác thì bánh xe pháp nào chuyển, không thấy pháp mới là chuyển, pháp không hoàn diệt tức là chuyển, cũng không có pháp có sợ hãi, không có pháp có lo âu. Vì sao? Nếu có hai pháp thì chẳng thể được. Pháp nào là pháp lo âu? Cũng không có pháp chuyển, cho nên các pháp như hư không không có chuyển, cũng không có pháp có hoàn diệt thậm chí các pháp cũng đều không thật có.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Không thì không bị chuyển, cũng không có lưu chuyển và hoàn diệt, cũng vô tướng, vô nguyện, cũng không có sinh tử, cũng không từ đâu sinh, cũng không có lưu chuyển, cũng không có hoàn diệt. Người thuyết như thế chính là thuyết pháp. Không có người thuyết, cũng không có đắc, cũng không có chứng. Thuyết như thế, pháp cũng chẳng Bát-nêhoàn. Thuyết như vậy pháp cũng không có tận.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ba-la-mật vô cực vì như hư không không có cùng tận.

1. Ba-la-mật bình đẳng vì đối với các pháp đều bình đẳng.
2. Ba-la-mật mịt mù là vì bản không.
3. Ba-la-mật vô thượng vì đối với các pháp không chấp trước.
4. Ba-la-mật vô nhân vì không có thân.
5. Ba-la-mật vô sở khứ vì không chỗ đến.
6. Ba-la-mật vô sở hữu vì không nắm giữ.
7. Ba-la-mật vô hữu tận vì không cùng tận.
8. Ba-la-mật không từ đâu sinh ra vì không có diệt.
9. Ba-la-mật vô tác vì không có người tạo tác.
10. Ba-la-mật chẳng biết (phân biệt) vì vô sở đắc.
11. Ba-la-mật vô sở chí vì không có chỗ đến.
12. Ba-la-mật vô cấu vì thanh tịnh.
13. Ba-la-mật không chấp trước vì vô sở đắc.
14. Ba-la-mật như mộng vì không có ngã.
15. Ba-la-mật thanh tịnh vì không có tỳ vết.
16. Ba-la-mật chẳng thể thấy vì không có nơi chốn.
17. Ba-la-mật định vì chẳng dao động.
18. Ba-la-mật vô niệm vì thảy đều bình đẳng.
19. Ba-la-mật chẳng lay động vì pháp không di chuyển.
20. Ba-la-mật vô dục vì bản vô.
21. Ba-la-mật vô sở sinh vì không có chỗ hướng đến.
22. Ba-la-mật tịch tĩnh vì không có tưởng.
23. Ba-la-mật không ngăn ngại vì không có giới hạn.
24. Ba-la-mật vô nhân vì vốn không.
25. Ba-la-mật chẳng quán sát vì pháp không từ đâu sinh khởi.
26. Ba-la-mật chẳng đến biên giới vì không có chỗ dừng.
27. Ba-la-mật chẳng mục nát vì không có hư hỏng.
28. Ba-la-mật không chỗ nào chẳng nhập vào vì đó là chỗ mà các vị A-la-hán và Bích-chi-phật không thể đến.
29. Ba-la-mật chẳng loạn vì không bị bất cứ việc gì làm lụy.
30. Ba-la-mật chẳng thể lường vì không có pháp nhỏ.
31. Ba-la-mật không có hình tướng vì đối với các pháp không có ngăn ngại.

32. Ba-la-mật không thật có vì không sinh.
33. Ba-la-mật không có vô thường vì chẳng có hoại diệt.
34. Ba-la-mật không có khổ vì các pháp chẳng xâm lấn lẫn nhau.
35. Ba-la-mật không có ngã vì đối với các pháp không có mong cầu.
36. Ba-la-mật không vì đối với các pháp chẳng thật có.
37. Ba-la-mật không có tướng vì đối với các pháp không có sinh ra.
38. Ba-la-mật sức lực vì đối với các pháp thì chiến thắng.
39. Ba-la-mật không thể tính kể Phật pháp vì đối với các pháp vượt ra ngoài sự tính toán.
40. Ba-la-mật tự nhiên (tự tánh) chính là Bát-nhã bala-mật-đa.
41. Vì đối với các pháp cũng không có tự nhiên (tự tánh).

QUYỂN 4
Phẩm 8: TRÌ

Thích Đề-hoàn Nhân thầm nghĩ: "Người nghe Bát-nhã bala-

mật đều là người của thời Phật quá khứ hà huống là học tập, thọ trì, đọc tụng. Họ học tập, thọ trì, đọc tụng, sống đúng như lời Phật dạy. Những người ấy đời trước đã từng cúng dường biết bao Đức Phật, hôm nay lại được nghe Bát-nhã ba-lamật thâm diệu, học tập, thọ trì, phúng tụng, sống đúng như lời Phật dạy. Người ấy đã từng thưa hỏi pháp này từ thời Phật quá khứ. Thiện nam, thiện nữ đó vì đã gặp Đức Phật quá khứ đã được nghe Bát nhã Ba la mật nên không còn nghi ngờ, không còn lo âu, sợ hãi." Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Đại Bồ-tát tín thọ Bát nhã Ba la mật thâm diệu, thì phải được xem như bậc không thoái chuyển. Vì sao? Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Vì Bát nhã Ba la mật thâm diệu phải dùng tinh tấn để tin nhận Bát nhã Ba la mật. Giả sử có người khinh thường Bát nhã Ba la mật thì người này đời trước cũng đã từng khinh thường Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì không tin ưa Bát nhã Ba la mật, vì không thưa hỏi Phật và đệ tử của Phật về pháp này. Vì vậy cần phải biết các lý do đã gây nên.

Thích Đề-hoàn Nhân nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Bát nhã Ba la mật rất là thâm diệu hy hữu. Nếu có người nghe thuyết Bát nhã Ba la mật thâm diệu mà chẳng tin thì đó là người chưa hành đạo Bồ-tát thành ra thọ trì khó khăn. Còn người tự lễ kính Bát nhã Ba la mật là người đã tự lễ kính trí Nhất thiết trí.

Xá-lợi-phất nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Đúng thế, đúng thế! Này Câu-dực! Người tự lễ kính trí Nhất thiết trí tức là tự lễ kính Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì từ trong pháp này sinh ra trí Nhất thiết trí của Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Trí Nhất thiết trí là ánh sáng chiếu soi của Bát nhã Ba la mật. Người trụ trong Bát nhã Ba la mật thì hiểu được trí này.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật như thế nào? Trụ trong Bát nhã Ba la mật như thế nào? Hiểu thế nào về trí Nhất thiết trí trong Bát nhã Ba la mật?

Đức Phật dạy:

–Hay thay, hay thay! Này Câu-dực! Ông đặt câu hỏi như thế đều là nhờ oai thần của Phật. Nếu Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật thì chẳng trụ trong sắc, nếu chẳng trụ trong sắc tức là hành. Chẳng trụ trong thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức. Nếu chẳng trụ trong thức tức là hành. Ở trong sắc chẳng rốt ráo. Như sắc chẳng rốt ráo vì thế chẳng trụ trong sắc. Thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức chẳng rốt ráo. Như thức chẳng rốt ráo vì thế chẳng trụ trong thức.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật rất thâm diệu. Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật rất khó thấy bờ bến.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Sắc thâm diệu cũng chẳng trụ. Nếu chẳng trụ sắc thâm diệu thì người chẳng trụ sắc thâm diệu như thế tức là hiểu thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức thâm diệu chẳng trụ. Nếu chẳng trụ thức thâm diệu thì người chẳng trụ thức thâm diệu như thế tức là hiểu sắc thâm diệu cũng chẳng tùy theo. Người chẳng tùy theo sắc thâm diệu tức là chẳng trụ sắc thâm diệu. Nếu chẳng trụ sắc thâm diệu tức là chẳng tùy theo sắc thâm diệu. Thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức thâm diệu chẳng tùy theo, người chẳng tùy theo thức thâm diệu như thế tức là chẳng trụ thức thâm diệu. Người chẳng trụ thức thâm diệu như thế tức là chẳng tùy theo thức thâm diệu. Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật thâm diệu, phải nên đời trước Bồ-tát không thoái chuyển thuyết pháp này. Các vị ấy nghe pháp trí tuệ này chẳng nghi, cũng chẳng chán.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi Xá-lợi-phất:

–Có gì khác chăng khi thuyết pháp này với các vị Đại Bồ-tát chưa được thọ ký?

Xá-lợi-phất đáp:

–Các Bồ-tát đó từ khi cầu Phật đạo đến nay đã lâu lắm rồi. Họ là người đã được thọ ký. Nếu người chưa được thọ ký mà nghe thuyết pháp này chỉ chẳng bao lâu cũng được thọ ký hoặc gặp một Đức Phật hoặc gặp hai Đức Phật thì được thọ ký thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đại Bồ-tát chưa được thọ ký nghe pháp này sợ hãi bỏ đi.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đúng thế, đúng thế! Đại Bồ-tát cầu Phật đạo từ trước đến nay đã lâu lắm rồi hoặc đã được thọ ký hoặc chưa được thọ ký đều nghe thuyết pháp Bát nhã Ba la mật thâm diệu này.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Con cũng muốn nói về pháp này để cho người thích nghe được an vui.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Nếu ông thích thì cứ nói.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ví như Đại Bồ-tát trong giấc mộng tự thấy ngồi tòa Phật thì biết là hiện đang gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thành Phật. Bạch Đức Thiên Trung Thiên, cũng vậy, Đại Bồ-tát được nghe Bát nhã Ba la mật thâm diệu là Đại Bồ-tát học từ trước đến nay đã lâu lắm rồi, nay chẳng còn bao lâu nữa sẽ được thọ ký, công đức của vị ấy sắp thành tựu viên mãn. Đại Bồ-tát nên biết như vầy: "Người đắc Bát nhã Ba la mật thâm diệu là người công đức sắp thành tựu viên mãn." Đức Phật dạy:

–Hay thay, hay thay! Này Xá-lợi-phất! Ông nói được lời như thế đều nhờ oai thần của Phật.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Thiện nam đi một vạn dặm hoặc mấy vạn dặm đến nơi trống trải. Người này từ xa trông thấy kẻ chăn bò, người chăn dê hoặc thấy địa giới hoặc thấy nhà cửa hoặc thấy ruộng vườn, nghĩ rằng: "Sắp đến quận, sắp đến huyện, sắp đến xóm làng." Nếu muốn đến thì nên nghĩ rằng: "Từ từ đi tới thì sẽ đến gần, không còn sợ giặc cướp." Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đại Bồ-tát đắc Bát nhã Ba la mật thâm diệu cũng giống như vậy, nay chẳng còn bao lâu nữa sẽ được thọ ký cũng chẳng sợ rơi vào quả vị của đạo A-la-hán, Bích-chi-phật. Vì sao? Vì trước đó đã có ý tưởng thấy nghe đến Bát nhã Ba la mật thâm diệu.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ví như thiện nam muốn thấy biển cả, liền đi về hướng biển cả. Hoặc thấy cây nghĩ về cây, hoặc thấy núi nghĩ về núi, chẳng biết là biển cả hãy còn xa. Người này từ từ đi về phía trước, đến lúc chẳng thấy cây chẳng nghĩ về cây, chẳng thấy núi cũng chẳng nghĩ về núi, trong lòng nghĩ không bao lâu sẽ đến biển. Trên đường đi không còn thấy có cây, cũng không nghĩ về cây, không còn có núi cũng không nghĩ về núi, thiện nam này tuy chưa thấy biển cả nhưng biết rằng sắp đến. Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đại Bồ-tát này phải biết như vầy: Nếu ai nghe được Bát nhã Ba la mật thâm diệu, tuy chẳng thấy được Phật thọ ký nhưng biết từ nay cho đến ngày thành Phật không còn xa.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ví như cây cối mùa xuân từ từ đâm chồi nẩy lộc chẳng bao lâu sẽ ra hoa kết trái. Vì sao? Vì những dấu hiệu này của cây cho biết chẳng bao lâu cây sẽ ra lá rồi sinh hoa trái, người ở châu Diêm-phù-lợi đều rất vui mừng từng nhìn thấy cây này, thì biết chẳng bao lâu hoa trái sẽ chín. Bạch Đức Thiên Trung

Thiên! Cũng thế, Đại Bồ-tát được nghe thấy Bát nhã Ba la mật thâm diệu thì công đức của người ấy sắp thành tựu viên mãn, nay ở trong Bát nhã Ba la mật tự đạt đến thành tựu. Đại Bồ-tát này phải biết đó là do lúc ở đời quá khứ đã học Bát nhã Ba la mật nên công đức ấy sắp thành tựu viên mãn. Vì sao? Vì hiện tại lại được nghe Bát nhã Ba la mật thâm diệu. Chư Thiên trên trời đều vì người ấy mà vui mừng nghĩ đến lúc thấy các Đại Bồ-tát quá khứ được thọ ký thì biết Đại Bồ-tát này hôm nay cũng được thọ ký, chẳng bao lâu sẽ thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ví như người đàn bà có thai, bụng dần dần to, thân thể nặng nề không như trước kia, làm việc gì cũng bất tiện, ăn uống ít đi, đi đứng khó khăn, dần dần cảm thấy đau, nói năng chậm chạp, nằm ngồi không yên, đau đớn dồn dập thì biết người đàn bà này chẳng bao lâu sẽ sinh. Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Cũng vậy, Đại Bồ-tát công đức sắp thành tựu viên mãn, nếu được nghe thấy Bát-nhã ba-lamật thâm diệu, vị ấy tưởng niệm tu hành thì phải biết vị Đại Bồ-tát ấy hôm nay được thọ ký, chẳng bao lâu được thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Phật dạy:

–Hay thay, hay thay! Này Xá-lợi-phất! Ông nói được như thế là đều nhờ oai thần của Phật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Hy hữu thay! Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều biết trước về Đại Bồ-tát này.

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát ngày đêm xót thương nghĩ đến thế gian, muốn làm cho trời, người đều được yên ổn. Vì thế lúc tự đạt đến đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thành Phật, họ vì hàng trời, người mà thuyết pháp.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Như vậy Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật phải hành thế nào để được thành tựu?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật chẳng thấy lỗi của

sắc là thực hành Bát nhã Ba la mật. Chẳng thấy lỗi của thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức là thực hành Bát-nhã bala-mật. Chẳng thấy sắc không lỗi là thực hành Bát-nhã ba-lamật. Chẳng thấy thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức không lỗi là thực hành Bát nhã Ba la mật. Chẳng thấy pháp đúng là thực hành Bát nhã Ba la mật, cũng chẳng thấy pháp sai là thực hành Bát-nhã ba-lamật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Điều Thế Tôn nói ra chẳng thể nghĩ bàn.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Sắc cũng chẳng thể nghĩ bàn thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức cũng chẳng thể nghĩ bàn. Chẳng phân biệt sắc là thực hành Bát nhã Ba la mật. Chẳng phân biệt thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức là thực hành Bát nhã Ba la mật. Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ai sẽ tin đây là hạnh của Đại Bồ-tát?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Cái gì là hạnh? Giả sử hạnh của Đại Bồ-tát thì cũng chỉ là giả danh. Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật đối với mười Lực cũng không gần, đối với bốn Vô sở úy cũng không gần, đối với Phật pháp cũng không gần, đối với trí Nhất thiết trí cũng không gần. Vì sao? Vì mười Lực chẳng thể nghĩ bàn bốn Vô sở úy cũng chẳng thể kể xiết, Phật pháp cũng chẳng thể nghĩ bàn, trí Nhất thiết trí cũng chẳng thể nghĩ bàn, sắc cũng chẳng thể nghĩ bàn, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức cũng chẳng thể nghĩ bàn, các pháp cũng chẳng thể nghĩ bàn, tâm cũng chẳng thể nghĩ

bàn. Nếu Đại Bồ-tát hành như thế tức là vô sở hành, đó là thực hành Bát nhã Ba la mật. Giả sử làm hạnh như thế cũng chỉ là giả danh mà thôi. Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật là vua trong các loại trân bảo. Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật là vua trong các vị đại tướng. Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật chiến đấu cùng hư không, không ai có thể thắng. Từ trong pháp này không bị đoạn tuyệt. Đức Phật dạy:

–Đúng thế, đúng thế! Này Tu-bồ-đề! Người muốn biên chép nhanh chóng kinh này cũng phải đến một năm mới xong. Vì sao? Vì đối với kinh trân bảo này có nhiều nhân duyên nổi lên khiến cho việc biên chép của thiện nam, thiện nữ nửa chừng bị đứt đoạn.

Tu-bồ-đề thưa:

–Ở trong Bát nhã Ba la mật! Đám ma tệ ác thường khiến cho muốn làm đứt đoạn.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Giả sử đám ma tệ ác muốn làm đứt đoạn kinh này thì cũng sẽ không thể thắng được Đại Bồ-tát.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Nhờ oai thần của ai mà đám ma tệ ác không thể làm đứt đoạn nửa chừng?

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đều nhờ oai thần của Phật và của chư Phật hiện tại trong vô số cõi nước ở khắp mười phương. Lại nhờ ân của oai thần, chư Phật đều cùng thương tưởng, đều cùng truyền trao, đều cùng ủng hộ người này. Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát này là người đã được Phật ủng hộ nên đám ma tệ ác không thể giữa chừng làm đứt đoạn. Vì sao? Vì chư Phật hiện tại trong vô số thế giới ở khắp mười phương đều cùng ủng hộ Bát nhã Ba la mật. Nếu có người tụng niệm giảng nói hoặc có người học tập, thọ trì, biên chép đều là do oai thần của chư Phật.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Đại Bồ-tát hoặc có người tụng niệm hoặc có người học tập, thọ trì, biên chép là đã được oai thần của chư Phật ủng hộ.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đều là ân đức oai thần của chư Phật. Đại Bồ-tát này học Bát nhã Ba la mật nên biết đó là sự ủng hộ của chư Phật.

Xá-lợi-phất thưa:

–Nếu có người học tập, trì tụng Bát nhã Ba la mật, Phật dùng Phật nhãn thấy biết người ấy.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Như Lai dùng Phật nhãn nhìn thấy người học tập, trì tụng Bát nhã Ba la mật. Sau cùng nếu có người biên chép gìn giữ quyển kinh, phải biết những người này đều đã được Như Lai dùng Phật nhãn nhìn thấy.

Phật nói tiếp với Xá-lợi-phất:

–Bồ-tát là người chí đức. Người học tập, thọ trì kinh này là Đại Bồ-tát đang ở gần tòa Phật sắp thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Sau cùng, nếu có người biên chép giữ gìn quyển kinh thì những người cao quý này được công đức rất lớn. Này Xá-lợi-phất! Như vậy sau khi Như Lai diệt độ, Bát nhã Ba la mật này sẽ ở tại Nam Thiên trúc, pháp này có người học rồi, từ Nam

Thiên trúc sẽ chuyển đến Tây Thiên trúc, pháp này có người học rồi, sẽ từ Tây Thiên trúc chuyển đến Bắc Thiên trúc, pháp này cũng có người học.

Phật nói tiếp với Xá-lợi-phất:

–Về sau lúc kinh pháp này sắp đoạn tuyệt, ta đều biết người thọ trì Bát nhã Ba la mật. Nếu sau cùng có người biên chép, Đức Phật đều dự kiến người ấy sẽ ngợi khen và thuyết giảng kinh này.

Xá-lợi-phất hỏi Phật:

–Cuối cùng Bát nhã Ba la mật sẽ đến Bắc Thiên trúc chăng?

Đức Phật dạy:

–Sẽ đến Bắc Thiên trúc. Người ở tại đó sẽ nghe Bátnhã ba-lamật và còn thưa hỏi về pháp này thì ông phải biết là Đại Bồ-tát này đã hành Bát-nhã từ trước đến nay đã lâu lắm rồi, vì thế bây giờ họ lại thọ trì Bát nhã Ba la mật. Xá-lợi-phất thưa:

–Bắc Thiên trúc sẽ có bao nhiêu Đại Bồ-tát học Bátnhã ba-lamật?

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Bắc Thiên trúc tuy có rất nhiều Đại Bồ-tát nhưng ít có người học Bát nhã Ba la mật. Nếu có người nghe thuyết pháp Bát nhã Ba la mật mà không kinh, không hãi, không sợ thì đó là người đời trước đã từng nghe Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thuyết pháp này. Bồ-tát này là người chí đức trì tịnh giới đầy đủ, muốn độ thoát tất cả mọi người. Như Lai biết những người cầu Phật đạo này là thiện nam, thiện nữ hiện nay đang gần trí Nhất thiết trí. Người học pháp này sinh ra ở đâu cũng thường học pháp này, tiếp tục đi đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thiện nam, thiện nữ này là người cực kỳ tôn quý, ma không bao giờ làm gì được, chẳng thể lay động làm cho bỏ đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã Ba la mật này thì đã được cực kỳ tôn quý. Công đức khuyến trợ Đại thừa làm cho họ mau gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thiện nam, thiện nữ này tuy chẳng thấy ta nhưng đời sau học đắc Bát nhã Ba la mật thâm diệu là đã tận mặt thấy Phật. Nói lời Bát nhã Ba la mật cũng không sai khác, đây là hạnh Bồ-tát cần phải thực hành. Nếu có ngần ấy trăm người, ngần ấy ngàn người cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì phải giáo hóa họ, phải khuyến trợ họ, phải thuyết pháp cho họ nghe để họ đều hoan hỷ học Phật đạo.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Ta khuyến trợ thiện nam, thiện nữ chí đức đó học đạo Bồ-tát. Nếu người nào dạy như thế tức là đem sự sáng suốt của tâm này chuyển đến tâm kia. Thiện nam, thiện nữ nếu vì người khác mà khuyến trợ thì những người muốn hành đạo Bồ-tát này có đến hàng trăm người, hàng ngàn người cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, phải nên giáo hóa họ, phải nên khuyến trợ khiến cho họ hoan hỷ học Phật đạo. Trong lòng các thiện nam, thiện nữ này hớn hở vui mừng nguyện sinh về cõi Phật phương khác. Đã được sinh về phương khác rồi, liền tận mặt thấy Phật thuyết pháp, nghe lại pháp Bát nhã Ba la mật đều thông hiểu tất cả rõ ràng. Lại ở trong cõi Phật kia giáo hóa hàng trăm, hàng ngàn người đều hành Phật đạo.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Hy hữu thay! Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Vì pháp quá khứ, vị lai, hiện tại không pháp nào chẳng hiểu, vì biết hết hạnh của Đại

Bồ-tát ở đời vị lai nên khiến cho họ không lười nhác mà lại tinh tấn học, rồi đi sâu vào trong sáu pháp Ba-la-mật. Đức Phật dạy:

–Thiện nam, thiện nữ này nếu có người nào hành pháp đó thì những điều mong cầu đều được như ý hoặc điều chẳng cầu cũng tự được. Đó là do bản nguyện của thiện nam, thiện nữ nên chẳng lìa pháp này. Tuy họ không có chỗ mong cầu mà tự được sáu pháp Bala-mật.

Xá-lợi-phất hỏi Phật:

–Từ trong Ba-la-mật này có thể sinh ra kinh quyển được chăng?

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thiện nam, thiện nữ này thâm nhập Bát nhã Ba la mật thì từ trong pháp này tự lý giải ra mỗi một pháp thâm diệu là một quyển kinh. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Nếu người nào dạy đúng như đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì có thể dạy mọi người, khuyến trợ họ, vì họ thuyết pháp, đều khiến họ hoan hỷ học Phật đạo. Thiện nam, thiện nữ lại tự học pháp này, vì thế sinh ra nơi nào cũng đều được sáu pháp Ba-la-mật.

QUYỂN 5
Phẩm 9: GIÁC MA

Tu-bồ-đề hỏi Phật:

–Thiện nam, thiện nữ học pháp này sẽ có hiệu nghiệm. Bạch Đức Thiên Trung Thiên, làm thế nào để phát hiện biết đó là hành vi của ma?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Người tâm không ưa thích pháp này thì phải nhận biết đó là hành vi của ma. Đại Bồ-tát tâm chợt vọng khởi thì phải nhận biết đó là hành vi của ma. Lúc Đại Bồ-tát biên chép kinh này nếu có sấm chớp sợ hãi thì phải nhận biết đó là hành vi của ma. Lúc Đại Bồ-tát biên chép kinh này mà bị trêu ghẹo thì phải nhận biết đó là hành vi của ma. Khi Đại Bồ-tát biên chép kinh này mà bị chê cười thì phải nhận biết đó là hành vi của ma. Khi Đại Bồ-tát biên chép kinh này mà nhìn trái nhìn phải (tán loạn) thì phải nhận biết đó là hành vi của ma. Khi Đại Bồ-tát biên chép kinh này tâm khởi niệm tà vạy, không tập trung thì phải nhận biết đó là hành vi của ma. Đại Bồ-tát tâm không để trên kinh mà luôn luôn từ chỗ ngồi đứng dậy thì phải nhận biết đó là hành vi của ma. Đại Bồ-tát tự nghĩ: "Ta chưa được thọ ký trong Bát nhã Ba la mật", rồi tâm tán loạn, đứng dậy bỏ đi thì phải nhận biết đó là hành vi của ma. Đại Bồ-tát tự nghĩ: "Tên tuổi của ta không ở trong Bát nhã Ba la mật", lòng cảm thấy không vui thì phải nhận biết đó là hành vi của ma. Đại Bồ-tát tự nghĩ: "Làng xóm, quận huyện, đất nước của ta không được nghe Bát nhã Ba la mật và sinh vào chỗ nào cũng đều không được nghe pháp này." Lòng của vị này muốn hối tiếc bèn bỏ đi. Người này về sau phải trải qua nhiều kiếp mới có sở đắc. Trong bao kiếp ở đời vị lai thích học kinh khác, chẳng trụ trí Nhất thiết trí, bỏ Bát-nhã bala-mật thâm diệu. Người học các kinh khác là người bỏ gốc lấy ngọn. Có người học Bát nhã Ba la mật cũng biết pháp thế tục và pháp xuất thế gian nhưng lại bỏ Bát nhã Ba la mật thì ví như con chó được chủ nhà cho ăn mà chẳng chịu ăn lại chạy theo kẻ đầy tớ xin ăn. Cũng như thế, này Tu-bồ-đề! Vào thời vị lai có Đại Bồ-tát bỏ Bát nhã Ba la mật thâm diệu lại đi tìm cầu cành nhánh nghĩa là theo học các kinh khác bèn rơi

vào quả vị của đạo Thanh văn, Bích-chi-phật. Ví như có người thấy con voi mà chẳng chịu nhìn, lại đi tìm dấu chân voi. Này Tu-bồđề! Ý ông nghĩ sao? Người ấy có sáng suốt không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Người ấy không sáng suốt.

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát là người có đức. Trong hai hạng người này, có hạng người bỏ Bát nhã Ba la mật thâm diệu, lại đi tu học kinh khác để đắc đạo A-la-hán, Bích-chi-phật. Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ thế nào, Bồ-tát ấy có sáng suốt không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bồ-tát ấy không sáng suốt.

Đức Phật dạy:

–Như thế, phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ví như có người muốn thấy biển cả mà chưa từng thấy biển cả, cho nên nếu thấy ao hồ bèn nói đó là biển cả. Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, người ấy có sáng suốt không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Người ấy không sáng suốt.

Đức Phật dạy:

–Cũng vậy, Bồ-tát là người có đức mà bỏ Bát-nhã bala-mật lại đi học kinh khác để rơi vào đạo Thanh văn, Bích-chiphật. Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao, Đại Bồ-tát ấy có sáng suốt không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Đại Bồ-tát ấy không sáng suốt.

Đức Phật dạy:

–Đại Bồ-tát ấy phải nhận biết đó là hành vi của ma. Ví như có một kiến trúc sư tài ba có khả năng xây dựng cung điện, ý muốn làm một cung điện cao như cung điện Nhật nguyệt, ai đứng đâu cũng đều trông thấy. Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, người ấy có thể làm được không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Cung điện Nhật nguyệt rất cao không ai có thể làm được. Đức Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, người ấy có sáng suốt không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Người ấy không sáng suốt.

Đức Phật dạy:

–Cũng vậy, này Tu-bồ-đề! Vào thời vị lai sẽ có người hành đạo Bồ-tát được nghe Bát nhã Ba la mật thâm diệu không vừa ý bèn bỏ đi, lại đi học pháp Thanh văn, Bích-chi-phật để cầu trí Nhất thiết trí ở trong các pháp ấy. Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, Bồ-tát ấy có sáng suốt không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Người ấy không sáng suốt.

Đức Phật dạy:

–Đại Bồ-tát ấy phải nhận biết đó là hành vi của ma. Ví như có người muốn thấy Chuyển luân thánh vương, nhưng chưa từng thấy qua, lại thấy tiểu vương rồi ghi nhớ kỹ càng hình dung, y

phục của vị ấy rồi cho đó là Chuyển luân thánh vương. Tubồ-đề! Ý ông nghĩ sao, người ấy có sáng suốt không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Người ấy không sáng suốt.

Đức Phật dạy:

–Cũng vậy, này Tu-bồ-đề! Vào thời vị lai sẽ có Bồ-tát được nghe Bát nhã Ba la mật thâm diệu lại không vừa ý bèn bỏ đi, lại vào trong pháp Thanh văn để cầu trí Nhất thiết trí. Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao, Bồ-tát ấy có sáng suốt không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bồ-tát ấy không sáng suốt.

Đức Phật dạy:

–Đại Bồ-tát ấy phải nhận biết đó là hành vi của ma. Ví như có người rất đói, được thức ăn ngon mà chẳng chịu ăn, lại đi ăn thức ăn dở. Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, người ấy có sáng suốt không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Người ấy không sáng suốt.

Đức Phật dạy:

–Cũng vậy, này Tu-bồ-đề! Vào thời vị lai sẽ có Đại Bồ-tát được nghe Bát nhã Ba la mật thâm diệu mà không vừa ý bèn bỏ đi, lại vào trong pháp Thanh văn để cầu trí Nhất thiết trí, muốn được thành Phật. Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, Đại Bồ-tát ấy có sáng suốt không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Đại Bồ-tát ấy không sáng suốt.

Đức Phật dạy:

–Đại Bồ-tát ấy phải nhận biết đó là hành vi của ma. Ví như có người được viên châu ma-ni vô giá mà lại cho viên châu này đồng giá trị với thủy tinh. Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, người ấy có sáng suốt không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Người ấy không sáng suốt.

Đức Phật dạy:

–Cũng vậy, vào thời vị lai sẽ có người hành đạo Bồ-tát được nghe Bát nhã Ba la mật, lại đem so sánh với pháp Thanh văn, rồi ở trong pháp Thanh văn muốn đắc trí Nhất thiết trí, thành Phật. Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, Đại Bồ-tát ấy có sáng suốt không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Đại Bồ-tát ấy không sáng suốt.

Đức Phật dạy:

–Đại Bồ-tát ấy phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Người đang biên chép Bát-nhã ba-lamật, nếu nghe nói đến tiền của, lợi lộc mà bỏ việc biên chép này. Đó là Bồ-tát tự tạo chướng nạn cho mình. Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Người như vậy có thể biên chép xong Bát nhã Ba la mật chăng?

Đức Phật dạy:

–Người ấy không thể biên chép xong. Người ấy cần phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Phật dạy tiếp:

–Này Tu-bồ-đề! Người biên chép được chút ít kinh này rồi tự nói rằng: "Ta biên chép Bát nhã Ba la mật", ở trong pháp này nghĩ rằng chắc chắn sắp có sở đắc thì phải nhận biết đó là hành vi của ma. Vì người khởi ý tưởng mong cầu thì bị rơi vào cảnh giới ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc biên chép Bát-nhã ba-lamật nếu nghĩ đến quê hương hoặc nghĩ đến phương khác hoặc nghĩ đến nước khác hoặc nghĩ đến vua hoặc nghĩ đến giặc, hoặc nghĩ đến binh lính hoặc nghĩ đến chiến đấu hoặc nghĩ đến cha mẹ, anh em, chị em thân thuộc. Hoặc có những ý nghĩ khác, ma càng làm gia tăng thêm các niệm ấy để loạn tâm Bồ-tát, gây ra chướng nạn thì phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu có tiền của, lợi lộc, y phục thích hợp, thức uống ăn, giường nệm, thuốc men chữa bệnh dồi dào được mang đến, Bồ-tát nghe qua tâm rối loạn không thể học tập, trì tụng, biên chép được Bát nhã Ba la mật thì phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Có bọn ma theo Phật kinh thâm pháp lần lượt làm rối loạn khiến Đại Bồ-tát không còn muốn đắc phương tiện thiện xảo, nên chẳng bằng lòng thưa hỏi về Bát nhã Ba la mật.

Đức Phật dạy:

–Ta đã giảng nói nhiều về việc của Đại Bồ-tát, nếu ai muốn học phương tiện thiện xảo thì phải tìm cầu từ Bát nhã Ba la mật. Nếu họ không vừa lòng Bát nhã Ba la mật mà bỏ đi lại tìm cầu phương tiện thiện xảo trong đạo Thanh văn. Này Tubồ-đề! Ý ông nghĩ sao, người ấy có sáng suốt không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Người ấy không sáng suốt.

Đức Phật dạy:

–Như vậy, Đại Bồ-tát phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu người thọ kinh muốn nghe Bát nhã Ba la mật mà gặp phải lúc thân Pháp sư bất an thì Đại Bồ-tát phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Pháp sư vừa yên ổn muốn truyền dạy Bát nhã Ba la mật, nhưng người thọ kinh lại muốn đi nơi khác, hai bên chẳng hòa hợp nên cũng chẳng biên chép được Bát-nhã ba-lamật. Như vậy, Đại Bồ-tát phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Người học kinh muốn thọ Bát-nhã bala-mật, lòng họ vui thích, nhưng Pháp sư lại muốn đi đến phương khác. Như vậy, hai bên chẳng hòa hợp nên cũng chẳng biên chép được Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Pháp sư muốn có được các thứ như y phục, tiền của, lợi lộc mà người thọ kinh lại không có tâm cúng dường. Hai bên không hòa hợp nên cũng không học được Bát nhã Ba la mật. Như vậy, Đại Bồ-tát phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Người thọ kinh cúng dường không tiếc, muốn vật gì cũng đều chìu ý, nhưng Pháp sư có kinh quyển mà không chịu đưa ra, cũng không chịu giảng giải, khiến cho người thọ kinh không vui. Hai bên chẳng hòa hợp nên học tập, biên chép Bát nhã Ba la mật cũng chẳng được. Như vậy, Đại Bồ-tát phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Pháp sư vừa muốn thuyết pháp, nếu người thọ kinh chẳng muốn nghe pháp. Như vậy, hai bên chẳng hòa hợp nên cũng chẳng được nghe Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Pháp sư nếu thân thể mỏi mệt, nằm không muốn dậy, không thích thuyết pháp, còn người thọ kinh thì muốn nghe pháp. Như vậy, hai bên chẳng hòa hợp thì cũng chẳng được nghe Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu lúc sắp biên chép Bát-nhã ba-lamật hoặc lúc muốn thuyết pháp này thì lại có người vào trong chúng nói lời phỉ báng, cho rằng học hạnh Bồ-tát phải chịu nhiều cực khổ, nói sự khổ ở địa ngục, cầm thú, ngạ quỷ rất lớn, cho nên cần phải sớm chặt đứt gốc sinh tử. Như vậy, Đại Bồ-tát phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu lúc sắp biên chép Bát-nhã ba-lamật hoặc lúc muốn thuyết pháp này, có người đến ngồi trong chúng ca tụng khoái lạc ở cõi Trời, dục lạc của Đế vương đều có thể tự thỏa mãn. Nếu người tu Thiền định thì được sinh vào cõi trời Sắc, nếu người niệm không tịch thì được sinh vào cõi trời Vô sắc. Đó đều là pháp vô thường, khổ, chi bằng cầu đạo Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán không còn sinh tử nữa. Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Pháp sư nghĩ rằng: "Ta là tôn quý, nếu có người đến cung kính đảnh lễ ta. Ta sẽ truyền dạy cho Bát nhã Ba la mật. Nếu kẻ nào chẳng cung kính đảnh lễ ta thì ta không truyền dạy." Người thọ kinh tự hướng đến vị ấy cung kính đảnh lễ chẳng chút ngại ngùng. Nhưng lòng của Pháp sư hối tiếc không muốn truyền dạy kinh cho đệ tử. Nghe nói ở nước khác lúa gạo đắt đỏ vị ấy mới nói với người thọ kinh rằng: "Thiện nam tử có biết chăng, có thể đi cùng ta đến xứ ấy chăng? Hãy suy nghĩ đừng để về sau hối hận". Đệ tử nghe lời nói ấy, lòng rất buồn rầu, tự nghĩ: "Ta đã thấy kinh rồi mà thầy chẳng chịu truyền cho ta, phải làm sao đây!" Như vậy, hai bên chẳng hòa hợp nên học tập, biên chép Bát-nhã ba-lamật chẳng được. Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Pháp sư muốn đến chỗ cực kỳ hiểm nguy, nói với người thọ kinh: "Thiện nam tử có biết chăng, chỗ ấy không có lúa gạo mà có nhiều cọp sói, giặc cướp, đồng không mông quạnh, ta muốn qua đến xứ đó. Ông hãy suy nghĩ xem có thể đi theo ta để chịu sự khốn khổ ấy chăng?" Lại còn dùng lời ngon ngọt cùng chung chuyện trò khiến cho đệ tử đâm ra chán nản, lòng không còn ưa thích, dần dần thoái lui. Này Tu-bồ-đề! Như vậy là gây ra chướng ngại chẳng học được Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Pháp sư mạnh khỏe đi khất thực có nhiều thí chủ, nhưng lại không muốn truyền cho đệ tử kinh, còn muốn đệ tử chán nản bỏ đi, mới nói với người thọ kinh rằng: "Thiện nam tử biết chăng, ta có thí chủ cần phải đến thăm viếng." Như vậy, hai bên chẳng hòa hợp nên học tập, biên chép Bát nhã Ba la mật chẳng được. Đại Bồ-tát phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bọn ma tệ ác thường tìm cơ hội khuấy nhiễu, không muốn có người học tập, thọ trì, đọc tụng Bát-nhã ba-lamật.

Tu-bồ-đề hỏi Phật:

–Vì sao đám ma tệ ác thường tìm cơ hội khuấy nhiễu không muốn có người học tập, thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật? Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đám ma tệ ác chủ yếu là làm việc phỉ báng cho rằng đây chẳng là Ba-la-mật và nói: "Ta có một kinh thâm diệu hay không thể nói được! Đó mới là Ba-la-mật." Như vậy, này Tubồ-đề! Đám ma tệ ác chủ yếu là làm việc phỉ báng khiến cho Bồ-tát mới học tâm sinh hồ nghi chẳng còn muốn học tập, biên chép kinh này. Đại Bồ-tát phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Việc ma một khi khởi lên khiến cho người học sâu đạo Bồ-tát lấy bản tế làm sở chứng liền rơi vào trong Thanh văn, đắc đạo Tu-đà-hoàn. Như vậy, Đại Bồ-tát phải nhận biết đó là hành vi của ma.

QUYỂN 5
Phẩm 10: CHIẾU MINH

Đức Phật dạy:

–Trong Bát nhã Ba la mật hay khởi ra nhiều nhân duyên ma đến nỗi khiến cho bị đoạn tuyệt.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Như lời Đấng Thiên Trung Thiên nói, nếu Bồ-tát có nhiều nguy hại là sở dĩ vì sao? Vì cực kỳ tôn quý, vì hy hữu cho nên đến nỗi mang hại. Bát nhã Ba la mật cũng giống như vậy hay khởi ra nhiều nhân duyên và người mới phát tâm học hiểu biết rất ít về nó, nên tâm họ không vào được pháp Đại thừa, cũng chẳng đọc tụng Bát nhã Ba la mật. Người ấy đã bị ma chi phối.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Như lời ông nói, người mới phát tâm thì sự hiểu biết của họ rất ít, tâm họ chẳng vào được pháp Đại thừa, cũng chẳng đọc tụng Bát nhã Ba la mật. Đó là họ đã bị ma chi phối, tự khởi nhân duyên ma làm cho Bát nhã Ba la mật bị đoạn tuyệt.

Thiện nam, thiện nữ thọ trì, tu học Bát nhã Ba la mật mà đọc tụng đều là nhờ oai thần của Phật. Vì sao? Vì đám ma tệ ác không thể chi phối khiến cho đoạn tuyệt. Đó là do sự chế ngự, hộ trì của Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.

Ví như người mẹ lần lượt sinh con từ vài đứa cho đến mười đứa. Con bà hãy còn nhỏ, nếu bà mẹ bị bệnh thì không thể bảo vệ, trông nom chúng. Nếu bà mẹ yên ổn không bệnh, thì bà tự nuôi nấng con khiến chúng được sống còn. Gặp lúc ấm lạnh, khô ướt, chúng đều được chăm sóc. Đây là sự thị hiện của thế gian.

Cũng vậy, này Tu-bồ-đề! Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác niệm Bát nhã Ba la mật. Nếu người nào thọ trì hoặc người nào đọc tụng, biên chép thì được hộ trì. Lại nữa, chư Phật hiện tại ở khắp mười phương thường niệm Bát nhã Ba la mật. Đó tức là Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đối với trí Nhất thiết trí mà thị hiện. Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác từ trong pháp này tự đạt được trí Nhất thiết trí. Nếu có người đã thành Phật hoặc chưa thành Phật hay sẽ thành Phật đều từ Bát nhã Ba la mật mà tự đạt đến Vô thượng giác. Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác là do đạt đến sự chiếu sáng của trí Nhất thiết trí đều từ Bát nhã Ba la mật, vì thế nên thị hiện ở thế gian.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở trong Bát-nhã balamật chiếu sáng thế gian. Sao gọi là Bát nhã Ba la mật chiếu sáng thế gian? Như Lai lấy gì để thị hiện ở thế gian?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Như Lai lấy năm ấm để thị hiện ở thế gian. Tu-bồ-đề hỏi:

–Trong Bát nhã Ba la mật thị hiện năm ấm như thế nào? Thế nào là Bát nhã Ba la mật thị hiện ở năm ấm?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Vì không bị hoại diệt nên được thị hiện, cũng chẳng phải không hoại diệt mà thị hiện. Không thì không hoại diệt, cũng không có hoại. Vô tướng, vô nguyện cũng không hoại diệt, cũng không có hoại, vì thế nên thị hiện ở thế gian.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Thậm chí người nhiều không kể xiết, tâm nhiều không thể kể xiết, Như Lai biết rõ hết họ đều chính là người tự nhiên (tự tánh). Người tự nhiên như thế, đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Như Lai dùng Bát nhã Ba la mật để biết rõ người nhiều không thể kể xiết, tâm nhiều không thể kể xiết. Như Lai dùng Bát nhã Ba la mật thị hiện hộ trì thế gian.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu tâm tật đố, tâm tán loạn

Như Lai đều biết. Vì sao nói Như Lai biết đó là tâm tật đố, tâm tán loạn? Vì gốc của pháp ấy không tật đố, không tán loạn, thế nên Như Lai biết.

Sao gọi là biết tật đố, biết tán loạn? Nếu tâm nào cần phải diệt tận thì đã diệt tận, vì thế nên Như Lai biết. Nếu có tâm ái dục thì biết đó là tâm ái dục. Nếu có tâm giận hờn thì biết đó là tâm giận hờn. Nếu có tâm ngu si thì biết đó là tâm ngu si. Biết gốc của tâm ái dục thì không có tâm ái dục. Biết gốc của tâm giận hờn thì không có tâm giận hờn. Biết gốc của tâm ngu si thì không có tâm ngu si.

Này Tu-bồ-đề! Chính điều đó khiến ta đắc trí Nhất thiết trí tức là đắc Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì Như Lai không có tâm ái dục. Do không có tâm ái dục nên biết gốc của tâm ấy cũng không có tâm ái dục, vì thế tâm Như Lai không có ái dục. Vì sao? Vì Như Lai không có tâm giận hờn. Do không có tâm giận hờn nên biết gốc của tâm ấy cũng không có tâm giận hờn, vì thế tâm Như Lai không có giận hờn. Vì sao? Vì Như Lai không có tâm ngu si. Do không có tâm ngu si nên biết gốc của tâm ấy cũng không có tâm ngu si, vì thế tâm Như Lai không có ngu si. Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nhân nơi Bát nhã Ba la mật thị hiện hộ trì thế gian.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Như Lai vì mọi người nên nhân nơi Bát nhã Ba la mật mà tâm của Ngài rộng lớn không điều gì không biết. Tại sao nói Như Lai vì mọi người nên nhân nơi Bátnhã ba-lamật mà tâm Ngài rộng lớn không điều gì không biết? Vì tâm ấy cũng không rộng, cũng không lớn, cũng không đến, cũng không đi, thế nên Như Lai vì mọi người nên nhân nơi Bát nhã Ba la mật mà tâm của Ngài rộng lớn không điều gì không biết.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Như Lai vì mọi người nên nhân nơi Bát nhã Ba la mật mà tâm của Ngài rộng lớn không điều gì chẳng biết. Tại sao nói Như Lai vì mọi người nên nhân nơi Bátnhã ba-lamật mà tâm Ngài rộng lớn không điều gì không biết? Vì tâm ấy cũng không từ đâu đến,

cũng không có chỗ trụ. Như vậy, này Tubồ-đề! Như Lai vì mọi người nên nhân nơi Bát nhã Ba la mật mà tâm của Ngài rộng lớn không điều gì không biết.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Như Lai vì không thể kể xiết người, không thể kể xiết tâm nên nhân nơi Bát nhã Ba la mật mà không điều gì không biết. Tại sao nói Như Lai vì không thể kể xiết người, không thể kể xiết tâm, nên nhân nơi Bát nhã Ba la mật mà không điều gì không biết. Vì tâm ấy không có chỗ trụ, cũng không từ đâu đến diệt tận (Nê-hoàn). Vì chứng Nê-hoàn vô dư nên không điều gì không biết. Tâm ấy như hư không, nên biết không thể kể xiết người, không thể kể xiết tâm. Như vậy, này Tu-bồ-đề! Như Lai nhờ cái biết của Bát nhã Ba la mật mà biết hết không thể kể xiết người, không thể kể xiết tâm.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Như Lai vì mọi người nên nhờ cái biết của Bát nhã Ba la mật mà biết hết tâm không thể thấy. Sao gọi là Như Lai vì mọi người nên nhờ cái biết của Bát nhã Ba la mật mà biết hết tâm không thể thấy? Vì tâm ấy vốn thanh tịnh nên cũng không có tưởng. Như vậy, này Tu-bồ-đề! Như Lai vì mọi người nên nhờ cái biết của Bát nhã Ba la mật mà biết hết tâm chẳng thể thấy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Như Lai vì mọi người nên nhờ cái biết của Bát nhã Ba la mật mà biết hết tâm chẳng thể thấy. Tại sao nói Như Lai vì mọi người nên nhờ cái biết của Bát nhã Ba la mật mà biết hết tâm chẳng thể thấy? Vì tâm ấy không thể dùng mắt thấy nó từ đâu đến. Như vậy, này Tu-bồ-đề! Như Lai vì mọi người nên nhờ cái biết của Bát nhã Ba la mật mà biết hết tâm chẳng thể thấy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Như Lai vì mọi người nên nhờ cái biết của Bát nhã Ba la mật mà biết hết sự muốn được thế thì sẽ đạt đến thế. Tại sao nói Như Lai vì mọi người nên nhờ cái biết của Bát nhã Ba la mật mà biết hết sự muốn được thế thì sẽ đạt đến thế? Vì biết tất cả sắc từ chẳng thật có mà sinh ra sinh; thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức cũng từ chẳng thật có mà sinh ra sinh. Như vậy, này Tubồ-đề! Tại sao Như Lai biết sự muốn được thế là nguyên nhân để đạt đến thế? Vì từ tử (chết) đến tử, đó chính là sắc. Từ tử đến bất tử, đó cũng là sắc. Từ bất tử đến bất tử, đó cũng là sắc. Cũng chẳng có tử, cũng chẳng có không tử, đó cũng là sắc. Thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức từ tử đến tử, đó cũng là sắc. Thức từ tử đến bất tử, đó cũng là sắc. Thức từ bất tử đến bất tử, đó cũng là sắc. Thức cũng chẳng có tử, cũng chẳng không tử, đó cũng là sắc. Thức có nhân, không có ngã, thế gian, đó cũng là sắc. Không có nhân, có ngã, thế gian, đó cũng là sắc. Có mong cầu, không mong cầu, không có ngã, thế gian, đó cũng là sắc. Cũng chẳng có mong cầu, cũng chẳng không mong cầu, cũng không có ngã, thế gian, đó cũng là sắc. Có mong cầu, có ngã có thế gian, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức, đó cũng là sắc. Không mong cầu, không ngã, không thế gian, không thức cũng là sắc. Cũng chẳng không mong cầu, cũng chẳng có mong cầu, cũng không có ngã, thức, đó cũng là sắc. Thủ đắc ngã, thế gian, cũng không có thế gian, đó cũng là sắc. Ngã, thế gian, chẳng thể cùng cực, đó cũng là sắc. Ngã, thế gian có cùng cực, không cùng cực, đó cũng là sắc. Ngã và thế gian cũng chẳng có cùng cực cũng chẳng không cùng cực, đó cũng là sắc. Thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức cũng vậy. Ngã cùng thế gian, thức cũng chẳng thể cùng cực, đó cũng là sắc. Ngã cùng thế gian, thức có cùng cực, không cùng cực, đó cũng là sắc. Ngã cùng thế gian, thức cũng chẳng có cùng cực, cũng chẳng không cùng

cực, đó cũng là sắc. Mạng ấy là thân, đó cũng là sắc. Chẳng phải mạng, chẳng phải thân, đó cũng là sắc. Thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức cũng vậy.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Như Lai biết sự muốn được thế là nguyên nhân để được thế. Tại sao nói Như Lai biết sự muốn được thế là nguyên nhân để đạt được thế? Như Lai biết sắc vốn là không là biết đúng như thật sắc vốn là không. Thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức cũng vậy. Tại sao nói là biết thức? Biết thức vốn là không. Cái gì là vốn là không? Chính cái muốn có sở đắc này là cũng vốn là không. Như Lai cũng vốn là không, nhân trí tuệ mà trụ chân như. Tại sao nói là vốn là không? Thế gian cũng là vốn là không. Cái gì là vốn là không? Tất cả các pháp cũng vốn là không. Như các pháp vốn là không, đạo Tu-đà-hoàn cũng vốn là không, đạo Tư-đàhàm cũng vốn là không, đạo A-na-hàm cũng vốn là không, đạo A-lahán, đạo Bích-chi-phật cũng vốn là không. Như Lai cũng vốn là không, tất cả đều cùng vốn là không không có sai khác, không chỗ nào chẳng vào, đều biết hết tất cả.

Này Tu-bồ-đề! Như thế, Bát nhã Ba la mật tức vốn là không, Như Lai nhân Bát nhã Ba la mật mà tự chứng đắc thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chiếu sáng, hộ trì thế gian, đó là thị hiện. Đức Như Lai nhân nơi Bát-nhã ba-lamật biết hết thế gian vốn là không, không có sai khác. Đúng thế, này Tu-bồ-đề! Như Lai biết tất cả đều vốn là không, vì thế được tôn hiệu là Phật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Pháp vốn đều không ấy rất sâu. Đó là pháp chư Phật, Bồ-tát đều tự liễu ngộ, ai sẽ là người tin được pháp ấy. Chỉ có người đắc đạo A-la-hán hoặc Bồ-tát không thoái chuyển và Như Lai thành Vô thượng giác mới có thể nói được pháp ấy.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Pháp vốn là không ấy, không có lúc tận, pháp Như Lai thuyết cũng không có cùng tận.

Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân cùng một vạn chư Thiên cõi Dục, trời Phạm thế cùng hai vạn Thiên tử đều đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật rồi đứng qua một bên.

Chư Thiên tử cõi Dục và cõi Phạm đều bạch với Phật:

–Pháp của Thiên Trung Thiên rất thâm diệu. Cái gì làm tướng của nó?

Đức Phật bảo chư Thiên tử:

–Nếu chấp nhận cái gì làm tướng thì đã là chấp trước rồi. Vô tướng, vô nguyện, không có sinh tử phát sinh, vô sở hữu, vô sở trụ là tướng của nó. Tướng của nó như hư không. Tướng mà Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trụ, thì chư Thiên, A-tu-luân, quỷ thần chẳng thể lay động di dời được. Vì sao? Vì tướng ấy chẳng thể dùng tay làm ra. Sắc chẳng thể làm ra tướng ấy. Thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức cũng chẳng thể làm ra tướng ấy.

Đức Phật hỏi chư Thiên tử:

–Nếu nói hư không này có người làm ra thì có thể tin được không?

Chư Thiên tử bạch Phật:

–Không thể tin có người làm ra hư không. Vì sao? Vì không ai có thể làm ra hư không.

Đức Phật dạy:

–Cũng giống như vậy, này chư Thiên tử, tướng ấy thường trụ, có Phật hay không Phật, tướng ấy vẫn trụ như vậy. Vì trụ như thế nên Như Lai thành Đẳng Chánh Giác. Danh xưng là Như Lai tức là Như Lai vốn là không.

Các vị Thiên tử bạch Phật:

–Tướng ấy rất thâm diệu. Như Lai do đó mà thành Đẳng Chánh Giác. Đức Như Lai biết trí tuệ vô ngại đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra. Đó là kho tàng của Phật.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Như Lai nhân nơi Bát nhã Ba la mật thị hiện hộ trì thế gian. Như vậy, này Tu-bồ-đề! Như Lai cung kính phụng sự pháp này, cho đến thành Phật cũng đều từ Bát nhã Ba la mật. Thế nên, Bát nhã Ba la mật được Như Lai cung kính, vì Như Lai nhờ pháp này mà thành Phật. Đó là báo ân.

Sao gọi đó là sự báo ân của Như Lai? Như Lai từ pháp Đại thừa này mà đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thành Đấng Vô thượng giác. Các Ngài đều từ pháp Đại thừa này mà thành Bậc Vô Sở Trước. Vì thế nên thể hiện sự báo ân.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Như Lai biết các pháp vô tác do đó thành Đẳng chánh giác. Biết chúng cũng chẳng phải vô tác nên thành Đẳng chánh giác. Đây là vì Như Lai báo ân nên thị hiện Bát nhã Ba la mật. Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đối với các pháp không có mong cầu, đều từ Bát-nhã ba-lamật, vì thế Ngài thị hiện hộ trì thế gian.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Các pháp chẳng thể biết, chẳng thể thấy thì tại sao nói là Bát nhã Ba la mật sinh ra Như Lai thị hiện hộ trì thế gian? Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nói các pháp đều chẳng thể biết, chẳng thể thấy, có nghĩa là các pháp đều không, vì thế chẳng thể biết, các pháp chẳng thể hộ trì, vì thế chẳng thể thấy. Các pháp chẳng thể biết, chẳng thể thấy đều từ Bát nhã Ba la mật. Như vậy, này Tu-bồ-đề! Các pháp chẳng thể biết, chẳng thể thấy, vì từ Bát nhã Ba la mật sinh ra. Như Lai thành Đẳng chánh giác thị hiện hộ trì thế gian, nên sắc chẳng thể thấy, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức cũng chẳng thể thấy. Chính đó là Bát nhã Ba la mật thị hiện hộ trì thế gian.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Sao gọi là sắc chẳng thể thấy?

Sao gọi là thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức chẳng thể thấy? Đức Phật dạy:

–Chẳng thấy nhân duyên của sắc sinh ra thức, cũng chẳng thấy nhân duyên của thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức sinh ra thức, vì thế thức thành chẳng thể thấy. Như sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức chẳng thấy, thế gian này cũng chẳng thấy tướng của nó, cũng chẳng thấy thế nào thuộc về thế gian này thị hiện, chúng đều từ Bát-nhã ba-lamật. Tại sao nói Bát nhã Ba la mật thị hiện hộ trì thế gian? Nếu lo cho thế gian thì đó cũng là không. Nếu lo cho thế gian thì đó cũng là mù mờ (ly tướng). Nếu lo cho thế gian thì đó cũng là tịch. Nếu lo cho thế gian thì đó cũng là tịnh. Đó tức là thế gian thị hiện.

QUYỂN 5
Phẩm 11: CHẲNG THỂ TÍNH KẾ

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bát nhã Ba la mật cực đại rốt ráo, rốt ráo chẳng thể kể, rốt ráo chẳng thể lường, rốt ráo không có gì bằng, rốt ráo không có giới hạn.

Đức Phật dạy:

–Bát nhã Ba la mật cực đại rốt ráo, rốt ráo chẳng thể kể, rốt ráo chẳng thể lường, rốt ráo không có gì bằng, rốt ráo không có giới hạn. Bát nhã Ba la mật an ổn rốt ráo chẳng thể kể là trí Nhất thiết trí vô sư của Như Lai, vì thế Bát nhã Ba la mật rốt ráo chẳng thể kể.

Thế nào là Bát nhã Ba la mật rốt ráo chẳng thể lường? Chẳng thể lường là trí Nhất thiết trí vô sư của Như Lai chẳng thể bàn, chẳng thể nói, vì thế Bát nhã Ba la mật rốt ráo chẳng thể lường.

Thế nào là Bát nhã Ba la mật rốt ráo an ổn không có gì bằng? Không ai có thể hơn Đức Như Lai, vì thế Bát-nhã ba-lamật rốt ráo không có gì bằng.

Thế nào là Bát nhã Ba la mật rốt ráo không có giới hạn? Trí Nhất thiết trí vô sư của Như Lai không có giới hạn, vì thế Bát nhã Ba la mật rốt ráo không có giới hạn.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Vì sao trí Nhất thiết trí của Như Lai chẳng thể kể, chẳng thể lường, không có giới hạn?

Đức Phật dạy:

–Sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức chẳng thể kể. Các pháp cũng chẳng thể kể. Các pháp hoàn toàn không thật có, ngay ở trong đó không thể kể.

Sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức chẳng thể lường. Các pháp cũng chẳng thể lường.

Sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức không có giới hạn. Các pháp cũng không có giới hạn. Sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức không có giới hạn hoàn toàn không thật có. Giới hạn của các pháp hoàn toàn không thật có. Vì sao? Vì sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức không có giới hạn. Các pháp không giới hạn. Sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức giới hạn hoàn toàn chẳng thật có, không có chỗ cùng tận. Các pháp giới hạn hoàn toàn chẳng thật có, không có chỗ cùng tận. Vì sao? Vì sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức, các pháp hoàn toàn chẳng thật có. Lúc giới hạn không có chỗ cùng tận thì thế nào?

Đức Phật dạy:

–Hư không có thể kể là có cùng tận chăng? Tu-bồ-đề thưa:

–Hư không không thể nào kể là có cùng tận. Đức Phật dạy:

–Các pháp chẳng thể kể, chẳng thể nói, không có giới hạn. Vì thế, pháp của Như Lai cũng không thể kể, không thể nói, không có giới hạn. Như Lai phát tâm học chẳng thể kể, chẳng thể nói, không có giới hạn, vốn vô tâm, vô niệm, ví như hư không vô tâm, vô niệm. Có tâm, có niệm, theo đó mà sinh tử không có giới hạn. Pháp của Như Lai như hư không, không có giới hạn. Pháp ấy như hư không chẳng thể kể nên nói là chẳng thể kể, chẳng thể nói, không có giới hạn.

Lúc Phật thuyết kinh này, năm trăm Tỳ-kheo Tăng, ba mươi Tỳ-kheo-ni đều đắc A-la-hán, sáu mươi Ưu-bà-tắc, ba mươi Ưu-bà-di đều đắc đạo Tu-đà-hoàn, ba mươi Bồ-tát chứng đắc Vô sở tùng sinh pháp lạc (Vô sinh pháp nhẫn) sẽ được thọ ký thành Phật trong kiếp Hiền này.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bát nhã Ba la mật thâm diệu cực đại rốt ráo an ổn! Đức Phật dạy:

–Bát nhã Ba la mật thâm diệu cực đại rốt ráo an ổn! Trí Nhất thiết trí, đạo Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-lahán, Bích-chiphật đều từ kinh này sinh ra. Ví như nhà vua đã được quán

đảnh hiện đang tại vị thì tất cả quần thần, đất nước nhân dân đều thuộc nhà vua, cũng không còn điều gì lo lắng nữa! Các pháp như A-la-hán, Bích-chi-phật, Phật đều từ trong Bát nhã Ba la mật sinh ra, đều từ kinh này thành lập. Đức Phật dạy tiếp:

–Sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức chẳng thọ, chẳng nhập. Các quả vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, Ala-hán, Bích-chi-phật, trí Nhất thiết trí chẳng thọ, chẳng nhập. Tu-bồ-đề hỏi Phật:

–Thế nào là trí Nhất thiết trí chẳng thọ? Thế nào là trí Nhất thiết trí chẳng nhập?

Đức Phật dạy:

–Thế nào, này Tu-bồ-đề! Ông thấy có pháp A-la-hán để nhập chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Con chẳng thấy có pháp ấy để nhập.

Đức Phật dạy:

–Lành thay, này Tu-bồ-đề! Ta cũng chẳng thấy có pháp Như Lai để nhập. Như ta, Như Lai không có nhập, trí Nhất thiết trí cũng không có nhập.

Chư Thiên tử cõi Dục và cõi Sắc đều bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật thâm diệu rất khó hiểu. Những người đã tạo công đức từ thời Phật quá khứ, thuở ấy đã được nghe Bát nhã Ba la mật thâm diệu rồi tin. Giả sử người trong tam thiên đại thiên thế giới đều tin pháp này. Tin rồi tu hành trải qua một kiếp, thậm chí chỉ cần quán niệm Bát-nhã ba-lamật trong một ngày thôi thì công đức của người này nhiều hơn người kia vô lượng.

Phật nói với chư Thiên tử cõi Dục và cõi Sắc:

–Giả sử có người nghe Bát nhã Ba la mật thâm diệu mà được chứng Nê-hoàn, thì công đức của người tin rồi tu trong một kiếp không thể nào bằng công đức của người ấy.

Chư Thiên tử cõi Dục và cõi Sắc đều tiến đến đảnh lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra, đi một quãng xa bỗng nhiên ẩn thân về Thiên cung khen ngợi Phật thuyết về công đức.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Nếu có Bồ-tát tin Bát nhã Ba la mật thâm diệu thì vị này từ chỗ nào sinh đến đây?

Đức Phật dạy:

–Người có niềm tin như thế, tâm không chút nghi ngờ, ưa thích nghe pháp này không biết chán, trong lòng không muốn xa lìa vị Pháp sư thuyết kinh. Ví như con trâu nghé mới sinh, lòng không bao giờ muốn xa lìa mẹ nó. Bồ-tát này từ trong loài người sinh đến đây đều là người đời trước đã học pháp này, hôm nay đến đây lại được học Bát nhã Ba la mật thâm diệu nên tin ưa không muốn xa lìa.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Nếu có Bồ-tát muốn chóng hoàn thành công đức nên từ cõi nước Phật ở phương khác đến cúng dường Phật. Vậy có người như thế từ phương ấy sinh đến đây không?

Phật dạy:

–Có, Bồ-tát ấy từ cõi nước Phật phương khác đến cúng dường Phật, lại từ phương ấy sinh đến đây, nhờ công đức ấy mà chóng đắc Bát nhã Ba la mật thâm diệu.

Nếu có Bồ-tát từ trên cõi trời Đâu-thuật sinh đến đây, hoặc họ đã từng nghe Bồ-tát Di-lặc thuyết về trí tuệ trong kinh thâm diệu này. Nay sinh đến đây nhờ công đức ấy chóng đắc Bát-nhã ba-lamật thâm diệu.

Nếu có Bồ-tát đời trước gặp Phật được nghe Bát nhã Ba la mật thâm diệu mà không thưa hỏi về trí tuệ ở trong pháp ấy thì sinh đến đây nghe pháp Bát nhã Ba la mật thâm diệu tiếp tục nghi ngờ, không tin ưa, không thưa hỏi về trí tuệ trong pháp ấy. Vì sao? Vì đời trước họ có nghi ngờ.

Nếu có Bồ-tát đời trước đã được nghe Bát-nhã ba-lamật thâm diệu, thưa hỏi về trí tuệ ở trong pháp ấy từ một ngày, hai ngày, ba ngày cho đến bảy ngày, nhờ công đức ấy mà hôm nay chóng đắc Bát nhã Ba la mật, thường ưa nghe thích hỏi rồi tin nhận.

Nếu có Bồ-tát có lúc muốn nghe, tâm của vị ấy rối loạn luôn luôn lay động như cán cân lúc cao lúc thấp. Đó là người mới học chưa phát tuệ cho nên lòng tin kém cỏi chẳng thích đắc Bát-nhã bala-mật, chán ngán không muốn học rồi bỏ đi. Người như vậy không thể nào thành tựu Phật đạo mà bị rơi vào trong đạo A-la-hán, Bíchchi-phật.

QUYỂN 5
Phẩm 12: THÍ DỤ

Đức Phật dạy:

–Ví như đang đi trong biển cả, thuyền bỗng vỡ, thì biết rằng người trong thuyền sẽ bị rơi xuống biển chết chìm, không thể qua biển được. Nhưng trong thuyền ấy có ván, có cột buồm, nếu người nào mạnh mẽ vớ được nó, cỡi trên các vật ấy thuận theo dòng nước được đến bờ thì phải biết là người đó nhất định chẳng chết chìm trong nước. Vì họ nhờ vớ được ván hoặc cột buồm. Nếu Bồ-tát có tin ưa, có hạnh quyết định, có tinh tấn, muốn đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà chẳng được nghe Bát nhã Ba la mật thâm diệu, chẳng được học phương tiện thiện xảo thì Bồ-tát ấy bị rơi vào trong các quả vị A-la-hán, Bích-chi-phật. Nếu Bồ-tát có tin ưa, có hạnh quyết định, có tinh tấn, muốn đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác được nghe Bát nhã Ba la mật thâm diệu, được học phương tiện thiện xảo thì Bồ-tát này không bao giờ lười biếng giữa chừng mà vượt qua khỏi các quả vị A-lahán, Bích-chi-phật, trụ ngay nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Ví như có người mang chiếc bình đất sét chưa nung đi lấy nước, thì biết là chiếc bình ấy chẳng bao lâu sẽ bị rã giữa đường. Vì sao? Vì chiếc bình này chưa hoàn thành. Nếu Bồ-tát có tin ưa, có hạnh quyết định, có tinh tấn, muốn đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà chẳng được nghe Bát nhã Ba la mật thâm diệu, chẳng được học phương tiện thiện xảo thì Bồ-tát ấy không thể nào đắc trí Nhất thiết trí, giữa chừng lại đâm ra chán nản mà bị rơi vào trong các quả vị A-lahán, Bích-chi-phật.

Ví như có người mang chiếc bình đã hoàn thành đi lấy nước, thì biết là sẽ yên ổn mang được nước trở về. Vì sao? Vì chiếc bình đã hoàn thành. Nếu Bồ-tát có tin ưa, có hạnh quyết định, có tinh tấn, muốn đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác được nghe Bát nhã Ba la mật thâm diệu, được học phương tiện thiện xảo thì biết là Bồ-tát này không bao giờ cảm thấy lười biếng dừng nghỉ giữa chừng mà tiến thẳng lên đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Ví như chèo chiếc thuyền hư cũ không được sửa chữa vào trong biển cả, đem của cải chất vào thuyền ấy muốn chở đến một nơi nào đó, thì biết thuyền này chẳng thể nào đến nơi, dọc đường đắm chìm, tiêu tan của cải. Nếu Bồ-tát có tin ưa, có hạnh quyết định, có tinh tấn, muốn đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà không được nghe Bát-nhã ba-lamật thâm diệu, không được học phương tiện thiện xảo thì Bồ-tát ấy giữa chừng sẽ chán nản rồi đánh mất của báu quý giá, lại còn bỏ đại trân bảo đi. Cái gì là đại trân bảo? Đó chính là Phật. Bồ-tát này giữa chừng rơi vào các quả vị A-lahán, Bích-chi-phật.

Ví như có người sáng suốt kéo chiếc thuyền hư cũ lên bờ sửa chữa xong mới cho hạ thủy, chất của cải xuống thuyền chở đến nơi muốn đến, thì biết là thuyền này không bị tan vỡ giữa đường mà chắc chắn an toàn đến nơi. Nếu Bồ-tát có tin ưa, có hạnh quyết định, có tinh tấn, muốn đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác được học phương tiện thiện xảo của Bát nhã Ba la mật thâm diệu, thì biết là Bồ-tát ấy không bao giờ lười biếng đời giữa chừng mà đang an trụ trong đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy một lòng có tin ưa, có hạnh quyết định, có tinh tấn nên không bao giờ còn rơi vào trong quả vị A-la-hán, Bích-chi-phật, mà hướng thẳng đến cửa Phật.

Ví như có người một trăm hai mươi tuổi, quá già thân thể bất an hoặc bệnh hàn, bệnh nhiệt nằm liệt giường. Người ấy có thể tự đứng dậy được chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Không thể được. Vì sao? Vì người ấy quá già không còn sức lực. Giả sử lành bệnh đi nữa vẫn không thể tự đứng dậy bước đi.

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát có tin ưa, có hạnh quyết định, có tinh tấn, muốn đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà chẳng được học phương tiện thiện xảo của Bát nhã Ba la mật thì không thể nào đến Phật đạo, sẽ giữa chừng dừng nghỉ, rơi vào trong quả vị A-la-hán, Bích-chi-phật. Vì sao? Vì người ấy không được học phương tiện thiện xảo của Bát nhã Ba la mật thâm diệu.

Đức Phật dạy tiếp:

–Nhưng nếu người ấy lành bệnh phong hàn thân thể khỏe lại, ý muốn đứng dậy đi, có hai người mạnh khỏe, mỗi người đỡ một bên nách hoặc nắm tay dắt đi từ từ. Họ nói với người bệnh: "Cứ yên tâm đừng sợ, chúng tôi sẽ đưa đến nơi muốn đến, nghĩa là không bỏ ở giữa đường." Như vậy, người bệnh ấy có thể đến nơi muốn đến được chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Người ấy có thể đến nơi.

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát có tin ưa, có hạnh quyết định, có tinh tấn, muốn đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác được nghe Bát-nhã bala-mật thâm diệu, được học phương tiện thiện xảo thì Bồ-tát ấy không bao giờ lười biếng ở giữa chừng, mà có thể đạt đến cứu cánh là đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

QUYỂN 5

Phẩm 13: PHÂN BIỆT

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bồ-tát mới phát tâm phải học Bát nhã Ba la mật như thế nào?

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát mới phát tâm cần phải gần gũi Thiện tri thức, kính mến Thiện tri thức, có thiện ý tuân theo lời giáo huấn của Bát nhã Ba la mật. Thế nào là tuân theo lời giáo huấn của Bát-nhã ba-lamật? Đó là nếu khi Bố thí thì Bồ-tát phải hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không được chấp sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức. Vì sao? Vì trí Nhất thiết trí của Bát-nhã ba-lamật thâm diệu không có chấp trước. Nếu Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ thì phải đem hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không được chấp sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức. Vì sao? Vì trí Nhất thiết trí không có chấp trước, không được ưa thích đạo A-la-hán, Bích-chi-phật. Bồ-tát mới phát tâm phải học Bát nhã Ba la mật như thế.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bồ-tát chịu khổ vì muốn đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát yên ổn chịu khổ là vì ở thế gian hộ, vì thế gian tự quy, vì thế gian xá, vì thế gian độ, vì thế gian đài, vì thế gian đạo.

Thế nào là Bồ-tát vì thế gian hộ? Thế gian tử sinh khổ sở, Bồ-tát đều cứu hộ, giáo hóa, độ thoát. Đó là thế gian hộ.

Thế nào là thế gian tự quy? Sinh, già, bệnh, chết thảy đều độ thoát. Đó là thế gian tự quy.

Thế nào là thế gian xá? Bồ-tát đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được mệnh danh Như Lai, lúc ấy vì thế gian thuyết kinh không có chấp trước, đó là thế gian xá. Thế nào là không có chấp trước? Sắc không có dính mắc, không có trói buộc, sắc ấy không từ đâu sinh, không diệt về đâu. Thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức cũng vậy. Các pháp cũng không có có dính mắc, không có trói buộc như vậy.

Thế nào là thế gian độ? Sắc ấy chẳng phải là sắc thì đó là độ. Thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức ấy chẳng phải là thức thì đó là độ. Độ là chẳng chấp các pháp. Tu-bồ-đề thưa:

–Như lời Phật dạy, độ là các pháp đắc Vô thượng giác. Vì sao? Vì không chấp trước chăng?

Đức Phật dạy:

–Đúng thế, vì không chấp trước, Bồ-tát chịu khổ quán niệm pháp không biết mỏi mệt đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thành Phật, nhân đó thuyết kinh. Đó cũng là thế gian độ.

Thế nào là thế gian đài? Ví như cái đài trong nước, nước kia bị tách làm hai. Sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức, quá khứ, vị lai, hiện tại bị đứt đoạn làm hai. Cũng giống như vậy, các pháp cũng đứt đoạn. Giả sử các pháp đoạn thì đó là cam lộ, đó là Nê-hoàn. Bồ-tát quán niệm pháp không biết mỏi mệt đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó là thế gian đài.

Thế nào là thế gian đạo? Bồ-tát đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác bèn thuyết sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức không. Thuyết các pháp không, pháp ấy cũng không từ đâu đến cũng không đi về đâu. Các pháp không, các pháp không có tưởng, các pháp không có xứ sở, các pháp không có thức, các pháp không từ đâu sinh ra. Các pháp không, các pháp như mộng, các

pháp như nhất, các pháp như huyễn, các pháp không có giới hạn, các pháp không thật có, đều như nhau không có khác.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Ai là người hiểu được Bát nhã Ba la mật thâm diệu? Đức Phật dạy:

–Bồ-tát cầu pháp này đã từ lâu, đó cũng là người đã tạo công đức từ thời Phật quá khứ đến nay. Chỉ có những người như thế mới hiểu được Bát nhã Ba la mật thâm diệu.

Tu-bồ-đề thưa:

–Thế nào là cầu pháp này đã từ lâu? Đức Phật dạy:

–Lìa bỏ sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức không còn có nữa thì mới hiểu biết Bát nhã Ba la mật thâm diệu này.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bồ-tát này vì thế gian đạo chăng?

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát này đắc Vô thượng giác làm bậc thầy dẫn đường cho không thể kể xiết vô số người.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bồ-tát chịu khổ mặc áo giáp đại công đức vì thế mặc áo giáp đại công đức không trói buộc; sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức không trói buộc, cũng chẳng trụ ở A-lahán, Bích-chi-phật, cũng chẳng chấp trí Nhất thiết trí. Vì các pháp không trói buộc, nên mặc áo giáp đại công đức. Tu-bồ-đề thưa:

–Bồ-tát cầu Bát nhã Ba la mật thâm diệu chẳng nên tìm cầu ở ba cõi.

Đức Phật hỏi:

–Vì sao Bồ-tát cầu Bát nhã Ba la mật thâm diệu chẳng nên tìm cầu ở ba cõi?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bát nhã Ba la mật thâm diệu cũng chẳng có người nắm giữ, cũng chẳng không người nắm giữ. Từ trong Bát nhã Ba la mật vì không có pháp được sinh ra, nên nắm giữ Bát nhã Ba la mật là nắm giữ không, nắm giữ Ba-la-mật là nắm giữ các pháp, nắm giữ Ba-lamật là nắm giữ không sở hữu, nắm giữ Bát nhã Ba la mật là nắm giữ sự không chấp trước. Đức Phật dạy:

–Trong Bát nhã Ba la mật, phải biết Bồ-tát không thoái chuyển ấy đối với Bát nhã Ba la mật thâm diệu không chấp trước, không bao giờ nghe theo lời người khác, tâm không sợ hãi, không biếng nhác. Bồ-tát ấy đã từng thưa hỏi về trí tuệ trong kinh thâm diệu này từ thời Phật quá khứ, hôm nay được nghe Bát-nhã ba-lamật thâm diệu, tâm tiếp tục không sợ hãi, không biếng nhác.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Nếu Bồ-tát nghe Bát nhã Ba la mật thâm diệu tâm không sợ hãi, không biếng nhác, vì sao cần phải quán Bát nhã Ba la mật?

Đức Phật dạy:

–Tâm hướng đến trí Nhất thiết trí, đó là quán Bát-nhã ba-lamật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Thế nào là tâm hướng đến trí Nhất thiết trí? Đức Phật dạy:

–Tâm hướng đến không, đó là quán trí Nhất thiết trí. Quán trí Nhất thiết trí, đó là chẳng quán chẳng thể kể trí Nhất thiết trí, như chẳng thể kể sắc tức là chẳng phải sắc, như chẳng thể kể thống

dương, tư tưởng, sinh tử, thức tức là chẳng phải thức. Cũng chẳng vào, cũng chẳng ra, cũng chẳng đắc, cũng chẳng biết, cũng chẳng có biết, cũng chẳng không biết, cũng không sinh, cũng không diệt, cũng không có người tạo tác, cũng không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, cũng không sở kiến, cũng không sở tại. Như vậy, không chẳng thể hạn lượng, chẳng thể kể trí Nhất thiết trí, chẳng thể kể không có người làm Phật, không có người đắc Phật, không có người từ trong sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức đắc Phật, cũng không có người từ Bố thí ba-la-mật, Trì giới ba-lamật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền định ba-lamật, Bát-nhã bala-mật-đắc Phật.

Chư Thiên tử cõi Dục và cõi Sắc bạch Phật:

–Bát nhã Ba la mật thâm diệu, khó hiểu, khó rõ, khó biết.

Đức Phật bảo chư Thiên tử:

–Bát nhã Ba la mật rất thâm diệu, khó hiểu, khó rõ, khó biết. Đức Như Lai yên ổn chứng ngộ rất sâu kinh này, nên biết Vô thượng Chánh giác không có tạo tác, Vô thượng Chánh giác cũng không có Vô thượng Chánh giác. Kinh này như hư không sâu thẳm, không có kinh nào sánh bằng như các pháp không từ đâu đến cũng không đi về đâu.

Chư Thiên tử cõi Dục và cõi Sắc đều bạch Phật:

–Hiếm có người ở thế gian tin kinh thâm diệu này! Người thế gian tham đắm các dục, vì xót thương họ nên Phật thuyết kinh thâm diệu này.

Đức Phật dạy:

–Đúng thế! Này chư Thiên tử, hiếm có người thế gian tin kinh thâm diệu này! Họ tham đắm các dục, vì xót thương người thế gian nên Phật thuyết kinh thâm diệu này.

QUYỂN 5
Phẩm 14: VỐN LÀ KHÔNG

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Các pháp theo thứ lớp mà không chấp trước. Các pháp không có tướng như hư không. Kinh này không từ đâu sinh ra.

Các pháp tìm cầu không có đắc.

Các Thiên tử cõi Dục và cõi Sắc bạch Phật:

–Đệ tử Tu-bồ-đề thuyết pháp như thế là theo lời dạy của Như Lai, chỉ thuyết về không tuệ.

Đức Phật dạy:

–Đúng thế, này các Thiên tử! Đó là theo lời dạy của Như Lai.

Chư Thiên tử hỏi Phật:

–Thế nào là theo lời dạy của Như Lai? Như nói pháp không từ đâu sinh thì có phải là theo lời dạy của Như Lai chăng? Đức Phật dạy:

–Đúng thế, này các Thiên tử! Các pháp không từ đâu sinh là theo lời dạy của Như Lai. Theo lời dạy của Như Lai thì chính là không. Các pháp vốn không cũng không từ đâu đến cũng không đi về đâu. Như Lai vốn không thì các pháp cũng vốn không. Các pháp vốn không thì Như Lai cũng vốn không, không có vốn không khác. Này Tu-bồ-đề! Như vậy theo vốn không chính là

Như Lai vốn không. Như vậy, này Tu-bồ-đề! Trụ Như Lai vốn không là trụ theo lời dạy của Như Lai.

Như Lai vốn không không khác là vốn không không khác. Các pháp chính là không khác, không khác Như Lai vốn không không ngăn ngại nên các pháp vốn không không ngăn ngại. Như Lai vốn là không nên các pháp vốn không ngại. Một vốn không như nhau không có vốn không khác. Không có người tạo tác, tất cả đều vốn không, cũng lại không vốn không. Như vậy Như Lai vốn không không hư hoại cũng không mục nát, các pháp chẳng thật có. Này Tubồ-đề, theo các pháp dạy: Như Lai vốn không, các pháp vốn không như nhau không khác ở trong pháp chân thật vốn không.

Này Tu-bồ-đề! Theo lời dạy của Như Lai thì Như Lai vốn không không có quá khứ, vị lai, hiện tại. Các pháp vốn không có quá khứ, vị lai, hiện tại.

Này Tu-bồ-đề! Theo lời dạy của Như Lai thì Như Lai vốn không, Như Lai quá khứ vốn không, Như Lai vị lai vốn không, Như Lai hiện tại vốn không như nhau không khác. Sự như nhau không khác này là chân thật vốn không. Bồ-tát đắc cái chân thật vốn không thì được gọi là Như Lai.

Khi đó đất đai chấn động sáu cách, Đức Như Lai giảng nói tiếp về vốn không:

–Này Tu-bồ-đề! Theo lời dạy của Như Lai thì chẳng thọ sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức, chẳng thọ Tu-đà-hoàn, Tưđàhàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật. Này Tu-bồ-đề! Như vậy là theo lời dạy của Như Lai.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Vốn không này rất thâm diệu.

Đức Phật dạy:

–Vốn không này rất thâm diệu, rất thâm diệu!

Lúc Phật thuyết pháp vốn không này, hai trăm Tỳ-kheo Tăng đều đắc đạo A-la-hán, năm trăm Tỳ-kheo-ni đều đắc đạo Tu-đàhoàn. Năm trăm vị trời đều đắc Vô sở tùng sinh pháp lạc (Vô sinh pháp nhẫn). Trong số đó, có sáu mươi vị Bồ-tát mới học đều đắc đạo A-la-hán.

Đức Phật dạy:

–Sáu mươi vị Bồ-tát này vào thời quá khứ đều đã cúng dường năm trăm Đức Phật. Họ bố thí chấp trước, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn chấp tướng; thiền chẳng biết không, lìa không; chẳng được phương tiện thiện xảo của Bát-nhã ba-lamật cho nên hôm nay họ đều thủ đắc quả vị A-la-hán. Bồ-tát có tu đạo Bồ-tát thì đắc Không, đắc Vô tướng, đắc Vô nguyện, nhưng nếu Bồ-tát ấy chẳng đắc phương tiện thiện xảo của Bát nhã Ba la mật thì ở giữa chừng đắc quả vị A-la-hán, không quay trở lại đạo Bồ-tát nữa.

Ví như có một con chim lớn, thân nó dài tám ngàn dặm hoặc hai vạn dặm, nhưng lại không có cánh, từ trên trời Đaolợi nó tự gieo mình xuống châu Diêm-phù-lợi, rơi chưa đến đất, nó bỗng hối hận, muốn ở giữa chừng quay trở lên trời Đaolợi, có thể được không?

Xá-lợi-phất thưa:

–Không thể quay trở lên được!

Đức Phật dạy:

–Con chim này rơi xuống châu Diêm-phù-lợi, mà muốn cho thân nó đừng đau, có thể nào khiến cho nó không đau được chăng?

Xá-lợi-phất thưa:

–Không thể được! Con chim này rơi xuống đất thân nó chẳng thể nào không đau hoặc chết giấc hoặc chết hẳn. Vì sao? Vì thân nó to lớn, lại không có cánh.

Đức Phật dạy:

–Giả sử Bồ-tát ấy trong số kiếp nhiều như cát sông Hằng bố thí chấp trước, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn chấp tướng, thiền cũng chẳng nhập vào không, chẳng đắc phương tiện thiện xảo của Bát-nhã ba-lamật, khởi tâm muốn cầu Phật đạo, tất cả họ đều muốn làm Phật nhưng giữa chừng đắc quả A-la-hán, Bích-chi-phật. Bồ-tát ấy ở chỗ Phật quá khứ, vị lai, hiện tại trì giới, tinh tấn, Tam-muội, trí tuệ, nghe nói đến trí Nhất thiết trí của Phật đều nghĩ chấp tướng cầu thì đó là chẳng trì giới, tinh tấn, Tam-muội, trí tuệ của Như Lai, chẳng hiểu biết trí Nhất thiết trí, chỉ tưởng như nghe tiếng mà thôi, bèn muốn từ đó thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì chẳng thể được, mà ở giữa chừng đắc quả vị A-la-hán, Bíchchi-phật. Vì sao? Vì chẳng đắc phương tiện thiện xảo của Bát nhã Ba la mật.

Xá-lợi-phất thưa:

–Như lời Phật dạy, vì trong ý niệm mà tuệ Bồ-tát lìa phương tiện thiện xảo của Bát nhã Ba la mật nên mới đắc đạo A-la-hán, Bích-chi-phật. Nếu có Bồ-tát thật sự nghiêm túc muốn đắc đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì cần phải học phương tiện thiện xảo của Bát nhã Ba la mật.

Chư Thiên tử cõi Dục và cõi Sắc bạch Phật:

–Bát nhã Ba la mật khó hiểu, khó rõ, khó biết, do đó muốn cầu

Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác khó đắc.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bát nhã Ba la mật rất thâm diệu khó hiểu, khó rõ, khó biết. Như con nghĩ dùng trí tuệ trong pháp Bát-nhã ba-lamật cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì dễ đắc. Vì sao? Vì vô sở hữu thì do đâu mà đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác! Các pháp đều không thì cầu pháp cũng hoàn toàn chẳng thật có, sẽ thành Vô thượng Chánh giác. Cầu pháp vô sở đắc thì không có người thành Vô thượng Chánh giác, cũng không có người đắc Vô thượng Chánh giác. Nếu có nghe các pháp không thì cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác dễ đắc.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề:

–Như lời của Tôn giả Tu-bồ-đề nói thì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là khó đắc. Vì sao? Vì không, cho nên chẳng nghĩ ta sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Pháp không này khiến cho dễ đắc. Vì sao? Vì Bồ-tát nhiều như số cát sông Hằng đều đắc.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Thế nào, Tôn giả Xá-lợi-phất! Dùng sắc để đắc chăng?

–Không!

–Lìa sắc để đắc chăng?

–Không!

–Dùng thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức để đắc chăng?

–Không!

–Sắc vốn không có đắc chăng?

–Không!

–Lìa sắc vốn không, có pháp đắc chăng?

–Không!

–Thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức vốn không có đắc chăng?

–Không!

–Lìa thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức vốn không có pháp đắc chăng?

–Không!

–Vốn không này có khiến cho đắc chăng?

–Không!

–Lìa vốn không có pháp khiến cho đắc chăng?

–Không!

–Giả sử pháp ấy không thật có, thì pháp nào khiến cho đắc?

Xá-lợi-phất nói:

–Như pháp của Tôn giả Tu-bồ-đề thuyết, không có Bồ-tát là người đắc. Đức Phật nói ba hạng người có đức là người cầu A-lahán, Bích-chi-phật và Phật. Ba hạng người này chẳng tính là ba, vì như Tôn giả Tu-bồ-đề nói thì chỉ là một đạo mà thôi.

Bân-mạn-đa-ni-phất (Mãn Từ Tử) nói với Xá-lợi-phất:

–Tôn giả nói một đạo, điều này cần phải hỏi lại!

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề:

–Tôn giả Tu-bồ-đề nói một đạo, vì thế tôi xin hỏi.

Tu-bồ-đề nói:

–Thế nào, ở trong vốn không có thấy ba đạo chăng? Xá-lợi-phất nói:

–Chẳng thấy! Vì sao? Vì từ trong vốn không, chẳng thật có ba việc.

Tu-bồ-đề nói:

–Vốn không, một việc có thủ đắc được không?

–Không!

–Thế nào, trong vốn không có thủ đắc một đạo được không?

–Không!

–Giả sử, điều ấy thật sự chẳng thật có, cho nên nói Ala-hán, Bích-chi-phật, Phật là đạo vốn không, không có khác. Nếu Bồ-tát nghe thuyết về vốn không mà tâm không biếng nhác thì Bồ-tát ấy sẽ được thành Phật.

Đức Phật dạy:

–Đúng như lời Tu-bồ-đề nói, đều là nhờ oai thần của Phật khiến cho ông ấy nói như thế. Bồ-tát nghe thuyết về các pháp vốn không như nhau không khác mà tâm không biếng nhác thì sẽ được thành Phật.

Xá-lợi-phất thưa:

–Thế nào là Bồ-tát thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bồ-tát cần phải thành tựu những điều gì?

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát phải bình đẳng tiếp xúc với tất cả mọi người, phải có lòng lành, không được có ý tổn hại, thường nên có lòng từ, không được buông lời giận dữ, luôn luôn phải có lòng tốt và tâm ngay thẳng.

QUYỂN 6
Phẩm 15: KHÔNG THOÁI CHUYỂN

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bồ-tát không thoái chuyển phải lấy gì so sánh? Phải lấy gì để xét công hạnh của vị ấy? Phải nhờ tướng trạng nào để biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển?

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát không thoái chuyển nếu chứng đắc thiền thì chẳng lay chuyển như A-la-hán, Bích-chi-phật địa, Phật địa. Phật địa ấy như pháp vốn không không bao giờ lay chuyển. Nghe Phật nói vốn không, vị ấy không nói là sai. Không chính là từ trong pháp này, vốn không nhập vốn không. Vốn không được nhập vào này phải là vốn không, cũng chẳng nói là sai. Nhập vào trong đó như thế, nhập vào trong rồi, nghe nói về vốn không ấy rồi, nếu qua đến xứ khác nghe nói đến vốn không, tâm hoàn toàn không nghi ngờ, cũng chẳng nói là sai. Vốn không như thế phải trụ vốn không. Lời nói của vị ấy không khinh mạn, không nói điều dở của người khác, chỉ nói điều hay của người khác, không dòm ngó đến việc làm của người khác. Nhờ vào sự so sánh ấy, tướng trạng ấy, công hạnh ấy đầy đủ mà biết vị ấy là Bồ-tát không thoái chuyển. Bồ-tát không thoái chuyển không bao giờ mang hình tướng của Samôn ngoại đạo và diện mạo Bà-la-môn, chẳng cúng tế quỳ lạy trời, chẳng cầm hoa hương cúng trời, cũng không bảo người khác làm. Thân họ không sinh vào chỗ ác, không thọ thân người nữ, thường gìn giữ mười giới là không sát sinh, trộm cắp, dâm dật, nói lời gây chia rẽ, uống rượu, ác khẩu, nói dối, nói lời thêu dệt, không tật đố, giận hờn, mắng chửi, chẳng chút nghi ngờ cũng chẳng dạy người khác

làm. Thân tự giữ gìn mười giới không chút nghi ngờ, còn dạy người khác gìn giữ mười giới. Trong chiêm bao cũng tự gìn giữ mười giới, ở trong mộng cũng vẫn tự thấy mười giới tại trước mặt.

Tâm của Bồ-tát không thoái chuyển lúc nghe thuyết kinh điển thâm diệu không bao giờ nghi ngờ, chẳng nói chẳng tin cũng chẳng sợ hãi, lời nói dịu dàng, vi diệu mật thiết, ít ngủ nghỉ, đi đứng ra vào, tâm yên tịnh, không loạn. Lúc bước đi chậm rãi nhìn thẳng phía trước, áo quần tốt đẹp sạch sẽ, không dính bụi bẩn, không có rận rệp, trong thân không có tám mươi loại vi trùng. Công đức đạt được dần dần đầy đủ và cảm thấy rất thanh tịnh. Công đức của vị ấy vượt hơn thế gian.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Tâm Bồ-tát thanh tịnh như thế nào? Và làm sao biết? Đức Phật dạy:

–Công đức của Bồ-tát này tạo tác ngày càng thêm nhiều thì tâm của vị ấy tiến lên đến chỗ tột cùng là tự tại vô ngại. Đạt được công đức ấy thì tâm rất thanh tịnh. Thanh tịnh hơn người đắc đạo Ala-hán, Bích-chi-phật.

Như vậy nếu có người đến cúng dường, Bồ-tát không thoái chuyển không thọ dụng mà chỉ vui mừng vì người cúng dường đã xả bỏ được tâm bỏn sẻn tham lam. Lúc thuyết kinh thâm diệu chưa từng chán nản, mệt mỏi giữa chừng, mà ngay trong trí tuệ thâm nhập. Ngoài ra, nếu có người muốn thưa hỏi kinh thâm diệu thì đem Bát nhã Ba la mật thâm diệu này thuyết cho họ nghe. Nếu có người theo đạo khác không được chân chánh thì đem Bát nhã Ba la mật để làm cho họ chân chánh. Pháp được sinh ra từ trong kinh này cũng đều dùng sự tướng vô thường để nói với họ. Những điều kinh sách thế gian không thể giải thích được thì đem Bát nhã Ba la mật này để giải thích. Vì thế nên ma tệ ác đến bên cạnh Bồ-tát, biến ra tám địa ngục lớn, trong mỗi địa ngục ấy có biết bao ngàn, trăm ngàn

Bồ-tát cũng do ma biến hóa ra, rồi ma chỉ vào các Bồ-tát ấy và nói:

–Những người này đều là Bồ-tát không thoái chuyển được Phật thọ ký, hiện nay đều đọa vào địa ngục. Phật thọ ký cho các Bồ-tát này như là thọ ký địa ngục mà thôi. Nếu như làm Bồ-tát được thọ ký không thoái chuyển thì phải mau mau nói lời hối hận: “Tôi chẳng phải không thoái chuyển”. Nếu nói lời hối hận như thế thì không còn bị đọa vào trong địa ngục, sẽ được sinh lên cõi trời.

Đức Phật dạy:

–Giả sử Bồ-tát ấy tâm chẳng lay chuyển thì biết đó là không thoái chuyển?

Ma tệ ác lại biến hóa làm vị thầy đắp y đi đến chỗ Bồ-tát nói lời dối trá: “Những điều ông nghe nhận được của ta trước kia, nay hãy bỏ hết đi! Đó đều là điều không thể dùng được. Nếu tự hối lỗi, chấp nhận sự hối hận đó mà theo lời nói của ta thì hằng ngày ta đến thăm ông, còn ông không theo lời ta thì ta không bao giờ đến nhìn ông nữa. Thôi, đừng nói đến những điều ấy nữa, ta không còn muốn nghe. Vì như thế thì chẳng phải là điều Phật nói, chỉ là điều thừa bên ngoài mà thôi. Bây giờ ông hãy nghe lời ta, lời nói của ta nói đều là lời nói của Phật.” Đức Phật dạy:

–Bồ-tát nghe lời ấy mà tâm lay chuyển đó là người không được Phật quá khứ thọ ký, chưa lên hàng Bồ-tát, chưa vào quả vị không thoái chuyển. Nếu Bồ-tát tâm không lay chuyển thì biết là do pháp không của kinh thâm diệu này mà được, nghĩ như thế thì không bao giờ tin theo lời kẻ khác. Ví như vị Tỳ-kheo đắc đạo quả A-la-hán không còn nghe theo lời người khác, thấy rõ chứng đạo là do pháp không trong kinh này mà được thì nhất định không thể lay chuyển. Như pháp phải quán niệm của A-la-hán, Bích-chi-phật không bao giờ còn quay trở lại, vị Bồ-tát ấy đang trụ ở quả vị không thoái chuyển, hướng thẳng vào cửa Phật không bao giờ ở quả vị không thoái chuyển, hướng thẳng vào cửa Phật không bao giờ còn quay trở lại. Đó là sự cứu cánh tột cùng. Nhờ sự so sánh ấy, tướng trạng ấy, công hạnh ấy đầy đủ mà biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại có ma tệ ác làm người lạ đi đến chỗ Bồ-tát và nói:

–Nếu phát tâm cầu đạo Bồ-tát chỉ là cầu sự cực khổ mà thôi, chứ chẳng phải cầu Phật pháp. Nếu luống không tức là uổng công chịu khổ. Ông lấy sự khó khăn khổ sở ấy làm điều mong cầu chăng? Nếu nói ở trong đường ác thì từ trước đến nay đã ở lâu lắm rồi, bây giờ được làm người,

chẳng nên nghĩ muốn vào trong đó nữa, chẳng đáng tự chán ghét hay sao mà còn muốn thọ thân ở nơi nào nữa! Sao ông không sớm chọn lấy quả vị A-la-hán mà lại đi chọn quả vị Phật để cầu." Bồ-tát ấy tâm không lay chuyển thì biết đó là bậc không thoái chuyển. Ma tệ ác không làm lay chuyển được bèn bỏ đi.

Ma tệ ác lại tìm cách biến hóa ra nhiều vị Bồ-tát đứng bên cạnh Bồ-tát ấy, rồi chỉ các vị này và nói:

–Ông có thấy chăng? Các vị này đều là Bồ-tát đã cúng dường chư Phật nhiều như số cát sông Hằng đầy đủ các thứ y phục, thức uống ăn, giường nệm, thuốc men. Các vị này đã đều theo chư Phật nhiều như số cát sông Hằng tu học, mọi việc làm của họ đều đúng như pháp, mọi mong cầu của họ đều đúng như pháp. Họ đều học tập, thọ trì, thực hành đúng như pháp mà còn không thể được thành Phật. Nếu ông từ trước đến nay cũng tu học như thế thì làm sao được thành Phật! Bồ-tát nghe lời này mà tâm vẫn không lay chuyển. Ma tệ ác bỏ đi không bao xa lại biến hóa ra các vị Tỳ-kheo và chỉ các vị ấy, nói:

–Các vị này đều là bậc A-la-hán. Các vị này vào thời quá khứ đều cầu đạo Bồ-tát mà không thể thành Phật. Nay đều đã đắc đạo A-la-hán. Như vậy, Tỳ-kheo phải tu theo pháp nào để được thành Phật!

Bồ-tát nghe lời ấy mà tâm không lay chuyển thì phải nhận biết đó là do ma làm.

Đức Phật dạy:

–Học như thế, cầu như thế, hành như thế là trụ trong Bát nhã Ba la mật, nên tâm không lay chuyển. Do sự so sánh như thế, tướng mạo như thế, thực hành như thế đầy đủ thì biết đó là bậc không thoái chuyển.

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát phải học như thế, cầu như thế, hộ trì giáo pháp này thọ nhận lời Phật dạy, phải nghĩ rằng dù đi đến phương khác nghe ma nói lời như thế tâm cũng không lay chuyển, không thể đổi dời, biết rõ là ma làm. Bồ-tát học như thế mà không thành Phật thì lời Phật nói là có sai khác. Lời Phật nói không bao giờ lừa dối.

Ma tệ ác lại đi đến chỗ Bồ-tát nói lời dối trá rằng:

–Phật như hư không, kinh này không dạy đến nơi đến chốn, không thể đến chỗ triệt để. Ta đã biết rồi, trong kinh này ta đã biết rồi, đều rỗng không mà thôi. Nếu siêng năng cực khổ tu học kinh này mà chẳng nhận biết là do ma làm ra việc ấy. Ma làm ra kinh này thì làm sao tu học kinh này mà thành Phật được! Kinh ấy chẳng phải do Phật nói.

Bồ-tát cần phải nhận biết kỹ càng đó là do ma làm.

Bồ-tát tuy tu Tam-muội Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền để tiến đến không thoái chuyển nhưng không duyên theo bốn bậc Thiền này, chỉ lấy Thiền này làm Tam-muội mà sinh vào cõi Dục để độ người. Bồ-tát ấy nhất định không tuân theo lời dạy của bốn Thiền thì công đức của Bồ-tát ấy vượt lên trên công đức bốn Thiền. Bồ-tát ấy nếu được người ngợi khen không vui mừng, chẳng được ngợi khen cũng không buồn bực. Tâm của vị ấy không bao giờ loạn động, thường nghĩ đến mọi người ở thế gian khéo ra vào, bước đi, ngồi xuống, đứng lên thường đoan chính tâm ý, ý ít dâm dật. Ở tại nhà, lòng không ưa thích gặp gỡ phụ nữ và thường mang tâm lo sợ. Nếu giao tiếp với phụ nữ, thì quán niệm họ nhơ nhớp không sạch sẽ, chẳng phải là pháp của

ta mong cầu, suốt đời ta chẳng còn muốn gần gũi họ nữa, cần phải thoát khỏi đồ nhơ nhớp ấy. Ví như có người đi trong chỗ rất hoang vắng sợ bọn giặc cướp, thầm nghĩ: "Ta phải mau mau ra khỏi con đường nguy hiểm này." Bồ-tát phải lìa bỏ dâm dật ấy, sợ nó như đi trong chỗ rất hoang vắng, nhưng cũng chẳng nói người phụ nữ kia ác. Vì sao? Vì mọi người ở thế gian đều muốn được an ổn. Đức Phật dạy:

–Như vậy, Bồ-tát phước đầy đủ. Đó đều là sức oai thần của Bát nhã Ba la mật thâm diệu khiến cho quỷ thần nghĩ rằng: "Đó là Bồ-tát". Thần chấp Kim Cang biến hóa ra các quỷ thần theo sau bảo vệ khiến cho các quỷ thần khác không dám đến gần Bồ-tát. Bồ-tát chẳng bao giờ đánh mất ý chí hành đạo, tâm chẳng khởi vọng, thân thể hoàn chỉnh, không có ghẻ lác, tuy rất mạnh mẽ nhưng không bao giờ dụ dỗ vợ con của người khác. Chính mình không làm các việc như điều chế chất độc, phù chú, thuốc thang và cũng không bảo người khác làm, thấy người khác làm thì tâm không vui, không bao giờ nói các việc trai gái, cũng không nói điều trái đạo lý, cũng không sinh sống ở chỗ hung ác. Nhờ sự so sánh ấy, tướng trạng ấy, công hạnh ấy đầy đủ mà biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Vì sao Bồ-tát được gọi là không thoái chuyển? Đức Phật dạy:

–Bồ-tát không làm việc cùng nhà vua hoặc người thế tục trong thành quách xóm làng, không làm việc cùng với hạng giặc cướp hoặc quân đội, binh lính, không làm việc cùng kẻ nam, người nữ, không làm việc cùng với ngoại đạo hoặc cúng tế quỷ thần bằng rượu thịt cơm gạo, không làm các nghề xoa hương, đốt hương hoặc làm tơ lụa năm sắc và làm các nghề hát xướng để thu lợi, không làm nghề tìm châu báu trong biển hoặc các điều ham muốn, không làm việc cùng với kẻ tệ ác không biết hối hận, thích não loạn người, mà chỉ làm theo Bát nhã Ba la mật thâm diệu. Tâm không bao giờ xa lìa trí Nhất thiết trí. Thường thích chánh pháp, không thích phi pháp. Thường ngợi khen ý nguyện cao thượng của bậc Hiền thiện. Thường theo bậc Thiện tri thức, không theo kẻ ác tri thức. Thường cầu Phật pháp nguyện sinh về cõi nước Phật ở phương khác. Vì thế nên thường gặp Phật để cúng dường. Từ cõi Dục, cõi Sắc, cõi Không (Vô sắc) sinh vào nơi có nền văn minh rực rỡ, thường sinh vào trong hạng người lành thông tuệ, sinh vào hàng trí thức thông hiểu kinh sách. Thường không thích tham dự vào việc thế tục, suốt đời không phạm pháp. Thường sinh ra trong nước lớn, không sinh vào chốn biên địa. Nhờ những điều so sánh ấy, tướng trạng ấy, hành vi ấy đầy đủ vì thế được gọi là Bồ-tát không thoái chuyển. Bồ-tát ấy không bao giờ nói ta chính là không thoái chuyển, cũng không nói ta chẳng phải là không thoái chuyển, cũng chẳng nghi ta chẳng phải là bậc không thoái chuyển, cũng chẳng nói ta là bậc không thoái chuyển.

Ví như có người đắc quả Tu-đà-hoàn, ở tại quả vị ấy không bao giờ nghi ngờ việc ma, vừa khởi việc ma, lập tức nhận biết, ma từ từ đến, không nghe theo nó. Ở quả vị không thoái chuyển không bao giờ nghi ngờ, biếng nhác.

Ví như có người làm điều nghịch ác suốt đời tâm không thể chuyển khiến cho làm thiện, chẳng nghĩ ác. Tâm ác này đến chết cũng không thôi. Bồ-tát ấy trụ ngay, ở tại quả vị không thoái chuyển, tâm không thể lay chuyển, cả mười phương cũng không bao giờ có thể làm lay chuyển tâm của vị ấy. Tự có quả vị của đạo, chẳng bao giờ nghi không có A-lahán, Bích-chi-phật. Tâm

không nghĩ là Phật thì khó đắc. Tâm lớn vô cùng, trụ vững vàng an ổn nơi quả vị của mình, không ai có thể hàng phục được. Trụ như thế ma tệ ác buồn khổ nói: "Bồ-tát ấy tâm như gang thép không thể lay chuyển". Rồi nó biến hóa ra hình dáng Phật đến nói với Bồ-tát: "Tại sao không sớm ngay bây giờ chứng đến quả vị A-la-hán? Hoặc chưa được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hoặc chẳng được sự so sánh ấy, chẳng được tướng trạng ấy. Dẫu cho Bồ-tát nhờ sự so sánh ấy, nhờ hình tướng ấy đầy đủ, như vậy mà vẫn không được thành Phật. Nếu thế thì phải do đâu mà được thành Phật!" Đức Phật dạy:

–Nếu Bồ-tát ấy nghe lời của ma mà tâm không lay chuyển thì đó là Bồ-tát đã được Đức Như Lai ở thời quá khứ thọ ký đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì thế nhận biết ma biến thành hình dáng Phật đến. Bồ-tát ấy nói: "Đó chẳng phải là Phật, chỉ là ma mà thôi. Ma muốn khiến tâm ta lay chuyển, nhưng tâm ta không thể nào làm lay chuyển được." Đức Phật nói tiếp:

–Bồ-tát ấy tâm không thể lay chuyển là người đã được Đức Như Lai thời quá khứ thọ ký, truyền trao đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trụ nơi quả vị không thoái chuyển. Vì sao? Vì nhờ vào sự so sánh ấy, tướng trạng ấy, công hạnh ấy đầy đủ mà biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Người đắc pháp đều tu hành chân chánh, hiện đời chẳng tiếc thân mạng. Bồ-tát ấy đều thọ nhận được hết tất cả pháp, pháp của các Đức Phật quá khứ, vị lai, hiện tại hôm nay đều được thọ trì. Vì thế sẽ vì Phật pháp không tiếc thân mạng chưa từng biếng nhác, không bao giờ chán nản, nghe Đức Như Lai và các đệ tử của Ngài thuyết kinh này, tâm không bao giờ nghi, cũng không nói là chẳng phải lời của Phật nói, nghe nói Bát nhã Ba la mật thâm diệu tâm không có nghi, cũng không nói là chẳng phải. Như thế, Bồ-tát đắc pháp Vô sở tùng sinh và ưa thích an lập trong đó mà công đức đầy đủ. Nhờ sự so sánh ấy, tướng trạng ấy, công hạnh ấy mà biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

QUYỂN 6

Phẩm 16: ƯU-BÀ-DI ĐÁT-KIỆT

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bồ-tát không thoái chuyển từ công đức lớn lao đã thành tựu mà thuyết pháp thâm diệu dạy Bồ-tát tiến sâu vào pháp ấy.

Đức Phật dạy:

–Lành thay, lành thay! Này Tu-bồ-đề! Nếu là pháp bên trong mà Bồ-tát phải vào sâu thì đó là những pháp thâm diệu nào? Không là pháp thâm diệu, vô tướng, vô nguyện, vô thức, không sinh, không diệt. Nê-hoàn chính là giới hạn.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Nê-hoàn chính là giới hạn, chẳng phải chính là các pháp.

Đức Phật dạy:

–Các pháp rất thâm diệu. Sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức rất thâm diệu. Vì sao sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức rất thâm diệu? Vì như pháp vốn không, sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức cũng vốn không, thế nên rất thâm diệu.

Tu-bồ-đề thưa:

–Hy hữu thay! Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức hư vọng tiêu tan thì đó là Nêhoàn.

Đức Phật dạy:

–Pháp thâm diệu, tương ưng với Bát nhã Ba la mật, cần phải

nên tư duy ghi nhớ và học tập. Bồ-tát phải theo đúng lời dạy của Bát nhã Ba la mật mà tu hành. Thường tư duy ghi nhớ theo đúng lời dạy trong đó tu hành dù một ngày, Bồ-tát ấy cũng trừ bỏ được mấy kiếp sinh tử. Ví như người dâm dật có hẹn hò với cô gái xinh đẹp mà người ấy rất mực yêu thương. Nhưng cô gái này không được tự do nên đã lỗi hẹn không đến. Vậy người ấy có nghĩ nhớ đến cô ta chăng?

Tu-bồ-đề đáp:

–Người ấy có ý nghĩ rằng chẳng bao lâu cô ta sẽ đến, gặp nhau, bên nhau, ngồi, đứng, nói, cười.

Đức Phật dạy:

–Lúc cô ta chưa đến thì người ấy có bao nhiêu ý nghĩ?

Tu-bồ-đề thưa:

–Có rất nhiều ý nghĩ.

Đức Phật dạy:

–Cũng vậy, Bồ-tát quán niệm Bát nhã Ba la mật thâm diệu một ngày tâm không lay chuyển thì trừ bỏ được biết bao kiếp sinh tử. Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật tư duy, quán niệm như lời dạy trong đó, như lời nói trong đó, rồi theo đó tu hành một ngày cũng diệt ác trừ tội. Nếu có Bồ-tát xa lìa Bát nhã Ba la mật thâm diệu, giả sử bố thí trải qua số kiếp nhiều như số cát sông Hằng cũng không bằng Bồ-tát tu hành một ngày theo lời dạy của Bát nhã Ba la mật thâm diệu. Công đức của Bồ-tát này hơn Bồ-tát kể trên.

Nếu lại có Bồ-tát sống lâu bằng số kiếp nhiều như cát sông Hằng bố thí như trước cúng dường các vị Tu-đà-hoàn, Tưđà-hàm, Ana-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật và Phật, nhưng chẳng có được Bát nhã Ba la mật thâm diệu. Nếu lại có Bồ-tát tu hành theo lời dạy trong Bát nhã Ba la mật thâm diệu thì công đức của Bồ-tát này hơn Bồ-tát kể trên.

Nếu lại có Bồ-tát sống lâu bằng số kiếp nhiều như số cát sông Hằng bố thí cúng dường giống như trước lại còn thêm trì giới đầy đủ. Nếu lại có Bồ-tát cầu Bát-nhã ba-lamật thâm diệu, theo ý niệm khởi lên mà thuyết kinh, thì công đức của Bồ-tát này hơn Bồ-tát kể trên.

Nếu lại có Bồ-tát đem kinh này bố thí, thì công đức của vị ấy càng hơn, sẽ đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát đem kinh bố thí ấy từ trước đến nay đã vào sâu trong pháp này, đã vâng theo lời dạy của pháp này, nên công đức của Bồ-tát này hơn Bồ-tát kể trên.

Nếu lại có Bồ-tát đem kinh này bố thí, mà chẳng thâm nhập vào trong pháp này thì công đức không bằng Bồ-tát thâm nhập.

Nếu lại có Bồ-tát đem kinh này bố thí, lại còn thâm nhập vào trong pháp này, chưa từng có lúc rời xa, được Bát-nhã bala-mật hộ trì, thì công đức của Bồ-tát này rất nhiều, rất nhiều.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Hễ có nhận thức là có chấp trước, qua sự phân biệt này thì công đức nào là nhiều?

Đức Phật dạy:

–Qua sự nhận thức của Bồ-tát, nếu cầu Bát-nhã ba-lamật thâm diệu, ưa thích không, ưa thích vô sở hữu, ưa thích khổ tận (Nê-hoàn), ưa thích vô thường và quán niệm các pháp ấy tức là chẳng lìa Bát nhã Ba la mật thì Bồ-tát được công đức vô số chẳng thể tính kể.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Chẳng thể tính kể còn nói là vô số nữa, thì có gì khác chăng?

Đức Phật dạy:

–Vô số là số của nó chẳng thể cùng tận. Còn chẳng thể tính kể là không thể tính lường được nó, hoàn toàn không có bờ bến. Vì thế nói là vô số chẳng thể tính kể. Tu-bồ-đề thưa:

–Phật nói chẳng thể tính kể có phải là nói sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức chẳng thể tính kể chăng? Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Như lời ông hỏi nghĩa là phải có cái nhân nào đó khiến cho sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức chẳng thể tính, chẳng thể lường.

Tu-bồ-đề hỏi Phật:

–Thế nào là chẳng thể lường?

Đức Phật dạy:

–Kể Không là chẳng thể lường; Vô tướng, Vô nguyện cũng kể là chẳng thể lường.

Tu-bồ-đề thưa:

–Kể không thì pháp ấy chẳng thể tính kể.

Phật nói:

–Thế nào? Ta thường chẳng nói các pháp không chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Đúng là Đức Như Lai nói các pháp thảy đều không. Đức Phật dạy:

–Các pháp đều không, chẳng thể cùng tận, chẳng thể tính kể. Kinh không có riêng từng loại trí tuệ, không có từng thứ khác biệt. Đức Như Lai chỉ phân biệt mà nói vậy. Không chẳng thể cùng tận, chẳng thể lường. Tùy theo sự ưa thích của người học mà giải nói, mà thị hiện chỉ dạy về tướng ấy, về nguyện ấy, thức ấy, sinh ấy, dục ấy, diệt ấy, Nê-hoàn ấy. Đức Như Lai thuyết pháp là như vậy!

Tu-bồ-đề thưa:

–Hy hữu thay! Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Kinh vốn không mà thôi. Tại sao lại ở trong không thuyết kinh thì kinh ấy chẳng thật có? Như con hiểu lời Phật dạy, các pháp chẳng thật có. Đức Phật dạy:

–Đúng thế! Các pháp chẳng thật có, chỉ là không mà thôi. Không thì chẳng thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

–Đúng như lời Phật đã nói, vốn là không thì chẳng thật có. Ngài giải thích về trí tuệ chẳng thật có phải chăng là có tăng, có giảm?

Đức Phật dạy:

–Chẳng phải vậy!

Tu-bồ-đề thưa:

–Nếu trí tuệ chẳng thật có có tăng, có giảm thì Bố thí ba-lamật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-lamật, Thiền ba-la-mật, Bát nhã Ba la mật chẳng thêm, chẳng giảm. Nếu Ba-la-mật chẳng thêm thì Bồ-tát nhân vào đâu để gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, do duyên gì chứng đắc Vô thượng Chánh giác? Giả sử Ba-la-mật chẳng giảm thì Bồ-tát nhân vào đâu để gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và do duyên gì được ngồi gần Vô thượng Chánh giác? Đức Phật dạy:

–Trí tuệ chẳng thật có này chẳng thêm, chẳng giảm, Bồ-tát cầu Bát nhã Ba la mật thâm diệu nếu nắm giữ trí tuệ ấy thì đó là Bồ-tát có phương tiện thiện xảo chẳng nghĩ Bố thí ba-la-mật là tăng, cũng chẳng nghĩ là giảm. Lại nghĩ đó chỉ là giả danh Bố thí ba-la-mật, nghĩ đem công đức bố thí này hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Cũng vậy, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bồ-tát cầu Bát nhã Ba la mật nếu giữ các hạnh ấy thì được phương tiện thiện xảo, chẳng nghĩ Bát-nhã ba-lamật có tăng có giảm, đó chỉ là giả danh Bát nhã Ba la mật. Người cầu Bát nhã Ba la mật nếu thọ trì pháp ấy thì nên phát tâm đem công đức này hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Cái gì là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Đức Phật dạy:

–Đó là pháp vốn không. Pháp vốn là không này chẳng thêm, chẳng giảm, thường theo pháp này quán niệm chẳng rời tức là ngồi gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, là pháp chẳng thật có, là trí tuệ chẳng thật có. Nếu Bát nhã Ba la mật đều chẳng thêm, chẳng giảm, Bồ-tát quán niệm pháp ấy chẳng rời tức là tiếp cận với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bồ-tát dùng tâm trước hay tâm sau để tiếp cận Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Đức Phật dạy:

–Tâm trước, tâm sau, cả hai tâm này không có đi đôi. Tu-bồ-đề hỏi:

–Tâm trước, tâm sau không có đi đôi thì công đức làm sao được tăng trưởng? Phật hỏi:

–Ví như đốt tim đèn, ngọn lửa trước đốt sáng tim đèn hay ngọn lửa sau đốt sáng tim đèn?

Tu-bồ-đề thưa:

–Chẳng phải ngọn lửa trước đốt sáng tim đèn, cũng chẳng lìa ngọn lửa trước, cũng chẳng phải ngọn lửa sau đốt sáng tim đèn, cũng chẳng lìa ngọn lửa sau.

Đức Phật hỏi Tu-bồ-đề:

–Thế nào, có phải đúng như vậy chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, đúng như vậy! Đức Phật dạy:

–Bồ-tát chẳng dùng tâm trước đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng chẳng lìa tâm trước đắc, cũng chẳng dùng tâm sau đắc, cũng chẳng lìa tâm sau đắc.

Đức Phật nói tiếp:

–Thế nào, có phải như vậy là đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Vô thượng Chánh giác rất thâm diệu! Nhân duyên đó, Bồ-tát chẳng dùng tâm trước đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng chẳng lìa tâm trước đắc, cũng chẳng dùng tâm sau đắc, cũng chẳng lìa tâm sau đắc.

Đức Phật dạy:

–Có phải tâm trước diệt rồi tâm sau sinh không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Chẳng phải.

Đức Phật dạy:

–Tâm trước sinh có thể diệt không?

Tu-bồ-đề thưa: –Có thể diệt.

Đức Phật hỏi:

–Đang lúc diệt có thể nào khiến cho chẳng diệt được không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Chẳng được.

Đức Phật dạy:

–Pháp vốn không có thể khiến cho trụ được không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Muốn trụ pháp vốn không, phải như pháp vốn không mà trụ.

Đức Phật dạy:

–Giả sử trụ ở trong pháp vốn không thì có cách nào làm cho trụ vững chãi không? Pháp vốn không có hữu tâm, vô tâm chăng? Chẳng lìa pháp vốn không có hữu tâm chăng? Thấy pháp vốn không được chăng? Cầu như thế có phải là cầu một cách sâu sắc chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Cầu như thế là không cầu gì cả. Vì sao? Vì pháp ấy hoàn toàn không thật có, cũng chẳng thể thấy.

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát cầu Bát nhã Ba la mật là cầu cái gì?

Tu-bồ-đề thưa:

–Là cầu không.

Đức Phật dạy:

–Giả sử chẳng có cái không thì cầu cái gì?

Tu-bồ-đề thưa:

–Là cầu tưởng.

Đức Phật dạy:

–Thế nào, có trừ khử tưởng được không?

–Không.

–Bồ-tát ấy chẳng trừ khử tưởng chăng? Tu-bồ-đề thưa:

–Chẳng cầu như thế là quên tưởng. Vì sao? Vì cầu tưởng hết. Giả sử tưởng diệt tức là có thể được diệt độ liền đắc đạo quả A-lahán. Đó là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát, chẳng diệt tưởng mà được chứng, đã không có tưởng tức là tuân theo lời dạy này.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát có ba sự việc hướng đến ba môn Tam-muội, nắm giữ ba môn Tam-muội. Đó là Không, Vô tướng, Vô nguyện. Ba môn Tam-muội này tăng tiến đối với Bát nhã Ba la mật. Chẳng những ban ngày có tăng tiến mà ban đêm trong mộng cũng có tăng tiến. Vì sao? Vì Phật nói, ban ngày và ban đêm trong mộng như nhau không khác.

Tu-bồ-đề nói:

–Nếu Bồ-tát ban ngày có tăng tiến đối với Bát-nhã bala-mật thì ban đêm trong mộng cũng có tăng tiến. Xá-lợi-phất hỏi:

–Thế nào, nếu ở trong mộng có tạo tác thì có sở đắc không? Phật thuyết kinh như việc làm ở trong mộng chăng? Tu-bồ-đề đáp:

–Làm việc thiện trong mộng, thức dậy rất vui là tăng tiến, trong mộng làm việc ác, thức dậy không vui là có tổn giảm.

Xá-lợi-phất nói:

–Giả sử trong mộng giết người, tâm người ấy vui, thức dậy nói: "Tôi giết người đó, sướng quá!" Như vậy là sao?

Tu-bồ-đề đáp:

–Không đúng! Như thế đều có nhân duyên, tâm chẳng không thì như thế sẽ có nhân duyên. Như thấy, như nghe, như niệm đều là nhân duyên, vì thế nên biết mà thôi. Từ trong đó khiến tâm có chấp trước nay khiến tâm người không chấp trước. Đó là chẳng quên, vì như thế đều có nhân duyên.

Xá-lợi-phất nói:

–Việc làm đều không thì do đâu mà tâm có nhân duyên?

Tu-bồ-đề nói:

–Ý tưởng nhân duyên, thế nên tâm nhân duyên theo đó khởi.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Bồ-tát trong mộng bố thí đem công đức bố thí này hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, như vậy là có bố thí hay không?

Tu-bồ-đề nói:

–Bồ-tát Di-lặc sắp được bổ Phật xứ, hiện đang ở đây, ông nên hỏi ông ấy.

Xá-lợi-phất bạch Bồ-tát Di-lặc:

–Điều tôi thưa hỏi, Tôn giả Tu-bồ-đề nói Bồ-tát Di-lặc có thể giải đáp. Di-lặc nói:

–Như tên ta là Di-lặc phải giải đáp chăng? Hay phải đem sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức để giải đáp? Hay đem thân này ra để giải? Nếu đem không hoặc đem sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức để giải đáp thì sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức rỗng lặng không có năng lực. Pháp cần phải giải đáp là pháp hoàn toàn không thể thấy và cũng không thấy có người phải giải đáp. Pháp ấy hoàn toàn chẳng thấy có người sẽ đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Xá-lợi-phất nói:

–Pháp Bồ-tát Di-lặc nói là pháp được chứng ?

Di-lặc nói:

–Không! Pháp tôi nói là pháp chẳng được chứng.

Xá-lợi-phất liền nghĩ: “Bồ-tát Di-lặc nhập vào trí tuệ rất sâu. Vì sao? Vì Bồ-tát thường thực hành Bát nhã Ba la mật-đã lâu lắm rồi.”

Phật hỏi Xá-lợi-phất:

–Thế nào, có khi nào ông tự thấy mình thành A-la-hán không?

Xá-lợi-phất thưa:

–Con chẳng thấy.

Đức Phật dạy:

–Cũng vậy, Bồ-tát chẳng nghĩ mình được thọ ký, phải ở trong pháp đó đắc Vô thượng Chánh giác, cũng không có người đắc Vô thượng Chánh giác. Bồ-tát hành như thế chính là cầu Bát-nhã bala-mật, không bao giờ sợ mình chẳng đắc Vô thượng Chánh giác. Bồ-tát theo lời dạy trong pháp đó cầu Bát nhã Ba la mật vì thế không chút sợ hãi, thầm nghĩ: “Giả sử chúng ăn thịt ta thì ta sẽ bố thí để thực hành Bố thí ba-la-mật hầu tiếp cận Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nguyện sau khi ta thành Phật, trong cõi nước ta không có loài cầm thú.”

Lúc Bồ-tát gặp đám giặc cướp cũng không sợ hãi, thầm nghĩ: “Giả sử ta chết ở đây, thân ta trước sau gì rồi cũng phải bỏ. Nếu như ta bị đám giặc cướp giết chết, ta không nên có tâm giận hờn, thực hiện đầy đủ nhẫn nhục để thành tựu Nhẫn nhục ba-la-mật hầu tiếp cận Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nguyện sau khi thành Phật, trong cõi nước ta không có giặc cướp.”

Bồ-tát đến chỗ không có nước uống, cũng không sợ hãi, tự nghĩ: “Người không có đức khiến cho nơi đó không có nước. Nguyện sau khi thành Phật, trong cõi nước ta đều có nước, khiến cho dân chúng trong cõi nước ta đều được nước tám vị của trí Nhất thiết trí.”

Bồ-tát lúc đến chỗ lúa gạo đắt đỏ, tâm không sợ hãi, tự nghĩ: “Ta sẽ tinh tấn tu hành thành Phật, trong cõi nước ta không bao giờ lúa gạo đắt đỏ, dân chúng trong cõi nước ta được thức uống ăn hiện ra trước mặt tùy theo ý muốn như thức ăn trên cung trời Đao-lợi.”

Bồ-tát gặp lúc dịch bệnh, thầm nghĩ: “Ta không kinh sợ, giả sử thân ta chết đi trong lúc này, ta sẽ tu hành tinh tấn chóng được thành Phật để cho trong cõi nước ta không có mất mùa, dịch bệnh. Ta chắc chắn sẽ hàng phục ma bè lũ của chúng.” Đức Phật dạy:

–Bồ-tát nghe nói Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đó phải tu hành lâu lắm mới được thành Phật, tâm không sợ hãi, từ lúc bắt đầu phát tâm học đến nay không cho là lâu, coi như khoảnh khắc của sự chuyển đổi một ý niệm mà thôi. Vì sao? Vì không có chỗ bắt đầu.

Lúc Đức Phật thuyết pháp này, có một vị Ưu-bà-di từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến chỗ Phật, đảnh lễ, quỳ bạch Phật:

–Con nghe pháp ấy không kinh, không sợ thì ắt hàng phục được sự sợ hãi. Con cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi con sẽ thuyết kinh.

Đức Phật mỉm cười, miệng phóng ra hào quang kim sắc. Ưu-bàdi liền rải hoa vàng lên trên Đức Phật, nhờ oai thần của Phật hoa đều không rơi xuống đất.

A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại ca-sa, đảnh lễ, quỳ xuống hỏi Phật:

–Đức Phật không cười vô cớ. Ngài đã cười thì sẽ có điều gì sắp nói ra.

Đức Phật dạy:

–Ưu-bà-di Đát-kiệt này vào kiếp Tinh tú ở đời vị lai sẽ thành Phật hiệu là Kim Hoa. Ưu-bà-di này đời sau sẽ bỏ thân nữ, thọ thân nam sinh vào cõi Phật A-súc, rồi từ cõi Phật Asúc sinh đến

một cõi nước Phật khác, từ một cõi nước Phật lại sinh đến một cõi nước Phật cứ như vậy không cùng tận. Ví như Chuyển luân thánh vương từ một đền đài này đến một đền đài khác, từ lúc sinh ra cho đến lúc chết chân không dẫm xuống đất. Vị Ưu-bà-di này từ một cõi nước Phật đến một cõi nước Phật, chưa từng chẳng thấy Phật.

A-nan thầm nghĩ: "Như các hội Bồ-tát ở cõi Phật A-súc, đó là Phật hội.

Đức Phật biết ý nghĩ của A-nan nên Phật dạy:

–Các hội Bồ-tát ấy đều đã thoát hẳn sinh tử rồi. Ưubà-di này về sau sẽ thành Phật Kim Hoa độ chẳng kể xiết Ala-hán khiến Bátnê-hoàn. Lúc đó, trong cõi nước Phật ấy không có cầm thú, giặc cướp, không thiếu nước uống hoặc lúa gạo đất đó, không có dịch bệnh và các việc hung ác đều không có.

A-nan hỏi Phật:

–Vị Ưu-bà-di này đã tạo công đức từ thời Đức Phật nào?

Đức Phật dạy:

–Vị Ưu-bà-di này đã tạo công đức từ thời Phật Nhiên Đăng. Lúc mới phát tâm cầu thành Phật, vị Ưu-bà-di này cũng đã đem hoa vàng rải lên trên Đức Phật Nhiên Đăng và nguyện: "Đem công đức này hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác."

Đức Phật nói tiếp:

–Như ta đã đem năm cành hoa cúng dường Phật Nhiên Đăng mà được đứng vào trong pháp lạc Vô sở tùng sinh và được Phật thọ ký: "Sau vô số kiếp sẽ thành Phật hiệu Thích-ca Văn". Vị Ưu-bà-di này lúc đó thấy ta được Phật thọ ký, trong lòng thầm nghĩ: "Tôi cũng sẽ được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, như Bồ-tát ấy được thọ ký." Đức Phật bảo A-nan:

–Ưu-bà-di Đát-kiệt này bắt đầu phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ở chỗ Đức Phật Nhiên Đăng, A-nan bạch Phật:

–Ưu-bà-di Đát-kiệt này đã đạt được điều mong ước?

Đức Phật dạy:

–Đã đạt được rồi!

QUYỂN 7

Phẩm 17: THỦ KHÔNG

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật phải nhập không như thế nào? Thủ Tam-muội Không như thế nào? Đức Phật dạy:

–Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật phải quán sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức là không. Nhất tâm quán như thế thì chẳng thấy pháp. Như vậy chẳng thấy pháp thì ở trong pháp chẳng chứng đắc.

Tu-bồ-đề thưa:

–Đức Phật đã nói, chẳng ở trong không chứng đắc. Tại sao Bồ-tát trụ trong Tam-muội, ở trong không chẳng được chứng đắc?

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát đầy đủ công đức quán niệm không chẳng được chứng đắc. Quán như thế thì chẳng chấp chứng đắc. Quán như thế là quán chỗ nhập. Vừa muốn hướng đến thì ngay lúc ấy chẳng chấp chứng đắc, chẳng nhập Tam-muội, tâm không chấp trước. Lúc ấy Bồ-tát chẳng đánh mất pháp Bồ-tát, chẳng chứng đắc Nê-hoàn giữa chừng. Vì sao? Vì bản nguyện xót thương cứu hộ hữu tình rất là tha thiết. Bồ-tát tự nghĩ: "Ta tuy đầy đủ công đức, nhưng lúc ấy ta không thủ chứng Nêhoàn." Bồ-tát đắc Bát nhã Ba la mật đạt được công đức rất lớn và sức mạnh của trí tuệ, ví như người mạnh mẽ đẩy lui được quân địch, là người tuấn tú khỏe mạnh không việc gì không làm được, thông hiểu binh pháp, sáu mươi bốn môn quyền biến đều đã luyện tập, được mọi người kính ngưỡng. Người đó đi đến đâu mọi người đều được bảo hộ, thu hoạch được lợi lạc nào cũng chia sớt cho mọi người, trong lòng người ấy hoan hỷ. Nếu có việc cùng đi với cha mẹ, vợ con ngang qua đường hiểm nguy, ách nạn thì bảo vệ cha mẹ yên ổn và nói với vợ con: "Đừng sợ, chúng ta sẽ ra khỏi chốn hiểm nạn này." Ra khỏi được rồi, đưa cha mẹ, vợ con về quê, chẳng gặp hạng côn đồ hung dữ, đến nhà ai nấy đều vui mừng. Vì sao? Vì người ấy mạnh mẽ và có trí tuệ sáng suốt.

Bồ-tát ấy thực hiện lòng thương yêu rộng lớn, nghĩ đến hữu tình khắp cả mười phương, lúc đó đem lòng thương yêu ban cho mọi người. Bồ-tát ấy đã vượt qua quả vị A-la-hán, Bích-chiphật, trụ trong Tam-muội, xót thương hữu tình mà không thấy có hữu tình được độ, ở trong pháp ấy cũng chẳng thủ chứng Nê-hoàn, nhập vào không một cách sâu xa mà chẳng thành A-la-hán. Lúc Bồ-tát tu hành như thế tức là hành Tam-muội Không, không có ý tưởng hướng đến cửa Nê-hoàn, chẳng nhập vào không để thủ chứng Nêhoàn. Ví như chim bay trong hư không chẳng có trở ngại. Bồ-tát tu hành thì muốn hướng đến không, đến không rồi thì hướng đến vô tưởng. Nhưng chẳng lọt vào Không, chẳng lọt vào vô tưởng thì sẽ đầy đủ các pháp của Phật.

Ví như người bắn mũi tên vào không trung, mũi tên trước còn ở trên không, mũi tên sau trúng mũi tên trước, cứ như thế bắn mãi, mũi tên sau cứ trúng mũi tên trước. Người bắn tên muốn mũi tên trước rơi thì nó mới được rơi. Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật được phương tiện thiện xảo hộ trì, từ quả vị của mình chẳng ở giữa chừng thủ chứng Nê-hoàn để bị rơi vào quả vị A-la-hán, Bích-chi-phật, đem công đức này hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, công đức đầy đủ thì được thành Phật. Bồ-tát quán niệm theo lời dạy trong kinh, chẳng giữa chừng thủ chứng Nê-hoàn.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bồ-tát chịu cực khổ học như thế thì chẳng giữa chừng thủ chứng Nê-hoàn!

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát ấy vì bảo hộ hữu tình giữ gìn Tam-muội Không hướng đến cửa Nê-hoàn nên tâm niệm phân biệt. Thế nào là phân biệt? Thủ Tam-muội Không, Tam-muội Vô tướng, Tam-muội Vô nguyện chính là phân biệt phương tiện thiện xảo khiến Bồ-tát ấy chẳng giữa chừng thủ chứng Nê-hoàn. Vì sao? Vì được phương tiện thiện xảo hộ trì, cho nên tâm nghĩ đến tất cả hữu tình. Vì mang ý niệm này nên đắc phương tiện thiện xảo chẳng ở giữa chừng thủ chứng Nê-hoàn. Nếu Bồ-tát quán sâu vào việc thủ Tam-muội Không hướng đến cửa Nêhoàn, Tam-muội Vô tướng hướng đến cửa Nêhoàn, Tam-muội Vô nguyện hướng đến cửa Nê-hoàn, thì Bồ-tát phân biệt biết được người lâu nay do nhân duyên ở trong tưởng mà cầu đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh

giác. Bồ-tát vì họ thuyết kinh thì phải làm cho họ bỏ cái nhân duyên ấy mà thủ Tam-muội Không, thủ Tam-muội Vô tướng, giữ gìn Tam-muội Vô nguyện hướng đến cửa Nê-hoàn mà không ở giữa chừng thủ chứng. Bồ-tát nghĩ như vậy, nhưng mọi người từ lâu cứ tưởng rằng có thường, có an vui (lạc) có thân (ngã) có tốt đẹp (tịnh), rồi họ căn cứ vào ngã để hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì họ nên Bồ-tát thuyết kinh để khiến cho họ đoạn trừ các tưởng về thường, lạc, ngã, tịnh.

Cầu đoạn cái gì? Cái thường này là vô thường, cái lạc này đều là khổ, cái thân (ngã) này là phi thân (vô ngã), cái tốt đẹp (tịnh) này đều là nhơ xấu (bất tịnh). Bồ-tát thầm nghĩ: "Vì đắc được phương tiện thiện xảo thủ Không, thủ Vô tướng, thủ Tam-muội Vô nguyện hướng đến cửa Nê-hoàn mà không giữa chừng thủ chứng. Nếu có Bồ-tát tâm nghĩ rằng người ở thế gian từ trước đến nay cầu nhân duyên, cầu tưởng, cầu dục tưởng, cầu tụ tưởng, cầu không tưởng. Cầu các tưởng đó đều hiện tại thì Bồ-tát nói:

–Ta nhất thiết muốn khiến cho thế gian không có như vậy". Vì nghĩ đến người ở thế gian như vậy cho nên được phương tiện thiện xảo. Pháp ấy quán phạm vi của không, tướng, nguyện, thức, vô sở tùng sinh (không sinh). Bồ-tát ấy chẳng giữa chừng thủ chứng. Phải biết như thế về pháp.

Bồ-tát cầu Bát nhã Ba la mật như thế nào? Phải hiểu rằng tu pháp ấy thì tâm phải cầu các duyên nào? Và tâm phải nhập như thế nào? Thủ Tam-muội Không, thủ Tam-muội Vô tướng, thủ Tam-muội Vô nguyện hướng đến cửa Nê-hoàn đều không giữa chừng thủ chứng. Thủ Tam-muội Vô thức, thủ Tam-muội Vô sở tùng sinh (không sinh) thì Bồ-tát ấy chẳng được thọ ký. Thủ Tam-muội Không, Tam-muội Vô tướng, Tam-muội Vô nguyện, Tam-muội Vô thức, Tam-muội Vô sở tùng sinh, Bồ-tát nghĩ về các Tam-muội đó, có người đến hỏi mà Bồ-tát ấy chẳng tức thời đem tấm lòng không thể kể vì họ giảng giải thì biết Bồ-tát ấy chẳng phải là Bồ-tát không thoái chuyển. Vì sao? Vì tâm của Bồ-tát không thoái chuyển thì biết được nhiều vô số. Qua sự so sánh ấy, thấy công hạnh của Bồ-tát ấy chẳng đầy đủ thì biết vị Bồ-tát ấy chưa được không thoái chuyển.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Nếu Bồ-tát có khả năng giảng giải đáp lại những điều ấy thì đó là Bồ-tát không thoái chuyển?

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát nghe Bát nhã Ba la mật thâm diệu hoặc chẳng nghe mà vẫn có thể giảng giải thì đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Tu-bồ-đề thưa:

–Có biết bao nhiêu người cầu đạo Bồ-tát nhưng ít có người có khả năng giảng giải?

Đức Phật dạy:

–Người có khả năng giảng giải là người đã được thọ ký, đã ở trong công đức ấy, là người hiểu biết giáo pháp một cách sâu sắc mà các vị A-la-hán, Bích-chi-phật không thể sánh bằng, chư Thiên, Nhân, A-tu-luân, Long, Quỷ, Thần không thể sánh bằng, đó chính là tướng trạng của không thoái chuyển.

QUYỂN 7

Phẩm 19: THIỆN TRI THỨC

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát đang tu hành muốn đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì Đại Bồ-tát ấy cần phải phục vụ Thiện tri thức, cung kính, hầu hạ Thiện tri thức.

Tu-bồ-đề hỏi Phật:

–Làm thế nào để biết đó là Thiện tri thức của Đại Bồ-tát?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đức Phật, Thiên Trung Thiên chính là Thiện tri thức của Đại Bồ-tát. Nếu có người thuyết Bát nhã Ba la mật dạy người nhập vào trong kinh này thì người đó chính là Thiện tri thức của Đại Bồ-tát. Sáu pháp Ba-la-mật chính là Thiện tri thức của Đại Bồ-tát. Phải biết sáu pháp Ba-la-mật là Đại sư, sáu pháp Ba-la-mật là đạo của Bồ-tát, sáu pháp Ba-la-mật là hộ, sáu pháp Ba-la-mật là nhất, sáu pháp Bala-mật là vị tướng soái. Các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thời quá khứ đều được sinh ra từ Bát nhã Ba la mật. Các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thời vị lai đều được sinh ra từ Bát-nhã ba-lamật. Các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hiện tại trong vô số cõi nước ở khắp mười phương cũng đều được sinh ra từ Bát-nhã bala-mật, thành tựu trí Nhất thiết trí. Các Ngài đều từ trong bốn nhiếp mà đắc đạo, rồi dùng bốn nhiếp pháp này cứu hộ hữu tình. Thế nào là bốn nhiếp pháp? Một là bố thí cho người, hai là nói điều khiến cho mọi người vui vẻ (ái ngữ), ba là làm lợi ích cho mọi người (lợi hành), bốn là tham dự như nhau (đồng sự).

Này Tu-bồ-đề! Bát nhã Ba la mật đối với Đại Bồ-tát chính là đại sư, là cha, là mẹ, là nhà, là đền, là đò, là chỗ tự nương về, là người dẫn đường. Sáu pháp Ba-la-mật ấy chính là pháp cứu độ hữu tình.

Vì sao Đại Bồ-tát phải học sáu pháp Ba-la-mật? Vì muốn chặt đứt gốc nghi cho tất cả mọi người nên các Đại Bồ-tát đều phải học Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề hỏi Phật:

–Cái gì là tướng Bát nhã Ba la mật?

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Vô ngại là tướng Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Tướng vô ngại của Bát nhã Ba la mật cũng là tướng của các pháp chăng?

Đức Phật dạy:

–Đúng thế, này Tu-bồ-đề! Tướng vô ngại là tướng Bátnhã bala-mật cũng chính là tướng của các pháp. Vì sao? Này Tu-bồ-đề, vì các pháp tuy khác nhau nhưng các pháp đều rỗng không. Như vậy, này Tu-bồ-đề! Các tướng đều rỗng không là tướng của Bát-nhã bala-mật. Như vậy, này Tu-bồ-đề! Tướng Bát nhã Ba la mật rỗng không, theo tướng ấy mà có các pháp cũng đều rỗng không.

Tu-bồ-đề hỏi Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Nếu như các pháp đều rỗng không thì tại sao con người muốn có sinh mà không có lúc chết, không có lúc diệt, không có lúc đến chỗ cùng tận. Nhưng rỗng không thì không có tăng, rỗng không thì không có dứt, các pháp rỗng không nên không có

Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ở trong đó. Các pháp rỗng không, vì thế nên chẳng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Làm thế nào để hiểu đúng pháp ấy?

Đức Phật dạy:

–Có người ngày đêm muốn được cái nhân đó để đạt đến pháp đó, nên họ cầu như thế.

Tu-bồ-đề thưa:

–Đúng thế! Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Có người ngày đêm muốn được cái nhân đó để đạt đến pháp đó, nên họ cầu như thế.

Đức Phật dạy:

–Thế nào, này Tu-bồ-đề! Ông có thấy ta muốn đắc pháp không đó chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, con không thấy! Đức Phật dạy:

–Đúng là không, này Tu-bồ-đề! Tự làm như thế có đắc pháp không đó chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Đúng thế! Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không! Đức Phật dạy:

–Thế nào, này Tu-bồ-đề! Chỉ vì cớ ấy, nghĩa là vì muốn được cái nhân đó để đạt đến pháp đó nên có người vì thế mà nhọc nhằn khổ sở không có lúc thảnh thơi. Tu-bồ-đề thưa:

–Đúng thế! Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Người đang an ổn vì muốn được cái nhân đó để đạt đến pháp đó mà phải nhọc nhằn khổ sở không có lúc nghỉ ngơi.

Đức Phật dạy:

–Đúng thế, này Tu-bồ-đề! Con người vì ham muốn nên sinh chấp trước. Phải biết, con người được sinh ra vốn là từ sự ham muốn đó mà sinh. Từ trong đó không thật có. Không thật có thì không cho là đắc. Điều đó hoàn toàn không thật có. Như vậy, này Tu-bồ-đề! Không có lúc diệt tận. Từ trong đó hoàn toàn không có tăng thêm cái sinh, người hiểu biết như thế chính là Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Người hiểu biết như thế là Đại Bồ-tát vì chẳng cầu sắc, chẳng cầu thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức. Người hiểu biết như thế là Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật vì đều hành bình đẳng, các A-la-hán, Bích-chi-phật không thể sánh bằng. Đạo tu hành của bậc có đức vượt lên trên các vị kia, mà người thích có sở đắc không thể bì kịp. Đại Bồ-tát ấy phải nghĩ rằng, được Bát nhã Ba la mật rồi phải hành như thế này, nghĩa là Đại Bồ-tát ngày đêm tu hành thì chóng đến gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Phật dạy:

–Thế nào? Tu-bồ-đề! Người trong châu Diêm-phù-lợi và tất cả các loài bò bay máy cựa khắp bốn phương đều khiến cho chúng được làm người. Mọi loài ấy đều được sinh vào loài người rồi, đều khiến cho họ cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Họ đã phát tâm cầu Phật đạo, họ suốt đời tu hạnh bố thí, rồi đem phước bố thí ấy hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu-bồđề! Ý ông nghĩ sao, Đại Bồ-tát ấy bố thí như vậy, phước đức có nhiều chăng? Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều! Đức Phật dạy:

–Phước bố thí của Đại Bồ-tát ấy chẳng bằng phước của Đại Bồ-tát được Bát nhã Ba la mật rồi, thọ trì một ngày. Nếu như chỉ trong một ngày mà theo đúng như lời dạy trong Bát nhã Ba la mật mà tu hành thì phước của Đại Bồ-tát này hơn phước của người vừa kể trên. Hoặc có lúc Đại Bồ-tát được Bát nhã Ba la mật rồi, tu hành theo đúng pháp ấy thì vị ấy là bậc cực kỳ tôn quý trong chúng. Vì sao? Vì những người khác không ai bì kịp người có lòng từ mẫn ấy, trừ chư Phật ra, không có ai sánh bằng vị Đại Bồ-tát ấy. Thiện nam ấy thâm nhập vào trong trí, hiểu rõ trí ấy một cách đầy đủ, thấy hết những người nhọc nhằn khổ sở của thế gian bấy giờ thật đáng xót thương. Đạo nhãn thấy thấu suốt hết không xiết kể hữu tình nên Bồ-tát không có lúc nào lười nhác, vì không lười nhác nên được cái hạnh ấy. Ngay lúc ấy hết sức thương cảm nghĩ đến hữu tình nhưng chẳng dùng tướng này để trụ và cũng chẳng trụ nơi tướng khác.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát trí tuệ rất sáng suốt. Tuy chưa đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà sáng suốt như vậy. Các Bồ-tát tu theo hạnh ấy, được tất cả các cõi tôn sùng. Các Bồ-tát đang tiến lên Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không bao giờ thoái lui.

Đại Bồ-tát nếu nhận của bố thí đầy đủ áo chăn, thức uống ăn, giường nệm, thuốc men của người, tâm của Bồ-tát đứng vững trong Bát nhã Ba la mật, thì có thể báo ân bố thí và cũng tiếp cận trí Nhất thiết trí. Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát nhận của bố thí không có tội, mà còn có ích cho hữu tình, vì chỉ con đường chân tịnh cho họ. Trí tuệ của Đại Bồ-tát vô biên, vô cùng chiếu soi đến các hữu tình trong chốn địa ngục khiến cho họ được độ thoát. Đại Bồ-tát muốn chỉ bày đạo nhãn cho các hữu tình chính là pháp trong Bát-nhã balamật, để họ nhớ thực hành và tuân theo lời dạy ấy. Do nhớ thực hành pháp ấy tức là nhập vào Bát nhã Ba la mật, tu hành chẳng động, tu hành chẳng lay, đừng niệm tưởng, đừng nghĩ khác, dự nhập vào trong Bát nhã Ba la mật. Phải hành như thế, ngày đêm nhập vào trong Bát nhã Ba la mật, đừng lười biếng, ngừng nghỉ.

Này Tu-bồ-đề! Ví như thiện nam được viên ngọc ma-ni, trước kia chưa được, về sau được ngọc ma-ni ấy, mừng rỡ hớn hở. Được ngọc ma-ni ấy rồi, sau đó lại làm mất đi, vì thế rất đau buồn, đứng ngồi lo rầu nghĩ tưởng như mất bảy báu, nghĩ rằng: "Tại sao ta lại làm mất trân bảo này!" Cũng giống như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát muốn cầu trân bảo thường phải kiên trì, tâm không được đánh mất trí Nhất thiết trí thường phải vào trong trí Nhất thiết trí ấy mà quán niệm Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Nếu như quán niệm được sử dụng thì thân (ngã) mất, vậy tại sao Đại Bồ-tát quán niệm mà trí Nhất thiết trí chẳng mất?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nếu như Đại Bồ-tát biết rằng vô vi thì không đánh mất Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Bát nhã Ba la mật rỗng không. Bát nhã Ba la mật ấy cũng chẳng thêm, cũng chẳng giảm.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bát nhã Ba la mật ấy rỗng không thì làm sao sinh ra Đại Bồ-tát thành tựu hạnh Bát nhã Ba la mật tiếp cận Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Đức Phật dạy:

–Không phải! Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát cũng chẳng thêm chẳng giảm. Giả sử lúc Đại Bồ-tát nghe thuyết kinh này mà chẳng sợ chẳng hãi thì nên biết vị ấy đang thực hành Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Như vậy có phải thực hành Bát nhã Ba la mật là hành không chăng?

Đức Phật dạy:

–Chẳng phải! Này Tu-bồ-đề! Có ai lìa Bát nhã Ba la mật mà hành không được chăng? Này Tu-bồ-đề! Lìa không, có hành được chăng? Này Tu-bồ-đề! Hoại sắc có hành được chăng? Này Tu-bồđề! Hoại thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức có hành được chăng? Này Tu-bồ-đề! Lìa thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức, có hành được chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Thế nào là thực hành Bát nhã Ba la mật? Phật hỏi:

–Thế nào? Này Tu-bồ-đề! Ông có thấy pháp ấy chăng?

Có pháp để thực hành Bát nhã Ba la mật chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, con chẳng thấy! Phật hỏi:

–Này Tu-bồ-đề! Ông thấy có pháp Bát nhã Ba la mật để Đại Bồ-tát hành chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, con chẳng thấy! Đức Phật hỏi:

–Này Tu-bồ-đề! Ông có thấy Đại Bồ-tát thực hành Bátnhã bala-mật chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, con chẳng thấy!

Đức Phật hỏi:

–Này Tu-bồ-đề! Ông chẳng thấy pháp có chỗ sinh chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, con chẳng thấy!

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát đắc pháp lạc Vô sở tùng sinh (Vô sinh pháp nhẫn). Đại Bồ-tát đắc pháp lạc Vô sở tùng sinh đầy đủ thì được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó là chỗ đạt đến của Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không còn lo sợ, tất cả đều phải hộ trì. Đại Bồ-tát phải cầu như thế, hành như thế, nỗ lực như thế thì đạt đến trí tuệ Phật, trí tuệ cực đại, trí tuệ tự tại, trí tuệ Nhất thiết trí, trí tuệ Như Lai, nếu như không được thành Phật thì lời Phật nói là không đúng.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Có phải người đắc các pháp Vô sở tùng sinh thì được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Chẳng phải vậy!

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thế nào là Đại Bồ-tát đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ông thấy có pháp thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Con chẳng thấy có pháp thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Phật dạy:

–Đúng thế! Này Tu-bồ-đề! Các pháp như thế không từ trong đó mà đắc. Bồ-tát chẳng nghĩ rằng nhờ pháp ấy mà được thọ ký hay chẳng được thọ ký.

QUYỂN 7
Phẩm 19: XA LÌA

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát ở trong mộng cũng không vào quả vị A-lahán, chẳng vào quả vị Bích-chi-phật, chẳng thích cầu pháp đó, cũng chẳng dạy người cầu pháp đó, tâm cũng chẳng nghĩ đến các pháp đó. Trong mộng cũng thấy chẳng chứng đắc các pháp đó, thì tâm của Đại Bồ-tát ấy thường hướng đến Phật. Này Tu-bồ-đề! Như vậy Đại Bồ-tát không thoái chuyển phải biết đó là tướng mạo của không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát ở trong mộng ngồi giữa hàng trăm đệ tử trong pháp hội hoặc hàng ngàn đệ tử hoặc hàng trăm ngàn đệ tử nghe Phật thuyết giảng kinh. Bồ-tát cùng với Tỳkheo Tăng theo nhau thì ở tại vị trí đầu tiên nhất. Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thuyết giảng kinh thì ai nấy đều thấy như vậy. Này Tu-bồ-đề, Đại Bồ-tát không thoái chuyển phải biết đó là tướng mạo của không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát không thoái chuyển ở trong mộng ngồi rất cao trong hư không thuyết kinh cho các Tỳ-kheo Tăng nghe, tự hiện hào quang chiếu xa bảy thước, tự tại biến hóa, ở nơi khác làm Phật sự như Phật thuyết giảng kinh. Đại Bồ-tát ở trong mộng làm như thế cũng giống như Phật. Này Tu-bồ-đề, Đại Bồ-tát không thoái chuyển phải biết đó là tướng trạng của không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát không thoái chuyển ở trong mộng không kinh, không hãi, không ghét, không sợ. Trong mộng hoặc thấy giặc giã đánh nhau trong quận huyện hoặc lửa dậy hoặc thấy cọp sói, sư tử và các loại thú dữ khác hoặc thấy cảnh chặt đầu người, cũng như các sự biến hóa khác như là người khốn khổ, kẻ bần cùng, người đói, kẻ khát đều cho đó là ách nạn, nhưng tâm Bồ-tát ấy vẫn không lo, không sợ, không kinh, không động. Bồ-tát thấy các việc ấy ở trong mộng rồi, tỉnh giấc ngồi dậy, nghĩ rằng: “Những việc thấy trong mộng đều có ở ba cõi này. Lúc ta thành Phật, đều vì hữu tình trong ba cõi mà thuyết kinh để giáo hóa họ.” Này Tu-bồ-đề, Đại Bồ-tát không thoái chuyển phải biết đó là tướng trạng của không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Do đâu mà biết là Đại Bồ-tát đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác lúc thành Phật, trong cõi nước của vị ấy tất cả mọi người không có tâm ác? Này Tu-bồ-đề! Lúc ấy, Đại Bồ-tát ở trong mộng hoặc thấy súc sinh ăn nuốt lẫn nhau hoặc thấy dân chúng bị bệnh dịch, trong tâm dần dần phát sinh ý nguyện và nghĩ rằng: “Ta sẽ thành Phật, lúc ta thành Phật, cõi nước ta không có tất cả mọi điều ác.” Vì thế nên biết Đại Bồ-tát ấy cũng được như vậy. Này Tubồ-đề! Đại Bồ-tát không thoái chuyển phải biết các điều ác trừ hết tức là tướng trạng của không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát không thoái chuyển từ trong mộng thức dậy hoặc thấy thành quách bốc cháy, bèn nghĩ: "Ta đã thấy trong mộng rồi." Do sự so sánh này, do tướng trạng này nên cảm thấy không sợ. Do sự so sánh này, do tướng trạng này mà biết công hạnh đầy đủ. Đại Bồ-tát ấy phải biết đó là tướng trạng của không thoái chuyển. Nhờ sự so sánh ấy, nhờ tướng trạng ấy mà biết công hạnh đầy đủ thì đó là Đại Bồ-tát không thoái chuyển. "Nay ta xét kỹ thì điều vừa xảy ra không khác chi trong mộng, hiện tại thành quách đang bốc cháy, do oai lực ý nghĩ của ta mà đều phải tắt, phải tiêu, không còn cháy nữa." Phật nói tiếp:

–Này Tu-bồ-đề! Nếu như lửa tắt, lửa tiêu, lửa hết cháy thì biết đó là Đại Bồ-tát đã được Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thời quá khứ thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và biết đó là tướng trạng của không thoái chuyển. Còn nếu như lửa không tắt, không tiêu, không hết thì biết Đại Bồ-tát ấy chưa được thọ ký.

Này Tu-bồ-đề! Nếu như thần lửa đốt nhà này mà chừa lại nhà kia hoặc đốt làng này mà chừa làng kia thì biết người bị cháy nhà ấy là do đời trước có tội phá hoại kinh pháp. Người ấy tự thấy quả báo của việc làm đời trước nên việc làm ác đời trước từ nay đều được tiêu trừ. Từ nay về sau tai ương còn sót lại do tội phá hoại kinh pháp đều hết, nghiệp ác đời trước đều tiêu. Này Tu-bồ-đề! Như vậy, biết Đại Bồ-tát ấy chưa đắc không thoái chuyển nơi quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Do sự so sánh ấy, do tướng trạng ấy mà biết công hạnh đầy đủ, Đại Bồ-tát phải thấy rằng nên đem sự so sánh ấy, đem tướng mạo ấy giảng nói cho họ biết.

Này Tu-bồ-đề! Nếu kẻ nam, người nữ bị quỷ thần ám hoặc bị quỷ thần dựa, Bồ-tát ấy nghĩ rằng: "Hoặc ta được thọ ký như Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thời quá khứ đã thọ ký ta thành Phật Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tâm niệm của các Bậc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều thanh tịnh, nếu như ta được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì tâm niệm của ta cũng thanh tịnh. Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác từ bỏ tâm A-la-hán, từ bỏ tâm Bích-chiphật. Nếu như từ bỏ tâm A-la-hán, tâm Bíchchi-phật rồi mà chỉ dùng tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì sẽ thành Phật, chẳng được chẳng thành Phật. Các Đức Phật hiện tại ở trong vô số cõi nước khắp cả mười phương không vị nào chẳng biết, không vị nào chẳng thấy, không vị nào chẳng chứng. Hôm nay Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biết rõ ý niệm của ta, ta chắc chắc sẽ thành Phật Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác quả đúng như lời ta nói, quả đúng như điều ta làm. Quả đúng như lời ta nói thì do oai lực của lời ta nói mà quỷ thần bỏ đi." Bồ-tát bèn nói: "Kẻ nam người nữ này bị quỷ thần nào dựa đây!" Quỷ thần liền bỏ đi. Nếu như quỷ thần chẳng bỏ đi lúc Đại Bồ-tát nói lời ấy, thì biết là Đại Bồ-tát ấy chưa được thọ ký nghĩa là Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thời quá khứ chẳng thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho Bồ-tát đó.

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Người ấy thật chí thành, ma tệ ác qua đến chỗ của Đại Bồ-tát ấy và nói rằng:

–Nếu ông ở đây, nếu ông tên đó, nếu được thọ ký, thì ta sẽ nhiễu loạn ông.

Lúc đó vị Bồ-tát ấy phải nói:

–Ta là người chân thành, quỷ thần phải nghe theo lời của ta, ta thật sự được thọ ký đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu quả thật ta là người chí thành thì quỷ thần ấy phải bỏ đi."

Ma tệ ác nghĩ rằng: “Ta sẽ bảo quỷ thần bỏ đi.” Vì sao? Vì ma tệ ác có thế lực lớn hơn quỷ thần, nên quỷ thần chẳng dám cãi lệnh.” Ma nghĩ: “Do oai thần của ma nên quỷ thần mới bỏ đi.” Cũng vậy, Bồ-tát nghĩ: “Do oai thần của ta nên quỷ thần mới bỏ đi.” Đức Phật nói tiếp:

–Bồ-tát chẳng biết do oai thần của ma mà quỷ thần bỏ đi, rồi tự cho là do oai thần của mình, cho nên tự kiêu ngạo coi thường mọi người, cười chê mọi người, không trọng tài đức của người, nói với mọi người rằng: “Tôi ở chỗ Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thời quá khứ đã được thọ ký còn những người khác đều chưa được thọ ký.” Vì thế nên Bồ-tát ấy tự phụ, tự cao, trở lại giận dữ, giận dữ nổi lên càng ngày càng nhiều thì cách trí Nhất thiết trí càng xa, đánh mất trí Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Những Bồ-tát ấy không có phương tiện thiện xảo, giận dữ càng phát sinh thì sẽ rơi vào hai quả vị là A-la-hán và Bích-chi-phật. Này Tu-bồ-đề! Những Bồ-tát ấy hành trì đạo Bồ-tát chẳng thành tựu. Đại Bồ-tát ấy phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Bồ-tát bỏ Thiện tri thức, không nói chuyện với Thiện tri thức, cũng không làm việc với Thiện tri thức, cũng không trọng tài đức của Thiện tri thức. Vì thế nên biết là Bồ-tát ấy bị ma trói chặt. Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát phải nhận biết đó là hành vi của ma. Vì sao phải nhận biết việc ấy? Vì biết ma đến trước Bồ-tát. Ma luôn luôn thay đổi dạng đến chỗ Bồ-tát, nói thế này: “Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thời quá khứ đã thọ ký cho ông đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác với tên là gì đó, mẹ tên gì đó, cha tên gì đó, anh tên gì đó, chị tên gì đó, em tên gì đó, bà con thân thích tên gì đó, Thiện tri thức tên gì đó, bác tên gì đó, tổ tiên bảy đời tên gì đó, bên ngoại họ gì đó, bên nội họ gì đó, sinh ở thành nào đó, sinh ở nước nào đó, sinh ở quận nào đó, sinh ở huyện nào đó, sinh ở làng nào đó Nếu Bồ-tát thường nói lời dịu dàng hoặc hiện đang nói lời dịu dàng thì ma bèn nói là ở đời trước Bồ-tát ấy cũng đã nói lời dịu dàng đó. Nếu thấy Bồ-tát có tài cao thì ma nói Bồ-tát đời trước cũng đã có tài cao đó.” Hoặc thấy tên của mình hoặc thấy khất thực hoặc lúc nhất tọa thực, hoặc lúc ăn uống tiết lượng, hoặc lúc ăn rau quả từ khước ăn cơm, hoặc lúc ở gò mả, hoặc lúc ở nơi đất trống, hoặc lúc ngồi dưới gốc cây, hoặc lúc có nhận lời mời, hoặc lúc chẳng nhận lời mời, hoặc lúc nhận chút ít vừa đủ, hoặc lúc không xoa thân bằng dầu mè, hoặc lúc nói hay, hoặc lúc luận khéo. Ma thấy như thế rồi dựa vào đó mà nói lời dối trá rằng: “Đời trước ông cũng luận đàm như thế, đời trước ông cũng lập hạnh như thế, nên hôm nay mới được như thế. Vì sao? Vì đời trước ông tu hành thanh tịnh như thế, nên hôm nay mới được như thế. Vì đời trước ông tu hành thanh tịnh có công đức nên hôm nay ông mới đạt được công đức ấy. Nếu ở đời trước làm con của nhà nào đó hoặc tộc nào đó, đời trước có công hạnh đó nên bây giờ cũng được hạnh thanh tịnh đó.” Tâm của Bồ-tát ấy nghĩ rằng: “Ta được như thế!” Ma tệ ác liền nói:

–Ông đã được Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thời quá khứ thọ ký không thoái chuyển rồi, cho nên ông được thanh tịnh.

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Những điều ta nói về không thoái chuyển Bồ-tát phải đem sự so sánh ấy, đem tướng trạng ấy, đem công hạnh ấy dùng để chiêm nghiệm. Những điều ta đã nói mà Bồ-tát chẳng được đầy đủ mà lại tự cho là đầy đủ thì phải biết Bồ-tát ấy nhất định chẳng thành tựu, phải biết là bị sự phá hoại của ma. Vì sao? Vì qua sự so sánh ấy, tướng trạng ấy, Đại Bồ-tát không thoái chuyển biết là hoàn toàn chẳng được. Vì ma nói công đức của Bồ-tát ấy, danh tự của Bồ-tát ấy, Bồ-tát đó nghe

lời của ma nói trong lòng mừng rỡ, tự cho là đúng như vậy, rồi có thái độ chê cười mọi người, khinh dễ bạn đồng học, tự kiêu ngạo. Bồ-tát ấy do chấp nhận lời của ma mà đánh mất bổn hạnh, rơi vào lưới ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Vì chấp nhận lời của ma nên Đại Bồ-tát chẳng nhận biết đó là hành vi của ma, trở lại tự cho là đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ma còn nói:

–Ông sẽ đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lúc thành Phật sẽ có danh hiệu là gì đó.” Vị ấy nghĩ: “Ta được như thế! Trước đây ta cũng nghĩ như vậy. Ta vốn đã có ý đó, ta vốn đã nghĩ như thế!” Đức Phật dạy:

–Bồ-tát ấy như vậy là đã ở trong tình trạng kém trí tuệ. Bồ-tát ấy không có phương tiện thiện xảo, lại nghĩ: “Lời nói về danh hiệu của ta lúc thành Phật cũng đúng như ý nghĩ trước đây của ta. Ta nhất định sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác với danh hiệu như thế.

Đức Phật dạy:

–Hoặc làm theo lời dạy của ma hoặc cộng tác với Thiên ma, qua đó đủ biết là Bồ-tát ấy bị ma mê hoặc.

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát được ta công nhận là do sự so sánh ấy, tướng trạng ấy, ta chẳng dạy họ làm như thế. Điều ta dạy là hoàn toàn chẳng được quên sự so sánh ấy, tướng trạng ấy. Ngược lại, do danh hiệu kia nên tự nghĩ rằng: “Ta là không thoái chuyển”, rồi khinh dễ các Bồ-tát khác. Do sự khinh dễ đó mà xa lìa Phật, xa lìa trí Nhất thiết trí, xa lìa trí Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, xa lìa phương tiện thiện xảo, quên đi Bát-nhã ba-lamật, quên đi Thiện tri thức mà lại gặp pháp ác tri thức. Bồ-tát đó sẽ rơi vào trong đạo A-la-hán, Bích-chi-phật. Nếu về sau trải qua thời gian rất dài siêng năng cầu Phật đạo, nhờ ân Bát nhã Ba la mật sẽ đắc đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tự tiến đến thành Phật.

Đức Phật dạy:

–Lúc Bồ-tát phát khởi ý nghĩ chấp nhận danh hiệu ấy mà chẳng giác biết, chẳng hối cãi, như vậy sẽ bị rơi vào trong đạo A-la-hán, Bích-chi-phật.

Phật nói tiếp:

–Nếu có Tỳ-kheo thọ bốn giới trọng rồi, nếu vì lý do nào đó mà phạm bốn giới trọng này thì chẳng còn là Sa-môn, chẳng còn là Phật tử. Vị Bồ-tát hư hỏng kể trên tội còn hơn Tỳ-kheo phạm bốn giới trọng kia. Bồ-tát ấy nói: “Tôi sẽ sinh ra ở làng đó, huyện đó, quận đó, nước đó.” Lúc khởi lên ý nghĩ như thế thì tội rất nặng, Bồ-tát cần phải biết như vậy.

Hãy gác bốn tội trọng lại mà nói đến năm tội nghịch ác, lúc khởi lên ý nghĩ đó thì mang tội nặng ấy. Vì Bồ-tát chấp nhận danh hiệu đó, trong lòng tin rồi sinh ra ý nghĩ đó nên đắc tội lớn, Bồ-tát cần phải biết như vậy.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Do cái danh hiệu ấy mà bị ma đưa vào tội sâu nặng.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ma tệ ác thấy Đại Bồ-tát có hạnh xa lìa, bèn đến nói:

–Pháp xa lìa là chánh đáng. Đó là pháp được Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác khen ngợi.

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Ta chẳng nói pháp xa lìa dạy Đại Bồ-tát ở một mình, ở dưới gốc cây, ở chỗ nhàn tịnh (A-luyện-nhã).

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Thế nào, Đại Bồ-tát xa lìa chỗ nào? Lại có pháp xa lìa khác nữa chăng? Cũng chẳng ở riêng một mình? Cũng chẳng ở dưới gốc cây? Cũng chẳng ở chỗ nhàn tịnh? Thế nào là pháp xa lìa khác?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Giả sử mọi người đều nghĩ có A-la-hán hành pháp xa lìa. Mọi người đều nghĩ có Bích-chi-phật hành pháp xa lìa. Mọi người đều nghĩ có Đại Bồ-tát ở ngoài thành đang hành pháp xa lìa. Các Đại Bồ-tát hành pháp xa lìa thì chẳng phạm tất cả mọi điều ác. Các Bồ-tát hành pháp xa lìa hoặc phải ở riêng một mình hoặc ở dưới gốc cây hoặc ở chỗ nhàn tịnh hiển nhiên là đang hành pháp xa lìa của Đại Bồ-tát. Ta thích dạy họ thực hành pháp ấy, chứ không dạy họ lánh xa mọi người, ở chỗ không một bóng người. Đại Bồ-tát thọ trì pháp xa lìa ấy phải ngày đêm thực hành, phải luôn luôn thực hành, thế nên Đại Bồ-tát phải thực hành pháp xa lìa ở bên thành thị. Lấy đây suy ra thì Đại Bồ-tát phải thực hành hạnh xa lìa ở khắp mọi nơi hoặc ở riêng một mình hoặc ở dưới gốc cây hoặc ở chỗ nhàn tịnh. Ta nói Đại Bồ-tát phải hành pháp xa lìa như thế.

Bấy giờ ma tệ ác sẽ đến dạy hành pháp xa lìa, nó nói: "Hoặc ở riêng một mình hoặc ở dưới gốc cây hoặc ở chỗ nhàn tịnh, phải thực hành như vậy." Bồ-tát ấy nghe theo lời dạy của ma bèn quên mất pháp xa lìa của Phật dạy. Lời của ma nói: "Các đạo như nhau, ông nên chọn lấy pháp A-la-hán, nghĩ rằng không có gì khác và nên theo đó mà tu hành, đạo Bích-chi-phật nghĩ rằng không có gì khác, cũng nên theo đó mà tu hành, đạo Bồ-tát nghĩ rằng không có gì khác, cũng nên theo đó mà tu hành. Bát nhã Ba la mật khó hiểu nhập, nếu đang tu các hạnh đó thì phải xả bỏ Bát nhã Ba la mật." Đức Phật dạy:

–Bồ-tát ấy chưa đạt được sở nguyện, ngược lại tu theo hạnh của ma dạy. Vì chưa hiểu rõ chánh pháp nên Bồ-tát ấy trái lại tự dùng pháp ấy, khinh dễ các Bồ-tát khác, tự nghĩ: "Đâu ai có thể hơn ta!", khinh dễ các Bồ-tát tu hành ở bên thành thị. Bồ-tát tu hành bên thành thị tỏ rõ tâm thanh tịnh, nghĩ rằng: "Không vào trụ trong pháp A-la-hán, không vào trụ trong pháp Bích-chi-phật, không thọ nhận tâm ác, thiền vượt thoát tứ khí định (Tứ thiền), ở trong Tam-muội Đạt được sở nguyện đầy đủ.

Đức Phật dạy tiếp:

–Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo giả sử đi trong chỗ hoang vắng trăm ngàn do-tuần, chỗ cầm thú không đến, chỗ giặc cướp không đến, chỗ quỷ La-sát không đến và dừng trụ ở đó hoặc trăm năm hoặc trăm ngàn năm hoặc trăm ngàn vạn năm hoặc hơn nữa, mà chẳng hiểu pháp xa lìa này thì cũng vô ích. Bồ-tát ấy chẳng đầy đủ pháp xa lìa, tự nghĩ, tự dùng, tự cho là đắc, vì hoàn toàn chẳng tự biết là đánh mất pháp xa lìa, lại tự cho là trụ trong pháp xa lìa. Đó là chỉ nói lời lưỡng thiệt mà chẳng được xa lìa. Ta không thích tâm của Bồ-tát ấy như thế. Ta đã nói Đại Bồ-tát xa lìa thì chẳng như thế. Đó là không biết đầy đủ về pháp xa lìa, lúc đó ở trong xa lìa hoàn toàn chẳng được, như vậy là đánh mất pháp xa lìa.

Ma tệ ác bay đến đứng trong hư không, nói:

–Hay thay, thiện nam! Đó là pháp chân thật xa lìa do Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nói, cần phải tu theo hạnh xa lìa ấy thì mau chóng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác". Bồ-tát ấy nghe lời này mừng rỡ liền từ chỗ xa lìa đứng dậy đi đến chỗ của Bồ-tát tu hạnh

xa lìa ở bên thành thị, vị Bồ-tát này là người có đức, nhưng lại đến nói lời khinh dễ hoặc nói vị Bồ-tát này tu hành chẳng đúng. Đức Phật dạy:

–Cũng vậy, trong các nhân giả, có người rõ ràng đang tu hành theo pháp xa lìa của Đại Bồ-tát, mà ngược lại họ bị nói là chẳng đúng. Trong số các nhân giả cũng có người hành trái với pháp xa lìa của Đại Bồ-tát mà cho là đúng. Người chẳng đáng kính mà lại kính. Người đáng được kính, trở lại giận ghét. Họ nói với Bồ-tát ấy rằng: "Tôi hành xa lìa, có người bay đến nói với tôi: 'Hay thay, hay thay! Nếu quả thật là pháp xa lìa thì phải nên theo đó tu hành, vì thế nên tôi đến nói với ông.' Nay nếu ông tu hành theo tôi, tu như tôi thì không ai sánh bằng. Nếu như ông tu hành ở bên thành thị, thì đâu có ai đến nói hoặc đâu có ai đến bảo hoặc khen: 'Hay thay, hay thay!'." Đức Phật dạy:

–Bồ-tát ấy là người có đức, mà trái lại bị khinh dễ như thế.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát phải biết như vậy. Như hạng khiêng thây chết (Chiên-đà-la) không có trung thực, họ nói Bồ-tát ấy có khuyết điểm. Họ là oan gia của Bồ-tát. Họ là kẻ ghét Bồ-tát. Họ là kẻ giặc của thế gian. Giả sử họ có đắp y như Sa-môn cũng vẫn không khác kẻ giặc. Họ dù sống lẫn lộn trong hàng ngũ của Bồ-tát có đức, cũng vẫn là kẻ giặc. Này Tu-bồ-đề, không nên làm việc chung với hạng người này, cũng không nên nói chuyện với họ, cũng không nên cung kính coi trọng họ. Vì sao? Vì kẻ nhiều giận dữ làm hỏng lòng tốt của người chính là họ. Các ông cần phải biết!

Này Tu-bồ-đề, vì sao Đại Bồ-tát chẳng xả trí Nhất thiết trí, chẳng bỏ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Sở dĩ Đại Bồ-tát chẳng xả trí Nhất thiết trí, chẳng bỏ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là vì mục đích cứu hộ hữu tình. Hạng phá hoại Đại Bồ-tát ấy, thì chẳng nên làm việc chung, chẳng nên cung kính, chẳng nên hội họp với họ, mà Đại Bồ-tát cần phải giữ gìn chánh pháp, phải tự kiên trì, thường phải gấp rút hộ trì, giữ tâm thanh tịnh, tâm có thói xấu thường phải dè chừng, thường phải giữ tâm chân chánh, thường phải biết sợ, không được vào ba cõi là chỗ mà đám phá hoại Bồ-tát đang ở tại đó. Đại Bồ-tát thường phải đem lòng từ hướng đến họ, thường phải xót thương nghĩ cách làm cho họ an ổn, thường tự giữ tâm niệm của mình khiến cho không sinh tâm niệm ác, nghĩ: "Nhất thiết khiến tâm ta không có tỳ vết. Nếu như ta có tâm bất thiện thì phải liền buông bỏ."

Này Tu-bồ-đề, ông cần phải biết Đại Bồ-tát có hạnh tu cao cả như thế!

QUYỂN 8
Phẩm 20: THÍCH ĐỀ-HOÀN NHÂN

Thích Đề-hoàn Nhân ở trong đại chúng bạch Phật:

–Bát nhã Ba la mật rất thâm diệu, khó rõ khó biết. Người nghe chút ít, người biên chép, người thọ trì, người tu học Bát-nhã ba-lamật thâm diệu ấy, họ được công đức có nhiều chăng?

Phật nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Thế nào, này Câu-dực! Nếu dân chúng ở Diêm-phùlợi đều tu trì đầy đủ cả mười giới (thập thiện), công đức của họ có nhiều chăng? Đem công đức đó nhân lên trăm lần, ngàn lần, vạn lần,

ức vạn lần, nhiều ức vạn lần cũng chẳng bằng thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã Ba la mật này rồi biên chép, thọ trì, tu học.

Bấy giờ trong đại chúng, có một thầy Tỳ-kheo khác hỏi Thích Đề-hoàn Nhân:

–Công đức của thiện nam, thiện nữ này có hơn Câu-dực chăng? Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

–Người đó chỉ trong khoảnh khắc phát tâm thôi, công đức cũng còn hơn tôi, huống chi người đó nghe Bát-nhã ba-lamật rồi biên chép, thọ trì, tu học. Người nghe Bát-nhã ba-lamật rồi, theo pháp ấy, theo lời dạy ấy mà an trụ thì đều vượt lên trên chư Thiên, A-tu-luân, dân chúng ở thế gian. Họ là bậc cực kỳ tôn quý trong hàng chư Thiên, A-tu-luân, dân chúng ở thế gian. Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật chẳng những vượt lên trên chư Thiên, Atu-luân, dân chúng ở thế gian mà còn vượt lên trên cả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật. Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-lamật chẳng những vượt lên trên A-la-hán, Bíchchi-phật mà còn vượt lên trên hàng Bồ-tát hành Bố thí ba-la-mật mà không

có Bát nhã Ba la mật, không có phương tiện thiện xảo. Chẳng những vượt lên trên Bồ-tát tu Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục bala-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật nhưng mất Bát nhã Ba la mật, mất phương tiện thiện xảo.

Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, nếu như Đại Bồ-tát hành thuần thục Bát nhã Ba la mật thì công đức của tất cả chư Thiên, A-tu-luân, nhân dân ở thế gian họp lại cũng không thể hơn công đức của Đại Bồ-tát ấy. Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-lamật, nếu như trong đó quen kiên trì Bát nhã Ba la mật thì Đại Bồ-tát ấy chóng gần trí Nhất thiết trí. Đại Bồ-tát ấy cách danh hiệu Như Lai chẳng xa. Đại Bồ-tát ấy giữ gìn như thế thì cách chỗ ngồi của Phật chẳng xa. Đại Bồ-tát ấy không còn sinh tâm biếng trễ. Đại Bồ-tát học như thế chính là học Phật, chẳng học pháp A-lahán, chẳng học pháp Bích-chiphật. Đại Bồ-tát học như thế thì Tứ Thiên vương sẽ qua thăm viếng và nói:

–Hãy mau học pháp ấy thì bốn chúng đệ tử sẽ được độ, sẽ ngồi ở trên tòa Phật, thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đại Bồ-tát học như thế thường được Tứ Thiên vương đến thăm viếng huống chi các vị Thiên tử khác. Đại Bồ-tát ấy được Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hộ niệm. Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật thì phải hành như thế. Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-lamật dù ở thế gian gặp lúc bệnh tật khổ đau, nhưng chính bản thân Đại Bồ-tát không hề oán than. Đó là Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật.

A-nan thầm nghĩ: “Ông Thích Đề-hoàn Nhân tự dùng trí của mình nói nay là nhờ oai thần của Phật mà nói.”

Thích Đề-hoàn Nhân biết tâm niệm của A-nan, nên nói với Anan:

–Tôi nhờ oai thần của Phật mà nói.

Đức Phật dạy:

–Đúng thế, này A-nan! Thích Đề-hoàn Nhân nói pháp là nhờ oai thần của Phật đấy!

Này A-nan! Ngay trong lúc đó hoặc Đại Bồ-tát quán niệm sâu sắc Bát nhã Ba la mật, hành hạnh Bát nhã Ba la mật, học Bát nhã Ba la mật. Bấy giờ đám ma tệ ác trong tam thiên đại thiên thế giới trong lòng chúng đều buồn thảm muốn cùng nhau đến khuấy phá Đại Bồ-tát ấy. Chúng

bàn bạc với nhau: “Phải làm gì để cho Bồ-tát ấy ở giữa chừng chấp chặt nơi việc chứng quả vị A-la-hán, Bích-chiphật, đừng để cho Bồ-tát ấy thành Phật.”

QUYỂN 8
Phẩm 21: KIÊU NGẠO

Đức Phật bảo A-nan:

–Bồ-tát tùy thời học Bát nhã Ba la mật, tùy pháp muốn thực hành Bát nhã Ba la mật. Lúc ấy đám ma tệ ác trong một cõi nước Phật đều kinh hãi, tự nghĩ: “Muốn khiến cho Bồ-tát đời giữa chừng đắc quả A-la-hán, đừng chóng đắc Vô thượng

Chánh đẳng Chánh giác, đừng chóng thành Phật.”

Lại nữa, này A-nan! Đám ma tệ ác sầu thảm lo âu khi thấy Bồ-tát tu thực hành Bát nhã Ba la mật. Bấy giờ đám ma tệ ác phóng hỏa bốn phía để nhằm uy hiếp vị Bồ-tát ấy. Nếu Bồ-tát kinh sợ, lông tóc dựng đứng thì tâm thoái lui, càng thêm loạn niệm.

Đức Phật dạy A-nan:

–Ma chẳng phải làm não loạn mọi Bồ-tát, mà có Bồ-tát bị não loạn, có Bồ-tát không bị não loạn. A-nan bạch Phật:

–Bồ-tát nào bị ma não loạn?

Đức Phật bảo A-nan:

–Nếu Bồ-tát nghe Bát nhã Ba la mật thâm diệu mà chẳng thích thì bị ma đến làm não loạn. Lại nữa, này A-nan! Nếu Bồ-tát nghe Bát nhã Ba la mật thâm diệu mà tâm hồ nghi tự nghĩ không biết là có hay không có Bát nhã Ba la mật, như vậy thì ma có cơ hội làm não loạn Bồ-tát ấy.

Lại nữa, này A-nan! Nếu Bồ-tát xa lìa thầy lành chính là Bồ-tát không muốn nghe pháp Bát nhã Ba la mật, cũng chẳng hiểu, cũng chẳng biết, thì do đâu mà giữ gìn Bát-nhã ba-lamật, vì thế ma có cơ hội làm não loạn Bồ-tát ấy.

Lại nữa, này A-nan! Nếu Bồ-tát theo làm việc cho thầy ác, do đó đám ma tệ ác có dịp não loạn Bồ-tát ấy. Bồ-tát còn nói:

–Vị này chính là thầy lành, sẽ giúp tôi thành tựu sở nguyện, các vị Bồ-tát khác chẳng phải là người thân thiện với tôi. Vì cớ ấy đám ma tệ ác có dịp não loạn Bồ-tát ấy.

Lại nữa, này A-nan! Khi nghe Bát nhã Ba la mật thâm diệu, Bồ-tát dạy Bồ-tát khác: “Dùng pháp này học tập, dùng pháp này biên chép, tôi còn không rõ việc đó, ông có rõ được chăng?” Nếu Bồ-tát này nói lời khinh dễ Bồ-tát khác: “Tôi tu hành đúng, còn ông tu hành sai”, thì lúc ấy đám ma tệ ác vui mừng hớn hở. Ma bèn thay hình đổi dạng đến khen Bồ-tát: “Ông sẽ sinh vào nước nào đó, dòng họ nào đó.” Bồ-tát ấy nghe lời đó rồi thì bèn khinh dễ Bồ-tát khác đã thành tựu hạnh chẳng kiêu mạn. Bồ-tát kiêu ngạo ấy thì công đức ít ỏi, không có tướng trạng không thoái chuyển. Bồ-tát ấy ở trong không thoái chuyển công đức ít, tự kiêu ngạo khinh các Bồ-tát khác: “Ông tu hành chẳng bằng ta.” Vì thế ma tệ ác rất mừng rỡ nói:

–Hiện nay, người bị đọa vào địa ngục, cầm thú, ngạ quỷ chẳng ít.” Ma tệ ác dùng thần lực trợ giúp khiến cho Bồ-tát ấy nói điều gì cũng được nhiều người dùng. Người nào nghe qua cũng đều tuân theo, nhưng những người học theo lời dạy đó thì càng thêm giận hờn, tâm sinh điên đảo, vì

thế việc làm của ba nghiệp thân, khẩu, ý trái ngược nhau. Do đó, người ấy càng thêm tội ở chốn địa ngục, cầm thú, ngạ quỷ. Vì vậy, ma tệ ác rất vui mừng hớn hở vô cùng.

Nếu người cầu đạo Bồ-tát tranh cãi với người cầu đạo Alahán, lúc ấy, ma tệ ác thầm nghĩ: "Bồ-tát lìa trí Nhất thiết trí, dù xa lìa mà xa cũng chẳng phải là rất xa." Bồ-tát lại cùng với Bồ-tát tranh cãi, lúc ấy ma tệ ác thầm nghĩ: "Cả hai Bồ-tát ấy lìa Phật rất xa."

Đức Phật bảo A-nan:

–Bồ-tát chưa đắc quả vị không thoái chuyển tranh cãi với Bồ-tát không thoái chuyển, mắng chửi Bồ-tát không thoái chuyển. Bồ-tát ấy mắng chửi rồi theo điều tâm đã nghĩ mà càng thêm giận hờn, tùy theo mỗi niệm là một kiếp. Bồ-tát tuy có niệm ác nhưng chẳng xả bỏ trí Nhất thiết trí thì qua vô số kiếp tận đời vị lai mới phát tâm lại.

A-nan bạch Phật:

–Tâm khởi niệm ác có thể ở trong đó sám hối được chăng? Hay phải trải qua số kiếp như thế?

Đức Phật dạy A-nan:

–Ở trong pháp của ta, tội cực kỳ lớn lao cũng được sám hối.

Đức Phật dạy tiếp:

–Nếu Bồ-tát niệm ác, có giận hờn, tự thích thú còn khoe với người khác nữa, thì Bồ-tát ấy không còn khiến cho sám hối được.

Nếu có Bồ-tát đã chửi mắng, giận hờn nhưng tự nghĩ: "Ôi điều ta đã làm là không tốt, sau này ta không dám làm như vậy nữa." Rồi tự trách một cách nghiêm khắc rằng: "Sinh được làm người là khó, vì thế ta phải nhường nhịn người huống chi lại đi tranh cãi với người. Ta phải làm cây cầu cho mọi người khắp mười phương dẫm đạp lên ta mà đi qua. Ta đã có ý này thì đâu còn lòng dạ nào tranh cãi với người. Đứng yên như con dê điếc, các điều hung ác ập đến, ta đều nhẫn nhịn, tâm không phạm các điều ác. Lúc ta thành Phật sẽ đưa mọi người ở khắp mười phương an trụ nơi Bát-nê-hoàn. Ta không còn tranh cãi, giận hờn với người khác, do vì họ dùng đạo A-lahán." A-nan bạch Phật:

–Phép tắc của Bồ-tát ở chung với Bồ-tát là như thế nào?

Đức Phật bảo A-nan:

–Bồ-tát với Bồ-tát phải coi nhau như Phật, tâm nghĩ: "Chúng ta cùng chung một thầy, chung một thuyền, chung một đường. Pháp Bồ-tát ấy học, ta cũng phải học. Như vậy, nếu có các Bồ-tát khác muốn thích học đạo A-la-hán, Bích-chi-phật hoặc cùng họ làm việc. Nếu có người như thế thì ta không nên làm việc với họ. Còn như nếu có người đời muốn cầu Phật đạo thì ta phải theo họ học, nghĩa là cùng học chung một pháp.

QUYỂN 8
Phẩm 22: HỌC

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bồ-tát học vô thường là học trí Nhất thiết trí chăng? Học vô sở sinh là học trí Nhất thiết trí chăng? Học lìa bỏ dâm là học trí Nhất thiết trí chăng?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Như lời ông hỏi: "Người học vô thường là học trí Nhất thiết trí?" Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, Như Lai bổn vô tùy nhân duyên chứng đắc Như Lai, danh tự "bổn vô" có lúc tận chăng?

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Không có lúc tận.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Học như thế là học Bát nhã Ba la mật, học như thế là học Như Lai địa, là học mười Lực, là học bốn Vô sở úy, là học các pháp của Phật. Bồ-tát học như thế là hành hết các pháp. Đại Bồ-tát học như thế thì ma và bè đảng của ma không thể ở giữa chừng phá hoại được. Bồ-tát học như thế thì chóng được không thoái chuyển. Bồ-tát học như thế thì mau gần thành Phật. Bồ-tát học như thế là học hết Phật đạo. Bồ-tát học như thế là học tập pháp. Bồ-tát học như thế là Từ bi rất lớn. Bồ-tát học như thế là học tâm bình đẳng. Bồ-tát học như thế là chuyển ba hợp mười hai pháp luân. Bồ-tát học như thế là học diệt độ mọi người ở khắp mười phương. Bồ-tát học như vậy là học pháp môn cam lộ.

Đức Phật nói tiếp:

–Người không lười biếng mới có thể học được như thế. Học như thế là học ở trong loài người khắp cả mười phương. Bồ-tát học như thế thì không bị đọa vào các chỗ địa ngục, cầm thú, ngạ quỷ. Bồ-tát học như thế nhất định chẳng sinh nơi biên địa. Học như thế chẳng còn sinh vào trong hạng ngu si bần cùng. Học như thế thì không còn bị đui điếc câm ngọng. Học như thế là chẳng phá hủy mười giới (thập thiện). Học như thế là chẳng theo bói toán giải trừ vận hạn. Học như thế là xa lìa người chẳng trì giới. Bồ-tát học như thế thì chẳng nguyện sinh lên cõi trời Trường thọ. Vì sao? Vì Bồ-tát có phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật. Thế nào là phương tiện thiện xảo? Từ trong Bát nhã Ba la mật sinh ra phương tiện thiện xảo, dùng oai thần của phương tiện thiện xảo nhập thiền mà chẳng tùy theo pháp thiền. Bồ-tát học như thế thì được sức thanh tịnh, được sức vô sở úy, được sức thanh tịnh của Phật pháp.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Các pháp của Phật vốn đều thanh tịnh. Thế nào là Bồ-tát được pháp thanh tịnh?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát học như thế là học pháp thanh tịnh vô sở đắc. Các pháp thanh tịnh, đúng thế, này Tu-bồ-đề! Lúc Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật mà chẳng hối tiếc chẳng chán nản thì chính là thực hành Bát nhã Ba la mật. Người chưa đắc đạo ngu si chẳng hiểu pháp ấy, chẳng thấy việc ấy. Bồ-tát vì mọi người nên thường tinh tấn. "Mọi người thấy ta cũng sẽ bắt chước ta mà tinh tấn." Vì thế Bồ-tát được sức tinh tấn vô sở úy. Bồ-tát học như thế thì biết hết tâm niệm của mọi người trong thiên hạ ở khắp mười phương, không có ai có thể hơn được.

Ví như trên quả đất này ít có chỗ khai thác được vàng bạc. Cũng vậy, này Tu-bồ-đề! Ít có người tu học theo lời dạy của pháp Bát nhã Ba la mật.

Ví như ít có người tìm được xứ sở của Chuyển luân vương mà phần nhiều tìm thấy xứ sở của tiểu quốc vương. Cũng vậy, này Tubồ-đề! Ít có người tu học theo lời dạy của pháp Bát nhã Ba la mật, mà phần nhiều họ tìm cầu quả vị A-la-hán, Bích-chi-phật. Có Bồ-tát mới phát tâm nhưng ít có người tu học theo lời dạy của Bát-nhã bala-mật. Đã có Bồ-tát tu học Bát nhã Ba la mật nhưng

ít có người được không thoái chuyển. Bồ-tát phải nghĩ như vầy: "Ta phải nỗ lực tu học để đạt đến không thoái chuyển."

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-lamật chẳng giận hờn người khác, chẳng tìm điều dỡ của người, tâm không bỏn sẻn, tham lam, tâm không phá giới, tâm không hờn giận, tâm không biếng nhác, tâm không mê loạn, tâm không ngu si. Lúc Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật thì các Ba-la-mật khác đều nằm ở trong đó. Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật là soi sáng các Ba-la-mật vì đều nhập vào các Ba-lamật. Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật là đầy đủ các Ba-la-mật khác. Ví như có người nói sáu mươi hai kiến chấp bên ngoài đều thuộc thân kiến (ngã sở). Cũng vậy, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật thì bao gồm hết các Ba-la-mật khác. Này Tubồ-đề, ví như lúc người chết mạng tận, các căn đều hoại diệt. Cũng vậy, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát học Bát-nhã ba-lamật thì gồm hết các Ba-la-mật khác. Bồ-tát muốn học hết các Ba-la-mật thì cần phải học Bát nhã Ba la mật. Bồ-tát muốn học Bát nhã Ba la mật là học vô cực. Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, số người ở trong một cõi nước Phật có nhiều không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Rất nhiều!

Đức Phật dạy:

–Nếu có Bồ-tát suốt đời cúng dường tất cả mọi người như thế trong một cõi Phật thì phước của Bồ-tát ấy có nhiều chăng?

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Rất nhiều!

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Phước đức ấy chẳng bằng phước đức của Bồ-tát thọ trì Bát nhã Ba la mật trong khoảnh khắc búng ngón tay. Đức Phật dạy tiếp:

–Bát nhã Ba la mật cực kỳ tôn quý, nhờ pháp này mà chóng được thành Phật. Này Tu-bồ-đề! Như vậy Bồ-tát muốn đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm Đấng tôn quý bậc nhất trong mọi người ở khắp mười phương, cấp thí cho mọi người nghèo nàn ở khắp mười phương. Bồ-tát muốn cầu cảnh giới Phật, ưa thích muốn được trí tuệ Phật, muốn thuyết pháp được như sư tử rống, muốn được đến chỗ Phật. Bồ-tát muốn được tất cả các điều kể trên thì phải học Bát-nhã bala-mật. Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật là học tất cả các pháp khác.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bồ-tát có còn phải học pháp A-la-hán nữa không? Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Tuy biết pháp A-la-hán, nhưng Bồ-tát không thích, không học. Công đức do A-la-hán tạo tác, thì đâu cần phải đắc! Bồ-tát tuy biết hết các việc tu hành của A-la-hán nhưng không học, không hành, không trụ trong pháp ấy. Bồ-tát học như thế thì mọi người trong thiên hạ không ai hơn được, vượt lên trên cả A-la-hán, Bíchchi-phật. Bồ-tát học như thế là gần với trí Nhất thiết trí. Bồ-tát học như thế là chẳng lìa Bát nhã Ba la mật, là thực hành Bát-nhã ba-lamật. Bồ-tát học như thế là ở trong pháp trí Nhất thiết trí chẳng thêm chẳng giảm, lìa đạo A-la-hán, Bích-chi-phật. Bồ-tát nếu lại nghĩ rằng: "Thọ trì Bát-nhã ba-lamật này sẽ đắc trí Nhất thiết trí". Có một chút xíu tư tưởng ấy thì tức là chẳng thực hành Bát-nhã bala-mật. Thực hành Bát nhã Ba la mật cũng chẳng

nghĩ tưởng đến Bát-nhã ba-lamật. Bồ-tát phải duy trì được trí Nhất thiết trí, cũng không niệm, cũng không thấy, cũng không có sở tưởng. Đó là thực hành Bát nhã Ba la mật.

QUYỂN 8
Phẩm 23: GIỮ GÌN VÀ HÀNH TRÌ

Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân đang ngồi trong pháp hội, thầm nghĩ: "Bồ-tát đang thực hành Bát nhã Ba la mật mà người trong thiên hạ ở khắp mười phương không ai hơn được huống chi là tự tiến đến quả Phật! Được sinh vào trong loài người ở trong mười phương là khó, đã được sống lâu an ổn mà có một người phát tâm tu hành Phật đạo là khó, hà huống chí tâm tu hành Phật đạo! Người làm kẻ đứng đầu dẫn dắt mọi người trong thiên hạ ở khắp mười phương, khó có được người như thế."

Lúc ấy Thích Đề-hoàn Nhân biến hóa ra hoa Văn-đà-la rải lên trên Đức Phật. Rải hoa xong nói:

–Người hành đạo Bồ-tát là người hướng đến Phật đạo thì sở nguyện chắc chắn thành tựu. Tôi sẽ ở bên cạnh ủng hộ người tu hạnh này vì họ chắc chắn thành Phật. Các pháp nói trong kinh như pháp trí Nhất thiết trí, pháp Như Lai thảy đều đầy đủ, pháp không thoái chuyển cũng vậy.

Thích Đề-hoàn Nhân nói:

–Người có lòng chí thành cầu Phật đạo, một khi nghĩ nhớ đến pháp Bát nhã Ba la mật này thì không bao giờ xa lìa Phật đạo.

Thích Đề-hoàn Nhân nói tiếp:

–Tôi muốn cho người trong pháp này càng nghĩ nhớ chẳng chán nỗi khổ sinh tử. Tất cả thế gian đều khổ, họ vì mọi người cho nên phải tu các hạnh khổ khó làm, tâm nghĩ: "Những người chưa độ, ta cần phải độ họ, những người chưa giải thoát, ta cần phải giải thoát cho họ. Những người sợ hãi, ta cần phải làm cho họ an ổn. Những người chưa Bát-nê-hoàn, phải làm cho họ đều Bát-nê-hoàn." Thích Đề-hoàn Nhân hỏi Phật:

–Người tùy hỷ công đức Bồ-tát mới phát tâm thì được bao nhiêu phước? Người tùy hỷ công đức đang theo các giai vị tiến lên thì được bao nhiêu phước? Người tùy hỷ công đức Bồ-tát không thoái chuyển cho đến Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ thì được bao nhiêu phước?

Đức Phật nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Cân núi Tu-di còn có thể biết được trọng lượng, còn phước của người tùy hỷ công đức Bồ-tát mới phát tâm thì không thể cân lường.

Một cõi nước Phật (tam thiên đại thiên thế giới) còn có thể cân lường, còn phước của người tùy hỷ công đức Bồ-tát đang theo các giai vị tiến lên thì không có hạn lượng.

Lấy một phần trăm sợi tóc nhúng cho cạn hết biển cả trong một cõi nước Phật, còn có thể đếm được số giọt nước trên đầu sợi tóc ấy, còn phước của người tùy hỷ công đức Bồ-tát không thoái chuyển thì không thể đếm được.

Lấy một hộc, nửa hộc, một đấu, nửa đấu, một thăng, nửa thăng đem đong lường hư không của vô số cõi nước Phật còn có thể đong biết hư không là bao nhiêu, còn phước của người tùy hỷ công đức Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ thì không cùng tận.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Người bị ma làm mê loạn nghe pháp này thì không tùy hỷ. Người thuộc bè đảng ma nghe pháp này thì không tùy hỷ. Người từ cung ma trên trời xuống đây nghe pháp này thì không tùy hỷ. Vì sao? Vì người này dù có phát tâm cầu Phật đạo, nhưng trong lòng vẫn còn mang cảnh giới của ma. Cho nên phải tùy hỷ công đức đối với người phát tâm cầu Phật đạo, dù người ấy trong lòng còn mang cảnh giới ma, phải tùy hỷ công đức đối với người mà tâm chẳng lìa Phật, chẳng lìa Kinh, chẳng lìa Tỳ-kheo Tăng.

Đức Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Đúng như lời Thích Đề-hoàn Nhân đã nói, người tùy hỷ công đức thì gần với Phật. Nhờ công đức tùy hỷ ấy mà đời đời sinh ra chỗ nào cũng được mọi người muốn cúng dường không khi nào nghe lời nói xấu, chẳng sợ bị đọa vào đường ác, thường sinh lên trời, thường được mọi người tôn trọng. Vì sao? Vì người này tùy hỷ công đức Bồ-tát, vì người này hay ủng hộ mọi người. Vì sao? Vì Bồ-tát mới phát tâm tiến tu dần dần đến quả vị Phật, thành Phật rồi sẽ độ thoát mọi người trong thiên hạ ở khắp mười phương.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Tâm như huyễn thì do đâu mà được thành Phật?

Đức Phật hỏi Tu-bồ-đề:

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, ông có thấy huyễn chăng?

Tu-bồ-đề đáp:

–Con chẳng thấy?

Đức Phật hỏi:

–Huyễn hóa cũng chẳng thấy. Tâm huyễn lìa, huyễn hóa lìa. Tâm huyễn tuy lìa, nhưng thấy pháp khác thì sẽ đắc Phật đạo chăng? Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Không!

Phật dạy:

–Thấy cũng chẳng lìa huyễn hóa. Lìa tâm huyễn cũng chẳng thấy sẽ đắc Phật đạo, cũng không có pháp, cũng không có thấy thì sẽ nói pháp này là đắc hay không đắc? Pháp ấy vốn không có xa lìa, cũng vốn không có đắc hay không đắc, vốn không sinh, cũng không có người thành Phật. Giả sử không có pháp thì cũng không được thành Phật. Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Giả sử như thế, Bát nhã Ba la mật lìa gốc (rốt ráo lìa, hoàn toàn lìa) thì không có pháp đối đãi. Lìa gốc thì không có đối đãi, không có chứng đắc, cũng không có giữ gìn, cũng không có tu hành, cũng không có pháp sẽ được chứng đắc. Vì sao? Vì lìa Bát nhã Ba la mật vốn không có hình tướng, vốn không xa lìa thì tại sao phải ở trong Bát nhã Ba la mật mà đắc Phật đạo? Phật thì lìa gốc, không có sở hữu. Đã không có sở hữu thì làm sao mà được thành Phật.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Như lời Tôn giả nói vừa rồi, lìa gốc thì không có Bátnhã bala-mật, lìa gốc thì không có trí Nhất thiết trí. Đức Phật nói tiếp:

–Tuy biết lìa gốc thì Bát nhã Ba la mật vốn cũng không từ đâu sinh ra. Tôn giả phải suy nghĩ như vầy: “Thâm nhập, giữ gìn pháp ấy thì lìa gốc, không có sở hữu, nên được thành Phật.” Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Tuy biết lìa gốc thì không có Bát nhã Ba la mật, đó là chẳng giữ gìn Bát nhã Ba la mật, nhưng người chẳng hành đầy đủ Bát nhã Ba la mật thì chẳng được thành Phật. Đức Phật dạy:

–Như lời Tu-bồ-đề đã nói, vì chẳng chấp nơi việc chứng đắc Bát nhã Ba la mật nên được thành Phật, cũng chẳng do lìa hay không lìa Bát nhã Ba la mật mà được thành Phật, cũng chẳng thể lìa Bát nhã Ba la mật mà được thành Phật. Người chẳng đắc Bát nhã Ba la mật thì chẳng được thành Phật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật thâm diệu thật là hy hữu.

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Ông đã nói: "Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật thâm diệu thật là hy hữu." Còn Bồ-tát thì nói: "Siêng tu hạnh khổ khó làm, siêng tu pháp thâm diệu nhưng chẳng phải vì muốn chứng Nêhoàn."

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nói như thế, Bồ-tát chẳng cho là mình siêng tu hạnh khổ khó làm. Vì sao? Vì không có người chứng, cũng không có Bát nhã Ba la mật được chứng, cũng không có kinh pháp được chứng. Bồ-tát nào nghe nói như thế mà không lo, không sợ, không chán, không ghét thì đó là Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật. Tuy hành như thế mà chẳng thấy hành, đó là thực hành Bát-nhã ba-lamật. Tuy gần Phật mà cũng chẳng thấy, đó thực hành Bát-nhã ba-lamật. Tuy xa lìa Ala-hán, Bích-chi-phật mà cũng chẳng thấy, cũng chẳng nghĩ, đó là thực hành Bát nhã Ba la mật.

Ví như hư không chẳng nghĩ là hoặc có gần, hoặc có xa. Vì sao? Vì hư không vốn không có hình tướng. Thực hành Bát-nhã bala-mật không có cách Phật gần. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật không có hình tướng.

Ví như nhà ảo thuật làm ra hóa nhân. Người được biến hóa ra ấy chẳng nghĩ là nhà ảo thuật cách ta gần hay cách ta xa. Vì sao? Vì người được biến hóa ra ấy không có hình tướng. Cũng vậy, Bát nhã Ba la mật chẳng nghĩ các quả vị A-la-hán, Bích-chi-phật cách ta xa, Phật đạo cách ta gần. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật không có hình tướng.

Ví như bóng hiện trong nước chẳng nghĩ do đâu mà bóng hiện trong nước. Nếu người ở gần cũng chẳng nghĩ là gần, nếu người ở xa cũng chẳng nghĩ là xa. Vì sao? Vì bóng không có hình tướng. Cũng vậy, Bát nhã Ba la mật cũng không nghĩ là quả vị A-la-hán, Bíchchi-phật là xa, Phật đạo là gần. Vì sao?

Vì Bát nhã Ba la mật không có hình tướng. Bát nhã Ba la mật vừa không yêu, vừa không ghét. Đức tánh của Như Lai không nơi chấp trước, không chỗ xuất sinh. Bát nhã Ba la mật cũng vậy, cũng không sở sinh, vô sở trước.

Ví như Đức Như Lai biến hóa ra người. Người được biến hóa ra ấy chẳng nghĩ rằng các quả vị A-la-hán, Bích-chi-phật cách ta xa, cũng chẳng nói Phật đạo cách ta gần. Vì sao? Vì người được biến hóa ra ấy không có hình tướng. Bát nhã Ba la mật cũng chẳng nghĩ quả vị A-la-hán, Bích-chi-phật cách ta xa, cũng chẳng nghĩ Phật đạo cách ta gần. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật không có hình tướng.

Ví như người thợ thông minh chế tạo ra người máy. Người máy chẳng thể tự hoạt động, mà do được điều khiển. Người máy không nghĩ rằng: "Ta phải cử động co duỗi, cúi ngước để cho người tham quan hoan nghênh". Vì sao? Vì người máy vốn không có ý nghĩ. Cũng vậy, Bát nhã Ba la mật tùy theo người tu hành mà mỗi người tự chứng đắc. Tuy vậy, nhưng Bát nhã Ba la mật cũng không có hình tướng, cũng không có niệm phân biệt.

Ví như thuyền to được đóng để đưa các khách buôn vượt biển, thuyền cũng không nghĩ: "Ta phải đưa khách qua biển". Vì sao? Vì thuyền vốn không có ý nghĩ. Cũng vậy, Bát-nhã ba-lamật tùy theo người tu hành mà mỗi người tự chứng đắc. Tuy vậy, nhưng Bát nhã Ba la mật cũng không có hình tướng, cũng không có niệm phân biệt.

Ví như đất đai đồng nội sinh ra vạn vật cây cỏ, trăm giống lúa, nhưng đất cũng không nghĩ: "Ta phải sinh hay không sinh." Bát nhã Ba la mật sinh ra các kinh pháp mà chẳng nghĩ: "Từ trong ta sinh ra hay không sinh ra". Vì sao? Vì Bát-nhã ba-lamật vốn không có hình tướng.

Ví như châu ma-ni sinh ra các châu báu khác, Bát-nhã balamật sinh ra các kinh pháp khác để truyền dạy. Tuy vậy, nhưng Bát nhã Ba la mật cũng không có niệm phân biệt.

Ví như mặt trời chiếu khắp bốn châu thiên hạ, nhưng ánh sáng của nó không nghĩ: "Ta phải chiếu khắp". Bát-nhã ba-lamật chiếu soi hết các kinh pháp. Tuy vậy, nhưng Bát-nhã ba-lamật cũng không có niệm phân biệt.

Ví như nước chảy không đâu không tới, nhưng nước không nghĩ: "Ta phải có chỗ chảy tới". Bát nhã Ba la mật đến với các kinh pháp. Tuy vậy, nhưng Bát nhã Ba la mật cũng không có niệm phân biệt.

Ví như gió không đâu không tới, nhưng gió cũng không nghĩ: "Ta phải có chỗ tới". Cũng vậy, Bát nhã Ba la mật thành tựu các kinh pháp. Tuy vậy, nhưng Bát nhã Ba la mật cũng không có niệm phân biệt.

Ví như đỉnh núi Tu-di dùng trời Đao-lợi làm trang sức, nhưng núi Tu-di cũng không nghĩ: "Trên đỉnh ta phải dùng trời Đaolợi để trang sức". Bát nhã Ba la mật thành tựu trí Nhất thiết trí. Tuy vậy, nhưng Bát nhã Ba la mật cũng không có niệm phân biệt.

Ví như biển cả sinh ra hầu hết các báu vật trân kỳ, nhưng biển cả chẳng nghĩ: "Ta phải sinh ra các thứ trân bảo". Cũng vậy, Bát nhã Ba la mật sinh ra tất cả các kinh pháp. Tuy vậy, nhưng Bát nhã Ba la mật cũng không có niệm phân biệt.

Ví như Đức Phật sinh ra các công đức, đem tâm bình đẳng che chở mọi người khắp cả mười phương. Cũng vậy, Bát nhã Ba la mật thành tựu đối với các kinh pháp.

QUYỂN 8
Phẩm 24: CƯỜNG NHƯỢC

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật là cao hạnh chăng?

Tu-bồ-đề đáp:

–Tôi được nghe Đức Phật nói Đại Bồ-tát thực hành Bátnhã bala-mật là chẳng phải cao hạnh.

Ngần ấy trăm ngàn chư Thiên cõi Dục suy nghĩ: "Chúng ta phải đảnh lễ các vị phát tâm tu hành đạo Bồ-tát ở khắp mười phương. Vì sao? Vì các vị Bồ-tát ấy thực hành Bát-nhã bala-mật chẳng giữa chừng Bát-nê-hoàn. Các vị Bồ-tát ấy tu hạnh khổ khó làm, chẳng ở trong pháp này giữa chừng rơi vào sự chấp chặt việc chứng đắc." Tu-bồ-đề nói với chư Thiên:

–Tuy chẳng giữa chừng rơi vào sự chấp chặt việc chứng đắc và chẳng cho đó là hạnh khổ khó làm, nhưng Bồ-tát vẫn siêng năng vì vô số không thể kể xiết người mà mặc áo giáp đại công đức độ họ được Bát-nê-hoàn mới là hạnh khổ khó làm. Người được độ thì vốn không, vốn không thì chẳng thật có. Bồ-tát ấy nghĩ rằng: "Vì muốn độ người, độ mọi người, vì muốn độ không." Vì sao? Vì không cũng không có xa, cũng không có gần, cũng không thật có. Vì thế nên Bồ-tát siêng tu hạnh khổ khó làm. Bồ-tát tìm người vốn không có, muốn độ người là độ hư không, mặc áo giáp đại công đức là vì người. Bồ-tát mặc áo giáp đại công đức muốn qua độ người, thế nên Bồ-tát vì mọi người mà mặc áo giáp đại công đức. Như lời Phật dạy, người không có gốc, biết rõ người không thật có, đó là độ người. Bồ-tát nào nghe lời nói này mà không kinh, không sợ thì đó là Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật. Lìa người vì vốn không có người; lìa sắc vì vốn không có sắc; lìa thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức vì vốn không có thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức; lìa các kinh pháp vì vốn không có các kinh pháp. Bồ-tát nào nghe lời nói này mà không sợ hãi, không biếng nhác thì đó là Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật.

Đức Phật hỏi Tu-bồ-đề:

–Vì sao Bồ-tát không sợ hãi, không biếng nhác?

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Vì vốn không nên không sợ hãi, vì vốn tịnh nên không biếng nhác. Vì sao? Vì tìm sự biếng nhác vốn không có, nguyên nhân biếng nhác cũng không có. Bồ-tát nào nghe lời nói này mà không sợ hãi, không biếng nhác thì đó là Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật. Lúc Bồ-tát hành pháp ấy thì được chư Thiên kính lễ, các Phạm thiên đều kính lễ.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Chẳng những chư Thiên, các Phạm thiên kính lễ Bồ-tát ấy mà cả đến chư Thiên các cõi trời Cực quang tịnh, Biến tịnh, Quảng quả thậm chí chư Thiên cõi trời Sắc cứu cánh cũng đều kính lễ vị Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật. Vô số không thể kể xiết chư Phật hiện tại ở khắp mười phương đều hộ niệm Bồ-tát thực hành Bát-nhã bala-mật, biết là Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật chẳng thoái chuyển. Giả sử mọi người trong số cõi nước Phật nhiều như số cát sông Hằng thảy đều là ma, mỗi ma đều biến hóa ra số người nhiều như số cát sông Hằng làm bè đảng. Giả sử số ma ấy và số bè đảng của chúng muốn cùng nhau hại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật thì chúng cũng chẳng thể hại Bồ-tát ở giữa chừng, cũng chẳng thể khuấy nhiễu ở giữa chừng.

Bồ-tát có hai pháp thì thực hành Bát nhã Ba la mật ở giữa chừng đám ma đó không thể khuấy nhiễu. Hai pháp ấy là gì? Một là thấy các kinh pháp đều không, hai là chẳng bỏ mọi người ở khắp mười phương, trái lại còn ủng hộ họ. Đó là hai pháp.

Bồ-tát có hai pháp khiến ma chẳng thể làm động. Hai pháp ấy là gì? Một là chẳng quên mất bản nguyện, hai là được chư Phật ở khắp mười phương hộ niệm. Đó là hai pháp.

Lúc Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, chư Thiên đến chỗ Bồ-tát thưa hỏi về kinh pháp sâu xa. Chư Thiên ngợi khen Bồ-tát: "Hôm nay Bồ-tát tu theo giáo pháp này thì chẳng bao lâu sẽ

thành Phật. Người tu theo giáo pháp này thì cứu hộ được những kẻ khốn khổ cần được cứu hộ, làm chỗ nương tựa cho kẻ chưa có chỗ nương tựa. Bồ-tát vì mọi người mà làm ngôi nhà chánh pháp, làm cho kẻ không có mắt thì có được mắt sáng. Bồ-tát theo Bát nhã Ba la mật tu hành theo pháp này thì được vô số không thể kể xiết chư Phật hiện tại ở khắp mười phương ủng hộ. Bồ-tát thực hành Bát-nhã balamật thì được các Đức Phật nói công đức của họ cho bốn bộ chúng đệ tử trong cõi nước của mình nghe." Các Đức Phật đều ngợi khen Bồ-tát ấy.

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Ví như hôm nay ta khen ngợi Đức Phật La-lân-na Trượng-na. Đức Phật còn nói:

–Các Bồ-tát hôm nay đang thực hành Bát nhã Ba la mật trong cõi nước ta, các Đức Phật ở khắp mười phương hôm nay cũng đang ngợi khen Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, cũng giống như thế.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Chư Phật đều ngợi khen các Bồ-tát như thế chăng?

Phật dạy:

–Chư Phật ngợi khen chẳng hết lời!

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Có người hành đạo Bồ-tát chưa được không thoái chuyển, chư Phật cũng còn ngợi khen.

Tu-bồ-đề hỏi Phật:

–Những ai là người hành đạo Bồ-tát được Phật khen ngợi?

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Có Bồ-tát đời trước theo Phật A-súc lúc Phật làm Bồ-tát tu hành và có Bồ-tát đời trước theo Phật La-lân-na Trượng-na lúc Phật làm Bồ-tát tu hành. Có Bồ-tát theo lời dạy đó, vì thế chư Phật ở khắp mười phương ngợi khen Bồ-tát ấy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-lamật tin các pháp vốn không từ đâu sinh ra. Bồ-tát ấy vẫn còn chưa đắc pháp lạc Vô sở tùng sinh. Ở trong đó xây dựng niềm tin các pháp vốn không, Bồ-tát ấy tuy chưa được không thoái chuyển nhưng tin các pháp vốn không, như Nêhoàn. Bồ-tát ấy tuy chưa được vào quả vị không thoái chuyển nhưng tu hành theo giáo pháp này thì sẽ mau chóng được không thoái chuyển. Có Bồ-tát hành theo pháp này vì thế chư Phật ở khắp mười phương cùng nhau ngợi khen Bồ-tát ấy. Bồ-tát vì độ người ở quả vị của đạo A-la-hán, Bích-chi-phật để họ hướng đến Phật đạo. Nếu có Bồ-tát hành theo Bát-nhã ba-lamật được chư Phật ngợi khen thì biết rằng Bồ-tát ấy chẳng bao lâu sẽ đứng vào quả vị không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nghe Bát nhã Ba la mật thâm diệu, tin, không hồ nghi. Bồ-tát nghĩ: "Như điều Phật đã nói thì chắc chắc không khác" thì Bồ-tát ấy về sau sẽ được ở chỗ Đức Phật A-súc nghe Bát nhã Ba la mật và điều các Bồ-tát khác được nghe cũng giống vậy. Bồ-tát tin Bát-nhã ba-lamật như thế là đã đứng vào quả vị không thoái chuyển. Nếu có người nghe Bát nhã Ba la mật mà tin thì phước đức đó rất lớn, hà huống Bồ-tát tu hành theo giáo pháp Bát-nhã ba-lamật. Người tu hành theo giáo pháp này thì chóng nhập vào trí Nhất thiết trí.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Giả sử lìa ngay nơi pháp vốn không thì chẳng có pháp để đắc, vậy thì do pháp nào mà có người thành Phật? Do pháp nào mà nói có người thuyết kinh?

Đức Phật dạy:

–Nếu như lìa ngay nơi pháp vốn không thì chẳng có pháp nào để đắc được, vậy thì do pháp nào mà có người thành Phật? Cũng không có người nói kinh pháp! Pháp vốn không đó vốn là không thì làm sao ở trong pháp vốn không mà kiến lập người không, tu pháp vốn không để đắc thành Phật đạo, cũng không có bổn pháp để có người thành Phật. Pháp vốn không không có, người thuyết kinh cũng chẳng thật có.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bát nhã Ba la mật rất sâu, Bồ-tát siêng tu hạnh khổ khó làm mới được thành Phật. Vì sao? Vì không có tên gọi của pháp không sở đắc được xác lập ở trong pháp vốn không, cũng không có pháp sẽ thành Phật, cũng không có người thuyết kinh. Bồ-tát nghe lời nói này thì không kinh, không sợ, không nghi, không chán.

Tu-bồ-đề nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Như lời Thích Đề-hoàn Nhân nói: Bồ-tát siêng năng tu hạnh khổ khó làm nghe Bát nhã Ba la mật thâm diệu, tin, không nghi, không chán.

Tu-bồ-đề bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực! Các kinh pháp đều không, tại sao có hoài nghi, chán ghét?

Thích Đề-hoàn Nhân nói với Tu-bồ-đề:

–Như Tôn giả Tu-bồ-đề nói: Tất cả pháp nói là không thì đều không dính mắc. Ví như bắn tên vào hư không thì không dính mắc. Tôn giả Tu-bồ-đề thuyết kinh cũng vậy, hoàn toàn không dính mắc.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Như lời con đã nói phải chăng là vâng theo lời dạy của pháp do Phật nói chăng? Có thêm bớt gì không?

Đức Phật nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực! Giáo pháp của Phật nói ra đều như nhau không khác. Như lời Tôn giả Tu-bồ-đề nói là chỉ nói về pháp không. Tu-bồ-đề cũng chẳng thấy pháp Bát-nhã ba-lamật, cũng không thấy người thực hành Bát nhã Ba la mật, cũng không thấy người được thành Phật, cũng không thấy trí Nhất thiết trí, cũng không thấy người đắc trí Nhất thiết trí, cũng không thấy Như Lai, cũng không có người đắc Như Lai, cũng không thấy có pháp Vô sở tùng sinh, cũng không thấy có người chứng đắc Vô sở tùng sinh, cũng không thấy mười Lực, cũng không thấy bốn Vô sở úy, cũng không thấy người cầu bốn Vô sở úy.

Kinh pháp vốn tịnh cũng không sở đắc. Tu-bồ-đề tu hành theo lời dạy vô sở đắc. Như vậy, tuy Tu-bồ-đề là người tu hành theo lời dạy vô sở đắc nhưng vẫn không bằng một phần trăm, một phần ngàn, một phần vạn công đức của vị Bồ-tát thực hành Bát-nhã bala-mật.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật trừ quả vị Phật đạo ra thì quả vị của đạo A-la-hán, Bích-chi-phật không thể nào bằng quả vị của đạo Bồ-tát ấy. Bồ-tát là người được mọi người trong thiên hạ đặc biệt tôn kính. Ông cần phải hành theo giáo pháp của Phật.

Bấy giờ mấy ngàn vạn Thiên tử của cõi trời Đao-lợi cầm hoa Văn-đà-la được biến hóa ra, rải lên trên Đức Phật. Rải hoa rồi, chư Thiên thưa:

–Chúng con cũng phải hành đúng theo giáo pháp.

Trong pháp hội, một trăm sáu mươi thầy Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh sửa lại y phục rồi đảnh lễ Phật. Đảnh lễ xong, trong tay mỗi thầy đều có hoa Văn-đà-la được biến hóa ra, đem hoa này rải lên trên Đức Phật. Rải hoa xong, các thầy đều nói:

–Chúng con cũng phải hành theo giáo pháp.

Lúc ấy Đức Phật mỉm cười, từ miệng phóng ra hào quang nhiều màu sắc, ánh sáng chiếu đến các cõi nước Phật ở khắp mười phương. Hào quang ấy quay về nhiễu quanh Phật ba vòng rồi nhập vào trong đảnh đầu của Phật.

A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh sửa y phục, quỳ thẳng chắp tay lễ Phật và hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Thường Phật không cười suông. Ngài đã cười thì phải có ý?

Đức Phật bảo A-nan:

–Một trăm sáu mươi vị Tỳ-kheo này và chư Thiên sẽ được thành Phật ở trong kiếp Ba-la (Tinh tú) đồng một danh hiệu là Âu Thần Na-câu-ni-na (Tán Hoa). Lúc thành Phật, số chúng Tỳ-kheo của các vị Phật này đều bằng nhau, tuổi thọ của các vị Tỳ-kheo này cũng bằng nhau đó là mười vạn tuổi. Các vị Tỳ-kheo này tuần tự dần dần sẽ thành Phật. Lúc các vị thành Phật, thế giới của các vị đều có mưa hoa năm sắc màu.

QUYỂN 9
Phẩm 25: DẶN DÒ, ỦY THÁC GIÁO PHÁP

Đức Phật nói với A-nan:

–Bồ-tát lập hạnh như thế thì không ai hơn được. Lập hạnh như thế là lập hạnh như Phật, lập hạnh như thế thì không có ai làm thầy, đó là lập hạnh trí Nhất thiết trí. Người muốn lập hạnh như thế thì phải theo giáo pháp Bát nhã Ba la mật. Phải biết người thực hành Bát nhã Ba la mật là người từ trong loài người đến hoặc từ trên cõi trời Đâu-thuật lại. Người này hoặc từ trong loài người hoặc từ trên cõi trời đã nghe qua Bát nhã Ba la mật, hoặc từ trong loài người hoặc từ trên cõi trời đã hành qua Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì sau khi Phật Bátnê-hoàn hoặc thấy Bát nhã Ba la mật ở khắp mười phương hoặc thấy pháp ấy ở trên cõi trời Đâu-thuật có người thực hành Bát nhã Ba la mật hoặc biên chép thì chư Phật đều trông thấy và hộ trì họ. Bồ-tát ấy còn đem ra dạy người khác khiến họ tùy hỷ pháp này, thì biết Bồ-tát ấy từ trước đến nay đã cúng dường biết bao Đức Phật. Người chẳng làm các công đức thuộc phẩm loại A-la-hán, Bích-chi-phật thì biết người đó là Bồ-tát từ trước đến nay đã cúng dường biết bao Đức Phật. Người học Bát nhã Ba la mật này mà không kinh, không sợ hoặc có người thọ nhận Bát nhã Ba la mật này, hoặc có người học, hoặc có người trì, hoặc có người hiểu những điều dạy trong pháp này, hoặc có người tu theo, thì biết những Bồ-tát ấy như được diện kiến Đức Phật không khác. Bồ-tát ấy chẳng đình chỉ cũng chẳng bài báng Bát nhã Ba la mật thì biết Bồ-tát đã cúng dường biết bao Đức Phật từ trước đến nay.

Đức Phật nói với A-nan:

–Tuy có người ở chỗ Đức Phật tạo tác công đức mà lại đem dùng để cầu A-la-hán, Bích-chi-phật, nhưng rồi họ cũng sẽ được thành Phật. Nếu có Đại Bồ-tát nào thực hành Bát-nhã ba-lamật thì thường phải nên xa lìa đạo A-la-hán, Bích-chi-phật. Đức Phật nói với A-nan:

–Ta đem Bát nhã Ba la mật này ủy thác cho ông. Này Anan! Pháp ta thuyết cho ông nghe trừ Bát nhã Ba la mật, Ma-ha Âu-hòa câu-xa-đa-la (Đại phương tiện thiện xảo) và các Ma-ha Duy-viết-la, còn những kinh khác của ta nói ra ông ghi nhớ hoặc có lúc quên mất thì tội còn ít, nhưng ông theo Phật nghe Bát nhã Ba la mật mà nếu như quên mất thì tội rất lớn. Đức Phật nói với A-nan:

–Ta lại ủy thác cho ông phương pháp thọ học, thọ trì Bát nhã Ba la mật. Thọ học thì phải học cho kỹ, thọ trì thì phải thọ trì cho đầy đủ, đọc tụng thì không để thiếu sót một chữ. Kinh tạng của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại vẫn như nhau, không khác. Này Anan! Ông phải nghĩ rằng: "Chớ làm cho Bát nhã Ba la mật thiếu sót." Vì sao? Vì Đức Phật hiện tại hôm nay có lòng từ và ân đức của Phật. Người muốn báo ân Phật thì phải cúng dường đầy đủ. Ông nếu như có lòng từ hiếu đối với Phật thì phải thọ trì Bát nhã Ba la mật, phải cung kính đảnh lễ cúng dường. Nếu ông làm như thế là ông đã cúng dường báo ân Phật, là ông đã cung kính chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại rồi. Ông đã từ hiếu đối với Phật, nhưng cung kính nhớ ân đối với Phật cũng chẳng bằng cung kính đối với Bát-nhã bala-mật. Ông hãy thận trọng chớ để quên mất một câu. Đức Phật bảo A-nan:

–Ta ủy thác cho ông Bát nhã Ba la mật để làm tin. Nếu có người chẳng muốn lìa Phật, lìa kinh, lìa Tỳ-kheo Tăng, cũng chẳng muốn lìa chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại thì chẳng nên xa lìa Bát nhã Ba la mật. Đó là lời Phật dạy.

Đức Phật bảo A-nan:

–Nếu có người thọ trì Bát nhã Ba la mật thì đó là thọ trì giáo pháp của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Vì sao? Vì chư

Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đều được sinh ra từ Bát-nhã bala-mật. Bồ-tát muốn đắc Phật đạo cần phải học sáu pháp Bala-mật. Vì sao? Vì sáu pháp Ba-la-mật là mẹ của các Đại Bồ-tát.

Đức Phật bảo A-nan:

–Ta ủy thác cho ông sáu pháp Ba-la-mật. Sáu pháp Ba-lamật là tạng kinh pháp chẳng thể cùng tận của Phật. Chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đều được sinh ra từ sáu pháp Ba-la-mật. Đức Phật bảo A-nan:

–Ông hằng ngày dạy người, tất cả mọi người trong một cõi nước Phật, ông đều giáo hóa khiến họ đắc đạo A-la-hán, tuy ông giáo hóa như vậy nhưng vẫn còn chưa báo được ân Phật, chẳng bằng nói đầy đủ Bát nhã Ba la mật cho Bồ-tát nghe. Những người được ông giáo hóa đều đắc đạo A-la-hán, họ tạo công đức trì giới, tinh tấn giữ đạo. Giáo hóa mọi người như thế, phước đó có nhiều chăng?

A-nan bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều! Đức Phật nói với A-nan:

–Chẳng bằng đem Bát nhã Ba la mật nói đầy đủ cho Bồ-tát nghe. Dù chẳng thể nhiều, một ngày cũng được, dù không thể một ngày, thì trong thời gian một bữa ăn cũng được. Dù chẳng thể

dài như thời gian một bữa ăn thì nói trong khoảnh khắc cũng được, phước đó còn hơn phước độ người đắc đạo A-la-hán. Đại Bồ-tát tự quán niệm các việc trong Bát-nhã bala-mật thì công đức của Bồ-tát ấy vượt lên trên các A-la-hán, Bích-chi-phật. Tuy chỉ quán niệm về các việc trong ấy, nhưng sẽ đắc không thoái chuyển với điều kiện chẳng ở giữa chừng lui sụt.

Lúc thuyết Bát nhã Ba la mật, bốn bộ đệ tử, chư Thiên, A-tuluân và quỷ thần trong một cõi nước Phật, nhờ oai thần của Đức Phật Thích-ca Văn, tất cả họ đều thấy Đức Phật Asúc và chúng Tỳ-kheo đông không kể xiết đều là bậc A-lahán, các Bồ-tát cũng nhiều vô số. Từ đó về sau, họ không còn thấy nữa.

Phật bảo A-nan:

–Ví như thấy người trong cõi nước đó, nhưng lại chẳng thấy Đức Phật A-súc và các Bồ-tát, A-la-hán, cũng như mắt chẳng thấy được các kinh pháp. Pháp chẳng thấy pháp, pháp chẳng niệm pháp. Vì sao? Vì các kinh pháp không niệm, chẳng thấy, cũng không có ích.

Đức Phật dạy A-nan:

–Các kinh pháp đều không, không được thọ trì, cũng chẳng thể niệm. Ví như nhà ảo thuật biến hóa ra người, các kinh pháp cũng vậy, không niệm cũng không đau. Vì sao? Vì vô hình. Bồ-tát hành như vậy là thực hành Bát nhã Ba la mật, học như vậy là học Bát nhã Ba la mật. Người muốn đắc sáu pháp Ba-la-mật thì phải học Bát nhã Ba la mật. Học như thế là hơn hết trong các việc học, không có cái học nào bằng, là gấp trăm, gấp ngàn, gấp vạn cái học khác. Đó là vì làm an ổn mọi người trong thiên hạ mà học như thế, khiến cho kẻ khổ ách đều được cứu giúp. Đó là học theo pháp Phật. Người vâng theo lời Phật dạy học như thế dùng tay nhấc một cõi nước Phật dời đến địa phương khác rồi mà mọi người ở trong đó vẫn không hề hay biết.

Đức Phật bảo A-nan:

–Đức Phật do học Bát nhã Ba la mật này mà thành Phật, các pháp trí tuệ không ngăn ngại của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đều từ Bát nhã Ba la mật mà thành tựu đầy đủ. Muốn được giới hạn của Bát nhã Ba la mật là muốn được giới hạn của hư không. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật chẳng thể cùng tận. Mọi sự việc ở mười phương đều có tính kể, việc của Bát nhã Ba la mật thì không thể tính kể.

Đức Phật bảo A-nan:

–Việc của Bát nhã Ba la mật không thể tính kể, không thể cùng tận. Bát nhã Ba la mật vốn tịnh. Vì sao? Vì không thể kể xiết các Đức Phật thời quá khứ đều từ trong pháp này mà được thành Phật mà Bát nhã Ba la mật cũng chẳng thêm cũng chẳng bớt. Không thể kể xiết các Đức Phật thời vị lai đều từ Bát nhã Ba la mật mà được thành Phật mà Bát nhã Ba la mật cũng chẳng thêm cũng chẳng bớt. Không thể kể xiết các Đức Phật hiện tại ở khắp mười phương đều từ Bát nhã Ba la mật mà được thành Phật mà Bát nhã Ba la mật cũng không thêm cũng không bớt. Thế nên Bát-nhã ba-lamật không thể cùng tận, hư không cũng chẳng thể cùng tận.

QUYỂN 9

Phẩm 26: CHẲNG THỂ CÙNG TẬN

Bấy giờ Tu-bồ-đề nghĩ: “Bát nhã Ba la mật do Đức Phật nói rất sâu. Ta cần phải thưa hỏi.” Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật chẳng thể cùng tận ví như hư không chẳng thể cùng tận thì Bồ-tát phải nhân vào đâu mà tư duy Bát nhã Ba la mật?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Sắc chẳng thể cùng tận, phải tư duy Bát nhã Ba la mật như thế. Thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức chẳng thể cùng tận, phải tư duy Bát nhã Ba la mật như thế. Mười hai nhân duyên chẳng thể cùng tận, phải tư duy Bát nhã Ba la mật như thế.

Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát phải tư duy Bát nhã Ba la mật như thế. Bồ-tát tư duy như thế thì mười hai nhân duyên chỉ đắc trong đó. Lúc Bồ-tát mới ngồi dưới cội cây tư duy mười hai nhân duyên không cùng chung với quả vị Bích-chi-phật thì lúc đó trí tuệ Nhất thiết trí đều đầy đủ.

Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Nếu có Bồ-tát lúc thực hành Bát nhã Ba la mật tư duy mười hai nhân duyên chẳng thể cùng tận. Tư duy như thế thì vượt hơn quả vị A-la-hán, Bích-chi-phật, trụ ngay Phật đạo. Nếu Bồ-tát không tư duy thực hành Bát nhã Ba la mật như thế mà tư duy mười hai nhân duyên chẳng thể cùng tận thì sẽ ở giữa chừng đắc A-la-hán, Bíchchi-phật. Bồ-tát chẳng lui sụt ở giữa chừng đắc A-la-hán, Bích-chiphật. Bồ-tát chẳng lui sụt ở giữa chừng là nhờ tư duy thực hành Bát nhã Ba la mật, tư duy hành Ma-ha Âu-hòa-câu-xá-la (Đại phương tiện thiện xảo).

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Lúc Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật thì tư duy quán mười hai nhân duyên chẳng thể cùng tận. Quán mười hai nhân duyên như thế thì thấy pháp sinh, pháp diệt đều do nhân duyên. Pháp cũng không có người tạo tác. Tư duy mười hai nhân duyên như thế lúc thực hành Bát nhã Ba la mật thì chẳng thấy sắc, chẳng thấy thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức, chẳng thấy cõi nước Phật, không có pháp sở nhân để thấy cõi nước Phật. Đó là Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-lamật.

Nếu có Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, lúc ấy ma rất buồn khổ ví như cha mẹ mới chết, khóc lóc, buồn khổ, ưu tư. Lúc Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, ma buồn khổ như thế đó.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Chỉ một ma buồn khổ hay những ma khác cũng lại buồn khổ?

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Ma trong cõi nước Phật, các ma đó đều bất an ở nơi trú xứ của chúng. Lúc Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát-nhã bala-mật thì các hàng Trời, A-tu-luân, Rồng, Quỷ thần, Người hoặc chẳng phải người chẳng thể làm hại Bồ-tát. Nếu có Bồ-tát muốn đắc Phật đạo thì phải thực hành Bát-nhã ba-lamật. Bồ-tát thực hành Bát-nhã bala-mật là hành đầy đủ Bố thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật. Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã bala-mật là hành đầy đủ Âu-hòa-câu-xá-la (phương tiện thiện xảo) và các Ba-la-mật. Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-lamật nếu có việc ma khởi lên thì liền hay biết, khiến nó chẳng đến. Bồ-tát muốn được hết Âu-hòa-câu-xá-la và các Balamật thì phải hành trì Bát nhã Ba la mật, phải giữ gìn Bát-nhã bala-mật. Nếu có Bồ-tát hành trì Bát nhã Ba la mật, giữ gìn Bát nhã Ba la mật thì

bấy giờ Bồ-tát đó tư duy bổn hạnh của vô số không thể kể xiết chư Phật hiện tại ở khắp mười phương lúc hành đạo Bồ-tát, các Tôn giả đều được sinh ra từ Bát nhã Ba la mật. Bồ-tát nghĩ rằng: "Ta cũng sẽ được hết kinh pháp như chư Phật đã được." Như vậy lúc Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật khởi ý niệm đó trong khoảnh khắc như búng ngón tay, nếu có Bồ-tát bố thí đầy đủ nhiều như số cát sông Hằng cũng chẳng bằng Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-lamật trong khoảnh khắc như búng ngón tay đó. Bồ-tát hành như thế là trụ vào quả vị không thoái chuyển. Bồ-tát ấy được chư Phật hộ niệm, không còn trở lại với đạo khác, sẽ được thành Phật, không bao giờ đọa vào ba đường ác. Lúc Bồ-tát ấy chưa từng lìa chư Phật, Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật trong khoảnh khắc như búng ngón tay có công đức như vậy, huống là một ngày tuân thủ Bát nhã Ba la mật. Thực hành Bát nhã Ba la mật phải như Bồ-tát Càn-đà-ha-trú (Hương Tượng). Bồ-tát Càn-đà-ha-trú là bậc tối tôn đệ nhất ở cõi nước của Đức Phật A-súc.

QUYỂN 9
Phẩm 27: TÙY

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ-tát vâng theo giáo pháp Bát nhã Ba la mật?

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Các kinh pháp, không ai có thể hủy hoại được, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát nhã Ba la mật phải biết như vậy.

Hư không chẳng thể cùng tận, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát nhã Ba la mật phải biết như vậy.

Năm ấm vốn vô hình, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát nhã Ba la mật phải biết như vậy.

Bốn đại vốn vô hình, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát nhã Ba la mật phải biết như vậy.

Sáu việc Sa-la-y-đàn (Lục nhập) vốn rỗng không vô hình, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát nhã Ba la mật phải biết như vậy.

Người phát tâm hành Phật đạo thì không ai sánh bằng, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát nhã Ba la mật phải biết như vậy.

Phát tâm hạnh nguyện rộng lớn, tâm Bồ-tát bình đẳng đối với mọi người ở khắp mười phương không có cùng tận.

Phật có bốn việc không hộ trì, mỗi việc đều khác nhau vô cùng, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát nhã Ba la mật phải biết như vậy.

Bồ-tát thì che chở cứu hộ không kể xiết các hàng Trời, A-tuluân, Rồng, Quỷ thần, Chân-đà-la, Ma-hầu-lạc, Người và chẳng phải người. Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát-nhã ba-lamật phải biết như vậy.

Cái mà mọi người trong thiên hạ ở khắp mười phương gọi là ngã sở, thật ra chẳng phải là ngã sở, do đó đều phải đoạn trừ. Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát nhã Ba la mật phải biết như vậy.

Tiếng vang trong hư không không vô hình, Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật phải biết như vậy.

Ví như biển cả không thể dùng đấu đong lường, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát nhã Ba la mật phải biết như vậy.

Ví như trân bảo trên đỉnh núi Tu-di, mỗi mỗi đều khác nhau, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát nhã Ba la mật phải biết như vậy.

Đế-thích, Phạm thiên, mỗi vị đều tự có giáo pháp riêng, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát nhã Ba la mật phải biết như vậy.

Ví như mặt trăng đầy đặn đẹp đẽ, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát nhã Ba la mật phải biết như vậy.

Ví như mặt trời soi sáng khắp nơi, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát nhã Ba la mật phải biết như vậy.

Các kinh pháp chỉ có văn tự mà thôi, không có xứ sở, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát nhã Ba la mật phải biết như vậy.

Bát nhã Ba la mật vốn vô hình, chỉ có danh tự mà thôi, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát nhã Ba la mật phải biết như vậy.

Bát nhã Ba la mật vốn không từ đâu sinh ra, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát nhã Ba la mật phải biết như vậy.

Bát nhã Ba la mật bình đẳng không có sai khác, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát nhã Ba la mật phải biết như vậy.

Huyễn hóa và sóng nắng chỉ có tên gọi chứ không có hình, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát nhã Ba la mật phải biết như vậy.

Đất, nước, lửa, gió, bốn đại này vô biên, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát nhã Ba la mật phải biết như vậy.

Thân tướng Phật vốn không có hình sắc, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát nhã Ba la mật phải biết như vậy.

Cõi nước của chư Phật đều như rỗng không, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát nhã Ba la mật phải biết như vậy.

Phật vốn không nói, không dạy các kinh, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát nhã Ba la mật phải biết như vậy.

Nếu có Bồ-tát lúc thực hành Bát nhã Ba la mật thì phải tùy thuận như thế, phải quán niệm như thế, phải thâm nhập như thế, phải nhìn thấy như thế, lìa bỏ dua nịnh, lìa bỏ kiêu ngạo, lìa bỏ hùng hổ, lìa bỏ phi pháp, lìa bỏ tự dụng, lìa bỏ của cải, lìa bỏ cầu may, lìa bỏ thế sự, quên mình chẳng tiếc tánh mạng, vừa không có tham cầu, chỉ nghĩ đến việc làm của Phật mà an ổn. Bồ-tát hành như vậy thì chẳng bao lâu sẽ thành Phật, chẳng bao lâu sẽ được hết công đức của trí Nhất thiết trí. Nhưng Bồ-tát như thế chẳng nên gọi là Bồ-tát mà phải gọi là Phật. Vì sao? Vì chẳng bao lâu nữa thành Phật. Nếu có Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát nhã Ba la mật thì vào đời vị lai sẽ được gọi là Phật, dù Phật tại thế cũng phải hành theo giáo pháp Bát-nhã ba la-mật sau khi Phật Bát-nê-hoàn cũng phải hành theo giáo pháp Bát nhã ba-la-mật.

QUYỂN 9

Phẩm 28: BỒ-TÁT TÁT-ĐÀ-BA-LUÂN

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Người muốn chóng thành Phật cầu Bát nhã Ba la mật phải như Bồ-tát Tát-đà-ba-luân (Phổ Từ). Hiện nay ở phương trên, qua sáu trăm ba mươi ức cõi Phật, có Đức Phật hiệu Kiền-đà-la-ba (Hương Tích), nước tên Ni-già-kiền-đà-ba-vật (Chúng Hương), Bồ-tát Tát-đà-ba-luân đang ở trên đó. Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Nhân duyên Bồ-tát Tát-đà-ba-luân cầu Bát-nhã Ba-la-mật là như thế nào?

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Đời quá khứ cách nay rất xa, có vị Bồ-tát tên Tát-đà-ba-luân, nhờ công đức đã tạo tác từ đời trước mà bản nguyện được thành tựu. Do đời đời tạo tác các công đức và đời trước đã cúng dường hàng ngàn vạn ức Phật, cho nên lúc Bồ-tát ngủ, có vị Trời đến trong giấc mộng nói: "Ông nên đi tìm cầu đại pháp." Lúc thức dậy, Bồ-tát đi tìm cầu nhưng không được, nên lòng buồn bực không vui. Bồ-tát muốn được gặp Phật, muốn được nghe pháp nhưng tìm mãi vẫn không được, cũng không có pháp tắc của Bồ-tát thực hành. Vì thế, rất âu sầu. Bồ-tát vừa đi vừa khóc ví như người đắc tội với triều đình, tài sản bị sung công, cha mẹ và bản thân bị giam cầm trong ngục thất. Người ấy buồn rầu khóc lóc không thể nói, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân cũng buồn rầu khóc lóc như vậy.

Bấy giờ Thiên nhân ở cõi trời Đao-lợi giáng xuống hư không thấy Bồ-tát ngày nào cũng khóc lóc. Thiên nhân thấy Bồ-tát hết lòng than khóc, liền tìm hiểu Bồ-tát qua cha mẹ, anh em, thân thuộc, bạn bè mới biết Bồ-tát tên là Tát-đàba-luân. Lúc đó, ở thế gian có Đức Phật tôn hiệu là Đàmvô-kiệt A-chúc-kiệt-la từ khi Phật Bát-nê-hoàn đến nay rất lâu, chẳng còn nghe kinh, chẳng thấy Tỳ-kheo Tăng. Bấy giờ trong mộng, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân nghe Thiên nhân của cõi trời Đao-lợi nói: "Đời trước có Đức Phật danh hiệu là Đàmvô-kiệt A-chúc-kiệt-la." Bồ-tát trong mộng nghe danh hiệu Phật liền tỉnh dậy. Dậy rồi vui mừng hớn hở, liền từ bỏ gia đình đi vào trong núi sâu vắng vẻ, quên mình không chút tham tiếc, lớn tiếng gào khóc và tự nghĩ: "Do ta đã tạo nghiệp ác cho nên hôm nay chẳng thấy Phật, chẳng nghe kinh, chẳng được pháp của Bồ-tát thực hành." Lúc đó Bồ-tát Tát-đà-ba-luân khóc thì trong hư không có tiếng nói:

–Này thiện nam, thôi đi! Chớ gào khóc nữa! Có đại pháp tên là Bát nhã Ba la mật, nếu người nào thực hành hay có người nào giữ gìn thì người đó mau chóng thành Phật. Ông nên cầu đại pháp này. Ông nghe pháp này rồi hoặc thực hành hoặc giữ gìn thì ông sẽ được hết các công đức của Phật, ông sẽ được ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của Phật. Ông sẽ đem kinh pháp này dạy mọi người trong thiên hạ ở khắp mười phương.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân hỏi:

–Làm thế nào để được Bát nhã Ba la mật? Phải đi về hướng nào để cầu? Phải dùng phương tiện gì để được?

Tiếng trong hư không đáp:

–Từ đây đi về hướng Đông không được ngơi nghỉ. Lúc ông đi, chớ nghĩ trái, chớ nghĩ phải, chớ nghĩ trước, chớ nghĩ sau, chớ nghĩ trên, chớ nghĩ dưới, chớ nghĩ đi. Lúc đi chớ nghĩ đến sợ, chớ nghĩ đến mừng, chớ nghĩ đến ăn, chớ nghĩ đến uống, chớ nghĩ đến ngồi, chớ nghĩ đến đang đi trên đường, chớ nghĩ đến dừng lại giữa đường, chớ nghĩ đến dâm, chớ nghĩ đến nộ, chớ nghĩ

đến si, chớ nghĩ đến thủ, chớ nghĩ có sở đắc, chớ nghĩ trong, chớ nghĩ ngoài, chớ nghĩ đến sắc, chớ nghĩ đến thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức; chớ nghĩ đến mắt, chớ nghĩ đến tai, chớ nghĩ đến mũi, chớ nghĩ đến miệng, chớ nghĩ đến thân, chớ nghĩ đến tâm ý, chớ nghĩ đến đất, nước, lửa, gió; chớ nghĩ đến không, chớ nghĩ đến nhân, chớ nghĩ đến ngã, chớ nghĩ đến mạng, chớ nghĩ đến có pháp không, chớ nghĩ đến không có pháp không, chớ nghĩ đến hành đạo Bồ-tát, chớ nghĩ đến có Kinh, chớ nghĩ đến không có Kinh, chớ nghĩ sinh lên trời, chớ nghĩ sinh ở thế gian, chớ nghĩ Bồ-tát thiện, chớ nghĩ Bồ-tát ác. Đoạn trừ hết tất cả niệm đang hướng đến, không còn dính mắc.

Từ đây đi về hướng Đông đoạn hết các niệm. Người thực hành như thế không thiếu sót thì chẳng bao lâu sẽ đắc Bát nhã Ba la mật. Chư Phật quá khứ lúc hành đạo Bồ-tát, các Ngài cầu Bát-nhã ba-lamật cũng giống như vậy mà đắc Bát nhã Ba la mật. Người hành theo giáo pháp này thì chóng được thành Phật. Người tu hành tinh tấn như thế sẽ mau được thành Phật.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân nghe lời dạy trong hư không thì rất vui mừng, nên nghe theo lời dạy của Thiên nhân.

Tiếng trong hư không lại bảo: “Chớ quên lời dạy này”. Nói xong, không còn nghe tiếng nữa. Bồ-tát Tát-đà-ba-luân nghe lời chỉ dạy ấy càng phấn khởi vui mừng. Ông tuân theo lời dạy đi về hướng Đông, tâm không dính mắc. Đang đi dọc đường, Bồ-tát thầm nghĩ: “Còn cách đây bao xa nữa mới gặp được Bát nhã Ba la mật.” Nghĩ xong rồi đứng lại gào khóc to hơn nữa. Lúc Bồ-tát Tát-đà-ba-luân gào khóc, trên hư không có vị Hóa Phật đứng nói rằng: “Hay thay, hay thay! Người cầu đạo như thế thật hiếm có, người tinh tấn như ông thì chẳng bao lâu sẽ được Bát nhã Ba la mật.”

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân chắp tay ngước nhìn Hóa Phật thấy Phật thân màu vàng ròng, thân phóng mười ức hào quang, thân có ba mươi hai tướng. Thấy rồi mừng rỡ chắp tay bạch Hóa Phật:

–Xin Phật vì con mà thuyết kinh pháp, con theo Phật nghe kinh. Nghe kinh rồi, con đều muốn được hết kinh pháp của chư Phật.

Hóa Phật nói với Bồ-tát Tát-đà-ba-luân:

–Đã thọ nhận giáo pháp của ta thì phải thọ trì. Các kinh vốn không nên không sợ hãi, vốn tịnh nên không trụ đầu mối. Các kinh pháp, tất cả không ngăn ngại, đầu mối không trụ sở nhân. Các kinh pháp vốn không nên không nói đến trụ đầu mối sở nhân. Các kinh pháp là giáo pháp không được nói, như hư không vô hình, vốn không có đầu mối. Như Nêhoàn không có khác, các kinh pháp cũng như Nê-hoàn, không có khác, không từ đâu sinh, không trụ hình tướng. Các kinh pháp không từ đâu sinh ra, kể như vô hình, như huyễn vô hình. Như thấy bóng trong nước, các kinh pháp như bóng hiện trong nước không khác. Như thấy việc trong mộng, các kinh pháp như thấy việc trong mộng không khác. Tiếng Phật thuyết pháp đều thấy như vậy. Ông phải nên vâng theo lời dạy của kinh pháp này.

Này thiện nam! Ông phải giữ gìn ý niệm như thế, từ đây đi qua hướng Đông cầu Bát nhã Ba la mật, cách đây khoảng hai vạn dặm, có nước tên Kiền-đà-việt, nhà vua cai trị nước ấy giàu có hưng thịnh an vui, nhân dân đông đúc. Kinh thành ngang dọc bốn trăm tám mươi dặm, đều dùng bảy báu xây thành. Thành ấy có bảy lớp, khoảng giữa đều có cây lạ bảy báu. Trên thành đều có

bảy báu. Lụa là bóng mượt màu hồng che phủ trên thành, nơi ấy có xen bảy báu, nơi ấy có treo chuông rung. Bên ngoài bốn cửa thành đều có nhà hát. Quanh thành có bảy lớp ao nước. Trong nước có đủ thứ hoa như hoa sen Ưubát, hoa Câu-văn-la, hoa Bất-na-lợi, hoa Tu-kiềnđề, hoa Mạtnguyện-kiền-đề… Chúng đều mọc ở trong ao nước. Trên đất liền thì có hoa Chiêm-bặc… những loài hoa như vậy, số đến hàng ngàn, hàng trăm chủng loại. Trong ao ấy có nhiều giống chim lạ như le le, nhạn, uyên ương…, các loài chim lạ khác, số nhiều đến hàng ngàn, hàng trăm loại. Trong ao có thuyền bằng bảy thứ báu, người trong thành ấy ngồi thuyền vui chơi trong ao. Trong thành, cờ phướn năm màu sắc đều sắp thành hàng lối, lại còn treo cờ phướn năm màu sắc, lại có lọng hoa đủ màu bày la liệt. Đường cái, đường hẻm trong thành đều dẫn đến khắp nơi. Ví như cung điện của Đế Thích ở trên cõi trời Đao-lợi, treo cờ phướn, trổi âm nhạc đến hàng ngàn hàng trăm loại suốt ngày chẳng dứt. Ví như nhà hát Nanđà-hoàn trên cõi trời Đaolợi, trong đó có tiếng âm nhạc, vui sướng chẳng dứt, sự vui sướng trong thành ấy cũng giống như vậy. Trong thành không có loại người nào khác mà đều là Bồ-tát. Trong đó có người thành tựu, trong đó có người mới phát tâm, họ đều ở chung trong thành đó, vui sướng không thể nói. Phục sức của người trong thành đó màu sắc quý lạ không thể kể được.

Trong nước đó có vị Bồ-tát tên Đàm-vô-kiệt, ông có quả vị cao nhất trong chúng Bồ-tát. Ông có sáu trăm tám mươi vạn phu nhân, thế nữ cùng nhau vui sướng. Các Bồ-tát trong nước Kiền-đà-việt thường cùng nhau cung kính Đàm-vôkiệt. Ở trung ương nước đó có bày tòa cao, rồi theo thứ tự trở xuống mà đặt tòa ngồi. Trong đó có tòa ngồi bằng vàng ròng, tòa ngồi bằng bạc trắng, tòa ngồi bằng lưu ly, tòa ngồi bằng thủy tinh. Trên các tòa ngồi đều có hoa văn đủ màu viền quanh. Nơi tòa ngồi đều rải đủ loại hương hoa. Trên tòa ngồi đều bày tán lọng kết bằng các thứ châu báu. Trong ngoài giáp vòng đều đốt hương thơm danh tiếng. Bồ-tát Đàmvô-kiệt thường ngồi trên tòa cao vì các Bồ-tát thuyết giảng Bát nhã Ba la mật. Trong đó có người nghe, có người chép, có người học, có người phúng tụng, có người thọ trì.

Ông từ đây đi đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt tại nước Kiền-đàviệt, tự vị ấy sẽ vì ông mà thuyết giảng Bát-nhã bala-mật, sẽ vì ông làm thầy dạy ông. Vì sao? Vì hàng ngàn ức đời trước vị ấy thường làm thầy ông. Đó là vị thầy từ lúc ông mới phát tâm. Lúc ông đi đến chỗ của thầy hoặc thấy hoặc nghe, ông không được nói lỗi của thầy, cũng chớ nghĩ đến lỗi của thầy. Nếu như ông thấy thì hãy thận trọng chớ nghi, chớ chán. Vì sao? Vì ông chưa hiểu phương tiện thiện xảo, ông cần phải tỉnh giác biết về việc của ma.

Này thiện nam! Hãy thận trọng chớ tin theo lời dạy của ma và chớ dùng. Thầy ở tại thâm cung tôn quý. Kính thầy như kính Phật không có khác. Ông phải dụng tâm theo kinh pháp, chớ nghĩ đến tiền của lợi lộc, lòng nghĩ ý tham, mọi sở hữu phải đem dâng cho thầy, phải ưa thích cung kính đối với thầy. Ông làm hạnh ấy chẳng thiếu sót thì chẳng bao lâu sẽ được nghe Bát nhã Ba la mật.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân nghe lời dạy đó từ vị Hóa Phật thì vui mừng hớn hở. Do vui mừng hớn hở nên liền được thấy mười phương chư Phật đang trụ Tam-muội. Lúc ấy mười phương chư Phật đều ngợi khen: “Hay thay, hay thay! Thiện nam tử! Lúc ta còn là Bồ-tát nhờ tinh tấn nên được nghe Bát nhã Ba la mật mà thành tựu được trí Nhất thiết trí, cũng lại sẽ được ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn việc chẳng hộ trì, mười tám pháp Bất cộng.

Lúc ta được các Tam-muội ấy, chư Phật cũng ngợi khen ta như vậy. Ông tu hành cũng phải như ta. Ông tu hành như vậy thì sẽ được đầy đủ hết các công đức của Bồ-tát.”

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân từ Tam-muội xuất, nghĩ rằng: “Chư Phật từ đâu đến, rồi đi về đâu?” Ông suy nghĩ như vậy rồi, lại cất tiếng khóc lớn. Ông lại nghĩ: “Chư Phật dạy ta đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt”. Bồ-tát Tát-đà-ba-luân liền từ đây ra đi, giữa đường gặp một nước. Nước đó tên là Ma sở nhạo. Bồ-tát Tát-đà-ba-luân nghỉ qua đêm trong một khu vườn ở ngoại thành. Ông tự nghĩ: “Kinh pháp của Phật khó đạt được, huống chi là nghe! Ta phải tận lực cúng dường Thầy.” Hôm nay ta có một thân một mình lại thêm nghèo nàn, cũng không có vật tốt trân kỳ và hoa hương để đem cúng dường Thầy. Như ta không có của cải thì xin tự bán thân để đem cúng dường Thầy. Nghĩ rồi, ông liền vào thành, đến ngã tư đường la lên rằng:

–Có ai muốn mua tôi không?

Bấy giờ ma đang ở ngoài thành vui chơi cùng với năm vạn thể nữ từ xa thấy Bồ-tát đang tự rao bán mình ở ngã tư đường, mà liền tự nghĩ: “Đây là Bồ-tát Tát-đà-ba-luân tự bán thân, muốn cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt để cầu thành Phật. Người này sẽ ra khỏi cảnh giới của ta, giải thoát cho nhiều người. Hôm nay ta phải phá ông ấy.” Lúc đó Bồ-tát Tát-đà-ba-luân không bán được thân liền tự nằm lăn lộn dưới đất khóc lóc, kêu lớn:

–Tôi muốn tự bán thân để cúng dường Thầy mà hoàn toàn không có người mua.

Thích Đề-hoàn Nhân từ trên trời, từ xa trông thấy Bồ-tát Tátđà-ba-luân tinh tấn như vậy, thầm nghĩ: “Ta phải xuống thử ông ấy để biết ông ấy có chí thành cầu Phật đạo không, hay chỉ dua nịnh?” Thích Đề-hoàn Nhân đi xuống hóa làm một vị Bà-la-môn hỏi Bồ-tát Tát-đà-ba-luân:

–Này thiện nam! Vì sao ông phải chịu khổ sở đến thế? Vì sao ông lăn lộn khóc lóc?

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân đáp:

–Chẳng cần hỏi!

Đạo nhân Bà-la-môn hỏi như thế đến lần thứ ba, ông muốn Bồ-tát nói ra chí nguyện của mình, nên nói:

–Tôi muốn trợ giúp ông.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân nói:

–Đạo nhân muốn biết ư! Tôi tự bán thân vì muốn cúng dường Thầy.

Bà-la-môn nói với Bồ-tát Tát-đà-ba-luân:

–Ông muốn cúng dường Thầy. Này thiện nam! Hôm nay tôi muốn cúng tế lớn, muốn có được thịt người, muốn có được tủy người, muốn có được tim người. Nếu như ông có thể cho tôi thì tôi trả cho ông nhiều tiền.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân rất vui mừng đáp: –Tôi sẽ cho ông.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân liền lấy dao tự đâm vào hai cánh tay, máu chảy ra nhiều đem cho vị Bà-la-môn. Lại cắt thịt hai đùi vế đem cho, lại tự đập bể xương đem cho. Ông vừa định tự mổ ngực thì ở trên lầu đài có người con gái của ông Trưởng giả từ xa trông thấy ông, thương xót vô cùng. Tức thời con gái của ông Trưởng giả cùng các kỹ nhân, thể nữ những năm trăm người theo nhau đi đến chỗ Bồ-tát Tát-đà-ba-luân, hỏi:

–Này thiện nam! Tuổi ông còn trẻ, đẹp trai như thế, tại sao ông lại tự chặt cắt thân thể của mình?

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân đáp lại:

–Tôi muốn cúng dường Thầy. Vì thế nên tôi muốn đem bán máu, thịt, tủy để cúng dường Thầy.

Người con gái của ông trưởng giả hỏi Bồ-tát Tát-đàba-luân:

–Nếu như cúng dường cho thầy thì ông có thể được những phước gì? Thầy ông là ai? Tên gì? Ở đâu?

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân đáp:

–Thầy tôi ở phương Đông, Thầy tên là Đàm-vô-kiệt sẽ vì tôi mà thuyết Bát nhã Ba la mật. Tôi nghe rồi sẽ hành trì kinh đó thì sẽ mau được thành Phật. Thân tôi được ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, mười Lực, bốn sự bất hộ, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng, sẽ được chuyển pháp luân, sẽ độ thoát người trong thiên hạ ở khắp mười phương.

Người con gái của ông trưởng giả nói với Bồ-tát Tátđà-baluân:

–Như lời thiện nam tử nói thì trong hàng trời người không ai sánh bằng. Ông chớ tự làm khổ đến thế. Tôi sẽ tự cho ông vàng bạc, trân bảo, vật quý. Tôi tự cùng năm trăm thể nữ đi theo ông. Tôi cũng muốn tự cúng dường Bồ-tát Đàm-vôkiệt và muốn nghe kinh nữa.

Lúc ấy vị Bà-la-môn nói với Bồ-tát Tát-đà-ba-luân:

–Hay thay, hay thay! Này thiện nam! Tinh tấn như thế thật khó bì kịp! Ông muốn biết tôi chăng? Này thiện nam! Tôi là Thiên vương Thích Đề-hoàn Nhân cố đến thử ông mà thôi! Ông muốn tìm cầu thế nào cứ xin, tôi sẽ cho ông.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân nói với Thiên vương Đế-thích:

–Thiên vương muốn thương tôi thì hãy làm cho thân thể tôi bình phục như cũ.

Thân thể của Bồ-tát liền bình phục như cũ. Thích Đềhoàn

Nhân liền tự biến mất. Lúc đó con gái của ông Trưởng giả nói với Bồ-tát Tát-đà-ba-luân:

–Hãy cùng tôi đi về nhà cha mẹ tôi xin vàng bạc, trân bảo, vật quý, đồng thời thưa với cha mẹ để ra đi.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân liền theo đến nhà cha mẹ cô. Người con gái về đến nơi, đem sự việc đó thuật lại đầy đủ với cha mẹ. Cha mẹ cô liền nói:

–Những điều con nói ta rất thích, hiếm khi mà được nghe! Ta cũng muốn đi cùng với con, nhưng tự nghĩ, tuổi già chẳng thể tự đi được! Ý muốn của con như thế nào hãy tự nói ra đi! Người con gái nói:

–Con muốn được vàng bạc, trân bảo, vật quý.

Cha mẹ cô nói:

–Con cứ tự ý lấy đi!

Người con gái liền tự lấy vàng bạc, đủ thứ châu báu trân kỳ, đồ vật tốt đẹp đựng đầy bột thơm Chiên-đàn danh tiếng và các loại bột thơm, nước thơm khác. Tất cả được chở trên năm trăm xe tải. Năm trăm người gái hầu tự mình ghé theo xe.

Lúc đó năm trăm thị nữ đều đi báo cho cha mẹ của người con gái ông Trưởng giả là muốn hầu hạ người con gái quý theo Bồ-tát ra đi. Báo xong, họ liền theo nhau cùng ra đi. Khi ấy Bồ-tát Tát-đàba-luân cùng năm trăm người con gái theo đường cái tuần tự tiến bước. Xa xa thấy nước Kiền-đà-việt có cờ phướn, ví như cờ phướn treo trên cõi trời Đao-lợi. Xa xa nghe tiếng âm nhạc

của nước Kiền-đà-việt. Lại xa xa thấy trên thành của nước Kiền-đà-việt có bảy lớp lụa là thất bảo, bên dưới thành có bảy lớp thất bảo xen nhau, mỗi lớp đều có treo chuông rung. Giáp vòng bên ngoài thành có bảy lớp cây thất bảo. Bên ngoài thành đều có nhà hát mà con trai, con gái đang dạo chơi vui sướng ở trong đó. Có người đi xe tự vui chơi. Có người đi bộ tự vui chơi. Gió thơm tứ tán phân bố cùng khắp không đâu mà chẳng nghe thơm, ví như hương trời. Vì thế nên gọi là nước Kiền-đà-việt. Lúc đó Bồ-tát Tát-đà-baluân và năm trăm người con gái đều từ xa thấy như vậy. Họ thấy rồi đều rất vui mừng phấn khởi, tự nghĩ: "Về đạo nghĩa, chúng ta chẳng thể ngồi ở trên xe, phải xuống đi bộ vào nước đó!"

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân và năm trăm người con gái đồng đi vào thành từ cửa Tây. Bồ-tát Tát-đà-ba-luân qua khỏi cửa thành thì xa xa thấy ngôi đài cao, hoa văn chạm trổ bằng vàng bạc, mài giũa ngũ sắc huyền hoàng ánh sáng rực rỡ. Bốn mặt bốn góc của đài, các nóc nhọn đều hướng lên trời, treo chuông rung, cờ, lọng, âm nhạc hòa nhau. Xa xa thấy rồi, họ hỏi người trong thành đi ra rằng:

–Đó là đài gì mà thất bảo xen nhau trang sức đẹp đẽ đến thế?

Người ấy đáp:

–Hiền giả chẳng biết sao? Trong thành này có Bồ-tát tên là Đàm-vô-kiệt, là đấng tối cao trong mọi người, không ai mà chẳng cúng dường, lễ bái. Bồ-tát ấy vì Bát nhã Ba la mật mà dựng cái đài này. Trong đài ấy có cái hộp bảy báu. Dùng vàng ròng tử ma làm chất liệu để chép Bát-nhã ba-lamật-đặt vào trong hộp đó. Trong hộp có hàng trăm thứ danh hương. Bồ-tát Đàm-vô-kiệt mỗi ngày cúng dường. Ông đem đủ loại hoa, danh hương, thắp đèn, treo cờ phướn, lọng hoa, đủ các loại báu, hàng trăm thứ âm nhạc để cúng dường Bát nhã Ba la mật cũng giống như vậy. Chư Thiên trên cung trời Đaolợi ngày đêm sáu lần đem hoa Văn-đà-la, hoa Ma-ha Vănđà-la để cúng dường Bát nhã Ba la mật như thế.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân và năm trăm người con gái cúng dường Bát nhã Ba la mật xong liền đi đến chỗ đại hội có tòa cao của Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Họ cùng nhau đi chẳng bao xa thì đã thấy xa xa Bồ-tát Đàm-vô-kiệt ngồi trên tòa cao là một người trẻ tuổi dung mạo đẹp đẽ, hào quang chiếu sáng, đang thuyết Bát nhã Ba la mật cho hàng ngàn hàng ức người nghe. Bồ-tát Tát-đà-ba-luân và năm trăm người con gái thấy Bồ-tát Đàm-vô-kiệt rồi, họ đều rất vui mừng hớn hở đem đủ thứ hoa hương tung lên trên Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, lại đem biết bao thứ báu tung lên trên Bồ-tát, lại đem hàng trăm thứ áo trân bảo đủ màu dâng lên Bồ-tát. Họ đảnh lễ và nhiễu quanh Bồ-tát tám trăm vòng rồi, thưa:

–Chúng con cũng sẽ đạt được tôn kính! Cũng sẽ lại như vậy!

Bấy giờ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt đem lời hay trong kinh thâm diệu nói với Bồ-tát Tát-đà-ba-luân và năm trăm người con gái:

–Chúc mừng các người đã đến! Các người không mệt mỏi chứ! Các người hãy nói lên những điều các người muốn được đi! Chớ tự nghi nan! Ta chính là thầy độ các người, thật không có điều đáng tiếc.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân bạch Bồ-tát Đàm-vô-kiệt:

–Trước kia, lúc con đang tìm cầu Bát nhã Ba la mật, ở trong núi vắng kêu gào khóc lóc thì ở trong hư không có vị Hóa Phật xuất hiện. Thân Ngài có ba mươi hai tướng, thân màu vàng tử ma

phóng ra ngàn ức tia sáng. Bấy giờ Hóa Phật ngợi khen con: “Hay thay, hay thay! Người tìm cầu Bát nhã Ba la mật phải như thế đó!” Rồi, nói với con: “Cách đây hơn hai vạn dặm về hướng Đông có nước tên Kiền-đà-việt, ngang dọc bốn trăm tám mươi dặm, trân bảo xen nhau trang hoàng ví như cung điện trên cõi trời Đao-lợi, có Bồ-tát tên Đàm-vô-kiệt là bậc tối tôn trong mọi người ở đây thường cặn kẽ dạy người. Ông hãy đi đến đó thì sẽ được nghe Bát-nhã ba-lamật. vị Bồ-tát ấy từ hàng ngàn vạn ức đời trước thường làm Thầy của ông, là vị Thầy lúc ông mới phát tâm.” Lúc ấy nghe đến tên của Thầy, con rất vui mừng hớn hở không thể tự kềm chế được. Vì vui mừng hớn hở nên liền thấy mười phương chư Phật đang trụ Tam-muội. Khi ấy chư Phật đều ngợi khen con: “Hay thay, hay thay! Người tìm cầu Bát nhã Ba la mật phải như vậy đó! Trước kia chúng tôi cầu Phật đạo, cầu Bát nhã Ba la mật cũng giống như vậy. Người được Bát nhã Ba la mật thì sẽ tự tiến đến thành Phật.” Các Đức Phật ấy thuyết kinh cho con nghe xong, thì không còn thấy nữa. Con tự nghĩ: “Phật từ đâu lại và đi về đâu?” Con đem việc này bạch với Thầy, xin Thầy giảng giải về việc Đức Phật từ đâu lại và đi về đâu?

Bấy giờ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt đáp:

–Này Hiền giả, hãy lắng nghe! Bồ-tát Tát-đà-ba-luân thưa:

–Vâng, con sẵn sàng lắng nghe.

Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nói:

–Không vốn không từ đâu lại cũng không đi về đâu, Phật cũng giống như vậy.

Vô tưởng vốn không từ đâu lại cũng không đi về đâu, Phật cũng giống như vậy.

Vô xứ sở vốn không từ đâu lại cũng không đi về đâu, Phật cũng giống như vậy.

Vô sở tùng sinh vốn không từ đâu lại cũng không đi về đâu, Phật cũng giống như vậy.

Vô hình vốn không từ đâu lại cũng không đi về đâu, Phật cũng giống như vậy.

Huyễn vốn không từ đâu lại cũng không đi về đâu, Phật cũng giống như vậy.

Sóng nắng vốn không từ đâu tới cũng không đi về đâu, Phật cũng giống như vậy.

Người trong chiêm bao vốn không từ đâu tới cũng không đi về đâu, Phật cũng giống như vậy.

Nê-hoàn vốn không từ đâu lại cũng không đi về đâu, Phật cũng giống như vậy.

Tưởng tượng vốn không từ đâu lại cũng không đi về đâu, Phật cũng giống như vậy.

Không có sinh, không có tưởng vốn không từ đâu lại cũng không đi về đâu, muốn biết Phật cũng giống như vậy.

Vô sở thích vốn không từ đâu lại cũng không đi về đâu, muốn biết Phật cũng giống như vậy.

Hư không vốn không từ đâu lại cũng không đi về đâu, muốn biết Phật cũng giống như vậy.

Kinh quả vốn không từ đâu lại cũng không đi về đâu, muốn biết Phật cũng giống như vậy.

Đầu mối gốc vốn không từ đâu lại cũng không đi về đâu, muốn biết Phật cũng giống như vậy.

Lúc đó Bồ-tát Tát-đà-ba-luân được nghe giáo pháp thâm diệu của Phật, so sánh như vậy thì chẳng thể kể, chẳng thể nghĩ, chẳng thể lường. Đại pháp này là như vậy đó!

Ngay khi đó, tại chỗ ngồi, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân đắc sáu vạn Tam-muội. Đó là những môn Tam-muội nào? Tam-muội Vô xứ sở, Tam-muội Vô khủng cụ y mao bất khởi, Tam-muội Thoát các ma trung bất khủng cụ, Tam-muội Thoát ư ái dục chi bổn, Tam-muội Thoát xuất cách chiến

ly hoạn, Tam-muội Bất khả kế hướng nhập, Tam-muội Thí như đại hải bất khả lượng đa tuệ sở nhập, Tam-muội Tại Tu-di sơn công đức trang sức, Tam-muội Ngũ ấm lục suy vô hình quán, Tam-muội Nhập chư Phật giới, Tam-muội Tất kiến chư Phật, Tam-muội Bồ-tát thủ đạo, Tam-muội Các kinh pháp bổn vô hình hiện thuyết, Tam-muội Trân bảo trang sức, Tam-muội Tất học trân bảo sở nhập, Tam-muội Tất niệm chư Phật, Tam-muội Bồ-tát thượng cao, Tam-muội Chân-a-duy-việt-trí cập pháp luân vị chuyển, Tam-muội Trang nghiêm Phật công đức, Tam-muội Vô hà uế tất cập tịnh, Tam-muội Sở văn chúng sự như đại hải, Tam-muội Vô sở hữu quá, Tam-muội Nhạo kinh âm thanh biến chí, Tam-muội Kinh pháp chương hiển kỳ phan, Tam-muội Đáttát-a-kiệt (Như Lai) thân vô hình, Tam-muội chư kinh pháp vô hình biến thị, Tam-muội Bồ-tát ấn phong, Tam-muội Chiếu minh Phật cảnh giới sở nguyện cụ túc, Tam-muội Giải thập phương nhân nạn, Tam-muội Lâm thành Phật trang nghiêm, Tam-muội Chủng chủng tạp hoa dị sắc, Tam-muội Đa trân bảo, Tam-muội Pháp luân thường chuyển, Tam-muội Chư âm thanh viễn văn nhập yếu, Tam-muội Nhập thập phương nhân bổn vô, Tam-muội Chư tam giới tất biến chí, Tam-muội Thành chư công đức, Tam-muội Vô hữu năng quá lục Ba-la-mật, Tam-muội Đát-tát tọa thọ hạ thời hoại dư ngoại đạo la võng, Tam-muội Đát-tát-a-kiệt hiện phi, Tam-muội Bất khả phục kế công đức đạc trang nghiêm, Tam-muội Chư trân bảo trí tuệ công đức, Tam-muội Tát-vân-nhã địa, Tam-muội Tất tịnh nhân, Tam-muội Tất biến chiếu, Tam-muội Tất nhập thập phương nhân sinh tử chi căn trí tuệ xuất trung, Tam-muội Quá khứ vị lai hiện tại tất đẳng. Những so sánh như thế, Bồ-tát Tátđà-ba-luân đắc sáu vạn môn Tam-muội như vậy. Lúc đó, Bồ-tát Đàm-vô-kiệt đứng dậy đi vào cung.

QUYỂN 10
Phẩm 29: BỒ-TÁT ĐÀM-VÔ-KIỆT

Bấy giờ Bồ-tát Tát-đà-ba-luân từ Tam-muội xuất cùng với năm trăm người con gái đến ngoài cửa cung của Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Bồ-tát Tát-đà-ba-luân đứng ngoài cửa thầm nghĩ: “Hôm nay ta vì kinh pháp mà đến đây, thầy đã vào trong cung theo đạo nghĩa thì ta chẳng nên nằm, chẳng nên ngồi, chờ thầy ta ra, bước lên tòa cao thuyết Bát nhã Ba la mật, lúc đó ta mới nên ngồi.” Năm trăm người con gái cũng đều bắt chước Bồ-tát Tát-đà-ba-luân mà đứng.

Lúc đó Bồ-tát Đàm-vô-kiệt vừa dạy các cô gái trong điện, nói kinh pháp xong, Bồ-tát tắm rửa rồi bèn mặc áo mới bước lên tòa Bát nhã Ba la mật ngồi tư duy nhập vào hết các thứ Tam-muội, như vậy suốt bảy năm không động không lay. Bồ-tát Tát-đà-baluân và năm trăm người con gái cũng lại thường kinh hành bảy năm chẳng ngồi chẳng nằm. Sau bảy năm đó, Thiên nhân ở trong hư không nói với họ: “Bảy ngày sau, Bồ-tát Đàm-vô-kiệt sẽ từ Tam-muội xuất.”

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân nghe tiếng nói của Thiên nhân, tự nghĩ: “Hôm nay chúng ta nên vì Thầy mà bày tòa ngồi, rưới nước, quét dọn.” Bồ-tát Tát-đà-ba-luân và năm trăm người con gái đồng đi đến chỗ nói kinh. Đến rồi, họ đặc biệt vì Bồ-tát Đàm-vô-kiệt mà bày tòa cao. Lúc đó năm trăm người con gái, mỗi người đều tự lấy áo mặc của mình trải lên trên tòa ngồi. Ngay khi ấy ma tệ ác tự nghĩ: “Chưa từng có điều đó, chưa từng thấy việc đó! Bồ-tát Tátđà-ba-luân này vì Bồ-tát Đàm-vô-kiệt mà bày tòa ngồi cao, đặc biệt cung kính là để tìm cầu Phật đạo. Ông ấy tinh

tấn dũng mãnh không ngừng nghỉ, không biếng nhác. Đắc được đạo thì ông ấy sẽ ra khỏi cõi của ta và độ thoát nhiều người không kể xiết. Hôm nay ta phải phá hoại ông ấy giữa chừng.”

Lúc ấy ma tệ ác phá hoại hết các tòa ngồi của các Bồ-tát, đều làm cho chúng cong queo. Ma tệ ác làm mưa cát, sỏi đá, gai góc, xương khô. Bồ-tát Tát-đà-ba-luân và năm trăm người con gái thấy tòa ngồi cong queo, lấm lem bùn đất, họ tự nghĩ: “Hôm nay Bồ-tát Đàm-vô-kiệt sẽ ngồi thuyết pháp và các đệ tử đều đến nghe. Chúng ta phải quét dọn chỉnh đốn chỗ ngồi lại.” Họ liền cùng nhau quét dọn chỉnh đốn các tòa ngồi, rồi họ tự nghĩ: “Hôm nay mặt đất đầy bụi bặm, sợ bụi làm bẩn Thầy và các Bồ-tát, chúng ta phải cùng rưới nước.” Họ đi khắp nơi tìm nước nhưng không thể tìm được. Vì sao? Vì do ma làm ra tình cảnh đó. Họ lại thầm nghĩ: “Hôm nay chúng ta tìm nước mà không thể tìm được, chúng ta phải tự lấy máu của mình rưới lên đất mà thôi.” Bấy giờ Bồ-tát Tát-đà-baluân và năm trăm người con gái đều tự lấy dao cắt khắp thân mình ra máu đem rưới lên đất. Do họ từ hiếu đối với kinh pháp nên Thích Đề-hoàn Nhân tự nghĩ: “Ở thế gian có người như vậy sao? Vì họ tinh tấn cung kính từ hiếu đối với Thầy dạy kinh!” Khi ấy Thích Đề-hoàn Nhân đến chỗ Bồ-tát Tát-đà-baluân ngợi khen rằng:

–Hay thay, hay thay! Hiền giả tinh tấn thật khó ai bì kịp. Do tinh tấn từ hiếu đối với Thầy nên chẳng bao lâu nữa sẽ được nghe Bát nhã Ba la mật. Hiền giả có điều gì sai bảo xin cứ nói với chúng tôi, những người như ông, chúng tôi đều sẽ giúp đỡ, những điều muốn được thì chúng tôi sẽ cho.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân nói:

–Những điều tôi muốn được thì Thích Đề-hoàn Nhân phải tự biết thôi.

Thích Đề-hoàn Nhân liền biến đất thành lưu ly, trên đó có cát bằng vàng. Thích Đề-hoàn Nhân khiến cho thân thể của Bồ-tát Tát-đà-ba-luân và năm trăm người con gái trở lại bình thường khỏe mạnh như cũ. Bốn phía chỗ ngồi hóa làm ao nước lưu ly. Giáp vòng bờ ao đều có lan can và thềm ao bảy báu. Hai bên thềm đều có cây trân bảo. Ngần ấy trăm thứ bày la liệt đẹp đẽ.

Lúc Bồ-tát Tát-đà-ba-luân và năm trăm người con gái rưới nước thì trời mưa xuống hoa Văn-đà-la, hoa Mạn-thù-nhan, hoa Maha Mạn-thù-nhan. Trời mưa đủ các thứ hoa nhiều đến bốn ngàn thạch (đơn vị đo lường). Thích Đề-hoàn Nhân lấy hoa ấy đem cho Bồ-tát Tát-đà-ba-luân và bảo:

–Ông hãy đem những bông hoa đó cúng dường Bát-nhã ba-lamật và tung lên trên Bồ-tát Đàm-vô-kiệt và các Bồ-tát và đem năm trăm chiếc áo trời dâng lên Bồ-tát Đàmvô-kiệt ngồi trên tòa.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân liền nhận hết các thứ đó rồi chú nguyện cho họ.

Lúc đó Bồ-tát Đàm-vô-kiệt sau bảy năm từ Tam-muội xuất, đến trên tòa cao, cùng ngồi chung với bốn vạn ức Bồ-tát. Số người ngồi đời trước họ rất đông. Khi ấy Bồ-tát Tátđà-ba-luân và năm trăm người con gái đều tung hoa, đồng thời đem bột thơm Chiên-đàn, bột thơm mật và đủ thứ trân bảo mịn tung lên Bồ-tát Đàm-vô-kiệt và các Bồ-tát. Trước các vị trên, họ đem đầu mặt lạy sát chân, rồi đi nhiễu quanh ba vòng, lùi về đứng yên. Họ chăm chú nhìn Bồ-tát Đàm-vôkiệt. Lúc ấy, quanh đại hội của Bồ-tát Đàm-vô-kiệt vuông vức bốn mươi dặm đều đầy cả người trong đó. Khi ấy Bồ-tát Đàmvô-kiệt xoay bốn hướng nhìn những người đến dự hội thì thấy

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân và năm trăm người con gái vì muốn được kinh pháp nên Bồ-tát Đàm-vô-kiệt đã vì Bồ-tát Tát-đà-ba-luân mà giảng nói Bát nhã Ba la mật.

Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nói:

–Thiện nam tử, ông hãy lắng nghe! Các kinh pháp đều bình đẳng, Bát nhã Ba la mật cũng đều bình đẳng như vậy.

Các kinh pháp trước sau không thể kể, Bát nhã Ba la mật trước sau cũng không thể kể như vậy.

Trí tuệ Như Lai không có gì ngăn ngại, Bát nhã Ba la mật cũng không có gì ngăn ngại như vậy.

Ví như người do ảo thuật biến ra thì vô hình, Bát-nhã ba-lamật cũng vô hình như vậy.

Ví như gió không có gì ngăn ngại, Bát nhã Ba la mật cũng không có gì ngăn ngại như vậy.

Các pháp trước sau không thể kể xiết, Bát-nhã ba-lamật cũng không thể kể xiết như vậy.

Tất cả ngã sở đều đoạn trừ hết nên vốn tịnh, Bát nhã Ba la mật cũng vốn tịnh như vậy.

Ví như trong chiêm bao cùng người con gái liếc mắt đưa tình vốn không, Bát nhã Ba la mật cũng vốn không như vậy.

Đối tượng được đặt tên vốn không, Bát nhã Ba la mật cũng vốn không như vậy.

Nê-hoàn của A-la-hán là không, là không sinh, Bát-nhã ba-lamật cũng là không, cũng là không sinh như vậy.

Như Lai Bát-nê-hoàn vốn bình đẳng không có khác, Bát nhã Ba la mật cũng vốn bình đẳng, không có khác như vậy.

Ví như đốt lửa, lửa tức thời diệt vốn không từ đâu lại và đi cũng không có chỗ đến, Bát nhã Ba la mật cũng vốn không từ đâu lại và đi cũng không có chỗ đến như vậy.

Ví như trong chiêm bao thấy núi Tu-di vốn không, Bát-nhã bala-mật cũng vốn không như vậy.

Ví như Phật hiện không thật có, Bát nhã Ba la mật hiện cũng không thật có như vậy.

Đời trước, vui sướng với nhau ở trong ái dục kể ra không thật có, Bát nhã Ba la mật kể ra cũng không thật có như vậy. Tên người và tiếng tăm không thật có, Như Lai cũng không thật có. Đối với việc thấy đời trước là sở tác của ý niệm rồi nhân đó mà thấy. Sở tác ý niệm của Bát-nhã bala-mật cũng vốn không thật có như vậy.

Ví như nhà ảo thuật hóa ra hình tượng vốn không thật có, Bát nhã Ba la mật cũng vốn không thật có như vậy.

Ví như hư không chính là không chỗ trụ, Bát nhã Ba la mật cũng chính là không chỗ trụ như vậy.

Ví như huyễn sư học biến hóa thì không điều gì mà không thấu đáo, Bát nhã Ba la mật cũng không điều gì mà không thấu đáo như vậy.

Quá khứ, vị lai, hiện tại cũng chẳng thể hợp làm một, Bát nhã Ba la mật không có quá khứ, vị lai, hiện tại, phải biết rằng danh vốn vô hình, tự vốn vô hình, Bát nhã Ba la mật cũng không có chỗ nào chẳng đến, cũng không có chỗ nào chẳng vào, cũng không chỗ đến, cũng không chỗ vào.

Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật thì không, không thật có. Ví như hư không không chỗ nào chẳng đến, không chỗ nào chẳng vào, mà cũng không có chỗ đến, cũng không có chỗ vào. Vì

sao? Vì hư không vốn không có hình tướng, Bát nhã Ba la mật cũng vậy. Bát nhã Ba la mật là như thế.

Bát nhã Ba la mật cũng vào với đất, cũng vào với nước, cũng vào với lửa, cũng vào với gió, cũng vào với không, cũng vào với kia, cũng vào với đây, cũng vào với sắc, cũng vào với thống dương, cũng vào với tư tưởng, cũng vào với sinh tử, cũng vào với thức, cũng vào với người, cũng vào với thọ mạng, cũng vào với sinh, cũng vào với có đức, cũng vào với không đức, cũng vào với dục, cũng vào với chẳng dục, cũng vào với có, cũng vào với không, cũng vào với tướng, cũng vào với vô tướng, cũng vào ở trong nguyện, cũng vào ở trong vô nguyện, cũng vào ở trong sinh, cũng vào ở trong bất sinh, cũng vào với mặt trời, cũng vào với mặt trăng, cũng vào với tinh tú, cũng vào với A-tu-luân, cũng vào với Rồng, cũng vào với Quỷ thần, cũng vào với Kiện-đa-la, cũng vào với Ca-lưu-lặc, cũng vào với Chân-đà-la, cũng vào với Ma-hầu-lặc, cũng vào với La-sát, cũng vào với Cưu-viên (loài quỷ thần thân to lớn), cũng vào với Bệ-lệ (ngạ quỷ), cũng vào với cầm thú, cũng vào với Nê-lê (địa ngục), cũng vào với loài bò bay, cũng vào với loài máy cựa, cũng vào với loài kỳ hành (bò bằng bụng), cũng vào với hơi thở, cũng vào với nghèo hèn, cũng vào với giàu sang, cũng vào với Hiền giả, cũng vào với Tiên nhân, cũng vào với Tu-đà-hoàn, cũng vào với Tư-đà-hàm, cũng vào với A-na-hàm, cũng vào với A-la-hán, cũng vào với Bíchchi-phật, cũng vào với Bồ-tát, cũng vào với Phật, cũng vào với Nêhoàn, cũng vào với bốn Ý chỉ, cũng vào với bốn Ý đoạn, cũng vào với năm Căn, cũng vào với bảy Giác ý, cũng vào với tám Thánh đạo, cũng vào với hữu trí, cũng vào với vô trí, cũng vào với mười Lực, cũng vào với bốn Vô sở úy, cũng vào với kinh Phật, cũng vào với kinh sách thế gian, cũng vào với đồng bóng, cũng vào với chẳng đồng bóng, cũng vào với túc mạng, cũng vào với sở hành, cũng vào với không sở hành, cũng vào ở trong sinh tử luân hồi, cũng vào với khổ sở, cũng vào với chẳng khổ sở, cũng vào với tự tại, cũng vào với chẳng tự tại, cũng vào với độ thoát, cũng vào với chẳng độ thoát, cũng vào ở trong tốt, cũng vào ở trong chẳng tốt, cũng vào ở trong thiện, cũng vào ở trong bất thiện, cũng vào ở trong thông tuệ, cũng vào ở trong chẳng thông tuệ, cũng vào ở trong sáng suốt, cũng vào ở trong chẳng sáng suốt, cũng vào với quá khứ, cũng vào với vị lai, cũng vào với hiện tại hôm nay, cũng vào với khả kiến, cũng vào với bất khả kiến, cũng vào với giáo, cũng vào với pháp, cũng vào với hữu, cũng vào với vô sở hữu, cũng vào với tất cả hữu hình, cũng vào với tất cả vô hình.

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

–So sánh như thế, Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nói với Bồ-tát Tát-đàba-luân về chỗ vào của Bát nhã Ba la mật. Nói như vậy bảy ngày đêm, nhưng người nghe kinh vẫn cảm thấy như chừng thời gian một bữa ăn. Vì sao? Vì ân huệ của thần lực Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Bồ-tát Tát-đà-ba-luân nghe giảng nói Bát nhã Ba la mật thì rất vui mừng hớn hở và năm trăm người cùng đem áo trời và tám trăm thạch đủ các thứ châu báu dâng lên cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Thích Đềhoàn Nhân đem hoa Ma-ha Văn-đà-la tung lên trên Bồ-tát Đàm-vô-kiệt và các Bồ-tát để tăng thêm công đức. Bấy giờ tất cả cây cối trong một cõi nước của chư Phật như cây làm thuốc, cây ăn trái, các cây đủ thứ báu thảy đều nghiêng gập thân lại lễ bái Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Trời mưa hoa mật hương. Mùi hương hoa này nghe được trong cả một cõi nước của chư Phật. Tất cả mọi người nghe hương của hoa này, mỗi người đều từ xa thấy Bồ-tát Đàm-vô-kiệt đang ngồi trên tòa cao

giảng nói kinh. Đồng thời họ còn thấy Bồ-tát Tát-đà-ba-luân và năm trăm người con gái. Lòng của mọi người đều vui vẻ dịu hiền, họ đều đảnh lễ Bồ-tát Đàm-vôkiệt từ xa, khắp trong đất nước đó đều chấn động. Bấy giờ mấy ngàn ức vạn người đều được vô số kinh pháp, chẳng thể kể xiết Bồ-tát đều đắc quả vị không thoái chuyển.

Con gái của ông trưởng giả và năm trăm người con gái đều bạch với Bồ-tát Tát-đà-ba-luân:

–Chúng tôi nguyện làm tôi tớ cho Bồ-tát. Nguyện đem thân mạng này tự hướng về Bồ-tát. Nguyện làm kẻ sai khiến của Bồ-tát. Cùng nhau đem năm trăm cỗ xe chở trân bảo của mình dâng lên cho Bồ-tát. Vì sao? Vì hôm nay Bồ-tát vì chúng tôi nên rất khổ sở. Chúng tôi cúng dường Bồ-tát như Phật, không có khác. Chúng tôi nhờ ân lớn của Bồ-tát mới được nghe những lời hay của tôn kinh không có một chút hoài nghi dù là lớn bằng sợi lông, cộng tóc. Hôm nay chúng tôi đem thân này làm kẻ sai khiến của Bồ-tát như thế, trải qua số kiếp mấy ngàn ức vạn kiếp còn chưa đủ để báo đền ân Bồ-tát trong chốc lát được nghe tôn kinh.

Lúc ấy Bồ-tát Tát-đà-ba-luân nhận hết năm trăm người con gái và năm trăm cỗ xe chở trân bảo. Vì đạo đức nên thọ nhận xong, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân muốn đem dâng lên cho Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Ông bạch với Bồ-tát Đàm-vôkiệt:

–Xin nguyện đem thân này tự dâng lên và đem năm trăm người con gái cùng năm trăm cỗ xe chở trân bảo dâng lên cho Đại sư. Xin Bồ-tát thương xót chúng con mà thọ nhận, sẽ khiến cho chúng con được công đức.

Khi đó Bồ-tát Đàm-vô-kiệt muốn cho Bồ-tát Tát-đà-baluân thành tựu công đức nên nhận hết năm trăm người con gái và năm trăm cỗ xe chở trân bảo. Bồ-tát nhận xong, đem trao trở lại cho Bồ-tát Tát-đà-ba-luân và nói:

–Ông hãy nhận lấy năm trăm người con gái làm kẻ sai khiến và năm trăm cỗ xe chở trân bảo.

Chư Thiên trên cõi trời Đao-lợi đều ngợi khen:

–Hay thay, hay thay! Những sở hữu của Bồ-tát Tát-đà-baluân đều dâng hết cho Thầy. Ý đó khó được!

Bấy giờ hàng trăm ngàn vạn ức Thiên nhân cùng đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt để nghe kinh. Lúc đó Bồ-tát Tátđà-ba-luân rất vui mừng hớn hở, liền ở ngay tại trên chỗ ngồi đắc sáu vạn môn Tam-muội.

Những Tam-muội đó là gì?

Tam-muội Nguyện lạc, Tam-muội Oai nghi, Tam-muội Khuyến đức, Tam-muội Nguyệt mãn, Tam-muội Nhật quang diễn, Tam-muội Như Lai hạnh, Tam-muội Tất niệm Phật, Tam-muội Bồ-tát sở hành, Tam-muội Nhạo trí tuệ, Tam-muội Độ thoát kiên trụ, Tam-muội Chư cảnh giới trung vô sở trụ, Tam-muội Quốc độ chủng chủng nghiêm nhập, Tam-muội Như Lai tướng vô tướng nhập, Tam-muội Thập phương nhân vô hình ấn phong, Tam-muội Như Lai xuất tọa, Tam-muội Vô sở úy lạc, Tam-muội Khí quyên trân bảo, Tam-muội Như Lai lực trang nghiêm, Tam-muội Chư kinh pháp tất minh lạc, Tam-muội Thuyết vô sở tùng lai giải sự, Tam-muội Tịnh như phạn nhân, Tam-muội Quá khứ vị lai hiện tại tất đẳng nhập, Tam-muội Bổn đoan đương lai đoan vô sở trụ, Tam-muội Trang nghiêm Phật tạng, Tam-muội Phật âm thanh hưởng tất thành. Ông đã đắc sáu vạn môn Tam-muội Như thế. Bồ-tát Tát-đà-ba-luân từ Tam-muội xuất thì đắc trí tuệ lực, nhập hết vào trong kinh pháp của các Bồ-tát.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân bạch với Bồ-tát Đàm-vô-kiệt:

–Xin Bồ-tát thuyết giảng về âm thanh của Phật sẽ do đâu mà biết được?

Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nói với Bồ-tát Tát-đà-ba-luân:

–Này Hiền giả! Ông hãy nghe cho rõ! Ví như cây đàn không hầu chẳng phải do một việc mà thành được. Nó phải có cây, có trụ, có dây tơ và có người động tay gảy lên. Âm diệu hay của nó tự tại, muốn gảy khúc điệu nào mà chẳng được.

Này Hiền giả! Ông muốn biết âm thanh của Phật thì cũng như thế. Bồ-tát bắt đầu phát tâm rồi đời đời tu hành, tạo tác công đức, đời đời giáo thọ, đời đời hỏi Phật sự… tập hợp các việc đó lại mới thành thân Phật. Âm thanh của Phật cũng giống như vậy. Những pháp ấy đều từ nhận duyên khởi, cũng chẳng thể từ hạnh Bồ-tát mà được, cũng chẳng thể từ thân Phật mà được, cũng chẳng thể lìa thân Phật mà được. Này Hiền giả! Muốn biết âm thanh của thân Phật thì hợp chung các việc đó thì mới đắc Phật.

Lại nữa, này Hiền giả! Ví như người giỏi thổi ống sáo dài. Âm diệu hay của ống sáo ấy cùng lời ca hòa nhập với nhau. Ống sáo ấy vốn làm bằng trúc, rồi có người khéo thổi, các việc ấy hợp lại thì tiếng sáo kia mới bi ai. Thành được thân Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng chỉ do một việc, chẳng do hai việc mà thành. Thành được thân đó là do ngần ấy hàng trăm hàng ngàn việc hoặc do nhiều đời tạo tác công đức. Bản nguyện đã đạt được cũng lại do nhiều đời dạy bảo cho người. Vì thế nên thành thân tướng của Phật và các vẻ đẹp hiện ra hết như vậy. Ví như sau khi Phật Bát-nê-hoàn, có người tạo hình tượng Phật. Mọi người thấy hình tượng Phật không ai chẳng quỳ lạy cúng dường vì tượng ấy đoan chính đẹp đẽ y như Đức Phật không có khác. Mọi người trông thấy, không ai chẳng xưng tán, không ai chẳng đem hương, hoa, lụa là năm màu sắc cúng dường. Hiền giả nói có thần ở trong bụng Phật ấy chăng?

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân đáp:

–Chẳng có thần ở trong bụng đó. Sở dĩ tạo tượng Phật là chỉ muốn cho mọi người được phước mà thôi. Chẳng do một việc mà thành tượng Phật, cũng chẳng do hai việc mà thành. Có vàng, có người thông tuệ, hoặc có người thấy Phật lúc còn tại thế, sau khi Phật Bát-nê-hoàn vì nghĩ nhớ đến Phật nên làm ra tượng, muốn khiến cho ở thế gian cúng dường để đạt phước.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân thưa với Bồ-tát Đàm-vô-kiệt:

–Sau khi Phật Bát-nê-hoàn nên tạo tượng vậy!

Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nói:

–Theo lời Hiền giả nói, thành thân Phật cũng giống như vậy chẳng do một việc, cũng chẳng do hai việc, mà do hàng trăm ngàn việc. Có người khi xưa vì cầu thành Phật nên tu hạnh Bồ-tát. Người đó hoặc thường thấy Phật và làm các công đức vì thế nên thành tựu được thân Phật, trí tuệ biến hóa, phi hành và thành các tướng tốt, thành Phật là như thế!

Này Hiền giả! Ông hãy nghe nữa. Ví như tiếng trống chẳng do một việc, chẳng do hai việc làm thành, phải có thợ, có da thuộc, có dùi, có người đánh thì mới phát ra tiếng.

Này Hiền giả! Muốn biết Phật chẳng do một việc, hai việc mà phải do ngần ấy ngàn vạn việc mới thành. Có người mới phát tâm có sáu hạnh Ba-la-mật, hiểu biết các pháp vốn không, pháp vốn không là việc không từ đâu sinh ra. Ngồi dưới cội cây hàng phục chúng ma, các kinh pháp thảy đều hiểu biết như huyễn không có khác vì thế nên thành tựu thân Phật.

Này Hiền giả! Ông hãy nghe nữa. Ví như vẽ người thì phải có vách, có màu, có họa sĩ, có bút, hợp các việc đó lại mới vẽ thành hình người được. Muốn biết thân Phật, chẳng do một việc, hai việc mà phải do trăm ngàn việc mới thành. Bồ-tát có bổn hạnh bố thí, có trì giới chẳng vi phạm mười việc thiện thường theo thầy lành, thường có tâm bình đẳng nghĩ đến mọi người ở khắp mười phương, không có người nào có thể phá hoại được, đời đời thấy Phật, nghe việc làm của hạnh Bồ-tát kiên trì chẳng quên, đời đời chẳng dua nịnh, thường hành chí thành. Này Hiền giả! Muốn biết thành thân Phật là như vậy đó!

Này Hiền giả! Ông hãy nghe nữa. Ví như chỗ dừng nghỉ của trời Sắc cứu cánh là Quán điện, ánh sáng của nó chiếu khắp trên trời hết sức đẹp đẽ. Điện ấy như điện xá trên trời cũng chẳng tự làm, cũng không có người đem lại, cũng không có người tạo tác, vốn không từ đâu lại, cũng không đi đến đâu, do nhân duyên sinh. Những Thiên nhân ấy vốn tạo công đức mà đạt được. Do họ ở thế gian này bố thí nên được sinh lên cõi ấy, dừng nghỉ tại trong điện xá. Do đó các vị ấy được hưởng dụng Thiên cung.

Này Hiền giả! Muốn biết nhân duyên sinh ra thân Phật thì do người thế gian muốn được thấy Phật, người ấy đời trước có công đức nên không bị sinh vào chỗ tám ác (bát nạn) mà người ấy còn được thông tuệ, tin Phật.

Này Hiền giả! Muốn biết thành thân Phật thì thân Phật vốn không từ đâu lại cũng không chỗ đến, không có người tạo tác, cũng không có người đem đến, vốn không có hình, cũng không có dính mắc như cung điện trên trời Sắc cứu cánh. Sở dĩ Phật hiện thân là vì muốn độ thoát mọi người ở thế gian.

Này Hiền giả! Ông hãy nghe nữa. Ví như tiếng vang trong núi chẳng do một việc, chẳng do hai việc có thể thành, mà phải có núi, có người, có tiếng gọi, có tai nghe, tập hợp các việc ấy lại mới thành tiếng vang.

Này Hiền giả! Muốn biết thành thân Phật thì cũng giống như vậy, không có hình, cũng không có dính mắc, do nhân duyên sinh, đời đời thấu hiểu nghĩa không, tu tập về không.

Tất cả sinh tử, không sinh tử đều là nhân duyên. Trí tuệ Phật hiểu rõ vốn không có sinh tử, vốn cũng không có Bát-nêhoàn. Phật thị hiện ở thế gian này thuyết pháp như thế. Này Hiền giả! Muốn biết thân Phật là như thế đó.

Này Hiền giả! Ông hãy nghe nữa. Ví như nhà ảo thuật hóa ra một người đoan chánh đẹp đẽ như là Chuyển luân thánh vương không có khác. Mọi người nghe lời vua nói, không ai là không hân hoan. Nếu có người cầu xin vàng bạc thì vua cho vàng bạc với lòng thương yêu quý trọng, người cần áo chăn thì cho áo chăn. Thánh vương ở trong mọi người, vua ngồi, đứng, bước đi đều an tường. Mọi người nhìn thấy không ai chẳng cung kính lễ bái. Người do ảo thuật hóa ra chẳng do một việc, hai việc làm thành mà phải có chú thuật, có người tụ hội, theo sự vui thích của người mà hóa hiện. Trong số đó có người thông tuệ đều biết đó là người được biến hóa ra. Sự hóa hiện này không từ đâu lại cũng không chỗ đến. Biết nó vốn không chỉ do biến hóa làm ra. Người thông tuệ tuy cung kính lễ bái mà chẳng đắm trước.

Này Hiền giả! Muốn biết thành thân Phật là do nhân duyên làm ra như vậy, do hàng trăm ngàn việc hợp chung mà thành. Có hạnh Bồ-tát, có công đức, có tùy hỷ công đức khiến cho mọi

người ở khắp mười phương được an ổn, đầy đủ nguyện của Bồ-tát. Muốn biết thành thân Phật là như vậy đó.

Này Hiền giả! Muốn biết Đức Phật vì người nên đã phân bố kinh, trao cho vô số người mà mỗi mỗi đều khiến họ hành thiền Tam-muội, tư duy phân biệt. Phật vì người mà thuyết kinh mỗi mỗi đều khiến cho họ học. Như vậy chư Thiên, nhân dân nghe pháp không ai chẳng vui mừng. Trong số đó có người kiêu ngạo, có người chẳng biết hổ thẹn, có người dâm loạn, có người tham lam keo kiệt, có người ngoan cố, có người tự dụng, có người ưa chiến đấu, có người chẳng chịu nghe lời can gián, có người bị dâm, nộ, si che phủ, có người làm ác chẳng thể kể xiết. Đức Phật đoan chánh đẹp đẽ ở giữa mọi người ngồi, đứng, bước đi an ổn. Đức Phật là bậc đã dứt hết các điều ác, chỉ có các đức. Đức Phật đều khiến cho mọi người được an ổn. Đức Phật cũng tự làm Phật sự. Đức Phật vốn tự rỗng không, không có đắm trước. Như người do ảo thuật hóa ra, cũng vậy, Bồ-tát hiện thân đoan chánh đẹp đẽ, tuy thấy đó mà không đắm trước, cũng không có các ý tưởng, tuy biết đó không thật mà vẫn cung kính lễ bái, cúng dường không cùng cực.

Này Hiền giả! Muốn biết chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại hôm nay đều từ hàng ngàn vạn việc, mỗi mỗi đều do nhân duyên sinh. Bồ-tát phải nghĩ như thế, phải tu tập như thế, phải giữ gìn như thế. Bồ-tát hành như thế thì mau được thành Phật. Lúc Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nói về thân Phật thì bốn vạn tám ngàn Bồ-tát liền hiểu được hạnh tận tín, trăm ức Bồ-tát đều được các pháp Đà-lân-ni, hai trăm ức Bồ-tát được khả năng giải đáp mọi nghi vấn không chút ngần ngại, bốn trăm ức Bồ-tát đều đắc Bồ-tát không thoái chuyển, tám vạn ức Bồ-tát đều đắc A-xà-phù hành trụ pháp. Bấy giờ trời mưa hoa Văn-đà-la, hoa Ma-ha Văn-đà-la lên trên Bồ-tát Đàm-vôkiệt và các Bồ-tát.

Bồ-tát Đàm-vô-kiệt vận dụng oai thần khiến cho các thứ âm nhạc trong khắp cả cõi nước Phật đều tự trổi lên. Hàng ngàn vạn Thiên nhân từ trong hư không tung thiên y như mưa lên trên Bồ-tát Đàm-vô-kiệt và các Bồ-tát. Chư Thiên trong hư không trổi âm nhạc chung với Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Rất nhiều Thiên y ngay hàng thẳng lối che trùm cả cõi nước Phật. Hương mật cõi trời được đốt lên phân tán khắp nơi. Đất đai trong một cõi nước Phật đều rung động. Các Bồ-tát đều thấy vô số Đức Phật ở khắp mười phương. Đồng thời chư Phật từ xa ngợi khen Bồ-tát Đàm-vô-kiệt rằng: “Hay thay, hay thay!”

Lúc đó các Đức Phật thọ ký cho Bồ-tát Tát-đà-ba-luân sẽ được thành Phật ở đời vị lai, hiệu là Ca-ma-ca-đề-pha-la-da Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Khi vị ấy thành Phật chính hiệu là như vậy. Năm trăm người con gái về sau dần dần cũng được thành Phật. Như vậy thì vào đời Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, năm trăm người con gái liền hóa thành nam tử. Về sau, họ đời đời được sinh ra chẳng lìa cõi nước chư Phật. Bồ-tát Tát-đà-ba-luân và năm trăm người con gái đời đời thường có tài cao thường giáo hóa người trong thiên hạ.

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Nếu có Bồ-tát đang muốn được thành Phật hoặc thấy Đức Phật đang tại thế hoặc sau khi Phật Bát-nê-hoàn mà muốn tìm cầu Bát nhã Ba la mật thì phải thường tinh tấn, phải thường cung kính Bát nhã Ba la mật, phải như Bồ-tát Tát-đàba-luân đó.

QUYỂN 10

Phẩm 30: CHÚC LỤY

Đức Phật lấy tay vỗ vai A-nan ba lần và nói với A-nan:

–Ta chúc lụy cho ông Bát nhã Ba la mật, hãy ghi nhớ kỹ càng. Này A-nan! Bát nhã Ba la mật này đã chúc lụy cho ông. Ông phải ghi nhớ kỹ càng tỏ rõ từng chữ, ghi chép kỹ càng tỏ rõ chớ để thiếu sót. Lúc biên chép phải nhìn kỹ, chớ ngó tả hữu. Tất cả đều e sợ đang lúc làm việc này có trở ngại. Hãy kỹ càng đừng để kinh này bị thiếu sót một chữ.

Này A-nan! Ta chúc lụy cho ông Bát nhã Ba la mật này. Vì sao? Này A-nan! Vì kinh này là kinh tạng vô tận của các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quá khứ, vị lai, hiện tại. Kinh này trấn các pháp, các kinh khác đều từ kinh này sinh ra. Này Anan! Các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quá khứ, vị lai, hiện tại hôm nay đã vì mọi người giảng nói kinh, đã làm ra kinh quyển chẳng thể kể xiết và đủ thứ trí tuệ khác. Bao nhiêu thứ kinh điển mà mọi người thấy được thì đem lại bấy nhiêu sự hoan hỷ, mỗi người đều theo đó tu hành. Những điều nói về con đường vào trí tuệ của mọi người là những điều Đức Phật quá khứ, vị lai, hiện tại hôm nay nói. Tất cả những kinh pháp ấy đều xuất phát từ trong tạng Bát-nhã bala-mật.

Này A-nan! Ngần ấy thứ tướng được thấy, đủ thứ sở hành, ngần ấy thứ căn cơ, ngần ấy thứ thông minh, ngần ấy thứ ngu si, ngần ấy thứ trí tuệ. Tất cả mọi sự mong cầu cho đến sự mong cầu về trí tuệ của mọi người, Như Lai đều biết là từ trong Bát-nhã bala-mật sinh ra.

Này A-nan! Bát nhã Ba la mật là mẹ của Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Các trí tuệ sáng suốt đó, thân ta đó đều từ trong Bát nhã Ba la mật sinh ra.

Đức Phật bảo A-nan:

–Ông kính lời của ta. Nếu kính ái thừa sự ta thì tự thân ông đã cung kính đối với Phật, ông có lòng kính yêu đối với Phật, ông có lòng hiếu thuận đối với Phật. Mọi sự cung kính đối với Phật, ông đem lòng kính yêu hiếu thuận này cung kính đối với Bát-nhã ba-lamật. Như vậy, này A-nan! Ông cung kính pháp này tức là đã cúng dường chư Phật rồi.

Này A-nan! Ta đem pháp này phó chúc cho ông. Những điều ông phải làm đều đã làm rồi. Thân ông cũng có kính yêu, miệng ông cũng có kính yêu, tâm ông cũng có kính yêu. Ông có lòng hiếu thuận đối với Phật, chẳng nói không có hiếu thuận. Thân ông thường được gặp Phật đúng lúc, chẳng nói chẳng đúng lúc. Miệng ông thường nói đúng như pháp, chẳng nói chẳng đúng như pháp. Tâm ông thường tịnh khiết không có vết nhơ. Ông thấy Phật, chẳng nói chẳng thấy Phật, như vậy là ông đã báo ân Phật rồi. Ta nói với ông, này Anan! Ở trong Bát nhã Ba la mật này quên mất một chữ, mà ông bỏ, ông buông đi chẳng chép thì ông không có lòng hiếu thuận đối với Phật. Ông chẳng còn được thấy ta nữa.

Này A-nan! Ông đã không còn vâng theo lời Phật dạy.

Này Anan! Ông đã chẳng còn thừa sự ta nữa.

Đức Phật nói với A-nan:

–Sự cung kính của ông đối với Phật từ trước đến nay hoàn toàn không còn là cúng dường Phật nữa. Nếu như từ trong Bát nhã Ba la mật mà quên mất một câu, một lời rồi bỏ qua thì đã là bội ân Phật.

Đức Phật bảo A-nan:

–Ông phải ghi nhớ kỹ càng Bát nhã Ba la mật này, phải đem lòng kính yêu hiếu thuận đối với Phật mà đối với giáo pháp này.

Ông phải vì tất cả giáo pháp của các Đấng Thiên Trung Thiên quá khứ, vị lai, hiện tại mà cúng dường. Nếu các Bồ-tát thực hiện lòng thương rộng lớn đối với các hữu tình thì ông phải coi các vị ấy như Phật. Ông cung kính pháp của chư Phật là ông đã gần gũi hộ trì Phật tạng. Ông phải ghi nhớ kỹ càng như thế đối với Bát nhã Ba la mật. Ông phải nắm lấy kỹ càng chớ để sót mất một chữ. Sau khi Phật Bát-nê-hoàn, ông phải hộ trì kinh này chớ để thiếu sót. Ông phải đem trao Kinh tạng của chư Phật này cho Đại Bồ-tát.

Này A-nan! Chính tay ta giao phó cho ông. Ông phải đem trao cho Đại Bồ-tát thọ trì pháp này.

Này A-nan! Công đức của Bồ-tát tạo ra phá tan lao ngục sinh tử đau khổ. Những kẻ vô tri bị trói buộc đều được giải cứu. Các ma và bè lũ của chúng đều bị hàng phục. Các pháp thuộc về dục đều bị trừ khử. Vị ấy chinh thức bước lên chỗ ngồi của Phật làm Đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đã thành Phật đạo thì khai giải cho kẻ không mù tối, kẻ ngu si. Đức Phật nói với A-nan:

–Đó là đại đạo chinh yếu bậc nhất, không có cái đạo chinh yếu thứ hai, đó là trí tuệ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đó là yếu quyết Bát nhã Ba la mật.

Đức Phật nói với A-nan:

–Sau khi ta Bát-nê-hoàn, ông giáo hóa hết dân chúng trong khắp tam thiên đại thiên thế giới vào trong kinh pháp, đều khiến họ thành tựu được đạo A-la-hán. Mỗi ngày ông giáo hóa số người như thế trải qua một kiếp hoặc một trăm kiếp. Ông vì họ giảng nói kinh pháp khiến cho họ được Bát-nê-hoàn. Tuy thế, ông thường chẳng thừa sự đầy đủ đối với ta, chẳng bằng ông đem một câu trong Bát nhã Ba la mật dạy Bồ-tát học. Ông làm như thế là thừa sự Phật đầy đủ, là cúng dường đầy đủ. Đức Phật dạy:

–Hôm nay ở đây ta khen ngợi ông, chúc lụy Bát-nhã ba-lamật đến một kiếp, trăm kiếp cũng chẳng thể nói hết. Ta nay chỉ nói đại khái mà thôi.

Đức Phật nói với A-nan:

–Hôm nay ta hỏi ông, ông phải trả lời.

Đức Phật từ trong ca-sa đưa ra cánh tay sắc vàng. Ngài đưa bàn tay hữu đặt lên đầu A-nan, xoa đầu A-nan rồi đặt tay lên vai A-nan và nói:

–Này A-nan! Thế nào, ông có lòng kính yêu đối với Phật chăng?

A-nan thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, tự Ngài phải biết!

Hỏi đáp như vậy đến ba lần.

Đức Phật lại hỏi A-nan:

–Này A-nan! Thế nào, ông có lòng hiếu thuận đối với Phật chăng?

A-nan thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, tự Ngài phải biết!

Hỏi đáp như vậy đến ba lần.

Đức Phật bảo:

–Đúng vậy, này A-nan! Ông có lòng kính yêu đối với Phật. Vì để báo ân Phật, này A-nan! Ông phải hết sức tôn trọng cung kính Bát nhã Ba la mật. Ông phải kính yêu đối với từng câu kinh này. Từng câu ghi nhớ trong lòng phải thật rõ ràng. Những ý nghĩ khác ở trong lòng đều phải bỏ hết. Hãy đặt hết tâm ý vào Bát-nhã ba-lamật mà chép kinh này ngay từ chữ đầu tiên. Khi có người thọ trì, người học tập thì ông phải truyền trao kỹ càng cho Đại Bồ-tát. Ông phải trao cho họ kinh quyển bằng giấy lụa bền đẹp, chép khéo, câu kinh trên dưới tương xứng. Lúc biên chép phải chọn bút tốt, chép trên giấy lụa đẹp. Phải tự hướng về kinh quyển thừa sự, lễ bái, cúng dường bằng hương bột thơm quý, hương tạp, trạch hương, lụa là năm màu sắc, lọng đẹp, cờ phướn… Tất cả như hương của cõi trời hòa lẫn trong dầu mè. Dầu mè tinh khiết, bấc đèn tốt, tự hướng về Bát nhã Ba la mật rồi cúi lạy đầu mặt sát đất, rồi lui về thắp đèn lên, càng thêm cung kính, lễ bái, thừa sự.

Khi nói kinh Bát nhã Ba la mật này, Đức Phật ngồi ở chính giữa các đệ tử trong núi Kỳ-xà-quật gần thành Laduyệt-kỳ.

Đức Phật thành đạo năm ba mươi tuổi, ngày rằm tháng chạp, sau bữa ăn, Ngài nói kinh xong, các đệ tử, các Bồ-tát, chư Thiên, các A-tu-luân, các Rồng, Quỷ thần, các dân chúng đều rất hân hoan đảnh lễ Phật rồi lui về.

HẾT

(Kinh "Đạo Hành Bát Nhã")

---o0o---

(Tạng Thư Phật Học)

6. KINH "ĐẠI MINH ĐỘ"

Đại Tạng Kinh Việt Nam mang số 0225, 6 quyển, Cư sĩ Chi Khiêm, người nước Nguyệt Chi, Đời Nam Ngô, dịch từ Phạn sang Hán. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh dịch từ Hán sang Việt.

---o0o---

QUYỂN 1
Phẩm 1: THƯỢNG HẠNH

Nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật du hóa ở nước Kê thuộc nước Vương xá, cùng với chúng đại Tỳ-kheo nhiều không thể tính kể, ngài Thiện Nghiệp là bậc nhất và vô số chúng Đại Bồ-tát. Ngài Kính Thủ là bậc Thượng thủ.

Lúc bấy giờ nhằm ngày mười lăm trăng tròn, Đức Phật bảo Hiền giả Thiện Nghiệp:

–Này Thiện Nghiệp! Chúng Đại Bồ-tát nhóm họp vì muốn ông nói về Minh độ vô cực của Bồ-tát Đại sĩ, muốn thực hành đạo lớn đều bắt nguồn từ đây.

Bấy giờ, Thu Lộ Tử suy nghĩ: "Không biết Hiền giả này nói về đạo Minh độ là tự sức mình hay nhờ ân đức của Phật Thánh?" Biết ý niệm ấy, Thiện Nghiệp đáp:

–Thưa ngài! Những điều đệ tử Phật nói đều nhờ vào Như Lai Đại sĩ mà làm cả. Vì sao? Vì từ Đức Phật nói pháp nên có Hiền giả nam, Hiền giả nữ học pháp đạt được ý pháp, cho là chứng đắc.

Những lời giải thích, dạy bảo, trình bày của những vị đã chứng đắc đó tất cả đúng như pháp, không có tranh cãi. Vì sao? Vì Như Lai nói pháp làm những người này ưa thích mới truyền dạy cho những người trong dòng tộc đúng như ý kinh, không có tranh cãi.

Thiện Nghiệp nói:

–Như Đức Thế Tôn dạy, muốn nói Đại trí tuệ độ của Bồ-tát, muốn thực hành đạo lớn đều bắt đầu từ đây. Thể của đạo là Bồ-tát, là trống không, thì đạo này cũng là Bồ-tát, cũng là trống không.

Pháp nào bề ngoài là Bồ-tát? Đó là không thấy Phật pháp có pháp nào là Bồ-tát. Đối với đạo này, tôi không thấy, không đắc, cũng như Bồ-tát không thể thấy, Trí tuệ độ vô cực cũng không thể thấy được.

Nếu không thể thấy được thì làm sao có Bồ-tát mà nói Trí tuệ độ vô cực. Nếu nói như thế thì ý chí của Bồ-tát không thay đổi, không xả bỏ, không kinh, không sợ. Không phải do sợ mà chấp nhận, không mệt mỏi không ngừng nghĩ, không chán ghét khó khăn, đó là Minh độ vi diệu, tương ưng với nó để phát ra hành động, nên gọi là người tùy giáo.

Lại nữa, Bồ-tát Đại sĩ thực hành Minh độ vô cực nên học pháp này. Nếu vị nào thọ nhận pháp này không nên nghĩ là ta biết ý đạo. Vì sao? Vì ý đó chẳng phải ý thanh tịnh, ý sáng suốt.

Hiền giả Thu Lộ Tử hỏi:

–Vì sao có ý đó lại là ý chẳng phải ý?

Hiền giả Thiện Nghiệp trả lời:

–Thưa Hiền giả! Nếu chẳng phải ý thì là hữu hay là vô, điều đó có được không?

Hiền giả Thu Lộ Tử đáp:

–Không được.

Hiền giả Thiện Nghiệp thưa:

–Nếu chẳng phải ý thì hữu và vô, đều không thể được; đã không thể được thì không thể chứng minh và khi hợp với tương ứng này thì đâu có ý nào là ý chẳng phải ý?

Hỏi:

–Như vậy cái gì gọi là chẳng phải ý?

Hiền giả Thiện Nghiệp thưa:

–Đó là vô vi, không tạp niệm.

Hiền giả Thu Lộ Tử nói:

–Lành thay, lành thay! Đức Phật khen ngợi Hiền giả nói hạnh cao sâu thật là bậc nhất.

Bồ-tát thọ nhận đạo Vô thượng Chánh chân này không thoái chuyển, quán sát không ngừng. Minh độ vô cực là nhờ biết pháp này. Muốn học địa vị đệ tử nên nghe kinh này, chọn lấy rồi vâng giữ hành trì. Muốn học địa vị Duyên giác hay học địa vị Phật nên nghe kinh này, chọn lấy rồi vâng giữ hành trì. Vì sao? Vì Minh độ nói pháp rất rộng lớn. Đây là sở học của Bồ-tát Đại sĩ.

Hiền giả Thiện Nghiệp bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Con cho là Bồ-tát không thể thấy, cũng gọi là không thể được.

Lại nữa, điều khuông chánh là việc không thể thấy, không thể được, thì tại sao Bồ-tát nói pháp? Như vậy, bạch Đức Thế Tôn! Điều nghi ngờ có nêu lên ta và muôn vật không thể được, của cải hao phí đều chẳng có được, nhưng gọi là Bồ-tát, cho đến Phật cũng là tên gọi mà thôi, nhưng không trụ, không phải không trụ. Vì sao? Vì tên gọi không thật có, cho nên nói là không trụ, không phải không trụ. Nếu làm Bồ-tát thì giảng nói ý sâu của Minh độ không dời đổi, không xả bỏ, không mỏi mệt, không dừng nghỉ, không chán ghét khó khăn, không kinh, không sợ, không phải do sợ mà chấp nhận. Vì hiểu rõ thể mà nhập vào tánh. Đây là trụ vào địa vị không thoái chuyển, thích ứng với vô xứ, nên biết điều đó.

Vi diệu thay, bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát tu hành Minh độ vô cực không trụ trong sắc. Đối với thọ, tưởng, hành không trụ trong thức. Vì sao? Vì trụ vào sắc là tạo sắc hành, trụ vào thọ, tưởng, hành là tạo thức, không phải đúng pháp lãnh thọ. Minh độ vô cực không cho rằng tạo hành là pháp đáng lãnh thọ. Thọ như vậy chắc chắn không đầy đủ Minh độ vô cực, rốt cuộc không được trí Nhất thiết.

Hiền giả Thu Lộ Tử hỏi:

–Bồ-tát thực hành những gì mà thọ Minh độ?

Hiền giả Thiện Nghiệp thưa:

–Do không chấp sắc, không chấp thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì sắc không phải là thọ kia. Còn thọ, tưởng, hành, thức cũng không có thọ kia. Nếu sắc không phải là thọ kia thì chẳng phải sắc; còn thọ, tưởng, hành, thức không có thọ kia là chẳng phải thức. Đạo Minh độ không có thọ kia. Vì sao? Vì thọ của ta như chấp lấy bóng không thật có. Đây là thực hành Minh độ vô cực. Đây gọi là định không thọ các pháp rộng lớn vô lượng của Bồ-tát Đại sĩ. Tất cả đệ tử Duyên giác không thể thọ trì được.

Lại nữa, trí Nhất thiết cũng không có thọ kia. Vì sao? Vì không có tưởng thấy. Nếu có tưởng thấy, cuối cùng không có được pháp này (Minh độ vô cực). Nếu tin vào dị học ngoại đạo khác cũng không được trí Nhất thiết. Ngoại đạo kia tin hiểu học đạo nhập vào tuệ cũng không chấp lấy sắc, không chấp lấy thọ, tưởng, hành, thức. Không từ sắc thấy tuệ, không ở ngoài sắc thấy tục, không ở trong ngoài sắc thấy tuệ, không ở trong sắc thấy tuệ, không nhờ vào sắc khác thấy tuệ. Đối với thọ, tưởng, hành như trên đã nói, không từ nói thức, không nhờ vào trong ngoài thức khác mà thấy tuệ.

Như vậy, rốt cuộc từ tin hiểu địa vị của đạo, cân nhắc ý pháp cho là giải thoát thì không có thọ, không có thu hoạch. Đã hiểu được độ rồi thì Minh độ không phải là trí tưởng. Như vậy, bạch Đức Thế Tôn! Tuy Bồ-tát đối với đạo này không chấp lấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cũng không đối với trung đạo diệt độ nên có đủ mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng của Như Lai.

Lại nữa, Bồ-tát Đại sĩ thực hành Minh độ vô cực phải quán sát ở đây, đó là những trí tuệ gì? Cái gì là Minh độ? Vì sao nói các pháp không do đâu có được, nên gọi là Minh độ vô cực? Như vậy, quán sát, suy nghĩ không kinh không sợ, không dời đổi, không mỏi mệt. Như thế Bồ-tát thực hành Minh độ vô cực không dừng nghỉ nửa chừng nhờ biết được việc ấy.

Hiền giả Thu Lộ Tử hỏi:

–Vì sao Bồ-tát biết mình dừng nghỉ, hay biết đối với sắc bãi bỏ bổn tánh sắc; đối với thọ, tưởng, hành bãi bỏ bổn tánh thức? Minh độ vô cực bãi bỏ bổn tánh thức; Minh độ vô cực bãi bỏ bổn tánh trí?

Hiền giả Thiện Nghiệp thưa:

–Đúng vậy, thưa Hiền giả! Họ đối với sắc bỏ sắc tự nhiên; đối với thọ, tưởng, hành, bỏ thức tự nhiên. Minh độ vô cực bỏ thức tự nhiên, Minh độ vô cực bỏ trí tự nhiên. Ai thực hành đạo này đều dứt bỏ trí. Trí tự nhiên bỏ rồi thì tưởng bỏ, tưởng tự nhiên cũng bỏ luôn.

Hiền giả Thu Lộ Tử khen:

–Hay thay, hay thay! Người học pháp này chắc chắn sinh ra trí Nhất thiết.

Hiền giả Thiện Nghiệp thưa:

–Đúng vậy! Bồ-tát học pháp này thì phát sinh trí Nhất thiết. Vì sao? Vì họ đối với các pháp không xuất, không sinh. Học như thế cho nên đạt được địa vị Phật.

Lại nữa, kỳ diệu thay Hiền giả! Bồ-tát thực hành Minh độ vô cực, hoặc hành sắc là tưởng hành, hoặc hành sắc tự xem là tưởng hành, hoặc hành sắc không tự xem là tưởng hành, hoặc hành sắc phát triển là tưởng hành; hoặc hành sắc bại hoại là tưởng hành; hoặc hành sắc tiêu mất là tưởng hành; hoặc hành sắc tư duy là tưởng hành; hoặc hành sắc trống không là tưởng hành;

hoặc hành sắc chẳng phải thân là tưởng hành? Thọ, tưởng, hành, thức như trên đã nói đều là tưởng hành.

Nếu thức là có thì ta sẽ hành dục được. Nếu hành là có thì hành như thế, như thế chỉ là hành động suy nghĩ. Đạo này chính là Bồ-tát Đại sĩ, là thực hành được hành của tưởng, không khéo dùng phương tiện quyền biến để bỏ Minh độ vô cực.

Thu Lộ Tử hỏi:

–Bồ-tát thực hành thế nào là hành vô tưởng vô đắc, dù có phương tiện quyền biến nhưng không bỏ Minh độ vô cực?

Thiện Nghiệp thưa:

–Không hành sắc, không hành sắc tự tiện, không hành sắc phát triển, không hành sắc bại hoại, không hành sắc diệt mất, không hành sắc tưởng, không hành sắc rỗng không, không hành sắc chẳng phải thân. Thọ, tưởng, hành, thức như trên đã nói, không có ta sẽ được thực hành hạnh ấy. Không có thực hành như vậy, suy nghĩ như vậy là suy nghĩ thực hành đạo này. Như vậy, thực hành Bồ-tát Đại sĩ là hành vô tưởng vô đắc, là có phương tiện quyền biến nhưng không bỏ Minh độ vô cực.

Lại nữa, Bồ-tát Đại sĩ thực hành Minh độ vô cực đối với việc này không gần gũi là không thực hành, không gần gũi thực hành, không thực hành, không gần gũi cũng không thực hành, ở đây không thực hành, ở đây không gần gũi thực hành, ở đây không gần gũi không thực hành, ở đây cũng không gần gũi, đối với hành, không hành, đối với không gần gũi không hành, đối với không hành chẳng phải không hành, đối với không gần gũi.

Thu Lộ Tử hỏi:

–Vì sao không gần gũi?

Thiện Nghiệp thưa:

–Nếu các pháp không có chỗ gần gũi thì không do đâu mà độ, đó gọi là định vô độ của tất cả các pháp dẫn đường rộng lớn vô lượng của Bồ-tát Đại sĩ. Tất cả đệ tử Duyên giác không thể hành trì được. Vị nào thực hành định này mau được đạo Vô thượng chánh chân vì đều biết nương vào tông chỉ của Phật Thánh.

Thiện Nghiệp nói:

–Bồ-tát Đại sĩ lễ bái Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác Phật thuở xưa rồi mới thực hành định này. Thọ ấy không thấy, không thấy là định, người ấy đối với định không biết ta lãnh thọ định, ta đã có định, ta nương vào định. Ở trong định này các vị ấy không rõ tất cả.

Thu Lộ Tử hỏi:

–Tại sao thuở xưa Bồ-tát được Đức Như Lai thọ ký sẽ được thành Phật? Các vị ấy có khả năng được định, đó có phải là định không?

Thiện Nghiệp thưa:

–Không phải! Vì sao? Vì như người thiện nam kia thực hành

Minh độ vô cực không phải không có tưởng. Vì sao? Vì không biết rõ ràng nên cho là định, chẳng phải tưởng, chẳng phải không tưởng.

Đức Phật dạy:

–Lành thay, lành thay! Thiện Nghiệp nói hạnh cao sâu là biện luận bậc nhất. Bồ-tát Đại sĩ nên học pháp này. Như thế là học Minh độ vô cực.

Thu Lộ Tử hỏi:

–Bạch Đức Thế Tôn! Phật đã học như thế? Người học đạo trí tuệ phải học pháp nào?

Đức Phật dạy:

–Nếu ai học như thế là pháp vô sở học của Bồ-tát. Vì sao? Vì nếu không biết rõ ràng pháp này thì giống như người ngu hay chấp trước.

Thu Lộ Tử hỏi:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nên dùng pháp nào để biết rõ pháp này?

Phật dạy:

–Phải biết về bất minh, nghĩa là biết rõ cái không có gì để biết.

Kẻ phàm ngu hay chấp trước nên muốn biết rõ lại không biết rõ. Do bất minh làm trở ngại đôi bên. Không biết, không thấy, không hiểu pháp Tứ đế mà muốn có pháp rồi từ pháp suy nghĩ sẽ chấp trước vào danh sắc. Vì chấp trước mà không biết pháp này không dùng pháp thông minh. Đã không thấy biết cũng không suy nghĩ, không quán không xét cho nên rơi vào ngu muội, bèn không tin, không hiểu, không thực hành, cho nên gọi là phàm ngu chấp trước.

Thu Lộ Tử hỏi:

–Bạch Đức Thế Tôn! Chấp học như vậy, Bồ-tát Đại sĩ không học trí Nhất thiết ư?

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy! Học như vậy thì không học trí Nhất thiết. Như vậy mới hiểu rõ học trí Nhất thiết có khả năng vượt ngoài tất cả pháp.

Thiện Nghiệp thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Như Thế Tôn dạy, đây là người làm ảo thuật học trí Nhất thiết. Đã học trí Nhất thiết mới vượt ngoài các pháp. Như vậy, đúng ra nên gọi nó như thế nào?

Đức Phật dạy:

–Ta nhân đây hỏi về sự hiểu biết của ông.

Thiện Nghiệp thưa:

–Rất hay, bạch Đức Thế Tôn!

Đức Phật dạy:

–Thế nào, huyễn và sắc có khác nhau không?

Thiện Nghiệp thưa:

–Thưa không, bạch Đức Thế Tôn!

Đức Phật hỏi:

–Huyễn và thọ, tưởng, hành, thức có khác nhau không?

Thiện Nghiệp thưa:

–Thưa không, bạch Đức Thế Tôn! Sắc giống như huyễn. Thọ, tưởng, hành, thức cũng giống như huyễn.

–Thế nào, Thiện Nghiệp, nói tưởng trong đây biết lập hạnh năm ấm nên thành Bồ-tát.

Thiện Nghiệp thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát học giống như người làm ảo thuật. Trong đây giữ gìn như ảo thuật tức là năm ấm. Vì sao? Vì như Đức Phật dạy: Thức như huyễn, như thức này, sáu căn cũng vậy, vì sao ý huyễn là ba cõi. Như ba cõi tức là sáu căn, năm ấm.

Thu Lộ Tử thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát nghe việc này không còn biếng nhác nữa phải không?

Đức Phật dạy:

–Nếu bị bạn xấu lôi kéo thì, chắc chắn sẽ biếng nhác, còn như gặp bạn lành, thì sẽ không biếng nhác.

Thiện Nghiệp bạch Phật rằng:

–Bạch Đức Thế Tôn! Làm sao biết là bạn xấu của Bồ-tát?

Đức Phật dạy:

–Họ không ưa thích Minh độ vô cực, muốn vứt bỏ hình tướng ngu si, tự tiện trang sức trái với trí tuệ cao sâu, lại còn giảng nói kinh đạo. Nên biết đây là bạn xấu của Bồ-tát.

Thiện Nghiệp thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là bạn lành của Bồ-tát?

Đức Phật dạy:

–Người chưa phát sinh Minh độ vô cực thì khuyến khích học hỏi, nhưng phải hướng dẫn để họ đi vào đạo này. Hiện hạnh tà cho họ thấy để nói về cái hại của tà. Hạnh tà này là cái hại của tà, làm cho xa lìa đạo này. Nên biết, đây là bạn lành áo giáp của Bồ-tát Đại sĩ thệ nguyện rộng lớn.

Thiện Nghiệp lại hỏi:

–Bạch Đức Thế Tôn! Vậy thì gọi đạo nhân là Bồ-tát, cú nghĩa ấy như thế nào?

Đức Phật dạy:

–Cái gọi là Bồ-tát thì tất cả các pháp học không có trở ngại. Đã học không trở ngại thì có khả năng vượt khỏi các pháp, cho nên gọi là Bồ-tát.

Thiện Nghiệp thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Còn ý nghĩa của Đại sĩ là thế nào?

Đức Phật dạy:

–Đại sĩ là người có khả năng nhóm họp nhiều người, giáo hóa đạo lớn cho họ, nên gọi là Đại sĩ.

Thu Lộ Tử thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Con cũng thích làm Đại sĩ. Đối với việc thấy thân, thấy tánh, thấy mạng, thấy người, thấy trượng phu, thấy có, thấy không, thấy đoạn diệt, thấy thường còn hay đoạn diệt, nhiều cái thấy. Vì sao lại nói các cái thấy trên, pháp vượt ngoài các kiến nên gọi là Đại sĩ.

Thiện Nghiệp thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nói về Đại sĩ, như bậc trí Nhất thiết. Ý

Ngài không bằng lòng cho đệ tử Duyên giác vì Bồ-tát Đại sĩ không chấp trước. Vì sao? Vì tất cả đều biết ý ngay thẳng vô lậu, không thọ, không diệt (đối với Bồ-tát ở trong sinh tử không theo, không diệt). Do biết ý của Bồ-tát chiếu soi cùng khắp nên gọi là Đại sĩ.

Thu Lộ Tử hỏi:

–Tại sao Bồ-tát Đại sĩ biết tất cả, nhưng ý không chấp trước?

Thiện Nghiệp thưa:

–Vì không có ý. Bồ-tát Đại sĩ biết tất cả, nhưng không hề chấp trước.

Hiền giả Mãn Từ Tử thưa:

–Tôi cũng thích làm Đại sĩ. Rồi vái chào mọi người, tiến lên Đại thừa, mặc áo giáp thệ nguyện rộng lớn. Đây chính là Đại sĩ.

Thiện Nghiệp bạch Phật rằng:

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là áo giáp thệ nguyện rộng lớn?

Phật dạy:

–Bồ-tát tự mình thệ nguyện: "Tôi sẽ diệt độ vô số người", đã độ vô lượng, vô số người đều được Nê-hoàn, biết không có pháp để được diệt độ. Vì sao? Vì ý pháp như vậy. Ví như nhà ảo thuật cùng với đệ tử ở ngã tư đường hóa thành nhiều người, vì là hóa nhân (người do biến hóa mà có) nên chặt đầu họ, ý ông thế nào? Họ có bị giết, có bị chết không?

Thiện Nghiệp thưa:

–Thưa không, bạch Đức Thế Tôn!

–Đúng vậy, này Thiện Nghiệp! Độ vô số người nhưng không có người được diệt độ. Bồ-tát nghe vậy không kinh, không sợ, không vì sợ thọ, không dời đổi, không xả bỏ, không mỏi mệt nên không buồn rầu, khốn khổ. Đây là có áo giáp thệ nguyện rộng lớn, có khả năng tiến lên Đại thừa là nhờ biết pháp này.

Mãn Từ Tử thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu xét kỹ lời Ngài dạy thì sự hiểu biết của con nghĩa này là không phải mang áo giáp. Vì sao? Vì như Đức Phật dạy Thiện Nghiệp: "Không tạo ra tất cả pháp của Phật, không làm thành các pháp, cũng không tạo ra chúng sinh." Nghĩa như vậy không phải là mặc áo giáp thệ nguyện rộng lớn.

Thiện Nghiệp thưa:

–Bồ-tát Đại sĩ không có sự kiểm thúc thì không có thệ nguyện rộng lớn. Vì sao? Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức không có đắm trước, không buộc, không mở.

Thu Lộ Tử thưa:

–Thế nào là sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà nói là không đắm trước, không ràng buộc, không cởi mở?

Thiện Nghiệp thưa:

–Sắc như người huyễn nên không đắm trước, không ràng buộc, không cởi mở. Thọ, tưởng, hành, thức giống như người huyễn nên không đắm trước, không ràng buộc, không cởi mở. Không có nó thì sắc không đắm trước, không buộc, không mở. Không có nó thì thọ, tưởng, hành, thức không đắm trước, không buộc, không mở. Năm ấm như thế, các pháp cũng vậy. Cho nên Bồ-tát thực hành thệ nguyện mà không có thệ nguyện.

Thiện Nghiệp hỏi:

–Bạch Đức Thế Tôn! Làm sao biết Bồ-tát thẳng tiến đến Đại thừa? Thế nào gọi là Đại thừa? Và bắt đầu trụ vào thừa nào để gầy dựng thuần thục Đại thừa? Thừa này phát xuất từ đâu?

Phật dạy:

–Thừa được gọi là Đại thừa là Vô lượng thừa, là vô lượng chúng sinh. Vì sao? Vì có vô lượng hạng người, vì họ mà Bồ-tát phát tâm đại Bi. Nhờ trụ vào Đại thừa này mà tiến đến đến trí Nhất thiết, của bậc Thánh trong ba cõi, cũng chính là gầy dựng Đại thừa. Thừa không phát xuất từ đâu. Vì sao? Vì có sinh có xuất là hai pháp, còn không sinh khởi, không đến, đối với các pháp không đắc là không từ đâu sinh, không từ đâu phát xuất.

Thiện Nghiệp thưa:

–Thừa này cao cả thay! Được trời người tin tưởng, là vua các thế gian, là thừa nghiệp lành xuất thế, không gì sánh bằng, rộng lớn như hư không, chứa đựng chúng sinh không có số lượng; thường đem sự an ổn cứu giúp vô số người và được truyền bá rộng khắp nên gọi là Đại thừa. Không thấy mặt trái của nó, cũng không thấy vượt ra; như vậy thừa này không có bắt đầu, không có kết thúc, cũng không có ở giữa, đối với ba cõi bình đẳng nên gọi là Đại thừa.

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy, này Thiện Nghiệp! Người nào thực hành được thừa này thì gọi là Bồ-tát Đại sĩ.

Thu Lộ Tử thưa:

–Này Hiền giả! Đức Phật mời Hiền giả giảng nói Minh độ vô cực nhưng đạo Đại thừa Hiền giả có hiểu biết chăng?

Thiện Nghiệp bạch Phật rằng:

–Bạch Đức Thế Tôn! Con giảng nói Minh độ vô cực có điều gì sai không?

Đức Phật dạy:

–Không! Rất đúng với ý nghĩa của nó.

Thiện Nghiệp thưa:

–Bồ-tát Đại sĩ không kể ở đầu, không kể ở cuối, cũng không kể ở giữa. Sắc vô biên, đạo vô biên; thọ, tưởng, hành, thức đạo cũng vô biên, cho nên Bồ-tát không gần, không đắc, không biết, không nói. Đối với sắc, Bồ-tát không biết, không nói, không đến, không đắc. Vậy phải làm thế nào để Bồ-tát giảng nói Minh độ vô cực? Còn không thấy thì Bồ-tát làm sao thấy được Minh độ vô cực?

Bồ-tát chỉ là tên gọi mà thôi. Giống như ngã là ngã không thể chấp trước. Cái ngã rỗng không, không đáng xét rõ. Ngã không thể làm sáng tỏ đạo thì đáng biết làm gì? Các pháp như vậy không có chấp trước.

Thế nào là sắc? Sắc vốn không bền chắc. Thế nào là thọ, tưởng, hành, thức? Thức không sinh, không bền chắc. Các pháp vô sinh, không bền chắc. Nó không bền nên không phải pháp, cũng không phải phi pháp. Hiểu rõ nó vốn vô chủ thì sẽ vì ai nói? Chỗ này không biết, cũng không có chỗ khác có thể hành đạo Bồ-tát được.

Đúng vậy, bạch Đức Thế Tôn! Các vị ấy nghe lời này mà không kinh, không sợ, không xả bỏ, không mỏi mệt, không buồn rầu. Biết và thực hành như thế, Bồ-tát này vì có khả năng suy nghĩ về Minh độ vô cực. Vì sao? Vì thực hành kinh này thì dùng pháp như vậy quán sát thuần thục đạo này. Lúc ấy vì không gần gũi sắc, không gần gũi sắc thì không bị diệt. Vì sao? Vì đối với sắc tự nhiên mà không khởi là chẳng phải sắc. Nếu sắc bị hao phí cũng chẳng phải sắc. Cho

đến không làm thịnh suy ngã. Đây không phải hai việc. Nếu sắc là ngã là do đây là ngã sắc. Đây là do làm ra.

Khi thọ, tưởng, hành, thức đúng như pháp quán sát thì không gần gũi thức. Đối với thức tự nhiên mà không khởi là chẳng phải thức. Nếu thức hao phí cũng chẳng phải thức, cho đến cũng không làm thịnh suy ngã, thì đây không phải hai việc. Nếu nói thức là ngã thì do đây là ngã thức. Đó là việc do làm mà có ra.

Thu Lộ Tử thưa:

–Tôi xét lời này thì nghĩa Bồ-tát không sinh khởi. Nếu không sinh khởi thì vì sao Bồ-tát thực hành hạnh gian nan? Vì chúng sinh lại chịu khổ vô lượng?

Thiện Nghiệp thưa:

–Tôi không thích hạnh gian nan của Bồ-tát. Nhưng Đại sĩ thì không nghĩ đến gian nan đến hành đạo. Vì sao? Vì nghĩ đến gian nan khó khổ thì không thể làm lợi ích lớn cho vô lượng người. Do đó nên nghĩ đến an ổn dễ thực hành. Vì chúng sinh mà gầy dựng, tưởng như mẹ, như cha, tưởng như anh em, như chị em, tưởng như con trai, con gái, nên sinh ra tưởng này để thực hành đạo Bồ-tát. Đối với tất cả mọi người tưởng là thân thuộc của mình. Do tưởng như vậy sẽ khiến ta thấy chúng sinh giống như thân mình, không phân biệt trong ngoài, đó là sinh được pháp tưởng, tưởng tất cả là con ta, Bồ-tát sẽ vượt qua vô lượng khổ não này, không có ý tức giận. Nếu bị tội hình mà tâm không tức giận thì chắc chắn không bị tưởng làm khổ.

Như lời Hiền giả nói: "Bồ-tát không sinh khởi, vì không sinh khởi cho nên là Bồ-tát."

Thu Lộ Tử hỏi rằng:

–Tại sao Bồ-tát lại không khởi? Đối với pháp của đạo nhân, đối với trí Nhất thiết cũng sẽ không sinh khởi phải chăng? Thiện Nghiệp thưa:

–Đúng vậy! Đối với pháp Phật đều không sinh khởi.

Thu Lộ Tử hỏi:

–Đối với pháp Phật mà không sinh khởi thì phàm nhân và pháp của phàm nhân cũng sẽ không sinh khởi phải chăng?

Thiện Nghiệp thưa:

–Đúng vậy! Đối với pháp của phàm nhân cũng không sinh khởi.

Thu Lộ Tử hỏi:

–Như vậy Bồ-tát đối với pháp của đạo nhân, từ trí Nhất thiết cho đến pháp của phàm nhân đều không sinh khởi. Đây có phải là không gần gũi, không sinh khởi, được trí Nhất thiết hay chăng?

Thiện Nghiệp đáp:

–Pháp không khởi không phải là chán ghét. Niệm không khởi cũng không phải là pháp hữu để chọn lấy. Dù được thành Phật, tôi cho là tranh cãi.

Thu Lộ Tử hỏi:

–Như thế tại sao từ pháp chưa sinh mà chọn pháp đã sinh? Là pháp sinh tử đến hay pháp sinh đến?

Thiện Nghiệp đáp:

–Vì sao pháp sinh bất sinh, mà bất pháp sinh lại sinh?

Thu Lộ Tử thưa:

–Vì pháp bất sinh khônh khởi pháp. Lới ưa pháp không khởi là lời nói ưa khởi. Như Hiền giả ưa thích thì chắc chắn không cần bất khởi.

Thiện Nghiệp nói:

–Như vậy nên ưa thích cái không cần bất khởi. Điều Hiền giả yêu thích tôi cũng muốn nói.

Thu Lộ Tử nói:

–Theo Thiện Nghiệp vì pháp mà giảng không gì sánh bằng. Vì

sao? Vì theo chỗ hỏi mà ứng đáp. Ý pháp không dao động, những lời nói ấy đều rất hay.

Thiện Nghiệp đáp:

–Đây là ý pháp. Nếu các đệ tử Phật hỏi thì nên đáp. Ý không dao động là chỗ nương của tất cả.

Thu Lộ Tử thưa:

–Lành thay, lành thay! Đây là lời tranh biện bậc thượng, vì sao gọi là các pháp Bồ-tát không nương gá.

Thiện Nghiệp đáp:

–Vì Minh độ vô cực này chính là các pháp của Bồ-tát không nương gá.

Thu Lộ Tử hỏi:

–Nếu không phải tất cả thừa thì chỉ có các pháp trong kinh này là không nương gá chăng?

Thiện Nghiệp đáp:

–Đều nương vào Minh độ vô cực, vì các pháp không nương gá. Bồ-tát lúc ấy không nương chỗ núi đá mà lặng yên chọn lấy chỗ quan trọng của các pháp. Nếu không chọn lấy thì đó là thực hành các pháp mà không nương nhờ vào hành động.

Nếu nói cho Bồ-tát nghe về sự hiểu biết sâu kín này thì không nghi ngờ, không trông mong nhưng hiểu sâu xa. Đây là biết thực hành, đã làm không ngừng nghỉ mà còn nghĩ nhớ như vậy nữa.

Thu Lộ Tử thưa:

–Nếu không dừng hành này thì dừng việc nghĩ nhớ kia. Nếu dừng việc nghĩ nhớ kia thì không ngừng nghỉ việc này. Như mình nhớ việc làm nên không dừng nghỉ. Đó gọi là thường thực hành bình đẳng, nghĩ nhớ bình đẳng.

Đã nghĩ nhớ bình đẳng, thực hành bình đẳng thì tất cả mọi người chắc chắn thường có sự tiếp nối thực hành này để được làm Bồ-tát. Như vậy, chúng sinh cũng sẽ không dừng nghỉ niệm này và sự thực hành này. Vì sao? Vì con người không bỏ được niệm kia vậy.

Thiện Nghiệp thưa:

–Lành thay, lành thay! Hiền giả khuyên giúp giảng nói những lời hết sức quan trọng này. Như Hiền giả nói, nếu thực hành bình đẳng, nghĩ nhớ bình đẳng, cứu giúp tất cả mọi người, không bỏ hạnh này. Thường thì chúng sinh tự nhiên, nghĩ nhớ cũng tự nhiên. Nên biết chúng sinh này rộng lớn, nghĩ nhớ cũng rộng lớn. Nên biết, việc này chúng sinh không chân chánh thì nghĩ nhớ cũng không chân chánh, hành động cũng không chân chánh. Nên biết việc này thực hành, nghĩ nhớ như vậy, tôi thích Bồ-tát nhớ nghĩ hành động này.

QUYỂN 2
Phẩm 2: THIÊN ĐẾ THÍCH VẤN

Bấy giờ, trời Đế Thích cùng bốn muôn vị Thiên tử, bốn vị Thiên vương, hai muôn vị Thiên tử, trời Phạm chúng một muôn Thiên tử, trời Phạm phụ và năm ngàn vị Thiên tử đều đến dự hội. Nhờ công đức sáng chói rực rỡ đời trước, các Thiên tử nhờ thần lực Phật mà được ánh sáng chiếu suốt.

Trời Đế Thích hỏi Thiện Nghiệp:

–Thưa Hiền giả! Các Thiên tử trong đại hội này muốn nghe giảng nói về Trí độ vô cực. Bồ-tát Đại sĩ gầy dựng như thế nào ở trong Đại minh độ đó?

Thiện Nghiệp đáp:

–Này các Thiên tử! Nếu muốn nghe việc ấy thì hãy lắng nghe tôi nói. Nhờ thần lực Phật mà nói rộng về Trí độ.

Thế nào, các Thiên tử, vị nào chưa cầu đạo Bồ-tát, bây giờ đều nên cầu. Người đã được đạo sông ngòi thì không còn lại được đạo Bồ-tát. Vì sao? Vì đã che lấp đường sinh tử rồi, nếu khiến họ mong cầu thì tôi xin thay họ không dứt bỏ công đức, vì đều muốn dùng pháp tôn quý nhất trong kinh để đạt đến quả Phật.

Đức Phật khen:

–Lành thay, lành thay! Vui sướng làm sao! Bồ-tát nên học như vậy.

Thiện Nghiệp bạch Phật rằng:

–Bạch Đức Thế Tôn! Con sẽ báo ân, không bao giờ dám trái phạm. Vì sao? Vì thuở xưa Như Lai Vô Sở Trước Chánh Chân Đạo Tối Chánh Giác đều cùng đệ tử giảng nói Trí độ cho các Bồ-tát nghe. Lúc đó, Như Lai cũng học diệu hạnh ở trong kinh này. Bây giờ tự mình đã thành Phật, do đó phải báo ân. Con làm việc giảng pháp nói này, các Bồ-tát thọ nhận nơi con vui mừng sung sướng nhờ đạo lớn, mau chóng thành Phật.

Trời Đế Thích hỏi:

–Làm sao Bồ-tát đứng vững trong Trí độ.

Đáp:

–Thọ trì pháp không để đứng vững.

Đế Thích hỏi:

–Bồ-tát Đại sĩ dùng bóng thệ nguyện Đại thừa rộng lớn, dù đã vận dụng đến năm ấm nhưng không trụ trong đó.

Từ Dự lưu, Tần lai, Bất hoàn, Ứng nghi, Duyên giác cho đến Phật không nên trụ trong đó, không nên trụ trong năm ấm vô thường; không nên trụ trong khổ vui, tốt xấu, ngã sở hay chẳng phải ngã sở.

Dù đạo Dự lưu thành tựu bất động cũng không nên trụ trong đó. Vì sao? Vì không trụ thì bảy lần chết, bảy lần sinh liền vượt qua. Đạo Tần lai thành tựu bất động không nên trụ trong đó. Vì sao? Vì không trụ thì một lần chết, một lần sinh liền vượt qua.

Đạo Bất hoàn thành tựu bất động không nên trụ trong đó. Vì sao? Vì hướng lên diệt độ.

Đạo Ứng nghi thành tựu bất động không nên trụ trong ấy. Vì sao? Vì đạo Ứng nghi thành rồi thì liền chấm dứt, ở trong diệt độ mà diệt độ.

Đạo Duyên giác thành tựu bất động không nên trụ trong đó. Vì sao? Vì không thể theo kịp Phật đạo thì diệt độ hẳn, vì thế không nên trụ trong đó.

Đức Như Lai Vô Sở Trước Chánh Chân Tối Chánh Giác vì vô lượng người mà làm công đức, ta đều làm cho họ diệt độ xong mới chính là trụ trong Phật. Những điều Đức Phật làm đều rốt ráo rồi mới diệt độ hẳn, cũng không nên trụ trong đó.

Thu Lộ Tử hỏi:

–Nếu Bồ-tát Đại sĩ không nên trụ trong năm ấm Dự lưu, Tần lai, Bất hoàn, Ứng nghi, Duyên giác, cho đến Phật. Vậy thì nên trụ thế nào?

Thiện Nghiệp thưa:

–Đức Như Lai Vô Sở Trước Chánh Chân Tối Chánh Giác có chỗ trụ hay không?

Đáp:

–Không! Vì sao? Vì Phật không có chỗ trụ, cũng không trụ nơi lay động, không lay động, cũng không phải không trụ, cũng không phải vô trụ. Tất cả không phải là chỗ Như Lai trụ. Nên thực hành trụ này, không nên trụ vào chẳng trụ, cũng không nên trụ vào vô trụ. Nên thực hành trụ này, học vô sở trụ.

Bấy giờ, tâm niệm các Thiên tử, lời nói của các quỷ thần đều có thể biết rõ ràng. Giờ đây, kinh đạo mà Tôn giả Thiện Nghiệp đã giảng nói hoàn toàn không thể biết.

Biết tâm niệm của họ, Thiện Nghiệp nói với các Thiên tử:

–Này các Thiên tử! Kinh này khó hiểu, thật khó hiểu! Vì sao? Vì lời tôi giảng nói, giáo pháp mà tôi hưng khởi đều là không, do đó khó nghe, nghe rồi khó hiểu.

Tâm các Thiên tử lại nghĩ rằng: "Lời này nên hiểu, đáng hiểu!"

Giờ đây, Tôn giả Thiện Nghiệp thâm nhập vào Pháp thân, liền bảo các Thiên tử:

–Nếu muốn cầu đạo Dự lưu, Tần lai, Bất hoàn, Ứng nghi, Duyên giác, Vô thượng Chánh chân mà còn trụ trong đạo ấy thì nên học Trí độ và nên giữ gìn.

Trong tâm các Thiên tử lại nghĩ rằng: "Những lời giảng nói như thế nên ở nơi nào để cầu thầy dạy kinh?" Thiện Nghiệp lại bảo các Thiên tử:

–Này các Thiên tử! Người nào muốn biết pháp do ta giảng nói giống như người huyễn, không biết nghe và không biết thực hành.

Chư Thiên hỏi:

–Thưa Tôn giả! Hiện giờ những vị nghe pháp này là người thật, chứ chẳng phải người huyễn.

Thiện Nghiệp nói:

–Này các Thiên tử! Người như huyễn, huyễn như người. Nếu cầu đạo Dư lưu, Tần lai, Bất hoàn, Ứng nghi, Duyên giác, Vô thượng Chánh chân, người như huyễn, huyễn như Phật đạo.

Các Thiên tử lại hỏi:

–Thưa Tôn giả! Cho đến Phật cũng còn như người huyễn hay sao?

Thiện Nghiệp nói:

–Cho đến diệt độ cũng như người huyễn. Các Thiên tử hỏi:

–Diệt độ cũng còn như người huyễn sao?

Thiện Nghiệp nói:

–Nếu có pháp nào hơn diệt độ thì pháp đó cũng còn như người huyễn.

Tôn giả Thiện Nghiệp bảo các Thiên tử:

–Này các Thiên tử! Nê-hoàn của người huyễn này đều là không, không thật có.

Tôn giả Thu Lộ Tử, Mãn Chúc Tử hỏi:

–Nói về Minh độ như vậy, ai có thể vâng giữ hành trì?

Thiện Nghiệp thưa:

–Hiền giả! Bồ-tát Đại sĩ không thoái chuyển có khả năng vâng giữ hành trì. Còn các vị Ứng nghi,… không thể thọ trì. Vì sao? Vì những pháp tôi đã giảng nói là không có gì để nói, cũng không có nơi chốn. Pháp đã không có nơi chốn, pháp đã không có dặn dò gởi gấm, vì pháp như vậy nên cũng không có ai thọ trì.

Các Thiên tử nghĩ: “Tôn giả Thiện Nghiệp tuôn rải các của báu chánh pháp, chúng ta hãy hóa ra các loại hoa để rải lên mình Ngài, liền hóa ra các loại hoa thơm để rải cúng dường Đức Phật và Tôn giả Thiện Nghiệp cùng các Tỳ-kheo, hoa ngập lên đến gối các Ngài.”

Tôn giả Thiện Nghiệp biết, liền nói:

–Hoa này không phải phát xuất từ trên trời Đao-lợi, mà do trời Đế Thích tung rải phát ra từ huyễn.

Đế Thích thưa:

–Thưa Tôn giả! Hoa này chẳng phải từ cây mọc ra, đúng như Hiền giả Thiện Nghiệp đã nói, việc này vốn vắng lặng, từ cây huyễn mọc ra.

Đế Thích nói:

–Hoa này từ cây huyễn mọc ra, nếu không phải từ cây mọc ra thì chẳng đúng. Đã chẳng đúng thì chẳng phải là hoa.

Đế Thích thưa:

–Trí độ rất sâu xa mầu nhiệm.

Đáp:

–Vì sao? Vì không có gì bằng được, cũng không có gì để giảng nói.

Đế Thích thưa:

–Thưa Tôn giả! Ngài ở trong Minh độ mầu nhiệm sâu xa, đối với pháp không có chỗ tranh cãi, không thật có, đối với pháp không hề lay động.

Đáp:

–Đúng vậy! Pháp chẳng phải là pháp động, nên học như thế. Học như vậy, không học đạo Dự lưu, Tần lai, Bất hoàn, Ứng nghi, Duyên giác. Ai thực hành việc học pháp này là học trí Nhất thiết, vượt hơn các pháp, không còn sinh năm ấm, phải đích thân thọ học, thực hành, không thọ học pháp nào khác.

Thu Lộ Tử hỏi:

–Như vậy là không thọ học trí Nhất thiết ? Không học thì quên mất, không được thọ học pháp khác sao?

Đáp:

–Đúng vậy! Đây là học trí Nhất thiết, vượt hơn các pháp.

Nghe pháp trời Đế Thích liền hỏi Thu Lộ Tử:

–Làm thế nào để tìm cầu điều đó?

Đáp:

–Tìm trong phẩm Thiện nghiệp Minh độ.

Đế Thích hỏi:

–Thiện Nghiệp dùng ân đức oai thần nào để học hỏi hiểu biết?

Đáp:

–Dùng ân đức oai thần của Như Lai để hiểu biết.

Đối với Minh độ mà Đế Thích đã hỏi thì Bồ-tát Đại sĩ phải tìm cầu thế nào mà không được từ năm ấm tìm cầu, cũng không được xa lìa nó để tìm cầu. Vì sao? Vì Minh độ không phải năm ấm, cũng không lìa nó, không sinh khởi nó, bởi không có gì dính mắc nên không sinh ra, không nương tựa. Không nương tựa là Minh độ.

Đế Thích thưa:

–Đại sĩ là đại minh vô biên vô tận.

Đáp:

–Năm ấm đều vô biên. Do đó nên biết, pháp vô biên, người vô tận. Thân và hành động còn làm dụng, cho nên phải biết nó và Minh độ như nhau không khác. Không có chính giữa, một bên, cũng không có gốc rễ, đầu mối, không thể hạn lượng, tất cả đều không thật có, thế nên Minh độ nhiều vô biên, vô tận, không thể tính đếm.

Đế Thích hỏi:

–Thưa Tôn giả! Con người làm sao vô tận được?

Thiện Nghiệp đáp:

–Thì thế nào, theo ý của Đế Thích, trong các pháp cái gì gọi là người? Trong các pháp không thấy có tên gọi là người. Vì sao? Vì không thấy có từ nơi nào đến. Vì sao? Vì con người trước kia đều rỗng không, không thật có. Nếu có đến, có ở cũng chỉ là tên gọi mà thôi. Vì sao? Vì trong danh tự, học có sở hữu không?

Đáp:

–Thưa không!

Thiện Nghiệp nói:

–Dùng danh từ không thật có, không làm nên ngã, cho nên người vô tận, dù cho Như Lai Vô Sở Trước Chánh Chân Đạo Tối Chánh Giác tuổi thọ với số kiếp như cát sông Hằng, miệng nói tên nhiều người, thì những người ấy có sinh diệt không?

Đế Thích thưa:

–Thưa Tôn giả! Tất cả đều không sinh diệt.

Thiện Nghiệp nói:

–Vì sao? Vì tất cả mọi người thanh tịnh cho nên không sinh khởi, danh từ, chẳng phải danh từ đều không thật có, do đó người là vô tận. Danh từ Minh độ vô cực cũng vô tận. Nên biết như vậy.

QUYỂN 2

Phẩm 3: TRÌ

Bấy giờ, vô số chư Thiên cùng một lúc khen ngợi ba lần rằng:

–Kinh hay quá, kinh hay quá! Đạo lý mà Tôn giả Thiện Nghiệp này giảng nói rất sâu xa, nghĩa lý rất sáng suốt, rộng lớn, giống như do Đức Như Lai nói ra. Nếu có vị nào nghe, học, tụng thì tôi cung kính chiêm ngưỡng vị đó cũng như Đức Như Lai.

Đức Phật bảo các Thiên tử:

–Thật đúng vậy! Xưa kia, Đức Định Quang Như Lai Vô Sở Trước Chánh Chân Đạo Tối Chánh Giác, lúc ấy có cung điện, trong cung điện có kinh này, lúc ấy ta thọ trì kinh này. Đức Phật Định Quang thọ ký cho ta về sau sẽ ở trong số người thọ trì kinh này đạt đến trí Phật, thành Phật tên là Năng Nhu Như Lai Vô Sở Trước Chánh Chân Đạo Tối Chánh Giác, tôn quý nhất trong ba cõi, an định trong pháp Cực minh, hiệu là Thiên Trung Thiên.

Các Thiên tử bạch Phật rằng:

–Bạch Đức Thế Tôn, ít có ai sánh bằng!

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Nếu có ai thọ trì Đại Minh là thọ trì trí Nhất thiết.

Bấy giờ, Đức Phật ngồi giữa chúng, bảo với Trừ cẩn chúng, Trừ cẩn nữ, Thanh tín sĩ, Thanh tín nữ rằng:

–Nay, bốn bộ chúng này làm chứng, trời Ái dục, trời Phạm, trời Vô kết ái đều biết.

Đức Phật bảo Đế Thích:

–Bậc Cao sĩ học định này và thọ trì tụng văn ấy thì các thứ tà vạy không có dịp làm hại, không làm cho bị chết ngang trái.

Các Thiên tử trời Đao-lợi mong cầu Phật đạo. Những vị chưa học tụng được chỗ sâu xa ấy thì các Thiên tử đều đến đây để học trì tụng. Nếu ở nơi vắng vẻ yên tĩnh cũng không kinh, không sợ.

Bốn vị Thiên vương, trời Đế Thích, Phạm thiên và các Thiên tử bạch Phật rằng:

–Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con sẽ ủng hộ người học, trì tụng kinh này.

Đế Thích lại bảo Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Thật khó sánh với Đức Thiên Trung Thiên. Người nào học Minh độ này tâm không lay động, đều thọ trì sáu Độ rồi.

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy! Hãy lắng nghe ta nói, trước, giữa, sau đều tốt lành.

Đế Thích thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con xin lãnh thọ lời Ngài dạy.

Đức Phật dạy:

–Nếu trong kinh ta có ai muốn nhiễu hại, sinh ý ác, về sau chưa đạt đạo thì mất. Sau đó những việc đã làm không thành tựu. Ví sao? Vì bậc Cao sĩ học kinh này ví như có vị thuốc tên là thần đơn, có một con rắn đi tìm mồi, trên đường gặp một con trùng, con rắn muốn ăn thịt nó, con trùng liền đến chỗ các vị thuốc thần đơn, con rắn nghe mùi hương cây thuốc, lập tức bỏ đi. Vì sao? Vì do năng lực của cây thuốc mà bỏ đi. Cũng giống như vậy, người muốn hại các Cao sĩ này liền tự dừng lại, là nhờ vào năng lực oai thần của Minh độ mà ẩn núp.

Đức Phật dạy:

–Nếu có người nào nhiễu hại thì trong khoảng thời gian đó tự hủy hoại, không thành tựu. Bốn vị Thiên vương đều hộ trì kinh cũng như hộ trì hành giả. Tự tại làm việc, lời nói ra giống như cam lộ, nói những điều quan trọng thành đạo; các điều ác như tức giận, cống cao, không phát sinh. Bốn Thiên vương ủng hộ vị đó, vì vị ấy học Minh độ. Tự tâm có ý nghĩ: "Nếu có người nào tranh cãi thì không nên gần gũi. Tôi mong cầu ý nghĩa Phật đạo, không thể chạy theo lời tức giận, giúp ta nhanh chóng đuổi kịp tâm tốt." Những việc Cao sĩ này làm đều thấy có hiện tượng tốt.

Đế Thích bạch Phật rằng:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bậc Nan Thắng Thiên Trung Thiên, cho đến vượt qua những điều ác cũng không ai bằng.

Đức Phật dạy Đế Thích:

–Này Đế Thích! Những người này đang lúc vượt qua các nạn dữ, cuối cùng không sợ hãi, không người nào hại được. Thiện sĩ nên đọc tụng, suy nghĩ định này. Dù cho cái chết đến, hoặc ở trong kẻ thù có người muốn não hại thì như lời Phật dạy dù cho binh đao hướng đến đều không trúng vào thân mình. Vì sao? Vì định này là thần chú của chư Phật, đứng đầu trong các chú. Người học thần chú này tự mình không nghĩ đến việc ác, không nghĩ đến người ác, do không có ý niệm ác. Đây là năng lực oai hùng trong người, tự đạt đến thành Phật, để cứu giúp chúng sinh. Người học hạnh này mau thành Phật đạo. Người nào viết chép kinh này, tuy không học tụng nhưng giữ gìn thì người ác, quỷ dữ không thể hại được, chỉ trừ đời trước có tội nặng. Ví như được ở chỗ Đức Phật thì dẫu cho người hay quỷ thần, cầm thú nhắm thẳng vào cũng không thể làm hại được. Vì sao? Vì được ở chỗ Đức Phật, oai thần của Ngài ủng hộ. Người mong cầu Phật đạo ở quá khứ, hiện tại, vị lai đều ở trong đó được thành Phật đạo. Người ở chỗ Phật không còn kinh sợ. Nơi nào có Minh độ thì trời, người, quỷ, rồng… đều cung kính, lễ lạy, ủng hộ, chiêm ngưỡng, là do đức cao quý của kinh.

Đế Thích bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có ai viết chép, giữ gìn, kính thờ cúng dường quyển kinh bằng vật báu cõi trời, hoa thơm, Chiên-đàn, ngọc báu, hương thơm, lụa là, phướn lọng, hoặc có người đem xá-lợi của Đức Như Lai Vô Sở Trước Chánh Chân Tối Chánh Giác mà xây tháp, tự quy y, lễ dạy, kính thờ cúng dường vật báu cõi trời, hoa hương đầy đủ như trên thì người ấy được phước có nhiều chăng?

Phật dạy:

–Ta hỏi ông, nếu theo sự ưa thích quả báo thì làm sao Đức Như Lai trí Nhất thiết thành tựu được thân này mà xuất hiện ở thế gian, từ nghĩa nào mà có được?

Đáp:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nghĩa này có được từ Minh độ.

Đức Phật dạy:

–Không phải do thân xá-lợi này mà được thành Phật, mà chính là từ trí Nhất thiết sinh ra thân Phật. Sau khi ta diệt độ, xá-lợi cúng dường cũng giống như vậy. Nếu có người nào viết chép kinh

này, học tập, thọ trì, đọc tụng, tự quy y, lễ lạy, kính thờ cúng dường đầy đủ như trên là cúng dường trí Nhất thiết. Đã đối với kinh này được công đức không gì sánh bằng.

Đế Thích lại bạch Phật rằng:

–Bạch Đức Thế Tôn! Người ở cõi Diêm-phù-đề không cúng dường có phải là không biết phước đức tôn quý này không có gì sánh bằng chăng?

Đức Phật dạy:

–Này Đế Thích! Có một số người tin Phật, tin Kinh, tin Tỳkheo Tăng?

Đế Thích thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Ít có người tin, còn người cầu quả Dự lưu, Tần lai, Bất hoàn, Ứng nghi, Duyên giác, cho đến cầu Phật đạo cũng ít có.

Đức Phật dạy:

–Vô lượng người tu hành cầu Phật đạo cho đến địa vị không thoái chuyển thì chỉ có được một hoặc hai người mà thôi. Ai học pháp này sẽ được thành Phật, được lễ bái, thừa sự, cung kính. Vì sao? Vì hiểu được Phật pháp ở đời ít có. Như Lai quá khứ cầu Phật đạo đều từ đây mà thành tựu. Lúc ấy ta cũng ở trong đó. Sau khi Như Lai diệt độ, gom lấy xá-lợi, xây tháp bảy báu, suốt đời quy y, lễ lạy, phụng thờ, cúng dường hương hoa quý báu cõi trời, đầy đủ như trên, khắp bốn thiên hạ. Hoặc chúng sinh trong tam thiên đại thiên đều được làm người, đều làm tháp bảy báu rồi đem kỹ nhạc làm vui nơi ấy. Lại có số người ở các cõi Phật nhiều hơn cát sông Hằng, mỗi người xây tháp bảy báu, từ kiếp này sang kiếp khác cúng dường kỹ nhạc, hương hoa, lọng lụa ở cõi Dục đều đầy đủ như trên đã nói, thì người ấy được phước đức có nhiều không?

Đáp:

–Bạch Đức Thế Tôn, rất nhiều!

Đức Phật dạy:

–Này Đế Thích! Vậy mà không bằng người viết chép, thọ trì, quy y, ủng hộ kinh này, phước này nhiều vô lượng. Vì sao? Vì từ trong ấy sinh ra Như Lai trí Nhất thiết.

Đức Phật dạy:

–Số người trong các cõi Phật nhiều gấp trăm lần số cát sông Hằng đều xây tháp bảy báu nhiều gấp vô số ngàn muôn ức không thể tính toán như thế, chẳng bằng ở trong Minh độ yên tịnh.

Bấy giờ, bốn muôn vị Thiên tử và Đế Thích cùng đến đại hội. Các Thiên tử Đế Thích thưa với rằng:

–Thưa Tôn giả! Nên tụng kinh này.

Phật dạy:

–Nên học tập, nên thọ trì, nên đọc tụng. Này Đế Thích! Nếu thần Thích Nhã Chất Lượng khởi binh muốn giao chiến với trời Đaolợi, trời Đao-lợi niệm tụng kinh này thì binh chúng thần Chất Lượng tức khắc bỏ đi.

Đế Thích thưa:

–Nhờ Đại tôn chú, bạch Đức Thế Tôn.

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy! Này các Thiên tử! Các Đức Phật trong mười phương ở quá khứ, hiện tại, vị lai đều nói ra thần chú này, tự đến thành Phật, sinh ra công đức mười giới. Khai sĩ, Đại sĩ từ trong đó sinh ra Phật khi chưa xuất thế. Bồ-tát giảng nói sáng ngời về bốn khí, bốn bạt khổ, bốn sự không, năm thông. Ví như từ hư không, mặt trăng tròn chiếu ra ánh sáng hơn sao, Bồ-tát mong cầu công đức trọn vẹn cũng giống như vậy, đều từ trong quyền đức đại trí tuệ phát ra. Do đó nên học tập, thọ trì, đọc tụng kinh này là chí đức hoàn tất, đầy đủ lời Phật dạy. Nhất định người ấy không bị tà, độc, nước, lửa, binh đao, phép vua giết chết. Vì sao? Vì được Minh độ ủng hộ (cứu giúp). Nếu có rãnh rỗi công việc, đến chỗ vua, thái tử, các quan thăm viếng, thì họ vui vẻ chuyện trò. Vì sao? Vì vị ấy có tâm Từ bi bình đẳng cứu giúp chúng sinh, trao dồi công đức vô lượng, cho nên ai thấy cũng đều đứng dậy.

Lúc ấy, có một ngoại đạo từ xa trông thấy đại hội của Đức Phật, muốn phá hoại hội chúng nên đi mau đến chỗ Phật. Đế Thích suy nghĩ: “Nên làm thế nào để tất cả chúng ta ở bên Đức Phật, thọ trì, đọc tụng pháp này lâu dài?” liền theo Đức Phật nghe, thọ trì, đọc tụng, thì ngoại đạo kia từ xa đi nhiễu quanh Đức Phật một vòng rồi giữa chừng bỏ đi.

Thu Lộ Tử nghĩ: “Đối với việc này, tại sao ngoại đạo giữa chừng bỏ đi như thế?”

Đức Phật biết tâm niệm ấy. Thu Lộ Tử, Đế Thích nghĩ rằng do Minh độ. Ngoại đạo không có ý tốt đến, mà có ý tà vạy xấu xa, nghĩ rằng: “Đức Phật và bốn đệ tử cùng ngồi, các Thiên tử trời Ái dục, trời Phạm đều ở trong hội, không có người nào khác. Bồ-tát Đại sĩ là người ở trong hội được thọ ký, sẽ tự đạt đến thành Phật. Ta phải đến quấy nhiễu họ.”

Ngoại đạo xấu xa này ngồi xa giá bốn ngựa đến gần chỗ Đức Phật. Đế Thích nghĩ: “Xe của bọn tà vạy xấu xa kia chẳng phải là của quốc vương Bình-sa, chẳng phải là vua Ba-tư-nặc, chẳng phải dùng họ Thích, chẳng phải Duy-da-lợi. Xe bốn ngựa đều không phải là loại của họ, chắc là của bọn tà vạy xấu xa làm bậy. Bọn tà vạy ngày đêm thường tìm lỗi của Đức Phật để quấy nhiễu người thế gian. Nếu thường giữ tâm rốt ráo Minh độ thì tà liền trở về đạo.”

Thiên tử Đao-lợi là Ca-dực đem hoa trời đứng trong hư không

rải lên Đức Phật. Rải khắp bốn phía, rồi khen ngợi bằng những lời cao quý:

–Đạo rốt ráo vốn được gọi là Minh độ.

Người Diêm-phù-đề vừa được nghe thấy cũng đem nhiều loại hoa ở bốn phía rải lên Đức Phật rồi nói:

–Nếu có ai mong cầu, giữ gìn, thì không bao giờ bị bọn tà vạy làm hại. Những người này phước đức rộng lớn, huống gì là học tập, thọ trì, phúng tụng để pháp này trụ mãi. Người ấy đời trước đã được thấy Phật, cúng dường Ngài với tâm thanh tịnh, muốn được trí Nhất thiết, được của báu trí Nhất thiết. Phải tìm nó từ Minh độ.

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy!

Ngài A-Nan bạch Phật rằng:

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao không nêu các danh từ Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, mà chỉ nêu danh từ Minh độ?

Đức Phật dạy:

–Trong các độ, Minh độ là hơn hết. Vì sao vậy A-nan? Có phải không Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định là đang duyên vào sáu Độ trí Nhất thiết vô cực chăng?

A-nan thưa:

–Đúng vậy, bạch Đức Thế Tôn! Không thực hành sáu hạnh thì không phải sáu Độ, thật chẳng trí Nhất thiết vô cực Đại Minh độ.

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy! Đại Minh độ là hơn hết. Ví như địa chủng tan ra trong đó, đồng thời sinh ra mạng chúng sinh. Như thế, này A-nan! Minh độ như đất, năm độ kia như hạt giống trong đó sinh ra.

Đế Thích bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Theo lời Như Lai dạy, thiện sĩ nào học tập, trì tụng Minh độ thì công đức chưa trọn vẹn.

Đức Phật bảo Đế Thích:

–Này Đế Thích! Ta không nói công đức của người này chưa trọn vẹn mà chính ta nói công đức của người viết chép, giữ gìn quyển kinh, kính thờ, lễ lạy với hương hoa, nhiều vật quý báu, lụa là, phướn lọng mà thôi.

Đế Thích thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đích thân con che chở, chiêm ngưỡng người này.

Đức Phật bảo Đế Thích:

–Này Đế Thích! Người đọc tụng Minh độ được bao nhiêu ngàn vị trời đến chỗ vị tăng thọ trì kinh ấy? Người nghe kinh không hiểu nghĩa, muốn hỏi điều nghi ngờ thì dùng đức từ ở trong kinh liền tự hiểu rõ. Người này làm việc công đức đều tự thấy biết. Hoặc khi ở trong bốn bộ đệ tử giảng nói kinh, tâm vị ấy không có điều gì lo sợ. Nếu bị tội hình, chắc chắn không sợ hãi. Vì sao? Vì được Minh độ cứu giúp nên người sát thủ bỏ đi.

Đức Phật dạy:

–Ta không thấy người thực hành Minh độ. Người cũng không thấy Minh độ, nhàm chán Minh độ. Người không có khinh chê thì tâm không kinh sợ, không có điều gì phải lo sợ. Cha mẹ quý trọng, Sa-môn yêu mến, bà con quyến thuộc, bạn bè yêu thương. Hoặc có việc ác xảy ra thì đem chánh pháp giải bày. Những công đức đã làm, thiện sĩ đều tự tâm thấy rõ. Do đó nên biết, mười phương vô số cõi Phật, chư Thiên, loài Người, Quỷ, Rồng, thần Chất lượng, thần Chấp nhạc, thần hung ức hạnh, thần tợ hình người, đều đến chỗ vị sư trì kinh thăm hỏi, nghe nhận, lễ lạy, cho đến cung kính nhiễu quanh xong mới đi. Công đức của việc hành trì kinh này khiến cho như vậy.

Bốn vị đại Thiên vương, các Thiên tử trời Đao-lợi, trời Cổ thiên, trời Đao-thuật, trời Bất kiêu lạc, trời Hóa ứng thinh, trời Phạm, trời Phạm chúng, trời Phạm phụ, trời Đại phạm, trời Thủy hạnh, trời Thủy vi, trời Vô lượng thủy, trời Thủy âm, trời Ước tịnh, trời Biến tịnh, trời Tịnh minh, trời Thủ diệu, trời Huyền diệu, trời Phước đức, trời Đức thuần, trời Cận tế, trời Khoái kiến, trời Vô kết ái đều đến thăm hỏi, nghe nhận, làm lễ, đi nhiễu quanh xong rồi lui ra. Chư Thiên trời Vô kết ái còn đến, huống gì các Thiên tử trời Vô sắc ái dục trong cõi tam thiên đại thiên thấp hơn các Thiên tử trong đây? Chỗ ở của họ luôn luôn vững chắc, không ai phá hoại

được. Trừ người trước được mời thỉnh ngoài ra không thể lay động được. Công đức của họ đều thọ nhận. Lúc ấy, chư Thiên sẽ biết việc ấy.

Đế Thích bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Làm sao biết được?

Đức Phật dạy:

–Người thiện nữ này vui mừng khi biết đến rồi sẽ tránh đi. Nghe mùi hương quỷ thần hoặc rồng, quỷ, thần, thần thân rắn, cho đến nghe mùi hương quỷ thần cho là từng biết nên tránh đi. Phải giữ sạch thân thể để thanh tịnh nên quỷ thần đều rất vui mừng. Tiểu thiên thấy đại thiên đến liền tránh đi. Oai thần của tôn thiên lồng lộng, ánh sáng của Ngài rực rỡ, bước đi khoan thai, Tôn thiên vào đến chỗ kinh.

Người thiện nữ này vui mừng hớn hở, nơi nghỉ ngơi đều nên sạch sẽ thì người bệnh chắc chắn không dựa vào thân, được nghỉ ngơi an ổn không có ác mộng. Trong mộng chỉ thấy Đức Phật, thấy tháp, nghe Minh độ. Chỉ thấy các đệ tử, thấy pháp cao siêu, thấy Phật ngồi, thấy kinh luân tự nhiên. Lúc ấy, chỉ muốn thành Phật. Thấy các Đức Phật thành Phật, thấy các kinh luân mới tự nhiên, thấy nhiều Bồ-tát, thấy sáu Độ mỗi thứ giảng giải kinh này sẽ thành Phật, thấy các cõi Phật khác, thấy Đức Phật và tôn kính không có gì sánh bằng. Chúng đệ tử của Đức Như Lai Vô Sở Trước Chánh Chân Tối Chánh Giác ở cõi đó. Đức Như Lai ở trong đó giảng kinh.

Các thiện nam này mộng thấy như thế rồi an ổn, thấy thân thể sạch sẽ nhẹ nhàng, không còn nghĩ đến ăn, thân thể mềm mại, tròn đẹp; nếu Tỳ-kheo đắc định, từ định xuất cảm thấy tâm nhu nhuyến, không nghĩ đến ăn, thân thể mềm mại, tròn đẹp như thế. Vì sao? Vì vị ấy sắp thành Phật nên quỷ thần không dám đến gần.

QUYỂN 2
Phẩm 4: CÔNG ĐỨC

Lại nữa, này Đế Thích! Trong thiên hạ này, nếu đem bố thí đầy khắp xá-lợi của Như Lai và đem bố thí kinh Trí độ vô cực thì ngươi chọn lấy việc bố thí nào?

Đế Thích thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Con chọn lấy Trí độ. Vì sao? Vì con đâu dám không cung kính xá-lợi, nhưng xá-lợi của Đấng Thiên Trung Thiên do Trí độ này sinh ra nên được trời người tôn kính. Như con và chư Thiên cùng ngồi, nhưng tòa ngồi khác hẳn nhau. Nếu con chưa đến thì các Thiên tử lễ lạy, nhiễu quanh tòa ngồi rồi đi, vì tòa ngồi này cao quý. Con ở đây lãnh thọ kinh, còn chư Thiên ở nơi kia lễ lạy. Như vậy bạch Đức Thế Tôn! Trí độ sinh ra xá-lợi của Như Lai Vô Sở Trước Chánh Chân Đạo Tối Chánh Giác. Từ trong trí Nhất thiết sinh ra thân. Do đó, trong hai việc bố thí, con chọn lấy Trí độ. Giả sử xálợi đầy khắp trong cõi tam thiên đại thiên là một việc, kinh Trí độ là một việc thì con chọn lấy kinh. Vì sao? Vì từ trong Trí độ sinh ra xálợi cúng dường.

Ví như người mắc nợ cho vào hầu vua, không còn ai hỏi, cũng không hề lo sợ. Vì sao? Vì ở cạnh vua có sức mạnh. Ví như ngọc minh nguyệt vô giá. Người nào có ngọc quý này, tính chất của nó không có gì sánh bằng. Chỗ để ngọc, quỷ thần không vào được vào bên trong. Nếu người

nam, người nữ giữ gìn chỗ để viên ngọc minh nguyệt thì quỷ thần lập tức bỏ đi. Nếu ở trong nóng, gió, lạnh mà đeo hạt ngọc minh nguyệt vào mình thì hết nóng, gió, lạnh. Ban đêm đem nó vào chỗ tối liền sáng. Nóng, mát, lạnh, ấm, các độc xâm nhập vào mình, đem ngọc châu ra thì các độc liền tan hết.

Như vậy, bạch Đức Thế Tôn! Hạt ngọc minh nguyệt thật tôn quý. Nếu người bị đau mắt đặt nó bên cạnh liền hết đau. Tính chất của nó thật nhiều công dụng. Đặt hạt ngọc ở nơi nào thì nơi đó có màu sắc giống như hạt ngọc. Giả sử đem nhiều loại lụa gói hạt ngọc rồi bỏ xuống nước, nước sẽ có màu của hạt ngọc; nước đục liền trong. Tính chất của hạt ngọc này không gì sánh bằng.

Tôn giả A-nan hỏi Đế Thích:

–Này Đế Thích! Thế nào, chỉ có ông có hạt ngọc, hay ở cõi này cũng có?

Đế Thích thưa:

–Thưa Tôn giả! Cũng có nhưng không được đầy đủ như tôi đã nói, nó khác hẳn với vật báu tầm thường trong thiên hạ. Không giống như tính chất của hạt ngọc minh nguyệt kia, cao quý gấp trăm ngàn muôn ức lần. Nếu đặt vào trong rương thì ánh sáng của nó thấu ra ngoài. Nếu đem nó ra khỏi trong rương thì ánh sáng vẫn như cũ. Bạch Đức Thế Tôn! Công đức của bậc trí Nhất thiết cho đến sau khi Như Lai diệt độ, xá-lợi của bậc trí Nhất thiết được phân chia cúng dường như vậy. Đặt xá-lợi của Đức Như Lai đầy khắp trong cõi tam thiên đại thiên. Dù cho xá-lợi đầy khắp hằng hà sa cõi Phật là một phần, kinh Trí độ này là một phần, trong hai phần, con chọn lấy kinh.

Đức Phật bảo Đế Thích:

–Như Lai ở quá khứ đều từ trong pháp này sinh ra, tự đến khi thành Phật. Chư Phật vị lai và chư Phật hiện tại ở mười phương vô số cõi Phật cũng đều từ trong pháp này sinh ra. Ta là người ở trong vô số ấy tự đạt đến thành tựu.

Đế Thích thưa rằng:

–Bạch Đức Thế Tôn! Tâm mong cầu của tất cả chúng sinh, Đức Như Lai từ Minh độ đều biết rõ hết.

Đức Phật dạy:

–Do đó, Bồ-tát Đại sĩ lúc nào cũng mong cầu Minh độ.

Đế Thích thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Chỉ cầu Đại Minh độ mà không cầu các độ khác sao?

Đức Phật dạy:

–Sáu Độ vô cực đều mong cầu. Bồ-tát Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm phân biệt các kinh không bằng cầu Minh độ. Ví như thiên hạ này gieo hạt giống trồng cây, bao nhiêu màu sắc, mỗi loại lá hoa thật sự đều khác nhau. Bóng nó không khác, các bóng đều giống nhau. Như vậy năm độ từ Minh độ sinh ra. Trí Nhất thiết, mỗi trí thành tựu cho nhau không khác.

Đế Thích bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đức sáng của bóng ấy cao quý khó có gì sánh bằng.

Phật dạy nếu có người nào viết chép kinh này, phụng thờ, cúng dường hương hoa, lụa là, phướn lọng, lại còn trao cho người khác, phước đó có nhiều không?

Đế Thích thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Tự mình cúng dường, còn phân chia cho người, phước ấy rất nhiều.

Đức Phật dạy:

–Viết chép kinh, cúng dường hương hoa, các vật báu: phướn lọng, lụa là danh tiếng còn như thế. Nếu có ai viết kinh cúng dường, lại còn chia cho người thì phước ấy vô lượng. Nơi người trì kinh ở càng thanh tịnh hơn, phước ấy rất nhiều.

Lại nữa, người trong một thiên hạ đều giữ mười giới, đặt ra như vậy khắp bốn thiên hạ. Lại trong một nước nhỏ, nước vừa hai ngàn, ba ngàn nước lớn, người dân trong các cõi Phật nhiều như số cát sông hằng đều khiến họ giữ mười giới thì phước ấy có nhiều không?

Đế Thích thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, rất nhiều!

Đức Phật dạy:

–Không bằng viết chép, thọ trì kinh này rồi chia cho người để họ viết chép, học tập, thì phước ấy nhiều gấp bội. Đặt ra mười giới trên, rồi khiến họ thực hành bốn khí, bốn bạt khổ, bốn sự không và năm thông đều thành tựu. Thế nào, phước ấy có nhiều gấp bội không?

Đế Thích thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, rất nhiều!

Đức Phật dạy:

–Không bằng viết chép kinh này, đưa cho người ta viết chép,

hoặc đọc tụng thì phước ấy nhiều gấp bội.

Lại nữa, học hiểu đúng trí tuệ, phước ấy rất nhiều.

Đế Thích bạch Phật rằng:

–Bạch Đức Thế Tôn! Học Trí tuệ độ như thế nào để hiểu đúng trí tuệ?

Phật dạy:

–Đời vị lai có thiện sĩ nào muốn được Vô thượng chánh chân đạo Tối chánh giác, thích học Minh độ nhưng bạn ác dạy học chẳng có trí tuệ.

Đế Thích hỏi:

–Thế nào là không có trí tuệ?

Đức Phật dạy:

–Tỳ-kheo đời vị lai được kinh này, muốn học tập thì bạn ác dạy họ năm ấm vô thường. Học năm ấm vô thường, cầu cái học này mất đại minh, giữ gìn không có trí tuệ.

Đức Phật dạy:

–Người cầu không phá cái thấy năm ấm vô thường. Vì sao? Vì vốn là không. Như vậy nên bắt chước theo cái học của bóng sáng thì phước ấy không lường được.

Lại nữa, người trong một thiên hạ đắc đạo Dư lưu, Tần lai, Bất hoàn, Ứng nghi, Duyên giác đều thành tựu. Lại người trong các cõi Phật nhiều như số cát sông Hằng đều cầu phước của đạo Vô thượng chánh chân không bằng dùng định thanh tịnh giảng nói rộng các nghĩa (Trí tuệ độ). Vì sao? Vì do định này đắc được trí Nhất thiết, mười hai bộ kinh; và cũng nhờ học Minh độ này mà thành Phật. Vô tận Đức Phật sinh ra, liền sinh Dự lưu, Tần lai, Bất hoàn, Ứng nghi, Duyên giác và người phát tâm cầu Phật được định này thì phước đức rất tôn quý. Nếu có ai luôn phát

nguyện muốn mau thành Phật thì đem kinh này cho họ để thành Đại sĩ. Người nào đắc định này, phước ấy khó hết được.

Đế Thích bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đúng thế, rất là an ổn. Bồ-tát Đại sĩ này

mau được gần Phật, do đó được phước ấy càng gấp bội. Vì sao? Vì vị ấy được pháp này mau gần tòa Phật.

Thiện Nghiệp nói với Đế Thích:

–Lành thay, lành thay! Nên hiểu như thế. Bồ-tát lãnh thọ định thanh tịnh mau được hạnh Phật đã làm. Như ngay trong chỗ đã hỏi, nếu tịnh không được cảnh định thì không được thành Phật.

QUYỂN 4
Phẩm 5: KHÔNG THOÁI CHUYỂN

Thiện Nghiệp hỏi Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát Đại sĩ không thoái chuyển nên làm thế nào để so sánh, quán sát hành tướng của họ như vậy?

Đức Phật dạy:

–Nếu đạt được thiền thì không lay không động, như địa vị Thanh văn, Duyên giác và Phật, như pháp vốn không cuối cùng không lay động.

Đức Phật nói về pháp vốn không, người nghe không nói chẳng

phải hư không vốn không, mà vốn không là sở hữu. Vốn không như gốc cũng không nói chẳng phải. Như nghe rồi nếu chuyển đến nơi khác, nghe nhất định không nghi ngờ, không nói là đúng sai. Như vốn không kiến lập, những điều họ nói thành thật nhưng lại không nói. Hành động trái đạo của phàm phu không theo phép tắc, không xem xét. So sánh việc này với hành tướng đủ biết là Đại sĩ không thoái chuyển.

Lại nữa, diện mạo của Sa-môn, Phạm chí không hình tướng, việc này đủ biết rõ, thấy rõ, không cúng bái hương hoa cho trời, cũng không dạy người khác, là do so sánh việc này với hành tướng đủ biết, cuối cùng không sinh vào nơi ác, không làm thân người nữ. So sánh việc này với hành tướng đủ biết là Đại sĩ không thoái chuyển giữ giới. Tự thân mình không giết, dạy người không giết; không trộm cắp, dạy người không trộm cắp; không dâm dục, dạy người không dâm dục; không nói hai chiều, không nói lời ác độc, không nói dối, không nói thêu dệt, ganh ghét, sân si. Mười giới này điều tự giữ gìn, còn dạy người khác giữ hạnh. Trong mộng nằm thấy tự mình giữ mười giới như vậy. So sánh việc này với hành tướng đủ biết. Lại học các pháp, đem tâm này học pháp này, giúp chỉ chúng sinh an ổn chính là giảng kinh. Truyền trao kinh này để phân chia công đức, nguyện cho chúng sinh đạt được định thanh tịnh này để sáng suốt mình tự lập. So sánh việc này với hành tướng đủ biết. Lại khi Đại sĩ nói về pháp sâu xa, thì chắc chắn không nghi ngờ, không nói không tin, cũng không lo sợ. Những lời nói ra nhỏ nhẹ, êm đẹp, ít nằm ngủ, đi bộ ra vào, tâm không rối loạn, đi khoan thai an ổn, nhìn kỹ nơi đất mà đi, mặc y phục bên trong thường sạch sẽ, không có rận rệp, bụi bặm, cũng không lo lắng. Trong thân không có tám mươi

thứ sâu trùng. Vì sao? Vì công đức sáu Độ của Bồ-tát Đại sĩ hơn cả Thánh hiền. Ít muốn nhưng có đầy đủ, thân tâm trong sạch đều lãnh thọ ý chí cao cả.

Thiện Nghiệp bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao tâm của Bồ-tát Đại sĩ trong sạch?

Phật dạy:

–Vì công đức của học đã làm càng tăng thêm lên, tâm không bị

ngăn ngại nên công đức đều đạt được. Tâm thanh tịnh này hơn hàng Thanh văn, Duyên giác trên. So sánh việc này với hành tướng đủ biết. Lại có người đến cúng dường không tỏ ra vui vẻ, đối với tất cả không keo kiết. Lúc nói về kinh sâu xa không hề nhàm chán, vào sâu trong trí. Nếu người ở nơi khác muốn nghe kinh thì đem Minh độ này giảng nói cho họ. Họ có điều gì không chánh đáng nơi đạo khác thì dùng Minh độ làm cho chánh. Pháp nào xuất xứ từ kinh đều giữ gìn, việc vô nói với họ thường, còn các việc trong kinh sách thế gian không thể hiểu được thì dùng Minh độ này giải thích cho họ hiểu. Do hành tướng này đủ biết. Tà xấu đang từ từ đến chỗ họ, liền ở bên cạnh hóa thành tám địa ngục lớn, trong đó có các Bồ-tát chỉ bảo rằng: “Người này trước kia được Đức Phật thọ ký thành tựu địa vị không thoái chuyển, nay đều đọa vào địa ngục.” Được Đức Phật truyền trao mà còn đọa vào địa ngục. Nếu sớm ăn năn thì nên nói rằng: “Tôi không phải là bậc không thoái chuyển.” Nếu vị nào nói như vậy thì không còn đọa vào địa ngục nữa, sẽ được sinh lên cõi trời.

Phật dạy:

–Nếu vị nào tâm không lay động thì biết là không thoái chuyển.

Do hành tướng này đủ biết tà vạy, lại hóa thành vị thầy mặc y phục đến chỗ họ, hoặc từ trước những điều nghe nhận đều bỏ đi không dùng được. Nếu sớm ăn năn theo lời tôi nói thì mỗi ngày tôi đến thăm hỏi, còn không theo lời tôi nói thì chắc chắn tôi không đến nữa, vì không còn ai nói việc này. Tôi không muốn nghe vì những lời giảng nói trước kia đều ngoài việc này. Hãy lãnh thọ lời tôi nói, chính là những điều Đức Phật đã giảng nói.

Phật dạy:

–Nghe việc này, nếu vị nào lay động, nên biết người ấy chưa được các Đức Phật quá khứ thọ ký, chưa lên đến Đại sĩ mà còn ở trong địa vị không thoái chuyển. Nếu không lay động mà còn nghĩ nhớ kinh này đạt đến chỗ hư không thì có suy nghĩ như vầy: không tin lời tà vạy nói. Ví như Tỳ-kheo đắc được địa vị Thanh văn, không lãnh thọ lời tà vạy nói. Mắt thấy kinh chứng đạo. Đó là do chỗ rỗng không làm ra, chắc chắn không thể lay động. Như Thanh văn, Duyên giác nghĩ nhớ pháp, cuối cùng không còn. Đại sĩ này hướng đến Phật cũng như vậy. Chính là an lập ở địa vị không thoái chuyển, đó là pháp độ cùng tột. Do hành tướng này đủ biết. Tà vạy lại đến chỗ họ, lại còn người khác nói nếu người có sở cầu là cầu khổ, chẳng phải cầu pháp Phật. Nếu cậy vào đây, thì khó dùng nó để mong cầu. Nếu ở trong đường ác trải qua nhiều đời lâu xa muốn được làm người mà không hề suy nghĩ tự lo nhàm chán hay sao? Nên ở nơi nào lại tìm thân này? Tại sao không sớm chứng lấy địa vị Thanh văn, để cầu Phật đạo?

Phật dạy:

–Nếu vị nào không lay động thì tà vạy lại bỏ đi. Lại dùng phương tiện hóa thành một số Bồ-tát đứng bên vị ấy. Còn đến chỉ bảo rằng: Nếu thấy Bồ-tát này đều cúng dường như hằng sa Phật

các thứ cơm áo, mền đệm, thuốc men đồng thời lãnh thọ pháp, thưa hỏi về trí tuệ đầy đủ, nên việc làm và điều mong cầu đều phải học. Đúng như pháp trụ, đúng như pháp cầu, đều ở trong đây học tập tu hành, còn chưa được thành Phật, huống gì các ông vin vào đâu mà được chứ?

Phật dạy:

–Nếu vị nào không lay động thì tà vạy bỏ đi không xa, hóa thành Tỳ-kheo nói rằng: "Thanh văn này ở đời quá khứ đều cầu đạo Bồ-tát, đã nắm lấy địa vị Thanh văn rồi, làm sao được thành Phật"?

Phật dạy:

–Do đó, Bồ-tát Đại sĩ thực hành hạnh này. Dù từ nơi khác nghe, tâm vẫn không lay chuyển, không đổi khác. Ở ngay trong đó còn hiểu biết tà vạy, làm những điều không khác lời Phật dạy, vun trồng ý chí, mong cầu đại minh. Nếu vị ấy không thành Phật thì lời Phật nói là sai lầm. Đức Phật dạy không luống dối, nên học tập pháp này, nên thực hành sự mong cầu này. Hãy xét kỹ giáo ấy, tâm không lay động, từ trong ấy biết là tà vạy. Do hành tướng này đủ biết là bậc không thoái chuyển. Lại tà vạy quấy nhiễu nói rằng Đức Phật giống như hư không. Kinh này thực hành cùng cực vô biên bất khả đắc. Vì sao? Vì nghĩa của kinh này có thể thấy biết, chỗ hướng đến của nó đều là hư không. Ở trong đó luôn bị khổ nên không thấy biết việc tà vạy. Chỉ có tà vạy thực hành kinh này thôi, thì làm sao muốn được thành Phật? Đây chẳng phải là lời Phật dạy.

Phật dạy:

–Các hiền nam, hiền nữ thấy rõ, nghĩ xa, bàn kỹ, rồi tự chọn lấy. Yêu tà rất khéo léo, lấy nghịch làm thuận. Dù yêu quái đến vẫn không chao đảo, mà vững chắc như núi Tu-di.

Do hành tướng này đủ biết là người không còn lui sụt thực hành Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền. Tùy theo định này mà Tứ thiền không bó buộc, vào thiền là được thiền. Thực hành định này mà muốn vào trong đó thì Bồ-tát Đại sĩ không thoái chuyển không tùy theo định chỉ dạy sẽ được thanh tịnh hơn định trên.

Do hành tướng này mà đủ biết. Lại có người cùng xưng danh đức của vị ấy nhưng vị ấy không lấy làm vui, tâm không lay động, tâm thường ngay thẳng. Nếu tại gia thì không nặng về dâm dục. Nếu lại có lúc như muốn đi qua cái đầm lớn, ở trong đó ăn uống thì lo sợ giặc cướp, muốn đi nhanh bèn tự nghĩ: "Chừng nào ta mới ra khỏi cái đầm này? Nghĩ đến người nữ rịn ra chất bất tịnh chẳng phải là pháp thanh tịnh của ta." Nên thực hành ý nghĩ này, vì sao? Vì nghĩ nhớ như vậy sẽ làm cho mọi người trong mười phương an ổn.

Phật dạy:

–Như vậy phước ấy đầy đủ, được năng lực oai thần của Minh độ làm cho thực hành ý nghĩ này.

Do hành tướng này đủ biết. Lại có Hòa-di-hoàn theo che chở, các quỷ thần khác không dám dựa, không mất tâm chí, không quên phát tâm, thân không ghẻ nhọt, sáu căn đầy đủ, mẫu mực, sáng suốt, mạnh mẽ nhưng không tự để lộ ra, không dụ dỗ phụ nữ, hoặc có phù chú, thuốc men cũng không làm cho họ, cũng không dạy người dâm dục làm hạnh nhơ uế, mà không dùng lời, thì ý nghĩ xấu xa phi pháp không do đâu sinh ra được. Do hành tướng này đủ biết.

Lại nữa, này Thiện Nghiệp! Ông sẽ lấy tên của hạnh nào làm không thoái chuyển? Bậc không thoái chuyển không làm bạn với chúa vô đạo, tôi hèn nịnh, quân giặc cướp bóc mưu toan

giết hại sinh linh, nam nữ phi pháp, cổ đạo dâm dật, cúng tế tiền gạo, giết mổ, rượu chè, lụa là, ướp hương, ca hát vui đùa, xuống biển đến chỗ nguy hiểm tìm lấy lợi lộc. Những hạng người như vậy trước sau không làm bạn. Bồ-tát tùy theo từng việc nhưng không rời trí Nhất thiết, thường khen ngợi bậc hiền, cho là bậc đứng đầu trong bàn luận. Xa người ngu si, gần gũi bậc Thánh, tôn kính Tam bảo, cứ như thế thề rằng Bồ-tát không thoái chuyển thường nguyện sinh cõi Phật phương khác, nguyện cao thề sâu chắc chắn được vãng sinh. Do đó, thường thấy Phật, được cúng dường. Nguyện như vậy từ nơi cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, từ nơi ấy đến sinh vào nơi có Phật pháp hưng thịnh. Đối với Bồ-tát, trí tuệ là nhà, tám chánh là bàn luận về nghĩa kinh, việc trái nghịch không tham dự, xa nơi biên địa không có Phật, tánh thanh tịnh chân thật, không phạm pháp. Hành tướng như thế đủ biết là bậc không thoái chuyển. Bồ-tát không thoái chuyển chẳng nói tôi đúng không nghi, tôi chẳng nghi giữa chừng. Ví như được đạo Dự lưu, ở trong địa vị ấy nhất định không nghi. Việc tà vạy vừa phát sinh liền hiểu biết, thà mất mạng mà tâm không quanh co. Ở địa vị đó tự mình chắc chắn không nghi ngờ, không biếng nhác, không có tâm Thanh văn, Duyên giác, tâm không niệm Phật khó được an trụ. Ở địa vị ấy, tâm rộng lớn, tỏ ra xa vời, mạnh mẽ nên không ai hơn được. Vì sao? Vì trụ như vậy không ai có thể hơn được. Do đó tà vạy, buồn rầu, căm giận liền hóa thành thân Phật đến nói với vị ấy rằng: nếu ở đây có thể chứng đạo Thanh văn, vẫn chưa được thọ ký đạo Vô thượng chánh chân Tối chánh giác. Vì sao? Vì nếu không có được hành tướng này thì do đâu biết chẳng phải Phật, mà chính là tà vạy thôi. Như Đức Phật đã dạy: Suy nghĩ, xem xét nó thì điều tà vạy muốn làm cho ta lay động. Đức Phật dạy: Nếu là bậc nhất động thì đã biết ở thời Phật quá khứ được thọ ký đạo Vô thượng chánh chân Tối chánh giác. Vị ấy đều biết pháp hạnh trung chánh nên không tiếc thân mạng và tất cả pháp, do đó được lãnh thọ minh pháp của chư Phật từ xưa đến nay và luôn giữ gìn. Do vậy không tiếc thân mạng, không hề biếng nhác và không lúc nào nhàm chán. Khi Đức Như Lai và các đệ tử giảng kinh thì không nghi ngờ nói sai. Vì sao?

Vì đạt được pháp lạc không từ đâu sinh và ở trong đó kiến lập giữ gìn công đức này, đều biết đầy đủ là Bồ-tát Đại sĩ không thoái chuyển.

QUYỂN 3
Phẩm 6: ĐỊA NGỤC

Thu Lộ Tử bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đạo Minh độ mở rộng vào khắp trong cảnh tuệ.

Bạch Đức Thế Tôn! Tự quy y Minh độ vô cực, thực hành một cách vắng lặng không cấu uế, trừ tăm tối, chỉ bày sáng suốt. Minh độ vô cực vòi vọi, chí tôn, không có gì mà không thành tựu. Người mù mắt mê mờ, trao cho mắt trí tuệ của đạo, không sinh không diệt, người khổ được an vui, đều nhập vào vô tưởng. Pháp môn trí tuệ Minh độ là mẹ của bậc Đại sĩ, nhổ sạch gốc rễ sinh tử, được đại Thần túc. Ba lần khớp với mười hai chuyển Minh độ.

Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát Đại sĩ phải làm thế nào để đứng vững trong đó?

Đức Phật dạy:

–Phải cung kính Minh độ như cung kính Đức Phật, ở trong đó đứng vững tự quy y, giống như tự quy y Phật.

Đế Thích nghĩ: “Vì lý do gì mà Tỳ-kheo Thu Lộ Tử hỏi việc này?”

Tôn giả Thu Lộ Tử đáp:

–Minh độ này cứu giúp Bồ-tát, là ân của công đức tùy hỷ bố thí đạo Vô thượng chánh chân. Nếu có vị nào Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định đều không bằng. Vì như người còn sống đã bị đọa vào địa ngục, hoặc nhiều người đi đường mà không có người hướng dẫn, muốn đến một nơi nào đó nhưng không biết đường đi. Thường thì năm độ giống như người mù, còn Bồ-tát lìa xa Minh độ muốn vào trong trí Nhất thiết là không biết đường đi. Minh độ sẽ

giúp năm độ ban cho mắt, ban cho tên gọi.

Thu Lộ Tử bạch Phật rằng:

–Bạch Đức Thế Tôn! Làm thế nào vào trong Minh độ giữ gìn?

Phật dạy:

–Hãy quán năm ấm không từ đâu sinh diệt, thấy năm ấm không có nơi sinh diệt, Minh độ cũng vậy.

Thu Lộ Tử lại bạch:

–Bạch Đức Thế Tôn! Người làm việc giữ gìn này phải cần đến pháp nào?

Phật dạy:

–Đến pháp không chỗ đến, pháp không chỗ đến gọi là Minh độ.

Đế Thích bạch Phật rằng:

–Bạch Đức Thế Tôn! Minh độ không đến trí Nhất thiết sao?

Phật dạy:

–Nếu không nghĩ là đến thì không dính mắc, không tên gọi, không hay biết.

Đế Thích hỏi:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nên đến như thế nào?

Phật dạy:

–Nếu không có chỗ đến thì mới đến được.

Đế Thích thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Ít có ai sánh bằng! Không như Minh độ, các pháp không sinh diệt.

Thiện Nghiệp bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát có ý nghĩ này là xa lìa Minh độ.

Đức Phật dạy:

–Minh độ là không, không thật có, cho nên không xa, không gần, không thành, không hoại.

Thiện Nghiệp hỏi:

–Bạch Đức Thế Tôn! Tin vào đây là tin vào pháp nào?

Phật dạy:

–Chính là không tin năm ấm, không tin quả Dự lưu, Tần lai, Bất hỏa, Ứng nghi, Duyên giác.

Thiện Nghiệp thưa:

–Đại Minh độ là pháp của Bồ-tát.

Phật hỏi:

–Vì sao biết Đại Minh độ là trí tuệ của Bồ-tát?

Thiện Nghiệp thưa:

–Năm ấm không lớn, không nhỏ, không thoái lui, không rối loạn. Đức Như Lai Nhất Thiết Trí có mười thứ năng lực không mạnh, không yếu, không thoái lui, không rối loạn. Tại sao không thoái lui, không rối loạn, Nhất thiết trí không rộng không hẹp?

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có ý niệm này là không phải cầu Đại Minh độ, chẳng phải oai thần của Đại Minh độ. Muốn độ chúng sinh là bị dính mắc. Vì sao? Vì con người vốn không có Đại Minh độ, cũng không có người, không hoại nghĩa Minh độ, nhưng con người là nơi sinh ra năng lực. Đức Như Lai hiển hiện năng lực cũng như thế.

Thu Lộ Tử bạch Phật rằng:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu ai tin pháp này thì không có nghi ngờ. Người ấy từ đâu sinh đến? Cầu đạo cho đến nay được bao lâu mới hiểu được giáo nghĩa trong đây?

Đức Phật dạy:

–Người ấy từ cõi Phật phương khác sinh đến, đã hỏi nghĩa ấy, nghe rồi liền cung kính, chiêm ngưỡng Pháp sư như Đức Phật và nghĩ rằng ta đã thấy Đức Phật rồi.

Thiện Nghiệp bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Minh độ có được nghe thấy không?

Đức Phật dạy:

–Không thể thấy được.

–Bồ-tát cầu Phật cho đến nay được bao nhiêu người theo pháp này?

Phật dạy:

–Chẳng phải một hạng người học, nhưng mỗi người đều có công hạnh riêng của mình, hoặc trước kia cúng dường bao nhiêu ngàn Đức Phật, thọ trì đầy đủ giới kinh, không được nghe kinh này quyết định bỏ nên không cung kính, cho đến đời Phật vị lai được nghe cũng lại bỏ đi.

Phật dạy:

–Người này tự tùy thuận thân ý nên phải chịu tâm ngu si, tự chuốc lấy tội này và cũng tự hại mình. Nghe người giảng nói Minh độ lại ngăn chận họ. Người nào ngăn chận việc này là ngăn chận trí Nhất thiết, là ngăn chận mắt sáng dẫn đường từ xa xưa đến nay. Do người này ngu si, mắc tội dứt bỏ kinh pháp, khinh thường ứng nghi, lãnh thọ đạo bất tín, nên chết rồi đọa vào địa ngục Vô trạch, trải qua thời gian khó tính toán được, chịu khổ nhọc đau đớn không thể nói hết. Khi trời đất hoại sẽ đọa vào địa ngục ở phương khác, loanh quanh trong ba đường suốt vô lượng kiếp số.

Thu Lộ Tử bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Tội ấy có bằng với năm tội nghịch không? Xin Ngài hãy nói tỉ mỉ về việc ấy.

Đức Phật dạy:

–Tội đó khó ví dụ được. Khi đọc tụng Minh độ này nếu có tâm niệm không đúng với những gì Như Lai giảng nói, rồi ngăn chận người học tập là tự phá hoại mình, lại pháp hoại người; là tự uống thuốc độc, lại cho người uống. Những người này tự giết chết mình, không hiểu Minh độ mà còn mê hoặc người khác. Người học không thấy người này ngồi, đứng, nói, cười, giao hảo, ăn

uống… Vì sao? Vì dứt bỏ kinh này. Người này tự ở trong nơi tăm tối, lại xô người vào nơi tăm tối, không khác gì người ấy tự uống thuốc độc giết mình. Người ngu dứt bỏ kinh này, tin vào lời người kia thì tội khổ giống như nhau. Phỉ báng Minh độ là phỉ báng mười hai bộ kinh.

Thu Lộ Tử thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Ngài chưa nói tội phỉ báng, dứt bỏ kinh pháp đọa vào ngục Thái sơn. Hình dáng chủng loại người ấy như thọ thân lớn nhỏ. Cúi xin Ngài thương xót giải thích cho.

Phật dạy:

–Nếu không hỏi nghe việc ấy, thì e rằng ở trong chỗ máu mủ nóng bức, do bảy lỗ ở trên mặt nên sợ mất mạng. Do hái hoa suốt ngày đựng đầy nên khô mà bay đi. Người ngu chết như vậy, thân họ cao lớn, xấu xí, chỗ ở hôi hám, ai thấy cũng ghê tởm, ta khó nói hết được. Người phá pháp tôn quý ấy ở trong địa ngục phải chịu từng loại hình phạt.

Thu Lộ Tử bạch Phật:

–Cúi xin Ngài nói rõ về tội ấy để người đời sau cung kính phụng thờ pháp Minh độ, vì lo sợ nên thận trọng không phạm tội phỉ báng, dứt bỏ để rồi bị đau khổ như kia.

Đức Phật dạy:

–Ta sẽ chỉ bày Đại Minh độ cho người. Người đời sau nghe rồi phỉ báng sẽ mắc tội đọa địa ngục chịu đau khổ vô hạn, tội ấy mới biết được.

Thiện Nghiệp bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Con người phải thường giữ gìn mọi hành động của thân, miệng, ý, hễ phỉ báng pháp Minh độ thì bị tội này!

Phật dạy:

–Người ngu ở trong pháp của ta làm Sa-môn mà phỉ báng Minh độ. Người nói không ngăn chặn dứt trừ là dứt trừ trí Nhất thiết, mười hai bộ kinh, là dứt trừ đạo của chư Phật ba đời, là dứt trừ Tỳ-kheo Tăng, chịu tội trong hằng sa kiếp.

Thiện Nghiệp hỏi:

–Bạch Đức Thế Tôn! Người phỉ báng dứt trừ kinh pháp này gồm có bao nhiêu việc?

Phật dạy:

–Người nam, người nữ này không có giới, bị ở trong tà vạy nên không ưa thích kinh cao sâu. Do hai việc này mà dứt bỏ Minh độ, lại có bốn việc:

1- Nghe lời của vị thầy tà ác.
2- Không thuận theo học.
3- Không nương nhờ vào pháp Bồ-tát.
4- Chủ động việc phỉ báng dứt bỏ kinh pháp, thích tìm tòi lỗi xấu của người rồi tự cống cao.

Đây là bốn việc.

Thiện Nghiệp bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Không thấy ai quy y sâu sắc, ít có người tin tưởng.

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy!

Thiện Nghiệp lại hỏi:

–Vì lý do gì ít người tin Phật?

Đức Phật dạy:

–Từ xưa đến nay năm ấm không dính mắc, không trói, không mở. Vì sao? Vì nó không có hình tướng, là nghĩa của Minh độ, do đó ít người tin.

QUYỂN 3
Phẩm 7: THANH TỊNH

Tôn giả Thiện Nghiệp bạch Phật rằng:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu hiểu chút ít về Minh độ vô cực thì không xem thường việc học tập.

Đức Phật dạy:

–Năm ấm thanh tịnh thì đạo thanh tịnh, đạo thanh tịnh thì năm ấm cũng thanh tịnh như nhau không khác. Năm ấm thanh tịnh thì trí Nhất thiết thanh tịnh, trí Nhất thiết thanh tịnh thì năm ấm cũng thanh tịnh. Bây giờ không dứt bỏ trước thì sau này cũng không dứt bỏ, bây giờ không phá hoại trước thì sau này cũng không phá hoại. Ngay bây giờ như nhau không khác.

Thu Lộ Tử bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, rất thanh tịnh sâu xa!

Đức Phật dạy:

–Thanh tịnh!

Thu Lộ Tử thưa:

–Cực minh hư vô, không có dấu vết, không thật có, cùng khắp tất cả, không sinh dục, không sắc tưởng, thanh tịnh, bạch Đức Thế Tôn.

Phật dạy:

–Thanh tịnh!

Thu Lộ Tử lại thưa:

–Năm ấm có thanh tịnh không? Bạch Đức Thế Tôn.

Phật dạy:

–Không biết, không tùy thuận theo, không nghĩ tưởng đến thanh tịnh.

Thu Lộ Tử lại thưa:

–Trí Nhất thiết Minh độ không thêm không bớt, vì sao? Vì không thật có, giữ cho thanh tịnh.

Đức Phật dạy:

–Thanh tịnh!

Thiện Nghiệp lại bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Ý thanh tịnh thì năm ấm thanh tịnh, năm ấm thanh tịnh thì ý cũng thanh tịnh?

Đức Phật dạy:

–Vốn thanh tịnh vậy!

–Trí Nhất thiết thanh tịnh thì đạo cũng thanh tịnh?

Đức Phật dạy:

–Vốn thanh tịnh!

–Năm ấm vô biên thì ý cũng vô biên?

Đức Phật dạy:

–Vốn thanh tịnh! Đại sĩ soi sáng cội nguồn của mình, vì lý do ấy, Minh độ vốn thanh tịnh, không ở kia, không ở đây, không ở giữa, vốn thanh tịnh.

Thiện Nghiệp bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát có tưởng thì xa lìa Minh độ?

Phật dạy:

–Lành thay! Đúng như lời ông nói, có danh tưởng thì dính mắc.

Thiện Nghiệp thưa:

–Khó ai sánh bằng, bạch Đức Thế Tôn! Minh độ Như Lai cứu giúp chúng sinh đây nếu nói ra thì bị dính mắc.

Thu Lộ Tử hỏi Thiện Nghiệp:

–Cái gì làm dính mắc?

Thiện Nghiệp đáp:

–Nghĩ nhớ năm ấm dính mắc vào không, nghĩ nhớ từ xưa đến nay đều là dính mắc.

Trời Đế Thích hỏi Thiện Nghiệp:

–Vì nguyên nhân nào dính mắc?

Đáp:

–Tâm nghĩ nhớ bố thí đạo Vô thượng chánh chân là tâm không đảm đương. Bố thí những gì người lành ưa thích? Dạy người ở nơi vốn không. Như vậy không có lỗi lầm. Đúng như Đức Phật đã dạy là bỏ đi một dính mắc.

Phật dạy:

–Lành thay! Ông là Bồ-tát Đại sĩ y cứ vào không, không dính mắc. Lại nữa, nếu có quá dính mắc về việc nghĩ nhớ Như Lai thì hễ nghĩ tưởng gì liền bị dính mắc. Từ xưa đến nay Đức Phật không bị dính mắc vào pháp nào cả, tùy hỷ bố thí. Người thực hành đạo Vô thượng chánh chân pháp không có từ xưa đến nay. Tất cả không được có ý tưởng bố thí, không nhớ, không thấy, không nghe, không tâm, không nghĩ về tâm.

Đáp:

–Rất sâu xa, bạch Đức Thế Tôn!

Phật dạy:

–Minh độ vốn thanh tịnh.

Thiện Nghiệp thưa:

–Con tự quy y Minh độ.

Đức Phật dạy:

–Pháp không có người làm thì không có người thực hành đạo Vô thượng chánh chân.

Thiện Nghiệp thưa:

–Đúng như Đức Phật dạy, không có người làm.

Đức Phật dạy:

–Không có hai pháp, vốn không phải một gốc, vốn không là vốn không, không làm. Đây là pháp vốn không. Như vậy tất cả nhanh chóng vượt qua dính mắc.

Thưa:

–Thật khó hiểu, bạch Đức Thế Tôn!

Đức Phật dạy:

–Như vậy không được thành Phật.

Thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Minh độ không thể tính lường.

Phật dạy:

–Đúng vậy, tâm không tự biết tâm.

Thiện Nghiệp thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Không có người thực hành Minh độ.

Phật dạy:

–Không có thầy làm ra thì cầu Minh độ không phải năm ấm cầu, năm ấm chẳng không, cầu là cầu Minh độ, năm ấm không đầy đủ là chẳng phải năm ấm, không cầu là cầu Minh độ.

Thưa:

–Khó ai sánh bằng, bạch Đức Thế Tôn! Dính mắc, không dính mắc, bạch Đức Thế Tôn! Dính mắc, không dính mắc, đây là không dính mắc.

Phật dạy:

–Năm ấm không dính mắc, không cầu là cầu Minh độ. Năm ấm dính mắc là không cầu Minh độ. Dự lưu, Tần lai, Bất hoàn, Ứng nghi, Duyên giác dính mắc là không cầu. Vì sao? Vì dính mắc có ra từ trí Nhất thiết. Như vậy Bồ-tát dính mắc, không dính mắc có ra từ sự giữ gìn trí Nhất thiết.

Thưa:

–Khó theo kịp, bạch Đức Thế Tôn! Ngài đã nói pháp rất sâu xa. Nói về không bớt, không nói, không thêm.

Phật dạy:

–Như vậy là không bớt không thêm. Vì sao? Vì Như Lai hết sức khen ngợi hư không cũng không thêm bớt. Ví như người làm ảo thuật, dù được khen hay bị chê cũng không thể làm cho họ có thêm bớt sự vui buồn. Kinh ta nói ra, dù chúng sinh học tập, phúng tụng thì kinh không thêm bớt. Người chịu khó cầu Minh độ rồi giữ gìn thì không biếng nhác, không sợ hãi, không lay động, không chuyển dời, vâng theo lời dạy này không xả bỏ. Vì sao? Người làm việc giữ gìn này là giữ gìn rỗng không; các Trời, Người, Quỷ, Rồng…đều phải lễ lạy, vì vị ấy mặc áo giáp đại Từ chiến đấu với hư không, cứu giúp tai họa của chúng sinh, hiện đời đang bị khổ não bức bách.

Thiện Nghiệp thưa:

–Người mặc áo giáp khen ngợi hư không nên người ở ba chỗ hết sức tinh tấn, mạnh mẽ vô cùng.

Bạch Đức Thế Tôn! Pháp như hư không cho nên tìm đạo Vô thượng chánh chân, muốn được bình đẳng Tối chánh giác có khác với tâm niệm của Tỳ-kheo, tự quy y Minh độ là pháp không diệt.

Đế Thích thưa với Thiện Nghiệp:

–Làm là mong cầu theo sự dạy dỗ này, vì sao phải theo sự dạy dỗ này?

Thiện Nghiệp nói:

–Minh độ tùy theo sự dạy dỗ này là tùy theo không giáo.

Đế Thích bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Người học Minh độ nên giữ mấy thứ nghe?

Thiện Nghiệp nói:

–Thế nào Đế Thích? Thấy pháp không cần phải ủng hộ là tùy theo sự dạy dỗ này, thì chúng sinh không thể được tiện lợi. Ủng hộ thực hành Minh độ là ủng hộ thực hành hư không. Thế nào Đế Thích? Người có năng lực có giữ gìn ảnh hưởng không?

Đế Thích thưa:

–Không thể được. Như tiếng vang cũng không có nghĩ nhớ là cầu Minh độ, giữ gìn oai thần Phật.

Các vị Đế Thích, Phạm thiên, bốn vị Thiên vương, các vị Thiên vương trong cõi tam thiên đại thiên… tất cả đều đến đảnh lễ Đức Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui đứng sang một bên nghĩ nhớ đến danh hiệu, hình dung, cách ăn mặc, nơi cõi nước sinh ra của ngàn Đức Phật đều như Đức Phật Thích-ca. Tên đệ tử của các Ngài đều như Thiện Nghiệp. Người thưa hỏi về Minh độ đều như Đế Thích. Nền tảng dạy trao, thời gian dạy trao của các Ngài đều cùng một nơi. Bồ-tát Đại sĩ đều mặc áo giáp lớn học tập Minh độ.

Phật bảo Thiện Nghiệp:

–Bồ-tát Từ Thị lúc thành tựu Vô thượng chánh chân bình đẳng giác cũng sẽ ở đó giảng nói Minh độ.

Thưa:

–Thế nào là giảng nói về năm ấm?

–Không thọ giảng nói, không rỗng không giảng nói, không dính mắc giảng nói, không cởi mở năm ấm giảng nói.

Thiện Nghiệp khen ngợi:

–Thanh tịnh, bạch Đức Thế Tôn!

Phật dạy:

–Năm ấm thanh tịnh, Minh độ thanh tịnh giống như hư không.

Thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Năm ấm không nhơ nhớp?

Phật dạy:

–Không nhơ nhớp.

Thiện Nghiệp thưa:

–Người học Minh độ này không bị chết một cách phi pháp. Các vị trời thường theo họ. Ngày mười bốn, mười lăm tháng tám, khi Kinh sư giảng nói kinh, các Bồ-tát thường đến đại hội.

Đức Phật dạy:

–Thiện nam, tín nữ này được công đức rất nhiều, khó tính lường. Vì Minh độ không phải là chỗ gần gũi pháp, không chấp lấy kinh, không có, không đắc, không dấu vết, không nhơ bẩn, không mong cầu, không nghĩ tưởng. Đây là mong cầu Minh độ. Không hề quán thấy có pháp.

Các Thiên tử rất vui mừng, đồng lên tiếng khen ngợi:

–Dưới tầng trời này lại thấy Kinh luân chuyển.

Phật bảo Thiện Nghiệp:

–Không phải hai Kinh luân chuyển, pháp không từ đâu sinh, không đến, không đi như vậy.

Thiện Nghiệp thưa:

–Mong cho các pháp của Bồ-tát đều không có gì trở ngại, thành tựu đạo Vô thương chánh chân, bình đẳng chánh giác.

Phật dạy:

–Không có kinh luân chuyển, không có kinh trở về thì chỗ nào là Kinh luân chuyển? Không có kinh trở về thì chỗ nào là Kinh luân chuyển? Không thấy kinh, không quán pháp. Vì sao? vì nơi sinh ra các kinh giống như hư không, không dời đổi, không đến đi. Thực hành theo lời giảng nói này thì chính là giảng nói kinh. Người không nói kinh, người không nghe, thì không chứng, người nói kinh này được diệt độ. Đây là nói kinh, không phải người.

Thiện Nghiệp bạch Phật:

–Như hư không vô cực đều là Minh độ. Bình đẳng quán sát các pháp không có gì không hiểu rõ.

Bạch Đức Thế Tôn! Các pháp vô thượng vốn không không thể theo kịp; không dính mắc, không thân, không đi, không đến, không có, không giữ gìn, không hết, không căn, không từ đâu sinh, không diệt, không làm, không thầy, không biết, không nghĩ tưởng, không có gì trở ngại, không thích ứng, không hoại, không nguồn gốc, như huyễn hóa, không thấy, như mộng, vô ngã, thanh tịnh không nhơ nhớp, không thể thấy, không nơi chốn, nhất định không dời đổi, không nghĩ nhớ, bình đẳng, pháp bất động không dời đổi. Pháp vô dục không khác, không từ đâu sinh, hướng đến vô tưởng, bỏ hết cấu uế, tức giận. Không phải người, người vốn không, không quán sát pháp, không từ đâu sinh khởi, không bến bờ mé, không có chỗ dừng, không vữa nát, không hư hoại, không chỗ nào không vào được. Các Ứng nghi, Duyên giác không thể sánh bằng. Không rối loạn, không lầm lẫn, không thể lường, không phải pháp nhỏ, không có hình tướng, không có chỗ sinh khởi, các pháp không có khổ, không xâm lấn nhau, vô ngã, không chấp không. Các pháp không có chỗ sinh ra thì năng lực không ai hơn được, không thể nào tính toán hết được, không có gì lo sợ, tâm không biếng nhác. Các pháp của Như Lai vốn không, không có thầy. Vô vi vắng lặng, Minh độ vô cực.

QUYỂN 4
Phẩm 17: THỦ KHÔNG

Thiện Nghiệp bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát Đại sĩ thực hành Minh độ vô cực, thế nào là nhập vào không, là không định?

Phật dạy:

–Sắc bệnh hoạn nghĩ tưởng sinh tử thức không quán. Nhất tâm thực hành quán này thì không thấy pháp, đối với pháp không có chứng đắc.

Theo lời Phật dạy thì không chứng đắc đối với không, vì sao Bồ-tát an lập ở trong định mà không chứng được?

Phật dạy:

–Bồ-tát này nhớ nghĩ đầy đủ về không, nhưng không chứng đắc. Thực hành pháp quán này nhưng không chứng đắc. Quán vào nơi vừa muốn hướng đến, lúc ấy cũng không chứng đắc. Tâm không nhập định nên chấp trước không mất. Pháp của Bồ-tát vốn không đối với trung đạo mà có sự chứng đắc. Vì sao? Vì bản nguyện là cứu giúp chúng sinh nên mở rộng tâm Từ, có đầy đủ công đức nhưng không ở trong đó chứng đắc. Bồ-tát Đại sĩ được Minh độ, chứng được công đức lớn là nhờ vào đại lực này. Ví như người có sức mạnh có khả năng đánh lui quân giặc. Là người khỏe mạnh, ngay thẳng, thì không có việc gì không làm được. Đối với bốn bộ binh pháp đều hiểu biết và luyện tập một cách khéo léo nên được mọi người kính trọng, đi đến nơi nào cũng đều có được sức mạnh, rồi đem những gì mình có được mà đem phân phát cho mọi người, nhưng tâm vẫn vui vẻ. Nếu có việc khác cùng với cha,mẹ, vợ, con đi vào con đường rất nguy hiểm, người ấy an ủi người thân: “Chớ lo sợ, giờ đây được thoát nạn rồi.” Dù có nhiều kẻ thù đến, người ấy vẫn có nhiều mưu chước cứu người thân khỏi bị hại, rồi đưa họ về quê nhà để gia tộc được yên ổn và kẻ thù cũng không bị tổn hại. Vì sao? Vì người ấy dùng nhiều mưu chước khéo léo. Người ấy có trí tuệ mạnh mẽ, có khả năng làm những việc huyễn hóa, hóa thành nhiều người nên kẻ thù trông thấy kinh sợ, bỏ chạy tán loạn, dân làng khen ngợi đức tốt nhưng không vui mừng. Đối với chúng sinh, Bồ-tát Đại sĩ này thực hành tâm đại Từ vượt hơn cả địa vị Thanh văn, Duyên giác, an lập trong định, đối với chúng sinh đều thương yêu không có sở kiến, không thủ chứng đối với họ. Nhập vào Không sâu xa nhưng làm Thanh văn, thực hành hạnh này để hướng đến định, hướng đến cửa Niết-bàn, không có tưởng, không nhập không thủ chứng. Giống như chim bay trong hư không không bị va chạm chướng ngại. Thực hành như vậy, muốn hướng đến không thì đạt đến không, hướng đến vô tưởng thì đạt đến vô tưởng, không rơi vào không vô tưởng, muốn đầy đủ các pháp của Đức Phật. Ví như người thợ bắn giỏi, bắn lên hư không, mũi tên sau bắn trúng vào mũi tên trước, rồi bắn tiếp tục, mũi tên sau lại trúng vào mũi tên trước, đến khi nào người ấy muốn cho mũi tên rơi xuống thì nó mới rơi. Thực hành Minh độ như vậy là được sự giúp sức của minh tuệ quyền biến. Tự ở địa vị của mình, không đối với Trung đạo thủ chứng rơi vào hai đạo hạnh. Nhờ công đức này đạt được đạo Vô thượng chánh chân, thành tựu đầy đủ liền được thành Phật. Đối với kinh này quán không thủ chứng.

Thiện Nghiệp bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Chịu khổ thực hành việc học này, không đối với Trung đạo thủ chứng.

Phật dạy:

–Tất cả đều che chở chúng sinh nên giữ định, hướng đến cửa diệt độ, tâm niệm phân biệt. Thế nào là phân biệt? Là giữ không định phân biệt, không tưởng định phân biệt. Minh tuệ quyền biến giúp cho không đối với Trung đạo thủ chứng. Vì sao được minh tuệ quyền biến giúp sức? Vì tâm niệm cứu giúp chúng sinh nên giữ được niệm này, không đối với Trung đạo thủ chứng.

Lại nữa, đi sâu vào quán khổ, không định hướng đến cửa diệt độ, cho nên phân biệt tư tưởng nhân duyên của mọi người từ lâu xa đến nay, ở trong đó cầu đạo Vô thượng chánh chân giảng

nói kinh nên bỏ nhân duyên này giữ Không định, Vô tướng định, Vô nguyện định, hướng đến cửa diệt độ không đối với Trung đạo thủ chứng.

Lại nữa, Bồ-tát nghĩ rằng: Từ lâu xa mọi người cho rằng thường có tưởng, có ngã tưởng, có hảo tưởng, mỗi mỗi đều mong cầu: "Khi tôi thực hành đạo Vô thượng chánh chân vì có mọi người nên làm, giảng nói kinh để dứt trừ các tưởng này, dứt bỏ tất cả sự mong cầu."

Thế nào là dứt trừ các thường này chẳng phải thường? Sự vui này đều là khổ, thân này chẳng phải thân, cái đẹp này đều xấu xa. Bồ-tát suy nghĩ vì Minh tuệ quyền biến giữ vô nguyện định, hướng đến cửa diệt độ, không đối với trung đạo thủ chứng. Nếu Bồ-tát Đại sĩ nghĩ rằng: "Chúng sinh từ lâu xa đến nay cầu nhân duyên, cầu tưởng, cầu dục, cầu tụ tưởng, cầu không tưởng cầu." Bồ-tát nói: "Ta phải làm cho chúng sinh không có các tưởng này." Do lòng Từ rộng khắp đến như vậy nên đắc được Minh tuệ quyền biến. Pháp này quán không, tưởng, nguyện, thức không từ đâu sinh, đều giới hạn, không đối với Trung đạo thủ chứng pháp. Nên biết như thế. Bồ-tát làm thế nào cầu Minh độ? Do đâu học tập hiểu biết pháp trong tâm? Nhập định thủ không, hướng đến cửa diệt độ, giữ vô tưởng, vô nguyện, vô thức, không từ đâu sinh định, hướng đến cửa diệt độ. Bồ-tát này không đắc được tuệ nên giữ niệm không, vô tưởng, vô nguyện, vô thức, không từ đâu sinh niệm định ý. Có người đến hỏi thì không đem ngay tâm không thể tính kể làm cho người ta hiểu. Như vậy đều là Bồ-tát không thoái chuyển. Vì sao Bồ-tát không thoái chuyển đối với tâm nhiều vô số kể đều biết hết? Do thực hành hạnh này mà không biết đầy đủ nên chưa đạt được trí tuệ không thoái chuyển.

Thiện Nghiệp thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Số người cầu đạo Bồ-tát nhiều không thể tính kể, nhưng ít có người hiểu biết.

Đức Phật dạy:

–Ta sẽ làm cho những người này hiểu biết rồi thọ ký. Đối với công đức thù thắng biết được pháp Thanh văn, Duyên giác; các Trời, Người, Rồng, Quỷ, Thần Chất lượng không thể sánh bằng.

QUYỂN 3
Phẩm 8: TẤT TRÌ

Đế Thích nghĩ rằng: "Nay gặp được Phật, nghe Minh độ vô cực là người ở thời Phật quá khứ, huống gì học tập, thọ trì, phụng túng, an trụ trong lời dạy này, người ấy đời trước đã từng cúng dường bao nhiêu Đức Phật, theo thưa hỏi mọi việc. Người thiện nam này đã từng gặp bậc Chánh chân Chánh giác ở quá khứ, khi theo nghe nói pháp sâu xa này thì không nghi, không kinh, không sợ, không khó khăn."

Thu Lộ Tử bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Minh độ sâu xa này, Bồ-tát Đại sĩ tin tưởng lãnh thọ được xem như không thoái chuyển. Vì sao? Vì vốn tinh tấn.

Đế Thích thưa Thu Lộ Tử:

–Pháp này rất sâu xa, theo Minh độ này nhất định khó đến vậy ư? Người nào nghe nghĩa ấy mà không tin là vì người ấy cầu Phật đạo chưa bao lâu. Vì vậy cho nên là khó. Tự quy y Minh độ là tự quy y trí Nhất thiết. Bậc trí Nhất thiết là do Minh độ chiếu sáng nên phải thực hành để hiểu biết vững vàng và trụ trong trí tuệ này.

Đế Thích bạch Phật rằng:

–Bạch Đức Thế Tôn! Làm thế nào ở trong Minh độ hiểu biết vững vàng về trí tuệ?

Phật dạy:

–Lành thay Đế Thích! Nay ông đặt câu hỏi ấy là vì giữ gìn oai thần của Đức Phật mới làm cho ông nảy sinh câu hỏi này. Bồ-tát cầu Minh độ nên thực hành không trụ trong năm ấm, năm ấm không phải là rốt ráo, thế không nên trụ ở trong đó.

Thu Lộ Tử bạch Phật:

–Rất sâu xa, bạch Đức Thế Tôn! Pháp này khó thấy vô biên.

Phật dạy:

–Năm ấm không trụ, không tùy thuận, không vào trong năm ấm.

Thu Lộ Tử thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có Bồ-tát không thoái chuyển thì nên nói như ở trước cho vị ấy nghe về pháp tuệ này để không nghi ngờ, không nhàm chán.

Đế Thích hỏi Thu Lộ Tử:

–Thưa Tôn giả! Đối với Bồ-tát chưa được thọ ký, nếu nói như trước thì có gì khác không?

Thu Lộ Tử nói:

–Người chưa được thọ ký nghe pháp này thì mê mờ, sợ hãi, lui sụt. Còn Bồ-tát Đại sĩ nghe nghĩa này thì được định thanh tịnh. Nếu nhanh chóng gần gũi để được thọ ký thì không bao lâu sẽ thấy một hay hai Đức Phật thọ ký, hoặc tự mình ở trong đó được thọ ký đắc đạo Vô thượng chánh chân.

Phật dạy:

–Việc cầu Phật đạo như vậy là việc từ lâu nay phải biết. Người chưa được thọ ký nên nghe pháp này.

Thu Lộ Tử bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Con ưa thích lời dạy này làm an vui trong loài người.

Phật dạy:

–Người nào yêu thích sẽ được ở trước Phật mà nói về pháp ấy.

Thu Lộ Tử thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Ví như Bồ-tát có chí đức, tự ở trong mộng tiến đến tòa ngồi của Đức Phật, nên biết Bồ-tát này sắp được thành Phật. Như vậy, bạch Đức Thế Tôn! Nếu có vị nào đắc được Minh độ này thì công đức của vị ấy sắp thành tựu tràn đầy, được gần gũi bên Phật.

Phật dạy:

–Lời ấy hay thay! Ông làm điều yêu thích này như oai thần của Phật.

Thu Lộ Tử bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Ví như muốn đi một muôn dặm, hoặc hai muôn dặm đến cái đầm sâu lớn, từ xa tưởng thấy người chăn trâu, dê, quang cảnh, nhà cửa, cây cối… trong tâm nghĩ rằng đi

đến phía trước từ từ sẽ thấy quận huyện, xóm làng. Chỉ khi nào sắp đến gần quận huyện thì không còn lo sợ giặc cướp.

Như vậy, bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát Đại sĩ được pháp này, nay gần được thọ ký không còn bao lâu, không còn lo sợ rơi vào đạo Ứng nghi, Duyên giác. Vì sao? Vì dừng đúng chỗ đã tưởng thấy. Người muốn nhìn thấy biển lớn, từ từ đi đến tưởng thấy núi rừng kia sáng sủa, nhìn kỹ thì biển còn xa, lập tức không tưởng thấy nữa. Nếu chỉ muốn đến thì không còn tưởng đến núi, cây. Người được pháp này tuy không thấy Phật thọ ký nhưng không lâu sẽ thành Phật. Ví như mùa Xuân, cây lá rất ít sinh sôi nẩy nở, nên biết nơi đó không lâu hoa lá như thật sẽ đang tăng trưởng tươi tốt. Người có mắt ở nơi đó rất vui mừng do thấy hoa lá thật, cho nên biết tăng trưởng tươi tốt. Như vậy, Bồ-tát Đại sĩ tưởng thọ ký, không bao lâu được thọ ký thành đạo Vô thượng chánh chân.

Đức Phật dạy:

–Hay thay, hay thay! Thu Lộ Tử, vì giữ gìn oai thần Phật làm

cho ông giảng nói về Minh độ. Thiện Nghiệp bạch Phật:

–Khó sánh bằng, bạch Đức Thế Tôn! Tất cả đều được sớm ghi nhận là Bồ-tát Đại sĩ thành Như Lai Vô Sở Trước Chánh Chân Đạo Tối Chánh Giác.

Đức Phật dạy:

–Do vậy, Bồ-tát Đại sĩ ngày đêm thương xót chúng sinh, muốn làm cho họ được an ổn, tự mình đạt đến đạo Vô thượng chánh chân. Khi thành Phật, đều giảng nói kinh (Minh độ).

Thiện Nghiệp thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Làm sao cầu được thành tựu thành Phật?

Đức Phật dạy:

–Trong kinh dạy: Thực hành pháp quán này năm ấm không còn lỗi lầm là cầu Minh độ, không quán thấy pháp là cầu Minh độ.

Thiện Nghiệp thưa:

–Không thể tính lường lời dạy của Đức Thế Tôn.

Phật dạy:

–Như vậy năm ấm không thể tính lường, không thể mong cầu.

Thiện Nghiệp thưa:

–Ai sẽ tin pháp này và y theo đây là cầu Bồ-tát Đại sĩ?

Phật dạy:

–Là cầu cái gì? Dù cho mong cầu cũng chỉ là tên gọi mà thôi. Trong đây năng lực Minh độ của Bồ-tát Đại sĩ, bốn việc Phật pháp, trí Nhất thiết đều không thể tính kể, các pháp năm ấm cũng giống như vậy, dù cho mong cầu cũng là không cầu gì cả, chính là cầu Minh độ. Đúng ra, nếu làm việc mong cầu này chỉ là tên gọi thôi.

Thiện Nghiệp thưa:

–Rất sâu xa, bạch Đức Thế Tôn! Đây chính là bảo tướng trung vương chiến đấu mạnh mẽ với hư không. Đức khó thắng được, làm cho hành nghiệp của Đức Phật truyền đến vô cùng.

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy! Thế nên Bồ-tát hãy nhanh chóng viết chép kinh

này cho đến chết. Vì sao? Vì đối với vật báu có nhiều việc dứt trừ, phát sinh.

Thiện Nghiệp thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Còn giữ tưởng tà vạy sẽ làm cho kinh dứt bặt.

Phật dạy:

–Tà vạy muốn làm dứt bặt kinh, chắc chắn không thể hơn được.

Thu Lộ Tử hỏi:

–Bạch Đức Thế Tôn! Trong việc dứt bỏ kinh, nhờ ân của ai mà không thể hơn được?

Phật dạy:

–Nhờ oai thần của chư Phật hiện tại ở mười phương đều ủng hộ Bồ-tát Đại sĩ này. Đức Phật đã trao cho, chắc chắn tà vạy không thể làm cho dứt trừ được.

Thu Lộ Tử bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu ai nghĩ nhớ, trì tụng, học tập, viết chép thì oai thần của chư Phật đều ủng hộ vị ấy.

Đức Phật dạy:

–Ta xem thấy người học tập, trì tụng này, cho đến người viết chép, giữ gìn quyển kinh nên biết họ được Như Lai trông thấy. Người chí đức thọ trì kinh này nau gần gũi tòa Phật (địa vị Phật), được nhiều công đức lớn. Sau khi Như Lai ra đi, pháp này sẽ ở nước Thích thị. Các bậc Hiền ở nước ấy học tập rồi chuyển đến nước Hội-đa-ni, ở trong đó học tập rồi lại đến nước Uất-đơn-việt, ở trong đó học tập, sau đến lúc kinh ta sắp dứt mất. Ta đã biết việc này. Lúc ấy, vì giữ gìn Minh độ nên cuối cùng nếu có người nào viết chép thì đều được Đức Phật dự kiến (cho người ấy) và khen ngợi người ấy.

Thu Lộ Tử hỏi Đức Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nước Uất-đơn-việt sẽ có bao nhiêu Bồ-tát Đại sĩ học định này?

Đức Phật dạy:

–Ít thôi! Khi giảng nói kinh này, nghe mà không sợ, không thấy khó khăn là mau gần Như Lai. Đời trước, người ấy đã theo học Như Lai rồi. Bồ-tát chí đức giữ giới đầy đủ, độ thoát nhiều người, là những người tìm cầu Phật đạo. Ta biết Bồ-tát này gần trí Nhất thiết, vị ấy sinh nơi nào ý chí vẫn còn quy hướng, nên học tập nghĩa này muốn cầu đạo Vô thượng chánh chân. Hạnh của người này cao quý, tà chắc chắn không thể lay động làm cho bỏ chí Phật, nghe Minh độ rồi rất vui mừng, tôn kính, được đức Đại thừa, đến gần đạo Vô thượng chánh chân. Tuy không thấy nhưng đời sau được pháp này là tạn mặt thấy Phật.

Đức Phật nói việc này là nói về như. Nếu có người cầu đạo, nên dạy bảo khuyến khích làm cho họ học Phật đạo, ta đều vui theo. Nếu có người nào làm việc giáo hóa này thì tâm phục, tâm chuyển đến sáng suốt tự tại và nguyện sinh ở cõi Phật nào, hoặc khi được sinh ở phương nào khác cũng thấy Phật giảng nói kinh, lại sau này còn người dạy cầu Phật.

Thu Lộ Tử bạch Phật rằng:

–Khó sánh kịp, bạch Đức Thế Tôn! Làm thế nào mới có Đức Như Lai đây? Từ xưa đến nay, Bồ-tát này pháp nào lại không biết? Cầu gì mà chẳng được? Làm sao lại có quyết định này? Người thành Phật là người tinh tấn học tập sáu Độ.

Phật dạy:

–Người này có cầu kinh hay không cầu, khi gặp kinh pháp nguyện không rời bỏ kinh. Tìm cầu mãi không dừng, khi không còn tìm cầu nữa thì tự được sáu Độ.

Thu Lộ Tử hỏi:

–Bạch Đức Thế Tôn! Có phải Minh độ này từ nhiều kinh rút ra?

Đức Phật dạy:

–Có người hiểu Minh độ từ nhiều kinh rút ra. Vì sao? Vì đây là giáo pháp của Phật nên đem dạy cho tất cả mọi người, khuyến khích làm cho họ nắm bắt được Phật đạo và cũng tự mình học nghĩa lý sâu xa của kinh này. Các vị Bồ-tát ấy sinh ra nơi nào cũng gặp Phật, được sáu Độ vô cực.

QUYỂN 3
Phẩm 9: HIỂU RÕ TÀ VẠY

Thiện Nghiệp hỏi Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đối với Bồ-tát, những thứ sắp học tập phải làm thế nào để biết sự khó khăn của nó?

Đức Phật dạy:

–Muốn học Minh độ vô cực thì tâm không ưa thích, phải hiểu tà vạy là tâm vọng động, rồi vội vàng phát tâm muốn học tập, rốt cuộc rối loạn phát sinh. Nếu viết chép kinh này, sấm sét làm lo sợ Bồ-tát chuyển sang nhìn thấy chung quanh đùa giỡn. Viết chép kinh này, niệm tà vạy không dính mắc vào kinh, từ chỗ ngồi đứng dậy đi, tự nghĩ: “Ta không có pháp thọ ký, không ở trong Minh độ thì tâm rối loạn phát sinh, bên trong không được thanh tịnh.” Tự nghĩ: “Quê hương xứ sở của ta không nghe kinh này”, ý hối hận bỏ đi. Người ấy qua nhiều kiếp về sau, nghe kinh đạo khác vui mừng thì không thể nào gánh vác Minh độ, nên theo kinh khác, liền rơi vào đạo Ứng nghi, Duyên giác. Đây là cành lá, ví như người nam được voi, xem chân nó. Thế nào, có đúng không?

Thưa:

–Thưa không, bạch Đức Thế Tôn!

Đức Phật dạy:

–Như vậy cầu đạo Bồ-tát mà vứt bỏ Minh độ, lại tu hành kinh khác thì chỉ được đạo Ứng nghi, Duyên giác, có đúng không?

–Thưa không, bạch Đức Thế Tôn!

Đức Phật dạy:

–Ví như muốn thấy biển lớn nhưng lại nhìn vũng nước rồi nói rằng đó là biển lớn, có đúng không?

–Thưa không, bạch Đức Thế Tôn!

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát vứt bỏ Minh độ sâu xa mà lấy kinh khác, rơi vào đạo Ứng nghi, Duyên giác, có trí không?

–Thưa không, bạch Đức Thế Tôn!

Phật dạy:

–Ví như làm cung điện tuyệt đẹp, ý người thợ muốn cung điện bằng mặt trời mặt trăng, vậy theo ý Thiện Nghiệp có làm được không?

–Bạch Đức Thế Tôn! Chắc chắn không làm được.

–Người thợ này có nhỏ không?

–Thưa không, bạch Đức Thế Tôn!

Phật dạy:

–Cầu Bồ-tát, đã ở yên trong Minh độ rồi lại vứt bỏ, đi học giáo pháp của đạo Ứng nghi, Duyên giác, muốn ở trong đó cầu Phật đạo, người này có đúng không?

–Thưa không, bạch Đức Thế Tôn!

Phật dạy:

–Ví như thấy hoàng đế Phi Hành, trái lại thấy hình dung của tiểu vương mặc y phục, nhìn kỹ vị ấy rồi nói: "Đây chính là Hoàng đế Phi Hành", người này có đúng không?

–Thưa không, bạch Đức Thế Tôn!

Phật dạy:

–Bồ-tát vị lai được pháp sâu xa rồi lại vứt bỏ, đi vào pháp Ứng nghi muốn cầu Phật đạo. Thế nào, có trí không?

–Thưa không, bạch Đức Thế Tôn!

–Ví như người rất đói, được trăm vị thức ăn lại không ăn, chỉ muốn được sáu mươi vị thức ăn. Người lái buôn được hạt ngọc Minh nguyệt vô giá, đem thủy tinh so với hạt ngọc Minh nguyệt, người này có đúng không?

–Thưa không, bạch Đức Thế Tôn!

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát vị lai được kinh Minh độ, lại đem so sánh với đạo

Ứng nghi rồi vứt bỏ, đi vào pháp Ứng nghi muốn được thành Phật. Lại nữa, khi đang viết chép tà vạy làm cho tài lợi từ phương khác đến, nghe lợi liền bỏ pháp, không thể viết hoàn tất được, nên hiểu là do tà vạy gây ra. Khi viết chép kinh này chớ nói rằng tôi viết. Chớ nói như vậy. Nên nghe theo trong kinh quả quyết nói. Tà vạy được dịp thuận tiện. Nếu không như vậy thì cảnh giới tà vạy rỗng không. Khi viết, ý hoặc dính mắc vào binh giặc rối loạn thế gian, thân thuộc, tài lợi, cơm áo, bệnh tật, thuốc men, nhớ cha mẹ, anh em và nhớ nhiều thứ khác. Bồ-tát nên sáng suốt hiểu đây là do tà vạy sai sử. Lại nữa, ta có kinh sâu xa, tà vạy theo thứ lớp học, liền thực hành loạn ý Minh độ, khiến bỏ gốc theo ngọn, bèn không được biến trí tuệ quyền biến.

Phật dạy:

–Bồ-tát Đại sĩ muốn giảng nói biến trí tuệ quyền biến phải theo Minh độ mà tìm, nhưng bây giờ đạt được lại vứt bỏ, đi vào đạo Ứng nghi tìm kiến trí tuệ quyền biến, Bồ-tát này có đúng không?

–Thưa không, bạch Đức Thế Tôn!

Phật dạy:

–Người lãnh thọ kinh muốn nghe pháp, Pháp sư không an ổn. Nếu Pháp sư an ổn muốn ban cho Minh độ thì người lãnh thọ kinh lại bỏ đi. Thấy trò không hòa hợp, viết chép không hoàn

thành. Người học đến lãnh thọ thì Pháp sư muốn đến nơi khác. Cả hai không hòa hợp, hoặc Pháp sư nghĩ về y phục, ăn uống, tài lợi… thì người thọ kinh cũng không đem ra cúng dường, rốt cuộc không được Minh độ. Như vậy nên biết do tà vạy gây ra. Người thọ kinh giả sử không có gì yêu tiếc, không trái nghịch Pháp sư thì đệ tử thưa hỏi mọi việc với Pháp sư có kinh này thì thầy không chịu giải thích. Người thọ kinh oán hận lui sụt, hoặc lúc Pháp sư muốn nói thì người lãnh thọ không vui. Hoặc thân thể Pháp sư mỏi mệt không thể đứng giảng nói kinh được. Người học ý chí mạnh mẽ, mà không được học nên biết là tà vạy gây ra.

Lại nữa, khi giảng nói hay viết chép kinh pháp này chợt có người đến nói địa ngục, ngạ quỷ, cầm thú rất khốn khổ, nên sớm dứt trừ nó để làm Ứng nghi không bị tai họa nặng. Hoặc đối với mọi người khen ngợi cõi trời vui sướng, nói rằng ở đó có năm dục tùy ý, cũng có thể nhất tâm nghĩ nhớ rỗng không. Tuy được nhớ nghĩ nhưng nên lìa xa thọ các khổ đó, không bằng ở đây cầu đạo Dự lưu, Tần lai, Bất hoàn, Ứng nghi, chớ tôn thờ hư không hư hoại.

Lại nữa, Pháp sư tâm cao quý có nghĩ rằng: “Có cung kính quy y ta, ta ban cho Minh độ, còn không thì thôi.” Người học tự quy y, không tránh né việc khó khăn nào thì Pháp sư không chịu trao cho, lại muốn đến bốn nơi đáng sợ hãi rồi bảo: “Ta muốn đến giữa năm đầm trống, trong đó có cọp, sói, giặc cướp, nơi lúa gạo quý hiếm, ngươi hãy suy nghĩ, bàn luận cho thật kỹ rồi hãy theo ta đi, chịu đựng các thứ khổ não này về sau không được hối hận.”

Đệ tử buồn lo thưa: “Thầy có sự hiểu biết sâu kín mà không chịu trao truyền, con biết làm sao?” Ý trí thầy trò trái nghịch nhau, lúc viết chép, học tập, tụng kinh, kinh hành về Minh độ thì đệ tử tức giận, chán ghét không chịu lãnh thọ học tập, muốn bỏ về thế tục, làm cho ý nghĩa kinh pháp bị bít lấp, nên biết do tà vạy gây ra.

Lại nữa, thầy mạnh khỏe đi khất thực, khi lười biếng thì liền nói với người học: “Ta nên đến nơi nào có sự thăm hỏi.” Do không biết như vậy nên lúc học tụng, kinh hành mà gặp việc này thì hiểu là do tà vạy gây ra.

Lại nữa, tà vạy xấu xa, thường tìm chỗ thuận lợi của nó, phiền não như thế, không lãnh thọ được pháp sâu xa.

Thiện Nghiệp hỏi:

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao vậy?

Phật dạy:

–Tà vạy xấu xa, chủ trương hành động phỉ báng Minh độ rằng: “Ta có kinh sâu xa, ý nghĩa nhiệm mầu, ngoài ra đều là phi pháp”, thế nên tâm Bồ-tát mới học nghi ngờ, e rằng chẳng phải Minh độ vô cực nên từ đầu đến cuối không chịu học. Khi việc tà vạy nhất thời nổi lên, nếu có Bồ-tát nào giữ sâu việc hành thiền thì được đạo Dự lưu. Đây là chứng đắc.

QUYỂN 3
Phẩm 10: CHIẾU MINH THẬP PHƯƠNG

Thiện Nghiệp bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Cúi xin Đức Thế Tôn giảng về Minh độ vô cực chiếu sáng cho đời. Thế nào gọi là chiếu sáng?

Phật dạy:

–Như Lai chỉ bày năm ấm cho thế gian.

Thiện Nghiệp lại hỏi:

–Bạch Đức Thế Tôn! Làm thế nào thấy rõ năm ấm hư hoại có thực ngay ở thế gian, hay không hư hoại có thực ngay ở thế gian?

Phật dạy:

–Năm ấm vốn không hư, không hoại. Vì sao? Vì nó không tướng, nguyện, không hư, không hoại, không có chỗ sinh ra, không hư hoại, không có chỗ biết. Do không hư không hoại, năm ấm vốn không tướng, nguyện không có chỗ sinh ra, không có chỗ biết. Minh độ chỉ bày rõ ràng cho thế gian. Đối với tâm của vô lượng người, Như Lai đắc được Minh độ đều biết cội nguồn của họ. Làm thế nào để biết cội nguồn của họ? Đối với bổn tâm của con người thì bổn tâm là cội rễ của con người vốn bình đẳng không khác. Như vậy, Minh độ sinh ra Như Lai thị hiện nơi đời.

Lại nữa, này Thiện Nghiệp! Với tâm lanh lợi, Như Lai theo Minh độ đều biết hết. Tâm lanh lợi là gì? Tâm loạn động liền biết. Kinh vốn ra vào ở trong tâm, kinh vốn không vào, cũng không ra kinh. Nên tâm là gốc của kinh, kinh vốn là gốc của tâm. Cội nguồn của kinh không lanh lợi, không loạn động liền biết. Thế nào là tâm lanh lợi liền biết? Theo sự lanh lợi ấy thì tất cả đều không thật có, vì tâm giống như không thật có nên không lanh lợi, không loạn động. Đó là tâm lanh lợi liền biết. Như vậy, Minh độ sinh ra Như Lai thị hiện ở đời. Ái dục tâm vốn liền biết. Tâm tức giận vốn liền biết, tâm ngu si vốn liền biết? Tâm ái dục vốn không phải tâm ái dục, tâm tức giận vốn chẳng phải tâm sân giận, tâm ngu si vốn chẳng phải tâm ngu si. Vì sao? Vì tâm vốn không hiển hiện, không tưởng. Không tưởng là không có ái dục, tức giận, ngu si. Đây chính là vốn không, giống như kinh này không có cội nguồn. Như vậy, Minh độ sinh ra Như Lai. Nếu tâm ái dục, tức giận, ngu si, dứt trừ liền biết. Thế nào là tâm dứt trừ liền biết? Vì tâm dứt trừ không có ái dục, không có tức giận, không có ngu si. Vì sao? Vì có ái dục thì tâm dứt trừ tận gốc rễ, có tức giận thì tâm dứt trừ tận gốc rễ, có ngu si thì tâm dứt trừ tận gốc rễ nên đều không từ nơi nào sinh ra được. Không có cội nguồn nên không từ nơi nào sinh ra, vì không từ nơi nào sinh ra nên các pháp không từ nơi nào sinh ra. Không có ái dục vì ái dục được dứt trừ, không có tức giận vì tức giận được dứt trừ, không có ngu si vì ngu si được dứt trừ, không thể thấy được. Như vậy, Minh độ sinh ra Như Lai, dùng người có đức. Tâm rộng lớn liền biết. Không có tâm lớn, nhỏ, vô ích, không có tâm bỏ đi. Vì sao? Vì tâm dứt trừ như thế sinh ra Như Lai. Dùng người có đức, không có tâm diêm dúa liền biết. Tâm này không đi, không đến, không ở. Vì sao? Vì nó vốn không, không có chỗ sinh ra. Vốn không nên không đến, không đi, không ở. Không thể lường như vậy, tâm liền biết. Trong thân tâm không tăng thêm thì tâm biết. Như hư không không thể tính lường như vậy tâm liền biết. Minh độ sinh ra Như Lai không thể tính kể, người nào chưa thấy, tâm liền biết. Vì sao? Vì vô tưởng nên tất cả thấy các pháp của kinh giống như tâm bình đẳng. Như các pháp tưởng không phải các pháp. Các pháp không phải tâm tưởng. Thế nào là pháp tưởng không phải các pháp? Thế nào là không phải tâm tưởng? Vì các pháp không có tâm tưởng, cũng vô tưởng, không thấy. Như vậy Minh độ sinh ra Như Lai, muốn được đây thì đến đây, đem sự có đức giúp người. Thế nào là muốn được đây thì đến đây? Vì tất cả muốn được đến, ở trụ trong năm ấm, muốn được theo đây thì liền đến đây.

Này Thiện Nghiệp! Như Lai làm thế nào mà muốn được nhân này đến đây? Từ chết đến chết thuộc về sắc. Từ chết đến không chết thuộc về sắc. Từ không chết đến không chết thuộc về sắc. Không có chết, không có không chết thuộc về sắc. Năm ấm như vậy. Có thế gian vô ngã chính là sắc, không thế gian có ngã chính là sắc. Có thế gian có ngã, không thế gian vô ngã thuộc về sắc. Không có thế gian không có ngã, không phải không có thế gian không phải vô ngã thuộc về sắc. Như vậy được cội nguồn thế gian, được cội nguồn của ngã thuộc về sắc. Có cội nguồn, không có cội nguồn thuộc về sắc. Không cội nguồn, không phải không có cội nguồn thuộc về sắc. Không được cội nguồn thế gian, không được cội nguồn của ngã thuộc về sắc. Có cội nguồn, không có cội nguồn thuộc về sắc. Không có cội nguồn, không phải không có cội nguồn thuộc về sắc. Mạng này, thân này thuộc về sắc. Chẳng có mạng, chẳng có thân thuộc về sắc. Năm ấm cũng như vậy. Đây là muốn được nhân này đến đây. Từ thân ta khởi ra công dụng của Như Lai. Người bị dính mắc, bị trói buộc, bị dục liền biết. Biết Như Lai quá khứ, biết thời, biết Như Lai hiện nay, biết thời, biết sắc. Làm thế nào biết sắc Như Lai biết? Như cội nguồn vốn không, năm ấm cũng vậy. Năm ấm của Như Lai làm sao biết được? Như cội nguồn vốn không, năm ấm vốn không. Như Lai vốn không. Làm như vậy thấy được vốn không. Năm ấm vốn không, thế gian vốn không, các pháp cũng vốn không. Dự lưu, Tần lai, Bất hoàn, Duyên giác vốn không, Như Lai cũng vốn không. Tất cả vốn không, không khác nhau; không có nơi đến, không có nơi dừng, vô tưởng, vô tận. Như vậy vốn không chẳng khác Như Lai. Từ trong Minh độ sinh ra đều biết điều này. Thế nên gọi là Phật.

Thiện Nghiệp bạch Phật:

–Rất sâu xa, bạch Đức Thế Tôn! Ai sẽ là người tin việc này? Chỉ có Thanh văn và người đạt địa vị không thoái chuyển mới tin thôi.

Phật dạy:

–Khi vốn không vô tận thì điều Như Lai nói là vô cực.

Đế Thích và cả muôn vị Thiên tử cùng hai muôn vị Thiên tử trời Phạm chúng đều đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi lui đứng một bên. Thiên tử trời Ái dục, Thiên tử trời Phạm thiên đều bạch Phật rằng:

–Bạch Đức Thế Tôn! Ngài đã giảng pháp rất sâu xa, làm sao tưởng pháp ấy?

Phật bảo các Thiên tử:

–Hư không dính mắc vô tướng, vô nguyện, vô sở trụ, như hư không không có gì trở ngại, các Trời, Rồng, Quỷ, Thần không thể làm lay động. Vì sao? Vì đây là tướng không tác giả. Năm ấm không thể tạo ra tưởng. Người, chẳng phải người không thể làm được.

Phật dạy các Thiên tử:

–Nếu có người nói làm ra được hư không, thế nào? Có tin được không?

–Thưa, không tin được, bạch Đức Thế Tôn! Không có ai làm ra được hư không. Vì sao? Vì hư không không có sắc.

Đức Phật dạy:

–Đây là tướng thường trụ. Dù có Phật hay không có Phật, tướng này vẫn trụ như vậy. Như Lai đều biết hết.

Các Thiên tử bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Tưởng này rất sâu xa, Đức Như Lai đều biết hết, không có gì trở ngại. Minh độ là đạo tự tại của Như Lai. Đây là nơi Phật ở.

Phật bảo Thiện Nghiệp:

–Đối với kinh, Như Lai tôn kính tôn thờ, tự quy y. tại sao gọi là kinh Minh độ? Vì Như Lai từ kinh này mà được đạo Vô thượng chánh chân. Do đó ta cung kính kinh, sẽ báo ân kinh. Các pháp là vô tác, ta đều biết không đem đến. Đây là báo ân kinh.

Thiện Nghiệp bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Các pháp không biết, không thấy, làm sao Minh độ sinh ra Như Lai thị hiện ở đời?

Đức Phật dạy:

–Các pháp không chỗ tru. Như vậy đều thấy biết sinh ra Như Lai thị hiện ở đời. Năm ấm không thấy làm ra được thị hiện ở đời. Thế nào là không thấy? Năm ấm không có nhân duyên nên không thấy. Không thấy chính là Minh độ sinh ra Như Lai thị hiện ở đời. Như hư không thị hiện ở đời. Thị hiện ở đời khó hoàn toàn thanh tịnh. Đây là thị hiện ở đời.

QUYỂN 4
Phẩm 11: KHÔNG THỂ TÍNH KỂ

Thiện Nghiệp bạch Phật rằng:

–Bạch Đức Thế Tôn! Minh độ cùng tột rốt ráo rất lớn, không thể tính lường, không gì sánh được.

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy, Như Lai là Bậc Vô Sư Trí Nhất Thiết. Thế nên Minh độ không thể tính kể, an ổn rốt ráo, không có gì sánh được.

Thiện Nghiệp bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Tại sao Như Lai là Bậc Vô Sư Trí Nhất Thiết vô lượng, vô biên?

Đức Phật dạy:

–Năm ấm không thể tính lường, các pháp cũng vậy. Năm ấm vô biên, các pháp giới hạn, không có bờ mé. Thế nào là chỗ năm ấm, các pháp cũng cùng tận? Thế nào Thiện Nghiệp, hư không có tính kể hết được không?

Thiện Nghiệp thưa:

–Không thể hết, bạch Đức Thế Tôn.

Đức Phật dạy:

–Các pháp cũng vậy. Do đó, pháp Như Lai, các pháp vô lượng, vô biên. Do pháp vô lượng nên phát tâm học Minh độ vô lượng. Như vậy vốn không có tâm niệm. Ví như hư không không tâm không niệm. Có tâm, có niệm là nhờ làm theo lời giảng nói này, không thể tính kể thời gian.

Năm trăm Tỳ-kheo, hai mươi Tỳ-kheo-ni đắc quả Ứng nghi, sáu mươi tín nam, tín nữ đều được Dự lưu, hai mươi vị Bồ-tát đạt

được pháp lạc không từ đâu sinh, sẽ được thọ ký trong kiếp Hiền này.

Thiện Nghiệp thưa:

–Rất sâu xa, bạch Đức Thế Tôn! Minh độ rất lớn, rất an ổn rốt ráo.

Đức Phật dạy:

–Đúng như lời ông nói, sinh ra đạo Nhất thiết trí, các Bồ-tát, Duyên giác đều từ trong ấy mà ra cả. Ví như Chuyển luân thánh vương, tất cả cõi nước đều là bề tôi lệ thuộc vào vua, không có gì lo âu. Pháp Phật, pháp Duyên giác, pháp Thanh văn đều từ trong đó sinh ra. Gầy dựng năm ấm không thọ không nhập thì đạo Dự lưu, Tần lai, Bất hoàn, Ứng nghi, Duyên giác, trí Nhất thiết cũng không thọ không nhập.

Thiện Nghiệp hỏi:

–Bạch Đức Thế Tôn! Tại sao trí Nhất thiết không thọ không nhập?

Đức Phật dạy:

–Thế nào, ông có thấy hàng Thanh văn được vào không?

Thiện Nghiệp thưa:

–Thưa không thấy, bạch Đức Thế Tôn!

Đức Phật dạy:

–Lành thay, lành thay! Ta cũng không thấy nơi nhập vào của Như Lai, như ta không chỗ nhập vào. Nhất thiết trí cũng không có nơi nhập vào.

Các Thiên tử, Phạm Thiên tử trời Ái dục đều bạch Phật rằng:

–Rất sâu xa, bạch Đức Thế Tôn! Minh độ khó hiểu.

Dù cho nhân dân trong cõi nước tam thiên ở thời Phật quá khứ đã làm công đức, tất cả đều tin tưởng một cách trọn vẹn qua một kiếp cũng không bằng ngay ở đây – trong Minh độ sâu xa – một ngày ưa thích, nghĩ nhớ đến sự sâu xa không thể tính lường sinh ra công đức kia.

Đức Phật bảo các Thiên tử:

–Dù cho lại có người hiền nghe pháp sâu xa rồi được chứng đắc nhanh hơn những người kia đã tin ưa qua một kiếp. Công đức của họ không bằng người hiền này.

Nghe việc này xong, các Thiên tử đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh và từ từ lùi xa, rồi không hiện nữa, mỗi vị tự trở về.

Thiện Nghiệp lại bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có Bồ-tát Đại sĩ tin Minh độ này là từ đâu sinh đến?

Đức Phật dạy:

–Ví như nghé con mới sinh không rời mẹ, như vậy Bồ-tát Đại sĩ nghe Minh độ rồi chắc chắn không rời Pháp sư, chính là từ trong cõi người sinh đến.

Thiện Nghiệp thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có vị nào đạt được công đức ấy, có phải là từ cõi Phật phương khác sinh đến không?

Đức Phật dạy:

–Có vị cúng dường ở cõi Phật phương khác, rồi từ nơi đó sinh đến. Còn ở trên cõi trời Đâu-thuật thì theo thưa hỏi Bồ-tát Từ Thị về Minh độ, nên bây giờ muốn cầu pháp một cách siêng năng, rồi nhờ công đức này lại được kinh này. Hoặc có vị đời trước trong lúc nghe không thưa hỏi về Minh độ, bây giờ mới nghe kinh này nên đối với kinh đó có sự nghi ngờ, nhàm chán, không tin chuộng. Người ấy đời trước không thưa hỏi thầy các việc.

Lại nữa, đời trước Bồ-tát Đại sĩ khi nghe kinh này rồi ở trong đó thưa hỏi về Minh độ hoặc một ngày, hai ngày, ba ngày, cho đến năm ngày, nhờ công đức này bây giờ trở lại được kinh này thì tin ưa ngay. Hoặc có người lúc ưa muốn nghe thì bị công dụng của kinh nay làm rối loạn nên tâm vị ấy thường xao động. Nếu nói thì vừa cúi vừa ngửa; người này từ hàng tân học đến, như vậy ít tin ưa nên rơi vào hai nơi là Thanh văn và Duyên giác.

QUYỂN 4
Phẩm 12: THÍ DỤ

Phật bảo Thiện Nghiệp:

–Ví như đang trên biển lớn, thuyền bè bỗng bị hư, người trong thuyền ấy không vịn vào ván, cột buồm thì không thể nào lội được, chắc chắn bị chết đuối. Nếu người nào vịn vào ván hoặc cột buồm, thì khỏe khoắn vịn vào đó bơi thì không chết. Nên biết thuận theo nước biển để vượt ra. Bồ-tát Đại sĩ có tin ưa, có định hạnh, có tinh tấn, muốn được đạo Vô thượng chánh chân mà không đắc được Minh độ, lại không được học Minh độ quyền tuệ sẽ ở trong đạo đắc đạo Thanh văn, Duyên giác. Vị ấy có tin ưa, định hạnh, tinh tấn muốn đạt đến đạo Vô thượng chánh chân, lại được học Minh độ quyền tuệ, chắc chắn không ở Trung đạo lười biếng, mà vượt ra khỏi đạo Thanh văn, Duyên giác, ở ngay trong đạo Vô thượng chánh chân gầy dựng. Ví như người nam, người nữ đem bình đất chưa nung để lấy nước, biết không lâu chắc chắn sẽ hư. Vì sao? Vì chưa hoàn thành. Học không đạt pháp sâu xa này thì chắc chắn không thể đạt được trí Nhất thiết, thì ở Trung đạo nhàm chán rơi vào đạo Nhị thừa. Ví như lấy bình gốm để nung đi gánh nước, an ổn trở về. Vì sao? Vì đã được làm hoàn tất. Cho nên học được pháp sâu xa, biết chắc chắn không ở Trung đạo tự buông lung mà quyết tâm dừng lại ở nơi đạo Vô thượng chánh chân.

Ví như thuyền ở giữa biển lớn, nếu không khéo giữ gìn, lấy tài vật ra xem, đến nơi đường hư, tài vật rơi rớt mất mát trong số các vật quý ấy. Cũng giống như vậy, nếu Bồ-tát Đại sĩ hết lòng học mà không đạt được pháp sâu xa, nên biết đối với Trung đạo nhàm chán thì mất vật quý. Đối với Trung đạo biếng nhác, rơi vào đạo Nhị thừa. Ví như người có bố thí buồm trong biển lớn, cho nên vá sửa thuyền bè để có chỗ đến, đem tài vật cất bên trong, không bị trung đạo làm hư hoại, chắc chắn là đến nơi kia. Như vậy Bồ-tát Đại sĩ có tin ưa, quyết định thực hành, tinh tấn học tập, lại được pháp sâu xa, chắc chắn không ở trong ấy biếng nhác, đang tiến đến gầy dựng đạo Vô thượng chánh chân, nhất định không rơi vào đạo Nhị thừa, mà hướng thẳng đến cửa Phật. Ví như người già cả, thân thể lại bệnh tật, thế nào, người này có khả năng từ giường tự mình đứng dậy được không?

Thiện Nghiệp thưa:

–Không thể được, bạch Đức Thế Tôn! Người này lúc đứng dậy không có sức lực nên không có khả năng tự mình đi được. Khi bớt bệnh thì có thể tự mình đứng dậy, nhưng không thể đi bộ được.

Đức Phật dạy:

–Cũng giống như vậy, Bồ-tát Đại sĩ học tập thực hành đầy đủ mọi việc như trên, không được pháp sâu xa mà muốn đến đạo Vô thường chánh chân, chắc chắn không đạt được Phật đạo, sẽ ở

trong đạo biếng nhác, rơi vào đạo Nhị thừa. Ví như người già bị bệnh vừa bớt, muốn đứng dậy đi phải có người mạnh khỏe đến dìu đỡ, rồi nói rằng: “Đừng sợ, con đưa ông đi”, chắc chắn không đối với Trung đạo vứt bỏ những gì được yêu thích. Như vậy, Bồ-tát học tập đầy đủ như trên, được Minh độ vô cực sâu xa, nên biết minh tuệ quyền biến này chắc chắn không đối với Trung đạo mà biếng nhác thì rốt ráo ở trong đó được đạo Vô thượng chánh chân.

QUYỂN 4
Phẩm 13: PHÂN BIỆT

Thiện Nghiệp bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Tại sao Bồ-tát A-xà-phù học Minh độ vô cực?

Phật dạy:

–Nên cùng với bạn lành tôn thờ, dùng ý tốt thuận theo lời dạy của Minh độ. Thế nào là thuận theo lời dạy đó? Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ nên đem ban bố để thành đạo Vô thượng chánh chân. Chớ dính mắc vào năm ấm. Vì sao? Vì Minh độ trí Nhất thiết không có gì dính mắc, không được ưa thích ở trong đạo Thanh văn, Duyên giác. Như vậy, này Thiện Nghiệp! Bồ-tát A-xa-phù hội nhập vào Minh độ.

Thiện Nghiệp thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát chịu các thứ khổ muốn cầu đạo Vô thượng chánh chân.

Phật dạy:

–Đúng vậy, chịu đủ mọi khổ, yên tịnh nơi đời, được mười phương che chở, là tự quy y, là nhà, là độ, là nâng, là dẫn dắt.

Thế nào là che chở? Sinh tử luôn khổ nhọc, phải cứu giúp, chỉ dạy, độ thoát, đây là cứu giúp. Sinh, già, bệnh, chết đều vượt qua hết, đây là tự quy. Được Vô thượng chánh chân đạo Tối chánh giác, được Như Lai nói kinh cho nghe không hề dính mắc, đây là nhà.

Thiện Nghiệp lại hỏi:

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là không dính mắc?

Phật dạy:

–Năm ấm không dính mắc, không trói buộc. Năm ấm này không từ nơi nào sinh, không từ nơi nào diệt. Đây là khi Bồ-tát được thành Phật là nhà thế gian. Tại sao Bồ-tát đắc Vô thượng chánh chân đạo Tối chánh giác là pháp độ thế gian? Vượt qua năm ấm mà chẳng phải năm ấm, năm ấm là độ, độ là các pháp.

Thiện Nghiệp thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Như Ngài đã nói, vượt qua là các pháp. Các pháp được Tối chánh giác. Vì sao? Vì không bị dính mắc.

Phật dạy:

–Đúng vậy, do không bị dính mắc nên Bồ-tát chịu đựng khổ, nghĩ nhớ đến pháp không lười mỏi, được Vô thượng chánh chân đạo Tối chánh giác nhờ đó nói kinh. Như vậy là vượt qua thế gian.

Thế nào là đài của thế gian? Ví như cái đài ở dưới nước, nước ấy hai bên tránh đi. Như vậy năm ấm quá khứ, vị lai, hiện tại dứt bỏ. Năm ấm dứt bỏ thì các pháp học tập cũng dứt bỏ. Các pháp dứt bỏ thì chính là định. Đây là cam lộ, là Niết-bàn Bồ-tát nghĩ nhớ, pháp vậy là được pháp như, là đạo Vô thượng chánh chân, thời là đài thế gian.

Thế nào là dẫn đường? Được đầy đủ như trên, đã nói như trên. Các pháp, năm ấm các pháp rỗng không, vốn không đến không đi, dấu vết như hư không, không khác, không tưởng, không xứ, không thức, không từ đâu sinh, như mộng như huyễn, vô biên không khác.

Thiện Nghiệp bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, rất sâu xa! Ai mới hoàn toàn việc này?

Phật dạy:

–Người nào cầu Phật từ lâu xa đến nay mới tin tưởng như vậy. Ở thời Phật quá khứ, người ấy đã làm công đức. Người như vậy mới hiểu rõ việc ấy.

Thiện Nghiệp lại hỏi:

–Thế nào là cầu Phật từ lâu xa đến nay?

Phật dạy:

–Lìa xa năm ấm cho đến nay không còn có mới hiểu rõ pháp sâu xa này. Bồ-tát như vậy là dẫn đường cho vô lượng người.

Thiện Nghiệp thưa:

–Đây là người dẫn đường, trong loài người, bạch Thế Tôn.

Phật dạy:

–Đúng vậy, Bồ-tát đã thực hành được những việc như trên là người dẫn đường cho vô lượng người. Đây là thệ nguyện rộng lớn, thệ nguyện vì vô lượng người, không trói buộc bởi năm ấm, không trói buộc bởi Thanh văn, Duyên giác, không bỏ trí Nhất thiết, không trói buộc bởi các pháp, cho nên lập thệ nguyện.

Thiện Nghiệp thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát cầu Minh độ sâu xa không yêu mến ba nơi: Thanh văn, Duyên giác, cho đến Phật đạo sâu xa; không có giữ lấy, không phải không giữ lấy. Không phải không giữ lấy là vì từ trong Trí tuệ độ không có chỗ sinh ra; pháp có khả năng giữ lấy định hay không giữ lấy các pháp, hay giữ lấy không sở hữu, hay giữ lấy vô cực, hay giữ lấy không bị dính mắc?

Đức Phật dạy:

–Người đối với Minh độ như vậy sẽ không thoái chuyển như vậy. Bồ-tát đối với Minh độ không bị dính mắc, chắc chắn không theo lời phàm phu nói, không tin đạo khác, không lo, không sợ, không biếng nhác, nên biết người ấy ở thời Phật quá khứ đã thọ Minh độ rồi.

Thiện Nghiệp lại bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát không lo, không sợ, không biếng nhác là vin vào đâu để trong lúc đang nghĩ nhớ về Minh độ mà quán thấy?

Phật dạy:

–Tâm hướng về trí Nhất thiết, chính là quán.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là tâm hướng đến Nhất thiết trí?

Phật dạy:

–Tâm hướng đến như hư không, chính là quán thấy. Không thấy không thể chấp, trí Nhất thiết như không thể chấp, đây chẳng phải là năm ấm nên không nhập vào, không nắm bắt được, không biết, không có biết, không phải không biết, không có chỗ sinh ra, không bị hư hỏng, không có người làm ra, không đến vì vốn không có dấu vết đi, không có chỗ thấy, không có chỗ ở, như thế không thể giới hạn hư không, trí Nhất thiết không thể tính kể cũng vậy, không làm Phật, không thành Phật, không từ trong năm ấm thành Phật, cũng không từ trong sáu Độ thành Phật.

Thiên tử trời Ái, Thiên tử Phạm bạch Phật rằng:

–Bạch Đức Thế Tôn, rất sâu xa! Khó hiểu khó biết!

Đức Phật bảo các Thiên tử:

–Đúng thế! Như Lai thấy an ổn sâu xa như vậy… Biết như vậy là biết không lui sụt đối với Vô thượng Tối chánh giác, cũng không có Tối chánh giác.

Các Thiên tử bạch Phật rằng:

–Bạch Đức Thế Tôn! Ít có người tin kinh này. Vì thương tưởng thế gian nên Ngài nói kinh này. Người đời đều bị dính mắc nơi sự ham muốn.

Phật dạy: –Đúng như vậy.

QUYỂN 4
Phẩm 14: VỐN KHÔNG

Thiện Nghiệp bạch Phật rằng:

–Bạch Đức Thế Tôn! Các pháp theo thứ lớp không bị dính mắc, không nghĩ tưởng giống như hư không. Kinh này không từ đâu sinh, các pháp tìm cầu không thật có.

Thiện tử trời Ái dục, Thiên tử trời Phạm thiên thưa:

–Những điều Tôn giả Thiện Nghiệp thực hành giống như Đức Như Lai dạy, chỉ nói về trí tuệ như hư không.

Thiện Nghiệp nói:

–Như Lai là tùy theo Như Lai dạy. Thế nào là tùy theo sự chỉ dạy? Như pháp không từ đâu sinh là tùy theo sự chỉ dạy. Đây là vốn không, không đến vốn không có dấu vết đi. Các pháp vốn không, Như Lai cũng vốn không, không khác. Tùy theo pháp vốn không chính là tùy theo Như Lai vốn không. Như Lai vốn không kiến lập là tùy theo Như Lai chỉ dạy và các pháp không khác. Không khác với pháp vốn không nên không có người làm ra, vì tất cả đều vốn không. Lại cũng không có pháp vốn không nên bình đẳng không khác. Đối với chân pháp, vốn không có các pháp vốn không, không có quá khứ, vị lai, hiện tại. Như Lai cũng vậy. Đây là pháp vốn không chân thật. Bồ-tát đắc được bổn không, Như Lai gọi địa vị này là lục chấn. Đây là Như Lai nói về pháp vốn không. Đây là đệ tử Thiện Nghiệp tùy theo Như Lai dạy. Lại nữa, năm ấm Dự lưu, Tần lai, Bất hoàn, Ứng nghi, Duyên giác không thọ. Đó là tùy theo lời dạy.

Thu Lộ Tử bạch Phật rằng:

–Bạch Đức Thế Tôn, pháp vốn không rất sâu xa!

Lúc Đức Thế Tôn đang nói về pháp vốn không, có hai trăm Tỳ-kheo đắc đạo Ứng cúng, năm trăm Tỳ-kheo-ni đắc đạo Dự lưu, năm trăm vị trời và nhân dân đều đắc được pháp không từ đâu sinh, vui mừng ở trong ấy kiến lập, sáu mươi vị Bồ-tát mới học đắc đạo Ứng nghi.

Phật bảo Thu Lộ Tử:

–Vào thời quá khứ, sáu mươi người này đều cúng dường năm trăm Đức Phật và Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định nhưng không biết về không. Do hoàn toàn không có sự giúp sức của phương tiện khéo léo để đắc được Minh độ nên bây giờ đều rơi vào đạo Thanh văn. Bồ-tát có đạo đức hoàn toàn không sắc, không nguyện; vì không đắc được phương tiện khéo léo của Minh độ nên ở trong đó rơi vào hai đạo kia (Thanh văn, Duyên giác). Ví như con chim lớn, thân dài hai muôn dặm nhưng không có cánh, từ trên trời tự rơi vào không trung, muốn trở về có được không? Thu Lộ Tử thưa:

–Không thể đến đất được, bạch Đức Thế Tôn!

Đức Thế Tôn hỏi:

–Nó muốn cho thân không đau đớn, có thể không đau được chăng?

Thu Lộ Tử thưa:

–Không được, bạch Đức Thế Tôn! Con chim đó hoặc buồn rầu, hoặc chết. Vì sao? Vì thân nó lớn mà không có cánh. Giả sử Bồ-tát trong số kiếp nhiều như cát sông Hằng thực hành Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, cầu sắc định, không nhập vào rỗng không, không nhập vào Minh độ, không đắc được trí tuệ khéo léo mà phát tâm cầu Phật đạo, tất cả muốn làm Phật thì đối với đạo đắc được Thanh văn, Duyên giác. Nếu ở chỗ Phật, thực hành đầy đủ các việc như trên, lại nghe trí Nhất thiết Phật đều nghĩ nhớ cầu như sắc. Đó là không giữ gìn giới, định, tuệ của Như Lai, không biết trí Nhất thiết, chỉ nghe âm thanh, tâm tưởng như nghe, rồi từ đây thực hành đạo Vô thượng bình đẳng Tối chánh giác thì không thể được, liền ở Trung đạo rơi vào trong đó. Vì sao? Vì không nắm bắt được pháp sâu xa.

Thu Lộ Tử bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Như lời Ngài đã nói, nghĩ nhớ trung tuệ, Bồ-tát lìa xa pháp sâu xa thì đắc được đạo Thanh văn, Duyên giác. Nếu người nào thật muốn chứng được đạo Vô thượng chánh chân Tối chánh giác nên học trí tuệ khéo léo, quyền biến minh huệ của Minh độ.

Thiên tử trời Ái dục, Thiên tử trời Phạm thiên bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Khó hiểu về đạo Vô thượng chánh chân.

Thiện Nghiệp thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Thật khó hiểu rõ. Theo như con nghĩ thì tuệ của đạo Vô thượng chánh chân này dễ được. Vì sao? Vì không có từ đâu thành Phật. Vì sao? Vì các pháp đều rỗng không nên tìm cầu pháp không thật có. Do đó, việc thành Phật, cầu pháp không thật có, nên việc cầu Phật này dễ được thôi.

Thu Lộ Tử nói:

–Theo như ngài đã nói thì khó nắm bắt được. Vì sao? Vì hoàn toàn không nghĩ tưởng là đang thành Phật. Pháp này như hư không, nếu dễ được thì tại sao hằng hà sa Bồ-tát đều theo đuổi.

Thiện Nghiệp thưa:

–Thế nào, dùng năm ấm để đuổi theo chăng?

Thu Lộ Tử đáp:

–Không phải.

Thiện Nghiệp hỏi:

–Lìa năm ấm đuổi theo chăng?

Thu Lộ Tử đáp:

–Không phải.

Thiện Nghiệp hỏi:

–Thế nào, chẳng lẽ Thu Lộ Tử nói năm ấm vốn không đuổi theo sao?

Thu Lộ Tử đáp:

–Không phải.

Thiện Nghiệp hỏi:

–Lìa pháp hữu đuổi theo chăng?

Thu Lộ Tử đáp:

–Không phải.

Thiện Nghiệp hỏi:

–Thế nào, do pháp vốn không này làm cho đuổi theo chăng?

Thu Lộ Tử đáp:

–Không phải.

Thiện Nghiệp hỏi:

–Lìa pháp hữu làm cho đuổi theo chăng?

Thu Lộ Tử đáp:

–Không phải! Pháp này không có được thì pháp ở đâu làm cho theo đuổi?

Thu Lộ Tử thưa:

–Như ngài đã nói: "Đại sĩ Thiện Thệ đều không đuổi theo. Đức Phật dạy có ba hạng người có đức cầu Thanh văn, Duyên giác cho đến Phật đạo. Đối với ba hạng người không kể là ba, vì cầu một đạo như Thiện Nghiệp đã nói."

Mãn Chúc Tử nói với Thu Lộ Tử:

–Thiện Nghiệp nói về một đạo là việc đáng hỏi.

Thu Lộ Tử thưa:

–Nếu nói về một đạo thì tôi nhân theo đây để hỏi.

–Thế nào, ở trong pháp vốn không thấy ba đạo chăng?

Đáp:

–Không thấy. Vì sao? Vì từ trong vốn không chẳng thể có ba việc.

Thiện Nghiệp hỏi:

–Pháp vốn không là một việc được chăng?

Đáp:

–Không được.

Hỏi:

–Vậy ở trong pháp vốn không có được một đạo chăng?

Đáp:

–Không được.

Thiện Nghiệp nói:

–Nếu xét kỹ thì không thể được, tại sao lại nói đạo Thanh văn, Duyên giác? Như Đức Phật đã nói về đạo, vốn không chẳng khác nghe, tâm vốn không, không biếng nhác thì chắc chắn đắc được Tối chánh giác.

Phật dạy:

–Đúng vậy, không khác. Nhờ oai thần của Phật làm cho ông nói về pháp vốn không bình đẳng không khác.

Thu Lộ Tử hỏi:

–Thế nào là giác?

Đức Phật dạy:

–Giác là đạo Vô thượng chánh chân.

Thiện Nghiệp hỏi Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đối với Bồ-tát thế nào là thành tựu?

Phật dạy:

–Tất cả mọi người đều xem là bình đẳng thì tâm Từ càng thêm thương xót, không được tức giận. Thực hành theo lời này thì nên học theo việc này.

QUYỂN 4
Phẩm 16: TÍN NỮ HẰNG KIỆT

Thiện Nghiệp bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát Đại sĩ không thoái chuyển do công đức lớn sinh ra nên được giảng nói cho nghe về Minh độ để nhập vào pháp sâu xa.

Phật dạy:

–Lành thay, lành thay! Nếu ở trong thì Bồ-tát làm cho đi vào pháp sâu xa. Thế nào là nhập sâu vào pháp không, đó là nhập sâu vào vô tướng, vô nguyện, vô thức, vô sinh diệt. Niết-bàn là bị giới hạn?

Thiện Nghiệp lại bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Niết-bàn là giới hạn, chẳng phải các pháp.

Phật dạy:

–Các pháp rất sâu xa. Sắc bệnh hoạn, tư tưởng sinh tử phân biệt rất sâu xa. Thế nào là năm ấm rất sâu xa? Giống như pháp vốn không, cho nên rất sâu xa.

Thiện Nghiệp thưa:

–Khó sánh bằng, bạch Đức Thế Tôn! Nếu bỏ sắc thì được Niếtbàn.

Phật dạy:

–Đây cùng tương ưng với Minh độ. Nên trụ vào đây học Minh độ. Bồ-tát tùy theo đây tu hành, suy nghĩ, nhớ tưởng, một ngày giống như trong mộng giáo hóa bao nhiêu kiếp sinh tử.

Phật dạy:

–Ví như người nam ưa thích thú vui xác thịt (dâm dật), đưa tiền của cho người nữ có sắc kia rồi hẹn hò với cô ta. Cô gái không được rảnh rỗi thì nhiều người dâm phu có tưởng nhớ nhiều không?

Thiện Nghiệp thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì sắc nên người nam tưởng nhớ đến khuôn mặt cô gái, hẹn hò gặp gỡ, đưa anh ta đến ngu tình.

Phật dạy:

–Trong một ngày có bao nhiêu ý niệm?

Thiện Nghiệp thưa:

–Có rất nhiều, bạch Đức Thế Tôn!

Đức Phật dạy:

–Nếu người kia nghĩ nhớ trong một ngày thì tâm dao động nhiều. Bồ-tát cũng như vậy, muốn học tịnh hạnh thì trong một ngày phải bỏ rất nhiều tội lỗi xấu xa. Nếu lìa Minh độ, thì dù bố thí như cát sông Hằng cũng không bằng. Giả sử tuổi thọ như cát sông Hằng và trước đó tu hành đạo Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, Ứng cúng, Duyên giác cho đến Phật mà không đắc được Minh độ, thực hành không đúng như lời dạy thì không bằng hạnh này, dạy đúng cho Bồ-tát.

Lại nữa, tuổi thọ như trước, bố thí, trì giới đầy đủ, nếu cầu Minh độ thì có ý niệm nói kinh. Đức của vị ấy xuất xứ từ trên kia, đem kinh bố thí để thành đạo Vô thượng chánh chân, tự thâm nhập vào lời dạy nên đức của vị ấy càng cao. Tự thâm nhập là được trí tuệ độ ủng hộ, chưa bao giờ lìa xa nên đức của vị ấy rất nhiều.

Thiện Nghiệp hỏi:

–Bạch Đức Thế Tôn! Sự hiểu biết có chấp trước. Trong hai việc này, công đức nào nhiều?

Phật dạy:

–Bồ-tát đã biết, nếu cầu Minh độ muốn được sự an vui vô sở hữu, an vui cùng tận thì nhớ nghĩ vô thường. Đây là không xa lìa Minh độ, được đức không thể tính kể.

Thiện Nghiệp hỏi Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Không thể tính kể lại còn nói xưng số, như vậy có gì khác chăng?

Phật dạy:

–Xưng số là số ấy vô tận. Còn không thể tính kể là số lượng vô biên, cho nên gọi là không thể tính kể số lượng.

Thiện Nghiệp thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Ngài dạy không thể tính kể thì năm ấm cũng vậy phải chăng?

Phật dạy:

–Theo như ông hỏi, thì chắc phải có nguyên nhân để năm ấm không thể tính lường.

Thiện Nghiệp hỏi Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là vô lượng?

Phật dạy:

–Đối với không trung mà tính đếm thì pháp không thể tính đếm được.

Phật dạy:

–Thế nào Thiện Nghiệp! Ta không từng nói các pháp là không ư?

Thiện Nghiệp thưa:

–Đúng vậy, bạch Đức Thế Tôn! Như Lai nói tất cả đều không.

Đức Phật dạy:

–Như vậy các pháp đều không, không thể tính kể được. Qua trí tuệ cũng không có, đều là dòng khác. Như Lai chỉ phân biệt để nói, không thể lường hết được, là không, là tướng, là nguyện, là thức, là diệt độ. Hễ thích nói gì thì nói, thị hiện giáo hóa. Như Lai là như thế.

Thiện Nghiệp bạch Phật:

–Khó sánh bằng, bạch Đức Thế Tôn! Kinh vốn không thì làm sao lại ở trong không mà nói kinh? Kinh này không thể nắm bắt được, như con hiểu thì các pháp của Phật không thể nắm bắt được.

Phật dạy:

–Như vậy các pháp không thể nắm bắt được, vì các pháp là không.

Thiện Nghiệp thưa:

–Như Đức Phật đã nói vốn không thể nắm bắt được, cúi xin Ngài giải thích về trí tuệ không thể nắm bắt được có thêm bớt không?

Phật dạy:

–Không.

Thiện Nghiệp thưa:

–Trí tuệ không thể nắm bắt được không thêm không bớt, sáu Độ cũng như vậy. Nếu nó không thêm thì nguyên nhân nào Bồ-tát gần gũi đạo Vô thượng chánh chân chứng được chánh giác? Còn nếu không bớt thì Bồ-tát mong cầu giữ lấy trí tuệ khéo léo của Minh độ nên không nghĩ nhớ bố thí. Tăng thêm và giảm bớt đều không nghĩ nhớ như thế. Đây chỉ gọi là Bố thí vô cực. Đã bố thí mà còn nghĩ nhớ giữ gìn công đức này để thành đạo Vô thượng chánh chân thì đối với Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định cũng đều như vậy. Bồ-tát cầu Minh độ phải giữ lấy nó. Nếu được trí tuệ khéo léo thì không có ý niệm này. Tăng thêm hay giảm bớt chỉ là tên gọi mà thôi. Nghĩ nhớ phát tâm đúng như đạo Vô thượng chánh chân. Ta thực hành việc bố thí này. Thế nào là đạo Vô thượng chánh chân?

Phật dạy:

–Vốn là không, vì vốn không nên không thêm không bớt. Thường theo niệm này không xa lìa là gần gũi.

Thiện Nghiệp hỏi:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát lấy ý ban đầu gần gũi đạo Vô thượng chánh chân hay lấy ý sau để gần gũi? Nếu cả hai ý này không hợp lý thì công đức nào sinh ra nó rộng lớn như vậy?

Phật dạy:

–Ví như đốt đuốc, do tác dụng ban đầu làm cây đuốc phát ra ánh sáng hay do tác dụng sau phát ra ánh sáng?

Thiện Nghiệp thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Chẳng phải ban đầu phát sáng, cũng không lìa ban đầu mà phát sáng, chẳng phải sau phát sáng, cũng không phải lìa sau mà phát sáng.

Phật dạy:

–Đúng vậy, không do ý ban đầu được đạo Vô thượng chánh chân, cũng không lìa ý ban đầu, chẳng phải ý sau, cũng không phải lìa ý sau mà được. Đó là được Chánh giác. Thế nào, có phải tâm trước diệt thì tâm sau sinh chăng?

Thiện Nghiệp thưa:

–Không phải, bạch Đức Thế Tôn!

Phật hỏi:

–Thế nào, tâm mới sinh có thể diệt không?

Thiện Nghiệp thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Không thể nói sẽ bị diệt.

–Vậy có thể làm cho không diệt được chăng?

Thiện Nghiệp thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, không thể được!

Phật hỏi:

–Có thể trụ vào pháp vốn không chăng?

Thiện Nghiệp thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu muốn trụ vào pháp vốn không thì phải đúng như pháp vốn không mà trụ.

Phật dạy:

–Nếu ở trong cái vốn không mà trụ thì có thể vững chắc lâu dài chăng?

Thiện Nghiệp thưa:

–Thưa không, bạch Đức Thế Tôn!

–Pháp vốn không rất sâu xa, vậy có thể cho rằng vốn không có tâm chăng, hay lìa vốn không mà có tâm?

Thiện Nghiệp thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, thưa không! –Có thấy pháp vốn không chăng?

Thiện Nghiệp thưa:

–Thưa không thấy, bạch Đức Thế Tôn!

–Làm việc mong cầu này là mong cầu sâu xa chăng?

Thiện Nghiệp thưa:

–Thưa không, bạch Đức Thế Tôn! Mong cầu như vậy là không có chỗ cầu. Vì sao? Vì pháp này rõ ràng không thể thấy được.

Phật dạy:

–Bồ-tát Đại sĩ cầu Minh độ là cầu gì?

Thiện Nghiệp thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, là cầu không! Cầu không chính là cầu.

–Thế nào là cầu vô tướng, hay là bỏ tướng?

Thiện Nghiệp thưa:

–Thưa không, bạch Đức Thế Tôn!

–Thế nào là tướng không bỏ đi?

Thiện Nghiệp thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát không tìm cầu tướng hư vọng này. Vì sao? Vì Bồ-tát cầu tướng tận diệt mới có thể đắc được đạo Thanh văn. Phương tiện khéo léo của Bồ-tát không diệt tưởng chứng đắc mà hướng đến vô tưởng theo lời dạy này.

Thu Lộ Tử nói nới Thiện Nghiệp:

–Có ba việc hướng đến định giữ lấy cửa định, đó là Không, Vô nguyện, Vô tướng, chính là ba việc có ích đối với Trí tuệ độ. Chẳng những ban ngày có ích mà ngay cả ban đêm ở trong mộng cũng có ích. Vì sao? Vì ban ngày ban đêm hay ở trong mộng, Đức Phật dạy đều bình đẳng không khác.

Thiện Nghiệp thưa với Thu Lộ Tử:

–Nếu Bồ-tát ban ngày có ích, ban đêm ở trong mộng cũng có ích, vậy xin hỏi những việc đã làm trong mộng có làm được không, như các kinh đã nói?

Thiện Nghiệp thưa:

–Trong mộng làm điều lành thì ưa thích làm thêm, còn điều ác thì chán ghét không làm.

Nếu ở trong mộng giết người thì tại sao sau khi thức lại vui mừng sướng thích?

Thiện Nghiệp thưa:

–Tâm không có khổ nên đều có sở duyên. Hoặc có thấy, nghe, hoặc nghĩ tưởng làm nhân duyên cho nên biết. Từ trong đây làm cho tâm người ta dính mắc, hoặc không bị dính mắc. Đó là không luống dối, đều có sở duyên.

Thu Lộ Tử hỏi:

–Việc làm đã không thì do đâu tâm có chỗ duyên?

Thiện Nghiệp thưa:

–Tâm tưởng đến nhân duyên thì nhân duyên phát sinh.

Thu Lộ Tử nói:

–Bồ-tát ở trong mộng bố thí, dùng việc bố thí này để thành đạo Vô thượng chánh chân, như vậy có người bố thí không?

Thiện Nghiệp đáp:

–Bồ-tát Di-lặc gần ở trước, một ngày sẽ bổ xứ Phật, nếu Ngài muốn biết nên hỏi Bồ-tát.

Thu Lộ Tử hỏi Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Di-lặc nói:

–Như tên tôi là Di-lặc, vậy nên lấy sắc để hiểu về trí tuệ chăng? Hay lấy tư tưởng bệnh hoạn sinh tử để hiểu? Hay đem thân này để hiểu? Nếu năm ấm là không mà hiểu năm ấm là không, vô lực thì nên hiểu là pháp không thấy, cũng không thấy nên hiểu được người đắc đạo.

Thu Lộ Tử hỏi:

–Điều Ngài nói có chứng đắc được không?

Đáp:

–Những điều tôi nói không chứng đắc được. Thu Lộ Tử có ý niệm như vầy: Di-lặc đã nhập vào trí tuệ rất sâu xa, rất sâu xa. Vì sao? Vì đã thực hành Minh độ lâu xa cho đến nay.

Phật dạy:

–Thế nào, thấy giống như thực hành đạo Thanh văn hay không?

–Thưa không, bạch Đức Thế Tôn.

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát không có ý niệm rằng: “Ta được thọ ký pháp này.”

Hoặc đối với pháp đắc được Chánh giác, cũng không đắc được Chánh giác, thực hành hạnh này là cầu Minh độ không sợ, ta không thành Chánh giác. Theo đúng trong pháp dạy, thế nên mạnh mẽ không lo sợ gì. Dù có đến chỗ nguy hiểm trong cọp sói cũng nghĩ rằng: “Nếu con vật nào ăn thịt tôi thì tôi sẽ bố thí, thực hành Bố thí độ vô cực, gần đạo Vô thượng chánh chân. Nguyện khi thành Phật, ở trong nước tôi không có cầm thú.”

Đến chỗ giặc cướp, nếu bị chết ở trong đó nghĩ rằng: “Thân tôi rốt cuộc sẽ vứt bỏ, nếu giết tôi, tôi cũng không tức giận, thực hành đầy đủ hạnh Nhẫn nhục độ vô cực, gần đạo Vô thượng chánh chân. Trong nước tôi không có giặc cướp”.

Đến nơi không có nước uống cũng nghĩ rằng “Nhân dân không có đức nên mới bị như vậy. Khi tôi thành Phật, trong nước tôi, nhân dân đều được nước tám vị của trí Nhất thiết.” Vì tất cả nên phải tinh tấn. Đến chỗ lúa gạo quý hiếm cũng nghĩ rằng: “Phải tinh tấn thành Phật. Nguyện rằng khi tôi thành Phật, trong nước tôi không có nơi nào lúa gạo quý hiếm, đều làm cho nhân dân nguyện gì, mong gì, thức ăn liền ở trước mặt, tất cả như ở cung trời Đaolợi. Vì chúng sinh nên phải tinh tấn. Có năm xấu kém, dù cho thân gặp năm xấu kém mà chết thì tâm tôi không thay đổi, chắc chắn phải hàng phục quan thuộc tà vạy, thực hành tinh tấn vì mong cầu Phật đạo. Khi tôi thành Phật, nhân dân trong nước tôi không có người nào chết vì gặp năm xấu kém. Những gì tôi nói ra, sau khi thành Phật tôi vẫn không thay đổi.”

Lại nữa, Thu Lộ Tử! Bồ-tát nghe việc này liền thở dài, đạo Vô thượng chánh chân, hoặc lâu xa về sau mới được thành Phật, cũng không có sợ hãi. Từ xưa đến nay thở dài như khoảng thời gian một ý chuyển. Vì sao? Vì không có địa vị gốc rễ mới được thành Phật, tâm an nhiên không kinh sợ.

Lúc ấy, có vị Thanh tín nữ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đến trước chỗ Phật đảnh lễ rồi quỳ thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Khi nghe việc này con không sợ, chắc chắn dứt được sợ hãi, đến nơi tìm cầu Phật đạo. Nếu được thành Phật con sẽ nói kinh.

Đức Phật mỉm cười, trong miệng Ngài phát ra ánh sáng mầu vàng ròng. Tín nữ thanh tịnh liền rải hoa vàng lên Đức Phật. Do oai thần của Đức Phật nên hoa không rơi xuống đất.

Đứng dậy khỏi chỗ ngồi, sửa lại ca-sa, A-nan đến trước Phật, làm lễ rồi quỳ thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đức Phật không bao giờ cười suông, Ngài đã cười thì sẽ có điều giảng nói.

Phật bảo A-nan:

–Tín nữ thanh tịnh Hằng Kiệt này về sau ở kiếp vị lai, kiếp đó có tên là Tinh tú, Đức Phật hiệu là Kim Hoa. Tín nữ này về sau vào thời gian ấy sẽ bỏ thân gái, làm thân nam và sẽ sinh về cõi Phật Vô Nộ. Từ một cõi Phật sinh về một cõi Phật. Ví như Kim luân Thánh vương từ một lầu quán đến một lầu quán. Từ khi sinh cho đến khi chết, chân không đạp đất. Tín nữ này cũng như vậy, từ một cõi Phật đến một cõi Phật bao giờ cũng gặp Phật, chân không đạp đất, tự đạt đến quả Phật.

A-nan nghĩ: “Như cõi Phật Vô Nộ, các Bồ-tát hội họp chính là Phật hội họp.” Biết tâm niệm của A-nan, Đức Phật dạy:

–Đúng vậy, A-nan! Người ở các hội ấy đều đã vượt khỏi sinh tử. Tín nữ thanh tịnh này về sau thành Phật hiệu là Phật Kim Hoa, độ vô số Thanh văn, làm cho họ hết sạch ba độc. Trong nước không có cầm thú, giặp cướp, không có nơi lúa nước quý hiếm, bệnh tật và các việc ác khác đều không có.

A-nan lại hỏi Đức Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Tín nữ thanh tịnh làm công đức từ Đức Phật nào?

Đức Phật dạy:

–Tín nữ này đã làm công đức nơi Đức Phật Định Quang, ban đầu phát tâm cầu Phật. Lúc ấy tín nữ này cũng đem hoa vàng rải lên Đức Phật, nguyện đem công đức cúng dường này để thành đạo Vô thượng chánh chân.

Phật dạy:

–Như ta đem năm cành hoa rải lên Đức Phật Định Quang, liền

đạt được pháp lạc không từ đâu sinh ra, an lập trong đó. Đức Phật liền thọ ký cho ta chín mươi một kiếp sau sẽ được thành Phật, hiệu là Thích-ca. Lúc ấy, tín nữ này thấy ta được Phật thọ ký, cô ấy nghĩ rằng: "Mình sẽ được thọ ký đạo Vô thượng chánh chân." A-nan bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Điều mong cầu của tín nữ này đã đạt được.

QUYỂN 5
Phẩm 18: VIỄN LY

Phật bảo Thiện Nghiệp:

–Trong mộng, Bồ-tát Đại sĩ không nhập vào địa vị Thanh văn, Duyên giác, cũng không dạy người nhập vào trong đó. Các pháp trong mộng thấy tâm chí thường ở nơi Đức Phật, nên biết đây là tướng không thoái chuyển. Trong mộng cùng với nhiều ngàn đệ tử hội họp giảng nói kinh và dứt bỏ các tướng thiếu thốn theo việc cao tột ở trước. Như Lai giảng nói kinh đều thấy đây là tướng Bồ-tát không thoái chuyển. Trong mộng ngồi giữa hư không làm các việc dứt trừ thiếu thốn, giảng nói kinh, lại tự thấy bảy thước ánh sáng, tự tại biến hóa, ở nơi khác làm những việc như Phật giảng kinh. Trong mộng không kinh hãi khiếp sợ các tai nạn, hoặc thấy binh lính trong quận huyện nổi dậy lần lượt đánh nhau, tai nạn lửa nước, bị cọp, sói, sư tử, rắn độc làm hại, thấy chặt đầu người. Như vậy, ngoài ra còn có những biến động như nghèo cùng, khốn khổ, đói khát, thấy các tai nạn nguy hiểm. Dù thấy như vậy nhưng tâm vị ấy không sợ hãi. Lúc thấy liền ngồi dậy suy nghĩ: "Như những việc đã thấy trong mộng, khi tôi thành Phật sẽ giảng kinh giáo hóa khắp ba nơi này". Nên biết đây là tướng không thoái chuyển.

Do đâu biết được cảnh trong giới của Bồ-tát Đại sĩ này khi thành Phật không có tất cả việc xấu ác? Chính là lúc trong mộng hoặc thấy chúng sinh ăn nuốt lẫn nhau, nhân dân bệnh dịch, vị ấy có chút ý nghĩ: "Làm cho trong cảnh giới của tôi, tất cả đều không có việc xấu ác." Do vậy nên biết đã thức tỉnh ngay trong giấc mộng. Hoặc lúc thấy thành quách cháy liền nghĩ rằng: "Có thể bị tà vạy nên ở trong mộng thấy tướng này. Mặc dù thấy nó nhưng không sợ, thực hành tướng này đầy đủ. Đây là Bồ-tát không thoái chuyển. Nay tôi xét đúng với chỗ hướng đến nên không có gì thay đổi. Lửa cháy rồi sẽ tàn, tất cả đều tiêu tan hết, không còn thấy nữa." Phật dạy:

–Dù cho lửa tàn tức diệt nhưng khi xưa đã được Phật thọ ký. Còn nếu lửa chưa tàn thì biết chưa được thọ ký. Nếu lửa thần đốt một nhà, bỏ một nhà, lại khởi đốt một làng bỏ một làng thì biết người trong gia đình vị ấy đời trước phá bỏ nơi để kinh mà ra. Những việc mà người ấy đã làm đều tự thấy, những việc làm ác đã qua, lúc ấy đều bỏ hết. Từ đây trở đi không phá bỏ kinh và làm các tai họa khác nữa, thì biết đây chưa được địa vị không thoái chuyển. Do sự thấy này và giữ gìn tướng này nên phải giảng nói để biết. Hoặc lúc trai, gái bị quỷ thần bắt lấy, nghĩ rằng: "Hoặc ta được thọ ký, Đức Như Lai ở quá khứ đã trao cho ta đạo Vô thượng chánh chân." Những điều suy nghĩ đều thanh tịnh nên bỏ tâm Thanh văn, Duyên giác, chắc chắn sẽ thành Phật. Chư Phật mười phương ở hiện tại ở đều thấy biết chứng minh nên Đức Như Lai đều biết ta được che chở và do ta mà quỷ thần bỏ đi, còn ai không đi thì chưa được thọ ký.

Phật dạy:

–Người ấy rất thành thật nên tà vạy đến trước nói rằng: "Người vốn làm việc này ở đó, vốn tên đó được thọ ký", muốn dùng lời nói này làm rối loạn người kia.

Bồ-tát nói: "Ta thật đã được thọ ký", quỷ thần liền bỏ đi. Vì sao? Vì Thiên thần rất cao quý, có năng lực oai thần nên quỷ không dám đương đầu.

Bồ-tát lại suy nghĩ: "Do thần lực của ta nên bỏ đi", rồi tự cống cao, khinh khi người hiền, không chút kính trọng, nói rằng: "Ta được Đức Như Lai ở quá khứ thọ ký." Đã tự cống cao rồi, còn khởi tức giận sinh thêm tội lỗi, nghĩ sẽ đọa vào đường ác, cho việc không thành tựu là thành tựu, nên biết là do tà vạy làm ra bỏ bạn lành đi làm việc tà vạy, bị khốn khổ, nên biết việc này do tà vạy nhiều lần đến nói rằng: "Những việc được thọ ký xưa kia và tên họ, gia tộc trong ngoài bảy đời cha mẹ, hoặc sinh ở làng, huyện, nước đó…."

Bây giờ nói những lời này, đời trước cũng nói những lời nhỏ nhẹ như thế, tùy theo tánh hạnh của người ấy thông minh, ngu muội, lành dữ, nghèo cùng đến sang hèn, giàu nghèo. Nhờ giúp đỡ rộng rãi rồi nói: "Ngươi đời trước cũng vậy."

Bồ-tát nghĩ rằng: "Ta cũng sẽ như vậy."

Tà vạy lại nói: "Nếu đã được thọ ký thì được địa vị không thoái chuyển", người ấy nghe điều này tâm rất vui mừng, tự cho mình quả đúng như vậy, liền tỏ thái độ cười cợt, khinh dễ bạn đồng học. Do dùng tên gọi này nên làm mất bổn hạnh của mình, sa vào lưới tà vạy để nhận lấy tên gọi này mà không biết là do tà vạy làm ra và còn tự cho mình được đạo Vô thượng chánh chân.

Tà vạy lại nói: "Nếu khi thành Phật sẽ có danh hiệu đó."

Nghe danh hiệu này, Bồ-tát nghĩ rằng cái ta được không phải như vậy. Ta sinh ra vốn có ý chí này.

Phật dạy:

–Trong trí của Bồ-tát này không có chút trí tuệ quyền biến nên mới nghĩ rằng: "Nếu thiên tà cùng làm việc trừ đói kém này là họ bị mê hoặc."

Phật dạy:

–Ta đã nói nếu Bồ-tát nếu không dạy sẽ có ý nghĩ này, xa lìa trí Nhất thiết, mất quyền đức, xa trí tuệ, bỏ bạn hiền, tin bọn ngu si hung dữ. Bọn này chắc chắn sa đọa vào hai đường. Nếu sau đó phải chịu khổ trong thời gian lâu dài mới lại cầu thành Phật. Nhờ ân của Minh độ nên tự đạt đến thành Phật.

Đức Phật dạy:

–Như vậy, lúc phát tâm thọ nhận tên gọi này thì không biết ăn năn ngay, như thế sẽ đọa vào hai đường. Nếu có trừ đói thì phải dạy pháp bốn việc trọng cấm, còn những việc khác đã hủy phạm phải ngăn cấm, không thành Sa-môn, không phải đệ tử Phật.

Bồ-tát này nói: "Tôi sinh ở làng, quận, huyện, nước đó…." Khi có ý nghĩ này thì đối với bốn việc trừ cẩn, tội ấy rất nặng. Vứt bỏ bốn trọng pháp này là bị năm tội nghịch nên có ý nghĩ thọ nhận tên gọi ấy, ý tin vào đó thì tội kia rất nặng. Nên biết rằng do tên gọi này mà bị tà vạy đưa sâu vào tội lỗi.

Tà vạy lại nói đến: "Pháp viễn ly là chánh đáng. Đức Như

Lai Chánh Giác đã nói."

Đức Phật bảo Thiện Nghiệp:

–Ta không nói như thế, không nói rằng Bồ-tát Đại sĩ ngồi ở chỗ yên tĩnh dưới gốc cây.

Thiện Nghiệp bạch Phật:

–Thế nào, bạch Đức Thế Tôn! Còn có nơi viễn ly nào khác sao?

Phật dạy:

–Giả sử có Thanh văn theo hạnh này nghĩ rằng, Duyên giác theo hạnh này nghĩ rằng: đều có Bồ-tát Đại sĩ ở ngoài thành thực hành viễn ly. Tất cả việc ác không được phạm, nếu đang ở riêng một nơi dưới gốc cây trong núi yên tĩnh rồi thực hành pháp của Bồ-tát Đại sĩ. Tôi muốn thực hành hạnh này, không phải đi xa vào trong núi nơi không có người, rồi suốt ngày đêm siêng năng hành trì pháp viễn ly này. Cho nên nói là hạnh pháp viễn ly, nên ở bên thành ta đã nói pháp như vậy.

Bấy giờ, tà vạy đến dạy thực hành pháp viễn ly, nói với họ rằng: "Nếu đang ở riêng một nơi dưới gốc cây trong núi yên tĩnh, nên thực hành hạnh này."

Theo lời chỉ dạy của tà vạy thì quên mất pháp viễn ly. Tà vạy nói với họ: "Các đạo bình đẳng, Thanh văn, Duyên giác bình đẳng không khác."

Phật dạy:

–Bồ-tát này chưa đạt được sở nguyện, trái lại còn theo hạnh ấy. Đối với giáo pháp chưa hiểu rõ, trái lại tự mình còn xem thường các Bồ-tát khác. Tự mình cống cao cho rằng "Ai có thể hơn ta!" Khinh khi thành rồi thì tâm thanh tịnh sáng suốt không trụ vào pháp Thanh văn, Duyên giác. Tất cả điều ác không lãnh thọ, bỏ phế thiền định, đối với định lại được, sở nguyện đều đầy đủ các độ.

Phật dạy:

–Người ấy không phải là Bồ-tát có Minh tuệ quyền biến. Dẫu

cho ở trong vùng toàn đầm lầy, cầm thú, La-sát, nơi không ai đến được, hơn trăm ngàn muôn năm như vậy mà không biết pháp viễn ly, chắc chắn không có lợi ích gì.

Tà vạy bay đứng trong hư không nói: "Lành thay! Lành thay! Đây là pháp viễn ly mà Đức Như Lai đã nói. Hãy nên theo hạnh viễn ly này thì sẽ mau thành đạo Vô thượng chánh chân." Nghe xong, người kia vui mừng liền đến bên thành có được sự viễn ly. Người có đức hạnh cao lại bị khinh chê rằng: "Ngươi đã hành phi pháp."

Phật dạy:

–Như vậy trong các hành giả, người có chánh hạnh thì gọi là sai, còn trái với chánh hạnh thì gọi là đúng. Người không đáng cung kính lại cung kính, còn người đáng cung kính lại xem thường.

Tà vạy nói với Bồ-tát: “Tôi hành pháp viễn ly, có phi nhân đến nói với tôi rằng: “Lành thay, Lành thay! Quả đúng là pháp viễn ly, nên thực hành đúng theo hạnh này.” Tôi cố đến nói: “Nếu ở bên thành thực hành thì ai sẽ đến nói với ông?” Phật dạy:

–Bồ-tát là người có đức mà trái lại bị khinh chê. Vậy nên biết rằng giống như vác thây người chết thì trồng không được ngay thẳng, lại nói Bồ-tát này có lỗi. Đây là kẻ thù của Bồ-tát. Nhàm chán hạnh cao của Bồ-tát là tên giặc nguy hiểm của trời người. Dù cho đắp y như Sa-môn, ở trong chỗ của Bồ-tát thì đó cũng là kẻ giặc nên không làm việc giao tiếp, nói cười. Vì sao? Vì thường tức giận nên bắt đầu làm hại người có tâm tốt. Nên biết rằng lẽ ra phải hộ pháp, thường tự giữ vững, nên giữ cho tâm thanh tịnh và an lập tâm mình, đã học tập thì nên giữ gìn chắc chắn, tâm thường ngay thẳng, sợ hãi, siêng năng, chịu khó, ở nơi không có ai vào được. Bọn phá hoại kia ở ba nơi nên thường đem tâm Từ thương xót để được an ổn. Thương xót họ là tự hộ niệm, để ta không có tâm xấu xa ô uế. Ta nếu có điều gì không tốt thì nhanh chóng loại bỏ ngay. Bồ-tát Đại sĩ này đã thực hành một cách cao tột. Nến biết như vậy.

QUYỂN 5
Phẩm 19: THIỆN HỮU

Lại nữa, này Thiện Nghiệp! Bồ-tát Đại sĩ có đầy đủ ý chí muốn đắc đạo Vô thượng chánh chân Tối chánh giác nên làm việc với bạn lành, cung kính Tam bảo.

Thiện Nghiệp hỏi:

–Bạch Đức Thế Tôn! Làm thế nào để biết bạn lành?

Phật dạy:

–Nếu có người nào cho người khác nghe giảng nói Minh độ vô cực và dạy người nhập vào định này thì đây chính là bạn lành Đại sĩ Bồ-tát. sáu Độ vô cực là bạn lành, là đức tốt, là hộ trì, là tướng lãnh, là đi đến Như Lai Tối Chánh Giác. Vô số cõi Phật Như Lai ở mười phương trong vị lai, hiện tại đều từ Minh độ thành tựu đạo trí Nhất thiết, dùng bốn việc cứu giúp chúng sinh. Việc ấy gồm:

1- Bố thí.
2- Khuyến khích làm cho ưa thích.
3- Làm lợi ích.
4- Bình đẳng.

Đây là bốn đức, là cha mẹ, là nhà cửa, là lâu đài, là pháp độ, là tự quay về, là dẫn dắt. Cho nên sáu Độ là pháp độ của chúng sinh. Bồ-tát Đại sĩ học sáu Độ để sử dụng đối với chúng sinh nên đều muốn nhổ bỏ cội rễ của nó mà học tướng Minh độ. Làm thế nào được tướng Minh độ này? Tướng Minh độ không chướng ngại chính là tướng có được các pháp.

Đức Phật dạy:

–Như vậy không có tướng được Minh độ chính là được tướng đắc các pháp. Vì sao? Vì các pháp đều không, nên tướng này cũng không. Đây chính là Minh độ.

Thiện Nghiệp hỏi Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu các pháp đều không thì tại sao con người muốn sống, không chết thời cũng không? Không tăng thời cũng không ngừng nghỉ, đều là hư không, không có hình tướng.

Đạo Vô thượng chánh chân Tối chánh giác không từ trong đây mỗi mỗi đều rỗng không, không được đạo Vô thượng chánh chân Tối chánh giác. Thế nào, bạch Đức Thế Tôn! làm sao để biết chắc về pháp này?

Phật dạy:

–Các chúng sinh siêng năng chịu khó muốn được nhân này, đạt đến việc làm này, việc mong cầu này. Họ thấy ta được không, phải chăng?

Thiện Nghiệp thưa:

–Thưa không, bạch Đức Thế Tôn!

Phật dạy:

–Tự làm việc này đắc được việc này không, phải chăng?

Thiện Nghiệp thưa:

–Như không, bạch Đức Thế Tôn!

Đức Phật dạy:

–Chỉ dùng việc này cho nên có lúc ông không hiểu ngay.

Thiện Nghiệp thưa:

–Đúng vậy, bạch Đức Thế Tôn! Thật an ổn! Mọi người muốn được nhân này, đạt được việc này phải siêng năng chịu khó, không dừng nghỉ.

Phật dạy:

–Điều mà mọi người ưa muốn cho nên bị dính mắc. Nên biết rằng mọi người sinh ra vốn từ trong ấy, không được chấp lấy. Không chấp lấy thì không làm, là không có, là không bao giờ diệt tận. Bậc vô sinh thêm lợi ích, hiểu biết như thế là Bồ-tát Đại sĩ cầu Minh độ.

Thiện Nghiệp bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát vì không cầu năm ấm, hiểu biết như thế là cầu Minh độ, là cầu bình đẳng. Các Thanh văn, Duyên giác không thể sánh bằng. Người có đức cầu đạo vĩ đại, không ai có thể đạt được. Nên thực hành hạnh này thì ngày đêm nhanh chóng gần đạo Vô thượng chánh chân Tối chánh giác.

Phật dạy:

–Thế nào chúng sinh trong khắp bốn thiên hạ đều được làm người thường cầu Vô thượng chánh chân phát tâm cầu Phật đạo? Mỗi người suốt đời bố thí cho đạo Vô thượng chánh chân, ý ông thế nào, Thiện Nghiệp? Phước kia có nhiều không?

Thiện Nghiệp thưa:

–Rất nhiều, bạch Đức Thế Tôn.

Phật dạy:

–Được Minh độ mà yên tịnh giữ một ngày, đúng như lời dạy thực hành hạnh niệm này thì phước đức còn hơn kia. Vì sao? Vì các hạnh của chúng sinh không thể sánh bằng với bậc có lòng Từ này được. Bậc Cao sĩ này đã đi sâu vào trí tuệ, hiểu biết rõ ràng trí này một cách đầy đủ, thế gian siêng năng khổ nhọc, tức là sinh khởi lòng từ thương tưởng tất cả. Đạo nhãn thấy suốt thân của chúng sinh, thành tựu đầy đủ ý chí cao tột, thực hành không biếng nhác. Do không biếng nhác nên được Minh độ.

Bồ-tát ấy mở rộng lòng Từ khắp cả nhưng không trụ vào tướng này, cũng không trụ vào tướng khác. Trí tuệ của vị ấy rất sáng suốt. Tuy chưa thành đạo Vô thượng chánh chân nhưng tất cả các cõi nước đều tôn kính, thẳng tiến đến đạo Vô thượng chánh chân, không bao giờ lui sụt. Nếu thọ nhận cúng dường cơm áo, giường nệm, thuốc men thì tâm trí tuệ trong họ vẫn đứng vững, nên dù được họ nhận cúng dường, không gần gũi trí Nhất thiết thì việc thọ thực đó không có tội, có ích đối với chúng sinh. Tất cả đều chỉ bày con đường thẳng tiến đến đạo. Dù bất cứ ở nơi nào cũng đều soi sáng đến. Những người đang bị tù tội cũng được độ thoát, mở đạo nhãn của họ để theo đây mà thực hành, không nhớ tưởng, không có ý niệm trì kinh khác, tinh tấn tiến đến hạnh cao tột trong Minh độ, ví như được hạt ngọc minh nguyệt rồi lại mất đi, nên rất buồn rầu, ngồi đứng rồi lo âu nghĩ nhớ, như mất bảy báu. Nghĩ rằng: “Tại sao ta làm mất vật báu này?” Người muốn tìm châu báu thường giữ vững tâm, không mất trí Nhất thiết. vì sao? Vì Minh độ như hư không, cũng không thêm bớt.

Thiện Nghiệp thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu như hư không thì tại sao Bồ-tát Đại sĩ thành tựu hạnh ấy và gần đạo Vô thượng chánh chân?

Phật dạy:

–Bồ-tát Đại sĩ cũng không thêm không bớt. Khi nghe những điều giảng nói trong kinh không kinh không sợ, nên biết vị Bồ-tát ấy đang cầu Minh độ.

Thiện Nghiệp thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Như vậy Minh độ là dùng không mà cầu phải chăng?

Phật dạy:

–Không.

Thiện Nghiệp thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Như vậy có lìa Minh độ được chăng? Phật dạy:

–Không.

Thiện Nghiệp thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đùng năm ấm cầu phải chăng?

Phật dạy:

–Không.

Thiện Nghiệp lại hỏi:

–Bạch Đức Thế Tôn! Như vậy rời năm ấm sẽ có chỗ cầu phải chăng?

Phật dạy:

–Không.

Thiện Nghiệp thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là cầu Minh độ?

Phật hỏi:

–Nếu thấy pháp này thì nên dùng pháp nào cầu Minh độ?

Thiện Nghiệp thưa:

–Không thấy, bạch Đức Thế Tôn!

Phật hỏi:

–Làm thế nào thấy cùng khắp Minh độ này? Bồ-tát cầu gì nơi Minh độ?

Thiện Nghiệp thưa:

–Không thấy, bạch Đức Thế Tôn!

Phật hỏi:

–Giả sử thấy khắp thì pháp có chỗ sinh ra không?

Thiện Nghiệp thưa:

–Không thấy, bạch Đức Thế Tôn!

Phật dạy:

–Ở đây Bồ-tát Đại sĩ đạt được pháp lạc không từ đâu sinh, đầy đủ tất cả, không thọ ký đạo Vô thượng chánh chân Tối chánh giác, được đến nơi không còn gì phải lo sợ, đều làm việc cứu giúp này, mong cầu này, hạnh này, sức lực này, là đạt đến Phật tuệ, Tuệ Cực đại, tuệ Tự tại, tuệ trí Nhất thiết, tuệ Như Lai.

Thiện Nghiệp thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu làm các việc này thì không được thành Phật.

Phật dạy:

–Có khác.

Thiện Nghiệp thưa:

–Dù cho các pháp không từ đâu sinh thì có được thọ ký đạo Vô thượng chánh chân chăng?

Phật dạy:

–Không.

Thiện Nghiệp thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát Đại sĩ làm thế nào đắc đạo Vô thượng chánh chân.

Phật dạy:

–Nếu ai thấy được pháp ấy sẽ được thọ ký phải chăng?

Thiện Nghiệp thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu không thấy pháp sẽ thành đạo Vô thượng chánh chân.

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy, các pháp không từ trong ấy mà được. Bồ-tát không nên có ý nghĩ giữ gìn pháp này sẽ được thọ ký hay không được thọ ký.

QUYỂN 5

Phẩm 20: THIÊN ĐẾ THÍCH

Đế Thích ở trong chúng bạch Phật rằng:

–Bạch Đức Thế Tôn! Minh độ vô cực rất sâu xa, khó hiểu, khó biết. Trời người có đức lớn mới gặp giảng nói về định này. Người nào nghe rồi viết chép, thọ trì, học tập thì phước đức rất nhiều.

Phật bảo Đế Thích:

–Người ở Diêm-phù-đề đều giữ mười giới. Nếu tất cả đều giữ gìn đầy đủ thì công đức ấy gấp trăm ngàn muôn ức lần vẫn không bằng người lành đây nghe Minh độ rồi viết chép, thọ trì, học tập.

Lúc ấy, trong hội chúng có một vị nói với Đế Thích:

–Tôi đã vượt lên trên Ngài rồi!

Đế Thích đáp:

–Giữ tâm nhất niệm còn vượt lên trên tôi, huống gì viết chép, thọ trì, học tập, tùy theo pháp này dạy bảo, thực hành thì vị ấy đức sáng ngời, dụ cho bậc cao cả của chúng sinh trong ba cõi, cho đến Dự lưu, Tần lai, Bất hoàn, Thanh văn, Duyên giác còn hơn ở trên. Cho đến Bồ-tát thực hành Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền độ vô cực, nếu bỏ mất Minh độ và Minh tuệ quyền biến cũng còn hơn những vị trên kia. Bồ-tát Đại sĩ cầu lấy Minh độ thì dù Trời, Người, Quỷ, Rồng dùng yêu nghiệt hung ác não hại, chắc chắn không thể thắng được. Nếu thực hành Minh độ vững chắc, lâu bền thì sẽ mau chóng gần trí Nhất thiết, không rời Như Lai, gọi là cách địa vị Phật không xa. Biếng nhác không sinh, vì học Phật, không học pháp Thanh văn, Duyên giác. Bốn vị Thiên vương còn đến thưa hỏi, nhanh chóng học hỏi bốn bộ đệ tử nên sẽ ở nơi Phật để thành đạo Vô thượng chánh chân. Hãy nên thực hành việc học này. Bốn vị Thiên vương thường tự đến thưa hỏi, huống gì các Thiên tử khác.

A-nan nghĩ: "Đế Thích này tự dùng trí tuệ của mình giảng nói hay nhờ vào oai thần của Phật?" Biết tâm niệm của A-nan, Đế Thích thưa:

–Thưa Tôn giả! Nhờ vào oai thần của Phật.

Phật dạy:

–Này A-nan! Trong lúc Bồ-tát Đại sĩ nhớ nghĩ sâu xa, mong cầu học Minh độ thì tất cả bọn tà ma trong tam thiên đại thiên thế giới đều sầu khổ, muốn phá hoại, quấy nhiễu việc chứng đắc Trung đạo.

QUYỂN 5
Phẩm 21: CỐNG CAO

Phật bảo A-nan:

–Bồ-tát lúc nào cũng học Minh độ vô cực, tùy theo pháp mà thực hành.

Lúc ấy, ở một cõi Phật, bọn tà ma đều kinh sợ, nghĩ rằng: "Ta làm cho Bồ-tát ở Trung đạo chứng đắc Thanh văn, chớ để họ được đạo Vô thượng chánh chân." Thấy Bồ-tát học tập thực hành Minh độ, bọn tà ma rất buồn khổ, liền phóng lửa khắp nơi để dọa nạt các Bồ-tát, làm cho tâm lay động.

Phật dạy:

–Bọn tà ma không dùng thân để nhiễu loạn khắp nơi. Nếu Bồ-tát xa lìa thầy tốt sẽ bị họ quấy nhiễu, làm cho buồn khổ. Do không hiểu sâu về Minh độ nên tâm nghi ngờ nghĩ rằng chẳng biết có phải Minh độ không? Trước kia đã thường chăm học tập nhưng nay lại chán nghe, rốt cuộc không biết gì cả. Như vậy sẽ nhờ vào đâu để giữ lấy Minh độ? Từ lưới nghi đó, tà ma mới nắm bắt được họ, rồi dạy các Bồ-tát khác rằng: “Ai dùng Minh độ này là học một cách quờ quạng, không chính xác. Tôi còn không hiểu các việc trong pháp ấy, huống gì các Ngài có thể hiểu được sao? Tự nói đã thực hành Minh độ, nếu thực hành không đúng sẽ bị điên đảo. Do thực hành Minh độ nên những đó ở trong địa ngục, cầm thú, ngạ quỷ, tội lỗi của họ ngày càng nhiều.” Như vậy bọn tà ma rất vui mừng. Nếu tranh cãi với Bồ-tát người hành đạo Thanh văn, lại tranh cãi với Bồ-tát thì tà ma nói cả hai đều cách xa Phật. Nếu chưa được Bồ-tát không thoái chuyển mà với Bồ-tát không thoái chuyển tranh cãi thì tùy theo ý niệm tức giận, tâm chuyên nhất chuyển qua một kiếp. Tuy có tội này nhưng không bỏ trí Nhất thiết, đến kiếp số vô cùng cực mới có ý niệm lúc ban đầu.

Tôn giả A-nan bạch Phật rằng:

–Bạch Đức Thế Tôn! Có thể ăn năn tâm niệm xấu xa không? Nhẫn đến bỏ ngay kiếp ấy được chăng?

Phật dạy:

–Này A-nan! Giáo pháp của ta rộng lớn, có thể sám hối được. Nếu Bồ-tát có ý niệm xấu xa biết ăn năn, lại dạy cho người khác, nếu người này không thể ăn năn, hối hận, hoặc có tức giận liền xấu hổ ăn năn lỗi lầm thì ta sẽ làm cầu để giúp mọi người ở khắp trong mười phương được đến Niết-bàn. Nếu ai có ý xấu xa tranh cãi với mọi người thì giống như con dê câm phải chịu đựng mọi sự độc ác của con người. Tâm không có oán giận là người thực hành đạo Thanh văn.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát Đại sĩ đều chân chánh cả thì pháp sẽ như thế nào?

Phật dạy:

–Này A-nan! Gặp nhau nên như gặp Phật. Tâm nên nghĩ rằng: “Cùng một thầy, một thuyền, một đạo. Học đã học, ta sẽ cùng học. Người ưa thích đạo Thanh văn, Duyên giác không cùng chí nguyện. Vị nào có chịu đựng được khổ nhọc muốn cầu thành Phật phải cùng nhau theo pháp học này, nếu đây là một thì chính là pháp học.”

QUYỂN 5
Phẩm 21: CỐNG CAO

Phật bảo A-nan:

–Bồ-tát lúc nào cũng học Minh độ vô cực, tùy theo pháp mà thực hành.

Lúc ấy, ở một cõi Phật, bọn tà ma đều kinh sợ, nghĩ rằng: “Ta làm cho Bồ-tát ở Trung đạo chứng đắc Thanh văn, chớ để họ được đạo Vô thượng chánh chân.” Thấy Bồ-tát học tập thực hành Minh độ, bọn tà ma rất buồn khổ, liền phóng lửa khắp nơi để dọa nạt các Bồ-tát, làm cho tâm lay động.

Phật dạy:

–Bọn tà ma không dùng thân để nhiễu loạn khắp nơi. Nếu Bồ-tát xa lìa thầy tốt sẽ bị họ quấy nhiễu, làm cho buồn khổ. Do không hiểu sâu về Minh độ nên tâm nghi ngờ nghĩ rằng chẳng biết có phải Minh độ không? Trước kia đã thường chăm học tập nhưng nay lại chán nghe, rốt cuộc không biết gì cả. Như vậy sẽ nhờ vào đâu để giữ lấy Minh độ? Từ lưới nghi đó, tà ma mới nắm bắt được họ, rồi dạy các Bồ-tát khác rằng: "Ai dùng Minh độ này là học một cách quờ quạng, không chính xác. Tôi còn không hiểu các việc trong pháp ấy, huống gì các Ngài có thể hiểu được sao? Tự nói đã thực hành Minh độ, nếu thực hành không đúng sẽ bị điên đảo. Do thực hành Minh độ nên những đó ở trong địa ngục, cầm thú, ngạ quỷ, tội lỗi của họ ngày càng nhiều." Như vậy bọn tà ma rất vui mừng. Nếu tranh cãi với Bồ-tát người hành đạo Thanh văn, lại tranh cãi với Bồ-tát thì tà ma nói cả hai đều cách xa Phật. Nếu chưa được Bồ-tát không thoái chuyển mà với Bồ-tát không thoái chuyển tranh cãi thì tùy theo ý niệm tức giận, tâm chuyên nhất chuyển qua một kiếp. Tuy có tội này nhưng không bỏ trí Nhất thiết, đến kiếp số vô cùng cực mới có ý niệm lúc ban đầu.

Tôn giả A-nan bạch Phật rằng:

–Bạch Đức Thế Tôn! Có thể ăn năn tâm niệm xấu xa không? Nhẫn đến bỏ ngay kiếp ấy được chăng?

Phật dạy:

–Này A-nan! Giáo pháp của ta rộng lớn, có thể sám hối được. Nếu Bồ-tát có ý niệm xấu xa biết ăn năn, lại dạy cho người khác, nếu người này không thể ăn năn, hối hận, hoặc có tức giận liền xấu hổ ăn năn lỗi lầm thì ta sẽ làm cầu để giúp mọi người ở khắp trong mười phương được đến Niết-bàn. Nếu ai có ý xấu xa tranh cãi với mọi người thì giống như con dê câm phải chịu đựng mọi sự độc ác của con người. Tâm không có oán giận là người thực hành đạo Thanh văn.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát Đại sĩ đều chân chánh cả thì pháp sẽ như thế nào?

Phật dạy:

–Này A-nan! Gặp nhau nên như gặp Phật. Tâm nên nghĩ rằng: "Cùng một thầy, một thuyền, một đạo. Học đã học, ta sẽ cùng học. Người ưa thích đạo Thanh văn, Duyên giác không cùng chí nguyện. Vị nào có chịu đựng được khổ nhọc muốn cầu thành Phật phải cùng nhau theo pháp học này, nếu đây là một thì chính là pháp học."

QUYỂN 5
Phẩm 23: GIỮ HẠNH

Lúc ấy, trong pháp hội, trời Đế Thích suy nghĩ: "Bồ-tát thực hành Phật đạo không ai hơn được, huống gì Đức Phật ư? Thân người khó được, sống thọ an ổn lại càng khó. Có người phát tâm cầu Phật là rất khó, huống gì hết lòng cầu Phật đạo, muốn vì mười phương mà thực hành Minh độ để dẫn dắt mọi người hay sao?"

Lúc ấy, Đế Thích hóa ra hương hoa thơm rải lên Đức Phật rồi bạch rằng:

–Bạch Đức Thế Tôn! Người hành đạo Bồ-tát mới sánh bằng với Đức Phật, sở nguyện đều thành tựu. Vì hộ trì việc thành Phật, các kinh trí Nhất thiết, kinh pháp của Như Lai đều đầy đủ,

phải chỉ bảo pháp không thoái chuyển cho người. Ai hết lòng cầu Phật, đối với pháp này là duy nhất, phải luôn nghĩ nhớ, chắc chắn không thoái chuyển. Tôi sẽ làm cho người ở trong pháp này nghĩ nhớ nhiều hơn, không nhàm chán khổ sinh tử. Vì sự khổ của tất cả chúng sinh nên phải nhẫn nhục, gắng chịu khổ nhọc mà thực hành. Tâm nghĩ rằng: "Những ai chưa được độ, ta sẽ độ họ, người lo sợ ta sẽ làm cho họ an ổn, ai chưa được diệt độ, ta sẽ giúp họ được diệt độ." Đế Thích lại hỏi Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Người mới phát tâm Bồ-tát có được theo thứ lớp lên đến địa vị không thoái chuyển hay chăng? Có đến Nhất sinh bổ xứ không? Người khuyến khích giúp đỡ vị ấy vui mừng thì được phước đức gì?

Phật dạy:

–Núi Tu-di còn lường biết được, chứ đối với Bồ-tát A-xà-phù mà làm người khuyến khích giúp đỡ cho vui mừng thì phước ấy vô cùng cực. Nước biển trong một cõi Phật, nếu chẻ một sợi tóc thành một trăm phần rồi lấy một phần đem nhúng nước, hết số nước đó có thể biết bao nhiêu giọt không?

Bồ-tát không thoái chuyển làm việc khuyến khích, giúp đỡ một cách hoan hỷ thì phước ấy không thể tính lường được. Hư không trong một cõi Phật nếu đem một hộc, nửa hộc; một đấu, nửa đấu; một thăng, nửa thăng còn có thể lường biết được bao nhiêu, chứ việc khuyến khích giúp đỡ này phước đức không cùng cực.

Đế Thích bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Tà ma và quyến thuộc theo thiên tà đến nghe định này mà không khuyến khích, giúp đỡ, chắc là có nguyên nhân?

Phật dạy:

–Người phát tâm cầu Phật, dù bị cõi tà ma phá hoại nhưng tâm vẫn không rời khỏi pháp Phật. Như vậy, chúng Trừ cẩn hoan hỷ cứu giúp, thì được gần Phật. Nhờ công đức này đời đời sinh làm người, được cung kính cúng dường, không bao giờ nghe tiếng ác, sẽ sinh lên cõi trời, thường được mười phương tôn kính. Vì sao? Vì nhờ đức khuyến khích cứu giúp này làm việc bố thí bình đẳng cho chúng sinh. Vì sao? Vì làm cho người mới phát tâm dần dần thêm nhiều, tự đạt đến thành Phật, giúp cho chúng sinh được diệt độ.

Thiện Nghiệp bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Tâm giống như huyễn, làm sao được thành Phật?

Đức Phật hỏi:

–Này Thiện Nghiệp! Thế nào, nếu học thấy có huyễn không?

Thiện Nghiệp thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Không thấy huyễn hóa, cũng không thấy huyễn tâm.

Phật hỏi:

–Không thấy huyễn hóa, không thấy huyễn tâm, vậy có thấy pháp nào khác để được Phật đạo không?

Thiện Nghiệp thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Rời tâm huyễn hóa hay không rời tâm huyễn cũng không thấy Phật vị lai. Không có pháp, không có thấy thì làm sao nói pháp nào được, pháp nào không được? Pháp

này vốn không xa lìa, cũng không được hay không được. Nó vốn không từ đâu sinh ra, cũng không thành Phật, nhưng nếu không có pháp này thì cũng không được thành Phật.

Thiện Nghiệp bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu nói vậy thì Minh độ chỉ là vốn không? Phật dạy:

–Pháp vốn vô đối vô chứng, không giữ lấy, không thực hành, không có pháp nào nên có chỗ đắc. Vì sao? Vì chỉ có Minh độ vốn không có hình tướng nên vốn không cách xa. Vì sao ở ngay trong Minh độ mà được thành Phật?

–Phật là lìa gốc không thật có, vì sao lìa gốc không thật có mà sẽ được thành Phật?

Phật dạy:

–Đúng như lời ông nói, Minh độ lìa gốc, lìa gốc trí Nhất thiết, đều không thật có. Tuy lìa gốc nhưng gốc cũng không từ đâu sinh ra. Bồ-tát nên nghĩ như vậy rồi đi sâu vào giữ lấy định, cho nên lìa gốc không thật có, được thành Phật. Dù biết lìa gốc thì Minh độ không thật có, nhưng đó là không giữ lấy Minh độ. Ai không thực hành đầy đủ thì không được thành Phật.

Theo lời Thiện Nghiệp nói: “Không thực hành Minh độ cho nên được thành Phật”, tuy vậy không thể rời Minh độ mà được thành Phật. Bồ-tát siêng năng chịu khổ nhọc thực hành pháp sâu xa, nhưng không ở trong đó nhận lấy Nê-hoàn. Những việc đã nói như vậy thì Bồ-tát không thực hành hạnh khổ nhọc. Vì sao? Vì không có người chứng đắc, không có Minh độ được chứng, cũng không có kinh pháp được chứng. Bồ-tát nghe pháp này không sợ, không lười biếng, chính là thực hành Minh độ. Tuy thực hành hạnh này nhưng cũng không thấy có hành. Đây là thực hành Minh độ gần thành Phật. Xa lìa Thanh văn, Duyên giác cũng không thấy, không nghĩ nhớ, ví như trong hư không chẳng nghĩ có gần xa. Vì sao? Vì Minh độ không có loại hình. Ví như người do ảo thuật làm ra, thì không có niệm này. Thầy cách ta gần nên thấy người cách ta xa. Ví như bóng hiện trong nước hoặc gần hoặc xa nhưng cũng không là gần hay xa. Vì sao? Vì bóng không có hình. Minh độ cũng giống như vậy, không có niệm này. Đạo Thanh văn, Duyên giác cách xa Phật đạo. Vì gần đến đích nên không thấy yêu ghét, không dính mắc vô sinh. Ví như người thợ mộc đẽo gọt làm người máy, hoặc làm nhiều giống súc vật nhưng chúng không thể đi lại được. Dù có lay người gỗ, gỗ cũng không nghĩ: “Tôi đang được hoạt động, tới, lui, cúi, ngửa… để cho người xem thích thú.” Như người chủ có thuyền lớn đi trên biển muốn chở khách buôn, thuyền không nghĩ rằng đang chở người. Như đất ở chỗ trống, muôn vật trăm thứ, lúa, cỏ cây đều sinh sống ở trong đó, đất không nghĩ rằng ta đang được nuôi sống hay không nuôi sống. Như hạt minh châu, vượt trội hơn các vật báu. Như mặt trời chiếu sáng khắp bốn thiên hạ, ánh sáng mặt trời không nói: “Tôi đang chiếu sáng tất cả.” Như nước, gió, không có chỗ nào không đến, nhưng không nghĩ có chỗ đến. Như trên núi Tu-di, trời Đao-lợi làm trang nghiêm cho núi nhưng không nghĩ rằng tôi nhờ trời Đao-lợi mà được trang nghiêm. Như biển cả đều sinh ra các vật báu kỳ lạ nhưng biển không nghĩ rằng từ trong tôi sinh ra các vật quý báu.

Minh độ vô cực sinh ra các kinh pháp. Như vậy, nó không có hình tướng, không suy nghĩ. Ví như Đức Phật sinh ra các công đức, từ bi hoan hỷ cứu giúp chúng sinh; Minh độ thành tựu các tịnh pháp, nghĩa ấy cũng như vậy.

QUYỂN 5

Phẩm 24: CƯỜNG NHƯỢC

Tôn giả Thu Lộ Tử hỏi Thiện Nghiệp:

–Thưa Tôn giả! Bồ-tát Đại sĩ thực hành Minh độ vô cực là hạnh cao tột phải chăng?

Thiện Nghiệp đáp:

–Tôi nghe Đức Phật dạy: Thực hành Minh độ là hạnh không có gì cao tột bằng.

Các Thiên tử cõi trời Ái dục nghĩ rằng: "Nên đảnh lễ người phát tâm thực hành Bồ-tát đạo trong mười phương. Vì sao? Vì khi thực hành sâu xa Minh độ, thì Bồ-tát thệ nguyện chịu đựng các khổ, rốt ráo quả Phật, nhưng không ở trong đó chứng lấy pháp tịch diệt." Thiện Nghiệp nói với chư Thiên:

–Tuy không rơi vào Trung đạo mà chứng lấy, việc này không phải là khó, nhưng vì chúng sinh trong mười phương mặc áo giáp pháp để giúp họ được diệt độ thì đây mới là khó. Người này vốn không, tìm cầu không thật có mà nghĩ rằng: "Muốn độ mười phương, muốn độ hư không." Vì sao? Vì hư không chẳng gần, chẳng xa. Con người vốn cũng như vậy, muốn độ người là độ hư không, là mặc áo giáp pháp. Giống như Đức Phật đã dạy: "Con người vốn không, biết người vốn không thật có, đây là độ người." Bồ-tát nghe việc này mà không kinh sợ, chính là thực hành Minh độ, xa lìa người vì vốn không người, xa lìa năm ấm, xa lìa các pháp vì vốn không có năm ấm và các kinh pháp. Bồ-tát nghe việc này không sợ, không biếng nhác.

Phật dạy:

–Vì sao không sợ, không biếng nhác?

Đáp:

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì vốn không nên không kinh sợ; vì vốn là tịnh nên không biếng nhác. Vì sao? Vì tìm gốc gác của biếng nhác vốn không có, do đó biếng nhác cũng lại không có.

Các trời Đế Thích, Phạm vương đều đảnh lễ. Đức Phật dạy:

–Chẳng những các trời Đế Thích, Phạm vương, mà đến các trời cõi trời Ước tịnh, trời Biến tịnh, trời Vô kết ái cũng đều đảnh lễ mười phương. Vô số chư Phật hiện tại đều nghĩ đến việc ủng hộ và biết đây là Bồ-tát không thoái chuyển thực hành Minh độ. Hằng sa người trong cõi Phật đều bị tà ma sai sử. Một là ma hóa thành quyến thuộc nhiều như cát sông hằng cùng muốn đến hại, không thể được dịp tiện lợi phá hoại Trung đạo. Có hai Pháp sư thực hành Minh độ mà tà ma không thể được dịp tiện lợi phá hoại Trung đạo, hai việc ấy là gì?

- Thấy các pháp đều là không, nên không mất bản nguyện.

2- Không xả bỏ người ở khắp mười phương nên chư Phật ủng hộ, chư Thiên đến chỗ Bồ-tát thưa hỏi sâu xa, cùng khen ngợi các việc lành, giúp cho Bồ-tát không bao lâu sẽ thành Phật, thường an lập trong giáo pháp này để cứu giúp những người khốn khổ, người tự mình chưa có nơi nương tựa đều được nương tựa. Vì mọi người nên làm ngôi nhà giáo pháp, người mù được mắt trí tuệ.

Đức Phật dạy Thiện Nghiệp:

–Ví như ta khen ngợi nói về Đức Phật La-lan-na-chi-đầu thì các Đức Phật trong mười phương khen ngợi Bồ-tát thực hành Minh độ cũng giống như vậy.

Đức Phật dạy:

–Có người hành đạo Bồ-tát nhưng chưa được địa vị không thoái chuyển cũng được khen ngợi.

Thiện Nghiệp bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Thực hành đạo Bồ-tát nào được Đức Phật ngợi khen?

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát theo Đức Phật Vô Nộ đời trước khi làm Bồ-tát và Đức Phật La-lan-na-chi-đầu đời trước làm Bồ-tát thực hành theo giáo pháp này. Do đó, được chư Phật trong mười phương khen ngợi. Bồ-tát Đại sĩ thực hành theo các kinh pháp Minh độ tin rằng: Vốn không từ đâu sinh, còn chưa được pháp lạc không từ đâu sinh rồi ở trong đó vững vàng niềm tin nói rằng: các pháp vốn không, giống như diệt độ, còn chưa được địa vị không thoái chuyển. Nếu ai theo giáo pháp này một cách vững vàng sẽ mau được địa vị không thoái chuyển. Người nào thực hành theo pháp này được chư Phật khen ngợi. Bồ-tát này vượt qua đạo Thanh văn, hướng thẳng đến địa vị Phật đạo. Bồ-tát nghe Minh độ một cách thấu đáo nên tin tưởng không nghi ngờ, suy nghĩ giống như Đức Phật đã nói một cách đúng đắn không khác và kiếp sau sẽ ở chỗ Đức Phật Vô Nộ được nghe pháp này rồi an lập trong địa vị không thoái chuyển. Nếu ai được nghe thì phước ấy rất lớn, huống gì người theo giáo pháp này dạy mà an lập một cách vững vàng thì mau được nhập vào trí Nhất thiết.

Thiện Nghiệp bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu ai lìa bỏ pháp vốn không, không thật có thì pháp nào có người thành Phật, có người giảng nói kinh?

Phật dạy:

–Như vậy, nếu lìa bỏ pháp vốn không, không thật có thì pháp nào có người thành Phật, cũng không có người nói pháp. Cái vốn không này không có nguồn gốc thì có cái gì ở trong cái vốn không mà an lập?

Đế Thích bạch Phật rằng:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đối với Minh độ sâu xa, Bồ-tát siêng năng chịu khổ nhọc thực hành mới tự đạt đến thành Phật. Vì sao? Vì không có chữ pháp không thật có. Người an lập trong cái vốn không cũng không có ai thành Phật, không có ai giảng nói kinh. Bồ-tát nghe pháp này không kinh sợ, không nghi ngờ, không nhàm chán.

Thiện Nghiệp nói:

–Như vậy, Đế Thích, Bồ-tát siêng năng chịu khó nghe pháp sâu xa này mà không nghi ngờ, không nhàm chán, vì các kinh pháp đều không nên đâu có gì nghi ngờ, nhàm chán.

Đế Thích thưa:

–Như Ngài đã nói, tất cả nói về việc không, không dính mắc, ví như bắn vào hư không. Tôn giả Thiện Nghiệp nói kinh cũng giống như vậy.

Đế Thích bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Như những gì con đã nói tùy theo giáo pháp của Đức Phật hay có thêm bớt?

Phật dạy:

–Với Phật nói, không khác. Như những gì Thiện Nghiệp đã nói là chỉ nói về sự việc không. Thiện Nghiệp cũng không thấy Minh độ, không thấy người thực hành. Người thực hành không thấy Phật, không thấy thành Phật. Pháp không từ đâu sinh của Như Lai trí Nhất thiết, mười Lực, bốn Vô sở úy, các pháp thanh tịnh cao tột đều không thấy có người tìm cầu mà đắc được. Vì sao? Vì các pháp vốn thanh tịnh nên không có đắc. Đây là thực hành Minh độ. Địa vị Thanh văn, Duyên giác không sánh bằng. Muốn được trời người khắp mười phương tôn kính an lập theo giáo pháp Phật.

Lúc ấy, mấy ngàn muôn vị trời trên cõi trời Đao-lợi hóa thành hương hoa thơm ngát rải lên Đức Phật rồi thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con cũng xin vâng theo giáo pháp Ngài chỉ dạy.

Lúc ấy, trong hội chúng có một trăm sáu mươi vị Tỳ-kheo đứng dậy sửa y, đảnh lễ Đức Phật và từ trong tay mỗi vị đều hóa hoa thơm ngát đem rải lên Đức Phật rồi thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con cũng xin vâng theo giáo pháp Ngài chỉ dạy.

Đức Phật mỉm cười, trong miệng Ngài phát ra bao nhiêu mầu sắc. Ánh sáng đó chiếu đến mười phương, các cõi Phật đều được ánh sáng đó nhiễu quanh Đức Phật ba vòng rồi thu vào trên đảnh. Tôn giả A-nan đứng dậy khỏi chỗ ngồi, sửa y đảnh lễ Đức Phật và quỳ xuống thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đức Phật không bao giờ vô cớ mỉm cười. Cúi xin đức Thế Tôn nói cho, vì sao Ngài cười?

Phật dạy:

–Đời vị lai có kiếp tên là Đạo, một trăm sáu mươi vị Tỳ-kheo và các vị trời này sẽ thành Phật ở kiếp Đạo, đều cùng một hiệu là Ưu-na-câu-nê-ma. Khi thành Phật, số Tỳ-kheo Tăng đều như nhau, tuổi thọ của họ đến hai muôn tuổi và theo thứ lớp thành Phật, tuổi thọ đều đồng nhau, cả thế gian mưa hoa năm mầu cũng như vậy.

QUYỂN 5
Phẩm 25: CHÚC LỤY

Phật bảo A-nan:

–Này A-nan! Người nào an lập như vậy là an lập giống như Phật. Muốn an lập giống như Đấng Nhất Thiết Trí thì nên làm theo Minh độ dạy. Nên biết hành giả này từ cõi người hay trên tầng trời Đâu-thuật đến, từ lâu nghe và thực hành Minh độ. Vì sao? Vì sau khi Phật diệt độ, giáo pháp xuất hiện ở thế gian hay xuất hiện trên cõi trời Đâu-thuật, có người thực hành hoặc viết chép, lại còn đem dạy cho người khác, ưa thích gom góp phước đức, biết cúng dường nhiều Đức Phật về sau, không ở trong Thanh văn, Duyên giác làm công đức, có theo học Minh độ đưa đến hiểu biết đúng về tuệ. Bồ-tát này không khác gì như được đối diện với Phật. Có công đức này, vị ấy dùng để cầu hội Thanh văn, Duyên giác chắc chắn thành Phật. Nếu thực hành pháp này thì phải lìa xa hai đạo này.

Phật bảo A-nan:

–Này A-nan! Ta giao phó Minh độ này cho ông. Những gì ta đã nói ở các kinh khác, ông đều lãnh thọ, hãy nên xả bỏ, quên hết đi, vì nó quá ít ỏi. Được theo Phật lãnh thọ Minh độ, ông cũng

nên xả bỏ quên hết đi vì nó quá nhiều. Hãy học cho thấu đáo, lãnh thọ, viết chép đầy đủ, chớ để thiếu sót.

Từ xưa đến nay, kinh Phật bình đẳng, không khác. Nếu người nào có tâm Từ đối với Phật thì nên lãnh thọ, kính lễ, cúng dường pháp này, vì đó là cúng dường chư Phật ba đời, báo trọn ân Phật. Nếu ai có tâm từ hiếu đối với Phật, không bằng cung kính Minh độ một cách cẩn thận, chớ quên mất một câu. Những lời phó chúc lớn lao đến như vậy, nếu có người nào không muốn lìa các Kinh pháp, Tỳ-kheo Tăng, chư Phật ba đời thì không nên lìa bỏ pháp này. Chư Phật ba đời đều từ nơi pháp này sinh ra. Vì sao? Vì sáu Độ chính là mẹ của các Bồ-tát Đại sĩ. Đức Phật không thể nói hết trong các tạng Kinh pháp. Nếu đem dạy tất cả người trong tất cả các cõi Phật, làm cho họ được đạo Thanh văn thì dù có dạy đúng đi nữa, cũng chưa báo được ân Phật, không bằng giảng nói về Minh độ một cách đầy đủ cho các Bồ-tát nghe trong khoảng thời gian ít hơn một ngày, hoặc một bữa ăn, hay trong chốc lát, phước ấy còn hơn độ nhiều người được đạo Thanh văn. Bồ-tát Đại sĩ tư duy về trung tuệ được công đức, vượt hơn Thanh văn, Duyên giác chắc chắn sẽ được địa vị không thoái chuyển, không bất trung đạo đọa lạc.

Khi giảng nói về Minh độ, bốn chúng đệ tử, các Thiên vương, các Quỷ thần vương trong một cõi Phật nhờ oai thần của Phật Thíchca, tất cả đều thấy Đức Phật Vô Nộ, Tỳ-kheo Thanh văn, các Bồ-tát cũng nhiều vô số, bỗng nhiên biến mất.

Đức Phật bảo A-nan:

–Này A-nan! Ví như thấy trong cõi nước không có người, rồi lại hiện có. Đức Phật Vô Nộ và các Bồ-tát, Thanh văn, các kinh tìm cầu không thấy cũng giống như vậy. Pháp không thấy pháp, pháp không niệm pháp. Vì sao? Vì các kinh pháp không niệm, không thấy, cũng không được lợi ích.

Phật bảo A-nan:

–Này A-nan! Các kinh pháp đều không, không có gì thọ trì, không thể nghĩ nhớ. Vì như nhà ảo thuật hóa thành người, các kinh pháp cũng vậy, không nghĩ nhớ, không thọ trì. Vì sao? Vì không có hình tướng. Bồ-tát thực hành hạnh này, học pháp này là thực hành và học theo Minh độ, nhiều gấp trăm ngàn muôn lần trong các môn học cao tột. Đây là làm an ổn chúng sinh khốn khổ trong khắp mười phương, là học theo pháp Phật. Có người thích ứng với việc học này, đưa tay nâng một cõi Phật rồi lại dính mắc vào chỗ cũ. Người không hiểu biết thì từ việc học này mà thành pháp Tuệ vô ngại. Vô số các Đức Phật ba đời ở khắp mười phương đều từ Minh độ mà thành Phật, cũng không thêm, không bớt, cho nên không thể cùng tận, hư không cũng không cùng tận.

QUYỂN 5

Phẩm 26: BẤT TẬN

Lúc ấy, Thiện Nghiệp nhớ nghĩ về Minh độ vô cực mà Phật đã nói có nghĩa lý rất sâu xa không thể cùng tận, ví như hư không, Bồ-tát phải dựa vào đâu để suy nghĩ nó?

Phật dạy:

–Năm ấm, mười hai nhân duyên không thể cùng tận, phải nên tư duy việc này. Mười hai nhân duyên thích ứng ở trong ấy. Khi Bồ-tát mới ngồi dưới cội cây, dùng pháp bất động tư duy về mười hai nhân duyên, lúc ấy trí tuệ Nhất thiết trí đầy đủ. Bồ-tát thực hành Minh độ thời tư duy về mười hai nhân duyên không cùng tận, vượt ngoài quả vị Thanh văn, Duyên giác, trụ ngay vào Phật đạo. Nếu người nào không tư duy về việc này thì đối với Trung đạo đắc đạo Thanh văn, Duyên giác. Còn người không thoái chuyển đối với trung đạo là nhờ tư duy và thực hành Minh độ, Minh tuệ quyền biến. Thấy mười hai nhân duyên không thể cùng tận, thấy pháp sinh diệt đều có nhân duyên, pháp không có tác giả, tư duy về mười hai nhân duyên, không thấy năm ấm, không thấy cõi Phật. Pháp không có sở nhân sẽ thấy cõi Phật. Đây là Bồ-tát thực hành Minh độ, nên lúc ấy tà ma rất buồn khổ, ví như mất người thân.

Thiện Nghiệp bạch Phật rằng:

–Bạch Đức Thế Tôn! Chỉ một tà ma buồn khổ thôi, hay các tà ma khác cũng như vậy?

Phật dạy:

–Tà ma trong một cõi Phật đều bị ngăn chặn, không an. Bồ-tát theo sự chỉ dạy thì nên thực hành. Người như vậy thì các Thiên thần hung dữ, chúng sinh độc ác không thể hại được. Người muốn cầu Phật nên thực hành Minh độ. Người thực hành Minh độ là thực hành đầy đủ Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Minh tuệ quyền biến. Nếu có móng khởi sự tà vạy thì biết ngay để diệt trừ. Người nào muốn được Minh tuệ quyền biến, các Độ vô cực thì nên giữ gìn và tư duy về Minh độ. Chư Phật hiện tại khắp mười phương đều sinh ra từ Minh độ. Bồ-tát nghĩ nhớ việc này, như các Đức Phật sẽ được kinh pháp. Thực hành sự nghĩ nhớ này trong khoảng thời gian khảy ngón tay. Nếu có người bố thí đầy đủ trong số kiếp dài lâu như số cát sông Hằng cũng không bằng người thực hành pháp Minh độ này, vì trụ vào địa vị không thoái chuyển, được chư Phật che chở, chắc chắn không quay về đạo nào khác, rồi sẽ được thành Phật, không trở vào ba đường ác.

Bồ-tát nếu không bao giờ xa lìa Phật thì nên thực hành như Bồ-tát Kiền-đà-ha-tận. Bồ-tát Kiền-đà-ha-tận là Bồ-tát bậc nhất ở cõi Phật Vô Nộ.

QUYỂN 5
Phẩm 27: TÙY GIÁO

Thiện Nghiệp bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao Bồ-tát tùy theo lời dạy về Minh độ vô cực?

Phật dạy:

–Các kinh pháp không thể hoại mất thì Bồ-tát tùy theo lời dạy là lẽ đương nhiên. Hư không không thể cùng tận, năm ấm, bốn đại không có hình tướng, sáu việc Sa-la-y-đàn vốn là không, không hình tướng thì Bồ-tát tùy theo lời dạy là lẽ đương nhiên. Phát tâm cầu Phật, nguyện cứu chúng sinh, nguyện ấy rộng lớn không gì bằng.

Đức Phật có bốn việc không ủng hộ, mỗi người tự mình quyết định đức cao quý vô cùng cực thì Bồ-tát theo lời dạy là lẽ đương nhiên. Vì chúng sinh mà làm việc Từ bi cứu giúp. Cái của ta,

cái chẳng phải của ta đều phải dứt bỏ. Tiếng vang trong hư không không có hình tướng thì tùy theo lời dạy là lẽ đương nhiên.

Ví như biển lớn không thể đo lường, như các ngọc báu trên đỉnh Tu-di có sự khác biệt, như Đế Thích, Phạm thiên đều có sự chỉ dạy, như trăng tròn, như mặt trời chiếu sáng khắp cả. Con người vốn không có hình tướng, chỉ là tên gọi mà thôi. Vốn không có nơi sinh và diệt độ…

Bồ-tát theo Minh độ phải giống như huyễn hóa và ngựa bóng nắng, chỉ có tên gọi mà không có hình tướng. Như địa, thủy, hỏa, phong là bốn việc vô cực. Thân tướng của Đức Phật vốn không có sắc, cõi Phật vốn không có cõi. Các kinh pháp của Phật vốn không, không giảng nói, không chỉ dạy.

Ví như chim bay trong hư không, không để lại dấu vết. Bỏ năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, thoát khỏi định, vượt qua các dục sẽ thành Phật, chính là thực hành Minh độ, thì Bồ-tát tùy theo lời dạy là lẽ đương nhiên.

Xét các pháp không từ đâu sinh, không có nguyên nhân sinh ra thì lúc sắp thành Phật, các kinh pháp đều đầy đủ thành tựu diệt độ. Hư không chẳng thật có, các kinh pháp thanh tịnh, không có nguyên nhân. Những gì Đức Phật làm đều là biến hóa vô cùng cực. Tất cả không cầu Bồ-tát, không thành Phật. Như vậy mới độ được vô số người.

Bồ-tát tùy theo Minh độ dạy là lẽ đương nhiên. Bỏ đi những việc xấu xa ở đời như nịnh hót, cống cao, hung giữ phi pháp, tự dụng của cải giàu có một cách kiêu hãnh, bỏ thân không tiếc, mạng sống không có gì quyến luyến, chỉ nghĩ nhớ nghiệp Phật, an ủi chúng sinh. Nếu Bồ-tát thực hành như vậy thì không lâu sẽ thành Phật, được công đức Nhất thiết trí, sẽ được gọi là Phật. Vì sao? Vì hiện tại không bao lâu sẽ thành Phật. Nếu Bồ-tát y theo lời dạy này thì đến đời vị lai sẽ được danh hiệu Phật. Dù Đức Phật còn tại thế hay sau khi diệt độ cũng phải tùy theo Minh độ vô cực như vậy.

QUYỂN 6
Phẩm 28: BỒ-TÁT PHỔ TỪ

Phật bảo Thiện Nghiệp:

–Này Thiện Nghiệp! Bồ-tát muốn mau thành Phật nên cầu Minh độ vô cực, nên như Bồ-tát Phổ Từ.

Thiện Nghiệp thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Hiện giờ Bồ-tát Phổ Từ đang ở đâu?

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát Phổ Từ hiện ở phương trên, vượt qua sáu trăm ba mươi ức cõi Phật. Đức Phật hiệu là Hương Tích, cõi ấy tên Chúng hương.

Thiện Nghiệp thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao Bồ-tát ấy cầu Minh độ?

Phật dạy:

–Đời trước Bồ-tát Phổ Từ làm nhiều công đức, theo đuổi bản nguyện để đạt đến. Trước kia Bồ-tát đã cúng dường vô số Đức Phật. Trong lúc ngủ, Bồ-tát mộng thấy Đức Phật đến bảo rằng:

“Nếu cầu Đại pháp thì hãy thức dậy để cầu!” Bồ-tát cầu mà không thấy cho nên trong ý buồn bực. Vì muốn gặp được Đức Phật, nghe pháp Đại minh, bấy giờ gặp đời không có Phật, trong nước không có Bồ-tát thực hành pháp thanh tịnh cho nên buồn thảm. Như người có tội bị bắt đến chỗ vua, tài sản đều mất hết, cha mẹ và chính thân mình bị giam trong lao ngục.

Lúc ấy, người ở cõi trời Đao-lợi nhìn xuống thấy Bồ-tát khóc cả ngày, biết có tâm chí thành tinh tấn cầu đạo, người ở cõi trời ấy liền ở trong quyến thuộc của vị học ấy tên gọi Bồ-tát. Trước đó, ở đời có Đức Phật tên là Cảnh Pháp Tự Uế Lai Vương, diệt độ đã lâu nên không thấy Phật, không nghe kinh, không thấy Tỳ-kheo Tăng. Lúc nằm mộng thấy người ở trời Đao-lợi bảo rằng trước có Đức Phật tên là Cảnh Pháp Tự Uế Lai Vương, mộng nghe tên Phật thì thức giấc, thức dậy Bồ-tát rất vui mừng, liền bỏ nhà vào núi, xem thường thân mạng, không tham luyến gì cả. Ngài lại khóc to và tự nghĩ: “Sao đã đến mà không thấy Phật, không nghe kinh, không được pháp mà Bồ-tát đã thực hành?”

Lúc ấy, trên hư không có tiếng bảo rằng:

–Này thiện nam! Hãy nín đi, đừng buồn thảm nữa! Có pháp lớn tên là Minh độ, nếu vững chí thực hành, ngươi sẽ mau thành Phật. Ngươi nên cầu pháp ấy. Người nào nghe rồi hành trì được thêm công đức của Phật ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Ngươi sẽ được tướng ấy, cũng sẽ dạy kinh pháp cho người ở khắp mười phương.

Bồ-tát ấy lên tiếng hỏi trong hư không:

–Làm sao được nghe? Nên đến nơi nào cầu và thực hành phương tiện gì?

Trong hư không có tiếng đáp:

–Theo phương Đông này đi mãi, không được dừng nghỉ. Lúc đi, ngươi chớ nên nghĩ nhớ phải, trái, trước, sau, trên, dưới, đi, dừng… Chớ nghĩ đến sợ hãi, vui mừng, ăn uống, ngồi, đứng, dừng lại giữa đường; chớ nghĩ đếm dâm, nộ, si; chớ nghĩ đến hành trí có chỗ chứng đắc; chớ nghĩ trong ngoài năm ấm, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm, địa, thủy, hỏa, phong, không; chớ nghĩ đến chúng sinh, ta và thọ mạng của ta, có không, không có có không, có đạo, không đạo, có kinh, không kinh, sinh lên trời, sinh ở thế gian. Bồ-tát đối với việc thiện ác, tất cả niệm yêu ghét không bị dính mắc. Đi về hướng Đông đi, thực hành hạnh này mãi không bỏ; không bao lâu sẽ được Minh độ. Chư Phật quá khứ hành đạo Bồ-tát cũng cầu như thế. Được Minh độ như vậy rồi, theo lời dạy ấy tinh tấn hành trì, chắc chắn mau thành Phật.

Nghe xong, Bồ-tát rất vui mừng, thưa:

–Con sẽ vâng theo lời dạy của Ngài.

Có tiếng bảo:

–Ngươi chớ quên mất lời dạy này!

Nói xong, Bồ-tát không còn nghe gì nữa. Theo lời dạy, Bồ-tát liền đi về hướng Đông, không suy nghĩ điều gì. Đi nửa đường, Bồ-tát nghĩ: “Đi như vậy bao lâu mới được Minh độ?” nên lại buồn thảm.

Trên hư không có tiếng của hóa Phật bảo rằng:

–Lành thay, lành thay! Ngươi đã cầu được việc rất khó, thực hành tinh tấn như vậy, không bao lâu sẽ được.

Bồ-tát Phổ Từ chắp tay ngước lên, thấy hóa Phật có ba mươi hai tướng, thân mầu vàng, phát ra mười ức tia sáng. Rất vui mừng, Bồ-tát chắp tay bạch Phật rằng:

–Bạch Đức Thế Tôn! Cúi xin Ngài nói pháp. Nếu nghe Phật giảng, con sẽ được pháp ấy.

Phật dạy:

–Nếu lãnh thọ pháp ta dạy, phải nên nghĩ nhớ, giữ gìn. Các kinh pháp vốn không, không có lo sợ, vốn thanh tịnh, không có đầu mối. Trụ vào các kinh pháp không có đầu mối, không nói về trụ, không nói về dạy bảo, như hư không chẳng có hình tướng, trụ như diệt độ không khác, không từ đâu sinh ra, không có hình tướng trụ, như huyễn, như bóng dưới đáy nước, như những điều thấy trong mộng. Những việc ấy đều như nhau không khác.

Âm thanh của Đức Phật như vậy, nên tùy theo kinh dạy mà vun trồng ý chí, giữ gìn thanh tịnh. Bồ-tát đi về hướng Đông được hai muôn dặm, có cõi nước tên là Hương tịnh, Pháp vương dùng pháp xử trị. Nước ấy giàu có, sung sướng, nhân dân đông đúc. Chu vi thành ấy rộng bốn trăm tám mươi dặm, đều làm bằng bảy báu. Thành ấy có bảy lớp, trong thành có cây bảy báu, trên thành che nhiều màn trướng bằng lụa là, vật báu. Giữa thành có các vật báu giao nhau, treo linh rủ xuống. Ngoài bốn cửa thành có vô số trò vui chơi. Chung quanh thành có bảy lớp ao, trong nước có nhiều loại hoa sen xanh và nhiều hoa đẹp, mùi thơm tỏa khắp nước, màu sắc sáng chói rực rỡ ra xa. Người nào đi gần bên hoa, thân thể y phục giống như hoa mọc ở trong ao. Gò đất giữa ao có nhiều Chiêm-bặc xen giữa những hoa đẹp lạ, có mấy trăm loại như vậy. Trong ao có nhiều chim như: le, nhạn, uyên ương và mấy trăm loại chim khác. Có thuyền bảy báu, những người trong thuyền chèo thuyền dạo chơi trên mặt ao, chung quanh bày đầy cờ phướn năm mầu, lọng hoa nhiều mầu che khắp các ngã đường, giống như cung điện Đế Thích ở cõi trời Đao-lợi, âm thanh của các phướn treo lấy đạo đức làm gốc, làm cho mọi người suốt ngày nghe mãi rồi thực hành tinh tấn như trên cõi trời kia, tiếng âm nhạc ở hý trường Nan-đàn-hằng không bao giờ dứt.

Trong thành đều là Bồ-tát, có vị thành tựu, có vị mới phát tâm, phục sức vô số ngọc quý sáng chói, trong đó có Bồ-tát tên Pháp Lai, đứng đầu trong các bậc Thánh, có sáu trăm tám mươi muôn ngọc nữ. Các Bồ-tát thường cung kính Ngài. Ở giữa nước bày tòa cao theo thứ lớp thấp dần xuống, tòa vàng ròng, tòa bạc trắng, tòa lưu ly, tòa thủy tinh. Trên các tòa ấy đều trải lụa là, thêu hoa văn chằng chịt, giữa tòa rải nhiều thứ hoa thơm, ở trên có lọng báu, khắp cả trong ngoài đều đốt hương thơm.

Bồ-tát Pháp Lai thường ở trên tòa cao giảng nói Minh độ cho các Bồ-tát. Trong đó có người nghe, có người học, có người viết chép, có người tụng đọc, giữ gìn. Nếu đến đó, Bồ-tát sẽ giảng nói cho ông. Ngài đã từng làm thầy ông mấy ngàn ức đời trước. Vị này là Thầy lúc ông phát tâm. Khi đến chỗ Đức Phật, nếu đã nghe thấy nên cẩn thận, chớ nghi ngờ, lười biếng. Vì sao? Vì nếu chưa hiểu Minh tuệ quyền biến thì nên xem xét kỹ việc tà vạy. Đối với tà giáo, bậc Thiện sĩ phải cẩn thận, chớ nghĩ thầy ở cung sâu mà biếng nhác, phải cung kính chư Phật. Vì Kinh pháp nên không nghĩ đến tài lợi, không tham lam của báu, nên dâng vật báu ấy với tâm từ hiếu, tôn quý đối với Thầy. Người nào thực hành hạnh này sẽ được pháp lớn.

Nghe lời dạy này từ đức hóa Phật, Bồ-tát vui mừng quên thân liền thấy định của các Đức Phật trong mười phương. Từ xa chư Phật đều khen ngợi:

–Lành thay, lành thay! Này thiện nam! Chúng ta vốn cầu đạo Bồ-tát, nhờ tinh tấn nên được Minh độ, thành tựu trí Nhất thiết, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, mười Lực, bốn Vô uý, bốn việc không cứu giúp, mười tám pháp Bất cộng và cũng được chư Phật khen. Nếu muốn cầu Phật tích nên theo chúng ta thực hành hạnh này là công đức của Bồ-tát thì ngươi sẽ được đầy đủ pháp ấy.

Sau khi xuất định, Bồ-tát Phổ Từ nghĩ rằng: "Chư Phật vốn từ đâu đến và đi về đâu?" Nghĩ đoạn, Bồ-tát buồn rầu nhớ lại lời Đức Phật dạy đến chỗ ngài Pháp Lai. Bồ-tát lập tức ra đi, giữa đường gặp một cõi nước, cõi nước ấy tên là Tà sở lạc, nghỉ đêm ở ngoài thành rồi tự nghĩ: "Pháp Phật quý báu, khó được nghe, ta phải hết sức cúng dường Pháp sư. Nay ta có một mình, lại nghèo khổ, không có châu báu và hoa thơm cúng dường Pháp sư." Nghĩ đoạn, Bồ-tát vào thành, đến ngã tư đường tự rao:

–Có ai muốn mua tôi không?

Lúc ấy ở ngoài thành, tà ma đang vui chơi với cả muôn thể nữ, nghe tiếng Bồ-tát rao, liền nghĩ: "Bồ-tát tự bán thân mình muốn cúng dường ngài Pháp Lai, có ý cầu Phật sẽ thoát ra khỏi nước của ta hóa độ nhiều người, bây giờ ta phải hại ông ta." Tà ma làm cho mọi người trong nước không thấy bóng dáng, không nghe tiếng rao của Bồ-tát. Như vậy, mọi người trong thành đều không nghe không thấy bóng dáng, tiếng rao của Bồ-tát. Bán thân không được, Bồ-tát nằm lăn ra đất khóc lóc, than van:

–Tôi bán thân để cúng dường Pháp sư nhưng không ai mua, tôi phải làm sao đây?

Từ xa trông thấy Bồ-tát tinh tấn như vậy, Đế Thích bèn xuống thử để biết và chí thành cầu Phật hay chỉ giả vờ mà thôi. Đế Thích liền hóa thành một vị Phạm chí, hỏi:

–Cao sĩ muốn cầu gì mà siêng năng chịu khổ như vậy? Cần gì mà phải lăn khóc như vậy?

Bồ-tát đáp:

–Không nên hỏi.

Phạm chí hỏi đến ba lần:

–Ông muốn gì xin hãy hỏi, tôi sẽ giúp ông.

Bồ-tát đáp:

–Tôi tự bán thân để cúng dường Pháp sư.

Phạm chí nói:

–Tôi sắp có buổi cúng tế lớn, muốn có tim, tủy, máu, thịt của người. Nếu ông có thể cho tôi thì tôi sẽ giúp ông nhiều của báu.

Nghe xong, Bồ-tát rất vui mừng, liền lấy dao tự đâm hai cánh tay, lấy máu rồi cắt thịt hai vế và chẻ xương lấy tủy đưa cho Phạm chí. Vừa muốn đâm vào ngực mình thì trên lầu có con gái Trưởng giả từ xa trông thấy, rất thương xót liền cùng với năm trăm tỳ nữ xuống chỗ Bồ-tát, hỏi:

–Này Cao sĩ! Ngài tuổi còn trẻ, lại khôi ngô như thế, tại sao lại tự chém chặt thân thể đến như vậy?

Bồ-tát đáp:

–Tôi lấy máu, cắt thịt, chẻ tủy bán cho Phạm chí để cúng dường Pháp sư.

Con gái của Trưởng giả hỏi:

–Nếu cúng dường Pháp sư thì được những gì? Tên họ Pháp sư là gì? Hiện ở đâu?

Bồ-tát đáp:

–Pháp sư tên là Pháp Lai, ở phương Đông. Ngài sẽ giảng nói Minh độ cho tôi. Người nào nghe pháp ấy sẽ giữ gìn tịnh hạnh, mau chóng được thân ba mươi hai tướng, mười Lực, bốn Vô uý, bốn việc không che chở, mười tám pháp Bất cộng của Phật, được xoay bánh xe pháp độ người ở khắp mười phương.

Nghe việc ấy, con gái trưởng giả vui mừng thưa:

–Nếu đúng như lời ngài nói thì khắp trong thiên hạ không có gì bằng. Tại sao ngài phải tự mình chịu khổ đến như vậy? Tôi sẽ cung cấp đầy đủ của báu cho ngài và đích thân tôi cùng các tỳ nữ xin nguyện đi theo ngài cúng dường Minh sư để nghe kinh sâu xa ấy. Bồ-tát nói:

–Rất tốt!

Phạm chí nói:

–Lành thay, lành thay! Bồ-tát hạnh cao, tinh tấn khó ai bằng. Tôi không phải Phạm chí mà là trời Đế Thích. Tôi cố ý đến thử Ngài. Ngài muốn gì tôi sẽ cung cấp cho.

Bồ-tát đáp:

–Nếu Thiên vương thương xót tôi thì giúp cho thân tôi bình phục lại.

Nguyện vừa xong thì vết thương lành lặn, thân thể khỏe mạnh, khí lực dồi dào như trước.

Sau đó, Đế Thích bèn đi, con gái của trưởng giả thưa với Bồ-tát Phổ Từ:

–Xin ngài đến gặp cha mẹ của tôi xin của báu rồi từ biệt ra đi.

Bồ-tát gặp cha mẹ của con gái trưởng giả, con gái trưởng giả trình bày đầy đủ mọi việc, cha mẹ nàng dạy:

–Rất tốt! Ta cũng có chí nhưng tiếc rằng tuổi già, thân thể rã rời, trái với tâm nguyện. Con muốn gì cứ tự nói ra.

Con gái trưởng giả thưa:

–Thưa cha mẹ, con muốn ngọc ngà châu báu.

Cha mẹ bảo:

–Con cứ tự tiện lấy.

Con gái của trưởng giả liền lấy vật báu dệt thành Chiên-đàn, hương thơm và nhiều vật báu chở đầy năm trăm xe, năm trăm cô gái hầu tự thưa với cha mẹ của con gái trưởng giả:

–Chúng con muốn hầu quý cô đi theo Bồ-tát.

Cha mẹ của con gái trưởng giả cho họ đi. Họ lên đường và từ xa trông thấy nước Hương tịnh, thành quách bảy báu, cờ phướn được kết bằng các thứ báu xen lẫn nhau, mầu sắc sáng rực, có chuông linh, âm nhạc, cây báu, nhà vui chơi, hương thơm từ các thị nữ đi xe, đi bộ tỏa ra bốn phía giống như trên cõi trời.

Từ xa trông thấy như vậy, Bồ-tát và các thiện nữ vui mừng không nói nên lời, chỉ nghĩ: "Chúng ta nên xuống xe đi bộ vào thành." Họ đi vào cửa phía Tây, hỏi người đi đường:

–Vì sao những đài bảy báu kia trang hoàng đẹp đến như vậy?

Người đi đường đáp:

–Hiền giả không biết sao? Có Bồ-tát Pháp Lai là người cao quý nhất, ai ai cũng cúng dường, đảnh lễ. Bồ-tát ấy dùng Minh độ làm nên đài này. Trong đó có hộp bằng bảy báu, dùng toàn vàng ròng màu tím, viết kinh Minh độ đựng trong hộp. Dùng nhiều trăm loại hương thơm hằng

ngày cúng dường Bồ-tát Pháp Lai và đem hương thơm nhiều loại hoa, đốt đèn, treo tràng hoa, lọng báu trổi lên đủ các loại nhạc đạo kính lễ cúng dường. Bồ-tát khác cũng vậy. Chư Thiên cõi trời Đao-lợi ngày đêm ba lần hương hoa thơm cõi trời cúng dường Minh độ.

Nghe việc ấy, Bồ-tát Phổ Từ và các thiện nữ rất vui mừng, lấy nhiều hương thơm, tơ dệt bằng vàng may thành nhiều y trải lên trên, làm cờ, đệm, rèm trải lên đất, rồi đến tòa cao của Bồ-tát Pháp Lai, cách pháp hội không xa. Từ xa trông thấy ngay trên tòa cao là một người trẻ tuổi, dung mạo trang nghiêm, tỏa ánh sáng rực chiếu suốt cả muôn ức người, đang giảng nói về Minh độ.

Đến gặp Bồ-tát Pháp Lai, họ dâng lên Pháp sư nhiều loại hương thơm, bao nhiêu y báu rồi đảnh lễ, nhiễu quanh tám trăm vòng và tự quy y, thưa:

–Chúng con nguyện tiến đến hạnh cao cả, được kinh tôn quý.

Bồ-tát Pháp Lai an ủi họ:

–Các vị đem nhiều lễ vật đến, không ai mỏi mệt chứ? Các vị muốn gì, ta sẽ chiều theo, chớ có nghi ngại. Ta là thầy độ người, cho nên sẽ đáp ứng hết, không hề luyến tiếc điều gì.

Bồ-tát Phổ Từ thưa:

–Thưa Pháp sư! Con vốn cầu Minh độ. Lúc ở trong núi, con đang buồn rầu thì trên hư không có hóa Phật, thân ba mươi hai tướng, mầu vàng tía tỏa ra mười ức tia sáng rực rỡ. Đức Phật khen ngợi con: “Lành thay, lành thay! Cầu Minh độ đến như vậy! Hãy đi về hướng Đông hơn hai muôn dặm, gặp nước Hương tịnh, trong đó có Bồ-tát Pháp Lai là vị được tôn kính nhất, thường hay dạy người. Nếu đến nghe sẽ được Minh độ. Nhiều muôn ức kiếp trước, vị ấy thường làm Thầy ông. Khi ông mới phát tâm, vị này là Thầy ông.” Con nghe tên thầy, trong lòng rất vui mừng khôn xiết. Do vui mừng nên con liền thấy định của các Đức Phật mười phương. Lúc ấy, các Đức Phật khen ngợi con: “Lành thay, lành thay! Chúng ta cầu Phật, cầu Minh độ cũng như vậy, tự đạt đến thành Phật.” Khi tỉnh dậy, không thấy gì cả, con tự nghĩ: “Phật từ đâu đến và đi về đâu?” Cúi xin Pháp sư nói cho biết.

Ngài Pháp Lai nói:

–Này Hiền giả! Hãy nghe cho rõ, Không, Vô tướng, Vô nguyện vốn không từ đâu đến, cũng không đi về đâu. Đức Phật cũng vậy, không nơi chốn, không từ đâu sinh ra, không hình tướng như huyễn hóa, như ngựa bóng nắng, như người trong mộng. Diệt hết tưởng tượng, không sinh, không lớn, không có gì ưa thích, đi qua các cõi nhưng vốn thật không có nơi đến, đi cũng không về đâu, muốn biết Phật cũng vậy.

Bồ-tát Phổ Từ nghe pháp sâu xa như thế, có số đông Tỳ-kheo ngay tại chỗ ngồi đắc được sáu muôn định môn. Thế nào là định môn là định không xứ sở? Là định bỏ các tà vạy, trong không kinh sợ, là định gốc bỏ ái dục, là định thoát các hoạn nạn, là định không thể chấp các pháp cú nhập. Ví như nước biển không thể đo lường nhiều ít, so với trí tuệ đã nhập định. Núi Tu-di trang nghiêm là do công đức của định trang nghiêm. Nếu lấy năm ấm, bốn đại, sáu suy không hình tướng mà quán định sẽ thấy định của chư Phật, định của Bồ-tát. Các kinh pháp không hình tướng của đạo thấy có nói về định. Châu báu trang sức cho định đều quán về châu báu nhập định, đều nghĩ nhớ về định của các Đức Phật. Định của Bồ-tát trên tòa cao thật không thoái chuyển và quay bánh xe pháp là chuyển định, là trang nghiêm công đức của Phật, được nghe các việc thanh

tịnh để đến được định thanh tịnh, được nghe các việc để biết về biển định. Không đạt được gì nếu không đi qua định. Muốn âm thanh của kinh khắp đến định thì sự hiển bày của kinh pháp là cờ phướn của định. Thân Như Lai không hình tướng nhập định, thì các kinh không hình tướng thấy khắp các định. Bồ-tát ghi khắc định, mắt Như Lai thấy định, chiếu sáng cảnh giới định. Cõi Phật đã nguyện có đầy đủ định, hiểu được định khó trong mười phương, định trang nghiêm, sắp thành Phật định nhiều loại hoa khác mầu sắc, định nhiều thứ châu báu, định bánh xe pháp thường quay. Các âm thanh nghe từ xa cốt yếu nhập vào định, định căn bản nhập vào người ở khắp mười phương, các chí định cùng khắp ba cõi, định các công đức thành Phật, định lúc Bồ-tát ngồi dưới cây không gì hơn sáu Độ. Lưới định phá hoại ngoại đạo khác, định Như Lai thấy bay, định vô lượng công đức trang nghiêm, định các công đức trí tuệ châu báu, định trí Nhất thiết địa, tất cả đều thanh tịnh từ định, đều chiếu sáng khắp định, đi vào người khắp mười phương là nhờ núi định. Trí tuệ căn bản phát ra từ trong định. Định cả ba đời đều bình đẳng. Như vậy so với Bồ-tát Phổ Từ được sáu muôn định.

Bấy giờ, Bồ-tát Pháp Lai đứng dậy đi vào cung điện.

QUYỂN 6
Phẩm 29: PHÁP LAI KHẢI SĨ

Bấy giờ, Bồ-tát Phổ Từ xuất định cùng các thể nữ đi đến cúng ngài Pháp Lai, đứng ngoài cửa tự nghĩ: “Vì Kinh pháp nên ta đến, Pháp sư hiện đang ở trong, ta không nên ngồi nằm, mà phải đợi Pháp sư lên trên tòa cao giảng nói về Minh độ vô cực, lúc ấy mới ngồi.”

Các thể nữ cũng bắt chước đứng. Lúc ấy, Bồ-tát Pháp Lai vừa giảng dạy kinh đạo cho các thể nữ trong cung xong, ngài tắm gội rồi mặt áo mới, lên đài Minh độ ngồi tư duy về các định, bất động đến bảy năm như vậy.

Bồ-tát Phổ Từ và các thể nữ không hề quấy nhiễu. Họ cũng đi kinh hành bảy năm không ngồi, không nằm. Sau đó, họ nghe tiếng của Đức Phật ở trong hư không dạy: “Sau bảy ngày, Bồ-tát Pháp Lai sẽ xuất định.” Nghe tiếng Đức Phật dạy, Bồ-tát Phổ Từ tự nghĩ: “Ta phải quét dọn sạch sẽ và trải tòa cho Pháp sư”, rồi cùng đến chỗ giảng kinh làm tòa cao cho Pháp sư. Các thể nữ đều lấy y phục mặc trên thân trải lên tòa.

Bấy giờ tà ma tự nghĩ: “Chưa có ai như Bồ-tát này, vì cung kính cầu Phật nên tinh tấn mạnh mẽ làm tòa cao. Người nào không biếng nhác thì được đạo, sẽ ra khỏi cõi nước ta để cứu độ vô lượng chúng sinh. Ta phải hại ông ta.”

Để phá hoại tòa ngồi của các Bồ-tát, bọn tà ma đổ cát, đá, sỏi, gai góc, xương khô… làm dơ bẩn tòa ngồi. Thấy trên đất, giữa tòa ngồi toàn cát, sỏi, gai góc, xương khô, Bồ-tát Phổ Từ và các thể nữ tự nghĩ: “Bấy giờ Pháp sư sắp đến giảng kinh và các đệ tử sẽ đến nghe, ta nên quét dọn sạch sẽ, sửa soạn chỗ ngồi ngay ngắn. Trên đất có bụi bặm sẽ làm bẩn Pháp sư và các Bồ-tát, ta phải vẩy nước”, nên liền đi tìm nước, tà ma làm cho nước cạn. Bồ-tát Phổ Từ và các thể nữ nghĩ: “Chúng ta tìm nước không được, phải làm sao? Nên lấy máu trong thân mình vẩy lên.” Lúc ấy, Bồ-tát Phổ Từ và các thể nữ đều lấy dao đâm nhiều nơi trên thân, lấy máu vẩy lên đất, do có tâm Từ đối với pháp.

Đế Thích tự nghĩ: "Đời nay còn có người như vậy, tinh tấn, cung kính, từ hiếu đối với Pháp sư", liền khen ngợi:

–Lành thay, lành thay! Hiền giả, thật khó có ai sánh bằng. Nay ngài nghe Minh độ không bao lâu sẽ thành Phật. Hiền giả, bây giờ Ngài cần gì, xin cứ dạy. Có được người như Hiền giả, chúng tôi phải ủng hộ, ngài muốn điều gì, chúng tôi sẽ làm ngay.

Bồ-tát Phổ Từ bảo:

–Tôi muốn điều gì ông nên tự biết.

Lúc ấy, Đế Thích hóa ra đất đều có nước trong như lưu ly. Trên đất có cát bằng vàng, rồi làm cho các vết thương trên thân của Bồ-tát Phổ Từ và các thể nữ đều lành lặn trở lại như trước. Bốn phía tòa ngồi biến thành ao nước lưu ly, chung quanh đều có cây bằng châu báu và hai bên bờ, bốn phía ao báu có bảy cây báu mọc ra nhiều trăm loại châu báu đẹp. Bồ-tát và các thể nữ để dành nước cho các Bồ-tát. Trời rải nhiều hoa màu sắc như mưa, sáng rực chiếu cả nước. Hương thơm thoảng khắp bốn phía. Người nghe mềm lòng, gom bốn ngàn tảng đá khắc lên lời của Bồ-tát Phổ Từ nói, rồi đem hoa này cúng dường Minh độ và rải lên trên Bồ-tát Pháp Lai và lấy y trải lên tòa ngồi. Tất cả đều được thọ nhận và chú nguyện.

Sau bảy năm, Bồ-tát Pháp Lai xuất định, đi đến tòa cao cùng với hai trăm ức Bồ-tát ngồi xuống. Ở phía trước, người ngồi rất đông. Lúc ấy, Bồ-tát Phổ Từ và các thể nữ cùng nhau rải hoa, rải bột hương Chiên-đàn cùng nhiều danh hương, các châu báu lên Bồ-tát Pháp Lai và các Bồ-tát, đầu mặt lễ sát chân, đi nhiễu ba vòng rồi đứng lùi lại. Do tâm mầu nhiệm nên thấy đại hội của ngài Pháp Lai rộng vuông vức bốn mươi dặm, có rất đông người ở trong đó. Bồ-tát Pháp Lai thấy người từ bốn hướng đến hội họp vì kinh pháp, ngài liền giảng nói Minh độ:

–Thiện nam, hãy lắng nghe, căn bản của các kinh pháp, đều bình đẳng với trí tuệ Như Lai, không có chướng ngại, như huyễn, không hình tướng. Như gió, vốn nguyên nhân của nó không thể tính kể, Minh độ cũng vậy, tất cả ngã sở đều phải dứt trừ vì nguồn gốc của nó vốn cũng thanh tịnh. Ví như ngựa bóng nắng, bóng người vốn không có. Như trong mộng có muốn điều gì thì điều mong muốn ấy vốn không. Như người có tên vốn không có. Như Ứng nghi diệt độ là không, không còn sinh nữa. Minh độ cũng vậy, Như Lai diệt độ cũng bình đẳng không khác. Minh độ vốn bình đẳng. Ví như đốt lửa liền dập tắt. Nó vốn không từ đâu đến, cũng không đi về đâu. Như trong mộng thấy núi Tu-di vốn không. Như Phật hiện bay vốn không thật có. Minh độ cũng vậy. Trước đối với dục cùng vui thú, nhưng xét lại nó không thật có. Như người nổi tiếng không thật có. Như Lai không có cái thấy trước, nghĩ rằng ngươi ấy đã gây nhân gặp Minh độ. Nghĩ đến việc đã làm vốn không thật có. Như người làm ảo thuật hóa thành hình tượng vốn không thật có. Như hư không đích thực không có chỗ an trụ. Như cái học của nhà ảo thuật, đều chỉ bày từ xưa đến nay cũng không thể gom góp lại thành một. Minh độ cũng không có ba đời, nên biết như vậy. Tên gọi xét ra vốn không có hình tướng, nhưng chữ lại có hình tướng. Minh độ không phải không đến, không phải không vào. Vì sao? Vì hư không vốn không có sắc. Minh độ ví như hư không, không phải không đến, không phải không vào. Nhập vào địa, thủy, hỏa, phong, không, nhập vào năm ấm kia đây, nhập vào thọ mạng, có đức không đức, nhập vào dục không dục, có không có, tưởng không tưởng, nguyện không nguyện. Nhập vào trong sinh, nhập vào mặt trời, mặt trăng, sao, thần Chất lượng, Rồng, Quỷ vương, thần Chấp nhạc, thần tựa hình người, thần đi

bằng ngực, thần thân rắn cũng nhập vào cầm thú, ngạ quỷ, địa ngục, loài bò bay máy cựa, loài bò đi ngoằn ngoèo, thở khò khè, giàu sang, hiền lành, Thánh trí, Tiên nhân, Dự lưu, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Duyên giác, nhập vào Bồ-tát, nhập vào Đức Phật, nhập vào diệt độ, bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Đạo hạnh, có trí Không trí, mười Lực, bốn Vô ý, bốn việc không ủng hộ, mười tám pháp Bất cộng, kinh Phật, sách đời, chú đồng bóng, nhập vào túc mạng lần lượt xoay vần trong sinh tử, có khổ không khổ, tự tại không tự tại, độ thoát, tốt không tốt, thiện không thiện, trí không trí, sáng suốt không sáng suốt, từ xưa đến nay có thể thấy không thể thấy, giáo pháp có không có, tất cả có hình, không hình, không phải không nhập vào.

Phật bảo Thiện Nghiệp:

–Này Thiện Nghiệp! Bồ-tát Pháp Lai đã đến nơi giảng nói Minh độ cho Bồ-tát Phổ Từ. Giảng đầy đủ như vậy suốt trong bảy ngày. Lúc ấy, người nghe kinh nói như chừng bữa ăn. Vì sao? Vì năng lực oai thần của Bồ-tát Pháp Lai nên khi nghe xong, Bồ-tát Phổ Từ rất vui mừng. Các thể nữ đem y trời và tám trăm thạch các thứ báu cúng dường Bồ-tát Pháp Lai. Đế Thích cũng rải các thứ hoa thơm cõi trời lên mình Bồ-tát Pháp Lai và các Bồ-tát để có thêm công đức. Lúc ấy, các cây gỗ, cây hoa, cây trái và nhiều loại cây báu trong một cõi Phật đều uốn mình nghiêng xuống đảnh lễ Bồ-tát Pháp Lai, rồi tuôn rải xuống các loài hoa đầy hương thơm như mưa. Hương thơm các loài hoa ấy tỏa ra trong một cõi Phật. Tất cả mọi người ngửi mùi hương của các loài hoa ấy đều thấy Bồ-tát Pháp Lai ở trên tòa cao giảng kinh và thấy Bồ-tát Phổ Từ cùng các thể nữ tỏ vẻ ưa thích, vui mừng khôn xiết, đều từ xa đảnh lễ. Trong nước ấy đều rung chuyển. Lúc ấy có hơn muôn ức người đắc được vô số kinh pháp, vô số Bồ-tát được địa vị không thoái chuyển.

Khi ấy, các thể nữ đến trước Bồ-tát Phổ Từ, thưa bạch rằng:

–Bạch Bồ-tát! Chúng con nguyện đem thân mạng tự quy y Ngài, xin được làm người hầu và kính dâng ngài năm trăm xe châu báu, vì chúng con mà ngài đã chịu nhiều khổ nhọc để hồi hướng thành Phật. Nay nhờ ân đức to lớn này, chúng con mới được nghe tôn kinh, không còn mảy may nghi ngờ. Bây giờ dẫu cho chúng con có hầu hạ ngài nhiều muôn ức kiếp cũng chưa đền đáp ân đức trong chốc lát.

Bồ-tát Phổ Từ nhận lời rồi đến trước Bồ-tát Pháp Lai, bạch rằng:

–Kính bạch Bồ-tát! Con xin dâng lên ngài thân con, các thể nữ và các châu báu. Mong ngài thương xót chúng con mà nhận lấy để chúng con được công đức.

Muốn Phổ Từ thành tựu công đức ấy nên Bồ-tát Pháp Lai nhận lấy rồi đưa lại cho Phổ Từ và nói:

–Cho ngươi các thể nữ này để làm người hầu, còn các xe châu báu hãy đem dùng.

Các trời, người trên trời Đao-lợi đều khen ngợi:

–Lành thay, lành thay! Bồ-tát Phổ Từ cúng dường Pháp sư nhiều vật báu! Thật khó có được tâm như vậy!

Lúc ấy có nhiều người muôn ức người đến chỗ ngài Pháp Lai nghe kinh. Bồ-tát Phổ Từ vui mừng hớn hở, đắc được sáu muôn pháp môn thiền định ngay tại chỗ ngồi. Đó là các định như: Định mong muốn, định oai nghi, định khuyến đức, định trăng tròn, định ánh sáng mặt trời, định

hạnh Như Lai, định Bồ-tát sinh, định thích trí tuệ, định trụ độ thoát vững chắc, định không an trụ trong các cảnh giới, định nhập vào cõi nước mọi thứ trang nghiêm, định Như Lai tướng nhập vô tưởng, định người khắp mười phương vô hình ấn phong, định Như Lai xuất sinh, định an vui không lo sợ, định vứt bỏ châu báu, định oai lực Như Lai trang nghiêm, định các kinh pháp sáng suốt an lạc, định hiểu rõ mọi việc các pháp không từ đâu đến, định Thanh tịnh như Phạm thiên, định ba đời đều nhập vào bình đẳng, định tạng Phật trang nghiêm, định âm thanh Phật đều thành tựu… Các định như vậy được sáu muôn pháp môn. Bồ-tát xuất định, đắc được oai lực trí tuệ nhập vào các kinh pháp. Bồ-tát Phổ Từ thưa:

–Xin Pháp sư hãy vì con mà nói về âm thanh của Đức Phật và làm sao biết được?

Bồ-tát Pháp Lai dạy:

–Này Hiền giả! Hãy nghe cho rõ. Ví như cây đàn không hầu, không do một việc làm thành mà phải có phím đàn, có dây đàn và có người đưa tay khảy thì âm thanh của nó mới hòa hợp, rồi tự do muốn khảy ca khúc nào cũng được. Muốn biết âm thanh của Đức Phật giống như vậy. Bồ-tát vốn phát tâm trải qua nhiều đời làm công đức, dạy dỗ, truyền trao, thưa hỏi, gom góp làm việc Phật sự, nhờ vậy mới được thân Phật. Âm thanh cũng như vậy, pháp ấy đều từ nhân duyên làm thành, chứ không phải do Bồ-tát làm ra, không phải lìa hành mà được, không phải từ thân Phật mà được, cũng không phải lìa thân Phật mà được. Hiền giả muốn biết âm thanh thân Phật phải làm gom góp những việc như vậy mới được âm thanh của Phật.

Lại nữa, này Hiền giả! Ví như người thổi kèn phải điều hòa âm giỏi để khớp với bài ca. Cái kèn được làm bằng tre, nhưng phải có công người thổi. Làm tất cả những việc như vậy thì âm thanh của nó mới buồn thương. Thân Như Lai không phải do một việc, hai việc mà thành, phải do nhiều đời làm công đức. Dạy người vào đạo, do bản nguyện mà ra, cho nên thân tướng Phật và các vẻ đẹp đều hiện rõ như vậy. Ví như sau khi Đức Phật diệt độ, có người làm hình tượng Phật trang nghiêm, xinh đẹp, giống Phật như tạc, ai thấy cũng đều khen ngợi, đem hoa hương, lụa là cúng dường thì Hiền giả có cho là cái thần của Đức Phật ở trong đó không?

Bồ-tát Phổ Từ thưa:

–Thưa không, vì người làm tượng chỉ muốn làm cho mọi người bó buộc tâm ý, kính lễ để tự răn nhắc mình làm sao phải được phước ấy. Cũng không phải do một việc, hai việc làm thành mà nhờ có vàng, có trí người, hoặc có người thấy Phật, rồi sau khi Ngài diệt độ nhớ đến Ngài nên làm tượng, muốn cho chúng sinh trong mười phương cúng dường để được phước ấy.

Bồ-tát Pháp Lai nói:

–Như Hiền giả đã nói, thành tựu thân Phật không phải do một việc, hai việc mà nhờ có hạnh tu của Bồ-tát, có người vốn cầu thành Phật, hoặc có người thường thấy Phật làm công đức, cho nên thành tựu thân Phật, trí tuệ biến hóa, bay đi và các tướng tốt mới thành tựu thân Phật. Ví như cái trống có tre, gỗ, da, dùi, có người đánh thì âm thanh của nó mới phát ra. Muốn biết thân Phật thì cũng giống như vậy, do thực hành trăm ngàn việc mới thành tựu được, có phát tâm ban đầu, có thực hành sáu Độ vô cực, hiểu rõ tất cả mọi việc vốn không, không từ đâu sinh, ngồi dưới gốc cây hàng phục quyến thuộc ma quân, biết các kinh pháp như huyễn không khác, cho nên mới thành tựu thân Phật. Ví như họa sĩ có cây bút bằng ngọc bích, dùng tay vẽ mới thành người họa sĩ. Thân Phật cũng như vậy, do làm mấy ngàn việc bố thí, trì giới, không phạm mười điều ác,

thường theo thầy tốt, có tâm bình đẳng thương xót chúng sinh nên không ai phá hoại được, đời đời thấy Phật. Bồ-tát nghe rồi thực hành một cách vững chắc không quên, giữ gìn chân thật không dua nịnh, thường thực hành tâm chí thành.

Lại nữa, ví như trời Vô kết ái tu chỉ quán, theo thứ lớp lên trời Quang diệu trang nghiêm xinh đẹp. Ở cõi trời này nhà cửa không phải tự làm, cũng không có ai đến làm, vì vốn không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, do nhân duyên mà sinh, nhờ người ấy đời trước làm công đức mà có ra, nhờ bố thí cho chúng sinh nên được sinh về nơi đó, ở trong những ngôi nhà đó. Hiền giả muốn biết thân Phật do nhân duyên sinh. Người đời muốn thấy Phật thì người ấy đới trước có công đức, xa lìa tám chỗ xấu ác, sinh ra trí tuệ kính tin Phật. Sở dĩ Đức Phật hiện thân là vì muốn độ chúng sinh. Như tiếng vang trong núi không phải do một việc, hai việc, mà do có núi, có người kêu, có tai lắng nghe mới nghe được. Phật vốn không có hình tướng, cũng không đắm trước, do nhân duyên sinh ra, đời đời thực hành về không, nhân duyên sinh tử Phật đều hiểu rõ, vốn không có sinh tử, cũng không có diệt độ nhưng thực hành thị hiện này, nói lời này. Ví như người làm ảo thuật hóa thành vua Chuyển luân từ bi giáo hóa làm thấm nhuần chúng sinh, ai nghe cũng đều ưa thích. Người mong cầu ưa thích y phục bằng châu báu thì đều tha hồ cho họ.

Giữa mọi việc, đức vua ngồi, đứng, bước đi, dung nghi an ổn, vững chắc, ai thấy cũng đều kính lễ, không phải do một việc, hai việc thành tựu mà do có thầy, có chú nguyện, có nhiều người, tùy theo sở thích mà hóa hiện ra. Có người thông minh biết là hóa hiện, chứ người huyễn này không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, vốn là từ không, do sự biến hóa làm ra. Người thông minh biết là do nhân duyên. Thân Phật cũng vậy, do nhiều việc có công đức, có đức hoan hỷ, nghĩ nhớ đến chúng sinh làm cho được an ổn. Bồ-tát nguyện phân chia kinh pháp, chỉ dạy, truyền trao để thực hành. Bỏ định tư duy phân biệt, nói kinh cho mọi người học.

Các trời người đều vui vẻ. Trong số đó có người tự cống cao, có người không biết hổ thẹn, có người dâm loạn, tham lam keo kiết, có người gắng gượng tự dụng, có người hay tranh cãi, không thể nào can ngăn, có người che giấu dâm, nộ, si, có người làm ác không thể tính kể. Phật ở ngay trong mọi người, rất trang nghiêm xinh đẹp, ngồi, đứng, bước đi, phép tắc dung nghi đều an ổn vững chắc, các việc ác đã hết, chỉ còn các đức làm cho mọi người được an vui, cũng tự làm Phật sự nhưng vốn không đắm nhiễm. Như việc do người ảo thuật làm ra, Bồ-tát thấy thân Phật cũng như vậy. Dù Ngài không đắm nhiễm, không tưởng nhớ, dù biết vốn không nhưng vẫn cung kính lam lễ cúng dường. Từ xưa đến nay, chư Phật đều từ các việc, mọi việc đều có duyên sinh.

Bồ-tát lại nghĩ: "Người nào giữ gìn thực hành sẽ mau thành Phật." Lúc Bồ-tát Pháp Lai nói về thân Phật, có bốn mươi tám ngàn Bồ-tát hiểu ngay và đều tin vào đó mà thực hành trăm ức Bồ-tát được sự không chướng ngại, nếu có hỏi đều đáp được, bốn trăm ức Bồ-tát được địa vị không thoái chuyển, tám trăm ức Bồ-tát đều được an trụ vào pháp A-xà-phù. Lúc ấy, chư Thiên đem hoa thơm đến tung rải như mưa lên Bồ-tát Pháp Lai và các Bồ-tát. Nhờ oai thần của Bồ-tát Pháp Lai, tất cả đều ở một cõi Phật có các âm nhạc tự phát ra âm thanh. Từ trong hư không, mấy ngàn muôn ức vị trời tung y trời, trổi âm nhạc cùng chúc mừng Bồ-tát Pháp Lai và các Bồ-tát. Thiên y bày ra che trùm một cõi Phật, các vị trời đốt nhiều thứ hương rồi chia ra rải khắp một cõi Phật. Trái đất đều rung chuyển, Bồ-tát chư Phật từ xa khen ngợi Bồ-tát Pháp Lai:

–Lành thay, lành thay!

Lúc ấy, chư Phật thọ ký cho Bồ-tát Phổ Từ về sau sẽ thành Phật hiệu là Võng-ma-ca-kỳ-đà-phả-la-da Như Lai Vô Sở Trước Chánh Chân Đạo Tối Chánh Giác. Các người nữ đều hóa thành người nam, đời đời sinh ra nơi nào đều không lìa chư Phật, thường đem Minh độ chỉ dạy cho chúng sinh trong mười phương lần lượt thành Phật.

Đức Phật bảo Thiện Nghiệp:

–Bồ-tát muốn mau thành Phật phải cầu Minh độ vô cực một cách tinh tấn, cung kính như Bồ-tát Phổ Từ.

QUYỂN 6
Phẩm 30: CHÚC LỤY A-NAN

Phật bảo A-nan:

–Này A-nan! Như Lai chúc lụy kinh Minh Độ Vô Cực cho ông, ông phải giữ gìn cẩn thận, ghi nhớ rõ ràng từng chữ từng câu, chớ để thiếu sót. Đây là cái kho Kinh tạng vô tận. Các pháp đều từ trong đó sinh ra. Vô lượng kinh sách, các thứ trí tuệ khác nhau, tùy theo sự hiểu biết của mọi người mà có bấy nhiêu thứ làm cho họ vui vẻ, thực hành kinh đạo, nhập vào trí tuệ. Tất cả đều từ trong kho Minh độ mà ra. Bao nhiên sự thấy biết, các thứ thực hành, bao nhiêu gốc rễ si mê, giống rễ trí tuệ. Điều mong cầu tận cùng của mọi người là cầu trí tuệ. Như Lai đều biết từ trong Minh độ sinh ra. Kinh này là mẹ của Như Lai Vô Sở Trước Chánh Chân Đạo Tối Chánh Giác. Tuệ nhãn và thân ta đây đều từ trong đó sinh ra.

Đức Phật dạy:

–Này A-nan! Nếu ai cung kính pháp ta đã nói là kính thờ ta. Còn ai tự kính thân mình là có từ hiếu đối với Phật. Ông hãy đem thân này phụng thờ Minh độ là cúng dường chư Phật. Nếu thân, miệng, ý có từ hiếu đối với Phật thì không nói điều bất hiếu. Nếu thường được oai nghi của Phật đúng như pháp thì tâm thường thanh tịnh, không có nhơ bẩn. Nếu thấy Phật thì không nói là không thấy.

Như thế đều là báo ân Phật rồi.

Phật dạy:

–Này A-nan! Trong Minh độ này nếu ông quên một chữ, một câu, bỏ mất không viết chép là không thấy ta, không kính Phật, không cúng dường, là bội ân Phật.

Phật dạy:

–Này A-nan! Ông phải nhận lãnh kỹ càng, ghi nhớ rõ ràng Minh độ. Hãy đem tâm từ hiếu đối với Phật mà chỉ bảo. Đây là bố thí giáo pháp của Phật Thiên Trung Thiên từ xưa đến nay. Đem việc này cúng dường hoặc làm việc đại Từ đối với chúng sinh, hoặc gần gũi giữ gìn Phật tạng. Sau khi Phật diệt độ, ông phải ủng hộ kinh này, chớ để thiếu sót. Ta tận tay giao phó cho ông, ông phải trao cho Bồ-tát Đại sĩ, Bồ-tát Đại sĩ sẽ hành trì, đạt đến chỗ cao tột của kinh này, phá hoại được các khổ nhọc lao ngục sinh tử, cứu thoát những người vô trí bị ngu si ràng buộc, hàng phục được quyến thuộc ma quân, dứt bỏ các pháp tham dục, bước lên tòa Phật, thực hành đạo Vô thượng chánh chân, Bồ-tát ban hành pháp cho người mù mắt, cho kẻ ngu si. Đạo lớn bậc nhất không có hai chánh pháp. Đạo Vô thượng chánh chân, trí tuệ chánh giác, đó là Minh độ.

Sau khi ta diệt độ, có nhân dân trong ba cõi nước tam thiên, ông hãy dạy họ vào trong pháp này để thanh tựu đạo Thanh văn và dạy bảo chỉ cho biết chính nhờ pháp này mới vào được. Như vậy, một kiếp hay một trăm kiếp giảng nói kinh làm cho được diệt độ. Dù đã làm như vậy vẫn chưa đủ kính thờ ta, không bằng đem một câu Minh độ dạy cho Bồ-tát, chính là đã cúng dường Phật rồi.

Phật dạy:

–Bây giờ ở đây, ta khen ngợi và chúc lụy Minh độ cho ông đến một kiếp, trăm kiếp cũng không thể hết. Đây chỉ nói lược qua thôi.

Từ trong ca-sa, Đức Phật đưa tay phải xoa đầu rồi đặt trên vai A-nan:

–Thế nào, A-nan, ông có tâm Từ đối với Phật không?

A-nan thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Phật Thiên Trung Thiên tự biết việc đó.

Thưa như vậy đến ba lần. Đức Phật lại bảo:

–Thế nào, ông có tâm hiếu đối với Phật không?

Cả ba lần A-nan đều thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Phật Thiên Trung Thiên tự biết việc đó.

Phật dạy:

–Này A-nan! Ông phải dùng lòng Từ rộng lớn để báo ân đầy đủ. Hãy tôn thờ pháp Minh độ cung kính. Phải chú tâm nghĩ nhớ câu nghĩa thật rõ ràng, ngoài ra phải vứt bỏ hết. Hãy nhất tâm ở trong kinh sách này viết chép cho đúng từng chữ, từng câu, hòa hợp nhau. Lúc chọn lấy, lúc hành trì, lúc học, lãnh thọ kỹ càng rồi cùng Bồ-tát làm cho các câu trên dưới đều hợp ý nhau. Khi viết, thì viết bằng viết tốt, lụa tốt. Hãy tự quy y, thừa sự, làm lễ cúng dường hoa thơm, hương bột, hương đốt, phướn lọng bằng lụa, ví như hương tinh khiết trên cõi trời, đốt đèn tốt bằng dầu mè, tự quy y, đầu mặt sát đất, đốt đuốc, lại đảnh lễ kính thờ.

Khi Đức Phật ngồi giữa chúng đệ tử và các Bồ-tát ở núi Linh thứu, thuộc thành Vương xá giảng nói Minh độ vô cực thì Ngài đã thành Phật được ba mươi năm. Ngày mười năm tháng mười hai, sau khi thọ thực, Ngài giảng kinh xong, các đệ tử, Bồ-tát, các vị Trời, Thần Chất lượng, Rồng, Quỷ vương, Nhân dân đều rất vui mừng, đến trước Đức Phật làm lễ rồi lui ra.

Lưu ý: *Không tìm thấy phẩm 15 & 17 trong bản dịch của kinh này!*

HẾT

---o0o---

(Tạng Thư Phật Học)

7. KINH "MA HA BÁT NHÃ SAO"

Đại Tạng Kinh Việt Nam mang số 0227, 5 quyển, Phù Tần, Thiên Trúc Sa môn Đàm-Ma-Ty và Trúc-Phật-Niệm dịch từ Phạn sang Hán. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh (Thích nữ Tâm Thường) dịch từ Hán sang Việt.

---o0o---

QUYỂN 1
Phẩm 1: ĐẠO HẠNH

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ngự tại núi Kỳ-xà-quật thuộc thành La-duyệtkỳ cùng với chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, đều là bậc A-la-hán, các lậu đã sạch, đã dứt sinh tử, việc làm và lời nói như nhau, đạt đến tâm giải thoát và tuệ giải thoát. Các bậc Thánh này đã rõ tất cả, các vị đều là những bậc Thượng sĩ, việc đáng làm đã xong, đã bỏ hẳn gánh nặng, tự tại, không còn các nghiệp. Tâm trí của các vị đều đã giải thoát, ngoại trừ Hiền giả A-nan.

Đức Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Hôm nay ông có vui lòng thuyết Bát nhã Ba la mật cho các Bồ-tát không? Các vị ấy sẽ học theo đó mà được thành tựu.

Tôn giả Xá-lợi-phất suy nghĩ: "Đó là tự lực thầy ấy thuyết hay là nương vào oai thần của Đức Phật để thuyết?"

Tôn giả Tu-bồ-đề biết được ý nghĩ của Tôn giả Xá-lợi-phất nên thưa:

–Sự thuyết pháp và pháp được thành tựu của các vị đệ tử Phật có được là đều nhờ vào oai thần của Đức Phật. Vì sao? Vì pháp của Đức Phật thuyết ra và những gì học được trong đó đều có chỗ chứng đắc. Do biết như vậy nên biết có chỗ thành tựu. Đối với các pháp như Phật đã dạy, tuần tự dạy lại cho nhau để có thể thành tựu, vì pháp đó không khác với pháp của Như Lai đã thuyết. Nếu vị nào muốn học pháp này, thì ở đấy rốt cuộc là không có tranh biện.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Thế Tôn dạy con thuyết Bát-nhã ba-lamật cho các Bồ-tát, các vị ấy sẽ nhờ đó mà thành Bồ-tát. Như vậy, cái tên Bồ-tát có ra là từ nơi pháp nào? Con cũng chẳng thấy có pháp Bồ-tát và tên của pháp đó, cũng không thấy Bồ-tát, cũng không chứng đắc Bồ-tát, cũng không thấy Bát nhã Ba la mật, cũng không chứng đắc Bát nhã Ba la mật. Cũng không thấy Bồ-tát, cũng không chứng đắc Bồ-tát, cũng không thấy Bát nhã Ba la mật, cũng không chứng đắc Bát nhã Ba la mật, thì chỗ nào có Bồ-tát để vì họ thuyết Bát nhã Ba la mật?

Thuyết giảng như vậy, Bồ-tát nghe việc đó trong tâm không biếng nhác không khiếp sợ, không ngại thấy có chướng nạn, không sợ hãi, nên Đại Bồ-tát thích ứng với Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát nên học Bát nhã Ba la mật như vậy, nên suy nghĩ an trụ vào Bát nhã Ba la mật như vậy. Đó tức là học Bát nhã Ba la mật.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật nên học như vầy: "Học rằng: Trong tâm đừng nghĩ mình là Bồ-tát." Vì sao? Vì tâm không tâm thì tâm đó tịnh.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Thế nào là tâm có tâm và tâm không tâm?

Ngài Tu-bồ-đề nói với ngài Xá-lợi-phất:

–Tâm cũng chẳng có, cũng chẳng không có, cũng không thể chứng đắc, cũng không thể biết nó ở chỗ nào.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi ngài Tu-bồ-đề:

–Những tâm như thế nào là cũng không có tâm, cũng không không tâm; cũng không thể chứng đắc; cũng không thể biết ở chỗ nào?

Ngài Tu-bồ-đề đáp:

–Từ đối đãi tuy có tâm, nhưng tâm đó là không tâm. Tâm như thế cũng không ai biết cũng không ai tạo ra. Do vậy cũng chẳng có tâm, cũng chẳng không có tâm.

Ngài Xá-lợi-phất nói:

–Lành thay, lành thay! Tu-bồ-đề là người được Đức Phật nêu lên, người đáng được nêu lên đó không có vọng kiến về không thân, là người thuyết về đệ nhất tuệ không thân. Nhờ đó Đại Bồ-tát đạt được địa vị không thoái chuyển, quyết định không mất Bát-nhã bala-mật. Đại Bồ-tát cần nên an trụ trong đó. Muốn học đạo Thanh văn thì nên nghe Bát nhã Ba la mật, học tập, thọ trì, giữ gìn Bát-nhã bala-mật. Muốn học đạo Bích-chi-phật nên nghe Bát nhã Ba la mật, học tập, thọ trì, giữ gìn Bát nhã Ba la mật. Muốn học đạo Bồ-tát nên nghe Bát nhã Ba la mật, học tập, thọ trì, giữ gìn Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì pháp Bát nhã Ba la mật rất sâu xa rộng lớn, là chỗ Đại Bồ-tát phải học tập.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Con suy nghĩ kỹ, tâm của Bồ-tát không thể chứng đắc, cũng không thể biết ở chỗ nào, cũng không thể thấy để có thể chứng đắc. Cũng không thể nói chỗ nào là Bát nhã Ba la mật của Đại Bồ-tát Bát nhã Ba la mật, cũng không thể nói danh tự của Bồ-tát. Nói là chỗ không có chỗ, danh tự đó không nằm ở đâu cả.

Nên giảng như vậy, Bồ-tát nghe việc đó tâm không biếng nhác, không khiếp sợ, không thấy có chướng nạn để thích ứng với sự không thoái chuyển nên mọi sợ hãi không còn nữa. An trụ vào chỗ ấy thì hiểu biết trọn vẹn nên không còn trở lại nữa.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật không nên trụ vào sắc, không nên trụ vào thọ, tưởng, hành, thức; không nên trụ vào trong đó. Trụ nơi đó là thực hành tưởng, thọ, hành tưởng thức. Trụ nơi thức là thực hành thức hành. Không nên thực hành thức hành. Giả sử trụ trong đó là không vâng theo lời dạy của Bát-nhã ba-lamật, không thích ứng với Nhất thiết trí. Vì chấp thủ

vào sắc nên không nên chấp thủ sắc. Vì không chấp thủ vào sắc là không chấp thủ thọ, tưởng, hành, thức. Người không chấp thủ vào sắc là chẳng phải sắc; không chấp thủ vào thọ, tưởng, hành, thức là chẳng phải thức, không chấp thủ Bát nhã Ba la mật. Đó là Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật. Người không chấp thủ danh tự Tam-muội là chỗ thâm nhập rộng lớn, không chấp thủ vào Thanh văn, Bích-chi-phật, cho đến Nhất thiết trí cũng không chấp thủ. Vì sao? Vì không nên phát sinh tưởng. Ai phát sinh tưởng thì cũng như những kẻ ngoại đạo tầm thường, nhưng có đức tin nơi Nhất thiết trí. Tuy có khác với ngoại đạo nhưng chưa được giải thoát, vì tuy không chấp thủ sắc thì cũng chấp thủ thọ, tưởng, hành, thức. Vì không chấp thủ thì cũng không hiểu, chưa thành tựu cũng không thấy tuệ; cũng không thấy tuệ trong sắc, ngoài sắc; không thấy tuệ khác với sắc; không thấy tuệ trong thọ, tưởng, hành, thức. Cũng không thấy tuệ ngoài thức; cũng không thấy tuệ trong ngoài thức. Cũng không thấy tuệ khác thức, chỉ nhờ đức tin mà được giải thoát. Muốn biết việc của Nhất thiết trí để tự hành chế đối với pháp đó là chứng đắc giải thoát, vì người đó đã chứng đắc pháp, ngay nơi pháp cũng không sở đắc, cũng chưa được giải thoát; người đó không dựa vào Niết-bàn để tự cao. Đó là Đại Bồ-tát tu Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì không chấp thủ vào sắc, không chấp thủ vào thọ, tưởng, hành, thức; cũng không Bátniết-bàn giữa đường, đạt được mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng, nên gọi là Đại Bồ-tát tu Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên, Đại Bồ-tát nhập vào hạnh Bát nhã Ba la mật nên thấy thế này: "Bát nhã Ba la mật này ở chỗ nào? Pháp ở chỗ nào? Hoàn toàn không thể đắc nơi chốn, thì đó là Bát nhã Ba la mật", nên nghĩ như vậy. Đại Bồ-tát nghe như vậy không biếng nhác, khiếp sợ, e ngại, thấy có chướng nạn, thì nên biết rằng Bồ-tát này đã an trụ vào chỗ chẳng lìa Bát nhã Ba la mật.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi ngài Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát do nguyên nhân gì không lìa khỏi Bát-nhã ba-lamật; lìa sắc tự thể của sắc; lìa thọ, tưởng, hành, thức, tự thể của thọ, tưởng, hành, thức; Bát nhã Ba la mật, tự thể của Bát nhã Ba la mật?

Ngài Tu-bồ-đề nói với ngài Xá-lợi-phất:

–Lìa sắc tự thể của sắc; lìa thọ, tưởng, hành, thức tự thể của thức; lìa Bát nhã Ba la mật tự thể của Bát nhã Ba la mật. Tự thể của Bát nhã Ba la mật là lìa tưởng, nên tự thể của tướng là lìa tướng tự thể tướng. Tự thể tướng là lìa tướng.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi ngài Tu-bồ-đề:

–Học như vậy là học Nhất thiết trí phải không?

Ngài Tu-bồ-đề đáp:

–Học như vậy là nhập vào Nhất thiết trí. Vì sao? Vì các pháp là không có chỗ nhập. Đại Bồ-tát thực hành như vậy liền đạt đến Nhất thiết trí. Đây là hạng Đại Bồ-tát tu Bát nhã Ba la mật gieo giống Nhất thiết trí.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát tinh tấn nên bày: "Ta muốn học tập; ví như hành sắc là hành tưởng, hành sắc tưởng là hành tưởng, hành sắc sinh là hành tưởng, hành sắc hoại là hành tưởng, hành sắc diệt là hành tưởng, hành sắc không là hành tưởng. Giả sử từ ngã hành nên có được là hành tưởng. Diệt thọ, tưởng, hành, thức là hành tưởng, hành thức hoại là hành tưởng, hành thức

diệt là hành tưởng, hành thức không là hành tưởng, từ ngã hành nên có được là hành tưởng. Đại Bồ-tát hành trì ngược lại hành tưởng của hành là người giữ gìn hành trì Bát nhã Ba la mật vì không hành Bát-nhã bala-mật. Ngược lại, nếu hành trì hành tưởng là Đại Bồ-tát không hành trì Bát nhã Ba la mật.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi ngài Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát nên thực hành Bát nhã Ba la mật như thế nào? Không hành sắc hành, không hành sắc tưởng, không hành sắc sinh, không hành sắc hoại, không hành sắc diệt, không hành sắc không, không hành thọ, tưởng, hành, thức; không hành thức sinh, không hành thức hoại, không hành thức diệt, không hành thức không là hành Bát nhã Ba la mật. Cũng không thấy cũng không hành. Cũng không thấy hành không hành. Cũng không thấy, cũng không bất hành, cũng không vô hành. Như vậy là không thấy. Vì sao? Vì tất cả pháp không từ đâu đến, cũng không nương chỗ nào thọ trì. Đại Bồ-tát không chấp trước vào các pháp danh hiệu. Tam-muội đó không có bến bờ, không có ranh giới nên nhập vào được tất cả, là chỗ các La-hán, Bích-chi-phật không thể biết. Đại Bồ-tát theo Tam-muội này mau đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đạt đến quả vị Phật.

Khi Tôn giả Tu-bồ-đề nương vào oai thần của Phật để phát biểu điều này, các Đại Bồ-tát đều được thọ ký. Trong quá khứ lâu xa, khi Đức Như Lai tự mình đạt đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho đến thành Phật nương theo Tam-muội này nhưng cũng không thấy Tam-muội, cũng không nói ta biết Tam-muội, cũng không nghĩ ta hoàn tất Tam-muội, cũng không tưởng ta ngồi vào Tam-muội, cũng không nói ta hoàn tất Tam-muội. Người theo pháp như vậy hoàn toàn không có khuyết điểm.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi ngài Tu-bồ-đề:

–Chỗ nào là chỗ Đại Bồ-tát thực hành theo Tam-muội này? Khi Đức Như Lai ở trước Phật quá khứ được thọ ký thành Phật, Ngài có thấy được chỗ của Tam-muội này không?

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Không thể thấy được! Thiện nam tử, ngay nơi Tam-muội này tôi cũng không biết, không hiểu, không rõ. Vì sao? Vì không biết, không rõ thì cũng không trả lời được, cũng không tam muội, cũng không danh tự.

Đức Phật dạy:

–Lành thay, lành thay! Tu-bồ-đề! Như điều ta nói, Đại Bồ-tát không thân tuệ làm như vậy là học tập theo Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát này là người học Bát nhã Ba la mật.

Ngài Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Kính bạch Đấng Thiên Trung Thiên, Đại Bồ-tát học như vậy là học Bát nhã Ba la mật?

Đức Phật dạy Xá-lợi-phất:

–Đó là Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật.

Ngài Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Học như vậy là học pháp gì?

Đức Phật dạy Xá-lợi-phất:

–Đại Bồ-tát học như vậy là học pháp vô học. Vì sao? Vì pháp đó không có chỗ đạt đến được, chớ mê lầm như cái học của trẻ em.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi Phật:

–Kính bạch Thế Tôn, vậy ai là người có thể đạt đến được pháp ấy?

Đức Phật dạy Xá-lợi-phất:

–Không có chỗ chứng đắc, cho nên chứng đắc.

Đức Phật dạy:

–Không có pháp sở đắc, chớ mê như cái học của trẻ con, gọi là có chữ nhưng không thể biết được. Muốn thâm nhập vào pháp lại bị chướng ngại cả hai bên. Không hiểu biết pháp và cũng không thấy pháp. Pháp nếu có pháp, do có liền có thể được. Thế nên pháp không thể biết. Cũng không biết, cũng không thể thấy, mê lầm như trẻ con, gọi là có thân cũng không hiểu, bèn không tin. Do không hiểu biết nên nói là trẻ con.

Ngài Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát học như vậy phải chăng là không học Nhất thiết trí?

Đức Phật dạy:

–Đại Bồ-tát học như vậy là không học Nhất thiết trí. Đại Bồ-tát không học như vậy là học Nhất thiết trí để thành tựu Nhất thiết trí.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Nếu có người hỏi rằng: “Thật giả dối thay là học Phật sẽ được làm Phật.” Khi có người hỏi như vậy thì nên trả lời họ như thế nào?

Đức Phật dạy Tu-bồ-đề:

–Ta sẽ hỏi, tùy ông trả lời.

Thế nào, Tu-bồ-đề! Huyễn cùng với sắc có khác nhau chăng? Huyễn cùng thọ, tưởng, hành, thức có khác nhau chăng?

Ngài Tu-bồ-đề trả lời Đức Phật:

–Không có khác. Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Huyễn với sắc không có khác. Sắc là huyễn, huyễn là sắc. Huyễn cùng thọ, tưởng, hành, thức không khác.

Đức Phật dạy:

–Thế nào, Tu-bồ-đề! Những điều ta hỏi không tùy theo pháp. Từ năm ấm mà có danh tự Bồ-tát phải không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Đúng như vậy. Kính bạch Đấng Thiên Trung Thiên! Đại Bồ-tát muốn học làm Phật là học huyễn mà thôi. Vì sao? Vì người tạo ra huyễn thọ trì sắc ấm như huyễn. Không có sắc, sáu suy, năm ấm đều như huyễn. Thọ, tưởng, hành, thức đều không, không có sở hữu, chỉ có danh từ sáu suy, năm ấm thôi.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát mới học nào nghe những lời này thì được sự không sợ hãi?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Giả sử Đại Bồ-tát mới học nương theo thầy xấu thì sợ hãi, còn nương theo thầy tốt thì không sợ hãi.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thế nào là thầy xấu của Đại Bồ-tát? Làm sao để biết được?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Người ấy không tôn trọng Bát nhã Ba la mật, dạy người xả bỏ, xa lìa tâm Bồ-tát. Trở lại dạy người phát khởi ý tưởng học những kinh tạp nhạp, với tà tâm ưa thích học theo kinh tạp nhạp. Dạy các kinh nói về các việc của Thanh văn hoặc Bích-chi-phật, dạy học tụng theo tất cả những kinh đó để nói về việc của ma, chúa ma, làm cho bại hoại tâm Bồ-tát. Thuyết cho người nghe về khổ nhọc của sinh tử, nói rằng quả vị Bồ-tát không thể chứng đắc, thì gọi đó là thầy xấu của Bồ-tát.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Vậy thế nào là thầy tốt của Đại Bồ-tát? Và sẽ do đâu để biết?

Đức Phật dạy Tu-bồ-đề:

–Người ấy tôn trọng Bát nhã Ba la mật, luôn luôn chỉ dạy cho người học tập để thành tựu. Dạy về lời nói và việc làm của ma để biết rõ ma, để xa lìa ma. Thế nên Đại Bồ-tát với đại thệ nguyện hướng đến Đại thừa, thì đó là thầy tốt của Đại Bồ-tát.

Ngài Tu-bồ-đề hỏi Phật:

–Kính bạch Đấng Thiên Trung Thiên! Bồ-tát do nguyên nhân gì gọi là Bồ-tát?

Đức Phật dạy:

–Đối với các kinh điển đã học, người này hiểu rõ tất cả, nhưng không đắm trước nơi các pháp, cho nên gọi là Bồ-tát.

Ngài Tu-bồ-đề lại hỏi Đức Phật:

–Hiểu rõ tất cả các kinh pháp nên có tên là Bồ-tát. Còn vì sao gọi là Đại Bồ-tát?

Đức Phật dạy:

–Đại là do tất cả nhân gian thiên thượng đều rất tôn kính. Do vậy nên gọi là Đại Bồ-tát.

Ngài Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Con cũng ưa nghe vì lẽ gì gọi là Đại Bồ-tát?

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Nếu ông thích nghe, ta sẽ giảng cho ông! Đại Bồ-tát là tự mình thấy rõ tất cả, biết rõ tất cả mọi người trong thế gian. Biết rõ tất cả về tuổi thọ của họ, biết rõ tất cả về việc chặt đứt mọi ràng buộc, dính mắc và có thể tùy theo chỗ ưa thích của họ mà thuyết pháp cho họ nghe. Vì vậy nên gọi là Đại Bồ-tát.

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đại Bồ-tát để được tên là Đại Bồ-tát, giả sử tâm không có tâm nào bằng với tâm ấy, không có người nào có thể đạt được tâm ấy. Là chỗ mà các La-hán và Bíchchi-phật cũng không sánh kịp. Tâm không dính mắc tâm. Vì sao? Vì đó là tâm của Nhất thiết trí. Vì ngoài ra không có gì khác. Do tâm không dính mắc nên gọi là Đại Bồ-tát.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi ngài Tu-bồ-đề:

–Do nguyên nhân gì tâm Bồ-tát không dính mắc?

Ngài Tu-bồ-đề đáp:

–Tâm không suy nghĩ nên không dính mắc.

Phân-nậu-văn-đà-ni-phất bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn, do nguyên nhân gì Đại Bồ-tát được gọi là Đại Bồ-tát? Thế nào là Đại Bồ-tát vì đại thệ nguyện? Ma-ha diễn là chánh định của Đại thừa, Tam-bạt-đế là đẳng trụ?

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát này tức là Đại Bồ-tát.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Đại thệ nguyện! Do nguyên nhân gì Bồ-tát phát đại thệ nguyện?

Đức Phật dạy:

–Vì Đại Bồ-tát nghĩ: "Ta sẽ độ vô lượng, vô số người, làm cho tất cả đều được Bát-niết-bàn, làm cho Bát-niết-bàn như vậy mà không có pháp Bát-niết-bàn." Vì sao? Tu-bồ-đề! Ví như có một huyễn sư ở một nơi rộng rãi, hóa làm ra nhiều người ở đầy trong một thành và chặt đầu của tất cả số người được hóa ở trong thành đó. Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ thế nào, trong thành đó có người nào bị giết chết không?

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Kính bạch Thế Tôn! Trong đó không có người nào bị giết chết.

Đức Phật dạy:

–Đúng như vậy! Tu-bồ-đề. Độ vô lượng, vô số người làm cho Bát-niết-bàn nhưng không có người nào Bát-niết-bàn. Người nào nghe như vậy không sợ, nên biết đó là Đại Bồ-tát, tức là địa thệ nguyện.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Như bản thân con. Từ khi theo Phật được nghe và nghĩ về những việc đó, như vậy thì không phải là đại thệ nguyện. Vì sao? Vì không có người ở trong thành Nhất thiết trí, không có người cúng dường, không có người ở trong thành, thì người nào sẽ là đại thệ nguyện? Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên, sắc không dính, không buộc, không mở. Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên, thọ, tưởng, hành, thức không dính, không buộc, không mở.

Ngài Phân-mạn-đà-ni-phất hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Sắc không dính, không buộc, không mở. Thọ, tưởng, hành, thức không dính, không buộc, không mở nên có sắc không dính, không buộc, không mở, chính là có thọ, tưởng, hành, thức không dính, không buộc, không mở.

Tu-bồ-đề! Sắc ở chỗ nào không dính, không buộc, không mở? Thọ, tưởng, hành, thức ở chỗ nào không dính, không buộc, không mở?

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Sắc như huyễn không dính, không buộc, không mở. Thọ, tưởng, hành, thức như huyễn không dính, không buộc, không mở. Không có ranh giới không dính, không buộc, không mở. Không thấy chính xác không dính, không buộc, không mở. Không có chỗ phát sinh không dính, không buộc, không mở. Đó là Đại Bồ-tát, là đại thệ nguyện.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Do nguyên nhân gì Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát hướng đến Đại thừa? Chỗ nào là Đại thừa? Chỗ nào trụ vào Đại thừa và Đại thừa trụ vào chỗ nào? Sẽ từ nơi chỗ nào lập nên Đại thừa?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đại thừa, Đại thừa là không có giới hạn, không thể đạt được ranh giới thì từ chỗ nào để đạt đến Đại thừa? Đại thừa là từ ba cõi mà ra, từ trong Nhất thiết trí lập nên. Đối với Đại thừa không lập, cũng chẳng phải không lập. Vì sao? Lập và không lập, là vì ngay nơi pháp mà không biết pháp thì pháp nào sẽ lập?

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Đại thừa, Đại thừa là vượt lên trên thiên thượng, thiên hạ và thế gian. Đại thừa đồng như hư vô giống như hư không, bao trùm vô lượng, vô số người nên gọi là Đại thừa. Cũng không thấy khi Đại Bồ-tát đến, cũng không thấy khi Đại Bồ-tát đi, cũng không thấy chỗ của Đại Bồ-tát ở. Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đối với Đại thừa không thể đạt được nguồn gốc của Đại thừa, cũng không biết chỗ Đại thừa sẽ đến, cũng không biết trung gian, chỉ ngay nơi ba cõi thấy tên Đại thừa.

Đức Phật dạy:

–Lành thay, lành thay Tu-bồ-đề! Thế nên Đại Bồ-tát là Đại thừa.

Ngài Phân-mạn-đà-ni-phất bạch Phật:

–Đức Phật dạy thuyết Bát nhã Ba la mật, Tôn giả Tu-bồ-đề lại thuyết Đại thừa.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Con thuyết Bát-nhã ba-lamật không có lỗi.

Đức Phật dạy Tu-bồ-đề:

–Bát nhã Ba la mật mà thầy thuyết, thích ứng hoàn toàn, trong đó không có một chút lỗi nào.

–Lại nữa, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Cũng không thấy được nguồn gốc của Bồ-tát, cũng không biết được chỗ Bồ-tát sẽ đến, cũng không thấy được trung gian của Bồ-tát. Sắc không có bến bờ, Bồ-tát cũng không có bến bờ. Sắc và Bồ-tát không thể đạt được, không thể biết và cũng không thể đắc.

Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Như vậy Đại Bồ-tát cũng không thể biết, cũng không thể đắc, thì sẽ lấy Bát nhã Ba la mật nào để thuyết cho Đại Bồ-tát? Cũng không đắc Bồ-tát, cũng không thấy Bồ-tát thì sẽ dùng pháp nào để thuyết Bát nhã Ba la mật? Bồ-tát dựa vào tướng danh tự nào để gọi là Bồ-tát?

Thế nào, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Chữ ngã, chỗ nào là tất cả ngã?

Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ngã đó cũng diệt. Đó là tự thể của pháp. Chỗ nào là sắc? Điều cốt yếu là không diệt. Chỗ nào sắc như vậy thì thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Thức không ranh giới, Bồ-tát cũng không ranh giới. Hoàn toàn không biết chỗ ở của Bồ-tát, cũng không thấy Bồ-tát.

Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Tất cả Đại Bồ-tát hoàn toàn không có chỗ ở, cũng không thể đắc, thì chỗ nào là chỗ của Đại Bồ-tát để thuyết Bát nhã Ba la mật cho họ? Đối với Bồ-tát hoàn toàn không thể thấy được, cũng không biết chỗ ở thì sẽ từ pháp nào để thuyết Bát nhã Ba la mật? Đại Bồ-tát mà cho rằng có danh tự, đó là danh tự tưởng.

Ngã, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ngã đó cũng diệt, là tự thể của pháp. Thức ở chỗ nào cốt yếu không diệt? Thức ở chỗ nào đối với tự thể của pháp? Không diệt là chẳng phải pháp tạo ra, cũng chẳng phải chẳng diệt. Vì sao không diệt? Như Bát nhã Ba la mật đã thuyết, không

tạo ra cái diệt khác thì sẽ từ nơi pháp nào đưa đến? Bồ-tát thực hành hạnh này, nghe việc đó không khủng khiếp, không lo sợ. là người hành Bát nhã Ba la mật.

Bát nhã Ba la mật, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Lúc suy nghĩ chín chắn như vậy thì không nhập vào sắc, lấy gì đắc sắc? Không có chỗ sinh ra chẳng phải sắc. Giả sử chẳng phải sắc là không sắc cũng không sinh ra thì trong đó không có chỗ nào để được danh tự? Sắc này là pháp làm ra số. Bấy giờ Đại Bồ-tát vì thực hành Bát nhã Ba la mật sẽ thấy pháp thâm nhập vào tư duy. Bấy giờ cũng không nhập vào thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì thức không có chỗ sinh ra là chẳng phải thức. Giả sử chẳng phải thức là không có thức, cũng không có chỗ sinh ra, từ đó không có chỗ để được danh tự, thức này là pháp làm ra số.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi ngài Tu-bồ-đề:

–Pháp thầy thuyết không có chỗ sinh. Giả sử Bồ-tát cũng không có chỗ sinh, thì Bồ-tát dựa vào những gì mà siêng năng thực hành đạo Bồ-tát? Giả sử nhờ vào tất cả mọi người, thì ai là người nhận chịu sự khổ nhọc này?

Ngài Tu-bồ-đề trả lời ngài Xá-lợi-phất:

–Tôi cũng không bảo Bồ-tát nhận chịu hạnh khổ nhọc này. Bồ-tát nhẫn nhục thực hành khổ hạnh là con đường của Bồ-tát.

Không nên nghĩ: ta nhẫn nhục chịu đựng hạnh khổ nhục. Vì sao? Vì tâm Bồ-tát không nghĩ như vậy mới có thể làm cội gốc cho vô lượng, vô số người, làm cho đều được an ổn. Nghĩ đến họ như nghĩ đến mẹ, nghĩ đến họ như nghĩ đến cha, đến bản thân mình. Đại Bồ-tát nên giữ tâm mình luôn nghĩ như vậy đối với tất cả, chẳng thấy Bồ-tát, cũng chẳng biết ở chỗ nào. Người làm như vậy là nhẫn nhục thực hành khổ hạnh.

Xá-lợi-phất! Giả sử không thấy sinh ra Bồ-tát, vì Bồ-tát là vô sinh.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi ngài Tu-bồ-đề:

–Giả sử Bồ-tát không sinh thì Nhất thiết trí cũng không sinh?

Ngài Tu-bồ-đề bảo ngài Xá-lợi-phất:

–Nhất thiết trí cũng không sinh.

Ngài Xá-lợi-phất lại bảo ngài Tu-bồ-đề:

–Nhất thiết trí không sinh thì người phàm phu cũng không sinh.

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Kẻ phàm phu cũng không sinh.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi ngài Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát không sinh thì pháp Bồ-tát cũng không sinh. Nhất thiết trí không sinh thì pháp Nhất thiết trí cũng không sinh. Phàm phu không sinh thì pháp phàm phu cũng không sinh. Vậy Bồ-tát không từ đâu sinh ra để đạt đến Nhất thiết trí?

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Pháp không từ đâu sinh ra để nhập vào, cũng chẳng phải không nhập, không có pháp từ chỗ nào sinh ra để đạt đến.

Ngài Xá-lợi-phất lại hỏi:

–Cái sinh, sinh ra đó mới có thể đạt được pháp phải không?

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Pháp không từ đâu sinh ra để được sinh. Pháp không có chỗ sinh đó là đạt được.

Ngài Xá-lợi-phất lại hỏi:

–Do sinh, sinh ra là từ chỗ không sinh ra.

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Không có chỗ sinh, thích nghe về không chỗ sinh.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi ngài Tu-bồ-đề:

–Không ưa nghe sinh, chính đó là ưa nghe.

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Không sinh ra nghe chính đó là nghe.

Ngài Xá-lợi-phất bảo:

–Do nghe, đó là nhờ lời nói.

Ngài Tu-bồ-đề thưa ngài Xá-lợi-phất:

–Không không lời nói, đó là lời nói. Không nói, không thích nghe, đó là nói, đó là thích nghe.

Ngài Xá-lợi-phất bảo:

–Lành thay, lành thay! Tu-bồ-đề đã thuyết những điều tôn quý trong giáo pháp. Vì sao? Vì Tôn giả Tu-bồ-đề y theo câu hỏi, ngài giải đáp tất cả.

Ngài Tu-bồ-đề thưa ngài Xá-lợi-phất:

–Đệ tử Phật thuyết pháp đều như vậy, tùy theo chỗ người ta hỏi mà giải đáp. Vì sao? Vì theo pháp là vậy, nên cũng không biết chỗ sinh ra.

Ngài Xá-lợi-phất bảo:

–Lành thay, lành thay, Tu-bồ-đề! Từ Bát nhã Ba la mật nào Đại Bồ-tát vượt qua?

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Từ Bát nhã Ba la mật lúc thuyết pháp này, ai đọc tụng Đại Bồ-tát sẽ biết được đức tin của người đó không còn nghi ngờ. Có người tin theo, pháp này không tăng. Không có người tin theo, pháp này cũng không giảm.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi ngài Tu-bồ-đề:

–Có người theo, pháp này cũng không tăng. Không có người theo, pháp này cũng không giảm. Dạy tất cả mọi người theo pháp này vì theo pháp này không mất tất cả người, vì làm cho tất cả được đắc Đại Bồ-tát. Vì sao? Vì tất cả mọi người đều học pháp. Tục lệ của pháp này là như vậy.

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Lành thay, lành thay! Xá-lợi-phất đã hiểu biểu pháp một cách đúng đắn!

Ngài Xá-lợi-phất bảo:

–Không có gì lạ. Vì sao? Người tự nhiên nghĩ biết không chính xác về người, sẽ nghĩ biết không chính xác, thân người khó biết rõ sẽ nghĩ biết rõ.

–Xá-lợi-phất! Pháp của Đại Bồ-tát nên thủ hộ như vậy, nên tu hành như vậy.

QUYỂN 1

Phẩm 2: HỎI VỀ ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân cùng với bốn vạn chư Thiên đồng đến nhóm họp. Tứ Thiên vương cùng với hai vạn chư Thiên đồng đến nhóm họp. Phạm Ca-di thiên cùng với một vạn chư Thiên đồng đến nhóm họp. Thủ-đà cùng năm ngàn chư Thiên đồng đến nhóm họp. Các chư Thiên có phước đức ở đời trước được sức oai thần của Phật, nên ánh sáng của họ chiếu sáng rực rỡ, làm cho ánh sáng của chư Thiên khác không hiện ra được.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch với Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Có vô số ngàn vạn chư Thiên trong đại hội này muốn nghe Tôn giả Tu-bồ-đề thuyết Bát nhã Ba la mật. Thế nào là Đại Bồ-tát trụ trong Bát nhã Ba la mật?

Tu-bồ-đề bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực! Vô số ngàn vạn chư Thiên ưa thích được nghe Bát nhã Ba la mật. Tôi sẽ nương oai thần của Đức Phật rộng thuyết Bát nhã Ba la mật cho tất cả chư Thiên. Chư Thiên nào chưa phát tâm Bồ-đề thì nay nên phát. Người đã đắc Tu-đà-hoàn thì không trở lại đắc Bồ-tát. Vì sao? Vì đã đóng bít đường sinh tử. Cho dù những hạng người này cầu Bồ-tát đạo thì tôi cũng sẽ khuyến trợ làm cho công đức của họ không bị chấm dứt, làm cho họ nhận được phần cao quý nhất trong pháp đó.

Đức Phật dạy:

–Lành thay, lành thay, Tu-bồ-đề! Ông khuyến trợ chư Thiên ưa thích việc học đến như vậy.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Con phải đền ân, không thể không đền ân. Vì sao? Thuở quá khứ Như Lai có dạy tất cả đệ tử vì các Bồ-tát thuyết Bát nhã Ba la mật. Bấy giờ Như Lai cũng ở trong pháp học đó và trong pháp đó Như Lai tự mình đạt thành Phật đạo.

Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Vì lẽ đó nên con phải đền ân, nên nay con xin thuyết lại Bát nhã Ba la mật. Bồ-tát cũng sẽ nhận lại pháp của Bồ-tát. Con cũng sẽ khuyến trợ họ ưa thích Đại Bồ-tát để mau được thành Phật.

Ngài Tu-bồ-đề bảo Câu-dực:

–Tôi sẽ hỏi ông, ông hãy lắng nghe câu hỏi: "Đại Bồ-tát trụ Bát nhã Ba la mật như thế nào?" Đại Bồ-tát lấy không trụ để trụ Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát với đại thệ nguyện hướng đến Đại thừa không trụ trong sắc, không trụ vào thọ, tưởng, hành, thức, không trụ vào trong Tu-đà-hoàn nào cả, không trụ vào trong Tư-đàhàm, không trụ vào trong A-na-hàm, không trụ vào A-la-hán, không trụ vào trong Bích-chi-phật, không trụ vào trong Phật. Có sắc nhưng không trụ vào trong sắc. Có thọ, tưởng, hành, thức nhưng không trụ vào trong thọ, tưởng, hành, thức. Có Tu-đà-hoàn nhưng không trụ trong Tu-đà-hoàn. Có Tư-đà-hàm nhưng không trụ vào Tư-đà-hàm. Có A-na-hàm, không trụ trong A-na-hàm. Có A-la-hán, Bích-chi-phật, Phật nhưng không trụ trong A-la-hán, Bích-chi-phật, Phật, không trụ vào trong sắc thường, vô thường, không trụ vào trong thọ, tưởng, hành, thức thường, vô thường, không trụ vào trong sắc lạc, sắc khổ, không trụ vào trong thọ, tưởng, hành, thức lạc khổ. Không trụ vào trong sắc không bất không, không trụ vào trong thọ, tưởng, hành, thức không bất không, không trụ vào trong sắc ngã sở, chẳng phải ngã sở, không trụ vào trong thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải ngã sở nào cả.

Thành tựu trọn vẹn Tu-đà-hoàn đạo, cũng không trụ vào trong đó. Thành tựu xong Tu-đà-hoàn đạo cũng không trụ vào trong đó. Vì sao? Vì Tu-đà-hoàn còn bảy lần sinh bảy lần tử liền vượt qua, thế nên không trụ vào trong Tu-đà-hoàn.

Thành tựu trọn vẹn Tư-đà-hàm đạo, cũng không trụ vào trong đó. Thành tựu xong Tư-đà-hàm đạo cũng không trụ vào trong đó. Vì sao? Vì Tư-đà-hàm còn một lần sinh một lần tử liền vượt qua, thế nên không trụ vào trong Tư-đà-hàm.

Thành tựu trọn vẹn A-na-hàm cũng không trụ vào trong đó. Thành tựu xong A-na-hàm đạo liền ở trên trời Bát-niết-bàn. Thế nên không trụ vào trong A-na-hàm đạo.

Thành tựu trọn vẹn A-la-hán đạo cũng không trụ vào trong đó. Vì sao? Thành tựu xong đạo liền dứt hết tất cả. Ngay nơi đó không còn có Bát-niết-bàn nào để Bát-niết-bàn. Thế nên không trụ vào trong A-la-hán đạo.

Thành tựu trọn vẹn Bích-chi-phật đạo cũng không trụ vào trong đó. Thành tựu xong Bích-chi-phật đạo, vượt qua Thanh văn, không tiến đến Phật đạo mà Niết-bàn nửa chừng, thế nên không trụ vào trong Bích-chi-phật đạo nào cả mà thành Phật, làm thầy dạy cho vô lượng, vô số người đều Bát-niết-bàn. Làm xong công việc của Phật làm rồi sẽ Bát-niết-bàn mà không trụ vào trong đó.

Ngài Xá-lợi-phất suy nghĩ: “Vậy thì Bồ-tát trụ vào chỗ nào?” Ngài Tu-bồ-đề biết ý nghĩ của Xá-lợi-phất, liền nói:

–Thế nào, thưa ngài Xá-lợi-phất, Phật trụ chỗ nào?

Ngài Xá-lợi-phất thưa:

–Phật không trụ chỗ nào cả. Tâm Như Lai không trụ vào chỗ nào, không trụ ở chỗ bất động, cũng không trụ ở chỗ vô động.

Ngài Tu-bồ-đề nói:

–Đại Bồ-tát nên học như vậy. Học giống như Như Lai, không trụ cũng không bất trụ, cũng không vô trụ. Nên học trụ như vậy.

Chư Thiên nghe như vậy đều suy nghĩ: “Các Dạ-xoa dù lớn hay nhỏ, nói ra điều gì chúng ta đều có thể hiểu rõ. Còn những gì Tôn giả Tu-bồ-đề nói ta hoàn toàn không thể hiểu.” Ngài Tu-bồ-đề biết ý nghĩ của chư Thiên liền bảo:

–Lời nói này khó hiểu, khó hiểu cũng không thể nghe, cũng không thể biết.

Trong tâm chư Thiên, mỗi người lại nghĩ: “Lời nói này phải hiểu, phải hiểu. Nay chỗ hiểu biết của Tôn giả Tu-bồ-đề đã thâm nhập, thâm nhập.”

Ngài Tu-bồ-đề biết ý nghĩ của chư Thiên nên nói với chư Thiên:

–Muốn đạt được Tu-đà-hoàn đạo, khi đạt được Tu-đà-hoàn đạo rồi thì không trụ trong đó mới vượt qua. Muốn đạt được Tư-đà-hàm đạo, khi đạt được Tư-đà-hàm đạo rồi thì không trụ vào trong đó mới vượt qua. Muốn đạt được A-na-hàm đạo, khi đạt được A-na-hàm đạo thì không trụ vào trong đó mới vượt qua. Muốn đạt được A-la-hán đạo, khi đạt được A-la-hán đạo rồi thì không trụ vào trong đó mới vượt qua. Muốn đạt được Bích-chi-phật đạo, khi đạt được Bích-chi-phật đạo rồi thì không trụ vào trong đó mới vượt qua. Muốn đạt được Phật đạo, khi đạt được Phật đạo rồi thì không trụ vào trong đó mới vượt qua.

Chư Thiên suy nghĩ: "Tôn giả Tu-bồ-đề thuyết như vậy thì ai sẽ là người sẽ nghe, sẽ lãnh thọ pháp này?" Ngài Tu-bồ-đề biết ý nghĩ của chư Thiên nên nói với chư Thiên:

–Người huyễn sẽ nghe pháp huyễn của ta, sẽ nhận pháp huyễn của ta. Vì sao? Người theo ta nghe pháp xong rồi cũng không chứng đắc.

Chư Thiên lại nghĩ: "Sao gọi là người huyễn nghe pháp cùng với mọi người giống nhau không khác?" Ngài Tu-bồ-đề biết ý của chư Thiên nên nói với chư Thiên:

–Huyễn như người, người như huyễn.

Ngài Tu-bồ-đề bảo:

–Ta nói Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bíchchi-phật đạo cũng như huyễn mà thôi. Ngay như Phật đạo ta nói cũng như huyễn.

Chư Thiên thưa:

–Cho đến Phật, ngài nói cũng như huyễn sao?

Ngài Tu-bồ-đề bảo chư Thiên:

–Cho đến Niết-bàn cũng như huyễn.

Chư Thiên lại hỏi Tu-bồ-đề:

–Cho đến Niết-bàn cũng như huyễn là thế nào?

Ngài Tu-bồ-đề đáp:

–Này chư Thiên! Giả sử có pháp sinh ra Niết-bàn, pháp ấy cũng như huyễn. Vì sao? Làm cho người huyễn Niết-bàn thì cũng không có.

Xá-lợi-phất, Phân-mạn-đà-ni-phất, Ma-ha Câu-hy-la, Ma-ha Ca-chiên-diên… cùng thưa ngài Tu-bồ-đề:

–Bát nhã Ba la mật thật rất sâu xa. Những người nào sẽ lãnh thọ pháp này?

Hiền giả A-nan cũng hỏi như vậy. Ngài Tu-bồ-đề thưa với các Tỳ-kheo:

–Bồ-tát không thoái chuyển hoặc là người thành tựu A-la-hán sẽ lãnh thọ pháp này. Lại nữa, có pháp này nhưng không có người thọ trì. Vì sao? Bát nhã Ba la mật thuyết tướng của nó như vậy, trong đó không sinh ra. Vì sao? Vì trong pháp đó vốn không có pháp, không có người nghe, không có người đắc. Pháp này xét ra không có người nghe pháp, không có người đắc pháp, vì trong pháp đó không có chỗ lãnh thọ.

Thích Đề-hoàn Nhân nghĩ: "Tôn giả Tu-bồ-đề đã thuyết pháp mưa báu. Ta đâu thể nào không hóa làm hoa để đem dâng cúng lên Tôn giả." Thích Đề-hoàn Nhân liền hóa làm hoa dâng lên Tôn giả Tu-bồ-đề. Ngài Tu-bồ-đề bảo:

–Hoa này chẳng phải sinh ra trên trời Đao-lợi. Ta từng thấy hoa này từ huyễn hóa sinh ra. Thích Đề-hoàn Nhân đã hóa ra và dâng lên cúng ta là từ cây tâm mà sinh ra, không phải từ cây gỗ sinh ra. Hoa này là từ cây tâm sinh ra.

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Như Tôn giả dạy, hoa này là từ cây tâm sinh ra.

Ngài Tu-bồ-đề bảo:

–Đúng như vậy, Câu-dực!

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Cũng chẳng phải từ cây tâm sinh ra.

Ngài Tu-bồ-đề bảo:

–Bởi vậy nên chẳng phải là hoa.

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Thưa Tôn giả Tu-bồ-đề! Trí tuệ ngài đạt được thật là sâu xa. Những lời ngài thuyết không thêm không bớt, thuyết đúng như pháp. Như ngài đã dạy, các Đại Bồ-tát nên học như vậy.

Ngài Tu-bồ-đề bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Lời Câu-dực rất đúng! Đó là chỗ học của Đại Bồ-tát. Đại Bồ-tát nên học như vậy. Vì không học Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, Ana-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật đạo là Bồ-tát học Nhất thiết trí. Người học như vậy là học vô lượng, vô số pháp, không học về sắc sinh, cũng không học về thọ, tưởng, hành, thức sinh. Không học về sắc thọ, cũng không học về thọ, cũng không học về thọ, tưởng, hành, thức. Không học về pháp lạc thọ tưởng và khi bị mất cũng không lệ thuộc. Học như vậy là học Nhất thiết trí, là đồng như Nhất thiết trí.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi ngài Tu-bồ-đề:

–Người học như vậy cũng không lãnh thọ Nhất thiết trí, cũng không thất học, vì học Nhất thiết trí là đồng với Nhất thiết trí.

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Học như vậy cũng không lãnh thọ Nhất thiết trí, cũng không thất học, đó là học Nhất thiết trí, là đồng như Nhất thiết trí.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi ngài Xá-lợi-phất:

–Đại Bồ-tát sẽ cầu Bát nhã Ba la mật như thế nào?

Ngài Xá-lợi-phất thưa:

–Nên hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Nên nương vào oai thần ân đức gì để học?

Ngài Tu-bồ-đề nói:

–Chỗ học được đều là nhờ vào oai thần ân đức của Phật. Về điều mà Câu-dực hỏi: Đại Bồ-tát nên cầu Bát nhã Ba la mật như thế nào? Cũng không thể từ nơi sắc mà tìm cầu, cũng không thể lìa sắc để tìm. Cũng không thể từ thọ, tưởng, hành, thức mà tìm. Cũng không thể lìa thọ, tưởng, hành, thức để tìm. Vì sao? Bát-nhã ba-lamật cũng chẳng phải sắc, cũng chẳng phải lìa sắc. Bát-nhã ba-lamật chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức, cũng chẳng lìa thọ, tưởng, hành, thức.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi Tu-bồ-đề:

–Đại Bát nhã Ba la mật không có giới hạn. Đại Bát-nhã ba-lamật không có bến bờ?

Ngài Tu-bồ-đề bảo Câu-dực:

–Đại Bát nhã Ba la mật không có giới hạn. Đại Bát-nhã ba-lamật không có bến bờ. Đại Bát nhã Ba la mật không có ranh giới, hoàn toàn không thể thấy bờ bến. Đại Bát nhã Ba la mật hoàn toàn không có bến bờ. Người không có giới hạn, Bát nhã Ba la mật cũng không giới hạn.

Này Câu-dực! Như vậy thì sẽ làm sao để cầu Bát-nhã ba-lamật? Đối với pháp không có giới hạn, không có bến bờ, không có trung gian thì cũng không thể đạt được giới hạn. Bát nhã Ba la mật cũng như vậy.

Lại nữa, này Câu-dực! Pháp không giới hạn, không có bến bờ, không ranh giới, không có trung gian nên không ai có thể đắc.

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Thế nào, thưa Tôn giả Tu-bồ-đề! Là người không giới hạn, Bát nhã Ba la mật cũng không giới hạn?

Ngài Tu-bồ-đề đáp:

–Hoàn toàn không thể nghĩ bàn. Giả sử người nhiều lại càng nhiều thêm, cũng không có giới hạn, Bát nhã Ba la mật cũng không có giới hạn.

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Do nguyên nhân gì người không giới hạn, Bát nhã Ba la mật cũng không giới hạn?

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Này Câu-dực! Ý ông thế nào, trong pháp nào nói về người, nguồn gốc của người?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Không có thuyết ra pháp nào, cũng không bỏ qua pháp nào. Giả sử có nói ra thì đó cũng chỉ là nêu cái tên thôi.

Ngài Tu-bồ-đề bảo:

–Thích Đề-hoàn Nhân! Ông nghĩ thế nào, có thể có người để thấy được người đó không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa: –Không thể thấy được, Ngài Tu-bồ-đề bảo:

–Không có tác giả làm sao có người? Giả sử Như Lai Đẳng Chánh Giác tuổi thọ và kiếp số nhiều như cát sông Hằng để nói về việc có người sinh, có người diệt, ông nghĩ thế nào?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Cũng không có người sinh người diệt. Vì sao? Vì bản nguyện thanh tịnh vậy.

–Như vậy, này Câu-dực! Người không giới hạn. Nên niệm về Bát nhã Ba la mật như vậy.

QUYỂN 2
Phẩm 3: CÔNG ĐỨC

Bấy giờ, các Nhân chỉ thiên, các Phạm thiên, Ba-da-hòa-đề thiên, Y-sa thiên, Na-đề-càn thiên cùng một lúc xướng lên ba lần khen ngợi pháp rằng:

–Pháp mà Hiền giả Tu-bồ-đề thuyết thật sâu xa. Như Lai đều từ nơi pháp này sinh ra, người nào được nghe pháp này, thọ trì, đọc tụng, tu hành, chúng con kính xem người đó như Đức Như Lai. Chúng con cung kính xem người đó như Đại Bồ-tát thọ trì Bát-nhã ba-lamật.

Đức Phật bảo chư Thiên:

–Đúng như vậy, đúng như vậy! Xưa ta ở trước Đức Phật Đề-hòa-kiệt-la đạt được Bát nhã Ba la mật, ta liền được Phật Đề-hòa-kiệt-la thọ ký: "Sau này ông sẽ làm thầy dẫn đường cho mọi người, làm cho tất cả đều đạt được trí tuệ của Phật. Vô lượng, vô số kiếp về sau, ông sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca Văn, tôn quý bậc nhất trong hàng trời, người, dắt thế gian an ổn trong pháp vô cùng sáng suốt, nên hiệu là Phật.

Chư Thiên bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Thật lành thay! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật đạt đến Nhất thiết trí.

Đức Phật ở trong đại hội bảo các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà- tắc, Ưu-bà-di:

–Nay lấy bốn chúng đệ tử làm chứng và chư Thiên ở cõi Dục, Phạm thiên, A-pha hội thiên cùng chứng tri.

Đức Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ nào học tập, thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật thì thiện nam, thiện nữ này dù là ma, thiên ma hay phi nhân cũng quyết định không thể là hại được, cũng không thể làm cho người này chết oan được.

Lại nữa, này Câu-dực! Chư Thiên trên trời Đao-lợi, người nào thực hành Phật đạo mà chưa được học tập, đọc tụng Bát-nhã ba-lamật thì nên cùng nhau đi đến chỗ thiện nam, thiện nữ này. Người học tập, thọ trì Bát nhã Ba la mật nếu đi ở chỗ núi rừng vắng vẻ, quyết định không sợ hãi, khiếp đảm.

Tứ Thiên vương bạch Phật:

–Chúng con cùng nhau ủng hộ thiện nam, thiện nữ học tập, thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật.

Phạm-ma-bát thiên và chư Thiên cõi Phạm đồng bạch Phật:

–Chúng con cùng nhau ủng hộ thiện nam tử, thiện nữ nhân học tập, thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bản thân con ủng hộ thiện nam, thiện nữ học tập, thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật.

Thích Đề-hoàn Nhân lại bạch Phật:

–Thật khó kịp, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Nếu thiện nam, thiện nữ có học tập Bát nhã Ba la mật thì ngay hiện tại liền đắc pháp. Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Người thọ trì Bát nhã Ba la mật là thọ trì tất cả sáu pháp Ba-la-mật.

Đức Phật dạy:

–Đúng như vậy. Này Câu-dực, người thọ trì Bát nhã Ba la mật là thọ trì tất cả sáu pháp Ba-la-mật. Lại nữa, này Câu-dực! Nếu thiện nam, thiện nữ học tập, thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật, Câu-dực, hãy lắng nghe! Ta nói công đức người đó đạt được là lời nói đầu, giữa, cuối đều thiện.

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Con kính vâng theo lời chỉ dạy của Thế Tôn.

Đức Phật dạy:

–Này Câu-dực! Người nào muốn phá hoại, nhiễu loạn pháp của ta thì người đó dần dần khởi ác ý, muốn đến để phá hoại nhưng chưa đến được, giữa đường đã bị tiêu vong. Thiện nam, thiện nữ này nhờ học tập, thọ trì Bát nhã Ba la mật nên người kia mang ác ý đến, luôn luôn muốn phá hoại, nhiễu loạn nhưng ác ý tự dừng và bị khuất phục, quyết định không đến được chỗ người kia.

Này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ nào đã thực hành thì thấy được tất cả, nhờ học tập, thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật.

Này Câu-dực, ví như có loại thuốc tên là Ma-chi, có con rắn đói bò đi kiếm ăn, đang trên đường đi kiếm ăn gặp một con sâu, rắn muốn ăn con sâu, con sâu bò đến chỗ thuốc Ma-chi, rắn nghe mùi hương của thuốc liền chạy trở lui. Vì sao? Vì năng lực của thuốc làm cho nọc độc của rắn lập tức tiêu tan, nọc độc của rắn bị năng lực của thuốc ngăn chận lại.

Như vậy, này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ nào học tập, thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật, có người muốn làm hại liền bị tiêu vong, vì nhờ sức oai thần của Bát nhã Ba la mật đẩy lui.

Đức Phật dạy:

–Giả sử có người mưu tính đi đến chỗ ngồi kia làm hại nhưng không thành, vì có Tứ Thiên vương đồng ủng hộ thiện nam, thiện nữ này. Nếu người tư duy thâm nhập Bát nhã Ba la mật, thì việc làm và lời nói tự tại như cam lộ. Nói ra điều gì đều được mọi người tôn trọng. Không sân hận, không cống cao. Tứ Thiên vương cùng nhau ủng hộ thiện nam, thiện nữ này. Người học tập, thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật, lời nói không ai khác. Nói ra lời gì thì đều như cam lộ. Lời nói ra không khinh bạc, lòng sân hận không khởi lên, tự nhiên tâm cao ngạo không nảy sinh. Vì sao? Vì nhờ học tập Bát nhã Ba la mật, không ưa cống cao, không ưa nương cậy, không ưa sân hận. Thiện nam, thiện nữ này tự nghĩ: "Nếu có người đến gây gỗ với ta, ta phải luôn xa lìa, tự hổ thẹn với chính mình. Nghĩ rằng đây là bọn xấu, không thể gần gũi." Tự nghĩ: "Ta tìm cầu Phật đạo, không thể chạy theo những lời sân hận để cho ta mau đạt được tâm tốt." Thiện nam, thiện nữ nào thực hành như vậy thì thấy được tất cả công đức ngay hiện tại. Người học tập, đọc tụng, thọ trì Bát nhã Ba la mật cũng như vậy.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Thật khó thay, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Người thực hành Bát nhã Ba la mật mới vượt qua được các sự xấu ác để đi lên. Việc làm của người đó tự tại, không ai bằng.

Đức Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Lại nữa, này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ học tập, thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật, ngay trong lúc bị tai nạn kịch liệt, quyết định không sợ sệt. Giả sử người đó vào trong quân trận cũng không bị súng đạn.

Đức Phật dạy:

–Lời ta dạy không sai, không khác. Nếu thiện nam, thiện nữ ngay khi niệm tụng Bát nhã Ba la mật, cho dù ngay trong lúc ấy bị chết, hoặc là ở trong nhà oan gia họ muốn làm hại, như lời Đức Phật dạy không sai khác. Thiện nam, thiện nữ này quyết định không ở trong đó bị chết oan. Dù cho ở trong đó có người dùng cung tên, có người dùng binh khí muốn hại người đó, rốt cuộc không trúng thân người ấy. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật là thần chú rất lớn, là thần chú rất tôn quý. Thiện nam, thiện nữ học tập thần chú này thì tự mình không nghĩ điều xấu, cũng không nghĩ đến cái xấu của người khác. Ai hoàn toàn không nghĩ đến điều xấu là người hùng trong nhân loại. Tự mình đạt đến quả vị Phật, sẽ ủng hộ cho tất cả mọi người. Người học thần chú này mau được thành Phật.

Lại nữa, này Câu-dực! Nếu người biên chép, học tập, thọ trì kinh Bát nhã Ba la mật, thì dù là người hay chẳng phải người cũng không làm hại người đó được, trừ trường hợp người đó có tội nghiệp ở đời trước không thể tránh khỏi. Hoặc ở chỗ Phật đắc đạo, nếu có người từ một phía nào đi vào trong đó thì quỷ thần, cầm thú muốn đến quấy nhiễu vị đó cũng không thể hại được. Vì

sao? Vì chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai đều thành Phật ở đó. Thế nên không có sự sợ hãi khủng khiếp. Bát nhã Ba la mật cũng như vậy, ở chỗ nào thì chỗ đó được tất cả đều cung kính, đảnh lễ ủng hộ.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Người nào biên chép Bát nhã Ba la mật, thọ trì quyển kinh, quy y đảnh lễ phụng thờ, lại dùng hoa hương tốt đẹp, hương bột, hương ướp, hương xông, lụa là, lọng hoa, cờ phướn cúng dường; người nào đem xá-lợi của Đức Như Lai Đẳng Chánh Giác dựng tháp phụng thờ, quy y đảnh lễ, dâng hương hoa tốt đẹp, hương bột, hương ướp, hương xông, lụa là, lọng hoa, cờ phướn cúng dường, …

Đức Phật hỏi Câu-dực:

–Phước của người ấy làm như vậy có nhiều không? Theo đó người ấy được quả báo vui sướng thế nào? Này Câu-dực! Đức Như Lai Chánh Đẳng Giác tự mình đạt đến Nhất thiết trí, xuất hiện thân thành Phật là học từ pháp nào mà đắc được Vô thượng Bồ-đề?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Như Lai học từ Bát nhã Ba la mật đắc Vô thượng Bồ-đề, thành bậc Chánh giác.

Đức Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Không những xá-lợi của Như Lai từ Nhất thiết trí mà ra, mà Đức Phật Như Lai cũng từ Nhất thiết trí mà ra. Như vậy, này Câudực! Xá-lợi Nhất thiết trí là từ Bát nhã Ba la mật mà ra. Đức Như Lai Vô Thượng Chánh Đẳng Giác cũng từ Nhất thiết trí mà ra, ta được làm thân Phật. Sau khi ta Bát-niết-bàn, xá-lợi cũng được cúng dường. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào biên chép Bát nhã Ba la mật, học tập, thọ trì, tự mình phụng thờ làm lễ, dùng hoa hương tốt đẹp, hương bột, hương ướp, hương xông, lụa là, lọng hoa, cờ phướn cúng dường, tức là đã cúng dường Nhất thiết trí.

Lại nữa, này Câu-dực! Người nào biên chép Bát-nhã ba-lamật, thọ trì quyển kinh, tuy không đọc tụng, chỉ cúng dường làm lễ, thiện nam, thiện nữ này công đức đạt được từ nơi đó không thể so sánh. Vì sao? Vì đã cúng dường Nhất thiết trí vậy.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Đúng như vậy, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Người trong Diêm-phù-lợi không cúng dường phụng thờ Bát nhã Ba la mật, lớp người này không biết Bát nhã Ba la mật là tôn quý, sẽ được phước không thể so sánh.

Đức Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Thế nào, Câu-dực! Người trong Diêm-phù-lợi có được bao nhiêu người tin Phật, tin Pháp, tin Tỳ-kheo Tăng?

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Người Diêm-phù-lợi ít có đức tin. Người tin Phật, tin Pháp, tin Tỳ-kheo Tăng chỉ ít thôi. Và người thực hành Tu-đà-hoàn, Tư-đàhàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật cũng ít hơn nữa. Người thực hành Phật đạo cũng ít hơn.

Đức Phật dạy:

–Đúng như vậy, Câu-dực! Đến như người tìm cầu Phật đạo cũng lại rất ít. Có vô số người không thể tính đếm muốn làm hạnh Bồ-tát, rồi sau mới từ trong số đó xuất hiện một hai người

đứng vững ở địa vị không thoái chuyển. Cho nên, này Câu-dực! Nếu thiện nam, thiện nữ tìm cầu Phật đạo, học tập, thọ trì, đọc tụng kinh Bát-nhã bala-mật, thì nên đảnh lễ, cung kính phụng thờ vị đó. Vì sao? Vì vị đó hiểu rõ Bát nhã Ba la mật. Quá khứ Như Lai Vô Thượng Chánh Giác vốn từ Bồ-tát thực hành theo Bát nhã Ba la mật đã học. Ta bấy giờ cũng học trong đó. Sau khi Như Lai Bát-niết-bàn, Đại Bồ-tát sẽ cùng nhau thọ trì Bát nhã Ba la mật.

Câu-dực! Sau khi Như Lai Bát-niết-bàn, nếu thiện nam, thiện nữ lấy xá-lợi xây tháp bằng bảy báu cúng dường, trọn đời quy y đảnh lễ phụng thờ, đem hoa hương tốt đẹp, hương bột, hương ướp, hương xông, lụa là, lọng hoa, cờ phướn cúng dường. Như vậy, này Câu-dực! Ý ông thế nào, với những việc làm như vậy được phước có nhiều không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Kính bạch Đấng Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều!

Đức Phật dạy:

–Không bằng thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã ba-lamật. Thọ trì quyển kinh, quy y đảnh lễ, phụng thờ, dâng hoa hương tốt đẹp, hương bột, hương ướp, hương xông, lụa là, lọng hoa, cờ phướn cúng dường được phước rất nhiều.

Đức Phật dạy:

–Để phần tháp này qua một bên. Này Câu-dực! Hoặc tháp bằng bảy báu đầy cả cõi Diêm-phù-lợi, nếu thiện nam, thiện nữ nào trọn đời quy y đảnh lễ, phụng thờ, dâng hoa hương tốt đẹp, hương bột, hương ướp, hương xông, lụa là, lọng hoa, cờ phướn cúng dường. Câu-dực! Thế nào, phước đó có nhiều không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! rất nhiều, rất nhiều!

Đức Phật dạy:

–Không bằng thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã ba-lamật. Thọ trì quyển kinh, quy y đảnh lễ, phụng thờ, dâng hoa hương tốt đẹp, hương bột, hương ướp, hương xông, lụa là, lọng hoa, cờ phướn cúng dường, được phước rất nhiều.

Đức Phật dạy:

–Để phần tháp ở Diêm-phù-lợi qua một bên. Tháp bằng bảy báu đầy bốn châu thiên hạ. Này Câu-dực! Nếu thiện nam, thiện nữ nào trọn đời quy y đảnh lễ, phụng thờ, dâng hoa hương tốt đẹp, hương bột, hương ướp, hương xông, lụa là, lọng hoa, cờ phướn cúng dường thì phước đó có nhiều không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Rất nhiều, rất nhiều! Kính bạch Đấng Thiên Trung Thiên.

Đức Phật dạy:

–Không bằng thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã ba-lamật. Thọ trì quyển kinh, quy y đảnh lễ, phụng thờ, dâng hoa hương tốt đẹp, hương bột, hương ướp, hương xông, lụa là, lọng hoa, cờ phướn… cúng dường được phước rất nhiều.

Đức Phật dạy:

–Để phần nói về tháp ở bốn châu thiên hạ qua một bên. Này Câu-dực! Ví như một thiên hạ, lại thêm một thiên hạ nữa, như vậy cho đến cả ngàn thiên hạ bốn phía đều đầy cả tháp bằng bảy

báu, thiện nam, thiện nữ nào trọn đời quy y đảnh lễ, phụng thờ, dâng hoa hương tốt đẹp, hương bột, hương ướp, hương xông, lụa là, lọng hoa, cờ phướn cúng dường. Này Câu-dực! Thế nào, phước đó có nhiều không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Rất nhiều, rất nhiều! Kính bạch Đấng Thiên Trung Thiên!

Đức Phật dạy:

–Không bằng thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã ba-lamật,. Thọ trì quyển kinh, quy y đảnh lễ, phụng thờ, dâng hoa hương tốt đẹp, hương bột, hương ướp, hương xông, lụa là, lọng hoa, cờ phướn… cúng dường, được phước rất nhiều.

Đức Phật dạy:

–Để phần nói về tháp trong một ngàn thiên hạ qua một bên. Thêm nữa, ở một ngàn quốc độ nhỏ, như thế trong đó làm thành hai ngàn quốc độ, bốn phía đầy cả tháp bằng bảy báu, thiện nam, thiện nữ trọn đời quy y đảnh lễ, phụng thờ, dâng hoa trời tốt đẹp, hương bột, hương ướp, hương xông, lụa là, lọng hoa, cờ phướn trên cõi trời cúng dường. Này Câu-dực! Thế nào, phước đó có nhiều không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! rất nhiều, rất nhiều!

Đức Phật dạy:

–Không bằng thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã ba-lamật. Thọ trì quyển kinh, quy y đảnh lễ, phụng thờ, dùng hương hoa tốt đẹp, hương bột, hương ướp, hương xông, lụa là, lọng hoa, cờ phướn… cúng dường, được phước rất nhiều.

Đức Phật dạy:

–Để phần nói về tháp trong hai ngàn quốc độ. Này Câu-dực! Tam thiên đại thiên quốc độ, tháp bảy báu đầy trong bốn phía, thiện nam, thiện nữ trọn đời quy y, đảnh lễ, phụng thờ, dâng hoa trời tốt đẹp, hương bột, hương ướp, hương xông, lụa là, lọng hoa, cờ phướn cúng dường. Này Câu-dực! Thế nào, phước có nhiều không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! rất nhiều, rất nhiều!

Đức Phật dạy:

–Không bằng thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã ba-lamật. Thọ trì quyển kinh, quy y đảnh lễ, phụng thờ, dâng hương hoa tốt đẹp, hương bột, hương ướp, hương xông, lụa là, lọng hoa, cờ phướn… cúng dường, được phước rất nhiều.

Đức Phật dạy:

–Để phần nói về tháp bảy báu trong tam thiên đại thiên quốc độ. Này Câu-dực, nếu trong tam thiên đại thiên quốc độ, tất cả Bồ-tát đều được làm người, mỗi người đều xây tháp bằng bảy báu, những người này trọn đời đem kỹ nhạc ca múa, cờ phướn cúng dường. Này Câu-dực, thế nào, công đức của những người này có nhiều không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Phước đức và công đức của những người này tạo ra rất nhiều, rất nhiều!

Đức Phật dạy:

–Không bằng thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã ba-lamật. Thọ trì quyển kinh, quy y đảnh lễ, phụng thờ, dâng hương hoa tốt đẹp, hương bột, hương ướp, hương xông, lụa là, lọng hoa, cờ phướn… cúng dường, được phước rất nhiều.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Đúng như vậy, đúng như vậy! Người ấy quy y Bát-nhã ba-lamật, đảnh lễ phụng thờ là cúng dường chư Phật Nhất Thiết Trí quá khứ, hiện tại, vị lai rồi.

Thích Đề-hoàn Nhân lại bạch Phật:

–Số người trong tam thiên đại thiên quốc độ, tháp bảy báu mà mỗi người đã xây dựng nên, giống như số người đầy chật ở trong cõi Phật nhiều bằng số cát sông Hằng, tất cả họ đều dựng tháp bảy báu để cúng dường. Một kiếp, lại một kiếp nữa, đem hoa trời tốt đẹp, hương bột, hương ướp, hương xông, lụa là, lọng hoa, cờ phướn cúng dường và các kỹ nhạc trên trời và ở thế gian để cúng dường, phước báo công đức của người này không bằng thiện nam, thiện nữ biên chép Bát nhã Ba la mật, thọ trì, quy y đảnh lễ, phụng thờ, dâng hương hoa tốt đẹp, hương bột, hương ướp, hương xông, lụa là, lọng hoa, cờ phướn cúng dường. Phước đức của người này đạt được hơn người kia.

Đức Phật dạy Thích Đề-hoàn Nhân:

–Đúng như vậy! Này Câu-dực! Không bằng thiện nam, thiện nữ từ trong pháp này được phước rất nhiều, không thể tính, không thể bàn, không thể cân, không thể so lường, không thể cùng tột. Vì sao? Này Câu-dực! Vì Đức Như Lai Chánh Đẳng Giác Nhất Thiết Trí là từ Bát nhã Ba la mật mà ra.

Như vậy, này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ biên chép Bát nhã Ba la mật, thọ trì quyển kinh, quy y đảnh lễ, phụng thờ, dùng hương hoa tốt đẹp, hương bột, hương ướp, hương xông, lụa là, lọng hoa, cờ phướn cúng dường. Này Câu-dực! Những người như vậy đều là nhờ công đức ở đời trước đưa đến.

Đức Phật dạy:

–Nếu như cõi Phật nhiều gấp trăm lần số cát bên bờ sông Hằng đều xây tháp bằng bảy báu, không cần tính ở trong số đó gấp ngàn lần, không cần tính ở trong số đó gấp trăm ngàn lần, không cần tính ở trong số đó gấp muôn ức lần, không cần tính ở trong số đó gấp vô số lần, ở trong số đó không cần kể so với sự cúng dường Bát nhã Ba la mật.

Bấy giờ bốn vạn Thiên tử cùng Thích Đề-hoàn Nhân đồng đến nhóm họp, đều thưa với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Tôn giả nên thủ hộ Bát nhã Ba la mật, nên học tập Bát nhã Ba la mật.

Đức Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Nên học tập, thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì nếu A-tu-la có ý nghĩ muốn đem binh đánh với Đao-lợi thiên, bấy giờ, này Câu-dực, nên niệm tụng Bát nhã Ba la mật, thì A-tu-la lập tức ngưng binh chúng và liền rút lui.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật là thần chú rất lớn. Bát nhã Ba la mật là thần chú rất tôn quý, không có chú nào không thể so sánh với Bát nhã Ba la mật.

Đức Phật dạy:

–Đúng như vậy! Này Câu-dực! Bát nhã Ba la mật là thần chú rất lớn. Bát nhã Ba la mật là thần chú rất tôn trọng. Bát-nhã ba-lamật là thần chú mà không có thần chú nào có thể so sánh với thần chú này. Này Câu-dực! Các Đức Như Lai Chánh Đẳng Giác quá khứ đều từ nơi chú này mà thành Phật đạo. Các Đức Như Lai Đẳng Chánh Giác vị lai đều học tập chú này mà được thành Phật. Chư Phật hiện tại đều từ nơi chú này mà được thành Phật.

Này Câu-dực! Chú này sinh ra mười công đức lành chiếu sáng thế gian. Đó là bốn Thiền, bốn Thần túc, năm Thần thông chiếu sáng thế gian. Đại Bồ-tát nhân nơi Âu-hòa-câu-xá-la: phương tiện thắng trí, phương tiện thiện xảo sinh ra mười công đức lành chiếu sang thế gian.

Lại nữa, này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ nào học tập, thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật liền được nghe pháp ngay đời hiện tại.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi Phật:

–Thế nào là sẽ được ngay thời hiện tại?

Đức Phật dạy:

–Hoặc người đó cuối cùng không bị chết oan, cuối cùng không bị chết vì trúng độc, không bị chết nước, không bị chết vì súng đạn, hoặc người khi gặp quan huyện, bị quan huyện bắt, nên tụng niệm Bát nhã Ba la mật thì đi đến chỗ nào quyết định không bị nguy hại. Vì sao? Vì được Bát nhã Ba la mật ủng hộ. Nếu người bị quan huyện gọi đến quở mắng, nên niệm Bát nhã Ba la mật, ngay lúc đó vua hoặc thái tử, cận thần cho đòi đến gặp, được nói lên những lời đúng, mọi người đều hoan hỷ. Vì sao? Vì nhờ học tập Bát nhã Ba la mật. Lòng từ thương xót nghĩ đến tất cả mọi người và những lời nhỏ nhít kia muốn làm hại nhưng không thể hại được.

Khi Đức Phật dạy điều này, có ngoại đạo trông thấy Đức Phật, muốn đến quấy phá. Thích Đề-hoàn Nhân nghĩ: “Ta suốt đời thường được ở bên Phật, thọ trì. đọc tụng Bát nhã Ba la mật, kẻ ngoại đạo đi đến quyết muốn quấy phá ta, làm cho ta không được thọ trì Bát nhã Ba la mật.” Thích Đề-hoàn Nhân vâng theo lời chỉ dạy của Phật, đọc tụng Bát nhã Ba la mật, kẻ ngoại đạo kia liền tránh xa cách chung quanh chỗ Thiên Trung Thiên một vòng và theo con đường tắt chạy trở lui.

Ngài Xá-lợi-phất thầm nghĩ: “Vì sao ngoại đạo giữa đường chạy trở lui?” Đức Phật biết tâm niệm của Xá-lợi-phất, liền dạy:

–Kẻ ngoại đạo này đi đến với tâm ý không tốt, Thích Đề-hoàn Nhân niệm Bát nhã Ba la mật, do đó nên ngoại đạo giữa đường chạy trở lui.

Lúc bâygiờ, ác ma suy nghĩ: “Đức Như Lai Đẳng Chánh Giác cùng với bốn chúng đệ tử cùng ngồi với các Thiên tử cõi Dục, cõi Phạm, trong đó hoàn toàn không có những người khác. Đại Bồ-tát nay được thọ ký, sẽ làm vị tướng trong loài người, sẽ thành Phật đạo. Ta sẽ đến nhiễu loạn họ.”

Ác ma hóa làm một chiếc xe bốn ngựa, từ từ tiến đến trước Đức Phật.

Thích Đề-hoàn Nhân thầm nghĩ: “Ác ma cỡi xe bốn ngựa muốn đến chỗ Phật, không giống với xe bốn ngựa của vua Bình-sa, không giống với xe bốn ngựa của vua Ba-tư-nặc, cũng không giống với xe bốn ngựa của Thích chúng đọa, xe này do ma làm ra. Ma thường nghĩ cách phá Phật đạo, làm loạn người đời.” Thích Đề-hoàn Nhân luôn nguyện muốn đọc tụng Bát nhã Ba la

mật nên ngay khi ấy nghĩ đến Bát nhã Ba la mật và điều mong muốn được thành tựu, ác ma liền chạy lui.

Bậc thượng nhân ở cung trời Đao-lợi cầm hoa do mình hóa hiện thành, rồi bay lên không trung, dùng hoa rải lên Đức Phật. Các vị đều thưa:

–Chúng con khiến cho Bát nhã Ba la mật được tồn tại lâu dài ở Diêm-phù-lợi để cho mọi người đều được nghe thấy.

Rồi các vị ấy nắm ngần ấy các loại hoa như đã rải lên Đức Phật và họ đều thưa:

–Người nào thực hành Bát nhã Ba la mật, thủ hộ Bát-nhã bala-mật, cũng không bị ma và thiên ma phá hoại được.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Người nghe Bát nhã Ba la mật được phước báo và công đức không phải ít, huống là người học tập, thọ trì, đọc tụng xong lại đi chỉ dạy cho người khác. Người này đời trước đã được thấy và theo Phật nghe Bát nhã Ba la mật, huống là người học tập, thọ trì, đọc tụng rồi thực hành theo những gì trong đó chỉ dạy, tức là đã cúng dường Như Lai. Vì sao? Vì muốn đạt Nhất thiết trí thì phải từ Bát nhã Ba la mật. Ví như muốn được của báu cực kỳ ở cõi trời, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên, thì phải từ biển lớn. Muốn được trân bảo Nhất thiết trí, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên, thì Như Lai Chánh Đẳng Giác phải từ Bát nhã Ba la mật mà tìm cầu.

Đức Phật dạy:

–Đúng như vậy, đúng như vậy! Đức Như Lai Vô Thượng Chánh Đẳng Giác là từ Nhất thiết trí mà ra.

Ngài A-nan bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Vì lẽ gì Như Lai không thuyết về bố thí Ba-la-mật? Cũng không thuyết về Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định ba-la-mật? Như Lai hoàn toàn không nói về những từ này mà chỉ nói chung là Bát nhã Ba la mật?

Đức Phật dạy A-nan:

–Vì Bát nhã Ba la mật là tôn quý nhất trong năm pháp Ba-lamật kia. Thế nào A-nan! Không bố thí bằng Nhất thiết trí thì có thể gọi là Bố thí ba-la-mật không? Không trì tịnh giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ bằng Nhất thiết trí thì có thể gọi là Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định ba-la-mật không?

Ngài A-nan thưa:

–Đúng như vậy, đúng như vậy! Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên, không có Ba-la-mật nào là bố thí. Nhất thiết trí là Bố thí bala-mật. Không có Ba-la-mật nào là trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Nhất thiết trí là Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ ba-la-mật. Nhất thiết trí là Bát nhã Ba la mật.

Đức Phật dạy A-nan:

–Do vậy nên Bát nhã Ba la mật là tôn quý nhất trong năm

pháp Ba-la-mật. Ví như cuốc đất là gieo giống vào trong đó, đồng thời giống cũng từ đó sinh ra. Như vậy, này A-nan! Bát-nhã ba-lamật là nơi sinh ra năm pháp Ba-la-mật. Nhất thiết trí là Bát nhã Ba la mật mà thành. Do vậy nên, này A-nan! Bát nhã Ba la mật với năm pháp Ba-la-mật kia là rất tôn quý được Đấng Tự Tại chỉ dạy.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Đức Như Lai Chánh Đẳng Giác đã dạy rằng thiện nam, thiện nữ nào y theo chỉ dạy của Bát nhã Ba la mật, học tập, thọ trì, đọc tụng, công đức của người đó nói không thể hết.

Đức Phật bảo Câu-dực:

–Ta không nói về người đọc tụng, vì công đức đó chưa nói hết. Thiện nam, thiện nữ nào biên chép Bát nhã Ba la mật, thọ trì quyển kinh, quy y, đảnh lễ, phụng thờ, dùng danh hoa tốt đẹp, hương bột, hương ướp, hương xông, lụa là, lọng hoa, cờ phướn cúng dường, ta nói đó là công đức cúng dường mà thôi.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Con xin ủng hộ người này, tức là thiện nam, thiện nữ biên chép Bát nhã Ba la mật, thọ trì quyển kinh, quy y, phụng thờ, dùng danh hoa tốt đẹp, hương bột, hương ướp, hương xông, lụa là, lọng hoa, cờ phướn cúng dường.

Đức Phật dạy:

–Này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ nào khi tụng Bát-nhã bala-mật, có ngần ấy trăm ngàn chư Thiên đi đến chỗ của người đó để nghe pháp đó. Người nào đối với pháp không hiểu, muốn hỏi Pháp sư, vừa phát khởi ý nghĩ như vậy, nhờ trí tuệ của pháp nên ngay khi đó được hiểu rõ. Thiện nam, thiện nữ này ngay hiện tại liền được nghe pháp.

Lại nữa, này Câu-dực! Người nào thuyết Bát nhã Ba la mật cho bốn chúng đệ tử thì tâm người đó hoàn toàn không có điều chướng nạn. Nếu hình hài bị người toan giết hại rốt cuộc chẳng lo sợ. Vì sao? Vì người ấy được Bát nhã Ba la mật ủng hộ nên kẻ giết hại kia liền bỏ đi ngay.

Đức Phật dạy:

–Ta hoàn toàn không thấy người làm hại Bát nhã Ba la mật, huống chi kẻ muốn giết hại người có Bát nhã Ba la mật. Tức là kẻ kia không thể nào thấy được, bởi vì người ấy được Bát-nhã ba-lamật che chắn và làm cho khuất phục. Không có thiện nam, thiện nữ nào dám khinh dễ, trong tâm người đó cũng không sợ hãi. Thiện nam, thiện nữ này là người ngay hiện tại thấy được tất cả pháp tạo ra công đức.

Lại nữa, này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ nào yêu kính cha mẹ, Sa-môn, đạo nhân, tri thức anh em, tôn thân trong ngoài… khi người đó muốn nói những việc xấu ác thì đem pháp trung chính chỉ dạy cho họ.

Như vậy, này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ đó ngay hiện tại liền được pháp công đức.

Lại nữa, này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ biên chép Bát nhã Ba la mật, thọ trì quyển kinh đã biên chép, chư Thiên trên cõi trời Tứ Thiên vương tìm cầu Phật đạo nên đi đến chỗ của người đó thưa hỏi và xin lãnh thọ Bát nhã Ba la mật, đảnh lễ, đi vòng quanh xong liền lui.

Chư Thiên ở trên cõi trời Đao-lợi tìm cầu Phật đạo, nên đi đến chỗ của người đó thăm hỏi, nghe và lãnh thọ Bát nhã Ba la mật, đảnh lễ, nhiễu quanh xong liền lui.

Chư Thiên ở trên cõi Diệm thiên tìm cầu Phật đạo, nên đi đến chỗ của người đó thăm hỏi, nghe và lãnh thọ Bát nhã Ba la mật, đảnh lễ, đi vòng quanh xong liền lui. Thiện nam, thiện nữ này nên biết có vô lượng, vô số chư Thiên, Long, Dạ-xoa, Kiền-đà-la, A-tula, Ca-lâu-la, Chân-

đà-la, Ma-hầu-lặc, Nhân phi nhân ở các cõi Phật sẽ đi đến chỗ của người đó thăm hỏi, nghe và lãnh thọ Bát-nhã bala-mật, đảnh lễ, đi vòng quanh xong liền lui. Như vậy tức là Thí.

Chư Thiên ở trên cõi trời Đâu-thuật tìm cầu Phật đạo, nên đi đến chỗ của người đó thăm hỏi, nghe và lãnh thọ Bát nhã Ba la mật, làm lễ, nhiễu quanh xong rồi đi.

Chư Thiên ở trên cõi trời Ni-ma-la-đề tìm cầu Phật đạo, nên đi

đến chỗ của người đó thăm hỏi, nghe và lãnh thọ Bát nhã Ba la mật, làm lễ, nhiễu quanh xong rồi đi.

Chư Thiên ở trên cõi trời Ba-la-ni mật-hòa-da-bạt tìm cầu Phật đạo, nên đi đến chỗ của người đó thăm hỏi, nghe và lãnh thọ Bát nhã Ba la mật, làm lễ, nhiễu quanh xong rồi đi.

Chư Thiên ở trên cõi trời Ca-di, Phạm-phú-lâu thiên, Phạm-basản thiên, Ma-ha Phạm thiên, Lô-thiên, Ba-lợi-đa thiên, Lô-ba-mana thiên, cõi trời A-pha-cắng-tu (Abhasvara, Quang âm thiên, Cực quang tịnh), A-pha-tuyên-tu thiên, Ba-lợi-đà-thủ-ha thiên, A-ba-mathủ thiên, Thủ-ha-ca thiên, Duy-phiên-la thiên, A-tỷ thiên, A-đà-thủ thiên, Thủ-đà-thí thiên, A-ca-nị-sắc thiên, cõi trời A-ca-nị-tra (Akansttha, sắc cứu cánh thiên) tìm cầu Phật đạo nên đến chỗ của người đó thăm hỏi, nghe và lãnh thọ Bát nhã Ba la mật, làm lễ, đi vòng quanh xong mỗi người tự lui. Cho đến chư Thiên trên cõi A-canị-tra cũng thường đi xuống.

Này Câu-dực! Huống là các chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc trong tam thiên đại thiên quốc độ. Tất cả đều nên đi đến thăm hỏi, nghe và lãnh thọ Bát nhã Ba la mật, làm lễ, đi vòng quanh xong mỗi người tự lui. Thiện nam, thiện nữ này nơi chỗ ở thường được giữ gìn kiên cố, không có người quấy rối. Trừ túc mạng của người đó không mời cũng đến, còn ngoài ra không ai có thể lay chuyển. Thiện nam, thiện nữ này liền được pháp công đức ngay hiện tại nên có thể biết được khi chư Thiên đến.

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Kính bạch Đấng Thiên Trung Thiên! Thế nào, thiện nam, thiện nữ này sẽ do đâu biết được lúc chư Thiên đến xin lãnh thọ, đảnh lễ, phụng thờ cúng dường?

Đức Phật dạy:

–Thiện nam, thiện nữ nếu thấy ánh sáng thì biết chư Thiên cũng như các loài rồng, Dạ-xoa, Kiền-đà-la đến nghe và lãnh thọ Bát nhã Ba la mật, đảnh lễ, phung thờ. Tâm người đó hoan hỷ, phấn khởi thì biết là chư Thiên đã đến.

Lại nữa, này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ từng ở chỗ không ngửi thấy mùi thơm, nếu người ấy ngửi thấy mùi thơn, nên biết có quỷ thần đã đến.

Lại nữa, này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ tắm rửa thân thể sạch sẽ, nên quỷ thần rất hoan hỷ, luôn đi đến chỗ của người đó. Người đó hớn hở như Tiểu thiên đi Đại thiên đến. Vì thế ta thí dụ việc đó, oai thần của vị đó rất tôn quý, sáng chói rực rỡ. Thiện nam, thiện nữ đó thường ở trong sự hoan hỷ tinh khiết, thân thể chắc chắn không bệnh tật, chỗ ở thường được an ổn, chưa từng có ác mộng, trong mộng không thấy những điều khác lạ, chỉ thấy Phật, chỉ thấy tháp và chỉ nghe Bát nhã Ba la mật, chỉ thấy cây Bồ- đề là nơi Đức Phật ngồi, chỉ thấy bánh xe pháp quay, chỉ thấy Đức Phật khi sắp sửa thành Phật, chỉ thấy Đức Phật thành Phật xong chuyển pháp luân, chỉ thấy bao nhiêu Bồ-tát, chỉ thấy thuyết đủ sáu Ba-la-mật để giải thích trí tuệ, chỉ thấy người sẽ thành Phật, chỉ thấy cõi Phật khác, chỉ nghe giáo pháp tôn quý của Đức Phật, chỉ thấy các Đức

Phật Như Lai Đẳng Chánh Giác ở phương nọ, ở cõi nào đó với bao nhiêu trăm ngàn đệ tử, bao nhiêu ức đệ tử và Đức Phật đang ở trong đó mà thuyết pháp cho họ.

Đúng thế, này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ trong mộng thấy những điều như vậy xong liền được an ổn. Khi thức giấc, thân được nhẹ nhàng, không còn nghĩ đến việc ăn uống, thân như được ăn thức ăn ngon, no đủ. Ví như Tỳ-kheo khi đắc thiền, từ thiền tỉnh giác, tâm nhẹ nhàng vui vẻ, không còn nghĩ đến việc ăn uống, tự nhiên như được ăn thức ăn ngon.

Như vậy, này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ này khi tỉnh giấc không còn quá nghĩ đến việc ăn uống. Tự nghĩ rằng thân như được ăn các thức ăn ngon. Vì sao? Này Câu-dực! Vì tà ma, quỷ thần không dám đến gần. Thiện nam, thiện nữ này là người đã tự mình thấy được pháp công đức ngay hiện tại nhờ học tập, đọc tụng Bát nhã Ba la mật vậy. Hoặc có người biên chép, tuy không đọc tụng thọ trì quyển kinh, nhưng quy y, đảnh lễ, phụng thờ, dùng hoa hương tốt đẹp, hương ướp, hương xông, lụa là, lọng hoa, cờ phướn cúng dường.

Lại nữa, này Câu-dực! Hoặc trong Diêm-phù-đề đầy cả xá-lợi của Như Lai, hoặc là kinh Bát nhã Ba la mật, trong hai thứ đó ông nhận lãnh thứ nào?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Con thà nhận Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Con không dám không tôn kính xá-lợi. Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Nhưng xá-lợi là từ Bát nhã Ba la mật sinh ra, mà được cúng dường, giống như con được một mình ngồi giữa chư Thiên, hoặc có lúc con không ở trên tòa hay là có chư Thiên đi đến, cũng đều đảnh lễ phụng thờ pháp tòa là chỗ được nhận sự chỉ dạy rồi lui.

Như vậy, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật sinh ra là sinh ra xá-lợi của Đức Như Lai Chánh Đẳng Giác, vì Đức Như Lai Chánh Đẳng Giác là từ Nhất thiết trí tuệ sinh ra. Trong Diêm-phù-đề đầy cả xá-lợi của Như Lai.

Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Dù cho tam thiên đại thiên quốc độ, trong đó đầy cả xá-lợi làm một phần, kinh Bát-nhã ba-lamật là phần thứ hai, thì trong hai phần ấy con nhận Bát-nhã ba-lamật. Vì sao? Vì xá-lợi là từ trong đó sinh ra, tự nhiên được cúng dường đầy đủ.

Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ví như người mắc nợ, người này lại quen biết với nhà vua rất thân thiết, được nhà vua rất thương yêu quý mến, thì người đó sẽ không có người chủ nợ nào đòi hỏi, cũng chẳng còn bị sợ sệt. Vì sao? Vì người này luôn ở một bên vua nên được nương nhờ oai lực của vua.

Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Do từ Bát nhã Ba la mật, xá-lợi sinh ra và được mọi người cúng dường Bát nhã Ba la mật. Ví như những người hầu cận của vua thì được mọi người kính nể. Xá-lợi của Như Lai là từ Nhất thiết trí sinh ra nên liền được cúng dường.

Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Nhất thiết trí cũng như vậy. Đức Như Lai Chánh Đẳng Giác là từ Bát nhã Ba la mật mà ra. Do biết như vậy nên trong hai phần con xin nhận Bát nhã Ba la mật. Người lãnh thọ, hành trì Bát nhã Ba la mật, ví như ngọc ma-ni giá.

Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Người có báu này không có của báu nào bằng. Bảo châu này để ở chỗ nào thì quỷ thần không thể tùy tiện, người ấy chẳng bị quỷ thần làm hại. Thiện nam, thiện nữ không luận lớn hay nhỏ, được nắm giữ và đeo ngọc ma-ni nơi thân thì quỷ thần liền chạy lui xa. Hoặc khi bị trúng nhiệt, đem ngọc ma-ni đeo lên người, nhiệt liền tiêu trừ. Hoặc bị trúng phong, đem ngọc ma-ni đeo lên người, phong liền hết. Hoặc bị trúng hàn, đem ngọc ma-

ni đeo lên người, hàn không tan và trừ được hết. Ban đêm đem ngọc ma-ni để ở chỗ tối, ngọc ma-ni làm cho tất cả chỗ đó được sáng. Khi bị nóng, đem ngọc ma-ni để ở chỗ đó, chỗ đó liền mát mẻ. Khi bị lạnh, đem ngọc ma-ni để ở chỗ đó, chỗ đó liền ấm áp. Ngọc ma-ni để ở chỗ nào thì chỗ đó các độc không làm gì được. Nam tử, nữ nhân nào, không luận lớn hay nhỏ, bị rắn, trăn cắn, đem ngọc mani để ở chỗ bị rắn, trăn cắn, nọc độc tự tan.

Ngọc ma-ni này, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Rất là tôn quý. Nếu có người bị bệnh đau mắt, người mắt bị mù, đem ngọc mani để ở gần mắt, đau đớn của mắt được trừ hết.

Như vậy, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đức của ngọc mani là rất cao xa, nếu để vào trong nước, màu nước liền như màu ngọc. Cầm bao nhiêu thứ lụa là, trịnh trọng để ngọc ma-ni vào trong nước, màu nước liền như màu ngọc. Nếu là nước đục, lập tức thành trong sạch. Đức của ngọc ma-ni không có thứ gì có thể so sánh.

Ngài A-nan hỏi Thích Đề-hoàn Nhân:

–Thế nào, Câu-dực! Trên trời cũng có ngọc ma-ni, ở Diêmphù-lợi cũng có ngọc ma-ni, đều cùng là ngọc ma-ni, có sự sai biệt gì?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa Tôn giả A-nan:

–Ma-ni trên trời cùng ma-ni trong nhân gian không giống nhau. Ánh sáng của ngọc ma-ni ở Diêm-phù-lợi tự thể của nó không đáng để nói. Như tôi đã nói, tức là nó có sự sai khác nhau. Đức của nó rất tôn quý, gấp mười lần, gấp trăm ngàn lần, gấp vạn ức lần, lớn gấp ức lần. ngọc ma-ni này như tôi đã nói, nếu đem để vào trong tráp, trong hộp, ánh sáng của nó chiếu thấu suốt ra bên ngoài. Giả sử lấy ngọc bỏ ra bên ngoài, nhưng ánh sáng ở trong tráp vẫn liên tục sáng như cũ. Bát nhã Ba la mật là trí tuệ của Nhất thiết trí. Cho đến sau khi Đức Như Lai Chánh Đẳng Giác Bát-niết-bàn, xá-lợi vẫn tiếp tục được cúng dường. Xá-lợi tức là cái hộp đựng Nhất thiết trí.

Lại nữa kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Nếu tam thiên đại thiên quốc độ, trong đó đầy cả xá-lợi, cho đến cõi Phật nhiều như cát sông Hằng, trong đó đầy cả xá-lợi, chung làm một phần. Kinh Bát nhã Ba la mật làm một phần. Nếu con chọn một trong hai phần thì con nhận Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì Như Lai là từ Bát-nhã ba-lamật mà ra, xá-lợi là từ Bát nhã Ba la mật mà ra và được cúng dường. Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Nếu thiện nam, thiện nữ muốn ngay hiện tại thấy được vô lượng, vô số cõi nước của chư Phật thì nên nương theo pháp Bát nhã Ba la mật mà tu hành. Nên nghĩ như vậy.

Đức Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Đúng như vậy! Này Câu-dực! Thuở quá khứ, các Đức Như Lai Vô Thượng Chánh Đẳng Giác vị lai đều từ Bát nhã Ba la mật mà thành tựu Phật đạo. Các Đức Như Lai Vô Thượng Chánh Đẳng Giác hiện tại trong vô lượng, vô số cõi nước chư Phật cũng đều từ Bát nhã Ba la mật mà thành tựu Phật đạo.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đại Bát nhã Ba la mật là tất cả loài người cho đến loài côn trùng nhỏ bé, Bát nhã Ba la mật cũng biết rõ tất cả.

Đức Phật dạy:

–Đại Bồ-tát nhờ biết vậy nên ngày đêm thực hành Bát-nhã bala-mật.

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Vì sao chỉ thực hành Bát nhã Ba la mật mà không thực hành các pháp Ba-la-mật khác?

Đức Phật dạy:

–Đại Bồ-tát thực hành tất cả sáu pháp Ba-la-mật, nhưng Bát nhã Ba la mật đối với Đại Bồ-tát là tôn quý hơn hết. Chỗ nào Bố thí Bát nhã Ba la mật là vượt lên trên hếtl Trì giới nghĩa là không khuyết phạm; Nhẫn nhục là tự giữ gìn; Tinh tấn là không lười biếng; Người nhất tâm mà không tán loạn, thấy tất cả các pháp. Đại Bồ-tát là người thực hành Bát nhã Ba la mật.

Này Câu-dực! Ví như trên cõi Diêm-phù-lợi có đủ mọi thứ cây cối, có bao nhiêu thứ sắc, lá của mọi loại khác nhau, hoa khác nhau, trái khác nhau, hạt giống loại khác nhau, nhưng cái bóng râm của chúng thì không khác, hoàn toàn như nhau.

Này Câu-dực! Như vậy năm pháp Ba-la-mật là từ Bát-nhã bala-mật mà sinh ra Nhất thiết trí. Các pháp Ba-la-mật lần lượt hỗ trợ nhau không sai khác.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đức vô cùng tôn quý không gì hơn Bát nhã Ba la mật. Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đức không thể tính thì không gì hơn Bát nhã Ba la mật. Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Không có gì hơn Bát nhã Ba la mật. Người nào biên chép Bát nhã Ba la mật, thọ trì quyển kinh, quy y, đảnh lễ, phụng thờ, dùng hương bột, hương ướp, hương xông, lụa là, lọng hoa, cờ phướn cúng dường. Trong khi đó lại có người biên chép Bát nhã Ba la mật, đem quyển kinh biên chép đó tặng cho người khác, phước đó được bao nhiêu?

Đức Phật dạy:

–Này Câu-dực! Ta hỏi ông, tùy ý ông trả lời. Người nào cúng dường xá-lợi Như Lai, lại phân chia cho người khác để được cùng cúng dường. Trong lúc đó có người tự mình cúng dường xá-lợi, không phân chia cho người khác cùng được cúng dường thì phước của của người đó có nhiều không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Thiện nam, thiện nữ cúng dường xá-lợi. lại phân chia cho người khác cùng được cúng dường, phước của người đó vượt hơn người kia rất nhiều.

Đức Phật dạy:

–Đúng như vậy! Này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ nào biên chép Bát nhã Ba la mật, thọ trì quyển kinh, quy y, đảnh lễ, phụng thờ, dùng hương hoa tốt đẹp, hương bột, hương ướp, hương xông, lụa là, lọng hoa, cờ phướn cúng dường. Lại đem quyển kinh biên chép đó phân cho người khác để cùng được cúng dường, thì phước đó rất nhiều.

Lại nữa, này Câu-dực! Nếu pháp sư đạt đến chỗ thấu đáo về nghĩa lý liền thuyết kinh pháp chỉ dạy cho mọi người, công đức đó rất lớn, rất lớn!

Lại nữa, này Câu-dực! Với tất cả thiện nam, thiện nữ ở Diêmphù-lợi đều dạy cho họ thọ trì Thập thiện. Thế nào, Câu-dực! Phước đó có nhiều không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Rất nhiều, rất nhiều! Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên!

Đức Phật dạy:

–Không bằng thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã ba-lamật, đem quyển kinh đưa cho người khác bảo chép, người đọc tụng cho người nghe, phước đó nhiều gấp bội.

Lại nữa, này Câu-dực! Để phần nói về người Diêm-phù-lợi và bốn thiên hạ các Tiểu thiên quốc độ, Nhị thiên quốc độ, Tam thiên đại quốc độ, cho đến người trong cõi Phật nhiều như cát sông Hằng qua một bên, tất cả thiện nam, thiện nữ này đều dạy cho họ thọ trì Thập thiện. Thế nào, này Câu-dực! Phước đó có nhiều không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Rất nhiều, rất nhiều! Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên!

Đức Phật dạy:

–Thiện nam, thiện nữ biên chép Bát nhã Ba la mật, đưa quyển kinh cho người khác biên chép, đọc cho người nghe, phước đó nhiều gấp bội.

Lại nữa, này Câu-dực! Để phần nói về người Diêm-phù-lợi qua một bên, tất cả thiện nam, thiện nữ này đều dạy cho họ thực hành bốn Thiền, bốn Đế, bốn Thần túc, năm Thần thông. Thế nào, này Câu-dực! Phước đó có nhiều không?

Thích Đề-hoàn Nhân bạch:

–Rất nhiều, rất nhiều! Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên!

Đức Phật dạy:

–Không bằng thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã ba-lamật, đem quyển kinh đưa cho người bảo chép, hoặc đọc cho người nghe, phước đó nhiều gấp bội.

Lại nữa, này Câu-dực! Nếu có người nào đọc tụng Bát-nhã bala-mật, lại dạy cho người khác học, phước đó càng tăng gấp bội.

Lại nữa, này Câu-dực! Nếu có người nào tự mình học tập Bát nhã Ba la mật, lại chỉ cho người khác về trí tuệ này, được phước càng tăng gấp bội.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Thế nào là người học Bát nhã Ba la mật và giảng dạy về trí tuệ trong đó?

Đức Phật dạy:

–Người không hiểu, giải thích cho họ hiểu. Thiện nam, thiện nữ nào đời sau muốn đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng giác nên học Bát nhã Ba la mật, nhưng bị thầy xấu dạy ngược lại, dạy cho học các chi nhánh của Bát nhã Ba la mật.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Thế nào gọi là chi nhánh của Bát nhã Ba la mật?

Đức Phật dạy:

–Trong đời vị lai có các Tỳ-kheo muốn học Bát nhã Ba la mật, bị thầy xấu dạy ngược lại.

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Thế nào là dạy ngược lại?

Đức Phật dạy:

–Dạy người học sắc là vô thường, làm cho mọi người ngay nơi sắc tìm cầu vô thường, làm như thế là làm vô thường khi thực hành Bát nhã Ba la mật. Dạy thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, ngay nơi thức tìm cầu vô thường. Dạy thực hành như vậy là hành Bát-nhã bala-mật. Đó là chi nhánh của Bát nhã Ba la mật.

Đức Phật dạy:

–Người này hành sắc hoại để tìm vô thường của sắc. Hành thọ, tưởng, hành, thức hoại, ngay nơi thức tìm vô thường của thức. Thấy rõ người thực hành như vậy, người thông minh trí tuệ nên đem Bát nhã Ba la mật chỉ dạy cho học, phước đó càng tăng lên gấp bội.

Lại nữa, này Câu-dực! Vì vậy cho nên đối với người Diêmphù-đề, nếu thiện nam, thiện nữ làm cho họ đắc được Tu-đà-hoàn đạo. Thế nào, này Câu-dực! Phước đó có nhiều không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Rất nhiều, rất nhiều! Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên!

Đức Phật dạy:

–Không bằng thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã ba-lamật, đem quyển kinh đưa cho người khác bảo biên chép và chỉ dạy cho họ học, hoặc đọc cho họ nghe, phước đó gấp bội. Vì sao? Vì Tuđà-hoàn là nơi Bát nhã Ba la mật mà ra.

Lại nữa, này Câu-dực! Để phần nói về Diêm-phù-lợi qua một bên, cho dù tam thiên đại thiên quốc độ cho đến người trong cõi Phật nhiều như cát sông Hằng đều chỉ dạy làm cho họ đạt được quả Tuđà-hoàn, phước đó có nhiều không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều!

Đức Phật dạy:

–Không bằng thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã ba-lamật, đem quyển kinh đưa cho người khác bảo chép, dạy cho họ học, đọc cho họ nghe, người đó được phước càng tăng thêm rất nhiều. Vì sao? Vì nhờ đức của Nhất thiết trí nên thành tựu được pháp do nghe. Từ nơi Bát nhã Ba la mật được thành Phật, liền vượt khỏi quả vị Tuđà-hoàn.

Lại nữa, này Câu-dực! Người đắc được tất cả Tư-đà-hàm, Ana-hàm, A-la-hán đạo, phước đó có nhiều không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Rất nhiều, rất nhiều! Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên!

Đức Phật dạy:

–Không bằng thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã ba-la-

mật, đem quyển kinh đưa cho người khác bảo chép, hoặc cho người đọc nghe, phước đó rất nhiều. Do vậy nên từ nơi pháp này, mỗi người, mỗi người đắc được tất cả. Đây là chỗ Bát nhã Ba la mật đã đạt đến. Vì sao? Vì pháp Nhất thiết trí là do học pháp Nhất thiết trí, lại có thể chỉ dạy thành tựu quả vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, Ana-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật đạo.

Để người Diêm-phù-lợi qua một bên. Này Câu-dực! Người trong tam thiên đại thiên quốc độ cho đến người trong cõi Phật nhiều như cát sông Hằng, dạy cho tất cả thiện nam, thiện nữ này, làm cho họ đều được thành tựu quả vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật. Thế nào, Câu-dực! Phước đó có nhiều không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Rất nhiều, rất nhiều! Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên!

Đức Phật dạy:

–Không bằng thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã ba-lamật, đem quyển kinh cho người bảo chép, dạy cho họ học, hoặc đọc cho người nghe, phước đó càng nhiều. Vì sao? Vì tất cả đều

từ Bát nhã Ba la mật. Do đức của pháp Nhất thiết trí, nhờ đây nên đắc được quả vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật. Do đây nên phước của người đó tăng lên rất nhiều.

Lại nữa, này Câu-dực! Dạy cho tất cả người Diêm-phù-lợi đều phát tâm Bồ-tát không bằng thiện nam, thiện nữ đem quyển kinh Bát nhã Ba la mật đưa cho người bảo chép, dạy cho họ học, hoặc thuyết cho người nghe, hoặc trao cho họ quyển kinh Bồ-tát không thoái chuyển, người đó sẽ học theo đây mà thâm nhập Bát-nhã bala-mật. Người học tập và hiểu về Bát nhã Ba la mật càng tăng thêm nhiều, đạt được sự hiểu biết vô cùng, nhân đó được thành tựu. Vậy nên phước của người này càng tăng thêm rất nhiều.

Để tam thiên đại thiên quốc độ Diêm-phù-lợi qua một bên, này Câu-dực! Người trong cõi Phật nhiều như cát sông Hằng đều phát tâm thực hành quả vị Vô Thượng Chánh đẳng giác, không bằng thiện nam, thiện nữ đem quyển kinh Bát nhã Ba la mật đưa cho người bảo chép, dạy cho họ học, thuyết cho họ nghe, hoặc đưa quyển kinh Bồ-tát không thoái chuyển để chính họ học theo đây mà được thâm nhập vào Bát nhã Ba la mật. Người học tập và hiểu về Bát nhã Ba la mật càng tăng thêm rất nhiều, đạt được sự hiểu biết vô cùng, nhân đó được thành tựu. Do vậy nên phước của người này càng tăng lên rất nhiều.

Lại nữa, này Câu-dực! Người Diêm-phù-lợi đều phát tâm thực hành Vô thượng Chánh đẳng giác không bằng thiện nam, thiện nữ đem quyển kinh Bát nhã Ba la mật đưa cho họ bảo chép, giảng dạy về trí tuệ trong đó cho họ học và trao cho họ kinh Bát-nhã bala-mật Đại Bồ-tát không thoái chuyển, giải thích trí tuệ trong đó cho họ, phước đó càng tăng lên gấp bội.

Để tam thiên đại thiên quốc độ ở Diêm-phù-lợi qua một bên. Cho đến người trong cõi Phật nhiều như cát sông Hằng đều phát tâm thực hành Vô thượng Chánh đẳng giác, không bằng thiện nam, thiện nữ đem quyển kinh Bát nhã Ba la mật đưa cho người bảo chép, dạy cho họ học để nhập vào Trí tuệ, hoặc trao cho họ quyển kinh Bát nhã Ba la mật Đại Bồ-tát không thoái chuyển, giảng dạy cho họ về trí tuệ trong đó, phước của người đó càng tăng thêm rất nhiều.

Lại nữa, này Câu-dực! Với người trong Diêm-phù-lợi, đều làm cho họ đều bằng Bồ-tát không thoái chuyển nơi quả vị Vô thượng Chánh đẳng giác, thiện nam, thiện nữ nào vui vẻ dạy cho người thâm nhập vào trong Bát nhã Ba la mật, thì thế nào? Câu-dực! Phước đó có nhiều không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Rất nhiều, rất nhiều! Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên!

Đức Phật dạy:

–Trong số người này nếu có Bồ-tát nói thế này: "Tôi muốn mau thành Phật." Giả sử muốn mau thành Phật, không bằng người thâm nhập Bát nhã Ba la mật, phước của người đó càng tăng gấp bội.

Để tam thiên đại thiên Quốc độ ở Diêm-phù-lợi qua một bên. Cho đến người trong cõi Phật nhiều như cát sông Hằng, tất cả đều như Bồ-tát không thoái chuyển nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng giác, người nào dạy thiện nam, thiện nữ thâm nhập Bát nhã Ba la mật thì thế nào, Câu-dực, phước đó có nhiều không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Rất nhiều, rất nhiều! Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên!

Đức Phật dạy:

–Có một Bồ-tát nào từ trong đó nói rằng: "Tôi muốn mau thành Phật." Giả sử muốn mau thành Phật, không bằng người đem kinh Bát nhã Ba la mật đưa cho người, phước đó nhiều gấp bội.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Đúng như vậy. Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Người rất an ổn là Đại Bồ-tát, nay được ở gần bên. Người đem y phục, ẩm thực, sàng tòa, ngọa cụ, thuốc men cúng dường, không bằng người đem Bát nhã Ba la mật chỉ dạy cho người, phước đó càng nhiều hơn. Vì sao? Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Vì người đó đã đắc Bát nhã Ba la mật, nên nay được ngồi gần Phật.

Ngài Tu-bồ-đề bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Lành thay, lành thay! Này Câu-dực! Ngay trong hàng đệ tử, Đại Bồ-tát tôn quý nhất mới thấy được như vậy. Các hàng Thanh văn nhân đây mà được thành tựu. Hàng Thanh văn không cầu Phật đạo, Đại Bồ-tát không nên ở trong đó học sáu Ba-la-mật. Người không học pháp này thì không được thành Phật. Người học theo pháp như vậy thì mau thành Vô thượng Chánh giác, liền được thành Phật.

QUYỂN 3
Phẩm 4: THIỆN QUYỀN

Bấy giờ Bồ-tát Di-lặc bảo Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát nào khuyến trợ người làm phước, ra vào bố thí trì giới, coi việc làm đó là trên hết, phước đó càng tăng thêm rất nhiều, không có phước nào hơn phước của Đại Bồ-tát khuyến trợ.

Ngài Tu-bồ-đề thưa Bồ-tát Di-lặc:

–Lại có Đại Bồ-tát đã tạo công đức ở vô lượng, vô số quốc độ chư Phật. Không thể tính đếm số Đức Phật ở từng cõi một, sự Bát-niết-bàn của các Ngài, chính là từ khi các Ngài phát tâm đến nay, tự mình đạt đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thành Bậc Đẳng Giác tột bậc, cho đến cõi Vô dư Niết-bàn mà Bát-niết-bàn. Sau đó, đến như pháp diệt tận, thế là các Ngài ở trong cõi ấy mà tạo ra công đức; công đức độ sinh của Ngài là không có chỗ tận cùng. Cho đến đối với hàng Thanh văn làm các việc bố thí, giữ giới, tự các Ngài trông nom để cho phúc tử công đức hữu dư đạt đến vô dư. Nếu như các Đức Phật Bát-niết-bàn, thì ở trong đó các Ngài tạo ra công đức, cho đến khi có thân giới hạnh thanh tịnh, thân Tam-muội, thân trí tuệ, thân giải thoát, thân giải thoát tri kiến. Phật pháp rất từ bi, không thể so lường được tâm Phật. Pháp mà Đức Thiên Trung Thiên thuyết ra, học những công đức trong pháp đó, đến khi chư Phật Bát-niết-bàn, pháp đó tạo được công đức nên muốn làm điều gì thực hiện được hết.

Khuyến trợ là tôn quý, là cùng tột trong các đức. Khuyến trợ để đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, do đây thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Người đặt mình vào hàng Bồ-tát như thế, giữ tâm luôn làm việc này để cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do tâm cầu giác ngộ mới phát tâm làm việc này và cầu đạt cho được.

Bồ-tát Di-lặc bảo Tu-bồ-đề:

–Người không cầu như vậy mới đắc. Người phát sinh ý nghĩ này là vì không thông tuệ. Vì phát sinh ý nghĩ đó nên tư tưởng bị thoái thất, đức tin bị thoái thất. Do vì không thông tuệ nên rơi trở lại trong bốn điên đảo, đó là: Vô thường cho thường, khổ cho là vui, không cho là thật, không có thân cho là có thân. Do đó nên tư tưởng bị thoái thất, đức tin bị thoái thất. Bồ-tát không nên phát tâm như vậy, nếu có tìm cầu thì nên tìm cầu chỗ không có chỗ.

Ngài Tu-bồ-đề hỏi:

–Thế nào là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Bồ-tát Di-lặc bảo Tu-bồ-đề:

–Không nên nói những điều này trước Bồ-tát mới học. Vì sao? Người làm cho họ quên mất đức tin, quên mất sở thích, quên vui vẻ, quên thực hành, liền từ đó bị sa đọa.

Người nào sẽ vì Đại Bồ-tát này thuyết cho họ nghe? Người ở bên thầy tốt sẽ vì những Bồ-tát này thuyết cho họ nghe. Người không sợ hãi, Đại Bồ-tát này sẽ luôn khuyến trợ họ làm phước để thành tựu Nhất thiết trí. Với tâm làm việc khuyến trợ, tâm đó cũng diệt luôn, không còn sở hữu sở kiến. Những tâm như thế nào sẽ trở thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Nên vận dụng tâm như thế nào để tâm không còn đối đãi? Tự thể của tâm mới làm được.

Thích Đề-hoàn Nhân thưa Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát tân học nghe việc này thì có vị khiếp sợ. Nếu Đại Bồ-tát muốn tạo công đức thì nên làm thế nào để khuyến trợ họ làm phước này? Để họ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Tu-bồ-đề thưa Bồ-tát Di-lặc:

–Nên làm việc ủng hộ chư Phật, phá dẹp những xấu ác để đoạn trừ ái dục, mọi việc làm đều như nhau. Dẹp trừ việc ma, vứt bỏ gánh nặng tức là từ nơi sự tinh tấn của mình thì biết rõ hết tất cả, để tâm được giải thoát, không còn so lường. Từ vô số các cõi nước chư Phật đã Bát-niết-bàn, các công đức tạo phước trong đó và công đức tạo phước trong hành Thanh văn nên muốn làm việc gì cũng đều thực hiện được hết.

Khuyến trợ là tôn quý nhất. Trong tất cả các công đức thì không gì hơn khuyến trợ. Người khuyến trợ luôn làm việc khuyến trợ. Khuyến trợ để trở thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Chỗ nào là chỗ Đại Bồ-tát thoái thất tư tưởng, thoái thất đức tin?

Giả sử Đại Bồ-tát giữ tâm trở thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhưng không nghĩ nhớ tâm đó, đó là tâm của Đại Bồ-tát Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Giả sử tâm có nhớ nghĩ và biết rõ thì đó là tâm thoái thất, tư tưởng thoái thất. Giả sử tâm nghĩ nhớ lại biết rõ tâm này, do hành động như vậy nên có tư tưởng thoái thất, đức tin thoái thất.

Giả sử Đại Bồ-tát đem tâm rõ biết cho đó là hiểu biết tất cả, nên biết tâm nào có tạo, nên biết rõ tâm đó.

Tâm pháp ở chỗ nào? Ở ngay nơi pháp có tạo tác.

Như pháp là sau khi học theo pháp rồi chân thật thực hành, đó là làm đúng, là chỗ Đại Bồ-tát đã làm.

Đại Bồ-tát nào ở chỗ chư Phật quá khứ. vị lai, hiện tại đã tạo công đức, hoặc là ở trong các hàng Thanh văn cho đến phàm phu đã tạo công đức, hoặc súc sinh nghe pháp và chư Thiên, Dạ-xoa, Cànthát-bà, A-tu-la, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hầu-lặc, loài người hoặc chẳng phải người và người mới học đạo Bồ-tát nghe pháp, phát tâm tạo công đức, biết hết tất cả, không còn tích chứa, phân biệt là trên hết.

Người khuyến trợ luôn làm việc khuyến trợ, vì đó là tôn quý nhất. Trong tất cả các công đức, không gì hơn khuyến trợ. Do vậy, người khuyến trợ sẽ khuyến trợ và luôn làm việc khuyến trợ. Nhờ phước đó trở thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Giả sử có pháp như vậy bị diệt tận, ngay nơi pháp đó không sinh cũng không diệt pháp, không có chỗ nơi chốn, pháp không có chỗ sinh ra, trở thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là pháp không rõ pháp, là trái với việc trở thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên đó là tư tưởng không thoái thất, tâm không thoái thất, đức tin không thoái thất. Với hành động không mong cầu như vậy thì đạt hết tất cả. Đó là chỗ làm của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đại Bồ-tát nào không hiểu biết rõ ràng đúng đắn mà làm phước đức, là vì lẽ gì? Vì Bồ-tát ngay nơi thân thấy không chính xác, đối với việc khuyến trợ làm phước cũng thấy không chính xác. Bồ-tát biết rõ thấy không chính xác, không sở hữu, cho nên Bồ-tát tu Bát nhã Ba la mật mà làm công đức đối với Niết-bàn của chư Phật. Đem công đức này muốn cầu việc gì, vị ấy biết rằng mình có thể làm được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Chỗ chư Phật Thiên Trung Thiên dính mắc là không dính mắc "tưởng". Quá khứ đã diệt cũng không còn có tưởng, nhưng không tạo tưởng. Người tạo tưởng là trái với đạo đức của Đại Bồ-tát. Không nên học phương tiện thắng trí, phương tiện thiện xảo. Người chưa đắc Bát nhã Ba la mật không được vào. Người đắc Bát nhã Ba la mật mới được vào. Không nên cho rằng hành động của thân và sự hiểu biết của thức đưa đến diệt độ, bởi vì không có thân. Thân người có đức, có vọng tưởng như vậy liền bị trở ngại, trở lại muốn khổ vì trụ vào Như Lai Đẳng Chánh Giác nên không học theo cái đức này để khuyến trợ người. Vì sao? Vì do bất chánh vậy. Vì chấp vào Niết-bàn cho nên có vọng tưởng, do đó nên có trở ngại. Công đức tạo được không thể sánh kịp, trở lại muốn trụ khổ. Người không tạo ra tưởng này là đức của Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác. Người tạo tưởng này giống như các thứ chất độc. Vì sao? Giả sử có thức ăn tốt, đem thuốc độc bỏ vào trong đó, màu sắc của thức ăn rất đẹp nhưng hương vị không tốt. Người không biết trong thức ăn có chất độc, người ngu ăn thức ăn đó no nê vui vẻ. Ăn vào xong, khi muốn tiêu hóa bị trở ngại cho thân thể rất nhiều. Người không biết đức hạnh rất là khó. Không biết hộ trì, không biết đúng sự việc và cũng không hiểu rõ. Người thực hành công đức như vậy là giống như nói thức ăn có các chất độc bỏ vào.

Thiện nam! Chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai giữ gìn thân trì giới, thân thiền định, thân trí tuệ, thân giải thoát, thân giải thoát tri kiến và đối với công đức đã tạo được trong hàng Thanh văn như Phật Thế Tôn đã dạy: "Nếu đã tạo công đức nơi Bích-chi-phật đều nên khuyến trợ họ. Khuyến trợ để đem phước đức này trở thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác." Người bám chặt lấy hành động của mình vô vọng tưởng, vì vậy nên nói giống các chất độc. Bồ-tát nên học như vậy.

Chỗ nào là công đức của chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai? Nên làm thế nào để khuyến trợ làm phước? Để được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Bồ-tát vâng theo lời dạy của Như Lai, đó là tu học trí tuệ, sinh ra công đức tự nhiên của Phật. Và đối với những người nghĩ đến pháp, đem pháp của mình khuyến trợ cho họ làm phước đức, nhân nơi việc khuyến trợ mà đạt đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đại Bồ-tát làm việc như bố thí vậy, không có bố thí nào hơn, quyết định không lìa Như Lai Đẳng Chánh Giác, đều chí thành với những lời Đức Phật dạy.

Lại nữa, Đại Bồ-tát nên làm việc bố thí như vậy, như giữ gìn tịnh giới, thiền định, trí tuệ, giải thoát tri kiến. Không có cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, cũng không có quá khứ, hiện tại, vị lai, cũng không có sở hữu, không có người thí, không có vật thí. Người bố thí như vậy là bố thí đúng như pháp. Pháp cũng không có sở hữu. Người làm bố thí như vậy là vì muốn thành tựu bố thí "không có chất độc". Người bố thí khác là bố thí ngược lại. Đại Bồ-tát này đã bố thí đúng như pháp.

Kính bạch Thế Tôn! Người biết như vậy tức là bố thí được trở thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Phật dạy:

–Lành thay, lành thay! Tu-bồ-đề! Người làm đúng như Đức Phật dạy, đó chính là Đại Bồ-tát bố thí, tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả nghĩ đến tất cả người trong tam thiên đại thiên quốc độ, không bỏ qua một ai. Là Đại Bồ-tát bố thí đứng hàng đầu, là rất tôn quý.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Người trong tam thiên đại thiên quốc độ trở thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Dạy cho người trong cõi Phật nhiều như cát sông Hằng đều cúng dường Bồ-tát này, cúng dường y phục, ẩm thực, mùng mền, sàng tòa, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh…, cúng dường như vậy trải qua kiếp số như cát sông Hằng, tùy theo chỗ người đó ưa thích mà cúng dường đầy đủ tất cả. Thế nào, Tu-bồ-đề! Phước đó nhiều không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Rất nhiều, rất nhiều! Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên!

Đức Phật dạy:

–Công đức khuyến trợ này được phước vượt hơn ví dụ trên đó, không thể nào tính đếm.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Tùy hỷ và khuyến trợ làm phước đức, cõi Phật như cát sông Hằng cũng không thể nhận hết.

Đức Phật dạy:

–Lành thay, lành thay! Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nào thọ trì Bát nhã Ba la mật, chỗ làm bố thí của vị ấy hơn của người đã bố thí ở trên gấp trăm lần, ngàn lần, vạn lần, ức lần, nhiều ức lần,… do không ai có thể vượt hơn việc làm khuyến trợ bố thí như trên.

Bấy giờ hai vạn Thiên nhân ở trên cõi Tứ Thiên vương thảy đều cúi đầu và mặt lễ sát chân Phật và cùng bạch Phật:

–Kính bạch Đấng Thiên Trung Thiên là Bậc đại thí tột bực! Đại Bồ-tát với phương tiện quyền xảo mới làm được việc bố thí này. Công đức đó rất là tôn quý. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này học Bát nhã Ba la mật và ngay nơi đó khuyến trợ vậy.

Chư Thiên ở trên cõi trời Đao-lợi đem hoa trời tốt đẹp, hương bột, hương đốt, hương xông, lụa là, lọng hoa, cờ phướn cùng các thứ kỹ nhạc cõi trời dâng lên cúng dường làm vui lòng Đức Phật. Cúng dường xong, cùng bạch Phật:

–Kính bạch Đấng Thiên Trung Thiên là Bậc đại thí tột bực! Đại Bồ-tát với phương tiện quyền xảo mới có thể làm việc bố thí này. Công đức của bố thí rất lớn. Vì sao? Vì Bồ-tát này học Bát nhã Ba la mật và ngay nơi đó khuyến trợ vậy.

Chư Thiên ở cõi Diệm thiên đem danh hoa trên trời, đem danh hoa trời tốt đẹp, hương bột, hương ướp, hương đốt, hương xông, lụa là, lọng hoa, cờ phướn, kỹ nhạc vui chơi cõi trời dâng cúng dường Đức Phật. Cúng dường xong, đồng bạch Phật:

–Kính bạch Đấng Thiên Trung Thiên là Bậc đại thí tột bực! Đại Bồ-tát với phương tiện quyền xảo mới có thể làm được việc bố thí này. Công đức của bố thí này rất lớn. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này học Bát nhã Ba la mật và ngay nơi đó khuyến trợ.

Chư Thiên ở cõi trời Đâu-suất đem hoa trời, hương bột, hương ướp, hương xông, lụa là, lọng hoa, cờ phướn và kỹ nhạc vui chơi trên cõi trời dâng cúng dường Đức Phật. Cúng dường xong cùng bạch Phật:

–Kính bạch Đấng Thiên Trung Thiên là Bậc đại thí tột bực! Đại Bồ-tát với phương tiện quyền xảo mới làm được việc bố thí này. Công đức của bố thí này rất lớn. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này học Bát nhã Ba la mật và ngay nơi đó khuyến trợ.

Chư Thiên trên cõi trời Ni-ma-la-đề đem hoa trời, hương bột, hương ướp, hương xông, lụa là, lọng hoa, cờ phướn và kỹ nhạc vui chơi trên cõi trời dâng cúng dường Đức Phật. Cúng dường xong, cùng bạch Phật:

–Kính bạch Đấng Thiên Trung Thiên là Bậc đại thí tột bực! Đại Bồ-tát với phương tiện quyền xảo mới làm được việc bố thí này. Công đức rất là tôn quý. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này học Bát-nhã bala-mật và ngay nơi đó khuyến trợ.

Chư Thiên trên cõi Ba-la-ni-mật-hòa-đa-bạt-trí-thiên đem danh hoa, hương bột, hương ướp, hương xông, lụa là, lọng hoa, cờ phướn và kỹ nhạc vui chơi trên cõi trời dâng cúng dường Đức Phật. Cúng dường xong cùng bạch Phật:

–Kính bạch Đấng Thiên Trung Thiên là Bậc đại thí tột bực! Đại Bồ-tát với phương tiện quyền xảo mới có thể làm được việc bố thí này. Công đức rất lớn. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-lamật và ngay nơi đó khuyến trợ.

Chư Thiên trên cõi trời Phạm ma, và các cõi Phạm Ca-di thiên, Phạm phước lâu thiên, Phạm lợi sản thiên, Lệ thiên, Ba-lợi-đà thiên, Lệ-ba-na thiên, A-phả-hội thiên, Thủ-ha thiên, Ba-lợi-thủ-ha thiên, A-ba-ma-thủ thiên, Thủ-ha-ca thiên, Tỷ-y-phiên-la thiên, A-tỷ-da thiên, Tu-đà-thí thiên, Ni thiên… cho đến chư Thiên trên cõi trời Aca-nị-tra đều đầu mặt đảnh lễ sát chân Phật, thưa:

–Kính bạch Đấng Thiên Trung Thiên, thật lành thay! Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật làm công đức bố thí rất lớn. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này học Bát nhã Ba la mật và ngay nơi đó khuyến trợ.

Đức Phật dạy Thủ-đà:

–Hãy hộ vệ chư Thiên! An trí các Đại Bồ-tát trong tam thiên đại thiên quốc độ và trong cõi Phật nhiều như cát bên bờ sông Hằng đều thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại có người trong cõi Phật nhiều như cát sông Hằng cùng nhau cúng dường hàng Đại Bồ-tát này. Bố thí y phục, những việc đến đi, cúng dường ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh, kiếp số nhiều như cát sông Hằng. Tùy theo chỗ người đó ưa thích đều bố thí đầy đủ. Nếu có người làm những việc hơn đây cũng không sánh kịp Đại Bồ-tát khuyến trợ bố thí, vì chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai thân giữ giới thanh tịnh, thân thiền định, thân trí tuệ, thân giải thoát, thân giải thoát tri kiến và thân các Thanh văn. Công đức đã tạo được trong các thân đó biết hết tất cả cũng không sánh kịp công đức khuyến trợ. Người khuyến trợ, đó là người làm việc rất tôn quý, không ai có thể vượt qua. Làm việc khuyến trợ để trở thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Những điều mà Đấng Thiên Trung Thiên đã dạy thì hoàn toàn phù hợp, điều tôn quý nhất là không gì hơn khuyến trợ. Tùy hỷ tất cả để khuyến trợ. Khuyến trợ xong, Đại Bồ-tát từ nơi đó đắc được những pháp gì?

Đức Phật dạy Tu-bồ-đề:

–Người đạo đức nên biết pháp quá khứ, vị lai, hiện tại không thủ cũng không xả, cũng không sở tri, cũng không sở đắc. Pháp đó là pháp vô sở sinh, cũng vô sở diệt. Pháp đó không từ đâu sinh ra, cũng chẳng diệt về đâu. Ngay nơi pháp đó hoàn toàn không sinh, pháp đó cũng chẳng diệt về đâu. Ngay nơi pháp như vậy, đều tùy hỷ khuyến trợ. Đó là khuyến trợ. Người làm việc như vậy mau đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Vậy nên, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát khuyến trợ là tôn quý.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát ở chỗ chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai đã tùy hỷ làm việc bố thí, tùy hỷ khuyến trợ trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ để khuyến trợ họ. Hoan hỷ với sự giải thoát của họ mà khuyến trợ họ. Hoan hỷ với sự giải thoát tri kiến của họ mà khuyến trợ họ. Làm việc hoan hỷ khuyến trợ như vậy, làm cho được giải thoát, đó là bố thí, đó là nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Làm cho họ được giải thoát như vậy là đã giải thoát. Làm cho họ được giải thoát như vậy là hoan hỷ khuyến trợ. Làm cho họ được giải thoát đó là pháp. Thế nên tương lai chưa có người được giải thoát như vậy.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Làm cho rất nhiều cõi nước Phật ngay hiện tại được giải thoát, đó chính là đệ tử của chư Phật. Người làm cho được giải thoát rồi là đệ tử chư Phật quá khứ. Người làm cho hiện nay được giải thoát, đó là đệ tử chư Phật hiện tại. Ngay nơi pháp không trói, không dính, không mở. Pháp như vậy sẽ trở thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì bố thí từ trong đó nên không ai có thể vượt qua, không ai có thể phá hoại.

Đức Phật dạy:

–Thế nên, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát khuyến trợ là tôn quý hơn hết. Như trong cõi Phật nhiều như cát sông Hằng, Bồ-tát sống lâu kiếp số nhiều như cát sông Hằng, người trong cõi Phật nhiều như cát sông Hằng, cùng nhau cúng dường tất cả Đại Bồ-tát y phục, ẩm thực, sàng tọa, ngọa cụ, thuốc men trải qua kiếp số nhiều như cát sông Hằng. Này Tu-bồ-đề! Tất cả đều trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn mà không giải đãi, ngay nơi thiền định đắc được Tam-muội gấp trăm, gấp ngàn,

gấp vạn, gấp vô số vạn ức lần, không bằng công đức làm phước khuyến trợ. Công đức này rất cao quý, vượt lên trên tất cả.

QUYỂN 3
Phẩm 5: ĐỊA NGỤC

Ngài Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đại trí thành tựu rất nhiều, do Bát nhã Ba la mật đâu chẳng phải không có danh tự.

Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật là rất sáng. Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật trừ tối tăm. Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật không dính mắc. Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật rất tôn quý. Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Người không có mắt, Bát nhã Ba la mật làm cho có mắt. Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Người mê mờ, Bát nhã Ba la mật chỉ cho họ con đường. Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Nhất thiết trí tức là Bát nhã Ba la mật. Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát-nhã ba-lamật là mẹ của Đại Bồ-tát. Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Không sinh, không diệt tức là Bát nhã Ba la mật. Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đầy đủ tam chuyển, mười hai hành pháp luân là chuyển Bát nhã Ba la mật. Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật là làm cho tất cả những kẻ khốn khổ được hoàn toàn an ổn. Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật làm hộ trì trong sinh tử. Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật đối với tất cả các pháp đều tự nhiên. Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đại Bồ-tát phải làm thế nào để được trụ trong Bát nhã Ba la mật?

Đức Phật dạy Xá-lợi-phất:

–Thế Tôn do trụ Bát nhã Ba la mật, người kính tin Phật nên tự quay về Bát nhã Ba la mật.

Thích Đề-hoàn Nhân nghĩ: "Tôn giả Xá-lợi-phất vì lẽ gì thưa câu hỏi này?" Ngay khi đó, Thích Đề-hoàn Nhân hỏi ngài Xá-lợiphất:

–Do nguyên nhân nào Tôn giả nêu câu hỏi này?

Ngài Xá-lợi-phất bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Câu-dực! Bát nhã Ba la mật là hộ trì Bồ-tát. Nhân việc khuyến trợ làm phước đức tạo nên Nhất thiết trí, hơn việc làm phước của Bồ-tát. Vì người nào Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, giống như người từ lúc mới sinh ra đã bị mù. Nếu có trăm người, ngàn người, vạn người, ngàn vạn người mà không có người ở trước dẫn đường thì những người này muốn đi đến chỗ nào, hoặc muốn vào trong thành, sẽ không biết nên đi như thế nào.

Như vậy, này Câu-dực! Năm pháp Ba-la-mật cũng như người mù không thấy. người lìa Bát nhã Ba la mật cũng vậy, muốn vào Nhất thiết trí không biết phải đi như thế nào. Bát nhã Ba la mật hộ trì năm pháp Ba-la-mật là cho mắt sáng. Bát nhã Ba la mật là ủng hộ, là làm cho năm pháp Ba-la-mật kia đều có được danh tự.

Ngài Xá-lợi-phất bạch:

–Làm sao để thủ hộ và nhập vào Bát nhã Ba la mật?

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Sắc, chẳng thấy chỗ nhập. Thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng thấy có chỗ nhập. Xét kỹ năm ấm cũng chẳng thấy chỗ nhập. Đó là thủ hộ Bát nhã Ba la mật.

Ngài Xá-lợi-phất thưa:

–Như vậy, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ngài cho rằng thủ hộ Bát nhã Ba la mật, làm người thủ hộ như vậy là để được pháp gì?

Đức Phật dạy Xá-lợi-phất:

–Không thủ hộ, đó là đạt đến thủ hộ pháp, là Bát-nhã ba-lamật.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bát nhã Ba la mật không đạt đến Nhất thiết trí, cũng không thể đạt được, cũng không mong thủ hộ. Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đối với sinh tử cũng không có chỗ đạt đến, thì lấy gì để đạt đến?

Đức Phật dạy:

–Không mong đạt, nên đạt.

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Ít có người kịp. Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Như Bát nhã Ba la mật đối với các pháp, các pháp không sánh, không diệt thì nên trụ ở chỗ nào để vô trụ?

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bồ-tát ngay khi nghĩ như vậy liền lìa Bát nhã Ba la mật.

Đức Phật dạy Tu-bồ-đề:

–Hoặc nếu có nguyên nhân liền nghĩ đến Bát nhã Ba la mật. Biết Bát nhã Ba la mật là không, không có sở hữu, không gần, không xa, nên đó là Bát nhã Ba la mật của Đại Bồ-tát.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bát nhã Ba la mật tin vào pháp gì?

Đức Phật dạy Tu-bồ-đề:

–Người có Bát nhã Ba la mật là không tin sắc; cũng không tin thọ, tưởng, hành, thức; không tin đạo Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-nahàm, A-la-hán, Bích-chi-phật.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đại Bát nhã Ba la mật tức Bát nhã Ba la mật.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Làm thế nào để biết Bát nhã Ba la mật là từ Bát-nhã Ba-lamật? Này Tu-bồ-đề! Đối với sắc không lớn không nhỏ, không lấy sắc làm sự chứng đắc. Cũng không bị sắc, thọ, tưởng, hành, thức làm sự chứng đắc. Cũng không lớn không nhỏ. Không lấy thức làm sự chứng đắc, cũng không bị thức làm sự chứng đắc; liền ngay nơi Như Lai Chánh Đẳng Giác đạt được mười loại lực, không còn bị yếu. Nhất thiết trí không rộng không hẹp. Vì sao? Vì biết Nhất thiết trí không rộng không hẹp nên đối với Bát nhã Ba la mật không có chỗ thực hành. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật không có nơi chốn. Người nào ngay nơi đó mong cầu, nghĩa là có sở hữu, thì đó là điều rất sai trái. Vì sao? Vì người không từ đâu sinh ra. Bát nhã Ba la mật và người đều là tự nhiên. Người không thấy chính xác về Bát nhã Ba la mật nên chắc chắn không thể phân biệt. Người cũng không hủy hoại, Bát nhã Ba la mật cũng vậy. Người như Bát nhã Ba la mật, liền đắc Chánh giác. Người cũng có năng lực nên Như Lai cũng thị hiện có năng lực.

Ngài Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật rất sâu xa, rất sâu xa! Đại Bồ-tát nào tin Bát nhã Ba la mật, không nói về những lỗi trong đó, cũng không nghi ngờ. Người này từ nơi nào sinh đến đây để hành đạo Bồ-tát? Từ đó đến nay nghe và hiểu được bao nhiêu việc của Bát nhã Ba la mật? Theo chỗ chỉ dạy mà đi vào trong đó.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Từ cõi Phật phương khác sinh đến nơi đây. Đại Bồ-tát này ở phương khác đã cúng dường Phật, từng được thọ ký, được nghe Bát nhã Ba la mật. Do đây nên được nghe Bát nhã Ba la mật và tự nghĩ: Ta như được thấy Phật không khác.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Không thể thấy, nghe Bát nhã Ba la mật được không?

Đức Phật dạy:

–Không thể thấy được.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bồ-tát theo học Bát nhã Ba la mật rất sâu xa, từ khi thực hành đến nay bao nhiêu người được nghe?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đó không phải là một lớp học đạo, mỗi người đều có tâm cúng dường ngần ấy trăm Đức Phật, ngần ấy ngàn Đức Phật, toàn bộ đều thấy mình đã ở nơi Bát nhã Ba la mật, đều thực hành giới pháp thanh tịnh xong, nếu có kẻ ở giữa đại chúng nghe Bát nhã Ba la mật mà bỏ đi vì không cung kính pháp của Đại Bồ-tát. Khi Phật thuyết Bát nhã Ba la mật sâu xa, người này bỏ đi không muốn nghe. Vì sao? Vì người này ở đời trước khi nghe Bát nhã Ba la mật đã bỏ đi nên cũng không vận dụng thân tâm nghe. Đây là việc làm của hạng người vô tri. Do vì tội này nên nếu nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa, lại ngăn trở người, không cho họ nói. Người ngăn trở Bát-nhã ba-lamật là ngăn trở Nhất thiết trí.

Người ngăn trở Nhất thiết trí là ngăn trở Phật quá khứ, hiện tại, vị lai. Vì tội đoạn pháp này, khi chết người ấy đọa vào trong địa ngục Nê-lê, ngần ấy trăm ngàn năm, ngần ấy ngàn ức vạn năm, sẽ chịu bao nhiêu nỗi đau đớn gay gắt ở địa ngục Nê-lê không thể nào tả xiết. Tuổi thọ trong địa ngục đó hết rồi thì người ấy chuyển sinh vào trong đại địa ngục Nê-lê ở phương khác. Tuổi thọ ở địa ngục đó lại hết, người ấy lần lượt chuyển đến phương khác rồi sinh trong đại địa ngục Nê-lê.

Ngài Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Tội này bị đọa trong năm đường nghịch ác.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Tội này dù muốn chỉ rõ cũng không thể đưa ra ví dụ. Nếu khi đọc tụng thâm nhập Bát nhã Ba la mật, tâm người đó nghi ngờ pháp, cũng không chịu học, nghĩ và nói rằng: “Đây chẳng phải là Như Lai thuyết.” Ngăn chận người khác rằng: “Chẳng cần phải học.” Đây là người tự phá hoại mình, lại phá hoại người khác. Tự mình uống thuốc độc, lại bảo người khác uống thuốc độc. Bọn người này là bọn đã tự mình quên mất, lại làm cho người khác quên mất. Chính mình không hiểu biết Bát nhã Ba la mật sâu xa, trở lại phá hoại người khác. Bọn người này không nên gặp họ.

Này Xá-lợi-phất! Không nên cùng với bọn người này cùng ngồi chung, cùng nói chuyện, cùng ăn uống. Vì sao? Vì bọn người này phỉ báng pháp, tự mình ở trong chỗ tối tăm, lại dẫn người khác vào chỗ tối tăm. Người tự uống thuốc độc giết hại mình không khác với người đoạn pháp. Người này nói ra điều gì có người tin, do tin theo lời nói đó, người đó bị tội đồng như nhau không khác. Vì sao? Vì phỉ báng lời Đức Phật dạy. Phỉ báng Bát nhã Ba la mật là phỉ báng tất cả pháp.

Ngài Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Con nguyện muốn nghe người phỉ báng chịu những hình phạt giống loại nào? Không biết nơi chốn và thân đó lớn thế nào?

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Người phỉ báng pháp, bỗng dưng được nghe việc này, người

này máu từ nơi miệng, mũi liền trào ra, người sợ hãi chết ngất, do đó rất đau đớn. Người nghe những việc đó trong lòng sầu khổ và chết, giống như chặt hoa để giữa trưa, liền bị héo khô.

Ngài Xá-lợi-phất thưa:

–Kính bạch Thế Tôn! Nguyện vì người, xin Thế Tôn dạy những việc đó để cho họ biết thân người đó chịu những hình phạt như thế nào. Nguyện vì người đời sau làm ánh sáng lớn. Người nào được nghe, lo sợ sẽ tự nghĩ: “Ta không thể phỉ báng và đoạn pháp như người kia.”

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đây là chỉ cho người biết cái rất sáng suốt. Do nhân tạo tội nên thọ thân hình rất xấu xí, ở chỗ rất khổ cực, dơ dáy, hôi hám. Thật tình không thể tả hết. Nỗi thống khổ đó rất nhiều và rất lâu dài. Thiện nam, thiện nữ nghe lời này đủ để không còn dám trở lại phỉ báng.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ chỉ vì nghe những điều người ấy nói ra nên mới đưa đến tội này.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Người ngu si này ở trong pháp của ta là Sa-môn, trở lại phỉ báng Bát nhã Ba la mật, nói rằng: “chẳng phải đạo”. Đó là người ngăn trở Bát nhã Ba la mật, ngăn trở Phật, Bồ-tát. Do ngăn trở Phật, Bồ-tát nên bị đoạn dứt Nhất thiết trí Phật quá khứ, hiện tại, vị lai. Người đoạn Nhất thiết trí là đoạn pháp. Người đoạn pháp là đoạn Tỳ-kheo Tăng. Do đoạn Tỳ-kheo nên chịu vô lượng, vô số tội.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Người nào đoạn Bát nhã Ba la mật, bị đoạn bao nhiêu việc?

Đức Phật dạy Tu-bồ-đề:

–Vì ở trong chỗ ma nên thiện nam, thiện nữ này không tin, không ưa. Do hai việc này nên luôn đoạn Bát nhã Ba la mật thậm thâm. Lại nữa, Tu-bồ-đề! Người đoạn Bát nhã Ba la mật lại có bốn việc. Thế nào la bốn việc? Đó là:

1- Nghe theo lời dạy của thầy xấu.

2- Không học theo Bát nhã Ba la mật.

3. Không nương theo pháp lớn.

4- Chủ trương việc làm bêu riếu, tìm tòi khuyết điểm của người và tự mình cao ngạo, kiêu mạn. Đó là bốn việc.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ít có người tin Bát nhã Ba la mật bởi vì họ chẳng hiểu rõ pháp này.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đúng như vậy! Đúng như vậy! Ít có người tin Bát-nhã ba-lamật bởi vì họ không hiểu pháp này.

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Vì lẽ gì ít có người tin Bát nhã Ba la mật sâu xa?

Đức Phật dạy Tu-bồ-đề:

–Sắc không dính, không buộc, không mở. Vì sao? Vì sắc tự nhiên của sắc. Thọ, tưởng, hành, thức không dính, không buộc, không mở. Vì sao? Vì tự thể của thức là thức.

Sắc quá khứ không dính, không buộc, không mở. Vì sao? Vì tự thể của quá khứ vậy. Sắc vị lai không dính, không buộc, không mở. Vì sao? Vì tự thể của sắc vị lai vậy. Sắc hiện tại không dính, không buộc, không mở. Vì sao? Vì tự thể của sắc hiện tại vậy.

Thọ, tưởng, hành, thức không dính, không buộc, không mở. Vì sao? Vì tự thể của sắc quá khứ vậy. Thức tương lai không dính, không buộc, không mở. Vì sao? Vì tự thể của vị lai. Thức hiện tại không dính, không buộc, không mở. Vì sao? Vì tự thể của thức. Vì vậy cho nên, này Tu-bồ-đề! ít có người tin Bát nhã Ba la mật thậm thâm.

QUYỂN 3

Phẩm 6: THANH TỊNH

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Ít có người hiểu Bát nhã Ba la mật do vì bỏ qua không học tập.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đúng như vậy! Đúng như vậy! Ít có người hiểu Bát-nhã ba-lamật vì không gần gũi học tập để đạt đến. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Sắc thanh tịnh, đạo cũng thanh tịnh, nên ta nói sắc thanh tịnh, đạo cũng thanh tịnh. Thọ, tưởng, hành, thức cũng thanh tịnh nên nói đạo cũng thanh tịnh, vậy nên thức cũng thanh tịnh.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Sắc thanh tịnh, Nhất thiết trí cũng thanh tịnh. Sắc cũng thanh tịnh, thế nên sắc thanh tịnh, Nhất thiết trí cũng thanh tịnh như nhau không khác. Vì vậy nên nói vì không đoạn quá khứ.

Ngài Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Thanh tịnh là thậm thâm.

Đức Phật dạy:

–Rất thanh tịnh.

Ngài Xá-lợi-phất thưa:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Rất thanh tịnh, rất trong sáng.

Đức Phật dạy:

–Rất thanh tịnh.

Ngài Xá-lợi-phất thưa:

–Thanh tịnh không cấu nhiễm, thanh tịnh không tỳ vết, thanh tịnh không sở hữu, thanh tịnh đối với dục nhưng không dục. Thanh tịnh ngay nơi sắc nhưng không sắc.

Đức Phật dạy:

–Rất thanh tịnh.

Ngài Xá-lợi-phất thưa:

–Không sinh là sắc rất thanh tịnh. Ngay nơi hữu trí mà vô trí, rất thanh tịnh. Ngay nơi trí mà vô trí, rất thanh tịnh. Ngay nơi sắc hữu trí, vô hữu trí rất thanh tịnh. Ngay nơi thọ, tưởng, hành, thức nhưng hữu trí, vô hữu trí rất thanh tịnh. Bát nhã Ba la mật thâm diệu cũng rất thanh tịnh.

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Nhất thiết trí không tăng không giảm. Bát nhã Ba la mật rất thanh tịnh, không nắm bắt các pháp.

Đức Phật dạy:

–Rất thanh tịnh.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ngã thanh tịnh, sắc cũng thanh tịnh.

Đức Phật dạy:

–Vốn thanh tịnh.

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Cho nên nói ngã thanh tịnh. Thọ, tưởng, hành, thức cũng thanh tịnh.

Đức Phật dạy:

–Vốn thanh tịnh.

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ngã thanh tịnh, đạo cũng thanh tịnh. Ngã thanh tịnh, Nhất thiết trí cũng thanh tịnh. Ngã thanh tịnh không có đầu mối, ngã thanh tịnh không có ranh giới. Sắc cũng thanh tịnh không ranh giới.

Đức Phật dạy:

–Vốn thanh tịnh.

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Ngã không có ranh giới. Thọ, tưởng, hành, thức cũng không có ranh giới. Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên, người hiểu biết thanh tịnh tức là Đại Bồ-tát học Đại Bát nhã Ba la mật vậy. Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật cũng không ở chỗ này, cũng không ở chỗ kia, cũng không lìa đây, cũng không ở trung gian.

Đức Phật dạy:

–Vốn như vậy.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Đại Bồ-tát biết như vậy là người thực hành Bát-nhã ba-lamật. Người có tưởng liền lìa xa Bát nhã Ba la mật.

Đức Phật dạy:

–Lành thay, lành thay! Tu-bồ-đề! Có danh tự nên có tưởng, do tưởng nên có dính mắc.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Thật khó đạt Bát-nhã bala-mật, quyết định an ổn nơi dính mắc.

Ngài Xá-lợi-phất thưa:

–Thưa ngài Tu-bồ-đề! Dính mắc chỗ nào?

Ngài Tu-bồ-đề nói:

–Người biết sắc không, đó gọi là dính mắc. Biết thọ, tưởng, hành, thức, đó là dính mắc. Đối với pháp quá khứ biết là pháp quá khứ, đó là dính mắc. Đối với pháp vị lai biết là pháp vị lai, đó là dính mắc. Đối với pháp hiện tại biết là pháp hiện tại, đó là dính mắc. Người biết pháp là được công đức lớn. Phát tâm Bồ-tát là dính mắc.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi ngài Tu-bồ-đề:

–Sao gọi là dính mắc?

Ngài Tu-bồ-đề nói:

–Do tâm biết được. Này Câu-dực! Đem tâm biết này, Bồ-tát cho người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vốn thanh tịnh luôn có tạo tác. Thiện nam, thiện nữ được Bồ-tát khuyến trợ chỉ dạy để họ trở thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là giảng dạy chánh pháp. Ngay nơi thân tâm không có lỗi, có gieo trồng hạt giống Phật. Thiện nam, thiện nữ này do lìa các sự dính mắc, vì đã vứt bỏ sự tu hành từ đầu cho đến cùng cực.

Đức Phật dạy:

–Lành thay, lành thay! Tu-bồ-đề! Làm cho Đại Bồ-tát biết được nguồn gốc là biết rõ việc dính mắc. Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Có việc dính mắc rất sâu xa vi diệu. Nay ta nói rõ việc đó. Hãy lắng nghe kỹ! Lời nói đầu, giữa, cuối đều thiện.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Cúi xin Thế Tôn nói, con ưa thích được nghe.

Đức Phật dạy:

–Nếu thiện nam, thiện nữ đối với Đức Như Lai Chánh Đẳng Giác suy nghĩ nên phát khởi tưởng, theo chỗ nghĩ tưởng cho nên bị dính mắc vào Phật quá khứ, hiện tại, vị lai.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đối với pháp vô dư tùy hỷ khuyến trợ là người khuyến trợ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ngay nơi pháp nhưng không có pháp, nên nói không có quá khứ, hiện tại, vị lai. Do vậy không thể có người tạo tác, cũng không thể có tưởng, cũng không thể tạo nhân duyên. Có người không thể thấy, nghe và không thể biết.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Nguồn gốc này thanh tịnh thậm thâm.

Đức Phật dạy:

–Vốn thanh tịnh.

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Ngày nay con xin quy y Bát nhã Ba la mật.

Đức Phật dạy:

–Pháp không tác giả nên được thành Hiện đẳng giác.

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Các pháp thật ra không tạo nên Hiện đẳng giác.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Không có pháp đối đãi, vì nó vốn thanh tịnh. Chỉ có một pháp làm thanh tịnh, cũng không có sự tạo tác đối với tất cả.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Thế nên lìa các dính mắc là bỏ sự tu hành từ đầu cho đến cùng cực.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thật khó hiểu, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên!

Đức Phật dạy:

–Đúng như vậy! Không có người đắc Hiện đẳng giác.

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Bát nhã Ba la mật không thể suy tính, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên!

Đức Phật dạy:

–Đúng như vậy! Tu-bồ-đề! Chẳng phải chỗ tâm có thể biết được.

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Vì không có người làm.

Đức Phật dạy:

–Không có người làm nên không dính mắc!

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bồ-tát nên thực hành Bát nhã Ba la mật như thế nào?

Đức Phật dạy:

–Không nghĩ mình thực hành thọ, tưởng, hành, thức là thực hành Bát nhã Ba la mật, sắc không đầy đủ là sắc, là hành Bát nhã Ba la mật. Thọ, tưởng, hành, thức không đầy đủ là hành Bát nhã Ba la mật.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Khó kịp. Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên, ngay nơi dính mắc mà không dính mắc, đó chính thật là không dính mắc.

Đức Phật dạy:

–Không dính mắc sắc là thực hành Bát nhã Ba la mật. Người thực hành không dính mắc thọ, tưởng, hành, thức là hành Bát nhã Ba la mật. Đây là Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật nơi sắc không dính mắc; ngay nơi thọ, tưởng, hành, thức không dính mắc.

Đối với đạo Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật cũng không dính mắc. Bởi vì lẽ gì? Bởi vì qua các sự dính mắc, lại từ nơi Nhất thiết trí phát xuất ra nên đó là Bát-nhã bala-mật.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Pháp Thế Tôn thuyết thậm thâm khó đạt. Nếu Thế Tôn có thuyết cũng không tăng, không khuyết cũng không giảm.

Đức Phật dạy:

–Đúng như vậy! Đúng như vậy! Này Tu-bồ-đề! Ví như Như Lai trọn đời khen ngợi về không thì không cũng không tăng; hoặc không khen ngợi không thì không cũng không giảm.

Ví như khen ngợi người huyễn thì người huyễn cũng không tăng; không khen ngợi người huyễn thì người huyễn cũng không giảm. Nghe điều tốt cũng không vui, nghe điều xấu cũng không buồn.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp, mỗi người đều đọc tụng, tu học pháp, pháp cũng không tăng không giảm.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Đại Bồ-tát rất khổ nhọc hành trì Bát nhã Ba la mật. Người nào thủ hộ Bát nhã Ba la mật thì không giải đãi, không khiếp sợ, không dao động, không thoái lui. Vì sao? Vì người thủ hộ Bát nhã Ba la mật là thủ hộ không, nên tất cả mọi người đều làm lễ Đại Bồ-tát, vì Đại Bồ-tát mặc áo giáp đại thệ nguyện, cùng với không mà chiến đấu.

Đại Bồ-tát vì tất cả mọi người nên mặc áo giáp đại thệ nguyện, vì tất cả mọi người nêu lên không. Đại Bồ-tát là người rất dũng mãnh.

Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Dùng pháp Không đạt đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được thành Hiện đẳng giác.

Có Tỳ-kheo khác nghĩ: “Ta nên quy y Bát nhã Ba la mật vì pháp đó không sinh, cũng không diệt.”

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi ngài Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát theo lời dạy của Bát nhã Ba la mật là dạy những gì?

Ngài Tu-bồ-đề nói:

–Là theo chỗ chỉ dạy về không.

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Chỗ nào là chỗ chỉ dạy không?

Ngài Tu-bồ-đề nói:

–Người muốn yên tịnh, đó là Đại Bồ-tát, là người biết Bát nhã Ba la mật.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Người lãnh thọ Bát nhã Ba la mật phải hộ trì trong thời gian bao lâu?

Ngài Tu-bồ-đề bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Thế nào, Câu-dực! Ông có thể thấy pháp là cần phải hộ trì hay sao mà ông nói là muốn hộ trì pháp?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Không phải.

Ngài Tu-bồ-đề bảo:

–Người học theo những gì Bát nhã Ba la mật chỉ dạy, chính là người đã được pháp hộ trì, là người làm theo pháp. Người hoặc chẳng phải người chắc chắn không thể phá hoại được người này.

Ngài Tu-bồ-đề nói:

–Nếu Đại Bồ-tát hộ trì pháp không là họ đã tập thực hành theo Bát nhã Ba la mật. Thế nào, này Câu-dực! Có thể giữ gìn tiếng vang được không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Không thể.

Ngài Tu-bồ-đề nói:

–Như vậy này Câu-dực! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-lamật, pháp đó cũng như tiếng vang. Do biết vậy nên cũng không nhớ nghĩ. Do không nhớ nghĩ tức là thực hành Bát nhã Ba la mật.

Nhờ oai thần của Đức Phật, các Tứ Thiên vương, Đế Thích, Phạm thiên và các hàng trời tôn quý trong tam thiên đại thiên quốc độ, tất cả đều đi đến trước chỗ Đức Phật, đảnh lễ Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi cùng đứng qua nột bên.

Chư Thiên, Thiên vương, Đế Thích, Phạm thiên nương oai thần của Đức Phật nên đều suy nghĩ: "Ngàn Đức Phật đều tên là Thích-ca Văn, Tỳ-kheo của Phật đều tên là Tu-bồ-đề. Người hỏi Bát-nhã bala-mật đều như Thích Đề-hoàn Nhân."

QUYỂN 4
Phẩm 7: PHÁP VỐN KHÔNG

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Các pháp theo thứ tự của nó, đó là sự trình bày pháp không bị tổn giảm. Các pháp không có đầu mối và tướng của các pháp không chướng ngại, như "không pháp" là không sinh, các pháp có sinh không thể đạt được, đó là pháp sinh nên không thể đắc.

Các Thiên tử cõi Dục, cõi Phạm đồng bạch Phật:

–Tịch tĩnh là đệ tử Phật. Nay Tôn giả Tu-bồ-đề nói tất cả đều không.

Ngài Tu-bồ-đề bảo các Thiên tử:

–Vì đó là theo lời của Như Lai.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Làm thế nào để biết đó là lời dạy của Như Lai?

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Như Lai vốn là không, đó là theo lời dạy của Như Lai. Các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại thảy đều không.

Đức Phật dạy:

–Người theo pháp vốn không là theo lời dạy của Như Lai. Các pháp cũng vốn là không, Như Lai cũng vốn là không. Tất cả vốn là không, hoàn toàn vốn là không. Đó là Tu-bồ-đề đã theo lời Như Lai dạy. Không khác với pháp vốn không, đó là lời Như Lai dạy. Không khác, không có khác theo Như Lai dạy, đó là theo pháp vốn không.

Pháp vốn không, đó là Như Lai. Chỗ an trụ mà Tu-bồ-đề an trụ là theo dạy của Như Lai. Như Như Lai vốn là không, không chướng ngại, các pháp cũng vốn là không, không chướng ngại.

Vậy nên Tubồ-đề là người vâng theo lời dạy của Như Lai, vì giống như Như Lai vốn là không, nên đối với pháp cũng vốn là không, hoàn toàn vốn là không, giống nhau không khác.

Ngã, cũng không có sự tạo tác. Pháp vốn không, cũng không có sự tạo tác. Tất cả đều vốn là không, lại cũng không phải vốn là không. Như pháp vốn không, vốn là không ngã, cũng như vậy. Tubồ-đề là người theo lời Như Lai dạy. Như Như Lai vốn là không, không khác, không có khác. Thế nên các pháp cũng vốn là không, không khác, không có khác. Đó là pháp vốn không của Như Lai, không hư hoại, cũng không mục nát, không thể đắc.

Vậy nên Tu-bồ-đề là người vâng theo lời dạy của Như Lai. Như Lai cùng các pháp đều vốn là không, không khác, cũng chẳng phải không khác. Pháp vốn không cũng không có khác, vốn là không, hoàn toàn vốn là không. Tu-bồ-đề đã vâng theo để đi vào mà không tính toán. Con người cũng không có chỗ đi vào, đó là theo lời dạy của Như Lai.

Như Lai đó vốn là không, cũng không quá khứ, vị lai, hiện tại. Các pháp đều vốn là không, nên cũng không quá khứ, vị lai, hiện tại. Do vậy nên Tu-bồ-đề là người vâng theo lời dạy của Như Lai. Do Như Lai vốn không, liền nói Như Lai dạy. Như Lai vốn là không, vị lai cũng vốn là không, quá khứ cũng vốn là không, hiện tại cũng vốn là không. Do quá khứ vốn là không, nên Như Lai dạy đó đều vốn là không. Do vị lai vốn là không, nên Như Lai dạy đó đề vốn là không. Do hiện tại vốn là không, nên Như Lai dạy đó đều vốn là không. Do quá khứ, vị lai, hiện tại vốn là không, nên Như Lai dạy đó đều vốn là không. Do quá khứ, vị lai, hiện tại vốn là không, nên Như Lai dạy đó đều vốn là không, chúng giống nhau không khác.

Như các pháp vốn là không, vậy nên, này Tu-bồ-đề! Chúng giống nhau không khác. Vì theo Như Lai dạy, chúng giống nhau không khác. Đó là vốn không của chân nghinh thỉnh đạt đến Hiện đẳng giác. Cũng đều vốn không giống nhau. Do vốn là không nên liền được tên hiệu Như Lai vốn là không.

Đất liền chấn động sáu cách. Như Lai nhân nơi pháp vốn là không này mà được thành tựu. Thế nên Tu-bồ-đề là người vâng theo lời dạy của Như Lai.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Vì không theo sắc, vì không theo thọ, tưởng, hành, thức, cũng không theo Tu-đà-hoàn đạo, cũng không theo Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật đạo. Vậy nên Tu-bồ-đề là người vâng theo lời dạy của Như Lai.

Ngài Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Pháp vốn không rất sâu xa.

Đức Phật dạy:

–Đúng như vậy! Pháp vốn không thật sự rất sâu xa.

Khi thuyết về pháp vốn không, ba trăm Tỳ-kheo đều đắc A-lahán, năm trăm Tỳ-kheo Ni đều đắc Tu-đà-hoàn đạo, năm trăm chư Thiên và người đều đạt được Vô sinh pháp nhẫn, sáu mươi Bồ-tát đều đắc A-la-hán đạo.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Các Bồ-tát này đã từng cúng dường năm trăm Đức Phật quá khứ, đã làm việc bố thí, giữ gìn tịnh giới thành tựu nhẫn nhục, tinh tấn và đầy đủ thiền định. Bởi không đắc phương tiện quyền xảo của Bát nhã Ba la mật nên tuy là Đại Bồ-tát có đạo ý thể nhập vào Không, Vô tướng, Vô

nguyện, vì xa lìa phương tiện quyền xảo, giữa đường đã cho là cứu cánh nên chứng đắc Thanh văn.

Này Xá-lợi-phất! Ví như có con chim lớn, thân của nó hoặc bốn ngàn dặm, hoặc tám ngàn dặm, một vạn hai ngàn dặm, một vạn sáu ngàn dặm, hoặc ba vạn dặm, từ trên trời Đao-lợi muốn đi đến Diêm-phù-đề, nhưng con chim này thì không có cánh để bay, nó bèn từ trên trời Đao-lợi lộn nhào xuống đất. Thế nào, Xá-lợiphất! Con chim này giữa đường muốn quay trở lại trên trời Đao-lợi có thể được không?

Ngài Xá-lợi-phất thưa:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên, không thể được!

Đức Phật dạy:

–Con chim này rơi đến cõi Diêm-phù, muốn thân nó không đau đớn, có thể được không?

Ngài Xá-lợi-phất thưa:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Không thể được, con chim này rơi xuống đất, thân nó không thể không bị đau đớn, hoặc là nó sẽ chết, hoặc nó sẽ bị buồn bực cực độ. Vì sao? Vì thân nó rất lớn mà lại không có cánh.

Đức Phật dạy:

–Đúng như vậy! Này Xá-lợi-phất! Giả sử Đại Bồ-tát làm việc bố thí, hộ trì tịnh giới, thành tựu nhẫn nhục, việc làm tinh tấn, thiền định nghiêm túc, phát tâm rất lớn, trải qua kiếp số như cát sông Hằng, muốn độ tất cả thành Vô thượng Bồ-đề, nhưng không có phương tiện quyền xảo của Bát nhã Ba la mật nên giữa đường bị rơi trở lại địa vị Thanh văn, Bích-chi-phật.

Như vậy, này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát đối với chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai không trì giới, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến tuệ, mà trở lại phát sinh tưởng, đó là không giữ giới, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến tuệ của Như Lai. Vì không biết lời dạy của Như Lai nên không hiểu không biết, chỉ nghe trên lời nói mà tưởng như vậy. Như điều đã nghe, muốn trở thành Vô thượng Bồ-đề, điều đó không thể nào đạt được, nên giữa đường chứng đắc địa vị Thanh văn, Bích-chi-phật đạo. Vì sao? Vì như vậy là không đắc phương tiện quyền xảo của Bát nhã Ba la mật.

Ngài Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Con nhớ Đức Phật có dạy rằng nếu lìa phương tiện quyền xảo của Bát nhã Ba la mật thì không thể đạt đến Vô thượng Bồ-đề. Đại Bồ-tát nào muốn đắc Vô thượng Bồ-đề nên sáng suốt học tập phương tiện quyền xảo của Bát nhã Ba la mật.

Các Thiên tử cõi Dục, cõi Sắc đồng bạch Phật:

–Bát nhã Ba la mật thật sâu xa, khó hiểu, khó rõ, bỗng nhiên không thể đắc được Vô thượng Chánh giác!

Đức Phật bảo các Thiên tử:

–Đúng như vậy! Bát nhã Ba la mật thậm thâm khó hiểu rõ, bỗng chốc không thể đắc Vô thượng Chánh giác.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật khó hiểu rõ. Nhưng con nghĩ, người có trí tuệ như vậy mới có thể đắc Vô thượng Chánh giác. Vì sao? Vì cũng không ngay nơi đó mà

đắc Chánh giác nên nói là “pháp không”, không tạo nên Chánh giác. Do pháp không, nên đối với pháp cũng không thể đắc, sẽ tạo nên Chánh giác, nên các pháp đều không. Ngay nơi các pháp không có sở hữu, đó là pháp ngữ. Không tạo nên Chánh giác nên gọi đó là pháp không, không tạo nên Chánh giác, cũng không đắc Chánh giác. Người nghĩ tất cả pháp đều không, người học theo như vậy. Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bỗng chốc đắc Vô thượng Chánh giác, thành bậc Chánh giác.

Ngài Xá-lợi-phất bảo ngài Tu-bồ-đề:

–Như thầy nói, bỗng chốc đắc Vô thượng Chánh giác, điều đó thật là khó. Vì sao? Vì “không” không nghĩ rằng ta sẽ tạo nên Vô thượng Chánh giác, thành bậc Chánh giác. Pháp như vậy dễ đắc Chánh giác. Vì sao? Vì các Bồ-tát nhiều như cát sông Hằng, làm sao xoay trở lại?

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Nên biết như vậy. Không vì bỗng nhiên, khó đắc Vô thượng Chánh giác.

Ngài Tu-bồ-đề hỏi ngài Xá-lợi-phất:

–Do trở lại sắc không, thì có trở thành Vô thượng Chánh giác không?

Đáp:

–Thưa không.

Hỏi:

–Do trở lại thọ, tưởng, hành, thức không nên trở thành Vô thượng Chánh giác phải không?

Đáp:

–Thưa không.

Hỏi:

–Có thể có sắc khác đắc pháp thì không trở thành Vô thượng Chánh giác phải không?

Đáp:

–Thưa không.

Hỏi:

–Có thể có thọ, tưởng, hành, thức khác đắc pháp thì không trở thành Vô thượng Chánh giác phải không?

Đáp: –Thưa không

Hỏi:

–Sắc vốn không thì không trở thành Vô thượng Chánh giác phải không?

Đáp:

–Thưa không.

Hỏi:

–Thọ, tưởng, hành, thức thì không trở thành Vô thượng Chánh giác phải không?

Đáp:

–Thưa không.

Hỏi:

–Thế nào, thưa ngài Xá-lợi-phất! Có thể có sắc khác vốn không, đắc pháp đó thì không trở thành Vô thượng Chánh giác phải không?

Đáp:

–Thưa không.

Hỏi:

–Có thể có thọ, tưởng, hành, thức khác vốn không, đắc pháp đó thì không trở lại thành Vô thượng Chánh giác phải không?

Đáp:

–Thưa không.

Hỏi:

–Thế nào, thưa ngài Xá-lợi-phất! Pháp vốn không thì không trở thành Vô thượng Chánh giác phải không?

Đáp:

–Thưa không.

Hỏi:

–Có thể có pháp vốn không nào khác nữa, đắc pháp đó thì không trở thành Vô thượng Chánh giác phải không?

Đáp: –Thưa không

Hỏi:

–Giả sử ngay nơi pháp này không đắc, thì pháp nào bị thoái chuyển trở thành Vô thượng Chánh giác?

Ngài Xá-lợi-phất bảo Tu-bồ-đề:

–Pháp như thầy đã thuyết thì không có Bồ-tát được không thoái chuyển.

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Bồ-tát là người có ba đức. Đó là Như Lai dạy: Là Phật hành hạnh Bồ-tát không thể kể ba đức trên, như Tu-bồ-đề đã nói.

Phân-nậu-văn-đà-ni-phất thưa ngài Xá-lợi-phất:

–Thầy Tu-bồ-đề thuyết Nhất đạo nhưng phải hỏi việc đó.

Ngài Xá-lợi-phất bảo Tu-bồ-đề:

–Thưa ngài Tu-bồ-đề! Tôi muốn hỏi điều mà ngài thuyết về Nhất đạo và hỏi về việc Phật hành Bồ-tát.

Ngài Tu-bồ-đề nói:

–Thế nào, ngài Xá-lợi-phất! Ngay trong pháp vốn không có thể thấy hai đạo, đó là Thanh văn đạo và Bích-chi-phật đạo không?

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Trong pháp vốn không không thấy được hai việc ấy.

Ngài Tu-bồ-đề nói :

–Thế nào, ngài Xá-lợi-phất! Pháp vốn không là một phải không? Cho nên nói đắc. Nếu Đại Bồ-tát nào nghe pháp vốn không, không giải đãi, thì Đại Bồ-tát này đã thành tựu Bồ-tát.

Đức Phật dạy:

–Lành thay, lành thay! Tu-bồ-đề! Giống như người đã thuyết không khác, là chỗ oai thần chư Phật đạt đến. Đây là pháp vốn không của Đại Bồ-tát, không có khác. Nếu Bồ-tát nào không giải đãi thì biết đã thành tựu Bồ-tát.

Ngài Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Sao gọi là Bồ-tát?

Đức Phật dạy Xá-lợi-phất:

–Chính là người thành tựu Vô thượng Chánh giác vậy.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Sao gọi là Đại Bồ-tát muốn thành tựu? Trụ ở chỗ nào?

Đức Phật dạy:

–Thấy tất cả mọi người đó bình đẳng không khác. Không có ý làm hại, lòng Từ thương xót mọi người như đối với chính mình không khác. Tâm người đó nhu hòa thương xót, không giận hờn, không chướng ngại, không nhiễu loạn, xem mọi người như cha mẹ mình không khác. Đó là chỗ trụ của tâm Bồ-tát, nên học như vậy.

QUYỂN 4
Phẩm 8: A-DUY-VIỆT-TRÍ

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Đại Bồ-tát không thoái chuyển dựa vào hành tướng gì mà biết đó là Đại Bồ-tát không thoái chuyển?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đối với người phàm và Thanh văn, Bích-chi-phật, cho đến địa vị Phật đạo nghe tất cả về pháp vốn không, nhưng không hề lay chuyển, cũng không thay đổi, ngay nơi pháp đó cũng vốn không. Đó là vốn không. Không lay động, đó là vượt qua. Như chỗ đã nghe không thay đổi, cũng không nghi ngờ, cũng không nói đúng, cũng không nói sai. Như pháp vốn không là không mất. Lời nói của người đó không khinh bạc, không nói những việc khác, chỉ nói việc chính đáng. Không dòm ngó việc làm của người khác. Thấy vị ấy có đầy đủ hình tướng như vậy thì biết đó là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát không thoái chuyển không có hình tướng và diện mạo của Sa-môn, Bà-la-môn, rằng đây là Samôn, đây là Bà-la-môn. Hiểu biết rõ ràng đúng đắn, hoàn toàn không thờ tự lễ bái các vị trời khác, không đem hoa hương dâng lên những vị đó. Thấy vị ấy có đầy đủ hình tướng như vậy, thì biết đó là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát không thoái chuyển hoàn toàn không sinh ở những nơi xấu ác, không làm thân phụ nữ. Thấy vị ấy có đầy đủ hình tướng như vậy, thì biết đó là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát không thoái chuyển hoàn toàn không xa lìa mười điều lành. Chính mình không giết hại, dạy người không giết hại. Chính mình không trộm cắp, dạy người không trộm cắp. Chính mình không dâm dật, dạy người không dâm dật. Chính mình không hai lưỡi không nói lời hung ác, không nói thêu dệt, không ganh ghét, không tham lam, không si mê. Làm việc làm ngay thẳng đúng đắn, dạy người giữ gìn việc chân chánh. Đó là mười điều lành. Lại ngay trong giấc mộng cũng giữ gìn không mất mười điều lành. Đó là Đại Bồ-tát

không thoái chuyển ngay trong giấc mộng cũng thấy mười điều lành. Thấy vị ấy có đầy đủ hình tướng như vậy thì biết đó là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát không thoái chuyển đem pháp đã học muốn làm an ổn cho tất cả mọi người, thuyết pháp cho tất cả mọi người nghe. Đó là bố thí pháp, làm cho tất cả nọi người đắc pháp, đó tức là bố thí pháp cho tất cả. Thấy vị ấy có đầy đủ hình tướng như vậy thì biết đó là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát không thoái chuyển, dù vua chúa là người hùng trong mọi người, đem trí tuệ hiểu biết của mình nghe thuyết pháp thậm thâm hoàn toàn không nghi ngờ. Không nghi, không nói không tin, lời nói nhu hòa, lời nói dịu dàng, ít ngủ nghỉ, ra vào lui tới tâm không tán loạn, bước đi an nhàn thư thả, giở chân cất bước chọn chỗ đặt chân. Và trong y phục, mùng mền không có rận rệp, luôn luôn sạch sẽ. Cũng không lo buồn; trong thân không có tám mươi loại vi trùng. Vì lẽ gì? Vì Đại Bồ-tát này đã có công đức vượt lên trên công đức xuất thế gian, dần dà nếu muốn cho công đức đó được thành tựu viên mãn và tăng thêm lên thì thân của người ấy thanh tịnh và tâm cũng thanh tịnh.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Sao gọi là tâm Đại Bồ-tát thanh tịnh? Nên làm thế nào để biết?

Đức Phật dạy Tu-bồ-đề:

–Công đức Đại Bồ-tát đã tạo càng tăng thêm rất nhiều, dần dần vượt lên tột bực. Tâm Bồ-tát tự tại không ngăn ngại. Công đức đò đều nhờ tâm nên thanh tịnh. Vượt lên địa vị Thanh văn, Bích-chiphật đạo, đó là tâm Đại Bồ-tát thanh tịnh. Thấy vị ấy có đầy đủ hình tướng như vậy thì biết đó là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát không thoái chuyển không mong cầu tiền của, vật dụng, nếu ra làm việc cúng dường thì không keo kiệt xan tham. Khi thuyết pháp thậm thâm không mỏi mệt, thực hành theo điều mình hiểu. Có người muốn nghe pháp thậm thâm, liền đem Bát nhã Ba la mật giảng thuyết cho họ. Có ra làm việc với ngoại đạo hoặc việc thế gian, đem Bát nhã Ba la mật làm chủ yếu, vì muốn cho họ đi theo con đường chính. Nếu người ấy không hiểu thì Bồ-tát đem Bát nhã Ba la mật giải thích cho họ. Thấy vị ấy có đầy đủ hình tướng như vậy thì biết đó là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Người này đến chỗ nào, ác ma liền đến chỗ đó hóa làm tám địa ngục lớn, trong mỗi địa ngục hóa ra vô số trăm ngàn Bồ-tát liền chỉ thị rằng: “Những người này đều đã được Phật thọ ký rồi, đều là không thoái chuyển, nay đều đọa vào trong địa ngục cũng đều là do Phật thọ ký. Giả sử người nào được Tôn giả thọ ký là không thoái chuyển rồi, nên mau ăn năn rằng: “Ta không phải là không thoái chuyển.” Giả sử người nào nói như vậy, liền không đọa vào địa ngục, sẽ được sinh lên cõi trời.” Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Giả sử tâm người này không lay động, đó chính là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Đức Phật dạy:

–Những lời ta dạy không sai khác. Giả sử người đó sinh đến chỗ xấu xa thì lời Đức Phật dạy có sai khác. Thấy vị ấy có đầy đủ hình tướng như vậy thì biết đó là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ác ma hóa làm Sa-môn hoặc dùng y phục Sa-môn mặc vào, đến chỗ Đại Bồ-tát bảo: “Nếu người nào trước đã từ nơi ta được nghe, từ nơi ta được lãnh thọ, nay bỏ hết không dùng, hoặc nay sẽ tự ăn năn lỗi đó, hoặc nhanh chóng ăn năn theo lời ta dạy. Ta ngày ngày đi đến hỏi han. Nếu giả sử không vâng theo lời ta, quyết định không trở lại gặp gỡ. Nếu người không nói lời này chẳng phải lời Đức Phật dạy, đây đều là của ngoại đạo làm ra. Nay lời nói của ta chính là Phật đã dạy.” Đức Phật dạy:

–Người nghe những lời này mà lay động, nên biết đó là người không được Đức Phật quá khứ thọ ký, được cất nhắc lên từ Đại Bồ-tát. Có nhiều Đại Bồ-tát chưa đến được địa vị không thoái chuyển, giả sử không lay động, nghĩ đến pháp không có sinh tử, nghĩ không có sinh tử, tin lời người khác nói, ví như Tỳ-kheo đắc A-la-hán, không nghe theo lời nói của người khác, trong giấc ngủ được thấy pháp, lấy đó để làm chứng, đó là không sở hữu, hoàn toàn không lay động. Như pháp mà địa vị Thanh văn, Bích-chi-phật đạo đã nghĩ đến, những pháp không có thoái thất. Thấy vị ấy có đầy đủ hình tướng như vậy thì biết đó là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ác ma đi đến chỗ của Đại Bồ-tát hóa làm người khác nói: “Nếu có tìm cầu rất siêng năng thì chẳng phải hạnh Nhất thiết trí. Nếu dốc sức gánh vác là làm một cách khổ nhọc cần cù, hoặc nhờ vào sự khổ nhọc để làm. Không nên nhàm chán thoái lui. Nên dựa vào cái gì để tìm thân này? Người vì sao không sớm giữ lấy đại vị La-hán mà mong cầu làm Phật?” Đức Phật dạy:

–Giả sử người không lay động, ác ma lại bỏ đi, trở lại tìm phương kế hóa làm bao nhiêu Bồ-tát đứng ở một bên, lại nói lời chỉ dạy như vầy: “Ngươi thấy Bồ-tát này không? Đều cúng dường tất cả Đức Phật như cát sông Hằng, cúng dường đầy đủ tất cả y phục, ẩm thực, sàng tòa, ngọa cụ, thuốc men, đều ở chỗ các Đức Phật nhiều như cát sông Hằng thực hành giữ giới thanh tịnh đã học, thực hành theo điều học được bằng trí tuệ. Điều họ mong cầu là học hết tất cả và sống đúng như pháp. Vậy mà đến nay đều không thể đắc Vô thượng Chánh giác. Học như vậy xong, lãnh thọ như vậy xong, thực hành như vậy xong mà không thể đắc Nhất thiết trí, huống là người muốn đắc Vô thượng Chánh giác thế nào được?” Đức Phật dạy:

–Giả sử người này không lay động,ác ma liền lui đi, lại hóa làm Tỳ-kheo nói những lời thế này: “Đây đều là La-hán, đời quá khứ đều thực hành đạo Bồ-tát, nay chứng quả La-hán, mà nay còn làm Tỳ-kheo như đây, thì người sẽ từ chỗ nào đắc Vô thượng

Chánh giác?”

Đức Phật dạy:

–Đại Bồ-tát này tuy từ người khác nghe những lời này, tiếp tục tu hành, tâm không lay động, cũng không có tâm khác, biết rõ đó là ma làm.

Đức Phật dạy:

–Người nào học Bát nhã Ba la mật, thực hành theo đó không đắc Nhất thiết trí thì sẽ từ chỗ nào để đắc? Những lời Đức Phật dạy là không sai khác. Học như vậy, thực hành như vậy, như Bát-nhã bala-mật, tâm không lay động. Giả sử không đắc Nhất thiết trí thì lời Đức Phật dạy là có sai khác. Những lời Đức Phật dạy hoàn toàn không hư dối, Đại Bồ-tát nên học như vậy. Thấy vị ấy có đầy đủ hình tướng như vậy thì biết đó là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ác ma đi đến chỗ Bồ-tát không thoái chuyển nói lên lời rõ ràng rằng: "Nhất thiết trí như hư không. Pháp này không thể đạt ranh giới, pháp này không thể không có chỗ tận cùng để có thể đắc. Vì sao? Vì không có không thoái chuyển, cũng không đắc Phật Chánh giác. Nay được nhìn thấy pháp này, đều là hư dối, đều là trống không, chỗ làm của người chỉ là khổ nhọc, không giác tri ngay, đây là ma làm, làm sao muốn đắc Vô thượng

Chánh giác? Đây chẳng phải là Phật thuyết."

Đức Phật dạy;

–Thiện nam, thiện nữ này nên biết như vậy, nên nghĩ đây là việc làm của ma. Tâm người đó ngay thẳng, không lay động. Thấy vị ấy có đầy đủ hình tướng như vậy thì biết đó là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát không thoái chuyển muốn tu đệ Nhất thiền, đệ Nhị thiền, đệ Tam cho đến đệ Tứ thiền, Tamma-việt. Thuận theo bốn Thiền nhưng không lựa chọn tầng thiền nào trong Tứ thiền, đó là định, là sự ham muốn của người đó. Thấy vị ấy có đầy đủ hình tướng như vậy thì biết đó là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát không thoái chuyển không mong cầu danh tự hoặc lời nói khen ngợi, không nghĩ đến dục. Tâm người đó rộng lớn, chỉ nghĩ đến tất cả, làm cho tất cả được an ổn. Đi, đứng, nằm, ngồi tâm không tán loạn. Ra vào ý tứ, cung kính chí thành. Không mong có thế lực, không dâm dục, buông lung. Nếu dục đến, tự lo sợ cái dục đó. Đối với dục luôn có sự lo sợ. Ví như kẻ nam tử đi ngang qua giữa chốn rừng chằm rộng lớn, mênh mông hiu quạnh, muốn dừng lại nghỉ ngơi ăn uống, lại lo sợ giặc cướp, muốn mau được thoát khỏi chỗ này. Đại Bồ-tát không thoái chuyển cũng như vậy, khi ái dục đến, tự nghĩ đây là việc không nên làm, đây là điều bất chánh, là điếu quấy, chẳng phải là pháp ta nên làm. Cũng không nghĩ đến những việc xấu khác. Vì sao? Vì muốn làm cho tất cả đều được an ổn.

Đức Phật dạy:

–Người nghĩ như vậy đều là nhờ sức oai thần của Bát-nhã bala-mật. Thấy vị ấy có đầy đủ hình tướng như vậy, biết đó là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Dạ-xoa Hòa-di-la-hoàn thường theo Đại Bồ-tát không thoái chuyển, các quỷ thần khác không dám theo Bồ-tát, hoàn toàn không mất chi. Tâm người đó không tán loạn, thân cũng không phát sinh vọng tưởng. Thân thể hoàn bị, làm người hùng dũng, không dỗ dành phụ nữ của người khác. Người khác làm bùa chú hoặc thuốc độc, người này không làm những việc như vậy. Tự mình không làm, cũng không dạy người khác làm. Đó là Bồ-tát thanh tịnh. Không nói việc của kẻ nam người nữ, vì đó là những điều rất xấu xa. Thấy vị ấy có đầy đủ hình tướng như vậy biết đó là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát không thoái chuyển không nhóm họp làm những công việc cùng với người đời, không làm việc cho vua, không làm việc cho giặc, không làm việc cho binh lính, quân trận, không làm việc cho xóm làng, tụ lạc, không làm việc cho thành quách, không làm việc cho thế tục. Cũng không cùng người nữ, không cùng người nam, không cùng ngoại đạo, không làm việc vì thóc lúa, vì rượu chè, không thờ tự, cũng không dùng nhiều màu sắc, không hương, không hoa, không cười cợt, không ăn năn, cũng không lợi dưỡng, không tạo bao nhiêu thứ. Cũng không theo các việc sở hữu mà chỉ dựa theo việc của Bát nhã Ba la mật,

không lìa Nhất thiết trí, luôn nhớ nghĩ không quên. Cũng không làm việc chiến tranh. Tự giữ gìn pháp, thường làm việc ngay thẳng, không làm việc phi pháp. Thường khen ngợi người hiền, lấy đó làm hàng đầu. Đối với người, thường muốn gây nên sự thắm thiết thân tình chẳng gây ra sự thù oán xấu ác. Chỉ cầu pháp Như Lai, quyết muốn cầu sinh về cõi Phật ở phương khác. Cầu như vậy thì sẽ không sinh về chỗ kia. Do đây nên thường được thấy Phật, lại được cúng dường Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Có người từ cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, khi bỏ nơi đó đi họ sẽ sinh vào vùng giữa đất nước, thân ở trong gia đình hiền lành, hoặc sinh trong hàng thông minh trí tuệ, nói năng lưu loát. Hoặc ở trong gia đình hiểu biết kinh điển, không ưa tham dự việc nhỏ. Có sinh ở chốn biên địa thì sinh trong nước lớn, hoàn toàn không phạm pháp. Thấy vị ấy có đầy đủ hình tướng như vậy thì biết đó là Đại Bồ-tát không thoái chuyển. Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát không thoái chuyển cũng không nói ta là không thoái chuyển, cũng không nghĩ ta là không thoái chuyển, cũng không tự nghi ngờ ta không ở địa vị không thoái chuyển.

Ví như nam tử được địa vị Tu-đà-hoàn đạo, ngay nơi địa vị đó hoàn toàn không nghi ngờ. Việc ma tuy phát sinh liền biết rõ tất cả. Đã phát sinh, không theo mưu kế đó. Đại Bồ-tát không thoái chuyển cũng như vậy. Tự mình ngay nơi địa vị hoàn toàn không nghi ngờ, cũng không giải đãi. Việc ma tuy có phát sinh, liền biết rõ tất cả. Đã phát sinh rồi, không theo mưu kế đó. Ví như nam tử làm việc xấu ác, tâm người đó hoàn toàn không quên, cho đến lúc chết tâm cũng hoàn toàn không thay đổi. Đại Bồ-tát không thoái chuyển hoàn toàn không dời đổi. Tâm an trụ trung chính. Đối với Đại Bồ-tát không thoái chuyển, tâm hoàn toàn không lay động. Nhân gian, thiên thượng hoàn toàn không thể lay chuyển. Việc ma tuy có phát sinh, liền biết rõ tất cả. Đã phát sinh liền không theo mưu kế đó. Ngay nơi địa vị hoàn toàn không nghi ngờ. Cũng không có tâm Thanh văn, Bích-chi-phật, hoàn toàn không nghĩ rằng Phật khó đắc. Địa vị đó an ổn trang nghiêm, vững vàng không có ai hơn. Vì sao? Vì người trụ như vậy không ai có thể vượt qua. Ác ma rất buồn, liền hóa làm Phật, đi đến chỗ người đó bảo rằng: "Người nên chấp nhận quả vị La-hán, thì được Như Lai thọ ký đắc Vô thượng Chánh giác. Vì sao? Vì nếu không làm như vậy thì cũng không chứng đắc. Người có tâm như vậy, đầy đủ hành tướng như vậy có thể thành Đại Bồ-tát mà còn không chứng được Vô thượng Chánh giác, vậy người làm sao mà được thành Phật?"

Đức Phật dạy:

–Giả sử tâm Bồ-tát này không lay động thì biết đây là Đại Bồ-tát mà từ quá khứ, Đức Như Lai A-la-hán Đẳng Chánh Giác đã thọ ký rồi. Giả sử có người nghĩ biết ma làm giống như Phật đi đến, nam tử này biết là chẳng phải Phật, đây là ma làm. Người làm việc làm như vậy là để mong địa vị không thoái chuyển. Như Phật đã dạy, việc cua ma không có khác. Người thấy rõ như vậy nên suy nghĩ rằng: "Ma vì muốn làm cho ta thoái chuyển." Đức Phật dạy:

–Giả sử người bất động, đó là Đại Bồ-tát không thoái chuyển đã được Đức Như Lai A-la-hán Đẳng Chánh Giác từ quá khứ thọ ký, đã trụ vào địa vị không thoái chuyển. Vì sao? Vì thấy vị ấy có đầy đủ hình tướng như vậy thì biết đó chính là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát không thoái chuyển nhờ pháp nên không tham sở hữu, cũng không tiếc mạng sống của mình. Đại Bồ-tát này vì muốn nhận lấy và hộ trì pháp của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Người muốn hộ pháp của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại chỉ vì số

đông, đây là pháp thọ ký, đây là pháp hộ trì. Nhờ vậy, nên không tiếc vật gì. Cũng không tiếc thân mạng, chưa từng có lúc nào giải đãi, cũng không có mỏi mệt. Vì thấy vị ấy có đầy đủ hình tướng như vậy thì biết đó chính là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Pháp của Đức Như Lai A-la-hán Chánh Đẳng Giác nói ra cho Đại Bồ-tát không thoái chuyển, chưa hề có sự nghi ngờ và cũng không nói điều gì sai trái.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Pháp Như Lai thuyết cũng không có điều nghi ngờ và Ngài không nói sai. Ngài nói pháp cho hàng Thanh văn cũng không có sự nghi ngờ, cũng chẳng nói sai. Pháp của các Thanh văn nói ra ở trong đó cũng không có sự nghi ngờ và cũng chẳng nói sai.

Đức Phật dạy:

–Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vị Đại Bồ-tát ấy đạt được Vô sở tùng sinh pháp lạc nhẫn. Vì thấy vị ấy có đầy đủ hình tướng như vậy, thì biết đó chính là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

QUYỂN 4
Phẩm 9: ƯU-BÀ-DI HẰNG-GIÁ-ĐIỀU

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thật lành thay! Đại Bồ-tát không thoái chuyển nhờ công đức đạt đến không thoái chuyển nhiều như số cát Hằng để làm tướng ứng hiện. Hôm nay Đức Thiên Trung Thiên thuyết pháp thậm thâm là sự thực hành của Đại Bồ-tát.

Đức Phật dạy:

–Lành thay, lành thay! Này Tu-bồ-đề! Lời nói của ông thật là thậm thâm. Đây tức là Không, Vô tướng, Vô nguyện, vô sinh tử, vô sở sinh, vô sở hữu, vô sở dục. Đó là Diệt. Niết-bàn là giới hạn.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Niết-bàn là giới hạn, không thuộc về các pháp.

Đức Phật dạy Tu-bồ-đề:

–Các pháp thậm thâm. Vì sao? Vì sắc thậm thâm. Này Tu-bồđề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng thậm thâm. Ấm cũng thậm thâm như sắc thậm thâm.

Này Tu-bồ-đề! Sao gọi là thọ, tưởng, hành, thức thậm thâm? Có thậm thâm là chẳng phải sắc thậm thâm. Đó là sắc thậm thâm; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Thức này là thậm thâm.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thọ, tưởng, hành, thức là luôn luôn theo Niết-bàn thậm thâm. Thậm thâm là Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát tư duy đây là trụ. Như Bát nhã Ba la mật dạy, vì học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát theo tư tưởng này tư duy, nghĩ về lời dạy như hư không. Thực hành một ngày thậm thâm không thể nói hết.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Đại Bồ-tát này thực hành một ngày thậm thâm thì đẩy lùi được bao nhiêu kiếp sinh tử?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ví như có một thanh niên rất yêu mến một cô gái xinh đẹp, cùng hẹn hò gặp nhau nhưng cô gái không được tự do để đến gặp. Thế nào, Tu-bồ-đề! Chàng thanh niên này có nhớ đến cô gái kia không?

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Chàng thanh niên này luôn nhớ nghĩ nhớ cô gái không lúc nào quên.

Đức Phật dạy:

–Chàng thanh niên này suốt ngày nghĩ đến cô gái kia, tâm

anh ta không thay đổi. Đại Bồ-tát nghĩ đến Bát nhã Ba la mật, suốt ngày thực hành, đẩy lùi được bao nhiêu kiếp sinh tử. Đại Bồ-tát y theo Bát nhã Ba la mật dạy, học tập theo như lời dạy trong đó, suốt ngày nghĩ nhớ thực hành theo thì Bồ-tát này đã đẩy lùi sự xấu xa và diệt trừ tội lỗi. Nếu Đại Bồ-tát lìa Bát nhã Ba la mật, cho dù làm việc bố thí số kiếp nhiều như cát sông Hằng, không bằng Đại Bồ-tát vâng theo lời dạy của Bát nhã Ba la mật, thực hành trong một ngày, công đức của người này vượt lên trên công đức của người kia.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát sống lâu kiếp số nhiều như cát sông Hằng, làm việc bố thí cho Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, Ana-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật mà lìa Bát nhã Ba la mật. Nếu có Đại Bồ-tát vâng theo lời dạy của Bát nhã Ba la mật thì công đức của Bồ-tát này vượt hơn công đức của Đại Bồ-tát sống lâu kiếp số nhiều như cát sông Hằng làm việc bố thí, trì giới… ở trên. Đại Bồ-tát nào nghĩ đến Bát nhã Ba la mật liền thuyết pháp, công đức người đó lại vượt hơn công đức của Bồ-tát trên nữa.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát này vì đem pháp bố thí nên công đức của Bồ-tát đó lại càng tăng thêm. Nếu Đại Bồ-tát làm việc bố thí pháp, đó là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đại Bồ-tát nào bố thí pháp mà không giữ đúng, công đức của Bồ-tát đó không bằng công đức của Đại Bồ-tát bố thí pháp mà lại giữ đúng. Người nào thọ trì Bát nhã Ba la mật không lìa giữ đúng, thì công đức của Đại Bồ-tát này rất nhiều.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Tất cả không sinh tử và nếu như có người không lay động? Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Trong hai việc này, công đức nào nhiều hơn?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát đối với phước sinh tử, đối với công đức sinh tử đã thực hành Bát nhã Ba la mật, ưa thích không, ưa thích vô sở hữu, ưa thích diệt tận, ưa thích vô sở đắc. Khi nghĩ như vậy là không lìa Bát nhã Ba la mật. Ai không lìa Bát nhã Ba la mật là Đại Bồ-tát đắc vô lượng, vô số công đức không thể tính.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Điều mà Đức Thiên Trung Thiên đã nói, công đức vô lượng, vô số không thể tính có nghĩa gì? Có gì sai biệt chăng?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–A-tăng-kỳ, số đó không cùng tận, không thể tính, không thể lường, hoàn toàn không thể đạt được ranh giới. Vì vậy nên gọi là “vô lượng, vô số không thể tính”.

Ngài Tu-bồ-đề bạch:

–Lời dạy của Phật không thể tính. Sắc cũng không thể tính. Thọ, tưởng, hành, thức cũng không thể tính.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Như lời ông đã nói, sắc không thể tính. Thọ, tưởng, hành, thức cũng không thể tính.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Sao gọi là không thể tính?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Như hư không cho nên không thể tính. Vô tướng, vô nguyện cho nên nói không thể tính. Như vậy, không thể tính tức là hư không, cũng không khác với pháp.

Đức Phật dạy:

–Thế nào, Tu-bồ-đề! Ta nói các pháp đều không hay chăng?

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Đúng như vậy, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đức Phật thuyết pháp đều là không, không cùng tận.

Đức Phật dạy:

–Đúng như vậy! Này Tu-bồ-đề! Các pháp đều là không, không thể tính, không có từng pháp khác nhau. Có chỗ sai khác phân biệt, có thể đắc, không thể đắc, tức Như Lai, đắc không thể cùng tận, không thể tính kể. Như không, vô tướng, vô nguyện, vô sinh tử, vô sở hữu, không sinh, không diệt, giống như Niết-bàn theo những lời dạy mà ưa thích. Đó là lời Như Lai dạy.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thật lành thay pháp Thiên Trung Thiên đã dạy! Pháp này thật không thể đạt được. Như con nhớ lời Đức Phật dạy, các pháp cũng không thể đạt được.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đúng như vậy, không thể đạt được hết các pháp. Pháp như hư không cho nên không thể đạt được.

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Như Đức Phật dạy vốn không thể đạt được. Cúi xin Đức Phật chỉ dạy về chỗ không thể đạt được đó.

Đức Phật dạy:

–Chẳng phải như Tu-bồ-đề đã nói hay sao? Sáu pháp Ba-lamật là không thể đạt được, đó là Bố thí không tăng không giảm, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật, Trí tuệ ba-la-mật là không tăng không giảm. Đó là sáu pháp Ba-la-mật không tăng không giảm.

Sao gọi là đối với sáu pháp Ba-la-mật không tăng không giảm? Đó là Đại Bồ-tát tự mình đạt đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Do duyên nào Đại Bồ-tát ấy ngồi gần Phật mà không lìa Bát nhã Ba la mật, tự đạt đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Như bản thể không thể đạt được, không tăng không giảm. Đại Bồ-tát là người thực hành Bát nhã Ba la mật với phương tiện quyền xảo không nghĩ tăng giảm của Bố thí ba-la-mật, chỉ vì có

danh tự Ba-la-mật: “Đây là Bố thí ba-la-mật, đem vật mình có mà bố thí”, nghĩ đem công đức bố thí này tạo nên Vô thượng Chánh giác, bố thí như Vô thượng Chánh giác. Đại Bồ-tát này là người thực hành Bát nhã Ba la mật. Người hành Bát nhã Ba la mật là phương tiện quyền xảo, không nghĩ tăng giảm của Trì giới ba-lamật, chỉ vì có danh tự: “Đây là trì giới Ba-la-mật, đây là tâm niệm giữ giới”, đem công đức này bố thí tạo nên Vô thượng Chánh giác, bố thí như Vô thượng Chánh giác. Đại Bồ-tát này là người thực hành Bát nhã Ba la mật; Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật cũng vậy. Đại Bồ-tát này là người thực hành Bát nhã Ba la mật phương tiện quyền xảo, không nghĩ tăng giảm của Bát nhã Ba la mật, chỉ vì có danh tự. Bởi vì Bát nhã Ba la mật tức là phát tâm trí tuệ, đem công đức này bố thí làm nên Vô thượng Chánh giác, bố thí như Vô thượng Chánh giác, là hay làm việc bố thí.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thế nào là Vô thượng Chánh giác thí?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Pháp vốn không đó là Vô thượng Chánh giác, đó là không tăng, không giảm, thường nghĩ theo đấy, hoàn toàn không lìa thực hành, nay được gần Vô thượng Chánh giác.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Pháp vốn không này không thể đạt được, cũng không tăng không giảm. Suy nghĩ nhớ đến việc này là không mất, đó là Bát nhã Ba la mật không tăng không giảm. Đại Bồ-tát suy nghĩ nhớ việc này lìa chỗ ngồi Vô thượng Chánh giác.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Đại Bồ-tát giữ gìn tâm niệm ban đầu sẽ gần Vô thượng Chánh giác. Nếu giữ gìn tâm sau gần Vô thượng Chánh giác, tâm đầu, tâm sau cả hai tâm không đối đãi. Tâm sau, tâm đầu, cũng không đối đãi thì những công đức nào phát sinh?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ví như đốt tim của ngọn đèn thì tim đó làm cho cháy lên ánh sáng ban đầu hay cho ánh sáng ở giai đoạn sau cuối?

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Không phải tim đèn cháy lúc đầu mà có ánh sáng, cũng không phải lìa tim đèn cháy lúc đầu mà có ánh sáng. Không phải tim đèn cháy lúc sau mà có ánh sáng, cũng không lìa tim đèn cháy lúc sau mà có ánh sáng.

Đức Phật dạy:

–Thế nào, Tu-bồ-đề! Đúng như vậy phải không?

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Đúng như vậy, đúng như vậy! Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên!

Đức Phật bảo:

–Đại Bồ-tát cũng không phải từ lúc mới phát tâm mà đắc Vô thượng Chánh giác, cũng không phải lìa tâm mới phát mà đắc Vô thượng Chánh giác. Không từ tâm sau mà đắc Vô thượng Chánh giác, cũng không lìa tâm sau đắc Vô thượng Chánh giác.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Nhân duyên rất sâu xa. Đại Bồ-tát không dùng tâm ban đầu mà được đắc Vô thượng Chánh giác, Đại Bồ-tát cũng không lìa tâm ban đầu mà đắc Vô

thượng Chánh giác, cũng không dùng tâm sau để đắc Vô thượng Chánh giác, cũng không lìa tâm sau để đắc Vô thượng Chánh giác.

–Thế nào Tu-bồ-đề! Tâm trước bị diệt chăng? Tâm sau lại sinh chăng?

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Không phải như vậy, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên!

–Thế nào, Tu-bồ-đề! Tâm mới sinh ra bị diệt phải không?

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Pháp đó là pháp diệt, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên!

–Thế nào, Tu-bồ-đề! Nếu pháp đó sẽ bị diệt, lẽ nào có thể diệt hay không?

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Thưa không, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên!

–Thế nào, Tu-bồ-đề! Có thể trụ như pháp vốn không không?

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Người nào muốn trụ sẽ như pháp vốn không.

–Thế nào, Tu-bồ-đề! Giả sử làm cho trụ như pháp vốn không sẽ không có khác phải không?

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Thưa không, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên!

–Thế nào, Tu-bồ-đề! Pháp vốn không là thậm thâm phải không?

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Thậm thâm, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên!

–Thế nào, Tu-bồ-đề! Pháp vốn không là hữu tâm phải không?

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Thưa không, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên!

–Thế nào, Tu-bồ-đề! Có thể có pháp vốn không nào khác mà có tâm hay không?

Ngài Tu-bồ-đề đáp:

–Không, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên!

–Thế nào, Tu-bồ-đề! Pháp vốn không thấy được ý không?

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Thưa không, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên!

–Thế nào, Tu-bồ-đề! Ai thực hành được như vậy có phải là thực hành sâu xa không?

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Người thực hành như vậy là không hành. Vì sao? Vì hành như vậy là không thấy hành, vì không thể thấy hành.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật là hành những gì?

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Là xét rõ việc làm, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên!

–Thế nào, Tu-bồ-đề! Người xét kỹ việc làm là hành tưởng phải không?

Đáp:

–Thưa không, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên!

–Thế nào, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát niệm tưởng vì thức phải không?

Đáp:

–Thưa không, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên!

–Thế nào, Tu-bồ-đề! Niệm tưởng vì thức là niệm phải không?

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Đại Bồ-tát không làm như vậy.

–Thế nào, Tu-bồ-đề! Không khởi tưởng mà được tương ưng với sự thực hành đầy đủ tất cả Phật pháp thì không phải là hàng Thanh văn phải không?

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Đại Bồ-tát phương tiện quyền xảo, ngay nơi vô tưởng không tham.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Nếu Đại Bồ-tát ngay trong giấc mộng hướng đến ba niệm giải thoát môn: “Không không, Vô tướng vô tướng, Vô nguyện vô nguyện” Tam-muội này là có tăng trưởng. Bát-nhã độ làm cho ngày đêm tăng trưởng, hoặc ban đêm trong giấc mộng cũng tăng trưởng. Vì sao? Vì Đức Phật đã dạy rằng ngày hay đêm trong giấc mộng đều giống nhau không khác.

Ngài Tu-bồ-đề bảo ngài Xá-lợi-phất:

–Nếu Đại Bồ-tát ban ngày nghĩ đến Bát nhã Ba la mật, ban đêm trong giấc mộng nghĩ đến Bát nhã Ba la mật cũng tăng trưởng gấp bội.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi:

–Thế nào, ngài Tu-bồ-đề! Nếu trong giấc mộng có tạo tác, tạo tác ấy có sở hữu hay không?

Đáp:

–Thưa không. Tất cả các pháp thuyết ra cũng như những gì có trong giấc mộng.

Ngài Tu-bồ-đề hỏi ngài Xá-lợi-phất:

–Trong giấc mộng làm việc thiện, thức dậy rất vui, đó tức là tăng trưởng. Nếu làm ác thì không vui, đó tức là giảm.

Ngài Xá-lợi-phất thưa:

–Giả sử trong giấc mộng thấy có giết hại, tâm người đó rất vui,

thức dậy nói: “Ta giết rất vui thích.” Như vậy thì thế nào?

Ngài Tu-bồ-đề nói:

–Đó là không nói dối, đều có duyên. Tâm không rỗng không, gặp đủ các duyên, hoặc thấy, hoặc nghe, hoặc nghĩ, tỉnh dậy liền biết đó chính là nguyên nhân làm cho tâm người bị dính mắc, liền có sở đắc. Sao gọi là sở đắc? Từ nhân duyên nào chịu tội này? Không từ không có nguyên nhân mà chịu tội này, đều từ nhân duyên sinh ra.

Ngài Xá-lợi-phất thưa:

–Tất cả nhân duyên tạo ra đều là lờ mờ, phảng phất, đều là không mà thôi. Thế nào, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Từ nhân duyên nào mà sinh ra?

Đáp:

–Từ nhân duyên “tưởng” được sinh ra.

Ngài Xá-lợi-phất thưa:

–Đại Bồ-tát làm việc bố thí ngay trong giấc mộng, đem việc bố thí này cùng tạo nên Vô thượng Chánh giác, thì có đem thí này thí hay không?

Ngài Tu-bồ-đề trả lời Xá-lợi-phất:

–Đại Bồ-tát Di-lặc nay ở gần đây, ngài sắp được bổ xứ thành Phật trong sớm chiều, đem câu hỏi này hỏi Di-lặc thì ngài sẽ trả lời cho.

Ngài Xá-lợi-phất bạch Bồ-tát Di-lặc:

–Nay tôi xin hỏi những điều mà Tu-bồ-đề đã nói, Đại Bồ-tát có thể giải thích việc đó.

Bồ-tát Di-lặc bảo ngài Xá-lợi-phất:

–Như tên của tôi là Di-lặc, ngài sẽ giải thích thế nào? Sẽ dùng sắc giải thích hay sẽ dùng thọ, tưởng, hành, thức giải thích? Sắc tức là không sẽ dùng không sở hữu giải thích, hoặc dùng thọ, tưởng, hành, thức giải thích không? Cũng không thấy pháp sẽ giải thích thì chỗ nào để hiểu được. Cũng không thấy pháp giải thích sẽ đắc Vô thượng Chánh giác.

Ngài Xá-lợi-phất bạch Bồ-tát Di-lặc:

–Những điều ngài nói ra là đã chứng đắc.

Bồ-tát Di-lặc bảo ngài Xá-lợi-phất:

–Pháp thuyết ra không nói chứng đắc.

Xá-lợi-phất liền nghĩ: “Bồ-tát Di-lặc đã nhập trí tuệ thậm thâm. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật đến nay đã lâu xa.” Đức Phật dạy:

–Thế nào, Xá-lợi-phất! Có thể thấy người kia trở thành A-lahán không sắc không?

Ngài Xá-lợi-phất thưa:

–Thưa không, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên!

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật cũng như vậy, không nghĩ ta được thọ ký từ pháp này, không từ pháp này được thọ ký, hoặc ngay nơi pháp này sẽ đắc Vô thượng Chánh giác, tự đạt đến bậc Chánh giác. Đại Bồ-tát này làm việc làm như vậy là thực hành Bát nhã Ba la mật, không sợ không chứng đắc Hiện đẳng giác. Người theo lời dạy này là thực hành Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát này là người không sợ hãi. Vì sao? Vì nếu vị này đi đến trong chỗ cọp sói nhưng không sợ hãi, trong tâm nghĩ rằng: “Giả sử cọp sói ăn nuốt ta, ta sẽ bố thí cho chúng. Đó là thực hành đầy đủ Bố thí ba-lamật, gần Vô thượng Chánh giác. Nguyện khi ta được thành Phật, làm cho trong cõi đó không có cầm thú.”

Nếu Đại Bồ-tát đi đến trong chỗ giặc giã rất nguy hiểm, cũng không sợ hãi. Vì sao? Vì giả sử có làm cho vị ấy ngay trong đó bị giết, tâm nghĩ: “Thân ta sẽ phải vứt bỏ, giả sử có giết ta, ta cũng không giận hờn. Đó là thực hành đầy đủ Nhẫn nhục ba-la-mật, sẽ gần Vô thượng Chánh giác. Nguyện khi ta được thành Phật, làm cho nhân dân trong cõi đó không có giặc cướp.”

Nếu Đại Bồ-tát đến chỗ hoàn toàn không có nước uống, cũng không sợ hãi, tâm nghĩ: “Tất cả mọi người đều do không có đức nên khiến cho không có nước uống. Nguyện khi ta được thành Phật, làm cho trong cõi tám nước của ta thường có nước tám vị, làm cho tất cả mọi người đều được uống dùng. Vì người đời nên thường tinh tấn.”

Nếu Đại Bồ-tát đến chỗ lúa thóc khan hiếm đắt đỏ cũng không sợ hãi. Trong tâm nghĩ: “Ta sẽ vững vàng tinh tấn, tự đạt được Vô thượng Chánh giác. Khi thành Chánh Giác, ta làm cho

trong cõi nước của ta không có những thứ xấu ác, làm cho mọi người ngay nơi sở nguyện, các thức ăn uống như ở trên trời Đao-lợi hiện ngay trước mặt.” Thiện nam này vì tất cả mọi người nên tinh tấn đạt đến Vô thượng Chánh giác, thành bậc Chánh giác.

Nếu Đại Bồ-tát lúc ở chỗ giặc cũng không sợ hãi. Vì sao? Vì không thấy có pháp sẽ làm khổ. Nhờ vậy nên không sợ, nghĩ rằng: “Giả sử thân ta gặp bệnh chết, tâm không thay đổi, quyết tinh tấn. Nguyện khi ta thành Vô thượng Chánh giác, làm cho tất cả mọi người trong nước của ta đều không có sự xấu ác, không có người chết.” Lời nói của Đại Bồ-tát này như lời của Phật không khác.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát này không lâu sẽ thành Vô thượng Chánh giác, tự đạt đến bậc Chánh giác. Tự mình đối với pháp cũng không sợ hãi. Vì sao? Vì từ lâu xa đến nay phát tâm nói lớn rằng: “Không lâu sẽ chứng đạt cứu cánh.” Vì rất lâu xa nhưng chỉ trong phút chốc đã đạt được cứu cánh. Đại Bồ-tát này nay gần Vô thượng Chánh giác, thành bậc Chánh giác. Nghe nói như vậy nhưng không sợ hãi.

Bấy giờ Ưu-bà-di Hằng-giá-điều đứng dậy, đến trước đảnh lễ Đức Phật, quỳ thẳng bạch Phật:

–Con nghe lời này không sợ hãi, chắc chắn sau này vì tất cả mọi người thuyết pháp làm cho mọi người không sợ hãi.

Khi đó Đức Phật mỉm cười, từ trong miệng phóng ra năm sắc hào quang. Ưu-bà-di dùng hoa vàng dâng lên cúng Phật, nhờ oai thần của Phật, hoa đó trụ trên hư không bên chỗ Phật, không rớt xuống đất.

Tôn giả A-nan rời tòa đứng dậy, sửa y phục đến trước Đức Phật đảnh lễ chân Phật, lui quỳ thẳng bạch Phật:

–Đức Như Lai mỉm cười không phải là không có nguyên do, ắt Ngài có điều gì chỉ dạy?

Đức Phật bảo A-nan:

–Ưu-bà-di Hằng-giá-điều này đời vị lai, kiếp tên là Tinh tú, sẽ ở trong kiếp đó thành Phật hiệu là Kim Hoa Phật.

Đức Phật bảo A-nan:

–Vị Ưu-bà-di này đời sau sẽ bỏ thân hình nữ nhân, thọ thân hình nam tử, liền sinh ở nước của Đức Phật A-súc.

QUYỂN 5
Phẩm 10: THỦ KHÔNG

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thế nào là không? Không tham nơi hành động? Thế nào là thủ không tức là Tam-muội?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, quán sắc không; quán thọ, tưởng, hành, thức không. Người quán như vậy là nhất tâm. Như chỗ đã quán, đối với pháp cũng không thấy, ngay nơi pháp nhưng không chấp vào sự chứng đắc.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Đức Phật đã dạy không dùng "không" để chấp vào sự chứng đắc. Vậy thế nào là Đại Bồ-tát nay nơi Tam-muội Không dùng không để chấp vào sự chứng đắc?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát này quán tất cả sắc có ra đều là không, cũng không chấp vào sự chứng đắc. Người quán như vậy là không chấp vào sự chứng đắc, không chấp vào sự chứng đắc tức là không tham. Vậy nên quán không tham đó tức là quán. Khi muốn hướng đến việc này nhưng không chấp vào sự chứng đắc, không tham. Lúc đó tâm không nghĩ đến nhân duyên Tam-muội. Như vậy là nghĩ. Bấy giờ vì không mất pháp gốc của Bồ-tát, không chứng đắc giữa đường. Vì sao? Vì pháp công đức đã tạo rất sâu xa. Ngay khi ấy không tham nên không chấp vào sự chứng đắc. Do được thủ hộ từ Bát-nhã ba-lamật. Ví như có người mạnh mẽ bạo dạn có thể đẩy lùi quân địch, là người đoan chánh khoẻ mạnh, làm được tất cả mọi việc, biết tất cả sáu mươi bốn cách biến đổi của binh pháp, hiểu rõ tất cả năm sách về binh, được mọi người cung kính. Ngay nơi chỗ ở hay đi đến chỗ nào đều lợi ích cho tất cả. Từ chỗ sở đắc này lần lượt phân chia cho mọi người. Người có tâm như vậy được mọi người hoan hỷ. Nếu có những sự việc khác cùng cha mẹ, vợ con trải qua tai nạn rất nguy kịch, người đó liền trấn an cha mẹ, vợ con mình rằng: "Chớ có sợ hãi, khủng khiếp! Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau ra khỏi nạn này." Nếu ngay trong chỗ đó, quân lính oan gia đến, người này thông tuệ nên ngay khi đó đưa cha mẹ, vợ con mình trở về quê quán được hoàn toàn an ổn, không gặp điều chẳng lành và đối với oan gia cũng không gây thương tổn. Vì sao? Vì nhờ hiểu biết tất cả. Người này dũng mãnh biến hóa hơn oan gia, oan gia thấy người này rất sợ hãi và đều bỏ chạy. Cha mẹ, vợ con người này được ra khỏi chỗ tai nạn, trở về quê quán của mình, tất cả đều rất hoan hỷ.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát đối với tất cả mọi người có lòng thương rất lớn. Bấy giờ Đại Bồ-tát đem tâm từ ban bố cho tất cả mọi người vượt qua các bè đảng nhơ nhớp của ma, lại vượt lên trên địa vị Thanh văn, Bích-chi-phật đạo, Bồ-tát an trú ổn định trong Tam-muội nhưng không có chỗ tận cùng. Nhờ Bát nhã Ba la mật nên đối với "không" không tham.

Khi làm việc như vậy, Đại Bồ-tát này là người thực hành Tam-muội Không, hướng đến pháp môn giải thoát. Cũng không dùng hữu tướng, không dùng vô tướng, nên không chấp vào sự chứng đắc, giống như chim bay.

Này Tu-bồ-đề! Chim bay giữa hư không không hề chướng ngại. Đại Bồ-tát này là người thực hành Không, đạt đến Vô nguyện, không bị Không, Vô tướng, Vô nguyện làm thoái thất đạo nên sẽ được đầy đủ tất cả các pháp của chư Phật.

Này Tu-bồ-đề! Ví như người bắn tên giỏi bắn lên hư không, mũi tên này ở giữa hư không. Lại lấy mũi tên thứ hai bắn trúng mũi tên trước. Sau lại lấy mũi tên thứ ba bắn trúng mũi tên giữa. Cả ba mũi tên đều trúng nhau nhưng không rơi xuống đất. Người này muốn làm cho mũi tên trước rơi xuống thì cả ba mũi mới rơi. Như vậy, này Tubồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật vì phương tiện quyền xảo hộ trì, tự mình đối với cứu cánh không chấp vào sự chứng đắc giữa đường, công đức hay thành tựu viên mãn, mong cho tất cả đạt được Vô thượng Chánh giác. Ngay nơi công đức đã thành tựu viên mãn, được thành Phật, có thể chứng đắc cứu cánh. Địa Bồ-tát này là người thực hành Bát nhã Ba la mật, là pháp ngay nơi pháp có sinh.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Đại Bồ-tát thật khổ nhọc học pháp học này nhưng không chấp vào sự chứng đắc giữa đường. Thật lành thay! Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Từ hạnh gốc là an ổn tự mình đạt thành Phật.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát muốn cứu giúp tất cả mọi người, đây là đạt đến cứu cánh luôn cứu giúp tất cả để được độ thoát, đây là giữ Tam-muội không. Hướng đến môn giải thoát với tâm niệm phân biệt.

Những gì là phân biệt? Chấp chặt nơi Không Tam-muội là phân biệt. Vô tướng Tam-muội là phân biệt. Vô nguyện Tam-muội là phân biệt, nhưng không chấp vào sự chứng đắc giữa đường cho là cứu cánh. Vì sao? Vì được sự thủ hộ của phương tiện quyền xảo. Khi mới phát tâm nghĩ muốn thủ hộ tất cả nên nhờ ý nghĩ này được nhập phương tiện quyền xảo, nên không chấp vào sự chứng đắc giữa đường.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát nào thâm nhập vào chỗ giải thoát hoặc Không Tam-muội hướng đến giải thoát môn, Vô tướng Tam-muội hướng đến giải thoát môn, Vô nguyện Tam-muội hướng đến giải thoát môn, dựa vào đó mà phân biệt, người này đến nay đã trồng nhân ấy rất lâu xa, thì biết rằng việc làm này làm cho bỏ nhân đã gây. Đó là pháp Vô thượng Chánh giác đã thuyết. Đây là giữ Không Tam-muội hướng đến giải thoát môn, giữ Vô tướng Tam-muội hướng đến giải thoát môn, giữ Vô nguyện Tam-muội hướng đến giải thoát môn. Đấy là Vô nguyện Tam-muội hướng đến giải thoát môn, tâm người đó đã phát nhờ phương tiện quyền xảo, không chấp vào sự chứng đắc giữa đường làm cứu cánh. Đấy là đối với lòng Từ không tổn giảm. Đây là Tam-muội Từ, Bi, Hỷ, Xả. Vì sao? Vì nhờ phương tiện quyền xảo, Đại Bồ-tát này được pháp làm lợi ích nên liền được nhiều trí tuệ, thành tựu khả năng biết hết tất cả.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát suy nghĩ: "Người này từ lâu xa đến nay đã được pháp, làm cho được lợi ích, đạt được trí tuệ, thành tựu khả năng hiểu biết hết tất cả."

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đó là Đại Bồ-tát nghĩ và biết mọi người từ xưa đến nay có tưởng có thức, nên cho rằng có ngã. Khi tu Vô thượng Chánh giác, nhờ tất cả mọi người nên vì họ thuyết pháp, đó là làm cho họ tạo nên Tam-muội Vô tướng, phát tâm nghĩ hướng đến giải thoát môn. Đây là phương tiện quyền xảo. Nhờ đây nên không chấp vào sự chứng đắc giữa đường làm cứu cánh. Đây là Tam-muội Từ, Bi, Hỷ, Xả. Đây là Đại Bồ-tát được pháp làm lợi ích, đạt được sự hiểu biết, thành tựu khả năng hiểu biết hết tất cả.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát này nghĩ: "Con người từ lâu xa đến nay tưởng vô thường, tưởng khổ, tưởng không, tưởng hiện tại." Bồ-tát nghĩ: "Khi ta đạt được Vô thượng Chánh giác là nhờ tất cả mọi người nên ta vì họ thuyết pháp. Vô thường là từ lạc, không là từ hữu, vô ngã là từ ngã." Nhờ nghĩ như vậy nên đắc phương tiện quyền xảo. Đây là hành Bát nhã Ba la mật, biết Phật không Tam-muội mà ngồi Tam-muội, chỉ muốn đầy đủ các pháp của chư Phật. Đó là vô nguyện hướng đến giải thoát môn, nhưng không chấp vào sự chứng đắc.

Đại Bồ-tát nên biết như vậy. Làm thế nào để biết? Dựa vào đâu để phát tâm Vô thượng Chánh giác. Người đã phát tâm là người từ lâu xa đến nay chỗ làm của người đó là không làm. Có hành tưởng mà không hành tưởng. Có hành tưởng tụ mà không hành tưởng tụ. Có hành hữu mà không hành sở hữu. Tuy rằng có làm việc bất chánh nhưng không có ý nghĩ bất chánh, làm cho mọi người đều được "không". Đại Bồ-tát này nghĩ như vậy là do sáng suốt đối với tất cả mọi

người. Khi nghĩ như vậy là phương tiện quyền xảo, đó là vi diệu thậm thâm để thấy được pháp ấy. Vậy nên đó tức là Không, tức là Vô tướng, Vô nguyện. Đó là vô sinh tử, tức là vô sở sinh, là vô sở hữu. Vậy nên Tu-bồ-đề! Là Đại Bồ-tát có pháp trí tuệ, là vô sở sinh. Người này ở trong ba cõi nhưng có những người không biết, đến hỏi: "Đại Bồ-tát này muốn thành tựu Vô thượng Chánh giác, do đó nên muốn biết pháp này: Nên làm thế nào để phát tâm trân bảo?" Đối với Đại Bồ-tát không lấy không để chấp vào sự chứng đắc, cũng không lấy Vô tướng, Vô nguyện, vô sinh tử, vô sở sinh, cũng không dùng vô niệm để chứng đắc. Đó là niệm Bát nhã Ba la mật.

Vậy nên, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát đã được thọ ký, sự suy nghĩ như Không, Vô tướng, Vô nguyện, vô sinh tử, vô sở sinh. Nghĩ như không có, nó vốn là không. Người không phát thiện tâm không thể biết được việc này. Người có thể hiểu đó là Đại Bồ-tát, là người từ nơi Phật quá khứ được nghe việc Vô thượng Chánh giác, tâm người đó không thay đổi. Vì sao? Vì lại có Đại Bồ-tát nghĩ đến pháp nhưng không thể sáng suốt. Có người hỏi cũng không thể giải thích cho họ biết. Đây là người chưa từng ở địa vị Bồ-tát đạo, người không ở cảnh giới ấy thì chưa đạt được địa vị không thoái chuyển.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nếu không nghe Bát nhã Ba la mật dạy, có người nghe hoặc không nghe, có thể giải thích về Bát nhã Ba la mật này, Đại Bồ-tát này là không thoái chuyển.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bồ-tát như đây rất nhiều, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ít người có thể hiểu được.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ít có Bồ-tát ở địa vị Trí tuệ không thoái chuyển hiểu được, mà người được thọ ký mới có thể hiểu được. Đại Bồ-tát này có công đức rất lớn, không phải là điều chư Thiên, Nhân, A-tu-luân ở thế gian hiểu biết được.

QUYỂN 5
Phẩm 11: VIỄN LY

Đức Phật dạy:

–Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Thật ra Đại Bồ-tát trong giấc mộng không nhập vào địa vị Thanh văn, Bích-chi-phật đạo. Đối với ba cõi không nghĩ đến việc mong cầu, cũng không ở trong đó tìm tòi.

Thấy các pháp như mộng, không ở trong đó chấp vào sự chứng đắc. Vậy nên, này Tu-bồ-đề! Nên biết đó là tướng không thoái chuyển của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát trong giấc mộng thấy vô số người, với ngần ấy trăm đệ tử, ngần ấy ức ngàn đệ tử, cùng ngồi họp ở trong đó mà thuyết pháp cho các Tỳ-kheo Tăng, như Đức Như Lai A-la-hán Đẳng Chánh Giác thuyết pháp. Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát không thoái chuyển nên biết đây là tướng không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát trong giấc mộng thấy mình bay lên ngồi ở giữa hư không thuyết pháp cho các Tỳ-kheo Tăng, tự thấy thân mình có hào quang bảy thước, biến hóa tự tại.

Những việc Bồ-tát làm ở chỗ khác giống như pháp Phật đã thuyết. Vị ấy trong giấc mộng thấy như vậy nên biết đó là tướng không thoái chuyển của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát trong giấc mộng không sợ hãi tai nạn khủng bố, hoặc thấy ở chỗ quận huyện binh lính nổi lên lần lượt chém giết nhau, hoặc thấy lửa cháy bùng lên, hoặc thấy sư tử, cọp sói và các loài thú khác, hoặc thấy chặt đầu người và các việc tai biến khác đau khổ kịch liệt, rất khốn đốn hoặc là đói khát… Thấy những ách nạn như vậy, trong tâm không sợ hãi, khủng khiếp, dao động. Những gì thấy trong giấc mộng ban đêm, thức dậy, ngồi ngay ngắn nghĩ: "Những gì có ra trên thế gian đều giống như trong giấc mộng. Khi ta thành Phật sẽ thuyết pháp để dạy cho khắp tất cả." Nên biết đây là tướng không thoái chuyển của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Làm sao để biết được Đại Bồ-tát này sẽ đắc Vô thượng Chánh giác? Khi thành bậc Chánh giác, trong cảnh giới của các Ngài không có tất cả những việc xấu. Chính đó là Đại Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Trong giấc mộng, nếu thấy súc sinh ăn nuốt lẫn nhau, nhân dân bệnh tật, tâm của người ấy dần dà có sự suy nghĩ: "Nguyện khi ta thành Phật làm cho cảnh giới của ta không có tất cả những việc xấu." Nhờ đây nên biết đó là tướng của Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát ngay trong giấc mộng biết được hoặc thấy tai nạn bị lửa đốt cháy, liền nghĩ: "Những điều đã thấy trong giấc mộng, tâm ta không thay đổi." Người có đầy đủ tướng như vậy, thì nên biết đây là Đại Bồ-tát không thoái chuyển. Nếu Đại Bồ-tát nghĩ: "Như ta suy nghĩ việc cần phải làm thêm nên làm thêm, đúng như lời đã nói không thay đổi. Nay thành quách này bị lửa đốt cháy, ta sẽ làm cho dập tắt hết." Đức Phật dạy:

–Nếu lửa được dập tắt hết không còn, thì nên biết đây là Đại Bồ-tát đã được các Đức Như Lai A-la-hán Đẳng Chánh Giác quá khứ thọ ký thành Vô thượng Chánh giác, biết đây là bậc không thoái chuyển. Làm cho lửa không tắt thì biết đây là Bồ-tát chưa được thọ ký. Giả sử lửa đốt cháy một nhà đến một nhà, lại cháy lan qua một làng đến một làng. Như vậy, này Tu-bồ-đề nên biết người ở nhà nào trong đời trước vì mắc tội đoạn pháp nên đưa đến như vậy, biết việc làm của bọn người này đều là do đời trước. Nghĩ xong, ngay hiện tại những ác đã tạo liền được trừ hết. Những tai nạn về đoạn pháp ở chỗ đó nhân đấy được dứt hết. Nhờ vậy, nên này Tu-bồ-đề! Nên biết đây là Đại Bồ-tát không thoái chuyển nơi quả vị Vô thượng Bồ-đề.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Người với đầy đủ tướng hành tướng như vậy, thì nên xem vị Đại Bồ-tát ấy giống như là bậc không thoái chuyển. Do đây nên nói rằng với hành tướng như vậy sẽ biết được người này.

Này Tu-bồ-đề! Hoặc khi nam tử, nữ nhân bị quỷ thần đến chỗ ở hoặc là đến bắt, vị Bồ-tát kia nghĩ: "Giả sử ta được Đức Như Lai A-la-hán Đẳng Chánh Giác quá khứ thọ ký ta thành Vô thượng Bồđề, thật khổ nhọc không khác, sẽ đắc Vô thượng Bồ-đề. Người đối với ý nghĩ về Vô thượng Bồ-đề đều thanh tịnh thì từ bỏ tâm La-hán, Bích-chi-phật. Giả sử đã bỏ tâm La-hán, Bích-chi-phật, chắc chắn sẽ thành Vô thượng Bồ-đề. Không đắc, không thành, tự tại đến Hiện Đẳng Giác. Nếu sẽ thành Phật là Bậc Vô thượng Chánh giác thì chư Phật hiện tại ở vô lượng, vô số cõi nước, không ai là không thấy, không ai là không chứng. Nay Đức Như Lai A-la-hán Đẳng Chánh Giác biết hết ý nghĩ của ta không khác. Ta xem xét Bậc Hiện Đẳng Giác thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, quả đúng như lời ta nói, quỷ thần ấy sẽ lập tức rút lui." Thiện nam,

thiện nữ bị quỷ thần nào bắt thì quỷ thần đó nghe lời nói liền rút lui. Khi nói lời như vậy, giả sử quỷ thần không rút lui thì Bồ-tát này là người chưa được Đức Như Lai A-la-hán Đẳng Chánh Giác quá khứ thọ ký, chưa trao Vô thượng Bồ-đề. Nếu nói lời này, tà ma liền rút lui thì biết đây là Bồ-tát đã được Đức Như Lai A-la-hán Đẳng Chánh Giác quá khứ thọ ký, trao cho Vô thượng Bồ-đề.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Người ấy quả là rất thành tâm. Khi ác ma đi đến chỗ Đại Bồ-tát, nếu Bồ-tát nói rằng ta chí thành và đã được thọ ký thành Vô thượng Bồ-đề, ác ma quỷ thần sẽ bỏ đi. Ác ma do đây nên phát tâm tốt. Vị ấy giáo hóa làm cho ác ma quỷ thần đó lui hết. Vì sao? Vì ác ma có oai thần rất lớn nên các quỷ thần không dám chống lại, đều tránh xa oai thần của ma. Nhờ đây nên trừ được tất cả. Nếu Bồ-tát nào tự nghĩ đó là nhờ oai thần của ta nên sinh cống cao khinh dễ, tự mình biết đúng, do đây cống cao, chế diễu người khác, nhưng không tự xét mà nói với mọi người rằng: "Ta đã được các Đức Như Lai Ala-hán Đẳng Chánh Giác quá khứ thọ ký, còn những người khác đều chưa được thọ ký thành Vô thượng Bồ-đề." Do đây nên cống cao, sân hận càng tăng, liền xa lìa Nhất thiết trí rất xa, mất trí tuệ Vô thượng Chánh giác. Nên biết hạng Bồ-tát này không có phương tiện quyền xảo mà tự cống cao, bèn từ địa vị hai đạo (Vô ngại đạo và Giải thoát đạo) mà rơi xuống địa vị Thanh văn và Bích-chi-phật.

Này Tu-bồ-đề! Những Bồ-tát này chưa thành cho là thành, không biết ma cho nên bỏ thầy tốt mà đi, cũng không cùng làm công việc cũng chẳng coi xét, bị ma làm cho khốn đốn. Đại Bồ-tát này sẽ biết rõ ma và lấy gì để biết? Ma đến trước Bồ-tát biến hóa và mặc y phục khác nói rằng: "Đại Bồ-tát nếu từ chỗ của Đức Như Lai A-lahán Đẳng Chánh Giác quá khứ được thọ ký thành Vô thượng Bồ-đề hoặc tên mình là…, tên em là…, tên cha là…, tên anh chị em là…, bạn bè thân hữu tri thức tên là… Hoặc bậc cha anh tên…, Tổ phụ bảy đời tên…, dòng họ ngoại của mẹ tên…, dòng họ ngoại của cha tên… Hoặc sinh ra ở thành nào đó, sinh ở nước nào đó, ở quận nọ, huyện nọ, làng nọ. Hoặc thường nói lời dịu dàng, hoặc nay nói lời như vậy đều là do đời trước đưa đến cũng lại nói lời dịu dàng. Hoặc gặp lúc người có tài thì cũng theo hình dáng đó mà nói. Hoặc đời trước cũng tài cao thông minh, thấy mình tự giữ gìn, hoặc thấy khất thực ngay bữa ăn hay lúc sắp đến bữa ăn, hoặc trước đó ăn trái cây, rau quả, không ăn cơm. Hoặc ở nơi gò mả, ở chỗ đồng vắng vẻ, ở dưới gốc cây; khi nhận lời thỉnh, lúc không nhận lời thọ thỉnh, tự biết đủ nơi vật thực có được lúc ở một chỗ. Không xoa thân bằng dầu mè, tiếng nói thanh tao và lưu loát." Vì lẽ gì ma lại bảo nhân duyên này do đức đời trước nên được như vậy? Người này lúc ở đời trước, con nhà nào? Hoặc dòng Sát-đế-lợi, tên là gì? Đời trước có đức này nên được như vậy. Tâm Bồ-tát kia nghĩ rằng ta cũng như vậy. Ác ma lại nói: "Nếu đã được các Đức Như Lai A-la-hán Đẳng Chánh Giác quá khứ thọ ký Vô thượng Bồ-đề, nhờ nhân duyên công đức này nên được không thoái chuyển."

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ta nói Đại Bồ-tát không thoái chuyển không như vậy, đem sự việc này xét, như ta đã nói không được đầy đủ mà cho là đầy đủ. Nên biết hạng Bồ-tát này hoàn toàn không thành tựu, bị ma phá hoại, vì sao? Vì thấy người dó đầy đủ hành tướng như vậy, biết đó chẳng phải là Bồ-tát không thoái chuyển, chắc chắn không có ý này. Hạng Bồ-tát này nghe ma mới nói đến tên nên

rất vui mừng, tự cho mình biết đúng nên ngã mạn, cống cao, chê bai những người khác, khinh chê bạn đồng học và cho mình là đúng. Hạng Bồ-tát này, này Tu-bồ-đề! Vì chấp nhận tên đó nên mất thệ nguyện của mình, liền rơi vào lưới ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Vì chấp tên nên Đại Bồ-tát này không biết ma làm hại, lại nói đắc Vô thượng Bồ-đề. Ma lại nói: "Ai sẽ trở thành Vô thượng Bồ-đề thì khi thành Phật sẽ có tên đó." Bồ-tát này nghe tên nghĩ: "Ta sẽ đắc không sai. Ta lúc trước cũng nghĩ như vậy."

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát này hiểu biết rất kém, không có phương tiện quyền xảo, lại nghĩ mong cầu danh hiệu, tự cho mình thành Vô thượng Bồđề với danh hiệu như vậy.

Đức Phật dạy:

–Như lời ma dạy và làm theo lời ma thì nay làm Tỳ-kheo bị ma mê hoặc, tự nghĩ là ta đã đạt đến bản nguyện của mình, nay được tên này, đúng như lời nói. Đức Như Lai A-la-hán Đẳng Chánh Giác quá khứ đã thọ ký cho ta thành Vô thượng Bồ-đề.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ta đã thuyết về Đại Bồ-tát không thoái chuyển vào những hình tướng đó mà không làm theo, ngược lại ỷ vào danh hiệu của mình, khinh chê các Đại Bồ-tát khác. Do sự khinh chê này nên lìa trí tuệ Nhất thiết trí Vô thượng Bồ-đề, xa phương tiện quyền xảo. Vì lìa Bát nhã Ba la mật, lìa thầy tốt, gặp thầy xấu, nên Bồ-tát này bị rơi vào hai đường là Thanh văn hay Bích-chi-phật đạo. Từ rất lâu xa siêng năng khổ nhọc cho mãi về sau mới cầu thành Phật, nhờ ân Bát nhã Ba la mật sẽ đắc Vô thượng Bồ-đề, thành bậc Chánh giác.

Đức Phật dạy:

–Khi có ý chấp danh hiệu không mau giác ngộ sửa đổi, như vậy sẽ rơi vào địa vị Thanh văn, Bích-chi-phật đạo.

Đức Phật dạy:

–Tỳ-kheo có bốn giới trọng. Người nào hủy phạm vào những việc đó, không còn là Sa-môn, không còn là đệ tử Phật. Tội người phá hoại Bồ-tát nặng hơn bốn giới trọng của Tỳ-kheo.

Bồ-tát nói: "Tôi tên đó…, sinh ở nước đó…", nghĩ tội nặng hơn bốn giới trọng, lại hơn tội ngũ nghịch. Đã bị tội nặng sao lại nhận danh hiệu? Vì lẽ không biết việc của ma rất là vi diệu.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát có đức xa lìa thì ác lại đến trước nói: "Pháp xa lìa đúng là được Đức Như Lai A-la-hán Đẳng

Chánh Giác khen ngợi."

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ta không dạy cho các Đại Bồ-tát nên xa lìa, ở một mình nơi rừng cây vắng vẻ.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thế nào, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đại Bồ-tát có xa lìa khác chăng?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Cho dù Đại Bồ-tát suy nghĩ lờ mờ thì đó là điều suy nghĩ của Thanh văn, suy nghĩ lờ mờ là điều suy nghĩ của Bích-chi-phật. Người hành động hoảng hốt là Đại Bồ-tát tuy ở thành thị tiếp tục tu hành xa lìa bằng hành động hoảng hốt, người ấy là Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp ác mà không khởi lên. Người hành động hoảng hốt là Đại Bồ-tát, nếu dừng chân ở một mình trong rừng

cây yên ắng, là Đại Bồ-tát ấy tiếp tục thực hành hạnh xa lìa, ấy là ta ưa thích khiến cho Đại Bồ-tát thực hành hạnh xa lìa như thế nên phải suy nghĩ ngày đêm, đó là hạnh xa lìa của Đại Bồ-tát.

Đại Bồ-tát thực hành xa lìa tuy ở thành phố vẫn sợ hãi thì riêng ở dưới rừng cây vẫn sợ hãi. Bồ-tát nào riêng ở dưới rừng cây vắng vẻ thực hành sợ hãi mà nghĩ rằng ta đã biết rõ xa lìa. Bấy giờ ác ma đến dạy Bồ-tát đó thực hành xa lìa rằng: "Nên một mình dưới rừng cây và thực hành như vậy." Đó là Bồ-tát theo lời chỉ dạy của ma, quên mất xa lìa. Ma lại bảo: "Nói rõ ra là vì tất cả hàng Thanh văn và Bích-chi-phật đạo đều dấy lên suy nghĩ này: không có khác việc ấy, để đầy đủ Bát nhã Ba la mật, nên phải làm hạnh ấy." Đức Phật dạy:

–Pháp theo ý nghĩ của Đại Bồ-tát này chẳng thanh tịnh, vậy mà còn làm theo và khinh chê các Bồ-tát khác. Tự nghĩ ai có thể hơn ta. Khinh chê Bồ-tát ở thành phố nhưng thanh tịnh và tâm không có ý nghĩ rơi vào pháp Thanh văn, Bích-chi-phật. Có tâm xấu không chấp nhận thiền duyệt Tam-muội và Tam-ma-địa, chắc chắn đạt được sở nguyện và đầy đủ các pháp Ba-la-mật.

Đức Phật dạy:

–Hạng Bồ-tát không có phương tiện thích trí thì vị ấy mặc dù ở trong chốn đồng không mông quạnh bốn ngàn dặm, chỗ đó cầm thú không đến được, giặc cướp không tới nơi, chỗ La-sát không đến, tuy rằng người ấy ở nơi đó hoặc giả một năm, hoặc trăm năm, hoặc ngàn năm, hoặc trăm ngàn năm, hoặc trăm ngàn vạn năm, hoặc trăm ngàn vạn ức năm, cho dù lại quá hơn con số đó, thế nhưng người ấy chẳng biết xa lìa, sẽ không có điều lợi ích và không thể nào đầy đủ. Vì Đại Bồ-tát tu hạnh xa lìa, tự suy nghĩ và bảo rằng: "Toàn bộ ta đã chứng đắc rồi và đã hiểu rõ tất cả rồi." Ác ma liền bay lên giữa hư không nói: "Lành thay, Lành thay! Thiện nam tử này là chân thật xa lìa, đúng như lời Đức Như Lai Ala-hán Đẳng Chánh Giác đã dạy và nên tùy thuận theo đó để xa lìa và như vậy thì mau đắc Vô thượng Chánh giác." Đại Bồ-tát này nghe như vậy, liền từ bỏ hạnh xa lìa, đi đến chỗ Bồ-tát viễn ly ở thành phố. Nếu Tỳ-kheo thành tựu về đạo nhưng cống cao, nói những lời khinh chê, nếu ra làm Phật sự sẽ vấp lỗi.

Đức Phật dạy:

–Những người thuận theo hành động hoảng hốt ấy thì đối với hành động đúng của Bồ-tát cho là sai và ngược lại, hành động sai lại cho là đúng. Người không đáng kính thì lại kính, còn người đáng kính thì lại không kính. Nói ta đã thực hành hạnh xa lìa, do đó nên có phi nhân đến nói rằng: "Lành thay! Lành thay, nếu hành đúng là xa lìa, nếu ở thành phố thực hành thì ai sẽ đến nói, ai sẽ đến báo cho vị ấy?"

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát này là người có đức nhưng lại khinh họ. Như vậy, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên biết người này giống như người khuyên thầy chết, không đúng một tí nào. Lại nói Bồ-tát có lỗi, đây là oan gia của Bồ-tát, vì hiềm thù Bồ-tát nên họ là kẻ giặc lớn trên trời và trong nhân gian. Giả sử người này có mặc áo Sa-môn cũng chỉ là kẻ giặc. Đối với hạng Bồ-tát có đức ở trong loài người cũng lại là kẻ giặc. Này Tu-bồ-đề! Bọn này không nên cùng cộng tác với họ, không nên cùng với họ chuyện trò, cũng không nên nhìn họ với sự cung kính. Vì sao? Nên biết bọn người này nhiều sân hận nổi lên làm bại hoại tâm tốt của người.

Này Tu-bồ-đề! Điều gì khiến Đại Bồ-tát này không rời Nhất thiết trí, không bỏ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu Đại Bồ-tát không rời Nhất thiết trí, cho nên Vô thượng Chánh đẳng

Chánh giác và Hiện Đẳng Giác là nơi nương tựa cho tất cả mọi người. Hạng Bồ-tát này không nên cùng với bọn người phá hoại kia cùng làm việc, không nên cung kính họ, không nên cùng hội họp với họ để hộ pháp, chỉ biết giữ gìn về chánh niệm của mình, thường sợ hãi những nơi sinh tử khổ nên không chịu vào trong đó, không qua lại với ba cõi. Người phá hoại Bồ-tát như vậy ở chỗ nào thường nên Từ tâm thương xót giúp đỡ họ, tự nghĩ làm cho ta không được sinh. Tâm xấu ác như vậy thật đáng thương xót. Giả sử có điều không tốt, mau làm cho ta xả bỏ chúng, nên học tập như vậy. Vậy nên, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát là người hiểu biết trên hết.

QUYỂN 5
Phẩm 12: THIỆN TRI THỨC

Đức Phật dạy:

–Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Các Đại Bồ-tát này muốn đắc Vô thượng Bồ-đề nên gần gũi thầy tốt, cung kính vâng theo lời chỉ dạy và cùng làm việc.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Thầy tốt của Đại Bồ-tát ở chỗ nào và làm sao để biết?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đức Thiên Trung Thiên là thầy tốt của Đại Bồ-tát. Có thuyết giảng Bát nhã Ba la mật, theo đó được nghe Bát nhã Ba la mật, đây là vượt qua. Dạy người thâm nhập vào trong đó, nên biết như vậy là cái thấy tốt của Đại Bồ-tát. Sáu pháp Ba-la-mật là Thắng trí thiện xảo, là đường đi, là trừ tối tăm, là nhà cao tốt, là sáng suốt, Đức Như Lai A-la-hán Đẳng Chánh Giác quá khứ đều từ sáu pháp Ba-la-mật mà ra. Các Đức Như Lai A-la-hán Đẳng Chánh Giác vị lai đều từ sáu Ba-la-mật mà ra và các Đức Như Lai A-la-hán Đẳng Chánh Giác trong vô lượng, vô số các cõi nước hiện tại cũng đều từ sáu pháp Bala-mật mà ra, mà thành Nhất thiết trí, đều từ sự bố thí bốn việc cho người là:

1- Bố thí.
2- Hoan hỷ.
3- Lợi ích.
4- Bình đẳng giúp cho tất cả.

Vậy nên, này Tu-bồ-đề! Thắng trí thiện xảo của Bồ-tát là mẹ, là cha, là nhà, là nhà cao cột, là hộ trì, là trở về, là dẫn đường, đều là sáu pháp Ba-la-mật, là lợi ích cho tất cả mọi người, Đại Bồ-tát, sáu pháp Ba-la-mật là không giới hạn, muốn cắt đứt sự nghi ngờ, do vậy nên phải học Bát nhã Ba la mật.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Tướng của Bát-nhã ba-lamật ở chỗ nào?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Không ngăn ngại là tướng của Bát nhã Ba la mật.

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Như Đức Thiên Trung Thiên đã dạy: đây là thật tướng của Bát nhã Ba la mật, tướng như vậy là đắc các pháp.

Đức Phật dạy:

–Đúng như vậy! Này Tu-bồ-đề! Tướng như vậy là đắc Bát nhã Ba la mật, tướng như vậy là đắc các pháp. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì các pháp đều vô thường, các pháp đều là không. Do vậy, nên này Tu-bồ-đề! Vô thường cũng không, là tướng Bát nhã Ba la mật. Tướng các pháp cũng vô thường, là không, là vô thường.

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Đức Thiên Trung Thiên thuyết các pháp đều vô thường, là không. Vì sao như thế? Con người muốn có sinh mà không muốn có chết, sự vô thường nên không có dục, vô thường nên không sinh. Không là không dục, không là không sinh. Vô thường cũng nói không, không phải Vô thượng Bồ-đề, cũng từ nơi pháp khác. Vô thường không đắc Vô thượng Bồ-đề. Thế nào, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên, có thể biết được điều Ngài đã dạy?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Từ xa xưa người ta nghĩ rằng là ngã sở hay chẳng phải ngã

sở. Do như thế nên đưa đến như vậy.

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Đúng như vậy, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên, Ngài đã dạy chính từ xa xưa con người nghĩ rằng là ngã sở hữu hay chẳng phải là ngã sở.

Đức Phật dạy:

–Tu-bồ-đề! Thế nào là ngã sở hay là không phải?

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Đúng là không, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên!

Đức Phật dạy:

–Thế nào, Tu-bồ-đề! Chẳng phải ngã sở hữu là không hay sao?

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Đúng là không, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên!

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Con người do đó nên nghĩ ngã sở hay không là ngã sở. Do vậy nên ở mãi trong sinh tử không lúc nào ra khỏi.

Đức Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Vậy nên con người do dục nên chấp trước vào con người, nên biết như vậy, không có mong cầu nên không chấp trước. Thật ra, này Tu-bồ-đề! Có lợi ích thì không nên nghĩ đó là ngã sở hay không phải là ngã sở. Như vậy là thực hành Bát-nhã ba-lamật.

Này Tu-bồ-đề! Do đó điều đã sinh sau đó không sinh nữa. Đại Bồ-tát này là người thực hành Bát nhã Ba la mật.

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Người thực hành như vậy là không hành sắc, không hành thọ, tưởng, hành, thức. Người thực hành như vậy, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đại Bồ-tát nghĩ là thực hành theo thế tục, đó là Đại Bồ-tát hạnh.

Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Điều mà các hàng Thanh văn, Bích-chi-phật không theo kịp việc làm của tất cả mọi người là vượt trội hơn hẳn các Thanh văn và Bích-chi-phật kia, vì thế cho nên không thể đạt được chỗ sở đắc, đó là chỗ cùng tột của Đại Bồ-tát.

Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Người nghĩ như vậy là Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát ngày đêm thực hành như vậy, như chỗ đã thực hành mau được gần Vô thượng Chánh giác.

Đức Phật dạy:

–Thế nào, Tu-bồ-đề! Người trong Diêm-phù-lợi và tất cả Bồ-tát đều làm người, đều thực hành Vô thượng Bồ-đề, phát tâm cầu thành Phật. Mỗi người trọn đời làm việc bố thí, đem việc bố thí này hồi hướng Vô thượng Bồ-đề. Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào! Đại Bồ-tát này làm việc bố thí như vậy, phước đó có nhiều không?

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Rất nhiều! Rất nhiều! Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên!

Đức Phật dạy:

–Không bằng Đại Bồ-tát chuyên nghĩ đến Bát nhã Ba la mật và thực hành trong một ngày, phước của người này nhiều hơn phước của người trên kia. Hoặc Bồ-tát luôn nghĩ đến Bát nhã Ba la mật, thực hành theo đó. Người như vậy là người rất tôn quý trong chúng. Vì sao? Vì người khác không có lòng từ này. Trừ chư Phật, không có Đại Bồ-tát hữu học nào bằng, chỗ thâm nhập của thiện nam tử này rất là thậm thâm, hiểu rõ tất cả mọi người không phân biệt. Người này rất thương xót, nhìn thấy thấu suốt tất cả mọi người không phân biệt. Muốn thấy tất cả, không khi nào bỏ qua. Nghĩ đến tất cả mọi người nhưng không phát khởi tưởng, cũng không khác.

Do đó, này Tu-bồ-đề! Đó là sự sáng suốt của Đại Bồ-tát. Tuy chưa thành Vô thượng Chánh giác nhưng người này đã làm việc rất tôn quý, vượt lên trên thế gian, đối với Vô thượng Chánh giác chắc chắn không còn thoái lui. Nhận đầy đủ tất cả y phục, ẩm thực, giường nằm, thuốc thang, tuy thế nhưng vẫn trụ vào Bát-nhã ba-lamật, vẫn thanh tịnh, nhờ phước đức đã tạo làm cho được gần Nhất thiết trí.

Vậy nên, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát có ăn uống cũng không có lỗi, vì muốn làm lợi ích cho tất cả mọi người, muốn chỉ dạy đạo cho tất cả mọi người. Người đó có sự sáng suốt, muốn làm việc cứu hộ rộng lớn không bờ bến, muốn độ thoát hết những người trong lao ngục, muốn làm cho mắt tất cả mọi người đều thanh tịnh. Đó là ý niệm theo Bát nhã Ba la mật. Người thực hành theo chỉ dạy nghĩ đến Bát nhã Ba la mật, có như vậy tức là không thay đổi. Vì sao? Vì người thay đổi nghĩ rằng "có tưởng", liền trái với Bát nhã Ba la mật. Như vậy là trái với sự hộ trì, nên làm như Bát nhã Ba la mật, ngày đêm thực hành và nghĩ đến.

Này Tu-bồ-đề! Ví như có kẻ nam tử, ngọc ma-ni để ngay trước mặt nhưng không biết, sau nhận được vui mừng hớn hở. Nhưng khi được ngọc ma-ni rồi lại quên ngọc, quên dùng, nên lại rất lo buồn sầu khổ, đứng ngồi không yên nhưng không hiểu.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát muốn cầu trân bảo luôn luôn gìn giữ tâm vững chãi, không được làm mất niệm Nhất thiết trí.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Tất cả việc nghĩ đều là lìa tự nhiên. Thế nào là Đại Bồ-tát niệm Nhất thiết trí không lìa niệm?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Giả sử Đại Bồ-tát biết như vậy là không mất Bát-nhã ba-lamật. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật là không, không tăng, không giảm.

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật chính thật là không. Thế nào là Đại Bồ-tát tăng thêm Bát nhã Ba la mật thành tựu của mình để được gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát cũng chẳng có tăng, cũng chẳng có giảm. Lúc ta nói pháp này, Bồ-tát nghe mà không sợ hãi, nên biết thiện nam này là người đã thực hành Bát nhã Ba la mật.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thế Tôn! Hành Bát nhã Ba la mật là hành không phải không?

Đáp:

–Này Tu-bồ-đề! Không phải vậy!

–Kính bạch Thế Tôn! Hay có không nào khác để hành Bát nhã Ba la mật?

–Này Tu-bồ-đề! Không phải! –Đấy là sắc hành?

–Này Tu-bồ-đề! Không phải!

–Đấy là thọ, tưởng, hành, thức?

–Này Tu-bồ-đề! Không phải! –Hay hành theo sắc khác?

–Này Tu-bồ-đề! Không phải!

–Hay theo thọ, tưởng, hành, thức khác?

–Này Tu-bồ-đề! Không phải!

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Vì sao gọi là Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật?

Đức Phật dạy:

–Thế nào, Tu-bồ-đề! Người có pháp thực hành pháp Bát nhã Ba la mật phải không?

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Không thấy, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên!

Đức Phật dạy:

–Thế nào, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát có thấy mình luôn thực hành Bát nhã Ba la mật không?

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Không thấy, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên!

Đức Phật dạy:

–Thế nào, Tu-bồ-đề! Người có thể thấy có chỗ sinh ra pháp không?

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Thưa không thấy, kính bạch Đức Thiên Trung Thiên!

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đó là Vô sinh pháp nhẫn của Đại Bồ-tát. Người như vậy là được thọ ký Vô thượng Chánh giác, được Vô sở úy của Như Lai Ala-hán Đẳng Chánh Giác. Hành động của Đại Bồ-tát đó là do lực này được đạt đến trí tuệ Phật, là trí tuệ rộng lớn, là trí tuệ tự tại, là trí tuệ Nhất thiết trí, là trí tuệ Như Lai. Người ấy làm tất cả việc gì mình muốn.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Các pháp do thọ ký mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác phải không?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Không phải.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Vậy thì vì lẽ gì Đức Thiên Trung Thiên thọ ký cho Bồ-tát đắc Vô thượng Chánh giác?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Có thể thấy pháp trao thọ ký Vô thượng Chánh giác không?

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Con không thấy có pháp sẽ tạo thành Vô thượng Chánh giác.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Các pháp không thể đắc. Người nghĩ như vậy là thành tựu pháp cúng dường giác. Người không nghĩ như vậy không tự đạt đến Chánh giác.

QUYỂN 5
Phẩm 13: THÍCH ĐỀ-HOÀN NHÂN

Thích Đề-hoàn Nhân ngay trong chúng hội bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát nhã Ba la mật thậm thâm. Thậm thâm, đó là việc Bồ-tát khó hiểu rõ. Người có đức nghe Bát nhã Ba la mật liền biên chép, học tập, thọ trì, phước của người đó không ít.

Đức Phật bảo Câu-dực:

–Nếu người ở Diêm-phù-lợi đều thọ trì Thập thiện, công đức đó gấp trăm lần, ngàn lần, vạn lần, ức lần, nhiều ức lần. Chẳng những con số ấy mà lại quá hơn thế nữa, không bằng thiện nam, thiện nữ nghe Bát nhã Ba la mật biên chép, học tập, thọ trì.

Trong đại hội có một Tỳ-kheo bảo với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Đây là người vượt lên trên Câu-dực.

Thích Đề-hoàn Nhân thưa với vị Tỳ-kheo:

–Người biết hồi tâm nghĩ đúng là đã hơn tôi huống chi nghe Bát nhã Ba la mật rồi biên chép, học tập, thọ trì, nghe theo, thực hành theo như trong đó đã dạy, sẽ vượt lên trên hết tất cả chư Thiên, A-tu-luân và người đời. Nếu Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật không riêng gì vượt lên chư Thiên, A-tu-luân, người đời cho đến Tuđà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, người đó cũng đều vượt qua. Nếu Đại Bồ-tát nào thực hành Bát nhã Ba la mật không riêng gì vượt lên trên Bích-chi-phật mà cũng vượt lên trên Bồ-tát thực hành Bố thí ba-la-mật không có phương tiện quyền xảo.

Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật không riêng gì vượt qua bố thí Ba-la-mật, mà cũng vượt qua thực hành Trì giới ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật không phương tiện quyền xảo.

Đại Bồ-tát nào đọc, thực hành Bát nhã Ba la mật, chư Thiên. A-tu-luân, người đời, hoàn toàn không thể hơn.

Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật vì vậy rất là tôn quý.

Gần gũi Bát nhã Ba la mật nên Đại Bồ-tát này thực hành theo Nhất thiết trí. Lời nói không bị gián đoạn. Đại Bồ-tát này không lìa danh hiệu Như Lai. Đây là Đại Bồ-tát không xa rời Phật. Đại Bồ-tát này không còn sinh giải đãi. Sự học của Đại Bồ-tát này là rất tôn quý. Không học Thanh văn, Bích-chi-phật là học về Bồ-tát. Tứ Thiên vương nên đến thưa hỏi, làm cho ưa thích, được học mau lẹ sự học này, sẽ ngồi chỗ ngồi của Phật, đạt đến Vô thượng Bồ-đề, sẽ độ bốn bộ đệ tử. Đại Bồ-tát nên học như vậy. Tứ Thiên vương nên đến thưa hỏi, huống là các Thiên tử khác.

Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật thường được Đức Như

Lai A-la-hán Đẳng Chánh Giác nghĩ đến. Bát nhã Ba la mật là hạnh của Bồ-tát. Nếu ở thế gian có những điều khổ cực thì ngay thân này không có những điều ác, đó là chỗ đạt đến của Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, liền được phước hiện tiền.

Ngài A-nan suy nghĩ: “Thích Đề-hoàn Nhân từ trí tuệ mình thuyết hay là nhờ oai thần của Đức Phật để thuyết?”

Thích Đề-hoàn Nhân biết ý nghĩ của A-nan liền thưa với Tôn giả A-nan:

–Những điều tôi thuyết là nhờ oai thần của Phật.

Đức Phật dạy:

–Đúng như vậy, đúng như vậy! Này A-nan! Thích Đề-hoàn Nhân thuyết đều là nhờ oai thần của Phật. Này A-nan! Hoặc khi Đại Bồ-tát ngay trong niệm sâu xa này thực hành Bát nhã Ba la mật, liền nghĩ đến việc học tập Bát nhã Ba la mật.

Bấy giờ ác ma ở trong tam thiên đại thiên cõi nước, tất cả đều buồn rầu bực bội. Đức Phật, khiến cho hàng trung đạo Đại Bồ-tát lấy sự tu hành từ đầu cho đến cùng cực làm sự chứng đắc, khiến cho họ chứng được Thanh văn hoặc giả Bích-chi-phật đạo, hoặc ngài khiến cho họ chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chóng thành Hiện Đẳng Giác.

HẾT

---o0o---

(tangthuphathoc.net)

8. Kinh "TIỂU PHẨM BÁT NHÃ BA LA MẬT"

Đại Tạng Kinh mang số 0228, 27 quyển do Cuu Ma La Thập đời Hậu Tần dịch từ Phạn sang Hán. Nhóm Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh dịch từ Hán sang Việt.

---o0o---

QUYỂN 1

Phẩm 1: TỰA

Tôi nghe như vầy:

Một thời, ở núi Kỳ-xà-quật thuộc thành Vương xá, Đức Phật cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Đại Tỳ-kheo, đều là các Bậc A-la-hán, lậu hoặc đã hết, như voi chúa đã thuần thục, việc làm đã xong, vứt bỏ gánh nặng, đã được tự lợi dứt sạch hết kết sử, chánh trí giải thoát tâm được tự tại, chỉ trừ A-nan.

Khi ấy, Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ông hãy nói về Bát nhã Ba la mật mà Bồ-tát nên thành tựu.

Xá-lợi-phất suy nghĩ: "Tu-bồ-đề bằng khả năng của mình, mà thuyết giảng hay nhờ thần lực của Phật."

Tu-bồ-đề biết ý nghĩ ấy, nên nói với Xá-lợi-phất:

–Các đệ tử Phật dám nói lên điều gì, đều nhờ thần lực của Phật. Vì sao? Vì người học pháp do Phật nói ra và chứng được, các pháp tướng ấy đã chứng được rồi nên khi nói ra điều gì cũng đúng với pháp tướng, nhờ năng lực của pháp tướng.

Khi ấy Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Phật dạy con hãy giảng những pháp để thành

tựu Bát nhã Ba la mật cho các Bồ-tát.

Bạch Thế Tôn! Gọi là Bồ-tát vì có những pháp gì; con không thấy có pháp gì gọi là Bồ-tát cả?

Bạch Thế Tôn! Con không thấy Bồ-tát không chứng đắc Bồ-tát, cũng không thấy, không chứng đắc Bát nhã Ba la mật, vậy nên dạy những Bồ-tát nào về Bát nhã Ba la mật? Nếu Bồ-tát nghe lời nói đó, không lo, không sợ, không vứt bỏ, không thoái chuyển, thực hành như vậy là dạy Bồ-tát về Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Khi Bồ-tát thực hành Bát-nhã Ba-la-mật nên học như vậy, không nghĩ: "Đó là tâm của Bồ-tát." Vì sao? Vì tâm này không phải là tâm, hành tướng của tâm vốn thanh tịnh. Khi ấy, Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Có tâm, chẳng phải tâm này không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Nếu tâm là chẳng phải tâm, vậy có hay không?

Xá-lợi-phất nói:

–Không.

Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất:

–Nếu tâm chẳng phải là tâm, thì không thể có hữu vô. Thế này mà lại nói rằng có tâm không có tâm hay sao?

Xá-lợi-phất hỏi:

–Pháp gì gọi là chẳng phải tâm?

Tu-bồ-đề nói:

–Không phá hoại, không phân biệt. Bồ-tát nghe nói như vậy thì không lo sợ, không mai một, không ẩn nấp, không thoái chuyển, nên biết Bồ-tát này không xa lìa hạnh Bát nhã Ba la mật.

Nếu thiện nam, tín nữ nào muốn học quả vị Thanh văn nên nghe Bát nhã Ba la mật này, thọ trì, đọc tụng và hành trì đúng như pháp. Muốn học địa vị Bích-chi nên nghe Bát nhã Ba la mật này thọ trì, đọc tụng và hành trì đúng như pháp. Muốn học địa vị Bồ-tát cũng nên nghe Bát nhã Ba la mật này mà thọ trì, đọc tụng và hành trì đúng như pháp. Vì sao? Vì trong Bát nhã Ba la mật rộng nói pháp mà Bồ-tát cần phải học.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không thể không thấy Bồ-tát vậy nên dạy Bồ-tát nào về Bát nhã Ba la mật?

Bạch Thế Tôn! Con không thấy pháp Bồ-tát có đến hoặc đi, mà cùng Bồ-tát nói lên ngôn ngữ thì với Bồ-tát ấy con sinh ra nghi ngờ.

Bạch Thế Tôn! Lại nữa, ngôn ngữ Bồ-tát không quyết định, không trụ xứ. Vì sao? Vì ngôn ngữ đó là vô sở hữu, vô sở hữu đó cũng không xác định, không xứ sở. Nếu Bồ-tát nghe việc này không lo, sợ, không mai một, không thoái lui, nên biết Bồ-tát đó rốt cuộc trụ vào địa vị không thoái chuyển, trụ không chỗ trụ, không thoái chuyển, nên biết Bồ-tát đó đạt đến không thoái chuyển địa, trụ không chỗ trụ.

Lại nữa bạch Thế Tôn! Khi Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, không nên trụ trong sắc; không nên trụ trong thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Nếu trụ trong sắc là hành theo sắc. Nếu trụ trong thọ, tưởng, hành, thức là hành theo thức hoặc hành theo pháp, thì không thể thọ trì Bát nhã Ba la mật, không thể tu tập Bát nhã Ba la mật, không đầy đủ Bát nhã Ba la mật thì không thể thành tựu Nhất thiết trí. Vì sao? Vì sắc không thọ nhận tưởng; thọ, tưởng, hành, thức không thọ nhận tưởng. Nếu sắc không thọ nhận thì không phải là sắc. thọ, tưởng, hành, thức không thọ nhận thì chẳng phải là thức. Bát nhã Ba la mật cũng không thọ nhận, Bồ-tát học như vậy để thực hành Bát nhã Ba la mật. Đó gọi là pháp của Bồ-tát không thọ nhận với Tam-muội rộng lớn vô lượng vô định. Tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật không thể hủy hoại. Vì sao? Vì Tam-muội đó không thể lấy tướng mà chứng đắc. Nếu Tam-muội này có thể dùng tướng mà chứng đắc, thì Phạm chí Tiên Ni không nên sinh tín tâm đối với trí Nhất thiết trí. Phạm chí Tiên Ni này dùng hữu lượng trí nhập vào pháp ấy, đã nhập vào rồi thì không thọ nhận sắc, không thọ nhận thọ, tưởng, hành, thức. Phạm chí này không lấy sự nghe được để mà thấy; trí này không lấy sắc bên

trong để thấy; trí này không lấy sắc nên ngoài để thấy; lìa sắc bên trong hay bên ngoài để thấy; trí này cũng không lìa sắc bên trong hay bên ngoài để thấy; trí này không lấy thọ, tưởng, hành, thức bên trong để thấy; trí này không lấy thọ, tưởng, hành, thức bên ngoài để thấy, trí này không lấy thọ, tưởng, hành, thức bên trong hay bên ngoài để thấy, trí này cũng không lìa thọ, tưởng, hành, thức bên trong hay bên ngoài để thấy. Đây là trí Nhất thiết trí mà Phạm chí Tiên Ni tin và hiểu rõ, do chứng đắc thực tướng của các pháp nên được giải thoát. Khi được giải thoát rồi thì ở trong các pháp không chấp giữ, không xả bỏ, cho đến Niết-bàn cũng không chấp giữ, không xả bỏ.

Bạch Thế Tôn! Đó gọi là Bát nhã Ba la mật của Bồ-tát. Không thọ nhận sắc, không thọ nhận thọ, tưởng, hành, thức. Tuy không thọ nhận sắc, không thọ nhận thọ, tưởng, hành, thức nhưng chưa đầy đủ mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng của Phật, quyết không nhập Niết-bàn ở giữa đường.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật nên suy nghĩ như vậy. Những pháp nào gọi là Bát nhã Ba la mật, ai là người hành Bát nhã Ba la mật. Nếu pháp không thể nắm bắt được là Bát nhã Ba la mật chăng? Nếu Bồ-tát suy nghĩ như vậy, lúc quán sát sẽ không kinh sợ, không mai một, không thoái chuyển, nên biết Bồ-tát này không xa lìa sự thực hành Bát nhã Ba la mật.

Lúc ấy, Xá-lợi-phất hỏi với Tu-bồ-đề:

–Nếu sắc xa lìa sắc tánh; thọ, tưởng, hành, thức xa lìa thức tánh; Bát nhã Ba la mật xa lìa Bát nhã Ba la mật tánh, thì cớ sao nói Bồ-tát không xa lìa hạnh Bát nhã Ba la mật?

Tu-bồ-đề nói:

–Đúng như vậy, Xá-lợi-phất! Sắc xa lìa sắc tánh; thọ, tưởng, hành, thức xa lìa thức tánh; Bát nhã Ba la mật xa lìa Bát-nhã ba-lamật tánh; pháp này đều xa lìa tự tánh, tánh tướng cũng xa lìa.

Xá-lợi-phất nói:

–Nếu Bồ-tát học trong đó có thành tựu Nhất thiết trí không?

Tu-bồ-đề nói như vậy:

–Xá-lợi-phất, Bồ-tát học như vậy có thể thành tựu Nhất thiết trí. Vì sao? Vì tất cả pháp vô sinh không thành tựu. Nếu Bồ-tát thực hành như vậy thì thân cận Nhất thiết trí.

Khi ấy Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất:

–Nếu Bồ-tát thực hành sắc hành làm hành tướng, nếu sinh ra sắc hành làm hành tướng, nếu diệt sắc hành làm hành tướng, nếu lìa sắc hành làm hành tướng, nếu không sắc hành làm hành tướng, thì ta thực hành, hành động này cũng là hành tướng. Nếu thực hành thọ, tưởng, hành, thức làm hành tướng, nếu sinh thức hành làm hành tướng, nếu diệt thức hành làm hành tướng, nếu lìa thức hành làm hành tướng, nếu không thức hành làm hành tướng thì ta thực hành hành động này cũng là hành tướng.

Ai nghĩ: "Người có thể làm như vậy là thực hành Bát-nhã bala-mật, thì cũng là hành tướng", nên biết Bồ-tát này chưa khéo biết phương tiện.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề:

–Nay Bồ-tát thực hành thế nào gọi là hành Bát nhã Ba la mật?

Tu-bồ-đề nói:

–Nếu Bồ-tát không thực hành sắc, không thực hành sắc sinh, không thực hành sắc diệt, không thực hành sắc hoại, không thực hành sắc không, không thực hành thọ, tưởng, hành, thức, không thực hành thức sinh, không thực hành thức diệt, không thực hành thức hoại, không thực hành thức không, đó gọi là hành Bát-nhã ba-lamật. Không nhớ nghĩ hành Bát nhã Ba la mật, không nhớ nghĩ không thực hành, không nhớ nghĩ hành hay không hành, cũng không nghĩ không làm không phải không làm, gọi là thực hành Bát-nhã ba-lamật. Vì sao vậy? Bởi vì tất cả pháp không thọ nhận tưởng. Đó gọi là các pháp của Bồ-tát không thọ nhận chánh định vô lượng, vô định. Tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật không thể phá hoại. Bồ-tát thực hành định này mau chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác.

Tu-bồ-đề nương oai thần của Phật mà nói:

–Nếu Bồ-tát thực hành định này không nhớ nghĩ không phân biệt: "Đây là định ta nên vào trong định này, ta đang vào định, ta đã vào định rồi." Nếu không phân biệt như vậy thì biết Bồ-tát này được chư Phật thọ ký quả vị Vô thượng Chánh đẳng giác.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát đã thực hành định này được chư Phật thọ ký quả vị Vô thượng Chánh đẳng giác; định này có thể chỉ giáo không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Dạ không, thưa ngài Xá-lợi-phất! Vì sao vậy? Thiện nam không phân biệt đó là Tam-muội. Vì sao vậy? Vì tánh Tam-muội vốn không có sở hữu.

Đức Phật khen ngợi Tu-bồ-đề:

–Lành thay, lành thay! Ta nói ông là người tối thượng về nhập Tam-muội Vô tránh, như lời ta dạy. Bồ-tát nên học Bát-nhã ba-lamật như vậy, nếu người học như vậy gọi là học Bát nhã Ba la mật.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát học như vậy là học pháp nào?

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Bồ-tát học như vậy, là đối với các pháp không chỗ học. Vì sao vậy? Này Xá-lợi-phất đó là các pháp không phải như phàm phu đã chấp trước.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là có?

Phật dạy:

–Như không chỗ có gọi là có; như vậy các pháp không chỗ có nên gọi là vô minh, phàm phu phân biệt vô minh, tham đắm chấp trước vô minh, đọa lạc ở hai bên không biết, không thấy, nhớ tưởng phân biệt, đối với pháp không thật có nên tham đắm danh sắc, do tham đắm chấp trước đó nên không biết không thấy các pháp vốn không có sở hữu, không ra khỏi, không tin tưởng, không an trú, thế nên đọa trong hạng phàm phu tham đắm chấp trước.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát học như vậy, cũng không học Nhất thiết trí.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Bồ-tát học như vậy, cũng không học Nhất thiết trí, học như vậy cũng gọi là học Nhất thiết trí, thành tựu Nhất thiết trí.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có ai hỏi người huyễn học Nhất thiết trí sẽ thành tựu Nhất thiết trí không thì con sẽ trả lời như thế nào?

Đức Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Ta hỏi ông tùy ý trả lời. Ý ông thế nào? Huyễn khác sắc, sắc khác huyễn, huyễn khác thọ, tưởng hành, thức không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Huyễn không khác sắc, sắc không khác huyễn, huyễn tức là sắc, sắc tức là huyễn, huyễn không khác thọ, tưởng, hành, thức. Thức không khác huyễn, huyễn tức là thức, thức tức là huyễn.

Đức Phật bảo:

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Năm thọ ấm gọi là Bồ-tát được không?

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Đúng như vậy, bạch Thế Tôn!

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát học Vô thượng Chánh đẳng giác, nên học như người huyễn. Vì sao vậy? Phải biết năm ấm tức là huyễn. Vì sao? Vì nói sắc như huyễn, nói thọ, tưởng, hành, thức như huyễn, thức là lục tình năm ấm.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát mới phát tâm nghe lời nói đó sẽ không kinh sợ và thoái lui chăng?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nếu người mới phát tâm Bồ-tát, theo ác tri thức thì sẽ kinh sợ mai một, thoái thất, nếu gần gũi bạn lành được nghe lời nói ấy thì không kinh sợ mai một, thoái thất.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những gì là bạn ác của Bồ-tát?

Phật dạy:

–Những ai dạy ta xa lìa Bát nhã Ba la mật làm cho không ưa

thích Bồ-đề; lại dạy ta tập tánh chấp giữ hình tướng, phân biệt trang sức những bài tụng văn hoa hòe; lại dạy ta học kinh pháp Thanh văn và Bích-chi-phật, làm các việc ma. Đây gọi là bạn ác của Bồ-tát.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những gì là bạn lành của Bồ-tát.

Phật dạy:

–Người nào dạy ta học Bát nhã Ba la mật là chỉ cho ta việc ma và các tai họa của ma. Sau đó dạy ta xa lìa các việc ma và các tai họa của ma. Này Tu-bồ-đề! Đây gọi là bạn lành của Đại Bồ-tát phát tâm Đại thừa và Đại trang nghiêm.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Gọi là Bồ-tát, vậy Bồ-tát có ý nghĩa gì?

Đức Phật dạy:

–Đó là người học tất cả pháp không chướng ngại và cũng biết tất cả pháp như thật là nghĩa Bồ-tát.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu biết tất cả pháp thì gọi là nghĩa của Bồ-tát, còn nghĩa gì gọi là Ma-ha-tát?

Đức Phật dạy:

–Làm người đứng đầu đại chúng nên gọi là nghĩa Ma-ha-tát.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con muốn nói về nghĩa Ma-ha-tát.

Đức Phật bảo:

–Con hãy nói đi.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Bồ-tát nào thuyết ra pháp để đoạn trừ ngã kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến, nhân kiến, hữu kiến, vô kiến, đoạn kiến, thường kiến… và đó gọi là nghĩa Ma-ha-tát. Tâm không chấp trước trong pháp đó gọi là nghĩa Ma-ha-tát.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Tại sao đối với sự việc này tâm không chấp trước.

Tu-bồ-đề thưa:

–Không tâm cho nên trong sự việc này tâm không chấp trước.

Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát phát tâm Đại thừa đại trang nghiêm. Đó gọi là nghĩa Ma-ha-tát.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đã nói là Bồ-tát phát khởi đại trang nghiêm. Vì sao gọi là phát khởi đại trang nghiêm?

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát suy nghĩ: “Ta nên độ vô lượng, vô biên, vô số chúng sinh. Độ chúng sinh rồi, không có chúng sinh diệt độ.” Vì sao? Vì tướng của các pháp như vậy. Ví như nhà ảo thuật đứng ngã tư đường hóa làm những người bị đứt đầu, ý ông thế nào? Há có người bị thương hay bị chết không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Dạ không, bạch Thế Tôn!

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát cũng như vậy. Độ vô lượng, vô số chúng sinh rồi, không có chúng sinh diệt độ, hoặc Bồ-tát nghe việc này rồi không lo, không sợ, nên biết Bồ-tát này phát đại trang nghiêm.

Tu-bồ-đề thưa:

–Như con hiểu rõ giáo nghĩa của Đức Phật thuyết ra nên biết đây là Bồ-tát phát đại trang nghiêm, mà tự trang nghiêm mình. Vì sao vậy? Nhất thiết trí là pháp không tạo tác, cũng không dấy khởi, nhưng vì chúng sinh nên phát khởi đại trang nghiêm. Chúng sinh này cũng là pháp

không làm không phát sinh. Vì sao vậy? Vì sắc không trói, không mở, nên thọ, tưởng, hành, thức cũng không trói, không mở.

Phú-lâu-na nói với Tu-bồ-đề:

–Sắc không trói, không mở; thọ, tưởng, hành, thức không trói, không mở phải không?

Tu-bồ-đề nói:

–Sắc không trói, không mở; thọ, tưởng, hành, thức không trói, không mở.

Phú-lâu-na nói:

–Những gì là sắc không trói, không mở? Những gì là thọ, tưởng, hành, thức không trói, không mở?

Tu-bồ-đề nói:

–Sắc của người huyễn này không trói, không mở; thọ, tưởng, hành, thức của người huyễn là không trói, không mở. Không chỗ có nên không trói, không mở. Xa lìa nên không trói, không mở. Vô sinh nên không trói không mở. Đó gọi là Bồ-tát phát đại trang nghiêm mà tự trang nghiêm mình.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Đại thừa? Thế nào là Bồ-tát có xu hướng Đại thừa? Thừa này trụ ở chỗ nào và từ đâu mà ra? Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đại thừa là không có lường, không đếm được.

–Thừa này từ chỗ nào mà ra? Trụ ở chỗ nào?

–Thừa này ở trong ba cõi mà ra, ở nơi Nhất thiết trí. Không thừa chính là nơi xuất ra thừa. Vì sao? Vì pháp xa lìa và người xa lìa đều không sở hữu thì pháp nào không xa lìa.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ma-ha-diễn nghĩa là vượt lên tất cả thế gian Trời, Người, A-tu-la.

Bạch Thế Tôn! Ma-ha-diễn sánh bằng với hư không. Như hư không thọ nhận vô lượng, vô số chúng sinh. Ma-ha-diễn cũng như vậy, thọ nhận vô lượng chúng sinh, như hư không, không có chỗ đến, chỗ đi, chỗ dừng lại. Ma-ha-diễn cũng vậy, không phân biệt đời trước, đời giữa và đời sau. Vì vậy gọi là Ma-ha-diễn.

Đức Phật khen ngợi Tu-bồ-đề:

–Lành thay, lành thay! Các vị Đại Bồ-tát Ma-ha-diễn đúng như lời ông nói.

Lúc ấy Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ngài bảo Tu-bồ-đề thuyết Bát nhã Ba la mật mới nói là Ma-ha-diễn.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Điều con nói đó không xa lìa Bát nhã Ba la mật chăng?

–Không, Tu-bồ-đề! Lời ông đã nói tùy thuận với Bát-nhã bala-mật.

–Bạch Thế Tôn! Con không có được các Bồ-tát ở đời quá khứ, cũng không thấy có được các Bồ-tát ở đời hiện tại, đời vị lai. Sắc là vô biên nên Bồ-tát cũng vô biên; thọ, tưởng, hành, thức vô biên nên Bồ-tát cũng vô biên.

Bạch Thế Tôn! Như thế tất cả nơi chốn, tất cả thời gian, tất cả chủng loại, Bồ-tát không thể có được, vậy nên dạy Bát-nhã ba-lamật cho Bồ-tát nào. Con không thể không thấy Bồ-tát, vậy nên dạy pháp nào mà vào Bát nhã Ba la mật.

Bạch Thế Tôn! Gọi là Bồ-tát thì chỉ có danh tự. Ví như đã nói ngã, pháp ngã nhưng rốt ráo là không sinh.

Bạch Thế Tôn! Tất cả pháp tánh cũng như vậy. Những gì ở trong đây là sắc, thì không chấp trước, không sinh thọ, tưởng, hành thức nào là không trước không sinh. Sắc là Bồ-tát thì không thể được. thọ, tưởng, hành, thức là Bồ-tát thì không thể được, không thể được cũng không thể được.

Bạch Thế Tôn! Tất cả xứ, tất cả thời, tất cả các Bồ-tát không thể có được. Vậy nên dạy pháp nào mà vào Bát nhã Ba la mật.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát chỉ có danh tự như ngã rốt ráo không sinh, các pháp tánh cũng như vậy. Ở đây những gì là sắc thì không chấp trước không sinh. Những gì là thọ, tưởng, hành, thức thì không chấp trước không sinh. Các pháp tánh cũng như vậy, tánh này cũng không sinh, không sinh cũng không sinh.

Bạch Thế Tôn! Con dạy các pháp không sinh vào Bát-nhã bala-mật có được không? Vì sao? Vì xa lìa pháp không sinh, thì không thể được Bồ-tát thực hành Vô thượng Chánh đẳng giác. Nếu Bồ-tát nghe nói như vậy mà không lo sợ, nên biết Bồ-tát này thực hành Bát nhã Ba la mật.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát khi thực hành Bát nhã Ba la mật, quán sát như vậy thì các pháp đối với pháp không chấp nhận là sắc. Vì sao? Vì sắc không sinh thì chẳng phải là sắc, sắc không diệt thì chẳng phải là sắc, không sinh, không diệt, không hai, không phân biệt. Nếu nói sắc tức là pháp không hai.

Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật này không thọ nhận thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì thức không sinh, tức chẳng phải là thức, thức không diệt tức chẳng phải là thức, không sinh, không diệt, không hai không phân biệt, nếu nói thức tức là pháp không hai.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Như tôi hiểu rõ nghĩa Tu-bồ-đề nói. Bồ-tát tức là không sinh. Nếu Bồ-tát là không sinh. Vì sao vậy? Vì chúng sinh mà thọ nhận hành động khó làm nên chịu khổ não.

Tu-bồ-đề nói:

–Ta không muốn cho Bồ-tát có hành động khó làm. Vì sao? Vì sinh ý tưởng khó làm và ý tưởng khổ hạnh, nên không có thể lợi ích, cho vô lượng, vô số chúng sinh. Đối với chúng sinh phải sinh ý nghĩ dễ dãi, ưa thích, như cha mẹ, như con, như của mình thì có thể làm lợi ích cho vô lượng, vô số chúng sinh. Như pháp của ta, tất cả xứ, tất cả thời, tất cả các loại đều không thể được. Bồ-tát nên sinh ý nghĩ đối với pháp trong ngoài như vậy. Nếu Bồ-tát dùng tâm thực hành như vậy gọi là khó làm.

Như Xá-lợi-phất đã nói: "Bồ-tát không sinh." Như thế Xá-lợi-phất, Bồ-tát thật không sinh!

Xá-lợi-phất nói:

–Chỉ vì Bồ-tát không sinh nên Nhất thiết trí cũng không sinh.

Tu-bồ-đề nói:

–Nhất thiết trí cũng không sinh.

Xá-lợi-phất nói:

–Nhất thiết trí không sinh thì phàm phu cũng không sinh.

Tu-bồ-đề nói:

–Phàm phu cũng không sinh.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề:

–Nếu Bồ-tát không sinh thì pháp Bồ-tát cũng không sinh. Nhất thiết trí không sinh thì pháp Nhất thiết trí cũng không sinh. Phàm phu không sinh thì pháp phàm phu cũng không sinh. Nay vì không sinh đắc không sinh nên Bồ-tát chứng đắc Nhất thiết trí.

Tu-bồ-đề nói:

–Ta không muốn làm cho pháp vô sinh có chỗ chứng đắc. Vì sao? Vì pháp vô sinh không có chỗ chứng đắc.

Xá-lợi-phất nói:

–Sinh của sinh và sinh của vô sinh, lời ông nói đó là sinh hay là vô sinh.

Tu-bồ-đề nói:

–Các pháp vô sinh, lời nói cũng vô sinh, nhạo thuyết ưa thích thuyết pháp cũng vô sinh, như thế là vui thích thuyết pháp.

Xá-lợi-phất nói:

–Lành thay, lành thay, này Tu-bồ-đề! Ở trong số người thuyết pháp, ông là người thuyết pháp bậc nhất. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì tùy theo điều tôi hỏi, ông đều có khả năng trả lời.

Tu-bồ-đề nói:

–Pháp là như vậy, đệ tử của chư Phật nương nơi pháp không y chỉ mà trả lời câu hỏi. Vì sao? Vì tất cả pháp không định.

Xá-lợi-phất nói:

–Lành thay, lành thay! Đây là năng lực của Ba-la-mật nào?

Tu-bồ-đề nói:

–Đây là năng lực của Bát nhã Ba la mật.

Xá-lợi-phất nói:

–Khi Bồ-tát nghe nói và bàn luận như vậy, không nghi ngờ, không hối hận, không lấy làm khó, nên biết: Bồ-tát hành đúng hạnh này, không rời niệm này.

Xá-lợi-phất nói:

–Nếu Bồ-tát không xa lìa hạnh này, không xa lìa ý nghĩ này. Tất cả chúng sinh cũng không xa lìa hạnh này không xa lìa ý nghĩ này. Tất cả chúng sinh cũng sẽ là Bồ-tát. Vì sao? Vì chúng sinh không xa lìa ý nghĩ này.

Tu-bồ-đề nói:

–Lành thay, lành thay, Xá-lợi-phất! Ông muốn xa lìa ngã mà thành tựu nghĩa ngã. Vì sao vậy? Vì chúng sinh không có tánh, nên biết niệm không có tánh. Chúng sinh xa lìa nên niệm cũng xa lìa. Chúng sinh không nắm bắt được nên niệm cũng không nắm bắt được.

Này Xá-lợi-phất! Tôi muốn làm cho Bồ-tát dùng niệm này để thực hành Bát nhã Ba la mật.

Phẩm 2: THÍCH ĐỀ-HOÀN NHÂN

Khi ấy Thích Đề-hoàn Nhân cùng với bốn vạn Thiên tử đều ở trong hội. Tứ Thiên vương cùng với hai vạn Thiên tử đều ở trong hội, Phạm Thiên vương chủ Ta-bà thế giới cùng với một vạn Phạm Thiên vương đều ở trong hội. Cho đến vô số ngàn Thiên chúng Tịnh cư đều ở trong hội. Ánh sáng do nghiệp báo của các Thiên chúng này rất sáng, nhưng do thần lực ánh sáng của Phật nên không hiện được.

Khi ấy Thích Đề-hoàn Nhân nói với Tu-bồ-đề:

–Vô số Thiên chúng này đều cùng hội hợp, muốn nghe Tu-bồđề nói nghĩa Bát nhã Ba la mật. Bồ-tát làm sao trụ nơi Bát-nhã bala-mật?

Tu-bồ-đề nói Thích Đề-hoàn Nhân và các Thiên chúng:

–Này Kiều-thi-ca! Ta nương oai thần của Phật mà thuyết Bát nhã Ba la mật. Nếu các Thiên tử chưa phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác, nay nên phát tâm. Nếu người đã vào chánh vị rồi, thì không thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác. Vì sao? Vì đã ngăn cách sinh tử. Người này nếu phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác, tôi cũng tùy hỷ, không ngăn cách công đức đó. Vì sao vậy? Bậc thượng nhân nên cầu pháp cao thượng.

Khi ấy, Đức Phật khen ngợi Tu-bồ-đề:

–Lành thay, lành thay! Ông đã khuyến khích Bồ-tát như vậy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con phải báo đáp công ân của Đức Phật như chư Phật và các đệ tử ở đời quá khứ, dạy Như Lai trụ ở pháp không, cũng dạy học các Ba-la-mật. Như Lai học pháp này chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác.

Bạch Thế Tôn! Con sẽ hộ niệm cho các Bồ-tát như vậy, nhờ sự hộ niệm của con, các bậc Bồ-tát sẽ mau thành Vô thượng Chánh đẳng giác.

Tu-bồ-đề nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Kiều-thi-ca! Ông nhất tâm lắng nghe Bồ-tát trụ nơi Bát nhã Ba la mật.

Này Kiều-thi-ca! Bồ-tát phát khởi đại trang nghiêm ở nơi Đại thừa, lấy pháp không mà trụ nơi Bát nhã Ba la mật, không nên trụ nơi sắc, không nên trụ thọ, tưởng, hành, thức. Không nên trụ nơi sắc là thường hay vô thường; không nên trụ nơi thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường. Không nên trụ nơi sắc là khổ, hoặc vui; không nên trụ nơi thọ, tưởng, hành, thức là khổ hoặc vui. Không nên trụ nơi sắc là tịnh hoặc bất tịnh; không nên trụ nơi thọ, tưởng, hành, thức là tịnh hoặc bất tịnh. Không trụ nơi sắc là ngã hoặc vô ngã; không nên trụ nơi thọ, tưởng, hành, thức là ngã hoặc vô ngã. Không nên trụ nơi sắc là không hoặc bất không; không nên trụ nơi thọ, tưởng, hành, thức là không hoặc bất không. Không nên trụ nơi Tu-đà-hoàn quả, không nên trụ nơi Tư-đà-hàm quả, không nên trụ nơi A-na-hàm quả, không nên trụ nơi A-la-hán quả, không nên trụ nơi Bích-chi-phật đạo, không nên trụ nơi Phật, không nên trụ nơi quả vị vô vi Tu-đà-hoàn, không nên trụ nơi quả vị phước điền Tư-đà-hoàn; không nên trụ nơi quả Tu-đà-hoàn cho đến bảy lần sinh tử. Không nên trụ nơi quả vị vô vi Tư-đà-hàm, không nên trụ nơi quả phước điền Tư-đà-hàm, nên không trụ nơi quả Tư-đàhàm một lần sinh lại thế gian này sẽ được hết khổ. Không nên trụ noiư quả vị vô vi A-na-hàm, không nên trụ nơi quả phước điền Ana-hàm, không nên trụ quả A-na-hàm ở thế gian kia diệt độ. Không nên trụ nơi quả vị vô vi A-la-hán, không nên trụ quả vị phước điền A-la-hán, không nên trụ A-la-hán đời này nhập Vô dư Niết-bàn. Không

nên trụ Bích-chi-phật đạo vô vi quả, không nên trụ Bíchchi-phật đạo phước điền, không nên trụ Bích-chi-phật vượt qua địa vị Thanh văn, không đến địa vị Phật mà nhập Niết-bàn, không trụ nơi Phật pháp mà làm lợi ích cho vô lượng chúng sinh, chúng sinh diệt độ cũng không lường được.

Bấy giờ Xá-lợi-phất suy nghĩ: "Bồ-tát nên trụ thế nào?" Tu-bồ-đề biết ý nghĩ đó nói với Xá-lợi-phất:

–Ý ông thế nào? Như Lai trụ ở chỗ nào?

Xá-lợi-phất nói:

–Như Lai không chỗ trụ không trụ, ở tâm gọi là Như Lai. Như Lai không trụ hữu vi tánh, cũng không trụ vô vi tánh.

Này Xá-lợi-phất! Vị Đại Bồ-tát cũng nên trụ như vậy. Như Đức Như Lai trụ ở tất cả pháp, không phải trụ, không phải không trụ.

Khi ấy trong đại chúng có các Thiên tử suy nghĩ: "Chương cú và lời nói của các chúng Dạ-xoa, chúng ta còn có thể hiểu biết ý nghĩa, còn những điều bàn luận của Tu-bồ-đề, thì chúng ta khó có thể hiểu được."

Tu-bồ-đề biết điều suy nghĩ trong lòng các Thiên tử, ngài liền nói với các Thiên tử:

–Ở đây không thuyết giảng, không chỉ dạy, không lắng nghe.

Các Thiên tử suy nghĩ: "Tu-bồ-đề muốn làm cho nghĩa dễ hiểu này trở thành nghĩa sâu xa."

Tu-bồ-đề biết ý nghĩa đó nói với các Thiên tử:

–Nếu hành giả muốn chứng Tu-đà-hoàn quả, muốn trụ Tu-đàhoàn quả thì không xa lìa pháp nhẫn này, muốn chứng Tư-đà-hàm quả, A-na-hàm quả, A-la-hán quả, muốn chứng đắc Bích-chi-phật đạo, muốn chứng đắc Phật pháp, cũng không rời pháp nhẫn này.

Khi ấy, các Thiên tử suy nghĩ: "Những người nào có thể tùy thuận được lời nói của Tu-bồ-đề?"

Tu-bồ-đề biết ý nghĩ đó nói với các Thiên tử:

–Người huyễn có thể tùy thuận nghe ta nói mà không nghe và không chứng. Các Thiên tử suy nghĩ: "Chỉ người nghe là như huyễn, chúng sinh cũng như huyễn. Tu-đà-hoàn cho đến Bích-chi-phật đạo cũng như huyễn."

Tu-bồ-đề biết ý nghĩ đó nói với các Thiên tử:

–Ta nói chúng sinh như huyễn, như mộng, Tu-đà-hoàn quả như huyễn, như mộng; Tư-đà-hàm quả, A-na-hàm quả, A-la-hán quả, Bích-chi-phật đạo cũng như huyễn như mộng.

Các Thiên tử nói:

–Tu-bồ-đề cũng nói Phật pháp như mộng như huyễn.

Tu-bồ-đề nói:

–Ta nói Phật pháp cũng như huyễn như mộng, ta nói Niết-bàn cũng như huyễn như mộng.

Các Thiên tử thưa:

–Bạch Đại Đức Tu-bồ-đề! Ngài nói Niết-bàn cũng như huyễn như mộng hay sao?

Tu-bồ-đề nói:

–Chư Thiên tử, giả sử lại có pháp lớn hơn Niết-bàn, ta cũng nói như huyễn như mộng. Này các Thiên tử! Huyễn mộng Niết-bàn không có hai, không có khác nhau.

Khi ấy Xá-lợi-phất, Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử, Ma-ha Câu-hyla, Ma-ha Ca-chiên-diên hỏi Tu-bồ-đề:

–Ngài thuyết nghĩa Bát nhã Ba la mật như vậy. Ai là người có thể thọ nhận nghĩa Bát nhã Ba la mật.

Khi ấy A-nan nói:

–Nghĩa Bát nhã Ba la mật được nói như vậy chỉ có bậc không thoái chuyển đầy đủ chánh kiến và A-la-hán mãn nguyện thì có thể thọ nhận.

Tu-bồ-đề nói:

–Đúng vậy, thuyết nghĩa Bát nhã Ba la mật là không thể thọ nhận. Vì sao? Vì ở trong Bát nhã Ba la mật này không có pháp có thể nói và không có pháp có thể chỉ dạy: vì nghĩa đó cho nên không thể thọ nhận.

Lúc ấy Thích Đề-hoàn Nhân suy nghĩ: "Trưởng lão Tu-bồ-đề đang rưới mưa pháp, ta có thể hóa ra hoa trời tung rải dâng lên cúng dường Tu-bồ-đề." Thích Đề-hoàn Nhân hóa ra hoa, rải dâng cúng Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề suy nghĩ: "Thích Đề-hoàn Nhân ở trên cung trời Đaolợi đã rải hoa, ta chưa từng thấy hoa đó, nó từ trong tâm ý hóa ra, không phải là do cây trổ ra."

Thích Đề-hoàn Nhân biết ý nghĩ đó nên nói với Tu-bồ-đề:

–Hoa đó chẳng phải là hoa sống, cũng chẳng phải là sinh từ tâm ý.

Tu-bồ-đề nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Kiều-thi-ca! Ông nói hoa đó chẳng phải là hoa sống cũng chẳng phải là sinh từ tâm ý. Nếu chẳng phải do pháp sinh thì không gọi là hoa?

Thích Đề-hoàn Nhân suy nghĩ: "Trí tuệ của Trưởng lão Tu-bồđề rất sâu sắc, không phá hoại giả danh mà thuyết ra nghĩa chân thật." Suy nghĩ rồi nói với Tu-bồ-đề:

–Đúng vậy, đúng vậy, Tu-bồ-đề! Như lời Tu-bồ-đề nói, Bồ-tát nên học như vậy. Bồ-tát học như vậy thì không học Tu-đà-hoàn quả, Tư-đà-hàm quả, A-na-hàm quả, A-la-hán quả, Bích-chi-phật đạo. Nếu không học địa vị đó, thì đó gọi là học Phật pháp và học Nhất thiết trí. Nếu học Phật pháp, học Nhất thiết trí thì học Phật pháp vô lượng, vô biên. Nếu người học Phật pháp vô lượng, vô biên, không vì sắc tăng giảm mà học, không vì học thọ, tưởng, hành, thức tăng giảm mà học; không vì thọ nhận sắc mà học; không vì thọ nhận thọ, tưởng, hành, thức mà học. Người đó học ở pháp không chấp thủ, không chỗ diệt, nên gọi là học.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề:

–Hành giả không vì chấp thủ Nhất thiết trí, không vì diệt Nhất thiết trí nên phải học như vậy.

Tu-bồ-đề nói:

–Đúng vậy, Xá-lợi-phất! Bồ-tát cho đến Nhất thiết trí không chấp thủ, không hoại diệt nên học. Khi quán sát như vậy, có thể học Nhất thiết trí, có thể thành tựu Nhất thiết trí.

Khi ấy Thích Đề-hoàn Nhân hỏi Xá-lợi-phất:

–Bát nhã Ba la mật của Đại Bồ-tát, phải nên cầu thế nào?

Xá-lợi-phất bảo:

–Người học Bát nhã Ba la mật nên tìm cầu ở trong sự thay đổi của Tu-bồ-đề.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi Tu-bồ-đề:

–Đó là thần lực của ai?

Tu-bồ-đề nói:

–Đó là thần lực của Phật. Này Kiều-thi-ca! Như ông đã hỏi cầu Bát nhã Ba la mật ở đâu? Bát nhã Ba la mật không nên cầu trong sắc, không nên cầu trong thọ, tưởng, hành, thức; cũng không lìa sắc mà cầu, cũng không lìa thọ, tưởng, hành, thức mà cầu. Vì sao? Vì sắc chẳng phải là Bát nhã Ba la mật; lìa sắc cũng không phải là Bát nhã Ba la mật; thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là Bát nhã Ba la mật; lìa thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng phải Bát nhã Ba la mật.

Thích Đề-hoàn Nhân nói:

–Đại Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật. Vô lượng ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, Vô biên ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề nói:

–Đúng vậy, đúng vậy, Kiều-thi-ca! Đại Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật; Vô lượng ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật; Vô biên ba-lamật là Bát nhã Ba la mật. Này Kiều-thi-ca! Sắc là vô lượng nên Bát nhã Ba la mật là vô lượng; thọ, tưởng, hành, thức là vô lượng nên Bát nhã Ba la mật là vô lượng. Duyên là vô biên nên Bát nhã Ba la mật là vô biên, chúng sinh vô biên nên Bát nhã Ba la mật là vô biên.

Này Kiều-thi-ca! Sao gọi là duyên vô biên nên Bát-nhã ba-lamật là vô biên, các pháp không trước, không giữa và không sau, thế nên duyên vô biên và Bát nhã Ba la mật vô biên.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Các pháp vô biên, đời trước không

thể được, đời này và đời sau không thể được. Thế nên duyên vô biên, Bát nhã Ba la mật vô biên.

Thích Đề-hoàn Nhân nói với Trưởng lão Tu-bồ-đề:

–Sao gọi là chúng sinh vô biên và Bát nhã Ba la mật vô biên.

–Này Kiều-thi-ca! Chúng sinh vô lượng, vô số không thể đếm được. Thế nên chúng sinh vô biên và Bát nhã Ba la mật vô biên.

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Đại Đức Tu-bồ-đề! Chúng sinh có nghĩa gì?

Tu-bồ-đề nói:

–Nghĩa chúng sinh tức là nghĩa pháp. Ý ông thế nào? Đã nói chúng sinh thì chúng sinh có nghĩa gì?

Thích Đề-hoàn Nhân nói:

–Nghĩa của chúng sinh là phi pháp, cũng chẳng phải là phi pháp, đó là danh tự giả không có căn bản, không có nhân, gượng lập danh tự nên tạm gọi là chúng sinh.

Tu-bồ-đề nói:

–Ý ông thế nào? Ở trong đây thật có chúng sinh, có thể thuyết giảng, có thể chỉ bày không?

–Không.

Tu-bồ-đề nói:

–Kiều-thi-ca! Nếu không thể thuyết giảng, không thể chỉ bày về chúng sinh thì tại sao nói chúng sinh vô biên, Bát nhã Ba la mật vô biên?

Này Kiều-thi-ca! Nếu Như Lai thọ mạng lâu dài như hằng hà sa kiếp thuyết giảng cho chúng sinh, chúng sinh thật có chúng sinh, sinh diệt không?

Thích Đề-hoàn Nhân nói:

–Không! Vì chúng sinh từ xưa đến nay thường thanh tịnh.

–Này Kiều-thi-ca! Thế nên phải biết chúng sinh vô biên, Bát nhã ba-la-mật vô biên.

QUYỂN 2
Phẩm 3: THÁP

Khi ấy Thích Đề-hoàn Nhân, Phạm thiên vương, Tự tại Thiên vương và chủ chúng sinh các Thiên nữ… đều rất vui mừng, đồng thời xướng lên ba lần:

–Vui thay, vui thay, nhờ Đức Phật xuất hiện ở đời nên Tu-bồđề mới có thể diễn thuyết pháp này.

Khi ấy chư Thiên và đại chúng cùng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát không xa lìa việc thực hành Bát nhã Ba la mật nên xem người ấy như là Phật.

Đức Phật bảo các Thiên tử:

–Đúng vậy, đúng vậy!

Ngày xưa vào thời Phật Nhiên Đăng ở thành Chúng hoa, ta không xa lìa việc thực hành Bát nhã Ba la mật.

Khi ấy Phật Nhiên Đăng thọ ký cho ta vô số kiếp về sau, ông sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Các Thiên tử bạch Phật:

–Thật hiếm có, bạch Thế Tôn! Các vị Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật có thể giữ gìn Nhất thiết trí.

Đức Phật nhân vì Thích Đề-hoàn Nhân mà bảo các Thiên tử ở cõi trời Dục giới, sắc giới và bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưubà-tắc, Ưu-bà-di:

–Này Kiều-thi-ca! Nếu có thiện nam, tín nữ nào có thể thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật mà hành trì đúng như pháp thì Ma hoặc Thiên ma, Nhân hoặc Phi nhân không hại được hay làm cho họ chết yểu. Thiện nam, tín nữ ấy nhờ thọ trì đọc tụng Bát nhã Ba la mật nên chư Thiên ở trời Đao-lợi phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác và người chưa thọ trì đọc tụng Bát nhã Ba la mật, cũng đến nơi người thọ trì đọc tụng kinh ấy.

Lại nữa Kiều-thi-ca! Thiện nam, tín nữ khi thọ trì, đọc tụng ở trong nhà vắng vẻ hoặc đi bên đường, hoặc đi lạc đường thì không sợ hãi.

Khi ấy Tứ Thiên vương bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Nếu thiện nam, tín nữ nào thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật, hành trì đúng như pháp thì chúng con đều phải hộ trì.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Nếu thiện nam, tín nữ nào thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật, hành trì đúng như pháp thì con phải hộ trì.

Phạm Thiên vương và các Phạm thiên đều bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, tín nữ thọ trì, đọc tụng hành trì đúng như pháp thì chúng con cũng phải hộ trì.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Thật hiếm có, thưa Thế Tôn! Thiện nam, tín nữ nào thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật thì được công đức ở đời hiện tại như vậy.

Bạch Thế Tôn! Nếu người thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật là thọ trì, đọc tụng các Ba-la-mật.

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy, này Kiều-thi-ca! Người thọ trì Bát nhã Ba la mật là thọ trì các Ba-la-mật.

–Lại nữa Kiều-thi-ca! Thiện nam, tín nữ nào thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật thì được công đức như vậy. Ông hãy lắng nghe ta sẽ nói cho ông nghe về công đức như vậy.

Thích Đề-hoàn Nhân vâng lời lắng nghe. Phật bảo:

–Kiều-thi-ca, nếu có người ý muốn hủy hoại trái nghịch pháp này của ta, tuy có tâm ấy nhưng dần dần sẽ bị hủy diệt và không làm được. Vì sao? Này Kiều-thi-ca! Nếu thiện nam, tín nữ nào thọ trì đọc tụng Bát nhã Ba la mật, mà bị các sự việc trái nghịch phá hoại vừa phát sinh thì chúng liền bị tiêu diệt cả và người kia không thể hại được.

Này Kiều-thi-ca! Nếu thiện nam, tín nữ nào thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật thì được công đức đời hiện tại như vậy. Ví như có cây thuốc gọi là Ma-hê, có con rắn đói đi tìm thức ăn, thấy có côn trùng nhỏ muốn ăn, côn trùng chui vào cây thuốc, con rắn nghe mùi thuốc liền bỏ chạy không ngoảnh lại. Vì sao? Vì năng lực của thuốc có thể tiêu trừ nọc độc.

Này Kiều-thi-ca! Thiện nam, tín nữ cũng như vậy. Nếu thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật mà bị các việc hủy hoại trái nghịch phát sinh thì nhờ năng lực của Bát nhã Ba la mật nên các việc đó liền bị tiêu diệt.

Lại nữa Kiều-thi-ca! Ai thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật thì được Tứ Thiên vương Hộ thế đều hộ trì.

Lại nữa Kiều-thi-ca! Người này không bao giờ nói lời vô ích, có nói lên điều gì thì mọi người đều tin tưởng, người này ít sân nhuế, không ôm lòng thù hận, không bị ngã mạn che lấp, không bị sân nhuế sai khiến.

Này thiện nam, tín nữ! Lúc sân hận suy nghĩ như vầy: “Nếu ta giận thì tàn phá các căn, nhan sắc đổi khác, ta muốn cầu Vô thượng Chánh đẳng giác làm sao lại chạy theo tâm sân, suy nghĩ như vậy liền được chánh niệm.”

Này Kiều-thi-ca! Thiện nam, tín nữ nào thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật, thì được công đức đời hiện tại như vậy.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật hiếm có, Bát nhã Ba la mật là hồi hướng đến nên không có tâm cống cao.

Đức Phật bảo Kiều-thi-ca:

–Thiện nam, tín nữ nào thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật, khi vào quân trận mà tụng Bát nhã Ba la mật, nếu lúc đóng quân hay xuất quân, thì không thể bị mất mạng hay bị hại, bị gươm dao hay tên, hướng đến mình thì không thể bị thương. Vì sao? Vì Bát-nhã bala-mật là chú thuật vĩ đại chú thuật vô thượng.

Thiện nam, tín nữ học chú thuật này không tự mình nghĩ ác, không nghĩ việc ác của người khác, không nghĩ việc ác của mình và người đó là học chú thuật này, chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác, chứng đắc trí Nhất thiết trí, có thể xem xét tâm của chúng sinh.

Lại nữa Kiều-thi-ca! Nếu nơi nào có để kinh Bát nhã Ba la mật này, có đọc tụng kinh Bát nhã Ba la mật thì nhân hoặc phi nhân, không thể hại được. Chỉ có người nào đã tạo ra nghiệp phải chịu quả báo.

Này Kiều-thi-ca! Ví như bốn bên đạo tràng hoặc người, hoặc súc sinh, không thể não hại. Vì sao? Vì chư Phật quá khứ, vị lai và hiện tại đều thành Phật ở đó, đã thành Phật, đang thành Phật và sẽ thành Phật nơi đó, nên tất cả chúng sinh ở đó, không lo sợ, không ai có thể não hại được.

Này Kiều-thi-ca! Bát nhã Ba la mật này là nơi mà người tốt nên cung kính, cúng dường lễ bái.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thiện nam, tín nữ nào biên chép thọ trì, đọc tụng, cung kính, cúng dường tôn trọng tán thán Bát nhã Ba la mật, đem hương hoa đẹp, chuỗi anh lạc, hương thoa, hương đốt hương bột, đủ loại hương và tràng phan bảo cái mà đem ra cúng dường. Đối với xá-lợi của Như Lai cúng dường cung kính, tôn trọng, tán thán, đem hương hoa đẹp, chuỗi anh lạc, hương thoa hương đốt, hương bột, đủ loại hương và tràng phan bảo cái mà đem ra cúng dường thì hai phước đức đó, phước đức nào nhiều hơn.

–Này Kiều-thi-ca! Ta lại hỏi ông, ông hãy tùy ý trả lời. Ý ông thế nào? Như Lai thực hành đạo gì dựa nơi thân mà đạt đến Nhất thiết trí, chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác?

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai học Bát nhã Ba la mật, nên được thân này và chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác.

–Này Kiều-thi-ca! Đức Phật không phải nhờ thân này mà gọi

là Như Lai, nhờ đạt đến Nhất thiết trí cho nên gọi là Như Lai.

Này Kiều-thi-ca! Nhất thiết trí của chư Phật từ Bát-nhã ba-lamật sinh ra, thân này là chỗ Nhất thiết trí nương tựa, Như Lai nhờ vào thân này đạt đến trí Nhất thiết trí, thành tựu Vô thượng Chánh đẳng giác, thân này là chỗ trí Nhất thiết trí nương dựa nên sau khi ta diệt độ xá-lợi được cúng dường.

Này Kiều-thi-ca! Thiện nam, tín nữ nào biên chép Bát-nhã bala-mật, thọ trì, đọc tụng, cúng dường, cung kính, tôn trọng tán thán, đem hương hoa tốt đẹp, chuỗi anh lạc, hương thoa, hương đốt, hương bột, đủ loại hương và tràng phan bảo cái mà đem ra cúng dường là cúng dường Nhất thiết trí. Cho nên người biên chép kinh Bát-nhã bala-mật, cúng dường, cung kính, tôn trọng tán thán, nên biết người này được phước đức rất nhiều. Vì sao? Vì cúng dường trí Nhất thiết trí.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Người Diêm-phù-đề không cúng dường, cung kính, tôn trọng tán thán kinh Bát nhã Ba la mật là không biết lợi ích lớn như vậy chăng?

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca! Ý ông thế nào? Cõi Diêm-phù-đề có bao nhiêu người tin tuyệt đối nơi Phật, Pháp, Tăng?

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Rất ít người tin tưởng tuyệt đối nơi Phật, pháp, tăng. Bạch Thế Tôn! Cõi Diêm-phù-đề rất ít người đạt đến quả vị Tu-đà-hoàn, đạt quả Tư-đà-hàm, đạt quả A-na-hàm, đạt quả vị A-lahán, đạt đến Bích-chi-phật lại càng ít hơn. Người hành đạo Bồ-tát cũng lại càng ít hơn nữa.

–Kiều-thi-ca, đúng vậy, đúng vậy! Cõi Diêm-phù-đề rất ít người tin tưởng tuyệt đối nơi Phật cho đến phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác. Người hành đạo Bồ-tát lại cũng ít hơn.

Này Kiều-thi-ca! Vô lượng, vô biên, a-tăng-kỳ chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác, nhưng chỉ có một, hai người trong số đó trú ở địa vị không thoái chuyển. Thế nên phải biết thiện nam, tín nữ nào phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác, cho đến thọ trì, đọc tụng, cúng dường, cung kính, tôn trọng tán thán Bát nhã Ba la mật, thì sao người ấy nên suy nghĩ: "Khi chư Phật ở đời quá khứ thực hành đạo Bồ-tát cũng học pháp này, chúng ta nên học trọng pháp này, Bát nhã Ba la mật là bậc Đạo sư của ta."

Này Kiều-thi-ca! Sau khi ta diệt độ hay ở đời hiện tại, Bồ-tát thường nương nơi Bát nhã Ba la mật này. Nếu thiện nam, tín nữ nào sau khi ta diệt độ vì cúng dường Như Lai, nên xây tháp bảy báu, trọn đời đem hương hoa tốt đẹp, hương thoa, hương bột, y phục tràng phan cúng dường tháp này. Ý ông thế nào? Người thiện nam, tín nữ này do nhân duyên đó được phước đức có nhiều không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Phật dạy:

–Kiều-thi-ca! Nếu thiện nam, tín nữ nào cúng dường Bát nhã Ba la mật cung kính, tôn trọng, tán thán đem hương hoa tốt đẹp, hương thoa, hương bột, y phục tràng phan bảo cái mà cúng dường nên được phước đức rất nhiều.

Này Kiều-thi-ca! Không nói gì đến một tháp nếu có tháp bảy báu đầy khắp cả Diêm-phù-đề, thiện nam, tín nữ suốt cả cuộc đời đem hương hoa cho đến kỹ nhạc cúng dường các tháp đó. Ý ông thế nào? Do nhân duyên này, được phước đức nhiều không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Phật bảo:

–Này Kiều-thi-ca! Nếu thiện nam, tín nữ nào cúng dường Bát nhã Ba la mật và cung kính tôn trọng, tán thán, đem hương hoa tốt đẹp, hương thoa, hương bột y phục, tràng phan, bảo cái phước đức đó rất nhiều.

Này Kiều-thi-ca! Xây dựng tháp bảy báu như thế đầy đủ cõi Diêm-phù-đề, nếu dựng tháp bảy báu đầy cả bốn thiên hạ, nếu có người trọn đời đem hương hoa, kỹ nhạc cúng dường, lại có người cúng dường Bát nhã Ba la mật thì được phước đó rất nhiều.

Này Kiều-thi-ca! Xây dựng tháp bảy báu như thế khắp cả bốn thiên hạ nếu xây dựng tháp bảy báu khắp cả tiểu thiên thế giới Châu-lê-ca, có người nào suốt đời đem hương hoa cho đến tràng phan bảo cái cúng dường, lại có người cúng dường Bát-nhã ba-lamật, thì phước đức đó rất nhiều.

Này Kiều-thi-ca! Xây dựng tháp bảy báu ở tiểu thiên thế giới ở Châu-lê-ca như thế, nếu dựng tháp bảy báu đầy khắp cả hai ngàn trung thế giới, có người nào trọn đời đem hương hoa tốt đẹp cho đến tràng phan, bảo cái để cúng dường hoặc có người nào cúng dường Bát nhã Ba la mật thì phước đức đó nhiều hơn.

Này Kiều-thi-ca! Xây dựng tháp bảy báu ở hai ngàn trung thế giới như thế, nếu có tháp bảy báu khắp cả tam thiên đại thiên thế giới, thiện nam, tín nữ nào suốt đời đem hương hoa tốt đẹp cho đến tràng phan bảo cái để cúng dường.

Này Kiều-thi-ca! Ý ông thế nào? Người ấy nhờ nhân duyên đó nên được phước đức có nhiều không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Phật bảo:

–Này Kiều-thi-ca! Nếu lại có người cúng dường quyển kinh Bát nhã Ba la mật, cung kính, tôn trọng, tán thán hương hoa cho đến tràng phan bảo cái, thì phước đức đó hơn trước rất nhiều.

Này Kiều-thi-ca! Hãy để tháp bảy báu đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới lại, giả sử làm cho tam thiên đại thiên thế giới, tất cả chúng sinh trong một lúc làm được thân người, tất cả người này đều xây tháp bảy báu, suốt đời đem tất cả hương hoa tốt đẹp tràng phan bảo cái ca hát để cúng dường tháp bảy báu này.

Này Kiều-thi-ca! Ý ông thế nào? Những người này nhờ nhân duyên đó phước đức có nhiều không?

Đáp:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Phật bảo:

–Này Kiều-thi-ca! Thiện nam tử, thiện nữ nào cúng dường

kinh Bát nhã Ba la mật, cung kính tôn trọng, tán thán… dùng hoa hương cho đến tràng phan… thì phước ấy rất nhiều.

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đúng vậy, đúng vậy! Người nào cúng dường kinh Bát nhã Ba la mật tức là cúng dường Nhất thiết trí của chư Phật trong ba đời.

Bạch Thế Tôn! Để tất cả chúng sinh ở tam thiên đại thiên thế giới đều xây tháp bảy báu lại. Nếu khắp cả mười phương hằng sa số thế giới mà chúng sinh đều được thân người, thì mỗi người đó đều xây tháp bảy báu trong một kiếp hoặc một kiếp giảm, đem hương hoa tốt đẹp cho đến kỹ

nhạc để cúng dường tháp đó. Nếu lại có người cúng dường kinh Bát nhã Ba la mật, cung kính, tôn trọng, cúng dường hương hoa tốt đẹp, cho đến kỹ nhạc thì phước đức đó rất nhiều.

Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy, này Kiều-thi-ca!

Thiện nam, tín nữ nhờ nhân duyên cúng dường kinh Bát nhã Ba la mật này nên được phước đức rất nhiều, vô lượng, vô biên không thể nghĩ bàn. Vì sao?

Này Kiều-thi-ca! Tất cả Nhất thiết trí của chư Phật đều do Bát nhã Ba la mật mà sinh ra.

Này Kiều-thi-ca! Nhờ nhân duyên này nếu có thiện nam, tín nữ nào cúng dường kinh Bát nhã Ba la mật, cung kính, tôn trọng, tán thán, đem cúng dường hương hoa tốt đẹp cho đến kỹ nhạc, thì hơn cả công đức trước, trăm phần không bằng một phần, ngàn phần, muôn phần, trăm ngàn muôn phần, trăm ngàn muôn ức phần không bằng một phần, cho đến toán số thí dụ, vốn không thể nào bằng kịp.

Phẩm 4: MINH CHÚ

Khi ấy Thích Đề-hoàn Nhân cùng với bốn vạn Thiên tử ở trong hội này nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Kiều-thi-ca! Nên thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật.

Đức Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Kiều-thi-ca! Ông thọ trì và đọc tụng Bát nhã Ba la mật, nếu A-tu-la sinh ý nghĩ muốn đánh nhau với chư Thiên ở cõi trời Đao-lợi thì lúc đó ông nên tụng niệm kinh Bát nhã Ba la mật. Nhờ nhân duyên đó nên ác tâm của A-tu-la liền tiêu diệt.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật là Đại minh chú, Bát nhã Ba la mật là Vô thượng chú, Bát nhã Ba la mật là Vô đẳng đẳng chú.

Phật dạy:

–Đúng như thế, đúng như thế, này Kiều-thi-ca! Bát-nhã ba-lamật là bài chú rất sáng chói, Bát nhã Ba la mật là bài chú tột bậc, Bát nhã Ba la mật là bài chú siêu tuyệt không gì sánh nổi. Vì sao?

Này Kiều-thi-ca! Chư Phật ở đời quá khứ nhờ Minh chú này chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác, chư Phật ở đời vị lai cũng nhờ chú này sẽ chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác, chư Phật ở đời hiện tại trong mười phương cũng nhờ chú này chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác.

Này Kiều-thi-ca! Nhờ Minh chú này nên mười điều thiện xuất hiện ở đời. Bốn thiền, bốn Vô lượng tâm, bốn Vô sắc định, năm Thần thông xuất hiện ở đời. Nhân Bồ-tát này nên mười điều thiện xuất hiện ở đời. Bốn thiền, bốn Vô lượng tâm, bốn Vô sắc định, nă, Thần thông xuất hiện ở đời. Nếu chư Phật không xuất hiện ở đời thì chỉ nhân nơi Bồ-tát nên mười điều thiện, bốn thiền, bốn Vô lượng tâm, bốn Vô sắc định, năm Thần thông xuất hiện ở đời. Ví như khi mặt trăng không xuất hiện thì ánh sáng của các ngôi sao chiếu khắp thế gian.

Đúng như vậy, Kiều-thi-ca! Khi ấy ở thế gian không có Phật Thế Tôn đã có thiện hạnh, chánh hạnh đều từ Bồ-tát sinh ra, sức phương tiện của Bồ-tát đều do Bát nhã Ba la mật sinh ra.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Thiện nam, tín nữ nào cúng dường kinh Bát nhã Ba la mật, cung kính, tôn trọng, tán thán được phước đức ở đời này.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Đạt được phước đức nào ở hiện tại.

–Này Kiều-thi-ca! Đó là thiện nam, tín nữ không bị chất độc làm hại, không bị lửa thiêu đốt, suốt đời không bị chết yểu. Lại nữa, thiện nam, tín nữ nào bị kiện cáo, tụng niệm kinh Bát-nhã bala-mật thì việc kiện cáo đó liền tiêu diệt, những người tìm tòi khuyết điểm ở nơi ta đều không được thuận tiện dễ dàng. Vì sao? Vì đã được Bát nhã Ba la mật hộ trì.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Thiện nam, tín nữ nào đọc tụng kinh Bát nhã Ba la mật, nếu người ấy đi đến chỗ của quốc vương hoặc là chỗ của vương tử, đại thần, mọi người đều vui vẻ thăm hỏi cùng chuyện trò với người ấy. Vì sao? Này Kiều-thi-ca! Bát nhã Ba la mật vì thương xót tất cả chúng sinh nên xuất hiện. Thế nên Kiều-thi-ca! Những người tìm tòi khuyết điểm ở nơi ta đều không được thuận tiện dễ dàng.

Khi ấy, một trăm người xuất gia theo ngoại đạo, muốn tìm khuyết điểm của Phật, họ bèn hướng đến chỗ Phật.

Thích Đề-hoàn Nhân suy nghĩ: "Đây là một trăm người xuất gia theo ngoại đạo muốn tìm khuyết điểm của Phật nên đi đến chỗ Phật. Ta đã được Phật truyền trao kinh Bát nhã Ba la mật, vậy nên tụng niệm, vì các ngoại đạo này đi đến chỗ Phật, hoặc có thể ngăn trở về việc thuyết Bát nhã Ba la mật." Suy nghĩ như vậy rồi Thích Đề-hoàn Nhân liền tụng niệm Bát nhã Ba la mật, đã được Đức Phật truyền trao cho.

Khi ấy, từ xa thấy Đức Phật, các ngoại đạo quay đầu bỏ đi.

Xá-lợi-phất suy nghĩ: "Do nhân duyên nào nên các ngoại đạo thấy Phật lại bỏ đi?"

Đức Phật biết ý nghĩ đó bảo Xá-lợi-phất:

–Thích Đề-hoàn Nhân này tụng niệm kinh Bát nhã Ba la mật, ngoại đạo như vậy, không một người nào có thiện tâm, họ đều mang ác ý đến tìm tòi khuyết điểm của Phật, vì thế cho nên ngoại đạo đều bỏ đi.

Khi ấy ác ma suy nghĩ: "Bốn chúng và chư Thiên ở cõi Dục giới và Vô sắc giới, đang ngồi trước mặt Phật. Trong ấy tất là có Bồ-tát được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng giác. Vậy ta nên quấy nhiễu họ, liền hóa làm bốn loại binh hướng đến chỗ Phật."

Khi ấy Thích Đề-hoàn Nhân suy nghĩ: "Ma hóa ra bốn binh đi đến chỗ Phật, bốn loại binh tướng này vua Tần-bà-sa-la ở nước Magià-đà cũng không có, vua Ba-tư-nặc thuộc nước Kiều-tát-la cũng không có, các Thích tử cũng không có, các Lê-xa đều không có. Nay binh tướng này chắc chắn do ác ma làm ra. Suốt đêm dài hạng ma này muốn tìm tòi khuyết điểm của Phật và làm não loạn chúng sinh, ta nên tụng niệm kinh Bát nhã Ba la mật."

Thích Đề-hoàn Nhân thầm tụng niệm kinh Bát nhã Ba la mật. Tùy theo việc tụng niệm của ông, ác ma dần dần lui quân.

Khi ấy chư Thiên Đao-lợi hóa làm hoa trời ở trên hư không rải cúng dường Phật và suy nghĩ cầu nguyện cho kinh Bát nhã Ba la mật tồn tại lâu dài ở cõi Diêm-phù-đề. Người ở cõi Diêm-

phù-đề sẽ được tụng niệm tu tập kinh Bát nhã Ba la mật. Khi ấy chư Thiên lại rải hoa trời lên cúng dường Phật và nói:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sinh thực hành tu tập Bát nhã Ba la mật thì ma và thiên ma không hại người ấy được.

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có người được nghe Bát nhã Ba la mật là đã từng gần gũi các Đức Phật, không phải nhờ ít công đức mà được như vậy huống là thọ trì, đọc tụng hành trì đúng như pháp. Vì sao? Bạch Thế Tôn, Nhất thiết trí của Bồ-tát phải nên cầu trong Bát nhã Ba la mật.

Bạch Thế Tôn! Ví như châu báu lớn phải tìm tòi ở trong biển lớn. Bạch Thế Tôn, châu báu là Nhất thiết trí của chư Phật phải tìm cầu trong Bát nhã Ba la mật.

Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy, này Kiều-thi-ca! Nhất thiết trí của chư Phật đều ở trong Bát nhã Ba la mật mà sinh ra.

Khi ấy A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn không ca ngợi Đàn-na ba-la-mật, không nói lời ca ngợi Thi-la ba-la-mật, Sằn-đề ba-la-mật, Tỳ-lê-da ba-la-mật, Thiền-na ba-la-mật, vì sao Ngài chỉ nói lời ca ngợi Bát nhã Ba la mật.

Phật bảo:

–A-nan! Bát nhã Ba la mật là dẫn đầu năm pháp Ba-la-mật.

Này A-nan! Ý ông thế nào? Nếu bố thí mà không hồi hướng Nhất thiết trí thì có thành Đàn-na ba-la-mật không?

A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, dạ không!

–Nếu Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ mà không hồi hướng Nhất thiết trí thì có thành Bát nhã Ba la mật không?

A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, dạ không!

–Này A-nan! Thế nên Bát nhã Ba la mật là dẫn đầu năm pháp Ba-la-mật.

Này A-nan! Ví như các hạt giống được gieo trong mặt đất. Do nhân duyên hòa hợp nên được sinh trưởng, không nương nhờ mặt đất này thì hạt giống không sinh trưởng.

Này A-nan! Như vậy năm pháp Ba-la-mật trụ trong Bát nhã Ba la mật mà được tăng trưởng và được Bát nhã Ba la mật hộ trì hướng đến Nhất thiết trí. Thế nên A-nan, Bát nhã Ba la mật là hướng dẫn năm pháp Ba-la-mật.

Khi ấy Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thiện nam, tín nữ này thọ trì, đọc tụng kinh Bát nhã Ba la mật thì được công đức, hành trì đúng như pháp, thì Như Lai nói cũng không hết.

Phật bảo Kiều-thi-ca:

–Ta không chỉ nói công đức người này do thọ trì đọc tụng kinh Bát nhã Ba la mật, hành trì đúng như pháp.

Này Kiều-thi-ca! Nếu có thiện nam, tín nữ nào cúng dường kinh Bát nhã Ba la mật cung kính, tôn trọng, tán thán đem hương hoa tốt đẹp cho đến tràng phan bảo cái để cúng dường, ta cũng nói người ấy được công đức.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con cũng phải hộ trì thiện nam, tín nữ, cúng dường kinh Bát nhã Ba la mật cung kính, tôn trọng, tán thán, đem hương hoa tốt đẹp cho đến tràng phan bảo cái để cúng dường.

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca! Thiện nam, tín nữ này thọ trì, đọc tụng kinh Bát nhã Ba la mật. Nếu có bao nhiêu trăm ngàn chư Thiên đại chúng vì nghe pháp, nên đi đến chỗ đó; khi Pháp sư ấy thuyết pháp cho chư Thiên, thì Phi nhân được tăng thêm khí lực. Nếu Pháp sư mệt nhọc không ưa thuyết pháp, thì chư Thiên cung kính pháp nên làm cho Pháp sư vui vẻ thuyết pháp.

Này Kiều-thi-ca! Thiện nam, tín nữ như vậy là được công đức ở đời hiện tại.

Lại nữa Kiều-thi-ca! Thiện nam, tín nữ nào khi nói Bát-nhã bala-mật ở bốn chúng thì tâm họ không lo sợ sẽ có người đến vấn nạn và chê trách. Vì sao? Vì người này đã được Bát nhã Ba la mật hộ trì nên không thấy người nào tìm được chỗ dở và Bát nhã Ba la mật cũng không có chỗ dở. Người này như vậy là hộ trì Bát-nhã ba-lamật không lo sợ có người đến vấn nạn và chê trách.

Này Kiều-thi-ca! Đó cũng là công đức hiện tại của thiện nam, tín nữ này.

Lại nữa Kiều-thi-ca! Thiện nam, tín nữ này đọc tụng Bát nhã Ba la mật là được cha mẹ thương mến, được họ hàng bạn bè tốt, được Sa-môn, Bà-la-môn cung kính, vượt qua sự buồn rầu, kiện tụng một cách như pháp.

Này Kiều-thi-ca! Đó là công đức ở đời hiện tại của thiện nam, tín nữ.

Lại nữa Kiều-thi-ca! Nơi nào để kinh Bát nhã Ba la mật thì chư Thiên trên cõi trời Tứ Thiên vương đề phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác, đều đi đến chỗ Bát nhã Ba la mật, thọ trì, đọc tụng cúng dường đảnh lễ rồi đi. Chư Thiên trên cõi trời Đao-lợi, Dạ-ma-thiên, Đâu-suất-đà thiên, Tha hóa lạc, Tha hóa tự tại thiên, Phạm thiên, Phạm thế thiên, Phạm phụ thiên, Phạm chúng thiên, Đại Phạm thiên, Quang thiên, Thiểu quang thiên, Vô lượng quang thiên, Quang âm thiên, Tịnh thiên, Thiểu tịnh thiên, Vô lượng tịnh thiên, Biến tịnh thiên, Vô âm hành thiên, Phước sinh thiên, Quảng quả thiên, Vô quảng thiên, Vô nhiệt thiên, Diệu kiến thiên, Thiện kiến thiên, Vô tiểu thiên… đề phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác đều đi đến chỗ Bát nhã Ba la mật thọ trì, đọc tụng cúng dường đảnh lễ rồi đi.

Này Kiều-thi-ca! Người đừng bảo là chỉ có chư Thiên ở Vô tiểu thiên đến cúng dường Bát nhã Ba la mật, mà chư Thiên trong cõi Dục giới, Sắc giới thuộc tam thiên đại thiên thế giới phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác đều đến chỗ Bát nhã Ba la mật thọ trì, đọc tụng cúng dường đảnh lễ lui ra.

Thiện nam, tín nữ nên suy nghĩ: “Trong mười phương vô số cõi nước, có chư Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-na, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân… đều đến chỗ Bát nhã Ba la mật thọ trì, đọc tụng, cúng dường đảnh lễ. Khi ấy ta nên cúng dường pháp Bát nhã Ba la mật. Chỗ ở của thiện nam, tín nữ nào mà có kinh Bát nhã Ba la mật thì điện đường hoặc phòng xá không thể bị hủy hoại, trừ hành nghiệp đời trước tất nhiên phải chịu.”

Này Kiều-thi-ca! Đó cũng là công đức hiện tại của thiện nam, tín nữ.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thiện nam, tín nữ này làm sao biết khi nào chư Thiên đến thọ trì đọc tụng cúng dường, cung kính kinh Bát nhã Ba la mật.

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca! Thiện nam, tín nữ thấy ánh sáng lớn biết chắc chắn Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà… đi đến chỗ đó.

Lại nữa, Kiều-thi-ca! Thiện nam, tín nữ ngửi được mùi hương kỳ lạ, nên biết chư Thiên đến chỗ đó.

Lại nữa Kiều-thi-ca! Nơi nào thiện nam, tín nữ ở nên làm cho sạch sẽ, nhờ sạch sẽ nên Phi nhân đều hoan hỷ đi đến chỗ đó; có tiểu quỷ nào ở nơi đó thì không chịu nổi oai đức lớn lao của chư Thiên nên lánh xa. Nhờ theo oai đức lớn của chư Thiên thường đến nên tâm họ thích pháp lớn, do đó bốn phía của trụ xứ không nên để dơ uế bất tịnh.

Lại nữa Kiều-thi-ca! Thiện nam, tín nữ ấy thân không mệt nhọc, ngủ nghỉ yên ổn nên không thấy ác mộng, hoặc khi nằm mộng thì chỉ thấy chư Phật, tháp miếu của chư Phật, chúng A-lahán và các chúng Bồ-tát tu tập sáu pháp Ba-la-mật, học Nhất thiết trí làm thế giới của Phật thanh tịnh. Lại nghe Đức Phật tên đó, nước đó, đang thuyết pháp cho bao nhiêu trăm ngàn vạn ức chúng cung kính vây quanh Ngài.

Này Kiều-thi-ca! Thiện nam, tín nữ nào, trong giấc mộng thấy như vậy, thức dậy an vui, khí lực đầy đủ, thân thể nhẹ nhàng. Thiện nam, tín nữ này không tham đắm về ăn uống. Ví như Tỳkheo ngồi thiền từ định xuất ra là nhờ học thiền cho nên không tham đắm về ăn uống. Này Kiều-thi-ca! Vì là do phi nhân làm cho khí lực tăng lên.

Này Kiều-thi-ca! Muốn được công đức hiện tại như vậy thì nên thọ trì đọc tụng Bát nhã Ba la mật hành trì đúng pháp.

Này Kiều-thi-ca! Thiện nam, tín nữ nào nếu không thể thọ trì đọc tụng kinh Bát nhã Ba la mật hành trì đúng như pháp, thì nên biên chép Bát nhã Ba la mật cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán, đem hương hoa tốt đẹp hương thoa, hương bột, hương đốt và đủ loại hương y phục tràng phan bảo cái kỹ nhạc để cúng dường.

Phẩm 5: XÁ-LỢI

Khi ấy Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Kiều-thi-ca! Xá-lợi khắp cả cõi Diêm-phù-đề là một phần, Bát nhã Ba la mật là một phần trong hai phần đó ông chọn lấy phần nào.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con lấy phần Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Bạch Thế Tôn, chẳng phải con không cung kính xá-lợi, nhưng vì xálợi là từ Bát nhã Ba la mật mà sinh ra, nhờ Bát nhã Ba la mật huân tập nên được cúng dường.

Bạch Thế Tôn! Con ở trên cung trời Đao-lợi trong Thiện pháp đường, con có chỗ thường ngồi. Chư Thiên tử cõi trời Đao-lợi đến cúng dường cho con, nếu con không có chỗ ở đó thì chư

Thiên tử cung kính làm lễ đi nhiễu tòa ngồi của con rồi mới đi. Vì họ suy nghĩ Thích Đề-hoàn Nhân ngồi ở tòa này thuyết pháp cho chư Thiên. Xálợi của chư Phật cũng vậy từ Bát nhã Ba la mật mà sinh ra là chỗ ở của Nhất thiết trí cho nên được cúng dường như vậy.

Thưa Thế Tôn! Trong hai phần con xin lấy phần Bát-nhã ba-lamật.

–Bạch Thế Tôn! Đặt xá-lợi khắp cả cõi Diêm-phù-đề, hoặc xá-lợi khắp cả tam thiên đại thiên thế giới là một phần Bát-nhã bala-mật là một phần. Trong hai phần con xin lấy phần Bát-nhã ba-lamật. Vì sao? Vì xá-lợi của chư Phật từ Bát nhã Ba la mật sinh ra nên được cúng dường.

Bạch Thế Tôn! Ví như là người mắc nợ thường lo sợ chủ, vì nhờ thân cận phụng sự nhà vua nên chủ nợ trở lại lo sợ cung kính người mắc nợ có dựa vào năng lực của nhà vua.

Bạch Thế Tôn! Xá-lợi cũng như vậy nương nơi Bát-nhã ba-lamật mà được cúng dường.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như vua, xá-lợi như người gần gũi nhà vua. Xá-lợi của Như Lai nương nơi tất cả Bát-nhã bala-mật mà được cúng dường.

Bạch Thế Tôn! Tất cả trí tuệ của chư Phật, cũng từ Bát nhã Ba la mật mà sinh ra, cho nên trong hai phần con xin lấy một phần Bát nhã Ba la mật.

Bạch Thế Tôn! Như bảo châu vô giá có công đức như vậy, chỗ để hạt châu đó là phi nhân không thể hại được. Hoặc người nam, hoặc người nữ, hoặc người lớn, hoặc người nhỏ nếu bị phi nhân hại thì khi đem châu báu đến chỗ đó, phi nhân bỏ đi. Nếu có bệnh nóng, lấy hạt châu thoa lên thân có thể trừ diệt; nếu có bệnh phong lấy hạt châu xoa lên thân, phong liền biến mất; nếu có bệnh lạnh cũng dùng bảo châu xoa lên thân liền hết lạnh. Hạt bảo châu lúc trời tối hạt châu làm sáng; khi nóng có thể làm mát; lúc lạnh có thể làm ấm; để hạt bảo châu nơi nào thì rắn độc không thể vào được. Người nam hoặc người nữ; hoặc người lớn hoặc người nhỏ, bị trùng độc chích đốt, đem hạt châu đưa cho họ thì độc liền tiêu. Nếu con mắt bị bệnh đem bảo châu xoa lên mắt thì mắt được lành.

Bạch Thế Tôn! Lại hạt châu này nếu để trong nước thì hạt châu cùng màu với nước. Nếu dùng túi bằng lụa màu trắng đựng bảo châu bỏ vào trong nước thì nước biến thành màu trắng. Nếu dùng túi xanh vàng đỏ tím đựng hạt châu bỏ vào trong nước, thì nước biến thành xanh, vàng, đỏ, tím, nước đục biến thành trong, hạt châu này thành tựu công đức như vậy.

Khi ấy A-nan hỏi Thích Đề-hoàn Nhân:

–Đây là vật báu ở cõi Diêm-phù-đề hay là vật báu ở cõi trời.

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

–Đây là vật báu ở cõi trời, người ở cõi Diêm-phù-đề cũng có vật báu này nhưng công đức ít mà nặng, công đức hạt châu ở cõi trời nhiều mà nhẹ, vật báu người so sánh của trời, không thể dùng toán số mà thí dụ được sự chênh lệch.

Bạch Thế Tôn! Nếu đem hạt châu bỏ vào trong hộp, tuy lấy hạt châu ra khỏi hộp rồi, vì công đức của hạt châu đó, nhưng hộp vẫn quý giá.

Bạch Thế Tôn! Bởi vì công đức Nhất thiết trí của Bát-nhã bala-mật nên sau khi Như Lai diệt độ, xá-lợi được cúng dường. Vì xálợi của Như Lai là chỗ trụ xứ Nhất thiết trí, trong hai phần con xin lấy phần Bát nhã Ba la mật.

Bạch Thế Tôn! Đặt xá-lợi như thế đầy cả tam thiên đại thiên thế giới, lại nếu xá-lợi khắp cả hằng hà sa số trong thế giới một phần, Bát nhã Ba la mật là một phần, trong hai phần đó con xin

lấy phần Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì trí Nhất thiết trí của chư Phật Như Lai đều từ Bát nhã Ba la mật mà sinh ra Nhất thiết trí đã huân tập, nên xá-lợi được cúng dường.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Nếu thiện nam, tín nữ muốn thấy như thật chư Phật mười phương vô lượng, vô số, nên thực hành Bát nhã Ba la mật, nên tu tập Bát nhã Ba la mật.

Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy, này Kiều-thi-ca! Chư Phật quá khứ đều do Bát nhã Ba la mật chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác, chư Phật vị lai cũng do Bát nhã Ba la mật mà chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác, chư Phật hiện tại ở mười phương vô lượng, vô số thế giới cũng nhân Bát nhã Ba la mật chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Ma-ha Ba-la-mật chính là Bát-nhã ba-lamật, Phật nhân Bát nhã Ba la mật này đều biết tâm tâm sở hành của tất cả chúng sinh.

Phật dạy:

–Kiều-thi-ca! Vì suốt đêm dài, Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát chỉ thực hành Bát nhã Ba la mật, ngoài ra không thực hành các pháp Ba-la-mật khác ư?

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca! Bồ-tát đều thực hành Lục độ. Nếu khi Bố thí thì Bát nhã Ba la mật đứng đầu, hoặc khi Trì giới, hoặc Nhẫn nhục, hoặc Tinh tấn, hoặc Thiền định, hoặc quán các pháp thì Bát nhã Ba la mật đứng đầu. Ví như những cây cối ở cõi Diêm-phù-đề với những hình dáng khác nhau, màu sắc khác nhau, lá hoa trái khác nhau, nhưng cái bóng của nó đều không khác nhau, năm pháp Ba-la-mật cũng như vậy, vào trong Bát nhã Ba la mật không có phân biệt.

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật này có công đức lớn, có công đức vô lượng, vô biên, có công đức không gì sánh bằng. Nếu có người biên chép kinh Bát nhã Ba la mật, cung kính, tôn trọng, tán thán, đem hương hoa tốt đẹp cho đến tràng phan bảo cái để cúng dường. Nếu có người sao chép kinh Bát nhã Ba la mật so với người kia, hai công đức, công đức nào nhiều hơn?

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca! Ta hỏi lại ông, ông tùy ý trả lời cho ta. Ý ông thế nào? Nếu có người được xá-lợi của Phật, rồi chỉ tự mình cúng dường hoặc lại có người được xá-lợi của Phật, rồi tự mình cúng dường và bảo người khác cúng dường, hai công đức đó, công đức nào nhiều hơn?

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có người được xá-lợi của Phật, tự mình cúng dường và bảo người khác cúng dường thì phước đức đó rất nhiều.

Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy, này Kiều-thi-ca! Nếu thiện nam, tín nữ biên chép kinh Bát nhã Ba la mật, cung kính, tôn trọng, tán thán, đem hương hoa tốt đẹp, cho đến tràng phan bảo cái để cúng dường thì không bằng thiện nam, tín nữ biên chép kinh Bát nhã Ba la mật tự mình cúng dường và bảo người khác cúng dường thì phước ấy rất nhiều.

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca! Nếu thiện nam, tín nữ ấy ở chốn nào, thuyết giảng kinh Bát nhã Ba la mật cho người thì được phước đức ấy rất nhiều.

QUYỂN 3
Phẩm 6: TÁ TRỢ

Phật dạy Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Kiều-thi-ca! Nếu có thiện nam, tín nữ dạy chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề làm cho họ thực hành mười điều thiện thì ý ông thế nào? Do nhân duyên này, người ấy được phước có nhiều không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca! Phước đức ấy tuy rất nhiều nhưng không bằng phước đức của thiện nam, tín nữ đem quyển kinh Bát-nhã bala-mật đưa cho người khác, làm cho họ được biên chép và đọc tụng.

Này Kiều-thi-ca! Hãy tạm gác lại việc dạy chúng sinh ở cõi Diêm-phù-đề. Nếu lại có người dạy chúng sinh trong bốn châu thiên hạ, khiến họ thực hành mười điều thiện ở bốn châu thiên hạ đó.

Này Kiều-thi-ca! Nếu có người dạy chúng sinh trong một tiểu thiên thế giới, hoặc hai trung thiên thế giới, hoặc tam thiên đại thiên thế giới hay hằng hà sa chúng sinh ở khắp mười phương thế giới đều thực hành mười điều thiện thì ý ông nghĩ sao? Do nhân duyên này, phước đức của người ấy có nhiều không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca! Phước đức ấy tuy rất nhiều nhưng không bằng phước đức của thiện nam, tín nữ đem quyển kinh Bát nhã Ba la mật đưa cho người khác, để họ được biên chép và đọc tụng.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Nếu có thiện nam, tín nữ dạy chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề thực hành bốn Thiền, bốn Vô lượng tâm, bốn Định vô sắc, năm phép Thần thông, thì do nhân duyên này, người ấy được phước có nhiều không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca! Phước đức ấy tuy nhiều nhưng không bằng phước đức của thiện nam, tín nữ đem quyển kinh Bát nhã Ba la mật đưa cho người khác, làm cho họ được biên chép và đọc tụng.

Này Kiều-thi-ca! Hãy gác lại việc giáo hóa chúng sinh Diêmphù-đề và chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới, cho đến việc dạy chúng sinh ở các thế giới khắp mười phương, để họ thực hành bốn Thiền, bốn Vô lượng tâm, bốn Định vô sắc, năm phép Thần thông.

Này Kiều-thi-ca! Ý ông thế nào? Do nhân duyên này người ấy được phước có nhiều không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca! Phước đức ấy tuy rất nhiều nhưng không bằng phước đức của thiện nam, tín nữ đem quyển kinh Bát-nhã bala-mật đưa cho người khác, để họ được biên chép và đọc tụng.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Nếu thiện nam, tín nữ đem quyển kinh Bát nhã Ba la mật đưa cho người khác làm cho họ được biên chép và đọc tụng thì phước đức ấy rất nhiều, nhưng không bằng phước đức của thiện nam, tín nữ vì người khác mà đọc tụng.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Nếu thiện nam, tín nữ tự mình vì người khác mà đọc tụng thì phước đức ấy rất nhiều nhưng không bằng phước đức của thiện nam, tín nữ tự mình vì người khác giảng nói thật nghĩa của kinh.

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con phải giảng nói thật nghĩa của Bát-nhã bala-mật cho những hạng người nào?

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca! Nếu có thiện nam, tín nữ không biết thật nghĩa của kinh Bát nhã Ba la mật thì ông nên giảng nói thật nghĩa ấy cho họ. Vì sao vậy? Này Kiều-thi-ca! Vì đời vị lai sẽ có Bát-nhã bala-mật tương tợ. Nếu có thiện nam, tín nữ ở trong pháp Bát-nhã bala-mật muốn chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác mà nghe Bát nhã Ba la mật tương tợ đó thì họ sẽ có sự nhầm lẫn.

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những hạng người nào nói Bát nhã Ba la mật tương tợ như vậy?

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca! đời sau sẽ có Tỳ-kheo muốn nói Bát nhã Ba la mật liền nói Bát nhã Ba la mật tương tợ như vậy.

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo nói Bát nhã Ba la mật tương tợ như thế nào?

Phật dạy:

–Các Tỳ-kheo ấy nói: Sắc là vô thường, nếu ai cầu như vậy thì người ấy đã thực hành Bát nhã Ba la mật; thọ, tưởng, hành, thức cũng là vô thường, nếu ai cầu như vậy thì người ấy đã thực hành Bát nhã Ba la mật.

Này Kiều-thi-ca! Đó là nói Bát nhã Ba la mật tương tợ.

Này Kiều-thi-ca! Vì sắc không hư hoại nên quán sát sắc ấy là vô thường; vì thọ, tưởng, hành, thức không hư hoại nên quán sát thức ấy cũng là vô thường, nếu ai không quán sát như vậy thì người đó đã thực hành Bát nhã Ba la mật tương tợ.

Này Kiều-thi-ca! Do nhân duyên này, Bồ-tát nào giảng nói thật nghĩa của Bát nhã Ba la mật thì vị ấy được phước đức rất nhiều.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Nếu thiện nam, tín nữ dạy chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề, làm cho họ được chứng quả Tu-đà-hoàn thì ý ông thế nào? Do nhân duyên này, phước đức của người ấy có nhiều không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca! Phước đức ấy tuy rất nhiều, nhưng không bằng phước đức của thiện nam, tín nữ đem quyển kinh Bát-nhã bala-mật đưa cho người khác để họ được biên chép, đọc tụng và nói: “Ông sẽ được công đức của Bát nhã Ba la mật ấy rất nhiều.” Vì sao vậy? Vì quả Tu-đà-hoàn đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra.

Này Kiều-thi-ca! Hãy gác lại việc Diêm-phù-đề và chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới cho đến việc giáo hóa chúng sinh ở các thế giới như cát sông Hằng khắp mười phương khiến cho họ đều chứng đắc quả Tu-đà-hoàn. Vậy ý ông thế nào? Do nhân duyên này, phước đức của người ấy có nhiều không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca! Phước đức ấy tuy rất nhiều nhưng không bằng phước đức của thiện nam, tín nữ đem quyển kinh Bát-nhã bala-mật đưa cho người khác, để họ được biên chép, đọc tụng và nói: “Ông sẽ được công đức của Bát nhã Ba la mật ấy rất nhiều.” Vì sao vậy? Vì quả Tu-đà-hoàn đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Nếu có thiện nam, tín nữ dạy chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề, để họ được chứng các quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán và đạo Bích-chi-phật thì ý ông thế nào? Do nhân duyên này, phước đức của người ấy có nhiều không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca! Phước đức ấy tuy rất nhiều nhưng không

bằng phước đức của thiện nam, tín nữ đem quyển kinh Bát-nhã bala-mật đưa cho người khác, để họ được biên chép, đọc tụng và nói: “Ông sẽ được công đức của Bát nhã Ba la mật ấy rất nhiều.” Vì sao vậy? Vì học theo pháp này ông sẽ chứng pháp Nhất thiết trí, rồi theo pháp đắc của Nhất thiết trí thì sẽ chứng được các quả như Tư-đàhàm, A-na-hàm, A-la-hán và đạo Bích-chi-phật.

Này Kiều-thi-ca! Hãy gác lại việc Diêm-phù-đề và tam thiên đại thiên thế giới cho đến việc giáo hóa chúng sinh ở các thế giới khắp mười phương như cát sông Hằng, khiến cho họ được chứng các quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán và Bích-chi-phật. Vậy ý ông thế nào? Do nhân duyên này phước đức của người ấy có nhiều không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca! Phước đức ấy tuy rất nhiều, nhưng không bằng phước đức của thiện nam, tín nữ đem quyển kinh Bát-nhã bala-mật đưa cho người khác, để họ được biên chép và nói: "Ông sẽ được công đức của Bát nhã Ba la mật ấy rất nhiều." Vì sao vậy? Vì học theo pháp ấy ông sẽ chứng pháp Nhất thiết trí, từ pháp đắc Nhất thiết trí mà được chứng thì ông sẽ chứng các quả như Tu-đà-hàm, Ana-hàm, A-la-hán và Bích-chi-phật.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Nếu chúng sinh khắp cả Diêm-phùđề đều phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng giác hoặc có thiện nam, tín nữ đem quyển kinh Bát nhã Ba la mật đưa cho họ, để họ được biên chép, đọc tụng thì ý ông nghĩ sao? Do nhân duyên này, phước đức của người ấy có nhiều không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca! Phước đức ấy rất nhiều, nhưng không bằng phước đức của thiện nam, tín nữ đem quyển kinh Bát nhã Ba la mật đưa cho một vị Bồ-tát không thoái chuyển và nghĩ: "Vị Bồ-tát này học trong pháp đó thì có thể tu tập Bát nhã Ba la mật. Do nhân duyên đó mà Bát nhã Ba la mật càng lưu truyền rộng rãi thêm nên phước của họ nhiều hơn người kia."

Kiều-thi-ca! Diêm-phù-đề và chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới cho đến chúng sinh ở các thế giới khắp mười phương nhiều như cát sông Hằng đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác. Nếu có thiện nam, tín nữ đem quyển kinh Bát nhã Ba la mật cho họ, để họ được biên chép, đọc tụng thì ý ông thế nào? Do nhân duyên này, phước đức của người ấy có nhiều không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca! Phước đức tuy rất nhiều, nhưng không bằng thiện nam, tín nữ đem quyển kinh Bát nhã Ba la mật đưa cho một vị Bồ-tát không thoái chuyển và nghĩ như vầy: "Bồ-tát này học trong pháp ấy thì có thể tu tập Bát nhã Ba la mật, do nhân duyên ấy mà Bát nhã Ba la mật được lưu truyền rộng rãi nên phước của họ nhiều hơn người kia."

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Nếu tất cả chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề đều phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng giác mà có thiện nam, tín nữ đem quyển kinh Bát nhã Ba la mật đưa cho họ, rồi vì họ giảng nói thật nghĩa ấy thì ý ông thế nào? Do nhân duyên này phước đức của người ấy có nhiều không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca! Phước đức ấy tuy rất nhiều, nhưng không bằng phước đức của thiện nam, tín nữ đem quyển kinh Bát-nhã bala-mật đưa cho một vị Bồ-tát không thoái chuyển, rồi giảng nói thật nghĩa cho vị ấy.

Này Kiều-thi-ca! Hãy gác lại việc Diêm-phù-đề và chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới cho đến việc giáo hóa chúng sinh như hằng hà sa khắp mười phương ở thế giới để họ đều phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng giác đó qua một bên. Nếu có thiện nam, tín nữ đem quyển

kinh Bát nhã Ba la mật đưa cho họ, rồi vì họ giảng nói thật nghĩa ấy thì ý ông thế nào? Do nhân duyên này, phước đức của người ấy có nhiều không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca! Phước đức ấy tuy nhiều, nhưng không bằng phước đức của thiện nam, tín nữ đem quyển kinh Bát nhã Ba la mật đưa cho một vị Bồ-tát không thoái chuyển, rồi vì họ giảng thật nghĩa ấy.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Nếu tất cả chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề đều là Bồ-tát không thoái chuyển mà có thiện nam, tín nữ nào đem thật nghĩa của Bát nhã Ba la mật để dạy cho họ thì ý ông thế nào? Do nhân duyên này, phước đức của người ấy có nhiều không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca! Nếu trong số Bồ-tát không thoái chuyển đó có một vị Bồ-tát mau chứng Vô thượng Chánh đẳng giác mà có người đem thật nghĩa của Bát nhã Ba la mật để dạy cho vị ấy thì phước đức của người này sẽ nhiều hơn người kia.

Kiều-thi-ca, hãy gác lại việc chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề và trong tam thiên đại thiên thế giới cho đến chúng sinh như hằng hà sa khắp mười phương ở thế giới đều là bậc Bồ-tát không thoái chuyển. Nếu có thiện nam, tín nữ đem thật nghĩa của Bát-nhã ba-lamật để dạy cho họ thì ý ông thế nào? Do nhân duyên này phước đức của người ấy có nhiều không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca! Nếu trong số đó có Bồ-tát mau chứng Vô thượng Chánh đẳng giác mà có người đem thật nghĩa của Bát nhã Ba la mật dạy cho vị ấy thì phước đức của vị này sẽ nhiều hơn người kia.

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đúng vậy, đúng vậy! Theo Bồ-tát nào gần Vô thượng Chánh đẳng giác thì nên đem thật nghĩa Bát-nhã ba-lamật để dạy cho vị ấy và cũng phải đem y phục, ngọa cụ, thuốc men và ăn uống cúng dường cho vị ấy thì phước đức của họ rất nhiều. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, vì theo thường pháp là như vậy nên Bồ-tát nào gần chứng Vô thượng Chánh đẳng giác thì được phước rất nhiều.

Bấy giờ, Tu-bồ-đề khen ngợi Thích Đề-hoàn Nhân:

–Lành thay, lành thay, này Kiều-thi-ca! Ông là Thánh đệ tử, theo pháp nên giúp đỡ, an ủi và hộ niệm cho các Bồ-tát để họ mau thành Vô thượng Chánh đẳng giác. Cũng vậy, khi Phật mới phát tâm, nếu chư Phật quá khứ và các đệ tử không đem sáu pháp Ba-la-mật để giúp đỡ và an ủi thì Ngài không thể nào chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Này Kiều-thi-ca! Khi Phật mới phát tâm, nhờ chư Phật trong quá khứ và các đệ tử đem sáu pháp Ba-la-mật để an ủi và giúp đỡ nên Ngài mới chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Phẩm 7: HỒI HƯỚNG

Khi ấy, Bồ-tát Di-lặc nói với Tu-bồ-đề:

–Phước Đức tùy hỷ của Đại Bồ-tát này mà so với phước đức Bố thí, Trì giới, tu Thiền của chúng sinh khác là tối thắng, tối đại, tột cùng và vi diệu.

Bấy giờ, Tu-bồ-đề hỏi Bồ-tát Di-lặc:

–Nếu Bồ-tát ở vô lượng thế giới khắp mười phương, vô lượng

chư Phật diệt độ thời quá khứ, chư Phật như thế từ khi mới phát tâm cho đến khi chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác, vào Vô dư Niếtbàn, cho đến lúc pháp sắp diệt độ, chư Phật ấy khi mới phát tâm cho đến pháp sắp diệt độ, trong thời gian đó nếu có phước đức căn lành ứng hợp với sáu pháp Ba-la-mật và phước đức Bố thí, Trì giới, tu Thiền của các đệ tử Thanh văn, tất cả phước đức vô lậu của các bậc Hữu học, Vô học, giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, đại Từ, đại Bi của chư Phật làm lợi ích an lạc cho chúng sinh, vô lượng Phật pháp mà các Ngài đã nói, rồi chúng sinh đều học theo pháp đó để thọ học thì tất cả phước đức của các chúng sinh ấy và phước đức của các chúng sinh gieo trồng khi Phật diệt độ hợp lại đầy đủ mà Bồ-tát nào đem tâm tùy hỷ với các phước đức ấy là tối thắng, tối đại, tột cùng và vi diệu. Tùy hỷ rồi đem hồi hướng lên ngôi Vô thượng Chánh đẳng giác và phát nguyện như vầy: "Ta nhờ phước đức này sẽ chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác." Hoặc Bồ-tát lại nghĩ như vầy: "Ta sẽ đem tâm ấy hồi hướng lên ngôi Vô thượng Chánh đẳng giác." Nếu như đối tượng của tâm là các duyên, các việc thì có thể đắc không?

Bồ-tát Di-lặc trả lời:

–Các duyên, các việc ấy không thể đắc, giống như tâm đã chấp tướng.

Tu-bồ-đề thưa:

–Nếu các duyên, các việc ấy không như vậy, thì người này sẽ không có vọng tưởng điên đảo, kiến chấp điên đảo, tâm điên đảo, vô thường cho là thường, khổ cho là vui; bất tịnh cho là tịnh; vô ngã cho là ngã thì bị sinh vọng tưởng điên đảo, kiến chấp điên đảo, tâm điên đảo. Nếu các duyên, các việc đúng như vậy thì Bồ-đề cũng như vậy, tâm cũng như vậy; nếu các duyên, các việc Bồ-đề và tâm không sai khác thì làm thế nào đem tâm tùy hỷ ấy để hồi hướng lên ngôi Vô thượng Chánh đẳng giác?

Bồ-tát Di-lặc trả lời:

–Này Tu-bồ-đề! Pháp hồi hướng như vậy sẽ không hợp với Bồ-tát mới phát tâm mà Đức Phật đã nói ở trước. Vì sao? Vì tất cả tâm thanh tịnh, cung kính và tin ưa của người này đều sẽ bị giảm mất.

Này Tu-bồ-đề! Pháp hồi hướng như vậy chỉ thích hợp với Bồ-tát không thoái chuyển đã nói ở trước, nếu nói cho Thiện tri thức thì người này nghe như vậy mà không kinh nghi sợ sệt, không bị thoái lui thì phước tùy hỷ của Bồ-tát nên như vậy mà hồi hướng Nhất thiết trí, đó là dụng tâm hồi hướng. Tâm ấy là vô tận, là tịch diệt thì lấy tâm gì để hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng

giác? Nếu dùng tâm trước và tâm sau để hồi hướng thì hai tâm ấy không đi cùng. Lại nữa tâm tính không thể hồi hướng được.

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân nói với Tu-bồ-đề:

–Hàng Bồ-tát mới phát tâm nghe việc này sẽ không có sự kinh sợ ư? Và hiện tại Bồ-tát phải làm thế nào để đem phước đức tùy hỷ như thật đó mà hồi hướng?

Bấy giờ, Tu-bồ-đề nhân đó liền nói với Bồ-tát Di-lặc như vầy:

–Bồ-tát này ở vào thời chư Phật quá khứ, đạo đã đoạn, các hý luận đã dứt, như người đã nhổ tận gốc cây gai, đã đặt gánh nặng xuống, được lợi mình, chấm dứt các kết sử, chánh trí giải thoát và tâm được tự tại. Trong vô lượng a-tăng-kỳ thế giới, tất cả năng lực phước đức căn lành của chư Phật diệt độ và căn lành mà các đệ tử đã gieo trồng nơi chư Phật hợp lại đầy đủ thì các phước đức ấy với tâm tùy hỷ là tối thắng, tối đại, tột cùng và vi diệu. Tùy hỷ rồi, hồi hướng lên ngôi Vô thượng Chánh đẳng giác thì hiện tại Bồ-tát phải làm thế nào để khỏi rơi vào tưởng điên đảo, kiến chấp điên đảo và tâm điên đảo.

Nếu Bồ-tát ấy dụng tâm như vậy để hồi hướng lên ngôi Vô thượng Chánh đẳng giác mà trong tâm ấy không sinh tướng của tâm thì đó là hồi hướng lên ngôi Vô thượng Chánh đẳng giác, còn như trong tâm ấy mà Bồ-tát lại sinh tướng của tâm thì sẽ rơi vào tưởng điên đảo, kiến chấp điên đảo và tâm điên đảo.

Nếu Bồ-tát tùy hỷ thì tướng của tâm tận diệt, như thật biết về tướng diệt tận, pháp của tướng diệt tận thì không thể hồi hướng, vì tâm và tướng hồi hướng cũng như vậy, pháp hồi hướng cũng như vậy. Nếu có thể hồi hướng như vậy thì đó là chánh hồi hướng.

Đại Bồ-tát nên đem phước đức tùy hỷ như vậy mà hồi hướng. Nếu tất cả phước đức của Bồ-tát đối với chư Phật thời quá khứ cùng với các đệ tử và người phàm phu cho đến súc sinh nghe pháp rồi gieo trồng căn lành và chư Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tula, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân… nghe pháp rồi phát tâm Nhất thiết trí hợp lại đầy đủ thì các phước đức ấy với tâm tùy hỷ là tối thắng, tối đại, tột cùng và vi diệu. Tùy hỷ rồi, Bồ-tát nên hồi hướng lên ngôi Vô thượng Chánh đẳng giác.

Nếu Bồ-tát nghĩ như vầy: "Các pháp ấy đều tận diệt, cảnh giới hồi hướng cũng tận diệt." Đó gọi là phước đức tùy hỷ chân chánh hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng giác. Nếu Bồ-tát biết không có pháp nào có thể hồi hướng thì đó gọi là chân chánh hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng giác; nếu Bồ-tát hồi hướng như vậy thì không bị rơi vào vọng tưởng điên đảo, kiến chấp điên đảo và tâm điên đảo. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy không có tham trước về sự hồi hướng nên gọi là hồi hướng Vô thượng.

Nếu có Bồ-tát nào đối với phước đức tạo ra mà chấp tướng để phân biệt thì không thể đem phước đức ấy mà hồi hướng được. Vì sao? Vì pháp làm ra ấy đều ly tướng và phước đức tùy hỷ cũng ly tướng.

Nếu Bồ-tát biết pháp mà mình nghĩ ra đều ly tướng thì phải biết đó là mình đã hành Bát nhã Ba la mật. Lại phước đức thiện căn của chư Phật quá khứ diệt độ cũng như vậy nên dụng hồi hướng, pháp hồi hướng, tánh hồi hướng cũng như vậy.

Nếu Bồ-tát có thể hiểu rõ như vậy thì gọi là chân chánh hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng giác. Vì sao? Vì chư Phật không chấp nhận sự hồi hướng chấp tướng. Nếu pháp quá khứ tận diệt

thì pháp ấy vô tướng không thể lấy tướng để đắc. Nếu Bồ-tát phân biệt như vậy gọi là còn chấp tướng, nếu không phân biệt như vậy thì gọi là chánh hồi hướng.

Vậy hồi hướng như thế nào mà không phân biệt chấp tướng?

Bồ-tát sẽ như việc ấy sẽ được học phương tiện Bát nhã Ba la mật. Nếu không nghe, không được phương tiện Bát nhã Ba la mật thì không có khả năng thể nhập việc ấy; nếu không nghe phương tiện Bát nhã Ba la mật mà có thể đem các phước đức để chân chánh hồi hướng thì không có sự việc đó. Vì sao? Vì người này đối với thân chư Phật trong quá khứ và các phước đức đều đã diệt tận mà còn phân biệt chấp tướng rằng mình được phước đức ấy và muốn đem hồi hướng, hồi hướng như vậy chư Phật không chấp nhận, cũng không tùy hỷ.

Vì sao? Vì đối với pháp ấy có sở đắc. Nghĩa là người này còn phân biệt chấp tướng là chư Phật quá khứ có diệt độ. Ai hồi hướng mà có sở đắc thì đó là người đại tham trước. Thế nên, hồi hướng mà có tâm sở đắc thì chư Phật không nói người này có lợi ích lớn. Vì sao? Vì hồi hướng như vậy là có xen lẫn chất độc, khổ não. Ví như thức ăn ngon mà trong đó có xen lẫn chất độc. Mặc dầu thức ăn rất thơm ngon nhưng lại có xen lẫn chất độc thì không thể ăn được. Nếu người ngu si, vô trí ăn thức ăn này, thoạt đầu tuy rằng cảm thấy thơm ngon vừa ý nhưng khi thức ăn sắp tiêu hóa thì họ sẽ bị hậu quả rất là đau khổ.

Cũng vậy, có người không thọ trì, đọc tụng đúng đắn, không hiểu rõ thật nghĩa đó mà lại dạy cho các đệ tử hồi hướng và nói: "Thiện nam tử, hãy đến đây, như chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai, giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến cùng các căn lành mà đệ tử Thanh văn và người phàm phu gieo trồng; chư Phật thọ ký cho chúng sinh chứng Bích-chi-phật; các căn lành mà Bích-chi-phật đó gieo trồng; Đức Phật thọ ký cho Bồ-tát chứng Vô thượng Chánh đẳng giác và các căn lành mà các Bồ-tát đó gieo trồng tập hợp đầy đủ thì đó là phước đức tùy hỷ."

Tùy hỷ rồi đem hồi hướng lên ngôi Vô thượng Chánh đẳng giác. Hồi hướng như vậy là người hồi hướng còn phân biệt và chấp tướng nên gọi đó là có xen lẫn chất độc nên người có sở đắc không được hồi hướng. Vì sao? Vì hễ có sở đắc đều là chất độc.

Thế nên, Bồ-tát ấy phải tư duy về phước đức thiện căn của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại như thế. Vậy phải hồi hướng như thế nào mới gọi là chân chánh hồi hướng lên ngôi Vô thượng Chánh đẳng giác? Nếu Bồ-tát muốn không hủy báng chư Phật thì nên hồi hướng như vậy.

Phải như thật biết phước đức của chư Phật là tướng thế nào, tánh thế nào, chứng thế nào và quả như thế nào thì ta cũng tùy hỷ như vậy. Ta sẽ đem sự tùy hỷ này hồi hướng lên ngôi Vô thượng Chánh đẳng giác. Bồ-tát hồi hướng như vậy thì không có lỗi hủy báng chư Phật, hồi hướng như vậy thì sẽ không bị chất độc, cũng gọi là làm theo lời dạy của chư Phật.

Lại nữa, Bồ-tát nên đem phước đức tùy hỷ mà hồi hướng như vậy. Như giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến không bị trói buộc vào cõi Dục, không bị trói buộc vào cõi Sắc, cũng không bị trói buộc vào cõi Vô sắc; cũng không có quá khứ, không có vị lai và không có hiện tại. Vì không bị trói buộc nên phước đức ấy hồi hướng cũng không bị trói buộc, pháp hồi hướng không bị trói buộc, cảnh giới hồi hướng cũng không bị trói buộc, Bồ-tát nào có thể hồi hướng như vậy thì không bị chất độc, nếu ai không hồi hướng như vậy thì gọi người ấy là tà hồi hướng. Pháp hồi hướng của Bồ-tát giống như sự hồi hướng của ba đời chư Phật, ta cũng nên hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng giác như vậy thì gọi là chánh hồi hướng.

Bấy giờ, Phật khen Tu-bồ-đề:

–Lành thay, lành thay, này Tu-bồ-đề! Ông có thể vì các Đại Bồ-tát mà làm Phật sự. Tu-bồ-đề! Nếu có chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đều hành tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả, bốn Thiền, bốn Vô sắc định, năm phép Thần thông thì không bằng phước đức hồi hướng của Bồ-tát ấy, vì phước đức hồi hướng của Bồ-tát này là tối thắng, tối đại, tột cùng và vi diệu.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu có chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đều phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng giác mà mỗi Bồ-tát ấy ở trong hằng hà sa kiếp đem tâm có sở đắc để bố thí các thứ cần dùng như y phục, ngọa cụ, ăn uống và thuốc men cho hằng hà sa chúng sinh trong thế giới. Cứ mỗi Bồ-tát như vậy đều ở trong hằng hà sa kiếp đem tâm có sở đắc để bố thí tất cả các thứ cần dùng như y phục, ngọa cụ, ăn uống và thuốc men cho các Bồ-tát ấy thì ý ông nghĩ sao? Nhờ nhân duyên này, phước đức của Bồ-tát ấy có nhiều không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Phước đức ấy rất nhiều, không thể ví dụ được. Nhưng nếu phước đức ấy có hình tướng thì chúng sinh trong hằng hà sa thế giới không thể chứa hết.

Phật khen ngợi Tu-bồ-đề:

–Lành thay, lành thay, này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát được Bát nhã Ba la mật bảo hộ mà có thể đem phước đức ấy hồi hướng thì so với phước đức bố thí với tâm có sở đắc của Bồ-tát ở trên thì không bằng phần trăm, không bằng một phần, hay trăm ngàn, vạn, ức phần, cũng không bằng một phần cho đến toán số thí dụ cũng không thể sánh kịp.

Bấy giờ, có hai vạn Thiên tử ở trên cõi trời Tứ Thiên vương chắp tay đảnh lễ Đức Phật và thưa:

–Bạch Thế Tôn! Sự hồi hướng của vị Bồ-tát này gọi là hồi hướng lớn lao, vì dùng phương tiện mà vị ấy đã hơn phước đức bố thí của Bồ-tát có sở đắc. Vì sao vậy? Vì sự hồi hướng của Bồ-tát ấy được Bát nhã Ba la mật bảo hộ.

Khi ấy, mười vạn Thiên tử trên cõi trời Đao-lợi đem các loại hoa trời, hương xoa, hương bột, áo trời, tràng phan trời và trổi các thứ kỹ nhạc trời để cúng dường Phật, rồi đều thưa:

–Bạch Thế Tôn! Sự hồi hướng của vị Bồ-tát này gọi là hồi hướng lớn lao, vì dùng phương tiện mà Bồ-tát này đã hơn phước đức của Bồ-tát có sở đắc. Vì sao vậy? Vì sự hồi hướng của Bồ-tát ấy được Bát nhã Ba la mật bảo hộ.

Lại có mười vạn Thiên tử trên cõi trời Dạ-ma, mười vạn Thiên tử trên cõi trời Đâu-suất-đà, mười vạn Thiên tử trên cõi trời Hóa lạc, mười vạn Thiên tử trên cõi trời Tha hóa tự tại đều đem hoa trời, hương trời cho đến trổi các thứ kỹ nhạc trời để cúng dường Phật và đồng thưa:

–Bạch Thế Tôn! Sự hồi hướng của vị Bồ-tát này gọi là hồi hướng lớn lao, vì dùng phương tiện mà vị ấy đã hơn phước đức bố thí của Bồ-tát có sở đắc. Vì sao vậy? Vì sự hồi hướng của vị Bồ-tát này được Bát nhã Ba la mật bảo hộ.

Lại có các Thiên tử ở cõi trời Phạm thế lớn tiếng xướng lên:

–Sự hồi hướng của Bồ-tát này gọi là Đại hồi hướng, vì dùng phương tiện mà vị ấy đã hơn phước đức bố thí của Bồ-tát có sở đắc. Vì sao vậy? Vì sự hồi hướng của Bồ-tát này là được Bát-nhã ba-lamật bảo hộ.

Lại cũng có các Thiên tử ở trên các cõi trời như Phạm phụ, Phạm chúng, Đại phạm, Quang thiên, Vô lượng quang, Quang âm, Tịnh, Thiểu tịnh, Vô lượng tịnh, Biến tịnh, Vô vân hành, Phước sinh, Quảng quả, Vô quảng, Vô nhiệt, Diệu kiến, Thiện kiến cõi trời Vô tiểu cùng chắp tay đảnh lễ Phật, rồi đồng thưa:

–Bạch Thế Tôn! Việc cầu Phật đạo của thiện nam, tín nữ này rất là hiếm có, nhờ được Bát nhã Ba la mật bảo hộ mà họ có thể hơn phước đức bố thí của Bồ-tát có sở đắc. Vì sao? Vì sự hồi hướng của Bồ-tát này là được Bát nhã Ba la mật bảo hộ.

Bấy giờ, Phật dạy các Thiên tử ở cõi trời Tịnh cư:

–Hãy gác lại việc chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đó qua một bên. Nếu có hằng hà sa chúng sinh khắp mười phương ở thế giới đều phát tâm cầu Chánh đẳng giác thì mỗi một Bồ-tát này ở trong hằng hà sa kiếp đem tâm có sở đắc để bố thí tất cả các thứ cần dùng như y phục, ngọa cụ, ăn uống và thuốc men cho chúng sinh trong hằng hà sa khắp mười phương thế giới, cứ mỗi Bồ-tát như vậy đều ở hằng hà sa kiếp đem tâm có sở đắc để bố thí tất cả các thứ cần dùng như y phục, ngọa cụ, ăn uống và thuốc men cho các chúng sinh ấy. Nếu có Bồ-tát đối với giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến của chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai cùng các đệ tử Thanh văn và căn lành gieo trồng của người phàm phu tập hợp đầy đủ thì các phước đức ấy với tâm tùy hỷ là tối thắng, tối đại, tột cùng và vi diệu. Tùy hỷ rồi, đem hồi hướng lên ngôi Vô thượng Chánh đẳng giác thì phước đức ấy rất nhiều.

Khi ấy, Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật đã nói: các phước đức ấy hợp lại mà tính với tâm tùy hỷ là tối thắng, tối đại, tột cùng và vi diệu. Tùy hỷ rồi, đem hồi hướng lên ngôi Vô thượng Chánh đẳng giác. Bạch Thế Tôn, vậy Bồ-tát phải tùy hỷ như thế nào mới gọi là tối thắng, tối đại, tột cùng và vi diệu?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nào đối với các pháp quá khứ, vị lai và hiện tại mà không lấy, không bỏ, không niệm, không đắc, ở trong đó không có pháp đã sinh diệt, đang sinh diệt và sẽ sinh diệt, vì thật tướng của các pháp là như thật nên sự tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng giác cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Đó là sự tùy hỷ hồi hướng của Bồ-tát ấy là tối thắng, tối đại, tột cùng và vi diệu.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nào muốn tùy hỷ, Bồ-tát muốn tùy hỷ với chư Phật quá khứ, vị lai và hiện tại, bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến thì nên tùy hỷ như vậy; như giải thoát trì giới cũng như vậy, giải thoát, định, tuệ cũng như vậy; giải thoát, giải thoát tri kiến cũng như vậy, giải thoát tín giải cũng như vậy, giải thoát tùy hỷ cũng như vậy, giải thoát pháp vị lai chưa sinh cũng như vậy, vô lượng a-tăng-kỳ chư Phật và các đệ tử trong quá khứ ở thế giới cũng giải thoát như vậy; vô lượng a-tăng-kỳ chư Phật và các đệ tử trong hiện tại khắp mười phương ở thế giới cũng giải thoát như vậy và vô lượng a-tăng-kỳ chư Phật và các đệ tử ở vị lai khắp mười phương ở thế giới cũng giải thoát như vậy. Vì tướng của các pháp ấy không trói, không buộc, không mở, không cởi nên sự hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng giác cũng không sinh, không diệt.

Tu-bồ-đề! Gọi sự tùy hỷ hồi hướng của Bồ-tát đó là tối thắng, tối đại, tột cùng và vi diệu. Vì vậy mà sự hồi hướng của Bồ-tát này hơn các Bồ-tát kia như hằng hà sa khắp mười phương ở thế giới. Nếu mỗi Bồ-tát ở trong hằng hà sa kiếp mà đem tâm có sở đắc bố thí cho tất cả các thứ cần dùng như y phục, ngọa cụ, ăn uống và thuốc men cho chúng sinh trong hằng hà sa ở thế giới, nếu đem tâm có sở đắc Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định thì so với phước đức tùy hỷ hồi hướng này thì dù trăm ngàn phần cũng không bằng một phần, hay trăm, ngàn, vạn, ức phần cũng không bằng một phần cho đến toán số thí dụ cũng không thể sánh kịp.

Phẩm 8: NÊ-LÊ

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đó là Bát nhã Ba la mật.

Phật dạy:

–Này Xá-lợi-phất! Đó là Bát nhã Ba la mật.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật có năng lực làm ánh sáng chiếu khắp.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật là pháp phải cung kính đảnh lễ.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật có thể cho ánh sáng.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật trừ được các tối tăm.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật không bị nhiễm ô.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật là chỗ nhiều lợi ích.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật nhiều sự an ổn.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật có thể cho người mù được đôi mắt sáng.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật có khả năng làm cho người tu hành sai đường được vào chánh đạo.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật tức là Nhất thiết trí.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật là mẹ sinh ra các Bồ-tát.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật chẳng phải là pháp sinh, chẳng phải pháp diệt.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật đầy đủ ba chuyển, mười hai tướng pháp luân.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật có thể làm chỗ cứu hộ cho những người nghèo cùng.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật có năng lực đoạn diệt sinh tử.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật có thể chỉ dạy tất cả pháp tánh.

Bạch Thế Tôn! Phải cung kính và đảnh lễ Bát nhã Ba la mật như thế nào?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi-phất! Nếu ông cung kính đảnh lễ Đức Phật thì phải cung kính đảnh lễ Bát nhã Ba la mật như cung kính và đảnh lễ Phật vậy.

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân nghĩ: "Vì duyên cớ gì mà Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi như vậy?" Nghĩ rồi lại hỏi Xá-lợi-phất:

–Thưa Tôn giả! Vì duyên cớ gì mà thầy hỏi Đức Phật như vậy?

Xá-lợi-phất trả lời:

–Đại Bồ-tát đem phước tùy hỷ của Bát nhã Ba la mật mà hồi hướng đến Nhất thiết trí thì so với tất cả phước đức Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định… của các Bồ-tát vừa nói ở trên thì phước đức này là hơn hết. Do đó mà tôi hỏi như vậy.

Này Kiều-thi-ca! Ví như người mù tuy có trăm ngàn vạn chúng nhưng không có người dẫn đường thì người mù ấy không thể nào đi đến thành ấp, xóm làng được.

Này Kiều-thi-ca! Nếu năm pháp Ba-la-mật mà xa lìa Bát nhã Ba la mật, cũng như người mù không có ai dẫn đường nên không thể tu đạo để đạt đến Nhất thiết trí. Nếu như năm pháp Ba-la-mật mà được Bát nhã Ba la mật bảo hộ thì cũng như người mù đã có mắt. Vì vậy, nhờ năng lực của Bát nhã Ba la mật mà năm pháp Ba-la-mật mới được tên Bát nhã Ba la mật.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Làm thế nào để sinh Bát nhã Ba la mật? Phật dạy:

–Nếu Bồ-tát không sinh sắc thì sinh Bát nhã Ba la mật; không sinh thọ, tưởng, hành, thức, thì sinh Bát nhã Ba la mật. Như thế sinh Bát nhã Ba la mật là thành tựu pháp gì?

Này Xá-lợi-phất! Như thế sinh Bát nhã Ba la mật đối với pháp không có chỗ thành tựu, nếu không có chỗ thành tựu thì gọi là Bát nhã Ba la mật.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật cũng không thành tựu Nhất thiết trí chăng? Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca! Bát nhã Ba la mật thành tựu Nhất thiết trí, nhưng không như danh tướng để làm ra pháp thành tựu.

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vậy phải thành tựu như thế nào?

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca! Không thành tựu như vậy tức là thành tựu.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật không làm cho sinh, cũng không làm cho diệt cho nên có.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát phân biệt như vậy thì mất Bát-nhã bala-mật và xa lìa Bát nhã Ba la mật?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Có nhân duyên này: Nếu Bồ-tát cho rằng Bát nhã Ba la mật là trống không, là vô sở hữu thì vị ấy sẽ mất Bát nhã Ba la mật và xa lìa Bát nhã Ba la mật. Tu-bồ-đề! Đó là Bát-nhã bala-mật của Bồ-tát.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nói Bát nhã Ba la mật là chỉ những pháp nào?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Nói Bát nhã Ba la mật là không chỉ sắc, không chỉ thọ, tưởng, hành, thức, cũng không chỉ các quả Tu-đàhoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật và Phật pháp cũng không chỉ.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ma-ha ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật.

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Vì lý do đó nên Ma-ha ba-lamật là Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật đối với sắc không làm lớn, không làm nhỏ, không làm hợp, không làm tan; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng không làm lớn, không làm nhỏ, không làm hợp, không làm tan.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật đối với mười Lực của Phật không làm mạnh, không làm yếu và bốn Vô sở úy cho đến Nhất thiết trí cũng không làm hợp, không làm tan.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát nào phân biệt như vậy thì không hành Bát nhã Ba la mật. Vì sao vậy? Vì Bát nhã Ba la mật không có các tướng như vậy. Thế thì con phải độ bao nhiêu chúng sinh mới được tính vào hàng Bồ-tát có sở đắc. Sở dĩ vì sao? Vì chúng sinh không sinh nên Bát nhã Ba la mật cũng không sinh; vì chúng sinh vô tánh nên Bát nhã Ba la mật cũng vô tánh; vì chúng sinh lìa tướng nên Bát nhã Ba la mật cũng lìa tướng; vì chúng sinh không diệt nên Bát nhã Ba la mật cũng không diệt; vì chúng sinh không thể nghĩ bàn nên Bát nhã Ba la mật cũng không thể nghĩ bàn; vì chúng sinh không thể hiểu rõ nên Bát nhã Ba la mật cũng không thể hiểu rõ; vì lực của chúng sinh tích tụ nên lực của Như Lai cũng tích tụ.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát nào có thể tin Bát nhã Ba la mật ấy một cách sâu xa mà không nghi ngờ, không hối hận, cũng không lấy làm khó mà thuận theo thật nghĩa để giải thích thì vị ấy từ nơi nào sinh đến nhân gian này?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát này ở cõi Phật phương khác qua đời mà sinh đến nhân gian này. Xá-lợi-phất! Bồ-tát từ cõi Phật phương khác đến đây là vị ấy đã từng gần gũi cúng dường chư Phật và cũng từng hỏi thật nghĩa trong pháp đó, cho nên nay nghe Bát-nhã ba-lamật vị ấy liền sinh lòng hoan hỷ như là được nghe từ Phật, hoặc thấy Bát nhã Ba la mật giống như thấy Phật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật có thể nghe và có thể thấy được không?

Phật dạy:

–Không.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Từ khi mới phát tâm đến nay Bồ-tát ấy phải mất bao lâu mới tu tập Bát nhã Ba la mật?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Việc ấy nên phân biệt: có Bồ-tát được gặp bao nhiêu trăm ngàn vạn ức Phật, hoặc có vị ở chỗ Phật tu hành phạm hạnh, hoặc có vị ở trong đại chúng nghe Bát nhã Ba la mật một cách sâu xa mà tâm không cung kính lập tức bỏ đi. Tu-bồ-đề! Phải biết những hạng Bồ-tát này khi xưa vào thời chư Phật quá khứ nghe giảng kinh Bát nhã Ba la mật liền bỏ đi, nên nay nghe pháp Bát nhã Ba la mật sâu xa cũng bỏ đi, vì thân tâm của họ không hòa hợp nên tạo ra

nghiệp không trí tuệ. Do nhân duyên chứa nhóm nghiệp ngu si nên họ phỉ báng và chống đối pháp Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề! Người nào phỉ báng và chống đối Bát nhã Ba la mật tức là đã phỉ báng và chống đối pháp Nhất thiết trí. Người nào phỉ báng và chống đối pháp Nhất thiết trí tức là đã phỉ báng và chống đối chư Phật trong ba đời.

Này Tu-bồ-đề! Vì tạo nghiệp phá pháp mà những kẻ ngu si ấy phải bị tội nặng như vậy, cho nên họ phải chịu tội ở trong đại địa ngục bao nhiêu trăm ngàn vạn kiếp, rồi từ đại địa ngục này đến đại địa ngục khác. Khi tội nhân chịu tội từ đại địa ngục này đến đại địa ngục khác, nếu kiếp hỏa nổi lên thì họ đọa vào đại địa ngục ở phương khác. Ở nơi đó, cũng từ đại địa ngục này đến đại địa ngục khác, khi chịu tội từ đại địa ngục này đến đại địa ngục khác nữa, nếu kiếp hỏa nổi lên thì họ trở lại đọa vào địa ngục ở nơi khác. Sau khi đọa vào đại địa ngục ở nơi khác rồi thì từ đại địa ngục này đến đại địa ngục khác. Khi chịu tội từ đại địa ngục này đến đại địa ngục khác, nếu kiếp hỏa nổi lên thì họ trở lại đọa vào đại địa ngục này. Ở đây, người ấy từ đại địa ngục này đến đại địa ngục khác chịu các khổ não đau đớn. Cứ lần lượt như vậy cho đến kiếp hỏa nổi lên trở lại thì họ phải chịu vô lượng nghiệp báo khổ não. Vì sao vậy? Vì họ đã tạo nghiệp ác khẩu.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tội nghiệp phá pháp như vậy có giống tội ngũ nghịch không?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi-phất! Ông chớ nên cho rằng tội phá pháp này giống như tội ngũ nghịch. Vì sao vậy? Vì người này nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa rồi phỉ báng và chống đối và nghĩ: “Ta không nên học pháp này, vì pháp này chẳng phải Phật nói.” Do nhân duyên đó mà tội của họ càng thêm nặng vì đã làm cho người khác xa lìa Bát nhã Ba la mật.

Phật dạy:

–Người này tự phá hoại thân mình cũng phá hoại thân của người khác, tự uống thuốc độc và cũng cho người khác uống thuốc độc, tự làm mình mất mạng cũng làm cho người khác mất mạng, tự mình không biết, không hiểu Bát nhã Ba la mật cũng dạy cho người khác không biết, không hiểu.

Xá-lợi-phất! Người này ta không còn cho họ xuất gia, huống gì ở trong pháp của ta mà thọ nhận sự cúng dường. Vì sao vậy? Vì phải biết người này đã làm ô nhiễm pháp, phải biết người này đã làm pháp ấy bị cặn bã nên tánh của họ bị dơ bẩn. Nếu có chúng sinh nào tin nhận lời nói ấy thì cũng sẽ nhận lấy tội nặng đó rất là đau đớn và khổ sở. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Vì nếu người nào phá pháp Bát nhã Ba la mật, hoặc làm nhiễm ô Bát nhã Ba la mật thì phải biết người này phá pháp và làm nhiễm ô pháp ấy.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tại sao Đức Như Lai không nói rõ người này phải thọ thân lớn hay nhỏ?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi-phất! Hãy gác lại việc lượng thân lớn, nhỏ của người này qua một bên và không cần nói nữa. Vì nếu người này mà nghe nói về lượng thân của mình thì họ sẽ thổ huyết từ trong miệng ra, hoặc chết, hoặc gần chết; nếu nghe nói về lượng thân ấy thì họ tự biết tội này nên rất

đau khổ và làm cho thân thể của họ bị khô héo. Thế nên, không cần nói về sự thọ thân lớn, nhỏ của họ nữa.

Xá-lợi-phất bạch Phật;

–Bạch Thế Tôn! Xin Đức Thế Tôn hãy nói lượng thân của người này để làm điều răn dạy cho người đời sau, làm cho họ biết vì tội nghiệp này mà họ phải chịu thân lớn đó.

Phật dạy:

–Này Xá-lợi-phất! Việc làm này cũng đủ làm ánh sáng lớn để răn dạy cho chúng sinh ở đời sau. Vì nhân duyên chứa nhóm nghiệp tội như vậy mà họ phải chịu tội lỗi đau đớn khổ não vô lượng, vô biên như vậy.

Này Xá-lợi-phất! Việc làm này đủ làm ánh sáng lớn để răn dạy cho người tu điều thiện.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Những thiện nam, tín nữ nên khéo giữ gìn thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp. Bạch Thế Tôn! Chỉ vì do nhân duyên khẩu nghiệp mà họ phải mắc trọng tội như vậy sao?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Do vì nhân duyên khẩu nghiệp nên họ phải mắc tội nặng như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Trong giáo pháp của ta có nhiều người ngu si đã chê bai và hủy báng Bát nhã Ba la mật như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Người nào chê bai và hủy báng Bát-nhã ba-la-

mật tức là họ đã chê bai và hủy báng Vô thượng Chánh đẳng giác. Người nào chê bai, hủy báng Vô thượng Chánh đẳng giác tức là đã chê bai và hủy báng Nhất thiết trí của chư Phật quá khứ, vị lai và hiện tại. Người nào chê bai, hủy báng Nhất thiết trí của chư Phật tức là họ đã chê bai, hủy báng Pháp bảo; người nào chê bai, hủy báng Pháp bảo tức là đã chê bai, hủy báng Tăng bảo. Vì chê bai và hủy báng ngôi Tam bảo nên họ mới tạo ra vô lượng, vô biên nghiệp tội nặng như thế.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Có bao nhiêu nhân duyên làm cho những hạng người ngu si kia chê bai và chống báng pháp Bát-nhã ba-lamật?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Những người ngu si này một là bị ác ma sai sử, hai là đối với pháp vi diệu sâu xa không tin, không hiểu.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Những hạng người ngu si này bị lệ thuộc bạn xấu nên không được an vui, không hoan hỷ tu tập các thiện pháp mà lại chìm đắm vào sự tham lam chấp trước thường tìm lỗi của người khác, tự cao, ngã mạn và khinh khi người khác. Tubồ-đề! Vì lý do đó mà những người ngu si kia đã chê bai chống báng Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu người nào không tinh tấn thì rất khó tin hiểu Bát nhã Ba la mật phải không?

Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Nếu ai không tinh tấn thì rất khó mà tin hiểu pháp Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Tại sao người không tinh tấn lại rất khó tin hiểu pháp Bát nhã Ba la mật?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Sắc không buộc, cũng không mở. Vì sao? Vì thật tánh của sắc là sắc; thọ, tưởng, hành, thức không buộc, cũng không mở. Vì sao? Vì thật tánh của thức là thức.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Thời gian trước của sắc không buộc cũng không mở. Vì sao? Vì thật tánh về thời gian trước của sắc là sắc; thời gian sau của sắc không buộc cũng không mở. Vì sao? Vì thật tánh về thời gian sau của sắc là sắc; sắc của hiện tại không buộc cũng không mở. Vì sao? Vì thật tánh của sắc hiện tại là sắc.

Này Tu-bồ-đề! Thời gian trước của thọ, tưởng, hành, thức không buộc cũng không mở. Vì sao? Vì thật tánh của thời gian trước của thức là thức; thời gian sau của thức không buộc cũng không mở. Vì sao? Vì thật tánh thời gian sau của thức là thức; thức của hiện tại không buộc cũng không mở. Vì sao? Vì thật tánh hiện tại của thức là thức.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì Bát nhã Ba la mật này rất là sâu xa nên người không tinh tấn khó tin khó hiểu.

Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Vì Bát nhã Ba la mật này rất là sâu xa nên người không tinh tấn họ rất khó tin hiểu.

Này Tu-bồ-đề! Sắc thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; vì sắc thanh tịnh nên quả cũng thanh tịnh. Thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên quả cũng thanh tịnh.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Sắc thanh tịnh tức là Nhất thiết trí thanh tịnh; vì Nhất thiết trí thanh tịnh nên sắc cũng thanh tịnh.

Này Tu-bồ-đề! Sắc thanh tịnh, Nhất thiết trí cũng thanh tịnh không hai, không riêng, không khác và cũng không hư hoại; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức là Nhất thiết trí thanh tịnh; vì Nhất thiết trí thanh tịnh nên thọ, tưởng, hành, thức cũng thanh tịnh không hai, không riêng, không khác và cũng không hư hoại.

QUYỂN 4

Phẩm 9: KHEN NGỢI THANH TỊNH

Khi ấy, Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thanh tịnh ấy rất sâu xa, do đó Phật nói thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn! Thanh tịnh ấy sáng suốt, do đó Phật nói thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn! Thanh tịnh ấy không sinh cõi Dục, không sinh cõi Sắc, không sinh cõi Vô sắc, Phật nói rất thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn! Thanh tịnh ấy không dơ, không sạch, do đó Phật nói thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn! Thanh tịnh ấy không chứng đắc, không quả, do đó Phật nói thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn! Thanh tịnh ấy không tạo tác, không phát khởi, do đó Phật nói thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn! Thanh tịnh ấy không có khả năng nhận biết, do đó Phật nói thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn! Thanh tịnh ấy không biết sắc, không biết thọ, tưởng, hành, thức, do đó Phật nói thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật đối với Nhất thiết trí không tăng, không giảm, do đó Phật nói thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn! Cớ gì Bát nhã Ba la mật thanh tịnh, đối với pháp không có chỗ thủ chấp, do đó Phật nói thanh tịnh.

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ngã tịnh, cho nên sắc cũng tịnh, Phật nói rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn! Ngã thanh tịnh, cho nên thọ, tưởng, hành, thức cũng thanh tịnh, Phật nói rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn! Ngã thanh tịnh, cho nên quả thanh tịnh, Phật nói rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn! Ngã thanh tịnh, cho nên Nhất thiết trí cũng thanh tịnh, Phật nói rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn! Ngã thanh tịnh, cho nên không chứng đắc, không quả, Phật nói rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn! Ngã vô biên, cho nên sắc cũng vô biên Phật nói rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn! Ngã vô biên, cho nên thọ, tưởng, hành, thức cũng vô biên, Phật nói rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, như thế gọi là Bát-nhã ba-lamật của Bồ-tát ư? Do đó Tu-bồ-đề rốt cuộc thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật chẳng phải bờ bên này, chẳng phải bờ bên kia, cũng chẳng phải giữa dòng, do đó Phật dạy rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát nào phân biệt như vậy tức là mất Bát nhã Ba la mật và xa lìa Bát nhã Ba la mật.

Phật dạy:

–Lành thay, lành thay, này Tu-bồ-đề! Từ danh tướng cho nên sinh ra chấp trước.

–Thật hiếm có thay, bạch Đức Thế Tôn. Ngài khéo nói sự chấp trước trong Bát nhã Ba la mật!

Bấy giờ, Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Vì nhân duyên gì gọi là chấp trước?

Xá-lợi-phất trả lời:

–Vì nếu thiện nam, tín nữ nào phân biệt sắc rỗng không tức gọi là đã chấp trước; phân biệt thọ, tưởng, hành, thức rỗng không tức gọi là chấp trước; phân biệt pháp quá khứ, pháp vị lai, pháp hiện tại tức gọi là chấp trước; phân biệt Bồ-tát mới phát tâm được bao nhiêu phước đức tức gọi là chấp trước.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi Tu-bồ-đề:

–Vì lý do gì mà việc ấy gọi là chấp trước?

Tu-bồ-đề trả lời:

–Này Kiều-thi-ca! Người ấy phân biệt tâm này và đem tâm ấy hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Này Kiều-thi-ca! Tâm tánh không thể hồi hướng. Thế nên, Bồ-tát nếu muốn dạy cho người khác Vô thượng Chánh đẳng giác thì nên như thật tướng của các pháp mà chỉ dạy cho họ được lợi ích. Như vậy, mới không làm hại mình, điều đó Phật chấp nhận và cũng là cách giáo hóa của ngài cho thiện nam, tín nữ xa lìa sự chấp trước.

Khi ấy, Phật khen Tu-bồ-đề:

–Lành thay, lành thay, Tu-bồ-đề! Ông hãy chỉ dạy pháp chấp trước cho các Bồ-tát. Tu-bồ-đề! Ta sẽ nói lại sự vi tế của các pháp chấp trước. Bây giờ, ông hãy lắng nghe cho kỹ.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con xin thọ nhận lời dạy của Ngài.

Phật dạy:

–Nếu thiện nam, tín nữ nào chấp tướng mình niệm Phật thì theo sự chấp tướng ấy thì đều gọi là chấp trước. Pháp vô lậu mà chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai có được, đều tùy hỷ rồi hồi hướng lên ngôi Vô thượng Chánh đẳng giác tức cũng là chấp trước. Vì sao? Này Tubồ-đề! Vì tánh của các pháp không phải quá khứ, không phải vị lai và không phải hiện tại không thể chấp tướng, không thể phan duyên, không thể thấy, không thể nghe, không thể biết, không thể hiểu và không thể hồi hướng.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các pháp tính này rất là sâu xa nên Phật nói hoàn toàn lìa khỏi.

Bạch Thế Tôn! Con kính lễ Bát nhã Ba la mật, Phật nói Phật chứng pháp không tạo tác ấy.

Bạch Thế Tôn! Phật đã chứng tất cả pháp phải không?

Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Như Lai đã đắc tất cả pháp. Này Tu-bồ-đề! Pháp tính chỉ là một, không có hai, không có ba, tánh ấy chẳng phải tánh và chẳng có tạo tác.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát có khả năng biết như vậy thì sẽ xa lìa các chấp trước.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật rất là khó biết.

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Bát nhã Ba la mật không có người hiểu.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật không thể nghĩ bàn.

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Bát nhã Ba la mật không thể dùng tâm mà hiểu được.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật không có sự tạo tác.

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Vì sự tạo tác ấy chẳng thể nắm bắt được.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vậy Bồ-tát phải hành Bát nhã Ba la mật như thế nào?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát không hành sắc tức là hành Bát nhã Ba la mật, không hành thọ, tưởng, hành, thức tức là hành Bát nhã Ba la mật; hoặc không hành sắc, không có tướng đầy đủ tức là hành Bát nhã Ba la mật, không hành thọ, tưởng, hành, thức, không có tướng đầy đủ tức là hành Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì sắc không đầy đủ thì không phải sắc; vì thọ, tưởng, hành, thức không đầy đủ thì chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức. Nếu ông có thể hành tướng không đầy đủ như vậy tức là hành Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Ở trong các sự chấp trước mà Ngài nói không chấp trước.

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát không hành sắc, không chấp trước tướng tức là hành Bát nhã Ba la mật; không hành thọ, tưởng, hành, thức không chấp trước tướng tức là hành Bát nhã Ba la mật. Bồ-tát nào hành như vậy thì đối với sắc không sinh tâm chấp trước; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng không sinh tâm chấp trước. Cũng không sinh tâm chấp trước đối với các quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-nahàm, A-la-hán, Bích-chi-phật cho đến Nhất thiết trí cũng không sinh tâm chấp trước. Vì sao? Vì nếu vượt qua các chấp trước cho nên gọi là Nhất thiết trí không bị chướng ngại.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát nào muốn vượt qua các pháp chấp trước thì nên tư duy Bát nhã Ba la mật như vậy.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Pháp ấy rất là sâu xa. Nếu có nói cũng không giảm, mà không nói cũng không giảm; nếu có nói cũng không tăng, mà không nói cũng không tăng phải không?

Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Giống như Phật trọn đời khen ngợi hư không, hư không vẫn không giảm, mà không khen ngợi cũng không giảm; có khen ngợi cũng không tăng, mà không khen ngợi cũng không tăng.

Này Tu-bồ-đề! Ví như khen ngợi người biến hóa của nhà ảo thuật cũng không vui vẻ, mà không khen ngợi cũng không sân giận.

Này Tu-bồ-đề! Các pháp tánh cũng như vậy. Dù có nói cũng không tăng, mà không nói cũng không giảm.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Việc làm của Bồ-tát rất khó, vì khi tu tập và thực hành Bát nhã Ba la mật, tâm của vị ấy không tăng, không giảm, cũng không thoái, không chuyển.

Bạch Thế Tôn! Vậy tu tập Bát nhã Ba la mật cũng như tu tập hư không.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát vì muốn cứu độ tất cả chúng sinh mà được phát khởi đại trang nghiêm nên sẽ được cung kính và đảnh lễ.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát vì chúng sinh mà phát khởi đại trang nghiêm như người cùng chiến đấu với hư không.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát vì chúng sinh mà phát khởi đại trang nghiêm cũng như người cùng tranh cãi với hư không.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát này gọi là phát khởi đại trang nghiêm.

Bạch Thế Tôn! Vì chúng sinh mà Bồ-tát phát khởi đại trang nghiêm, cũng như người muốn nâng đỡ hư không.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát này gọi là đã vượt qua bên kia bờ tinh tấn, gọi là vị dũng kiện, gọi là đồng với các pháp như hư không mà phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng giác.

Bấy giờ, trong đại hội có một Tỳ-kheo nghĩ: "Ta sẽ cung kính đảnh lễ Bát nhã Ba la mật, vì trong Bát nhã Ba la mật không có pháp sinh cũng không có pháp diệt."

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân hỏi Tu-bồ-đề:

–Nếu Bồ-tát tu tập Bát nhã Ba la mật sâu xa thì phải tu tập những pháp gì?

Tu-bồ-đề đáp:

–Này Kiều-thi-ca! Bồ-tát nào tu tập Bát nhã Ba la mật sâu xa tức là tu tập hư không.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu người nào có thể thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật thì con sẽ bảo hộ vị đó.

Tu-bồ-đề nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Ông thấy pháp ấy có thể bảo hộ được không?

Thích Đề-hoàn Nhân trả lời:

–Không thấy.

Tu-bồ-đề nói:

–Này Kiều-thi-ca! Bồ-tát nào thực hành Bát nhã Ba la mật đúng như pháp tức là đã bảo hộ. Bồ-tát hoặc có lúc xa lìa Bát nhã Ba la mật, vị ấy sẽ bị nhân hoặc phi nhân làm hại.

Này Kiều-thi-ca! Nếu người nào muốn bảo hộ vị hành Bát nhã Ba la mật thì phải bảo hộ hư không.

Này Kiều-thi-ca! Ý ông thế nào? Ông có thể bảo hộ tiếng vang được không?

Thích Đề-hoàn Nhân trả lời:

–Không thể được.

Tu-bồ-đề nói:

–Này Kiều-thi-ca! Bồ-tát cũng như vậy. Hành Bát-nhã ba-lamật là biết tất cả các pháp là không. Nếu như tiếng vang như thế, cũng chẳng phân biệt thì nên biết đó là hành Bát nhã Ba la mật.

Bấy giờ, Đức Phật dùng thần lực khiến cho cõi trời Tứ Thiên vương và các Thích Đề-hoàn Nhân, các Phạm Thiên vương làm chủ thế giới Ta-bà thuộc về tam thiên đại thiên thế giới đều đi đến chỗ Phật đầu mặt lễ dưới chân Phật rồi lui đứng qua một bên. Các Tứ Thiên vương, các Thích Đề-hoàn Nhân và các Phạm thiên vương… nhờ thần lực của Phật mà họ đều được thấy cả ngàn tướng Phật như vậy như vậy đặt tên là phẩm "Thuyết Bát nhã Ba la mật", đều đặt tên gọi là

“Tu-bồ-đề hỏi điều khó khăn” cũng như Thích Đề-hoàn Nhân và Bồ-tát Di-lặc sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng giác, cũng ở cõi này để nói Bát nhã Ba la mật.

Khi ấy, Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Khi Bồ-tát Di-lặc thành Bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Ngài ở nơi ấy thuyết giảng Bát-nhã ba-lamật như thế nào?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Khi Bồ-tát Di-lặc thành Bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Ngài nói Bát nhã Ba la mật: “Không nói sắc là trống không, cũng không nói thọ, tưởng, hành, thức là trống không; không nói sắc buộc, không nói sắc mở; không nói thọ, tưởng, hành, thức buộc, cũng không nói thọ, tưởng, hành, thức mở.” Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Sắc thanh tịnh nên Bát nhã Ba la mật cũng thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên Bát nhã Ba la mật cũng thanh tịnh.

Phật dạy:

–Hư không thanh tịnh nên Bát nhã Ba la mật cũng thanh tịnh; sắc không nhiễm ô nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức không nhiễm ô nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.

Này Tu-bồ-đề! Hư không không nhiễm ô nên Bát-nhã ba-lamật thanh tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, tín nữ nào có thể thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật thì sau khi mạng chung không bị chết oan, sẽ có bao nhiêu trăm ngàn chư Thiên đều cùng đi theo hộ vệ. Nếu mỗi tháng vào ngày mùng tám, mười bốn, rằm, hai mươi ba, hai mươi chín và ba mươi, bất cứ chỗ nào mà vị ấy thuyết pháp Bát nhã Ba la mật thì phước ấy rất nhiều phải không?

Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Nhờ giảng pháp Bát nhã Ba la mật mà người này được phước rất nhiều. Tu-bồ-đề! Nhưng Bát nhã Ba la mật có nhiều trở ngại. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật là trân bảo lớn. Đối với pháp ấy không có sự đắm trước, cũng không có chấp thủ. Vì sao? Vì các pháp ấy đều vô sở hữu nên chẳng thể nắm bắt được.

Này Tu-bồ-đề! Vì Bát nhã Ba la mật vô sở đắc nên không thể nhiễm ô. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật không có pháp nên gọi Bát nhã Ba la mật là không nhiễm ô; vì Bát nhã Ba la mật không nhiễm ô nên các pháp cũng không nhiễm ô. Nếu như thế mà chẳng phân biệt gọi là hành Bát nhã Ba la mật.

Này Tu-bồ-đề! Vì Bát nhã Ba la mật không có pháp hoặc thấy, hoặc không thấy, cũng không có pháp hoặc chấp thủ hay hoặc xả.

Khi nghe Phật nói với Tu-bồ-đề như vậy thì bao nhiêu trăm ngàn các Thiên tử vui mừng phấn khởi ở trên hư không đồng thanh xướng lên:

–Chúng con lại trông thấy bánh xe pháp quay ở cõi Diêm-phùđề.

Tu-bồ-đề nói với các Thiên tử:

–Bánh xe pháp không phải chuyển lần đầu tiên và không phải chuyển lần thứ hai. Vì sao? Vì trong pháp Bát nhã Ba la mật không có lưu chuyển và cũng không có hoàn diệt.

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Ma-ha ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật của Bồ-tát. Đó gọi là đối với tất cả các pháp không có chuyển, không có chấp trước nên chứng Vô thượng Chánh đẳng giác cũng không có sở đắc. Khi chuyển pháp luân không có chỗ để lưu chuyển, cũng không có pháp hoàn diệt, không có pháp có thể chỉ thị, cũng không có pháp có thể thấy là vì pháp ấy chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Này Tubồ-đề! Vì rỗng không nên không có lưu chuyển và hoàn diệt. Không hình tướng, không tạo tác, không phát khởi, không sinh đều là vô sở hữu nên không có lưu chuyển và không hoàn diệt. Nói như vậy gọi là nói Bát nhã Ba la mật. Vì không có người nghe, không có người thọ nhận, không có người chứng, cũng không có người vì pháp mà làm phước điền.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật vô biên là Bát nhã Ba la mật, vì hư không vô biên.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật chân chánh là Bát nhã Ba la mật, vì các pháp bình đẳng.

Bạch Thế Tôn! lìa Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vì các pháp tánh xa lìa.

Bạch Thế Tôn! Không thể phá hoại Ba-la-mật là Bát-nhã bala-mật, vì các pháp chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật vô xứ là Bát nhã Ba la mật, vì các pháp không có hình tướng và không có tên gọi.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vì các pháp vô lai.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật vô đoạt là Bát nhã Ba la mật, vì các pháp không thể chấp thủ.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật vô tận là Bát nhã Ba la mật, vì các pháp vô tận.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật vô sinh là Bát nhã Ba la mật, vì các pháp vô sinh.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật vô tác là Bát nhã Ba la mật, vì người tạo tác chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không sinh ra là Bát nhã Ba la mật, vì người sinh ra chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không đến là Bát nhã Ba la mật, vì không thoái lui.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật vô cấu là Bát nhã Ba la mật, vì các phiền não đều thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật vô nhiễm là Bát nhã Ba la mật, vì không có sự nhiễm ô.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật bất diệt là Bát nhã Ba la mật, vì các pháp lìa chặng trước.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật huyễn hóa là Bát nhã Ba la mật, vì các pháp bất sinh.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật mộng mị là Bát nhã Ba la mật, vì ý thức bình đẳng.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không hý luận là Bát nhã Ba la mật, vì các hý luận bình đẳng.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật bất niệm là Bát nhã Ba la mật, vì các niệm không sinh.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật bất động là Bát nhã Ba la mật, vì pháp tánh thường trụ.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật lìa dục là Bát nhã Ba la mật, vì các pháp không hư vọng.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không khởi là Bát nhã Ba la mật, vì các pháp không phân biệt.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật tịch diệt là Bát nhã Ba la mật, vì các pháp tướng bất khả đắc.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không có phiền não là Bát-nhã bala-mật, vì các pháp không có lầm lỗi.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không có chúng sinh là Bát-nhã bala-mật, vì đời chúng sinh chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không đoạn là Bát nhã Ba la mật, vì các pháp không sinh khởi.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không có hai bên là Bát-nhã ba-lamật, vì các pháp không chấp trước.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không sai khác là Bát-nhã ba-lamật, vì các pháp không hòa hợp.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không dính mắc là Bát-nhã ba-lamật, vì không phân biệt địa Thanh văn và Bích-chi-phật.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không phân biệt là Bát-nhã ba-lamật. vì các sự phân biệt bình đẳng.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật vô lượng là Bát nhã Ba la mật, vì lượng pháp không sinh.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật hư không là Bát nhã Ba la mật, vì các pháp không có chướng ngại.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật bất sinh là Bát nhã Ba la mật, vì các pháp không phát khởi.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật vô thường là Bát nhã Ba la mật, vì các pháp không mất.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật khổ là Bát nhã Ba la mật, vì các pháp không có khổ não.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật vô ngã là Bát nhã Ba la mật, vì các pháp không bị tham trước.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không là Bát nhã Ba la mật, vì các pháp vô sở đắc.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật vô tướng là Bát nhã Ba la mật, vì tướng của các pháp chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật vô tác là Bát nhã Ba la mật, vì các pháp không có chỗ thành tựu.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật lực là Bát nhã Ba la mật, vì các pháp không thể phá hoại.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật vô lượng Phật pháp là Bát-nhã bala-mật, vì pháp vượt qua toán số.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật vô sở úy là Bát nhã Ba la mật, vì tâm không biến mất.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật như thật là Bát nhã Ba la mật, vì các pháp không sai khác.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật tự nhiên là Bát nhã Ba la mật, vì các pháp vô tánh.

Phẩm 10: KHÔNG THỂ NGHĨ BÀN

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân nghĩ: “Nếu người nào được nghe Bát nhã Ba la mật thì phải biết người ấy đã từng cúng dường chư Phật, huống gì thọ trì, đọc tụng, rồi theo đó học và thực hành đúng như pháp. Hoặc người nghe nói Bát nhã Ba la mật, rồi thọ trì, đọc tụng và thực hành đúng như pháp thì phải biết người ấy đã từng cúng dường nhiều Đức Phật đã rộng hỏi thật nghĩa đó và ở nhiều chư Phật quá khứ đã nghe Bát nhã Ba la mật mà không kinh nghi sợ sệt.” Khi ấy, Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Đại Bồ-tát có khả năng tin hiểu Bát nhã Ba la mật sâu xa thì phải biết Bồ-tát ấy như là bậc không thoái chuyển. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì nếu người ở thời quá khứ không thực hành Bát nhã Ba la mật sâu xa lâu dài thì không thể tin hiểu.

Bạch Thế Tôn! Nếu có ai chê bai, chống báng Bát-nhã ba-lamật thì phải biết người này đã từ lâu chê bai, chống báng Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì đối với Bát nhã Ba la mật sâu xa mà

người ấy không có tín tâm, không có tâm thanh tịnh, cũng không hỏi chư Phật và các đệ tử của chư Phật những chỗ nghi ngờ.

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân nói với Xá-lợi-phất:

–Bát nhã Ba la mật ấy rất là sâu xa. Nếu ai thực hành Bồ-tát đạo không lâu dài, không thể tin hiểu thì có gì đáng làm lạ. Vì nếu người nào cung kính đảnh lễ Bát nhã Ba la mật tức là đã cung kính đảnh lễ Nhất thiết trí.

Xá-lợi-phất nói:

–Đúng vậy, đúng vậy! Này Kiều-thi-ca! Nếu người nào cung kính đảnh lễ Bát nhã Ba la mật tức là đã cung kính đảnh lễ trí Nhất thiết trí. Vì trí Nhất thiết trí của chư Phật từ Bát nhã Ba la mật sinh ra, rồi từ Nhất thiết trí trở lại sinh Bát nhã Ba la mật. Bồ-tát nên trụ Bát nhã Ba la mật như vậy và nên tu tập Bát nhã Ba la mật như vậy.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát phải thực hành Bát nhã Ba la mật như thế nào mới gọi là trụ Bát nhã Ba la mật và tu tập Bát-nhã ba-lamật?

Phật dạy Thích Đề-hoàn Nhân:

–Lành thay, lành thay, này Kiều-thi-ca! Ông có thể hỏi Phật về thật nghĩa ấy, những gì ông hỏi đều là thần lực của Phật.

Này Kiều-thi-ca! Bồ-tát nào hành Bát nhã Ba la mật là không trụ vào sắc. Nếu không trụ vào sắc tức là đã tu tập sắc, cũng không trụ vào thọ, tưởng, hành, thức. Nếu không trụ vào thức tức là đã tu tập thức.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Bồ-tát nào không tu tập sắc. Nếu không tu tập sắc tức là không trụ sắc; cũng không tu tập thọ, tưởng, hành, thức. Nếu không tu tập thức tức là không trụ vào thức. Như vậy, này Kiều-thi-ca! Đó gọi là Bồ-tát tu tập Bát nhã Ba la mật và trụ trong Bát nhã Ba la mật.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật rất sâu xa, vô cùng và vô tận.

Phật dạy:

–Này Xá-lợi-phất! Nếu Đại Bồ-tát không trụ vào sắc sâu xa thì đó là đã tu tập sắc sâu xa; nếu không trụ vào thọ, tưởng, hành, thức sâu xa thì đó là đã tu tập thọ, tưởng, hành, thức sâu xa.

–Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Nếu Đại Bồ-tát không tu tập sắc sâu xa thì đó là không trụ vào sắc sâu xa; không tu tập thọ, tưởng, hành, thức sâu xa thì đó là không trụ vào thức sâu xa.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì Bát nhã Ba la mật ấy rất sâu xa nên đối với Bồ-tát không thoái chuyển đã nói ở trước thì người này nghe những pháp đó không nghi ngờ, không hối hận.

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân nói với ngài Xá-lợi-phất:

–Thưa Tôn giả! Nếu đối với Bồ-tát chưa được thọ ký đã nói ở trước mà nói pháp thì có lỗi gì?

Xá-lợi-phất trả lời:

–Này Kiều-thi-ca! Nếu Bồ-tát chưa thọ ký mà được nghe pháp Bát nhã Ba la mật sâu xa thì phải biết Bồ-tát này đã phát tâm Đại thừa từ lâu mới được thọ ký và không bao lâu vị ấy chắc

chắn được thọ ký. Nếu qua một vị Phật hoặc hai vị Phật thì vị ấy sẽ được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng giác.

Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy, này Xá-lợi-phất! Nếu Bồ-tát chưa thọ ký mà được nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa thì phải biết Bồ-tát ấy từ lâu đã phát tâm Đại thừa.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nay con sẽ nói thí dụ.

Phật dạy:

–Nếu ông thích nói thì cứ nói.

Xá-lợi-phất liền nói:

–Ví như có người nào muốn cầu đạo Bồ-tát mà trong chiêm bao thấy mình ngồi đạo tràng, phải biết Bồ-tát này sẽ gần Vô thượng Chánh đẳng giác; hoặc người nào cầu Bồ-tát đạo mà được nghe pháp Bát nhã Ba la mật sâu xa thì phải biết Bồ-tát này đã phát tâm Đại thừa từ lâu, thành tựu căn lành, gần được thọ ký và không bao lâu người này chắc chắn sẽ được thọ ký.

Phật dạy:

–Lành thay, lành thay, này Xá-lợi-phất! Ông nương vào thần lực của Phật mà nói lại những lời đó.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ví như có người muốn đi qua con đường hiểm hoặc giả một trăm do-tuần, hoặc hai trăm, hoặc ba trăm, hoặc bốn trăm, hoặc năm trăm do-tuần, nếu khi họ muốn thoát khỏi các tai nạn thì trước hết phải thấy các tướng, hoặc thấy người thả trâu dê, hoặc thấy biên giới, hoặc thấy vườn rừng, người nào thấy các tướng như vậy thì họ sẽ biết trong vùng này chắc chắn có thành ấp, xóm làng. Khi thấy các tướng ấy rồi họ nghĩ như vầy: "Theo các tướng mà ta đã thấy là thành ấp xóm làng và cách đây không còn xa" nên tâm họ được an ổn, không còn lo sợ có oan gia, giặc cướp làm hại.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát cũng như vậy. Nếu được nghe Bát nhã Ba la mật một cách sâu xa thì phải biết Bồ-tát ấy gần được Phật thọ ký và không bao lâu nữa, vị ấy chắc chắn sẽ được thọ ký. Khi ấy, không còn sợ rơi vào địa Thanh văn và Bích-chi-phật. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy đã được bổn tướng đó. Nghĩa là được thấy pháp Bát-nhã ba-lamật sâu xa, được nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa.

Bạch Thế Tôn! Ví như có người muốn thấy biển lớn, liền đi lần về phía trước thì thấy cây, hoặc thấy tướng của cây, hoặc thấy núi, hoặc thấy tướng của núi, phải biết ở đó cách biển còn xa. Nếu như không thấy cây, hoặc không có hình tướng của cây, hoặc không thấy núi và không có hình tướng của núi thì phải biết biển lớn cách đó không xa, vì biển lớn rất sâu nên không có cây và núi. Vì vậy người này tuy chưa thấy biển mà biết chắc chắn là biển gần đó.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát cũng như vậy. Nhờ được nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa nên tuy hiện tại chưa được chư Phật thọ ký trước mà tự biết chắc chắn mình gần chứng Vô thượng Chánh đẳng giác. Vì sao? Vì ta đã được thấy nghe và cúng dường pháp Bát-nhã bala-mật ấy sâu xa rồi.

Bạch Thế Tôn! Ví như vào mùa xuân lá úa trên cây rơi rụng thì phải biết không bao lâu cây này sẽ nẩy lộc, trổ lá, đơm hoa, kết trái.

Vì sao? Vì tướng của lá úa rụng hết nên mọi người ở cõi Diêm-phùđề thấy tướng lá cây úa rụng hết và tất cả họ vui mừng nghĩ: “Không bao lâu cây này sẽ nẩy lộc, trổ lá, đơm hoa và kết trái.”

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát cũng như vậy. Nếu Bồ-tát nào được thấy và nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa thì phải biết Bồ-tát ấy do nhờ nhân duyên trồng căn lành được thành tựu căn lành từ kiếp trước nên nay mới được thấy, nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa như vậy.

Bấy giờ, chư Thiên trong hội đã từng thấy Phật nên họ đều hoan hỷ và nghĩ: “Các vị Bồ-tát trước cũng có bổn tướng thọ ký như vậy và không bao lâu Bồ-tát này sẽ được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng giác.”

Bạch Thế Tôn! Ví như người phụ nữ khi mang thai thì thân thể họ mỏi mệt, đi đứng bất tiện, ngồi, nằm không yên, không thích làm việc, ít ăn uống, thân khổ não, không muốn nói năng, chán những thói quen cũ, không có nụ cười, với hiện tướng, nên biết người phụ nữ này không bao lâu sẽ sinh nở. Căn lành của Bồ-tát thành tựu cũng lại như thế. Nếu được thấy nghe và tư duy Bát nhã Ba la mật sâu xa thì phải biết không bao lâu Bồ-tát ấy được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng giác.

Phật dạy:

–Lành thay, lành thay, này Xá-lợi-phất! Những điều ông nói đều nhờ thần lực của Phật cả.

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thật hy hữu thay, bạch Đức Thế Tôn! Như Lai khéo giảng nói việc của các Bồ-tát.

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Các Đại Bồ-tát ấy từ lâu đã được nhiều lợi ích, được nhiều an ổn, được nhiều an vui và các vị ấy thương xót chúng sinh trong thế gian. Khi chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác, Bồ-tát diễn thuyết điều quan trọng của giáo pháp cho chư Thiên và người.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Đại Bồ-tát tu tập và thực

hành Bát nhã Ba la mật được đầy đủ?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát nào thực hành Bát nhã Ba la mật mà không thấy sắc tăng, đó là đã thực hành Bát nhã Ba la mật; không thấy thọ, tưởng, hành, thức tăng, đó là đã hành Bát-nhã ba-lamật; hoặc không thấy sắc giảm, là đã thực hành Bát nhã Ba la mật; cũng không thấy thọ, tưởng, hành, thức giảm, đó là đã thực hành Bát nhã Ba la mật, cho đến không thấy pháp, cũng không thấy phi pháp, đó là đã thực hành Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như lời dạy của Phật quả thật là không thể nghĩ bàn.

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Sắc không thể nghĩ bàn; thọ, tưởng, hành, thức cũng không thể nghĩ bàn. Bồ-tát nào không phân biệt sắc không thể nghĩ bàn; không phân biệt thọ, tưởng, hành, thức không thể nghĩ bàn thì Bồ-tát đó đã tu hành Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ai có thể tin hiểu pháp Bát nhã Ba la mật như vậy?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Là người hành Bồ-tát đạo từ lâu.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ-tát hành Bồ-tát đạo từ lâu?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật mà không phân biệt mười Lực và bốn Đức không sợ hãi của Đức Phật cho đến không phân biệt Nhất thiết trí thực hành lâu dài. Vì sao? Vì mười Lực không thể nghĩ bàn, bốn Đức không sợ hãi của Phật, mười tám pháp Bất cộng không thể nghĩ bàn cho đến chẳng phân biệt Nhất thiết trí không thể nghĩ bàn. Sắc không thể nghĩ bàn; thọ, tưởng, hành, thức không thể nghĩ bàn; tất cả pháp cũng không thể nghĩ bàn Bồ-tát nào thực hành như vậy thì gọi là không thấy chỗ mình hành nhưng đã hành Bát nhã Ba la mật. Như thế, gọi là Bồ-tát thực hành lâu dài.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật rất là sâu xa, Bát-nhã bala-mật là nơi chứa trân bảo, cũng như hư không thanh tịnh.

Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật này có nhiều trở ngại, nếu người nào muốn biên chép cho đến một năm thì phải chép mau cho xong phải không?

Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy! Này Tu-bồ-đề! Nếu thiện nam, tín nữ muốn biên chép đọc tụng và thực hành Bát nhã Ba la mật đúng như pháp cho đến một năm phải chép mau cho xong. Này Tu-bồ-đề! Vì trong pháp trân bảo, phần nhiều có oán tặc.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ác ma luôn muốn rình tìm cách làm cho Bát nhã Ba la mật đoạn mất phải không?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Mặc dù ác ma luôn muốn rình tìm cách làm cho Bát nhã Ba la mật đoạn mất, nhưng chúng không thể nào làm được.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nhờ thần lực của ai mà ác ma không thể gây khó dễ Bát nhã Ba la mật?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi-phất! Nhờ thần lực của Phật nên ác ma không thể làm trở ngại.

Này Xá-lợi-phất! Cũng là nhờ thần lực của chư Phật hiện tại ở vô lượng thế giới khắp mười phương nên ác ma không thể làm trở ngại. Vì chư Phật đều cùng nhau hộ niệm vị Bồ-tát ấy nên ác ma không thể làm hại được. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Vì Bồ-tát nào được chư Phật hộ niệm thì pháp ấy không bị trở ngại. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Vì người nào biên chép, đọc tụng giảng nói Bát nhã Ba la mật thì được vô lượng a-tăng-kỳ chư Phật ở hiện tại khắp mười phương hộ niệm pháp đó. Nếu Bồ-tát nào đọc tụng Bát nhã Ba la mật thì phải biết Bồ-tát ấy được chư Phật hộ niệm nên có thể đọc tụng thông suốt.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu thiện nam, tín nữ có thể thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật thì phải biết người này đã thấy bằng Phật nhãn.

Phật dạy:

–Này Xá-lợi-phất! Nếu thiện nam, tín nữ nào có thể thọ trì, đọc tụng cho đến biên chép Bát nhã Ba la mật thì phải biết người ấy thấy bằng Phật nhãn.

Này Xá-lợi-phất! Nếu thiện nam, tín nữ nào cầu Phật đạo mà thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật thì gần Vô thượng Chánh đẳng giác cho đến tự mình biên chép và bảo người khác biên chép, chép rồi thọ trì, đọc tụng thì nhờ nhân duyên ấy mà phước đức của họ rất nhiều.

Này Xá-lợi-phất! Sau khi Như Lai diệt độ, Bát nhã Ba la mật ấy sẽ lưu truyền ở phương Nam. Từ phương Nam lưu truyền rộng đến phương Tây; từ phương Tây lưu truyền rộng đến phương Bắc.

Này Xá-lợi-phất! Khi pháp của ta hưng thịnh thì sẽ không có tướng đoạn diệt. Ở phương Bắc nếu có người nào cho đến biên chép, thọ trì và cúng dường Bát nhã Ba la mật thì người ấy cũng được sở kiến, sở tri, sở niệm bằng Phật nhãn.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Năm trăm năm sau, Bát nhã Ba la mật sẽ được lưu truyền rộng đến phương Bắc không?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi-phất! Năm trăm năm sau Bát nhã Ba la mật sẽ được lưu truyền rộng rãi đến phương Bắc. Nếu ở trong đó thiện nam, tín nữ nào nghe Bát nhã Ba la mật rồi thọ trì, đọc tụng tu tập thì phải biết người này đã phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác từ lâu.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ở phương Bắc sẽ có bao nhiêu Bồ-tát có thể

thọ trì, đọc tụng tu tập Bát nhã Ba la mật?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi-phất! Ở phương Bắc tuy có nhiều Bồ-tát đọc tụng, nghe và thọ trì Bát nhã Ba la mật nhưng ít người có thể tu tập, đọc tụng thông suốt, người này được nghe Bát nhã Ba la mật mà không kinh nghi, sợ sệt, vì người này đã từng gặp Phật và thưa hỏi, phải biết người này có thể thực hành đầy đủ đạo Bồ-tát. Vì Vô thượng Chánh đẳng giác mà vị ấy có thể làm lợi ích cho vô lượng chúng sinh. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Ta vì thiện nam, tín nữ ấy nói pháp Nhất thiết trí, người này khi chuyển thân trở lại cũng ưa nói Vô thượng Chánh đẳng giác, nhất tâm hòa đồng cho đến ma vương cũng không thể nào phá hoại tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng giác của họ. Người này nghe Bát nhã Ba la mật tâm rất hoan hỷ, tâm được thanh tịnh, làm cho nhiều chúng sinh gieo trồng căn lành Vô thượng Chánh đẳng giác. Thiện nam, tín nữ này ở trước ta thưa: “Bạch Thế Tôn! Khi hành Bồ-tát đạo, chúng con đem pháp này chỉ dạy làm lợi ích hoan hỷ cho vô lượng trăm ngàn vạn chúng sinh, làm cho họ an trụ vào ngôi Vô thượng Chánh đẳng giác.

Này Xá-lợi-phất! Ta quán sát tâm của người ấy thì sinh lòng tùy hỷ, vì người này hành Bồ-tát đạo sẽ đem pháp Bát-nhã ba-lamật chỉ dạy làm lợi ích hoan hỷ cho vô lượng trăm, ngàn, vạn chúng sinh để họ trụ vào ngôi Vô thượng Chánh đẳng giác. Như vậy thiện nam, tín nữ tâm họ phát Đại thừa nguyện sinh về cõi Phật khác, nơi mà chư Phật hiện tại đang nói pháp. Ở cõi ấy,

người này tiếp tục được nghe giảng Bát nhã Ba la mật và ở cõi Phật đó họ cũng đem pháp Bát nhã Ba la mật để chỉ dạy làm lợi ích hoan hỷ cho vô lượng trăm ngàn vạn chúng sinh làm cho họ an trụ vào ngôi Vô thượng Chánh đẳng giác.” Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Thật hy hữu thay, bạch Đức Thế Tôn! Đức Như Lai đối với các pháp quá khứ, vị lai và hiện tại không có pháp nào mà Ngài không biết, không có pháp nào mà Ngài không hiểu. Như Lai đối với các Bồ-tát ở đời vị lai phần nhiều muốn siêng năng cầu Bát nhã Ba la mật, còn thiện nam, tín nữ này có cầu mà được hay không cầu mà được thì Như Lai cũng đều biết rõ.

Phật dạy:

–Này Xá-lợi-phất! Phần nhiều có thiện nam, tín nữ siêng năng, không giải đãi nên Bát nhã Ba la mật không cầu mà được.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thiện nam, tín nữ này đối với các kinh khác tương ưng với sáu pháp Ba-la-mật thì không cầu mà được không?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi-phất! Nếu đối với các kinh khác tương ưng với Ba-la-mật thì thiện nam, tín nữ này cũng không cầu mà được. Vì sao? Này Xá-lợi-phất, vì pháp đúng như vậy.

Nếu có Bồ-tát nào vì các chúng sinh mà chỉ dạy cho họ được lợi ích Vô thượng Chánh đẳng giác, rồi cũng tự họ học trong đó thì người này sau khi chuyển sinh đời sau được các kinh Ba-la-mật sâu xa nên không cầu mà được.

QUYỂN 5

Phẩm 11: VIỆC MA

Khi ấy, Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Ngài đã nói công đức của người thiện nam, tín nữ. Vậy như thế nào là những trở ngại?

–Này Tu-bồ-đề! Người nói pháp không muốn nói ngay. Bồ-tát nên biết đó là việc ma.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Người nói pháp, nói một cách quá nhiều, không dừng nghỉ. Bồ-tát nên biết đó là việc ma.

Tu-bồ-đề! Người nói pháp nói một cách không tột cùng. Bồ-tát nên biết đó là việc ma.

Tu-bồ-đề! Người nào khi ghi chép, đọc tụng hay nói Bát nhã Ba la mật mà cống cao ngã mạn. Bồ-tát nên biết đó là việc ma.

Tu-bồ-đề! Người nào khi ghi chép đọc tụng hay nói Bát nhã Ba la mật mà giỡn cợt với nhau. Bồ-tát nên biết đó là việc ma.

Tu-bồ-đề! Khi ghi chép, đọc tụng hay nói Bát nhã Ba la mật mà khinh lờn nhau. Bồ-tát nên biết đó là việc ma.

Tu-bồ-đề! Người nào ghi chép, đọc tụng hay nói Bát-nhã ba-lamật với tâm tán loạn. Bồ-tát nên biết đó là việc ma.

Tu-bồ-đề! Người nào ghi chép, đọc tụng hay nói Bát-nhã ba-lamật với tâm không chuyên nhất. Bồ-tát nên biết đó là việc ma.

Tu-bồ-đề! Hành giả suy nghĩ ở trong Bát nhã Ba la mật mà không cảm nhận điều gì hay liền đứng dậy bỏ đi. Bồ-tát nên biết đó là việc ma.

Tu-bồ-đề! Hành giả suy nghĩ ở trong Bát nhã Ba la mật mà không được thọ ký nên tâm họ không thanh tịnh liền đứng dậy bỏ

đi. Bồ-tát nên biết đó là việc ma.

Tu-bồ-đề! Hành giả suy nghĩ trong Bát nhã Ba la mật không nói tên mình, vì vậy tâm họ không thanh tịnh. Bồ-tát nên biết đó là việc ma.

Tu-bồ-đề! Hành giả suy nghĩ trong Bát nhã Ba la mật không nói đến nơi sinh sống của mình như thành ấp, làng mạc, vì vậy họ không thích nghe Bát nhã Ba la mật, liền bỏ đi. Tùy theo ý nghĩ của mình trải qua bao nhiêu kiếp mới trở lại tu Bồ-tát đạo. Bồ-tát nên biết đó là việc ma.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Các kinh không thể đạt đến Nhất thiết trí, Bồ-tát bỏ Bát nhã Ba la mật mà đọc tụng các kinh ấy, đó là Bồ-tát ấy bỏ gốc lấy cành lá. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy nhờ Bát nhã Ba la mật mới thành tựu được pháp thế gian và xuất thế gian, nhờ học Bát nhã Ba la mật mới có thể học pháp thế gian và xuất thế gian, nếu bỏ Bát nhã Ba la mật Bồ-tát nên biết đó là việc ma. Tu-bồ-đề! Ví như con chó bỏ thức ăn của chủ cho lại đi xin thức ăn của người khác.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đời vị lai có Bồ-tát bỏ Bát-nhã ba-lamật thâm sâu, trở lại y cứ vào các kinh thuộc hàng Thanh văn, Bíchchi-phật, Bồ-tát nên biết đó là việc ma.

Này Tu-bồ-đề! Ví như người được voi mà không xem nó, ngược lại chỉ xem dấu chân nó, ý ông thế nào, người đó có trí không?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát cũng như vậy, đã được Bát-nhã ba-lamật thâm sâu mà lại bỏ đi để cầu Nhất thiết trí trong hàng Thanh văn, Bích-chi-phật. Ông nghĩ thế nào về việc đó, người đó có trí không?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Bồ-tát nên biết đó là việc ma. Này Tu-bồ-đề! Ví như người muốn thấy biển lớn, khi thấy biển rồi lại bỏ đi tìm nước trong dấu chân trâu và nói: “Nước trong biển này nhiều đến thế ư?” Ý ông thế nào, người đó có trí không?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Tu-bồ-đề! đời vị lai có Bồ-tát cũng như vậy, đã được Bát nhã Ba la mật thâm sâu mà lại bỏ đi để đọc tụng các kinh thuộc hàng Thanh văn, Bích-chi-phật. Ý ông thế nào, người đó có trí không?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên biết đó là việc ma. Ví như người thợ xây một cung điện như cung điện trời Đế Thích, nhưng lại đo đạc theo cung điện mặt trăng, mặt trời. Ý ông thế nào, người đó có trí không?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Này Tu-bồ-đề! Đời vị lai có Bồ-tát cũng như vậy, đã được Bát nhã Ba la mật thâm sâu nhưng bỏ đi lại cầu Nhất thiết trí trong các kinh thuộc hàng Thanh văn, Bích-chi-phật. Ý ông thế nào, người đó có trí không?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên biết đó là việc ma. Ví như người muốn diện kiến Chuyển luân vương, đã được diện kiến rồi nhưng không biết lại suy nghĩ dung mạo, oai đức của Chuyển luân vương như thế nào, khi thấy dung mạo của các tiểu vương liền cho đó là dung mạo, oai đức của Chuyển luân vương. Ý ông thế nào, người đó có trí không?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Này Tu-bồ-đề! Đời vị lai có Bồ-tát cũng như vậy, đã được Bát nhã Ba la mật thâm sâu nhưng bỏ đi lại cầu Nhất thiết trí trong các kinh thuộc hàng Thanh văn, Bích-chi-phật. Ý ông thế nào, người đó có trí không?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên biết đó là việc ma. Ví như một người đang đói bỏ trăm món ăn ngon để ăn cơm thiu sáu mươi ngày. Ý ông thế nào, người đó có trí không?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát cũng như vậy, đã được Bát-nhã ba-lamật thâm sâu nhưng bỏ đi lại cầu Nhất thiết trí trong các kinh thuộc hàng Thanh văn, Bích-chi-phật. Ý ông thế nào, người đó có trí không?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên biết đó là việc ma. Ví như người được châu báu vô giá nhưng lại so sánh với thủy tinh. Ý ông thế nào, người đó có trí không?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

– Này Tu-bồ-đề! Đời vị lai có Bồ-tát cũng như vậy, đã được Bát nhã Ba la mật thâm sâu nhưng lại so sánh với các kinh thuộc hàng Thanh văn, Bích-chi-phật, rồi cầu Nhất thiết trí ở trong đó. Ý ông thế nào, người đó có trí không?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên biết đó là việc ma. Khi đọc tụng hay nói Bát nhã Ba la mật, phần nhiều đều nói các việc làm ngăn ngừa phá bỏ Bát nhã Ba la mật. Bồ-tát nên biết đó là việc ma.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật có thể đọc tụng biên chép được sao?

–Tu-bồ-đề! Không thể được. Người nam, người nữ nào khi chép Bát nhã Ba la mật mà nghĩ mình chép Bát nhã Ba la mật, nên biết đó là việc ma. Này Tu-bồ-đề! Lúc ấy nên bảo họ chớ cho việc ghi chép văn tự là ghi chép Bát nhã Ba la mật. Nếu họ dùng văn tự để chỉ bày ý nghĩa Bát nhã Ba la mật thì bảo họ chớ đắm trước văn tự. Nếu đắm trước văn tự Bồ-tát nên biết đó là việc ma; không đắm trước tức là bỏ việc ma.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Khi ghi chép, đọc tụng hay nói Bát-nhã bala-mật mà nhớ nghĩ các việc như đất nước, thành ấp, xóm làng, quốc vương, oán tặc, chiến đấu; nhớ nghĩ cha mẹ, anh chị em.

Đó là những việc do ma khiến nên suy nghĩ như vậy để ngăn chặn, phá bỏ Bát nhã Ba la mật. Tu-bồ-đề! Những việc đó Bồ-tát nên biết là việc ma.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Khi ghi chép, đọc tụng hay nói Bát nhã Ba la mật có người cúng dường y phục, thức ăn uống, giường chõng thuốc men với dụng ý ngăn ngừa, phá bỏ Bát nhã Ba la mật. Bồ-tát nên biết đó là việc ma.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ác ma tạo ra mọi cách làm cho Bồ-tát có phương tiện để được các kinh thâm sâu. Đối với các kinh thâm sâu này Bồ-tát không tham trước, nhưng Bồ-tát lại bỏ Bát nhã Ba la mật để vin vào kinh điển thâm sâu này vì cho Bát nhã Ba la mật không có phương tiện. Này Tu-bồ-đề! Ta đã nói các phương tiện về Bát nhã Ba la mật một cách rõ ràng, nên cầu trong đó, nhưng Bồ-tát lại cầu các phương tiện trong các kinh thâm sâu của Thanh văn, Bíchchi-phật. Ý ông thế nào, người đó có trí không?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Tu-bồ-đề! Như thế nên biết đó cũng là việc ma.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Người nghe pháp muốn nghe Bát-nhã bala-mật nhưng người nói pháp mệt mỏi không thích nói. Không hòa hợp như thế cũng là việc ma.

Tu-bồ-đề! Người nói pháp không mệt nhọc, ưa nói Bát-nhã bala-mật nhưng người nghe pháp có việc muốn đến nước khác nên không được ghi chép đọc tụng, giảng nói Bát nhã Ba la mật. Không hòa hợp như thế cũng là việc ma.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Người nghe pháp có niệm lực, trí lực, muốn nghe, thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật nhưng người nói pháp muốn đến nước khác nên không biên chép, đọc tụng và thuyết giảng Bát nhã Ba la mật được. Không hòa hợp như thế cũng là việc ma.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Người nói pháp quý trọng đối với tài vật, y phục, ăn uống nhưng người nghe pháp tiếc của không cúng nên không được ghi chép đọc tụng và giảng nói Bát nhã Ba la mật. Không hòa hợp như thế cũng là việc ma.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Người nghe pháp có lòng tin và quý mến muốn cúng dường người nói pháp, nhưng người nói pháp và đọc tụng không thông suốt, người nghe pháp không thích nghe và tiếp thu, do đó người nghe pháp không được ghi chép, đọc tụng và nói Bát nhã Ba la mật. Không hòa hợp như thế cũng là việc ma.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Người nói pháp tâm thích nói pháp nhưng người nghe pháp không muốn tiếp thu nên không được ghi chép, đọc tụng và nói Bát nhã Ba la mật. Không hòa hợp như thế cũng là việc ma.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Người nói pháp thân rất mỏi mệt nặng nề, ưa ngủ nghỉ, không ưa thích nói pháp, người nghe pháp muốn nghe, thọ trì, đọc tụng. Không hòa hợp như thế cũng là việc ma.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nếu khi ghi chép, đọc tụng hay nói Bát nhã Ba la mật, có người đến nói các khổ trong ba đường ác: Trong địa ngục có các khổ như vầy, trong loài ngạ quỷ, súc sinh có các khổ như vầy, chi bằng diệt hết khổ ngay thân này để chứng Niết-bàn, cần gì phải tái sinh để chịu các khổ ấy. Như thế, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên biết đó cũng là ma sự.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nếu khi ghi chép, đọc tụng hay nói Bát nhã Ba la mật, có người đến ca ngợi sự vui sướng ở các cõi trời: Trong Dục giới có những khoái lạc năm dục, trong Sắc giới có

khoái lạc thiền định, trong Vô sắc giới có tịch diệt định lạc. Những sự vui trong ba cõi đều là tướng vô thường, khổ, không, hoại diệt, đối với thân này có thể chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-lahán, không cần phải thọ lại thân sau. Bồ-tát nên biết đó cũng là việc ma.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Người thuyết pháp thương mến đồ chúng nói như vầy: "Ai theo tôi thì tôi ban cho pháp Bát nhã Ba la mật, ai không theo thì tôi không ban cho." Do nhân duyên này khi được nhiều người theo, người thuyết pháp muốn đi qua chỗ có sự nguy hiểm đến tánh mạng liền nói với mọi người: "Thiện nam tử, các ông biết hay chăng? Quý vị cần gì phải theo tôi qua chỗ nguy hiểm ấy, hãy khéo cân nhắc và suy nghĩ kỹ sau khỏi hối hận. Cớ sao đến chỗ đói khát oán tặc này"? Người thuyết pháp đem những lý do vụn vặt này để xa lìa mọi người. Người nghe pháp không vui, nghĩ đây là thái độ họ muốn bỏ mình, chẳng phải thái độ ban cho Bát nhã Ba la mật, nên không được ghi chép, đọc tụng hay nói Bát nhã Ba la mật. Như vậy là không hòa hợp, Bồ-tát nên biết đó là việc ma.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Người thuyết pháp có việc phải đi qua chỗ có thú dữ như: Cọp, chó sói, sư tử, giặc cướp giết hại và chỗ không có nước, nên nói với mọi người: "Quý vị biết không, chỗ tôi đến sẽ đi qua chỗ có thú dữ, giặc cướp giết hại và chỗ không có nước, quý vị đâu có thể chịu sự khổ như vậy." Người thuyết pháp đem những lý do nhỏ ấy để xa lìa mọi người, mọi người không thể theo được và nghĩ đây là thái độ họ muốn bỏ mình chẳng phải thái độ ban cho Bát nhã Ba la mật nên thoái lui. Những khó khăn này Bồ-tát nên biết đó là việc ma.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Người thuyết pháp rất trọng người đàn-việt, vì thế thường lui tới đem việc ấy nói với người nghe pháp: "Các thiện nam tử, tôi có nghe người đàn-việt? Các vị nên đến thăm hỏi. Mọi người nghĩ rằng nghĩa đây là biểu hiện thái độ không ban cho Bát nhã Ba la mật nên những người nghe pháp bỏ đi, không được học tập, ghi chép, đọc tụng hay nói Bát nhã Ba la mật. Như vậy là không hòa hợp, Bồ-tát nên biết đó là việc ma.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Những ác ma cố làm những việc đó là muốn không có người nào đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Tại sao ác ma cố làm những việc ấy khiến người ta không đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba la mật?

–Này Tu-bồ-đề! Ác ma lừa dối mọi người: "Đây chẳng phải là Bát nhã Ba la mật chân thật, ta có kinh nói về Bát nhã Ba la mật chân thật." Này Tu-bồ-đề! Ác ma lừa dối mọi người như thế ngươi chưa được thọ ký sẽ sinh ra nghi ngờ Bát nhã Ba la mật, do nghi ngờ nên không đọc tụng, không tu tập Bát nhã Ba la mật. Như thế, này Tu-bồ-đề Bồ-tát nên biết đó cũng là việc ma.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Lại có ma sự nếu Bồ-tát hành Bát-nhã bala-mật liền chứng thực tế quả Thanh văn. Như thế, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên biết đó là việc ma.

Phẩm 12: TIỂU NHƯ

Đức Phật bảo:

–Này Tu-bồ-đề! Bát nhã Ba la mật có nhiều ách nạn như vậy đó.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đúng vậy, đúng vậy! Bát nhã Ba la mật có nhiều ách nạn. Ví như có của báu thì có nhiều giặc cướp. Bát nhã Ba la mật cũng vậy, hành giả nào không thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát nhã ba-la-mật nên biết họ là người mới phát tâm, thiếu trí tuệ, thiếu lòng tin, không thích đại pháp, bị ma nhiếp phục.

–Đúng vậy, đúng vậy, Tu-bồ-đề! Hành giả nào không thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba la mật nên biết họ là người mới phát tâm, thiếu trí tuệ, thiếu lòng tin, không thích Đại pháp, bị ma nhiếp phục.

Này Tu-bồ-đề! Bát nhã Ba la mật tuy có nhiều việc ma và ách nạn như vậy nhưng nếu thiện nam, thiện nữ nào có khả năng thọ trì, ghi chép, đọc tụng, thuyết giảng Bát nhã Ba la mật thì nên biết các người này đều nhờ vào năng lực của Phật. Vì sao? Ác ma tuy có những việc làm muốn tiêu diệt Bát nhã Ba la mật, nhưng chư Phật cũng có những việc làm giữ gìn Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề! **Ví như người mẹ có nhiều con hoặc mười**, hoặc trăm, hoặc mười vạn, người mẹ bị bệnh, mỗi người con đều lo lắng chữa chạy và ước nguyện: “Chúng ta phải làm cách nào hữu hiệu nhất để mẹ được khỏi bệnh, sống lâu, thân thể được an ổn, không bị các khổ về nóng, lạnh, mưa, gió, muỗi mòng độc hại. Chúng ta phải cho mẹ uống thuốc để mẹ được lành bệnh. Vì sao? Vì mẹ sinh thành dưỡng dục chúng ta, ban cho chúng ta thọ mạng, chỉ dạy chúng ta việc đời, ân ấy thật sâu nặng.”

Tu-bồ-đề! Nay chư Phật hiện tại trong mười phương luôn nghĩ đến Bát nhã Ba la mật: “Bát nhã Ba la mật có thể sinh ra chư Phật, có thể biểu hiện Nhất thiết trí. Vì sao? Vì Nhất thiết trí của chư Phật đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra.

Tu-bồ-đề! Chư Phật chứng đắc Vô thượng Bồ-đề hoặc đã chứng, đang chứng, sẽ chứng đều do Bát nhã Ba la mật. Tu-bồ-đề Bát nhã Ba la mật biểu hiện Nhất thiết trí của mười phương chư Phật, cũng biểu hiện thế gian.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Như lời Ngài nói Bát nhã Ba la mật biểu hiện chư Phật, biểu hiện thế gian. Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là thế gian?

Phật dạy:

–Năm ấm là thế gian.

–Bạch Đức Thế Tôn! Sao gọi là Bát nhã Ba la mật biểu hiện năm ấm?

–Bát nhã Ba la mật biểu hiện tướng bất hoại của năm ấm. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Không là tướng bất hoại; vô tướng, vô tác là tướng bất hoại. Bát nhã Ba la mật biểu hiện thế gian như thế.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Chư Phật tùy theo vô lượng tâm tánh của chúng sinh mà biết như thật về tâm của họ. Như vậy, này Tu-bồđề! Bát nhã Ba la mật biểu hiện chư Phật và thế gian.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Tâm chúng sinh loạn động hay thu nhiếp, tâm loạn động hay thu nhiếp ấy, chư Phật biết như thật.

Tu-bồ-đề! Như Lai làm thế nào để biết tâm loạn động hay tâm thu nhiếp của chúng sinh? Như Lai dùng pháp tướng để biết vậy. Tubồ-đề! Nhờ pháp tướng nên Như Lai biết tâm không phải loạn động và biết tâm loạn động như thế. Như Lai làm thế nào để biết tâm thu nhiếp? Này

Tu-bồ-đề! Như Lai biết rốt ráo tướng của tâm, biết như thật rốt ráo về tướng ấy, đó là biết tâm thu nhiếp.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Chúng sinh có tâm nhiễm ô, Như Lai biết như thật về tâm nhiễm ô, tâm sân giận, tâm ngu si, Như Lai biết như thật về tâm sân giận, tâm ngu si. Như Lai làm thế nào để biết như thật về tâm nhiễm ô, tâm sân giận, tâm ngu si? Này Tu-bồ-đề! Tướng như thật của tâm nhiễm ô tức chẳng phải tâm nhiễm ô, tướng như thật của tâm sân giận, tâm ngu si tức chẳng phải tâm sân giận, tâm ngu si. Như vậy, này Tu-bồ-đề! Nhất thiết trí của chư Phật sinh ra từ Bát nhã Ba la mật.

Khi chúng sinh xa lìa tâm nhiễm ô, Như Lai làm thế nào để biết như thật chúng sinh xa lìa tâm nhiễm ô; xa lìa tâm sân giận, như thật biết xa lìa tâm sân giận; xa lìa tâm ngu si, như thật biết xa lìa tâm ngu si? Này Tu-bồ-đề! Xa lìa tâm nhiễm ô không xa lìa tướng nhiễm ô; xa lìa tâm sân giận không xa lìa tướng sân giận; xa lìa tâm ngu si không xa lìa tướng ngu si. Như vậy, này Tu-bồ-đề! Bát nhã Ba la mật, biểu hiện cho chư Phật và thế gian.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Tâm chúng sinh rộng rãi, Như Lai nương vào Bát nhã Ba la mật biết như thật tâm rộng rãi ấy. Như Lai làm thế nào để biết như thật tâm rộng rãi của chúng sinh? Này Tu-bồđề! Tâm chúng sinh không tăng, không rộng rãi, không xa lìa tướng xa lìa. Đó là Như Lai nương vào Bát nhã Ba la mật để biết như thật về tâm rộng rãi của chúng sinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Tâm chúng sinh rộng lớn, Như Lai nương vào Bát nhã Ba la mật biết như thật tâm rộng lớn ấy. Như Lai làm thế nào để biết tâm rộng lớn của chúng sinh? Này Tu-bồ-đề! Như Lai biết đó là tâm không đến, không đi, không trụ. Như thế Tu-bồ-đề đó là Như Lai nương vào Bát nhã Ba la mật để biết như thật về tâm rộng lớn của chúng sinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Tâm chúng sinh vô lượng Như Lai nương vào Bát nhã Ba la mật biết như thật tâm vô lượng ấy. Như lai làm thế nào để biết như thật tâm vô lượng của chúng sinh? Này Tu-bồđề! Như Lai biết đó là tâm loạn động, còn tâm trụ là tâm ở trong vắng lặng, không chỗ nương tựa như hư không vô lượng, biết tâm cũng như vậy. Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Đó là Như Lai nương vào Bát nhã Ba la mật để biết như thật về tâm vô lượng của chúng sinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Chúng sinh không thể thấy tâm, Như Lai nương vào Bát nhã Ba la mật biết như thật chúng sinh không thể thấy tâm. Như Lai làm thế nào để biết như thật chúng sinh không thể thấy tâm? Như Lai dùng nghĩa vô tướng để biết như thật chúng sinh không thể thấy tâm. Đó là Như Lai nương vào Bát nhã Ba la mật để biết như thật chúng sinh không thể thấy tâm.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Chúng sinh không hiện tâm, Như Lai nương vào Bát nhã Ba la mật biết như thật chúng sinh không hiện tâm. Như Lai làm thế nào để biết như thật chúng sinh không hiện tâm? Đó là tâm thuộc ngũ nhãn không thể thấy. Như vậy, này Tu-bồ-đề! Như Lai nương vào Bát nhã Ba la mật để biết như thật chúng sinh không hiện tâm.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Như Lai nương vào Bát nhã Ba la mật biết sự ẩn hiện của chúng sinh. Như Lai làm thế nào để biết sự ẩn hiện của chúng sinh? Chúng sinh có sự ẩn hiện là nương theo sắc sinh ra; nương theo thọ, tưởng, hành, thức sinh ra. Những gì là các sự ẩn và hiện? Sự sống chết đó là ngã và thế gian là thường, nương vào sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Ngã và thế gian vô thường. Thường, vô thường, chẳng phải thường, chẳng phải vô thường đều nương vào sắc, thọ,

tưởng, hành, thức. Thế giới hữu biên, thế giới vô biên, hữu biên, vô biên, chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên, những tri kiến ấy đều nương vào sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Sau khi chết mất hẳn, không mất hẳn, vừa mất hẳn, vừa không mất hẳn, chẳng phải không mất hẳn, nương vào sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không nương vào sắc, thọ, tưởng, hành, thức, chẳng phải không nương vào sắc, thọ, tưởng, hành, thức, những tri kiến ấy đếu nương vào sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Thân tức là thần tri kiến ấy nương vào sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Thân khác, thân khác tri kiến ấy nương vào sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Như vậy, này Tu-bồ-đề! Như Lai nương vào Bát nhã Ba la mật để biết sự ẩn hiện của chúng sinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Như Lai nương vào Bát nhã Ba la mật biết được tướng của sắc. Sao gọi là biết được tướng của sắc? Đó là biết như như. Tu-bồ-đề! Như Lai biết tướng của thọ, tưởng, hành, thức. Làm thế nào để biết tướng của thọ, tưởng, hành, thức? Đó là biết như như.

Tu-bồ-đề! Như Lai nói năm ấm như tức nói đến ẩn và hiện, năm ấm như tức là thế gian như, năm ấm như tức là tất cả pháp như, tất cả pháp như tức là quả Tu-đà-hoàn như, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, Bích-chi-phật như; Bích-chi-phật như tức Như Lai như, các như đều là nhất như, không hai, không khác, không hết, không lượng. Như vậy, này Tu-bồ-đề! Như Lai nương vào Bát nhã Ba la mật biết được tướng Như. Đó là Bát nhã Ba la mật biểu hiện cho chư Phật, thế gian và có thể sinh ra chư Phật.

Chư Phật biết thế gian như, như thật đắc Như nên gọi là Như Lai.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Như này rất thâm sâu, Vô thượng Bồ-đề của chư Phật đều từ như này sinh ra. Bạch Thế Tôn! Như Lai đắc pháp thậm thâm ấy có thể vì chúng sinh thuyết tướng chân như, nhưng ai có thể tin hiểu tướng chân như ấy? Chỉ có Bồ-tát không thoái chuyển, bậc có chánh kiến đầy đủ, bậc A-la-hán mãn nguyện mới có thể tin hiểu.

Này Tu-bồ-đề! Như vậy là vô tận, Như Lai nói như thật về vô tận.

Phẩm 13: TƯỚNG VÀ VÔ TƯỚNG

Lúc bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân và một vạn Thiên tử cõi Dục, hai vạn Thiên tử cõi Phạm thế cùng đến đảnh lễ Đức Phật rồi đứng sang một bên, thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Pháp này thật thâm sâu, ở trong pháp đó, sao gọi là tác tướng.

Đức Phật bảo với các đệ tử:

–Các Pháp dùng chân không làm tướng; dùng vô tướng, vô tác, vô khởi, vô sinh, vô diệt, vô y làm tướng.

Chư Thiên thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Ngài đã nói các tướng ấy như là không, không có chỗ y cứ, các tướng như thế. Tất cả thế gian, Trời, Người, A-tu-la không thể hoại diệt. Vì sao? Vì tất cả thế gian, Trời, Người, A-tu-la tức là tướng ấy.

Bạch Đức Thế Tôn! Các tướng ấy không thể tạo tác, không ở trong sắc, thọ, tưởng, hành, thức, các tướng ấy chẳng phải do nhân tạo tác, cũng chẳng phải do phi nhân tạo tác.

Đức Phật bảo các Thiên tử ở cõi Sắc:

–Này chư Thiên tử! Có người hỏi hư không do ai tạo tác? Người đó hỏi đúng không?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Hư không, không có ai tạo tác. Vì sao? Vì hư không vô vi. Này chư Thiên tử, các tướng ấy cũng như vậy, có Phật hay không có Phật các tướng ấy vẫn thường trụ không khác, Như Lai chứng đắc các tướng ấy nên gọi là Như Lai.

Các Thiên tử thưa:

–Như Lai thuyết các tướng thậm thâm, trí tuệ của chư Phật vô ngại, có thể biểu hiện chân như, cũng có thể thuyết hành tướng Bát nhã Ba la mật. Bạch Đức Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật là hành xứ của chư Phật cũng chính là biểu hiện cho chư Phật và thế gian.

Lại nữa Tu-bồ-đề:

–Chư Phật y chỉ vào pháp và cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán pháp. Pháp đó là Bát nhã Ba la mật, chư Phật cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật sinh ra chư Phật.

Tu-bồ-đề! Như Lai là Bậc biết ân, biết báo ân, nếu có người hỏi đúng đắn ai biết ân và biết báo ân, hãy đáp Đức Phật là Bậc biết ân và biết báo ân.

Tu-bồ-đề! Tại sao gọi Đức Phật là Bậc biết ân và biết báo ân? Chỗ hành đạo và hành pháp của Đức Như Lai, chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác, chính là hộ niệm đạo ấy và pháp ấy. Vì sự việc đó cho nên biết rằng, Phật là Bậc biết ân và biết trả ân.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Như Lai biết tất cả pháp là vô tác, đó cũng chính là biết ân. Tu-bồ-đề! Như Lai cũng nhờ Bát-nhã ba-lamật mà biết tướng của tất cả pháp là vô tác, đắc trí tuệ ấy là nhờ vào nhân duyên Bát nhã Ba la mật. Do đó Bát nhã Ba la mật cũng biểu hiện cho chư Phật và thế gian.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp không biết, không thấy sao gọi là Bát nhã Ba la mật biểu hiện cho chư Phật và thế gian?

–Này Tu-bồ-đề! Đúng vậy, đúng vậy. Tất cả pháp không biết, không thấy. Này Tu-bồ-đề! Nhưng tại sao tất cả pháp không biết? Vì tất cả pháp là không. Tại sao tất cả pháp không thấy được? Vì tất cả pháp không chỗ y cứ. Vì vậy tất cả pháp không biết, không thấy.

Tu-bồ-đề! Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật nên đắc pháp như vậy, thế nên Bát nhã Ba la mật cũng biểu hiện cho chư Phật và thế gian. Như vậy không thấy sắc nên biểu hiện thế gian, không thấy thọ, tưởng, hành, thức nên biểu hiện thế gian. Bát nhã Ba la mật biểu hiện chư Phật và thế gian như thế.

–Bạch Đức Thế Tôn! Tại sao nói không thấy sắc nên biểu hiện thế gian? Tại sao gọi là không thấy thọ, tưởng, hành, thức nên biểu hiện thế gian?

–Này Tu-bồ-đề! Nếu không duyên vào sắc để sinh ra sắc thì gọi là không kiến chấp sắc; nếu không duyên vào thọ, tưởng, hành, thức để sinh ra thọ, tưởng, hành, thức thì gọi là không kiến chấp thọ, tưởng, hành, thức. Không kiến chấp thế gian như vậy gọi là thấy rõ thế gian.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Thế gian không, Bát nhã Ba la mật biểu hiện như thật thế gian không; tướng xa lìa của thế gian, Bát-nhã bala-mật biểu hiện như thật tướng xa lìa của thế gian; tướng thanh tịnh của thế gian, Bát nhã Ba la mật biểu hiện như thật tướng thanh tịnh của thế gian; thế gian tịch diệt, Bát nhã Ba la mật biểu hiện như thật thế gian tịch diệt.

Này Tu-bồ-đề! Bát nhã Ba la mật cũng biểu hiện chư Phật và thế gian như thế.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật là việc lớn nên xuất hiện; Bát nhã Ba la mật là những việc không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể đo lường, không gì sánh bằng nên xuất hiện. Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Bát nhã Ba la mật là việc lớn, là những việc không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể đo lường, không gì sánh bằng nên xuất hiện. Tu-bồ-đề! Sao gọi là Bát nhã Ba la mật là Đại sự, không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể đo lường, không gì sánh bằng nên xuất hiện?

Tu-bồ-đề! Pháp Như Lai, pháp tự nhiên, pháp của Bậc Nhất Thiết Trí rộng lớn không thể nghĩ bàn, không thể trù tính. Vì thế, Bát nhã Ba la mật là việc lớn, việc không thể nghĩ bàn cho nên xuất hiện. (Sao gọi Bát nhã Ba la mật là việc không thể cân, việc không thể đo lường nên xuất hiện?)

Tại sao Bát nhã Ba la mật là việc không gì sánh bằng nên xuất hiện? Này Tu-bồ-đề! Không gì sánh bằng Như Lai huống nữa là hơn. Thế nên, Tu-bồ-đề! Bát nhã Ba la mật là việc không gì sánh bằng nên xuất hiện.

–Bạch Đức Thế Tôn! Chỉ có pháp Như Lai, pháp tự nhiên, pháp của Bậc Nhất Thiết Trí không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể đo lường; còn sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể đo lường hay sao?

–Này Tu-bồ-đề! Sắc cũng không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể đo lường; thọ, tưởng, hành, thức cũng không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể đo lường. Tất cả pháp cũng không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể tính lường. Vì sao? Này Tu-bồ-đề vì thật tướng của các pháp không có tâm, tâm sở pháp.

Tu-bồ-đề! Sắc không thể cân; thọ, tưởng, hành, thức không thể cân. Tất cả pháp cũng không thể cân, trong các pháp này không có phân biệt.

Tu-bồ-đề! Sắc không thể tính lường; thọ, tưởng, hành, thức cũng không thể tính lường. Tất cả pháp cũng không thể tính lường? Này Tu-bồ-đề! Vì sao? Sắc không thể tính lường; thọ, tưởng, hành, thức không thể tính lường, tất cả pháp không thể tính lường. Này Tubồ-đề! Sắc lượng vô sở hữu, không thể nắm bắt; thọ, tưởng, hành, thức lượng vô sở hữu, không thể nắm bắt; tất cả pháp lượng vô sở hữu, không thể nắm bắt.

Tu-bồ-đề! Vì sao sắc lượng vô sở hữu, không thể nắm bắt; thọ, tưởng, hành, thức lượng vô sở hữu, không thể nắm bắt; tất cả pháp lượng vô sở hữu, không thể nắm bắt? Này Tu-bồ-đề! Vì sao sắc vô sở hữu; thọ, tưởng, hành, thức vô sở hữu; tất cả pháp vô sở hữu nên lượng không thể nắm bắt?

Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Hư không có tâm và tâm sở pháp không?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Tu-bồ-đề! Do nhân duyên này nên tất cả pháp không thể nghĩ bàn, diệt mọi tính lường nên gọi là không thể nghĩ bàn; diệt mọi cân lường nên gọi là không thể lường. Tu-bồ-đề! Đo lường là hoạt động của thức. Tu-bồ-đề! Vô lượng là vượt mọi sự tính lường. Tu-bồ-đề! Như hư không không thể nghĩ bàn, không thể đo, không thể tính lường; Như Lai pháp, tự nhiên pháp, Nhất thiết trí, nhân pháp cũng không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể tính lường.

Khi Đức Phật nói pháp không thể nghĩ bàn, không gì sánh bằng này, có năm trăm Tỳ-kheo, hai trăm năm mươi Tỳ-kheo-ni không chấp vào các pháp, sạch hữu lậu tâm, được giải thoát, sáu vạn Ưubà-tắc, ba vạn Ưu-bà-di đắc Pháp nhãn tịnh trong các pháp, hai mươi Bồ-tát đắc Vô sinh pháp nhẫn, ở trong hiền kiếp này đều sẽ được thành Phật.

Khi ấy, Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Như vậy Bát nhã Ba la mật thâm sâu này vì việc lớn nên xuất hiện, cho đến vì không gì sánh bằng nên xuất hiện.

Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Bát nhã Ba la mật thâm sâu này vì việc lớn nên xuất hiện, cho đến vì không gì sánh bằng nên xuất hiện. Nhất thiết trí của chư Phật đều ở trong Bát-nhã ba-lamật, tất cả quả vị Thanh văn, Bích-chi-phật đều ở trong Bát-nhã bala-mật.

Tu-bồ-đề! Ví như vua Sát-đế-lợi đã được quán đảnh, mọi việc

trong thành ấp, xóm làng đều giao phó cho đại thần, vua không còn lo việc gì nữa. Này Tu-bồ-đề! Chư Như Lai cũng vậy, việc làm của Thanh văn, Bích-chi-phật, việc làm của Phật đều ở trong Bát nhã Ba la mật. Bát nhã Ba la mật có khả năng thành tựu mọi việc. Vì thế, này Tu-bồ-đề! Nên biết Bát nhã Ba la mật xuất hiện là việc lớn cho đến là việc không gì sánh bằng.

Tu-bồ-đề! Bát nhã Ba la mật không thọ nhận và không chấp trước sắc nên xuất hiện; không thọ nhận và không chấp trước thọ, tưởng, hành, thức nên xuất hiện; không chấp trước quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, Bích-chi-phật cho đến Nhất thiết trí cũng không thọ nhận không chấp trước nên xuất hiện.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Sao gọi là Bát nhã Ba la mật không thọ nhận Nhất thiết trí và không chấp trước Nhất thiết trí?

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Ông có thấy pháp A-la-hán có thể thọ nhận không thể chấp trước được không?

–Bạch Đức Thế Tôn, không! Con không thấy pháp đó có thể sinh ra sự chấp trước.

Phật dạy:

–Lành thay, lành thay, này Tu-bồ-đề! Ta cũng không thấy pháp của Như Lai. Vì không thấy nên không thọ nhận không chấp trước, do đó, Tu-bồ-đề! Nhất thiết trí không thể thọ nhận không thể chấp trước.

Lúc bấy giờ, chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Sự thậm thâm của Bát nhã Ba la mật thật khó hiểu, khó biết, người nào có thể hiểu được sự thậm thâm của Bát nhã Ba la mật thì nên biết đời trước người đó đã từng cúng dường chư Phật.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đều tạo tác lòng tin và thực hành, tu hành ở trong địa Tín và Hạnh, hoặc giả một kiếp hoặc giả một kiếp giảm và có chúng sinh biết suy nghĩ quán nhẫn cho đến thông suốt sự thậm thâm của Bát nhã Ba la mật dù chỉ một ngày thì phước nào hơn?

Phật bảo các Thiên tử:

–Thiện nam, thiện nữ nào nghe được sự thâm sâu của Bát nhã Ba la mật, mau chứng đắc Niết-bàn phước này hơn hẳn những người tu hành trong Tín hạnh địa suốt một kiếp hoặc một kiếp giảm.

Khi ấy các Thiên tử ở cõi Dục và cõi Sắc đầu đảnh lễ, nhiễu quanh Đức Phật và lui ra, đi một đoạn không xa rồi biến mất. Chư Thiên cõi Dục trở về trời Dục giới; chư Thiên tử cõi Sắc trở về trời Sắc giới.

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát có khả năng tin hiểu sự thậm thâm của Bát nhã Ba la mật, vì sao còn tái sinh cõi này?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nếu Bồ-tát nghe được sự thậm thâm của Bát nhã Ba la mật liền có lòng tin hiểu, không nghi ngờ, không hối hận, không trách móc, không vặn vẹo, thích thấy, thích nghe và luôn thực hành. Với ý niệm đó, Bồ-tát không rời khỏi người thuyết giảng Bát-nhã ba-lamật. Tu-bồ-đề! Ví như nghé con mới sinh ra không rời mẹ của nó. Bồ-tát cũng vậy, khi nghe được sự thậm thâm của Bát-nhã ba-lamật thì không rời người thuyết giảng Bát nhã Ba la mật, cho đến đọc tụng, ghi chép Bát nhã Ba la mật. Tu-bồ-đề! Nên biết, Bồ-tát này bỏ thân người lại vẫn tái sinh trong loài người.

–Bạch Đức Thế Tôn! Có một số Bồ-tát thành tựu nhân duyên công đức như thế, các vị ấy cúng dường chư Phật ở thế giới phương khác, vị kia sau khi mạng chung có sinh trở lại ở thế gian này hay không?

–Tu-bồ-đề! Có Bồ-tát thành tựu công đức như vậy là đã cúng dường chư Phật ở thế giới phương khác, sau khi bỏ thân ở phương đó sẽ tái sinh vào thế giới này, người kia khi mạng chung sẽ sinh trở lại thế gian này.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Có Bồ-tát thành tựu công đức như vậy, vị đó ở cõi trời Đâu-suất nghe Bồ-tát Di-lặc giảng Bát nhã Ba la mật, hỏi những việc trong Bát nhã Ba la mật, sau khi bỏ thân ở đó sẽ tái sinh vào thế giới này.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đời trước nếu người nào nghe Bát-nhã bala-mật thâm sâu mà không hỏi ý nghĩa của nó, nếu sinh vào cõi người, tâm người đó vẫn còn nghi ngờ, do dự. Tu-bồ-đề! Nên biết đời trước người đó không chỗ đạt đến. Vì sao? Vì đối với Bát nhã Ba la mật tâm họ còn nghi ngờ, do dự.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đời trước, người nào trong một ngày, hai, ba, bốn, năm ngày nghe Bát nhã Ba la mật, hỏi những việc trong Bát nhã Ba la mật mà không làm đúng như pháp. Vào những kiếp sau, người đó lại tiếp tục được nghe Bát nhã Ba la mật hỏi những việc trong Bát nhã Ba la mật, tín tâm không bị trở ngại nhưng nếu xa lìa Pháp sư, không hỏi vặn lẽ khó khăn nữa, vẫn bị nhân duyên kéo dắt, thì mất Bát nhã Ba la mật sâu xa. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Pháp là như vậy.

Nếu người nào tuy có thể hỏi những lẽ khó khăn trong Bát nhã Ba la mật nhưng không thực hành đúng pháp, có lúc thích nghe có lúc không thích nghe Bát nhã Ba la mật, tâm họ bị dao động như tấm vải mỏng, nên biết Bồ-tát này mới phát tâm Đại thừa, lòng tin của Bồ-tát ấy không thanh tịnh, nếu không được Bát nhã Ba la mật bảo hộ, ở trong hai Địa, Bồ-tát ấy sẽ rơi vào một nơi, hoặc giả rơi vào địa Thanh văn, hoặc giả rơi vào địa Bích-chi-phật.

Phẩm 14: THUYỀN DỤ

Khi ấy, Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ví như chiếc thuyền bỗng dưng bị phá vỡ giữa biển lớn, người trong thuyền không với lấy được gỗ, hoặc ván hoặc phao, hoặc thây chết, nên biết, người đó không thể đến bờ bên kia mà bị chết chìm dưới nước. Tu-bồ-đề! Nếu người trong thuyền với lấy được gỗ ván, phao nổi, hoặc thây chết, nên biết, người đó không bị chết chìm, an ổn, không sầu não đến được bờ bên kia.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát cũng vậy, đối với quả Vô thượng Bồ-đề có tín tâm, có lòng kiên nhẫn, có sự ưa thích, có tâm thanh tịnh, có dục, có giải, có xả ly, có tinh tấn, nhưng không chấp thủ vào Bát nhã Ba la mật, nên biết Bồ-tát đó bị thoái lui giữa đường, rơi vào Thanh văn địa hoặc Bích-chi-phật địa.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát đối với qủa Vô thượng Bồ-đề, có tín, có nhẫn, có lạc, có tịnh tâm, có thâm tâm, có dục, có giải, có xả ly, có tinh tấn, chấp vào Bát nhã Ba la mật và được phương tiện Bát nhã Ba la mật bảo hộ giữa đường không thoái lui, vượt qua Thanh văn địa, Bích-chi-phật địa, sẽ trụ ngôi Vô thượng Bồ-đề.

Tu-bồ-đề! Ví như có người cầm bình đến sông, giếng, ao, suối lấy nước, nên biết, bình đó bị bể nát, không lâu sẽ trở lại thành đất. Vì sao? Vì bình đó chưa nung chín.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát cũng vậy, đối với quả Vô thượng Bồ-đề có tín, có nhẫn nại, có lạc, có tâm thanh tịnh, có thâm tâm, có dục, có giải, có xả ly, có tinh tấn nhưng không được phương tiện Bát-nhã bala-mật bảo hộ, nên biết Bồ-tát đó chưa đắc Nhất thiết trí, giữa đường bị thoái lui.

Tu-bồ-đề! Thế nào là Bồ-tát thoái lui giữa đường? Nghĩa là Bồ-tát rơi vào Thanh văn hoặc Bích-chi-phật địa.

Tu-bồ-đề! Ví như có người cầm bình đã nung chín đến sông, giếng, ao, suối lấy nước, cái bình đó chắc chắn không bị vỡ nên lấy được nước đem về. Vì sao? Vì bình đó đã được nung chín.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát cũng vậy, đối với quả Vô thượng Bồ-đề có tín, có nhẫn, có lạc, có tịnh tâm, có thâm tâm, có dục, có giải, có xả ly, có tinh tấn và được phương tiện Bát nhã Ba la mật bảo hộ, nên biết Bồ-tát đó không thoái lui giữa đường được Nhất thiết trí một cách an ổn.

Tu-bồ-đề! Ví như trong biển lớn, thuyền chưa được sửa chữa đàng hoàng mà dùng chở của cải, trên đường đi bị chìm làm mất hết của cải. Vì thương nhân không có phương tiện tốt để giữ gìn chiếc thuyền nên mất nhiều của cải, tự chuốc sầu khổ.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát cũng vậy, đối với quả Vô thượng Bồ-đề có tín cho đến có tinh tấn nhưng không được phương tiện Bát-nhã bala-mật bảo hộ nên chưa đạt đến Nhất thiết trí, thoái lui giữa

đường làm mất của quý. Rồi tự chuốc lấy sầu khổ. Bồ-tát thoái lui giữa đường tức là rơi vào Thanh văn hoặc Bích-chi-phật địa; Bồ-tát mất của báu tức là mất của báu Nhất thiết trí.

Tu-bồ-đề! Ví như trong biển lớn, thuyền được sửa sang chắc chắn dùng chở của cải, trên đường đi không bị chìm đắm, tùy chỗ muốn đến sẽ đến được. Tu-bồ-đề! Bồ-tát cũng vậy, đối với quả Vô thượng Bồ-đề có tín cho đến tinh tấn, được phương tiện Bát-nhã bala-mật bảo hộ, nên biết Bồ-tát đó không thoái lui giữa đường đối với quả Vô thượng Bồ-đề. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì pháp là như vậy.

Nếu Bồ-tát đối quả Vô thượng Bồ-đề có tín cho đến có tinh tấn, được phương tiện Bát nhã Ba la mật bảo hộ thì không rơi vào Thanh văn hay Bích-chi-phật địa. Nhờ các công đức đó nên được hướng đến quả Vô thượng Bồ-đề.

Tu-bồ-đề! Ví như người già một trăm hai mươi tuổi có nhiều bệnh tật như phong, hàn, nóng, lạnh…

Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào, đang nằm trên giường người đó có thể ngồi dậy được không?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Tu-bồ-đề! Người đó có lúc đứng dậy được.

–Bạch Đức Thế Tôn! Giả sử người đó có thể ngồi dậy nhưng không thể đi xa mười dặm, hoặc hai mươi dặm. Vì sao? Vì người đó đã già yếu, nhiều bệnh tật, tuy ngồi dậy được nhưng không thể đi xa.

–Tu-bồ-đề! Bồ-tát cũng vậy, tuy phát tâm Vô thượng Bồ-đề, có tín cho đến có tinh tấn; đối với Vô thượng Chánh đẳng giác, vị ấy có lòng tin cho đến có tinh tấn, nhưng không được phương tiện Bát nhã Ba la mật bảo hộ, nên chưa đạt được Nhất thiết trí, thoái chuyển giữa đường rơi vào Thanh văn hay Bích-chi-phật địa.

Tu-bồ-đề! Người già một trăm hai mươi tuổi bị bệnh phong, hàn, nóng, lạnh muốn ngồi dậy phải có hai người khỏe mạnh đến đỡ hai bên và nói lời an ủi: "Cụ muốn đến đâu chúng tôi sẽ đưa đến đó, không sợ ngã giữa đường."

Bồ-tát cũng vậy, đối với quả Vô thượng Bồ-đề có tín cho đến có tinh tấn, được phương tiện Bát nhã Ba la mật bảo hộ, nên biết Bồ-tát đó không thoái lui giữa đường và có thể đạt đến quả Vô thượng Bồ-đề.

QUYỂN 6
Phẩm 15: ĐẠI NHƯ

Lúc bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát mới phát tâm phải học Bát nhã Ba la mật như thế nào?

Đức Phật bảo:

–Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát mới phát tâm muốn học Bát nhã Ba la mật trước tiên phải gần gũi bậc Thiện tri thức có thể thuyết Bát nhã Ba la mật. Thiện tri thức đó dạy: "Thiện nam tử hãy đến đây, của cải ông bố thí hãy hồi hướng lên ngôi Vô thượng Bồ-đề. Ông chớ tham trước ngôi Vô thượng Bồ-đề mà cho là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì Nhất thiết trí không thể đắm

trước. Này thiện nam! Ông có trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ đều nên hồi hướng lên ngôi Vô thượng Bồ-đề chớ sinh tham trước ngôi Vô thượng Bồ-đề mà cho là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Này thiện nam! Vì Nhất thiết trí không thể đắm trước, ông cũng chớ đắm trước Thanh văn hay Bích-chi-phật địa."

Tu-bồ-đề! Cần phải dạy từng bước cho Bồ-tát mới phát tâm như vậy để Bồ-tát được vào sâu trong Bát nhã Ba la mật.

–Bạch Đức Thế Tôn! Các vị Bồ-tát phát tâm Vô thượng Bồ-đề muốn đạt đến quả Vô thượng Bồ-đề thật là khó.

–Đúng vậy, đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Như các Bồ-tát phát tâm Vô thượng Bồ-đề muốn đạt đến quả Vô thượng Bồ-đề thật là khó. **Bồ-tát đó vì an ổn thế gian nên phát tâm, vì an lạc thế gian nên phát tâm. Ta sẽ chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác, làm sự cứu độ cho thế gian, làm chỗ quay về cho thế gian, làm nhà ở cho thế gian, làm con đường rốt ráo cho thế gian, làm cù lao cho thế gian, làm thầy dẫn đường cho thế gian, làm chỗ hướng đến cho thế gian.**

Tu-bồ-đề! Sao gọi là Bồ-tát khi chứng đắc Vô thượng Bồ-đề làm sự cứu độ cho thế gian? Vì Bồ-tát đoạn các khổ não trong sinh tử nên thuyết pháp độ chúng sinh thoát khỏi khổ não. Tu-bồ-đề! Đó là Bồ-tát đắc Vô thượng Bồ-đề làm sự cứu độ cho thế gian.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát đắc Vô thượng Bồ-đề làm chỗ quay về cho thế gian như thế nào? Chúng sinh phát sinh các pháp sinh, lão, bệnh, tử, ưu bi, khổ não; Bồ-tát có khả năng độ chúng sinh thoát khỏi các pháp sinh, lão, bệnh, tử, ưu bi, khổ não ấy. Tu-bồ-đề! Gọi đó là Bồ-tát đắc Vô thượng Bồ-đề làm chỗ quay về cho thế gian.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát đắc Vô thượng Bồ-đề làm nhà ở cho thế gian như thế nào? Đó là Bồ-tát đắc Vô thượng Bồ-đề không đắm trước nên thuyết pháp.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào gọi là không đắm trước?

–Tu-bồ-đề! Không trói, không mở, không sinh, không diệt đối với sắc, đó gọi là không đắm trước sắc; không trói, không mở, không sinh, không diệt đối với thọ, tưởng, hành, thức đó gọi là không đắm trước thọ, tưởng, hành, thức. Như vậy, này Tu-bồ-đề! Không trói, không mở tất cả pháp nên gọi là không đắm trước. Khi đắc Vô thượng Bồ-đề, Bồ-tát có khả năng thuyết pháp ấy cho chúng sinh. Đó gọi là Bồ-tát làm nhà cho thế gian.

Bồ-tát đắc Vô thượng Bồ-đề làm con đường rốt ráo cho thế gian như thế nào? Tu-bồ-đề! Đó là tận cùng của sắc, không gọi là sắc; tận cùng của thọ, tưởng, hành, thức không gọi là thọ, tưởng, hành, thức. Tướng cứu cánh của tất cả pháp cũng như vậy.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu tướng cứu cánh của tất cả pháp cũng như vậy thì Bồ-tát phải đắc Vô thượng Bồ-đề. Vì sao? Vì trong ấy không có phân biệt.

–Đúng vậy, đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Trong đó không có phân biệt nên Bồ-tát quán như vậy, biết như vậy, tâm Bồ-tát không xao lãng. Do nghĩ như vậy nên khi đắc Vô thượng Bồ-đề, Bồ-tát thuyết pháp cho chúng sinh. Tu-bồ-đề! Đó gọi là Bồ-tát đắc Vô thượng Bồđề làm con đường đưa đến tận nơi cho thế gian. Bồ-tát khi đắc Vô thượng Bồ-đề làm hòn đảo cho thế gian như thế nào?

Sắc vị lai đoạn sắc quá khứ; thọ, tưởng, hành, thức vị lai đoạn thọ, tưởng, hành, thức quá khứ. Vì vị lai đoạn quá khứ nên tất cả pháp đều diệt tận gọi là tịch diệt, vi diệu, như thật, không điên đảo, Niết-bàn. Tu-bồ-đề! Đó là Bồ-tát đắc Vô thượng Bồ-đề làm hòn đảo cho thế gian.

Bồ-tát đắc Vô thượng Bồ-đề làm người hướng dẫn cho thế gian như thế nào?

Này Tu-bồ-đề! Khi Bồ-tát đắc Vô thượng Bồ-đề không vì sắc sinh diệt mới thuyết pháp, mà chỉ vì thật tướng nên mới thuyết pháp; không vì thọ, tưởng, hành, thức sinh diệt mới thuyết pháp, mà chỉ vì thật tướng nên mới thuyết pháp; không vì quả Tu-đà-hoàn, quả Tưđà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, Bích-chi-phật đạo, Nhất thiết trí sinh diệt mới thuyết pháp, mà chỉ vì thật tướng nên mới thuyết pháp. Tu-bồ-đề! Đó gọi là Bồ-tát khi đắc Vô thượng Bồ-đề làm người hướng dẫn cho thế gian.

Bồ-tát khi đắc Vô thượng Bồ-đề làm chỗ hướng đến cho thế gian như thế nào?

Khi Bồ-tát đắc Vô thượng Bồ-đề vì chúng sinh nói sắc hướng đến không; nói thọ, tưởng, hành, thức hướng đến không; tất cả pháp đều hướng đến không nên không đến, không đi. Vì sao? Vì sắc là không nên không đến, không đi; thọ, tưởng, hành, thức là không, nên không đến, không đi; cho đến tất cả pháp đều là không, nên không đến, không đi. Tất cả pháp hướng đến không và không vượt qua sự hướng này. Chỗ hướng của các pháp là không hình tướng, không tạo tác, không khởi, không sinh vô sở hữu, hướng mộng, hướng vô lượng, vô biên, vô ngã, tịch tịnh, Niết-bàn, không hướng lui lại cũng không hướng đến.

–Bạch Đức Thế Tôn! Ai có thể tin hiểu pháp đó?

–Này Tu-bồ-đề! Trước đây Bồ-tát tu tập theo giáo pháp Như Lai nên thành tựu thiện căn, do đó mới có thể tin hiểu được.

–Bạch Đức Thế Tôn! Tướng tin hiểu ấy như thế nào?

–Tu-bồ-đề! Xa lìa tánh sân giận, ngu si, diệt trừ lòng ham muốn, đó là tướng tin hiểu. Như vậy, Bồ-tát có thể hiểu biết sự thâm sâu của Bát nhã Ba la mật.

–Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát có thể tin hiểu sự thâm sâu của Bát nhã Ba la mật, hướng đến như vậy là đạt đến tướng của sự hướng đến, có thể làm chỗ hướng đến cho vô lượng chúng sinh.

–Đúng vậy, đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát đạt đến hướng như vậy, có thể làm chỗ hướng đến cho vô lượng chúng sinh. Tu-bồđề! Đó gọi là Bồ-tát đắc Vô thượng Bồ-đề làm chỗ hướng đến cho vô lượng chúng sinh.

–Bạch Đức Thế Tôn! Việc làm của Bồ-tát thật khó khăn, có thể làm những việc trang nghiêm cao cả như vậy để độ vô lượng chúng sinh nhưng chúng sinh không thể chứng đắc.

–Đúng vậy, đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Việc làm của Bồ-tát thật khó khăn, vì độ vô lượng chúng sinh nên phát Đại trang nghiêm, nhưng chúng sinh không thể chứng đắc. Tu-bồ-đề! Bồ-tát phát Đại trang nghiêm không vì sắc; không vì thọ, tưởng, hành, thức; không vì Thanh văn hay Bích-chi-phật địa; không vì Nhất thiết trí; không vì trang nghiêm tất cả pháp. Đó là Bồ-tát phát Đại trang nghiêm.

–Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát có khả năng thực hành Bát nhã Ba la mật thâm sâu như vậy thì không thể rơi vào Thanh văn hay Bích-chi-phật địa.

–Tu-bồ-đề! Ông hiểu biết nghĩa ấy như thế nào mà nói việc như vậy, nếu Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật thâm sâu thì không rơi vào Thanh văn hay Bích-chi-phật địa?

–Bạch Đức Thế Tôn! Trong Bát nhã Ba la mật sâu xa không có pháp tu, không có chỗ tu, không có người tu. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì trong Bát nhã Ba la mật sâu xa không có pháp quyết định. Tu hư không là tu Bát nhã Ba la mật, bạch Thế Tôn, không tu tất cả pháp là tu Bát nhã Ba la mật, tu vô biên là tu Bát nhã Ba la mật, tu không chấp trước là tu Bát nhã Ba la mật.

–Tu-bồ-đề! Nên lấy Bát nhã Ba la mật sâu xa mà thử Bồ-tát không thoái chuyển. Nếu không tham trước Bát nhã Ba la mật và không theo lý luận của người khác để có sự mong cầu, thì khi nghe nói Bát nhã Ba la mật sâu xa sẽ không lo, sợ, không bỏ mất, không thoái lui, tâm vui vẻ, nên biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển. Vì vị ấy đời trước cũng đã từng nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa. Vì sao? Vì khi nghe nói Bát nhã Ba la mật thâm sâu, Bồ-tát không lo, sợ, không bỏ mất, không thoái lui. Nên biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát nghe nói Bát nhã Ba la mật sâu xa không lo, sợ, không bỏ mất, không thoái lui. Phải nên quán thế nào?

–Tu-bồ-đề! Bồ-tát ấy nên theo tâm Nhất thiết trí để quán Bát nhã Ba la mật.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào gọi là dùng tâm Nhất thiết trí để quán?

–Tu-bồ-đề! Quán theo hư không gọi là theo tâm Nhất thiết trí để quán Bát nhã Ba la mật. Tu-bồ-đề! Dùng tâm Nhất thiết trí để quán tức chẳng phải quán. Vì sao? Vì vô lượng là Nhất thiết trí, vô lượng tức là không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức, không trí, không tuệ, không đạo, không đắc, không quả, không sinh, không diệt, không tạo tác, không người tạo tác, không phương, không hướng, không trụ, không lượng, đến vô số vô biên.

Tu-bồ-đề! Như hư không vô lượng, Nhất thiết trí cũng vô lượng, không có pháp có thể đắc cũng không có người đắc, không thể lấy sắc để đắc, không thể lấy thọ, tưởng, hành, thức để đắc, không thể lấy Bố thí ba-la-mật để đắc, không thể lấy Trì giới ba-lamật để đắc, không thể lấy Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Trí tuệ ba-la-mật để đắc. Vì sao? Vì sắc tức là Nhất thiết trí; thọ, tưởng, hành, thức là Nhất thiết trí; Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ ba-la-mật là Nhất thiết trí.

Khi ấy, các Thiên tử cõi Dục, cõi Sắc bạch Đức Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật thật thâm sâu khó hiểu, khó biết.

Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy, này chư Thiên tử, Bát nhã Ba la mật rất sâu xa thật khó hiểu, khó biết, vì thế ta muốn thinh lặng không thuyết pháp và nghĩ: "Pháp ta đắc được, trong pháp đó không có người đắc, không có pháp có thể đắc, không có chỗ dụng pháp để có thể đắc. Các pháp tướng như vậy rất sâu xa, như hư không rất sâu xa, nên pháp đó rất sâu xa. Ta thâm đạt vi diệu nên tất cả pháp rất sâu xa; không đến, không đi nên tất cả các pháp rất sâu xa." Chư Thiên tử ở cõi Dục và cõi Sắc bạch Phật:

–Hy hữu thay, bạch Đức Thế Tôn! Pháp của Ngài giảng, tất cả thế gian khó có thể tin được, thế gian thì tham đắm còn pháp của Ngài nói ra thì không tham đắm.

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Pháp đó tùy thuận tất cả pháp. Vì sao? Vì pháp đó không có chỗ chướng ngại, không có tướng chướng ngại như hư không.

Bạch Thế Tôn! Pháp đó vô sinh nên tất cả pháp không thể đắc; pháp đó vô xứ nên tất cả chỗ không thể đắc.

Bấy giờ, chư Thiên tử ở cõi Dục và cõi Sắc bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Trưởng lão Tu-bồ-đề này vì từ Đức Phật sinh ra nên thuyết pháp đều là không.

Tu-bồ-đề nói với chư Thiên ở cõi Dục và cõi Sắc:

–Các ông nói Tu-bồ-đề tôi từ Đức Phật sinh nhưng từ pháp nào sinh thì mới gọi là từ Phật sinh?

Này các vị Thiên tử:

–Do hành theo Như như nên Tu-bồ-đề từ Như Lai sinh. Như như của Như Lai không đến, không đi, theo Như ấy từ xưa đến nay Tu-bồ-đề cũng không đến, không đi nên Tu-bồ-đề từ Như Lai sinh. Lại nữa, Như của Như Lai tức là Như của tất cả pháp, Như của tất cả pháp tức là Như của Như Lai. Như của Như Lai tức chẳng phải là Như nên Tu-bồ-đề từ Như Lai sinh.

Như của Như Lai ở khắp nơi thường như vậy, không hoại, không phân biệt, vì thế Tu-bồ-đề từ Như Lai sinh.

Như của Như Lai chẳng phải trụ, chẳng phải không trụ, Như của Tu-bồ-đề cũng vậy, vì thế Tu-bồ-đề từ Như Lai sinh.

Như của Như Lai không có chỗ chướng ngại, Như của tất cả pháp cũng không có chỗ chướng ngại, vì thế Tu-bồ-đề từ Như Lai sinh.

Lại nữa, Như của Như Lai, Như của tất cả pháp đều nhất như, không hai, không khác. Như đó vô tác, vô phi như, vì Như đó vô phi Như nên như đó không hai, không khác, vì thế Tu-bồ-đề từ Như Lai sinh.

Lại nữa, Như của Như Lai ở khắp nơi không hoại, không phân biệt; như của tất cả pháp cũng không hoại, không phân biệt. Do Như của Như Lai không phân biệt nên không hoại, vì thế Tu-bồ-đề từ Như Lai sinh.

Như của Như Lai không xa lìa các pháp, nên Như đó không khác các pháp. Như như đó không phải là như nhưng thường là Như.

Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy, Như của Tu-bồ-đề không khác Như của các pháp, như thật tùy theo như hành nhưng cũng không có chỗ hành, vì thế Tu-bồ-đề từ Như Lai sinh.

Như của Như Lai chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại; Như của tất cả pháp cũng như thế chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại. Do Tu-bồ-đề hành theo như nên gọi là từ Như Lai sinh.

Lại nữa, Như Lai tức là Như của Như Lai, Như của Như Lai tức là Như của quá khứ; Như của quá khứ tức là Như của Như Lai. Như của Như Lai tức là Như của vị lai; Như của vị lai tức là Như của Như Lai. Như của Như Lai tức là Như của hiện tại; Như của hiện tại tức là Như của Như Lai. Như của quá khứ, vị lai, hiện tại và Như của Như Lai không hai, không khác; tất cả các pháp Như và Như của Tu-bồ-đề cũng không hai, không khác, vì thế Tu-bồ-đề từ Như Lai sinh.

Như của Bồ-tát tức là Như khi đắc Vô thượng Bồ-đề, Bồ-tát vì Như đó mà đắc Vô thượng Bồ-đề nên gọi Như Lai.

Khi Đức Phật nói pháp Như đó, mặt đất chuyển động sáu cách. Vì pháp Như đó nên Tu-bồ-đề từ Như Lai sinh. Lại nữa, Tu-bồ-đề không tùy sắc sinh; không tùy thọ, tưởng, hành, thức sinh; không tùy quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán sinh; không tùy Bích-chi-phật đạo sinh, Tu-bồ-đề chỉ từ Như Lai sinh.

Lúc bấy giờ, Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Pháp Như đó thật thâm sâu.

Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy, này Xá-lợi-phất! Pháp Như đó thật thâm sâu. Nay ta nói pháp như đó, tâm dứt bỏ hết mọi phiền não mà được giải thoát. Này Xá-lợi-phất! Năm trăm Tỳ-kheo-ni ở trong các pháp, họ xa lìa trần cấu mà thấy được chân đế một cách rõ ràng sáng tỏ, ba ngàn Tỳ-kheo không thọ các pháp khác đến được thanh tịnh; năm ngàn trời và người đắc Vô sinh pháp nhẫn; sáu ngàn Bồ-tát không thọ các pháp khác, tâm dứt bỏ hết mọi phiền não mà được giải thoát.

Này Xá-lợi-phất! Sáu ngàn Bồ-tát đó đã từng cúng dường, gần gũi năm trăm Đức Phật. Ở chỗ Đức Phật các Bồ-tát ấy Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định nhưng không được phương tiện Bát nhã Ba la mật bảo hộ, nay Bồ-tát không thọ các pháp, lậu tận tâm được giải thoát.

Xá-lợi-phất! Bồ-tát tuy hành pháp không, vô tướng, vô tác nhưng không được phương tiện Bát nhã Ba la mật bảo hộ nên chỉ nói thực tế về Thanh văn thừa.

Xá-lợi-phất! Ví như có con chim thân dài một trăm do-tuần, hoặc hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do-tuần, lông cánh nó mọc chưa đầy đủ mà muốn bay từ cõi trời Đao-lợi đến cõi Diêmphù-đề, nghĩ xong nó liền lao xuống. Này Xá-lợi-phất! Ý ông thế nào? Giữa đường con chim đó suy nghĩ ta muốn trở lại cõi trời Đaolợi, há trở về được hay chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Xá-lợi-phất! Con chim đó lại muốn khi đến cõi Diêm-phù-đề thân sẽ không bị thương tổn, há nó có được như ý mong muốn không?

–Bạch Đức Thế Tôn, không! Con chim đó đến cõi Diêm-phù-

đề chắc chắn thân nó sẽ bị tổn thương hoặc chết, hoặc gần chết. Vì sao? Bạch Đức Thế Tôn! Tất nhiên là như vậy, vì thân nó lớn mà lông cánh chưa mọc đầy đủ.

Xá-lợi-phất! Bồ-tát cũng như vậy, tuy trải qua vô số kiếp như cát sông Hằng, Bồ-tát trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, phát tâm rộng lớn, phát nguyện rộng lớn, để làm vô số việc muốn chứng đắc Vô thượng Bồ-đề nhưng không được phương tiện Bát-nhã ba-lamật hộ trì, thì rơi vào Thanh văn hay Bích-chi-phật địa.

Xá-lợi-phất! Bồ-tát tuy nghĩ đến giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến của chư Phật trong quá khứ, vị lai, hiện tại nhưng còn chấp vào tướng ấy. Bồ-tát chấp vào tướng suy nghĩ ấy nên không biết giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến của chư Phật. Bởi không biết, không thấy nên khi nghe đến tên gọi pháp không, Bồ-tát liền chấp vào tướng âm thanh ấy để hướng đến Vô thượng Bồ-đề, nên biết Bồ-tát rơi vào Thanh văn hay Bích-chi-phật địa. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Vì Bồ-tát xa lìa Bát nhã Ba la mật và cho là như vậy.

–Bạch Đức Thế Tôn! Theo chỗ con hiểu lời Phật nói, nếu Bồ-tát xa lìa Bát nhã Ba la mật thì đối với quả Vô thượng Bồ-đề còn nghi ngờ, chưa xác quyết, thế nên Đại Bồ-tát muốn đắc Vô thượng Bồ-đề cần phải khéo thực hành phương tiện Bát nhã Ba la mật.

Khi ấy, chư Thiên tử cõi Dục, cõi Sắc bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật thâm sâu và Vô thượng Bồ-đề thật khó chứng đắc.

Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy, chư Thiên tử! Bát nhã Ba la mật thâm sâu và Vô thượng Bồ-đề thật khó chứng đắc.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Như lời Ngài dạy, Bát nhã Ba la mật thâm sâu và Vô thượng Bồ-đề thật khó chứng đắc, nhưng theo con hiểu lời Ngài dạy Vô thượng Bồ-đề rất dễ chứng đắc. Vì sao? Vì không có pháp có thể đắc, trong các pháp Không không có người chứng đắc Vô thượng Bồ-đề, không có pháp có thể đắc và không có pháp sở dụng có thể đắc. Vì tất cả pháp đều là không, có nói pháp thì có đoạn diệt, pháp đó cũng là không.

Bạch Đức Thế Tôn! Pháp Vô thượng Bồ-đề, phương tiện đắc pháp, phương tiện để biết đắc pháp, pháp như thế đều là không. Do nhân duyên đó, quả Vô thượng Bồ-đề rất dễ chứng đắc, những gì có thể chứng đắc đều đồng với hư không.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề:

–Nếu quả Vô thượng Bồ-đề dễ chứng đắc thì vô số Bồ-tát không bị thoái chuyển, vì nhân duyên đó, vậy nên biết quả Vô thượng Bồ-đề rất khó chứng đắc.

Tu-bồ-đề hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Thưa Tôn giả ý ngài thế nào! Sắc đối với Vô thượng Bồ-đề có bị thoái chuyển không?

–Không, Tu-bồ-đề!

–Thưa, Tôn giả! Thọ, tưởng, hành, thức đối với Vô thượng Bồđề có bị thoái chuyển không?

–Không có, Tu-bồ-đề!

–Thưa Xá-lợi-phất! Nếu lìa sắc thì có pháp nào có thể chứng đắc Vô thượng Bồ-đề mà bị thoái chuyển không?

–Không có, Tu-bồ-đề!

–Thưa Tôn giả! Nếu lìa thọ, tưởng, hành, thức thì có pháp nào có thể chứng đắc Vô thượng Bồ-đề không?

–Không có, Tu-bồ-đề!

–Thưa Tôn giả! Như của sắc đối với Vô thượng Bồ-đề có bị thoái chuyển hay không?

–Không có, Tu-bồ-đề!

–Thưa Tôn giả! Như của thọ, tưởng, hành, thức đối với Vô thượng Bồ-đề có bị thoái chuyển không?

–Không có, Tu-bồ-đề!

–Thưa Tôn giả! Nếu lìa Như của sắc thì có pháp nào có thể chứng đắc Vô thượng Bồ-đề mà bị thoái chuyển không?

–Không có, Tu-bồ-đề!

–Thưa Tôn giả! Nếu lìa Như của thọ, tưởng, hành, thức thì có chứng đắc Vô thượng Bồ-đề mà bị thoái chuyển không?

–Không có, Tu-bồ-đề!

–Thưa Tôn giả! Nếu lìa Như của các pháp thì có pháp nào có thể chứng đắc Vô thượng Bồ-đề mà bị thoái chuyển không?

–Không có, Tu-bồ-đề!

–Thưa Tôn giả! Thật cầu như vậy mà không thể chứng đắc, vậy thì pháp nào đối với Vô thượng Bồ-đề không bị thoái chuyển? Không có pháp nào đối với Vô thượng Bồ-đề mà không bị thoái chuyển cả.

Xá-lợi-phất nói:

–Như lời Tu-bồ-đề nói thì không có Bồ-tát bị thoái chuyển, như vậy Đức Phật nói người trong ba thừa không có sai khác hay sao?

Lúc ấy, Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử nói với Xá-lợi-phất:

–Xá-lợi-phất hãy hỏi Tu-bồ-đề là muốn chỉ có Bồ-tát thừa phải không?

Xá-lợi-phất liền hỏi Tu-bồ-đề:

–Ngài muốn chỉ có Bồ-tát thừa phải không?

Tu-bồ-đề hỏi lại:

–Trông như có thể có người trong ba thừa: Thanh văn, Bíchchi-phật và Phật thừa phải không?

–Tu-bồ-đề! Trông như không có ba tướng sai biệt.

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Như chỉ có một tướng phải không?

–Không phải, Tu-bồ-đề!

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Thậm chí trông như chỉ thấy người trong một thừa phải không?

–Không phải, Tu-bồ-đề!

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Như vậy, thật cầu pháp ấy không thể đắc được thì tại sao ngài còn nghĩ trong như có ba thừa Thanh văn, Bích-chi-phật và Phật thừa khác nhau. Bồ-tát nào nghe việc ấy mà không sợ, không lo, không bỏ mất, không thoái lui thì nên biết Bồ-tát đó có thể thành tựu Bồ-đề.

Bấy giờ, Đức Phật ca ngợi Tu-bồ-đề:

–Lành thay, lành thay, Tu-bồ-đề! Ông thông suốt như vậy là nhờ năng lực của Như Lai, đó gọi là như người cầu ba thừa không có khác nhau, Bồ-tát nào nghe việc ấy mà không sợ, không lo, không bỏ mất, không thoái lui, nên biết Bồ-tát đó có thể thành tựu Bồ-đề.

Lúc bấy giờ, Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát đó thành tựu những Bồ-đề gì?

Đức Phật đáp:

–Bồ-tát đó thành tựu Vô thượng Bồ-đề.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát muốn thành tựu Vô thượng Bồ-đề phải thực hành như thế nào?

Đức Phật đáp:

–Bồ-tát phải dùng tâm bình đẳng, tâm từ bi, tâm không thiên vị, tâm khiêm nhường, tâm an ổn, tâm không sân giận, tâm không phiền não, tâm không khinh thường, tâm cha mẹ, tâm anh em đối với tất cả chúng sinh và cùng họ đàm luận. Này Xá-lợi-phất! Nếu Bồ-tát muốn thành tựu Vô thượng Bồ-đề phải học như vậy và hành như vậy.

Phẩm 16: TƯỚNG KHÔNG THOÁI CHUYỂN

Lúc bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Đức Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là những tướng mạo của Bồ-tát không thoái chuyển? Và làm thế nào để con biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Trong các địa: Phàm phu, Thanh văn, Bích-chi-phật, Như Lai địa không bị hoại diệt, không hai, không phân biệt, Bồ-tát dùng như đó để vào thật tướng của các pháp cũng phân biệt. Tướng như đó tùy theo như mà vào thật tướng các pháp, ra khỏi như đó lại nghe các pháp khác cũng không còn nghi ngờ, không hối tiếc, không nói phải trái, thấy tất cả pháp đều thuộc như: Bồ-tát đó nói ra điều gì cũng chắc chắn, không nó điều vô ích, chỉ nói điều có lợi, không suy xét điều hay dở của người. Này Tu-bồ-đề! Với các tướng mạo như vậy nên biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát không thoái chuyển không để tâm đến lời nói của ngoại đạo, Sa-môn, Bà-la-môn mà chỉ thấy và biết như thật. Lại nữa, Bồ-tát không thoái chuyển cũng không lễ bái Thánh thần cho đến không dùng hoa hương cúng dường. Này Tu-bồđề! Với những tướng mạo như vậy nên biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát không thoái chuyển chắc chắn không rơi vào ba đường ác, không thọ thân người nữ. Tu-bồ-đề! Với những tướng mạo như vậy nên biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát không thoái chuyển tự mình không sát sinh, cũng không bảo người sát sinh, tự mình không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không nói hai lưỡi, không nói lời ác, không nói lời vô ích, không tham lam ghen ghét, không sân giận, không tà kiến, cũng không bảo người khác hành tà kiến. Đó là thân thường tự thực hành mười điều lành, cũng dạy bảo người khác thực hành. Đến như trong mộng, Bồ-tát ấy không làm mười điều bất thiện, mà luôn thực hành mười điều lành. Tu-bồ-đề! Với những tướng mạo như vậy, nên biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát đối với các kinh điển có thể đọc tụng được nên nghĩ phải thuyết pháp, làm cho chúng sinh được an lạc nhờ pháp thí đó nên pháp như được mãn nguyện và dùng pháp đó ban cho tất cả chúng sinh. Tu-bồ-đề! Với những tướng mạo như vậy, nên biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Khi Bồ-tát không thoái chuyển nghe pháp thâm sâu, tâm không nghi ngờ, hối tiếc; nói năng êm ái nhẹ nhàng, ít ngủ nghỉ, lúc đi đứng tâm luôn nhiếp niệm, hành động

không hấp tấp, luôn nhất tâm, nhìn đất bước đi khoan thai. Tu-bồ-đề! Với những tướng mạo như vậy nên biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Y phục, ngọa cụ của Bồ-tát không thoái chuyển luôn sạch sẽ, Bồ-tát thích thanh tịnh, oai nghi đầy đủ, thân thường an ổn, ít bệnh tật. Tu-bồ-đề! Trong thân phàm phu có tám vạn hang ổ vi trùng, nhưng trong thân Bồ-tát không thoái chuyển không có các vi trùng như thế. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì thiện căn của Bồ-tát đó vượt khỏi xuất thế gian, tùy thiện căn tăng trưởng nên được thân và tâm thanh tịnh.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Tâm thanh tịnh của Bồ-tát là những gì?

–Tu-bồ-đề! Tùy theo thiện căn của Bồ-tát tăng trưởng nên những điều gièm pha, dua nịnh, dối trá lần lượt tự tiêu diệt. Vì các điều ấy tiêu diệt nên tâm thanh tịnh, nhờ tâm thanh tịnh nên có thể vượt qua Thanh văn, Bích-chi-phật địa. Đó gọi là tâm thanh tịnh của Bồ-tát. Tu-bồ-đề! Với những tướng mạo như vậy nên biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát không thoái chuyển không tham lợi dưỡng, không ganh ghét, khi nghe pháp thâm sâu tâm không bỏ qua, do trí tuệ thâm sâu nên lắng lòng nghe pháp. Những pháp được nghe đều tương ứng với Bát nhã Ba la mật, nhờ Bát nhã Ba la mật nên Bồ-tát xem những việc thế gian đồng với thật tướng và làm bất cứ việc gì cũng đều tương ứng với Bát nhã Ba la mật. Tu-bồ-đề! Với những tướng mạo như vậy nên biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nếu ác ma đến chỗ Bồ-tát hóa ra tám địa ngục lớn, mỗi mỗi địa ngục hóa làm bao nhiêu trăm ngàn vạn Bồ-tát và nói các Bồ-tát này đều được Phật thọ ký không thoái chuyển, nhưng nay lại bị đọa vào trong địa ngục lớn này, nếu ông được Phật thọ ký không thoái chuyển thì sẽ bị đọa vào địa ngục này, còn như ông ăn năn hối cải thì không bị đọa vào địa ngục và sẽ được sinh thiên. Bồ-tát nào nghe lời nói ấy tâm không dao động giận hờn và nghĩ không có việc Bồ-tát không thoái chuyển bị đọa vào đường ác. Tu-bồ-đề! Với những tướng mạo như vậy nên biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Có ác ma hóa làm Sa-môn đến chỗ Bồ-tát nói: "Những gì ông được nghe, đọc tụng trước kia nên bỏ đi. Nếu bỏ đi không thọ trì nữa thì ta sẽ thường đến chỗ ông, những gì ông được nghe đó chẳng phải Phật nói đều là văn tự hoa mỹ; còn những lời ta nói là chân kinh, đúng lời Phật nói." Bồ-tát nào nghe việc ấy, tâm dao động giận hờn, nên biết Bồ-tát đó chưa được Phật thọ ký, quyết chắc chưa trụ trong tánh Bồ-tát không thoái chuyển. Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát nào nghe việc ấy, tâm không dao động, chỉ y vào thật tướng của các pháp là không sinh, không khởi, không tạo tác không theo lời nói của ma, trong hiện tại được lậu tận A-la-hán, chứng các pháp tướng Bất sinh, Bất khởi, không bị ác ma chế ngự. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát cũng vậy, không theo lời nói của ma, chỉ cầu quả vị Thanh văn, Bích-chi-phật, không có gì phá hoại được, không bị thoái lui, quyết chắc đến Nhất thiết trí, trụ trong tánh không thoái chuyển, không theo lời nói của kẻ khác. Này Tu-bồ-đề! Với những tướng mạo như vậy nên biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Có ác ma đến chỗ Bồ-tát nói: "Việc làm của ông là việc làm sinh tử, chẳng phải việc làm Nhất thiết trí, ngay nơi thân này ông có thể diệt được hết khổ để được Niết-bàn, nếu làm được như vậy thì không còn thọ các khổ trong sinh tử, ngay nơi thân đời này không

còn chứng được huống nữa muốn thọ thân sau.” Bồ-tát nghe như vậy tâm không dao động. Ác ma nói tiếp: “Nay ông muốn thấy các Bồ-tát cúng dường y phục, thức ăn uống, giường chõng, thuốc men cho vô số chư Phật, được ở chỗ chư Phật tu hành phạm hạnh gần gũi thăm hỏi chư Phật, vì Bồ-tát thường cần học hỏi nhiều. Bồ-tát trụ vào đâu, thực hành như thế nào? Các Bồ-tát đó ở chỗ chư Phật tùy theo những điều nghe được đều có thể tu hành. Lời dạy như vậy, học như vậy, hành như vậy còn không thể chứng đắc Vô thượng Bồ-đề, không trụ vào Nhất thiết trí, huống là đắc Vô thượng Bồ-đề ư?” Bồ-tát đó nghe việc như vậy tâm không dao động, ác ma lại hóa ra các Tỳ-kheo và nói: “Các Tỳ-kheo này đều là lậu tận A-la-hán, trước kia vì phát tâm cầu Phật đạo nên nay chỉ trụ được quả vị A-la-hán, huống chi ông mà được chứng Vô thượng Bồ-đề hay sao?” Bồ-tát nào nghĩ mình nghe những điều này từ người khác mà không bị lỗi gì, nên tâm không thoái lui, không sinh niệm khác, đó là ma sự.

Không có việc Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật như vậy, học Bát nhã Ba la mật như vậy mà không đắc Nhất thiết trí. Tu-bồ-đề! Không có việc Bồ-tát nghe, suy nghĩ và thực hành theo lời Phật dạy, không xa lìa đạo, không xa lìa niệm Nhất thiết trí mà không đắc Nhất thiết trí. Tu-bồ-đề! Với những tướng mạo như vậy nên biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Có ác ma đến chỗ Bồ-tát không thoái chuyển nói Nhất thiết trí đồng với hư không, pháp hư không đó vô sở hữu, không có người nào nhờ pháp đó để đắc đạo. Vì sao? Vì người đắc đạo, đạo để đắc phương tiện đắc đạo đều đồng như hư không, người thấy biết, pháp thấy biết, phương tiện thấy biết vô sở hữu, đều đồng với hư không thì thật uổng công chịu khổ não, nếu nói đắc Vô thượng Bồ-đề thì đó là việc ma, chẳng phải Phật nói. Đối với việc này, Bồ-tát nên nghĩ người nào quở trách mình làm cho mình xa lìa Nhất thiết trí, đó là việc ma, nên sinh tâm kiên cố, tâm không dao động, tâm không lay chuyển. Tu-bồ-đề! Với những tướng mạo như vậy nên biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát không thoái chuyển nếu muốn vào cõi Thiền thứ hai, thứ ba, thứ tư có thể vào được như ý muốn. Tuy Bồ-tát vào các cõi Thiền nhưng còn nắm giữ pháp cõi Dục nên không sinh vào các cõi Thiền kia. Tu-bồ-đề! Với những tướng mạo như vậy nên biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát không thoái chuyển không tham đắm danh thơm tiếng tốt, tâm không có sân hận và gây chướng ngại cho các chúng sinh, thường sinh tâm an ổn, lợi ích, đi, đứng, dừng, nghỉ, tâm không tán loạn, luôn nhất tâm không mất oai nghi.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát ấy nếu ở tại nhà không đắm nhiễm các sự ham muốn, tuy thọ các dục nhưng tâm sinh nhàm chán, xa lìa, thường ôm lòng lo sợ. Ví như đường hiểm có nhiều giặc cướp, tuy được ăn uống nhưng tâm luôn nhàm chán, xa lìa, luôn lo sợ, tâm yên không ổn chỉ nhớ nghĩ lúc nào mới qua khỏi con đường hiểm này. Bồ-tát không thoái chuyển tuy tại gia thọ các dục nhưng đều thấy chúng là tội lỗi xấu ác nên tâm không tham tiếc, không sinh sống bằng tà mạng phi pháp, thà chịu mất thân mạng chứ không chiếm đoạt của người. Vì sao? Vì Bồ-tát tại gia cũng phải ban sự an lạc cho chúng sinh. Tuy tại gia nhưng cũng có thể thành tựu công đức như vậy. Vì sao? Vì đạt được lực Bát nhã Ba la mật. Tu-bồ-đề! Với những tướng mạo như vậy nên biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát không thoái chuyển luôn được thần Chấp Kim Cang theo hộ vệ, không để phi nhân đến gần, tâm Bồ-tát không cuồng loạn, các căn đầy đủ không thiếu khuyết, tu tập hạnh lành của bậc Hiền, không có việc nào mà không hiền thiện, không dùng chú thuật, cỏ thuốc tiếp xúc với người nữ, không tự mình làm cũng không bảo người khác làm, Bồ-tát thường tu tịnh mạng, không xem điềm tốt xấu, cũng không xem tướng sinh trai hay gái, các việc như vậy đều không làm. Tu-bồ-đề! Với những tướng mạo như vậy nên biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát không thoái chuyển còn có những tướng mạo như: Bồ-tát không thoái chuyển không thích nói tạp sự thế gian như việc quan, việc chiến đấu, việc giặc, việc thành ấp, xóm làng, việc cỡi voi ngựa, xe cộ, y phục, ăn uống, giường chõng; không thích nói việc hương hoa của người nữ, dâm nữ; không thích nói việc thần quy, không thích nói việc biển lớn, không thích nói chuyện buồn phiền của người khác, không thích nói đủ các thứ chuyện, chỉ thích nói Bát nhã Ba la mật, thường không xa lìa tâm Nhất thiết trí; không thích tranh cãi, tâm luôn thích lẽ phải; không thích điều phi pháp, mến bậc Thiện tri thức; không thích oan gia, thích hòa giải; không thích dèm pha, thích được xuất gia trong Phật pháp, thường mong muốn được sinh vào cõi Phật thanh tịnh, ở phương khác đều tùy ý, tự tại, đến đâu cũng luôn được cúng dường chư Phật.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát không thoái chuyển phần nhiều muốn tái sinh vào cõi Dục, cõi Sắc ngay thành phố, giỏi kỹ nghệ, hiểu rõ kinh điển, chú thuật, xem tướng, tất cả đều thông suốt, ít sinh ở biên địa, nếu sinh nơi biên địa ắt hẳn phải ở nước lớn. Có các tướng mạo công đức như vậy nên biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát không thoái chuyển không suy nghĩ ta là không thoái chuyển hay chẳng phải không thoái chuyển không nảy sinh sự nghi ngờ ấy. Này Tu-bồ-đề! Tự mình chứng địa không thoái chuyển quyết không có chỗ nghi ngờ.

Ví như chứng pháp Tu-đà-hoàn, tâm không có chỗ nghi ngờ, đủ mọi việc ma đã hiểu rõ thì mình không tùy thuận. Bồ-tát cũng vậy, trong địa vị không thoái chuyển tâm không có điều gì nghi ngờ, biết đủ mọi chuyện ma, đã hiểu rõ thì mình không tùy thuận.

Tu-bồ-đề! Ví như có người mắc nghịch tội, tâm thường hối hận, sợ hãi đến chết cũng không thôi, không thể xa lìa như vậy tâm tội lỗi luôn theo tâm đó cho đến chết. Tu-bồ-đề! Bồ-tát không thoái chuyển cũng lại như vậy, tâm của Bồ-tát không thoái chuyển luôn an trú trong địa vị không thoái chuyển, không thể lay chuyển, tất cả thế gian, Trời, Người, A-tu-la không thể phá hoại, biết đủ mọi chuyện ma hiểu rõ mình không tùy thuận, tâm không nghi ngờ trong pháp chứng đắc, cho đến lúc tái sinh tâm không rơi vào Thanh văn hoặc Bích-chi-phật. Trong khi tái sinh tâm cũng không còn nghi ngờ mình không chứng đắc Vô thượng Bồ-đề, tự mình chứng đắc chứ không tùy thuận người khác, được tự tại chứng đắc, không ai phá hoại được. Vì sao? Vì thành tựu trí tuệ chẳng thể hoại, an trụ tánh không thoái chuyển.

Tu-bồ-đề! Có ác ma hóa làm Phật đến chỗ Bồ-tát không thoái chuyển nói: “Này thiện nam! Nếu ác ma hóa làm thân Phật, ông có thể chứng A-la-hán. Ở thân này ông có thể chứng A-la-hán, cần Vô thượng Bồ-đề làm gì. Vì sao? Vì Bồ-tát thành tựu tướng mạo Vô thượng Bồ-đề, còn ông không có tướng đó.” Tu-bồ-đề! Bồ-tát nghe nói vậy tâm không dao động liền nghĩ đây là do

ác ma sai khiến, chẳng phải Phật nói. Nếu Đức Phật nói thì ta không nên có sự đổi khác, nếu Bồ-tát có thể nghĩ như thế do ác ma hóa thân làm Phật muốn làm cho ta xa lìa Bát nhã Ba la mật thì ác ma biến mất. Nên biết Bồ-tát đó đã từng được Phật thọ ký Vô thượng Bồ-đề, an trụ trong địa không thoái chuyển. Vì sao? Vì Bồ-tát đó có tướng mạo không thoái chuyển. Tu-bồ-đề! Với những tướng mạo như vậy nên biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát không thoái chuyển vì hộ pháp nên không tiếc thân mạng, vì chánh pháp nên hành tinh tấn và nghĩ ta chẳng những hộ trì chánh pháp của chư Phật thời quá khứ và hiện tại, mà cũng sẽ hộ trì chánh pháp chư Phật trong đời vị lai nữa. Ta cũng sẽ được thọ ký trong vô số kiếp. Bản thân ta tự giữ gìn hộ trì chánh pháp, Bồ-tát thấy rõ lợi ích của việc đó nên hộ trì chánh pháp, cho đến không tiếc thân mạng, tâm không ẩn mất không hối tiếc. Tu-bồ-đề! Với những tướng mạo như vậy nên biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nếu lúc Bồ-tát không thoái chuyển nghe Như Lai thuyết pháp, tâm không có điều gì nghi ngờ.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Khi nghe Như Lai thuyết pháp, tâm Bồ-tát không nghi ngờ, còn khi nghe Thanh văn thuyết pháp tâm Bồ-tát cũng không có điều nghi ngờ chăng?

–Này Tu-bồ-đề! Khi nghe Thanh văn thuyết pháp tâm Bồ-tát không nghi ngờ. Vì sao? Vì đối với các pháp Bồ-tát đắc Vô sinh pháp nhẫn. Tu-bồ-đề! Bồ-tát thành tựu tướng mạo công đức như vậy nên biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

QUYỂN 7
Phẩm 17: CÔNG ĐỨC THÂM SÂU

Lúc bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thật hy hữu thay, bạch Đức Thế Tôn! Đó là đại công đức Bồ-tát không thoái chuyển thành tựu. Bạch Thế Tôn! Ngài đã nói hằng hà sa số tướng mạo của Bồ-tát không thoái chuyển, Ngài nói tướng mạo ấy, tức là Ngài nói tướng Bát nhã Ba la mật sâu xa.

Phật dạy:

–Lành thay Tu-bồ-đề! Ông có khả năng nêu lên các tướng thậm thâm của Bồ-tát. Tu-bồ-đề! Tướng thậm thâm ấy là nghĩa không, tức là nghĩa không hình tướng, không tạo tác, không khởi, không sinh, không diệt, vô sở hữu, không nhiễm, tịch diệt, viễn ly, Niết-bàn.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nhưng nghĩa không ấy, cho đến nghĩa Niết-bàn, chẳng phải là nghĩa của tất cả pháp ư?

–Này Tu-bồ-đề! Tất cả pháp cũng là nghĩa rất sâu xa. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Sắc thậm thâm; thọ, tưởng, hành, thức cũng thậm thâm. Thế nào là sắc thậm thâm? Như như là thậm thâm. Thế nào gọi là thọ, tưởng, hành, thức thậm thâm? Như như là thậm thâm. Tubồ-đề! Vô sắc là sắc thậm thâm; vô thọ, tưởng, hành, thức là thức thậm thâm.

Tu-bồ-đề thưa:

–Thật hy hữu, bạch Đức Thế Tôn! Ngài đã dùng phương tiện vi diệu phá chướng ngại sắc, biểu hiện Niết-bàn; phá chướng ngại thọ, tưởng, hành, thức, biểu hiện Niết-bàn.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đối với Bát nhã Ba la mật này, Bồ-tát nếu có thể suy nghĩ và xem xét, như điều Bát nhã Ba la mật dạy thì ta nên học như thế; như điều Bát nhã Ba la mật nói thì ta nên thực hành như thế, Bồ-tát ấy suy nghĩ và tu tập như thế, cho đến công đức tạo ra một ngày không có số lượng hạn định. Tu-bồ-đề! Ví như người nhiều ham muốn, dục vọng cũng nhiều, cùng với người nữ đoan chính hẹn hò, người nữ này bị công việc trở ngại nên lỗi hẹn không đến. Tu-bồđề! Ý ông thế nào? Người nhiều ham muốn đó thích ứng với pháp gì?

–Bạch Đức Thế Tôn! Người nhiều ham muốn đó sinh ý tưởng nhớ đến cô gái: "Chẳng bao lâu cô ấy sẽ đến cùng với mình ngồi, nằm đùa giỡn."

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Trong một ngày đêm người đó sinh ra bao nhiêu ý nghĩ ham muốn?

–Bạch Đức Thế Tôn! Trong một ngày đêm người đó sinh ra rất nhiều ý nghĩ ham muốn.

–Tu-bồ-đề! Bồ-tát nào như lời dạy Bát nhã Ba la mật thâm sâu mà tư duy học tập thì không bị thoái lui, xa lìa đường ác, vượt khỏi hiểm nạn trong bao nhiêu kiếp sinh tử. Nhờ tương ứng sâu xa với Bát nhã Ba la mật, dù chỉ một ngày, Bồ-tát cũng có thể tạo ra công đức hơn hẳn Bồ-tát tạo công đức bố thí trong hằng hà sa kiếp mà lại xa lìa Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào đối với Bồ-tát cúng dường các bậc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chiphật, các Phật trong vô số kiếp mà lại xa lìa Bát nhã Ba la mật, phước đó có nhiều không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Rất nhiều, phước ấy vô lượng, vô biên không thể nói hết.

Phật dạy:

–Nhưng phước ấy cũng không bằng Bồ-tát tu hành theo Bát nhã Ba la mật thâm sâu dù cho một ngày cũng tạo nhiều phước đức. Vì sao? Vì Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật có khả năng vượt qua Thanh văn, Bích-chi-phật địa, vào quả vị Bồ-tát đắc Vô thượng Bồđề.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Trong hằng hà sa kiếp Bồ-tát Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ mà lại xa lìa Bát nhã Ba la mật, ý ông thế nào, phước đó có nhiều không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, rất nhiều!

Phật dạy:

–Nhưng phước ấy cũng không bằng phước của Bồ-tát tu hành đúng pháp theo Bát nhã Ba la mật dù chỉ một ngày Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ, phước ấy rất nhiều.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Trong hằng hà sa kiếp, Bồ-tát ban bố pháp cho chúng sinh nhưng lại xa lìa Bát nhã Ba la mật, ý ông thế nào? Phước ấy có nhiều không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, rất nhiều!

Phật dạy:

–Nhưng phước ấy cũng không bằng phước của Bồ-tát tu hành đúng pháp theo Bát nhã Ba la mật thâm sâu dù chỉ một ngày ban bố pháp cho chúng sinh, phước ấy rất nhiều. Vì sao? Vì Bồ-tát không xa lìa Bát nhã Ba la mật tức là không xa lìa Nhất thiết trí.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Trong hằng hà kiếp, Bồ-tát tu tập ba mươi bảy phẩm Trợ đạo nhưng lại xa lìa Bát nhã Ba la mật, ý ông thế nào, phước ấy có nhiều?

–Bạch Đức Thế Tôn, rất nhiều!

Phật dạy:

–Nhưng phước ấy cũng không bằng phước của Bồ-tát trụ trong Bát nhã Ba la mật thâm sâu dù một ngày tu tập ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, phước ấy rất nhiều. Vì sao? Vì không có việc Bồ-tát trụ trong Bát nhã Ba la mật mà thoái lui Nhất thiết trí.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Trong hằng hà sa kiếp Bồ-tát thực hành tài thí, pháp thí, thiền định, hồi hướng các công đức ấy lên ngôi Vô thượng Bồ-đề nhưng lại xa lìa Bát nhã Ba la mật. Ý ông thế nào? Phước ấy có nhiều không?

–Bạch Đức Thế Tôn, rất nhiều!

Phật dạy:

–Nhưng phước ấy cũng không bằng phước của Bồ-tát tu hành đúng pháp theo Bát nhã Ba la mật thâm sâu dù cho một ngày thực hành tài thí, pháp thí, thiền định, hồi hướng các công đức lên ngôi Vô thượng Bồ-đề, phước ấy rất nhiều. Vì sao? Vì đó là công đức hồi hướng Đệ nhất, nghĩa là không xa lìa Bát nhã Ba la mật thâm sâu.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Như lời Ngài nói, tất cả pháp sinh ra đều do ý nhớ tưởng phân biệt thì tại sao nói là Bồ-tát được phước rất nhiều?

–Tu-bồ-đề! Khi Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật cũng có thể quán sát tạo ra công đức. Tướng công đức ấy là không, không thật có, hư dối, không thật, không kiên cố. Nếu Bồ-tát quán sát như vậy thì không xa lìa Bát nhã Ba la mật thậm thâm, không xa lìa Bát nhã Ba la mật thậm thâm tức đắc vô lượng, vô số phước đức.

–Bạch Đức Thế Tôn! Vô lượng và a-tăng-kỳ có khác nhau như thế nào?

–Tu-bồ-đề! A-tăng-kỳ là số lượng không thể đếm hết, vô lượng là quá hơn con số đó, không thể tính lường.

–Bạch Đức Thế Tôn! Vậy thì sắc có vô lượng; thọ, tưởng, hành, thức có vô lượng không?

Phật dạy:

–Có, này Tu-bồ-đề! Sắc vô lượng; thọ, tưởng, hành, thức cũng vô lượng.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nghĩa của vô lượng như thế nào? Vô lượng là nghĩa gì?

–Tu-bồ-đề! Vô lượng nghĩa là không, tức là nghĩa vô tướng, vô tác.

–Bạch Đức Thế Tôn! Vô lượng chỉ là nghĩa không, hay còn có nghĩa nào khác nữa?

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Ta không nói tất cả pháp là không ư?

–Bạch Thế Tôn! Ngài có nói.

–Này Tu-bồ-đề! Nếu không tức là vô tận, nếu không tức là vô lượng, thì nghĩa của pháp này không có sai khác. Này Tu-bồ-đề! Như Lai nói vô tận, vô lượng, không, không tướng, không tạo

tác, không khởi, không sinh, không diệt, vô sở hữu, không nhiễm, Niếtbàn, chỉ là nói danh từ phương tiện mà thôi.

Tu-bồ-đề thưa:

–Thật hy hữu, bạch Đức Thế Tôn! Thật tướng của các pháp không thể nói được, mà nay Ngài nói được. Bạch Thế Tôn! Như con hiểu lời Ngài nói thì tất cả pháp đều không thể nói được.

–Đúng vậy, đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Tất cả pháp đều không thể nói được.

–Bạch Đức Thế Tôn! Tướng không của tất cả pháp không thể nói được. Không thể nói nghĩa ấy, không có thêm và không có bớt. Nếu như vậy, Bố thí ba-la-mật cũng phải không thêm không bớt, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật cũng phải không thêm không bớt. Nếu các Ba-la-mật ấy không tăng, không giảm thì tại sao Bồ-tát dựa vào sự không tăng, không giảm của Bát nhã Ba la mật để đắc Vô thượng Bồ-đề hoặc gần Vô thượng Bồ-đề.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát dựa vào sự tăng hoặc giảm của Bala-mật thì không thể gần Vô thượng Bồ-đề.

–Đúng vậy, đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Không thể nói nghĩa không tăng không giảm, khéo biết phương tiện lúc Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, tu Bát nhã Ba la mật, không nghĩ Bố thí ba-lamật tăng hoặc giảm, mà nghĩ Bố thí ba-la-mật chỉ có danh tự. Khi Bồ-tát bố thí khởi niệm và các thiện căn đều là những tướng hồi hướng đến Vô thượng Bồ-đề.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát khéo biết phương tiện hành Bát nhã Ba la mật, tu Bát nhã Ba la mật, không nghĩ Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật hoặc tăng hoặc giảm.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát khéo biết lúc phương tiện hành Bát-nhã ba-lamật, tu Bát nhã Ba la mật, không nghĩ Bát nhã Ba la mật hoặc tăng hoặc giảm mà nghĩ Bát nhã Ba la mật chỉ có danh tự. Khi Bồ-tát tu Bát nhã Ba la mật khởi niệm, khởi tâm và các thiện căn đều là những tướng hồi hướng đến Vô thượng Bồ-đề.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Những gì là Vô thượng Chánh đẳng giác?

–Này Tu-bồ-đề! Vô thượng Bồ-đề tức là Như như không tăng, không giảm. Bồ-tát nào thực hành phải nghĩ như thế đó tức là gần Vô thượng Bồ-đề.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Không thể nói nghĩa tuy không có tăng giảm nhưng không thoái lui các niệm và không thoái lui các Bala-mật. Bồ-tát thực hành những việc đó thì gần Vô thượng Bồ-đề nhưng cũng không thoái lui hạnh Bồ-tát, do đó Bồ-tát nghĩ mình được gần Vô thượng Bồ-đề.

–Bạch Đức Thế Tôn! Tâm trước của Bồ-tát gần Vô thượng Bồ-đề, tâm sau của Bồ-tát cũng gần Vô thượng Bồ-đề. Bạch Đức Thế Tôn! Tâm trước tâm sau mỗi mỗi không đồng nhau, tâm sau tâm trước cũng không đồng nhau. Bạch Đức Thế Tôn, nếu tâm trước tâm sau không đồng nhau thì tại sao các thiện căn của Bồ-tát được tăng trưởng?

–Tu-bồ-đề! Như khi thắp đèn, ánh sáng ban đầu nhờ vào tim đèn, ánh sáng sau cũng nhờ vào tim đèn, ý ông nghĩ thế nào về việc ấy?

–Bạch Đức Thế Tôn! Chẳng phải ban đầu thắp đèn mà không xa lìa tim đèn, cũng chẳng phải lúc sau thắp đèn mà không xa lìa tim đèn.

–Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào, tim đèn đó có cháy không?

–Bạch Đức Thế Tôn! Đúng là nhờ tim đèn mới cháy được.

–Tu-bồ-đề! Bồ-tát cũng vậy, chẳng phải nhờ tâm ban đầu đắc

Vô thượng Bồ-đề mà xa lìa tâm ban đầu, chẳng phải tâm sau đắc Vô thượng Bồ-đề mà xa lìa tâm sau.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nhờ pháp nhân duyên thâm sâu ấy, chẳng phải tâm ban đầu của Bồ-tát đắc Vô thượng Bồ-đề mà không xa lìa tâm ban đầu, chẳng phải tâm sau của Bồ-tát đắc Vô thượng Bồ-đề mà không xa lìa tâm sau.

–Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào, nếu tâm đã diệt rồi thì tâm ấy mới sinh phải không?

–Bạch Đức Thế Tôn, không phải vậy!

–Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào, nếu tâm sinh là tướng diệt phải không?

–Bạch Đức Thế Tôn, là tướng diệt!

–Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào, nếu là tướng diệt thì pháp sẽ diệt chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không phải vậy!

–Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào, trụ trong Như cũng là như trụ phải không?

–Bạch Đức Thế Tôn! Trụ trong như cũng là như tru.

–Tu-bồ-đề! Trụ trong như cũng là như trụ thì đó tức là thường chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào, như đó có thậm thâm không?

–Bạch Đức Thế Tôn! Như đó thật thậm thâm.

–Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào, như đó tức là tâm chăng?

–Không phải, bạch Đức Thế Tôn!

–Tu-bồ-đề! Xa lìa như tức xa lìa tâm phải không?

–Không phải, bạch Đức Thế Tôn!

–Tu-bồ-đề! Ông có thấy như ấy không?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào, người nào hành như vậy là hành thậm thâm phải không?

–Bạch Đức Thế Tôn! Người nào hành như vậy là không có việc gì để hành. Vì sao? Vì người đó không hành tất cả các hành.

–Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật thì hành ở chỗ nào?

–Bạch Đức Thế Tôn! Hành trong Đệ nhất nghĩa.

–Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Bồ-tát hành Đệ nhất nghĩa là hành nhân tướng chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào, Bồ-tát đó có hủy hoại các tướng không?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Tu-bồ-đề! Thế nào gọi là Bồ-tát hủy hoại các tướng?

–Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát không học như vậy và nghĩ mình hành Bồ-tát đạo nên đối với thân này phải đoạn các tướng, nếu đoạn các tướng thì chưa đủ Phật đạo, sẽ làm Thanh văn, bạch

Thế Tôn, nhưng nhờ lực đại phương tiện nên Bồ-tát biết lỗi các tướng nhưng không chấp vô tướng.

Khi ấy Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề:

–Thưa Hiền giả! Nếu trong mộng Bồ-tát tu ba pháp môn giải thoát: không, vô tướng, vô tác thì có tăng thêm Bát nhã Ba la mật không? Nếu ban ngày được tăng thêm thì trong mộng cũng phải tăng thêm chứ? Vì sao? Vì Đức Phật nói ngày đêm, trong mộng không khác nhau.

Thưa Tôn giả! Nếu Bồ-tát tu Bát nhã Ba la mật tức là có Bát nhã Ba la mật, cho nên trong mộng cũng phải tăng thêm Bát nhã Ba la mật. Xá-lợi-phất! Người nào tạo nghiệp trong mộng, nghiệp đó có quả báo không? Đức Phật nói tất cả pháp đều như mộng, không có quả báo, nhưng khi tỉnh dậy phân biệt nên có quả báo. Xá-lợi-phất, người nào sát sinh trong mộng và khi thức dậy biết rõ mình thích sát sinh thì nghiệp đó thế nào?

–Tu-bồ-đề! Không có duyên thì không có nghiệp, không có duyên thì tư duy không sinh. Như thế, này Tu-bồ-đề! Không có đủ duyên thì không có nghiệp, không có đủ duyên thì tư duy không sinh, nếu tâm hành theo trong các pháp thấy, nghe, hiểu, biết thì có tâm nhận cấu bẩn, có tâm nhận tịnh. Cho nên, này Xá-lợi-phất! Có nhân duyên tạo nghiệp chứ chẳng phải không có, có nhân duyên sinh tư duy chứ chẳng phải không có.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Nếu Bồ-tát bố thí trong mộng, hồi hướng lên ngôi Vô thượng Bồ-đề, việc bố thí đó có được gọi là hồi hướng không?

–Xá-lợi-phất! Bồ-tát Di-lặc đã được Đức Phật thọ ký Vô thượng Chánh đẳng giác, nay đang ngự tại tòa, Hiền giả có thể đến hỏi Bồ-tát sẽ giải đáp việc này.

Xá-lợi-phất liền đến hỏi Bồ-tát Di-lặc. Bồ-tát Di-lặc nói với Xá-lợi-phất:

–Này Xá-lợi-phất! Nay ta lấy danh tự Di-lặc để trả lời, hoặc giả lấy sắc để trả lời chăng? Lấy thọ, tưởng, hành, thức để trả lời chăng? Hoặc giả lấy sắc trống không để trả lời chăng? Lấy thọ, tưởng, hành, thức trống không để trả lời chăng? Sắc trống không ấy không thể giải đáp; thọ, tưởng, hành, thức trống không ấy không thể giải đáp. Này Xá-lợi-phất! Ta đều chẳng thấy pháp ấy có thể có chỗ trả lời, cũng chẳng thấy người đáp, việc đã đáp, người dùng pháp để đáp và pháp có thể đáp, ta cũng không thấy các pháp đó được thọ ký Vô thượng Bồ-đề.

Xá-lợi-phất nói với Bồ-tát Di-lặc:

–Thưa Bồ-tát! Theo lời thuyết pháp của ngài, có thể chứng được pháp đó không?

Di-lặc nói:

–Tôi không chứng đắc theo sự thuyết pháp ấy.

Xá-lợi-phất nghĩ: "Bồ-tát Di-lặc có trí tuệ thậm thâm, hành Bát nhã Ba la mật suốt cả ngày đêm." Lúc bấy giờ, Đức Phật biết tâm niệm của Xá-lợi-phất, ngài nói với Xá-lợi-phất:

–Ý ông thế nào, ông thấy pháp đó chăng và có thể nương vào pháp đó để đắc A-la-hán được chứ?

Xá-lợi-phất đáp:

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát cũng vậy, có phương tiện hành Bát nhã Ba la mật nên không nghĩ pháp đó được thọ ký Vô thượng Bồđề, đã được thọ ký, đang được thọ ký, sẽ được thọ ký. Bồ-tát

nào hành như vậy tức là hành Bát nhã Ba la mật, không còn sợ không được đắc Vô thượng Bồ-đề. Ta luôn tinh tấn thực hành như vậy nên chắc chắn sẽ đắc Vô thượng Bồ-đề.

Xá-lợi-phất! Bồ-tát phải nên thường không lo sợ, cho dù ở trong ác thú cũng không lo sợ. Vì sao? Vì Bồ-tát nên nghĩ nếu mình bị ác thú ăn thịt thì mình sẽ bố thí, nguyện thực hành đầy đủ Bố thí ba-la-mật sẽ được gần Vô thượng Bồ-đề. Ta tinh tấn thực hành như vậy nên khi đắc Vô thượng Bồ-đề trong thế giới ấy không có.

Bồ-tát ở trong oán tặc không sợ sệt. Vì sao? Vì pháp của Bồ-tát là không tiếc thân mạng và nghĩ nếu thân mạng ta bị cướp đoạt thì không sinh sân giận, nguyện thực hành đầy đủ Nhẫn nhục ba-la-mật để được gần Vô thượng Bồ-đề. Ta tinh tấn thực hành như vậy nên khi đắc Vô thượng Bồ-đề trong thế giới ấy không có giặc oán thù và các sự cướp bóc tàn ác.

Bồ-tát ở chỗ không có nước, không lo sợ và nghĩ mình phải nên thuyết pháp để trừ sự khát cho tất cả chúng sinh, nếu có người chết vì khát thì ta nghĩ chúng sinh đó không có phước đức nên ở chỗ không có nước. Ta tinh tấn thực hành như vậy nên khi đắc Vô thượng Bồ-đề trong thế giới ấy, dù ở chỗ không có nước, ta cũng khiến cho chúng sinh tinh tấn tu các phước đức, tự nhiên trong thế giới xuất hiện dòng nước có tám công đức.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ở chỗ đói khát không lo sợ và nghĩ ta nên tinh tấn thực hành như vậy để khi đắc Vô thượng Bồ-đề thì trong thế giới ấy không có nạn đói khát, được đầy đủ khoái lạc như ý. Giống như trên cõi trời Đao-lợi các vị trời suy nghĩ điều gì thì sẽ được toại nguyện. Bồ-tát gặp những việc như vậy mà không lo sợ, nên biết Bồ-tát đó có thể đắc Vô thượng Bồ-đề.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát ở chỗ bệnh tật không nên lo sợ. Vì sao? Vì trong đó không có pháp bệnh tật và nghĩ ta nên tinh tấn thực hành như vậy để khi đắc Vô thượng Bồ-đề thì tất cả chúng sinh trong thế giới ấy không có ba thứ bệnh, vì thế ta nên tinh tấn thực hành theo hành sự của chư Phật.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát nghĩ về Vô thượng Bồ-đề rất lâu mới có thể đắc không nên lo sợ. Vì sao? Vì thế giới từ trước đến nay như chỉ trong một tâm niệm, không nên sinh ý tưởng lâu xa, không nên nghĩ đời trước là lâu xa, đời trước tuy là lâu xa, nhưng vẫn cùng một niệm tương ứng. Vậy Xá-lợi-phất, Bồ-tát nghĩ lâu dài về Vô thượng Bồ-đề và có thể đắc được mà không lo sợ thoái lui.

Phẩm 18: HẰNG-GIÀ-ĐỀ-BÀ

Lúc bấy giờ, trong hội có người nữ tên Hằng-già-ba-đề từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối phải chấm đất, chăp tay hướng về Đức Phật bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đối với việc này con không lo sợ, trong đời tương lai con sẽ nói những điều thiết yếu này cho chúng sinh.

Vừa dứt lời, người nữ dùng hoa vàng tung lên cúng Phật, những cánh hoa ấy trụ trong hư không ngay đỉnh đầu Đức Phật. Bấy giờ Đức Phật mỉm cười.

A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai áo bên phải, quỳ gối phải chấm đất, chắp tay hướng về Đức Phật rồi thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Do nhân duyên gì Ngài mỉm cười, pháp thường của chư Phật là không có nhân duyên thì không mỉm cười?

Đức Phật bảo A-nan:

–Này A-nan! Kiếp Tinh tú đời vị lai, người nữ Hằng-già-đề-bà này được thành Phật, hiệu Kim Hoa. Nay chuyển thân nữ được thành thân nam sinh ra ở cõi của Phật A-súc. Ở cõi của Đức Phật kia, Hằng-già-đề-bà thường tu phạm hạnh, sau khi mạng chung, từ một cõi Phật này đến một cõi Phật khác… cũng luôn tu phạm hạnh cho đến khi đắc Vô thượng Bồ-đề vẫn không xa lìa chư Phật. Thí như Chuyển luân thánh vương đi từ lâu đài này đến lâu đài khác, từ khi sinh đến mạng chung chân không giẫm đất. Người nữ này cũng vậy, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác thường tu phạm hạnh cho đến đắc Vô thượng Bồ-đề vẫn không xa lìa chư Phật.

A-nan liền nghĩ: “Lúc ấy hội chúng Bồ-tát đi đến hội chư Phật”. Biết ý nghĩ của A-nan, Đức Phật liền bảo:

–Đúng vậy, đúng vậy! Nên biết khi ấy hội chúng Bồ-tát đi đến hội chư Phật. Này A-nan! Thời Phật Kim Hoa, chúng Thanh văn vào Niết-bàn số đến vô lượng, không thể tính kể, trong thế giới ấy không có các nạn ác thú, oán tặc cũng không bị tai họa đói khát, bệnh tật. Khi Phật Kim Hoa đắc Vô thượng Bồ-đề không có các sự lo sợ như vậy.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Ban đầu người nữ ấy gieo trồng thiện căn vào thời nào?

Này A-nan! Ban đầu người nữ ấy gieo trồng thiện căn vào thời Phật Nhiên Đăng, dùng thiện căn ấy hồi hướng lên ngôi Vô thượng Bồ-đề và cũng dùng hoa vàng rải lên cúng dường Phật Nhiên Đăng để cầu Vô thượng Bồ-đề. A-nan! Khi ấy, ta dùng năm cánh hoa rải lên cúng dường Phật Nhiên Đăng. Phật Nhiên Đăng biết thiện căn ta thành tựu liền thọ ký Vô thượng Bồ-đề. Bấy giờ, người nữ này nghe ta được thọ ký liền phát nguyện vào đời vị lai mình cũng được thọ ký như vậy. Như nay, người nữ ấy được thọ ký Vô thượng Bồ-đề. Như vậy, này A-nan! Ban đầu người nữ ấy gieo trồng thiện căn vào thời Phật Nhiên Đăng và phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Như thế người nữ ấy tu tập lâu dài hạnh Vô thượng Bồ-đề.

Phật dạy:

–Đúng vậy. Này A-nan! Người nữ ấy tu tập lâu dài hạnh Vô thượng Bồ-đề.

Khi ấy, Tu-bồ-đề hỏi Đức Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát muốn hành Bát-nhã ba-lamật phải tu tập không như thế nào? Phải vào Không Tam-muội như thế nào?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật phải quán sắc không, phải quán thọ, tưởng, hành, thức không, nên dùng nhất tâm để quán pháp không thể thấy, cũng không thể chứng.

–Bạch Đức Thế Tôn! Như lời Ngài nói Bồ-tát chẳng chứng không, thế nào là Bồ-tát vào Không Tam-muội mà chẳng chứng Không?

–Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát vốn đã sinh tâm quán không đầy đủ, nhưng quán không mà chẳng chứng không, đây là thời gian Bồ-tát học chứ chẳng phải thời gian để chứng và không buộc tâm vào duyên thâm sâu ấy. Khi đó Bồ-tát không thoái lui tâm hộ trì đạo pháp và không diệt tận lậu hoặc Vì sao? Vì Bồ-tát đó có trí tuệ lớn và thiện căn thâm sâu, nên nghĩ đây là thời gian học chứ chẳng phải thời gian chứng và chỉ vì đắc Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề! Ví như người nam khỏe mạnh, không thể bị quật ngã, dung nghi nghiêm chánh, mọi người đều kính mến. Người nam ấy hiểu rõ binh pháp, vũ khí tinh nhuệ, đầy đủ sáu mươi bốn thứ và cũng thông suốt các kỹ thuật khác. Được mọi người kính mến nên làm bất cứ việc gì cũng thành công, do có điều kiện thuận lợi nên làm nhiều lợi ích, càng làm mọi người thêm cung kính, tăng thêm sự vui vẻ. Người đó có nhân duyên là phải đưa cha mẹ, vợ con vượt qua đường nguy hiểm, thoát khỏi chỗ khó khăn, được an ổn và khuyên cha mẹ, vợ con chớ sợ hãi, nói rằng con đường này tuy nhiều nguy hiểm, có oán tặc nhưng chắc chắn được an ổn, không bị người khác làm trở ngại và gây khó khăn. Trí lực của người ấy, thành tựu trước đây không có ai địch nổi, có thể đưa cha mẹ, vợ con thoát khỏi các tai nạn này, được vui vẻ đến thành ấp xóm làng, nhà cửa không bị tổn thương, oán tặc thấy không dám sinh ác tâm. Vì sao? Vì người này thông suốt tất cả kỹ nghệ, ngay trong đường hiểm biết hóa ra nhiều người tay cầm vũ khí đông hơn giặc làm bọn giặc khiếp sợ rã đám. Vì thế biết chắc người này được an ổn, không bị các họa hoạn.

Như vậy này Tu-bồ-đề! Bồ-tát duyên tất cả chúng sinh nên buộc tâm vào Từ Tam-muội, vượt qua các kết sử và pháp hỗ trợ kết sử, vượt qua các ma và kẻ giúp đỡ ma, vượt qua Thanh văn, Bíchchi-phật địa, trụ vào Không Tam-muội mà không trừ lậu hoặc.

Này Tu-bồ-đề! Khi ấy, Bồ-tát hành pháp môn giải thoát không mà không chứng vô tướng cũng không rơi vào hữu tướng. Ví như con chim đang bay trên hư không, không bị rơi giữa đường, ở trong hư không mà không trụ vào hư không. Tu-bồ-đề! Bồ-tát cũng vậy, hành không, học không, hành vô tướng, học vô tướng vô tác, học vô tác, chưa đầy đủ pháp của chư Phật nhưng không rơi vào không, vô tướng, vô tác.

Ví như người bắn tên giỏi, bắn tên lên hư không, mũi này nối tiếp mũi kia, tùy ý nối tiếp nhau mà không rớt xuống đất. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, nhờ phương tiện hộ trì nên không chứng thật tế đệ nhất mà chỉ muốn thành tựu thiện căn Vô thượng Bồ-đề. Khi chứng Vô thượng Bồ-đề thì mới chứng thật tế đệ nhất. Cho nên, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật nên suy tư về thật tướng của các pháp như thế mà không chịu chứng.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Việc làm của Bồ-tát rất khó khăn, rất là hiếm có, có thể học được như vậy mà cũng không giữ lấy sự chứng đắc.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát ấy không bỏ tất cả chúng sinh nên phát đại nguyện như vậy. Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát phát tâm không bỏ tất cả chúng sinh và độ họ vào Không Tam-muội giải thoát môn, Vô tướng, Vô tác Tam-muội giải thoát môn, khi ấy Bồ-tát không chứng thật tế nửa chừng. Vì sao? Vì Bồ-tát nhờ phương tiện hộ trì.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát muốn vào định thâm sâu như thế, đó gọi là Không Tam-muội giải thoát môn, Vô tướng, Vô tác Tam-muội giải thoát môn, thì trước hết Bồ-tát ấy nên suy nghĩ đã từ lâu chúng sinh chấp vào tướng chúng sinh, chấp có sự chứng đắc, Vô thượng Bồ-đề, vậy ta nên vì họ thuyết pháp đoạn các kiến chấp này. Khi đó Bồ-tát liền vào Không Tam-muội giải thoát môn. Đó là Bồ-tát dùng tâm ấy và nhờ năng lực phương tiện ban đầu nên không chứng đắc nửa chừng, cũng không mất Tam-muội Từ, Bi, Hỷ, Xả. Vì sao? Vì Bồ-tát nhờ thành tựu năng lực phương tiện nên thiện pháp tăng trưởng gấp bội, các căn thông lợi và cũng tăng trưởng các Lực, các Giác chi.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát nghĩ đã từ lâu chúng sinh hành theo ngã tướng, cho rằng ta chứng đắc Vô thượng Bồ-đề, ta nên thuyết pháp đoạn tướng ấy. Khi đó Bồ-tát vào Vô tướng Tam-muội giải thoát môn, đó là Bồ-tát dùng tâm ấy và nhờ năng lực phương tiện ban đầu nên không chứng đắc nửa chừng, cũng không mất Tam-muội Từ, Bi, Hỷ, Xả. Vì sao? Vì Bồ-tát nhờ thành tựu năng lực phương tiện nên thiện pháp tăng trưởng gấp bội, các căn thông lợi và cũng tăng trưởng các Lực, các Giác chi.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát nghĩ đã từ lâu chúng sinh sống theo thường tưởng, lạc tưởng, tịnh tưởng, ngã tưởng và cho những tưởng ấy đắc Vô thượng Bồ-đề, vậy ta nên thuyết pháp đoạn trừ những tưởng ấy, đó là pháp vô thường chẳng phải thường, là khổ chẳng phải vui, là bất tịnh chẳng phải tịnh, là vô ngã chẳng phải ngã. Đó là Bồ-tát dùng tâm ấy và nhờ năng lực phương tiện ban đầu, tuy chưa đắc Tam-muội Phật, chưa đầy đủ Phật pháp, chưa chứng Vô thượng Bồ-đề nhưng Bồ-tát có thể vào Vô tác Tam-muội giải thoát môn, không chứng đắc nửa chừng.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát nghĩ đã từ lâu chúng sinh hành theo hữu tướng, đã có sở đắc, nay cũng có sở đắc; trước hành theo hữu tướng, nay cũng hành theo hữu tướng; trước hành điên đảo, nay cũng hành điên đảo; trước hành hòa hợp, nay hành sống hòa hợp; trước hành hư vọng, nay cũng hành hư vọng; trước hành tà kiến, nay cũng hành tà kiến. Nên Bồ-tát siêng năng hành tinh tấn, đắc Vô thượng Bồ-đề và thuyết pháp trừ các tướng ấy của chúng sinh.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát nghĩ đến tất cả chúng sinh nên dùng tâm và năng lực phương tiện để quán pháp tướng thâm sâu hoặc không, hoặc không tướng, không tạo tác, không khởi, không sinh, vô sở hữu. Tu-bồ-đề! Không có việc Bồ-tát thành tựu trí tuệ như vậy mà còn rơi vào sinh tử trong ba cõi.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát muốn đắc Vô thượng Bồ-đề nên hỏi các Bồ-tát khác học các pháp ấy như thế nào; sinh tâm như thế nào?

Vào không chẳng chứng không, vào vô tướng, vô tác, vô khởi, vô sinh, vô sở hữu, không chứng vô sở hữu nhưng có thể tu tập Bát nhã Ba la mật. Các Bồ-tát đáp chỉ niệm không, niệm không tướng, không tạo tác, không khởi, không sinh, vô sở hữu, mà không dạy về tâm ban đầu, nói về tâm ban đầu, nên biết Bồ-tát đó ở vào thời Phật quá khứ chưa được thọ ký Vô thượng Bồ-đề, chưa trụ vào địa vị không thoái chuyển. Vì sao? Vì Bồ-tát đó không thể nói, không thể trình bày, không thể trả lời tướng bất cộng của Bồ-tát không thoái chuyển, nên biết Bồ-tát đó chưa đến địa vị không thoái chuyển.

–Bạch Đức Thế Tôn! Làm thế nào để biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển?

–Tu-bồ-đề! Bồ-tát nghe hay không nghe đều có thể đáp đúng như vậy, nên biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì nhân duyên đó nên có nhiều chúng sinh hành Bồ-đề, nhưng ít có Bồ-tát đáp đúng như vậy.

–Tu-bồ-đề! Ít có Bồ-tát được thọ ký không thoái chuyển, nếu được thọ ký thì có thể đáp đúng, nên biết Bồ-tát đó có thiện căn minh mẫn, thanh tịnh, tất cả thế gian, Trời, Người, A-tu-la đều không thể sánh kịp.

Phẩm 19: A-TỲ-BẠT-TRÍ GIÁC MA

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Cho dù Bồ-tát Ma-ha-tát ở trong mộng cũng không tham trước ba cõi, Thanh văn, Bích-chi-phật địa, quán tất cả pháp như mộng nhưng không chấp lấy pháp chứng đắc. Tu-bồ-đề nên biết, đó là tướng Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nếu trong giấc mộng, Bồ-tát thấy Đức Phật ngồi trên tòa cao, ở giữa đại chúng Ngài đang thuyết pháp cho vô số trăm ngàn vạn Tỳ-kheo và vô số trăm ngàn vạn ức đại chúng đang cung kính vây quanh. Tu-bồ-đề nên biết! Đó là tướng Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Trong mộng, Bồ-tát tự thấy thân mình phát ánh sáng rực rỡ trên hư không đang thuyết pháp cho đại chúng, khi tỉnh giấc, nghĩ biết ba cõi như mộng, quyết chắc ngay khi ấy Bồ-tát đắc Vô thượng Bồ-đề vì chúng sinh thuyết pháp như vậy. Tu-bồ-đề nên biết đó là tướng Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Làm thế nào để biết khi Bồ-tát đắc Vô thượng Bồ-đề, trong thế giới ấy không có tên gọi ba đường ác? Này Tu-bồ-đề! Nếu trong mộng Bồ-tát thấy súc sinh liền phát nguyện siêng năng hành tinh tấn để khi đắc Vô thượng Bồ-đề, trong thế giới ấy không có tên gọi ba đường ác. Tu-bồ-đề nên biết! Đó là tướng Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát thấy lửa cháy trong thành ấp liền suy nghĩ các tướng này giống các tướng mình thấy trong mộng. Bồ-tát thành tựu các tướng ấy, nên biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển. Bồ-tát nghĩ mình cần có các tướng ấy để được không thoái chuyển. Nhờ sức mạnh của lời thật ấy nên lửa trong thành ấp bị dập tắt. Nếu lửa bị dập tắt nên biết đời trước Bồ-tát đó đã được Phật thọ ký Vô thượng Bồ-đề. Nếu lửa không bị dập tắt thì nên biết Bồ-tát đó chưa được thọ ký. Ngọn lửa đốt cháy từ nhà này đến nhà khác, từ làng này đến làng khác thì nên biết chúng sinh đó phá pháp nên bị trọng tội. Vì phá pháp nên nay bị quả báo. Tu-bồ-đề do nhân duyên ấy nên biết đó là tướng Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nay ta sẽ nói lại tướng của Bồ-tát không thoái chuyển.

Tu-bồ-đề! Người nam hoặc người nữ nào bị quỷ quấy nhiễu, đối với việc này Bồ-tát liền nghĩ mình đã được Đức Phật thọ ký Vô thượng Bồ-đề, trong thâm tâm chỉ muốn đắc Vô thượng Bồ-đề, nếu việc làm của mình thanh tịnh, xa lìa tâm Thanh văn, Bích-chi-phật thì quyết chắc đắc Vô thượng Bồ-đề chứ chẳng phải không chứng đắc. Trong mười phương hiện tại vô lượng a-tăng-kỳ Đức Phật, không có việc gì mà chư Phật không biết, không thấy, không đắc, không chứng, nếu chư Phật biết thâm tâm của mình thì quyết chắc mình được đắc Vô thượng Bồ-đề. Nhờ sức mạnh

của lời thật này, phi nhân liền thả người nam hoặc người nữ ấy và biến mất. Khi Bồ-tát nói những lời như vậy mà phi nhân không đi, thì nên biết Bồ-tát đó chưa được Phật thọ ký Vô thượng Bồ-đề. Khi Bồ-tát nói những lời như vậy mà phi nhân đi, thì nên biết Bồ-tát đó đã được Phật thọ ký Vô thượng Bồ-đề.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Có Bồ-tát chưa được thọ ký mà phát nguyện nếu mình được Phật thọ ký thì phi nhân sẽ thả người và bỏ đi. Nhưng ngay khi ấy có ác ma đến chỗ người đó làm phi nhân bỏ đi. Vì sao? Vì oai lực của ác ma hơn phi nhân nên phi nhân bỏ đi. Đối với việc này Bồ-tát liền tự nghĩ rằng, nhờ năng lực của mình mà phi nhân bỏ đi chứ không biết nhờ năng lực của ác ma, vì thế Bồ-tát ấy khinh miệt, chê bai các Bồ-tát khác: "Ta được Đức Phật thọ ký Vô thượng Bồ-đề còn những người khác chưa được thọ ký Vô thượng Bồ-đề." Do nhân duyên đó, Bồ-tát tăng thêm lòng kiêu mạn, do nhân duyên kiêu mạn nên Bồ-tát xa lìa Nhất thiết trí và trí tuệ vô thượng của Phật. Bồ-tát do một ít nhân duyên nên sinh ra kiêu mạn, nên biết Bồ-tát đó không có năng lực phương tiện, quyết chắc rơi vào Thanh văn địa hoặc Bích-chi-phật địa. Như vậy, này Tu-bồ-đề! Vì nhân duyên thệ nguyện nên phá sinh việc ma. Đối với việc này nếu Bồ-tát không gần gũi bậc Thiện tri thức thì sẽ bị ma trói chặt. Tu-bồ-đề! Nên biết đó là việc ma của Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ác ma muốn dùng nhân duyên danh tự để phá hoại làm não loạn Bồ-tát, hóa làm đủ thứ hình dạng đến chỗ Bồ-tát, nói:

–Này thiện nam! Ông đã được chư Phật thọ ký Vô thượng Bồđề, tên của ông là như vậy, cha mẹ là như vậy, anh chị em là như vậy cho đến cha mẹ bảy đời cũng như vậy, ông sinh ở nước nọ, thành nọ, xóm làng nọ, nhà nọ, nếu tính nết ông nhu hòa thì liền nói đời trước tính nết nhu hòa, nếu tính nết ông nóng nảy cũng lại nói đời trước tính nết nóng nảy, hoặc ông thọ pháp A-luyện-nhã, hoặc khất thực, hoặc đắp y bá nạp, hoặc sau bữa ăn không uống nước có chất bã, hoặc ăn một lần, hoặc ăn có điều độ, hoặc ở bãi tha ma, hoặc ngồi ở đất trống, hoặc ngồi dưới gốc cây, hoặc thường ngồi không nằm, hoặc ngồi kiết già, hoặc ít muốn biết đủ, xa lìa, hoặc không dùng dầu xoa chân, hoặc ưa ít nói, ít luận bàn, ác ma cũng nói đời trước ông thọ pháp A-luyện-nhã, cho đến việc ông ưa thích ít nói và ít luận bàn. Đời nay ông có công đức Đầu-đà, đời trước cũng có công đức Đầu-đà", Bồ-tát nghe nói đến danh tự và công đức Đầu-đà như trên, do nhân duyên đó nên liền sinh tâm kiêu mạn, tức thời ác ma lại nói tiếp: "Ở quá khứ ông đã được thọ ký Vô thượng Bồ-đề. Vì sao? Vì nay ông đã có tướng mạo công đức không thoái chuyển."

Tu-bồ-đề! Ta đã nói những tướng mạo chân thật của Bồ-tát không thoái chuyển, người đó không có những tướng ấy. Tu-bồ-đề nên biết người đó bị ma mê hoặc. Vì sao? Vì tướng mạo của Bồ-tát không thoái chuyển người đó không có, nhưng nghe ác ma nói đến danh tự liền khinh miệt, chê bai các Bồ-tát khác. Tu-bồ-đề! Nên biết Bồ-tát nhân danh tự mà phát sinh việc ma.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Lại có Bồ-tát nhân danh tự mà phát sinh việc ma. Đó là ma đến chỗ Bồ-tát nói: "Ông đã được thọ ký Vô thượng Bồ-đề, khi thành Phật có hiệu như thế." Nguyện xưa của Bồ-tát có danh hiệu giống với lời ma nói nhưng vì vô trí không có phương tiện nên Bồ-tát nghĩ khi mình đắc Vô thượng Bồ-đề sẽ có danh hiệu đúng như lời Tỳ-kheo này nói. Bồ-tát ấy bị vướng vào mê hoặc của ma, tin nhận lời Tỳ-kheo do ma hóa ra, chỉ vì nhân duyên danh tự mà Bồ-tát khinh miệt, chê bai các Bồ-tát khác. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát đó không có những tướng mạo chân thật của Bồ-tát không thoái chuyển, họ đã xa lìa Nhất thiết trí, trí tuệ vô thượng Phật. Bồ-tát

nào xa lìa phương tiện và Thiện tri thức thì sẽ gặp ác tri thức và rơi vào Thanh văn hoặc Bích-chi-phật địa.

Tu-bồ-đề! Trong hiện tại, Bồ-tát nào hối hận đối với các tâm xa lìa Thanh văn hoặc Bích-chi-phật trước kia thì sẽ được ở lâu trong sinh tử, gieo lại nhân Bát nhã Ba la mật, đắc Vô thượng Bồ-đề. Vì sao? Vì tâm phạm bốn tội nặng được ví như một Tỳ-kheo phạm một hoặc hai trong bốn tội nặng thì chẳng phải là Sa-môn, chẳng phải con dòng họ Thích. Bồ-tát vì danh tự mà xem thường các Bồ-tát khác sẽ mắc tội nặng trong bốn tội nặng.

Tu-bồ-đề! Bốn tội nặng đó cũng giống như tội nặng ngũ nghịch. Nghĩa là vì danh tự mà sinh tâm kiêu mạn. Này Tu-bồ-đề! Vì nhân duyên danh tự mà phát sinh việc ma vi tế này, Bồ-tát phải hiểu rõ và nên xa lìa.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Ác ma thấy Bồ-tát có hạnh viễn ly liền đến chỗ Bồ-tát nói: "Thiện nam! Hạnh viễn ly là hạnh thường được Như Lai khen ngợi." Này Tu-bồ-đề! Ta không nói Bồ-tát viễn ly là đến nơi A-luyện-nhã, không xứ, chỗ thanh vắng, trong núi, dưới gốc cây, nơi hoang vắng.

–Bạch Đức Thế Tôn! A-luyện-nhã, không xứ, chỗ thanh vắng, trong núi, dưới gốc cây, nơi hoang vắng đều không được gọi là viễn ly, vậy thì những chỗ nào gọi là viễn ly?

–Tu-bồ-đề! Bồ-tát nào xa lìa tâm Thanh văn hoặc Bích-chiphật, như vậy gọi là viễn ly hoặc gần xóm làng cũng gọi là viễn ly hoặc ở chỗ A-luyện-nhã, không xứ, chỗ thanh vắng, trong núi, dưới gốc cây, nơi hoang vắng cũng gọi là viễn ly. Này Tu-bồ-đề! Như vậy ta đã nói những hạnh viễn ly. Bồ-tát ngày đêm tu tập hạnh viễn ly hoặc gần xóm làng cũng gọi là viễn ly, hoặc ở chỗ A-luyện-nhã, không xứ, chỗ thanh vắng, trong núi, dưới gốc cây, nơi hoang vắng cũng gọi là viễn ly.

Tu-bồ-đề! Viễn ly mà ác ma ca ngợi như: A-luyện-nhã, không xứ, chỗ thanh vắng, trong núi, Bồ-tát tuy có hạnh viễn ly như vậy nhưng không xa lìa tâm Thanh văn hoặc Bích-chi-phật, không tu Bát nhã Ba la mật, không làm đầy đủ Nhất thiết thí, đó gọi là hành động không chuyên nhất; Bồ-tát hành viễn ly như vậy thì không thanh tịnh, sinh tâm khinh miệt, chê bai các Bồ-tát khác.

Bồ-tát tuy sống gần xóm làng nhưng tâm thanh tịnh, xa lìa tâm Thanh văn hoặc Bích-chi-phật, không làm các điều ác, chứng các thiền định, được giải thoát Tam-muội và thần thông lực, thông đạt Bát nhã Ba la mật. Còn Bồ-tát nào không có những phương tiện thiện xảo ấy, cho dù Bồ-tát ở chỗ hoang vắng rộng đến trăm do-tuần đi nữa thì cũng chỉ có chim thú, giặc cướp, ác quỷ đến ở đó mà thôi. Dầu trải qua trăm ngàn vạn ức năm hoặc hơn số đó mà không biết tướng viễn ly chân thật, nghĩa là viễn ly đối với sự viễn ly chân thật, không biết rõ thâm tâm và phát tâm Vô thượng Bồ-đề thì Bồ-tát đó cũng chỉ gọi là ồn ào.

Bồ-tát tham đắm và nương vào sự viễn ly ấy làm ta không vui. Vì sao? Vì trong những hạnh viễn ly mà ta cho phép không thấy có hạng người đó, người đó không có hạnh viễn ly như vậy.

Tu-bồ-đề! Lại có ác ma đến chỗ Bồ-tát trụ trên hư không, nói: "Lành thay, lành thay! Việc làm của ông đúng là viễn ly được Đức Phật ca ngợi, nhờ sự viễn ly đó nên ông mau đắc Vô thượng Bồ-đề." Bồ-tát đó rời khỏi chỗ viễn ly đến xóm làng thấy các Tỳkheo khác đang cầu Phật đạo với tâm tánh hòa nhã, liền sinh tâm kiêu mạn, cho các Tỳ-kheo ấy sống ồn ào. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát đó cho sự ồn ào là sự viễn ly chân thật, cho sự viễn ly chân thật là sự ồn ào, do nói lỗi

lầm của các vị kia nên không sinh tâm cung kính họ. Điều đáng cung kính lại khinh mạn, điều đáng khinh mạn lại cung kính. Bồ-tát lại suy nghĩ: "Ta thấy phi nhân nhớ ta mà đến, giúp đỡ ta mà đến, Đức Phật nói hạnh viễn ly này là chân thật và ta đã thực hành, còn ông ở gần xóm làng, ai nhớ đến ông, ai giúp đỡ ông." Nghĩ như vậy rồi Bồ-tát đó liền khinh miệt, chê bai các Bồ-tát khác tu hạnh thanh tịnh.

Này Tu-bồ-đề! Nên biết người đó là Bồ-tát Chiên-đà-la; là Bồ-tát ô uế, nhơ nhớp, bất tịnh, chỉ có hình dạng giống Bồ-tát; là giặc lớn của tất cả thế gian, Trời, Người, đội lớp Sa-môn để làm giặc cướp. Tu-bồ-đề! Người cầu Phật đạo không nên gần gũi hạng người đó. Vì sao? Vì người đó gọi là tăng thượng mạn.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát nào mến tiếc Nhất thiết trí, Vô thượng Bồđề, trong thâm tâm muốn đắc Vô thượng Bồ-đề, muốn làm lợi ích cho tất cả chúng sinh thì không nên gần gũi hạng người đó.

Hành giả cầu Phật đạo chỉ làm lợi ích cho riêng mình thì nên nhàm chán xa lìa, sợ hãi ba cõi, đối với loài người nên sinh tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả và tinh tấn thực hành để khi đắc Vô thượng Bồ-đề không có những điều xấu đó. Hành giả sinh tâm như vậy sẽ mau đoạn trừ các điều xấu ác. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành như vậy là Bồ-tát có năng lực Bát nhã Ba la mật.

QUYỂN 8
Phẩm 20: THÂM TÂM CẦU BỒ-ĐỀ

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát muốn chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì phải gần gũi Thiện tri thức Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Những vị nào là Thiện tri thức của Bồ-tát?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Chư Phật Thế Tôn là Thiện tri thức của Bồ-tát. Vì sao? Vì chư Phật Thế Tôn có năng lực dạy cho Bồ-tát thể nhập Bát-nhã ba-lamật. Tu-bồ-đề! Đó gọi là Thiện tri thức của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Sáu pháp Ba-la-mật là Thiện tri thức của Bồ-tát, sáu pháp Ba-la-mật là bậc thầy cao cả của Bồ-tát, sáu pháp Ba-la-mật là Bồ-tát đạo, sáu pháp Ba-la-mật là ánh sáng của Bồ-tát và sáu pháp Ba-la-mật là ngọn đuốc sáng của Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Chư Phật quá khứ đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra, chư Phật vị lai cũng đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra và vô lượng a-tăng-kỳ chư Phật trong thế giới khắp mười phương ở hiện tại cũng đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra.

Lại Nhất thiết trí của chư Phật trong ba đời cũng đều từ Bát nhã ba-la-mật sinh ra. Vì sao? Vì xưa kia chư Phật thực hành sáu ộ, dùng bốn Nhiếp pháp để thu phục chúng sinh. Đó là: Bố thí, Ái ngữ, Lợi ích, Đồng sự mới được chứng Vô thượng Chánh đẳng giác. Tubồ-đề! Thế nên phải biết sáu pháp Ba-la-mật là bậc thầy cao cả, là cha là mẹ, là nhà ở, là chỗ quay về, là hòn đảo, là nơi cứu giúp, là con đường đưa đến rốt ráo và sáu pháp Ba-la-mật làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Do đó, Bồ-tát muốn tự mình hiểu rõ trí tuệ sâu xa thì

không nên theo lời nói của người khác và cũng không tin pháp của người khác. Nếu Bồ-tát muốn dứt tất cả mối nghi ngờ của chúng sinh thì phải học Bát nhã Ba la mật này.

Tu-bồ-đề bạch phật:

–Bạch Thế Tôn! Những tướng gì là Bát nhã Ba la mật?

–Này Tu-bồ-đề! Tướng không ngăn ngại là Bát nhã Ba la mật.

–Bạch Thế Tôn! Nếu y cứ vào Bát nhã Ba la mật không có tướng ngăn ngại thì tất cả các pháp cũng không có tướng ngăn ngại chăng?

–Này Tu-bồ-đề! Nếu Bát nhã Ba la mật không có tướng ngăn ngại thì tất cả các pháp cũng không có tướng ngăn ngại. Vì sao vậy? Này Tu-bồ-đề! Vì tất cả các pháp đều lìa tướng và tất cả các pháp là không tướng. Thế nên, này Tu-bồ-đề! Phải biết Bát nhã Ba la mật cũng lìa tướng và không tướng, tất cả pháp cũng lìa tướng và không tướng.

–Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả các pháp đều lìa tướng và không tướng thì tại sao chúng sinh có dơ, có sạch? Và pháp lìa tướng lại không có dơ, không có sạch, pháp không tướng cũng không có dơ, không có sạch?

Phật dạy:

–Này Tu Bồ-đề! Vì pháp lìa tướng và pháp không tướng không thể chứng Vô thượng Chánh đẳng giác, nếu lìa pháp ly tướng và lìa pháp không tướng thì lại không có pháp nào có thể chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Tu Bồ-đề thưa:

–Nay con phải hiểu nghĩa đó như thế nào?

–Này Tu-bồ-đề! Ta hỏi lại ông, hãy theo ý của ông mà trả lời. Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Chúng sinh luôn luôn chấp vào ngã và ngã sở phải không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Đúng vậy, đúng vậy, bạch Thế Tôn! Chúng sinh luôn luôn chấp vào ngã và ngã sở.

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông hiểu thế nào? Ngã và ngã sở là không phải không?

–Bạch Thế Tôn! Ngã và ngã sở là không.

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Chỉ vì ngã và ngã sở mà chúng sinh phải luân hồi trong sinh tử phải không?

–Đúng vậy, đúng vậy, bạch Thế Tôn! Chỉ vì ngã và ngã sở mà chúng sinh phải bị luân hồi trong sinh tử.

–Này Tu-bồ-đề! Như vậy gọi là chúng sinh cấu. Bởi vì chúng sinh này theo sự chấp thủ và nhiễm trước nên mới có dơ, chứ trong đó thật không có dơ, cũng không có người thọ nhận dơ. Tu-bồ-đề! Nếu không thọ nhận tất cả pháp thì không có ngã và không có ngã sở. Nên gọi là tịnh, chứ trong đó thật không có tịnh, cũng không có người nhận sự tịnh. Tu-bồ-đề! Bồ-tát phải thực hành như vậy mới gọi là hành Bát nhã Ba la mật.

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát nào thực hành như vậy thì không hành sắc, cũng không hành thọ, tưởng, hành và thức. Nếu Bồ-tát hành như vậy là tất cả Trời, Người, A-tu-la trong thế gian không thể hàng phục. Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát thực hành như vậy thì sẽ vượt hơn chỗ thực hành của tất cả các hàng Thanh văn, Bích-chi-phật mà vị ấy không trụ vào sự hơn đó.

Bạch Thế Tôn! Có phải do sự thực hành hành không hơn đó mà Bồ-tát này luôn luôn tu hành hợp với niệm Bát nhã Ba la mật, rồi vị ấy mới gần với Vô thượng Chánh đẳng giác và mau chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ý ông nghĩ thế nào? Giả sử trong cõi Diêm-phù-đề có chúng sinh nào tạm thời được thân người liền phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác. Khi phát tâm rồi trọn đời bố thí và đem sự bố thí đó hồi hướng lên ngôi Vô thượng Chánh đẳng giác. Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Nếu do nhân duyên này thì người ấy được phước có nhiều không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Phật dạy:

–Nếu có Bồ-tát nào thực hành hợp với niệm Bát nhã Ba la mật cho đến một ngày thì phước đức của họ sẽ hơn người kia. Vì theo hạnh của Bồ-tát là phải hợp với niệm Bát nhã Ba la mật mới có thể làm phước điền cho tất cả chúng sinh. Vì sao vậy? Vì ngoài chư Phật ra, các chúng sinh khác không ai có tâm Từ bi sâu xa để sánh cùng vị Đại Bồ-tát này cả. Bởi vì các Bồ-tát này nhờ Bát nhã Ba la mật mới có thể phát sinh được trí tuệ như thế. Do nhờ trí tuệ này và lòng từ sẵn có mà Bồ-tát ấy quán tất cả chúng sinh chịu các khổ não cũng như chính mình đang bị hành hình. Nhờ lòng từ đó, Bồ-tát liền đắc đại bi tâm. Đắc đại bi tâm rồi, vị ấy dùng Thiên nhãn quán sát thấy vô lượng chúng sinh bị tội vô gián đọa vào các nạn. Với lòng thương xót, Bồ-tát liền cứu vớt chúng sinh mà không trụ vào tướng này hay tướng khác.

Tu-bồ-đề! Đó là bậc Bồ-tát Đại trí tuệ quang minh, thường thực hành đạo này và làm phước điền cho tất cả chúng sinh mà không hề thoái chuyển Vô thượng Chánh đẳng giác. Được nhận các vật cúng dường cần dùng như y phục, ngọa cụ, ăn, uống và thuốc men, vị ấy chuyên tâm tu tập Bát nhã Ba la mật để được thanh tịnh mà báo đáp ân cúng dường đó mới gần Nhất thiết trí. Do đó, Bồ-tát nào muốn nhận sự cúng dường trong nước một cách hữu ích, hoặc muốn làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, muốn chỉ dạy cho tất cả chúng sinh đạo chân chánh, muốn mở những trói buộc cho tất cả chúng sinh trong lao ngục, muốn ban cho tất cả chúng sinh tuệ nhãn thì phải luôn luôn tu tập và thực hành hợp với niệm Bát-nhã ba-lamật. Muốn thực hành hợp với niệm Bát nhã Ba la mật thì những gì Bồ-tát nói ra cũng phải hợp với Bát nhã Ba la mật. Vì sao vậy? Vì những gì Bồ-tát nói ra đều thuận theo niệm Bát nhã Ba la mật. Và tất cả những niệm đó cũng đúng theo chánh pháp. Vì thế, Bồ-tát phải luôn luôn niệm Bát nhã Ba la mật như vậy.

Tu-bồ-đề! Ví như có người từ xưa đến nay chưa từng có được của báu, đến khi được rồi rất đỗi vui mừng nhưng họ lại làm mất. Vì lý do đó mà họ buồn rầu khổ não, nên tâm người ấy thường suy nghĩ: “Tại sao nay ta làm mất đi của báu đó?” Tu-bồ-đề! Bồ-tát cũng như vậy. Của báu lớn của Bồ-tát là Bát nhã Ba la mật. Nếu Bồ-tát được của báu rồi thì phải thường xuyên đem tâm Nhất thiết trí để niệm Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả các niệm từ xưa đến nay tánh nó thường xa lìa thì tại sao nói không nên lìa niệm Bát nhã Ba la mật này?

–Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát có thể biết rõ như vậy tức là không lìa Bát nhã Ba la mật. Vì sao vậy? Vì Bát nhã Ba la mật là không nên trong đó không có sự thoái lui.

–Bạch Thế Tôn! Nếu Bát nhã Ba la mật là không thì phải làm thế nào để được tăng trưởng Bát nhã Ba la mật và làm sao cũng được gần với Vô thượng Chánh đẳng giác?

–Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật không tăng, không giảm. Tu-bồ-đề! Nếu khi Bồ-tát nghe lời nói này mà không khinh nghi sợ sệt, không thoái lui thì phải biết vị Bồ-tát này đã thực hành Bát nhã Ba la mật.

–Bạch Thế Tôn! Tướng không của Bát nhã Ba la mật là hành Bát nhã Ba la mật phải không?

–Tu-bồ-đề, không phải!

–Bạch Thế Tôn! Lìa Bát nhã Ba la mật còn có pháp nào để thực hành Bát nhã Ba la mật không?

–Tu-bồ-đề, không có!

–Bạch Thế Tôn! Không có thể hành không được chăng?

–Tu-bồ-đề, không!

–Bạch Thế Tôn! lìa không thì có thể hành không được chăng?

–Tu-bồ-đề, không!

–Bạch Thế Tôn! Hành sắc là hành Bát nhã Ba la mật phải không?

–Tu-bồ-đề, không!

–Bạch Thế Tôn! Hành thọ, tưởng, hành và thức là hành Bát nhã Ba la mật phải không?

–Tu-bồ-đề, không!

–Bạch Thế Tôn! Lìa sắc còn có pháp nào để hành Bát-nhã bala-mật không?

–Tu-bồ-đề, không!

–Bạch Thế Tôn! Lìa thọ, tưởng, hành và thức còn có pháp nào để hành Bát nhã Ba la mật không?

–Tu-bồ-đề, không!

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát phải hành như thế nào mới gọi là hành Bát nhã Ba la mật?

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông hiểu thế nào? Theo ông thấy có pháp nào để hành Bát nhã Ba la mật không?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Này Tu-bồ-đề! Ông thấy pháp Bát nhã Ba la mật là chỗ hành của Bồ-tát phải không?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông hiểu sao? Ông không thấy pháp tương đối có sinh phải không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn, con không thấy!

–Này Tu-bồ-đề! Đó gọi là Vô sinh pháp nhẫn của chư Phật. Bồ-tát nào có thể thành tựu được pháp nhẫn như vậy thì sẽ được chư Phật thọ ký Vô thượng Chánh đẳng giác. Tu-bồ-đề! Đó gọi là đạo Vô sở úy của chư Phật. Nếu Bồ-tát thực hành, tu tập và gần gũi với đạo này mà không được Phật Vô thượng trí, Đại trí, Tự nhiên trí, Nhất thiết trí và Như Lai trí thì không có sự việc này.

–Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả các pháp đều Vô sinh thì Bồ-tát có được chư Phật thọ ký Vô thượng Chánh đẳng giác không?

–Tu-bồ-đề, không!

–Bạch Thế Tôn! Vì sao nay Thế Tôn nói là được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng giác?

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông hiểu sao? Ông thấy có pháp nào để thọ ký Vô thượng Chánh đẳng giác không?

–Bạch Thế Tôn, không! Con không thấy có pháp nào để thọ ký Vô thượng Chánh đẳng giác, cũng không thấy dùng pháp nào có thể đắc và cũng chẳng thấy có pháp nào có thể đắc.

–Này Tu-bồ-đề! Nếu ông hiểu tất cả các pháp không thể đắc như vậy thì không nên nói: "Pháp này có thể đắc và dùng pháp này có thể đắc."

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân đang ở trong đại hội liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật này rất là sâu xa, khó thấy, khó hiểu nên rốt ráo xa lìa. Nếu ai nghe Bát nhã Ba la mật này, rồi biên chép, thọ trì, đọc tụng thì phải biết người ấy phước đức không phải ít.

–Này Kiều-thi-ca! Ý ông thế nào? Giả sử trong cõi Diêm-phùđề này, có chúng sinh thành tựu mười điều lành thì phước đức của họ được sẽ không bằng người đó nghe Bát nhã Ba la mật này, rồi biên chép, thọ trì, đọc tụng. Dù phước đức của người tu mười điều lành có được trăm phần cũng không bằng một phần người nghe Bát-nhã bala-mật…, hoặc họ có được trăm ngàn muôn ức phần cũng không bằng một phần phước đức của người nghe Bát nhã Ba la mật kia, cho đến dùng toán số để thí dụ cũng không thể nào sánh kịp vị ấy.

Bấy giờ có một vị Tỳ-kheo nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Kiều-thi-ca! Như vậy, thiện nam và thiện nữ này đã hơn Nhân giả rồi.

Thích Đề-hoàn Nhân nói:

–Một khi người này chỉ phát tâm dù trong chốc lát mà còn hơn ta, huống gì người kia được nghe Bát nhã Ba la mật, rồi biên chép, thọ trì, đọc tụng và thực hành đúng như pháp thì người ấy rất thù thắng trong tất cả các hàng Trời, Người, A-tu-la nơi thế gian. Vị Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật này không những chỉ hơn tất cả hàng Trời, Người, A-tu-la trong tất cả thế gian, mà còn hơn vị Tuđà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán và Bích-chi-phật. Vị Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật chẳng những chỉ hơn vị Tu-đàhoàn cho đến Bích-chi-phật, mà còn hơn cả vị Bồ-tát lìa Bát nhã Ba la mật không có phương tiện để hành Bố thí ba-la-mật. Vị Bồ-tát này không những chỉ hơn người lìa Bát nhã Ba la mật không dùng phương tiện để hành Bố thí ba-la-mật mà còn hơn người lìa Bát nhã Ba la mật nhưng không dùng phương tiện để hành Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật và Thiền định ba-la-mật. Bồ-tát như vậy là rất thù thắng. Bồ-tát nào thực hành theo Bát nhã Ba la mật đúng như pháp thì Bồ-tát ấy sẽ hơn tất cả hàng Trời, Người, A-tu-la trong thế gian; vì tất cả Trời, Người, Atu-la trong thế gian đều phải cung kính và cúng dường Bát-nhã bala-mật.

Nếu Bồ-tát thực hành đúng theo lời dạy của Bát-nhã ba-lamật thì Bồ-tát ấy không dứt mất Nhất thiết chủng trí, Bồ-tát ấy gần Vô thượng Chánh đẳng giác; Bồ-tát ấy chắc chắn sẽ ngồi đạo tràng và Bồ-tát ấy luôn cứu vớt chúng sinh bị chìm đắm trong sinh tử. Bồ-tát nào học như vậy gọi là học Bát nhã Ba la mật, học như vậy gọi là không học Thanh văn, Bích-chi-phật. Nếu Bồ-tát học như vậy thì sẽ được bốn vị Thiên vương đem bốn bình bát đến chỗ vị ấy và thưa: "Này thiện nam! Ngài hãy học và chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác một cách

nhanh chóng, lúc ngài ngồi đạo tràng thì chúng con sẽ dâng cúng bốn bình bát này." Bạch Thế Tôn! Con cũng đích thân đến thăm hỏi, huống gì là các Thiên tử khác. Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật như vậy thì sẽ được chư Phật thường cùng nhau hộ niệm. Bởi vì, ở thế gian có bao nhiêu chúng sinh bị các khổ não thì vị Bồ-tát này hay tùy theo hạnh Bát-nhã bala-mật mà cứu họ không còn các khổ đó. Bạch Thế Tôn! Theo con nghĩ vị Bồ-tát này sẽ được công đức rất lớn trong đời hiện tại.

Ngay khi ấy, Tôn giả A-nan liền suy nghĩ: "Thích Đề-hoàn Nhân này tự dùng sức trí tuệ của mình để nói như vậy hay là nhờ nương vào thần lực của Phật?"

Biết tâm niệm của A-nan, Thích Đề-hoàn Nhân liền nói với Tôn giả:

–Đều là nhờ thần lực của Phật.

Phật bảo A-nan:

–Đúng vậy, đúng vậy, này A-nan! Những lời của Thích Đềhoàn Nhân vừa nói đều là nhờ thần lực của Phật. Này A-nan! Khi Bồ-tát nào học Bát nhã Ba la mật và tu tập Bát nhã Ba la mật thì ác ma trong tam thiên đại thiên thế giới đều phân vân nghi ngờ: "Hoặc là Bồ-tát này chứng thực tế Trung đạo rồi rơi vào địa Thanh văn,

Bích-chi-phật, hay là đi thẳng đến Vô thượng Chánh đẳng giác?"

Phẩm 21: CUNG KÍNH BỒ-TÁT

Đức Phật bảo A-nan:

–Này A-nan! Nếu Bồ-tát không lìa hạnh Bát nhã Ba la mật thì ác ma sẽ buồn khổ, giống như bị tên bắn vào tim, nên chúng liền phóng mưa đá, sấm chớp muốn làm cho vị Bồ-tát đó hoảng sợ rợn cả người, làm cho tâm vị ấy bị thoái lui Vô thượng Chánh đẳng giác, cho đến một niệm cũng bị thác loạn. Này A-nan! Ác ma không cần phải làm não loạn tất cả Bồ-tát đó.

–Bạch Thế Tôn! Những Bồ-tát nào bị ác ma làm não loạn?

–Này A-nan! Có Bồ-tát đời trước nghe nói pháp Bát-nhã bala-mật mà không thể tin hiểu và thọ trì thì người ấy sẽ bị ác ma làm não loạn.

Lại nữa, này A-nan! Nếu Bồ-tát khi nghe pháp Bát-nhã ba-lamật thâm sâu lại sinh tâm nghi ngờ: "Không biết là có Bát-nhã bala-mật thâm sâu ấy hay không." A-nan! Bồ-tát như vậy cũng bị ác ma làm não loạn.

Lại nữa, này A-nan! Nếu Bồ-tát xa lìa vị Thiện tri thức, bị lệ thuộc ác tri thức nên Bồ-tát này không nghe thật nghĩa thâm sâu trong Bát nhã Ba la mật. Do không nghe nên vị ấy không thấy và không biết phải hành Bát nhã Ba la mật như thế nào? Tu tập Bát nhã Ba la mật ra sao? A-nan! Bồ-tát này bị ác ma làm não loạn.

Lại nữa, này A-nan! Nếu Bồ-tát thọ trì pháp sai lầm thì vị ấy cũng bị ác ma làm não loạn. Ác ma ấy nghĩ: "Người này đã giúp đỡ ta, cũng có thể làm cho người khác giúp đỡ ta. Thế là nguyện của ta đã thành tựu." A-nan! Người này cũng bị ác ma làm não loạn.

Lại nữa, này A-nan! Thế nào là Bồ-tát làm cho ác ma được dịp thuận tiện? Nếu có Bồ-tát nghe Bát nhã Ba la mật rồi đi nói với Bồ-tát khác: “Bát nhã Ba la mật thâm sâu đó chúng tôi còn chưa có thể hiểu hết, các người nghe để làm gì?” Người ấy sẽ bị ác ma làm não loạn.

Này A-nan! Nếu có Bồ-tát khinh các Bồ-tát khác: “Tôi là người tu hạnh viễn ly, còn các người thì không có những công đức này.” Khi ấy, bọn ác ma rất vui mừng và phấn khởi.

Này A-nan! Nếu có Bồ-tát được ác ma khen ngợi danh hiệu của mình, do được khen danh hiệu ấy nên vị ấy khinh chê các Bồ-tát khác có thiện tâm thanh tịnh. Những hạng ấy không có tướng mạo và công đức bậc không thoái chuyển mà dối trá nói rằng mình có công đức không thoái chuyển, chỉ tăng thêm phiền não, rồi họ tự đề cao mình mà khinh khi người khác: “Chỉ có tôi mới được công đức ấy, còn ông thì không có việc đó.” Khi ấy ác ma rất vui mừng và nghĩ: “Cung điện của ta sẽ không trống rỗng và địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh sẽ tăng thêm.” A-nan! Do ác ma gia tăng thêm thần lực của mình vào lời nói của Bồ-tát ấy nên mọi người nghe đều tin thọ. Tin thọ rồi, họ học theo cái mình thấy và thực hành theo lời nói của Bồ-tát ấy. Khi họ học theo cái mình thấy và thực hành theo lời nói ấy rồi họ càng tăng thêm phiền não. A-nan, những người như vậy do tâm họ điên đảo mà gây ra từ nghiệp thân, khẩu, ý mới đưa đến quả báo chịu khổ não. Vì lý do đó mà địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh càng tăng thêm. Này A-nan! Ác ma thấy lợi ích ấy nên chúng rất vui mừng.

Này A-nan! Nếu Bồ-tát cầu Phật đạo mà cùng tranh cãi với các vị Thanh văn thì ác ma sẽ nghĩ: “Người này tuy xa lìa Nhất thiết trí mà thật sự chưa xa lìa.” A-nan! Bồ-tát nào cùng tranh cãi với Bồ-tát khác thì bọn ác ma rất vui mừng và nghĩ: “Người này xa lìa Nhất thiết trí, nhưng không thường xa lìa.” A-nan! Nếu ai chưa được thọ ký Bồ-tát mà sân giận với người đã được thọ ký, rồi cùng nhau tranh cãi, ác khẩu, mắng nhiếc. Nếu người ấy còn luyến tiếc Nhất thiết trí thì cứ theo một niệm họ khởi lên như vậy sẽ diệt trừ một kiếp. Như vậy, người ấy mới được phát Đại trang nghiêm trở lại.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người mắc tội như vậy có thể sám hối được không? Và cần phải giảm bớt bao nhiêu kiếp theo từng niệm ấy thì họ mới phát Đại trang nghiêm trở lại?

Phật dạy:

–Này A-nan! Ta nói có phương pháp xuất tội cho Bồ-tát và Thanh văn chứ không phải không có. A-nan! Nếu Bồ-tát cùng tranh cãi với Bồ-tát khác, ác khẩu mắng chửi nhau, không xin lỗi nhau mà kết hận trong lòng thì ta không nói có phương pháp xuất tội cho người này. Người này nếu còn luyến tiếc Nhất thiết trí thì phải giảm hết số kiếp theo niệm ác đó thì họ mới phát Đại trang nghiêm trở lại.

Này A-nan! Nếu Bồ-tát cùng tranh cãi với Bồ-tát khác, ác khẩu mắng chửi rồi hối hận xin lỗi nhau, sau đó không còn tái phạm nữa và nghĩ: “Ta nên nhường nhịn với tất cả chúng sinh. Nếu ta còn sân giận tranh cãi thì chỉ thêm oán hận cho người còn bị tội lớn. Ta nên làm chiếc cầu cho tất cả chúng sinh, với Bồ-tát khác ta còn chưa dám khinh khi, huống gì gây thêm sự thù oán. Ta nên giống như người đui điếc để không bị tổn hại thâm tâm của mình. Khi được chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác ta sẽ độ cho họ thì tại sao ta còn nổi sân hận với họ để tổn hại cho mình chứ.”

Này A-nan! Người nào cầu Bồ-tát đạo thì đối với hàng Thanh văn cho đến một niệm cũng không nên sân giận.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát cùng sống chung với Bồ-tát khác thì phải như thế nào?

Phật dạy:

–Này A-nan! Nếu Bồ-tát cùng sống chung với Bồ-tát khác thì phải xem nhau như Phật, như Đại sư của mình, phải đồng ngồi một xe, phải cùng đi một đường. Nếu người kia học thứ gì thì ta học thứ ấy. Người kia nếu học tạp nhạp thì ta không nên học theo. Nếu người kia học thanh tịnh hợp với niệm Nhất thiết trí thì ta cũng nên học như vậy. Bồ-tát nào học như vậy thì gọi là đồng học.

Khi ấy, Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát nào học vô tận là học Nhất thiết trí; học vô sinh, học viễn ly, học tịch diệt cũng là học Nhất thiết trí?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Này Tu-bồ-đề! Như lời ông nói, Bồ-tát học vô tận là học Nhất thiết trí, học vô sinh, học viễn ly, học tịch diệt là học Nhất thiết trí chăng. Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Nếu Như Lai dùng Như để được gọi là Như thì Như đó chẳng phải vô tận, chẳng phải viễn ly và chẳng phải tịch diệt ư?

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy!

–Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát học như vậy gọi là học Nhất thiết trí, học Nhất thiết trí là học Bát nhã Ba la mật, học Phật địa mười Lực của Phật, bốn Vô sở úy, học mười tám pháp Bất cộng. Tu-bồ-đề! Bồ-tát nào học như vậy thì sẽ đạt đến cái học bờ bên kia. Nếu Bồ-tát học như vậy thì ma và dân ma không thể hàng phục. Vị nào học như vậy thì sẽ mau chứng địa vị không thoái chuyển, học như vậy sẽ mau ngồi đạo tràng, học như vậy là học chỗ tự mình thực hành, học như vậy là học pháp cứu hộ, học như vậy là học đại Từ, đại Bi, học như vậy là học ba chuyển và mười hai tướng pháp luân, học như vậy là học độ chúng sinh, học như vậy là học không đoạn mất hạt giống Phật, học như vậy là học mở cửa cam lồ.

Này Tu-bồ-đề! Đối với hạng phàm phu còn thấp kém thì không thể nào học được như vậy. Nếu Bồ-tát muốn điều ngự tất cả chúng sinh thì phải học như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nào học như vậy sẽ không bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cũng không sinh vào nơi biên địa, người học như vậy sẽ không sinh vào dòng họ Chiên-đà-la, không sinh vào nhà tranh lá, không sinh vào nhà hốt phân dơ, không sinh vào các nhà nghèo hèn khác.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nào học như vậy thì không bị đui mù, lé, không bị tật lùn, câm, ngọng, đần độn, tàn tật mà thân thể được đầy đủ.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát học được như vậy thì không đoạt mạng sống của người khác, không trộm cướp vật của người khác, không tà dâm, không nói dối, không nói hai lưỡi, không ác khẩu, không nói lời vô ích, không tham lam ganh ghét, không sân giận, không tà kiến, không sống bằng nghề tà mạng, không nuôi quyến thuộc tà kiến và không nuôi quyến thuộc phá giới. Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát học như vậy thì không sinh lên cõi trời Trường thọ nữa. Vì sao vậy? Vì Bồ-tát này đã thành tựu sức phương tiện. Những gì là phương tiện? Đó gọi là từ Bát nhã Ba la

mật khởi lên. Tuy nhập vào thiền nhưng không theo thiền sinh ra. Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát học như vậy thì sẽ đạt được Lực thanh tịnh và Vô úy thanh tịnh của Phật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp vốn là tướng thanh tịnh thì Bồ-tát sẽ đạt được những pháp thanh tịnh gì?

Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Nếu tất cả pháp vốn là tướng thanh tịnh thì Bồ-tát sẽ ở trong pháp tướng thanh tịnh đó thực hành Bát nhã Ba la mật mà không hề khinh nghi, sợ sệt, không thoái lui. Đó gọi là Bát nhã Ba la mật thanh tịnh. Tu-bồ-đề! Hạng phàm phu không thấy, không biết tất cả pháp vốn là tướng thanh tịnh. Thế nên, hàng Bồ-tát nỗ lực tinh tấn theo học trong pháp đó mới đạt được thanh tịnh các lực và các sự không sợ hãi. Tu-bồ-đề! Bồ-tát nào học như vậy thảy đều có thể thông đạt tất cả sự hoạt động của tâm và tâm sở của chúng sinh. Tu-bồ-đề! Ví như ít có chỗ đất sinh ra vàng Diêm-phù-đàn, trong số đông chúng sinh rất ít người có thể học theo Bát nhã Ba la mật như vậy. Ví như ít có chúng sinh có thể tạo nghiệp để làm vua Chuyển luân, phần nhiều chúng sinh chỉ tạo nghiệp để làm vua các nước nhỏ.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Ít có chúng sinh có thể thực hành đạo Bát nhã Ba la mật, phần nhiều chỉ phát tâm Thanh văn và Bíchchi-phật. Tu-bồ-đề! Ít có chúng sinh có thể phát tâm học Vô thượng Chánh đẳng giác. Ở trong số người học Vô thượng Chánh đẳng giác thì có ít người có thể thực hành đúng như pháp. Đối với số người thực hành đúng như pháp thì ít có người có thể học theo Bát nhã Ba la mật. Ở trong số người học Bát nhã Ba la mật thì ít có người nào đạt được địa vị không thoái chuyển.

Thế nên, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nào muốn trở thành người ít nhất trong số ít đó thì phải học Bát nhã Ba la mật và phải tu tập Bát nhã Ba la mật.

Phẩm 22: VÔ XAN PHIỀN NÃO

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nào học Bát nhã Ba la mật như vậy thì không phát sinh tâm phiền não, không sinh tâm bỏn sẻn, không sinh tâm phá giới, không sinh tâm giận tức, không sinh tâm biếng nhác, không sinh tâm tán loạn, không sinh tâm ngu si. Tu-bồ-đề! Bồ-tát học như vậy đều thâu nhiếp vào các pháp Ba-la-mật. Tu-bồ-đề! Ví như sáu mươi hai kiến đều thâu nhiếp vào trong thân kiến. Tu-bồ-đề! Khi Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật cũng đều thâu nhiếp vào các pháp Ba-la-mật. Ví như người chết, khi mạng căn diệt thì các căn cũng đều diệt.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật đều thâu nhiếp trong các pháp Ba-la-mật. Thế nên, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát muốn thâu nhiếp các pháp Ba-la-mật thì phải học Bát nhã Ba la mật. Tu-bồ-đề! Bồ-tát nào học Bát nhã Ba la mật đều là vị đứng đầu ở trong tất cả chúng sinh.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới há có nhiều không?

–Bạch Thế Tôn! Chỉ chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề còn rất nhiều, huống gì là cả tam thiên đại thiên thế giới.

–Này Tu-bồ-đề! Các chúng sinh ấy đều là Bồ-tát cả. Tu-bồđề! Ý ông nghĩ sao? Nếu có một người nào trọn đời cúng dường y phục, uống ăn, ngọa cụ, thuốc men thì do nhân duyên đó người ấy được phước đức có nhiều không?

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều, rất nhiều!

–Này Tu-bồ-đề! Nếu có Bồ-tát tu tập Bát nhã Ba la mật trong khoảng thời gian khảy móng tay thì phước đức của vị ấy sẽ hơn người kia.

Thật vậy, này Tu-bồ-đề! Bát nhã Ba la mật đã làm lợi ích lớn cho các Bồ-tát, có công năng hỗ trợ Vô thượng Chánh đẳng giác. Thế nên, Tu-bồ-đề! Bồ-tát nào muốn chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác, muốn làm bậc Vô thượng trong tất cả chúng sinh, muốn cứu hộ cho tất cả chúng sinh, muốn được đầy đủ pháp của Phật, muốn được những điều hành xử như Phật, muốn được niềm vui độ chúng sinh và tự tại, muốn được tiếng gầm sư tử như Phật, muốn được Sư tử rống như Phật và muốn được giảng pháp ở trong đại hội khắp tam thiên đại thiên thế giới như Phật, thì Bồ-tát ấy phải học Bát nhã Ba la mật. Này Tu-bồ-đề! Ta không bao giờ thấy có Bồ-tát nào học Bát nhã Ba la mật mà không được đầy đủ lợi ích như vậy.

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát ấy cũng được đầy đủ pháp của Thanh văn ư?

–Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát ấy cũng học đầy đủ pháp của Thanh văn nhưng không mong muốn trụ vào pháp của Thanh văn, cũng không nói ta sẽ được pháp Thanh văn ấy, mà vị ấy chỉ muốn đầy đủ các công đức. Tuy có thể biết những lợi ích của công đức ấy nhưng Bồ-tát không trụ vào trong đó mà chỉ nghĩ: "Ta cũng nên nói rõ về công đức của pháp Thanh văn để giáo hóa cho chúng sinh." Nếu Bồ-tát học như vậy thì có thể làm ruộng phước cho hàng Trời, Người, Atu-la trong tất cả thế gian; đối với ruộng phước của Thanh văn và Bích-chi-phật, thì ruộng phước của Bồ-tát là siêu việt hơn hết. Bồ-tát học như vậy thì sẽ được gần Nhất thiết trí, không xả bỏ Bát-nhã bala-mật, không xa lìa Bát nhã Ba la mật. Bồ-tát nào hành Bát-nhã bala-mật như vậy, gọi là không thoái chuyển Nhất thiết trí, sẽ xa lìa địa Thanh văn, Bích-chi-phật và gần Vô thượng Chánh đẳng giác. Bồ-tát ấy nghĩ: "Đây là Bát nhã Ba la mật, nhờ Bát nhã Ba la mật này mà ta sẽ được Nhất thiết trí." Nếu Bồ-tát nào phân biệt như vậy tức là không hành Bát nhã Ba la mật. Bồ-tát nào không phân biệt Bát nhã Ba la mật, không thấy Bát nhã Ba la mật, không nói đây là Bát nhã Ba la mật, nhờ Bát nhã Ba la mật này mà người nọ sẽ được Nhất thiết trí. Tu-bồ-đề! Bồ-tát nào không thấy, không nghe, không hiểu và không biết như vậy, tức là đã hành Bát nhã Ba la mật.

Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân nghĩ: "Bồ-tát này chỉ mới hành Bát nhã Ba la mật mà còn vượt hơn tất cả chúng sinh, huống gì là chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu có người chỉ ưa thích nghe Nhất thiết trí, vị ấy liền được lợi ích lớn và cuộc sống tốt lành như vậy, huống gì hay phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát này sẽ được sự hâm mộ của thế gian và vị ấy sẽ điều ngự được tất cả chúng sinh." Ngay khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân liền biến hóa ra hoa Mạn-đà-la rải tung lên Đức Phật và thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có người nào phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác thì con nguyện làm cho họ đầy đủ pháp của Phật, đầy đủ Nhất thiết trí, đầy đủ pháp Tự nhiên, đầy đủ pháp Vô lậu.

Bạch Thế Tôn! Thậm chí con chẳng nảy sinh một ý niệm muốn làm cho người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác có sự thoái chuyển.

Bạch Thế Tôn! Con thấy trong sinh tử có các khổ não, nên con cũng không sinh một niệm muốn làm cho các Bồ-tát có sự thoái chuyển và tự con cũng siêng năng tinh tấn để cầu Vô thượng Chánh đẳng giác. Vì sao vậy? Vì những người ấy phát tâm như vậy sẽ làm lợi ích lớn cho tất cả thế gian.

Bạch Thế Tôn! Nếu tự thân con được độ thì con sẽ độ cho những người chưa độ, được giải thoát, con sẽ giải thoát cho những người chưa được giải thoát, nếu được an ổn thì con sẽ làm an ổn cho những người chưa được an ổn và được diệt độ, con sẽ diệt độ cho những người chưa được diệt độ. Nếu người nào biết tùy hỷ đối với Bồ-tát mới phát tâm, hoặc vị hành sáu pháp Ba-la-mật, hoặc bậc không thoái chuyển hoặc vị Nhất sinh bổ xứ mà tùy hỷ thì vị ấy được bao nhiêu phước đức?

–Này Kiều-thi-ca! Núi Tu-di chúa còn có thể lường được, chứ phước đức tùy hỷ của vị này không thể nào lường được.

Này Kiều-thi-ca! Trong tam thiên đại thiên thế giới còn có thể lường được, chứ phước đức tùy hỷ của vị này không thể nào lường được.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người nào không có các tâm tùy hỷ ấy thì họ sẽ bị lệ thuộc theo ác ma, phải biết người đó là quyến thuộc của ma. Người mà không có các tâm tùy hỷ ấy, nên biết kẻ đó là ác ma ở trên cõi trời khi chết sinh trở lại vào cõi thế gian này. Vì sao vậy? Vì các tâm ấy đều có thể phá các việc của ma, còn phước đức tùy hỷ của người này thì nên hồi hướng lên ngôi Vô thượng Chánh đẳng giác. Nếu người nào phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng giác thì vị ấy sẽ không bỏ Phật, không bỏ Pháp, không bỏ Tăng. Vì vậy mà họ có các tâm tùy hỷ đó?

–Đúng vậy, đúng vậy, này Kiều-thi-ca! Người nào có các tâm tùy hỷ đó thì phải biết vị ấy mau được gặp Phật. Lại người ấy nhờ có phước đức căn lành tùy hỷ, mà sinh ra bất cứ chỗ nào cũng thường được cúng dường, cung kính, tôn trọng và ngợi khen, không bao giờ nghe tiếng xấu ác, cũng không đọa trong các đường ác mà thường sinh lên cõi trời. Vì sao vậy? Vì người có tâm tùy hỷ đó muốn làm lợi ích cho vô số chúng sinh nên tâm tùy hỷ ấy dần dần tăng trưởng. Do đó mới đạt được Vô thượng Chánh đẳng giác và khi chứng được Vô thượng Chánh đẳng giác, vị ấy sẽ diệt độ vô lượng, vô biên chúng sinh.

Này Kiều-thi-ca! Nhờ nhân duyên đó mà phải biết người có tâm tùy hỷ này làm lợi ích cho vô số chúng sinh nên căn lành được tùy hỷ.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tâm ấy như huyễn thì làm sao chứng Vô thượng Chánh đẳng giác?

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Ông thấy tâm ấy có như huyễn không?

–Bạch Thế Tôn, không! Con không thấy tâm ấy như huyễn.

Phật dạy:

–Ý ông hiểu sao? Nếu ông không thấy huyễn ấy, cũng không thấy tâm như huyễn. Vậy nếu lìa huyễn và lìa tâm như huyễn thì ông thấy có pháp nào có thể chứng Vô thượng Chánh đẳng giác hay không?

–Bạch Thế Tôn, không! Nếu lìa huyễn và lìa tâm như huyễn thì con không thấy có pháp nào để chứng Vô thượng Chánh đẳng giác. Bạch Thế Tôn! Nếu con không thấy pháp nào khác thì nên nói pháp nào có, pháp nào không?

Bạch Thế Tôn! Nếu pháp rốt ráo xa lìa tức là sẽ không còn hữu vô, nếu pháp rốt ráo lìa thì pháp đó không đắc Vô thượng Chánh đẳng giác.

Bạch Thế Tôn! Vì pháp Vô sở hữu cũng không thể chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác, do đó mà Bát nhã Ba la mật rốt ráo lìa. Nếu pháp rốt ráo lìa thì không thể tu tập pháp ấy như vậy, cũng không thể sinh ra pháp nào khác vì Bát nhã Ba la mật hoàn toàn lìa.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bát nhã Ba la mật rốt ráo lìa thì làm sao có thể chứng Vô thượng Chánh đẳng giác? Nếu Vô thượng Chánh đẳng giác cũng rốt ráo lìa?

Phật dạy:

–Lành thay, lành thay, này Tu-bồ-đề! Nếu Bát nhã Ba la mật rốt ráo lìa thì Vô thượng Chánh đẳng giác cũng rốt ráo lìa. Do vì nhân duyên ấy mà có thể chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Bát nhã Ba la mật không lìa rốt ráo thì không phải là Bát nhã Ba la mật. Như vậy, này Tu-bồ-đề! Nếu không lìa Bát nhã Ba la mật mà chứng Vô thượng Chánh đẳng giác thì cũng không thể dùng sự xa lìa để được xa lìa.

QUYỂN 9
Phẩm 23: KHEN NGỢI BỒ-TÁT

Khi ấy Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật tức là hành thật nghĩa thậm thâm vi diệu phải không?

Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát hành Bát-nhã bala-mật tức là hành thật nghĩa thậm thâm vi diệu. Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát hành thật nghĩa thậm thâm vi diệu ấy mà lấy làm khó thì không chứng được thật nghĩa ấy. Đó gọi là hàng địa Thanh văn, hoặc là địa Bích-chi-phật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Theo con hiểu về thật nghĩa mà Phật đã nói thì sự thực hành của Bồ-tát không khó. Vì sao vậy? Vì người chứng đắc chẳng thể nắm bắt được, pháp dùng để chứng đắc chẳng thể nắm bắt được và pháp được chứng đắc cũng chẳng thể nắm bắt được. Nếu Bồ-tát nghe nói như vậy mà không khinh nghi, sợ sệt, không thoái lui thì phải biết Bồ-tát ấy đã hành Bát nhã Ba la mật, mà không thấy ta hành Bát nhã Ba la mật. Vì không phân biệt như vậy nên biết Bồ-tát ấy gần chứng Vô thượng Chánh đẳng giác, xa lìa địa Thanh văn và Bích-chi-phật.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát hành ví như hư không, không có nghĩa là gần hay xa. Vì sao? Vì hư không không có sự phân biệt.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật cũng như vậy, không nghĩ: “Các Thanh văn, Bích-chi-phật cách xa ta, còn Vô thượng Chánh đẳng giác thì gần ta. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật không có phân biệt.”

Bạch Thế Tôn! Ví như người huyễn được nhà ảo thuật biến hóa ra, nhưng không nghĩ rằng: “Nhà ảo thuật thì gần ta, còn người xem thì xa ta.” Vì sao vậy? Vì người huyễn do nhà ảo thuật hóa ra không có phân biệt.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật cũng như vậy, không nghĩ rằng: “Quả vị Thanh văn, Bích-chi-phật cách xa ta, Vô thượng Chánh đẳng giác thì cách gần ta.” Vì sao vậy? Vì Bát nhã Ba la mật không có phân biệt.

Bạch Thế Tôn! Ví như cái bóng không nghĩ rằng: “Vật tạo ra ta thì gần ta, còn các việc khác thì cách xa ta.” Vì sao vậy? Vì cái bóng không có phân biệt. Bát nhã Ba la mật cũng như vậy, không nghĩ rằng: “Quả vị Thanh văn, Bích-chi-phật xa ta, còn Vô thượng Chánh đẳng giác thì gần ta.” Vì sao vậy? Vì Bát nhã Ba la mật không có phân biệt.

Bạch Thế Tôn! Giống như Đức Như Lai không thương, không ghét. Bát nhã Ba la mật cũng như vậy, không có thương, không có ghét. Bạch Thế Tôn, giống như Đức Như Lai không có các sự phân biệt, Bát nhã Ba la mật cũng như vậy, không có các sự phân biệt.

Bạch Thế Tôn! Giống như hóa thân của Như Lai không nghĩ rằng: “Quả vị Thanh văn, Bích-chi-phật cách xa ta, còn Vô thượng Chánh đẳng giác thì cách gần ta.” Vì sao vậy? Vì hóa thân của Như Lai không có phân biệt. Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật cũng như vậy, không có phân biệt quả vị Thanh văn, Bích-chi-phật cách xa ta, còn Vô thượng Chánh đẳng giác thì cách gần ta. Vì sao vậy? Vì Bát nhã Ba la mật không có phân biệt. Bạch Thế Tôn! Như hóa thân của Như Lai tùy theo việc mà làm, không có phân biệt. Bát-nhã ba-lamật cũng như vậy, tùy theo sự tu tập đều có thể thành tựu mà không có phân biệt.

Bạch Thế Tôn! Ví như người thợ làm ra các bộ phận người bằng gỗ. Như người nam hoặc người nữ đó tùy theo việc làm đều được thành tựu mà không có phân biệt. Bạch Thế Tôn! Bát-nhã bala-mật cũng như vậy, tùy theo sự tu tập thì việc gì cũng đều được thành tựu nhưng không có phân biệt.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật tức là hành thật nghĩa kiên cố phải không?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật tức là hành thật nghĩa kiên cố.

Khi ấy, các Thiên tử ở cõi Dục nghĩ: “Nếu có người phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng giác, có thể thực hành Bát nhã Ba la mật thâm sâu như vậy mà không chứng thật tế lại rơi vào địa vị Thanh văn, hoặc là địa Bích-chi-phật nên biết việc làm của Bồ-tát ấy rất khó được sự cung kính, lễ lạy của tất cả thế gian.” Tu-bồ-đề nói với các Thiên tử:

–Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật thâm sâu như vậy mà không chứng đắc thì không lấy làm khó. Vì sự cứu độ vô lượng, vô số chúng sinh nên Bồ-tát phát đại trang nghiêm, nhưng các chúng sinh rốt ráo chẳng thể nắm bắt được, người đáng được độ thì cũng chẳng thể nắm bắt được. Nhưng nếu họ có thể phát tâm lại thì ta sẽ độ họ. Đó mới gọi là khó.

Này các Thiên tử! Người này muốn cứu độ chúng sinh là muốn độ hư không. Vì sao vậy? Vì hư không xa lìa nên chúng sinh cũng xa lìa. Thế nên phải biết việc làm của Bồ-tát ấy rất là khó. Biết không có chúng sinh nhưng vì chúng sinh mà vị ấy phát Đại trang nghiêm. Cũng như người chiến đấu với hư không nên Phật nói chúng sinh ấy chẳng thể nắm bắt được. Vì chúng sinh xa lìa nên người có thể được độ cũng xa lìa. Vì chúng sinh xa lìa nên sắc cũng xa lìa. Vì chúng sinh xa

lìa nên thọ, tưởng, hành, thức cũng xa lìa; vì chúng sinh xa lìa nên tất cả các pháp cũng xa lìa. Nếu Bồ-tát nghe nói như vậy mà không khinh nghi, sợ sệt, không thoái lui thì phải biết Bồ-tát đó đã hành Bát nhã Ba la mật. Phật hỏi Tu-bồ-đề:

–Vì nhân duyên gì mà Bồ-tát không khinh nghi sợ sệt và không bị thoái lui?

–Bạch Thế Tôn! Vì không nên không thoái lui, vì vô sở hữu nên không thoái lui. Vì sao? Vì người thoái lui chẳng thể nắm bắt được, pháp thoái lui chẳng thể nắm bắt được và nơi thoái lui cũng chẳng thể nắm bắt được. Bồ-tát nào nghe nói như vậy mà không khinh nghi sợ sệt, không thoái lui thì phải biết Bồ-tát ấy đã hành Bát nhã Ba la mật.

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật là như thế. Lúc bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân cùng chúng Phạm Thiên vương chủ tể của chúng sinh, Tự tại Thiên vương và các Thiên tử đều cùng nhau cung kính, lễ lạy vị Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật này. Này Tu-bồ-đề! Không những Thích Đề-hoàn Nhân, Phạm Thiên vương chủ tể của chúng sinh, Tự tại Thiên vương và các Thiên tử mới cung kính lễ lạy vị Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật này, mà chư Thiên các cõi trời như: Phạm thế, Phạm phụ, Phạm chúng, Đại phạm, Quang thiên, Thiểu quang, Vô lượng quang, Quang âm, Tịnh, Thiểu Tịnh, Vô lượng tịnh, Vô biến tịnh, Vô âm, Phước sinh, Quảng quả, Vô quảng, Vô nhiệt, Diệu kiến, Thiện kiến và cùng tất cả chư Thiên trên các cõi trời Vô tiểu cũng đều cung kính và lễ lạy vị Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật này.

Này Tu-bồ-đề! Vô lượng a-tăng-kỳ thế giới chư Phật trong hiện tại đều nhớ nghĩ đến vị Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật này. Tubồ-đề! Nếu Bồ-tát khi hành Bát nhã Ba la mật thì sẽ được chư Phật hộ niệm, phải biết Bồ-tát ấy tức là bậc không thoái chuyển.

Này Tu-bồ-đề! Giả sử như các chúng sinh trong hằng hà sa thế giới đều làm ác ma. Mỗi một chúng sinh ấy đều hóa làm ác ma như vậy, nhưng chúng ma ấy đều không thể nào hại được vị Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật này.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thành tựu được hai pháp thì ác ma không thể phá hoại. Đó là:

1- Quán sát tất cả các pháp là không.

2- Không xả bỏ tất cả chúng sinh.

Bồ-tát thành tựu được hai pháp trên đây, ác ma không thể nào hại được.

Này Tu-bồ-đề! Lại có hai pháp ác ma không thể nào phá hoại đó là:

1- Lời nói phải đi đôi với việc làm.

2- Được chư Phật hộ niệm.

Bồ-tát thành tựu được hai pháp trên đây thì sẽ được chư Thiên đến cung kính cúng dường thăm hỏi và an ủi như sau: "Này thiện nam, nếu ông thực hành hạnh ấy thì sẽ mau chứng Phật đạo. Nếu thực hành hạnh này thì ông phải cứu độ cho những chúng sinh không được cứu độ, phải làm nhà ở cho những chúng sinh không có nhà ở, phải làm chỗ nương tựa cho những chúng sinh không có chỗ nương tựa, phải làm hòn đảo cho những chúng sinh không có hòn đảo, phải làm con đường thông suốt cho những chúng sinh không có con đường thông suốt, phải làm chỗ cho những chúng sinh không có chỗ quay về, phải đem lại ánh sáng cho những chúng sinh đang bị tối tăm và phải làm lối đi cho những chúng sinh không có lối đi. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy thực hành hạnh Bát nhã Ba la mật mà thành tựu được bốn công đức. Khi đang nói pháp Bát nhã Ba la

mật cho các Tỳ-kheo Tăng ở chung quanh thì Bồ-tát ấy được vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ chư Phật trong số thế giới khắp mười phương ở hiện tại thảy đều khen ngợi, tán thán về danh hiệu của mình.”

Này Tu-bồ-đề! Ví như nay ta đang khen ngợi tán thán thật tướng và danh tự của vị Bồ-tát nói Bát nhã Ba la mật và các Bồ-tát khác ở chỗ Phật A-súc. Vì các Bồ-tát ấy thường tu hành phạm hạnh và không bao giờ xa lìa việc thực hành Bát nhã Ba la mật này.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Nay chư Phật ở khắp mười phương trong hiện tại cũng đều khen ngợi tán thán: “Các Bồ-tát trong nước ta nổi tiếng tu hành phạm hạnh và không xa lìa việc thực hành Bát nhã Ba la mật.”

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả chư Phật khi thuyết pháp đều khen ngợi tán thán các vị Bồ-tát phải không?

Phật dạy:

–Không, này Tu-bồ-đề! Khi chư Phật thuyết pháp, có vị Bồ-tát được khen ngợi tán thán nhưng có vị không được khen ngợi tán thán.

Tu-bồ-đề! Khi thuyết pháp, chư Phật hay khen ngợi các vị Bồ-tát không thoái chuyển.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Khi chư Phật thuyết pháp, những vị Bồ-tát chưa chứng không thoái chuyển thì các Ngài có khen ngợi tán thán không?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Những Bồ-tát nào chưa chứng địa vị không thoái chuyển thì chư Phật cũng khen ngợi tán thán. Vì những gì mà Bồ-tát có thể học theo ở Phật A-súc thì vị ấy đều được hành đạo. Bồ-tát như vậy, tuy chưa chứng không thoái chuyển cũng được chư Phật khen ngợi, tán thán.

Tu-bồ-đề! Vị nào có khả năng học theo tướng hành đạo của Bồ-tát đó thì Bồ-tát như vậy, dù chưa chứng không thoái chuyển, cũng được chư Phật khen ngợi tán thán.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Có Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật và tin hiểu tất cả các pháp Vô sinh mà chưa chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn. Cũng có vị tin hiểu tất cả các pháp là không mà ở trong địa vị không thoái chuyển vị ấy chưa được tự tại. Cũng có vị có thể thực hành tướng tịch tịnh của tất cả các pháp mà chưa vào địa vị không thoái chuyển.

Tu-bồ-đề! Những Bồ-tát thực hành như vậy cũng được chư Phật khen ngợi tán thán khi các Ngài thuyết pháp. Còn vị nào chưa chứng không thoái chuyển mà được chư Phật khen ngợi tán thán khi các Ngài thuyết pháp thì vị ấy sẽ xa lìa được địa Thanh văn, Bích-chiphật, gần địa vị Phật và chắc chắn vị ấy sẽ được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng giác.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật như vậy thì khi chư Phật thuyết pháp, vị ấy sẽ được các Ngài khen ngợi, tán thán. Và ông phải biết rằng Bồ-tát ấy sẽ chắc chắn đạt đến địa vị không thoái chuyển.

Phẩm 24: CHÚC LỤY

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát nào nghe Bát nhã Ba la mật ấy một cách thâm sâu rồi tin hiểu, không nghi ngờ, không hối hận, không lấy làm khó thì Bồ-tát ấy sẽ ở nơi Phật A-súc và chỗ của các Bồ-tát nghe Bát-nhã ba-lamật một cách thâm sâu và cũng tin hiểu như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nào có thể tin hiểu Bát nhã Ba la mật đúng như Phật đã nói thì người ấy chắc chắn sẽ đạt đến địa vị không thoái chuyển. Tu-bồ-đề! Chỉ nghe Bát nhã Ba la mật mà người ấy còn được lợi ích như vậy, huống gì tin hiểu và thực hành đúng như lời dạy đó thì họ sẽ trụ vào Nhất thiết trí.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu lìa chân như lại không có pháp nào để đắc thì ai sẽ trụ vào Nhất thiết trí? Ai sẽ chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác và ai sẽ thuyết pháp?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Này Tu-bồ-đề! Theo lời ông hỏi, nếu lìa chân như lại không có pháp nào để đắc thì ai sẽ trụ vào Nhất thiết trí, ai sẽ chứng Vô thượng Chánh đẳng giác và ai sẽ thuyết pháp. Đúng vậy, đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Lìa chân như thì sẽ không có pháp nào trụ trong chân như cả. Vì chân như còn không thể đắc, huống gì là có người trụ vào chân như. Vì vậy, chân như không thể chứng Vô thượng Chánh đẳng giác, mà lìa chân như cũng không thể chứng Vô thượng Chánh đẳng giác. Do đó, chân như không có thuyết pháp, mà lìa chân như cũng không có ai thuyết pháp cả.

Khi ấy Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Không có người trụ vào chân như thì sẽ không có ai chứng Vô thượng Chánh đẳng giác. Không có ai thuyết pháp mà Bồ-tát nghe pháp ấy một cách thâm sâu nhưng không nghi ngờ, không hối hận, không lấy làm khó mà muốn chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác thì đó mới thật là khó.

Tu-bồ-đề nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Kiều-thi-ca! Như lời ông nói, Bồ-tát nghe pháp ấy một cách thâm sâu nhưng không nghi ngờ, không hối hận, không lấy làm khó mà muốn chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác thì đó là điều rất khó. Này Kiều-thi-ca! Tất cả các pháp là không thì trong pháp này ai sẽ nghi ngờ, ai sẽ hối hận và ai sẽ lấy làm khó?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa với Tu-bồ-đề:

–Thưa Tôn giả! Như lời thầy nói thì đều nương vào không mà không có gì ngăn ngại. Ví như mũi tên bắn lên hư không nó đi không có gì ngăn ngại. Thưa Tôn giả Tu-bồ-đề! Con nói chỗ không ngăn ngại cũng như vậy.

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con nói như vậy và trả lời như vậy là nói đúng theo lời của Như Lai và trả lời đúng như pháp phải không?

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca! Ông nói như vậy và trả lời như vậy là đúng theo lời nói của Như Lai và trả lời đúng như pháp. Như vậy là ông đã trả lời đúng với chánh pháp.

Này Kiều-thi-ca! Những gì mà Tu-bồ-đề đã nói đều dựa vào không. Tu-bồ-đề còn không có Bát nhã Ba la mật để đắc, huống gì là thực hành theo Bát nhã Ba la mật. Không có quả Vô

thượng Chánh đẳng giác để chứng huống gì có người chứng Vô thượng Chánh đẳng giác. Không có Nhất thiết trí để chứng, huống gì có người chứng Nhất thiết trí. Không có chân như để chứng, huống gì có người chứng chân như. Không có pháp vô sinh để chứng, huống gì có người chứng pháp vô sinh. Không có các lực để chứng, huống gì có người chứng các lực. Không có pháp vô sở úy để chứng huống gì có người chứng pháp vô sở úy và không có pháp nào để đắc, huống gì có người thuyết pháp.

Này Kiều-thi-ca! Tu-bồ-đề thường ưa thích hạnh viễn ly và ưa thích hạnh vô sở đắc. Này Kiều-thi-ca! Những sự thực hành đó của Tu-bồ-đề mà so với sự thực hành của vị Bồ-tát này thì dù trăm phần cũng không bằng một phần, hoặc trăm ngàn vạn ức phần cũng không bằng một phần, cho đến toán số ví dụ cũng không thể nào sánh kịp với Bồ-tát ấy.

Này Kiều-thi-ca! Chỉ trừ sự thực hành của Đức Như Lai ra, còn Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật này so với các sự thực hành khác thì vị ấy là bậc Đại tối thắng, vô thượng vi diệu. Nếu đem sự thực hành của vị Bồ-tát này so với sự thực hành của hàng Thanh văn, Bích-chi-phật thì vị ấy là bậc Đại tối thắng, vô thượng vi diệu. Thế nên, này Kiều-thi-ca! Nếu ai muốn trở thành bậc Tối thượng trong tất cả chúng sinh thì vị ấy phải thực hành Bát nhã Ba la mật như vị Bồ-tát đã hành.

Bấy giờ trong đại hội các Thiên tử ở cõi trời Đao-lợi đem hoa Mạn-đà-la rải lên Đức Phật. Có sáu trăm vị Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy mặc áo để hở vai bên phải, quỳ gối bên phải chấm đất, chắp tay hướng về Đức Phật, nhờ thần lực của Phật nên hai tay các vị ấy đều vóc đầy hoa, rồi liền đem hoa này rải tung lên Đức Phật. Rải hoa xong các vị ấy liền thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con sẽ thực hành hạnh Tối thượng ấy.

Đức Phật liền mỉm cười. Theo thường pháp của chư Phật khi mỉm cười thì từ nơi miệng của các Ngài phát ra vô lượng màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng. Các ánh sáng ấy chiếu khắp cả vô lượng, vô biên thế giới lên đến trời Phạm thiên, rồi trở lại bao quanh thân ba vòng và nhập vào đỉnh đầu của các Ngài.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, mặc áo bày vai phải, gối bên phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật và bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà Như Lai lại mỉm cười? Khi chư Phật mỉm cười là đều có nhân duyên cả.

Phật bảo A-nan:

–Này A-nan! Vào thời kiếp Tinh tú sẽ có sáu trăm vị Tỳ-kheo được chứng thành Phật và đồng một hiệu là Tán Hoa. Này A-nan! Số Tỳ-kheo Tăng và chư Như Lai ấy đều ngang bằng nhau, tuổi thọ của chư vị cũng bằng nhau và đều sống đến hai vạn kiếp. Từ đó về sau, các Tỳ-kheo kia sinh ra nơi nào cũng được xuất gia, thế giới của họ thường mưa hoa năm màu rất đẹp. Thế nên, này A-nan! Nếu ai muốn thực hành hạnh tối thượng ấy thì nên thực hành Bát nhã Ba la mật. Bồ-tát nào muốn thực hành theo hạnh của Như Lai thì nên thực hành Bát nhã Ba la mật.

Này A-nan! Nếu Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, nên biết người ấy sau khi mạng chung từ cõi nhân gian, hoặc giả mạng chung ở trên cõi Đâu-suất, đời sau sẽ sinh ở chốn nhân gian. Bởi vì sao? Vì trong loài người và trên cõi trời Đâu-suất, mọi người dễ thực hành Bát nhã Ba la mật.

Này A-nan! Nếu Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật mà tin thích, thọ trì, đọc tụng, ghi chép; ghi chép rồi đem Bát nhã Ba la mật đó chỉ dạy làm lợi ích cho các Bồ-tát khác thì nên biết vị ấy

được Như Lai trông thấy, phải biết vị ấy đã gieo trồng các căn lành với chư Phật mà không trồng căn lành cùng đệ tử.

Này A-nan! Bồ-tát nào học Bát nhã Ba la mật mà không khinh nghi sợ sệt, ngược lại còn tin thích, thọ trì, đọc tụng và thực hành đúng như pháp thì nên biết vị ấy được đến chỗ Phật ở hiện tại. Lại nếu có Bồ-tát nào tin Bát nhã Ba la mật mà không chê bai, không chống báng thì nên biết vị ấy đã cúng dường chư Phật.

Này A-nan! Nếu người nào đã trồng căn lành với Phật mà cầu quả vị A-la-hán, Bích-chi-phật thì căn lành ấy không hư vọng, cũng không lìa Bát nhã Ba la mật.

Thế nên, này A-nan! Nay ta đem pháp Bát nhã Ba la mật này giao phó cho ông. A-nan, pháp mà ta đã nói dùng chỉ Bát-nhã bala-mật, nếu có ai thọ trì mà lại quên mất thì lỗi của người ấy còn ít. Còn ông nếu thọ trì Bát nhã Ba la mật mà quên mất, thậm chí chỉ một câu thì lỗi ấy rất nặng. Thế nên, này A-nan! Ta đã đem Bát nhã Ba la mật dặn dò và phó chúc cho ông. Vậy, những gì ông đã nghe và thọ trì phải luôn đọc tụng để tâm được an trú trong niệm thông suốt lợi ích và điều ông đã nghe và thọ trì, đều phải nên đọc tụng, thảy đều khiến cho thông suốt lanh lợi và ý niệm tốt lành ở trong lòng. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật là kho tàng giáo pháp của chư Phật trong quá khứ, hiện tại và vị lai. Này A-nan! Nếu người nào muốn đem tâm Từ cung kính cúng dường ta trong đời hiện tại thì người ấy nên đem tâm đó cúng dường Bát nhã Ba la mật rồi thọ trì, đọc tụng và thực hành đúng như pháp tức là vị ấy đã cúng dường ta rồi. Này A-nan! Người ấy không những cúng dường ta mà còn cúng dường chư Phật đời quá khứ, vị lai và hiện tại. Này Anan! Nếu ông kính trọng và không bỏ ta thì cũng nên kính trọng và không bỏ Bát nhã Ba la mật cũng như vậy. Cho đến một câu phải cẩn thận và chớ để quên mất. Này A-nan! Chính vì nhân duyên ấy mà ta giao phó Bát nhã Ba la mật cho ông. Nếu một kiếp, trăm kiếp hay ngàn muôn ức na-do-tha kiếp, cho đến trong hằng hà sa kiếp ta nói cũng không hết.

Này A-nan! Ta chỉ nói lược qua thôi, như ta nay là nước, đối với hàng Trời, Người, A-tu-la trong tất cả thế gian, mười phương chư Phật thời quá khứ và hiện tại cũng là nước; Bát nhã Ba la mật cũng là nước, đối với hàng Trời, Người, A-tu-la trong tất cả thế gian mà ta đem Bát nhã Ba la mật giao phó cho ông.

Đức Phật lại bảo A-nan:

–Nếu người nào kính trọng Phật, kính trọng Pháp, kính trọng Tăng, kính trọng chư Phật Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ở đời quá khứ, hiện tại, vị lai thì vị ấy phải đem sự kính trọng đó mà kính trọng Bát nhã Ba la mật. Đây tức là dụng mà ta đã giáo hóa.

Này A-nan! Nếu có người nào thường xuyên thọ trì đọc tụng Bát nhã Ba la mật, nên biết vị ấy được thọ trì Vô thượng Chánh đẳng giác của chư Phật quá khứ, vị lai và hiện tại.

Này A-nan! Khi Bát nhã Ba la mật sắp bị tiêu diệt mà có người muốn ủng hộ và giúp đỡ thì người ấy đã ủng hộ và giúp đỡ Vô thượng Chánh đẳng giác của chư Phật ở quá khứ, vị lai và hiện tại. Vì sao vậy? Này A-nan! Vì Vô thượng Chánh đẳng giác của chư Phật đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra. A-nan! Nếu Vô thượng Chánh đẳng giác của chư Phật quá khứ đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra. Vô thượng Chánh đẳng giác của chư Phật vị lai cũng đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra và Vô thượng Chánh đẳng giác của chư Phật hiện tại trong vô lượng, vô số thế giới cũng đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra. Vì thế cho nên, này A-nan! Nếu Bồ-tát muốn chứng Vô thượng

Chánh đẳng giác thì phải khéo học sáu pháp Ba-la-mật. Vì sao? Vì sáu pháp Ba-la-mật là mẹ của các Bồ-tát sinh ra chư Phật. Nếu Bồ-tát học sáu pháp Ba-la-mật ấy thì sẽ được chứng Vô thượng Chánh đẳng giác. Thế nên, này A-nan! Một lần nữa ta đem sáu pháp Ba-lamật giao phó cho ông. Vì sao vậy? Vì sáu pháp Ba-la-mật này chính là kho tàng giáo pháp vô tận của chư Phật trong ba đời.

Này A-nan! Nếu ông dựa vào pháp Tiểu thừa để giảng nói cho người Tiểu thừa, chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đều nhờ vào pháp đó mà chứng A-la-hán thì ông chỉ là người đệ tử được công đức rất ít, không đáng kể. Nhưng này A-nan! Nếu ông đem sáu pháp Ba-la-mật đó thuyết giảng cho các hàng Bồ-tát thì ông sẽ là đệ tử của ta và được công đức đầy đủ, điều đó làm ta rất hoan hỷ.

Này A-nan! Nếu vị nào đem pháp Tiểu thừa chỉ dạy cho các chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới được chứng A-la-hán thì các phước đức của sự bố thí, trì giới và tu thiện của họ há có nhiều không?

A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Đức Phật bảo A-nan:

–Phước đức ấy tuy nhiều, nhưng không bằng hàng Thanh văn thuyết giảng Bát nhã Ba la mật cho các Bồ-tát dù chỉ một ngày thì phước đức của vị ấy rất nhiều.

Này A-nan! Đặt một ngày này, nếu từ sáng sớm đến giờ ăn, đặt từ sáng sớm đến giờ ăn, thậm chí một khắc lậu; đặt một khắc lậu ấy, thậm chí trong thoáng chốc, người ấy nói pháp cho hàng Bồ-tát, phước đức và căn lành của tất cả Thanh văn và Bích-chi-phật không thể so sánh với người ấy và nhớ nghĩ như vậy mà thoái chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng giác, sẽ không có sự việc như thế.

Này A-nan! Nếu Bồ-tát thực hành như vậy và nhớ nghĩ như vậy mà Vô thượng Chánh đẳng giác bị thoái chuyển thì không có sự việc này.

Phẩm 25: THẤY PHẬT A-SÚC

Khi Đức Phật thuyết giảng pháp Bát nhã Ba la mật, cho bốn bộ chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và các hàng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầula-già, Nhân phi nhân… trong đại hội họ đều nhờ thần lực của Phật, mọi người thấy mình đang cung kính trang nghiêm vây quanh Đức Phật A-súc ở trong đại hội đó để nghe thuyết pháp, giống như nước trong biển cả không hề có sự di động. Khi ấy các vị Tỳ-kheo đều là bậc A-la-hán, các lậu đã sạch, không còn phiền não, tâm được tự tại. Cho đến vô số, vô lượng các Đại Bồ-tát, cũng cùng nhau cung kính vây quanh. Bấy giờ Đức Phật thu nhiếp thần lực, bốn chúng trong đại hội đều không thấy Đức Như Lai và cõi nước trang nghiêm của hàng Thanh văn Bồ-tát.

Đức Phật bảo A-nan:

–Này A-nan! Tất cả các pháp cũng như vậy, nó không phải là đối tượng của con mắt. Cũng như hiện nay Phật A-súc và các vị Ala-hán cùng các chúng Bồ-tát đều không hiện ra nữa. Vì sao vậy? Vì pháp không thấy pháp, pháp không biết pháp. Này A-nan! Tất cả pháp không phải để

biết, không phải để thấy, không có người tạo tác nên không có sự tham trước, cũng không có phân biệt. Này A-nan! Tất cả các pháp không thể nghĩ bàn, giống như người huyễn và tất cả các pháp cũng không có người thọ nhận nên nó không bền vững. Bồ-tát nào thực hành như vậy thì gọi là hành Bát nhã Ba la mật và đối với các pháp vị ấy không còn chấp trước nữa. Bồ-tát học như vậy thì gọi là học Bát nhã Ba la mật.

Này A-nan! Nếu Bồ-tát muốn đạt đến tất cả pháp ở bờ bên kia giải thoát thì phải học Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Này A-nan! Vì học Bát nhã Ba la mật là sự học tối thắng đệ nhất ở trong các sự học và nó sẽ làm an lạc, lợi ích cho thế gian. Này A-nan! Người học như vậy thì sẽ làm chỗ nương tựa cho những ai không có chỗ nương tựa và người nào học như vậy thì sẽ được chư Phật chấp nhận, chư Phật khen ngợi. Chư Phật nhờ học như vậy mới có năng lực dùng ngón chân làm chấn động cả tam thiên đại thiên thế giới.

Này A-nan! Chư Phật nhờ học Bát nhã Ba la mật ấy mà chứng tất cả các pháp Tri kiến vô ngại trong đời quá khứ, vị lai và hiện tại. Này A-nan! Chính vì thế mà ta nói Bát nhã Ba la mật là Tối thượng vi diệu.

Này A-nan! Nếu ông muốn suy lường Bát nhã Ba la mật thì phải suy lường hư không. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật là vô lượng. Này A-nan! Ta không nói Bát nhã Ba la mật có giới hạn và có số lượng. A-nan, danh tự, chương cú, ngôn ngữ còn có số lượng, nhưng Bát nhã Ba la mật thì không có số lượng.

A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà Bát nhã Ba la mật vô lượng?

Phật dạy:

–Này A-nan! Vì Bát nhã Ba la mật là vô tận nên nó vô lượng; vì Bát nhã Ba la mật xa lìa nên nó vô lượng. Này A-nan! Chư Phật thời quá khứ đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra, nhưng Bát-nhã ba-lamật chẳng tận. Chư Phật thời vị lai đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra, nhưng Bát nhã Ba la mật chẳng cùng tận. Trong vô lượng thế giới đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra nhưng Bát nhã Ba la mật bất tận, vì thế nên, Bát nhã Ba la mật đã bất tận, nay bất tận và sẽ bất tận. Này A-nan! Nếu người muốn tận Bát nhã Ba la mật là muốn tận hư không.

Khi ấy Tu-bồ-đề nghĩ: "Việc này rất là sâu xa, ta phải thưa hỏi Phật." Liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật là vô tận chăng?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Bát nhã Ba la mật là vô tận. Vì hư không vô tận nên Bát nhã Ba la mật cũng vô tận.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Bát nhã Ba la mật là vô tận thì phải làm thế nào để sinh ra Bát nhã Ba la mật?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Vì sắc vô tận nên sinh ra Bát nhã Ba la mật; vì thọ, tưởng, hành, thức vô tận nên sinh ra Bát nhã Ba la mật.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nào khi ngồi đạo tràng mà quán sát nhân duyên như vậy thì vị ấy sẽ không rơi vào hàng nhị biên Thanh văn, Bích-chi-phật. Đó là pháp Bất cộng của Bồ-tát. Nếu Bồ-

tát quán pháp nhân duyên như vậy thì sẽ không rơi vào địa Thanh văn, Bíchchi-phật. Vị ấy mau gần Nhất thiết trí và chắc chắn sẽ chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác.

Này Tu-bồ-đề! Nếu các Bồ-tát có sự thoái chuyển thì không được suy nghĩ như thế, Bồ-tát không biết thực hành Bát-nhã ba-lamật thì làm sao dùng pháp vô tận để quán mười hai nhân duyên?

Nếu các Bồ-tát không thoái chuyển, đều được sức phương tiện như vậy; đó gọi là Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng pháp vô tận như thế để quán mười hai nhân duyên.

Nếu khi Bồ-tát quán như vậy mà chẳng thấy các pháp không có nhân duyên sinh, cũng không thấy các pháp thường, cũng không thấy có người tạo tác và cũng không thấy có người thọ nhận các pháp. Tu-bồ-đề! Đó gọi là Bồ-tát khi hành Bát nhã Ba la mật quán pháp mười hai nhân duyên.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát khi hành Bát nhã Ba la mật mà không thấy sắc, không thấy thọ, tưởng, hành, thức, không thấy thế giới của Phật này hay không thấy thế giới của Phật kia; cũng không thấy có pháp, thấy thế giới của Phật này hay thế giới của Phật kia.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nào có thể hành Bát nhã Ba la mật như vậy thì khi ấy ác ma sẽ ưu sầu như sắp bị mũi tên bắn vào tim. Ví như người có cha mẹ mới chết nên họ rất đau buồn. Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật làm cho bọn ác ma rất ưu sầu cũng như vậy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chỉ có một ác ma ưu sầu hay là tất cả ma trong tam thiên thế giới đều ưu sầu?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Các ác ma ấy đều ưu sầu, mỗi ác ma ở chỗ ngồi, bản thân không thể nào an ổn. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nào hành Bát nhã Ba la mật như vậy thì hàng Trời, Người, A-tu-la trong tất cả thế gian không thể nào hại được vị ấy, cũng không thấy có pháp nào làm cho họ bị thoái chuyển lại Vô thượng Chánh đẳng giác. Thế nên, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nào muốn chứng Vô thượng Chánh đẳng giác thì phải thực hành Bát nhã Ba la mật như vậy. Khi Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật như vậy thì vị ấy sẽ đầy đủ Bố thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn bala-mật và Thiền định ba-la-mật. Khi Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật thì đầy đủ được các pháp Ba-la-mật, cũng có thể đầy đủ cả sức phương tiện nữa. Bồ-tát ấy hành Bát nhã Ba la mật, nếu có những gì phát sinh thì vị ấy liền biết ngay. Thế nên này Tu-bồ-đề! Bồ-tát muốn được sức phương tiện đó thì nên học Bát nhã Ba la mật và phải tu tập Bát nhã Ba la mật.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật và khi sinh Bát nhã Ba la mật thì phải nhớ nghĩ chư Phật hiện tại trong vô lượng, vô biên thế giới ở hiện tại, thì Nhất thiết trí của chư Phật đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra. Khi Bồ-tát nhớ nghĩ như vậy thì phải suy nghĩ như vầy: "Như mười phương chư Phật đã chứng đắc thật tướng của các pháp thì ta cũng sẽ chứng đắc." Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nào thực hành Bát nhã Ba la mật thì cũng phải sinh niệm như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nào có thể sinh niệm như vậy, cho đến khoảnh khắc thời gian khảy móng tay thì công đức của vị ấy sẽ vượt hơn công đức của người bố thí trong hằng hà sa kiếp, huống gì chỉ trong một ngày hay nửa ngày. Phải biết Bồ-tát ấy chắc chắn sẽ đạt đến bậc không thoái chuyển và phải biết Bồ-tát ấy được chư Phật hộ niệm. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát được chư Phật

hộ niệm thì vị ấy sẽ không sinh vào chỗ nào khác mà chắc chắn chứng quả Vô thượng Chánh đẳng giác. Bồ-tát ấy rốt cuộc không rơi vào ba đường ác, thường sinh vào cảnh giới tốt lành và không xa lìa chư Phật.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật và sinh Bát nhã Ba la mật, cho đến khoảnh khắc thời gian bún ngón tay mà còn được công đức như vậy, huống gì một ngày hoặc hơn một ngày như Bồ-tát Hương Tượng hiện đang ở chỗ Phật A-súc hành Bồ-tát đạo mà không bao giờ xa lìa hạnh Bát nhã Ba la mật.

Khi Đức Phật nói pháp xong các chúng Tỳ-kheo và tất cả hàng Trời, Người, A-tu-la… trong đại hội, đều rất hoan hỷ vui mừng.

Phẩm 26: TÙY TRI

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Tất cả pháp không có sự phân biệt nên biết Bát-nhã ba-lamật cũng như vậy. Tất cả pháp không hư hoại nên biết Bát-nhã bala-mật cũng như vậy. Tất cả pháp chỉ là danh tự giả hợp nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như vậy. Tất cả pháp do ngôn ngữ diễn nói mà có, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như vậy.

Lại những lời nói này là vô sở hữu, không có xứ sở nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như vậy. Cái dụng của tất cả pháp là hư vọng, giả hợp nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như vậy. Tất cả các pháp là vô lượng nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như vậy. Sắc là vô lượng nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như vậy. thọ, tưởng, hành, thức là vô lượng nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như vậy. Tất cả các pháp là vô lượng, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như vậy. Tất cả các pháp là tướng thông đạt nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như vậy. Tất cả pháp xưa nay vốn thanh tịnh nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như vậy. Tất cả pháp không có ngôn thuyết nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như vậy. Tất cả pháp là đồng diệt nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như vậy. Tất cả pháp như Niết-bàn nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như vậy. Tất cả pháp không đến, không đi, không chỗ sinh nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như vậy. Tất cả pháp không ta, không người nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như vậy. Thánh hiền rốt ráo thanh tịnh nên biết Bát-nhã bala-mật cũng như vậy. Xả bỏ tất cả ghánh nặng nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như vậy. Vì sao?

Sắc không có hình tướng, không có xứ sở nên tự tánh nó là không, vì thọ, tưởng, hành, thức không có hình tướng, không có xứ sở nên tự tánh nó cũng là không. Tất cả pháp không nhiệt não nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như vậy. Tất cả pháp không nhiễm ô, không xa lìa nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như vậy. Vì sao? Vì sắc là vô sở hữu nên nó không nhiễm ô, không xa lìa; vì thọ, tưởng, hành, thức cũng vô sở hữu nên nó không nhiễm ô, không xa lìa. Tất cả pháp vốn thanh tịnh nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như vậy. Vì tất cả các pháp không bị trói buộc nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như vậy. Tất cả các pháp là Bồ-đề giác bằng Phật tuệ nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như vậy. Vì tất cả các pháp đều là Không, Vô tướng, Vô tác nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như vậy. Vì tất cả các pháp là thuốc nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như vậy. Vì tất cả các pháp là tướng phạm hạnh, tướng từ bi, không lỗi lầm, không sân giận nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như vậy. Vì biển cả không bờ bến nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như vậy. Hư

không bao la nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như vậy. Vì mặt trời chiếu sáng vô biên nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như vậy. Sắc lìa nên biết Bát-nhã ba-lamật cũng như thế. Vì thọ, tưởng, hành, thức lìa nên Bát-nhã ba-lamật cũng như vậy. Tất cả các âm thanh là vô biên nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như vậy. Các tánh là vô biên nên biết Bát-nhã ba-lamật cũng như vậy. Tập hợp vô lượng pháp lành nên biết Bát-nhã bala-mật cũng như vậy. Tam-muội của tất cả các pháp là vô biên nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như vậy. Phật pháp là vô biên nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như vậy. Vì pháp là vô biên nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như vậy. Vì không là vô biên nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như vậy. Vì tâm và tâm sở là vô biên nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như vậy. Vì các tâm sở hoạt động vô biên nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như vậy. Vì thiện pháp là vô lượng nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như vậy. Vì bất thiện pháp là vô lượng nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như vậy. Như Sư tử rống nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như vậy. Vì sao?

Sắc như biển lớn và thọ, tưởng, hành, thức như biển lớn. Sắc như hư không nên thọ, tưởng, hành, thức như hư không. Vì sắc như núi Tu-di trang nghiêm nên thọ, tưởng, hành, thức như núi Tu-di trang nghiêm. Vì sắc như ánh sáng mặt trời nên thọ, tưởng, hành, thức như ánh sáng mặt trời. Vì sắc như âm thanh vô biên nên thọ, tưởng, hành, thức như âm thanh vô biên. Sắc như tính của chúng sinh là vô biên, nên thọ, tưởng, hành, thức như tánh của chúng sinh vô biên. Vì sắc như địa nên thọ, tưởng, hành, thức cũng như địa. Vì sắc như thủy đại nên thọ, tưởng, hành, thức cũng như thủy đại. Vì sắc như hỏa đại nên thọ, tưởng, hành, thức cũng như hỏa đại. Vì sắc như phong đại nên thọ, tưởng, hành, thức cũng như phong đại. Vì sắc như không đại nên thọ, tưởng, hành, thức cũng như không đại. Vì sắc lìa tướng tập thiện nên thọ, tưởng, hành, thức cũng lìa tướng tập thiện. Vì sắc lìa pháp hòa hợp nên thọ, tưởng, hành, thức cũng lìa pháp hòa hợp. Vì sắc là Tam-muội vô biên nên thọ, tưởng, hành, thức là Tam muội vô biên. Vì sắc xa lìa sắc và sắc của sắc tánh, Phật pháp như vậy nên thọ, tưởng, hành, thức xa lìa thức và thức của thức tánh, Phật pháp như vậy. Vì tướng của sắc vô biên nên tướng của thọ, tưởng, hành, thức cũng vô biên. Vì sắc không vô biên nên thọ, tưởng, hành, thức không cũng vô biên. Vì sự hoạt động của sắc và tâm là vô biên nên sự hoạt động của thọ, tưởng, hành, thức và tâm cũng là vô biên. Vì thiện và bất thiện trong sắc chẳng thể nắm bắt được, nên thiện và bất thiện trong thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sắc không thể hoại nên thọ, tưởng, hành, thức không thể hoại. vì sắc là sư tử rống nên thọ, tưởng, hành, thức là sư tử rống. Ông phải biết Bát nhã Ba la mật này cũng như vậy.

QUYỂN 10
Phẩm 27: TÁT-ĐÀ-BA-LUÂN

Đức Phật bảo với Tu-bồ-đề:

–Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát muốn cầu Bát nhã Ba la mật thì phải thực hành như Bồ-tát Tát-đà-ba-luân hiện đang hành Bồ-tát đạo ở chỗ Phật Lôi Âm Oai Vương vậy.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Tát-đà-ba-luân cầu Bát nhã Ba la mật như thế nào?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Này Tu-bồ-đề! Khi xưa Bồ-tát Tát-đà-ba-luân cầu Bát nhã Ba la mật bằng cách: Không theo việc đời, không tiếc thân mạng, không tham cầu lợi dưỡng.

Đang tu tập trong rừng vắng vẻ, Bồ-tát bỗng nghe tiếng giữa hư không bảo:

–Này thiện nam! Từ đây đi về phía Đông ông sẽ được nghe Bát nhã Ba la mật. Trong khi đi, ông chớ nghĩ đến sự mệt mỏi, chớ nhớ đến sự ngủ nghỉ, chớ nghĩ đến ăn uống, chớ nhớ đến ngày đêm và chớ nghĩ đến lạnh nóng. Các việc như vậy ông chớ nên nhớ nghĩ, cũng đừng có quán sát, tư duy. Hãy xa lìa tâm dua nịnh, không nên tự cao, phải khiêm nhường với người khác. Phải lìa bỏ tướng của tất cả chúng sinh, lìa bỏ tất cả danh dự lợi dưỡng, phải lìa bỏ năm triền cái, lìa bỏ keo kiệt và ganh ghét, cũng đừng phân biệt nội pháp và ngoại pháp. Khi đi ông chớ có nhìn ngó hai bên, chớ nghĩ trước, chớ nghĩ sau, chớ nghĩ trên, chớ nghĩ dưới, chớ nghĩ đến bốn góc và đừng làm lay động sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao vậy? Vì nếu ông làm lay động sắc, thọ, tưởng, hành, thức thì không thể hành được Phật pháp, sẽ đi vào trong sinh tử. Người như vậy không thể đạt được Bát nhã Ba la mật.

Tát-đà-ba-luân liền trả lời tiếng nói trên hư không:

–Con sẽ làm đúng như lời dạy của Ngài. Vì sao vậy? Vì tất cả chúng sinh mà con sẽ làm ánh sáng lớn để cho họ tu tập các pháp của Phật.

Trên hư không có tiếng nói:

–Lành thay, lành thay! Này thiện nam! Ông nên tin hiểu pháp Không, Vô tướng, Vô tác và nên lìa các tướng, lìa hữu kiến, chúng sinh kiến, nhân kiến và ngã kiến để cầu Bát nhã Ba la mật.

Này thiện nam! Ông phải tránh xa ác tri thức, nên gần gũi Thiện tri thức. Vì Thiện tri thức có thể nói pháp Không, Vô tướng, Vô tác, vô sinh, vô diệt.

Này thiện nam! Ông có thể thực hành như vậy không bao lâu sẽ được nghe Bát nhã Ba la mật, hoặc được nghe qua từ kinh điển, hoặc được nghe từ Pháp sư.

Này thiện nam! Nếu được nghe Bát nhã Ba la mật thì ông nên tưởng vị ấy như đức Đại sư, ông nên biết muốn báo đáp ân đức của Đại sư thì ông phải nghĩ: “Ta được nghe Bát nhã Ba la mật ở đâu thì ở đó là Thiện tri thức của ta. Ta được nghe Bát nhã Ba la mật nên ta không bị thoái chuyển Vô thượng Chánh đẳng giác, không xa lìa chư Phật, cũng không sinh vào thế giới không có Phật, được lìa các nạn.” Ông cũng nên nhớ nghĩ sự lợi ích của các công đức như vậy và phải nhớ tưởng Pháp sư này như là Đại sư.

Này thiện nam! Ông đừng đem tâm vì tài lợi thế tục để đi theo Pháp sư, nên lấy phép tôn trọng và cung kính pháp mà đi theo Pháp sư.

Lại nữa, này thiện nam! Ông nên cảnh giác việc của ma. Vì có lúc ác ma tạo điều kiện cho người thuyết pháp được may mắn thọ nhận sắc, thanh, hương, vị, xúc làm vị ấy phải dùng sức phương tiện thọ nhận năm dục đó thì ông cũng đừng vì vậy mà sinh tâm bất tịnh. Ông chỉ nên nghĩ: “Ta không biết sức phương tiện, ta chỉ biết Pháp sư này vì muốn làm lợi ích cho chúng sinh gieo trồng căn lành mà thọ dụng pháp ấy, còn các Bồ-tát thì không có gì bị chướng ngại.” Này thiện nam, bây giờ ông hãy quán thật tướng của các pháp. Những gì là thật tướng của các pháp?

Phật nói tất cả các pháp là vô cấu. Vì sao vậy? Vì tánh của tất cả các pháp là không, tất cả các pháp là vô ngã, không có chúng sinh; tất cả các pháp là như huyễn, như mộng, như tiếng

vang, như bóng, như quáng nắng. Này thiện nam! Ông phải quán thật tướng của các pháp như vậy để đi theo Pháp sư và không bao lâu ông sẽ biết thông thạo về Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, này thiện nam! Ông phải cảnh giác việc của ma. Nếu Pháp sư đối với người cầu Bát nhã Ba la mật mà có đôi lúc tâm không vừa ý, hoặc giận hờn, hay thiếu sự quan tâm thì ông cũng đừng vì việc ấy mà ưu sầu, buồn bã. Chỉ đem tâm kính trọng pháp đi theo Pháp sư, chứ ông đừng sinh tâm chán nản mà lìa bỏ.

–Này Tu-bồ-đề! Được nghe những lời trên hư không như vậy rồi, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân liền đi về phương Đông. Đi không bao lâu, Bồ-tát liền suy nghĩ: "Vừa rồi sao ta không hỏi tiếng nói trên hư không là từ đây đi về phương Đông gần hay xa và ta phải theo ai để nghe Bát nhã Ba la mật." Bồ-tát liền đứng lại ưu sầu khóc lóc và nghĩ: "Ta đứng ở đây một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày chẳng nghĩ đến mỏi mệt, không nhớ đến ngủ nghỉ, không nhớ nghĩ đến ăn uống, không nhớ nghĩ đến ngày đêm và chẳng nhớ nghĩ đến lạnh nóng, mà cốt yếu là ta phải biết được mình sẽ theo ai để nghe Bát nhã Ba la mật."

Này Tu-bồ-đề! Ví như có người chỉ có một đứa con nên họ hết sức thương yêu, bỗng một hôm nó bị chết làm cho họ rất buồn khổ người ấy chỉ ôm lòng buồn khổ mà không hề nghĩ gì khác. Này Tubồ-đề! Tát-đà-ba-luân cũng như vậy, không có một sự nhớ nghĩ gì khác, chỉ nhớ nghĩ khi nào được nghe Bát nhã Ba la mật. Này Tu-bồđề! Khi Bồ-tát Tát-đà-ba-luân ưu sầu khóc lóc như vậy thì liền có Đức Phật đứng trước mặt khen:

–Lành thay, lành thay, này thiện nam! Khi xưa chư Phật quá khứ hành Bồ-tát đạo để cầu Bát nhã Ba la mật cũng như ông hiện nay. Thế nên, này thiện nam! Ông lấy sự chăm chỉ thực hành, tinh tấn kính pháp mà đi đến phương Đông cách đây năm trăm do-tuần, có thành tên là Chúng hương. Thành này được hợp thành bằng bảy báu với bảy lớp rộng dọc mười hai do-tuần đều trồng cây Đa-la bảy báu khắp xung quanh. Nhân dân ở đây an lạc, thái bình, đường xá xinh đẹp như bức tranh và cầu cống bến bờ rất rộng rãi, sạch sẽ. Bảy lớp trên thành đều có lâu đài làm bằng vàng Diêm-phù-đề. Mỗi lâu đài có hàng cây bảy báu và có nhiều trái quý báu; các lâu đài ấy cứ theo thứ lớp mà treo vải hồng, dây báu, linh báu, lưới mỏng che khắp. Trên thành ấy gió thổi khua phát ra năm loại kỹ nhạc hòa nhã rất đáng ưa thích và những âm thanh ấy làm vui vẻ cho chúng sinh. Bốn bên thành của lâu đài có ao nước sạch sẽ, lạnh nóng thích hợp, trong đó có thuyền được trang hoàng bằng bảy báu. Các chúng sinh này do nghiệp ở đời trước mới được vui vẻ bơi thuyền dạo chơi khắp ao nước. Trong ao đó, có các loại hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng xen lẫn nhau rất đẹp và đầy đủ sắc hương che phủ khắp mặt nước và tất cả các loại hoa đẹp trong tam thiên đại thiên thế giới cũng đều có đủ trong ao đó.

Bốn bên thành này có năm trăm khu nhà vườn được trang hoàng bằng bảy loại báu rất đáng ưa thích. Trong mỗi một khu vườn có năm trăm ao nước, mỗi một ao nước rộng dọc mười dặm đều trang hoàng bằng bảy báu xen nhau. Trong các ao nước đều có đủ các loại hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng lớn như bánh xe và che phủ trên mặt nước. Hoa màu xanh thì có ánh sáng xanh, hoa màu vàng thì có ánh sáng vàng, hoa màu đỏ thì có ánh sáng đỏ và hoa màu trắng thì có ánh sáng trắng. Trong các ao nước ấy đều có các loại chim khác nhau như chim le, chim nhạn, uyên ương và các ao khắp cả các khu nhà vườn ấy không phụ thuộc vào ai cả, đó chỉ là do quả báo

nghiệp trước của chúng sinh đêm ngày tin hiểu pháp sâu xa và thực hành Bát nhã Ba la mật nên họ mới được phước đức như vậy.

Này thiện nam! Trong thành Chúng hương có lâu đài cao lớn và ở phía trên là cung điện của Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, cung điện ấy ngang dọc năm mươi dặm, đều dùng bảy loại báu trang hoàng thành nhiều màu sắc. Tường ấy có bảy lớp cũng bằng bảy báu và xung quanh đều có hàng cây bảy báu bao quanh. Trong cung điện đó có bốn khu nhà vườn thường làm những cuộc vui chơi: Một tên gọi là Thường hỷ; hai tên là Vô ưu; ba tên là Hoa sức; bốn tên là Hương sức. Trong từng khu vườn một có tám ao nước: Một tên là Hiền; hai tên là Hiền thượng; ba tên là Hoan hỷ; bốn tên là Hỷ thượng; năm tên là An ổn; sáu tên là Đa an ổn; bảy tên là Tất định và tám tên là A-tỳ-bạt-trí. Ven bờ các ao nước mỗi mặt đều có các loại báu như: hoàng kim, bạch ngân, lưu ly, pha lê, ngọc mai khôi dùng làm đáy ao, cát vàng trải lên trên. Cạnh của mỗi một ao có tám bậc thềm làm bằng các loại vật báu; khoảng giữa bậc thềm có cây chuối bằng vàng Diêm-phù-đàn và trong các ao nước đều có đủ các loài hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng che phủ trên mặt nước.

Cũng có các loại chim như: Chim le, chim nhạn, uyên ương và khổng tước, tiếng kêu của chúng hòa nhã rất đáng ưa thích. Ven bờ các ao nước đều trồng những cây hương, cây hoa, mỗi khi gió thổi thì hương hoa ấy đều rơi xuống ao nước. Ao ấy thành tựu nước tám công đức và cả mùi hương thơm dường như Chiên-đàn có đầy đủ màu sắc và mùi vị. Bồ-tát Đàm-vô-kiệt cùng sáu vạn tám ngàn thể nữ đầy đủ năm dục cùng nhau vui chơi và cả nam nữ trong thành này đều vào trong ao Hiền… và vườn Thường hỷ… để cùng nhau vui chơi.

Này thiện nam! Bồ-tát Đàm-vô-kiệt cùng các thể nữ vui chơi xong, ngày ngày ba thời nói Bát nhã Ba la mật. Trai gái lớn nhỏ trong thành Chúng hương vì Bồ-tát Đàm-vô-kiệt mà tập hợp đông đảo ở chỗ đó để trải pháp tòa lớn. Bốn chân pháp tòa ấy hoặc làm bằng vàng ròng hoặc bằng bạc, pha lê, lưu ly, phía trên thì trải nệm êm dày nhiều màu sắc và dùng loại lụa trắng ở nước Ca-thi trải phủ trên đó. Tòa cao năm dặm có giăng rèm trướng, bốn bên thành thì rải hoa năm màu và đốt các loại hương để cúng dường pháp. Bồ-tát Đàm-vô-kiệt ngồi ở trên tòa này thuyết pháp Bát-nhã ba-lamật.

Này thiện nam! Dân chúng trong thành kia cung kính cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt như vậy là vì muốn nghe Bát-nhã ba-lamật. Tại đại hội này có trăm ngàn vạn chúng, chư Thiên và người cả thế gian đều tập hợp lại một chỗ. Trong số đó, có người lắng nghe, trong số đó có người tin thọ, có người trì niệm, có người đọc tụng, có người biên chép, có người chánh quán và có người thực hành đúng như pháp. Các chúng sinh ấy đã vượt qua đường ác, không bị thoái chuyển Vô thượng Chánh đẳng giác.

Này thiện nam! Ông hãy đi đến chỗ của Bồ-tát Đàm-vô-kiệt để nghe Bát nhã Ba la mật. Bồ-tát Đàm-vô-kiệt đời đời là Thiện tri thức của ông, vị ấy chỉ dạy lợi ích của sự hoan hỷ để ông đạt đến Vô thượng Chánh đẳng giác.

Này thiện nam! Khi xưa Bồ-tát Đàm-vô-kiệt hành Bồ-tát đạo để cầu Bát nhã Ba la mật cũng như ông ngày nay vậy. Nay ông đi về phương Đông và chớ tính kể ngày đêm, chẳng bao lâu nữa ông sẽ được nghe Bát nhã Ba la mật.

Khi ấy tâm của Bồ-tát Tát-đà-ba-luân rất vui mừng. Ví như có người bị trúng mũi tên độc mà không hề nhớ nghĩ gì khác, chỉ nghĩ đến khi nào được gặp thầy thuốc để nhổ mũi tên độc kia ra

thì mới trừ hết đau khổ cho ta. Cũng vậy, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân lúc đó cũng không nhớ nghĩ gì khác, mà chỉ nghĩ: "Khi nào được gặp Bồ-tát Đàm-vô-kiệt để Ngài nói Bát nhã Ba la mật cho ta. Nếu được nghe Bát nhã Ba la mật thì ta sẽ đoạn trừ các hữu kiến." Khi ấy đang ở tại trụ xứ của mình, Tát-đà-ba-luân đối với tất cả các pháp sinh tưởng vô quyết định và liền nhập các pháp môn Tam-muội. Đó là Tam-muội quán các pháp tính, Tam-muội các pháp không thể chứng đắc, Tam-muội phá các pháp vô minh, Tam-muội các pháp không khác, Tam-muội các pháp chẳng hoại, Tam-muội các pháp chiếu sáng, Tam-muội các pháp xa lìa tối tăm, Tam-muội các pháp không nối tiếp nhau, Tam-muội các pháp tính không thể chứng đắc, Tam-muội tán hoa, Tam-muội không thọ các thân, Tam-muội lìa bỏ hư huyễn, Tam-muội ví như hình bóng trong gương, Tam-muội tất cả chúng sinh nói năng, Tam-muội tất cả chúng sinh vui mừng, Tam-muội thuận theo tất cả điều thiện, Tam-muội đủ thứ lời nói với câu chữ trang nghiêm, Tam-muội không sợ hãi, Tam-muội tánh thường im lặng, Tam-muội vô ngại giải thoát, Tam-muội xa lìa cảnh trần nhơ bẩn, Tam-muội danh tự ngữ ngôn trang nghiêm, Tam-muội tất cả kiến, Tam-muội không ngăn ngại ranh giới, Tam-muội như hư không, Tam-muội như kim cang, Tam-muội không thất bại, Tam-muội đắc thắng, Tam-muội chuyển nhãn, Tam-muội tất pháp tính, Tam-muội được an ổn, Tam-muội sư tử gầm thét, Tam-muội thắng tất cả chúng sinh, Tam-muội xa lìa nhiễm bẩn của mọi phiền não, Tam-muội không có cấu và tịnh, Tam-muội hoa trang nghiêm, Tam-muội tùy kiên thực, Tam-muội phát xuất các pháp đắc lực không sợ hãi, Tam-muội thông suốt các pháp, Tam-muội hoại tất cả pháp ấn, Tam-muội không sai biệt kiến, Tam-muội xa lìa tất cả kiến, Tam-muội xa lìa tất cả tối tăm, Tam-muội xa lìa tất cả tướng, Tam-muội giải thoát tất cả chấp trước, Tam-muội xa lìa tất cả sự biếng nhác, Tam-muội pháp cực kỳ huyền diệu chiếu sáng, Tam-muội thiện đỉnh cao, Tam-muội không thể đoạt, Tam-muội phá ma, Tam-muội phát sinh ánh sáng, Tam-muội thấy chư Phật.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân trụ trong các Tam-muội ấy thì liền thấy chư Phật khắp mười phương nói Bát nhã Ba la mật cho các Bồ-tát. Mỗi mỗi chư Phật đều an ủi và khen Bồ-tát ấy:

–Lành thay, lành thay, này thiện nam! Khi xưa chúng ta hành Bồ-tát đạo để cầu Bát nhã Ba la mật cũng như ông ngày nay vậy. Chúng ta chứng đắc các Tam-muội ấy, cũng giống như hiện nay ông chứng đắc vậy, ông sẽ hiểu rõ Bát nhã Ba la mật, rồi mới trụ vào địa vị không thoái chuyển. Chư Như Lai vì chứng được các Tam-muội đó nên mới chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Này thiện nam! Đó là Bát nhã Ba la mật. Gọi là các pháp không có sở niệm. Chúng ta trụ ở trong pháp không có vọng niệm mà được thân mình sắc vàng với ba mươi hai tướng, ánh sáng rõ ràng, trí tuệ không thể nghĩ bàn, Vô thượng Tam-muội, Vô thượng trí tuệ của chư Phật đạt đến tận cùng của các công đức. Các công đức ấy chư Phật nói ra còn không hết, huống gì là Thanh văn và Bích-chi-phật. Thế nên, này thiện nam! Ông phải đem tâm thanh tịnh cung kính và tôn trọng pháp này gấp bội thì sự chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác không lấy gì làm khó khăn. Đối với vị Thiện tri thức ông phải nhiệt tâm cung kính, tôn trọng và tin ưa. Này thiện nam! Bồ-tát nào được Thiện tri thức hộ niệm thì vị ấy mau chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Những vị nào là Thiện tri thức của con?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Bồ-tát Đàm-vô-kiệt là vị đời đời chỉ dạy cho ông thành tựu Vô thượng Chánh đẳng giác, làm cho ông được học sức phương tiện Bát nhã Ba la mật. Vì vậy, chính Bồ-tát Đàm-vôkiệt là Thiện tri thức của ông, ông phải nên báo ân cho vị ấy.

Này thiện nam! Nếu trong một kiếp, hai kiếp, ba kiếp cho đến một trăm kiếp, hoặc hơn một trăm kiếp mà ông đem tâm cung kính tôn trọng bằng cách: Đội vị ấy trên đầu, cho đến đem tất cả dụng cụ âm nhạc mà cúng dường vị ấy, hoặc đem sắc, thanh, hương, vị, xúc tốt đẹp cả tam thiên đại thiên thế giới dâng lên cúng dường vị Thiện tri thức ấy cũng chưa có thể báo ân trong chốc lát. Vì sao vậy? Vì nhờ năng lực và nhân duyên của Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nên ông mới chứng các Tam-muội sâu xa ấy để được nghe phương tiện Bát nhã Ba la mật.

Chỉ dạy và an ủi cho Bồ-tát Tát-đà-ba-luân xong, bỗng nhiên Đức Phật liền biến mất. Bồ-tát Tát-đà-ba-luân từ Tam-muội xuất định thì không thấy chư Phật liền suy nghĩ: “Các Đức Phật ấy trước đây từ đâu đến và nay các vị ấy sẽ đi đến chỗ nào?” Vì không thấy chư Phật nên Bồ-tát Tát-đà-ba-luân ưu sầu và suy nghĩ: “Bồ-tát Đàm-vô-kiệt này đã chứng các thần thông lực Đà-la-ni. Ngài đã từng cúng dường chư Phật thời quá khứ, đời đời Ngài là Thiện trí thức của ta, thường làm lợi ích cho ta, ta hãy đến chỗ của Bồ-tát Đàm-vô-kiệt để thưa hỏi chư Phật này từ đâu đến và sẽ đi về đâu.”

Lúc này, tâm của Bồ-tát Tát-đà-ba-luân càng cung kính tôn trọng và tin ưa Bồ-tát Đàm-vô-kiệt và nghĩ: “Hiện nay ta quá nghèo khổ, không có hoa hương, anh lạc, hương đốt, hương xoa, y phục, phướn lọng, vàng bạc, trân châu, pha lê, san hô. Tất cả những vật như vậy ta đều không có thì lấy gì để cúng dường Bồ-tát Đàm-vôkiệt. Bây giờ ta không nên đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt bằng hai tay không, nếu đến như vậy thì lòng ta không yên. Vậy ta sẽ bán thân mình để lấy tài vật vì Bát nhã Ba la mật mà cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Vì sao vậy? Vì nhiều đời đến nay ta đã để mất vô số thân nên từ vô thỉ kiếp phải luân hồi trong sinh tử. Vì nhân duyên tham dục nên chịu vô lượng khổ ở địa ngục, chưa từng làm được pháp thân thanh tịnh.”

Này Tu-bồ-đề! Bấy giờ, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân đi trên đường, vào trong chợ giữa đô thị lớn và lớn tiếng rao:

–Có ai cần mua người không? Có ai cần mua người không?

Khi nghe tiếng rao đó, ác ma nghĩ: “Bồ-tát Tát-đà-ba-luân vì kính trọng Pháp mà tự bán thân mình để cúng dường Bồ-tát Đàm-vôkiệt với mục đích muốn nghe phương tiện Bát nhã Ba la mật.” Bồ-tát sẽ thực hành Bát nhã Ba la mật, mau chóng chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác, sẽ được nghe nhiều hiểu rộng giống như nước biển cả, chẳng bị các ma phá hoại, có thể làm tròn tất cả công đức đối với sự lợi ích cho vô lượng chúng sinh. Các chúng sinh ấy sẽ ra khỏi cảnh giới của ta, tất cả đều chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác. Bây giờ ta phải đến phá hoại đạo ý của vị ấy mới được.” Và ngay lập tức, ác ngăn che nấp vào mọi người khuyến, cho đến không một ai nghe được tiếng rao của Bồ-tát, chỉ có con gái của một người Trưởng giả là ác ma không thể nào làm chướng ngại được.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân bán mình mà không bán được, liền đứng lại một chỗ khóc kể và than: “Chắc ta mắc tội lớn, muốn bán thân cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt để nghe pháp Bát nhã Ba la mật mà chẳng có ai mua cả.”

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân suy nghĩ: “Nay ta sẽ thử xem thiện nam tử này có thật sự là đem thâm tâm kính trọng Pháp một cách nhiệt thành mà phải xả bỏ thân mạng hay không?” Nghĩ thế rồi, Thích Đề-hoàn Nhân liền hóa làm một Bà-la-môn đứng bên cạnh Bồ-tát Tát-đà-ba-luân hỏi:

–Này thiện nam! Vì sao mà ông lại ưu sầu khóc kể vậy?

Tát-đà-ba-luân trả lời:

–Vì tôi nghèo khổ, không có của báu nên muốn bán thân lấy của báu đem cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt để được nghe Bát nhã Ba la mật mà chẳng có ai mua cả.

Bà-là-môn nói:

–Này thiện nam! Người thì ta không cần, nhưng hiện nay vì có đám cúng tế lớn nên ta muốn mua tim, máu và tủy của người. Vậy ông có thể bán những thứ ấy cho ta được không?

Tát-đà-ba-luân nghĩ: “Ta được lợi ích lớn rồi, nhất định ta sẽ được nghe phương tiện Bát nhã Ba la mật nên khiến cho Bà-là-môn này muốn mua tim, máu và tủy của ta.” Nghĩ xong, Tát-đà-ba-luân rất vui mừng liền nói với Bà-là-môn:

–Nếu ông cần thì tôi sẽ bán hết cho ông.

Bà-là-môn nói:

–Ông cần giá bao nhiêu?

Tát-đà-ba-luân trả lời:

–Tùy ông muốn cho tôi bao nhiêu cũng được.

Ngay khi ấy, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân liền cầm dao bén cắt tay phải cho máu chảy, rồi cắt đùi bên phải muốn đập xương để lấy tủy chảy ra.

Lúc bấy giờ, con gái của một trưởng giả đang ở trên gác, nàng phóng mắt nhìn xa thấy Bồ-tát Tát-đà-ba-luân cắt tay phải cho máu chảy ra, rồi chặt đùi bên phải muốn đập xương để lấy tủy chảy ra thì cô suy nghĩ: “Không biết vì nguyên nhân gì mà thiện nam tử này phải làm đau khổ thân mình như vậy, ta sẽ đến hỏi ông ta.” Khi ấy cô gái của Trưởng giả liền xuống lầu và đến chỗ Bồ-tát Tát-đà-ba-luân hỏi:

–Này thiện nam! Vì duyên cớ gì mà ông phải làm đau khổ thân mình như vậy? Và ông muốn dùng máu, tủy đó để làm gì?

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân trả lời:

–Tôi muốn lấy máu và tủy đem bán cho Bà-la-môn này để có tiền của mà cúng dường pháp Bát nhã Ba la mật và Bồ-tát Đàm-vôkiệt.

Con gái của trưởng giả hỏi:

–Này thiện nam! Ông bán máu và tủy đem cúng dường vị Bồ-

tát kia để được những lợi ích gì?

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân trả lời:

–Vị Bồ-tát ấy sẽ nói pháp phương tiện lực Bát nhã Ba la mật cho tôi. Nếu học theo pháp đó thì tôi sẽ chứng Vô thượng Chánh đẳng giác, được thân sắc vàng, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, phóng ra ánh sáng vô lượng đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại trí, mười tám pháp Bất cộng, sáu Thần thông, chẳng thể nghĩ bàn thanh tịnh, giới, định, tuệ,

giải thoát, giải thoát tri kiến, chứng Trí tuệ vô thượng của Phật, vô thượng Pháp bảo, rồi ta sẽ phân bố cho tất cả chúng sinh.

Khi ấy con gái của trưởng giả nói với Bồ-tát Tát-đà-ba-luân:

–Những lời nói của ngài vừa thật là hiếm có và đệ nhất vi diệu. Vì mỗi một pháp, mà ngài lại có thể xả bỏ thân mạng. Này thiện nam, nếu nay ngài cần các thứ châu báu, vàng bạc, trân châu, lưu ly, pha lê, hổ phách, san hô, cho đến hoa hương, anh lạc, phan lọng cùng các y phục thì con sẽ cho ngài tất cả để ngài đem đến cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Vậy ngài đừng tự gây khổ cho mình nữa. Hiện nay, con cũng muốn theo ngài đi đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt để gieo trồng căn lành và cầu được pháp thanh tịnh như vậy.

Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân hiện lại nguyên hình của mình rồi đứng trước Bồ-tát Tát-đà-ba-luân và nói:

–Lành thay, lành thay, này thiện nam! Vì kính trọng pháp mà tâm của ông bền vững như vậy. Khi chư Phật quá khứ hành Bồ-tát đạo cũng như ông ngày nay cầu nghe phương tiện Bát nhã Ba la mật các Ngài mới chứng Vô thượng Chánh đẳng giác. Này thiện nam, thật sự ta chẳng cần tim, máu, tủy gì của người cả, mà ta chỉ muốn đến thử ông, vậy ông nguyện xin những gì ta sẽ cho.

Tát-đà-ba-luân nói:

–Vậy ông hãy cho tôi Vô thượng Chánh đẳng giác đi, Thích Đề-hoàn Nhân nói:

–Điều này sức ta không thể làm được chỉ có chư Phật Thế Tôn mới có, hãy cầu xin điều gì khác ta sẽ cho.

Tát-đà-ba-luân nói:

–Nếu ông bất lực trước sự cầu xin của tôi thì hãy làm cho thân tôi trở lại như cũ.

Vừa nói dứt lời thì thân của Tát-đà-ba-luân liền trở lại như cũ không hề có vết sẹo gì cả. Thích Đề-hoàn Nhân cho Tát-đà-ba-luân mãn nguyện rồi, biến mất.

Bấy giờ con gái của trưởng giả nói với Bồ-tát Tát-đà-ba-luân:

–Ngài nên đến nhà con, con sẽ thưa với cha mẹ để xin của báu và vì nghe pháp mà cha mẹ của con sẽ cho của báu để ngài đem cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt.

Thế rồi Bồ-tát Tát-đà-ba-luân cùng con gái của trưởng giả đi về nhà cô ta. Con gái ông trưởng giả vào thưa với cha mẹ:

–Thưa cha mẹ! Xin cha mẹ hãy cho con hoa hương, anh lạc, các thứ y phục với những vật báu và hãy cung cấp cho năm trăm gái hầu theo con để cùng đi với Bồ-tát Tát-đà-ba-luân đến cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Vị Bồ-tát ấy sẽ nói pháp cho chúng con và nhờ nghe được pháp đó chúng con sẽ chứng đắc pháp của chư Phật.

Cha mẹ của cô gái nói:

–Hiện giờ Bồ-tát Tát-đà-ba-luân đang ở đâu?

Cô gái trả lời:

–Hiện giờ vị ấy đang ở ngoài cửa. Rồi cô lại kể: Vị ấy phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng giác chỉ vì muốn cứu độ tất cả vô lượng chúng sinh đang chịu khổ não trong sinh tử. Vì kính trọng pháp mà vị ấy muốn bán thân thân chẳng có ai mua nên đứng lại ưu sầu, khóc kể và than: “Ta muốn bán thân mà chẳng có ai mua cả.” Lúc ấy có một Bà-la-môn thấy vậy nói với vị ấy:

“Nay cớ gì mà ông muốn bán thân mình?” Tát-đà-ba-luân trả lời: “Vì kính trọng pháp mà tôi muốn bán thân để cúng dường Bồ-tát Đàm-vôkiệt, tôi sẽ theo vị kia để được nghe pháp của chư Phật.” Người Bàla-môn nói: “Ta không cần người, nhưng nay ta sắp cúng tế lớn nên chỉ cần tim, máu và tủy của người, ông có bán không?” Nghe hỏi vị này rất vui mừng, tay cầm dao bén cắt tay phải cho máu chảy, rồi chặt đùi bên phải muốn đập xương để lấy tủy chảy ra. Lúc ấy, con đang ở trên lầu gác trông thấy từ xa sự việc như vậy liền suy nghĩ: “Người này vì cớ gì mà phải làm cho thân mình khốn khổ, để ta đến hỏi xem sao?” Khi nghe con hỏi thì Bồ-tát Tát-đà-ba-luân trả lời với con: “Vì quá nghèo khổ không có của cải nên tôi muốn bán tim, máu, tủy cho Bà-là-môn.” Con lại hỏi tiếp: “Này thiện nam! Ông muốn có tài vật ấy để làm gì?” Vị Bồ-tát trả lời con: “Vì kính trọng pháp nên tôi muốn có tài vật để cúng dường Bồ-tát Đàm-vôkiệt.” Con lại hỏi: “Này thiện nam! Nếu cúng dường như vậy thì ông sẽ được những lợi ích gì?” Bồ-tát trả lời: “Cúng dường như vậy tôi sẽ được sự lợi ích của các công đức vô lượng không thể nghĩ bàn.” Khi nghe nói công đức vô lượng của chư Phật không thể nghĩ bàn thì tâm con rất vui mừng và nghĩ: “Thiện nam này làm điều thật là hiếm có, vì kính trọng pháp mà vị ấy phải chịu bỏ thân để tự thân nhận lấy những khổ não như thế. Vậy ta phải làm thế nào để cúng dường pháp vì hiện nay gia đình ta có rất nhiều của cải.” Đối với việc vì pháp mà cúng dường này, lập tức con phát đại nguyện và thưa với vị ấy: “Này thiện nam! Ngài đừng làm đau khổ cho bản thân như vậy, con sẽ cho ngài nhiều của cải quý báu để đem cúng dường cho Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Con cũng muốn theo ngài đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt để cúng dường và nay con cũng muốn chứng pháp Vô thượng của chư Phật như ngài vừa nói.” Nay xin cha mẹ hãy cho phép con được theo vị thiện nam này đến cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt.

Cha mẹ cô gái trả lời:

–Những điều con vừa tán thán vị Bồ-tát này thật là hiếm có, thật khó có ai để sánh nổi. Vị ấy nhất tâm nhớ nghĩ pháp như vậy là bậc Đệ nhất tối thắng trong tất cả thế giới, chắc chắn có thể đem lại an vui cho tất cả chúng sinh nên vị ấy muốn cầu cho bằng được việc khó đó. Nay cha mẹ cho phép cúng năm trăm thị nữ con theo vị ấy, chúng ta cũng muốn gặp Bồ-tát Đàm-vô-kiệt.

Cô gái này vì muốn đi cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nên thưa với cha mẹ:

–Thưa cha mẹ! Con không dám làm gián đoạn công đức của người.

Rồi cô ta lập tức sửa soạn trang nghiêm năm trăm cỗ xe và ra lệnh cho năm trăm cô gái hầu đem các loại hoa, các thứ y phục, các loại hương bột, hương xoa, vàng bạc, châu báu, anh lạc và các thức ăn ngon để chở cùng một xe của Bồ-tát Tát-đà-ba-luân, còn năm trăm thị nữ cùng cung kính vây quanh xe rồi họ từ từ đi về hướng Đông. Từ xa mọi người trông thấy thành Chúng hương, thành này có bảy lớp được trang nghiêm bằng bảy báu rất đáng ưa thích, có bảy lớp hào thành và bảy lớp hàng cây. Thành ấy ngang dọc mươi hai do-tuần, cuộc sống của nhân dân ở đây rất là giàu có, an ổn và phồn thịnh. Lại có năm trăm ngả đường được sửa sang rất xinh đẹp như là bức tranh, còn cầu cống thì rộng rãi và sạch sẽ. Từ xa, trông thấy Bồ-tát Đàm-vô-kiệt ngồi trên pháp tòa ở giữa thành và có vô lượng trăm ngàn vạn chúng vây quanh để nghe Ngài thuyết pháp thì tâm của họ rất hoan hỷ, ví như Tỳ-kheo được chứng Thiền thứ ba. Vừa thấy xong họ nghĩ: “Chúng ta không nên ngồi trên xe đi thẳng đến chỗ của Bồ-tát Đàm-vô-kiệt.” Thế rồi, mọi người đều xuống xe cùng đi bộ vào, Tát-đà-ba-luân cùng trưởng giả nữ và năm trăm thị nữ cung kính

vây quanh, mỗi người cầm các thứ vật báu trang nghiêm đi đến chỗ của Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Chỗ của Bồ-tát Đàm-vô-kiệt có lâu đài bảy báu và được trang hoàng bằng cây Ngưu đầu Chiên-đàn, có treo trân châu, võng lưới cùng linh báu xen nhau. Bốn góc lâu đài mỗi góc đều treo minh châu để làm ánh sáng. Có bốn lò hương bằng bạc trắng đốt Hắc trầm thủy để cúng dường Bát nhã Ba la mật. Trong đài báu của ngài có giường lớn làm bằng bảy thứ báu quý, trên giường có bốn hòm báu, dùng lá bằng vàng để biên chép Bát nhã Ba la mật rồi đặt vào trong hòm ấy, bốn bên lầu đài ấy treo rủ xuống các phướn báu.

Khi ấy, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân cùng với năm trăm thị nữ xa trông thấy đền đài được trang hoàng bằng các loại châu báu, họ lại thấy Thích Đề-hoàn Nhân cùng vô lượng trăm ngàn chư Thiên đem các loại hoa trời như hoa Mạn-đà-la, hoa Kim ngân, hoa Chiên-đàn để rải trên đài báu, lại trên hư không chư Thiên cũng trỗi các thứ kỹ nhạc như vậy nên Tát-đà-ba-luân hỏi Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Kiều-thi-ca! Cớ sao mà ông cùng chư Thiên đem các loại

hoa trời Mạn-đà-la, Kim ngân, Chiên-đàn để tung rải trên bảo đài này và trỗi những loại kỹ nhạc trời trên hư không vậy?

Thích Đề-hoàn Nhân trả lời:

–Này thiện nam! Ngài không hay biết ư? Vì trên đài báu đó có pháp tên là Đại Bát nhã Ba la mật, pháp ấy là mẹ của các Bồ-tát. Nếu Bồ-tát nào học theo pháp ấy thì sẽ được tất cả các công đức của Phật pháp và mau chứng Nhất thiết trí.

Tát-đà-ba-luân hỏi:

–Này Kiều-thi-ca! Đại Bát nhã Ba la mật là mẹ của các Bồ-tát hiện giờ đang để chỗ nào? Nay tôi muốn trông thấy.

Thích Đề-hoàn Nhân trả lời:

–Này thiện nam! Bát nhã Ba la mật được viết trên lá bằng vàng, đựng ở trong hòm bằng bảy báu này, Bồ-tát Đàm-vô-kiệt đóng ấn bằng bảy báu lên đó, tôi không thể chỉ cho ngài thấy được.

Bấy giờ Bồ-tát Tát-đà-ba-luân cùng con gái của trưởng giả với năm trăm thị nữ mỗi người cầm đủ các thứ hoa hương, anh lạc, phướn lọng, y phục, vàng bạc, trân bảo liền lấy một nửa để cúng dường Bát nhã Ba la mật, còn một nửa để dâng lên cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Bấy giờ Bồ-tát Tát-đà-ba-luân đem đủ các loại hoa hương, anh lạc, phan lọng, y phục, vàng bạc, hoa báu và trỗi các thứ kỹ nhạc để cúng dường Đại Bát nhã Ba la mật, xong rồi hướng đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, lại dâng lên các loại hoa hương, anh lạc, bột chiên-đàn, vàng bạc, hoa báu vì pháp mà rải tung lên cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Những vật báu vừa rải tung lên thì chúng liền kết hợp lại thành lọng báu trụ giữa hư không và bốn bên lọng ấy rủ xuống những tràng phan báu. Tát-đà-ba-luân và năm trăm thị nữ thấy thần lực này, tâm của họ rất vui mừng và nghĩ: "Thật là điều chưa từng có. Thần lực của Đại sư Đàm-vô-kiệt như vậy, ngài chưa thành Phật mà sức thần thông của ngài còn như thế, huống gì là ngài chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác."

Ngay khi ấy, con gái trưởng giả và năm trăm thị nữ rất cung kính, tôn trọng Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nên tất cả các cô đều phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng giác: "Nhờ nhân duyên trồng căn lành này mà ở đời vị lai chúng con sẽ được thành Phật. Khi hành Bồ-tát đạo thì chúng con cũng được công đức như vậy. Giống như hiện nay Bồ-tát Đàm-vô-kiệt đã cúng dường cung kính tôn

trọng Bát-nhã bala-mật và giảng rộng cho mọi người được thành tựu sức phương tiện cũng như ngài vậy.”

Ngay tức thời, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân cùng với con gái trưởng giả và năm trăm thị nữ sụp đầu mặt lạy sát chân Bồ-tát Đàm-vôkiệt, rồi họ chắp tay cung kính và lui đứng qua một bên.

Bấy giờ Bồ-tát Tát-đà-ba-luân thưa với Bồ-tát Đàm-vô-kiệt:

–Thưa Đại sư! Trước đây, khi con cầu Bát nhã Ba la mật, đang ở trong rừng vắng vẻ, bỗng nhiên con nghe tiếng giữa hư không bảo: “Này thiện nam! Từ đây đi về phương Đông thì ông sẽ được nghe Bát nhã Ba la mật”, con liền đi về phương Đông. Đi không bao lâu con lại suy nghĩ: “Tại sao lúc nãy, ta không hỏi trên hư không đường về phương Đông xa hay gần và ta phải theo ai để được nghe Bát nhã Ba la mật.” Rồi con ưu sầu buồn bã và đứng lại bảy ngày, không nhớ nghĩ đến sự ăn uống và các việc thế gian, con chỉ nhớ nghĩ về Bát nhã Ba la mật. Và nghĩ: “Tại sao ta không hỏi tiếng nói giữa hư không là đường đi về phương Đông cách đây gần hay xa và ta phải theo ai để được nghe Bát nhã Ba la mật.” Vừa nghĩ như vậy thì tức thời có một Đức Phật hiện đứng trước mặt con và dạy: “Này thiện nam, từ đây về phương Đông cách năm trăm do-tuần và có thành tên là Chúng hương. Trong thành đó có Bồ-tát Đàm-vô-kiệt đang nói pháp Bát nhã Ba la mật cho đại chúng và ông sẽ được nghe Bát nhã Ba la mật ở trong đó.” Thế là con ở trong tất cả pháp, sinh ra ý tưởng không có chỗ nương dựa và dừng trụ, cũng đạt được vô lượng môn Tam-muội. Con trụ vào các Tam-muội đó, con liền thấy mười phương chư Phật nói Bát-nhã ba-lamật cho các đại chúng và chư Phật có khen ngợi con: “Lành thay, lành thay! Này thiện nam! Khi xưa hành Bồ-tát đạo, ta cũng đạt được các pháp môn Tam-muội như vậy. Và nhờ trụ vào trong các Tam-muội ấy, ta mới có thể thành tựu các pháp của chư Phật.” Chư Phật dạy bảo và an ủi con xong thì các Ngài đều biến mất. Con từ các Tam-muội tỉnh thức xong rồi nghĩ: “Chư Phật này từ đâu đến và sẽ đi về đâu?” Vì không biết nhân duyên đến và đi của chư Phật con liền suy nghĩ: “Bồ-tát Đàm-vô-kiệt là vị đã từng cúng dường chư Phật thời quá khứ, ngài đã gieo trồng căn lành sâu xa, khéo học các phương tiện nên ắt hẳn ngài có thể nói chư Phật từ đâu đến và sẽ đi về đâu cho ta biết.”

Chỉ xin ước nguyện Đại sư, nay ngài hãy vì con mà nói rõ chư Phật từ đâu đến và sẽ đi về đâu cho con biết, khiến con thường được thấy chư Phật.

Phẩm 28: ĐÀM-VÔ-KIỆT

Bấy giờ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nói với Bồ-tát Tát-đà-ba-luân:

–Này thiện nam! Chư Phật vốn không có chỗ từ đâu đến, cũng không có chỗ đi. Vì sao? Vì các pháp vốn như thật, bất động nên các pháp như thật, bất động đó tức là Như Lai.

Này thiện nam! Vô sinh vốn không đến không đi nên vô sinh đó tức là Như Lai. Vì thật tế vốn không đến, không đi nên thật tế tức là Như Lai. Vì không vốn không đến, không đi nên không đó tức là Như Lai. Vì sự dứt bỏ vốn không đến, không đi nên sự dứt bỏ đó tức là Như Lai. Vì xa lìa vốn không đến, không đi nên xa lìa đó tức là Như Lai. Vì tịch diệt vốn không đến, không đi nên sự tịch diệt đó tức là Như Lai. Vì tánh của hư không vốn không đến, không đi nên tánh của hư không đó tức là Như Lai.

Này thiện nam! Nếu lìa các pháp đó thì sẽ không có Như Lai. Như của các pháp và Như của chư Như Lai đều là một Như, không hai, không khác.

Này thiện nam! Như đó chỉ có một, không có hai, không có ba, nếu lìa các số ấy thì sẽ không có gì cả.

Này thiện nam! Ví như vào tháng cuối cùng của mùa xuân, lúc giữa ngày nóng bức, có người thấy ánh nắng dợn sóng bèn đuổi theo mong tìm được nước.

Này thiện nam! Ý ông thế nào? Nước ấy từ đâu đến? Từ biển

Đông đến hay là từ biển Nam, Tây, Bắc đến?

Tát-đà-ba-luân thưa với Đại sư:

–Thưa Đại sư! Trong sóng nắng còn không có nước, huống gì có chỗ đến và chỗ đi. Nhưng vì kẻ ngu si không có trí ở chỗ không có nước mà nghĩa có nước, chư thật sự không có nước.

Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nói với Tát-đà-ba-luân:

–Này thiện nam! Nếu có người nào dựa vào sắc thân và âm thanh của Đức Như Lai mà sinh tâm đắm trước thì những hạng người ấy sẽ phân biệt và tưởng rằng chư Phật có đến và có đi. Phải biết những hạng người này là ngu si, không có trí: như chỗ không có nước mà tưởng rằng có nước. Vì sao? Vì không thể dùng sắc thân để thấy chư Phật Như Lai được. Bởi vì chư Phật Như Lai đều là Pháp thân. Này thiện nam! Thật tướng của các pháp vốn không có đến và không có đi nên chư Phật Như Lai cũng lại như vậy.

Này thiện nam! Ví như nhà ảo thuật biến hóa ra các binh voi, binh ngựa, binh xe, binh bộ, nhưng chúng vốn không đến, đi, nên biết chư Phật không đến, không đi cũng lại như vậy.

Này thiện nam! Giống như người trong giấc chiêm bao thấy có Như Lai hoặc một, hoặc hai, hoặc mười, hoặc hai mươi, hoặc năm mươi, hoặc một trăm hay hơn một trăm Như Lai, nhưng khi thức dậy rồi thậm chí chẳng thấy một Đức Như Lai, trong giấc mộng không có pháp nhất định đều là hư vọng. Này thiện nam! Ý ông thế nào? Chư Như Lai ấy có từ đâu đến và sẽ đi về đâu không?

Tát-đà-ba-luân bạch Đại sư:

–Trong giấc mộng không có pháp quyết định đều là hư vọng.

Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nói:

–Này thiện nam! Chư Như Lai nói tất cả các pháp đều là hư vọng giống như giấc mộng. Nếu người nào không biết các pháp là hư vọng như giấc mộng, thì người ấy chỉ dùng sắc thân, danh tự, ngôn ngữ, chương cú mà sinh tâm đắm trước. Những hạng người như vậy, vì không hiểu thật tướng của các pháp nên mới phân biệt chư Phật có đến, có đi. Nếu người nào đối với chư Phật mà phân biệt có đến và đi thì phải biết kẻ đó là phàm phu không có trí. Do đó, họ luôn luôn bị sinh tử trong sáu đường, xa lìa Bát-nhã ba-lamật và xa lìa Phật pháp.

Này thiện nam! Người nào có thể như thật biết chư Phật nói tất cả các pháp là hư vọng như chiêm bao thì người ấy đối với các pháp không phân biệt có đến, có đi, có sinh, có diệt. Vì nếu không phân biệt tất cả các pháp thì người ấy nhờ thật tướng của các pháp mà quán Như Lai; nếu nhờ thật tướng của các pháp mà biết Như Lai thì người ấy không phân biệt Như Lai hoặc đến, hoặc đi. Nếu có khả năng biết thật tướng của các pháp như vậy thì người ấy đã hành Bát nhã Ba

la mật, gần Vô thượng Chánh đẳng giác, gọi người ấy là đệ tử chân chánh của Phật. Do đó, được nhận sự cúng dường trong nước nhưng không uổng phí, vì người đó là ruộng phước của thế gian.

Này thiện nam! Ví như trong biển lớn có các loại trân bảo, nhưng các trân bảo này không từ phương Đông đến, cũng không từ phương Nam, phương Tây, phương Bắc, mà đến cũng chẳng từ bốn phương góc trên dưới mà đến, chỉ do nhân duyên phước đức của chúng sinh nên biển sinh ra các trân bảo này. Chẳng phải không nhân duyên mà có, khi các báu diệt mất nó cũng không đi đến mười phương. Hễ các duyên hợp thì có, còn các duyên diệt thì rời tan.

Này thiện nam! Thân của chư Như Lai cũng lại như vậy, không có pháp quyết cố định nên cũng không từ mười phương đến, cũng chẳng không có nguyên nhân mà có vật gì sinh ra mà không có nguyên nhân của nó, chỉ do nguồn gốc tạo tác của nghiệp mà sinh ra nên mới có quả báo. Vì vậy, các duyên hợp thì có, còn các duyên diệt thì không có.

Này thiện nam! Ví dụ như âm thanh của cây đàn không hầu nó không từ đâu đến cũng không đi về đâu, nó chỉ phụ thuộc vào các nhân duyên như có dây đàn, có cái phím, có cây côn, có người dùng tay để đánh đàn. Khi các duyên hợp thì có tiếng đàn, tiếng đàn ấy không phải từ dây đàn phát ra, không từ cái phím, không từ cây côn, cũng không phải từ tay của người phát ra, mà nó chỉ do các duyên hợp lại mới phát ra tiếng đàn và những tiếng đàn ấy cũng không từ đâu đến. Hễ các duyên tan rã thì nó diệt, nó cũng không đi về đâu cả.

Này thiện nam! Thân của chư Như Lai cũng lại như vậy, đều phụ thuộc vào các nhân duyên của vô lượng phước đức mà được thành tựu, chứ không từ 1 nhân duyên hay một phước đức nào mà sinh. Cũng chẳng không có nhân và không có duyên mà có. Hễ các duyên hợp thì chúng có, nhưng không từ đâu đến; khi các duyên tan thì chúng diệt, nhưng chúng cũng không đi về đâu.

Này thiện nam! Phải nên quán sát tướng đến và đi của chư Như Lai như vậy và cũng nên quán sát tướng của các pháp như vậy.

Này thiện nam! Nếu ông quán sát các Đức Như Lai và tất cả pháp như thế, đó là không đến, không đi, không sinh, không diệt, thì nhất định ông sẽ đạt đến Vô thượng Chánh đẳng giác, cũng được hiểu rõ phương tiện Bát nhã Ba la mật.

Khi Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nói với Tát-đà-ba-luân về pháp không đến, không đi của chư Như Lai thì cả đại địa trong tam thiên đại thiên thế giới đều chấn động, cung điện của chư Thiên cũng đều chấn động, cung điện của các ác ma không còn hiện ra nữa. Lúc ấy cây cối, cỏ hoa trong tam thiên đại thiên thế giới đều nghiêm hướng về Đại Bồ-tát Đàm-vô-kiệt và đều trổ ra những loại hoa đẹp sái mùa.

Bấy giờ ở giữa hư không, Thích Đề-hoàn Nhân và Tứ Thiên vương đem mưa bột chiên-đàn cùng các loại hoa trời nổi tiếng rải tung lên Bồ-tát Đàm-vô-kiệt và nói với Bồ-tát Tát-đà-ba-luân:

–Thưa Nhân giả! Nhờ Ngài mà hôm nay chúng con được nghe điều quan trọng nhất, Đệ nhất nghĩa đế. Điều khó gặp gỡ ở tất cả thế gian, nay bản thân thấy song không thể nào theo kịp. Mà nay đích thân chúng con đích thân thấy nhưng không thể làm được.

Khi ấy Bồ-tát Tát-đà-ba-luân thưa với Bồ-tát Đàm-vô-kiệt:

–Vì nhân duyên gì mà cả đại địa chấn động?

Bồ-tát Đàm-vô-kiệt trả lời:

–Trước đây do ông hỏi về việc không đến, không đi của Đức Như Lai, khi ta trả lời cho ông có tám ngàn người đắc Vô sinh pháp nhẫn, tám mươi na-do-tha chúng sinh phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng giác, tám vạn bốn ngàn chúng sinh xa lìa cảnh trần nhơ bẩn, thấy được chân đế một cách rõ ràng sáng tỏ ở trong các pháp.

Vừa nghe xong tâm của Bồ-tát Tát-đà-ba-luân rất là hoan hỷ và nghĩ: "Nay ta được lợi ích tốt lành rồi, ta cũng đã nghe trong Bát nhã Ba la mật về việc không đến, không đi của chư Phật, Được làm lợi ích cho vô lượng chúng sinh như vậy nên căn lành của ta đã đến lúc đầy đủ đối với địa vị Vô thượng Chánh đẳng giác, tâm ta không còn hồ nghi và hối tiếc gì nữa, chắc chắn ta cũng sẽ thành Phật."

Nhờ nhân duyên được nghe pháp mà tâm của Bồ-tát Tát-đà-ba-luân rất hoan hỷ, ngài liền bay lên hư không cao bảy cây Đa-la và nghĩ: "Nay ta phải đem vật gì để cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt?"

Biết được tâm niệm của Bồ-tát Tát-đà-ba-luân, Thích Đề-hoàn Nhân liền lấy hoa trời Mạn-đà-la đem đưa cho Tát-đà-ba-luân và nói:

–Ngài hãy đem hoa này dâng lên cúng dường Bồ-tát Đàm-vô kiệt. Này thiện nam, chúng con sẽ giúp đỡ để ngài tròn sở nguyện. Vì nhờ nhân duyên cầu pháp của ngài mà làm cho vô lượng chúng sinh được lợi ích. Này thiện nam, người như vậy rất là khó được gặp. Vị ấy có thể vì tất cả chúng sinh mà phải trải qua vô lượng a-tăng-kỳ kiếp qua lại luân hồi trong sinh tử.

Bấy giờ, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân nhận hoa Mạn-đà-la của Thích Đề-hoàn Nhân rồi rải lên cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, từ trên hư không hạ xuống, ngài cúi đầu làm lễ rồi bạch với Đại sư:

–Từ ngày hôm nay con xin đem thân này để cung phụng và tôn thờ Đại sư.

Thưa xong, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân chắp tay và lui đứng qua một bên.

Bấy giờ con gái ông trưởng giả và năm trăm thị nữ thưa với Bồ-tát Tát-đà-ba-luân:

–Hôm nay chúng con cũng xin đem thân này để phụng thờ

Ngài. Vì nhờ nhân duyên trồng căn lành này của ngài nên chúng con mới được pháp lành như vậy. Chúng con nguyện đời đời thường cúng dường chư Phật và luôn luôn cùng nhau gần gũi với chư Phật.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân trả lời các cô gái:

–Nếu các cô thành tâm đem thân mình để phụng sự ta thì các cô phải thực hành theo điều hướng dẫn của ta.

Các cô gái thưa:

–Chúng con đã thành tâm đem thân mình để phụng sự cho ngài rồi thì chúng con sẽ thực hành theo những điều mà ngài hướng dẫn.

Bấy giờ Tát-đà-ba-luân đem con gái trưởng giả cùng năm trăm thị nữ mang đủ các loại vật báu trang nghiêm và năm trăm cỗ xe kính dâng lên Bồ-tát Đàm-vô-kiệt và thưa:

–Nay con đem con gái trưởng giả cùng với năm trăm thị nữ đến để phụng sự Đại sư và cả năm trăm cỗ xe này nữa xin ngài hãy tùy ý mà sử dụng.

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân khen Bồ-tát Tát-đà-ba-luân:

–Lành thay, lành thay! Vị Đại Bồ-tát nên học tất cả các pháp xả như vậy. Vì nhờ có tất cả các pháp xả đó mà Bồ-tát mới có thể mau chứng Vô thượng Chánh đẳng giác. Xưa kia, các vị Bồ-tát

vì nghe phương tiện Bát nhã Ba la mật cũng như ngài ngày nay đã cúng dường Đại sư vậy. Chư Phật quá khứ khi xưa hành Bồ-tát đạo các Ngài cũng trụ trong pháp xả đó như ngài vì nghe Bát nhã Ba la mật mà cúng dường Pháp sư để nghe phương tiện Bát-nhã ba-lamật. Và cũng nhờ trụ trong pháp xả ấy tu tập mà các Ngài mới chứng được quả Vô thượng Chánh đẳng giác.

Khi ấy, Bồ-tát Đàm-vô-kiệt muốn khiến cho Bồ-tát Tát-đà- ba-luân được đầy đủ căn lành nên nhận con gái trưởng giả cùng năm trăm thị nữ và năm trăm cỗ xe. Nhận xong, Bồ-tát Đàm-vôkiệt giao lại cho Tát-đà-ba-luân, rồi từ tòa cao đứng dậy mà đi vào cung.

Lúc này mặt trời đã lặn, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân liền suy nghĩ: "Ta vì pháp đến đây thì chớ nên ngồi nằm, mà phải theo hai việc:

Hoặc là đi, hoặc là đứng để đợi Pháp sư đi ra cung điện thuyết pháp."

Bấy giờ, Bồ-tát Đàm-vô-kiệt suốt bảy năm thường nhập vô lượng Tam-muội của Bồ-tát và trụ trong vô lượng phương tiện Bát nhã Ba la mật, ngài quán sát thấy Bồ-tát Tát-đà-ba-luân cũng suốt bảy năm mà chỉ đi hoặc đứng, không hề ngủ nghỉ, không nhớ nghĩ các dục, chẳng nhớ nghĩ đến vị ngon, vị ấy chỉ nhớ nghĩ: "Khi nào Bồ-tát Đàm-vô-kiệt xuất thiền thì ta sẽ trải pháp tòa để ngài ngồi thuyết pháp. Ta sẽ quét dọn đất sạch sẽ và rải các loại hoa."

Trong thời gian Bồ-tát Đàm-vô-kiệt đang thuyết giảng phương tiện Bát nhã Ba la mật thì con gái trưởng giả và năm trăm thị nữ cũng suốt bảy năm họ đều thực hành theo những việc như Tát-đà-baluân.

Bấy giờ Tát-đà-ba-luân nghe tiếng giữa hư không bảo:

–Này thiện nam! Bảy ngày sau, Bồ-tát Đàm-vô-kiệt xuất định và ngài sẽ ngồi trên pháp tòa trong thành để thuyết pháp.

Vừa nghe tiếng giữa hư không nói như vậy, Tát-đà-ba-luân rất vui mừng. Ngài cùng với con gái trưởng giả và năm trăm thị nữ trải Đại pháp tòa cho Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Lúc này, các cô gái cởi thượng y của mình chất lên làm pháp tòa và nghĩ: "Bồ-tát Đàm-vôkiệt sẽ ngồi trên pháp tòa này mà giảng nói phương tiện Bát nhã Ba la mật."

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân muốn lấy nước để vẩy trên đất chỗ pháp tòa, nhưng tìm nước không được. Vì sao? Vì ác ma ẩn giấu làm cho nước không hiện ra và nghĩ: "Tát-đà-ba-luân tìm nước không được thì ông sẽ buồn rầu, tâm niệm của ông ấy sẽ thay đổi căn lành không tăng trưởng và trí tuệ sẽ không chiếu sáng." Tát-đà-ba-luân tìm nước không được liền nghĩ: "Ta phải cắt thân mình lấy máu để rưới vẩy trên đất. Vì sao vậy? Vì bụi đất ở đây sẽ dính vào Đại sư. Tại sao ta phải dùng thân này? Vì không bao lâu thân này sẽ hư hoại. Nay ta thà vì pháp mà chịu mất thân, chứ không để thân này chết một cách vô ích. Cũng vì tham mê năm dục mà chính ta phải mất vô số thân nên phải qua lại trong sinh tử. Ta chưa từng được vì pháp mà chết như vậy." Tát-đà-ba-luân liền lấy dao bén cắt khắp thân để lấy máu vẩy lên đất.

Con gái trưởng giả và năm trăm thị nữ cũng bắt chước Bồ-tát Tát-đà-ba-luân, mỗi mỗi người đều cắt thân lấy máu để vẩy lên đất. Bồ-tát Tát-đà-ba-luân và các cô gái đó cho đến một niệm cũng không có tâm nào khác. Do đó, bọn ác ma không thể nào phá hoại và làm chướng ngại căn lành của họ.

Khi ấy Thích Đề-hoàn Nhân suy nghĩ: "Thật chưa từng có ai như vậy. Chỉ vì kính trọng pháp một cách kiên trì và muốn phát Đại trang nghiêm mà Bồ-tát Tát-đà-ba-luân không tiếc thân

mạng. Vị ấy đã đem thân tâm hướng đến Vô thượng Chánh đẳng giác thì sẽ được chứng Vô thượng Chánh đẳng giác để cứu độ và giải thoát cho vô lượng chúng sinh đang bị khổ não trong sinh tử.”

Ngay khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân liền biến máu vẩy trên đất thành nước chiên-đàn màu đỏ của trời, còn bốn bên pháp tòa khoảng một trăm do-tuần thì mùi thơm chiên-đàn của trời tỏa khắp nơi, Thích Đề-hoàn Nhân khen ngợi:

–Lành thay, lành thay, này thiện nam! Sức tinh tấn của Ngài thật không thể nghĩ bàn. Với tâm kính trọng Pháp và cầu Pháp của ngài quả là cao tột.

Này thiện nam! Chư Phật thời quá khứ cũng đều như vậy, các Ngài đem tâm chuyên cần tinh tấn để kính trọng pháp và cầu pháp. Và cũng nhờ sự tu tập đó mà chư Phật chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Bấy giờ Tát-đà-ba-luân nghĩ: “Ta vì Bồ-tát Đàm-vô-kiệt mà đã trải pháp tòa quét dọn và rưới đất sạch sẽ, bây giờ làm sao trên đất này lại tìm được hoa thơm mà trang hoàng để cúng dường tại tòa thuyết pháp của Bồ-tát Đàm-vô-kiệt?”

Biết tâm niệm của Bồ-tát Tát-đà-ba-luân, Thích Đề-hoàn Nhân liền đem ba ngàn hoa trời Mạn-đà-la trao cho Tát-đà-ba-luân và nói:

–Này thiện nam! Ngài hãy lấy hoa trời Mạn-đà-la này mà trang hoàng đất ấy để cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt.

Nhận hoa xong, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân liền lấy một nửa đem rải trên đất, còn một nửa ngài cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt.

Bảy ngày trôi qua, Bồ-tát Đàm-vô-kiệt đã xuất định và cùng vô lượng trăm ngàn vạn chúng cung kính vây quanh theo ngài đi đến chỗ pháp tòa. Và trên pháp tòa ấy, Bồ-tát Đàm-vô-kiệt ngồi thuyết giảng Bát nhã Ba la mật.

Vừa thấy Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, tâm của Bồ-tát Tát-đà-ba-luân rất vui mừng. Ví như Tỳ-kheo đang chứng vào cảnh Thiền thứ ba. Ngay khi ấy Tát-đà-ba-luân và năm trăm thị nữ liền lấy hoa rải tung lên cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt và tất cả họ đều cúi đầu mặt lạy sát dưới chân ngài rồi lui đứng qua một bên.

Nhân vì Tát-đà-ba-luân mà Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nói với đại chúng:

–Vì các pháp bình đẳng nên Bát nhã Ba la mật cũng bình đẳng.

Vì các pháp xa lìa nên Bát nhã Ba la mật cũng xa lìa.

Vì các pháp bất động nên Bát nhã Ba la mật cũng bất động.

Vì các pháp vô niệm nên Bát nhã Ba la mật cũng vô niệm.

Vì các pháp vô úy nên Bát nhã Ba la mật cũng vô úy.

Vì các pháp là một vị nên Bát nhã Ba la mật cũng một vị.

Vì các pháp vô biên nên Bát nhã Ba la mật cũng vô biên.

Vì các pháp vô sinh nên Bát nhã Ba la mật cũng vô sinh.

Vì các pháp vô diệt nên Bát nhã Ba la mật cũng vô diệt.

Như hư không vô biên nên Bát nhã Ba la mật cũng vô biên.

Như biển lớn vô biên nên Bát nhã Ba la mật cũng vô biên.

Như núi Tu-di trang nghiêm nên Bát nhã Ba la mật cũng trang nghiêm.

Như hư không không có phân biệt nên Bát nhã Ba la mật cũng không có phân biệt.

Vì sắc vô biên nên Bát nhã Ba la mật cũng vô biên.

Vì thọ, tưởng, hành, thức vô biên nên Bát nhã Ba la mật cũng vô biên.

Vì địa chủng vô biên nên Bát nhã Ba la mật cũng vô biên.

Vì thủy chủng, hỏa chủng, phong chủng và không chủng vô biên nên Bát nhã Ba la mật cũng vô biên.

Như Kim cang bình đẳng nên Bát nhã Ba la mật cũng bình đẳng.

Vì các pháp không hư hoại nên Bát nhã Ba la mật cũng không hư hoại.

Vì tánh của các pháp chẳng thể nắm bắt nên tánh của Bát-Nhã cũng chẳng thể nắm bắt.

Vì các pháp không bình đẳng nên Bát nhã Ba la mật cũng không bình đẳng.

Vì các pháp không có sự tạo tác nên Bát nhã Ba la mật cũng không có sự tạo tác.

Vì các pháp không thể nghĩ bàn nên Bát nhã Ba la mật cũng không thể nghĩ bàn.

Khi ấy ngay chỗ ngồi, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân liền đắc Tam-muội các pháp bình đẳng, Tam-muội các pháp xa lìa, Tam-muội các pháp Bất động, Tam-muội các pháp vô niệm, Tam-muội các pháp không sợ hãi, Tam-muội các pháp một vị, Tam-muội các pháp không có biên giới, Tam-muội các pháp vô sinh, Tam-muội các pháp vô diệt, Tam-muội các pháp hư không vô biên, Tam-muội biển cả không bờ bến, Tam-muội núi Tu-di trang nghiêm, Tam-muội như hư không không có sự phân biệt, Tam-muội sắc vô biên, Tam-muội thọ, tưởng, hành, thức vô biên, Tam-muội địa chủng vô biên, Tam-muội thủy chủng, hỏa chủng, không chủng vô biên, Tam-muội như kim cang bình đẳng, Tam-muội các pháp bất hoại, Tam-muội tánh các pháp tánh chẳng thể nắm bắt, Tam-muội các pháp không gì sánh bằng, Tam-muội các pháp không có chỗ tạo tác, Tam-muội các pháp không thể nghĩ bàn Bồ-tát Tát-đà-ba-luân đã đắc sáu trăm vạn pháp môn Tam-muội như vậy.

Phẩm 29: DẶN DÒ VÀ GIAO PHÓ

Bấy giờ Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Này Tu-bồ-đề! Khi Bồ-tát Tát-đà-ba-luân đắc sáu trăm vạn pháp môn Tam-muội rồi, liền thấy chư Phật hằng hà sa thế giới khắp mười phương, cùng cả chúng đại Tỳ-kheo cung kính vây quanh và tất cả đều dùng văn tự, chương cú, tướng mạo để nói Bát nhã Ba la mật. Cũng như hiện nay ta đang ở trong tam thiên đại thiên thế giới này cùng cả các đại chúng cung kính vây quanh đều dùng văn tự, chương cú, tướng mạo để nói Bát nhã Ba la mật đó vậy. Từ đó về sau, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân được trí tuệ đa văn không thể nghĩ bàn, như nước trong biển lớn, đời đời sinh ra chỗ nào cũng không bao giờ xa lìa chư Phật. Trong đời hiện tại, vị ấy thường sinh ra chỗ chư Phật và đoạn trừ tất cả các nạn.

–Này Tu-bồ-đề! Ông phải biết nhờ nhân duyên của Bát nhã Ba la mật này mà vị ấy mới đầy đủ đạo Bồ-tát. Thế nên, các Bồ-tát nào muốn được tất cả trí tuệ thì phải tin hiểu và thọ trì Bát-nhã bala-mật rồi đọc tụng, nhớ nghĩ chân chánh và thực hành đúng như pháp cùng đem giảng nói rộng rãi cho mọi người. Cũng nên hiểu rõ việc biên chép quyển kinh, rồi đem các thứ hoa hương, anh lạc, hương bột, hương xoa, tràng phan và trổi các thứ kỹ nhạc để cung kính cúng dường, tôn trọng và ngợi khen. Đó là lời dạy của ta.

Khi ấy Phật bảo A-nan:

–Ý ông thế nào? Phật là Đại Sư của ông phải không?

A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn! Phật là Đại Sư của con; Như Lai là Đại Sư của con.

Phật bảo A-nan:

–Ta là Đại Sư của ông, ông là đệ tử của ta. Nếu ngay trong đời hiện tại này, ông đem ba nghiệp thân, khẩu, ý để cúng dường, cung kính và tôn trọng ta thì sau khi ta diệt độ, ông cũng phải lấy đó mà cúng dường, cung kính và tôn trọng Bát nhã Ba la mật như vậy!

Phật nói như thế lần thứ hai, lần thứ ba rồi bảo:

–Này A-nan! Nay ta đem Bát nhã Ba la mật này phó chúc cho ông, ông hãy cẩn thận giữ gìn, chớ để quên mất. Đừng làm người đoạn mất hạt giống sau cùng.

Này A-nan! Cứ theo thời gian nào Bát nhã Ba la mật còn ở đời thì ông phải biết lúc đó sẽ có Phật ở đời thuyết pháp.

Này A-nan! Nếu có người nào biên chép Bát nhã Ba la mật, rồi thọ trì, đọc tụng, nhớ nghĩ chân chánh, thực hành đúng như pháp và thuyết giảng rộng rãi cho mọi người thì người ấy đã đem hoa hương, cho đến trổi các kỹ nhạc để cung kính, cúng dường, tôn trọng và ngợi khen Bát nhã Ba la mật. Phải biết người này thường được gặp Phật, thường được nghe pháp và thường gần gũi Phật.

Đức Phật nói Bát nhã Ba la mật xong, các Đại Bồ-tát như đức Di-lặc…, các chúng Thanh văn như Xá-lợi-phất, Tu-bồ-đề, Mụckiền-liên, Ma-ha Ca-diếp…, trong thế gian tất cả Trời, Người, A-tu-la…, nghe Đức Phật thuyết pháp rồi liền hoan hỷ và tin thọ.

HẾT

---o0o---

(Tạng Thư Phật Học)

9. “PHẬT MẪU XUẤT SINH TAM PHÁP TẠNG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA”

(Gọi tắt là “Phật Mẫu Bát Nhã”)

Đại Tạng Kinh Việt Nam mang số 0228, 25 quyển do *Tam tạng Pháp sư Thi Hộ, đời Triệu Tống dịch từ Phạn sang Hán. Thầy Thích Từ Chiếu chùa Châu Lâm Huế dịch từ Hán sang Việt.*

---o0o---

Quyển I

Phẩm 1: Biết Rõ Các Hành Tướng.
Phần 1

Tôi nghe như vầy: Tỷ-khưu, đều là A-la-hán, đã hết tất cả các lậu, không còn phiền não, tâm khéo giải thoát, tuệ khéo Một thời, Phật ở thành Vương Xá, trên núi Thứu Phong, cùng một ngàn hai trăm năm mươi vị Đại giải thoát, như Đại Long Vương, những điều đã làm đều đã đầy đủ, xả bỏ gánh nặng, được thiện lợi lớn, hết mọi ràng buộc, chính trí vô ngại, tâm trú tịch tĩnh, đã được tự-tại. Chỉ có một tôn giả còn trú bổ-đặc-già-la là A-nan.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả Tu-bồ-đề: Tùy ý ông muốn, hãy vì các Bồ-tát Ma-ha-tát, tùy cơ tuyên thuyết pháp môn Bát nhã Ba la mật. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử nghĩ: Nay Tôn giả Tu-bồ-đề dùng trí tuệ biện tài của chính mình để tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật của Bồ-tát Ma-ha-tátsao? Dùng oai thần và sức gia trì của Phật để thuyết sao?

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề nhờ oai thần của Phật, biết được Xá-lợi Tử suy nghĩ về tâm như thế, về sắc như thế. Biết như vậy rồi liền bảo Xá-lợi Tử:Ông nay nên biết, đệ tử Thanh Văn của Thế Tôn, đối với các pháp, nếu tự tuyên thuyết hoặc vì người khác tuyên thuyết, tất cả đều là sức oai thần củaPhật. Vì sao? Nếu người đó có thể tu học pháp được Phật nói, họ có thểchứng được tự tính các pháp. Nhờ chứng pháp nên có nói ra điều gì cũngkhông trái với các pháp. Vì thế, Xá-lợi Tử. Pháp Phật nói thuận với tự tínhcác pháp. Các Thiện nam tử nên biết như vậy.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, Phật dạy con hãy theo ýmuốn của mình, tùy cơ tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật của Bồ-tát Ma-ha-tát. Thế Tôn, vì nghĩa gì mà gọi là Bồ-tát? Nên nói pháp nào là pháp Bồ-tát?

Thế Tôn, con chẳng thấy có pháp nào gọi là Bồ-tát; cũng chẳng thấy cópháp nào gọi là Bát nhã Ba la mật. Vì nghĩa này, nếu Bồ-tát và pháp Bồ-tátđều không thể có, không thể thấy, không thể chứng đắc, thì Bát nhã Ba la mật cũng không thể có, không thể thấy, không thể chứng đắc. Con sẽ vìnhững Bồ-tát nào, sẽ dạy Bát nhã Ba la mật nào?

Thế Tôn, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát nghe lời nói này, tâm không lay động, khôngkinh, không sợ, cũng không lui mất, tức gọi là dạy Bát nhã Ba la mật củaBồ-tát Ma-ha-tát, là biết rõ Bát nhã Ba la mật, là an trú Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Thế Tôn. Bồ-tát Ma-ha-tát, lúc hành Bát nhã Ba la mật, lúc quán tưởng Bát nhã Ba la mật, nên học như thế. Nhưng Bồ-tát đó tuy học như thế, không nên sinh tâm mình học như thế. Vì sao? Vì cái tâm không phảitâm kia, tính nó thanh tịnh.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử hỏi Tu-bồ-đề: Thế nào, Tu-bồ-đề. Ngài có cái tâmkhông phải tâm đó không?

Tu-bồ-đề nói: Xá-lợi Tử, ý ông thế nào? Nếu cái tâm không phải tâm, dù có,dù không, thì có thể chứng đắc không?

Xá-lợi Tử nói: Không thể, Tu-bồ-đề.

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bảo Xá-lợi Tử: Nếu cái tâm không phải tâm, dù có, dùkhông, mà không thể chứng đắc, tại sao ông nay lại hỏi có cái tâm khôngphải tâm không?

Xá-lợi Tử nói: Tính của cái không phải tâm gọi là gì?

Tu-bồ-đề nói: Tất cả không bị hoại, xa lìa các phân biệt, chính là tính của cáikhông phải tâm.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử khen ngợi Tu-bồ-đề: Hay thay! Hay thay! Tu-bồ-đề, đúng như Phật nói, ông là bậc tối thắng đệ nhất trong việc hành tam-muội Vô tránh. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát học như thế, tức không còn thoáichuyển đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Nên biết, Bồ-tát Ma-ha-tát này không rời Bát nhã Ba la mật.

Nếu có người muốn học pháp Thanh Văn thì đối với Bát nhã Ba la mật hãynên lắng nghe, tiếp nhận, đọc tụng, ghi nhớ, suy nghĩ, tu hành như được nói. Đó chính là tương ưng với sự tu học Bát nhã Ba la mật này.

Nếu muốn học pháp Duyên Giác thì đối với Bát nhã Ba la mật hãy nên lắngnghe, tiếp nhận, đọc tụng, ghi nhớ, suy nghĩ, theo đó mà tu hành. Đó chínhlà tương ưng với sự tu học Bát nhã Ba la mật này.

Nếu muốn học pháp Bồ-tát thì đối với Bát nhã Ba la mật này hãy nên lắngnghe, tiếp nhận, đọc tụng, ghi nhớ, suy nghĩ, theo đó mà tu hành. Đó chínhlà nhờ phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật mà được tương ưng với đầy 2 đủ các nhóm pháp. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật này rộng nói tất cả cácpháp thuộc tạng Bồ-tát. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát tu học như vậy tức tương ưngvới pháp Bồ-tát. Nếu muốn tu học pháp Vô thượng Chính đẳng Chính giác,đối với Bát nhã Ba la mật này, hãy lắng nghe, tiếp nhận, đọc tụng, ghi nhớ,suy nghĩ, theo đó mà tu hành; tức đối với Bát nhã Ba la mật này có đầy đủphương tiện, tập hợp các pháp Phật. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật này rộngnói tất cả các pháp Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Nếu Bồ-tát Ma-ha-táthọc như thế tức được tương ưng với pháp Vô thượng.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, Bồ-tát Ma-ha-tát được nóiđó, con không thể thấy cũng không thể chứng đắc, mà Bồ-tát chỉ là danh tự.Thế Tôn, tức danh tự này cũng không thể thấy, không thể có được. Bát-nhãBa-la-mật cũng chỉ là danh tự, nên không thể thấy, không thể có được. Thếnào là giáo pháp Bồ-tát? Thế nào là Bát nhã Ba la mật? Vì ý nghĩa như vậynên con sinh nghi.

Thế Tôn, ở nơi danh tự con cầu Bồ-tát Ma-ha-tát mà cuối cùng vẫn khôngthể có được. Danh tự đó không phải là chỗ trú cũng không phải không lachỗ trú; không quyết định cũng không phải không quyết định. Vì sao? Vìdanh tự đó không có tự tính. Vì thế, không phải chỗ trú cũng không phảikhông chỗ trú; không phải quyết định cũng không phải không quyết định.Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa này mà không layđộng, không kinh, không sợ, cũng không lui mất, nên biết rằng Bồ-tát Ma-ha-tát này không lìa Bát nhã Ba la mật, trú địa Bồ-tát mà không thoáichuyển, tương ưng với thiện trú, vô trú.

Lại nữa, Thế Tôn. Bồ-tát Ma-ha-tát khi hành Bát nhã Ba la mật, khi quántưởng Bát nhã Ba la mật, không trú ở sắc, không trú ở thụ, tưởng, hành,thức. Vì sao? Nếu trú ở sắc, tức hành sắc hành, không phải hành Bát-nhãBa-la-mật. Nếu trú ở thụ, tưởng, hành, thức tức hành các hành thuộc thụ,tưởng, hành, thức, không phải hành Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Trú ở cácpháp thì không thể nhận Bát nhã Ba la mật, không tương ưng với Bát-nhãBa-la-mật, không thể viên mãn Bát nhã Ba la mật, không thể thành tựuNhất thiết trí. Vì sao? Bát nhã Ba la mật không được nhận ở sắc, khôngđược nhận ở thụ, tưởng, hành, thức. Nếu không được nhận ở sắc tức khôngphải sắc; không được nhận ở thụ, tưởng, hành, thức tức không phải thụ,tưởng, hành, thức

Vì thế, Bát nhã Ba la mật không phải là cái được nhận. Bồ-tát Ma-ha-tát đốivới pháp không được nhận nên hành như thế. Đó gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát, lànương tam-ma-địa Nhất thiết pháp vô thụ, là pháp rộng lớn, tròn đủ, vôlượng, quyết định, không bị tất cả Thanh Văn, Duyên Giác làm hoại.

Thế Tôn, Nhất thiết trí đó không có tướng, không nắm được. Nếu có tướngtức có thể nắm bắt thì các hàng vương tộc Thất-lý-ni-ca, các du hành Bà-la-môn Ba-lý-một-la-nhạ-ca kia, những người như thế không thể sinh tin hiểuđối với Nhất thiết trí. Vì sao? Người đó, đối với Nhất thiết trí, nếu sinh tinhiểu tức sẽ dùng trí suy đoán đo lườngmà vào pháp này, không nhận sắc, 3 không nhận thụ, tưởng, hành, thức, không lấy pháp hỷ lạc làm cái quán sátcủa trí, không lấy sắc bên trong làm cái quán sát của trí, không lấy sắc bên ngoài làm cái quán sát của trí, không lấy sắc bên trong bên ngoài làm cáiquán sát của trí, cũng không lấy cái nằm ngoài sắc bên trong bên ngoài làmcái quán sát của trí. Như vậy, không lấy thụ, tưởng, hành, thức bên tronglàm cái quán sát của trí; không lấy các thụ, tưởng, hành, thức bên ngoài làmcái quán sát của trí; không lấy các thụ, tưởng, hành, thức bên trong bênngoài làm cái quán sát của trí; cũng không lấy cái nằm ngoài thụ, tưởng,hành, thức bên trong bên ngoài làm cái quán sát của trí mà cáchạng Thất-lý-ni-ca kia, ở nơi pháp như thế và Nhất thiết trí trí sinh tin hiểu sâu xa, ở nơitự tính của các pháp mà được giải thoát.

Lại nữa, đối với tất cả các pháp đều không nắm bắt cũng không phải khôngnắm bắt, cho đến Niết-bàn cũng không nắm bắt cũng không phải khôngnắm bắt. Thế Tôn, người tu pháp Bồ-tát đối với sắc, thụ, tưởng, hành, thứctuy không tiếp nhận nhưng vẫn chưa viên mãn mười Lực, bốn Vô úy, mườitám pháp Bất cộng của Như Lai, cũng không nửa đường thủ chứng Niết-bàn.Vì vậy, Thế Tôn. Bồ-tát Ma-ha-tát nên hiểu rõ Bát nhã Ba la mật như thế.

Lại nữa, Thế Tôn. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát, lúc hành Bát nhã Ba la mật, lúcquán tưởng Bát nhã Ba la mật, nên quán thế này: Pháp nào là Bát nhã Ba la mật? Tướng của Bát nhã Ba la mật là gì? Các pháp không có sinh, cũngkhông có sở đắc, Bát nhã Ba la mật làm sao có sở đắc? Nếu khi

Bồ-tát quántưởng như vậy, tâm không lay động, không kinh, không sợ, cũng không luimất, nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát này không rời Bát nhã Ba la mật.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử hỏi Tu-bồ-đề: Nếu các sắc pháp rời tự tính củasắc; thụ, tưởng, hành, thức rời tự tính của thụ, tưởng, hành, thức; Bát-nhãBa-la-mật rời tự tính của Bát nhã Ba la mật; Nhất thiết trí cũng rời tự tínhcủa Bát nhã Ba la mật, Bát nhã Ba la mật cũng rời tự tính của Nhất thiết trí;Nhất thiết trí rời tự tính của Nhất thiết trí; làm sao có thể nói Bồ-tát Ma-ha-tát không rời Bát nhã Ba la mật?

Tu-bồ-đề nói: Xá-lợi Tử, đúng vậy, đúng vậy. Tất cả sắc pháp rời tự tính củasắc; thụ, tưởng, hành, thức rời tự tính của thụ, tưởng, hành, thức; cho đếnNhất thiết trí rời tự tính của Nhất thiết trí; tướng của Bát nhã Ba la mật rờitự tính của tướng Bát nhã Ba la mật; các tướng rời tự tính của các tướng; vôtính cũng rời tự tính.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử lại hỏi Tu-bồ-đề: Tại sao, Tu-bồ-đề? Nếu Bồ-tátMa-ha-tát theo đây mà học, họ có thể thành tựu Nhất thiết trí không?

Tu-bồ-đề nói: Đúng vậy, đúng vậy, Xá-lợi Tử. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát học nhưthế có thể thành tựu Nhất thiết trí. Vì sao? Các pháp không sinh cũng khôngphải không sinh. Bồ-tát Ma-ha-tát nên biết như thế. Người hành như thế cóthể tùy thuận, gần gũi Nhất thiết trí đó; thân tâm thanh tịnh, các tướngthanh tịnh; mọi lúc mọi nơi nghiêm tịnh cõi Phật; thuần thục chúng sinh, đầy 4 đủ Phật pháp. Đó là Bồ-tát Ma-ha-tát tu hành Bát nhã Ba la mật, gần Nhấtthiết trí.

Tôn giả Tu-bồ-đề lại nói: Nếu có Bồ-tát Ma-ha-tát hành nơi sắc pháp thì đólà hành tướng; nếu hành sắc tướng thì đó là hành tướng; nếu sinh sắc hànhthì đó là hành tướng; nếu diệt sắc hành thì đó là hành tướng; nếu hoại sắchành thì đó là hành tướng; nếu làm trống rỗng sắc hành thì đó là hànhtướng; ta hành các hành cũng là hành tướng; ta hành Bồ-tát hành cũng làhành tướng; đối với pháp Bồ-tát, ta có cái được cũng là hành tướng. Nhưvậy, nếu hành thụ, tưởng, hành, thức thì đó là hành tướng; nếu hành cáctướng của thụ, tưởng, hành, thức thì đó cũng là hành tướng; nếu sinh thụ,tưởng, hành, thức thì đó là hành tướng; nếu diệt thọ, tưởng, hành, thức thìđó là hành tướng; nếu hoại thụ, tưởng, hành, thức thì đó là hành tướng;nếu làm trống rỗng thụ, tưởng, hành, thức thì đó là hành tướng; ta hành cáchành cũng là hành tướng; ta hành Bồ-tát hành cũng là hành tướng; ta đượcpháp Bồ-tát cũng là hành tướng; nếu khởi niệm có thể hành như thế, chođến cái gọi là hành Bát nhã Ba la mật, thì đó cũng là hành tướng. Nếu hànhnhư thế, nên biết Bồ-tát này chưa có thể đầy đủ phương tiện thiện xảo.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử hỏi Tu-bồ-đề: Hành như thế nào mới là Bồ-tátMa-ha-tát hành Bát nhã Ba la mật?

Tu-bồ-đề nói: Xá-lợi Tử, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát không hành sắc, không hànhsắc tướng, không hành sự sinh khởi sắc, không hành sự diệt trừ sắc, khônghành sự hủy hoại sắc, không hành sự làm trống rỗng sắc, không hành cáchành của ta, không khởi các hành của ta; Bồ-tát hành như thế. Không hànhthụ, tưởng, hành, thức; không hành tướng của thụ, tưởng, hành, thức;không hành sự sinh khởi thọ, tưởng, hành, thức; không hành sự diệt trừ thụ,tưởng, hành, thức; không hành sự hủy hoại thụ, tưởng, hành, thức; khônghành sự làm trống rỗng thụ, tưởng, hành, thức; không hành các hành củata; không khởi các hành của ta. Bồ-tát hành mà không khởi niệm như thế.Nếu

hành như thế thì gọi là hành Bát nhã Ba la mật. Nếu được như thế thìgọi là Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba la mật.

Bồ-tát Ma-ha-tát đó tuy hành như thế, không khởi niệm ta hành, không khởiniệm ta không hành, không khởi niệm ta vừa hành vừa không hành, khôngkhởi niệm ta vừa không phải hành vừa không phải không hành. Cũng khôngkhởi niệm có cái được hành, không khởi niệm không có cái được hành,không khởi niệm vừa có cái được hành vừa không có cái được hành, khôngkhởi niệm vừa không phải có cái được hành vừa không phải không có cáiđược hành. Vì sao? Không có sự khởi niệm, không có sự nắm bắt, không cósự không nắm bắt đối với tất cả các pháp. Đây gọi là tam-ma-địa Vô thụnhất thiết pháp của Bồ-tát Ma-ha-tát, rộng lớn, tròn đủ, vô lượng, quyếtđịnh, không bị tất cả Thanh Văn, Duyên Giác làm hoại. Tam-ma-địa này có ởcác hành của tất cả tam-ma-địa. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát có thể hành như vậy,thì sớm được thành tựu Vô thượng Chính đẳng Chính giác.5

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề, nhờ oai thần của Phật, nói thế này: Bồ-tát Ma-ha-tát tuy hành vô số tam-ma-địa nhưng không có hành tướng; tuy nhìnthấy vô số tam-ma-địa nhưng không có cái được thấy. Bồ-tát đó không khởiniệm: Tam-ma-địa này, ta đã vào; tam-ma-địa này, ta sẽ vào; tam-ma-địanày, ta đang vào. Như vậy với mọi thời, mọi chỗ, mọi loại, đều rời tất cả cáctướng, không có cái được sinh khởi. Nếu được như vậy, nên biết Bồ-tát nàytrước đó đã theo Phật, đã được thụ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử hỏi Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát không cóhành tướng đối với tam-ma-địa, vị đó được Như Lai Ứng cúng Chính đẳngChính giác thụ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Nhưng tam-ma-địa nàycó được quán không?

Tu-bồ-đề nói: Không, Xá-lợi Tử. Vì sao? Tam-ma-địa đó không có tính, rờimọi phân biệt, mọi sự liễu tri.

Bấy giờ, Thế Tôn khen: Hay thay! Hay thay! Tu-bồ-đề, đúng vậy, đúng vậy.Tu-bồ-đề, như sức oai thần, biện tài và gia trì của Phật Thế Tôn đã tuyênthuyết: Các Bồ-tát Ma-ha-tát nên hành như thế, nên tu học như thế. Vì sao?Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát học như thế, đó là tu học Bát nhã Ba la mật.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử bạch Phật: Thế Tôn, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát tu họcnhư thế, tức là tu học Bát nhã Ba la mật sao?

Phật nói: Xá-lợi Tử, đúng vậy, đúng vậy. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát học như thế,chính là tu học Bát nhã Ba la mật.

Xá-lợi Tử bạch Phật: Thế Tôn, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát tu học như thế thì nênhọc pháp nào?

Phật nói: Xá-lợi Tử, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát biết không có pháp cũng không cócái được học; đó là tu học. Vì sao? Tất cả pháp kia đều không có, nhưnghàng dị sinh ngu muội lại phân biệt, đeo bám các pháp không có đó.

Xá-lợi Tử bạch Phật: Thế Tôn, nếu các pháp không có thì nay sao lại có?

Phật nói: Xá-lợi Tử, các pháp không có nhưng nay lại có, như thế là vì hàngdị sinh ngu muội kia không biết được pháp là không có nên nói là vô minh;vì thế cố chấp vô minh. Vì cố chấp nên khởi tâm phân biệt; do phân biệt nênrơi vào nhị biên. Cứ quay vòng như thế đối với tất cả các pháp, phân biệt đủloại, khởi các tướng sở đắc. Chúng phân biệt rồi thì dựa vào nhị biên màsinh

chấp trước. Vì thế mới phân biệt các pháp quá khứ, phân biệt các phápvị lai, phân biệt các pháp hiện tại. Do các phân biệt nên đeo bám danh sắc.

Xá-lợi Tử, các dị sinh đó không hiểu các pháp không có tính nên khởi phânbiệt, đối với đạo Như thật không thể biết rõ cũng không thể thấy. Do khôngbiết, thấy, nên không ra khỏi ba cõi. Đối với các pháp Thật tế, không thể antrú, cũng không sinh tin; vì thế rơi vào số dị sinh ngu muội đó.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử lại bạch Phật: Thế Tôn, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát họcnhư thế có phải là học Nhất thiết trí không?6

Phật cố chấp: Xá-lợi Tử, Bồ-tát Ma-ha-tát học như thế không phải học Nhấtthiết trí. Bồ-tát Ma-ha-tát học như thế cũng là học Nhất thiết trí. Học nhưthế cũng là học tất cả các pháp, được gần gũi Nhất thiết trí, thành tựu Nhấtthiết trí.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, nếu có người huyễn hỏi làmthế nào tu học Nhất thiết trí, làm thế nào gần gũi Nhất thiết trí, làm thế nàothành tựu Nhất thiết trí. Người đó hỏi như vậy, con nên trả lời thế nào?

Phật nói: Tu-bồ-đề, nay ta hỏi ông, ông tuỳ ý đáp.

Tu-bồ-đề nói:.Hay thay! Thế Tôn, con mong muốn nghe.

Phật nói: Tu-bồ-đề, ý ông thế nào? Huyễn khác với sắc, sắc khác với huyễnkhông? Và như thế, huyễn có khác thụ, tưởng, hành, thức và thụ, tưởng,hành, thức có khác với huyễn không?

Tu-bồ-đề nói: Không, Thế Tôn. Khác huyễn không phải sắc, khác sắc khôngphải huyễn. Huyễn đó là sắc, sắc đó là huyễn. Thụ, tưởng, hành, thức cũng vậy.

Phật nói: Tu-bồ-đề, ý ông thế nào? Có năm thủ uẩn là Bồ-tát chăng?

Tu-bồ-đề nói: Như vậy, Thế Tôn. Đúng thế, Thiện Thệ.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nên biết năm thủ uẩn là người huyễn. Vì sao? Nói sắcnhư huyễn; thụ, tưởng, hành, thức cũng như huyễn. Sắc, thụ, tưởng, hành,thức đó chính là sáu căn, năm uẩn. Vì vậy, Bồ-tát Ma-ha-tát cũng nhưhuyễn. Nếu muốn tu học Bát nhã Ba la mật, nên học như huyễn, tức đượcVô Thượng Chính đẳng Chính giác.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, nếu có Bồ-tát mới trú Đại thừa, nghe nói nhưvậy mà không kinh sợ không?

Phật nói: Tu-bồ-đề, Bồ-tát mới trú Đại thừa đó, nếu nương theo ác tri thứcthì nghe pháp này xong liền bị kinh sợ. Nhưng Bồ-tát đó, nếu theo thiện trithức, thì nghe pháp này không sinh kinh sợ.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, thế nào là ác tri thức của Bồ-tát Ma-ha-tát.Phật nói: Nếu có người bảo phải xa rời Bát nhã Ba la mật, thì đó là ác trithức của Bồ-tát.

Thế nào là thiện tri thức của Bồ-tát?

Phật nói: Nếu tự mình tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật để chuyển hóa ngườikhác; lại vì người khác chỉ rõ nghiệp phiền não cùng những lỗi lầm của phiềnnão, khuyên họ hiểu biết, hiểu biết rồi lại khiến họ xa rời; lại khuyên họđừng rời chư Phật. Tu-bồ-đề nên biết, người này mặc được áo giáp Đạithừa, được Đại thừa trang nghiêm, an trú Đại thừa. Đó là thiện tri thức của Bồ-tát Ma-ha-tát.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, như Phật nói, Bồ-tát Ma-ha-tát mặc áo giáp Đại thừa, được Đại thừa trang nghiêm, an trú Đại thừa. Thế Tôn, nên nói cúnghĩa nào là nghĩa của Bồ-tát? 7

Phật nói: Tu-bồ-đề, nên biết không phải cú nghĩa chính là nghĩa của Bồ-tát.Vì sao? Bồ-tát không bị chướng ngại đối với tất cả các pháp, hiểu biết nhưthật tất cả các pháp; cho đến Vô Thượng Chính đẳng Chính giác cũng khôngchướng ngại, cũng hiểu biết như thật. Đây gọi là nghĩa của Bồ-tát.

Lại nữa, Thế Tôn. Sao lại gọi là Ma-ha-tát?

Phật nói: Là bậc tối thượng trong chúng hữu tình. Vì nghĩa này nên gọi là Ma-ha-tát.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử bạch Phật: Thế Tôn, con cũng thích nói nghĩa của Ma-ha-tát.

Phật nói: Tùy thích cứ nói, nay chính là lúc.

Xá-lợi Tử nói: Có ngã kiến, chúng sinh kiến, mạng kiến, bổ-đặc-già-la kiến,chư hữu thú kiến, đoạn kiến, thường kiến và hữu thân kiến. Nếu rời các kiếnđó, vì chúng sinh mà nói pháp thì đó là Ma-ha-tát.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, con cũng thích nói nghĩa củaMa-ha-tát.

Phật nói: Tùy thích cứ nói, nay chính là lúc.

Tu-bồ-đề nói: Hoặc tâm Bồ-đề, tâm Nhất thiết trí, tâm vô lậu, tâm vô đẳng,tâm vô đẳng đẳng; đối với các tâm như vậy mà không chướng ngại, khôngđeo bám, không bị tất cả Thanh Văn, Duyên Giác làm hoại. Vì nghĩa đó nêngọi là Ma-ha-tát; nhờ đó mà vào được trong chúng Bồ-tát Ma-ha-tát.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử bạch Tu-bồ-đề: Tại sao tâm đó không ngăn ngại, không chấp trước?

Tu-bồ-đề nói: Vì vô tâm nên không có tâm chướng ngại cũng không có tâmchấp trước.

Xá-lợi Tử hỏi: Nghĩa của tâm là gì?

Tu-bồ-đề nói: Xá-lợi Tử, tâm có thể sinh ở nơi hữu, ở nơi vô không? Có thể có được không?

Xá-lợi Tử nói: Không thể, Tu-bồ-đề.

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bảo Xá-lợi Tử: Nếu tâm không thể có được ở nơi hữu, vô,thì sao còn nói đến tâm?

Tôn giả Xá-lợi Tử khen Tu-bồ-đề: Hay thay! Hay thay! Tu-bồ-đề, đúng nhưPhật nói, ông là bậc tối thắng đệ nhất trong việc hành tam-muội Vô tránh.

Bấy giờ, Tôn giả Mãn Từ Tử bạch Phật: Thế Tôn, con cũng thích nói về nghĩa của Ma-ha-tát.

Phật nói: Tùy thích cứ nói, nay chính là lúc.

Mãn Từ Tử nói: Ma-ha-tát nghĩa là mặc áo giáp Đại thừa, lấy pháp Đại thừamà tự trang nghiêm, an trú Đại thừa. Vì vậy nói là Ma-ha-tát.

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, nói Bồ-tát Ma-ha-tát mặc áo giáp Đạithừa là dựa vào nghĩa nào để nói là áo giáp Đại thừa? 8

Phật nói: Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát khởi niệm thế này: Ta nên độ vô lượng vô sốchúng sinh khiến đến Niết-bàn. Tuy độ chúng sinh như vậy nhưng đã khôngkhởi tưởng độ chúng sinh, không một chúng sinh nào chứng đắc Niết-bàn. Vìsao? Vì tự tính của tất cả các pháp vốn như vậy, xa rời mọi tạo tác.

Tu-bồ-đề, ví như huyễn sư, ở ngã tư đường, dùng huyễn thuật làm cho đám đông người xuất hiện; và khi họ xuất hiện rồi thì người này lại lánh mặt. Tu-bồ-đề, ông nghĩ thế nào? Những người huyễn đó từ trước đến nay có thật không? Có bị mất đi, có bị hủy hoại không?

Tu-bồ-đề nói: Không, Thế Tôn.

Phật nói: Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát cũng vậy. Tuy độ vô lượng vô số chúngsinh khiến đến Niết-bàn, nhưng thật không có chúng sinh được độ. Bồ-tátMa-ha-tát nghe nói như vậy mà không kinh sợ, nên biết Bồ-tát Ma-ha-tátnày mặc áo giáp Đại thừa mà tự trang nghiêm.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, như con hiểu nghĩa Phật nói,nếu Bồ-tát Ma-ha-tát biết rõ như thế, tức là mặc áo giáp Đại thừa, dũngmãnh kiên cố, mà khéo trang nghiêm.

Phật nói: Tu-bồ-đề, đúng vậy, đúng vậy. Vì sao? Nhất thiết trí đó là pháp vôvi, không tạo tác; vì lợi ích chúng sinh nên khởi các phương tiện. Và chúngsinh kia cũng là pháp vô vi, không tạo tác.

Tu-bồ-đề nói: Đúng như Phật nói. Vì sao? Sắc không buộc không cởi; thụ,tưởng, hành, thức không buộc không cởi. Thế Tôn, Chân như sắc khôngbuộc không cởi; Chân như thụ, tưởng, hành, thức cũng không buộc không cởi.

Bấy giờ, Tôn giả Mãn Từ Tử bạch Tu-bồ-đề: Như Tôn giả nói, sắc khôngbuộc không cởi; thụ, tưởng, hành, thức không buộc không cởi; Chân nhưsắc không buộc không cởi; Chân như thụ, tưởng, hành, thức không buộc không cởi. Theo đó, sắc không buộc không cởi là gì? Thụ, tưởng, hành, thức không buộc không cởi là gì? Chân như sắc không buộc không cởi là gì? Chânnhư thụ, tưởng, hành, thức không buộc không cởi là gì?

Tu-bồ-đề nói: Mãn Từ Tử, ông nay nên biết. Sắc của người huyễn không buộc không cởi; thụ, tưởng, hành, thức của người huyễn không buộc không cởi; Chân như sắc của người huyễn không buộc không cởi; Chân như thụ,tưởng, hành, thức của người huyễn không buộc không cởi. Vì sao? Vì không có, nên không buộc không cởi; vì xa rời nên không buộc không cởi; vì không sinh nên không buộc không cởi. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát biết rõ như thế, tức antrú Đại thừa, mặc áo giáp Đại thừa, được Đại thừa trang nghiêm.

Lúc đó, Tôn giả Mãn Từ Tử nghe nói như vậy liền đứng lặng thinh.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, như lời Phật dạy, Bồ-tát Ma-ha-tát an trú Đại thừa, mặc áo giáp Đại thừa, được Đại thừa trang nghiêm.Thế Tôn, vì sao gọi là Đại thừa? Bồ-tát làm sao hiểu rõ? Thừa này xuất hiện từ đâu? Sau khi xuất hiện thì trú ở đâu?
9

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đại thừa không có hạn lượng, không có phần số, khôngcó giới hạn. Vì nghĩa này nên gọi là Đại thừa. Bồ-tát Ma-ha-tát nên biết rõnhư vậy.

Lại nói: Đại thừa từ đâu xuất hiện, trú ở chỗ nào? Thừa này từ ba cõi hiện,trú ở Ba-la-mật. Thừa đó không bị chấp trước nên trú ở Nhất thiết trí; từ đósinh ra Bồ-tát Ma-ha-tát.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đại thừa không có hạn lượng, không có phần số, khôngcó giới hạn. Vì nghĩa này nên gọi là Đại thừa. Bồ-tát Ma-ha-tát nên biết rõ như vậy.

Lại nói: Đại thừa từ đâu xuất hiện, trú ở chỗ nào? Thừa này từ ba cõi hiện, trú ở Ba-la-mật. Thừa đó không bị chấp trước nên trú ở Nhất thiết trí; từ đósinh ra Bồ-tát Ma-ha-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu pháp không xuất hiện, cũng không có chỗ trú; và vìkhông trú nên tương ưng với Nhất thiết trí vô trú.

Lại nữa, Đại thừa này cũng không có, nên không sinh ra. Vì không sinh ranên mới sinh ra như thế. Vì sao? Hoặc có sinh ra, hoặc không sinh ra, hai pháp như vậy đều không thể có được, đều không sinh ra; cho đến tất cả các pháp, không có pháp nào có thể sinh ra, cũng không có phi pháp nào có thể sinh ra.

Tu-bồ-đề, Bát nhã Ba la mật của Bồ-tát Ma-ha-tát sinh ra như thế.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, như Phật nói, pháp Đại thừađó đối với hết thảy thế gian, trời, người, A-tu-la, là pháp tối thắng, ngangbằng hư không. Giống như hư không kia có thể nhận vô lượng vô số chúng sinh, pháp Đại thừa kia cũng vậy, có thể nhận vô lượng vô số chúng sinh.

Thế Tôn, đối với pháp Đại thừa, Bồ-tát Ma-ha-tát không thấy có đến, khôngthấy có đi, cũng không có chỗ trú; không thể được phần trước, không thểđược phần sau, không thể được phần giữa; vì ba đời giống nhau, không có cái được sinh ra. Cho nên nghĩa của Đại thừa được nói như vậy.

Bấy giờ, Thế Tôn khen: Hay thay! Hay thay ! Tu-bồ-đề, đúng vậy, đúng vậy.Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát tu học như thế đối với pháp Đại thừa; tức Bồ-tát Ma-ha-tát đó được thành tựu Nhất thiết trí. 10

Quyển II

Phẩm 1: Biết Rõ Các Hành Tướng
Phần 2

Bấy giờ, Tôn giả Mãn Từ Tử bạch Phật: Thế Tôn, Phật bảo Tu-bồ-đề nói Bát nhã Ba la mật. Tại sao nay lại nói pháp Đại thừa?

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề liền bạch Phật: Thế Tôn, pháp Đại thừa mà con đã nói là trái hay không trái với Bát nhã Ba la mật kia?

Phật nói: Không, Tu-bồ-đề. Những điều ông nói đều hợp với Bát nhã Ba la mật.

Bấy giờ, Tu-bồ-đề nương thần lực Phật, bạch Phật: Thế Tôn, trong quá khứ, hiện tại, vị lai con mong cầu Bồ-tát Ma-ha-tát mà không thể được. Vì sao? Vìsắc vô biên, nên Bồ-tát Ma-ha-tát cũng vô biên. Thụ, tưởng, hành, thức vô biên, nên Bồ-tát Ma-ha-tát cũng vô biên. Sắc là cái Bồ-tát không có nênkhông thể có sở đắc. Thụ, tưởng, hành, thức là cái Bồ-tát không có nên không thể có sở đắc. Thế Tôn, ở mọi lúc, mọi nơi, mọi loại như thế, cầu Bồ-tát Ma-ha-tát mà cuối cùng vẫn không thể có sở đắc. Bát nhã Ba la mật cũng không thể thấy, không thể có sở đắc. Cho đến Nhất thiết trí cũng không thể thấy, không thể có sở đắc. Tất cả các pháp như thế, ở mọi lúc,mọi nơi, mọi loại, đều không thể thấy, không thể có sở đắc. Thế nào là pháp? Thế nào là phi pháp? Nên dùng pháp gì để dạy nhập Bát nhã Ba la mật?

Thế Tôn, Bồ-tát chỉ có danh tự. Bát nhã Ba la mật cũng chỉ có danh tự. Danh tự đó cũng là vô sinh. Thế Tôn, giống như nói ngã, ngã pháp rốt ráođều vô sinh. Vì ngã không có tự tính nên

tất cả các pháp cũng như vậy. Tạisao ở đây sắc lại vô trước, vô sinh? Tại sao thụ, tưởng, hành, thức lại vô trước, vô sinh? Vì tất cả các pháp đều vô tính nên vô trước, vô sinh. Vì pháp là vô tính nên tất cả các pháp vô sinh. Vì thế cái vô sinh cũng là vô sinh. Con nay lấy pháp vô sinh để dạy nhập Bát nhã Ba la mật. Thế Tôn, nếu rời pháp vô sinh mà cầu tất cả các pháp, cho đến pháp Phật, Bồ-tát, đều không thểcó sở đắc. Vì sao? Nếu rời pháp vô sinh, Bồ-tát Ma-ha-tát không thể thành tựu hạnh Bồ-đề kia.

Thế Tôn, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát nghe nói như thế mà tâm không động, khôngkinh, không sợ, cũng không thoái lui, không mất, nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát này hành Bát nhã Ba la mật, quán tưởng Bát nhã Ba la mật. Thế Tôn, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát đối với Bát nhã Ba la mật, dù lúc hành hay quán tưởng thìkhông nhận sắc, không thấy sắc sinh, không thấy sắc diệt. Cũng vậy, không nhận thụ, tưởng, hành, thức; không thấy thụ, tưởng, hành, thức sinh, không 11 thấy thụ, tưởng, hành, thức diệt. Vì sao? Nếu sắc không sinh tức không phảilà sắc. Nếu sắc không diệt tức không phải sắc. Vô sinh này cùng với sắckhông hai, không khác. Vô diệt cùng với sắc cũng không hai không khác.Nếu nói sắc, tức là hai pháp vô sinh, vô diệt. Nếu thụ, tưởng, hành, thứckhông sinh tức không phải thụ, tưởng, hành, thức. Nếu thụ, tưởng, hành,thức không diệt tức không phải thụ, tưởng, hành, thức. Vô sinh này cùngthụ, tưởng, hành, thức không hai không khác. Vô diệt cùng thụ, tưởng,hành, thức cũng không hai không khác. Nếu nói thụ, tưởng, hành, thức, tứchai pháp vô sinh, vô diệt.

Thế Tôn, Bồ-tát Ma-ha-tát đối với Bát nhã Ba la mật, quán tưởng như vậyrồi, đối với sắc, thụ, tưởng, hành, thức không có cái được nhận, không cócái được sinh, không có cái bị diệt; cho đến tất cả các pháp, tất cả tướngcũng như vậy. Vì sao? Nếu sắc, thụ, tưởng, hành, thức vô sinh vô diệt tứckhông phải sắc, thụ, tưởng, hành, thức. Sắc, thụ, tưởng, hành, thức nàycùng vô sinh, vô diệt, không hai, không khác. Nếu nói sắc, thụ, tưởng, hành,thức, tức là hai pháp vô sinh, vô diệt.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử hỏi Tu-bồ-đề: Như tôi hiểu nghĩa Tôn giả Tu-bồ-đề nói, Bồ-tát chính là pháp vô sinh. Nếu vậy, tại sao Bồ-tát, vì lợi ích chúng sinh, còn làm điều khó làm, còn nghĩ điều khó làm?

Tu-bồ-đề nói: Xá-lợi Tử, tôi không muốn khiến Bồ-tát Ma-ha-tát làm điều khó làm, nghĩ điều khó làm. Tại sao? Nếu còn ý nghĩ khó làm thì không thểlàm lợi ích vô lượng vô số chúng sinh. Nếu đối với tất cả chúng sinh, sinhtưởng dễ làm, tưởng vui vẻ, tưởng của người làm cha, tưởng của người làmmẹ, tưởng của người làm con của họ, như vậy là có thể làm lợi ích vô lượngvô số chúng sinh. Bồ-tát Ma-ha-tát đối với tất cả chúng sinh nên sinh tưởngthế này: Ta ở mọi lúc, mọi nơi, giải thoát tất cả khổ; tất cả chúng sinh cũngnhư vậy, ở mọi lúc, mọi nơi, giải thoát tất cả khổ. Ở mọi nơi, chẳng bỏchúng sinh, đều làm cho chúng sinh giải thoát khổ uẩn, ở nơi tâm ý khôngsinh sai lầm. Bồ-tát Ma-ha-tát, đối với chúng sinh, nếu khởi tâm như vậy tứckhông làm điều khó làm, không nghĩ điều khó làm.

Xá-lợi Tử, Bồ-tát Ma-ha-tát nên khởi tâm như thế này: Giống như ta, ở mọilúc, mọi nơi, mọi loại, rốt ráo không có gì cả, vì không thể có sở đắc; tất cảcác pháp kia, ở vào mọi lúc, mọi nơi, mọi loại, rốt ráo cũng không có, vìkhông thể có sở đắc. Như vậy, tức đối với tất cả các pháp trong ngoài đềukhởi tưởng vô sở hữu. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát hành với tâm như vậy, thìkhông làm việc khó làm, không nghĩ việc khó làm.

Lại nữa, Tôn giả Xá-lợi Tử. Trước đây ông nói Bồ-tát là vô sinh. Đúng vậy,đúng vậy. Bồ-tát thật sự là vô sinh.

Xá-lợi Tử hỏi: Nếu Bồ-tát là vô sinh, thì pháp Bồ-tát cũng vô sinh sao?

Tu-bồ-đề nói: Pháp Bồ-tát cũng vô sinh.Xá-lợi Tử hỏi: Nếu pháp Bồ-tát vô sinh, Nhất thiết trí kia có vô sinh không? 12

Tu-bồ-đề nói: Nhất thiết trí vô sinh.

Xá-lợi Tử hỏi: Pháp Nhất thiết trí vô sinh sao?

Tu-bồ-đề nói: Pháp Nhất thiết trí cũng vô sinh.

Xá-lợi Tử hỏi: Nếu pháp Nhất thiết trí cũng vô sinh, các hàng dị sinh là vô sinh sao?

Tu-bồ-đề nói: Các hàng dị sinh cũng vô sinh.

Lại hỏi: Pháp dị sinh kia cũng vô sinh sao?

Tu-bồ-đề nói: Các pháp dị sinh cũng vô sinh.

Tôn giả Xá-lợi Tử hỏi Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát, pháp Bồ-tát, Nhất thiết trí, phápNhất thiết trí, dị sinh, pháp dị sinh, đều vô sinh thì Bồ-tát Ma-ha-tát kia có sở đắc Nhất thiết trí là vô sinh, như vậy tức có sở đắc vô sinh sao?

Tôn giả Tu-bồ-đề nói: Xá-lợi Tử, tôi không muốn làm cho pháp vô sinh trởthành có thể có sở đắc. Vì sao? Vì pháp vô sinh là không thể có sở đắc.

Xá-lợi Tử hỏi: Pháp vô sinh không phải vô sinh sao?

Tu-bồ-đề nói: Đúng vậy, đúng vậy. Pháp vô sinh không phải vô sinh.

Xá-lợi Tử hỏi: Nếu pháp kia là vô sinh thì vô sinh cũng là vô sinh sao?

Tu-bồ-đề nói: Pháp sinh là vô sinh; pháp vô sinh cũng vô sinh.

Xá-lợi Tử hỏi: Nếu pháp vô sinh cũng vô sinh, thì điều ông nói, điều ông thích nói là sinh hay vô sinh?

Tu-bồ-đề nói: Điều thích nói cũng vô sinh.

Xá-lợi Tử hỏi: Nếu điều thích nói là vô sinh thì điều được nói có vô sinh không?

Tu-bồ-đề nói: Điều được nói, điều thích nói, tất cả đều vô sinh.

Tôn giả Xá-lợi Tử khen Tu-bồ-đề: Hay thay! Hay thay! Tu-bồ-đề, ông là bậctối thắng đệ nhất trong những người thuyết pháp. Vì sao? Với câu hỏi nào cũng đều có thể trả lời; đối với tướng của các pháp đều không động, không hoại.

Tu-bồ-đề nói: Xá-lợi Tử, pháp vốn như vậy. Các đệ tử Phật ở trong pháp vôy chỉ, tùy cái được hỏi mà đều có thể trả lời; đối với các tướng của pháp đều không động, không hoại. Vì sao? Tất cả các pháp không có nơi y chỉ.

Xá-lợi Tử hỏi Tu-bồ-đề: Nếu tất cả các pháp không có nơi y chỉ thì Bồ-tát Ma-ha-tát nương Ba-la-mật nào?

Tu-bồ-đề nói: Nương Bát nhã Ba la mật. Xá-lợi Tử, nên như thật biết. Vì tất cả các pháp kia không có nơi y chỉ, tất cả Ba-la-mật cũng như vậy. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa này, nên nghĩ như thế này:"Không nói, không chỉ bày, không nghe, không có sở đắc, tâm không động,không có tướng để mong cầu, không có tướng để giữ." Nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát này hành vô số Bát nhã Ba la mật mà không rời niệm như thế. 13

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử hỏi Tu-bồ-đề: Tại sao Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba la mật lại không rời niệm đó?

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát không rời niệm như vậy tức là hành mà không rời Bát nhã Ba la mật. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát hành mà không rời Bát nhã Ba la mật tức là không rời niệm như vậy.

Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát không rời hành như thế, không rời niệm như thế, thì tất cả chúng sinh kia cũng nên có sự hành mà không rời Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Tất cả chúng sinh cũng không rời hành như thế, không rời niệm như thế.

Tu-bồ-đề nói: Xá-lợi Tử, điều ông nói thành tựu nghĩa của tôi. Vì sao? Vìchúng sinh vô tính nên biết niệm cũng vô tính, chúng sinh xa lìa nên biếtniệm cũng xa lìa, chúng sinh vô tâm nên biết niệm cũng vô tâm, chúng sinhkhông giác liễu nên biết niệm cũng không giác liễu, chúng sinh biết nghĩanhư thật nên niệm cũng biết nghĩa như thật. Xá-lợi Tử, tôi muốn khiến cácBồ-tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba la mật như thế. 14

Phẩm 2: Thiên Chủ Đế Thích

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích cùng bốn mươi ngàn Thiên chúng đều đến tụhội, bốn Đại Thiên Vương cùng hai mươi ngàn Thiên chúng, Chủ thế giới Ta-bà Đại Phạm Thiên Vương cùng mười ngàn chúng Đại Phạm Thiên, Tịnh cưThiên tử cùng với ngàn Thiên chúng; tất cả như thế đều đến dự hội. Những vị Thiên tử ấy đều có ánh sáng của nghiệp báo, nhưng oai thần của Phật cóánh sáng vượt hơn nên tất cả đều chẳng hiện.

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích nói với Tôn giả Tu-bồ-đề: Chư Thiên chúng tôi cho đến Phạm chúng đều đến tụ tập, vui mừng muốn được nghe, nhận. Tôn giả Tu-bồ-đề, vì các Bồ-tát Ma-ha-tát, tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật, khiến các Bồ-tát biết thế nào là an trú, thế nào là tu học, thế nào là tương ưng.

Tu-bồ-đề nói: Kiều-thi- ca, nay trong chúng Thiên tử này, vì nhờ sức gia trìvà oai thần của Phật, nếu chưa phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giácthì nên phát tâm; nếu đã vào chính vị tức không thể phát tâm Vô thượngChính đẳng Chính giác. Vì sao? Vì họ vẫn còn ràng buộc với Luân hồi. Nhữngngười như vậy, nếu có thể phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác, tacũng sẽ tùy hỷ khuyến khích khiến cho phát tâm, khiến không đứt hết thiệncăn.

Bấy giờ, Thế Tôn khen: Hay thay! Hay thay! Tu-bồ-đề, ông khéo khuyếnkhích, chỉ đường cho các Bồ-tát Ma-ha-tát, khiến họ được tương ưng vớiBát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, Phật có ơn đức rất lớn đối với chúng sinh.Nay con vì muốn báo ơn Phật nên mới khuyến khích, chỉ đường như thế. Vìsao? Vì đệ tử của Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác trong quá khứcũng vì muốn báo ơn Phật mà khuyến khích chỉ đường cho các Bồ-tát Ma-ha-tát, khiến các Bồ-tát trú pháp chân thật giống như phạm hạnh của mình,cũng dạy thành tựu Bát nhã Ba la mật; do hành như vậy mà phát sinh Vôthượng trí. Thế Tôn, nay con cũng nhiếp thụ hộ trì các Bồ-tát Ma-ha-tát nhưthế. Vì lực nhân duyên nhiếp thụ hộ trì như thế của con nên các Bồ-tát Ma-ha-tát nhanh chóng thành tựu Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bảo Thiên chủ Đế Thích: Các ông hãy lắng nghe,như lý mà suy nghĩ. Nay ta tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật an trú phápKhông của Bồ-tát Ma-ha-tát, khiến các

Bồ-tát mặc giáp Đại thừa, trangnghiêm Đại thừa. Nên biết Bát nhã Ba la mật có nghĩa là không trú ở nămuẩn, không trú ở nhãn căn, không trú ở sắc cảnh, không trú ở nhãn thức,không trú ở nhãn xúc, cũng không trú ở các thụ do nhãn xúc sinh. Như vậy,không trú ở các căn nhĩ, tỹ, thiệt, thân, ý; không trú ở các cảnh thanh,hương, vị, xúc, pháp; không trú ở các thức nhĩ, tỹ, thiệt, thân, ý; không trúở nhĩ xúc cho đến ý xúc; cũng không trú ở các thụ được sinh bởi nhĩ xúc cho 15
đến ý xúc; không trú ở các giới thuộc đất, nước, lửa, gió, không, thức;không trú ở các niệm xứ, chính cần, thần túc, căn, lực, giác, đạo; không trúở quả Tu-đà-hoàn, không trú ở quả Tư-đà-hàm, không trú ở quả A-na-hàm,không trú ở quả A-la-hán, không trú ở quả Duyên Giác, không trú ở Phậtđịa. Nhờ không trú ở năm uẩn cho đến không trú ở Phật địa như thế nênkhông trú ở sắc, thụ, tưởng, hành, thức cho dù là thường hay vô thường;không trú ở sắc, thụ, tưởng, hành, thức cho dù là khổ hay lạc; không trú ởsắc, thụ, tưởng, hành, thức cho dù là không hay không phải không; khôngtrú ở sắc, thụ, tưởng, hành, thức cho dù là ngã hay vô ngã; không trú ở sắc,thụ, tưởng, hành, thức cho dù là tịnh hay nhiễm; không trú ở sắc pháp để cósở đắc cái Không; không trú ở thụ, tưởng, hành, thức để có sở đắc cáiKhông; không trú nơi quả vô vi Tu-đà-hoàn; không trú nơi quả vô vi Tư-đà-hàm; không trú nơi quả vô vi A-na-hàm; không trú nơi quả vô vi A-la-hán;không trú nơi quả vô vi Duyên Giác; không trú nơi Phật pháp; không trú nơiphúc điền Tu-đà-hoàn; không trú thân bảy lần qua lại của Tu-đà-hoàn;không trú nơi phúc điền Tư-đà-hàm; không trú nơi Tư-đà-hàm rốt ráo chỉcòn một lần đến cõi đời này để dứt hết giới hạn của khổ; không trú nơi phúcđiền của A-na-hàm; không trú nơi A-na-hàm không còn trở lại đời này mà tựnhập Niết-bàn; không trú nơi phúc điền của A-la-hán; không trú nơi A-la-hánnhập Niết-bàn Vô dư trong chính đời này; không trú nơi phúc điền DuyênGiác, không trú nơi Duyên Giác vượt qua Thanh Văn, không đến Phật địa,mà hướng đến Niết-bàn; không trú nơi phúc điền tối thượng của chư Phật;không trú Phật pháp vượt qua dị sinh cùng địa Thanh Văn, Duyên Giác; làmlợi ích vô lượng vô số chúng sinh, lại khiến cho vô lượng vô số trăm ngàncâu-chi na-dữu-đa chúng sinh không hướng đến Niết-bàn Vô dư của ThanhVăn, Duyên Giác, mà quyết định hướng đến sự chứng đắc Niết-bàn Vôthượng Chính đẳng Chính giác, kiến lập Phật sự. Tất cả những gì như trênđều không trú.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi tử liền khởi niệm thế này: Nếu các Như Lai vượt quacác địa Dị sinh và Thanh Văn, Duyên Giác mà làm lợi ích vô lượng vô sốchúng sinh, lại khiến vô lượng vô số trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa chúngsinh không hướng đến Niết-bàn Vô dư của Thanh Văn, Duyên Giác, màquyết định hướng đến sự chứng đắc Niết-bàn Vô thượng Chính đẳng Chínhgiác, kiến lập Phật sự. Đối với các pháp như thế đều không trú, thì nên trú ở đâu?

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề nương oai thần của Phật, biết được niệm đó rồi,liền bảo Tôn giả Xá-lợi Tử: Xá-lợi Tử, ý ông thế nào? Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác có pháp để trú không?

Xá-lợi Tử nói: Không, Tu-bồ-đề. Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giáckhông có pháp để trú. Vì sao? Vì không có tâm trú nên gọi là Như Lai. Vì không trú giới hữu vi, không trú giới vô vi, không trú ở giữa.

Tu-bồ-đề bảo: Đúng vậy, đúng vậy. Xá-lợi Tử, các Bồ-tát Ma-ha-tát nên theo chỗ trú của Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác mà trú. Người trú như 16 thế không có chỗ trú,

không phải không có chỗ trú, không phải quyết định,không phải không quyết định. Bồ-tát Ma-ha-tát học như vậy mà khéo an trú nơi tương ưng với vô trú. Bồ-tát Ma-ha-tát học như vậy chính là hành Bát nhã Ba la mật.

Bấy giờ, trong hội có các Thiên tử suy nghĩ thế này: Ngôn ngữ, văn tự,chương cú của các chúng Dạ-xoa còn có thể biết được, nhưng các pháp được Tôn giả Tu-bồ-đề nói thì Thiên chúng chúng ta không thể hiểu được.

Bấy giờ, Tu-bồ-đề biết các Thiên tử ở nơi sắc tâm của mình đã suy nghĩ nhưthế, liền bảo các Thiên tử: Các ông nên biết, tất cả các pháp kia đều không nói, không chỉ bày, không nghe, không sở đắc; lìa mọi phân biệt thì không có cái để biết.

Bấy giờ, các Thiên tử lại khởi niệm thế này: Như Tôn giả Tu-bồ-đề nói lạicàng khó hiểu, rộng lớn, sâu xa, tối thượng, vi diệu, Thiên chúng chúng takhó có thể vào được.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề lại biết các Thiên tử khởi niệm như vậy, liền bảo:Các ông nên biết, nếu muốn đắc quả Tu-đà-hoàn, muốn trú quả Tu-đà-hoàn thì nên trú ở Nhẫn như thế. Nếu muốn đắc quả Tư-đà-hàm, muốn trú quảTư-đà-hàm, nếu muốn đắc quả A-na-hàm, muốn trú quả A-na-hàm, nếu muốn đắc quả A-la-hán, muốn trú quả A-la-hán, nếu muốn đắc quả DuyênGiác, muốn trú quả Duyên Giác, nếu muốn đắc quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác, muốn trú quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác thì đều trú ở Nhẫn như thế.

Bấy giờ, các Thiên tử nghe nói như vậy lại suy nghĩ: Có người nào có khảnăng nghe, nhận pháp Tôn giả Tu-bồ-đề nói?

Bấy giờ, Tu-bồ-đề nương oai thần của Phật lại biết được suy nghĩ như thế,nên bảo: Các Thiên tử, các ông nên biết, những người huyễn kia có thểnghe, nhận pháp ta nói. Vì sao? Đối với các pháp đó chúng không nghe,không chứng.

Bấy giờ, các Thiên tử hỏi Tu-bồ-đề: Là thế nào, Tôn giả. Tất cả chúng sinh đều giống như huyễn sao?

Tu-bồ-đề nói: Tất cả chúng sinh đều giống như huyễn, như mộng. Vì sao? Vìtất cả chúng sinh cùng với huyễn mộng, không hai, không khác. Vì thế tất cảcác pháp kia cũng như huyễn, mộng. Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm, quả A-na-hàm, A-la-hán, quả A-la-hán, Duyên Giác, quả Duyên Giác; tất cả đều như huyễn, như mộng. Quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác kia cũng như huyễn, như mộng.

Bấy giờ, các Thiên tử lại hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề: Nếu nói Vô thượng Chínhđẳng Chính giác như huyễn, như mộng, thì pháp Niết-bàn kia cũng nhưhuyễn, như mộng sao?

Tu-bồ-đề nói: Niết-bàn như thế mà còn như huyễn mộng huống là các pháp khác. 17

Các Thiên tử hỏi: Tại sao lại nói pháp Niết-bàn kia như huyễn, như mộng?Tu-bồ-đề nói: Nếu có pháp nào vượt quá Niết-Bàn thì ta cũng nói như huyễnnhư mộng. Vì sao? Vì huyễn mộng kia cùng với pháp Niết-Bàn không hai,không khác.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử, Tôn giả Mãn Từ Tử, Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, Tônggiả Ma-ha Ca-chiên-diên, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, chúng Đại Thanh Văn nhưthế, cùng chư Bồ-tát Ma-ha-tát, đều hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề: Bát nhã Ba la mật như Tôn giả đã thuyết, có người nào có khả năng nhận được nghĩa củanó?

Bấy giờ, A-nan liền nói với đại chúng: Nếu có Bồ-tát Ma-ha-tát không thoáichuyển, người đầy đủ Chính kiến, và các A-la-hán đã hết các lậu kia, thì nênbiết rằng các vị như thế, đối với Bát nhã Ba la mật được Tu-bồ-đề nói, đềucó thể nhận được nghĩa đó.

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bảo các chúng: Bát nhã Ba la mật mà tôi nói thì khôngthể nhận được. Vì sao? Vì trong đó không có pháp được tuyên thuyết, khôngcó pháp được biểu thị, không có cái được phân biệt, không có cái được liễutri. Vì không tuyên thuyết, không biểu thị, không liễu tri nên Bát nhã Ba la mật được tuyên thuyết như thế, được nghe và nhận như thế.

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích nghĩ thế này: Nay Tôn giả Tu-bồ-đề tuyênthuyết chính pháp sâu xa như vậy, ta nên biến hoá các hoa quý để rải lên người. Nghĩ như thế xong liền hoá ra vô số hoa quý rải lên Tôn giả Tu-bồ-đề.

Bấy giờ, Tu-bồ-đề nghĩ: Vô số hoa quý được hoá ra này, trên cõi trời TamThập Tam ta chưa từng được thấy. Hoa này vi diệu, thù thắng, không phải sinh ra từ cây.

Bấy giờ Thiên chủ Đế Thích biết Tôn giả Tu-bồ-đề nghĩ như vậy, liền nói với Tu-bồ-đề: Hoa này không phải là pháp được sinh ra. Vì sao? Vì không từ tâm sinh, không từ cây sinh.

Tu-bồ-đề nói: Này, Kiều-thi- ca, hoa này nếu không sinh từ cây, không sinhtừ tâm tức là vô sinh. Nếu không sinh ra tức không thể gọi là hoa.Thiên chủ Đế Thích liền nghĩ: Tôn giả Tu-bồ-đề này trí tuệ thật sâu rộng, đốivới danh, cú, văn đều khéo giảng nói. Theo những gì đã nói thì không hoạigiả danh mà vẫn tuyên thuyết được thật nghĩa.Nghĩ vậy xong liền thưa Tu-bồ-đề: Như Tôn giả nói, Bồ-tát Ma-ha-tát nênhọc như vậy.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bảo Thiên chủ Đế Thích: Này, Kiều-thi- ca, đúngvậy, đúng vậy. Bồ-tát Ma-ha-tát nên học như vậy. Học như vậy là không họcquả Tu-đà-hoàn, không học quả Tư-đà-hàm, không học quả A-na-hàm,không học quả A-la-hán, không học quả Duyên Giác. Nếu không học các quảnhư thế tức học Nhất thiết trí, an trú nơi pháp Phật. An trú như thế tức làhọc vô lượng vô biên pháp Phật. Học như thế, tuy học các pháp thuộc sắc18 nhưng không có tăng giảm, tuy học thụ, tưởng, hành, thức nhưng không cótăng giảm. Nếu đối với sắc, thụ, tưởng, hành, thức, học mà không có tăng giảm tức là học mà không nắm bắt sắc; học mà không nắm bắt thụ, tưởng,hành, thức; học mà không bỏ sắc; học mà không bỏ thụ, tưởng, hành, thức. Nếu pháp không nắm bắt, không buông bỏ thì đó là pháp không sinh, không diệt. Nếu biết rõ tất cả các pháp không thể nắm bắt, không buông bỏ, không sinh, không diệt, mà học như vậy thì gọi là học Nhất thiết trí, sinh ra Nhất thiết trí.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử bạch Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát, vì không nắm bắt đối với pháp, vì học không sinh diệt, nên Nhất thiết trí đó của ngườihọc, vì cũng không nắm bắt, vì học không sinh diệt, mới học Bồ-tát Ma-ha-tát. Nếu học như thế có phải là tu học Nhất thiết trí không?

Tu-bồ-đề nói: Đúng vậy, đúng vậy. Nhất thiết trí kia cho đến tất cả pháp Phật đều không thể nắm bắt, không sinh, không diệt. Tu học như thế chínhlà Bồ-tát Ma-ha-tát học Nhất thiết trí.

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích bạch Tôn giả Xá-lợi Tử: Bát nhã Ba la mật củaBồ-tát Ma-ha-tát nên cầu ở đâu?

Xá-lợi Tử nói: Kiều-thi- ca, Bát nhã Ba la mật của Bồ-tát Ma-ha-tát nên cầu nơi những gì Tu-bồ-đề tuyên thuyết.

Thiên chủ Đế Thích nói: Tôn giả Xá-lợi Tử, Bát nhã Ba la mật được Tu-bồ-đề thuyết đó được thần lực nào gia trì?

Xá-lợi Tử nói: Kiều-thi- ca, nên biết được thần lực của Phật gia trì.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bảo Thiên chủ Đế Thích: Nên biết Bát nhã Ba la mật mà ta nói đều được thần lực của Như Lai gia trì. Nói Bát nhã Ba la mậtcủa Bồ-tát Ma-ha-tát nên cầu ở đâu, thì nên biết rằng Bát nhã Ba la mật củaBồ-tát Ma-ha-tát không nên cầu ở sắc, không nên cầu ở ngoài sắc. Như vậy,không nên cầu ở thụ, tưởng, hành, thức; không nên cầu ở ngoài thụ, tưởng,hành, thức. Vì sao? Sắc không phải Bát nhã Ba la mật, ngoài sắc cũngkhông phải Bát nhã Ba la mật; thụ, tưởng, hành, thức không phải Bát-nhãBa-la-mật, ngoài thụ, tưởng, hành, thức cũng không phải Bát nhã Ba la mật.

Thiên chủ Đế Thích hỏi: Tôn giả Tu-bồ-đề, Đại Ba-la-mật có phải là Bát-nhãBa-la-mật không? Vô lượng Ba-la-mật có phải là Bát nhã Ba la mật không?Vô biên Ba-la-mật có phải là Bát nhã Ba la mật không?

Tu-bồ-đề nói: Đúng vậy, đúng vậy. Kiều-thi- ca, Đại Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, Vô lượng Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, Vô biên Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì sắc rộng lớn nên Bát nhã Ba la mật cũng rộng lớn;vì thụ, tưởng, hành, thức rộng lớn nên Bát nhã Ba la mật cũng rộng lớn. Vìsắc, thụ, tưởng, hành, thức vô lượng nên Bát nhã Ba la mật cũng vô lượng;sắc, thụ, tưởng, hành, thức vô biên nên Bát nhã Ba la mật cũng vô biên.

Lại nữa, Kiều-thi- ca. Vì duyên với vô biên nên Bát nhã Ba la mật vô biên; vìBát nhã Ba la mật vô biên nên chúng sinh cũng vô biên. Vì nghĩa gì mà gọi 19 à duyên vô biên? Nghĩa là sắc, thụ, tưởng, hành, thức quá khứ không thể cósở đắc, hiện tại không thể có sở đắc, vị lai không thể có sở đắc; cho đến tấtcả các pháp ở quá khứ, hiện tại, vị lai cũng đều không thể có sở đắc. Vìnghĩa đó nên gọi là duyên vô biên tức Bát nhã Ba la mật vô biên.

Lại nữa, vì nghĩa gì mà nói chúng sinh vô biên? Kiều-thi- ca nên biết, quá khứhiện tại vị lai chúng sinh không thể có sở đắc.

Thiên chủ Đế Thích hỏi: Thế nào, Tu-bồ-đề. Thế giới chúng sinh kia là vô biên sao?

Tu-bồ-đề nói: Chúng sinh vô lượng, tính đếm không hết được. Vì nghĩa nhưvậy nên gọi là chúng sinh vô biên.

Thiên chủ Đế Thích lại bạch Tu-bồ-đề: Nói chúng sinh, vậy chúng sinh lànghĩa thế nào?

Tu-bồ-đề nói: Nghĩa của tất cả các pháp là nghĩa của chúng sinh. Kiều-thi- ca, ý ông thế nào? Nên nói nghĩa gì là nghĩa chúng sinh?

Thiên chủ Đế Thích nói: Theo ý tôi, nghĩa của pháp không phải là nghĩa chúng sinh, nghĩa của phi pháp cũng không phải là nghĩa chúng sinh. Nênbiết chúng sinh vô bản, vô nhân, vô ngã, vô duyên; chỉ vì phương tiện nênlập thành danh tự đó.

Tu-bồ-đề nói: Kiều-thi- ca, trước đây ta nói chúng sinh vô biên, ý ông thếnào? Thật có chúng sinh để có thể nói đến, có thể chỉ ra không?

Thiên chủ Đế Thích nói: Không, Tu-bồ-đề.

Bấy giờ Tu-bồ-đề nói: Các chúng sinh không có thật, không thể nói đến, chỉra, nên ta nói chúng sinh vô biên. Kiều-thi- ca, giả sử Như Lai Ứng cúngChính đẳng Chính giác sống lâu như

Hằng hà sa kiếp, dùng phương tiện ngữngôn, nói tất cả chúng sinh hoặc đã sinh, hoặc đang sinh, hoặc sẽ sinh hoặcđã diệt, hoặc đang diệt, hoặc sẽ diệt, thì có thể nói cho đến hết không?

Thiên chủ Đế Thích nói: Không thể, Tu-bồ-đề. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh xưa nay thanh tịnh.

Tu-bồ-đề nói: Như vậy, vì chúng sinh vô biên nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô biên.

Bấy giờ, trong hội, Thiên chủ Đế Thích, Đại Phạm Thiên Vương và Đại Thếchủ cùng chư Thiên khác, chúng Thiên nữ, Thần Tiên, v.v..., đều bạch Phật: Vui thay! Hay thay! Như Lai xuất thế. Tôn giả Tu-bồ-đề có thể khéo tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật. Bồ-tát Ma-ha-tát thụ trì pháp này, nếu không rời Bát nhã Ba la mật của chư Phật Như Lai, thì chúng ta nên tôn kính như nghĩ đến chư Phật.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Thiên chủ Đế Thích, Đại Phạm Thiên Vương, và tất cảchúng trời, tiên: Đúng vậy, đúng vậy. Các ông nên biết, xưa ta tu hạnh Bồ-đề ở Đăng Thành tối thượng của Nhiên Đăng Như Lai Ứng cúng Chính đẳngChính giác. Bấy giờ, ta cũng không rời Bát nhã Ba la mật. Nhiên Đăng Như 20 Lai đó, thụ ký cho ta Vô thượng Chính đẳng Chính giác, nói: "Về sau, ôngtrải qua a-tăng-kỳ kiếp sẽ được thành Phật, hiệu Thích-ca Mâu-ni Như LaiỨng cúng Chính đẳng Chính giác Minh hạnh túc Thiện Thệ Thế gian giải Vôthượng sĩ Điều ngự Trượng phu Thiên Nhân sư Phật Thế Tôn."

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích và chúng trời bạch Phật: Hiếm có, Thế Tôn.Hiếm có, Thiện Thệ. Bát nhã Ba la mật này có thể bao hàm Nhất thiết trí. Bồ-tát Ma-ha-tát nên học như vậy.

Phẩm 3: Công Đức Bảo Tháp
Phần 1

Bấy giờ, Thế Tôn bảo cả bốn chúng Tỷ-khưu, Tỷ-khưu-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Thiên chủ Đế Thích, cùng các chúng trời Dục giới, Đại Phạm ThiênVương, các chúng trời Sắc giới cho đến trời Sắc Cứu Cánh, tất cả chúng Thiên tử: Các vị nên biết, nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân đối với phápmôn Bát nhã Ba la mật sâu xa này, có thể nghe, nhận, đọc tụng, tu hành như đã nói, thì người đó không bị các Ma, Ma dân, người, phi nhân rình lấy cơ hội, không bị ác độc làm tổn hại, không bị chết oan, chết yểu mà bỏmạng sống của mình.

Lại nữa, nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, đối với Bát nhã Ba la mật này, chưa có thể nghe, nhận, đọc, tụng, nhưng đã phát tâm Vô thượngChính đẳng Chính giác, thì được chư Thiên đến chỗ người đó hộ niệm,khuyến khích làm cho người đó, đối với Bát nhã Ba la mật này, được nghe, nhận, đọc tụng, tu hành như đã nói.

Lại nữa, nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, đối với Bát nhã Ba la mậtnày, thụ trì, đọc tụng, tu hành như đã nói thì người này dù ở nơi nhà trống,dù ở chỗ đông người, dù ở dưới gốc cây và nơi đồng vắng, dù đi trên đườngvà không phải trên đường, cho đến biển lớn; các nơi như thế, dù đi, dùđứng, dù ngồi, dù nằm đều xa rời mọi sự sợ hãi, được chư Thiên hộ niệm.

Bấy giờ, bốn Đại Thiên Vương bạch Phật: Thế Tôn, nếu có Thiện nam tử,Thiện nữ nhân, đối với Bát nhã Ba la mật này, nghe, nhận, đọc tụng, tuhành như đã nói thì con sẽ đến đó để hộ niệm người ấy, làm cho tinh tiến,không thoái lui, không mất.

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Thế Tôn, nếu Thiện nam tử, Thiệnnữ nhân đối với Bát nhã Ba la mật này, nghe, nhận, đọc tụng, tu hành nhưđã nói, thì con cũng sẽ đến hộ niệm người ấy khiến không suy yếu khổ não.

Bấy giờ, Đại Phạm Thiên Vương và chư Phạm chúng đều bạch Phật: ThếTôn, nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân đối với Bát nhã Ba la mật này, nghe,nhận, đọc tụng, tu hành như đã nói thì con sẽ đến hộ trì người ấy khiếnkhông suy yếukhổ não.

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích lại bạch Phật: Hiếm có, Thế Tôn. Thiện nam tử,Thiên nữ nhân thụ trì đọc tụng Bát nhã Ba la mật sâu xa này, ở đời hiện tạiđược công đức như thế. Tại sao? Thế Tôn, nếu người thụ trì Bát nhã Ba la mật này thì có thể bao hàm tất cả Ba-la-mật không?

Phật nói: Đúng vậy, Kiều-thi- ca. Nếu người thụ trì Bát nhã Ba la mật này,tức có thể bao hàm các Ba-la-mật. Kiều-thi- ca, nếu người thụ trì đọc tụng 22 Bát nhã Ba la mật này thì có công đức rộng lớn, sâu xa. Ông nên lắng nghe,khéo suy nghĩ, ta sẽ vì ông nói.

Thiên chủ Đế Thích nói: Hay thay! Thế Tôn, mong được tuyên thuyết.

Phật nói: Kiều-thi- ca, pháp môn Bát nhã Ba la mật này của ta không bị tấtcả ác pháp làm hao tổn huỷ hoại. Nếu lúc các ác pháp khởi, muốn làm tổn não, thì pháp ấy sẽ tự dần dần tiêu diệt; mặc dù tạm khởi lại nhưng khônglàm hại. Vì sao? Kiều-thi- ca nên biết, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này, nhờ sức công đức thụ trì đọc tụng Bát nhã Ba la mật nên ác pháp tuy sinh nhưng tự tiêu mất.

Kiều-thi- ca, ví như thế gian có các rắn độc bò quanh kiếm ăn, thấy các trùngnhỏ liền muốn ăn nuốt. Lúc đó có cây thuốc gọi là mạt-kỳ có thể tiêu trừ cácchất độc, và trùng nhỏ kia lại đến chỗ cây thuốc đó. Lúc đó, rắn độc nghehơi cây thuốc tức tự thoái lui. Các trùng nhỏ kia không bị ăn thịt. Vì sao? Cây thuốc mạt-kỳ này có thể tiêu trừ các độc.

Kiều-thi- ca, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân cũng vậy. Đối với Bát nhã Ba la mật này, thụ trì, đọc tụng, tự mình tuyên thuyết, hoặc vì người khác mà nói,tu hành như đã nói, người này không bị tất cả ác pháp làm tổn hại; tuy ácpháp sinh nhưng tự tiêu diệt. Vì sao? Nên biết đều nhờ lực công đức củaBát nhã Ba la mật mà mọi nơi, mọi chốn đều không động chuyển. Bát nhã Ba la mật có thể trừ tất cả phiền não như tham, v.v..., lại có thể dẫn đến sự chứng đắc Niết-bàn Vô thượng. Kiều-thi- ca, nếu có người thụ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật này thì được bốn Đại Thiên Vương, Thiên chủ Đế Thích,Đại Phạm Thiên Vương, cho đến chư Phật, Bồ-tát thường giúp đỡ người đó khiến không suy yếu khổ não.

Lại nữa, Kiều-thi- ca. Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, thụ trì, đọc tụngBát nhã Ba la mật này thì người đó thường nói lời tín thuận, lời dịu dàng, lờithanh tịnh, lời không tạp nhiễm, không sinh phẫn nộ, không bị ngã mạn chelấp, thường khởi tâm từ, không khởi các phiền não hận, nhuế, phẫn, v.v...,không làm cho tăng trưởng. Thiện nam tử, Thiện nữ nhân kia thường nghĩ:Ta vì mong hướng đến Vô thượng Chính đẳng Chính giác, đối với pháp tổnnão không nên sinh khởi sân. Vì sao? Pháp sân nếu sinh thì các căn biến đổi,sắc tướng hiền hòa không hòa hợp được. Nghĩ như vậy rồi, an trú chính niệm.

Kiều-thi- ca, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân kia nhờ thụ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật nên ở đời hiện tại đạt được công đức như thế.

Quyển III

Phẩm 3: Công Đức Bảo Tháp
Phần 2

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích lại bạch Phật: Hiếm có, Thế Tôn. Bồ-tát Ma-ha-tát vì hồi hướng nên tu học Bát nhã Ba la mật, không lấy tâm cao mà nắmcác tướng.

Phật nói: Đúng vậy, đúng vậy. Kiều-thi- ca, nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhânnào đối với pháp môn Bát nhã Ba la mật này, thụ trì, đọc tụng, tự mình tuyên thuyết, hoặc khiến người khác tuyên thuyết, tu hành như đã nói,người này nhờ lực công đức đó, nếu vào trận chiến không còn khiếp sợ,dũng mãnh, bền bỉ, chiến thắng đối phương; cho đến đi, đứng, nằm, ngồi đều được an lành.

Lại nữa, Kiều-thi-ca. Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân nào, thụ trì, đọc tụngBát nhã Ba la mật này thì người ấy ở mọi nơi, hoặc đi, hoặc dừng, hoặc gặpcác nạn dao, gậy, v.v..., thì không làm tổn hại đến thân, cho đến sắp mấtmạng sống cũng không sợ hãi. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật này là Quảngđại minh, Bát nhã Ba la mật này là Vô lượng minh, Bát nhã Ba la mật này làVô thượng minh, Bát nhã Ba la mật này là Vô đẳng minh, Bát nhã Ba la mậtnày là Vô đẳng đẳng minh. Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân tu học cácMinh như thế, không nghĩ điều ác của mình, không nghĩ điều ác của người,không nghĩ điều ác của mình, của người. Kiều-thi- ca nên biết, người thụ trì,đọc tụng Bát nhã Ba la mật này, ở đời hiện tại đạt được công đức như thế.

Lại nữa, Bồ-tát Ma-ha-tát học các Minh như thế, có thể chứng đắc Vôthượng Chính đẳng Chính giác, thành tựu Nhất thiết trí trí. Đã chứng đắc Vôthượng Chính đẳng Chính giác, tức có thể thấy rõ tất cả chúng sinh có đủloại tâm hành. Nói Nhất thiết trí trí là chỉ cho các pháp Minh. Bồ-tát Ma-ha-tát học theo đó, không có pháp nhỏ nào không thể vào, không có pháp nhỏnào không biết rõ, không có pháp nhỏ nào không thể chứng ngộ. Vì thế gọilà Nhất thiết trí trí.

Lại nữa, Kiều-thi- ca. đối với Bát nhã Ba la mật này, nếu có người có thể biênchép thành kinh để cúng dường, thụ trì; nếu tự mình đọc tụng hoặc bảongười đọc tụng cho đến vì người mà giảng thuyết nghĩa đó, người nàykhông bị tất cả người, phi nhân, v.v..., rình lấy cơ hội; chư Phật, Bồ-tátthường hộ niệm, chỉ trừ sự báo ứng của nghiệp quá khứ. Kiều-thi- ca, ví nhưnơi đạo tràng Đại Bồ-đề có cây Bồ-đề bao quanh các phía, nếu người, phinhân cho đến các loài bàng sinh, vân vân, thì đều không thể vào, cũngkhông thể ở, không thể phá hoại, làm điều xấu ác. Vì sao? Vì quá khứ, vị lai, hiện tại có các Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác đều ở nơi này màchứng quả giác ngộ của Phật.

Kiều-thi- ca, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân thụ trì, đọc tụng, biên chép, cúng dường Bát nhã Ba la mật cũng đều như vậy. Dù người, phi nhân không thể lấy đi cơ hội, không thể phá hoại, làm điều xấu ác. Vì sao? Nếu cúng dường chỗ có kinh Bát nhã Ba la mật này, tùy theo địa phương mà cùng tạo các bảo tháp, tôn trọng, cúng dường, chiêm lễ, xưng tán. Kiều-thi- ca, nên biết Bát nhã Ba la mật này có công đức như vậy ở đời hiện tại.

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Thế Tôn, nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân chép kinh Bát nhã Ba la mật này, tôn trọng, cung kính, đặt hoa quý, hương đốt, hương xoa, hương bột

và các vòng hoa cho đến các phướn,lọng tốt, đốt các đèn dầu, cúng dường đủ loại như vậy. Nếu có Thiện namtử, Thiện nữ nhân nào, sau khi Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác nhập Niết-bàn, thu giữ xá-lợi, xây dựng bảo tháp, tôn trọng, cung kính,chiêm lễ, xưng tán, cúng dường hương hoa, đèn dầu, cờ phướn, lọng báu,đủ loại cúng dường như vậy. Thiện nam tử, Thiện nữ nhân kia thu đượcphước đức, cùng phúc đức của người trước, cái nào nhiều hơn?

Phật nói: Kiều-thi- ca, nay ta hỏi ông, ông tuỳ ý nói. Ý ông thế nào? Như LaiỨng cúng Chính đẳng Chính giác học pháp nào để được thân như vậy? Họcpháp nào để chứng Vô thượng Chính đẳng Chính giác, thành tựu Nhất thiếttrí trí?

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Thế Tôn, Như Lai Ứng cúng Chínhđẳng Chính giác vì tu học pháp Bát nhã Ba la mật mà chứng đắc Vô thượng Chính đẳng Chính giác, thành tựu Nhất thiết trí trí.

Phật nói: Kiều-thi- ca, vì vậy phải biết Phật không dùng thân này để đắc quảNhư Lai, mà vì thành tựu Nhất thiết trí trí nên mới thành Như Lai. Nên biết Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác có được Nhất thiết trí trí từ Bát nhã Ba la mật sinh ra. Lại từ phương tiện thiện xảo của Bát nhã Ba la mật mà sinh thân Như Lai. Vì vậy thân này là nơi y chỉ của Nhất thiết trí trí. Vìlàm nơi y chỉ cho Nhất thiết trí trí nên được thân Phật, tức được thân Pháp,được thân Tăng. Vì vậy tất cả chúng sinh đối với thân Như Lai đều được lễbái, cúng dường, cho đến sau khi vào Niết-bàn lại lấy xá-lợi Phật, xây tháp cúng dường.

Kiều-thi- ca, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân kia, tuy dựng tháp cúng dường xá-lợi của Như Lai, không bằng có người chép kinh Bát nhã Ba la mật này, tôntrọng, cung kính, dùng hương hoa, đèn dầu, cờ phướn, lọng báu, cúngdường đủ loại như vậy. Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này được phúc rấtnhiều. Vì sao? Cúng dường Bát nhã Ba la mật này chính là cúng dường Nhấtthiết trí trí. Vì vậy Thiện nam tử, Thiện nữ nhân nào muốn cúng dường bậcNhất thiết trí trí, đối với Bát nhã Ba la mật này thường nên biên chép, tônkính, thụ trì, làm các việc cúng dường.25

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Thế Tôn, nếu người cõi Diêm-phù-đề, đối với Bát nhã Ba la mật này, không thể biên chép, thụ trì, đọc tụng,không thể tự mình tuyên thuyết, không thể khiến người khác thuyết; lạikhông thể dùng hoa hương, cờ phướn, lọng báu, cung kính cúng dường. ThếTôn, những người như vậy mất đi thiện lợi lớn, không thể thành tựu quả báorộng lớn.

Phật bảo Thiên chủ Đế Thích: Kiều-thi- ca, ý ông thế nào? Ở Diêm-phù-đề cómấy người có niềm tin bất hoại đối với Phật Pháp Tăng?

Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Thế Tôn, người ở Diêm-phù-đề, đối với PhậtPháp Tăng, có niềm tin bất hoại, số lượng rất ít.

Phật nói: Kiều-thi- ca, đúng vậy, đúng vậy. Người cõi Diêm-phù-đề ít ai cóniềm tin kiên cố đối với Phật Bảo, Pháp Bảo, Tăng Bảo. Đối với quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán và quả Duyên Giác,người chứng được cũng rất ít. Đối với tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác,nếu người đã phát tâm có thể an trú không thoái chuyển, nếu đang pháttâm thì dũng mãnh, siêng năng, nếu chưa phát tâm thì sẽ có thể phát khởi; những người như vậy lại càng rất ít. Lại nữa, người cõi Diêm-phù-đề ít ai cóthể tương ưng khéo trú ở Bát nhã Ba la mật này; ít ai có thể theo pháp Bát nhã Ba la mật này mà tu hành; ít ai đối với Bát nhã Ba la mật này có tâmkhông thoái chuyển, trú địa Bồ-tát; ít ai đối với Bát nhã Ba la mật này tuhành, hướng đến

chứng đắc Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Kiều-thi- ca,nếu đối với Bát nhã Ba la mật này có thể nghe, nhận, đọc tụng, tự mìnhtuyên thuyết hoặc khiến người khác thuyết, tu hành như vậy, cho đến tôntrọng, cung kính, dùng hương hoa, đèn dầu, cờ phướn, lọng báu, đủ loạinhư vậy mà cúng dường, nên biết người này đã phát tâm Vô thượng Chínhđẳng Chính giác, không còn thoái chuyển, trú địa Bồ-tát.

Lại nữa, Kiều-thi- ca. Ở Diêm-phù-đề này có vô lượng vô số vô biên chúng sinh phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác, hành đạo Bồ-tát. Ý ông thếnào? Kiều-thi- ca, ông nay nên biết, tuy có vô lượng vô số vô biên chúng sinh như vậy phát tâm Bồ-đề, hành đạo Bồ-tát, nhưng trong số đó chỉ một, hoặc hai người trú ở bậc Bất thoái chuyển. Vì sao? Diêm-phù-đề này có chúng sinh khởi tâm thấp kém, sinh tưởng thấp kém; trí tuệ, tin hiểu cũng thấp kém, nên sự siêng năng cũng yếu kém, khởi tưởng khó đạt được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, không thể mong cầu nên sinh biếng nhác.

Kiều-thi- ca, nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, ưa muốn nhanh chóng chứngquả Vô thượng Chính đẳng Chính giác, thành tựu an lạc tối thượng, thì nênphát tâm dũng mãnh nghe, nhận, đọc tụng Bát nhã Ba la mật này. Vì sao? Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này nên nhớ rằng, đối với Bát nhã Ba la mật này Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác thuở còn tu Bồ-tát hành cũnghọc như vậy, nay ta cũng học Bát nhã Ba la mật này, Bát nhã Ba la mật nàylà thầy của ta. Kiều-thi-ca, dù Phật trú thế hoặc nhập Niết-Bàn, thì các Bồ-tát Ma-ha-tát nên nương Bát nhã Ba la mật này.26

Lại nữa, Kiều-thi- ca. Nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, sau khi Như LaiỨng cúng Chính đẳng Chính giác nhập Niết-bàn, lấy xá-lợi Phật tạo vô sốdiệu tháp bảy báu, và người này từ đó cho đến hết đời, dùng hương hoa,đèn, hương xoa, cờ phướn, lọng báu, các y phục quý, làm đủ việc cúngdường như vậy, rồi lại tôn trọng, lễ bái, xưng tán. Kiều-thi- ca, ý ông thế nào? Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này vì nhân duyên cúng dường như vậy được phúc báo nhiều chăng?

Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Rất nhiều, Thế Tôn.

Phật nói: Kiều-thi- ca, nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân vì muốn cầu ĐạiBồ-đề, đối với Bát nhã Ba la mật này, phát tâm tin hiểu, tự mình thụ trì, đọctụng, ghi nhớ, lại vì người khác lưu truyền rộng rãi, khiến cho chúng sinhđều được thiện lợi lớn, khiến Chính pháp trú lâu dài ở thế gian. Vì nhânduyên này mà Phật nhãn không mất, Chính pháp không diệt, các Bồ-tát Ma-ha-tát mỗi mỗi đều thụ trì, tuyên bố, giảng thuyết, tức làm cho Pháp nhãn không hoại, không diệt. Lại chép kinh Bát nhã Ba la mật này, đặt nơi thanh tịnh, sinh tâm tôn trọng, dùng hương hoa, đèn, hương xoa, cờ phướn, lọng báu, y phục quý, làm đủ loại cúng dường như vậy. Kiều-thi- ca nên biết,Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này được phúc rất nhiều.

Lại nữa, Kiều-thi- ca. Ngoài số lượng một ức bảo tháp như đã nói ở trên, giả sử có người lấy xá-lợi Phật, xây tháp bảy báu khắp cõi Diêm-phù-đề, người này từ đó cho đến hết đời, dùng hương hoa, đèn, hương xoa, cờ phướn, lọng báu, y phục quý làm đủ việc cúng dường như vậy, lại tôn trọng, lễ bái, xưng tán. Kiều-thi- ca, ý ông thế nào? Thiện nam tử, Thiện nữ nhân kia vì nhân duyên này được phúc nhiều chăng?

Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Rất nhiều, Thế Tôn.

Phật nói: Kiều-thi- ca, nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân nào, vì muốn cầuĐại Bồ-đề, đối với Bát -nhã Ba-la-mật này phát tâm tin hiểu, tự mình thụ trì,đọc tụng, ghi nhớ, lại vì người khác rộng nói lưu truyền, khiến chúng sinh đều được thiện lợi lớn, khiến Chính pháp trú lâu dài ở thế gian. Vì nhân duyên này mà Phật nhãn không đoạn, Chính pháp không diệt; Chư Bồ-tát Ma-ha-tát mỗi mỗi đều thụ trì, tuyên bố, giảng thuyết, thì Pháp nhãn không hoại, không diệt. Lại chép kinh Bát nhã Ba la mật này, để nơi thanh tịnh,sinh tâm tôn trọng, dùng hương hoa, đèn, hương xoa, cờ phướn, lọng báu,l àm đủ việc cúng dường như vậy. Kiều-thi- ca, nên biết Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này được phúc rất nhiều.

Lại nữa, Kiều-thi- ca. Ngoài số tháp bảy báu được tạo khắp Diêm-phù-đề nhưđã nói trên, giả sử có người lấy xá-lợi Phật, dựng tháp bảy báu khắp bốn Đạichâu. Người này từ đó cho đến hết đời, dùng hương hoa, đèn, hương xoa,cờ phướn, lọng báu, làm đủ việc cúng dường như vậy, lại tôn trọng, lễ bái, xung tán. Kiều-thi- ca, ý ông thế nào? Thiện nam tử, Thiện nữ nhân kia vìnhân duyên này được phúc nhiều chăng?

Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Rất nhiều, Thế Tôn.27

Phật nói: Kiều-thi- ca, nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân nào vì muốn cầu Đại Bồ-đề, đối với Bát nhã Ba la mật này phát tâm tin hiểu, tự mình thụ trì,đọc tụng, ghi nhớ, lại vì người khác rộng nói lưu truyền khiến chúng sinhđều được thiện lợi lớn, khiến Chính pháp trú lâu dài ở thế gian. Vì nhânduyên này, Phật nhãn không đoạn, Chính pháp không diệt; chư Bồ-tát Ma-ha-tát mỗi mỗi đều thụ trì, tuyên bố, giảng thuyết, thì Pháp nhãn không hoại, không diệt. Lại chép kinh Bát nhã Ba la mật này, đặt nơi thanh tịnh, sinh tâm tôn trọng, dùng hương hoa, đèn, hương xoa, cờ phướn, lọng báu, y phục quý, làm đủ việc cúng dường như vậy. Kiều-thi- ca nên biết, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này được phúc rất nhiều.

Lại nữa, Kiều-thi- ca. Ngoài số tháp bảy báu được tạo khắp bốn Đại châu như đã nói trên, Kiều-thi- ca, giả như có người lấy xá-lợi Phật, tạo tháp bảy báu đầy cả Tiểu thiên thế giới, người này từ đó cho đến hết đời, dùng hương hoa, đèn, hương xoa, cờ phướn, lọng báu, làm đủ việc cúng dường như vậy;lại tôn trọng, lễ bái, xưng tán. Kiều-thi- ca, ý ông thế nào? Người đó vì nhân duyên này được nhiều phúc chăng?

Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Rất nhiều, Thế Tôn.

Phật nói: Kiều-thi- ca, nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, vì muốn cầu ĐạiBồ-đề, đối với Bát nhã Ba la mật này, phát tâm tin hiểu, tự mình thụ trì, đọctụng, ghi nhớ, lại vì người khác rộng nói lưu truyền, khiến cho chúng sinhđều được thiện lợi lớn, khiến Chính pháp trú lâu dài ở thế gian. Vì nhân duyên này mà Phật nhãn không đoạn, Chính pháp không diệt; chư Bồ-tát Ma-ha-tát mỗi mỗi đều thụ trì, tuyên bố, giảng thuyết, liền được Pháp nhãn bất hoại, bất diệt. Lại chép kinh Bát nhã Ba la mật này, đặt nơi thanh tịnh,dùng hương hoa, đèn, hương xoa, cờ phướn, lọng báu, y phục quý, làm đủ việc cúng dường như vậy. Kiều-thi- ca, nên biết Thiện nam tử, Thiện nữ nhânnày được phúc rất nhiều.

Lại nữa, Kiều-thi- ca. Ngoài số tháp bảy báu được tạo khắp Tiểu thiên thế giới như đã nói trên, Kiều-thi- ca, giả sử có người lấy xá-lợi Phật, tạo tháp bảy báu đầy cả Trung thiên thế giới, người này từ đó cho đến hết đời, dùng hương hoa, đèn, hương xoa, cờ phướn, lọng báu, y phục

quý, cúng dường đủ loại như vậy; lại tôn trọng, lễ bái, xưng tán. Kiều-thi- ca, ý ông thế nào? Người đó vì nhân duyên này được nhiều phúc chăng?

Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Rất nhiều, Thế Tôn.

Phật nói: Kiều-thi- ca, nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân nào vì muốn cầuĐại Bồ-đề, đối với Bát nhã Ba la mật này, phát tâm tin hiểu, tự mình thụ trì,đọc tụng, ghi nhớ, lại vì người khác rộng nói lưu truyền khiến cho chúng sinhđều được thiện lợi lớn, khiến Chính pháp trú lâu dài ở thế gian. Vì nhânduyên này Phật nhãn không bị mất, Chính pháp không bị diệt vong; chư Bồ-tát Ma-ha-tát mỗi mỗi thụ trì, liền được Pháp nhãn không hoại, không diệt.Lại chép kinh Bát nhã Ba la mật này, đặt nơi thanh tịnh, dùng hương hoa,hương xoa, đèn, cờ phướn, lọng báu, y phục quý, làm đủ việc cúng dường 28 như vậy. Kiều-thi- ca nên biết, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này được phúcrất nhiều.

Lại nữa, Kiều-thi- ca. Ngoài số tháp bảy báu được tạo khắp Trung thiên thếgiới như đã nói trên, Kiều-thi- ca, giả sử có người lấy xá-lợi Phật, tạo thápbảy báu khắp cả ba ngàn Đại thiên thế giới, người này từ đó cho đến hếtđời, dùng hương hoa, đèn, hương xoa, cờ phướn, lọng báu, y phục quý, làmđủ việc cúng dường như vậy; lại tôn trọng, lễ bái, xưng tán. Kiều-thi- ca, ýông thế nào? Người đó vì nhân duyên này được nhiều phúc chăng?

Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Rất nhiều, Thế Tôn.

Phật nói: Kiều-thi- ca, nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân vì muốn cầu Đại Bồ-đề, đối với Bát nhã Ba la mật này, phát tâm tin hiểu, tự mình thụ trì, đọctụng, ghi nhớ, lại vì người khác rộng nói lưu truyền, khiến cho chúng sinhđược thiện lợi lớn, khiến Chính pháp trú lâu dài ở thế gian. Vì nhân duyênnày Phật nhãn không đoạn, Chính pháp không diệt. Chư Bồ-tát Ma-ha-tátmỗi mỗi đều thụ trì, tức được Pháp nhãn bất hoại, bất diệt. Lại chép kinhBát nhã Ba la mật này, đặt nơi thanh tịnh, dùng hương hoa, đèn, hươngxoa, cờ phướn, lọng báu, y phục quý, làm đủ việc cúng dường như thế.Kiều-thi- ca, nên biết người Thiện nam, Thiện nữ này được phúc rất nhiều.

Lại nữa, Kiều-thi- ca. Ngoài số tháp bảy báu được tạo khắp ba ngàn Đại thiênthế giới như đã nói trên, Kiều-thi- ca, giả sử tất cả chúng sinh trong ba ngàn Đại thiên thế giới, mỗi mỗi đều lấy xá-lợi Phật, tạo tháp bảy báu, hoặc trú một kiếp, hoặc chưa tới một kiếp, dùng hương hoa, đèn, hương xoa, cờphướn, lọng báu, y phục quý cho đến đủ loại kỹ nhạc, múa hát, cúng dườngrộng lớn như vậy; lại tôn trọng, lễ bái, xưng tán. Kiều-thi- ca, ý ông thế nào?Các chúng sinh kia vì nhân duyên đó mà được phúc nhiều chăng?

Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Rất nhiều, Thế Tôn.

Phật nói: Kiều-thi- ca, nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, vì muốn cầu ĐạiBồ-đề, đối với Bát nhã Ba la mật này phát tâm tin hiểu, nên tự mình thụ trì,đọc tụng, ghi nhớ, lại vì người khác rộng nói lưu truyền, khiến Chính pháptrú lâu dài ở thế gian. Vì nhân duyên này Phật nhãn không đoạn, Chính phápkhông diệt. Chư Bồ-tát Ma-ha-tát mỗi mỗi đều thụ trì liền được Pháp nhãnkhông hoại, không diệt; lại chép kinh Bát nhã Ba la mật này, đặt nơi thanhtịnh, dùng hương hoa, đèn, hương xoa, cờ phướn, lọng báu, cúng dường đủloại như vậy. Kiều-thi- ca nên biết, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này đượcphúc rất nhiều.

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Thế Tôn, đúng vậy, đúng vậy. Đúngnhư Phật nói, nếu người tôn trọng, cúng dường kinh Bát nhã Ba la mật này,nên biết người này cũng đang cúng dường chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại,biết rõ trí của chư Phật; cũng bằng với sự cúng dường rộng lớn, tối thượng,vô biên đối với tất cả thế giới. Thế Tôn, ngoài số lượng ba ngàn Đại thiênthế giới như Phật đã nói ở trên, Thế Tôn, giả sử có vô lượng vô số ba ngànĐại thiên thế giới, và chúng sinh khắp thế giới đó, mỗi một chúng sinh đều lấy xá-lợi Phật, dựng tháp bảy báu, dù trú một kiếp, dù chưa tới một kiếp,dùng hương hoa, đèn, hương xoa, cờ phướn, lọng báu, y phục quý, cho đếnđủ loại kỹ nhạc, múa hát để cúng dường, lại còn tôn trọng, lễ bái, xưng tán.Thế Tôn, các chúng sinh kia phúc tuy nhiều, nhưng không bằng có ngườimong cầu Đại Bồ-đề, phát tâm tin hiểu đối với Bát nhã Ba la mật này, tựmình đọc tụng, thụ trì, ghi nhớ, lại vì người khác rộng nói lưu truyền khiếnchúng sinh đều được thiện lợi lớn, khiến Chính pháp trú lâu dài ở thế gian. Vìnhân duyên này mà Phật nhãn không đoạn, Chính pháp không diệt. Chư Bồ-tát Ma-ha-tát, mỗi mỗi đều thụ trì, tức được Pháp nhãn không hoại khôngdiệt. Lại chép kinh Bát nhã Ba la mật này, đặt nơi thanh tịnh, dùng hương hoa, đèn, hương xoa, cờ phướn, lọng báu, y phục quý, cúng dường đủ loại như vậy.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Thiên chủ Đế Thích: Đúng vậy, đúng vậy. Kiều-thi- ca,đối với kinh Bát nhã Ba la mật này, có thể tôn trọng, cúng dường, nên biếtngười này được phúc đức vô lượng vô số, vô biên, không gì bằng, không thểsánh, cho đến phúc ấy cũng không thể nghĩ được. Vì sao? Nên biết Nhấtthiết trí của Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác từ Bát nhã Ba la mậtmà sinh, lại từ Nhất thiết trí mà sinh ra thân Như Lai. Kiều-thi- ca, vì thế nênbiết, nếu có người đem xá-lợi Phật, dựng tháp cúng dường, cùng với ngườikia thụ trì, đọc tụng, tôn trọng, cúng dường kinh Bát nhã Ba la mật, thì phúchạnh làm được, công đức thu được, so sánh số lượng như thế trăm phầnkhông bằng một, ngàn phần không bằng một, trăm ngàn phần không bằngmột, ức phần không bằng một, trăm ức phần, ngàn ức phần, trăm ngàn ứcphần, trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa phần không bằng một phần của ngườikia; phần đếm, phần tính, và phần ví dụ cho đến ô-ba-ni-sát-đàm phần cũngkhông bằng một phần của người kia.

Bấy giờ, những người trước đây cùng theo Thiên chủ Đế Thích đến dự hội, bốn mươi ngàn chúng Thiên tử đều nói với Thiên chủ Đế Thích: Nay đối vớipháp môn Bát nhã Ba la mật sâu xa này, nên thụ trì, đọc tụng, ghi nhớ, suynghĩ, tu hành như đã nói.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Thiên chủ Đế Thích: Kiều-thi- ca, như chư Thiên nói,đối với pháp môn Bát nhã Ba la mật này, ông nên thụ trì, đọc tụng, ghi nhớ,suy nghĩ, tu hành như đã nói. Vì sao? Kiều-thi- ca, nếu A-tu-la cùng các Thiêntử ở trời Tam Thập Tam kia đánh nhau, vào lúc đó ông nên nghĩ nhớ đến pháp môn Bát nhã Ba la mật này, thì A-tu-la kia liền rút lui và tự trốn mất.

Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Thế Tôn, Bát nhã Ba la mật này là Quảng đại minh, Bát nhã Ba la mật này là Vô lượng minh, là Vô thượng minh, là Tối thắng minh, là Vô đẳng minh, là Vô đẳng đẳng minh.

Bấy giờ, Phật bảo Thiên chủ Đế Thích: Đúng vậy, đúng vậy. Kiều-thi- ca, Bát nhã Ba la mật này là Quảng đại minh, là Vô lượng minh, là Vô thượng minh,là Tối thắng minh, là Vô đẳng minh, là Vô đẳng đẳng minh. Vì sao? Vì chư Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác ở quá khứ, hiện tại, vị lai đều từ Đại minh này mà sinh ra, vì chư Phật học Đại minh này mà thành tựu

Vô thượng Chính đẳng Chính giác, cho đến chư Phật Thế Tôn ở vô lượng vô số ba ngàn Đại thiên thế giới, nhờ học Bát nhã Ba la mật Quảng đại minh này mà thành tựu Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Kiều-thi- ca nên biết, Vô thượng Chính đẳng Chính giác từ nơi Bát nhã Ba la mật này mà đến. Mười pháp Thiện có được, nhờ Đại minh này mới xuất hiện ở đời; bốn phần Thiền định, bốn phần Vô lượng, bốn phần Vô sắc định, năm phần Thần thông, ba mươi bảy phần Bồ-đề, các pháp như thế đều nhờ Đại minh này mà xuất hiệnở đời; nói lược như thế, cho đến tám vạn bốn ngàn nhóm Pháp, đều từ Bát nhã Ba la mật Quảng đại minh này sinh ra. Phật trí, Tự nhiên trí, Bất tư nghị trí, cũng do Đại minh này sinh ra.

Lại nữa, Kiều-thi- ca. Nếu Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác không rađời thì các Bồ-tát Ma-ha-tát kia xuất hiện ở thế gian, từ Bát nhã Ba la mậtđược nghe trước đây, sinh ra đủ loại phương tiện thiện xảo, vì thương xótchúng sinh ở thế gian mà làm lợi ích. Vì thế, mười pháp Thiện, bốn phầnThiền định, bốn phần Vô lượng, bốn phần Vô sắc định, năm phần Thầnthông, ba mươi bảy phần Bồ-đề, các pháp như vậy xuất hiện ở thế gian làđể mở bày cho chúng sinh.

Kiều-thi- ca, ví như lúc mặt trăng không có thì các vì sao xuất hiện, ánh sángcủa chúng chiếu khắp thế gian, Bồ-tát Ma-ha-tát cũng như vậy. Lúc Như LaiỨng cúng Chính đẳng Chính giác không ra đời thì Chính pháp cũng không ẩn diệt. Vì sao? Dù là các Pháp hành, dù là Bình đẳng hành, dù là Thiện hành,mỗi mỗi đều từ các Bồ-tát Ma-ha-tát mà sinh ra, tùy thuận nơi phương tiện thiện xảo của Bồ-tát Ma-ha-tát mà chuyển. Các phương tiện thiện xảo của các Bồ-tát Ma-ha-tát này, nên biết đều từ Bát nhã Ba la mật sinh.

Lại nữa, Kiều-thi- ca. Nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, đối với pháp môn Bát nhã Ba la mật này có thể biên chép, cúng dường, thụ trì, đọc tụng, ghinhớ, suy nghĩ, tu hành như đã nói, người này vì duyên này ở trong đời nàyđược lợi ích lớn.

Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Thế Tôn, người này ở đời này sẽ được lợi ích gì?

Phật nói: Kiều-thi- ca nên biết, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này không bị các độc làm tổn hại đến tính mạng họ, không bị lửa đốt, không bị chìm nước, không gặp khổ dao, gươm, gậy cho đến không bị các thế lực khác làm tổn hại thân mạng; lại không bị phép vua ghép tội. Giả sử có những nạn này, nếu có thể tụng niệm Bát nhã Ba la mật, liền được giải thoát.

Lại nữa, Kiều-thi- ca. Người thụ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật này, nếu đến chỗ của Quốc vương, Vương tử, Vương đại thần, thì khi Quốc vương, Vươngtử, Vương đại thần đó nhìn thấy họ đều hoan hỷ; nếu mong muốn điều gì,tất cả đều như ý. Vì sao? Kiều-thi- ca, Bát nhã Ba la mật này, đối với tất cảchúng sinh, là hạnh Đại từ tâm, hạnh Đại từ, là hạnh Đại bi tâm, hạnh Đại bi. 31

Lại nữa, Kiều-thi- ca. Người thụ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật này, ở tất cảmọi nơi không bị các loài cọp, sói, trùng độc, thú dữ làm tổn hại; cho đếnngười, phi nhân, v.v..., cầu cho chết yểu cũng không có cơ hội; chỉ trừ địnhnghiệp đời trước tất phải nhận chịu.

Bấy giờ, có các ngoại đạo, trước đây đã từng xuất gia theo pháp của họ, số đủ trăm người vào đến giữa hội, muốn làm não loạn Phật Thế Tôn.

Lúc đó, Thiên chủ Đế Thích nhìn thấy từ xa những người này sắp đến gầnhội của Phật, tức thời Thiên chủ Đế Thích quán sát tâm của chúng, biết chúng muốn gì nên nghĩ thế này: “Các ngoại đạo này, nay đến hội của Phật,muốn làm não loạn, ta nên tụng niệm pháp môn Bát nhã Ba

la mật đã nhậntừ Phật trước đây." Thiên chủ Đế Thích suy nghĩ như vậy rồi, liền tụng pháp môn Bát nhã Ba la mật.

Lúc đó các ngoại đạo đã vào trong hội, từ xa nhìn thấy Thế Tôn. Lúc này từng người lần lượt đi vòng bên phải Thế Tôn xong, liền rời khỏi hội của Phật, theo lối cũ mà lui ra.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử nghĩ: Tại sao các ngoại đạo này vào đến trong hội, hướng về Phật Thế Tôn, đi quanh bên phải rồi lui ra?

Lúc này, Thế Tôn biết Xá-lợi Tử tâm nghĩ như thế, liền bảo Tôn giả Xá-lợiTử: Ông nay nên biết, các ngoại đạo kia đều xuất gia theo pháp của họ, nay đến hội của Phật muốn phá hoại, chống đối, tranh cãi, làm tổn não. Vì Thiên chủ Đế Thích tụng Bát nhã Ba la mật nên các ngoại đạo kia tự sinh hổ thẹn mà rút lui. Xá-lợi Tử, vì vậy nên biết pháp môn Bát nhã Ba la mật có uy lựcrất lớn, có thể trừ tất cả tà ác của ngoại đạo.

Bấy giờ, lại có các ác ma thầm nghĩ: Nay Như Lai Ứng cúng Chính đẳngChính giác cùng với bốn chúng của mình, và các Thiên tử ở Dục giới, Sắcgiới cùng tụ hội. Phật Thế Tôn đó thụ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giáccho các Bồ-tát Ma-ha-tát; nay chúng ta nên đến chỗ đó. Chúng Ma nghĩxong, liền hóa ra bốn đạo binh, đủ loại trang nghiêm, đến chỗ của Phật.

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích thấy bốn đạo binh trang nghiêm, chỉnh tề, đẹp đẽ đến hội của Phật, liền nghĩ: Bốn đạo binh này trang nghiêm, đẹp đẽ, vuaTần-bà-sa-la kia không thể có được, Thắng Quân đại vương cũng không cóđược, các Quốc vương khác cũng không có được, bậc Trưởng giả tử cũngkhông có được. Đây chính là do các ác ma kia hóa ra như thế. Vì sao? Cácác ma kia, trong dòng sinh tử, quay lưng với Phật pháp, cầu Phật pháp sớmdiệt nên muốn phá hoại. Ta nay nên tụng pháp môn Bát nhã Ba la mật đượcnhận từ Phật. Thiên chủ Đế Thích nghĩ vậy xong liền tụng pháp môn Bát nhã Ba la mật. Các chúng Ma kia tức thời thu lại hóa binh của chúng, theođường cũ rút lui.

Bấy giờ, chúng Thiên tử ở trời Tam Thập Tam liền đến giữa hội, hóa ra vô số hoa trời mạn-đà-la, đủ loại hoa quý, rải lên Phật. Các hoa được rải lên đều dừng lại giữa hư không.32

Khi các Thiên tử rải diệu hoa xong liền nói: Nguyện Chính pháp Bát nhã Ba la mật này trú lâu dài ở thế gian, đối với chúng sinh cõi Diêm-phù-đề, tạo lợiích lớn. Phát nguyện này xong, lại rải hoa. Rải hoa xong, lại nói: Nguyện tấtcả chúng sinh, đối với pháp môn Bát nhã Ba la mật này, tuyên bố, diễn thuyết, tu hành như đã nói; tất cả Ma và Thiên ma, người, phi nhân, muốn cầu cho sớm mất đều không có cơ hội; nguyện cho chúng sinh đầy đủ thiệncăn.

Bấy giờ Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Thế Tôn, nếu có người đối với Bát nhã Ba la mật này, có thể tùy hỷ, nghe, nhận; nên biết người này đã từngcúng dường chư Phật ở quá khứ, huống là thụ trì, đọc tụng, ghi nhớ, suy nghĩ, đối với người khác giảng thuyết nghĩa đó, y pháp tu học như đã đượcnói, tu hành như thế thì tương ưng với thành tựu. Vì sao? Vì Nhất thiết trí của chư Phật đều được cầu từ pháp Bát nhã Ba la mật, đều sinh từ Bát nhã Ba la mật. Thế Tôn, ví như có người muốn cầu của báu quý cần vào biển lớn mới thu được châu báu tốt đẹp vô giá, báu Nhất thiết trí của Như Lai Ứngcúng Chính đẳng Chính giác cũng như vậy, nên ở giữa biển lớn Bát nhã Ba la mật mà mong cầu.

Phật bảo Thiên chủ Đế Thích: Đúng vậy, đúng vậy. Nếu muốn cầu báu Nhấtthiết trí của chư Phật Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác, nên ở tronbiển pháp rộng lớn Bát nhã Ba la mật mà cầu. Người cầu như thế đều được như ý.

Quyển IV

Phẩm 3: Công Đức Bảo Tháp
Phần 3

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật: Thế Tôn, tại sao không xưng tán, tuyênthuyết Bố thí Ba-la-mật, Trì giới Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, Tinh tiếnBa-la-mật, Thiền định Ba-la-mật, các danh tự như thế? Tại sao chỉ thuyết vàxưng tán công đức Bát nhã Ba la mật?

Phật bảo A-nan: Đúng vậy, đúng vậy. Ta đối với các Ba-la-mật, chỉ nói Bát nhã Ba la mật được xưng tán tối thượng. Vì sao? A-nan, ông nay nên biết, vìBát nhã Ba la mật này đối với năm Ba-la-mật kia, phần lớn đều dẫn đầu. A-nan, ý ông thế nào? Nếu bố thí mà không hồi hướng Nhất thiết trí thì có thểthành tựu Ba-la-mật không?

A-nan bạch Phật: Không, Thế Tôn.

Phật nói: A-nan, nếu trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định mà không hồihướng Nhất thiết trí thì có thành Ba-la-mật không? Tức Bát-nhã này nếukhông hồi hướng Nhất thiết trí thì có được thành Ba-la-mật không?

Không, Thế Tôn.

Phật nói : A-nan, ý ông thế nào? Có thiện căn trí tuệ không thể nghĩ bàn hồihướng Nhất thiết trí không?

A-nan bạch Phật: Thế Tôn, đúng vậy, đúng vậy. Có thiện căn trí tuệ tối thượng không thể nghĩ bàn hồi hướng Nhất thiết trí.

Phật bảo A-nan: Vì thế nên biết, vì dùng các thiện căn hồi hướng Nhất thiếttrí nên được gọi là các Ba-la-mật; vì dùng pháp Đệ nhất nghĩa hồi hướngNhất thiết trí, nên được gọi là Bát nhã Ba la mật. Vì vậy, A-nan, vì các thiệncăn kia hồi hướng Nhất thiết trí nên Bát nhã Ba la mật dẫn đầu năm Ba-la-mật. Năm Ba-la-mật kia trú trong pháp tương ưng với Bát nhã Ba la mật.Nhờ Bát nhã Ba la mật này nên các Ba-la-mật đều được tròn đầy. A-nan, vìthế ta xưng tán Bát nhã Ba la mật hơn hết cả. Ví như rải các hạt giống lênmặt đất. Nhờ được hòa hợp với thời và xứ mà chúng đều được sinh trưởng.Các hạt giống đó dựa vào đất mà trú. Nếu không dựa vào đất thì không thểsinh trưởng. Bát nhã Ba la mật cũng thế, có thể bao hàm năm Ba-la-mậtkia. Năm pháp như thế đều dựa vào Bát nhã Ba la mật mà trú, nhờ Bát-nhãBa-la-mật mà được tăng trưởng. Vì vậy năm pháp đều được gọi là Ba-la-mật. A-nan, vì thế nên biết Bát nhã Ba la mật dẫn đầu năm pháp kia.

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Thế Tôn, như Phật nói, pháp mônBát nhã Ba la mật có công đức rất lớn. Giả sử Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác dùng đủ loại ngôn từ xưng dương tán thán cũng không thể hết. Vì thế các Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, đối với pháp môn Bát nhã Ba la mật này nên thụ trì, đọc tụng, ghi nhớ, suy nghĩ, tu hành như đã nói.

Phật nói: Kiều-thi- ca, hay thay! Hay thay! Như ông nói, pháp môn Bát-nhãBa-la-mật này, ta không chỉ nói người có thể thụ trì, đọc tụng, lưu truyền,giảng thuyết mới có công đức lớn. Nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, chỉcó thể lấy Bát nhã Ba la mật này mà biên chép thành kinh, đặt nơi thanhtịnh, tôn trọng, cung kính, dùng các hương hoa, đèn, hương xoa, cờ phướn, lọng báu, y phục quý, đủ loại cúng dường, nên biết người này tuyên bố Phật pháp đã trú lâu dài ở thế gian này. Vì nhân duyên này, Phật nhãn không đứt, Chính pháp không diệt; và mỗi một Bồ-tát Ma-ha-tát thụ trì liền đượcPháp nhãn bất hoại bất diệt. Kiều-thi- ca, người thụ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật đó, ở trong đời này được công đức như thế.

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Thế Tôn, nếu có Thiện nam tử,Thiện nữ nhân đối với Bát nhã Ba la mật này chỉ có thể biên chép thành kinh, đặt nơi thanh tịnh, dùng hương hoa, đèn, hương xoa, cờ phướn, lọng báu, v.v..., tuỳ sức cúng dường, thì con sẽ đến hộ niệm cho người đó khiến không suy yếu khổ não; huống là đối với Bát nhã Ba la mật này lại thụ trì, đọc tụng, ghi nhớ, suy nghĩ, lại vì người khác giải thuyết nghĩa đó, thì người này công đức vô lượng vô biên.

Phật bảo Thiên chủ Đế Thích: Hay thay! Hay thay! Kiều-thi- ca, nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, lúc nói Bát nhã Ba la mật này ở các nơi, đều có vô số trăm ngàn Thiên tử, vì để nghe pháp nên đến chỗ đó nghe, nhận Chính pháp. Nếu người nói pháp, tâm bị mỏi mệt, không ưa nói, thì các Thiên tử kia tăng thêm sức mạnh cho họ khiến không thoái lui, khiến họ tinh tiến, ưa thích tuyên thuyết. Kiều-thi- ca, người thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật, ở trong đời này được công đức như thế.

Lại nữa, Kiều-thi- ca. Nếu thụ trì Chính pháp này, lúc Thiện nam tử, Thiện nữ nhân nói Bát nhã Ba la mật này trong bốn chúng, tâm không khiếp sợ,không sợ bị vấn nạn, tùy hỏi mà đáp, xa rời các sai lầm. Vì sao? Vì được lựchộ trì của Bát nhã Ba la mật. Đối với Bát nhã Ba la mật này, người muốn tìm sai lầm đều không có cơ hội. Bởi vì sao? Bát nhã Ba la mật này lìa cácsai lầm. Vì thế người tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật cũng không tìm thấy sai lầm của nó. Vì thế, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân kia, lúc nói pháp không sinh lo sợ. Kiều-thi- ca, người thụ trì đọc tụng Bát nhã Ba la mật, ở đời này được công đức như thế.

Lại nữa, Kiều-thi- ca. Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, thụ trì đọc tụng Bát nhã Ba la mật, người này được cha mẹ, bạn thân, cho đến Sa-môn, Bà-la-môn, v.v..., tôn trọng ái kính; dù đã khởi hay chưa khởi, tất cả các việc kiệntụng, tranh cãi, suy yếukhổnão, v.v..., đều được xa rời. Kiều-thi- ca, ngườithụ trì đọc tụng Bát nhã Ba la mật, ở trong đời này được công đức như thế.

Lại nữa, Kiều-thi- ca. Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, đối với Bát nhã Ba la mật này, biên chép thành kinh, an trí cúng dường, nơi nào có kinh này tứccó bốn Đại Thiên Vương. Người trú tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác,thì các Thiên tử, vì tôn kính pháp, đều đến chỗ người đó, chiêm ngưỡng, lễ bái, xưng tán, tùy hỷ, đảnh thụ. Chiêm ngưỡng, lễ bái, đảnh thụ xong liền trở về cõi trời của họ. Có các Thiên tử trú tâm Bồ-đề ở trời Tam Thập Tam,các Thiên tử trú tâm Bồ-đề ở Dạ-ma thiên, các Thiên tử trú tâm Bồ-đề ở HỷTúc thiên, các Thiên tử trú tâm Bồ-đề ở Hoá Lạc thiên, các Thiên tử trú tâm Bồ-đề ở Tha Hoá Tự Tại thiên. Các Thiên tử Dục giới như thế, đều vì tôn kính pháp nên đi đến chỗ đó, chiêm ngưỡng, lễ bái, xưng tán, vui mừng,đỉnh thụ. Chiêm ngưỡng, lễ bái, đỉnh thụ xong, mỗi vị đều trở lại cõi trời của mình.

Lại nữa, Kiều-thi- ca. Chư Thiên Sắc giới, là Phạm Chúng thiên, Phạm Phụthiên, Đại Phạm thiên, Thiểu Quang thiên, Vô Lượng Quang thiên, QuangÂm thiên, Thiểu Tịnh thiên, Vô Lượng Tịnh thiên, Biến Tịnh thiên, Vô Vânthiên, Phúc Sinh thiên, Quảng Quả thiên, Vô Phiền thiên, Vô Nhiệt thiên,Thiện Kiến thiên, Thiện Hiện thiên, Sắc Cứu Cánh thiên. Các Thiên tử trú tâm Bồ-đề ở các cõi trời như thế, vì kính pháp, đi đến chỗ đó, chiêm ngưỡng, lễ bái, xưng tán, vui mừng, đỉnh thụ. Chiêm ngưỡng, lễ bái, đỉnh thụ xong, họ lại trở về các cõi trời của mình.

Lại nữa, Kiều-thi- ca. Những người có thụ trì đọc tụng Bát nhã Ba la mật,Thiện nam tử, Thiện nữ nhân nên sinh tâm như thế này: "Trong vô lượng a-tăng-kỳ thế giới ở mười phương, tất cả Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, người, phi nhân, v.v..., đều vì tôn kính pháp, nên đến nơi có kinh Bát nhã Ba la mật, chiêm ngưỡng, lễ bái, nghe nhận. Nếu họ đến, ta sẽ vì họ mà bố thí pháp, khiến họ đều được pháp mà trở về." Kiều-thi-ca, nếu chỗ nào có kinh Bát nhã Ba la mật này, ta không chỉ nói cho các Thiên tử trú tâm Bồ-đề thuộc Dục giới, Sắc giới của một Tứ Đại châu, vì cung kính pháp, đến chỗ đó để chiêm ngưỡng, lễ bái, đỉnh thụ. Kiều-thi- ca, cho đến các Thiên tử trú tâm Bồ-đề thuộc Dục giới,Sắc giới của ba ngàn Đại thiên thế giới, mỗi vị đều vì kính pháp, nơi có kinh Bát nhã Ba la mật này, đều đến chỗ đó để chiêm ngưỡng, lễ bái, xưng tán, tùy hỷ, đỉnh thụ. Chiêm ngưỡng, lễ bái, đỉnh thụ xong, họ lại trở về các cõitrời của mình.

Lại nữa, Kiều-thi- ca. Người thụ trì đọc tụng Bát nhã Ba la mật, các Thiệnnam tử, Thiện nữ nhân, ở nơi trú ngụ có được kinh này, các cung điện, nhàcửa và các phòng xá đều kiên cố, an ổn, không thể phá hoại; nơi này tức cóuy lực lớn. Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la,Ma-hầu-la-già, người, phi nhân, v.v..., thường đến chỗ đó nghe nhận Chính pháp.

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Thế Tôn, nếu các chúng Thiên,Long, Thần, v.v..., đến thì Thiện nam tử, Thiện nữ nhân kia làm sao biết được? 36

Phật bảo Thiên chủ Đế Thích: Kiều-thi- ca, người thụ trì Chính pháp này,Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, nếu thấy có ánh sáng lớn, nên biết đó chínhlà các chúng Thiên, Long, Thần, v.v..., đến chỗ đó để nghe, nhận Chínhpháp. Lại nữa, nếu nghe các mùi thơm vi diệu, nên biết tướng này cũng làcác chúng Thiên, Long, Thần, v.v..., đi đến chỗ đó. Vì vậy, Kiều-thi- ca, ngườithụ trì Chính pháp này, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, ở nơi trú ngụ, thườngnên giữ phòng xá của mình thanh tịnh, trang nghiêm, sạch sẽ; khử trừ tất cảcác vật ô uế, v.v.... Nếu các chúng Thiên, Long, Thần, v.v..., khi đến chỗ ởcủa họ, nhìn thấy các tướng thanh tịnh này, các chúng Thiên, Long, Thần đóđều sinh tâm hoan hỷ, thích thú, khoái lạc. Ở đó, các quỷ thần yếu kém đãở trước đây đều rời xa các phòng xá đó. Vì sao? Vì các quỷ thần yếu kém kiathường dựa vào chư Thiên, Long, Thần có oai lực lớn. Các quỷ thần yếu kémkia thường theo chư Thiên, Long, Thần có oai lực lớn đi đến mọi nơi. Vì thế,Kiều-thi- ca, nơi có kinh Bát nhã Ba la mật này, nếu những người trì pháp,thường có thể giữ cho chỗ đó thanh tịnh, trang nghiêm, sạch sẽ, thì đó chính là vì tôn trọng con mắt Chính pháp. Kiều-thi- ca, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này do tôn kính, thụ trì sức của Chính pháp Bát nhã Ba la mật, nêntrong đời này được công đức rất lớn.

Lại nữa, Kiều-thi- ca. Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này, lúc thụ trì Bát-nhãBa-la-mật, thân không mệt mỏi, tâm không biếng nhác, lìa các khổ não,thích thú, khoái lạc, ngủ yên, thức yên; trong giấc mộng nhìn thấy cảnhtượng thù thắng, hoặc thấy Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính

giác ở nơiđạo tràng, hoặc thấy Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác chuyển Đạ ipháp luân, hoặc thấy bảo tháp xá-lợi của Như Lai, hoặc thấy các chúng Thanh Văn, hoặc thấy các chúng Bồ-tát Ma-ha-tát, hoặc nghe tuyên thuyếtpháp âm sâu xa của Bát nhã Ba la mật, hoặc nghe tuyên thuyết Bồ-đề phầnpháp, hoặc thấy lại các Bồ-tát Ma-ha-tát vừa chứng Vô thượng Chính đẳng Chính giác, hoặc thấy các Bồ-tát Ma-ha-tát thụ trì pháp môn Bát nhã Ba la mật này, hoặc nghe tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật bao hàm Nhất thiết trí,hoặc thấy nước Phật rộng lớn, thanh tịnh, hoặc nghe chư Phật Thế Tôn dùng phương tiện thiện xảo thuyết pháp Bồ-tát, hoặc nhìn thấy một đứcNhư Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác, ở một phương, một chỗ, một thếgiới nào đó, thuyết pháp cho trăm ngàn ức vạn chúng Bồ-tát, Thanh Văn,cung kính vây quanh.

Kiều-thi- ca, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này, ở trong giấc mộng thấy tướngthù thắng này, lúc tỉnh dậy, thân tâm nhẹ nhàng, vui vẻ. Người đó sau khi đã được vui vẻ, khoái lạc như thế rồi, đối với các thức ăn uống ngon nào đó không sinh tưởng ham muốn. Ví như Tỷ-khưu tu Tương ưng hành, lúc từđịnh khởi, đối với các thức ăn uống thơm ngon nào đó, không sinh niệmtưởng. Kiều-thi- ca, người thụ trì Bát nhã Ba la mật, Thiện nam tử, Thiện nữnhân cũng thế. Vì sao? Người Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này vì trú Bát nhã Ba la mật quán hành tương ưng, tức được Thiên, Long, Thần, v.v...,tăng thêm sức mạnh của sắc. Vì thế đối với các thức ăn uống không sinh niệm tưởng. Kiều-thi- ca, người thụ trì Bát nhã Ba la mật, Thiện nam tử,Thiện nữ nhân, trong đời này được công đức như thế.

Lại nữa, Kiều-thi- ca. Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân chỉ có thể lấy Bát nhã Ba la mật này, biên chép thành kinh, an trí cúng dường, nên biết ngườinày được công đức rất lớn. Huống lại có người vì muốn cầu Đại Bồ-đề, đối với pháp môn Bát nhã Ba la mật này, phát tâm tin hiểu, nghe, nhận, đọctụng, rộng vì người khác giảng nói nghĩa đó, khiến cho Chính pháp trú lâudài ở thế gian. Vì nhân duyên này, Phật nhãn không đứt, Chính pháp không diệt. Các chúng Bồ-tát Ma-ha-tát, mỗi mỗi đều thụ trì, tuyên bố, giảngthuyết, tức được Pháp nhãn không hoại, không diệt.Lại nữa, Kiều-thi- ca. Dùng các hương hoa, đèn, hương xoa, cờ phướn, lọng báu, y phục quý, đủ loại cúng dường như thế, nên biết người này vì nhânduyên này được công đức vô lượng vô biên. Vì thế, Kiều-thi- ca. Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, muốn thành tựu công đức tối thắng như thế, nênđối với pháp môn Bát nhã Ba la mật này, phát tâm tin hiểu, thụ trì, đọctụng, ghi nhớ, suy nghĩ, cho đến vì người rộng nói nghĩa đó, lại tôn trọngcung kính, dùng các hương hoa, đèn, hương xoa, cờ phướn, lọng báu, đủ loại cúng dường.38

Phẩm 4: Xưng Tán Công Đức

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Thiên chủ Đế Thích: Kiều-thi- ca, nếu lấy một phần xá-lợi Như Lai khắp Diêm-phù-đề, lấy một phần việc biên chép kinh Bát nhã Ba la mật này, đối với hai phần này ông nên lấy phần nào?

Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Thế Tôn, nếu lấy xá-lợi của Như Lai khắp Diêm-phù-đề cùng kinh Bát nhã Ba la mật, mỗi thứ một phần, trong hai phần này con sẽ lấy phần Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Chư Phật Như Lai có Hóa tướng thân, Thực nghĩa thân, Thuyết pháp thân, vì các thân như vậy đều từ Pháp thân sinh ra, từ Như thực tế sinh ra. Như thực tế tức Bát nhã Ba la mật. Các

thân của chư Phật Thế Tôn cũng từ Bát nhã Ba la mật này sinh. Vì thế, được chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường xá-lợi của Như Lai, tuy được cúng dường xá-lợi Như Lai, nhưng không bằng tôn trọng, cúng dường Bát nhã Ba la mật này. Vì sao? Vì các thân Như Lai từ Bát nhã Ba la mật này sinh ra.

Thế Tôn, ví như con ngồi trong Thiện Pháp Đường ở trời Tam Thập Tam, vìcác Thiên tử, tuyên thuyết Pháp yếu. Nếu lúc đó, vì nhân duyên con phải rờixa chỗ ngồi đó, các Thiên tử hoặc có người đến, tuy không thấy con nhưnglại hướng về chỗ ngồi đó mà chiêm ngưỡng, lễ bái, cung kính, nhiễu quanhrồi đi. Họ suy nghĩ thế này: "Thiên chủ Đế Thích, ở chỗ ngồi này, thường vìcác Thiên tử tuyên thuyết Pháp yếu; vì thế ta nay chiêm ngưỡng, lễ bái chỗngồi này." Thế Tôn, Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác cũng thế.Nhất thiết trí của Như Lai nương vào thân Như Lai. Thân này lại do Nhấtthiết trí mà được. Vì duyên này, từ Như thực trí sinh ra Nhất thiết trí trí của Như Lai. Trí này lại từ Bát nhã Ba la mật mà sinh. Thế Tôn, vì thế trong hai phần, con chỉ lấy phần Bát nhã Ba la mật. Thế Tôn, không phải con không cung kính đối với xá-lợi của Phật, vì xá-lợi đó của Như Lai từ Bát nhã Ba la mật mà sinh. Vì thế, con lấy phần Bát nhã Ba la mật, tức là cúng dường xá-lợi Như Lai.

Thế Tôn, ngoài xá-lợi Như Lai ở khắp Diêm-phù-đề này, nếu xá-lợi Như Lai ởkhắp bốn Đại châu, hoặc khắp Tiểu thiên thế giới, hoặc khắp Trung thiên thếgiới; ngoài số này ra, giả sử xá-lợi Như Lai ở khắp ba ngàn Đại thiên thếgiới, chỉ lấy một phần. Lại lấy một phần kinh biên chép của Bát nhã Ba la mật này. Thế Tôn, trong hai phần, con cũng chỉ lấy phần Bát nhã Ba la mật.Thế Tôn, không phải con không cung kính đối với xá-lợi của Như Lai, vì xá-lợi của Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác từ Bát nhã Ba la mật màsinh. Các thân Như Lai là nơi nương tựa của Nhất thiết trí, mà Nhất thiết trínày lại từ Bát nhã Ba la mật sinh ra. Vì thế, trong hai phần, con chỉ lấy phầnBát nhã Ba la mật. 39

Thế Tôn, ví như báu ma-ni lớn, đầy đủ sắc tướng, có công đức lớn; nơi nơichốn chốn, các loài phi nhân mong cầu chẳng được. Nơi các phi nhân ở kia,nếu có người nam, người nữ cầm báu ma-ni này vào trong nhà họ, thì phinhân kia sẽ ra khỏi nhà đó. Lại nữa, vật báu này nếu có người tạm để trongthân, người này có thể chấm dứt các việc ác độc, khổ não, v.v.... Lại nữa,nếu có người mắc các bệnh phong, bệnh đờm, v.v..., nên lấy vật báu nàymang vào thân, tức mọi bệnh khổ đều tiêu trừ. Báu ma-ni này, ở trong đêmtối có thể soi sáng. Nếu các địa phương gặp lúc nóng bức dữ dội, báu Ma-ninày có thể làm cho mát mẻ. Nếu các địa phương gặp lúc quá lạnh, báu ma-ni này có thể làm ấm áp. Nếu các địa phương bị độc trùng lớn, v.v..., gây racác độc hại, nếu chỗ đó có báu ma-ni lớn này, chúng sẽ tự bỏ đi, không thểlàm hại. Lại nếu có người bị các độc trùng làm tổn hại, người đó nếu thấybáu ma-ni này thì độc liền tiêu mất. Lại nữa, nếu có người mắc các bệnh mắt, không thể nhìn rõ các tướng của cảnh, nên lấy báu ma-ni này đặt lên mắt mình. Người này liền nhìn thấy rõ ràng, lìa xa các khổ não. Lại nữa, nếul ấy vật báu này đặt vào trong nước, vật báu này tức cùng một màu với nước. Nếu lấy vật báu này đặt trong nước màu xanh, vàng, đỏ, trắng, vật báu này có thể có cùng màu với mỗi loại màu đó. Lại nữa, nếu lấy vật báu này bỏ vào trong áo có các màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, vật báu này có thể có cùng màu với mỗi loại màu của áo đó. Nếu lấy vật báu này đặt vào trong nước bẩn, thì nước trở thành sạch.

Thế Tôn, báu ma-ni kia đầy đủ sắc tướng, có công đức như thế.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói với Thiên chủ Đế Thích: Như ông nói, báu ma-nilớn đủ các công đức. Đây có phải là vật báu ở cõi trời không? Đây có phải làvật báu ở cõi người không?

Thiên chủ Đế Thích bạch A-nan: Đây là vật báu ma-ni lớn ở cõi trời. NgườiDiêm-phù-đề cũng có vật báu này, nhưng loài người ít sinh tôn trọng, áikính. Chỉ có vật báu ở cõi trời thì con người mới ưa thích, coi trọng, vì đủ cácsắc tướng, công đức thù thắng. Nếu đem vật báu của Diêm-phù-đề so vớivật báu của cõi trời, thì trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằngmột, trăm ngàn phần không bằng một, ức phần không bằng một, trăm ứcphần không bằng một, ngàn ức phần không bằng một, trăm ngàn ức phầnkhông bằng một, phần tính, phần đếm và phần ví dụ, cho đến ô-ba-ni-sátphần, đều không bằng một. Báu ma-ni của cõi trời này trọn đủ tất cả cáctướng. Nếu lấy hộp báu đựng vật báu kỳ diệu này, nếu khi lấy vật báu đi rồi,thì hộp báu này cũng đầy đủ các công đức, được người tôn kính. Vì sao? Vìlà đồ đựng vật báu lớn, thù diệu.

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Thế Tôn, Bát nhã Ba la mật cũngt hế, đầy đủ công đức Nhất thiết trí trí, có xá-lợi của Như Lai Ứng cúng Chínhđẳng Chính giác sau khi vào Niết-bàn, cũng được chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường. Vì sao? Nhất thiết trí trí nương vào thân Như Lai. Vì thế xá-lợi Như Lai giống như hộp đựng vật báu kia. Nhất thiết trí trí giống như vật báu được đựng. Vì nghĩa này, xá-lợi Như Lai được chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường.

Thế Tôn, nếu Phật Như Lai, đối với tất cả thế giới, tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật. Có việc như thế tức sinh ra sự cúng dường chân thật. Nếu ngườithuyết pháp có thể vì người nói Bát nhã Ba la mật, tức cũng sinh ra sự cúngdường chân thật. Ví như Vương thần nhận lệnh vua, đến chỗ đông người,không sinh lo sợ; vì dựa vào lực oai đức của vị vua đó. Các Thuyết pháp sưcũng thế, đối với tất cả chúng sinh, tuyên thuyết Pháp yếu mà không sinh losợ, vì dựa vào lực công đức của Đại pháp. Vì thế, tôn trọng cúng dườngThuyết pháp sư, vì cúng dường Pháp sư nên xá-lợi Như Lai cũng được cúngdường. Thế Tôn, như trên đã nói, xá-lợi Như Lai khắp ba ngàn Đại thiên thếgiới. Giả sử lấy một phần của xá-lợi Như Lai trong khắp Hằng hà sa số bangàn Đại thiên thế giới, lại lấy một phần kinh Bát nhã Ba la mật. Thế Tôn,đối với hai phần này, con cũng lấy phần Bát nhã Ba la mật. Thế Tôn, khôngphải con không tôn trọng xá-lợi Như Lai; chỉ vì xá-lợi Như Lai từ Bát nhã Ba la mật sinh ra, làm chỗ nương tựa cho Nhất thiết trí. Vì thế con nên tôntrọng cúng dường Bát nhã Ba la mật. Vì thế, Thế Tôn, nếu cúng dường Bát nhã Ba la mật này, tức bằng cúng dường chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai.

Lại nữa, Thế Tôn. Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân muốn thấy thân chân thật của chư Phật Như Lai đang thuyết pháp trong mười phương vô lượng vô biên a-tăng-kỳ thế giới kia, thì nên đối với Bát nhã Ba la mật này, tu hành đúng như pháp; đối với Bát nhã Ba la mật này, an trú tương ưng, quán tưởng như thật.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Thiên chủ Đế Thích: Đúng vậy, đúng vậy. Kiều-thi- ca,Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác quá khứ, đều nhờ tu tập Bát-nhãBa-la-mật này, được thành tựu Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Vô lượngvô số Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác đều nhờ tu tập Bát nhã Ba la mật này mà thành tựu Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Kiều-thi- ca, ta nay là Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác hiện tại, cũng tu tập Bát nhã Ba la mật mà được Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Thế Tôn, Đại Ba-la-mật là chỉ cho Bát-nhãBa-la-mật. Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác do tu tập Bát nhã Ba la mật này, biết rõ như thật các loại tâm hành của tất cả chúng sinh.

Phật nói: Đúng vậy, đúng vậy. Kiều-thi- ca, các Bồ-tát Ma-ha-tát, trong dòngsinh tử, tu hành Bát nhã Ba la mật này, có thể biết rõ các loại tâm hành của tất cả chúng sinh.

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Thế Tôn, Bồ-tát Ma-ha-tát chỉ hành Bát nhã Ba la mật hay cũng hành các Ba-la-mật khác? Phật nói: Kiều-thi- ca, Bồ-tát Ma-ha-tát đều hành sáu Ba-la-mật.

Lại nữa, Kiều-thi- ca. Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba la mật này, dẫn đầu các Ba-la-mật. Có nghĩa là Bố thí Ba-la-mật có thể xả, Trì giới Ba-la-mật có thể giữ, Nhẫn nhục Ba-la-mật có thể nhận, Tinh tiến Ba-la-mật có thể tăng trưởng, Thiền định Ba-la-mật có thể tĩnh trú, Bát nhã Ba la mật có thể biếtrõ các pháp; vì biết rõ các pháp nên có thể mở đường các Ba-la-mật,phương tiện thiện xảo để mà nhiếp thụ. Từ Bát nhã Ba la mật mà hồi hướng Nhất thiết trí, hồi hướng Pháp giới thanh tịnh tối thắng.

Kiều-thi- ca, ví như Diêm-phù-đề có đủ loại cây, đủ loại sắc tướng, đủ loạicọng rễ, đủ loại cành lá, đủ loại hoa trái. Tuy mỗi loại sai khác như thế,nhưng các bóng cây đồng nhất không khác. Kiều-thi- ca, các Ba-la-mật cũngthế. Tuy khác nhau, nhưng dùng phương tiện thiện xảo Bát Nhã Ba-la-mật,thảy đều hồi hướng Nhất thiết trí kia.

Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Hiếm có, Thế Tôn. Bát nhã Ba la mật đầy đủcông đức lớn; Bát nhã Ba la mật đầy đủ vô lượng công đức; Bát nhã Ba la mật đầy đủ vô biên công đức.

Phẩm 5: Phúc Đức Chân Chính
Phần 1

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Thế Tôn, nếu có Thiện nam tử,Thiện nữ nhân vì muốn cầu Đại Bồ-đề, đối với pháp môn Bát nhã Ba la mật này, phát tâm tin hiểu, nghe, nhận, đọc tụng, cho đến vì người giải thíchnghĩa đó, khiến Chính pháp đó trú lâu dài ở thế gian; vì nhân duyên này khiến Phật nhãn không đứt, Chính pháp không diệt, các chúng Bồ-tát Ma-ha-tát mỗi người đều thụ trì, tức được Chính pháp bất hoại, bất diệt. Hơn nữa,nghe xong lại xưng tán thế này: "Bát nhã Ba la mật này có lợi ích lớn, là quả báo lớn, đầy đủ vô lượng công đức rộng lớn, đúng như được biết. Bát nhã Ba la mật này là sự hộ trì lớn; Bát nhã Ba la mật này được tôn trọng; Bát nhã Ba la mật này tối thượng khó được; Bát nhã Ba la mật này phát sinh tinhiểu." Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này, đối với Bát nhã Ba la mật này, tựmình xưng tán, tôn trọng, cung kính, lại dùng các hương hoa, đèn, hương xoa, cờ phướn, lọng báu, y phục quý, đủ loại cúng dường như thế.

Lại nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, lấy kinh Bát nhã Ba la mật nàychuyển cho người khác, khiến họ cúng dường. Thế Tôn, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân như thế, phúc đức có được, người nào nhiều?

Phật bảo Thiên chủ Đế Thích: Kiều-thi- ca, ta sẽ hỏi ông, ông tùy ý đáp. Ýông thế nào? Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân sau khi Như Lai vào Niết-bàn, lấy xá-lợi của ta mà tôn trọng, cung

kính, cúng dường đủ loại; nếu lại có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, lấy xá-lợi Phật, tự mình cúng dường xong, chuyển trao người khác, khiến họ tôn trọng, cung kính cúng dường. Thiện nam tử, Thiện nữ nhân như thế, phúc đức có được, người nào nhiều?

Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Thế Tôn, nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân,tuy tự mình cúng dường xá-lợi Như Lai, nhưng không bằng có người lấy xá-lợi Phật chuyển trao cho người khác, khiến họ cúng dường. Phúc đức có được này, số lượng rất lớn.

Phật nói: Đúng vậy, đúng vậy. Kiều-thi- ca, nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhânlấy Bát nhã Ba la mật này, biên chép thành kinh, tự mình cúng dường,không bằng có người lấy Bát nhã Ba la mật này, biên chép thành kinh, chuyển trao người khác, khiến họ cúng dường. Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này, vì nhân duyên đó, được phúc rất nhiều.

Lại nữa, Kiều-thi- ca. Nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân đối với chúng sinh khắp Diêm-phù-đề kia, giáo hóa từng người, khiến họ tu mười Nghiệp thiện.Kiều-thi- ca, ý ông thế nào? Người này nhờ nhân duyên này được phúc nhiều không?43

Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Rất nhiều, Thế Tôn.

Phật dạy: Kiều-thi- ca, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này, vì nhân duyên nàyđược phúc tuy nhiều, nhưng không bằng có người đối với Bát nhã Ba la mậtnày, phát tâm tin hiểu, phát tâm Bồ-đề, trú pháp Bồ-đề, lấy Bát nhã Ba la mật này biên chép thành kinh, thụ trì, đọc tụng, sinh tâm hoan hỷ, vì ngườigiảng nói; hoặc lại vì người giải thích nghĩa của nó, đối với Chính pháp này,sinh tâm thanh tịnh, lìa các nghi hoặc, lại khuyến khích người khác, khiến họthụ trì, nói như thế này: Thiện nam tử, Bát nhã Ba la mật này là đạo Bồ-tát. Ông nên tu học ở trong pháp này. Học như thế tức có thể nhanh chóng chứng Vô thượng Chính đẳng Chính giác, có thể đối với hết thảy các giới Hữu tình, đều làm cho an trú Thực tế Chân như. Kiều-thi- ca, Thiện nam tử,Thiện nữ nhân này được phúc rất nhiều.

Lại nữa, Kiều-thi- ca. Ngoài chúng sinh ở khắp Diêm-phù-đề này, nếu cóngười vì chúng sinh ở khắp bốn Đại châu, giáo hóa từng người, khiến tumười Nghiệp thiện. Lại ngoài số lượng này, nếu có chúng sinh ở khắp Tiểu thiên thế giới, lại giáo hóa từng người, khiến tu mười Nghiệp thiện. Lại ngoài số lượng này, nếu có chúng sinh ở khắp Trung thiên thế giới, lại giáo hóa từng người, tu mười Nghiệp thiện. Lại ngoài số này, nếu có chúng sinh ởkhắp ba ngàn Đại thiên thế giới, lại dạy tu Thiện. Lại ngoài số này, có chúngsinh như thế cho đến ở khắp Hằng hà sa số ba ngàn Đại thiên thế giới, lạigiáo hóa từng người, khiến tu mười Nghiệp thiện. Kiều-thi- ca, ý ông thếnào? Người kia vì nhân duyên này được phúc nhiều không?

Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Rất nhiều, Thế Tôn.

Phật nói: Kiều-thi- ca, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này, vì nhân duyên này,được phúc tuy nhiều, nhưng không bằng có người, đối với Bát nhã Ba la mậtnày, phát tâm tin hiểu, phát tâm Bồ-đề, trú pháp Bồ-đề, lấy Bát nhã Ba la mật này, biên chép thành kinh, thụ trì đọc tụng, sinh tâm hoan hỷ, vì ngườigiảng nói, hoặc vì người giải thích nghĩa của nó; đối với Chính pháp này,sinh tâm thanh tịnh, lìa các nghi hoặc, lại khuyến khích người khác, khiến họthụ trì, nói như thế này: "Thiện nam tử, Bát nhã Ba la mật này là đạo Bồ-tát. Ông nên ở trong pháp này tu học. Học như thế tức có thể nhanh chóngchứng Vô thượng Chính đẳng Chính giác, có thể đối với hết

thảy tất cả giớiHữu tình, đều làm cho an trú Thực tế Chân như.” Kiều-thi- ca, Thiện nam tử,Thiện nữ nhân này được phúc rất nhiều.

Quyển V

Phẩm 5: Phúc Đức Chân Chính
Phần 2

Lại nữa, Kiều-thi- ca. Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, vì chúng sinh khắp Diêm-phù-đề, đều dạy mỗi người khiến tu bốn Thiền định. Kiều-thi- ca, ý ông thế nào? Người kia vì nhân duyên này được phúc nhiều không?

Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Rất nhiều, Thế tôn.

Phật nói: Kiều-thi- ca, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này vì nhân duyên nàytuy được nhiều phúc nhưng không bằng có người đối với Bát nhã Ba la mậtnày phát tâm tin hiểu, phát tâm Bồ-đề, trú pháp Bồ-đề, vì Bát nhã Ba la mậtnày biên chép thành kinh, thụ trì đọc tụng, sinh tâm hoan hỷ, vì người giảngnói, hoặc vì người giải thích nghĩa đó; đối với Chính pháp này sinh tâm thanhtịnh, lìa các nghi hoặc, khuyến khích người khác khiến họ thụ trì, nói như thếnày: “Thiện nam tử các ông, Bát nhã Ba la mật này là đạo Bồ-tát, các ông ởtrong pháp này nên tu học như đã tuyên thuyết. Người học như thế gọi làđắc pháp, tức có thể sớm chứng Vô thượng Chính đẳng Chính giác, có thể độ hết các loài hữu tình, đều khiến an trú Thực tế Chân như.” Kiều-thi-ca,Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này được phúc rất nhiều.

Lại nữa, Kiều-thi- ca. Ngoài chúng sinh ở khắp Diêm-phù-đề này, nếu cóchúng sinh khắp bốn Đại châu, mỗi một đều được giáo hóa khiến tu bốnThiền định. Lại ngoài số này, nếu có chúng sinh khắp Tiểu thiên thế giới,mỗi một đều được giáo hóa khiến tu bốn Thiền định. Lại ngoài số này, nếucó chúng sinh khắp Trung thiên thế giới, mỗi một đều được giáo hóa khiếntu bốn Thiền định. Lại ngoài số này, nếu có chúng sinh khắp ba ngàn Đạithiên thế giới, mỗi một đều được giáo hóa khiến tu bốn Thiền định. Lại ngoàisố này, như thế cho đến chúng sinh khắp vô lượng vô số ba ngàn Đại thiênthế giới, mỗi một đều được giáo hóa khiến tu bốn Thiền định. Kiều-thi- ca, ýông thế nào? Người kia vì nhân duyên này được phúc nhiều không?

Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Rất nhiều, Thế tôn.

Phật nói: Kiều-thi- ca, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này vì nhân duyên nàytuy được nhiều phúc nhưng không bằng có người ở nơi Bát nhã Ba la mậtnày, phát tâm tin hiểu, phát tâm Bồ-đề, trú pháp Bồ-đề, thụ trì đọc tụng,sinh tâm hoan hỷ, vì người giảng nói, hoặc vì người giải thích nghĩa này, ở nơi Chính pháp này, sinh tâm thanh tịnh, lìa các nghi hoặc, khuyến khíchngười khác khiến họ thụ trì, nói như thế này: “Thiện nam tử các ông, Bát nhã Ba la mật này là đạo Bồ-tát. Các ông ở trong pháp này nên tu học như đã tuyên thuyết. Người học như thế gọi là đắc pháp, tức có thể sớm chứng Vô thượng Chính đẳng Chính giác, có thể độ hết các giới hữu tình, đều khiến an trú Thực tế Chân như.” Kiều-thi- ca, nên biết người này được rất nhiều phúc.

Lại nữa, Kiều-thi- ca. Nếu chúng sinh ở khắp Diêm-phù-đề, mỗi một đều được dạy tu bốn Vô lượng hành, bốn Vô sắc định, cho đến tu tất cả thần thông, phạm hạnh, các thiền định và các phúc hạnh. Kiều-thi- ca, ý ông thếnào? Người kia vì nhân duyên này được phúc nhiều không?

Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Rất nhiều, Thế tôn.

Phật nói: Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này vì nhân duyên này tuy đượcnhiều phúc nhưng không bằng có người ở nơi Bát nhã Ba la mật này, phát tâm tin hiểu, phát tâm Bồ-đề, trú pháp Bồ-đề, vì Bát nhã Ba la mật này biênchép thành kinh, thụ trì đọc tụng, sinh tâm hoan hỷ, vì người giảng nói, hoặc vì người giải thích nghĩa đó, ở nơi Chính pháp này, sinh tâm thanh tịnh, lìa các nghi hoặc, khuyến khích người khác khiến họ thụ trì, nói như thế này:"Thiện nam tử các ông, Bát nhã Ba la mật này là đạo Bồ-tát. Các ông ởtrong pháp này nên tu học như đã tuyên thuyết. Học như thế mới gọi là đắcPháp, tức có thể sớm chứng Vô thượng Chính đẳng Chính giác, có thể độ hết các giới hữu tình, đều khiến an trú Thực tế Chân như." Kiều-thi- ca, Thiệnnam tử, Thiện nữ nhân này được phúc rất nhiều.

Lại nữa, Kiều-thi- ca. Ngoài chúng sinh ở khắp Diêm-phù-đề này, mỗi mỗi đều được dạy tu vô lượng vô biên thần thông, phạm hạnh, các pháp thiềnđịnh và các phúc hạnh. Kiều-thi- ca, nếu chúng sinh khắp bốn Đại châu, khắpTiểu thiên thế giới, khắp Trung thiên thế giới, khắp ba ngàn Đại thiên thếgiới, mỗi mỗi đều được dạy tu vô lượng vô biên thần thông, phạm hạnh, các pháp thiền định và các phúc hạnh. Ngoài mỗi một số trên, Kiều-thi- ca, giảnhư có chúng sinh ở khắp vô lượng vô số ba ngàn Đại thiên thế giới, mỗimột đều được dạy tu vô lượng vô biên thần thông, phạm hạnh, các phápthiền định và các phúc hạnh. Kiều-thi- ca, ý ông thế nào? Người này vì nhânduyên này được phúc nhiều không?

Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Rất nhiều, Thế tôn.

Phật nói: Kiều-thi- ca, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này vì nhân duyên nàytuy được nhiều phúc nhưng không bằng có người, đối với Bát nhã Ba la mật,phát tâm tin hiểu, phát tâm Bồ-đề, trú pháp Bồ-đề; vì Bát nhã Ba la mật nàybiên chép thành kinh, thụ trì đọc tụng, tâm sinh hoan hỷ, vì người giảng nói,hoặc vì người giải thích nghĩa đó; ở nơi Chính pháp, sinh tâm thanh tịnh, lìacác nghi hoặc, khuyến khích người khác khiến họ thụ trì, nói như thế này:"Thiện nam tử các ông, Bát nhã Ba la mật này là đạo Bồ-tát. Các ông nên ởtrong pháp này tu học như đã được tuyên thuyết. Người học như thế mớigọi là đắc Pháp, tức có thể sớm chứng Vô thượng Chính đẳng Chính giác, cóthể độ hết các giới hữu tình, đều khiến an trú Thực tế Chân như." Kiều-thi- ca, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này được rất nhiều phúc.46

Lại nữa, Kiều-thi- ca. Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân lấy Bát nhã Ba la mật này, biên chép thành kinh, tự mình thụ trì đọc tụng, khuyến khích người khác khiến họ đọc tụng, tuy được nhiều phúc nhưng không bằng có người dùng pháp môn Bát nhã Ba la mật này, rộng vì người khác giải thích nghĩacho họ. Kiều-thi- ca, nên biết Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này được rấtnhiều phúc.

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Thế tôn, nên vì những người nàogiảng nói Bát nhã Ba la mật này?

Phật bảo Thiên chủ Đế Thích: Nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân đối vớiBát nhã Ba la mật này không thể biết rõ thì nên nói cho họ. Vì sao? Kiều-thi- ca, trong đời vị lai sẽ có người nói Bát nhã Ba la mật tương tự. Nếu có Thiệnnam tử, Thiện nữ nhân vì muốn chứng Vô thượng

Chính đẳng Chính giác,nghe Bát nhã Ba la mật tương tự này, học ở trong đó, tức bị sai loạn, chẳng phải biết rõ chân chính.

Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Thế tôn, trong đời vị lai nói Bát nhã Ba la mật tương tự kia là thế nào? Lại làm sao có thể biện biệt rõ ràng?

Phật bảo Thiên chủ Đế Thích: Kiều-thi- ca, trong đời vị lai có các Tỷ-khưu nóirằng sắc là vô thường; hoặc thân, hoặc tâm đến giới định tuệ đều không có,đều lìa sở quán. Người nói như thế, nên biết là nói Bát nhã Ba la mật tươngtự.

Kiều-thi- ca, thế nào gọi là Bát nhã Ba la mật tương tự? Họ nói thế này: "Vìsắc hoại nên quán sắc vô thường; thụ, tưởng, hành, thức hoại nên quán thụ,tưởng, hành, thức vô thường; nếu cầu như thế chính là hành Bát nhã Ba la mật." Kiều-thi- ca, nên biết nói như thế đều gọi là Bát nhã Ba la mật tương tự.

Kiều-thi- ca, nay ông nên biết sắc không hoại nên quán sắc vô thường, thụ,tưởng, hành, thức không hoại nên quán thụ, tưởng, hành, thức vô thường; người nói như thế chính là tuyên thuyết như thật Bát nhã Ba la mật. Kiều-thi- ca, chính vì nghĩa này, nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân có thể vì ngườikhác giảng nói như thật Bát nhã Ba la mật, nên biết Thiện nam tử, Thiện nữnhân này được rất nhiều phúc.

Lại nữa, Kiều-thi- ca. Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, vì chúng sinh khắpDiêm-phù-đề, đều khiến trú quả Tu-đà-hoàn. Kiều-thi- ca, ý ông thế nào?Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này vì nhân duyên này được phúc nhiềukhông?

Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Rất nhiều, Thế tôn.

Phật nói: Kiều-thi- ca, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này vì nhân duyên nàytuy được nhiều phúc nhưng không bằng có người ở nơi Bát nhã Ba la mậtnày, phát tâm tin hiểu, phát tâm Bồ-đề, trú pháp Bồ-đề, dùng Bát nhã Ba la mật này biên chép thành kinh, thụ trì đọc tụng, sinh tâm hoan hỷ, vì ngườigiảng nói; hoặc vì người giải thích nghĩa cho họ; ở nơi Chính pháp, sinh tâm thanh tịnh, lìa các nghi hoặc, khuyến khích người khác khiến họ thụ trì, nóinhư thế này: "Thiện nam tử các ông, Bát nhã Ba la mật này là đạo Bồ-tát; các ông nên ở trong đó tu học như đã được tuyên thuyết. Học như thế mới gọi là đắc Pháp, tức có thể sớm chứng Vô thượng Chính đẳng Chính giác, có thể độ hết các giới hữu tình, đều khiến an trú Thực tế Chân như." Kiều-thi- ca, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này được phúc rất nhiều. Vì sao? Quả Tu-đà-hoàn từ Bát nhã Ba la mật này sinh ra.

Kiều-thi- ca, như trên đã nói, nếu người vì chúng sinh khắp Diêm-phù-đề khiến an trú quả Tu-đà-hoàn, tạo phúc hạnh. Ngoài số này, giả sử hoặc chúng sinh khắp bốn Đại châu, hoặc khắp Tiểu thiên thế giới, hoặc khắp Trung thiên thế giới, hoặc khắp ba ngàn Đại thiên thế giới, đều khiến an trú quả Tu-đà-hoàn, tạo phúc hạnh. Lại ngoài số này, Kiều-thi- ca, giả như chúng sinh ở khắp vô lượng vô số ba ngàn Đại thiên thế giới, đều khiến an trú quả Tu-đà-hoàn. Kiều-thi- ca, ý ông thế nào? Người này vì nhân duyênnày được phúc nhiều không?

Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Rất nhiều, Thế tôn.

Phật nói: Kiều-thi- ca, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này vì nhân duyên nàytuy được nhiều phúc nhưng không bằng có người ở nơi Bát nhã Ba la mật này, phát tâm tin hiểu, phát tâm Bồ-đề, trú pháp Bồ-đề, lấy Bát nhã Ba la mật này biên chép thành kinh, thụ trì đọc tụng, sinh tâm

hoan hỷ, vì người giảng nói; hoặc vì người giải thích nghĩa cho họ, ở nơi Chính pháp này, sinh tâm thanh tịnh, lìa các nghi hoặc, khuyến khích người khác khiến họ thụ trì, nói như thế này: "Thiện nam tử các ông, Bát nhã Ba la mật này là đạo Bồ-tát, các ông nên tu học Pháp này như đã nói. Học như thế mới gọi là đắc pháp, tức có thể sớm chứng Vô Thượng Chính đẳng Chính giác, có thể độ hết các giới hữu tình, đều khiến an trú Thực tế Chân như." Kiều-thi- ca, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này được rất nhiều phúc. Vì sao? Quả Tu-đà-hoàn từ Bát nhã Ba la mật này sinh ra.

Lại nữa, Kiều-thi- ca, nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân vì chúng sinh khắp Diêm-phù-đề, đều khiến an trú quả Tư-đà-hàm. Kiều-thi- ca, ý ông thế nào? Người này vì nhân duyên này được phúc nhiều không?

Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Rất nhiều, Thế tôn.

Phật nói: Kiều-thi- ca, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này tuy được nhiều phúcnhưng không bằng có người ở nơi Bát nhã Ba la mật này, phát tâm tin hiểu,phát tâm Bồ-đề, trú pháp Bồ-đề, vì Bát nhã Ba la mật này biên chép thànhkinh, thụ trì đọc tụng sinh tâm hoan hỷ, vì người giảng nói, hoặc vì ngườigiải thích nghĩa cho họ, ở nơi Chính pháp, sinh tâm thanh tịnh, lìa các nghihoặc, khuyến khích người khác khiến họ thụ trì, nói như thế này: "Thiệnnam tử các ông, Bát nhã Ba la mật này là đạo Bồ-tát, ông nên ở trong đó tuhọc như đã được tuyên thuyết. Học như thế mới gọi là đắc pháp, tức có thểsớm chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh giác, có thể độ hết các giới hữu tình đều khiến an trú Thực tế Chân như." Kiều-thi- ca, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này được rất nhiều phúc. Vì sao? Quả Tư-đà-hàm từ Bát nhã Ba la mật này sinh ra.Kiều-thi- ca, như trên đã nói. Nếu người vì chúng sinh khắp Diêm-phù-đề,đều khiến an trú quả Tư-đà-hàm, làm phúc hạnh. Ngoài số này, giả như nếu có chúng sinh ở khắp bốn Đại châu, hoặc khắp Tiểu thiên thế giới, hoặc khắp Trung thiên thế giới, hoặc khắp ba ngàn Đại thiên thế giới, đều khiếnan trú quả Tư-đà-hàm. Ngoài số này, Kiều-thi- ca, giả như có chúng sinh ở khắp vô lượng vô số ba ngàn Đại thiên thế giới, đều khiến an trú quả Tư-đà-hàm. Kiều-thi- ca, ý ông thế nào? Người này vì nhân duyên này được phúc nhiều không?

Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Rất nhiều, Thế tôn.

Phật nói: Kiều-thi- ca, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này vì nhân duyên nàytuy được nhiều phúc nhưng không bằng có người ở nơi Bát nhã Ba la mật này, phát tâm tin hiểu, phát tâm Bồ-đề trú pháp Bồ-đề, lấy Bát nhã Ba la mật này biên chép thành kinh, thọ trì đọc tụng, sinh tâm hoan hỷ, vì người giảng nói, hoặc vì người giải thích nghĩa cho họ; ở nơi Chính pháp này, sinhtâm thanh tịnh, lìa các nghi hoặc, khuyến khích người khác khiến họ thụ trì, nói như thế này: "Thiện nam tử các ông, Bát nhã Ba la mật này là đạo Bồ-tát, các ông nên ở trong đó tu học như đã được tuyên thuyết. Học như thếmới gọi là đắc pháp, tức có thể sớm chứng Vô thượng Chính đẳng Chínhgiác, có thể độ hết các giới hữu tình, đều khiến an trú Thực tế chân chư."Kiều-thi- ca, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này được rất nhiều phúc. Vì sao? Quả Tư-đà-hàm từ Bát nhã Ba la mật này sinh ra.

Lại nữa, Kiều-thi- ca. Nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân vì chúng sinh khắp Diêm-phù-đề, đều khiến an trú quả A-na-hàm. Kiều-thi- ca, ý ông thế nào? Người này vì nhân duyên này được phúc nhiều không?

Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Rất nhiều, Thế tôn.

Phật nói: Kiều-thi- ca, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này vì nhân duyên nàytuy được nhiều phúc nhưng không bằng có người ở nơi Bát nhã Ba la mậtnày, phát tâm tin hiểu, phát tâm Bồ-đề, trú pháp Bồ-tát; vì Bát nhã Ba la mật này, biên chép thành kinh, thụ trì đọc tụng, sinh tâm hoan hỷ; vì ngườigiảng nói, hoặc vì người giải thích nghĩa cho họ, ở nơi Chính pháp này sinhtâm thanh tịnh, lìa các nghi hoặc, khuyến khích người khác khiến họ thụ trì,nói như thế này: "Thiện nam tử các ông, Bát nhã Ba la mật này là đạo Bồ-tát, ông nên ở trong đó tu học như đã được tuyên thuyết. Học như thế mớigọi là đắc pháp, tức có thể sớm chứng Vô thượng Chính đẳng Chính giác, có thể độ hết các giới hữu tình, đều khiến an trú Thực tế Chân như." Kiều-thi- ca, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này được phúc rất nhiều. Vì sao? Quả A-na-hàm từ Bát nhã Ba la mật này sinh ra.

Kiều-thi- ca, như trên đã nói, nếu người vì chúng sinh khắp Diêm-phù-đề đều khiến an trú quả A-na-hàm, tạo phúc hạnh; ngoài số trên, giả như nếu có chúng sinh ở khắp bốn Đại châu, hoặc khắp Tiểu thiên thế giới, hoặc khắp Trung thiên thế giới, hoặc khắp ba ngàn Đại thiên thế giới, đều khiến an trúquả A-na-hàm. Ngoài số này, Kiều-thi- ca, giả như có người vì chúng sinh ở khắp vô lượng vô số ba ngàn Đại thiên thế giới, đều khiến an trú quả A-na-hàm. Kiều-thi- ca, ý ông thế nào? Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này vì nhân duyên này được phúc nhiều không?

Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Rất nhiều, Thế tôn.

Phật nói: Kiều-thi- ca, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này vì nhân duyên này tuy được nhiều phúc nhưng không bằng có người ở nơi Bát nhã Ba la mậtnày, phát tâm tin hiểu, phát tâm Bồ-đề, trú pháp Bồ-đề; lấy Bát nhã Ba la mật này biên chép thành kinh, thụ trì đọc tụng, sinh tâm hoan hỷ, vì ngườigiảng nói, hoặc vì người giải thích nghĩa cho họ, ở nơi Chính pháp này sinh tâm thanh tịnh, lìa các nghi hoặc, khuyến khích người khác khiến họ thọ trì, nói như thế này: "Thiện nam tử các ông, Bát nhã Ba la mật này là đạo Bồ-tát, các ông nên ở trong đó tu học như đã được tuyên thuyết. Học như thế mới gọi là đắc pháp, tức có thể sớm chứng Vô thượng Chính đẳng Chính giác, có thể độ hết các giới hữu tình, đều khiến an trú Thực tế Chân như."Kiều-thi- ca, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này được phúc rất nhiều. Vì sao? Quả A-na-hàm từ Bát nhã Ba la mật này sinh ra.

Lại nữa, Kiều-thi- ca. Nếu Thiện nam tử, thiện nữ nhân vì chúng sinh khắp Diêm-phù-đề, đều khiến an trú quả A-la-hán. Kiều-thi- ca, ý ông thế nào? Người này vì nhân duyên này được phúc nhiều không?

Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Rất nhiều, Thế tôn.

Phật nói: Kiều-thi- ca, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này vì nhân duyên nàytuy được nhiều phúc nhưng không bằng có người ở nơi Bát nhã Ba la mậtnày, phát tâm tin hiểu, phát tâm Bồ-đề, trú pháp Bồ-tát; vì Bát nhã Ba la mật này biên chép thành kinh, thụ trì đọc tụng, sinh tâm hoan hỷ, vì ngườigiảng nói, hoặc vì người giải thích nghĩa cho họ; ở nơi Chính pháp này, sinhtâm thanh tịnh, lìa các nghi hoặc, khuyến khích người khác khiến họ thụ trì,nói như thế này: "Thiện nam tử các ông, Bát nhã Ba la mật này là đạo Bồ-tát, ông nên ở trong đó tu học như đã được tuyên thuyết. Học như thế mớigọi là đắc pháp, tức có thể sớm chứng Vô thượng Chính đẳng Chính giác, có thể độ hết các giới hữu tình, đều khiến an trú Thực tế Chân như." Kiều-thi- ca,

Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này được rất nhiều phúc. Vì sao? Quả A-la-hán từ Bát nhã Ba la mật này sinh ra.

Lại nữa, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này nương theo Bát nhã Ba la mật đãđược tuyên thuyết tức có thể chuyển theo đó. Vì chuyển theo đó, như được tuyên thuyết, tức có thể tu học, đạt được pháp Phật trước đây, thành tựu Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Vì thế Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Duyên Giác cho đến Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác, đềutừ Bát nhã Ba la mật này sinh ra; được sinh ra như thế nên chứng đắc đúngnhư lý. 50

Kiều-thi- ca, như trên đã nói. Nếu người vì chúng sinh khắp Diêm-phù-đề,đều khiến an trú quả A-la-hán; ngoài số này, giả sử chúng sinh ở khắp bốnĐại châu, hoặc khắp Tiểu thiên thế giới, hoặc khắp Trung thiên thế giới,hoặc khắp ba ngàn Đại thiên thế giới, đều khiến an trú quả A-la-hán. Ngoàisố này, Kiều-thi- ca, giả sử nếu có chúng sinh ở khắp Hằng hà sa số ba ngànĐại thiên thế giới, đều khiến an trú quả A-la-hán. Kiều-thi- ca, ý ông thế nào?Người này vì nhân duyên này được phúc nhiều không?

Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Thế tôn, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này,phúc họ đạt được trở thành rất nhiều, tính, đếm, ví dụ, không thể biết được.

Phật nói: Kiều-thi- ca, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này vì nhân duyên nàytuy được nhiều phúc nhưng không bằng có người ở nơi Bát nhã Ba la mậtnày, phát tâm tin hiểu, phát tâm Bồ-đề, trú pháp Bồ-đề; vì Bát nhã Ba la mật này, biên chép thành kinh, thụ trì đọc tụng, sinh tâm hoan hỷ; vì ngườigiảng nói, hoặc vì người giải thích nghĩa cho họ; ở nơi Chính pháp này, sinhtâm thanh tịnh, lìa các nghi hoặc, khuyến khích người khác khiến họ thụ trì,nói như thế này: "Thiện nam tử các ông, Bát nhã Ba la mật này là đạo của Bồ-tát, các ông nên ở trong đó tu học như đã được tuyên thuyết. Học nhưthế mới gọi là đắc pháp, tức có thể sớm chứng Vô thượng Chính đẳng Chính giác, có thể độ hết các giới hữu tình, đều khiến an trú Thực tế Chân như."Kiều-thi-ca, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này được phúc rất nhiều. Vì sao? Quả A-la-hán từ Bát nhã Ba la mật này sinh ra.

Lại nữa, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này nương theo Bát nhã Ba la mật đã được tuyên thuyết tức có thể chuyển theo đó. Vì chuyển theo đó, như được tuyên thuyết, tức có thể tu học, đạt được pháp Phật trước đây, thành tựu Vô thượng Chính đẳng Chính giác, Vì thế Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Duyên Giác và Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác kia, đều từ Bát nhã Ba la mật này sinh ra; được sinh ra như thế nên chứng đắc đúng như lý.

Lại nữa, Kiều-thi- ca. Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, vì chúng sinh ở khắpDiêm-phù-đề, hoặc khắp bốn Đại châu, hoặc khắp Tiểu thiên thế giới, hoặckhắp Trung thiên thế giới, hoặc khắp ba ngàn Đại thiên thế giới, cho đếnchúng sinh khắp Hằng hà sa số ba ngàn Đại thiên thế giới, đều khiến an trúcác quả Duyên Giác. Kiều-thi- ca, ý ông thế nào? Người này nhờ nhân duyênnày được phúc nhiều không?

Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Rất nhiều, Thế tôn.

Phật nói: Kiều-thi- ca, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này nhờ nhân duyên nàytuy được nhiều phúc nhưng không bằng có người ở nơi Bát nhã Ba la mật này, phát tâm tin hiểu, phát tâm Bồ-đề, trú pháp Bồ-tát; lấy Bát nhã Ba la mật này biên chép thành kinh, thụ trì đọc tụng, sinh tâm hoan hỷ; vì người giảng nói, hoặc vì người giải thích nghĩa cho họ; ở nơi Chính pháp này, sinh

tâm thanh tịnh, lìa các nghi hoặc, khuyến khích người khác khiến họ thụ trì, nói như thế này: "Thiện nam tử các ông, Bát nhã Ba la mật này là đạo của Bồ-tát, ông nên ở trong đó tu học như đã được tuyên thuyết. Học như thế mới gọi là đắc pháp, có thể sớm chứng Vô thượng Chính đẳng Chính giác, cóthể độ hết các giới hữu tình đều khiến an trú Thực tế Chân như." Kiều-thi-ca, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này được rất nhiều phúc. Vì sao? Quả Duyên Giác từ Bát nhã Ba la mật này sinh ra.

Lại nữa, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này nương theo Bát nhã Ba la mậtđược tuyên thuyết, tức có thể chuyển theo đó. Vì có thể chuyển theo đó tức có thể tu học, đạt được pháp Phật trước đây, thành tựu Vô thượng Chínhđẳng Chính giác. Vì thế Tu-đà-hoàn cho đến Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác đều từ Bát nhã Ba la mật này sinh ra; được sinh ra như thế nên chứng đắc đúng như lý.

Lại nữa, Kiều-thi- ca. Nếu chúng sinh ở khắp Diêm-phù-đề đều phát tâm Vôthượng Chính đẳng Chính giác; nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân vì Bát nhã Ba la mật này, biên chép thành kinh, bố thí khắp tất cả khiến họ thụ trì, thì không bằng có người lấy Bát nhã Ba la mật này, biên chép thành kinh, đưa cho Bồ-tát Ma-ha-tát đã trú Bất thoái chuyển, khiến họ ở nơi Bát nhã Ba la mật này, tu học tương ưng, kiên cố tăng trưởng, thành tựu rộng lớn viên mãn Phật pháp. Kiều-thi- ca, nên biết Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này được rất nhiều phúc. Vì sao? Bát nhã Ba la mật này sinh ra Vô thượng Chínhđẳng Chính giác.

Kiều-thi- ca, như trên đã nói, nếu chúng sinh khắp Diêm-phù-đề đều pháttâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Ngoài số này, giả sử chúng sinh ở khắp bốn Đại châu, hoặc khắp Tiểu thiên thế giới, hoặc khắp Trung thiên thế giới, hoặc khắp ba ngàn Đại thiên thế giới, cho đến Hằng hà sa số ba ngàn Đại thiên thế giới, đều phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác. NếuThiện nam tử, Thiện nữ nhân lấy Bát nhã Ba la mật này, biên chép thành kinh, bố thí khắp tất cả khiến họ thụ trì, thì, Kiều-thi- ca, không bằng có người lấy Bát nhã Ba la mật này, biên chép thành kinh, đưa cho Bồ-tát Ma-ha-tát đã trú Bất thoái chuyển, khiến họ ở nơi Bát nhã Ba la mật này, tu học tương ưng, kiên cố tăng trưởng, thành tựu rộng lớn viên mãn Phật pháp. Kiều-thi- ca, nên biết Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này được rất nhiều phúc. Vì sao? Bát nhã Ba la mật này sinh ra Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Lại nữa, Kiều-thi- ca. Nếu chúng sinh ở khắp Diêm-phù-đề, tất cả đều trú Bất thoái chuyển. Nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân lấy pháp môn Bát nhã Ba la mật này, vì tất cả mà giải thích nghĩa. Kiều-thi- ca, ý ông thế nào? Người này nhờ nhân duyên này được phúc nhiều không?

Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Thế tôn, phúc đức Thiện nam tử, Thiện nữnhân này có được trở thành rất nhiều, vô lượng vô biên; tính, đếm, ví dụđều không thể biết được.

Phật nói: Kiều-thi- ca, người này nhờ nhân duyên này tuy được nhiều phúcnhưng không bằng có người, vì một người sắp chứng Vô thượng Chính đẳngChính giác, mà lấy pháp môn Bát nhã Ba la mật này, giải thích nghĩa. Nên biết người này được phúc rất nhiều. Kiều-thi- ca, như trên đã nói, chúng sinhở khắp Diêm-phù-đề đều trú địa Bất thoái chuyển, nếu có người vì họ màgiải thích nghĩa này. Ngoài số này, giả như có chúng sinh ở khắp bốn Đạichâu, hoặc khắp Tiểu thiên thế giới, hoặc khắp Trung thiên thế giới, hoặckhắp ba ngàn Đại thiên thế giới, cho đến khắp Hằng hà sa số ba ngàn Đạithiên thế giới, tất cả đều trú địa Bất thoái chuyển. Nếu Thiện nam tử,

Thiệnnữ nhân lấy pháp môn Bát nhã Ba la mật này, đều vì tất cả mà giải thíchnghĩa này. Kiều-thi- ca, ý ông thế nào? Người này vì nhân duyên này đượcphúc nhiều không?

Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Thế tôn, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân nàyđược phúc đức vô lượng vô biên, tính, đếm, ví dụ không thể biết được.

Phật nói: Kiều-thi- ca, người này vì nhân duyên này tuy được nhiều phúcnhưng không bằng có người, vì một người sắp chứng Vô thượng Chính đẳngChính giác, lấy pháp môn Bát nhã Ba la mật này, giải thích nghĩa này; nênbiết người này được phúc rất nhiều. Kiều-thi- ca, vì Bồ-tát Ma-ha-tát tu họcBát nhã Ba la mật này nên sớm chứng Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Bấy giờ Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Thế tôn, Bồ-tát Ma-ha-tát nương Bát nhã Ba la mật mà chuyển nên được gần Vô thượng Chính đẳng Chính giác;vì gần với Vô thượng Chính đẳng Chính giác nên nương Bát nhã Ba la mậtđã được dạy và nhận lãnh; vì được dạy, nhận như thế nên gần với Nhất thiếttrí. Vì thế nên dùng đủ loại lương thực, y phục, ngọa cụ, y dược cúng dườngBát nhã Ba la mật, nương theo đó mà tạo tất cả phúc hạnh. Người đó đượcphúc đức vô lượng vô biên. Vì sao? Được gần Vô thượng Chính đẳng Chính giác, thành tựu Nhất thiết trí.

Bấy giờ Tôn giả Tu-bồ-đề khen Thiên chủ Đế Thích: Hay thay! Hay thay!Kiều-thi- ca, ông khéo mở đường cho các Bồ-tát Ma-ha-tát; lại có thể hộniệm các Bồ-tát Ma-ha-tát. Kiều-thi- ca, các đệ tử Phật đều vì pháp Vôthượng Chính đẳng Chính giác, hộ niệm các Bồ-tát Ma-ha-tát, khiến pháttâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác, khiến trú quả Vô thượng Chính đẳngChính giác. Vì sao? Các Bồ-tát Ma-ha-tát quá khứ đều nhờ học sáu Ba-la-mậtnày nên phát tâm Bồ-đề, trú quả Bồ-đề. Nay Phật Thế tôn cũng học sáu Ba-la-mật này nên được quả Bồ-đề; các Bồ-tát Ma-ha-tát vị lai cũng thế. Vì thế,Kiều-thi- ca, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát không học sáu Ba-la-mật này tức khôngthể được quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Quyển VI

Phẩm 6: Tùy Hỷ Hồi Hướng
Phần 1

Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Từ Thị nói với Tôn giả Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi pháp môn Bát nhã Ba la mật sâu xa này, tùy hỷ hồi hướng, thu được công đức, so với công đức bố thí, trì giới, tu định của chúng sinh khác thì tối thượng, tối cực, tối thắng, tối diệu, rộng lớn, không thể suy lường,không có gì bằng, không thể so sánh. Vì thế, ở nơi Chính pháp sâu xa này,nên tùy hỷ hồi hướng đúng lý.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Bồ-tát Từ Thị: Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở mười phương, tất cả chỗ, vô lượng vô số vô biên ba ngàn Đại thiên thế giới không thể nghĩ bàn, không thể tính đếm; trong mỗi một thế giới, có vô lượng vô số vô biên Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác đã nhập Niết-bàn ở quákhứ. Các Như Lai này từ mới phát tâm cho đến thành tựu quả Vô thượngChính đẳng Chính giác, đã nhập cảnh giới Đại Niết-bàn Vô dư y cho đến Pháp diệt đến nay. Trong khoảng thời gian đó có các nhóm giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến của chư Phật Thế Tôn, và thiện căn tương ưng sáu Ba-la-mật của chư Phật, thiện căn tương ưng công đức

của chư Phật, thiện căn tương ưng Phương tiện, Nguyện, Lực, Trí Ba-la-mật, thần thông rộng lớn, thiện căn sinh ra tương ưng Chính hành của Nhất thiết trí trí, chođến nhóm công đức đại từ, đại bi, vô lượng vô biên lợi ích an lạc tất cảc húng sinh của Phật. Tất cả pháp môn Ba-la-mật như thế sinh ra tất cả thầnthông tối thắng, đủ loại pháp hành lìa chướng, không dính mắc, trí lực như thật của Như Lai, tri kiến của Như Lai, không gì có thể hơn, không gì sánh bằng, không hạn lượng, không có cái được quán sát; cho đến mười Lực, bốnVô sở úy, tất cả các pháp môn thắng nghĩa đầy đủ, viên mãn của Như Lai.Có Như Lai chuyển bánh xe Đại Pháp, cầm đèn Đại Pháp, đánh trống Đại Pháp, thổi tù và Đại Pháp, tạo niềm vui Đại Pháp, mưa cơn mưa Đại Pháp,hiểu trí Đại Pháp, lấy tài vật Đại Pháp thí cho các chúng sinh, nói các pháp Phật, các pháp Duyên Giác và pháp Thanh Văn, rộng khiến chúng sinh tuhọc, trong đó có tất cả thiện căn tối thắng. Và chư Phật đó, vì các chúng Bồ-tát Ma-ha-tát, thụ ký sẽ đắc quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác; các Bồ-tát này có thiện căn tương ưng sáu Ba-la-mật.

Lại vì những người theo Duyên Giác thừa, thụ ký quả Duyên Giác, nên họ có được tất cả thiện căn.

Lại có những người theo Thanh Văn thừa, thực hành bố thí, trì giới, tu định, có được công đức, và thiện căn như thế của các bậc Hữu học vô lậu, Vô học vô lậu.

Lại có các dị sinh ngu muội trồng được thiện căn, và bốn chúng Tỷ-khưu,Tỷ-khưu-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di thực hành công đức bố thí, trì giới, tu định; cho đến Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-dà, người, và phi nhân, các loại bàng sinh, nghe Phật nói pháp trồng được thiện căn. Cho đến sau khi Như Lai nhập Niết-bàn, tất cả chúng sinh trồng được thiện căn ở Phật, Pháp, Tăng. Đủ loại thiện căn, đủ loại công đức như thế, có tính chất cùng tận, không cùng tận, hòa hợp, tụ tập, tính đếm, đo lường. Người tu Bồ-tát lấy tâm tối thượng, tối cực, tối thắng, tối diệu, quảng đại, không thể đo lường, không gì bằng, không thể so sánh, thảy đều tùy hỷ. Lấy công đức tùy hỷ như thế hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác, nói như thế này: "Ta nguyện dùng thiện căn này, để đắc quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác." Người tu Bồ-tát này có các duyên, các sự, các tướng từ tâm sinh ra. Tướng được tâm nắm bắt như thế có thể đạt được không?

Bấy giờ, Bồ-tát Từ Thị nói với Tôn giả Tu-bồ-đề: Không thể, Tu-bồ-đề. Các duyên, các sự, các tướng có được từ tâm sinh ra; tướng được tâm nắm bắt như thế đều không thể đạt được.

Tu-bồ-đề bạch Bồ-tát Từ Thị: Nếu các duyên, các sự, các tướng được tâm nắm bắt như thế không thể đạt được, có phải người này sẽ không có tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo không? Vì sao? Vì có cái sinh ra. Vô thường cho là thường, khổ cho là lạc, bất tịnh cho là tịnh, vô ngã cho là ngã,tâm nghi hoặc cho là tư duy chân chính. Vì thế ở nơi tưởng, tâm, kiến đều thành điên đảo. Nếu ở nơi các duyên, các sự, các tướng, tất cả đều trú pháp Như thực, tức không có cái sinh ra, cũng không có cái được nắm bắt. Do thếnên tâm pháp cũng vậy, các pháp cũng vậy, Bồ-đề cũng vậy. Nếu cácduyên, các sự, các tướng, Bồ-đề và tâm đều không khác, thì đối với sởduyên nào để nắm bắt tướng nào, sẽ lấy tâm nào để tùy hỷ công đức? Lại lấy thiện căn nào để hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác?

Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Từ Thị bảo Tôn giả Tu-bồ-đề: Như ông đã nói, pháp hồi hướng này không nên vì Bồ-tát mới phát ý kia mà tuyên thuyết như thế. Vì sao? Nếu họ nghe nói như

thế, thì tâm tin hiểu, ưa thích, cung kính, thanh tịnh có được đều bị khuất mất. Vì nghĩa này, không nên nói với họ. Nếu có người trú Bồ-tát Ma-ha-tát bất thoái chuyển, tùy thuận Thiện tri thức, thì nên vì họ tuyên thuyết như thế. Bồ-tát đó nghe pháp này rồi, không khiếp, không sợ, cũng không thoái lui. Bồ-tát Ma-ha-tát như thế có thể lấy công đức tùy hỷ như thật hồi hướng Nhất thiết trí kia. 55

***Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Bồ-tát Từ Thị: Nếu Bồ-tát khởi tâm tùy hỷ, tâm hồi hướng; **tâm này chính là tận, chính là diệt, chính là ly**. Nên lấy tâm nào để có thể tùy hỷ? Lại dùng tâm nào để hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác? Hai tâm này không cùng khởi, cũng không có. Nếu tự tính các tâm lại không thể hồi hướng, thì lấy tâm nào để có thể hồi hướng?

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích bạch Tôn giả Tu-bồ-đề: Nếu có Bồ-tát mới phát ý nghe nói như thế mà không sợ hãi sinh thoái lui không? Tôn giả, nay thế nào là như thật tùy hỷ, như thật hồi hướng? Thế nào mới là pháp tùy hỷ? Lại nữa, thế nào là tâm hồi hướng?

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề nương oai thần và sức gia trì của Bồ-tát Ma-ha-tát Từ Thị, lại bạch Bồ-tát Từ Thị: Các Bồ-tát Ma-ha-tát đều đã tu tập các Phật đạo quá khứ, đã diệt hý luận, trừ khử gai góc, bỏ các gánh nặng, được thiệnlợi lớn; có các trói buộc đều đã hết, chính trí vô ngại, tâm được tự tại, cáctâm khéo yên. Các Bồ-tát này, ở mười phương, tất cả chỗ, vô lượng vô số bangàn Đại thiên thế giới, trong mỗi thế giới, có vô lượng vô số chư Phật NhưLai đã nhập Niết-bàn trong quá khứ. Các Như Lai này từ mới phát tâm cho đến thành tựu quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác, đã nhập cảnh giới ĐạiNiết-bàn Vô dư y, cho đến Pháp diệt đến nay. Trong khoảng thời gian đó, có thiện căn tương ưng các Ba-la-mật của chư Phật Thế Tôn, và đủ loại thiện căn phúc hạnh của chư Phật; thiện căn các nhóm giới, định, tuệ, giải thoát,giải thoát tri kiến, của chư Phật; cho đến nhóm công đức đại từ, đại bi, vô lượng vô biên lợi ích an lạc tất cả chúng sinh, của Phật; và đủ loại pháp môn được Phật thuyết. Tất cả chúng sinh học trong đó, tin hiểu, an trú, có được thiện căn. Và Phật Thế Tôn, vì các Bồ-tát, thụ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác; các Bồ-tát này có thiện căn tương ưng sáu Ba-la-mật.

Lại vì những người theo Duyên Giác thừa thụ ký Duyên Giác để họ có tất cả thiện căn.

Lại nữa, có những người theo Thanh Văn thừa thực hành bố thí, trì giới, tu định, có được công đức, và thiện căn như thế của các bậc Hữu học vô lậu, Vô học vô lậu.

Lại có các dị sinh ngu muội trồng được thiện căn; cho đến Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu- la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-dà, người, và phi nhân, các loại bàng sinh, nghe Phật thuyết pháp trồng được thiện căn, cho đến sau khi Như Lai nhập Niết-bàn, tất cả chúng sinh trồng được thiện căn.Đủ loại thiện căn, đủ loại công đức như thế, hòa hợp, tụ tập, tính đếm, đo lường; các Bồ-tát này đều tùy hỷ, dùng công đức tùy hỷ này hồi hướng Vôthượng Chính đẳng Chính giác.

Từ Thị, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát hồi hướng như thế, làm thế nào để không rơi vào tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo?

Bấy giờ, Bồ-tát Từ Thị bảo Tôn giả Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát, khi dùng tâm tùy hỷ và hồi hướng, ở trong tâm này không sinh tâm tưởng, biết như thật tâm không có tướng nắm bắt. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát có thể lấy công đức tùy hỷ như thế, hồi hướng Vô thượng Chính đẳng

Chính giác, tức Bồ-tát Ma-ha-tát này không rơi vào tưởng, tâm, kiến điên đảo. Nếu ở nơi tâm lại không biết như thật, dùng tưởng có sở đắc mà hồi hướng, thì Bồ-tát Ma-ha-tát này không thể xa lìa tưởng, tâm, kiến điên đảo.

***Lại nữa, nếu các Bồ-tát Ma-ha-tát **lấy tâm có sở đắc mà hồi hướng**, thì tâm này không thể hồi hướng. Nếu **dùng tâm không có sở đắc** mà hồi hướng, tức là Pháp tính như thật hồi hướng. Nếu pháp hồi hướng như thế, tức Pháp tính cũng thế; Pháp tính hồi hướng như thế, tức các pháp cũng thế. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát có thể hồi hướng như thế, thì đó là hồi hướng đúng, không gọi là hồi hướng sai. Pháp hồi hướng này, Bồ-tát Ma-ha-tát nên học như thế.

Lại nữa, Tôn giả Tu-bồ-đề. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát, giống như thiện căn của chư Phật quá khứ, tùy hỷ hồi hướng như thế; nếu đều đã tu tập các Phật đạo vị lai, đã diệt hý luận, được thiện lợi lớn. Các Như Lai này, từ mới phát tâm cho đến thành tựu quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác, đã nhập cảnh giới Đại Niết-bàn Vô dư y cho đến Pháp diệt đến nay. Trong khoảng thời gian đó có thiện căn tương ưng các Ba-la-mật của chư Phật Thế Tôn, và thiện căn các uẩn giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, của chư Phật đó; cho đến nhóm công đức đại từ, đại bi, vô lượng vô biên lợi ích, an lạc tất cả chúng sinh của Phật; và đủ loại pháp môn được Phật thuyết. Tất cả chúng sinh học trong đó, tin hiểu, an trú, có được thiện căn. Và Phật Thế Tôn, vì các Bồ-tát, thụ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác; các Bồ-tát này có thiện căn tương ưng sáu Ba-la-mật.

Lại vì những người theo Duyên Giác thừa thụ ký Duyên Giác để họ có tất cả thiện căn.

Lại nữa, có những người theo Thanh Văn thừa thực hành bố thí, trì giới, tu định, có được công đức; và thiện căn như thế của các bậc Hữu học vô lậu,Vô học vô lậu.

Lại có các dị sinh ngu muội trồng được thiện căn, cho đến Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu- la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-dà, người, và phi nhân, các loại bàng sinh, nghe Phật thuyết pháp trồng được thiện căn; cho đến sau khi Như Lai nhập Niết-bàn, tất cả chúng sinh trồng được thiện căn. Đủ loại thiện căn, đủ loại công đức như thế, hòa hợp, tụ tập, tính đếm, đo lường; các Bồ-tát này đều tùy hỷ, dùng công đức tùy hỷ này hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Tôn giả Tu-bồ-đề, Bồ-tát đó khi dùng tâm tùy hỷ và hồi hướng, nếu ở trong tâm này không sinh tâm tưởng, biết như thật tâm không có tướng nắm bắt, có thể lấy công đức tùy hỷ như thế, hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác, tức Bồ-tát này không rơi vào tưởng, tâm, kiến điên đảo. Nếu ở nơi tâm lại không biết như thật, dùng tưởng có sở đắc mà hồi hướng, thì Bồ-tát này không thể xa lìa tưởng, tâm, kiến điên đảo.57

Lại nữa, nếu các Bồ-tát lấy tâm có sở đắc mà hồi hướng, thì tâm này chính là tận, chính là diệt, chính là ly. Tâm tận, diệt đó không thể hồi hướng. Nếu dùng tâm không có sở đắc mà hồi hướng, tức là Pháp tính như thật hồi hướng. Nếu pháp hồi hướng như thế tức Pháp tính cũng thế; Pháp tính hồi hướng như thế, tức các pháp cũng thế. Nếu hồi hướng như vậy, thì đó là hồi hướng đúng, không gọi là hồi hướng sai.

Lại nữa, Tôn giả Tu-bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát, giống như thiện căn của chư Phật vị lai, tùy hỷ hồi hướng như thế; nếu ở nơi chư Phật Như Lai hiện tại, từ mới phát tâm cho đến thành tựu quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác,đã nhập cảnh giới Đại Niết-bàn Vô dư y cho đến Pháp diệt đến nay. Trong khoảng thời gian đó có tất cả thiện căn của chư Phật Thế Tôn, cho đến thiện căn

tất cả chúng sinh trồng được sau khi Như Lai nhập Niết-bàn. Đủ loại thiện căn, đủ loại công đức như thế, hòa hợp, tụ tập, tính đếm, đo lường; các Bồ-tát này đều tùy hỷ, dùng công đức tùy hỷ này hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Tôn giả Tu-bồ-đề, Bồ-tát đó khi dùng tâm tùy hỷ và hồi hướng, ở trong tâmnày không sinh tâm tưởng, biết như thật tâm không có tướng nắm bắt. Nếucó thể tùy hỷ công đức như thế, hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chínhgiác, tức Bồ-tát này không rơi vào tưởng, tâm, kiến điên đảo. Nếu lại dùng tâm có sở đắc mà hồi hướng, thì Bồ-tát này không thể xa lìa tưởng, tâm,kiến điên đảo. Bồ-tát Ma-ha-tát đó nên như thật biết khi dùng tâm để hồi hướng thì tâm này chính là tận, chính là diệt, chính là ly. Tâm tận, diệt đó không thể hồi hướng. Nếu dùng tâm không có sở đắc mà hồi hướng, tức là Pháp tính như thật hồi hướng. Nếu pháp hồi hướng như thế, tức Pháp tính cũng thế; Pháp tính hồi hướng như thế, tức các pháp cũng thế. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát, ở trong pháp quá khứ, hiện tại, vị lai như thế, có thể như thật biết hồi hướng như thật, thì đó là hồi hướng đúng, không gọi là hồi hướng sai.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát nếu muốn như thật hồi hướng Vôthượng Chính đẳng Chính giác, nên quán các pháp giống như hư không, rời tất cả tướng. Vì sao? Nếu ở nơi các pháp biết rõ như thật; tức không tâm,không phải không tâm, chính là cái biết; không pháp, không phải không pháp, chính là tướng được biết. Nếu Bồ-tát, ở trong pháp như thế, có thể hồihướng, thì gọi là hồi hướng tối thượng; vì thế được gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát chính tu phúc hành. Vì sao? Nếu đủ loại pháp và đủ loại hành đều tịch tĩnh,thì công đức tùy hỷ có được để hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giáccũng như vậy. Nếu như thật biết các hành đều tịch tĩnh không động, tức Bồ-tát Ma-ha-tát này có thể đầy đủ phương tiện Bát nhã Ba la mật. Sau khiPhật Thế Tôn nhập Niết-bàn, có được thiện căn, dù thể, dù tướng, dù tựtính, dù Pháp tính, đều như thật biết, tức có thể hồi hướng Vô thượng Chínhđẳng Chính giác. Vì sao? Vì tất cả hành pháp tương ưng của chư Phật ThếTôn đều không phải ba đời. Nếu đời quá khứ thì pháp đó đã ly, đã diệt, đãtận; nếu đời vị lai thì chưa đến; nếu đời hiện tại thì nay tức không đình trú; lại không có sở đắc, chẳng phải là tướng của cảnh giới. Nếu nắm bắt tướng,tức ở nơi Vô thượng Chính đẳng Chính giác, trú không bình đẳng, tương ưngtà niệm, sinh tưởng nghi hoặc, không thể an trú chính niệm chính ý, nghĩsai, biết sai; như thế thì không gọi là hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chínhgiác. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát, ở nơi các thiện căn, không có tướng được nắmbắt, không có tâm sở đắc; lấy tâm này hồi hướng, tức là hồi hướng Vôthượng Chính đẳng Chính giác. Pháp hồi hướng như thế, Bồ-tát nên học.Nếu học như thế, thì có thể đầy đủ phương tiện thiện xảo. Nếu dùng cácthiện căn có phương tiện thiện xảo này để hồi hướng, tức được gần Nhấtthiết trí. Nếu các Bồ-tát Ma-ha-tát ưa muốn tu học phương tiện này, nên ở nơi pháp môn Bát nhã Ba la mật này, nghe nhận, đọc tụng, ghi nhớ, suy nghĩ, thưa hỏi nghĩa đó; hiểu được rồi thì rộng nói cho người khác. Đó là phương tiện Bát nhã Ba la mật. Nếu không được phương tiện Bát nhã Ba la mật, tức không thể dùng các thiện căn hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Vì sao? Ngã tướng đã diệt, các hành đã lắng, xa lìa tất cả tướng có sở đắc.

Nếu lại có người ở nơi tất cả các pháp mà khởi tướng nắm bắt, rơi vào cái thấy nghi hoặc, không thể an trú trong pháp như thật, ở nơi pháp như thật sinh tưởng có sở đắc. Nếu dùng thiện căn như thế hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác, chư Phật Như Lai không thừa nhận là

có khả năng, cũng không tùy hỷ. Vì sao? Hồi hướng như thế gọi là Đại tham, ở nơi tất cả các pháp sinh tâm nghi hoặc. Hơn nữa, ở nơi các tướng không thể tịch tĩnh, sinh tưởng có sở đắc, Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác cũng không nói là có lợi ích lớn; mà hồi hướng này gọi là khổ não tạp độc. Ví như thức ăn uống ngon nhất thế gian, các sắc, hương, vị đều đầy đủ, nhưng trong thức ăn đó có lẫn chất độc. Những người có trí biết có chất độc nên không lấy ăn; kẻ ngu si không trí không thể biết được nên mới lấy ăn. Khi mới ăn vào, sắc, hương, vị ngon tuy đáng ưa thích, nhưng khi thức ăn đã tiêu hóa, khổ báo mới xuất hiện; vì nguyên do này mà bị mất mạng.

Tôn giả Tu-bồ-đề, nay ông nên biết những người có thiện căn tùy hỷ, pháttâm hồi hướng, không thể thụ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật cũng thế. Vìsao? Không thể đầy đủ phương tiện Bát nhã Ba la mật nên không thể hiểu rõ chính nghĩa sâu thẳm, không thể an trú ở đạo Như thật, tự mình không biết rõ pháp Như thật đó. Lại vì người khác lần lượt dạy truyền, nói như thếnày: “Thiện nam tử các ông, ở nơi chư Phật Thế Tôn quá khứ, vị lai, hiện tại,có thiện căn các nhóm giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, và có chư Phật Thế Tôn quá khứ, hiện tại, vị lai, từ mới phát tâm cho đến thành tựu quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác, đã nhập cảnh giới Đại Niết-bàn Vô dư y, trong thời gian đó có được công đức. Và, vì các Bồ-tát Ma-ha-tát, thụ ký sẽ đắc quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác; các Bồ-tát này có được thiện căn. Lại vì những người theo Duyên Giác thừa thụ ký Duyên Giác; các Duyên Giác này có được thiện căn. Và các Thanh Văn tu bố thí, trì giới,v.v..., sau khi Phật diệt, Pháp diệt đến nay; trong thời gian đó có được thiện căn. Cho đến thiện căn có được của dị sinh ngu muội. Đủ loại thiện căn, đủloại công đức như thế, hòa hợp, tụ tập, tính đếm, đo lường, có tính chấtcùng tận hay không cùng tận, các ông đều nên tùy hỷ tất cả. Dùng thiện căntùy hỷ này hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Tu-bồ-đề, người đó nếu nói như thế, khuyến khích khiến tùy hỷ hồi hướngnhư thế, thì giống như trong thức ăn ngon có lẫn chất độc. Pháp hồi hướng này gọi là khổ não tạp độc. Những người tu hạnh Bồ-tát, ở nơi pháp mình hành trì còn không nên khởi tâm hồi hướng này, huống là khuyến khích người khác tu pháp này như thế. Nếu ở nơi tướng này chấp là thật, thì không gọi là tùy hỷ công đức chư Phật, không gọi là thụ trì, không gọi là hồi hướng.

Nếu các Bồ-tát ưa muốn như thật tùy hỷ tất cả thiện căn tối thượng của chưPhật Như Lai, như thật hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác, thì nêntùy thuận Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác, như thật quán sát giống như mắt của Phật, như thật liễu tri giống như trí của Phật. Ở nơi các thiệncăn, dù thể, dù tướng, dù tự tính, dù pháp tính, đều biết rõ như thật không có sinh, không có sở đắc. Nếu có thể tùy hỷ thiện căn như thế, được Phật thừa nhận là có khả năng, Phật cũng tùy hỷ. Các Bồ-tát Ma-ha-tát tùy hỷnhư thế chính là tùy hỷ đúng. Dùng thiện căn này hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác; Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác xưng tán tối thượng. Hồi hướng như thế gọi là Đại hồi hướng, hồi hướng pháp giới khéo được viên mãn, nội tâm thanh tịnh, giải thoát vô ngại.

Lại nữa, các Thiện nam tử, v.v..., tu Bồ-tát thừa, tu tập pháp hồi hướng nhưthế, ở nơi giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, của Phật Như Lai,không bị trói buộc, không bị dính mắc; không hệ thuộc Dục giới, không hệthuộc Sắc giới, không hệ thuộc Vô sắc giới; lại cũng không

hệ thuộc ba đờiquá khứ, vị lai, hiện tại; không hệ thuộc các pháp, không hệ thuộc pháp hồihướng. Người tu Bồ-tát biết được như thế thì không làm hoại pháp hồi hướng. Đó là Đại hồi hướng, khéo được viên mãn hồi hướng pháp giới. Hồi hướng như thế không nắm các tướng, xa lìa pháp tà, gọi là hồi hướng chânchính. Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác chân thật thừa nhận là có khả năng, cũng lại tùy hỷ. Bồ-tát Ma-ha-tát nên học như thế.

Bấy giờ, Thế Tôn khen Tôn giả Tu-bồ-đề: Haythay! Hay thay! Tu-bồ-đề, ông khéo làm Phật sự, có thể vì các Bồ-tát Ma-ha-tát thưa hỏi nghĩa này. Tu-bồ-đề, các Bồ-tát Ma-ha-tát, nếu có thể hồi hướng Pháp giới Pháp tính như thế,thì có tri kiến giống như Phật Thế Tôn. Ở nơi các thiện căn hiểu rõ như thật,dù thể, dù tướng, dù tự tính, dù pháp tính, biết rõ không có sinh, cũngkhông có sở đắc. Hồi hướng như thế được ta thừa nhận là có khả năng; tacũng tùy hỷ. Nhóm phúc như thế, vô lượng vô biên không thể tính đếm.

Tu-bồ-đề, giả như tất cả chúng sinh ở ba ngàn Đại thiên thế giới, mỗi mỗi đều tu mười Nghiệp đạo thiện, nhóm phúc thu được số lượng rất nhiều, nhưng Bồ-tát Ma-ha-tát này phát tâm tối thắng, hồi hướng pháp giới, thì nhóm phúc có được, so với nhóm phúc ở trên, là tối thượng, tối cực, tối thắng, tối diệu, rộng lớn, không đo lường được, không có gì bằng, không thểso sánh.Lại nữa, Tu-bồ-đề. Ngoài số này ra, giả sử tất cả chúng sinh ở ba ngàn Đại thiên thế giới, mỗi một đều tu bốn hạnh Vô lượng, mỗi mỗi đều được bốn pháp Thiền định, bốn định Vô sắc và năm Thần thông; phúc hành như thế số lượng rất nhiều. Nhưng Bồ-tát Ma-ha-tát này phát tâm tối thắng, hồi hướng pháp giới, thì nhóm phúc có được, so với nhóm phúc ở trên, là tối thượng, tối cực, tối thắng, tối diệu, rộng lớn, không thể đo lường, không có gì bằng, không thể so sánh.

Quyển VII

Phẩm 6: Tùy hỷ hồi hướng.
Phần 2

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Như trước có nói, hành bốn Vô lượng cho đến hành nămThần thông. Ngoài số lượng như thế, giả sử tất cả chúng sinh ở ba ngàn Đạithiên thế giới, mỗi mỗi đều được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Cũng ngoài số lượng nhóm phúc như thế, giả sử tất cả chúng sinh ở ba ngàn Đại thiên thế giới, mỗi mỗi đều được quả Duyên Giác. Cũng ngoài số lượng nhóm phúc như thế, Tu-bồ-đề, giả sử tất cả chúng sinh ở ba ngànĐại thiên thế giới đều phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác, các chúng sinh này tức được gọi là Bồ-tát phát tâm. Mỗi mỗi Bồ-tát này đều ở Hằng hà sa số kiếp dùng thức ăn uống, áo quần, đồ nằm, thuốc men, và các loạinhạc cụ khác, bố thí tất cả chúng sinh ở Hằng hà sa số thế giới. Khi các Bồ-tát bố thí như thế, mỗi mỗi đều khởi thượng tâm tối thắng, sinh tưởng tôn trọng. Tu-bồ-đề, ý ông thế nào? Các Bồ-tát này được phúc nhiều không?

Tu-bồ-đề bạch Phật: Rất nhiều, Thế Tôn. Nhóm phúc này vô lượng vô số, vô biên; phần tính, phần đếm, phần ví dụ, cho đến ô-ba-ni-sát-đàm phần đều không thể đo lường.

Phật nói: Không thể, Tu-bồ-đề. Nếu có các Thiện nam tử trú Bồ-tát thừa, tutập phương tiện Bát nhã Ba la mật này, được Bát nhã Ba la mật che chở, thìcó thể dùng căn lành nhỏ đó hồi

hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác,tức là như thật hồi hướng pháp giới. Hồi hướng như thế, nhóm phúc có được, so với nhóm phúc bố thí của Bồ-tát trước thì trăm phần kia không bằng một phần, ngàn phần không bằng một, vạn ức câu-chi na-dữu-đaphần, cho đến ô-ba-ni-sát-đàm phần đều không bằng một. Vì sao? Căn lành phương tiện Bát nhã Ba la mật này hơn hành bố thí với tâm có sở đắc của Bồ-tát trước, vì nhóm phúc này không thể sánh bằng.

Bấy giờ, bốn Đại Thiên Vương có hai vạn Thiên tử ở tại Phật hội nghe nói như thế, chấp tay cung kính cùng bạch Phật: Thế Tôn, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ,ở nơi Bát nhã Ba la mật này, tu tập phương tiện, được Bát nhã Ba la mật bảo vệ, có thể dùng căn lành như thật hồi hướng Nhất thiết trí kia. Hồi hướng như thế là hồi hướng lớn. Nhóm phúc có được hơn nhóm phúc bố thí với tâm có sở đắc của Bồ-tát trước.

Bấy giờ, có mười vạn Thiên tử cõi trời Tam Thập Tam, tức thời mưa các hoatrời, hương trời, hương xoa và hương bột, v.v..., và đủ loại cờ phướn, lọngbáu, âm nhạc vi diệu của trời, cho đến tất cả y phục quý giá trang nghiêmcủa trời, các châu báu của trời. Dùng các thứ như thế cung kính cúng dường mà nói thế này: Thế Tôn, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập phương tiện Bát nhã Ba la mật này, được Bát nhã Ba la mật bảo vệ, có thể dùng căn lành hồi hướng pháp giới. Hồi hướng như thế là hồi hướng lớn, nhóm phúc có được hơn nhóm phúc bố thí với tâm có sở đắc của Bồ-tát trước. Thế Tôn, cácThiên tử chúng con đều cung kính, cúng dường, tôn trọng, xưng tán đối với tâm tối thắng được sinh bởi Bồ-tát Ma-ha-tát như thế.

Lúc các Thiên tử đó phát lời nói này, âm thanh của họ tất cả các thế giới đều nghe.

Lúc này mười vạn Thiên tử ở trời Dạ-ma, mười vạn Thiên tử ở trời Tri Túc,mười vạn Thiên tử ở trời Hóa Lạc, mười vạn Thiên tử ở trời Tha Hóa Tự Tại;các chúng Thiên tử như thế ở Dục giới. Lại có trời Phạm Chúng, trời PhạmPhụ, trời Đại Phạm, trời Thiểu Quang, trời Vô Lượng Quang, trời Quang Âm, trời Thiểu Tịnh, trời Vô Lượng Tịnh, trời Biến Tịnh, trời Vô Vân, trời Phúc Sinh, trời Quảng Quả, trời Vô Phiền, trời Vô Nhiệt, trời Thiện Kiến, trời Thiện Hiện, trời Sắc Cứu Cánh, của Sắc giới. Các chúng Thiên tử ở các cõi trời như thế, tất cả đều chấp tay, cung kính mà bạch Phật: Hiếm có, Thế Tôn. NếuBồ-tát Ma-ha-tát ở nơi Bát nhã Ba la mật này tu tập phương tiện, được Bát nhã Ba la mật bảo vệ, có thể dùng căn lành hồi hướng pháp giới. Hồi hướngnhư thế hơn nhóm phúc bố thí với tâm có sở đắc của Bồ-tát trước.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Thiên tử ở trời Tịnh Cư, v.v...: Như trước có nói,ba ngàn Đại thiên thế giới có Bồ-tát phát tâm, mỗi một trong Hằng hà sa số kiếp của mình đều rộng bố thí chúng sinh. Ngoài số lượng nhóm phúc nhưthế, Thiên tử, giả sử tất cả chúng sinh ở Hằng hà sa số ba ngàn Đại thiênthế giới, đều phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Các Bồ-tát phát tâm này, mỗi mỗi trong Hằng hà sa số kiếp của mình, dùng thức ăn uống,áo quần, đồ nằm, thuốc men và các nhạc cụ khác, bố thí khắp chúng sinh ở Hằng hà sa số ba ngàn Đại thiên thế giới. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát, ở nơi Bát nhã Ba la mật này, tu tập phương tiện, được Bát nhã Ba la mật bảo vệ, có thể đối với căn lành các nhóm giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến của chư Phật quá khứ hiện tại vị lai, và căn lành của Duyên Giác, ThanhVăn; đủ loại căn lành như thế, hòa hợp, tụ tập, xưng kể, đo lường, lấy tâm tối thượng, tối cực, tối thắng, tối diệu, rộng lớn vô lượng, không gì bằng, không thể so sánh, thảy đều tùy hỷ. Dùng căn lành tùy hỷ này, như thật hồihướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Tu-bồ-đề, nhóm phúc tùy hỷ như thế của Bồ-tát này so với hành phúc bố thícủa Bồ-tát trước, thì trăm phần kia không bằng một phần này, ngàn phầnkhông bằng một, vạn ức câu-chi na-dữu-đa phần cho đến ô-ba-ni-sát-đàmphần đều không bằng một. Vì sao? Người đầy đủ phương tiện Bát nhã Ba la mật hơn Bồ-tát hành bố thí với tâm có sở đắc ở trước.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, như Phật đã nói. Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập phương tiện Bát nhã Ba la mật, được Bát nhã Ba la mật bảovệ, đối với các căn lành có thể dùng tâm tối thượng, tối cực, tối thắng, tốidiệu, rộng lớn vô lượng, không gì bằng, không thể so sánh, như thật tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Thế Tôn, thế nào là tâm tốithượng, tối cực, cho đến không thể so sánh? Lại nữa, thế nào gọi là nhưthật tùy hỷ?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát, ở nơi các pháp quá khứ, hiện tại,vị lai, không nắm, không bỏ, không nhớ, không được, lìa các nghi hoặc,không sinh phân biệt, không có pháp quá khứ đã sinh đã diệt, không cópháp vị lai chưa sinh chưa diệt, không có pháp hiện tại đang sinh đang diệt.Nên quán các pháp giống như hư không, lìa tất cả các tướng, không bị độngchuyển, không sinh, không diệt, không đi, không lại. Tướng các pháp đóchính là tính của các pháp; theo Pháp tính đó mà như thật tùy hỷ. Giống nhưtùy hỷ, hồi hướng cũng thế. Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát, ở nơi tất cả các pháp, cóthể khởi tâm này, thì gọi là tâm tối thượng, tối cực, tối thắng, tối diệu, rộnglớn vô lượng, không gì bằng, không thể so sánh; tức dùng tâm này mà tùyhỷ thì mới có thể được gọi là như thật tùy hỷ. Dùng căn lành tùy hỷ này hồihướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác, vì thế gọi là như thật hồi hướng.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Như trên đã nói, Hằng hà sa số ba ngàn Đại thiên thếgiới có tất cả Bồ-tát phát tâm; mỗi một trong Hằng hà sa số kiếp của mìnhtu hạnh bố thí. Ngoài số này ra, Tu-bồ-đề, nếu tất cả chúng sinh ở Hằng hàsa số ba ngàn Đại thiên thế giới đều phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chínhgiác. Các Bồ-tát phát tâm này, mỗi mỗi trong Hằng hà sa số kiếp của mình,tu trì tịnh giới, thân làm điều lành, nói điều lành, nghĩ điều lành. Các Bồ-tátđó, trong Hằng hà sa số kiếp, trì giới như thế, không sinh lỗi lầm. Nếu Bồ-tátMa-ha-tát, ở nơi Bát nhã Ba la mật này, tu tập phương tiện, được Bát-nhãBa-la-mật bảo vệ, có thể đối với căn lành các nhóm giới, định, tuệ, giảithoát, giải thoát tri kiến của chư Phật quá khứ hiện tại vị lai, và căn lành củaDuyên Giác, Thanh Văn; đủ loại căn lành như thế, hòa hợp, tụ tập, xưng kể,đo lường, lấy tâm tối thượng, tối cực, tối thắng, tối diệu, rộng lớn vô lượng,không gì bằng, không thể so sánh, thảy đều tùy hỷ. Dùng căn lành tùy hỷnày hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Tu-bồ-đề, nhóm phúc tùyhỷ như thế của Bồ-tát này so với hành phúc trì giới của Bồ-tát trước, thì trăm phần kia không bằng một phần này, ngàn phần không bằng một, vạnức câu-chi na-dữu-đa phần cho đến ô-ba-ni-sát-đàm phần đều không bằng một. Vì sao? Người đầy đủ phương tiện Bát nhã Ba la mật hơn Bồ-tát hành trì giới với tâm có sở đắc ở trước.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Như trước có nói, Hằng hà sa số ba ngàn Đại thiên thếgiới có tất cả Bồ-tát phát tâm, mỗi mỗi trong Hằng hà sa số kiếp của mìnhhành trì tịnh giới. Ngoài số này ra, Tu-bồ-đề, nếu tất cả chúng sinh ở Hằng hà sa số ba ngàn Đại thiên thế giới đều phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Các Bồ-tát phát tâm này, mỗi mỗi trong Hằng hà sa số kiếp của mình, giữ hạnh nhẫn nhục, không tức, không giận, cho đến không khởi tất cả các niệm ác. Các Bồ-tát kia, trong Hằng hà sa số kiếp, nhẫn nhục như thế, không sinh tức giận. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát, ở

nơi Bát nhã Ba la mật này, tu tập phương tiện, được Bát nhã Ba la mật bảo vệ, có thể đối với căn lành các nhóm giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến của chư Phật quá khứhiện tại vị lai, và căn lành của Duyên Giác, Thanh Văn; đủ loại căn lành nhưthế, hòa hợp, tụ tập, xưng kể, đo lường, lấy tâm tối thượng, tối cực, tốithắng, tối diệu, rộng lớn vô lượng, không gì bằng, không thể so sánh, thảy đều tùy hỷ. Dùng căn lành tùy hỷ này hồi hướng Vô thượng Chính đẳngChính giác. Tu-bồ-đề, nhóm phúc tùy hỷ như thế của Bồ-tát này so với hành phúc nhẫn nhục của Bồ-tát trước, thì trăm phần kia không bằng một phầnnày, ngàn phần không bằng một phần, trăm ức câu-chi na-dữu-đa phần cho đến ô-ba-ni-sát-đàm phần đều không bằng một. Vì sao? Người đầy đủ phương tiện Bát nhã Ba la mật hơn Bồ-tát hành nhẫn nhục với tâm có sở đắc ở trước.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Như trên đã nói, Hằng hà sa số ba ngàn Đại thiên thếgiới có tất cả Bồ-tát phát tâm; mỗi mỗi trong Hằng hà sa số kiếp của mìnhgiữ hạnh nhẫn nhục. Ngoài số này ra, Tu-bồ-đề, nếu tất cả chúng sinh ởHằng hà sa số ba ngàn Đại thiên thế giới đều phát tâm Vô thượng Chínhđẳng Chính giác. Các Bồ-tát phát tâm này, mỗi mỗi trong Hằng hà sa số kiếpcủa mình, tu hạnh tinh tiến, dũng mãnh, kiên cố, không lui, không mất, xalìa hôn trầm, thụy miên và các pháp chướng. Các Bồ-tát đó, trong Hằng hàsa số kiếp, tinh tiến như thế, không sinh lười biếng, thoái lui. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát, ở nơi Bát nhã Ba la mật này, tu tập phương tiện, được Bát nhã Ba la mật bảo vệ, có thể đối với căn lành các nhóm giới, định, tuệ, giải thoát, giảithoát tri kiến của chư Phật quá khứ hiện tại vị lai, và căn lành của DuyênGiác, Thanh Văn; đủ loại căn lành như thế, hòa hợp, tụ tập, xưng kể, đolường, lấy tâm tối thượng, tối cực, tối thắng, tối diệu, rộng lớn vô lượng,không gì bằng, không thể so sánh, thảy đều tùy hỷ. Dùng căn lành tùy hỷnày hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Tu-bồ-đề, nhóm phúc tùyhỷ như thế của Bồ-tát này so với hành phúc tinh tiến của Bồ-tát trước, thìtrăm phần kia không bằng một phần này, ngàn phần không bằng một, vạnức câu-chi na-dữu-đa phần cho đến ô-ba-ni-sát-đàm phần đều không bằngmột. Vì sao? Người đầy đủ phương tiện Bát nhã Ba la mật hơn Bồ-tát hànhtinh tiến với tâm có sở đắc ở trước.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Như trước có nói, Hằng hà sa số ba ngàn Đại thiên thếgiới có tất cả Bồ-tát phát tâm, mỗi mỗi trong Hằng hà sa số kiếp của mình tuhạnh tinh tiến. Ngoài số này ra, Tu-bồ-đề, nếu tất cả chúng sinh ở Hằng hàsa số ba ngàn Đại thiên thế giới đều phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chínhgiác. Các Bồ-tát phát tâm này, mỗi mỗi trong Hằng hà sa số kiếp của mình,tu bốn Thiền định, an trú tịch tĩnh. Các Bồ-tát kia trong Hằng hà sa số kiếp,tu định như thế, xa lìa tất cả các tướng động, loạn, v.v.... Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát, ở nơi Bát nhã Ba la mật này, tu tập phương tiện, được Bát nhã Ba la mật bảo vệ, có thể đối với căn lành các nhóm giới, định, tuệ, giải thoát, giảithoát tri kiến của chư Phật quá khứ hiện tại vị lai, và căn lành của DuyênGiác, Thanh Văn; đủ loại căn lành như thế, hòa hợp, tụ tập, xưng kể, đolường, lấy tâm tối thượng, tối cực, tối thắng, tối diệu, rộng lớn vô lượng, không gì bằng, không thể so sánh, thảy đều tùy hỷ. Dùng căn lành tùy hỷnày hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Tu-bồ-đề, nhóm phúc tùyhỷ của Bồ-tát này so với hành phúc tu định của Bồ-tát trước, thì trăm phầnkia không bằng một phần này, ngàn phần không bằng một, vạn ức câu-china-dữu-đa-phần cho đến ô-ba-ni-sát-đàm phần đều không bằng một. Vìsao? Người đầy đủ phương tiện Bát nhã Ba la mật hơn Bồ-tát hành tu địnhvới tâm có sở đắc ở trước.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát, đối với sáu pháp môn Ba-la-mậtcủa chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai, muốn như lý tu học, như thật tùy hỷ,thì ở nơi các pháp nên trú nghĩa như thật. Nghĩa như thật tức là tính giảithoát, Giống như được giải thoát, bố thí cũng thế. Giống như được giảithoát, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí tuệ cũng đều như thế.Giống như được giải thoát, giải thoát cũng thế. Giống như được giải thoát,giải thoát tri kiến cũng thế. Giống như được giải thoát, tâm tùy hỷ và hànhphúc tùy hỷ cũng thế. Giống như được giải thoát, tâm hồi hướng và pháp hồihướng cũng thế. Giống như được giải thoát, pháp quá khứ đã diệt, pháp vịlai chưa sinh, pháp hiện tại không trú cũng đều như thế. Giống như đượcgiải thoát, vô lượng vô số tất cả chư Phật trong ba đời ở mười phương vàcác pháp Phật cũng thế. Giống như được giải thoát, có Bồ-tát, Duyên Giác,Thanh Văn và các pháp của họ cũng thế. Các pháp như thế cho đến tất cảcác pháp, không buộc, không cởi, không trú, không dính; tính của được giảithoát tức là tính của các pháp.

Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát đối với tất cả các pháp đều biết như thế, thì đốivới sáu pháp môn Ba-la-mật, nên tu học như thế, tùy hỷ như thế. Dùng cănlành tùy hỷ này, như thật hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Các pháp như thế cho đến tất cả các pháp, không buộc, không cởi, không trụ, không dính; tính của được giải thoát tức là tính của các pháp.

Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát đối với tất cả các pháp đều biết như thế, thì đối với sáu pháp môn Ba-la-mật, nên tu học như thế, tùy hỷ như thế. Dùng căn lành tùy hỷ này, như thật hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác".

Phẩm 7: Nhân Duyên Địa Ngục
Phần 1

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử bạch Phật: Thế Tôn, Bát nhã Ba la mật sinh raNhất thiết trí trí. Tính Nhất thiết trí là Bát nhã Ba la mật sao?

Phật nói với Xá-lợi Tử: Đúng thế, đúng thế, giống như ông nói.

Xá-lợi Tử lại bạch Phật: Thế Tôn, Bát nhã Ba la mật nên được kính lễ; Bát nhã Ba la mật nên được tôn trọng. Bát nhã Ba la mật là ánh sáng lớn. Bát nhã Ba la mật thanh tịnh không nhiễm. Bát nhã Ba la mật soi chiếu rộnglớn. Bát nhã Ba la mật nhiếp tướng tam giới tức tính tam giới. Bát nhã Ba la mật là mắt thanh tịnh, có thể soi tất cả các pháp nhiễm, phiền não. Bát nhã Ba la mật là nơi y chỉ. Bát nhã Ba la mật là pháp vô thượng. Bát-nhãBa-la-mật rộng nhiếp các pháp phần Bồ-đề. Bát nhã Ba la mật là đèn pháplớn, soi khắp tất cả các chỗ tối tăm ở thế gian. Bát nhã Ba la mật là khôngcó sợ hãi, có thể cứu tất cả chúng sinh sợ hãi. Bát nhã Ba la mật chính lànăm con mắt, có thể soi tất cả các đạo thế gian và ngoài thế gian. Bát-nhãBa-la-mật là ánh sáng trí tuệ, soi phá tất cả các pháp si ám, v.v.... Bát-nhãBa-la-mật dẫn đầu tất cả, chỉ dẫn chúng sinh hướng vào thánh đạo. Bát-nhãBa-la-mật là chỗ chứa Nhất thiết trí, thu hết chướng ngại phiền não, v.v...,để trừ diệt. Bát nhã Ba la mật là pháp không sinh, pháp không diệt, phápkhông khởi,

pháp không tạo tác. Bát nhã Ba la mật tự tướng vốn không.Bát nhã Ba la mật là mẹ của các Bồ-tát. Bát nhã Ba la mật là mắt của cácpháp, soi sáng mười Lực, bốn Vô úy của chư Phật. Bát nhã Ba la mật là chỗnương tựa, có thể cứu tất cả chúng sinh không chỗ nương tựa. Bát nhã Ba la mật là pháp an lạc, có thể trừ khổ não sinh tử của chúng sinh. Bát-nhãBa-la-mật có thể hiển bày tự tính chân thật của các pháp. Bát nhã Ba la mậtthuận theo pháp tướng, tròn đủ mười hai hành của ba lần chuyển Pháp luân.

Thế Tôn, Bát nhã Ba la mật có đủ loại công đức như thế, các Bồ-tát Ma-ha-tát đối với pháp môn này nên chiêm lễ, cung kính như thế nào?

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi Tử: Bồ-tát Ma-ha-tát đối với pháp môn Bát nhã Ba la mật này nên xem như là Thầy, như là Phật, tôn trọng, cung kính, chiêm lễ, xưng tán. Chiêm ngưỡng cung kính Bát nhã Ba la mật như thế, tức là chiêm ngưỡng cung kính chư Phật Thế Tôn.

Bấy giờ Thiên chủ Đế Thích liền khởi niệm thế này: Tôn giả Xá-lợi Tử nay vìduyên gì mà hỏi như thế. Nghĩ như thế xong, bạch trước Tôn giả Xá-lợi Tử:Tôn giả, có nhân duyên gì mà hỏi Phật như thế?

Xá-lợi Tử nói: Kiều-thi- ca, như Phật có nói, các Bồ-tát Ma-ha-tát tu tậpphương tiện Bát nhã Ba la mật, được Bát nhã Ba la mật bảo vệ, tức có thể ở nơi tất cả căn lành kia, như thật tùy hỷ, như thật hồi hướng Nhất thiết tríkia. Bát nhã Ba la mật này có công đức lớn, hơn cả hành phúc bố thí, trìgiới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định của Bồ-tát có tâm sở đắc. Vì nhânduyên này, ta hỏi như thế. Kiều-thi- ca, ông nay nên biết Bát nhã Ba la mậtnày dẫn đầu năm Ba-la-mật, chỉ dẫn khiến vào con đường Nhất thiết trí. Vínhư thế gian có người mù, tuy muốn đến chỗ có trăm ngàn vạn chúngnhưng đều không thể biết đường đi. Nếu không có thầy dẫn đường, họkhông bao giờ có thể đi đến chỗ của thành ấp, làng xóm. Nếu người có mắtđi trước dẫn đường, những người mù kia có thể đến được tất cả các nơi.Kiều-thi- ca, bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định có được giống như người mù. Tuy lại tu tập vô lượng hành phúc, muốn đến quả Nhất thiết trí, nếu không lấy Bát nhã Ba la mật này để dẫn đầu, thì cuối cùng không thể như thật hướng đến con đường Nhất thiết trí; huống là có thể được quả Nhất thiết trí. Nếu các pháp bố thí, v.v..., này được Bát nhã Ba la mật dẫn đầu, tức được con mắt trí tuệ, có thể soi thấu con đường Nhất thiết trí, tức có thể hướng đến chứng quả Nhất thiết trí. Lại nữa, bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định được sức của Bát nhã Ba la mật hỗ trợ; vì thế năm hành này được gọi là Ba-la-mật.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử bạch Phật: Thế Tôn, Bát nhã Ba la mật là phápnào sinh ra?

Phật nói: Xá-lợi Tử, Bát nhã Ba la mật, vì không thấy có sắc, nên không vìsắc mà sinh; vì không thấy thụ, tưởng, hành, thức, không nên không vìthụ,tưởng, hành, thức, mà sinh. Nếu năm uẩn này có tướng được sinh, thì Bát nhã Ba la mật vì chúng mà sinh. Nhưng năm uẩn này đã không được sinh,cho nên Bát nhã Ba la mật, không vì các pháp mà sinh.

Xá-lợi Tử lại bạch Phật: Thế Tôn, nếu Bát nhã Ba la mật sinh như thế thì sẽđược thành ở nơi pháp nào?

Phật nói: Xá-lợi Tử, Bát nhã Ba la mật, tuy sinh như thế nhưng không cópháp nào có thể thành. Vì không có pháp nào thành nên được gọi là Bát nhã Ba la mật.

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích nghe nói như thế liền bạch Phật: Thế Tôn, Bát nhã Ba la mật chẳng lẽ không thành ở Nhất thiết trí sao?

Phật nói: Kiều-thi- ca, như ông nói, Bát nhã Ba la mật cũng thành Nhất thiết trí. Thật ra, vì chẳng phải có sở đắc nên thành, cũng chẳng phải danh tướng khởi tạo nên thành.

Thiên chủ Đế Thích hỏi: Thế Tôn, thế nào là thành?

Phật nói: Kiều-thi- ca, các pháp không được thành nên thành như thế.

Thiên chủ Đế Thích lại bạch Phật: Hiếm có, Thế Tôn. Nay Bát nhã Ba la mậtnày không có sinh, không có diệt; tất cả các pháp kia cũng không sinh,không diệt, không trú, không dính; đó là Bát nhã Ba la mật.68

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, nếu sinh tâm như thế thì có phân biệt, tức xa Bát nhã Ba la mật, tức mất Bát nhã Ba la mật, tức không thành tựu Bát nhã Ba la mật.

Phật nói: Tu-bồ-đề, đúng thế, đúng thế. Có nhân duyên này, tức xa Bát-nhãBa-la-mật, tức mất Bát nhã Ba la mật, tức không thành tựu Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Bát nhã Ba la mật này, ở nơi sắc không có hiện bày; thụ,tưởng, hành, thức cũng không có hiện bày. Vì Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Duyên Giác, Bồ-tát và Phật Thế Tôn đều không có hiệnbày.

Tôn giả Tu-bồ-đề lại bạch Phật: Thế Tôn, Đại Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật sao?

Phật nói: Tu-bồ-đề, ý ông thế nào? Vì nhân duyên nào nói Đại Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, sắc không lớn, không nhỏ, không tụ, khôngtán, lìa mọi khởi tác; thụ, tưởng, hành thức cũng không lớn, không nhỏ,không tụ, không tán, lìa mọi tạo tác. Các pháp mười Lực, v.v..., có được của Như Lai không phải có lực, không phải không có lực, cũng không tụ, tán;cho đến Nhất thiết trí, cũng không lớn, nhỏ, tụ, tán, không khởi tác, v.v.... Vìsao? Tất cả các pháp không lớn, nhỏ, không tụ, tán, lìa khởi tạo, trú bìnhđẳng. Nếu Bồ-tát, ở nơi tất cả các pháp, có phân biệt mà nghĩ rằng ta đượcđầy đủ quả Nhất thiết trí, ta vì chúng sinh nói các pháp môn, có thể độ baonhiêu chúng sinh khiến đến Niết-bàn. Bồ-tát đó nghĩ như thế tức không gọilà hành Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Bát nhã Ba la mật không có tướng nhưthế, không thấy chúng sinh được độ, được đắc. Vì chúng sinh không có tínhnên Bát nhã Ba la mật cũng không có tính. Vì chúng sinh lìa tướng nên Bát nhã Ba la mật cũng lìa tướng. Vì chúng sinh không sinh nên Bát nhã Ba la mật cũng không sinh. Vì chúng sinh không diệt nên Bát nhã Ba la mật cũngkhông diệt. Vì chúng sinh không thể nghĩ bàn nên Bát nhã Ba la mật cũngkhông thể nghĩ bàn. Vì chúng sinh không hiểu biết nên Bát nhã Ba la mậtcũng không hiểu biết. Vì chúng sinh như thật biết thắng nghĩa nên Bát nhã Ba la mật cũng như thật biết thắng nghĩa. Vì sức chúng sinh hội tụ nên sứcNhư Lai cũng hội tụ. Thế Tôn, con vì nhân duyên như thế nên nói Đại Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử bạch Phật: Thế Tôn, nếu các Bồ-tát Ma-ha-tát, ởnơi pháp môn Bát nhã Ba la mật sâu xa này, nghe xong nhận kỹ, không nghi, không hỏi, sinh tin hiểu thanh tịnh, thì các Bồ-tát này mất ở chổ nào mà sinh đến đây?

Phật bảo Xá-lợi Tử: Nên biết các Bồ-tát này đã nghe nhận pháp này trong các cõi Phật ở phương khác, thưa hỏi nghĩa đó, theo đó mà hiểu biết; sau khi mất từ chỗ kia thì sinh đến đây.

Lại nữa, Xá-lợi Tử. Nếu người tạm thời nghe được pháp môn Bát nhã Ba la mật sâu xa này, liền sinh tin hiểu, sung sướng, vui mừng, tôn trọng, cungkính, như nghĩ đến Phật; nên biết người

này đã được nghe nhận pháp này ởvô số Phật Thế Tôn, từ lâu đã tu diệu hạnh tối thắng của Bồ-tát. Nhữngngười như thế được Phật khen ngợi.

Quyển VIII

Phẩm 7: Nhân Duyên Địa Ngục
Phần 2

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, Bát nhã Ba la mật, có thể nghe, có thể chứng đắc không? Hoặc thanh, hoặc tướng, có thể nói rakhông?

Phật nói: Không thể, Tu-bồ-đề. Bát nhã Ba la mật không thuyết giảng,không chỉ bày, không nghe, không chứng đắc, chẳng phải tướng có thể thấycủa uẩn, xứ, giới. Vì sao? Tất cả pháp đó lìa các thứ tính, nên uẩn, xứ, giớitức Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì uẩn, xứ, giới là không, ly, tịch diệt, Bát nhã Ba la mật cũng không, ly, tịch diệt. Bát nhã Ba la mật cùng uẩn, xứ,giới không hai, không khác, không tướng, không phân biệt.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, nếu có người ở trong hội của Phật, nghe nói pháp môn Bát nhã Ba la mật sâu xa này, không sinh tin hiểu,tâm không thích thú, từ bỏ pháp hội, không thể nghe, thụ nhận. Người kia vì nhân duyên gì khởi tướng như thế?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ta nay vì ông phân biệt như thật. Nếu có người nghepháp môn Bát nhã Ba la mật thâm diệu này không sinh tin hiểu, không thíchnghe nhận, nên biết người này tuy có tu phạm hạnh ở trăm ngàn Phật,nhưng lại không ưa nghe nhận pháp này ở nơi chư Phật; nếu nghe nói phápmôn Bát nhã Ba la mật này thì đứng dậy khỏi hội. Tu-bồ-đề, người kia, ởchỗ Phật trước đây, đã gieo nhân duyên chướng ngại pháp như thế, vì thếbây giờ, trong pháp của ta, nghe thuyết pháp môn Bát nhã Ba la mật sâuxa, cũng lại không sinh thích thú, tin hiểu, không có tưởng tôn trọng, lìa bỏmà đi. Nên biết người này, dù thân dù tâm, không thể hòa hợp; vì thế đốivới pháp môn Bát nhã Ba la mật này, không sinh một niệm thanh tịnh, tinhiểu, không khởi tri, kiến, tưởng chân chính như thật; đối với pháp sâu xa,sinh tâm nghi ngờ, tạo nghiệp vô trí. Do tích tập nghiệp vô trí, nên nghe pháp môn Bát nhã Ba la mật này, sinh tâm trái chống, khởi nghiệp hủy báng. Vì trái chống, hủy báng Bát nhã Ba la mật, tức là trái chống, hủy bángNhất thiết trí của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Tu-bồ-đề, ta nói người này ít trí, ít tuệ, không có phúc nghiệp chân chính, không thể thành tựu thiện căn tịnh tín. Ở mọi lúc, mọi nơi, tự hoại thân mình, lại hoại thân người, cắt đứt nhân lợi lạc lớn của các chúng sinh.

Tu-bồ-đề, người kia vì nhân duyên hủy báng pháp này, tương lai nhất địnhđọa địa ngục lớn. Trải qua nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trămngàn năm, nhiều câu-chi trăm năm, nhiều câu-chi ngàn năm, nhiều câu-chi trăm ngàn năm, nhiều câu-chi na-dữu-đa trăm ngàn năm, chịu các khổ não,từ địa ngục lớn này đến địa ngục lớn khác. Lại xoay vòng từ địa ngục nàyđến địa ngục khác. Nếu vào lúc kiếp hỏa thiêu ở địa ngục lớn này, thì ngườihủy báng pháp kia lại chịu các khổ não trong địa ngục lớn ở thế giới phươngkhác, cũng lại từ địa ngục lớn này đến địa ngục lớn khác. Nếu vào lúc kiếphỏa thiêu ở địa ngục của thế giới phương khác, thì lại luân chuyển vào điạngục lớn ở thế giới phương khác, chịu các khổ não cũng lại như thế, từ điạngục này tời địa

ngục khác. Lại nữa, nếu lúc kiếp hỏa thiêu của thế giới kia,và thế giới này thành lại, thì lại vào trong địa ngục lớn này, cũng lại chịu cáckhổ não từ địa ngục này đến địa ngục khác. Luân chuyển từ thế giới này đếnthế giới kia như thế, trong mỗi địa ngục, số lượng giống như trước, trải quabao năm như thế, chịu các khổ não; cho đến cuối cùng, khi kiếp hỏa địangục của thế giới này khởi lại, lúc bị thiêu đốt mới hết thụ khổ. Vì sao? Tu-bồ-đề, người kia, vì nghiệp ngữ bất thiện, hủy báng pháp môn Bát nhã Ba la mật sâu xa, nên nhận quả như thế.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử bạch Phật: Thế Tôn, những chúng sinh tạo nămtội nghiệp Vô gián rất nặng có giống như tội nghiệp hủy báng pháp nàykhông?

Phật bảo Xá-lợi Tử: Ông đừng cho rằng năm nghiệp Vô gián kia giống với tộinặng hủy báng pháp này. Xá-lợi Tử, người chống đối, hủy báng Chính pháp sâu xa, tội họ rất nặng, vượt quá năm tội nghiệp Vô gián. Vì sao? Người hủybáng pháp kia, nghe thuyết pháp môn Bát nhã Ba la mật, liền nói rằng đâykhông phải Phật thuyết, ta nay không thể học ở trong đó. Người kia tự hoạilòng tin thanh tịnh của chính mình, lại hoại lòng tin thanh tịnh của ngườikhác; tự uống các thứ độc, lại khiến người khác cũng uống các độc đó; tựmình phá hoại, lại khiến người khác làm chuyện phá hoại; tự mình, đối vớipháp môn Bát nhã Ba la mật, không tin, không nhận, không biết, khônghiểu, không tu tập, lại khiến người khác không sinh tin, nhận, không biết,hiểu đúng, cũng không tu tập. Xá-lợi Tử, ta nói người này là người pháPháp, tính họ ô trược, đen tối, không trong sạch, đối với thiện pháp là yết-thương-ma, hủy hoại lòng tin trong sạch; lại còn gọi là kẻ làm bẩn pháp. Xá-lợi Tử, vì nhân duyên như thế, tội hủy báng pháp này rất là sâu nặng; nămnghiệp Vô gián không thể sánh bằng.

Xá-lợi Tử bạch Phật: Thế Tôn, như Phật đã nói, người hủy báng pháp kiađọa địa ngục lớn; không biết lượng thân khổ người này sẽ chịu là như thếnào?

Phật nói: Đừng hỏi, Xá-lợi Tử. Không cần hỏi lượng thân khổ người này phải chịu. Vì sao? Người kia nếu nghe phần lượng lớn, nhỏ của thân khổ phải chịu, tức thời sẽ có máu nóng từ cửa miệng chảy ra, gần kề cái chết. Như thế trở nên lo buồn, khổ não; phần thân trong, ngoài khô héo, gầy yếu, sinh lo sợ lớn. Vì thế ta nay không nói lượng thân khổ người kia phải chịu. 72

Xá-lợi Tử lại bạch Phật: Thế Tôn, xin hãy tuyên thuyết lượng thân khổ người hủy báng pháp kia phải chịu, để làm sáng tỏ, có sự chỉ bày cho tất cả chúng sinh trong đời mạt kiếp, khiến đối với Chính pháp không sinh hủy báng.

Phật nói : Xá-lợi Tử, không cần phải nói.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử khẩn thiết như thế, tiếp tục thưa thỉnh lần hai, lần ba.

Phật nói: Không được, Xá-lợi Tử. Ông nay nên biết, việc này như ta đã nói,nếu người hủy báng pháp đọa địa ngục lớn, chịu khổ rất nặng trong thời gian như thế, tức cũng đã đủ nhân duyên để làm sáng tỏ cho chúng sinh. Vì thế không nên nói về lượng thân của người đó nữa.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, các Thiện nam tử, Thiện nữnhân, ở mọi lúc, thường nên khéo giữ gìn nghiệp thân, ngữ, ý; đừng để tạo các nghiệp hành bất thiện. Vì sao? Như Phật đã nói về người đọa địa ngục.Do nghiệp ngữ của họ bất thiện, nên thường tạo nhóm phi phúc to lớn nhưthế. Thế Tôn, có đúng là người hủy báng Chính pháp do nghiệp ngữ mànhận tội báo này không?

Phật nói: Đúng thế, đúng thế. Tu-bồ-đề, do họ khởi nghiệp ngữ bất thiện,tức sinh hủy báng đối với Chính pháp; vì nhân duyên như thế mà nhận tộibáo này. Tu-bồ-đề, ta nói người này không nên xuất gia trong pháp của ta.Vì sao? Vì người đó chống đối, hủy báng Bát nhã Ba la mật, tức hủy bángVô thượng Chính đẳng Chính giác; vì hủy báng Vô thượng Chính đẳng Chínhgiác, tức hủy báng tất cả Phật Bảo; vì hủy báng Phật Bảo, tức hủy báng Nhất thiết trí của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại; vì hủy báng Nhất thiết trí, tức hủy báng tất cả Pháp Bảo; vì hủy báng Pháp Bảo, tức hủy bángThanh Văn, tất cả Tăng Bảo. Như vậy, tức ở mọi loại, mọi lúc, mọi nơi, đều hủy báng Tam Bảo, tích tập vô lượng vô số nghiệp hành bất thiện, sẽ đọa địa ngục, chịu khổ não lớn.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, người kia vì nhân duyên gì, đối với pháp môn Bát nhã Ba la mật này, sinh tâm khinh báng.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nên biết người kia có bốn loại nhân. Thế nào là bốn?Một là bị Ma sai khiến; hai là tự tích tập nhân của nghiệp Vô trí, phá hoại sựtin hiểu thanh tịnh có được; ba là nương theo tất cả Bất Thiện tri thức, đối với phi pháp, sinh tưởng hòa hợp; bốn là chấp trước tướng ngã, không sinh Chính kiến, nương theo tâm tà, gây các lỗi lầm.

Tu-bồ-đề, do bốn loại nhân duyên này nên sinh hủy báng đối với pháp môn Bát nhã Ba la mật sâu xa này. Tu-bồ-đề, vì thế các Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, đối với Chính pháp chư Phật đã thuyết, nên khởi sự tin hiểu trongsạch, đừng sinh khinh báng. Người hủy báng Chính pháp tức là phá pháp. Nếu là người phá pháp, đoạn diệt thọ mạng, khởi nghiệp vô trí, sẽ đọa địangục, chịu khổ não lớn.

Phẩm 8: Thanh Tịnh
Phần 1

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, nếu có người nương theo áctri thức, xa lìa thiện căn và không tinh tiến, thì đối với pháp môn Bát nhã Ba la mật sâu xa này, rất khó tin hiểu phải không?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng thế, đúng thế. Như ông đã nói, những người nhưthế ít thấy, ít nghe, xa lìa thiện căn, tu trí tuệ yếu, không thể tinh tiến. Lạinương theo các ác tri thức, vì thế đối với pháp môn sâu xa này rất khó tinhiểu.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, pháp môn Bát nhã Ba la mật này, vì nghĩa gìmà khó tin, khó hiểu?

Phật dạy: Tu-bồ-đề, sắc, thụ, tưởng, hành, thức không buộc, không cởi. Vìsao? Vì tự tính của sắc là sắc nên không buộc, không cởi; tự tính của thụ,tưởng, hành, thức là thức nên không buộc, không cởi. Sắc sát-na trướckhông buộc, không cởi. Vì sao? Vì tự tính của sắc sát-na trước chính là sắc; sắc sát-na sau không buộc, không cởi, vì tự tính của sắc sát-na sau chính là sắc; sắc sát-na giữa không buộc, không cởi, vì tự tính của sắc sát-na giữachính là sắc. Thụ, tưởng, hành, thức sát-na trước, sau, giữa không buộc,không cởi. Vì sao? Tự tính của thức sát-na trước, sau, giữa chính là thức.Bát nhã Ba la mật, vì nghĩa này, nên sâu xa khó hiểu.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, pháp môn Bát nhã Ba la mật khó tin, khóhiểu. Như Phật đã nói, vô cùng sâu xa nên trở thành khó hiểu. Thế Tôn, nếucó người biếng nhác, thiếu tinh tiến, mất niệm, không có trí tuệ, nên biếtnhững người này khó hiểu, khó vào đối với pháp môn Bát nhã Ba la mật.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng thế, đúng thế, như ông nói.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Vì sắc thanh tịnh tức quả thanh tịnh; vì quả thanh tịnh,tức sắc thanh tịnh. Dù sắc thanh tịnh hay quả thanh tịnh, không hai, khôngthể phân biệt, không đứt, không hoại. Vì thụ, tưởng, hành, thức thanh tịnh,tức quả thanh tịnh; vì quả thanh tịnh, tức thức thanh tịnh. Dù thức thanhtịnh hay quả thanh tịnh, không hai, không phân biệt, không đứt, không hoại.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Vì sắc thanh tịnh, tức Nhất thiết trí thanh tịnh; vì Nhất thiết trí thanh tịnh, tức sắc thanh tịnh. Dù sắc thanh tịnh hay Nhất thiết trít hanh tịnh, không hai, không phân biệt, không đứt, không hoại. Vì thụ,tưởng, hành, thức thanh tịnh, tức Nhất thiết trí thanh tịnh; vì Nhất thiết trí thanh tịnh, tức thức thanh tịnh. Dù thức thanh tịnh hay Nhất thiết trí thanh tịnh, không hai, không phân biệt, không đứt, không hoại. 74

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử bạch Phật: Thế Tôn, Bát nhã Ba la mật vô cùng sâu xa.

Phật nói: Vì tính thanh tịnh.

Xá-lợi Tử nói: Bát nhã Ba la mật là ánh sáng lớn.

Phật nói: Vì tính thanh tịnh.

Xá-lợi Tử nói: Bát nhã Ba la mật chiếu soi rộng lớn.

Phật nói: Vì tính thanh tịnh.

Xá-lợi Tử nói: Bát nhã Ba la mật không hòa hợp.

Phật nói: Vì tính thanh tịnh.

Xá-lợi Tử nói: Bát nhã Ba la mật không có được.

Phật nói: Vì tính thanh tịnh.

Xá-lợi Tử nói: Bát nhã Ba la mật không có chứng.

Phật nói: Vì tính thanh tịnh.

Xá-lợi Tử nói: Bát nhã Ba la mật rốt ráo không sinh Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới.

Phật nói: Vì tính thanh tịnh.

Xá-lợi Tử nói: Bát nhã Ba la mật rốt ráo không diệt.

Phật nói: Vì tính thanh tịnh.

Xá-lợi Tử nói: Bát nhã Ba la mật không thể biết rõ?

Phật nói: Vì tính thanh tịnh.

Xá-lợi Tử nói: Bát nhã Ba la mật vì sao không thể biết rõ?

Phật nói: Xá-lợi Tử, Bát nhã Ba la mật không biết sắc, không biết thụ,tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì tính của sắc, thụ, tưởng, hành, thức thanh tịnh.

Xá-lợi Tử nói: Bát nhã Ba la mật, ở Nhất thiết trí, không sinh khởi, không tạo tác.

Phật nói: Vì tính thanh tịnh.

Xá-lợi Tử nói: Bát nhã Ba la mật, không có pháp có thể nắm, không có pháp có thể bỏ.

Phật nói: Vì tính thanh tịnh.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, vì Ngã thanh tịnh nên sắc thanh tịnh.

Phật nói: Vì rốt ráo thanh tịnh.

Vì Ngã thanh tịnh nên thụ, tưởng, hành, thức thanh tịnh.

Phật nói: Vì rốt ráo thanh tịnh.

Tu-bồ-đề nói: Vì Ngã thanh tịnh nên quả thanh tịnh.75

Phật nói: Vì rốt ráo thanh tịnh.

Tu-bồ-đề nói: Vì Ngã thanh tịnh nên Nhất thiết trí thanh tịnh.

Phật nói: Vì rốt ráo thanh tịnh.

Tu-bồ-đề nói: Vì Ngã thanh tịnh nên không có đắc, không có chứng.

Phật nói: Vì rốt ráo thanh tịnh.

Tu-bồ-đề nói: Vì Ngã vô biên nên sắc cũng vô biên.

Phật nói: Vì rốt ráo thanh tịnh.

Tu-bồ-đề nói: Vì Ngã vô biên nên thụ, tưởng, hành, thức cũng vô biên.

Phật nói: Vì rốt ráo thanh tịnh.

Tu-bồ-đề nói: Bồ-tát Ma-ha-tát, đối với Bát nhã Ba la mật, không có hiểu rõ.

Phật nói: Vì rốt ráo thanh tịnh.

Tu-bồ-đề nói: Bát nhã Ba la mật không phải bờ này, không phải bờ kia,không phải giữa dòng, tự tính không có trú.

Phật nói: Vì rốt ráo thanh tịnh.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, nếu Bồ-tát Ma-ha-hát, đốivới tất cả các pháp, có sự phân biệt, tức đánh mất Bát nhã Ba la mật, tức xa rời Bát nhã Ba la mật.

Phật khen Tu-bồ-đề: Hay thay! Hay thay! Tu-bồ-đề. Đúng thế, đúng thế, như ông nói. Vì sao? Nếu khởi phân biệt đối với tất cả các pháp, tức là danh tướng, vì có chấp trước.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, nếu đối với danh tự Bát nhã Ba la mật đượcnói đến mà có phân biệt, thì gọi đó là chấp trước.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử hỏi Tu-bồ-đề: Thế nào gọi là tướng chấp trước?

Tu-bồ-đề nói: Nếu Bồ-tát phân biệt sắc với không; phân biệt thụ, tưởng,hành, thức với không, đó là tướng chấp trước. Lại nữa, nếu phân biệt đây làpháp quá khứ, đây là pháp vị lai, đây là pháp hiện tại, đây là người mới pháttâm Bồ-đề, được bấy nhiêu nhóm phúc, nếu phân biệt là người mới tu hạnhBồ-tát thì được bao nhiêu phúc,nếu đã tu hành Bồ-tát lâu thì thành tựu baonhiêu công đức, những phân biệt như thế gọi là tướng chấp trước.

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích bạch Tôn giả Tu-bồ-đề: Vì duyên gì, Bồ-tátđược phúc lại gọi là tướng chấp trước?

Tu-bồ-đề nói: Kiều-thi- ca, nếu Bồ-tát mới phát tâm, đem tâm phân biệt cáitâm Bồ-đề này, tức lấy thiện căn phát tâm hồi hướng Vô thượng Chính đẳngChính giác. Nếu có thể hồi hướng, tức không gọi là hồi hướng. Phân biệt như thế tức là tướng chấp trước. Kiều-thi- ca, nếu có Bồ-tát muốn khiến các Thiện nam tử, Thiện nữ nhân an trú Bồ-tát thừa, thì đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác, nên dùng pháp chân thật, như lý chỉ bày lý, dạy bảo như thật, lợi ích như thật, vui mừng như lý. Nếu Bồ-tát có thể dùng pháp như thế, dạy bày lợi, hỷ, tự không làm hại điều được chư Phật nhìn nhận, chỉdạy; các Thiện nam tử, Thiện nữ nhân kia cũng được lìa tâm chấp trước.

Bấy giờ, Phật khen ngợi Tu-bồ-đề: Hay thay! Hay thay! Tu-bồ-đề. Ông khéotuyên thuyết pháp môn Ly trước, khiến các Bồ-tát Ma-ha-tát, đối với cácpháp, không sinh chấp trước. Tu-bồ-đề, ta lại vì ông tuyên thuyết pháp mônLy trước vi diệu. Ông hãy khéo nghe, suy nghĩ đúng đắn.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Hay thay! Thế Tôn. Xin hãy tuyên thuyết.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu có người, đối với Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác, khởi lên ý tưởng có sở đắc mà sinh chấp trước; đó là pháp thamtrước rất lớn. Vì sao? Vì không lìa các tướng. Tu-bồ-đề, nếu có Bồ-tát khởi tâm tùy hỷ đối với các pháp vô lậu của chư Phật Thế Tôn quá khứ, hiện tại,vị lai, dùng thiện căn tùy hỷ này, hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chínhgiác, cũng là chấp trước. Vì sao? Tu-bồ-đề, các pháp không thể có sở đắc ở quá khứ, hiện tại, vị lai. Tâm tùy hỷ kia cũng không phải ba đời, thì sẽ lấy tâm gì để tùy hỷ pháp gì? Vì thế, nên biết tất cả các pháp không có tướng, không thấy, không nghe, không hiểu, không biết.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, tính của các pháp thật sâu xa.

Phật nói: Lìa tất cả các tính.

Tu-bồ-đề nói: Tính Bát nhã Ba la mật sâu xa.

Phật nói: Tự tính Bát nhã Ba la mật thanh tịnh, lìa tất cả tính.

Tu-bồ-đề nói: Bát nhã Ba la mật lìa tính, con nay kính lễ.

Phật nói: Tất cả các pháp lìa tính. Tu-bồ-đề, do tất cả các pháp lìa tính, tức Bát nhã Ba la mật lìa tính. Vì sao? Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác chứng được như thật tất cả các pháp không có tính.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giácchứng pháp không có tính sao?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Không có tính cũng chẳng phải không có tính. Tất cả các pháp kia, dù có tính, dù không có tính, đều cùng một tướng; đó là Vô tướng.Tu-bồ-đề, vì thế chư Phật chứng được như thế tất cả các pháp đó. Vì sao? VìPháp nhãn của chư Phật không phân biệt, tính tất cả các pháp chỉ là một, không hai. Tất cả các pháp kia, dù là tính, hay chẳng phải tính, đều gọi là Vô tính. Tính, không có tính kia, đều gọi là Nhất tính; tức Nhất tính này cũng không thể có sở đắc. Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát biết rõ như thế tức lìa được mọi chấp trước.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, Bát nhã Ba la mật tối thượng, sâu xa.

Phật nói: Giống như hư không sâu xa, tức Bát nhã Ba la mật sâu xa.

Tu-bồ-đề nói: Bát nhã Ba la mật khó biết.

Phật nói: Không thể biết.Tu-bồ-đề nói: Bát nhã Ba la mật không thể nghĩ bàn. 77

Phật nói: Không phải cái được tâm biết, vượt ngoài tâm số.

Tu-bồ-đề nói: Bát nhã Ba la mật lìa mọi tạo tác.

Phật nói: Tạo tác là không thể có được.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, Bồ-tát Ma-ha-hát sẽ hành Bát nhã Ba la mật thế nào?

Phật nói: Nếu Bát nhã Ba la mật không hành ở sắc là hành Bát nhã Ba la mật; không hành thụ, tưởng, hành, thức là hành Bát nhã Ba la mật; khônghành vô thường của sắc là hành Bát nhã Ba la mật; không hành vô thườngcủa thụ, tưởng, hành, thức là hành Bát nhã Ba la mật; không hành Khôngcủa sắc là hành Bát nhã Ba la mật; không hành Không của thụ, tưởng,hành, thức là hành Bát nhã Ba la mật; không hành tướng đầy đủ, không đầyđủ của sắc là hành Bát nhã Ba la

mật. Vì sao? Nếu hành tướng đầy đủ,không đầy đủ của sắc, tức chẳng phải sắc; không hành tướng đầy đủ, khôngđầy đủ của thụ, tưởng, hành, thức là hành Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Nếuhành tướng đầy đủ, không đầy đủ của thụ, tưởng, hành, thức, tức chẳng phải thức. Nếu không hành các pháp như thế, thì gọi là hành Bát nhã Ba la mật.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Hiếm có, Thế Tôn. Khéo vì các Bồ-tátMa-ha-hát, đối với pháp chấp trước, nói pháp không chấp trước.

Phật dạy: Nếu không hành sắc có chấp trước, không chấp trước, là hànhBát nhã Ba la mật; không hành thụ, tưởng, hành, thức có chấp trước, khôngchấp trước, là hành Bát nhã Ba la mật; không hành các thụ có chấp trước,không chấp trước được sinh bởi duyên nhãn xúc cho đến ý xúc, là hành Bát nhã Ba la mật; không hành địa giới cho đến thức giới có chấp trước, khôngchấp trước, là hành Bát nhã Ba la mật; không hành các Ba-la-mật bố thí, trìgiới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí tuệ có chấp trước, không chấptrước, là hành Bát nhã Ba la mật; không hành các nhóm công đức có chấptrước, không chấp trước của ba mươi bảy phần pháp Bồ-đề và mười Lực,bốn Vô úy, mười tám pháp Bất cọng của Phật, là hành Bát nhã Ba la mật;không hành Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Duyên Giác, NhưLai có chấp trước, không chấp trước là hành Bát nhã Ba la mật; không hànhNhất thiết trí có chấp trước, không chấp trước là hành Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát có thể đối với sắc không sinh chấp trước, đốivới thụ, tưởng, hành, thức không sinh chấp trước, đối với các thụ được sinhdo duyên nhãn xúc cho đến ý xúc không sinh chấp trước, đối với địa giới chođến thức giới không sinh chấp trước, đối với các Ba-la-mật bố thí, trì giới,nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí tuệ không sinh chấp trước, đối với cácnhóm công đức của ba mươi bảy phần pháp Bồ-đề và mười Lực, bốn Vô úy,mười tám pháp Bất cọng của Phật không sinh chấp trước, đối với Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Duyên Giác, Như Lai cho đến Nhất thiết trí cũng không sinh chấp trước như thế. Vì sao? Tất cả các pháp không buộc, không cởi, vượt quá các sự chấp trước; vì thế được gọi là Nhất thiết tríLy trước Vô ngại.

Tu-bồ-đề, các Bồ-tát Ma-ha-tát nên hành Bát nhã Ba la mật như thế.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Hiếm có, Thế Tôn. Bát nhã Ba la mật là pháp sâu xa.Dù nói cũng không tăng, không nói cũng không giảm; nói cũng không giảm,không nói cũng không tăng.

Phật khen Tu-bồ-đề: Hay thay! Hay thay! Tu-bồ-đề, đúng thế, đúng thế. Nếu Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác dùng hết số lượng mạng sống của mình để ca ngợi hư không, thì hư không đó, khen cũng không tăng,không khen cũng không giảm, khen cũng không giảm, không khen cũngkhông tăng. Ví như khen ngợi người được huyễn hóa, khen cũng không vui, không khen cũng không giận; khen cũng không tăng, không khen cũng không giảm. Tu-bồ-đề, tính các pháp lìa nói, chẳng phải nói, không tăng,không giảm như thế.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, Bát nhã Ba la mật rộng lớn sâu xa, Bồ-tátMa-ha-tát rất khó thực hành. Ví như hư không, không động, không chuyển,không tướng, không tác; Bát nhã Ba la mật cũng thế. Thế Tôn, Bồ-tát vìchúng sinh nên mặc áo giáp lớn mà trang nghiêm. Vì sao? Bồ-tát vì muốnthành tựu quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác, độ các chúng sinh, chonên tu học Bát nhã Ba la mật. Thế Tôn, như người mặc áo giáp đánh nhauvới hư không kia, mà hư không

kia vốn bình đẳng, Pháp giới bình đẳng,chúng sinh bình đẳng; các Bồ-tát tuy dũng mãnh thành tựu Tinh tiến Ba-la-mật, cuối cùng cũng không thể đánh thắng được hư không. Vì thế, các Bồ-tát Ma-ha-tát khó hành Bát nhã Ba la mật.

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích bạch Tôn giả Tu-bồ-đề: Nếu như thế, tức Bát nhã Ba la mật hành mà không có cái được sinh ra, thì làm thế nào tương ưng?

Tu-bồ-đề nói: Kiều-thi- ca, giống như cái được sinh ra do hành hư không,hành Bát nhã Ba la mật cũng sinh ra như thế. Kiều-thi- ca, các Bồ-tát Ma-ha-tát muốn học hành Bát nhã Ba la mật, thì nên như hành hư không; ngườihọc như thế, tức là tương ưng.

Bấy giờ, trong hội có một Tỷ-khưu nghe pháp này xong, từ chỗ ngồi đứngdậy, chấp tay hướng Phật, nói như thế này: Bát nhã Ba la mật không cópháp nào có thể sinh, không có pháp nào có thể diệt; vì thế, con nay kính lễ Bát nhã Ba la mật.

Quyển IX

Phẩm 8: Thanh Tịnh
Phần 2

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Thế Tôn, nếu có người thụ trì phápmôn Bát nhã Ba la mật này, con sẽ bảo vệ người đó và pháp môn này.

Bấy giờ Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi Thiên chủ Đế Thích: Kiều-thi- ca, ông thấy có pháp để bảo vệ sao? Thiên chủ Đế Thích nói: Không, Tu-bồ-đề.

Bấy giờ, Tu-bồ-đề nói: Thiên chủ, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát theo Bát nhã Ba la mật đã nói, hành đúng như lý, tùy thuận, tương ưng, tức gọi là chân thật bảo vệ. Nếu thường xa rời Bát nhã Ba la mật, ở tất cả mọi nơi liền bị người và phi nhân rình lấy cơ hội. Lại nữa, Kiều-thi- ca. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát muốnbảo vệ Bát nhã Ba la mật, nên giống như bảo vệ hư không, đó chính là hành Bát nhã Ba la mật. Kiều-thi- ca, ý ông thế nào? Có thể bảo vệ âm vang của tiếng kêu đó không?

Thiên chủ Đế Thích nói: Tôn giả Tu-bồ-đề, âm vang tiếng kêu kia không thể bảo vệ.

Tu-bồ-đề nói: Đúng thế, đúng thế. Kiều-thi- ca, nên biết tất cả các phápgiống như tiếng vang. Nếu biết như thế tức đối với các pháp không có cáiđược quán, không có cái được chỉ bày, không có cái được sinh, không có cáisở đắc; đó là Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba la mật.

Bấy giờ, trong mỗi một thế giới của ba ngàn Đại thiên thế giới, từ bốn ĐạiThiên Vương cho đến Đại Phạm Thiên Vương. Chủ thế giới Ta-bà Đại PhạmThiên Vương, Thiên chủ Đế Thích, và các Thiên tử của các thế giới đó, nhờsức gia trì, oai thần của Phật, tức thời đều đến chỗ Phật, đầu mặt sát đất, lễchân Thế Tôn, đi vòng bên phải ba vòng, lui đứng một bên.

Bấy giờ, Thế Tôn dùng sức oai thần khiến tất cả Phạm Vương, Đế Thích và các Phạm chúng cùng các Thiên tử bốn trời Thiên vương, v.v..., kia, mỗi mỗi đều thấy ngàn Phật Thế Tôn, ở các phương hướng, đồng loạt tuyên thuyết pháp môn Bát nhã Ba la mật. Danh, cú, văn như thế đều cùng chung một tướng nói. Pháp môn, phẩm loại, chương cú của Bát nhã Ba la mật đó, đều không khác nhau. Người thụ pháp đó đều tên Tu-bồ-đề; người thưa hỏi cũng giống như Thiên chủ Đế Thích.

Bấy giờ, Phật bảo các Phạm Vương, Thiên chủ Đế Thích đó: Các ông ở chỗ này, nay thấy chư Phật tuyên thuyết pháp môn Bát nhã Ba la mật như thế.80

Có Bồ-tát Ma-ha-tát Từ Thị sẽ thành quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác, cũng đã ở nơi này, tuyên thuyết pháp môn Bát nhã Ba la mật như thế.

Phẩm 9: Khen Pháp Vượt Trội.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, Bát nhã Ba la mật sâu xa, vidiệu. Trong danh tự này, rốt ráo không thể có sở đắc, chẳng phải là ngônngữ kia, nhưng vẫn có thể tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật. Vì danh xưngkhông thể có sở đắc, nên pháp Bát nhã Ba la mật cũng không thể có sởđắc. Nhưng Bát nhã Ba la mật này, danh tự và pháp không hai, không khác,đều không được sinh, đều không thể có sở đắc. Thế Tôn, như Phật đã nói,Bồ-tát Ma-ha-tát Từ Thị sẽ thành quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác, đãở nơi này cũng lại như thế, tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật. Pháp sâu xanày, Bồ-tát đó làm sao thuyết?

Bấy giờ, Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề: Bồ-tát Ma-ha-tát Từ Thị đó, sẽ thànhtựu quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác, đã ở nơi này, lúc thuyết Bát-nhãBa-la-mật, không nói sắc hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc cởi, hoặcbuộc; không nói thụ, tưởng, hành, thức hoặc thường, hoặc vô thường, hoặccởi, hoặc buộc; nói sắc, thụ, tưởng, hành, thức, rốt ráo thanh tịnh. Tu-bồ-đề, Bồ-tát đó dùng danh, cú, văn như thế, như thật tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật.

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.

Phật dạy: Tu-bồ-đề, vì sắc thanh tịnh, Bát nhã Ba la mật thanh tịnh; vì thụ,tưởng, hành, thức thanh tịnh, Bát nhã Ba la mật thanh tịnh; vì sắc khôngsinh, không diệt, không dính mắc phiền não, không ra khỏi thế gian, nênthanh tịnh; Bát nhã Ba la mật cũng thanh tịnh như thế. Vì thụ, tưởng, hành,thức không sinh, không diệt, không dính mắc phiền não, không ngoài thếgian, nên thanh tịnh; Bát nhã Ba la mật cũng thanh tịnh như thế. Sắc khôngnhiễm nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh; thụ, tưởng, hành, thức khôngnhiễm nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh; tất cả các pháp không nhiễm nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh; hư không thanh tịnh nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh. Tất cả các pháp như hư không, như tiếng vang, nên thanh tịnh; Bát nhã Ba la mật cũng thanh tịnh như thế.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, đối với pháp môn Bát nhã Ba la mật này, phát tâm thanh tịnh,nghe, nhận, đọc tụng, vì người diễn nói, nên biết người này được thiện lợilớn; các căn nhãn, nhĩ, tỹ, thiệt, thân thanh tịnh; lìa các bệnh khổ, tất cả ác độc không thể làm tổn hại; thọ mạng tăng trưởng, không gặp nạn chết yểu;thường được ngàn chúng Thiên tử hoặc dẫn đường trước, hoặc đi theo sau,ở khắp mọi nơi, âm thầm bảo vệ. Thế Tôn, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân trìpháp, vào ngày đầu tháng, ngày mồng tám, ngày mười bốn, ngày mười lăm,nên thanh tịnh nghiệp thân, ngữ, tâm; ở các nơi, đọc tụng pháp môn Bát nhã Ba la mật này, hoặc vì người khác giải thuyết nghĩa kinh. Nên biết Thiệnnam tử, Thiện nữ nhân này được phucc rất nhiều.Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng thế, đúng thế. Như ông nói, nếu có Thiện nam tử,Thiện nữ nhân, đối tất cả các nơi, lúc đọc tụng, giải thuyết pháp môn Bát nhã Ba la mật này, thường có ngàn chúng Thiên tử đến chỗ người trì phápđó, vì muốn nghe nhận Chính

pháp, lợi ích lớn nên âm thầm bảo vệ ngườiđó. Vì sao? Pháp môn Bát nhã Ba la mật này là vật báu tối thắng ở trên trời và cõi người. Vì duyên này nên Thiện nam tử, Thiện nữ nhân nào có thể thụ trì thì được phúc rất nhiều.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu có người thụ trì, đọc tụng, giảng thuyết pháp mônBát nhã Ba la mật này, ở trong đời này, được thiện lợi lớn, được vật báu tốithắng, được trên trời, cõi người cùng tôn trọng. Vì sao? Pháp môn Bát-nhãBa-la-mật này có thể đem lợi lạc lớn cho chúng sinh. Tu-bồ-đề, tất cả cácpháp kia không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, không nắm,không bỏ, không có, không được; Bát nhã Ba la mật cũng không sinh,không diệt, không nhiễm, không tịnh, không nắm, không bỏ, không có,không được. Vì sao? Sắc không nhiễm nên Bát nhã Ba la mật cũng khôngnhiễm; thụ, tưởng, hành, thức không nhiễm nên Bát nhã Ba la mật cũngkhông nhiễm. Bồ-tát Ma-ha-tát, nếu đối với các pháp không sinh phân biệt,chính là hành Bát nhã Ba la mật. Tu-bồ-đề, Bát nhã Ba la mật không phảitrong, không phải ngoài, không ra, không vào, không có pháp để chỉ bày,không có pháp để quán sát.

Bấy giờ, tất cả Phạm Vương, Đế Thích và các Thiên tử của ba ngàn Đại thiênthế giới đều đến tập hội, vui mừng, hớn hở, cùng nói thế này: Chúng con hôm nay, ở Diêm-phù-đề, được nghe Thế Tôn, lần thứ hai, chuyển bánh xepháp Bát nhã Ba la mật sâu xa này. Đời vị lai kia, lúc Bồ-tát Từ Thị đã thành Chính giác, chuyển bánh xe pháp này, nguyện cho chúng con cũng được nghe pháp này.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Pháp, chẳng phải chuyển lần đầu, chẳng phải chuyểnlần hai. Nên biết các pháp rốt ráo không có, nên không thể chuyển. Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát tu học Bát nhã Ba la mật cũng thế.Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, Đại Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì tất cả các pháp kia lìa mọi dính mắc, nên các Bồ-tát Ma-ha-tát tu tất cả các pháp cho đến chứng đắc quả Vô thượng Chính đẳngChính giác, cũng không có pháp để chứng. Tuy chuyển bánh xe pháp, nhưng không có pháp để hiển bày, không có pháp để chứng đắc. Vì không chứng, không hiển bày, không có sở đắc, nên tất cả các pháp là Không, rốtráo lìa mọi dính mắc. Do lìa dính mắc, nên tất cả các pháp không lui, không chuyển. Vì sao? Thế Tôn, tất cả pháp lìa tính, cho nên không lui, không chuyển. Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề: Đúng thế, đúng thế. Như ông nói, Tu-bồ-đề.Cửa giải thoát Không kia không lui, không chuyển; cửa giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng không lui, không chuyển. Tu-bồ-đề, tuy đối với các pháp,tuyên thuyết như thế, nhưng tính các pháp rốt ráo tịch diệt, không nói,không bày, không nghe, không đắc, không có pháp để chứng. Vì không cócái được chứng, nên cũng không có người chứng. Vì thế các pháp khôngdiệt, chẳng phải không diệt.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, Vô biên Ba-la-mật là Bát-nhãBa-la-mật, vì hư không vô biên. Vô đẳng đẳng Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vì tất các các pháp không thể có được. Ly Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vì rốt ráo đều Không. Bất khả phá Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vìtính tất cả các pháp không thể có sở đắc. Vô cú Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vì các pháp không danh, không tướng. Vô tính Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vì các pháp không đến. Vô ngôn Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vìcác pháp không phân biệt. Vô lai Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vì các uẩnkhông thể có sở đắc. Vô khứ Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vì các phápkhông đến. Vô tập Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vì các pháp không nămbắt. Vô tận

Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vì tướng các pháp vô tận. Vôsinh Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vì các pháp không dính mắc. Vô tác Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vì tác giả không thể có sở đắc. Vô tri giả Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vì các pháp không có chủ tể. Vô sở chí Ba-la-mậtlà Bát nhã Ba la mật, vì không lui mất. Bất diệt Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vì phần trước, sau, giữa không thể có sở đắc. Ba-la-mật của mộng,huyễn, ảnh, tiếng vang, quáng nắng v.v... là Bát nhã Ba la mật, vì các phápkhông sinh. Vô phiền não Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vì tính của tham,sân, si, v.v...là thanh tịnh. Vô xuất thế Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vìnơi y chỉ không thể có được. Vô nhiễm ô Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vìhư không thanh tịnh. Vô hý luận Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vì các phápbình đẳng. Vô niệm Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vì các niệm không sinh.Vô động Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vì tính các pháp thường trú. Ly dụcBa-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vì tính các pháp chân thật. Vô khởi Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vì các pháp không ngại. Tịch tĩnh Ba-la-mật làBát nhã Ba la mật, vì tướng các pháp không thể có được. Vô quá thất Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vì đầy đủ các công đức. Vô chúng sinh Ba-la-mậtlà Bát nhã Ba la mật, vì chúng sinh giới không thể có được. Vô đoạn Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vì các pháp không khởi. Vô nhị biên Ba-la-mật làBát nhã Ba la mật, vì các pháp lìa dính mắc. Vô dị Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vì các pháp không hòa hợp. Vô trước Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật,vì không phân biệt địa vị Thanh Văn, Duyên Giác. Bất phân biệt Ba-la-mật làBát nhã Ba la mật, vì phân biệt bình đẳng. Vô lượng Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vì lượng pháp bình đẳng. Như hư không Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vì tất cả các pháp không chướng ngại. Vô thường Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vì tất cả các pháp là hữu vi. Khổ Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vì hư không bình đẳng. Không Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vì tất cả không thể có được. Vô ngã Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vì ngã không thể có được. Vô tướng Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật nên, vì tất cả các pháp không thể chuyển. Không tính Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vì rốt ráo không ranh giới. Các Ba-la-mật Niệm xứ, Chính cần, Thần túc, Căn, Lực,Giác, Đạo là Bát nhã Ba la mật, vì ba mươi bảy phần pháp Bồ-đề không thể có được. Các Ba-la-mật Không, Vô tướng, Vô nguyện là Bát nhã Ba la mật,vì ba môn giải thoát không thể có được. Các Ba-la-mật Nội hữu sắc quán, Ngoại sắc là Bát nhã Ba la mật, vì tám giải thoát không thể có được. Các Ba-la-mật Sơ thiền định là Bát nhã Ba la mật, vì chín pháp hành trước không thể có được. Các Ba-la-mật khổ, tập, diệt, đạo là Bát nhã Ba la mật, vì pháp bốn Thánh đế không thể có được. Các Ba-la-mật Bố thí v.v... là Bát nhã Ba la mật, vì mười Ba-la-mật không thể có được. Thập lực Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vì không thể phá hoại. Tứ vô úy Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vì không khiếp, không sợ, không lui, không mất. Ly hệ Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vì Nhất thiết trí trí không dính mắc, không ngăn ngại. Như Lai vôlượng công đức Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vì vượt ngoài các số pháp.Như Lai Chân như Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vì tất cả các pháp Chânnhư, bình đẳng. Tự nhiên trí Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vì tự tính tất cả các pháp bình đẳng. Nhất thiết trí trí Ba-la-mật là Bát nhã Ba la mật, vì tính,tướng của tất cả các pháp không thể có được, không thể biết.

Phẩm 10: Khen Người Thụ Trì
Phần 1

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích nghĩ: Các Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, nếutạm thời nghe được pháp môn Bát nhã Ba la mật này, những người này đãgieo thiện căn ở nơi chư Phật; huống là có người, đối với pháp môn Bát-nhãBa-la-mật này, có thể thụ trì, đọc tụng, ghi nhớ, suy nghĩ, vì người diễn nói,học như đã thuyết, hành như đã thuyết, như lý tương ưng. Người này, ở nơivô lượng, vô số Phật Thế Tôn, đã cung kính, cúng dường, gieo các thiệncăn. Lại nếu có người, nghe pháp môn Bát nhã Ba la mật này, không sợ,không lo, không lui, không mất, người này, từ lâu ở nơi Như Lai Ứng cúngChính đẳng Chính giác quá khứ, đã từng nghe, nhận pháp sâu xa này, thưahỏi nghĩa pháp, ở trong pháp này, tu tập như lý, vì thế nay nghe không sinhsợ hãi, học như đã nói, hành như đã nói, tương ưng như lý.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử biết Thiên chủ Đế Thích tâm nghĩ như thế liền bạch Phật: Thế Tôn, nếu có người nghe pháp môn Bát nhã Ba la mật sâu xa này, phát tâm tin hiểu, tôn trọng, cung kính, thụ trì, đọc tụng, vì người diễn nói, học như đã nói, hành như đã nói, tương ưng như lý, người này sẽ giống như Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển, công đức không khác. Vì sao? Pháp môn Bát nhã Ba la mật sâu xa này, nếu người có ít thiện căn, không thể nghe được. Nếu ở nơi Phật trước đó, lại chưa từng tu tập, thì nay không thể sinh tin hiểu thanh tịnh.

Lại nữa, Thế Tôn. Nếu có người nghe pháp môn Bát nhã Ba la mật sâu xa này, sinh chống đối, hủy báng, nên biết người này, ở chỗ Phật trước đây, đã từng nghe pháp này; lúc đó đã sinh chống đối, hủy báng. Vì sao? Người này tuy có ít thiện căn, trước đây đã được nghe pháp môn Bát nhã Ba la mật sâu xa này, nhưng vì biếng nhác che lấp, không khởi tinh tiến, không tin, không nhẫn, đối với pháp sâu xa không sinh ưa thích. Do không thích nên không thể hiểu rõ; không hiểu lại không thể thưa hỏi chư Phật và đệ tử Phật. Do duyên như thế nên nay nghe pháp này thì khởi chống đối, hủybáng; nên biết ngày xưa đã sinh chống đối, hủy báng.

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Thế Tôn, nếu người kính lễ Bát nhã Ba la mật, tức kính lễ Nhất thiết trí trí chư Phật.

Phật bảo Thiên chủ Đế Thích: Đúng thế, đúng thế. Kiều-thi- ca, nếu ngườikính lễ Bát nhã Ba la mật tức kính lễ Nhất thiết trí trí chư Phật. Vì sao? TừNhất thiết trí trí sinh ra Bát nhã Ba la mật, Bát nhã Ba la mật lại sinh raNhất thiết trí trí. Các Bồ-tát Ma-ha-tát, lúc hành Bát nhã Ba la mật, nên trú Bát nhã Ba la mật như thế, tập Bát nhã Ba la mật như thế.86

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích lại bạch Phật: Thế Tôn, Bồ-tát Ma-ha-tát, khihành Bát nhã Ba la mật, làm sao được gọi là trú như thế, tập như thế?

Phật khen Thiên chủ Đế Thích: Hay thay! Hay thay! Kiều-thi- ca, ông naykhéo hỏi Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác nghĩa sâu xa này. Thậtra, ông có thể hỏi là nhờ thần lực Như Lai hộ niệm. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát,lúc hành Bát nhã Ba la mật, không trú sắc, không trú sắc tướng; Bồ-tát nếukhông trú sắc, không trú sắc tướng, chính là tập sắc. Không trú thụ, tưởng,hành, thức; không trú thức tướng. Bồ-tát nếu không trú thức, không trúthức tướng, chính là tập thức. Kiều-thi- ca, Bồ-tát nếu không tập sắc, không tập sắc tướng, chính là không trú sắc; nếu không tập thụ, tưởng, hành,thức, không tập thức tướng, chính là không trú thức. Kiều-thi- ca, lúc Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba la mật như thế, được gọi là trú như thế, tập như thế.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử bạch Phật: Thế Tôn, Bát nhã Ba la mật sâu xa rấtmực. Bát nhã Ba la mật, không thể đạt được ranh giới cũng như nguồn gốc.Bát nhã Ba la mật rộng lớn vô lượng.

Phật dạy: Xá-lợi Tử, đúng thế, đúng thế. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát, lúc hànhBát nhã Ba la mật, không trú sắc sâu xa, không trú sắc tướng sâu xa; Bồ-tátnếu không trú sắc sâu xa, không trú sắc tướng sâu xa, chính là tập sắc sâuxa. Không trú thụ, tưởng, hành, thức sâu xa, không trú thức tướng sâu xa;Bồ-tát, nếu không trú thức sâu xa, không trú thức tướng sâu xa, chính là tậpthức sâu xa. Xá-lợi Tử, Bồ-tát nếu không tập sắc sâu xa, không tập sắctướng sâu xa, chính là không trú sắc sâu xa. Nếu không tập thụ, tưởng,hành, thức sâu xa, không tập thức tướng sâu xa, chính là không trú thức sâuxa.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử bạch Phật: Thế Tôn, pháp môn Bát nhã Ba la mậtsâu xa này, nên như lý tuyên thuyết cho các Bồ-tát Ma-ha-tát an trú địa vịkhông thoái chuyển, đã được thụ ký. Vì sao? Các Bồ-tát đó, nếu nghe thuyết như thế, không nghi, không hối, lìa các chướng ngại.

Thiên chủ Đế Thích liền bạch Tôn giả Xá-lợi Tử: Như Tôn giả nói, điều đónhư thế. Giả sử nói cho Bồ-tát chưa được thụ ký, sẽ có lỗi gì?

Tôn giả Xá-lợi Tử nói: Kiều-thi- ca, nếu nói cho Bồ-tát chưa được thụ ký cũngkhông có lỗi. Vì sao? Bồ-tát đó, tuy chưa thụ ký, nếu được nghe pháp môn Bát nhã Ba la mật này, tùy hỷ, tin nhận, chiêm lễ, cung kính, không lo,không sợ, không lui, không mất; nên biết Bồ-tát này, từ lâu đã an trú trong pháp Đại thừa, thành thục thiện căn, không lâu sẽ được một, hai, ba NhưLai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác thụ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Kiều-thi- ca, Bồ-tát đó, tuy chưa được thụ ký ở nơi Phật Thế Tôn hiện tại, ở đời vị lai nhất định được thấy chư Phật Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chínhgiác, chiêm lễ, cúng dường, được thụ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác, tu các thiện pháp, cho đến chứng được quả Vô thượng Chính đẳng Chínhgiác.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử bạch Phật: Thế Tôn, nếu Bồ-tát tạm thời được nghe pháp môn Bát nhã Ba la mật này, chiêm lễ, tin nhận, còn có thể nói Bồ-tát này từ lâu đã an trú trong pháp đại thừa, thành thục thiện căn;huống là có thể, đối với pháp môn này, đọc tụng, suy nghĩ, vì người diễnnói, như lý tu hành. Việc đó thế nào?

Bấy giờ, Phật bảo Tôn giả Xá-lợi Tử: Đúng thế, Đúng thế. Như ông đã nói.Nếu Bồ-tát thoáng được nghe pháp môn Bát nhã Ba la mật này, chiêm lễ, tin nhận, ta nói Bồ-tát này từ lâu đãan trú trong pháp Đại thừa, thành thục thiện căn, huống là đối với pháp này lại có thể đọc tụng, suy nghĩ, vì người diễn nói, như lý tu hành; nhất định sớm có thể thành tựu quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử bạch Phật: Thế Tôn, con nay thích nói ví dụ để rõnghĩa này.

Phật nói: Xá-lợi Tử, ông tùy ý nói.

Xá-lợi Tử nói: Thế Tôn, ví như có người trú Bồ-tát thừa, siêng cầu Bồ-đề,hoặc có khi mộng thấy đã ngồi ở tòa Bồ-đề. Thế Tôn, Bồ-tát kia đã mộng thấy như thế, nên biết đã gần với quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Những ai cầu Bồ-đề cũng thế. Nếu được nghe pháp môn Bát nhã Ba la mật này, tùy hỷ, tin nhận, nên biết người này từ lâu đã an trú trong pháp Đại thừa, thành thục thiện căn, nhất định sẽ được thụ ký Bồ-đề; huống là có thể đọc tụng, suy nghĩ, vì người diễn

nói, như lý tu hành. Nên biết người này nhất định sớm chứng quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Vì sao? Thế Tôn, có các chúng sinh vì nghiệp chướng nên trái với Như thực trí, vì thế xa lìa pháp môn Bát nhã Ba la mật này, không thể sinh khởi tin hiểu thanh tịnh. Do vậy không thể thành thục thiện căn. Có các chúng sinh, đối với pháp này,từ lâu đã nghe, nhận, tin hiểu, an trú thật tế, thành thục thiện căn. Thế Tôn,nên biết người này trú Như thực tế, không còn thoái chuyển, đến gần quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Thế Tôn, lại như có người muốn vượt qua đường hiểm một trăm do-tuầncho đến năm trăm do-tuần ở nơi đồng vắng. Trên con đường đó, dù tới, dù lui, đều sợ hãi, nghi hoặc. Người này đi lần, muốn ra khỏi đường hiểm, chợtthấy có những người chăn bò, dê, liền biết thành ấp cách đây không xa.Người này tức thì tâm được an ổn, không còn lo sợ giặc cướp, v.v.... Vì sao?Người này đã thấy những người chăn bò, dê, tức biết đã gần thành ấp, làngxóm. Thế Tôn, người cầu Bồ-đề cũng thế. Nếu được nghe pháp môn Bát nhã Ba la mật này, nên biết gần đến quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác,không lâu được thụ ký Đại Bồ-đề, không còn rơi vào các địa vị Thanh Văn, Duyên Giác. Vì sao? Vì được nghe pháp môn Bát nhã Ba la mật, chiêm lễ, tin nhận là các dấu hiệu báo trước. Vì thế, các Bồ-tát Ma-ha-tát, đối với pháp môn Bát nhã Ba la mật này, nên tôn trọng, cung kính, như lý tu hành.

Quyển X

Phẩm 10: Khen Người Thụ Trì
Phần 2

Bấy giờ, Thế Tôn khen ngợi Tôn giả Xá-lợi Tử: Hay thay! Hay thay! Xá-lợiTử, đúng thế, đúng thế, như ông đã nói, khéo dẫn ví dụ. Ông nay nhờ thầnlực Phật, lại nói ví dụ làm rõ nghĩa này.

Xá-lợi Tử bạch Phật: Thế Tôn, lại như có người muốn thấy biển lớn, từ từmà đi. Nếu thấy có cây, hoặc thấy tướng cây, hoặc thấy có núi, hoặc thấy tướng núi, nên biết người này cách biển còn xa. Lại đi tiếp, nếu không thấy cây và tướng cây, không thấy núi và tướng núi, nên biết người này cách biểnđã gần. Vì sao? Biển lớn sâu, xa, mênh mông, không bờ; gần mé biển lớn không có tướng tất cả núi, cây, v.v.... Người này tuy chưa đến biển, nhưng vì không thấy tướng núi, cây kia, tức biết dần dần gần biển.

Thế Tôn, Bồ-tát Ma-ha-tát cũng thế. Nếu được nghe pháp môn Bát nhã Ba la mật, chiêm lễ, cúng dường, người này tuy chưa được Như Lai Ứng cúngChính đẳng Chính giác hiện tại thụ ký, nên biết gần đến Vô thượng Chínhđẳng Chính giác, sẽ được thụ ký. Vì sao? Vì được nghe pháp môn Bát-nhãBa-la-mật này là tính chất trước đây. Thế Tôn, lại như thế gian có đủ loại cây, ở vào mùa xuân, cành lá sum sê, xanh tươi, đáng ưa. Người Diêm-phù-đề thấy được tướng này đều sinh hoan hỷ, nghĩ rằng cây này không lâu sẽ nở hoa, kết trái. Vì sao? Vì tướng mở bày đã hiện.

Thế Tôn, Bồ-tát Ma-ha-tát cũng thế. Nếu được nghe pháp môn Bát nhã Ba la mật này, chiêm lễ, cúng dường, nên biết Bồ-tát này từ lâu đã thành thục thiện căn tối thắng. Vì nhờ nhân duyên lành đời trước của mình, nay trong hội Chính pháp Bát nhã Ba la mật này, trực tiếp nghe nhận,

được thấy chưPhật và chúng Hiền Thánh, lại được chư Phật, Hiền Thánh dùng tâm hoanhỷ, nghĩ như thế này: Quá khứ các Bồ-tát Ma-ha-tát sắp được thụ ký cũngnhư thế. Vì được nghe nghe Chính pháp này là tính chất trước đây; nay Bồ-tát này, nên biết được gần Vô thượng Chính đẳng Chính giác, không lâu sẽđược thụ ký. Vì sao? Vì tính chất trước đây đã hiện bày.

Lại như người nữ thế gian mang thai, sắp đủ ngày tháng, thân lực mỏi mệt,tâm thức động loạn, ăn uống ít lại, nằm ngồi uể oải. Thường muốn điều gìthì không siêng làm, sinh ra khổ não, ghét việc từng làm trước đây. Thấytướng như thế, nên biết người này không lâu sẽ sinh. Vì sao? Tướng trước đó đã hiện. Thế Tôn, Bồ-tát Ma-ha-tát cũng thế. Nếu được nghe pháp môn Bát nhã Ba la mật, chiêm lễ, cúng dường, nên biết Bồ-tát này thành thục thiện căn đã lâu, gần đến Vô thượng Chính đẳng Chính giác, không lâu sẽ được Ba ký. Vì sao? Vì nghe Chính pháp là tướng trước đó.

Bấy giờ, Thế Tôn lại khen Tôn giả Xá-lợi Tử: Hay thay! Hay thay! Xá-lợi Tử,điều ông muốn nói đều được thần lực Như Lai gia hộ.

Bấy giờ Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Hiếm có, Thế Tôn. Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác khéo hộ niệm các Bồ-tát, có thể khéo tuyên thuyết các pháp Bồ-tát.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Các Bồ-tát Ma-ha-tát, trong dòng sinh tử, làm nhiều lợiích cho tất cả chúng sinh, khéo dùng phương tiện, làm lợi lạc cho họ, thươngxót thế gian mà cứu độ. Các Bồ-tát siêng cầu quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác, chứng được quả rồi, muốn vì tất cả chúng sinh, tùy theo căn cơ của họ, mà tuyên thuyết pháp yếu; vì thế được chư Phật cùng hộ niệm.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, lúc các Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba la mật, sẽ quán thế nào để được đầy đủ Bát nhã Ba la mật.

Phật nói: Tu-bồ-đề, lúc Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba la mật, không thấy sắc pháp có tướng tăng, không thấy thụ, tưởng, hành, thức có tướng tăng; đó là hành Bát nhã Ba la mật. Không thấy sắc pháp có tướng giảm,không thấy thụ, tưởng, hành, thức có tướng giảm, đó là hành Bát nhã Ba la mật. Cho đến không thấy là pháp, phi pháp; đó là hành Bát nhã Ba la mật.Tu-bồ-đề, lúc Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba la mật, nếu quán như thế,tức được đầy đủ Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, như Phật đã nói, Bát nhã Ba la mật không thể nghĩ bàn.

Phật nói: Tu-bồ-đề, sắc, thụ, tưởng, hành, thức không thể nghĩ bàn. Nếu Bồ-tát không phân biệt sắc là không thể nghĩ bàn; đó là hành Bát nhã Ba la mật. Không phân biệt thụ, tưởng, hành, thức là không thể nghĩ bàn; đó là hành Bát nhã Ba la mật.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử bạch Phật: Thế Tôn, pháp môn Bát nhã Ba la mật tối thượng, sâu xa. Người nào có thể tin hiểu như thật?

Phật bảo Xá-lợi Tử: Nếu người hành đạo Bồ-tát đã lâu, nghe pháp môn Bát nhã Ba la mật này, tức có thể tin hiểu.

Xá-lợi Tử bạch Phật: Thế Tôn, những người nào hành đạo Bồ-tát đã lâu?

Phật nói: Xá-lợi Tử, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát không phân biệt mười Lực, bốn Vôúy của Như Lai, không phân biệt các pháp công đức của Như Lai, cho đếnkhông phân biệt Nhất thiết trí. Nếu không phân biệt các pháp như thế, đó làngười hành đạo Bồ-tát đã lâu. Vì sao? Mười Lực, bốn Vô úy của Như Laikhông thể nghĩ bàn, các pháp công đức cho đến Nhất thiết trí đều không thểnghĩ

bàn. Vì thế, Bồ-tát đối với tất cả các pháp, không có phân biệt. Do thế,Bồ-tát Ma-ha-tát, đối với pháp, hành mà không có hành; đó là hành Bát nhã Ba la mật. 90

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Hiếm có, Thế Tôn. Pháp môn Bát nhã Ba la mật sâu xa này là Bát nhã Ba la mật không nhiễm, tối thượng, nhómbáu lớn, giống như hư không, tự tính thanh tịnh. Thế Tôn, có các Thiện namtử, Thiện nữ nhân, đối với pháp môn Bát nhã Ba la mật này, thụ trì, đọc tụng, ghi nhớ, suy nghĩ, cho đến vì người diễn nói, tại sao khởi nhiều khó khăn mà bị chướng ngại.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng thế, đúng thế. Như ông nói, Thiện nam tử, Thiệnnữ nhân, đối với pháp môn Bát nhã Ba la mật này, lúc thụ trì, đọc tụng, ghi nhớ, suy nghĩ, cho đến vì người, nói ra nghĩa này, có nhiều khó khăn làm chướng ngại. Tu-bồ-đề, ông nay nên biết. Lúc khởi các việc khó khăn, thì đólà các chướng ngại do Ma làm. Vì thế, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, những người có thụ trì, đọc tụng cho đến vì người diễn nói, nên nhanh chóng làm đúng như lý.

Lại nữa, có các Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, nếu muốn tự chép, hoặc khiến người khác chép pháp môn Bát nhã Ba la mật này, nên trong một tháng cho đến một năm, nhanh chóng chép cho xong. Vì sao? Trong Đại pháp bảo Bát nhã Ba la mật này có nhiều kẻ thù thường muốn xâm hại.

Tôn giả Tu-bồ-đề lại bạch Phật: Thế Tôn, có các Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, lúc thụ trì, đọc tụng cho đến biên chép pháp môn Bát nhã Ba la mậtnày, nếu các chúng Ma rình tìm cơ hội muốn phá hoại, vào lúc đó nên xalánh như thế nào?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ông nay nên biết, nếu có người lúc thụ trì, đọc tụng chođến biên chép pháp môn này, chỉ nên chí tâm làm đúng như lý. Các ác makia, tuy kiên trì dùng tâm hoại pháp, muốn làm đoạn diệt pháp môn này, và muốn phá hoại người trì pháp, dù trải qua nhiều kiếp, rốt cuộc chúng không thể rình lấy cơ hội.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử bạch Phật: Thế Tôn, các Thiện nam tử, Thiện nữnhân, lúc thụ trì, đọc tụng Chính pháp này, nếu được xa lìa các Ma nghiệp,người này tức có thể đọc tụng thông suốt, cho đến biên chép, đều không cóchướng ngại. Thế Tôn, như Phật đã nói, các ác ma rình tìm cơ hội đều không thể được. Nhờ lực nào mà được như thế?

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi Tử: Ông nay nên biết, đều là sức oai thần của NhưLai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác, gia trì, hộ niệm, chế phục các Ma không có cơ hội. Vì thế, có thể khiến cho những người trì pháp đọc tụngthông suốt, cho đến học như đã nói, hành như đã nói, như lý tương ưng,đều không chướng ngại. Vì sao? Nay Chính pháp sâu xa này bao hàm cácpháp tướng, tức các pháp tính. Mười phương thế giới vô lượng a-tăng-kỳ thế giới có các Phật Như Lai hiện trú thuyết pháp, đều cùng tuyên thuyết phápmôn Bát nhã Ba la mật này. Vì thế, chư Phật Như Lai dùng oai lực thầnthông của mình mà cùng hộ niệm những người thụ trì pháp, khiến thụ trì,đọc tụng thông suốt, cho đến biên chép, cúng dường, học như đã nói, hànhnhư đã nói, như lý tương ưng, đều được không chướng ngại. Xá-lợi Tử, các Thiện nam tử, Thiện nữ nhân có trì pháp, nếu được chư Phật hộ niệm, takhông thấy có các ác ma có thể làm hại.

Bấy giờ, Xá-lợi Tử bạch Phật: Thế Tôn, nếu các Bồ-tát Ma-ha-tát đối vớipháp môn Bát nhã Ba la mật này, thụ trì, đọc tụng, biên chép, cúng dường,cho đến học như đã nói, hành như đã nói, như lý tương ưng, nên có thể xa lìa các chướng ma, cũng do oai lực thần thông của Như Lai hộ niệm sao?

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi Tử: Đúng thế, đúng thế. Các Bồ-tát Ma-ha-tát đãđược oai lực thần thông của các Như Lai gia trì, hộ niệm, vì thế, đối với phápmôn Bát nhã Ba la mật này, có thể thụ trì, đọc tụng thông suốt, cho đến học như đã nói, hành như đã nói, tương ưng như lý, đều được xa lìa các chướng Ma. Xá-lợi Tử nên biết, Bồ-tát này được thần lực gia trì của các Như Lai, được các Như Lai biết, nhớ đến, được các Như Lai cùng quán sát.

Lại nữa, Xá-lợi Tử. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát, đối với pháp môn Bát nhã Ba la mật này, có thể thụ trì, đọc tụng, ghi nhớ, suy nghĩ, rộng vì người khác, giảithích nghĩa đó, cho đến học như đã nói, hành như đã nói, tương ưng như lý.Nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát này đã gần Vô thượng Chính đẳng Chính giác,không lâu được thành quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Lại nữa, Xá-lợi Tử. Nếu người đối với pháp môn Bát nhã Ba la mật này, chỉ có thể thụ trì, đọc tụng; người này được phúc tuy nhiều, không bằng có người, đối với pháp môn này, học như đã nói, hành như đã nói, tương ưng như lý. Xá-lợi Tử nên biết, người này được thần lực của các Như Lai gia trì,được các Như Lai biết, nhớ đến, được các Như Lai cùng quán sát. Người nàyở đời này có oai đức lớn, có danh tiếng lớn, tương lai nhất định được quảbáo lớn. Vì sao? Bát nhã Ba la mật này là pháp môn thắng diệu, đệ nhấtnghĩa, cùng tất cả các pháp, tương ưng như lý, bao hàm chúng sinh trú Thậttế chân thật.

Lại nữa, Xá-lợi Tử. Pháp môn tương ưng Bát nhã Ba la mật này, Như LaiỨng cúng Chính đẳng Chính giác dùng lực oai thần gia trì hộ niệm, về sau ở đời mạt pháp, trước tiên lưu truyền rộng rãi ở phương Nam. Từ phương Nam này lưu truyền đến phương Tây. Lại từ phương Tây lưu truyền đếnphương Bắc, xoay vòng như thế, lưu truyền các phương.

Xá-lợi Tử, sau khi Phật nhập Niết-bàn, lúc pháp muốn diệt, vì muốn khiến các Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, đối với pháp môn Bát nhã Ba la mật này, thụ trì, đọc tụng, ghi nhớ, suy nghĩ, hoặc vì người khác giải thích nghĩa đó,cho đến biên chép, cúng dường, được lợi ích lớn. Vì thế, được Như Lai giatrì, hộ niệm, khiến cho lưu truyền.

Lại nữa, Xá-lợi Tử. Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân có thể thụ trì Chính pháp này, nên biết người này được thần lực các Như Lai gia trì, được các Như Lai nhớ, biết, được các Như Lai cùng quán sát.

Xá-lợi Tử bạch Phật: Thế Tôn, pháp môn Bát nhã Ba la mật này tối thượngsâu xa. Ở đời mạt pháp về sau, làm sao phương Bắc cũng được lưu truyền? 92

Phật nói: Xá-lợi Tử, ở đời mạt pháp về sau, pháp này cũng sẽ lưu truyền ởphương Bắc. Ở phương đó có người tu hạnh Bồ-tát, các Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, nghe pháp môn Bát nhã Ba la mật sâu xa này, có thể thụ trì, đọctụng, ghi nhớ, suy nghĩ, biên chép, cúng dường.

Xá-lợi Tử bạch Phật: Thế Tôn, ở phương Bắc kia có được mấy người sẽ cóthể thụ trì pháp môn Bát nhã Ba la mật sâu xa này, có được mấy người cóthể đọc tụng thông suốt, học như đã nói, hành như đã nói, tương ưng như lý?

Phật nói: Xá-lợi Tử, ở phương Bắc kia tuy có nhiều người tu hạnh Bồ-tát,Thiện nam tử, Thiện nữ nhân có thể thụ trì pháp môn Bát nhã Ba la mật sâu xa này; nhưng trong đó ít ai có thể đọc tụng thông suốt, học như đã nói, hành như đã nói, tương ưng như lý.

Lại nữa, Xá-lợi Tử. Ở phương kia, nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân nghe pháp môn Bát nhã Ba la mật này, không lo, không sợ, không lui, không mất,nên biết người này từ lâu đã trú Đại

thừa, tu hạnh Bồ-tát, đã từng thưa hỏi nghĩa này với Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác quá khứ. Người này từ lâu đã tu tập đầy đủ pháp đạo Bồ-tát, vì muốn lợi lạc các chúng sinh nêntu các hành, siêng cầu quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Vì sao? Ta nay đã vì Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này, tuyên thuyết pháp môn Bát nhã Ba la mật tương ưng Nhất thiết trí. Người này chuyển thân, cũng lại thích nghe pháp môn Bát nhã Ba la mật này, hoan hỷ, tin nhận, siêng tu pháp Vô thượng Chính đẳng Chính giác, khéo trú tam-ma-địa Thắng hành tương ưng; cho đến các Ma không thể hoại tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác của họ, huống là tất cả người, phi nhân, v.v..., mà có thể phá hoại họ sao. Vì sao? Người này tâm kiên cố, dũng mãnh, không thoái chuyển đối với Vôthượng Chính đẳng Chính giác.

Lại nữa, người này nghe pháp môn Bát nhã Ba la mật này, tâm rất hoan hỷ,tâm được thanh tịnh, rộng khiến các chúng sinh trồng các thiện căn, tu hànhnhư lý, thành tựu quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Vì sao? Thiện namtử, Thiện nữ nhân này có thể nói trước Phật: “Con sẽ đem pháp môn này, vìvô lượng trăm ngàn vạn ức câu-chi na-dữu-đa chúng sinh, chỉ bày như lý,dạy truyền như thật, lợi ích như thế, sinh vui như lý, hiểu rõ như thật, không có thoái chuyển, rộng khiến an trú quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác.”Xá-lợi Tử, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này trú Bồ-tát thừa, làm lợi ích lớn.Ta quán tâm họ liền sinh tùy hỷ. Ta cũng đem Chính pháp sâu xa này, chỉ bày, làm lợi, làm vui vô lượng trăm ngàn vạn ức câu-chi na chúng sinh,khiến trú quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Thiện nam tử, Thiện nữ nhân như thế, tin hiểu sâu rộng, ưa thích Đại thừa, nguyện sinh vào nước chư Phật, ở trước Phật, nghe thuyết Diệu pháp, liên tục được nghe thuyết pháp môn Bát nhã Ba la mật sâu xa này. Ở nước Phật kia, cũng lại đem Chính pháp sâu xa này, chỉ bày, làm lợi, làm vui vô lượng trăm ngàn vạn ức câu-chi na chúng sinh, khiến trú quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác. 93

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử bạch Phật: Hiếm có, Thế Tôn. Như Lai Ứng cúngChính đẳng Chính giác, đối với các pháp quá khứ, hiện tại, vị lai, không cópháp nào là không thấy, không nghe, không biết, không hiểu. Đủ loại hànhtướng của tất cả chúng sinh thảy đều biết rõ, các pháp Bồ-tát, không phápnào không thông đạt; cho đến đời vị lai có các Bồ-tát Ma-ha-tát, vì Bồ-đề mà phát tinh tiến lớn, siêng cầu Bát nhã Ba la mật này, được thụ trì, đọc tụngpháp môn này, học như đã nói, hành như đã nói, tương ưng như lý, Như Laiđều biết. Có các Bồ-tát Ma-ha-tát, đối với pháp môn Bát nhã Ba la mật này,không cầu mà được, Như Lai cũng biết.

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi Tử: Đúng thế, đúng thế, như ông đã nói. Xá-lợi Tử,Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác, đối với các pháp quá khứ, hiệntại, vị lai, không có pháp nào không thấy, không nghe, không biết, không rõ,cho đến đời vị lai, các Bồ-tát Ma-ha-tát, đối với pháp môn Bát nhã Ba la mậtnày, có cầu mà được, không cầu mà được, Như Lai đều biết. Vì sao? Như LaiỨng cúng Chính đẳng Chính giác, đối với thiện căn và mong ước quá khứcủa các Bồ-tát, cho đến hành đạo của Bồ-tát, thảy đều biết rõ.

Xá-lợi Tử lại bạch Phật: Thế Tôn, các kinh sâu xa khác tương ưng với Bát nhã Ba la mật này, cũng không siêng cầu mà tự được sao?

Phật nói: Đúng thế, đúng thế. Xá-lợi Tử, có các kinh sâu xa khác tương ưngvới Bát nhã Ba la mật này cũng không cầu mà tự được.

Xá-lợi Tử bạch Phật: Thế Tôn, các kinh sâu xa khác tương ưng với sáu Ba-la-mật, ở đời vị lai, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, cũng không siêng cầu mà tựđược sao?

Phật dạy: Xá-lợi Tử, có các kinh sâu xa khác tương ưng với sáu Ba-la-mật, ởđời vị lai, cũng không cầu mà tự được. Vì sao? Pháp vốn như thế. Nhữngngười tu đạo Bồ-tát, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, thường dùng pháp chỉbày, giáo hóa, làm lợi, làm vui vô lượng trăm ngàn vạn ức câu-chi na-dữu-đachúng sinh, khiến trú quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác, cũng tu họcnhư lý trong đó. Người này chuyển thân, đối với các kinh sâu xa khác cùngvới sáu Ba-la-mật không được tương ưng, cùng với tự tính tất cả các pháptương ưng; người này lại cũng không cầu mà được.

Quyển XI

Phẩm 11: ÁcMa Chướng Ngại
Phần 1

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, trước đây Phật đã nói thụ trì,đọc tụng pháp Bát nhã Ba la mật, các Thiện nam tử, Thiện nữ nhân có đượccông đức; nhưng lúc Thiện nam tử, Thiện nữ nhân đó thụ trì, đọc tụng phápnày, sẽ không có ác ma gây khó khăn sao?

Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy, rất nhiều. Tu-bồ-đề, có cácác ma gây khó khăn, lúc nào cũng rình tìm cơ hội.

Tu-bồ-đề lại bạch Phật: Như Phật đã nói, các việc khó khăn, tướng củachúng như thế nào?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu có người trú Bồ-tát thừa, tu tập pháp Bát nhã Ba la mật này, lúc muốn vì người khác nói pháp này, mà không nói ngay, hoặc nóikhông xong, nên biết đó là việc ma.

Lại nữa, nếu người nói pháp, vào lúc nói pháp, sinh ngã mạn, tự cao, nênbiết đó là việc ma. Nếu có người khi chép, trì, đọc tụng pháp môn này, sinhtâm khinh mạn mà cười giỡn, nên biết đó là việc ma. Nếu có người trì pháp,tâm sinh tán loạn, nên biết đó là việc ma. Nếu những người trì pháp, nói vớinhau những điều không đáng nói, nên biết đó là việc ma. Nếu có người trìpháp, ghi nhớ không rõ, quên mất nhiều điều, nên biết đó là việc ma. Nếucó những người trì pháp, ngăn ngại lẫn nhau, không thể hòa hợp, đối vớipháp môn này không sinh kính, tin, nên biết đó là việc ma. Nếu có người lúcchép, trì, đọc tụng pháp môn này, đối với các căn không thể điều phục, nênbiết đó là việc ma. Nếu có những người nghe pháp, bất chợt nghĩ rằng đốivới pháp môn Bát nhã Ba la mật này, ta không thấy hứng thú, không thểhiểu được, từ bỏ pháp này, từ chỗ ngồi đứng dậy, nên biết đó là việc ma.

Lại có người nghe pháp, nghĩ rằng trong pháp Bát nhã Ba la mật này, khôngnói đến việc thụ lý cho ta, ta không thể sinh tin hiểu thanh tịnh, nghĩ xongliền từ bỏ, từ chỗ ngồi đứng dậy, nên biết đó là việc ma.

Lại có người nghe pháp, nếu nghĩ rằng trong pháp Bát nhã Ba la mật nàykhông nói đến tên ta, không nói nơi chốn, xóm làng, thành ấp ta ở, cũngkhông nói đến danh tự dòng họ, cha mẹ sinh ra ta; vì nhân duyên nàykhông thể nghe, nhận pháp môn Bát nhã Ba la mật này, ta nên từ bỏ.

Cứ nghĩ như thế mà bị thoái đọa bao nhiêu số kiếp. Về sau, lại nhờ nhân duyên thù thắng, được tu tập lại pháp môn Bát nhã Ba la mật này. Vì sao? Các Bồ-tát Ma-ha-tát, nếu không nghe nhận pháp môn Bát nhã Ba la mật này, tức không thể thành tựu pháp thế gian, xuất thế gian. Vì thế, Tu-bồ-đề, nếu người khởi tâm thoái thất, nên biết đó là việc ma.

Lại nữa, Tu-bồ-đề, nếu có người trú Bồ-tát thừa, không thể cầu Nhất thiết trítrí trong pháp Bát nhã Ba la mật này, mà quay lại trong pháp Thanh Văn,Duyên Giác kia, tu tập, cầu đến Nhất thiết trí trí, nên biết đó là việc ma.

Lại nữa, Tu-bồ-đề, nếu có người muốn học, muốn thành tựu pháp thế gian,xuất thế gian mà không học pháp môn Bát nhã Ba la mật, trở lại trong phápThanh Văn, Duyên Giác mà sinh mong cầu. Tu-bồ-đề, nếu không học phápmôn Bát nhã Ba la mật, tức không thể thành tựu pháp thế gian, xuất thếgian. Người này khởi tuệ điên đảo, đối với pháp Bát nhã Ba la mật này,không thể tu tập, hiểu biết như thật, từ bỏ cội gốc, nắm lấy cành, lá. Tu-bồ-đề, như có người đời, đói đi xin ăn, từ bỏ chủ mình, mà lại đi xin thức ănuống nơi người giúp việc của chủ. Tu-bồ-đề, ở đời vị lai có người thoái thất pháp Bồ-tát; các Thiện nam tử, Thiện nữ nhân cũng thế. Từ bỏ pháp môn Bát nhã Ba la mật, căn bản của Nhất thiết trí trí, mà trở lại nắm lấy cành, lá trong pháp Thanh Văn, Duyên Giác kia. Tu-bồ-đề, nhân duyên này, nên biết đó là việc ma. Vì sao? Người này ít trí, ít tuệ, cho rằng pháp môn Bát nhã Ba la mật này không thể đến được Nhất thiết trí trí kia. Do nhân duyên nàymà sinh từ bỏ, trở lại cho rằng pháp môn Thanh Văn, Duyên Giác có thể thành tựu Nhất thiết trí trí. Vì thế, nắm lấy cành, lá trong đó.

Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát nên biết các tướng như thế, biết được thì xa lìa,không nên vui thích tu học trong đó; học như thế, không phải tương ưng.Nếu ưa thích pháp Thanh Văn, Duyên Giác, thì mới học như thế. Tại saonhững người đó nên học như thế? Tu-bồ-đề, nghĩa là trong pháp Thanh Văn chỉ có tu tập, điều phục tướng Ngã, chứng được Ngã không, Niết-bàn tịch tĩnh, tự cho đã được pháp quả cứu cánh; đối với pháp tối thượng kia, không thể siêng năng tu hành, cũng không thể rộng vì chúng sinh làm lợi ích lớn. Vì thế Bồ-tát Ma-ha-tát không nên học như thế.

Thế nào gọi là học Bồ-tát? Tu-bồ-đề, nếu sự hành và học của Bồ-tát Ma-ha-tát đều đã an trú ở pháp như thật, rồi rộng tu tất cả thiện căn tương ưng, bao hàm vô lượng vô biên tất cả chúng sinh ở thế gian, đều khiến an trú Thực tế Chân như, đều chứng được Niết-bàn tối thượng, đó gọi là pháp học Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Ví như có người muốn xem hình tượng mình, tuy đã thấyđược, nhưng không thể thật sự thấy đúng hình tượng của mình, liền trở lạitìm kiếm dấu vết hình tượng, nắm bắt tính chất của hình tượng đó. Tu-bồ-đề, ý ông thế nào? Người này có trí không?

Tu-bồ-đề nói: Không, Thế Tôn.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ở đời vị lai, người thoái thất pháp Bồ-tát cũng thế.Người này trước đã an trú trong Bồ-tát thừa, đối với pháp môn Bát nhã Ba la mật sâu xa này tuy lại tu tập, nhưng trong đó không thể thưa hỏi nghĩa,không thể như thật biết rõ thắng hành, nên sinh tâm từ bỏ pháp môn này. Vì từ bỏ Bát nhã Ba la mật, nên không thể nắm, chứng quả Vô thượngChính đẳng Chính giác. Cho nên trở lại trong pháp Thanh Văn, Duyên Giác, nắm, chứng Niết-bàn, tự cho đã được pháp quả cứu cánh. Tu-bồ-đề, nhân duyên này, nên biết đó là việc ma.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Ví như những người ở đời mong cầu vật báu, đến biển lớn kia, muốn cầu trân báu; đến được rồi nhưng không thể nhặt lấy vật báu trong biển lớn, nên trở lại tìm các thứ trân báu trong vũng nước của vế tchân trâu kia, tự cho rằng cũng bằng với nước ở biển lớn. Tu-bồ-đề, ý ôngthế nào? Người này có trí không?

Tu-bồ-đề nói: Không, Thế Tôn.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ở đời vị lai có người thoái thất pháp Bồ-tát cũng thế.Người này trước đây đã an trú trong Bồ-tát thừa, đối với pháp môn Bát nhã Ba la mật sâu xa này tuy lại tu tập, nhưng không thể thưa hỏi nghĩa trong đó, không thể như thật biết rõ thắng hành, nên sinh tâm từ bỏ pháp môn này, mà trở lại trong pháp Thanh Văn, Duyên Giác kia, vui thích hướng cầu điều phục tướng Ngã, nắm, chứng Ngã không, Niết-bàn tịch tĩnh, đó là cácquả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán và Duyên Giác. Trong cácquả đó, thấy pháp như thế, chứng lý như thế, được hết các lậu, tâm khéo giải thoát; trong các quả đó được lìa trói buộc. Tu-bồ-đề, nhân duyên này, nên biết đó là việc ma.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát tức không sinh tâm như thế. Vì sao? CácBồ-tát đã được an trú trong pháp Đại thừa, mặc giáp tinh tiến, tác Đại trangnghiêm, kiên trì tu tập các pháp môn tương ưng Ba-la-mật, thương xót thếgian, rộng vì chúng sinh, làm lợi ích lớn. Vì thế, Tu-bồ-đề, nếu tâm khôngđiều phục, khởi tuệ điên đảo, thì đối với pháp môn Bát nhã Ba la mật sâu xanày không thể tu tập; không hiểu, không biết, mà sinh tâm từ bỏ, thì không thể an trú trong pháp Bồ-tát, không tương ưng với thắng hành của các Ba-la-mật, mà chỉ vui với pháp Thanh Văn, Duyên Giác. Nên biết những ngườinày, thiện căn đều chưa thành thục.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Giống như những người có nghề nghiệp tinh xảo ở thếgian, vốn muốn tạo dựng cung điện thù thắng như Đế Thích cõi trời, nhưng lại đo đạc kích cỡ lớn nhỏ của cung điện mặt trời, mặt trăng. Tu-bồ-đề, ý ông thế nào? Cung điện mặt trời, mặt trăng đó có hơn cung điện đẹp của ĐếThích không?

Tu-bồ-đề nói: Không, Thế Tôn.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ở đời vị lai có người thoái lui mất pháp Bồ-tát cũng nhưvậy. Người này trước đây đã an trú trong Bồ-tát thừa, đối với pháp môn Bát nhã Ba la mật sâu xa này, tuy lại nghe, nhận, tu tập, nhưng không thể thưahỏi nghĩa trong đó, không thể như thật biết rõ thắng hành. Do không biếtrõ, nên đối với pháp môn này sinh tâm từ bỏ, trở lại trong pháp Thanh Văn, Duyên Giác kia, vui thích mong cầu điều phục tướng Ngã, nắm, chứng Ngã Không, Niết-bàn tịch tĩnh, tự cho đã được pháp quả cứu cánh. Tu-bồ-đề,nhân duyên này, nên biết đó là việc ma.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Lại như có người muốn thấy Chuyển Luân Thánh Vương kia, tuy đã được thấy, nhưng không thể chân thật quán sát sắc tướng, oai thần, phúc đức Thánh Vương, mà lại quán sát sắc tướng của các Tiểu Vương kia, rồi tự cho rằng không khác với Chuyển Luân Thánh Vương kia. Tu-bồ-đề, ý ông thế nào? Sắc tướng, oai đức của Chuyển Luân Thánh Vương kia cóbằng với các Tiểu Vương không?

Tu-bồ-đề nói: Không, Thế Tôn.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ở đời vị lai, có người thoái thất pháp Bồ-tát cũng thế.Người này trước đây đã an trú trong Bồ-tát thừa, đối với pháp môn Bát-nhãBa-la-mật sâu xa này, tuy đã nghe, nhận, tu tập, nhưng không thể thưa hỏinghĩa trong đó, không thể như thật biết rõ thắng hành. Do

không biết rõnên đối với pháp môn này sinh tâm từ bỏ, trở lại ưa thích, hướng cầu trongpháp Thanh Văn, Duyên Giác. Tu-bồ-đề, nhân duyên này, nên biết đó là việc ma.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Như Lai, vì các Bồ-tát Ma-ha-tát, dùng đủ loại phươngtiện thiện xảo, tuyên thuyết pháp môn Bát nhã Ba la mật sâu xa, khiến cácBồ-tát tu học trong đó, tức có thể thành tựu quả Vô thượng Chính đẳngChính giác. Tu-bồ-đề, vì thế Như Lai dùng pháp môn Bát nhã Ba la mật này,vì các Bồ-tát Ma-ha-tát, chỉ bày như lý, truyền dạy như thật, được lợi ích nhưthế, sinh vui mừng như lý, hướng nhập, an trú pháp môn Thắng nghĩa,khiến các Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát trú bất thoái chuyển, đã an trú trong pháp Đại thừa này như thế, nếu lại từ bỏ mà khởi tâm hướng cầu đối với cácthừa hạ liệt Thanh Văn, Duyên Giác kia, thì ý ông thế nào? Người này có trí không?

Tu-bồ-đề nói: Không, Thế Tôn.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nhân duyên này, nên biết đó là việc ma. Lại nữa, Tu-bồ-đề. Lại như có người, bị đói khát bức bách, đi quanh xin ăn, thấy thức ănuống trăm vị thơm ngon, lại sinh tâm từ bỏ nên không lấy được, lại lấy cơm để đã sáu mươi ngày kia, ăn xong thì vui thích. Tu-bồ-đề, ý ông thế nào?Người này có trí không?

Tu-bồ-đề nói: Không, Thế Tôn.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ở đời vị lai có người thoái lui mất pháp Bồ-tát cũng thế.Người này trước đây đã an trú trong Bồ-tát thừa, đối với pháp môn Bát nhã Ba la mật sâu xa này, tuy lại nghe, nhận, tu tập, nhưng không thể thưa hỏinghĩa trong đó, không thể như thật biết rõ thắng hành. Do không biết rõ,nên đối với pháp môn này sinh tâm từ bỏ, trở lại ưa thích, mong cầu trong pháp Thanh Văn, Duyên Giác kia. Tu-bồ-đề, nhân duyên này, nên biết đó làviệc ma.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Lại như có người nhìn thấy châu báu ma-ni vô giá kia màkhông lấy, lại vật báu bằng thủy tinh, tự cho là không khác với châu báu ma-ni kia. Tu-bồ-đề, ý ông thế nào? Người này có trí không?

Tu-bồ-đề nói: Không, Thế Tôn.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ở đời vị lai có người thoái lui mất pháp Bồ-tát cũng thế.Người này trước đây đã an trú trong Bồ-tát thừa, đối với pháp môn Bát-nhãBa-la-mật sâu xa này, tuy đã nghe, nhận, tu tập, nhưng không thể thưa hỏinghĩa trong đó, không thể như thật biết rõ thắng hành. Do không biết rõ nên đối với pháp môn này sinh tâm từ bỏ, trở lại cầu Nhất thiết trí trongpháp Thanh Văn, Duyên Giác kia, tự cho ngang bằng, không khác với phápmôn Bồ-tát kia. Tu-bồ-đề, do nhân duyên này nên biết đó là việc ma.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu có người biên chép, thụ trì, đọc tụng, tuyên thuyết pháp môn Bát nhã Ba la mật này, dù tới, dù lui, tâm họ tán động, nên biết mọi việc đều là việc ma.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, Bát nhã Ba la mật, có thể biên chép không?

Phật nói: Không thể, Tu-bồ-đề. Bát nhã Ba la mật, văn tự chẳng thể đạtđược. Vì văn tự chỉ để hiển bày pháp môn này, mà Bát nhã Ba la mật lại lìatướng văn tự, rốt ráo không thể cầu nơi văn tự được. Nếu có người nói rằngta biên chép văn tự tức là biên chép Bát nhã Ba la mật. Tu-bồ-đề, nhân duyên này, nên biết đó là việc ma.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu có người lúc biên chép, thụ trì, đọc tụng pháp mônBát nhã Ba la mật này, tâm không chuyên chú, khởi các sự nhớ nghĩ, nhưthành ấp, xóm làng, vườn, rừng, ao đầm, cha mẹ, sư trưởng và các thân hữu, thân mình, thân người khác, hoặc trong, hoặc ngoài, tất cả các thứ ănuống, y phục, đồ nằm, thuốc men, ca múa, cười đùa, khổ, vui, lo, mừng, cảnh đáng ưa, không đáng ưa, cho đến tham, sân, si, v.v.... Khởi đủ loại nhớ nghĩ như thế, nên biết mọi chuyện đều là các chướng nạn do ác ma gây ra,để làm cho hành giả tâm sinh tán loạn, không thể chép, trì, đọc tụng đối vớipháp môn Bát nhã Ba la mật này. Tu-bồ-đề, nhân duyên này, nên biết đó là việc ma. Vì thế các Bồ-tát Ma-ha-tát biết rồi thì xa lìa, đừng để các ma rình lấy cơ hội.

Lại nữa, nếu người lúc chép, trì, đọc tụng pháp môn Bát nhã Ba la mật này, nhớ nghĩ việc của vua, vì nhân duyên này mà bị chướng nạn, nên đối với pháp môn này không thể chép, trì, đọc tụng; nên biết đó là việc ma.

Lại nữa, nếu người lúc chép, trì, đọc tụng pháp môn Bát nhã Ba la mật này, mà tính toán tiền của, các thứ sinh sống, v.v..., vì nhân duyên này mà bị chướng nạn, nên đối với pháp môn này không thể chép, trì, đọc tụng; nên biết đó là việc ma.99

Lại nữa, nếu người lúc chép, trì, đọc tụng pháp môn Bát nhã Ba la mật này,nghĩ nhớ đến chương cú, ngôn ngữ thế gian, vì nhân duyên này mà bịchướng nạn, nên đối với pháp môn này không thể chép, trì, đọc tụng; nênbiết đó là việc ma.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu có người lúc chép, trì, đọc tụng pháp môn Bát-nhãBa-la-mật này, có các ác ma hiện tướng Tỷ-khưu, đến đứng trước mặt, nóirằng ta có pháp môn, các ông nên học, biên chép, thụ trì, đọc tụng như thế,tu tập như thế, tức có thể đến quả Nhất thiết trí kia. Tu-bồ-đề, nhân duyênnày, nên biết đó là việc ma.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu có người trú Bồ-tát thừa, ưa muốn thông đạtphương tiện thiện xảo của Bồ-tát Ma-ha-tát, nhưng đối với pháp Bồ-tát củamình, không thể biết rõ như thật, mà lại khởi tâm hướng cầu nơi pháp mônThanh Văn, Duyên Giác kia. Người này biết trong pháp kia cũng nói đếnKhông, Vô tướng, Vô nguyện, nên cho rằng ngang bằng, không khác vớipháp môn Bồ-tát. Tu-bồ-đề, nếu muốn biết rõ trí tối thắng, phương tiện thiện xảo của Bồ-tát Ma-ha-tát, nên ở trong pháp Bát nhã Ba la mật sâu xanày, hướng cầu như thật. Nếu lại tu tập nơi các pháp môn Thanh Văn, Duyên Giác kia, thì nên biết đó là việc ma.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Pháp môn Bát nhã Ba la mật này, nếu người nghe, ngườithích nghe nói, mà lười biếng, mệt mỏi, thì nên biết đó là việc ma.

Lại nữa, nếu lúc người nói, người thích nghe nói, mà lười biếng, mệt mỏi, thìnên biết đó là việc ma.Lại nữa, nếu lúc người nghe pháp kia ưa muốn nghe, nhận pháp môn Bát nhã Ba la mật này, nghe rồi biên chép, đọc tụng, nhưng người thuyết phápkhông nói cho họ, lại lấy tâm hý luận thuyết các kinh pháp khác. Do nhânduyên này, không thể hòa hợp, khiến người nghe không được thụ trì, đọctụng Bát nhã Ba la mật. Nên biết đó là việc ma.

Lại nữa, nếu lúc người thuyết pháp kia, tâm không biếng nhác, thoái lui, ưamuốn tuyên thuyết pháp môn Bát nhã Ba la mật, nhưng người nghe lại ởchỗ khác. Vì nhân duyên này, không thể hòa hợp. Nên biết đó là việc ma.

Lại nữa, nếu lúc người thuyết pháp kia, tâm không biếng nhác, thoái lui, ưamuốn tuyên thuyết pháp môn Bát nhã Ba la mật, nhưng người nghe lại ởchỗ khác. Vì nhân duyên này, không thể hòa hợp. Nên biết đó là việc ma.

Lại nữa, nếu lúc người thuyết pháp kia, ít ham muốn, vui vẻ, bỏ lời vô nghĩa,vui thích nói pháp, nhưng người nghe pháp, thân lực mệt mỏi, uể oải, tâmthức nặng nề, tối tăm. Vì nhân duyên này, không thể hòa hợp, không thểchép, trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật. Nên biết đó là việc ma.Lại nữa, nếu lúc người nghe pháp kia có tâm tin vui, muốn nghe pháp này,nhưng người thuyết pháp chần chừ, không muốn nói. Vì nhân duyên này, không thể hòa hợp, khiến người nghe pháp không được chép, trì, đọc tụngBát nhã Ba la mật. Nên biết đó là việc ma.

Lại nữa, nếu lúc người nghe pháp kia muốn nghe pháp này, nhưng ngườithuyết pháp đọc tụng, tu tập không thông lợi, khiến người nghe không muốn nghe. Vì nhân duyên này, không thể hòa hợp, không được chép, trì, đọctụng Bát nhã Ba la mật. Nên biết đó là việc ma.

Lại nữa, nếu lúc người thuyết pháp kia ưa thích thuyết pháp, nhưng ngườinghe pháp, vì các duyên khác, không thích nghe, nhận. Do nhân duyên này, không thể hòa hợp, không được chép, trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật. Nên biết đó là việc ma.

Lại nữa, nếu lúc người thuyết pháp kia, ưa thích thuyết pháp, nhưng ngườinghe pháp bị buồn ngủ, tối tăm, nặng nhọc, mỏi mệt, biếng nhác, không thểnghe, nhận. Vì nhân duyên này không thể hòa hợp, không được chép, trì,đọc tụng Bát nhã Ba la mật. Nên biết đó là việc ma.

Lại nữa, nếu lúc người nghe pháp kia, ưa muốn nghe pháp, nhưng ngườithuyết pháp bị buồn ngủ, tối tăm, nặng nề, mỏi mệt, biếng nhác, khôngthích thuyết pháp. Vì nhân duyên này, không thể hòa hợp, không đượcchép, trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật; nên biết đó là việc ma.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu có người lúc chép, trì, đọc tụng pháp môn Bát nhã Ba la mật này, có người đến nói: "Các ông nên biết Địa ngục, Ngạ quỷ, Bàngsinh và A-tu-la, trong các thú đó, có đủ loại khổ. Khổ thụ như thế, hãy nênxa lìa, không gì bằng tu tập để ra khỏi các thú, hết biên tế khổ, nắm chứngNiết-bàn." Tu-bồ-đề, người nói như thế, nên biết đó là việc ma.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu có người lúc chép, trì, đọc tụng pháp môn Bát nhã Ba la mật này, có người đến nói: "Ở các Thiên giới có lạc thú thù thắng, kỳdiệu. Đó là Dục giới có lạc thú của năm Dục, Sắc giới có lạc thú của Thiềnđịnh, Vô sắc giới có lạc thú của định Tịch tĩnh. Các lạc thú như thế đều làhữu vi, vô thường, là các tướng bại hoại, rốt ráo không thật, ba cõi đều Không, các pháp Vô ngã. Bậc trí các ông nên biết rõ, không gì bằng nắm,chứng quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Được quả này rồi,không còn chịu thân đời sau nữa." Tu-bồ-đề, người nói như thế tức làmchướng ngại thắng hành của Bồ-tát. Nên biết đó là việc ma.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu người thuyết pháp, một mình, một chỗ, tâm nhớ đồchúng liền nói rằng nếu có người có thể đi theo ta, ta sẽ cho Bát nhã Ba la mật; người không theo ta, ta không cho Bát nhã Ba la mật. Có các Thiệnnam tử, v.v..., vì cầu pháp nên tôn trọng Chính pháp. Bấy giờ, đều đến nương theo pháp sư, nhưng pháp sư kia đột nhiên thay đổi, tâm không ưamuốn thuyết Bát nhã Ba la mật cho đồ chúng, mà lại đi đến các chỗ hiểmnạn, đói khát, thiếu nước, cọp, beo, chó sói, trùng, thú, giặc cướp. Bấy giờ,pháp sư đó bảo đồ chúng: "Các Thiện nam tử, nơi này đói khát, hiểm nạn,vô cùng đáng sợ. Các ông làm sao có thể chịu nổi khổ này. Hãy nên tự mình suy tính, khỏi phải hối hận về sau." Người thuyết pháp đó dùng phương tiện,nhân duyên vi

tế, rời xa những người nghe pháp. Bấy giờ, những người đóbiết việc này rồi, bảo nhau rằng tướng xa rời này chẳng phải tướng Bát-nhã Ba-la-mật. Vì thế mọi người đều lui về, không đi theo nữa. Tu-bồ-đề, vì nhân duyên này, không thể hòa hợp, không được chép, trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật. Nên biết đó là việc ma.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu người thuyết pháp, có khi muốn đến những nơi tụ tập của phi nhân, các ác trùng, ác thú, vô cùng đáng sợ; hoặc đến những nơi hiểm nạn, đói khát, khô cạn, v.v..., liền nói với những người nghe pháp: "Các Thiện nam tử, các ông nên biết, chỗ ta đi đến vô cùng hiểm ác. Các ông không nên đi theo ta." Tu-bồ-đề, người thuyết pháp dùng phương tiện, nhân duyên vi tế như thế để rời xa. Những người nghe pháp, không thể hòa hợp, không được chép, trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật. Nên biết đó là việc ma.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu người thuyết pháp thường lui tới nhà bạn bè, rồi sau đó lại nói với người nghe pháp rằng: "Ta có bà con, các ông nên đến đó cầu xin các thứ ăn uống, y phục, đồ dùng, v.v..., cần thiết." Do nhân duyên nàymà bỏ việc nghe, nhận pháp môn Bát nhã Ba la mật, nên không được chép, trì, đọc tụng. Nên biết đó là việc ma.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Các tướng như thế, nên biết mọi thứ đều do ác ma tạo các phương tiện để gây chướng nạn, muốn làm cho những người tu pháp Bồ-tát không được nghe, nhận, tu tập, chép, trì, đọc tụng pháp môn Bát-nhã Ba-la-mật. Vì thế, những người tu pháp Bồ-tát, ở vào mọi lúc, thường xuyênbiết rõ. Biết được thì xa rời, khiến các Ma kia không có cơ hội.

Quyển XII

Phẩm 11: Ác Ma Chướng Ngại
Phần 2

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, tại sao ác ma kiên trì tạophương tiện khởi các chướng nạn, khiến những người tu pháp Bồ-tát khôngđược nghe nhận, tu tập, biên chép, thụ trì,đọc tụng Chính pháp Bát nhã Ba la mật?

Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề: Ông nay nên biết, Bát nhã Ba la mật này sinh raNhất thiết trí chư Phật, từ Nhất thiết trí lại sinh ra Chính pháp chư Phật, từ pháp chư Phật lại sinh ra vô lượng vô số chúng sinh. Chư Phật dùng sứcPhương tiện trí, rộng khiến chúng sinh đoạn các phiền não. Vì phiền nãođoạn, nên các ác ma kia không thể rình lấy cơ hội. Do không thể rình lấy cơhội, tạo các chướng nạn, nên tâm sinh khổ não. Vì tâm khổ não, nên kiên trìsiêng tạo phương tiện, gây sự khó khăn để làm cho những người tu phápBồ-tát không được nghe nhận, tu tập, biên chép, thụ trì, đọc tụng Chínhpháp Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Các ác ma kia hoặc tạo phương tiện, đối trước Thiện namtử mới trú Đại thừa, nói thế này: "Điều ông nghe nhận không phải Bát-nhãBa-la-mật thật. Ta có kinh pháp, là Bát nhã Ba la mật thật. Ông nên theo ta tu học như thế." Tu-bồ-đề, các ác ma kia dùng phương tiện như thế, muốn hoại thiện pháp, mà Thiện nam tử, v.v..., mới trú Đại thừa, ít trí, ít tin, chưađược thụ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác, tâm họ yếu sợ, bị Ma thu nhiếp. Vì bị Ma

thu nhiếp, nên không được nghe nhận, tu tập, biên chép, thụtrì, đọc tụng Chính pháp Bát nhã Ba la mật này. Tu-bồ-đề, vì nhân duyênnày, nên biết đó là việc ma.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Các ác ma kia, hoặc thường hiện thân làm tướng Tỷ-khưu, dùng tâm hoại pháp, vọng tu thắng hành sâu xa của Bồ-tát, nên ởtrong đó lại cho quả Thanh Văn là chứng Thật tế. Tu-bồ-đề, vì nhân duyên này, nên biết đó là việc ma.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Các ác ma kia dùng đủ loại phương tiện như thế, đối với Chính pháp Bát nhã Ba la mật này, tạo các chướng nạn, để khiến không có người chép, trì, đọc tụng. Vì thế, người tu pháp Bồ-tát, thường nên biết rõ, biết rồi xa lìa, liền khởi tâm dũng mãnh, tinh tiến, thù thắng, kiên cố an trú Chính niệm, Chính tri.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Đúng vậy, Thế Tôn. Đúng vậy, ThiệnThệ. Ví như đống châu báu lớn, có nhiều oán tặc, thường muốn rình cầu để lấy cắp. Vì sao? Châu báu khó được, giá trị vô lượng. Vì nhân duyên này, có nhiều oán tặc. Nay Bát nhã Ba la mật này là nhóm Pháp bảo lớn, cũng lại cónhiều chướng nạn như thế, thường có ác ma rình rập cơ hội. Vì thế, cóThiện nam tử, v.v..., mới trú Đại thừa, ít trí, ít tin, tâm họ yếu sợ, đối vớiPháp rộng lớn sâu xa này, không được nghe nhận, tu tập, biên chép, thụ trì,đọc tụng. Biết đó đều là gia lực của Ma. Thế Tôn, nếu lại có người, đối với các sự khó khăn như thế, dũng mãnh, tinh tiến, tâm không biếng nhác, thoái lui, đối với pháp môn này, kiên cố tu tập, chép, trì, đọc tụng. Chẳng phải nhờ oai lực thần thông của chư Phật gia trì sao?

Phật nói: Tu-bồ-đề, đúng thế, đúng thế. Như ông nói, nếu có người có thể ởnơi các sự khó khăn như thế, được nghe nhận, tu tập, biên chép, thụ trì, đọc tụng pháp môn này, nên biết đều nhờ oai lực thần thông chư Phật Như Lai cùng hộ niệm. Vì sao? Các ác ma kia tuy luôn tạo ra phương tiện, đối với pháp môn này làm các chướng ngại. Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác, cũng luôn tạo ra phương tiện, đối với pháp môn Bát nhã Ba la mật này, dùng lực oai thần gia trì, hộ niệm.

Phẩm 12: Hiển Thị Thế Gian
Phần 1

Phật bảo Tu-bồ-đề: Như người mẹ ở đời, sinh, nuôi các con. Hoặc một, hoặc mười, hoặc trăm, hoặc ngàn người con, một khi người mẹ đột nhiên mang bệnh, mỗi người con đều siêng cầu phương tiện cốt để chữa trị, đều nghĩ thế này: “Làm thế nào để mẹ sớm được xa rời phong, nhọt, đàm, đủ loại bệnh khổ, các căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý nhẹ nhàng, điều hòa; làm thế nào để mẹ ăn uống nhiều lên, sức lực kiên cố, lìa các khổ , được khoái lạc lớn; làm thế nào để mẹ, mạng sống lâu dài, ở lâu trên đời. Vì sao? Nay thân này của ta ở trên thế gian, từ mẹ sinh ra, sinh, nuôi rất khó; vì nhân duyên này, ơn mẹ thì nặng.”

Tu-bồ-đề, Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác hiện tại ở mười phương cũng như thế, đều dùng oai lực thần thông của mình gia trì, hộ niệm pháp môn sâu xa Bát nhã Ba la mật này, thương xót tất cả chúng sinh trên đời, khiến đều được nghe, chép, trì, đọc tụng. Chư Như Lai đó đều nghĩ: “Làmthế nào Chính pháp Bát nhã Ba la mật này trú lâu được ở thế gian? Làm thế nào Chính pháp Bát nhã Ba la mật này lìa được tướng phá hoại? Làm thế nào Chính pháp Bát nhã Ba

la mật này, rộng khiến thế gian chép, trì, đọc tụng, tuyên dương, lưu bố, khiến các ác ma không có cơ hội.”

Tu-bồ-đề, Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác, ở vào mọi lúc, siêng tạophương tiện, khen ngợi, hộ niệm pháp môn Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Bát nhã Ba la mật này là Mẹ chư Phật. Chư Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác kia có được Nhất thiết trí là từ Bát nhã Ba la mật chân thật sinh ra. Bát nhã Ba la mật này có thể hiển bày chư Phật, và có thể hiển bày các tướng thế gian. Chư Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác quá khứ, vị lai, hoặc đã chứng đắc, hoặc sẽ chứng đắc, đều nhờ Bát nhã Ba la mật này, mà thành tựu quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Và nay, tất cả Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác hiện tại ở mười phương vô lượng a-tăng-kỳ thế giới, trú thế thuyết pháp, rộng vì chúng sinh mà làm lợi ích, cũng nhờ Bát nhã Ba la mật này, thành tựu quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Tu-bồ-đề nên biết, chư Phật ba đời đều đến từ trong Bát nhã Ba la mật, Bát nhã Ba la mật có thể khéo sinh ra; vì thế, Bát nhã Ba la mật có thể hiển bày chư Phật, và có thể hiển bày các tướng thế gian.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, như Phật nói, Bát nhã Ba la mật có thể hiển bày các tướng thế gian. Như Lai Ứng cúng Chính đẳngChính giác sẽ nói tướng thế gian là thế nào? Xin Phật Thế Tôn rộng vì mở bày.105

Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề: Phật nói năm uẩn là tướng thế gian; đó là sắc,thụ, tưởng, hành, thức. Bát nhã Ba la mật hiển bày tướng như thế.

Tu-bồ-đề lại bạch Phật: Thế Tôn, Bát nhã Ba la mật hiển bày pháp năm uẩnlà thế gian như thế nào?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nên biết Bát nhã Ba la mật hiển bày tướng hoại, khônghoại của năm uẩn. Tự tính của năm uẩn không tạo tác, không sinh, hoại màkhông hoại. Vì sao? Tự tính Không đó, không tạo tác, không sinh, hoại mà không hoại. Tự tính Vô tướng, Vô nguyện, không tạo tác, không sinh, hoại mà không hoại. Tự tính pháp giới cũng không tạo tác, không sinh, hoại màkhông hoại. Năm uẩn này cũng vậy; vì thế Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác nói Bát nhã Ba la mật hiển bày tướng thế gian.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Như Lai đến từ trong Bát nhã Ba la mật, có thể tùy theo tính của vô lượng vô số chúng sinh, đều biết như thật. Làm thế nào Như Lai biết như thật? Tức, tự tính chúng sinh chính là tự tính Như thật, từ Bát nhã Ba la mật sinh ra. Như Lai cũng từ Bát nhã Ba la mật sinh ra. Vì thế Như Lai, có thể tùy theo tính của vô lượng vô số chúng sinh, đều biết như thật. Do biết rõ như thật tính của chúng sinh, cho đến tất cả tâm hành của vô lượng vô số chúng sinh, cũng biết như thật; vì biết rõ tâm hành của vôlượng vô số chúng sinh, nên Phật nói Bát nhã Ba la mật hiển bày tướng thế gian.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, biết rõ như thật nhiếp tâm, loạn tâm của vô lượng vô số chúng sinh. Làm thế nào Như Lai biết nhiếp tâm của chúng sinh? Tức, hoặc tụ hoặc tán, trú trong pháp tính, biếtrõ như thật. Nếu đã biết như thật tức là biết rõ chúng sinh nhiếp tâm. Vì thế, Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, có thể biết được nhiếp tâm như thế của vô lượng vô số chúng sinh. Làm thế nào Như Lai biết tán tâm của chúng sinh? Tức trú trong pháp tính, biết tâm không có tướng. Vì tâm không có tướng,tức không phải hữu tận, không phải vô tận. Nếu biết

rõ như thật tướng tận,vô tận, tức là biết rõ tán tâm của chúng sinh. Vì thế, Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, có thể biết tán tâm như thế của vô lượng vô số chúng sinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, biết rõ như thật tâm vô tận của vô lượng vô số chúng sinh. Làm thế nào Như Lai biết tâm vô tận của chúng sinh? Tu-bồ-đề, nghĩa là biết tâm không hoại. Vì tâm không hoại, tứctâm không sinh, diệt. Vì không sinh, diệt, tức không trú, không nương tựa.Tướng không có tận, giống như hư không, rộng lớn vô tận, nên tướng của tâm cũng thế. Vì thế, Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, có thể biết tâm vô tận như thế của vô lượng vô số chúng sinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật nên biết rõ như thật tâmnhiễm của vô lượng vô số chúng sinh. Làm thế nào Như Lai biết tâm nhiễmcủa chúng sinh? Tu-bồ-đề, nghĩa là biết rõ tướng như thật của tâm nhiễm chẳng phải là tâm nhiễm. Vì thế, Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, có thể biết tâm nhiễm như thế của vô lượng vô số chúng sinh.106

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, biết rõ như thật tâm ly nhiễm của vô lượng vô số chúng sinh. Làm thế nào Như Lai biết tâm ly nhiễm của chúng sinh? Tu-bồ-đề, nghĩa là biết rõ tự tính của tâm nhiễm ô; tức trong tâm ly nhiễm không có tướng tâm ly nhiễm. Vì thế, Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, có thể biết tâm ly nhiễm như thế của vô lượng vô số chúng sinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, biết rõ như thật các tâmnăng duyên của vô lượng vô số chúng sinh. Làm thế nào Như Lai biết tâm năng duyên của chúng sinh? Tu-bồ-đề, nghĩa là biết rõ tướng các tâm năng duyên A-lại-da, v.v..., tâm không năng duyên. Vì thế, Như Lai nhờ Bát-nhãBa-la-mật, có thể biết tâm năng duyên như thế của vô lượng vô số chúngsinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, biết rõ như thật các tâm năng thủ của vô lượng vô số chúng sinh. Làm thế nào Như Lai biết tâm năng thủ của chúng sinh? Tu-bồ-đề, nghĩa là biết rõ không có tướng được nắmbắt. Vì lìa tướng nắm bắt, tức không thể nắm bắt. Vì thế, Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, có thể biết tâm năng thủ như thế của vô lượng vô số chúng sinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, biết rõ như thật các tâm hữu lậu của vô lượng vô số chúng sinh. Làm thế nào Như Lai biết tâm hữulậu của chúng sinh? Tu-bồ-đề, nghĩa là biết rõ tâm không có tự tính. Khôngc ó tự tính, tức không phân biệt. Vì thế, Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, có thể biết tâm hữu lậu như thế của vô lượng vô số chúng sinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, biết rõ như thật các tâmvô lậu của vô lượng vô số chúng sinh. Làm thế nào Như Lai biết tâm vô lậucủa chúng sinh? Tu-bồ-đề, nghĩa là biết rõ tâm không có tự tính tức chẳng phải tâm phần. Vì thế, Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, có thể biết tâm vô lậu như thế của vô lượng vô số chúng sinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, biết rõ như thật tâm tham của vô lượng vô số chúng sinh. Làm thế nào Như Lai biết tâm tham của chúng sinh? Tu-bồ-đề, nghĩa là biết rõ nếu trú tham tức tâm không như thật. Nếu tâm như thật, tức không trú tham; trong pháp bình đẳng có thể được tâm vô tham. Vì thế, Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, có thể biết tâm tham như thế của vô lượng vô số chúng sinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, biết rõ như thật tâm lytham của vô lượng vô số chúng sinh. Làm thế nào Như Lai biết tâm ly thamcủa chúng sinh? Tu-bồ-đề, đó là biết rõ tướng như thật của tâm. Hoặc tham,hoặc ly tham, đều không thể được. Vì không thể được, tức không có tướngtâm ly tham. Vì thế, Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, có thể biết tâm ly tham như thế của vô lượng vô số chúng sinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, biết rõ như thật tâm sâncủa vô lượng vô số chúng sinh. Làm thế nào Như Lai biết tâm sân của chúng sinh? Tu-bồ-đề, đó là biết rõ tâm trú không tịch, lìa tướng được duyên,không có các phân biệt. Vì thế, Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, có thể biếttâm sân như thế của vô lượng vô số chúng sinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, biết rõ như thật tâm lysân của vô lượng vô số chúng sinh. Làm thế nào Như Lai biết tâm ly sân củachúng sinh? Tu-bồ-đề, đó là biết rõ tâm, pháp không hai, từ chân thật sinh.Vì thế, Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, có thể biết tâm ly sân của vô lượngvô số chúng sinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, biết rõ như thật tâm sicủa vô lượng vô số chúng sinh. Làm thế nào Như Lai biết tâm si của chúng sinh? Tu-bồ-đề, đó là biết rõ nếu tâm trú ở si tức tâm không như thật. Nếutâm như thật, tức không trú ở si. Vì thế, Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, có thể biết tâm si như thế của vô lượng vô số chúng sinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, biết rõ như thật tâm ly sicủa vô lượng vô số chúng sinh. Làm thế nào Như Lai biết tâm ly si của chúng sinh? Tu-bồ-đề, đó là biết rõ nếu tâm có dính mắc, tức tâm nương tướng si. Nếu tâm trú như thật, tức không nương tướng si. Vì như thế, nên không có tướng tâm ly si có thể đắc. Vì thế, Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, có thể biết tâm ly si của vô lượng vô số chúng sinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, biết rõ như thật tâm lầm lỗi của vô lượng vô số chúng sinh. Làm thế nào Như Lai biết tâm lầm lỗi củachúng sinh? Tu-bồ-đề, đó là biết rõ nếu tâm sinh lỗi lầm, tức tâm không như thật. Nếu tâm như thật, tức không sinh lầm lỗi. Trong pháp bình đẳng,không có tâm lầm lỗi có thể được. Vì thế, Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, cóthể biết tâm lầm lỗi như thế của vô lượng vô số chúng sinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, biết rõ như thật tâm lìa lầm lỗi của vô lượng vô số chúng sinh. Làm thế nào Như Lai biết tâm lìa lầm lỗi của chúng sinh? Tu-bồ-đề, đó là biết rõ nếu tâm có dính mắc, tức tội lỗi theo đó sinh ra. Nếu tâm trú như thật, tức không sinh lầm lỗi. Vì như thế,nên không có tướng tâm lìa lầm lỗi có thể được. Vì thế, Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, có thể biết tâm lìa lầm lỗi của vô lượng vô số chúng sinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, biết rõ như thật tâmrộng của vô lượng vô số chúng sinh. Làm thế nào Như Lai biết tâm rộng củachúng sinh? Tu-bồ-đề, đó là biết rõ tâm này không tăng, không giảm, không trú, không dính mắc. Vì thế, Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, có thể biết tâm rộng như thế của vô lượng vô số chúng sinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, biết rõ như thật tâmkhông rộng của vô lượng vô số chúng sinh. Làm thế nào Như Lai biết tâmkhông rộng của chúng sinh? Tu-bồ-đề, đó là biết rõ tâm không có nơi chốn.Vì không có nơi chốn, tức không khởi tạo, cũng không tăng

rộng. Vì thế,Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, có thể biết tâm không rộng như thế của vôlượng vô số chúng sinh. 108

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, biết rõ như thật tâm lớn của vô lượng vô số chúng sinh. Làm thế nào Như Lai biết tâm lớn của chúng sinh? Tu-bồ-đề, đó là biết rõ tâm này bình đẳng, tự tính không sai biệt. Vì thế, Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, có thể biết tâm lớn như thế của vôlượng vô số chúng sinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, biết rõ như thật tâm không lớn của vô lượng vô số chúng sinh. Làm thế nào Như Lai biết tâm không lớn của chúng sinh? Tu-bồ-đề, đó là biết rõ tâm không có đi, đến. Vì thế, Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, có thể biết tâm không lớn như thế của vô lượng vô số chúng sinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, biết rõ như thật tâm vôlượng của vô lượng vô số chúng sinh. Làm thế nào Như Lai biết tâm vô lượng của chúng sinh? Tu-bồ-đề, đó là biết rõ tâm không nương tựa. Vì không nương tựa, tức không hạn lượng. Vì thế, Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, có thể biết tâm vô lượng như thế của vô lượng vô số chúng sinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, biết rõ như thật tâm hiện tại của vô lượng vô số chúng sinh. Làm thế nào Như Lai biết tâm hiện tại của chúng sinh. Tu-bồ-đề, đó là biết rõ như thật tự tính các tâm không có hiện bày. Vì thế, Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, có thể biết tâm hiện tại như thế của vô lượng vô số chúng sinh.

Lại nữa,Tu-bồ-đề. Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, biết rõ như thật tâm không phải hiện tại của vô lượng vô số chúng sinh. Làm thế nào Như Lai biết tâm không phải hiện tại của chúng sinh? Tu-bồ-đề, đó là biết rõ như thật tâm không có hình tướng, tự tính ly. Vì tính ly, nên không phải hiện tại,không phải không hiện tại. Vì thế, Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, có thể biết tâm không phải hiện tại như thế của vô lượng vô số chúng sinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, biết rõ như thật tâmthắng thượng của vô lượng vô số chúng sinh. Làm thế nào Như Lai biết tâm thắng thượng của chúng sinh? Tu-bồ-đề, đó là biết rõ nếu tâm trú như thật, tức không sinh, cũng không có, tức là thắng thượng. Vì thế, Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, có thể biết tâm thắng thượng như thế của vô lượng vô số chúng sinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, biết rõ như thật tâm vôthượng của vô lượng vô số chúng sinh. Làm thế nào Như Lai biết tâm vô thượng của chúng sinh? Tu-bồ-đề, đó là biết rõ tâm không có được, lìa các hý luận. Vì thế, Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, có thể biết tâm vô thượng như thế của vô lượng vô số chúng sinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, biết rõ như thật tâm định của vô lượng vô số chúng sinh. Làm thế nào Như Lai biết rõ tâm định củachúng sinh? Tu-bồ-đề, đó là biết rõ tâm này bình đẳng. Trong pháp bìnhđẳng, không có tướng định, loạn, giống như hư không, lặng yên không động. Vì thế, Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, có thể biết tâm định như thếcủa vô lượng vô số chúng sinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, biết rõ như thật tâm không phải định của vô lượng vô số chúng sinh. Làm thế nào Như Lai biết rõ tâm không phải định của chúng sinh? Tu-bồ-đề, đó là biết rõ tâm vô đẳng đẳng tức tâm bình đẳng. Vì tâm bình đẳng, nên không thể

được tướng của tâm không phải định. Vì thế, Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, có thể biết tâm không phải định như thế của vô lượng vô số chúng sinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, biết rõ như thật tâm giải thoát của vô lượng vô số chúng sinh. Làm thế nào Như Lai biết tâm giải thoát của chúng sinh? Tu-bồ-đề, đó là biết rõ chúng sinh tự tính giải thoát.Tính chúng sinh đó, tức tính giải thoát. Vì thế, Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, có thể biết tâm giải thoát như thế của vô lượng vô số chúng sinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, biết rõ như thật tâmkhông phải giải thoát của vô lượng vô số chúng sinh. Làm thế nào Như Laibiết tâm không phải giải thoát của chúng sinh? Tu-bồ-đề, đó là biết rõ tâmtính không đến, không đi, không trú, chẳng phải ba đời quá khứ, vị lai, hiệntại có thể đắc giải thoát. Tính ly, tức không thể được tướng không phải giải thoát. Vì thế, Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, có thể biết tâm không phải giải thoát như thế của vô lượng vô số chúng sinh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, biết rõ như thật tâm không thể thấy của vô lượng vô số chúng sinh. Làm thế nào Như Lai biết tâm không thể thấy của chúng sinh? Tu-bồ-đề, đó là biết rõ tâm của chúngsinh đó không có sinh, không có thành, không phân biệt, không nắm bắt, lìa các tướng, không thể thấy; mắt tuệ, mắt trời còn không thể thấy, huống là mắt thịt. Vì thế, Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, có thể biết tâm không thể thấy như thế của vô lượng vô số chúng sinh.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Các tâm như thế, Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, đều biết rõ như thật. Vì nghĩa này, nên Bát nhã Ba la mật có thể hiển bày các tướng thế gian.

Quyển XIII

Phẩm 12: Hiển Thị Thế Gian
Phần 2

Phật bảo Tu-bồ-đề: Lại nữa, Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, biết rõ như thật vô lượng vô số chúng sinh, và các dị kiến của bổ-đặc-già-la, sự sinh diệt của các hành. Làm thế nào Như Lai biết các chúng sinh, và các dị kiến của bổ-đặc-già-la, sự sinh diệt của các hành? Tu-bồ-đề, đó là biết rõ các hànhsinh diệt do chúng sinh khởi, nương sắc mà sinh, nương thụ, tưởng, hành,thức mà sinh. Nương sắc, thụ, tưởng, hành, thức mà sinh là thế nào? Đó làcác dị kiến mà bổ-đặc-già-la khởi. Như cho Ngã và thế gian là thường, sắc là thường, Ngã và thế gian là vô thường, vừa thường vừa vô thường, không phải thường không phải vô thường. Như thế, Ngã và thế gian là thường;thụ, tưởng, hành, thức là thường; Ngã và thế gian là vô thường, vừa thườngvừa vô thường, không phải thường không phải vô thường. Thụ, tưởng, hành, thức là vô thường, vừa thường vừa vô thường, không phải thường không phải vô thường.

Lại nữa, Ngã và thế gian là hữu biên. Sắc là hữu biên. Ngã và thế gian là vô biên, vừa hữu biên vừa vô biên, không phải hữu biên không phải vô biên.Sắc là vô biên, vừa hữu biên vừa vô biên, không phải hữu biên không phảivô biên. Như thế, Ngã và thế gian là hữu biên. Thụ, tưởng, hành, thức là hữu biên. Ngã và thế gian là vô biên, vừa hữu biên vừa vô biên, không phải hữu

biên không phải vô biên. Thụ, tưởng, hành, thức là vô biên, vừa hữu biên vừa vô biên, không phải hữu biên không phải vô biên.

Lại nữa, sau khi chết, sắc đi như thế, không đi như thế, vừa đi như thế vừakhông đi như thế, không phải đi như thế không phải không đi như thế. Nhưthế, thụ, tưởng, hành, thức, sau khi chết, đi như thế, không đi như thế, vừađi như thế vừa không đi như thế, không phải đi như thế không phải không đinhư thế.

Lại nữa, thân chính là thần, thân khác thần khác. Như thế sắc, thụ, tưởng,hành, thức tức thân, tức thần. Sắc, thụ, tưởng, hành, thức khác thân, khác thần. Thấy như thế đều nương năm uẩn mà khởi.

Những điều này đều là cái nhìn u mê, dị biệt của bổ-đặc-già-la. Như Lai đềunhư thật biết rõ tất cả. Tu-bồ-đề, vì nghĩa này nên Như Lai Ứng cúng Chínhđẳng Chính giác, nhờ Bát nhã Ba la mật, có thể biết vô lượng vô số chúngsinh, và các dị kiến của bổ-đặc-già-la sinh diệt như thế.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, biết rõ như thật tướngcủa sắc, thụ, tưởng, hành, thức của vô lượng vô số chúng sinh. Làm thế nào Như Lai biết tướng sắc của chúng sinh? Tu-bồ-đề, đó là biết rõ Như Như của sắc. Làm thế nào Như Lai biết tướng của thụ, tưởng, hành, thức của chúngsinh?

Tu-bồ-đề, đó là biết rõ Như Như của thụ, tưởng, hành, thức.Tu-bồ-đề, vì nghĩa này nên Như Lai nói Như của chúng sinh sinh tử tức Nhưcủa năm uẩn, Như của năm uẩn tức Như của thế gian. Vì sao? Như của nămuẩn và Như của thế gian không khác. Vì thế, Như Như của năm uẩn là Nhưcủa thế gian, Như Như của thế gian là Như của tất cả các pháp, Như Nhưcủa tất cả các pháp là Như của quả Tu-đà-hoàn, Như Như của quả Tu-đà-hoàn là Như của quả Tư-đà-hàm, Như Như của quả Tư-đà-hàm là Như của quả A-na-hàm, Như Như của quả A-na-hàm là Như của quả A-la-hán, NhưNhư của quả A-la-hán là Như của quả Duyên Giác, Như Như của quả DuyênGiác là Như của Như Lai. Vì thế quả Như Lai và quả Thanh Văn, Duyên Giác,và năm uẩn thế gian, cho đến tất cả các pháp đều cùng một Như. Các Như Như như thế chẳng phải nhất tính, chẳng phải đa tính, là đủ loại tính, lìa đủloại tính, không hai, không phân biệt, không tạo tác, không cùng tận.

Tu-bồ-đề, Như Lai nhờ Bát nhã Ba la mật, được Như Như này; vì chứng Nhưnày, nên gọi là Như Lai. Vì nhân duyên này, Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác, nói Bát nhã Ba la mật có thể hiển bày thế gian, Bát nhã Ba la mật là mẹ chư Phật, sinh ra chư Phật. Do từ đó sinh ra nên biết rõ như thật Như Như của tất cả các pháp đó không khác nhau; vì chứng Như này nên xuất hiện ở đời, thành tựu Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, như Phật nói, pháp Như Như tốithượng, sâu xa. Phật nhờ Như này nên được quả Bồ-đề. Thế Tôn, pháp này sâu xa, người nào có thể tin hiểu? Chẳng phải Bồ-tát Ma-ha-tát trú bất thoái chuyển, A-la-hán nguyện mãn, bổ-đặc-già-la chính kiến, mới có thể tin hiểu?

Phật nói: Tu-bồ-đề, đúng thế, đúng thế, như ông nói. Lại nữa, Tu-bồ-đề,pháp Như Như là tướng vô tận, tối thắng, sâu xa. Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác như thật tuyên thuyết tướng vô tận đó.

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích và các chúng Thiên tử khác ở Dục giới, hai vạnPhạm chúng Thiên tử ở Sắc giới, đi đến chỗ Phật; đến rồi, đầu mặt lễ dướichân Phật, lui đứng một bên.

Bấy giờ, các Thiên tử bạch Phật: Thế Tôn, Phật đã nói pháp tối thượng, sâuxa. Trong đó, có tướng gì?

Phật nói: Các Thiên tử, các pháp lấy Không làm tướng, Vô tướng Vô nguyệnlàm tướng. Tướng này không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh.Pháp giới tịch tĩnh, giống như hư không, không nơi y chỉ, là tướng, khôngphải tướng. Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác nói sắc, thụ, hành,thức, tướng cũng thế, là tướng, không phải tướng; mà các tướng này, tướngkhông thể hoại. Thế gian, trời, người, A-tu-la v.v..., không thể làm hoại. Vìsao? Vì trời, người, A-tu-la, v.v..., đều có tướng. Các Thiên tử, nếu có ngườihỏi ai tạo hư không, người này có hỏi đúng không?112

Các Thiên tử bạch Phật: Không, Thế Tôn. Hư không không được tạo ra. Vìsao? Hư không là vô vi, ai có thể tạo được.

Phật bảo các Thiên tử: Đúng thế, đúng thế. Như Lai Ứng cúng Chính đẳngChính giác từ pháp Vô nhị sinh, nói tướng các pháp cũng là tướng Vô nhị. Vìsao? Vì Như Lai được tướng này, tức không có chỗ trú. Vì thế, Phật nói cácpháp không có tướng tạo tác.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, tướng này sâu xa. Vì Như Lai được tướng này nên thành Đẳng Chính giác, dùng trí Vô ngại thuyết Bát nhã Ba la mật; mà Bát nhã Ba la mật này mới là hành xứ của chư Phật.

Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề: Đúng thế, đúng thế. Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác nhờ Bát nhã Ba la mật, hiển bày như thật tướng thế gian kia. Tu-bồ-đề, Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác y chỉ ở pháp, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán đối với pháp; pháp được nói đó tức Bát nhã Ba la mật. Có Phật, không có Phật, pháp này vẫn thường trú. Vì thế,Như Lai y chỉ Bát nhã Ba la mật. Do y chỉ nên Như Lai tu tập Bát nhã Ba la mật. Do tu tập nên được Nhất thiết trí.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Ông nay nên biết, Phật là người biết ơn, có thể trả ơn. Nếu như có người hỏi rằng ai là người biết ơn, có thể báo ơn, thì nên đáp rằng Phật là người biết ơn, có thể báo ơn. Vì sao? Như Lai nhờ hành đạo,học pháp nên được Vô thượng Chính đẳng Chính giác; nay lại hộ niệm đạonày, pháp này. Tu-bồ-đề, sở hành, sở học của Như Lai chính là Bát nhã Ba la mật. Vì nghĩa này, Như Lai gọi là người báo ơn chân thật.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Như Lai biết tất cả các pháp không tạo tác; vì tướng không tạo tác nên được Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Nay lại như thậtnói tất cả các pháp không tạo tác, tướng không tạo tác, cũng là Như Lai chân thật báo ơn.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Như Lai biết tất cả các pháp đều đến từ trong Bát nhã Ba la mật; nay lại như thật nói Bát nhã Ba la mật hiển bày thế gian, cũng là Như Lai chân thật báo ơn.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, Các pháp đó không biết, không thấy, làm thế nào Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác nói Bát nhã Ba la mật hiểnbày thế gian?

Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề: Hay thay! Hay thay! Ông có thể hỏi Phật nghĩasâu xa này. Tu-bồ-đề, đúng thế, đúng thế. Tất cả các pháp không biết, tất cả các pháp không thấy. Tất cả các pháp không biết, không thấy là thế nào? Nghĩa là tất cả các pháp là Không, không nương tựa. Vì

thế tất cả các pháp không thấy, không biết. Vì Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác được pháp này nên nói Bát nhã Ba la mật có thể hiển bày thế gian. Hiển bày thế gian là thế nào? Tu-bồ-đề, nếu không thấy sắc, không thấy thụ, tưởng, hành, thức tức là hiển bày thế gian.113

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, không thấy sắc, không thấy thụ, tưởng, hành,thức là thế nào?

Phật nói: Tu-bồ-đề, nếu không vin vào sắc mà sinh thức thì gọi là không thấy sắc; nếu không vin vào thụ, tưởng, hành, thức mà sinh thức thì gọi là không thấy thụ, tưởng, hành, thức. Tu-bồ-đề, nếu không thấy sắc, thụ,tưởng, hành, thức tức không thấy thế gian; nếu không thấy thế gian như thếthì gọi là thấy đúng thế gian. Thế nào là thấy đúng thế gian? Nghĩa là vì thế gian Không, vì thế gian lìa tướng, vì thế gian tịch tĩnh, vì thế gian không nhiễm. Bát nhã Ba la mật hiển bày như thế. Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác cũng nói như thế.

Phẩm 13: Không Nghĩ Bàn

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, Bát nhã Ba la mật sâu xa tốithượng này vì việc lớn mà ra đời, vì việc không thể nghĩ bàn, việc không thếcân, việc không thể lường, việc không thể đếm, việc không gì ngang bằng mà ra đời.

Phật nói: Tu-bồ-đề, đúng thế, đúng thế. Bát nhã Ba la mật sâu xa, tối thượng vì việc lớn mà ra đời, vì việc không thể nghĩ bàn, việc không thế cân,việc không thể lường, việc không thể đếm, việc không gì ngang bằng mà ra đời.

Tu-bồ-đề, vì việc không thể nghĩ bàn mà ra đời là thế nào? Nghĩa là phápNhư Lai, pháp Phật, pháp Tự nhiên trí, pháp Nhất thiết trí, các pháp như thếkhông thể nghĩ bàn, chẳng phải tâm, chẳng phải tâm sở có thể chuyển, trong đó không có phân biệt. Vì thế Bát nhã Ba la mật vì việc không thểnghĩ bàn mà ra đời.

Tu-bồ-đề, vì việc không thể cân mà ra đời là thế nào? Nghĩa là pháp NhưLai, pháp Phật, pháp Tự nhiên trí, pháp Nhất thiết trí, các pháp như thế, tâmkhông thể cân. Vì thế, Bát nhã Ba la mật vì việc không thể cân mà ra đời.

Tu-bồ-đề, vì việc không thể lường mà ra đời là thế nào? Nghĩa là pháp NhưLai, pháp Phật, pháp Tự nhiên trí, pháp Nhất thiết trí, các pháp như thế vượtngoài mọi sự đo lường, không có hạn lượng. Vì thế, Bát nhã Ba la mật vì việc không thể lường mà ra đời.

Tu-bồ-đề, vì việc không thể đếm mà ra đời là thế nào? Nghĩa là pháp NhưLai, pháp Phật, pháp Tự nhiên trí, pháp Nhất thiết trí, các pháp như thế vượtngoài các số, số không đếm được. Vì thế, Bát nhã Ba la mật vì việc không thể đếm mà ra đời.

Tu-bồ-đề, vì việc không gì ngang bằng mà ra đời là thế nào? Nghĩa là pháp Như Lai, pháp Phật, pháp Tự nhiên trí, pháp Nhất thiết trí, các pháp như thế không có gì ngang bằng, huống là vượt quá. Vì thế, Bát nhã Ba la mật vì việc không gì ngang bằng mà ra đời.

Tu-bồ-đề lại bạch Phật: Thế Tôn, nếu pháp Như Lai, pháp Phật, pháp Tựnhiên trí, pháp Nhất thiết trí, các pháp như thế không thể nghĩ bàn, khôngthể cân, không thể lường, không thể đếm, không gì ngang bằng, thì sắc kiacũng không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể lường, không thể đếm,không gì ngang bằng, thụ, tưởng, hành, thức cũng không thể nghĩ bàn,không thể cân, không thể lường, không thể đếm, không gì ngang bằng sao?

Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề: Đúng thế, đúng thế, Tu-bồ-đề. Vì sắc không thểnghĩ bàn, không thể cân, không thể lường, không thể đếm, không gì ngangbằng; thụ, tưởng, hành, thức không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể lường, không thể đếm, không gì ngang bằng, cho đến tất cả các pháp cũng không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể lường, không thể đếm, không gì ngang bằng. Vì trong pháp tính, sắc không có tâm, không có tâm sởpháp; thụ, tưởng, hành, thức, ở trong Pháp tính, không có tâm, không cótâm sở pháp, cho đến tất cả các pháp, ở trong Pháp tính, cũng không cótâm, không có tâm sở pháp.

Tu-bồ-đề, vì sắc, thụ, tưởng, hành, thức, ở trong Pháp tính, không có tâm,không có tâm sở pháp, nên không thể nghĩ bàn, không thể cân, cho đến tấtcả các pháp cũng không thể nghĩ bàn, không thể cân. Tu-bồ-đề, vì sắc, thụ, tưởng, hành, thức không thể lường, cho đến tất cả các pháp cũng không thể lường. Vì sao? Sắc, thụ, tưởng, hành, thức, không thể lường được, cho đến tất cả các pháp cũng không thể lường được. Vì không thể lường được, tức sắc, thụ, tưởng, hành, thức cho đến tất cả các pháp không có tạo tác. Vì không tạo tác, tức sắc, thụ, tưởng, hành, thức cho đến tất cả các pháp đều không sinh. Vì không sinh, nên sắc, thụ, tưởng, hành, thức cho đến tất cả các pháp đều không thể lường. Tu-bồ-đề, vì sắc, thụ, tưởng, hành, thức không thể đếm, cho đến tất cả các pháp cũng không thể đếm. Vì sao? Vì vượt ngoài phần, số. Tu-bồ-đề, vì sắc, thụ, tưởng, hành, thức không có gì ngang bằng, cho đến tất cả các pháp cũng không có gì ngang bằng. Vì sao? Vì bình đẳng như hư không. Tất cả các pháp cũng thế.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Ý ông thế nào? Hư không có tâm, tâm sở pháp không?

Tu-bồ-đề nói: Không, Thế Tôn.

Phật nói: Tu-bồ-đề, tất cả các pháp kia cũng thế. Vì hư không không thể nghĩ bàn, tất cả các pháp cũng không thể nghĩ bàn. Vì hư không không thể cân, tất cả các pháp cũng không thể cân. Vì hư không không thể lường, tất cả các pháp cũng không thể lường. Vì hư không không thể đếm, tất cả các pháp cũng không thể đếm. Vì hư không không có gì ngang bằng, tất cả các pháp cũng không có gì ngang bằng. Vì thế các pháp lìa mọi phân biệt. Nếu phân biệt thì đều là nghiệp thức.

Tu-bồ-đề, chấm dứt mọi sự cân lường tính toán gọi là không thể nghĩ bàn.Vì không cân được nên gọi là không thể cân. Vì không có hạn lượng nên gọilà không thể lường. Vì vượt ngoài các số nên gọi là không thể tính toán. Vìnhư hư không nên gọi là không gì ngang bằng. Vì duyên này, nên biết phápNhư Lai, pháp Phật, pháp Tự nhiên trí, pháp Nhất thiết trí, cho đến tất cảcác pháp đều như hư không, không thể nghĩ bàn, không thể cân, không thể lường, không thể tính toán, không gì ngang bằng.

Lúc nói pháp môn không thể nghĩ bàn cho đến không gì ngang bằng này,trong hội có năm trăm Tỷ-khưu, hai mươi Tỷ-khưu-ni, không thụ các pháp,được hết các lậu, tâm khéo giải thoát; sáu mươi Ưu-bà-tắc, ba mươi Ưu-bà-di, xa lìa trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh, tức ở trước Phật đều được thụký; hai mươi Bồ-tát đều chứng Vô sinh pháp nhẫn, mà các Bồ-tát ở Hiềnkiếp này sẽ được thành tựu quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác.116

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, Bát nhã Ba la mật sâu xa, tối thượng, trước đây Phật đã nói vì việc lớn mà ra đời; tướng đó thế nào?

Phật nói: Tu-bồ-đề, Bát nhã Ba la mật vì việc lớn mà ra đời. Ông nay nênbiết, đó là pháp Phật, pháp Duyên Giác, pháp Thanh Văn, đều trú trong Bát nhã Ba la mật. Tu-bồ-đề, ví như ở đời, Vương tử Sát-đế-lợi được quán đỉnhrồi, ở vào ngôi vua, có việc vua và việc thành, nước, việc người dân, v.v..., đều giao phó cho Đại thần. Các Đại thần nhận mệnh rồi, thống nhất mà làm. Bát nhã Ba la mật cũng thế. Có pháp Phật, pháp Duyên Giác, pháp ThanhVăn, pháp đều trú trong Bát nhã Ba la mật. Bát nhã Ba la mật thống nhấtmọi pháp. Mọi pháp như thế gọi là việc lớn. Vì thế, Bát nhã Ba la mật vì việclớn mà ra đời.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bát nhã Ba la mật vì không nhận sắc, không cố chấp sắc mà ra đời; vì không nhận, không cố chấp thụ, tưởng, hành, thức mà ra đời; vì không nhận, không cố chấp quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán mà ra đời; vì không nhận, không cố chấp quả Duyên Giácmà ra đời; vì không nhận, không cố chấp Nhất thiết trí mà ra đời.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, Bát nhã Ba la mật không nhận, không cốchấp Nhất thiết trí mà ra đời là thế nào?

Phật dạy Tu-bồ-đề: Ý ông thế nào? Pháp A-la-hán ông chứng được có thấy,có thể nhận, có thể cố chấp không?

Tu-bồ-đề nói: Không, Thế Tôn. Pháp con chứng được, trong đó, không cóthấy, cũng không thể nhận, cũng không thể cố chấp.

Phật nói: Tu-bồ-đề, Bát nhã Ba la mật cũng thế. Có pháp Như Lai cho đến pháp Nhất thiết trí, trong các các pháp này đều không có thấy, không nhận, không cố chấp . Vì thế, Bát nhã Ba la mật không nhận, không cố chấp Nhất thiết trí nên ra đời.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, như Phật thuyết, Bát nhã Ba la mật không nhận, không cố chấp , tối thượng, sâu xa, hiếm có, khó được. Thế Tôn, Bồ-tát Ma-ha-tát mới trú Đại thừa kia, nếu nghe nói như thế,mà không lo, không sợ, cũng không lùi mất, sinh tin hiểu; nên biết Bồ-tát như thế đầy đủ nhân chính, ở nơi Phật trước đây đã gieo thiện căn. Vì thế,nay được nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa này, cũng không sinh lo sợ, tâm tịnh, tin hiểu.

Phật cố chấp : Tu-bồ-đề, đúng thế, đúng thế, như ông nói.

Bấy giờ, các Thiên tử Dục giới, Sắc giới, v.v..., bạch Phật: Thế Tôn, Chínhpháp Bát nhã Ba la mật này tối thượng, sâu xa, khó hiểu, khó vào. Nếu người được nghe Chính pháp Bát nhã Ba la mật sâu xa này, sinh tin hiểu; nên biết người này, ở nơi Phật trước đây, đã gieo thiện căn.

Thế Tôn, giả như chúng sinh ở ba ngàn Đại thiên thế giới, tất cả đều đã trú địa Tin làm, các chúng sinh này, hoặc trọn một kiếp, hoặc chưa tới một kiếp, như lý tu hành, thì không bằng có người có thể trong một ngày, đối với Chính pháp Bát nhã Ba la mật này, như lý suy nghĩ, an trú Pháp nhẫn. Công đức người này gấp đôi người trước.

Phật bảo các Thiên tử: Đúng thế, đúng thế. Chính pháp Bát nhã Ba la mậttối thượng, sâu xa. Giả như chúng sinh ở ba ngàn Đại thiên thế giới, tất cả đã trú địa Tin làm, hoặc trọn một kiếp, hoặc chưa tới một kiếp, như lý tu hành, thì không bằng có người, đối với Chính pháp Bát nhã Ba la mật này,như lý suy nghĩ, an trú Pháp nhẫn. Công đức người này gấp đôi người trước.Vì thế, các ông, đối với Chính pháp này, tôn trọng, cung kính, như lý tu hành.

Bấy giờ các Thiên tử ở Dục giới, Sắc giới, v.v..., đều bạch Phật: Thế Tôn, ĐạiBa-la-mật là Bát nhã Ba la mật tối thượng, sâu xa, hiếm có, khó được.Chúng con đều tùy hỷ, đỉnh nhận. Các

Thiên tử đó xưng tán như thế rồi, tức đầu mặt lễ dưới chân Thế Tôn, đi quanh bên phải ba vòng, ra khỏi Phật hội, cách đó không xa, thì ẩn thân không hiện, tất cả đều trở về cõi Trời của mình.

Quyển XIV

Phẩm 14: Thí Dụ

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ngheChính pháp Bát nhã Ba la mật sâu xa này, không lo, không sợ, không lui,không mất, không nghi, không thắc mắc, không hối, không chìm, tâm sinhtin hiểu; Bồ-tát như thế mất ở chỗ nào mà sinh đến đây?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát nghe Chính pháp Bát nhã Ba la mật sâu xa này, không lo, không sợ, không lui, không mất, không nghi, không thắc mắc, không hối, không chìm, tâm sinh tin hiểu, Bồ-tát như thếmất ở trong những người tối thượng kia mà sinh đến đây; lại được nghe Chính pháp Bát nhã Ba la mật sâu xa này, ưa thích, nghe nhận, không bao giờ lìa bỏ người thuyết pháp kia. Ví như bò con mới sinh, không lìa mẹ nó.Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát cũng thế. Đối với Chính pháp Bát nhã Ba la mật sâu xa này, tâm tịnh, tin hiểu, ưa thích, nghe nhận, mà không hề rời người thuyết pháp kia. Vì không rời người thuyết pháp kia, tức không vứt bỏ Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, nếu có Bồ-tát Ma-ha-tát, đầy đủ công đứcnhư thế, không phải mất từ nước Phật phương kia mà sinh đến đây sao?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng thế, đúng thế. Nếu có Bồ-tát Ma-ha-tát, đầy đủ công đức như thế, nên biết đã ở các chỗ Phật đó trong nước Phật ở phương kia, cung kính, nghe nhận pháp sâu xa này, trong đó lại thưa hỏi nghĩa pháp, mất từ đó rồi lại sinh đến đây. Vì nhân duyên này, nay lúc được nghe Chính pháp Bát nhã Ba la mật sâu xa này, cũng lại đầy đủ công đức như thế.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Có các Bồ-tát, ở chỗ Bồ-tát Ma-ha-tát Từ Thị trên trời TriTúc, nghe Chính pháp Bát nhã Ba la mật này, không nghi, không thắc mắc, trong đó lại thưa hỏi nghĩa pháp. Vì nhân duyên như thế, mất ở đó rồi lại sinh đến đây; nay lúc được nghe Chính pháp Bát nhã Ba la mật sâu xa này,cũng lại đầy đủ công đức như thế.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát, trong đời trước, tuy lại từng nghePháp sâu xa này, nhưng không thể như thật thưa hỏi nghĩa đó, tâm sinhnghi, hối; nên biết Bồ-tát này chuyển thân, sinh đến đây, nếu được nghe Chính pháp sâu xa này, thì trong đó cũng lại sinh tâm nghi, hối. Vì sao? Vì ở đời trước không hỏi đến cùng.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát, trong đời trước, lúc nghe Chính pháp Bát nhã Ba la mật sâu xa này, có thể một ngày, hai ngày, ba, bốn, năm ngày, phát sinh tịnh tín, thưa hỏi nghĩa đó, Bồ-tát này chuyển thân, sinh đến đây, nghe Chính pháp này, tâm tức tin hiểu, rời mọi nghi, hối, cũng ở trong đó, thưa hỏi nghĩa đó. Vì sao? Vì pháp vốn như thế.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu có Bồ-tát, trong đời trước, tuy được nghe Chính pháp Bát nhã Ba la mật sâu xa này, nhưng không thể quyết định, thưa hỏi nghĩa đó, cũng không thể làm như được nói; vì thế, nay lúc đối với Chính pháp Bát nhã Ba la mật sâu xa này, có khi thích nghe, có khi

không thích nghe, tâm họ dao động, không thể quyết định; giống như cái áo bằng lông tơ nhẹ bị gió lay động.

Tu-bồ-đề, nên biết Bồ-tát mới trú trong pháp Đại thừa này, tâm không thanh tịnh, không thể phát sinh quyết định, tin hiểu, không nắm Bát nhã Ba la mật, không hành theo Bát nhã Ba la mật. Vì thế, sẽ rơi vào một trong hai địa vị Thanh Văn, Duyên Giác kia.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Ví như có người, theo thuyền ra biển, thuyền bỗng nhiên bị hỏng. Người này, nếu không nắm cái phao, hoặc cây gỗ, hoặc tấm ván kia, nên biết người này tức nửa đường bị chìm nước mà chết. Do nhân duyên này, không đến bờ kia. Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát cũng thế. Đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác, có tin, có nhẫn, có thích, có muốn, cóhiểu, có hành, có hỷ, có lạc, có xả, có tinh tiến, có tôn trọng, có tâm sâu, có tâm tịnh, lìa phóng dật, không tán loạn; tuy đầy đủ công đức như thế, nếu không được phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật hộ niệm, Bồ-tát này tức không thể thành tựu quả Nhất thiết trí; ở nửa đường của mình cũng bị lui, mất.

Tu-bồ-đề, thế nào gọi là nửa đường? Hơn nữa, lùi mất pháp gì? Nửa đường là chỉ cho các địa vị Thanh Văn, Duyên Giác. Cái bị lùi mất là quả Nhất thiết trí. Tu-bồ-đề, lại như có người theo thuyền ra biển, ở nửa đường bỗng nhiên thuyền bị hư hỏng, người này tức thời nắm lấy cái phao, hoặc cây gỗ, hoặc tấm ván kia; nên biết người này thoát được sự khó khăn, không bị nước biểnnhận chìm mà chết, được hoàn toàn yên ổn mà tới bờ kia. Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát cũng thế. Đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác, có tin, cónhẫn, có thích, có muốn, có hiểu, có hành, có hỷ, có lạc, có xả, có tinh tiến,có tôn trọng, có tâm sâu, có tâm tịnh, lìa phóng dật, không tán loạn. Đầy đủcông đức như thế rồi, lại được phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật hộniệm. Bồ-tát này, ở nửa đường không bị lui mất, không rơi vào các địa vị Thanh Văn, Duyên Giác, tức có thể thành tựu quả Nhất thiết trí.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Lại như có người dùng cái bình hư, đến chỗ sông, hồ,giếng, suối kia, muốn lấy nước. Bình này không lâu bị vỡ nửa đường. Vìnhân duyên này, không lấy được nước. Vì sao? Bình chưa nung chín, nên vỡtan mà quay về với đất. Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát cũng thế. Đối với Vôthượng Chính đẳng Chính giác, có tín, có nhẫn, có thích, có muốn, có hiểu, có hành, có hỷ, có lạc, có xả, có tinh tiến, có tôn trọng, có tâm sâu xa, cótâm tịnh, lìa phóng dật, không tán loạn. Tuy đầy đủ công đức như thế, nếu không được phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật hộ niệm, Bồ-tát này, ởnửa đường sẽ bị lui mất, rơi vào các địa vị Thanh Văn, Duyên Giác, không thể thành tựu quả Nhất thiết trí. Tu-bồ-đề, lại có người dùng bình nung chín,đến sông, hồ, giếng, suối, muốn lấy nước đó. Người này đến chỗ nào cũngcó thể lấy được nước, được rồi mang về. Bình này chắc chắn, không bị vỡ. Vìsao? Vì bình đã nung chín. Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát cũng thế. Đối với Vôthượng Chính đẳng Chính giác, có tín, có nhẫn, có thích, có muốn, có hiểu,có hành, có hỷ, có lạc, có xả, có tinh tiến, có tôn trọng, có tâm tịnh, có tâmsâu, lìa phóng dật, không tán loạn. Đầy đủ công đức như thế rồi, lại đượcphương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật hộ niệm; nên biết Bồ-tát này, ởnửa đường không bị lui mất, không rơi vào các địa vị Thanh Văn, Duyên Giác, có thể thành tựu quả Nhất thiết trí.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Lại như ở đời, có những thương nhân ít trí, ít tuệ, ở bênbiển lớn, chọn lấy một chiếc thuyền, chở tiền của đi ra giữa biển. Không lâu,chiếc thuyền này bị thủng mà vỡ. Vì

sao? Trước đây khi làm không đượcchắc chắn, các vật dụng trên thuyền không được đầy đủ. Do thương nhânkia không có trí tuệ, không thể biết rõ, nên chọn lấy để chuyên chở đồ vật.Ở nửa đường, thuyền đã bị vỡ, của cải lại chìm mất; bấy giờ, thương nhânchỉ biết sầu não. Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát cũng thế. Đối với Vô thượngChính đẳng Chính giác, có tín, có nhẫn, cho đến lìa phóng dật, không tánloạn. Tuy đầy đủ công đức như thế, nếu không được phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật hộ niệm, nên biết Bồ-tát này, ở nửa đường, sẽ bị lùi mất.Tu-bồ-đề, bị lùi nửa đường là chỉ cho bị rơi vào các địa vị Thanh Văn, DuyênGiác; bị mất, nghĩa là mất vật báu Nhất thiết trí kia. Đối với hạnh lợi mình và hạnh lợi người đều không thành tựu. Tu-bồ-đề, lại như có thương nhân có trí, có tuệ, ở bên biển lớn, tìm chiếc thuyền tốt, biết trước đây được làm rất chắc chắn, hoàn chỉnh, các vật dụng trên thuyền đều đầy đủ, nên chọn lấy để chở đồ vật đi vào biển lớn. Thuyền này không gặp tai nạn, muốn đến chỗ nào đều đến được, mà tiền của kia cũng không bị mất. Vì sao? Do thương nhân kia có trí tuệ, nên nửa đường không sinh lo buồn.

Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát cũng thế. Đối với Vô thượng Chính đẳng Chínhgiác, có tín, có nhẫn, cho đến lìa phóng dật, không tán loạn. Đầy đủ công đức như thế rồi, lại được phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật hộ niệm. Nên biết, Bồ-tát này, ở nửa đường, không rơi vào các địa vị Thanh Văn, Duyên Giác, tức có thể thành tựu quả Nhất thiết trí.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Lại như ở đời, người già một trăm hai mươi tuổi, bỗng nhiên cùng lúc bị các bệnh phong, nhọt, đàm xâm nhập làm khổ não. Vì nhân duyên này, chịu khổ trên giường. Tu-bồ-đề, ý ông thế nào? Người này, nếu khi đó không có người giúp đỡ, thì có thể từ giường tự đứng dậy không?T u-bồ-đề nói: Không, Thế Tôn.

Phật nói: Tu-bồ-đề, người này, nếu như có thể từ giường đứng dậy, thì cũngkhông thể đi một dặm, hai dặm, cho đến một do-tuần. Vì sao? Vì đã bị già,bệnh xâm nhập, làm khổ não. Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát cũng thế. Đối vớiVô thượng Chính đẳng Chính giác, có tín, có nhẫn, cho đến lìa phóng dật, không tán loạn. Tuy đầy đủ công đức như thế, nếu không được phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật hộ niệm; nên biết Bồ-tát này, ở nửa đường sẽ bị lui mất, rơi vào các địa vị Thanh Văn, Duyên Giác, không thể thành tựuquả Nhất thiết trí.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Người già một trăm hai mươi tuổi kia, tuy lại có bệnh,chịu khổ trên giường, nếu lúc đó có hai người mạnh khỏe, đến nói với ngườiđó rằng: “Hai người chúng tôi, mỗi người một bên, phụ giúp cho ông, thìông sẽ sớm đứng dậy được. Muốn đi chỗ nào, sẽ giúp ông đến đó; đừng lonửa đường bị lùi, mất.” Lúc đó, người già bệnh, vì nghe lời họ, nên có thể từ giường đứng dậy, muốn đi đâu cũng được. Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát cũngthế. Đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác, có tín, có nhẫn, cho đến lìaphóng dật, không tán loạn. Đầy đủ công đức như thế rồi, lại được phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật hộ niệm. Nên biết Bồ-tát này, ở nửa đường, không bị lùi, mất, không rơi vào các địa vị Thanh Văn, Duyên Giác,tức có thể thành tựu quả Nhất thiết trí. Vì sao? Vì pháp vốn như thế. Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát. Đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác, có tín, có nhẫn, cho đến lìa phóng dật, không tán loạn. Đầy đủ công đức như thế rồi, lại được phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật hộ niệm. Nên biết Bồ-tát này nhất định không rơi vào các địa vị Thanh Văn, Duyên Giác, tức có thể thành tựu quả Nhất thiết trí, đều lấy công đức này hồi hướng Vô thượngChính đẳng Chính giác.

Phẩm 15: Hiền Thánh
Phần 1

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, các Bồ-tát mới học kia, đốivới Bát nhã Ba la mật sâu xa này, nên học thế nào?

Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề: Các Bồ-tát mới học, nếu muốn học Bát nhã Ba la mật sâu xa này, nên gần gũi thiện tri thức kia, tôn trọng, cung kính, tuhọc Bát nhã Ba la mật. Thiện tri thức này nên vì các Bồ-tát mới học đó,truyền dạy như lý, như thật tuyên thuyết nghĩa Bát nhã Ba la mật, nói nhưthế này: "Thiện nam tử, ông tu tập Bố thí Ba-la-mật, các Ba-la-mật Trì giới,Nhẫn nhục, Tinh tiến, Thiền định, Trí tuệ, có được nhiều công đức, đều nênhồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Lại nữa, Thiện nam tử. Ôngđem công đức Bố thí, lúc hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác,không nên chấp trước quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Đừng chấp trước sắc, gọi là Bồ-đề; đừng chấp trước thụ, tưởng, hành, thức, gọi là Bồ-đề. Vì sao? Vì Nhất thiết trí kia không có chấp trước. Thiện nam tử, ông tutập, đối với Giới thường giữ, đối với Nhẫn thường nhận, tinh tiến khôngbiếng nhác, thiền định tịch tĩnh, trí tuệ hiểu rõ. Đem các công đức như thế,lúc hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác, không nên chấp trước quảVô thượng Chính đẳng Chính giác. Đừng chấp trước sắc, gọi là Bồ-đề; đừngchấp trước thụ, tưởng, hành, thức, gọi là Bồ-đề. Vì sao? Nhất thiết trí kia không có chấp trước. Thiện nam tử, vì nghĩa này, ông cũng không nên chấp trước các địa vị Thanh Văn, Duyên Giác." Tu-bồ-đề, thiện tri thức đó nên vì Bồ-tát mới học, truyền dạy như thế, khiến từ từ nhập Bát nhã Ba la mật sâu xa.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, Bồ-tát Ma-ha-tát cầu Vô thượng Chính đẳngChính giác, vì muốn rộng khiến tất cả chúng sinh cắt đứt mọi khổ não, an trú Niết-bàn. Nhưng việc làm của các Bồ-tát rất khó; đó là, Bố thí Ba-la-mậtc ó tướng như thế, các Ba-la-mât-đa Trì gới, Nhẫn nhục, Tinh tiến, Thiềnđịnh, Trí tuệ có tướng như thế. Các tướng sâu xa, vốn là rất khó. Vì thế, Bồ-tát Ma-ha-tát, muốn thành tựu Vô thượng Chính đẳng Chính giác, ở trong luân hồi, nên phát tâm tinh tiến, đừng sinh kinh sợ.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng thế, đúng thế. Việc làm của Bồ-tát Ma-ha-tát rất khó. Tu-bồ-đề, các Bồ-tát Ma-ha-tát, vì muốn làm lợi ích, yên ổn, thương xótcác thế gian, nên hướng cầu Vô thượng Chính đẳng Chính giác, nghĩ thếnày: "Nếu lúc ta thành tựu Vô thượng Chính đẳng Chính giác, sẽ vì thế gian làm Đại cứu hộ, sẽ vì thế gian làm chỗ quay về, sẽ vì thế gian làm chỗ trú ẩn, sẽ vì thế gian làm con đường rốt ráo, sẽ vì thế gian làm châu lục rộng lớn, sẽ vì thế gian làm ánh sáng lớn, sẽ vì thế gian làm người dẫn đường tốt, sẽ vì thế gian làm hướng đi chân thật." Vì nghĩa này, Bồ-tát Ma-ha-tát phátđại tinh tiến đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát, khi được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, cóthể vì thế gian làm đại cứu hộ là thế nào? Nghĩa là Bồ-tát Ma-ha-tát muốnlàm cho tất cả chúng sinh trên đời cắt đứt nỗi khổ luân hồi; đó gọi là Bồ-tátMa-ha-tát có thể vì thế gian làm đại cứu hộ.

Tu-bồ-đề, thế nào là Bồ-tát Ma-ha-tát khi được Vô thượng Chính đẳng Chínhgiác, có thể vì chúng sinh làm chỗ quay về? Nghĩa là Bồ-tát Ma-ha-tát muốn làm cho tất cả chúng sinh trên đời được giải thoát sinh, lão, bệnh, tử, ưu, bi,khổ, não. Các pháp như thế đều là Bồ-tát Ma-ha-tát có thể vì thế gian làm chỗ quay về.

Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát, khi được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, có thể vì thế gian làm nơi trú ẩn là thế nào? Nghĩa là Bồ-tát Ma-ha-tát, khi đượcBồ-đề, vì muốn các chúng sinh không chấp trước nên thuyết pháp.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, thế nào gọi là không chấp trước?

Phật dạy Tu-bồ-đề: Nếu sắc không buộc, tức sắc không chấp trước; nếu sắckhông chấp trước, tức sắc không buộc. Sắc không buộc, tức sắc không sinh,không diệt. Do sắc không sinh, không diệt, tức không bị chấp trước. Vì không bị chấp trước, nên không buộc cũng không cởi. Thụ, tưởng, hành,thức cũng thế. Nếu thức không buộc, tức thức không chấp trước. Nếu thứckhông chấp trước, tức thức không buộc. Thức không buộc, tức thức khôngsinh, không diệt. Do thức không sinh, không diệt, tức không bị chấp trước.Vì không bị chấp trước, nên không buộc cũng không cởi. Tất cả các pháp kia cũng thế. Đối với các tri kiến đều không chấp trước. Tu-bồ-đề, lúc Bồ-tát Ma-ha-tát được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, vì các chúng sinh thuyết pháp như thế, đó gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát có thể vì thế gian làm nơi trú ẩn.

Tu-bồ-đề, lúc Bồ-tát Ma-ha-tát được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, cóthể vì thế gian làm con đường rốt ráo là thế nào? Nghĩa là lúc Bồ-tát Ma-ha-tát được Bồ-đề, vì các chúng sinh nói như thế này: Nếu sắc rốt ráo, tức không phải sắc; nếu thụ, tưởng, hành, thức rốt ráo, tức không phải thức. Do sắc, thụ, tưởng, hành, thức như thế nên các pháp cũng thế.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, nếu sắc, thụ, tưởng, hành, thức rốt ráo, tấtcả các pháp cũng thế, thì các Bồ-tát Ma-ha-tát kia đều không nên chứng đắcVô thượng Chính đẳng Chính giác? Vì sao? Vì trong tất cả các pháp không cóphân biệt.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng thế, đúng thế. Tất cả các pháp kia không có bịphân biệt và phân biệt. Do như thế nên Bồ-tát Ma-ha-tát được Vô thượngChính đẳng Chính giác. Vì thế tất cả các pháp tối thượng, sâu xa, vi diệu,khó vào, an trú, tịch tĩnh, không đắc, không chứng, không động, khôngchuyển. Tu-bồ-đề, lúc Bồ-tát Ma-ha-tát được Vô thượng Chính đẳng Chínhgiác, vì các chúng sinh thuyết pháp như thế; đó gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát cóthể vì thế gian làm con đường rốt ráo. 124

Tu-bồ-đề, lúc Bồ-tát Ma-ha-tát được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, cóthể vì thế gian làm châu lục rộng lớn là thế nào? Ở đây, gọi châu lục là thếnào? Tu-bồ-đề, ví như vùng đất ở giữa nước, là chỗ cắt đứt dòng chảy nêngọi là châu lục. Tất cả các pháp kia cũng thế. Sắc tiền tế đoạn nên hậu tếcũng đoạn; thụ, tưởng, hành, thức tiền tế đoạn nên hậu tế cũng đoạn; cho đến tất cả các pháp vì tiền tế đoạn, hậu tế cũng đoạn. Vì bị đoạn như thế, tức tất cả các pháp đều đứt. Nhưng tướng đoạn này không phải tướng điênđảo, là Niết-bàn tịch tĩnh.

Tu-bồ-đề, lúc Bồ-tát Ma-ha-tát được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, vìc ác chúng sinh, thuyết pháp như thế; đó gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát có thể vìthế gian làm châu lục rộng lớn.

Tu-bồ-đề, lúc Bồ-tát Ma-ha-tát được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, cóthể vì thế gian làm ánh sáng lớn là thế nào? Nghĩa là Bồ-tát Ma-ha-tát, trongdòng sinh tử, rộng vì chúng sinh làm phương tiện lớn, muốn khiến chúngsinh nhổ mũi tên vô minh, ra khỏi khổ sinh tử, dùng ánh sáng Nhất thiết trí phá mọi si ám; đó gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát có thể vì thế gian làm ánh sáng lớn.

Tu-bồ-đề, lúc Bồ-tát Ma-ha-tát được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, cóthể vì thế gian làm người dẫn đường tốt là thế nào? Nghĩa là lúc Bồ-tát Ma-ha-tát được Bồ-đề, vì các chúng

sinh nói tự tính của sắc không sinh, khôngdiệt; nói tự tính của thụ, tưởng, hành, thức không sinh, không diệt; nói tựtính của pháp Dị sinh không sinh, không diệt; nói tự tính của pháp ThanhVăn, Duyên Giác không sinh, không diệt; nói tự tính của pháp Bồ-tát khôngsinh, không diệt; nói tự tính của pháp chư Phật không sinh, không diệt; chođến nói tự tính tất cả các pháp không sinh, không diệt. Tu-bồ-đề, lúc Bồ-tát Ma-ha-tát được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, vì các chúng sinh thuyết pháp như thế; đó gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát có thể vì thế gian làm người dẫn đường tốt.

Tu-bồ-đề, lúc Bồ-tát Ma-ha-tát được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, cóthể vì thế gian làm hướng đi chân thật là thế nào? Nghĩa là lúc Bồ-tát Ma-ha-tát được Bồ-đề, nói sắc hướng đến Không; nói thụ, tưởng, hành, thức hướngđến Không; nói tất cả các pháp hướng đến Không; tức tất cả các phápkhông đến, không đi. Như hư không kia, không đến, không đi, không tạotác, không tướng, không trú, không chỗ trú, không pháp trú, không sinh,không diệt, tất cả các pháp cũng không đến, không đi, không tạo tác, khôngtướng, không trú, không chỗ trú, không pháp trú, không sinh, không diệt. Vìnghĩa này, tức không phân biệt và phân biệt. Vì sao? Sắc trú tính Không nênkhông đến, không đi; thụ, tưởng, hành, thức trú tính Không nên không đến,không đi; cho đến tất cả các pháp trú tính Không nên không đến, không đi.Ở đây, thế nào là sự hướng đến Không kia tức hướng đi của tất cả các pháp,hướng đi này không đổi? Hướng đến Vô tướng, tức hướng đi của tất cả cácpháp, hướng đi này không đổi; hướng đến Vô nguyện tức hướng đi của tấtcả các pháp, hướng đi này không đổi; hướng đến Vô tác, tức hướng đi của tất cả các pháp, hướng đi này không đổi; hướng đến Vô sinh, tức hướng đicủa tất cả các pháp, hướng đi này không đổi; hướng đến Vô thú, tức hướngđi của tất cả các pháp, hướng đi này không đổi; hướng đến Mộng, tứchướng đi của tất cả các pháp, hướng đi này không đổi; hướng đến Ngã, tứchướng đi của tất cả các pháp, hướng đi này không đổi; hướng đến Vô ngã,tức hướng đi của tất cả các pháp, hướng đi này không đổi; hướng đến Vôbiên, tức hướng đi của tất cả các pháp, hướng đi này không đổi; hướng đếnTịch tĩnh, tức hướng đi của tất cả các pháp, hướng đi này không đổi; hướngđến Niết-bàn, tức hướng đi của tất cả các pháp, hướng đi này không đổi; hướng đến Vô khởi, tức hướng đi của tất cả các pháp, hướng đi này khôngđổi; hướng đến Vô hoàn, tức hướng đi của tất cả các pháp, hướng đi nàykhông đổi; hướng đến Bất động, tức hướng đi của tất cả các pháp, hướng đi này không đổi; hướng đến Sắc, tức hướng đi của tất cả các pháp, hướng đinày không đổi; hướng đến thụ, tưởng, hành, thức, tức hướng đi của tất cảcác pháp, hướng đi này không đổi; hướng đến Vô thượng Chính đẳng Chínhgiác, tức hướng đi của tất cả các pháp, hướng đi này không đổi. Tu-bồ-đề, lúc Bồ-tát Ma-ha-tát được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, vì các chúng sinh, tuyên thuyết các pháp hướng đến Không như thế.

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, Bát nhã Ba la mật này tối thượng,sâu xa. Người nào có thể tin hiểu như thật?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu có Bồ-tát Ma-ha-tát, ở nơi Như Lai Ứng cúng Chínhđẳng Chính giác quá khứ, đã thành thục thiện căn, từ lâu đã tu hạnh Bồ-tát thù thắng, sâu xa, có thể tin hiểu Bát nhã Ba la mật sâu xa này.

Tu-bồ-đề hỏi: Người có thể tin hiểu có tướng thế nào?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu rời tính tham, sân, si là tướng tin hiểu. Đầy đủtướng như thế, tức có thể tin hiểu Bát nhã Ba la mật sâu xa.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, Bồ-tát Ma-ha-tát được Bát nhã Ba la mật sâuxa cũng hướng đến như thế. Được hướng đi như thế rồi thì vì chúng sinh mànhư thật tuyên thuyết, khiến chúng sinh cũng được hướng đi như thế.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng thế, đúng thế. Tu-bồ-đề, Bát nhã Ba la mật sâuxa cũng hướng đến như thế. Bồ-tát Ma-ha-tát đã được hướng đi như thế rồi,vì các chúng sinh, như thật tuyên thuyết, khiến các chúng sinh cũng được hướng đi như thế. Tu-bồ-đề, lúc Bồ-tát Ma-ha-tát được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, vì các chúng sinh thuyết pháp như thế; đó gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát có thể vì thế gian làm hướng đi chân thật.

Quyển XV

Phẩm 15: Hiền Thánh
Phần 2

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, việc làm của Bồ-tát Ma-ha-tát rất khó, vì vô lượng vô số chúng sinh, mặc áo giáp tinh tiến, làm đạitrang nghiêm, khiến khắp chúng sinh được Đại Niết-bàn, mà tướng chúngsinh, rốt ráo không thể có được.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng thế, đúng thế. Tu-bồ-đề, việc làm của Bồ-tát Ma-ha-tát rất khó, vì vô lượng vô số chúng sinh, mặc áo giáp tinh tiến, làm đạitrang nghiêm, khiến khắp chúng sinh được Đại Niết-bàn, mà tướng chúngsinh, rốt ráo không thể có được. Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát không vì sắc,hoặc cởi, hoặc buộc mà làm Đại trang nghiêm, không vì thụ, tưởng, hành, thức, hoặc cởi, hoặc buộc mà làm đại trang nghiêm, không vì địa vị ThanhVăn, địa vị Duyên Giác, địa vị Phật, hoặc cởi, hoặc buộc mà làm đại trangnghiêm. Vì sao? Bồ-tát Ma-ha-tát không vì trang nghiêm tất cả các pháp mà làm trang nghiêm; đó gọi là làm đại trang nghiêm.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, Bồ-tát Ma-ha-tát, nếu hành Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế, tức là Bồ-tát Ma-ha-tát làm đại trang nghiêm. Các Bồ-tát Ma-ha-tát, tuy hành Bát nhã Ba la mật sâu xa này, không sinh chấp trước đối với ba xứ. Ba xứ đó là gì? Là Thanh Văn địa, Duyên Giác địa, Phật địa.

Phật nói: Như ông nói, Bồ-tát Ma-ha-tát, nếu hành Bát nhã Ba la mật sâu xanhư thế, chính là đại trang nghiêm. Nhưng các Bồ-tát Ma-ha-tát, tuy hành Bát nhã Ba la mật sâu xa này, đối với Thanh Văn địa, Duyên Giác địa, Phật địa không sinh chấp trước. Tu-bồ-đề, ông thấy nghĩa gì mà nói như thế?

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, Bát nhã Ba la mật tối thượng, sâu xa, khôngcó một pháp nào có thể tu tập, không có pháp để tu, không có người tu. Vìsao? Vì Bát nhã Ba la mật sâu xa, trong đó không có pháp có thể sinh ra,tức không có pháp để tu. Giống như tu hư không, tức là tu Bát nhã Ba la mật; không tu tất cả các pháp, tức là tu Bát nhã Ba la mật. Tu không chấptrước là tu Bát nhã Ba la mật; tu không giới hạn là tu Bát nhã Ba la mật; tứctu không có tu là tu Bát nhã Ba la mật; tu không nắm bắt là tu Bát nhã Ba la mật.

Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề: Đúng thế, đúng thế. Bát nhã Ba la mật này vidiệu, sâu xa. Tu-bồ-đề, các Bồ-tát Ma-ha-tát có thể tu tập nên lấy pháp nàymà thí nghiệm, hiển bày tướng đó. Nếu có Bồ-tát Ma-ha-tát, đối với Bát-nhãBa-la-mật sâu xa này, không sinh tham đắm, không hy vọng, cũng không theo lời lẽ của người khác, tâm mình thanh tịnh, không khởi niềm tin sai khác, lúc nghe thuyết Bát nhã Ba la mật sâu xa này, không lo, không sợ,không lui, không mất, không nghi, không thắc mắc, không hối, không chìm,tâm rất hoan hỷ, tin hiểu thanh tịnh. Nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát này, đối vớiVô thượng Chính đẳng Chính giác, không còn thoái chuyển, đã từng đượcnghe pháp sâu xa này nơi Phật trước đây, trong đó lại thưa hỏi nghĩa pháp.Do nhân duyên này, nay lại được nghe pháp sâu xa này, không lo, không sợ,cho đến tâm sinh hoan hỷ, tin hiểu thanh tịnh.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa này, không lo sợ rồi, thì nên quán Bát nhã Ba la mật sâu xa này như thế nào?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát Ma-ha-tát muốn quán Bát nhã Ba la mật, nên nương tâm Nhất thiết trí để quán.

Tu-bồ-đề nói: Thế nào gọi là nương tâm Nhất thiết trí để quán?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu nương hư không để quán tức nương tâm Nhất thiếttrí để quán. Thế nào gọi là nương hư không để quán? Tu-bồ-đề, nương hưkhông để quán tức không có cái được quán. Do như thế nên mới được gọi lànương tâm Nhất thiết trí, quán Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vô lượng chính làNhất thiết trí. Tu-bồ-đề, nếu Vô lượng, tức không sắc, không thụ, tưởng,hành, thức, không được, không chứng, không đạo pháp, không đạo quả,không trí, không thức, không sinh, không diệt, không thành, không hoại,không quán, không có cái được quán, không làm, không có người làm,không đi, không đến, không nơi chốn, không hướng đến, không trú khôngphải không trú; đó tức là Vô lượng. Nếu thấy Vô lượng này tức rơi vào số Vôlượng; nếu không thấy Vô lượng này, tức như hư không vô lượng; Nhất thiếttrí cũng Vô lượng. Vô lượng như thế tức không được, không chứng. Vì thế,không thể lấy sắc mà được, không thể lấy thụ, tưởng, hành, thức mà được,không thể lấy Bố thí Ba-la-mật mà được, không thể lấy Trì giới Ba-la-mật,Nhẫn nhục Ba-la-mật, Tinh tiếnBa-la-mật, Thiền định Ba-la-mật, Trí tuệ Ba-la-mật mà được. Điều này là thế nào? Nghĩa là sắc tức là Nhất thiết trí; thụ,tưởng, hành, thức tức là Nhất thiết trí; Bố thí Ba-la-mật tức là Nhất thiết trí;Trì giới Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, Tinh tiếnBa-la-mật, Thiền định Ba-la-mật, Trí tuệ Ba-la-mật, tức là Nhất thiết trí.

Bấy giờ, Đại Phạm Thiên Vương chủ thế giới Ta-bà, cùng các Thiên tử Sắcgiới, Thiên chủ Đế Thích cùng các Thiên tử Dục giới cùng đi đến chỗ Phật.Đến rồi, đầu, mặt làm lễ dưới chân Phật, đi ba vòng bên phải, lui đứng mộtbên, cùng bạch Phật: Bát nhã Ba la mật tối thượng, sâu xa, không thể biếthết được giới hạn, nguồn gốc, khó thấy, khó hiểu. Như Lai Ứng cúng Chínhđẳng Chính giác, vì nghĩa gì mà an trú đạo tràng, thành tựu quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác, thuyết Bát nhã Ba la mật sâu xa này?

Phật bảo Phạm Vương, Đế Thích, các Thiên tử: Đúng thế, đúng thế. Bát-nhãBa-la-mật tối thượng, sâu xa, khó thấy, khó quán, không thể nắm được giớihạn, nguồn gốc. Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác, đối với Bát nhã Ba la mật sâu xa này, vì thấy nghĩa này nên an trú đạo tràng, thành tựu quảVô thượng Chính đẳng Chính giác, tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật sâu xa.Các Thiên tử, Như Lai tuy được Bồ-đề nhưng không có người được, khôngcó có cái để được.

Tuy thuyết giảng Bát nhã Ba la mật, nhưng không cóngười thuyết giảng, không có pháp được thuyết giảng. Vì sao? Vì Ngã Pháp sâu xa, không thể diễn nói, như hư không sâu xa, nên Pháp này sâu xa. VìNgã sâu xa nên pháp này sâu xa. Vì tất cả các pháp không đến nên pháp này sâu xa. Vì tất cả các pháp không đi nên pháp này sâu xa.

Lúc đó, Phạm Vương, Đế Thích và các Thiên tử lại bạch Phật: Hiếm có, ThếTôn. Hiếm có, Thiện Thệ. Pháp được Phật nói, thế gian hành, khó có thể tin,khó có thể hiểu. Vì sao? Thế gian hành có chấp trước, pháp Phật thuyếtkhông có chấp trước. Vì thế, tất cả các pháp lìa mọi chấp trước.

Phẩm 16: Chân Như

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, pháp Phật thuyết, tùy thuận tất cả các pháp, lìa mọi chướng ngại, mà tất cả các pháp rốt ráo là khôngthể được; vì như hư không, lìa tướng chướng ngại. Thế Tôn, vì các pháp như hư không nên tất cả các chương cú là không thể được; vì các pháp bình đẳng, nên Nhị pháp là không thể được; vì các pháp không sinh, nên pháp sinh là không thể được; vì các pháp không diệt, nên pháp diệt là không thể được; vì các pháp không có tướng, nên tướng nắm bắt là không thể được; vìcác pháp không có nơi chốn, nên tất cả các xứ là không thể được.

Bấy giờ, Phạm Vương, Đế Thích và các Thiên tử cùng bạch Phật: Thế Tôn,Trưởng lão Tu-bồ-đề nương Như Lai sinh ra. Vì sao? Vì các pháp đượcTrưởng lão Tu-bồ-đề nói thảy đều Không.

Bấy giờ Trưởng lão Tu-bồ-đề liền bảo Phạm Vương, Đế Thích và các Thiêntử: Các ông nói Tu-bồ-đề nương Như Lai sinh, nên biết, vì nương Như Nhưmà hành nên Như Như không sinh. Vì thế, Tu-bồ-đề nương Như Lai sinh.

Các thiên tử, vì giống như Chân như Như Lai không đến, không đi, nên Chânnhư Tu-bồ-đề cũng không đến, không đi; vì Chân như Như Lai xưa nay không sinh, nên Chân như Tu-bồ-đề cũng xưa nay không sinh. Vì sao? Chân như Như Lai tức là Chân như tất cả các pháp, Chân như tất cả các pháp tức là Chân như Như Lai, Chân như tất cả các pháp cũng là Chân như Tu-bồ-đề.Vì các Chân như này không có sinh, nên Tu-bồ-đề, trong pháp Chân nhưnày, nương Như Lai mà sinh. Nhưng Chân như kia tức chẳng phải Chân như.

Các Thiên tử, giống như Chân như Như Lai không trú, chẳng phải không trú;Chân như Tu-bồ-đề cũng không trú, chẳng phải không trú. Giống như Chânnhư Như Lai không tạo tác, chẳng phải không tạo tác, không phân biệt,chẳng phải không phân biệt; Chân như Tu-bồ-đề cũng không tạo tác, chẳngphải không tạo tác, không phân biệt, chẳng phải không phân biệt. Vì Chânnhư Tu-bồ-đề không tạo tác, chẳng phải không tạo tác, không phân biệt,chẳng phải không phân biệt, tức Chân như Như Lai không tạo tác, chẳngphải không tạo tác, không phân biệt, chẳng phải không phân biệt, khôngchướng ngại vì không chướng ngại; nên tất cả các pháp cũng không tạo tác,chẳng phải không tạo tác, không phân biệt, chẳng phải không phân biệt, lìamọi chướng ngại. Vì sao? Vì Chân như Như Lai, Chân như tất cả các pháp,cùng một Chân như. Như này không hai, không phân hai, không tướng, không phân biệt. Chân như không hai đó, tức chẳng phải

Chân như, chẳng phải không Chân như, tức chẳng phải Chân như, chẳng phải không Chânnhư kia. Vì thế, không hai, không phân hai, không tướng, không phân biệt.Vì thế, Tu-bồ-đề nương Như Lai sinh.130

Các Thiên tử, Như Lai không làm ra Chân như, chẳng phải không làm raChân như, không có Chân như, chẳng phải không có Chân như. Như nàykhông hai, không phân hai, không tướng, không phân biệt. Vì thế, Tu-bồ-đềnương Như Lai sinh.

Các Thiên tử, giống như Chân như Như Lai, ở mọi nơi đều thường, khôngđứt, không hoại; Chân như Tu-bồ-đề cũng ở mọi nơi đều thường, không đứt,không hoại, Chân như tất cả các pháp, ở mọi nơi, đều thường, không đứt,không hoại. Chân như Như Lai không tướng, không động, không có được;Chân như Tu-bồ-đề cũng không tướng, không động, không có được, Chânnhư tất cả các pháp cũng không tướng, không động, không có được. Vì thế,Tu-bồ-đề nương Như Lai sinh.

Các Thiên tử, Chân như Như Lai không khác Chân như tất cả các pháp. Chânnhư Tu-bồ-đề không khác Chân như tất cả các pháp. Tất cả các pháp đókhông khác Chân như, tức chẳng phải Chân như; chẳng phải Chân như đótức Chân như tất cả các pháp. Chân như như thế không đến, không đi,không hai, không khác. Vì thế, Tu-bồ-đề nương Như Lai sinh.

Các Thiên tử, giống như Chân như Như Lai, chẳng phải quá khứ, vị lai, hiệntại; Chân như Tu-bồ-đề cũng chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, Chân như tất cả các pháp cũng chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Vì thế, Tu-bồ-đề nương Như Lai sinh.

Các Thiên tử, Chân như Như Lai tức không đến, không đi, không trú Chânnhư. Chân như Như Lai tức Chân như quá khứ không đi; Chân như quá khứtức Chân như Như Lai không đi. Chân như Như Lai tức Chân như vị lai khôngđến; Chân như vị lai tức Chân như Như Lai không đến; Chân như Như Laitức Chân như hiện tại không trú; Chân như hiện tại tức Chân như Như Laikhông trú; Chân như Như Lai tức Chân như quá khứ, vị lai, hiện tại; Chânnhư quá khứ, hiện tại, vị lai tức Chân như Như Lai. Dù Chân như Như Lai, dùChân như quá khứ, hiện tại, vị lai, dù Chân như Tu-bồ-đề, các Chân như nàykhông hai, không phân hai, không tướng, không phân biệt; Chân như tất cảcác pháp cũng không hai, không phân hai, không tướng, không phân biệt.Dù Chân như Như Lai, dù Chân như Bồ-tát địa, dù Chân như Vô thượngChính đẳng Chính giác; các Chân như này không hai, không phân hai, khôngtướng, không phân biệt, vì rốt ráo không thể được, đều là danh tự sai biệt.

Tu-bồ-đề lại bảo các Thiên tử: Các ông nên biết, Tu-bồ-đề nương Như Laisinh, không nương sắc sinh, không nương thụ, tưởng, hành, thức sinh, không nương quả Tu-đà-hoàn sinh, không nương quả Tư-đà-hàm sinh,không nương quả A-na-hàm sinh, không nương quả A-la-hán sinh, khôngnương quả Duyên Giác sinh, không nương quả Phật sinh. Vì sao? Các pháp không sinh, chẳng phải không sinh. Các pháp không được, chẳng phải không được. Các Thiên tử, vì nghĩa này nên Tu-bồ-đề nương Như Lai sinh.

Lúc Tu-bồ-đề thuyết pháp Chân như này, thì đại địa này sáu loại chấn động,có mười tám tướng. Đó là chấn, biến chấn, đẳng biến chấn, động, biến động, đẳng biến động, dũng, biến dũng, đẳng biến dũng, kích, biến kích, đẳng biến kích, bạo, biến bạo, đẳng biến bạo, hống, biến hống, đẳng biến hống. Hiện mười tám tướng như thế rồi, tức thời đại địa trở lại như cũ.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử bạch Phật: Thế Tôn, pháp Chân như tối thượng,sâu xa, vi diệu, khó hiểu.

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi Tử: Đúng thế, đúng thế. Pháp Chân như tối thượng,tối thắng, sâu xa, vi diệu, khó hiểu, khó vào, nên lúc Phật ca ngợi pháp Chân như này, trong hội có ba trăm Tỷ-khưu, không thụ các pháp, chứng được lậu tận, tâm khéo giải thoát; năm trăm Tỷ-khưu-ni xa lìa trần cấu, được mắtPháp thanh tịnh; năm ngàn Thiên tử được Vô sinh pháp nhẫn; sáu ngàn Bồ-tát không thụ các pháp, chứng được lậu tận, tâm khéo giải thoát.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử biết sáu ngàn Bồ-tát kia đã chứng được lậu tận,tâm khéo giải thoát rồi, liền bạch Phật: Thế Tôn, các Bồ-tát này tu hạnh Bồ-tát, vì nhân duyên gì, nay ở trong hội này lại được dứt sạch các lậu, tâm khéo giải thoát?

Phật bảo Xá-lợi Tử: Ông nay nên biết, các Bồ-tát này, xưa kia từng gần gũi,cúng dường ở chỗ năm trăm vị Phật, đều tu tập pháp Bố thí, Trì giới, Nhẫnnhục, Tinh tiến, Thiền định, v.v.... Tuy tu các hành pháp như thế, nhưng không được phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật hộ niệm. Vì nhân duyên này, trở lại chứng quả này.

Lại nữa, Xá-lợi Tử. Có các Bồ-tát, tuy tu pháp môn Không, Vô tướng, Vônguyện, hành đạo Bồ-tát, nếu không được phương tiện Bát-nhã Ba-la-mậ thộ niệm, nên biết Bồ-tát này được quả Thanh Văn, nghĩa là chứng Thật tế.

Xá-lợi Tử, ví như ở đời, có loài chim kia, thân dài, lớn, hoặc một do-tuần,cho đến năm do-tuần, lông cánh chưa có, không thể bay xa, mà muốn từtrên trời Tam Thập Tam, lao thân xuống đất Diêm-phù-đề. Rồi con chim kia,nửa đường, tâm nghĩ thế này: “Ta nay muốn trở lại trời Tam Thập Tam;”hoặc nghĩ thế này: “Ta nguyện đến được đất Diêm-phù-đề, thân khôngthương tổn, lìa các khổ não.” Xá-lợi Tử, ý ông thế nào? Con chim kia muốnlên lại trời có thể lên lại được không? Nguyện đến đất Diêm-phù-đề, thânkhông thương tổn, có thể được như nguyện không?

Xá-lợi Tử nói: Không, Thế Tôn. Vì sao? Chim kia thân hình đã to, lông cánh lại chưa có, chắc chắn thân sẽ tổn thương, hoặc có thể chết.

Phật bảo Xá-lợi Tử: Bồ-tát cũng thế. Tuy có thể phát tâm Vô thượng Chínhđẳng Chính giác, trong Hằng hà sa số kiếp, đã từng rộng tu các hành, đốivới thí có thể xả, với giới có thể giữ, nhẫn có thể chịu, tinh tiến thì khôngbiếng nhác, thiền định thì tịch tĩnh, lại có thể phát tâm lớn, nguyện lớn đốivới Vô thượng Chính đẳng Chính giác; nhưng không được phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật hộ niệm thì Bồ-tát này chắc chắn rơi vào các địa vịThanh Văn, Duyên Giác.132

Lại nữa, Xá-lợi Tử. Có các Bồ-tát, tuy nhớ đến thiện căn các nhóm Giới,Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến của chư Phật Thế Tôn quá khứ, vịlai, hiện tại, nhưng vì Bồ-tát này chấp trước tướng niệm, nên không thể biếtcũng không thể thấy thiện căn các nhóm Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giảithoát tri kiến của chư Phật Thế Tôn. Vì không biết, không thấy nên nghethuyết tất cả các pháp Không, Bồ-tát này giữ, chấp trước tướng âm thanhmà sinh tin hiểu, tức đem công đức chấp trước tướng này hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Bồ-tát này chắc chắn rơi vào các địa vị Thanh Văn, Duyên Giác. Vì sao? Không được phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật hộ niệm.

Xá-lợi Tử bạch Phật: Thế Tôn, như con hiểu nghĩa Phật nói, có các Bồ-tát, tuy rộng tu các hành trong thời gian dài, nhưng nếu xa lìa thiện tri thức kia,không được phương tiện thiện xảo

Bát nhã Ba la mật; Bồ-tát này tức không thể thành tựu quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Vì thế, các Bồ-tát, nếu muốn thành tựu quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác, nên tu tập Phươngtiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật này.

Phật bảo Xá-lợi Tử: Đúng thế, đúng thế. Nếu các Bồ-tát muốn thành tựu quảVô thượng Chính đẳng Chính giác, nên gần gũi thiện tri thức kia, tức có thểtu tập Phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật này. Vì nghĩa này mới có thểthành tựu quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác.Bấy giờ, Phạm Vương, Đế Thích và các Thiên tử cùng bạch Phật: Thế Tôn,Bát nhã Ba la mật sâu xa, Vô thượng Chính đẳng Chính giác khó được.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Phạm Vương, Đế Thích và các Thiên tử: Đúng thế,đúng thế. Bát nhã Ba la mật sâu xa, Vô thượng Chính đẳng Chính giác khóđược. Nếu những người không có trí, khởi tinh tiến yếu ớt, sinh tin hiểu yếuót, không có phương tiện thiện xảo, gần gũi ác tri thức, tức đối với Vôthượng Chính đẳng Chính giác, lại càng rất khó.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, Phật nói Vô thượng Chínhđẳng Chính giác khó được. Như con hiểu nghĩa Phật nói, Vô thượng Chínhđẳng Chính giác không khó được. Vì sao? Tất cả các pháp Không, không cópháp để được, không có người được. Phật đã tuyên thuyết các pháp đều Không. Là pháp có đoạn thì bị đoạn, nên pháp này cũng Không. Vô thượngChính đẳng Chính giác kia, nếu pháp đạt được, nếu pháp được dùng, nếu biết, nếu hiểu, tất cả đều Không, không được, không chứng. Vì thế, Vô thượng Chính đẳng Chính giác không khó được.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Vô thượng Chính đẳng Chính giác không có được nênkhó được, không người được nên khó được, không phân biệt nên khó được.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử liền hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề: Như ông nói, Vô thượng Chính đẳng Chính giác không khó được, thì Hằng hà sa số người cầuBồ-đề kia, các Bồ-tát Ma-ha-tát, không nên bị thoái chuyển đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Vì sao? Ông nói, Bồ-đề không khó được.133

Tu-bồ-đề hỏi Tôn giả Xá-lợi Tử: Sắc, đối với Vô thượng Chính đẳng Chínhgiác, có thoái chuyển không?

Xá-lợi Tử nói: Không, Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề nói: Thụ, tưởng, hành, thức, đối với Vô thượng Chính đẳng Chínhgiác, có thoái chuyển không?

Xá-lợi Tử nói: Không, Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề nói: Lìa sắc có pháp bị thoái chuyển đối với Vô thượng Chính đẳngChính giác không?

Xá-lợi Tử nói: Không, Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề nói: Lìa thụ, tưởng, hành, thức, có pháp bị thoái chuyển đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác không?

Xá-lợi Tử nói: Không, Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề nói: Chân như sắc có thoái chuyển đối với Vô thượng Chính đẳngChính giác không?

Xá-lợi Tử nói: Không, Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề nói: Chân như thụ, tưởng, hành, thức có thoái chuyển đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác không?

Xá-lợi Tử nói: Không, Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề nói: Lìa Chân như sắc có pháp bị thoái chuyển đối với Vô thượngChính đẳng Chính giác không?

Xá-lợi Tử nói: Không, Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề nói: Lìa Chân như thụ, tưởng, hành, thức có pháp bị thoái chuyểnđối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác không?

Xá-lợi Tử nói: Không, Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề nói: Sắc có được chứng đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giáckhông?

Xá-lợi Tử nói: Không, Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề nói: Thụ, tưởng, hành, thức có được chứng đối với Vô thượngChính đẳng Chính giác không?

Xá-lợi Tử nói: Không, Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề nói: Lìa sắc có pháp được chứng đối với Vô thượng Chính đẳngChính giác không?

Xá-lợi Tử nói: Không, Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề nói: Lìa thụ, tưởng, hành, thức có pháp được chứng đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác không?

Xá-lợi Tử nói: Không, Tu-bồ-đề.134

Tu-bồ-đề nói: Chân như sắc có được chứng đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác không?

Xá-lợi Tử nói: Không, Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề nói: Chân như thụ, tưởng, hành, thức có được chứng đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác không?

Xá-lợi Tử nói: Không, Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề nói: Lìa Chân như sắc có pháp được chứng đối với Vô thượngChính đẳng Chính giác không?

Xá-lợi Tử nói: Không, Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề nói: Lìa Chân như thụ, tưởng, hành, thức có pháp được chứng đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác không?

Xá-lợi Tử nói: Không, Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề nói: Sắc có được biết rõ đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác không?

Xá-lợi Tử nói: Không, Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề nói: Thụ, tưởng, hành, thức có được biết rõ đối với Vô thượngChính đẳng Chính giác không?

Xá-lợi Tử nói: Không, Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề nói: Lìa sắc có pháp được biết rõ đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác không?

Xá-lợi Tử nói: Không, Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề nói: Lìa thụ, tưởng, hành, thức có pháp được biết rõ đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác không?

Xá-lợi Tử nói: Không, Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề nói: Chân như sắc có được biết rõ đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác không?

Xá-lợi Tử nói: Không, Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề nói: Chân như thụ, tưởng, hành, thức có được biết rõ đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác không?

Xá-lợi Tử nói: Không, Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề nói: Lìa Chân như sắc có pháp được biết rõ đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác không?

Xá-lợi Tử nói: Không, Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề nói: Lìa Chân như thụ, tưởng, hành, thức có pháp được biết rõ đốivới Vô thượng Chính đẳng Chính giác không?

Xá-lợi Tử nói: Không, Tu-bồ-đề.135

Tu-bồ-đề nói: Cho đến tất cả các pháp, Chân như tất cả các pháp có thoái chuyển đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác không?

Xá-lợi Tử nói: Không, Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề nói: Xá-lợi Tử, ý ông thế nào? Nếu có pháp bị thoái chuyển đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác, thì pháp này tức có chỗ trú. Vì tất cả các pháp không trú, thì có pháp nào bị thoái chuyển. Xá-lợi Tử, Chân như có thể thoái chuyển không?

Xá-lợi Tử nói: Không, Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề nói: Xá-lợi Tử, Như vậy, tất cả các pháp như thế, thật cầu không thể được, tức không có pháp nào có thể bị thoái chuyển đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử bạch Tôn giả Tu-bồ-đề: Như nghĩa được Tôn giảnói, tức không có Bồ-tát bị thoái chuyển đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Tu-bồ-đề, nếu vậy, như Phật có nói, người cầu Tam thừa lẽ ra không khác nhau sao?

Bấy giờ, Tôn giả Mãn Từ Tử nói với Tôn giả Xá-lợi Tử: Ông nên hỏi Tôn giảTu-bồ-đề, như ý của Tu-bồ-đề, là muốn chỉ có người Nhất thừa thôi sao?

Bấy giờ, Xá-lợi Tử liền nói lời như thế với Tu-bồ-đề: Tu-bồ-đề, ông muốn khiến chỉ có người Nhất thừa thôi sao?

Tu-bồ-đề nói: Xá-lợi Tử, trong pháp Chân như, ông có thể thấy người Nhất thừa sao?

Xá-lợi Tử nói: Không, Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề nói: Lại nữa, Xá-lợi Tử. Trong pháp Chân như, ông có thể thấyngười Tam thừa sao?

Xá-lợi Tử nói: Không, Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề nói: Xá-lợi Tử, trong pháp Chân như có thể có tướng Nhất, tướngTam sao?

Xá-lợi Tử nói: Không, Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề nói: Xá-lợi Tử, ông nay nên biết, trong pháp Chân như, một phápBồ-tát còn không thể có, huống là pháp Thanh Văn, Duyên Giác mà lại cósao? Vì thế, không có pháp nào bị thoái chuyển đối với Vô thượng Chínhđẳng Chính giác. Xá-lợi Tử, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát nghe nói như

thế, không khiếp, không sợ, không lui, không mất, nên biết, Bồ-tát Ma-ha-tát này tức có thể thành tựu Bồ-đề.

Bấy giờ, Thế Tôn khen Tôn giả Tu-bồ-đề: Hay thay! Hay thay! Tu-bồ-đề,những điều ông vui nói đều là oai thần hộ niệm của Như Lai. Đúng như ôngnói. Đúng thế, đúng thế. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát nghe nói như thế, không khiếp, không sợ, không lui, không mất, nên biết, Bồ-tát Ma-ha-tát này tức có thể thành tựu Bồ-đề.136

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử bạch Phật: Thế Tôn, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát nghe nói như thế, không kinh, không sợ, không lui, không mất, sẽ được thành tựu Bồ-đề gì?

Phật nói: Xá-lợi Tử, sẽ được thành tựu Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát muốn được thành tựu Vô thượng Chính đẳng Chính giác, nên trú thế nào? Tu học thế nào?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát muốn được thành tựu Vô thượng Chính đẳng Chính giác, nên đối với tất cả chúng sinh, khởi tâm bình đẳng,tâm không ác độc, tâm từ, tâm lợi ích, tâm thiện tri thức, tâm không chướng ngại, tâm khiêm hạ, tâm không phiền não, tâm không làm hại; nên sinh các tâm như thế.

Lại nữa, đối với tất cả chúng sinh, nghĩ là cha, nghĩ là mẹ, nghĩ là bạn thân.Lại nữa, rộng tu lâu dài các hành; nghĩa là, đối với thí có thể xả, đối với giớicó thể giữ, đối với nhẫn có thể nhận, tinh tiến không biếng nhác, thiền định tịch tĩnh, trí tuệ hiểu rõ; tu đủ loại hạnh thù thắng như thế, thuận theoduyên sinh, quán sát các pháp, đối với các pháp không nắm các tướng đoạn diệt. Biết rõ chân thật các pháp như thế, tức có thể vượt qua địa địa vị Bồ-tát, đủ các pháp Phật, thành thục vô lượng vô số chúng sinh, khiến đều an trú cảnh giới Đại Niết-bàn. Bồ-tát Ma-ha-tát, nếu tu học như thế, tức khôngcó tướng chướng ngại, cho đến tất cả các pháp cũng được không chướng ngại. Tu-bồ-đề, vì thế, Bồ-tát Ma-ha-tát, muốn được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, nên trú như thế, tu học như thế. Học như thế, có thể vì tất cả chúng sinh làm chỗ nương tựa lớn.

Quyển XVI

Phẩm 17: Tướng Bồ-tát Không Thoái Chuyển

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển sẽ có tướng gì? Chúng con làm thế nào có thể biết đó là không thoái chuyển?

Phật dạy Tu-bồ-đề: Ông nay nên biết, Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyểncó đủ loại tướng. Tu-bồ-đề, có các bậc Dị sinh, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ-tát, Như Lai; các bậc như thế, ở trong Chân như, không hai, không khác, không nghi, không hoại. Bồ-tát từ Chân như này nhập tính các pháp, tuy nhập pháp này nhưng trong đó cũng không sinh phân biệt đây là Chân như,đây là tướng Chân như; khi ra khỏi như thế rồi, nếu nghe các pháp khác, cũng ở trong đó không nghi, không thắc mắc, không hối, không chìm, khôngphải pháp, không phải phi pháp. Bồ-tát theo tướng các pháp mà nhập tính các pháp. Tu-bồ-đề, nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển, trong mọi lúc, những gì nói ra đều có nghĩa, có lợi, suốt đời không nói những lờivô ích, cũng

không thấy người khác đẹp, xấu, cao, thấp. Tu-bồ-đề, nếu cóđầy đủ các tướng như thế, đó là Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển đó, tuy nghe lời nói của các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, ngoại đạo khác nói, nhưng không lấy đó làm cái biết đúng, cái thấy đúng. Bồ-tát này cũng không lễ bái, phục vụ chư Thiên khác, không lấy hương, hoa, đèn, đồ hương, thức ăn uống, y phục, đủ loại cúng phẩm mà cúng dường họ, cũng không sinh tín, kính đối với họ. Tu-bồ-đề, nếu có đủ các tướng như thế, đó là Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát khô ng thoái chuyển đó, rốt ráo không rơi vào các đường dữ, không thụ thân người nữ. Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tátnày, ở mọi lúc, thường hành mười Thiện đạo. Đó là tự mình không sát sinh,lại dạy người khác giữ không sát sinh; tự mình không trộm cắp, lại dạy người khác giữ không trộm cắp; tự mình không tà nhiễm, lại dạy người khácgiữ không tà nhiễm; tự mình không nói dối, lại dạy người khác giữ không nói dối; tự mình không nói hai lưỡi, lại dạy người khác giữ không nói hai lưỡi; tự mình không nói lời ác, lại dạy người khác giữ không nói lời ác; tự mình không nói lời vô nghĩa, lại dạy người khác giữ không nói lời vô nghĩa; tự mình không tham ái, lại dạy người khác giữ không tham ái; tự mình không giận dữ, lại dạy người khác giữ không giận dữ; tự mình không tà kiến, lại dạy người khác không khởi tà kiến. Như thế, Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển tự mình hành mười Thiện đạo, lại dùng pháp này, rộng vì người khá chiển bày như lý, truyền dạy như thật, được lợi ích như thế, hoan hỷ như lý.138

Bồ-tát đó, đối với mười Thiện pháp, kiên cố hành, không bị lui mất; đối vớitất cả các hành, tất cả các loại, tất cả các lúc, tất cả các nơi, không sinh tâm giận dữ, cho đến trong mộng cũng hành mười Thiện mà không còn khởi bất cứ mười hành Bất thiện nào. Tu-bồ-đề, nếu có đầy đủ các tướng như thế, đó là Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển đó, theo tất cả các pháp môn đã nghe, đã được mà vì tất cả chúng sinh, tuyên thuyết như lý,khiến các chúng sinh được lợi ích lớn. Bồ-tát dùng Pháp thí này, tùy tâm ưa thích của chúng sinh, đều khiến chúng sinh viên mãn ý nguyện. Pháp Bồ-táttự đạt được cùng chung với tất cả chúng sinh. Tu-bồ-đề, nếu có đầy đủ các tướng như thế, đó là Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển đó, nghe pháp sâuxa, không nghi, không hối, tâm sinh tin hiểu. Bồ-tát đó, ở mọi lúc, lời nói nhu hòa, khéo thuận, ít khi bị hôn trầm, buồn ngủ, đầy đủ các oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi, các căn điều hòa lìa mọi động loạn, không đi vội vàng, bàn chân sát đất, bước đi điềm tĩnh, nhìn đất mà đi, các nơi hướng đến đều lìa lầm lỗi.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển đó, y phục che thânvà đồ nằm đều thanh tịnh, thơm, sạch, không có cấu uế, thân được an ổn,lìa các bệnh khổ. Hơn nữa, trong thân người có các trùng lớn, nhỏ ở tám vạncửa, nhưng trong thân Bồ-tát không có các trùng này. Vì sao? Thiện căn Bồ-tát vượt ngoài thế gian, tăng trưởng rộng lớn. Tùy theo thiện căn đó đượctăng trưởng rồi, Bồ-tát tức được thân thanh tịnh; thân đã thanh tịnh, tâm cũng thanh tịnh.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, thế nào gọi là tâm Bồ-tát thanh tịnh?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Tùy theo thiện căn của Bồ-tát đó đã tăng trưởng rồi, thìtất cả các pháp bất thiện, nịnh hót, dối trá đều tự tiêu diệt. Vì diệt nên đượctâm thanh tịnh; vì tâm thanh tịnh nên có

thể vượt qua các bậc Thanh Văn, Duyên Giác. Như thế gọi là tâm Bồ-tát thanh tịnh. Tu-bồ-đề, nếu có đầy đủcác tướng như thế, đó là Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển đó, xa lìa tham ái,tâm không keo kiệt, đố kỵ, không cầu tiếng tăm, lợi dưỡng thế gian, không ưa tích chứa thức ăn uống, y phục, đồ nằm, thuốc men và các thứ khác, mà chỉ ưa thích Chính pháp sâu xa. Đối với pháp môn sâu xa có thể nhất tâmlắng nghe, không sinh kinh sợ, trí tuệ kiên cố, tin nhận chắc chắn, theo phápđược nghe đều tương ưng với Bát nhã Ba la mật. Vì Bồ-tát nhờ Bát nhã Ba la mật, nên cho đến tất cả các việc thế gian, đều không thấy không tươngưng với Bát nhã Ba la mật, mà tất cả đều an trú trong Thật tướng các pháp.Tu-bồ-đề, nếu có đầy đủ các tướng như thế, đó là Bồ-tát Ma-ha-tá tkhông thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Có các ác ma đến chỗ Bồ-tát, hóa ra tám địa ngục lớn.Mỗi mỗi địa ngục, trong đó đều có trăm ngàn vạn số Bồ-tát không thoái chuyển. Ma nói thế này: "Ông nay nên biết các Bồ-tát này đều trú ở địa vị không thoái chuyển. Như Lai đã thụ ký cho tất cả rồi, nay sinh trở lại trong địa ngục lớn này. Ông nay cũng như thế, trú ở địa vị không thoái chuyển, Như Lai đã thụ ký. Ông cũng sẽ sinh vào địa ngục lớn này. Ông nay nếu có thể hối cải tâm này, sẽ được không đọa địa ngục, lại sinh lên trời." Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát nghe nói như thế rồi, tâm không động chuyển, nghĩ thế này:"Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển còn đọa địa ngục thì không có điều này. Ta nay biết rõ đây là việc Ma. Tu-bồ-đề, nếu có đầy đủ các tướng như thế, đó là Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Có các ác ma hóa tướng Sa-môn, đến chỗ Bồ-tát nói thếnày: "Cái ông đã nghe, có thể đọc, tụng trước đây, đều không chân thật,không phải Phật thuyết. Ông nên quay bỏ, đừng có thụ trì. Ông nay nếu cóthể bỏ điều đã nghe trước đây, ta sẽ thường đến chỗ ông, đem cái ta ngheđược cùng nhau tập, tụng. Cái ta nghe được chính là Phật thuyết." Nếu Bồ-tát nghe nói như thế rồi mà tâm động chuyển, nên biết Bồ-tát này chưađược thụ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác từ chư Phật, chưa thể an trúđịa vị không thoái chuyển. Nếu có Bồ-tát nghe nói như thế rồi, tâm khôngđộng chuyển, trú thật tướng của pháp, không sinh, không diệt, không khởi,không làm, tâm vị ấy kiên cố, không theo lời người khác. Ví như A-la-hán đãsạch các lậu, hiện tại chứng thật tướng của pháp, không sinh, không diệt,không khởi, không làm, không theo lời người, không bị ác ma làm cho độngchuyển. Bồ-tát cũng như thế, đã được an trú địa vị không thoái chuyển,không bị pháp môn Thanh Văn, Duyên Giác làm cho động chuyển, suốt đờikhông thủ chứng quả Thanh Văn, Duyên Giác, nhất định cầu hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác, thành tựu Nhất thiết trí, an trú địa vị không thoái chuyển. Tu-bồ-đề, nếu có đầy đủ các tướng như thế, đó là Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Có các ác ma đến chỗ Bồ-tát nói thế này: "Cái ông tuhành chính là hành luân hồi, không phải hành Bồ-tát. Ông nay nên ở trongđời này, dứt hết biên tế khổ, thủ chứng Niết-bàn, đừng chịu các khổ nãotrong pháp sinh tử này nữa. Ông nay, nếu đời này không dứt hết khổ, nắmcái vui Niết-bàn, thì lại phải thụ thân đời sau sao?" Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tátnghe nói như thế, biết rõ việc của Ma, tâm không động chuyển, thì Ma đóliền nói thế này: "Ông không thấy chúng Bồ-tát Ma-ha-tát kia, trong Hằng hàsa số kiếp, đều gần gũi chư Phật, đem thức ăn uống, y phục, đồ nằm, thuốc men của mình cúng dường Hằng hà sa số chư Phật Thế Tôn, ở nơi chư Phật

tu trì phạm hạnh, cung kính phụng sự chư Phật, nghe nhận Chính pháp; vì Bồ-đề mà ở chỗ chư Phật, thưa hỏi pháp hành đạo của Bồ-tát, nên trú thếnào, hành thế nào, học thế nào. Tùy theo điều kiện của họ, chư Phật nói:'Bồ-tát nên trú như thế, hành như thế, học như thế.' Các Bồ-tát này theochư Phật dạy, như lý tu hành, cầu Nhất thiết trí. Siêng hành như thế còn không thể được, huống là ông nay làm sao có thể được Vô thượng Chính đẳng Chính giác?"140

Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát nghe nói như thế rồi, biết rõ việc Ma, tâm không độngchuyển, Ma đó lại tức thì hóa ra các chúng Tỷ-khưu kia, ở trước Bồ-tát, Manói thế này: "Các Tỷ-khưu này đều là A-la-hán, dứt sạch các lậu, trước đây phát ý đạo, đều vì cầu Vô thượng Chính đẳng Chính giác mà không thể được; nay trở lại nắm chứng quả A-la-hán như thế, huống là ông nay làm sao có thể được Vô thượng Chính đẳng Chính giác?" Tu-bồ-đề, Bồ-tát này nghe nói như thế rồi, không bị động chuyển, không sinh tưởng khác, mà cóthể biết rõ đây là việc Ma, liền nói thế này: "Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát theo lờichư Phật dạy, như lý tu học, an trú như thật, các điều được làm đều đúngvới các Ba-la-mật, không lìa đạo này, không lìa niệm này, nếu không đượcNhất thiết trí thì không có điều này." Bồ-tát suy nghĩ như thế rồi, tâm mìnhquyết định, kiên cố trở lại, mà các ác ma không có được cơ hội. Bồ-tát nàybiết rõ các việc Ma như thế rồi, đối với điều được nghe không bị mất. Tu-bồ-đề, nếu có đầy đủ các tướng như thế, đó là Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển đó, ở trong cácpháp, không khởi tưởng sắc, không sinh tưởng sắc, không khởi tưởng vềthụ, tưởng, hành, thức, không sinh tưởng về thụ, tưởng, hành, thức. Vì sao?Bồ-tát này biết rõ tự tướng các pháp là Không, nên đối với tất cả các pháprốt ráo không có được, không tạo tác, không sinh; ở trong các pháp, đượcVô sinh nhẫn. Tu-bồ-đề, nếu có đủ các tướng như thế, đó là Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Có các ác ma hóa tướng Tỷ-khưu, đến chỗ Bồ-tát, nói thếnày: "Nên biết Nhất thiết trí đồng với hư không kia, không có sinh, không có thành, pháp không có được, pháp không tác dụng, không người biết, khôngngười chứng, không người đắc pháp, không người dùng pháp. Như thế,quán Nhất thiết trí đồng với hư không rồi, cái ông hướng cầu là không có nghĩa, không có lợi; nếu có người nói được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, nên biết lời đó là việc Ma, không phải Phật thuyết."

Tu-bồ-đề, Bồ-tát kia nghe nói như thế rồi, liền khởi niệm: "Nay người nói lời này muốn ta xa lìa quả Nhất thiết trí, đó là việc Ma." Bồ-tát tức thì khởi tâm kiên cố, tâm không động, tâm không hoại. Các chúng Ma kia không có cơ hội. Tu-bồ-đề, nếu có đủ các tướng như thế, đó là Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển kia, vì cầu Nhất thiết trí, không chuyển theo các bậc Thanh Văn, Duyên Giác. Bồ-tát này nếu muốn nhập các định Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, thì đối với các định này, tâm trở thành điều nhu, tùy ý có thể nhập. Tuy nhập các định này nhưng không nương Thiền mà sinh, trở lại nắm pháp Dục giới. Tu-bồ-đề, nếu có đủ các tướng như thế, đó là Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển đó, không dính danh vọng, lợi dưỡng thế gian, cũng không ưa thích ca tụng, khen ngợi. Đối với chúng sinh, tâm không giận, ngại, thường khởi tâm lợi lạc đối với chúng sinh. Dù đến, dù đi, dù động, dù dừng, tâm không

tán loạn, đầy đủ oai nghi.Bồ-tát tuy là tại gia nhưng không dính mắc các dục, đối với mọi cảnh dụckhông sinh ưa thích. Nếu có thọ các dục thì thường sinh sợ hãi. Ví như cóngười trải qua hiểm nạn, quá nhiều giặc cướp. Ở trong hiểm nạn, tuy cóthức ăn uống, thường sinh lo sợ, chỉ nghĩ lúc nào qua được hiểm nạn này;Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển kia cũng như thế. Tuy là tại gia, thụcác cảnh dục, nhưng thường biết rõ lỗi lầm các dục là gốc các khổ, khôngsinh ưa thích, thường lo sợ mà sinh ghét bỏ, không lấy tà mạng, phi phápmà sống, dù mất thân mạng chứ không làm tổn hại chúng sinh. Vì sao? Bồ-tát tại gia gọi là Chính Sĩ, cũng gọi là Đại Trượng Phu, cũng gọi là Khả Ái SĩPhu, cũng gọi là Tối thượng Sĩ Phu, cũng gọi là Thiện Tướng Sĩ Phu, cũnggọi là Trung Tiên Sĩ Phu, cũng gọi là Cát Tường Sĩ Phu, cũng gọi là Sĩ PhuTrung Chúng Sắc Liên Hoa, cũng gọi là Sĩ Phu Trung Bạch Liên Hoa, cũnggọi là Sĩ Phu Chính Trí, cũng gọi là Nhân Trung Long, cũng gọi là Nhân Trung Sư Tử, cũng gọi là Điều Ngự. Bồ-tát tuy là tại gia nhưng có thể thành tựu đủ loại công đức, thường vui làm lợi lạc tất cả chúng sinh. Vì Bồ-tát nhờ sức của Bát nhã Ba la mật, nên được thành tựu tất cả các tướng thù thắng.Tu-bồ-đề, nếu có đủ các tướng như thế, đó là Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển đó, ở mọi lúc, cóChấp Kim Cương Đại Dược-xoa Chủ thường theo hộ vệ, không để phi nhânrình lấy cơ hội. Tâm Bồ-tát này không tán loạn, oai nghi tịch tĩnh, các căn đầy đủ, không bị khuyết giảm, là Ngưu Vương trong loài người, các tướngviên mãn, tu hạnh hiền thiện, thường hành Chính pháp, không lấy các việctà huyễn, chú thuật, dược thảo của thế gian để dẫn dụ người; không vìngười khác mà xem tướng có chuyện tốt lành như thế, chuyện không tốtlành như thế; cũng không xem tướng thế gian, nam nữ, sinh trưởng, tướng như thế, việc như thế, hoặc thiện, hoặc ác, cho người; cũng không vì người nữ mà sinh kính mến, thường tu tịnh mạng, không sống bằng tà mạng, xalìa tất cả các việc đấu tranh, kiện tụng; không hoại Chính kiến, giới hành đầyđủ. Bồ-tát, đối với các ác pháp, không tự làm, không khuyên người làm; ở mọi lúc, lìa các lỗi lầm. Tu-bồ-đề, nếu có đủ các tướng như thế, đó là Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển đó, ở mọi lúc,không nói các việc hỗn tạp của thế gian; nghĩa là không nói đến việc của vua, không nói đến việc của giặc cướp, không nói đến việc binh, không nói việc chiến trận, không nói các việc thuộc nước, thành, xóm, làng, phương xứv.v..., không nói đến việc của cha mẹ, dòng họ, nam nữ v.v..., không nói đến các việc thích ý như vườn, rừng, đài, quán, ao, hồ, không nói các việc của Long, Thần, Dạ-xoa, quỷ mị, phi nhân v.v. , không nói các việc ăn uống, yphục, hương hoa, chuỗi ngọc, trang nghiêm v.v..., không nói các việc ca,múa, xướng, hát, vui chơi, không nói đến biển lớn, châu, sông, ngòi, không nói các việc của dị sinh. Bồ-tát không nói các việc hỗn tạp của thế gian như thế, chỉ thích tuyên thuyết uẩn, xứ, giới v.v..., cùng các pháp tương ưng Bát nhã Ba la mật, thường không lìa Nhất thiết trí, tác ý như lý, thường thích Chính pháp, không thích phi pháp, thích tranh luận ôn hòa, không thích dèm pha, thích gần bạn lành, không thích oán ác, thích nói lời lợi ích, không nói lời vô nghĩa, thích sinh vào nước Phật thanh tịnh ở phương khác, gần gũi chư Phật Như Lai, chiêm lễ, cung kính, tôn trọng, cúng dường, thường được thấy Phật, không lúc nào rời. Tu-bồ-đề, nếu có đủ các tướng như thế, đó là Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển, phần lớn đều mạng chung ở các cõi trời Dục giới, Sắc giới mà sinh vào Diêm-phù-đềnày. Nên biết Bồ-tát đó ít khi sinh ở vùng biên giới. Nếu có sinh thì cũng sinhở nước lớn, hiểu rõ kinh sách, các việc kỹ thuật, công xảo của thế gian,không gì không thông suốt. Tu-bồ-đề, nếu có đủ các tướng như thế, đó là Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển đó không sinh nghi ngờ mình là không thoái chuyển hay không phải không thoái chuyển. Bồ-tát,ở trong pháp đã chứng thuộc về địa vị của mình, quyết định không nghi ngờ. Ví như người Tu-đà-hoàn, đối với quả chứng được ở trong địa vị củamình, quyết định không nghi ngờ; Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển cũng như thế. Đã được an trú trong pháp tự chứng thì quyết định không thoái lui,không còn phải sinh nghi. Đối với các việc Ma, thảy đều biết rõ; đã biết rõthì không theo. Tu-bồ-đề, lại như có người tạo tội Vô gián, thường sinh nghi,sợ, cho đến khi chết, không thể rời bỏ tâm mang tội như thế; Bồ-tát Ma-ha-tát bất thoái chuyển kia cũng như thế. Đã an trú được trong địa vị không thoái chuyển, trong pháp chứng được thuộc về địa vị của mình, thì quyếtđịnh, kiên cố, không bị lùi mất, không bị thế gian, trời, người, A-tu-la v.v...,làm động chuyển. Đối với các việc Ma, thảy đều có thể biết rõ, đã biết rõ thìkhông theo; cho đến chuyển thân cũng không nghi lại phát tâm Thanh Văn, Duyên Giác, cho đến chuyển thân cũng không nghi không được Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Vì sao? Vì Bồ-tát đã được trí Bất hoại, đã trú tâm Bất hoại.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu các ác ma hóa làm thân Phật, đến chỗ Bồ-tát nói thếnày: "Ông nên thủ chứng quả A-la-hán; siêng cầu Vô thượng Chính đẳng Chính giác mà làm gì? Vì sao? Những người cầu Vô thượng Chính đẳng Chính giác đều có tướng Bồ-đề. Ông nay không có tướng như thế, có bỏ công thì suốt đời cũng không thể được." Bồ-tát đó nghe nói như thế, nếu ởtrong lòng có đổi khác, nên biết chưa từng được thụ ký ở chỗ Phật Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác trước đây, chưa thể an trú địa vị không thoái chuyển. Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát nghe nói như thế, tâm không đổi khác, mà nghĩ thế này: "Đây là tướng lạ, không phải Phật thuyết. Nếu là Phật thuyết lẽ ra không có khác lạ. Nên biết đều là các ác ma kia hóa làm thân Phật, đến như thế với mình, ý muốn làm cho mình xa rời Vô thượng Chính đẳng Chính giác." Bồ-tát nghĩ như thế rồi, lúc đó ác ma không tìm thấy cơ hội, liền dấu lại thân Ma. Tu-bồ-đề nên biết Bồ-tát này đã được Phật Như Lai trước đây thụ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác, đã có thể an trú địa vịkhông thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển đó nghĩ thế này: "Vì ta thường hộ trì Chính pháp của chư Phật quá khứ, hiện tại là Bồ-đề, vìChính pháp mà siêng hành, tinh tiến, không tiếc thân mạng để bảo vệ Chính pháp; đó chính là tôn trọng, cung kính Pháp thân chư Phật." Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát này không chỉ bảo vệ Chính pháp của chư Phật quá khứ, hiện tại, mà còn bảo vệ Chính pháp của chư Phật vị lai. Vì sao? Bồ-tát đó nghĩ: "Ta cũng nằm trong số vị lai, cũng sẽ được thụ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Vì thế, ta sẽ bảo vệ Chính pháp của chư Phật vị lai. Dù trải quathời gian dài cũng không biếng nhác, cho đến không tiếc thân mạng mà không thoái chuyển." Tu-bồ-đề, nếu có đủ các tướng như thế, đó là Bồ-tátMa-ha-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển được nghe Như LaiỨng cúng Chính đẳng Chính giác tuyên thuyết Chính pháp, nghe được rồi thìkhông nghi, không hối, sinh tin hiểu sâu xa.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, Bồ-tát Ma-ha-tát đó chỉ nghe pháp Phật thuyết mà không sinh nghi, hối; nghe các pháp khác cũng không nghi hối sao?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát Ma-ha-tát đó nếu nghe các pháp do người ThanhVăn nói cũng không nghi hối. Vì sao? Bồ-tát Ma-ha-tát đó đã được Vô sinhpháp nhẫn. Đối với tất cả các pháp đều lìa mọi nghi, hối, nhập vào tính cácpháp, trú pháp bình đẳng. Tu-bồ-đề, nếu có đủ các tướng như thế, đó là Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển. Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựucác tướng như thế, nên biết Bồ-tát đó được Phật hộ niệm, đã được Phật NhưLai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác trước đây thụ ký, nên có thể quyếtđịnh, kiên cố, an trú địa vị không thoái chuyển. Vì sao? Những gì ác ma làmra đều có tướng khác. Căn cứ các tướng khác này, Bồ-tát đều có thể biết rõmà không theo, không bị các Ma chuyển động. Tu-bồ-đề, với tướng như thế,ông nên biết đó là Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển.

Quyển XVII

Phẩm 18: Tính Không

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề lại bạch Phật: Hiếm có, Thế Tôn. Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển kia có thể thành tựu công đức như thế. Thế Tôn lại khéo tuyên thuyết vô lượng vô biên tướng không thoái chuyển của các Bồ-tát Ma-ha-tát.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng thế, đúng thế. Vì sao? Vì Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển kia đã có thể thành tựu Vô biên trí.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, như Phật thuyết, Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển kia có Hằng hà sa số tướng bất thoái chuyển; chính là hiển bày tướng thù thắng sâu xa của các Bồ-tát Ma-ha-tát. Tướng sâu xa tức là tướng Bát nhã Ba la mật.

Phật khen ngợi Tu-bồ-đề: Hay thay! Hay thay! Tu-bồ-đề, đúng thế, đúng thế. Tướng sâu xa tức là tướng Bát nhã Ba la mật. Tướng Bát nhã Ba la mật tức là nghĩa Không, nghĩa Vô tướng, Vô nguyện, Vô sinh, Vô tác, Vô tính, Vôn hiễm, Niết-bàn tịch tĩnh.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, như Phật thuyết, tướng sâu xa chỉ là nghĩa Không, cho đến nghĩa Niết-bàn tịch tĩnh, mà không phải nghĩa của tất cả các pháp sao?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nghĩa của tất cả các pháp cũng chính là tướng sâu xa. Vìsao? Sắc sâu xa; thụ, tưởng, hành, thức sâu xa. Gọi là sắc sâu xa là thế nào? Vì Như Như sâu xa nên sắc sâu xa. Gọi là thụ, tưởng, hành, thức sâu xa là thế nào? Vì Như Như sâu xa nên thụ, tưởng, hành, thức sâu xa. Tu-bồ-đề, nếu không có sắc thì đó là sắc sâu xa; nếu không có thụ, tưởng, hành,thức thì đó là thụ, tưởng, hành, thức sâu xa.

Tu-bồ-đề nói: Hiếm có, Thế Tôn, có thể dùng phương tiện vi diệu, ngăn sắcđể hiển bày Niết-bàn, ngăn thụ, tưởng, hành, thức để hiển bày Niết-bàn.

Phật dạy Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát đối với tướng Bát nhã Ba la mậtsâu xa này, trú chỗ trú của Bát nhã Ba la mật như thế, học giáo thuyết củaBát nhã Ba la mật như thế, hành các hạnh của Bát nhã Ba la mật như thế.Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát có thể, trong một ngày, suy nghĩ như thế, quánsát như thế, tu tập như thế, tương ưng như thế, thì công đức có được trongmột ngày của Bồ-tát Ma-ha-tát này không thể nghĩ bàn, không thể cânlường.

Tu-bồ-đề, ví như ở đời những người có nhiều dục và cái biết về dục cũng nhiều, cùng hẹn hò với một người con gái đoan chính vào một lúc nào đó; lúc đó người con gái, vì cơ duyên nào đó, mà bị lỡ hẹn. Tu-bồ-đề, ý ông thế nào? Người có nhiều dục kia, vào lúc đó, sẽ tương ưng với pháp gì?

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, người đó chỉ cùng tương ưng với cái biết về dục, với suy nghĩ tà vạy. Người đó nghĩ: “Lúc nào ta mới có thể gặp được người con gái này, được sớm vui đùa sung sướng với cô ta.”

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ý ông thế nào? Người kia, trong một ngày, có khởi nhiều niệm về dục không?

Tu-bồ-đề nói: Rất nhiều, Thế Tôn.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát Ma-ha-tát cũng như thế, đối với pháp môn Bát nhã Ba la mật sâu xa này, có thể trong một ngày suy nghĩ như thế, quán sát như thế, tu tập như thế, tương ưng như thế, thì có thể trừ khổ não luân hồit rong biết bao kiếp số, lại được xa lìa mọi lỗi lầm bị thoái chuyển, rốt ráo được thành tựu Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Vì sao? Tu-bồ-đề, Bồ-tátMa-ha-tát có thể, trong một ngày, suy nghĩ, tu tập Bát nhã Ba la mật, mà không rời niệm này, cùng tương ưng với Bát nhã Ba la mật. Công đức thù thắng Bồ-tát này có trong một ngày hơn hẳn tất cả công đức rộng hành bốthí mà xa rời Bát nhã Ba la mật của các Bồ-tát khác trong Hằng hà sa số kiếp.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát, trong Hằng hà sa số kiếp, xa lìa Bát nhã Ba la mật, bố thí, cúng dường Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm,A-la-hán, Duyên Giác, Bồ-tát, Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác, thì không bằng Bồ-tát có thể trong một ngày, đối với pháp môn Bát nhã Ba la mật này, suy nghĩ, tu tập, hành như được nói. Phúc có được này vô lượng,vô biên, không thể kể hết.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát, trong Hằng hà sa số kiếp, xa lìaBát nhã Ba la mật, ở chỗ Tu-đà-hoàn cho đến Như Lai Ứng cúng Chính đẳngChính giác, bố thí, cúng dường xong, lại tu trì đầy đủ giới hành, thì khôngbằng Bồ-tát có thể trong một ngày hành theo Bát nhã Ba la mật, tác ý nhưlý, suy nghĩ, tu tập, tuyên thuyết pháp này. Phúc có được này vô lượng, vôbiên, không thể xưng kể.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát, trong Hằng hà sa số kiếp, xa lìa Bát nhã Ba la mật, ở chỗ Tu-đà-hoàn cho đến Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác, bố thí, trì giới xong, lại có thể tu tập các pháp Nhẫn nhục, Tinhtiến, Thiền định v.v... thì không bằng Bồ-tát có thể trong một ngày hànhtheo Bát nhã Ba la mật, bố thí pháp cho chúng sinh. Phúc có được này vôlượng, vô biên, không thể xưng kể.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát, trong Hằng hà sa số kiếp, xa lìaBát nhã Ba la mật, ở chỗ Tu-đà-hoàn cho đến Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác, tu hành các pháp Bố

thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tiến, Thiềnđịnh như thế rồi, lại tu tập pháp ba mươi bảy phần Bồ-đề, thì không bằng Bồ-tát có thể trong một ngày hành theo Bát nhã Ba la mật, đem công đức pháp thí này hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Phúc có được này vô lượng, vô biên, không thể xưng kể.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát có thể trong một ngày hành theo Bát nhã Ba la mật, đem công đức pháp thí như tướng Bát nhã Ba la mậtnày hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác; phúc có được này vôlượng, vô biên, không thể xưng kể.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát có thể trong một ngày hành theo Bát nhã Ba la mật, dùng công đức pháp thí như tướng Bát nhã Ba la mật hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác rồi, lại có thể hành như được nói, tu tập tương ưng, phúc có được này vô lượng, vô biên, không thể xưng kể.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát có thể trong một ngày hành thuậnBát nhã Ba la mật, đem công đức pháp thí như tướng Bát nhã Ba la mật này hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác, hành như được nói, tu tập tương ưng, lại có thể hộ trì Bát nhã Ba la mật, không bao giờ xa lìa Bát nhã Ba la mật, phúc có được này vô lượng, vô biên, không thể xưng kể.

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, có khởi tạo pháp là tướng phân biệt.Tại sao Thế Tôn nói là được phúc nhiều?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Khi các Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba la mật, tự mình biết rõ có khởi tạo pháp là tướng phân biệt, hư vọng, không thật, không có gì cả, ở trong pháp này không có phân biệt. Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát biết tất cả các pháp cầu không thể được. Vì theo Bồ-tát đó, biết tất cảcác pháp cầu không thể được tức không lìa Bát nhã Ba la mật. Vì theo Bồ-tát đó, không lìa Bát nhã Ba la mật tức là vô lượng, vô số.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, vô lượng và vô số có gì khác nhau?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Vô lượng là quá các phần lượng; vô số là không thể đếm hết.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, sắc vô lượng, thụ, tưởng, hành, thức cũng vô lượng là có nhân duyên.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng thế, đúng thế. Sắc vô lượng, thụ, tưởng, hành, thức cũng vô lượng.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, Vô lượng có nghĩa gì?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Vô lượng là nghĩa Không, nghĩa Vô tướng, nghĩa Vô nguyện.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, vô lượng chỉ là nghĩa Không, Vô tướng, Vô nguyện, không phải nghĩa của tất cả các pháp sao?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ý ông thế nào? Chẳng lẽ ông không nghe Phật nói tất cả các pháp là Không sao?

Tu-bồ-đề bạch Phật: Đúng thế, Thế Tôn. Phật nói tất cả các pháp là Không. 147

Phật bảo Tu-bồ-đề: Không tức là vô lượng. Vì thế, trong này nghĩa của tất cả các pháp không có phân biệt, rời mọi tạo tác. Tu-bồ-đề, nói như thế chính là Phật thuyết. Vì sao? Nếu nói như thế tức là vô lượng, vô lượng tức vô số, vô số tức Không, Không tức Vô tướng, Vô tướng tức Vô nguyện, Vô nguyện tức Vô sinh, Vô sinh tức Vô diệt, Vô diệt tức Vô tác, Vô tác tức Vô tri, Vô tri tứcVô tính, Vô tính tức Vô nhiễm, Vô nhiễm tức Niết-bàn tịch tĩnh. Pháp môn như thế

do chính Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác thuyết. Thuyết như thế tức là tất cả các pháp không có thuyết.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, như con hiểu nghĩa Phật nói, tất cả các phápkia đều không thể thuyết.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng thế, đúng thế. Các pháp không có thuyết. Vì sao?Tính Không của tất cả các pháp không thể dùng ngôn từ để thuyết.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, nghĩa không thể thuyết đó có tăng, giảm không?

Phật nói: Không, Tu-bồ-đề. Nghĩa không thể thuyết không tăng, không giảm.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Nếu nghĩa không thể thuyết không tăng, không giảm,tức Bố thí Ba-la-mật, Trì giới Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, Tinh tiến Ba-la-mật, Thiền định Ba-la-mật, Trí tuệ Ba-la-mật cũng không tăng, khônggiảm. Thế Tôn, nếu các Ba-la-mật không tăng, không giảm, tại sao Bồ-tátMa-ha-tát lấy các pháp Ba-la-mật không tăng, không giảm này để gần gũiVô thượng Chính đẳng Chính giác, thành tựu Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Nếu không viên mãn các Ba-la-mật, tức Bồ-tát Ma-ha-tát không thể gần Vô thượng Chính đẳng Chính giác, không thành tựu Vô thượng Chínhđẳng Chính giác.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng thế, đúng thế. Nghĩa của các Ba-la-mật không có tăng, giảm. Vì sao? Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát có đủ phương thiện thiệnxảo, lúc tu hành Bát nhã Ba la mật, có thể hành Bố thí Ba-la-mật mà không nghĩ mình hành Bố thí Ba-la-mật có tăng giảm, mà nghĩ Bố thí Ba-la-mật kiachỉ dùng danh tự để phân biệt chứ không thấy tướng Bố thí kia có thể được.Bồ-tát dùng thiện căn này hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Vì hồi hướng như tướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác nên gọi là hồi hướng đúng đắn.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát có đủ phương tiện thiện xảo, lúc tuhành Bát nhã Ba la mật, có thể hành Tịnh giới Ba-la-mật mà không nghĩmình hành Tịnh giới Ba-la-mật có tăng, giảm; mà nghĩ Tịnh giới Ba-la-mậtđó chỉ dùng danh tự để phân biệt, chứ không thấy tướng Giới kia có thểđược. Bồ-tát dùng thiện căn này hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chínhgiác. Vì hồi hướng như tướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác, nên gọi làhồi hướng đúng đắn.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát có đủ phương tiện thiện xảo, lúc tu hành Bát nhã Ba la mật, có thể hành Nhẫn nhục Ba-la-mật mà không nghĩ mình hành Nhẫn nhục Ba-la-mật có tăng, giảm; mà nghĩ Nhẫn nhục Ba-la-mật đó chỉ dùng danh tự để phân biệt, chứ không thấy tướng Nhẫn nhục kia có thể được. Bồ-tát dùng thiện căn này hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Vì hồi hướng như tướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác, nên gọi là hồi hướng đúng đắn.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát có đủ phương tiện thiện xảo, lúc tuhành Bát nhã Ba la mật, có thể hành Tinh tiến Ba-la-mật mà không nghĩ mình hành Tinh tiến Ba-la-mật có tăng, giảm; mà nghĩ Tinh tiến Ba-la-mật kia chỉ dùng danh tự để phân biệt, chứ không thấy tướng đó có thể được.Bồ-tát dùng thiện căn này hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Vìhồi hướng như tướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác, nên gọi là hồihướng đúng đắn.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát có đủ phương tiện thiện xảo, lúc tuhành Bát nhã Ba la mật, có thể hành Thiền định Ba-la-mật mà không nghĩmình hành Thiền định Ba-la-mật có tăng, giảm; mà nghĩ Thiền định Ba-la-mật kia chỉ dùng danh tự để phân biệt, chứ không thấy

tướng Định kia có thể được. Bồ-tát dùng thiện căn này hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chínhgiác. Vì hồi hướng như tướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác, nên gọi làhồi hướng đúng đắn.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát có đủ phương tiện thiện xảo, lúc tuhành Bát nhã Ba la mật, không nghĩ pháp này có tăng, giảm; mà nghĩ Bát nhã Ba la mật đó chỉ dùng danh tự để phân biệt, chứ không thấy pháp đó có thể tu, có thể hành. Bồ-tát dùng thiện căn này hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Vì hồi hướng như tướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác,nên gọi là hồi hướng đúng đắn.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, Vô thượng Chính đẳng Chínhgiác nghĩa là gì?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Vô thượng Chính đẳng Chính giác nghĩa là Như Như. Như Như không có tăng, không có giảm. Bồ-tát Ma-ha-tát ở trong pháp này,nên trú như thật, tác ý như lý, tu tập tương ưng. Bồ-tát này tức gần Vôthượng Chính đẳng Chính giác, tức thành tựu Vô thượng Chính đẳng Chínhgiác không tăng, không giảm. Vì thế Tu-bồ-đề nên biết, nghĩa không thể thuyết không có tăng, không có giảm, cho đến tất cả các pháp cũng khôngtăng, không giảm. Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát biết tướng như thế, tác ý nhưthế, tu hành như thế tức gần Vô thượng Chính đẳng Chính giác, tức thành tựu Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Phẩm 19: Nghĩa Sâu Xa
Phần 1

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, Bồ-tát Ma-ha-tát được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, là tâm trước được, hay tâm sau được? ThếTôn, nếu tâm trước được, thì tâm trước, tâm sau kia không cùng khởi. Nếutâm sau được, thì tâm sau, tâm trước cũng không cùng khởi. Làm thế nào Bồ-tát Ma-ha-tát có thể tăng trưởng các thiện căn?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ý ông thế nào? Ví như thế gian đốt tim đèn, thì ngọn lửa trước cháy hay ngọn lửa sau cháy.

Tu-bồ-đề nói: Không, Thế Tôn. Chẳng phải ngọn lửa trước cháy, cũng không rời ngọn lửa trước; chẳng phải ngọn lửa sau cháy, cũng không rời ngọn lửa sau.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ý ông thế nào? Tim đèn này có thật cháy?

Tu-bồ-đề nói: Tim đèn này thật cháy.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng thế, đúng thế. Bồ-tát Ma-ha-tát được Vô thượngChính đẳng Chính giác, nghĩa cũng như thế. Không phải tâm trước Bồ-tátđược Vô thượng Chính đẳng Chính giác, cũng không rời tâm trước; khôngphải tâm sau được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, cũng không rời tâmsau. Lại nữa, không phải tâm này được, không phải tâm khác được, cũngkhông phải không được; trong đó cũng không hoại thiện căn.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, như Phật nói, Bồ-tát Ma-ha-tát được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, không phải tâm trước được,cũng không rời tâm trước; không phải tâm sau được, cũng không rời tâmsau. Lại không phải tâm này được, không phải tâm khác

được, cũng khôngphải không được, không hoại thiện căn. Pháp duyên sinh này sâu xa vi diệu,sâu xa tối thượng.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ý ông thế nào? Nếu tâm đã diệt, tâm này có sinh lạikhông?

Tu-bồ-đề nói: Không, Thế Tôn.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu tâm sinh rồi thì đó có phải tướng diệt không?

Tu-bồ-đề nói: Là tướng diệt.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Pháp tướng diệt đó có thể diệt không?

Tu-bồ-đề nói: Không thể, Thế Tôn.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Tâm đó có pháp có thể sinh, có thể diệt không? 150

Tu-bồ-đề nói: Không, Thế Tôn. Tâm không có pháp có thể sinh, cũng khôngcó pháp có thể diệt.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Tức tâm sinh pháp và tâm diệt pháp, hai tâm này có thểdiệt không?

Tu-bồ-đề nói: Không, Thế Tôn.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Tự tính tất cả các pháp có thể diệt không?

Tu-bồ-đề nói: Không, Thế Tôn.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Như Như có trú, ông cũng trú như thế sao?

Tu-bồ-đề nói: Như Như có trú, cũng trú như thế.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu Như Như có trú, cũng trú như thế, tức là thường sao?

Tu-bồ-đề nói: Không, Thế Tôn.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ý ông thế nào? Chân như có sâu xa không?

Tu-bồ-đề nói: Không, Thế Tôn.

Phật nói: Tu-bồ-đề, Chân như tức là tâm sao? Tâm tức là Chân như sao?

Tu-bồ-đề nói: Không, Thế Tôn.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Tâm khác Chân như sao?

Tu-bồ-đề nói: Không, Thế Tôn.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ông có thấy Chân như không?

Tu-bồ-đề nói: Không, Thế Tôn.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát hành như thế, có phải là hành sâu xa không?

Tu-bồ-đề nói: Nếu hành như thế là không có chỗ hành. Vì sao? Bồ-tát không hành tất cả các hành, là hành như thế.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba la mật, nên hành chỗ nào?

Tu-bồ-đề nói: Nên hành ở trong Đệ nhất nghĩa.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ý ông thế nào? Bồ-tát Ma-ha-tát nếu hành ở trong Đệ nhất nghĩa, có phải Bồ-tát hành tướng không?T

u-bồ-đề nói: Không, Thế Tôn.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ý ông thế nào? Có phải Bồ-tát hoại các tướng không?

Tu-bồ-đề nói: Không, Thế Tôn. Bồ-tát không hoại các tướng.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Thế nào gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát lúc hành Bát nhã Ba la mật không hoại các tướng?

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát nghĩ mình tu Bồ-tá thành mà đoạn các tướng, thì nên biết Bồ-tát này chưa thể đầy đủ các phần pháp Phật. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát có phương tiện thiện xảo, tâm không trú tướng, tuy biết rõ các tướng đó, Bồ-tát vượt qua các tướng mà không nắmbắt Vô tướng; đó là Bồ-tát không hoại các tướng.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử bạch Tôn giả Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát, ở trong mộng, tu ba cửa Giải thoát, tức Không, Vô tướng, Vô nguyện, thì cóthể lấy thiện căn này để tăng ích Bát nhã Ba la mật không?

Tu-bồ-đề nói với Tôn giả Xá-lợi Tử: Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát tu Bát nhã Ba la mật, tức có tướng Bát nhã Ba la mật. Vì thế, ở trong mộng cũng có thể tăngích. Lại nữa, Xá-lợi-tử. Nếu ban ngày tăng ích thì trong mộng cũng tăng ích.Vì sao? Phật thuyết ngày, đêm, trong mộng đều như nhau không khác.

Xá-lợi Tử nói: Nếu có người nam, người nữ ở trong mộng tạo nghiệp thiện ác, người này sẽ có quả báo thiện ác không?

Tu-bồ-đề nói: Như Phật nói, các pháp như mộng tức không có quả báo. Nếu người này sau khi tỉnh mộng, khởi tưởng phân biệt, thì sẽ có quả báo thiện ác đó. Xá-lợi Tử, nếu người ở trong mộng tạo nghiệp sát sinh, người này có bị tội sát sinh không?

Xá-lợi Tử nói: Tu-bồ-đề, người này sau khi tỉnh mộng, khởi tưởng phân biệt, nói rằng mình ở trong mộng đã giết hại rất thích thú, thì nên biết người này nương theo sự giết hại trong mộng cũng mang tội sát sinh.

Xá-lợi Tử nói: Tôn giả Tu-bồ-đề, như Phật nói, cho đến tất cả các pháp cũng không nên phân biệt. Nếu khởi phân biệt tức có tưởng sinh. **Tưởng từ phân biệt sinh; tội từ tưởng, tâm hiện.**

Tu-bồ-đề nói: Tôn giả Xá-lợi-tử, nếu tất cả phân biệt đó chấm dứt, tức tâmnhư hư không. Vì thế nên biết có duyên thì có nghiệp, có duyên thì suy nghĩ sinh khởi, không có duyên thì không có nghiệp, không có duyên thì suy nghĩ không sinh. Nếu tâm hành trong sự thấy, nghe, hiểu, biết pháp, có tâm nắm bắt cấu, có tâm nắm bắt tịnh, tức có nhân duyên khởi nghiệp, chứ không phải không có nhân duyên. Có nhân duyên nên suy nghĩ sinh, không phải không có nhân duyên.

Xá-lợi Tử nói: Tôn giả Tu-bồ-đề, như Phật nói, tất cả các pháp đều lìa các duyên. Nay sao lại nói có nhân duyên nên suy nghĩ sinh chứ không phải không có nhân duyên?

Tu-bồ-đề nói: Phật có nói, vì lìa tướng tạo tác nên nói có nhân duyên thì suy nghĩ sinh chứ không phải không có nhân duyên. Xá-lợi-tử, các pháp duyên lìa tướng; tướng này cũng lìa. Như vậy, vô minh duyên hành, hành duyên thức, cho đến sinh duyên lão tử v.v...; các pháp nhân duyên đều lìa tướng. Vì thế, Phật nói tất cả các pháp lìa các duyên.

Xá-lợi Tử nói: Tôn giả Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở trong mộng mà hành bố thí, đem công đức đó hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác thì có phải là hồi hướng không?152

Tu-bồ-đề nói: Tôn giả Xá-lợi Tử, nay Bồ-tát Từ Thị ở trong hội này, đượcNhư Lai thụ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác, biết nghĩa như thế, chứng pháp như thế. Ông nay lấy nghĩa như thế mà tự thưa hỏi.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử liền bạch Bồ-tát Từ Thị: Như pháp tôi đã hỏi Tu-bồ-đề, Tôn giả này nói rằng Bồ-tát Từ Thị biết nghĩa như thế, bảo tôi đếnhỏi, xin Bồ-tát hãy nói cho tôi.

Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Từ Thị bảo Tôn giả Tu-bồ-đề: Điều Xá-lợi Tử hỏi,ông có nói là tôi biết nghĩa như thế. Nay tôi không biết dùng pháp nào đểtrả lời. Tu-bồ-đề, không thể dùng danh tự Từ Thị mà trả lời, không thể dùng sắc Không mà trả lời, không thể dùng thụ, tưởng, hành, thức Không mà trảlời. Tu-bồ-đề, trong cái Không của sắc, thụ, tưởng, hành, thức kia đều không có sự trả lời. Tu-bồ-đề, tôi không thấy có pháp trả lời và người trả lời,cũng không thấy có pháp được trả lời và người được trả lời, cho đến pháp trả lời được dùng đến cũng đều không thấy, cho đến tất cả các pháp đều không được thấy. Vì không thấy pháp nên không có trả lời.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử bạch Bồ-tát Ma-ha-tát Từ Thị: Bồ-tát nói là đã chứng pháp này sao?

Bồ-tát Từ Thị nói: Xá-lợi Tử, tôi không chứng pháp này. Trong các pháp, tôi không thấy có pháp nào có thể chứng đắc, không thể dùng thân được, không thể dùng tâm được, cũng không phải ngôn ngữ, phân biệt, suy nghĩ có thể được. Theo nghĩa này, rốt ráo không có sở đắc. Vì thế, Xá-lợi Tử, tấtc ả các pháp không có tính; tự tính của pháp là như thế.

Quyển XVIII

Phẩm 19: Nghĩa Sâu Xa
Phần 2

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử nghĩ: Bồ-tát Ma-ha-tát Từ Thị đã được trí tuệ sâu xa; trong dòng sinh tử siêng hành Bát nhã Ba la mật.

Bấy giờ, Thế Tôn biết Xá-lợi Tử tâm nghĩ như thế rồi, liền bảo Xá-lợi Tử: Ôngnay tại sao khởi niệm như thế? Trong pháp của ông, ông có thấy pháp mà thủ chứng quả A-la-hán sao?

Xá-lợi Tử nói: Không có pháp nào có thể thấy, cũng không có chứng.

Phật bảo Xá-lợi Tử: Bồ-tát Ma-ha-tát cũng như thế. Tuy hành Bát nhã Ba la mật nhưng không có pháp nào có thể được thụ ký, cũng không có pháp nào được Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Vì thế không nên có pháp nắm bắt tướng sâu xa. Khi Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba la mật như thế, không kinh, không sợ, các lực đầy đủ, nên nghĩ thế này: "Đối với pháp, ta không có đắc, không có chứng; trong đó như lý tu tập tương ưng." Nếu hành như thế, đó là hành Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Xá-lợi-tử. Bồ-tát Ma-ha-tát, nếu gặp nạn thú dữ cũng không sinhkinh sợ. Vì sao? Bồ-tát đều có thể bỏ tất cả, làm lợi ích lớn cho tất cả chúngsinh. Bồ-tát này lúc đó nên nghĩ rằng: "Nếu thú dữ muốn ăn thịt ta, ta sẽ cho chúng, nguyện ta sẽ được viên mãn Bố thí Ba-la-mật, được gần Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Siêng hành, tinh tiến như thế, sẽ được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, cõi Phật thanh tịnh, trong nước không có các loại trùng, thú, trâu, súc vật dữ; tất cả chúng sinh không ăn nuốt nhau."

Lại nữa, Xá-lợi Tử. Bồ-tát Ma-ha-tát, nếu gặp nạn oán tặc, không sinh kinhsợ. Vì sao? Bồ-tát đều có thể bỏ mọi thứ sở hữu cũng như thân mình, không có keo kiệt, tiếc nuối. Bồ-tát này lúc đó nghĩ thế này: "Nếu oán tặc đến cướp lấy, ta sẽ cho chúng mọi thứ sở hữu chúng muốn; thậm chí có lấy mạng ta, ta cũng không sinh sân hận, oán ghét. Lúc đó, không khởi thân nghiệp,không

phát ngữ nghiệp, không động ý nghiệp. Ở nơi ba nghiệp, lìa các lỗi lầm. Nguyện cho ta được viên mãn Trì giới Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật,được gần Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Siêng hành, tinh tiến như thế,sẽ được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, cõi Phật thanh tịnh, trong nước không có tất cả oán tặc và các loài ác khác; các chúng sinh đó không cướp đoạt nhau."

Lại nữa, Xá-lợi Tử. Bồ-tát Ma-ha-tát, nếu gặp nạn không có nước, khôngsinh kinh sợ. Vì sao? Bồ-tát, khéo vì chúng sinh, thuyết pháp trừ khát. Bồ-tát này lúc đó nghĩ thế này: "Ta nên vì chúng sinh tuyên thuyết pháp yếu, khiến các chúng sinh đoạn trừ khát ái, tâm được thanh tịnh. Nếu thân này của ta bị khát bức bách mà chết, thì khi chuyển sinh vào thế giới khác, đối với tất cả chúng sinh ở đó, ta cũng khởi tâm đại bi nghĩ rằng các chúng sinh này phúc đức mỏng manh, lại gặp phải nạn không có nước này, ta thường vì các chúng sinh thuyết pháp trừ khát, kiên cố siêng hành, tinh tiến như thế,nguyện cho ta sẽ được viên mãn Tinh tiến Ba-la-mật, được gần Vô thượngChính đẳng Chính giác. Siêng hành, tinh tiến như thế, khi được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, cõi Phật thanh tịnh, chúng sinh trong nước không bị đói khát; các chúng sinh đó phúc đức đầy đủ, tự nhiên mà có nước tám công đức, vui thích, đầy đủ."

Lại nữa, Xá-lợi Tử. Bồ-tát Ma-ha-tát, nếu gặp nạn đói khát, không bị kinh sợ.Vì sao? Bồ-tát mặc áo giáp tinh tiến, thân tâm thanh tịnh. Bồ-tát này lúc đónghĩ rằng: "Nay, chúng sinh này chịu khổ đói khát, thật đáng thương xót, nguyện cho ta được viên mãn Thiền định Ba-la-mật, được gần Vô thượng Chính đẳng Chính giác; siêng hành, tinh tiến như thế, khi được Vô thượngChính đẳng Chính giác, cõi Phật thanh tịnh, chúng sinh trong nước không chịu khổ đói khát, tất cả đều được vui vẻ, sung sướng như ý muốn; ví như cõi trời Tam Thập Tam, tự tại, vui vẻ, tất cả các mong muốn tùy tâm mà hiện; nguyện chúng sinh ở nước ta sẽ đến kia cũng được thành tựu việc vuinhư thế, ở vào mọi lúc thân tâm đều thanh tịnh, chính mạng kiên cố, không sống tà mạng, tâm trú tịch tĩnh, lìa mọi tán loạn."

Lại nữa, Xá-lợi Tử. Bồ-tát Ma-ha-tát, nếu gặp nạn bệnh tật, không sinh kinhsợ. Vì sao? Bồ-tát đã có thể suy nghĩ, quán sát; trong đó không có pháp cóthể bệnh. Bồ-tát này lúc đó nghĩ rằng: "Nay, chúng sinh này chịu các khổbệnh, thật rất thương xót. Nguyện cho ta được viên mãn Trí tuệ Ba-la-mật,được gần Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Siêng hành tinh tiến như thế,khi được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, nước Phật thanh tịnh, chúng sinh trong nước lìa các khổ bệnh."

Xá-lợi Tử, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát có thể siêng năng tu các hành như thế, tứcđược Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Lại nữa, Xá-lợi Tử. Bồ-tát Ma-ha-tát, đối với Vô thượng Chính đẳng Chínhgiác, không nên nghĩ rằng phải tu tập thật lâu dài mới được thành tựu; lạicũng không nên kinh sợ. Vì sao? Tiền tế thế giới tức là tiền tế lâu dài. Bồ-tát,nếu tâm tương ưng sát-na, tuy là lâu dài nhưng không phải lâu dài. Vì thế Bồ-tát Ma-ha-tát không nên sinh tưởng khó hành, không nên nghĩ là lâu dài;trong đó cũng không nên lùi, mất.

Lại nữa, Xá-lợi Tử. Bồ-tát Ma-ha-tát, đối với pháp như thế cùng các phápkhác, dù thấy, dù nghe, không nên kinh sợ. Bồ-tát Ma-ha-tát này nên kiêncố, phát hành tinh tiến, học như được thuyết, hành như được thuyết, tứcđược tương ưng đầy đủ với Bát nhã Ba la mật.155

Bấy giờ, trong hội có một người nữ tên là Ngang-nga-nĩ-phược, từ chỗ ngồiđứng dậy, đến trước chỗ Phật, trần vai bên phải, gối phải sát đất, chấp tay cung kính, đỉnh lễ chân Phật, bạch Phật: “Thế Tôn, như pháp được nghe,con ở trong đó không sinh kinh sợ, ở đời vị lai, con cũng sẽ vì tất cả chúng sinh nói pháp như thế.” Nói như thế rồi, liền lấy hoa vàng rải lên người Phật.Do thần lực Phật nên hoa đó tự nhiên đứng giữa hư không.

Bấy giờ, Thế Tôn liền phóng ánh sáng màu vàng tịnh diệu, chiếu khắp vôlượng, vô biên tất cả quốc độ, cho đến Phạm giới, soi sáng rộng lớn. Ánh sáng đó quay lại vòng quanh Phật ba vòng, rồi nhập vào đỉnh đầu Thế Tôn.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, trần vai bên phải, gối phải sát đất, chấp tay cung kính, bạch Phật: Thế Tôn, nhân gì, duyên gì mà phóng ánh sáng này? Chư Phật Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác, nếu không có nhân duyên thì không phóng ánh sáng.

Phật nói: A-nan, nay người nữ Ngang-nga-nĩ-phược này, sau khi chết, chuyển sinh sẽ được thân nam, sinh vào thế giới Diệu Lạc của cõi Phật A-súc; ở chỗ Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác đó, cung kính, cúng dường, tu trì phạm hạnh. Ở đó mất đi lại sinh vào các cõi Phật khác. Nhưt hế, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, đời đời được sinh không lìa chư Phật,thường được chiêm lễ, gần gũi, cúng dường. Ví như Chuyển Luân Thánh Vương tôn quý, tự tại, từ cung điện này đến cung điện khác, từ sinh đến mất, chân không đạp đất, nay người nữ này cũng như thế. Từ nước Phật này đến nước Phật khác, không rời chư Phật. Cho đến ở đời vị lai, trong kiếp Tinh Tú sẽ được thành Phật, hiệu Kim Hoa Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác Minh hạnh túc Thiện Thệ Thế gian giải Vô thượng sĩ Điều ngựTrượng phu Thiên nhân sư Phật Thế Tôn, xuất hiện ở đời.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghĩ: Nay người nữ này, lúc thành Phật, ở cõi đó cóchúng hội các Bồ-tát Ma-ha-tát giống như các hội của chư Phật không?

Bấy giờ, Thế Tôn biết A-nan tâm nghĩ như thế, bảo A-nan: Ông nay nên biết, người nữ Ngang-nga-nĩ-phược này, được thành Phật rồi, trong nước Phật đó có chúng hội Bồ-tát, Thanh Văn, số lượng rất nhiều, vô lượng, vô biên, không thể xưng kể, giống như hội của chư Phật, không khác.

Lại nữa, A-nan. Trong cõi Phật đó, chúng sinh được an ổn, vui sướng, không có các nạn thú dữ, trộm cướp, đói khát, bệnh khổ, khô hạn v.v...; ở mọi lúc đều lìa mọi sợ hãi. A-nan, Kim Hoa Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác này, lúc được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, có thể thành tựu công đức như thế.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật: Thế Tôn, người nữ Ngang-nga-nĩ-phượcnày, lần đầu tiên phát tâm Bồ-đề, trồng các thiện căn ở chỗ Phật Thế Tôn nào?

Phật nói: A-nan, người nữ Ngang-nga-nĩ-phược này, đầu tiên ở chỗ Nhiên Đăng Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác kia, phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Bấy giờ, ta ở chỗ Nhiên Đăng Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác, dùng năm nhánh hoa ưu-bát-la để cúng dường. Lúcđó ta chứng được Vô sinh pháp nhẫn, Nhiên Đăng Như Lai đó biết ta thànhthục thiện căn, liền thụ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác, nói thế này:“Thiện nam tử, ông ở đời vị lai sẽ được làm Phật, hiệu Thích-ca Mâu-ni NhưLai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác Minh hạnh túc Thiện Thệ Thế gian giảiVô thượng sĩ Điều ngự Trượng phu Thiên nhân sư Phật Thế

Tôn.” A-nan,bấy giờ người nữ này, ở Phật hội đó, nghe Phật thụ ký Vô thượng Chínhđẳng Chính giác cho ta, liền cầm hoa vàng cúng dường Phật, cúng dường hoa xong thì nghĩ: “Vui thay, Thiện nam tử này nay được thụ ký. Nguyện cho ta tương lai cũng được thụ ký, cũng như người này, không khác ngàynay.” A-nan, vì thế nên biết người nữ Ngang-nga-nĩ-phược này phát tâm Bồ-đề từ rất lâu.

A-nan bạch Phật: Thế Tôn, hay thay! Hay thay! Nay người nữ này từ lâu đãtu tập hạnh Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Phật nói: A-nan, đúng vậy, đúng vậy. Nay người nữ này từ lâu đã tu tập hạnh Vô thượng Chính đẳng Chính giác, vì thế nay được ta thụ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Phẩm 20: Phương Tiện Thiện Xảo
Phần 1

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát muốnhành Bát nhã Ba la mật, nên làm thế nào học Không, làm thế nào nhậptam-ma-địa Không.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát muốn hành Bát nhã Ba la mật,nên quán sắc Không, quán thụ, tưởng, hành, thức Không, nên dùng tâm không tán loạn, quán đúng các pháp là rốt ráo Không; hoặc tất cả các pháp, hoặc tất cả các pháp tính đều không thể thấy. Tuy quán tính các pháp là Không như thế, không nên ở trong pháp đó chứng thật tế Không.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, như Phật nói, Bồ-tát Ma-ha-tát không nênchứng Không. Thế Tôn, Bồ-tát Ma-ha-tát trú tam-ma-địa Không, sao lạikhông chứng Không?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát Ma-ha-tát, tuy đều quán Không đối với tất cả cáctướng, chỉ tu học Không mà không thủ chứng Không ở trong đó. Khi Bồ-tátđó quán như thế, nên nghĩ rằng: “Đây chỉ là lúc ta học, không phải lúcchứng.” Vì thế, không trú thắng định, không nhiếp tâm sâu ràng buộc vớiduyên. Vì Bồ-tát Ma-ha-tát đó nhờ sức Bát nhã Ba la mật hộ trì, tuy khôngchứng Không mà cũng mất pháp Bồ-đề phần, cũng không tận các lậu, tâm trú tịch diệt. Vì thế, Bồ-tát Ma-ha-tát tuy hành cửa giải thoát tam-ma-địaKhông nhưng không chứng Không, tuy nhập cửa giải thoát tam-ma-địa Vôtướng nhưng không chứng Vô tướng, không trú Hữu tướng. Vì sao? Bồ-tát Ma-ha-tát này trí tuệ sâu xa, thiện căn đầy đủ, có thể nghĩ thế này: “Nay là lúc học, không phải lúc chứng.” Vì thế tuy lại quán Không nhưng không bịchướng ngại, tuy trú tam-ma-địa Không nhưng trong đó không chứng thật tế Không, vì được sức Bát nhã Ba la mật hộ trì.

Tu-bồ-đề, ví như người có sắc tướng đoan chính, dũng mãnh tối thượng,tinh tiến, kiên cố, giàu sang, tự tại, nói lời có nghĩa, có lợi với người, biện tàivô ngại, trí tuệ sáng suốt, biết lúc, biết chỗ, biết nơi đến, đi, thông đạt thiệnác, hiểu rõ toán số, khéo léo thành tựu tất cả các kỹ thuật, dũng mãnh, có sức mạnh, có thể đánh lại quân thù, cho đến các việc ở đời đều hiểu rõ, được người thương mến, chiêm ngưỡng, gần gũi, tôn trọng, cung kính. Người này vì duyên này nên đến chỗ nào cũng được lợi lớn, tâm ý nhu hòa, thích thú, vui vẻ. Một hôm, người này có chút nhân duyên, cùng cha mẹ, vợcon, quyến thuộc, đi qua cánh đồng trống, cực kỳ kinh sợ, trên đường hiểmác, có giặc cướp, các loài phi nhân v.v.... Lúc đó, tất cả quyến thuộc đều losợ, lông dựng đứng lên. Người đó liền nói với cha mẹ, bà con: “Bà con cángười đừng sinh lo sợ. Tôi có

cách vượt qua yên ổn mọi hiểm nạn." Liền hóa ra nhiều người, nắm giữ đủ loại binh khí bén nhọn, bảo vệ bà con vượt quahiểm nạn này. Các giặc cướp, loài phi nhân kia đều rút lui, không thể làmhại. Tất cả bà con người đó qua được nạn này rồi, yên ổn, may mắn đến được châu thành, xóm làng người đó hướng đến. Vì sao? Vì người này có trí, có tuệ, dũng mãnh tối thắng, có sức mạnh lớn, kiên cố, không lùi, bọn giặc cướp v.v... kia không thể địch lại. Bồ-tát Ma-ha-tát cũng như thế. Thươngxót, làm lợi lạc tất cả chúng sinh, thường hành bốn hạnh vô lượng Từ, Bi,Hỷ, Xả, được sức Bát nhã Ba la mật hộ trì nên đầy đủ phương tiện thiện xảo, đem các thiện căn hồi hướng Nhất thiết trí, tuy tu cửa giải thoát tam-ma-địa Không, Vô tướng, Vô tác nhưng không chứng Thật tế. Bồ-tát Ma-ha-tát vượt qua các phiền não và các phần phiền não, vượt qua các ác ma và kẻ giúp Ma, vượt bậc Thanh Văn và bậc Duyên Giác, trú tam-ma-địa mà sạch hết các lậu. Vì sao? Vì Bồ-tát Ma-ha-tát đầy đủ các lực, tinh tiến, kiên cố, được sức Bát nhã Ba la mật hộ trì. Bồ-tát không bỏ tất cả chúng sinh, khiến đều thành tựu Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Bồ-tát Ma-ha-tát lại duyên tất cả chúng sinh, nhập tam-muội Từ tâm, lại nhập tam-muội Vô duyên từ tối thượng, tu tập Ba-la-mật tối thượng.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát, tuy hành cửa giải thoát tam-ma-địaKhông, nhưng trong đó không chứng Vô tướng, không rơi vào Hữu tướng.Tu-bồ-đề, ví như chim bay trên không trung mà không rơi xuống đất, tuybay giữa không mà không nương vào không, cũng không trú ở không; Bồ-tát Ma-ha-tát cũng như thế. Tuy hành Không, học Không, hành Vô tướng,học Vô tướng, hành Vô tác, học Vô tác, chưa đầy đủ Phật pháp, nhưng chẳng bao giờ rơi vào Không, Vô tướng, Vô tác. Tu-bồ-đề, lại như có ngườihọc bắn với thầy dạy bắn, học đã thành thạo mà lại khéo léo, liền bắn vàohư không. Bắn mũi tên đầu rồi, lại bắn mũi tên khác, các mũi tên liền nhau như ý muốn mà không rớt xuống. Bồ-tát Ma-ha-tát cũng như thế. Vì muốnthành tựu thiện căn Vô thượng Chính đẳng Chính giác, vì được sức Bát nhã Ba la mật hộ trì, nếu chưa thành tựu thiện căn Vô thượng Chính đẳng Chính giác, cũng không bao giờ thủ chứng Thật tế. Đến khi thành thiện căn rồi, được viên mãn Vô thượng Chính đẳng Chính giác, lúc đó Bồ-tát mới chứng Thật tế. Vì thế, Tu-bồ-đề, lúc Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba la mật, lúc tu Bát nhã Ba la mật, nên quán đúng thật tướng sâu xa của các pháp như thế. Tuy quán rồi nhưng không thủ chứng.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, việc làm của Bồ-tát Ma-ha-tát rất khó, cực kỳ khó; tuy hành Không, học Không, nhập tam-ma-địa Không nhưng trong đó không chứng thật tế Không. Thế Tôn, thật là hiếmcó, thật là hiếm có!

Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề: Đúng thế, đúng thế. Bồ-tát Ma-ha-tát tuy hànhKhông, học Không, nhập tam-ma-địa Không, nhưng trong đó không chứng thật tế Không. Điều này rất khó, cực kỳ khó. Điều này hiếm có, rất hiếm có. Vì sao? Tu-bồ-đề, Bồ-tát đó phát đại nguyện tối thắng như thế này: "Ta nên độ tất cả chúng sinh, không bỏ tất cả chúng sinh." Bồ-tát phát nguyện như thế rồi, liền vào cửa giải thoát tam-ma-địa Không, cửa giải thoát tam-ma-địaVô tướng, cửa giải thoát tam-ma-địa Vô tác. Bồ-tát tuy nhập các cửa giảithoát này nhưng trong đó không thủ chứng Thật tế. Vì sao? Vì Bồ-tát này đã được sức hộ trì của phương tiện thiện xảo, có thể nghĩ thế này: "Ta không bỏ các chúng sinh. Chưa đầy đủ Phật pháp thì không bao giờ chứng thật tế Không trong đó."

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát, nếu muốn nhập tính Không sâu xa, túccửa giải thoát tam-ma-địa Không, cửa giải thoát tam-ma-địa Vô tướng, cửa giải thoát tam-ma-địa Vô tác; Bồ-tát nếu muốn nhập các cửa giải thoát tam-ma-địa đó thì nên sinh tâm như thế này: "Tất cả chúng sinh, trong dòng sinh tử, đeo bám tướng chúng sinh, khởi kiến có sở đắc. Ta được Vô thượngChính đẳng Chính giác rồi, sẽ vì chúng sinh tuyên thuyết pháp yếu, đoạn trừtướng này." Liền nhập cửa giải thoát tam-ma-địa Không, cửa giải thoát tam-ma-địa Vô tướng, cửa giải thoát tam-ma-địa Vô tác. Vì Bồ-tát dùng tâm nhưthế và sức phương tiện trước đó, nên trong các tam-ma-địa, không thủ chứng Thật tế, cũng không giảm mất các pháp tam-muội Từ, Bi, Hỷ, Xả. Vìsao? Vì Bồ-tát này đã được sức phương tiện thiện xảo hộ trì, nên lại tăng thêm thiện pháp, các căn thông lợi, các sức giác đạo cũng được tăng ích.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát, nếu muốn nhập cửa giải thoát tam-ma-địa Không, nên sinh tâm thế này: "Tất cả chúng sinh, trong dòng sinh tử, lạisinh tướng Ngã, cho là có sở đắc. Ta được Vô thượng Chính đẳng Chính giácrồi, sẽ vì chúng sinh tuyên thuyết pháp yếu, đoạn trừ tướng Ngã." Liền nhậpcửa giải thoát tam-ma-địa Không. Vì Bồ-tát dùng tâm như thế và sứcphương tiện trước đó, nên không chứng Thật tế, cũng không giảm mất các pháp tam-muội Từ, Bi, Hỷ, Xả. Vì sao? Bồ-tát này đã được sức hộ trì củaphương tiện thiện xảo, lại tăng thêm thiện pháp, các căn thông lợi, các sức giác đạo cũng được tăng ích.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát, nếu muốn nhập cửa giải thoát tam-ma-địa Vô tướng, nên sinh tâm thế này: "Tất cả chúng sinh, trong dòng sinh tử, đeo bám tướng Hữu, sinh tưởng nắm bắt. Ta được Vô thượng Chính đẳngChính giác rồi, nên vì chúng sinh tuyên thuyết pháp yếu, đoạn trừ tướng Hữu." Liền nhập cửa giải thoát tam-ma-địa Vô tướng. Vì Bồ-tát dùng tâm như thế và sức phương tiện trước đó, nên không chứng Thật tế, cũng không giảm mất các pháp tam-muội Từ, Bi, Hỷ, Xả. Vì sao? Bồ-tát này đã được sức hộ trì của phương tiện thiện xảo, lại tăng thêm thiện pháp, các căn thông lợi,các sức giác đạo cũng được tăng ích.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát, nếu muốn nhập cửa giải thoát tam-ma-địa Vô tác, nên sinh tâm thế này: "Tất cả chúng sinh, trong dòng sinh tử, đeo bám các tưởng thường, lạc, ngã, tịnh, khởi các tưởng điên đảo như thếlà tướng được tạo tác. Ta được Vô thượng Chính đẳng Chính giác rồi, sẽ vì chúng sinh tuyên thuyết pháp yếu. Đó là, đây là vô thường, không phải hường; đây là khổ, không phải lạc; đây là vô ngã, không phải ngã; đây làbất tịnh, không phải tịnh. Như thế sẽ khiến đoạn trừ tưởng thường, tưởng lạc, tưởng ngã, tưởng tịnh, lìa tướng tạo tác." Liền nhập cửa giải thoát tam-ma-địa Vô tác. Vì Bồ-tát dùng tâm như thế và sức phương tiện trước đó, nên không chứng Thật tế, cũng không giảm mất các pháp tam-muội Từ, Bi hỷ xả, các pháp Tam-muội. Vì sao? Bồ-tát này đã được sức phương tiện thiện xảo hộ trì, lại tăng thêm thiện pháp, các căn thông lợi, các sức giác đạo cũng đều tăng ích.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát nên sinh tâm thế này: "Tất cả chúngsinh, trong dòng sinh tử, đeo bám các tướng Hữu; nghĩa là, trước hành có sở đắc, nay hành có sở đắc, trước hành tưởng thường, nay hành tưởng thường, trước hành hành điên đảo, nay hành hành điên đảo, trước hành tưởng hòa hợp, nay hành tưởng hòa hợp, trước hành tưởng không thật, nayhành tưởng không thật, trước khởi tà kiến, nay khởi tà kiến, trước tạo cáchành sai lầm, nay tạo các hành sai lầm. Như thế, tất cả chúng sinh, ở mọilúc, mọi nơi, tạo các hành như thế. Vì ta được sức Bát nhã

Ba la mật hộ trìnên đầy đủ phương tiện thiện xảo, siêng hành tinh tiến như thế, lúc được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, sẽ vì chúng sinh nói pháp như thế, khiến chúng sinh được nhập thật tướng sâu xa của các pháp; đó là, Không, Vôtướng, Vô nguyện, Vô tác, Vô khởi, Vô sinh, Vô tính."

Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát sinh tâm như thế, đầy đủ trí tuệ đó, mà lạitạo tác các pháp trú Tam giới thì không có chuyện đó.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát tu hành tương ưng nên hỏi các Bồ-tát khác rằng: "Nếu người muốn thành tựu Vô thượng Chính đẳng Chínhgiác, nên học Không thế nào, nên sinh tâm thế nào để được nhập Không mà không chứng Không, nhập Vô tướng, Vô nguyện, Vô tác, Vô khởi, Vô sinh,Vô tính, mà không chứng Vô tướng cho đến Vô tính, để có thể tu tập Bát nhã Ba la mật?" Nếu Bồ-tát đó nói thế này: "Người muốn thành tựu Vôthượng Chính đẳng Chính giác, chỉ nên niệm Không, niệm Vô tướng, Vônguyện, Vô tác, Vô khởi, Vô sinh, Vô tính." Người đó đáp lại như thế tức làlìa bỏ tất cả chúng sinh, chưa thể đầy đủ phương tiện thiện xảo. Nên biết Bồ-tát đó, ở chỗ Phật Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác trước đây,chưa được thụ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác, chưa an trú địa vị không thoái chuyển. Vì sao? Bồ-tát đó không thể tuyên thuyết tướng bất cộng của Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển, không thể chỉ đúng, trả lời đúng đối với pháp được hỏi.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, làm thế nào biết đó là Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển?

Phật nói: Tu-bồ-đề, nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển, đối với pháp môn Bát nhã Ba la mật sâu xa này, dù nghe dù không nghe, tùy điều được hỏi đều có thể chỉ đúng, đáp đúng ở trong đó. Đầy đủ tướng này chính là Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, Bồ-tát hành Bồ-đề nhiều, ít có thể đáp đúng?161

Phật nói: Tu-bồ-đề, ít an trú không thoái chuyển, vì thế không thể đáp đúng.Tu-bồ-đề, nếu đã an trú không thoái chuyển, nên biết Bồ-tát này thiện căn minh tịnh, đầy đủ phương tiện, không thể bị trời, người, A-tu-la, thế gianv.v... lay động, phá hoại. Bồ-tát này có thể khéo quán sát tất cả các pháp như mộng, nhưng trong đó không chứng Thật tế. Tu-bồ-đề, nên biết đó là tướng của Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển.

Quyển XIX

Phẩm 20: Phương Tiện Thiện Xảo
Phần 2

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả Tu-bồ-đề: Nay ta lại thuyết các loại tướng mạo của Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển. Ông nên nghe kỹ, tác ý như thiện.

Tu-bồ-đề nói: Hay thay! Thế Tôn. Xin được vui nghe.

Phật nói: Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát, dù ở trong mộng cũng không ưa thích địa vị Thanh Văn, Duyên Giác, cũng không sinh tâm trú Tam giới kia. Tu-bồ-đề, người có tướng này, nên biết chính là tướng của Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở trong mộng thấy trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa số đại chúng Bồ-tát, Thanh Văn, người, trời v.v... cung kínhvây quanh Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác nghe thuyết pháp. Tu-bồ-đề, nếu người kia ở trong mộng thấy tướng như thế, nên biết chính làtướng của Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở trong mộng tự thấy thân mình, ở giữa hư không, vì người thuyết pháp, và thấy thân mình phóng ánh sáng lớn, hóa tướng Tỷ-khưu đến các thế giới ở phương khác, làm các Phật sự và thuyết pháp. Tu-bồ-đề, nếu người kia ở trong mộng thấy tướng này, nênbiết đó là tướng Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở trong mộng thấy châu thành,xóm làng, đều bị lửa đốt, hủy hoại tất cả, các trùng, thú dữ đều bỏ chạykhắp nơi, mọi người đều rất kinh sợ, sinh khổ não; thấy vậy mà tâm Bồ-tát không kinh, không sợ. Khi đã tỉnh mộng, suy nghĩ thế này: “Tam giới khôngthật, thảy đều như mộng. Nguyện cho ta lúc được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, đem pháp như thế thuyết cho chúng sinh.” Tu-bồ-đề, nếu người kia ở trong mộng thấy tướng này, nên biết đó là tướng Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở trong mộng, thấy ở địa ngục, cócác chúng sinh chịu các khổ. Bồ-tát thấy rồi, suy nghĩ thế này: “Nguyện cho ta lúc được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, nước Phật thanh tịnh, không có địa ngục, cho đến tên đó cũng không nghe, huống là nhìn thấy.”

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở trong mộng, thấy các quỷ đói chịu khổ đói khát. Bồ-tát thấy rồi nghĩ rằng: “Ta nguyện lúc được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, nước Phật thanh tịnh, không có quỷ đói, cho đến tên đó cũng không nghe, huống là nhìn thấy.”

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở trong mộng, thấy các súc sinh chịu khổ rất nặng. Bồ-tát thấy rồi suy nghĩ rằng: “Ta nguyện lúc được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, nước Phật thanh tịnh, không có súc sinh, cho đến tên đó cũng không nghe, huống là nhìn thấy.” Tu-bồ-đề, nếu người kia ở trong mộng, thấy tướng như thế, nên biết đó là tướng Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát thấy châu thành, xóm làng ở cácphương xứ bỗng nhiên bị lửa cháy. Bồ-tát thấy rồi liền nói thế này: “Giống như các tướng được nhìn thấy trong mộng trước đây, không có gì khác; nếu ta đã được an trú bất thoái chuyển, ta nguyện dùng sức Thật ngữ này, khiến lửa ấy sớm tự tắt mà không lan đến các phương xứ khác.” Tu-bồ-đề, Bồ-tát đó nói như thế xong, nếu lúc đó lửa có thể tắt, nên biết Bồ-tát này, ở chỗ Phật Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác trước đây, đã được thụ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác, đã trú địa vị không thoái chuyển. Nếu Bồ-tát đã nói như thế mà lửa không tắt, nên biết Bồ-tát đó chưa được thụ ký, chưathể an trú địa vị không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu lửa này không thể tắt, đã thế lại còn đốt cháy các chỗ khác, từ nhà này đến nhà khác, từ làng này đến làng khác, tiếp nối nhưthế mà lửa không tắt, nên biết chúng sinh ở chỗ này, đời trước phạm tội nặng phá pháp. Tai họa còn lại của họ đời này mới chịu. Tu-bồ-đề, vì nhân duyên này, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát, nguyện nào cũng viên mãn, nên biết đó là tướng Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu có người nam, người nữ v.v... bị phi nhân làm mêmuội. Lúc đó, Bồ-tát thấy việc này rồi, liền nghĩ: "Nếu ta ở chỗ Phật Như LaiỨng cúng Chính đẳng Chính giác trước đây, đã được thụ ký Vô thượng Chínhđẳng Chính giác, thâm tâm thanh tịnh, vì muốn thành tựu Vô thượng Chínhđẳng Chính giác nên xa lìa tâm Thanh Văn, Duyên Giác, các hành đượcthanh tịnh, thì đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác, ta nên chứng đắcchứ chẳng phải không nên chứng đắc. Hơn nữa, nay chư Phật Thế Tôn ở vôlượng a-tăng-kỳ thế giới mười phương đang thuyết pháp. Chư Như Lai Ứngcúng Chính đẳng Chính giác đó, không gì không biết, không gì không thấy,không gì không rõ, không gì không chứng, không gì không đắc. Chư PhậtThế Tôn này, nếu biết tâm sâu của ta nhất định thành tựu Vô thượng Chính đẳng Chính giác, nguyện cho ta vì dùng sức Thật ngữ này mà khiến phi nhân kia lìa bỏ, tránh xa, người bị mê hoặc, dù nam hay nữ, đều sớm thoátkhỏi." Nếu Bồ-tát lúc nói như thế, mà phi nhân kia không bỏ đi xa, người bịmê hoặc chưa được giải thoát, nên biết Bồ-tát này, từ nơi Phật Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác trước đây, chưa được thụ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác, chưa trú địa vị không thoái chuyển. Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát lúc nói như thế, mà phi nhân kia nhanh chóng đi xa, người bị mê hoặc đều được giải thoát, nên biết Bồ-tát này, từ nơi Phật Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác trước đây, đã được thụ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác, đã được an trú địa vị không thoái chuyển.

Phẩm 21: Chỉ Rõ Tướng Ma

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Có các Bồ-tát mới trú Đại thừa, lúc thấy người nam,người nữ như thế bị loài phi nhân mê hoặc, liền nói: "Nếu ở chỗ Phật NhưLai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác trước đây, ta đã được thụ ký Vô thượngChính đẳng Chính giác, thì ta nguyện dùng sức Thật ngữ này khiến loài phi nhân kia lìa bỏ, tránh xa; người bị mê hoặc, dù nam hay nữ, đều sớm được thoát khỏi." Nói như thế rồi, thì ác ma kia ẩn mình, đến chỗ Bồ-tát, ngầm dùng Ma lực khiến loài phi nhân bỏ đi. Vì sao? Sức của các ác ma mạnh hơn loài phi nhân; vì sức loài phi nhân này không đủ nên phải bỏ đi. Lúc đó, Bồ-tát không thể hay biết đó là sức của Ma, chỉ nghĩ rằng: "Ta đã được thụ kýtừ Phật trước đây, đã an trú bậc bất thoái chuyển. Vì sao? Ta đã nguyện tức được thành tựu." Vì các Bồ-tát đó chưa được thụ ký, không có sức này, nên Bồ-tát đối với việc này khởi tăng thượng mạn và các tâm mạn. Do tâm mạn nên càng tự cao tự đại. Vì tự cao tự đại nên khinh thường giặc ác, các Bồ-tátkhác, tự cho mình đã được Phật thụ ký trước đây, những vị còn lại đều chưa được Phật thụ ký. Vì nhân duyên này, xa lìa Vô thượng trí, Tự nhiên trí, Nhấtthiết trí, Nhất thiết trí trí của Phật, cho đến xa lìa Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Bồ-tát, đối với việc này, nếu không gần gũi các thiện tri thức, thì không được thiện pháp khai dẫn, mà bị bạn ác cùng hỗ trợ; nơi thân tâm mình lại không đủ phương tiện thiện xảo, tâm tăng thượng mạn càng trở nên kiên cố. Vì nhân duyên này bị Ma trói buộc, không thể giải thoát, bị rơi vào một trong hai địa vị, hoặc bậc Thanh Văn hoặc bậc Duyên Giác. Tu-bồ-đề, người có tướng như thế là các Bồ-tát mới trú Đại thừa. Vì ít thấy, ít nghe nên không thể gần gũi các thiện tri thức. Vì không được sức phương tiện thiện xảo của Bát nhã Ba la mật hộ trì; với chút nhân duyên mà tăng trưởng tâm

mạn, cho đến xa lìa Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Tu-bồ-đề, vì thế nên biết đây cũng gọi là Ma sự của Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Có các ác ma lại dùng nhân duyên danh tự làm hoại, làmloạn các Bồ-tát Ma-ha-tát. Thế nào là nhân duyên danh tự? Đó là ác ma hóara các tướng khác lạ, lúc thì đến chỗ Bồ-tát nói rằng: “Bồ-tát nên biết, chaông tên như thế, mẹ ông tên như thế, bà con, xóm giềng, bạn bè có tên nhưthế, cho đến cha mẹ bảy đời có tên như thế. Ông ở phương đó, xứ đó, nướcđó, thành đó, sinh từ dòng tộc đó, mang họ đó.” Hoặc có tính nhu hòa, có tính mạnh mẽ, tính thong thả, tính vội vàng, căn lanh lợi, căn chậm chạp,đều được ác ma cùng lúc nói ra tất cả. Lại nói thế này: “Đời trước ông cũng từng tu tập công đức Đầu-đà; đó là thụ pháp A-la-noa, thường đi khất thực, mặc y phấn tảo, đã ăn uống rồi thì không uống sữa, thường ăn một lần,thường ngồi chỗ mình, chỉ giữ ba y, ở rừng Thi-đà, ngồi ở gốc cây, ngồi ở đất trống, thường ăn chừng mực, thường ngồi không nằm, tu đủ công đức Đầu-đà như thế. Lại ít nói, vui vẻ, xa rời huyên náo; nếu có nói thì lời nói nhu hòa, đáng ưa, cho đến không nhận dầu thoa chân v.v.... Ông ở đờitrước tu đủ các loại công đức như thế, đời này cũng có công đức như thế,thấy pháp, biết pháp. Ông đã chắc chắn được thụ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác ở chỗ Phật Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác trước đây, an trú bậc bất thoái chuyển. Vì sao? Vì ông đã đủ các công đức, ông có đủ tướng mạo công đức như thế. Vì thế nên biết đã được thụ ký ở chỗ Phật trước đây.” Bấy giờ, Bồ-tát nghe lời này xong, liền nghĩ rằng: “Ta trước đâyđã từng ở chỗ Phật Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác đó, được thụký Vô thượng Chính đẳng Chính giác, là người an trú bất thoái chuyển. Vìsao? Vì nay nói ta có công đức Đầu-đà như thế, không khác.” Lúc đó, ác ma biết tâm người kia nghĩ như thế rồi, lại hóa ra các loại tướng khác nữa, như Tỷ-khưu, Tỷ-khưu-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Bà-la-môn, cho đến cha, mẹ, anh, em, bà con, xóm giềng, bạn bè của Bồ-tát. Theo những người đã được hóa ra, đến trước Bồ-tát nói rằng: “Ông từ chỗ Phật Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác trước đây, đã được thụ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác, trú bậc bất thoái chuyển. Vì sao? Vì ông đã có đủ tướng mạo công đứcnhư thế.”

Tu-bồ-đề, Bồ-tát đó nghe các người được hóa ra nói như thế xong, không thể biết là do Ma làm ra, liền khởi tăng thượng mạn và các tâm mạn. Vì tâmmạn nên càng tự cao tự đại. Vì tự cao tự đại nên khinh thường giặc ác, các Bồ-tát khác, tự cho mình trước đây đã được Phật thụ ký, các Bồ-tát khác đều chưa được Phật thụ ký. Vì nhân duyên này, xa lìa Vô thượng trí, Tựnhiên trí, Nhất thiết trí, Nhất thiết trí trí của Phật, cho đến xa lìa Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Đối với việc này nếu Bồ-tát không gần gũi các thiện tri thức, không được thiện pháp khai dẫn, mà bị các bạn ác hỗ trợ, ở thân tâm mình lại không đủ phương tiện thiện xảo, thì tâm tăng thượng mạn lại càng kiên cố. Bồ-tát này rơi vào một trong hai địa vị, hoặc bậc Thanh Văn hoặc bậc Duyên Giác.

Tu-bồ-đề, ta trước đã nói về tướng mạo chân chính của Bồ-tát Ma-ha-tát bất thoái chuyển, mà Bồ-tát này không thể thành tựu, không thể an trú, không được sức Bát nhã Ba la mật hộ trì. Vì nhân duyên này mới bị Ma trói buộc.Tu-bồ-đề, vì thế nên biết, đây cũng gọi là Ma sự của Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Có các ác ma cũng dùng nhân duyên danh tự làm hoại,làm loạn các Bồ-tát Ma-ha-tát. Điều này thế nào? Đó là ác ma có khi hóa ra tướng các Tỷ-khưu, đến chỗ Bồ-tát

nói rằng: "Lúc được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, ông có tên như thế." Tên được Tỷ-khưu kia nói không khác với tên Bồ-tát này muốn có lúc được Bồ-đề. Vì Bồ-tát này không có trí, lại không đủ phương tiện thiện xảo, nên nghe như thế rồi liền nghĩ: "Nay Tỷ-khưu này nói mới thích biết bao. Tên của ta khi được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, đúng như ta nguyện, không sai không khác. Ta nay không còn nghi hoặc nữa." Lúc đó Bồ-tát nghĩ như thế xong, theo lời Tỷ-khưu được Ma hóa ra mà sinh tin nhận. Vì nhân duyên này nên bị Ma đeo bám. Vì bị Ma đeo bám nên khởi tăng thượng mạn và các tâm mạn. Vì tâm mạn nên càng tự cao tự đại. Vì tự cao tự đại nên khinh thường giặc ác, các Bồ-tát khác, tựcho trước đây đã được Phật thụ ký, các Bồ-tát khác đều chưa được thụ ký từ Phật. Vì nhân duyên này, xa lìa Vô thượng trí, Tự nhiên trí, Nhất thiết trí, Nhất thiết trí trí của Phật, cho đến xa lìa Vô thượng Chính đẳng Chính giác.Đối với việc này nếu Bồ-tát không gần gũi các thiện tri thức, không được thiện pháp khai dẫn, mà bị bạn ác cùng hỗ trợ, ở thân tâm mình lại không đủ phương tiện thiện xảo, nên tâm tăng thượng mạn lại càng kiên cố. Bồ-tát này rơi vào một trong hai địa vị, hoặc bậc Thanh Văn hoặc bậc Duyên Giác.

Tu-bồ-đề, ta trước đã nói về tướng mạo chân chính của Bồ-tát Ma-ha-tátkhông thoái chuyển, mà Bồ-tát này không thể thành tựu, không thể an trú,không được sức Bát nhã Ba la mật hộ trì. Vì nhân duyên này nên bị Ma tróibuộc. Tu-bồ-đề, Bồ-tát này nên hối, bỏ các loại tâm mạn đã khởi trước đây.Bồ-tát nếu có thể hối được tâm này, cũng còn rơi trong sinh tử lâu dài. Nếuvề sau được thiện tri thức khai dẫn, lại nhờ có Bát nhã Ba la mật, thì dầndần có thể hướng đến Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Vì sao? Vì Bồ-tát khởi các tâm mạn thì tội rất nặng. Ví như Tỷ-khưu phạm một hoặc hai trong bốn tội căn bản tối trọng thì không còn là Sa-môn, không còn là con họ Thích. Bồ-tát vì nhân duyên danh tự mà khởi các tâm mạn thì tội phải chịu cũng như thế. Tu-bồ-đề, ngoài bốn tội căn bản này, nên biết có năm tội Vôgián rất sâu nặng. Nếu Bồ-tát, vì nhân duyên danh tự, khởi các tâm mạn, thì tội phải chịu lại sâu nặng hơn, và Bồ-tát này được gọi là hoàn toàn không có phương tiện, không thể hiểu đúng việc Ma. Tu-bồ-đề, vì thế nên biết các ác ma kia có thể dùng nhân duyên vi tế như thế, gây nghiệp Ma đó làm hoại làm loạn các Bồ-tát Ma-ha-tát. Bồ-tát đối với việc này nên hiểu biết đúng; biết rồi thì xa lìa.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu khi Bồ-tát Ma-ha-tát chán ghét ồn ào, ưa muốn xa rời, thì các ác ma lập tức hóa ra tướng khác, đến chỗ Bồ-tát nói thế này: "Nếu muốn xa rời, nên đến chỗ đồng vắng yên tĩnh, dưới gốc cây, nơi vách núi kia. Tu tập như thế là viễn ly chân chính. Hạnh viễn ly này được Phật xưng tán."

Tu-bồ-đề, ta không nói các Bồ-tát Ma-ha-tát ở đồng vắng yên tĩnh, dưới gốc cây, nơi vách núi là viễn ly chân chính.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở đồng vắng yên tĩnh,dưới gốc cây, nơi vách núi thì không gọi là viễn ly. Lại có tướng nào mới gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát viễn ly chân chính?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba la mật, cóphương tiện thiện xảo, vì tất cả chúng sinh, hành hạnh Đại từ, Đại bi, xa lìatâm Thanh Văn, Duyên Giác, thì dù gần xóm làng cũng gọi là viễn ly, hoặc ởvách núi, dưới gốc cây, đồng vắng yên tĩnh cũng gọi là viễn ly. Tu-bồ-đề,các Bồ-tát Ma-ha-tát nếu có thể xa lìa tâm Thanh Văn, Duyên Giác thì đó làviễn ly chân chính. Viễn ly như thế được ta thừa nhận. Bồ-tát ngày đêm nên thường tu tập hạnh viễn ly

chân chính như thế. Tu-bồ-đề, nếu giống như ác ma khen, Bồ-tát chỉ ở vách núi, dưới gốc cây, đồng vắng yên tĩnh là viễn ly, thì Bồ-tát đó, tuy viễn ly như thế, nhưng không thể xa lìa tâm Thanh Văn,Duyên Giác, thì không phải viễn ly chân chính. Tuy tu Bát nhã Ba la mật, nhưng không thể viên mãn Nhất thiết trí trí, nên biết đó là người hành tạp loạn, nghiệp thân, ngữ, tâm không được thanh tịnh, không có Phương tiện tuệ, không hành Đại bi. Do ba nghiệp mình không thanh tịnh, lại ở gần làng xóm nên sinh tâm khinh mạn. Tu-bồ-đề, Bồ-tát khác tuy gần xóm làng nhưng không phải hành tạp loạn. Vì sao? Vì có thể xa lìa tâm Thanh Văn,Duyên Giác, nghiệp thân, ngữ, tâm đều thanh tịnh, có phương tiện tuệ, đủ hạnh Đại bi, nên tuy gần xóm làng cũng là viễn ly chân chính. Nếu đối với sựtu hạnh viễn ly chân chính như thế mà lại sinh khinh mạn, nên biết Bồ-tát này tuy được các pháp thiền định, giải thoát, thần thông, trí tuệ, tam-muội v.v... nhưng lại không đủ phương tiện thiện xảo. Tu-bồ-đề, Bồ-tát tuy ở chỗ đồng không, trống vắng ngoài một trăm do-tuần, cho dù trải qua một năm,một trăm năm cho đến trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa năm, hoặc hơn cả sốnăm này, để tu hạnh viễn ly cũng chẳng bao giờ được lợi ích. Người đó không thể biết hạnh viễn ly chân chính như ta nói, không thể an trú sâu chắc tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác, không có phương tiện thiện xảo, chỉ lấy tịch tĩnh làm viễn ly chân chính. Nếu cầu Phật đạo mà tham đắm nơi nương tựa, thì viễn ly như thế ta không thừa nhận, cũng không thểkhiến tâm ta sinh vui. Vì sao? Như trong hạnh viễn ly ta đã nói, không thấycó người hành viễn ly như thế mà gọi là viễn ly chân chính.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Có các ác ma thấy có người tu hạnh viễn ly ở chỗ vắnglặng kia, liền đến chỗ họ, ở giữa hư không, nói rằng: “Hay thay! Hay thay! Thiện nam tử, Pháp ông tu là hạnh viễn ly chân chính, vì Như Lai khen ngợiông tu hạnh này, khiến ông sớm được Vô thượng Chính đẳng Chính giác.”Bồ-tát này nghe lời khen từ trên không rồi, từ chỗ đồng vắng yên tĩnh kia điđến làng, xóm, thấy các Bồ-tát khác nhu hòa, thuận thiện, tu trì phạm hạnh,xa lìa tâm Thanh Văn, Duyên Giác, ba nghiệp thanh tịnh, liền khởi khinhmạn, nói rằng: “Các ông là những người hành sự huyên náo; sự tu hành củacác ông không phải hạnh viễn ly.” Tu-bồ-đề, Bồ-tát trú không tịch kia chohạnh viễn ly chân chính là hành huyên náo, cho hành huyên náo là hạnhviễn ly chân chính. Vì sai lầm, hung ác của mình nên người đáng cung kínhthì lại khinh mạn, người không đáng cung kính thì lại cung kính. Vì sao? Họ nghĩ rằng: “Ta ở nơi đồng trống yên tĩnh v.v... có các loài phi nhân vì nhớ ta,giúp ta nên đến. Ông ở gần xóm làng, làm gì có phi nhân nghĩ đến giúpông.” Nghĩ như thế rồi, đối với Bồ-tát kia, khởi tâm khinh mạn. Tu-bồ-đề, nên biết người này chính là chiên-đà-la trong hàng Bồ-tát, người sai lầm, hung ác trong hàng Bồ-tát, người hành ô uế trong hàng Bồ-tát, chính là Bồ-tát hình tượng, cũng gọi là Sa-môn tặc trú, cũng gọi là Sa-môn hình tặc, cũng gọi là pháp bất tịnh, cũng gọi là pháp phi lễ. Vì tướng này nên biết đólà mới phát tâm. Vì thế, tất cả thế gian, trời, người v.v... đều không cung kính. Vì sao? Ta nói người đó là người tăng thượng mạn. Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát, đối với người như thế, không nên gần gũi.169

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát không bỏ tất cả chúng sinh, ưathích Nhất thiết trí, phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác thật sâu xa,vì muốn thành tựu Vô thượng Chính đẳng Chính giác, làm lợi ích, an lạc tấtcả chúng sinh, thì không nên gần gũi những người như thế. Tu-bồ-đề, ngườicầu Bồ-đề, đối với các việc Ma, thường nên biết rõ, biết rồi thì xa rời.

Lúcnào cũng thường sinh tâm chán, lìa, sợ Tam giới, chỉ làm lợi lạc cho tất cảchúng sinh, dẫn dắt, chỉ bày chúng sinh có được Chính đạo, làm cho chúngsinh viên mãn Chính quả, trú Thật tính pháp. Lại đối với chúng sinh, khởitâm Đại từ, tâm Đại bi, tâm Đại hỷ, tâm Đại xả. Bồ-tát thường nguyện rằng: “Nguyện cho ta ở mọi lúc, mọi nơi, xa lìa tất cả các việc Ma như thế, nếu lỡ khởi thì sớm khiến trừ diệt.”

Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát thường học như thế, Bồ-tát Ma-ha-tát nàycó thần thông, trí lực. Tu-bồ-đề nên biết những điều như thế đều nói là tướng của Bồ-tát Ma-ha-tát biết rõ việc Ma, viễn ly chân chính.

Phẩm 22: Thiện Tri Thức
Phần 1

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát, thâm tâm muốn được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, nên gần gũi, cung kính các thiện tri thức.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, có các Bồ-tát Ma-ha-tát, thâm tâm muốn được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, nếu có thể ưa thích thiện tri thức, thì thế nào là thiện tri thức của Bồ-tát Ma-ha-tát?

Phật nói: Tu-bồ-đề, nên biết Chư Phật Như Lai là thiện tri thức của Bồ-tát. Vìsao? Chư Phật có thể thuyết pháp hành của Bồ-tát và các Ba-la-mật, chỉ dạy Bồ-tát nhập Bát nhã Ba la mật. Vì thế Chư Phật Như Lai là thiện tri thức của Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bát nhã Ba la mật là thiện tri thức của Bồ-tát. Vì sao?Bát nhã Ba la mật là chỗ cứu cánh của các Ba-la-mật. Vì Bát nhã Ba la mậtlà thiện tri thức của Bồ-tát, nên sáu Ba-la-mật đều là thiện tri thức của Bồ-tát. Sáu Ba-la-mật cũng là đại sư của Bồ-tát; sáu Ba-la-mật là Chính đạo được hành; sáu Ba-la-mật là ánh sáng của thế gian; sáu Ba-la-mật là ngọn đèn pháp lớn; sáu Ba-la-mật là ánh sáng pháp lớn; sáu Ba-la-mật là cứu hộ chân chính; sáu Ba-la-mật là nơi quy hướng; sáu Ba-la-mật là nhà ở; sáu Ba-la-mật là đạo cứu cánh; sáu Ba-la-mật là cồn, bãi lớn; sáu Ba-la-mật là cha,là mẹ; ngay cả Vô thượng Chính đẳng Chính giác cũng đều nhờ sáu Ba-la-mật mà có thể thành tựu.170

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Có chư Phật Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác ởquá khứ, đã được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, đã nhập Niết-bàn. Các Như Lai này đều sinh từ sáu Ba-la-mật. Có Chư Phật Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác vị lai, sẽ được Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Các Như Lai này cũng sinh từ sáu Ba-la-mật. Cho đến chư Phật Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác hiện đang giáo hóa chúng sinh ở mười phương vô lượng a-tăng-kỳ thế giới, nay được Vô thượng Chính đẳng Chính giác; các Như Lai này cũng sinh từ sáu Ba-la-mật.

Lại nữa, Nhất thiết trí của chư Phật ba đời cũng sinh từ sáu Ba-la-mật. Vìsao? Vì lúc chư Phật hành đạo Bồ-tát đều tu tập sáu Ba-la-mật này, ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần, bốn hành Vô lượng, bốn Nhiếp pháp, cho đến tất cả các pháp Phật, mà được Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Các pháp Phật này đều sinh từ sáu Ba-la-mật.

Lại nữa, Phật trí, Tự nhiên trí, Bất khả tư nghị trí, Bất khả xứng lượng trí, Vô đẳng trí, Vô đẳng đẳng trí cũng sinh từ sáu Ba-la-mật này. Tu-bồ-đề, Vì thếsáu Ba-la-mật là thiện tri thức của Bồ-tát; sáu Ba-la-mật là Đại sư của Bồ-tát, là Chính đạo được hành, là ánh sáng của thế gian, là ngọn đèn pháp lớn, là ánh sáng pháp lớn, là cứu hộ chân chính, là nơi quy hướng, là nhà ở,là đạo cứu cánh, là cồn bãi lớn, là cha, là mẹ, cho đến sinh ra Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát vì muốn lợi ích, an lạc tất cả chúng sinh, nên học sáu Ba-la-mật này. Nếu muốn học sáu Ba-la-mật này nên ởnơi Bát nhã Ba la mật này tu học như lý, hiểu rõ nghĩa của nó, như thật suy nghĩ, như thật quán sát. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật dẫn đường, mở bày, hiển liễu năm Ba-la-mật kia. Lại nữa, năm Ba-la-mật nếu lìa Bát nhã Ba la mật thì không được gọi là Ba-la-mật. Vì thế, Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát nếu muốn không khởi niềm tin ở kẻ khác, không theo lời nói của kẻ khác, thì nên tu học Bát nhã Ba la mật này.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, những tướng gì là Bát nhã Ba la mật?

Phật dạy: Tu-bồ-đề, tướng không chấp trước là Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề hỏi: Có nhân duyên khiến tất cả các pháp cũng có tướng khôngchấp trước như tướng không chấp trước của Bát nhã Ba la mật không?

Phật nói: Tu-bồ-đề, có nhân duyên khiến tất cả các pháp cũng có tướng không v như tướng không chấp trước của Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Tu-bồ-đề, vì tất cả các pháp là Không, là Ly. Vì thế, Tu-bồ-đề, giống như tất cả các pháp có tướng không chấp trước vì Không, vì Ly, Bát nhã Ba la mật có tướng không chấp trước cũng vì Không, vì Ly

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, nếu tất cả các pháp là Không, là Ly, tại saoPhật nói tất cả chúng sinh có nhiễm, có tịnh? Thế Tôn, trong pháp Khôngkhông có nhiễm, không có tịnh; trong pháp Ly không có nhiễm, không có tịnh. Thế Tôn, tức pháp Không, pháp Ly này là không thể có sở đắc, Vô thượng Chính đẳng Chính giác khác với pháp Không, pháp Ly này, cũng không có pháp có thể có sở đắc Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Thế Tôn, con nay không thể hiểu được nghĩa như thế, nguyện Phật Thế Tôn vì con tuyên thuyết.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ý ông thế nào? Tất cả chúng sinh, trong dòng sinh tử, có chấp trước Ngã, Ngã sở không?

Tu-bồ-đề nói: Đúng vậy, Thế Tôn. Chúng sinh, trong dòng sinh tử, chấp trước Ngã, Ngã sở.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ý ông thế nào? Ngã, Ngã sở có phải Không không?

Tu-bồ-đề nói: Đúng vậy, Thế Tôn. Ngã, Ngã sở là Không.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ý ông thế nào? Có phải vì chúng sinh chấp trước Ngã,Ngã sở nên luân chuyển sinh tử không?

Tu-bồ-đề nói: Đúng vậy, Thế Tôn. Vì chúng sinh chấp trước Ngã, Ngã sở nênluân chuyển sinh tử.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nên biết các pháp nhiễm chỉ tùy vào cái được chúng sinh thụ nhận, chấp trước mà nói là nhiễm. Nếu các chúng sinh không thụnhận, tức không thể có nhiễm, cũng không có người bị nhiễm. Vì thế khôngcó Ngã, Ngã sở. Vì không có Ngã, Ngã sở nên nói là tịnh. Nếu các chúngsinh không nhận, không chấp trước, thì cũng không thể có tịnh, cũng không có người được tịnh. Tu-bồ-đề, vì nghĩa này nên ở trong tất cả các pháp Không, ở trong tất cả các pháp Ly,

nói là nhiễm, nói là tịnh. Tu-bồ-đề, các Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba la mật nên hành như thế.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Hiếm có, Thế Tôn, khéo thuyết nghĩa này. Trong tất cảcác pháp Không, trong tất cả các pháp Ly, nói nhiễm, nói tịnh, không nhận,không chấp trước. Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba la mật nên hành như thế. Thế Tôn, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát hành như thế, đó là không hành sắc,không hành thụ, tưởng, hành, thức. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát hành như thế, thìkhắp thế gian, trời, người, A-tu-la v.v... đều kính phục, không bị họ làm chođộng loạn. Lại nữa, Bồ-tát Ma-ha-tát nếu hành như thế tức không lẫn tạp vớihạnh Thanh Văn, Duyên Giác, không trú các địa vị Thanh Văn, Duyên Giác.Vì sao? Người hành như thế là hành không có hành, trú không chỗ trú, có thể nhập Phật tính, nhập Như Lai tính, Tự nhiên trí tính, Nhất thiết trí tính.Thế Tôn, người hành như thế là tối thượng, vô thắng, tương ưng với Thắng hành Bát nhã Ba la mật. Vì thế Bồ-tát Ma-ha-tát, ngày đêm siêng hành như thế, tức có thể gần Vô thượng Chính đẳng Chính giác, cho đến có thể nhanh chóng thành tựu Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Quyển XX

Phẩm 22: Thiện Tri Thức
Phần 2

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả Tu-bồ-đề: Đúng thế, đúng thế. Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba la mật, nếu hành như thế là không hành sắc,không hành thụ, tưởng, hành, thức. Người hành như thế khiến khắp thế gian, trời, người, A-tu-la v.v... đều kính phục, không bị họ làm động loạn.Người hành như thế không lẫn tạp với hạnh Thanh Văn, Duyên Giác, không trú các địa vị Thanh Văn, Duyên Giác. Người hành như thế là hành không có hành, trú không chỗ trú, có thể nhập Phật tính, nhập Như Lai tính, Tự nhiêntrí tính, Nhất thiết trí tính. Người hành như thế là vô thắng, tối thượng, tương ưng với thắng hành Bát nhã Ba la mật. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát, trong ngày và đêm, siêng hành như thế, tức có thể gần Vô thượng Chính đẳng Chính giác, cho đến có thể nhanh chóng thành tựu Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Giả sử ở Diêm-phù-đề, tất cả chúng sinh đều được thânngười, đều phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác, phát tâm này xong,cho đến hết đời, tôn trọng, cung kính, cúng dường chư Phật; lại rộng hànhbố thí cho tất cả, tức lấy công đức Bố-thí như thế, hồi hướng Vô thượngChính đẳng Chính giác. Tu-bồ-đề, những người này, nhờ nhân duyên này, được phúc nhiều không?

Tu-bồ-đề nói: Rất nhiều, Thế Tôn. Rất nhiều, Thiện Thệ.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Những người này, vì nhân duyên này, được phúc tuynhiều, không bằng Bồ-tát Ma-ha-tát, có thể trong một ngày, khởi chính niệmtương ưng với Bát nhã Ba la mật. Dựa vào chính niệm tương ưng với Bát nhã Ba la mật mà Bồ-tát đó khởi, có thể vì chúng sinh làm ruộng phúc lớn.Vì sao? Bồ-tát có thể khởi tâm từ bình đẳng, các chúng sinh khác không cótâm này giống như Bồ-tát Ma-ha-tát; chỉ trừ Như Lai là tâm từ đầy đủ. Tạisao? Chư Phật Như Lai

Ứng cúng Chính đẳng Chính giác, đã có thể viên mãnpháp bất tư nghị nên thường không lìa từ, bi, hỷ, xả.

Tu-bồ-đề, làm thế nào Bồ-tát có thể vì chúng sinh làm ruộng phúc lớn? Tu-bồ-đề, đó là vì Bồ-tát nhờ Bát nhã Ba la mật nên đầy đủ Chính tuệ, đượctuệ này xong, thấy các chúng sinh như ở lao ngục, chịu trói buộc kia. Bấygiờ, Bồ-tát vì được tâm Đại bi hộ trợ, liền dùng Thiên nhãn thanh tịnh, quánsát cùng khắp vô lượng, vô số, vô biên chúng sinh, thấy có chúng sinh tạonghiệp Vô gián, đang chịu khổ báo, rơi vào lưới tà kiến, không ra khỏi được.Bồ-tát quán như thế xong, thâm phát tâm Đại từ, tâm Đại bi, thương xót chúng sinh, dùng ánh sáng Đại từ, Đại bi này chiếu sáng tất cả, rồi Bồ-tátkia đó nghĩ thế này: "Ta nên vì các chúng sinh làm chỗ nương tựa lớn, giảithoát tất cả chúng sinh ra khỏi các khổ." Nghĩ như thế xong, không trútướng này, cũng không trú tướng khác. Tu-bồ-đề, đó gọi là ánh sáng Đại tuệcủa Bồ-tát Ma-ha-tát, tức có thể vì chúng sinh làm ruộng phúc lớn. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát hành như thế, tức không còn thoái chuyển đối với Vô thượngChính đẳng Chính giác, có thể nhận bố thí từ tín tâm của tất cả thế gian, đólà thức ăn uống, y phục, đồ nằm, thuốc men. Bồ-tát tuy nhận bố thí, vì nhấttâm tu tập Bát nhã Ba la mật, nên đối với người cho, người nhận, và cáiđược cho thảy đều thanh tịnh, được gần Nhất thiết trí. Vì thế, Tu-bồ-đề, cácBồ-tát Ma-ha-tát nếu đừng muốn nhận không của tín thí ở trong nước, nếumuốn chỉ dẫn chúng sinh hành Chính đạo, nếu muốn cứu độ chúng sinhthoát khỏi trói buộc của ba cõi, nếu muốn bạt tế chúng sinh ra khỏi khổ luânhồi, nếu muốn khai đạo Tuệ nhãn thanh tịnh cho chúng sinh, thì nên phát khởi Chính niệm tương ưng với Bát nhã Ba la mật. Nếu khởi niệm này tức cùng tương ưng với ngôn thuyết Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Bồ-tát có được ngôn thuyết đều tùy thuận với niệm Bát nhã Ba la mật. Nếu có niệm nào cũng đều tùy thuận ngôn thuyết, tức không thể rời Bát nhã Ba la mật. Vì thế, Bồ-tát, trong ngày và đêm, không nên rời Chính niệm tương ưng vớiBát nhã Ba la mật này.

Tu-bồ-đề, ví như có người được báu ma-ni lớn chưa từng có, được báu nàyrồi, tâm rất hoan hỷ. Về sau vì nhân duyên mà đánh mất báu này. Tu-bồ-đề,người đó vì duyên này mà tâm sinh sầu não, buồn khổ, hối tiếc, thườngnghĩ: "Ta nay sao lại đánh mất của báu lớn này. Nhớ nghĩ như thế không ngừng." Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát cũng như thế. Pháp bảo lớn, đó là Bát nhã Ba la mật. Vì Bồ-tát được Pháp bảo lớn Bát nhã Ba la mật này thì thường khởi Chính niệm tương ưng Bát nhã Ba la mật, thường không rời tâm Nhất thiết trí.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, nếu tự tính tất cả các pháp vì là Không, vì làLy, nên các niệm cũng Không, cũng Ly, thì tại sao Phật nói Bồ-tát Ma-ha-tát thường không lìa niệm tương ưng Bát nhã Ba la mật?

Phật nói: Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát có thể biết tự tính các pháp vì làKhông, vì là Ly nên các niệm cũng là Không, là Ly như thế, thì đó là Chính niệm tương ưng với Bát nhã Ba la mật, là không rời tâm Nhất thiết trí. Vìsao? Vì trong Không của Bát nhã Ba la mật không có tăng, không có giảm.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, trong Không của Bát nhã Ba la mật không có tăng, không có giảm, làm sao Bồ-tát Ma-ha-tát có thể tăng trưởng Bát nhã Ba la mật? Làm sao được Vô thượng Chính đẳng Chính giác?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu khi Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba la mật, trong đó có tăng, có giảm, tức trong Không của Bát nhã Ba la mật cũng tăng, cũng giảm. Nếu trong Không của Bồ-tát Ma-ha-tát không tăng, không giảm, tức trong Không của Bát nhã Ba la mật cũng không tăng, không giảm. Tu-bồ-đề, vì trong Không của Bồ-tát Ma-ha-tát không có tăng giảm, nên Bồ-tát Ma-ha-tát lấy pháp không tăng, giảm này để được Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát nghe nói như thế rồi, không kinh, không sợ, nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát này gọi là hành Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề nói: Có phải tướng của Bát nhã Ba la mật là hành Bát nhã Ba la mật không?

Phật nói: Không, Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề nói: Có phải tướng Không của Bát nhã Ba la mật là hành Bát nhã Ba la mật không?

Phật nói: Không, Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề nói: Lìa tướng Không của Bát nhã Ba la mật có pháp có thể hành Bát nhã Ba la mật không?

Phật nói: Không, Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề nói: Không có thể hành Bát nhã Ba la mật không?

Phật nói: Không, Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề nói: Lìa Không có pháp có thể hành Bát nhã Ba la mật không?

Phật nói: Không, Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề nói: Không có thể hành Không không?

Phật nói: Không, Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề nói: Sắc có thể hành Bát nhã Ba la mật không?

Phật nói: Không, Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề nói: Thụ, tưởng, hành, thức có thể hành Bát nhã Ba la mật không?

Phật nói: Không, Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề nói: Lìa sắc có pháp có thể hành Bát nhã Ba la mật không?

Phật nói: Không, Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề nói: Lìa thụ, tưởng, hành, thức có pháp có thể hành Bát nhã Ba la mật không?

Phật nói: Không, Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề nói: Bồ-tát Ma-ha-tát nên hành thế nào mới là hành Bát nhã Ba la mật?

Phật nói: Tu-bồ-đề, ông thấy có pháp có thể hành Bát nhã Ba la mật không?

Tu-bồ-đề nói: Không, Thế Tôn.

Phật nói: Tu-bồ-đề, ông có thấy Bát nhã Ba la mật là chỗ hành của Bồ-tát Ma-ha-tát không?

Tu-bồ-đề nói: Không, Thế Tôn.

Phật nói: Tu-bồ-đề, nếu pháp không có sở đắc tức pháp không thể thấy.Trong đó có sinh có thể sinh, có diệt có thể diệt không? 175

Tu-bồ-đề nói: Không, Thế Tôn.

Phật nói: Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát biết rõ tướng như thế tức được Vô sinh pháp nhẫn. Bồ-tát Ma-ha-tát đầy đủ Nhẫn này, tức được thụ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Tu-bồ-đề, đây gọi là Vô sở úy hành của NhưLai. Bồ-tát Ma-ha-tát nếu hành như thế, tức được Vô

thượng trí, Quảng đại trí, Tối thượng lợi trí, Nhất thiết trí trí của Phật. Hành như thế là không cóchỗ được hành.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, dùng pháp Vô sinh này có thể được thụ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác không?

Phật nói: Không, Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề nói: Nên lấy pháp nào để được thụ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác?

Phật nói: Tu-bồ-đề, ông thấy có pháp có thể được thụ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác không?

Tu-bồ-đề nói: Không, Thế Tôn.

Phật nói: Tu-bồ-đề, ông thấy có Vô thượng Chính đẳng Chính giác được thụ ký không?

Tu-bồ-đề nói: Con không thấy pháp này được thụ ký riêng, cũng không thấy có pháp thụ ký. Vì sao? Vì tất cả các pháp không có sở đắc. Thế Tôn, vì nghĩa này nên con biết tất cả các pháp không có chứng, trong đó không có người chứng; tất cả các pháp không có chứng đắc, trong đó không có cái sở đắc.

Phẩm 23: Thiên Chủ Đế Thích Ngợi Khen

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích ở trong hội lớn, liền từ chỗ ngồi đứng dậy bạch Phật: Thế Tôn, như Phật đã thuyết Bát nhã Ba la mật sâu xa tối thượng, khó có thể thấy được, khó có thể nghe được; trong đó cũng lại khó hiểu, khó vào.

Phật bảo Thiên chủ Đế Thích: Kiều-thi- ca, đúng thế, đúng thế. Bát nhã Ba la mật sâu xa tối thượng, khó thấy, khó nghe, khó hiểu, khó vào. Kiều-thi- ca, vì như hư không sâu xa nên Bát nhã Ba la mật cũng sâu xa. Vì hư khônglà Không nên Bát nhã Ba la mật cũng Không. Vì hư không là Ly nên Bát nhã Ba la mật cũng Ly. Vì hư không khó thấy nên Bát nhã Ba la mật cũng khó thấy. Vì hư không khó hiểu nên Bát nhã Ba la mật cũng khó hiểu.

Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Thế Tôn, nếu có người được pháp môn Bát nhã Ba la mật sâu xa này, nghe, nhận, đọc, tụng, vì người diễn nói, cho đếnbiên chép, nên biết người này đầy đủ thiện căn tối thượng.

Phật nói: Kiều-thi- ca, đúng thế, đúng thế. Nếu có người được pháp môn Bát nhã Ba la mật sâu xa này, nghe, nhận, đọc, tụng, vì người diễn nói, cho đếnbiên chép, ta nói người này đã có thể đầy đủ thiện căn tối thượng. Kiều-thi- ca, ý ông thế nào? Nếu như tất cả chúng sinh ở Diêm-phù-đề đều được thânngười, mỗi một chúng sinh tu đủ mười Thiện. Các Thiện nam tử, Thiện nữnhân đó, vì nhân duyên này, có được phúc nhiều không?

Thiên chủ Đế Thích nói: Rất nhiều, Thế Tôn. Rất nhiều, Thiện Thệ.

Phật nói: Kiều-thi- ca, các Thiện nam tử, Thiện nữ nhân đó tuy được nhiềuphúc, không bằng có người đối với pháp môn Bát nhã Ba la mật sâu xa này,nghe, nhận, đọc, tụng, vì người diễn nói, cho đến biên chép; trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một, trăm ngàn câu-chi na-dữu-đaphần, toán phần, số phần, và ví dụ phần cho đến ô-ba-ni-sát-đàm phần đềukhông bằng một.

Bấy giờ, trong hội có một Tỷ-khưu nghe nói như thế rồi, hỏi Thiên chủ ĐếThích: Nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, chỉ mới được nghe pháp môn Bát nhã Ba la mật sâu xa này, mà có thể nhất niệm sinh tịnh tín, nên biếtThiện nam tử, Thiện nữ nhân này hơn cả Nhân giả.

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích nói với Tỷ-khưu đó rằng: Nếu Thiện nam tử,Thiện nữ nhân, trong khoảnh khắc phát tâm mà sinh tịnh tín, thì còn hơn cảta, huống là có thể rộng nghe, nhận, đọc, tụng, vì người diễn nói cho đến biên chép. Lại nữa, huống là sau khi đã nghe, nhận, lại học như được thuyết, hành như được thuyết, tu tập tương ưng. Nên biết Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này tu hạnh Bồ-tát, vượt hơn tất cả thế gian, trời, người, A-tu-la v.v.... Tỷ-khưu, không chỉ vượt hơn tất cả thế gian, trời, người, A-tu-la kia, mà còn hơn cả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán và Duyên Giác; không chỉ hơn Tu-đà-hoàn cho đến Duyên Giác, mà còn hơn cả Bồ-tát khác rời Bát nhã Ba la mật, hành Bố thí mà không có phương tiện thiện xảo;không chỉ hơn sự bố thí như thế của Bồ-tát đó, mà còn hơn cả Bồ-tát khác rời Bát nhã Ba la mật, giữ Tịnh giới mà không có phương tiện thiện xảo; không chỉ hơn sự giữ giới như thế của Bồ-tát đó, mà còn hơn cả Bồ-tát khác rời Bát nhã Ba la mật, tu Nhẫn nhục mà không có phương tiện thiện xảo; không chỉ hơn sự nhẫn nhục như thế của Bồ-tát đó, mà còn hơn cả Bồ-tátkhác rời Bát nhã Ba la mật, phát khởi Tinh tiến mà không có phương tiệnthiện xảo; không chỉ hơn sự tinh tiến như thế của Bồ-tát đó, mà còn hơn cảBồ-tát khác rời Bát nhã Ba la mật, tu Thiền định mà không có phương tiệnthiện xảo. Vì sao? Bồ-tát Ma-ha-tát này nghe pháp môn Bát nhã Ba la mật sâu xa này, có thể học như được thuyết, có thể hành như được thuyết, màcó thể đầy đủ phương tiện thiện xảo. Vì thế, vượt hơn tất cả thế gian, trời,người, A-tu-la v.v... cho đến Thanh Văn, Duyên Giác, và các Bồ-tát khác.Nên biết Bồ-tát này khéo hành Bát nhã Ba la mật. Bồ-tát này có thể gần Nhất thiết trí, không xa lìa chư Phật. Bồ-tát này thiện căn thành thục, sẽ ngồi Đạo tràng. Bồ-tát này có thể đoạn các khổ phiền não của chúng sinh. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát có thể học như thế, chính là học pháp Bồ-tát, khônghọc pháp Thanh Văn, Duyên Giác, là học Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, khi Bồ-tát Ma-ha-tát học như thế, sẽ có bốn Đại Thiên Vương Hộthế, đến chỗ Bồ-tát nói rằng: “Thiện nam tử, ông nên siêng năng, nhanh chóng học Bát nhã Ba la mật này, nhanh chóng chứng Vô thượng Chínhđẳng Chính giác. Khi ông ngồi vào Đạo tràng, bốn Thiên Vương chúng tôi đều cầm bát báu dâng lên ông.” Thế Tôn, không phải chỉ bốn Thiên Vương Hộ thế ở trước Bồ-tát nói như thế. Con cũng thường đến chỗ Bồ-tát đó để hộ trợ, huống là các Thiên tử khác. Vì sao? Bồ-tát này có thể học Bát nhã Ba la mật như thế, học rồi có thể hành, thật là hiếm có. Chúng sinh ở đời có các khổ não, Bồ-tát đã có thể xa lìa các khổ, ở mọi nơi đều tạo lợi ích lớn.Thế Tôn, đó là công đức đời này của Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan liền nghĩ rằng: Thiên chủ Đế Thích này khéo nói lờinày, là do biện tài của mình mà nói như thế, hay được oai thần của Phật hộ niệm?

Lúc đó, Thiên chủ Đế Thích nhờ oai thần của Phật biết được ý nghĩ đó, liềnnói: Tôn giả nên biết, những lời như tôi nói đều là oai thần của Thế Tôn lậpnên.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan: Đúng thế, đúng thế. Những lời nhưThiên chủ Đế Thích đã vui nói đó, nên biết đều được sức oai thần của Phật hộ niệm. 178

Phẩm 24: Tăng Thượng Mạn

Bấy giờ, Thế Tôn lại bảo Tôn giả A-nan: Nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát khi tuBát nhã Ba la mật, khi hành Bát nhã Ba la mật, tất cả ác ma có ở ba ngànĐại thiên thế giới đều sinh niệm nghi ngờ: "Bồ-tát Ma-ha-tát tu hành Bát nhã Ba la mật này, có ở nửa đường thủ chứng quả Thanh Văn, Duyên Giáckhông? Hay sẽ quyết định thẳng đến Vô thượng Chính đẳng Chính giác?" A-nan, các ác ma kia, có khi nếu thấy Bồ-tát Ma-ha-tát tu hành Bát nhã Ba la mật quyết định thẳng đến Vô thượng Chính đẳng Chính giác, thì các Ma tứcthời ưu sầu, khổ não, như tên đâm vào tim.

Lại nữa, A-nan. Bồ-tát Ma-ha-tát khi tu Bát nhã Ba la mật, khi hành Bát nhã Ba la mật, có các ác ma đến chỗ Bồ-tát, sinh tâm gây nhiễu loạn, dùng Ma lực hóa ra các tướng sấm, mưa, mưa đá, gió v.v... cùng khắp mọi nơi, muốn làm cho Bồ-tát lo sợ, tán loạn, cho đến muốn khiến Bồ-tát, ở trong một niệm, lui mất tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác. A-nan nên biết, ác ma không thể nào nhiễu loạn tất cả Bồ-tát.

A-nan bạch Phật: Thế Tôn, Bồ-tát nào bị Ma quấy nhiễu?

Phật nói: A-nan, nếu Bồ-tát, ở đời trước, từng được nghe pháp môn Bát-nhãBa-la-mật này, tuy được nghe lại rồi mà không sinh tin, hiểu. A-nan nên biết, Bồ-tát này tức có ác ma đến nhiễu loạn, bị các Ma đó rình lấy cơ hội.

Lại nữa, A-nan. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát khi nghe pháp môn Bát nhã Ba la mật sâu xa này, tâm sinh nghi ngờ: "Có pháp môn Bát nhã Ba la mật này, hay không có pháp môn Bát nhã Ba la mật này?" A-nan nên biết, Bồ-tát này tức có ác ma đến nhiễu loạn, bị các Ma đó rình lấy cơ hội.

Lại nữa, A-nan. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát rời xa thiện tri thức, gần gũi ác trithức; vì gần ác tri thức nên nghe pháp môn Bát nhã Ba la mật sâu xa này, không sinh tin, hiểu. Lại không thể thưa hỏi nghĩa đó, chỉ nghĩ: "Ta nay làm sao có thể tu Bát nhã Ba la mật này." A-nan nên biết, Bồ-tát này tức có ác ma đến nhiễu loạn, bị các Ma đó rình lấy cơ hội.

Lại nữa, A-nan. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát nhận tà pháp kia, hành theo tà pháp. Các ác ma kia biết việc này rồi, tâm sinh vui mừng, nghĩ rằng: "Người này giúp ta, lại khiến người khác cùng đến giúp ta, lại khiến ta viên mãn sở nguyện, tùy thuận ý ta." A-nan nên biết, Bồ-tát này tức có ác ma đến nhiễu loạn, bị các Ma đó rình lấy cơ hội.

Lại nữa, A-nan. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát nghe pháp môn Bát nhã Ba la mật sâu xa này rồi, nói với các Bồ-tát khác rằng: "Bát nhã Ba la mật này sâu xa khó hiểu, ta còn không thể nắm được nguồn cội của nó, các ông nay lại tu tập mà làm gì? Chỉ cần đối với các kinh được Phật thuyết khác, nghe, nhận, tu tập, tất ở trong đó mà được Pháp vị." Do Bồ-tát này đã nói như thế, các Bồ-tát khác liền khởi tâm xa lìa Bát nhã Ba la mật. A-nan nên biết, người nói như thế tức có ác ma đến nhiễu loạn, bị các Ma đó rình lấy cơ hội.

Lại nữa, A-nan. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát nghĩ rằng: "Ta là người tu hạnh viễn lychân chính, các Bồ-tát khác chẳng phải hạnh viễn ly." Tức thời ác ma biết được ý nghĩ này rồi, sinh hoan hỷ lớn, vui mừng, hớn hở. Vì sao? Bồ-tát kia, theo niệm đã khởi, tức lui mất Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Vì lui mất như thế nên tâm Ma sinh vui.

Lại nữa, A-nan. Có các ác ma đến chỗ Bồ-tát, khen ngợi danh tự, dòng họBồ-tát, công đức Đầu-đà, cho đến đủ loại tướng mạo công đức. Bồ-tát nghekhen ngợi như thế rồi, bị dính mắc theo, khởi tăng thượng mạn và các tâmmạn, tự cao, tự đại, khinh các Bồ-tát khác; do nhân duyên

này, tăng trưởngphiền não. Rồi vì Bồ-tát này bị sức của ác ma kia tăng thêm nên những điềunói ra đều được người tin nhận; tin nhận rồi, thì học như được nói, hành như được nói. Hoặc thấy, hoặc nghe, việc học như thế, việc hành như thế đều không đúng đắn. Vì không đúng đắn nên khởi tâm điên đảo. Do tâm như thế nên các nghiệp thân, ngữ, tâm đều không thanh tịnh. Vì nhân duyên này mà có thể tăng trưởng con đường hướng đến địa ngục, ngạ quỷ,súc sinh v.v.... Các ác ma kia thấy điều lợi này, tâm rất hoan hỷ, vui mừng,hớn hở, liền nghĩ rằng: "Nay, cung điện của ta là có thật chứ chẳng phải không, vì nhân duyên kia mà làm cho tăng trưởng." A-nan nên biết, Bồ-tát này không thể đầy đủ tướng mạo công đức, chẳng phải hành Bát nhã Ba la mật, chẳng phải trú Bất thoái chuyển. Vì sao? Vì tâm tăng thượng mạn khởi các sai lầm. Bồ-tát này sẽ có ác ma đến nhiễu loạn, bị các Ma đó rình lấy cơ hội.

Lại nữa, A-nan. Nếu người của Bồ-tát thừa và người của Thanh Văn thừacùng nhau tranh cãi, nói ra lời ác, khinh khi, chửi mắng; bấy giờ ác ma biết việc như thế rồi liền nghĩ rằng: "Người của Bồ-tát thừa đó, do nhân duyên này, tuy cũng xa lìa Nhất thiết trí, nhưng sự xa lìa đó chẳng lớn, chẳng lâu như người của Bồ-tát thừa và người của Bồ-tát thừa cùng nhau tranh cãi, nói ra lời ác, khinh khi, chửi mắng." Bấy giờ ác ma biết việc như thế rồi, tâm rất hoan hỷ, vui mừng, hớn hở mà nghĩ rằng: "Người của Bồ-tát thừa này,do nhân duyên này, đời đời xa lìa Nhất thiết trí kia."

Lại nữa, A-nan. Nếu có Bồ-tát chưa được thụ ký, đối với các Bồ-tát khác đãđược thụ ký, khởi tâm sân hận, thì theo tâm đã khởi mà bị thoái chuyển. Khởi một niệm thoái lui một kiếp, sau đó tùy theo niệm mà tính số kiếp. Nếu không bỏ tâm Nhất thiết trí, hoặc vì gặp thiện tri thức thì lại phát khởi, mặc áo giáp Tinh tiến.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật: Thế Tôn, nếu khởi tội này, Phật có cho sám hối không?

Phật bảo A-nan: Nay trong pháp ta nói, có pháp ra khỏi tội. Trong các thừaThanh Văn, Duyên Giác, Bồ-tát, ta đều nói có pháp ra khỏi tội đó. A-nan nên biết, nếu người của Bồ-tát thừa cùng người của Bồ-tát thừa tranh cãi, nói ra lời ác, khinh khi, chửi mắng rồi mà không cùng hối bỏ, lại ôm sân hận, tróibuộc ở tâm thì ta không nói có pháp ra khỏi tội kia. A-nan, nếu người Bồ-tát thừa cùng người Bồ-tát thừa tranh cãi, cho đến chửi mắng rồi liền cùng hối bỏ, ta sẽ vì họ nói pháp ra khỏi tội.

A-nan, Bồ-tát lại nên nghĩ thế này: "Đối với tất cả chúng sinh, ta nên hànhtừ, nhẫn. Giả như họ khởi ác, đến làm nhục, ta còn không sinh một niệmtâm sân huống là đáp trả. Nhất thời nếu ta có khởi tâm sân hận thì đó thậtlà lỗi lớn. Vì sao? Ta nên vì tất cả chúng sinh làm cây cầu lớn, khiến đềuđược đi qua. Ta thường đối với tất cả chúng sinh đó tác ý như thiện. Giảnhư có nghe lời ác cũng không sinh tâm giận dữ. Với mình, với người đềubình đẳng. Tự mình có lỗi đừng đổ cho người. Người khác lỗi lầm xem nhưtự mình tạo ra, thường sinh hối, sợ. Vì sao? Ta muốn làm cho tất cả chúngsinh được an lạc lớn. Nếu có chúng sinh bị nhiều sân, não, nguyện cho ta lúcđược Vô thượng Chính đẳng Chính giác, cứu độ được họ. Ở tất cả nơi nào tathấy có người cầu Bồ-đề, thì lúc đó ta hoan hỷ nhìn ngắm, mặt mũi tươi vui,không có nhăn mày. Tâm ta kiên cố, không bị tất cả sân não khuấy động."A-nan, nếu người của Bồ-tát thừa có thể sinh tâm như thế, nên biết đó là người tu hạnh Bồ-tát.

Lại nữa, A-nan. Các Bồ-tát Ma-ha-tát đối với người Thanh Văn vốn không nên sinh khởi các tâm khinh mạn, cho đến tất cả chúng sinh cũng không nên sinh tưởng khinh mạn.

A-nan bạch Phật: Thế Tôn, Bồ-tát với Bồ-tát ở chung như thế nào?

Phật bảo A-nan: Bồ-tát ở chung nên xem nhau giống như nghĩ đến Phật: "Đây là Đại sư của ta, cùng ngồi một xe, cùng đi một đường. Bồ-tát Ma-ha-tát đó nếu có sở học, ta cũng theo học, bình đẳng an trú ở trong Bồ-tát thừa, tu học như lý, như pháp Bồ-tát. Nếu người đó tạp học thì không phải cái ta học. Nếu người đó thanh tịnh học, có thể tương ưng như lý với Nhất thiết trí, thì ta cũng học như thế." A-nan, Bồ-tát Ma-ha-tát có thể học như thế, đó là cùng học, nên cùng ở chung. Người học như thế tất chứng Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Quyển XXI

Phẩm 25: Học

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, Bồ-tát Ma-ha-tát muốn họcNhất thiết trí, nên học thế nào?

Phật nói: Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát nếu học Tận tức học Nhất thiết trí. Nếuhọc Ly tức học Nhất thiết trí. Nếu học Vô sinh, Vô diệt, Vô khởi, Vô nhiễm,Vô tính, Tịch tĩnh như hư không pháp giới v.v... tức học Nhất thiết trí.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát học Tận, học Ly cho đếnhọc Tịch tĩnh pháp giới v.v... tức học Nhất thiết trí, thì những điều đó nênlàm thế nào?

Phật nói: Tu-bồ-đề, nếu ông hỏi rằng những điều đó nên làm thế nào, thì Tu-bồ-đề, ý ông thế nào? Như Lai chứng Như Như nên được gọi là Như Lai. Như này có tận, có được làm ra không?

Tu-bồ-đề nói: Không, Thế Tôn. Vì sao? Tướng của Như là vô tận cũng khôngcó tạo tác.

Phật nói: Tu-bồ-đề, Ý ông thế nào? Như Lai chứng Như Như nên được gọi là Như Lai. Như này có sinh, có diệt, có khởi, có nhiễm, có đắc, có chứng không?

Tu-bồ-đề nói: Không, Thế Tôn.

Phật nói: Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát học Nhất thiết trí cũng như thế. Tu-bồ-đề, vì thế Bồ-tát Ma-ha-tát, nếu học như thế, là tướng Như không cùng tận.Người học như thế là học Nhất thiết trí. Người học như thế là học Bát-nhãBa-la-mật. Người học như thế là học Phật địa. Người học như thế là họcmười Lực, bốn Vô úy v.v... của Phật, tất cả Phật pháp cho đến Nhất thiết trítrí. Người học như thế có thể đến bờ kia của mọi việc học. Người học nhưthế có thể hàng phục tất cả Ma và Ma chúng. Người học như thế sớm đượcpháp Bất thoái chuyển. Người học như thế sớm ngồi vào Đạo tràng. Người học như thế là học mười hai hành tướng của ba lần chuyển Pháp luân. Ngườihọc như thế là học cái mình hành. Người học như thế là học pháp làm chỗnương tựa cho người khác. Người học như thế là học Đại từ, Đại bi, Đại hỷ,Đại xả. Người học như thế là học cứu độ cõi chúng sinh. Người học như thếlà học không đứt giống Phật. Người học như thế là học mở cửa Cam lộ. Tu-bồ-đề, việc học rộng lớn này là sự học tối thượng. Người phàm phu thấpkém không thể học như thế. Nếu có thể chế phục, dẫn dắt tất cả chúng sinh, muốn làm nơi nương tựa cho tất cả chúng sinh, muốn ra khỏi cõi của tất cả chúng sinh, thì có thể học như thế. Nếu học

như thế thì không rơi vào các đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh v.v... không sinh vào cảnh giới A-tu-la, không sinh vào vùng biên giới, không sinh vào dòng họ Chiên-đà-la,không sinh vào chủng tộc thuộc họ thấp kém, không sinh vào các dòng họlàm nghề công xảo thấp hèn. Người học như thế không mất một mắt, khôngmù hai mắt, cũng không bị lé, không điếc, không câm, không gù lưng, không què chân, không xấu xí, không thô ác, không tàn phế, không dịtướng, cũng không có các bệnh ghẻ lở, bệnh hủi, ung nhọt, khô gầy, phù thũng v.v... không hư các căn, tướng người đầy đủ, âm thanh trong trẻo, mọi người ưa thích.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát học như thế, không hại mạng người,không trộm vật của người, không hành tà nhiễm, không nói hư dối, cũngkhông hai lưỡi, lại không ác khẩu, không có lời vô nghĩa, không sinh thamđắm, không khởi sân não, không trú tà kiến, không sống tà mạng, không tupháp tà mạng, không nuôi quyến thuộc phá giới, không gần người phi pháp,không sinh vào cõi trời Trường Thọ, tuy nhập các Thiền nhưng không theoThiền mà sinh. Vì sao? Vì Bồ-tát có thể thành tựu phương tiện thiện xảo.Nhưng Bồ-tát thành tựu phương tiện thiện xảo gì? Đó là từ Bát nhã Ba la mật tương ưng sinh ra phương tiện thiện xảo. Vì thế Bồ-tát tuy nhập các Thiền nhưng không theo Thiền mà sinh. Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát có thể học như thế tức được mười Lực thanh tịnh, bốn Vô sở úy thanh tịnh, cho đến tất cả Phật pháp thanh tịnh.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, tự tính của tất cả các pháp xưa nay thanh tịnh, làm thế nào Bồ-tát Ma-ha-tát lại được mười Lực thanh tịnh, bốn Vô sở úy thanh tịnh, cho đến tất cả Phật pháp thanh tịnh?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng thế, đúng thế. Tu-bồ-đề, tự tính của tất cả cácpháp xưa nay thanh tịnh. Bồ-tát Ma-ha-tát đối với tự tính của tất cả cácpháp xưa nay thanh tịnh này, như lý tu học Bát nhã Ba la mật, không kinh,không sợ, không lui, không mất. Tu-bồ-đề, các dị sinh ngu muội kia, đối vớipháp như thế, không biết, không thấy; vì không biết, không thấy nên khôngcó hiểu rõ. Vì thế Bồ-tát Ma-ha-tát phát cần tinh tiến, tu học trong đó. Tựmình học rồi, khiến các dị sinh, vân vân, ở trong pháp này, như lý tu học,biết đúng, thấy đúng. Bồ-tát Ma-ha-tát do học như thế tức được mười Lực thanh tịnh, bốn Vô sở úy thanh tịnh, cho đến tất cả Phật pháp thanh tịnh. Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát học như thế tất có thể biết rõ sự vận hành của tâm và tâm sở của tất cả chúng sinh.

Tu-bồ-đề, ví như đại địa ít có vàng Diêm-phu-đàn mà có nhiều gai góc, cátđá, cỏ cây. Tất cả chúng sinh cũng như thế. Trong đám chúng sinh ít ai cóthể ưa thích tu học Bát nhã Ba la mật, phần nhiều ưa thích tu học pháp môn Thanh Văn, Duyên Giác. Tu-bồ-đề, lại như trong đám chúng sinh ít ai tung hiệp Luân Vương kia, phần nhiều chỉ tu nghiệp của các Tiểu vương kia.Tu-bồ-đề nên biết, trong đám chúng sinh ít ai hành đạo Bát nhã Ba la mật, phần nhiều hành đạo Thanh Văn, Duyên Giác, thì cũng như thế. Tu-bồ-đề, lại như trong đám chúng sinh ít ai tu phúc nghiệp của Đế Thích kia, phần nhiều chỉ tu phúc nghiệp của các Thiên tử kia. Tu-bồ-đề nên biết, trong đám chúng sinh ít ai tu tập hạnh Bát nhã Ba la mật, phần nhiều tu tập hạnhThanh Văn, Duyên Giác, thì cũng như thế. Tu-bồ-đề, lại như trong đámchúng sinh ít ai tu phúc nghiệp của Phạm Vương kia, phần nhiều chỉ tu phúc nghiệp của các Phạm chúng kia. Tu-bồ-đề nên biết, trong đám chúng sinh ítcó ai không thoái chuyển đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác, phần nhiều thoái chuyển đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác, thì cũng như thế. Tu-bồ-đề,

vì nghĩa này nên biết trong đám chúng sinh, ít ai có thể phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Trong số ít đó lại ít có ai có thể như lý tu hành, Trong số ít có thể tu hành đó, lại ít có ai có thể tu tập hạnh tương ưng Bát nhã Ba la mật. Trong số ít có thể tu tập hạnh tương ưng đó, lại ít có ai có thể an trú địa vị không thoái chuyển đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Tu-bồ-đề, vì thế các Bồ-tát Ma-ha-tát nếu muốn ở trong số ít của số ít đó thì nên tu tập Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát tu học Bát nhã Ba la mật này thì không sinh tâm tạp nhiễm, không sinh tâm nghi hoặc, không sinh tâm đố kỵ, không sinh tâm keo kiệt, không sinh tâm phá giới, không sinh tâm sân, não, không sinh tâm biếng nhác, không sinh tâm tán loạn, không sinh tâm ngu si.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát nên tu học Bát nhã Ba la mật này. Vìsao? Bát nhã Ba la mật này có thể hộ các Ba-la-mật, có thể nhận các Ba-la-mật, có thể giữ các Ba-la-mật, có thể gom các Ba-la-mật, có thể chứa các Ba-la-mật. Tu-bồ-đề, ví như sáu mươi hai kiến, trong thân kiến chứa các Ba-la-mật, trong Bát nhã Ba la mật cũng chứa như thế. Tu-bồ-đề, lại như sĩ phu có được các căn đều được bao hàm trong mạng căn, tất cả các thiện pháp cũng đều được bao hàm trong Bát nhã Ba la mật như thế. Tu-bồ-đề, lại như khi mạng căn của sĩ phu diệt thì các căn đều diệt, Bồ-tát Ma-ha-tát cũng như thế. Nếu khi trí tuệ diệt thì tất cả các thiện pháp cũng diệt theo. Tu-bồ-đề, vì thế Bồ-tát Ma-ha-tát, nếu muốn hộ các Ba-la-mật, nếu muốn bao hàm các Ba-la-mật, nên tu học Bát nhã Ba la mật này.

Lại nữa, Bồ-tát Ma-ha-tát nếu muốn dẫn đầu về phúc đức tối thắng trong tất cả chúng sinh, nên tu học Bát nhã Ba la mật này.

Lại nữa, Bồ-tát Ma-ha-tát nếu muốn dẫn đầu về phúc đức tối thắng trong tấtcả chúng sinh, nên tu học Bát nhã Ba la mật này.

Phật lại bảo Tu-bồ-đề: Ý ông thế nào? Tất cả chúng sinh ở ba ngàn Đại thiên thế giới có nhiều không?

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, chỉ ở Diêm-phù-đề này đã có chúng sinhnhiều vô số, huống là tất cả chúng sinh cả ba ngàn Đại thiên thế giới.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Giả như tất cả chúng sinh ở ba ngàn Đại thiên thế giớinhư thế, mỗi một chúng sinh tu hành đều trú địa vị Bồ-tát, hoặc có ngườicho đến hết đời, đem các thức ăn uống, y phục, đồ nằm, thuốc men và đủcác nhạc cụ khác, cúng dường các chúng Bồ-tát ở ba ngàn Đại thiên thế giới như thế. Người này vì nhân duyên này được phúc nhiều không?

Tu-bồ-đề nói: Rất nhiều, Thế Tôn. Rất nhiều, Thiện Thệ.

Phật nói: Tu-bồ-đề, nếu lại có người trong khoảng một cái búng tay, có thể tu hành Bát nhã Ba la mật này, phúc họ có được hơn gấp đôi người trước. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật làm lợi ích lớn cho các Bồ-tát Ma-ha-tát, lại cóthể hỗ trợ Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Tu-bồ-đề, vì thế các Bồ-tát Ma-ha-tát nếu muốn tối thắng vô thượng trong tất cả chúng sinh, nếu muốn làmchỗ nương tựa cho tất cả chúng sinh, nếu muốn sớm nhập cảnh giới của chư Phật, nếu muốn đầy đủ các pháp công đức của Phật, nếu muốn được thầnthông du hí của Phật, nếu muốn cất tiếng rống Sư tử lớn của Phật, nếu muốn được các hành xứ của Phật, nếu muốn thuyết pháp ở hội lớn của bangàn Đại thiên thế giới, Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát nếu muốn thành tựu lợiích công

đức như thế, thì nên học Bát nhã Ba la mật này. Học Bát nhã Ba la mật này mà không thể viên mãn các lợi ích công đức thì không có chuyện đó.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, Bồ-tát Ma-ha-tát cũng đầy đủ lợi ích công đức của Thanh Văn sao?

Phật nói: Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát cũng học pháp Thanh Văn này, cũng đầy đủ lợi ích của công đức Thanh Văn. Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát tuy học như thế, biết như thế, được lợi ích như thế, nhưng trong đó không sinh tâm trú chấp. Bồ-tát Ma-ha-tát cũng thuyết pháp Thanh Văn đó nhưng khôngnắm bắt pháp đó. Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát học như thế, có thể tạo ruộng phúc lớn cho tất cả thế gian, trời, người, A-tu-la v.v.... Ruộng phúc của Bồ-tát tạo ra là tối thượng, tối thắng, vượt quá các ruộng phúc khác củaThanh Văn, Duyên Giác.

Tu-bồ-đề, học như thế chính là hành Bát nhã Ba la mật, được gần Nhất thiếttrí, không bỏ Bát nhã Ba la mật, không rời Bát nhã Ba la mật. Học như thếkhông lùi mất Nhất thiết trí, xa rời tâm Thanh Văn, Duyên Giác, được gần Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát nghĩ rằng: "Đây là Bát nhã Ba la mật, đây gọi là Bát nhã Ba la mật, vì học Bát nhã Ba la mật này nên sẽ được Nhất thiết trí." Tu-bồ-đề, nếu phân biệt như thế thìkhông gọi là tu học Bát nhã Ba la mật. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát, đối với Bát nhã Ba la mật, không sinh phân biệt, không biết, không thấy, cũng không có sở đắc; vì không phân biệt, không biết, không thấy, không có sở đắc như thế nên gọi là tu học Bát nhã Ba la mật.

Phẩm 26: Huyễn Dụ

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích liền nghĩ rằng: "Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát tu học Bát nhã Ba la mật này thì có thể vượt hơn tất cả chúng sinh, huống là thành tựu Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Vì thế nên biết, nếu có người ưa thích Nhất thiết trí, người đó được thiện lợi lớn, khéo tự nuôi mạng, huống là có thể phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Nên biết người này được tất cả chúng sinh kính yêu, có thể dẫn dắt tất cả chúng sinh." Thiên chủ Đế Thích nghĩ như thế rồi, liền hóa các hoa mạn-đà-la, đầy trong tay mình, rải lên trên Phật.

Rải hoa lên Phật rồi, chấp tay hướng Phật, nói rằng: Thế Tôn, nếu có ngườiphát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác, phổ nguyện được thành tựu Vôthượng Chính đẳng Chính giác, phổ nguyện tròn đủ tất cả Phật pháp, trònđủ các pháp tương ưng Nhất thiết trí, tròn đủ pháp Tự nhiên trí, tròn đủpháp Vô lậu, phổ nguyện tất cả chúng sinh vượt qua bờ sinh tử, chứng đạoNiết-bàn, bao hàm tâm chúng sinh đều khiến viên mãn. Thế Tôn, con thấytrong sinh tử có đủ loại khổ, con không muốn làm cho người mới phát tâmVô thượng Chính đẳng Chính giác, trong một niệm mà bị thoái chuyển. Lại không muốn làm cho người đã được an trú Vô thượng Chính đẳng Chínhgiác, trong một niệm mà sinh thoái chuyển. Vì thế con muốn làm cho tất cảđều thành tựu Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Vì sao? Người có thể phát tâm thì lợi ích rộng lớn, thương xót tất cả thế gian, trời, người, A-tu-la v.v...;đã tự vượt qua rồi lại khởi tâm thế này đối với tất cả chúng sinh: "Những ai chưa giải thoát đều làm cho giải thoát, chưa vượt qua đều làm cho vượtqua, chưa Niết-bàn đều làm cho Niết-bàn." Thế Tôn, nếu có Thiện nam tử,Thiện nữ nhân, ở chỗ Bồ-tát mới phát tâm, đối với các pháp công đức đó,sinh tâm tùy hỷ; hoặc ở chỗ Bồ-tát tu tập

đã lâu, sinh tâm tùy hỷ; hoặc ởchỗ Bồ-tát an trú địa vị không thoái chuyển, sinh tâm tùy hỷ; hoặc ở chỗ Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ, sinh tâm tùy hỷ. Ở những chỗ như thế, có thể sinh tâmtùy hỷ. Thiện nam tử, Thiện nữ nhân đó, nên nói người nào được phúc đức nhiều?

Phật bảo Thiên chủ Đế Thích: Kiều-thi- ca, Diệu Cao Sơn Vương còn có thểđo lường để biết hạn số của nó; Thiện nam tử, Thiện nữ nhân kia, phúc đứccó được nhờ các tâm tùy hỷ như thế thì không thể đo lường để biết hạn số.Kiều-thi- ca, lại như bốn giới Đại châu, cũng có thể đo lường để biết hạn sốcủa chúng; Thiện nam tử, Thiện nữ nhân kia, phúc đức có được do các tâmtùy hỷ như thế thì không thể đo lường để biết hạn số. Kiều-thi- ca, lại nhưTiểu thiên thế giới cũng có thể đo lường để biết hạn số của nó; Thiện namtử, Thiện nữ nhân kia, phúc đức có được do các tâm tùy hỷ như thế khôngthể đo lường để biết hạn số. Kiều-thi- ca, lại như Trung thiên thế giới cũng cóthể đo lường để biết hạn số của nó; Thiện nam tử, Thiện nữ nhân kia, phúc đức có được của các tâm tùy hỷ như thế không thể đo lường để biết hạn sốcủa nó. Kiều-thi- ca, lại như ba ngàn Đại thiên thế giới cũng có thể đo lường để biết hạn số của nó; Thiện nam tử, Thiện nữ nhân kia, phúc đức có đượccủa các tâm tùy hỷ như thế thì không thể đo lường để biết hạn số.

Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Thế Tôn, nếu có người không thể ở chỗ Bồ-tát mới phát tâm, cho đến không thể ở chỗ Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ, mà sinh tâm tùy hỷ, nên biết người này bị ác ma đeo bám, làm quyến thuộc của Ma.Từ cõi trời của Ma kia chết đi đến sinh chỗ này. Vì sao? Vì các tâm tùy hỷnhư thế có thể phá hoại các ác ma. Lại nữa, nếu người có thể sinh các tâmtùy hỷ, người này nên lấy công đức tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Vì hồi hướng như thế nên có thể tăng trưởng Vô thượng Chínhđẳng Chính giác. Vì thế nên biết, người có thể sinh các tâm tùy hỷ như thế, người này không rời Phật, không rời Pháp, không rời Tăng, tăng trưởng tất cả công đức tối thắng.

Phật bảo Thiên chủ Đế Thích: Đúng thế, đúng thế. Kiều-thi- ca, nếu có ngườicó thể sinh các tâm tùy hỷ như thế, người này không rời Phật, không rờiPháp, không rời Tăng, tăng trưởng tất cả công đức tối thắng. Lại nữa, Kiều-thi- ca. Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân có thể sinh các tâm tùy hỷ như thế, nên biết Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này sớm được gặp Phật.

Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Đúng thế, Thế Tôn. Đúng thế, Thiện Thệ.Thiện nam tử, Thiện nữ nhân có thể sinh các tâm tùy hỷ như thế, thì Thiệnnam tử, Thiện nữ nhân này sớm được gặp Phật. Lại do sức của thiện căn tùyhỷ này, ở nơi sinh ra, được người tôn trọng, cung kính, tán thán. Thiện namtử, Thiện nữ nhân này nhãn căn thanh tịnh, không quán ác sắc, nhĩ cănthanh tịnh, không nghe ác thanh, tỹ căn thanh tịnh, không ngửi ác hương,thiệt căn thanh tịnh, không nếm ác vị, thân căn thanh tịnh, không nhiễm phi xúc. Lại không rơi vào đường ác, sinh vào cõi trời, người. Vì sao? Thiện namtử, Thiện nữ nhân này thành tựu vô lượng vô số thiện căn tùy hỷ, thườngvui làm lợi lạc cho tất cả chúng sinh. Vì có thể sinh tâm tùy hỷ như thế nêncó thể tăng trưởng hạnh Vô thượng Chính đẳng Chính giác, dần dần được thành Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này,được Bồ-đề rồi, rộng độ vô lượng vô số chúng sinh, đều khiến niết-bàn.

Phật bảo Thiên chủ Đế Thích: Kiều-thi- ca, như ông nói đều là oai thần củaNhư Lai hộ niệm. Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân có thể sinh các tâm tùy hỷ như thế thì Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này trồng sâu thiện căn. Lấy thiện căn này, rộng vì vô lượng vô số chúng sinh, làm lợi ích

lớn. Vì nhânduyên này nên có thể tăng trưởng tất cả thiện pháp, dần dần được thành Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, vì tâm như huyễn, làm saodùng tâm này để được Vô thượng Chính đẳng Chính giác?

Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề: Ý ông thế nào? Ông thấy có tâm như huyễn không? 187

Tu-bồ-đề nói: Không, Thế Tôn.

Phật nói: Tu-bồ-đề, ông thấy có thể được tướng huyễn không?

Tu-bồ-đề nói: Không, Thế Tôn.

Con không thấy có tâm như huyễn, cũng không thấy tướng huyễn có thể đạt được.

Phật nói: Tu-bồ-đề, có thể nói dùng tướng tâm này để được Vô thượng Chính đẳng Chính giác không?

Tu-bồ-đề nói: Không, Thế Tôn.

Phật bảo: Tu-bồ-đề, ý ông thế nào? Nếu không thấy có tâm như huyễn và tướng huyễn, thì rời tâm này, tướng này, ông thấy có pháp để được Vô thượng Chính đẳng Chính giác không?

Tu-bồ-đề nói: Không, Thế Tôn. Rời tâm như huyễn và tướng huyễn kia, cũngkhông thấy có pháp để được Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Thế Tôn,nếu rời tâm như huyễn và rời tướng huyễn mà có pháp có thể thấy thì pháp này cũng không thể nói là có, là không. Vì thế, tất cả các pháp, trong Tấtcánh ly, không thể nói có, không thể nói không. Nếu tất cả các pháp rốt ráolà Ly, thì Vô thượng Chính đẳng Chính giác rốt ráo cũng là Ly, Bát nhã Ba la mật rốt ráo cũng là Ly. Vì các pháp rốt ráo là Ly, tức không có pháp có thểtu, không có pháp có thể chứng đắc. Vì tất cả các pháp không có sở đắc,nên Vô thượng Chính đẳng Chính giác cũng không thể có sở đắc. Vì rốt ráo Ly như thế nên Bồ-tát Ma-ha-tát cũng rốt ráo Ly. Thế Tôn, Bồ-tát Ma-ha-tát nhờ Bát nhã Ba la mật nên được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, nhưng Bồ-tát Ma-ha-tát rốt ráo Ly, Vô thượng Chính đẳng Chính giác cũng rốt ráo Ly. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, thì làm sao lấy Ly để được Ly?

Phật khen Tu-bồ-đề: Hay thay! Hay thay! Tu-bồ-đề, đúng thế, đúng thế. Cácpháp rốt ráo Ly, Bát nhã Ba la mật cũng rốt ráo Ly, Vô thượng Chính đẳng Chính giác cũng rốt ráo Ly, Bồ-tát Ma-ha-tát cũng rốt ráo Ly. Nhưng vì Bồ-tát Ma-ha-tát, trong pháp này, biết rõ như thật Bát nhã Ba la mật rốt ráo Ly,tức chẳng phải Bát nhã Ba la mật. Tu-bồ-đề, vì thế Bồ-tát Ma-ha-tát, tuynhờ Bát nhã Ba la mật mà được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, nhưng trong đó không có pháp có thể nắm bắt, không có pháp có thể chứng đắc. Vì không nắm bắt, không được, Bồ-tát Ma-ha-tát tuy được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, nhưng không phải lấy Ly để được Ly.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, như con hiểu nghĩa của Phật nói, nghĩa sâu xa này, Bồ-tát Ma-ha-tát hành rất là khó.

Phật nói: Tu-bồ-đề, đúng thế, đúng thế. Nghĩa sâu xa này, Bồ-tát Ma-ha-tát hành rất là khó. Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát hành nghĩa sâu xa này,không ở nửa đường thủ chứng quả Thanh Văn, Duyên Giác; điều này là rất khó. Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, như con hiểu nghĩa Phật nói, việc làm của Bồ-tát Ma-ha-tát chẳng khó. Vì sao? Tất cả các pháp không có đắc, không có chứng. Vì không đắc, không chứng, nên trong đó, không có người chứng,không có cái được chứng, không có pháp dùng để chứng. Vì thế, việc làmcủa Bồ-tát Ma-ha-tát chẳng khó. Thế Tôn,

nếu Bồ-tát Ma-ha-tát nghe nóinhư thế, không kinh, không sợ, không lui, không mất, nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát đó đang hành Bát nhã Ba la mật. Tuy hành như thế cũng không thấymình hành Bát nhã Ba la mật. Vì nếu không thấy có tướng Bát nhã Ba la mật được hành như thế, thì Bồ-tát Ma-ha-tát này được gần Vô thượng Chính đẳng Chính giác, tức có thể xa lìa bậc Thanh Văn, Duyên Giác; đó là hành Bát nhã Ba la mật.

Thế Tôn, ví như hư không không nghĩ rằng đó là xa, đó là gần. Vì sao? Vì hưkhông không có phân biệt. Bát nhã Ba la mật cũng như thế, không nghĩ rằng Vô thượng Chính đẳng Chính giác cách ta gần, các bậc Thanh Văn, Duyên Giác cách ta xa. Vì sao? Bát nhã Ba la mật không có phân biệt.

Lại như người huyễn được hóa ra, không nghĩ rằng huyễn sư kia cách ta gần, những người xem kia cách ta xa. Vì sao? Người huyễn được hóa ra không có phân biệt. Bát nhã Ba la mật cũng như thế, không nghĩ rằng Vô thượng Chính đẳng Chính giác cách ta gần, các bậc Thanh Văn, Duyên Giác cách ta xa. Vì sao? Bát nhã Ba la mật không có phân biệt.

Lại như những chiếc bóng, không nghĩ rằng nhân của bóng cách ta gần, cáikhông phải nhân cách ta xa. Vì sao? Vì bóng không có phân biệt. Bát-nhãBa-la-mật cũng như thế, không nghĩ rằng Vô thượng Chính đẳng Chính giác cách ta gần, các bậc Thanh Văn, Duyên Giác cách ta xa. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật không có phân biệt.

Lại như Như Lai, đối với tất cả chúng sinh, không ghét, không thương. Vìsao? Vì Như Lai dứt trừ mọi sự ghét, thương. Bát nhã Ba la mật cũng như thế, không ghét, không thương. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật không phải pháp ghét thương.

Lại như Như Lai, rời mọi phân biệt. Vì sao? Vì Như Lai dứt trừ tất cả phân biệt. Bát nhã Ba la mật cũng như thế, rời các phân biệt. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật không có phân biệt.

Lại như người được Phật hóa, không nghĩ rằng Vô thượng Chính đẳng Chínhgiác cách ta gần ta, các bậc Thanh Văn, Duyên Giác cách ta xa. Vì sao? Vìngười được hóa không có phân biệt. Bát nhã Ba la mật cũng như thế, khôngnghĩ rằng Vô thượng Chính đẳng Chính giác cách ta gần ta, các bậc ThanhVăn, Duyên Giác cách ta xa. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật không có phân biệt.

Lại như người được Phật hóa, làm việc gì cũng có thể thành tựu, tuy cóthành tựu nhưng không phân biệt. Vì sao? Vì người được hóa không có phânbiệt. Bát nhã Ba la mật cũng như thế. Tất cả các pháp, nếu được tu tập, tấtcó thể thành tựu. Vì sao? Bát nhã Ba la mật không phân biệt.Lại như công xảo sư, dùng dụng cụ tạo cái máy bằng gỗ có hình nam, nữ,việc nào được làm đều có thể thành tựu. Tuy được thành tựu nhưng không phân biệt. Vì sao? Vì việc xảo, huyễn. Thế Tôn, Bát nhã Ba la mật cũng như thế. Tất cả các pháp, nếu có tu tập, đều có thể thành tựu. Tuy có thành tựu nhưng không phân biệt. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật không phân biệt.

Quyển XXII

Phẩm 27: Nghĩa Kiên Cố

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-tử nói với Tôn giả Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba la mật sâu xa này, tức hành nghĩa kiên cố.Tu-bồ-đề nói: Đúng thế, đúng thế. Xá-lợi Tử, Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba la mật sâu xa này là hành nghĩa kiên cố.

Bấy giờ, có một ngàn chúng Thiên tử ở Dục giới nghĩ rằng: Bồ-tát Ma-ha-tát,vì Vô thượng Chính đẳng Chính giác, hành Bát nhã Ba la mật sâu xa này.Tuy lại biết rõ tướng các pháp, nhập tính các pháp, nhưng không an trú Thực tế được chứng bởi Thanh Văn, Duyên Giác. Vì duyên này, đáng được kính lễ.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề biết họ nghĩ như thế liền bảo các Thiên tử: Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba la mật sâu xa này, nhưng không chứng Thực tếcủa Thanh Văn, Duyên Giác kia, cũng chưa có gì là khó. Vì sao? Nếu Bồ-tátMa-ha-tát mặc giáp Tinh tiến, muốn độ vô lượng, vô số, vô biên chúng sinh, khiến đều an trú Đại Bát Niết-bàn, đó mới là việc khó. Vì sao? Chúng sinh rốtráo Ly, nên không có. Vì không có nên không thể được tướng chúng sinh. Vì thế, chúng sinh không thể được độ. Các Thiên tử, nếu Bồ-tát muốn độchúng sinh, tức muốn độ hư không. Vì sao? Vì hư không Ly nên chúng sinhcũng Ly; vì hư không không có nên chúng sinh cũng không có, rốt cùngkhông có chúng sinh có thể được độ. Các Bồ-tát Ma-ha-tát muốn độ, đó là việc khó. Các Thiên tử, giống như người cùng với hư không kia tranh cãi;Phật nói tướng chúng sinh không thể có được , ý nghĩa cũng như thế. Vì sao? Chúng sinh Ly nên sắc cũng Ly. Chúng sinh Ly nên thụ, tưởng, hành,thức cũng Ly. Chúng sinh Ly nên cho đến tất cả các Pháp cũng Ly. CácThiên tử, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát nghe nói như thế, không kinh, không sợ, không lui, không mất, nên biết đó là hành Bát nhã Ba la mật.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả Tu-bồ-đề: Nhân duyên nào khiến Bồ-tát Ma-ha-tát nghe nói như thế mà không kinh, không sợ, không lui, không mất?

Tu-bồ-đề nói: Vì tất cả các pháp là Ly nên không mất. Vì sao? Thế Tôn, cáibị mất thì không thể có được, pháp đã mất thì không thể sở đắc, mà chỗ bịmất cũng không thể có được. Vì nhân duyên này, Bồ-tát Ma-ha-tát nghe nóinhư thế, không kinh, không sợ, không lui, không mất.

Phật nói: Tu-bồ-đề, Đúng thế, đúng thế. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát nghe nói nhưthế, không kinh, không sợ, không lui, không mất, đó là hành Bát nhã Ba la mật.191

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát tu hành Bát nhã Ba la mật này, thường được Đại Phạm Thiên Vương, Thiên chủ Đế Thích, Đại TựTại Thiên, và các chúng Thiên tử Dục giới, tôn trọng, cung kính, đỉnh lễ, xưng tán.

Phật nói: Tu-bồ-đề, không phải chỉ có Đại Phạm Thiên Vương, Thiên chủ ĐếThích, Đại Tự Tại Thiên, và các chúng Thiên tử Dục giới tôn trọng, cungkính, đỉnh lễ, xưng tán, mà còn có trời Phạm Chúng, trời Phạm Phụ, trời Đại Phạm, trời Thiểu Quang, trời Vô Lượng Quang, trời Quang Âm, trời ThiểuTịnh, trời Vô Lượng Tịnh, trời Biến Tịnh, trời Vô Vân, trời Phúc Sinh, trời Quảng Quả, trời Vô Phiền, trời Vô Nhiệt, trời Thiện Kiến, trời Thiện Hiện, trờiSắc Cứu Cánh. Các chúng Thiên tử trên trời như thế cũng thường tôn trọng, cung kính, đỉnh lễ, xưng tán Bồ-tát Ma-ha-tát tu hành Bát nhã Ba la mật này.

Lại nữa, vô lượng a-tăng-kỳ thế giới ở mười phương có chư Phật Như LaiỨng cúng Chính đẳng Chính giác hiện trú thuyết pháp, thường dùng Phậtnhãn quán sát Bồ-tát Ma-ha-tát tu hành Bát nhã Ba la mật này, lại dùng oaithần của Phật để thường hộ niệm. Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát

này, vì tuhành Bát nhã Ba la mật, liền được bất thoái chuyển đối với Vô thượng Chínhđẳng Chính giác; các chúng ác ma không rình lấy cơ hội được. Tu-bồ-đề, giảsử chúng sinh có ở ba ngàn Đại thiên thế giới, đều hóa làm các ác ma, cácchúng Ma này cũng không thể ở chỗ Bồ-tát Ma-ha-tát tu hành Bát nhã Ba la mật kia rình lấy cơ hội.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Ngoài ba ngàn Đại thiên thế giới này như nói ở trên, giảsử như tất cả chúng sinh ở Hằng hà sa số thế giới, đều hóa làm các ác ma,các chúng Ma này cũng không thể ở chỗ Bồ-tát Ma-ha-tát tu hành Bát-nhãBa-la-mật kia rình lấy cơ hội. Tu-bồ-đề nên biết, Bồ-tát Ma-ha-tát tu hành Bát nhã Ba la mật thành tựu hai pháp không bị các Ma rình lấy cơ hội. Thếnào là hai? Đó là quán tất cả các pháp Không, không bỏ tất cả chúng sinh; chính là hai pháp. Tu-bồ-đề, lại có hai pháp Bồ-tát Ma-ha-tát có thể thành tựu mà không bị các Ma rình lấy cơ hội. Thế nào là hai? Đó là có thể hành như đã thuyết, chư Phật xưng tán; chính là hai pháp.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba la mật như thế,có các Thiên tử thường đến chỗ họ, chiêm lễ, cung kính, nói rằng: “Thiện nam tử, ông sớm tu hành Bát nhã Ba la mật này, sớm chứng Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Vì sao? Thiện nam tử, ông tu hành Bát nhã Ba la mật này, có thể làm chỗ nương tựa cho chúng sinh không có chỗ nương tựa,cứu độ chúng sinh không được cứu độ, làm chỗ quay về cho chúng sinh không có chỗ quay về, làm nhà ở cho chúng sinh không có nhà ở, làmhướng đi cho chúng sinh không có hướng đí, làm đất liền cho chúng sinh không có đất liền, chỉ bày đạo cứu cánh cho kẻ không biết đạo cứu cánh, chỉ bày Chính đạo cho kẻ không biết Chính đạo, làm ánh sáng cho kẻ nơi tối tăm.” Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba la mật thành tựu công đức như thế.192

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba la mật này, chư PhậtThế Tôn hiện ở mười phương vô lượng a-tăng-kỳ thế giới lúc thuyết pháp cho đại chúng Thanh Văn, Bồ-tát vây quanh kia, thường có xưng tán công đức mà Bồ-tát này có được, cùng danh tự, dòng họ, sắc tướng, oai lực củangười đó. Tu-bồ-đề, như ta lúc này tập hội, thuyết pháp, thường xưng tán công đức, danh tự, dòng họ, sắc tướng, oai lực của Bồ-tát Bảo Tràng trongnước Phật A-súc, và các Bồ-tát tu phạm hạnh khác trong nước đó. Tu-bồ-đề, trong các nước Phật cũng như thế. Lúc các vị Phật đó tập hội, thuyết pháp, cũng thường xưng tán công đức, danh tự, dòng họ, sắc tướng, oai lực của người tu hành Bát nhã Ba la mật và các Bồ-tát tu phạm hạnh khác trong nước ta.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, chư Phật Thế Tôn khi thuyết pháp, đều xưngtán công đức, danh tự, dòng họ, sắc tướng, oai lực của các Bồ-tát Ma-ha-tátsao?

Phật nói: Không, Tu-bồ-đề. Chư Phật Thế Tôn khi thuyết pháp, đối với các Bồ-tát Ma-ha-tát, có xưng tán, có không xưng tán.

Tu-bồ-đề hỏi: Bồ-tát nào được xưng tán?

Phật nói: Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát có trú bất thoái chuyển, thường được chư Phật Thế Tôn xưng tán.

Tu-bồ-đề hỏi: Nếu chưa trú bất thoái chuyển có được chư Phật Thế Tôn xưng tán không?

Phật nói: Tu-bồ-đề, có Bồ-tát Ma-ha-tát, tuy chưa an trú địa vịkhông thoáichuyển, chư Phật Thế Tôn cũng thường xưng tán. Vì sao lại thế? Tức Bồ-tát Ma-ha-tát, nếu học pháp hành đạo của Như Lai A-súc khi còn là Bồ-tát, thì Bồ-tát này tuy chưa an trú địa vị không thoái chuyển nhưng cũng thường được chư Phật xưng tán.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát học pháp hành đạo của Bồ-tát BảoTràng, thì Bồ-tát này, tuy chưa an trú địa vị không thoái chuyển, cũng thường được chư Phật xưng tán.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba la mật, tin hiểutất cả các pháp không sinh, nhưng chưa thể chứng được Vô sinh pháp nhẫn,lại tin hiểu tất cả các pháp tịch tĩnh, nhưng trong địa vị không thoái chuyển chưa thể tự tại được tất cả các pháp tịch tĩnh, thì Bồ-tát này cũng thường được chư Phật xưng tán.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát được chư Phật Thế Tôn cùng xưng tán, tất sẽ an trú địa vịkhông thoái chuyển, xa rời tâm Thanh Văn, Duyên Giác, nhất định được thụ ký Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Vì sao Bồ-tát Ma-ha-tát được chư Phật kia cùng xưng tán? Vì Bồ-tát Ma-ha-tát có thể hành Bát nhã Ba la mật này.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa này, không nghi, không hối, không thắc mắc, không mất, Bồ-tát Ma-ha-tát này sẽ ở chỗ A-súc Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác, và chỗ các Bồ-tát trong nước đó, cũng được nghe pháp môn Bát nhã Ba la mật này. Ngherồi tin hiểu, được tin hiểu rồi, được không thoái chuyển. Tu-bồ-đề, nếu cóngười nghe pháp môn này mà sinh tin hiểu còn được công đức như thế, huống là nếu có thể theo sự tin hiểu, an trú như lý, hành như lý, trú ở Như Như, trú Nhất thiết trí.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, rời Như không có pháp có thể chứng đắc, sẽ lấy pháp nào để trú trong Như, sẽ lấy pháp nào được Vô thượng Chính đẳngChính giác, sẽ lấy pháp gì để thuyết giảng?

Phật nói: Tu-bồ-đề, như ông nói, rời Như không có pháp để chứng đắc, sẽ lấy pháp nào để trú trong Như, sẽ lấy pháp nào được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, sẽ lấy pháp nào để thuyết giảng. Đúng thế, đúng thế. Tu-bồ-đề, rời Như không có pháp có thể chứng đắc, trú ở trong Như, Như còn khôngthể có được huống là có trú ở Như. Trong Như còn không có Vô thượng Chính đẳng Chính giác, huống là có chứng. Vì thế, không có cái được chứng,không có người chứng, không có pháp để chứng. Trong Như còn không cópháp để được, huống là có pháp để thuyết giảng.

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích bạch Phật: Thế Tôn, Bát nhã Ba la mật tối thượng, sâu xa. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát vì muốn thành tựu Vô thượng Chính đẳng Chính giác, nếu nghe thuyết không có pháp có thể trú, không có pháp có thể chứng, không có pháp có thể thuyết như thế, mà ở trong đó, không nghi, không hối, không thắc mắc, không mất, nên biết việc làm của Bồ-tát Ma-ha-tát này rất khó.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề liền bảo Thiên chủ Đế Thích: Kiều-thi- ca, như ôngnói, Bồ-tát Ma-ha-tát nếu nghe pháp sâu xa này, không nghi, không hối, không thắc mắc, không mất, thì rất khó. Kiều-thi- ca, trong tất cả các pháp Không, có pháp nào có thể nghi, hối, thắc mắc, bị mất không?

Thiên chủ Đế Thích bạch Tôn giả Tu-bồ-đề: Những gì Tôn giả vui nói đều doở Không, mà ở trong đó cũng không có ngăn ngại. Ví như mũi tên, bắn lênhư không, không bị ngăn ngại. Điều Tôn giả nói không có ngăn ngại cũng như thế.

Thiên chủ Đế Thích nói vậy rồi, liền bạch Phật: Thế Tôn, có phải điều connói là theo điều Như Lai nói, là theo pháp mà trả lời?

Phật bảo Thiên chủ Đế Thích: Kiều-thi- ca, đúng thế, đúng thế. Điều ông nóilà theo điều Như Lai nói, gọi là nói đúng; theo pháp mà trả lời, gọi là đápđúng. Kiều-thi- ca, Tu-bồ-đề kia có điều vui nói đều do ở Không, mà Bát nhã Ba la mật còn không thể có được, huống là có hành Bát nhã Ba la mật. Vôthượng Chính đẳng Chính giác còn không thể có được, huống là có chứng Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Nhất thiết trí còn không thể có được, huống là có chứng Nhất thiết trí. Chân như còn không thể có được, huống là có trúChân như. Pháp Vô sinh còn không thể có được, huống là có chứng Vô sinh. Bồ-tát còn không thể có được, huống gì có cầu Bồ-đề. Mười Lực còn không thể có được, huống là có đủ Lực này. Bốn Vô sở úy còn không thể có được, huống là có thành tựu Vô sở úy. Pháp còn không thể có được, huống là có thuyết pháp.

Kiều-thi- ca, Tu-bồ-đề kia thích hành tất cả các pháp viễn ly như thế, hành tất cả các pháp mà không có hành được chứng đắc. Tu-bồ-đề hành hạnh như thế, so với các Bồ-tát Ma-ha-tát hành hạnh Bát nhã Ba la mật, trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một, trăm ngàn phần không bằng một, câu-chi phần không bằng một, trăm ngàn câu-chi phần không bằng một, trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa phần không bằng một, toán phần, số phần, và thí dụ phần, cho đến ô-ba-ni-sát-đàm phần đều không bằng một.

Kiều-thi- ca, chỉ trừ sở hành của Như Lai, còn các Bồ-tát Ma-ha-tát khác hành hạnh Bát nhã Ba la mật này, trong tất cả các hành, là tối thượng, tối đại, tối thắng, tối diệu, vô thượng trong vô thượng, vô đẳng, vô đẳng đẳng, chẳng phải tất cả Thanh Văn, Duyên Giác có thể sánh bằng. Vì thế, Kiều-thi- ca. Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân muốn ở trong tất cả chúng sinh là tối thượng, tối đại, tối thắng, tối diệu, vô thượng trong vô thượng, vô đẳng, vô đẳng đẳng, thì nên học Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba la mật này.

Phẩm 28: Nhân Duyên Rải Hoa
Phần 1

Bấy giờ, lại có các chúng Thiên tử trời Tam Thập Tam đều cầm hoa mạn-đà-la, hoa ma-ha mạn-đà-la, đến chỗ Phật mà rắc hoa đó. Tức thời, trong hộicó sáu vạn Tỳ-khưu đều từ chỗ ngồi đứng dậy, trần vai bên phải, gối phải sát đất, chấp tay cung kính, đứng trước Phật.

Bấy giờ, các Tỳ-khưu nhờ sức oai thần của Phật, trong tay mỗi người tự nhiên tràn đầy hoa mạn-đà-la, hoa ma-ha mạn-đà-la, liền lấy hoa này rắc lên Phật. Rải hoa lên Phật rồi, cùng nói rằng: "Thế Tôn, chúng con đều tu Bát nhã Ba la mật này, đều hành thắng hành vô thượng như thế."

Bấy giờ, Thế Tôn liền phóng ánh sáng lớn từ cửa miệng; đó là ánh sáng đủloại màu sắc, xanh, vàng, đỏ, trắng v.v... chiếu khắp vô lượng vô biên nước Phật cho đến Phạm giới, chiếu sáng khắp nơi rồi, ánh sáng đó trở lại nhiễu quanh Phật ba vòng, rồi nhập vào đỉnh đầu Thế Tôn.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trần vai bên phải, gối phảisát đất, chấp tay hướng Phật, nói rằng: Nhân nào, duyên nào mà phóng ánh sáng đó? Nếu không có nhân duyên, Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác không phóng ánh sáng.

Phật bảo Tôn giả A-nan: Ông nay nên biết, sáu vạn Tỳ-khưu này, ở đời vị lai,trong kiếp Tinh Tú, đều được thành Phật, cùng gọi là Tán Hoa Như Lai Ứngcúng Chính đẳng Chính giác, xuất

hiện ở đời. Các Như Lai này có thọ mạng hai vạn kiếp số, thảy đều như nhau. Chính pháp trú ở đời cũng hai vạn kiếp. Chúng Thanh Văn có ở các Phật hội này, số lượng cũng tương đương. A-nannên biết, sáu vạn Tỷ-khưu này, từ này về sau, đời đời sinh ra, xuất gia tuđạo ở trong Phật pháp, đi đến các nơi, thành vua, xóm làng, đều lấy Chính pháp, vì người diễn nói. Ở nơi thuyết pháp, các thế giới đó thường mưa đủ loại diệu hoa năm màu để cúng dường. Các Tỷ-khưu này ở chỗ nào cũng làm lợi ích lớn, cho đến cuối cùng được thành Chính giác. Vì thế, A-nan, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ưa muốn hành hạnh tối thượng đó, nên hành Bát nhã Ba la mật này.

Lại nữa, A-nan. Nếu là người có thể hành Bát nhã Ba la mật này, nên biếtđều từ cõi người mà chết, hoặc từ trời Tri Túc mà chết, rồi sau đó mới đếnsinh chỗ này. Vì sao? Vì cõi người và trời Tri Túc dễ tu hành Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, A-nan. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba la mật này, nên biếtBồ-tát Ma-ha-tát này thường được chư Phật cùng quán sát. Lại nữa, A-nan. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát, đối với pháp môn Bát nhã Ba la mật này, thụ trì, đọc, tụng, ghi nhớ, tư duy cho đến biên chép xong, lại vì người khác như lý chỉ bày, như thật truyền dạy, theo lợi ích đó mà vui mừng như lý. Hành như thế, nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát này đã trồng sâu thiện căn ở chỗ Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác, chẳng phải trồng thiện căn ở chỗ Thanh Văn, Duyên Giác. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật là thiện căn thù thắng.

Lại nữa, A-nan. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát, đối với pháp môn Bát nhã Ba la mật này, thụ trì, đọc, tụng, ghi nhớ, suy nghĩ, vì người tuyên thuyết, cho đến biên chép, Bồ-tát Ma-ha-tát này thường được gần gũi chư Phật hiện tại, nghe nhận Chính pháp.

Lại nữa, A-nan. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát nghe pháp môn Bát nhã Ba la mậtnày, ở trong đó, không trái, không nghịch, không bỏ, không chê; nên biếtBồ-tát Ma-ha-tát này, ở chỗ Phật trước đây, đã trồng thiện căn. Vì sao? Vì Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba la mật này mà có thể thành tựu Vôthượng Chính đẳng Chính giác.

Vì thế, A-nan, ta nay ở trong tất cả thế gian, trời, người, A-tu-la v.v... đemChính pháp Bát nhã Ba la mật này, giao phó cho ông. Ông nên đối với Chính pháp Bát nhã Ba la mật này, ghi nhớ, thụ trì, tuyên thông, lưu bố, khiến trú lâu dài, mà không đoạn diệt.

A-nan, trong tất cả các pháp ta đã thuyết, chỉ trừ Bát nhã Ba la mật làkhông thể quên mất. Nếu khi có người thụ trì pháp môn này, cho đến mộtchữ, một câu mà bị sai lạc, quên mất, thì tội đó rất nặng. Người này khônglàm tâm ta sinh vui. Nếu đối với các pháp khác có bị quên mất thì tội ngườiđó còn nhẹ. Vì sao? Bát nhã Ba la mật vi diệu, sâu xa; nếu người đối vớipháp môn này không sinh tôn trọng, cung kính, không thể chiêm lễ, cúngdường, nên biết người này đối với chư Phật Thế Tôn quá khứ, hiện tại, vị lai,không sinh tôn trọng, cung kính, không thể chiêm lễ, cúng dường, người này không làm tâm ta sinh vui. Vì sao? Bát nhã Ba la mật tức là mẹ của chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai, sinh ra chư Phật và Nhất thiết trí.

Vì thế A-nan,ta nay đem Chính pháp Bát nhã Ba la mật này, giao phó choông. Nếu khi Chính pháp này sắp đoạn diệt, ông nên thụ trì, truyền bá rộng rãi khiến không đoạn diệt. Lại nữa, ông ở pháp này có được văn, tự,chương, cú, ghi nhớ rõ ràng, khiến không sai lầm, tác ý như lý, suy nghĩ, tutập, rộng vì người khác giải thích nghĩa đó, khuyến khích khiến thụ trì, đọc,tụng, biên chép. Vì sao? Bát nhã Ba la mật này tức là Pháp thân của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại.

Lại nữa, A-nan. Nếu có người đối với ta sinh tâm hoan hỷ, tôn trọng, cungkính, chiêm lễ, cúng dường, thì người này hãy đem tâm này, đối với phápmôn Bát nhã Ba la mật, tôn trọng, cung kính, chiêm lễ, cúng dường, tức cũng bằng cúng dường ta, cũng bằng cúng dường chư Phật quá khứ, hiệntại, vị lai.

Lại nữa, A-nan. Nếu người, đối với ta, ưa thích không bỏ, nên đối với Bát nhã Ba la mật, ưa thích không bỏ, ghi nhớ, thụ trì, tuyên thông, lưu bố, khiến không đoạn diệt. A-nan, ta nay vì nhân duyên chúc lụy này, phó chúc cho ông, chỉ nói sơ lược, muốn nói đầy đủ, dù một kiếp, hoặc hơn một kiếp, cho đến trăm ngàn câu-chi kiếp số cũng không thể nói hết.

Lại nữa, A-nan. Có chư Phật Thế Tôn quá khứ, hiện tại, vị lai, ở trong tất cả các chúng trời, người, A-tu-la ở thế gian, mà làm Đại sư. Bát nhã Ba la mật cũng như thế, ở trong tất cả các chúng trời, người, A-tu-la ở thế gian, mà làm Đại sư. Vì sao? Bát nhã Ba la mật này có nhân duyên lớn, có thể vì tất cả trời, người, A-tu-la ở thế gian, làm lợi ích lớn.

Lại nữa, A-nan. Nếu người không lìa pháp môn Bát nhã Ba la mật này, cóthể ở nơi pháp này thụ trì, đọc, tụng, ghi nhớ, suy nghĩ, vì người tuyên thuyết, cho đến biên chép; đó chính là hành sự giáo hóa của ta. Người này tức không lìa Phật, không lìa Pháp, không lìa Tăng, có thể hộ trợ Vô thượng Chính đẳng Chính giác của chư Phật Thế Tôn ở quá khứ, hiện tại, vị lai. Vìsao? Vì Vô thượng Chính đẳng Chính giác của chư Phật đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra. A-nan, như Vô thượng Chính đẳng Chính giác của chư Phật Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác quá khứ đều từ Bát nhã Ba la mậtnày sinh ra; như Vô thượng Chính đẳng Chính giác của chư Phật Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác vị lai cũng từ Bát nhã Ba la mật này sinh ra; cho đến hiện tại Vô thượng Chính đẳng Chính giác của Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác hiện trú thuyết pháp ở mười phương vô lượng a-tăng-kỳ thế giới cũng từ Bát nhã Ba la mật này sinh ra. Vì thế, A-nan, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát muốn được Vô thượng Chính đẳng Chính giác nên khéo học các Ba-la-mật; học các Ba-la-mật này tức học Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Bát nhã Ba la mật có thể sinh ra các Ba-la-mật.

Lại nữa, Bát nhã Ba la mật này là mẹ của các Bồ-tát, có thể sinh ra các Bồ-tát. Các Ba-la-mật cũng có khả năng sinh ra Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Vì sao? Các Ba-la-mật đều đến từ trong Bát nhã Ba la mật. Do các Ba-la-mật được sinh bởi Bát nhã Ba la mật này cũng có thể hỗ trợ Vô thượng Chính đẳng Chính giác, vì thế các Bồ-tát Ma-ha-tát muốn được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, nên khéo học các Ba-la-mật.

Lại nữa, A-nan. Ông nên lắng nghe. Ta nay đem Chính pháp Bát nhã Ba la mật này, lần thứ hai, lần thứ ba, giao phó cho ông. Ông nên ghi nhớ, thụ trì, cẩn thận đừng quên mất. Pháp này, nếu khi sắp diệt, ông có thể hộ trợ,t uyên thông, lưu bố, đừng để đoạn diệt.

A-nan, Bát nhã Ba la mật này là kho Pháp vô tận của chư Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác. Vì sao? Có chư Phật Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác quá khứ, rộng vì tất cả chúng sinh, thuyết Pháp tạng vô tận Bát nhã Ba la mật này, khiến các chúng sinh đều được Vô thượng Chính đẳng Chính giác; chư Phật Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác vị lai cũng vì tất cả chúng sinh thuyết Pháp tạng vô tận Bát nhã Ba la mật này, khiến các chúng sinh đều được Vô thượng Chính đẳng Chính giác; cho đến hiện tại chư Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác hiện trú thuyết pháp ở mười phương vô lượng a-tăng-kỳ thế giới cũng vì tất cả chúng

sinh thuyết Pháp tạng vô tận Bát nhã Ba la mật này, khiến các chúng sinh đều được Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Lại nữa, A-nan. Nếu người Thanh Văn thừa đem pháp Thanh Văn, rộng vì tấtcả chúng sinh ở ba ngàn Đại thiên thế giới, tuyên thuyết như thế đều khiến chứng đắc quả A-la-hán, là lợi, chẳng phải hư dối; A-nan, ý ông thế nào? Công đức bố thí, trì giới, tu định của các A-la-hán kia có nhiều không?

A-nan bạch Phật: Rất nhiều, Thế Tôn. Rất nhiều, Thiện Thệ.

Phật bảo A-nan: Phúc đó tuy nhiều, không bằng Bồ-tát đem một pháp tương ưng trong Bát nhã Ba la mật này, rộng vì chúng sinh, như lý tuyên thuyết,thì Bồ-tát Ma-ha-tát này được phúc rất nhiều. Lại nữa, Bồ-tát Ma-ha-tát, đối với pháp môn Bát nhã Ba la mật này, có thể trong một ngày, vì các Bồ-tát Ma-ha-tát khác, như lý tuyên thuyết, được phúc gấp bội. A-nan, ngoài một ngày ra, nếu có thể từ sáng cho đến lúc ăn, lại ngoài từ sáng cho đến lúc ăn ra, nếu có thể trong 1 khắc đồng hồ, ngoài 1 khắc đồng hồ ra, nếu có thể 1 tu-du, ngoài 1 tu-du ra, nếu có thể 1 la-phược, ngoài 1 la-phược ra, nếu có thể 1 sát-na, trong 1 sát-na như thế, đem pháp môn Bát nhã Ba la mật này, vì các Bồ-tát Ma-ha-tát khác, như lý tuyên thuyết, nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát này, được phúc cũng gấp bội. A-nan, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát có thể bố thí pháp cho chúng sinh như thế, không thể lấy phúc đức thiện căn của Thanh Văn, Duyên Giác mà sánh bằng. Vì sao? Bồ-tát Ma-ha-tát này không thoái chuyển đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Quyển XXIII

Phẩm 28: Nhân Duyên Rải Hoa
Phần 2

Bấy giờ, Thế Tôn lúc thuyết Chính pháp Bát nhã Ba la mật này, ở trong hộilớn, hiện tướng thần thông. Chúng hội Bồ-tát Ma-ha-tát, Bí-sô, Bí-sô-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-dà, người và phi nhân này, nhờ sức oai thần của Phật,bỗng nhiên được thấy Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác A-súc ở trong hội này, giống như biển lớn sâu chắc, không động, có vô lượng vô số đầy đủ các loại công đức không thể nghĩ bàn. Bồ-tát Ma-ha-tát và A-la-háncác lậu đã hết, không còn phiền não, tâm khéo giải thoát, tuệ khéo giải thoát, giống như việc đã làm xong của Đại Long Vương, bỏ các gánh nặng, khéo được lợi mình, hết các trói buộc, Chính trí vô ngại, tâm được tự tại, tấtcả công đức đều đầy đủ, các Đại Thanh Văn; lại có vô lượng vô số Bí-sô, Bí-sô-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và các tám bộ Thiên Long. Các chúng như thế cùng nhau đi quanh, cho tới các tướng trang nghiêm của nước Phật A-súcđều được thấy hết. Các chúng hội này, tuy đối với tướng như thế, khởi tâm hiếm có, chỉ thích nhìn ngắm mà đều không biết từ nơi nào đến.

Lúc đó Thế Tôn thu lại thần lực. Các chúng hội này bỗng nhiên không thấy Như Lai A-súc và các tướng đó.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan: Các đại chúng này đều không thấy lại Như Lai A-súc và các tướng, nên biết tất cả các pháp cũng như thế, không đối lại vớimắt, pháp không thể đối lại với

pháp, pháp không thể thấy pháp. Vì vậy, không từ đâu đến cũng không đi đâu. Vì sao? A-nan, tất cả các pháp khôngcó biết, không có thấy, không có tạo, không có làm. Vì sao? Vì tất cả cácpháp như hư không, không phân biệt, nên tất cả các pháp sâu xa, không thể nghĩ bàn. Ví như người huyễn không nhận các pháp, vì không chắc thực, tấtcả các pháp không có thụ nhận cũng như thế. A-nan, các Bồ-tát Ma-ha-tát, nếu hành như thế, là hành Bát nhã Ba la mật, ở trong đó cũng không có pháp để nắm bắt. Nếu học như thế là học Bát nhã Ba la mật. Người học như thế có thể đến bờ kia của các việc học.

Lại nữa, A-nan. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát muốn được Vô thượng Chính đẳngChính giác, nên học Bát nhã Ba la mật này. Vì sao? Vì học Bát nhã Ba la mật này là tối thượng, tối đại, tối thắng, tối diệu trong các việc học, là vô thượng trong vô thượng, là vô đẳng, vô đẳng đẳng, mà có thể làm lợi ích, an lạc tất cả thế gian, làm chỗ nương tựa cho người không có nương tựa. Người học như thế được chư Phật thừa nhận, được chư Phật khen ngợi. A-nan, chư Phật Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác đã học Pháp này, có thể lấy ngón chân ấn vào đất, làm chấn động ba ngàn Đại thiên thế giới, cho tới đặt chân, cất bước đều có thể hiện các tướng thần thông. Vì sao? Vì chư Phật đầy đủ vô lượng vô số công đức thù thắng.

Lại nữa, A-nan. Vì chư Phật học Bát nhã Ba la mật này, nên trong tất cả các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại đều được thấy biết không ngại. Vì thế, A-nan,ta nói học Bát nhã Ba la mật là tối thượng, tối đại, tối thắng, tối diệu, là vô thượng trong vô thượng, là vô đẳng, vô đẳng đẳng. A-nan nên biết Bát nhã Ba la mật là vô lượng, vô tận, không có giới hạn. Nếu có người muốn đolường Bát nhã Ba la mật tức là đo lường hư không. Vì sao? Vì hư không vô lượng nên Bát nhã Ba la mật vô lượng; hư không vô tận nên Bát nhã Ba la mật vô tận; hư không không giới hạn nên Bát nhã Ba la mật không giới hạn . A-nan, ta không nói Bát nhã Ba la mật có hạn lượng. Vì sao? Nếu danh, cú, văn là pháp có hạn lượng thì Bát nhã Ba la mật không phải danh,cú, văn, nên không có hạn lượng.

A-nan bạch Phật: Thế Tôn, vì nhân duyên gì Phật nói Bát nhã Ba la mật là vô lượng?

Phật bảo A-nan: Vì Bát nhã Ba la mật vô tận nên vô lượng, vì Bát nhã Ba la mật là ly nên vô lượng. Vì vô tận, vì ly nên pháp này không thể có được; trong cái không thể có được làm sao có hạn lượng. Vì vậy, ta nói Bát nhã Ba la mật là vô lượng. A-nan, chư Phật Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác quá khứ đều sinh ra từ Bát nhã Ba la mật; Bát nhã Ba la mật này vôtận. Chư Phật Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác đều sinh ra từ Bát nhã Ba la mật; Bát nhã Ba la mật này cũng vô tận. Đến nay chư Phật Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác hiện trú thuyết pháp ở mười phương vôlượng a-tăng-kỳ thế giới đều sinh ra từ Bát nhã Ba la mật; Bát nhã Ba la mật này cũng vô tận. A-nan, ta cũng từ Bát nhã Ba la mật sinh ra; Bát nhã Ba la mật này cũng vô tận. Vì nhân duyên này, Bát nhã Ba la mật đã vô tận,sẽ vô tận, đang vô tận. Vì sao? Nếu hư không có thể tận, tức Bát nhã Ba la mật có thể tận. Vì thế, A-nan, Bát nhã Ba la mật vô tận.

Bấy giờ Tôn giả Tu-bồ-đề nghĩ: Như Phật thuyết, nghĩa này sâu xa ta nênhỏi Phật. Nghĩ như vậy rồi, liền bạch Phật: Thế Tôn, Bát nhã Ba la mật là vô tận sao?

Phật nói: Tu-bồ-đề, Bát nhã Ba la mật là vô tận. Vì sao? Tất cả các pháp không sinh, vì như hư không nên vô tận.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, nếu tất cả các pháp không sinh, Bát nhã Ba la mật làm sao sinh?

Phật nói: Tu-bồ-đề, vì sắc vô tận nên Bát nhã Ba la mật sinh như thế; thụ, tưởng, hành, thức vô tận nên Bát nhã Ba la mật sinh ra như thế. Tu-bồ-đề,nếu Bồ-tát Ma-ha-tát biết rõ như vậy, tức Bát nhã Ba la mật sinh như thế.Lại nữa, Bồ-tát Ma-ha-tát nên quán vì vô minh vô tận nên Bát nhã Ba la mật sinh như thế. Như thế, vì hành vô tận, thức vô tận, danh sắc vô tận, sáu xứ vô tận, xúc vô tận, thụ vô tận, ái vô tận, thủ vô tận, hữu vô tận, sinh vô tận,lão, tử, ưu, bi, khổ não v.v... là vô tận nên Bát nhã Ba la mật sinh như thế.Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát dùng pháp vô tận như thế mà quán các duyên sinh, là hành Bát nhã Ba la mật, tức không trú ở các địa vị ThanhVăn, Duyên Giác, tất chứng Vô thượng Chính đẳng Chính giác, an trú Nhất thiết trí. Khi Bồ-tát ngồi ở đạo tràng, nên quán pháp duyên sinh như thế. Quán như thế rồi, không rơi vào Nhị biên, không trú Trung đạo, chính là pháp bất cọng của Bồ-tát. Quán như thế được Nhất thiết trí trí.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát, đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác, còn thoái chuyển, Bồ-tát Ma-ha-tát này tức không thể thành tựu phương tiện thiện xảo như thế, cũng không thể biết. Thế nào là Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba la mật? Pháp vô tận này sinh Bát nhã Ba la mật làthế nào? Thế nào là pháp vô tận quán các duyên sinh? Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát không thoái chuyển đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác, tức có thể thành tựu phương tiện thiện xảo như thế, cũng có thể biết rõ. Bồ-tát Ma-ha-tát hành như thế là hành Bát nhã Ba la mật, dùng pháp vô tận như thế sinh Bát nhã Ba la mật, dùng pháp vô tận như thế quán các duyên sinh.

Tu-bồ-đề, lúc Bồ-tát Ma-ha-tát có thể quán các duyên sinh như thế, tứckhông thấy có pháp không phải nhân duyên sinh, cũng không thấy có phápl à thường, là cứu cánh, là chắc thực, cũng không thấy pháp có làm, có nhận.Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát, lúc hành Bát nhã Ba la mật như thế, nghĩ phápvô tận như lý sinh ra Bát nhã Ba la mật. Lúc lấy pháp vô tận quán các duyênsinh như thế, tức không thấy sắc, không thấy thụ, tưởng, hành, thức, cũngkhông thấy vô minh, hành, thức, danh sắc, sáu xứ, xúc, thụ, ái, thủ, hữu,sinh, lão, tử, ưu, bi, khổ, não v.v... không thấy nước Phật này, cũng khôngthấy nước Phật kia, không thấy có pháp là nước Phật này, cũng không thấycó pháp là nước Phật kia. Tu-bồ-đề, nếu lúc Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhãBa-la-mật như thế, thì tâm của Ma rất sợ hãi, ưu sầu, khổ não. Tu-bồ-đề, vínhư người có cha mẹ chết, đau đớn, ưu sầu, khổ não vô cùng, tâm của Ma bị khổ cũng như thế.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, có nhiều ác ma bị khổ não sao?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Lúc Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba la mật như thế,tất cả ác ma ở ba ngàn Đại thiên thế giới, tâm đều sinh buồn đau, khổ não,đều không thể ngồi yên ở chỗ mình. Vì sao? Vì Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba la mật này, tất cả thế gian, trời, người, A-tu-la v.v... không thể làmđộng, tất cả ác ma không rình lấy cơ hội được. Vì thế, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát muốn được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, nên hành Bát nhã Ba la mật này. Vì Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba la mật này, tức có thể viên mãn Bố thí Ba-la-mật, Trì giới Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, Tinh tiến Ba-la-mật, Thiền định Ba-la-mật. Viên mãn các Ba-la-mật như thế rồi, tức có thểviên mãn tất cả các thiện pháp, đầy đủ tất cả nguyện lực phương tiện.

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát nếu muốn bao hàm các phương tiện thiện xảo, nên hành Bát nhã Ba la mật này. Lại nữa, nên nhớ pháp vô tận như lý sinh ra Bát nhã Ba la mật. Lúc Bồ-tát Ma-ha-tát hành như thế, nghĩ như thế, nên sinh tâm thế này: "Có chư Phật Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác hiện trú thuyết pháp ở mười phương vô lượng a-tăng-kỳ thế giới, cùng Nhất thiết trí của chư Phật đều từ Bát nhã Ba la mật này sinh; như pháp được chư Phật đạt được, ta cũng nên đạt được." Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát lúc hành Bát nhã Ba la mật, trong khoảng một cái búng tay có thể sinh tâm như thế, thì hơn các Bồ-tát Ma-ha-tát khác có công đức bố thí trong Hằng hà sa số kiếp. Nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát này đã được an trú địa vị bất thoái chuyển, được chư Phật hộ niệm. Tu-bồ-đề, nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát, trong khoảng một cái búng tay có thể sinh tâm như thế, có đủ tất cả công đức như thế.

Lại nữa, Bồ-tát Ma-ha-tát, ở trong một ngày hoặc hơn một ngày, có thể sinh tâm như thế, nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát này được chư Phật hộ niệm, đời đời được sinh vào các nước Phật, đủ các công đức, chư Phật khen ngợi, ở tất cả các nơi đều làm lợi ích lớn cho chúng sinh. Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát, lúc hành Bát nhã Ba la mật, có thể sinh tâm như thế, lại nhớ pháp vô tận như lý sinh ra Bát nhã Ba la mật; ví như Bồ-tát Hương Tượng ở chỗ A-súc Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác hành Bát nhã Ba la mật và tu Phạm hạnh,các Bồ-tát của ta cũng như thế.

Phẩm 29: Do Đó Mà Biết

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát nên biết tướng của Bát nhã Ba la mật.Đó là, tất cả các pháp không ngại, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế;tất cả các pháp không phân biệt, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế;tất cả các pháp không hoại, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; tất cảcác pháp không có tướng tạo tác, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế;tất cả các pháp vô ngã, vô biểu, được biết rõ bởi tuệ, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; tất cả các pháp chỉ có giả danh, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; tất cả các pháp được phân biệt bởi ngôn ngữ, mà ngôn ngữ này không có, không thể có được, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng nhưthế; tất cả các pháp vô thuyết, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế;sắc là vô lượng, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; thụ, tưởng, hành,thức là vô lượng, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; tất cả các pháplà vô lượng, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; tất cả các pháp vôtướng, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; tất cả các pháp là tướngthông đạt, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; tất cả các pháp tự tínhthanh tịnh, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; tất cả các pháp là tịchmặc, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; tất cả các pháp không diệt,cũng không đoạn, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; tất cả các pháp được Niết-bàn, cũng như Chân như, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; tất cả các pháp không đến, không đi, không sinh, không được sinh, cứu cánh sinh không thể được, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; tất cảcác pháp không tự tướng, không tha tướng, nên biết Bát nhã Ba la mậtcũng như thế; tất cả hiền thánh tự tính thanh tịnh, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; tất cả các pháp xả các thệ nguyện, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; tất cả các pháp không phương, không xứ, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế. Vì sao? Sắc không phương, không xứ, tựtính thanh tịnh, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; thụ, tưởng, hành,thức

không phương, không xứ, tự tính thanh tịnh, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; tất cả các pháp, tính hỷ, lạc, nên biết Bát nhã Ba la mậtcũng như thế; tất cả các pháp không nhiễm, không ly nhiễm, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; tất cả các pháp không phải ái, không phải ly ái,nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; sắc không phải trần, không phải lytrần, tự tính thanh tịnh, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; thụ,tưởng, hành thức không phải trần, không phải ly trần, tự tính thanh tịnh,nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; tất cả các pháp không trói buộc,nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; tất cả các pháp của Bồ-tát đượcPhật biết rõ, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; tất cả các pháp làKhông, Vô tướng, Vô nguyện, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; tấtcả các pháp là thuốc rất tốt, tâm từ làm đầu, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; tất cả các pháp trú ở hành từ, bi, hỷ, xả, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; tất cả các pháp trú tịnh hành, lìa mọi sai lầm, nên biếtBát nhã Ba la mật cũng như thế; biển lớn vô biên, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; núi Tu-di trang nghiêm, nên biết Bát nhã Ba la mật cũngnhư thế; sắc là vô biên, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; thụ,tưởng, hành, thức là vô biên, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; ánhsáng mặt trời chiếu rọi vô biên, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; tất cả âm thanh là vô biên, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; hợp tất cả Phật pháp là vô biên, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; phúctrí sinh của tất cả các giới chúng sinh là vô biên, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; địa giới vô biên, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế;thuỷ giới, hoả giới, phong giới, không giới, thức giới là vô biên, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; pháp thiện, bất thiện là vô biên, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; tất cả các Pháp tạng của Phật là vô biên, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; tất cả các pháp là vô biên, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; tính Không là vô biên, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; tâm pháp, tâm sở pháp là vô biên, nên biết Bát-nhãBa-la-mật cũng như thế. Tâm hành, tâm sở hành vô biên, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; tập hợp tất cả các pháp là vô lượng, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; tất cả các pháp tam-muội là vô lượng, không thể có được, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; pháp thiện, bất thiệnl à vô lượng, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; tất cả các pháp nhưtiếng rống của Sư tử, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế; tất cả các pháp không thể hoại, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng như thế.

Vì sao? Sắc như biển lớn; thụ, tưởng, hành, thức như biển lớn. Sắc, như núiTu-di, trang nghiêm; thụ, tưởng, hành, thức, như núi Tu-di, trang nghiêm.Sắc, như ánh sáng mặt trời soi chiếu, là vô biên; thụ, tưởng, hành, thức,như ánh sáng mặt trời soi chiếu, là vô biên. Sắc, như tất cả âm thanh, là vôbiên; thụ, tưởng, hành, thức, như tất cả âm thanh, là vô biên. Sắc, như tậphợp tất cả Phật pháp, là vô biên; thụ, tưởng, hành, thức, như tập hợp tất cảPhật pháp, là vô biên. Sắc, như giới chúng sinh, là vô biên; thụ, tưởng,hành, thức, như giới chúng sinh, là vô biên. Sắc, như địa giới, là vô biên;thụ, tưởng, hành, thức, như địa giới, là vô biên. Sắc, như thuỷ giới, hoả giới,phong giới, không giới, thức giới là vô biên; thụ, tưởng, hành, thức, nhưthuỷ giới, hoả giới, phong giới, không giới, thức giới, là vô biên. Sắc lìa tướng tập hợp thiện; thụ, tưởng, hành, thức lìa tướng tập hợp thiện. Sắc lìa ướng hoà hợp; thụ, tưởng, hành, thức lìa tướng hoà hợp. Sắc, như tất cả các pháp tam-muội, là vô biên; thụ, tưởng, hành, thức, như tất cả các pháptam-muội, là vô biên. Sắc của sắc lìa tự tính sắc; chân như của sắc chính là Phật pháp. Thụ, tưởng, hành, thức lìa

tự tính thức; chân như của thức chínhlà Phật pháp. Tướng của sắc là vô biên; tướng của thụ, tưởng, hành, thức là vô biên. Không của sắc là vô biên; Không của thụ, tưởng, hành, thức là vôbiên. Sắc đối với tâm, tâm sở pháp, là vô biên; thụ, tưởng, hành, thức đối với tâm, tâm sở pháp là vô biên. Sắc đối với tâm hành không sinh; thụ, tưởng, hành, thức đối với tâm hành không sinh. Sắc, ở trong pháp thiện, bất thiện, là không thể có được; thụ, tưởng, hành, thức, ở trong pháp thiện, bất thiện, là không thể có được. Sắc như tiếng rống của Sư tử; thụ, tưởng,hành, thức như tiếng rống của Sư tử. Sắc rốt ráo không thể hoại; thụ,t ưởng, hành, thức rốt ráo không thể hoại. Vì nghĩa như thế nên các pháp không thể hoại. Bát nhã Ba la mật cũng như thế.

Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát có thể biết được Bát nhã Ba la mật như thế,tức ở trong Bát nhã Ba la mật, không có hành, không có tạo tác, không cóchứng; chẳng phải suy nghĩ, quán sát, trù lượng mà có thể được. Xa lìa tất cả tác ý dối nịnh; xa lìa tất cả tác ý biếng nhác; xa lìa tất cả tác ý keo kiệt;xa lìa tác ý Ngã thủ; xa lìa tác ý tự, tha; xa lìa ngã tưởng, nhân tưởng, chúng sinh tưởng v.v...; xa lìa lợi dưỡng, danh văn thế gian; cho đến xa lìa tất cả tác ý phi lý. Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát, nếu thực hành Bát nhã Ba la mật như thế, tức ở trong các pháp, được cái khó được, cho đến viên mãn tấtcả công đức, sinh vào các nước Phật, thành tựu Vô thượng trí.

Phẩm 30: Bồ-tát Thường Đề
Phần 1

Lại nữa, Tu-bồ-đề. Các Bồ-tát Ma-ha-tát muốn cầu Bát nhã Ba la mật, nên như Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề, từ xưa đã tu tập Phạm hạnh trong pháp của Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác Lôi Hống Âm Vương, siêng cầu Bát nhã Ba la mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề tạo phương tiện gì mà có thể cầu Bát nhã Ba la mật này?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ông nay nên biết, Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề, khi xưacầu Bát nhã Ba la mật, không sợ thời gian lâu, không nhớ việc đời, khôngtiếc thân mạng, không thích lợi dưỡng, danh vọng thế gian, không sinhnương chấp các việc thế gian, chỉ một lòng niệm cầu Bát nhã Ba la mật, nênở trong rừng suy nghĩ phương tiện. Bấy giờ, ở không trung có tiếng nóirằng: "Thiện nam tử, ông có thể đi về phía Đông cầu Bát nhã Ba la mật này.Khi ông đến đó, dù thân, dù tâm chớ sinh nệt mỏi, đứng nhớ ngủ nghỉ, đừngnghĩ ăn uống, đừng nghĩ ngày đêm, đừng nghĩ nóng lạnh, đừng nghĩ cácviệc trái chống, ngăn ngại ngại v.v.... Cũng đừng nghĩ đến pháp trong, phápngoài, đừng nghĩ việc trước, đừng nghĩ việc sau, đừng nghĩ bốn phương,bốn hướng, trên, dưới. Lúc đi cũng không được quay nhìn bên trái bên phải,mà chỉ nhất tâm niệm Bát nhã Ba la mật. Khi niệm như thế không nên độngsắc, không nên động thụ, tưởng, hành, thức. Nếu động năm uẩn tức không hành Phật pháp, mà hành các hành thuộc sinh tử. Nếu hành các hành thuộc sinh tử, tức không hành Bát nhã Ba la mật, tức không thành tựu Bát nhã Ba la mật. Vì thế, ông nay lìa tướng như thế, chỉ nhất tâm cầu."

Tu-bồ-đề, bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề nghe tiếng giữa hư khôngđó rồi, liền đáp lại rằng: "Con nay hành như được dạy. Vì sao? Con muốn vìtất cả chúng sinh làm ánh sáng lớn, vì muốn tập hợp tất cả Phật pháp." Bấygiờ, tiếng giữa không trung lại khen ngợi rằng: "Hay thay!

Hay thay! Thiệnnam tử, nếu lúc ông đi về phía Đông cầu Bát nhã Ba la mật này, nên tinhiểu tất cả các pháp là Không, Vô tướng, Vô nguyện, nên lìa các tướng, xalìa Ngã kiến, Nhân kiến, Chúng sinh kiến v.v... xa lìa ác tri thức, gần gũithiện tri thức, nên tôn trọng, cung kính, cúng dường các thiện tri thức đãđược gần gũi, họ có thể vì ông thuyết tất cả các pháp Không, Vô tướng, Vônguyện, Vô sinh, Vô diệt, Vô tính. Nếu ông sinh tâm tôn trọng, cung kính,cúng dường như thế, thì không lâu sẽ được nghe Bát nhã Ba la mật. Hoặc nghe được ở trong quyển, hoặc nghe được ở Pháp sư, thì ông, tùy theo chỗ nghe được Bát nhã Ba la mật, nên xem như là bậc Đại sư, cung kính, phụng sự, cúng dường, tức người biết ơn, là người trả ơn. Nên nghĩ rằng đây đúng là thiện tri thức của ta. Vì ta nghe Bát nhã Ba la mật này nên không thoáichuyển đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác, được gần gũi Vô thượngChính đẳng Chính giác, không rời Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác,được sinh vào các nước Phật, không sinh vào nơi không phải nước Phật, xalìa các nạn, không sinh chỗ có nạn. Thiện nam tử, ông nên vì cầu cái lợi củacông đức như thế mà đi theo Pháp sư, không nên vì tài lợi, danh dự của thếgian mà đi theo Pháp sư. Lại nữa, vì tâm trọng pháp mà đối với Pháp sư, tôntrọng, cung kính, phụng sự, cúng dường, xem như bậc Đại sư, thường nên biết rõ có các việc Ma. Có khi ác ma, vì có nhân duyên, nên đối với người thuyết pháp, dùng sắc, thanh, hương, vị, xúc tốt đẹp để cúng dường. Người thuyết pháp đó, vì sức phương tiện, nên nhận năm dục này. Lúc đó, ông không nên sinh khởi tâm không thanh tịnh mà bị chướng ngại, chỉ nên nghĩrằng: ‘Vì ta không có sức phương tiện như thế, mà thuyết pháp sư vì muốnlợi lạc tất cả chúng sinh khiến trồng thiện căn, tuy nhận năm dục này, nhưng ở nơi Bồ-tát Ma-ha-tát, không có pháp nào có thể làm chướng ngại.’ Thiện nam tử, lúc đó ông nên an trú Thật tướng các pháp. Sao gọi là Thật tướng các pháp? Đó là tất cả các pháp không nhiễm, không tịnh. Vì sao? Tự tính các pháp là Không, trong đó không Ngã, không Nhân, không Chúng sinh, không Thọ giả. Tất cả các pháp như mộng, như huyễn, như ảnh, như tiếng vang. Như thế gọi là Thật tướng các pháp. Nếu ông an trú như thế, không bao lâu sẽ được nghe Bát nhã Ba la mật. Thiện nam tử, lại nên biết rõ Ma sự, có khi vì nhân duyên nên Ma khiến cho người thuyết pháp sinh tâm chán ghét đối với người nghe pháp. Lúc đó, ông vì cầu pháp, không nên khởi các tưởng ngại nghịch, mà đối với pháp sư càng phải thêm tôn trọng,yêu mến, cung kính, không lâu ông sẽ được nghe Bát nhã Ba la mật.”

Bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề nghe tiếng chỉ dạy giữa không trungrồi, liền theo lời dạy, đi về phía Đông, cầu Bát nhã Ba la mật. Đi về phíaĐông không lâu thì nghĩ: “Ở hướng này, tại sao ta không hỏi tiếng giữakhông trung là đi về phía Đông xa hay gần, đến nơi chốn nào, theo ai đểđược nghe Bát nhã Ba la mật.” Nghĩ như thế rồi, buồn bã khóc lóc, liền đứng ở đó mà suy nghĩ: “Ta đứng ở đây một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày, dù thân dù tâm cũng không cho là mệt mõi, không nhớ ngủ nghĩ, không nhớ ăn uống, không nghĩ nóng lạnh, không nghĩ ngày đêm, chỉ nhất tâm nghĩ đến Bát nhã Ba la mật.” Ví như có người chỉ sinh được một ngườicon, thương nhớ rất nhiều, bỗng nhiên chết đi. Bấy giờ, cha mẹ không nghĩgì khác, chỉ rất khổ não, đau buồn, than khóc. Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề cũng như thế. Lúc đó không nghĩ gì khác, chỉ nghĩ lúc nào, ở nơi chốn nào, theo ai thì được nghe Bát nhã Ba la mật.

Quyển XXIV

Phẩm 30: Bồ-tát Thường Đề
Phần 2

Bấy giờ Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề đó, khi ưu sầu khóc lóc như thế, đột nhiên thấy có hình tượng Như Lai ở trước mặt mình khen rằng: "Hay thay! Hay thay! Thiện nam tử, chư Phật Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác khi hành đạo Bồ-tát, cầu Bát nhã Ba la mật cũng giống nhưông hôm nay, siêng cầu như thế không có khác. Vì thế ông nên càng thêm tinh tiến, dũng mãnh, kiên cố. Từ đây đi về phía Đông năm trăm do-tuần, có một thành lớn gọi là Chúng Hương. Thành này bảy lớp, bảy lớp tường cao rộng 20 do-tuần, rộng lớn thanh tịnh, đẹp đẽ, tráng lệ. Người dân đông đúc, an ổn, đầy đủ, sung sướng. Có 500 con đường nối liền cácnơi. Cầu, bến bằng thẳng, mọi người ưa thích. Bảy lớp thành đó có bảy báu trang nghiêm, trên mỗi thành đều dùng vàng Diêm-phù-đàn để làm lầu gác, có hàng cây bảy báu vây quanh. Lại có bảy hàng cây Đa-la. Hàng cây bảy báu đó, mỗi cây đều có hoa báu, quả báu. Giữa mỗi một cây đều có các loạibáu xen kẽ; có các lưới báu đan nhau, phản chiếu nhau, phủ khắp mặtthành, treo các chuông báu; gió thổi chuông kêu rất đáng ưa thích, như nămloại nhạc, phát âm thanh hay, trong sáng, hòa nhã, người nghe sảng khoái. Bốn phía thành này có suối chảy, hồ bơi, trong sạch, đầy đủ; trong có các thuyền, bảy báu trang sức. Nước hồ tự nhiên lạnh, ấm, điều hòa, khiếnngười ưa thích. Trong các hồ này có nhiều sắc hoa: như hoa ưu-bát-la, hoa câu-mẫu-đà, hoa bôn-noa-lợi-ca v.v... và đủ thứ diệu sắc hoa hương khác, cho đến tất cả các loại hoa kỳ diệu trong ba ngàn Đại thiên thế giới cũng đều có đủ. Bốn phía thành này có năm trăm khu vườn, trong mỗi khu vườncó năm trăm hồ nước. Các hồ cao rộng một câu-lô-xá. Mỗi một hồ đó, bảybáu trang sức, rất là ưa thích. Trong các hồ này cũng có đủ loại hoa hươngdiệu sắc; như hoa ưu-bát-la, hoa câu-mẫu-đà, hoa bôn-noa-lợi-ca v.v.... Mỗi đóa hoa này lớn như bánh xe. Hoa xanh, ánh sáng xanh; hoa vàng, ánhsáng vàng; hoa đỏ, ánh sáng đỏ; hoa trắng, ánh sáng trắng. Trong mỗi hồ lại có hạc trắng, vịt trời, nhạn, uyên ương v.v... đủ loại chim khác nhau bơi lội, tụ tập trên hồ. Các vườn, rừng, hồ bơi này, người dân trong thành tự tại đi lại không bị lệ thuộc, chỉ vì nghiệp đời trước của chúng sinh chiêu cảm.Các chúng sinh này, trong dòng sinh tử, tu hành Bát nhã Ba la mật, vì thanh tịnh tin hiểu pháp môn sâu xa nên được quả báo tối thắng như thế. Thiện nam tử, trong thành Chúng Hương đó có đài cao rộng, trên đó là cung điện làm chỗ ở của Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng. Kích cỡ đài này, dài rộng bằng nhau, đều một do-tuần. Bảy lớp tường thành, bảy báu trang nghiêm, đẹp đẽ, hiếm có. Bảy lớp hàng cây vây tròn chung quanh; lại có bảy cây Đa-la. Ởtrong cung đó có bốn vườn lớn. Một gọi là Thường Hỷ, hai gọi là Vô Ưu, ba gọi là Thích Duyệt, bốn gọi là Hoa Trang Nghiêm. Trong mỗi vườn có tám hồ lớn. Một gọi là Hiền, hai gọi là Hiền Thượng, ba gọi là Hoan Hỷ, bốn gọi làHỷ Thượng, năm gọi là An Lạc, sáu gọi là Diệu Hoa, bảy gọi là Quyết Định,tám gọi là A-phược-ha. Mỗi một hồ đó, bốn phía đều có bốn báu trang nghiêm. Phía Đông là báu hoàng kim, phía Nam là báu bạch ngân, phía Tâylà báu lưu ly, phía Bắc là báu pha-lê. Bên cạnh mỗi hồ có tám tầng cấp, bảybáu trang nghiêm, dùng các vật báu để làm bậc cấp. Khoảng giữa các bậccấp này có các hàng cây chuối bằng vàng Diêm-phù-đàn. Trong các hồ đó cũng có đủ loại hoa hương, diệu sắc; như hoa ưu-bát-la, hoa Câu-mẫu-đà,hoa

Bôn-noa-lợi-ca v.v... cũng có đủ loại chim khác nhau như bạch hạc, vịt trời, nhạn, uyên ương v.v... bơi lội, tụ tập trên hồ. Mỗi một hồ đó, bốn phía đều có cây, hoa thơm lạ. Mùi hương như chiên-đàn, sắc vị đầy đủ; gió thổi hoa rụng xuống giữa hồ nước. Cung điện, nhà cửa, vườn, rừng, hồ, ao đều trang sức như thế. Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng ở trong cung đó, với sáu vạn tám ngàn thể nữ quyến thuộc, trong các vườn, rừng, ao, hồ như thế,dạo chơi vui vẻ, vui thích năm dục, vui chơi tự tại. Người dân ở trong thành Chúng Hương dù nam hay nữ cũng đều vào các hồ Thường hỷ v.v... vườnHiền v.v... dạo chơi vui vẻ. Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng đó vui thích như thế rồi, ở trong cung của mình, một ngày ba thời, thuyết Bát nhã Ba la mật.Lại nữa, tất cả người dân trong thành Chúng Hương, ở chỗ đông người trongthành đó, vì Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng mà kết tòa pháp lớn. Bốn chântòa đó được làm bằng bốn báu hoàng kim, bạch ngân, lưu ly, pha lê. Lại có đủ loại chân châu, chuỗi ngọc trang sức. Tòa cao nửa câu-lô-xá. Ở trên tòa đó dùng đệm chiếu trải lên, và vải lông mềm đẹp trên áo Kiều-thi- ca, đủ loại trang sức. Xung quanh tòa rải hoa năm sắc, đốt các hương quý, trangnghiêm, đẹp đẽ, hiếm có, thanh tịnh, khả ái. Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng ở tòa pháp đó, bốn chúng trời, người, tụ tập một chỗ, cung kính vây quanh, vì kính trọng pháp, tất cả đều đốt hương, rải hoa cúng dường Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng. Bấy giờ Bồ-tát rộng vì tất cả bốn chúng trời, người, tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật. Thuyết xong những điều cần thuyết, thì trong đócó người thụ trì, có người đọc tụng, có người tư duy, có người biên chép, có người hành như đã thuyết, có người không còn thoái chuyển đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Thiện nam tử, Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượngkia, trong hội thuyết pháp, có lợi ích của các công đức như thế. Vì thế ôngnay nên đi về phía Đông, đến chỗ Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng đó. Ông sẽ được nghe Bát nhã Ba la mật từ đó; Bồ-tát Ma-ha-tát đó có thể dùng phápnày vì ông chỉ dạy, làm lợi, làm vui. Ông nay đi về phía Đông, đừng kể ngày đêm, dũng mãnh, tinh tiến, một lòng siêng cầu, tức không lâu nhất định sẽ được nghe Bát nhã Ba la mật."

Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề nghe nói vậy rồi, tâm sinh hoan hỷ, vuimừng, khoan khoái. Ví như có người bị trúng tên rất là đau đớn. Người này lúc đó không nghĩ gì khác, chỉ nghĩ lúc nào được thuốc lành để chữa trị, để mình được thoát khỏi khổ não như thế. Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát ThườngĐề cũng như thế, không nghĩ gì khác, chỉ nghĩ lúc nào mới được chiêm lễ,gần gũi Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng, từ đó được nghe Bát nhã Ba la mật.Liền ở chỗ đó, một lòng nhớ đến Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng, suy tư Bát nhã Ba la mật. Khi Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề suy tư như thế, đối với tấtcả các pháp, sinh tưởng không có sở y, được vào vô lượng vô số cửa tam-ma-địa; đó là tam-ma-địa Quán nhất thiết pháp tự tính, tam-ma-địa Nhấtthiết pháp tự tính vô sở đắc, tam-ma-địa Nhất thiết pháp tự tính trí sinh,tam-ma-địa Phá nhất thiết pháp vô minh, tam-ma-địa Nhất thiết pháp bất hoại kiến, tam-ma-địa Nhất thiết pháp tác quang minh, tam-ma-địa Nhất thiết pháp ly si minh, tam-ma-địa Phá nhất thiết pháp vô trí, tam-ma-địa Nhất thiết pháp ly ám, tam-ma-địa Nhất thiết pháp tướng bất khả đắc, tam-ma-địa Tán hoa, tam-ma-địa Nhất thiết pháp vô ngã tướng, tam-ma-địa Lyhuyễn, tam-ma-địa Như kính tượng xuất sinh, tam-ma-địa Nhất thiết chúngsinh ngôn ngữ, tam-ma-địa Ly trần, tam-ma-địa Nhất thiết chúng sinh hoanhỷ, tam-ma-địa Tùy nhất thiết chúng sinh thiện xảo ngữ ngôn, tam-ma-địa Chủng chủng ngữ ngôn văn tự chương cú xuất sinh, tam-ma-địa Vô úy, tam-ma-địa Tự tính, tam-ma-địa

Ly chướng đắc giải thoát, tam-ma-địa Vô nhiễm, tam-ma-địa Danh cú văn trang nghiêm, tam-ma-địa Đẳng quán nhất thiế tpháp, tam-ma-địa Nhất thiết pháp ly cảnh giới tướng, tam-ma-địa Nhất thiếtpháp vô ngại tế, tam-ma-địa Như hư không, tam-ma-địa Kim cương dụ, tam-ma-địa Thanh tịnh tướng vương, tam-ma-địa Vô phụ, tam-ma-địa Đắcthắng, tam-ma-địa Bất thoái quán, tam-ma-địa Pháp giới quyết định, tam-ma-địa Pháp giới tịch tĩnh, tam-ma-địa An ổn, tam-ma-địa Sư-tử hống, tam-ma-địa Thắng nhất thiết chúng sinh, tam-ma-địa Ly cấu, tam-ma-địa Thanhtịnh, tam-ma-địa Liên hoa trang nghiêm, tam-ma-địa Đoạn ái, tam-ma-địa Tùy nhất thiết kiên cố, tam-ma-địa Nhất thiết pháp tối thượng, tam-ma-địa Đắc thần thông lực vô sở úy, tam-ma-địa Nhất thiết pháp thông đạt, tam-ma-địa Hoại nhất thiết pháp ấn, tam-ma-địa Nhất thiết pháp vô sai biệt kiến,tam-ma-địa Ly nhất thiết kiến, tam-ma-địa Đại pháp quang minh, tam-ma-địa Nhất thiết pháp ly tướng, tam-ma-địa Giải thoát nhất thiết trước, tam-ma-địa Nhất thiết pháp vô giải, tam-ma-địa Thậm thâm pháp quang minh, tam-ma-địa Đẳng cao, tam-ma-địa Bất khả đoạt, tam-ma-địa Phá ma cảnh giới, tam-ma-địa Tam giới tối thắng, tam-ma-địa Quang minh môn, tam-ma-địa Kiến nhất thiết Như Lai.

Tu-bồ-đề, Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề kia được vào các cửa tam-ma-địanhư thế, ở trong tam-ma-địa thấy chư Phật Như Lai ở vô lượng a-tăng-kỳthế giới mười phương đều, vì các Bồ-tát Ma-ha-tát, thuyết Bát nhã Ba la mật. Các Như Lai này đều an ủy, tán thán Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề:“Hay thay! Hay thay! Thiện nam tử, ông có thể siêng cầu Bát nhã Ba la mật.Chúng ta khi còn hành đạo Bồ-tát, cầu Bát nhã Ba la mật cũng như ônghôm nay, được các tam-ma-địa như thế không khác. Ông nay được các tam-ma-địa này rồi, thì có thể thông đạt Bát nhã Ba la mật, phương tiện an trú pháp Bất thoái chuyển. Chúng ta được các tam-ma-địa này rồi, tức được Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Chúng ta ở trong các tam-ma-địa, quán sáttự tính, không có pháp có thể thấy. Ra khỏi các tam-ma-địa rồi, đối với các pháp, sinh tưởng Vô trú. Thiện nam tử, pháp Vô trú chính là Bát nhã Ba la mật. Chúng ta ở trong pháp Vô trú này, được thân sắc vàng, đủ loại ánh sáng, ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân, tám mươi loại vẽ đẹp của thân đều đầy đủ, được Phật vô thượng trí, Phật vô thượng tuệ không thể nghĩ bàn, thành tựu tất cả công đức Phật pháp, đến bờ kia của tất cả các pháp. Thiện nam tử, công đức như thế, chư Phật Như Lai còn không thể đo lường, tán thán, nói rõ giới hạn của chúng, huống là Thanh Văn, Duyên Giác. Vì thế ông nay, ở nơi các pháp này, càng thêm cung kính, tôn trọng, ưa thích, tinhtiến, siêng cầu. Vì nghĩa này nên Vô thượng Chính đẳng Chính giác không khó được. Lại nữa, Thiện nam tử, ông nay nên sinh cung kính, tôn trọng, ưathích đối với thiện tri thức. Vì sao? Bồ-tát Ma-ha-tát, được thiện tri thức hộtrợ, thì sớm được Vô thượng Chính đẳng Chính giác.”

Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề bạch các Như Lai rằng: “Ai sẽ là thiện tri thức thật sự của con, nguyện chư Như Lai chỉ dạy cho con.” Tức thời chư Phật Như Lai bảo rằng: “Thiện nam tử nên biết, Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng là thiện tri thức của ông; Bồ-tát này, nhiều đời đến đến nay, thường dạy bảo ông. Nay ông thông đạt phương tiện Bát nhã Ba la mật, học thành các pháp của Phật. Ông ở Vô thượng Chính đẳng Chính giác, ông nên biết ân lớn đó mà nghĩ báo ân. Thiện nam tử, ông muốn báo ân Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng, giả sử trong 1 kiếp, trăm kiếp, cho đến trăm ngàn kiếp, cung kính, đỉnh lễ, đem tất cả nhạc cụ, cho đến sắc, thanh, hương, vị, xúcv.v... tối thượng, vi diệu có trong 3.000 Đại thiên thế giới để cúng dường, cũng chưa thể

báo đáp 1 phần nhỏ ân đó. Vì sao? Vì nhờ nhân duyên Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng, khiến ông được vào các cửa tam-ma-địa, thông đạt phương tiện Bát nhã Ba la mật. Vì thế nên biết ân đó sâu nặng.” Bấy giờ, Như Lai nói như thế rồi, đột nhiên biến mất. Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề đó, ra khỏi tam-ma-địa rồi, không thấy lại chư Phật Như Lai kia nữa, tâm sinh buồn thảm, đứng mà khóc lóc, nghĩ rằng: “Trước đó Như Lai từ chỗ nào đến, đi đến chỗ nào. Như Lai vì ta mà nói Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng rất là hiếm có, Bồ-tát Ma-ha-tát đó đã được Đà-la-ni và 5 thần thông, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, Bồ-tát đó đúng là thiện tri thức của ta, nhiều đời đến nay, thường dạy bảo, làm lợi ích cho ta. Nay đối với Bồ-tát đó, ta càng thêm cung kính, tôn trọng, ưa thích. Vì thế nên đến đó chiêm lễ, gần gũi, cúng dường, nghe nhận Bát nhã Ba la mật, và hỏi trước đó Như Lai từ chỗ nào đến, đi về chỗ nào. Nhưng ta nay tự nghĩ mình nghèo khó, không có gì cả. Vàng bạc, trân báu, y phục, đồ nằm, cờ phướn, lọng báu, hương, hoa, đèn, đồ hương, các vật như thế đều không có, cho đến 1 bông hoa cũng không có, thì lấy cái gì để mà cúng dường; nếu ta đến tay không thì tâm không được yên.” Ưu sầu, suy nghĩ phương cách như thế.

Bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề nghĩ như thế rồi, chưa đi liền về phía Đông, mà ở giữa đường rẽ vào một thành. Ở trong thành đó, đứng yên suy nghĩ: “Vì ta muốn đi về phía Đông để cầu Pháp, nên cúng dường Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng là lợi ích lớn. Nay ta nên tự bán thân mình, tùy giá cóđược mà mua hương hoa, tự mình cầm đến đó để cúng dường Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng. Vì sao? Nhiều đời đến nay, ta vì nhân duyên ham muốn nên ở trong luân hồi nhận thân sinh tử, trải qua vô lượng khổ, lưu chuyển các nẻo, tiêu tan thân này mà cuối cùng chẳng có lợi ích, vì chưa từng xả thân mạng mình cho Pháp thanh tịnh. Vì thế ta nay vì cầu pháp nên không được keo kiệt.” Suy nghĩ như thế rồi, liền ở nơi chỗ đông người ở trong thành, nói to như thế này: “Nay ta bán thân, ai sẽ mua ta, ai sẽ mua ta.”

Bấy giờ các Ma biết việc đó rồi, liền nghĩ: “Nay Bồ-tát Thường Đề, vì vui thích pháp, nên bán thân mình, muốn mua hương hoa cúng dường Bồ-tát Pháp Thượng để cầu Bát nhã Ba la mật. Tại sao các Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật đều có thể thành tựu Vô thượng Chính đẳng Chính giác, giống như biển lớn không bị khuynh động, các Ma chúng ta không thể phá hoại, não loạn; vì nhân duyên đó mà cảnh giới của ta bị trống rỗng. Vì thế ta nay nên bày phương tiện làm hỏng ý đạo của họ.” Bấy giờ ác ma nghĩ như thế rồi, vào lúc Bồ-tát Thường Đề xướng lên như thế, liền dùng Ma lực che khuất khiến cho tất cả dân chúng trong thành đều không nghe được tiếng nói của Bồ-tát Thường Đề.Lúc đó Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề xướng lên ba lần như thế đều không aimua, thì Bồ-tát tâm sinh sầu não, khóc lóc nói rằng: “Khổ thay! Khổ thay! Ta bán thân để cúng dường Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng, nay không ai mua, vì thế biết rằng thân ta tội lỗi sâu nặng.” Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích biết việc như thế rồi liền nghĩ: “Ta nên đến chỗ Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề kia, xem tâm ông ấy có thật kiên cố vui thích pháp, có đúng là có thể bỏ thân như thế không?” Thiên chủ Đế Thích nghĩ như thế rồi, thân liền biến làm Bà-la-môn, đến trước Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề mà hỏi rằng: “Ông nay vì sao ưu sầu, khóc lóc, khổ não như thế?” Bồ-tát Thường Đề nói: “Ta nay muốn bán thân này nhưng không có người mua. Vì duyên như thế nên mới đứng khóc.” Bà-la-môn nói: “Ông bán thân để làm gì?” Bồ-tát Thường Đề nói: “Vì ta ưa thích Pháp, nên nay tự bán thân mua các hương hoa, muốn cúng dường Bồ-tát Ma-ha-

tát Pháp Thượng để cầu Bát nhã Ba la mật. Nhưng thân này của ta, vì mỏng phúc đức, nên bán mà không ai mua." Bấy giờ Bà-la-môn bảo Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề: "Ta chẳng cần người làm việc gì cả. Lúc này ta sắp muốn cúng tế lớn, chỉ cần tim người, máu người, tủy người. Ông nay có thể bán cho ta không?" Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề nghe lời nói này rồi, sung sướng, vui mừng, liền nghĩ: "Lúc này ta được lợi tối thượng, nhất định sẽ được nghe Bát nhã Ba la mật, viên mãn nguyện ước, Bà-la-môn này đã chịu cần đến tim và máu tủy của ta, ta nên vui vẻ màcho hết." Nghĩ như thế rồi liền nói với Bà-la-môn: "Nhân giả đã cần, ta sẽ dâng cho." Bà-la-môn nói: "Ông muốn giá bao nhiêu?" Bồ-tát Thường Đề nói: "Ông đưa bao nhiêu, ta sẽ nhận bấy nhiêu." Bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề liền cầm đao bén đâm lên cánh tay phải của mình cho chảy máu, lại muốn phá xương chân phải của mình cho chảy tủy.

Bấy giờ có một người con gái của trưởng giả ở trên lầu cao, từ xa thấy Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề, trước tự đâm lên cánh tay cho chảy máu, lại muốn phá xương để lấy tủy, liền nghĩ: "Thiện nam tử này tại sao làm khổ thân mình như thế? Ta nên đến đó tìm hiểu lý do." Lúc đó, người con gái trưởng giả nghĩ như thế rồi, liền xuống lầu, đến chỗ Bồ-tát, hỏi rằng: "Thiện namtử, ông vì cớ gì mà nơi thân mình chịu khổ sở này, lấy máu tủy là muốn làm gì?" Bồ-tát Thường Đề nói: "Thiện nữ nhân nên biết, ta nay nghèo nàn, không có tiền bạc châu báu, nên lấy máu tủy bán cho Bà-la-môn này, có được tiền sẽ mua hoa hương cúng dường Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng." Người con gái trưởng giả nói: "Ông dùng hoa hương cúng dường Bồ-tát Ma-ha-tát đó sẽ có lợi ích công đức?" Bồ-tát Thường Đề nói: "Thiện nữ nhân, cô nên biết Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng đó có thể vì ta thuyết Bát nhã Ba la mật và cửa phương tiện; học pháp đó rồi có thể vì chúng sinh làm chỗ quay về, tức có thể thành tựu Vô thượng Chính đẳng Chính giác, được thân sắc vàng 32 tướng đại nhân, 80 vẻ đẹp của hình hài, ánh sáng thường hằng, ánh sáng vô lượng, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 10 lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 pháp bất cọng v.v... không thể nghĩ bàn,vô lượng vô số pháp công đức của Phật đều có thể viên mãn, và đem tất cả Pháp báu vô thượng phân chia bố thí cho tất cả chúng sinh. Vì thế, ta nay vì muốn thành tựu công đức như thế nên đến cúng dường Bồ-tát Ma-ha-tát đó, nghe nhận Bát nhã Ba la mật và cửa Phương tiện."

Bấy giờ, người con gái trưởng giả bạch Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề: "Thiện nam tử, như ông nói thì thật là hiếm có. Nếu người vì cầu Pháp như thế, giả sử đem hết thân mạng như Hằng hà sa số mà cúng dường thì cũng nên làm, đã không phí công mà còn có lợi ích lớn. Thiện nam tử, nhà tôi có đủ vàng bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, cùng pha-chi-ca, đủ loại trân báu, cho đến y phục, đồ nằm, cờ phướn, lọng báu, hương, hoa, đèn, đồ hương; tùy theo ông cần, tôi sẽ cho đủ. Ông nên nhận lấy để cúng dường Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng, đừng có bán thân mà chịu khổ sở. Tôi nay cũng muốn cùng ông đến chỗ Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng đó, chiêm lễ, gần gũi, tùy hỷ cúng dường, gieo các thiện căn." Người con gái trưởng giả nói như thế rồi, đứng qua một bên.

Bấy giờ Thiên chủ Đế Thích dấu thân Bà-la môn của mình mà trở lại tướngcũ, đứng trước Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề nói thế này: "Hay thay! Haythay! Thiện nam tử, ông có thể kiên cố, thâm tâm ưa pháp, dũng mãnh siêng cầu. Thiện nam tử, chư Phật Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giá cở quá khứ, khi còn hành đạo Bồ-tát cầu Bát nhã Ba la mật, cũng giống nhuông hôm

nay không khác. Ông tương lai nhất định được thành Vô thượng Chính đẳng Chính giác, viên mãn tất cả các pháp công đức của Phật. Thiện nam tử, ta thật không cần đến tim, máu, tủy người mà đến để dò thử. Ông nay có cần điều gì ta sẽ giúp cho ông." Bồ-tát Thường Đề đáp: "Thiên chủ, ông có thể cho ta Vô thượng Chính đẳng Chính giác không?" Thiên chủ ĐếThích đáp: "Thiện nam tử, đó là cảnh giới của chư Phật, không phải cảnh giới của ta, chư Phật Như Lai có thể thành tựu, nhưng ta thì không thể. Nếu cần gì khác thì ta đều dâng cho." Bồ-tát Thường Đề nói: "Ta nay không còn nguyện gì khác. Hơn nữa, vì ta đem nguyện lực, thật ngữ lực của mình, vàoai thần lực của Phật Thế tôn, nếu ta nhất định không thoái chuyển đối vớiVô thượng Chính đẳng Chính giác, thì chư Phật Như Lai Ứng cúng Chínhđẳng Chính giác biết được thâm tâm của ta, nguyện thân này của ta trở lạinhư cũ." Bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề nói lên như thế rồi, trong thoáng chốc thân liền bình phục, cho đến vết sẹo cũng không có. Bấy giờThiên chủ Đế Thích thấy tướng như thế rồi, tán thán hiếm có, ẩn thân không hiện.

Bấy giờ, người con gái trưởng giả đó liền bạch Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề:"Thiện nam tử, ông nay có thể cùng đến nhà tôi, thưa với cha mẹ tôi, cầuxin những thứ cần đến mà đem cúng dường Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng." Bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề nói với người con gái trưởng giả rằng:"Hay thay! Cùng đi, nay đúng là lúc." Vậy là người con gái trưởng giả kia đi đến nhà của cha mình cùng với Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề.

Đến nhà đó rồi Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề đứng ở bên cửa; người con gái trưởng giả đó liền vào trong nhà thưa với cha mẹ rằng: "Cha mẹ, nhà ta có đủ vàng bạc, trân báu và đủ thứ của cải, xin cho con một ít, và cung cấp cho con 500 thị nữ, cho phép đi theo con. Con sẽ cùng với một Bồ-tát Ma-ha-tát gọi là Thường Đề, cùng đến cúng dường một Bồ-tát Ma-ha-tát gọi là Pháp Thượng, mà Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng đó có thể vì chúng con thuyết pháp sâu xa, nghe pháp đó rồi tức có thể thành tựu tất cả công đứclợi ích của Phật pháp. Vì thế xin cha mẹ cho phép." Bấy giờ cha mẹ liền bảo con gái: "Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề, người mà con nói, nay ở chỗ nào."Cô gái đó đáp: "Nay ở ngoài cửa. Cha mẹ nên biết, Bồ-tát Ma-ha-tát đó thâm tâm ưa pháp, dũng mãnh, kiên cố, vì muốn thành tựu Vô thượng Chính đẳng Chính giác, rộng độ tất cả chúng sinh thoát khổ sinh tử, muốn đến cúng dường Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng. Vì cầu Bát nhã Ba la mật mà tự bán thân mình, ở trong thành này lớn tiếng rao rằng: 'Ai sẽ mua ta.' Rao ba lần như thế mà không có người mua. Bấy giờ Bồ-tát Thường Đề ưu sầu, khổ não, đứng đó mà khóc. Lúc đó con ở trên lầu cao, thấy một Bà-la-môn đến chỗ Bồ-tát, nói chuyện với nhau. Nói xong thì Bồ-tát tay cầm đao bén, đâm vào cánh tay phải của mình cho chảy máu, lại muốn cắt đứt chân phải của mình, phá xương để lấy tủy. Lúc con thấy việc như thế liền nghĩ: 'Thiện nam tử này vì sao hành hạ thân mình như thế; ta nên đến đó tìm hiểu lý do.' Nghĩ rồi liền đến, con hỏi người đó rằng: 'Ông vì cớ gì chịu khổ sở này, lấy ra máu tủy là muốn làm gì?' Người đó trả lời con rằng: 'Ta muốn mua các hoa hương đem đến cúng dường Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng. Vì ta nghèo nàn nên không có tiền bạc, châu báu. Vì thế mới lấy máu tủy bán cho Bà-la-môn này, giá tiền thu được sẽ mua hương hoa cúng dường Bồ-tát.' Cha mẹ, con nghe người đó nói, trong lòng tán thán, lại hỏi người đó rằng: 'Ông nay cúng dường Bồ-tát đó như thế, sẽ có lợi ích, công đức gì?'Người đó trả lời con rằng: 'Vì cúng dường Bồ-tát đó nên được nghe Bát nhã Ba la mật và cửa Phương tiện từ vị đó. Học Pháp này rồi mới có thể thành tựu vô lượng vô số pháp công

đức bất khả tư nghị của Phật.' Con nghe nói như thế rồi tâm sinh hoan hỷ liền bảo người đó rằng: 'Thiện nam tử, vì cầu pháp mà hành hạnh khó hành, thật là hiếm có. Ông nay không cần hành hạthân mình như thế, nhà tôi có đủ vàng bạc, trân báu và đủ thứ của cải, ông muốn cái gì tôi sẽ giúp cho. Tôi cũng ưa muốn cùng ông đến chỗ Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng đó, chiêm lễ, gần gũi, tùy hỷ cúng dường.' Con lại nói rằng: 'Nay lại cùng ông đến nhà cha tôi, thưa với cha mẹ tôi để cầu xin tiền của, rồi cùng ông đem đến cúng dường Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng.'Người đó liền đáp: 'Hay thay! Có thể đi, nay đúng là lúc.' Cha mẹ, vì duyên này nên Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề cùng con đến đây. Vì thế, cha mẹ nếu muốn khiến con thành tựu tất cả các pháp công đức vô thượng, thì các loại tiền bạc châu báu và các thị nữ, như con đã muốn, xin hãy chấp thuận, đừng có ngăn ngại."

Bấy giờ cha mẹ liền bảo con gái rằng: "Như con đã nói, Thiện nam tử đó thật là hiếm có, vì cầu pháp mà làm hạnh khó làm, vì muốn thành tựu pháp công đức bất khả tư nghị của Phật, muốn làm lợi ích lớn cho tất cả chúng sinh. Nhân duyên này chính là sự nghiệp tối thắng, cao tột của tất cả thế gian. Nay nghe ông đến, hễ muốn điều thì cứ tùy ý. Chúng tôi cũng muốn đến chỗ Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng đó, chiêm lễ, gần gũi, tùy hỷ cúng dường." Bấy giờ, người con gái trưởng giả đó vì nhân duyên cúng dường Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng nên bạch cha mẹ rằng: "Con cũng không dám cản trở công đức của người, cha mẹ muốn đến thì cứ tùy ý." Bấy giờ người con gái trưởng giả liền chuẩn bị năm trăm cỗ xe, các báu trang nghiêm, khiến năm trăm thị nữ, thân hình nghiêm chỉnh, mỗi người ngồi một xe; cóvàng bạc, trân báu, y phục, đồ nằm, cờ phướn, lọng báu, hoa, hương, đèn, đồ hương, và đủ loại vật chở một xe.

Bấy giờ người con gái trưởng giả và Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề cùng đimột xe; cha mẹ, bà con cũng đi xe báu. Trang nghiêm như thế, nối vòng theo nhau ra khỏi chỗ ở, đi về phía Đông đến chỗ Bồ-tát Ma-ha-tát PhápThượng. Đi như thế trải qua năm trăm do-tuần, Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề và người con gái trưởng giả từ xa nhìn thấy một thành, thành đó bảy lớp,bảy lớp tường thành, hàng cây bảy báu bao bọc chung quanh. Thành này cao rộng mười hai do-tuần, rộng rãi thanh tịnh, năm trăm đường, xóm nối liền các nơi, cầu bến bằng thẳng, an ổn, tươi tốt, người dân sung túc, thật đáng ưa thích. Ở chỗ đông người trong thành có tòa pháp lớn, cao rộng đẹp đẽ, các báu trang nghiêm; từ xa thấy Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng ngồi ở trên tòa, có vô lượng trăm ngàn trời, người, bốn chúng, cung kính vây quanh, nghe nhận pháp được thuyết. Thấy như thế rồi, Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề tâm sinh sung sướng, vui vừng, hoan hỷ giống như Tỷ-khưu được pháp lạc của Thiền thứ ba, nhất tâm chuyên chú, tôn trọng cung kính, liền bảo con gái trưởng giả rằng: "Thành này gọi là Chúng Hương, Bồ-tát đó chính là Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng. Bây giờ chúng ta không nên đi xe đến trước chỗ đó." Nói thế xong, tất cả liền xuống xe, hoan hỷ, cung kính, bước về phía trước.

Quyển XXV

Phẩm 30: Bồ-tát Thường Đề
Phần 3

Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề dẫn con gái trưởng giả và các thị nữ, cha mẹ, bà con đi quanh, và cầm đủ loại trân báu, cúng phẩm, vào thành Chúng Hương, một lòng khát ngưỡng, muốn gặp Bồ-tát Ma-ha-tát PhápThượng.

Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề v.v... vào trong thành rồi, đến chỗ Bồ-tát. Cách đó không xa, Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề thấy Thiên chủ Đế Thích cùng vô số trăm ngàn Thiên tử rải hoa trời mạn-đà-la, ma-ha mạn-đà-la, và đủ loại hoa trời, hoa trời kim ngân thù diệu khác ở giữa hư không và rải hương bột chiên đàn, lại cử nhạc trời vi diệu; hoa được tung lên, dừng giữa hư không.

Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề thấy như thế rồi liền hỏi Thiên chủ Đế Thích: Kiều-thi- ca, vì duyên gì mà ông, ở giữa hư không, cùng vô số trăm ngàn Thiên tử tung rải các hoa trời, và bột hương chiên đàn, cử nhạc trời?

Thiên chủ Đế Thích bạch Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề: Thiện nam tử, ông không biết sao? Có Pháp tên Ma-ha Bát nhã Ba la mật, là mẹ chư Phật, cũng là mẹ các Bồ-tát. Người học pháp này tức có thể thành tựu Nhất thiết trí,viên mãn tất cả các pháp công đức của Phật. Ông nay nên biết, ở chỗ Bồ-tátMa-ha-tát Pháp Thượng diễn thuyết pháp, riêng có đài bảy báu, cao rộng, đẹp đẽ, đủ loại trang nghiêm, chân châu, lưới báu, xen kẽ giăng bủa. Ởtrong đài này có giường bảy báu, trên giường đó đặt hộp bảy báu, dùng vàng lá hoàng kim chép Chính pháp Bát nhã Ba la mật này, đặt vào trong hộp, đủ loại trân báu chất quanh. Bốn góc đài đặt bốn lò hương bạch ngân,đốt hương hắc trầm thủy, cúng dường Chính pháp Ma-ha Bát nhã Ba la mật. Vì duyên này nên chư Thiên chúng tôi, ở giữa hư không, rải hoa cúng dường.

Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề hỏi Thiên chủ Đế Thích: Kiều-thi- ca,như ông nói, là mẹ chư Phật và mẹ Bồ-tát, Chính pháp Ma-ha Bát nhã Ba la mật vi diệu, sâu xa, tối thượng, hiếm có. Ông hãy dùng phương tiện để chỉ cho ta.

Thiên chủ Đế Thích nói: Thiện nam tử, Chính pháp Ma-ha Bát nhã Ba la mật đó ở trong hộp bảy báu. Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng đó dùng ấn bảy báu in lên đó, tôi không có cách gì để chỉ cho ông.

Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề cùng con gái trưởng giả v.v... chậmbước lên phía trước, đến chỗ Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng, tức lấy vàng, bạc, trân báu, y phục, đồ nằm, cờ, phướn, lọng báu, hương, hoa, đèn, đồ hương v.v... đã đem theo, chia làm hai phần, trước lấy một phần để cúng dường Ma-ha Bát nhã Ba la mật, rồi lấy một phần cúng dường Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng. Cúng dường như thế rồi, lại lấy đủ loại hoa, hương diệu sắc, hướng đến chỗ Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng mà rải lên. Nhờ oai lực của Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng nên hoa được rải lên Bồ-tát dừng giữa hư không, biến thành đủ loại lầu gác đẹp quý. Các lầu gác này tự nhiên đều có chân châu, chuỗi ngọc, giăng bủa xen kẽ.

Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề và con gái trưởng giả thấy tướng như thế rồi, nghĩ rằng: Tướng này lành thay, thật là hiếm có. Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng đang trú địa Bồ-tát mà oai đức thần thông còn có thể như thế, huống là đã thành tựu Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Các công đức của Ngài không thể xưng kể. Bấy giờ, con gái trưởng giả nghĩ như thế rồi, đối với Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng, càng thêm cung kính, tôn trọng, yêu mến; cùng năm trăm thị nữ cũng đều cung kính, tôn trọng, yêu mến.

Bấy giờ, con gái trưởng giả và năm trăm thị nữ đều phát tâm Vô thượngChính đẳng Chính giác, cùng nói rằng: Ta nguyện đem nhân duyên thiện căn này, ở đời vị lai, sẽ được thành Phật; lúc làm Bồ-tát, cũng như Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng, yêu thích, tôn trọng Bát nhã Ba la mật không khác, và rộng vì người mà tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật, thành tựu phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật, đều như Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng ngày nay không khác. Nghĩ như thế rồi, con gái trưởng giả và năm trăm thị nữ kia tức thời đầu mặt lạy dưới chân Bồ-tát, lạy rồi chấp tay lui đứng một bên.

Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề, sau khi cúng dường các thứ như trên,tức thời đầu mặt lạy dưới chân Bồ-tát. Lạy xong rồi thì đi quanh xưng tán,hoan hỷ chiêm ngưỡng, chấp tay dừng lại, hỏi Bồ-tát Ma-ha-tát PhápThượng: Đại sĩ nên biết, vì nhân duyên lành nên con đến đây, con vốn vìcầu Bát nhã Ba la mật, ở trong rừng vắng tịch mịch mà nghĩ phương cách.Lúc đó trên không có tiếng bảo con rằng: "Ông có thể đi về phía Đông mà cầu Bát nhã Ba la mật." Con theo lời dạy liền tìm phía Đông mà đi. Đi về phía Đông không lâu, con lại nghĩ: "Đi về hướng này tại sao không hỏi tiếng giữa không trung kia là đi về phía Đông xa hay gần, đến nơi chốn nào, từ aimà được nghe Bát nhã Ba la mật." Lúc đó, con buồn bã, khóc lóc, liền đứn gở đó qua bảy ngày đêm. Lúc đang buồn bã khóc lóc như thế đột nhiên thấycó hình tượng Như Lai, đứng trước mặt con nói rằng: "Thiện nam tử, từ đây đi về phía Đông năm trăm do-tuần có thành Chúng Hương, ở đó có Bồ-tát Ma-ha-tát tên là Pháp Thượng. Ông có thể đến đó, sẽ được nghe Bát nhã Ba la mật." Lúc con nghe nói như thế rồi thì lòng rất vui mừng, chỉ một lòng nghĩ đến Đại sĩ ở chỗ đó, suy nghĩ Bát nhã Ba la mật. Lúc đó, con trú ở tưởng tất cả các pháp không có nơi y chỉ, tức thì được vào vô lượng vô số cửa tam-ma-địa. Ở trong tam-ma-địa, thấy chư Phật Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác ở vô lượng a-tăng kỳ thế giới mười phương, đều vì các Bồ-tát Ma-ha-tát tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật. Các Như Lai này đều khen con rằng: "Hay thay! Hay thay! Thiện nam tử, ông vì nhân duyên cầu Bát nhã Ba la mật mà được vào các cửa tam-ma-địa." Lúc đó, chư Như Lai chỉ bày đủ thứ lợi hỷ như thế, an ủy con rồi, đột nhiên biến mất.

Bấy giờ, con ra khỏi tam-ma-địa rồi, không được thấy lại chư Phật Như Lai, lòng con khổ não, nghĩ rằng: "Như Lai từ chỗ nào đến, đi về chỗ nào." Con lại suy nghĩ: "Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng kia, ở chỗ Phật trước đây, trồng sâu thiện căn, thông đạt Bát nhã Ba la mật, đủ các phương tiện. Ta nên đến đó, nghe nhận Bát nhã Ba la mật và hỏi nghĩa này." Vì duyên này nên hôm nay con đến đây, được chiêm lễ Bồ-tát Đại sĩ. Tâm con hoan hỷ, rất là vui sướng, giống như Tỷ-khưu được pháp lạc của tầng Thiền thứ ba. Đại sĩ, như khi ở trong tam-ma-địa con thấy được Như Lai, nhưng không biết các NhưLai đó từ nơi nào đến, đi về nơi nào. Xin nguyện Đại sĩ chỉ dạy cho con, khiến con thường được thấy Phật Thế Tôn.

Phẩm 31: Bồ-tát Pháp Thượng

Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng nói với Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề: "Thiện nam tử, Như Lai không từ đâu đến cũng không đi về đâu. Vì sao? Chân như không động. Chân như tức là Như Lai. Pháp bất sinh không đến, không đi. Pháp bất sinh tức là Như Lai. Thực tế không đến, không đi. Thực tế tức là Như Lai. Tính Không không đến, không đi. Tính Không tức là

NhưLai. Pháp vô nhiễm không đến, không đi. Pháp vô nhiễm tức là Như Lai. Tịch diệt không đến, không đi. Tịch diệt tức là Như Lai. Hư không không đến, không đi. Hư không tức là Như Lai. Thiện nam tử, lìa các pháp như thế không có một pháp nào có thể gọi là Như Lai. Điều này là thế nào? Nghĩa làChân như Như Lai, Chân như tất cả các pháp cùng là một Chân như. Như này không phân biệt, không hai cũng không ba. Thiện nam tử, ví như cuối xuân đầu hạ, ở vào giữa trưa, quáng nắng phát động. Nếu lúc đó có người tìm nước ở trong đó thì ý ông thế nào? Nước đó từ chỗ nào đến? Có phải đến từ biển Đông? Có phải đến từ biển Nam, Tây, Bắc? Khi đi cũng như thế?"

Bồ-tát Thường Đề nói: "Trong quáng nắng kia không thể có nước, huống hồ có đến và có đi sao? Chỉ là cái thấy sai lầm, ngu si, không có trí."

Bồ-tát Pháp Thượng nói: "Thiện nam tử, tất cả Như Lai cũng như thế. Nếu người chấp trước ở sắc tướng và dùng âm thanh quán các Như Lai, khởi lênphân biệt hoặc đến, hoặc đi; nên biết cái thấy của người này sai lầm, ngu si không có trí. Vì sao? Như Lai chính là Pháp thân không phải sắc thân có thể thấy. Thiện nam tử, tính các pháp không đến, không đi. Tất cả Như Lai cũng như thế không đến, không đi. Lại như huyễn sư hóa ra quân voi, quân ngựa, quân xe, và quân đi bộ. Bốn đạo quân như thế được biến ra nên không đến, không đi; tất cả Như Lai cũng như thế, không đến, không đi. Lại như có người ở trong mộng, hoặc thấy một Phật, hai Phật, ba, bốn, năm Phật cho đến trăm ngàn chư Phật. Thiện nam tử, chư Phật kia từ chỗ nào đến và đivề chỗ nào?"

Bồ-tát Thường Đề nói: "Đại sĩ, mộng đã không thật, pháp không quyết định.Ở trong pháp này làm gì có đến, đi?"

Bồ-tát Pháp Thượng nói: "Tất cả Như Lai cũng như thế. Như Phật đã nói:'Các pháp như mộng. Có người không thể như thật liễu tri các pháp như mộng tức dùng sắc tướng, âm thanh, ngôn ngữ, danh tự, chấp trước và phân biệt chư Phật Như Lai hoặc đến, hoặc đi.' Thiện nam tử, nếu người ởtrong pháp này không biết như thật, phân biệt sai lầm nên biết những người này gọi là dị sinh ngu muội, thân chịu sinh tử, luân chuyển các nẻo, xa lìa Bát nhã Ba la mật, xa lìa tất cả Phật pháp. Thiện nam tử, nếu người hiểu rõnhư thật tất cả các pháp như mộng, giống như Phật đã nói; ở trong pháp như thế tức không có pháp nào có đến, hoặc đi; vì thế không có phân biệt. Biết rõ như thật tất cả Như Lai không đến, không đi, không sinh, không diệt; người biết như thế chính là thấy pháp, là biết pháp. Người này tức gần Vôthượng Chính đẳng Chính giác, là hành Bát nhã Ba la mật, không nhận không của tín thí ở nước đó, có thể làm ruộng phúc lớn cho người đời. Thiện nam tử, lại như biển lớn có đủ loại báu. Báu này không từ phương Đông mà đến, cũng không từ phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng, các phương trên, dưới mà đến. Chỉ vì phúc nghiệp tất cả chúng sinh tạo tác cùng chiêu cảm báo ứng. Vì thế biển lớn có các trân báu, tất cả trân báu này đều từ nhân duyên mà sinh, cũng không phải không có nhân duyên mà sinh. Nhân duyên hòa hợp tức có; nhân duyên tan, diệt tức không. Có cũng không từ mười phương đến, không cũng không đi về mười phương. Thân của các Như Lai cũng như thế, không đến từ mười phương, không đi về mười phương. Chỉ vì nhân duyên hòa hợp mà sinh chứ không trụ. Pháp nhân duyên cũng không phải không có nhân duyên mà sinh. Nhân duyên hòa hợp tức sinh, nhân duyên tan rã tức diệt. Sinh cũng không đến từ mười phương, diệt cũngkhông đi về mười phương. Thiện nam tử, lại như đàn Không hầu có dây đàn,có thùng gỗ, có cần gỗ; nếu người dùng tay đánh lên thì

phát ra tiếng.Tiếng này không từ nơi nào đến, không từ dây dàn phát ra, không từ thân đàn phát ra, không từ cần đàn phát ra, không từ tay phát ra; chỉ vì nhân duyên hòa hợp nên có tiếng. Nhân duyên tan rã tức không có tiếng; tiếng này diệt rồi cũng không đi đâu. Thiện nam tử, chư Phật Như Lai cũng như thế. Từ tất cả thiện căn tương ưng, đủ các nhân duyên, mà như lý sinh ra; không phải một nhân, một duyên, một thiện căn mà sinh; cũng không phải không có nhân duyên mà sinh. Duyên hợp nên sinh, sinh mà không có đến; duyên tan nên diệt, diệt mà không có đi. Thiện nam tử, ông nên như thật liễu tri chư Phật Như Lai không đến, không đi như thế. Nếu biết chư Phật không đến, không đi, tức trú tất cả các pháp không sinh, không diệt. Biết như thế là hành phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật, nhất định được thành tựu Vô thượng Chính đẳng Chính giác."

Bấy giờ, lúc Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng nói pháp chư Phật Như Lai không đến không đi này, ba ngàn Đại thiên thế giới chấn động sáu loại, hiện mười tám tướng; đó là động, biến động, đẳng biến động, hống, biến hống, đẳng biến hống, chấn, biến chấn, đẳng biến chấn, dũng, biến dũng, đẳng biến dũng, bộc, biến bộc, đẳng biến bộc, kích, biến kích, đẳng biến kích. Hiện mười tám tướng như thế rồi, tất cả cung Ma ẩn khuất, không hiện; không phải lúc mà đủ loại hoa hiếm cùng nở; tất cả cây có hoa, cây có trái trên mặt đất đều nghiêng hướng về Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng. Thiên chủ ĐếThích, bốn Đại Thiên Vương, và các chúng Thiên tử Dục giới, ở giữa hư không mưa hoa trời vi diệu, hướng về Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng, rải hoa cúng dường. Lại lấy các hoa trời rải lên Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề, nói rằng: "Hay thay! Hay thay! Bồ-tát Thường Đề, chúng con nhờ Nhân giả nên hôm nay, ở chỗ Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng, được nghe Chính pháp tối hượng xâu xa. Hôm nay chúng con được thiện lợi lớn, điều này hiếm có nhất thế gian."

Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề bạch Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng: "Vì nhân duyên gì đại địa chấn động và hiện các tướng?"

Bồ-tát Pháp Thượng nói: "Thiện nam tử, ta trước đây vì ông thuyết pháp không đến, không đi của chư Phật Như Lai mà có tướng này. Bấy giờ, cótám ngàn người được Vô sinh pháp nhẫn, tám mươi ngàn na-dữu-đa người phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác, sáu vạn bốn ngàn người xa lìa trần cấu được Pháp nhãn thanh tịnh."

Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề nghe pháp này rồi, tâm rất sung sướng, hân hoan, vui mừng, nói rằng: "Hôm nay con được lợi tối thượng, vì nhân duyên cầu Bát nhã Ba la mật nên được nghe pháp không đến, không đi của chư Phật Như Lai ở nơi thiện tri thức. Nay con đã được viên mãn thiện căn như thế, nhất định không thoái chuyển đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác." Nói như thế rồi, lại vui mừng, thân vọt lên hư không, cao bằng bảy cây Đa-la, ở giữa hư không suy nghĩ rằng: "Ta nay lại làm thế nào để được hương hoa tốt đẹp cúng dường Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng."

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích biết được tâm niệm Bồ-tát Thường Đề rồi, liềndùng hoa trời mạn-đà-la dâng lên Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề. Thiên chủnói rằng: "Thiện nam tử, ông có thể lấy hoa đẹp này cúng dường Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng. Tôi nay giúp ông, lợi ích vô lượng, vô số chúng sinh."

Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề nhận hoa Thiên chủ Đế Thích dâng lênrồi liền dùng hoa này hướng về Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng, rải lên cúng dường. Cúng dường hoa rồi, chấp tay cung kính, nói rằng: "Bồ-tát Đại sĩ, kể từ hôm nay con sẽ lấy thân mình phụng sự Bồ-tát, cung cấp, hầu cận, cúng dường." Nói như thế rồi, từ giữa không trung xuống đứng trước Bồ-tát.

Bấy giờ, con gái trưởng giả và năm trăm thị nữ cùng bạch Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề: "Chúng con đều dùng thân mình dâng lên Bồ-tát, cung cấp, hầuhạ, cúng dường; cũng xin dâng lên cả năm trăm cỗ xe. Con nguyện đời đời sinh ra, thường được cùng Bồ-tát trồng các thiện căn, thường được gặp nhau, thường cùng gần gũi, cung kính, cúng dường chư Phật, Bồ-tát. Thân con đã hiến, nguyện xin nhận lấy."

Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề bảo người con gái trưởng giả v.v...rằng: "Các con nếu lấy tâm thành phụng sự ta, đều tùy thuận với sở hành của ta thì ta nhận lấy."

Người con gái trưởng giả v.v... nói rằng: "Chúng con thành tâm dâng lên Bồ-tát; hễ có làm gì thì chúng con đều tùy thuận."

Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề nhận rồi, liền bạch Bồ-tát Ma-ha-tátPháp Thượng: "Nay con gái trưởng giả cùng năm trăm thị nữ này, cho đến năm trăm cỗ xe có báu trang nghiêm, đều dâng lên Bồ-tát Đại sĩ, nguyện xin thâu nhận."

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích khen ngợi Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề: "Hay thay! Hay thay! Thiện nam tử, hỷ xả như thế thật là hiếm có. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát có thể xả như thế thì sớm được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, thông đạt phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật. Thiện nam tử, chư Phật Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác trong quá khứ, lúc còn hành đạo Bồ-tát, đều hành hạnh xả như ông hôm nay, siêng cầu nhân duyên Bát-nhã Ba-la-mật, cũng như ông hôm nay không khác."

Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng vì muốn thành tựu thiện căn cho Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề, liền nhận người con gái trưởng giả v.v... nhận rồi liền trao lại cho Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề.

Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng, đã qua buổi chiều, rời khỏi tòa pháp, đi vào cung xá. Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề nghĩ rằng: "Tanay vì cầu pháp, phải nên tinh tiến đối với hai việc, hoặc đi, hoặc đứng, hãy đợi Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng ra khỏi cung xá, ngồi lên tòa pháp, ta sẽ nghe nhận Chính pháp sâu xa."

Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng thường nhập tam-ma-địa Bát nhã Ba la mật và vô lượng vô số tam-ma-địa Bồ-tát, trải qua bảy năm trong cáctam-ma-địa này. Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề, cũng trong bảy năm, hoặc đi, hoặc đứng, không hề nằm, ngồi, không nghĩ ăn uống, không sinh mỏi mệt, chỉ nghĩ Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng, vào lúc nào mới ra khỏi tam-ma-địa,ngồi lên lại tòa pháp, cho mình được nghe Bát nhã Ba la mật.

Bấy giờ, Bồ-tát Thường Đề rải đủ loại hoa lên tòa pháp. Người con gái trưởng giả và 500 thị nữ kia cũng học Bồ-tát Thường Đề, ở trong bảy năm, hoặc đi, hoặc đứng, không hề nằm, ngồi, không nghĩ ăn uống, không sinh mỏi mệt, cũng lại nhất tâm đợi Bồ-tát đó ra khỏi tam-ma-địa.

Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề vì tâm ưa thích pháp, siêng năng tinh tiến, bỗng nghe giữa hư không có tiếng bảo rằng: "Bồ-tát Pháp Thượng bảyngày sau sẽ ra khỏi tam-ma-địa." Bồ-

tát Thường Đề nghe tiếng này giữa hư không rồi, tâm rất hân hoan, vui mừng, sung sướng, cùng con gái trưởng giảvà năm trăm thị nữ, dùng đủ loại báu nghiêm sức, thanh tịnh chỗ tòa pháp.

Bấy giờ, con gái trưởng giả v.v... đều cởi diệu y đang mặc, chất lên làm tòa, để cho Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng ngồi êm trên tòa đó.

Bấy giờ, Bồ-tát Thường Đề liền ở nơi đó, đi quanh tìm nước để rưới mặt đất. Lúc này các Ma che khuất nước, không để cho thấy. Ma nghĩ: "Bồ-tát Thường Đề tìm nước không có, tâm sẽ sinh khổ; vì tâm sinh khổ nên lùi mất đạo ý, thiện căn không tăng."

Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề biết ma lực của Ma che khuất rồi, liền nghĩ: "Nay ta nên tự phá thân lấy máu để rưới đất ở nơi tòa pháp. Vì sao? Bụi đất nhơ bẩn, chỗ của Bồ-tát không được thanh tịnh. Ta nay vì cầu Pháp vô thượng, nếu phá thân mình thì sao lại tiếc. Lại nữa ta từ đời đời đến nay, vì nhân duyên của dục mà chịu thân sinh tử, luân chuyển các nẻo, đã mất công mà cuối cùng không có lợi ích, vì chưa từng vì pháp thanh tịnh này mà bỏ thân mạng mình; vì thế hôm nay phải nên tinh tiến." Nghĩ như thế rồi liền cầm đao bén cắt thân lấy máu để rưới lên đất ở đó. Người con gái trưởng giả và 500 thị nữ kia cũng học Bồ-tát Thường Đề, cắt thân lấy máu để rưới lên đất ở đó.Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề và con gái trưởng giả v.v... kia, dũng mãnh, kiên cố, làm việc này rồi, thiện căn tăng trưởng, các ác Ma kia không làm gì được họ.

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích dùng thiên nhãn của mình quán thấy việc này rồi, liền nghĩ rằng: "Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề thật là hiếm có, phát đại dũng mãnh, mặc giáp kiên cố, không tiếc thân mạng, vì cầu pháp, vì muốn thành tựu Vô thượng Chính đẳng Chính giác, rộng độ tất cả chúng sinh khỏi khổ luân hồi, mà phát đại tinh tiến thật là hiếm có." Thiên chủ Đế Thích nghĩ như thế rồi, liền làm cho chỗ đất có máu rưới đó biến thành nước hương chiên đàn đỏ, trên trăm do-tuần đều là hương chiên đàn.

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích liền khen Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề: "Hay thay! Hay thay! Thiện nam tử, ông nay vì cầu Pháp vô thượng mà phát đại tinh tiến; chư Phật Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác trong quá khứ, lúc còn hành đạo Bồ-tát, cũng như ông bây giờ không khác."

Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề lại nghĩ: "Lúc Bồ-tát Ma-ha-tát PhápThượng thuyết pháp, ta không có hương hoa thì lấy gì cúng dường?" Thiên chủ Đế Thích biết ý nghĩ đó rồi, liền dùng ngàn hộc hoa trời mạn-đà-la dâng lên Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề.

Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề nhận hoa đó rồi, chia đều làm hai, trước rải lên bên tòa.Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng, đã qua bảy năm, rời tam-ma-địa, trở lại tòa pháp, ngồi yên trên đó, cùng vô số trăm ngàn đại chúng cung kính vây quanh.

Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề thấy Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng đã ở trên tòa, tâm rất vui mừng, ví như Tỷ-khưu được pháp lạc của tầng Thiền thứ ba, liền cầm phần hoa trời mạn-đà-la được Đế Thích dâng lên trước đó, hướng về Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng, rải lên cúng dường rồi, chấp tay,lắng tâm nghe nhận Chính pháp Bát nhã Ba la mật được tuyên thuyết.

Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng, nhân Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề, mà bảo các chúng rằng: "Các ông nên biết, tất cả các pháp bình đẳng, Bát nhã Ba la mật cũng bình đẳng; tất cả các pháp là ly, Bát nhã Ba la mật cũng ly; tất cả các pháp không động, Bát nhã Ba la mật cũng không động; tất cả các pháp vô niệm, Bát nhã Ba la mật cũng vô niệm; tất cả các pháp vô úy, Bát

nhã Ba la mật cũng vô úy; tất cả các pháp không có vị, Bát nhã Ba la mật cũng không có vị; tất cả các pháp vô biên, Bát nhã Ba la mật cũng vô biên; tất cả các pháp vô sinh, Bát nhã Ba la mật cũng vô sinh; tất cả các pháp vô diệt, Bát nhã Ba la mật cũng vô diệt; hư không vô biên, Bát nhã Ba la mật cũng vô biên; biển lớn vô biên, Bát nhã Ba la mật cũng vô biên; núi Tu-di trang nghiêm, Bát nhã Ba la mật cũng trang nghiêm; hư không vô phân biệt, Bát nhã Ba la mật cũng vô phân biệt; sắc vô biên, Bát nhã Ba la mật cũng vô biên; thụ, tưởng, hành, thức vô biên, Bát nhã Ba la mật cũngvô biên; địa giới vô biên, Bát nhã Ba la mật cũng vô biên; thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới vô biên, Bát nhã Ba la mật cũng vô biên; pháp Kim cương dụ bình đẳng, Bát nhã Ba la mật cũng bình đẳng; tất cả các pháp vô phân biệt, Bát nhã Ba la mật cũng vô phân biệt; tất cả các pháp không có sở đắc, Bát nhã Ba la mật cũng không có sở đắc; tất cả các pháp bình đẳng, vô tính, Bát nhã Ba la mật cũng bình đẳng, vô tính; tất cả các pháp không hoại, Bát nhã Ba la mật cũng không hoại; tất cả các pháp không thể nghĩ bàn, Bát nhã Ba la mật cũng không thể nghĩ bàn."

Bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề nghe pháp này rồi liền ở trong hội đượcvào tam-ma-địa Nhất thiết pháp bình đẳng, tam-ma-địa Nhất thiết pháp ly, tam-ma-địa Nhất thiết pháp vô động, tam-ma-địa Nhất thiết pháp vô niệm, tam-ma-địa Nhất thiết pháp vô úy, tam-ma-địa Nhất thiết pháp vô vị, tam-ma-địa Nhất thiết pháp vô biên, tam-ma-địa Nhất thiết pháp vô sinh, tam-ma-địa Nhất thiết pháp vô diệt, tam-ma-địa Hư không vô biên, tam-ma-địa Đại hải vô biên, tam-ma-địa Tu-di sơn trang nghiêm, tam-ma-địa Hư khôngvô phân biệt, tam-ma-địa Sắc vô biên, tam-ma-địa Thụ, tưởng, hành, thứcvô biên, tam-ma-địa Địa giới vô biên, tam-ma-địa Thủy, hỏa, phong, không, thức giới vô biên, tam-ma-địa Pháp Kim cương dụ bình đẳng, tam-ma-địa Nhất thiết pháp vô phân biệt, tam-ma-địa Nhất thiết pháp vô sở đắc, tam-ma-địa Nhất thiết pháp pháp bình đẳng vô tính, tam-ma-địa Nhất thiết pháp vô hoại, tam-ma-địa Nhất thiết pháp bất khả tư nghị.

Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề được vào sáu vạn cửa tam-ma-địa như thế, ởtrong các tam-ma-địa này được thấy mười phương như Hằng hà sa số bangàn Đại thiên thế giới, Hằng hà sa số chư Phật Thế Tôn, đều dùng danh tự như thế, chương cú như thế, tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật cho đại chúng Bồ-tát, Thanh Văn, người, trời, giống như Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng. Nay trong hội này có các đại chúng cung kính vây quanh, dùng danh tự như thế, chương cú như thế, tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật, không khác nhau.

Bấy giờ, Phật bảo Tu-bồ-đề: Như ta đã nói, Bồ-tát Ma-ha-tát Thường Đề kiadùng đủ loại phương tiện, tinh tiến, kiên cố như thế, siêng cầu Bát nhã Ba la mật. Bồ-tát này ở chỗ Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Thượng kia, được nghe Bát nhã Ba la mật, được vào các cửa tam-ma-địa, ra khỏi tam-ma-địa rồi, liềnđược đa văn đầy đủ, như nước biển lớn sâu rộng vô biên, ở trong đời naythường được thấy Phật, đời đời sinh vào quốc độ chư Phật, cho đến trong một sát-na cũng không tạm lìa chư Phật Thế Tôn.

Tu-bồ-đề, nên biết người cầu Bát nhã Ba la mật có các lợi ích, công đức nhưthế. Vì thế, Bồ-tát Ma-ha-tát trong pháp ta hiện nay, những người cầu Bát nhã Ba la mật cũng nên cầu như thế.

Phẩm 32: Chúc Lụy

Bấy giờ, Phật bảo Tôn giả A-nan: Nay ông nên biết, Bát nhã Ba la mật là mẹ chư Phật, sinh ra Nhất thiết trí trí của chư Phật. A-nan, nếu người muốn hành Bát nhã Ba la mật thì nên đối với Chính pháp sâu xa này thụ trì, đọc, tụng, ghi nhớ, suy nghĩ, vì người tuyên thuyết; cho đến biên chép một câu, một bài kệ, đặt chỗ thanh tịnh, dùng hộp báu để đựng, tôn trọng, cung kính, tức lấy đủ loại vàng bạc, trân báu, hoa thơm, đèn, đồ hương, cờ, phướn, lọng báu v.v... cúng dường rộng khắp, cho đến một hương, một hoa, một lễ,một lời tán thán, tùy theo đó mà cung kính cúng dường, nên biết người này chắc chắn nhận được giáo pháp của ta, được ta khen ngợi. A-nan, Phật có phải là đại sư của ông không?

A-nan bạch Phật: Thế Tôn, Phật là đại sư của con; con là đệ tử Phật.

Phật nói: A-nan, ông nay là đệ tử của ta, ông ở đời này cung cấp, hầu cận, cung kính, tôn trọng đối với ta; sau khi ta Niết-bàn, ông nên tôn trọng, cung kính, cúng dường Chính pháp Bát nhã Ba la mật sâu xa này, tức là cung kính, tôn trọng ta, là người báo ân Phật lớn nhất. A-nan, ta nay lấy Chính pháp Bát nhã Ba la mật sâu xa này trao cho ông, ông nên nhận giữ, cẩn thận đừng để mất, tuyên thông, lưu bố, đừng để đoạn tuyệt. A-nan, ông nên tinh tiến trợ tuyên pháp này, đừng làm kẻ cuối cùng đứt đoạn hạt giống Phật; dặn dò như thế, lần thứ hai, thứ ba.

A-nan bạch Phật: Như Thế Tôn dạy, con sẽ phụng trì. Như Thế Tôn dạy, con sẽ phụng trì. Bạch ba lần như thế xong.

Phật nói: A-nan, nên biết lúc nào mà Chính pháp Bát nhã Ba la mật này có ở đời, thì lúc đó chư Phật Thế Tôn có ở đời để thuyết pháp. Lại nữa, A-nan. Nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, đối với Chính pháp Bát nhã Ba la mật sâu xa này, ưa thích, cung kính, thụ trì, đọc, tụng, ghi nhớ, suy nghĩ, vì người tuyên thuyết; cho đến biên chép, tôn trọng, cúng dường, nên biết Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này, đời đời sinh ra thường được thấy Phật, nghe nhận Chính pháp.

Phật thuyết kinh này rồi, các Bồ-tát Ma-ha-tát Từ Thị v.v... Tôn giả Tu-bồ-đề, Tôn giả Xá-lợi Tử, Tôn giả A-nan v.v... các chúng Đại Thanh Văn, và Thiên chủ Đế Thích v.v... cho đến tất cả thế gian, trời, người, A-tu-la v.v...nghe lời Phật thuyết đều rất vui mừng, tin, nhận, phụng hành.

HẾT

(chấm dứt Phật Mẫu Bát Nhã Kinh" do Thi Hộ dịch)

---o0o---

(Tạng Thư Phật Học)

10. Kinh "PHẬT MẪU BẢO CƯỚC ĐỨC TẠNG BÁT NHÃ BA LA MẬT"

Đại Tạng Kinh Việt Nam mang số 0229, 3 quyển do Tống Pháp Hiền hay Pháp Hiển dịch từ Phạn sang Hán, nhóm Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh dịch từ Hán sang Việt.

---o0o---

QUYỂN THƯỢNG
Phẩm 1: HẠNH

Bấy giờ, vì muốn cho bốn chúng vui mừng và đạt được lợi ích, nên Đức Thế Tôn nói kinh Bát nhã Ba la mật đa này. Phật nói kệ:

Có những Bồ-tát vì thế gian
Diệt trừ phiền não làm chướng ngại,
Phát tâm tịnh tín trụ tịch tĩnh
Thực hành Bát nhã Ba la mật đến bờ giác.
Những dòng sông ở Diêm-phù-đề
Làm cho cây cỏ được thấm nhuần,
Vua rồng sống tại ao Vô nhiệt
Dùng oai lực tạo các dòng sông.
Như hàng Thanh văn, đệ tử Phật
Dùng phương tiện thuyết pháp độ sinh,
Vui hạnh Thánh hiền cầu phước báo
Chư Như Lai oai đức thù thắng.
Tại sao Phật nói Pháp nhãn này
Khiến cho đệ tử học pháp Phật
Phương tiện tự chứng và dạy người
Do Phật lực, chẳng phải tự lực.
Bát-nhã tối thượng khó biết được
Phi tâm không thể biết Bồ-đề
Thế nên nghe rồi, không kinh sợ
Bồ-tát thực hành biết trí Phật
Sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều không
Không có chỗ để vướng bụi trần
Tất cả pháp thảy đều không trụ
Hành không thọ, tưởng đắc Bồ-đề.
Bồ-tát nếu cầu trí xuất gia
Xét thấy năm uẩn tướng không thật
Do đó không cầu nơi tịch tĩnh

Đó là trí hạnh của Bồ-tát.
Lại nữa, làm sao đắc được trí
Soi thấy tất cả pháp đều không
Không kinh, không đắm khi xét thấy
Các vị Bồ-tát tự giác, giác tha.
Sắc, thọ, tưởng, hành và thức uẩn
Uẩn này thấy làm mà không biết
Bồ-tát xét thấy uẩn đều không
Thực hành vô tướng không chấp trước,
Không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức
Không hành gọi là hành vô tướng
Nếu hành, chẳng đắc trí tối thượng
Vô tướng, tịch tĩnh, Tam-ma-địa.
Nếu Bồ-tát riêng hành tịch tĩnh
Chư Phật quá khứ đều thọ ký
Thân khổ vui không bị chi phối
Do biết bổn tánh pháp nhân quả,
Với pháp nếu hành chẳng thể đắc
Hành vậy mới là hành trí Phật
Hành không chỗ hành, biết rõ mình
Đó là hành Bát-nhã tối thượng.
Hành vô sở hữu chẳng thể đắc
Ngu si nên chấp tướng có không
Hai pháp có không đều chẳng thật
Biết rõ việc này là Bồ-tát.
Nếu Bồ-tát biết việc huyễn hóa
Sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy
Tu tịch tĩnh xa lìa các tướng
Đó là hạnh Bát-nhã tối thượng.
Bạn lành, phương tiện làm cho biết
Để nghe Phật mẫu chẳng sợ kinh
Bạn ác đồng hành mà giáo hóa
Như bình đựng nước không bền đâu.
Làm sao được gọi là Bồ-tát?
Tất cả việc vui đều không đắm
Cầu đạo Bồ-đề không chấp trước
Thế mới được gọi là Bồ-tát.
Vì sao gọi là Đại Bồ-tát?
Được nghĩa đệ nhất trong chúng sinh
Trừ các tà kiến cho chúng sinh
Vì thế gọi là Đại Bồ-tát.
Đại thí, đại tuệ, đại oai đức
Phụng hành được Phật thừa tối thượng
Phát tâm Bồ-đề độ chúng sinh
Vì thế gọi là Đại Bồ-tát.
Như hóa vô số loài bốn chân
Và chặt đầu chúng trước mọi người
Thế gian cũng vậy đều huyễn hóa
Bồ-tát biết rồi, không sợ hãi,
Sắc, thọ, tưởng, hành, thức trói buộc

Biết rõ không thật, không cầu thoát
Hành Bồ-đề, tâm không chấp trước
Đó là các vị Bồ-tát tối thượng.
Làm sao được gọi là Bồ-tát?
Phụng hành Đại thừa độ chúng sinh
Thể tướng Đại thừa như hư không
Do đó Bồ-tát được an vui.
Chiếc xe Đại thừa chẳng thể đắc
Mang theo Niết-bàn đến mọi nơi
Hành mà không thấy như lửa tắt
Vì thế gọi là nhập Niết-bàn
Việc làm Bồ-tát bất khả đắc
Tất cả ba đời đều sạch trong
Sạch trong, không sợ, không hý luận
Đó là hành Bát-nhã tối thượng.
Bồ-tát khi hành hạnh đại Trí
Vì chúng sinh phát đại Từ bi
Làm rồi, không hiện tướng chúng sinh
Đó là hành Bát-nhã tối thượng.
Bồ-tát vì chúng sinh phát nguyện
Tu tập các hạnh có tướng khổ
Là có ngã tướng, chúng sinh tướng
Không phải hạnh Bát-nhã tối thượng
Biết mình và biết các chúng sinh
Cho đến các pháp cũng y vậy
Sinh diệt, không hai, không phân biệt
Đó là hành Bát-nhã tối thượng,
Cho đến mọi thứ trên thế giới
Đều lìa tất cả pháp sinh diệt
Trí cam lồ tối thượng là đây
Vì thế được gọi là Bát-nhã.
Bồ-tát thực hành hạnh như vậy
Rõ biết phương tiện không mong cầu
Biết các pháp bổn tánh không thật
Đó là hành Bát-nhã tối thượng.
Nếu không trụ vào sắc và thọ
Cũng không trụ vào tưởng và hành
Không trụ thức lại trụ chánh pháp
Đó là hành Bát-nhã tối thượng.

Phẩm 2: ĐẾ THÍCH

Kệ Hoan hỷ địa nhiếp Bố-thí ba-la-mật:
Thường cùng vô thường, các khổ, vui
Ngã và vô ngã thảy đều không
Không trụ hữu vi và vô vi
Trụ vô tướng, hành, Phật cũng vậy.
Nếu có cầu Thanh văn, Duyên giác
Cho đến Phật quả cũng như vậy,
Không trụ pháp nhẫn không thể được

Như qua sông lớn, không thấy bờ.
Người nghe pháp này chứng đắc định
Thành Chánh đẳng giác, chứng Niết-bàn,
Thấy tất cả như là chính mình
Như Lai gọi họ là đại Trí.

Phật tử đang an trụ ở bốn (Bổ-đặc-già-la) loài hữu tình do đó phải hành Đại trí hạnh:

Pháp lành chân thật.
Tâm không thoái lui.

Xứng đáng được người cúng dường, xa lìa cấu uế, không phiền não, không mong cầu.

Bình đẳng với bạn lành.
Bồ-tát hành đại Trí như vậy
Không học Thanh văn và Duyên giác
Ưa học Nhất thiết trí Như Lai
Học mà không học gọi là học,
Học không nhận sắc, không tăng giảm
Cũng lại không học các thứ pháp
Nhiếp thọ lạc học Nhất thiết trí
Người nào có công đức xuất ly
Sắc chẳng có trí chẳng không trí
Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy,
Tự tánh tánh sắc như hư không
Bình đẳng không hai, không phân biệt
Bổn tánh vọng tưởng không tới bờ
Cảnh giới chúng sinh cũng như vậy.
Tự tánh hư không không khác gì
Trí tuệ thế gian biết cũng vậy
Trí tuệ vô sắc Phật đã nói
Lìa tất cả tưởng đến bờ kia
Người nào lìa được các tưởng rồi
Ý lời người đó trụ chân như
Người đó sống lậu hằng sa kiếp
Không nghe Phật nói tiếng chúng sinh
Chúng sinh không sinh tánh thanh tịnh
Đó là hành Bát-nhã tối thượng.
Phật thuyết ra đủ các ngôn ngữ
Gồm đủ nghĩa Bát-nhã tối thượng
Phật quá khứ thọ ký cho ta
Đời vị lai chứng quả Bồ-đề.

Phẩm 3: XÂY THÁP ĐƯỢC CÔNG ĐỨC VÔ LƯỢNG

Kệ Vô cấu địa nhiếp Trì giới ba-la-mật:
Người nào thường thọ trì Bát-nhã
Việc làm thích hợp với chư Phật
Dao, kiếm, thuốc độc, nước và lửa
Cho đến các ma không thể hại,

Người nào sau khi Phật diệt độ
Lập tháp bảy báu để cúng dường
Đầy khắp ngàn câu-chi như vậy
Tháp Phật ở hằng sa thế giới,
Vô số ngàn câu-chi chúng sinh
Dùng các thứ hương hoa vi diệu
Cúng dường vô số Phật ba đời
Vô lượng công đức đã đạt được,
Cũng không bằng viết kinh Bát-nhã
Chư Phật do đấy mà sinh ra
Người thọ trì đọc tụng cúng dường
Công đức bội phần cúng tháp Phật.
Đại Minh Bát-nhã, Mẹ chư Phật
Hay trừ khổ não khắp thế gian
Mười phương chư Phật trong ba đời
Học Bát-nhã được Vô thượng sư,
Hành Bát-nhã làm lợi chúng sinh
Học đại Trí chứng quả Bồ-đề
Các niềm vui hữu vi, vô vi
Tất cả vui từ Bát-nhã sinh.
Như gieo các giống trên mặt đất
Được hòa hợp nên sinh nhiều màu
Năm Ba-la-mật và Bồ-đề
Đều từ Bát-nhã mà sinh ra,
Như vua Chuyển luân khi xuất hành
Dẫn đường là bảy báu, bốn binh
Nương theo hạnh Bát-nhã tối thượng
Tất cả pháp công đức nhóm hợp.

Phẩm 4: CÔNG ĐỨC

Kệ Phát quang địa nhiếp Nhẫn nhục ba-la-mật:
Đế Thích nghi ngờ bạch Phật rằng:

Hằng hà sa số cõi nước Phật
Cõi Phật vô số như hạt cải.
Lực Bát-nhã rõ hết cõi Phật
Hiểu rõ Bát-nhã như vậy rồi,
Làm sao không cúng dường cõi Phật.
Ví như vua được người kính trọng
Người trụ Bát-nhã cũng như vậy,
Công đức Bát-nhã ở cõi Phật
Ngọc ma-ni giá trị không bằng,
Cúng dường tủ kinh, nơi để kinh
Sẽ được phước đức quý vô lượng.
Phật diệt độ, cúng dường xá-lợi
Không bằng cúng dường Bát-nhã kinh,
Người nào ưa thọ trì cúng dường
Người đó sẽ mau được giải thoát
Trước hành Bố-thí ba-la-mật

Kế là Giới, Nhẫn, Tấn, Thiền định,
Thọ trì thiện pháp không thể hoại
Chắc chắn sinh ra tất cả pháp
Như các loại cây cõi Diêm-phù
Với nhiều màu sắc, hình khác nhau,
Tuy bóng mỗi cây có sai khác
Nhưng đều gọi chung là bóng cây.
Năm Ba-la-mật, tên tuy khác
Bát-nhã ba-la cùng một tên,
Tất cả hồi hướng quả Bồ-đề
Đồng quy về một vị giác ngộ.

Phẩm 5: PHƯỚC LƯỢNG

Kệ Diễm tuệ địa nhiếp Tinh tấn ba-la-mật:

Các thứ sắc, thọ, tưởng, hành, thức
Bồ-tát xét thấy đều vô thường
Mỗi mỗi hiện hành mà không biết
Người trí thấy không pháp, không sinh.
Không có sắc, thọ, tưởng, hành,thức
Pháp này không đắc cũng không sinh
Biết rõ tất cả pháp đều không
Đó là hành Bát-nhã tối thượng.
Như hóa hiện hằng sa cõi Phật
Các chúng sinh chứng quả La-hán
Nếu có ghi chép kinh Bát-nhã
Bảo người thọ trì được cộng đức,
Làm sao tu học hạnh của Phật
Dốc tin Bát-nhã các pháp không
Mau chứng Thanh văn và Duyên giác
Cho đến đạo Vô thượng Bồ-đề.
Thế gian không giống, không sinh cây
Cành lá hoa quả đều không có
Không Phật, ai chỉ tâm Bồ-đề,
Không Phạm-thiên, Đế Thích, Thanh văn
Như mặt trời chiếu khắp chư Thiên
Làm cho thành tựu các thứ nghiệp.
Phật trí tâm Bồ-đề cũng vậy
Các pháp công đức từ trí sinh,
Nếu ao Vô nhiệt không có rồng
Thì cõi Diêm-phù không có sông,
Không có sông, hoa quả không sinh
Không có các báu trong biển lớn.
Thế gian không Phật không đại Trí
Không trí, công đức không tăng trưởng,
Cũng không Phật pháp để trang nghiêm
Không châu báu trong biển Bồ-đề.
Như đom đóm sáng ở thế gian
Tất cả đều hợp lại một chỗ,

So ánh mặt trời chiếu thế gian
Không bằng một phần số vi trần.

Phẩm 6: TÙY HỶ CÔNG ĐỨC

Kệ Nan thắng địa nhiếp Thiền ba-la-mật:

Lại có công đức của Thanh văn
Hành bố thí, trì giới quán chiếu
Không bằng Bồ-tát phát nhất tâm
Tùy hỷ chút ít phần tích phước.
Lại có vô số na-do-tha
Vô biên hằng sa các cõi Phật
Quá khứ, hiện tại Phật đã nói
Pháp bảo đoạn trừ tất cả khổ,
Từ khi phát tâm Vô thượng giác
Cho đến thành Phật và nhập diệt
Nếu có bao nhiêu công đức Phật
Đều thành phương tiện Ba-la-mật.
Thanh văn, Hữu học và Vô học
Các pháp lành hữu lậu, vô lậu
Bồ-tát hồi hướng khắp tất cả
Nên vì thế gian chứng Bồ-đề.
Bồ-tát bố thí tâm không trụ
Trụ tâm chính là tướng chúng sinh,
Có thấy, có niệm là chấp trước
Chẳng phải hồi hướng, thí Bồ-tát.
Như vậy chẳng phải thí vô tướng
Nên biết pháp này có diệt tận
Việc phi pháp chẳng phải tâm thí
Mới được gọi là hồi hướng thí.
Có tướng thí chẳng phải chân thí
Hồi hướng vô tướng chứng Bồ-đề,
Như thức ăn ngon có thuốc độc
Pháp tự chấp tướng cũng như vậy.
Cho nên hồi, thí cần phải học
Chúng lành của Phật đều nên biết,
Là sinh, là tướng, là oai lực
Thảy đều tùy hỷ hồi hướng thí.
Đem công đức hồi hướng Bồ-đề,
Bồ-tát bố thí đều vô tướng
Bố thí như vậy Phật ấn chứng
Vậy mới gọi là dũng mãnh thí.

Phẩm 7: ĐỊA NGỤC

Kệ Hiện tiền địa nhiếp Trí tuệ ba-la-mật:

Vô số người mù không thấy đường
Không một người nào vào được thành
Tu hành sáu độ thiếu Bát-nhã
Không có năng lực để giác ngộ,
Ví như vẽ tượng, không vẽ mắt
Do không có mắt không sinh động.
Có thọ hành đối với trí tuệ
Gọi là có mắt và có sức.
Pháp trắng đen hữu vi, vô vi
Giống như vi trần không thể được
Trí tuệ quán chiếu như hư không
Gọi là Bát-nhã xuất thế gian.
Bồ-tát tin chắc vào hạnh Phật
Cứu độ vô số khổ chúng sinh
Nếu còn chấp trước tướng chúng sinh
Chẳng phải hành Bát-nhã tối thượng.
Bồ-tát nếu hành hạnh tối thượng
Quá khứ chưa từng cầu đại Trí
Nay nghe Bát-nhã tưởng như Phật
Mau chứng tịch tĩnh đạo Bồ-đề
Quá khứ vô số kiếp tin Phật,
Không tin Bát nhã Ba la mật
Mà lại không tin Bát nhã Ba la mật
Hoặc sinh tâm sân hận, phỉ báng
Là người ngu si đọa A-tỳ.
Người nào muốn chứng các trí Phật
Mà không tôn trọng pháp Bát-nhã
Như người buôn vào biển cầu báu
Mất hướng đi đành phải trở về.

Phẩm 8: THANH TỊNH
(Phẩm này bao gồm Phẩm 9- KHEN NGỢI)

Kệ Viễn hành địa nhiếp Phương tiện ba-la-mật:

Sắc thanh tịnh nên quả thanh tịnh
Sắc quả đều đồng Nhất thiết trí
Nếu khi Nhất thiết trí thanh tịnh
Như cõi hư không, không hư hoại.
Bồ-tát vượt ra khỏi ba cõi
Đoạn hết phiền não mà hiện sinh
Không già, bệnh, chết, hiện diệt độ
Đó tức là hành hạnh Bát-nhã.
Thế gian chìm đắm trong sắc dục
Người ngu như trong cơn gió lốc
Như nai chạy quanh ở trong chuồng
Người trí như chim bay trên không.
Không chấp trước sắc, không thọ, tưởng
Cũng không hành, thức là thanh tịnh
Lìa được phiền não nhơ như vậy

Giải thoát là hành đại Trí Phật.
Bồ-tát hành đại Trí như vậy
Được lìa các tướng, thoát luân hồi
Như mặt trời thoát khỏi nhật thực
Ánh sáng chiếu xa khắp thế gian,
Lửa đốt cây cỏ và rừng núi
Như tất cả pháp tánh thanh tịnh
Quán như vậy cũng không phải quán
Đó là hành Bát-nhã tối thượng.

Phẩm 10: XƯNG TÁN CÔNG ĐỨC

Kệ Bất động địa nhiếp Nguyện ba-la-mật và Thiện tuệ địa nhiếp Lực ba-la-mật:
Đế Thích thiên chủ bạch Phật rằng:

Tại sao Bồ-tát hành trí tuệ?
Phật đáp uẩn giới số vi trần
Bồ-tát không có uẩn giới này.
Bồ-tát hành lâu nên biết được
Tạo thắng duyên với vô số Phật
Người mới học nghe liền nghi ngờ
Hoặc không mong cầu mà không học,
Như người đi sâu vào đường hiểm
Bỗng thấy mục đồng ở cuối đường
Tâm an ổn không lo sợ giặc
Biết gần đến thành không còn xa.
Nếu nghe Bát-nhã tối thượng rồi
Lại mong cầu được quả Bồ-đề
Như được an ổn không sợ hãi
Tâm vượt La-hán, Duyên giác địa.
Ví như người đến xem biển lớn
Trước thấy núi rừng và cây lớn
Thấy cảnh tốt đẹp đáng mến này
Biết gần đến biển chẳng còn xa,
Nếu Bồ-tát phát tâm vô thượng
Nghe Bát nhã Ba la mật đa này
Tuy rằng chưa được Phật thọ ký
Nhưng quả Bồ-đề cũng không xa.
Như mùa xuân cây cỏ sinh trưởng
Biết không lâu sẽ có hoa quả
Nếu người thọ trì được Bát-nhã
Không bao lâu sẽ chứng Bồ-đề,
Cũng như người nữ đã mang thai
Đủ mười tháng ắt đến ngày sinh
Nếu Bồ-tát nghe Bảo Đức Tạng
Là điềm lành báo mau thanh Phật.
Người hành Bát nhã Ba la mật
Thấy sắc không tăng cũng không giảm
Thấy pháp, phi pháp như pháp giới
Không cầu tịch tĩnh tức Bát-nhã.

Người thực hành không nghĩ Phật pháp
Không nghĩ đủ lực và tịch tĩnh
Hành vô tướng: lìa nghĩ, không nghĩ
Là hành hạnh Bát-nhã tối thượng.

Phẩm 11: MA

Kệ Pháp vân địa nhiếp Trí tuệ – bờ bên kia:

Phật bảo Thiện Hiện hãy lắng nghe!
Phàm phu, Thanh văn và Duyên giác
Đó gọi là địa vị Như Lai.
Nếu tất cả như nhau không ngại
Có khen ngợi nhưng lìa lời nói
Dựa vào mà quán chiếu Như Lai
Cho đến đạt thành Sở tác trí,
Trụ giữ Phật địa đại kim cang
Quán sát vô tướng trụ hư không
Nên biết không lìa giống của Phật.
Thiện Hiện lại bạch Đức Thế Tôn:
Thế nào là ma sự Bồ-tát?
Phật bảo việc ma ấy rất nhiều,
Nay ta lược nói cho ông rõ.
Ma có vô lượng sự biến hóa
Nên khi chép Bát-nhã tối thượng
Mau lìa cung trời như điện chớp
Đến với thế gian làm việc ma,
Hoặc thị hiện thích nói điều muốn
Hoặc không nghe nhận, lại sân hận
Không nói tên họ và dòng dõi
Việc ma như vậy cần nên biết.
Ngu si không trí, không phương tiện
Không rễ làm sao có lá cành
Nghe Bát-nhã rồi cầu kinh khác
Như bỏ cả voi chỉ lấy chân;
Như người đã được trăm món ăn
Mà lại cho cơm là ngon nhất
Bồ-tát đã được Bát-nhã rồi
Lại bỏ mong cầu quả La-hán;
Hoặc là ưa cầu được lợi dưỡng
Chấp trước dòng họ, lưu dấu vết
Xả bỏ chánh pháp, làm phi pháp
Đó là ma dẫn vào tà đạo.
Người nào nghe pháp tối thượng này
Đối với Pháp sư nên tin trọng. Biết ma,
Pháp sư không chấp trước
Dầu thân có vui hay không vui.
Lại có vô số các thứ ma
Nhiễu loạn vô số chúng Bí-sô
Mong cầu trì tụng Bát-nhã này

Không thể được, bảo vật vô giá,
Trí tuệ Phật mẫu thật khó được
Bồ-tát sơ tâm muốn mong cầu
Mười phương chư Phật đều hộ vệ
Tất cả các ma không thể hại.

QUYỂN TRUNG

Phẩm 12: HIỆN THẾ

Như mẹ thương con lúc tật bệnh
Thường làm cho cha mẹ sầu lo
Mười phương Phật từ Bát-nhã sinh
Bát-nhã thâu nhiếp cũng như vậy.
Tất cả chư Phật trong ba đời
Đến khắp mười phương cũng như vậy
Đều từ Phật mẫu Bát-nhã sinh
Bảo hộ cả tâm hạnh chúng sinh.
Các Đức Như Lai trong thế gian
Cho đến Duyên giác và La-hán
Kịp đến Bát nhã Ba la mật
Chỉ một vị pháp: lìa phân biệt.
Trí Bồ-tát quá khứ, hiện tại
Nhất nhất đều trú, hành pháp không
Các Bồ-tát hành đúng như thật
Vì thế Như Lai gọi là Phật.
Vườn Bát-nhã hoa trái sum suê
Phật nhờ Bát-nhã nên vui vẻ
Mười Lực các căn đều thanh tịnh
Chúng sanh mười phương cùng tịnh chúng,
Cho đến chúng Thanh văn vây quanh
Núi cao Bát nhã Ba la mật
Mười phương chư Phật đều nương tựa
Chúng sinh ba đường được cứu hộ.
Độ rồi không sinh tướng chúng sinh
Sư tử ở núi rống tiếng lớn
Các thú nghe tiếng đều kinh sợ
Phật nương Bát-nhã phát dịu âm,
Ngoại đạo tà ma đều khiếp sợ
Như mặt trời chiếu trên hư không
Các tướng hiện bày khắp mặt đất
Vua pháp trụ Bát-nhã cũng vậy,
Thuyết diệu pháp vượt qua sông ái
Sắc vô tướng, thọ cũng vô tướng
Cho đến tưởng, hành cũng như vậy,
Thức cũng đồng như các pháp kia
Chư Phật nói pháp này vô tướng
Khởi thấy tướng chúng sinh, hư không
Hư không: vô tướng, không thể đắc

Phật thuyết các pháp không tương ưng
Không thuyết tướng chẳng không, chẳng có.

Phẩm 13: CHẲNG NGHĨ BÀN

Nếu thấy tất cả pháp như vậy
Tất cả ngã kiến thảy đều bỏ
Thực hành pháp Phật, pháp Thanh văn
Đều từ Bát-nhã mà thành tựu.
Như vua không làm trong thành ấp
Nhưng khi có việc tự hoàn thành
Bồ-tát lìa tướng nương Bát-nhã
Tự nhiên được pháp công đức Phật.

Phẩm 14: THÍ DỤ

Nếu Bồ-tát phát tâm kiên cố
Tu hành hạnh Bát-nhã tối thượng
Sẽ vượt qua Thanh văn, Duyên giác
Mau chứng được đạo quả Bồ-đề.
Như người muốn vượt qua biển lớn
Mà thuyền tàu đang bị vỡ tan
Không nhờ gỗ ván, không toàn mạng
Nếu bám vào sẽ đến bờ kia.
Người nào không phát tâm kiên cố
Nương vào Bát-nhã cầu giải thoát
Chìm biển luân hồi không lúc ra
Nơi ấy khổ não: sinh, già, chết.
Nếu có lòng tin trì Bát-nhã
Hiểu tánh hữu vô, thấy chân như
Là người được tài lộc, phước trí
Mau chứng quả Bồ-đề tối thượng.
Như người gánh nước bằng thùng đất
Biết không bền chắc, mau hư hoại
Nếu dùng thùng bền chắc đựng nước
Sẽ không hư hoại, không sợ lo.
Những Bồ-tát không đủ lòng tin
Xa lìa Bát-nhã cầu thoái lui.
Còn phát lòng tin trì Bát-nhã
Sẽ vượt Thanh văn, chứng Bồ-đề
Chưa có người buôn nào đi biển
Mà không làm thuyền lớn kiên cố,
Đi thuyền kiên cố không lo sợ
Được châu báu, được đến bờ kia
Bồ-tát tín tâm cũng như vậy
Lìa hạnh Bát-nhã, xa Bồ-đề.
Người tu hành đại Trí tối thượng
Sẽ được quả Vô thượng Bồ-đề
Như người trăm tuổi bị bệnh hoạn

Không thể tự mình đi đứng được,
Nếu có hai người dìu hai bên
Tùy ý đi đứng không sợ sệt.
Bồ-tát mà lực Bát-nhã kém
Thì không thể đến bờ giác ngộ
Phải thực hành phương tiện tối thượng
Để được quả Bồ-đề không ngại.

Phẩm 15: THIÊN

Có Bồ-tát trụ vào Sơ địa
Phát lòng tin hành hạnh Bát-nhã
Để cầu quả Vô thượng Bồ-đề
Gần gũi bạn lành và bậc Trí.
Làm sao được công đức đại Trí
Nên từ Bát nhã Ba la mật
Tất cả các pháp Phật như vậy
Có được công đức nhờ bạn lành,
Tu hành sáu độ hạnh Bát-nhã
Tất cả hồi hướng quả Bồ-đề
Phật uẩn không có, không thể cầu
Chớ nói vậy cho hàng Sơ địa.
Bồ-tát tu hành biển công đức
Cứu vô số người ở thế gian
Cầu Bồ-đề, tâm lìa điên đảo
Thuyết pháp tối thượng sáng như điện,
Nên phát tâm Bồ-đề vô thượng
Không cầu tiếng khen, không sân giận
Lìa uẩn, thức, giới và ba thừa
Không thoái, không động, không chấp thủ,
Pháp hành như vậy được vô ngại
Thông đạt lý mầu, lìa vọng tưởng
Tin nghe *Bát-nhã rồi giáo hóa*
Biết Bồ-tát này trụ bất thoái.
Phật pháp rộng sâu khó biết được
Không có người chứng, không thể đắc
Vì lợi ích, nên chứng Bồ-đề
Chẳng phải phát sơ tâm đã biết,
Chúng sinh ngu si lại mê muội
Ưa sống ở đời cầu cảnh giới
Mà pháp không trụ không có đắc
Từ không chỗ trụ sinh thế gian.

Phẩm 16: NHƯ THẬT

Cõi phương Đông hư không vô biên
Phương Nam, Tây, Bắc cũng như vậy
Cho đến trên dưới và bốn góc,
Hoàn toàn không tướng, không phân biệt.

Quá khứ vị lai và hiện tại
Tất cả pháp Phật và Thanh văn
Đều như thật, không thể nắm bắt
Không nắm bắt nên không phân biệt.
Bồ-tát ưa cầu pháp như vậy
Nên hành hạnh Bát-nhã phương tiện
Lìa hết tướng tức là Bồ-đề
Bồ-tát nếu lìa lấy đâu chứng.
Như chim bay được trăm do-tuần
Gãy cánh không bay được một nửa
Trời Đao-lợi và người thế gian
Quên mất Bát-nhã nên tự đọa,
Tuy hành năm Ba-la-mật trước
Trải qua rất nhiều vô số kiếp
Lại dùng nguyện lớn để nuôi dưỡng
Lìa phương tiện liền đọa Thanh văn,
Ưa hành Phật trí tâm bình đẳng
Giống như cha mẹ vì tất cả
Mà làm lợi ích và từ bi
Thường khéo nói giáo pháp vi diệu.

Phẩm 17: ĐIỀM TỐT LÀNH Ở ĐỊA VỊ KHÔNG THOÁI CHUYỂN

Phẩm này thu nhiếp khắp ánh sáng Phật địa:
Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật:

Bồ-tát bất thoái rất thù thắng
Lìa tướng nói nghe, làm sao thuyết
Xin Phật giảng nói tạng công đức,
Không trụ Sa-môn, Bà-la-môn
Hành mười điều thiện, xa ba đường
Bậc Đại trí lìa tất cả tướng
Như tiếng vọng từ trong hang núi,
Nếu muốn giáo hóa pháp vô ngại
Thì luôn khéo nói các giáo pháp
Bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi
Một niệm quán tâm đều thông đạt.
Ba nghiệp trong sạch như vải trắng
Không vì lợi dưỡng nên vui pháp
Trừ cảnh giới ma, giáo hóa người
Quán Tứ thiền mà không an trụ,
Không cầu tiếng khen, không sân hận
Cho đến không ô nhiễm bụi trần
Hoặc là giàu sang và thoát mạng
Không nhiễm chút gì của dục trần,
Xưa nay vắng lặng đều không có
Qua lại nhau đều có nghiệp duyên
Nếu cầu thanh tịnh, không thoái chuyển
Nên hành hạnh Bát-nhã tối thượng,

Cầu Chánh biến tri, tâm nhún nhường
Không cầu Nhị thừa, lìa biên địa
Vì pháp xả thân như Tu-di
Đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Phẩm 18: KHÔNG

Sắc, thọ, tưởng, hành, thức thâm sâu
Xưa nay vắng lặng không hình tướng
Như biển sâu gậy không dò được
Đắc Bát-nhã uẩn cũng như vậy.
Bồ-tát biết pháp thậm thâm này
An trụ chân như không thể nhiễm
Sáu trần, mười hai giới, thể không
Không uẩn làm sao có được phước,
Như người nghĩ đến cảnh dục nhiễm
Tâm đắm nữ sắc như mắt thấy
Cho đến mỗi ngày luôn nhớ nghĩ
Bồ-tát nghĩ hiểu cũng như vậy.
Nếu trải qua nhiều kiếp bố thí
Người trì giới, La-hán, Duyên giác
Không bằng nói, hành pháp Bát-nhã
Trăm ngàn vạn phần không bằng một,
Nếu Bồ-tát quán lý Bát-nhã
An trụ thuyết pháp mà không tướng
Hồi hướng tất cả chứng Bồ-đề
Làm Thầy ba cõi mà không có
Nói pháp thành tựu mà vô tướng
Chẳng không, chẳng thật, chẳng thể đắc
Thực hành như vậy là giác trí
Thành tựu được nghĩa lý vô biên
Trong một niệm biết tất cả pháp
Tin lời Phật dạy và người giảng
Trong vô số kiếp những điều thuyết.
Pháp giới không tăng, cũng không giảm
Gọi là Ba-la-mật của Phật
Bồ-tát nương Bát-nhã thuyết pháp
Tâm không đắm trước vào tiếng tăm
Cũng không nói: chứng Vô thượng giác.

Phẩm 19: NGANG NGA THIÊN TỶ

Ví như đèn sáng do các duyên
Nhờ dầu, mỡ, tim đèn và lửa
Ánh sáng chẳng từ tim, lửa, dầu
Không lửa, không tim, đèn không sáng.
Nếu có Bồ-tát mới phát tâm
Không cầu quả Vô thượng Chánh giác
Làm sao chứng được quả Bồ-đề

Do đó cũng không được tịch tĩnh.
Từ hạt giống sinh cây, hoa, quả
Không có giống hoa quả đều không
Phát tâm không cầu quả Bồ-đề
Tu hành rốt cuộc không đắc quả,
Từ hạt giống sinh ra thóc lúa
Quả kia chẳng có cũng chẳng không
Đạo quả Bồ-đề cũng như huyễn
Xa lìa hữu tánh và vô tánh.
Vì như những giọt nước rất nhỏ
Dần dần cũng chảy đầy bồn lớn
Sơ tâm mong cầu quả Vô thượng
Hành chánh pháp lâu ngày ắt chứng,
Thực hành Không, Vô tướng, Vô nguyện
Không cầu tịch tĩnh, không hình tướng
Như người lái đò khéo qua sông
Không tấp hai bên, chẳng giữa dòng.
Bồ-tát tu hành không chấp trước
Mới được Phật thọ ký Bồ-đề,
Nếu biết Bồ-đề không chỗ có
Đó là thực hành Bát-nhã Phật.
Như đường đi nhiều bệnh, đói khát
Bồ-tát đi vào không lo sợ
Người sau biết rồi liền qua lại
Không chịu chút xíu khổ não nào.

Phẩm 20: THIỆN GIẢI PHƯƠNG TIỆN

Bồ-tát vâng giữ Bát-nhã Phật
Biết uẩn xưa nay vốn không sinh
Phật pháp, cõi chúng sinh đều không
Dùng Không, Tam-muội, phát Bi, Trí,
Như người có đức, sức hơn hết
Hiểu rõ tất cả pháp huyễn hóa
Cho đến binh khí, người thợ khéo
Có thể một lòng vì thế gian,
Cha mẹ, vợ con của người đó
Trên đường dạo chơi gặp kẻ thù
Nhiều người biết người dũng mãnh vậy,
Họ an vui về, không lo sợ.
Bồ-tát đại Trí vì chúng sinh
An trụ vào Thiền định thứ nhất
Hàng phục bốn ma, lìa Nhị thừa
Cũng không mong cầu quả Bồ-đề.
Ví như hư không, không chỗ có
Đất, nước, gió, lửa đều nương đó
Chúng sinh ở đời được an vui
Hư không: không ý trụ, chẳng trụ,
Bồ-tát trụ không cũng như vậy
Các thứ tướng hiện ở thế gian

Do trí nguyện lực của chúng sinh
Chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải không.
Bồ-tát lúc thực hành đại Trí
Trụ vào thiền định, không, tịch tĩnh
Trong đó không thấy tất cả tướng
Cũng lại không thấy không có tướng,
Bồ-tát hành pháp môn giải thoát
Không cầu tịch tĩnh, không hành tướng
Như chim bay qua lại hư không
Không trụ hư không, không trụ đất,
Cũng như có người tập bắn tên
Kiên trì luyện tập qua nhiều năm
Luyện tập lâu ngày được thành thạo
Bắn mỗi mũi tên đều trúng đích.
Hành Bát-nhã tối thượng cũng vậy
Tu tập trí tuệ và phương tiện
Thẳng đến điều thiện được viên mãn
Mới được thần thông, lực tối thượng.
Nếu Bí-sô chứng thần thông lực
Trụ hư không, biến hóa thần thông
Bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi
Trải nhiều kiếp không hề mỏi mệt.
Bồ-tát trụ vào không cũng vậy
Thực hành vô tướng đến bờ giác
Thực hành các hạnh ở thế gian
Trải qua nhiều kiếp thấm mỏi mệt,
Như vào đường hiểm gặp gió lớn
Chú tâm hai tay nắm chặt dù
Người này lo sợ không đi được
Mãi tới gió lặn mới dám đi.
Bồ-tát đại Trí trụ đại Bi
Phương tiện trí tuệ là hai tay
Cầm dù Không, Vô tướng, Vô nguyện
Thấy pháp không trụ nơi tịch tĩnh,
Như người tìm báu đến được nơi
Lấy được, an vui trở về nhà
Người ấy thỏa mãn tâm an vui
Quyến thuộc nào mang lòng khổ não.
Đến đảo báu không này cũng vậy
Đắc được báu: Căn, Lực, Thiền định
Bồ-tát không trụ tâm hoan hỷ
Làm các chúng sinh lìa khổ não,
Người buôn muốn lợi ích nên đi
Đến ngõ hẻm, xóm làng, thành ấp
Tuy được của báu cũng không ở
Trí lớn biết đường nên trở về.
Bồ-tát đại Trí đều biết rõ
Trí giải thoát Thanh văn, Duyên giác
Cho đến Phật trí cũng không trụ
Huống là thực hành đạo hữu vi.

Bồ-tát đại trí vì thế gian
Trụ định: Không, Vô tướng, Vô nguyện
Nếu được thanh tịnh, không chấp trước
Mới có thể biết được vô vi.
Như chưa nói tên, người chưa biết
Nói ra rồi, mọi người đều biết
Bồ-tát thực hành môn giải thoát
Được nghe bạn lành dạy pháp này.
Bồ-tát nghe pháp thâm sâu đó
Đối với các căn đều thông suốt
Trụ pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện
Không thoái không nghĩ, không thọ ký.
Quán ba cõi giống như mộng ảo
Không cầu-quả Thanh văn, Duyên giác
Như Phật vì thế gian nói pháp
Nên thọ ký ngôi vị bất thoái.
Biết chúng sinh đọa trong ba đường
Phát nguyện luôn luôn diệt trừ ác
Đem lực chân thật diệt lửa uẩn
Nên thọ ký ngôi vị bất thoái.
Các sao xấu ác và quỷ thần
Tạo các thứ tật bịnh thế gian
Nguyện lực chân thật đều diệt trừ
Bậc vô ngã cũng nên thọ ký.

Phẩm 21: MA NGHIỆP

Ta được thọ ký không năng, sở
Nguyện lực chân thật được tăng trưởng
Nếu thấy thọ ký và năng sở
Đó là chấp trước và trí nhỏ.
Bồ-tát chấp trước, ma liền biết
Hiện ra bạn thân đến khuấy nhiễu
Hoặc làm cha mẹ trong bảy đời
Nói ông được thọ ký tên đó.
Ma hiện ra làm vô số tướng
Đều nói thương, làm lợi cho ông
Bồ-tát nghe rồi sinh vui mừng
Đó là trí nhỏ chấp việc ma.
Hoặc ở thành thị hay xóm làng
Nơi vắng bẻ núi rừng hoang dã
Tự khen đức mình, chê bai người
Trí nhỏ nên biết bị ma xúi,
Dù ở trong thành thị, xóm làng
Không cầu chứng Thanh văn, Duyên giác
Tâm này chỉ vì độ chúng sinh
Nên ta gọi đó là Bồ-tát.
Ở núi sâu năm trăm do-tuần
Cùng loài thú dữ sống nhiều năm
Hoặc kiêu mạn, chấp ngã, bức bách

Hoặc không phân biệt biết Bồ-tát
Bồ-tát ở đó vì thế gian
Chứng đắc lực thiền định, giải thoát
Hạnh tịch tĩnh chấp gì sơn dã
Nên biết đó là việc của ma.
Tuy ở thành thị hay rừng núi
Thích quả Bồ-đề, lìa hai thừa
Tu hạnh này, lợi ích thế gian
Nhất tâm bình đẳng là Bồ-tát.

Phẩm 22: THIỆN HỮU

Có bậc Đại trí, nương Thầy học
Mau chứng đắc quả Vô thượng giác
Cũng như thầy thuốc chữa các bệnh
Theo học bạn lành, tâm không ngờ.
Bồ-tát thực hành, hạnh Bồ-đề
Nương vào bạn lành Ba-la-mật
Quả tối thượng có thể điều phục
Làm hai việc chứng quả Bồ-đề.
Quá khứ, vị lai, mười phương Phật
Thực hành chánh đạo, không đường khác
Thực hành hạnh Bồ-đề tối thượng
Thuyết Ba-la-mật như điện chớp,
Như Bát-nhã Không, Vô tướng
Biết tướng các pháp cũng như vậy
Biết tất cả pháp thảy đều không
Đó gọi là hành Bát-nhã Phật.
Đắm say sắc dục và ăn uống
Thường bị luân hồi chẳng nghĩ ngừng
Người ngu si đều kiến điên đảo
Pháp không thật tưởng cho là thật,
Như nghi có độc trong thức ăn
Do vọng tưởng này nên không ăn
Người ngu vọng tâm, sinh ngã tưởng
Do ngã tưởng này nên có sinh tử.
Cũng như thường nói các phiền não
Đối với phiền não, không chấp tướng
Phiền não, thanh tịnh đều không có
Vậy Bồ-tát này biết Bát-nhã.
Như chúng sinh trong cõi Diêm-phù
Đều phát tâm Bồ-đề vô thượng
Bố thí trải qua hàng trăm kiếp
Hồi hướng tất cả chứng Bồ-đề.
Nếu như có người trong một ngày
Thực hành hạnh Bát-nhã tối thượng
Bố thí ngàn kiếp không bằng một
Công đức của người hành Bát-nhã.
Bồ-tát đại Bi hành Bát-nhã
Vì độ chúng sinh không khởi tưởng

Thường hành hạnh khất thực trong nước
Chứng đắc tất cả danh đại Trí,
Bồ-tát muốn độ thoát trời người
Cho đến các khổ trong ba đường
Làm cho mau đến bờ giác ngộ
Siêng năng hành Bát-nhã ngày đêm.
Như người mong cầu báu vô giá
Phải vượt qua biển lớn, hiểm nạn
Không sợ hãi thì mới đạt được
Dứt trừ buồn lo, được an vui,
Cầu vật báu Bồ-đề cũng vậy
*Siêng thực hành công đức Bát-*nhã
Được báu vô thượng, không chấp xả
Bồ-tát mau chứng quả Bồ-đề.

QUYỂN HẠ
Phẩm 23: PHÁP VƯƠNG

Mặt trời chiếu sáng khắp thế gian
Xua tan mây, che, diệt bóng tối
Ánh sáng đom đóm và các sao
Cho đến trăng tròn đều bị khuất.
Bồ-tát trụ không, vô tướng, nguyện
Thực hành hạnh đại Trí tối thượng
*Vượt qua La-*hán và Duyên giác
Phá trừ tất cả các tà kiến
Như vương tử bố thí vật báu
Tự tại làm lợi ích chúng sinh
Chúng sinh vui vẻ đều thuận theo
Không lo có người nối ngôi vua.
Bồ-tát siêng năng hành đại Trí
Thí pháp cam lồ lợi quần sinh
Tất cả trời người đều yêu thích
Nhất định sẽ chứng ngôi Pháp vương.

Phẩm 24: NGÃ

Ma sợ Bồ-tát đắc Pháp vương
Tuy ở Thiên cung cũng thường sợ
Phóng lửa, sấm sét, hiện các tướng,
*Muốn làm cho Bồ-*tát thoái tâm
Bồ-tát đại Trí, tâm không động,
Ngày đêm thường quán nghĩa
Bát-nhã *Như chim trên không, tâm thư thái,*
Tất cả việc ma đều không sợ.
Nếu Bồ-tát khởi tâm sân giận
Ngày đêm chia rẽ hoặc đấu tranh
Thì ma hoan hỷ và phấn chấn
Bởi Bồ-tát này lìa Phật trí

Bồ-tát sân hận hoặc tranh cãi
Quỷ Tỳ-xá-tả sẽ tìm cách
Nhập trong thân tâm Bồ-tát ấy
Ma làm Bồ-tát thoái, Bồ-đề.
Bồ-tát đã hoặc chưa thọ ký
Hoặc khởi sân hận hoặc tranh cãi
Cho đến tâm niệm đều sai quấy
Biết rồi lại càng siêng tu hành
Bồ-tát nghĩ nhớ đến chư Phật
Đều từ nhẫn nhục chứng Bồ-đề
Pháp sám hối giữ gìn chánh hạnh
Là pháp Phật dạy để tu hành.

Phẩm 25: GIỚI

Nếu học giới pháp có chấp tướng
Với giới pháp mà không khéo học
Giới và phi giới, không hai tướng
Như vậy mới là học Phật pháp.
Nếu có Bồ-tát trụ vô tướng
Thọ trì không lìa gọi trì giới
Vui vẻ phụng hành học Phật pháp
Gọi là khéo học, không chấp trước
Bậc Đại trí tu học như vậy
Tâm vĩnh viễn không sinh pháp ác
Như mặt trời qua lại hư không
Phóng ngàn ánh sáng phá tăm tối.
Nếu học Bát-nhã, trụ vô vi
Bao gồm tất cả Ba-la-mật
Thân kiến nhiếp sáu mươi hai kiến
Bát-nhã thọ giữ cũng như vậy.
Ví như có người đủ các căn
Mạng sống diệt nên các căn diệt
Các Bồ-tát thực hành đại Trí
Cũng hành tất cả Ba-la-mật
Các công đức Thanh văn, Duyên giác
Bồ-tát đại Trí đều nên học
Tuy học, nhưng chẳng trụ chẳng cầu
Là nghĩa phải học của sự học.

Phẩm 26: HUYỄN HÓA

Ai phát chí nguyện mà vui theo
Bồ-đề tối thượng không thoái chuyển.
Ba ngàn Tu-di nặng không lường
Tùy hỷ pháp lành còn nặng hơn.
Chúng sinh vì cầu pháp giải thoát
Tất cả tùy hỷ tạo chứa phước
Pháp công đức Phật là hồi hướng

Cho khắp thế gian dứt hết khổ
Bồ-tát không chấp các pháp không
Hiểu rõ vô tướng, vô quái ngại
Nội tâm chẳng cầu trí giác ngộ
Là hành Ba-la-mật tối thượng
Như cõi hư không, không chướng ngại
Không được gì cũng không có gì
Bồ-tát đại Trí cũng như vậy
Trụ hạnh tịch tĩnh như hư không
Như nhà ảo thuật tạo hóa nhân
Mọi người thấy trò huyễn đều vui
Người huyễn tuy biểu diễn các tướng
Tên họ thân tâm đều không thật
Hành Bát-nhã hạnh cũng như vậy
Vì thế gian, nói chứng Bồ-đề
Cho đến các sự việc tạo tác
Như huyễn sư, hiện mà không chấp
Chư Phật hóa hiện các Phật sự
Tạo tác đều không có ngã tướng
Bồ-tát đại Trí hành như vậy
Tất cả hiện hành như huyễn hóa
Như người thợ mộc khéo tay nghề
Một cây gỗ tạo nhiều hình tướng,
Bồ-tát đại Trí cũng như vậy
Trí không chấp, hành tất cả hạnh.

Phẩm 27: DIỆU NGHĨA

Bồ-tát đại Trí hành như vậy
Trời, người chắp tay, cung kính lễ
Cho đến cõi Phật trong mười phương
Được vô số công đức cúng dường.
Giả sử hằng hà sa cõi Phật
Có các chúng sinh đều làm ma
Mỗi sợi lông biến vô biên tướng
Không thể quấy nhiễu được Bồ-tát
Bồ-tát đại Trí có bốn lực
Bốn ma không thể làm lay động
Thực hành không, không bỏ chúng sinh
Bồ-tát từ bi lợi lạc khắp
Phật mẫu Bát nhã Ba la mật
Bồ-tát hiểu rõ càng tin trọng
Trong tâm chân thật mà phụng hành
Nên biết là hành Nhất thiết trí.
Pháp giới như thật, chẳng thể đắc
Giống như hư không, không xứ sở
Như chúng sinh nghĩ đến Thiên cung
Như loài chim nghĩ đến cây trái
Bồ-tát đại Trí hành như vậy
An trụ vào công đức tịch tĩnh

Pháp không thể thấy cũng không nói
Bồ-đề chẳng đắc chẳng không đắc
Có các Thanh văn và Duyên giác
Chuyên tu hành chánh định tịch tĩnh
Ưa vui tịch tĩnh, được giải thoát
Chỉ có Phật vượt qua tất cả
Bồ-tát nương thiền đến bờ kia
Không trụ tịch tĩnh, hành như không
Như chim bay, cánh không chạm đất
Như cá bơi tự do trong nước,
Nếu Bồ-tát vì các chúng sinh
Nên cầu Phật trí chưa từng có
Bố thí pháp: tối thượng đệ nhất
Đó là người hành hạnh tối thượng.

Phẩm 28: TÁN HOA

Như Lai nói Giới ba-la-mật
Là đệ nhất trong tất cả giới
Người trí muốn giữ tất cả giới
Nên học Phật Giới ba-la-mật.
Pháp tạng này là mẹ chư Phật
Đó là pháp an vui thứ nhất
Mười phương chư Phật trong ba đời
Không ngừng sinh vào pháp giới này.
Tất cả cây cối và hoa quả
Đều từ nơi đất mà sinh trưởng
Đất không chán ghét, không ôm giữ
Không giảm, không tăng, không mỏi mệt.
Phật và các Thanh văn, Duyên giác
Pháp an ổn cho trời và người
Đều từ Bát-nhã mà sinh ra
Bát-nhã không tăng, cũng không giảm
Các loài chúng sinh trong thế gian
Tất cả đều từ vô minh sinh
Nhân duyên hòa hợp, có thân khổ
Vô minh không tăng, cũng không giảm
Cho đến các pháp môn phương tiện
Đều từ Bát-nhã mà sinh ra.
Pháp phương tiện tùy duyên mà chuyển,
Bát-nhã không tăng, cũng không giảm.
Bồ-tát hiểu rõ mười hai duyên
Cho đến Bát-nhã không tăng giảm
Như mặt trời trong mây chiếu sáng
Phá tan vô minh chứng Bồ-đề.

Phẩm 29: TỤ TẬP

Đại Bồ-tát tu bốn Thiền định
Vào nơi dục lạc mà không trụ
Lại không trụ vào bốn Thiền định
Sẽ được quả Bồ-đề tối thượng.
Đắc Bát-nhã, an trụ thiền định
Vào chánh định của bốn Vô sắc
Chứng đắc đại thiền định tối thượng
Mà lại không học các lậu tận.
Tạng công đức này chưa từng có
Thực hành chánh định, không chấp tướng
An trụ không, phá trừ ngã kiến
Tâm tưởng muốn sinh vào Dục giới.
Ví như người cõi Diêm-phù-đề
Chưa sinh chư Thiên, sinh Bắc châu
Thấy cảnh giới ấy muốn sinh đến
Đã được sinh rồi lại trở về,
Bồ-tát tu tập các công đức
Tương ưng với thực hành chánh định
Tuy cùng phàm phu trụ Dục giới
Phải như hoa sen không dính nước.
Bồ-tát độ thoát các chúng sinh
Viên mãn Tịnh độ ba-la-mật
Không cầu sinh vào cõi Vô sắc
Mà cầu Bồ-đề ba-la-mật.
Ví như trời người được kho báu
Tuy được nhưng tâm không ưa thích
Hoặc là trời người có sinh tâm
Muốn thu lại bái: không thể được.
Bồ-tát đại Trí không thích trụ
Bốn thiền, tịch tĩnh, Tam-ma-địa
Ra khỏi chánh định, tịch tĩnh ấy
Vì thế gian mà vào cõi Dục.
Nếu Bồ-tát thực hành chánh định
Không thích La-hán và Duyên giác
Cho đến tâm tán loạn, hung ác
Không biết mê loạn, không công đức
Năm dục: sắc, thanh, hương, vị, xúc
Và các hàng Duyên giác, Thanh văn
Pháp như vậy đều nên lìa bỏ
Thiền định không rời tâm Bồ-đề
Bồ-tát một lòng vì chúng sinh
Tu hành Tinh tấn ba-la-mật
Cũng như người làm việc cho chủ
Làm lợi ích chúng sinh cũng vậy
Dốc hết lòng chuyên tâm làm việc
Tuy bị trách cứ mà không giận
Lúc nghĩ, lúc làm thường để tâm
Chỉ sợ chủ của mình quở trách.

Bồ-tát vì cầu quả Bồ-đề
Làm lợi chúng sinh, như người ở
Đã chứng đắc Vô thượng Bồ-đề
Lợi sinh như lửa đốt cỏ cây,
Ngày đêm siêng hành hạnh lợi tha
Làm rồi, trong tâm không ngã tướng
Như mẹ thương con thường bảo hộ
Nóng lạnh, tuy khổ tâm không mệt.

Phẩm 30: THƯỜNG HOAN HỶ

Bồ-tát ưa lợi lạc chúng sinh
Sửa sang cõi Phật, làm thanh tịnh
Thường hành Tinh tấn ba-la-mật
Không như tâm nhỏ nhặt mỏi mệt,
Bồ-tát đại Trí, vô số kiếp
Vì Bồ-đề, tu hành khổ hạnh
Không lìa Tinh tấn ba-la-mật
Tâm không giải đãi, chắc chứng được
Lúc mới phát tâm vì Bồ-đề
Cho đến khi chứng đắc tịch tĩnh
Ngày đêm thường thực hành tinh tấn
Bồ-tát đại trí nê như vậy
Có người nói phá núi Tu-di
Mới chứng quả Vô thượng Chánh giác
Nghe vậy, tâm giải đãi, thoái lui
Đó là lỗi của Bồ-tát ấy.
Bồ-tát đại trí nghe lời đó
Cho núi Tu-di là rất nhỏ
Trong một niệm có thể phá hoại
Cũng không trụ, chứng quả Bồ-đề,
Thân, tâm, lời nói, hành tinh tấn
Độ thoát thế gian làm lợi lớn
Hoặc chấp tướng, ngã, sinh giải đãi
Mà không thể chứng quả Bồ-đề.
Không tướng thân tâm, không chúng sinh
Lìa các tướng, trụ pháp không hai
Vì cầu quả Vô thượng Bồ-đề
Thực hành Tinh tấn ba-la-mật.
Bồ-tát đại Trí làm lợi lạc
Làm cho người nghe được hoan hỷ
Thuyết pháp, không thuyết, không người nghe,
Là Nhẫn ba-la-mật tối thượng
Như châu báu đầy ba ngàn cõi,
Cúng dường Phật, Duyên giác, La-hán
Không bằng biết công đức pháp nhẫn,
Trăm ngàn vạn phần không bằng một
Bồ-tát hành nhẫn được thanh tịnh
Ba mươi hai tướng, đến bờ kia
Tất cả chúng sinh đều ưa thích

Nghe pháp tin nhận mà điều phục
Hoặc có chúng sinh dùng Chiên-đàn,
Xoa thân Bồ-tát để cúng dường
Hoặc bị lửa thiêu đốt thân mình,
Tâm vẫn bình đẳng không sân giận
Bồ-tát đại Trí trì nhẫn này
Hoặc vì Duyên giác và Thanh văn
Cho đến chúng sinh trong thế gian
Đều hồi hướng quả Phật Bồ-đề
Ví như tham năm dục thế gian
Cam chịu khổ đau trong ba đường
Bồ-tát vì cầu quả Bồ-đề
Tại sao không siêng hành nhẫn nhục,
Bị cắt đứt đầu, chân, mũi, tai
Chịu các khổ tra khảo trói buộc
Khổ não như vậy đều nhẫn được
Đó là trụ Nhẫn ba-la-mật.

Phẩm 31: XUẤT PHÁP

Trì giới sẽ được danh tiếng tốt
Lại cũng chứng được Tam-ma-địa
Trì giới, làm lợi cho chúng sinh
Sau sẽ chứng đắc quả Bồ-đề.
Tâm trọng Duyên giác và Thanh văn
Thấy người phá giới, nói lỗi họ
Tuy thật trì giới cầu Bồ-đề
Nhưng là trì giới theo năm dục.
Muốn chứng pháp công đức Bồ-đề
Trì giới đầy đủ, làm lợi lạc
Còn như phá hủy các giới luật
Tức là hoại diệt quả Bồ-đề
Bồ-tát tuy thích thọ năm dục
Quy y Phật, Pháp và Thánh chúng Nghĩ:
Ta sẽ chứng Nhất thiết trí
Đó là trụ Giới ba-la-mật.
Bồ-tát trải qua vô số kiếp
Không ngừng vâng giữ mười điều thiện
Tâm ưa Duyên giác và La-hán
Làm phạm trọng tội Ba-la-di,
Trì giới hồi hướng quả Bồ-đề
Mà không mong cầu lợi cho mình
Chỉ nghĩ lợi ích cho chúng sinh
Đó là Trì giới ba-la-mật.
Nếu Bồ-tát thực hành Phật đạo
Đối chúng sinh khuyên lìa các tướng
Không còn thấy các lỗi phá giới
Đó là khéo trì giới tối thượng.
Bồ-tát cần phải lìa các tướng
Không ngã, không nhân và thọ mạng

Không chấp giới tướng và hành tướng
Đó là sự trì giới thù thắng.
Như vậy là trì giới đầy đủ
Tất cả không ngại, không phân biệt
Cho đầu, mắt, tay, chân không tiếc
Những điều ưa thích, đều không đắm
Hiểu rõ pháp vốn không, vô ngã
Nên không còn tham luyến thân này
Huống chi tài vật sao không bỏ
Và chẳng của mình cũng ghét ghen.
Thí cả trong ngoài, sinh ngã mạn
Là bệnh Bồ-tát, chẳng phải cho
Nếu khởi ganh ghét, sinh loài quỷ
Hoặc sinh làm người thì nghèo khổ
Biết nguyên nhân nghèo của chúng sinh
Bồ-tát thường phát tâm bố thí
Cho nhiều như cây cỏ bốn châu
Rộng lớn như vậy cũng vô tướng
Bồ-tát đại Trí bố thí rồi
Nghĩ đến chúng sinh trong ba cõi.
Bồ-tát cũng vì các chúng sinh
Thảy đều hồi hướng quả Bồ-đề
Bố thí như vậy, không chấp trước
Cũng không mong cầu được phước báo
Các bậc Đại trí vì tất cả
Nhân cho tuy ít, quả không lường
Cho đến chúng sinh trong ba cõi
Tất cả đều tôn trọng của cho
Như công đức cúng dường chư Phật
Cùng Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn
Bồ-tát đại Trí dùng phương tiện
Đem phước đức bố thí, hồi hướng
Cho tất cả các loài chúng sinh
Đều chứng quả Vô thượng Chánh giác.
Như rất nhiều ngọc lưu ly giả
Không bằng viên ngọc lưu ly thật
Hồi hướng chúng sinh trong thế gian
Không bằng hồi hướng Vô thượng giác.
Bồ-tát bố thí cho thế gian
Không ngã mạn và không tham ái
Tu hành lại được tăng trưởng nhanh
Như mặt trăng ra khỏi đám mây.

Phẩm 32: THIỆN HỘ

Bồ-tát bố thí, giúp người nghèo
Làm cho thoát khổ, được giàu có
Vĩnh viễn không đọa vào ngạ quỷ
Và dứt trừ được các phiền não
Trì giới, xa lìa đường súc sinh

Bỏ tám tà niệm, được chánh niệm
Nhẫn nhục sẽ được sắp đẹp nhất
Như vàng thế gian đều ưa thích
Pháp lành tinh tấn được vô biên
Có nhiều công đức không cùng tận.
Tu hành thiền định lìa năm dục
Do đó chứng đắc các thần thông
Được hiểu vô biên Phật pháp tạng
Rõ nguyên ngân các pháp xưa nay.
Phật biết các lỗi trong ba cõi
Nên Chuyển pháp luân để diệt khổ
Pháp này, Bồ-tát được viên mãn
Cõi Phật thanh tịnh, chúng sinh tịnh
Thọ trì hạt giống Phật và Pháp
Hạt giống Thánh chúng và các pháp
Vị thầy thuốc tối thượng thế gian
Dùng phương thuốc tuệ nói Bồ-đề
Tạng bảo đức có các thứ dược
Làm cho chúng sinh đều chứng đạo.

HẾT

(Chấm dứt kinh Phật Mẫu Bảo Cước Đức Tạng Bát Nhã Ba La Mật)

---o0o---

11. “Thánh Bát Thiên Tụng Bát Nhã Ba La Mật Đa Nhất Bách Bát Danh Chân Thật Viên Nghĩa Đà LaNi”

Đại Tạng Kinh Việt Nam mang số 0230, 1 quyển, Tam tạng Thi Hộ người Tây Trúc dịch từ Phạn sang Hán, Tì-kheo Thích Bửu Hà dịch tứ Hán sang Việt.

---o0o---

Cúi lạy chư Phật mẫu tối thắng
Pháp Bát nhã Ba la mật đa
Quá khứ, vị lai và hiện tại
Tất cả chư Phật từ đây sinh
Hay sinh chư Phật là Phật mẫu
Tự tính vô tính ngã thanh tịnh
Vì Tu-bồ-đề, Đức Phật dạy
Nay con lược tập đúng như vậy.

Bát nhã Ba la mật đa có một trăm lẻ tám tên gọi: Một, Tối thắng Bát nhã Ba la mật đa; hai, Nhất thiết trí; ba, Nhất thiết tướng trí; bốn, Thật tế; năm, Chân như; sáu, Vô hoại chân như; bảy, Vô dị chân như; tám, Thật tính; chín, Như thật sinh; mười, Bất điên đảo; mười một, Không vô tướng vô nguyện; mười hai, Vô tính; mười ba, Tự tính; mười bốn, Vô tính tự tính; mười lăm, Pháp tính; mười sáu, Pháp giới; mười bảy, Pháp định; mười tám, Pháp trụ; mười chín, Pháp vô ngã; hai mươi, Pháp tướng; hai mươi mốt, Phi chúng tội; hai mươi hai, Phi thọ mạng; hai mươi ba, Phi trưởng dưỡng; hai mươi bốn, Phi sĩ phu; hai mươi lăm, Phi bổ-đặc-già-la; hai mươi sáu, Phi ngôn ngữ; hai mươi bảy, Phi ngôn ngữ đạo; hai mươi tám, Li tâm ý thức; hai mươi chín, Vô đẳng; ba mươi, Vô đẳng đẳng; ba mươi mốt, Vô kiêu; ba mươi hai, Vô ngã; ba mươi ba, Vô hí luận; ba mươi bốn, Li hí luận; ba mươi lăm, Quá chư hí luận; ba mươi sáu, Nhất thiết Phật mẫu; ba mươi bảy, Xuất sinh nhất thiết bồ-tát; ba mươi tám, Xuất sinh nhất thiết thanh văn duyên giác; ba mươi chín, Trưởng dưỡng nhiếp trì nhất thiết thế gian; bốn mươi, Vô tận phước hạnh cụ túc; bốn mươi mốt, Vận dụng trí tuệ; bốn mươi hai, Khởi tác thần thông; bốn mươi ba, Tác tịnh thiên nhãn; bốn mươi bốn, Tác tịnh thiên nhĩ; bốn mươi lăm, Tác tha tâm trí; bốn mươi sáu, Tác túc mệnh trí; bốn mươi bảy, Tác lậu tận trí; bốn mươi tám, Thánh thanh tịnh; bốn mươi chín, Cát tường; năm mươi, An trụ tứ niệm xứ; năm mươi mốt, Cụ tứ chính đoạn; năm mươi hai, Vận tứ thần túc; năm mươi ba, Chư căn thanh tịnh; năm mươi bốn, Chư lực cụ túc; năm mươi lăm, Nghiêm thất giác chi; năm mươi sáu, Thị bát chính đạo; năm mươi bảy, Thí thất thánh tài; năm mươi tám, Viên mãn cửu thứ đệ định; năm mươi chín, Cụ thập tự tại; sáu mươi, An trụ Thập địa; sáu mươi mốt, Viên mãn thập lực; sáu mươi hai, Thập biến xứ trang nghiêm; sáu mươi ba, Vận dụng thập trí; sáu mươi bốn, Thiện tác điều phục thập chủng thắng oán; sáu mươi lăm, Xuất sinh chư thiền định; sáu mươi sáu, Siêu quá tam giới; sáu mươi bảy, Diệu trụ Nhất thiết chính biến tri giác; sáu mươi tám, Cụ nhất thiết trí trí; sáu mươi chín, Nội không; bảy mươi, Ngoại không; bảy

mươi mốt, Nội ngoại không; bảy mươi hai, Không không; bảy mươi ba, Đại không; bảy mươi bốn, Thắng nghĩa không; bảy mươi lăm, Hữu vi không; bảy mươi sáu, Vô vi không; bảy mươi bảy, Cứu kính không; bảy mươi tám, Vô tế không; bảy mươi chín, Tán không; tám mươi, Vô biến dị không; tám mươi mốt, Cộng tướng không; tám mươi hai, Tự tướng không; tám mươi ba, Bất khả đắc không; tám mươi bốn, Vô tính không; tám mươi lăm, Tự tính không; tám mươi sáu, Vô tính tự tính không; tám mươi bảy, Vô khởi tác; tám mươi tám, Bất sinh; tám mươi chín, Bất diệt; chín mươi, Bất đoạn; chín mươi mốt, Bất thường; chín mươi hai, Phi nhất nghĩa; chín mươi ba, Phi đa nghĩa; chín mươi bốn, Phi lai; chín mươi lăm, Phi khứ; chín mươi sáu, Thiện quán duyên khởi; chín mươi bảy, Phi tầm tứ; chín mươi tám, Vô nhiếp tạng; chín mươi chín, Vô sở hữu; một trăm, Bản lai vô sở tác; một trăm lẻ một, Vô nhị; một trăm lẻ hai, Phi vô nhị; một trăm lẻ ba, Tịch tĩnh tuệ vô sở thú; một trăm lẻ bốn, Vô hệ vô nhiễm dữ hư không đẳng; một trăm lẻ năm, Li thập tương ngữ; một trăm lẻ sáu, Chư pháp tự tính do như mộng huyễn; một trăm lẻ bảy, Như đào gia luân; một trăm lẻ tám, Nhất thiết pháp đồng nhất vị.

Người nào thường trì tụng một trăm lẻ tám tên gọi của Bát nhã Ba la mật đa này thì tiêu diệt tất cả tội, được tất cả chư Phật cùng khen ngợi, hết thảy bồ-tát và thánh hiền thường bảo vệ trong thời gian dài.

Thuyết xong một trăm lẻ tám tên gọi này, Đức Phật liền nói đà-la-ni Chân thật viên nghĩa Bát nhã Ba la mật đa:

Đát điệt tha, án bát la nghê bát la nghê, ma hạ bát la nghê dã bà tây, bát la nghê dã lộ cát cát lị, a nghê dã na vĩ đà ma nê, tất đề, tô tất đề, tất điện đổ di bà nga phạ để, tát lị phạ tam bát đát dã, tát lị võng nga tôn nại lị, bạc ngật để phạ tha lê, bát la tát lị đa ha tát để, ma thuyết tát na cát lị, để sắt xá để sắt xá, cám ba cám ba, tả la tả la, nga phạ nga phạ, nga lị nhã nga lị nhã, a nga tha a nga tha, bà nga phạ để ma vĩ lam ma sa hạ, đề hột lăng, thất lăng, suất lỗ để, tam mật lị để, vĩ nhạ duệ sa hạ.

Nếu thường ghi nhớ chương cú đà-la-ni bí mật này rồi thụ trì, đọc tụng thì được công đức không thể tính kể.

HẾT

---o0o---

(Tạng kinh Phật Học)

12. Kinh "Thắng Thiên Vương Bát Nhã Ba La Mật"

Đại Tạng Kinh Việt Nam mang số 0231, 7 quyển do vương tử Nguyệt Bà Thủ Na, người nước Ưu-thiền-ni dịch từ Phạn sanh Hán và nhóm Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh.

---o0o---

Mục lục:

---o0o---

QUYỂN 1
Phẩm 01: THÔNG ĐẠT

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật thuộc thành lớn Vương xá, cùng với đại chúng Tỳ-kheo bốn vạn hai ngàn người, đều là A-la-hán, các lậu hết hẳn, công hạnh đã mãn, đã bỏ gánh nặng, được tự lợi và đoạn hết kết sử, tâm hoàn toàn giải thoát, tự tại giống như bậc đại long; chỉ có A-nan còn trong địa vị hữu học với quả Tu-đà-hoàn.

Tên của các vị là Tịnh mạng A-nhã Kiều-trần-như, Ma-ha Cadiếp, Kiều-phạm-ba-đề, Bạc-câu-la, Ly-bà-đa, Tất-lăng-già-bà-tha, Đại trí Xá-lợi-phất, Ma-ha Mục-kiền-liên, Tu-bồ-đề, Phú-lâu-na Diđa-la-ni Tử, A-ni-lâu-đà, Ma-ha Ca-chiên-diên, Ưu-ba-ly, La-hầu-la…, bốn vạn hai ngàn người như vậy.

Bậc Đại Bồ-tát cũng có bảy vạn hai ngàn người đều đã thông suốt pháp tánh thâm sâu, khéo tùy thuận, hóa độ các loài một cách bình đẳng và là bạn lành tri thức của tất cả chúng sinh, được vô ngại Đà-la-ni, có thể truyền bá pháp luân không thoái chuyển, từng cúng dường vô lượng chư Phật, là bậc Nhất sinh bổ xứ của cõi Phật kia vì pháp mà đến đây tu tập; hộ trì pháp tạng không cho đoạn dứt hạt giống Tam bảo; là con Pháp vương sẽ truyền bá pháp luân của Phật, thấu rõ cảnh giới thâm sâu của Như Lai, tuy sống ở đời mà không bị pháp thế gian làm ô nhiễm.

Tên của các vị là Bồ-tát Bảo Tướng, Bồ-tát Bảo Ấn, Bồ-tát Bảo Chưởng, Bồ-tát Bảo Quan, Bồ-tát Bảo Kế, Bồ-tát Bảo Tích, Bồ-tát Bảo Hải, Bồ-tát Bảo Diễm, Bồ-tát Bảo Tràng, Bồ-tát Kim Cang Tạng, Bồ-tát Kim Tạng, Bồ-tát Bảo Tạng, Bồ-tát Đức Tạng, Bồ-tát Tịnh Tạng, Bồ-tát Như Lai Tạng, Bồ-tát Trí Tạng, Bồ-tát Nhật Tạng, Bồ-tát Định Tạng, Bồ-tát Liên Hoa Tạng, Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt, Bồ-tát Phổ Hiền, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Quán Nguyện, Bồ-tát Phổ Âm, Bồ-tát Phổ Nhãn, Bồ-tát Liên Hoa Nhãn, Bồ-tát Quảng Nhãn, Bồ-tát Phổ Hành, Bồ-tát Phổ Giới, Bồ-tát Trí Ý, Bồ-tát Liên Hoa Ý, Bồ-tát Thắng Ý, Bồ-tát Thượng Ý, Bồ-tát Kim Cang Ý, Bồ-tát Sư Tử Du Hý, Bồ-tát Sư Tử Hống, Bồ-tát Đại Âm Vương, Bồ-tát Diệu Âm, Bồ-tát Vô Nhiễm, Bồ-tát Nguyệt Quang, Bồ-tát Nhật Quang, Bồ-tát Trí Quang, Bồ-tát Trí Đức, Bồ-tát Hiền Đức, Bồ-tát Hoa Đức, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi.

Bồ-tát Bạt-đà-bà-la làm Thượng thủ cho mười sáu Hiền sĩ; Bồ-tát Di-lặc làm thượng thủ cho hiền kiếp Bồ-tát; Tứ Thiên vương làm thượng thủ cho cõi trời Tứ thiên vương; Đế Thích làm thượng thủ cho cõi trời Tam thập tam, Tu-dạ-ma vương làm thượng thủ cho chư Thiên Dạ-ma; Đâu-suất-đà vương làm thượng thủ cho cõi trời Đâusuất-đà; Thiện Hóa vương làm thượng thủ cho cõi trời Hóa lạc; Tự Tại vương làm thượng thủ cho cõi trời Tha hóa tự tại; Đại Phạm vương làm thượng thủ cho các Phạm thiên, Ma-hê-thủ-la làm thượng thủ cho cõi trời Thủ-đà-bà-sa; lại có các A-tu-la vương, A-tu-la vương Sa-lợi, A-tu-la vương La-hầu…, vô lượng trăm ngàn các đại Atu-la vương như vậy.

Lại có các Long vương, Long vương A-nậu Đại Trì, Long vương Ma-na-tư, Long vương Sa-già-bà, Long vương Bà-tu-cát, Long vương Đức-xoa-ca mỗi vị đều đem theo vô lượng trăm ngàn quyến thuộc, đến kín hết núi Kỳ-xà-quật, bao quanh khắp bốn mươi dotuần và trên hư không, không còn chỗ hở; Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân… một lòng chắp tay cung kính Đức Như Lai.

Khi ấy, từ giữa hai chân mày, Đức Như Lai phóng ra một luồng hào quang lớn, chiếu khắp mười phương vô lượng thế giới; lại trở về đến chỗ Phật, nhiễu quanh bên hữu ba vòng, rồi thâu vào giữa hai chân mày. Cả trăm ngàn đại chúng, trước sau nhiễu quanh Đức Thế Tôn, cung kính cúng dường, tôn trọng khen ngợi.

Phật bảo:

–Cách đây mười hằng hà sa thế giới về phương Đông, có cõi Phật tên là Trang nghiêm, Đức Phật hiệu là Phổ Quang Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian

Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Hiện đang ở đó nói chánh pháp Nhất thừa cho các Đại Bồ-tát; cõi Phật đó còn không có tên Thanh văn, Bích-chi-phật, huống nữa lại có người tu pháp ấy; các chúng Bồ-tát đều không thoái chuyển đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chúng sinh ở cõi ấy không dựa vào sự ăn uống mà chỉ nhờ vào thiền định; ánh sáng của mặt trời, mặt trăng và sao đều không thể hiện, chỉ có hào quang của Đức Phật chiếu sáng cõi nước đó; không có các gò núi; đất đai bằng phẳng như lòng bàn tay.

Có một vị Bồ-tát tên là Ly Chướng cùng với trăm ngàn Bồ-tát đến chỗ Phật đó, trịch bày vai hữu, quỳ gối hữu, chắp tay đảnh lễ Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Do nhân duyên gì có hào quang như vậy chiếu sáng cõi nước này. Khi đó Đức Phật Phổ Quang Như Lai bảo Đại Bồ-tát Ly Chướng:

–Này thiện nam! Cách đây mười hằng hà sa thế giới, về phương Tây, có cõi Phật tên là Ta-bà, Đức Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu,

Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn đang muốn nói Ma-ha Bát-nhã bala-mật cho bậc Đại Bồ-tát; do nhân duyên đó, nên Đức Phật phóng ra hào quang này.

Khi ấy Bồ-tát Ly Chướng bạch Phật:

–Con đang muốn đến cõi Ta-bà đảnh lễ, cung kính cúng dường Đức Thích-ca Như Lai để được nghe giảng chánh pháp.

Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Nay chính là lúc!

Bấy giờ Bồ-tát Ly Chướng được sự cho phép của Đức Phật, liền cùng với vô lượng Bồ-tát và quyến thuộc đến núi Kỳ-xà-quật, ở cõi Ta-bà đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh bên hữu ba vòng, rồi ngồi qua một bên. Phật dạy:

–Cách đây mười hằng hà sa thế giới về phương Nam, có cõi Phật tên là Thanh tịnh hoa, Đức Phật hiệu là Nhựt Quang đầy đủ mười danh hiệu, Bồ-tát tên Nhựt Tạng.

Cách đây mười hằng hà sa thế giới về phương Tây, có cõi Phật tên là Bảo Hoa, Đức Phật hiệu là Công Đức Quang Minh, đầy đủ mười danh hiệu, Bồ-tát tên Công Đức Tạng.

Cách đây mười hằng hà sa thế giới về phương Bắc, có cõi Phật tên là Thanh tịnh, Đức Phật hiệu là Tự Tại Vương, Bồ-tát tên là Quảng Văn.

Cách đây mười hằng hà sa thế giới về phương Đông nam, có cõi Phật tên là Hỏa diệm, Đức Phật hiệu là Cam Lộ Vương, Bồ-tát tên Bất Thoái Chuyển.

Cách đây mười hằng hà sa thế giới về phương Tây nam, có cõi Phật tên là Công đức thanh tịnh, Đức Phật hiệu là Trí Cự, Bồ-tát tên là Đại Tuệ.

Cách đây mười hằng sa thế giới về phương Tây bắc, có cõi Phật tên là Duyệt ý, Đức Phật hiệu là Diệu Âm Vương, Bồ-tát tên là Công Đức Tụ.

Cách đây mười hằng hà sa thế giới về phương Đông bắc, có cõi Phật tên là Tuệ trang nghiêm, Đức Phật hiệu là Trí Thượng, Bồ-tát tên là Thường Hỷ.

Cách đây mười hằng hà sa thế giới về phương Trên, có cõi

Phật tên là Bất động, Đức Phật hiệu là Kim Cang Tướng, Bồ-tát tên là Bảo Tràng.

Cách đây mười hằng sa thế giới về phương Dưới, có cõi Phật tên là Nguyệt quang minh, Đức Phật hiệu là Kim Cang Bảo Trang Nghiêm Vương. Bồ-tát tên là Bảo Tín.

Bấy giờ trong đại chúng có một vị Thiên vương tên là Bát-bàla, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu, quỳ gối hữu, chắp tay cúi đầu đảnh lễ, bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Con nay muốn hỏi, nếu được Đức Thế Tôn cho phép con mới dám tỏ bày lòng nghi hoặc. Khi ấy Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri sẽ tùy theo chỗ nghi của ông hỏi mà giảng giải:

Thắng Thiên vương hớn hở vui mừng được điều chưa từng có, liền bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao bậc Đại Bồ-tát tu học chỉ một pháp mà thông suốt được tất cả pháp?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Lành thay, lành thay! Câu hỏi rất hay, ông hãy lắng nghe suy nghĩ kỹ; với câu hỏi của đại vương, ta sẽ phân biệt, giải thích rõ.

–Lành thay, thưa Thế Tôn, con xin muốn nghe!

Đức Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát tu học một pháp mà thông suốt tất cả pháp, đó có nghĩa là Bát nhã Ba la mật. Bậc Đại Bồ-tát tu học Bát nhã Ba la mật thì có khả năng thông suốt được Bố thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-lamật, Tĩnh lự ba-la-mật, Bát nhã Ba la mật, Phương tiện thiện xảo ba-la-mật, Nguyện ba-la-mật, Lực ba-la-mật, Trí ba-la-mật.

Này đại vương! Vì sao Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật và thực hành Bố thí ba-la-mật? Vì Đại Bồ-tát, với tâm thanh tịnh, không có điều mong cầu; nói pháp cho người khác mà không cầu danh lợi, chỉ mong làm cho họ hết khổ; không thấy mình nói mà cũng chẳng thấy có người nghe, tự tánh xa lìa nên không hai không khác; đó gọi là Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật và thực hành Bố thí ba-la-mật.

Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật thực hành Bố thí ba-la-mật không sợ sệt, nên xem các chúng sinh như cha mẹ, anh em thân thiết, làm cho tất cả chúng đều thân cận, gần gũi nhau. Vì sao? Vì từ vô thỉ đến nay, bị trôi lăn trong sáu đường nhưng đều là những người thân thích của ta. Hoặc có chúng sinh ở nơi nguy hiểm sợ sệt, Đại Bồ-tát vẫn đem thân mạng này để cứu vớt cho họ thoát khỏi, chứ không phải gây thêm sợ hãi, không thấy ta bố thí vô úy; không thấy người nhận vì tự tánh xa lìa nên không hai, không khác.

Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật, hành Bố thí ba-la-mật giúp đỡ chúng sinh; tùy theo chúng sinh cần vật lợi dưỡng gì, thì Đại Bồ-tát đều bố thí, làm cho họ thọ được mười điều thiện; cũng không thấy mình bố thí điều thiện và người khác nhận thí vì tự tánh xa lìa nên không hai, không khác.

Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật. Hành Bố thí ba-la-mật không mong cầu quả báo; hễ khi thực hành bố thí thì không mong cầu quả báo, bởi pháp của Bồ-tát là như vậy; tự mình thực hành bố thí mà không hề thấy mình bố thí và không nghĩ đến quả báo bố thí vì tự tánh xa lìa nên cũng không hai, không khác.

Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật với tâm đại Bi thực hành Bố thí ba-la-mật là thấy các chúng sinh nghèo cùng, già, bệnh, không người cứu giúp, nên sinh tâm đại Bi mà phát thệ nguyện: “Ta chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác sẽ làm nơi cho các chúng sinh trở về nương tựa, dùng

ít căn lành để hồi hướng Bồ-đề, luôn vì chúng sinh nên không có phân biệt. Ta là người cứu độ và là người nhận cứu độ; tự tánh xa lìa, nên không hai không khác."

Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật với lòng cung kính thực hành Bố thí ba-la-mật là nên tùy theo nhu cầu của người khác. Đại Bồ-tát tự mình lấy vật trao cho họ, nhưng không làm cho tâm cung kính của họ mệt mỏi, không thấy mình được cung kính và không thấy sự cung kính của người khác, nên tự tánh xa lìa không hai không khác.

Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật với lòng tôn trọng thực hành

Bố thí ba-la-mật, nghĩa là đối với chúng sinh đều phát khởi tưởng đó như là Sư tăng hay Cha mẹ, mà đem lòng tôn trọng, chấp tay cung kính, nếu không có của cải để bố thí thì bằng lời nói tốt đẹp; không thấy mình là người tôn trọng và không thấy người khác được trọng, nên tự tánh xa lìa không hai không khác.

Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật với lòng cúng dường thực hành Bố thí ba-la-mật, nghĩa là nếu thấy chùa tháp thì nên cúng dường hương hoa, đèn, dầu và lau chùi, hoặc thấy tôn tượng sứt bể, kinh điển rách nát thì nên sửa chữa tu bổ lại, nên cúng dường bốn việc cho chư Tăng; không thấy ta là người cúng dường và người nhận cúng dường, nên tự tánh xa lìa không hai không khác.

Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật, hành Bố thí ba-la-mật không nương tựa, không suy nghĩ thế này: "Do việc bố thí này, nguyện được sinh lên cõi trời hoặc mong làm vua cõi trời, nguyện sinh làm người hoặc làm vua cõi người. Cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng không mong giữ lấy vì vô sở đắc, cho nên gọi là Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật thông suốt Bố thí ba-la-mật."

Này đại vương! Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật nên thực hành Trì giới ba-la-mật và phải suy nghĩ như thế này: "Đức Phật dạy Ba-la-đề-mộc-xoa trong A-hàm và trong Luật tạng, Đại Bồ-tát nên học, không thấy tướng của giới và mình được trì giới, lại cũng không chấp vào giới, chẳng chấp thấy có giới và người trì giới." Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật phải suy nghĩ như thế này: "Đạt được Chánh đẳng Chánh giác không chỉ trì giới mà được, mà phải nên học tất cả giới hạnh của Bồ-tát, vì tự tánh của giới thanh tịnh, vắng lặng, chẳng sanh, tự tánh xa lìa."

Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật phải suy nghĩ thế này: "Vì sao trì giới diệt được phiền não? Vì ba thứ phiền não tham, sân, si lại chia làm ba bậc thượng, trung, hạ, cần phải biết cách đối trị. Người tham dục nhiều thì phải tu quán Bất tịnh, quán đầy đủ ba mươi sáu vật trong thân. Người nhiều sân hận thì phải tu quán Từ bi. Người nhiều ngu si thì phải tu quán Nhân duyên, không thấy pháp chủ thể quán và pháp đối tượng để quán vì tự tánh xa lìa, không hai không khác."

Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật phải suy nghĩ như vầy: "Vì sao Đại Bồ-tát xa lìa sự suy nghĩ không chân chánh? Vì Đại Bồ-tát không phát sinh tâm đó. Ta thực hành tịch tĩnh, thực hành xa lìa, thực hành không; các Sa-môn, Bà-la-môn khác ở trong ồn náo, không thích thực hành hạnh không, không thấy có hai, không có khác; biết tự tánh xa lìa, liền tiêu diệt tà niệm."

Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật, tuy biết xa lìa các pháp mà cũng phải sợ nghiệp tội thâm sâu. Như lời Phật dạy: Nên giữ gìn Tịnh giới và tu tập các công đức cho đến Bát nhã Ba la mật. Người ít thiện pháp hoặc không có thiện pháp thì không nên ở chung.

Đức Thế Tôn dạy:

–Giống như thuốc độc nhiều hay ít đều tai hại. Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật thường sinh lòng lo sợ tin tưởng và thực hành hợp nhau. Đại Bồ-tát ở những nơi trống vắng, đi bộ một mình,

không có bạn; nếu có Sa-môn, Bà-la-môn…, đem vàng bạc, lưu ly, trân châu, mã não, hổ phách, san hô, xa cừ, bạch ngọc gởi thì Bồ-tát không phát sinh tâm tham trước, không có tâm giữ lấy mà phải suy nghĩ thế này: "Đức Thế Tôn dạy, thà rằng tự cắt thịt mình mà ăn nhưng đối với của cải của người khác không cho, thì không được lấy."

Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật, trì giới phải vững chắc; nếu ma và quyến thuộc của ma đem hình sắc xinh đẹp đến thử thách Bồ tát thì tâm của vị ấy không lay động mà phải suy nghĩ như thế này: "Đức Thế Tôn dạy, tất cả các pháp như mộng huyễn, vì tự tánh xa lìa không hai không khác."

Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật phải lo giữ gìn giới mà không mong cầu sinh làm người, làm trời hoặc làm vua cõi người cõi trời, thân lìa ba lỗi, miệng không còn bốn lỗi, ý khỏi ba tội; trì giới như vậy mà không thấy mình trì và không thấy giới tướng, tự tánh xa lìa, không hai, không khác. Đó gọi là Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-lamật thông suốt Trì giới ba-la-mật. Này đại vương! Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật, nghĩa là Đại Bồ-tát với thâm tâm phải thường phát sinh nhẫn nhục, vì thế lo buồn phiền não đều không còn, cũng học pháp nhẫn nhục ở ngoại duyên là khi người khác đánh đập chửi mắng Bồ-tát cũng không sinh giận hờn. Đó là pháp nhẫn phải học.

Như lời dạy của Thế Tôn, tánh chân thật rất là sâu xa, không có người, không có pháp và không sinh tịch tĩnh, đó gọi là Niếtbàn. Nghe nói như vậy tâm không lo sợ mà phải suy nghĩ như thế này: "Không học pháp đó thì làm sao có thể chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; quán sâu xa ba độc như thế thì tham, sân do nơi nào phát sinh; nhân duyên nào sinh và nhân duyên nào diệt; quán sát như thế thì không thấy pháp sinh và pháp được sinh; không thấy pháp diệt và pháp bị diệt; tâm nhẫn nhục liên tục như vậy không dứt; ở trong sáu thời không có xen hở, không kịp chọn cảnh giới. Từ cha mẹ cho đến quốc vương, ta đều phải tu nhẫn nhục; ngoài ra nếu người khác dùng oai lực gây hại thì Bồ-tát thực hành nhẫn nhục, thì nên đền đáp lại bằng ân đức, mà không vì việc danh lợi, nhân nghĩa, xấu hổ, sợ sệt…

Đại Bồ-tát hành nhẫn nhục, nghĩa là nếu có người đánh đập, chửi mắng, hãm hại rất thậm tệ nhưng tâm của Bồ-tát vẫn không lay động. Đại Bồ-tát nếu làm quốc vương, làm vua…, mà có người nghèo cùng chửi mắng, nhục mạ thì không cho rằng mình có uy quyền của pháp vương ra lệnh trừng trị mà phải suy nghĩ như thế này: "Ta từ xưa ở trước các Đức Thế Tôn thường phát đại thệ nguyện: Đối với tất cả chúng sinh, con đều cứu độ ra khỏi bể khổ, làm cho chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nay nếu sinh giận hờn thì trái với thệ nguyện. Giống như thầy thuốc phát thệ nguyện như thế này: Ở thế gian nếu có bệnh mù thì ta đều chữa hết, nhưng nếu mình cũng mù thì đâu chữa được bệnh cho người khác. Như vậy Bồ-tát muốn diệt trừ vô minh mê mờ cho chúng sinh mà tự khởi tâm sân hận thì đâu thể cứu giúp được họ." Cho nên không thấy mình nhẫn và người kia được mình nhẫn nên tự tánh xa lìa không hai, cũng không khác. Đó gọi là Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật thấu đạt được Nhẫn nhục độ.

Này đại vương! Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật khi thực hành Tinh tấn ba-la-mật phải nên hiểu chưa diệt làm cho diệt, chưa độ làm cho độ, chưa giải thoát làm cho giải thoát, chưa an ổn làm cho được an ổn, chưa hiểu biết làm cho được hiểu biết; Bồ-tát khi thực hành tinh tấn như vậy, sẽ có ác ma làm trở ngại, nói với Bồ-tát rằng:

–Này thiện nam! Chớ tu pháp này, chịu khó uổng công. Vì sao? Vì ta khi xưa từng tu pháp này, do chưa diệt làm cho diệt, chưa độ làm cho độ, chưa giải thoát làm cho giải thoát, chưa an ổn làm cho được an ổn, chưa giác ngộ làm cho giác ngộ; chịu khổ uổng công như vậy không được lợi ích gì. Ta từ xưa đến nay đã thấy nhiều Bồ-tát tu học hạnh này đều thoái chuyển; ông hãy hồi tâm lại, giữ lấy thừa Thanh văn hay Bích-chi-phật mà tự diệt độ.” Đại Bồ-tát liền hiểu biết ngay nên bảo ác ma, các ngươi hãy đi đi, tâm ta như kim cang, ngươi chẳng thể phá hoại, nếu ngươi làm trở ngại thì tự chuốc lấy tội khổ lâu dài; nghe vậy mà liền biến mất.

Nếu Bồ-tát nào, tu năm pháp Ba-la-mật mà chưa đắc được Bát nhã Ba la mật thì Đại Bồ-tát hành tinh tấn như vậy giả sử trải qua cả trăm ngàn kiếp cũng có thể vượt qua, huống nữa là thừa Thanh văn, Bích-chi-phật.

Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật thành tựu được pháp của Phật nên các ác đều xa lìa, do vậy khi thực hành tinh tấn không vội vàng, cũng không chậm chạp phải phát thệ nguyện:

–Làm sao cho thân ta được như thân của Đức Thế Tôn; với lông trắng giữa hai chân mày, trên đầu có nhục kế; Phật chuyển pháp luân ta cũng như vậy. Cũng như vàng ròng và các thứ báu tốt như ngọc dùng làm đồ trang hoàng thời có thể làm cho vật được nghiêm tịnh hơn. Bồ-tát hành tinh tấn cũng như vậy phải xa lìa cấu uế. Đó là sự lười biếng, buông lung và mỏi mệt suy nghĩ bất chinh tự chẳng hay biết. Lìa được các cấu uế này, liền được công đức, trí tuệ thanh tịnh và cùng với sự trang nghiêm sẽ làm cho thân không mỏi mệt, tâm không nhàm chán, buông lung; tất cả các pháp ác và bất thiện làm trở ngại Thánh đạo đều tiêu diệt, các pháp trợ đạo hướng đến Niết-bàn lại được tăng trưởng, vì thế chút ít việc ác còn không thể có, huống gì phát sinh nhiều điều ác. Giả sử mười phương hằng hà sa cõi mà trong đó đầy khắp lửa dữ như A-tỳ ngục.

Nếu như ngoài thế giới này có một chúng sinh cần phải cứu độ, Đại Bồ-tát cũng không thể bỏ huống nữa là nhiều chúng sinh đang ở trong A-tỳ ngục. Phải suy nghĩ thế này: “Vô thượng Chánh giác không dễ chứng, Bồ-tát tu hành như cứu lửa cháy đầu, nên phải gánh vác; dù gánh nặng khó gánh đến trăm ngàn kiếp” và phải suy nghĩ như thế này: “Quá khứ, hiện tại chư Phật đều tu hạnh này mà thành tựu được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ta cũng nên tu tập chân chánh như vậy, thà trăm ngàn kiếp ở trong địa ngục để cứu độ chúng sinh, chớ hoàn toàn không lãng quên mà vội chứng Niết-bàn. Tinh tấn như thế thì tâm không tự cao đối với người không tinh tấn như mình; không thấy mình thực hành và pháp để thực hành, nên tự tánh xa lìa không hai không khác”; đó gọi là Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật thông suốt được Tinh tấn độ.

Này đại vương! Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật, thực hành Thiền định ba-la-mật là gieo trồng những căn lành sâu xa đối với giáo pháp Đại thừa, đời đời tu tập diệu hạnh, gần gũi Thiện tri thức, không sinh nhà nghèo khổ, thường sinh vào các dòng họ lớn như Bà-la-môn, Sát-đế-lợi; lòng tin chân chánh đối với Tam bảo nên pháp lành được tăng trưởng và nhân nơi túc mạng, căn lành mà phải suy nghĩ như vầy: “Chúng sinh bởi do tham ái nên luân hồi mãi trong sáu đường, chịu đau khổ tiếp nhau không dứt; còn Đại Bồ-tát thì sinh tâm nhàm chán xa lìa vì biết nó từ giả dối, phân biệt mà có.”

Trong kinh điển thường dùng mọi phương tiện để nói tai họa nguy hiểm của dục như giáo, như đao, như rắn, như bọt nước, xấu dơ không thanh tịnh, vô thường; người trí vì sao lại tham đắm pháp này? Nên cạo bỏ râu tóc xuất gia tu đạo. Chưa thấy làm cho thấy, chưa được làm cho được, chưa

chứng làm cho chứng, nghe nói liền thọ trì hoặc là Thế tục đế hay Đệ nhất nghĩa đế, tu hành chân thật đúng như pháp đã quán sát, đó mới là chánh kiến; phân biệt chân chánh, tinh tấn chân chánh, nói năng chân chánh, việc làm chân chánh, đời sống chân chánh, nhớ nghĩ chân chánh, thiền định chân chánh, xa lìa chỗ ồn ào, không cầu danh tiếng. Cung kính cúng dường, thâm tâm tinh tấn luôn luôn không dừng nghĩ và nên suy nghĩ tâm này nên thực hành cảnh giới nào, hoặc thiện, hoặc ác, hoặc cảnh giới vô ký.

Nếu thực hành cảnh giới thiện, siêng năng tinh tấn thì thiện căn được tăng trưởng, đem ba mươi bảy phẩm Trợ đạo đối trị các pháp ác bất thiện. Pháp ác bất thiện đó là tham, sân, si.

Tham dục có ba phẩm thượng, trung, hạ; người ở thượng phẩm khi nghe đến dục thì toàn thân rung động, tâm vui mừng rộn ràng, không thấy được lỗi của dục, không sinh lòng nhàm chán, không biết hổ thẹn.

Vì sao gọi là không hổ thẹn? Thường nghĩ đến cảnh dục đã từng trải qua, nhớ mãi không quên, chỉ thấy sự xinh đẹp mà không biết cái lỗi của nó. Nếu Cha mẹ hay bậc Tôn trưởng có quở trách về dục của họ thì trước mặt các Tôn trưởng ấy họ luôn luôn cãi lại, đó gọi là không hổ thẹn; người này sau khi chết sẽ sinh vào đường ác.

Người có tâm dục ở phẩm trung, nếu xa lìa cảnh dục thì không sinh tâm dục.

Người có tâm dục ở phẩm hạ, chỉ cùng nhau cười nói thì tình dục liền tiêu tan.

Sân cũng có ba phẩm. Sân phẩm thượng là nếu tức giận nổi lên thì tâm mê mờ, mắt trợn lên, hoặc tạo năm tội nghịch, hoặc hủy báng chánh pháp; những tội nặng ấy không bằng một phần trăm của tội ngũ nghịch.

Sân phẩm trung là do sân hận mà tạo ra các việc ác, nhưng liền sinh tâm hối cải.

Sân ở phẩm hạ là tâm không ngờ vực, không thù hận, chỉ có miệng quở trách hoặc hủy hoại rồi tùy theo đó sinh lòng hối cải lỗi lầm. Si cũng như vậy. Tuy quán như thế nhưng vẫn biết được tất cả pháp đều như huyễn, như mộng, như tiếng vang, như thành Càn-thátbà. Tất cả cái thấy được đều là giả dối, không thật và điên đảo. Cảnh giới bên ngoài nếu diệt thì trong tâm sẽ vắng lặng. Không thấy mình thực hành và pháp để thực hành nên tự tánh xa lìa, không hai, không khác. Đó gọi là Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật thực hành thông suốt Thiền định ba-la-mật.

Này đại vương! Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật, thực hành Bát nhã Ba la mật là dùng trí tuệ chân chánh quán sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà không thấy sắc sinh ra, không thấy sắc hình hành, không thấy sắc mất. Thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy. Vì sao? Vì tự tánh đều không, không có chân thật, chỉ là danh tự giả dối mà thực hành Bát nhã Ba la mật là để giáo hóa chúng sinh. Đối với họ hoàn toàn không thể nói không nghiệp, không quả báo. Bởi tất cả các pháp đều như mộng, như huyễn, không có mình không có người, không có chúng sinh, không có tuổi thọ, không có dưỡng dục nên nói có nghiệp, có quả báo.

Đại Bồ-tát tu và thực hành Bát nhã Ba la mật như thế, thì các ác ma không thể phá hoại được. Vì sao? Vì được gần gũi các bậc Thiện tri thức giúp đỡ thành tựu Bồ-đề, xa lìa pháp thế gian. Đối với chánh pháp thâm sâu của Như Lai dù là Thiên, Ma, Sa-môn, Bà-lamôn, trừ chánh trí của Phật, không kể hàng Bồ-tát đều phải vui mừng khen ngợi. Không thấy mình thực hành và pháp để thực hành, nên tự tánh xa lìa không hai, không khác, đó gọi là Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật thấu rõ Trí tuệ ba-la-mật.

Này đại vương! Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật, thực hành phương tiện thiện xảo sẽ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hoặc ngày đêm sáu thời đem hoa quả cúng dường chư Phật và chúng Bồ-tát. Dùng căn lành này mà hồi hướng Bồ-đề; cây hoa, cây quả cũng như vậy; hoặc nghe trong kinh, Đức Như Lai nói nghĩa lý sâu xa rồi tin tưởng, ưa thích, thọ trì. Rồi vì chúng sinh mà giảng nói, dùng căn lành này hồi hướng Bồ-đề. Hoặc thấy tháp miếu ảnh tưởng của Như Lai đem hương hoa cúng dường; hoặc làm cho chúng sinh xa lìa việc phá giới, để được giới hương thanh tịnh của Như Lai; hoặc lau chùi vọng nghiệp làm cho chúng sinh oai nghi đoan chánh; dùng lọng hoa che chở, làm cho chúng sinh đều xa lìa sự nóng bức của phiền não và khi vào trong Tăng-già-lam thì nguyện cho các chúng sinh đều vào Niết-bàn; hoặc ra khỏi già-lam thì nguyện cho các chúng sinh ra khỏi cảnh giới ngạ quỷ; mở cửa già-lam phát nguyện như vầy: "Dùng trí tuệ xuất thế mở cánh cửa chưa mở cho chúng sinh; hoặc thấy cửa đóng, nguyện vì các chúng sinh mà đóng cửa ác thú và ba cõi."

Khi ngồi nghĩ rằng: "Nguyện cho chúng sinh ngồi tòa Bồ-đề"; khi nằm nghiêng bên phải: "Nguyện cho chúng sinh đều đắc quả Niết-bàn"; ngồi dậy thì nghĩ rằng: "Nguyện cho chúng sinh phát khởi sự xa lìa các mê hoặc"; hoặc lúc rửa chân: "Nguyện cho chúng sinh xa lìa các phiền não"; lễ Phật hoặc nhiễu tháp: "Nguyện cho chúng sinh thành bậc thầy của trời người"; hoặc có ngoại đạo tà kiến khó giáo hóa, liền nghĩ rằng: "Ta mà làm thầy người kia ắt không tin được hay là làm vị đồng học hoặc làm đệ tử, tuy ở chung với họ nhưng giới hạnh và tài đa văn hơn hẳn ngoại đạo, nhờ đó mà điều phục được họ và được họ tôn trọng làm thầy; lời nói ra được tin tưởng thọ trì, nên sẽ phá hủy được pháp tà mà nói pháp Niết-bàn cho họ, làm cho người học được chánh pháp, tấn tu phạm hạnh và nhờ thiền định Tam-muội nên được các thần thông."

Hoặc thấy người đa dục thì hóa làm người nữ rất là xinh đẹp, khiến cho người kia yêu mến không thôi, trong chốc lát hiển bày vô thường làm cho nhan sắc biến đổi sình lên, rã nát, thối tha, khiến cho người đa dục kia gớm ghét, sinh tâm nhàm chán xa lìa; bấy giờ liền trở lại thân Bồ-tát mà vì họ nói pháp, làm cho họ phát tâm Chánh đẳng Chánh giác, thành tựu được quả vị Vô thượng.

Hoặc thấy người Đại thừa, xa lìa Thiện tri thức, học pháp Nhị thừa không chứng quả Vô thượng, lại vứt bỏ Đại thừa, thì nên quán căn tánh của người đó, mà vì họ nói pháp làm cho thâm nhập vào đạo Vô thượng; người chưa phát tâm làm cho họ phát tâm, người đã phát tâm dạy cho họ làm tâm được vững chắc.

Hoặc thấy người trì giới, phạm chút ít tội nhỏ mà không biết sám hối, lười biếng thoái lui, lại ưu sầu không tiếp tục tu tập liền nói cho họ pháp sám hối đối trị sẽ làm họ tinh tấn trên đường đạo. Đại Bồ-tát ít muốn, biết đủ, chỉ mong được lợi ích của giáo pháp và nên nói pháp cúng dường Như Lai cho chúng sinh. Thành tựu được sáu pháp Ba-la-mật rồi thuyết pháp cúng dường. Đó gọi là Bố thí ba-lamật.

Thực hành không trái với lời nói đó gọi là Trì giới ba-la-mật. Hoặc trời, hoặc ma không thể phá hoại não loạn thì gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật. Tâm tâm liên tục không biết mỏi mệt đó gọi là Tinh tấn ba-la-mật. Chuyên tâm nhất niệm, không duyên vào cảnh giới khác, đó gọi là Thiền định ba-la-mật. Nói pháp cúng dường không thấy ta và pháp của ta đó gọi là Bát nhã Ba la mật. Không thấy ta thực hành và pháp được thực hành, nên tự tánh xa lìa, không hai, không khác. Đó gọi là Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật thấu rõ được Phương tiện thiện xảo ba-la-mật.

Này đại vương! Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật, thực hành Nguyện ba-la-mật, nghĩa là Bồ-tát phát nguyện không vì sự vui thích xa lìa ba cõi mà cầu đạo Nhị thừa mà phải phát lời thệ nguyện rộng lớn: “Mong tất cả chúng sinh và làm cho chúng sinh đều vào Niếtbàn. Sau đó thân ta mới thành tựu Chánh đẳng Chánh giác. Người chưa phát tâm làm cho họ phát tâm, người đã phát tâm chỉ dạy cho họ tu hành, người đã tu hành trợ giúp cho họ đắc quả Bồ-đề và người đắc quả Bồ-đề liền thỉnh họ chuyển pháp luân, cho đến việc phân chia xá-lợi xây tháp cúng dường.”

Lại phát nguyện: “Nếu thế giới nào có chư Phật thành đạo thì không có Thiên ma, nguyện đem trí tuệ của mình phát tâm vô thượng, không nhờ duyên bên ngoài.” Lại nguyện thân ta thường ở thế gian để làm cho tất cả chúng sinh thành tựu. Nguyện các Bồ-tát mới phát tâm… Nếu nghe Như Lai nói pháp sâu xa thì tâm không khiếp sợ. Phật đạo vô biên, cảnh giới Phật cũng vô biên, đại Bi cũng vô biên, nguyện cho các chúng sinh đều được thấu rõ. Lại nguyện thân ta thường sinh trong cõi uế trược, không sinh ở cõi thanh tịnh. Vì sao? Vì ví như người bệnh thì mới cần thầy thuốc, người không bệnh thì không cần. Không thấy ta là người thực hành và pháp được thực hành, nên tự tánh xa lìa, không hai, không khác. Đó gọi là Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật thấu rõ Nguyện ba-la-mật.

Này đại vương! Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật, thực hành Lực ba-la-mật. Nghĩa là Bồ-tát hàng phục Thiên ma, đánh tan ngoại đạo vì đầy đủ sức trí tuệ công đức, tu hành, chứng đắc tất cả Phật pháp, vận sức thần thông lấy một sợi tóc nhấc cả cõi Diêm-phù-đề lên và cả bốn thiên hạ, tam thiên đại thiên thế giới cho đến vô lượng trăm ngàn thế giới, ở trong không trung lấy các thứ của báu bố thí cho chúng sinh. Chư Phật thuyết pháp ở vô lượng, vô biên thế giới mười phương Bồ-tát đều lắng nghe và thọ trì không thấy ta là người thực hành và pháp được thực hành, vì tự xa lìa, không hai không khác. Đó gọi là Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật thấu rõ Lực ba-la-mật.

Này đại vương! Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật, thực hành Trí ba-la-mật, nghĩa là Đại Bồ-tát đó quán năm ấm: sinh không thấy thật sinh, diệt cũng chẳng thật diệt mà phải suy nghĩ như vầy: “Năm ấm này là không, không có ta, không có người…, không có chúng sinh, không có thọ mạng, không có nuôi dưỡng. Phàm phu chúng sinh do ảo vọng chấp trước vào ngã. Năm ấm chẳng phải ngã, trong năm ấm cũng không có ngã, ngã chẳng phải năm ấm, trong ngã không có năm ấm. Phàm phu ngu mê, không biết chân thật nên cứ luân hồi mãi trong sinh tử, như vòng lửa quay. Tất cả các pháp tự tánh vốn không, nên không có sinh, cũng không có diệt. Chỉ có duyên hợp gọi là sinh, duyên phân tán gọi là diệt. Vì tự tánh chẳng phải không, cho nên không sinh; tự tánh chẳng phải có, cho nên không diệt.”

Đại Bồ-tát đối với tất cả cảnh giới, không có một pháp nào mà không thấu rõ. Bởi thế, tu hành Bát nhã Ba la mật nên hàng Nhị thừa, ngoại đạo không thể lấn áp; do dùng trí quán sát, nên từ lúc phát tâm, cho đến khi vào Niết-bàn, thấy đều rõ ràng. Có thể dùng một pháp mà biết tất cả cảnh giới; tất cả cảnh giới cũng tức là một pháp. Vì sao? Vì nhất nhất đều như nhau đều là một; cho nên không thấy ta là người tu và pháp được tu, nên tự tánh xa lìa, không hai, không khác. Đó gọi là Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật thấu rõ Trí ba-la-mật.

QUYỂN 1
Phẩm 02: HIỂN TƯỚNG

Lúc bấy giờ, Thắng Thiên vương liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu, gối hữu quỳ sát đất, chắp tay đảnh lễ, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật ấy rất thâm sâu thì tướng

của Bát nhã Ba la mật đó như thế nào?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Như tướng đất, nước, gió, lửa; tướng của Bát nhã Ba la mật cũng như vậy.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là tướng của đất?

Phật bảo:

–Nó rộng lớn cùng khắp khó có thể đo lường, gọi là tướng đất. Tướng Bát nhã Ba la mật cũng lại như thế. Vì sao? Vì như vậy nó rộng lớn khắp nơi khó có thể nghĩ lường.

Này đại vương! Tất cả dược thảo đều nương vào đất mà phát sinh thì tất cả pháp lành cũng đều nương vào Bát nhã Ba la mật mà phát sinh.

Như đất không vui khi tăng, không buồn khi giảm, vì xa lìa ngã và ngã sở nên không có hai tướng Bát nhã Ba la mật cũng như thế, khen ngợi không tăng, hủy báng cũng không giảm, vì xa lìa ngã và ngã sở, nên không có hai tướng. Cho nên ở thế gian, việc đi lại nhấc chân lên, thả chân xuống đều nương vào đất; giống như cầu thiện đạo để đi đến Niết-bàn cũng phải nương vào Bát nhã Ba la mật.

Lại như tất cả của báu đều có từ lòng đất Bát nhã Ba la mật cũng vậy nó sinh ra tất cả các loại công đức ở thế gian.

Lại như đất rộng có tất cả côn trùng và các khổ, nhưng không làm lay động mặt đất; Bát nhã Ba la mật cũng như vậy, lìa ngã và ngã sở cũng không thể lay động.

Lại như mặt đất nếu như nghe tiếng của sư tử, rồng, voi thì hoàn toàn không khiếp sợ. Bát nhã Ba la mật cũng như vậy, không sợ sệt Thiên ma ngoại đạo. Vì sao? Vì tự tánh vốn không nên không thấy có người, không thấy có pháp.

Lại như nước từ trên cao chảy xuống, tất cả thiện pháp cũng đều hướng đến Bát nhã Ba la mật.

Lại như nước, thấm nhuần cỏ cây để sinh ra hoa quả. Bát nhã Ba la mật cũng như vậy thấm nhuần Tam-muội và sinh các pháp trợ đạo, thành tựu cây Nhất thiết trí và được quả Phật pháp, làm lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Lại như nước làm xói mòn gốc rễ có thể làm cây cỏ nghiêng ngã và cuống theo dòng nước. Bát nhã Ba la mật cũng như vậy, tất cả gốc ngọn của các kiến chấp, phiền não, tập khí đều tiêu diệt vĩnh viễn, không cho phát sinh lại.

Lại như nước, tánh căn bản của nó là trong sạch, không dơ, nhớp. Bát nhã Ba la mật cũng lại như vậy, thể của nó không có phiền não, nên gọi là thanh tịnh; xa lìa các mê hoặc nên gọi là không dơ, một tướng chẳng khác nên gọi là không nhớp.

Như mùa hạ nóng nực, người được nước mát nên cái nóng đó sẽ giảm đi. Như chúng sinh bị nhiệt não, khi nghe Bát nhã Ba la mật liền được mát mẻ.

Như người bị khát uống nước thì hết khát. Người cầu pháp xuất thế tìm được Bát nhã Ba la mật thì mong muốn thỏa mãn.

Lại như suối sâu khó lội Bát nhã Ba la mật và cảnh giới chư Phật cũng rất thâm sâu, khó vào như vậy.

Lại như nước trong hồ, trong ao đều bình đẳng, Bát-nhã ba-lamật cũng như vậy, tất cả phàm phu, Thanh văn, Bích-chi-phật tất cả đều bình đẳng.

Lại như nước, có thể làm cho mặt đất được sạch sẽ Đại Bồ-tát thấu rõ Bát nhã Ba la mật nên xa lìa các phiền não mà được thanh tịnh. Vì sao? Vì tự tánh vốn thanh tịnh, xa lìa các mê hoặc.

Lại như lửa có thể đốt cháy tất cả các loài cỏ cây nhưng không hề suy nghĩ thế này: “Ta có thể đốt cháy vật.” Bát nhã Ba la mật cũng như vậy, có thể diệt tất cả phiền não, tập khí nhưng cũng không nghĩ: “Ta có thể diệt trừ.”

Lại ví như lửa có thể làm chín tất cả vật thì Bát nhã Ba la mật cũng có thể thành tựu được tất cả Phật pháp.

Ví như lửa đều có thể làm khô cạn tất cả vật ẩm ướt. Bát nhã Ba la mật cũng như vậy, làm khô dòng hữu lậu, không sinh lại nữa.

Giả sử đống lửa ở trên đỉnh núi tuyết, cách một do-tuần hay mười do-tuần đều chiếu sáng đến mọi nơi được mà cũng không nghĩ là ta có thể chiếu xa. Bát nhã Ba la mật cũng như vậy, đều chiếu được cho Thanh văn, Duyên giác và cả Bồ-tát mà cũng không suy nghĩ như vầy: “Ta chiếu được những nơi đó.”

Như loài cầm thú, ban đêm thấy lửa sáng khiếp sợ tránh xa. Hàng phàm phu bạc phước và cả hàng Nhị thừa nếu nghe Bát nhã Ba la mật cũng khiếp sợ lìa bỏ. Nghe đến tên Bát nhã Ba la mật còn khó, huống nữa lại tu học.

Ví như đêm tối, đi xa bị lạc đường, nếu thấy lửa sáng liền vui mừng, biết có làng xóm nên mau tìm đến, đến nơi thì được an ổn và không còn sợ hãi. Biển sanh tử mênh mông, người có phước đức nếu nghe được Bát nhã Ba la mật thì lòng rất vui mừng liền quay về thọ trì, nên tâm được an vui, vĩnh viễn xa lìa phiền não.

Như lửa của người sang hay hèn trong thế gian này đều như nhau. Bát nhã Ba la mật cũng như vậy, là phàm hay Thánh đều có.

Như Bà-la-môn, Sát-đế-lợi đều cúng dường lửa. Chư Phật, Bồ-tát đều cúng dường Bát nhã Ba la mật.

Như ngọn lửa nhỏ có thể đốt cháy tam thiên đại thiên thế giới. Bát nhã Ba la mật cũng như vậy, nếu nghe và hiểu biết một câu có thể đốt cháy vô lượng phiền não.

Này đại vương! Bát nhã Ba la mật xa lìa cấu, không chấp trước, vắng lặng, không biên giới. Vô biên trí sẽ nhanh chóng đạt đến Pháp tánh, giống như hư không, tánh của nó vốn không có chỗ trụ xa lìa tướng của cảnh giới sẽ vượt qua các giác, quán. Tâm và tâm sở pháp không có sự phân biệt, không sinh, không diệt, nên tự tánh là xa lìa.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật là làm lợi ích cho chúng sinh ở thế gian, giống như mặt trời, mặt trăng, tất cả đều thọ dụng.

Ví như mặt trăng, có thể trừ được sức nóng. Bát nhã Ba la mật cũng như vậy, có thể trừ sức nóng độc hại của phiền não.

Ví như ở thế gian, vui mừng khi thấy được mặt trăng. Bát nhã Ba la mật cũng như vậy, tất cả Thánh nhân đều thấy vui mừng khi đạt được.

Lại như đầu tháng, mỗi ngày mặt trăng lớn dần. Đại Bồ-tát gần gũi Bát nhã Ba la mật cũng lần lần tăng trưởng, từ lúc phát tâm cho đến Vô thượng Bồ-đề. Trăng khuyết ngày càng tròn sáng. Đại Bồ-tát tu hành Bát nhã Ba la mật thì phiền não kết sử dần dần bị tiêu diệt.

Như mặt trăng ở thế gian đều được Bà-la-môn, Sát-đế-lợi khen ngợi. Nếu thiện nam, thiện nữ nào gần gũi Bát nhã Ba la mật thì tất cả Trời, Người, A-tu-la trong thế gian đều tỏ bày sự khen ngợi.

Như mặt trăng đi khắp bốn phương thiên hạ, Bát nhã Ba la mật cũng như vậy; hoặc là sắc, hoặc là tâm không nơi nào mà không tới cùng.

Như mặt trăng ở thế gian thường được coi là trang nhã, xinh đẹp, Bát nhã Ba la mật cũng như vậy, tự tánh của nó cũng là trang nghiêm. Vì sao? Vì không sinh, không diệt, tánh vốn thanh tịnh, cùng khắp tất cả pháp tự tánh là xa lìa.

Lại như mặt trời ở thế gian, phá tan tất cả bóng tối mà không nghĩ là ta có thể phá tan bóng tối. Bát nhã Ba la mật cũng như vậy, có thể phá tan tất cả phiền não từ vô thỉ, mà cũng không nghĩ là ta phá được phiền não.

Như mặt trời làm cho hoa sen nở, mà cũng không nghĩ rằng ta làm cho hoa sen nở. Bát nhã Ba la mật cũng như vậy, có thể chỉ bày đạo Bồ-tát mà cũng không nghĩ như thế.

Ví như mặt trời chiếu sáng khắp mười phương mà cũng không nghĩ rằng ta có thể chiếu khắp, Bát nhã Ba la mật cũng như vậy, có thể chiếu vô biên mà không có tướng chiếu.

Như thấy phương Đông hừng đỏ, thời biết không bao lâu mặt trời sẽ mọc; hoặc được nghe Bát nhã Ba la mật thì biết được còn cách Phật không xa.

Như người cõi Diêm-phù-đề, nếu thấy mặt trời mọc thì rất vui mừng; nếu trong thế gian, có danh tự của Bát nhã Ba la mật thì tất cả Thánh nhân đều rất vui mừng.

Lại như mặt trời xuất hiện thì ánh sáng của mặt trăng và sao đều không hiện; Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật thì đức của hàng Nhị thừa và ngoại đạo cũng không hiện.

Như mặt trời mọc lên, thì thấy được chỗ cao, thấp, chỗ hầm hố; Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật thì ở thế gian mới biết được con đường chánh hay tà. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật, tự tướng bình đẳng không sinh, không diệt, tánh ấy là xa lìa vậy.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật là tu tập nhiều hạnh không, không có chỗ trụ không chấp trước, tu đạo xa lìa chướng ngại; xa bạn ác tri thức, gần gũi chư Phật; tâm niệm Phật liên tục không dứt; tùy thuận theo pháp giới thấu rõ sự bình đẳng; dùng thần thông dạo chơi các cảnh giới ở mười phương nhưng ở cảnh giới của mình thì hoàn toàn không chút lay động, thấy các Phật pháp, như hiện rõ trước mặt.

Tuy sống ở đời mà không bị pháp thế gian làm ô nhiễm, giống như hoa sen ở trong bùn, Đại Bồ-tát tuy ở trong sinh tử, nhưng nhờ sức phương tiện của Bát nhã Ba la mật nên không ô nhiễm. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật không sinh, không diệt, tướng của nó bình đẳng và tánh ấy xa lìa nên không thấy, không chấp.

Như hoa sen không bị dính nước, Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, không bị vướng mắc vào một ác pháp nào cả.

Ví như chỗ ở của hoa sen đều có mùi hương; Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật dầu ở thành ấp, xóm làng, cõi trời, cõi người cùng đều đầy đủ giới hương.

Như hoa sen thể tánh vốn thanh tịnh, nên Bà-la-môn, Sát-đếlợi, Trưởng giả, Cư sĩ rất quý trọng, Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật được Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầula, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân…, cùng Bồ-tát và chư Phật yêu mến, cung kính.

Như hoa sen lúc mới chớm nở, có thể làm cho tâm mọi người đều vui, Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật nét mặt luôn luôn vui vẻ, không nhăn nhó buồn rầu, để làm cho chúng sinh vui vẻ.

Lại như người ở đời trong mộng thấy hoa sen cũng cho đó là điềm lành; tất cả trời, người, cho đến trong mộng nếu nghe hoặc thấy Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật cũng cho là điềm lành huống chi là được thấy.

Như hoa sen lúc mới nở thì được người, cùng loài chẳng phải người giữ gìn quý mến, Đại Bồ-tát mới học Bát nhã Ba la mật được chư Phật, Bồ-tát, Đế Thích, Phạm vương, chư Thiên hộ vệ. Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật khởi tâm nghĩ như vầy: "Phải như lý mà thông suốt các pháp Ba-la-mật, ngồi dưới cội Bồ-đề, thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đầy đủ pháp Phật truyền bá chánh pháp, chuyển pháp luân giáo hóa chúng sinh. Vì ở thế gian, Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên ma, Đế Thích, Phạm vương đều không thể truyền bá chánh pháp." Đại Bồ-tát hóa độ tất cả chúng sinh ở vô biên thế giới khắp mười phương; bình đẳng cứu độ tất cả thoát khỏi biển sinh tử và đều an trú trong Bát nhã Ba la mật. Người không chỗ quay về nương tựa, không được cứu hộ thì làm chỗ quay về nương tựa cho họ. Người muốn thấy Phật vì họ thuyết pháp như tiếng rống sư tử để chỉ bày; dùng thần thông dạo chơi, khen ngợi công đức của Phật và làm cho chúng sinh thỏa lòng ngưỡng mộ. Tâm họ thanh tịnh không đổi dời, ý không dua nịnh do vậy mà xa lìa được tà niệm. Nghĩa là không nghĩ pháp Thanh văn, Bích-chi-phật dứt được các cấu uế và phiền não, không cho phát sinh lại. Thân không làm việc sai trái nên xa lìa oai nghi tà. Miệng nói chân thật, không nói xảo trá; nhận ân thường biết ân, dẫu ân nhỏ cũng đáp đền lớn; tâm không ôm ấp giận hờn; miệng thường nói dịu dàng. Tâm tu tập như vậy là tâm thanh tịnh thì không thể bị làm ô nhiễm, nên tự tánh xa lìa không hai không khác.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, tin được ba loại thanh tịnh của Như Lai và nghĩ thế này: "Khế kinh nói Pháp thân của Như Lai là thân tịch tĩnh, thân không gì sánh bằng, thân vô lượng, thân bất cộng, thân kim cang; tâm đã quyết định tin tưởng chắc chắn không nghi ngờ." Đây gọi là tin vào thân thanh tịnh của Như Lai.

Lại suy nghĩ nữa: "Kinh nói miệng của Như Lai vốn thanh tịnh luôn vì phàm phu mà thọ ký cho; làm Phật cũng vì Bồ-tát mà thọ ký để được thành Phật." Tin lời nói như vậy thì không sai trái nhau. Vì Như Lai vĩnh viễn xa lìa tất cả lỗi lầm, không có các cấu uế, thanh tịnh vắng lặng, không có phiền não; hoặc Thiên ma, Sa-môn, Bà-lamôn, Phạm vương không có thể tìm được lỗi lầm từ miệng Như Lai.

Đó là tin vào miệng thanh tịnh của Như Lai.

Lại nữa, kinh nói ý của Như Lai thanh tịnh là chư Phật Thế Tôn hay nghĩ đến việc gì thì hàng Thanh văn, Bích-chi-phật, Bồ-tát và tất cả trời, người đều không thể biết được. Vì sao? Vì tâm Như Lai sâu xa khó hiểu, chẳng phải cảnh giới nghĩ lường, xa lìa các giác quán, không có hạn

lượng, đồng như cảnh giới của hư không; tin như vậy thì biết được tâm không nghi hoặc, ngăn ngại. Đó gọi là tin vào ý thanh tịnh của Như Lai.

Lại nữa, Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật nghĩ như vầy: "Như lời Phật dạy, Đại Bồ-tát vì các chúng sinh không sợ hãi, không mỏi mệt, gánh vác việc lớn mà tâm đó vẫn kiên cố, không thoái chuyển và lần lần tu tập các pháp Ba-la-mật, thành tựu Phật pháp không còn chướng ngại." Pháp đó là vô biên, là vô đẳng, là bất cộng. Lời nói quyết định, tính dũng mãnh, nên thành tựu được sự việc rộng lớn của Như Lai. Đại Bồ-tát ở trong việc đó không nghi, không mê; lòng tin nhận việc đó rất thâm sâu.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, nên suy nghĩ như vầy: "Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, khi ngồi trong đạo tràng, có thể chứng được vô ngại thanh tịnh, Thiên nhĩ, Thiên nhãn, Tha tâm trí, Túc mạng trí, Lậu tận trí. Trong một niệm, thấu rõ trí bình đẳng của ba đời; quan sát chân thật tất cả thế gian, các chúng sinh này đều có thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác; hủy báng Thánh nhân, có tà kiến tạo nghiệp; khi thân hoại, mạng chung sẽ đọa vào đường ác. Nếu chúng sinh này, đều có thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện, không hủy báng Thánh nhân, có chánh kiến chánh nghiệp; sau khi chết sẽ sinh vào cảnh giới thiện." Quán sát chân thật cảnh giới của chúng sinh, rồi nghĩ như vầy: "Xưa kia ta phát nguyện thực hành Bồ-tát đạo, tự giác, giác tha nguyện này đầy đủ." Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật đối với việc này không nghi không ngờ nên tin thọ chân thật.

Này đại vương! Nơi Bồ-tát thành Phật gọi là giáo xứ, tự giác ngộ gọi là Chánh giác, thành tựu cho chúng sinh gọi là Chánh biến giác.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật như vậy nên tin biết là Như Lai sẽ xuất hiện ở đời.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, khi nói pháp Nhất thừa thì liền tin nhận. Vì lời nói chư Phật chân thật, không giả dối. Tất cả các thừa đều từ Phật thừa mà sinh ra. Như cõi Diêm-phù-đề, tất cả các thành ấp, xóm làng, tên thì khác nhưng đều thuộc một châu này. Như vậy các thừa tuy có nhiều tên nhưng đều thuộc về Phật thừa. Lại nghĩ như vầy: "Như Lai, Thế Tôn dùng phương tiện thiện xảo, nói tất cả pháp đều chân thật, không giả dối. Vì Đức Thế Tôn nói pháp tùy theo căn tánh của chúng sinh, cho nên phân biệt có ba thừa nhưng thật sự chỉ có một đạo."

Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật phải nghĩ thế này: "Đức Như Lai thuyết pháp, âm thanh rất sâu xa chân thật không hư dối, vì Phạm thiên, Đế Thích… nhờ có chút ít công đức cũng có được âm thanh sâu xa, huống chi là Đức Như Lai đã chứa nhóm công đức từ vô lượng ức kiếp."

Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, lại phải nghĩ như thế này: Như Lai nói pháp không trái với các căn, các hạng thượng, trung, hạ đều làm cho thành tựu. Các chúng sinh đều cho rằng được Phật nói riêng cho mình; nhưng chư Phật từ xưa đến nay không nói, không chỉ bày, nên Đại Bồ-tát đối với các sự việc như thế không còn nghi, mà lại tin hiểu ngay.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, tâm được vi tế nên suy nghĩ như thế này: "Thế gian như đống lửa lớn cháy mạnh. Đó là lửa tham dục, khói tức giận, bóng đen ngu si. Làm sao khiến cho tất cả chúng sinh phải đều xa lìa; hoặc có thể làm cho thông suốt các pháp

bình đẳng, gọi là xuất ly để như thật biết các pháp, giống như huyễn tướng; phải khéo quán sát nhân duyên để khỏi phân biệt.”

Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, nên nghĩ như thế này: “Pháp vốn không mà lại có nghiệp báo; phàm lời của chư Phật Bồ-tát nói ra, ta biết ý đó; đã biết ý rồi, thì suy tư về nghĩa; đã suy tư về nghĩa rồi, tức thấy chân thật; thấy chân thật rồi, liền cứu độ chúng sinh.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật là dùng phương tiện thiện xảo, nói pháp cho chúng sinh; nghĩa là các pháp thảy đều không ngã, không chúng sinh, không dưỡng dục, không người, không tạo tác, không người hiểu, không người sinh, không người thấy, vô sở hữu không, chẳng phải tánh tự tại, mà chỉ do hư vọng và phân biệt, hòa hợp sinh ra.

Này đại vương! Nếu nói các pháp đều không ngã, cho đến không người thấy là đúng lý; nói không, vì không sở hữu cho đến duyên sinh cũng lại như vậy.

Này đại vương! Người muốn nói pháp ấy phải tùy thuận theo pháp tướng đó, gọi là xứng lý, không trái pháp tướng. Lý cùng với pháp tương ưng, nên được vào bình đẳng nghĩa lý sẽ hiển hiện, nên gọi là khéo thuyết pháp.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật sẽ đạt được biện tài vô ngại. Nghĩa là tài biện luận không có chấp trước, tài biện luận không cùng tận, tài biện luận không đoạn dứt, tài biện luận liên tục, tài biện luận không khiếp nhược, tài biện luận không kinh sợ, tài biện luận bất cộng, tài biện luận trời, người đều tôn trọng, tài biện luận vô biên.

Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật sẽ được tài biện luận thanh tịnh. Nghĩa là tài biện luận không kêu la quát mắng, tài biện luận không mê hoặc não loạn, tài biện luận không sợ sệt, tài biện luận không cao mạng, tài biện luận nghĩa lý đầy đủ, tài biện luận ý vị đầy đủ, tài biện luận thông suốt, tài biện luận đúng thời tiết.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, vì xa sự sợ hãi oai đức của đại chúng, nên không kêu la quát mắng. Nhờ trí tuệ vững trụ, không khiếp sợ, nên không mê loạn. Bồ-tát ở giữa mọi người như vua sư tử, nên không sợ sệt, xa lìa các phiền não, nên không cống cao ngã mạng không nói vô nghĩa; thấu rõ pháp tướng nên nghĩa lý đầy đủ. Khéo hiểu rõ ràng về văn tự thơ luận của thế gian trí nên ý vị đầy đủ. Từ vô lượng kiếp đến nay khéo học tập tiếng địa phương nên mới thông suốt như vậy.

Khi nói pháp này phải tùy theo bốn mùa; như mùa xuân thì nói mùa xuân; hạ, thu, đông cũng như vậy. Việc gì nói trước thì không nên nói giữa và sau; việc gì nói sau thì không nên nói trước và giữa; việc gì nói giữa thì không nên nói trước và sau, phải khéo biết thời.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, sẽ được tài biện luận, làm cho chúng sinh vui mừng. Nghĩa là nói phải dịu dàng, nét mặt luôn vui vẻ không có buồn rầu, nhăn nhó; nói ra lời nào đều có ý nghĩa; nên được gọi là lời nói chân thật, nhất định không lừa dối, lấn áp người. Những lời nói vui vẻ và nhu hòa sẽ làm cho mọi người vui mừng. Sắc mặt khoan thai hòa nhã khiến người khác càng muốn thân cận. Tùy người nghe mà nói nghĩa để cho họ tự hiểu lấy; thuyết giảng đúng pháp vì làm lợi ích, bình đẳng thuyết giảng bằng cái tâm không biết thiên lệch, bè đảng. Phải nói những lời chắc chắn không hư vọng. Những điều gì được nói ra cũng tùy theo căn tánh của chúng sinh làm cho họ được hoan hỷ.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật sẽ thành tựu oai đức rất lớn. Vì sao? Vì chẳng phải là người có khả năng thì không thể nghe được.

Lúc bấy giờ, Thắng Thiên vương bạch:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, thì tự tánh bình đẳng; vì sao lại không nói cho người chẳng có khả năng?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Bát nhã Ba la mật tự tánh vốn bình đẳng; không thấy người có tài năng, không thấy người chẳng có tài năng; không thấy người thuyết và pháp được thuyết chúng sinh là hư vọng, thấy và nói đều chẳng nói được. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật không sinh, không diệt; không có tướng phân biệt; giống như hư không biến khắp tất cả; chúng sinh cũng như vậy không sinh, không diệt; hàng Thanh văn, Bích-chi-phật, Bồ-tát và Phật cũng như vậy. Không có pháp danh tự, mà giả lập có danh tự; gọi là chúng sinh, gọi là trí tuệ, gọi có người nói, gọi có pháp bị nói, gọi có người nghe. Trong đệ nhất đồng là một tướng; đó gọi là vô tướng.

Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật sâu xa, oai đức rất lớn nên không phải là người có khả năng thì không thể nghe được.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật; không nói cho chúng sinh không có khả năng; không nói cho ngoại đạo; không nói cho người không tôn trọng; không nói cho người không tin chân chánh; không nói cho người cầu pháp mua bán; không nói cho người tham lam lợi dưỡng; không nói cho người ganh ghét; không nói cho người mù, điếc, câm, ngọng. Vì sao? Vì khi Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, tâm không keo kiệt, không giấu giếm pháp sâu xa; chẳng phải đối với chúng sinh, không có lòng Từ bi mà cũng không bỏ chúng sinh. Do chúng sinh trồng nhiều căn lành ở đời quá khứ nên thấy được Như Lai và nghe chánh pháp. Chư Phật Như Lai vốn đã không nói là tâm này hay tâm kia; chỉ vì người có nghiệp chướng nặng nên tuy ở gần mà không thấy không nghe.

Khi ấy Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Những chúng sinh nào chịu nghe chư Phật và Bồ-tát nói pháp?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Người đủ niềm tin chân chánh, chư Phật và Bồ-tát sẽ nói pháp cho họ; người căn tánh thuần thục thì cho là pháp khí, ở chỗ chư Phật thời quá khứ, đã trồng các căn lành nên tâm không dua nịnh; oai nghi tề chỉnh; không mong danh lợi, gần gũi bạn lành; người căn tánh lanh lợi, nói văn hiểu nghĩa, vì pháp tinh tấn không trái lời Phật dạy.

Này đại vương! Chư Phật, Bồ-tát nói pháp cho những chúng sinh như vậy.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, có thể làm vị Pháp sư nói pháp khéo léo. Vì sao nói pháp phải thuyết khéo léo? Vì lợi ích Phật pháp mà nói Phật pháp hoàn toàn không thể thấy; tuy nói Ba-la-mật mà Ba-la-mật hoàn toàn không thể được; tuy nói Bồ-đề mà nói Bồ-đề hoàn toàn không thể được; tuy đoạn phiền não mà nói phiền não hoàn toàn không thể được; tuy là Niếtbàn mà nói Niết-bàn hoàn toàn không thể được; tuy là Tu-đà-hoàn hướng, Tu-đà-hoàn quả, cho đến A-la-hán hướng, A-la-hán quả, mà bốn quả bốn hướng hoàn toàn không thể được; tuy là quả Bích-chiphật, mà quả Bích-chi-phật hoàn toàn không thể được; diệt trừ ngã kiến, mà nói ngã kiến hoàn toàn không thể được; nói có nghiệp báo, mà nói nghiệp báo hoàn

toàn không thể được. Vì sao? Vì điều mà danh từ diễn tả thì chẳng phải là pháp chân thật; pháp chẳng phải là danh tự; chẳng phải là cảnh giới của nói năng. Pháp chẳng có thể nghĩ bàn, chẳng phải là nơi tâm suy lường; danh tự chẳng phải là pháp, pháp chẳng phải là danh tự; chỉ dùng nền tảng thế gian hư vọng, giả danh mà nói có. Không có pháp danh tự, mà nói là danh tự, danh tự là không, mà không cũng không có. Không sở hữu là chẳng phải Đệ nhất nghĩa đế; chẳng phải Đệ nhất nghĩa đế tức là pháp hư vọng của phàm phu.

Này đại vương! Đó gọi là Đại Bồ-tát nói pháp phải thuyết khéo léo. Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật dùng sức phương tiện để được biện tài vô ngại và tùy theo căn tánh của từng chúng sinh mà nói Bát nhã Ba la mật sâu xa đó.

QUYỂN 2
Phẩm 03: PHÁP GIỚI

Lúc bấy giờ, Thắng Thiên vương liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu, quỳ gối hữu chấp tay đảnh lễ bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát học Bát nhã Ba la mật, làm sao thấu rõ pháp giới thâm sâu?

Khi ấy, Đức Thế Tôn khen Thắng Thiên vương:

–Lành thay, Đại vương! Hãy lắng nghe, lắng nghe và suy nghĩ!

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Con xin lắng nghe.

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Đại Bồ-tát có trí tuệ, nên gần gũi Thiện tri thức, siêng năng tinh tấn tu học, lìa các phiền não chướng ngại, tâm phải được thanh tịnh, cung kính tôn trọng, ưa thích tu tập pháp không; xa lìa các kiến chấp, tu đạo chân thật, thì thấu rõ được pháp giới.

Này đại vương! Đại Bồ-tát có trí tuệ nên gần gũi Thiện tri thức, vui mừng cung kính, tưởng giống như Phật; do thân cận nên không biếng lười, diệt được tất cả ác và các pháp bất thiện, căn lành được tăng trưởng; đã diệt được phiền não; xa lìa được pháp chướng ngại nên được ba nghiệp thân khẩu ý thanh tịnh. Do thanh tịnh, nên sinh lòng kính trọng; do kính trọng nên tu tập hạnh không; tu tập hạnh không nên xa lìa được các kiến chấp; xa lìa các kiến chấp nên tu hành chánh đạo; tu hành chánh đạo nên thấy được pháp giới.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Pháp giới là gì?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Tức là chân thật.

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao chân thật?

–Này đại vương! Là không biến đổi sai khác.

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì không sai không khác?

–Này đại vương! Vì nó là như như.

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao như như?

–Này đại vương! Ở đây chỉ có trí tuệ mới có thể biết, chứ chẳng phải dùng lời nói mà giảng được. Vì sao? Vì vượt qua các văn tự xa lìa phạm vi ngôn ngữ và lời nói; cho nên không có các hý luận, không kia không đây; lìa tướng thì không còn tướng; xa lìa suy lường tức đã vượt cảnh giới giác quán; không tưởng, không tướng tức đã vượt qua hai cảnh giới, vượt cảnh giới phàm phu và lìa cảnh giới phàm phu; vượt các ma sự, lìa được mê hoặc chướng ngại. Đó chẳng phải là cái biết của thức. Nhưng nó cũng không có vị trí để trụ, Thánh trí vắng lặng thì về sau, là cảnh giới của trí tuệ không phân biệt không có cái ta và của ta, tìm cầu không thể được, không giữ, không bỏ, không nhiễm, không uế, thanh tịnh lìa cấu là tánh tối thắng đệ nhất, nó luôn luôn không biến đổi. Nếu Phật ra đời hay không ra đời, tánh tướng vẫn thường trụ.

Này đại vương! Đó là pháp giới mà Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật; tu pháp giới này khổ hạnh trăm điều nhưng làm cho các chúng sinh đều được thông suốt.

Này đại vương! Đó là chân như thật tế Bát nhã Ba la mật, không có tướng phân biệt, là cảnh giới chân không, không thể nghĩ bàn, Nhất thiết trí và Nhất thiết chủng trí là cảnh giới không hai.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Làm sao có thể chứng đến pháp giới này?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Nhờ chứng được Bát nhã Ba la mật xuất thế,

nên về sau đạt được Hậu trí vô phân biệt.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Chứng cùng với đạt có gì sai khác?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Với Bát nhã Ba la mật, thấy đúng đắn chân thật gọi là chứng, nhờ trí mà thông suốt gọi là đạt.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Như lời Phật dạy: “Văn tuệ, tư tuệ, tu tuệ là thông suốt; Bát nhã Ba la mật chẳng phải là pháp xuất thế, sau đó mới đạt được trí vô phân biệt.”

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Không phải vậy, Đại vương! Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật sâu xa vi diệu, văn tuệ thô cạn, không thể thấy được Đệ nhất nghĩa, cho nên không thể suy lường được. Vì là pháp xuất thế, cho nên tu mà không thể thực hành được.

Này đại vương! Bát nhã Ba la mật sâu xa như vậy, hàng phàm phu, Nhị thừa không thể thấy được. Vì ví như sinh ra đã bị mù thì không thể thấy các màu sắc, trẻ con mới sinh bảy ngày không thấy vầng mặt trời còn lại càng không thể thấy huống gì tu hành.

Này đại vương! Ví như mùa hè nóng, có người đi về hướng Tây, ở giữa đồng trống, lại có người đi từ Tây đến Đông hỏi người trước mặt rằng: “Tôi đang nóng khát, chỗ nào có nước trong, bóng cây mát?” Người kia đáp: “Này thiện nam! Từ đây đi về Đông có hai đường, một đường bên trái và một đường bên phải; nên đi theo đường bên phải có suối nước trong và bóng mát của cây.”

Này đại vương! Ý ông như thế nào? Tuy nghe người nói như vậy mà chỉ đến đó bằng suy nghĩ thì có thể trừ sự nóng khát, được vị nước trong không?

Thưa Thế Tôn, không thể! Người này phải đến nơi ấy, vào ao tắm rửa, uống nước, nghỉ ngơi dưới cây thì mới hết nóng khát, mới biết mùi vị của nước trong.

Phật bảo:

–Đúng thế, đúng thế! Này đại vương! Không thể dùng ba tuệ văn, tư, tu mà thấu rõ chân thật được Bát nhã Ba la mật.

Này đại vương! Nói đồng trống là sinh tử, người hỏi là chúng sinh, nóng gọi là phiền não, khát gọi là tham ái, người từ phương Đông đến là Bồ-tát, đường bên phải là Nhất thiết chủng trí đạo.

Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, khéo biết sinh tử và đường xuất thế; nước trong mát đó là Bát nhã Ba la mật, cây có bóng mát tức là đại Bi.

Đại Bồ-tát thực hành hai pháp nên xa lìa đạo của phàm phu và Nhị thừa.

Này đại vương! Như vậy Bát nhã Ba la mật sâu xa là không hình, không tướng, mà Bồ-tát phải khéo nói bằng nhiều cách để làm cho chúng sinh được vào pháp không đó.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật biết như thật các Lực là không; pháp Vô úy là không; pháp Bất cộng là không; Giới tụ là không; Định tụ, Tuệ tụ, Giải thoát tụ, Giải thoát tri kiến tụ là không; Không là không; Đệ nhất nghĩa là không, mà tướng không cũng chẳng thể nắm bắt được; không chấp thủ tướng không; không khởi thấy tướng không; không chấp tướng không; không nương tựa vào không; như vậy không chấp thủ trước nên đối với không, không bị đọa lạc.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật đều xa lìa các tướng, không thấy tướng trong ngoài, lìa tướng hý luận, lìa tướng phân biệt, lìa tướng tìm tòi, lìa tướng tham trước, lìa tướng của cảnh giới, lìa tướng phan duyên, lìa tướng năng tri và sở tri.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát dùng Bát nhã Ba la mật quán vô tướng như vậy thì chư Phật Thế Tôn đã từng quán thế nào?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Cảnh giới của chư Phật là không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì xa lìa cảnh giới, nên tất cả chúng sinh nghĩ lường cảnh giới của chư Phật thì tâm sẽ cuồng loạn không biết gì cả. Vì sao? Vì đồng với tánh hư không, không thể nghĩ lường, cầu không thể được, xa lìa cảnh giới giác quán. Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật còn không thấy có cảnh giới của phàm phu để mà nghĩ lường, huống nữa là cảnh giới của chư Phật; cũng không được nương tựa vào các nguyện. Tuy thực hành Bố thí mà không chấp vào quả báo của Bố thí; Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ cũng như vậy. Tất cả công đức cho đến Niết-bàn cũng không chấp trước, không nương tựa. Vì sao? Vì lìa ngã và ngã sở nên tự tánh xa lìa, không hai, không khác.

Khi nói pháp môn Bát nhã Ba la mật đó, thì tam thiên đại thiên thế giới chấn động sáu cách. Tu-di sơn vương, Mục-chân-lânđà sơn, Thiết vi sơn, Đại thiết vi sơn, Bảo sơn, Hắc sơn, Đại hắc sơn tất cả đều chấn động; vô lượng trăm ngàn ức các Đại Bồ-tát cởi thượng y của mình trải làm tòa cao như núi Tu-di để dâng Phật; vô lượng trăm ngàn Đế Thích, Phạm vương, chư Thiên hộ thế…, chắp tay cung kính rải các thứ hoa vi diệu, như hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la, hoa Mạn-thù-sa, hoa Ma-ha mạn-thù-sa, hoa sen trắng, sen đỏ, sen hồng, sen xanh; từ núi Kỳ-xà-quật

trải rộng khắp bốn mươi do-tuần, hoa chất đầy khắp đến đầu gối của Phật; vô lượng Thiên tử trổi nhạc trời, nhạc không đánh mà kêu vang, ở trong hư không khen ngợi.

Lại thấy chư Phật ra đời, lại thấy chuyển pháp luân, lành thay cho tất cả chúng sinh cõi Diêm-phù-đề, siêng năng tu các công đức, gieo nhiều căn lành, còn được nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa như vậy; huống là đời sau ai có thể tin tưởng pháp đó, chúng sinh nào được như vậy chắc chắn ở trong cảnh giới của Như Lai. Lại có vô lượng trăm ngàn đại Long vương, dùng thần lực làm mây lớn che khắp, trời mưa thơm khắp núi Kỳ-xà-quật và tam thiên đại thiên thế giới, các người nghe pháp cảm thấy thấm nhuần mùi hương mà không thấy ướt át; vô lượng Long nữ đều ở trước Phật chắp tay khen ngợi; vô lượng Càn-thát-bà dùng âm nhạc vi diệu để cúng dường Phật, các Dạ-xoa cũng tung nhiều thứ hoa đẹp cúng dường, chư Phật Thế Tôn ở vô lượng, vô biên cõi nước khắp mười phương, đều từ giữa hai chân mày phóng ra một luồng hào quang, chiếu núi Kỳ-xà-quật trong thế giới Ta-bà này và những nơi tối tăm trong tam thiên đại thiên thế giới, nơi mặt trời, mặt trăng không thể chiếu ánh sáng tới được. Hào quang ấy chiếu khắp thế giới rồi trở về chỗ Phật, nhiễu quanh bên hữu ba vòng, rồi từ từ nhập vào đảnh đầu của Phật. Vô lượng trăm ngàn Bà-la-môn, Sátđế-lợi, Trưởng giả, Cư sĩ dùng hương xoa, hương bột, tràng hoa, cờ phướn, lọng báu cúng dường Phật.

Bấy giờ trong chúng có bảy mươi hai ức Đại Bồ-tát đã được Vô sinh pháp nhẫn; có vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sinh đã lìa trần cấu, đạt được Pháp nhãn thanh tịnh; có vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật, lìa văn tự, không nói năng, vậy tại sao Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật-lại nói pháp cho chúng sinh?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật nói pháp như vậy là vì sao? Vì tu tập Phật pháp mà nói Phật pháp rốt ráo là không thể được; vì thành thục các pháp Ba-la-mật mà Ba-lamật rốt ráo là không thể được; vì Bồ-đề thanh tịnh mà Bồ-đề rốt ráo là không thể được; vì Niết-bàn xa lìa dục diệt mà Niết-bàn lìa dục diệt rốt ráo là không thể được; vì quả Tu-đà-hoàn, Tư đà hoàn, A-na-hàm, A-la-hán mà Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán rốt ráo là không thể được; vì Bích-chi-phật mà Bích-chi-phật rốt ráo là không thể được; vì đoạn trừ ngã thủ mà ngã và thủ rốt ráo là không thể được.

Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật sâu xa như vậy, thì tâm không phân biệt tất cả các tướng; ta là người phân biệt và pháp phân biệt của ta cũng đều không thể được; phải tùy thuận theo Bát nhã Ba la mật mà không trái với sinh tử; tuy trong sinh tử mà không chống lại Bát nhã Ba la mật, lại còn tùy thuận theo pháp tướng.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát vì sao phải thuận theo pháp tướng mà không trái với thế gian?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Đại Bồ-tát thuận theo Bát nhã Ba la mật sâu xa mà không xa lìa sắc, thọ, tưởng, hành, thức; không xa lìa Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; không xa lìa pháp mà cũng

không chấp trước Bát nhã Ba la mật, không xa lìa đạo. Vì sao? Vì có đầy đủ phương tiện thiện xảo.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là phương tiện thiện xảo của Đại Bồ-tát?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Nghĩa là vô lượng Đại Bồ-tát, đều Từ, Bi, Hỷ, Xả, không bỏ chúng sinh; thường làm lợi ích cho chúng sinh.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật đầy đủ lòng Từ vô biên, lòng Từ không phân biệt, pháp Từ, lòng Từ không dừng nghỉ, lòng Từ không phiền não, lòng Từ làm lợi ích, lòng Từ bình đẳng, lòng Từ lợi ích khắp, lòng Từ xuất thế; phải thành tựu tất cả lòng đại Từ như vậy.

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao gọi là đại Bi?

Phật bảo:

–Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật; vì chúng sinh khổ não không nơi nương tựa, cứu hộ họ thoát khỏi khổ mà phát tâm Bồ-đề, siêng năng mong cầu chánh pháp; chánh pháp mình được rồi thì nói pháp cho chúng sinh. Với người keo kiệt tham lam thì dạy họ thực hành bố thí; với người không có giới, người phá giới thì dạy cho họ trì giới; với người căn tánh ác thì dạy cho họ thực hành nhẫn nhục; với người lười biếng hay trễ nãi thì dạy cho họ tinh tấn; với người tán loạn thì dạy cho họ thực hành thiền định; với người ngu si thì dạy cho họ thực hành trí tuệ; vì nguyện độ chúng sinh, tuy bị gặp khổ sở nhưng hoàn toàn không bỏ tâm Bồđề; đó gọi là đại Bi.

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao gọi là đại Hỷ?

Phật dạy:

–Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật nên

suy nghĩ như vầy: "Ta đã lìa khỏi ba cõi lửa cháy nên vui mừng; từ lâu bị trói buộc trong dây sinh tử, nay ta đã cắt đứt, nên vui mừng; tất cả các giác quán và các tướng chấp thủ ở trong biển sinh tử; ta đã được ra khỏi nên vui mừng; ta đã bẻ gãy cây cờ ngã mạn được dựng lên từ vô thỉ nên vui mừng; dùng trí Kim cang phá hoại núi phiền não để mãi mãi không còn trở lại nữa nên vui mừng; ta đã an ổn lại làm cho người khác an ổn. Vì ngu si đen tối tham ái trói buộc ngủ mãi trong thế gian, nay mới được thức dậy nên vui mừng; ta đã lìa tất cả các cõi ác, lại cứu độ chúng sinh làm cho họ ra khỏi ác đạo. Chúng sinh đã từ lâu ở trong sinh tử, mê mờ không biết đường ra, ta đã cứu độ, chỉ bày đường chánh, làm cho họ đều đến được thành Nhất thiết trí, nên sinh vui mừng; đó gọi là đại Hỷ.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật; mắt thấy sắc không chấp, không lìa, mà có tâm xả bỏ; tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi thơm, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý pháp cũng đều như vậy.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật sẽ thành tựu được trí vô lượng tâm như vậy.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Làm sao Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật chỉ bày được các tướng để cứu độ chúng sinh?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Tướng Bát nhã Ba la mật không thể có được; tướng của Đại Bồ-tát cũng không thể có được; mà chỉ dùng sức phương tiện để giáo hóa chúng sinh, thị hiện vào thai cho đến Niếtbàn. Vì sao? Vì chư Thiên thường cho như vậy là không đọa lạc.

Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật dùng sức phương tiện phá chấp này, cho nên phải thị hiện vào thai, nhân đó làm cho chư Thiên kia phát sinh tâm nghĩ đến vô thường. Người rất cao thượng ở thế gian không ai bằng, là người không chấp trước năm dục, không bị năm dục làm dơ bẩn mà có khi còn bị đọa lạc; huống gì các chư Thiên khác. Vì vậy mọi người chớ nên buông thả phải cố gắng siêng năng tinh tấn, nhất tâm tu đạo. Ví như thấy mặt trời còn bị lặn, thì biết lửa đom đóm không thể giữ cho lâu dài được.

Này đại vương! Lại có các chư Thiên buông lung cẩu thả, ưa thích tham đắm cố chấp, nên không tu tập chánh pháp; tuy cùng với Bồ-tát đồng ở Thiên cung mà không đến lễ bái, không hỏi han thọ trì pháp; chỉ nghĩ như vầy: "Nay hãy cứ rong chơi, khi đến chỗ Bồ-tát nếu họ có hỏi thì ta sẽ nói: Bồ-tát cùng ta thường ở đây tu hành, có gì là lầm lỗi?" Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật phải siêng năng, tinh tấn tu tập như cứu lửa cháy đầu. Phá bỏ sự buông thả kia từng ngày chỉ bày sự hư hỏng. Thị hiện như vậy có hai nhân duyên: Một là làm cho chư Thiên xa lìa sự buông lung; hai là làm cho chúng sinh đều được thấy.

Này đại vương! Ở thế gian, lại có chúng sinh căn cơ hạ liệt, chẳng thấy được Phật thành đạo Vô thượng và chuyển pháp luân. Đại Bồ-tát vì chúng sinh này, cho nên thị hiện thành đứa bé đồng tử, dạo chơi ở hậu cung; Bồ-tát nếu thị hiện hình tướng khác để nói pháp thì nữ nhân ở hậu cung sẽ không tin tưởng ưa thích, nên thị hiện đứa bé đồng tử.

Này đại vương! Người có đức hạnh cao cả thường xa lìa được thế tục, muốn giáo hóa người ấy Đại Bồ-tát thị hiện xuất gia.

Này đại vương! Lại có vị suy nghĩ như vầy: "Nếu ngồi yên hưởng thú vui của trời, người thì cũng được Thánh đạo vậy." Đại Bồ-tát vì giáo hóa những người này nên thị hiện khổ hạnh; muốn dẹp trừ các ngoại đạo các Đại Bồ-tát cũng thị hiện khổ hạnh.

Này đại vương! Lại có vị Thiên từ lâu phát nguyện: "Nếu Đại Bồ-tát đi đến đạo tràng, thì chư Thiên chúng ta luôn luôn cúng dường." Đại Bồ-tát vì giáo hóa chúng sinh này, nên thị hiện đến đạo tràng; tất cả mọi người đều được nhân duyên nên đắc quả Bồ-đề.

Này đại vương! Lại có vị Thiên suy nghĩ thế này: "Vì các ác ma, ngoại đạo ngăn ngại chánh pháp ta nguyện chứng quả Bồ-tát ngồi ở đạo tràng, dẹp trừ các ma và các ngoại đạo; người có lòng tin chân chánh khiến cho họ được thấy pháp."

Đại Bồ-tát đã đắc đạo rồi, thì trong hư không khắp tam thiên đại thiên thế giới sẽ phát ra vô số âm thanh khen ngợi:

"Mặt trời Phật đã mọc thì lửa đom đóm ẩn mất"; các vị Thiên này đều phát lời thề: "Ta nguyện đời sau sẽ đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như ngày nay Đại Bồ-tát vì các chúng sinh, ngồi ở đạo tràng chứng quả.

Này đại vương! Lại có vị Thiên nói lời thế này: Nguyện gặp được vị Thầy thành tựu Nhất thiết trí, Vô sư trí, Tự nhiên trí, sẽ chẳng xa rời căn tánh thuần thục là bậc Pháp khí cao thâm vì các chúng sinh ba phen chuyển pháp luân, mười hai hành pháp.

Này đại vương! Lại có vị Thiên ưa thích nghe Niết-bàn; Bồ-tát vì giáo hóa chúng sinh đó mà thị hiện Niết-bàn.

Này đại vương! Lúc thực hành Bát nhã Ba la mật Đại Bồ-tát có thể thị hiện được tất cả tướng như thế.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật không sinh nơi hiểm nạn. Vì sao? Vì người không có phước đức mới không nghe danh tự của Bát nhã Ba la mật. Lại nữa, Bồ-tát lại thường xa lìa tất cả ác nghiệp, giới của Phật nói ra không hủy phạm và tâm không ganh ghét, trồng nhiều căn lành với vô số chư Phật ở quá khứ, nên đầy đủ công đức trí tuệ để làm sức phương tiện mà thành tựu được đại nguyện, tâm thích vắng lặng và siêng năng tinh tấn hành trì.

Này đại vương! Đại Bồ-tát có tánh hạnh mười điều thiện, thì không có nghiệp ác không đọa vào địa ngục. Đại Bồ-tát hành trì giới, không phạm giới, không đọa vào hàng súc sinh. Đại Bồ-tát không tị hiềm ganh ghét nên không bị đọa vào ngạ quỷ; không sinh vào nhà tà kiến, thường gặp Thiện tri thức. Vì sao? Vì đã trồng nhiều căn lành thâm sâu, với vô số chư Phật ở quá khứ, cho nên sinh đến đâu cũng được chánh kiến. Bồ-tát khi sinh ra, các căn luôn đầy đủ sẽ thành Pháp khí của Phật pháp. Vì sao? Vì đời quá khứ đã từng cúng dường chư Phật, lắng nghe chánh pháp, lễ bái cung kính đại chúng, nên các căn đầy đủ, tướng mạo đoan trang xinh đẹp nên trở thành pháp khí của Phật pháp.

Này đại vương! Đại Bồ-tát không sinh nơi biên địa, không bị độn căn ngu si, không biết thiện ác, nói những lời mà ý nghĩa không phù hợp Phật pháp, không biết Sa-môn, Bà-la-môn. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát khi sinh, nhất định ở trung tâm của nước, được lợi căn trí tuệ, ngôn ngữ lưu loát, biết rõ ngôn ngữ ý nghĩa đó là Pháp khí của Phật, biết rõ Sa-môn, Bà-la-môn. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát do sức của trí tuệ ở đời quá khứ. Bồ-tát không sinh cõi trời Trường thọ, vì không gặp chư Phật, không làm lợi ích cho chúng sinh; sở dĩ Bồ-tát sinh ở Dục giới, thị hiện ra đời là để làm lợi ích cho chúng sinh. Vì sao? vì nhờ vào phương tiện thiện xảo khéo léo.

Này đại vương! Bồ-tát không sinh trong thế giới không; vì nơi này không có Phật, không được nghe Chánh pháp và không cúng dường chúng Tăng. Vì sao? Vì nơi sinh của Bồ-tát nhất định có đủ Tam bảo, thọ giữ nguyện xưa vững mạnh. Bồ-tát nếu nghe tên thế giới ác, liền sinh nhàm chán xa lìa, tu hành thanh tịnh vắng lặng, tâm không biếng lười dùng tất cả pháp thiện để diệt các pháp ác; do nhân duyên đó Bồ-tát không sinh ở nơi có nhiều nguy nan.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, cho đến trong giấc mộng vẫn không quên mất tâm Bồ-đề, huống gì lúc thức. Vì sao? Vì tất cả thiện pháp đều sinh ở tâm này, tức là tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nếu không có tâm này thì không có Phật; không có Phật thì không có Pháp; không có Pháp thì không có Tăng; do tâm này nên có Tam bảo và cũng do tâm này nên có trời, người. Đại Bồ-tát thường thẳng thắn nhu hòa, xa lìa dua nịnh, quanh co; tâm thanh tịnh, không nghi ngờ Phật pháp; người nào muốn nghe và học thì Bồ-tát không hề giấu ý nghĩa thâm sâu; lìa pháp ganh ghét và lìa được ba đường ác; đối với ban đầu, ở giữa hay sau cùng tướng không khác nhau; hộ

trì Đại thừa, việc làm, không trái với lời nói; thấy người đồng học thì sinh lòng cung kính, khuyến khích người khác tu tập, khen ngợi Đại thừa; đối với Thầy thuyết pháp luôn luôn tưởng Phật và nên gần gũi Thiện tri thức và xa lìa bạn ác.

Này đại vương! Đại Bồ-tát tu hành Bát nhã Ba la mật, như vậy sẽ thành tựu được tâm Bồ-tát; nhờ tâm này mà biết được thọ mạng đời trước. Vì sao? Vì đã từng cúng dường vô số chư Phật, hộ trì chánh pháp, tu thanh tịnh giới, xa lìa nghiệp ác, không còn bị chướng ngại; tâm thường vui mừng, siêng năng tu học, không tán loạn, trí của tâm không mất, vì sao?

Này đại vương! Nếu Bồ-tát đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, thì sẽ tôn trọng chánh pháp. Do tôn trọng chánh pháp nên giảng thuyết khắp cho mọi người và vì hộ trì chánh pháp nên không tiếc thân mạng. Ba nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh; do nghiệp đã thanh tịnh nên lìa được chướng ngại; lìa được chướng ngại nên tâm thường vui mừng; tâm vui mừng nên siêng năng tinh tấn; tâm tánh đoan trực chân chánh nên niệm trí đầy đủ; do niệm trí đầy đủ nên biết được đời quá khứ; một kiếp, mười kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp cho đến vô số kiếp.

Này đại vương! Đại Bồ-tát tu hành Bát nhã Ba la mật như vậy, nên biết rõ túc mạng, biết rõ ở quá khứ đã gần gũi Thiện tri thức; do Thiện tri thức đối với chư Phật không quên ba việc lớn là thấy, nghe, nhớ nghĩ, nên thường được nghe chánh pháp, cúng dường Tăng bảo, không bỏ thời giờ trôi qua vô ích, luôn luôn cung kính, lễ bái tôn trọng chư Phật Bồ-tất cả khi đi đứng, nằm, ngồi cũng không xa lìa đa văn.

Này đại vương! Người trì tịnh giới, nhĩ căn thường được nghe danh tự Bát nhã Ba la mật; thường siêng năng tu tập pháp trợ đạo; không bao giờ xa lìa ba pháp môn Giải thoát, tu bốn Vô lượng tâm, thường nghe tên Nhất thiết trí.

Này đại vương! Đại Bồ-tát tu hành Bát nhã Ba la mật, do nhân duyên đó mà gần gũi Thiện tri thức.

Này đại vương! Đại Bồ-tát tu hành Bát nhã Ba la mật, cho đến trong giấc mộng còn không gần bạn ác, huống gì khi thức. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát không cùng ở chung với người phá giới, người tà kiến, người không oai nghi, người tà mạn, người nói lời vô nghĩa, người làm biếng, người ưa thích ở trong sinh tử, người bỏ Bồ-đề, người ưa việc thế tục.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành như vậy là hành pháp xa lìa bạn ác tri thức.

Này đại vương! Đại Bồ-tát tu hành Bát nhã Ba la mật, có thể được thân thanh tịnh của Như Lai; đó là thân bình đẳng, thân thanh tịnh, thân vô tận, thân nhờ tu tập mà được Pháp thân, thân không thể hiểu biết, thân chẳng nghĩ bàn, thân tịch tĩnh, thân bình đẳng như hư không, thân trí.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát ở tại địa vị nào, có thể được mười thân Như Lai?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Bồ-tát ở Địa thứ nhất được thân bình đẳng. Vì sao? Vì lìa các tà đạo quanh co, thấu rõ pháp tánh, thấy được bình đẳng; đối với Địa thứ hai được thân thanh tịnh. Vì sao? Vì giới thanh tịnh. Đến Địa thứ ba, được thân vô tận. Vì sao? Vì xa lìa sân hận. Đến Địa thứ tư được thân do tu tập mà có. Vì sao? Vì thường siêng năng tu tấn tu tập Phật pháp. Đến Địa thứ năm thì được Pháp thân. Vì sao? Vì thấy được các nghĩa lý sâu xa, căn bản. Đến Địa thứ sáu được thân lìa giác quán. Vì sao? Vì quán lý nhân duyên chẳng phải chỗ biết của giác quán. Đến Địa thứ bảy, được

thân chẳng nghĩ bàn. Vì sao? Vì phương tiện đầy đủ. Đến Địa thứ tám được thân vắng lặng. Vì sao? Vì lìa tất cả hý luận, không còn phiền não. Đến Địa thứ chín được thân bình đẳng như hư không. Vì sao? Vì thân tướng không thể lường, nó biến khắp tất cả. Đến Địa thứ mười thì được thân trí. Vì sao? Vì được thành tựu Nhất thiết chủng trí.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Thân của Như Lai và thân của Bồ-tát có gì sai khác không?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Thân thì không sai khác chỉ có công đức mới khác nhau.

Thắng Thiên vương thưa:

–Nghĩa ấy như thế nào?

–Này đại vương! Thân Phật và Bồ-tát không có sai khác. Vì sao? Vì tất cả các pháp đồng một tánh tướng sinh ra, nhưng công đức thì sai khác.

–Bạch Thế Tôn! Vì sao công đức có sự sai khác?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Nay sẽ nêu thí dụ để Đại vương hiểu rõ. Ví như ngọc báu, có trang sức hay không trang sức, thì giá trị của nó cũng không khác; công đức của Phật, Bồ-tát có sai khác, nhưng Pháp thân không sai khác. Vì sao? Vì tất cả công đức của Như Lai đều đầy đủ, khắp cả pháp giới chúng sinh ở mười phương đều thanh tịnh; vĩnh viễn không còn cấu nhiễm làm ngăn ngại. Còn công đức của thân Bồ-tát chưa đầy đủ, nên còn có chướng ngại. Ví như bắt đầu từ ngày mười lăm trở đi, trăng khuyết dần nên khác đi, nhưng tinh chất mặt trăng không khác; các thân này đều vững chắc như kim cang, không thể phá hoại. Vì sao? Vì ba độc không phá được; pháp thế gian không ô nhiễm; cái khổ ở cõi ác thú và cõi người không thể áp bức; đều đã xa lìa sinh, lão, bệnh, tử, có thể pháp trừ ngoại đạo, vượt quả cảnh giới của ma, không còn hướng đến thừa Thanh văn, Bích-chi-phật, do nhân duyên đó nên không thể phá hoại.

Này đại vương! Đại Bồ-tát tu hành Bát nhã Ba la mật, có khả năng dẫn đường khéo cho tất cả Trời, Người, A-tu-la trong thế gian.

Ví như có người giỏi hướng dẫn đường thì các quốc vương, trưởng giả, cư sĩ tất cả đều sử dụng; Bồ-tát cũng vậy, hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, chư Phật tất cả đều cần dùng để dẫn đường.

Lại có người giỏi dẫn đường ở thế gian, thì quốc vương, Bà-lamôn, trưởng giả, cư sĩ, đều cung kính tôn trọng; Bồ-tát cũng vậy, Trời, Rồng, Dạ-xoa, hàng Hữu học, Vô học đều cúng dường.

Lại như có người đi giữa đồng trống hiểm nạn, mỏi mệt sợ sệt; gặp người giỏi dẫn đường có thể làm cho an ổn; Bồ-tát cũng vậy, dùng sức phương tiện dẫn dắt chúng sinh ra khỏi sinh tử, phiền não, giặc nạn đến nơi an ổn.

Lại như có người nghèo, phải nhờ vào trưởng giả giàu có, mới qua khỏi khó khăn; Phạm chí, Ni-kiền và các ngoại đạo, đang ở trong sinh tử thì phải nương hạnh Bồ-tát, hành Bát nhã Ba la mật, để lìa khỏi sinh tử.

Lại như trưởng giả rất giàu, của cải vô lượng, có thể cung cấp cho tất cả mọi người sử dụng, Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-lamật cũng vậy, đó là chỗ cho tất cả chúng sinh trong sinh tử sáu đường thọ dụng.

Lại như trưởng giả rất giàu có, muốn vượt quả hiểm nạn, ắt cần nhiều bạn, đầy đủ thức ăn uống và hành lý thì mới vượt qua được; Đại Bồ-tát cũng như vậy, muốn ra khỏi thế gian, phải dùng công sức trí tuệ, cứu độ tất cả chúng sinh vượt hoạn nạn sinh tử đến Nhất thiết trí.

Như người đi xa, đem nhiều vật báu thì sẽ được lợi ích: Bồ-tát cũng vậy, từ biển sinh tử đến Nhất thiết trí đã rộng tu công đức trí tuệ, để chứng được Nhất thiết trí.

Như người đời, cầu của cải không nhàm chán; thì tâm Bồ-tát thích pháp cũng không chán như vậy.

Lại như người dẫn đường, được bốn việc hơn người đó là: Tài sản, sự sang giàu, địa vị và người nghe lời; Bồ-tát cũng vậy, rất giàu công đức, địa vị thù thắng, tự tại đối với pháp, không làm khác lời nói.

Như người khéo dẫn đường thì sẽ đến được thành lớn; Bồ-tát cũng vậy, rất giỏi hướng dẫn đường để đến thành Nhất thiết trí.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, biết rõ đường nào nên đi, đường nào không nên đi, đường nào tà, đường nào chánh, đường nào an ổn, đường nào có nước, đường nào không nước, địa hình của nó cong hay thẳng, đường nào vượt qua được… tất cả đều thông suốt.

Này đại vương! Do Đại Bồ-tát biết nên không bị lộn đường. Phàm làm việc chỉ đường, không trái với căn tánh mọi người, với người Đại thừa thì chỉ đạo Vô thượng, không chỉ đường Thanh văn, Bích-chi-phật; với hàng Tiểu thừa thì chỉ đạo Thanh văn, không nói Đại thừa; tùy theo căn cơ của hàng Bích-chi-phật; mà chỉ bày đạo Duyên giác, không nói đạo Nhất thiết trí; với người chấp trước ngã thì nói đạo Vô ngã, chúng sinh chấp pháp thì nói đạo không; với người chấp nhị biên thì nên nói trung đạo; với người tán loạn thì nên nói phương pháp tu chỉ quán, không nói pháp tán loạn; với chúng sinh lý luận thì nên chỉ bày đạo như như, không dùng lời nói năng; với người chấp trước sinh tử thì nên chỉ bày đạo Niết-bàn, không nói pháp thế gian; với người lầm lạc thì chỉ dẫn con đường chánh chân.

Này đại vương! Đó gọi là Đại Bồ-tát biết đường tà chánh.

QUYỂN 2
Phẩm 04: NIỆM XỨ

Lúc bấy giờ, Thắng Thiên vương liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu, quỳ gối, chắp tay, đảnh lễ bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật như vậy, nên có thể biết được đường chánh và đường tà, thì tâm duyên vào đâu?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, tâm chánh trực, không tán loạn. Vì sao? Vì khéo niệm thân, niệm thọ, niệm tâm, niệm pháp. Đại Bồ-tát, phàm khi cần du hành đến

xóm làng mà nghe được lợi dưỡng, như giới của Phật dạy, đó là sự trói buộc của phiền não hãy tự ghi nhớ.

Này đại vương! Vì sao Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật thường niệm thân và được tương ưng với thân, chán ghét pháp bất thiện?

Bởi vì dùng trí như thật thì sẽ xa lìa được pháp ác đó và quán được lỗi lầm của thân: Từ chân cho đến đỉnh đầu, thân này là vô ngã, hư hoại, không thường; chỉ do gân mạch ràng rịt hợp thành, mủ thịt tanh hôi, màu sắc xấu xí, trông thật đáng chán. Quán trong mình như vậy, thì tham dục không thể phát triển nơi thân ta; do nhân duyên đó mà tương ưng và tùy thuận với pháp thiện.

Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, thì niệm thọ như thế nào?

Bồ-tát phải suy nghĩ như thế này: "Các thọ đều là khổ, nhưng vì điên đảo, chúng sinh tưởng là vui; phàm phu ngu si lấy khổ làm vui; bậc Thánh nhân chỉ nói tất cả đều là khổ, nên phải tinh tấn tu tập để đoạn trừ hết phiền não và dạy mọi người cũng tu học pháp này." Quán như vậy rồi, luôn tự niệm thọ, không thực hành theo thọ mà lại tu hành đoạn diệt thọ, rồi cũng khiến cho người khác học.

Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, thường niệm tâm như thế nào?

Nên suy nghĩ như thế này: "Tâm này vô thường mà gọi là thường trụ, khổ cho là vui, vô ngã cho là ngã, bất tịnh cho là tịnh, luôn luôn chuyển động không dừng, dời đổi mau chóng. Vì kết sử là cội gốc của các đường ác; phiền não là nhân duyên hoại diệt thiện đạo, nên không thể tin. Vì tham, sân, si làm chủ những điều không đáng tin; tâm đứng đầu trong tất cả các pháp, nếu khéo biết tâm thì đều hiểu các pháp. Tất cả các thứ ở thế gian đều do tâm này tạo, tâm không tự thấy hoặc thiện hoặc ác, tất cả đều do tâm khởi. Tánh tâm dời đổi như vòng lửa quay, chuyển dịch như vó ngựa, có thể thiêu đốt như lửa, ồ ạt như nước chảy." Quán sát như vậy, đối với niệm không động, không hành động theo tâm, mà làm cho tâm theo mình. Nếu điều phục được tâm thì điều phục được các pháp.

Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, nên niệm pháp như thế nào?

Là phải biết một cách chân thật về pháp bất thiện, như: tham dục, sân hận, ngu si và các phiền não; để tu tập đối trị, như đối trị tham dục, đối trị sân hận, đối trị ngu si biết như vậy rồi, liền thay đổi khởi niệm, không làm theo pháp kia và cũng làm cho người khác xa lìa.

Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, khởi niệm đối với cảnh giới như thế nào?

Nếu thấy sắc, thanh, hương, vị, xúc thì Bồ-tát suy nghĩ như thế này: "Vì sao sinh tham ái với pháp không chân thật? Đây là việc chấp trước của phàm phu ngu si, cho là bất thiện." Đức Thế Tôn nói: "Vì tham ái mà chấp trước, do chấp trước nên mê hoặc, vì mê hoặc cho nên không biết pháp thiện, ác; do nhân duyên đó mà sinh vào ác thú." Đại Bồ-tát không mất cảnh giác vào cảnh giới, không chấp trước vào cảnh giới và làm cho người khác cũng vậy.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật niệm A-lan-nhã, phải suy nghĩ như vầy: "A-lan-nhã là chỗ ở của người không có tranh cãi, là chỗ ở vắng lặng; ở nơi này Trời, Rồng, Dạ-xoa và người có Tha tâm trí đều có thể biết tâm và tâm sở pháp của ta; vì thế không nên ở đây suy nghĩ tà ý, phải liền bỏ lìa. Đối với chánh pháp luôn ghi nhớ, cố gắng siêng năng tu tập."

Này đại vương! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, phải suy nghĩ như vậy những thành ấp, xóm làng mà người xuất gia chẳng nên lui tới, đó là nơi quán rượu, nhà điếm, lánh xa những nơi ca hát, bài bạc, vương thành.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật nghe đến việc lợi dưỡng thì phải nhớ nghĩ chân chánh như vầy: "Vì để sinh phước cho người bố thí, nên nhận vật này, không phải vì tham ái mà nhận, cũng không đem vào nhà để nuôi con cháu, không nói tài vật là của ta mà phải cung cấp khắp tất cả cho những người nghèo cùng. Người thực hành như vậy, được mọi người khen ngợi, hoàn toàn không toan tính cho ta cho việc của ta làm." Lại nghĩ như vầy: "Mọi người đều sẽ khen về tiếng tăm bố thí của ta; thế gian thì vô thường, mau chóng hoại diệt; tại sao người trí cũng chạy theo sự vô thường không thật, không bền, không quyền hành mà phát sinh cái ta và cái của ta."

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, đối với lời Phật dạy thì nên niệm giới và suy nghĩ như vầy: Chư Phật quá khứ đều học giới này mà thành đạo Vô thượng, được đến quả Niếtbàn; chư Phật đương lai và hiện tại cũng như vậy, đã biết như vậy thì phải nên tinh tấn tu học.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, vì giáo hóa chúng sinh cho nên đối với thân mình ít muốn biết đủ, đắp y phấn tảo, tâm luôn trong sạch, lòng tin vững chắc, thà mất thân mạng này chớ không phạm giới cấm, tâm xa lìa cống cao ngã mạn đi trong thành ấp không mắc cỡ vì mặc y cũ, xa lìa sự lười biếng, thường tinh tấn tu tập; việc làm chưa xong thì không bỏ giữa chừng, đối với y phấn tảo không thấy đó là nỗi lo, đối với y cũ, xấu không khinh chê, chỉ giữ lấy đức hạnh. Người ly dục mới mặc y phục này, được Như Lai khen ngợi đó là cách ngăn lòng tham lam; cũng không tự hào mình mặc y phục này, cũng không chê người không mặc y phục ấy. Người tu hạnh như vậy, được chư Phật khen ngợi, Bồ-tát hộ trì, chư Thiên, Bà-la-môn, Sát-đế-lợi đều lễ kính.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, như thế là tu hạnh thanh tịnh. Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật với cao hạnh như thế mà còn dùng y phấn tảo hay sao?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Vì các Đại Bồ-tát luôn dẫn dắt và ủng hộ người ở đời. Vì sao? Vì thấy chúng sinh ưa thích không giống nhau.

–Này đại vương! Ý ông thế nào? Bồ-tát đức hạnh cao thượng như Thế Tôn sao?

Thắng Thiên vương thưa:

–Đức hạnh cao thượng của Bồ-tát chẳng bằng một phần trăm ngàn vạn ức hằng hà sa không thể đếm thí dụ so với đức hạnh của Phật. Vì sao? Vì Như Lai Thế Tôn là Bậc Đại Pháp Vương Nhất thiết chủng trí, không một pháp nào mà không rõ ràng.

–Này đại vương! Ý ông thế nào?

Chư Phật Như Lai ở trong khắp thiên hạ; ở trong Thiên, Long, Dạ-xoa, Nhân phi nhân mà thị hiện khổ hạnh và tán thán công đức hạnh Đầu-đà để làm gì?

Vua thưa Thế Tôn:

–Vì muốn giáo hóa, cứu độ cho chúng sinh và các vị Bồ-tát mới phát tâm, mà nói pháp đối trị cho người chưa hết phiền não.

Phật bảo:

–Đúng thế, đúng thế! Này đại vương! Đại Bồ-tát có đức hạnh cao quý mà mặc y phấn tảo cũng như vậy; cho nên Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, có rất nhiều phương tiện để làm lợi ích cho chúng sinh.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật thị hiện ở thế gian, chỉ giữ ba y, vì sao? Vì tâm biết đủ không cầu nhiều nên ít ham muốn; vì không mong cầu nên không cất chứa; vì không cất chứa nên không bị mất; không bị mất nên không sinh khổ; không sinh khổ cho nên xa lìa các phiền não; lìa các phiền não nên không có đắm trước; không đắm trước cho nên gọi đó là lậu đã dứt sạch.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật vào thành ấp. Xóm làng bưng bát khất thực là để làm lợi ích cho chúng sinh, vì sao? Vì Đại Bồ-tát đã huân tập tâm Từ bi, quán sát chân thật khổ nghèo của chúng sinh, muốn cho họ được giàu có, nên thọ nhận cúng dường của họ. Hoặc vào xóm làng, oai nghi tề chỉnh, tâm đoan chánh, không tán loạn; khéo nhiếp phục các căn, nhìn tới trước sáu thước (một thước tám Tây); pháp khất thực này như hai cái ách giữ trâu cày đất, lần lượt đi không bỏ qua nhà nghèo, thọ thực có hạn lượng, không được lấy nhiều; đối với vật được ở trong bát, lại để ra một phần cúng dường lại. Vì sao? Vì tín thí khó tiêu, vì muốn sinh phước đức.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, chỉ ngồi ăn một lần, không thay đổi. Vì sao? Vì một khi đã ngồi trong đạo tràng, ma có đến nhiễu loạn cũng không lay động, trí tuệ xa nơi thiền định xuất thế, Thánh đạo như thật, tất cả pháp đều không đạo; đạt đến Nhất thiết chủng trí chân như, thật tế đối với các pháp này đều không lay động. Vì sao? Vì pháp Nhất thiết trí này chỉ ngồi một lần là được, cho nên Đại Bồ-tát thực hành pháp này khi ăn ngồi một chỗ.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng sức phương tiện mà thị hiện sự khất thực như vậy.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, học hạnh A-lan-nhã; nghĩa là thường tu phạm hạnh; không phát sinh lỗi lầm nơi các căn; rất thâm hiểu, ưa thích đa văn; tu hành xa lìa sợ sệt về ngã; không đắm trước, thân, thường hành tịch tĩnh. Đại Bồ-tát xuất gia trong chánh pháp, giữ gìn ba loại giới thanh tịnh, biết rõ pháp tướng và thông đạt tất cả những gì mà Như Lai giảng dạy về giới của ba hạng người; trẻ, trung niên và già. Không theo ngoại duyên, tâm tự nghĩ, hủy báng chê bai pháp thế tục, khen ngợi pháp xuất thế, điều phục các căn không duyên vào cảnh ác. A-lan-nhã là nơi sinh sống không có hoạn nạn, muốn đến làng xóm để khất thực cũng không xa không gần; có suối nước trong mát để tắm rửa, sinh hoạt thuận tiện, có cả rừng cây hoa quả yên tĩnh, không có cầm thú ác; núi non vắng lặng, thanh vắng ít người lui tới ngày đêm ba thời siêng năng đọc tụng, những pháp đã được nghe, âm thanh không quá cao, cũng không quá thấp; tâm không duyên cảnh bên ngoài nhất niệm trì tụng nhớ mãi trong lòng. Nếu Bà-la-môn, Sát-đế-lợi đến nơi A-lan-nhã này, thì mời họ ngồi, nếu người kia không chịu nghe lời; nêu ân cần khuyên thỉnh và xét theo căn tánh của họ để mà thuyết pháp, làm cho họ vui mừng, tin nhận, tu hành; có đầy đủ phương tiện quyền xảo như thế mới nên lìa tâm ngã. Bởi vô

ngã nên ở A-lan-nhã không sợ sệt, dò lìa sợ sệt nên ưa thích tu hành nơi vắng vẻ; Đại Bồ-tát dùng sức phương tiện như vậy mà chỉ bày hạnh A-lan-nhã.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, khéo quán sát hạnh này và suy nghĩ rằng: Tất cả đồ ăn uống thơm ngon, trong sạch ở thế gian, khi tiếp xúc với thân nhiệt nên thành ra bất tịnh, thối tha hôi hám; tất cả phàm phu ngu si không trí tuệ, yêu đắm thân này và đồ ăn uống; nếu nương tựa vào Thánh trí mà quán sát chân thật thì sẽ sinh ghê tởm, không còn ưa thích, tham đắm.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, suy nghĩ như thế này. Do tạo nhiều sân hận nên phát sinh ác nghiệp, ta nay phải xa lìa, đem tâm chánh trực hướng đến đạo, suy nghĩ chân thật chẳng theo lời nói suông.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, suy nghĩ thế này: “Nếu có pháp sinh tức là do nhân duyên, nhân duyên của các pháp lại do duyên mà sinh ra. Vì sao người trí ở nơi pháp nhân duyên, hư vọng này mà tạo tội lỗi?” Trong thân của Bồ-tát, có chướng ngại ngăn pháp lành thì đoạn trừ ngay. Nếu không có thể đoạn trừ chướng ngại ngăn pháp lành của người khác thì tâm liền bỏ không phát sinh vô minh. Thế nào là pháp chướng ngại điều thiện? Vì không cung kính tịnh giới Phật, Pháp, Tăng và bạn đồng học, người già, người trẻ nhỏ tuổi thì cao ngạo với họ; hướng đến năm dục; quay lưng với Niết-bàn, mà phát sinh ngã kiến, chúng sinh kiến, mạng kiến, nhân kiến; chấp không, khởi đoạn kiến; chấp có, khởi thường kiến, xa lìa Hiền thánh, thân cận phàm phu; bỏ người trì giới, nương tựa người phá giới; gần bạn ác, xa lánh bạn lành; nghe pháp sâu xa liền hủy báng; oai nghi không chân chánh; lời nói không đàng hoàng; phiền não che tâm, có nhiều xiểm nịnh; tham đắm lợi dưỡng, sinh năm ngã thứ mạng: một là họ sang giàu, hai là dòng dõi, ba là kiến thức hơn người, bốn là cõi nước, năm là đồ chúng; thấy ác thì giúp gặp thiện thì bỏ; khen ngợi người nữ trẻ em ngoại đạo; không thích sống nơi A-lan-nhã, ăn uống không biết đủ; không gần gũi thầy; tuy đọc tụng mà không biết giờ giấc; hoặc thấy thiện pháp cũng không có tâm tôn trọng; thấy ác không sợ, như voi không móc câu, như ngựa không dây cương buông lung không chế ngự; thường sân hận, không sinh tâm từ; thấy khổ không có lòng thương; gặp bệnh không chăm sóc, không sợ chết chóc; ở trong đống lửa, không mong thoát ra; việc nên làm mà không làm, không biết tính toán; suy nghĩ những điều không thể suy nghĩ; mong cầu những điều không thể mong cầu; chưa ra mà cho là ra; chẳng phải đường mà gọi là đường; chưa đắc mà gọi là đắc; xa lìa thiện pháp cho đến hủy báng Đại thừa; khen ngợi người Tiểu thừa, hủy báng người Đại thừa; khen ngợi người ít học, ưa thích đấu tranh; miệng nói thô tục; tâm không Từ bi, lại làm cho người khác sợ sệt, nói ra lời thô tục bỉ ổi, không một lời chân thật; thích đắm trong húy luận không chịu lìa bỏ.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, thì những việc như vậy gọi là làm chướng ngại các thiện pháp.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, là diệt các hý luận, tu tập hạnh không, suy nghĩ như thế này: “Các cảnh giới được quán sát đều là không, tâm quán cũng như vậy; không thể có, không có sự sai khác giữa năng quán và sở quán, các pháp chỉ một tướng gọi là vô tướng; suy nghĩ như vầy, thì xa lìa tướng trong ngoài, nên không thấy thân, không thấy tâm, không thấy pháp. Cứ thế, liên tục tu chỉ và quán; quán là thấy pháp chân thật, chỉ thì nhất

tâm không loạn. Bồ-tát tu quán thực hành như vậy rồi, liền được giới thanh tịnh, được giới thanh tịnh rồi thì hạnh cũng như vậy. Đó gọi là Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật quán hạnh thanh tịnh.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật là hộ trì kho tàng chánh pháp của Như Lai; nghe giảng và thọ trì chánh pháp là để giữ gìn chứ không vì lợi dưỡng. Vì giữ hạt giống Tam bảo không cho đoạn dứt, chứ không vì cung kính. Vì hộ trì người thực hành Đại thừa chứ không vì tiếng tăm. Vì những chúng sinh không có nơi quay về nương tựa để được cứu độ và được an lạc. Vì người không có Tuệ nhãn, nên làm cho được Tuệ nhãn. Vì người tu Tiểu thừa, nên chỉ bày đạo Thanh văn. Vì người muốn tu Đại thừa, thì thị hiện Đại đạo. Nghe pháp như vậy gọi là Vô thượng trí, không nhận lấy thừa hạ liệt.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, biết rất rõ các giới luật; nghĩa là giới luật và hành giới luật. Giới luật rất thâm sâu, rất vi diệu; giới luật về tịnh cùng bất tịnh, có mất hay không mất, giới luật biệt giải thoát; giới luật hàng Thanh văn, giới luật hàng Bồ-tát.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, đều biết rõ các giới luật như vậy.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, khéo biết tất cả oai nghi giới hạnh; khéo học giới Thanh văn, giới Bíchchi-phật, giới Bồ-tát. Đã thực hành giới hạnh rồi, nếu thấy oai nghi không chân chánh thì nên xa lìa và không hành không đúng chỗ. Hoặc thấy Sa-môn có oai nghi giới hạnh, thì sẽ thân cận, hoặc gặp Bà-la-môn tu học dị hạnh, khuyên tu giới luật, chân thật tu hành giới hạnh như vậy, tâm không dối trá nên tật đố được diệt trừ; tự mình thực hành bố thí, khuyên người thực hành bố thí và khen ngợi bố thí, thấy người bố thí sinh tâm vui mừng; không nghĩ như vầy: Hãy đem cho ta đừng cho người khác. Chỉ nên suy nghĩ: "Tất cả chúng sinh có nhiều đói lạnh, khốn khổ; nguyện cho họ được của cải, đời này cho họ được an lạc. Do nghe pháp cho nên đời sau được an lạc. Ta nay phải tinh tấn tu đạo để cùng với chúng sinh đồng được xuất thế. Đó gọi là Đại Bồ-tát không có tâm ghen ghét; đối với chúng sinh đều được bình đẳng. Nếu thực hành Bố thí cho khắp tất cả chúng sinh và Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ cho đến khi đạt Nhất thiết chủng trí, cũng không có tu hai tâm. Vì sao? Vì pháp được tu và chúng sinh cùng với niệm là cảnh giới sẽ làm cho mau thành đạo quả. Đối với lửa sinh tử ta đã lìa khỏi, cũng làm cho người khác ra khỏi. Ví như trưởng giả có sáu người con, đều là trẻ con, nên thương nhớ không chênh lệch; trưởng giả ở ngoài nhà mà trong nhà đó lửa cháy.

Này đại vương! Ý ông như thế nào? Trưởng giả nghĩ như thế nào đối với sáu người con này, có nên cứu người trước người sau hay không?

Không, thưa Thế Tôn! Vì sao? Vì người cha kia đối với các con tâm đều bình đẳng.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật cũng như vậy. Vì phàm phu tham lam đắm chấp ở nơi sáu đường nên ở trong hầm lửa sinh tử không biết thoát ra. Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật tâm bình đẳng, dùng tất cả phương tiện, khuyến dụ, giáo hóa người khác, làm cho họ ra khỏi và đều an trí trong cảnh yên tĩnh.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, đối với các pháp đều bình đẳng. Nghĩa là dùng pháp cúng dường Như Lai, tu hành chân thật để cúng dường Như Lai và làm lợi an lạc cho tất cả chúng sinh, hộ trì thiện pháp cho tất cả chúng sinh, tùy thuận chúng sinh mà khéo léo giáo hóa hành Bồ-tát đạo, thực hành không trái với lời nói, tâm không mỏi mệt để cầu

Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu được như vậy, mới gọi là cúng dường chư Phật, không phải vì mưu sinh mà làm việc cúng dường.

Này đại vương! Pháp là thân Phật, nếu cúng dường Pháp là cúng dường Phật.

Này đại vương! Chư Phật Thế Tôn, đều từ sự tu hành chân thật mà ra, đều làm lợi ích, an lạc cho chúng sinh và giữ gìn thiện pháp, tùy thuận chúng sinh. Nếu người không làm được như vậy thì trái với lời thệ nguyện, sẽ buông lung lười biếng, không thể thành tựu được tâm Bồ-đề. Vì các Đại Bồ-tát và chúng sinh cùng tồn tại Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu không có chúng sinh, làm sao Bồ-tát đắc được Bồ-đề.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, đem pháp cúng dường Như Lai gọi là chân chánh cúng dường; cúng dường như vậy thì diệt trừ được ngã mạn; nghĩa là phải xa lìa thế tục; cạo bỏ râu tóc, đối với cha mẹ anh em thân thích, không còn quan hệ nhau, giống như mình đã chết; hình dáng, y phục, tướng mạo, khác thường; bưng bát đi vào thành quách, đến nhà quen hay nhà Chiên-đà-la, đều khiêm tốn khất thực, với suy nghĩ như thế này: Thân mạng ta lệ thuộc vào người khác, nhờ vào thức ăn của họ mà sinh sống. Do nhân duyên ấy mà ngã mạn được trừ bỏ, lại suy nghĩ rằng: “Ta nay nên tùy thuận theo Sư tăng, bậc Tôn trưởng và bạn đồng học, làm cho họ hoan hỷ. Người chưa từng nghe pháp làm cho họ nghe pháp. Nếu thấy người khác sân hận hơn thua với ta thì nên nhẫn nhục khiêm tốn tránh xa họ.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật như vậy, là diệt trừ được ngã mạn.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, sẽ sinh niềm tin chân chánh kiên cố. Vì sao? Vì đã gieo trồng nhiều công đức ở quá khứ, nên căn lành mạnh mẽ, đầy đủ nhân lành, được thành tựu chánh kiến, không tin ngoại đạo, trong tâm thanh tịnh, không nương tựa các thầy khác, tâm hạnh ngay thẳng, chất phác, xa lìa giả dối, các căn lanh lẹ, trí tuệ đầy đủ, lìa các triền cái chướng ngại, tâm được thanh tịnh, xa lìa bạn ác gần gũi bạn lành, tìm cầu lời hay, không sinh lười biếng, nhờ nghe giáo pháp, biết được công đức của Phật.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Cầu xin Đức Đại Từ thương xót mà giảng giải cho con về công đức đại oai thần lực của Như Lai.

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ cho kỹ!

–Ta sẽ vì đại vương tuyên nói chút ít thần lực công đức của Như Lai.

–Lành thay, Thế Tôn! Con nguyện muốn nghe.

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Như Lai đầy đủ vô biên đại Từ chiếu khắp chúng sinh. Chúng sinh sẽ được bảo hộ cho đến mười phương cùng tận cõi hư không cũng đều chiếu hết, không thể đo lường. Lòng đại Từ của Như Lai, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát đều không bằng. Vì sao? Vì đó là pháp bất cộng; không một chúng sinh nào, ở mười phương thế giới, mà không được đại Bi chiếu đến.

Lại nữa, Như Lai nói pháp vô tận cho chúng sinh khắp mười phương, một kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp hoặc vô lượng kiếp, vì nhân duyên của mọi loài mà thuyết pháp vô tận. Tất cả các ngôn ngữ ý nghĩa câu nói của chúng sinh hỏi Như Lai; thì trong chốc lát làm cho tất cả chúng sinh phân biệt được rõ ràng, không ai có thể phá hoại được.

Lại nữa, Như Lai tức là cảnh giới thiền định vô ngại, giả sử tất cả thế giới của chúng sinh, đều trụ ở địa thứ mười nhập vào các Tam-muội trăm ngàn ức kiếp, quán chiếu thiền định của Như Lai thì cũng không thể suy lường được.

Lại nữa, thân Như Lai vô lượng, vô biên, vì tùy theo người nào ưa thấy, thì ngay trong một niệm sẽ hiện ra vô số Như Lai. Như Lai lại có Thiên nhãn thanh tịnh, thấy hết tất cả thế giới với vô lượng chúng sinh, mỗi mỗi chúng sinh với mỗi mỗi thế giới. Như vậy tất cả sự việc trong thế giới, Như Lai đều thấy như xem quả Ama-lặc trong lòng bàn tay. Mắt của loài người, trời đều không thể thấy được. Như Lai lại có Thiên nhĩ thanh tịnh; tất cả chúng sinh tùy theo chủng loài, có những âm thanh không đồng, Như Lai đều nghe và hiểu được nghĩa rõ ràng. Như Lai lại có Tha tâm trí thanh tịnh; tất cả các thế giới đều có chúng sinh, nghĩ, tưởng, tạo nghiệp hoặc bị mắc quả báo; Như Lai, Thế Tôn đi, đứng, nằm, ngồi chỉ với một niệm trong chốc lát, thảy đều rõ biết, vì Như Lai thường thiền định, không tán loạn.

Này đại vương! Chư Phật Như Lai không mất chánh niệm, tâm không tán loạn, căn không duyên cảnh khác, vì sao? Vì lìa phiền não tật khí nên rất thanh tịnh, vắng lặng, không có cấu uế; còn người có phiền não thì tâm tán loạn, tâm tìm cách duyên vào cảnh khác. Như Lai Thế Tôn lìa cấu nhiễm, được vô lậu, được tất cả pháp tự tại bình đẳng, thường ở trong Tam-muội chánh định.

Này đại vương! Như Lai dùng một oai nghi Tam-muội, cũng du hành được khắp nơi cho đến Niết-bàn; trời, người không thể nào biết được. Huống nữa, Như Lai ở trong vô lượng kiếp đã tu tập; vô lượng, vô biên, vạn ức Tam-muội. Vì đối với Như Lai thì không thể lường, không thể nghĩ bàn, không thể quán sát được.

Lúc bấy giờ Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Con nghe Như Lai đã ba a-tăng-kỳ kiếp tu hành, mới được thành Phật; vì sao mà nói vô lượng kiếp tu tập?

Phật bảo:

–Này đại vương! Không phải như vậy, vì sao? Vì Đại Bồ-tát tu chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, phải dùng vô lượng công đức và sức lực không phải chỉ bấy nhiêu kiếp ấy mà cho đến khi chứng được lý pháp bình đẳng mới gọi là thành Phật.

Thắng thiên vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Lành thay, lành thay! Tất cả chúng sinh, luôn thực hành các thiện pháp, xa lìa các nghiệp chướng, ưa thích quả Phật, tu hạnh Bồ-tát.

–Bạch Đức Thế Tôn! Hoặc có chúng sinh được nghe về sức thần thông của Như Lai, tâm sinh vui mừng, tin nhận khen ngợi phải biết người đó không lâu sẽ đạt được thần thông này. Huống nữa, nếu có người đọc tụng, biên chép, giảng nói, những người như vậy đều không thể nghĩ lường.

Phật dạy:

–Này đại vương! Đúng như vậy! Các chúng sinh này Như Lai ủng hộ vì đã trồng các căn lành, cúng dường vô số chư Phật ở quá khứ, mới có thể nghe được sức đại thần thông của Như Lai. Những thiện nam, thiện nữ nghe, tâm không nghi ngờ, trong bảy ngày, tắm rửa sạch sẽ, mặc y phục, dùng hương hoa cúng dường nhất tâm chánh niệm.

Bấy giờ, Như Lai liền hiện thần thông, làm cho họ được thấy Phật mà cúng dường, nếu có thiếu chút ít nhưng nhất tâm chánh niệm, khi lâm chung thì chư Phật cũng sẽ hiện tiền.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Thưa Đức Thế Tôn! Có chúng sinh nào, nghe nói công đức và thần lực của Như Lai mà không khởi tâm tin tưởng lại hủy báng không?

Phật bảo:

–Có chúng sinh đó, hoặc nghe pháp môn thần lực của Như Lai liền khởi sân hận không có tâm thiện. Đối với vị thầy nói pháp, tưởng là ác tri thức. Người này lúc chết sinh vào địa ngục. Nếu nghe thần lực công đức của Như Lai, có thể sinh lòng tin thọ, hoặc đối với vị thầy nói pháp, tưởng là Thiện tri thức, liền được làm người, trời cho đến thành Phật.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn hiện ra tướng lưỡi dài rộng, che cả mặt cho đến đỉnh đầu, che khắp thân, che cả tòa Sư tử, che cả chúng Bồ-tát, chúng Thanh văn, sau đó che trời Thích, Phạm, Hộ thế và tất cả đại chúng rồi thâu tướng lưỡi về.

Phật bảo đại chúng:

–Như Lai có tướng lưỡi này lẽ nào nói dối đại chúng, các ông đều tin thọ sẽ được an lạc lâu dài.

Khi nói pháp môn đó, trong hội chúng có tám vạn bốn ngàn Bồ-tát đắc được Vô sinh pháp nhẫn; vô lượng trăm ngàn chúng sinh xa lìa trần cấu, đạt được Pháp nhãn thanh tịnh; vô lượng, vô biên chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

QUYỂN 3
Phẩm 05: PHÁP TÁNH

Lúc bấy giờ, Thắng Thiên vương từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ, bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu! Ngài là Bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. Ngài thường hoan hỷ nói về sức thần thông vi diệu. Vì sao các Đức Phật Như Lai được thần thông này? Cúi xin Thế Tôn giải rõ cho.

Phật bảo Thắng Thiên vương:

– Này đại vương! Việc làm của chư Phật Như Lai sâu xa không thể nghĩ bàn, nên được quả như vậy. Thắng Thiên vương bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Chư Phật Như Lai thực hành những pháp gì mà gọi là sâu xa không thể nghĩ bàn?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

– Này đại vương! Pháp tánh của chư Phật Như Lai nhân và quả không thể nghĩ bàn; pháp và công đức làm lợi ích cho chúng sinh cũng như vậy.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Tại sao **nói pháp tánh không thể nghĩ bàn**?

Phật dạy:

– Này đại vương! Từ vô thỉ các uẩn xứ giới luôn nối tiếp với nhau trong chúng sinh; nhưng thể của pháp tánh thanh tịnh không bị ô nhiễm. Tất cả tâm thức không thể nương vào đó phát khởi, các quan sát và hiểu biết khác thì không thể phân biệt được. Những suy nghĩ bằng tà kiến cũng không thể duyên được; pháp đó xa lìa tà niệm nên vô minh không khởi; cho nên không từ mười hai nhân duyên mà sinh. Đó gọi là vô tướng, chẳng phải tác pháp, tự tướng của nó thường trụ, không sinh, không diệt, không cùng tận, không biên giới.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, biết được pháp tánh thanh tịnh như vậy, nên xa lìa được cấu uế, không bị nhiễm trước, cho nên vượt qua phiền não đạt đến giải thoát. Tánh này tức là pháp căn bản của chư Phật; công đức, trí tuệ nhân nơi đây mà phát sinh, thể tánh của nó sáng suốt thanh tịnh, không thể suy lường được.

Này đại vương! Ta nay dùng ví dụ để nói, ông hãy lắng nghe.

Vua thưa:

– Bạch Thế Tôn, con xin muốn nghe!

Phật bảo Thắng Thiên vương:

– Ví như viên ngọc như ý vô giá, nếu được mài dũa trang sức thì nó trong sáng rất đẹp. Khi rơi vào trong bùn lầy, trải qua thời gian rất lâu, nhưng thể của nó vẫn tròn sáng, không bị nhơ bẩn. Nếu có người nhặt được, giữ gìn thì không bị mất. **Pháp tánh cũng vậy, tuy ở trong phiền não nhưng không bị ô nhiễm vẫn luôn hiện rõ.**

Này đại vương! Chư Phật Như Lai đều biết tự tánh của chúng sinh là thanh tịnh, nhưng bị khách trần phiền não che lấp, nên không thể nhập được tự tánh. Vậy bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba la mật phải nghĩ như thế này: "Ta sẽ dũng mãnh chuyên cần, tinh tấn tu tập, chỉ bày Bát nhã Ba la mật sâu xa này cho chúng sinh để diệt trừ các phiền não. **Tất cả chúng sinh đều có tự tánh thanh tịnh**. Nên đối với họ đừng cho là thấp kém, phải tôn trọng, coi họ là Thầy của ta, cung kính đúng pháp." Bậc Đại Bồ-tát với tâm như vậy, liền sinh Bi, Trí, Lực lớn.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, như vậy thì đạt được địa vị không thoái chuyển.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, lại nghĩ thế này: "Các phiền não không có năng lực, tự thể của nó là hư vọng, trái nhau với thanh tịnh. Vì sao? Vì nó trái với Nhất thiết trí. Pháp tánh thanh tịnh là căn bản của các pháp, tự tánh của nó vốn không phiền não, hư vọng, đều từ tà niệm điên đảo sinh ra."

Này đại vương! Ví như bốn đại, nương tựa nơi hư không để đứng, nhưng hư không lại không có chỗ nương tựa. Phiền não cũng vậy, nương vào pháp tánh, nhưng pháp tánh không có chỗ để nương.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật quán biết như thật nên không sinh trái nghịch, do tùy thuận nên không sinh phiền não.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát, quán sát phiền não, không sinh nhiễm trước; nếu bị nhiễm trước thì làm sao nói pháp xa lìa cho người khác. Cho nên, Đại Bồ-tát phải đoạn diệt tâm nhiễm trước, giảng dạy pháp như thật để mở trói buộc cho chúng sinh.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật-lại nghĩ thế này: "Nếu trong sinh tử có một phiền não, vì lợi ích cho chúng sinh, ta sẽ nhận lãnh."

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật-lại nghĩ như thế này: "Như xưa, chư Phật thực hành Bát nhã Ba la mật, nên được hạnh như vậy. Vì sao? Vì chư Phật Như Lai thuở xưa còn ở nhân địa, cũng học như vậy; do hai nhân duyên này mà thành Chánh giác. Nên Bồ-tát dùng mọi phương tiện để biết được pháp tánh đó.

Này đại vương! Pháp tánh vô lượng, vô biên như vậy, nhưng bị các phiền não che lấp, nên chúng sinh bị chìm đắm, trôi lăn mãi trong sáu đường sinh tử, đó gọi là **chúng sinh tánh**.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, sinh tâm nhàm chán và diệt trừ tham dục năm trần; tu đạo Vô thượng thì tánh này, gọi là xuất ly. Vì vượt qua tất cả khổ, nên gọi là pháp vắng lặng, là pháp rốt ráo mà tất cả thế gian đều mong cầu. Nhất thiết chủng trí, thường trụ vi diệu, cũng nhân nơi pháp tánh này mà được tự tại và thọ nhận địa vị Pháp vương.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật; ở địa vị sơ, trung và thượng, quán sát tất cả pháp tánh, xưa nay đều bình đẳng và vắng lặng, đều không chướng ngại, giống như các sắc đều không thể đầy hư không. Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã bala-mật, biết như thật tất cả các hạnh, vì bình đẳng một tướng. Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật như vậy, có thể trừ **hai tướng: Nhân tướng và Pháp tướng**. Tất cả phàm phu bị chấp chặt trói buộc nên không biết, không thấy, không đạt được pháp tánh. Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật thì thông đạt pháp tánh này, nhưng chúng sinh thì không hai, không khác, vì sao? Vì như như không khác.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, nương vào pháp tánh này để tu tập các căn lành, vào trong ba cõi làm lợi ích cho chúng sinh. Tuy hiện vô thường mà chẳng phải chân thật. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật thấy pháp tánh như thật, đầy đủ phương tiện đại Bi, nguyện lực không từ bỏ chúng sinh. Hàng phàm phu, Nhị thừa không có bản nguyện đại Bi như vậy, nên không thấy pháp tánh tròn đầy thanh tịnh.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật nên quán như thế này: "Pháp tánh của tất cả Thánh nhân không có người tu và pháp để tu; không có người thực hành và pháp để thực hành; không có tâm và tâm pháp; không có nghiệp và quả báo; không khổ, không vui." Người quán như vậy gọi là bình đẳng, không khác sự xa lìa và tùy thuận rộng lớn, không có ngã và ngã sở, không cao, không thấp. Nó chân thật, thanh tịnh, sáng suốt, thường trụ vô tận. Vì sao? Vì tất cả pháp của Thánh nhân do nơi đây mà thành tựu, cũng nhân nơi tánh này mà hiện bày Thánh nhân.

Này đại vương! Pháp bất cộng, với công đức vô biên của chư Phật Như Lai đều từ tánh này mà sinh, do tánh này mà ra.

Này đại vương! Tất cả giới, định, tuệ của Thánh nhân, do từ tánh này mà sinh; Bát nhã Ba la mật của chư Phật và Bồ-tát cũng từ tánh này mà ra. Tánh này vắng lặng, vượt qua các danh tướng, nó chân thật, xa lìa điên đảo, tánh chẳng biến đổi nên gọi là như; cảnh giới của Thánh trí, gọi là Đệ nhất nghĩa trí. Tánh này chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải thường, chẳng phải đoạn, chẳng phải sinh tử, chẳng phải Niết-bàn, chẳng phải nhiễm, chẳng phải tịnh, lìa một, lìa khác, không danh, không tướng.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, lại phải nghĩ thế này: **"Pháp tánh lìa tướng và tất cả pháp đều lìa tướng, không hai, không khác."** Vì sao? Vì tất cả pháp lìa tướng thì pháp tánh lìa tướng; pháp tánh lìa tướng thì tất cả chúng sinh lìa tướng, đồng pháp giới lìa tướng; pháp giới lìa tướng thì tất cả pháp lìa tướng; lìa tướng như vậy, cầu không thể được. Vì pháp tánh như như, chúng sinh như như, đồng một không hai; chúng sinh như như, pháp tánh như như đồng một không hai; pháp tánh như như, tất cả pháp như như không hai không khác, tất cả pháp như như, chư Phật như như, không hai không khác; pháp tánh như như, quá khứ, hiện tại, vị lai như như, không trái nghịch; quá khứ như như, vị lai như như cũng không trái nhau; quá khứ, hiện tại, vị lai như như tức là ấm giới, nhập như như; ấm, giới, nhập như như tức là nhiễm tịnh như như; nhiễm tịnh như như tức là sinh tử; Niết-bàn như như, sinh tử Niết-bàn như như, tức là tất cả pháp như như.

Này đại vương! Những điều nói về như như nghĩa là không khác, không biến đổi, không sinh, chân thật, vô tránh. Do vô tránh, nên gọi là như như. Thấy biết như thật các pháp không sinh, các pháp tuy sinh nhưng như như bất động. Như như tuy sinh tất cả các pháp nhưng như như không sinh. Đó gọi là Pháp thân thanh tịnh, không biến đổi, giống như hư không, không gì bằng. Tất cả ba cõi không có một pháp nào sánh bằng hay một thân chúng sinh nào sánh bằng. Thanh tịnh, lìa cấu uế xưa nay không nhiễm, tự tánh sáng suốt thanh tịnh, không sinh không khởi; ở tại tâm ý thức nhưng chẳng phải tánh của tâm ý thức; tức là Không, Vô tướng, Vô nguyện. Khắp hư không thế giới và các chúng sinh vô lượng, vô biên; tất cả bình đẳng, không sai khác. Chẳng phải sắc nhưng không lìa sắc; chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức nhưng không lìa thọ, tưởng, hành, thức; chẳng phải địa, thủy, hỏa, phong đại nhưng không lìa địa, thủy, hỏa, phong đại; không sinh nhưng lìa sinh; tuy trái với sinh tử nhưng không thuận với Niết-bàn. Mắt không thấy, tai không nghe, mũi không ngửi, lưỡi không nếm, thân không xúc, ý không biết không ở tại tâm ý thức, nhưng không lìa tâm ý thức.

Này đại vương! Đó gọi là pháp tánh. Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã ba-la-mật thông đạt pháp này, tu hành thanh tịnh thì ở trong tam thiên đại thiên thế giới, hoặc cõi Diêm-phù-đề, thành ấp, xóm làng Bồ-tát có thể thị hiện sắc thân khắp nơi; nhưng sắc thân ấy chẳng phải sắc, chẳng phải tướng mà hiện sắc, tướng; chẳng phải sáu căn, sáu cảnh mà giáo hóa chúng sinh luôn luôn không dừng nghĩ. Vì nói thân này là pháp vô thường, vô ngã, khổ, bất tịnh. Nhưng biết rõ chúng sinh có tánh vắng lặng. Bồ-tát có thể thị hiện vô lượng các loại thân, khéo dùng phương tiện thiện xảo để giáo hóa chúng sinh, làm cho nhận biết được tất cả thân, không có người tạo tác cũng không có người thọ nhận, giống như cây, như đá, Bồ-tát vì chúng sinh mà nói hạnh thanh tịnh.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật như vậy, thông đạt pháp tánh nên được tự tại, không bị xao động liền sinh trí nghiệp nên đạt được du hý thần thông, thị hiện sự an trú tự tại và có thể hiển bày tất cả oai nghi, tự tại đạt đến Nhất thiết chủng trí và đều thấu triệt tất cả các pháp.

Này đại vương! Bát nhã Ba la mật tự tại như vậy, là vô tận tướng nhưng ở khắp mọi nơi; tuy không sắc nhưng hiện bày sắc. Tự tại quán sát khắp tâm ở chúng sinh, thấy tâm tánh như thật và tự tại nhớ nghĩ vô số kiếp nối nhau không dứt. Tự tại biến hóa trụ nơi tướng giải thoát, tự tại nơi

lậu tận, nhưng vì chúng sinh nên không chứng lậu tận. Tự tại xuất thế: đó là cảnh giới tự tại sâu xa của bậc Thánh trí mà hàng Thanh văn và Duyên giác không thể so lường được. Tự tại mà kiên cố, ma không thể phá hoại được, mà còn có thể đến nơi đạo tràng để thành tựu Phật pháp tối thượng đệ nhất. Tự tại tùy thuận chuyển bánh xe pháp; tự tại điều phục, giáo hóa tất cả chúng sinh. Tự tại nhận lãnh địa vị là được pháp tự tại.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, thông đạt pháp tánh sâu xa như thật, nên được tự tại. Đại Bồ-tát tu các thiền định, giải thoát, đẳng trì của Bạt đề nên được tự tại này và không bị lệ thuộc vào cảnh Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Vì sao? Vì xa lìa được tất cả phiền não trói buộc, giả dối, phân biệt, điên đảo, chấp tướng. Bồ-tát nếu có tự tại thọ sinh thì tự tại sinh ở nơi không có trói buộc, hoặc muốn hiện và diệt cũng được tự tại. Bồ-tát sinh ở chốn nào cũng luôn luôn hằng giữ Đại thừa thành tựu Phật pháp, nhưng ở nơi mười phương tìm cầu cho hết Phật pháp, đều không thể được. **Vì tất cả các pháp đồng một Phật pháp, chẳng phải thường, chẳng phải đoạn,** vì sao? Vì tìm cầu pháp này là không thể được. Dùng lý chân như mà cầu là không thể được. Pháp đó không thể nói có, nói không, cũng không có danh tướng; nó vượt qua cảnh giới này, nên xa lìa danh tướng tức là bình đẳng. Nếu là pháp bình đẳng thì không chấp trước; mà pháp không thể chấp trước, tức là pháp chân thật; nếu chấp trước chân thật tức là giả dối. Ở đây, do không chấp trước nên không phải giả dối, không đắm trước thì tâm không ngại; không ngại tức là không chướng, không chướng tức là không tranh luận, không tranh luận là đồng với hư không. Pháp đó không lệ thuộc vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Do không lệ thuộc vào nơi nào, nên pháp ấy không sắc, không hình, tướng. Nếu pháp không sắc, không hình, không tướng, thì nên biết pháp đó như thật, tùy theo cảnh giới kia mà xa lìa chủ thể hiểu biết và đối tượng được biết. Vì sao? Vì trong đó không có một chút pháp giác ngộ nào và một chút pháp nào để giác ngộ; đó gọi là bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật thông đạt pháp bình đẳng.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, quán đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, nhưng không thấy ta và chúng sinh, không thấy người, không thấy thọ mạng.

Tuy thực hành bố thí mà điều phục tâm, để lìa tâm giới tường, nhưng luôn luôn trì giới thanh tịnh. Dùng tâm vô tận để tu hành nhẫn nhục; dùng tâm viễn ly để tu hành tinh tấn; dùng tâm vắng lặng để tu tập thiền định; dùng tâm không vướng mắc để tu hành trí tuệ; nhờ tâm để tu bốn Niệm xứ; dùng tâm bình đẳng tu tập Chánh cần; lìa tâm hý luận tu tập các Thần túc; phân biệt chúng sinh mà quán sát các Căn; lìa tâm lầm lỗi tu tập các Lực, dùng tâm phân biệt quán sát Giác phần; dùng tâm không có công dụng tu tập chánh đạo; tâm không chấp trước mà có lòng tin thanh tịnh, trí tuệ tự nhiên nhớ nghĩ các pháp; dùng tâm bình đẳng trí tu các Tam-muội; dùng tâm không phân biệt để quán sát Bát nhã Ba la mật; dùng tâm ngừng nghĩ để tu định; dùng tâm không chỗ thấy để tu quán; dùng tâm không chỗ niệm mà để tu niệm Phật; dùng tâm bình đẳng, thông đạt pháp giới để tu niệm Pháp; dùng tâm không chỗ trụ để tu niệm Tăng; dùng bản tâm thanh tịnh để giáo hóa chúng sinh; dùng không khởi lên sự phân biệt phân biệt pháp giới để thâu nhiếp tất cả pháp; dùng tâm như hư không để trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật; dùng tâm không sở đắc để được Vô sinh pháp nhẫn; dùng tâm không thoái lui để được quả vị không thoái chuyển; nhờ tâm xa lìa tướng nên không thấy có tướng, dùng tâm bình đẳng khắp ba cõi để trang nghiêm đạo

tràng. Tâm có thể hiểu biết tất cả các pháp, nên đối với việc Chuyển pháp luân mà không thấy có nghe nói. Thị hiện Niết-bàn thì biết rõ bản tánh của sinh tử vốn bình đẳng.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, quán sát các pháp không thấy người quán và pháp quán, như vậy liền được rong chơi tự tại. Vì sao? Vì tự tâm thanh tịnh nên thấy tất cả chúng sinh cũng thanh tịnh.

Này đại vương! Ví như hư không đầy khắp tất cả, thì Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật tâm cũng như vậy.

Khi nói pháp này xong, trong đại chúng có bốn vạn tám ngàn người và trời, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác; có ba vạn hai ngàn Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn; có tám vạn bốn ngàn chúng sinh được Pháp nhãn thanh tịnh, xa lìa trần cấu; một vạn hai ngàn Tỳ-kheo đều được lậu tận.

Phật bảo Thắng Thiên vương:

– Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, tâm được thanh tịnh, sâu rộng như biển, công đức trí tuệ không thể so lường được. Đại Bồ-tát có thể hiện ra ở đời, đem các công đức quý báu để cứu độ chúng sinh, cho đến khi rốt ráo thành Phật, nhưng công đức Bồ-tát không thể hết. Ví như biển lớn sinh ra nhiều thứ báu.

Trí tuệ của Bồ-tát sâu xa khó thấu hiểu được, nên hàng Thanh văn, Duyên giác không thể sánh kịp. Cũng như biển lớn, thú nhỏ không thể vào được. Trí tuệ của Bồ-tát rộng lớn vô biên. Vì sao? Vì không chấp trước, không trụ, không sắc, không tướng. Trí tuệ của Bồ-tát từ ban đầu cho đến sau cùng, theo thứ lớp càng sâu xa, từ khi mới phát tâm Bồ-đề, cho đến được Nhất thiết trí thì pháp của Bồ-tát cũng vẫn như vậy; không cùng ở chung với phiền não và ác tri thức. Trí tuệ của thế gian nếu đi vào trong trí tuệ của Bồ-tát thì trở thành một tướng một vị. Bởi vì Nhất thiết trí vô tướng nên không có vị phân biệt.

Bậc Đại Bồ-tát quán sát tất cả pháp, nhưng không thấy có pháp tăng, giảm. Vì sao? Vì thông đạt pháp tánh bình đẳng sâu xa. Đại Bi, đại Lực của Bồ-tát không trái với bản nguyện, đây là chỗ nương tựa của tất cả Thánh nhân. Vì các chúng sinh mà Bồ-tát trọn đời nói pháp không bao giờ thôi.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật thông đạt pháp tánh sâu xa như thế.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát có thể thông đạt các pháp nói về đạo lý của người thế tục (Thế đế). Tuy nói các sắc mà chẳng phải có thật sắc, tìm cầu sắc này thì hoàn toàn không nắm giữ được. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Tuy nói địa mà chẳng phải chân thật là địa, tìm cầu địa thì hoàn toàn không thể nắm giữ được… Thủy, hỏa, phong, không, thức cũng lại như vậy. Tuy nói nhãn nhập thật chẳng phải chân thật là nhãn nhập, tìm cầu nhãn nhập thì hoàn toàn không thủ trước được…, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý lại cũng như vậy. Tuy nói ngã nhưng chẳng phải chân thật là ngã, tìm cầu ngã thì hoàn toàn không thể thủ trước được. Mạng chúng sinh được người nuôi dưỡng, thì người làm, người thọ, người thấy người biết đều cũng như vậy. Tuy nói thế gian nhưng chẳng phải chân thật là pháp thế gian, tìm cầu pháp thế gian thì hoàn toàn không thể thủ trước được. Tuy nói Phật pháp nhưng chẳng phải chân thật là Phật pháp, tìm cầu Phật

pháp thì hoàn toàn không thể thủ trước. tuy nói Bồ-đề nhưng chẳng phải chân thật là Bồ-đề, tìm cầu Bồ-đề thì hoàn toàn không thể thủ trước được.

Này đại vương! Nếu các lời nói đều là đạo lý của người thế tục, nó chẳng phải chân thật nhưng không có nó thì không thể nói được Đệ nhất nghĩa đế.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật thông đạt pháp của người thế gian nhưng không trái với Đệ nhất nghĩa đế; nhờ thông đạt được pháp đó, nên biết các pháp không sinh, không diệt, không hoại, không đây không kia đều lìa ngôn ngữ văn tự hý luận.

Này đại vương! Đệ nhất nghĩa đế vắng lặng, lìa lời nói; nó là pháp không thể biến hoại, là cảnh giới của Thánh trí. Nếu Phật ra đời hay không ra đời thì tánh tướng của nó vẫn thường trụ; đó gọi là Bồ-tát thông đạt Đệ nhất nghĩa đế.

Lúc bấy giờ, Thắng Thiên vương bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp không sinh, không diệt, tự tánh là không, là xa lìa. Vậy tại sao có Phật ra đời Chuyển pháp luân? Tại sao Bồ-tát đối với pháp không sinh mà thấy có sinh?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

– Này đại vương! Pháp không diệt cho nên không sinh. Vì sao? Vì tánh không biến đổi, nhưng do nhân duyên của người thế tục thấy có sinh, diệt; tất cả đều là giả dối, chẳng chân thật có.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng phương tiện thiện xảo thấy được pháp nhân duyên, liền biết pháp của người thế gian đều là không, không có, không thấy chắc thật, giống như ảnh tượng huyễn hóa của bóng nắng, như tiếng vang, dựa vào nhân duyên mà sinh nên nó lay động không dừng. Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, quán sát các pháp là không, cho đến các pháp từ nhân duyên sinh ra, phải suy nghĩ thế này: "Các pháp bình đẳng này, nay thấy có sinh, có trụ, có diệt." Vậy nhân duyên nào sinh và nhân duyên nào diệt; liền biết là do nhân duyên vô minh sinh các hành, nương nơi hành mà sinh thức, thức sinh danh sắc, danh sắc sinh nhập lục, nhập lục sinh xúc, xúc sinh thọ, phàm phu khởi sinh ái, do khát ái nên sinh thủ, nhân nơi thủ nên hữu nối nhau, do hữu nên có sinh, do sinh nên có lão, do lão nên có tử và ưu, bi, khổ, não. Cho nên tu hành phải đoạn vô minh, nếu đoạn vô minh thì mười một phần còn lại cũng đều diệt. Ví như thân người nếu đoạn mạng căn, thì các căn còn lại không hoạt động được.

Này đại vương! Bọn ngoại đạo tà kiến **muốn cầu giải thoát, nhưng chỉ muốn diệt sự chết mà không biết diệt sự sinh;** nếu pháp không có sinh thì không có diệt. Ví như có người cầm cục đất ném vào sư tử, sư tử đuổi theo bắt người đó, còn cục đất dừng lại. Bồ-tát cũng vậy, chỉ đoạn sinh thì tử tự diệt. Ví như con chó chỉ biết rượt theo cục đất mà không biết rượt theo người, nên đất cứ ném mãi không dứt. Ngoại đạo cũng vậy, không biết đoạn sinh nên cũng không lìa được tử.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, như vậy là đã khéo biết do nhân duyên nên các pháp có sinh có diệt.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, biết các pháp do nhân duyên sinh là không, không thật có, nên không sinh ngã mạn. Nếu sanh vào nhà Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Cư sĩ, Trưởng giả, thì cũng không khởi lên ngã mạn về sự tôn quý và giàu có. Còn nếu sinh vào

nhà nghèo hèn thì nên biết nghiệp của mình đời trước không thanh tịnh, bị quả báo thấp kém, tâm sinh nhàm chán liền cầu xuất gia, nên suy nghĩ thế này: “Như thân này của ta, đã được xa lìa nghiệp chướng, lại tu nghiệp thanh tịnh, làm cho tự mình thanh tịnh và khiến người khác cũng vậy. Tự mình cứu độ rồi lại cứu độ người khác; tự mình cầu thoát ly rồi lại mở sự trói buộc cho người khác.”

Do nhân duyên này, liền được tinh tấn, không còn biếng lười; ác pháp, chướng đạo đều được đoạn trừ; thiện pháp trợ đạo đều được tăng trưởng, tu hành chuyên cần tinh tấn. Bồ-tát suy nghĩ thế này: Ta vì gánh vác việc này, nên phải tự diệt tất cả phiền não, độ thoát chúng sinh, không được lười biếng.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, phải gần gũi Sư tăng, nghe ít, nghe nhiều, có biết, không biết, trì giới, phá giới. Nên sinh lòng tưởng nhớ cung kính các vị đồng học như Phật. Suy nghĩ: “Ta nay nương nơi Thầy học tập, việc tu thiện chưa hoàn thành thì làm cho đầy đủ, phiền não chưa đoạn diệt thì làm cho đoạn diệt, ủng hộ pháp thiện xa lìa pháp ác, dùng Nhất thiết chủng trí và ruộng phước đại Bi vắng lặng mà thương xót chúng sinh như bậc Thầy của trời, người. Ta là bậc Thầy khéo làm được việc tốt, tất cả trời người phụng sự Pháp vương, coi đó là bậc Đại sư.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, suy nghĩ thế này: “Phật dạy tịnh giới, dù bỏ thân mạng cũng không hủy phạm. Như Thế Tôn nói, làm theo lời Ngài dạy tức là cúng dường chư Phật. Nếu Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Cư-sĩ, Trưởng giả, đem tất cả các loại thức ăn uống, tín tâm cúng dường thì Bồ-tát phải như pháp mà thọ dụng, không làm mất lòng tin vào quả báo của họ. Kẻ cúng dường, người thọ nhận đều được lợi ích. Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Cư-sĩ, Trưởng giả lấy danh của Sa-môn mà tưởng là danh của Bồ-tát để làm ruộng phước thì Bồ-tát nên phải như lý, như lượng mà tu hành chánh pháp, khiến cho công đức của Sa-môn được hiển bày như ruộng phước công đức. Bồ-tát thực hành và giáo hóa người khác như vậy chưa từng thôi nghỉ.”

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, tu hành như vậy thì có thể tùy thuận tất cả thế gian. Thấy người sân hận sinh tâm khiêm nhường, thấy người ngã mạn sanh tưởng không ngã, thấy người tà vạy quanh co sanh tưởng ngay thẳng, thấy người nói dối thì nói như thật, đối với người ác khẩu thường nói lời hòa ái, thấy người cang cường thì hiện nhu hòa, thấy người độc ác thì thực hành từ nhẫn, thấy người có pháp tà thì sinh lòng đại Từ, thấy chúng sinh khổ thì sinh lòng đại Bi, thấy người keo kiệt thì thực hành bố thí.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, tùy thuận thế trí như vậy thì sinh vào cõi Phật thanh tịnh. Vì sao? Vì trì giới không khiếm khuyết, xa lìa các tạp uế, tu tâm bình đẳng ở nơi chúng sinh, đầy đủ các căn lành, không đắm trước danh lợi, lòng tin thanh tịnh, không mong cầu phước báo, siêng năng tu hành, không sinh lười biếng, tu các thiền định, lìa pháp tán loạn, dùng trí tuệ vi diệu mà học tập nghe nhiều, các căn không khuyết tật, đầy đủ trí thông minh, thường tu đại Từ, xa lìa sân hận phiền não, do nhân duyên này nên sinh và cõi Phật thanh tịnh.

Lúc bấy giờ, Thắng Thiên vương bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Như lời Thế Tôn nói! Tu pháp bình đẳng và giữ giới thanh tịnh thì sinh vào cõi Phật. Vậy tu hành đủ một hạnh thì cũng sinh vào nơi cõi Phật chăng?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

– Này đại vương! Nếu có bậc Đại Bồ-tát như đã nói ở trước, trong tất cả các pháp nếu tịnh tu một hạnh liền đủ các pháp; một hạnh như thế thì được sanh tịnh độ. Vì sao? Vì trong mỗi một hạnh có đầy đủ các hạnh.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật như vậy, được sanh tịnh độ, không sinh ở thai uế trược. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát tạo đắp tượng Phật, tu sửa chốn già-lam, tô láng nền tháp Phật bằng chất thơm và cúng dường trước tháp Như Lai, hoặc dùng nước thơm lau rửa tượng Phật, hoặc quét dọn, rưới nước láng nền trong đất chùa. Bậc Đại Bồ-tát cúng dường săn sóc cha mẹ, thầy, bạn đồng học và các vị Sa-môn, với tâm bình đẳng cúng dường tất cả. Vì tất cả chúng sinh mà hồi hướng những căn lành này, tất cả cùng hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng giác; khiến được thanh tịnh.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật như vậy, liền được xa lìa thế tục. Vì sao? Vì tâm không chấp trước, không đắm nhiễm bè đảng xấu ác, không chạy theo các cảnh giới, xa lìa và không đắm nhiễm cảnh giới duyên ái; như thật tu hành giới do Đức Thế Tôn dạy, thiểu dục, tri túc, tùy nghi bốn việc. Hướng đến sự biết đủ, khi có lỗi lầm thường sợ sệt, ưa ở nơi vắng lặng, muốn xa lìa tất cả.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật như vậy, không đắm trước pháp thế tục thì liền được đời sống thanh tịnh; miệng, ý và oai nghi không ngụy tạo, không dối trá. Đối trước thí chủ, thân không giả dạng oai nghi dối trá, đi lại từ tốn, an nhiên nhìn về trước sáu tấc; nhưng sau đó nếu không có đàn-việt(1) lại ăn nói buông lung; ở trước thí chủ không vì lợi dưỡng mà hạ giọng nói lời nhỏ nhẹ, êm ái, hoa mỹ, vuốt đuôi theo ý lời của họ; nhưng sau lưng đàn-việt liền tự buông thả phóng túng. Thấy người bố thí thì miệng nói không dùng, nhưng trong tâm lại rất mong muốn. Như vậy gọi là trong tâm bị phiền não thiêu đốt. Miệng nói thiểu dục nhưng trong tâm lại tham lợi dưỡng.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, đều không có tướng lừa dối và xa lìa việc cầu lợi dưỡng. Nếu thấy đàn-việt không được nói là ba y hư rách, bình bát thiếu thốn, hoặc cần thuốc thang. Đối trước thí chủ, không được nói đàn-việt tên gì đó cúng cho tôi vật này. Nếu người ấy cho rằng ta có tâm đại Bi học rộng nghe nhiều, trì giới thanh tịnh; tuy khen ngợi như vậy, nhưng ta không có đức này thì ta chỉ biết tu hành để báo ân thí chủ.

Bậc Đại Bồ-tát không nên khen mình, chê người như vậy; để thuận theo bạch y mà cầu lợi dưỡng. Nếu họ bố thí cho người khác, mình không nên bực bội và không được gièm pha để lấy tài vật ấy; không được dối trá làm thân thiện để hại người khác mà lấy của cải; không đùa giỡn với người khác để lấy đồ vật. Đàn-việt có ý định bố thí, khen ngợi người nói pháp, hoặc cho đại chúng mà chưa nghĩ, hoặc chưa quyết định cho thì Bồ-tát không được gợi ý xen vào để lấy phần. Nếu nhận của bố thí không nên chấp trước; cái này ta có, cái này là vật của ta thì phải liền bố thí trở lại cho Sa-môn, Sư tăng hoặc Cha mẹ và cho những người túng thiếu, thọ dụng bình đẳng. Nếu tài vật hết, không nên sinh lòng phiền muộn, hoặc vài ngày không được bố thì thì tâm không nên khổ não.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát nếu nhận của bố thí và cho trở lại, cả hai đều thanh tịnh. Tâm thực hành thanh tịnh nên không mệt mỏi, vì sao? Vì bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật

là vì lợi ích chúng sinh nên ở mãi trong sinh tử mà không nhàm chán. Nếu có việc của ma làm khổ sở, bức bách thì tâm sẽ không thoái chuyển. Nếu người muốn thực hành đạo Nhị thừa, liền vì đó mà nói pháp không sợ mệt nhọc. Bồ-tát tự tu để trợ giúp cho pháp Bồ-đề không có nhàm chán.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật tinh tấn như vậy, thì có thể thuận theo chánh hạnh của Phật đã dạy. Vì sao? Vì bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, là xa lìa mọi sự buông lung, tâm luôn cẩn thận, khéo hộ trì tự thân, không làm các điều ác, các pháp bất thiện. Miệng và ý cũng vậy.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, tuy ở hiện tại nhưng luôn sợ tất cả các điều ác, các pháp bất thiện; ở vị lai, nên quyết đoạn trừ chúng để không cho phát sinh. Lời nói đúng lý, thường thuyết pháp để giảng dạy, không nói lời phi pháp và bỏ hết nghiệp uế trược, liền tu tịnh hạnh không hủy báng lời Phật dạy, xa lìa pháp bất tịnh và phiền não. Đó gọi là ủng hộ pháp của Như Lai. Tất cả các điều ác, các pháp bất thiện đều đoạn dứt sạch.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, thuận theo lời dạy thanh tịnh của Phật như vậy. Thấy chúng sinh thì nét mặt tươi cười, không nhăn nhó; sở dĩ như vậy là tâm do đã lìa uế trược, các căn thanh tịnh, lìa cấu lìa nhiễm, tâm không sân hận và trong lòng không thù hằng.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật như vậy, liền được đa văn; quán sát sinh tử biết như thật các lửa dục hừng hực, lửa sân thiêu đốt, lửa ngu si thường làm cho mê loạn; cũng biết như thật pháp hữu vi là vô thường, tất cả các pháp hành khổ là vô ngã. Chúng sinh trong thế gian thì đắm trước vào hý luận. Trong tất cả các pháp, chỉ có Niết-bàn mới là vắng lặng. Nếu nghe người khác nói phải liền nghĩ cách, để truyền trao cho mọi người cùng phát khởi tâm đại Từ bi kiên cố. Nếu không được nghe pháp thì không có suy nghĩ và tu tập. Cho nên nghe pháp là cái gốc để có trí tuệ, cũng giống như văn tự vậy. Tất cả trí tuệ nhân nơi đây mà phát sinh, nếu đã được đa văn tức hộ trì được chánh pháp.

Này đại vương! Vào thời mạt pháp trong tương lai, khi chánh pháp bị diệt, trong đó cũng có chúng sinh siêng năng, tu hành nhưng không gặp ánh sáng của pháp, vì không có người nói pháp sâu xa.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát liền diễn nói pháp mầu sâu xa. Đó là Bát nhã ba-la-mật để làm cho chúng sinh được giới, định, tuệ.

Bồ-tát lại khen rằng:

– Này thiện nam! Ở đời mạt pháp, khi chánh pháp bị hủy diệt như vậy, mà ông có thể phát tâm Bồ-tát cầu Vô thượng Chánh đẳng giác, để làm lợi ích cho chúng sinh. Ba đời chư Phật đã thực hành pháp Bát nhã Ba la mật này, nếu ông siêng năng tu tập pháp này thì không xa Vô thượng Chánh đẳng giác. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật này không lìa Bồ-đề.

Ví như có người trồng lúa đã trổ bông, thì biết chắc chắn không lâu sẽ thu hoạch. Bồ-tát cũng vậy, cầu Vô thượng Chánh đẳng giác, mà được nghe Bát nhã Ba la mật thì sẽ biết chắc chắn Phật không còn xa.

Này đại vương! Nếu thiện nam, tín nữ nào mà lìa bỏ Bát nhã Ba la mật, thì ngoài ra không có pháp nào nương tựa để cầu Chánh đẳng giác. Cũng như con vua mà bỏ vua cha để cầu người

khác làm thái tử, thì quyết không thể được. Bồ-tát cũng vậy, cầu Nhất thiết trí thì quyết phải nhân nơi Bát nhã Ba la mật mà được.

Ví như nghé con muốn bú sữa, phải nhờ vào mẹ nó; nếu đến trâu khác thì không thể được.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thường làm con của vị Pháp vương, gần gũi pháp Bát nhã Ba la mật để trang nghiêm thân tướng, giống như lấy hoa đẹp trang sức thân tướng; các căn đầy đủ thường đi đến chỗ của Như Lai, thực hành theo con đường mà Như Lai đã giác ngộ, để được giác ngộ và cứu hộ chúng sinh bị khổ não ở thế gian. Khéo thông đạt lời Phật dạy, thường tu phạm hạnh để giữ gìn thành quách Nhất thiết trí của Như Lai.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, là con của Pháp vương; nên Phạm vương, Đế Thích thường giúp đời cũng phải tôn trọng. Vì sao? Vì thực hành Bồ-tát đạo, được quả vị không thoái chuyển nên tất cả các ma không thể quấy nhiễu. An trụ nơi pháp Phật, thông đạt tất cả lý không, bình đẳng; nên không tin ngoại duyên. An trụ nơi trí tuệ của Phật như thế thì không ở chung với Thanh văn và Bích-chi-phật, vượt khỏi thế gian trụ nơi Vô sinh pháp nhẫn.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, có thể biết như thật tâm tham dục, sân, si của tất cả chúng sinh, cũng biết như thật tâm thiện và tâm kiên cố. Biết như thật rồi thì nhất nhất phải dùng các pháp đối trị để có thể khéo léo giáo hóa chúng sinh.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, nếu có chúng sinh muốn thấy thân Phật để hóa độ họ thì Đại Bồ-tát liền hiện thân Phật vì họ mà nói pháp; chúng sinh muốn lấy thân Bồ-tát hóa độ, thì hiện thân Bồ-tát; chúng sinh muốn lấy thân Bích-chi-phật nhận sự giáo hóa, liền hiện thân Bích-chi-phật; chúng sinh muốn lấy thân Thanh văn nhận sự giáo hóa, liền hiện thân Thanh văn; chúng sinh muốn lấy thân Phạm vương, Đế Thích, Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Trưởng giả, Cư sĩ để nhận sự giáo hóa, thì đều vì họ mà thị hiện độ thoát.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, để giáo hóa chúng sinh; nếu Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật thì tâm tánh từ hòa, chánh trực, vui mừng, không có các tâm dua nịnh, tật đố, cấu uế. Tâm phải luôn luôn thanh tịnh, lời nói diệu hòa, xa lìa ác khẩu và luôn thực hành nhẫn nhục để gần gũi chúng sinh.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật như vậy, thì được an lạc tại chỗ. Sở dĩ như vậy là bởi vì Bồ-tát có đầy đủ chánh kiến và thanh tịnh kiến, hạnh thanh tịnh nếu được thực hành thì cảnh giới cùng với tâm tương ưng. Nếu tâm trái với pháp bất thiện thì cảnh giới là chỗ nhiễm uế, đều không thể thực hành hạnh thanh tịnh.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, thấy người đồng học thì sinh tâm hoan hỷ. Nếu có tài vật, hoặc pháp thì cùng mọi người dùng chung và chỉ hành một đạo, đó là Phật đạo. Chỉ lấy Phật làm Thầy chứ không tôn thờ người khác.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật như vậy, thì an lạc tại chỗ, đầy đủ nhiếp pháp để nhiếp thọ chúng sinh; lấy bố thí an lạc, bố thí lợi ích và bố thí vô tận để giáo hóa chúng sinh; dùng lời nói lợi ích có ý nghĩa như pháp và lời nói chân thật để giáo hóa chúng sinh. Dùng tài vật, lợi ích bình đẳng, thân lợi ích bình đẳng, mạng lợi ích bình đẳng, đồ dùng riêng tư lợi ích bình đẳng để giáo hóa chúng sinh.

Này đại vương! Bố thí lợi ích tức là bố thí pháp. Bố thí an lạc tức là bố thí tài vật. Bố thí vô tận tức là chỉ bày con đường giác ngộ. Lời nói lợi ích là để cho người kia làm việc thiện. Lời nói có ý nghĩa thì làm cho người kia thấy chân lý. Lời nói đúng như pháp là thuận theo lời Phật đã dạy. Lời nói không sai tức là nói pháp như thật. Tài vật lợi ích bình đẳng là những thứ ăn được, nhai được, uống được, hút được, nếm được và y phục…. Thân lợi ích bình đẳng là bảo vệ để lợi ích thân mình và làm cho người khác cũng như vậy. Mạng lợi ích bình đẳng là trân châu, lưu ly, san hô, mã não, những cái gì bên ngoài, mạng. Đồ dùng riêng tư lợi ích bình đẳng là voi, ngựa, xe để cỡi và tất cả tịnh tài.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, thấy mình thực hành và đem cho người khác đều như nhau.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật nên có thân hình tốt đẹp, thường tu tập oai nghi vắng lặng, oai nghi không giả dối, oai nghi thanh tịnh; mọi người ưa nhìn trong ngoài ôn hòa, ai nhìn xem cũng đẹp lòng vui thích, không nhàm chán. Tất cả chúng sinh đều yêu mến và kính trọng, hoặc có ai thấy liền phát thiện tâm. Nếu người sân hận mà thấy, sân hận liền được giải thoát.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, xinh đẹp như vậy, thì nên nhận làm nơi nương tựa để chúng sinh gần gũi, làm cho phiền não tiêu diệt, có thể dẫn dắt chúng sinh ra khỏi sinh tử mênh mông vô biên, có thể độ chúng sinh thoát hiểm nạn ở thế gian. Làm bạn thân cho những người không có quyến thuộc, làm vị lương y trị bệnh phiền não, làm người cứu hộ cho những người không được cứu giúp, làm chỗ quay về nương tựa cho những người không có nơi quay về nương tựa, làm ngọn đuốc pháp cho chúng sinh vô minh.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, vì các chúng mà làm chỗ nương tựa, như cây thuốc lớn trị các tật bệnh.

Ví như cây đại thọ Thiện kiến, gốc, rễ, nhánh, lá, hoa, quả, sắc, hương, vị, xúc đều trị lành bệnh cho chúng sinh.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, cũng như vậy. Từ khi mới phát tâm, vì các chúng sinh mà chữa trị các thứ bệnh phiền não, nên công đức trí tuệ của Đại Bồ-tát, nếu có người tật bệnh thấy nghe đều được lành bệnh.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, thường cùng với công đức tương ưng, tùy theo khả năng mà cúng dường Tam bảo. Ai có tật bệnh liền bố thí thuốc thang, hoặc thấy đói khát liền Bố thí đồ ăn uống, hoặc thấy lạnh rét liền bố thí áo mặc, tận tâm phụng sự Sư tăng, Hòa thượng; người đồng học Phật pháp thì nên chắp tay cung kính, tạo lập già-lam, bố thí ruộng vườn. Tùy theo khả năng của mình mà bố thí cho chúng Tăng, cho đến việc phục dịch sai bảo cũng liệu tình nghĩa lý đúng như pháp. Khi nghe tên Sa-môn, Bà-la-môn tu hành đạo hạnh, đức độ thì luôn luôn tìm đến tận nơi.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, có thể phát sinh các việc lành; có thể dùng các phương tiện thiện xảo để giáo hóa chúng sinh.

Ở trong cõi Phật này, tuy thân không di động, mà có thể dạo khắp vô lượng thế giới chư Phật để học hỏi chánh pháp.

Ở cõi Phật này thân tuy không di động, nhưng dạo khắp vô lượng thế giới chư Phật, để nghe nhận chánh pháp.

Ở cõi Phật này, thân tuy không di động, nhưng thị hiện ở vô lượng cõi nước chư Phật, để cúng dường các Đức Như Lai.

Ở cõi Phật này, thân tuy không di động, nhưng dạo khắp vô lượng thế giới chư Phật, để thành tựu tư lương Vô thượng Bồ-đề.

Ở cõi Phật này, thân tuy không di động, nhưng dạo khắp vô lượng thế giới chư Phật; nếu thấy có Bồ-tát thành Phật thì cung kính cúng dường.

Ở cõi Phật này, thân tuy không di động, nhưng thị hiện thành đạo ở vô lượng thế giới.

Ở cõi Phật này, thân tuy không di động, nhưng thị hiện chuyển pháp luân ở vô lượng cõi Phật.

Ở cõi Phật này, thân tuy không di động, nhưng thị hiện Niết bàn ở vô lượng cõi Phật.

Ở cõi Phật này, thân tuy không di động, nhưng vì muốn được độ cho người mà hiện thân ở vô lượng cõi Phật để cho họ đều thấy mà không có tát ý phân biệt.

Lúc bấy giờ, Thắng Thiên vương bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Tại sao Đại Bồ-tát thị hiện tất cả hóa thân mà tâm không phân biệt?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

– Này đại vương! Ví như mặt trời, mặt trăng chiếu khắp bốn châu thiên hạ mà có phân biệt đâu, ta chiếu xuống thiên hạ, làm ánh sáng để cho chúng sinh bị nghiệp báo, tự cảm nhận là ánh sáng mặt trời, mặt trăng chiếu xuống thiên hạ.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật cũng lại như vậy. Tuy hiện hóa thân mà không phân biệt. Vì sao? Vì chúng sinh đời trước đều có thiện nghiệp.

Đại Bồ-tát từ xưa khi mới tu hành, đã phát nguyện độ chúng sinh, do nguyện lực này mà tùy theo ý nghĩ mà ứng hiện, nhưng không có tâm phân biệt.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng phương tiện thiện xảo giáo hóa chúng sinh như vậy, thì mau đạt đến Vô thượng Chánh đẳng giác. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát đã thực hành đầy đủ bố thí, trì giới thanh tịnh không thiếu sót tạp loạn nên được giới tụ thanh tịnh. Vượt qua cảnh giới của Thanh văn và Bích-chi-phật, đầy đủ nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, phương tiện, nguyện lực trí, công đức bất cộng của Như Lai Thế Tôn. Tất cả đã đầy đủ nên vượt qua được cảnh giới Thanh văn và Bích-chi-phật.

Này đại vương! Bồ-tát Sơ địa cho đến Thập địa, thực hành Bát nhã Ba la mật tu hành như vậy thì được Vô thượng Chánh đẳng giác.

Khi nói pháp môn này, trong chúng hội có hai vạn Thiên tử đạt được Pháp nhãn thanh tịnh, xa lìa trần cấu; ba vạn Đại Bồ-tát chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn; tám vạn bốn ngàn người và trời phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác; vô lượng trăm ngàn ức Càn-thát-bà, Khẩn-na-la, thảy đều chắp tay, vây quanh núi Kỳ-xà-quật, để tán thán Như Lai; vô lượng trăm ngàn chúng Dạ-xoa, vây quanh núi Kỳ-xà-quật, rải các hoa sen như mưa; mười phương vô lượng hằng hà sa thế giới Bồ-tát đều đến tập hợp khen ngợi Như Lai Thế Tôn.

Thế Tôn vui vẻ vì các Bồ-tát mà nói pháp Bát nhã Ba la mật sâu xa này. Nhân nơi pháp Bát nhã Ba la mật này mà có được Trời, Người, Tu-đà-hoàn hướng; Tu-đà-hoàn quả, cho đến A-la-

hán hướng, A-la-hán quả; đạo Bích-chi-phật; Thập địa của Bồ-tát, mười Ba-la-mật, mười Lực của Như Lai; bốn Vô sở úy; mười tám pháp Bất cộng, Nhất thiết chủng trí. Tất cả đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra.

– Bạch Thế Tôn! Ví như tất cả chúng sinh trong thế gian đều nương vào hư không, nhưng hư không, không có chỗ nương. Bát nhã Ba la mật cũng vậy, là căn bản của các pháp mà tự nó không dựa vào đâu cả. Chúng con nguyện, ở đời vị lai, vì các Đại Bồ-tát mà nói pháp Bát nhã Ba la mật, như Phật đang nói; nói xong, lại dùng nhiều thứ hương hoa rải khắp chỗ của Như Lai.

Lúc bấy giờ, tại núi Kỳ-xà-quật, Thiên thần và những người tập hợp đến giữa hư không, tán thán rằng: "Chúng con ghi nhớ ở đời quá khứ đã có vô lượng chư Phật, ở trong núi Kỳ-xà-quật này, nói pháp Bát nhã Ba la mật, cũng như ngày hôm nay." Lúc bấy giờ, Thắng Thiên vương bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Chư Thiên ở giữa hư không làm sao biết được ở đời quá khứ, Phật nói pháp Bát nhã Ba la mật?

Phật dạy:

– Này đại vương! Các chư Thiên này, đều trụ giải thoát, nên không thể nghĩ bàn, vì vậy mà họ có thể biết việc làm lâu xa ở quá khứ.

Này đại vương! Khi xưa ta còn làm Bồ-tát, cũng đã từng sinh vào cảnh giới của Thiên thần kia, thấy vô lượng Đức Phật thành đạo nói pháp cho đến Niết-bàn. Ta thường tán thán, chắp tay lễ bái. Vì sao? Vì cảnh giới của Thiên thần này mạng sống rất lâu dài.

Bấy giờ, trong chúng có một vị Thiên tử tên là Quang Đức, từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Chư Phật, Bồ-tát thì phải ở cõi thanh tịnh; thế giới Ta-bà này lại không thanh tịnh, tại sao Thế Tôn xuất hiện ở cõi này?

Phật bảo Thiên tử Quang-Đức:

– Chỗ ở của chư Phật Như Lai, không có cảnh giới uế trược. Lúc đó Thế Tôn liền dùng thần lực, hiện tam thiên đại thiên thế giới này, mặt đất bằng phẳng như bàn tay, hoàn toàn bằng lưu ly, không có các thứ núi, đồi, gò, đống, gai gốc,… khắp nơi tụ họp các thứ báu như hương hoa, cỏ mềm; có suối chảy, có ao để tắm với nước tám công đức, nhiều tầng, nhiều bậc với cây cối, hoa quả bằng bảy thứ báu, có nói pháp không thoái chuyển cho Bồ-tát. Nơi đó không có phàm phu, chỉ thấy mười phương các Đại Bồ-tát. Không còn nghe âm thanh khác, chỉ nghe tiếng Bát nhã Ba la mật. Mọi nơi đều có hoa sen xanh, hồng, đỏ, trắng lớn như bánh xe. Trong mỗi một hoa đều có Bồ-tát ngồi kiết già. Ngay lúc đó thấy Như Lai ở trong đại chúng đang vì các Bồ-tát mà nói pháp sâu xa và có vô lượng trăm ngàn Phạm thiên, Đế Thích hộ đời, đi nhiễu quanh trước sau cung kính cúng dường, tôn trọng, ngợi khen Như Lai:

– Hy hữu Thế Tôn, hy hữu Thế Tôn! Ngài nói pháp không có giả dối, chân thật không hai. Đúng như Thế Tôn đã nói! Là chư Phật ở nơi không có uế trược, chỉ vì chúng sinh phước mỏng nên thấy không thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, tín nữ mà được nghe danh tự Bát nhã Ba la mật đã là hy hữu, huống chi lại thọ trì, biên chép, đọc tụng và vì người khác diễn nói.

Phật dạy:

– Nếu có thiện nam, tín nữ nào ở vô lượng trăm ngàn kiếp; dùng tâm không chướng ngại bố thí tài vật cho người khác; hoặc có người đem lòng tin thanh tịnh biên chép kinh này, truyền trao cho mọi người, thì công đức nhiều hơn sự bố thí tài vật kia. Vì sao? Vì bố thí tài vật thì có thể hết, nhưng bố thí pháp thì vô tận. Vì tài thí chỉ có được ở thế gian, hoặc người hoặc trời mà từ xưa đã được rồi lại được nữa, như vậy sẽ trở đi trở lại trong vòng đọa lạc. Nếu lấy pháp mà bố thì, thì xưa nay chưa được, nay mới có được thì đó là Niết-bàn. Nên tất cả chúng sinh, trong tam thiên đại thiên thế giới, nếu có người giáo hóa thì đều được an trụ trong mười điều thiện. Nếu thiện nam, tín nữ nào dùng lòng tin thanh tịnh thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật và vì người khác giảng nói, thì công đức hơn ở trước. Vì tất cả pháp lành đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra vậy.

Nếu tất cả chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới, có người giáo hóa thì đều có thể đắc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật; hoặc lại có người với lòng tin vững chắc, thọ trì, đọc tụng, biên chép kinh Bát nhã Ba la mật thì công đức hơn trước. Vì sao? Vì pháp của Thanh văn, Bích-chi-phật đều trong Bát nhã Ba la mật sinh ra. Tất cả pháp của Đại Bồ-tát từ trong Bát nhã Ba la mật mà ra. Nhân nơi Bát nhã Ba la mật này nên mới có Phật ra đời. Nơi nào có Bát nhã Ba la mật thì nên biết đó là Bồ đề đạo tràng, là nơi chuyển pháp luân, phải nên nhớ nghĩ chỗ này là Đại sư của ta; Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri cũng đang ở chỗ này. Vì sao? Vì tất cả chư Phật đều từ Bát nhã Ba la mật mà sinh ra. Nếu có người cúng dường hình tượng Như Lai, không bằng cúng dường Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì ba đời chư Phật đều từ nơi Bát nhã ba-la-mật này mà sinh.

Thích nghĩa:

(1). Đàn việt: Phiên âm từ chữ dānapati trong tiếng Sanskrit: là thí chủ hay người cúng dường, người làm việc thiện.

QUYỂN 4
Phẩm 06: BÌNH ĐẲNG

Lúc bấy giờ Thắng Thiên vương từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu làm lễ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Thế Tôn nói pháp tánh bình đẳng, thế nào là bình đẳng và những pháp nào gọi là bình đẳng?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Bình đẳng là quán các pháp không sinh, không diệt, tự tánh vắng lặng. Tất cả phiền não, giả dối, phân biệt, không sinh không diệt tự tánh vắng lặng, gọi là bình đẳng. Danh tướng, vọng tưởng không sinh, không diệt, tự tánh vắng lặng gọi là bình đẳng. Diệt trừ các điên đảo, không sinh tâm phan duyên gọi là bình đẳng. Khi tâm năng duyên đã diệt, thì vô minh hữu ái đều vắng lặng. Si ái đã diệt, nên không sinh ngã và ngã sở, gọi là bình đẳng. Ngã và ngã sở diệt, thì danh sắc vắng lặng, gọi là bình đẳng vì danh

sắc diệt nên biên kiến chẳng sanh gọi là bình đẳng. Chấp đoạn, chấp thường đã diệt thì thân kiến vắng lặng, gọi là bình đẳng.

Này đại vương! Tất cả phiền não năng thủ sở thủ chướng ngại pháp lành đều nương vào **thân kiến** mà sinh ra. Bậc Đại Bồ-tát diệt được thân kiến thì tất cả nghiệp tạo tác và kết sử đều đoạn dứt và vắng lặng.

Ví như cây lớn, nếu nhổ gốc rễ thì cành lá đều bị chết khô. Cũng như người không đầu thì chết. Tất cả phiền não cũng như vậy, nếu đoạn thân kiến thì kết sử tự diệt.

Này đại vương! Nếu có người quán các pháp không có ngã, thì năng thủ và sở thủ đều vắng lặng.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! **Tại sao phát sinh ngã kiến thì che mất lý chân thật?**

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Đối với thân năm ấm, vọng chấp có ngã thì liền sinh ngã kiến. Nhưng pháp chân thật tự tánh vốn bình đẳng, không có năng chấp, sở chấp, ngã kiến trái ngược nên gọi là chướng.

Này đại vương! Như vậy ngã kiến không ở trong, không ở ngoài, không ở cả hai; nên không có chỗ trụ, thì gọi là vắng lặng, tức bình đẳng. Xa lìa ngã kiến, thấu rõ bình đẳng, gọi là quán chân thật không; tức là Không, Vô tướng, Vô nguyện. Tự tánh vắng lặng không sinh, không diệt, không thủ, không trước, **xa lìa ngã kiến gọi là bình đẳng.**

Này đại vương! Nói về ngã tức là không đi; không đến; không có phân biệt chân thật hay giả dối, pháp từ nơi vọng mà có cũng gọi là hư vọng. Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật quán sát các pháp như vậy, xa lìa hư vọng nên gọi là vắng lặng, bình đẳng.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng phương tiện thiện xảo, có thể biết như thật các phiền não bị đoạn diệt; vì thiện pháp tăng trưởng nên phiền não bị đoạn trừ, nhưng không thấy có sinh, không thấy có diệt, gọi là bình đẳng. Tu pháp Ba-la-mật xa lìa ma chướng, nhưng không thấy pháp để tu và không thấy pháp để xa lìa, gọi là bình đẳng. Bồ-tát thường ra sức trợ giúp pháp Bồ-đề, không có sinh tâm Thanh văn và Bích-chi-phật. Đối với việc trợ giúp pháp Bồ-đề, không thấy có tướng khác của Thanh văn và Duyên giác, gọi là bình đẳng. Tâm duyên vào Nhất thiết trí, thì không dừng nghĩ, thường tu hạnh không và dùng đại Bi lực để không từ bỏ chúng sinh, nên gọi là bình đẳng.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, với đầy đủ phương tiện, liền được tâm duyên tự tại. **Dùng tâm duyên vô tướng, để tu pháp giác ngộ nhưng không thấy có pháp vô tướng và giác ngộ khác nhau, nên gọi là bình đẳng**. Tâm duyên vô nguyện không bỏ ba cõi; nhưng không thấy vô nguyện và ba cõi khác nhau, nên gọi là bình đẳng. Quán thân bất tịnh, tâm phải trụ thanh tịnh; quán hạnh vô thường, tâm trụ ở sinh tử mà không nhàm chán xa lìa; quán chúng sinh khổ, tâm trụ ở Niết-bàn; quán pháp vô ngã thì phát tâm đại Bi đối với các chúng sinh; thường vì chúng sinh nói thuốc bất tịnh không thấy bệnh tham; thường nói đại Bi không thấy sân hận; thường nói nhân duyên không thấy ngu si và nhiều bệnh tật; nói thuốc vô thường nên không thấy các bệnh và vô thường khác.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng sức phương tiện như vậy; đối tất cả các pháp, tâm duyên tự tại; duyên pháp ly dục để giáo hóa Thanh văn; duyên pháp lìa sân hận là giáo hóa Bích-chi-phật; duyên pháp lìa ngu si là giáo hóa Bồ-tát; duyên tất cả sắc là nguyện được sắc thân vô sở đắc của Phật. Tâm duyên các âm thanh là nguyện được âm thanh vi diệu của Như Lai; tâm duyên các mùi hương là nguyện được giới hương thanh tịnh của Như Lai; tâm duyên các mùi vị bậc nhất là nguyện được vị ở trong tướng đại trượng phu bậc nhất của Như Lai; tâm duyên các xúc là nguyện được bàn tay mềm mại của Như Lai; tâm duyên các pháp là nguyện được tâm vắng lặng của Như Lai; tâm duyên pháp bố thí là nguyện được thành tựu thân tướng tốt đẹp; tâm duyên tịnh giới là nguyện được cõi Phật thanh tịnh; tâm duyên nhẫn nhục là nguyện được âm thanh đại Phạm của Như Lai, thân tỏa hào quang thanh tịnh; tâm duyên tinh tấn là nguyện độ chúng sinh; tâm duyên thiền định là nguyện được thành tựu các đại thần thông, tâm duyên trí tuệ là nguyện đoạn tất cả kiến hoặc phiền não; tâm duyên đại Từ, bình đẳng, không ngại là để làm cho chúng sinh đều được an lạc; tâm duyên đại Bi là nguyện hộ trì chánh pháp; tâm duyên đại Hỷ là nguyện được nói pháp ưa thích cho chúng sinh; tâm duyên đại Xả là nguyện không thấy phiền não kết sử của chúng sinh.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng sức phương tiện không thấy hai việc, gọi là hạnh bình đẳng.

Tâm duyên bốn Nhiếp pháp là để giáo hóa chúng sinh; nương theo lỗi tật đố mà xả bỏ tư tài; nương theo lỗi phá giới, để trụ giới thanh tịnh; nương theo lỗi sân hận để trụ nhẫn nhục; nương theo lỗi lười biếng nên được Phật lực; nương theo lỗi tán loạn, nên được thiền định vắng lặng của Như Lai; nương theo lỗi trí tối tăm nên được trí tuệ vô ngại của Như Lai. Tâm duyên với Thanh văn và Bích-chi-phật là vì muốn thành tựu vô thượng Đại thừa; tâm duyên với đường ác vì muốn cứu giúp tất cả chúng sinh; tâm duyên với chư Thiên là vì biết tất cả đều bị hư hoại; tâm duyên các chúng sinh là vì biết không chắc thật; tâm duyên nơi niệm Phật nên được thành tựu thiền định và trợ đạo; tâm duyên nơi niệm Pháp nên được thông đạt các pháp tạng bí mật; tâm duyên nơi niệm Tăng nên được quả vị không thoái chuyển; tâm duyên nơi niệm xả nên không ái trước; tâm duyên nơi niệm giới nên được giới thanh tịnh; tâm duyên nơi niệm Thiên nên thành Phật được chư Thiên khen ngợi; tâm duyên nơi tự thân nên được thân Phật; tâm duyên nơi miệng nên được kim khẩu của Phật; tâm duyên nơi ý nên được tâm bình đẳng của Như Lai; tâm duyên nơi hữu vi nên được trí Phật; tâm duyên nơi vô vi nên được vắng lặng.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật không có một tâm, một hạnh nào mà không hướng đến Nhất thiết trí. **Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật duyên khắp các pháp mà không bị đắm trước, xem thấy các pháp đều đưa đến giác ngộ nên gọi là phương tiện thiện xảo.**

Này đại vương! Ví như đại địa trong tam thiên đại thiên thế giới sinh ra các vật để mọi người đều dùng vậy.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, các cảnh giới đã duyên đều là con đường lợi ích để đưa đến giác ngộ. Ví như các sắc đều nhân nơi bốn đại mà thành. Như vậy, Bồ-tát duyên các cảnh giới, không có một pháp nào mà không đưa đến giác ngộ. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát tu tập các hạnh, đều nhân nơi duyên bên ngoài mà được thành tựu. Như nhân nơi người keo kiệt mà Bồ-tát

thành tựu được Bố thí ba-la-mật; nhân nơi người quên ân mà Bồ-tát thành tựu được Trì giới ba-la-mật; nhân nơi tánh ác, sân hận của chúng sinh mà Bồ-tát thành tựu Nhẫn nhục ba-la-mật; nhân nơi người lười biếng mà Bồ-tát thành tựu Tinh tấn ba-la-mật; nhân nơi người tán loạn mà Bồ-tát Thiền định ba-la-mật, nhân người ngu dốt mà Bồ tát thành tựu Trí tuệ ba-la-mật.

Nếu có chúng sinh làm não hại Bồ-tát, thì nhân đấy Bồ-tát không sanh tâm sân hận.

Nếu thấy người tu hành pháp lành hướng đến giác ngộ, thì Bồ-tát cứ xem như là thân của con mình.

Nếu thấy người khen ngợi, thì Đại Bồ-tát không sanh vui mừng và chê cũng không sân hận.

Thấy chúng sinh khổ thì Bồ-tát sinh tâm đại Bi, thấy chúng sinh vui thì sinh tâm đại Hỷ.

Nếu chúng sinh khó giáo hóa thì Bồ-tát thương tưởng, phát tâm vắng lặng, chúng sinh nhân đó mà tin và thực hành; nên Bồ-tát liền được trí tuệ và sự biết ân.

Nếu thấy ác duyên bên ngoài của chúng sinh mạnh và nhân thiện ở bên trong yếu, thì Bồ-tát phát tâm ủng hộ.

Nếu Bồ-tát thấy chúng sinh cậy nơi sức mạnh, thời dùng mọi phương tiện làm cho họ nhận sự giáo hóa.

Nếu Bồ-tát thấy trí tuệ của chúng sinh được khai ngộ, hiểu rõ nghĩa lý, thì nói pháp sâu xa cho họ.

Nếu người có trí tuệ thì Bồ-tát theo thứ lớp mà nói pháp.

Nếu có người chấp trước văn tự thì Bồ-tát nói nghĩa lý cho họ.

Bồ-tát nói pháp quán cho những người đã tu pháp chỉ và nói các Tam-muội cho những người đã tu pháp quán.

Nếu có người chấp trước trì giới thì Bồ-tát nói địa ngục, còn không chấp trước thì không nói.

Bồ-tát nói pháp tư duy và tu tập cho người chấp trước việc nghe; nói trí tuệ cho người chấp trước thiền định; nói pháp viễn ly cho người ưa nhàn vắng; nói Thánh trí cho người muốn nghe công đức của Phật; nói pháp bất tịnh cho người tham dục; nói pháp từ bi cho người sân hận; nói pháp duyên sinh cho người ngu si, nói tất cả pháp bình đẳng cho mọi người, như: nói bất tịnh, hoặc nói từ bi, hoặc nói nhân duyên, hoặc nói tịnh giới, thiền định, trí tuệ… để giáo hóa chúng sinh.

Nếu có chúng sinh nào thích hợp nhận sự giáo hóa của Phật thừa thì Bồ-tát theo thứ lớp nói pháp Ba-la-mật; chúng sinh thích hợp nhận sự giáo hóa bằng khống chế, thì Bồ-tát trước bác bỏ lời nói của họ, nhưng sau đó nói pháp cho họ.

Nếu chúng sinh thích hợp nhận sự giáo hóa bằng lời nói, thì Bồ-tát liền nên vì đó mà nói pháp nhân duyên và thí dụ làm cho họ được hiểu rõ; ai muốn được giáo hóa bằng pháp sâu xa, thì Bồ-tát liền vì đó mà nói Bát nhã Ba la mật và sức phương tiện, không nhân, không ngã. Người chấp kiến nên nói vô tướng; người ưa đắm pháp hữu vi thì nói vô nguyện. Chấp trước nơi năm ấm chúng sinh thì nói huyễn hóa. Chấp trước nơi giới chúng sinh thì nói không chỗ có. Chúng sinh chấp trước nơi nhập của chúng sinh thì nói như mộng. Chúng sinh chấp trước nơi Dục giới thì nói thiêu đốt; hoặc chấp trước nơi sắc giới thì nên nói hành khổ; hoặc chấp trước nơi Vô sắc giới thì nói hạnh vô thường. Chúng sinh khó giáo hóa thì khen ngợi thánh chủng. Chúng sinh dễ giáo hóa thì nói các thiền định và tâm vô lượng; ai thích được giáo hóa muốn sanh lên

trời thì nên nói pháp an lạc. Người muốn được giáo hóa bằng pháp Thanh văn, thì nên nói Tứ đế; người muốn được giáo hóa bằng pháp Bích-chi-phật, thì nên nói pháp nhân duyên; người thọ nhận giáo hóa bằng pháp Bồ-tát thì nên nói tâm thanh tịnh và pháp đại Bi. Người tu hạnh Bồ tát thì nên nói công đức trí tuệ; các Bồ-tát không thoái chuyển thì nên nói cõi Phật thanh tịnh; bậc Nhất sinh bổ xứ thì nên nói đạo tràng trang nghiêm; người lấy lời Phật nói mà nhận sự giáo hóa thì nên liên tục nói theo thứ lớp.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành thanh tịnh Bát nhã Ba la mật, dùng sức phương tiện nên được tự tại, nói pháp lợi ích không có sai lầm.

Khi Bồ-tát nói pháp môn tự tại này, trong chúng có ba ngàn người và trời phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác, năm ngàn Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn.

Lúc bấy giờ Thế Tôn vui vẻ mỉm cười. Theo thường lệ, khi Phật mỉm cười thì ở giữa mặt phóng ra các luồng hào quang lớn, màu xanh, vàng, đỏ, trắng, màu tía và pha lê chiếu khắp vô lượng, vô biên thế giới, lên đến cõi trời Sắc cứu cánh, rồi trở lại cõi Phật nhiễu bên phải ba vòng rồi thâu vào đảnh đầu của Phật.

Lúc bấy giờ, ngài Đại trí Xá-lợi-phất liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật cúi đầu đảnh lễ mà bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chư Phật Như Lai không vì đại nhân duyên thì không hiện tướng tốt hiếm có này. Nay Đức Thế Tôn phóng hào quang, chiếu khắp mười phương vô lượng thế giới, vì nhân duyên gì! Nguyện xin Ngài nói cho?

Lúc bấy giờ, Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Này thiện nam! Thắng Thiên vương này, vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ kiếp về quá khứ, đã ở nơi chư Phật, tu hành các Ba-la-mật, vì các Bồ-tát mà giữ gìn pháp Ba-la-mật, như vậy đến đời vị lai trải qua vô lượng trăm ngàn a-tăng-kỳ kiếp để thành tựu Vô thượng Bồ đề tư lương, sau đó mới được Vô thượng Chánh đẳng giác. Danh hiệu Phật là Công Đức Trang Nghiêm, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Nước đó tên là Nghiêm tịnh; kiếp số tên là Thanh tịnh; cõi đó giàu có nhân dân an lạc, trong nước hoàn toàn là chúng Bồ-tát. Nước đó đều trang hoàng oai nghiêm bằng bảy thứ báu.

Đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, mã não, trân châu. Bảy thứ báu trộn lại thành đất, bằng phẳng như bàn tay, dùng thứ cỏ mềm và hương hoa để trang sức. Cõi đó không có các thứ đồi núi, gò nỗng, gai gốc, dùng rất nhiều cờ phướn quý báu để trang hoàng, Thành đó tên là Nan phục, dùng lưới bảy báu che ở trên thành và treo đầy những chuông vàng.

Ngày đêm sáu thời, chư Thiên giữa hư không tự trổi lên các thứ nhạc trời, rải các thứ hương và hoa trời. Nhân dân cõi đó hoan hỷ thọ nhận các dục lạc hơn ở cõi trời Tha hóa. Người, trời tự do qua lại, không có ba đường ác, chúng sinh cõi đó chỉ cầu trí Phật, không có tên Nhị thừa.

Phật Thế Tôn vì các Đại Bồ-tát có đức hạnh cao cả mà nói pháp thanh tịnh, vô lương, vô biên quyến thuộc của Bồ-tát không có người phá giới, tà mạn, ác kiến, không có câm ngọng, đui điếc, mù lòa, lõa hình và các căn không đầy đủ. Đều đầy hai mươi tám tướng tốt đẹp để trang nghiêm thân. Đức Phật sống lâu tám tiểu kiếp, chúng trời người không có chết yểu.

Này thiện nam! Đức Phật ở cõi nước đó, có vô lượng các công đức như vậy. Khi muốn nói pháp, phóng hào quang chiếu khắp cõi nước, các Bồ-tát gặp được ánh sáng đó, liền biết Thế Tôn nói pháp, chúng ta đến nghe cho đúng lúc.

Lúc bấy giờ, chư Thiên trải tòa Sư tử, cao một trăm do-tuần, cho Đức Thế Tôn, cúng dường vô lượng thứ báu để trang nghiêm tòa đó.

Đức Thế Tôn liền ngồi trên tòa nói pháp cho chúng sinh. Các Bồ-tát thông minh, lanh lợi, một khi nghe pháp liền ngộ vô ngã và ngã sở. Ở đây thức ăn, uống và đồ cần dùng, chỉ cần nhớ nghĩ thì liền được.

Khi nói pháp môn thọ ký cho Thắng Thiên vương, trong chúng có năm vạn trời, người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác và nguyện đời vị lai sẽ sinh nơi cõi nước đó.

Lúc bấy giờ, Thắng Thiên vương nghe mình được Thế Tôn thọ ký, tâm vui mừng chưa từng có, liền vọt lên hư không cao đến bảy cây Đa-la.

Lúc bấy giờ, tam thiên đại thiên thế giới, đều chấn động sáu cách, các thứ nhạc trời không đánh mà tự nhiên trổi lên, rải các thứ hoa trời để cúng dường Phật và Thắng Thiên vương.

Lúc đó, Thắng Thiên vương từ giữa hư không hạ xuống, cúi đầu lễ Phật rồi ngồi qua 1 bên.

QUYỂN 4
Phẩm 07: HIỆN TƯỚNG

Lúc bấy giờ, Đại trí Xá-lợi-phất nói với Thắng Thiên vương:

–Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, thông đạt pháp tánh, thì phải ngồi đạo tràng để chuyển pháp luân ngay, vì nhân duyên gì mà phải tu khổ hạnh và hàng phục ác ma trước?

Thắng Thiên vương trả lời Xá-lợi-phất:

–Này thiện nam! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, thật ra không có tu khổ hạnh, vì hàng phục ngoại đạo nên thị hiện khổ hạnh mà sự thật thì Thiên ma không thể phá hoại. Vì là chủ của cõi Dục, nên thị hiện để hàng phục, giáo hóa chúng sinh.

Này Xá-lợi-phất! Ngoại đạo tự cho khổ hạnh là đệ nhất, cho nên Bồ-tát thị hiện khổ hạnh để vượt hẳn ngoại đạo.

Này Xá-lợi-phất! Nếu có chúng sinh thấy Bồ-tát chỉ đứng co một chân, hoặc thấy Bồ-tát đứng bằng hai tay, hoặc thấy Bồ-tát đứng nhìn mặt trời, hoặc thấy Bồ-tát dùng năm lửa để đốt thân, hoặc thấy Bồ-tát đứng chổng đầu xuống đất, hoặc thấy Bồ-tát nằm trên gai nhọn, hoặc nằm trên phân trâu, hoặc ngồi trên đá dăm, hoặc nằm trên đất, hoặc nằm trên ván, hoặc nằm trên chông, hoặc nằm trên bụi đất, hoặc mặc áo mỏng, mặc áo vải gai, mặc áo vỏ cây, hoặc lõa hình, hoặc mặc áo cỏ tranh, hoặc mắt nhìn mặt trời và xoay theo mặt trời, hoặc ăn gạo đắng, hoặc ăn lúa tẻ, ăn gốc cỏ và thứ lá cây khác, ăn quả, ăn hoa, ăn củ mài, ăn khoai lang, ăn cây gai, ăn gạo hoặc uống nước để qua ngày, hoặc ăn một cọng rau để qua ngày, một giọt sữa, một giọt mật, hoặc không ăn hoặc hiện ngủ say.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát thị hiện tất cả khổ hạnh như vậy, trong suốt sáu năm không thiếu một việc. Bồ-tát thật không có khổ hạnh như vậy, nhưng vì chúng sinh thấy có; bởi Bồ-tát

thị hiện khổ hạnh là để độ thoát cho chúng sinh, do có sáu mươi na-do-tha người an trú nơi ba thừa nên Bồ-tát thị hiện khổ hạnh.

Này Xá-lợi-phất! Lại có trời người, đời trước trồng căn lành sâu, ưa pháp Đại thừa thì thấy Bồ-tát ngồi đài bảy báu, thân tâm không động, nét mặt vui cười, nhập định Tam-muội, như vậy trải qua sáu năm mới xuất định.

Này Xá-lợi-phất! Lại có chúng sinh ưa pháp Đại thừa sâu xa, muốn lắng nghe thì thấy Bồ-tát ngồi yên mà nói pháp.

Này Xá-lợi-phất! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng sức phương tiện đại Bi hóa độ tất cả chúng sinh, có thể hàng phục Thiên ma và các ngoại đạo.

Bậc Đại Bồ-tát sau sáu năm liền xuất định. Ngài thuận theo pháp thế gian đi đến sông Ni-liên-thiền, tắm rửa xong đứng bên bờ sông thấy có một cô mục đồng, chọn lấy một con trong một trăm con bò sữa; sau đó lấy sữa con này nấu cháo dâng cúng Bồ-tát. Lại có sáu ức Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, đều đem thức ăn uống đến dâng cúng và nói:

–Đại sĩ, xin nhận sự cúng dường của chúng con! Chánh sĩ, xin hãy nhận sự cúng dường của chúng con!

Bồ-tát đều nhận tất cả, nhưng cô gái chăn cừu và Thiên, Long, Dạ-xoa… đều không thấy nhau, mỗi một vị trời đều thấy Bồ-tát riêng nhận sự cúng dường đó.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát thị hiện hận sự cúng dường để cho chúng sinh nhân nơi đó thấy mà ngộ đạo. Nhưng Bồ-tát này thật sự không có tắm rửa và nhận sự cúng dường.

Này Xá-lợi-phất! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng sức phương tiện thị hiện đi đến đạo tràng. Khi ấy, có trời Địacư tên là Diệu Địa cùng các Thiên thần quét dọn vùng đất này và rải các thứ hoa báu, rồi dùng nhiều thứ nước hương để rưới chỗ ấy, cho đến khắp tam thiên đại thiên thế giới và dưới núi Tu-di, trời Tứ Thiên vương và chúng trời làm mưa các hoa trời, trời Tam thập tam và trời Dạ-ma ở giữa hư không khen ngợi và trổi các thứ nhạc trời, vua San-đâu-suất-đà ở cõi trời Đâu-suất-đà dùng lưới bằng bảy báu che khắp thế giới, bốn góc đều treo những chuông bằng vàng đều mưa hoa cúng dường Bồ-tát và vua Thiện hóa ở cõi trời Lạc hóa, dùng lưới bằng vàng ròng che thế giới, trổi các thứ nhạc và mưa hoa cúng dường Bồ-tát các Thiên tử cõi trời Tha hóa tự tại, cùng các Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân… mỗi mỗi sắp đặt cúng dường mọi thứ. Trời Tự tại cùng với vua trời Đại phạm, chủ thế giới Ta-bà, thấy Bồ-tát đi đến đạo tràng, liền bảo tất cả Phạm thiên:

–Này thiện nam! Các ông phải biết, bậc Đại Bồ-tát này dùng thân lớn vững chắc để tự trang nghiêm, không trái với lời nguyện, tâm không biếng nhác, tất cả hạnh Bồ-tát đều đầy đủ và thông đạt. Ngài giáo hóa vô lượng chúng sinh, các địa vị của Bồ-tát đều được tự tại; đối với các chúng sinh, tâm luôn thanh tịnh, khéo biết căn tánh, thông đạt Mật tạng sâu xa của Như Lai, vượt qua các việc làm của ma, tất các căn lành không theo ngoại duyên, ủng hộ vô lượng chư Phật, có thể vì chúng sinh mở cửa giải thoát. Ngài là Bậc Đại Sư dẫn đường, xô dẹp các thứ ma; Ngài là người mạnh mẽ số một của đại thiên thế giới. Ngài là đại y vương khéo cho thuốc pháp để giải thoát cho tất cả và nhận ngôi vị Pháp vương, phóng ánh sáng của trí tuệ, không nhiễm tám pháp của thế gian, như hoa sen lớn. Ngài thông đạt tất cả Đà-la-ni sâu xa như biển, an trụ bất động như

núi Tu-di, trí tuệ thanh tịnh không có cấu uế như ngọc ma-ni, đối với tất cả pháp được tự tại, phạm hạnh thanh tịnh.

Này thiện nam! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng sức phương tiện, đến đạo tràng; ngồi cội Bồ-đề để hàng phục ác ma, thành tựu mười Lực, bốn Vô úy, mười tám pháp Bất cộng, chuyển đại pháp luân, phát ra tiếng rống sư tử lấy pháp bố thí làm cho chúng sinh đều được đầy đủ. Vì muốn chúng sinh được Pháp nhãn thanh tịnh, nên dùng chánh pháp vô thượng hàng phục ngoại đạo. Muốn thành tựu bản nguyện nên thị hiện chư Phật, đối với tất cả pháp do vậy đều được tự tại.

Này thiện nam! Các ông có thể đi đến cúng dường Bồ-tát.

Này Xá-lợi-phất! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng sức phương tiện thị hiện, để đến đạo tràng; dưới chân liền hiện tướng Thiên bức luân, ánh sáng vi diệu chiếu khắp tất cả địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu gặp được ánh sáng này thì xa lìa được khổ não và được an vui.

Khi ánh sáng này chiếu vào Long cung, có vua rồng Ca-lê-ca gặp ánh sáng này liền bảo với chúng rồng:

–Ánh sàng màu vàng này, chiếu đến Long cung làm cho thân tâm các ông được an lạc. Ta ở đời quá khứ, từng thấy tướng này là liền biết có Phật xuất hiện. Nay ánh sáng này giống như xưa không khác, ta nên biết chắc chắn là có Phật xuất hiện ở đời. Các ông có thể dùng các thứ hương xoa, hương bột, hương mùi vị; vàng bạc, trân châu, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, bạch ngọc, cờ phướn lọng báu và trổi các thứ nhạc đi đến trong cung Bồ-tát để cúng dường các vật tốt đẹp ấy.

Khi ấy Long vương Ca-lê-ca cùng với quyến thuộc, nổi lên vừng mây lớn, làm mưa thơm rưới xuống chỗ Bồ-tát và trổi các thứ nhạc để biểu lộ cúng dường, rồi đi nhiễu bên phải Bồ-tát mà khen rằng:

–Ánh sáng màu vàng làm cho mọi người vui sướng hơn hết, nhất định không còn nghi ngờ là Phật xuất hiện. Sau đó nhiều thứ báu trang hoàng oai nghiêm cho cả mặt đất: những cây sống trên mặt đất đều biến thành vật báu; sông ngòi đều yên lặng không có sóng gió; suy luận theo điềm lành này thì chắc chắn Phật xuất hiện, làm cho ánh sáng mặt trời, mặt trăng và cả trời Đế Thích, trời Phạm thiên bị che khuất, các đường ác đều thanh tịnh nên chắc chắn Phật xuất hiện.

Ví như có người lúc nhỏ lạc mất cha mẹ, đến khi trưởng thành bỗng nhiên gặp lại được cha mẹ thì lòng rất vui mừng. Tất cả thế gian gặp Phật ra đời cũng như vậy. Các ông đã từng cúng dường chư Phật ở đời quá khứ, nay gặp bậc Pháp vương là sư tử trong loài người, thì ta được sinh làm người trong lúc này không uổng vậy.

Này Xá-lợi-phất! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng sức phương tiện, lấy cỏ trải tòa nơi cội Bồ-đề, rồi nhiễu bên phải bảy vòng và ngồi đoan nghiêm chánh niệm. Các chúng sinh thấp kém nên thấy tướng đó như vậy.

Này Xá-lợi-phất! Lại có các Đại Bồ-tát đức hạnh cao cả; thấy tám vạn bốn ngàn Thiên tử, trải tám vạn bốn ngàn tòa Sư tử lớn làm bằng nhiều thứ báu và dùng lưới bằng bảy thứ báu che khắp trên tòa, bốn góc và ở mọi nơi đều treo chuông vàng, cờ phướn, lọng báu, vải lụa năm màu treo la liệt.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát ngồi khắp cả tám vạn bốn ngàn tòa này, nhưng các Thiên tử không thấy nhau, cho là Bồ-tát chỉ ngồi riêng tòa của mình mà thành Vô thượng Chánh đẳng giác. Do nhân duyên này, nên các Thiên tử sinh tâm hoan hỷ, thấy được việc chưa từng có nên đều chứng quả vị không thoái chuyển.

Này Xá-lợi-phất! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng sức phương tiện, từ nơi tướng lông trắng ở giữa chân mày, phóng ra hào quang chiếu khắp các cung ma. Tất cả các cung ma trong tam thiên đại thiên thế giới đều bị mất ánh sáng.

Khi ấy, các chúng ma đều suy nghĩ thế này: "Do nhân duyên gì mà các cung của chúng ta ánh sáng bị mất. Há chẳng phải Bồ-tát đã ngồi ở đạo tràng chứng đạo Vô thượng Chánh đẳng giác ư?" Chúng ma cùng lúc đó liền quán sát, xem thấy Bồ-tát đang ngồi đoan nghiêm nơi đạo tràng dưới cội Bồ-đề.

Lúc đó, các ác ma ở cung điện của mình tập hợp quân ma lại, hiện ra vọ lượng ngàn ức thứ màu sắc, các loại hình, các tướng mạo, các đầu mặt cầm các thứ đao trượng, các loại cờ phướng và nhiều thứ âm thanh. Nếu có ai nghe âm thanh đó thì lỗ tai, mũi, miệng đều chảy máu. Lúc bấy giờ, Bồ-tát dùng sức đại Bi, làm chúng ma phát ra âm thanh không được.

Này Xá-lợi-phất! Đó là Bồ-tát dùng sức phương tiện đại Bi, thực hành Bát nhã Ba la mật.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng sức phương tiện, trong vô lượng ức kiếp thực hành Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Thiền định, Tinh tấn, Trí tuệ, Từ, Bi, Hỷ, Xả, bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Chánh đạo, Chỉ quán, tám Minh, bốn Giải thoát. Bồ-tát lại dùng cánh tay màu vàng tự xoa từ đảnh đầu cho đến khắp thân và nói như thế này:

–Chúng sinh bị khổ não nên ta muốn cứu độ họ mà phát tâm đại Bi này.

Lúc bấy giờ, ma vương và các quyến thuộc nghe Bồ-tát nói vậy liền ngã nhào xuống.

Đại Bồ-tát dùng sức từ bi làm cho các chúng ma ở trong hư không nghe có tiếng nói: "Các ông có thể dùng thần sức Thiên ma mà quy y, trì giới, bố thí vô úy để cứu độ tất cả chúng sinh."

Thiên ma và quyến thuộc nghe tiếng nói này xong, đều nằm rạp xuống đất, cùng nói:

–Cúi mong Đại sĩ, Chánh sĩ cứu giúp mạng con!

Này Xá-lợi-phất! Lúc bấy giờ, Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng sức phương tiện, phóng hào quang sáng lớn. Nếu có ai gặp được ánh sáng này đều xa lìa sợ sệt. Ma và các quyến thuộc, thấy thần lực đó, vừa vui vẻ vừa sợ sệt, hai việc hòa lẫn với nhau.

Này Xá-lợi-phất! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, hoặc có chúng sinh thấy có hàng ma; cũng lại có người không thấy việc này. Hoặc có chúng sinh chỉ thấy có Bồ-tát trải cỏ làm tòa ngồi; hoặc thấy Bồ-tát ngồi ở nơi đài báu Sư tử; hoặc thấy Bồ-tát ngồi ngay trên đất; hoặc thấy giữa hư không tự nhiên có tòa Sư tử, Bồ-tát ngồi trên tòa đó; hoặc có chúng sinh thấy cây A-thuyết-tha là cây Bồ-đề; hoặc thấy cây hương biến, hoặc thấy các thứ báu hợp thành làm cây Bồ-đề; hoặc có chúng sinh thấy cây Bồ-đề cao gấp bảy lần cây Đa-la; hoặc có chúng sinh thấy cây Bồ-đề cao tám vạn bốn ngàn do-tuần; hoặc thấy tòa Sư tử cao bốn vạn ngàn do-tuần; hoặc có chúng sinh ở xa trông thấy Bồ-tát dạo chơi trong hư không, hoặc thấy Bồ-tát ngồi cội Bồ-đề.

Này Xá-lợi-phất! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng sức phương tiện, thị hiện tất cả sự thần biến như thế để hóa độ chúng sinh.

Này Xá-lợi-phất! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng sức phương tiện, thị hiện ngồi nơi đạo tràng, vô lượng, vô biên Đại Bồ-tát ở mười phương hằng hà sa thế giới đều đi đến nhóm họp ở giữa hư không, phát ra lời nói mừng vui để an ủi Bồ-tát:

–Lành thay, nhanh chóng, dũng mãnh, tinh tấn, đại kiết tường, chớ nên sinh sợ sệt, tâm như kim cang, dùng thần thông để làm lợi ích chúng sinh, chỉ một niệm trong giây lát liền được Nhất thiết trí.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát khi ngồi đạo tràng, chúng ma đến quấy nhiễu nhưng không sinh tâm hận; chỉ một sát-na, tâm cùng với Bát nhã Ba la mật tương ưng thì chỗ thấy hiểu biết thảy đều thông đạt.

Này Xá-lợi-phất! Lúc bấy giờ, chư Phật Như Lai trong mười phương hằng hà sa thế giới cùng đồng thanh khen rằng:

–Lành thay Đại sĩ! Ông đã thông đạt trí tự nhiên, trí vô ngại, trí bình đẳng, trí vô sư, đại Bi trang nghiêm.

Này Xá-lợi-phất! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng sức phương tiện, có thể thị hiện nhiều cách như vậy; hoặc có chúng thấy Bồ-tát mới vừa thành đạo; hoặc thấy Bồ-tát thành đạo từ lâu; hoặc thấy Tứ Thiên vương của một thế giới đến hiến dâng bình bát; hoặc thấy Tứ Thiên vương ở hằng hà sa mười phương thế giới đến hiến dâng bình bát.

Này Xá-lợi-phất! Lúc bấy giờ, Bồ-tát muốn độ chúng sinh, nên liền nhận tất cả bình bát đó, đem chồng lại trong tay làm thành một cái. Nhưng các Thiên vương đều không thấy nhau, cho là Thế Tôn đã dùng riêng bát của mình.

Này Xá-lợi-phất! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng sức phương tiện, thị hiện những việc như vậy.

Khi nói pháp môn này, trong chúng có ba vạn Đại Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn; có ba vạn sáu ngàn Bồ-tát đều là bậc không thoái chuyển được Vô thượng Chánh đẳng giác; có tám vạn trời, người xa lìa trần cấu, được Pháp nhãn thanh tịnh; có vô lượng, vô biên chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác.

Này Xá-lợi-phất! Lại có sáu vạn Thiên tử đi đến trước, yên lặng cúng dường là do sức nguyện lực đời quá khứ, nếu Bồ-tát thành đạo xin thọ nhận chúng con cúng dường trước.

Lúc bấy giờ, Đại Bồ-tát dùng sức phương tiện của Bát-nhã bala-mật sẽ thị hiện ước muốn chuyển pháp luân.

Khi đó Phạm vương Thi-khí là chủ của thế giới Ta-bà, cùng với sáu mươi tám vạn Phạm thiên đi đến chỗ Thế Tôn cúi đầu làm lễ, rồi nhiễu bên phải bảy vòng mà nói rằng:

–Cúi xin Đức Đại Bi chuyển pháp luân vô thượng! Cúi xin Đức Đại Bi chuyển pháp luân vô thượng!

Lúc bấy giờ, liền hiện tòa Sư tử cao bốn vạn hai ngàn do-tuần, trang trí oai nghiêm nhiều thứ báu kiên cố và an ổn. Mười phương vô lượng Thích Đề-hoàn Nhân cùng đều vì Như Lai mà trải tòa Sư tử giống như vậy.

Bấy giờ, Bồ-tát dùng sức thần thông ngồi trên tòa Sư tử. Các chư Thiên đều thấy Bồ-tát ngồi trên tòa Sư tử của mình mà chuyển pháp luân.

Đại Bồ-tát đã ngồi trên tòa này, thì vô lượng, vô biên mười phương thế giới đều chấn động và phóng ánh sáng lớn nhập vào vô biên cảnh giới Tam-muội. Tất cả chúng sinh ở hằng hà sa mười phương thế giới bị khổ nạn trong ba đường ác đều xa lìa ba độc, liền được an lạc, tất cả đều ở chung với nhau như mẹ con không có tâm ác.

Lúc bấy giờ, tam thiên đại thiên thế giới này, trong đó có Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma hầu-la già, Nhân phi nhân… đầy kín mít không còn có kẻ hở như lỗ chân lông; nếu có chúng sinh thích pháp khổ mà nhận sự giáo hóa thì nghe Phật nói khổ.

Chúng sinh thích vô ngã, không, vắng lặng, xa lìa, vô thường cũng đều như vậy.

Chúng sinh thích pháp như huyễn mà nhận sự giáo hóa thì nghe nói như huyễn; chúng sinh thích lấy pháp như mộng, như ánh trăng trong nước như ảnh, như tiếng vang đều cũng như vậy.

Có chúng sinh thích giáo hóa bằng pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện thì liền nghe Phật nói pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện; hoặc nghe Như Lai nói tất cả pháp từ nhân duyên sinh; hoặc nghe nói các ấm, giới, nhập; hoặc nghe thuyết về Khổ, Tập, Diệt, Đạo; hoặc nghe nói bốn Niệm xứ; hoặc nghe nói bốn Chánh cần; hoặc nghe nói bốn Thần túc; hoặc nghe nói năm Căn; năm Lực; bảy Giác chi; hoặc nghe nói tám Chánh đạo; hoặc nghe nói tu Chỉ; hoặc nghe nói tu Quán; hoặc nghe nói pháp của Bích-chi-phật; hoặc nghe nói pháp Đại thừa.

Này Xá-lợi-phất! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-lamật, dùng sức phương tiện để thị hiện đủ mọi cách mà chuyển pháp luân, làm cho vô lượng chúng sinh tùy theo căn tánh được hoan hỷ lợi ích.

Lúc bấy giờ, Xá-lợi-phất thưa với Thắng Thiên vương:

–Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng sức phương tiện gì mà vào cảnh giới sâu xa khó biết, khó nghĩ, khó lường?

Thắng Thiên vương trả lời Xá-lợi-phất:

–Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, với nhiều việc có công đức thù thắng. Ta nay nói một phần của trăm ngàn vạn ức, cho đến toán số thí dụ cũng không thể hết. Chỉ có Đức Như Lai mới có thể nói hết. Ta nay chỉ nói một phần ít, là đều nhờ vào sức oai thần của Như Lai, vì sao? Vì Đại Bồ-tát ở địa vị Nhất sanh bổ xứ, còn chưa biết hết được cảnh giới chư Phật huống chi là Bồ-tát.

Này Xá-lợi-phất! Cảnh giới của chư Phật vắng lặng, không thể nói, chỉ có trí vô phân biệt mới có thể hiểu rõ.

Này Xá-lợi-phất! Bậc Đại Bồ-tát muốn vào cảnh giới của chư Phật nên học Bát nhã Ba la mật và các Tam-muội như: Thủ-lăngnghiêm Tam-muội, Như huyễn Tam-muội, Kim cang dụ Tam-muội, Kim cang Tam-muội, Bất động ý Tam-muội, Biến thông đạt Tam-muội, Bất duyên cảnh giới Tam-muội, Sư tử tự tại Tam-muội, Tam-muội vương Tam-muội, Công đức trang nghiêm Tam-muội, Tịch tịnh y Tam-muội, Siêu xuất Tam-muội, Vô trước Tam-muội, Ý trang nghiêm vương Tam-muội, Vô đẳng đẳng Tam-muội, Đẳng giác Tam-muội, Chánh giác Tam-muội, Duyệt ý Tam-muội, Hoan hỷ Tam-muội, Thanh tịnh Tam-muội, Hỏa diệm Tam-muội, Quang minh Tam-muội, Nan thắng Tam-muội, Thường hiện tiền Tam-muội, Bất tương cận Tam-

muội, Vô sinh Tam-muội, Thông đạt Tam-muội, Tối thắng Tam-muội, Quá ma giới Tam-muội, Nhất thiết trí ý Tam-muội, Tràng tướng Tam-muội, Đại bi Tam-muội, Hoan hỷ Tam-muội, Ái niệm Tam-muội, Bất kiến pháp Tam-muội.

Này Xá-lợi-phất! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng sức phương tiện, thông đạt vô lượng, vô biên trăm ngàn ức, hằng hà sa các Tam-muội nhiều như vậy mới có thể vào được cảnh giới của chư Phật, tâm được an ổn mà không sợ sệt. Như Sư tử vương không sợ cầm thú. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát đã tu các Tam-muội nhiều như vậy rồi, có đi khắp các chỗ cũng đều không sợ sệt, không thấy một oán thù có ở trước. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng sức phương tiện, tâm không có chỗ duyên và không có chỗ trụ. Ví như có người sinh vào cõi Vô sắc, trong bốn vạn tám ngàn kiếp chỉ là một thức, không có chỗ trụ, cũng không có chỗ duyên. Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật cũng như vậy; tâm không chỗ trụ cũng không chỗ duyên. Vì sao? Vì tâm không hành và không có chỗ hành; tâm không tưởng và không có chỗ tưởng; tâm không duyên và không có chỗ duyên; tâm không chấp trước và không có chỗ chấp trước; tâm không loạn và không có chỗ loạn; tâm không cao, thấp và không tùy thuận, không trái nghịch, không vui, không lo, không phân biệt và lìa phân biệt; lìa chỉ quán, tâm không theo trí; tâm không tự trụ cũng không trụ nơi khác; không nương vào nhãn mà trụ và cũng không nương vào nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý mà trụ; không nương vào sắc mà trụ, và cũng không nương vào thanh, hương, vị, xúc, pháp mà trụ; tâm không trụ trong và cũng không trụ ngoài; tâm không duyên pháp, không duyên trí; không trụ quá khứ, vị lai, hiện tại.

Này Xá-lợi-phất! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, không giữ lấy một pháp nào; đối với tất cả pháp thấy, biết không ngại; tâm hạnh thanh tịnh, thì thấy biết được tất cả pháp đều không cấu nhiễm, không ôm giữ tướng thấy, thấy mà không phân biệt thì lìa được các hý luận.

Này Xá-lợi-phất! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật thì không cùng với Nhục nhãn tương ưng; không cùng với Thiên nhãn tương ưng; cũng không cùng với Tuệ nhãn, Pháp nhãn, Phật nhãn tương ưng; không cùng với Thiên nhĩ tương ưng; không cùng với Tha tâm trí tương ưng; không cùng với Túc mạng trí tương ưng; không cùng với Thần thông trí tương ưng; không cùng với Lậu tận trí tương ưng.

Này Xá-lợi-phất! Bát nhã Ba la mật này cũng không cùng với tất cả pháp tương ưng; nhưng không phải là có tương ưng.

Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng sức phương tiện, đối với tất cả phát đạt được trí bình đẳng; có thể quán sát tất cả tâm hạnh của chúng sinh và tất cả nhiễm tịnh đều biết như thật. Đối với mười Lực, bốn Vô úy, mười tám pháp Bất cộng và Nhất thiết trí của Phật đều không mất niệm.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng tâm không có công dụng để thông đạt tất cả pháp, không có tâm ý thức. Thường ở trong Tam-muội vắng lặng mà không bỏ Tam-muội là để giáo hóa chúng sinh, làm các Phật sự không cho dừng nghỉ; đối với pháp của chư Phật đạt được trí vô ngại, tâm không nhiễm trước.

Này Xá-lợi-phất! Ví như Đức Hóa Phật lại hóa ra Phật, Đức Phật được hóa đó không có tâm ý thức, không có thân và nghiệp của thân, không có khẩu và khẩu nghiệp. Không có tâm và

nghiệp của tâm, mà có thể làm tất cả các Phật sự để đem ích cho chúng sinh. Vì sao? Vì đó là sức thần của Phật.

Này Xá-lợi-phất! Bậc Đại Bồ-tát dựa vào Bát nhã Ba la mật cũng có thể hóa được như vậy; không có thân và nghiệp của thân; không có khẩu và khẩu nghiệp. Không có ý và ý nghiệp, dùng tâm không có công dụng thường làm Phật sự lợi ích chúng sinh.

Vì Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật thông đạt tất cả pháp và cũng như tướng huyễn, tâm không phân biệt và có chúng sinh thường nghe nói pháp.

Này Xá-lợi-phất! Trí tuệ của Đại Bồ-tát như vậy, không trụ nơi hữu vi, không trụ nơi vô vi, không trụ nơi các ấm, giới, nhập, không trụ trong và ngoài, không trụ nơi pháp thiện và ác, không trụ nơi thế gian và xuất thế gian, không trụ nơi nhiễm và tịnh, không trụ hữu lậu, vô lậu, không trụ quá khứ, hiện tại, vị lai, không trụ số duyên diệt, không trụ nơi chẳng phải số duyên diệt.

Này Xá-lợi-phất! Đó là bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-lamật, tâm không có chỗ trụ mà có thể thông đạt tất cả các pháp. Dùng trí vô ngại và sức không công dụng để nói pháp cho chúng sinh, thường ở trong vắng lặng mà việc giáo hóa chúng sinh không có dừng nghỉ.

Này Xá-lợi-phất! Những nguyện lực đời trước của Đại Bồ-tát rất mạnh, lấy tâm không công dụng vì người mà nói pháp.

Này Xá-lợi-phất! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng sức phương tiện, nên không sợ sệt. Vì sao? Vì có thần cầm chày Kim cang thường hộ vệ, những lúc đi, đứng, nằm, ngồi đều không rời bỏ.

Này Xá-lợi-phất! Bậc Đại Bồ-tát nghe nói Bát nhã Ba la mật sâu xa, tâm không kinh, sợ; không nghi ngờ, hối hận, biết đó là người sẽ được thọ ký. Vì sao? Vì tin nhận Bát nhã Ba la mật là được gần cảnh giới chư Phật. Dùng nhất tâm này có thể thông đạt tất cả pháp của Phật; đã thông đạt pháp Phật rồi, thì làm lợi ích cho chúng sinh, nhưng không thấy chúng sinh và pháp của Phật khác nhau. Vì sao? Vì lý không có hai vậy.

QUYỂN 5
Phẩm 08: VÔ SỞ ĐẮC

Lúc bấy giờ, trong chúng có 1 vị Đại Bồ-tát tên là Tu Chân Chi, thưa với Thắng Thiên vương:

–Như Lai có thọ ký cho Đại vương không?

Thắng Thiên vương đáp:

–Này Bồ-tát khéo suy nghĩ.

–Này thiện nam! Tôi được thọ ký như mộng tướng.

Bồ-tát lại hỏi:

–Này đại vương! Thọ ký như thế sẽ được pháp gì?

Vua đáp:

–Này thiện nam! Phật thọ ký cho tôi hoàn toàn không có sở đắc.

Bồ-tát lại hỏi:

–Vô sở đắc nghĩa là pháp gì?

Vua đáp:

–Không được chúng sinh, tuổi thọ, người, ấm, giới, nhập, nuôi dưỡng đều không có sở đắc; hoặc thiện, bất thiện; hoặc tịnh, bất tịnh; hoặc hữu lậu, vô lậu; hoặc thế gian, xuất thế gian; hoặc hữu vi, vô vi; hoặc sinh tử Niết-bàn đều không sở đắc.

Bồ-tát lại hỏi:

–Nếu không được gì thì thọ ký làm chi?

Vua đáp rằng:

–Này thiện nam! Không sở đắc cho nên được thọ ký.

Bồ-tát lại hỏi:

–Nếu như lời đại vương nói có nghĩa là có hai trí: Một là không sở đắc, hai là được thọ ký?

Vua đáp rằng:

–Nếu có hai trí thì không được thọ ký. Vì sao? Vì trí Phật không hai. Chư Phật Thế Tôn do không có hai trí nên thọ ký cho Bồ-tát.

Bồ-tát lại hỏi:

–Nếu trí không có hai, tại sao có thọ ký và được thọ ký?

Vua đáp rằng:

–Được thọ ký và thọ ký, thật ra không có hai bên.

Bồ-tát lại hỏi:

–Không có hai bên, tại sao có thọ ký?

Vua đáp:

–Thông đạt, không có hai bên tức là thọ ký.

Bồ-tát lại hỏi:

–Đại vương trụ ở nơi nào mà được thọ ký?

Vua đáp:

–Trụ ở nơi ngã được thọ ký, trụ nơi chúng sinh, nơi thọ mạng, nơi người mà được thọ ký.

Bồ-tát lại hỏi:

–Phải tìm cầu nơi ngã ở đâu?

Vua đáp:

–Cầu ở Như Lai giải thoát.

Bồ-tát lại hỏi:

–Bên Như Lai giải thoát được cầu ở đâu?

Vua đáp:

–Cầu ở nơi vô minh, hữu ái.

Bồ-tát hỏi:

–Vô minh, hữu ái được cầu ở đâu?

Vua đáp:

–Nơi ở nơi rốt ráo không sinh.

Bồ-tát hỏi:

–Nơi rốt ráo không sinh được cầu ở đâu?

Vua đáp:

–Cầu ở nơi vô tri.

Bồ-tát hỏi:

–Vô tri là không biết, tại sao cầu ở nơi vô tri?

Vua đáp:

–Nếu có chỗ biết thì cầu không thể được, do vì vô tri nên cầu ở nơi đó.

Bồ-tát hỏi:

–Nơi đó không nói làm sao có thể cầu?

Vua đáp:

–Do dứt bặt ngôn ngữ cho nên có thể cầu.

Bồ-tát hỏi:

–Tại sao dứt bặt ngôn ngữ?

Vua đáp:

–Các pháp nương nơi nghĩa chớ không nương nơi ngôn ngữ.

Bồ-tát hỏi:

–Tại sao nương nơi nghĩa?

Vua đáp:

–Không thấy tướng của nghĩa.

Bồ-tát hỏi:

–Tại sao không thấy?

Vua đáp:

–Nghĩa không sinh phân biệt là có thể nương nơi ngã làm năng y. Việc này không hai nên gọi là thông đạt. Bồ-tát hỏi:

–Nếu không thấy nghĩa thì có gì mà cầu?

Vua đáp:

–Không thấy, không lấy nên gọi là cầu.

Bồ-tát hỏi:

–Nếu pháp có thể cầu tức là có cầu?

Vua đáp:

–Không đúng, nếu ai cầu pháp là không chỗ cầu. Vì sao? Vì nếu cầu thì đó là phi pháp.

Bồ-tát hỏi:

–Sao gọi là pháp?

Vua đáp:

–Pháp là không văn tự, là xa lìa ngôn ngữ.

Bồ-tát hỏi:

–Lìa văn tự ngôn ngữ sao gọi là pháp?

Vua đáp:

–Tánh của văn tự ngôn ngữ là lìa, dứt bặt tâm hành? Đó gọi là pháp. Tất cả các pháp đều không thể nói, cái không thể nói cũng không nói được.

Này thiện nam! Nếu có nói tức là giả dối, đúng là pháp không thật.

Bồ-tát hỏi:

–Những lời chư Phật, Bồ-tát nói đều là hư vọng chăng?

Vua đáp:

–Chư Phật, Bồ-tát từ xưa đến nay không nói một chữ, sao lại hư vọng.

Bồ-tát hỏi:

–Nếu có nói tại sao có lỗi?

Vua đáp:

–Nói là lỗi của ngôn ngữ.

Bồ-tát hỏi:

–Ngôn ngữ có lỗi gì?

Vua đáp:

–Nghĩa là lỗi của suy lường.

Bồ-tát hỏi:

–Pháp nào không có lỗi?

Vua đáp:

–Không nói và không có chỗ nói; không thấy hai tướng; đó là không lỗi.

Bồ-tát hỏi:

–Gốc của lỗi là gì?

Vua đáp:

–Gốc của lỗi là hay chấp.

Bồ-tát hỏi:

–Gốc của hay chấp là gì?

Vua đáp:

–Gốc của chấp là tâm chấp trước.

Bồ-tát hỏi:

–Gốc của chấp trước là gì?

Vua đáp:

–Là phân biệt giả dối.

Bồ-tát hỏi:

–Gốc của phân biệt giả dối là gì?

Vua đáp:

–Là phan duyên.

Bồ-tát hỏi:

–Phan duyên ở chỗ nào?

Vua đáp:

–Phan duyên với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Bồ-tát hỏi:

–Sao là không duyên?

Vua đáp:

–Nếu lìa ái thủ thì không có chỗ phan duyên. Do nghĩa này nên Như Lai thường nói các pháp bình đẳng.

Khi nói pháp môn này, trong chúng có năm ngàn Tỳ-kheo xa lìa trần cấu, đạt được Pháp nhãn thanh tịnh. Một vạn hai ngàn Bồ-tát đạt được Vô sinh pháp nhẫn; có vô lượng, vô biên chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác.

Lúc bấy giờ, Thắng Thiên vương từ chỗ ngồi, đứng dậy, trịch áo bày vai phải, gối quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu làm lễ mà bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Có thiện nam, tín nữ nghe Bát nhã Ba la mật này, nhưng tại sao có người chưa phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác thì liền có thể phát tâm và đều thành tựu quả vị không thoái chuyển, tu hành luôn tiến tới mà không bị đọa lạc?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ. Ta sẽ vì ông mà nói.

Có thiện nam, tín nữ nghe Bát nhã Ba la mật, tu hành được tiến tới, không bị rơi rớt.

Thắng Thiên vương thưa:

–Lành thay Thế Tôn, con xin muốn nghe!

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Thiện nam, tín nữ nào nghe Bát-nhã ba-lamật, thì ý sẽ thanh tịnh, nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác, đầy đủ lòng tin chân chánh, gần gũi Thánh hiền, ưa nghe chánh pháp, xa lìa sự ganh tỵ ghen ghét, không có tham lam, thường tu vắng lặng, khéo thực hành bố thí, tâm không chướng ngại, thường lìa uế trược, tin chân chánh ở nghiệp quả, tâm không nghi hoặc, biết quả báo trắng đen, không làm những điều không nên làm, dầu phải bỏ thân mạng.

Này đại vương! Thiện nam, tín nữ mà thực hành Bát-nhã ba-lamật như vậy thì xa lìa sát sinh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, tham, sân, tà kiến. Tâm thường suy nghĩ ở mười thiện pháp này.

Này đại vương! Thiện nam, tín nữ thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng sức phương tiện, nếu thấy, Sa-môn, Bà-la-môn chánh hạnh tinh tấn, giới phẩm trong sạch, nghe nhiều học rộng, hiểu biết nghĩa lý, thường chánh niệm, tâm tánh điều phục, vắng lặng không tán loạn, miệng thường nói lời êm dịu, xa lìa các pháp ác, tu tập các pháp lành, không tự kiêu ngạo cống cao mình và hạ thấp người khác, không nói ác và lời vô nghĩa, không bỏ niệm xứ, tâm được ngay thẳng, có khả năng đoạn dứt sinh tử, khéo nhổ tên độc, xả bỏ gánh nặng, có thể vượt qua các nạn rồi sau mới độ chúng sinh.

Này đại vương! Thiện nam, tín nữ nào thực hành Bát nhã Ba la mật, nếu thấy Đại Bồ-tát như vậy thì nên gần gũi mà y chỉ. Người đó là Thiện tri thức, Đại Bồ-tát dùng sức phương tiện mà nói pháp cho.

Này thiện nam! Nếu bố thí thì được giàu có, trì giới thì được sinh Thiên, nghe pháp thì được đại trí.

Bồ-tát lại bảo rằng:

–Đây là bố thí và quả báo của bố thí; đây là ganh ghét nghi kỵ và quả báo của ganh ghét nghi kỵ; đây là nhẫn nhục và quả báo của nhẫn nhục; đây là tinh tấn và quả báo của tinh tấn; đây là thiền định và quả báo của thiền định; đây là trí tuệ và quả báo của trí tuệ; đây là ngu si và quả

báo của ngu si; đây là nghiệp thiện của thân và quả báo nghiệp thiện của thân; đây là nghiệp ác của thân và quả báo nghiệp ác của thân; đây là nghiệp thiện của miệng và quả báo nghiệp thiện của miệng; đây là nghiệp ác của miệng và quả báo nghiệp ác của miệng; đây là nghiệp thiện của ý và quả báo nghiệp thiện của ý; đây là nghiệp ác của ý và quả báo nghiệp ác của ý.

Này thiện nam, tín nữ! Pháp này nên làm, pháp kia không nên làm. Nếu như vậy mà tu hành thì được an lạc lâu dài, còn không làm như vậy thì bị khổ đau lâu dài.

Này đại vương! Thiện nam, tín nữ dùng sức phương tiện, gần gũi Thiện tri thức thì được nghe thuyết pháp thứ lớp như thế. Đại Bồ tát nếu biết người kia có pháp khí thì nên nói pháp Bát nhã Ba la mật sâu xa cho họ, nghĩa là Không, Vô tướng, Vô nguyện, vô tác, không sinh, không diệt, không ngã, không chúng sinh, không thọ mạng, không nhân giả mà nói pháp nhân duyên sâu xa. Nhân nơi pháp này mà pháp kia sinh, pháp này diệt thì pháp kia diệt. Nghĩa là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử, ưu, bi, khổ, não. Nếu vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái, diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì lão tử, ưu, bi, khổ, não diệt.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng sức phương tiện nói pháp như vầy: Ở trong pháp chân thật, không có một pháp nào có thể sinh và có thể diệt. Vì sao? Vì các pháp ở thế gian đều do nhân duyên sinh, không có người tạo tác, bởi do nhân duyên hòa hợp; không có một pháp chân thật nào bị sinh diệt; ở trong ba cõi chỉ có hư vọng, phân biệt và giả danh, theo nghiệp phiền não mà chịu quả báo. Nếu dùng Bát nhã Ba la mật, quán sát tất cả pháp như thật không sinh, không diệt, không tạo tác, không thọ lãnh. Nếu pháp không tạo tác thì cũng không thực hành; đối với các pháp thì tâm không chấp trước nghĩa là không chấp trước sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không chấp trước vào nhãn, sắc thức; không chấp trước vào ý thức, pháp thức.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát nói như vầy: "Tự tánh của tất cả các pháp là không, xa lìa, không giữ, không đắm." Thiện nam, tín nữ nhân nơi lời nói như thế thì không bị thoái lui.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, ưa thấy chư Phật, ưa nghe chánh pháp thì không bị đọa nơi thấp hèn, sinh ở chốn nào cũng đều nghe thấy Phật và nghe nhận Chánh pháp, cúng dường chúng Tăng, gặp được chư Phật và dũng mãnh tinh tấn, quyết chí cầu chánh pháp, không chấp trước pháp hữu vi, vợ con, tôi tớ, tiền của đều không tham đắm, không nhiễm dục, thường nương chánh pháp, nhớ nghĩ chư Phật, bỏ thế tục, xuất gia tu hành đúng pháp, thường giảng pháp cho người khác với tâm không mong cầu, thấy chúng nghe pháp thường sinh tâm đại Từ, với tất cả chúng sinh thì sinh khởi tâm đại Bi, học rộng nghe nhiều, không tiếc thân mạng, biết đủ, ít ham muốn, thường ưa vắng lặng, chỉ cầu nghĩa lý, không vướng mắc vào ngôn từ, nói pháp tu hành không vì tự thân, chỉ mong giáo hóa chúng sinh được vui vô thượng; đó là Phật trí.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, tu hành như vậy sẽ xa lìa được sự buông thả, giữ gìn các căn. Nếu mắt thấy sắc không đắm trước sắc tướng, quán sát như thật, sắc này là tai họa sinh ra tội lỗi. Tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân chạm xúc, ý

khởi đều cũng như vậy. Nếu các căn phóng túng gọi là buông lung, hoặc hay giữ gìn các căn gọi là không buông lung.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, điều phục tự tâm và giúp người khác giữ gìn ý, gọi là không buông lung, xa lìa tham dục, tâm thuận theo thiện pháp. Phải thấy và hiểu, sân si có nguồn gốc bất thiện; thân làm ác, miệng nói ác và tà niệm, tất cả đều là bất thiện nên xa lìa, gọi là không buông lung.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, tâm thường chánh niệm gọi là không buông lung.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, tất cả các pháp tín là đứng đầu. Người chánh tín không sinh vào đường ác, tâm không làm việc ác được Thánh nhân khen ngợi.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, theo như pháp mà tu hành, thì sinh ở mọi nơi thường gặp chư Phật, xa lìa Nhị thừa, an trụ chánh đạo, được đại tự tại, thành tựu việc lớn được chánh trí của Như Lai.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, muốn cầu an lạc cần phải thuận theo con đường Nhất thiết trí.

Này đại vương! Nay đại chúng này nghe được Bát nhã Ba la mật sâu xa là do ở nơi quá khứ trăm ngàn vạn kiếp đã từng cúng dường chư Phật và tu tập căn lành, cho nên cần phải tinh tấn chớ để cho lui mất.

Này đại vương! Nếu trời hoặc người chế ngự được các căn, không đắm trước năm dục, xa lìa thế gian, thường tu pháp xuất thế, ba nghiệp thanh tịnh, tu tập pháp trợ đạo gọi là không buông lung.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, chánh tín đầy đủ, tâm không buông lung, chuyên cần tu tinh tấn nên được pháp thắng, gọi là không buông lung.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát muốn đầy đủ chánh tín, tâm không buông lung, tinh tấn chánh niệm thì phải học Bát nhã Ba la mật, nhân nơi niệm trí này mà có thể mau thành tựu pháp Vô thượng Chánh đẳng giác.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, đầy đủ chánh trí, tâm không buông lung, cần tu tinh tấn, liền được chánh niệm, dùng niệm trí đó nên biết có, biết không.

Tại sao gọi là có và không?

Nếu tu **chánh hạnh** được chánh giải thoát, gọi đó là có. Nếu tu **tà hạnh** được chánh giải thoát, gọi đó là không. Nhãn, nhĩ, tỷ, nhiệt, thân, ý và pháp của thế tục gọi là có, trong thắng nghĩa gọi là không.

Đại Bồ-tát cần tu tinh tấn, có thể được giải thoát, gọi đó là có. Bồ-tát biếng lười mà được giác ngộ, gọi đó là không.

Nếu nói năm ấm đều từ hư vọng điên đảo sinh ra, gọi đó là có. Nếu nói pháp thế gian không từ nhân duyên mà tự nhiên sinh ra, gọi đó là không.

Sắc là pháp vô thường, khổ, hư hoại, gọi đó là có. Nếu nói thường lạc chẳng phải pháp hư hoại, gọi đó là không. Thọ, tưởng, hành, thức, cũng là như vậy.

Vô minh duyên hành gọi đó là có. Nếu lìa vô minh mà hành sinh, gọi đó là không. Hành duyên thức cho đến sinh duyên lão tử, ưu, bi, khổ, não cũng đều như vậy.

Bố thí thì được giàu có, gọi đó là có. Bố thí mà bị nghèo hèn, gọi đó là không. Tinh tấn, trì giới được sinh vào đường thiện, gọi đó là có. Nếu sinh vào đường ác, gọi đó là không; cho đến Bát-nhã bala-mật có thể được thành Phật gọi đó là có, tu hành Bát nhã Ba la mật mà làm phàm phu, gọi đó là không.

Nếu tu đa văn thì được đại trí, gọi đó là có; nếu bị ngu si, gọi đó là không. Nếu tu chánh niệm thì được xuất ly, gọi đó là có; nếu không được thì gọi đó là không nếu hành tà niệm không được xuất ly gọi đó là có, nếu được gọi đó là không.

Không ngã và ngã sở có thể được giải thoát, gọi đó là có; có ngã và ngã sở mà được giải thoát gọi đó là không. Nếu nói hư không có khắp tất cả chỗ, gọi đó là có; trong ngũ ấm có ngã, gọi đó là không. Như thật tu trí có thể giải thoát, gọi đó là có. Nếu chấp trước tà trí mà được giải thoát, gọi đó là không.

Nếu lìa ngã kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến, nhân kiến có thể được trí không, gọi đó là có; chấp ngã, chúng sinh, thọ giả, nhân kiến có thể được trí không thì gọi đó là không.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, biết các pháp thế gian có và không, như vậy thì có thể tu bình đẳng; rõ biết nhân duyên sinh ra các pháp của thế gian, cho nên có mà không khởi thường kiến; biết nhân duyên của các pháp căn bản tự tánh vốn không, nên không sinh đoạn kiến. Đối với các lời dạy chư Phật đã thông đạt như thật.

Này đại vương! Chư Phật Như Lai nói tóm lược cho Bồ-tát nghe, bốn pháp đó là: Thế gian, Sa-môn, Bà-la-môn và trời Trường thọ; tâm đều chấp vào thường, vì phá chấp này nên nói hạnh vô thường. Có các trời, người nhiều tham đắm, lạc thú; vì phá chấp này nên nói tất cả khổ. Ngoại đạo tà kiến chấp trong thân có ngã, vì phá chấp này nên nói vô ngã. Lại vì muốn phá tăng thượng mạn của người, cho nên nói Niết-bàn vắng lặng.

Nói vô thường, nghĩa là làm cho họ quyết chí cầu pháp cứu cánh. Nói khổ nghĩa là làm cho họ lìa mong cầu. Nói vô ngã nghĩa là làm cho họ hiển bày cửa không *(không môn)*. Nói vắng lặng nghĩa là làm cho họ thông đạt vô tướng.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật tu học như vậy, đối với các pháp thiện không bao giờ thoái lui, mau thành Vô thượng Chánh đẳng giác.

Lúc bấy giờ, Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật tu hành những hạnh gì để hộ trì chánh pháp?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, việc làm không trái với lời nói, kính trọng bậc Tôn trưởng và thuận theo chánh pháp, tâm hạnh ngay thẳng, các căn vắng lặng, xa lìa các điều ác và pháp ác, tu tập căn lành nên gọi là hộ trì chánh pháp.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, tu thân nghiệp từ bi, khẩu nghiệp từ bi, ý nghiệp từ bi, không cầu danh lợi, trì giới trong sạch, xa lìa các kiến hoặc, gọi đó là hộ trì chánh pháp.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, không làm theo ái, không làm theo sân, không làm theo si, không làm theo sự sợ sệt, gọi là hộ trì chánh pháp.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, biết tu tập hạnh hổ thẹn, gọi là hộ trì chánh pháp. Này đại vương! Bậc Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, thuyết pháp tu hành đúng như lời Phật dạy, gọi là hộ trì chánh pháp.

Này đại vương! Ba đời chư Phật vì hộ trì chánh pháp, cho nên ủng hộ vua trời, vua người để cho chánh pháp được tồn tại lâu dài, nên nói đại thần chú:

Đa điệt tha a hống la hống la bà để hậu la nõa sa cửu trà chá chá chá chá chá nĩ phú nõa sứu đa xoa đa xoa diên đa xoa dã sa ma xà ma nĩ kha la âu lâu âu lâu bà để kỷ la bà để kim a-tỳ xá để nĩ sa la nĩ xã xà xã xã ma đễ a bà tha nĩ bà tha bạt đa bạt đa nâu sa lý bầu đa nâu tất mật lý đễ đề bà đa nâu tất mật lý đễ.

Hoặc Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Khẩn-na-la, Ma hầu-la-già và tất cả chúng sinh đều được an ổn.

Này đại vương! Ba đời chư Phật, nói đại thần chú này là để hộ trì chánh pháp, ủng hộ vua trời, vua người nên tụng trì; các oán tặc, ác nạn ma chướng chánh pháp đều bị tiêu diệt. Chư Phật Như-Lai vì làm cho chánh pháp tồn tại lâu dài ở đời, cho nên ủng hộ vua trời, người, khiến họ hộ trì chánh pháp.

Khi nói pháp môn thần chú Bát nhã Ba la mật này; tất cả cung trời, đại địa, các núi, biển lớn đều chấn động và trong chúng có tám vạn chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác.

Lúc bấy giờ, Thắng Thiên vương dùng lưới kết bằng bảy thứ báu che ở trên Đức Phật, mà bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, tu những pháp gì mà đối với tâm Vô thượng Chánh đẳng giác không bị dao động?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, tu đại Bi vô ngại và không nhàm chán đại Bi, nên thành tựu việc lớn này; chuyên cần tinh tấn học Tam-muội không, tu trí bình đẳng, dùng sức phương tiện, thì có thể thông đạt trí thanh tịnh, hiểu rõ như thật ba đời bình đẳng, không có chướng ngại ngăn che con đường mà ba đời chư Phật đã đi.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, tu pháp như vậy thì đối với tâm Vô thượng Chánh đẳng giác sẽ không bị dao động.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, làm sao nghe được việc chẳng nghĩ bàn của Phật mà không sợ sệt, không kinh hãi?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Bồ-tát phải đầy đủ trí tuệ và đầy đủ đức hạnh, gần gũi Thiện tri thức, ưa nghe những pháp sâu xa; hiểu rõ các pháp đều như huyễn, ngộ lý vô thường ở thế gian, tâm không trụ vào chấp trước cũng như hư không, biết tất cả pháp có sinh thì có diệt.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, tu pháp và nghe được việc chẳng nghĩ bàn của Phật như vậy thì không sợ sệt, không kinh hãi.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, làm sao được tự tại ở mọi nơi?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, tu năm Thần thông. Đầy đủ vô ngại và các môn Giải thoát, bốn Thiền, bốn Vô lượng tâm, phương tiện; nên thực hành Bát nhã Ba la mật được tự tại ở mọi nơi.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, được những pháp môn gì?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, được pháp môn đức hạnh, có thể độ chúng sinh có căn cơ lanh lợi và chậm lụt; được pháp môn trí tuệ, phân biệt cú nghĩa; được pháp môn Đà-la-ni, biết hết tất cả ngôn ngữ và âm thanh; được pháp môn vô ngại, nói pháp bất tận.

Này đại vương! Đó là Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật được các pháp môn như vậy.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, được những sức gì?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Bồ-tát được sức vắng lặng: thành tựu đại Bi; được sức tinh tấn: thành tựu quả vị không thoái chuyển; được sức đa văn: thành tựu đại trí; được sức tin ưa: thành tựu giải thoát; được sức tu hành: thành tựu xa lìa; được sức nhẫn nhục: thường giúp chúng sinh; được sức tâm Bồ-tát: đoạn trừ ngã kiến; được sức đại Bi: giáo hóa chúng sinh; được sức Vô sinh nhẫn: thành tựu mười Lực.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, được thành tựu các lực như vậy.

Khi nói pháp môn này, trong chúng có năm trăm Bồ-tát đạt được Vô sinh pháp nhẫn; tám ngàn Thiên tử đạt được quả vị không thoái chuyển; một vạn hai ngàn Thiên tử xa lìa trần cấu, được Pháp nhãn thanh tịnh; bốn vạn trời, người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác.

QUYỂN 5
Phẩm 09: CHỨNG CỚ VỀ CHUYÊN CẦN

Bấy giờ, Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Đời quá khứ cách đây vô số kiếp không thể tính đếm suy lường; có Đức Phật tên là Công Đức Bảo Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Nước tên là Bảo trang nghiêm và kiếp tên Thiện quán. Đời sống sung sướng an vui, không có bệnh tật ưu phiền; trời người qua lại không chướng ngại. Mặt đất bằng phẳng như bàn tay không có núi non gò đống; chỉ mọc loại cỏ nhỏ, cao khoảng bốn tất, mềm mại xanh biếc như lông công; chân bước thời lún xuống, dỡ chân thì phồng lên; có các loại hoa đẹp như: Hoa Tu-ma-na, hoa, Đãn-lặcgià, ngoài ra khắp nơi đều là cỏ mềm, không lạnh, không nóng, bốn mùa điều hòa, mát mẻ; đất toàn bằng lưu ly; chúng sinh ở thế giới này, tâm tánh hiền lành, khéo điều phục ba độc, không để nó chi phối. Công Đức Bảo Vương Phật, có một vạn ba ngàn na-do-tha hàng Thanh văn và sáu

mươi hai ức Đại Bồ-tát. Tuổi thọ của con người đến ba mươi sáu ức na-do-tha tuổi; không có chết yểu.

Có một nước tên là Vô cấu trang nghiêm; thành của nước này từ Nam đến Bắc rộng một trăm hai tám do-tuần; từ Đông sang Tây tám mươi do-tuần, có mười ngàn vườn cây trang hoàng oai nghiêm đẹp đẽ, xung quanh có mười ngàn nước nhỏ. Chuyển luân thánh vương tên là Trị Thế, đầy đủ bảy báu làm chủ bốn châu thiên hạ, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, trồng nhiều căn lành, nên tâm không thoái lui với đạo Vô thượng Chánh đẳng giác.

Vua có bốn vườn cây, hoa đẹp; công đức trang trí rất oai nghiêm và vừa ý; bốn mùa chim khổng tước đùa giỡn vui chơi. Tường thành dày mười sáu do-tuần, các cửa của tầng lầu đều bằng bảy báu, có bốn ao lớn, mỗi ao rộng nửa do-tuần; bờ ao bằng bảy báu. Vàng Diêm-phù-đàn dùng làm đường đi và đáy ao lót bằng vàng. Nước trong ao đủ tám công đức, sinh ra hoa sen báu; các loại chim thú vui chơi nhảy nhót trong ao như: chim le, chim nhạn, ngỗng, chim hạt, chim uyên ương, đười ươi.

Trên bờ các hàng cây hương đàn màu trắng, màu đỏ và thi lợi-sa… trên cây có chim oanh vũ, chim xá-lợi từng đàn cất tiếng ca bay lượn vui đùa. Trong cung vua, có bảy mươi ngàn người nữ, tướng mạo xinh đẹp đoan trang phục vụ những việc quan trọng. Họ đều phát tâm hướng đến Vô thượng Chánh đẳng giác. Vua có một ngàn người con trai cao lớn, tráng kiện, đủ khả năng đánh bại kẻ thù; mỗi người đều đầy đủ hai mươi tám tướng tốt đẹp của bậc Đại trượng phu, thân thể trang nghiêm và đã phát tâm hướng đến Vô thượng Chánh đẳng giác.

Bấy giờ, Công Đức Bảo Vương Như Lai cùng vô lượng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-cầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu la-già, Nhân phi nhân… lần lượt vào thành lớn Vô cấu trang nghiêm. Thánh vương Trị Thế cùng một ngàn người con và cung nhân cung kính đón rước Thế Tôn, bày các lễ vật bằng bảy báu xinh đẹp cúng dường. Bấy giờ Thế Tôn và các đại chúng nhận cúng dường xong liền trở về bản xứ. vua cùng một ngàn người con và cung nhân ra khỏi thành tiễn đưa rồi mới trở về cung.

Vua Trị Thế than rằng: “Thân người vô thường, quyền quý cao sang như giấc chiêm bao, được các căn đầy đủ, niềm tin chân chánh cực khó; gặp được Phật nghe pháp như thấy được hoa Ưu-đàm.”

Một ngàn người con, biết phụ vương ngưỡng mộ Thế Tôn và ưa nghe chánh pháp, nên dùng gỗ Chiên-đàn làm đài giống như núi Ngưu đầu trang sức bằng bảy báu, mùi hương khắp Diêm-phù-đề. Đài rộng từ Đông sang Tây mười do-tuần, từ Nam sang Bắc mười ba do-tuần. Bốn trụ lớn trang trí bằng châu báu và có một ngàn bánh xe báu. Các người con đem đến dâng lên Thánh vương. Vua nhận rồi khen rằng: “Hay thay các con, phụ vương muốn đến chỗ Phật nghe giảng chánh pháp.” Bấy giờ, một ngàn người con cùng tạo ra một tòa Sư tử ở trong đài.

Thánh vương và các cung nhân ngồi vào tòa Sư tử ấy. Bốn bên đài treo cờ, phướn, lọng, giăng lưới bằng bảy báu, mỗi góc đều treo chuông vàng, đem các loại hoa rải lên đài: Như hoa Chiêm-bặc-già, hoa Tu-ma-na, hoa Ưu-bát-la, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lợi, hoa Ca-ma-la. Rồi đốt hương quý giá, hương thoa và rải hương bột. Một ngàn người con, mỗi người khiêng một bánh xe bay lên hư không đến chỗ Phật, giống như vua loài ngỗng, rồi từ từ hạ xuống một cách an lành vừa chạm đất, ngàn người này liền đến trước Phật cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu

quanh bên phải Thế Tôn và đại chúng bảy vòng rồi lui ra đứng một bên. Lúc này Thánh vương cùng các cung nhân từ đài báu xuống, vua cất mũ báu, cởi giày đến trước Thế Tôn đảnh lễ sát chân, nhiễu quanh bên phải Thế Tôn và đại chúng bảy vòng rồi lui ra ngồi một bên.

Bấy giờ, Phật Bảo Trang Nghiêm Vương mới hỏi:

–Nay Thánh vương đến nghe chánh pháp ư?

Thánh vương Trị Thế từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục, cúi đầu đảnh lễ sát chân, bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn! Chánh pháp mà Ngài nói đó là gì?

Thế Tôn khen vua Trị Thế rằng:

–Hay thay, hay thay! Vì lợi ích vô lượng cõi trời, người mà đại vương hỏi pháp sâu xa này. Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri sẽ vì đại vương mà phân biệt giảng nói.

Thánh vương Trị Thế bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, con xin muốn nghe!

Phật bảo Thánh vương Trị Thế:

–Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật thông đạt tất cả pháp gọi là chánh pháp; chánh pháp ấy là: Bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám Chánh đạo, Không, Vô tướng, Vô nguyện… đều thông đạt bình đẳng.

Thánh vương Trị Thế bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trong pháp Đại thừa, Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật như thế nào mà được thắng tấn không thoái đọa?

Phật dạy:

–Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật nhờ vào chánh tín nên được thắng tấn.

Thế nào là chánh tín? Nghĩa là: Bồ-tát biết tự tánh của tất cả pháp là không sinh, không diệt, vắng lặng, thường hay gần gũi với người có hạnh ngay thẳng, không ưa tạo ra các pháp hoàn toàn không tạo tác, tâm thường thanh tịnh; nghe thọ chánh pháp nhưng không thấy người nói pháp và mình nghe pháp; siêng năng, tinh tấn, tu tập, nên được thần thông, thân tâm nhẹ nhàng, giáo hóa chúng sinh, song cũng không thấy mình có thần thông giáo hóa và không thấy có chúng sinh để giáo hóa. Vì sao?

Này đại vương! Vì bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật là không thấy mình và chúng sinh, cả hai đều bình đẳng nên được thắng tấn, không thoái đọa.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, thường giữ gìn các căn không cho đắm nhiễm. Tưởng nghĩ tất cả của cải và thân mạng đều là vô thường, giả tạm, vì biết các pháp thường vắng lặng.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, ở trong pháp Đại thừa tâm không buông lung.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, dù trong chiêm bao cũng không quên mất tâm Bồ-đề, mà còn giáo hóa chúng sinh, phát tâm tu Phật đạo. Đại Bồ-tát đem tất cả căn lành mà hồi hướng quả vị Vô thượng Chánh đẳng giác, thấy thần lực của Phật mà vui mừng khen ngợi.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật như vậy nên mau thành Vô thượng Chánh đẳng giác. Vì thế, Đại vương cần phải siêng năng, tinh tấn chớ buông lung. Đại Bồ-tát muốn thỉnh cầu giáo pháp thì chớ nên đắm nhiễm năm dục.

Này đại vương! Tất cả phàm phu đối với năm dục, ham muốn không biết nhàm chán. Còn người được Thánh trí thì hay xa lìa, vì họ biết thân người là vô thường, mạng sống ngắn ngủi. Vì thế, Đại vương nên xa lìa thế gian mà cầu đạo xuất thế. Nay đại vương cúng dường Như Lai là đã được căn lành nên đem hồi hướng, sẽ được bốn món vô tận:

1- Được tự tại vô tận.

2- Pháp vô tận.

3- Trí tuệ vô tận.

4- Biện tài vô tận.

Bốn thứ hồi hướng này cùng với Bát nhã Ba la mật đều là vô tận.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật cần phải ngăn ngừa thân, khẩu, ý cho thanh tịnh. Vì sao? Vì sẽ được ba món văn, tư, tu. Dùng sức phương tiện giáo hóa chúng sinh, dùng năng lực trí tuệ để đánh bại các ma. Khi nguyện lực thành tựu thì việc làm và lời nói hợp nhau.

Khi nghe Phật nói nghĩa lý sâu xa của Bát nhã Ba la mật; Chuyển luân thánh vương Trị Thế sinh tâm vui mừng chưa từng có, liền đem mũ báu và sâu anh lạc cúng dường Như Lai, nguyện bỏ ngôi vị vâng theo lời Phật, và lập lời nguyện: "Thường tu phạm hạnh, học Bát nhã Ba la mật sâu xa này và tâm quyết định hướng đến Vô thượng Chánh đẳng giác."

Trong lúc nghe Phật nói pháp, vương cung thể nữ đều vui mừng, phát tâm Bồ-đề, đem y phục quý giá và bảo châu, anh lạc cúng dường Như Lai. Thánh vương Trị Thế đem đài báu dâng cúng Phật, xin cầu xuất gia.

Công Đức Trang Nghiêm Vương Phật khen:

–Lành thay, lành thay! Này đại vương! Việc làm ngày nay của đại vương không trái với nguyện xưa. Đại vương khéo tu Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí tuệ. Vì quá khứ chư Phật đã tu pháp này mà thành Phật đạo. Vị lai chư Phật cũng tu pháp này để được thành Phật.

Thánh vương Trị Thế bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Việc tu bố thí của Đại Bồ-tát có khác với Bát nhã Ba la mật không?

Phật dạy:

–Này đại vương! Luận về bố thí; nếu không có Bát nhã Ba la mật thì chỉ là bố thí chứ không phải là Ba-la-mật. Phải có Bát nhã Ba la mật thì mới gọi là Bố thí ba-la-mật. Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ cũng lại như vậy. Vì sao? Vì tánh của Bát nhã Ba la mật bình đẳng, cho nên công đức trang nghiêm.

Khi Phật nói pháp này, Thánh vương Trị Thế đắc Vô sinh pháp nhẫn.

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật nên như Chuyển luân thánh vương Trị Thế. Chuyển luân thánh vương Trị Thế nay chính là Phật Nhiên Đăng, còn một ngàn vương tử, nay chính là một ngàn vị Phật đời Hiền kiếp.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật tu học như thế nào để mau thành tựu Vô thượng Chánh đẳng giác?

Phật dạy:

–Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, phải tu tập đại Từ, không khởi tâm buồn bực chúng sinh, siêng năng thực hành đầy đủ các Ba-la-mật và dùng bốn Nhiếp pháp, bốn Vô lượng tâm để hỗ trợ Bồ-tát tu học pháp thần thông và thông đạt phương tiện thiện xảo, tu tập đầy đủ các thiện pháp. Tu hành như vậy mới mau thành Vô thượng Chánh đẳng giác.

Này đại vương! Đạo giác ngộ là: Tâm tin chân chánh, tâm thanh tịnh, tâm lìa sự dối trá, hạnh tâm bình đẳng, tâm bố thí không sợ hãi làm cho tất cả chúng sinh gần gũi, siêng năng tu hạnh bố thí, thì quả báo không cùng tận. Cố gắng giữ giới thanh tịnh thì không chướng ngại. Tu hạnh nhẫn nhục để xa lìa các điều bực tức. Nếu siêng năng tinh tấn thì việc tu hành trở nên dễ dàng. Do có thiền định nên không khởi tâm tán loạn. Nhờ đầy đủ trí tuệ nên khéo thông đạt các pháp. Hoàn toàn không thoái chuyển là nhờ có đại Bi. Có đại Hỷ nên thường làm tâm người khác vui. Tu hạnh đại Xả nên không khởi phân biệt. Không tham, sân, si nên xa lìa thù oán. Không nhiễm sắc, thanh, hương, vị, xúc nên diệt được các hý luận. Không phiền não nên xa lìa được thù oán. Xả ý niệm của Nhị thừa để tâm được rộng lớn; đủ Nhất thiết trí nên sinh các báu.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật,

phải học như vậy, mới mau thành tựu Vô thượng Chánh đẳng giác.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, hiện ra những hình tướng gì để giáo hóa chúng sinh?

Phật dạy:

–Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật thị hiện sắc hình nhưng không có tướng nhất định; tùy tâm ưa thích của chúng sinh mà thấy sắc tướng Bồ-tát như vậy. Hoặc hiện màu vàng, hoặc hiện màu bạc, hoặc màu pha lê, hoặc màu lưu ly, hoặc màu mã não, hoặc màu xa cừ, hoặc màu trân châu, hoặc màu xanh, vàng, đỏ, trắng, hoặc màu mặt trời, mặt trăng, màu lửa, màu sóng nắng, màu Đế Thích, màu Phạm vương, màu hạt sương, màu vàng nhạt, màu son, màu chiêm-bặc-già, màu tu-ma-na, màu bà-lợi-sư-ca, màu ba-đầu-ma, màu câu-vật-đầu, màu phân-đà-lợi, màu công đức thiên, màu con ngỗng, màu khổng tước, màu san hô, màu ngọc như ý, màu hư không, hoặc trời thấy là trời, người thấy là người.

Này đại vương! Tất cả các sắc tướng, hình tượng ở hằng hà sa thế giới trong mười phương đều thâu nhiếp tất cả, không bỏ một chúng sinh nào. Vì tâm của chúng sinh không đồng, cho nên Bồ-tát phải thị hiện ra tất cả. Vì sao? Vì trong quá khứ, Đại Bồ-tát đã có nguyện lực lớn là tùy tâm chúng sinh nếu thấy ưa thích chịu giáo hóa thì Bồ-tát vì họ mà thị hiện.

Này đại vương! Như gương sáng, vốn không hình tướng; ngoại sắc dù đẹp dù xấu thảy đều hiện vào trong gương, nó chẳng phân biệt. Thể thanh tịnh sáng suốt của ta hay hiện ra sắc tướng của chúng sinh.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật cũng vậy. Tâm không dụng công, tùy chúng sinh ưa thích mà thị hiện ra tất cả, để cho họ vui, nhưng cũng không phân biệt là mình có hiện thân.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, ở trong một tòa, tùy theo đối tượng nghe hoặc thấy Bồ-tát nói pháp, hoặc thấy Phật nói pháp, hoặc thấy Bích-chi-phật nói pháp, hoặc thấy Thanh văn nói pháp, hoặc thấy Đế Thích, hoặc thấy Phạm vương, hoặc thấy Ma-hê-thủ-la, hoặc thấy Vi-nữu Thiên, hoặc thấy Tứ Thiên vương, hoặc thấy Chuyển luân thánh vương, hoặc thấy Samôn, Bà-la-môn, Sát-lợi, hoặc thấy Tỳ-xá-thủ-đà, hoặc thấy Cư sĩ, Trưởng giả, hoặc thấy ngồi trong đài báu, hoặc thấy ngồi trên hoa sen, hoặc thấy đi trên đất, hoặc thấy bay trong hư không, hoặc thấy nói pháp, hoặc nhận chánh định.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật là vì độ thoát chúng sinh, nên không một hình tướng oai nghi nào mà chẳng hiện.

Này đại vương! Bát nhã Ba la mật không có hình tướng cũng như hư không trùm khắp tất cả. Ví như hư không, không có hý luận, Bát nhã Ba la mật cũng vậy, vượt qua các ngôn ngữ lời nói; như hư không là chỗ thọ dụng của thế gian, Bát nhã Ba la mật cũng vậy, đó là chỗ thọ dụng của tất cả phàm Thánh; như hư không, không có phân biệt thì Bát nhã Ba la mật cũng vậy, cũng không có tâm phân biệt; như hư không dung thọ các sắc thì Bát nhã Ba la mật cũng dung thọ tất cả Phật pháp; ví như hư không hiện ra các sắc, Bát-nhã ba-lamật cũng hiện ra tất cả Phật pháp; ví như tất cả cỏ cây, thảo dược, hoa quả nương vào hư không để tăng trưởng, Bát nhã Ba la mật cũng vậy, tất cả thiện căn nương vào đấy mà tăng trưởng; ví như hư không là pháp phi thường, chẳng phải vô thường đều lìa ngôn ngữ, Bát nhã Ba la mật cũng vậy, chẳng phải thường, vô thường, đều lìa ngôn ngữ, lời nói.

Này đại vương! Thế gian, Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc Đế Thích, hoặc Phạm vương thì không ai có thể nghĩ lường được hết về Bát nhã Ba la mật.

Này đại vương! Bát nhã Ba la mật không có một pháp nào có thể lấy làm ví dụ được. Nếu thiện nam hay thiện nữ nào tin thọ Bát nhã Ba la mật, thì công đức rộng lớn không thể nghĩ lường. Nếu công đức này có hình sắc thì cõi hư không, không thể dung chứa hết. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật sinh ra tất cả thiện pháp thế gian và xuất thế gian, hoặc là người, trời, hoặc vua cõi trời, cõi người, hoặc Tu-đà-hoàn hướng, Tu-đà-hoàn quả cho đến A-la-hán hướng, A-la-hán quả, Bích-chi-phật, mười Địa của Bồ-tát, mười Bala-mật, chư Phật Vô Thượng Chánh Đẳng Giác, Nhất thiết chủng trí, mười Lực, bốn Vô úy, mười tám pháp Bất cộng đều từ Bát nhã Ba la mật sinh ra.

Khi Phật nói pháp môn này, trong chúng hội có năm vạn Đại Bồ-tát đạt được quả vị không thoái chuyển; một vạn năm ngàn Thiên tử đạt được Vô sinh pháp nhẫn; một vạn hai ngàn trời, người được Pháp nhãn thanh tịnh, xa lìa trần cấu; hằng hà sa chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác. Những âm nhạc cõi trời tự nhiên kêu vang, chư Thiên rải hoa cúng dường Như Lai và Bát nhã Ba la mật. Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu la-già, Nhân phi nhân… đều rải hoa và các báu vật cúng dường Thế Tôn cùng Bát nhã Ba la mật, cùng lúc đồng thanh khen rằng:

–Lành thay, lành thay! Thế Tôn, Ngài đã hoan hỷ nói Bát nhã Ba la mật!

QUYỂN 6

Phẩm 10: TỎ BÀY CÔNG ĐỨC

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, từ nơi tòa đứng dậy, sửa áo bày vai phải, gối quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật bao nhiêu kiếp, cúng dường bao nhiêu Đức Phật mà được đối trước Như Lai, để nghe nói về Bát nhã Ba la mật sâu xa như Thắng Thiên vương vậy?

Phật bảo Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Này thiện nam! Việc này không thể nghĩ lường; nếu Bồ-tát chẳng trải qua vô số trăm ngàn ức kiếp, tu tập các hạnh, gieo trồng căn lành thì không thể nghe được tên Bát nhã Ba la mật này.

Này thiện nam! Hằng hà sa thế giới trong mười phương, còn có thể đếm biết; chứ không thể đếm được số kiếp mà Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật và số vị Phật mà Bồ-tát cúng dường.

Này Văn-thù-sư-lợi! Về quá khứ vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ kiếp không thể nghĩ bàn; có Đức Phật hiệu là Đa Văn Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Nước tên Nhựt quang và kiếp tên Tăng thượng. Bấy giờ, Phật Đa Văn vì các Đại Bồ-tát mà nói pháp môn thanh tịnh. Các thiện nam, cần phải siêng năng tinh tấn tu hành, chẳng nên xem trọng thân mạng. Lúc đó, trong pháp hội có một Đại Bồ-tát tên là Tấn Lực, từ nơi tòa đứng dậy, sửa áo bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vấn đề Thế Tôn khuyên chúng con phải siêng năng tinh tấn, tu hành, chớ xem trọng thân mạng; như con hiểu lời Phật dạy là: Đại Bồ-tát cần nên biếng lười mới mau thành Vô thượng Chánh đẳng giác. Vì sao? Vì nếu Đại Bồ-tát siêng năng, tinh tấn, tu hành thì không thể ở lâu trong sinh tử, thì không hoàn thành được phần tự độ; còn mau chứng Niết-bàn thì không giáo hóa được chúng sinh.

Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát ở trong sinh tử lấy đó làm vui, chứ không lấy Niết-bàn làm vui. Vì sao?

Bạch Thế Tôn! Vì Đại Bồ-tát làm lợi ích chúng sinh, nên lấy việc đó làm vui; tùy sự ưa thích của chúng sinh mà dùng tất cả phương tiện nói các loại pháp, làm cho họ được an vui; nếu Bồ-tát đoạn trừ hết lậu hoặc thì không thể làm lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Bạch Thế Tôn! Cho nên Bồ-tát xem xét sinh tử mà khởi tâm đại Bi, không bỏ chúng sinh mới thành tựu được bản nguyện.

Bạch Thế Tôn! Vì thế Đại Bồ-tát mới đủ sức phương tiện, ở lâu trong sinh tử, gặp được vô lượng, vô biên chư Phật và nghe vô lượng, vô biên chánh pháp; giáo hóa vô lượng, vô biên chúng sinh. Do đó, Đại Bồ-tát không nhàm chán sinh tử và không ưa Niết-bàn.

Bạch Thế Tôn! Nếu Đại Bồ-tát xem xét sinh tử mà tâm hoảng sợ thì rơi vào phi đạo, không thể làm lợi ích cho tất cả chúng sinh và không biết rõ cảnh giới sâu xa của Như Lai.

Thế nào là phi đạo? Nghĩa là: “Còn tham ưa địa vị Thanh văn, Bích-chi-phật; đối với chúng sinh không có tâm đại Bi. Vì sao? Vì đạo Thanh văn và Bích-chi-phật chẳng phải là đạo của Đại

Bồ-tát. Vì Thanh văn và Bích-chi-phật lo sợ sinh tử, nên mong cầu ra khỏi. Do đó, công đức trí tuệ chưa được đầy đủ.” Bởi nghĩa này, nên chẳng phải đạo của Bồ-tát.

Đa Văn Thế Tôn khen ngợi Đại Bồ-tát Tấn Lực:

–Hay thay, hay thay! Thiện nam, như điều ông nói, Đại Bồ-tát nên tự hành chớ học phi đạo.

Bồ-tát Tấn Lực bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là đạo mà Đại Bồ-tát tự tu hành?

Đa Văn Thế Tôn bảo rằng:

–Thiện nam! Đại Bồ-tát thành tựu tất cả các công đức, trí tuệ dùng sức đại Bi; không bỏ chúng sinh, xa lìa địa vị Thanh văn và Bích-chi-phật nên được Vô sinh trí; không rời ba cõi, tâm không mong cầu điều giả dối mà thiện căn tăng trưởng, phương tiện tu hành đủ các Ba-la-mật; nhờ năng lực trí tuệ và tâm không phân biệt, nên sinh các căn lành thành tựu tận trí, vô lượng công đức. Bồ-tát không còn một pháp nào để sinh nhưng dùng phương tiện thị hiện có sinh; không có một chúng sinh nhưng vẫn dùng phương tiện giáo hóa. Bồ-tát biết tất cả pháp đều lìa tự tánh, xem các cõi Phật cũng như hư không, nên dùng phương tiện để trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật. Bồ-tát biết tất cả pháp thân Phật không có hình tướng, chỉ dùng phương tiện thị hiện tướng tốt đẹp trang nghiêm, tùy tâm chúng sinh ưa muốn, liền ứng hiện cho. Thân tâm Bồ-tát thường tịch tĩnh, viễn ly; nhưng vì chúng sinh nên phải luôn giảng thuyết các pháp, nhưng cũng dùng các phương tiện để xa lìa sự ồn ào, cũng tu các thiền định và biết tự tánh vốn không, thông đạt tất cả trí tuệ sâu xa. Đem phương tiện nói pháp cho người khác, nhưng không chứng quả Thanh văn và Bích-chi-phật; chỉ cầu quả vị Phật, nhưng không bỏ tất cả đạo hạnh của Bồ-tát.

Này thiện nam! Đó gọi là đạo của Đại Bồ-tát.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát Tấn Lực đã từng nghe Đa Văn Thế Tôn nói về cảnh giới chưa từng có mà Bồ-tát thực hành, nên Bồ-tát Tấn Lực bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu! Theo con hiểu lời Phật dạy: Đạo mà Đại Bồ-tát thực hành có đầy đủ phương tiện, thâu nhiếp tất cả các pháp.

Bạch Thế Tôn! Ví như hư không, đều có thể dung chứa tất cả các sắc; đạo mà Bồ-tát thực hành cũng vậy. Nó gồm đầy đủ phương tiện, thâu nhiếp tất cả các pháp; lại như cây cỏ, thảo dược, hoa quả, hương thơm đều nhờ hư không mà tăng trưởng, nó không làm dơ hư không mà cũng không làm sạch hư không, không giận cũng không vui. Đại Bồ-tát cũng vậy, có phương tiện Bát-nhã bala-mật nên duyên vào tất cả pháp làm cho tất cả đều là đạo; chẳng hạn như pháp của phàm phu, pháp hữu học, pháp Bích-chi-phật, pháp của Bồ-tát, hoặc pháp của Như Lai. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát đều thông đạt; ví như lửa, nếu gặp cây, gỗ, cỏ, trúc tất sẽ cháy mạnh thêm; các loại cỏ cây đó đều lợi ích cho lửa, làm tăng thêm ánh sáng. Các pháp cũng vậy, đều là đạo của Đại Bồ-tát; ví như tự thể của Kim cang cứng chắc, đao không thể chặt đứt, lửa không thể đốt cháy, nước không thể xói mòn, chất độc không thể làm hư rã; Đại Bồ-tát cũng vậy, dùng trí tuệ làm phương tiện, đối với hàng Thanh văn, Duyên giác và các ngoại đạo, tất cả phiền não đều không thể phá hoại.

Bạch Thế Tôn! Như viên ngọc thanh thủy, nếu bỏ vào nước đục thì nước liền trong; Đại Bồ-tát có viên ngọc Bát nhã Ba la mật làm cho tất cả phiền não của chúng sinh đều được thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn! Ví như viên ngọc báu dịu dược và chất độc không thể ở chung với nhau mà nó hay tiêu trừ các độc. Đại Bồ-tát hành phương tiện Bát nhã Ba la mật cũng không ở chung với tất cả phiền não mà hay tiêu diệt phiền não.

Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên này, mà tất cả các pháp đều là đạo của Đại Bồ-tát.

Văn-thù-sư-lợi! Khi nghe Bồ-tát Tấn Lực nói pháp môn này, trong chúng có tám ngàn Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác, hai trăm Bồ-tát đạt được Vô sinh pháp nhẫn.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát Tấn Lực thời Đức Phật Đa Văn trong quá khứ, nay chính là Thắng Thiên vương.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật như thế nào để có được sức bền vững mà ủng hộ chánh pháp?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Đại Bồ-tát thà bỏ thân mạng chứ không bỏ chánh pháp; thường khiêm nhường cung kính, không kiêu mạn đối với người thấp hèn; chịu đựng những điều sỉ nhục của người không thế lực; đối với chúng sinh đói khát thường vui vẻ ban thức ăn uống ngon nhất, giúp đỡ những người trong cơn nguy khốn khởi sự sợ hãi; đối với các bệnh tật đều trị đúng pháp; làm cho chúng sinh nghèo khổ được tiền của giàu có; tô sơn lại các tháp miếu thờ Phật; xóa tan các việc ác và biểu dương các việc thiện, làm cho chúng sinh đau khổ được an vui.

Văn-thù-sư-lợi! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, tu hành như vậy sẽ được sức bền vững để ủng hộ chánh pháp.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, phải làm thế nào để điều phục được tâm?

Phật dạy:

–Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật là không xâm phạm việc của người; trước nghĩ, sau mới làm; tâm tánh ngay thẳng, xa lìa sự dối trá; không tự cao ý tứ thường hay nhún nhường.

Văn-thù-sư-lợi! Đại Bồ-tát thực hành như vậy mới có thể điều phục được tâm.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, và tu các hạnh như vậy sẽ sinh vào cõi nào?

Phật dạy:

–Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, như vậy sẽ sinh trong cõi trời, hoặc sinh trong cõi người; nếu sinh trong cõi trời thì làm Đế Thích hoặc Đại Phạm vương làm chủ cõi Ta-bà đều được gặp Phật ra đời; nếu sinh trong cõi người thì làm Chuyển luân thánh vương, trưởng giả, cư sĩ và cũng gặp Phật ra đời.

Văn-thù-sư-lợi! Đại Bồ-tát điều phục tâm hạnh, sẽ được sinh vào các cõi như vậy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người tin chân chánh được pháp gì?

Phật đáp:

–Gặp được bạn lành.

–Bạch Thế Tôn! Bố thí được pháp gì?

Phật đáp:

–Được giàu sang.

–Bạch Thế Tôn! Đa văn được pháp gì?

Phật đáp:

–Được Trí tuệ ba-la-mật.

–Bạch Thế Tôn! Giữ giới được pháp gì?

Phật đáp:

–Được tất cả đạo lành.

–Bạch Thế Tôn! Nhẫn nhục được pháp gì?

Phật đáp:

–Được chúng sinh chứa, nhận.

–Bạch Thế Tôn! Tinh tấn được pháp gì?

Phật đáp:

–Thành tựu tất cả Phật pháp.

–Bạch Thế Tôn! Tư duy được pháp gì?

Phật đáp:

–Được vắng lặng.

–Bạch Thế Tôn! Có trí tuệ được pháp gì?

Phật đáp:

–Được pháp đoạn trừ tất cả phiền não.

–Bạch Thế Tôn! Nghe pháp được pháp gì?

Phật đáp:

–Được xa lìa lưới nghi ngờ.

–Bạch Thế Tôn! Hỏi đúng như pháp được pháp gì?

Phật đáp:

–Được trí quyết định.

–Bạch Thế Tôn! Ở nơi tịch tĩnh được pháp gì?

Phật đáp:

–Được thiền định và các thần thông.

–Bạch Thế Tôn! Tu hành chân chánh được pháp gì?

Phật đáp:

–Được đạo nhàm chán xa lìa.

–Bạch Thế Tôn! Biết vô thường được pháp gì?

Phật đáp:

–Không nắm giữ hộ trì gì cả.

–Bạch Thế Tôn! Biết khổ đau được pháp gì?

Phật đáp:

–Được vô sinh.

–Bạch Thế Tôn! Biết vô ngã được pháp gì?

Phật đáp:

–Diệt được ngã và ngã sở.

–Bạch Thế Tôn! Biết không, được pháp gì?

Phật đáp:

–Được vắng lặng.

–Bạch Thế Tôn! Chánh niệm được pháp gì?

Phật đáp:

–Được chánh kiến của bậc Thánh.

–Bạch Thế Tôn! Thân tâm xa lìa được pháp gì?

Phật đáp:

–Được Tam-muội và thần thông.

–Bạch Thế Tôn! Tu Thánh đạo được pháp gì?

Phật đáp:

–Được quả Thánh.

–Bạch Thế Tôn! Tin tưởng và ưa thích được pháp gì?

Phật đáp:

–Được thành tựu các giải thoát.

–Bạch Thế Tôn! Phật ra đời được pháp gì?

Phật đáp:

–Được tất cả pháp trợ Bồ-đề.

Bấy giờ Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Phật ra đời?

Phật đáp:

–Như phát tâm Bồ-đề.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là phát tâm Bồ-đề?

Phật đáp:

–Này đại vương! Như sinh đại Bi.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là sinh đại Bi?

Phật đáp:

–Không bỏ tất cả chúng sinh.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là không bỏ tất cả chúng sinh?

Phật đáp:

–Như không bỏ Tam bảo.

–Bạch Thế Tôn! Ai không bỏ Tam bảo?

Phật đáp:

–Là người không phiền não.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật là ít có! Bạch Thiện Thệ! Thật là ít có! Chư Phật Thế Tôn với sự bí mật vi diệu sâu xa như vậy, thường nói tất cả pháp đều là không; không sinh, không diệt, vắng lặng, không phá hoại sự tu hành đưa đến quả báo thiện ác và xa lìa hai pháp đoạn thường.

Bạch Thế Tôn! Ở trong thế giới, có chúng sinh nào nghe pháp như vậy mà chẳng khởi lên tâm chánh tín kính trọng lại còn hủy báng không?

Bạch Thế Tôn! Các chúng sinh này, do nhờ thiện nghiệp trong quá khứ mà được thân người, nay lại gần gũi bạn ác nên không tin pháp sâu xa như vậy, tức là phụ bạc nghiệp thiện trong quá khứ và ân đức sâu nặng của chư Phật, Thế Tôn. Giả sử tự cắt thân mình, lấy máu thịt cúng dường Như Lai, cũng không thể báu đáp ân Phật. Vì thế chúng con căn lành đang tăng trưởng, được an lạc trong đại pháp và tự tại.

Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, phải biết ân Phật và gần gũi bạn lành, nên học hạnh Phật để được quả vị Phật.

Khi pháp này được nói, trong chúng có hai vạn năm ngàn Bồ tát đạt được Vô sinh pháp nhẫn; bốn vạn năm ngàn trời, người phát tâm vô thượng Chánh đẳng giác. Một vạn hai ngàn Thiên tử được Pháp nhãn thanh tịnh, xa lìa trần cấu.

QUYỂN 6
Phẩm 11: HIỆN HÓA

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Thiện Tư Duy thưa Thắng Thiên vương rằng:

– Hóa Phật mà Như Lai tạo ra có thể biến hóa được không?

Thắng Thiên vương đáp:

– Lấy sự việc của Đức Thế Tôn làm chứng, hóa Phật mà Phật tạo ra, có thể biến hóa thành vô lượng, hằng hà sa số hóa Phật với nhiều màu sắc hình tướng, thị hiện thần thông để nói pháp lợi ích cho chúng sinh. Thiện nam tử! Nhờ nguyện lực thanh tịnh đời trước của chư Phật nên mới có như vậy.

Bồ-tát Thiện Tư Duy thưa:

– Đại vương! Ngài khéo nói pháp sâu xa về nguyện lực thanh tịnh đời trước của chư Phật, vậy cúi mong đại vương, thỉnh sức oai thần của Phật làm cho Bát nhã Ba la mật trụ lâu ở đời mà không bị chìm mất.

Thắng Thiên vương đáp:

– Thiện nam tử! Bát nhã Ba la mật đều được tất cả chư Phật hộ trì. Vì sao? Vì dùng văn tự để nói Bát nhã Ba la mậtl như vậy văn tự không sinh, không diệt, không chìm mất; văn tự làm rõ nghĩa lý nên cũng không sinh, không diệt, không mất.

Thiện nam tử! Bát nhã Ba la mật của chư Phật Như Lai rất sâu xa nên cũng không chìm mất. Vì sao? Vì pháp không sinh, nếu pháp không sinh thì tất nhiên không diệt. Như vậy lời dạy của Như Lai là bí mật. Nếu Phật ra đời hoặc không ra đời thì tánh tướng vẫn thường trụ, gọi là pháp giới hay như như. Tên không khác, nhưng tùy thuận nhân duyên bên ngoài mà không trái nghịch. Đó là chánh pháp, tánh ấy thường trụ không mất.

Bồ-tát Thiện Tư Duy thưa:

– Đại vương! Những người nào có thể hộ trì chánh pháp?

Thắng Thiên vương đáp:

– Thiện nam tử! Nếu không trái nghịch với tất cả pháp, thì gọi là hộ trì chánh pháp. Vì sao? Vì không có tranh luận và không trái đạo lý, nên gọi là hộ trì chánh pháp.

Lại hỏi:

– Thế nào không trái đạo lý?

Đáp:

– Nếu thuận theo văn tự là không trái đạo lý và không có chỗ để tranh luận thì gọi đó là hộ trì chánh pháp. Vì sao? Vì phàm phu thế gian đều chấp trước các kiến, còn người thuận đạo lý thường nói không. Cho nên thế gian sinh ra tranh luận; như vậy phàm phu tham đắm vào pháp có, còn người thuận theo đạo lý thì coi thường việc này. Thế gian nói có thường, lạc, ngã, tịnh; người thuận đạo lý nói: Vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã, cho nên thế gian sinh ra tranh luận.

Thiện nam tử! **Tất cả phàm phu đều thuận theo thế gian, còn người thuận theo đạo lý thì ngược lại với thế gian, cho nên thế gian thường sanh tranh luận. Tất cả phàm phu đều chấp ấm, xứ, nhập, còn người thuận đạo lý thì nói tất cả pháp đều không có chấp trước, cho nên thế gian pháp khởi tranh luận.**

Thiện nam tử! Tất cả phàm phu thuận theo đời thì không thực hành đạo lý, còn người thuận theo đạo lý thì trái với đời.

Bồ-tát Thiện Tư Duy thưa:

– Đại vương! Nay ngài chọn lấy những pháp nào?

Thắng Thiên vương đáp:

– Tôi không chọn lấy người mà cũng không chọn lấy pháp.

Lại hỏi:

– Vì sao không chọn lấy?

Đáp:

– Lìa ngã, lìa chúng sinh, lìa pháp; những cái lìa ấy đều không thể nắm bắt. Lìa quá khứ, vị lai, hiện tại, những cái lìa ấy cũng không thể nắm bắt. Lìa chư Phật và không lìa chư Phật; lìa cõi nước Phật và không lìa cõi nước Phật; lìa pháp và chẳng lìa pháp…

Này thiện nam! Thực hành như vậy gọi là thuận đạo lý, là không nắm giữ những điều không đáng nắm giữ.

Bồ-tát Thiện Tư Duy khen:

– Hay thay Đại sĩ, hay thay Chánh sĩ! Ngài có khả năng nói Bát nhã Ba la mật sâu xa như vậy; không lấy, không chấp trước, không danh, không tự; diệt các hý luận, lìa chẳng thể phân biệt và đối tượng tư duy.

Khi ấy, trong chúng có một Thiên tử tên là Hiền Đức, đứng dậy sửa áo bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ bạch Phật rằng:

– Bạch Thế Tôn! Pháp không phân biệt như Thắng Thiên vương đã nói. Vậy pháp đó là pháp gì?

Phật bảo Thiên tử Hiền Đức:

– Pháp không phân biệt tức là vắng lặng. Vì sao? Vì lấy mà chẳng lấy; chẳng lìa ngã và ngã sở; không khởi động, không dừng nghĩ. Đó gọi là pháp không phân biệt.

Thiện nam tử! Đại Bồ-tát quán sát như vậy, mới có thể hộ trì chánh pháp, nhưng cũng không thấy mình hộ trì và pháp được hộ trì.

Khi Phật nói pháp này, trong chúng có mười ngàn Tỳ-kheo tâm được giải thoát. Một ngàn Thiên tử đạt được Pháp nhãn thanh tịnh, xa lìa trần cấu.

Bấy giờ, Bồ-tát Thiện Tư Duy thưa Thắng Thiên vương:

– Những biện tài gì mới có thể nói pháp sâu xa như vậy?

Thắng Thiên vương đáp:

– Thiện nam tử! Phải hoàn toàn không còn tập tánh phiền não, đạt được biện tài mới có thể nói như vậy; nó vượt qua ngôn ngữ, không thể bày tỏ Đệ nhất nghĩa trí; biện tài như vậy mới có thể nói được pháp sâu xa.

Bấy giờ, Bồ-tát Thiện Tư Duy hỏi Thiên tử Hiền Đức:

– Thiện nam tử! Thế nào là trong pháp vô sinh mới nói được biện tài?

Thiên tử Hiền Đức đáp:

– Nếu Đại Bồ-tát không trụ trong pháp không sinh, không diệt thì không có biện tài nói pháp sâu xa được. Vì sao? Vì phải xa lìa hý luận; không thấy đối tượng duyên và chủ thể duyên; tâm không có chỗ trụ trước thì mới có thể nói. Không trụ người, không trụ pháp, không trụ bên đây, bên kia mà chỉ trụ nơi thanh tịnh Đệ nhất nghĩa đế, cho nên mới có thể nói.

Bồ-tát Thiện Tư Duy bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thiên tử Hiền Đức thật là hiếm có, có khả năng thông đạt pháp sâu xa biện tài vô tận như vậy.

Phật dạy:

– Này thiện nam! Thiên tử Hiền Đức này từ thế giới Diệu hỷ là cõi nước của Đức Phật Bất Động, đến thế giới Ta-bà, để nghe giảng Bát nhã Ba la mật sâu xa đó.

Phật lại bảo Bồ-tát Thiện Tư Duy:

– Ở quá khứ vô lượng trăm ngàn ức kiếp, Thiên tử Hiền Đức đã tu tập môn Đà-la-ni, do đó trọn kiếp nói pháp cũng không hết được.

Bồ-tát Thiện Tư Duy bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Đà-la-ni là những pháp gì?

Phật dạy:

– Này thiện nam! Tên các pháp, không có pháp nào có thể nhập Đà-la-ni.

Thiện nam tử! Đà-la-ni này vượt qua các văn tự; lời nói không thể diễn tả hết được mà tâm cũng không thể suy lường; các pháp trong ngoài đều không nắm bắt được.

Thiện nam tử! Không có một pháp nhỏ nào có khả năng nhập được Đà-la-ni. Cho nên nói các pháp không thể nhập Đà-la-ni. Vì sao? Vì pháp này bình đẳng, không cao thấp, không ra vào, không có một văn tự nào đến từ bên ngoài mà vào được, cũng không có một văn tự nào từ pháp này ra, lại không có một văn tự nào trụ trong pháp này, cũng không có một văn tự nào làm cho ta thấy được Đàla-ni, cũng không phân biệt được pháp và phi pháp. Các văn tự đó, có nói nó cũng không giảm, không nói nó cũng không tăng, từ xưa đến nay không tạo ra mà cũng không hoại diệt.

Thiện nam tử! Như văn tự, thì tâm cũng vậy; giống như tâm, tất cả pháp cũng như vậy. Vì sao? Vì pháp lìa ngôn ngữ nói năng nên cũng lìa sự suy lường; vốn không sinh, diệt nên không ra vào. Đó gọi là các pháp không thể nhập Đà-la-ni. Nếu thông đạt được pháp môn này thì biện tài vô tận, vì sao? Vì khi thông đạt được pháp môn này rồi thì pháp nói không hết, không cùng tận.

Thiện nam tử! Người nào có thể nhập được hư không, thì mới có thể nhập được pháp môn Đà-la-ni này.

Thiện nam tử! Đại Bồ-tát có khả năng thông đạt được pháp môn Đà-la-ni này, nên thân, tâm, khẩu được thanh tịnh; hành động theo đạo lý, nên trí tuệ được kiên cố; tất cả chúng ma không thể não loạn; tất cả ngoại đạo không dám ngước nhìn; tất cả phiền não không thể phá hoại; sức khoẻ tráng kiện, tâm không khiếp nhược; nói pháp vô tận tuyên giảng tất cả Thánh đế sâu xa. Trí tuệ đa văn cũng như biển lớn, an trụ chánh định như núi Tu-di khiến chúng sinh không sợ, như sư tử vương, ví như hoa sen không nhiễm pháp đời, lợi ích chúng sinh như đại địa, rửa sạch nhơ bẩn như dòng nước lớn, dùng lửa lớn để thành tựu thế gian, làm đẹp lòng mọi người bằng sự bình đẳng mát mẻ như mặt trăng. Hay phá vỡ được tối tăm như ánh sáng mặt trời. Diệt hết phiền não oán hận mới gọi là sức mạnh. Chế ngự tâm tánh cũng như rồng lớn, có thể tạo ra sấm pháp vang động cả bầu trời và tuôn ra mưa pháp giống như trận mưa lớn; cũng như thầy thuốc trừ bệnh phiền não cho chúng sinh; như quốc vương dùng pháp trị đời; như Tứ Thiên vương hay bảo hộ chúng sinh và chánh pháp; như Đế Thích giàu sang nhất cõi trời, người; tâm được tự tại như Đại phạm vương làm chủ thế giới Ta-bà; thân được vô ngại như chim Ca-lầu-la; chỉ dạy chúng sinh như người cha ở đời; giống như vua Tỳ-sa-môn hay ban pháp báu và cho các báu. Đó là chỗ công đức trí tuệ trang nghiêm mà mỗi khi chúng sinh nhìn thấy, thảy đều lợi ích; là chỗ khen ngợi của chư Phật, Thế Tôn và tất cả chư Thiên hết lòng ủng hộ.

Thiện nam tử! Đại Bồ-tát đạt được các pháp không thể nhập Đà-la-ni này. Với nhiều tự tại sẽ làm lợi ích chúng sinh; phương tiện nói pháp không cùng tận; tâm không mỏi mệt, không cầu danh lợi; bố thí pháp bình đẳng không ghen ghét; giữ giới thanh tịnh thì thân, khẩu, ý không lỗi lầm; nhẫn nhục thanh tịnh xa rời các buồn giận; tinh tấn thanh tịnh sẽ làm xong được các việc; thiền định thanh tịnh thì khéo chế ngự được tâm; trí tuệ thanh tịnh thì không còn nghi ngờ vướng mắc, đủ bốn Vô lượng tâm cũng như Phạm vương; thực hành các chánh định, đẳng trì; tu đạo vô thượng thế gian không gì hơn; đủ các công đức trí tuệ, nhận địa vị Quán đảnh.

Khi Phật nói pháp môn Đà-la-ni này, trong chúng có sáu vạn bốn ngàn Bồ-tát đạt được quả vị không thoái chuyển. Ba vạn Bồ-tát đạt được Vô sinh pháp nhẫn. Hai vạn trời người được Pháp nhãn thanh tịnh, xa lìa trần cấu; vô lượng, vô biên trời, người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác.

QUYỂN 6
Phẩm 12: ĐÀ-LA-NI

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đứng dậy, sửa áo, bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thật là hiếm có! Điều mà Như Lai nói, Đại Bồ-tát đạt được các pháp không nhập Đà-la-ni này để thành tựu công đức vô lượng, vô biên.

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Này thiện nam! Công đức như thế, giả sử trăm ngàn năm, Như Lai có nói cũng không hết.

Khi ấy trong chúng có một Đại Bồ-tát tên Tịch Tịnh Ý thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Đại Bồ-tát được Đà-la-ni này, đó là chỗ mà chư Phật Thế Tôn khen ngợi, người này đã khéo được nhiều lợi ích đã hoàn tất cả việc độ mình và độ người.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Thiện nam tử! Trong Đệ nhất nghĩa không có pháp để khen không sắc, không tướng; đã không sắc tướng thì có gì để khen; không thể khen thì có gì mà vui.

Bồ-tát Tịch Tịnh Ý thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Như tôi nghe Phật dạy, trong Khế kinh, tất cả pháp không có ngã và ngã sở, không thể làm cho vui hay giận, vì thế Bồ-tát nên học pháp bình đẳng này.

Ví như đại địa ở trên nước, nếu đào ao giếng thì được nước dùng, còn không đào giếng thì không có nước. Như vậy cảnh giới của Thánh trí trùm khắp tất cả pháp, nếu siêng tu trí tuệ phương tiện thì liền được pháp bình đẳng, còn ngược lại không tu thì làm sao có được. Do đó Bồ-tát muốn cầu giác ngộ, thì không được lười biếng. Nếu siêng năng tinh tấn tu hành như vậy, thì pháp ấy sẽ hiển hiện.

Thiện nam tử! Nếu người mới sinh ra đã mù, thì không thể thấy sắc; cũng vậy, phiền não làm mù mắt chúng sinh nên không thể thấy pháp. Như người có mắt, nếu không có ánh sáng bên ngoài, thì không thể thấy sắc; cũng vậy, người tu hành tuy có trí tuệ nhưng không có bạn lành thì không thể thấy pháp; như có Thiên nhãn, thì không cần nhờ ánh sáng bên ngoài cũng có thể thấy sắc. Như vậy Đại Bồ-tát thể nhập pháp lưu thì tự nhiên thắng tấn. Như hài nhi ở trong thai, không tự thấy mình lớn thêm mỗi ngày; cũng vậy, Đại Bồ-tát siêng năng tinh tấn tu hành không tự thấy các hạnh của mình tăng trưởng mà có thể thành tựu tất cả Phật pháp. Ví như núi tuyết, có cây thuốc chúa, luôn luôn không bị khô gãy, Đại Bồ-tát luôn siêng năng, tinh tấn, tu hành thì tất cả các hạnh không tổn thất, không thoái lui.

Ví như Chuyển luân thánh vương xuất hiện ở đời thì đủ bảy báu; Đại Bồ-tát phát tâm Bồ-đề cũng đủ bảy báu: Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ và sức phương tiện. Như Chuyển luân thánh vương dạo chơi bốn thiên hạ, tâm của Ngài luôn bình đẳng đối với mọi chúng sinh; cũng vậy, Đại Bồ-tát dùng bốn Nhiếp pháp làm lợi ích tất cả chúng sinh cũng như vậy. Như Chuyển luân thánh vương đến đâu thì không có tranh tụng; cũng vậy, Đại Bồ-tát thuyết pháp như thật không còn có tranh luận.

Ví như tam thiên đại thiên thế giới mới hình thành, liền có núi chúa Tu-di và biển lớn; Bồ-tát cũng vậy, nếu phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác thì liền có trí tuệ và đại Bi.

Ví như mặt trời xuất hiện thì những ngọn núi cao có ánh sáng trước; Đại Bồ-tát được ngọn đuốc trí tuệ thì Bồ-tát nào có đạo hạnh cao quý, thiện căn thần thục sẽ được chiếu ánh sáng trước.

Ví như mặt đất rộng lớn, gánh vác tất cả hoa quả cây cỏ thảo dược một cách bình đẳng. Đại Bồ-tát được Đà-la-ni thì luôn có tâm bình đẳng đối với chúng sinh.

Thế Tôn khen Đại Bồ-tát Tịch Tịnh Ý:

– Thiện nam tử! Như lời ông nói, Đại Bồ-tát được môn Đà-la-ni này dù có nói một lời, một câu nào, cũng không trái với lời Phật.

Thiện nam tử! Lời thuyết pháp này đều lìa sắc, thanh, hương, vị, xúc. Vì sao? Vì chẳng phải là pháp thế gian, nên nói đến vô tận, vô biên cũng làm cho tất cả thân tâm con người được nhẹ nhàng lợi ích. Giả sử có đối trước trăm ngàn Đức Phật mà nói, cũng không khiếp sợ. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này được sức hộ trì của Phật, nên tâm không chấp trước, không chấp ngã, không chấp chúng sinh, không chấp pháp nên được pháp giới thanh tịnh, Như Lai thanh tịnh, thật tế thanh tịnh, được pháp vô tận, tự vô tận, thuyết vô tận liền sinh vui mừng. Do được trí tuệ nên hiểu biết đúng đắn và không còn bị nghi ngờ bao vây.

Khi Phật nói pháp môn Đà-la-ni này, trong chúng có tám ngàn Bồ-tát đạt được các pháp không thể nhập Đà-la-ni này. Một vạn hai ngàn Bồ-tát đạt được quả vị không thoái chuyển. Năm ngàn Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn. Một vạn sáu ngàn Thiên tử được Pháp nhãn thanh tịnh, xa lìa trần cấu. Có vô lượng, vô biên chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác.

Thế Tôn bảo Bồ-tát Tịch Tịnh Ý:

– Đà-la-ni này có thể điều phục các ma; phá trừ các ngoại đạo và những người không ưa thích chánh pháp; diệt lửa phiền não, thắp sáng ngọn đèn trí tuệ, ủng hộ Pháp sư, làm cho đạt đến Niếtbàn; điều phục tự tâm, khéo giáo hóa mọi người, thân tướng oai nghi đẹp đẽ, ai thấy cũng hoan hỷ; làm người chánh hạnh, nói pháp bình đẳng, quán sát căn tánh chúng sinh như thật, chẳng trước, chẳng sau.

Khi Phật nói pháp này, tam thiên đại thiên thế giới, các núi Tudi và biển lớn đều chấn động, từ các cõi trời hoa rải như mưa, nào Hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la, hao Mạn-thù-sa, hoa Ma-ha mạn-thù-sa, hoa Ưu-bát-la, hao Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lợi, hoa Ca-ma-la. Các tiếng âm nhạc cõi trời không đánh không gảy tự nhiên kêu vang.

Thế Tôn bảo Bồ-tát Tịch Tịnh Ý:

– Này thiện nam! Vào đời quá khứ, cách đây vô lượng, vô biên vô số kiếp, không đếm được, có Đức Phật ra đời hiệu là Bảo Nguyệt Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Nước tên Vô hủy, kiếp tên Hoan hỷ. Đệ tử Thanh văn hơn ba mươi ức, còn Đại Bồ-tát thì không đếm được số lượng. Phật Bảo Nguyệt thành đạo không có khổ hạnh và hàng phục Thiên ma. Trong chúng đệ tử có một Bồ-tát tên là Bảo Công Đức, biện tài khéo léo nói được tất cả pháp.

Khi ấy, đại chúng thỉnh Phật ở đời chớ nên vào Niết-bàn.

Bồ-tát Bảo Công Đức nói với đại chúng:

– Như Lai Thế Tôn không sinh, không diệt, cần gì khuyến thỉnh Ngài chớ nên vào Niết-bàn. Nếu như hư không vào Niết-bàn thì Như Lai mới vào Niết-bàn; nếu pháp giới, thật tế, chân như; pháp giới chẳng nghĩ bàn vào Niết-bàn thì Như Lai mới vào Niết-bàn. Vì sao? Vì pháp Như Lai không có thành tựu, không hoại diệt, không nhiễm, không tịnh; chẳng phải thế gian hoặc xuất thế gian, hữu vi hoặc vô vi; chẳng đoạn, chẳng thường. Giả sử một cái miệng có mười lưỡi, mỗi một lưỡi lại sinh ra trăm cái lưỡi, mỗi một cái lưỡi này lại sinh ra ngàn cái lưỡi nữa thì cũng không thể nói hết sự thành hoại của Như Lai.

Khi Bồ-tát Bảo Công Đức nói pháp này; có tám vạn sáu ngàn Bồ-tát đạt được quả vị không thoái chuyển. Bảy ngàn Bồ-tát được vô biên Công đức đà-la-ni, Duyệt ý đà-la-ni, Vô ngại đà-la-ni, Hoan hỷ đà-la-ni, Đại bi đà-la-ni, Nguyệt ái đà-la-ni, Nguyệt quang đà-la-ni, Nhật ái đà-la-ni, Nhật quang đà-la-ni, Núi tu-di đà-la-ni, Biển lớn đà-la-ni, Đức vương đà-la-ni. Ba vạn sáu ngàn trời, người được Pháp nhãn thanh tịnh, xa lìa trần cấu.

Phật bảo Bồ-tát Tịch Tịnh Ý:

– Bồ-tát Bảo Công Đức đâu phải người nào khác chính là ông đó. Do nhân duyên này ông mới có thể nói pháp môn Đà-la-ni này.

Khi ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói kệ:

Tổng trì như thuốc hay
Khéo chữa bệnh ngu si
Cũng như vị cam lồ
Uống vào sẽ sống mãi.

Bồ-tát Công Đức Hoa Vương nói kệ:

Tổng trì không văn tự
Văn tự rõ tổng trì
Sức đại Bi trí tuệ
Lìa ngôn ngữ văn tự.

Bấy giờ, San-đâu-suất-đà Thiên vương đứng dậy, sửa áo bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Chư Phật Như Lai không thể nghĩ bàn; pháp chư Phật nói ra cũng không thể nghĩ bàn; chỗ thực hành và giảng nói của các Đại Bồ-tát cũng không thể nghĩ bàn. Đời trước, chúng con cùng chư Thiên, nhờ có thiện căn sâu dày nên gặp Như Lai, nghe nói pháp này. Nói xong liền đem tất cả hương hoa quý báu ở cõi trời, cúng dường Phật Như Lai.

Thế Tôn bảo San-đâu-suất-đà vương:

– Này đại vương! Ai muốn cúng dường Phật Như Lai thì phải tu ba pháp. Đó là:

1- Phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác.

2- Hộ trì chánh pháp.

3- Tu hành đúng pháp.

Này đại vương! Người nào tu hành ba pháp này chính là cúng dường Như Lai.

Này đại vương! Giả sử Như Lai sống ở đời một kiếp, mà nói phước báu cúng dường này cũng không hết được, vì thế Đại vương muốn cúng dường Như Lai thì phải đủ ba pháp này mới gọi là cúng dường.

Đại vương! Nếu có người nào hộ trì một bài kệ bốn câu của Như Lai thì người ấy ủng hộ Vô thượng Bồ-đề của chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai. Vì sao? Vì chư Phật Như Lai đều từ pháp sinh, người cúng dường pháp mới gọi là chân cúng dường, cúng dường pháp là cao tột đệ nhất, trong các pháp cúng dường, tất cả của báu không thể sánh kịp.

Thế Tôn bảo San-đâu-suất-đà vương:

–Ta nhớ lại thời quá khứ, cách đây vô lượng, vô biên, vô số atăng-kỳ kiếp, khi còn thực hành đạo Bồ-tát, ta nghe chư Thiên trong hư không nói kệ:

Trời, người xa lìa Đại bảo tạng
Sẽ bị vua giặc nước, lửa cướp
Trăm ngàn vạn kiếp pháp khó nghe
Nghe rồi không giữ, không giảng nói
Tâm đạo làm gốc dạy chúng sinh
Như thật tu hành, tâm vắng lặng
Lợi mình, lợi người, tâm bình đẳng
Tu hành như vậy; cúng dường Phật.

Đại vương! Khi xưa ta vừa nghe kệ này rồi, liền nói cho người khác, có tám ngàn người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác. Vì thế Đại vương nên xem pháp cúng dường là cao tột đệ nhất. Vì sao? Vì tất cả chư Phật đều từ pháp sinh.

QUYỂN 7
Phẩm 13: KHUYẾN GIỚI

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi từ nơi tòa đứng dậy, sửa áo, bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ, bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật của Như Lai nói rất sâu xa, nhưng trong đời mạt thế ở tương lai, chúng sinh có thể tin nhận chăng? Nếu thiện nam hay thiện nữ nghe kinh này sinh lòng tin, không hủy báng thì họ được thành tựu công đức gì?

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Đời mạt thế ở tương lai, có thiện nam hay thiện nữ nào, ở nơi vô lượng Đức Phật, tu hành giữ giới thanh tịnh, thiền định, trí tuệ thì đó là đệ tử chân chánh của Phật, có thể tin vào kinh này, công đức đạt được không thể tính kể. Pháp thiện tối thắng điều từ trí tuệ sinh, nên để tâm thanh tịnh mà tin nhận; nay ta vì ông dùng ví dụ lược nói.

Này Văn-thù-sư-lợi! Cõi Diêm-phù-đề, chu vi bảy ngàn do-tuần; phía Bắc rộng; phía Nam hẹp; trong cõi ấy, mặt người giống như hình thế đất, trong cõi Diêm-phù-đề khắp nơi đầy đủ các bậc như: Tu-đàhoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán và Bích-chi-phật; dày kín như rừng trúc, mía, lau; trong đó không để có một khoảng trống nhỏ nào; nếu có thiện nam hay thiện nữ đem bốn sự cúng dường trọn đời mình cho các vị Thánh nhân ấy, hoặc đem bảy báu chứa đầy cõi Diêm-phùđề, cao đến trời Phạm thiên, để cúng dường đầy đủ cho tất cả Thánh nhân ấy; thiện nam hay thiện nữ đó trọn đời cúng dường như vậy suốt hơn ba mươi năm ngày đêm không gián đoạn.

Văn-thù-sư-lợi! Ý ông nghĩ sao? Người đó do sự việc ấy, công đức nhiều chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Nếu thiện nam hay thiện nữ, không hủy báng kinh này thì công đức hơn công đức cúng dường bảy báu trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn vạn phần cho đến tính đếm ví dụ cũng không sao sánh bằng.

Văn-thù-sư-lợi! Cõi Cù-da-ni chu vi tám ngàn do-tuần, hình bán nguyệt, mặt người cũng vậy; trong cõi ấy, khắp nơi đầy đủ các bậc như: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán và Bích-chiphật dày kín như rừng trúc, mía, lau; trong đó không còn có một chỗ trống nhỏ nào.

Nếu thiện nam hay thiện nữ đem tứ sự cúng dường trọn đời mình cho các vị Thánh ấy; cho đến khi Niết-bàn rồi xây tháp thờ xálợi; hoặc đem bảy báu chứa đầy cõi này, cao đến tận Phạm thiên để cúng dường đầy đủ cho tất cả Thánh nhân ấy; thiện nam hay thiện nữ này cúng dường như vậy trọn đời, suốt hơn ba mươi năm ngày đêm không gián đoạn, không dừng nghỉ.

Văn-thù-sư-lợi! Ý ông nghĩ sao? Người đó, do sự việc ấy, được phước nhiều chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bach Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Nếu thiện nam hay thiện nữ tin kinh này; thì công đức hơn phước cúng dường bảy báu trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn vạn phần, cho đến tính đếm ví dụ cũng không sao sánh bằng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Cõi Phất-vu-đãi, chu vi chín ngàn do-tuần, hình trăng tròn, mặt người cũng vậy; trong cõi này khắp nơi đầy đủ các bậc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán và Bích-chiphật dày kín như rừng trúc, mía, lau; trong đó không còn có một chỗ trống nhỏ nào. Nếu thiện nam hay thiện nữ đem bốn sự cúng dường trọn đời mình cho các vị Thánh ấy; hoặc đem bảy báu chứa đầy cõi đó, cao đến tận Phạm thiên để cúng dường đầy đủ cho tất cả Thánh nhân ấy; thiện nam hay thiện nữ này, cúng dường như vậy trọn đời, suốt hơn ba mươi năm ngày đêm không gián đoạn.

Văn-thù-sư-lợi! Ý ông nghĩ sao? Người đó, do sự việc ấy, được phước nhiều chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Này Văn-thù-sư-lợi! Cõi Uất-đơn-việt chu vi mười ngàn dotuần, hình vuông, mặt người cũng vậy; trong cõi ấy khắp nơi đầy đủ các bậc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán và Bích-chiphật dày kín như rừng trúc, mía, lau; trong đó không còn có một chỗ trống nhỏ nào. Nếu thiện nam hay thiện nữ đem bốn sự cúng dường trọn đời mình cho các vị Thánh ấy; hoặc đem bảy báu chứa đầy cõi đó, cao đến tận Phạm thiên để được cúng dường đầy đủ cho tất cả Thánh nhân ấy; thiện nam hay thiện nữ này, cúng dường như vậy trọn đời, suốt hơn ba mươi năm ngày đêm không gián đoạn.

Văn-thù-sư-lợi! Ý ông nghĩ sao? Người đó, do sự việc ấy, được phước nhiều chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Nếu thiện nam hay thiện nữ, thọ trì, gìn giữ, đọc tụng kinh này thì công đức hơn phước cúng dường bảy báu trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn vạn phần, cho đến tính đếm ví dụ cũng không sao sánh bằng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Thế giới Ta-bà nhiều như vi trần, thì Thánh nhân cũng nhiều như vậy. Nếu có thiện nam hay thiện nữ, đem bốn sự cúng dường trọn đời mình cho các vị Thánh ấy; hoặc đem bảy báu chứa đầy cõi tam thiên đại thiên thế giới đó, cao đến tận cõi trời Sắc cứu cánh, để được cúng dường đầy đủ cho tất cả Thánh nhân ấy. Thiện nam hay thiện nữ này trọn đời cúng dường như vậy.

Văn-thù-sư-lợi! Ý ông nghĩ sao? Công đức có nhiều chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Phước đức trước đã nói không thể nghĩ bàn, huống là công đức này.

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

– Nếu có thiện nam hay thiện nữ nào, đem kinh này nói cho người khác, thì công đức này hơn công đức cúng dường bảy báu trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn vạn phần cho đến tính đếm ví dụ cũng không sao sánh bằng.

Văn-thù-sư-lợi! Nếu không đem công đức này, hồi hướng quả vị Vô thượng Chánh đẳng giác, thì sẽ làm vua cõi trời Tha hóa tự tại vi trần số kiếp; kế đến làm vua cõi trời Hóa lạc vô số kiếp; làm vua cõi trời Đâu-suất vô số kiếp; làm vua cõi trời Dạ-ma vô số kiếp; làm vua cõi trời Đế Thích vô số kiếp, hướng là Chuyển luân thánh vương. Nếu đem hồi hướng Nhất thiết trí thì có thể thành tựu được Bát nhã Ba la mật Vô thượng Chánh đẳng giác.

Văn-thù-sư-lợi! Trong cõi Diêm-phù-đề, khắp nơi đầy cả các bậc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán và Bích-chi-phật; dày kín như rừng trúc, mía, lau. Nếu có người ác nào giết hết số Hiền thánh ấy, Văn-thù-sư-lợi, ý ông nghĩ sao? Người gây ra sự việc này, bị tội nhiều không?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Giết một Thánh nhân còn đọa trong A-tỳ địa ngục trọn kiếp huống gì đến như vậy. Tội có nhiều không thể tính kể!

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Có người nào hủy báng kinh này, thì tội ấy còn nhiều hơn tội giết hại Thánh nhân trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn vạn phần cho đến tính đếm ví dụ cũng không sao sánh bằng.

Văn-thù-sư-lợi! Trong Cù-đa-ni khắp nơi đầy cả các bậc: Tuđà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán và Bích-chi-phật, dày kín như rừng trúc, mía, lau. Nếu có người ác giết hại tất cả. Văn-thù-sulợi! Ý ông nghĩ sao? Người ác đó, do sự việc này bị tội nhiều không?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Tội này không thể nghe, không thể nghe! Người này không có kỳ hạn ra khỏi A-tỳ địa ngục.

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Có người nào không tin kinh này, tội đó còn nhiều hơn tội giết hại Thánh nhân trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn vạn phần, cho đến tính đếm ví dụ cũng không sao sánh bằng.

Văn-thù-sư-lợi! Nếu thiên hạ khắp bốn châu đều như bụi trần và chư Phật Như Lai nhiều như số bụi ấy; có người ác nào giết hại và cướp đoạt hai loại tài sản là: Diệt pháp tài và Phá thế tài.

Văn-thù-sư-lợi! Ý ông nghĩ sao? Người này bị tội nhiều không?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Tội này không thể nghe, không thể tính kể, không thể nghĩ lường.

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Nếu lại có người không tin kinh này; hủy báng và làm chướng ngại, thì tội đó còn nhiều hơn tội đoạt hai loại tài sản trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn vạn phần, cho đến tính đếm ví dụ cũng không sao sánh bằng. Giả sử tất cả chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới, đều thành Vô thượng Chánh đẳng giác rồi mà người ác này cũng chưa ra khỏi được địa ngục A-tỳ.

Văn-thù-sư-lợi! Người ác như vậy, thì không một cảnh giới địa ngục A-tỳ nào mà không đọa vào, huống là cảnh giới khác như: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Vì sao? Vì hủy hoại mẹ sinh ra ba đời chư Phật. Giả sử trải qua kiếp số như vị trần ở trước được ra khỏi ba đường ác; nếu sinh trong loài người thì mắc phải bệnh, thân tâm bị tật nguyền, cũng phải trải qua nhiều kiếp như bụi; kế đến mắc phải quả báo không lưỡi hoặc không tay cũng nhiều kiếp như vậy.

Văn-thù-sư-lợi! Nếu ta sống ở đời một kiếp hoặc ít hơn một kiếp, dùng thần lực của Phật để nói tội báo của người tạo ác này thì không sao hết được.

Văn-thù-sư-lợi! Nếu mong cầu sự an vui cho đời hiện tại và vị lai, thì không nên hủy báng; không tin và làm những điều chướng ngại lớn đối với kinh này.

QUYỂN 7
Phẩm 14: NÓI VỀ HAI HẠNH

Bấy giờ, Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật, cần phải thành tựu phần trước và sau của Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát có hai hạnh: Thành tựu Bát nhã Ba la mật và giáo hóa chúng sinh.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát giáo hóa chúng sinh như thế nào?

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Từ khi mới được Bát-nhã cho đến sau cùng, phải lìa công dụng của tâm mà nói pháp không cùng tận, trong khoảng giữa ấy không bị gián đoạn; làm cho các chúng sinh thoát khỏi quả báo đường ác trong ba cõi, tạo an vui cho các chúng sinh, khiến họ trụ đường lành và được ba quả Thánh.

Văn-thù-sư-lợi! Đó gọi là Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật, giáo hóa chúng sinh.

Văn-thù-sư-lợi! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật thành tựu vô vi, vô biên. Đó gọi là tự hành của Đại Bồ-tát. Vì sao? Vì đã thành tựu được tất cả công đức.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Những pháp nào cùng với Bát nhã Ba la mật và Đại Bồ-tát tương ưng?

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Chỉ có Nhất thiết chủng trí là pháp chân thật, xa lìa sự suy nghĩ so lường; nó vi diệu, không tướng, đạo lý sâu xa, không thể thấy được và khó thông đạt. Nó thường trụ, vắng lặng, trong mát và cùng khắp; không phân biệt, không chấp trước, không chướng ngại; chỉ thuận theo đạo lý mà không chấp thủ. Rất vắng, rất lặng, trong tất cả pháp, nó là vô thượng không gì sánh bằng.

Văn-thù-sư-lợi! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật sẽ cùng Nhất thiết trí tương ưng.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật trong cảnh giới như thế nào?

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật trong cảnh giới sâu xa, cảnh giới rộng lớn và cảnh giới công đức.

Văn-thù-sư-lợi! **Cảnh giới sâu xa** ấy thể của nó là vô vi, không thể cùng rời xa, không chấp hai bên, nó vượt qua các chướng ngại, tự tánh thanh tịnh, không thể đếm biết, không thể nghĩ lường, không cùng chung với hàng Thanh văn và Bích-chi-phật.

Văn-thù-sư-lợi! **Cảnh giới rộng lớn** của Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba la mật là tất cả công đức của chư Phật Như Lai đều lấy hai pháp Bát nhã Ba la mật và Ma-ha ca-lâu-na làm thể. Nó lìa tướng phân biệt và dùng tâm vô công dụng để làm lợi ích chúng sinh đều tương xứng với ý kia không lúc nào rời nhau.

Văn-thù-sư-lợi! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật tương ứng với **tất cả công đức**; ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, với sức oai thần của Phật và có thể hiện ra tất cả hình tướng, tùy theo sự ưa muốn của mỗi căn tánh chúng sinh; hoặc hiện lên cõi trời Đâu suất; hoặc từ cõi trời Đâu-suất xuống; hoặc hiện vào thai; hoặc hiện lúc mới sinh; hoặc hiện đồng tử; hoặc hiện dạo chơi nơi vườn; hoặc hiện xuất gia; hoặc hiện khổ hạnh; hoặc đến cây Bồ-đề; hoặc hiện thành Phật; hoặc hiện Chuyển pháp luân; hoặc hiện Niết-bàn. Thị hiện tất cả như vậy là để đoạn trừ sinh tử cho chúng sinh.

Văn-thù-sư-lợi! Đó gọi là cảnh giới của Đại Bồ-tát hành Bát nhã ba-la-mật.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, thật hiếm có! Bát nhã Ba la mật sâu xa như vậy thì cảnh giới chư Phật là không thể nghĩ bàn.

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Đúng như vậy, đúng như vậy, như lời ông nói! Bát nhã Ba la mật là pháp bất cộng, không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì chẳng phải là cảnh giới của tất cả phàm phu, Thanh văn, Duyên giác nên không thể thông đạt được; trừ Phật Như Lai ra, không ai có thể đạt được. Vì sao? Vì nghĩa lý như như, sâu xa, tự tại, không động; thuộc về cảnh giới vô lậu mà giáo hóa chúng sinh lợi ích viên mãn. Do đó gọi là cảnh giới của chư Phật, nó vượt qua các ngôn ngữ thuộc về Đệ nhất nghĩa, không có giác quán phân biệt, suy lường và không còn các thí dụ, nó đứng đầu trong tất cả các pháp, không trụ sinh tử, cũng không trụ Niết-bàn.

Văn-thù-sư-lợi! Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật có năm việc không thể nghĩ bàn:

1- Tự tánh.

2- Phương xứ.

3- Trụ.

4- Nhất dị.

5- Lợi ích.

Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là **tự tánh không thể nghĩ bàn**?

Sắc tức là như, tìm cầu, không thể được; lìa sắc tìm cầu như cũng không thể được; thọ, tưởng, hành, thức, cũng lại như vậy. Địa đại tức là như, tìm cầu, không thể được; lìa địa đại tìm cầu như, cũng không thể được, tất cả thủy đại, hỏa đại, phong đại cũng đều như vậy.

Nhãn nhập tức như, cầu là không thể được; lìa nhãn tìm cầu như cũng không thể được. Tất cả nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng đều như vậy.

Pháp có là như mà cầu, không thể được. Pháp không là như cũng không thể được; hoặc ở cõi Dục không thể nghĩ bàn, hoặc lìa cõi Dục cũng không thể nghĩ bàn; cõi Sắc và Vô sắc cũng như vậy. Hoặc ở phương Đông không thể nghĩ bàn, hoặc rời phương Đông cũng không thể nghĩ bàn; các phương Tây, Nam, Bắc, bốn góc trên dưới cũng vậy. Trụ nơi an lạc không thể nghĩ bàn; trụ nơi vắng lặng không thể nghĩ bàn; tâm trụ ở có không thể nghĩ bàn; tâm trụ ở không không thể nghĩ bàn. Ba đời Như Lai đều đồng ở một chỗ tự tánh thanh tịnh, pháp giới vô lậu; hoặc một hoặc khác không thể nghĩ bàn. Thần lực trí tuệ đồng một pháp giới; phương tiện và trí tuệ cả hai đều bình đẳng, có thể vì lợi ích vô lượng chúng sinh, phải vượt qua cảnh giới ngôn ngữ, không thể nói năng, mà tùy thuận cho căn tánh chúng sinh, nên nói tất cả và thị hiện tất cả; ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp cũng tùy ý chúng sinh mà hiện ra như vậy.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Những gì là ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp?

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Tướng tốt của Như Lai rất nhiều, nói không thể hết; nhưng tùy thuận pháp thế gian mà lược nói là ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp:

1- Lòng bàn chân bằng phẳng.

2- Tướng đi ngay thẳng.

3- Chỉ dưới bàn chân có xoáy tròn như hình bánh xe có ngàn nan hoa.

4- Ngón tay khít thon dài, mềm mại, thẳng, không lộ xương.

5- Thân hình to lớn cân đối.

6- Kẻ ngón tay, ngón chân có màn da mỏng như ngỗng chúa.

7- Lòng bàn tay như màu hoa sen hồng.

8- Xương mắc cá không lộ.

9- Bắp chân như đùi nai chúa.

10- Thân mềm mại ngay thẳng.

11- Mã âm tàng.

12- Thân hình đầy đặn như cây Ni-câu-lô-đà.

13- Lông trên mình xoắn về bên phải.

14- Một sợi lông của mỗi chân lông trơn mướt bụi không thể dính.

15- Thân màu sắc vàng.

16- Quanh mình thường có hào quang chiếu ra một trượng.

17- Bảy chỗ đầy đặn.

18- Ngực như ngực sư tử.

19- Dưới nách của hai cánh tay đầy đặn.
20- Hai tay tròn thẳng như vòi con voi chúa và dài quá đầu gối.
21- Bốn mươi cái răng đều khít nhau và trắng như ngọc tuyết.
22- Bốn răng cửa giống như trăng non.
23- Trán như trán sư tử.
24- Đầu tròn trịa.
25- Cổ họng đầy đủ ngàn mạch.
26- Lòng ngực rắn chắc như Na-la-diên.
27- Có nhục kế nổi lên tự nhiên trên đỉnh đầu.
28- Lưỡi dài và rộng như cánh sen.
29- Giọng nói vang rền như tiếng trống trời Phạm thiên.
30- Mắt xanh biếc như hoa Ưu-bát-la.
31- Lông mi xanh xám như ngưu vương.
32- Có sợi lông trắng giữa hai chặng mày.

Văn-thù-sư-lợi! Đây là ba mươi hai tướng, Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba la mật đều có thể thành tựu công đức như vậy.

Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là tám mươi vẻ đẹp?

1- Đỉnh đầu không thấy được.
2- Xương đầu vững chắc.
3- Trán rộng bằng phẳng.
4- Lông mi dài cong như trăng non, xanh biếc như ngọc lưu ly.
5- Mắt rộng dài.
6- Mũi cao tròn thẳng và kín đáo.
7- Tai dài rộng, trái tay như bánh xe.
8- Thân rắn chắc như Na-la-diên.
9- Thân không thể hoại.
10- Các chi tiết trên thân khít nhau.
11- Khi xoay mình nhìn lại cũng như voi chúa.
12- Thân có hào quang.
13- Thân điều hòa, ngay thẳng.
14- Trẻ mãi không già.
15- Thân thường tươi nhuận.
16- Tự bảo vệ thân không nhờ người khác.
17- Thân thể đầy đủ.
18- Các giác quan đầy đủ.
19- Dung nghi đầy đủ.
20- Oai đức vang xa.
21- Mọi người đều thích hướng đến.
22- Trụ xứ yên ổn không động.
23- Khuôn mặt đầy đặn.
24- Mặt rộng và bằng phẳng.
25- Mặt đầy đặn và sáng như vầng trăng tròn.
26- Không tiều tụy.

27- Đi đứng oai vệ như voi chúa.
28- Phong thái như sư tử chúa.
29- Tướng đi như ngỗng chúa.
30- Đầu như quả Ma-đà-na.
31- Sắc thân tươi sáng.
32- Mu bàn chân đầy đặn.
33- Móng tay, móng chân như màu hồng đỏ.
34- Lúc đi ấn văn hiện lên đất.
35- Đường chỉ trong lòng bàn tay xinh đẹp.
36- Đường chỉ văn rõ ràng không mất.
37- Chỉ tay rõ thẳng.
38- Chỉ tay dài.
39- Chỉ tay không bị đứt đoạn.
40- Tay chân vừa ý.
41- Tay chân màu trắng, hồng như màu hoa sen hồng.
42- Tướng khổng môn đầy đủ.
43- Dáng đi nhanh nhẹn.
44- Đi đứng không vội.
45- Đi đứng thong thả.
46- Rốn sâu và tròn đẹp xoay về phía bên phải như rắn cuộn tròn.
47- Lông màu xanh hồng như cổ khổng tước.
48- Lông mềm mại sạch sẽ.
49- Lông trên thân xoay về phía phải.
50- Miệng tỏa mùi thơm, lỗ chân lông cũng vậy.
51- Môi đỏ như quả Tần-bà.
52- Hai môi bóng láng đều nhau.
53- Lưỡi mỏng.
54- Tất cả chúng sinh thấy đều ưa chiêm ngưỡng.
55- Nói năng hòa nhã, vui vẻ tùy theo ý thích chúng sinh.
56- Bất cứ nơi nào cũng đều nói điều thiện.
57- Gặp họ chào trước.
58- Âm thanh hòa nhã, tùy sự ưa thích của chúng sinh.
59- Tùy theo ngôn ngữ của mỗi chúng sinh mà nói pháp.
60- Thuyết pháp chẳng chấp trước.
61- Coi chúng sinh bình đẳng,
62- Xem trước làm sau.
63- Pháp âm khế hợp với mỗi chúng sinh.
64- Trình tự thuyết pháp theo nhân duyên.
65- Không có chúng sinh nào nhìn thấy hết được tướng Phật.
66- Chiêm ngưỡng mãi không chán.
67- Đầy đủ tất cả âm thanh.
68- Hiện rõ sắc lành.

69- Người cương cường trông thấy đều cảm phục và người có tâm hoảng sợ trông thấy liền được an ổn.

70- Tiếng nói rõ ràng trong trẻo.

71- Thân chẳng nghiêng ngã.

72- Thân to lớn.

73- Thân cao ráo.

74- Thân không dơ bẩn.

75- Xung quanh có hào quang rộng một trượng.

76- Khi đi có hào quang chiếu trên thân.

77- Thân thanh tịnh.

78- Thân thể sáng và tươi nhuận như ngọc xanh.

79- Tay chân tròn trịa.

80- Tay chân có chữ đức.

QUYỂN 7
Phẩm 15: TÁN THÁN

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đứng dậy, sửa áo, bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Công đức của Như Lai ít có ai sánh bằng và không thể nghĩ bàn, ba đời chư Phật cũng như vậy không khác. Nếu có chúng sinh nào, thấy hoặc nghe công đức của Như Lai thì những chúng sinh đó cũng không thể nghĩ bàn. Ngày nay, chúng con thấy Thế Tôn chuyển pháp luân lớn, nên vui mừng hớn hở chưa từng có.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền bay lên hư không cao bằng bảy cây Đa-la, chắp tay khen rằng:

Trong các chúng sinh
Phật là tối thượng
Không ai bằng Ngài
Sao có người hơn.

Người pháp đều không Lý không sánh bằng Chỉ Phật Như Lai Hơn là hơn hết.

Tập khí phiền nã
Diệt hết không còn
Đối với các pháp
Đều biết rõ ràng.
Hoặc hiểu hay nói
Đều không bằng Phật
Đại thiên thế giới
Chỉ Phật độc tôn
Mười Lực, Vô úy
Quyết định không sai.
Đế Thích, Phạm thiên

Cũng theo không kịp
Ân đức, Thế Tôn
Đối với chúng sinh
Không thể tính được.
Không ai bì kịp
Vô thượng thiện xảo
Với các phương tiện
Làm cho chúng sinh
Đạt được lợi ích.

Bấy giờ, trong đại chúng có một Thiên tử, tên Tô-lầu-ba (dịch là Diệu Sắc) từ nơi tòa đứng dậy, sửa áo, bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ, nói kệ khen ngợi:

Trong đời ai nói được như Phật
Lời nói như vậy thật lỗi lầm,
Nếu nói Bậc Pháp Vương vô thượng
Là lời nói thật không hư vọng;
Nếu chúng trời, người vấn nạn Phật
Không ai bắt bẻ được Thầy ta
Phật chế phục ma và ngoại đạo
Dẫn dắt thế gian đến giải thoát,
Thanh tịnh biện tài nói không cùng
Thuốc cam lồ cứu giúp chúng sinh,
Quán khắp các pháp, trí không ngại
Trong tất cả niệm, không thoái mất.
Đại Bi bình đẳng quán chúng sinh
Tâm luôn thanh tịnh không nhiễm đời
Khéo hay biết rõ căn tánh dục
Theo chỗ thích nghe mà giảng nói,
Nhiều loại phiền não chẳng phải một
Chỉ bày, nhiều pháp môn đối trị
Khéo nói nhân duyên không ai bằng
Chuyên làm lợi ích cho chúng sinh.
Gặp Phật, nghe pháp, không đắc đạo
Những chúng sinh đó rất khó độ
Đại danh Như Lai, nên ngưỡng mong
Gặp được Như Lai lợi vô cùng.
Trí Phật hay khiến tâm thanh tịnh
Đã nghe chánh pháp, vượt sinh tử
Nghe danh hiệu Phật rất an lành
Nhớ nghĩ Thế Tôn thường vui vẻ.
Phát tâm gặp Phật sinh tuệ giải

Siêng tu đúng pháp thành Chủng trí
Giới phẩm thanh tịnh không cấu uế
Thiền định đệ nhất tâm sáng suốt,
Trí tuệ tối thắng không lay động
Biển pháp thanh tịnh như cam lồ.
Tất cả chúng sinh ưa phóng dật
Chư Phật Như Lai vượt thế gian
Thương các chúng sinh như con một
Ân đức sâu dày khó báo đền.
Trước nói pháp, phá giặc kết sử
Lại đẩy lùi huyễn hóa ma quân
Thế Tôn đã nói lỗi ba cõi
Chỉ rõ Niết-bàn, đức vô lượng.

Khi ấy, trong chúng có một Thiên tử tên Tô-na-ma (dịch là Thiện Danh) từ nơi tòa đứng dậy, sửa áo, bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ, nói kệ khen ngợi:

Như Lai Thế Tôn hành đại Bi
Trình bày Trí độ cùng người khác
Điều-đạt mà còn được độ trước
Huống gì những loài chúng sinh khác.
Nay ta không sợ vì không lỗi
Hạnh chánh tu hành, báo Phật ân.
Có người chứng được diệt vô lậu
Nhưng đó chưa thể báo Phật ân
Nếu ai tu hành chánh pháp Phật
Mới gọi là Phật tử chân chánh
Nhiều kiếp cần khổ, vì chúng sinh
Ân lớn vô lượng khó báo đền.
Đại Từ mở bày pháp chân thật
Dạy tu tự hạnh và lợi tha
Nếu Phật Như Lai không ra đời
Tất cả chúng sinh chịu khổ lớn,
Không có đường lành, toàn nẻo ác
Chỉ nghe tiếng khổ trong ba đường
Chịu khổ sáu đường không thể thoát
Chúng sinh bị trói vì phiền não.
Thế Tôn mở kết độc cho họ
Che chở họ bằng pháp Từ bi
Phật là ruộng phước của thế gian
Tu theo chánh pháp lìa đường ác.
Nếu trái lời Phật, không tu hành

Người ấy không sinh vào cõi lành
Có người sinh ác tâm với Phật
Hoặc không ưa nghe pháp sâu xa.
Những chúng sinh này rất đáng thương
Chắc chắn sinh vào cõi tối tăm
Như Phật Thế Tôn trí tự biết
Việc ấy Như Lai đều rõ tường.
Trí Phật chúng ta chẳng lường được
Cúi đầu đảnh lễ mười phương tôn
Vô úy, Trí lực, pháp Bất cộng
Chỉ Phật Thế Tôn mới đầy đủ,
Âm thanh vi diệu, tướng trang nghiêm
Vượt hơn các sắc nhìn không chán
Ba loài nở rộ không dừng dứt
Hoa Phật thanh tịnh con kính lễ.
Chỉ Phật khéo biết đạo Vô thượng
Xa lìa tất cả các hiểm nạn
Phật là đệ nhất không ai bằng
Cúi đầu kính lễ Lưỡng Túc Tôn.
Phật dùng nước chánh pháp công đức
Rửa sạch không còn chút bợn nhơ
Thế Tôn xưa nay trong ngoài tịnh
Nay con đảnh lễ thân chân tịnh.

Bấy giờ, chủ thế giới Ta-bà là Đại Phạm thiên, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo, bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dùng kệ khen ngợi: Phật đầy đủ công đức trí tuệ.

Lợi ích chúng sinh không dừng nghỉ
Thường rưới cam lồ, khiến no đủ
Nay con đảnh lễ Đấng Lợi Tha.
Thế gian cao tột đáng kính nhất
Người này do vì cung kính Phật
Các ác không còn thiện đầy đủ
Nay con đảnh lễ Đấng Vô Đẳng.
Tu học không bỏ một hạnh nào
Vì muốn cứu khổ cho chúng sinh
Vượt qua sinh tử được an vui
Nay con đảnh lễ Đấng Cứu Thế.
Kính lễ sắc thân vàng vi diệu
Kính lễ pháp cam lồ Ngài nói
Kính lễ trí thanh tịnh không dơ
Kính lễ tất cả rừng công đức.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Đại Phạm thiên:

– Hay thay, hay thay! Như sự khen ngợi của Đại Phạm thiên.

– Bạch Thế Tôn! Việc này là chân thật. Vì sao? Vì trong vô lượng kiếp, chư Phật Như Lai tu tập tất cả công đức trí tuệ, nên đắc quả đầy đủ. Vì sao? Vì đầy đủ Bố thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật, Trí tuệ ba-la-mật; thân thanh tịnh, miệng thanh tịnh, ý thanh tịnh; do thân, khẩu, ý, thanh tịnh nên có thể thông đạt chân thật như như. Chư Phật Thế Tôn trụ chân thật này nên nói không hư vọng.

Đại Phạm thiên đứng dậy, sửa áo, bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ bạch Phật:

– Cúi xin Thế Tôn, dùng sức hộ trì làm cho Bát nhã Ba la mật này trường tồn ở thế gian.

Phật bảo Đại Phạm thiên:

– Tất cả mười phương, ba đời chư Phật đều ủng hộ và dùng sức hộ trì Bát nhã Ba la mật này; Trời, hoặc Ma, hoặc Sa-môn, Bà-lamôn trong thế gian không thể phá hoại và gây chướng ngại được. Vì sao? Vì ta nhớ lại đời quá khứ, có Phật hiệu là Bảo Nguyệt Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, cõi nước tên Bất hủy và kiếp tên Tán thán; trong chúng của Phật Bảo Nguyệt có hai Tỳ-kheo làm Pháp sư vì giỏi về thuyết pháp: 1-Trí Thạnh và 2-Thật Dữ.

Trải qua một kiếp, hai Tỳ-kheo này theo Phật chuyển pháp luân trong tam thiên đại thiên thế giới có trăm ức các ma được sự giáo hóa và đã phát tâm Bồ-đề.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Phiến-đa-ý từ chỗ ngồi, đứng dậy, sửa áo, bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Bảo Nguyệt Như Lai còn ở đời hay vào Niếtbàn rồi?

Phật bảo:

– Này thiện nam! Phương Đông cách đây hơn mười trăm ngàn ức thế giới, có một thế giới tên là Bất hủy, Phật sống lâu mười ngàn kiếp; ở cõi nước đó, Phật Bảo Nguyệt đang nói Bát nhã ba-la-mật, không có Thiên ma và các ngoại đạo nào gây chướng ngại; tất cả đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác. Tỳ-kheo Trí Thạnh chính là Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, còn Tỳ-kheo Thật Dữ chính là Thắng Thiên vương. Hai vị này khéo dùng tất cả phương tiện thiện xảo ủng hộ, làm cho Bát nhã Ba la mật trụ lâu ở đời.

Mười phương cõi Phật nói Bát nhã Ba la mật, nên hai vị ấy đến đây nghe giảng, cũng do ta đang phóng ánh sáng lớn, nên mọi người theo ánh sáng mà đến.

QUYỂN 7
Phẩm 16: PHÚ CHÚC

Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan:

– Ông hãy thọ trì kinh Bát nhã Ba la mật này.

A-nan từ chỗ ngồi, đứng dậy, sửa áo, bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con phải thọ trì như thế nào?

Phật dạy:

– Thọ trì kinh này có 10 pháp, 10 pháp đó là:

1- Ghi chép.
2- Cúng dường.
3- Lưu truyền.
4- Lắng nghe.
5- Tự đọc.
6- Ghi nhớ, giữ gìn.
7- Rộng truyền bá.
8- Đọc tụng.
9- Suy nghĩ.
10- Tu hành.

A-nan! Thọ trì 10 pháp này là thọ trì được kinh này vậy. Cũng như tất cả cây rừng, hoa, thuốc đều nương vào mặt đất rộng lớn mà sinh; cũng như tất cả thiện pháp đều nương Bát-nhã ba-la-mật mà sinh.

A-nan! Ví như Chuyển luân thánh vương, nếu ở thế gian thì bảy báu thường hiện; Bát nhã Ba la mật cũng như vậy. Nếu kinh này còn ở thế gian thì Tam bảo không đoạn tuyệt.

Khi ấy, cùng lúc đại chúng đều chiêm ngưỡng Như Lai và đồng thanh nói rằng:

– Các thiện nam tử nào mà sau khi Như Lai diệt độ có thể gánh vác việc này?

– Bạch Thế Tôn! Như vậy gánh vác trách nhiệm lớn này phải là người đã trải qua vô lượng, vô biên, vô số kiếp tu tập, và sự tu tập ấy đã đạt đến Vô thượng Chánh đẳng giác.

Lúc ấy, trong chúng có một vạn hai ngàn Đại Bồ-tát vì hộ trì pháp, nên từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo, bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ, nói kệ khen ngợi:

Chúng con bỏ thân mạng
Không cầu báo đời sau
Hộ trì pháp sâu xa
Mà Thế Tôn đã nói.

Bấy giờ, trong chúng có năm trăm Thiên tử, mà đứng đầu là Hiền Vương, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo, bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ, nói kệ khen ngợi.

Vì độ các chúng sinh
Thành tựu nguyện đại Bi
Hộ trì pháp sâu xa
Mà Thế Tôn đã nói.

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân, Thi-khí Đại phạm, Tỳ-sa-môn Thiên vương, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo, bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ, nói kệ khen ngợi:

Trí tuệ – thuốc vi diệu
Trị được tất cả bệnh
Chúng con nguyện xin giữ
Pháp Thế Tôn đã nói.

Lúc đó, Chấp Kim Cang thần, cũng từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo, bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ, nói kệ khen ngợi:

Pháp vốn không tên gọi
Phật dùng danh tự nói
Lời đại Bi của Phật
Chúng con nguyện giữ gìn.

Thế Tôn bảo Thi-khí Phạm thiên:

– Này Phạm thiên! Phật có ba việc tối thượng, ba việc đó là:

1- Hay phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác.
2- Hộ trì chánh pháp.
3- Tu hành đúng pháp đã nghe.

Phạm thiên! Nếu có người tu hành ba pháp vô thượng này, thì người đó mới được gọi là cúng dường Như Lai. Nếu Phật ở đời một kiếp hoặc ít hơn một kiếp để nói công đức kia thì cũng không thể nói hết được.

Phạm thiên! Nếu có người hộ trì một bài kệ bốn câu của Như Lai thì công đức của người ấy cũng không thể lường được; huống chi đối với Bát nhã Ba la mật-lại là mẹ ba đời chư Phật.

Phạm thiên! Vì sao vậy? Vì chư Phật Như Lai đều từ Bát nhã Ba la mật mà sinh ra; cúng dường pháp này tức là cúng dường chư Phật Như Lai, chứ chẳng phải đem tiền của mới là cúng dường. Trong các sự cúng dường, cúng dường pháp là thứ nhất.

Phạm thiên! Nếu có người hộ trì chánh pháp của Như Lai, thì phải biết là người này hai đời sẽ được an lạc. Cho nên Phạm thiên, cần phải ủng hộ và thọ kinh sâu xa này.

Này Phạm thiên! Do ông ủng hộ chánh pháp, nên ông là người được thỉnh pháp với một ngàn Đức Phật, trong đời hiền kiếp.

Phạm thiên! Ở cõi ô uế này mà ông hộ trì chánh pháp dù trong khoảng giây lát, cũng còn hơn ở cõi tịnh độ một kiếp. Do đó cần phải siêng năng tinh tấn hơn để ủng hộ chánh pháp.

Bấy giờ Thế Tôn lại bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

– Kiều-thi-ca! Ở nơi nào có kinh Bát nhã Ba la mật này, thì phải biết là nơi đó Như Lai giác ngộ, là nơi Như Lai chuyển pháp luân, là nơi thị hiện Niết-bàn.

Kiều-thi-ca! Vì sao? Vì tất cả Bồ-tát, tất cả thiện pháp, tất cả chư Phật đều từ kinh này sinh ra.

Kiều-thi-ca! Nếu có Pháp sư diễn giảng kinh này, thì nơi ấy là chỗ giáo hóa của Như Lai. Vì thế cần phải sinh tâm thân cận hiểu biết và tôn trọng Pháp sư ấy giống như kính trọng Phật. Khi thấy Pháp sư này phải cung kính, vui mừng, tôn trọng, khen ngợi.

Kiều-thi-ca! Nếu ta ở đời một kiếp hoặc ít hơn một kiếp, để

nói về công đức diễn giảng kinh này của Pháp sư, thì không sao nói hết.

Kiều-thi-ca! Hoặc tại nơi hoằng hóa của vị Pháp sư này, có thiện nam hay thiện nữ nào, chích lấy máu rưới lên đất để bụi khỏi bay lên; cúng dường như vậy chưa phải là nhiều. Vì sao? Vì pháp luân của Như Lai khó thọ trì.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nếu trong đời vị lai, nơi nào có nói kinh này, thì con cùng quyến thuộc sẽ ủng hộ nơi ấy và người nói pháp ấy, hoặc gặp nơi nào có để kinh này, thì trước hết phải sinh tâm nhớ nghĩ về bốn nơi.

Thế Tôn khen Đế Thích:

– Hay thay, hay thay! Kiều-thi-ca! Ta đem kinh này phú chúc cho ông, ủng hộ và diễn giảng trong đời mạt thế ở tương lai.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Do kinh này mà chư Thiên chúng con được sinh trong đường thiện và cầu Vô thượng Chánh đẳng giác cũng do kinh này. Con nguyện sẽ ủng hộ chánh pháp quên cả thân mạng.

Phật nói:

– Kiều-thi-ca! Phải đúng như pháp đã nghe mà tu hành. Lành thay, lành thay. Khi Phật nói kinh này rồi, Thắng Thiên vương và mười phương chúng Đại Bồ-tát, tất cả chúng Thanh văn, Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Mahầu-la-già, Nhân phi nhân… đều tin nhận và phụng hành những gì Phật đã nói.

HẾT

(Chấm dứt kinh Thắng Thiên Vương Bát Nhã)

---o0o---

(Tang kinh Phật Học)

13. Kinh "Văn Thù Sư Lợi Sở Thuyết Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật"

Đại Tạng Kinh Việt Nam mang số 0232, 2 quyển. Tam tạng Mạn Đà La tiên, người nước Phù Nam dịch từ Phạn sang Hán, nhóm Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh dịch từ Hán sang Việt.

---o0o---

QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ, Đức Phật cùng một ngàn vị đại Tỳ-kheo và mười ngàn vị Đại Bồ-tát tập hợp đầy đủ. Các vị đều dùng Đại trang nghiêm để tự trang nghiêm thân và tất cả đã trụ vào địa vị không thoái chuyển. Tên của các vị Bồ-tát ấy là Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Vô Ngại Biện, Bồ-tát Bất Xả Đởm… đầy đủ các Bồ-tát như vậy.

Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Đồng chân vào sáng sớm một mình đi đến chỗ Đức Phật, nhưng đứng ở bên ngoài. Bấy giờ các Tôn giả Xá-lợi-phất, Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử, Đại Mục-kiều-liên, Ma-ha Ca-diếp, Ma-ha Ca-chiên-diên, Ma-ha Câu-hy-la… cùng tất cả các đại Thanh văn cũng đều đến chỗ Đức Phật và đứng bên ngoài.

Biết chúng hội đã tập hợp, Đức Như Lai đi ra khỏi phòng và trải tòa ngồi. Đức Thế Tôn dạy Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Vì sao mới sáng sớm mà ông đến đứng ở ngoài cửa rồi?

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Đồng chân, đã đến đây và đứng ngoài cửa trước tiên. Thật ra con đến sau.

Bấy giờ Đức Phật hỏi Văn-thù-sư-lợi:

–Ông đến đây trước tiên là ý muốn gặp Như Lai chăng?

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–**Bạch Đức Thế Tôn, đúng vậy! Đúng là con đến đây để gặp Thế Tôn. Vì sao? Vì con ưa thích chánh quán để làm lợi ích cho chúng sinh. Con quán Như Lai tướng như như, chẳng phải tướng dị, chẳng phải tướng đồng, chẳng phải tướng tạo tác, không phải tướng sinh, không phải tướng diệt, chẳng phải tướng có, chẳng phải tướng không, không phải ở một chỗ, không phải rời khỏi chỗ, không phải ba đời, không phải không ba đời, không phải hai tướng, không phải không hai tướng, chẳng phải tướng cấu, chẳng phải tướng tịnh… Con chánh quán tất cả tướng Như Lai như vậy, để làm lợi ích cho chúng sinh.**

Đức Phật dạy Văn-thù-sư-lợi:

–Nếu thấy được tướng Như Lai như vậy, thì tâm không nắm lấy, cũng không phải không nắm lấy. Không phải tích tụ, cũng không phải không tích tụ.

Khi ấy, Xá-lợi-phất nói với Văn-thù-sư-lợi:

–Nếu ông nói như vậy, thì việc thấy Như Lai là rất hiếm có; vì tất cả chúng sinh thấy Như Lai mà tâm không chấp lấy tướng chúng sinh. Giáo hóa tất cả chúng sinh hướng đến Niết-bàn mà cũng không nắm lấy tướng đến Niết-bàn. Vì tất cả chúng sinh, làm trang nghiêm vĩ đại nhưng tâm không thấy tướng trang nghiêm.

Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Đồng chân nói với Xá-lợi-phất:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như những điều Tôn giả nói! Tuy vì tất cả chúng sinh, phát tâm làm Đại trang nghiêm nhưng thường không thấy có tướng chúng sinh. **Vì tất cả chúng sinh phát Đại trang nghiêm nhưng cảnh giới của chúng sinh thì không tăng, cũng không giảm**. Giả sử có một Đức Phật trụ ở đời một kiếp hay hơn một kiếp; từ cảnh giới của một Đức Phật đó, lại có vô lượng, vô biên hằng hà sa chư Phật; như vậy, mỗi mỗi Đức Phật trụ một kiếp hay hơn một kiếp, ngày đêm thuyết pháp, tâm không dừng nghỉ.

Tất cả chư Phật đó cứu độ vô lượng hằng hà sa chúng sinh, làm cho nhập vào Niết-bàn, nhưng cảnh giới của chúng sinh cũng không tăng, không giảm. Cho đến mười phương thế giới chư Phật, cũng lại như vậy. Mỗi mỗi chư Phật thuyết pháp giáo hóa, đều độ vô lượng hằng hà sa chúng sinh, làm cho nhập vào Niết-bàn nhưng cảnh giới của chúng sinh thì không tăng, cũng không giảm. Vì sao? Vì định tướng của chúng sinh là không thể nắm bắt, cho nên cảnh giới của chúng sinh là không tăng không giảm.

Xá-lợi-phất lại nói với Văn-thù-sư-lợi:

–Nếu cảnh giới của chúng sinh không tăng không giảm thì làm sao Bồ-tát vì chúng sinh mà cầu Chánh đẳng Chánh giác, thường thực hành việc thuyết pháp?

Văn-thù-sư-lợi nói:

–Nếu tất cả chúng sinh đều là tướng không thì không có Bồ-tát cầu Chánh đẳng chánh giác. Cũng không có chúng sinh để thuyết pháp. Vì sao? Vì trong pháp tôi nói, không có một pháp nào có thể nắm bắt.

Đức Phật dạy Văn-thù-sư-lợi:

–Nếu không có chúng sinh, vì sao nói có chúng sinh và cảnh giới của chúng sinh?

Văn-thù-sư-lợi nói:

–Cảnh giới của chúng sinh tương tự cảnh giới của chư Phật.

Đức Phật lại hỏi Văn-thù-sư-lợi:

–Cảnh giới của chúng sinh có lường được chăng?

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Số lượng cảnh giới của chúng sinh cũng như số lượng cảnh giới của Phật.

Đức Phật lại hỏi:

–Số lượng cảnh giới của chúng sinh có xứ sở không?

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Số lượng cảnh giới của chúng sinh là không thể nghĩ bàn.

Đức Phật lại hỏi:

–Tướng cảnh giới của chúng sinh có trụ không?

Thưa:

–Chúng sinh không có trụ, giống như trụ hư không.

Đức Phật hỏi Văn-thù-sư-lợi:

–Như vậy, khi tu Bát nhã Ba la mật, nên trụ Bát nhã Ba la mật như thế nào?

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–**Không trụ vào pháp nào cả, là trụ Bát nhã Ba la mật.**

Đức Phật lại hỏi:

–Vì sao nói không trụ vào pháp nào gọi là trụ Bát nhã Ba la mật?

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Vì không có tướng trụ tức là trụ Bát nhã Ba la mật.

Đức Phật hỏi Văn-thù:

–Như vậy, khi trụ Bát nhã Ba la mật, thì các căn lành ấy tăng trưởng ra sao? Tổn giảm thế nào?

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Nên trụ Bát nhã Ba la mật, thì các căn lành không tăng, không giảm; đối với tất cả pháp cũng không tăng, không giảm. Tánh, tướng của Bát nhã Ba la mật đó cũng không tăng, không giảm.

Bạch Thế Tôn! Như vậy tu Bát nhã Ba la mật thì không xả pháp phàm phu, cũng không giữ lấy pháp của Hiền thánh. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật không thấy có pháp để nắm bắt hay xả bỏ. Như vậy, tu Bát nhã Ba la mật cũng không thấy Niết-bàn, sinh tử đáng vui hay đáng nhàm chán. Vì sao? Vì không thấy sinh tử thì làm sao nhàm chán, xa lìa? Không thấy Niết-bàn thì làm sao ưa thích? Như vậy, tu Bát nhã Ba la mật không thấy phiền não, cấu bẩn để xả bỏ; cũng không thấy công đức để bắt lấy. Đối với tất cả các pháp, tâm không tăng không giảm. Vì sao? Vì không thấy pháp giới có tăng giảm. Bạch Thế Tôn! Nếu đúng như vậy thì gọi là tu Bát nhã Ba la mật.

Bạch Thế Tôn! Không thấy các pháp có sinh có diệt, đó là tu Bát nhã Ba la mật. Bạch Thế Tôn! Không thấy các pháp có tăng có giảm, đó là tu Bát nhã Ba la mật. Bạch Thế Tôn! Tâm không muốn nắm bắt, không thấy tướng của pháp để có thể mong cầu; đó là tu Bát nhã Ba la mật.

Bạch Đức Thế Tôn! Không thấy đẹp xấu, không có so đo cao thấp, không nắm bắt hay xả bỏ. Vì sao? Pháp không có đẹp xấu, vì pháp xa lìa các tướng; pháp không cao thấp, vì tánh của pháp bình đẳng; pháp không nắm bắt hay xả bỏ, vì pháp trụ vào thật tế. Đó là tu Bát nhã Ba la mật.

Đức Phật hỏi Văn-thù-sư-lợi:

–Có pháp nào hơn Phật pháp không?

Văn-thù thưa:

–Con không thấy các pháp nào thù thắng hơn Phật pháp. Như Lai tự giác ngộ tất cả pháp không, đó là điều có thể chứng tri.

Đức Phật dạy Văn-thù-sư-lợi:

–Đúng như vậy, Như Lai chánh giác tự chứng pháp không.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Trong pháp không đó sẽ có pháp thắng mà có thể chứng đắc ư?

Đức Phật nói:

–Lành thay, Văn-thù-sư-lợi! Những lời ông nói, đúng là pháp chân chánh.

Đức Phật lại hỏi:

–Vô thượng Chánh đẳng có gọi là Phật pháp không?

Thưa:

–Như lời Phật nói, Vô thượng Chánh đẳng gọi là Phật pháp. Vì sao? Vì không có pháp nào được gọi là Vô thượng Chánh đẳng.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Như vậy, tu Bát nhã Ba la mật không gọi là pháp khí, không có pháp để giáo hóa phàm phu, cũng không có Phật pháp, không có pháp tăng trưởng. Đó là tu Bát nhã Ba la mật.

Bạch Đức Thế Tôn! Khi tu Bát nhã Ba la mật, không thấy có pháp, có thể phân biệt tư duy.

Đức Phật hỏi:

–Ông không tư duy về Phật pháp ư?

Thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, không! Theo con, tư duy không thấy Phật pháp, cũng không thể phân biệt đây là pháp phàm phu, là pháp Thanh văn, là pháp Bích-chi-phật, như vậy gọi Phật pháp vô thượng.

Lại nữa, khi tu Bát nhã Ba la mật, không thấy tướng phàm phu, không thấy tướng Phật pháp, không thấy các pháp có tướng cố định. Đó là tu Bát nhã Ba la mật.

Bạch Đức Thế Tôn! Khi tu Bát nhã Ba la mật, không thấy Dục giới, không thấy Sắc giới, không thấy Vô sắc giới, không thấy Tịch diệt giới. Vì sao? Vì không thấy có pháp nào là tướng diệt tận. Đó là tu Bát nhã Ba la mật.

Bạch Đức Thế Tôn! Khi tu Bát nhã Ba la mật, không thấy người ban ân, không thấy người trả ân. Tư duy hai tướng như vậy tâm không phân biệt. Đó là tu Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, khi tu Bát nhã Ba la mật, không thấy Phật pháp có thể nắm bắt, không thấy pháp phàm phu có thể xả bỏ. Đó là tu Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, khi tu Bát nhã Ba la mật, không thấy pháp phàm phu có thể diệt, cũng không thấy Phật pháp để chứng tri. Đó là tu Bát nhã ba-la-mật.

Đức Phật dạy Văn-thù:

–Lành thay! Ông đã khéo nói đúng về tướng thâm sâu của Bát nhã ba-la-mật. Đó là pháp ấn mà các Đại Bồ-tát đã học. Cho đến Thanh văn, Duyên giác, bậc Hữu học và Vô học cũng sẽ không lìa ấn ấy, để tu đạo quả.

Đức Phật dạy Văn-thù-sư-lợi:

–Nếu người nào được nghe pháp ấy mà không kinh nghi, sợ sệt. Phải biết rằng người ấy từ xa xưa đã trồng các căn lành với ngàn Đức Phật, cho đến trăm ngàn vạn ức Phật, cũng đã trồng sâu công đức nên không kinh nghi, sợ sệt đối với Bát nhã Ba la mật thâm sâu ấy.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Con xin nói lại nghĩa Bát nhã Ba la mật. Đức Phật dạy:

–Hãy nói đi!

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! **Khi tu Bát nhã Ba la mật, không thấy các pháp nào là nên trụ là không nên trụ; cũng không thấy cảnh giới có tướng để nắm lấy hay bỏ đi**. Vì sao? Vì chư Như Lai không thấy tướng cảnh giới của tất cả các pháp, cho đến không thấy cảnh giới của chư Phật, huống chi phải nắm bắt cảnh giới của Thanh văn, Duyên giác và phàm phu, không nắm giữ tướng có thể nghĩ bàn, cũng không nắm giữ tướng chẳng nghĩ bàn; không thấy các pháp có bao nhiêu tướng; tự chứng pháp không, chẳng thể nghĩ bàn. Như vậy, Đại Bồ-tát đã cúng dường và trồng các căn lành với vô lượng trăm ngàn vạn ức Phật, cho nên không kinh nghi, sợ sệt Bát nhã Ba la mật thâm sâu ấy.

Lại nữa, khi tu Bát nhã Ba la mật không thấy buộc, không thấy mở, không thấy tướng sai biệt của phàm phu cho đến Tam thừa. Đó là tu Bát nhã Ba la mật.

Đức Phật hỏi Văn-thù:

–Ông đã cúng dường bao nhiêu chư Phật?

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Tướng của con và chư Phật như huyễn hóa, nên không thấy được sự cúng dường và người thọ sự cúng dường.

Đức Phật hỏi:

–Nay ông không thể trụ vào Phật thừa ư?

Văn-thù thưa:

–Như con đã tư duy, không thấy một pháp nào thì làm sao được trụ vào Phật thừa.

Đức Phật hỏi:

–Ông không chứng Phật thừa ư?

Văn-thù thưa:

–Như Phật thừa thì chỉ có danh tự, không thể chứng đắc cũng không thể thấy, thì làm sao con chứng đắc được?

Đức Phật hỏi:

–Ông có chứng đắc trí vô ngại không?

Văn-thù thưa:

–Con tức là vô ngại, thì làm sao mà dùng vô ngại chứng vô ngại?

Đức Phật hỏi:

–Ông có ngồi đạo tràng không?

Văn-thù thưa:

–Tất cả Như Lai không ngồi đạo tràng thì làm sao riêng con ngồi đạo tràng. Vì sao? Vì hiện tại thấy các pháp đều trụ vào thật tế.

Đức Phật hỏi:

–Thế nào gọi là thật tế?

Văn-thù thưa:

–Thân kiến… là thật tế.

Đức Phật hỏi:

–Thế nào là thân kiến, là thật tế đó?

Văn-thù thưa:

–Thân kiến tướng của Như là chẳng thật, chẳng phải không thật; không đến, không đi; là thân, không phải thân. Đó gọi là thật tế.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu hiểu rõ nghĩa này thì nhất định gọi là Đại Bồ-tát. Vì sao? Vì được nghe tướng Bát nhã Ba la mật sâu xa ấy mà tâm không kinh nghi sợ sệt, không lùi, không hối hận.

Di-lặc Bồ-tát bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Được nghe đầy đủ pháp tướng của Bát nhã Ba la mật tức là gần ngôi vị Phật. Vì sao? Vì hiện tại Như Lai đã giác ngộ pháp tướng này.

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Được nghe Bát nhã Ba la mật thâm sâu, thì không kinh nghi sợ sệt, không lùi, không hối hận. Nên biết người này đã thấy Phật.

Bấy giờ có Ưu-bà-di Vô Tướng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các pháp phàm phu, pháp Thanh văn, pháp Bích-chi-phật, pháp Bồ-tát, pháp Phật đều là vô tướng. Cho nên được nghe Bát nhã Ba la mật, tất cả đều không kinh nghi sợ sệt, không lùi, không hối hận. Vì sao? Vì tất cả các pháp vốn là vô tướng.

Đức Phật dạy Xá-lợi-phất:

–Thiện nam, thiện nữ nào, **được nghe Bát nhã Ba la mật thâm sâu ấy thì tâm nhất định, không kinh nghi sợ sệt, không lùi, không hối hận**. Nên biết, người ấy đã trụ vào địa vị không thoái chuyển. Nếu người nào nghe Bát nhã Ba la mật thâm sâu này mà không kinh nghi, sợ sệt, lại tin ưa, nghe, thọ, vui mừng không biết chán; tức là người ấy có đầy đủ Bố thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật và Trí tuệ ba-la-mật; cũng có thể chỉ bày, phân biệt cho người khác để tu hành đúng pháp.

Đức Phật hỏi Văn-thù:

–Ông quán xét nghĩa gì, mà chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà trụ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Văn-thù thưa:

–Con không chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, con không trụ Phật thừa thì làm sao chứng được? Với những điều con nói tức là tướng Bồ-tát.

Đức Phật khen Văn-thù-sư-lợi:

–Lành thay! Ông đã khéo nói nghĩa trong pháp thâm sâu này. Trước đây ông đã trồng sâu các căn lành với Phật, lấy pháp vô tướng mà thanh tịnh tu hành phạm hạnh.

Văn-thù thưa:

–Nếu thấy có tướng thì nói vô tướng. Nay con không thấy có tướng, cũng không thấy vô tướng, thì làm sao nói là dùng pháp vô tướng để thanh tịnh tu hành phạm hạnh?

Đức Phật hỏi Văn-thù:

–Ông có thấy giới luật Thanh văn chăng?

Văn-thù thưa:

–Dạ thấy.

Đức Phật hỏi:

–Ông thấy như thế nào?

Văn-thù thưa:

–Con không tạo tri kiến phàm phu, con không tạo tri kiến bậc Thánh, không tạo hữu giác kiến, không tạo vô giác kiến, không tạo đại kiến, không tạo tiểu kiến, không tạo điều phục kiến, không tạo không điều phục kiến, chẳng phải kiến, chẳng phải không kiến.

Xá-lợi-phất hỏi Văn-thù:

–Ông quán Thanh văn thừa như vậy, còn quán Phật thừa thì sao?

Văn-thù nói:

–Tôi không thấy pháp Bồ-đề, không thấy người tu hành Bồ-đề, cũng không thấy người chứng Bồ-đề.

Xá-lợi-phất hỏi Văn-thù:

–Sao gọi là Phật? Thế nào là quán Phật?

Văn-thù hỏi lại:

–Thế nào là ngã?

Xá-lợi Phật nói:

–Ngã chỉ có trong danh tự, tướng danh tự là trống không.

Văn-thù nói:

–Đúng vậy, nếu ngã chỉ là danh tự thì Phật cũng chỉ là danh tự. Tướng của danh tự trống không tức là Bồ-đề. Không dùng danh tự để cầu Bồ-đề. Tướng của Bồ-đề là không lời, không nói. Vì sao? Vì lời nói và Bồ-đề, cả hai đều trống không.

Này Xá-lợi-phất! Sao gọi là Phật? Quán Phật thế nào? Nghĩa là không sinh, không diệt, không đến, không đi, không tên, không tướng; đó gọi là Phật. Quán thật tướng của thân mình thì quán Phật cũng như vậy. Chỉ người có trí tuệ mới có thể biết được thôi. Đó gọi là quán Phật.

Bấy giờ Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Văn-thù-sư-lợi nói với Bát nhã Ba la mật thì hàng Sơ học Bồ-tát không thể hiểu biết được.

Văn-thù thưa:

–Không những hàng Sơ học Bồ-tát không thể biết mà hàng Nhị thừa đã chứng đắc cũng chưa chắc đã biết rõ được. Nói pháp như vậy, không có ai biết cả. Vì sao? Vì tướng Bồ-đề, thật không có pháp nào mà có thể biết, nó không thấy, không nghe, không đắc, không nghĩ, không sinh, không diệt, không nói, không tiếng. Như vậy, **tánh tướng của Bồ-đề là không tịch, không chứng, không biết, không hình, không tướng, thì làm sao có người chứng đắc Bồ-đề?**

Xá-lợi-phất hỏi Văn-thù:

–Đối với pháp giới, Phật không chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ư?

Văn-thù trả lời:

–Xá-lợi-phất! Không chứng. Vì sao? Vì Thế Tôn tức là pháp giới. Nếu dùng pháp giới chứng pháp giới tức là tranh luận. Này Xá-lợi-phất! Tướng của pháp giới tức là Bồ-đề. Vì sao? Vì trong

pháp giới ấy không có tướng của chúng sinh vì tất cả pháp là không; tất cả các pháp là không, tức là Bồ-đề; vì không hai, không phân biệt. Xá-lợi-phất! Trong cái không phân biệt tức có cái không biết. Nếu không biết tức là không nói năng. Không có tướng nói năng tức là chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng biết, chẳng phải không biết. Tất cả các pháp cũng đều như vậy. Vì sao? Vì tất cả các pháp không thấy có xứ sở, không có tánh nhất định, nên có thêm tướng nghịch tội cũng chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì thật tướng của các pháp, không thể hư hoại. Như vậy nghịch tội cũng không phải bản tánh, nó không sinh lên trời, không đọa địa ngục, cũng không nhập Niết-bàn. Vì sao? Vì tất cả nghiệp duyên đều trụ vào thật tế, không đến, không đi, không nhân, không quả. Vì sao? Vì pháp giới là vô biên, không trước không sau.

Cho nên, này Xá-lợi-phất! Nếu thấy Tỳ-kheo phạm trọng tội mà không đọa địa ngục, dù có tu hành thanh tịnh nhưng không nhập Niết-bàn. Tỳ-kheo như vậy chẳng phải bậc Ứng cúng, chẳng phải không Ứng cúng, chẳng phải đã hết lậu, cũng chẳng phải không hết lậu. Vì sao? Vì các pháp trụ trong bình đẳng.

Xá-lợi-phất nói:

–Sao gọi là pháp nhẫn không thoái?

Văn-thù trả lời:

–Không thấy một pháp nhỏ nào, có tướng sinh diệt; gọi là pháp nhẫn không thoái.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Sao gọi là Tỳ-kheo chẳng điều phục?

Văn-thù trả lời:

–Là A-la-hán đã sạch các lậu, gọi là chẳng điều phục. Vì sao? Vì đã diệt sạch các kết sử, không có gì để điều phục nữa nên gọi là chẳng điều phục. Nếu tâm và hành động tội lỗi gọi là phàm phu. Vì sao? Vì phàm phu chúng sinh, không thuận với pháp giới, cho nên gọi là tội lỗi.

Xá-lợi-phất nói:

–Lành thay! Nay ông đã khéo giảng cho tôi về nghĩa lậu tận Ala-hán.

Văn-thù nói:

–Đúng vậy, đúng vậy! Tôi đã lậu tận, là A-la-hán chân thật. Vì sao? Vì tôi đoạn trừ sự mong cầu Thanh văn và Bích-chi-phật. Do nhân duyên này gọi là lậu tận chứng A-la-hán.

Đức Phật nói Văn-thù:

–Các Bồ-tát, khi ngồi đạo tràng có giác ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không?

Văn-thù thưa:

–Bồ-tát ngồi đạo tràng, không có giác ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì tướng như Bồ-đề, không có pháp nhỏ nào, có thể chứng đắc, nên gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-đề là vô tướng thì ai có thể ngồi, cũng không có ai đứng dậy. Vì thế mà không thấy Bồ-tát ngồi đạo tràng, cũng không có ai giác ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Văn-thù bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-đề tức là năm nghịch, năm nghịch tức là Bồ-đề. Vì sao? Vì Bồ-đề và năm nghịch không có hai tướng, không học điều không học, không thấy điều không thấy, không biết điều không biết, không phân biệt điều không phân biệt. Tướng như vậy gọi là

Bồ-đề. Thấy tướng năm nghịch cũng như vậy. Nếu nói thấy có Bồ-đề và người chứng đắc thì nên biết, hạng người này là kẻ tăng thượng mạn.

Bấy giờ Đức Thế Tôn dạy Văn-thù:

–Ông nói ta là Như Lai, vậy ta là Như Lai phải không?

Văn-thù thưa:

–Không, bạch Thế Tôn! Con không nói Như Lai là Như Lai. Không có tướng Như, không thể gọi là Như, cũng không có trí Như Lai mà có thể biết Như. Vì sao? Vì Như Lai và trí không có hai tướng, là trống không; vì Như Lai chỉ có danh tự, thì làm sao con nói là Như Lai?

Đức Phật dạy Văn-thù:

–Ông nghi Như Lai ư?

Văn-thù thưa:

–Không có, bạch Thế Tôn! Con quán Như Lai không có tánh nhất định, không sinh không diệt, cho nên con không có gì để nghi ngờ.

Phật dạy Văn-thù:

–Ông không nói Như Lai xuất hiện ở đời ư?

Văn-thù thưa:

–Nếu có Như Lai xuất hiện ở đời thì tất cả pháp giới cũng xuất hiện.

Phật dạy Văn-thù:

–Ông cho rằng hằng hà sa chư Phật nhập Niết-bàn ư?

Thưa:

–Chư Phật một tướng, nhưng chẳng thể nghĩ bàn!

Phật dạy Văn-thù:

–Đúng vậy, Phật một tướng nhưng chẳng nghĩ bàn.

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Phật đang trụ ở đời phải không?

Phật dạy:

–Đúng vậy.

Văn-thù thưa:

–Nếu Phật trụ ở đời thì hằng hà sa chư Phật cũng sẽ trụ ở đời. Vì sao? Vì tất cả chư Phật đồng một tướng, là tướng chẳng nghĩ bàn. Tướng chẳng nghĩ bàn không sinh không diệt. Nếu chư Phật đời vị lai xuất hiện nơi đời thì tất cả chư Phật cũng xuất hiện. Vì sao? Vì trong chẳng nghĩ bàn, không có tướng quá khứ, tướng vị lai, tướng hiện tại; nhưng vì chúng sinh lại chấp trước, cho Phật xuất hiện nơi đời, cho là Phật diệt độ.

Đức Phật dạy Văn-thù-sư-lợi:

–Điều này chỉ có Như Lai, A-la-hán, Bồ-tát không thoái chuyển mới có thể hiểu được. Vì sao? Vì ba bậc này nghe pháp thâm sâu không chê bai, cũng không khen ngợi.

Văn-thù bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như vậy với pháp chẳng nghĩ bàn, ai chê bai, ai khen ngợi?

Phật dạy Văn-thù:

–Như Lai chẳng nghĩ bàn, phàm phu cũng chẳng nghĩ bàn.

Văn-thù bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Phàm phu cũng chẳng nghĩ bàn ư?

Phật dạy:

–Phàm phu cũng chẳng nghĩ bàn. Vì sao? Vì tất cả tâm tướng đều chẳng nghĩ bàn.

Văn-thù nói:

–Nếu nói như vậy thì Như Lai chẳng nghĩ bàn, phàm phu cũng chẳng nghĩ bàn. Nay vô số chư Phật cầu Niết-bàn mệt mỏi uổng công. Vì sao? Vì pháp chẳng nghĩ bàn tức là Niết-bàn, bình đẳng, không khác.

Văn-thù thưa:

–Như vậy phàm phu chẳng nghĩ bàn, chư Phật chẳng nghĩ bàn. Nếu thiện nam, thiện nữ nào học tập căn lành vững chắc, gần gũi Thiện tri thức, mới có thể hiểu biết đầy đủ được.

Phật dạy Văn-thù:

–Ông có muốn Như Lai là tối thắng trong chúng sinh không?

Thưa:

–Con muốn Như Lai là tối thắng đệ nhất trong chúng sinh, nhưng tướng của chúng sinh cũng không thể nắm bắt được.

Phật nói:

–Ông có muốn Như Lai đắc pháp chẳng nghĩ bàn không?

Thưa:

–Con muốn Như Lai đắc pháp chẳng nghĩ bàn nhưng đối với các pháp không có ai thành tựu.

Phật dạy Văn-thù:

–Ông muốn Như Lai nói pháp để giáo hóa ư?

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Con muốn Như Lai thuyết pháp giáo hóa, nhưng người nói và người nghe không thể đắc. Vì sao? Vì trụ pháp giới và pháp giới của chúng sinh, không có tướng sai khác.

Phật dạy Văn-thù:

–Ông muốn Như Lai là vô thượng phước điền ư?

Thưa:

–Như Lai là ruộng phước vô tận, là tướng vô tận. Tướng vô tận tức là ruộng phước vô thượng. Chẳng phải ruộng phước, chẳng phải không ruộng phước, mà gọi đó là ruộng phước. Không có các tướng sáng tối, sinh diệt, đó là ruộng phước. Nếu hiểu rõ tướng ruộng phước như vậy thì việc trồng sâu căn lành cũng không tăng không giảm.

Phật dạy Văn-thù:

–Thế nào là trồng sâu căn lành không tăng không giảm?

Thưa:

–Tướng của ruộng phước, chẳng thể nghĩ bàn. Nếu ai ở trong đó, mà như pháp tu thiện thì cũng chẳng thể nghĩ bàn. Gieo trồng như vậy gọi là không tăng không giảm, cũng là ruộng phước tối thắng vô thượng.

Bấy giờ, với thần lực của Phật, mặt đất chấn động sáu cách, hiện ra tướng vô thường. Một vạn sáu ngàn người đều đắc Vô sinh pháp nhẫn. Bảy trăm Tỳ-kheo, ba ngàn Ưu-bà-tắc, bốn vạn

Ưu-bà-di, sáu mươi ức na-do-tha cõi trời Lục dục được xa lìa trần cấu; trong các pháp, được đắc Pháp nhãn thanh tịnh.

QUYỂN HẠ

Bấy giờ A-nan đứng dậy, trịch áo bày vai phải, quỳ sát đất, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà mặt đất chấn động sáu cách?

Đức Phật dạy:

–Vì ta nói **tướng phước điền không sai khác**, nên có điềm này. Xưa kia ở nơi đây, chư Phật cũng đã nói tướng phước điền để làm lợi ích chúng sinh, làm cho mười phương thế giới cũng đã chấn động sáu cách như vậy.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Văn-thù-sư-lợi là chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì pháp tướng mà ông thuyết ra là chẳng thể nghĩ bàn?

Đức Phật dạyVăn-thù:

–Đúng vậy! Theo lời Xá-lợi-phất nói, đúng là tướng chẳng nghĩ bàn.

Văn-thù bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chẳng thể nghĩ bàn không thể nói, có thể nghĩ bàn cũng không thể nói. Như vậy tánh của nghĩ bàn và chẳng nghĩ bàn đều không thể nói. Tất cả tướng của âm thanh chẳng phải có thể nghĩ bàn, cũng chẳng phải chẳng thể nghĩ bàn.

Phật dạy:

–Ông nhập vào chẳng nghĩ bàn Tam-muội chăng?

Văn-thù thưa:

–Không, bạch Đức Thế Tôn! Con là chẳng nghĩ bàn, không thấy có tâm có thể nghĩ bàn; thì sao nói con nhập vào chẳng nghĩ bàn Tam-muội? Khi mới phát tâm, con muốn nhập vào định ấy, nhưng nay tư duy thì không có tướng nào trong tâm để nhập Tam muội. Giống như người học bắn đã lâu thì giỏi. Sau đó tuy không chí tâm nhưng do tập lâu nên bắn rất trúng đích. Con cũng như vậy, mới học Tam-muội chẳng nghĩ bàn thì buộc tâm vào một duyên. Do tập lâu được thành tựu. Lại không còn tâm tưởng luôn trụ trong định.

Xá-lợi-phất hỏi Văn-thù:

–Lại có định tịch diệt thắng diệu không?

Văn-thù trả lời:

–Nếu có định chẳng nghĩ bàn, thì tại sao thầy lại hỏi có định tịch diệt không? Theo ý của tôi, định chẳng thể nghĩ bàn vẫn không thể đắc, sao hỏi có định tịch diệt?

Xá-lợi-phất hỏi:

–Định chẳng thể nghĩ bàn không thể đắc ư?

Văn-thù trả lời:

–Định có thể nghĩ bàn thì tướng có thể đắc, còn định chẳng thể nghĩ bàn thì tướng không thể đắc. Tất cả chúng sinh đều thành tựu định chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì tất cả tướng của tâm

thì tức chẳng phải tâm, nên gọi là định chẳng nghĩ bàn. Cho nên tướng của tất cả chúng sinh và tướng của Tam-muội chẳng nghĩ bàn đều như nhau, không phân biệt.

Đức Phật khen Văn-thù:

–Lành thay, với chư Phật, ông đã trồng căn lành, tịnh tu phạm hạnh, cho nên diễn nói được Tam-muội sâu xa. Nay ông đã an trụ trong Bát nhã Ba la mật rồi.

Văn-thù thưa:

–Nếu con trụ trong Bát nhã Ba la mật, có thể nói như vậy, tức là hữu tưởng liền trụ vào ngã tưởng. Nếu ai trụ trong hữu tưởng và ngã tưởng thì Bát nhã Ba la mật có xứ sở. Bát nhã Ba la mật nếu trụ vào không thì cũng là ngã tưởng, cũng gọi là xứ sở. Lìa ngã tưởng và xứ sở thì trụ vào chỗ không có chỗ để trụ, giống như chư Phật trụ vào cảnh giới an định tịch diệt chẳng phải cảnh giới có thể nghĩ bàn. Như vậy, chẳng nghĩ bàn gọi là trụ xứ của Bát nhã Ba la mật. Xứ của Bát nhã Ba la mật, tất cả pháp đều vô tướng, tất cả pháp đều vô tác. **Bát nhã Ba la mật tức là chẳng nghĩ bàn. Chẳng nghĩ bàn tức là pháp giới. Pháp giới tức là vô tướng. Vô tướng tức chẳng nghĩ bàn. Chẳng nghĩ bàn là Bát nhã Ba la mật. Bát nhã Ba la mật và pháp giới không hai, không khác. Không hai, không khác tức là pháp giới. Pháp giới tức vô tướng. Vô tướng tức cảnh giới Bát nhã Ba la mật. Cảnh giới Bát nhã Ba la mật tức cảnh giới chẳng nghĩ bàn. Cảnh giới chẳng nghĩ bàn tức là cảnh giới vô sinh, vô diệt. Cảnh giới vô sanh, vô diệt tức cảnh giới chẳng nghĩ bàn.**

Văn-thù-sư-lợi nói:

–Cảnh giới Như Lai là cảnh giới của ngã không có hai tướng. Như vậy, tu Bát nhã Ba la mật thì không cầu Bồ-đề. Vì sao? Vì tướng Bồ-đề là lìa, là Bát nhã Ba la mật.

–Bạch Thế Tôn! Nếu biết ngã tướng mà không chấp trước; không biết, không chấp trước là điều mà Phật chứng tri. **Chẳng thể nghĩ bàn, không biết, không chấp trước tức là điều mà Phật chứng tri.** Vì sao? Vì biết rõ bản tánh đều không có tướng, thì làm sao chuyển pháp giới? Nếu biết bản tánh không thể, không chấp trước, thì không có vật. Nếu không có vật thì không có xứ sở, không có chỗ nương tựa, không có chỗ trụ. Không chỗ nương tựa, không có chỗ trụ tức là vô sinh, vô diệt. Không sinh không diệt tức là công đức hữu vi, vô vi. Nếu biết như vậy thì không có tâm tưởng. Nếu không có tâm tưởng thì làm sao biết. Công đức hữu vi, vô vi, mà không biết tức là chẳng nghĩ bàn. Chẳng nghĩ bàn là điều Đức Phật chứng tri, cũng không nắm bắt, không phải không nắm bắt. Không thấy tướng của ba đời: quá khứ, hiện tại, vị lai. Không chấp thủ sinh, diệt và các hoạt động, không đoạn cũng không thường. Biết như vậy gọi là chánh trí. Trí chẳng nghĩ bàn như hư không. Không thế này, không thế kia, không có gì sánh bằng, không tốt xấu, không tướng, không mạo.

Phật dạy Văn-thù-sư-lợi:

–Nếu biết như vậy thì gọi là trí không thoái.

Văn-thù-sư-lợi nói:

–Trí không tạo tác gọi là trí không thoái. Giống như thỏi vàng, trước tiên dùng búa đập mới biết nó tốt hay xấu. Nếu không đập thì không thể biết được. Tướng của trí không thoái cũng như vậy, không niệm, không đắm trước, không khởi, không tạo tác, đầy đủ bất động, không sinh, không diệt cứ như thế mà hiển hiện.

Bấy giờ Đức Phật dạy Văn-thù:

–Như chư Như Lai tự nói trí của mình, thì ai có thể tin được?

Văn-thù thưa:

–Trí như vậy, chẳng phải pháp của Niết-bàn; cũng chẳng phải pháp của sinh tử; là hạnh tịch tĩnh; là hạnh vô động; không đoạn trừ tham dục, sân giận, ngu si; cũng chẳng phải không đoạn trừ chúng. Vì sao? Vì không tận, không diệt, không lìa sinh tử, cũng chẳng phải không lìa, không tu đạo, chẳng phải không tu đạo. Người hiểu rõ như vậy gọi là chánh tín.

Đức Phật nói với Văn-thù:

–Lành thay, như lời ông nói, là ông đã hiểu sâu về nghĩa này.

Bấy giờ Ma-ha Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu nói chánh pháp sâu xa như vậy, thì đời vị lai ai có thể tin hiểu, nghe thọ và thực hành?

Đức Phật dạy Ca-diếp:

–Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di trong hội hôm nay được nghe kinh này; cũng như đời vị lai những người này được nghe pháp ấy, đều có thể tin hiểu Bát nhã Ba la mật sâu xa; và cũng có thể đọc tụng, tin hiểu, thọ trì; và cũng có thể diễn thuyết, phân biệt cho người khác.

Giống như ông trưởng giả mất ngọc báu ma-ni, nên ưu sầu khổ não, sau đó tìm lại được thì sẽ rất vui mừng. Như vậy, này Ca-diếp, chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di ấy, cũng như vậy. Dù có lòng tin ưa, nhưng không nghe pháp thì vẫn sinh khổ não. Nếu có ai khi được nghe, mà tin hiểu thọ trì, thường ưa thích đọc tụng, lòng rất vui mừng, thì nên biết rằng, những người ấy đã thấy Phật, đã gần gũi cúng dường chư Phật.

Phật dạy Ca-diếp:

–Giống như trên cõi trời Đao-lợi, khi cây Ba-lợi-chất-đa-la bắt đầu xuất hiện thì trong chư Thiên cõi đó ai thấy cây cũng rất vui mừng; vì không bao lâu, cây này sẽ trổ hoa. Nếu các Tỳ-kheo, Tỳkheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di… được nghe Bát nhã Ba la mật, mà tin hiểu thì cũng giống như vậy. Không bao lâu, những người này sẽ mở mang tất cả Phật pháp.

Vào thời tương lai, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nào nghe Bát nhã Ba la mật mà tin thọ, đọc tụng, tâm không lùi, không hối; nên biết người đó đã ở trong hội này, đã nghe thọ kinh này; nếu có thể cũng nên lưu bố, rộng nói cho mọi người trong thành ấp, xóm làng…; những người ấy được chư Phật hộ niệm.

Như vậy, trong Bát nhã Ba la mật thâm sâu, người nào tin ưa, không nghi ngờ thì nên biết rằng, những người ấy đối với chư Phật thời quá khứ, đã từng tu tập trồng các căn lành. Giống như có người xâu châu ngọc, bỗng nhiên gặp bảo châu ma-ni thật quý giá, tất vui mừng, thì nên biết người này chắc chắn đã từng thấy bảo châu ma-ni rồi.

Như vậy, này Ca-diếp! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào tu học pháp khác, bỗng nhiên được nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa sinh tâm rất vui mừng, thì cũng như người kia được bảo châu ma-ni vậy. Nên biết người này đã từng nghe Bát nhã Ba la mật. Nếu có chúng sinh được nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa, sinh lòng tín thọ, sinh đại hoan hỷ, thì những người này cũng đã từng gần gũi vô số chư Phật, đã nghe và đã tu học Bát nhã Ba la mật. Giống như có người, trước kia đã đi

qua, đã thấy xóm làng, thành ấp nọ; sau đó người nghe khen ngợi thành ấp đó có vườn uyển, nhiều ao, suối, hoa quả, cây cối, nhân dân nam nữ… rất đáng ưa thích. Nghe vậy, người ấy rất vui mừng.

Lại nói, vườn uyển thành ấy được trang hoàng đẹp đẽ với hoa đủ loại, cây trái ngọt, ao suối, nhiều trân châu quý đẹp đẽ… tất cả đều rất ưa thích. Người ấy được nghe lần nữa, lại rất vui mừng; thì nên biết người ấy cũng đã từng thấy như vậy rồi. Thiện nam, thiện nữ nào, nghe Bát nhã Ba la mật mà tin nhận, lại luôn luôn vui mừng, thích nghe không chán, lại khuyến nói cho người khác; nên biết người này đã từng theo Văn-thù-sư-lợi ở trong hội để nghe Bát nhã Ba la mật.

Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào, vào đời tương lai, được nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa ấy, mà có lòng tin ưa, nghe thọ, thì nên biết người này, vào thời quá khứ cũng đã từng nghe và tu học.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đức Phật nói các pháp là vô tướng, vô tác, tịch diệt đệ nhất. Thiện nam, thiện nữ nào, có thể hiểu rõ được nghĩa đó; rồi tuyên bày nghĩa này được chư Như Lai khen ngợi, không trái tướng của pháp, tức là Phật nói cũng là tướng hưng thịnh của Bát nhã ba-la-mật, cũng gọi là hưng thịnh đầy đủ Phật pháp, thông đạt thật tướng, không thể nghĩ lường.

Đức Phật dạy Văn-thù:

–Xưa, khi hành đạo Bồ-tát, ta tu các căn lành, muốn trụ vào địa vị không thoái chuyển, cần phải học Bát nhã Ba la mật; muốn chứng thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, phải học Bát nhã Ba la mật. Thiện nam, thiện nữ muốn hiểu tất cả tướng của Phật pháp, muốn biết tâm giới của tất cả chúng sinh đều đồng nhau, nên học Bát nhã Ba la mật.

Văn-thù thưa:

–Muốn học tất cả Phật pháp đầy đủ vô ngại thì nên học Bát nhã ba-la-mật. Muốn học tất cả khi Phật thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tướng tốt oai nghi, vô lượng pháp thức, thì nên học Bát nhã Ba la mật. Muốn biết tất cả chư Phật chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tất cả pháp thức và các oai nghi thì nên học

Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì trong pháp không ấy, không thấy chư Phật, Bồ-đề…

Thiện nam, thiện nữ nào, muốn biết những tướng như vậy mà không nghi ngờ thì nên học Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật không thấy các pháp có sinh, có diệt, có cấu, có tịnh. Cho nên thiện nam, thiện nữ nên học Bát nhã Ba la mật.

Muốn biết tất cả pháp không có những tướng quá khứ, hiện tại, vị lai; nên học Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì tánh tướng của pháp giới không có ba đời. Muốn biết tất cả pháp đồng nhập vào pháp giới, tâm vô quái ngại, nên học Bát nhã Ba la mật.

Muốn chứng tam chuyển, mười hai hành pháp luân, tự mình chứng biết, nhưng không chấp trước, thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Muốn được lòng từ, bao trùm khắp tất cả chúng sinh cứu giúp không có giới hạn, cũng không nghĩ là có tướng chúng sinh, nên học Bát nhã Ba la mật.

Muốn đạt sự không tranh luận với tất cả chúng sinh, mà cũng không nắm giữ lấy tướng không tranh luận; nên học Bát nhã Ba la mật. Muốn biết mười Lực, Vô úy trụ trí tuệ Phật được vô ngại biện tài thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Bấy giờ Văn-thù bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con quán chánh pháp: vô vi, vô tướng, vô đắc, vô lợi, không sinh, không diệt, không đến, không đi, không có người biết, không có người thấy, không người tạo tác, không thấy Bát nhã Ba la mật, cũng không thấy cảnh giới Bát nhã Ba la mật, chẳng chứng, chẳng phải không chứng, không hý luận, không có phân biệt. Tất cả các pháp không tận, lìa tận; không có pháp phàm phu, không có pháp Thanh văn, không có pháp Bích-chi-phật và pháp Phật; chẳng được, chẳng phải không được, không xả bỏ sinh tử, không chứng đắc Niết-bàn, chẳng nghĩ bàn, chẳng phải chẳng nghĩ bàn, không làm, chẳng phải không làm. Tướng pháp như vậy, nếu không biết thì làm sao học Bát nhã Ba la mật?

Đức Phật dạy Văn-thù:

–Nếu biết tướng của các pháp như vậy, thì gọi là học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát nào muốn học Tam-muội tự tại Bồ-đề, khi được Tam-muội đó rồi, ánh sáng sẽ chiếu khắp tất cả Phật pháp sâu xa và biết danh xưng của tất cả chư Phật, cũng biết và thông suốt thế giới của chư Phật mà không có chướng ngại, **nên học theo những gì mà Văn-thù nói trong Bát nhã Ba la mật.**

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bát nhã Ba la mật?

Đức Phật dạy:

–Bát nhã Ba la mật không bờ, không bến, không tên, không tướng, chẳng suy lường, không chỗ quay về nương tựa, không là hòn đảo, không tội, không phước, không tối, không sáng. Giống như pháp giới, không có ranh giới, không hạn số… Đó gọi là Bát nhã Ba la mật. Cũng gọi là hành xứ của Đại Bồ-tát. Chẳng phải hành xứ, chẳng phải không hành xứ; tất cả đều nhập vào một thừa gọi là phi hành xứ. Vì sao? Vì vô niệm, vô tác.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nên tu hành như thế nào để mau thành Vô thượng chánh giác?

Đức Phật dạy:

–Làm theo những điều được nói trong Bát nhã Ba la mật thì có thể mau đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại có Tam-muội Nhất hạnh; nếu thiện nam, thiện nữ nào tu Tam-muội ấy thì cũng mau đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tam-muội Nhất hạnh là gì?

Đức Phật dạy:

–Một tướng của pháp giới duyên chặt vào pháp giới, gọi là Tam-muội Nhất hạnh. Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn nhập vào Tam-muội Nhất hạnh, thì trước tiên nghe Bát nhã Ba la mật, theo đó mà tu học; sau có thể nhập vào Tam-muội Nhất hạnh; giống như duyên vào pháp giới, không lui sụt, không hư hoại, không nghĩ bàn, vô ngại, vô tướng.

Nếu thiện nam, thiện nữ nào, muốn nhập vào Tam-muội Nhất hạnh; nên ở nơi thanh vắng, xả tâm, bỏ các loạn động, không chấp chặt vào tướng mạo, cột tâm vào một vị Phật và chuyên niệm

danh hiệu của Ngài. Tùy theo Đức Phật ở phương nào mà ngồi thẳng, hướng đến và niệm danh hiệu của vị Phật đó liên tục. Thế thì trong niệm ấy, có thể thấy quá khứ, hiện tại, vị lai chư Phật. Vì sao? Vì niệm một Đức Phật công đức vô lượng, vô biên, cũng bằng công đức niệm vô lượng chư Phật, công đức ấy như một, không thể nghĩ bàn. Phật pháp bình đẳng, không phân biệt, tất cả đều chở nhất như, đều chứng thành Tối chánh giác, đều đầy đủ vô lượng công đức, vô lượng biện tài. Như vậy, người hành Tam-muội Nhất hạnh là người biết rõ hằng hà sa pháp giới của chư Phật là không có tướng sai biệt. Tôn giả A-nan nhờ được nghe Phật pháp mà được niệm tổng trì biện tài trí tuệ. Đối với trong hàng Thanh văn, tuy là tối thắng, vẫn trụ vào lượng số, có giới hạn. Nếu đắc Tam-muội Nhất hạnh, thì với pháp môn của các kinh, đều phân biệt rõ ràng, đều giác ngộ nhất định không chướng ngại, luôn luôn nói trí tuệ biện tài ngày đêm không gián đoạn; so với A-nan đa văn biện tài, trăm ngàn phần không bằng một phần của người kia.

Đại Bồ-tát nên nghĩ như vầy: “Ta phải làm thế nào để mau chứng được Tam-muội Nhất hạnh, chẳng thể nghĩ bàn công đức, vô lượng danh xưng.” Phật dạy:

–Đại Bồ-tát nên nghĩ nhớ Tam-muội Nhất hạnh, thường chuyên cần tinh tấn, không biếng lười. Như vậy, cứ thứ lớp tu học dần dần, thì có thể nhập Tam-muội Nhất hạnh, được công đức chẳng thể nghĩ bàn; trừ những kẻ hủy báng chánh pháp, không có lòng tin, ác nghiệp tội chướng nặng nề, không thể nào nhập được Tam-muội Nhất hạnh.

Lại nữa, Văn-thù-sư-lợi, giống như có người được châu ma-ni đem cho người thọ ngọc xem, người thợ ngọc trả lời: “Đây là bảo châu ma-ni vô giá.” Người được châu, yêu cầu người thợ: “Ông hãy mài dũa ngọc châu này cho tôi, chớ để mất đi màu sắc ánh sáng.” Khi người thợ ngọc mài dũa xong, màu sắc của ngọc châu sáng rỡ chiếu khắp, trong ngoài đều trong suốt.

Văn-thù-sư-lợi! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào, tu học Tam muội Nhất hạnh, thì được công đức chẳng thể nghĩ bàn, vô lượng danh xưng. Trong lúc tu học, biết được tướng của các pháp, thông suốt vô ngại, công đức càng tăng trưởng.

Cũng như vậy, này Văn-thù-sư-lợi, giống như ánh sáng của mặt trời đầy khắp, không có tướng giảm. Nếu chứng dắc Tam-muội Nhất hạnh thì đều có đầy đủ tất cả các công đức, không có thiếu kém. Cũng vậy, đắc Tam-muội Nhất hạnh chiếu sáng Phật pháp, giống như ánh sáng của mặt trời.

Văn-thù-sư-lợi! **Giáo pháp mà ta nói đến đều là một vị, là vị xa lìa, vị giải thoát, vị tịch diệt.** Thiện nam, thiện nữ nào đắc Tam-muội Nhất hạnh rồi những điều diễn nói cũng là một vị, vị xa lìa, vị giải thoát, vị tịch diệt, tùy thuận với chánh pháp sẽ không có tướng sai lầm.

Văn-thù-sư-lợi! Nếu Đại Bồ-tát đắc Tam-muội Nhất hạnh ấy, thì có đầy đủ pháp trợ đạo sẽ mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, Văn-thù-sư-lợi! Nếu Đại Bồ-tát không thấy pháp giới có tướng phân biệt dù chỉ là một tướng thì sẽ mau chứng được tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng thể nghĩ bàn. Trong Bồ đề ấy, cũng không thành Phật, người nào biết như vậy thì mau đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu tin tất cả pháp đều là Phật pháp, không sinh tâm sợ hãi, không nghi ngờ, người nhẫn như vậy thì mau chứng Vô thượng Bồ-đề.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nhờ nhân duyên như vậy mà mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề ư?

Phật dạy:

–Chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không phải do nhân mà được chẳng phải chẳng do nhân mà được. Vì sao? Vì cảnh giới chẳng nghĩ bàn không do nhân mà được, không phải không nhân mà được. Thiện nam, thiện nữ nào nghe nói như vậy mà không sinh lòng lười biếng nên biết người đó trước kia đã gieo trồng căn lành rồi. Cho nên Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nghe nói Bát nhã Ba la mật sâu xa không sinh kinh hãi, liền theo Phật xuất gia. Nếu Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nào được nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa ấy, tâm không sợ hại liền thành tựu là nơi chân chánh để quay về nương tựa.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào, không tu tập Bát nhã Ba la mật thâm sâu này, tức là không tu tập Phật thừa; giống như đại địa, tất cả cây thuốc đều nhờ đất mà sinh trưởng. Văn-thù-sư-lợi, Đại Bồ-tát cũng như vậy; tất cả căn đều nương vào Bát nhã Ba la mật mà được tăng trưởng, đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không sai trái.

Lúc bấy giờ, Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cả xóm làng, thành ấp trong Diêm-phù-đề này, chỗ nào sẽ diễn nói Bát nhã Ba la mật sâu xa như vậy?

Đức Phật dạy Văn-thù-sư-lợi:

–Nay trong hội này, nếu có người nào nghe Bát nhã Ba la mật, đều phát thệ nguyện: "Trong đời vị lai luôn luôn được tương ưng với Bát nhã Ba la mật." Từ lòng tín giải này, mà trong đời vị lai có thể được nghe kinh ấy; nên biết rằng, người này không phải do có chút ít căn lành mà có thể hoan hỷ thọ nhận được.

Văn-thù-sư-lợi! Có thiện nam, thiện nữ nào, theo ông nghe Bát nhã Ba la mật này, ông nên nói như vầy: "Trong Bát nhã Ba la mật này, không có pháp Thanh văn, pháp Bích-chi-phật, pháp Bồ-tát, pháp Phật, cũng không có pháp phàm phu, sinh diệt…"

Văn-thù bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, đến hỏi con rằng: "Như Lai nói Bát nhã Ba la mật như thế nào?" Con sẽ trả lời: "Tất các các pháp không có tướng tranh luận, thì làm sao Như Lai nói Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì không thấy có pháp nào để cùng tranh luận, cũng không có tâm thức của chúng sinh, có thể biết."

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Con sẽ nói cứu cánh thực tế. Vì sao? Vì tướng của tất cả các pháp cùng nhập vào thực tế. A-la-hán không có pháp thù thắng riêng biệt. Vì sao? Vì pháp A-la-hán, pháp phàm phu không một, không khác.

Bạch Đức Thế Tôn! Nói pháp như vậy không có chúng sinh đã, đang và sẽ chứng Niết-bàn. Vì sao? Vì không có tướng chúng sinh nhất định.

Văn-thù-sư-lợi nói:

–Nếu người nào muốn nghe Bát nhã Ba la mật, con sẽ nói với họ như vầy: "Nếu có người nào nghe, mà không nhớ nghĩ, không nắm giữ, không nghe, không chứng đắc, như người huyễn không có phân biệt." Nói như vậy là **chân thuyết pháp**. Cho nên người nghe chớ khởi chấp ra hai tướng; không xả các kiến mà tu Phật pháp; không giữ lấy pháp của Phật, không xả bỏ pháp của phàm phu. Vì sao? Vì tướng của hai pháp là Phật và phàm phu đều không, không nắm giữ hay xả bỏ. Nếu ai hỏi con, con sẽ nói như vầy: "An ủi như vậy, kiến lập như vậy." Thiện nam,

thiện nữ nên hỏi như vậy; trụ tâm không lui, không mất, nên như pháp tướng mà tùy thuận theo Bát nhã Ba la mật để nói.

Khi ấy Thế Tôn khen Văn-thù-sư-lợi:

–Lành thay, lành thay, như lời ông nói! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào muốn chiêm ngưỡng chư Phật, nên học Bát nhã Ba la mật như vậy. Muốn gần gũi chư Phật, theo pháp mà cúng dường, nên học Bát nhã Ba la mật. Muốn nói Như Lai là Thế Tôn của ta, nên học Bát nhã Ba la mật. Muốn nói Như Lai không phải là Thế Tôn của ta, cũng nên học Bát nhã Ba la mật. Nếu không muốn thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên học Bát nhã Ba la mật. Nếu không muốn thành Vô thượng Bồ-đề, cũng nên học Bát nhã Ba la mật. Nếu muốn thành tựu tất cả các Tam-muội, nên học Bát nhã Ba la mật. Nếu không muốn thành tựu tất cả các Tam-muội, cũng nên học Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì Tam-muội không tạo tác, không có tướng khác biệt, tất cả pháp không sinh, không xuất. Nếu muốn biết tất cả pháp là giả danh nên học Bát nhã Ba la mật. Nếu muốn biết tất cả chúng sinh tu đạo Bồ-đề, không cầu tướng Bồ-đề và tâm không thoái thất, nên học Bát nhã Ba la mật. Vì sao? **Vì tất cả pháp đều là tướng Bồ-đề**. Nếu muốn biết tất cả tướng hành, tướng chẳng hành của chúng sinh, mà tướng chẳng hành tức là Bồ-đề, Bồ-đề tức pháp giới, pháp giới tức là thật tế và tâm không thoái thất nên học Bát nhã Ba la mật. Nếu muốn biết tất cả Như Lai có thần thông biến hóa, vô tướng, vô ngại, cũng không có phương cách nào khác là nên học Bát nhã Ba la mật.

Đức Phật dạy Văn-thù:

–Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, muốn không đọa vào đường ác, nên học Bát nhã Ba la mật. Dù chỉ một bài kệ bốn câu, mà thọ trì, đọc tụng, tùy thuận giải nói thật tướng cho người khác, như vậy, nên biết rằng, người đó nhất định chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trụ vào cõi Phật. Nếu người nào nghe Bát nhã Ba la mật mà không sợ hãi, có lòng tin hiểu; nên biết rằng người đó sẽ được Phật ấn chứng. Được Phật ấn tức là sẽ thực hành được pháp ấn Đại thừa của Phật. Thiện nam, thiện nữ học pháp ấn này, sẽ vượt qua khỏi đường ác, không nhập vào đạo Thanh văn, Bích-chi-phật, vì vị ấy đã vượt qua rồi.

Lúc bấy giờ, Đế Thích ở cõi trời Tam thập tam dùng hoa thơm của trời như hoa Ưu-bát-la, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lợi, hoa trời Mạn-đà-la, cùng với hương Chiên-đàn của trời… và các loại hương bột khác, các loại vàng bạc châu báu và cả nhạc trời cùng trổi lên để cúng dường Bát nhã Ba la mật và chư Như Lai cùng Văn-thù-sư-lợi.

Rải hương hoa cúng dường xong rồi nguyện rằng: "Nguyện cho con luôn được nghe pháp ấn của Bát nhã Ba la mật."

Thích Đề-hoàn Nhân cũng nguyện: "Nguyện cho thiện nam, thiện nữ trong cõi Diêm-phù-đề, thường được ghe kinh ấy, tin chắc vào Phật pháp. Tất cả họ đều được tin hiểu, thọ trì, đọc tụng và diễn thuyết cho người, được tất cả chư Thiên ủng hộ."

Khi ấy, Đức Phật bảo Thích Đề-hoàn-Nhân:

–Này Kiều-thi-ca, đúng vậy! Thiện nam, thiện nữ ấy sẽ nhất định chứng được Bồ-đề của chư Phật.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ thọ trì Bát nhã Ba la mật như vậy sẽ được lợi ích và công đức thì vô lượng.

Lúc này, do thần lực của Phật, tất cả đại địa chấn động sáu cách. Ngay lúc đó Đức Phật mỉm cười, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp cả tam thiên đại thiên thế giới.

Văn-thù bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đó là tướng ấn Bát nhã Ba la mật của Như Lai?

Đức Phật dạy Văn-thù-sư-lợi:

–Đúng vậy! Khi nói Bát nhã Ba la mật xong, đều hiện điềm này, vì ấn Bát nhã Ba la mật sẽ khiến cho người thọ trì không khen chê. Vì sao? Vì Pháp ấn không có tướng thì không thể khen chê. Nay ta dùng Pháp ấn này để khiến cho chư Thiên ma không hại được.

Nghe Đức Phật nói Bát nhã Ba la mật xong, chư Thiên, Bồ-tát và bốn bộ chúng đều hoan hỷ phụng hành.

HẾT

(Chấm dứt kinh "Văn Thù Sở Thuyết Bát Nhã")

---o0o---

(Tạng Thư Phật Học)

14. Kinh "Văn Thù Sư Lợi Sở Thuyết Bát Nhã Ba La Mật"

Đại Tạng Kinh Việt Nam mang số 0233, 1 quyển, do Tam tạng Tăng-già-bà-la, người nước Phù Nam đời Lương dịch từ Phạn sang Hán và nhóm Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh dịch từ Hán sang Việt.

---o0o---

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ; Đức Phật cùng một vạn đại Tỳ-kheo và mười vạn Đại Bồ-tát, đều đã ở địa vị không thoái chuyển. Từ lâu các vị này đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, trồng sâu các căn lành với chư Phật, thành tựu chúng sinh, làm thanh tịnh cõi Phật. Các vị đã chứng Đàla-ni, đã được nhạo thuyết biện tài, thành tựu trí tuệ và đầy đủ các công đức, dùng thần thông tự tại, du hóa các thế giới của chư Phật, phóng vô lượng ánh sáng, nói vô tận diệu pháp, giáo hóa các Bồ-tát nhập vào nhất tướng môn, đắc được Vô sở úy, khéo hàng phục quân ma; giáo hóa, độ thoát cho những kẻ ngoại đạo, tà kiến. Nếu có chúng sinh ưa thích Thanh văn, thì nói Thanh văn thừa; thích Duyên giác, thì nói Duyên giác thừa; thích thế gian, thì nói thế gian thừa; dùng Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ để thu phục chúng sinh. Người chưa được độ thì độ cho họ. Người chưa giải thoát thì làm cho giải thoát. Người chưa an, thì được an. Người chưa đạt Niết-bàn thì khiến được chứng Niết-bàn. Việc làm cuối cùng của Bồ-tát là khéo nhập vào pháp tạng của chư Phật. Các vị ấy đầy đủ tất cả công đức.

Tên của các vị Bồ-tát là: Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử, Di-lặc, Phổ Quang Minh, Bất Xả Dũng Mãnh Tinh Tấn, Dược Vương, Bảo Chưởng, Bảo Ấn, Nguyệt Quang, Nhật Tịnh, Đại Lực, Vô Lượng Lực, Đắc Cần Tinh Tấn, Lực Tràng Tướng, Pháp Tướng, Tự Tại Vương… cả mười vạn Bồ-tát như vậy. Ngoài ra còn có Trời, Rồng, Quỷ, Thần… tất cả đại chúng, đều đến hội họp.

Bấy giờ vào nửa đêm, Như Lai phóng đại quang minh xanh, vàng, đỏ, trắng pha lẫn với màu pha lê, chiếu khắp vô lượng thế giới trong mười phương. Tất cả chúng sinh gặp phải ánh sáng này, đều ngồi dậy chiêm ngưỡng và chứng được Pháp hỷ. Có những chúng sinh còn nghi ngờ: "Ánh sáng này từ đâu mà chiếu khắp cả thế giới, khiến cho chúng sinh được vui an ổn?" Họ nghĩ vậy, rồi lại thấy cứ mỗi mỗi ánh sáng lại xuất ra ánh sáng lớn, chiếu sáng rỡ thù thắng, vượt hơn ánh sáng trước. Cứ như vậy, lần lượt cho đến mười lớp. Tất cả Bồ-tát, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bàdi, Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, người và chẳng phải người… đều vui mừng hớn hở chưa từng có. Tất cả đều suy nghĩ: "Chắc

chắn là Như Lai đã phóng ánh sáng này. Chúng ta hãy mau đến lễ lạy, cung kính, gần gũi Đức Như Lai.”

Khi đó, Văn-thù-sư-lợi và các Đại Bồ-tát đã gặp ánh sáng này, đều vui mừng cả thân tâm và cùng nhau đến cửa Kỳ hoàn. Bấy giờ Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử, Ma-ha Ca-diếp, Ma-ha Ca-chiên-diên. Ma-ha Câu-hy-la cũng đều đến cửa Kỳ hoàn. Trời Đế Thích, Tứ Thiên vương cho đến cõi trời A-ca-ni-sất (trời Cứu cánh) thấy ánh sáng đó cũng vui mừng chưa từng có. Chư tiên cùng quyến thuộc tung hoa trời, hương trời, nhạc trời, áo báu trời… tất cả đều được đưa đến cửa Kỳ hoàn. Còn các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Trời, Rồng, tám bộ chúng gặp ánh sáng cũng đều hoan hỷ, kéo đến cửa Kỳ hoàn.

Khi ấy, Thế Tôn Nhất thiết chủng trí biết chư Thiên đại chúng đều đã ở ngoài cửa liền đứng dậy ra ngoài cửa trải tòa, ngồi kiết già và bảo Xá-lợi-phất:

–Mới sáng sớm ông đã đến đứng ngoài cửa ư?

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đến đây trước tiên là Văn-thù-sư-lợi và các Đại Bồ-tát.

Đức Thế Tôn nói với Văn-thù-sư-lợi:

–Sáng nay ông đã đến đây trước tiên ư?

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Đúng như vậy, thưa Thế Tôn! Vào nửa đêm, con thấy ánh sáng lớn chiếu sáng rỡ mười lớp, con vui mừng hớn hở vô cùng vì chưa từng được gặp. Cho nên con đến lễ bái, gần gũi Như Lai và muốn nghe diệu pháp cam lồ.

Thế Tôn dạy Văn-thù-sư-lợi:

–Nay ông đã thật thấy Như Lai ư?

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Pháp thân của Như Lai vốn không thể thấy. Con vì chúng sinh nên đến đây gặp Phật. Pháp thân Phật là chẳng thể nghĩ bàn; không tướng, không hình, không đến, không đi, chẳng có, chẳng không, chẳng thấy, chẳng phải không thấy, như như thật tế, không đi không đến, chẳng phải không, chẳng phải có, chẳng phải xứ, chẳng phải phi xứ, chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng tịnh, chẳng cấu, không sinh, không diệt. Con thấy Như Lai cũng lại như vậy.

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Ông thấy Như Lai như vậy ư?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con thật không thấy, cũng không có tướng thấy.

Bấy giờ Xá-lợi-phất hỏi Văn-thù-sư-lợi:

–Tôi không hiểu những lời của ông vừa nói. Vậy thế nào là thấy Như Lai?

Văn-thù trả lời Xá-lợi-phất:

–Này Đại đức! Tôi không thấy Như Lai như vậy.

Xá-lợi-phất nói với Văn-thù-sư-lợi:

–Ông nói như vậy tôi càng không hiểu.

Văn-thù trả lời Xá-lợi-phất:

–Không thể hiểu tức là Bát nhã Ba la mật. Bát nhã Ba la mật: Không thể hiểu, không thể không hiểu.

Xá-lợi-phất hỏi Văn-thù:

–Ông có lòng từ bi với chúng sinh không? Ông có vì chúng sinh mà hành sáu pháp Ba-la-mật không? Lại có vì chúng sinh mà nhập Niết-bàn không?

Văn-thù trả lời:

–Theo như Tôn giả nói, tôi vì chúng sinh mà khởi tâm Từ bi, vì họ mà hành sáu pháp Ba-la-mật, mà nhập Niết-bàn; nhưng chúng sinh thì thật không thể đắc, không tướng, không hình, không tăng, không giảm. Xá-lợi-phất! Tôn giả phải nghĩ rằng: "Mỗi mỗi thế giới có hằng hà sa chư Phật, ở đời hằng hà sa kiếp, nói nhiều pháp, giáo hóa độ thoát hằng hà sa chúng sinh, mỗi mỗi chúng sinh đều được diệt độ." Ông có nghĩ như vậy không?

Xá-lợi-phất nói:

–Tôi luôn nghĩ như vậy.

Văn-thù trả lời Xá-lợi-phất:

–Giống như hư không vô số, thì chúng sinh cũng vô số. Hư không không thể độ, thì chúng sinh cũng không thể độ. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh bằng với hư không, thì làm sao chư Phật giáo hóa chúng sinh?

Xá-lợi-phất nói:

–Nếu tất cả chúng sinh bằng với hư không, thì làm sao ông vì chúng sinh thuyết pháp để khiến họ được giác ngộ?

Văn-thù trả lời:

–Bồ-đề thật không thể đắc. Tôi phải nói pháp gì để chúng sinh đắc ư? Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Bồ-đề với chúng sinh không một, không hai, không khác, vô vi, vô danh, vô tướng, thật vô sở hữu.

Bấy giờ Thế Tôn phóng ánh sáng lớn, ở trên nhục kế, rất đặc biệt, hiếm có, không thể diễn tả, nhập vào đảnh của Văn-thù-sư-lợi.

Rồi từ đảnh Văn-thù phát ra, chiếu khắp đại chúng. Sau đó, chiếu đến khắp tất cả mười phương thế giới. Lúc ấy, đại chúng gặp ánh sáng này, thân tâm vui mừng như chưa từng có, đồng loạt đứng dậy chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn và Văn-thù-sư-lợi. Họ nghĩ như vầy: "Hôm nay, Như Lai phóng ánh sáng vi diệu, kỳ lạ này, vào đảnh Văn-thù, rồi từ đảnh Văn-thù phát ra, chiếu khắp đại chúng, rồi tới khắp cả mười phương. Đây không phải không có nhân duyên. Chắc chắn Thế Tôn sẽ nói diệu pháp. Chúng ta nên cần tu tinh tấn, vui vẻ thực hành đúng như giáo pháp."

Nghĩ vậy xong, họ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay Như Lai phóng ánh sáng này, không phải không có nhân duyên, chắc chắn Ngài sắp nói diệu pháp. Chúng con khao khát ưa thích được nghe, để tu hành.

Thưa như vậy xong, họ im lặng lui ra.

–Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Ngài phóng ánh sáng tăng thêm thần lực cho con, ánh sáng này hy hữu, chẳng phải sắc, chẳng phải tướng, không đi, không đến, không động, không tỉnh, chẳng phải thấy, chẳng phải nghe, chẳng hiểu, chẳng biết; tất cả chúng sinh không thể quán sát thấy được;

không vui, không sợ; không có chỗ để phân biệt. Con sẽ nương theo Thánh chỉ của Phật mà nói ánh sáng này, để chúng sinh nhập vào Vô tướng tuệ.

Đức Phật dạy Văn-thù:

–Lành thay, lành thay, ông nói rất hay! Ta sẽ giúp đỡ ông.

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ánh sáng này là Bát nhã Ba la mật. Bát nhã Ba la mật là Như Lai. Như Lai là tất cả chúng sinh.

Bạch Thế Tôn! Như vậy con sẽ tu Bát nhã Ba la mật.

Đức Phật nói với Văn-thù:

–Này thiện nam! Ông nói Bát nhã Ba la mật thâm sâu như vậy. Nay ta hỏi ông, nếu có người hỏi ông: "Có bao nhiêu cảnh giới chúng sinh?" Thì ông trả lời thế nào?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu ai hỏi con như vậy thì con sẽ trả lời rằng: "Số cảnh giới của chúng sinh bằng cảnh giới của Như Lai." Đức Phật hỏi:

–Nếu có người hỏi ông: "Cảnh giới của chúng sinh rộng hẹp ra sao?" Thì ông trả lời như thế nào?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có người hỏi như vậy, con sẽ trả lời: "Rộng hẹp như cảnh giới của Phật."

Đức Phật hỏi Văn-thù:

–Lại có người hỏi ông: "Cảnh giới của chúng sinh trói buộc ở chỗ nào?" Thì ông trả lời sao?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con sẽ trả lời rằng: "Giống như của Như Lai vậy."

Đức Phật hỏi:

–Này Văn-thù-sư-lợi, nếu có người hỏi ông: "Cảnh giới của chúng sinh trụ nơi nào? Ông sẽ trả lời ra sao?" Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con sẽ nói như vầy: "Trụ vào cảnh giới Niết bàn".

Đức Phật dạy Văn-thù:

–Ông tu Bát nhã Ba la mật như vậy; vậy Bát nhã Ba la mật có chỗ trụ không?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật không có chỗ trụ.

Đức Phật dạy:

–Nếu Bát nhã Ba la mật không có chỗ trụ thì ông học thế nào? Tu thế nào?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Bát nhã Ba la mật có chỗ trụ, thì con không có tu, không có học.

Đức Phật dạy:

–Khi ông tu Bát nhã Ba la mật, căn lành có tăng giảm không?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có căn lành, làm gì có tăng, có giảm. Nếu có tăng, giảm thì chẳng phải tu Bát nhã Ba la mật.

Bạch Thế Tôn! Không vì pháp tăng, không vì pháp giảm, đó là tu Bát nhã Ba la mật. Không đoạn pháp phàm phu, không ôm giữ pháp Như Lai, đó là tu Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì Bát nhã Ba la mật không vì đắc pháp nên tu; không vì không đắc pháp nên tu; không vì tu pháp nên tu; không vì không tu pháp nên tu.

Bạch Thế Tôn! Không đắc, không xả, đó là tu Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Không vì hoạn nạn của sinh tử, không vì công đức Niết-bàn. Nếu tu Bát nhã Ba la mật như vậy; thì không thủ, không thọ, không xả, không buông, không tăng, không giảm, không khởi, không diệt.

Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào, nghĩ như vầy: "Pháp này thượng, pháp này trung, pháp này hạ"; thì không phải tu Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì pháp không có thượng, trung, hạ. Bạch Thế Tôn! Con tu Bát nhã Ba la mật như vậy.

Đức Phật dạy:

–Tất cả pháp của Phật không có tăng thượng ư?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Pháp của Phật, pháp của Bồ-tát, pháp Thanh văn, pháp Duyên giác cho đến pháp phàm phu đều không thể đắc. Vì sao? Vì cứu cánh không. Trong cứu cánh không; không có pháp Phật, pháp phàm phu. Trong pháp phàm phu không có cứu cánh không. Vì sao? Vì không và chẳng phải không thì không thể nắm bắt được.

Đức Phật dạy Văn-thù:

–Pháp Phật có vô thượng không?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có một pháp nhỏ như vi trần nào, gọi là vô thượng. Vì sao? Bố thí ba-la-mật là không Bố thí ba-la-mật. Cho đến Bát nhã Ba la mật cũng là không Bát nhã Ba la mật. Mười Lực là không mười Lực; pháp bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng, cho đến Nhất thiết trí là không Nhất thiết trí. Trong cái không đó, không có pháp nào là vô thượng cả. Trong vô thượng, không có không. **Không và chẳng phải không rốt ráo là không thể nắm bắt được.**

Bạch Thế Tôn! Pháp chẳng thể nghĩ bàn là Bát nhã Ba la mật.

Đức Phật dạy:

–Ông không tư duy pháp Phật ư?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu con tư duy pháp Phật, thì con thấy pháp Phật vô thượng. Vì sao? Vì không có sinh tử.

Bạch Thế Tôn! Năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới, rốt ráo là không thể nắm bắt được. Tất cả pháp Phật cũng không thể nắm bắt được, vì trong cái không thể nắm bắt được không có cái có thể nắm bắt được hay cái không thể không nắm bắt.

Bạch Thế Tôn! Trong Bát nhã Ba la mật, từ phàm phu cho đến Phật không phải pháp và không nào chẳng phải pháp. Con sẽ tư duy gì đây?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu không tư duy thì ông không nên nói: Đây là pháp phàm phu, đây là pháp Duyên giác; cho đến không nên nói: Đây là pháp Phật. Vì sao? Vì không thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn! Con thật không nói pháp phàm phu cho đến pháp Phật. Vì sao? Vì không tu Bát nhã Ba la mật.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ông cũng không nên nghĩ như vầy: “Đây là Dục giới, đây là Sắc giới, đây là Vô sắc giới.” Vì sao? Vì không thể nắm bắt được.

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Dục giới, tánh Dục giới là không cho đến Vô sắc giới, tánh Vô sắc giới không. Trong cái không đó không nói được, con cũng không nói được.

Bạch Thế Tôn! Tu Bát nhã Ba la mật, không thấy trên, không thấy không có trên. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì tu Bát nhã Ba la mật, không ôm giữ pháp Phật, không bỏ pháp phàm phu. Vì sao? Vì trong cái không rốt ráo không có ôm giữ, cũng không bỏ.

(Tất cả pháp đều không có hai tướng, đó là pháp ấn của chư Phật ba đời)

Đức Phật dạy Văn-thù:

–Lành thay, lành thay! Ông có thể nói Bát nhã Ba la mật như vậy, thì đây là dấu ấn của Đại Bồ-tát.

Này Văn-thù! Nếu thiện nam, thiện nữ nào, chẳng phải với ngàn vạn Phật đã trồng sâu căn lành, để được nghe pháp này, mà phải trồng sâu căn lành với vô lượng, vô biên Phật, mới được nghe Bát nhã Ba la mật thâm sâu này và không sinh sợ hãi.

Văn-thù bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con nương oai thần của Phật, sẽ nói Bát nhã Ba la mật thâm sâu.

Đức Phật dạy:

–Lành thay, lành thay! Ta cho phép ông nói!

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu không đắc pháp sinh, đó là tu Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì các pháp không có sinh. Nếu không đắc pháp trụ, là tu Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì các pháp như thật. Nếu không đắc pháp diệt, là tu Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì các pháp tịch diệt.

Bạch Thế Tôn! Nếu không đắc sắc là tu Bát nhã Ba la mật; cho đến không đắc thức là tu Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì tất cả các pháp như huyễn, như quáng nắng.

Bạch Thế Tôn! Nếu không đắc nhãn xứ, là tu Bát nhã Ba la mật, cho đến không đắc ý xứ là tu Bát nhã Ba la mật. Nếu không đắc sắc, cho đến không đắc pháp; không đắc nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới cho đến không đắc pháp giới, ý thức giới; là tu Bát nhã Ba la mật.

Nếu không đắc Dục giới là tu Bát nhã Ba la mật, cho đến Vô sắc giới cũng lại như vậy.

Bạch Thế Tôn! Nếu không đắc Bố thí ba-la-mật, là tu Bát nhã Ba la mật; cho đến không đắc Bát nhã Ba la mật là tu Bát nhã Ba la mật. Nếu không đắc mười Lực của Phật, bốn Vô sở úy cho đến mười tám pháp Bất cộng là tu Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì trong đó đến không cho đến vô pháp, hữu pháp đều không. *(nghĩa là tất cả pháp cho đến hữu pháp vô pháp đều không)*

Bạch Thế Tôn! Nếu đắc sinh, trụ, diệt, thì chẳng phải tu Bát nhã Ba la mật. Nếu đắc năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới, thì chẳng phải tu Bát nhã Ba la mật. Nếu đắc Dục giới, Sắc giới,

Vô sắc giới, thì chẳng phải tu Bát nhã Ba la mật. Nếu đắc bố thí cho đến trí tuệ, nếu đắc mười Lực của Phật cho đến mười tám pháp Bất cộng đều chẳng phải tu Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì có đắc.

Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ nào nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa này mà không kinh, không nghi, không sợ, không thoái lui, thì nên biết người đó từ lâu đã trồng sâu căn lành với Phật.

Văn-thù bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu không thấy pháp cấu, pháp tịnh; không thấy quả sinh tử; không thấy quả Niết-bàn, không thấy Phật, không thấy Bồ-tát, không thấy Duyên giác, không thấy Thanh văn, không thấy phàm phu là tu Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì tất cả các pháp không cấu, không tịnh, cho đến không phàm phu.

Bạch Thế Tôn! Nếu thấy cấu tịnh, cho đến phàm phu thì chẳng phải tu Bát nhã Ba la mật.

–Bạch Thế Tôn! Nếu thấy sự sai biệt của pháp cấu, pháp tịnh; cho đến thấy sự sai biệt của pháp Phật, pháp phàm phu thì chẳng phải tu Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật là không sai biệt.

Đức Phật dạy Văn-thù:

–Lành thay, lành thay! Đó là chân thật tu hành Bát nhã Ba la mật. Này Văn-thù, ông cúng dường Phật như thế nào?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu tâm người huyễn, luôn diệt thì con luôn cúng dường Phật.

Đức Phật dạy Văn-thù:

–Ông không trụ vào pháp Phật ư?

Văn-thù thưa:

–Phật không có pháp để trụ, thì con trụ vào đâu?

Phật dạy:

–Nếu pháp Phật không có pháp để đắc, thì ai có pháp Phật?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có ai, có pháp Phật cả.

Đức Phật dạy:

–Ông đã đến chỗ vô trước rồi ư?

Văn-thù thưa:

–Vô trước thì không đến, vì sao Thế Tôn nói đã đến chỗ vô trước?

Đức Phật dạy:

–Ông có trụ Bồ-đề không?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Phật còn không trụ Bồ-đề, thì làm sao con trụ được?

Đức Phật dạy:

–Ông dựa vào đâu mà nói như vậy?

Văn-thù thưa:

–Con không có chỗ dựa, nên nói như vậy.

Đức Phật dạy:

–Nếu không có chỗ dựa thì lấy gì để nói?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đúng vậy, con không có gì để nói. Vì sao? Vì tất cả pháp, không có danh tự.

Lúc bấy giờ, Trưởng lão Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Đại Bồ-tát nghe pháp thâm sâu, này mà không kinh nghi, sợ sệt; chắc chắn vị ấy có gần chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không?

Khi ấy, Di-lặc Bồ-tát bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu các Đại Bồ-tát nghe pháp thâm sâu này mà không kinh nghi, sợ sệt; thì có được gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không?

Lại có Thiên nữ tên Vô Duyên bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nghe pháp thâm sâu này mà không kinh nghi, sợ sệt thì người ấy có đắc pháp Thanh văn, pháp Duyên giác, pháp Bồ-tát, pháp Phật không?

Bấy giờ Phật dạy Xá-lợi-phất:

–Đúng vậy, này Xá-lợi-phất! Nếu các Đại Bồ-tát, nghe pháp thâm sâu này, mà không kinh nghi, sợ sệt thì chắc chắn người đó sẽ đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vị ấy sẽ là đại thí chủ, đệ nhất thí chủ, thù thắng thí chủ. Vị ấy sẽ đầy đủ sự trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Vị ấy sẽ đầy đủ công đức, thành tựu những tướng tốt. Mình không sợ sệt, khiến người cũng không sợ sệt, thành tựu rốt ráo Bát nhã Ba la mật, dùng không thể đắc, vô tướng, vô vi để thành tựu pháp chẳng thể nghĩ bàn đệ nhất.

Đức Phật dạy Văn-thù:

–Ông thấy gì, ưa thích gì để cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con không thấy, không ưa thích, nên cầu Bồ-đề.

Đức Phật dạy:

–Nếu không thấy, không ưa thích thì cũng không cầu.

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đúng vậy, con thật không cầu. Vì sao? Vì nếu cầu Bồ-đề là tướng phàm phu.

Đức Phật dạy:

–Thật ông không cầu Bồ-đề ư?

Văn-thù thưa:

–Con thật sự không cầu Bồ-đề. Vì sao? Vì nếu cầu Bồ-đề là tướng phàm phu.

Đức Phật dạy:

–Ông vì định mà cầu hay vì định mà không cầu?

Văn-thù thưa:

–Nếu nói định mà cầu, định mà không cầu, thì định mà cầu, định không cầu đó chẳng phải cầu, chẳng phải không cầu đều là tướng phàm phu. Vì sao? Vì Bồ-đề không có chỗ trụ.

Đức Phật dạy Văn-thù-sư-lợi:

–Lành thay, lành thay! Ông nói được Bát nhã Ba la mật như vậy là vì trước kia ông đã từng trồng sâu căn lành với vô lượng chư Phật và đã từ lâu tu phạm hạnh. Các Đại Bồ-tát nên như lời ông nói mà làm.

Văn-thù thưa:

–Con không trồng căn lành, không tu phạm hạnh. Vì sao? Nếu con trồng căn lành thì tất cả chúng sinh cũng trồng căn lành. Nếu con tu phạm hạnh thì tất cả chúng sinh cũng tu phạm hạnh. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh là tướng phạm hạnh.

Phật dạy:

–Ông đã thấy gì, chứng gì mà nói như vậy?

Văn-thù thưa:

–Con không thấy, không chứng, cũng không nói gì cả. Bạch Thế Tôn! Con không thấy phàm phu, không thấy học, không thấy vô học, không thấy chẳng phải học, chẳng phải vô học… Vì không thấy nên không chứng.

Bấy giờ Xá-lợi-phất nói với Văn-thù-sư-lợi:

–Ông có thấy Phật không?

Văn-thù trả lời:

–Thanh văn tôi còn không thấy thì làm sao thấy Phật. Vì sao? Vì không thấy các pháp nên gọi là Bồ-tát.

Xá-lợi-phất hỏi Văn-thù:

–Chắc chắn ông không thấy các pháp ư?

Văn-thù trả lời:

–Đại đức không cần nói nữa.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Nói là Phật thì lời nói đó của ai?

Văn-thù trả lời:

–Phật chẳng phải Phật vì không thể đắc, không có người nói, không có người thuyết. Này Xá-lợi-phất! Bồ-đề không thể dùng lời nói được, huống chi có Phật để nói, để thuyết. Còn nữa, Đại đức hỏi: "Phật là lời nói của ai ư?" Lời nói này không hợp, không tan, không sinh, không diệt, không đi, không đến, không có một pháp nào có thể tương ưng, không chữ, không câu. Này Đại đức, nếu muốn thấy Phật nên học như vậy.

Bấy giờ Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Những điều mà Văn-thù-sư-lợi nói, đối với Bồ-tát mới phát tâm không thể hiểu được.

Văn-thù trả lời Xá-lợi-phất:

–Đúng vậy, Đại đức Xá-lợi-phất! Bồ-đề không thể hiểu thì với người mới phát tâm làm sao hiểu được?

–Chư Phật Như Lai không hiểu rõ pháp giới ư?

Văn-thù trả lời:

–Chư Phật còn không thể đắc, thì làm sao có Phật để hiểu biết pháp giới? Xá-lợi-phất! Pháp giới còn không thể đắc, thì làm sao có pháp giới để chư Phật giác ngộ. Xá-lợi-phất! Pháp giới tức

là Bồ-đề. Bồ-đề tức là pháp giới. Vì sao? Vì các pháp không có giới. Này Đại đức! Pháp giới và cảnh Phật không có sai biệt. Không sai biệt tức là vô tác. Vô tác tức là vô vi. Vô vi tức là vô thuyết. Vô thuyết tức là vô sở hữu.

Xá-lợi-phất hỏi Văn-thù:

–Tất cả pháp giới và cảnh giới Phật, đều vô sở hữu ư?

Văn-thù trả lời:

–Không có, chẳng phải không có. Vì sao? Vì có và không có là một tướng, nó không tướng, không một, không hai.

Xá-lợi-phất hỏi Văn-thù:

–Học như vậy mà được đắc Bồ-đề ư?

Văn-thù trả lời:

–**Học như vậy, như không có gì để học, không sinh đường lành, không đọa đường ác, không chứng Bồ-đề, không nhập Niết-bàn. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Vì Bát nhã Ba la mật rốt ráo là không. Trong rốt ráo không đó, lại không một, không hai, không ba, không bốn, không có đến đi, không thể nghĩ bàn. Đại đức! Nếu nói ta đắc Bồ-đề là nói tăng thượng mạn. Vì sao? Vì không đắc gọi là đắc. Như vậy kẻ tăng thượng mạn không kham thọ sự cúng dường của người. Người nào tin như vậy thì không nên cúng dường.**

Xá-lợi-phất hỏi Văn-thù:

–Ông dựa vào đâu mà nói như vậy?

Văn-thù trả lời:

–Tôi nói như vậy không dựa vào đâu cả. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật đồng đẳng với các pháp. Các pháp không có chỗ dựa, vì bình đẳng.

Xá-lợi-phất hỏi Văn-thù:

–Ông không dùng trí tuệ để đoạn trừ phiền não ư?

Văn-thù trả lời:

–Tôn giả là A-la-hán vô lậu phải không?

Xá-lợi-phất nói:

–Không phải.

Văn-thù:

–Tôi cũng không dùng trí tuệ để đoạn trừ phiền não. Xá-lợi-phất hỏi:

–Dựa vào đâu mà ông nói như vậy? Không sợ hãi ư?

Văn-thù trả lời:

–Tôi còn không thể đắc thì có gì mà tôi sợ hãi.

Xá-lợi-phất:

–Lành thay! Văn-thù-sư-lợi nói Bát nhã Ba la mật thâm sâu tuyệt diệu!

Bấy giờ Phật dạy Văn-thù:

–Này thiện nam! Có Đại Bồ-tát tâm trụ nơi Bồ-đề để cầu Vô thượng Bồ-đề không?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có Bồ-tát trụ tâm Bồ-đề để cầu Vô thượng Bồ-đề. Vì sao? Vì tâm Bồ-đề không thể nắm bắt được, Vô thượng Bồ-đề cũng không thể nắm bắt được. Năm tội vô gián

là tánh Bồ-đề; không có Bồ-tát nào phát khởi tâm vô gián, lại cầu quả tội vô gián, thì làm sao có Bồ-tát trụ tâm Bồ-đề, cầu Vô thượng Bồ-đề? Bồ-đề là tất cả các pháp. Vì sao? Vì sắc, chẳng phải sắc không thể nắm bắt được; cho đến thức, chẳng phải thức không thể nắm bắt được; nhãn, chẳng phải nhãn không thể nắm bắt được; cho đến ý, chẳng phải ý không thể nắm bắt được.

Sắc, chẳng phải sắc không thể nắm bắt được; cho đến pháp, chẳng phải pháp không thể nắm bắt được.

Nhãn giới, chẳng phải nhãn giới không thể nắm bắt được; cho đến pháp giới, chẳng phải pháp giới không thể nắm bắt được.

Sinh, chẳng phải sinh không thể nắm bắt được; cho đến lão tử, chẳng phải lão tử cũng không thể nắm bắt được.

Bố thí ba-la-mật, chẳng phải Bố thí ba-la-mật không thể nắm bắt được; cho đến Bát nhã Ba la mật, chẳng phải Bát nhã Ba la mật không thể nắm bắt được.

Mười Lực của Phật, chẳng phải mười Lực của Phật không thể nắm bắt được; cho đến mười tám pháp Bất cộng, chẳng phải mười tám pháp Bất cộng không thể nắm bắt được.

Tâm Bồ-đề, Vô thượng Bồ-đề đều không thể nắm bắt được. Trong cái không thể nắm bắt được đó không thể đắc cái không thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn! Cho nên không có trụ Bồ-tát trụ tâm Bồ-đề để cầu Vô thượng Bồ-đề.

Đức Phật hỏi Văn-thù:

–Ý của ông thỉnh Như Lai là Thầy của ông phải không?

Văn-thù thưa:

–Con không có ý thỉnh Phật là Thầy của con. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì con còn không thể nắm bắt, thì làm sao có ý cho Phật là Thầy của con.

Đức Phật hỏi:

–Ông có nghi ngờ ta không?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chính con còn không quyết định, thì làm sao con nghi ngờ Ngài. Vì sao? Vì trước quyết định, sau nghi.

Đức Phật hỏi:

–Ông không xác định nói Như Lai sinh ư?

Văn-thù thưa:

–Nếu Như Lai sinh thì pháp giới cũng sinh. Vì sao? Vì pháp giới và Như Lai là một tướng, không có hai tướng; nếu hai tướng thì không thể nắm bắt được.

Đức Phật hỏi:

–Ông có tin chư Phật Như Lai nhập Niết-bàn không?

Văn-thù thưa:

–Tất cả chư Phật tức tướng Niết-bàn. Tướng Niết-bàn không nhập, không phải không nhập.

Đức Phật dạy:

–Ông nói chư Phật có lưu chuyển không?

Văn-thù thưa:

–Thế Tôn không lưu chuyển còn không thể được, huống gì có thể được lưu chuyển.

Đức Phật hỏi:

–Như Lai vô tâm, chỉ có trước Như Lai mới có thể nói lời nói này; hoặc trước A-la-hán lậu tận và Bồ-tát không thoái chuyển mới có thể nói lời nói này. Nếu người khác nghe lời nói này, không có lòng tin thì sẽ nghi ngờ. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật thâm sâu này khó tin khó hiểu.

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những người nào lại có thể tin pháp thâm sâu này?

Đức Phật dạy:

–Tất cả phàm phu đều tin pháp này. Vì sao**? Vì Như Lai vô tâm, tất cả phàm phu cũng vô tâm.**

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao nói như vậy? Bồ-tát mới phát tâm và A-la-hán đều nghi ngờ. Xin Thế Tôn giải nói cho.

Đức Phật dạy:

–Trong thật tế của ngôi vị pháp trụ, pháp tánh, pháp tướng; sự là có Phật, có phàm phu sai biệt không?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Đức Phật dạy:

–Nếu không sai biệt thì vì sao nghi ngờ?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Trong không sai biệt có Phật, có phàm phu không?

Đức Phật nói:

–Có. Vì sao? Vì Phật và phàm phu không hai, không sai biệt; là một tướng, vô tướng.

Đức Phật dạy Văn-thù:

–Ông có tin Như Lai là tối thắng trong tất cả chúng sinh không?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con tin Như Lai tối thắng trong tất cả chúng sinh. Bạch Thế Tôn! Nếu con tin Như Lai là tối thắng trong tất cả chúng sinh, thì thành ra Như Lai không tối thắng.

Đức Phật dạy:

–Ông có tin Như Lai thành tựu tất cả pháp chẳng thể nghĩ bàn không?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con tin Như Lai thành tựu tất cả pháp chẳng thể nghĩ bàn. Bạch Thế Tôn! Nếu con tin Như Lai thành tựu tất cả pháp chẳng thể nghĩ bàn, thành ra Như Lai có thể nghĩ bàn.

Đức Phật hỏi:

–Ông tin tất cả Thanh văn đều được Như Lai giáo hóa không?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con tin tất cả Thanh văn là do Như Lai giáo hóa. Thưa Thế Tôn! Nếu con tin tất cả Thanh văn được Như Lai giáo hóa, thì pháp giới thành ra có thể giáo hóa.

Đức Phật hỏi:

–Ông tin Như Lai là ruộng phước vô thượng không?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con tin Như Lai là ruộng phước vô thượng. Thưa Thế Tôn! Nếu con tin Như Lai là ruộng phước vô thượng, thì Như Lai chẳng phải là ruộng phước.

Đức Phật hỏi:

–Dựa vào đâu mà ông trả lời như vậy?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con không dựa vào đâu cả để trả lời như vậy. Bạch Thế Tôn! Trong cái không chỗ dựa ấy không thắng, không phải là không thắng; không thể nghĩ bàn, không phải là không thể nghĩ bàn; không giáo hóa, không phải là không giáo hóa; không có ruộng phước, không phải là không có ruộng phước.

Khi ấy, nhờ thần lực của Phật mà đại địa chấn động sáu cách. Một vạn sáu ngàn chúng Tỳ-kheo, do không chấp trước nên được giải thoát. Bảy trăm chúng Tỳ-kheo-ni, ba ngàn Ưu-bà-tắc, bốn vạn Ưu-bà-di đều xa lìa trần cấu, đắc Pháp nhãn thanh tịnh. Sáu vạn ức na-do-tha chư Thiên cũng xa lìa trần cấu và đắc Pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ, Trưởng lão A-nan liền đứng dậy, trịch áo bên phải, quỳ gối sát đất, chắp tay, cung kính bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà đất chấn động mạnh như vậy?

Đức Phật dạy A-nan:

–Đây là do nói Bát nhã Ba la mật. Xưa kia chư Phật nói pháp ấy cũng ở chỗ này, do nhân duyên đó mà đất chấn động.

Trưởng lão Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như vậy pháp mà Văn-thù-sư-lợi nói là không thể nghĩ bàn.

Đức Thế Tôn dạy Văn-thù:

–Theo lời Xá-lợi-phất nói, pháp mà Văn-thù-sư-lợi nói không thể nghĩ bàn?

Văn-thù bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu không thể nghĩ bàn thì không thể nói. Nếu có thể nói thì có thể nghĩ bàn. Không thể nghĩ bàn là vô sở hữu. Tất cả tiếng đó cũng không thể nghĩ bàn. Không thể nghĩ bàn không có tiếng.

Đức Phật dạy:

–Ông có nhập Tam-muội chẳng nghĩ bàn không?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn, không! Con là chẳng nghĩ bàn. Không thấy có tâm để có thể nghĩ bàn; làm sao nói nhập Tam-muội chẳng nghĩ bàn? Mới phát tâm. Con muốn nhập vào định ấy, nhưng nay suy nghĩ lại, thật không có tướng tâm để nhập Tam-muội. Giống như người học bắn, nếu tập lâu thì giỏi, về sau dù không chú tâm nhưng do tập lâu nên bắn cũng trúng đích. Con cũng như vậy. Khi mới học Tam muội chẳng nghĩ bàn, cột tâm vào một duyên, nếu tập lâu sẽ thành tựu. Do tập lâu, dù không có tâm tưởng cũng luôn ở trong định.

Xá-lợi-phất hỏi Văn-thù:

–Có định nào tịch tĩnh thắng diệu không?

Văn-thù trả lời:

–Nếu có định chẳng nghĩ bàn thì thầy có thể hỏi có định tịch tĩnh không. Theo ý hiểu của tôi, định chẳng nghĩ bàn còn không thể đắc thì làm sao hỏi tôi định tịch tĩnh làm gì?

Xá-lợi-phất hỏi:

–Định chẳng nghĩ bàn không thể đắc ư?

Văn-thù trả lời:

–Tướng định có thể nghĩ bàn là có thể đắc. Tướng của định chẳng thể nghĩ bàn thì không thể đắc. Tất cả chúng sinh chân thật đều thành tựu được định chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì tất cả tướng của tâm tức chẳng phải là tâm. Đó gọi là định chẳng thể nghĩ bàn. Cho nên tướng của tất cả chúng sinh và tướng Tam-muội chẳng thể nghĩ bàn bằng nhau, không có phân biệt.

Đức Phật khen ngợi Văn-thù:

–Lành thay, lành thay! Từ lâu ông đã trồng căn lành, với chư Phật và tịnh tu phạm hạnh nên mới có thể diễn nói Tam-muội thâm sâu này và ông nay đã an trụ trong Bát nhã Ba la mật như vậy.

Văn-thù thưa:

–**Nếu con trụ trong Bát nhã Ba la mật, mà có thể nói như vầy, tức là hữu tưởng trụ trong ngã tưởng. Nếu trụ trong hữu tưởng, ngã tưởng thì (đối)với Bát nhã Ba la mật có chỗ trụ. Nếu Bát nhã Ba la mật trụ chỗ không, cũng là ngã tưởng, cũng gọi là chỗ trụ. Lìa hai chỗ trụ này, trụ vào vô trụ. Giống như chư Phật, trụ trong cảnh giới an ổn, tịch diệt, không thể nghĩ bàn. Chẳng nghĩ bàn như vậy, gọi là chỗ trụ của Bát nhã Ba la mật. Chỗ của Bát nhã Ba la mật là tất cả pháp không có tướng; tất cả pháp là không có tạo tác. Bát nhã Ba la mật tức chẳng nghĩ bàn. Chẳng nghĩ bàn tức pháp giới. Pháp giới tức vô tướng. Vô tướng tức chẳng nghĩ bàn. Chẳng nghĩ bàn tức Bát nhã Ba la mật. Bát nhã Ba la mật với pháp giới không hai, không khác. Không hai, không khác tức pháp giới. Pháp giới tức vô tướng. Vô tướng tức cảnh giới Bát nhã Ba la mật. Cảnh giới Bát nhã Ba la mật tức cảnh giới chẳng nghĩ bàn. Cảnh giới chẳng nghĩ bàn tức là cảnh giới vô sinh, vô diệt. Cảnh giới vô sinh, vô diệt tức là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.**

Văn-thù-sư-lợi nói:

–Giới của Như Lai và giới của ngã không hai tướng. Như vậy tu hành Bát nhã Ba la mật tức là không cầu Bồ-đề. Vì sao? Vì lìa tướng Bồ-đề tức là Bát nhã Ba la mật.

Bạch Thế Tôn! Nếu biết tướng của ngã mà không chấp trước; không biết không chấp trước là Phật sở tri. Chẳng thể nghĩ bàn không biết không chấp trước cũng tức là Phật sở tri. Vì sao? Vì biết tánh của bản thể là không có tướng sở hữu vậy thì làm sao có thể chuyển pháp giới. Nếu biết bản tánh không bản thể mà không chấp trước gọi là không có sự vật. Nếu không có vật thì không có xứ sở, không chỗ dựa, chỗ trụ. Không chỗ dựa, không trụ tức là không sinh, không diệt. Không sinh không diệt tức là công đức hữu vi. Nếu biết như vậy thì không có tâm tưởng. Không có tâm tưởng thì làm sao biết công đức hữu vi, vô vi. Không biết tức là chẳng nghĩ bàn. Chẳng nghĩ bàn là Phật sở tri, cũng không thủ, không phải không thủ. Không thấy các tướng qua lại trong ba đời. Không thủ sẽ sinh diệt và các hành động; cũng không đoạn, không thường. Người nào biết như vậy gọi là

chánh trí. Trí chẳng nghĩ bàn, như hư không, không đây, không kia, không thể so sánh, không tốt xấu, không gì có thể so sánh bằng, không có tướng mạo.

Đức Phật dạy Văn-thù:

–Nếu biết như vậy gọi là trí không thoái.

Văn-thù thưa:

–**Trí không tạo tác gọi là trí không thoái. Giống thỏi vàng, phải lấy búa đập mới biết tốt xấu. Nếu không đập thì không thể biết vàng ấy tốt hay xấu. Tướng của trí không thoái cũng như vậy. Khi tiếp xúc với cảnh giới thì không nhớ nghĩ, không chấp trước, không sinh khởi, không tạo tác, đầy đủ bất động, không sinh không diệt. Như thế mới hiển hiện đúng là trí không thoái**.

Bấy giờ Đức Phật dạy Văn-thù:

–Chư Như Lai tự nói trí của chính mình thì ai tin?

Văn-thù thưa:

–Trí như vậy chẳng phải pháp Niết-bàn, chẳng phải pháp sinh tử; đó là hạnh tịch tĩnh. Không đoạn trừ tham, sân, si; cũng chẳng phải là không đoạn trừ. Vì sao? Vì vô tận, vô diệt; không lìa sinh tử, cũng chẳng phải là không lìa. Không lìa tu đạo, cũng chẳng phải là không lìa tu đạo, người nào hiểu như vậy gọi là chánh tín.

Phật dạy Văn-thù:

–Lành thay, lành thay! Theo lời nói thì ông đã hiểu sâu nghĩa này.

Khi ấy, Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đời vị lai, ai có thể tin pháp thâm sâu này? Ai ưa thích nghe pháp này?

Đức Phật dạy Ca-diếp:

–Bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di trong hội hôm nay, ở về đời vị lai sẽ tin hiểu pháp này. Nghe nói Bát nhã Ba la mật thâm sâu thì sẽ biết pháp này, sẽ cầu pháp này.

Này Ca-diếp! Ví như trưởng giả hoặc con của trưởng giả, đã làm mất một viên ngọc quý, trị giá vạn lượng vàng, nên rất buồn khổ. Nay tìm lại được nên rất vui mừng, không còn buồn khổ nữa.

Cũng vậy, này Ca-diếp! Vào đời vị lai, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, nghe kinh Bát nhã Ba la mật thâm sâu này tương ứng với trí tuệ, nghe rồi rất vui mừng, tâm được an lạc, không còn ưu não nữa, liền nói: “Hôm nay chúng ta được thấy Như Lai, phải cúng dường Như Lai. Vì sao? Vì được nghe sáu pháp Ba-la-mật vi diệu sâu xa này.”

Này Ca-diếp! Giống như khi cây Ba-lợi-chất-đa-la ở cõi trời Tam thập tam mới trổ nụ, thì chư Thiên sẽ nghĩ: Không bao lâu nụ này sẽ nở.” Như vậy, này Ca-diếp, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di khi nghe kinh Bát nhã Ba la mật này thì cũng như vậy tâm rất hoan hỷ và cũng nghĩ: “Đời tương lai chắc chắn ta sẽ được pháp này.”

Này Ca-diếp! Sau khi Như Lai diệt độ, kinh Bát nhã Ba la mật thâm sâu này sẽ trụ mãi trên thế gian, không diệt và được lưu hành khắp nơi.

Này Ca-diếp! Nhờ thần lực của Phật mà trong đời vị lai, thiện nam, thiện nữ sẽ được Bát nhã Ba la mật thâm sâu này. Này Ca-diếp! Giống như người thợ ngọc ma-ni thấy ma-ni quý báu nên rất vui mừng, không cần suy nghĩ, liền biết được đó là thật hay giả. Vì sao? Vì nhờ kinh nghiệm.

Như vậy, này Ca-diếp! Nếu người nào, đã nghe pháp tương ưng của Bát nhã Ba la mật này rồi hoan hỷ, có lòng tin, ưa thích thì nên biết, người ấy đời trước đã nghe Bát nhã Ba la mật này rồi, và từ nhiều kiếp lâu xa đến nay, đã từng cúng dường chư Phật.

Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay thiện nam, thiện nữ đã nghe pháp này thì đời vị lai càng tin hiểu.

Phật dạy Ca-diếp:

–Đúng vậy, đúng như lời ông đã nói!

Bấy giờ Văn-thù bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp này không hành không tướng. Người nói pháp này cũng không hành, không tướng. Bạch Thế Tôn! Như vậy thì sao nói có hành tướng?

Phật dạy Văn-thù:

–Trước đây, khi ta hành Bồ-tát đạo, tu các căn lành, muốn trụ vào địa vị không thoái chuyển nên học Bát nhã Ba la mật. Muốn thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên học Bát nhã Ba la mật. Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn hiểu rõ tất cả pháp tướng, muốn biết tất cả tâm giới của chúng sinh thì đều đồng nhau phải nên học Bát nhã Ba la mật.

Này Văn-thù-sư-lợi! Muốn học tất cả pháp của Phật đầy đủ, không chướng ngại, nên học Bát nhã Ba la mật. Muốn học tất cả tướng tốt oai nghi, vô lượng pháp thức của Phật khi đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên học Bát nhã Ba la mật. Muốn biết tất cả pháp thức và các oai nghi của Phật khi không thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng nên học Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì trong pháp không, không thấy chư Phật Bồ-đề. Nếu thiện nam, thiện nữ muốn biết các tướng như vậy mà không nghi hoặc, nên học Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật không thấy các pháp có sinh, có diệt, có cấu, có tịnh. Cho nên thiện nam, thiện nữ phải nên học Bát nhã Ba la mật như vậy. Muốn biết tất cả pháp không có các tướng quá khứ, hiện tại, vị lai; nên học Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Tánh tướng của pháp giới không có quá khứ, hiện tại, vị lai. Muốn biết tất cả pháp đồng nhập vào pháp giới mà tâm không trở ngại, nên học Bát nhã Ba la mật. Muốn được tam chuyển, mười hai hành pháp luân tự mình chứng biết mà không thủ trước, nên học Bát nhã Ba la mật. Muốn có được lòng từ, bao trùm tất cả chúng sinh; cũng chẳng khởi nghĩ có tướng chúng sinh thì nên học Bát nhã Ba la mật. Không muốn khởi tranh luận với tất cả chúng sinh, cũng không chấp giữ tướng không tranh luận thì nên học Bát nhã Ba la mật. Muốn biết xứ, phi xứ, mười Lực, Vô úy, trụ trí tuệ Phật, được biện tài vô ngại nên học Bát nhã Ba la mật.

Bấy giờ Văn-thù bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con quán chánh pháp là vô vi, vô tướng, vô đắc, vô lợi, không sinh, không diệt, không đến, không đi, không có người biết, không có người thấy, không có người tạo tác, không thấy Bát nhã Ba la mật, cũng không thấy cảnh giới của Bát nhã Ba la mật, chẳng phải chứng, chẳng phải không chứng, không có hý luận, không có phân biệt; tất cả pháp vô tận, ly, tận; không có pháp phàm phu, không có pháp Thanh văn; không có pháp Bích-chi-phật, pháp Phật. Chẳng phải đắc, chẳng phải không đắc, không bỏ sinh tử, không chứng Niết-bàn, chẳng phải có thể nghĩ bàn, không phải chẳng nghĩ bàn, chẳng phải

làm, chẳng phải không làm. Tướng pháp như vậy mà không biết thì làm sao học Bát nhã Ba la mật?

Đức Phật dạy Văn-thù:

–Nếu có thể biết, tướng của các pháp là như vậy, thì gọi là học Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ-tát nếu muốn học Bồ-đề tự tại Tam-muội, khi đã được Tam-muội ấy rồi thì sẽ soi sáng được tất cả Phật pháp thâm sâu và biết tất cả danh tự của các Đức Phật, đồng thời cũng hiểu rõ, thấu đạt cảnh giới của chư Phật không một chướng ngại. Nên học theo những gì mà Văn-thù nói trong Bát nhã Ba la mật.

Văn-thù bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bát nhã Ba la mật?

Phật nói:

–Bát nhã Ba la mật là không bờ, không bến, không tên, không tướng, chẳng suy lường, không có chỗ quy y, không là hòn đảo, không tội, không phước, không tối, không sáng; như pháp giới, không có sự phân biệt, cũng không có hạn số; đó gọi là Bát nhã Ba la mật; cũng gọi là hành xứ của Đại Bồ-tát, chẳng phải hành xứ, chẳng phải chẳng hành xứ đều nhập vào nhất thừa, gọi là chẳng phải hành xứ. Vì sao? Vì không nghĩ, không làm.

Bát nhã Ba la mật là mẹ của tất cả chư Phật, vì sinh ra tất cả chư Phật. Vì sao? Vì không sinh.

Cho nên, này Văn-thù! Nếu thiện nam, thiện nữ nào, muốn hành Bồ-tát hạnh để được đầy đủ các pháp Ba-la-mật thì nên tu Bát nhã Ba la mật này.

Nếu muốn được ngồi đạo tràng, đắc Vô thượng Bồ-đề, nên tu Bát nhã Ba la mật này.

Nếu muốn dùng đại Từ, đại Bi che chở khắp tất cả chúng sinh, nên tu Bát nhã Ba la mật này.

Nếu muốn có tất cả định phương tiện, nên tu Bát nhã Ba la mật này.

Nếu muốn được tất cả Chánh định (Tam-ma-bạt-đề), nên tu Bát nhã Ba la mật này. Vì sao? Vì các Chánh định không có chỗ làm. Tất cả các pháp không xuất ly, không chỗ xuất ly.

Nếu người nào muốn theo lời nói này, nên tu Bát nhã Ba la mật. Tất cả các pháp như thật, không thể đắc; nếu muốn ưa thích biết như vậy, nên tu Bát nhã Ba la mật. Vì Bồ-đề mà tất cả chúng sinh tu đạo Bồ-đề mà thật ra là không có chúng sinh, cũng không có Bồ-đề. Người nào muốn tin ưa pháp này nên tu Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì tất cả pháp như thật, với Bồ-đề là bình đẳng như nhau. Phi chúng sinh hạnh là không xả bỏ tự tánh. Chúng sinh hạnh ấy là phi hạnh. Phi hạnh ấy là Bồ-đề. Bồ-đề ấy là pháp giới. Nếu muốn không chấp trước vào pháp này, thì học Bát nhã Ba la mật.

Này Văn-thù! Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nào, nếu chỉ thọ trì Bát nhã Ba la mật với một bài kệ bốn câu và giải nói cho người; ta nói rằng người đó đắc được pháp bất đọa, huống chi như thật mà tu hành. Nên biết rằng thiện nam, thiện nữ đó đã trụ vào cảnh giới của Phật.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào, nghe Bát nhã Ba la mật thâm sâu này, mà không sợ sệt, thì nên biết rằng, người này đã nhận được Pháp ấn của Phật. Pháp ấn này là được Phật tạo ra, là điều mà Phật tôn quý? Vì sao? Vì Pháp ấn này là ấn Pháp vô trước. Nếu thiện nam, thiện nữ nào, được Pháp ấn này ấn vào, thì nên biết người đó theo Bồ-tát thừa, nhất định không thoái chuyển, không rơi vào địa vị Thanh văn và Bích-chi-phật.

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân và các Thiên tử từ cõi trời Tam thập tam làm mưa bột Chiên-đàn và bột Hoàng kim; lại rải hoa Uất-ba-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-vật-đà, hoa Phân-đà-lợi và hoa Mạn-đà-la để cúng dường Bát nhã Ba la mật.

Cúng dường xong, chư Thiên nghĩ thế này: "Ta đã cúng dường Pháp vô thượng, vô trước, tối thắng đệ nhất; nguyện vào đời tương lai, ta lại được nghe Bát nhã Ba la mật thâm sâu này. Nếu người nào đã được dấu ấn của Bát nhã Ba la mật thâm sâu này ấn vào, thì người đó đời tương lai lại được nghe thọ, hoàn toàn thành tựu được trí Nhất thiết trí."

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu thiện nam, thiện nữ nào được nghe qua một lần Bát nhã Ba la mật này, con sẽ vì họ mà làm tăng trưởng Phật pháp và ủng hộ người ấy, dù cả trăm do-tuần, con không để cho loài phi nhân làm hại người đó. Thiện nam, thiện nữ ấy cuối cùng sẽ chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hàng ngày con sẽ đến chỗ người ấy, thiết lễ cúng dường.

Đức Phật dạy Thích Đề-hoàn Nhân:

–Đúng vậy, này Kiều-thi-ca! Ông nên biết rằng thiện nam, thiện nữ đó được đầy đủ Phật pháp, chắc chắn đạt đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Khi ấy, Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Cúi xin Thế Tôn, dùng sức oai thần, giữ Bát nhã Ba la mật này, mãi mãi trên thế gian này, để làm lợi ích cho chúng sinh.

Khi Văn-thù-sư-lợi nói như vậy, nhờ thần lực của Phật mà đại địa chấn động sáu cách. Bấy giờ, Đức Thế Tôn, liền mỉm cười, phóng đại quang minh, chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới, nhờ sức oai thần mà giữ Bát nhã Ba la mật này tồn tại mãi trên thế gian.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn phóng ánh sáng này là để giữ tướng Bát nhã Ba la mật à?

Đức Phật dạy:

–Đúng như vậy, này Văn-thù! Ta phóng ánh sáng này là để giữ tướng Bát nhã Ba la mật. Ông nên biết rằng, ta đã giữ Bát-nhã bala-mật này tồn tại mãi trên thế gian. Nếu có người nào, không khinh chê pháp này, không nói lỗi của pháp này nên biết rằng người đó đã được Pháp ấn của Bát nhã Ba la mật này ấn rồi. Cho nên, này Văn thù-sư-lợi, từ lâu ta đã an trụ trong Pháp ấn này. Nếu người nào đã được ấn này ấn vào, thì nên biết rằng người ấy không bị ma vương làm hại.

Đức Phật dạy Đế Thích:

–Ông nên thọ trì, đọc tụng kinh này và bố thí cho lưu hành rộng rãi, khiến cho thiện nam, thiện nữ đời vị lai có được Pháp ấn này.

Rồi Ngài lại dạy A-nan:

–Ông cũng vậy, nên thọ trì, đọc tụng kinh này và rộng nói cho mọi người.

Bấy giờ Thiên đế Thích và Trưởng lão A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Kinh này gọi tên là gì? Chúng con phụng trì như thế nào?

Đức Phật dạy:

–Kinh này tên là Văn-thù-sư-lợi Sở Thuyết, cũng tên là Bát nhã Ba la mật. Hãy như vậy mà thọ trì. Này thiện nam! Nếu có người nào với hằng hà sa kiếp, đem bảo châu vô giá bố thí cho

hằng hà sa chúng sinh. Thọ rồi chúng sinh đều phát đạo tâm. Khi ấy, thí chủ tùy theo căn cơ chỉ dạy giáo pháp, làm cho lợi ích hoan hỷ, khiến cho họ chứng quả Tu-đà-hoàn đến quả A-la-hán thì người ấy được công đức có nhiều không?

A-nan bạch Phật:

–Đức Thế Tôn, rất nhiều!

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu có người trong một niệm, phát khởi lòng tin Bát nhã Ba la mật này, không chút phỉ báng thì so với công đức của người trước kia, hơn trăm lần, ngàn lần, trăm ngàn vạn lần, cho đến tính số ví dụ cũng không thể biết; huống chi là thọ trì đầy đủ, đọc tụng kinh này và giải nói cho người. Người này được công đức vô lượng, vô biên chư Phật Như Lai có nói không thể hết. Vì sao? Vì có thể sinh Nhất thiết trí tất cả chư Phật. Nếu hư không có giới hạn thì công đức kinh này có giới hạn. Nếu pháp tánh có giới hạn thì công đức kinh này cũng có giới hạn.

Cho nên, này Văn-thù-sư-lợi! Tất cả thiện nam, thiện nữ nên siêng năng, hành trì tinh tấn, giữ gìn kinh này. Kinh này có thể diệt sinh tử và trừ tất cả sự sợ hãi, đánh bại Thiên ma, dựng cờ chiến thắng, đưa Bồ-tát đến quả Niết-bàn, chỉ dạy giáo huấn lìa hàng Nhị thừa.

Bấy giờ, Đế Thích và trưởng lão A-nan đều bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đúng vậy, đúng như lời Phật nói. Chúng con sẽ kính trọng, thọ trì và tuyên bố rộng rãi kinh này. Xin Đức Thế Tôn đừng lo nghĩ.

A-nan và Đế Thích thưa như vầy ba lần:

–Xin Thế Tôn đừng lo, chúng con sẽ kính trọng, thọ trì!

Phật nói kinh này xong, Văn-thù-sư-lợi và các Đại Bồ-tát, Xá-lợi-phất cùng tất cả Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầula-già, loài Nhân phi nhân… tất cả đại chúng nghe lời chỉ dạy của Phật đều rất vui mừng, tín thọ phụng hành.

****

(Từ “Đức Phật…thiện thuyết.” –Trong chánh văn 619 chữ) Đức Phật dạy Văn-thù-sư-lợi:

–Ông có nhập định chẳng thể nghĩ bàn không?

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn, không! Nếu con nhập định chẳng thể nghĩ bàn, thì con có thể nghĩ bàn. Tâm của Thế Tôn vô tâm, thì làm sao con nhập định chẳng thể nghĩ bàn?

Bạch Thế Tôn! Khi con mới phát tâm Bồ-tát, con nghĩ là sẽ nhập định chẳng thể nghĩ bàn. Nay con không có ý này để nhập định chẳng thể nghĩ bàn.

Bạch Thế Tôn! Như người mới học bắn, trước tiên phải nghĩ như vầy: “Ta sẽ bắn vào đích.” Bắn thành công rồi lại nghĩ: “Ta sẽ bắn da.” Bắn da, thành công rồi lại nghĩ: “Ta sẽ bắn cây.” Bắn cây, thành công rồi lại nghĩ: “Ta sẽ bắn vào sắt.” Bắn sắt, thành công rồi không nghĩ như trước nữa mà mũi tên vẫn trúng đích. Con cũng như vậy, xưa kia mới phát tâm, cầu nhập vào

định chẳng thể nghĩ bàn, nhưng ngày nay con không có ý sẽ nhập định chẳng thể nghĩ bàn này nữa. Vì sao? Vì định này là chẳng thể nghĩ bàn.

Bấy giờ Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Văn-thù-sư-lợi chưa được an trụ thì vì sao lìa định chẳng thể nghĩ bàn này, mà có định tịch tĩnh để Tôn giả được chứng đắc?

Văn-thù-sư-lợi nói với Xá-lợi-phất:

–Vì sao ông biết là lìa định chẳng thể nghĩ bàn này, để có định tịch tĩnh. Này Đại đức Xá-lợi-phất! Nếu định chẳng thể nghĩ bàn này có thể đắc, thì có thể lìa định này để có định tịch tĩnh. Nếu định chẳng thể nghĩ bàn này không thể đắc, thì định tịch tĩnh kia cũng không thể đắc. Vì sao? Vì định chẳng thể nghĩ bàn này không thể đắc thì định tịch tĩnh kia cũng không thể đắc. Còn nữa, này Đại đức Xá-lợi-phất! Không có chúng sinh, không đắc được định này. Tất cả chúng sinh đều được định này. Vì sao? Vì tất cả các tâm là vô tâm. Tánh vô tâm đó tức là định này, cho nên tất cả chúng sinh đều đắc định này.

Bấy giờ Đức Phật khen ngợi Văn-thù-sư-lợi:

–Lành thay, lành thay, lời ông nói thật là thù thắng! Do từ nhiều kiếp lâu xa, ông đã trồng sâu căn lành với vô lượng chư Phật, nên có thể nói như vậy. Này Văn-thù! Ông có nghĩ, là ông trụ Bát nhã Ba la mật, mới có thể nói được như vậy?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn, không! Con không nghĩ như vậy. Thưa Thế Tôn, nếu con có ý nghĩ trụ Bát nhã Ba la mật đã có thể nói như vậy, thì con trụ vào pháp có thể đắc.

Bạch Thế Tôn! Nếu con trụ vào ngã tướng thì có ý nghĩ ấy; cho nên, thưa Thế Tôn, con không có ý nghĩ trụ Bát nhã Ba la mật này để có thể nói như vậy.

Bấy giờ Đức Phật hỏi Văn-thù:

–Ai có thể tin lời ông nói?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu người nào không chấp tướng sinh tử và tướng Niết-bàn, thì người đó tin những điều con nói. Còn nếu có người cố chấp hữu ngã, hoặc có người có đủ ba độc thì những người này không thể tin. Vì sao? Vì kiến và phiền não không thể diệt.

Bấy giờ Thế Tôn khen Văn-thù:

–Lành thay, lành thay, ông nói rất khéo!

(Từ "Thiện nam tử… cố" –Trong chánh văn có 527 chữ)

Hành tướng của thiện nam, thiện nữ là tin pháp này, thọ trì pháp này. Do tâm không thể đắc, nên hành cũng không thể đắc, tướng cũng không thể đắc.

Văn-thù-sư-lợi! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào ưa thích vô sở đắc này, thì nên nghe Bát nhã Ba la mật này. Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn đắc địa vị không thoái chuyển thì nên nghe Bát nhã Ba la mật. Nếu thiện nam, thiện nữ nào, muốn tin tất cả các pháp và pháp giới đều bình đẳng thì nên nghe Bát nhã Ba la mật. Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn biết tất cả pháp thì nên nghe Bát nhã Ba la mật này. Nếu người nào có được lòng tin đối với nghĩa này thì nên nghe Bát

nhã Ba la mật này. Người nào không ưa thích, nhớ nghĩ đến tất cả pháp thì nên nghe Bát nhã *Ba la mật*. *Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật này không thấy tất cả các pháp.*

Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào muốn biết tất cả các pháp bất tịnh, bất uế thì nên nghe Bát-nhã ba-la*mật. Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn được không nghi ngờ thì* nên nghe *Bát nhã Ba la mật. Nếu thiện nam, thiện nữ nào, muốn có lòng Từ bi để che trùm tất cả chúng sinh, nhưng không trụ vào tướng chúng sinh, không tranh luận với thế gian thì nên nghe Bát nhã Ba la mật.*

Bấy giờ Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật không có ngã, không có ngã sở, không khởi, không diệt, không nhân, không quả, không thể chấp giữ; vậy tại sao nghe thọ mà được công đức?

Đức Phật dạy Văn-thù:

–Nếu Bát nhã Ba la mật không có tạo tác, không diệt, chẳng phải pháp phàm phu, chẳng phải pháp Thánh nhân, chẳng phải pháp sinh tử, chẳng phải pháp lìa sinh tử, chẳng phải pháp Niết-bàn, chẳng phải pháp lìa Niết-bàn, không được, không mất, không thể nghĩ bàn, chẳng phải không thể nghĩ bàn. Thiện nam, thiện nữ nghe thọ như vậy thì tương ứng với Bát nhã Ba la mật, đó là công đức nhưng cũng chẳng phải công đức.

Lại nữa, này Văn-thù! Nếu Đại Bồ-tát muốn đắc định Bồ-tát, muốn biết danh hiệu của tất cả chư Phật, muốn thấy cảnh giới của tất cả chư Phật, muốn nghe pháp của tất cả chư Phật nói, muốn thực hành các pháp của chư Phật thì nên học Bát nhã Ba la mật này.

Bấy giờ Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao gọi là Bát nhã Ba la mật?

Đức Phật dạy:

–Bát nhã Ba la mật là không hạn lượng, không ngằn mé, không phương hướng, không xứ sở, không đến, không đi, không tạo tác, vô vi, tức là tất cả pháp giới chư Phật, cho nên gọi là Bát *nhã Ba la mật.*

Này Văn-thù-sư-lợi! Bát nhã Ba la mật này là hành xứ của Đại Bồ-tát. Bồ-tát hành nơi xứ này, nên gọi là hành xứ. Vì sao? Vì không có xứ sở.

HẾT

(Chấm dứt kinh "Kinh Văn Thù Sư Lợi Sở Thuyết Bát Nhã Ba La Mật")

---o0o---

(Tạng Thư Phật Học)

15. Kinh "Phật Thuyết Nhu Thủ Bồ Tát Vô Thượng Thanh Tịnh Phân Vệ"

Đại Tạng Kinh Việt Nam mang số 0234, 2 quyển, Sa-môn Tường Công ở quận Nam Hải, đới Tống dịch từ Phạn sanh Hán và nhóm Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh dịch Từ Hán sang Việt.

---o0o---

QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vầy:

Bấy giờ Đức Thế Tôn du hóa tại khu vườn của ông Cấp Cô Độc trong thành Vương xá ở nước Xá-vệ, cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo: Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Tu-bồ-đề, Tôn giả A-nan…

Tất cả đều noi theo phẩm hạnh cao khiết của các bậc Trưởng lão mà tu hành hạnh thanh tịnh, trừ bỏ những điều cấu uế. Học tập được các đức tính ấy rồi, liền chán ghét thân xấu ác, hiểu rõ lý nhân duyên, nên thấy chúng sinh chịu các khổ đau trong năm đường; tật bệnh, phiền não, hoạn nạn và vô số đồ dơ bẩn, ở trong ba cõi lúc nào cũng bất an, nên thường mong muốn lìa bỏ, nhận thấy các sự lưu chuyển, sinh tâm khiếp sợ, diệt trừ tất cả, hướng đến Niết-bàn rốt ráo, sinh ra bất cứ ở chỗ nào cũng được an lạc, đoạn hết lưới phiền não sinh tử, không còn các lậu hoặc, xa lìa gánh nặng, đạt được bốn Thần túc, chứng đắc sáu Thần thông, có khả năng giữ gìn thân mạng, được mất đều từ nơi tâm, vượt đến bờ bên kia, thản nhiên an lạc.

Lại cùng một ngàn vị Bồ-tát đều là bậc Đại Bồ-tát đáng tôn trọng, đều đạt được quả vị "Nhất sinh bổ xứ", mặc áo đại đức, hiện đáng được quả Phật, thị hiện Bồ-tát để tuyên dương hóa đạo, giảng Pháp tạng của chư Phật, đạt được trí tuệ thần thông, Thánh tuệ thấu suốt, đều trụ vào bậc Đại thừa, ý chí giống như hư không. Các vị Bồ-tát ấy kiến lập giáo pháp rộng lớn, đến bờ bên kia, đầy đủ trí tuệ, thông suốt quyền yếu đã thấu rõ pháp Tổng trì, gồm hết không giới hạn, tích chứa các biện tài, không thể suy lường, tùy thuận thế tục để hướng dẫn, làm cầu rộng lớn, đạo đức vô thượng không có chướng ngại, tuyên dương diệu lý sâu xa cùng tận, thu phục oán ma và hàng phục ngoại đạo, qua lại tự tại khắp mười phương, du hóa trong năm đường mà lại không có đến đi, như ánh sáng mặt trời, mặt trăng, như giấc mộng, như huyễn hóa, như ảnh trong gương, như tiếng vang trong núi, như sóng nắng… đều không tới lui, làm cảm ứng tất cả, cứu độ sinh tử, làm cho sự giáo hóa của Tam bảo không bao giờ dừng nghỉ, đạo được rộng khắp tất cả, đầy đủ công đức.

Các Bồ-tát ấy tên là Bồ-tát Nhu Thủ Đồng chân, Bồ-tát Long Thủ, Bồ-tát Diệu Thủ, Bồ-tát Đại Thủ, Bồ-tát Phổ Thủ, Bồ-tát Tuệ Thủ, Bồ-tát Minh Thủ, Bồ-tát Cam Thủ, Bồ-tát Anh Thủ, Bồ-tát Bảo Thủ…, tất cả gồm một ngàn vị Bồ-tát đông đủ.

Khi ấy, Bồ-tát Anh Thủ ngồi trên pháp tòa, thừa lãnh tôn chỉ của Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục, cung kính làm lễ, bày áo bên phải, quỳ gối sát đất, bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát Nhu Thủ Đồng chân, từ xưa đến nay, được vô số chư Phật Như Lai và các bậc Tiên thánh đều chứng thần thông, đã cung kính khen ngợi những thành tựu đại sự của Bồ-tát trong ba đời, tinh tấn hành đạo không còn tạo nhân, làm thầy tất cả chúng sinh, hiểu rộng thấy xa, hóa đạo sâu xa sáng suốt giống như mặt trời, mặt trăng; trí tuệ như biển, vượt đến hư không, trí tuệ biện tài vô cùng, hiển bày công đức vô thượng, trưởng dưỡng bốn Tâm vô lượng, bằng lòng Từ bi làm lợi ích an lạc, nhân từ rộng lớn, bao la mênh mông, phước đức không có giới hạn, như biển không đáy, sâu rộng thênh thang, không có hình thể, an cư tịch tĩnh, khoan dung vô lượng, hiện thân Đức Phật giáo hóa rộng khắp trong mười phương, làm cho các Bồ-tát đều tôn trọng. Tất cả Phạm thiên, Đế Thích và bốn Thiên vương, hoặc cõi trời Đâu-suất đều cung kính, ngưỡng mộ, tôn trọng. Các vị Trời, Rồng Thần, A-tu-la, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hầu-lặc…, không điều gì mà không cung kính, được cung kính tôn trọng như một vị vua ở đời, tướng Thánh đầy đủ, thông minh, đẹp đẽ vô cùng. Con thấy Bồ-tát Nhu Thủ có các công đức đầy đủ, tất cả tốt đẹp, khó nghĩ khó bàn, con muốn ca ngợi, tỏ bày vô vàn sự mến mộ và khâm phục truyền khắp mười phương, trăm ngàn kiếp, không bao giờ mệt mỏi.

Khi ấy, Bồ-tát Nhu Thủ hỏi Bồ-tát Anh Thủ:

–Thế nào? Này thiện nam! Pháp thân có phiền não, mệt nhọc chăng?

Đáp rằng:

–Pháp thân không có hình tướng, nơi chốn, nên pháp thân ấy đều không có phiền não, mệt nhọc.

Hỏi:

–Thế nào? Này Bồ-tát Anh Thủ! Ông hiểu được pháp thân chăng? Đáp:

–Pháp thân không có nơi chốn, ngôn ngữ, âm thanh, dấu vết, nên Pháp thân ấy không điều gì mà không thấu hiểu. Như tiếng vang trong núi, như ảnh trong gương, đâu có nơi chốn hiểu biết ư?

Hỏi:

–Nhận biết pháp thân ấy như huyễn hóa, như ảnh trong gương, không có điều gì mà không hiểu rõ, cũng không có điều gì mà không giảng nói được. Làm thế nào hành giả lại cho là như âm thanh, như tiếng vang trong núi? Chẳng qua là hành giả chấp vào ngôn ngữ văn tự mà thôi?

Đáp:

–Như Nhân giả nói thì pháp thân ấy có trong ngoài, có đây đó, có khoảng giữa, có đếm được, đã ở vào hai điều ấy thì luôn luôn có xứ sở.

Bồ-tát Nhu Thủ nói:

–Lại nữa, này Bồ-tát Anh Thủ! Đối với pháp thân ấy đều không có tiếng vang, cũng không có hình tướng, không tâm không ý, không nhớ nghĩ, không nhận biết, không ngôn ngữ, không nói năng, không khác nhau, không giống nhau, không hướng đến, cũng không trở về một, ở trong một mà không phải là một, không có nơi chốn. Như vậy, này Bồ-tát Anh Thủ! Pháp thân vốn không này là vi diệu, là chỗ quay về tận cùng của thế gian, vô thượng không gì bằng, là tạng pháp tôn yếu của đạo.

Khi ấy, Đức Phật ca ngợi Bồ-tát Nhu Thủ:

–Lành thay, lành thay! Như Nhu Thủ đã nói mới là điều ứng hợp với pháp thân thanh tịnh!

Lúc ấy, tại chỗ ngồi năm trăm vị Tỳ-kheo và năm trăm vị Tỳkheo-ni đều nghe Bồ-tát Nhu Thủ nói, tất cả đều được chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh. Lại nữa, nước Xá-vệ có hai ngàn thiện nam, tín nữ vốn chưa phát tâm thực hành Đại thừa, mà nay nghe pháp yếu này liền tự mình thực hành đạo Vô thượng Bồ-đề kiên cố. Một vạn hai ngàn Thiên tử hết sức vui mừng, phát tâm Bồ-tát, ở trong hư không tán thán sự thành tựu vô lượng phước đức ở quá khứ của Bồ-tát Nhu Thủ.

Khi ấy vào sáng sớm, Bồ-tát Nhu Thủ Đồng chân muốn đi vào thành khất thực nên sửa lại pháp y Thánh vô lượng thanh tịnh, tay bưng bình bát, nắm giữ tích trượng, noi theo Đức Phật, giữ gìn phép tắc, độ lượng nghiêm trang, bước đi thanh thản, cử chỉ đoan nghiêm, xoay người nhìn ngó, có ánh sáng vô lượng, các căn thanh tịnh thường định trong Thánh đạo, oai nghi mẫu mực, lễ phép đàng hoàng, công đức đầy đủ, cử chỉ đàng hoàng, dũng mãnh như sư tử, như rồng chúa, phước đức rộng lớn lan tỏa khắp cả khu vườn, oai tướng vô lượng, đức hoàn hảo tuyệt diệu, tôn dung rực rỡ, phát ra ánh sáng tuyệt diệu.

Bồ-tát Nhu Thủ Đồng chân vừa ra khỏi cửa liền suy nghĩ: “Hôm nay vào thành Xá-vệ ắt có các Bồ-tát trong mười phương đều đến, họ sẽ lãnh hội Thánh chỉ làm cảm hóa được mọi người.” Bồ-tát liền đứng yên thân mình, không lay động giống như Phật, mỗi một tướng lỗ chân lông trên thân đều hóa hiện một vị Bồ-tát. Các vị Bồ-tát ấy, thấy hóa thân của mình hóa hiện khắp mười phương. Các hóa thân trong mỗi cõi nước, đồng thanh thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát Nhu Thủ này thường cung kính đảnh lễ thăm hỏi Đức Phật có khoẻ mạnh không?

Lại nữa, các đệ tử thị giả của các Đức Như Lai đều hết sức vui mừng. Mỗi vị đều hỏi Đức Phật ấy:

–Bồ-tát kia từ đâu mà xuất hiện ở cõi này?

Các Đức Phật trả lời các thị giả:

–Có cõi nước tên là Kham nhẫn, có Đức Phật hiệu là Năng Nhân Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác; có Bồ-tát tên là Nhu Thủ, đạo tuệ khó lường, biện tài vô lượng, hóa hiện truyền bá Phật sự khắp nơi, ở trong cõi này làm hưng thịnh đạo lớn, dùng tướng của các lỗ chân lông trong thân mà hóa hiện thân này; nói lên những sự cảm ứng, để cho mọi người diệt hết các nghi hoặc.

Bồ-tát và chúng sinh ở khắp các cõi thấy điều biến hóa đó và được nghe Đức Phật giảng, ức kiếp Bồ-tát đều đắc pháp Nhẫn vô sinh. Ngàn ức chúng sinh bị luân hồi trong sinh tử, nghe được danh hiệu của Bồ-tát Nhu Thủ, lại thấy sự ứng hóa ấy, đều phát tâm hướng về đạo Vô thượng Chánh chân. Bồ-tát khắp mười phương hết sức vui mừng, nguyện được gặp Bồ-tát Nhu Thủ để lãnh hội những điều trong sáng mà trước đây đã từng nghe nói là pháp vi diệu.

Hôm nay được trông thấy Đức Phật này và Bồ-tát kia, vô số Bồ-tát ở các cõi đều thưa Đức Thế Tôn:

–Chúng con muốn đến cõi Kham nhẫn, gặp Đức Phật Năng Nhân để lễ bái cung kính cúng dường, được thấy Bồ-tát Nhu Thủ, và được nghe nói pháp.

Các Đức Phật đều im lặng, ngay lúc ấy các Bồ-tát liền lãnh hội lời dạy và thực hiện năng lực của các bậc Thánh, bay khỏi cõi ấy, bỗng chốc đến cõi Kham nhẫn, đến chỗ Bồ-tát Nhu Thủ.

Các Bồ-tát ấy hết lòng kính ngưỡng, hoặc cầm hoa trời, hoặc đưa viên ngọc báu lên hoặc dâng chuỗi ngọc, hoặc chắp tay ngay thẳng, hoặc tấu lên âm nhạc của trời, hoặc đứng thẳng hàng trong hư không rải hoa, hương bột, thổi tù và bằng ngọc kha, hoặc ca tụng Bồ-tát Nhu Thủ đã hiển bày công đức vô thượng khắp tất cả, hoặc muốn tiếp đón hộ vệ Bồ-tát Nhu Thủ, cung kính mà đi, chiêm ngưỡng không nhàm chán.

Lúc ấy, Đế Thích, Phạm vương và bốn vị Thiên vương Nhật Nguyệt Thiên tử, các Rồng, Quỷ thần đều cùng thuộc hạ của họ đến nơi ấy. Đế Thích và bốn Thiên vương đều suy nghĩ: "Hôm nay, Bồ-tát Nhu Thủ Đồng chân cùng với vô số Bồ-tát và các bậc ở cõi trời, người đi vào nước Xá-vệ làm chấn động lớn, ta hãy làm cho tất cả đường sá trong thành Xá-vệ, làm cho nơi ấy bằng phẳng, không có cao thấp, hai bên đường có bảy loại cây báu thẳng hàng, ở giữa mỗi cây có bảy ngọc nữ, đều hiện ra nửa thân, để tấu lên âm nhạc. Những ngọc nữ ấy dung nhan xinh đẹp, dáng dấp, mặt mày tươi sáng như sắc hoa, đôi mắt như ngọc châu sáng, đoan nghiêm xinh đẹp lạ thường, giọng nói trong trẻo, lời lẽ dịu dàng để ca ngợi Bồ-tát Nhu Thủ phước đức vô lượng, thanh tịnh thuần nhất, các hạnh đạo đức, phẩm chất của Bồ-tát; đặt lư hương để đốt hương mật ở cõi trời, đặt nhiều hoa xen nhau để cúng dường." Bấy giờ, phía bên trái của đạo tràng có các loại độc như: ong, trùng, trăn, rắn độc, muỗi vằn, ong chích, bò cạp…, ngay lúc ấy bỗng nhiên chúng bị tiêu diệt hết các tánh của loài thú dữ, trở lại hiền lành, chim chóc tụ tập, bay quanh đua hót.

Khi ấy, Bồ-tát Nhu Thủ vì vô số trăm ngàn Bồ-tát và chư Thiên, loài người vây quanh nơi ấy, mà hiển hiện uy nghi vô lượng ánh sáng như mặt trời vừa mới mọc trên núi cao, như ánh trăng tròn ở giữa các vì sao, như núi Tu-di khác với các ngọn núi khác, như sư tử xuất hiện trong rừng sâu, dung nhan rực rỡ tiến tới. Bồ-tát vừa mới đặt chân vào cửa thành thì khắp nơi chấn động.

Bấy giờ, nơi ấy tất cả đều kinh ngạc, những thứ âm nhạc ở nơi ấy lần lượt tự vang lên, đều nói lên đây là điềm lành lớn gì vậy, điều này chưa từng có, hay là Phật sắp vào thành nên có cảm ứng chăng? Cả nước, người lớn, nhỏ đều vừa kinh sợ vừa hoan hỷ, tâm hớn hở vui mừng, cung kính vô cùng, hoặc lên trên lầu gác, hoặc trèo trên tường vách, hoặc nhìn qua cửa sổ, hoặc ra khỏi cửa và cùng nhau vui mừng, hướng về Phật mong thấy sự thần dị. Khi ấy, vua Ba-tư-nặc cùng với hoàng hậu và tám ngàn người thể nữ trong cung điện, các thái tử, quần thần, quyến thuộc, một vạn người tùy tùng đi theo đều hết sức vui mừng hớn hở.

Trong một khoảnh khắc, Bồ-tát Nhu Thủ bỗng nhiên đi đến, được các Bồ-tát và trời, người tôn quý hộ vệ, đầy đủ các tướng xinh đẹp, tôn nhan đẹp đẽ, ai thấy cũng đều vui thích, cùng nhau đảnh lễ. Những người đến đó, trong ấy có người rải hoa, hoặc đốt hương thơm, hoặc trải y báu, tâm rất cung kính, chiêm ngưỡng vô cùng. Lúc ấy, Bồ-tát Nhu Thủ liền đi vào trong thành trước, các Bồ-tát tôn quý, trời, thần có thế lực, đều im lặng cung kính, đi theo để nhìn thấy sự thần biến, lại muốn thọ nhận lời dạy của Bồ-tát.

Bấy giờ, Bồ-tát Long Thủ thấy Bồ-tát Nhu Thủ có vô số chúng sinh vây quanh, uy nghi, đẹp đẽ oai nghiêm và cùng nhau đi vào trong thành nên thưa Bồ-tát Nhu Thủ:

–Vì việc gì mà đến?

Bồ-tát Nhu Thủ trả lời Bồ-tát Long Thủ:

–Tôi đến thành này là muốn đi khất thực. Vì thương mến và nghĩ đến lợi ích của họ, vì muốn cứu giúp thế gian và tất cả trời, người nên thị hiện đi khất thực, để dẫn dắt mọi người được thành tựu lớn.

Bồ-tát Long Thủ hỏi:

–Vì sao? Thưa Bồ-tát Nhu Thủ, đến nay, đối với việc khất thực, ngài chưa dứt được tưởng chăng?

Đáp:

–Thưa thiện nam! Tôi đoạn dứt rồi. Đối với hữu kiến nên tưởng về đi khất thực, đạt đến vô kiến thì không đoạn cũng không bị đoạn. Đó là khất thực thanh tịnh của Bồ-tát. Vì sao? Này Bồ-tát Long Thủ! Nếu vậy thì tất cả các pháp không đoạn không bị đoạn. Ví như hư không, không đoạn không bị đoạn. Do đó nên nói không thể đoạn, đều là cảnh giới cuối cùng của Ma, Phạm. Tất cả mọi nhà và các vua Phạm chí, cùng thứ dân cũng không thể đoạn. Vì sao vậy Bồ-tát Long Thủ? Vì các pháp ấy giống như hư không, vốn là không, vốn không thật có, không phát khởi, không lay động, không giữ gìn, không đạt được. “Không” vốn không đạt được, cũng không có chỗ nắm giữ, cũng không thể nắm bắt được. Nói tóm lại, tất cả các loại và các pháp khác ở đời, ngoại đạo, tà thuật đều là không thật có, không nắm giữ, không nắm bắt được, cũng không thể đạt được. Các pháp như vậy đều không thể nắm bắt được, cũng không thể giữ gìn.

Do nó vốn là không, cho nên không thể đoạn.

Hỏi:

–Vì sao? Thưa Bồ-tát Nhu Thủ! Đại Bồ-tát sẽ làm oán địch với các ma chăng?

Đáp:

–Thưa Bồ-tát Long Thủ! Pháp vốn không có tranh chấp, nên không thấy Bồ-tát và các ma đấu tranh. Nếu Bồ-tát và các ma ấy là oán địch là do khởi lên cái tưởng chấp có pháp, nên có chiến tranh, Bồ-tát liền khiếp sợ. Vì sao như vậy? Vì Bồ-tát tự mình lo sợ. Này Bồ-tát Long Thủ, ví như ảo thuật gia biến hóa ra các vật. Các vật do hóa hiện, như vậy nên không có khiếp sợ. Này Bồ-tát Long Thủ, Bồ-tát hiểu rõ pháp vốn không, không chấp trước vào các pháp hữu vi thì không sợ hãi. Nếu Bồ-tát có sợ hãi thì Bồ-tát ấy không làm ruộng phước cho đời. Vì Bồ-tát này không hiểu rõ về pháp Không, nên tự mình khởi tâm khiếp sợ.

Lúc ấy, Bồ-tát Long Thủ hỏi:

–Bồ-tát Nhu Thủ, Bồ-tát có thể chứng đạo chăng?

Đáp:

–Bồ-tát có thể chứng đắc đạo.

Bồ-tát Long Thủ hỏi:

–Vì sao? Thưa Bồ-tát Nhu Thủ! Ai là người có thể chứng đắc đạo?

Đáp:

–Không tên, không họ, cũng không danh hiệu và cũng không có xứ sở, vĩnh viễn cũng không có nơi chốn, cũng không có thủ đắc.

Đó có thể đạt được đạo.

Hỏi:

–Làm thế nào Bồ-tát sẽ đạt được đạo?

Đáp:

–Này Bồ-tát Long Thủ! Nếu có Bồ-tát muốn đạt đến đạo thì không còn phát tâm, không nghĩ về đạo, cũng không tưởng về đạo tràng, không nhớ nghĩ về cõi người, tâm cũng không có xứ sở, không có nhớ nghĩ, không có thủ đắc, cũng không chấp trước và cũng không có kiến chấp. Bồ-tát thực hành như vậy mới có thể chứng đắc được đạo.

Hỏi:

–Xuất phát từ động cơ nào mà có phát đạo tâm?

Đáp:

–Thưa Bồ-tát Long Thủ! Tôi không phát tâm, cũng không nên phát. Lại nữa, không nên phát "Vô phát hay bất phát". Hơn nữa tôi cũng không đạt đến đạo, cũng không nhớ nghĩ đến đạo tràng, không ngồi bên gốc cây Bồ-đề, không chứng đắc đạo, không chuyển bánh xe chánh pháp, cũng không hóa sinh trở lại nẻo của loài sinh tử. Vì sao? Này Bồ-tát Long Thủ! Vì các pháp đều là không thật có, không động không lay, không xuất không nhập, cũng không có chỗ nắm bắt vì nó vốn là không, cho nên tôi dùng pháp này mà có thể chứng đắc đạo.

Hỏi:

–Thưa Bồ-tát Nhu Thủ! Đây là sự giảng nói đạt đến chánh pháp Vô thượng không thể sánh bằng ư?

–Đối với các pháp ấy mà biết rõ các pháp như vậy, thì đó là thoát khỏi tất cả phiền não. Họ đã giải thoát những phiền não ấy rồi, nếu muốn thoát khỏi ma Ba-tuần vĩnh viễn thì cũng không thể thoát khỏi ma Ba-tuần.

Hỏi:

–Chẳng phải có thể thoát khỏi ma Ba-tuần. Vì sao vậy? Vì các ma ấy cũng là đạo. Vì sao? Vì ma và ma trời đều vốn là không, không thủ không đắc, không tưởng không niệm, do lời nói này nên ma cũng là đạo. Vậy, vì sao gọi là đạo?

Bồ-tát Nhu Thủ đáp:

–Đạo ư? Này Bồ-tát Long Thủ! Ở trong tất cả, tất cả cũng là đạo. Đạo giống như hư không, thể của đạo thì rộng lớn, vắng lặng sâu xa, dung chứa hết tất cả, đầy đủ khắp mọi nơi, cũng không có giới hạn. Bồ-tát Long Thủ này, đạo là tất cả, tất cả là đạo. Đó là đạo Vô thượng chân chánh vốn là không.

Hỏi:

–Bồ-tát Long Thủ muốn đắc đạo chăng?

Đáp:

–Tôi muốn chứng đắc nhưng không thể đạt được đạo.

Hỏi:

–Muốn đắc đạo đâu phải là việc đùa giỡn? Vì sao? Như Bồ tát Long Thủ đã nói; muốn chứng đắc không thể đạt được đạo, đạo gì có thể chứng đắc ư? Nếu đạo có thể chứng đắc là đạo có nơi chốn. Ví như có người khởi lên suy nghĩ: "Ta làm cho người huyễn hóa ngồi nơi cây Bồ-đề cho đến khi thành Chánh giác." Lời nói như vậy có phải chỉ là tiếng vang chăng? Người huyễn hóa ấy cũng không thể nắm bắt được, cũng không cùng các pháp có hợp có tan, cũng không có chỗ

chấp trước, do vốn là không. Này Bồ-tát Long Thủ! Tất cả các pháp như huyễn như hóa, dấy lên tưởng niệm muốn đắc đạo chăng?

Lại nữa, Như Lai giảng nói các pháp vốn là không, không suy nghĩ, không mong muốn, không chỗ chấp trước. Biết rõ điều ấy mới chứng đắc được đạo, các pháp không có chỗ hội nhập, cũng không có chỗ hủy hoại. Pháp không cùng với pháp có hợp có tan, huống chi là pháp cùng với pháp nên có hủy hoại ư? Pháp không có phù hợp cũng không ly tán. Vì sao? Này Bồ-tát Long Thủ! Các pháp không hòa hợp vì nó vốn là không, đều là vô ngã. Lại nữa, như hư không cũng không thật có, không có hình tượng, không nhớ nghĩ, không động, không lay cũng không hý luận nơi hành. Các pháp vốn là không, vắng lặng như hư không, như huyễn, như mộng, không ví dụ, không so sánh. Các pháp như vậy không điều gì mà sánh bằng, cũng không có hình tượng.

Mọi người đã đến lắng nghe Bồ-tát Nhu Thủ nói pháp vi diệu, hết sức vui mừng, tâm không nhàm chán, khát ngưỡng cung kính, chuyên tâm thọ nhận. Khi giảng nói pháp sâu xa vi diệu như vậy rồi, thì có tám vạn Bồ-tát chứng đắc pháp không thoái chuyển và vô lượng trời, người đều phát tâm vô thượng.

Bấy giờ, Bồ-tát Long Thủ nói với Bồ-tát Nhu Thủ rằng:

–Lành thay, lành thay! Bồ-tát Nhu Thủ ưa thích giảng nói pháp vi diệu sâu xa này, thật là điều chưa từng có, vì chính tôi đã nhờ nơi đó mà lãnh hội được pháp yếu này. Hôm nay, mới biết rõ là mình mới hiểu được đạo.

Bồ-tát Nhu Thủ nói:

–Này thiện nam! Pháp không có lời lẽ, cũng không có thấy nghe, không nói sâu xa, lại không nói cạn cợt. Do đó, cũng không có đắc đạo Vô đắc, bất đắc. Vì sao? Này Bồ-tát Long Thủ! Suy nghĩ muốn đắc đạo tức là có tưởng hý luận về việc hành hóa ư? Nếu thọ nhận thì rơi vào nẻo kiến chấp về vọng, khiến cho Bồ-tát nói pháp có sâu, có cạn ư? Tôi không có chỗ hý luận, còn pháp thì không có lời lẽ, không có tuyên truyền, không có chỗ hiện bày, cũng không thể nói năng, các pháp vốn là giả.

Lại nữa, này Bồ-tát Long Thủ! Ví như có người nói rằng: “Tôi huyễn hóa giảng nói biết pháp rộng lớn.” Huyễn hóa ấy không biết nói nên nói là biết chăng? Huyễn hóa ấy duyên vào điều này nên khởi lên cái tưởng tranh chấp. Vì sao? Vì huyễn hóa nên không biết, không có thể là chỗ giảng nói.

Như vậy, này Bồ-tát Long Thủ! Các pháp vốn là không, đều là không thật có, cũng không có xứ sở.

Này thiện nam! Nên biết rõ điều như vậy, gọi là đầy đủ pháp hành.

Khi ấy, Bồ-tát Diệu Tâm với thần thông thông suốt, nghe thấy Bồ-tát Nhu Thủ ở nơi khác đang bàn pháp tối thượng cho Bồ-tát, nên đi đến nơi ấy, thấy hội đạo tràng lớn, liền vui mừng tán thán:

–Lành thay, lành thay! Các bậc đầy khắp trong chánh hội như Chánh sĩ, Đại sĩ ở nơi ấy bàn nói điều gì?

Bồ-tát Nhu Thủ nói:

–Này thiện nam! Đối với pháp thâm yếu của Đức Như Lai mà đạt được là không có tên Chánh sĩ, Đại sĩ. Lại nữa, Bồ-tát không tự nói ta là Bồ-tát Chánh sĩ, Đại sĩ. Lại nữa, người có vọng tưởng ở theo chúng hý luận mới tự xưng là Bồ-tát, là Đại sĩ, là bậc giảng nói về pháp.

Này Diệu Tâm! Âm vang có phát ra theo tiếng nói chăng? Âm vang ấy có chấp vào sự nghe của lỗ tai chăng? Đối với âm vang, pháp có đối tượng thọ trì chăng?

Bồ-tát Long Thủ nói:

–Đều không.

–Như vậy, này Bồ-tát Long Thủ! Các pháp như âm vang, không có tên gọi, không có hình tướng. Người chấp vào pháp ấy thì hành động theo hý luận, vì duyên vào sự hành động theo hý luận ấy nên có lưu chuyển, mãi mãi không hiểu rõ các pháp. Cũng như âm vang vốn là không, nhưng đối với sinh tử mà có tưởng tranh chấp, tức là khởi lên hành động tranh chấp, liền rơi vào các nghiệp. Đã ở trong nghiệp tức là có sinh tử, nên còn lưu chuyển trong năm đường, vì do không biết tất cả vốn là không.

Khi ấy, Bồ-tát Nhu Thủ nói với Bồ-tát Long Thủ:

–Này thiện nam! Như Đức Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo: "Này các Tỳ-kheo, các ông không nên chấp vào các hý luận mà thích thú nơi tưởng hành. Vì các ông, mà ta dạy về hạnh vắng lặng, hãy nhớ nghĩ đến Thích Sư Tử giảng nói pháp như vậy, chuyên tâm nhất niệm lãnh hội tùy thuận nơi pháp, nhập vào hạnh nhẫn, tất sẽ không còn chấp trước."

Này thiện nam! Bồ-tát ấy đã hiểu rõ và thuận theo lời nói này, biết rõ sự thanh tịnh của bản vô, biết rõ sự vắng lặng như vậy, thì mới thoát khỏi năm nẻo sinh tử lâu dài.

Bấy giờ, Bồ-tát Long Thủ hỏi:

–Ai ở trong sinh tử mà được giải thoát?

Bồ-tát Nhu Thủ đáp:

–Này thiện nam! Vì sao gọi là Như Lai đối với sinh tử như biến

hóa mà giải thoát? Mà lại có quá khứ, vị lai và hiện tại? Như vậy này Bồ-tát Long Thủ, bậc Thánh Sư tử lựa dùng lời nói cốt yếu này mà hóa độ sinh tử.

Hỏi:

–Như Thế Tôn đã giảng dạy là các pháp như huyễn hóa. Lại nữa, Ngài cũng nói các pháp đều là không thật có. Do lời nói này mà tất cả chúng sinh sẽ được thành tựu đạo Vô thượng Chánh giác chăng?

Đáp:

–Này Bồ-tát Long Thủ! Nếu tất cả chúng sinh biết như vậy, đây mới là đạt được lời dạy cốt yếu của đạo. Cho nên, ta không nói pháp, pháp không nói năng, không nhớ nghĩ, không thọ không trì, không được không mất, không lời không lẽ. Vì sao? Vì các pháp là không chỗ nắm giữ, cũng không có chỗ "Có", không niệm, không thức, không có xứ sở. Lại nữa, biết tất cả các pháp như huyễn như hóa, đều là không thật có, nên nhờ đó mà chúng sinh đạt đạo Bồ-đề.

Này Bồ-tát Long Thủ! Ví như một vị thầy huyễn hóa đã biến hóa ra người huyễn, người huyễn hóa đó có biết rõ nguồn gốc của mình, là do biến hóa ra? Đối với các pháp không có sự hóa, cũng không có chỗ trụ. Khắp cả thế gian, Trời, Rồng, Quỷ thần, Ma, Phạm thiên, Sa-môn, Phạm chí…, đến đời sau cũng không thể khiến cho người huyễn hóa đối với sự biến hóa ấy mà

có tưởng bền chắc. Vì sao? Vì người huyễn sĩ ấy tự thông đạt chỗ biến hóa, hóa ấy vốn là không, không huyễn, không hóa, đều là không thật có. Người huyễn biết rõ tất cả là do biến hóa làm mê hoặc. Đối với không thật có, mà lại khởi lên có tưởng có, vô thường tưởng là thường, vô ngã tưởng là ngã, nên chấp có tưởng niệm, mong cầu pháp vô tưởng, vọng niệm không có sắc an trụ, đều là không thật có. Vì không biết nguồn gốc, chẳng rõ là "không", nên cứ nối nhau trong vòng sinh tử. Nếu có biết rõ nguồn gốc các pháp, thì tất cả chúng sinh ấy đối với giáo pháp của Đức Phật không còn thoái chuyển trở lại, mà đó thành Chánh giác. Vì sao?

Này Bồ-tát Long Thủ! Do chúng sinh ấy đều ở trong giáo pháp

của đạo Chánh giác, cho nên tất cả chúng sinh đối với giáo pháp của Phật mà không còn ngăn ngại. Vì thế, chúng sinh đều an trụ trong giáo pháp của Phật, nhưng tâm của chúng sinh không có giác ngộ các pháp vốn là không, không danh, không thức, không có chỗ trụ, không hành hý luận, không vin dựa, không chấp trước, tịch tĩnh như hư không, cũng không có sinh tử, thanh tịnh vô thượng, cũng không có chỗ sinh, lại không có Pháp thân, đã chấp nhận đối với pháp thâm sâu thì không xa lìa pháp Phật. Vì sao?

Này Bồ-tát Long Thủ! Pháp của chư Phật hoàn toàn không thể dùng tưởng, hành mà đạt được. Nếu có tưởng ấy thì có lời lẽ, có giảng nói, có tuyên thuyết, có truyền bá, thì không thể đạt được giáo pháp của Phật.

Khi ấy, Bồ-tát Long Thủ nói với Bồ-tát Nhu Thủ:

–Lành thay, lành thay! Nhân giả nói rất hay về pháp không nghĩ bàn, ai sẽ tin là tất cả chúng sinh này không lìa pháp của Phật?

Bồ-tát Nhu Thủ nói:

–Này thiện nam! Hàng đệ tử của Đức Thế Tôn giữ vững niềm tin về giáo pháp. Địa thứ tám và Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-nahàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, Bồ-tát, vị không thoái chuyển và các bậc không lay chuyển…, các Bồ-tát ấy đã an trụ vào pháp "Không hành", thanh tịnh, như vậy chư vị sẽ tin nhận. Vì sao?

Này Bồ-tát Long Thủ! Các Bồ-tát thực hành như vậy, phải tự thệ nguyện: "Quyết định nối tiếp sự nghiệp lớn, tôi sẽ ngồi kiết già nhập định không bao giờ lay động, cho đến chứng đắc đạo Vô thượng Chánh giác. Nhất định, vào tương lai sẽ đến trước tất cả chư Thiên, Rồng, Quỷ thần, thành tựu đạo lớn, rống lên tiếng rống Sư tử." Vì sao? Này Bồ-tát Long Thủ! Bồ-tát biết rõ pháp Không không có tưởng, hành; trụ vững như ngưỡng cửa, bền chắc như núi Tu-di không hề lay động.

Như vậy, này Bồ-tát Long Thủ! Bồ-tát ấy an trụ vào pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện, tất cả chúng sinh không thể lay động. Lại nữa, Bồ-tát này ở nơi cây Bồ-đề, cho đến đạo tràng không thể lay động.

Hỏi:

–Thưa Bồ-tát Nhu Thủ! Vì sao gọi là nơi đạo tràng Bồ-đề?

Bồ-tát Nhu Thủ nói:

–Này Long Thủ! Vì sao gọi là chỗ biến hóa của Đức Như Lai ngồi nương vào chỗ biến hóa đó, thế nào là các pháp giác ngộ của Như Lai hóa hiện và hiện thần thông hóa độ thuyết pháp? Vậy ai là Đức Như Lai? Người biến hóa là ai?

Bồ-tát Long Thủ đáp:

–Tôi không còn thấy chỗ hóa hiện của Như Lai và hình tượng của Pháp thân, huống chi là sự hóa hiện lại hiện ra oai thần, hay là chỗ giảng nói pháp và chỗ biến hóa. Tất cả như biến hóa, bản không cũng biến hóa, biến hóa ấy cũng là biến hóa, cũng như biến hóa.

Bồ-tát Nhu Thủ khen:

–Lành thay, lành thay! Này Bồ-tát Long Thủ! Vì tôi mà nói ra pháp ứng thuận, vì mọi người mà giảng nói pháp nhẫn vô chấp vi diệu sâu xa ấy, chính là giảng nói pháp Vô thượng không gì sánh bằng.

Lúc ấy, Bồ-tát Long Thủ nói với Bồ-tát Nhu Thủ:

–Khi giảng nói pháp cốt yếu vi diệu này cũng không khởi lên sự hành động, cũng không hội nhập vào nhẫn. Vì sao? Này Bồ-tát Nhu Thủ! Vì các pháp vốn là thanh tịnh, tướng của nó vốn là không, không có xứ sở, cũng không có luân hồi, không hình sắc, không ảnh tượng, các pháp đều bình đẳng như hư không.

Như thế, này Bồ-tát Nhu Thủ! Có được pháp ấy thì phải khởi lên pháp nhẫn. Như Lai biến hóa đạt được pháp nhẫn như ảnh trong gương, như tiếng vang trong núi, như giấc mộng, như sóng nắng, như bọt nước, như thân cây chuối, cũng đều sẽ thành tựu được pháp nhẫn ấy. Vì sao? Vì nhẫn ấy đều là không như hư không, người ấy đều không khởi lên pháp nhẫn. Lại nữa, nhẫn cũng không khởi, cũng không nên khởi.

Lại nữa, nhẫn ấy cũng không phải là chỗ này, chẳng phải là chỗ kia, cũng không ở chính giữa. Đấy mới là an trụ vào nhẫn vô thượng không gì sánh bằng. Như vậy, Bồ-tát đối với trí tuệ này, tâm không lo sợ, không nghi ngờ, cũng không kinh ngạc, Đại Bồ-tát này lại ứng hợp với hạnh pháp nhẫn vô thượng.

Các bậc Bồ-tát thần thông trong mười phương nghe Bồ-tát Nhu Thủ giảng nói pháp vi diệu sâu xa, thảy đều vui mừng, mau đạt được định này.

Lúc ấy, Bồ-tát Nhu Thủ vì Bồ-tát Long Thủ mà nói:

–Vì sao? Này thiện nam! Bồ-tát ấy do hạnh không chấp mà được nhập vào pháp nhẫn chăng?

Đáp:

–Này Bồ-tát Nhu Thủ! Nếu có Bồ-tát đã tưởng niệm về chỗ hướng đến thì chấp vào hành và nói: “Tôi hiểu biết sâu rộng, cho rằng mình thông đạt hiểu rõ pháp nhẫn, tôi đã đạt được đạo…” Người nói những lời ấy đều chấp vào hành.

Bồ-tát Nhu Thủ lại hỏi:

–Bồ-tát tu hành như thế nào để đạt được đạo?

Đáp:

–Đối với các pháp đều không có chỗ hội nhập, không nhớ nghĩ các pháp, biết rõ các pháp là không, các pháp ấy dựa vào nhân duyên, vốn là không, đều là không thật có. Hạnh Bồ-tát này ứng hợp với đạo nhẫn. Hạnh này là không có chỗ thực hành, như người ngủ say, hành động trong mộng.

Bồ-tát Long Thủ lại nói:

–Nhưng người mộng, không đi đến đâu cũng không có sự đi, cũng không có đi đến, không đứng ngồi. Người này khi tỉnh mộng rồi thì hiểu tin rằng mộng không thật nên không còn nắm

giữ, không xả bỏ, hoàn toàn không chấp trước, không ảnh tượng, không hình tướng, không xứ sở cũng không thật có, nó như hư không. Này Bồ-tát Nhu Thủ, hạnh của Bồ-tát nên không có chỗ nắm giữ, cũng không có nẻo nhập, giống như hư không, vốn là không, không hành động hý luận. Đây là ruộng phước vô thượng của đời, đáng thọ nhận tất cả sự cúng dường mới làm bậc Đạo sư vô lượng, là ruộng phước tối thắng, là ứng hợp với hạnh pháp nhẫn tối thượng.

Đại chúng trong hội vui mừng cung kính, đều cầm hoa báu để
rải trên Bồ-tát Nhu Thủ, chiêm ngưỡng vui mừng vô cùng.

Bấy giờ Bồ-tát Long Thủ nói với Bồ-tát Nhu Thủ:

–Nhân giả, chúng ta nên đi vào thành để khất thực.

Bồ-tát Nhu Thủ đáp:

–Vâng, nhân giả hãy đi. Khi đã khất thực, các vị ấy đều vô niệm, giơ chân lên bỏ chân xuống, bước đi đều vô niệm. Dù có lay động cũng không chỗ, không trụ và cũng không đi, không co không duỗi, vô tâm vô niệm, không có chỗ bước đi, đi không có chỗ tưởng, cũng không có tưởng về thành, không có tưởng trên đường đi, lại cũng không có tưởng về thành vách, xóm làng, xã huyện, cũng không có dặm đường ngõ ngách, không có tưởng về nhà ở, cũng không có niệm về cửa ngõ, không nghĩ về nam nữ, cũng không có tưởng về huyễn hóa, đều không có tâm tưởng về hành nên là vô niệm. Vì sao? Vì pháp hành ấy là như vậy, cũng không có chỗ chấp trước, không màu sắc, không ảnh tượng, không sinh không diệt, đều không có các tưởng. Như vậy, này Hành giả đó chính là khất thực vô thượng của Bồ-tát, là đạo hạnh cốt yếu thanh tịnh vắng lặng.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Long Thủ bỗng nhiên ở chỗ ấy nhập định Tam-muội chánh thọ như biển đức của định ấy thì ví như biển lớn vắng lặng không lăn tăn, trong vắt chỉ có thuần một vị, đáy biển sâu rộng không thể đo lường, ngọc báu anh lạc có đầy khắp nơi, mà biển thì sâu rộng mênh mông bao la, hàm chứa vạn vật to lớn rộng rãi, không bờ không bến, nước lớn tràn đầy. Các đức ấy làm cho thần, rồng đều cư ngụ ở đó, là chỗ nuôi lớn thể chất của chúng sinh.

Như vậy, này Bồ-tát Long Thủ! Các Bồ-tát nhờ nơi Tam-muội chánh định như biển ấy, đã trụ vào yếu chỉ đó không thể lay động. Này Bồ-tát Long Thủ! Khi Bồ-tát dùng biển Pháp thân thâu tóm tất cả đạo mầu, trí tuệ và ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, khắp mười phương đều nương vào đó mà trưởng thành, ứng hợp với pháp vi diệu vô thượng. Vì không lay động, không còn lời nói về sự hành hóa, nên biết người như vậy thì đạt được địa định hành không còn thoái chuyển.

Bấy giờ, Bồ-tát Diệu Tâm muốn làm lay động chỗ ngồi Tam-

muội chánh định như biển của Đại sĩ Long Thủ nhưng dùng hết thần lực vẫn không thể lay động được. Khi ấy, tam thiên đại thiên thế giới đều chấn động sáu cách mà thân của Bồ-tát Long Thủ và chỗ ngồi cũng không có lay động. Vì sao? Vì Bồ-tát Long Thủ ấy đã an trụ không lay động, an trụ vào không nơi chốn, trụ đều là không thật có, trụ không có tưởng niệm, trụ không có hý luận nơi hành, trụ không tranh cãi, trụ không có ngôn từ, trụ không có chỗ trụ. Đó gọi là trụ của đạo.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Long Thủ từ định xuất ra, cung kính hướng về Đức Như Lai, không sự chấp trước, bình đẳng Chánh giác, mưa xuống hoa Câu-văn rải khắp Đức Thế Tôn và tán thán:

–Xin quy y với Đức Phật Thiên Trung Thiên, khiến cho tất cả các hội Bồ-tát, các chúng Đại sĩ, các Đại thiên tôn quý và rồng, quỷ thần trong mười phương đều đến nghe pháp như vậy, giảng nói trí tuệ vi diệu sâu xa, yếu chỉ vô thượng, vì không lệ thuộc, chấp trước, không giảng nói về luân hồi, vì vốn là không, vắng lặng rộng lớn.

Khi ấy, Bồ-tát Diệu Tâm nói với Bồ-tát Long Thủ:

–Nhân giả có biết mặt đất chấn động sáu cách không?

Bồ-tát Long Thủ đáp:

–Này thiện nam! Người có động thì mới biết là mặt đất chấn động. Lại vì chấn động bốn phía trên dưới, tuy biết nó động nhưng lại bất động. Lại nữa, như chư Phật Thế Tôn, Đại Bồ-tát, vị không thoái chuyển, cả thế gian trong khắp mười phương cũng đều chuyển động, nhưng đâu có thể làm lay động chỗ tôn quý ấy. Xem xét các chúng Thanh văn, Duyên giác,… họ tuy đã lìa động nhưng chưa hiểu rõ vốn là không, đang ở nơi đất của sự chuyển động mà tự cho rằng là không động. Nếu biết rõ vốn là không, đang ở nơi đất thì đối với các pháp vĩnh viễn không còn lay động, không niệm không chấp. Như vậy này Diệu Tâm, Bồ-tát đó dùng hạnh Không, Vô tướng, Vô nguyện đối với pháp cốt yếu thanh tịnh không có lay động. Đó mới chính là hoàn toàn vắng lặng an ổn không lay động.

Nhu Thủ lại hỏi Bồ-tát Long Thủ:

–Có thể đi vào thành khất thực ư?

Đáp:

–Này Bồ-tát Nhu Thủ! Hôm nay, tôi đã biết rõ trí tuệ khất thực tối thắng vô thượng. Vì sao? Vì duyên vào nơi ấy mà đạt được Tam-muội chánh định như biển, nên mới biết rõ. Vì chứng đắc đạo Vô thượng bình đẳng Chánh chân giác, vì ở trong sinh tử mà khởi bày Phật sự, chuyển bánh xe chánh pháp để cứu độ chúng sinh, luôn làm nhân duyên cứu giúp, để xa lìa nguồn gốc cấu uế. Đúng vậy, này Bồ-tát Nhu Thủ, như tôi gặp Hiền giả là sớm gặp được Thiện hữu vô thượng, từ lâu đã mong gặp, tâm rất vui mừng, thành tựu đức lớn, tự mình vui mừng.

Này Bồ-tát Nhu Thủ! Đối với tôi, sự che chở của ngài là đệ nhất, vô lượng độ thoát của ngài là đệ nhất, không cấu uế, rộng lớn vi diệu, tốt đẹp của ngài là đệ nhất, cũng là đệ nhất tối thượng không thể nghĩ bàn. Nguyện cúi đầu cung kính năm vóc sát đất, lễ bái bậc nhất vô thượng Tiên thánh cam lồ.

Bồ-tát Nhu Thủ nói:

–Lành thay, lành thay! Này Nhân giả Long Thủ! Vì đã chứng đắc nên thông hiểu được các pháp như sóng nắng, mộng huyễn, ảnh tượng, tiếng vang, pháp ấy không tiếng gọi, không hình tướng, đều là không thật có. Từ nay về sau Nhân giả mới có thể thừa tự giáo pháp Vô thượng Đại đạo chẳng thể nghĩ bàn, nhờ chứng đắc Tam-muội chánh định như biển, nên mới ứng hợp như vậy. Nên biết, vị này ngang với bậc Nhất sinh bổ xứ. Đó gọi là trí tuệ biện tài của Bồ-tát, đạt được điều đó giống như pháp vi diệu sâu xa, định như biển thì xa lìa được các tưởng. Nhân giả có thể đi vào thành khất thực.

Bồ-tát Long Thủ đáp:

–Suy nghĩ ngang với đức ấy nên cùng đi với Nhân giả, hai bậc Thánh cùng đi chẳng nên hay sao?

Bồ-tát Nhu Thủ nói:

–Tôi không có chỗ đi, cũng không có chỗ đến, lại không có tiến tới hay dừng nghỉ, không có đi cùng bạn bè, không đứng không ngồi, lại cũng chẳng đi, đi không có chỗ đến, đến cũng không có nguyên do, trụ không có xứ sở, ngồi cũng không có chỗ chiếm cứ, đi không có nẻo hướng đến. Ví như Bồ-tát Long Thủ, Như Lai hiện hóa, do có đi đến, ngồi, đứng, nằm, ngủ, thức chăng? Hóa là giả nên không có nơi đi đến, ngồi ngủ. Tôi đối với các pháp cũng như vậy, không trụ chẳng trụ, không khởi chẳng khởi, cũng không đã khởi, không khởi bên trong, cũng không sẽ khởi, cũng không vừa khởi.

Bồ-tát Long Thủ đáp:

–Như Nhân giả đã nói đây là lời giảng nói mà cả thế gian rất khó tin. Ai sẽ tin Nhân giả tuệ cốt yếu này?

Đáp:

–Này Bồ-tát Long Thủ! Nhân giả nên lắng nghe! Lẽ nào vì người không có mắt mà giơ cao cây đèn? Đốt ngọn đuốc chỉ vì người sáng mắt. Như pháp vi diệu sâu xa này, chính vì hướng đến Đại Bồ-tát thông đạt thấu triệt sâu xa, họ mới có thể tin nhận đạo cốt yếu và hiểu rõ đạt đến tuệ cốt yếu này. Khi ấy, hành giả hiểu rõ tất cả vốn là “không”, các Bồ-tát này đã ứng hợp với những vị tu phạm hạnh thanh tịnh vô thượng sâu xa, nên gặp được bậc Chánh sĩ, trụ vào pháp thâm sâu. Đối với những người tin pháp, thọ pháp, trì pháp, thuyết pháp ở nơi vườn Nai, đã chuyển bánh xe chánh pháp, ứng hợp với Hiền thánh cũng là bậc Đạo sư, ban cho con mắt sáng, làm thích hợp với vô lượng người cường tráng mạnh mẽ. Đây là pháp vô thượng tối thắng.

Khi Bồ-tát Nhu Thủ nói ra lời ấy, trong đại chúng có tám vạn Bồ-tát đều đạt được pháp Nhẫn vô sinh.

Khi ấy, Bồ-tát Diệu Tâm ở trước đại chúng hết sức vui mừng, chắp đôi tay báu, tâm cung kính hướng về Thế Tôn tán thán và tán thán Bồ-tát Nhu Thủ. Tán thán xong hoan hỷ nói:

–Con xin tự quy y với chư Phật là bậc Thánh tuệ thông đạt, phá tan đám mây của sự ngủ mê, đập nát nguồn gốc của ngu si, thoát khỏi các thứ điên đảo, trừ sạch lưới nghi ngờ, thuận duyên vào con đường giác ngộ, đạt đến bậc Thánh vô thượng. Con tự quy y với pháp; pháp ấy là pháp thù thắng, là pháp đối trị, nhằm cứu giúp các thứ bệnh hoạn, mù, điếc…, cắt triệt vòng sinh tử, diệt trừ các thứ ô uế, tẩy sạch tâm cấu nhiễm, thông suốt con đường mê hoặc; pháp là vô thượng, tu tập theo thì hoàn toàn giải thoát. Các vị Bồ-tát từ lâu đã thực hiện phạm hạnh, thuộc hàng Tiên thánh sáng suốt thanh tịnh vô thượng, các bậc đại thần thông nguyện hiển bày công đức ấy, đệ tử của bậc Vô thượng ở đây là bậc Thánh chúng đạt chánh tín, chứng pháp vi diệu sâu xa. Hôm nay, con xin quy y theo các vị ấy.

Bồ-tát Nhu Thủ đáp:

–Này Diệu Tâm! Nếu không giải thoát, thì sẽ đạt đến đạo quả Vô thượng đẳng giác.

Hỏi:

–Vì sao? Thưa Bồ-tát Nhu Thủ, ai không được giải thoát?

Đáp:

–Ai còn chấp giữ, thì sẽ cầu giải thoát. Như vậy, này Diệu Tâm, Pháp là không có chấp giữ cũng không lệ thuộc. Lại nữa, này thiện nam, pháp không giải thoát cũng không chấp giữ, vậy ai có giải thoát? Không trói không mở, các pháp không nắm giữ, không lấy, không bỏ.

Như có người nói với người huyễn rằng:

–Này thiện nam! Người đã thoát khỏi sự nắm giữ, đi vào giải thoát.

Người huyễn đáp:

–Tôi chẳng phải nam, cũng chẳng phải phàm phu, tôi không có sự nắm giữ, nên làm gì có chỗ giải thoát?

–Như vậy, này Diệu Tâm! Đạo không có chấp giữ, cởi bỏ, nên quán sát đó là không, không vốn là không, thanh tịnh vậy.

****

QUYỂN HẠ

Khi ấy, Bồ-tát Long Thủ nói với Bồ-tát Nhu Thủ:

–Đi thôi, thiện nam tử! Chúng ta đi đến phương Đông để khất thực.

Đáp: –Này Bồ-tát Long Thủ! Huyễn hóa, sóng nắng mà có phương Đông, Tây, Nam, Bắc ư? Tôi đối với Nhân giả còn không thể nói, huống gì có lời nói. Vì sao? Vì các lời nói ấy tùy theo chỗ ngài đã hỏi. Nhân giả tùy thuận nơi đó mà nói ra như pháp, mỗi mỗi đều biết rõ, không bị chướng ngại, cho nên tôi chẳng còn ngôn ngữ, chưa biết đáp lại. Phàm là người thông đạt đều không chấp lời nói, huống chi là đối với chỗ ấy mà có lời nói ư? Thế nên các pháp không có nguyên do.

Hỏi: –Thế nào là không có các pháp?

Đáp: –Này Bồ-tát Long Thủ! Là không có chỗ, không có người, các pháp ấy là không, chính là các pháp cốt yếu. Bằng trí tuệ ấy, mới có thể biết rõ các âm thanh kia, không có chỗ lưu truyền mới là nghĩa lý cốt yếu. Đây đâu phải đạt đến nghĩa lý cốt yếu để nói? Đây là sự nối tiếp với tưởng hành.

Hỏi: –Chỗ hành nào có thể xa lìa các tưởng?

Đáp: –Này Bồ-tát Long Thủ! Bồ-tát không có tưởng về sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Lại nữa, đối với pháp vốn không có sự hành, chỗ vốn không ấy, cũng không có sự hành, nhờ sự hành này xa mà lìa được các tưởng.

Khi Bồ-tát Nhu Thủ giảng nói pháp vi diệu sâu xa này, có năm ngàn Bồ-tát đạt được tuệ này, hai ngàn trời, người phát tâm Bồ-tát.

Bấy giờ, Bồ-tát Long Thủ nói:

–Tôi sẽ thoái lui, vì Bồ-tát chẳng phải là bạn của tôi.

Bồ-tát Nhu Thủ đáp:

–Tôi không đi đến cũng chẳng có bạn bè, lại không cùng với ai cả. Vì sao? Vì đạo không có bạn bè, cũng không có tưởng niệm cùng các bạn bè, lại cũng không cùng với dục hành làm bạn. Đối với pháp vốn là không, cũng không thấy bị trói buộc nơi bạn bè. Vì vốn không chấp trước,

nên không nói có, có tánh của tôi, của ông, của người, có thọ mạng và pháp nuôi dưỡng thân, có nhân vật, ngôn ngữ, chỗ chấp trước và sự tạo tác việc tạo tác, hướng đến. Nguồn gốc của các pháp vốn là không có như vậy, nên cùng ai để làm bạn? Người có bạn là bị dục trói buộc.

Này Bồ-tát Long Thủ! Ví như có người thông hiểu sáng suốt, suy nghĩ rằng: “huyễn hóa của Như Lai, vật huyễn hóa của huyễn sĩ”. Như vậy, hóa này và hóa kia là một hay là khác?

Nhân giả nói tôi và ông là bạn bè, ông và tôi gặp nhau, ý của Bồ-tát Long Thủ như thế nào? Người hóa kia có bạn không?

Đáp: –Này Bồ-tát Nhu Thủ! Người do biến hóa không có bạn. Vì sao? Vì biến hóa vốn là không, đều là không thật có, không có hình tượng, không thể nắm bắt được.

Bồ-tát Nhu Thủ nói:

–Này Bồ-tát Long Thủ! Đối với sinh tử đều không có bạn bè cũng không có chỗ trói buộc. Nếu không có bạn bè, không có trói buộc thì có phân biệt, hoặc khởi lên tưởng về bạn bè là cùng với dục khởi. Bồ-tát thấu hiểu nên biết rõ về tưởng của bạn bè. Vì sao? Vì các pháp ấy như huyễn, như hóa, không bạn, chẳng phải có bạn.

Lành thay! Các pháp lo sợ không tin, như giấc mộng, hình ảnh, tiếng vang. Tuy đã có đấy nhưng cũng lại như không. Do tưởng, thức không an, không có nơi chốn, không nắm giữ, không ý, không niệm đều là không thật có, đã xa lìa các niệm ở trong niệm và vô niệm nên vốn là vô niệm.

Hỏi: –Này Bồ-tát Nhu Thủ! Nhân giả đã từng cùng với người do biến hóa nói chuyện, đi đến, đứng ngồi, bàn luận, tư duy chưa?

Bồ-tát Nhu Thủ đáp:

–Không có.

Bồ-tát Long Thủ hỏ:

–Người huyễn có tướng mạo như thế nào?

Đáp: –Người huyễn ấy hình tướng giống loài người, hình tướng biến hóa của người huyễn cũng như thế.

Vì sao? Vì huyễn hóa như thế cũng không thoát khỏi nơi này, lại chẳng thoát khỏi nơi kia. Sự huyễn hóa và người không khác nhau, người cũng không khác người huyễn hóa, vì người tức là huyễn hóa. Như người huyễn hóa dùng pháp huyễn hóa để hỏi việc huyễn hóa, các pháp cũng vậy.

Lại hỏi Bồ-tát Nhu Thủ:

–Nhân giả lại tự mình từng cùng người huyễn hóa cùng ngồi đứng, đàm luận, giao du, giảng nói, hiểu biết…, đứng đối diện nhau không?

Đáp: –Thế nào? Này Bồ-tát Long Thủ! Huyễn sĩ và biến hóa cùng dục có khác chăng? Cho đến đối với tôi, Bồ-tát, người, thọ mạng, pháp tăng trưởng có khác chăng? Tôi đem lời nói huyễn hóa này, để hỏi thử nhân giả, nhận biết Đại sĩ đối với điều này có tài biện luận khác, vậy nên nêu ra pháp gì?

Bồ-tát Long Thủ nói:

–Nhân giả đã thử như thế, là nhằm thử pháp huyễn hóa của hư không. Nhân giả lại nghĩ: Huyễn hóa là có tưởng, người huyễn hóa vốn là không, không tưởng, không niệm, cũng không hình tượng, đều không thực có, đã xa lìa các niệm.

Bồ-tát Nhu Thủ nói:

–Này Bồ-tát Long Thủ! Pháp cũng như huyễn, huyễn hóa vốn là không, "không" ấy không có hình tượng, cũng không thể thấy.

Bồ-tát Long Thủ hỏi:

–Này Bồ-tát Nhu Thủ! Các pháp không có hình tượng thì không thể thấy chăng? Như Nhân giả đã nói, tất cả Đại Bồ-tát phải làm thế nào để thọ nhận sự lễ lạy ấy để thành tựu được đạo Vô thượng chánh chân. Vậy ai biết được để thọ nhận sự lễ bái ấy?

Bồ-tát Nhu Thủ đáp:

–Thế nào? Này Bồ-tát Long Thủ! Bồ-tát đã từng đi vào trong núi sâu nghe tiếng vang, vậy ở trong núi có tiếng vang phát ra không? Tiếng vang ấy có chỗ trú chăng? Dùng nhĩ thức nào để nghe được tiếng ấy ư? Tiếng ấy có đối tượng để nói chăng? Há có duy trì được tiếng vang ấy ư? Lại nữa, cùng với ai nghe tiếng vang kia?

Bồ-tát Long Thủ đáp:

–Không thể vậy.

Bồ-tát Nhu Thủ nói:

–Như thế thì Bồ-tát biết rõ các pháp, nếu như tiếng vang kia là không, thì tất cả các âm thanh, tiếng vang đều xa lìa các âm thanh. Nhưng Bồ-tát ấy dùng sự lễ bái này đối với đạo Vô thượng chánh chân, đối với việc ấy cũng không có nhận thọ ký.

Chư Phật, Đại Bồ-tát ở trong mười phương đều nghe Bồ-tát Nhu Thủ giảng nói, hết sức vui mừng, khen ngợi vô cùng.

Bấy giờ, Bồ-tát Long Thủ nói với Bồ-tát Nhu Thủ:

–Đúng lúc cùng đi vào thành khất thực? Hãy nghĩ đến thời gian không để bị trễ.

Đáp: –Này Bồ-tát Long Thủ! Các pháp không trễ qua, cũng không có thời gian. Hành giả ở trong tưởng hành ấy, thì tưởng đó có thời gian hay không có thời gian? Bồ-tát thông đạt rõ ràng đối với sự hiểu biết rõ pháp "không" vốn là không, đâu có nói về thời gian hay không gian! Vậy bàn về các pháp khác thì có thời gian hay không có thời gian? Không thời gian chẳng phải thời gian mới ứng hợp với pháp luật vô thượng của Phật. Nếu dùng toán số về thời gian thì có vượt hơn tưởng về thời gian ư? Giống như đệ tử của các Đức Thế Tôn, Hiền thánh luôn tự no đủ bằng trí tuệ của đạo, tuệ không có thức tưởng, đối với tưởng và vô tưởng thực hành không có sự tạo tác, cũng chẳng có tưởng niệm, vô niệm bất niệm, nhờ trí tuệ này mà luôn no đủ. Hàng Thánh chúng của Đức Thế Tôn đều không có niệm về ăn uống, cũng không có tưởng về việc ăn uống, ăn như thế mới gọi là người ăn đích thực, đó là bậc Hiền thánh không xen vào sự ăn uống. Nếu ăn uống hoàn toàn như người ăn ấy, thì gọi là người ăn pháp cam lồ rộng lớn, bằng năng lực dùng thức ăn ấy thì có thể kéo dài mạng sống đến một kiếp hoặc hơn một kiếp. Vì sao? Vì người này hiểu rõ về hành của các pháp, nên không còn tưởng niệm, biết rõ là "không" thanh tịnh. Biết rõ như thế rồi, thì không còn phân biệt về sự mong cầu thức ăn, như hàng phàm phu chưa chứng đắc.

Lại nữa, các Đức Như Lai Vô Thượng Chánh Giác và những bậc Hiền thánh khắp nơi, có tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả lớn, ban bố lòng nhân từ thương xót nhớ nghĩ chúng sinh, nên xuất hiện ở đời. Vì muốn cứu độ sự đau khổ trong năm đường, nên hiện bày đi vào nơi quận, huyện, xóm làng khất thực để thọ nhận thức ăn. Nhưng các bậc Thánh ấy đã xa lìa những thức ăn uống, đối với ăn như không ăn, chỉ dùng trí tuệ biết rõ các chánh định, thường được no đủ, đối với sự xa lìa thức ăn uống mà cùng với người ăn uống thì sẽ bị luân hồi trong sinh tử. Công dụng của chư Phật Thế Tôn là dùng các thức ăn thì nhận biết rõ ràng, hoàn toàn không có tưởng về thức ăn, phấn khởi, hòa nhã an nhiên giữ thân có thể như số cát sông Hằng hoặc vượt hơn số ấy. Từ lúc mới phát tâm, vĩnh viễn không còn các tưởng niệm về sự đói khát, cho đến khi sao mai xuất hiện nơi cây Bồ-đề, từ lúc ấy mới thọ nhận thức ăn. Do thức ăn này cho nên bậc Chánh sĩ và Đại trượng phu anh hùng long mãnh, cho đến bậc Sư tử, các bậc Điều nhu phu và Chúng hoa phù Chánh sĩ Tú Dị, vô vàn Liên Hoa nam tử Vô thượng Trượng phu Pháp Ngự Thiên Nhân Sư đối với chỗ nên thủ đắc, chỗ nên hiểu rõ, chỗ nên thông đạt, đều biết rõ ràng mà được no đủ. Lúc ấy tất cả đều hợp với trí tuệ, thì thành tựu được đạo tâm Vô thượng chánh chân.

Như vậy, này Bồ-tát Nhu Thủ! Tất cả Bồ-tát, các Đức Như Lai và những bậc Hiền thánh khắp nơi, đều nhờ thức ăn ấy mà được chứng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng giác, tuổi thọ có thể trụ như hằng sa kiếp, hoặc nói còn hơn đấy rất nhiều, mà các Đức Như Lai hoàn toàn không lệ thuộc. Vì sao? Vì nói bằng ứng hóa không có tưởng về ăn uống, vô niệm bất niệm, vô hợp bất hợp bậc Hiền thánh cũng chẳng có tưởng niệm về hành, luôn tùy thuận xuất ra các mùi thơm, tự nhiên thanh tịnh, không tưởng không niệm, không còn các nẻo luân hồi, cũng không hý luận nơi hành, vốn là "không", tự nó thanh tịnh.

Thế nên, này Bồ-tát Long Thủ! Đại Bồ-tát nên tạo món ăn như thế nào mới thích hợp với món ăn của pháp?

Bồ-tát Long Thủ đáp:

–Lành thay, lành thay! Bồ-tát Nhu Thủ đã giảng nói về sự vi diệu của các pháp, thì tôi đã no đủ vơi các món ăn thượng vị ấy. Chỉ cần nghe giảng về các món ăn của pháp yếu, thì đã no đủ rồi, huống chi từ lâu đã ăn, không còn món ăn khác mà lại ăn món ăn nghĩ muốn hay sao?

Bồ-tát Long Thủ nói:

–Thế nào? Này Bồ-tát Long Thủ! Thể của hư không sao lại có món ăn xen tạp?

Lại hỏi:

–Ngài no rồi sao?

Đáp:

–Này Bồ-tát Nhu Thủ, không, không thật có!

Lại hỏi:

–Này Bồ-tát Long Thủ! Vì sao có thể làm no đủ vật mà người huyễn đã biến hóa chăng?

Đáp: –"Không phải".

Lại hỏi:

–Thế nào? Này Bồ-tát Long Thủ! Phàm là ở biển có thể được no đủ để hiển bày hình tượng chăng?

Đáp: –"Không phải!"

Lại hỏi:

Này Bồ-tát Long Thủ! Phàm là ở biển có thể được no đủ từ các dòng sông chăng?

Đáp: –“Không phải!”

Bồ-tát Nhu Thủ lại nói:

–Như vậy, này Bồ-tát Long Thủ! Không nhàm chán các pháp, thì nếu như hư không mà Nhân giả vừa nói “có tưởng nên no đủ” chăng? Các pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện, là không khởi, không hành cũng không có chỗ làm, không có chỗ tạo, hoàn toàn như vậy; không muốn dùng định để giải thoát, không sắc, không tướng, không bền không chắc, hiểu rõ như hư không đều không có chỗ nắm bắt, các pháp như thế, làm sao khởi lên tưởng có no đủ?

Bồ-tát Long Thủ nói:

–Như vậy, này Bồ-tát Nhu Thủ! Còn tất cả hành giả ấy không ăn món ăn ư? Thế nên nhân giả nói ăn vốn là không chăng?

Bồ-tát Nhu Thủ nói:

–Này Bồ-tát Long Thủ! Vậy thì tất cả chúng sinh không ăn. Này Bồ-tát Long Thủ! Ví như Đức Thế Tôn biến hóa ra vô số người để ăn và cung cấp cho những người được biến hóa ăn. Vì sao? Này thiện nam! Những người biến hóa ấy lấy gì để ăn? Lại còn có người ăn hay không?

Đáp:

–Người biến hóa không có tưởng, không có ngôn ngữ, đều không thực có, cũng lại không món ăn, huống chi nói có người ăn ư?

Bồ-tát Long Thủ nói:

–Như thế, này Bồ-tát Long Thủ! Có kiến chấp hay không kiến chấp về tất cả các pháp như huyễn hóa nên khắp các chúng sinh không hiểu rõ điều này. Vì chúng không biết rõ, nên còn chịu luân hồi trong sinh tử, đối với sinh tử quán xét cũng đều không thực có, cũng không có chỗ thủ đắc, cũng chẳng có luân hồi. Biết rõ sinh tử là không, vốn là không có, thì tất cả chúng sinh không còn chịu luân hồi cũng chẳng còn sinh tử, vì không thấu rõ vốn là không nên có sinh tử. Sinh tử ấy cũng không có sinh tử, đối với sinh tử ấy cũng không còn chịu luân hồi, cũng chẳng có chỗ thủ đắc, thì làm sao gọi là pháp sinh tử?

Đáp:

–Này Bồ-tát Nhu Thủ! Lời nói ấy rất hay. Nên biết đúng lúc có thể cùng đi, trở về nơi khu vườn Kỳ-đà Cấp cô độc. Những sự đói khát của tôi hoàn toàn đã chấm dứt.

Bồ-tát Long Thủ nói:

–Này Bồ-tát Long Thủ! Ví như huyễn sĩ đã biến hóa người. Người được biến hóa ấy nói tôi có đói khát? Sự đói khát như sóng nắng phải không?

Thế nên, này Bồ-tát Long Thủ! Tất cả cũng đều như vậy, các pháp ấy đều như sóng nắng, sự hiểu biết này mới chính là hiểu biết đích thực. Như thiện nam đã nói, tôi không còn đói khát chăng? Phải ăn thức ăn này, việc ăn uống như các pháp không đoạn dứt, không huỷ hoại, cũng chẳng có đói khát. Tất cả các pháp vốn đã no đủ. Vì các phàm phu kẻ sĩ kia vốn không biết rõ việc này, nên mới nói như vầy: Tôi đói, ông khát lại nói no đủ. Các bậc Hiền thánh biết rõ ngồn gốc của các pháp, nó không có đói khát cũng chẳng nghĩ về sự no đủ, hiểu rõ những việc đói

khát thì không còn sinh tử, cũng không hý luận nơi hành, cũng không có tưởng niệm, việc ấy đã không lay động cũng không chấp trước, các pháp đã giải thoát vốn không còn chấp trước.

Bồ-tát Long Thủ lại nói:

–Này Bồ-tát Nhu Thủ! Những nơi đã thuyết giảng nói pháp yếu ấy, nhưng chỉ nói pháp giới.

Bồ-tát Nhu Thủ nói với Bồ-tát Long Thủ:

–Pháp giới ấy cũng không nói, chẳng nói, cũng không nói nẻo hướng đến, không co, không duỗi. Vì sao? Này Bồ-tát Long Thủ! Pháp giới đều không thực có, cho rằng không nói cũng chẳng có chỗ nói và không hý luận nơi hành, cũng không có đối tượng chấp trước, không có hợp nhau, pháp không có tưởng niệm, cũng chẳng còn niệm, cũng không có chỗ khởi, cũng không có chỗ diệt hành.

Này Bồ-tát Long Thủ! Ví như cảnh giới của hư không, không tưởng, không niệm, không sinh, không diệt. Các pháp như vậy, đồng như hư không, tướng ấy vốn là không, vốn không thể nắm bắt được cũng chẳng thể nhận biết, tướng ấy như vậy nên không thể nắm bắt được mà có thể nắm bắt được được tướng ấy, các Đức Như Lai đã nhập diệt cũng không phải có thể nắm bắt được.

Như vậy, này Bồ-tát Long Thủ! Tất cả các pháp đều không có xứ sở, không sắc, không hình cũng không thể thấy. Vì vậy, cho nên hằng hà sa chư Phật đã nhập diệt, đối với pháp ấy cũng không có nhập Niết-bàn cũng không có cảnh giới của đất, nước, lửa, gió để nhập Niết-bàn, cũng chẳng có cảnh giới của không, không có cảnh giới của thức. Như Lai nhập diệt là nhập diệt, ở trong Niết-bàn cũng không có Niết-bàn. Nếu các pháp có tưởng về Niết-bàn, thì cảnh giới của hư không có tưởng về Niết-bàn chăng? Vì sao? Vì các pháp ấy vốn là không, các pháp là vắng lặng, mà pháp vắng lặng này đối với hàng phàm phu hạ sĩ sẽ khỏi có tưởng niệm về Niết-bàn. Nhân đó có tôi, tôi có thọ nhận, tôi và ông đều có thọ nhận, mạng sống có thọ nhận, người và vật có thọ nhận, tưởng và thức có cùng một lúc biết rõ không có pháp chân thật, liền khởi tưởng ấy là tưởng niệm về Niết-bàn. Vì vậy nên không được giải thoát, vẫn bị chịu sinh, già, bệnh, chết; rơi vào mười hai nhân duyên… cho đến các hoạn khổ lớn đã tích tập, do đó nói có Niết-bàn. Hành giả vì không biết rõ các pháp vốn là không, không hiểu rõ nên chẳng giác ngộ, còn các Đức Như Lai Thế Tôn vì biết Bồ-tát đã vào sâu nơi hạnh phương tiện, nhờ các điều thiện ở đời trước nên đứng vững không hề thoái lui, tích chứa công đức, có oai thần lớn vì muốn dẫn dắt mọi người nên làm Bậc Đại Sư Vô Thượng và cùng những hạnh của Đại Bồ-tát như thế, nhằm ngăn cản sự khởi tưởng tranh chấp. Lại đối với các hàng Thanh văn, Duyên giác tưởng ấy trái nghịch khởi lên tranh chấp. Vì tranh chấp cho nên phải chịu nhận tội lớn, do tranh chấp ấy nên còn ở trong sinh tử luân hồi, nên trở về, đường tranh chấp vào nẻo sinh tử. Tất cả các bậc Thánh hoàn toàn không khen ngợi, các bậc giác ngộ đã xa lìa.

Này thiện nam! Ví như có thành, quách xóm làng cách đây không xa chứa nhiều thứ ô uế; đối với những người đi đến chỗ ấy, ngày đêm không dừng nghỉ, đồ vật ở nơi ấy làm tăng thêm ô uế, bất tịnh không sạch. Các hàng phàm phu ngu si ở trong năm đường, các tưởng về không, sinh diệt không dứt, không đoạn dứt sinh tử, làm tăng thêm sự khổ đau ấy. Vì họ không hiểu rõ lại không sáng suốt, không biết rõ nó là không, không thấu hiểu nó vốn là không. Cái lồng tối mờ chứa đựng sự ngu si nên chịu luân hồi trong nẻo sinh tử, ở mãi nơi năm đường, hoặc sinh vào địa

ngục, hoặc sinh nơi ngạ quỷ, hoặc sinh nẻo súc sinh, hoặc sinh lên cõi trời, hoặc sinh vào cõi người, thần biến vô thường, đau khổ nơi năm đường, tai hoạn điên đảo thống khổ bức bách. Nguyên nhân của đau khổ do đã tạo các khổ, làm tăng thêm đồ bất tịnh ô uế chảy tràn, khiến cho đệ tử của bậc Hiền thánh sáng suốt kia mới trừ diệt và xa lìa tật bệnh.

Lại nữa, các bậc Tuệ sĩ lẽ ra được xa lìa, nhưng vì các tạp cấu kia nên không giải thoát, làm cho các loài ấy hướng đến nẻo sinh, rồi lại bị nơi đau khổ của sinh, già, bệnh, chết, vạn thứ sầu não, bị vô số tai nạn của bệnh, chết ấy hành hạ. Người thiện thì được an lạc vui vẻ, tạo tội thì mang tai họa. Nói tóm lại, tai họa đó biến đổi nhanh, cho đến tập hợp các thứ rất thống khổ, nên họ không thể thoát khỏi sinh tử. Vì do chưa hiểu nó vốn là không, cho nên phải chịu sinh tử, tăng thêm thứ ô uế như trên.

Bồ-tát Long Thủ nói với Bồ-tát Nhu Thủ:

–Thế nào? Này Bồ-tát Nhu Thủ! Biết rõ được nguồn gốc kia, nói vì không có tâm tưởng nên hành vắng lặng, nhờ hướng đến nẻo tịch tĩnh nên chắc chắn nhập vào chỗ thanh tịnh, người ấy an trụ thì biết rõ được nguồn gốc kia. Nói vì sao? Này Bồ-tát Nhu Thủ! Vì sao gọi là tịch tĩnh của huyễn?

Đáp:

–Vì hiểu rõ nó như huyễn. Đây là tịch tĩnh của huyễn, nên nhập vào thanh tịnh.

Bấy giờ, Trưởng lão Tu-bồ-đề đến chỗ Bồ-tát Nhu Thủ thấy đại chúng kia, liền hỏi:

–Các bậc Chánh sĩ đến khắp hội này, nhằm giảng nói điều gì chăng?

Đáp:

–Thưa Hiền giả Tu-bồ-đề! Tôi đối với các ngôn ngữ đều không có đối tượng giảng nói.

Lại nữa, thưa Hiền giả Tu-bồ-đề! Đâu có nghe các bậc huyễn nhân có đối tượng giảng nói ư? Giống như tiếng vang trong núi, như giấc mộng, như ảnh trong gương, như sóng nắng là có bàn nói chăng? Lại nghe có người nói chăng? Lại nữa, thưa Hiền giả Tu-bồ-đề! Như Lai đã hóa thì đâu có tai nghe tiếng, tiếng ấy đâu có người nghe, không phải có thức, có chấp giữ ngôn ngữ, danh tự, câu cú để nêu bày không?

Đáp:

–Không phải!

Khi ấy, Trưởng lão Tu-bồ-đề yên lặng vui mừng, ngồi ngay nơi ấy tịch tĩnh mà vào diệt định.

Bấy giờ, Trưởng lão Xá-lợi-phất đến chỗ của Bồ-tát Nhu Thủ, thấy đại chúng ngồi khắp trong đạo tràng, các Bồ-tát đều nghe Bồ-tát Nhu Thủ đã nêu giảng, thấy Trưởng lão Tu-bồ-đề ngồi tịch tĩnh mà nhập diệt định.

Liền hỏi:

–Này Bồ-tát Nhu Thủ! Hiền giả này vì sao hướng đến chỗ diệt định ấy?

Đáp: –Này Trưởng lão Xá-lợi-phất! Trưởng lão Tu-bồ-đề này tuy diệt đinh nhưng không tranh chấp nơi pháp, như Hiền giả đây không tranh chấp về hành, không an trụ, không chấp trước, không luân hồi, không xứ sở, vượt khỏi các pháp Tam-ma-việt (Thiền định).

Khi ấy, Trưởng lão Tu-bồ-đề nhập và xuất diệt định ấy, từ chỗ ngồi đứng dậy hướng về Thế Tôn, liền bày vai bên phải quỳ gối chắp tay thưa:

–Con quy y chư Phật là Bậc Chánh Giác Vô Thượng, là bậc đã hiện bày, diễn nói pháp vi diệu sâu xa, văn tự khó biết như thế, không thể nghĩ bàn, đã đoạn dứt sự chấp trước, xa lìa các tưởng, đã chứng đắc sự tịch tĩnh. Bậc Đại Sĩ không thoái chuyển và các Bồ-tát mới phát tâm, đã nghe giảng nói về pháp này, không thật vui sao!

Bồ-tát Nhu Thủ nói với Trưởng lão Tu-bồ-đề:

–Không phải đối với pháp này mà có nói, có khuyên gắng, có hướng đến nẻo ấy. Vì sao? Vì các pháp không khuyên gắng, không nói năng, không bàn luận, không có thức. Lại nữa, nghĩa lý cốt yếu này không có ngôn ngữ, không trụ, không động, không đi, không đến, không ngồi, không nằm, không nương tựa, không nơi chốn, đều là không thực có. Vì sao? Vì các pháp vốn là "không", đều là không thật có, pháp ấy vốn không thể thủ đắc. Vì sao nói vốn là pháp hành ấy?

Trưởng lão Tu-bồ-đề nói:

–Thưa Bồ-tát Nhu Thủ! Nguyện xin Hiền giả nói rõ các pháp vô hành chính là yếu chỉ của hành, nên làm theo hành ấy, hiểu rõ hành chính là hành mới gọi là hành. Nếu có thể như vậy đều cùng với hành cầu thức ăn.

Này Bồ-tát Nhu Thủ! Tôi không đi vào xóm làng khất thực. Vì sao? Vì nghe pháp yếu này đã xa lìa xóm làng, cũng xa lìa tưởng về thành, xa lìa tưởng về sắc. Nói tóm lại, cũng xa lìa tưởng của sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp đều xa lìa các tưởng, cũng không có tưởng niệm.

Bồ-tát Nhu Thủ nói:

–Chỉ có Trưởng lão Tu-bồ-đề và hành giả mới xa lìa tưởng ấy, đã nói như thế thì có tiến đến dừng lại ư?

Trưởng lão Tu-bồ-đề đáp:

–Này Bồ-tát Nhu Thủ! Vì sao nói Như Lai đã biến hóa sắc, thọ, tưởng, hành, thức? Lấy gì để biết pháp Như Lai đã hiện hóa, lấy tưởng gì mà có tiến đến, dừng lại, có đối tượng quán sát lại còn co duỗi ư?

Bồ-tát Nhu Thủ nói:

–Lành thay, lành thay! Này Trưởng lão Tu-bồ-đề! Như Đức Thế Tôn đã khen ngợi Nhân giả là hành giả hiểu biết đệ nhất về chỗ không.

Bồ-tát Nhu Thủ lại nói:

–Thưa Trưởng lão Tu-bồ-đề! Có thể cùng tôi đi đến chỗ Phật để đảnh lễ cúng dường?

Bồ-tát Nhu Thủ nói:

–Thưa Hiền giả! Tôi dùng thức ăn thanh tịnh mời Nhân giả.

Khi ấy, Trưởng lão Xá-lợi-phất nói với Bồ-tát Nhu Thủ:

–Tôi ăn những chỗ nào? Nên bày ra những món ăn gì?

Bồ-tát Nhu Thủ đáp:

–Thưa Hiền giả! Đối với người ăn ấy cũng không có ăn, cũng không phải là không ăn, lại không ăn uống, không có sắc, thanh, không có hương vị, cũng không có xúc. Đối với chỗ ăn ấy, không ở nơi Dục giới, lại không ở Sắc giới và Vô sắc giới, không ở nơi ba cõi cũng không lìa nơi ấy. Đó là chỗ ăn của chư Phật Thế Tôn.

Trưởng lão Xá-lợi-phất nói với Bồ-tát Nhu Thủ:

–Lành thay, lành thay! Như Nhân giả nói ra tôi đã đầy đủ. Khi ấy, khen ngợi tên của món ăn vô thượng, huống chi đã ăn và đang ăn.

Bồ-tát Nhu Thủ đáp:

–Thưa Hiền giả! Món ăn kia không phải thấy bằng mắt bên trong hay bên ngoài, không có sự thấy của Thiên nhãn hay Tuệ nhãn, ăn như vậy mới thích ứng với món ăn này.

Bấy giờ, Trưởng lão Tu-bồ-đề, Trưởng lão Xá-lợi-phất và các chúng sinh nghe giảng về việc khen ngợi món ăn này, tức ở nơi ấy đạt được diệt định.

Khi ấy, Bồ-tát Diệu Tâm nói với Bồ-tát Nhu Thủ:

–Ăn nên ăn bằng gì? Trưởng lão Tu-bồ-đề và Trưởng lão Xálợi-phất… đã ăn món ăn gì mà vào được Tam-ma-việt?

Bồ-tát Nhu Thủ đáp:

–Dùng món ăn vô lậu. Hành giả không chấp trước món ăn, hành giả không có các thức ăn, hành giả thực hành điều này thì người tạo món ăn kia cũng không còn ăn món ăn của ba cõi.

Bấy giờ, Trưởng lão Tu-bồ-đề, Trưởng lão Xá-lợi-phất từ nơi diệt định xuất ra đi khất thực. Khi ấy, Trưởng lão Tu-bồ-đề vào nhà của đại trưởng giả ở nơi thành để khất thực. Vợ của trưởng giả ấy tên là Ưu-bà-di, thấy Trưởng lão Tu-bồ-đề đứng yên lặng, liền hỏi: –Thưa Hiền giả! Ngài đang làm gì?

Đáp:

–Này chị! Tôi đến đây khất thực.

Hỏi:

–Thưa Hiền giả! Hiền giả còn có tưởng về khất thực, hiểu rõ sự đến và dừng không?

Đáp:

–Này chị! Tôi từ nơi bản tế đã biết rõ tưởng về khất thực.

Hỏi:

–Thưa Hiền giả Tu-bồ-đề! Bản tế ấy đâu có hiểu và chưa hiểu, sao nói là tôi từ bản tế đã biết rõ tưởng về khất thực ư?

Đáp:

–Này chị! Nếu bản tế không thì mạt tế cũng không, tất cả đều không.

Ưu-bà-di nói:

–Như vậy, thưa Hiền giả! Đã là không vì sao lại nói là rõ với không rõ? Nhân giả hãy đưa tay ra con sẽ dâng thực phẩm.

Trưởng lão Tu-bồ-đề đưa tay ra và nói:

–Này Hiền giả! Là bậc A-la-hán, mà không hiểu rõ nguồn gốc lại giữ lấy sự diệt chứng hay sao?

Trưởng lão Tu-bồ-đề nói tiếp:

–Này chị! Tay của bậc A-la-hán không hình, không thể thấy, cũng không co duỗi. Ví như Huyễn sĩ làm huyễn hóa tạo ra lời nói này, thì chỗ nào gọi là tay của huyễn sĩ?

Hỏi:

–Lại nói có thể là tay của huyễn sĩ co duỗi chăng?

Nói:

–Này chị! Tay của huyễn giả có thấy không? Lại có thể duỗi ư?

Đáp:

–Không thể!

Trưởng lão Tu-bồ-đề nói:

–Này chị! Thế Tôn nói tất cả các pháp như huyễn vốn là không.

Hỏi:

–Thế nên, này Hiền giả! Thế Tôn nói tất cả là không. Vì sao Hiền giả tiếp tục cầu thức ăn?

Khi ấy, Ưu-bà-di chưa dâng thức ăn cho Trưởng lão Tu-bồ-đề.

Lại nói:

–Này Hiền giả! Hãy đưa bát ra trước.

Khi Trưởng lão Tu-bồ-đề đưa bát ra bát ấy bỗng biến mất. Lúc ấy Ưu-bà-di dùng tay lấy bát mà bát không có nơi chốn, tay cũng không gần nơi Trưởng lão Tu-bồ-đề.

Ưu-bà-di nói:

–Lành thay, lành thay! Thân ấy thanh tịnh không chấp trước, thật ứng hợp với cái không của hành giả mà Đức Phật đã khen ngợi.

Khi Ưu-bà-di vừa nói thì cái bát liền tự xuất hiện. Khi ấy, Trưởng lão Tu-bồ-đề liền trao bát, Ưu-bà-di lấy bát đựng đầy cơm đưa cho Trưởng lão Tu-bồ-đề, và nói:

–Hiền giả là bậc được Đức Phật Thích-ca Văn khen ngợi ở chỗ không nhàn, chẳng phải do bát.

Tu-bồ-đề đáp:

–Này chị! Như Đức Phật đã giảng nói, hạnh không nhàn của hành giả chẳng phải có bát.

Hỏi:

–Như chỗ không nhàn của nhàn của hành giả chẳng phải có bát ư?

Đáp:

–Không phải!

Hỏi:

–Thưa Hiền giả! Ở chỗ không nhàn còn không có bát thì lấy đâu thọ nhận được thức ăn ư?

–Này Hiền giả! Đã không có chỗ không nhàn thì không có Ala-hán chứng nhận diệt sao? Này Hiền giả ăn cơm ấy rồi, nên biết người ăn như huyễn, đối tượng ăn như hóa. Lại nữa, người ăn như hóa thì đối với huyễn giả cũng giống như người khát nước uống bằng sóng nắng. Đã ăn thức ăn ấy nên mới biết như vậy, hiểu rõ người ấy mới ứng hợp với Như Lai là thông đạt ba cõi vốn không có đi khất thực.

Này Hiền giả! Khởi lên niệm bố thí và có nghĩ về người thọ nhận, liền tạo ra sự phân biệt về chúng đồng phần. Người đã nhận về đồng phần thì có nhị kiến, do nhị kiến nên cùng với hàng phàm phu luân hồi trong năm đường, đồng trôi lăn trong sinh tử.

Khi ấy, Ưu-bà-di nói với Trưởng lão Tu-bồ-đề:

–Thưa Hiền giả! Giáo pháp của chư Phật không có người bố thí và người nhận sự bố thí, nên biết rõ như huyễn, như hóa. Vì vốn là không, nên không có đạt đến pháp sinh tử và Niết-bàn; cũng nên biết rõ như mộng, như huyễn, như sóng nắng, như hình bóng, như tiếng vang đều vốn là không, đối với các pháp cũng đều là như vậy. Các pháp thanh tịnh đều không thật có, không

bố thí không thọ nhận, không giới không phạm, không nhẫn nhục không tranh cãi, không siêng năng không biếng nhác, không thiền định không tán loạn, không trí tuệ không ngu si. Đối với các pháp đều là không thực có, hạnh ấy mới thích hợp với sự thọ nhận thức ăn đúng pháp của Đức Thế Tôn. Các đệ tử hành pháp như thế sẽ biết được sự khất thực của hành giả, đối với ba cõi không nghĩ về thức ăn, cũng không vui mừng nơi Niết-bàn.

Trưởng lão Tu-bồ-đề nghe Ưu-bà-di nói xong thì im lặng vì không biết nói gì hơn nữa.

Ưu-bà-di nói:

–Này Hiền giả! Niết-bàn rỗng lặng chăng? Lẽ nào không có lời để nói hay sao?

Trưởng lão Tu-bồ-đề đáp:

–Này Ưu-bà-di! Vì sao nói như vậy?

Trưởng lão Tu-bồ-đề lại nói:

–Này chị! Biết rõ các pháp huyễn chăng?

Đáp:

–Này Hiền giả! Tôi biết rõ các pháp đều như huyễn hóa, người huyễn và biến hóa cũng vốn là không, đều không là thật có.

Khi ấy, Trưởng lão Tu-bồ-đề ngay ở chỗ đó bỗng nhiên nhập diệt định, nhằm biết rõ tâm Ưu-bà-di mong cầu thừa gì mà được chứng như vậy, biện tài dũng mãnh như thế, mới dám rống lên tiếng rống sư tử, biết rõ pháp huyễn, tùy ý giảng nói không bị chướng ngại. Tôn giả dùng hết năng lực quán sát thì biết, Ưu-bà-di đạt được A-na-hàm.

Trưởng lão Tu-bồ-đề hỏi:

–Này chị! Chị đã chứng đắc A-na-hàm chăng?

Ưu-bà-di nói:

–Thế này? Thưa Hiền giả! Pháp của Như Lai đâu có hành pháp của A-na-hàm. Lại nữa, này Hiền giả! Pháp không có hình sắc, cũng không mong cầu dấu vết của hình tướng, thức không đây kia, không ở giữa hành, cũng không có đối tượng về tướng, không thủ không chứng, cũng không có nơi chốn, biết rõ nẻo hành của Đạo.

Vừa rồi Hiền giả hỏi:

–Nơi nào có chứng quả A-na-hàm rồi thì có thích chứng pháp A-la-hán không? Này Hiền giả! Pháp không đi đến, nếu có đi đến thì có chỗ hướng đến, có chỗ hướng đến thì có sinh có diệt, có niệm có tưởng, đều bị đọa vào sinh tử luân hồi không thể đếm được.

Bấy giờ, Ưu-bà-di bỗng nhiên ở nơi ấy, hóa ra tòa cao lớn có người ở trên, ngay trước mặt Trưởng lão Tu-bồ-đề, với hình tướng, ánh sáng làm chấn động khắp nơi, vận chuyển bánh xe chánh pháp vô thượng không thoái chuyển, làm cho khắp trong thành Xá-vệ và các cõi trong mười phương đều nghe thấy sự biến hóa ấy.

Bấy giờ có một vạn hai ngàn chư Thiên ở giữa hư không, nghe điều đã giảng nói đều đạt được Nhất sinh bổ xứ. Trong thành Xá-vệ, Bồ-tát, hành giả có hai vạn tám ngàn vị, nương theo công đức đời trước đều không thoái chuyển. Các Đại sĩ trong mười phương nghe giảng nói pháp ấy, có trăm ức Bồ-tát đạt được pháp Nhẫn vô sinh; lại nghe giảng nói pháp tối thượng, liền chứng được Nhất sinh bổ xứ. Đối với Bồ-tát Nhu Thủ, Bồ-tát Long Thủ và các bậc Đại sĩ,

Trưởng lão Xá-lợi-phất, Trưởng lão Tu-bồ-đề… đều từ nơi thành Xá-vệ bước ra cửa thành, uy lực nhẹ nhàng vượt lên hư không.

Bồ-tát Nhu Thủ phóng ánh sáng đưa thân lên, ánh sáng oai thần chiếu rực rỡ, ánh sáng rực rỡ đó sáng rực hơn cả mặt trời mặt trăng và sáng hơn những ánh sáng khác. Nhờ ánh sáng như vậy mới soi thấu đến chốn tối tăm như Kim sí điểu vương bay đi. Tất cả chúng sinh đều nhìn thấy. Những chỗ vị ấy đi qua, chư Thiên, loài người, đều nghe các pháp như: Giấc mộng, huyễn hóa, sóng nắng, hình ảnh, tiếng vang, bọt nước, cây chuối ba tiêu. Lời giảng ấy sâu xa, thảy đều hoan hỷ hướng theo tâm Từ, tất cả trời, người chỉ nghe tiếng mộng huyễn, mà pháp huyễn đối với thấy và không thấy cũng không thủ đắc. Khi nghe giảng nói các pháp vị diệu này, một trăm ngàn chúng sinh chứng được quả vị không thoái chuyển.

Lúc đó trên đường du hóa ở giữa hư không, có con của trưởng giả tên là Thiện Ý, đời trước đã trồng công đức, cũng nghe Bồ-tát Nhu Thủ giảng nói pháp huyễn hóa vô thượng và nhìn thấy hình ảnh, thần lực biến hóa, liền phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Vị ấy tự phát nguyện:

–Tôi ở đời vị lai sẽ chứng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bây giờ, sự cảm ứng hiện ra cũng như thế này.

Bồ-tát Nhu Thủ thấy thiện nam ấy có căn cơ đặc biệt vi diệu thanh tịnh, muốn nối tiếp giống Phật mới phát tâm dũng mãnh ở chỗ Bồ-tát, thệ nguyện rống lên tiếng rống sư tử, liền nói với Thiện Ý:

–Này thiện nam! Ông biết các pháp như huyễn hóa, chắc chắn xa lìa thừa thấp kém của hàng Thanh văn, Duyên giác, thành tựu chứng đắc đạo quả vô thượng chánh chân. Lại thấu rõ các pháp như mộng huyễn giảng nói diệu pháp, thảy đều không thật có.

Lúc ấy, con của trưởng giả quỳ gối thưa:

–Xin nguyện giải rõ các pháp như huyễn như hóa.

Bồ-tát Nhu Thủ dùng các pháp yếu nói, khuyến khích, khai mở cho con của Trưởng giả. Con của Trưởng giả tâm rất vui mừng hớn hở.

Bấy giờ, những người thuộc dòng họ ấy, tâm hiểu biết sâu xa, đạt được pháp Nhẫn, có tám ngàn trời, người phát tâm Vô thượng chánh chân.

Khi ấy, có năm ngàn Thiên tử ở giữa hư không nghe Bồ-tát Nhu Thủ giảng nói giáo pháp nhằm sách tấn, tâm hết sức vui mừng, đạt được pháp nhẫn Vô sinh. Tất cả đều vui mừng đến cung kính, đảnh lễ. Bồ-tát Nhu Thủ bỗng nhiên bay lên hư không trở về chỗ cũ.

Bấy giờ, Bồ-tát Nhu Thủ, Bồ-tát Long Thủ, Trưởng lão Xá-lợiphất và Trưởng lão Tu-bồ-đề…, trở lại nơi khu vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, đều đi đến chỗ của Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ nơi chân Phật rồi đứng qua một bên.

Bồ-tát Long Thủ liền từ chỗ ngồi đứng dậy hướng về Đức Phật chắp tay thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát Nhu Thủ đã giảng nói các pháp cốt yếu, đã bày giải đầy đủ.

Bấy giờ, Đức Phật khen ngợi:

–Lành thay, lành thay! Này Bồ-tát Nhu Thủ! Giỏi giảng nói giáo pháp vi diệu vô thượng, biết như giấc mộng, như huyễn, như hóa, như sóng nắng, như tiếng vang thì đạt được trí tuệ sâu xa, là pháp yếu của chư Phật. Do đó, mới thích hợp với sự giảng nói về không hình, không tượng, nói vốn huyễn là không.

Bấy giờ, Đức Phật nhìn A-nan dạy:

–Ông hãy thọ nhận các pháp yếu này của Bồ-tát Nhu Thủ.

A-nan cung kính quỳ gối trước Đức Phật thưa:

–Nguyện xin Thế Tôn, chỉ dạy cho con gọi kinh này tên gì? Thọ trì như thế nào?

Khi ấy, Đức Phật lại diễn giảng lại về lời pháp trí tuệ của Nhu Thủ và Bồ-tát Diệu Tâm đã giảng. Trưởng giả Ưu-bà-di ở thành Xávệ, vì sự cảm ứng của Hiền giả Tu-bồ-đề mà chuyển bánh xe của bậc Nhất sinh bổ xứ.

Đức Phật dạy A-nan:

–Này A-nan! Nên thọ nhận trí tuệ tối thượng ấy. Lại nữa, này A-nan! Đây gọi là kinh Nhu Thủ Vô Thượng Thanh Tịnh Phân Vệ, cũng gọi là Tam-muội biết rõ các pháp như huyễn hóa, phải ân cần nhớ nghĩ thọ trì và giảng giải lưu truyền rộng lớn.

Lại nữa, này A-nan! Nếu có thiện nam, thiện nữ… nào nghe pháp yếu này mà hướng về chuyên tâm tin hiểu, này A-nan, người ấy sẽ gặp được chư Phật Thế Tôn, gặp Bồ-tát Nhu Thủ, và chắc chắn đạt được đạo quả Vô thượng chánh chân, rồi sẽ thành Phật. Huống chi người thọ trì, tu tập, đọc tụng, phụng hành các công đức ấy nhiều vô thượng. Thiện nam, thiện nữ đó đạt được kho tàng trí tuệ của chư Phật, chứng được pháp yếu tối thượng của chư Phật, lại được chư Phật ủng hộ, được chư Phật ở khắp mười phương truyền trao đầy đủ, được chư Phật dùng tay thọ ký. Người ấy chắc chắn sẽ thành đạo quả Chánh chân Vô thượng.

Đức Phật giảng nói kinh này rồi, Bồ-tát Nhu Thủ Đồng chân, Bồ-tát Long Thủ, Bồ-tát Diệu Tâm và các Bồ-tát, Trưởng lão Xálợi-phất, Hiền giả Tu-bồ-đề và các Tỳ-kheo, tất cả chư Thiên, Rồng, Thần, A-tu-la, Nhân phi nhân nghe Đức Phật giảng nói đều hết sức vui mừng, ở trước Đức Phật làm lễ lui ra.

HẾT

(Kinh "Phật Thuyết Nhu Thủ Bồ Tát Vô Thượng Thanh Tịnh Phân Vệ")

---o0o---

(Tạng Thư Phật Học)

16. Kinh "Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật"

Đại Tạng kinh Việt Nam, mang số 0235, 1 quyển do Tam tạng Cưu-ma-la-thập, người nước Thiên Trúc, đời Dao Tần dịch từ Phạn sang Hán và Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh dịch từ Hán sang Việt.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật trú tại khu lâm viên Kỳ thọ Cấp cô độc, thuộc thành Xá-vệ, với đại chúng Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Lúc bấy giờ, vào giờ khất thực, Đức Phật mặc áo và ôm bát đi vào thành Xá-vệ, theo thứ lớp khất thực. Khất thực xong về lại trú xứ thọ trai rồi xếp y bát, rửa chân, trải tọa cụ mà ngồi.

Lúc ấy, từ chỗ ngồi trong đại chúng, Tôn giả Tu-bồ-đề đứng dậy, trịch vai áo bên phải ra, quỳ chân phải xuống, chắp tay cung kính bạch Đức Phật rằng:

–Bạch Đức Thế Tôn! Thật là Bậc hiếm có! Đức Thế Tôn thường đặc biệt hộ niệm và đặc biệt giao phó sự nghiệp cho các vị Bồ-tát. Bạch Đức Thế Tôn! Những thiện nam, thiện nữ nào muốn phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì nên nương tựa vào đâu và làm sao mà điều phục tâm của họ?

Đức Phật bảo:

–Hay lắm, hay lắm! Này Tu-bồ-đề! Ông nói thật đúng! Như Lai thường đặc biệt hộ niệm và giao phó sự nghiệp cho các vị Bồ-tát. Nay ông hãy lắng nghe cho kỹ, Như Lai sẽ vì ông mà trả lời. Những thiện nam, thiện nữ nào muốn phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì phải nương tựa và phải điều phục tâm của họ như thế này.

Tu-bồ-đề nói:

–Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con rất mong được nghe người chỉ dạy.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Các bậc Bồ-tát đại nhân nên hàng phục tâm họ như sau. Có tất cả bao nhiêu loại chúng sinh, hoặc sinh bằng trứng, hoặc sinh bằng thai, hoặc sinh từ sự ẩm ướt, hoặc bằng sự biến hóa, hoặc có hình sắc, hoặc không có hình sắc, hoặc có tri giác, hoặc không có tri giác, hoặc không phải có tri giác cũng không phải không có tri giác, ta phải đưa tất cả các loài đó vào Niết-bàn tuyệt đối để được giải thoát. Giải thoát cho vô số, vô lượng, vô biên chúng sinh như thế, mà kỳ thực ta không thấy có chúng sinh nào được giải thoát. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Nếu một vị Bồ-tát mà còn có khái niệm về ngã, về nhân, về chúng sinh và về thọ giả thì vị ấy không phải là một vị Bồ-tát đích thực.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hiện pháp bố thí nhưng không dựa vào bất cứ một thứ gì cả, nghĩa là không dựa vào sắc để bố thí, cũng không dựa vào thanh, hương, vị, xúc và pháp để bố thí. Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên bố thí theo tinh thần ấy, không dựa vào tướng. Tại sao? Nếu Bồ-tát

bố thí mà không dựa tướng thì phước đức sẽ không thể nghĩ bàn. Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Không gian về phía Đông có thể so lường được không?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Này Tu-bồ-đề! Không gian về phương Tây, phương Nam, phương Bắc, phương Trên và phương Dưới có thể nghĩ và lường được hay không?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát không nương vào đâu cả để thực hiện pháp bố thí thì phước đức cũng nhiều như hư không vậy, không thể nghĩ bàn, không thể so lường được. Này Tu-bồ-đề! Các Bồ-tát nên trú tâm theo những lời chỉ dặn vừa đưa ra.

–Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Có thể nhận diện Như Lai qua thân tướng hay không?

–Bạch Đức Thế Tôn, không! Cái mà Như Lai nói là thân tướng vốn không phải là thân tướng.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng, nếu thấy được tính cách chẳng phải tướng của các tướng tức là thấy được Như Lai.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Trong tương lai, nếu được nghe những câu nói như thế người ta có thể phát sinh lòng tin chân thật hay không?

Đức Phật bảo:

–Ông đừng nói thế! Năm trăm năm sau khi Như Lai diệt độ, sẽ có những người biết giữ giới và tu phước; những người đó khi nghe được những lời này sẽ có thể phát sinh lòng tin và nhận ra đó là sự thật. Ta nên biết rằng những người ấy đã gieo trồng những hạt giống tốt không phải ở nơi một vị Phật, hai vị Phật, ba, bốn, năm vị Phật mà thật đã gieo trồng những hạt giống lành ở nơi vô lượng ngàn muôn vị Phật. Người nào phát sinh niềm tin thanh tịnh được nghe những lời câu nói ấy, dù chỉ trong một niệm, thì này Tu-bồ-đề! Như Lai tất nhiên biết, tất nhiên thấy được người ấy và người đó sẽ đạt được vô lượng phước đức như thế. Vì sao? Vì những người như thế không còn kẹt vào những khái niệm về ngã, về nhân, về chúng sinh, về thọ giả, về pháp, về không phải pháp, về tướng và về không phải tướng. Vì sao? Nếu còn chấp vào ý niệm pháp thì còn kẹt vào tướng ngã, nhân, chúng sinh và thọ giả; nếu còn chấp vào ý niệm không phải pháp, thì cũng vẫn còn kẹt vào tướng ngã, nhân, chúng sinh và thọ giả như thường. Thế cho nên, đã không nên chấp vào pháp mà cũng không nên chấp vào không phải pháp. Do vậy Như Lai đã mật ý nói: "Này các Tỳ-kheo! Nên biết rằng pháp ta nói được ví dụ như chiếc bè, pháp còn nên bỏ, huống là không phải pháp."

Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Như Lai có đắc pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không? Như Lai có pháp gì để tuyên thuyết hay không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Theo con hiểu điều Đức Phật dạy thì chẳng có một pháp gì riêng biệt được gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không có một pháp nào riêng biệt được Như Lai tuyên thuyết. Vì sao? Vì những pháp mà Như Lai đã chứng và đã nói thì không thể nắm bắt được, cũng không thể

diễn tả được. Đó không phải là pháp cũng không phải là không pháp. Vì sao? Vì tất cả các bậc Hiền thánh đều do pháp vô vi ấy mà trở nên có sự sai khác.

Đức Phật hỏi:

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Nếu có người đem bảy thứ châu báu nhiều cho đến nỗi chứa đầy cả tam thiên đại thiên thế giới này để bố thí, thì người ấy có phước đức nhiều hay không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Vì sao? Bạch Đức Thế Tôn! Vì phước đức trong tự thân chẳng phải là phước đức, nên Như Lai mới nói là phước đức nhiều.

Đức Phật hỏi:

–Nếu có người tiếp nhận và hành trì kinh này dù chỉ một bài kệ bốn câu trong kinh thôi rồi đem giảng nói cho người khác nghe thì phước đức của người này còn lớn hơn phước đức của người kia. Tại sao? Này Tu-bồ-đề! Tất cả các Đức Phật và pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của các Đức Phật, đều xuất phát từ kinh này. Này Tu-bồ-đề! Cái gọi là pháp Phật, cái đó chính là cái không phải pháp Phật.

Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Một Tu-đà-hoàn có nghĩ rằng: "Ta đã đắc quả Tu-đà-hoàn" không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, không! Vì sao? Vì Tu-đà-hoàn có nghĩa là đi vào dòng (Dự lưu) mà thật ra không có dòng nào để đi vào cả. Không đi vào dòng sắc, cũng không đi vào dòng thanh, hương, vị, xúc và pháp. Vì vậy cho nên gọi là "đi vào dòng".

Đức Phật hỏi:

–Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Một Tu-đà-hàm có nghĩ rằng:

"Ta đã đắc quả Tu-đà-hàm" không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, không! Vì sao? Vì Tu-đà-hàm có nghĩa là một lần vãng lai (Nhất lai) mà thật ra không có sự vãng lai. Vì vậy cho nên gọi là Tu-đà-hàm.

Đức Phật hỏi:

–Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Một A-na-hàm có nghĩ rằng: "Ta đã đắc quả A-na-hàm" không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, không! Vì sao? Vì A-na-hàm có nghĩa là không trở lại (Bất hoàn), mà thật ra làm gì có sự không trở lại? Vì vậy cho nên gọi là A-na-hàm.

Đức Phật hỏi:

–Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Một A-la-hán có nghĩ rằng: "Ta đã đắc quả A-la-hán" không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, không! Vì sao? Vì thật ra không có pháp nào riêng biệt được gọi là A-la-hán.

Bạch Thế Tôn! Nếu một A-la-hán nào khởi niệm rằng: "Ta đã đắc quả A-la-hán" thì vị đó còn chấp vào ngã, nhân, chúng sinh và thọ giả.

Bạch Đức Thế Tôn! Thế Tôn thường nói con đã đạt tới Vô tránh Tam-muội và trong số người đệ nhất, con là vị A-la-hán ly dục đệ nhất.

Bạch Thế Tôn! Nếu con nghĩ rằng con đã đắc quả A-la-hán thì chắc Thế Tôn đã không nói rằng Tu-bồ-đề là người ưa hạnh A-lanna.

Đức Phật hỏi Tu-bồ-đề:

–Thuở xưa lúc còn theo học với Đức Phật Nhiên Đăng, Như Lai có đắc pháp gì chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, không! Ngày xưa khi còn ở với Đức Phật Nhiên Đăng, Như Lai không có đắc pháp cả.

Đức Phật hỏi:

–Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Bồ-tát có trang nghiêm cõi Phật chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì sao? Vì trang nghiêm cõi Phật tức là không trang nghiêm cõi Phật, vì vậy nên mới gọi là trang nghiêm cõi Phật.

Đức Phật hỏi:

–Cho nên, này Tu-bồ-đề! Các Đại Bồ-tát nên phát tâm thanh tịnh như thế. Không nên dựa vào sắc mà phát tâm, cũng không nên dựa vào thanh, hương, vị, xúc và pháp mà phát tâm, chỉ nên phát tâm nơi không chỗ trụ.

Này Tu-bồ-đề! Ví dụ có người có thân lớn như núi chúa Tu-di, ý ông nghĩ sao? Thân ấy có lớn không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, lớn lắm! Vì sao? Cái mà Thế Tôn gọi là không phải thân lớn mới đích thật là thân lớn.

Phật hỏi:

–Này Tu-bồ-đề! Ví như trong sông Hằng có bao nhiêu hạt cát là có bấy nhiêu dòng sông Hằng. Vậy thì cát của tất cả các sông hằng có nhiều không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, rất nhiều! Số lượng các sông Hằng đã là vĩ đại, huống là số lượng những hạt cát của các sông Hằng ấy.

Đức Phật hỏi:

–Này Tu-bồ-đề! Bây giờ ta hỏi thật ông rằng, nếu có thiện nam, thiện nữ nào đem châu báu chất đầy cả tam thiên đại thiên thế giới nhiều như cát của tất cả các sông Hằng kia mà bố thí thì phước đức có nhiều không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, rất nhiều!

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nếu thiện nam, thiện nữ nào mà thọ trì kinh này dù chỉ một bài kệ bốn câu thôi và đem ra chia sẻ với người khác thì phước đức của người này còn nhiều hơn phước đức của người trước.

Còn nữa, Tu-bồ-đề! Mảnh đất nào mà nơi đó có người thuyết kinh này, dù chỉ là thuyết một bài kệ bốn câu thôi, thì nên biết rằng mảnh đất ấy là nơi mà tất cả các hàng Trời, Người và A-tu-

la đều phải hướng về cúng dường như là cúng dường tháp miếu của Phật. Một mảnh đất mà còn như thế, huống gì là bản thân người đứng ra hành trì và đọc tụng. Ông nên biết, một con người như thế đã thành tựu được chuyện hiếm có tối thượng. Nơi nào mà có kinh này là nơi đó mặt của Bậc Đạo Sư, hoặc một vị đệ tử lớn của Ngài.

Lúc ấy, Tu-bồ-đề thưa với Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nên đặt tên kinh này là gì và chúng con nên phụng trì kinh này như thế nào?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nên gọi kinh này là kinh Kim Cang Bát nhã Ba la mật. Hãy dùng danh từ ấy mà phụng trì kinh này. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì cái mà Như Lai gọi là Bát nhã Ba la mật vốn không phải là Bát nhã Ba la mật. Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Như Lai có pháp để nói không?

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Như Lai chẳng có gì để nói cả.

–Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Cát bụi do tam thiên đại thiên thế giới nghiền ra có nhiều không?

–Nhiều lắm, bạch Thế Tôn!

–Này Tu-bồ-đề! Những cát bụi ấy Như Lai gọi không phải là cát bụi cho nên mới thực sự là cát bụi. Cái mà Như Lai gọi là thế giới tức không phải là thế giới cho nên được gọi là thế giới.

Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Có thể nhận diện Như Lai qua ba mươi hai tướng không?

–Bạch Đức Thế Tôn, không! Vì sao? Vì cái mà Như Lai gọi là ba mươi hai tướng đều không phải là tướng, vì vậy cho nên Như Lai mới gọi là ba mươi hai tướng.

–Tu-bồ-đề! Nếu có hàng thiện nam, thiện nữ nào đem thân mạng nhiều như số cát sông Hằng mà thực hiện việc bố thí, và nếu có thiện nam, thiện nữ khác biết thọ trì và đem kinh này ra giảng cho kẻ khác, dù chỉ thọ trì và giảng dạy bốn câu thôi, thì phước đức của người này cũng nhiều hơn phước đức của người trước.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề nghe Đức Phật thuyết kinh này, hiểu được nghĩa lý thâm sâu, nên cảm động khóc rơi nước mắt mà bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đức Thế Tôn thật là hiếm có! Từ ngày theo Thế Tôn đạt được Tuệ nhãn cho đến giờ, con chưa bao giờ được nghe kinh điển thâm diệu như hôm nay.

Bạch Thế Tôn! Nếu có người nghe được kinh này mà có lòng tin thanh tịnh và đạt được tướng chân thật thì nên biết người ấy đã thực hiện được công đức hiếm có bậc nhất.

Bạch Thế Tôn! Cái tướng chân thật đó vốn không phải là tướng cho nên Như Lai mới gọi là tướng chân thật.

Bạch Thế Tôn! Ngày nay con nghe được kinh điển mầu nhiệm như thế này, được tin, hiểu, tiếp nhận và hành trì kinh này cũng chưa phải là chuyện khó có lắm, nhưng trong tương lai, khoảng năm trăm năm về sau mà có người được nghe kinh này lại có thể tin, hiểu, tiếp nhận và hành trì thì chắc chắn những người ấy là hy hữu bậc nhất. Vì sao vậy? Vì những người ấy không có tướng ngã, tướng nhân, tướng ngã, chúng sinh và tướng thọ giả. Tại vì sao? Vì tướng ngã tức không phải là tướng, tướng nhân, chúng sinh và thọ giả cũng không phải là tướng. Vì sao? Vì xa lìa tất cả tướng cho nên có các vị Phật.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đúng thế, đúng thế! Nếu có người được nghe kinh này mà không hoảng không sợ thì nên biết rằng những người như vậy rất là hiếm có. Tại sao? Này Tu-bồ-đề! Cái mà Như Lai gọi là Đệ nhất bala-mật vốn không phải là Đệ nhất ba-la-mật cho nên mới được gọi là Đệ nhất ba-la-mật.

Tu-bồ-đề! Cái gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật, Như Lai nói không phải là Nhẫn nhục ba-la-mật nên mới được gọi là Nhẫn nhục ba-lamật. Tại sao? Này Tu-bồ-đề! Trong một tiền kiếp xa xưa, khi bị vua Ca-lợi cắt đứt thân thể, ta đã không vướng vào tướng ngã, không vướng vào tướng nhân, tướng chúng sinh và tướng thọ giả. Vì nếu khi đó, ta khởi tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả thì đã sinh tâm oán hận.

Này Tu-bồ-đề! Lại nhớ đến thuở khi ta còn tu Tiên theo hạnh nhẫn nhục, trong suốt năm trăm kiếp, ta đã tu tập để không vướng vào tướng ngã, nhân, chúng sinh và thọ giả. Vậy nên, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi phát tâm Bồ-đề vô thượng thì nên buông bỏ tất cả tướng; không nên dựa vào sắc mà phát tâm, không nên dựa vào thanh, hương, vị, xúc và pháp mà phát tâm, chỉ nên phát tâm nơi không chỗ trụ, vì nếu tâm có chỗ trụ tức chẳng phải trụ. Thế nên, Phật nói: "Bồ-tát tâm không nên trụ nơi sắc mà bố thí." Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát vì lợi ích cho tất cả chúng sinh mà bố thí như thế.

Như Lai đã nói: "Tất cả các tướng đều không phải là tướng", lại nói: "Tất cả các loài chúng sinh đều không phải là chúng sinh". Tu-bồ-đề! Như Lai là người nói lời chính xác, là người nói lời đúng với sự thật, là người nói lời phù hợp với thực tại, là người nói lời không dối trá, là người chỉ nói một lời. Tu-bồ-đề! Nếu có pháp mà Như Lai đã đắc thì pháp ấy không phải thật cũng không phải hư dối.

Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát còn dựa vào pháp mà thực hiện bố thí, cũng như người đi vào trong bóng tối, chẳng thấy được gì. Trái lại, nếu Bồ-tát không dựa vào pháp mà hành bố thí, cũng như người có mắt đi trong ánh mặt trời, có thể thấy được tất cả hình sắc.

Tu-bồ-đề! Trong đời vị lai nếu có thiện nam, thiện nữ nào mà có khả năng tiếp nhận, đọc tụng và hành trì kinh này thì tất được Như Lai dùng trí tuệ Phật sẽ biết người ấy, sẽ thấy người ấy và người ấy sẽ thành tựu công đức vô lượng, vô biên.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào buổi sáng đem thân mình ra nhiều như số cát sông Hằng để bố thí; buổi trưa cũng đem thân mình nhiều như số cát sông Hằng để bố thí buổi chiều cũng đem thân mình nhiều như số cát sông Hằng để bố thí, bố thí như thế trong thời gian trăm ngàn vạn ức vô lượng kiếp. Nếu có một người khác nghe điển này kinh này, đem lòng tin tưởng, không phản kháng lại thì phước đức còn nhiều hơn phước đức của người kia; huống hồ là biên chép, hành trì, đọc tụng và giải thích cho kẻ khác được nghe.

Này Tu-bồ-đề! Tóm lại, kinh này có công đức vô biên không thể suy nghĩ, bàn luận, không thể tính lường. Như Lai vì người phát tâm Đại thừa mà thuyết giảng; vì người phát tâm Tối thượng thừa mà thuyết giảng. Nếu có người nào có khả năng thọ trì, đọc tụng và phổ biến cho người khác biết thì người ấy sẽ được Như Lai thấy rõ ràng, biết chắc chắn và người ấy sẽ thực hiện được công đức không thể nghĩ bàn, không thể nói cho hết, không có biên giới, không có so lường. Người như thế có thể gánh vác sự nghiệp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Như

Lai. Tại sao? Này Tu-bồđề! Nếu chỉ ưa thích pháp nhỏ, nếu còn vướng mắc vào ngã, nhân, chúng sinh và thọ giả thì không có khả năng nghe, nhận, đọc tụng và giải thuyết cho kẻ khác.

Tu-bồ-đề! Bất cứ nơi nào mà có kinh này thì tất cả các chúng Trời, Người, A-tu-la đều phải đến cúng dường, những nơi ấy đều được coi là bảo tháp cần được cung kính, hành lễ, đi quanh và cúng dường bằng hoa và bằng hương.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu thiện nam, thiện nữ nào đọc tụng và hành trì kinh này mà bị người khác chê bai hủy báng thì nên biết người ấy tội nghiệp đời trước đáng lẽ phải bị đọa vào các nẻo ác nhưng nay chỉ bị người đời khinh, chê. Tội nghiệp đời trước ắt sẽ tiêu mất và sẽ chứng đắc quả vị giác ngộ cao tột.

Tu-bồ-đề! ta nhớ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp về trước, trước khi gặp được Phật Nhiên Đăng, ta đã từng gặp tám trăm bốn vạn ức nado-tha các vị Phật. Và với vị nào ta cũng đều có cúng dường và hầu cận không hề bỏ xót. Nếu vào thời mạt thế mà có người có khả năng đọc tụng và thọ trì kinh này thì phước đức đạt được còn lớn hơn hàng trăm ngàn vạn ức lần phước đức cúng dường chư Phật của ta ngày trước; cho đến dùng thí dụ về toán số cũng không thể hình dung được phước đức ấy.

Tu-bồ-đề! Vào thời mạt thế, nếu có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, đọc tụng kinh này, công đức đạt được nếu ta nói hết ra thì sẽ có người nghe sinh tâm cuồng loạn, nghi ngờ không tin. Tu-bồ-đề nên biết! Nghĩa lý của kinh này không thể nghĩ bàn nên phước báo cũng không thể nghĩ bàn.

Lúc ấy, Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì nên an trụ vào đâu và nên hàng phục tâm mình như thế nào?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nếu có thiện nam, thiện nữ nào phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì nên sinh tâm như thế này: Ta phải hóa độ hết tất cả chúng sinh nhưng khi độ hết tất cả chúng sinh rồi thì ta chẳng thấy có chúng sinh nào thật được hóa độ cả. Vì sao thế? Này Tu-bồđề! Nếu Bồ-tát mà còn có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh và tướng thọ giả thì chưa phải là Bồ-tát. Tại sao như thế? Này Tubồ-đề! Thật ra chẳng có pháp gì gọi phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Nơi Phật Nhiên Đăng, Như Lai có pháp gọi là đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hay không?

–Bạch Đức Thế Tôn, không! Theo cách con hiểu lời Phật dạy thì Phật ở nơi Phật Nhiên Đăng không có pháp gọi là đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật dạy:

–Đúng thế, đúng thế! Này Tu-bồ-đề! Thật ra không có pháp Như Lai chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu-bồđề! Nếu có pháp Như Lai chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì Phật Nhiên Đăng đã không thọ ký cho ta như thế này: “Sau này ông sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni.”

Chính vì không có pháp đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho nên Phật Nhiên Đăng mới nói thọ ký cho ta thế này: “Ông đời sau sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni.” Vì sao? Vì

Như Lai tức là nghĩa như như của các pháp. Nếu có người nói: Như Lai đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì này Tu-bồ-đề! Thật chẳng có pháp mà Phật chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu-bồđề! Quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà Như Lai đắc ấy, trong đó không thật không hư. Cho nên, Như Lai nói tất cả các pháp đều là pháp Phật. Này Tu-bồ-đề! Cái mà ta gọi là tất cả các pháp thật ra chẳng phải là tất cả các pháp thế nên gọi là tất cả các pháp. Tu-bồ-đề! Ví như thân người cao lớn.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai nói thân người cao lớn tức chẳng phải là thân cao lớn, đó gọi là thân cao lớn, đó gọi là thân cao lớn.

–Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát cũng giống như thế. Nếu nói thế này: "Ta phải hóa độ vô lượng chúng sinh", thì không phải là Bồ-tát. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Thật ra không có pháp gì để gọi là Bồ-tát, cho nên Đức Phật đã nói tất cả các pháp đều không có ngã, không có nhân, không có chúng sinh, không có thọ giả. Tu-bồ-đề! Nếu có Bồ-tát nói rằng: "Ta phải làm nghiêm tịnh cõi Phật" thì đó không gọi là Bồ-tát. Vì sao? Vì cõi Phật, Như Lai nói việc làm nghiêm tịnh cõi Phật, tức phải làm nghiêm tịnh, đó mới gọi là nghiêm tịnh. Tu-bồđề! Nếu Bồ-tát nào thông đạt được lý vô ngã, vô pháp thì Như Lai gọi đó là Bồ-tát chân thật.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Như Lai có Nhục nhãn không?

–Bạch Thế Tôn, có! Như Lai có Nhục nhãn.

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Như Lai có Thiên nhãn không?

–Bạch Thế Tôn, có! Như Lai có Thiên nhãn.

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Như Lai có Tuệ nhãn không?

–Bạch Thế Tôn, có! Như Lai cóTuệ nhãn.

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Như Lai có Pháp nhãn không?

–Bạch Thế Tôn, có! Như Lai có Pháp nhãn.

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Như Lai có Phật nhãn không?

–Bạch Thế Tôn, có! Như Lai có Phật nhãn.

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Cát trong sông Hằng, Phật có gọi là cát không?

–Bạch Thế Tôn, có! Như Lai gọi là cát.

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Nếu mỗi hạt cát trong sông Hằng là mỗi sông Hằng thì số lượng thế giới Phật nhiều như số cát trong tất cả những sông Hằng ấy, như thế có nhiều không?

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Trong các thế giới ấy, tất cả chúng sinh có bao nhiêu tâm ý, Như Lai đều biết hết. Vì sao? Tu-bồ-đề! Vì cái mà Như Lai nói là các loại tâm đều chẳng phải là tâm, cho nên mới gọi là tâm. Vì sao vậy? Này Tu-bồ-đề! Vì tâm quá khứ không nắm bắt được, tâm hiện tại không nắm bắt được, tâm vị lai cũng không nắm bắt được.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Nếu có người đem bảy loại châu báu đầy cả tam thiên đại thiên thế giới để mà bố thí thì do nhân duyên này người đó có được phước nhiều không?

–Bạch Đức Thế Tôn! Người ấy nhờ nhân duyên như vậy được phước đức rất nhiều.

–Này Tu-bồ-đề! Nếu phước đức có thật thì Như Lai đã không nói được phước đức nhiều; nhưng do phước đức vốn không, cho nên Như Lai mới nói là được nhiều phước đức.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Có phải thấy sắc thân đầy đủ là thấy Phật không?

–Bạch Thế Tôn, không! Không nên cho rằng thấy sắc thân đầy đủ là thấy Như Lai. Vì sao? Vì Như Lai nói sắc thân đầy đủ tức chẳng phải là sắc thân đầy đủ, mới gọi là sắc thân đầy đủ.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Có phải thấy tướng tốt đầy đủ là thấy Như Lai không?

Bạch Đức Thế Tôn, không! Không nên cho rằng thấy các tướng tốt, đầy đủ là thấy Như Lai. Vì sao vậy? Vì Như Lai nói các tướng đầy đủ tức chẳng phải đầy đủ, mới gọi là tướng tốt đầy đủ.

Này Tu-bồ-đề! Ông chớ nên cho rằng Như Lai có ý niệm: "Ta sẽ thuyết pháp." Đừng nghĩ như thế! Vì sao? Nếu có người nói: "Như Lai có pháp để thuyết", tức là phỉ báng Phật không thể hiểu được điều ta nói. Tu-bồ-đề! Thuyết pháp có nghĩa là không có pháp nào được thuyết, như vậy gọi là thuyết pháp.

Lúc bấy giờ, Tuệ mạng Tu-bồ-đề bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn! Đời sau có chúng sinh nào khi được nghe pháp này có thể sinh lòng tin hay không?

Phật dạy:

–Tu-bồ-đề! Những chúng sinh đó không phải là chúng sinh mà cũng không phải là không chúng sinh. Vì sao thế? Tu-bồ-đề! Cái mà gọi là chúng sinh, Như Lai nói không phải là chúng sinh, đó gọi là chúng sinh.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà Phật đắc có phải là cái vô sở đắc?

Phật nói:

–Đúng thế, đúng thế! Tu-bồ-đề! Ta đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ta chẳng có một chút pháp để chứng đắc, nên mới gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Pháp ấy bình đẳng, không có cao thấp nên gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; do tu tập tất cả thiện pháp theo tinh thần không ngã, không nhân, không chúng sinh, không thọ giả nên chứng đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu-bồ-đề! Cái gọi là thiện pháp thì Như Lai bảo không phải là thiện pháp, nên đó mới thật là thiện pháp.

Tu-bồ-đề! Giả dụ có người tom góp bảy thứ châu báu chứa đầy từng đống cao như tất cả núi Tu-di trong tam thiên đại thiên thế giới này để mà bố thí nhưng nếu có người đọc tụng, thọ trì kinh Bát nhã Ba la mật này, dù chỉ một bài kệ bốn câu rồi đem giảng nói cho người khác nghe thì phước đức trước trăm phần không được một, trăm ngàn vạn ức phần cho đến tính toán thí dụ cũng không thể sánh kịp.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Các ông chớ cho rằng Như Lai có ý niệm: "Ta sẽ độ chúng sinh". Tu-bồ-đề, đừng nghĩ như thế! Tại sao vậy? Vì sự thật thì không có chúng sinh nào để Như Lai độ, nếu có chúng sinh được độ thì Như Lai đã vướng vào tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Tu-bồ-đề! Cái mà Như Lai nói là có ngã vốn không phải là có ngã nhưng phàm phu cho là có ngã. Này Tu-bồ-đề! Kẻ phàm phu đó, Như Lai nói chẳng phải là phàm phu nên gọi là phàm phu.

Tu-bồ-đề! Y ông nghĩ sao? Có nên quán tưởng Như Lai qua ba mươi hai tướng không?

Tu-bồ-đề nói:

–Bạch Thế Tôn, đúng như thế! Phải dùng ba mươi hai tướng mà quán Như Lai.

Phật nói:

–Này Tu-bồ-đề! Nếu lấy ba mươi hai tướng mà quán Như Lai thì một vị Chuyển luân thánh vương cũng là Như Lai sao?

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Con đã hiểu lời Phật dạy, không nên dùng ba mươi hai tướng mà quán Như Lai.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Tìm ta qua hình sắc
Cầu ta qua âm thanh
Là kẻ hành đạo tà
Không thể thấy Như Lai.

Tu-bồ-đề! Ông đừng nghĩ rằng: "Như Lai đạt đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà không cần tới các tướng đầy đủ." Tu-bồđề, đừng nghĩ như thế! Tu-bồ-đề! Ông đừng nghĩ là khi phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì phải coi các pháp là đoạn diệt. Đừng có nghĩ như thế, vì sao vậy? Vì người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không cho rằng các pháp là đoạn diệt.

Tu-bồ-đề! Nếu có Bồ-tát đem bảy thứ châu báu đầy khắp các thế giới nhiều như cát sông Hằng mà bố thí; và nếu có người biết được tất cả các pháp đều là vô ngã, thành tựu được pháp Nhẫn, thì công đức vị Bồ-tát này đạt được thù thắng hơn công đức của vị Bồ-tát trước. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì các Bồ-tát không cần phải thọ nhận phước đức.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao Bồ-tát không thọ nhận phước đức?

–Tu-bồ-đề! Phước đức do Bồ-tát tạo ra, không nên tham đắm, cho nên nói là không thọ phước đức.

Tu-bồ-đề! Nếu có người nói: "Thế Tôn có tới, có đi, có ngồi, có nằm, thì người ấy không hiểu được điều ta nói. Tại sao? Như Lai có nghĩa là không từ đâu tới cả và cũng không đi về đâu cả, cho nên gọi là Như Lai.

Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào đem tam thiên đại thiên thế giới nghiền thành bụi nhỏ, thì ý ông nghĩ sao, bụi nhỏ như thế có nhiều không?

Tu-bồ-đề nói:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Vì sao? Vì nếu bụi nhỏ mà có thật thì Phật đã không gọi chúng là bụi nhỏ. Vì sao? Cái mà Phật gọi là bụi nhỏ vốn không phải là bụi nhỏ, cho nên mới là bụi nhỏ. Bạch Thế Tôn! Cái mà Như Lai gọi là thế giới tam thiên đại thiên, tức chẳng phải là thế giới, cho nên mới gọi nó là thế giới. Vì sao? Nếu thế giới mà có thật thì đó là một hợp tướng; cái mà Như Lai gọi là một hợp tướng vốn không phải là một hợp tướng cho nên gọi là một hợp tướng.

–Tu-bồ-đề! Cái gọi là một hợp tướng chỉ là một ước lệ ngôn ngữ không có thực chất, nhưng kẻ phàm phu lại bị vướng mắc vào đó.

Tu-bồ-đề! Nếu có người bảo rằng: "Phật có nói về ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến và thọ giả kiến". Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Người ấy có hiểu được ý ta không?

–Thưa không, bạch Thế Tôn! Người ấy không hiểu được nghĩa Như Lai đã giảng. Vì sao? Cái mà Như Lai gọi là ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến và thọ giả kiến vốn không phải là ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến và thọ giả kiến, cho nên mới là ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến và thọ giả kiến.

Này Tu-bồ-đề! Người phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng

Chánh giác đối với tất cả các pháp phải biết như thế, phải thấy như thế, phải tin hiểu như thế, mà không nên có khái niệm về pháp. Tubồ-đề! Cái gọi là khái niệm về pháp, Như Lai nói không phải là khái niệm về pháp, cho nên mới gọi là khái niệm về pháp.

Tu-bồ-đề! Nếu có người đem bảy thứ châu báu đầy khắp vô lượng a-tăng-kỳ thế giới để bố thí; và nếu có thiện nam, thiện nữ nào phát tâm Bồ-đề, trì kinh này dù chỉ một bài kệ bốn câu…, đọc tụng, thọ trì rồi đem giảng thuyết cho người khác nghe, thì phước đức người này thù thắng hơn người trước. Thế nào là vì người giảng nói? Đó là giảng thuyết mà không kẹt vào tướng, như như, không động chuyển. Vì sao thế? Vì:

Tất cả pháp hữu vi
Như mộng, huyễn, bào ảnh,
Như sương, như chớp lòe,
Hãy quán chiếu như thế.

Phật nói kinh này, Trưởng lão Tu-bồ-đề, các Tỳ-kheo, Tỳkheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và tất cả các hàng Trời, Người, A-tu-la đều rất hoan hỷ, tin nhận phụng hành.

HẾT

Có thể tham khảo các Bản dịch khác của các tác giả như:
- Bản dịch của Nguyên Thuận
- Bản dịch của HT Thích Trí Tịnh
- Bản dịch của HT Thích Thích Thiện Hoa
- Bản dịch của HT Thích Nguyễn Minh Tiến & Đoàn Trung Còn.

---o0o---

(Tạng Thư Phật Học)

17. Kinh "Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật"

(Đại Tạng kinh VN, mang số 0236)

Do Tam tạng Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi, người xứ Thiên Trúc, đời Nguyên Ngụy dịch từ Phạn sang Hán và nhóm Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh dịch từ Hán sanh Việt.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Thế Tôn ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thành Xá-bà-đề, cùng với chúng đại Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Bấy giờ, đến giờ ngọ trai, Đức Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Xá-bà-đề khất thực. Ở trong thành đó, theo thứ lớp khất thực xong, trở về chỗ cũ thọ trai. Thọ trai xong, xếp y cất bát, rửa chân; như thường lệ trải tọa cụ, ngồi kiết già thẳng thân mà trụ trong chánh niệm bất động.

Khi ấy các Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật. Đến xong, đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu bên phải ba vòng, rồi lui ngồi một bên.

Bấy giờ, Tuệ mạng Tu-bồ-đề ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch y để bày vai phải, gối phải sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cung kính bạch Phật:

–Hiếm có thay! Đức Thế Tôn Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Ngài khéo hộ niệm cho các vị Bồ-tát, khéo phó chúc cho các vị Bồ-tát. Bạch Thế Tôn! Làm thế nào để các vị Bồ-tát ở Đại thừa phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Nên an trụ như thế nào?

Nên tu hành như thế nào? Nên hàng phục vọng tâm như thế nào?

Bấy giờ Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Lành thay, lành thay! Này Tu-bồ-đề! Như ông đã nói, Như Lai khéo hộ niệm các vị Bồ-tát, khéo phú chúc các vị Bồ-tát. Nay ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì ông mà nói. Như trong hàng Đại thừa Bồ-tát, nếu có vị nào phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì nên như vầy mà an trụ tâm, như vầy mà tu hành, như vầy mà hàng phục vọng tâm.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con vui sướng muốn nghe!

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Các vị Bồ-tát nên sinh tâm như vầy: "Những điều mà tất cả chúng sinh có và những gì thuộc về chúng sinh như loài sinh bằng trứng, loài thai sinh, loài sinh chỗ ẩm thấp, loài hóa sinh, loài có sắc, loài không sắc, loài có tưởng, loài không tưởng, loài chẳng phải có tưởng chẳng phải không tưởng; những gì mà sinh giới có và những gì thuộc về chúng sinh; ta đều khiến vào Vô dư Niết-bàn mà diệt độ." Diệt độ vô lượng, vô biên chúng sinh như vậy, nhưng kỳ thật không thấy chúng sinh được diệt độ. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát có tướng chúng sinh tức chẳng phải Bồ-tát. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát khởi tướng chúng sinh, tướng nhân, tướng thọ giả thì không gọi là Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát không trụ vào sự việc mà thực hành bố thí; không trụ vào mọi nơi mà thực hành bố thí, không trụ sắc mà bố thí, không trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp mà bố thí.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Hư không ở phương Đông có thể suy lường được không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Đức Phật hỏi:

–Như vậy, này Tu-bồ-đề! Hư không ở phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn hướng trên, dưới có thể suy lường được không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy! Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát không trụ nơi tướng mà bố thí, thì phước đức cũng lại như vậy, không thể suy lường.

Đức Phật lại bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát chỉ nên như vậy mà thực hành bố thí. Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Có thể dùng tướng đã thành tựu để được thấy Như Lai không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Dạ không, bạch Thế Tôn! Không thể dùng tướng đã thành tựu mà thấy được Như Lai. Vì sao? Vì Như Lai nói tướng tức là chẳng phải tướng.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Phàm nói có tướng đều là nói dối. Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng, thì chẳng phải nói dối. Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng như vậy, tức là thấy Như Lai.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Về sau, nếu có chúng sinh ở đời mạt pháp, được nghe những câu kinh như vậy, có thể sinh tướng chân thật không?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ông chớ nói điều đó, rằng về sau, nếu có chúng sinh ở đời mạt pháp, nghe những câu kinh như vậy, có thể sinh tướng chân thật không?

Đức Phật lại bảo Tu-bồ-đề:

–Các vị Đại Bồ-tát, ở đời mạt pháp về sau, khi Phật pháp muốn tiêu diệt, vị nào có giữ giới, tu phước đức trí tuệ, đối với kinh này có thể phát khởi lòng tin và cho đó là sự thật.

Đức Phật lại bảo Tu-bồ-đề:

–Nên biết, các vị Đại Bồ-tát kia chẳng phải ở nơi một Đức Phật, hai Đức Phật, ba, bốn, năm Đức Phật đã tu hành cúng dường; chẳng phải ở trong một Đức Phật, hai Đức Phật, ba, bốn Đức Phật đã gieo trồng căn lành.

Đức Phật lại bảo Tu-bồ-đề:

–Các vị đó đã ở trong vô lượng trăm ngàn vạn Đức Phật để tu hành, cúng dường và ở trong vô lượng trăm ngàn vạn Đức Phật để gieo trồng căn lành. Các vị ấy nghe kinh này dù chỉ trong một niệm cũng có thể sinh lòng tin trong sạch.

Này Tu-bồ-đề! Đức Như Lai đều biết những chúng sinh đó. Đức Như Lai đều thấy những chúng sinh đó.

Này Tu-bồ-đề! Các vị Bồ-tát ấy sinh phước đức nhiều vô lượng như vậy, nhận vô lượng phước đức như vậy là vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì các vị Bồ-tát ấy không trở lại tướng ngã, tướng chúng sinh, tướng nhân, tướng thọ giả.

Này Tu-bồ-đề! Các vị Bồ-tát ấy, không tướng pháp, cũng chẳng phải là không tướng pháp; vô tướng cũng chẳng phải là vô tướng. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Các vị Bồ-tát ấy nếu ôm giữ tướng pháp tức là dính mắc vào ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát ấy có tướng pháp tức là dính mắc tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Không nên giữ lấy tướng pháp, cũng chẳng nên không giữ lấy tướng pháp. Bởi nghĩa ấy nên Như Lai thường nói: "Pháp môn là thí dụ đổi dời, pháp ấy nên bỏ, cũng chẳng phải bỏ pháp ấy."

Đức Phật bảo Tuệ mạng Tu-bồ-đề:

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Như Lai có được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không? Như Lai có thuyết pháp không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Như con hiểu nghĩa của Phật đã nói, không có pháp nhất định để Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không có pháp nhất định mà Như Lai nói. Vì sao? Vì Như Lai thuyết pháp đều không thể chấp giữ, không thể nói được, chẳng phải là pháp, cũng chẳng phải là phi pháp. Vì sao? Vì tất cả bậc Thánh đều tu pháp vô vi mà được gọi vậy.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, tín nữ nào đem bảy báu bố thí khắp tam thiên đại thiên thế giới, này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Người thiện nam, tín nữ đó có được phước đức nhiều không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Rất nhiều, bạch Thế Tôn! Rất nhiều, bạch Thế Tôn! Thiện nam, tín nữ kia được phước rất nhiều. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Phước đức nhiều ấy tức chẳng phải nhiều phước đức. Cho nên, Như Lai nói phước đức nhiều, phước đức nhiều.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nếu có thiện nam, tín nữ nào đem bảy báu bố thí khắp tam thiên đại thiên thế giới, lại có người đối với kinh này, thọ trì chỉ có bốn câu kệ thôi, rồi vì người khác mà giảng nói, thì phước đó hơn người kia vô lượng, không thể đếm. Vì sao?

Này Tu-bồ-đề! Vì tất cả chư Phật và pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều từ kinh này mà sinh ra, tất cả chư Phật Như Lai đều từ kinh này mà sinh.

Này Tu-bồ-đề! Gọi là Phật pháp, tức chẳng phải Phật pháp.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Tu-đà-hoàn có thể nghĩ: "Ta được quả Tu-đà-hoàn" không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Dạ không, bạch Thế Tôn! Vì sao? Vì thật không có pháp nào gọi Tu-đà-hoàn. Không nhập vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, ấy mới gọi là Tu-đà-hoàn.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ý ông thế nào? Tư-đà-hàm có thể nghĩ: "Ta được quả Tư-đàhàm" không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Dạ không, bạch Thế Tôn! Vì sao? Vì thật không có pháp nào gọi Tư-đà-hàm, nên gọi là Tư-đà-hàm.

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? A-na-hàm có thể nghĩ: "Ta được quả A-na-hàm" không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Dạ không, bạch Thế Tôn! Vì sao? Vì thật không có pháp nào gọi là A-na-hàm, nên mới gọi là A-na-hàm.

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào, A-la-hán có thể nghĩ: "Ta được quả A-la-hán" không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Dạ không, bạch Thế Tôn! Vì sao? Vì thật không có pháp nào gọi là A-la-hán.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu A-la-hán nghĩ: "Ta được quả A-lahán", tức là còn chấp ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả.

Bạch Thế Tôn! Phật khen con được phép định Vô tránh là bậc tối đệ nhất, Thế Tôn khen con là A-la-hán ly dục. Bạch Thế Tôn! Con không nghĩ con là A-la-hán ly dục.

Bạch Thế Tôn! Nếu con nghĩ rằng con được A-la-hán, thì Thế Tôn không khen con ưa hạnh Vô tránh đệ nhất. Vì Tu-bồ-đề thật ra không có làm gì hết nên mới gọi là Tu-bồ-đề ưa hạnh Vô tránh.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ý ông thế nào? Đức Như Lai trước kia ở chỗ Phật Nhiên Đăng, có được pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Dạ không, bạch Thế Tôn! Đức Như Lai ở chỗ Phật Nhiên Đăng, thật không được pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nếu Bồ-tát nói rằng: "Ta trang nghiêm cõi nước Phật" thì Bồ-tát đó nói không thật. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Như Lai đã nói: "Trang nghiêm cõi Phật tức chẳng phải trang nghiêm, nên mới gọi là trang nghiêm cõi Phật." Cho nên, này Tu-bồ-đề! Các Đại Bồ-tát nên sinh tâm thanh tịnh như vậy, mà không cần có chỗ trụ; không sinh tâm trụ nơi sắc, không sinh tâm trụ nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp, nên sinh tâm mà không cần có chỗ trụ.

Này Tu-bồ-đề! Ví như có người, thân to như chúa núi Tu-di. Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào, thân ấy có lớn không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Rất lớn, bạch Thế Tôn! Vì sao? Vì Phật nói chẳng phải thân gọi là thân lớn, thân kia chẳng phải thân mới gọi là thân lớn.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Như số cát có được trong sông Hằng, như vậy nếu có số cát trong nhiều sông Hằng thì ý ông thế nào, số cát trong những sông Hằng ấy có nhiều không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Rất nhiều, bạch Thế Tôn! Chỉ những sông Hằng ấy cũng đã nhiều vô số rồi, huống chi là cát.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nay ta nói rõ cho ông, nếu có thiện nam, tín nữ nào dùng bảy báu đầy khắp thế giới như số cát sông Hằng mà cúng dường chư Phật Như Lai thì, này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Thiện nam, tín nữ đó được phước nhiều không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Rất nhiều, bạch Thế Tôn! Thiện nam, tín nữ kia được phước rất nhiều.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Có người dùng bảy báu khắp thế giới như số cát sông Hằng mà bố thí; lại có thiện nam, tín nữ khác đối với pháp môn này mà thọ trì cho đến chỉ bốn câu kệ thôi, rồi vì người khác giảng nói, thì phước đức này hơn phước đức trước vô lượng a-tăng-kỳ.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Tùy nơi nào mà pháp môn này được nói đến, thậm chí một câu kệ thôi, thì nên biết nơi đó, tất cả thế gian Trời, Người, A-tu-la, đều nên cúng dường như tháp miếu của Phật, huống chi là có người thọ trì, đọc tụng được hết kinh này.

Này Tu-bồ-đề! Nên biết người ấy đã thành tựu được pháp hiếm có, cao tột đệ nhất. Nếu nơi nào có kinh điển này tức là có Phật, phải tôn trọng như Phật.

Bấy giờ Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp môn này gọi là pháp môn gì? Chúng con phải phụng trì như thế nào?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Pháp môn này gọi là Kim cang Bát nhã Ba la mật, cứ theo tên gọi này mà ông nên phụng trì. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì Phật nói Bát nhã Ba la mật tức chẳng phải Bát nhã Ba la mật. Này Tubồ-đề! Ý ông thế nào? Pháp của Như Lai có thể nói không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Pháp của Như Lai không có chỗ để nói.

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Số vi trần trong tam thiên thế giới có nhiều không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Vi trần kia rất nhiều, bạch Thế Tôn!

–Này Tu-bồ-đề! Những vi trần ấy, Như Lai nói chẳng phải vi trần mới gọi là vi trần, Như Lai nói thế giới chẳng phải thế giới mới gọi là thế giới.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ý ông thế nào, có thể dùng ba mươi hai tướng Đại nhân để thấy Như Lai không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Dạ không, bạch Thế Tôn! Vì sao? Vì Như Lai nói ba mươi hai tướng Đại nhân tức là chẳng phải tướng nên gọi là ba mươi hai tướng Đại nhân.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nếu có thiện nam, tín nữ nào đem thân mạng nhiều như cát sông Hằng mà bố thí; lại có người đối với pháp môn này thọ trì thậm chí chỉ bốn câu kệ thôi, rồi vì người khác giảng nói, thì phước đức đó rất nhiều, nhiều đến vô lượng a-tăng-kỳ.

Khi ấy Tu-bồ-đề nghe Đức Phật nói kinh này, hiểu được nghĩa thú sâu xa, tủi khóc sụt sùi, lau nước mắt mà bạch Phật:

–Thật hiếm có, bạch Đức Bà-già-bà! Thật hiếm có, bạch Đức Tu-già-đà! Phật nói pháp môn sâu xa như thế, mà con từ khi được Tuệ nhãn đến giờ, chưa từng được nghe pháp môn như vậy. Vì sao?

Vì Phật nói Bát nhã Ba la mật tức chẳng phải Bát nhã Ba la mật.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu lại có người được nghe kinh này, mà lòng tin thanh tịnh, liền sinh thật tướng. Nên biết người này đã thành tựu công đức hiếm có đệ nhất. Bạch Đức Thế Tôn! Thật tướng ấy tức chẳng phải là thật tướng, cho nên Như Lai gọi là thật tướng.

Bạch Đức Thế Tôn! Con nay được nghe pháp môn như vậy, tin hiểu thọ trì không sợ khó, không sợ không được. Nếu đời tương lai, có chúng sinh nào được nghe pháp môn này, mà tin hiểu trọ trì thì người ấy chính là hiếm có đệ nhất. Vì sao? Vì người ấy không có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả. Vì sao? Vì tướng ngã tức chẳng phải tướng; tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả tức chẳng phải tướng. Vì sao? Vì lìa được tất cả các tướng tức là chư Phật.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đúng vậy, đúng vậy! Nếu lại có người được nghe kinh này không kinh, không khiếp, không sợ. Nên biết người đó rất là hiếm có. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Như Lai nói Ba-la-mật đệ nhất, tức chẳng phải Ba-la-mật đệ nhất. Như Lai nói Ba-la-mật đệ nhất nghĩa là vô lượng chư Phật kia cũng nói Ba-la-mật mà gọi là Ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Như Lai nói Nhẫn nhục ba-la-mật tức chẳng phải Nhẫn nhục ba-la-mật. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Như ta xưa kia bị vua Ca-lợi cắt đứt thân thể, lúc đó ta không có tướng ngã, không có tướng chúng sinh, không có tướng nhân, không có tướng thọ giả, không tướng cũng chẳng phải là không tướng. Vì sao? Này Tu-bồđề! Vì xưa kia, khi ta bị phanh xẻ thân thể, nếu ta còn có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả tất phải sinh sân hận.

Này Tu-bồ-đề! Ta nhớ lại thời quá khứ, năm trăm đời về trước, làm vị tiên nhẫn nhục. Trong những đời đó, ta không có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả. Cho nên, này Tu-bồđề! Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, phải lìa tất cả các tướng. Vì sao? Vì nếu tâm có chỗ trụ tức là chẳng phải trụ. Không nên sinh tâm trụ nơi sắc, không nên sinh tâm trụ nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp nên sinh tâm không trụ. Cho nên, Phật nói Bồ-tát tâm không trụ nơi sắc mà bố thí.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát vì lợi ích cho tất cả chúng sinh nên phải bố thí như vậy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả tướng chúng sinh tức chẳng phải tướng. Vì sao? Vì Như Lai nói tất cả chúng sinh tức chẳng phải là chúng sinh.

–Này Tu-bồ-đề! Như Lai là Đấng nói lời chân chánh, là Đấng nói lời chắc thật, là Đấng nói lời đúng đắn, là Đấng nói lời không sai khác.

Này Tu-bồ-đề! Pháp mà Như Lai đã chứng, đã nói đó không thật cũng không nói dối.

Này Tu-bồ-đề! Ví như có người vào chỗ tối thì không thể thấy gì. Nếu Bồ-tát làm việc bố thí mà tâm còn trụ nơi việc mình làm thì cũng lại như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Ví như người có mắt, lại được ánh sáng mặt trời soi chiếu hết các phần tối, nên thấy đủ loại màu sắc. Nếu Bồ-tát thực hành bố thí mà không trụ nơi việc mình làm thì cũng lại như vậy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, tín nữ nào đối với pháp môn này mà có thể thọ trì, đọc tụng, tu hành thì Như Lai dùng trí tuệ Phật đều biết người ấy, đều thấy người ấy, đều hiểu người ấy là đã thành tựu được công đức vô lượng, vô biên.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, tín nữ nào buổi sáng bố thí thân mạng nhiều bằng số cát sông Hằng, buổi trưa lại bố thí thân mạng nhiều bằng số cát sông Hằng, buổi chiều cũng bố thí thân mạng nhiều như số cát sông Hằng. Như thế cứ xả vô lượng thân mạng nhiều như số cát sông Hằng, cứ bố thí thân mạng như thế cho đến trăm, ngàn, vạn ức na-do-tha kiếp. Nếu lại có người nghe pháp môn này sinh lòng tin, không chút chê bai thì phước đức đó hơn người kia vô lượng a-tăng-kỳ, huống chi lại còn biên chép, thọ trì, đọc tụng, tu hành, vì người mà rộng nói.

Này Tu-bồ-đề! Nói tóm lại, pháp môn này công đức vô biên, không thể nghĩ bàn, không thể xưng lường được. Với pháp môn này, Như Lai vì người phát tâm Đại thừa, vì người phát tâm Tối thượng thừa mà nói. Nếu có người siêng thọ trì, đọc tụng, tu hành kinh này, rộng nói cho người, Như Lai đều biết người ấy, đều thấy người ấy đã thành tựu công đức nhiều vô lượng, vô biên, không thể nghĩ bàn, không thể xưng lường. Những người như thế, mới gánh vác được đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Như Lai. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì nếu người ưa tiểu pháp, thì đối với kinh này không thể thọ trì, đọc tụng, tu hành, hay vì người khác giảng nói. Nếu còn thấy có ngã, thấy có chúng sinh, thấy có người, thấy có thọ giả, mà người đó đối với pháp môn này, có thể thọ trì, đọc tụng, tu hành, vì người khác giảng nói thì không có chuyện đó xảy ra.

Này Tu-bồ-đề! Mọi chỗ mọi nơi, nếu có kinh này thì tất cả thế gian Trời, Người, A-tu-la đều nên cúng dường. Nên biết chỗ ấy như là tháp miếu, phải nên cung kính làm lễ, nhiễu quanh, dùng các thứ hương hoa mà rải nơi ấy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, tín nữ thọ trì, đọc tụng kinh này mà bị người khinh rẻ (Vì sao? Vì do nghiệp tội đời trước người đó phải bị đọa vào ác đạo, nên đời này mới bị người khinh rẻ), thì nhờ trì tụng nên tội nghiệp đời trước liền bị tiêu diệt, và sẽ được đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Ta nhớ thuở quá khứ, cách nay vô lượng atăng-kỳ, a-tăng-kỳ kiếp, ở trước Phật Nhiên Đăng, ta được gặp tám mươi bốn trăm, ngàn vạn, ức na-do-tha Đức Phật, ta đều cúng dường, thờ phụng không có bỏ qua.

Này Tu-bồ-đề! Vô lượng chư Phật như vậy, ta đều cúng dường, thờ phụng không có bỏ qua. Nếu lại có người, ở đời mạt thế sau này mà có thể thọ trì, đọc tụng, tu hành kinh này, thì công đức ấy dầu đem công đức cúng dường chư Phật của ta mà so sánh cũng chẳng bằng một phần trăm, ngàn, vạn, ức, phần, cho đến toán số thí dụ cũng chẳng sánh bằng.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, tín nữ ở đời mạt thế sau này, có thọ trì, đọc tụng, tu hành kinh này, thì công đức ấy nếu ta nói ra cho hết, hoặc có người nghe thì tâm liền cuồng loạn, nghi hoặc không tin.

Này Tu-bồ-đề! Nên biết pháp môn này không thể nghĩ bàn, và quả báo cũng không thể nghĩ bàn.

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như thế nào? Nên an trụ thế nào? Tu hành thế nào? Hàng phục tâm ấy thế nào?

Đức Phật bảo:

–Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên sinh tâm như vầy: "Ta phải diệt độ cho tất cả chúng sinh, khiến họ đều vào cõi Vô dư Niết-bàn." Diệt độ tất cả chúng sinh như vậy rồi, mà không có một chúng sinh nào thật sự được diệt độ. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì nếu Bồ-tát có tướng chúng sinh, tướng nhân, tướng thọ giả tức chẳng phải là Bồ-tát. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì thật không có pháp nào gọi là Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Ở chỗ Phật Nhiên Đăng, Như Lai có pháp gì để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Dạ không, bạch Thế Tôn! Theo con hiểu nghĩa Phật đã nói, ở chỗ Phật Nhiên Đăng, Như Lai không có pháp gì để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy! Này Tu-bồ-đề! Thật không có pháp gì, ở chỗ Phật Nhiên Đăng, Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Như Lai có pháp gì để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì chắc Phật Nhiên Đăng không thọ ký cho ta là: "Về đời sau, ông sẽ thành Phật, hiệu là Thích-ca Mâuni." Bởi thật không có pháp gì để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho nên Phật Nhiên Đăng mới thọ ký cho ta và nói như vầy: "Này Ma-na-bà! Về đời sau, ông sẽ thành Phật, hiệu là Thíchca Mâu-ni." Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì nói Như Lai tức là chân như thật tánh.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì người đó nói không thật.

Này Tu-bồ-đề! Thật không có pháp gì để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cả.

Này Tu-bồ-đề! Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà Như Lai đã được; ở trong đó, không thật, không nói dối; cho nên Như Lai nói tất cả pháp đều là Phật pháp.

Này Tu-bồ-đề! Tất cả pháp được nói, tất cả pháp đó tức chẳng phải là tất cả pháp, cho nên gọi là tất cả pháp. Này Tu-bồ-đề! Ví như người có thân hình to đẹp.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai nói thân hình to đẹp tức chẳng phải thân lớn, cho nên Như Lai gọi là thân lớn.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát cũng như vậy; nếu nói rằng: "Ta sẽ diệt độ cho vô lượng chúng sinh", tức chẳng phải Bồ-tát.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ý ông thế nào, thật có pháp nào gọi là Bồ-tát không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Dạ không, bạch Thế Tôn! Thật không có pháp nào gọi là Bồ-tát. Cho nên Phật nói tất cả pháp đều không có nhân, không có chúng sinh, không có thọ giả.

–Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát nói rằng: “Ta trang nghiêm cõi Phật”, ấy không gọi là Bồ-tát. Vì sao? Vì Như Lai nói trang nghiêm cõi Phật là gì? Trang nghiêm cõi Phật tức là chẳng phải trang nghiêm, mới gọi là trang nghiêm cõi Phật.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát thông đạt được vô ngã, vô ngã pháp thì Như Lai gọi là chân thật Bồ-tát, là Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào, Như Lai có Nhục nhãn không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như Lai có Nhục nhãn!

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ý ông thế nào, Như Lai có Thiên nhãn không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như Lai có Thiên nhãn!

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ý ông thế nào, Như Lai có Tuệ nhãn không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như Lai có Tuệ nhãn!

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ý ông thế nào, Như Lai có Pháp nhãn không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như Lai có Pháp nhãn!

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ý ông thế nào, Như Lai có Phật nhãn không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như Lai có Phật nhãn!

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ý ông thế nào, như cát trong sông Hằng, Phật có nói là cát không?

Tu-bồ-đề thưa ràng

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn. Như Lai nói là cát!

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ý ông thế nào? Nhiều những sông Hằng thì số cát sẽ nhiều hơn số cát trong một sông Hằng; thế giới chư Phật bằng với số cát trong những sông Hằng ấy; thế giới như vậy, có gọi là nhiều không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Thế giới kia rất nhiều, bạch Thế Tôn!

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Có ngàn loại tâm của những chúng sinh trụ trong ngần ấy thế giới, Như Lai đều biết. Vì sao? Vì Như Lai nói ở các tâm trụ ấy đều chẳng phải là tâm trụ, mới gọi là tâm trụ. Vì sao?

Này Tu-bồ-đề! Vì tâm quá khứ không thể nắm bắt, tâm hiện tại không thể nắm bắt, tâm vị lai không thể nắm bắt.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Nếu có người dùng bảy báu đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới để bố thí, thì thiện nam, tín nữ nhờ nhân duyên ấy có được phước nhiều không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Người đó nhờ nhân duyên ấy được phước rất nhiều.

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy! Này Tu-bồ-đề! Thiện nam, tín nữ kia nhờ nhân duyên ấy được phước rất nhiều.

Này Tu-bồ-đề! Nếu phước đức có thật, thì Như Lai tất không nói phước đức nhiều, phước đức nhiều.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Có thể dùng sắc thân đầy đủ để thấy Phật không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Dạ không, bạch Thế Tôn! Không thể do nơi sắc thân mà thấy được Như Lai. Vì sao? Vì Như Lai nói, sắc thân đầy đủ tức chẳng phải sắc thân đầy đủ, cho nên Như Lai mới gọi là sắc thân đầy đủ.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ý ông thế nào? Có thể do nơi các tướng đầy đủ mà thấy được Như Lai không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Dạ không, bạch Thế Tôn! Không thể do các tướng đầy đủ mà thấy được Như Lai. Vì sao? Vì Như Lai nói, các tướng đầy đủ tức chẳng phải đầy đủ, cho nên Như Lai mới gọi là các tướng đầy đủ.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ý ông thế nào? Ông chớ nên cho rằng Như Lai có suy nghĩ: “Ta có nói pháp ư?” Này Tu-bồ-đề! Chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Vì nếu có người nói: Như lai có nói pháp, tức là phỉ báng Phật, không hiểu lời ta dạy. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì Như Lai nói pháp, mà nói pháp là không có pháp gì nói được, mới gọi là nói pháp.

Bấy giờ, Tuệ mạng Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Có thể có chúng sinh ở đời vị lai, nghe nói pháp này mà sinh lòng tin không?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Chúng sinh nghĩa là chẳng phải chúng sinh, cũng chẳng phải không chúng sinh. Vì sao? Vì chúng sinh ấy, Như Lai nói chẳng phải chúng sinh, mới gọi là chúng sinh.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ý ông thế nào, Như Lai có được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Dạ không, bạch Thế Tôn! Thế Tôn không có một pháp nhỏ nào để Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đúng vậy, đúng vậy! Này Tu-bồ-đề! Đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho đến một chút pháp ta cũng không có được, mới gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Pháp ấy bình đẳng, không có cao thấp; đó gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nhờ không chúng sinh, không nhân, không thọ giả nên được bình đẳng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; tất cả các pháp thiện cũng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu-bồ-đề! Nói pháp thiện ấy là pháp thiện, Như Lai nói chẳng phải pháp thiện, mới gọi là pháp thiện.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có người dùng bảy báu nhiều như những núi chúa Tu-di, ở trong tam thiên đại thiên thế giới mà bố thí; nếu lại có người, dùng kinh Bát nhã Ba la mật này để thọ trì, đọc tụng, thậm chí chỉ bốn câu kệ thôi, rồi vì người khác mà giảng nói, thì phước đức của sự bố thí bảy báu kia chẳng bằng một phần trăm, một phần ngàn, một phần trăm ngàn vạn, chẳng bằng một phần trăm chiếc lông người, chẳng bằng một phần vô lượng, vô biên, cho đến toán số thí dụ cũng chẳng bằng.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Ông chớ bảo Như Lai có suy

nghĩ: “Ta phải độ chúng sinh ư?” Tu-bồ-đề chớ nghĩ như vậy! Vì sao? Vì thật không có chúng sinh nào Như Lai độ cả.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nếu thấy có chúng sinh nào Như Lai độ, thì Như Lai có tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Này Tu-bồ-đề! Như lai nói có ngã tức là chẳng phải có ngã, mà kẻ phàm phu ngu si cho là có ngã. Này Tubồ-đề! Kẻ phàm phu ngu si ấy, Như lai nói chẳng phải là phàm phu ngu si, cho nên mới gọi là phàm phu ngu si.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Có thể dùng tướng thành tựu để được thấy Như Lai không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Như con hiểu nghĩa Như lai đã nói, không thể dùng tướng thành tựu mà thấy được Như Lai.

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy! Này Tu-bồ-đề! Không thể dùng tướng thành tựu mà thấy được Như Lai.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nếu dùng tướng thành tựu mà quán Như Lai thì Chuyển luân thánh vương cũng là Như Lai. Cho nên, không thể dùng tướng thành tựu mà thấy được Như Lai.

Khi ấy Đức Thế Tôn nói kệ:

Nếu dùng sắc thấy ta
Lấy âm thanh cầu ta
Người ấy tu tà đạo
Không thể thấy Như Lai.
Như Lai kia diệu thể
Tức Pháp thân chư Phật
Pháp thể không thể thấy
Thức kia không thể biết.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Như Lai có thể dùng tướng thành tựu mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không? Này Tu-bồ-đề! Ông chớ nghĩ như vầy: "Như Lai dùng tướng thành tựu mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác."

Này Tu-bồ-đề! Nếu ông nghĩ rằng Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nói tướng đoạn diệt của các pháp. Này Tu-bồ-đề! Ông chớ nghĩ như vậy! Vì sao? Vì Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì không nói tướng đoạn diệt của các pháp.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, tín nữ dùng bảy báu có khắp trong những thế giới như số cát sông Hằng mà bố thí; lại nếu có vị Bồ-tát biết tất cả các pháp là vô ngã, đạt được Vô sinh pháp nhẫn; thì công đức này hơn phước đức bố thí bảy báu đã nói ở trước. Này

Tu-bồ-đề! Do các Bồ-tát không nhận lấy phước đức.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tại sao Bồ-tát không nhận lấy phước đức?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát thọ phước đức nhưng không giữ phước đức, cho nên mới gọi là Bồ-tát giữ phước đức.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói Như Lai hoặc đến, hoặc đi, hoặc ngồi, hoặc nằm, thì người ấy không hiểu nghĩa Như Lai đã nói. Vì sao? Vì Như Lai là không từ đâu đến, không đi về đâu, cho nên mới gọi là Như Lai.

Này Tu-bồ-đề! Nếu thiện nam, tín nữ nào đem vi trần của tam thiên đại thiên thế giới, lại đem nhiều thế giới vi trần như trên nghiền nát thành a-tăng-kỳ vi trần. Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Những vi trần ấy có nhiều không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Những vi trần kia rất nhiều, bạch Thế Tôn! Vì sao? Vì nếu những vi trần ấy mà thật có, tức Phật không nói những vi trần ấy. Vì sao? Vì Phật mà nói những vi trần ấy tức chẳng phải những vi trần, cho nên Phật mới nói đó là những vi trần. Bạch Thế Tôn! Như Lai nói tam thiên đại thiên thế giới tức chẳng phải thế giới, cho nên Phật mới nói đó là tam thiên đại thiên thế giới. Vì sao? Vì nếu thế giới thật có tức là tướng nhất hợp. Như Lai nói tướng nhất hợp tức chẳng phải là tướng nhất hợp, cho nên Như Lai mới gọi đó là tướng nhất hợp.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Tướng nhất hợp tức là không thể nói, chỉ có những người phàm phu mới tham đắm việc đó. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì nếu có người nói như vầy: "Phật nói thấy ngã, thấy nhân, thấy chúng sinh, thấy thọ giả." Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? người ấy nói có đúng không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Dạ không, bạch Thế Tôn! Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì Như Lai nói: "Thấy ngã, thấy nhân, thấy chúng sinh, thấy thọ giả tức chẳng phải thấy ngã, thấy nhân, thấy chúng sinh, thấy thọ giả; mới gọi đó là thấy ngã, thấy nhân, thấy chúng sinh, thấy thọ giả."

–Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đối với tất cả pháp nên biết như vậy, thấy như vậy, tin như vậy, nhưng không trụ nơi pháp tướng như vậy. Vì sao? Này

Tubồ-đề! Gọi pháp tướng là pháp tướng, Như Lai nói tức chẳng phải pháp tướng, mới gọi đó là pháp tướng.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có Đại Bồ-tát dùng bảy báu có khắp trong vô lượng a-tăng-kỳ thế giới mà bố thí; lại nếu có thiện nam, tín nữ phát tâm Bồ-tát đối với kinh Bát nhã Ba la mật này mà đọc tụng, thọ trì, cho đến chỉ bốn câu kệ thôi, lại vì người khác mà giảng nói thì phước đức người này hơn vị Bồ-tát kia vô lượng a-tăng-kỳ. Thế nào là vì người mà diễn nói, mà không gọi là nói, đó là diễn nói?

Bấy giờ Đức Thế Tôn vì điều hỏi ấy mà nói kệ:

Tất cả pháp hữu vi
Như đèn, sao, màng, huyễn
Như bọt, sương, mộng, chớp
Nên làm như đã quán.

Đức Phật nói kinh này xong, Trưởng lão Tu-bồ-đề cùng các Đại Bồ-tát, các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, tất cả thế gian Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà… nghe Phật nói vậy, đều rất vui vẻ, tin nhận phụng hành.

HẾT

(Kinh "Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật", mang số 0236)

---o0o---

(Tạng kinh Phật Học)

18. Kinh "Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật"

(Đại Tạng Kinh VN, mang số 0237)

Do Tam tạng Pháp sư Chân Đế, người xứ Thiên Trúc, đời Trần dịch từ Phạn sang Hán và nhóm Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh dịch từ Hán sang Việt.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Thế Tôn cùng một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ-kheo trụ ở khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xávệ.

Bấy giờ, vào buổi sáng, Thế Tôn đắp y cầm bát vào đại thành Xá-vệ khất thực. Trong thành, Ngài theo thứ lớp khất thực xong trở về trú xứ thọ thực rồi xếp y, rửa bát, rửa chân, như thường lệ trải tọa cụ, ngồi kiết già ngay ngắn, chánh niệm tại chỗ. Khi ấy các Tỳ-kheo đều đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, nhiễu bên phải ba vòng rồi ngồi qua một bên.

Lúc đó Tịnh mạng Tu-bồ-đề đang ngồi trong đại chúng, liền đứng dậy, trịch vai áo bên phải, quỳ gối phải sát đất, đảnh lễ Phật rồi chấp tay bạch Phật:

–Thật hiếm có, bạch Thế Tôn! Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Giác Tri khéo hộ niệm cho các Đại Bồ-tát được lợi ích vô thượng; khéo phó chúc cho các Đại Bồ-tát được giáo nghĩa vô thượng.

Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào phát tâm Vô thượng Đẳng chánh giác hành Bồ-tát đạo thì nên an trụ thế nào? Tu hành thế nào? Và phát khởi tâm Bồ-tát thế nào?

Đức Thế Tôn bảo Tu-bồ-đề:

–Lành thay, lành thay! Này Tu-bồ-đề! Như lời ông nói, Như Lai khéo hộ niệm các Đại Bồ-tát đạt lợi ích vô thượng, khéo phú chúc cho các Đại Bồ-tát đạt giáo nghĩa vô thượng. Này Tu-bồ-đề! Ông hãy nhất tâm lắng nghe, cung kính và khéo léo suy nghĩ, ta sẽ vì ông mà giảng.

Nếu như Bồ-tát phát tâm Bồ-đề, hành Bồ-tát đạo thì nên an trú như vầy, tu hành như vầy, phát tâm như vầy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Đức Phật dạy Tu-bồ-đề:

–Này Tu-bồ-đề! Người thiện nam, thiện nữ nào khi phát tâm Bồ-đề, hành Bồ-tát đạo, thì nên phát tâm như vầy: "Đối với tất cả các loài chúng sinh như trứng sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh; loài có hình sắc, loài không hình sắc; loài có tưởng, loài không tưởng, chẳng phải có tưởng, chẳng phải không có tưởng, cho đến chúng sinh với những tên gọi khác nhau, ta đều làm cho họ được an ổn nơi Niết-bàn vô phiền não." Tuy vô lượng chúng sinh đã nhập Niết-bàn, nhưng không một chúng sinh nào nhập Niết-bàn. Vì sao? Vì nếu Bồ-tát có tưởng chúng sinh, thì không được gọi là Bồ-tát, vì tất cả Bồ-tát không có tưởng ngã, tưởng nhân, tưởng chúng sinh, tưởng thọ giả.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát không chấp trước vào các loài chúng sinh trên mà thực hành bố thí, không chấp trước vào những gì của mình và của người trong lúc bố thí, không chấp trước vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà thực hành bố thí. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát phải nên hành bố thí như vầy: “Không chấp trước vào các tưởng tướng trong lúc bố thí.” Vì sao? Vì nếu Bồ-tát trong lúc bố thí, không có tâm chấp trước thì phước đức tụ hội không tính kể.

Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì hư không ở phương Đông có thể tính được không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn, không thể tính được!

Đức Phật nói:

–Cũng vậy, này Tu-bồ-đề! Hư không ở các phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn góc, trên dưới, mười phương có thể tính được không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn, không thể tính được!

Đức Phật nói:

–Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát không để tâm chấp trước trong lúc hành bố thí thì phước đức tụ hội không thể tính kể. Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì có thể dựa vào oai đức thù thắng của thân tướng mà thấy Như Lai không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn, không thể được! Vì sao? Vì Như Lai dạy oai đức thù thắng của thân tướng chẳng phải là oai đức thù thắng của thân tướng.

Đức Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Phàm cái gì có tướng đều là hư vọng, cái gì không có tướng là chân thật. Do các tướng là không tướng, cho nên thấy Như Lai.

Tịnh mạng Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ở đời hiện tại và vị lai, có nhiều Bồ-tát nghe thuyết đúng về các tướng và văn nghĩa trong kinh này như vậy, có sinh lòng tin chân thật không?

Đức Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Ông chớ nói như vậy. Ở đời hiện tại và vị lai, có nhiều Bồ-tát được nghe kinh này liền sinh lòng tin chân thật.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ở đời vị lai, sau khi chánh pháp diệt, năm trăm năm sau, có các Đại Bồ-tát trì giới, tu hành phước đức và có trí tuệ. Này Tu-bồ-đề! Các Đại Bồ-tát này gieo trồng thiện căn và làm Phật sự chẳng phải ở nơi một vị Phật, mà ở vô lượng trăm ngàn vị Phật.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, tín nữ nào nghe thuyết về các tướng và văn nghĩa trong kinh này, dù chỉ một niệm mà sinh lòng tin chân thật, thì Như Lai đều biết người này và thấy người này. Này Tu-bồ-đề! Thiện nam, tín nữ này phát sinh phước đức vô lượng. Vì sao? Vì các Bồ-tát không tưởng có ngã, có nhân, có chúng sinh, có thọ giả; không tưởng có pháp, không tưởng phi pháp, tưởng không, chẳng tưởng không. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Nếu các Đại Bồ-tát này tưởng có pháp, tức là còn chấp ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Vì vậy, Bồ-tát không nên ôm giữ lấy pháp và phi pháp. Do nghĩa như vậy, nên Như Lai thường dạy người tu hành phải quán sát và hiểu rằng kinh ví như chiếc bè, chánh pháp còn phải bỏ, huống gì phi pháp.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Như Lai có chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không? Như Lai có thuyết pháp không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Theo con hiểu nghĩa của Đức Phật dạy, thì không có pháp gì để Như Lai chứng đắc Vô thượng Đẳng chánh giác; cũng không có pháp để chấp lấy, không thể nói, chẳng phải pháp, chẳng phải phi pháp. Vì tất cả Thánh nhân đều dựa vào pháp chân như vô vi mà hiển hiện.

Đức Phật nói:

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? nếu có người đem bảy báu đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới mà bố thí, nhờ đó người ấy có được nhiều phước đức không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều! Người thiện nam, thiện nữ đó nhờ sự bố thí mà được phước đức rất nhiều. Vì sao? Vì phước đức tức chẳng phải phước đức, cho nên Như Lai mới gọi là phước đức.

Đức Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Nếu có người nào thọ trì kinh này, dù chỉ bốn câu kệ, giảng giải đúng ý nghĩa kinh này cho người khác nghe, thì người này phước đức phát sinh nhiều hơn người kia vô lượng vô số.

Vì sao? Vì Như Lai thành Vô thượng Bồ-đề là do phước đức này, chư Phật Thế Tôn cũng sinh ra từ phước này. Vì sao? Vì nói Phật pháp tức chẳng phải Phật pháp, nên mới gọi là Phật pháp.

Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Tu-đà-hoàn có nghĩ: “Ta đắc quả Tu-đà-hoàn” không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì sao? Vì thật ra không có chỗ nào để đạt đến Dự lưu, mới gọi là Tu-đà-hoàn; cho đến sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng lại như vậy. Tư-đà-hàm tên gọi là Nhất lai, thật ra không có chỗ để qua lại, nên mới gọi là Tư-đà-hàm. A-na-hàm tên gọi là Bất lai, thật ra đâu có chỗ nào để mà không đến, nên mới gọi là A-na-hàm.

Đức Thế Tôn hỏi:

–Như vậy, theo ông, A-la-hán có nghĩ: “Ta đắc quả A-la-hán” không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn, không có! Vì sao? Vì sự chân thật không có sở hữu nên mới gọi là A-la-hán. Nếu A-la-hán nghĩ như vậy tức là còn chấp ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả.

Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai Ứng Cúng là Bậc Chánh Biến Tri thường khen ngợi con thành tựu định Vô tránh là bậc nhất trong mọi người. Con nay tuy đã đắc A-la-hán, ra khỏi dục của ba cõi, nhưng con không nghĩ rằng mình chứng đắc A-la-hán. Nếu con nghĩ như vậy, thì Đức Như Lai sẽ không thọ ký cho con đắc pháp định Vô tránh, là bậc nhất trong mọi người. Thật ra không trụ ở định Vô tránh tức là trụ ở định Vô tránh.

Đức Phật nói:

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Vào thời Phật Nhiên Đăng, Đức Như Lai, Ứng Cúng, bậc Chánh Biến Tri có nhận lấy một pháp nào không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có nhận lấy một pháp gì. Vì đâu có pháp nào để Như Lai nhận lấy vào thời Phật Nhiên Đăng.

Đức Phật nói:

–Này Tu-bồ-đề! Nếu có Bồ-tát nói như vầy: “Ta sẽ làm trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật, thì Bồ-tát đó nói lời giả dối.” Vì trang nghiêm cõi Phật, Như Lai bảo chẳng phải trang nghiêm, nên mới gọi là trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật. Do đó Bồ-tát không nên sinh tâm trú trước như vậy. Cũng không trụ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà sinh tâm; nên không chỗ trụ mà sinh tâm.

Này Tu-bồ-đề! Ví như có người thân thể to lớn như núi Tu-di. Ý ông thì sao, thân tướng như vậy có to lớn không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất to lớn! Vì sao? Vì Như Lai dạy:

–Chẳng có thân gọi là có thân, thân này chẳng phải có nên mới gọi là thân.

Đức Phật nói:

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Trong sông Hằng có rất nhiều cát, cứ mỗi hạt cát là một sông Hằng. Vậy số cát trong những sông Hằng ấy có nhiều không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Cát trong một sông Hằng đã nhiều rồi, huống chi cát trong nhiều sông Hằng ấy.

Đức Phật nói:

–Này Tu-bồ-đề! Như Lai sẽ nói cho ông rõ! Như Lai sẽ giảng cho ông hiểu! Có những thế giới cũng nhiều như số cát ở nhiều sông Hằng vậy; nếu có thiện nam, tín nữ đem bảy thứ báu cúng dường Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, theo ý ông thì sao, người này phước đức có nhiều chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều! Người này nhờ đó mà phước đức phát sinh rất nhiều.

Đức Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Nếu thiện nam, tín nữ nào đem bảy báu đầy khắp thế giới như cát sông Hằng ấy mà bố thí. Hoặc lại có thiện nam, tín nữ khác thọ trì kinh điển này, dù chỉ bốn câu kệ mà cung kính thọ trì lại giảng giải đúng đắn cho người khác, thì người này phước đức phát sinh nhiều hơn người kia vô lượng vô số.

Này Tu-bồ-đề! Bất kỳ chỗ nào nếu có người thọ trì kinh này, dù chỉ bốn câu kệ nhưng rất cung kính, lại còn đọc tụng giảng thuyết cho người nghe kinh này. Nên biết chỗ ấy, tuy là thế gian nhưng có linh miếu, tất cả Trời, Người, A-tu-la… đều phải cung kính, huống chi người hết lòng đọc tụng kinh điển này. Nên biết người này tương ứng với pháp vô thượng hiếm có. Tại chỗ đó, như có Đức Phật và các bậc đáng tôn trọng.

Đức Phật thuyết như vậy xong, Tịnh mạng Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Kinh điển này tên là gì? Chúng con phải phụng trì thế nào?

Đức Phật dạy Tu-bồ-đề:

–Kinh này gọi là Kim Cang Bát nhã Ba la mật. Các ông cứ theo tên gọi đó mà phụng trì. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Bát-nhã ba-lamật này, Như Lai nói chẳng phải là Bát nhã Ba la mật.

Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao? Có pháp gì để Như Lai nói không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có pháp nào để Như Lai nói.

Đức Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Số vi trần trong thế giới rất nhiều. Vì số vi trần này, Như Lai nói chẳng phải vi trần, nên mới gọi là vi trần. Các thế giới này, Như Lai nói chẳng phải thế giới, nên mới gọi là thế giới.

Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông nghĩ sao? Có thể dựa vào ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân để thấy Như Lai không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn, không thể được! Vì sao? Vì ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân này, Như Lai bảo chẳng phải tướng, nên mới gọi là ba mươi hai tướng.

Đức Phật nói:

–Này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, tín nữ nào xả bỏ thân mạng để bố thí nhiều như số cát trong những sông Hằng, đồng thời có người thọ trì kinh này dù chỉ bốn câu kệ nhưng rất cung kính, thọ trì, còn giảng giải đúng đắn cho người khác, thì người này phát sinh phước đức nhiều hơn người kia vô số lượng.

Bấy giờ Tịnh mạng Tu-bồ-đề do nghe kinh này, thấy lợi ích của kinh, bèn xúc động, rơi lệ mà thưa Phật:

–Hiếm có thay, bạch Thế Tôn! Hiếm có thay, bạch Thiện Thệ! Đối với kinh điển Như Lai thuyết như vậy, từ khi con đắc Thánh tuệ đến nay, chưa từng được nghe. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Giảng Bát nhã Ba la mật tức chẳng phải Bát nhã Ba la mật, nên mới gọi là giảng Bát nhã Ba la mật.

Bạch Thế Tôn! Người nghe thuyết kinh này liền sinh thật tưởng, người này cùng tương ưng với pháp vô thượng hiếm có. Thật tưởng ấy thật ra chẳng phải có tưởng, cho nên Như Lai nói là thật tưởng, nên mới gọi là thật tưởng. Bạch Thế Tôn! Việc này đối với con chẳng phải hiếm có, vì khi Thế Tôn giảng kinh này con liền sinh lòng tin hiểu thọ trì.

Bạch Thế Tôn! Ở đời vị lai, nếu có chúng sinh nào cung kính, thọ trì kinh này và giảng giải cho người thì người này cũng tương ưng với pháp vô thượng hiếm có. Vì người này không có tưởng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Vì sao? Vì tưởng ngã, tưởng chúng sinh, tưởng nhân, tưởng thọ giả chẳng phải tưởng. Chư Phật Thế Tôn giải thoát hoàn toàn các tưởng, không còn sót lại điều gì, cho nên dạy như vậy.

Đức Phật dạy Tu-bồ-đề:

–Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Nên biết người này cũng tương ưng với pháp vô thượng hiếm có. Người này nghe giảng kinh này không kinh ngạc, không hoảng hốt, không sợ hãi. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì Như Lai giảng nói kinh này là Ba-la-mật đệ nhất. Như Lai giảng nói Ba-la-mật này, vô lượng chư Phật cũng đã giảng nói như vậy, cho nên gọi là Ba-la-mật đệ nhất.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Như Lai nói Nhẫn nhục ba-la-mật, tức chẳng phải Nhẫn nhục ba-la-mật. Vì sao? Vì xưa kia ta bị vua Calăng-già chặt đứt thân thể, xương tan, thịt nát; nhưng lúc đó ta không có tưởng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả; chỉ tưởng không, tưởng chẳng phải không. Khi đó nếu ta tưởng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả thì tưởng sân hận sẽ phát sinh.

Này Tu-bồ-đề! Ta nhớ thời quá khứ, năm trăm đời làm vị Tiên lớn tên là Thuyết Nhẫn. Trong những đời đó, tâm ta không khởi có tưởng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Cho nên, khi Đại Bồ-tát phát khởi tâm Vô thượng Bồ-đề, phải xa lìa tất cả tưởng; không nên sinh tâm trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc; không nên sinh tâm trụ nơi pháp, không nên sinh tâm trụ nơi chẳng phải pháp, không nên sinh tâm có chỗ trụ. Vì sao? Vì nếu tâm có chỗ trụ tức chẳng phải là trụ. Như Lai nói Bồ-tát khi thực hành bố thí, tâm nên không có chỗ trụ.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát hành bố thí như vậy vì lợi ích tất cả chúng sinh. Nếu tưởng chúng sinh ấy tức chẳng phải tưởng; như vậy Như Lai nói tất cả chúng sinh tức chẳng phải là chúng sinh. Vì sao? Vì chư Phật Thế Tôn đã lìa tất cả tưởng.

Này Tu-bồ-đề! Như Lai nói lời chân thật, đúng đắn, không hư dối. Pháp này Như Lai đã giác ngộ, pháp này Như Lai đã nói, pháp này chẳng phải thật, chẳng phải hư.

Này Tu-bồ-đề! Ví như có người ở trong bóng tối, không thấy gì. Bồ-tát rơi vào tướng hành, tướng bố thí cũng phải như vậy. Nếu người có mắt mà bị bóng tối che cũng chẳng thấy gì. Nếu ánh sáng mặt trời chiếu vào thì thấy tất cả mọi sắc. Bồ-tát rơi vào tướng hành, tướng bố thí cũng phải biết như vậy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ở đời vị lai, nếu có thiện nam, tín nữ nào thọ trì, đọc tụng, tu hành, giảng giải cho người khác kinh này thì Như Lai biết rõ người này, thấy rõ người này và phước đức sinh trưởng vô lượng.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, tín nữ nào buổi sáng bố thí thân mạng nhiều bằng số cát trong những sông Hằng như trên đã nói. Buổi trưa, buổi chiều cũng bố thí như vậy, cho đến vô lượng trăm ngàn vạn ức kiếp đều đem thân mạng để bố thí. Lại có người nghe kinh điển này mà không phỉ báng, thì phước đức người này nhiều hơn người kia vô số lượng. Huống chi có người học tập, biên chép, thọ trì, đọc tụng, dạy người khác tu hành và giảng giải ý kinh.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Kinh điển này chẳng thể nghĩ bàn, không thể suy lường, không gì sánh bằng. Như Lai vì thương xót, lợi ích cho người mà siêng năng hành Vô thượng thừa, hành Tối thượng thừa nên nói ra. Nếu có người nào ở đời vị lai thọ trì, đọc tụng, giảng dạy cho người khác tu hành theo đúng kinh này, thì Như Lai thấy rõ người này, biết rõ người này sẽ thành tựu phước đức vô số lượng tương ứng, bất khả tư nghị, không gì sánh bằng. Những người như vậy có thể gánh vác Vô thượng Bồ-đề của ta. Vì sao? Vì kinh điển như vậy, nếu không có người ưa thích, không có tâm nguyện mà chỉ thấy có ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, những người như vậy đối với kinh này không thể lắng nghe, không thể tu tập, đọc tụng và dạy người khác tu hành được.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Tùy theo chỗ nào, nơi nào mà có giảng giải, làm sáng tỏ kinh này thì tất cả thế gian Trời, Người, A-tu-la… đều nên làm lễ cúng dường, nhiễu quanh bên phải. Nên biết những nơi đó như có linh miếu. Này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, tín nữ nào thọ trì, đọc tụng, giảng dạy người khác tu hành kinh này… mà hiện tại bị người khác khinh chê, là do người

này đã tạo nhiều ác nghiệp trong đời quá khứ, đáng lẽ phải chịu quả báo nơi đường ác; đời nay, tuy bị người khinh chê, nhưng nghiệp tội và quả báo đời trước sẽ được tiêu diệt, sẽ đắc Vô thượng Bồ-đề.

Này Tu-bồ-đề! Ta nhớ thuở quá khứ, ở chỗ Phật Nhiên Đăng với vô lượng, vô số đại kiếp không thể tính. Ta gặp tám vạn bốn trăm ngàn chư Phật Như Lai, đều cúng dường, thờ phụng, cung kính, không bỏ sót. Nếu có người nào ở đời mạt pháp, sau năm trăm năm, mà thọ trì đọc tụng, dạy người khác tu hành theo đúng kinh này thì người ấy sẽ gặt hái nhiều phước đức. Đem công đức cúng dường, phần trăm, phần ngàn, phần vạn ức, phần tính đếm cùng cực cũng chẳng sánh bằng một phần; cho đến so sánh về oai lực, phẩm loại, thí dụ cũng không bằng.

Này Tu-bồ-đề! Nếu thiện nam, tín nữ nào về sau, ở đời mạt pháp, mà thọ trì, đọc tụng kinh này thì công đức ấy nếu ta nói ra hết hoặc có người nghe, nhớ nghĩ công đức ấy thì tâm liền mê loạn, bị điên cuồng.

Này Tu-bồ-đề! Kinh điển này là chẳng thể nghĩ bàn, nếu có người tu hành và đạt được thì kết quả cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Lúc bấy giờ Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, tín nữ nào phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hành Bồ-tát đạo thì nên trụ thế nào?

tu hành thế nào? Phát khởi tâm Bồ-tát thế nào?

Đức Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Thiện nam, tín nữ nào phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên sinh tâm như vầy: "Ta nên làm cho tất cả chúng sinh được an lạc để vào Vô dư Niết-bàn". Tuy vô lượng chúng sinh đã nhập Niết-bàn, nhưng không có một chúng sinh nào đã nhập Niết-bàn! Vì sao? Vì nếu Bồ-tát còn tưởng có chúng sinh, thì không gọi là Bồ-tát. Này Tu-bồ-đề! Thật ra không có pháp gì là hành thượng thừa Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông thì sao? Vào thời Phật Nhiên Đăng, Như Lai có đắc pháp gì gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có pháp gì để Như Lai chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vào thời Phật Nhiên Đăng.

Đức Phật nói:

–Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Vào thời Phật Nhiên Đăng, không có pháp gì để Như Lai chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu Như Lai có pháp để chứng đắc thì Phật Nhiên Đăng sẽ không thọ ký cho ta là: "Này Bà-la-môn! Ông sau này sẽ thành Phật hiệu Thích-ca Mâu-ni, bậc Ứng Cúng, Như Lai Chánh Biến Tri."

Này Tu-bồ-đề! Vì không có pháp gì để Như Lai chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên Phật Nhiên Đăng mới thọ ký cho ta như vậy. Vì sao? Vì Như Lai là tên khác của chân như.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói Như Lai đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì người này nói lời không thật. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Như Lai thật sự không có chứng đắc pháp gì gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Pháp mà Như Lai chứng đắc không thật, không hư, nên Như Lai nói tất cả đều là Phật pháp. Này Tu-bồ-đề! Tất cả pháp là chẳng phải tất cả pháp, Như Lai gọi là tất cả pháp, cũng giống như có người biến thân rất to lớn.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Theo lời Như Lai dạy, có người biến hóa thân rất to lớn, tức chẳng phải thân, nên gọi là biến hóa thân to lớn.

Đức Phật nói:

–Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Nếu có Bồ-tát nói rằng: "Ta sẽ đưa tất cả chúng sinh vào Niết-bàn", thì không nên gọi đó là Bồ-tát. Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì có pháp gì gọi là Bồ-tát không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có pháp để gọi là Bồ-tát.

Đức Phật nói:

–Này Tu-bồ-đề! Thế nên, Như Lai nói tất cả pháp không ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Này Tu-bồ-đề! Nếu có Bồ-tát nào nói rằng: "Ta sẽ trang nghiêm thanh tịnh Phật độ." Bồ-tát nào nói lời như vậy là hư vọng. Vì sao? Vì Như Lai dạy trang nghiêm Phật độ tức chẳng phải là trang nghiêm, nên mới gọi là trang nghiêm Phật độ. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thấy tin các pháp vô ngã, và các pháp vô ngã, thì Như Lai gọi đó là Bồ-tát, đúng là Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao? Như Lai có Nhục nhãn không?

Ngài Tu-bồ-đề đáp:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Như Lai có Nhục nhãn!

Đức Phật nói:

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao? Như Lai có Thiên nhãn không?

Tu-bồ-đề nói:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như Lai có Thiên nhãn.

Đức Phật nói:

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao? Như Lai có Tuệ nhãn không?

Ngài Tu-bồ-đề nói:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như Lai có Tuệ nhãn!

Đức Phật nói:

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao? Như Lai có Pháp nhãn không?

Ngài Tu-bồ-đề nói:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như Lai có Pháp nhãn!

Đức Phật nói:

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao? Như Lai có Phật nhãn không?

Ngài Tu-bồ-đề nói:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như Lai có Phật nhãn!

Đức Phật hỏi:

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao? Trong sông Hằng có rất nhiều cát. Cứ mỗi hạt cát là một sông Hằng. Vậy số thế giới như số cát trong những sông Hằng ấy có nhiều không?

Ngài Tu-bồ-đề đáp:

–Bạch Thế Tôn! Số thế giới này rất nhiều.

Đức Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Đối với những chúng sinh trong các thế giới ấy, ta đều thấy biết nhiều loại tâm hành của chúng sinh liên tục trụ vào các chủng loại khác nhau. Vì sao? Vì tâm trụ liên tục nối tiếp nhau nên Như Lai nói chẳng phải tâm trụ nối tiếp nhau, nên mới gọi là tâm trụ nối tiếp.

Này Tu-bồ-đề! Vì quá khứ, tâm không thể nắm bắt được; vị lai, tâm không thể nắm bắt được; hiện tại, tâm không thể nắm bắt được.

Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao, nếu có người đem bảy báu đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới mà bố thí thì người đó, nhờ việc làm ấy có được nhiều phước đức không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy! Này Tu-bồ-đề! Người đó được phước đức rất nhiều. Này Tu-bồ-đề! Nếu phước đức nhiều chỉ gọi là nhiều, thì Như Lai tất sẽ không nói phước đức nhiều, nên mới gọi là phước đức nhiều.

Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao? Có thể dựa vào sắc thân hoàn hảo mà thấy Như Lai không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không thể dựa vào sắc thân hoàn hảo mà thấy được Như Lai. Vì Như Lai dạy, sắc thân hoàn hảo này chẳng phải là sắc thân hoàn hảo, nên Như Lai mới gọi là sắc thân hoàn hảo.

Đức Phật nói:

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao? Có thể dựa vào các tướng hoàn hảo thấy Như Lai không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không thể được. Vì Như Lai dạy, các tướng hoàn hảo chẳng phải tướng hoàn hảo, nên Như Lai mới gọi là tướng hoàn hảo.

Đức Phật nói:

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao? Như Lai có nghĩ: "Ta thật sự có thuyết pháp" không? Này Tu-bồ-đề! Nếu có người nào nói Như Lai thật sự có thuyết pháp, thì ông nên biết, người đó do hiểu biết sai lầm và dùng tà chấp nổi lên để phỉ báng ta. Vì sao? Vì ta nói thuyết pháp, thật sự không có pháp gì để thuyết, nên mới gọi là thuyết pháp.

Bấy giờ Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ở đời vị lai, có chúng sinh nào nghe giảng về các tướng và văn nghĩa như vậy trong kinh này, mà thật sự sinh lòng tin không?

Đức Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Chẳng có chúng sinh nào, chẳng phải chẳng có chúng sinh nào. Vì sao? Vì Như Lai dạy, chúng sinh đó chẳng phải là chúng sinh, chẳng phải là phi chúng sinh, nên mới gọi là chúng sinh.

Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao? Như Lai có chứng đắc pháp gì gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Không, bạch Thế Tôn! Như Lai không có chứng đắc một pháp nào được gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

–Đúng vậy! Này Tu-bồ-đề! Dù chỉ pháp nhỏ như vi trần, Như Lai cũng xả bỏ, cho nên Như Lai chứng đắc, đó gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác một cách bình đẳng.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Chư Phật, giác ngộ không có khác nhau, nên gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu-bồ-đề! Pháp ấy bình đẳng, không có cao thấp, nên gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu-bồ-đề! Do pháp không có ngã, không nhân, không chúng sinh, không thọ giả nên pháp đó bình đẳng gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do thiện pháp thật sự viên mãn hoàn hảo, nên đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu-bồđề! Chỗ gọi là thiện pháp, thiện pháp ấy Như Lai dạy chẳng phải là thiện pháp, nên mới gọi là thiện pháp.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có người đem bảy báu chất bằng núi Tu-di trong tam thiên đại thiên thế giới mà bố thí. Hoặc lại có người trì tụng và vì người giảng thuyết Bát nhã Ba la mật, dù chỉ bốn câu kệ thì phước đức rất nhiều. Đem công đức trên so với công đức này thì phần trăm, phần ngàn, phần vạn ức cũng chẳng bằng một, cho đến dùng oai lực, phẩm loại, với các thí dụ chẳng thể sánh bằng.

Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao? Như Lai có nghĩ rằng: "Ta hóa độ chúng sinh" không? Này Tu-bồ-đề! Ông không nên nghĩ như vậy. Vì sao? Vì thật ra không có chúng sinh nào để Như Lai hóa độ cả. Nếu có chúng sinh để Như Lai hóa độ, tức là còn chấp vào ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Này Tu-bồ-đề! Như Lai nói tất cả những chấp này, tức chẳng phải chấp trước. đó là chỗ chấp trước của phàm phu chúng sinh. Này Tu-bồ-đề! Phàm phu chúng sinh ấy, Như Lai nói chẳng phải là chúng sinh, nên mới gọi là phàm phu chúng sinh.

Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao? Có thể dựa vào tướng hoàn hảo mà thấy Như Lai không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Theo nghĩa lý của Phật giảng, thì con hiểu không thể dựa vào tướng hoàn hảo mà thấy Như Lai được.

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy! Này Tu-bồ-đề! Không thể dựa vào tướng hoàn hảo mà thấy được Như Lai. Nếu dựa vào tướng hoàn hảo thấy Như Lai thì chẳng lẽ Chuyển luân thánh vương cũng là Như Lai sao? Cho nên không dựa vào tướng hoàn hảo mà thấy Như Lai. Ngay lúc ấy Thế Tôn liền nói kệ:

Nếu dùng mắt thấy ta
Dùng âm thanh cầu ta
Người đó hành đạo tà
Chẳng thể thấy được ta.
Do pháp nên thấy Phật
Pháp điều ngự là thân
Pháp này ngoài thức cảnh
Sâu xa khó thấy được.

Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao? Như Lai có dựa vào tướng hoàn hảo mà đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không? Này Tu-bồ-đề! Ông chớ thấy như vầy: Như Lai dùng tướng hoàn hảo mà đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Như Lai không dùng tướng hoàn hảo để đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu-bồ-đề! Nếu ông nghĩ Như Lai nói có người hành Bồ-tát đạo, có pháp có thể diệt. Này Tu-bồ-đề! Ông đừng thấy như vậy. Vì sao? Vì Như Lai không nói có người hành Bồ-tát đạo và pháp có thể bị hoại diệt và vĩnh viễn đoạn trừ.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, tín nữ nào đem bảy báu đầy khắp thế giới, nhiều như cát sông Hằng mà bố thí. Hoặc lại có Bồ-tát đối với tất cả pháp vô ngã, vô sinh mà đắc Vô sinh pháp nhẫn; do nhân duyên này mà phước đức của vị này nhiều hơn vị kia; vì vị này thực hành Đại thừa, không chấp thủ phước đức.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Phước đức này có thể nhận lãnh không?

Đức Phật nói:

–Này Tu-bồ-đề! Phước đức này có thể nhận lãnh, không nên chấp thủ, nên mới nói là phước đức có thể nhận lãnh.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói Như Lai đi, đứng, nằm, ngồi thì người ấy không hiểu lời ta nói. Vì sao? Vì Như Lai không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, nên mới gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Giác Tri.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, tín nữ nào đem vi trần của đại địa trong tam thiên đại thiên thế giới mà thiêu thành tro bụi, rồi viên thành mực xếp thành một làng vi trần. Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao, làng hư trần đó có nhiều không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Vì sao? Vì nếu làng hư trần đó là thật có thì Thế Tôn không gọi là làng hư trần. Vì sao? Vì Thế Tôn nói đó chẳng phải là làng hư trần cho nên gọi là làng hư trần. Như Lai thuyết tam thiên đại thiên thế giới tức chẳng phải là thế giới, nên mới gọi là tam thiên đại thiên thế giới. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Nếu thế giới này là thật có, thì sự tập hợp này Như Lai nói chẳng phải là tập hợp, nên mới gọi là tập hợp.

Đức Phật bảo ngài Tu-bồ-đề:

–Này Tu-bồ-đề! Sự tập hợp này, chỉ do thế gian gọi. Này Tu-bồ-đề! Pháp này chẳng có thể nói là pháp, vì phàm phu hay chấp lấy lời nói một cách thiên lệch.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói Như Lai thuyết ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến. Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao? Người đó nói có chính xác không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn, không chính xác! Bạch Thiện Thệ, không chính xác! Vì sao? Vì Như Lai nói ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến tức chẳng phải là kiến, nên mới nói là ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến.

Này Tu-bồ-đề! Người nào hành Bồ-tát đạo nên biết, nên thấy, tin tất cả pháp đúng như vậy mà tu hành, để pháp tưởng không có chỗ sinh khởi. Vì sao? Vì pháp tưởng ấy, Như Lai nói chẳng phải tưởng, nên mới gọi là pháp tưởng.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát nào đem 7 báu đầy khắp vô lượng, vô số thế giới bố thí. Hoặc lại có thiện nam, tín nữ thọ trì, đọc tụng dạy người khác tu hành, giảng rộng Bát nhã Ba la mật dù chỉ 4 câu kệ, thì thiện nam, tín nữ đó được phước đức nhiều hơn người kia vô lượng, vô biên.

Này Tu-bồ-đề! Sao gọi là giảng rõ kinh này? Do không có sự giảng rõ, nên gọi là giảng rõ.

Chân như bất động
Luân thuyết lời chân
Nên quán pháp hữu vi
Như màng mắt, ánh đèn
Như bọt nước, sương, huyễn
Như điện chớp, mây, mộng.

Khi Đức Thế Tôn thuyết kinh này xong, Đại đức Tu-bồ-đề tâm rất hoan hỷ. Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Trời, Người, A-tu-la… tất cả thế gian đều vui mừng hớn hở, tín thọ phụng hành.

****

Tam tạng Pháp sư Chân Đế hiệu là Câu-na-la-tha, người Ưu-thiền-ni, miền Tây Thiên trúc.

Vào thời vua Lương Võ đế, ngài đi xứ xa để tiếp rước kinh này, từng qua đến nước Mân, nước Việt, tạm nghỉ tại Lương An. Thái thú Vương Phương Dư siêng năng với chánh pháp, tính thích Đại thừa, bèn xây dựng già-lam, thỉnh ngài giảng rộng kinh điển. Pháp sư không trái bản nguyện, ba lần thỉnh mới im lặng nhận lời. Ngài tìm hiểu kinh cũ, thấy có nhiều chỗ sai lầm. Vào ngày 01 tháng 05 năm Nhâm ngọ, ngài theo văn Thiên trúc, phiên dịch lại và dựa vào luận Bà-tẩu để giải thích. Pháp sư vì thông hiểu ngôn ngữ ở đây, cho nên không mất công lao nhiều. Ngài chú tâm vào lời văn sâu xa ở đó, đã tuyên thuyết sơ bộ nghĩa thậm thâm ở đây. Các Pháp sư ở tông phái khác, như Pháp sư Pháp Kiền đều cùng nhau ghi chép thọ trì. Đến ngày 25 tháng 09 thì văn nghĩa hoàn chỉnh. Kinh gốc thì một quyển, chú nghĩa thì mười quyển. Mỗi ngày mỗi ngày, Pháp sư Pháp Kiền nguyện viết một trăm bộ để cúng dường, truyền bá và giảng giải khắp mười phương, nguyện cầu cho tất cả chúng sinh, nghe thuyết đúng kinh này mà mau chóng đến Niết-bàn. Rất mong được lưu truyền, giáo hóa thường xuyên.

HẾT

(Chấm dứt kinh "Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật", mang số 0237)

---o0o---

(Tạng Thư Phật Học)

19. Kinh "Kim Cang Năng Đoạn Bát Nhã Ba La Mật"

Đại Tạng Kinh Việt Nam mang số 0238, 1 quyển do Tam tạng Pháp sư Cấp-đa, đời Tùy dịch từ Phạn sang Hán và nhóm Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh dịch từ Hán sang Việt.

Quy mạng tất cả chư Phật và hải chúng Bồ-tát!

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Thế Tôn cùng với chúng Thanh văn, một ngàn năm trăm vị Tỳ-kheo, du hóa đến vườn Cấp cô độc trong khu Thắng lâm.

Khi ấy, vào buổi sáng, Đức Thế Tôn cùng chúng Thanh văn đắp y, cầm bát vào trong đại thành tuần tự khất thực. Khất thực xong, trở về thọ trai rồi rửa bát, xếp y, rửa chân, ngồi kiết già trên tọa cụ, lưng thẳng, chánh niệm an trụ trước mặt.

Lúc đó các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn đảnh lễ dưới chân, nhiễu quanh bên phải ba vòng, rồi ngồi một bên. Khi ấy Thiện Thật ngồi giữa đại chúng, bèn đứng dậy, trịch vai áo bên phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thật là hiếm có! Bạch Đấng Chánh Biến Tri, Như Lai khéo nhiếp phục các Đại Bồ-tát, nhiếp phục điều tối thắng. Như Lai khéo phú chúc điều tối thắng cho các Đại Bồ-tát.

Bạch Thế Tôn! Nếu người nào phát tâm tu hành Bồ-tát đạo thì nên an trụ thế nào? Nên tu hành thế nào? Nên hàng phục tâm thế nào? Cúi xin Thế Tôn chỉ dạy, con mong muốn được nghe.

Đức Thế Tôn dạy:

–Này Thiện Thật! Đúng như vậy, đúng như lời ông nói! Như Lai khéo nhiếp phục các Đại Bồ-tát, nhiếp phục điều tối thắng nhất. Như Lai khéo phú chúc các Đại Bồ-tát, phú chúc điều tối thắng nhất. Này Thiện Thật! Ông hãy lắng nghe, để ý suy nghĩ lời Như Lai dạy. Khi phát tâm tu hành Bồ-tát đạo nên an trụ như vầy, nên tu hành như vầy, nên hàng phục tâm như vầy.

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con nguyện muốn được nghe.

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Thật! Khi Bồ-tát tu hành phải phát sinh tâm như vầy: "Đối với các loài chúng sinh như noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh, loài có hình sắc, loài không hình sắc, loài có tưởng, loài không tưởng, loài chẳng phải có tưởng, chẳng phải không tưởng. Tất cả thế giới các loài chúng sinh đó ta đều làm cho họ được diệt độ, vào Vô dư Niết-bàn". Tuy vô lượng chúng sinh được diệt độ, nhưng không có một chúng sinh nào diệt độ. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát còn tưởng đến nhân, chúng sinh, thọ giả thì không gọi là Đại Bồ-tát.

Lại nữa, này Thiện Thật! Bồ-tát không nên để tâm trong việc bố thí, nên bố thí một cách "vô sở trụ", nghĩa là không trụ vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp để bố thí. Này Thiện Thật! Bồ-tát bố thí như vậy là không trụ vào tướng tưởng, cho nên phước đức thành tựu không thể lường.

Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao? Hư không phương Đông có thể nghĩ lường chăng?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn, không thể lường!

Đức Phật dạy:

–Hư không phương Nam, phương Tây, phương Bắc, Trên, Dưới ở mười phương có thể nghĩ lường được không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn, không thể lường!

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Thật! Đúng như vậy, đúng như vậy! Nếu Đại Bồ-tát không chú tâm vào hình tướng bố thí, thì phước đức kia thành tựu không thể lường. Lại nữa, này Thiện Thật! Bồ-tát thực hành bố thí không chú tâm cũng không trụ vào tướng tưởng như vậy, theo ý ông thì sao, họ có dựa vào tướng hoàn hảo mà thấy Như Lai không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không thể dựa vào tướng hoàn hảo mà thấy Như Lai. Vì sao? Vì Như Lai đã dạy, tướng hoàn hảo chẳng phải là tướng hoàn hảo. Không thể căn cứ hay căn cứ vào tướng này mà thấy được Như Lai.

Bạch Thế Tôn! Sau khi chánh pháp diệt độ, khoảng năm trăm năm sau, trong thời kỳ chuyển kiếp, có chúng sinh nào ở đời vị lai đó, dựa vào hình sắc, thể loại trong kinh này mà thuyết giảng, thì có phát sinh thật tưởng không?

Đức Phật bảo Thiện Thật:

–Này Thiện Thật! Ông chớ nói lời như vậy! Có chúng sinh như vậy phát sinh thật tưởng. Vào thời kỳ đó, cũng có Đại Bồ-tát thực hành giới rốt ráo, công đức rốt ráo, trí tuệ rốt ráo. Nên biết là Đại Bồ-tát không chỉ gần gũi, cúng dường, gieo trồng căn lành ở một vị Phật, mà cả trăm ngàn vị Phật. Đại Bồ-tát đó dựa vào hình sắc, thể loại, câu cú trong kinh này nhất tâm tin tưởng thanh tịnh cũng đạt được điều nên biết. Này Thiện Thật nên biết! Bồ-tát đó sẽ đạt được tri kiến Phật của Như Lai, nhãn quan Phật của Như Lai. Tất cả những vị đó phước đức phát sinh vô lượng. Vì sao? Vì các Đại Bồ-tát đó không bị biến chuyển bởi tưởng ngã, tưởng nhân, tưởng chúng sinh, tưởng thọ giả.

Này Thiện Thật! Đại Bồ-tát có bị biến chuyển bởi tưởng có pháp, tưởng không pháp, các loại tưởng và vô tưởng không? Nếu Bồ-tát bị biến chuyển bởi tưởng có pháp và tưởng không pháp thì Bồ-tát đó còn chấp giữ vào ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả.

Này Thiện Thật! Đại Bồ-tát không nên chấp có pháp hay không pháp. Bởi nghĩa ấy cho nên Như Lai thường dạy:

–Pháp ví như chiếc bè, chánh pháp còn bỏ, huống gì phi pháp.

Lại nữa, này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao? Như Lai có chứng ngộ pháp Vô thượng Chánh biến tri và có thuyết pháp không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Theo con hiểu nghĩa lời dạy của Như Lai, thì không có một pháp gì gọi là Vô thượng Chánh biến tri để Như Lai chứng ngộ và cũng không có một pháp nào của Như Lai

nói. Vì Như Lai thuyết pháp không có chấp thủ, không thể nói, không có pháp cũng không có phi pháp. Vì vậy tất cả Thánh nhân đều dựa vào pháp vô vi mà tỏ ngộ.

Đức Phật bảo:

–Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao? Nếu có thiện nam, tín nữ nào đem bảy báu đầy khắp cả tam thiên đại thiên thế giới mà cúng dường Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri thì người ấy, phước đức thành tựu có nhiều không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Vì sao? Vì Như Lai dạy phước đức thành tựu đó chẳng phải là phước đức thành tựu nên mới gọi là phước đức thành tựu.

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Thật! Nếu có người nương theo pháp này mà thọ trì, dù chỉ bốn câu kệ, còn vì người khác mà phân tích, giảng giải rộng thì phước đức đó còn nhiều hơn người kia vô số lượng, không thể tính kể. Vì sao? Vì chư Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri sinh ra từ đó, chư Phật Thế Tôn cũng sinh ra từ đó. Vì Phật pháp, Phật pháp ấy tức chẳng phải Phật pháp, nên mới gọi là Phật pháp.

Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao? Bậc Nhập lưu có nghĩ rằng: “Ta đắc quả Nhập lưu” không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì một người, gọi là Nhập lưu thì không nhập vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Nhập lưu mà còn nghĩ đắc quả Nhập lưu, thì người đó còn chấp lấy ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả.

Đức Phật hỏi:

–Này Thiện Thật! Bậc Nhất lai có nghĩ rằng: “Ta đắc quả Nhất lai” không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì đâu có Nhất lai như vậy để nhớ nghĩ là ta đắc quả Nhất lai! Ở đó cũng không có pháp gì gọi là Nhất lai, nên mới gọi là bậc Nhất lai.

Đức Phật hỏi:

–Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao? Bậc Bất lai có nghĩ rằng: “Ta đắc quả Bất lai” không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì ở đó không có pháp gì gọi là Bất lai, nên mới gọi là Bất lai.

Đức Phật hỏi:

–Này Thiện Thật! Theo ý ông, bậc Ứng Cúng có nghĩ rằng: “Ta đắc quả A-la-hán” không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì ở đó không có pháp gì gọi là Ứng cúng, nên mới gọi là A-la-hán. Bạch Thế Tôn! Nếu bậc Ứng cúng còn nghĩ: “Ta đắc quả A-la-hán” thì vị đó còn chấp lấy ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả.

Bạch Thế Tôn! Thế Tôn bảo con là người thành tựu pháp vô tránh tối thắng nhất, bậc ly dục nhất; nhưng con thì không nghĩ con là bậc Ứng cúng. Nếu con nghĩ con đắc quả A-la-hán, thì Như Lai đã không thọ ký cho con là người thực hành pháp Vô tránh tối thắng. Vì vốn không có thực hành, cho nên mới gọi là thực hành Vô tránh.

Đức Phật hỏi:

–Này Thiện Thật! Theo ý ông, Phật Đăng Tác có thọ ký cho ta chứng đắc pháp gì gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có một pháp nào để Phật Đăng Tác

thọ ký cho Thế Tôn thành Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri.

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Thật! Nếu có Đại Bồ-tát nói rằng: "Ta làm trang nghiêm, thành tựu cõi Phật". Vị ấy nói lời như vậy là không đúng. Vì sao? Vì trang nghiêm cõi Phật, Như Lai nói ấy chẳng phải trang nghiêm cõi Phật, nên mới gọi là trang nghiêm cõi Phật.

Này Thiện Thật! Đại Bồ-tát không nên trụ như vầy mà sinh tâm: không nên trụ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà phát sinh tâm; phải nên không có chỗ để trụ mà phát sinh tâm.

Này Thiện Thật! Ví như người nam có thân hình to lớn như núi Thiện cao, ý ông thế nào? Thân người đó có to lớn không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất to lớn! Vì sao? Vì thân to lớn, Như Lai dạy chẳng phải là thân to lớn, nên mới gọi là thân to lớn.

Đức Phật bảo:

–Này Thiện Thật! Trong sông Hằng có rất nhiều cát. Cứ một hạt cát là một sông Hằng. Vậy trong vô số sông Hằng đó số cát có nhiều không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Vì một sông Hằng số cát đã nhiều rồi, huống chi số cát trong vô số sông Hằng.

Đức Phật bảo:

–Này Thiện Thật! Ta muốn ông biết rõ, ông là sở hữu trong ta, cũng như cát là sở hữu trong sông Hằng, vậy cứ một hạt cát là một thế giới. Nếu có thiện nam, tín nữ nào đem bảy báu trong khắp các thế giới ấy mà cúng dường Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, theo ý ông thì sao, những người đó phát sinh phước đức nhiều không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều! Người đó nhờ cúng dường nên phước đức phát sinh nhiều vô lượng không thể tính.

Đức Phật bảo:

Lại nữa, này Thiện Thật! Nếu có người thọ trì kinh này dù chỉ bốn câu kệ và vì người khác mà phân biệt, phân tích giảng thuyết rộng. Phước của người này phát sinh nhiều hơn người kia vô lượng, không thể tính.

Này Thiện Thật! Nơi nào có thọ trì kinh này, dù chỉ bốn câu kệ, mà có sự giảng giải, phân tích sâu kỹ kinh này cho người thì nơi đó như có linh miếu, còn được Trời, Người, A-tu-la khuyến khích: "Kinh pháp này rất căn bản. Hãy nên thọ trì, đọc tụng, vì người mà phân tích, giảng giải sâu rộng sự tối thắng hy hữu của nó một cách đầy đủ." Này Thiện Thật! Nơi đó thường có bậc giáo thọ, bậc đạo cao đức trọng, hoặc có vị đồng phạm hạnh thường lui tới.

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Kinh này gọi là gì? Và chúng con nên phụng trì thế nào?

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Thật! Kinh này gọi là Trí Tuệ Đáo Bỉ Ngạn, ông cứ nương theo pháp căn bản này mà phụng trì. Vì sao? Vì Trí Tuệ Đáo Bỉ Ngạn, Như Lai nói chẳng phải Đáo bỉ ngạn, nên mới gọi là Đáo bỉ ngạn.

Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao, Như Lai có thuyết pháp không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai không có thuyết pháp.

Đức Phật bảo:

–Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao, bụi trần trong tam thiên đại thiên thế giới có nhiều không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều! Vì sao? Vì bụi trần đó, Như Lai thuyết giảng chẳng phải bụi trần, nên mới gọi là bụi trần. Hoặc thế giới ấy, Như Lai thuyết giảng chẳng phải thế giới, nên mới gọi là thế giới.

Đức Phật bảo:

–Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao? Có thể dựa vào ba mươi hai tướng Đại trượng phu mà thấy Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn, không thể được! Vì 32 tướng Đại trượng phu mà Như Lai thuyết chẳng phải là 32 tướng Đại trượng phu, nên mới gọi là 32 tướng Đại trượng phu.

Đức Phật nói:

–Lại nữa, này Thiện Thật! Có thiện nam, tín nữ nào hằng ngày xả bỏ thân mạng bố thí nhiều như cát sông Hằng, hoặc dùng thân bố thí nhiều kiếp như cát sông Hằng. Lại có người nương theo pháp căn bản này, thọ trì dù chỉ bốn câu kệ, và vì người khác mà phân tích, giảng giải, thì người này gặt được nhiều phước đức hơn người kia vô lượng, không thể tính.

Bấy giờ, ngài Mạng giả Thiện Thật nghe kinh này xong, xúc động, rơi lệ, bạch Phật:

–Hiếm có thay, bạch Thế Tôn! Tối thắng thay, bạch Thiện thệ! NHƯ Lai thuyết kinh pháp này, từ khi phát sinh trí tuệ đến nay, con chưa được nghe hình sắc, thể loại kinh như vậy. Trước là sự tối thắng hy hữu của Thế Tôn, sau là có đầy đủ chúng sinh trong khi nghe thuyết kinh này sẽ phát sinh thật tưởng. Vì sao? Vì thật tưởng ấy, Như Lai dạy chẳng phải là thật tưởng, nên mới gọi là thật tưởng.

Bạch Thế Tôn! Điều này đối với con chẳng phải là hiếm có. Vì trong lúc nghe thuyết kinh này, con liền tin hiểu. Ở đời vị lai, nếu có chúng sinh nào thọ trì, đọc tụng kinh này, còn vì người khác mà phân tích giảng giải, thì người đó sẽ thành tựu đầy đủ tối thắng hy hữu. Các Đại Bồ-tát đó, sẽ không bị biến chuyển bởi tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Vì sao? Vì tưởng ngã chẳng phải tưởng, tưởng nhân, chúng sinh, thọ giả cũng chẳng phải tưởng; tất cả các tưởng đều xa lìa vậy.

Đức Phật bảo ngài Thiện Thật:

–Này Thiện Thật! Đúng vậy, đúng như lời ông nói! Sẽ có chúng sinh thành tựu đầy đủ sự tối thắng hy hữu này. Người đó trong khi nghe thuyết kinh này không kinh ngạc, không hoảng hốt, không sợ hãi. Vì Như Lai thuyết Đáo bỉ ngạn tối thắng. Đáo bỉ ngạn tối thắng này không chỉ Như Lai thuyết, mà vô lượng chư Phật Thế Tôn cũng thuyết như vậy, cho nên mới gọi là Đáo bỉ ngạn tối thắng.

Lại nữa, này Thiện Thật! Như Lai tu Nhẫn nhục đáo bỉ ngạn, tức chẳng phải Nhẫn nhục đáo bỉ ngạn. Vì sao? Vì ta nhớ xưa kia, ta bị vua ác cắt đứt thân thể từng đoạn, nhưng lúc ấy ta không có tưởng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả; vì có tưởng tức chẳng phải tưởng. Nếu lúc đó, ta tưởng ngã, nhân, chúng sinh, thọ gia; thì tưởng sân hận sẽ phát sinh.

Này Thiện Thật! Ta nhớ đời quá khứ, năm trăm năm trước, ta thường làm Tiên nhân, tu hành nhẫn nhục. Trong thời gian đó, ta không tưởng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả; cũng chẳng tưởng chẳng phải chẳng tưởng. Vì vậy, Đại Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh Biến Tri, phải xa lìa tất cả tưởng; không nên trụ sắc mà sinh tâm; không nên trụ thanh, hương, vị, xúc, mà sinh tâm; không nên trụ vào pháp, chẳng nên trụ vào không pháp mà sinh tâm; nên trụ chỗ không có chỗ trụ mà sinh tâm. Vì sao? Vì nếu tâm không trụ chỗ trụ mới gọi là trụ. Như Lai thuyết như vậy, nghĩa là Bồ-tát bố thí không nên trụ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Này Thiện Thật! Đại Bồ-tát phải vì tất cả chúng sinh mà bố thí như vậy. Vì sao? Vì tưởng chúng sinh tức chẳng phải tưởng, Như Lai nói tất cả chúng sinh, tức chẳng phải chúng sinh.

Này Thiện Thật! Như Lai luôn có lời nói chân thật, nói lời đúng đắn, nói lời hợp với chân như, chẳng nói lời không đúng chân như.

Này Thiện Thật! Pháp của Như Lai chứng ngộ, nếu tư duy thì chẳng phải thật, chẳng phải hư. Cũng ví như người có mắt vào trong phòng tối, không thấy một vật gì. Bồ-tát trụ vào việc bố thí, cũng rơi vào trường hợp như vậy. Ví như người có mắt lại có ánh sáng của mặt trăng xuất hiện, nên thấy tất cả sắc của mọi vật, Đại Bồ-tát không trụ vào việc bố thí thì cũng như vậy.

Lại nữa, này Thiện Thật! Nếu có thiện nam, tín nữ nào thọ trì,

đọc tụng kinh này và vì người khác mà phân tích, giảng giải, Như Lai dùng tri kiến Phật biết rõ người này, dùng nhãn quan Phật thấy rõ người này sẽ được phát sinh phước đức vô lượng.

Này Thiện Thật! Nếu có thiện nam, tín nữ buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều bố thí thân mạng nhiều như số cát sông Hằng. Cứ xả thân mạng mà bố thí như thế đầy đủ vô số kiếp, cho đến trăm ngàn nado-tha kiếp. Lại có người nghe pháp này mà không phỉ báng chê bai thì phước đức nhiều hơn người kia vô số lượng không thể tính. Huống chi nói đến việc biên chép, thọ trì, đọc tụng, vì người khác mà phân tích, giảng giải sâu rộng.

Này Thiện Thật! Kinh này chẳng thể nghĩ bàn, không thể lường. Ai quán sát nó thì kết quả cũng như vậy.

Này Thiện Thật! Như Lai vì chúng sinh phát tâm Vô thượng thừa, vì chúng sinh phát tâm Tối thắng thừa để thuyết kinh này. Vì vậy, nên phải thọ trì, đọc tụng, vì người khác mà phân tích, giảng giải kinh này. Như Lai sẽ dùng tri kiến Phật, nhãn quan Phật để biết rõ chúng sinh này. Tất cả chúng sinh đó đầy đủ phước đức không thể lường, không thể nghĩ bàn, không thể tính. Tất cả chúng sinh này có thể giữ gìn, gánh vác đạo Bồ-đề của ta. Vì sao? Vì chúng sinh này đối với

pháp Tiểu thừa không tin hiểu. Hỏi chúng sinh thì không thấy có ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, không có Bồ-tát thệ nguyện. Đó là chúng sinh nghe và thọ nhận pháp của ta.

Này Thiện Thật! Nếu nơi nào mà có sự thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, cúng dường kinh này thì nơi đó giống như có linh miếu; Trời, Người, A-tu-la thường đến nhiễu tháp và làm lễ.

Này Thiện Thật! Nếu có thiện nam, tín nữ nào nương theo hình sắc, thể loại của kinh này mà thọ trì, đọc tụng, và vì người khác mà phân tích, giảng giải nhưng lại bị người khinh chê, là do đời trước chúng sinh đó tạo nhiều ác nghiệp, đáng lẽ đời này bị đọa vào đường ác, nhưng nhờ thọ trì kinh này nên chỉ bị khinh chê. Khi hết bị khinh chê, sẽ đắc quả Phật.

Này Thiện Thật! Ta nhớ thuở quá khứ, trước Đức Phật Đăng Tác khoảng vô số kiếp không thể tính, được gặp tám trăm bốn ngàn muôn ức na-do-tha Đức Phật, ta đều thân cận, thờ phụng, cúng dường, không bao giờ xa lìa. Nếu đời sau, nhiều đời sau nữa, khi chánh pháp hoại diệt khoảng năm trăm năm, trong thời kỳ đó mà có người thọ trì, đọc tụng, phân tích, giảng thuyết chỉ bày cho người thì phước đức của người này hơn rất nhiều so với phước đức trên của ta. Một phần trăm, phần ngàn, phần câu-chi, phần ngàn câu-chi, tăng-kỳ, ca-la, toán số, thí dụ, ta cũng chẳng bằng một phần.

Này Thiện Thật! Có thiện nam, tín nữ khi nghe ta nói phước đức đó, sẽ chấp lấy rồi sinh lòng cuồng loạn, hồ nghi.

Này Thiện Thật! Như Lai thuyết kinh này, nghĩa lý không thể nghĩ bàn, không thể lường. Phước báo của nó tương ứng cũng không thể nghĩ bàn.

Ngài Thiện Thật bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có người phát tâm Bồ-tát đạo, thì nên an trụ thế nào? Tu hành thế nào? Hàng phục tâm thế nào?

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Thật! Khi phát tâm hành Bồ-tát đạo, nên sinh tâm như thế này: "Ta phải diệt độ tất cả chúng sinh vào Vô dư Niếtbàn." Như vậy, tất cả chúng sinh đã được diệt độ nhưng mà không có một chúng sinh nào diệt độ. Vì sao? Vì nếu Bồ-tát có tưởng chúng sinh thì không phải là Đại Bồ-tát; cho đến có tưởng nhân, cũng không gọi là Đại Bồ-tát. Vì thật ra không có pháp gì để phát tâm hành Bồ-tát đạo.

Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao, vào thời Phật Đăng Tác, Như Lai có chứng đắc pháp gì gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có pháp gì để Như Lai chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vào thời Phật Đăng Tác.

Đức Phật nói:

–Đúng vậy, đúng vậy! Này Thiện Thật! Đức Đăng Tác Như Lai không thọ ký cho ta chứng đắc pháp gì gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì nếu còn có pháp để Như Lai chứng đắc, thì Phật Đăng Tác sẽ không thọ ký cho ta đời sau sẽ thành Phật hiệu Thích-ca Mâu-ni. Vì Như Lai không có chứng đắc pháp gì gọi là vô thượng Chánh biến tri, cho nên Phật Đăng Tác mới thọ ký cho ta. Vì sao? Vì Như Lai tức là Chân như, Như Lai không phát sinh pháp nên gọi là

Thế Tôn, đã đoạn trừ đạo tức là Như Lai, hoàn toàn chấm dứt sinh là Như Lai. Đó là nghĩa bất sinh tối thắng nhất.

Này Thiện Thật! Nếu có người nói lời như vầy: "Như Lai đã chứng đắc Vô thượng Chánh biến tri." Nói lời như vậy là không đúng, là phỉ báng ta. Vì sao? Vì không có pháp gì để Như Lai chứng đắc Vô thượng Chánh biến tri.

Này Thiện Thật! Pháp Như Lai chứng đắc, trong đó không có hư vọng, cho nên Như Lai thuyết tất cả pháp là Phật pháp. Vì sao? Vì tất cả pháp chẳng phải là tất cả pháp, nên Như Lai mới gọi là tất cả pháp. Ví như có người thân hình to lớn, đầy đủ.

Ngài Thiện Thật bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai dạy thân người to lớn, đầy đủ, tức chẳng phải thân; nên Như Lai mới gọi là thân người to lớn, đầy đủ.

Đức Phật nói:

–Đúng vậy, đúng vậy! Này Thiện Thật! Nếu Bồ-tát nói rằng: "Phải diệt độ chúng sinh để vào Niết-bàn", thì ta không gọi là Bồ-tát. Này Thiện Thật! Có pháp gì gọi là Bồ-tát không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có pháp gì gọi là Bồ-tát.

Đức Phật nói:

–Này Thiện Thật! Chúng sinh ấy, Như Lai dạy chẳng phải là chúng sinh, nên gọi là chúng sinh. Vì vậy, Như Lai thuyết tất cả pháp là không ngã, không nhân, không chúng sinh, không thọ giả, không nuôi dưỡng.

Này Thiện Thật! Nếu Bồ-tát nói rằng: "Ta phải thành tựu trang nghiêm cõi Phật"; thì không thể gọi là Bồ-tát. Vì sao? Vì Như Lai nói thành tựu trang nghiêm cõi Phật, tức chẳng phải trang nghiêm cõi Phật, nên mới gọi là trang nghiêm cõi Phật.

Này Thiện Thật! Nếu Đại Bồ-tát tin hiểu được pháp vô ngã, thì Như Lai gọi là Đại Bồ-tát.

Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao? Như Lai có Nhục nhãn không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ngài có Nhục nhãn.

Đức Phật bảo:

–Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao? Như Lai có Thiên nhãn không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Đúng vậy, đúng vậy! Bạch Thế Tôn! Như Lai có Thiên nhãn.

Đức Phật bảo:

–Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao? Như Lai có Tuệ nhãn không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Đúng vậy, đúng vậy! Bạch Thế Tôn! Như Lai có Tuệ nhãn.

Đức Phật bảo:

–Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao? Như Lai có Pháp nhãn không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Đúng vậy, đúng vậy! Bạch Thế Tôn! Như Lai có Pháp nhãn.

Đức Phật bảo:

–Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao? Như Lai có Phật nhãn không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Đúng vậy, đúng vậy! Bạch Thế Tôn! Như Lai có Phật nhãn.

Đức Phật bảo ngài Thiện Thật:

–Này Thiện Thật! Như Lai có thuyết trong sông Hằng có cát không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai có thuyết trong sông Hằng có cát.

–Đúng vậy, đúng vậy! Này Thiện Thật! Cát trong sông Hằng rất nhiều, cứ mỗi hạt cát là một sông Hằng. Vậy số thế giới như số cát trong vô số sông Hằng ấy có nhiều chăng?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều! Số thế giới ấy rất nhiều.

Đức Phật nói:

–Này Thiện Thật! Chúng sinh trong thế giới đó, ta đều biết các loại tâm động tịnh của chúng. Vì sao? Vì tâm động tịnh Như Lai dạy chẳng phải tâm động tịnh, nên mới gọi là tâm động tịnh. Vì quá khứ, tâm không thể nắm bắt được; hiện tại, tâm không thể nắm bắt được; vị lai, tâm không thể nắm bắt được.

Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao, nếu có thiện nam, tín nữ nào đem bảy báu đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới mà bố thí, thì người ấy có được nhiều phước đức không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Đức Phật nói:

–Đúng vậy, đúng vậy! Này Thiện Thật! Thiện nam, tín nữ đó nhờ nhân duyên ấy mà được phước đức vô lượng không thể tính. Này Thiện Thật! Phước đức ấy, Như Lai nói chẳng phải là phước đức, nên mới gọi là phước đức. Lại nữa, này Thiện Thật! Có phước đức, Như Lai nói không phải phước đức, ấy là phước đức vậy.

Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao, có thể dựa vào sắc thân thành tựu mà thấy Như Lai không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không thể dựa vào sắc thân thành tựu mà thấy Như Lai. Vì sao? Vì sắc thân thành tựu, Như Lai dạy chẳng phải là sắc thân thành tựu, cho nên mới gọi là sắc thân thành tựu.

Đức Phật nói:

–Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao, có thể dựa vào tướng hoàn hảo mà thấy Như Lai không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không thể dựa vào tướng hoàn hảo mà thấy Như Lai. Vì Như Lai dạy, tướng hoàn hảo là chẳng phải tướng hoàn hảo, cho nên mới gọi là tướng hoàn hảo.

Đức Phật nói:

–Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao, Như Lai có nghĩ rằng: “Ta thuyết pháp” không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn, không! Con không nghĩ rằng Như Lai có thuyết pháp.

Đức Phật nói:

–Này Thiện Thật! Nếu có người nói rằng Như Lai có thuyết pháp, thì người đó phỉ báng ta, chấp lấy điều hư dối kia. Vì sao? Vì thuyết pháp ấy là không có pháp gì để mà thuyết, mới được gọi là thuyết pháp.

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ở đời vị lai, sau khi chánh pháp hoại diệt năm trăm năm, hoặc lâu hơn nữa, trong khoảng thời gian đó, có nhiều chúng sinh nghe giảng nói về hình sắc, thể loại kinh này thì có sinh lòng tin không?

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Thật! Chúng sinh ấy, thật chẳng phải chúng sinh, cũng chẳng phải phi chúng sinh. Vì Như Lai dạy, tất cả chúng sinh, chẳng phải chúng sinh, cho nên mới gọi là chúng sinh.

Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao, Như Lai có chứng đắc pháp gì gọi là Vô thượng Chánh biến tri không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có pháp gì để Như Lai chứng đắc Vô thượng Chánh biến tri.

Ngài Thiện Thật thưa:

–Đúng vậy, đúng vậy! Này Thiện Thật! Dù một chút pháp nhỏ như bụi trần, ta cũng không chứng đắc được, cho nên mới gọi là Vô thượng Chánh biến tri.

Lại nữa, này Thiện Thật! Chánh pháp bình đẳng. Trong đó lại không có bất bình đẳng, cho nên gọi Vô thượng Chánh biến tri. Do không có ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, chứng đắc tất cả pháp lành; nên gọi là pháp bình đẳng Vô thượng Chánh biến tri.

Này Thiện Thật! Thiện pháp ấy, Như Lai nói chẳng phải thiện pháp, cho nên mới gọi là thiện pháp.

Này Thiện Thật! Nếu có người đem bảy báu đầy khắp cả tam thiên đại thiên thế giới mà cúng dường Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. Đồng thời lại có người thọ Trí tuệ đáo bỉ ngạn này, dù chỉ bốn câu kệ mà còn vì người khác phân tích, giảng giải; thì phước đức của người này hơn người kia trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn câu-chi, trăm ngàn na-do-tha, tăng-kỳ, toán số, thí dụ cũng chẳng bằng.

Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao, Như Lai có nghĩ rằng: “Ta độ thoát chúng sinh” không? Này Thiện Thật! Ông đừng nghĩ như vậy, vì không một chúng sinh nào để Như Lai độ thoát cả. Nếu có chúng sinh để Như Lai độ thoát như vậy thì Như Lai còn chấp ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Này Thiện Thật! Chấp ngã ấy, Như Lai nói chẳng phải chấp ngã; kẻ phàm phu thì cho là chấp sinh tử. Này Thiện Thật! Kẻ phàm phu chấp sinh tử ấy, Như Lai nói chẳng phải là sinh tử, nên mới gọi là phàm phu sinh tử.

Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao, có thể dựa vào tướng hoàn hảo mà thấy Như Lai không?

Ngài Thiện Thật đáp:

–Bạch Thế Tôn, không thể như vậy! Theo con hiểu sự thuyết giảng của Như Lai, con không dựa vào tướng hoàn hảo mà thấy Như Lai.

Đức Phật bảo:

–Lành thay! Này Thiện Thật! Đúng như lời ông nói, không thể dựa vào tướng hoàn hảo mà thấy Như Lai. Vì sao? Vì nếu thấy tướng hoàn hảo gọi là Như Lai, thì Chuyển luân vương cũng là Như Lai, cho nên không thể dựa vào tướng hoàn hảo mà thấy Như Lai. Tướng ấy chẳng phải tướng, cho nên mới thấy Như Lai.

Bấy giờ Mạng giả Thiện Thật bạch Phật:

–Theo con hiểu ý nghĩa lời Phật dạy, con không nên dựa vào tướng hoàn hảo mà thấy Như Lai. Khi đó Thế Tôn liền nói kệ:

Nếu dùng sắc thấy ta
Dùng âm thanh cầu ta
Người đó hành đạo tà
Không thể thấy được ta.
Nên thấy pháp thể Phật
Cùng pháp thân Như Lai
Pháp thể không hiểu được
Đâu thấy được Như Lai.

Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao, Như Lai có dựa vào tướng hoàn hảo mà chứng đắc Vô thượng Chánh biến tri không? Ông chớ nên nghĩ như vậy, vì Như Lai không dựa vào tướng hoàn hảo mà chứng đắc Vô thượng Chánh biến tri.

Lại nữa, này Thiện Thật! Nếu có người nói rằng: "Người phát tâm hành Bồ-tát đạo, trình bày các pháp phá trừ đoạn diệt". Này Thiện Thật! Ông không nên nghĩ như vậy. Vì sao? Vì không có người nào gọi là phát tâm hành Bồ-tát đạo, cũng không có sự trình bày các pháp phá trừ đoạn diệt.

Này Thiện Thật! Nếu có thiện nam, tín nữ đem bảy báu đầy khắp thế giới như cát trong nhiều sông Hằng mà bố thí lại. Nếu có Đại Bồ-tát trong pháp vô ngã, vô sinh mà thành tựu được pháp nhẫn nhục, thì Bồ-tát này phát sinh công đức nhiều hơn người kia.

Này Thiện Thật! Đại Bồ-tát có chấp lấy phước đức đó không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát không chấp lấy phước đức.

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Thật! Chấp lấy tức là không chấp lấy, cho nên mới gọi là chấp lấy.

Này Thiện Thật! Nếu có người nói: "Như Lai đi hoặc chẳng đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, nằm."

Này Thiện Thật! Người ấy đã không hiểu nghĩa của ta thuyết đúng như pháp đã nói. Vì sao? Vì Như Lai, là không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, nên mới gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri.

Này Thiện Thật! Nếu có thiện nam, tín nữ đem bụi trần trong tam thiên đại thiên thế giới, mài tất cả thành ra mực, số đó rất nhiều, không thể tính. Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao, có bụi trần nhỏ nhất tụ hội không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Có nhiều bụi trần nhỏ nhất tụ hội. Vì sao? Vì Thế Tôn đã dạy, bụi trần nhỏ nhất tụ hội tức chẳng phải tụ hội, nên mới gọi là bụi trần nhỏ nhất tụ hội. Và tam thiên đại thiên thế giới, tức chẳng phải thế giới, nên mới gọi là tam thiên đại thiên thế giới.

Nếu cho rằng có thế giới như vậy là có chấp lấy, nhưng Như Lai dạy chấp lấy, tức chẳng phải chấp lấy, nên mới gọi là chấp lấy.

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Thật! Chấp lấy như vậy, đối với người thế tục, không nên nói chẳng phải pháp hoặc chẳng phải phi pháp.

Này Thiện Thật! Nếu có người nói rằng: "Như Lai thấy có ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả." Này Thiện Thật! Nói như vậy có đúng không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn, không đúng như vậy! Bạch Thiện Thệ, không đúng như vậy! Vì sao? Vì nếu Thế Tôn thấy có ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, tức chẳng phải thấy. Cho nên Như Lai mới gọi là ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến.

Đức Phật bảo Ngài Thiện Thật:

–Này Thiện Thật! Người phát tâm hành Bồ-tát đạo, đối với tất cả pháp nên biết, nên thấy, nên tin, nên hiểu như vậy. Nếu tin hiểu như vậy, thì không trụ ở pháp tưởng. Vì sao? Vì pháp tưởng đó, Như Lai nói chẳng phải pháp tưởng, nên mới gọi là pháp tưởng.

Lại nữa, này Thiện Thật! Nếu có Đại Bồ-tát, đem bảy báu đầy khắp vô lượng, vô số thế giới mà cúng dường Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. Nếu có thiện nam, tín nữ nào thọ trì, đọc tụng Trí tuệ đáo bỉ ngạn dù chỉ bốn câu kệ, lại còn phân tích, giảng thuyết cho người khác phân biệt, thọ trì thì phước đức của người này phát sinh nhiều hơn người kia vô lượng không thể tính. Giảng thuyết như thế nào? Giảng thuyết như không giảng thuyết, cho nên mới gọi đó là giảng thuyết. Thế Tôn nói kệ:

Như quáng mắt, đèn, sao
Bọt sương, mây, mộng, điện
Phải thường nên quán chiếu
Các pháp hữu vi này.

Khi nghe Thế Tôn thuyết kinh này, Tôn giả Thiện Thật, các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà… đều vô cùng hoan hỷ.

HẾT

(Chấm dứt kinh "Kim Cang Năng Đoạn Bát Nhã Ba La Mật")

---o0o---

(Tạng Thư Phật Học)

20. Kinh "Phật Thuyết Năng Đoạn Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa"

Đại Tạng Kinh VN mang số 0239, 1 quyển do Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh, đời Đường dịch từ Phạn sang Hán và nhóm Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh dịch từ Hán sang Việt.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Bí-sô và các Đại Bồ-tát ở tại vườn Cấp cô độc thuộc khu Thắng lâm.

Lúc bấy giờ, vào buổi sáng, Thế Tôn đắp y, cầm bát vào thành khất thực. Sau khi theo thứ tự khất thực rồi về trú xứ thọ trai xong, xếp y, rửa bát, rửa chân, trải tọa cụ và ngồi kiết già, an trụ trong chánh niệm.

Khi ấy các Bí-sô cùng đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân, nhiễu quanh bên phải ba vòng, rồi ngồi xuống một bên. Lúc đó, Cụ thọ Diệu Sinh ngồi trong đại chúng, nương theo oai lực của Phật, liền đứng dậy, trịch vai áo bên phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay cung kính bạch Phật:

–Hiếm có thay, Đức Thế Tôn! Hiếm có thay, Đấng Thiện Thệ! Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác đã đem sự lợi ích tối thắng làm lợi ích cho các Bồ-tát, đã đem sự phú chúc tối thắng, phú chúc cho các Bồ-tát.

Bạch Thế Tôn! Nếu có ai hướng đến Bồ-tát đạo thì nên an trụ thế nào? Tu hành thế nào? Nhiếp phục tâm thế nào?

Đức Phật bảo Diệu Sinh:

–Lành thay, lành thay! Này Diệu Sinh, đúng vậy, đúng như lời ông nói! Như Lai đem sự lợi ích tối thắng cho hàng Bồ-tát, đem sự phó chúc tối thắng cho hàng Bồ-tát. Này Diệu Sinh, ông nên chú ý lắng nghe và khéo suy nghĩ cho kỹ, ta sẽ vì ông mà phân tích, giảng giải cho. Khi có người hướng đến Bồ-tát đạo thì nên an trụ tâm như vầy, tu hành như vầy và nhiếp phục tâm như vầy.

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con rất vui mừng được nghe.

Đức Phật bảo Diệu Sinh:

–Này Diệu Sinh! Nếu có người hướng đến Bồ-tát đạo, thì nên sinh tâm như vầy: "Đối với tất cả các loài chúng sinh như noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh hoặc loài có sắc, không sắc, có tưởng, không tưởng, chẳng phải có tưởng, chẳng phải không tưởng, ta đều đưa họ được diệt độ và nhập vào Vô dư Niết-bàn." Tuy có vô lượng chúng sinh chứng viên tịch, nhưng không có một chúng sinh nào gọi là nhập viên tịch. Vì sao? Vì nếu Bồ-tát tưởng có chúng sinh, thì không gọi là Bồ-tát. Vì còn tưởng ngã, tưởng nhân, tưởng chúng sinh, tưởng thọ giả.

Lại nữa, này Diệu Sinh! Bồ-tát khi thực hành bố thí không nên trụ ở nơi việc mình làm; không trụ ở chỗ thực hành bố thí; không trụ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà thực hành bố thí.

Này Diệu Sinh! Bồ-tát bố thí như vậy, cho đến tướng tưởng cũng không nên trụ. Vì sao? Vì do không trụ vào bố thí mà phước đức tụ hội khó lường.

Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, hư không ở phương Đông có thể lường biết được không?

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn, không thể lường được!

Đức Phật bảo:

–Này Diệu Sinh! Vậy hư không ở phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn góc, trên, dưới, mười phương, có thể lường biết được không?

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn, không thể lường được!

Đức Phật bảo:

–Này Diệu Sinh! Bồ-tát khi thực hành bố thí mà không trụ vào điều gì, thì phước đức thành tựu không thể lường biết, cũng lại như vậy.

Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, có thể dựa vào tướng hoàn hảo thù thắng mà quán sát Như Lai không?

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không thể dựa vào tướng hoàn hảo mà quán được Như Lai. Vì Như Lai dạy rằng tướng thù thắng chẳng phải tướng thù thắng.

Đức Phật bảo:

–Này Diệu Sinh! Tướng thù thắng đều là hư vọng, nếu không có tướng thù thắng tức là không hư vọng. Cho nên không thể dựa vào tướng thù thắng mà quán được Như Lai.

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn! Sau khi chánh pháp diệt năm trăm năm, ở đời vị lai đó, có chúng sinh nào nghe thuyết kinh này mà sinh lòng tin chân thật không?

Đức Phật bảo:

–Này Diệu Sinh, chớ nói như vậy! Ở đời vị lai, có các Bồ-tát trì giới đầy đủ, đạo đức đầy đủ, trí tuệ đầy đủ. Các Bồ-tát đó chẳng phải ở một vị Phật để phụng sự, cúng dường, gieo trồng các thiện căn, mà ở trong vô lượng trăm ngàn Đức Phật đều đã phụng sự, vun trồng các thiện căn. Người đó mới có thể đối với kinh này mà phát sinh lòng tin.

Này Diệu Sinh! Như Lai đều biết người này, thấy người này. Các Bồ-tát đó sẽ phát sinh và thâu nhiếp vô lượng phước đức. Vì sao? Vì Bồ-tát đó không có tưởng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, mong cầu; chẳng có pháp tưởng, chẳng có phi pháp tưởng; chẳng có tưởng, chẳng có vô tưởng. Vì sao? Vì nếu Bồ-tát đó tưởng có pháp tức là có chấp ngã, chấp tình, chấp thọ giả, chấp điều mong cầu. Nếu Bồ-tát đó tưởng có phi pháp thì cũng còn chấp ngã, chấp hữu tình, chấp thọ giả, chấp điều mong cầu. Vì vậy Bồ-tát không nên ôm giữ pháp, không nên ôm giữ phi pháp. Do nghĩa đó, nên Như Lai khi thuyết pháp, thường thí dụ pháp môn như chiếc bè. Người có trí cần hiểu chánh pháp còn bỏ, huống gì phi pháp.

Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, Như Lai có chứng đắc Vô thượng Bồ-đề không? Như Lai có thuyết pháp không?

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn! Theo con hiểu nghĩa Phật thuyết, thì Như Lai đối với pháp Vô thượng Bồ-đề, thực sự không chứng, cũng không thuyết. Vì sao? Vì pháp của Phật thuyết thì không thể ôm giữ, không thể nói; đó chẳng phải pháp cũng chẳng phải là phi pháp. Vì sao? Vì chư Hiền thánh đều dựa vào pháp vô vi mà hiển hiện.

Đức Phật nói:

–Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, nếu có thiện nam, tín nữ nào đem bảy báu đầy khắp cả tam thiên đại thiên thế giới mà bố thí, thì phước đức đạt được có nhiều không?

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Vì sao? Vì sự tích tụ phước đức đó chẳng phải là tụ phước đức, cho nên Như Lai mới gọi là phước đức nhiềrõ ràng

Đức Phật nói:

–Này Diệu Sinh! Nếu như có người đối với kinh này, mà thọ trì thậm chí chỉ bốn câu kệ, rồi còn vì người khác mà diễn giảng, thì phước đức của người này phát sinh nhiều hơn người kia vô lượng vô số. Vì sao? Vì chư Như Lai Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều từ kinh này mà ra. Chư Phật Thế Tôn cũng từ kinh này mà phát sinh. Vì vậy, này Diệu Sinh, Phật pháp mà Như Lai thuyết chẳng phải là Phật pháp, cho nên mới gọi là Phật pháp.

Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, các vị Dự lưu có nghĩ rằng: “Ta đắc quả Dự lưu” không?

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì sao? Vì các vị Dự lưu không có pháp nào để đắc Dự lưu, cho nên mới gọi là Dự lưu; không dự vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp nên mới gọi là Dự lưu. Bạch Thế Tôn! Nếu các vị Dự lưu còn nghĩ ta đắc quả Dự lưu thì các vị ấy còn chấp ngã, hữu tình, thọ giả đều mong cầu.

Đức Phật bảo:

–Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, các vị Nhất lai có nghĩ rằng: “Ta đắc quả Nhất lai” không?

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì không có một pháp nhỏ nào để chứng đắc tự tánh Nhất lai, cho nên mới gọi là Nhất lai.

Đức Phật bảo:

–Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, các vị Bất hoàn có nghĩ rằng: “Ta đắc quả Bất hoàn không?

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì không có một pháp nào nhỏ để chứng đắc tự tánh Bất hoàn, cho nên mới gọi là Bất hoàn.

Đức Phật nói:

–Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, các vị A-la-hán có nghĩ rằng: “Ta đắc quả A-la-hán” không?

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì không có một pháp nhỏ nào để chứng đắc A-la-hán, cho nên mới gọi là A-la-hán. Bạch Thế Tôn! Nếu A-la-hán còn nghĩ ta đắc quả A-la-hán, thì vị ấy còn chấp ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, điều mong cầu.

Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai dạy rằng con đã an trụ định Vô tránh; trong các vị tối thắng, con là bậc nhất. Bạch Thế Tôn! Con là vị đắc A-la-hán, đã xa lìa các dục nhiễm, mà thực sự chưa bao giờ con nghĩ rằng mình đắc quả A-la-hán. Bạch Thế Tôn! Nếu con nghĩ rằng mình đã đắc quả A-la-hán thì Như Lai sẽ không dạy rằng: "Này Diệu Sinh! Ông đã chứng đắc định Vô tránh, là vị tối thắng bậc nhất." Do con hoàn toàn không trụ nơi đó, cho nên Ngài dạy con đã đắc định Vô tránh và trụ vô tránh.

Đức Phật nói:

–Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, vào thời Phật Nhiên Đăng, Như Lai có nhận lấy chút pháp gì không?

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có một chút pháp gì để Như Lai nhận lấy vào thời Phật Nhiên Đăng.

Đức Phật nói:

–Này Diệu Sinh! Nếu có Bồ-tát nói như vầy: "Ta sẽ trang nghiêm thành tựu cõi Phật". Đó là lời nói hư vọng. Vì sao? Vì trang nghiêm cõi Phật, Như Lai nói chẳng phải trang nghiêm, nên mới gọi là trang nghiêm cõi Phật. Do đó Bồ-tát không trụ nơi sự việc, không trụ nơi chốn; không trụ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Nên sinh tâm không trụ vào sự việc, nơi chốn, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Này Diệu Sinh! Ví như có người thân cao như núi Diệu cao, theo ý ông thì sao, thân đó có to lớn không?

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất lớn! Vì thân to lớn ấy, Như Lai gọi chẳng phải thân, cho nên mới gọi là thân.

Đức Phật bảo:

–Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, trong sông Hằng có vô số cát, cứ một hạt cát là một sông Hằng. Như vậy số cát trong vô số sông Hằng ấy có nhiều không?

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Một con sông đã nhiều vô số cát rồi, huống chi nhiều con sông.

Đức Phật bảo:

–Này Diệu Sinh! Như Lai hỏi ông, nếu có người dùng của cải quý báu, đầy cả thế giới như số cát ấy mà cúng dường Như Lai, thì phước đức đó có nhiều không?

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Đức Phật bảo:

–Này Diệu Sinh! Nếu lại có người đối với kinh này mà thọ trì, duy nhất dù chỉ một bài kệ, còn vì người khác mà giảng thuyết, thì phước đức của người này thù thắng hơn phước đức của người nói ở trên vô lượng, vô biên. Này Diệu Sinh! Nếu trong nước nào có pháp môn này, mà có người thọ trì dù chỉ bốn câu kệ và vì người khác mà giải thích kinh này thì nên biết chỗ đó chính là tháp Phật. Tất cả Trời, Người, A-tu-la… đều đến nhiễu tháp bên hữu và cung kính lễ bái,

huống gì hết lòng thọ trì đọc tụng. Nên biết người đó là vô cùng hy hữu đệ nhất, còn chốn đó như là có Phật và hàng đệ tử tôn quý nhất của Phật vậy.

Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, Như Lai có thuyết một chút pháp gì không?

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có một chút pháp gì để Như Lai thuyết.

Đức Phật bảo:

–Này Diệu Sinh! Bụi trần trong tam thiên đại thiên thế giới có nhiều không?

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Vì Phật thuyết bụi trần chẳng phải bụi trần, nên mới gọi là bụi trần. Các thế giới, Phật thuyết chẳng phải thế giới, nên mới gọi là thế giới.

Đức Phật bảo:

–Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, có thể dựa vào 32 tướng của Đại trượng phu mà thấy Như Lai không?

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không thể dựa vào 32 tướng Đại trượng phu mà thấy Như Lai. Vì 32 tướng, Phật thuyết chẳng phải tướng, nên mới gọi là tướng Đại trượng phu.

Đức Phật dạy:

–Này Diệu Sinh! Nếu có thiện nam, tín nữ nào đem thân mạng mà bố thí nhiều như cát sông Hằng. Lại có người dựa vào kinh này mà thọ trì duy nhất một câu kệ, còn vì người khác giải thích; thì phước đức của người này thù thắng hơn người kia vô lượng vô số.

Khi Tôn giả Diệu Sinh nghe Phật thuyết kinh này, tin hiểu ý nghĩa sâu xa, chợt xúc động rơi lệ, bạch Phật:

–Thật hiếm có, bạch Thế Tôn! Con từ khi phát sinh trí tuệ đến nay, chưa từng được nghe kinh điển sâu xa như vậy. Bạch Thế Tôn! Kinh này nên gọi là gì? Chúng con phải phụng trì thế nào?

Đức Phật dạy:

–Này Diệu Sinh! Kinh này gọi là Bát nhã Ba la mật, nên phụng trì như vậy. Vì sao? Vì Phật thuyết Bát nhã Ba la mật là chẳng phải Bát nhã Ba la mật.

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có người nghe kinh này, sinh lòng tin tưởng chân thật, nên biết người này rất hiếm có. Bạch Thế Tôn! Người tin tưởng chân thật, tức chẳng phải tin tưởng chân thật, cho nên Như Lai mới gọi là tin tưởng chân thật.

Bạch Thế Tôn! Con nghe kinh này liền sinh lòng tin hiểu, nhưng chưa hy hữu bằng người ở đời vị lai nghe kinh này mà thọ trì, thì người đó mới là hiếm có nhất. Vì sao? Vì người đó không tưởng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả đều mong cầu. Sở dĩ nói tưởng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả đều mong cầu tức chẳng phải là tưởng. Chư Phật, Thế Tôn đều xa lìa các tưởng.

Đức Phật nói:

–Này Diệu Sinh, đúng vậy, đúng vậy! Nếu có người được nghe kinh này mà không kinh hãi, nghi ngờ không hoảng hốt, không sợ hãi; nên biết người này rất hiếm có nhất. Vì sao? Vì Ba-la-

mật-đa thù thắng này là do Như Lai thuyết. Như Lai thuyết thì vô số chư Phật cũng tuyên thuyết Ba-la-mật-đa, cho nên gọi là Ba-la-mật-đa tối thắng.

Này Diệu Sinh! Khi Như Lai thuyết Nhẫn nhục ba-la-mật, tức chẳng phải là Nhẫn nhục ba-la-mật. Ta nhớ thuở xưa, khi bị vua Kiết-lăng-già cắt đứt thân thể thành từng phần, nhưng ta không có tưởng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả mong cầu. Ta không có tưởng như vậy cũng chẳng phải là vô tưởng. Vì nếu ta có tưởng như vậy thì sẽ sinh tâm sân hận.

Này Diệu Sinh! Ta lại nhớ thời quá khứ, năm trăm năm trước làm Tiên nhẫn nhục. Trong thời gian đó, không bao giờ ta khởi các tưởng như vậy, cho nên xa lìa được các vọng tưởng và phát khởi tâm Vô thượng Bồ-đề, không trụ vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; hoàn toàn không có chỗ để trụ mà sinh tâm kia; chẳng nên trụ pháp, cũng chẳng nên trụ phi pháp mà sinh tâm kia. Vì nếu có chỗ trụ, tức là chẳng phải trụ. Vì vậy Đức Phật dạy, các Bồ-tát phải không có chỗ để trụ, mà thực hành bố thí.

Này Diệu Sinh! Nếu Bồ-tát vì lợi ích cho tất cả chúng sinh mà bố thí, như vậy là tưởng có chúng sinh tức chẳng phải tưởng, chúng sinh đó tức chẳng phải chúng sinh. Vì sao? Vì chư Phật Như Lai xa lìa các tưởng. Này Diệu Sinh! Như Lai là vị nói lời chân thật, là vị nói lời chân như, là vị không nói lời cuồng vọng, là vị không nói lời sai trái.

Này Diệu Sinh! Chỗ chứng pháp và chỗ thuyết pháp của Như Lai chẳng phải thật, chẳng phải dối.

Này Diệu Sinh! Nếu tâm Bồ-tát còn an trụ nơi sự việc, mà thực hành bố thí, thì giống như người vào trong bóng tối không thấy được gì. Bồ-tát không trụ vào sự việc mà thực hành bố thí, thì giống như người có mắt được ánh sáng của mặt trời chiếu vào nên thấy đủ màu sắc. Vì vậy, Bồ-tát không nên trụ vào sự việc mà thực hành bố thí.

Này Diệu Sinh! Nếu có thiện nam, tín nữ nào đối với kinh này mà thọ trì, đọc tụng, vì người diễn thuyết; người như vậy, Phật sẽ dùng trí tuệ, nhãn quan để biết và thấy là người đó sẽ phát sinh, sẽ thâu nhiếp vô lượng phước đức.

Này Diệu Sinh! Nếu có thiện nam, tín nữ nào buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều, đem thân mạng bố thí nhiều như số cát trong sông Hằng và cứ đem thân mạng bố thí như vậy đến vô lượng trăm ngàn ức kiếp. Nếu lại có người nghe kinh này mà không sinh tâm hủy báng thì phước đức này thù thắng hơn người kia. Huống gì viết chép, thọ trì, đọc tụng, vì người khác mà giải thích kinh này.

Này Diệu Sinh! Công đức của kinh này không thể nghĩ bàn, không thể tính kể, vô lượng, vô biên. Như Lai vì người phát tâm Đại thừa mà thuyết; vì người phát tâm Tối thượng thừa mà thuyết. Nếu có người có thể thọ trì, đọc tụng, vì người khác giảng thuyết, Như Lai đều biết, đều thấy và người này thành tựu phước đức không thể tính, không thể lường, không thể nghĩ bàn. Nên biết người này có thể gánh vác Vô thượng Bồ-đề của Như Lai. Vì sao? Vì nếu người ưa pháp Tiểu thừa tức là còn đắm trước vào ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến. Những người này thì không thể thọ trì đọc tụng kinh này.

Này Diệu Sinh! Chỗ nào có kinh này, thì nên biết chỗ ấy như có tháp Phật, tất cả thế gian Trời, Người, A-tu-la đều đến đó lễ nhiễu quanh tháp, cung kính và dâng hoa cúng dường.

Này Diệu Sinh! Nếu có thiện nam, tín nữ nào khi thọ trì kinh điển này, hoặc đọc tụng diễn thuyết, mà bị người đến khinh bỉ mạ nhục. Nên biết người đó trong đời trước đã tạo nhiều ác nghiệp, đáng lẽ đoạ vào đường ác nhưng do thọ trì kinh này, mà đời nay chỉ bị người mạ nhục khinh bỉ. Nhờ làm việc lành nên có thể đoạn trừ ác nghiệp và còn đạt đến quả Bồ-đề.

Này Diệu Sinh! Ta nhớ đời quá khứ, trải qua vô số kiếp, ở chỗ Phật Nhiên Đăng, ta được gặp tám mươi bốn ức na-do-tha Đức Phật, ta đều cúng dường phụng sự không bao giờ để thiếu hay trễ nải. Này Diệu Sinh! Sau khi chánh pháp hoại diệt năm trăm năm, nếu có người thọ trì, đọc tụng, tin hiểu và giải thích rộng ý nghĩa kinh này, thì được vô lượng công đức. Đem công đức trên so sánh với công đức này trăm phần, ngàn phần, vạn ức phần, toán số, số phần, thế phần, đại phần cho đến thí dụ cũng không bằng một phần.

Này Diệu Sinh! Nếu ta nói công đức của người thọ trì, đọc tụng kinh này một cách đầy đủ, thì người nghe sẽ sinh lòng cuồng loạn, mê hoặc không tin. Này Diệu Sinh! Ông nên biết, kinh này không thể nghĩ bàn, người thọ trì kinh này rất là hiếm có, công đức cũng không thể nghĩ bàn.

Tôn giả Diệu Sinh bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có người phát tâm Bồ-tát thì nên an trụ thế nào? Tu hành thế nào? Nhiếp phục tâm thế nào?

Đức Phật bảo Diệu Sinh:

–Này Diệu Sinh! Nếu có người phát tâm Bồ-tát, nên khởi tâm như vầy: “Ta nên độ thoát cho tất cả chúng sinh đều vào Vô dư Niếtbàn. Tuy có vô lượng chúng sinh đạt đến viên tịch nhưng thật sự không có chúng sinh nào được chứng viên tịch. Vì sao? Vì nếu Bồ-tát còn tưởng có chúng sinh, thì không gọi là Bồ-tát.” Này Diệu Sinh! Thật ra không có pháp gì gọi là phát khởi tâm Bồ-tát.

Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, vào thời Phật Nhiên Đăng, Như Lai có chứng đắc một ít pháp gì không?

Tôn giả Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vào thời Phật Nhiên Đăng, Như Lai không có pháp nào để chứng đắc Bồ-đề.

Đức Phật bảo:

–Đúng vậy, đúng vậy! Này Diệu Sinh! Vào thời Phật Nhiên Đăng, Như Lai không có chứng ngộ đại Bồ-đề. Nếu ta có pháp để chứng đắc thì Phật Nhiên Đăng sẽ không thọ ký cho ta, đời sau sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca-Mâu Ni. Do không có sở đắc, cho nên ta được thọ ký thành Phật. Này Diệu Sinh! Nói Như Lai cũng tức là chân như thật tánh, nó chỉ khác tên gọi. Này Diệu Sinh! Nếu nói Như Lai chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đó là lời nói dối. Vì sao? Vì Như Lai không chứng đắc pháp gì gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Diệu Sinh! Pháp mà Như Lai chứng đắc chẳng phải thật, chẳng phải hư, cho nên Phật thuyết tất cả pháp đều là Phật pháp. Này Diệu Sinh! Tất cả pháp ấy, Như Lai thuyết tất cả pháp ấy chẳng phải là pháp, cho nên mới gọi là Phật pháp. Này Diệu Sinh! Cũng ví như thân to lớn của trượng phu vậy!

Diệu Sinh bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thân to lớn, Như Lai thuyết chẳng phải thân cho nên mới gọi là thân to lớn.

Đúng vậy, đúng vậy! Này Diệu Sinh! Nếu có Bồ-tát nói rằng: “Ta phải hóa độ chúng sinh vào tịch diệt”, thì không gọi đó là Bồ-tát. Này Diệu Sinh! Có pháp gì gọi là Bồ-tát không?

Ngài Diệu Sinh bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Không có pháp gì gọi là Bồ-tát.

Đức Phật nói:

–Này Diệu Sinh! Thế nên Như Lai thuyết tất cả pháp không có ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, mong cầu. Này Diệu Sinh! Nếu có Bồ-tát nói: “Ta sẽ thành tựu trang nghiêm cõi Phật. Trang nghiêm cõi Phật ấy, Như Lai nói chẳng phải trang nghiêm, cho nên mới gọi là trang nghiêm.”

Này Diệu Sinh! Nếu có người tin hiểu tánh không của tất cả pháp, gọi tất cả pháp là vô tánh thì Như Lai mới gọi đúng là Bồ-tát.

Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, Như Lai có Nhục nhãn không?

Diệu Sinh thưa:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như Lai có Nhục nhãn!

Đức Phật hỏi:

Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, Như Lai có Thiên nhãn không?

Diệu Sinh thưa:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như Lai có Thiên nhãn!

Đức Phật hỏi:

–Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, Như Lai có Tuệ nhãn không?

Diệu Sinh thưa:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như Lai có Tuệ nhãn!

Đức Phật hỏi:

–Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, Như Lai có Pháp nhãn không?

Diệu Sinh thưa:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như Lai có Pháp nhãn!

Đức Phật hỏi:

–Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, Như Lai có Phật nhãn không?

Diệu Sinh thưa:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như Lai có Phật nhãn!

Đức Phật bảo Diệu Sinh:

–Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, trong sông Hằng có rất nhiều cát. Cứ mỗi hạt cát là một sông Hằng. Vậy số thế giới như số cát trong vô số sông Hằng ấy có nhiều không?

Diệu Sinh thưa:

–Đúng vậy! Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Đức Phật nói:

–Này Diệu Sinh! Chúng sinh trong thế giới này có rất nhiều tánh tình, hành động của tâm luôn biến đổi ta đều biết rõ. Vì sao? Này Diệu Sinh! Đó là tâm Đà-la-ni, Như Lai gọi là vô trì, do vô trì cho nên tâm luôn biến động. Vì quá khứ, tâm không thể nắm bắt được, vị lai, tâm không thể nắm bắt được, hiện tại, tâm cũng không thể nắm bắt được.

Này Diệu Sinh! Theo ý ông, nếu có người dùng bảy báu đầy khắp cả tam thiên đại thiên thế giới mà bố thí, người này có được nhiều phước đức không?

Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Đức Phật dạy:

–Này Diệu Sinh! Nếu sự tích tụ phước đức này là phước đức tích tụ được, thì Như Lai không thuyết đó là sự tích tụ phước đức.

Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, có thể dựa vào sắc thân viên mãn mà thấy Như Lai không?

Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không thể dựa vào sắc thân viên mãn mà thấy Như Lai. Vì sao? Vì sắc thân viên mãn Như Lai thuyết chẳng phải là sắc thân viên mãn, cho nên mới gọi là sắc thân viên mãn.

Đức Phật dạy:

–Này Diệu Sinh! Có thể dựa vào tướng hoàn hảo mà thấy Như Lai không?

Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không thể dựa vào tướng hoàn hảo mà thấy Như Lai. Vì sao? Vì các tướng hoàn hảo, Như Lai thuyết chẳng phải là tướng hoàn hảo, cho nên mới gọi là tướng hoàn hảo.

Đức Phật dạy:

–Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, Như Lai có nghĩ rằng: “Ta thuyết pháp” không? Ông chớ cho rằng Như Lai nghĩ như vậy. Nếu nói Như Lai có thuyết pháp, tức là hủy báng ta. Vì nói thuyết pháp tức là không có pháp để thuyết, cho nên mới gọi là thuyết pháp.

Diệu Sinh bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ở đời vị lai, có chúng sinh nào nghe thuyết kinh này, liền sinh lòng tin tưởng không?

Đức Phật dạy:

–Này Diệu Sinh! Có người sinh lòng tin, nhưng đó chẳng phải chúng sinh, cũng chẳng phải phi chúng sinh. Vì chúng sinh ấy, Như Lai nói chẳng phải là chúng sinh, nên mới gọi là chúng sinh.

Này Diệu Sinh! Theo ý ông, khi Phật chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có pháp gì để chứng đắc không?

Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thật ra không có pháp gì để Phật chứng đắc.

Đức Phật dạy:

–Này Diệu Sinh, đúng vậy! Trong đấy không có pháp nào có thể chứng đắc gọi là Vô thượng Bồ-đề. Vì không ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Tánh của nó bình đẳng không cao không thấp, không mong cầu nên gọi là Vô thượng Bồ-đề. Tất cả thiện pháp đều được hiểu rõ một cách chân chánh gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Diệu Sinh! Thiện pháp ấy, Như Lai thuyết chẳng phải là thiện pháp, nên mới gọi là thiện pháp.

Này Diệu Sinh! Nếu có người đem bảy báu nhiều như các núi Diệu Cao, đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới mà bố thí. Cũng lại có người thọ trì kinh này, dù chỉ một bài kệ bốn câu, hoặc

tự mình thọ trì hay giảng dạy cho người khác. Đem phước đức trên so sánh với phước đức này, thì trăm phần, ngàn phần, ức phần, toán phần, thế phần, số phần, nhân phần cho đến thí dụ phần cũng không bằng một phần.

Này Diệu Sinh! Theo ý ông, Như Lai có hóa độ chúng sinh không? Ông đừng bao giờ thấy Như Lai có hóa độ chúng sinh. Vì chưa từng có một chúng sinh nào để Như Lai hóa độ. Nếu có chúng sinh để Như Lai hóa độ thì Như Lai còn ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến. Này Diệu Sinh! Nếu còn chấp ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến, Như Lai gọi chẳng phải là chấp, chỉ các phàm phu ngu muội mới chấp điều này. Này Diệu Sinh! Chúng sinh phàm phu ngu muội, Như Lai thuyết chẳng phải là chúng sinh, nên mới gọi là chúng sinh phàm phu ngu muội.

Này Diệu Sinh! Theo ý ông, có thể dựa vào tướng hoàn hảo mà quán sát Như Lai không?

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không thể dựa vào tướng hoàn hảo mà quán sát Như Lai.

Đức Phật bảo Diệu Sinh:

–Này Diệu Sinh! Nếu dựa vào tướng hoàn hảo mà quán được Như Lai, thì chẳng lẽ Chuyển luân thánh vương cũng là Như Lai sao. Vì vậy không nên dựa vào tướng hoàn hảo mà quán được Như Lai. Nên dựa vào các tướng chẳng phải tướng mà quán sát Như Lai.

Khi đó Thế Tôn nói bài kệ:

Nếu dùng sắc thấy ta
Dùng âm thanh cầu ta
Người đó khởi tà niệm
Không thể thấy được ta.
Nên quán tánh Phật pháp
Là Pháp thân, Đạo sư
Pháp tánh chẳng có thức
Điều đó không thể ngộ.

Này Diệu Sinh! Các vị Bồ-tát phát tâm, pháp của các vị ấy phải chăng là đoạn diệt? Ông chớ thấy như vậy. Vì sao? Vì pháp của Bồ-tát là không mất.

Này Diệu Sinh! Nếu có thiện nam, tín nữ nào đem bảy báu nhiều bằng hằng hà sa thế giới ấy mà bố thí. Nếu lại có người ở trong pháp vô ngã, vô sinh mà chứng đắc pháp nhẫn nhục, thì phước đức người này phát sinh nhiều hơn người kia vô lượng vô số. Này Diệu Sinh! Bồ-tát không nên chấp lấy phước đức.

Diệu Sinh bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tại sao Bồ-tát không chấp lấy phước đức.

Đức Phật dạy:

–Này Diệu Sinh! Điều chân chánh còn không nên chấp lấy, chấp lấy điều sai trái làm gì! Này Diệu Sinh! Như có người nói: Như Lai hoặc đến, hoặc đi, hoặc ngồi, hoặc nằm, thì người đó không hiểu được ý nghĩa lời dạy của ta. Vì Như Lai là hoàn toàn không đến cũng không đi.

Này Diệu Sinh! Nếu có thiện nam, tín nữ nào đem đất trong tam thiên đại thiên thế giới, nghiền nát làm bụi mực. Này Diệu Sinh! Theo ý ông, bụi mực rất nhỏ này có nhiều không?

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Vì nếu tánh phước đức tụ hội là thật, thì Như Lai không thuyết tụ hội nhiều như vi trần, sự tụ hội nhiều như vi trần. Vì sao? Vì tụ hội nhiều như vi trần ấy thuyết chẳng phải tụ hội nhiều như vi trần, cho nên mới gọi là tụ hội nhiều như vi trần.

Bạch Thế Tôn! Như Lai nói tam thiên đại thiên thế giới chẳng phải là thế giới, cho nên mới gọi là tam thiên đại thiên thế giới. Vì sao? Vì nếu thế giới là thật có, Như Lai cho là còn chấp trước sự tụ hội. Phật nói chấp trước sự tụ hội là chẳng phải chấp trước sự tụ hội, cho nên mới gọi là chấp trước sự tụ hội.

Đức Phật dạy:

–Này Diệu Sinh! Sự chấp lấy đắm chìm vào tụ hội này, người đời gọi là luận bàn. Thể tánh của nó thật không thể nói, chỉ có hạng phàm phu ngu muội vọng chấp lấy sự tụ hội một cách sai trái thôi!

Này Diệu Sinh! Như có người nói rằng Đức Phật nói ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến, điều mong cầu kiến thì lời nói đó đúng hay sai?

Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn, không đúng! Vì sao? Vì nếu cho rằng Như Lai nói ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến, tức chẳng phải là kiến, cho nên mới gọi là ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến, điều mong cầu kiến.

Đức Phật dạy:

–Này Diệu Sinh! Ai hướng đến Bồ-tát thì đối với tất cả pháp nên thấy như vậy, biết như vậy và hiểu như vậy. Người hiểu như vậy, thì pháp tưởng cũng không có chỗ trụ. Vì pháp tưởng, Như Lai thuyết chẳng phải tưởng, cho nên gọi là pháp tưởng.

Này Diệu Sinh! Nếu có người đem bảy báu đầy khắp vô lượng, vô số thế giới mà bố thí. Hoặc có người dựa vào kinh này mà thọ trì, đọc tụng bốn câu kệ rất thông thuộc, rồi còn vì người khác mà giảng thuyết đúng đắn nghĩa lý sâu xa của kinh này thì phước đức phát sinh nhiều hơn người kia vô lượng, vô số. Thuyết giảng đúng đắn là thế nào? Đó là không có pháp để có thể thuyết giảng, cho nên gọi là thuyết giảng đúng đắn. Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ:

Tất cả pháp hữu vi
Như quáng mắt, đèn, sao
Bọt, sương, mây, mộng điện
Nên khởi quán như vậy.

Khi Thế Tôn nói kinh này xong, Cụ thọ Diệu Sinh và các vị Đại Bồ-tát, Bí-sô, Bí-sô-ni, Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca, tất cả thế gian Trời, Người, A-tu-la… đều hoan hỷ tín thọ, phụng hành.

HẾT

---o0o---

(Tạng Thư Phật Học)

21. Kinh "Thật Tướng Bát Nhã Ba La Mật"

Đại Tạng Kinh Việt Nam mang số 0240, 1 quyển do Tam tạng Bồ-đề-lưu-chí, đời Đường dịch từ Phạn sang Hán và nhóm Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh dịch từ Hán sang Việt.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Thế Tôn do thành tựu viên mãn ngôi vị chánh trí Kim cang của tất cả các Như Lai, đội mão báu quán đảnh thù thắng vượt lên ba cõi, đại Du-già tự tại vô ngại, nên được trí thâm sâu vi diệu, chứng pháp bình đẳng, làm các việc đều được rốt ráo, tùy theo tâm chúng sinh ưa muốn đều làm cho mỹ mãn, ba đời mỹ mãn không bị lay động, ba nghiệp kiên cố cũng như ánh sáng Kim cang chiếu khắp châu thân.

Đức Phật trú tại cung điện cõi trời Tha hóa ở cõi Dục. Cung điện ấy được trang trí bằng các châu báu tốt đẹp, làm bằng ngọc báu ma-ni lớn, cờ lọng lụa là, màu sắc rực rỡ. Những chuỗi châu báu khi gió thổi đến làm lay động, phát ra âm thanh. Tất cả Như Lai thường đến nơi đó đều khen ngợi là nơi tuyệt vời nhất. Lại có tám vạn ngàn Đại Bồ-tát, trước sau vây quanh cúng dường, cung kính Thế Tôn. Vì các vị Bồ-tát, Phật thuyết pháp đầu, giữa, sau đều thiện, nghĩa lý sâu xa, ngôn từ khéo léo, thuần nhất không xen tạp, thanh tịnh, viên mãn. Các Bồ-tát ấy tên là Bồ-tát Kim Cang Thủ, Bồ-tát Quán Tự Tại, Bồ-tát Hư Không Tạng, Bồ-tát Văn-thù sư-lợi, Bồ-tát Chuyển Pháp Luân, Bồ-tát Hàng Phục Nhất Thiên Ma. Các Đại Bồ-tát ấy là đứng đầu.

1. Pháp môn tất cả pháp tự tánh thanh tịnh thật tướng Bát nhã Ba la mật.

Bấy giờ ở giữa đại chúng, Thế Tôn thuyết cho các Bồ-tát nghe **pháp môn tất cả pháp tự tánh thanh tịnh thật tướng Bát nhã Ba la mật**. Nghĩa là, **ái** thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; **kiến** thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; **nhiễm trước** thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; **vui thích** thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; **tạng** thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; **trang nghiêm** thanh tịnh địa vị Bồ-tát; **ngữ** thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; **ý** thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; **sắc** thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; **thanh** thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; **hương** thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; **vị** thanh tịnh là địa vị của Bồ-tát; vì thanh tịnh là địa vị Bồ-tát. Vì sao? Vì tất cả các pháp tự tánh thanh tịnh. Tất cả các pháp tự tánh thanh tịnh tức là Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.

Bấy giờ, khi thuyết pháp môn này rồi, Thế Tôn lại bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Này Kim Cang Thủ! Nếu người nào được nghe pháp môn tất cả pháp tự tánh thanh tịnh thật tướng Bát nhã Ba la mật này, một lần lọt vào tai thì tất cả phiền não chướng, nghiệp chướng, pháp chướng, các tội rất nặng của người ấy đều tự tiêu trừ. Người nào đọc tụng, tư duy, tu tập thì ngay trong đời này được Tam-muội Kim cang, tất cả pháp tánh bình đẳng; trải qua mười sáu đời khác sẽ được tự tại thâm nhập, vui thích tất cả pháp môn, cho đến sẽ được thân Kim cang của chư Phật Như Lai.

Khi ấy, Như Lai liền nói thần chú **"Hàm".**

2. Pháp môn tánh tịch tĩnh thành Chánh giác thật tướng Bát nhã Ba la mật.

Bấy giờ, Thế Tôn lại dùng tướng ánh sáng chiếu khắp của tất cả Như Lai, nói cho các Bồ-tát pháp môn tánh tịch tĩnh thành Chánh giác thật tướng Bát nhã Ba la mật của tất cả chư Phật. Đó là, thành Chánh giác Kim cang bình đẳng, vì tánh của đại Bồ-đề kiên cố như Kim cang; thành Chánh giác Nghĩa bình đẳng, vì tánh của đại Bồ-đề là Đệ nhất nghĩa; thành Chánh giác Pháp bình đẳng, vì tự tánh của đại Bồ-đề vốn thanh tịnh; thành Chánh giác Nhất thiết bình đẳng, vì tánh của đại Bồ-đề vốn xa lìa tất cả sự phân biệt.

Khi ấy, Thế Tôn nói pháp môn này rồi lại bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Này Kim Cang Thủ! Người nào được nghe pháp môn bản tánh tịch tĩnh thành Chánh giác thật tướng Bát nhã Ba la mật này, lại thọ trì, đọc tụng, tư duy, tu tập, nên biết người ấy vượt qua được tất cả đường ác, mau chứng quả Vô thượng Bồ-đề.

Bấy giờ, Như Lai lại nói thần chú **"Án".**

3. Pháp môn tất cả pháp bình đẳng thật tướng Bát nhã Ba la mật.

Khi ấy, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại dùng tướng Thích-ca Mâu-ni hay điều phục chúng sinh khó điều phục của tất cả Như Lai để nói **pháp môn tất cả pháp bình đẳng thật tướng Bát nhã Ba la mật**. Đó là tánh không hý luận của tham, tánh không hý luận của sân, tánh không hý luận của si. Vì sao? Vì tánh của tất cả các pháp vốn không hý luận. Tất cả các pháp tánh không hý luận, nên tánh của Bát nhã Ba la mật cũng không hý luận.

Bấy giờ, Thế Tôn nói pháp môn này xong lại bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Này Kim Cang Thủ! Nếu người nào được nghe pháp môn tất cả pháp bình đẳng thật tướng Bát nhã Ba la mật này, thọ trì, đọc tụng, tư duy, tu tập; giả sử người ấy có giết hại tất cả chúng sinh trong ba cõi thì cũng hoàn toàn không do việc này mà đọa vào đường ác. Vì sao? Vì người ấy đã lãnh thọ luật nghi đều phục tâm. Nên biết vị ấy mau được Vô thượng Bồ-đề.

Khi ấy, Như Lai lại nói thần chú **"Hám".**

4. Pháp môn tất cả pháp tánh bình đẳng quán tự tại trí ấn thật tướng Bát nhã Ba la mật.

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại dùng tướng tự tánh thanh tịnh của tất cả Như Lai để nói **pháp môn tất cả pháp tánh bình đẳng quán tự tại trí ấn thật tướng Bát nhã Ba la mật.** Nghĩa là, sự thanh tịnh của tánh tham, tánh sân của tất cả thế gian. Do tánh tham, tánh sân của tất cả thế gian là thanh tịnh nên tánh cấu, tánh tội, của tất cả thế gian là thanh tịnh. Do tánh cấu, tánh tội của tất cả thế gian là thanh tịnh nên tánh pháp, tánh chúng sinh của tất cả thế gian cũng thanh tịnh. Vì tánh pháp, tánh chúng sinh của tất cả thế gian là thanh tịnh, nên tánh trí của tất cả thế gian là thanh tịnh. Tánh trí của tất cả thế gian thanh tịnh nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.

Bấy giờ, Thế Tôn nói pháp môn này xong, lại bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Này Kim Cang Thủ! Nếu người nào được nghe pháp môn tất cả pháp bình đẳng quán tự tại trí ấn thật tướng Bát nhã Ba la mật này, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tu tập thì người ấy tuy ở

trong trần cấu năm dục nhưng không bị tham dục, không bị các tội lỗi làm ô nhiễm; cũng như hoa sen tuy ở trong bùn lầy nhưng chẳng bị dính bùn. Cho đến mau chứng quả Vô thượng Bồ-đề.

Khi ấy Như Lai lại nói thần chú **"Kiết rị".**

5. Pháp môn quán đảnh xuất hiện trí tạng thật tướng Bát nhã Ba la mật.

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại dùng tướng làm chủ ba cõi của tất cả Như Lai để nói **pháp môn quán đảnh xuất hiện trí tạng thật tướng Bát nhã Ba la mật** của tất cả chư Phật. Nghĩa là, thí quán đảnh làm cho tất cả được ngôi vua trong ba cõi, thí tài bảo làm cho tất cả đều mong muốn đều được đầy đủ; thí pháp thanh tịnh làm cho được tất cả thật tánh của các pháp; thí thức ăn uống làm cho tất cả thân tâm đều an lạc.

Khi ấy Như Lai lại nói thần chú **"Đác lãm".**

6. Pháp môn Kim cang trí ấn thậm thâm xứ thật tướng Bát nhã Ba la mật.

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại dùng tướng bí tạng trí ấn thường trụ của tất cả Như Lai để nói **pháp môn Kim cang trí ấn thậm thâm xứ thật tướng Bát nhã Ba la mật**. Nghĩa là, Kim cang Thân ấn được tất cả chư Phật giữ gìn, vì chứng được thể tánh chân thật của các Như Lai; Kim cang Ngữ ấn được tất cả chư Phật giữ gìn, vì chứng được đầy đủ tất cả Tam-muội; Kim cang Trí ấn được tất cả chư Phật giữ gìn, vì chứng đắc được thân ngữ ý tối thượng như Kim cang.

Bấy giờ, Thế Tôn nói pháp môn này xong lại bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Này Kim Cang Thủ! Người nào nghe được pháp môn Kim cang trí ấn thậm thâm xứ thật tướng Bát nhã Ba la mật này của tất cả chư Phật, rồi thọ trì, đọc tụng, tư duy, chánh niệm, nên biết người ấy sẽ được thành Kim cang ấn tối thượng đối với tất cả trí, và các sự nghiệp đều được viên mãn; thân, khẩu, ý tánh như Kim cang, cho đến sẽ thành quả Vô thượng Bồ-đề.

Khi ấy, Như Lai lại nói thần chú **"A".**

7. Pháp môn văn tự chuyển luân phẩm thật tướng Bát nhã Ba la mật.

Bấy giờ vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại dùng tướng xa lìa hẳn hý luận của tất cả Như Lai để nói **pháp môn văn tự chuyển luân phẩm thật tướng Bát nhã Ba la mật.** Nghĩa là, tất cả các pháp là không, vì không có tự tánh; tất cả các pháp là vô tướng, vì xa lìa các tướng; tất cả các pháp là vô nguyện, vì xa lìa các nguyện; tất cả các pháp tự tánh thanh tịnh, nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.

Khi ấy Như Lai lại nói thần chú **"A".**

8. Pháp môn thâm nhập chuyển luân rộng lớn thật tướng Bát nhã Ba la mật.

Bấy giờ vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại dùng tướng thâm nhập chuyển luân rộng lớn của tất cả Như Lai để nói **pháp môn thâm nhập chuyển luân rộng lớn thật tướng Bát nhã Ba la mật.** Nghĩa là, tánh thâm nhập bình đẳng của Kim Cang, vì được thâm nhập chuyển luân của tất cả Như Lai; tánh thâm nhập nghĩa bình đẳng, vì được thâm nhập chuyển luân của tất cả Bồ-tát; tánh

thâm nhập pháp bình đẳng, vì được thâm nhập diệu pháp chuyển luân; tánh thâm nhập bình đẳng, vì được thâm nhập vào tất cả chuyển luân.

Khi ấy Như Lai lại nói thần chú **"Lam".**

9- Pháp môn quảng cúng dường chư Phật tối đệ nhất thật tướng Bát nhã Ba la mật.

Bấy giờ vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại dùng các phương tiện thiện xảo lớn của tất cả Như Lai để nói **pháp môn quảng cúng dường chư Phật tối đệ nhất thật tướng Bát nhã Ba la mật**. Nghĩa là, phát tâm Bồ-đề, tức là phương tiện thiện xảo lớn cúng dường khắp tất cả chư Phật; cứu độ chúng sinh, tức là phương tiện thiện xảo lớn để cúng dường khắp tất cả chư Phật; giữ gìn chánh pháp, tức là phương tiện thiện xảo lớn cúng dường khắp tất cả chư Phật.

Bấy giờ, Thế Tôn nói pháp môn này xong lại bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Này Kim Cang Thủ! Nếu người nào được nghe pháp môn tối đệ nhất quảng cúng dường chư Phật thật tướng Bát nhã Ba la mật này, hoặc tự mình ghi chép, hoặc bảo người khác ghi chép, hoặc tự mình thọ trì, hoặc bảo người thọ trì, hoặc tự mình đọc tụng, hoặc bảo người đọc tụng, hoặc tự mình tư duy, hoặc bảo người tư duy, hoặc tự mình cúng dường, hoặc bảo người cúng dường, tùy theo việc làm ấy tức là phương tiện thiện xảo lớn cúng dường khắp tất cả chư Phật.

Khi ấy Như Lai lại nói thần chú **"Án".**

10. Pháp môn bí mật trí tạng thật tướng Bát nhã Ba la mật hay điều phục nhiếp thọ tất cả chúnh sinh.

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại dùng tướng hay điều phục của tất cả các Như Lai để nói **pháp môn bí mật trí tạng thật tướng Bát nhã Ba la mật hay điều phục nhiếp thọ tất cả chúnh sinh.** Nghĩa là, tánh bình đẳng của tất cả chúng sinh là tánh sân bình đẳng; tánh điều phục của tất cả chúng sinh là tánh điều phục sân; tánh chân pháp của tất cả chúng sinh là tánh chân pháp của sân; tánh Kim cang của tất cả chúng sinh là tánh Kim cang của sân. Tại vì sao? Vì tánh điều phục của tất cả chúng sinh chính là Bồ-đề.

Khi ấy Như Lai lại nói thần chú "Hà".

Bấy giờ vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại dùng tướng trụ bình đẳng của tất cả Như Lai để nói pháp môn trí tánh bình đẳng tối thắng của tất cả pháp thật tướng Bát nhã Ba la mật. Nghĩa là, tánh bình đẳng của tất cả các pháp là tánh bình đẳng của Bát nhã Ba la mật; tánh đệ nhất nghĩa của tất cả các pháp là tánh đệ nhất nghĩa của Bát nhã Ba la mật; tánh pháp của tất cả các pháp là tánh pháp của Bát nhã Ba la mật; tánh nghiệp dụng của tất cả các pháp là tánh nghiệp dụng của Bát nhã Ba la mật.

Khi ấy Như Lai lại nói thần chú **"Hiệt rị".**

11. Pháp môn chỗ dựa cho tất chúng sinh thật tướng Bát nhã Ba la mật.

Bấy giờ vì các Bồ-tát, Thế Tôn dùng tướng làm chỗ nương tựa cho chúng sinh của tất cả Như Lai để nói **pháp môn chỗ dựa cho tất chúng sinh thật tướng Bát nhã Ba la mật**. Nghĩa là, tất

cả chúng sinh là Như Lai tạng, vì đều ở khắp trong thể tánh Bồ-tát Phổ Hiền; tất cả các chúng sinh là Kim cang, vì đều được nước Kim cang tạng rưới ướt; tất cả chúng sinh là chánh pháp tạng vì bản tánh lời nói là ngôn từ đúng đắn; tất cả chúng sinh là diệu nghiệp tạng, vì sự hoạt động của các nghiệp thiện xảo vi diệu.

Khi ấy Như Lai lại nói thần chú **"Để rị".**

12. Pháp môn tất cả các pháp vô lượng, vô biên tận cùng rốt ráo bình đẳng thật tướng Bát nhã Ba la mật.

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại dùng tướng vô lượng, vô biên tận cùng rốt ráo của tất cả Như Lai để nói **pháp môn tất cả các pháp vô lượng, vô biên tận cùng rốt ráo bình đẳng thật tướng Bát nhã Ba la mật**. Nghĩa là, vì Bát nhã Ba la mật là vô lượng, nên tất cả chư Phật cũng vô lượng; vì Bát nhã Ba la mật là vô biên, nên tất cả chư Phật cũng vô biên; vì Bát nhã Ba la mật tánh nhất như, nên nên các pháp cũng tánh nhất như; vì Bát nhã Ba la mật tận cùng rốt ráo, nên tất cả các pháp cũng tận cùng rốt ráo.

Bấy giờ, Thế Tôn nói pháp môn này xong, lại bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

Này Kim Cang Thủ! Nếu người nào được nghe pháp môn vô lượng, vô biên tận cùng rốt ráo thật tướng Bát nhã Ba la mật này, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy, thì tất cả nghiệp chướng của người ấy đều được tiêu trừ hết không còn sót lại, mau đến Bồ-đề; đối với thân Kim cang Như Lai được tự tại.

Khi ấy Như Lai lại nói thần chú **"Phiếu".**

13. Pháp môn Kim cang bất không vô ngại đại an lạc quyết định nhập pháp tánh.

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại dùng tướng pháp tánh bí mật phổ quang minh ly hý luận của các Như Lai để nói **pháp môn Kim cang bất không vô ngại đại an lạc quyết định nhập pháp tánh** vô sơ trung hậu tối đệ nhất thật tướng Bát nhã Ba la mật. Nghĩa là, các Bồ-tát có thể phụng sự cúng dường rộng lớn nên được sự an lạc tối thượng. Do được sự an lạc tối thượng nên được đạo Bồ-đề tối thượng của chư Phật. Do được Bồ-đề vô thượng của chư Phật nên có thể thu phục được tất cả ma quân. Do thu phục được tất cả ma quân nên được tự tại trong ba cõi. Do được tự tại trong ba cõi nên có thể làm lợi ích cho tất cả chúng sinh đều được an lạc cứu cánh tối thượng. Vì sao? Bài tụng nói:

Có bậc Trí tối thắng
Thường ở trong sinh tử
Cứu độ khắp quần sinh
Mà không nhập Niết-bàn,
Bát nhã Ba la mật
Trí phương tiện cứu cánh
Thành tựu nghiệp thanh tịnh
Thanh tịnh khắp hữu tình.
Với các phiền não tham...
Điều phục các thế gian

Cho đến trời Hữu đảnh
Thanh tịnh không trái ngịch,
Ở trong đời sinh tử
Không nhiễm pháp thế gian
Như hoa sen thơm đẹp
Không ô nhiễm trần cấu,
Ưa muốn làm thanh tịnh
An lạc cho tất cả
Tự tại trong ba cõi
Làm ích lợi bền chắc.

Bấy giờ, nói pháp môn này xong, Thế Tôn lại bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Này Kim Cang Thủ! Người nào nghe được pháp môn Kim cang pháp tánh đại an lạc thật tướng Bát nhã Ba la mật này, hàng ngày mỗi sáng sớm hoặc lắng nghe hoặc đọc tụng liên tục không dứt, nên biết tội chướng của người ấy đều tự tiêu trừ, tâm thường an lạc vui vẻ đệ nhất; ngay trong hiện đời liền được thành tựu Kim cang bất không vô ngại quyết định nhập pháp, lại sẽ thành tựu thân Kim cang kiên cố bí mật của tất cả Như Lai.

Khi ấy Như Lai nói thần chú **"Sa ha".**

Bấy giờ sau khi nói cho các Bồ-tát nghe các pháp môn trên xong, Thế Tôn lại bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Này Kim Cang Thủ! Kinh điển này của ta rất khó được nghe.

Người nào được nghe cho đến dù chỉ một từ, nên biết người ấy đời quá khứ đã từng cúng dường chư Phật, ở chỗ chư Phật đã từng gieo trồng căn lành. Huống là người lắng nghe đọc tụng đầy đủ, nên biết người ấy quyết định đã từng cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi tám mươi ức na-do-tha vô số chư Phật. Nếu kinh điển này ở nơi nào thì ở nơi ấy có tháp chư Phật. Nếu người nào kính trọng kinh này, thường giữ gìn không xa lìa, thì người ấy xứng đáng lãnh thọ sự cung kính cúng dường của tất cả các thế gian. Vị này sẽ được Túc mạng thông, có thể biết được mọi việc trong vô lượng kiếp quá khứ, không bị tất cả Thiên ma Ba-tuần quấy nhiễu, được Tứ đại thiên vương và chư Thiên khác ủng hộ, được tất cả các chư Phật và các vị Bồ-tát thường cùng hộ vệ, tùy ý vãng sinh vào các Tịnh độ trong mười phương.

Này Kim Cang Thủ! Ta nói sơ lược công đức của pháp môn thật tướng Bát nhã Ba la mật như vậy. Nếu nói rộng thì tận cùng kiếp cũng không hết được.

Phật nói kinh này xong, Bồ-tát Kim Cang Thủ và các Đại Bồ-tát, Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Câu-lâu-la, Ma-hầu la-già, Nhân phi nhân…, tất cả chúng hội đều rất hoan hỷ, tin theo vâng làm.

HẾT

---o0o---

(Tạng Thư Phật Học)

22. Kinh "Kim Cương Đảnh Du Già Lý Thú Bát Nhã"

Đại Tạng Kinh Việt Nam, mang số 0241, 1 quyển do Tam tạng Kim Cang Trí đời Đường dịch từ Phạn sang Hán và nhóm Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh dịch từ Hán sang Việt.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Thế Tôn thành tựu viên mãn tánh trí Kim cang tạng bình đẳng trụ trì, các công đức thù thắng hy hữu của Như Lai, có thể hộ trì hoàn toàn mão báu quán đảnh Pháp vương vô thượng của tất cả Như Lai; vượt ra ba cõi, có thể chứng đắc hoàn toàn trí Kim Cang khắp cả Ma-ha du-già tự tại vô ngại của tất cả Như Lai; quyết định thanh tịnh trí diệu pháp của tất cả Như Lai; đã chứng đắc viên mãn tánh ấn bình đẳng, không tịch rốt ráo của tất cả Như Lai; các việc làm đều được thành tựu tốt đẹp, các điều mong cầu chính đáng của tất cả hữu tình đều được đầy đủ; đã khéo an trụ thân, khẩu, ý tánh như Kim cang không động, không hoại của các Như Lai ba đời bình đẳng, thường không đoạn tận, rộng lớn khắp cả.

Đức Thế Tôn ở trong cung trời Tha hóa tự tại của cõi Dục. Tất cả Như Lai thường đến đó cùng nhau khen ngợi cung điện báu ấy. Cung điện ấy làm bằng ngọc ma-ni vô giá; được trang trí bằng các ngọc châu quý xen kẽ nhau chiếu ánh sáng lớn, chuông báu, linh vàng treo thành hàng khắp nơi, gió thổi nhẹ làm lay động phát ra âm thanh hòa nhã; cờ lụa, lọng báu, vòng hoa treo bay phấp phới; ngọc châu anh lạc sáng như trăng rằm. Chư Thiên và Hiền thánh đều rất ưa thích. Có tám mươi ức Đại Bồ-tát tất cả đều đầy đủ môn Đà-la-ni, môn Tam-ma-địa, biện tài vô ngại. Vô lượng công đức như vậy, giả sử trải qua nhiều kiếp khen ngợi cũng không thể hết. Các Bồ-tát ấy là Đại Bồ-tát Kim Cang Thủ, Đại Bồ-tát Quán Tự Tại, Đại Bồ-tát Hư Không Khố, Đại Bồ-tát Kim Cang Quyền, Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Đại Bồ-tát Phát Tâm Tức Chuyển Pháp Luân, Đại Bồ-tát Hư Không Tạng, Đại Bồ-tát Hàng Phục Nhất Thiết Ma Oán. Tám mươi ức Đại Bồ-tát thượng thủ như vậy trước sau vây quanh nghe Phật thuyết giảng chánh pháp đầu, giữa, sau điều thiện; nghĩa lý sâu xa, văn từ khéo léo, thuần nhất, viên mãn, thanh tịnh, phạm hạnh.

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn nói pháp môn tất cả pháp tự tánh thanh tịnh lý thú Bát nhã Ba la mật đa. Pháp môn này tức là ý nghĩa của Bồ-tát.

Thế nào là ý nghĩa Bồ-tát?

Ý nghĩa rất vi diệu thanh tịnh là ý nghĩa Bồ-tát; ý nghĩa các kiến tịch tĩnh hẳn thanh tịnh là ý nghĩa Bồ-tát; ý nghĩa vi diệu vui thích thanh tịnh là ý nghĩa Bồ-tát; ý nghĩa khát ái dứt hẳn thanh tịnh là ý nghĩa Bồ-tát; ý nghĩa thai tạng siêu việt thanh tịnh là ý nghĩa Bồ-tát; ý nghĩa các đức trang nghiêm thanh tịnh là ý nghĩa Bồ-tát; ý nghĩa rất vui thích thanh tịnh là ý nghĩa Bồ-tát; ý nghĩa ý thanh tịnh là ý nghĩa Bồ-tát; ý nghĩa sắc thanh tịnh là ý nghĩa Bồ-tát; ý nghĩa thanh thanh tịnh là ý nghĩa Bồ-tát; ý nghĩa hương thanh tịnh là ý nghĩa Bồ-tát; ý nghĩa vị thanh tịnh là ý nghĩa Bồ-tát; ý nghĩa xúc thanh tịnh là ý nghĩa Bồ-tát.

Vì sao? Vì tất cả pháp tự tánh đều thanh tịnh. Tất cả pháp tự tánh tịnh tức là Bát nhã Ba la mật đa tối thắng thanh tịnh.

Phật nói ý nghĩa pháp Bồ-tát thanh tịnh lý thú Bát-nhã như vậy xong, bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Này Bồ-tát Kim Cang Thủ! Nếu người nào nghe được pháp môn lý thú Bát nhã Ba la mật đa tất cả pháp tự tánh thanh tịnh này, chỉ một lần được nghe vào tai thì các phiền não nghiệp chướng, các tội rất nặng của người ấy đều tự tiêu trừ, cho đến đắc Bồ-đề, không sinh vào đường ác. Nếu có thể hằng ngày thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy thì ngay tại đời này chắc chắn được Tam-ma-địa Kim cang tất cả pháp tánh bình đẳng, trải qua mười sáu đời làm Đại Bồ-tát quyết định được tánh chấp Kim cang của Như Lai, mau chứng đắc Vô thượng Bồ-đề.

Phật liền nói mật ngữ: **"Hồng".**

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại nương vào tướng Tỳ-lô-giána Như Lai để nói pháp môn pháp tánh tịch tĩnh Bát nhã Ba la mậtđa thậm thâm lý thú hiện đẳng giác của tất cả Như Lai. Nghĩa là Kim cang bình đẳng thành Chánh giác, vì đại Bồ-đề tánh kiên cố như Kim cang; Nghĩa bình đẳng thành Chánh giác, vì đại Bồ-đề tánh đệ nhất nghĩa; Pháp bình đẳng thành Chánh giác, vì đại Bồ-đề tự tánh thanh tịnh; tất cả Nghiệp bình đẳng thành Chánh giác, vì đại Bồ-đề xa lìa tất cả phân biệt.

Nói môn pháp tánh xong, Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Này Kim Cang Thủ! Nếu người nào nghe được pháp môn bốn tánh tịch tĩnh thành Chánh giác Bát nhã Ba la mật đa lý thú Hiện đẳng giác này, rồi tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy thì có thể vượt qua đường ác, mau chứng quả Vô thượng Chánh đẳng giác.

Phật lại nói mật ngữ: **"Ám".**

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại nương vào tướng Thích-ca Mâu-ni có thể điều phục hữu tình khó đều phục của tất cả Như Lai để nói pháp môn tất cả pháp phổ thắng bình đẳng lý thú Bát-nhã bala-mật-đa. Nghĩa là, tánh không hý luận của tham, tánh không hý luận của sân, tánh không hý luận của ái. Vì sao? Vì cho đến tất cả đều là tánh không hý luận. Do tất cả đều là tánh không hý luận nên Bát nhã Ba la mật đa tánh không hý luận.

Nói pháp phổ thắng lý thú Bát-nhã điều phục các điều ác này xong, Thế Tôn bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ.

–Này Kim Cang Thủ! Nếu người nào được nghe pháp môn tất cả pháp Phổ thắng bình đẳng lý thú Bát nhã Ba la mật đa này, tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy; giả sử người ấy có giết hại tất cả hữu tình trong ba cõi thì rốt cuộc cũng không do việc này mà đọa vào đường ác. Vì sao? Vì họ đã thọ luật nghi điều phục tâm, thường sinh vào đường lành, tu hạnh Bồ-đề, mau chứng Vô thượng Bồ-đề.

Phật lại nói mật ngữ: **"Hồng".**

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại nương vào tướng tánh thanh tịnh của tất cả Như Lai để nói pháp môn tất cả pháp Tánh bình đẳng quán tự tại trí ấn lý thú Bát nhã Ba la mật đa. Nghĩa là, tất cả tham tánh thanh tịnh, sân tánh thanh tịnh. Vì tất cả tham tánh thanh tịnh nên tất cả cấu tánh thanh tịnh, tội tánh thanh tịnh. Vì tất cả cấu tánh thanh tịnh, tội tánh thanh tịnh nên tất cả pháp tánh thanh tịnh, hữu tình tánh thanh tịnh. Vì tất cả pháp tánh thanh tịnh, hữu tánh thanh tịnh nên

tất cả trí tánh thanh tịnh. Vì tất cả trí tánh thanh tịnh nên Bát nhã Ba la mật đa tối thắng thanh tịnh.

Nói pháp trí ấn thanh tịnh bình đẳng Bát-nhã lý thú này xong, Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Này Kim Cang Thủ! Nếu người nào được nghe pháp môn tất cả pháp Bình đẳng quán tự tại trí ấn lý thú Bát nhã Ba la mật đa này, tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy thì tuy ở trong năm dục nhưng không bị các tội lỗi khách trần phiền não làm ô nhiễm. Ví như hoa sen tuy ở trong bùn lầy nhưng hoàn toàn không nhiễm bùn, vị ấy mau chứng Vô thượng Bồ-đề.

Phật lại nói mật ngữ: **"Hiệt rị".**

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại nương vào tướng vì ba cõi của tất cả Như Lai để nói pháp môn trí tạng quán đảnh xuất hiện lý thú Bát nhã Ba la mật đa của tất cả Như Lai. Nghĩa là, thí quán đảnh để làm cho được ngôi Pháp vương tất cả ba cõi; thí tài bảo làm cho tất cả điều mong muốn đều được đầy đủ; thí pháp thanh tịnh làm cho được tánh của tất cả pháp bảo; thí thức ăn uống làm cho tất cả thân khẩu ý đều được an lạc.

Nói pháp Trí tạng quán đảnh lý thú Bát-nhã xong, Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Nếu người nào được nghe môn Trí tạng quán đảnh lý thú thậm thâm này, tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy thì người ấy mau được viên mãn hạnh Bồ-tát, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Phật lại nói mật ngữ: **"Đát lãm".**

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại nương theo tướng bí tạng trí ấn thường trụ của tất cả Như Lai để nói pháp môn Kim cang trí ấn thậm thâm lý thú Bát nhã Ba la mật đa của tất cả Như Lai. Đó là, giữ gìn Kim cang thân ấn của tất cả Như Lai nên được thể tánh chân thật của tất cả Như Lai; giữ gìn Kim cang ngữ ấn của tất cả Như Lai nên được tất cả môn tự tại; giữ gìn Kim cang tâm ấn của tất cả Như Lai nên được đầy đủ Tam-ma-địa; giữ gìn Kim cang trí ấn của tất cả Như Lai một cách chắc chắn như Kim cang nên được thân, ngữ, ý tối thượng như Kim cang.

Nói pháp trí ấn này xong, Phật bảo Kim Cang Thủ:

–Này Kim Cang Thủ! Nếu người nào nghe được pháp môn Kim cang trí ấn thậm thâm lý thú Bát nhã Ba la mật đa của tất cả Như Lai, tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy thì được thành tựu Kim cang trí ấn tối thượng, được viên mãn Nhất thiết trí và các việc làm, thân ngữ tâm tánh như Kim cang không thể phá hoại, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Phật lại nói mật ngữ: **"Á".**

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại nương theo tướng tất cả pháp không hý luận của Như Lai để nói pháp môn văn tự chuyển luân phẩm lý thú Bát nhã Ba la mật đa. Nghĩa là, tất cả pháp tánh là không vì không có tự tánh; tất cả pháp vô tướng, vì xa lìa các tướng; tất cả pháp vô nguyện, vì xa lìa các nguyện; cho đến tất cả pháp tự tánh thanh tịnh nên Bát nhã Ba la mật đa tự tánh thanh tịnh.

Nói pháp văn tự lìa các hý luận này xong, Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Nếu người nào nghe được pháp môn luân tự vô hý luận lý thú Bát-nhã này, tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy thì đối với tất cả pháp này được trí vô ngại, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Phật lại nói mật ngữ: **“Ám”.**

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại nương vào tướng nhập chuyển luân rộng lớn của tất cả Như Lai để nói pháp môn nhập chuyển rộng lớn Bát nhã Ba la mật đa thậm thâm lý thú tánh bình đẳng. Nghĩa là, nhập Kim cang tánh bình đẳng nên được nhập chuyển luân của tất cả Như Lai; nhập nghĩa tánh bình đẳng nên được nhập pháp chuyển luân của tất cả Bồ-tát; nhập pháp tánh bình đẳng nên được nhập chuyển luân diệu pháp; cho đến nhập tất cả pháp tánh bình đẳng nên được nhập tất cả pháp tánh bình đẳng, được nhập chuyển luân của tất cả pháp.

Nói pháp tánh bình đẳng lý thú Bát-nhã nhập chuyển luân rộng lớn này xong, Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Nếu người nào được nghe pháp môn tánh bình đẳng chuyển luân, tánh lý luận thậm thâm này, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy thì có thể ngộ nhập các tánh bình đẳng, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Phật lại nói mật ngữ: **“Hồng”.**

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại nương vào tướng cúng dường rộng khắp các vật dụng của tất cả Như Lai để nói pháp môn cúng dường rộng khắp các vật dụng tối thắng đệ nhất, vô thượng thậm thâm lý thú Bát nhã Ba la mật đa. Nghĩa là, phát tâm Bồ-đề tức là thành tựu cúng dường rộng khắp tất cả Như Lai; cứu giúp tất cả hữu tình tức là thành tựu cúng dường rộng lớn tất cả Như Lai; giữ gìn diệu pháp tức là thành tựu cúng dường rộng lớn tất cả Như Lai. Cho đến ghi chép, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy, cúng dường Bát nhã Ba la mật đa tức là thành tựu cúng dường rộng khắp tất cả Như Lai.

Nói pháp cúng dường thanh tịnh thậm thâm vô lượng lý thú này xong, Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ và tất cả hội chúng:

–Nếu người nào được nghe pháp môn cúng dường vô lượng lý thú Bát-nhã này, tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy thì mau được viên mãn các hạnh Bồ-tát, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Phật lại nói mật ngữ: **“Ám”.**

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại nương theo tướng hay điều phục tất cả hữu tình của tất cả Như Lai để nói pháp môn bí mật trí tạng lý thú Bát nhã Ba la mật hay điều phục tất cả hữu tình. Nghĩa là, tánh bình đẳng của tất cả hữu tình là tánh bình đẳng của giận dữ; tánh điều phục tất cả hữu tình tức là tánh điều phục giận dữ; tánh chân pháp của tất cả hữu tình tức là tánh chân pháp của giận dữ; tánh như Kim cang của tất cả hữu tình tức là tánh như Kim cang của giận dữ. Vì sao? Vì điều phục tất cả hữu tình làm cho chứng đắc Bồđề.

Nói pháp môn trí tạng lý thú thậm thâm hay điều phục này xong, Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ và tất cả hội chúng rằng:

–Nếu người nào được nghe pháp môn điều phục trí tạng lý thú Bát-nhã này, tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy thì có thể tự điều phục các tội lỗi giận dữ, và cũng có thể điều phục tất cả hữu tình, thường sinh vào đường thiện hưởng các sự an vui tốt đẹp, phát tâm từ đối với kẻ oán đời này, có thể tu hành tốt các hạnh Bồ-tát, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Phật lại nói mật ngữ: **“Hác”.**

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại nương theo tướng trụ bình đẳng của tất cả Như Lai để nói pháp môn lý thú Bát nhã Ba la mậtđa thậm thâm tất cả pháp tánh bình đẳng tối thắng. Nghĩa là, tất cả pháp tánh bình đẳng nên Bát nhã Ba la mật đa thậm thâm cũng là tánh bình đẳng; tất cả pháp tức là tánh đệ nhất nghĩa nên Bát-nhã ba- la-mật-đa thậm thâm cũng là tánh đệ nhất nghĩa; tất cả pháp là tánh pháp nên Bát nhã Ba la mật đa thậm thâm cũng là tánh pháp. Cho đến tất cả pháp có tánh nghiệp dụng nên biết Bát-nhã ba-lamật-đa thâm sâu cũng có tánh nghiệp dụng.

Nói pháp lý thú tối thắng thậm thâm tánh bình đẳng này xong, Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ và hội chúng rằng:

–Nếu người nào nghe được pháp môn lý thú Bát-nhã tối thắng thậm thâm bình đẳng này, tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy thì có thể thông đạt pháp tánh bình đẳng Bát nhã Ba la mật đa thậm thâm, đối với các hữu tình tâm không chướng ngại, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Phật lại nói mật ngữ: **“Hiệt rị”.**

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại nương vào tướng gia trì cho các hữu tình của tất cả Như Lai để nói pháp môn lý thú Bát-nhã bala-mật-đa gia trì cho tất cả các hữu tình. Nghĩa là, tất cả các hữu tình tức là Như Lai tạng, vì ở khắp trong thể tánh của Bồ-tát Phổ Hiền; tất cả hữu tình tức là Kim cang, vì tánh quán đảnh viên mãn; tất cả hữu tình tức là chánh pháp tạng tánh, vì có thể chuyển tất cả bánh xe chánh pháp; tất cả hữu tình tức là sự nghiệp tàng tánh, vì có thể làm tất cả sự nghiệp tương ứng.

Nói pháp thắng tạng lý thú thậm thâm gia trì hữu tình này xong, Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ và hội chúng rằng:

–Nếu người nào được nghe pháp môn thắng tạng biến mãn lý thú Bát-nhã này, tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy thì có thể thông đạt tánh pháp tạng thù thắng, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Phật lại nói mật ngữ: **“Để lợi”.**

Bấy giờ vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại nương vào các tướng vô lượng, vô biên rốt ráo cùng tận của tất cả Như Lai để nói pháp môn tất cả pháp vô lượng, vô biên tận cùng rốt ráo bình đẳng lý thú Bát nhã Ba la mật đa. Nghĩa là, Bát nhã Ba la mật đa thậm thâm vô lượng nên tất cả Như Lai cũng vô lượng; Bát nhã Ba la mật đa thậm thâm vô biên nên tất cả Như Lai cũng vô biên; Bát nhã Ba la mật đa thậm thâm tánh nhất nên tất cả các pháp cũng tánh nhất như; Bát nhã Ba la mật đa thậm thâm rốt ráo hoàn toàn nên tất cả các pháp cũng rốt ráo hoàn toàn.

Nói pháp Kim cang lý thú vô lượng, vô biên tận cùng rốt ráo này xong, Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ và tất cả hội chúng rằng:

–Này Kim Cang Thủ! Nếu người nào được nghe pháp môn Kim cang lý thú Bát nhã Ba la mật cứu cánh này, tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy thì tất cả chướng ngại của người ấy đều được tiêu diệt hoàn toàn không còn sót, quyết định được tánh chấp Kim cang của Như Lai, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Phật lại nói mật ngữ: **“Tỳ dược”.**

Bấy giờ vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại nương vào tướng bí mật pháp tánh Tỳ-lô-giá-na xa lìa hý luận của tất cả Như Lai để nói pháp môn Phổ Hiền đại lạc Kim cang bất không thần chú vô

lượng quyết định nhập các pháp tánh không có đầu giữa sau tối thắng đệ nhất lý thú Bát nhã Ba la mật đa thậm thâm. Nghĩa là, các Bồ-tát hay phụng sự cúng dường rộng khắp nên được đại lạc tối thượng; do được đại lạc tối thượng nên chứng được quả Vô thượng đại Bồ-đề của chư Phật; do được quả Vô thượng Bồ-đề thì có thể điều phục tất cả ma quân; do điều phục được tất cả ma quân nên thành tựu tối thắng tự tại trong ba cõi; do thành tựu tối thắng tự tại trong ba cõi nên có thể làm lợi ích cho tất cả hữu tình đều được an lạc tối thượng cứu cánh.

Phật lại nói mật ngữ: **"Tát phạm".**

Có bậc Trí tối thắng
Thường ở trong sinh tử
Độ khắp các quần sinh
Mà không nhập Niết-bàn,
Bát-nhã ba-la mật
Trí phương tiện cứu cánh
Thành tựu nghiệp thanh tịnh
Làm thanh tịnh các cõi,
Với các phiền não tham
Điều phục các thế gian
Cho đến trời Hữu đảnh
Quả vô vi thanh tịnh.
Tuy ở trong sinh tử
Không nhiễm pháp thế gian
Như hoa sen thơm đẹp
Không bị dính bùn nhơ,
Muốn làm thanh tịnh người
Đem an vui cho người
Tự tại trong ba cõi
Làm lợi ích bền chắc.

Phật lại nói mật ngữ: **"Ha"**

Án, na ma tát bà một đà mẫu địa tát đỏa nam.
Án, bộ địa chất đa bạt chiết lệ.
Án, tam mạn đa bạt đà la giả lợi da.
Án, chân đa ma-ni.
Án, quá di lô đề.
Án, nhược để vĩ đế.
Án, ma ha la già đạt.
Án, mị chiến lý da ca phạ chế.
Án, tát bà già nhị di.
Án, bạt chiết la di lý trà ca phạ chiết đế hồng.
Án, tát bà đát tha nẵng đế.
Án, bà pha bà phạ thuật đề.
Án, đạt ma đa nương na vĩ thuật đề.
Án, yết ma vĩ túc đạt án.
Án, di tô bà bạt chiết lý ni hồng phán.
Án, yết ma la nghê.
Án, nhạ hô bạt chiết phạ.
Án, tát bà na dĩ di.

Án, đốt rị yết.
Án, a ca la mục khiết hộ.
Án, bát lợi nhược ba la đế hác hồng.
Án, ám.
Án, tát bà đát tha ngã đa ma để mậu đạt di.
Án, tát bà đát tha ngã đạ ca nẵng lệ
Án, tát bà đát tha ngã đa chất đa bạt chiết lệ

Án, bạt chiết ra tát đỏa vi tắc phổ tra da tát bà bá da mãn đà na di bát ra mộ khất xoa da tát bà bá da lệ để tệ tát phạ tát đát vãn tát pha đát tha lệ đa tam-muội da bạt ra hồng đát ra tra.

Nói mật ngữ này xong, Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ, Chủ mật ngữ:

–Nếu các hữu tình nào được nghe hai mươi lăm pháp môn bí mật lý thú Bát nhã Ba la mật đa thậm thâm này, tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy thì đời này được thành tựu Kim cang bí mật tối thắng của tất cả Như Lai, không bao lâu sẽ được thân pháp tánh đại Chấp kim cang của tất cả Như Lai.

Sau khi giảng thuyết các pháp môn này cho các Bồ-tát xong, Thế Tôn lại bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Này Kim Cang Thủ! Kinh điển này của ta khó có thể được nghe. Cho đến, người nào nghe được dù là rất ít chỉ một từ, nên biết người này đời quá khứ đã từng cúng dường chư Phật, ở chỗ chư Phật gieo trồng căn lành. Huống là người được nghe đầy đủ, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy! Nên biết, người này quyết định đã từng cúng dường, cung kính tôn trọng khen ngợi tám mươi ức na-dữu-đa hằng hà sa số chư Phật. Nếu ở đâu có kinh này xuất hiện thì ở đó có điện tháp của chư Phật. Nếu các hữu tình kính trọng kinh này, thường giữ gìn không xa lìa, thì người ấy sẽ được tất cả thế gian cung kính cúng dường. Vị ấy sẽ được Túc mạng thông, có thể biết mọi việc trong vô lượng kiếp quá khứ, không bị tất cả chư Thiên ma Ba-tuần quấy nhiễu, được Tứ đại thiên vương và chư Thiên khác thường ủng hộ theo, được tất cả chư Phật và các vị Bồ-tát thường cung cấp hộ vệ, tùy theo ý nguyện được vãng sinh các cõi Phật trong mười phương.

Này Kim Cang Thủ! Nay ta chỉ nói sơ lược công đức pháp môn Lý thú Bát nhã Ba la mật đa như vậy. Nói rộng thì tận cùng kiếp cũng không thể hết.

Phật nói kinh này xong, các vị Bồ-tát Kim Cang Thủ…, các hàng Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩnna-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân… tất cả chúng hội đều rất vui vẻ tin theo và làm theo.

HẾT

---o0o---

(Tạng Thư Phật Học)

23. Kinh "Kim Cương Đảnh Du Già Lý Thú Bát Nhã"

Đại Tạng Kinh Việt Nam, mang số 0241, 1 quyển do Tam tạng Kim Cang Trí đời Đường dịch từ Phạn sang Hán và nhóm Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh dịch từ Hán sang Việt.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Thế Tôn thành tựu viên mãn tánh trí Kim cang tạng bình đẳng trụ trì, các công đức thù thắng hy hữu của Như Lai, có thể hộ trì hoàn toàn mão báu quán đảnh Pháp vương vô thượng của tất cả Như Lai; vượt ra ba cõi, có thể chứng đắc hoàn toàn trí Kim Cang khắp cả Ma-ha du-già tự tại vô ngại của tất cả Như Lai; quyết định thanh tịnh trí diệu pháp của tất cả Như Lai; đã chứng đắc viên mãn tánh ấn bình đẳng, không tịch rốt ráo của tất cả Như Lai; các việc làm đều được thành tựu tốt đẹp, các điều mong cầu chính đáng của tất cả hữu tình đều được đầy đủ; đã khéo an trụ thân, khẩu, ý tánh như Kim cang không động, không hoại của các Như Lai ba đời bình đẳng, thường không đoạn tận, rộng lớn khắp cả.

Đức Thế Tôn ở trong cung trời Tha hóa tự tại của cõi Dục. Tất cả Như Lai thường đến đó cùng nhau khen ngợi cung điện báu ấy. Cung điện ấy làm bằng ngọc ma-ni vô giá; được trang trí bằng các ngọc châu quý xen kẽ nhau chiếu ánh sáng lớn, chuông báu, linh vàng treo thành hàng khắp nơi, gió thổi nhẹ làm lay động phát ra âm thanh hòa nhã; cờ lụa, lọng báu, vòng hoa treo bay phấp phới; ngọc châu anh lạc sáng như trăng rằm. Chư Thiên và Hiền thánh đều rất ưa thích. Có tám mươi ức Đại Bồ-tát tất cả đều đầy đủ môn Đà-la-ni, môn Tam-ma-địa, biện tài vô ngại. Vô lượng công đức như vậy, giả sử trải qua nhiều kiếp khen ngợi cũng không thể hết. Các Bồ-tát ấy là Đại Bồ-tát Kim Cang Thủ, Đại Bồ-tát Quán Tự Tại, Đại Bồ-tát Hư Không Khố, Đại Bồ-tát Kim Cang Quyền, Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Đại Bồ-tát Phát Tâm Tức Chuyển Pháp Luân, Đại Bồ-tát Hư Không Tạng, Đại Bồ-tát Hàng Phục Nhất Thiết Ma Oán. Tám mươi ức Đại Bồ-tát thượng thủ như vậy trước sau vây quanh nghe Phật thuyết giảng chánh pháp đầu, giữa, sau điều thiện; nghĩa lý sâu xa, văn từ khéo léo, thuần nhất, viên mãn, thanh tịnh, phạm hạnh.

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn nói pháp môn tất cả pháp tự tánh thanh tịnh lý thú Bát nhã Ba la mật đa. Pháp môn này tức là ý nghĩa của Bồ-tát.

Thế nào là ý nghĩa Bồ-tát?

Ý nghĩa rất vi diệu thanh tịnh là ý nghĩa Bồ-tát; ý nghĩa các kiến tịch tĩnh hẳn thanh tịnh là ý nghĩa Bồ-tát; ý nghĩa vi diệu vui thích thanh tịnh là ý nghĩa Bồ-tát; ý nghĩa khát ái dứt hẳn thanh tịnh là ý nghĩa Bồ-tát; ý nghĩa thai tạng siêu việt thanh tịnh là ý nghĩa Bồ-tát; ý nghĩa các đức trang nghiêm thanh tịnh là ý nghĩa Bồ-tát; ý nghĩa rất vui thích thanh tịnh là ý nghĩa Bồ-tát; ý nghĩa ý thanh tịnh là ý nghĩa Bồ-tát; ý nghĩa sắc thanh tịnh là ý nghĩa Bồ-tát; ý nghĩa thanh thanh tịnh là ý nghĩa Bồ-tát; ý nghĩa hương thanh tịnh là ý nghĩa Bồ-tát; ý nghĩa vị thanh tịnh là ý nghĩa Bồ-tát; ý nghĩa xúc thanh tịnh là ý nghĩa Bồ-tát.

Vì sao? Vì tất cả pháp tự tánh đều thanh tịnh. Tất cả pháp tự tánh tịnh tức là Bát nhã Ba la mật đa tối thắng thanh tịnh.

Phật nói ý nghĩa pháp Bồ-tát thanh tịnh lý thú Bát-nhã như vậy xong, bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Này Bồ-tát Kim Cang Thủ! Nếu người nào nghe được pháp môn lý thú Bát nhã Ba la mật đa tất cả pháp tự tánh thanh tịnh này, chỉ một lần được nghe vào tai thì các phiền não nghiệp chướng, các tội rất nặng của người ấy đều tự tiêu trừ, cho đến đắc Bồ-đề, không sinh vào đường ác. Nếu có thể hằng ngày thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy thì ngay tại đời này chắc chắn được Tam-ma-địa Kim cang tất cả pháp tánh bình đẳng, trải qua mười sáu đời làm Đại Bồ-tát quyết định được tánh chấp Kim cang của Như Lai, mau chứng đắc Vô thượng Bồ-đề.

Phật liền nói mật ngữ: **"Hồng".**

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại nương vào tướng Tỳ-lô-giá-na Như Lai để nói pháp môn pháp tánh tịch tĩnh Bát nhã Ba la mậtđa thậm thâm lý thú hiện đẳng giác của tất cả Như Lai. Nghĩa là Kim cang bình đẳng thành Chánh giác, vì đại Bồ-đề tánh kiên cố như Kim cang; Nghĩa bình đẳng thành Chánh giác, vì đại Bồ-đề tánh đệ nhất nghĩa; Pháp bình đẳng thành Chánh giác, vì đại Bồ-đề tự tánh thanh tịnh; tất cả Nghiệp bình đẳng thành Chánh giác, vì đại Bồ-đề xa lìa tất cả phân biệt.

Nói môn pháp tánh xong, Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Này Kim Cang Thủ! Nếu người nào nghe được pháp môn bốn tánh tịch tĩnh thành Chánh giác Bát nhã Ba la mật đa lý thú Hiện đẳng giác này, rồi tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy thì có thể vượt qua đường ác, mau chứng quả Vô thượng Chánh đẳng giác.

Phật lại nói mật ngữ: **"Ám".**

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại nương vào tướng Thích-ca Mâu-ni có thể điều phục hữu tình khó đều phục của tất cả Như Lai để nói pháp môn tất cả pháp phổ thắng bình đẳng lý thú Bát-nhã bala-mật-đa. Nghĩa là, tánh không hý luận của tham, tánh không hý luận của sân, tánh không hý luận của ái. Vì sao? Vì cho đến tất cả đều là tánh không hý luận. Do tất cả đều là tánh không hý luận nên Bát nhã Ba la mật đa tánh không hý luận.

Nói pháp phổ thắng lý thú Bát-nhã điều phục các điều ác này xong, Thế Tôn bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ.

–Này Kim Cang Thủ! Nếu người nào được nghe pháp môn tất cả pháp Phổ thắng bình đẳng lý thú Bát nhã Ba la mật đa này, tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy; giả sử người ấy có giết hại tất cả hữu tình trong ba cõi thì rốt cuộc cũng không do việc này mà đọa vào đường ác. Vì sao? Vì họ đã thọ luật nghi điều phục tâm, thường sinh vào đường lành, tu hạnh Bồ-đề, mau chứng Vô thượng Bồ-đề.

Phật lại nói mật ngữ: **"Hồng".**

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại nương vào tướng tánh thanh tịnh của tất cả Như Lai để nói pháp môn tất cả pháp Tánh bình đẳng quán tự tại trí ấn lý thú Bát nhã Ba la mật đa. Nghĩa là, tất cả tham tánh thanh tịnh, sân tánh thanh tịnh. Vì tất cả tham tánh thanh tịnh nên tất cả cấu tánh thanh tịnh, tội tánh thanh tịnh. Vì tất cả cấu tánh thanh tịnh, tội tánh thanh tịnh nên tất cả pháp tánh thanh tịnh, hữu tình tánh thanh tịnh. Vì tất cả pháp tánh thanh tịnh, hữu tánh thanh tịnh nên

tất cả trí tánh thanh tịnh. Vì tất cả trí tánh thanh tịnh nên Bát nhã Ba la mật đa tối thắng thanh tịnh.

Nói pháp trí ấn thanh tịnh bình đẳng Bát-nhã lý thú này xong, Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Này Kim Cang Thủ! Nếu người nào được nghe pháp môn tất cả pháp Bình đẳng quán tự tại trí ấn lý thú Bát nhã Ba la mật đa này, tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy thì tuy ở trong năm dục nhưng không bị các tội lỗi khách trần phiền não làm ô nhiễm. Ví như hoa sen tuy ở trong bùn lầy nhưng hoàn toàn không nhiễm bùn, vị ấy mau chứng Vô thượng Bồ-đề.

Phật lại nói mật ngữ: **"Hiệt rị".**

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại nương vào tướng vì ba cõi của tất cả Như Lai để nói pháp môn trí tạng quán đảnh xuất hiện lý thú Bát nhã Ba la mật đa của tất cả Như Lai. Nghĩa là, thí quán đảnh để làm cho được ngôi Pháp vương tất cả ba cõi; thí tài bảo làm cho tất cả điều mong muốn đều được đầy đủ; thí pháp thanh tịnh làm cho được tánh của tất cả pháp bảo; thí thức ăn uống làm cho tất cả thân khẩu ý đều được an lạc.

Nói pháp Trí tạng quán đảnh lý thú Bát-nhã xong, Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Nếu người nào được nghe môn Trí tạng quán đảnh lý thú thậm thâm này, tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy thì người ấy mau được viên mãn hạnh Bồ-tát, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Phật lại nói mật ngữ: **"Đát lãm".**

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại nương theo tướng bí tạng trí ấn thường trụ của tất cả Như Lai để nói pháp môn Kim cang trí ấn thậm thâm lý thú Bát nhã Ba la mật đa của tất cả Như Lai. Đó là, giữ gìn Kim cang thân ấn của tất cả Như Lai nên được thể tánh chân thật của tất cả Như Lai; giữ gìn Kim cang ngữ ấn của tất cả Như Lai nên được tất cả môn tự tại; giữ gìn Kim cang tâm ấn của tất cả Như Lai nên được đầy đủ Tam-ma-địa; giữ gìn Kim cang trí ấn của tất cả Như Lai một cách chắc chắn như Kim cang nên được thân, ngữ, ý tối thượng như Kim cang.

Nói pháp trí ấn này xong, Phật bảo Kim Cang Thủ:

–Này Kim Cang Thủ! Nếu người nào nghe được pháp môn Kim cang trí ấn thậm thâm lý thú Bát nhã Ba la mật đa của tất cả Như Lai, tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy thì được thành tựu Kim cang trí ấn tối thượng, được viên mãn Nhất thiết trí và các việc làm, thân ngữ tâm tánh như Kim cang không thể phá hoại, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Phật lại nói mật ngữ: **"Á".**

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại nương theo tướng tất cả pháp không hý luận của Như Lai để nói pháp môn văn tự chuyển luân phẩm lý thú Bát nhã Ba la mật đa. Nghĩa là, tất cả pháp tánh là không vì không có tự tánh; tất cả pháp vô tướng, vì xa lìa các tướng; tất cả pháp vô nguyện, vì xa lìa các nguyện; cho đến tất cả pháp tự tánh thanh tịnh nên Bát nhã Ba la mật đa tự tánh thanh tịnh.

Nói pháp văn tự lìa các hý luận này xong, Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Nếu người nào nghe được pháp môn luân tự vô hý luận lý thú Bát-nhã này, tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy thì đối với tất cả pháp này được trí vô ngại, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Phật lại nói mật ngữ: **“Ám”.**

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại nương vào tướng nhập chuyển luân rộng lớn của tất cả Như Lai để nói pháp môn nhập chuyển rộng lớn Bát nhã Ba la mật đa thậm thâm lý thú tánh bình đẳng. Nghĩa là, nhập Kim cang tánh bình đẳng nên được nhập chuyển luân của tất cả Như Lai; nhập nghĩa tánh bình đẳng nên được nhập pháp chuyển luân của tất cả Bồ-tát; nhập pháp tánh bình đẳng nên được nhập chuyển luân diệu pháp; cho đến nhập tất cả pháp tánh bình đẳng nên được nhập tất cả pháp tánh bình đẳng, được nhập chuyển luân của tất cả pháp.

Nói pháp tánh bình đẳng lý thú Bát-nhã nhập chuyển luân rộng lớn này xong, Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Nếu người nào được nghe pháp môn tánh bình đẳng chuyển luân, tánh lý luận thậm thâm này, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy thì có thể ngộ nhập các tánh bình đẳng, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Phật lại nói mật ngữ: **“Hồng”.**

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại nương vào tướng cúng dường rộng khắp các vật dụng của tất cả Như Lai để nói pháp môn cúng dường rộng khắp các vật dụng tối thắng đệ nhất, vô thượng thậm thâm lý thú Bát nhã Ba la mật đa. Nghĩa là, phát tâm Bồ-đề tức là thành tựu cúng dường rộng khắp tất cả Như Lai; cứu giúp tất cả hữu tình tức là thành tựu cúng dường rộng lớn tất cả Như Lai; giữ gìn diệu pháp tức là thành tựu cúng dường rộng lớn tất cả Như Lai. Cho đến ghi chép, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy, cúng dường Bát nhã Ba la mật đa tức là thành tựu cúng dường rộng khắp tất cả Như Lai.

Nói pháp cúng dường thanh tịnh thậm thâm vô lượng lý thú này xong, Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ và tất cả hội chúng:

–Nếu người nào được nghe pháp môn cúng dường vô lượng lý thú Bát-nhã này, tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy thì mau được viên mãn các hạnh Bồ-tát, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Phật lại nói mật ngữ: **“Ám”.**

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại nương theo tướng hay điều phục tất cả hữu tình của tất cả Như Lai để nói pháp môn bí mật trí tạng lý thú Bát nhã Ba la mật hay điều phục tất cả hữu tình. Nghĩa là, tánh bình đẳng của tất cả hữu tình là tánh bình đẳng của giận dữ; tánh điều phục tất cả hữu tình tức là tánh điều phục giận dữ; tánh chân pháp của tất cả hữu tình tức là tánh chân pháp của giận dữ; tánh như Kim cang của tất cả hữu tình tức là tánh như Kim cang của giận dữ. Vì sao? Vì điều phục tất cả hữu tình làm cho chứng đắc Bồđề.

Nói pháp môn trí tạng lý thú thậm thâm hay điều phục này xong, Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ và tất cả hội chúng rằng:

–Nếu người nào được nghe pháp môn điều phục trí tạng lý thú Bát-nhã này, tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, chánh niêm, tư duy thì có thể tự điều phục các tội lỗi giận dữ, và cũng có thể điều phục tất cả hữu tình, thường sinh vào đường thiện hưởng các sự an vui tốt đẹp, phát tâm từ đối với kẻ oán đời này, có thể tu hành tốt các hạnh Bồ-tát, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Phật lại nói mật ngữ: **“Hác”.**

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại nương theo tướng trụ bình đẳng của tất cả Như Lai để nói pháp môn lý thú Bát nhã Ba la mậtđa thậm thâm tất cả pháp tánh bình đẳng tối thắng. Nghĩa là, tất cả pháp tánh bình đẳng nên Bát nhã Ba la mật đa thậm thâm cũng là tánh bình đẳng; tất cả pháp tức là tánh đệ nhất nghĩa nên Bát-nhã ba- la-mật-đa thậm thâm cũng là tánh đệ nhất nghĩa; tất cả pháp là tánh pháp nên Bát nhã Ba la mật đa thậm thâm cũng là tánh pháp. Cho đến tất cả pháp có tánh nghiệp dụng nên biết Bát-nhã ba-lamật-đa thâm sâu cũng có tánh nghiệp dụng.

Nói pháp lý thú tối thắng thậm thâm tánh bình đẳng này xong, Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ và hội chúng rằng:

–Nếu người nào nghe được pháp môn lý thú Bát-nhã tối thắng thậm thâm bình đẳng này, tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy thì có thể thông đạt pháp tánh bình đẳng Bát nhã Ba la mật đa thậm thâm, đối với các hữu tình tâm không chướng ngại, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Phật lại nói mật ngữ: **"Hiệt rị".**

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại nương vào tướng gia trì cho các hữu tình của tất cả Như Lai để nói pháp môn lý thú Bát-nhã bala-mật-đa gia trì cho tất cả các hữu tình. Nghĩa là, tất cả các hữu tình tức là Như Lai tạng, vì ở khắp trong thể tánh của Bồ-tát Phổ Hiền; tất cả hữu tình tức là Kim cang, vì tánh quán đảnh viên mãn; tất cả hữu tình tức là chánh pháp tạng tánh, vì có thể chuyển tất cả bánh xe chánh pháp; tất cả hữu tình tức là sự nghiệp tàng tánh, vì có thể làm tất cả sự nghiệp tương ứng.

Nói pháp thắng tạng lý thú thậm thâm gia trì hữu tình này xong, Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ và hội chúng rằng:

–Nếu người nào được nghe pháp môn thắng tạng biến mãn lý thú Bát-nhã này, tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy thì có thể thông đạt tánh pháp tạng thù thắng, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Phật lại nói mật ngữ: **"Để lợi".**

Bấy giờ vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại nương vào các tướng vô lượng, vô biên rốt ráo cùng tận của tất cả Như Lai để nói pháp môn tất cả pháp vô lượng, vô biên tận cùng rốt ráo bình đẳng lý thú Bát nhã Ba la mật đa. Nghĩa là, Bát nhã Ba la mật đa thậm thâm vô lượng nên tất cả Như Lai cũng vô lượng; Bát nhã Ba la mật đa thậm thâm vô biên nên tất cả Như Lai cũng vô biên; Bát nhã Ba la mật đa thậm thâm tánh nhất nên tất cả các pháp cũng tánh nhất như; Bát nhã Ba la mật đa thậm thâm rốt ráo hoàn toàn nên tất cả các pháp cũng rốt ráo hoàn toàn.

Nói pháp Kim cang lý thú vô lượng, vô biên tận cùng rốt ráo này xong, Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ và tất cả hội chúng rằng:

–Này Kim Cang Thủ! Nếu người nào được nghe pháp môn Kim cang lý thú Bát nhã Ba la mật cứu cánh này, tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy thì tất cả chướng ngại của người ấy đều được tiêu diệt hoàn toàn không còn sót, quyết định được tánh chấp Kim cang của Như Lai, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Phật lại nói mật ngữ: **"Tỳ dược".**

Bấy giờ vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại nương vào tướng bí mật pháp tánh Tỳ-lô-giá-na xa lìa hý luận của tất cả Như Lai để nói pháp môn Phổ Hiền đại lạc Kim cang bất không thần chú vô

lượng quyết định nhập các pháp tánh không có đầu giữa sau tối thắng đệ nhất lý thú Bát nhã Ba la mật đa thậm thâm. Nghĩa là, các Bồ-tát hay phụng sự cúng dường rộng khắp nên được đại lạc tối thượng; do được đại lạc tối thượng nên chứng được quả Vô thượng đại Bồ-đề của chư Phật; do được quả Vô thượng Bồ-đề thì có thể điều phục tất cả ma quân; do điều phục được tất cả ma quân nên thành tựu tối thắng tự tại trong ba cõi; do thành tựu tối thắng tự tại trong ba cõi nên có thể làm lợi ích cho tất cả hữu tình đều được an lạc tối thượng cứu cánh.

Phật lại nói mật ngữ: **"Tát phạm".**

Có bậc Trí tối thắng
Thường ở trong sinh tử
Độ khắp các quần sinh
Mà không nhập Niết-bàn,
Bát-nhã ba-la mật
Trí phương tiện cứu cánh
Thành tựu nghiệp thanh tịnh
Làm thanh tịnh các cõi,
Với các phiền não tham
Điều phục các thế gian
Cho đến trời Hữu đảnh
Quả vô vi thanh tịnh.
Tuy ở trong sinh tử
Không nhiễm pháp thế gian
Như hoa sen thơm đẹp
Không bị dính bùn nhơ,
Muốn làm thanh tịnh người
Đem an vui cho người
Tự tại trong ba cõi
Làm lợi ích bền chắc.

Phật lại nói mật ngữ: **"Ha"**

Án, na ma tát bà một đà mẫu địa tát đỏa nam.
Án, bộ địa chất đa bạt chiết lệ.
Án, tam mạn đa bạt đà la giả lợi da.
Án, chân đa ma-ni.
Án, quá di lô đề.
Án, nhược để vĩ đế.
Án, ma ha la già đạt.
Án, mị chiến lý da ca phạ chế.
Án, tát bà già nhị di.
Án, bạt chiết la di lý trà ca phạ chiết đế hồng.
Án, tát bà đát tha nẵng đế.
Án, bà pha bà phạ thuật đề.
Án, đạt ma đa nương na vĩ thuật đề.
Án, yết ma vĩ túc đạt án.
Án, di tô bà bạt chiết lý ni hồng phán.
Án, yết ma la nghê.
Án, nhạ hô bạt chiết phạ.
Án, tát bà na dĩ di.

Án, đốt rị yết.
Án, a ca la mục khiết hộ.
Án, bát lợi nhược ba la đế hác hồng.
Án, ám.
Án, tát bà đát tha ngã đa ma để mậu đạt di.
Án, tát bà đát tha ngã đạ ca nẵng lệ
Án, tát bà đát tha ngã đa chất đa bạt chiết lệ

Án, bạt chiết ra tát đỏa vi tắc phổ tra da tát bà bá da mãn đà na di bát ra mộ khất xoa da tát bà bá da lệ để tệ tát phạ tát đát vãn tát pha đát tha lệ đa tam-muội da bạt ra hồng đát ra tra.

Nói mật ngữ này xong, Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ, Chủ mật ngữ:

–Nếu các hữu tình nào được nghe hai mươi lăm pháp môn bí mật lý thú Bát nhã Ba la mật đa thậm thâm này, tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy thì đời này được thành tựu Kim cang bí mật tối thắng của tất cả Như Lai, không bao lâu sẽ được thân pháp tánh đại Chấp kim cang của tất cả Như Lai.

Sau khi giảng thuyết các pháp môn này cho các Bồ-tát xong, Thế Tôn lại bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Này Kim Cang Thủ! Kinh điển này của ta khó có thể được nghe. Cho đến, người nào nghe được dù là rất ít chỉ một từ, nên biết người này đời quá khứ đã từng cúng dường chư Phật, ở chỗ chư Phật gieo trồng căn lành. Huống là người được nghe đầy đủ, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy! Nên biết, người này quyết định đã từng cúng dường, cung kính tôn trọng khen ngợi tám mươi ức na-dữu-đa hằng hà sa số chư Phật. Nếu ở đâu có kinh này xuất hiện thì ở đó có điện tháp của chư Phật. Nếu các hữu tình kính trọng kinh này, thường giữ gìn không xa lìa, thì người ấy sẽ được tất cả thế gian cung kính cúng dường. Vị ấy sẽ được Túc mạng thông, có thể biết mọi việc trong vô lượng kiếp quá khứ, không bị tất cả chư Thiên ma Ba-tuần quấy nhiễu, được Tứ đại thiên vương và chư Thiên khác thường ủng hộ theo, được tất cả chư Phật và các vị Bồ-tát thường cung cấp hộ vệ, tùy theo ý nguyện được vãng sinh các cõi Phật trong mười phương.

Này Kim Cang Thủ! Nay ta chỉ nói sơ lược công đức pháp môn Lý thú Bát nhã Ba la mật đa như vậy. Nói rộng thì tận cùng kiếp cũng không thể hết.

Phật nói kinh này xong, các vị Bồ-tát Kim Cang Thủ…, các hàng Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩnna-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân… tất cả chúng hội đều rất vui vẻ tin theo và làm theo.

HẾT

---o0o---

(Tạng Thư Phật Học)

24. Kinh "Đại Lạc Kim Cương Bất Không Chân Thật Tam Ma Da"

Đại Tạng Kinh Việt Nam mang số 0243, 1 quyển do Tam tạng Sa-môn Bất Không dịch từ Phạn sang Hán và nhóm Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh dịch từ Hán sang Việt.

Một thời, Đức Thế Tôn thành tựu trí Kim cang gia trì Tam-ma-da thù thắng của tất cả Như Lai, được mão báu quán đảnh của tất cả Như Lai, làm chủ ba cõi, đã chứng trí Nhất thiết trí Du-già tự tại của tất cả Như Lai, có thể làm tất cả các sự nghiệp ấn trí bình đẳng của tất cả Như Lai. Đối với vô tận vô biên, tất cả những ước nguyện của chúng sinh, Ngài đều thực hiện viên mãn. Trong suốt ba đời, thân, khẩu, ý nghiệp của Ngài lúc nào cũng trong suốt như Kim cương.

Đại Tỳ-lô-giá Như Lai an trụ trong cung vua cõi trời Tha hóa tự tại ở cõi Dục. Tất cả Như Lai đều đến đó, khen ngợi cung điện tốt đẹp. Cung điện làm bằng đại ma-ni, gió thổi nhẹ làm lay động các thứ chuông linh, cờ lọng lụa là, được trang trí vòng châu anh lạc chiếu sáng như ánh trăng rằm. Lại có đủ tám mươi câu-chi Bồ-tát như: Đại Bồ-tát Kim Cang Thủ, Đại Bồ-tát Quán Tự tại, Đại Bồ-tát Hư Không Tạng, Đại Bồ-tát Kim Cang Quyền, Đại Bồ-tát Văn-thùsư-lợi, Đại Bồ-tát Tài Phát Tâm Chuyển Pháp Luân, Đại Bồ-tát Hư Không Khố, Đại Bồ-tát Tồi Nhất Thiết Ma. Các Đại Bồ-tát như vậy cung kính vây quanh nghe Phật thuyết pháp đầu, giữa, cuối đều thiện, nghĩa lý sâu xa, văn từ khéo léo, viên mãn, trong suốt, thanh tịnh, thuần nhất. Phật đã nói lên ý nghĩa về tất cả pháp thanh tịnh. Nghĩa là: Vi diệu vui thích thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; mũi tên dục thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; xúc thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; ái phược thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; tất cả chủ tự tại thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; kiến thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; vui thích thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; ái thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; kiêu mạn thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; trang nghiêm thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; ý được thấm nhuần là địa vị Bồ-tát; ánh sáng thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; thân an lạc thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; sắc thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; thanh thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; hương thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; vị thanh tịnh là địa vị Bồ-tát. Tại vì sao? Vì tất cả pháp tự tánh thanh tịnh nên Bát nhã Ba la mật đa thanh tịnh.

Này Kim Cang Thủ! Nếu có người nào nghe về lý thú Bát-nhã xuất sinh thanh tịnh, cho đến khi ngồi Bồ-đề đạo tràng thì tất cả các chướng ngại ngăn che và phiền não chướng, pháp chướng, nghiệp chướng giả sử có tích chứa nhiều đi nữa vẫn không bị đọa vào các đường địa ngục; giả sử có tạo tội nặng đi nữa thì cũng diệt trừ không khó. Nếu ai có thể ngày ngày thọ trì, đọc tụng, để tâm tư duy thì ngay trong đời này chứng Tam-ma-địa Kim cang tất cả pháp bình đẳng, đối với các pháp sẽ được tự tại, thượng hưởng an lạc, vui vẻ, trải qua mười sáu đời làm Đại Bồ-tát rồi chứng đắc Như Lai và địa vị chấp Kim cang.

Khi ấy, Như Lai Thế Tôn nhất thiết thể hiện chứng tất cả Mạn-trà-la tam-ma-da của Đại thừa Trì Kim cang thắng tát-đỏa ở trong ba cõi điều phục hết không còn gì, thành tựu tất cả các nghĩa. Đại Bồ-tát Kim Cang Thủ vì muốn làm rõ lại nghĩa này nên vui vẻ mỉm cười, tay trái kiết ấn

Kim cang mạn, tay phải đưa lên đại Kim cang bản sơ, tạo tư thế hùng mạnh nói Đại lạc Kim cang bất không Tamma-da tâm:**"Hồng".**

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn Tỳ-lô-giá-na Như Lai, lại nói về pháp tánh Tịch tĩnh của tất cả Như Lai hiện đẳng giác xuất sinh lý thú Bát-nha. Đó là, Kim cang bình đẳng hiện đẳng giác, vì đại Bồđề Kim cang kiên cố; nghĩa bình đẳng hiện đẳng giác, vì đại Bồ-đề nghĩa lợi ích nhất như; pháp bình đẳng hiện đẳng giác, vì tự tánh đại Bồ-đề thanh tịnh; tất cả nghiệp bình đẳng hiện đẳng giác, vì tánh của đại Bồ-đề gồm hết mọi sự phân biệt và không phân biệt.

Này Kim Cang Thủ! Nếu có người nào nghe bốn pháp xuất sinh này rồi lại đọc tụng, thọ trì, thì giả sử hiện tại người đó có tạo vô lượng tội vẫn có thể thoát khỏi các đường ác, cho đến được ngồi Bồ-đề đạo tràng, mau chứng quả Vô thượng Chánh đẳng giác.

Khi ấy Đức Thế Tôn nói lời này rồi, nhưng vì muốn làm rõ lại nghĩa này, nên Ngài vui vẻ mỉm cười kiết ấn Trí quyền nói: Tất cả pháp tánh tự bình đẳng tâm. **"Ác".**

Khi ấy Như Lai Điều Phục Nan Điều Thích-ca Mâu-ni lại nói pháp môn lý thú Bát-nhã xuất sinh tối thắng của tất cả pháp bình đẳng. Nghĩa là, vì dục không có tánh hý luận nên sinh không có tánh hý luận; vì sân không có tánh hý luận nên si không có tánh hý luận; vì si không có tánh hý luận nên tất cả pháp không có tánh hý luận; vì tất cả pháp không có tánh hý luận nên biết Bát nhã Ba la mật không có tánh hý luận.

Này Kim Cang Thủ! Nếu có người nào nghe pháp môn lý thú này rồi mà thọ trì, đọc tụng, thì giả sử người đó có giết hại tất cả chúng hữu tình trong ba cõi cũng không bị đọa vào đường ác. Bởi vì người ấy đã được điều phục mau chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Kim Cang Thủ muốn làm rõ lại nghĩa này nên kiết ấn Giáng tam thế như hoa sen chớm nở, hiện tướng thu phục, nhíu mày, trợn mắt, nhe răng nói: Kim cang hồng ca ra tâm. **"Hồng".**

Bấy giờ, Như Lai Thế Tôn Đắc Tự Tánh Thanh Tịnh Pháp

Tánh lại nói về tất cả pháp bình đẳng quán tự tại trí ấn xuất sinh lý thú Bát-nhã. Nghĩa là, vì tất cả dục lạc của thế gian thanh tịnh thì tất cả sân thanh tịnh; tất cả cấu nhiễm thế gian thanh tịnh tức là tất cả tội thanh tịnh; tất cả pháp thế gian thanh tịnh tức là tất cả hữu tình thanh tịnh; tất cả trí nhất thiết của thế gian thanh tịnh tức là Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.

Này Kim Cang Thủ! Nếu có người nào nghe chánh pháp môn lý thú này mà thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy, thì giả sử người đó có ở trong các dục lạc cũng như hoa sen không bị các trần cấu làm ô nhiễm, mau chứng quả Vô thượng Bồ-đề.

Khi nghe Đức Thế Tôn nói, Đại Bồ-tát Quán Tự Tại muốn làm rõ lại nghĩa này nên vui vẻ mỉm cười, hiện ra thế hoa sen nở, quán dục không nhiễm nói: Tất cả các sắc của chúng sinh tâm. **"Hột ngật-rị".**

Bấy giờ, Như Lai Thế Tôn Nhất Thiết Tam Giới Chủ lại nói lý thú Bát-nhã trí tạng quán đảnh của tất cả Như Lai. Nghĩa là, do bố thí quán đảnh nên có thể được ngôi Pháp vương trong ba cõi; do bố thí lợi nên được viên mãn tất cả điều mong muốn; do bố thí pháp nên được viên mãn tất cả pháp; do bố thí vật dụng sinh sống nên được tất cả thân, khẩu, ý nghiệp an lạc.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Hư Không Tạng vì muốn làm rõ lại nghĩa này, nên vui vẻ mỉm cười, dùng thần lực Kim cang tụ ở đỉnh đầu và nói mật chú: Nhất thiết quán đảnh Tam-ma-da bảo tâm. **"Đát lãm".**

Bấy giờ, Đức Thế Tôn Đắc Nhất Thiết Như Lai Trí Ấn nói pháp lý thú Bát-nhã được trí ấn của tất cả Như Lai gia trì. Nghĩa là, giữ gìn thân ấn của tất cả Như Lai tức làm thân của tất cả Như Lai; giữ gìn ngữ ấn của tất cả Như Lai tức là được pháp của tất cả Như Lai; giữ gìn tâm ấn của tất cả Như Lai tức chứng được Tam-ma-địa của tất cả Như Lai; giữ gìn Kim cang ấn của tất cả Như Lai tức thành tựu được nghiệp thân, khẩu, ý tối thắng rốt ráo của tất cả Như Lai.

–Này Kim Cang Thủ! Nếu có người nào nghe pháp môn lý thú này mà thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy thì người đó được tất cả tự tại, được Nhất thiết trí tất cả sự nghiệp đều được thành tựu, được tất cả tánh Kim cang của thân, khẩu, ý, tất cả tất địa, mau chứng quả Vô thượng Bồ-đề.

Khi ấy, Đức Thế Tôn vì muốn làm rõ lại nghĩa này, nên vui vẻ mỉm cười, trí ấn Kim cang quyền đại Tam-ma-da nói: Tất cả Kim cang ấn kiến cố, tất cả địa Tam-ma-da lực chân tâm.**"Ố".**

Khi ấy, Như Lai Thế Tôn Nhất Thiết Vô Hý Luận lại nói pháp lý thú Bát-nhã chuyển tự luân. Nghĩa là, tất cả các pháp là không, vì nó tương ưng với tự tánh không; tất cả các pháp là vô tướng, vì nó tương ưng với các tánh vô tướng; tất cả các pháp là vô nguyện, vì nó tương ưng với tướng của tánh vô nguyện; tất cả các pháp đều sáng suốt, vì Bát nhã Ba la mật đa vốn thanh tịnh.

Bấy giờ, Văn-thù-sư-lợi đồng chân muốn làm rõ lại nghĩa này nên vui vẻ cười, dùng kiếm chặt đứt phiền não của tất cả Như Lai nói: Bát nhã Ba la mật đa tối thắng tâm. **"Án".**

Bấy giờ, Thế Tôn Như Lai nhập đại luân của tất cả Như Lai lại nói pháp lý thú Bát-nhã nhập đại luân. Nghĩa là, nhập Kim cang bình đẳng tức là nhập pháp luân của tất cả Như Lai; nhập nghĩa bình đẳng tức là nhập pháp luân của Đại Bồ-tát; nhập tất cả pháp bình đẳng tức là nhập bánh xe diệu pháp; nhập tất cả nghiệp bình đẳng tức là nhập bánh xe của tất cả sự nghiệp.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Tài Phát Tâm Chuyển Pháp Luân vì muốn làm rõ lại nghĩa trên, nên vui vẻ mỉm cười chuyển Kim cang luân nói: Tất cả Kim cang tam-ma-da tâm. **"Hồng".**

Khi ấy, Như Lai Thế Tôn chỉ bày các nghi thức cúng dường rộng lớn của tất cả các Như Lai, lại nói lý thú Bát-nhã xuất sinh tối thắng của tất cả sự cúng dường. Nghĩa là, phát tâm Bồ-đề tức là cúng dường rộng lớn các Đức Như Lai; cứu tất cả chúng sinh tức là cúng dường rộng lớn các Đức Như Lai; thọ trì kinh điển tức là cúng dường rộng lớn các Đức Như Lai; đối với Bát nhã Ba la mật, thọ trì, đọc tụng, tự mình ghi chép, dạy người ghi chép, tư duy tu tập, cúng dường các thứ, tức là cúng dường rộng lớn cho các Như Lai.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Hư Không Khố muốn làm rõ lại nghĩa này, nên vui vẻ mỉm cười nói: Tất cả sự nghiệp bất không Tam-ma-da nhất thiết Kim cang tâm. **"Án".**

Khi ấy, Như Lai Thế Tôn Năng Điều Trì Trí Quyền lại nói pháp tất cả trí tạng điều phục lý thú Bát-nhã. Nghĩa là, tất cả hữu tình bình đẳng nên sự giận dữ bình đẳng; điều phục tất cả hữu tình nên điều phục giận dữ; tất cả hữu tình có pháp tánh nên giận dữ cũng có pháp tánh; tất cả hữu tình có tánh Kim cang nên sự giận dữ cũng có tánh Kim cang.

Vì sao? Vì điều phục tất cả hữu tình tức Bồ-đề.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Tồi Nhất Thiết Ma muốn làm rõ lại nghĩa này, nên vui vẻ mỉm cười với hình tướng Kim cang Dược-xoa, lộ răng Kim cang để khủng bố của tất cả Như Lai nói: Kim cang phẫn nộ đại tiếu tâm. **"Hác".**

Khi ấy, Như Lai Thế Tôn Nhất Thiết Bình Đẳng Kiến Lập lại nói pháp lý thú Bát-nhã xuất sinh tất cả pháp Tam-ma-da tối thắng. Nghĩa là, tất cả pháp tánh bình đẳng nên Bát nhã Ba la mật đa tánh bình đẳng; tất cả các pháp tánh có ý nghĩa lợi ích nên Bát-nhã ba-lamật-đa tánh có ý nghĩa lợi ích; tất cả có tánh pháp nên Bát-nhã bala-mật-đa có tánh pháp; tất cả có tánh sự nghiệp nên Bát-nhã ba-lamật có tánh sự nghiệp. Nên biết như vậy.

Khi ấy, Bồ-tát Kim Cang Thủ nhập vào Tam-ma-địa gia trì Tam-ma-da Bồ-tát của tất cả Như Lai nói: Tất cả tam-ma-da bất không tâm. **"Hồng".**

Khi ấy, Như Lai Thế Tôn nói pháp lý thú Bát-nhã gia trì tất cả hữu tình. Nghĩa là, tất cả hữu tình là Như Lai tạng, vì tất cả là ngã của Bồ-tát Phổ Hiền; tất cả hữu tình là Kim cang tạng, vì là quán đảnh của Kim cang tạng; tất cả hữu tình là Diệu pháp tạng, vì có thể chuyển tất cả ngôn ngữ; tất cả hữu tình là Yết-ma tạng, vì tương đương với tánh năng tác sở tác.

Khi ấy, Ngoại Kim Cang Bộ muốn làm rõ lại nghĩa này, nên vui vẻ nói: "Kim cang tự tại tự tâm chân thật. **"Đác lại".**

Khi ấy, có bảy Thiên nữ đảnh lễ dưới chân Phật, dâng Câu triệu bao gồm nhân tâm năng sát năng thành Tam-ma-da chân thật: "Tỳ dục".

Khi ấy, có ba anh em Mạc-độ-la-ca thiên đích thân lễ dưới chân Phật, dâng chân ngôn tự tâm: **"Sa phạ".**

Lúc ấy, có bốn chị em Thiên nữ dâng chân ngôn tự tâm: **"Ngàm".**

Khi ấy, Đức Thế Tôn Như Lai Vô Lượng Vô Biên Cứu Cánh vì muốn gia trì lời dạy cứu cánh viên mãn này, nên thuyết lý thú Bátnhã xuất sinh Kim cang bình đẳng. Nghĩa là, vì Bát nhã Ba la mật đa là vô lượng nên tất cả Như Lai là vô lượng, vì Bát nhã Ba la mật đa là vô biên nên tất cả Như Lai là vô biên; vì tất cả pháp là tánh nhất như nên Bát nhã Ba la mật đa là tánh nhất như; vì tất cả pháp là cứu cánh nên Bát nhã Ba la mật đa là cứu cánh.

Này Kim Cang Thủ! Nếu có người nào nghe pháp môn lý thú này mà thọ trì, đọc tụng, tư duy nghĩa lý, thì người đó đối với hạnh của chư Phật, Bồ-tát đều được viên mãn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn Tỳ-lô-giá-na Như Lai đắc tất cả pháp tánh bí mật không hý luận, nói lý thú Bát-nhã pháp tánh Kim cang đại lạc, Kim cang bất không Tam-ma-da không có đầu, giữa, cuối tối thắng.

Nghĩa là, vì Đại Bồ-tát thành tựu đại dục chân thật tối thắng, nên thàng tựu được đại lạc chân thật tối thắng; vì Đại Bồ-tát thành tựu đại lạc chân thật tối thắng, nên được thành tựu đại Bồ-đề tối thắng của tất cả các Như Lai; vì Đại Bồ-tát thành tựu đại Bồ-đề tối thắng của tất cả Như Lai, nên được thành tựu diệt trừ ma quân tối thắng của tất cả Như Lai; vì Đại Bồ-tát thành tựu diệt trừ ma quân tối thắng của tất cả Như Lai, nên được thành tựu tự tại, làm chủ khắp ba cõi; vì Đại Bồ-tát được thành tựu tự tại làm chủ khắp ba cõi, nên được trừ sạch các chấp trước lưu chuyển của tất cả hữu hình trong các cõi, dùng sự tinh tấn, nên thường ở trong sinh tử, cứu giúp làm lợi ích an lạc cho tất cả đều được thành tựu viên mãn tối thắng. Vì sao?

Bồ-tát tuệ thù thắng
Cho đến hết sinh tử
Thường làm lợi chúng sinh
Mà không hướng Niết-bàn.
Bát-nhã và phương tiện
Trí tuệ đều gia trì
Các pháp và chúng sinh
Tất cả đều thanh tịnh.
Dục khống chế thế gian
Đều bị diệt trừ hết
Hữu đảnh đến đường ác
Điều phục hết các cõi.
Như bản thể hoa sen
Không bị cấu làm nhiễm
Tánh các dục cũng vậy
Không nhiễm, làm lợi sinh.
Đại dục được thanh tịnh
Tăng thêm đại an lạc
Tự tại trong ba cõi
Hay làm lợi kiên cố.

Này Kim Cang Thủ! Nếu người nào nghe được lý thú ban đầu của Bát-nhã này, hằng ngày vào lúc sáng sớm hay đọc tụng, hoặc lắng nghe, thì người đó được thành tựu tất cả địa đại lạc Kim cang bất không Tam-ma-da an vui cứu cánh, đời hiện tại được tất cả các pháp tự an vui, trải qua mười sáu đời làm Đại Bồ-tát, và sẽ được ngôi vị chấp Kim cang của Như Lai. **"Hồng".**

Bấy giờ, tất cả Như Lai, Đại Bồ-tát Trì Kim Cang Thủ và tất cả hội chúng có mặt, vì muốn khiến cho pháp Bất không vô ngại này mau được thành tựu nên đã cùng nhau xưng tán. Bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Thủ nói kệ rằng:

Lành thay! Lành thay đại Bồ-đề!
Lành thay! Lành thay đại an lạc!
Lành thay! Lành thay phát Đại thừa!
Lành thay! Lành thay trí tuệ lớn!
Hay khéo giảng thuyết giáo pháp này
Lực gia trì của kinh Kim Cang
Thọ trì pháp môn tối thắng này
Không bị tất cả ma phá hoại,
Được bậc Bồ-tát, Phật tối thắng
Không bao lâu thành tựu tất địa
Tất cả Như Lai và Bồ-tát

Đều nói pháp môn tối thắng này
Làm cho người trí mau thành tựu
Đều rất vui vẻ, tín, thọ, hành.

HẾT

(Kinh Đại Lạc Kim Cang Bất Không Chân Thật Tam Ma Da)

---o0o---

(Tạng Thư Phật Học)

25. Kinh "Phật Thuyết Tối Thượng Căn Bổn Đại Lạc Kim Cương Bất KhôngTam Muội Đại Giáo Vương"

Đại Tạng Kinh Việt Nam, mang số 0244, 7 quyển do Tam tạng Pháp Hiền, đời Bắc Tống dịch từ Phạn sang Hán và nhóm Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh dịnh từ Hán sang Việt.

QUYỂN MỘT
Phần 1: NGHI QUỸ VỀ LÝ CHÂN THẬT CỦA ĐẠI TAM-MUỘI KIM CANG

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn Đại Tỳ-lô-giá-na Phật đang ngự trên tầng trời Tha hóa tự tại. Cung ấy được trang hoàng bằng các thứ báu, treo linh, anh lạc, cờ phướn, châu báu và các thứ lọng báu, trang nghiêm như thế đầy khắp hư không.

Khi ấy, Đức Phật Thế Tôn an trụ vào trí Kim cang Tam-muội của chư Phật, Tam-muội này được các Thánh tôn kính. Ngài đội mũ của chư Phật, được các Đấng Pháp Vương trong ba cõi quán đảnh thành tựu trí Nhất thiết trí của chư Phật. Đây là tương ưng tự tại vô ngại tối thượng, đầy đủ các ấn bình đẳng của chư Phật, khéo thành tựu các sự nghiệp, cùng tận các nguyện của tất cả chúng sinh đều được viên mãn, Pháp thân bình đẳng rốt ráo trong ba cõi, nhiếp ba nghiệp Kim cang của các Như Lai, được chư Phật khen ngợi. Đó là từ bi, Đại Tỳ-lô-giá-na Như Lai, cùng tám câu-chi Đại Bồ-tát. Tên của các ngài là: Đại Bồ-tát Kim Cang Thủ, Đại Bồ-tát Quán Tự Tại, Đại Bồ-tát Hư Không Tạng, Đại Bồ-tát Kim Cang Quyền, Đại Bồ-tát Diệu Cát Tường, Đại Bồ-tát Đồng Tâm Sinh Chuyển Pháp Luân, Đại Bồ-tát Nga-nga-na-nghiễn-nhạ, Đại Bồ-tát Hàng Chư Ma…

Các Đại Bồ-tát này cùng nhau vây quanh giảng nói tất cả pháp môn thanh tịnh, đầu, giữa, cuối đều thiện, văn nghĩa sâu xa, thuần nhất không xen tạp, hoàn toàn đầy đủ viên mãn. Đó là diệu lạc thanh tịnh tức là Bồ-đề; tham dục thanh tịnh tức là Bồ-đề; thân pháp thanh tịnh tức là Bồ-đề; tất cả giàu có vui sướng thanh tịnh tức là Bồ-đề; thấy thanh tịnh tức là Bồ-đề, yêu thích thanh tịnh tức là Bồđề; nhiễm pháp thanh tịnh tức là Bồ-đề, trang nghiêm thanh tịnh tức là Bồ-đề; ý vui thanh tịnh tức là Bồ-đề, chiếu sáng thanh tịnh tức là Bồ-đề; thân thanh tịnh tức là Bồ-đề; sắc thanh tịnh tức là Bồ-đề; tiếng thanh tịnh tức là Bồ-đề; hương thanh tịnh tức là Bồ-đề; vị thanh tịnh tức là Bồ-đề; xúc thanh tịnh tức là Bồ-đề. Vì sao? Vì tự tánh các pháp là thanh tịnh cũng giống như vậy. Vì tự tánh các pháp thanh tịnh nên Bát nhã Ba la mật đa cũng thanh tịnh.

Đức Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Nếu người được nghe tất cả pháp môn Bát nhã Ba la mật đa thanh tịnh này, thì các nghiệp chướng, phiền não chướng và pháp chướng của người ấy được tiêu trừ, các pháp chướng đạo đều tiêu diệt. Nếu tạo nghiệp địa ngục cũng không bị đọa địa ngục, tất cả các khổ não chỉ trong

khoảng sát-na đều diệt hết không còn, nhanh chóng đến đạo tràng Bồ-đề. Nếu người thọ trì, đọc tụng, suy nghĩ, ghi nhớ thì hiện đời người ấy được tất cả pháp bình đẳng Tam-mađịa, được tất cả pháp tự tại và được tất cả sự yêu thích khoái lạc, trải qua mười sáu đời Đại Bồ-tát thành Bậc Chánh Giác.

Khi ấy, Đức Thế Tôn Đại Tỳ-lô-giá-na Phật muốn giảng nói pháp Đại thừa Tam-muội tối thượng của chư Phật, Kim cang giới… tất cả pháp Mạn-noa-la tối thượng của Kim cang giới,… tất cả pháp tối thắng của hữu tình, pháp điều phục tận vô tận, pháp thành tựu tất cả nghĩa, pháp tất cả nghĩa thành tựu pháp Kim cang thủ đại Tam-muội, các pháp mầu bí mật vô lượng. Các pháp như vậy là pháp môn Bát nhã Ba la mật đa thanh tịnh.

Lúc ấy, Đức Phật Đại Tỳ-lô-giá-na mỉm cười, tay trái đưa lên cao ném chày Kim cang, rồi lại dùng chày Kim cang làm thế Câu triệu, đặt vào ngay tim, rồi nói chú Đại lạc bất không Kim cang bản tâm chân lý Tam-muội: **"Hồng"** (âm kéo dài).

Lúc nói chú này, tất cả ba cõi, tất cả Phật, Như Lai và các Bồ-tát đều vui mừng, Câu triệu vào trong đại Mạn-noa-la của Đại Tỳlô-giá-na Phật, trụ trong Tam-muội của Phật thảy đều kính ái tất cả pháp thành tựu đều khiến được thành tựu.

Khi ấy, Đức Thế Tôn Đại Tỳ-lô-giá-na Phật kết ấn Đại lạc Kim cang rồi, liền nhập vào Kim cang Tam-ma-địa bí mật của tất cả Như Lai. Sau khi xuất định bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Bây giờ, ông hãy nói pháp Mạn-noa-la.

Vâng lời Phật dạy, Bồ-tát Kim Cang Thủ liền nhập vào Kim cang Tam-muội đại bí mật, xuất sinh Mạn-noa-la, an tưởng trí ấn Tam-ma-địa. Sau khi xuất định Bồ-tát Kim Cang Thủ liền nói lý chân thật đại Tam-muội Kim cang, an tưởng vào pháp Mạn-noa-la, liền nói bài tụng rằng:

Nay con vâng lời Phật
Lược nói Mạn-noa-la
Lý Tam-muội chân thật
Pháp an tưởng Kim cang
Bốn phương và bốn góc
Trang nghiêm bốn cửa lầu
Ngài Vi-đà rực sáng
Xung quanh Mạn-noa-la
Bốn góc cửa phải, trái
Có đặt hình bán nguyệt
Trang nghiêm các thứ báu
Treo linh châu, anh lạc
Lọng báu và cờ phướn
Gương sáng, các vòng hoa
Đặt ngoài Mạn-noa-la
Trong đặt tám vòng tròn
Chia thành tám tôn vị
Chính giữa Kim Cang Thủ
Gọi là vòng Kim cang
Nơi Mạn-noa-la này
Y pháp đặt tôn tượng
Sắc tướng như trăng sáng
Ánh rực rỡ chiếu khắp

Tay cầm chày Kim cang
Hiện thế đưa lên cao
Ngồi trên tòa hoa sen
Xung quanh Kim cang ấy
Ánh sáng chiếu rực rỡ
Trì thần chú Bản tôn
Khởi tưởng Mạn-noa-la
Cho đến các Hiền thánh
Cũng trì chú Bản tâm
Y Kim cang sinh ra
Tượng báu và tượng vẽ
Đặt xung quanh Bản tôn
Giữa trước tương Trung tôn
Đặt Kim cang Tát-đỏa
Thân tướng màu hồng nhạt
Đầu đội mũ chư Phật
Tay cầm chày Kim cang
Hiện bày thế nhiếp triệu
Ở bên phải có đặt
Chỉ-rị-chỉ-la tôn
Thân sắc như Đại Nhật
Tướng các báu nghiêm thân
Ở phía sau lại đặt
Đại Tôn Niệm Kim Cang
Toàn thân màu xanh nhạt
Tay cầm cờ Ma-kiệt
Ở bên phải có đặt
Đại Tôn Kim Cang Quyền
Thân sắc màu vàng ròng
Hai tay Kim cang quyền
Bốn góc đặt bốn vị
Cầm nắm hoa cờ xí
Liên bát và Phật đảnh
Ngoài góc Mạn-noa-la
Đặt Nỉ-phược-kiến-noa
Khoảng giữa của bốn cửa
Hoặc tượng hoặc cờ xí
Mạn-noa-la phía trong
Đặt Kim Cang Thủ thảy,
Khắp vòng Kim cang ấy
Đều có Phật, Thế Tôn
Bên ngoài Mạn-noa-la
Đặt các trời cõi Dục
Trước đặt chủ ba cõi
Là Thích, Phạm tự tại
Y theo nghi như vậy
Lập pháp Mạn-noa-la.

Lại vào nghi quỹ Mạn-noa-la, nên theo pháp mà lựa chọn vị A-xà-lê đại Kim cang vào trong đạo tràng. Vị A-xà-lê phải rành về nghi thức của tất cả Mạn-noa-la, biết tất cả pháp Tam-muội,

khéo biết rõ các pháp tướng và thành tựu các nghi quỹ, thường quán tưởng vào tôn vị Kim Cang Thủ, lãnh thọ đầy đủ tất cả pháp quán đảnh, thông đạt Nhất thiết trí, rành rẽ về các việc cúng dường, có khả năng biết các pháp Mạn-noa-la thế gian và xuất thế gian. Nếu đã thành tựu các ấn bí mật rồi thì kết ấn đều thành tựu. Nếu có lỗi lầm mà thường ở trong Tam-muội thì những việc đã làm đều hiện tiền, không cần thầy trao mà tự biết rõ các pháp cúng dường. Các tướng như trên, đây chỉ nói tóm lược mà thôi.

Nếu Kim cang A-xà-lê có tâm nguyện cầu thì thành tựu được pháp tối thượng ngay trong đời này, cho đến có khả năng thành tựu Bồ-tát và trí Nhất thiết. Vì sao? Vì vị đại A-xà-lê quán tưởng vị Kim Cang Thủ tôn quý thường ở trong bản tâm, lại từ tâm Câu triệu mà nhập vào Mạn-noa-la, hoan hỷ vui thích an trụ Tam-muội. Chính mình được viên mãn rồi, mới nhập vào pháp Mạn-noa-la, thân hiện tại được sự ái kính và việc làm đều được thành tựu. Khi A-xà-lê kết ấn Kim cang rồi, thì thực hành pháp quán nhìn bằng Kim cang mà trì tụng tâm chú. Như vậy mới thành tựu pháp đại Mạn-noa-la. Sau đó kết ấn Kim cang hy hý, trì tụng thần chú và khởi thân đảnh lễ. Vị Axà-lê trước phải tắm gội sạch sẽ, mặc y đỏ, trang nghiêm các thứ, xong rồi chắp tay Kim cang với tư thế Kim cang vũ, tay cầm hương hoa và an tâm vào Mạn-noa-la, lại khởi tướng hy hý, trì tụng thần chú. Sau đó, chiêm ngưỡng Kim Cang Thủ bằng cái nhìn Kim cang, rồi trải tòa ngồi, y theo pháp mà cầu Kim Cang Thủ tướng tốt thì liền thành tựu.

Khi ấy, Kim Cang Thủ tỏ hiện vẻ rất vui mừng và hiện lành, giữa hai đầu chân mày hơi lay động, toàn thân màu hồng, từ mặt phát ra ánh sáng rực rỡ, lại hiện các thần thông, hiện thần thông rồi mới hiện bản thân ban cho pháp thành tựu tối thượng. Từ đó về sau mỗi ngày hành giả thành tựu tất cả pháp, mọi cử chỉ ngồi hay đi chư Thiên không thể thấy, không bị mọi sự ngăn cấm, đầy đủ các sự thành tựu, được giàu có sung sướng, thông đạt trí vô thượng. Các việc như vậy là từ nơi Kim Cang Thủ đều được thành tựu. Sau đó tự thực hành pháp cúng dường, cúng dường rồi, dùng pháp quán đảnh Kim cang mà tự thọ quán đảnh. Kế là nên quán tưởng cầu thỉnh chày Kim cang của Bồ-tát Kim Cang Thủ. Cầu thỉnh rồi Bồ-tát Kim Cang Thủ liền hiện bản thân đích thân trao chày cho vị A-xà-lê. Vị A-xà-lê này cầm chày Kim cang, để cầu các thành tựu tối thượng, chỉ trong khoảng sát-na đều được tất cả. Nếu tự cầm chày Kim cang mà trì tụng, thực hành các pháp tối thượng thì phải trải qua sáu tháng mới được thành tựu. Sau đó cũng thọ Kim cang quán đảnh như trước mà tác pháp cúng dường, tùy theo ý cầu mong, phải y theo nghi này. Nên như thế mà thường trì pháp đại Mạn-noa-la thành tựu này.

Lại nữa, vị A-xà-lê Kim cang trí chỉ dạy cho đệ tử nghi thức nhập vào Mạn-noa-la trước phải kết ấn Diệu lạc Kim cang Tam-muội, rồi dẫn đệ tử vào Mạn-noa-la để kính lễ. Nếu có sở nguyện gì thì cần phải khẩn niệm cầu pháp thành tựu của Kim Cang Thủ và phải như pháp kết đại ấn, thực hành thành tựu như vậy sẽ thấy được điềm lành, các pháp thành tựu đều khiến được thành tựu. Đệ tử vào trong Mạn-noa-la như vậy rồi thì sở đắc được thành tựu ngang bằng với vị A-xà-lê không khác, sau đó thọ trì chày Kim cang như trước. Đó gọi là đệ tử Kim cang, sẽ được thọ ấn pháp, pháp Tam-muội của chư Phật, nhận được pháp ấn của chư Hiền thánh. Lúc đó, dùng các Tam-muội cúng dường xuất sinh ra các thứ thức ăn của chư Thiên… vào trong Mạn-noa-la, như thế tùy sức mà hiến cúng và hiến cúng ca múa, ngày đêm y theo pháp không có ngủ nghỉ, dốc

lòng chuyên chú cầu pháp thành tựu, khởi tâm bình đẳng, phát đại thệ nguyện, rộng vì tất cả chúng sinh khiến chứng Bồ-đề.

Nếu giảng nói pháp thành tựu của Kim Cang Thủ, hành giả phải bắt đầu vào ngày rằm, kết ấn Diệu lạc kim cang trước Bồ-tát Kim Cang Thủ, tùy ý mà kết giới, trong một tháng phải trì tụng lời Kim cang mới được thành tựu. Từ đó về sau tác pháp thành tựu đều được thành thục. Từ đây về sau pháp thành tựu nào được thực hành đều được thành tựu. Như lời nói chân thật của Kim Cang Thủ, bấy giờ hành giả nên y theo pháp mà tạo tượng lụa, theo nghi Mạn-noala vẽ Bồ-tát Kim Cang Thủ và tám vị Đại Bồ-tát, hành giả ở trước tượng lụa từ ngày rằm trở đi trước phải kết đại ấn, trì tụng cho thành thục, suốt mười lăm ngày đêm không nên giải ấn ấy, trì tụng liên tục tâm tâm không gián đoạn. Đến lúc trời sáng sớm Bồ-tát Kim Cang Thủ liền hiện bản thân, mỉm cười thật tươi, màu thân như màu mặt trăng, đứng trước hành giả mà ban sở nguyện.

Lại nói về pháp thành tựu, nên vẽ Phật Thế Tôn và Bồ-tát Kim Cang Thủ cùng tám vị Đại Bồ-tát vào tấm lụa, xung quanh lại vẽ chư Phật Như Lai, lại y như pháp trước mà trì tụng thì được tất cả thành tựu.

Trong bức lụa nên dùng hương thơm mà vẽ Bồ-tát Kim Cang Thủ. Hành giả ở trước tượng lụa kết ấn trì tụng một lạc-xoa lần, khi tụng đủ số rồi thì hành giả liền thành Kim cang tát-đỏa.

Lại y như nghi thức trước, chỉ vẽ Phật Thế Tôn rồi trì tụng thì được thành tựu như Phật.

Lại nữa, hành giả vào trong Mạn-noa-la, trì tụng trong đó, thì sẽ thành tựu tất cả ý nguyện.

Lại nữa, hành giả y pháp trì tụng thần chú của bản tâm thì được trời người kính mến. Trì tụng đủ một lạc-xoa lần thì thân được che chở, gia trì vào trong hạt cải trắng cho người khác để làm pháp che chở, gia trì vào chày Kim cang và cho nó xoay tròn thì mọi người đều được che chở.

Lại thực hành pháp quán tưởng giống như pháp tưởng Mạnnoa-la ở trước, kết ấn, nhìn bằng ánh mắt Kim cang, cũng dùng hạt cải khiến cho tất cả các ma đều bị trói buộc.

Nếu trì tụng một hơi thì các ma bị mê loạn và đều bị chế phục.

Nếu người nào y theo pháp Kim cang kiên cố mà trì tụng thì đều được Câu triệu.

Nếu nhắm mắt trì tụng thì tất cả ma chúng tự nhiên bị tiêu diệt.

Nếu kết ấn Kim cang tỏa mà trì tụng thì tất cả bọn ma đều bị đè bẹp.

Nếu kết ấn Kim cang Noa-cát-nễ mà trì tụng thì nhiếp triệu được tâm của các ma.

Nếu trì tụng nhanh thì ma chúng đều kinh sợ.

Nếu kết ấn Kim cang Bồi-la-phược mà trì tụng, thì sẽ thành tựu tất cả nghĩa.

Nếu muốn cầu được nhiều tài bảo, thì nên kết ấn Kim cang Dunghi-nễ.

Nếu muốn cho tất cả hữu tình đều ưa thích thì nên trì tụng bằng âm thanh vi diệu, thì tất cả hữu tình đều ưa thích.

Nếu muốn được mười phương chư Phật, Như Lai ưa thích quý mến thì nên kết ấn Kim cang tiễn mà trì tụng tâm chú.

Nếu muốn tình thân ái được bền chắc, thì nên nắm bàn tay lại thành kiên cố quyền rồi đặt vào ngay tin mà trì tụng.

Nếu muốn hết tâm tức giận thì nên kết ấn trong thế giơ cao lên mà trì tụng.

Nếu muốn hữu tình được vui vẻ thì nên nắm bàn tay lại thành Kim cang quyền rồi đặt vào tim mà trì tụng.

Nếu muốn xua tan tối tăm thì nên quay mặt về hướng Đông xoay tròn vòng Kim cang.

Nếu muốn thân an vui, thì nên gia trì vào thân mình.

Nếu muốn hiện các sắc tượng, thì nên kết ấn Kim cang sắc tướng.

Nếu muốn nghe các thứ tiếng, thì nên gia trì vào đàn Kim cang.

Nếu muốn nghe các hương thơm thì nên tưởng vào hương mà gia trì.

Nếu muốn rõ được vị tối thượng thì nên gia trì vào chày Kim cang.

Nếu muốn được tỉnh thức thì nên dùng tay gia trì, hoặc vỗ tay hoặc búng ngón tay.

Nếu muốn giải trừ các sao xấu thì nên kết ấn Kim cang Một-nột-nga-la.

Nếu muốn khiến các ngôi sao xấu thành sao tốt, thì nên đến trước tượng trời Tần-na-dạ-da làm ra vẻ giận dữ lớn tiếng trì tụng.

Nếu muốn hết các thứ bệnh khắc nghiệt thì nên nhìn bằng ánh mắt Kim cang.

Nếu muốn giải trừ các độc thì nên dùng lông chim công mà phất qua.

Nếu muốn giải trừ thuốc độc thì nên kết ấn Cam lộ.

Nếu muốn diệt trừ các ác ma thì nên hiện thế giận dữ trì tụng liên tục không gián đoạn.

Nếu muốn giải trừ các quỷ mị thì nên bắt ấn Kim cang hý mà búng.

Nếu muốn phá các tà ấn thì nên làm thế giận dữ.

Nếu muốn triệu tập tất cả Noa-cát-nễ thì nên dùng ấn Kim cang Khiết-thung-nga.

Nếu muốn phá Mẫu quỷ và Mạn-noa-la các chú pháp tà định thì nên dùng bụi trần ở dưới chân của Kim cang Phẫn nộ minh vương.

Nếu muốn sai các quỷ thần làm tôi tớ thì nên đến miếu thờ thần hiện tướng rất giận dữ mà trì tụng.

Nếu muốn hàng phục các quân ma thì nên làm ra tướng Kim cang rất giận dữ và cười lớn tiếng.

Nếu muốn phá quân giặc, thì nên gia trì vào chày Kim cang rồi ném.

Nếu muốn cầu vào quân trận được chiến thắng thì nên bắt ấn Kim cang Kế-đổ.

Nếu muốn ngăn cấm trói buộc, thì nên gia trì vào y phục rồi buộc, nếu muốn mở ra thì nên xưng tên ấy.

Nếu muốn phá thành của quỷ Phệ-đa-noa thì nên kết ấn Kim cang Bạn-nhạ-ninh.

Nếu muốn tháo gỡ các gông cùm thì nên dùng ấn Kim cang Bốc-yết-sa.

Nếu muốn tuôn ra lửa thì nên gia trì vào Kim cang Nhật tinh bảo.

Nếu muốn những nơi khô cằn có nước thì nên gia trì vào Kim cang Nguyệt tinh bảo.

Nếu muốn được các đồ ăn thức uống và các y phục… thì nên nhìn lên hư không mà trì tụng một lạc-xoa lần.

Nếu muốn thấy chư Phật Như Lai đầy khắp hư không thì phải nhớ nghĩ chư Phật rồi nhất tâm trì tụng.

Nếu muốn trong hư không hiện tướng văn tự và thấy các việc trong ba đời thì nên viết chữ “A” trì tụng một lạc-xoa lần thì liền thấy các việc trong ba đời, mắt thấy vậy rồi, thì việc mà ý biết cũng giống như vậy.

Nếu gia trì một lạc-xoa lần vào mắt thì sẽ thấy sắc tướng trong ba đời.

Nếu gia trì vào tai, thì tai nghe tiếng trong ba đời.

Nếu gia trì vào mũi thì mũi có phân biệt được các mùi hương trong ba đời.

Nếu gia trì vào lưỡi thì sẽ nói được việc trong ba đời.

Nếu gia trì vào ý thì ý phân biệt rõ lý vi diệu chân thật.

Nếu muốn thành tựu tượng chư Phật và thấy những việc hy hữu thì nên gia trì một lạc-xoa lần.

Nếu muốn thấy việc huyễn hóa thì nên dùng phất bằng lông chim công.

Nếu muốn cầu những đồ cần dùng thì nên đến miếu thờ trời Đại Tự tại trì tụng một lạc-xoa lần.

Nếu muốn thấy các Thánh tích thì nên dùng ấn Hàng tam giới.

Nếu muốn thành tựu tất cả pháp, thì nên dùng ấn Kim cang trí.

Nếu muốn thấy vị Tiên có năm thần thông, thì nên dùng ấn Kim cang định.

Nếu tự thân muốn thành tựu quả vị Phật, Bồ-tát và trong bốn oai nghi hiện ra các việc thì nên dùng ấn Kim cang hý thông.

Nếu muốn giác ngộ chư Thiên, thì nên dùng ấn Kim cang lực.

Nếu muốn hàng phục các loài Rồng, thì nên đến bên đầm chỗ Rồng ở mà trì tụng.

Nếu muốn khiến các Dạ-xoa không làm nô tỳ, thì nên dùng ấn Kim cang chỉ.

Nếu muốn điều phục các Bộ-đa, thì nên dùng chân đạp tượng trời Đại Tự tại, hiện ra vẻ rất giận dữ trì tụng thần chú.

Nếu muốn chận đứng sấm chớp mưa đá thì nên dùng ấn Kim cang Tha-phược-noa.

Nếu muốn dứt trừ hỏa hoạn, thì nên dùng ấn Tần-mi Bồ-tát.

Nếu muốn mưa xuống thì nên đến chỗ đầm của Rồng mà trì tụng. Nếu muốn tạnh mưa thì nên dùng hoa héo làm phép Hộ ma vào trong nước.

Nếu muốn nổi lên gió mây thì vẽ hình Rồng rồi xông hương lên.

Nếu muốn trời quang đãng, thì nên dùng ấn Kim cang hư không Phật nhãn.

Nếu muốn những nơi khô cằn vọt lên suối nước, thì nên dùng ấn Cứu cánh Kim cang long.

Nếu muốn những kho báu trong đất hiện ra thì nên dùng ấn Kim cang Khiết-ních-đa.

Nếu muốn tìm các kho báu trong đất thì nên dùng ấn Kim cang nghĩa.

Nếu muốn thành tựu tất cả Mạn-noa-la, thì nên dùng ấn Kim cang luân.

Nếu muốn thành tựu các ấn pháp, thì nên dùng ấn Đại lạc Kim cang Tam-muội.

Nếu muốn thành tựu các pháp Tam-muội thì nên dùng ấn Diệu lạc Kim cang.

Nếu muốn thành tựu các vị trời trì chú thì nên dùng ấn Kim cang.

Nếu muốn thành tựu Bồ-tát Kim cang bộ thì nên dùng ấn Kim cang căn bản tối thượng.

Nếu muốn thành tựu các Bồ-tát thì nên dùng ấn Kim cang tâm.

Nếu muốn thành tựu Bồ-tát Kim cang thì nên dùng đại ấn Kim cang.

Nếu muốn cầu thành tựu chư Phật, thì nên dùng ấn Kim cang trí quyền.

Các pháp như trên đều phải dùng thần chú mà gia trì.

Phần 2: NGHI QUỸ KIM CANG TAM-MUỘI TRONG LÝ CHÂN THẬT CỦA TẤT CẢ NHƯ LAI

Khi ấy, Đức Phật Đại Tỳ-lô-giá-na lại tự nói giáo pháp Bát nhã Ba la mật đa này, là pháp môn Bồ-đề của chư Phật. Nghĩa là Kim cang bình đẳng Bồ-đề tức là Bồ-đề. Kim cang kiên cố nghĩa bình đẳng Bồ-đề tức là Bồ-đề. Đệ nhất nghĩa bình đẳng Bồ-đề tức là Bồ-đề. Các pháp tự tánh thanh tịnh bình đẳng Bồ-đề tức là Bồ-đề; không phân biệt các pháp cũng giống như vậy. Nếu người nào nghe được bốn pháp môn này mà thọ trì đọc tụng thì sẽ tiêu trừ các nghiệp chướng, cho đến ngồi dưới đạo tràng chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc đó, Đức Phật Thế Tôn Đại Tỳ-lô-giá-na nói pháp môn chân lý này rồi lại nắm tay thành trí quyền và mỉm cười rạng rỡ, nói các pháp bình đẳng tâm chú: **"A"** (âm kéo dài).

Lúc nói thần chú này có tất cả chư Phật, Như Lai đều nhóm họp, vây quanh Đức Phật Đại Tỳ-lô-giá-na, rồi y theo vị trí thứ lớp Kim cang Tát-đỏa Mạn-noa-la mà an tọa. Tám phương bên ngoài Mạn-noa-la có tám Đại Bồ-tát ngồi cười mỉm rạng rỡ.

Khi đó, Đức Phật Đại Tỳ-lô-giá-na nhập vào Tam-ma-địa an tưởng trong Mạn-noa-la của tất cả Như Lai. Sau khi xả định liền nói pháp đại Mạn-noa-la lý Kim cang chân thật của chư Phật Như Lai. Y vào nghi Kim cang Tát-đỏa Mạn-noa-la ở trước, nên lập ngoại Mạn-noa-la, bên trong Mạn-noa-la này vẽ vòng Kim cang, bên trong vòng đó vẽ hoa sen nhiều màu. Trên hoa sen an trí Phật Thế Tôn, xung quanh Thế Tôn lại đặt tám Đức Phật, các Đức Phật đều ngồi trên Nhật luân và cầm chày Kim cang. Lại ở bốn phương bốn góc bên ngoài Mạn-noa-la, y theo pháp mà đặt tám vị Đại Bồ-tát, còn ở bốn cửa mỗi cửa đều đặt bình Át-già. Bình ấy cần phải y theo pháp lựa chọn, đựng đầy nước thơm, rồi dùng hoa đẹp cắm vào bình và lấy năm loại châu báu, năm loại hoa màu, năm loại thuốc thang… để vào bình, rồi dùng lụa màu phủ lên trên, sau đó mới kết ấn Kim cang của chư Phật, dâng cúng chư Phật, rồi mới đặt bình ấy ở bốn cửa.

Lúc đó, vị A-xà-lê y theo pháp quán tưởng thân mình đồng với thân chư Phật, tự cho rằng mình thành A-xà-lê Kim cang. Từ đó về sau đối với giáo pháp của chư Phật được thành tựu tất cả, diệt trừ các nghiệp chướng. Sau đó, mới bảo đệ tử vào Mạn-noa-la, y pháp dùng chày Kim cang quán đảnh năm chỗ. Đây gọi là Quán đảnh kim cang. Rồi nói bài tụng về Tam-muội này rằng:

Ngươi thọ quán đảnh rồi
Phải biết vì chúng sinh
Làm pháp Phật tăng trưởng
Trụ trong tâm bình đẳng.

Sau đó, tùy theo căn tánh của đệ tử và với bốn thứ cờ nêu nên y pháp mà thực hành như vậy.

Nói Tam-muội Mạn-noa-la này rồi, lại nói pháp thành tựu tượng vẽ trên lụa. Trong tấm lụa ấy vẽ Đức Phật Đại Tỳ-lô-giá-na ánh sáng rực rỡ, hai tay kết ấn Trí quyền của chư Phật, còn các Đức Phật và Bồ-tát khác y vào nghi thức Mạn-noa-la mà vẽ. Sau đó ở trước tượng lụa này, tùy ý thực hành pháp thành tựu, đều được thành tựu tối thượng.

Lại nói về phương pháp tượng lụa: ở trong tấm lụa đó, chỉ vẽ Đức Phật Đại Tỳ-lô-giá-na, ở trước tượng lụa đó tùy ý mà trì tụng. Sau dùng hai tay kết ấn Trí quyền, nếu trì tụng suốt đêm thì sẽ được thành tựu Bát nhã Ba la mật đa, cho đến chứng được địa vị Bồ-tát, khi chuyển sinh liền thành Chánh đẳng Chánh giác.

Như trên đều là vì mình thành tựu Mạn-noa-la mà nói như vậy. Nếu vì người chưa thành tựu Mạn-noa-la thì bây giờ lại nói:

Nếu muốn cầu được cúng dường Phật, thì nên ban tất cả niềm vui.

Nếu muốn được cúng dường các vị Bồ-tát thì nên đem hương hoa vi diệu cúng dường Tam bảo và phải siêng trì tụng thần chú.

Nếu muốn cầu cho tất cả chúng sinh thực hành cúng dường, thì nên trì tụng bằng tâm Từ.

Nếu muốn nhiếp tất cả pháp thì nên tụng bốn câu kệ Bát nhã Ba la mật đa.

Nếu muốn hàng ma, thì nên trì tụng bằng định tâm vững chắc.

Nếu muốn cầu quán đảnh chư Phật thì nên xả hết tất cả các vật trang nghiêm trên thân mình.

Nếu muốn đầy đủ các pháp thì nên dùng ấn Kim cang liên quán thị.

Nếu muốn cầu thành tựu pháp Yết-ma của chư Phật thì nên dùng chư Kim cang Yết-ma.

Nếu muốn cầu thành tựu chư Phật thì nên dùng đại ấn Kim cang Trí quyền.

Các pháp như trên đều phải trì tụng tâm chú.

QUYỂN HAI
Phần 3: NGHI QUỸ KIM CANG TAM-MUỘI HÀNG PHỤC BA CÕI

Lúc bấy giờ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nói pháp môn Nhất thiết pháp bình đẳng tối thắng nhiếp Bát nhã Ba la mật đa. Nghĩa là vì tham không có tánh nên sân cũng không có tánh; vì sân không có tánh nên si cũng không có tánh; vì si không có tánh, nên các pháp cũng không có tánh; vì các pháp không có tánh nên Bát-nhã ba-lamật-đa cũng không tánh. Nếu người nào lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ pháp môn Bát nhã Ba la mật đa này, dù có tạo nghiệp giết hại tất cả chúng sinh trong ba cõi, cũng không phải chịu quả báo, không đọa các đường ác, mau chóng chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Khi ấy, Bồ-tát Kim Cang Thủ nghe Phật nói pháp môn lý chân thật này rồi, liền hiện tướng mừng giận nhe răng trợn mày, đứng trên hoa sen, như thế giương cung kết ấn hàng tam giới, mà nói tâm chú: **"Hồng"** (Hùư) (âm kéo dài).

Lúc nói tâm chú này, các vị Thiên chủ trong ba cõi và chủ của ba cõi, cho đến trời Đại Tự tại tất cả đều Câu triệu vào Mạn-noa-la, dùng pháp điều phục để điều phục, lại dùng lời an ủi khiến trụ vào Tam-muội rồi hiện tướng rất giận dữ. Khi ấy, trời Đại Tự tại và Thiên chủ ba cõi cùng các quyến thuộc, thấy Bồ-tát Kim Cang Thủ hiện tướng rất giận dữ hàng phục ba cõi, đều kinh sợ phát lời rằng:

–Bồ-tát Kim Cang Thủ cứu hộ chúng con, chúng con xin quy y

Phật và nghe lời Phật dạy an trụ vào Tam-muội.

Tất cả Ma-đát-lý,… thấy Bồ-tát hiện tướng giận dữ, đều kinh sợ khổ não mê mẩn, các ấn chú tà thuật của bọn chúng thảy đều bị phá hoại cho đến Nhị thập bát tú, Cửu diệu, chấp trì và các bệnh khổ, tất cả thuốc độc đều tiêu trừ. Lúc đó các Ma-đát-lý… cũng thưa rằng:

–Bồ-tát Kim Cang Thủ cứu hộ chúng con, từ nay trở đi chúng con quy y Phật, cúi xin che chở chúng con.

Bồ-tát Kim Cang Thủ liền mỉm cười, dẫn chư Thiên… vào Mạn-noa-la khiến trụ Tam-muội, rồi dùng pháp Bảo bộ trao cho quán đảnh, lại dùng pháp Kim cang bộ mà trao quán đảnh và khiến chúng sinh giới đều làm nhiều việc lợi ích lớn lao rồi đặt chính giữa Kim cang bộ bên ngoài.

Khi ấy, Bồ-tát Kim Cang Thủ hóa thành một vị Minh vương hiện tướng giận dữ hàng phục ba cõi, trang nghiêm đầy đủ các thứ, hiện đại oai dũng, nhe răng trề môi, lông tóc đỏ hoe, cầm chày Kim cang, móc câu, đao kiếm, gậy gộc, sô-rị-ca,… vị Đại minh vương này y vào nghi pháp Mạn-noa-la Kim Cang Thủ mà đứng, chư Thiên kia… đặt bên ngoài Mạn-noa-la, bên ngoài Mạn-noa-la này lại đặt các ngôi sao.

Khi ấy, Bồ-tát Kim Cang Thủ liền nhập vào Tam-muội Kim cang đại Bi phương tiện của tất cả Như Lai. Sau khi xả định nói nghi pháp hàng phục ba cõi tối thắng, an tưởng vào nghi pháp Kim cang đại Mạn-noa-la, tụng rằng:

Nay ta sẽ nói lược
Mạn-noa-la tối thắng
Gọi hàng phục ba cõi
Điều phục người khó điều
Y trước nói nghi pháp
Vẽ Mạn-noa-la ngoài,
Ở trong vòng tròn này
Phân chia tám tôn vị
Chính giữa tượng phẫn nộ
Thân như hoa sen xanh
Có các thứ trang nghiêm
Trợn mày nhe răng bén
Giận dữ nhưng mỉm cười
Đứng như thế giương cung
Là tướng hàng ba cõi
Ở dưới hai bàn chân
Trái trợn Tự tại thiên
Phải đạp trên Thiên hậu
Rực rỡ chiếu soi khắp
Trong vẽ tám vòng tròn
Ánh sáng chiếu rực rỡ
Theo nghi ngoại đàn trước
Vẽ Mạn-noa-la ngoài
Bốn cửa đều có đặt
Hình tướng đại phẫn nộ
Cung tên và vòng kiếm
Đây là bốn loại cờ
Ở ngoài Mạn-noa-la
Đặt các sao, cờ nêu
Các thức ăn thượng vị
Đầy bát đem xuất sinh
Treo các linh màu xanh
Và cờ phướn nhiều màu
Lúc đó, A-xà-lê

Nên mặc áo màu xanh
Rồi hiện tướng giận dữ
Liền kết ấn Tam-muội
Đi vào Mạn-noa-la
A-xà-lê phải nên
Y pháp làm Phật sự
Từ ngày ấy về sau
Chư Thiên không thấy được,
Làm thành, hoại tất cả
Được sự tối thượng này
Tất cả pháp thành tựu
Đều khiến được thành tựu
Khi ấy, dắt đệ tử
Vào không Mạn-noa-la
Nên kết ấn Kim cang
Trao Kim cang quán đảnh
Và trao chày Kim cang
Cùng ban cho thệ nguyện
Chày Kim Cang Thủ này
Điều phục người khó điều,
Ngươi phải nên thọ trì
Thành tựu pháp tối thượng
Ban cho thệ nguyện rồi
Mới ra Mạn-noa-la.

Nói bài tụng này rồi, lại nói về cách thức noa tượng. Phải y vào nghi thức Kim cang Mạn-noa-la mà vẽ Kim cang phẫn nộ tôn và vẽ Đại Bồ-tát chư Thiên và chúng Ma-đát-lý… Đó là pháp tượng lụa thành tựu tối thượng. Sau đó, ở trước tượng lụa y theo pháp cúng dường, rồi trải tòa ngồi kiết già, kết ấn căn bản trì tụng trăm ngàn biến. Trì tụng như vậy, nếu có tất cả pháp thế gian và xuất thế gian thảy đều thành tựu. Nếu có người đối với pháp này chưa được thành thục, thì phải thường xuyên trì tụng, như vậy mới có khả năng thực hành các pháp Kính ái, Câu triệu, Nhập ngộ, Cấm phược, Giải trừ…

Lại nói các pháp thành tựu. Nếu muốn phá hoại các điều ác thì nên y vào pháp Kim cang phẫn nộ minh vương.

Nếu muốn phá các tà ấn, thì nên nhìn bằng tướng giận dữ mà trì tụng.

Nếu muốn diệt trừ các ma, thì nên cầm chày Kim cang nổi cơn giận dữ mà trì tụng.

Nếu muốn lập cấm chế, thì nên hiện tướng giận dữ mà trì tụng, rồi dùng chày Kim cang đập vào phương vị ấy.

Nếu muốn làm ly tán, thì nên y vào pháp Kim cang vi diệu vĩđề-nãnh-tôn.

Nếu muốn Câu triệu các sao xấu thì nên hiện tướng giận dữ mà điều phục, quay tròn chày Kim cang.

Nếu muốn dứt trừ sân nhuế cho người khác thì nên dùng sắt vụn làm pháp Hộ ma.

Nếu muốn điều khiển các Dược sát, thì nên y vào pháp Đại tiếu tôn mà trì tụng.

Nếu muốn hàng phục các Rồng, thì nên dùng chày Kim cang đập lên mặt đất mà trì tụng.

Nếu muốn điều phục chư Thiên thì nên y vào pháp Kim cang nễ-ba-đa tôn mà trì tụng.

Nếu muốn nhiếp triệu chư Thiên và hàng phục kẻ phá hoại, thì nên y vào pháp Hàng tam giới tôn mà trì tụng.

Nếu muốn thành tựu pháp Tỳ-sa-môn Thiên vương, thì nên dùng tay đè lên tượng trừ Tỳ-sa-môn mà hiện tướng giận dữ trì tụng.

Nếu muốn thành tựu pháp cầu Tăng trưởng Thiên vương, thì nên y vào pháp Kim cang bổ-ngư-sa mà trì tụng.

Nếu muốn thành tựu Dục thiên, thì nên ở trước tượng Dục thiên, hiện tướng giận dữ mà trì tụng.

Nếu muốn thành tựu Đại Phạm thiên thì nên dùng ấn Diệu lạc kim cang.

Nếu muốn thành tựu Na-la-diên thiên thì nên dùng ấn Kim cang luân tỏa.

Nếu muốn thành tựu Đại Tự tại thiên thì nên dùng ấn Kim cang thú-la-tỏa.

Nếu muốn thành tựu các Ma-đát-lý thì nên y vào pháp Kim cang chúng La-sát.

Nếu muốn phá hoại các chú pháp, tà đàn… của các ngoại đạo, thì nên y vào pháp Kim cang đại phẫn nộ bạn-nhạ-na-tôn.

Nếu muốn đạp gãy tất cả núi rừng, cho đến Thiên miếu, thờ trời thì nên hiện phẫn nộ Minh vương mà ngoái nhìn. Nếu muốn trở lại như cũ, thì nên y vào pháp Kim cang phẫn nộ minh vương.

Nếu muốn hoại diệt các ma thì nên y vào pháp Kim cang phẫn nộ minh vương quyền.

Nếu muốn khiến cho sinh các sợ hãi thì nên y vào pháp Kim cang phẫn nộ minh vương mà hiện tướng đại ác.

Nếu muốn phá hoại quân của kẻ khác thì nên y vào pháp Kim cang phẫn nộ dược sát.

Nếu muốn phá tan quân giặc thì nên y vào pháp Kim cang phẫn nộ La-sát.

Nếu muốn phá hoại chư Thiên thì nên dùng đinh đóng vào tượng chư Thiên.

Nếu muốn thành tựu Thiên chủ thì cũng nên thực hành y như pháp này.

Nếu muốn làm cho ba cõi kinh sợ thì nên dùng ấn Kim cang bát-la-la.

Nếu muốn là bậc tài giỏi trong ba cõi thì nên y vào pháp Kim cang phẫn nộ minh vương.

Nếu muốn khiến cho ba cõi nhập ngộ, cấm phược, kính ái, thì nên dùng ấn Kim cang phẫn nộ minh vương.

Nếu muốn khiến ba cõi thành tựu Câu triệu, kính ái thì nên y vào pháp Đại lạc kim cang phẫn nộ minh vương.

Phần 4: NGHI QUỸ VỀ TAM-MUỘI THANH TỊNH CÁC PHIỀN NÃO

Lúc bấy giờ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni lại nói tất cả pháp Bình đẳng Quán Tự Tại trí ấn, là pháp môn Bát nhã Ba la mật đa. Nghĩa là vì phiền não thanh tịnh nên các cấu cũng thanh tịnh; vì tất cả cấu thanh tịnh nên tất cả tội cũng thanh tịnh. Vì các pháp thanh tịnh nên tất cả chúng sinh cũng thanh tịnh. Vì Nhất thiết trí thanh tịnh, nên Bát nhã Ba la mật đa cũng thanh tịnh. Nếu người đối với pháp môn này mà thanh tịnh thọ trì, đọc tụng suy ghĩ, ghi nhớ, tuy thường sống trong tham dục, nhưng lại lìa xa các phiền não, ví như hoa sen thanh tịnh không bị dính bùn dơ. Vậy nên người này mau thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nghe Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nói lý chân thật pháp môn thanh tịnh này rồi, Bồ-tát Quán Tự Tại liền mỉm cười nói tâm chú Quán chiếu các pháp vô nhiễm, tất cả thanh tịnh pháp môn hoa sen nhiều màu rằng: **"Hột-rị"** (Hrì) (hai chữ hợp thành một âm).

Lúc nói tâm chú này thì xuất hiện tất cả Như Lai đều như tướng Quán Tự Tại, tay cầm hoa sen, đều nương vào nghi thức Mạn-noa-la của Quán Tự Tại mà an trụ. Lúc ấy, Bồ-tát Quán Tự Tại nhập vào Tam-muội, quán chiếu các pháp Trí tự tại ấn. Sau khi xả định, nói pháp Mạn-noa-la điều phục tất cả thế gian. Nếu người kiến lập pháp Đại mạn-noa-la này mà thành tựu thì nên ở Mạn-noa-la bên ngoài vẽ Mạn-noa-la bên trong, bốn phương bốn góc đặt tám tôn vị, y pháp đầy đủ, ở giữa vẽ hoa sen màu hồng tám cánh, trên hoa lại vẽ Bồ-tát Quán Tự Tại. Ở trước Bồ-tát vẽ trời Đại Liên sắc, tướng như thiên ma, màu hồng đỏ, tay cầm hoa sen, hoa Câu-tô-ma và cung tên. Bên phải vẽ trời Đại Liên phẫn nộ tự tại, sắc tướng như trời Đại Tự tại. Phía sau vẽ trời Đại Liên sắc, sắc tướng như trời Na-la-diên. Bên trái vẽ Đại Liên Ta-bà chủ, sắc tướng như Phạm Thiên vương. Góc Đông nam vẽ trời Đại Liên trì thế, sắc tướng như trời Trì thế. Góc Tây nam vẽ trời Đại Liên thủy, sắc tướng như Long vương ở biển lớn. Góc Tây bắc vẽ trời Đại Liên nhật, sắc tướng như trời Đại nhật. Góc Đông bắc vẽ trời Đại Liên phong, sắc tướng như Phong thiên. Lại bốn góc Mạn-noa-la bên ngoài vẽ bốn Thiên tượng là: Hộc rị, Thất rị, Nghi, Đề. Các vị trời ấy tay trái đều cầm hoa sen, tay phải cầm cờ, bốn cửa đều có đặt được cờ nêu. Một là Tất-đế-rị-rĩ-ngật-la-hạ; hai là Tát-lý-phược-vĩ-ngật-la-hạ; ba là Tô-cát-la-vĩ-ngật-la-hạ; bốn là Bát-nột-ma-vĩ-ngật-la-hạ.

Vẽ Mạn-noa-la như vậy rồi, vị A-xà-lê nên bảo đệ tử mặc áo trắng, dùng lụa sạch phủ mặt, rồi thầy cầm hoa đẹp kết ấn Liên hoa, dẫn đệ tử vào Mạn-noa-la, nhắc nhở đệ tử phải dốc lòng trịnh trọng, đem hoa tung rải, hoa rơi đến chỗ nào thì chỗ đó chính là Bản tôn, được Bản tôn rồi y theo pháp Liên hoa bộ quán đảnh mà thực hành quán đảnh. Sau đó dạy đệ tử:

–Ngươi quán các pháp nên như hoa sen, các nhiễm phiền não thanh tịnh cũng như thế, rồi nói kệ rằng:

Như hoa sen có mầu đẹp
Trong bùn nhưng thơm sạch
Bản tánh tham, sân, si
Vô nhiễm cũng như vậy
Đối với tất cả pháp
Nên quán sát như thế
Các pháp vốn thanh tịnh
Diệt trừ các phiền não
Thường đối các Tam-muội
Thành Nhất thiết trí Phật
Chứng pháp như vậy rồi
Mới gọi Quán tự tại.

Nói kệ rồi lại bảo đệ tử:

–Từ đây trở đi, thân người được thanh tịnh, các việc mong cầu được thành tựu, đều tùy theo ý nguyện cho đến thành Phật.

Như vậy, đệ tử muốn thành tựu trí Mạn-noa-la cũng nên y theo pháp tượng lụa mà được thành tựu.

Lại nói người chưa thành thục mong cầu pháp thành tựu. Nếu muốn cho mọi người vui thích thì nên gia trì vào hoa sen tám ngàn biến. Nếu muốn diệt tan các điều ác thì dùng ấn Liên hoa đại phẫn nộ vương. Nếu muốn cho ma bị mê loạn thì nên dùng ấn Đại liên phược-la-hạ. Nếu muốn các phiền não được thanh tịnh thì nên dùng ấn Đại liên hoa quán tưởng.

Nếu muốn cho mưa xuống thì nên vẽ hình Rồng, hành giả ngồi lên rồng ấy trì tụng một lạc-xoa lần.

Nếu muốn xua tan tối tăm thì nên dùng ấn Đại liên hoa nhật quang.

Nếu muốn nổi gió và ngừng gió thì nên dùng ấn Liên hoa ma-lỗ-đa.

Phần 5: NGHI QUỸ NÓI VỀ TẤT CẢ BẢO QUÁN ĐẢNH ĐẠI TAM-MUỘI

Bấy giờ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni lại nói tất cả quán đảnh của Như Lai phát sinh kho tàng trí Bát nhã Ba la mật đa giáo. Nếu người nào thí quán đảnh thì sẽ được ngôi vị vua trong ba cõi. Nếu bố thí của báu, tài vật, thì sẽ được viên mãn tất cả nguyện. Nếu bố thí pháp nhiệm mầu, thì được pháp bình đẳng. Nếu bố thí thức ăn ngon thì tất cả thân, miệng ý được vui sướng.

Nghe Phật nói pháp môn chân lý này rồi, Bồ-tát Hư Không Tạng liền nở nụ cười tươi, kết ấn Bảo kim cang quán đảnh man đưa lên đảnh. Kết ấn xong liền nói tâm chú Nhất thiết quán đảnh Tam-muội bảo: **"Đát-lãm"** (Tràư) (hai chữ hợp thành một âm).

Lúc nói tâm chú này, xuất hiện các tướng như câu Nhất thiết quán đảnh nghĩa,… xuất hiện như thế rồi y vào nghi thức Bảo bộ mạn-noa-la mà hiện ra tượng Bồ-tát ở các chỗ bản vị.

Khi ấy, Bồ-tát Kim Cang Tạng nhập vào tất cả Tam-ma-địa quán đảnh bảo Kim cang. Sau khi xả định, bèn nói tất cả nguyện viên mãn đại ma-ni bảo Tam-muội, Đại mạn-noa-la. Nếu người nào thành tựu Mạn-noa-la này thì nên y theo pháp Mạn-noa-la bên ngoài vẽ Mạn-noa-la bên trong giữa vẽ cây cột báu tám cạnh như tám tướng Mạn-noa-la, vòng báu để trang sức xung quanh Bảo kim cang, đặt các thứ trang nghiêm như cờ phướn, lọng tán… Sau đó, ở trong Mạn-noa-la vẽ Bồ-tát Hư Không Tạng đi xe, cỡi ngựa nở nụ cười tươi, thân màu hồng rực, hai tay kết ấn quán đảnh. Ở trước Bồ-tát đặt các Như Lai và Bồ-tát quán đảnh, đầu đội mũ báu. Bên phải đặt các Bồ-tát giữ gìn bảo tạng. Phía sau lại đặt Bồ-tát gìn giữ pháp bảo tạng. Bên trái đặt các Bồ-tát giữ gìn các thức ăn ngon. Ở bốn góc đặt Bồ-tát cúng dường, cùng các thứ cờ phướn, lọng báu và âm nhạc vi diệu… Bốn cửa, bốn góc của Mạn-noa-la bên ngoài y theo pháp mà đặt bình Át-già và quán đảnh, cờ nêu cúng dường… Vẽ Mạn-noa-la như vậy rồi, vị A-xà-lê nên kết Bảo ấn, y theo pháp dắt đệ tử vào Mạn-noa-la, dùng pháp bảo quán đảnh trao cho quán đảnh và ấn tướng, cờ nêu,… từ đó về sau tất cả điều mong cầu đều được thành tựu viên mãn.

Như trên đã nói về nghi pháp dắt đệ tử vào Mạn-noa-la, trong Bảo kim cang bộ kia đã tác pháp thành tựu cũng nên như vậy. Nếu pháp chưa thành thục mà muốn thọ các quán đảnh thì nên trao ấn Bảo kim cang quán đảnh.

Nếu muốn được viên mãn ý nguyện thì nên đợi khi mặt trời mọc mà trì tụng.

Nếu muốn hiểu rõ nghĩa trí của các pháp thì nên quán các pháp thanh tịnh cũng như hư không mà trì tụng.

Nếu muốn cầu các thứ thượng vị thì nên tưởng bản thân như hư không, ngày tụng một ngàn biến.

Nếu muốn được viên mãn đại nguyện thì nên cầm lọng báu trì tụng trăm ngàn biến.

Nếu muốn mong cầu tối thắng thì nên dùng ấn cờ báu Kim cang.

Nếu muốn cầu danh tiếng thì hàng ngày phải thường trì tụng.

Phần 6: ĐẠI NGHI QUỸ VỀ TẤT CẢ QUYỀN ẤN TAM-MUỘI

Lúc bấy giờ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni được trí ấn của chư Phật, trì trí quyền của chư Phật. Đó là rốt ráo của chư Phật. Lại nói trí ấn của tất cả Như Lai, an tưởng Kim cang Bát nhã Ba la mật đa giáo. Nghĩa là nhiếp thân ấn của tất cả Như Lai, tức là tất cả thân Như Lai nhiếp ngữ ấn của tất cả Như Lai, tức là được tất cả pháp tự tại, vì Nhiếp tâm ấn của tất cả Như Lai tức là được tất cả Tam-muội. Nhiếp Kim cang ấn của tất cả Như Lai là được thành tựu ba nghiệp Kim cang tối thượng.

Nếu người nào lắng nghe, thọ trì, suy nghĩ, ghi nhớ pháp môn này và giảng nói cho người khác nghe, thì người này được thành tựu tất cả pháp, thông đạt Nhất thiết trí, mọi việc đều được viên mãn, cho đến thành tựu ba nghiệp Kim cang tối thượng và mau thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nghe Phật nói Nhiếp pháp chân thật đại Tam-muội Kim cang ấn rồi, Bồ-tát Kim Cang Quyền liền hiện tướng vui mừng và liền nói tất cả ấn Kim cang kiên cố thành tựu Tam-muội thần chú: **"Ác".**

Lúc nói tâm chú này, tất cả Như Lai và các chúng hội đều hóa như Kim cang tát-đỏa, đều kết ấn Kim cang tát-đỏa, dùng ấn Thành tựu tối thượng của Như Lai để ấn nương vào ba nghiệp Kim cang và Đại ấn Tam-muội… của Bồ-tát Kim Cang Quyền và an trụ vào Mạn-noa-la này.

Khi ấy, Bồ-tát Kim Cang Quyền nhập vào trí ấn Tam-muội của tất cả Như Lai. Sau khi xả định, liền nói tất cả pháp ấn Tam-muội Kim cang đại mạn-noa-la. Nếu người nào kiến lập Mạn-noa-la này, thì nên y theo nghi Mạn-noa-la ở trước mà vẽ Mạn-noa-la ngoài, ở trong giữa vẽ tám vòng tròn, trong vòng tròn đó chia thành tám vị. Vị chính giữa đặt Bồ-tát Kim Cang Quyền, hiện tướng vui mừng, kết quyền ấn Tam-muội. Ở trước, Bồ-tát này có đặt Bồ-tát Tối Thượng Kim Cang thân, tay cầm chày Kim cang. Bên phải Bồ-tát Kim Cang Quyền, đặt Bồ-tát Kim Cang Thiệt. Phía sau Bồ-tát Kim Cang Quyền, đặt Bồ-tát Kim Cang Định, tay cầm chày Kim cang. Bên trái Bồ-tát Kim Cang Quyền, đặt Bồ-tát Tối Thượng Kim Cang, cầm chày Kim cang. Lại ở góc Đông nam Mạn-noa-la đặt Bồ-tát Ấn quyền, góc Tây nam đặt Bồ-tát Nghĩa Quyền, góc Tây bắc đặt Bồ-tát Trí Quyền, góc Đông bắc đặt Bồ-tát Yết-ma Quyền. Các Bồ-tát này đều kết ấn của mình và cầm cờ nêu. Lại ở bốn cửa đặt bốn vị Bồ-tát Kim cang Hương… Vẽ Mạn-noa-la như vậy rồi. Nếu như có người chưa thành tựu pháp này, mà vào trong đó rồi thì sẽ được đầy đủ tất cả ấn, thành tựu A-xà-lê. Từ đó về sau chắc chắn được thành tựu tất cả pháp, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu vị A-xà-lê truyền cho đệ tử thì nên kết ấn Kim cang quyền,

dẫn đệ tử vào trong Mạn-noa-la dùng pháp Kim cang đảnh mà trao cho quán đảnh rồi nói kệ rằng:

Tâm, miệng, ý Kim cang
Nên quán như hình bóng
Các ấn cũng như vậy
Đây gọi Thệ Tam-muội.

Nghi thức đệ tử vào trong Mạn-noa-la như ở trên đã nói, tất cả ấn tướng của bộ này và thành tựu pháp Mạn-noa-la đều cũng như vậy. Lại vì người chưa thành thục thì nên nói pháp thành tựu.

Nếu muốn thành tựu các ấn tướng, thì nên kết Kim cang quyền an tâm vào trì tụng.

Lại nữa nếu muốn thành tựu tất cả ấn thì nên kết ấn Đại kim cang quyền.

Nếu muốn được tất cả chúng sinh kính mến thì nên kết ấn Kim cang đại lạc quyền.

Nếu muốn hàng phục các chúng sinh thì nên kết ấn Kim cang đại quyền.

Nếu muốn thành tựu tất cả Tam-muội thì nên kết ấn Kim cang Tra chỉ.

Nếu muốn chặn đứng các điều ác thì nên kết ấn Kim cang phược.

Nếu muốn ngăn cấm tất cả thì nên kết ấn Kim cang sách.

Nếu muốn sai khiến Tảm-bà-na thì nên kết ấn Kim cang lệ ba quyền.

Nếu muốn sai khiến Ty-noa-na thì nên kết ấn Kim cang phược quyền.

Nếu muốn diệt trừ các điều ác thì nên kết ấn Kim cang phẫn nộ quyền.

Nếu muốn Bạc-xoa-na thì nên kết ấn Kim cang dược sát quyền.

Nếu muốn phá hoại các ma thì nên kết ấn Kim cang nảnh-tynoa-na quyền.

Nếu muốn khai thông tất cả thì nên dùng ấn Kim cang tỏa quyền.

Nếu muốn khiến cho tất cả tỉnh ngộ thì nên kết ấn Kim cang aphệ-xá quyền.

Nếu muốn khiến làm Nảnh-lý-đa thì nên kết ấn Kim cang nảnh-lý-đa quyền.

Nếu muốn cho tất cả nói năng thì nên kết ấn Kim cang ngữ quyền.

Nếu muốn cấm phục tất cả thì nên kết ấn Kim cang định quyền.

Nếu muốn sai khiến quân địch của người là Mẫu-chỉ-yết-la-na thì nên kết đại ấn Đại kim cang ngữ quyền.

Nếu muốn giải trừ các tà ấn thì nên kết ấn Kim cang giải thoát quyền.

Nếu muốn giải trừ các ấn Noa-cát-nễ thì nên kết ấn Hàng tam giới kim cang quyền.

Nếu muốn phá các ác ấn thì cũng kết ấn Hàng tam giới kim cang quyền.

Nếu muốn ngăn cấm các ấn thì nên kết ấn Kim cang tán đề quyền.

Nếu muốn làm cho tất cả ấn vững chắc như kim cang thì nên kết ấn Kim cang quyền.

Nếu muốn đè bẹp tất cả thì nên kết ấn Kim cang ma-đát-rị quyền.

Nếu muốn bẻ gãy các ma thì nên kết ấn Diệu kim cang quyền.

Nếu muốn phá các ác thì nên kết ấn Đại ác phẫn nộ kim cang quyền.

Nếu muốn đi đứng trên nước thì nên kết ấn Kim cang cấm quyền.

Nếu muốn hiện các hình sắc thì nên kết ấn Chúng Yết-ma kim cang quyền.

Nếu muốn cầu pháp ẩn thân thì nên kết ấn Bất khả kiến kim cang quyền.

Nếu muốn mọi cử chỉ hành động và việc làm được thành tựu thì nên kết ấn Hư không kim cang quyền.

Nếu muốn bay đi tự tại trên hư không thì nên kết ấn Kim cang phược quyền.

Nếu muốn thành tựu Trì minh thiên thì nên kết ấn Kim cang kiếm quyền.

Nếu muốn thành tựu việc cúng dường các Đức Như Lai, thì nên kết ấn Kim cang yết-ma quyền.

Nếu muốn thông đạt Nhất thiết trí thì nên kết ấn Kim cang trí quyền.

Nếu muốn thành tựu tất cả nghĩa thì nên kết ấn Kim cang nghĩa quyền.

Nếu muốn cầu thành tựu tất cả ấn chủ thì nên kết ấn Kim cang quyền.

Nếu muốn mọi việc được thành tựu thì nên kết các ấn Kim cang quyền.

Nếu muốn thành tựu tất cả Mạn-noa-la thì nên kết ấn Kim Cang Thủ quyền.

Nếu muốn nói những việc trong ba đời thì nên kết ấn Kim cang thật quyền.

Nếu muốn thành tựu Kim Cang Thủ thì nên kết ấn Kim cang cao cử.

Nếu muốn cầu thành tựu quả Phật, thì nên kết ấn chư Phật Kim cang quyền.

Phần 7: ĐẠI NGHI QUỸ VỀ TAM-MUỘI KIM CANG TỰ LUÂN

Lúc bấy giờ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni lại nói các pháp vô tánh chuyển tự luân Bát nhã Ba la mật đa giáo. Nghĩa là các pháp là Không, không có tự tánh, các pháp là Vô tướng, vì vô tướng cho nên sinh ra tất cả pháp. Vì các pháp là Vô nguyện, nên từ vô nguyện mà sinh ra tất cả pháp. Vì tự tánh các pháp là thanh tịnh, nên Bát nhã Ba la mật đa thanh tịnh.

Lúc đó, Bồ-tát Diệu Cát Tường nghe Phật nói pháp môn chân lý này rồi liền mỉm cười, dùng kiếm trí tuệ biểu thị cho chư Phật, rồi nói tâm chú Bát nhã Ba la mật đa tối thượng:**"A".**

Khi nói tâm chú này, tất cả Như Lai đều nhóm họp, nương vào nghi Mạn-noa-la ở trước mà an trụ. Bấy giờ, Bồ-tát Diệu Cát Tường nhập vào Tam-ma-địa tất cả pháp tự tánh vô tánh kiếm. Sau khi xả định liền nói pháp Tam-muội Mạn-noa-la chuyển tự luân. Nếu người nào kiến lập Mạn-noa-la này thì trong Mạn-noa-la bên ngoài, nên y theo pháp mà vẽ tám vòng tròn, giữa vòng tròn đó thứ lớp vẽ tâm chú, bốn góc bốn phương ở phía sau chia ra tám vị, chính giữa nên đặt Bồ-tát Diệu Cát Tường như tướng đồng tử, thân sắc thanh tịnh như hư không, có bốn tay, dùng kiếm trí tuệ để biểu thị pháp, ánh sáng chiếu khắp. Bên ngoài Bồ-tát đặt chư Phật Như Lai. Bốn góc y theo pháp đặt bốn bộ kinh Bát nhã Ba la mật đa. Bốn cửa cắm bốn thứ cờ như kiếm thược, kết đế, bát báu, kinh. Sau đó, vị A-xà-lê kết kiếm ấn hoặc kinh ấn, rồi y theo pháp dắt đệ tử vào Mạn-noa-la trao cho trí kiếm và làm pháp quán đảnh, làm quán đảnh rồi lại nói pháp, thệ tụng:

Ngươi nên nhận kiếm trí
Và chân lý Bát-nhã
Quán Phật như hư không
Là biểu thị mau thành.
Giữ gìn pháp của Phật
Rộng độ các chúng sinh

Dùng kiếm chém nghiệp chướng
Khiến hết hẳn không còn.

Nói kệ rồi lại bảo rằng:

–Nhờ pháp mầu này mà khiến ngươi được thành tựu Bát nhã Ba la mật đa và mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu muốn thành tựu pháp Mạn-noa-la thì cũng y như nghi thức trước. Lại nói pháp thành tựu, nếu muốn chứng Tam-ma-địa Không thì nên quán các pháp như hư không.

Nếu muốn chứng Tam-ma-địa Vô tướng thì nên quán các pháp đều vô tướng.

Nếu muốn chứng Tam-ma-địa Vô nguyện thì nên quán các pháp đều vô nguyện.

Nếu muốn chứng pháp tự tánh thanh tịnh trí thì nên quán tưởng lý thú của Bát nhã Ba la mật đa.

Nếu muốn dứt bỏ tất cả phiền não thì nên quán tưởng chánh pháp.

Nếu muốn được trí chân thật của tất cả văn tự thì nên quán tưởng pháp vô tánh.

Nếu muốn đối với các chỗ mà không đắm trước vào văn tự quán pháp thân thì nên y theo tự tánh của chữ Ma… mà quán tưởng là không.

Nếu muốn chứng Bồ-đề của chư Phật thì nên kết ấn Kim cang kiếm.

Phần 8: ĐẠI NGHI QUỸ NÓI VỀ TAM-MUỘI NHẤT THIẾT MẠN-NOA-LA KIM CANG LUÂN

Lúc bấy giờ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni lại nói nhiếp tất cả Như Lai luân vào trong Đại luân Bát nhã Ba la mật đa giáo. Nghĩa là nhập vào Kim cang bình đẳng tức nhập vào tất cả Như Lai luân. Nhập vào nghĩa bình đẳng là nhập vào Đại Bồ-tát luân. Nhập vào pháp bình đẳng là nhập vào Diệu pháp luân. Nhập vào tất cả bình đẳng là nhập vào tất cả luân.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Đồng Tâm Sinh Chuyển Pháp Luân nghe Phật nói pháp môn chân lý này rồi, liền mỉm cười mà chuyển Kim cang luân nhập tất cả Kim cang Tam-muội tâm chú rằng: **“Hồng”** (âm kéo dài).

Lúc nói tâm chú này, có tất cả Như Lai và tất cả hữu tình trong ba cõi đều nhóm họp vào trong Mạn-noa-la. Lại từ tâm Bồ-tát phát ra tất cả Mạn-noa-la Tam-muội. Bấy giờ chư Phật, Bồ-tát y pháp mà an trụ.

Bồ-tát Đồng Tâm Sinh Chuyển Pháp Luân liền nhập vào tất cả luân ấn Tam-ma-địa. Sau khi xả định, liền nói nhập Nhất thiết Tam-muội luân đại Mạn-noa-la pháp này. Nếu người nào muốn kiến lập Mạn-noa-la này, thì nên ở giữa Mạn-noa-la bên ngoài này vẽ vòng kim cang, trong vòng vẽ Bồ-tát Đồng Tâm Sinh Chuyển Pháp Luân, tất cả các Đức Phật Như Lai và chúng Bồ-tát như Kim Cang Thủ… cũng y theo nghi thức Mạn-noa-la ở trước mà vẽ. Bốn góc của Mạnnoa-la vẽ bốn vị Đại Bồ-tát của Kim cang bộ. Đó là Bồ-tát Kim cang Tát-đỏa, Bồ-tát Kim Cang Phẫn Nộ Minh vương, Bồ-tát Quán Tự Tại và Bồ-tát Hư Không Tạng. Ở bốn cửa vẽ bốn thứ cờ nêu, vẽ Mạn-noa-la như vậy rồi, sau đó vị A-xà-lê y theo pháp kết ấn Kim cang luân, dẫn đệ tử vào Mạn-noa-la, trao cho Kim cang luân, khiến đệ tử nhận quán đảnh, truyền cho bốn thứ Mạn-noa-la và

bản bộ, tất cả pháp Tam-muội… Nghi pháp hướng dẫn đệ tử đã như vậy thì pháp thành tựu Kim cang luân Mạn-noa-la cũng như vậy.

Lại nói về pháp thành tựu, nếu muốn nhập vào tất cả Mạnnoa-la thì nên kết ấn Kim cang luân đặt lên mặt.

Nếu muốn vào đại Mạn-noa-la thì nên kết ấn Đại luân.

Nếu muốn nhập vào các ấn Mạn-noa-la thì nên kết ấn Kim cang của tất cả Như Lai.

Nếu muốn vào Tam-muội Mạn-noa-la thì nên kết ấn Đại Tam-muội luân.

Nếu muốn nhập vào Yết-ma Mạn-noa-la thì nên kết các ấn Kim cang luân.

Nếu muốn thực hành pháp kính ái, pháp hàng phục, pháp ấn, pháp phá hoại, pháp nhập Nhất thiết xứ, pháp cúng dường, pháp điều phục các ác… đều kết ấn tám Đại Bồ-tát hoặc kết luân ấn.

Phần 9: ĐẠI NGHI QUỸ NÓI VỀ CÁC TAM-MUỘI KIM CANG

Lúc bấy giờ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni lại nói pháp cúng dường tối thượng Bát nhã Ba la mật đa giáo. Nghĩa là phát sinh tâm Bồ-đề tức là cúng dường rộng lớn cho tất cả Như Lai. Cứu độ tất cả chúng sinh giới tức là cúng dường rộng lớn cho tất cả Như Lai. Nhiếp tất cả pháp là cúng dường rộng lớn cho tất cả Như Lai. Nếu người nào biên chép, đọc tụng, thọ trì, suy nghĩ, ghi nhớ về Bát nhã Ba la mật đa giáo này thì đó là cúng dường rộng lớn cho tất cả Như Lai.

Nghe Phật nói pháp môn chân thật này rồi, Bồ-tát Nga-nga-nanghiễn-nhạ liền mỉm cười và nói tâm chú tất cả Yết-ma bất không Tam-muội này: **“Án”** (âm kéo dài).

Lúc nói tâm chú này, có tất cả các thứ cúng dường đầy khắp hư không, lại từ hư không hóa ra tướng Bồ-tát, rồi trở lại trước Bồ-tát Nga-nga-na-nghiễn-nhạ và y vào Mạn-noa-la mà trụ.

Khi ấy, Bồ-tát Nga-nga-na-nghiễn-nhạ nhập vào Tam-ma-địa tất cả cúng dường an tưởng. Sau khi xả định liền nói Tam-muội Mạnnoa-la Yết-ma Kim cang bất không tối thượng. Thực hành pháp này rồi, nên ở giữa Mạn-noa-la bên ngoài vẽ cột báu có tám cạnh, ở giữa vẽ Bồ-tát Nga-nga-na-nghiễn-nhạ, màu thân như màu mặt trăng, tay cầm khí trượng, mỉm cười.

Lại y theo pháp mà vẽ các Bồ-tát như Bồ-tát Kim Cang Thủ, Bồ-tát Quán Tự Tại,… và tám vị Đại Bồ-tát, mỗi vị có bản tướng đều đầy đủ và ấn pháp. Lại ở bốn góc vẽ bốn vị Bồ-tát cúng dường. Bốn cửa vẽ bốn cờ nêu và các thứ vật báu. Vẽ như vậy rồi, vị A-xàlê nên kết ấn Yết-ma Kim cang, y theo pháp dắt đệ tử vào Mạn-noala dùng các pháp Yết-ma kim cang quán đảnh mà trao quán đảnh. Trao quán đảnh rồi lại thực hành bốn thứ cúng dường. Một, thân nghiệp lễ bái; hai, ngữ nghiệp khen ngợi lý mầu chân thật; ba, ý nghiệp quán tưởng trong pháp giới tất cả đều thành cúng dường; bốn, tay kết ấn Kim cang. Đó gọi là đệ tử nhập vào nghi Yết-ma mạn-noala.

Lại nói về pháp thành tựu. Nếu muốn đem tâm giác ngộ để cúng dường, thì nên quán tưởng tâm Kim cang.

Nếu muốn đem Tam-ma-địa cúng dường thì nên quán tưởng các pháp thanh tịnh.

Nếu muốn dùng pháp quán đảnh cúng dường thì nên quán tưởng các Yết-ma kim cang.

Nếu muốn dùng ấn để cúng dường thì nên quán tưởng các Kim cang.

Nếu muốn dùng hư không cúng dường thì nên quán tưởng chữ A.

Nếu muốn cúng dường tất cả Mạn-noa-la thì nên quán tưởng các vòng Kim cang.

Nếu muốn dùng tất cả các vật dụng cúng dường thì nên quán tưởng các Kim cang.

Nếu muốn điều phục các điều ác thành cúng dường thì nên hiện tướng giận dữ gia trì, rồi ném hoa.

Phần 10: ĐẠI NGHI QUỸ NÓI VỀ TAM-MUỘI KIM CANG PHẪN NỘ

Lúc bấy giờ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni có khả năng điều phục những người khó điều phục, nên kết ấn Đại trí quyền. Lại nói điều phục tất cả hữu tình tạng Bát nhã Ba la mật đa giáo. Tất cả hữu tình bình đẳng tức là phẫn nộ bình đẳng, tất cả hữu tình được điều phục tức là điều phục phẫn nộ. Tất cả hữu tình đều nương vào pháp, tức là phẫn nộ nương pháp. Tự tánh của tất cả hữu tình bền chắc tức là tự tánh của phẫn nộ cũng bền chắc. Vì sao? Vì tất cả điều phục tức là Bồ-đề.

Nghe Phật nói pháp môn điều phục này rồi, Bồ-tát Hàng Chư Ma Kim Cang Dược Sát liền mỉm cười, lại hiện tướng Kim cang Dược sát kết ấn Kim cang lợi nha, liền nói tâm chú Kim cang phẫn nộ đại hoan hỷ: **"Hách".**

Lúc nói tâm chú này, tất cả các điều ác đều bị điều phục, tất cả hữu tình đều từ tâm Bồ-tát mà ra, nương vào nghi Mạn-noa-la mà trụ.

Khi ấy, Bồ-tát Kim Cang Dược Sát nhập vào tất cả phương tiện điều phục phẫn nộ kim cang Tam-ma-địa. Sau khi xả định liền nói pháp điều phục các điều ác, an tưởng Kim cang dược sát mạn-noa-la. Nếu ai thành tựu pháp này thì nên y theo Mạn-noa-la bên ngoài ở trước mà vẽ Mạn-noa-la. Ở giữa Mạn-noa-la ấy dùng năm màu vẽ Mạn-noa-la bốn phương. Bốn cửa bốn góc vẽ tám cột báu, ánh sáng rực rỡ. Ở giữa Mạn-noa-la y theo pháp vẽ Bồ-tát Kim Cang Dược Sát, thân màu xanh biếc rất dữ tợn, nhưng lại tươi cười, răng bén ló ra ngoài, ánh sáng chiếu sáng, xung quanh Bồ-tát vẽ chúng Kim cang dược-sát, cũng hiện tướng cực ác và vẽ cờ nêu của chúng Kim cang bộ. Lại ở góc Mạn-noa-la bên ngoài vẽ ấn Kim cang lợi nha, ở bốn cửa đều vẽ cờ Kim cang. Vẽ như vậy rồi vị A-xà-lê kết ấn Kim cang lợi nha hoặc ấn Đại tiếu, y theo pháp dẫn đệ tử vào Mạn-noala, nên dùng pháp Kim cang lợi nha quán đảnh, mà trao quán đảnh, trao quán đảnh rồi vị A-xà-lê liền lập thế Kim cang dược sát, dùng chày Kim cang mà đánh, tức thì tượng vẽ Kim cang dược sát đó cười lớn. Nếu khi thấy được tướng tốt này thì chắc chắn biết vị A-xà-lê được thành Kim Cang Thủ Bồ-tát Đại Dược sát chủ. A-xà-lê liền thực hành pháp thành tựu, y theo pháp kết ấn trì tụng, dâng cúng các món và đọc tụng Bát nhã Ba la mật đa giáo. Y pháp cúng dường như vậy rồi mới ra khỏi Mạn-noa-la.

Lại nói về pháp thành tựu, như nghi thức Mạn-noa-la của Bồ-tát Kim Cang Thủ, thực hành pháp thành tựu cũng giống như vậy.

Nếu muốn điều phục các điều ác thì nên kết ấn Kim cang lợi nha.

Nếu muốn điều phục các loài hữu tình thì nên làm thế giận dữ, cười lớn mà trì tụng tâm chú.

Nếu muốn đè bẹp tất cả thì nên kết ấn Kim cang quyền.

Nếu muốn phá hoại các điều ác thì nên thực hành các hình tướng đó để gia trì rồi thì có khả năng phá hoại.

Nếu muốn phá loại các đàn tràng tà, vậy thì nên cầm chày Kim cang xông vào đàn ấy.

Nếu muốn phá hoại sự cúng dường ấy thì nên hiện thế giận dữ mà trì tụng.

Nếu muốn làm cho kinh sợ bằng các điều ác thì nên nhìn bằng con mắt Bội-la-phược.

QUYỂN BA
Phần 11: ĐẠI NGHI QUỸ NÓI VỀ TAM-MUỘI NHẤT THIẾT LẠC

Bấy giờ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni lại nói tất cả pháp tối thượng Bát nhã Ba la mật đa giáo. Đó là tất cả hành bình đẳng nên Bát nhã Ba la mật đa hành cũng bình đẳng, vì tất cả nghĩa bình đẳng cho nên Bát nhã Ba la mật đa nghĩa bình đẳng. Vì tất cả pháp bình đẳng cho nên Bát nhã Ba la mật đa pháp bình đẳng. Vì thành tựu tất cả sự nghiệp cho nên sự nghiệp Bát nhã Ba la mật đa thành tựu.

Bấy giờ, nghe Phật nói pháp môn chân thật này rồi, Bồ-tát Kim Cang Thủ liền nhập Tam-ma-địa bất không Mạn-noala an tưởng của tất cả chư Phật, Bồ-tát. Sau khi xả định liền nói tâm chú tất cả Bất không Tam-muội rằng: **"Hồng"** (âm kéo dài).

Lúc nói thần chú này, có các pháp Mạn-noa-la của tất cả Như Lai, từ tâm mà ra, y theo lý chân thật Tam-muội, Đại mạn-noala mà an trụ. Bây giờ Bồ-tát Kim Cang Thủ đảnh lễ dưới chân Thế Tôn, lại nói nghi pháp đại Tam-muội mạn-noa-la.

Nếu muốn thành tựu pháp này thì nên vẽ Đại mạn-noala, bên trong chia thành tám chỗ, đặt tượng hàng tam giới và các Bồ-tát. Vẽ như vậy rồi, sau đó y theo pháp dâng các thứ cúng dường. Đây gọi là pháp Tam-muội mạn-noala.

Bồ-tát Kim Cang Thủ lại nói nghi pháp tất cả Tam-muội kim cang an tưởng Đại mạn-noa-la. Nên vẽ Mạn-noala bên ngoài, ở giữa Mạn-noala vẽ vòng kim cang phân chia thành tám vị, y theo pháp mà xếp đặt các tôn tượng. Lại ở bốn góc của Mạn-noa-la bên ngoài y theo pháp đặt các Bồ-tát Kim cang bộ, bốn cửa đều cắm cờ nêu của bốn bộ. Vẽ như vậy rồi, sau đó y vào pháp Đại Tam-muội dâng các thứ cúng dường.

Phần 12: NGHI QUỸ NGOẠI KIM CANG BỘ

Bấy giờ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni lại nói Bát nhã Ba la mậtđa giáo, làm an vui tất cả hữu tình. Nghĩa là tất cả hữu tình Như Lai tạng tức là Bồ-tát Phổ Hiền. Tất cả hữu tình Kim cang tạng là Kim cang tạng quán đảnh. Tất cả hữu tình Pháp tạng tức là chuyển tất cả ngữ luân. Sự nghiệp tạng của tất cả hữu tình tức là thành tựu tất cả việc.

Nghe Phật nói pháp môn chân lý này rồi, đại chúng của ngoại Kim cang bộ đồng phát ra tiếng lớn, liền nói tâm chú Kim cang đại tự tại rằng: **"Nột-rị"** (Trì) (hai chữ hợp thành một âm).

Nói tâm chú này rồi, lại nói nghi pháp Mạn-noa-la. Nên y theo bản pháp mà vẽ đại Mạn-noa-la, bốn phương bốn cửa, bốn góc phân chia đầy đủ. Ở trong Mạn-noa-la y theo pháp vẽ trời Đại tự tại. Bốn phương, bốn góc bên ngoài vẽ tám vị hội chủ như: phương Đông Ma-ha-ca-la, phương Nam Nan-nễ-kế-thuyết-la, phương Tây Ma-ha-kiện-tra, phương Bắc Nãi-lý-đa-thuyết-la. Góc Đông nam Lỗ-nãi-la-cát-ba-la; góc Tây nam Tán-ni-thuyết-la, góc Tây bắc Khiết-xuân-nga-la-ni, góc Đông bắc Ngỗ-cát-la-noa. Lại ở cửa Đông vẽ Nan-đề thuyết-la, cửa Nam vẽ Môn-ni-

thuyết-la, cửa Tây vẽ Kiện-tra-la-noa, cửa Bắc vẽ Ma-hạ-lao-nại-la. Bên ngoài Mạn-noa-la vẽ bộ các chúng bộ đông. Vẽ Mạn-noa-la như vậy rồi, vị A-xà-lê nên tắm gội sạch sẽ, mặc áo mới vào Mạn-noa-la, dâng các thứ cúng dường, tay cầm chĩa ba trì tụng tâm chú. Sau đó y pháp dẫn đệ tử vào Mạn-noala trao cho chĩa ba, rồi nói pháp Tam-muội tụng rằng:

Ngươi cầm cờ nêu này
Nên lợi ích chúng sinh
Tự tại đối các dục
Việc làm đều thành tựu.

Nói kệ tụng rồi, vị A-xà-lê liền dùng trí ấn và sinh ra các pháp cúng dường… trao cho đệ tử. Từ đây về sau, đệ tử lìa các sự sợ hãi và được thành tựu tất cả trong bản bộ, được giàu sang vui thích, an ổn khoái lạc.

Khi ấy, chúng ngoại Kim cang bộ nói Ma-tứ-thuyết-la Thiêntam-xoa mạn-noa-la này rồi, lại có các chúng Ma-đát-lý, đều cùng nhau đảnh lễ dưới chân Phật Thích-ca Mâu-ni, khác miệng cùng lời nói tâm chú câu triệu tất cả thành tựu Tam-muội rằng:**"Tỳ-du"** (hai chữ hợp thành một âm).

Nói tâm chú này rồi, lại nói pháp Mạn-noa-la. Nên vẽ bốn phương Mạn-noa-la, bốn cửa, bốn góc y theo pháp mà phân chia các phần vị. Trong đó vẽ Ma-hạ-ca-la chủ làm thế đang múa. Bốn phương, bốn góc ở phía ngoài tượng vẽ tám Ma-đát-lý, phương Đông Lao-nại-lý tay cầm chĩa ba. Phương Nam Một-la-hồng-di tay cầm xâu chuỗi. Phương Tây Phệ-sắt-nỗ-vĩ tay cầm vòng. Phương Bắc Kiều-ma-lý tay cầm linh. Góc Đông nam Ca-lý tay cầm dao. Góc Tây nam Ma-giá-ca-rị tay cầm sô-rị. Góc Tây nam Ma-hạ-calý tay cầm xô-lý, góc Tây bắc Bạc-xoa-ni tay cầm năng-sắc-tra-la. Góc Đông bắc La-sát-tế tay cầm khiết-xuân-nga. Lại ở bốn góc ngoại Mạn-noa-la vẽ bốn vị Lỗ-nại-la-ma-cát-nễ. Góc Đông nam Thất phược. Góc Tây nam Tỳ-lô-ni. Góc Tây bắc Tán-ni. Góc Đông bắc Bạt-dương-cát-lý. Lại ở bốn cửa vẽ bốn cờ nêu. Cửa Đông Bát-nột-ma-bà-nhạ-na. Cửa Nam át-tất-đế thương-yết-la. Cửa Tây Ngật-lý-đặc-la. Cửa Bắc vĩ-la-la. Vẽ Mạn-noa-la như vậy rồi, vị A-xà-lê nên tắm gội bằng nước thơm thanh khiết, mặc áo mới sạch, vào Mạn-noa-la, y pháp mà hiến các thứ cúng dường, rồi kết ấn Thất-phược-nột-lý, trì tụng tâm chú. Lúc đó, nếu nghe lớn tiếng chữ "Tỳ-du" tức là các Hiền thánh đều đã nhóm họp, vị Axà-lê liền xả ấn trước, rồi lại kết ấn Ma-hạ-ca-la Tam-muội, liền sai đệ tử cầm hoa đẹp dùng lụa sạch phủ lên mặt, dẫn vào Mạnnoa-la, vị A-xà-lê ở gần trước đệ tử, lớn tiếng hô chữ "Tỳ-du", lúc đó đệ tử liền sinh giác ngộ, liền rải hoa, hoa rơi vào tôn vị nào thì tôn vị đó là Bản tôn. Được Bản tôn rồi mới giở tấm lụa trên mặt ra nhìn khắp Mạn-noa-la, rồi dâng hương hoa lên cúng dường. Sau đó, vị A-xà-lê mới trao truyền cho tâm chú, ấn tướng, cờ nêu… của Bản tôn, lại nói cho nghe Tam-muội thệ rằng:

Nên xét các chúng sinh
Chớ vọng truyền tâm chú
Người tinh tấn thành tựu
Người hoại pháp trừ diệt

Người trái Tam-muội này
Giây lâu bị phá hoại.

Nói kệ tụng này rồi, sau đó y theo pháp hiến cúng các món đồ ăn, thức uống, kỹ nhạc… pháp sự đã hoàn tất, nên ra khỏi Mạn-noala. Lúc đó, các chúng Ma-đát-lý nói tất cả các ấn. Mạn-noa-la thành tựu này rồi, lại có chúng Ma-độ-già-la liền đảnh lễ dưới chân Phật, khác miệng cũng lời nói tâm chú rằng: **"Sa".**

Nói tâm chú này rồi, lại nói pháp Mạn-noa-la. Nên vẽ ngoại Mạn-noa-la, bốn phương bốn cửa, trong Mạn-noa-la vẽ Mạn-noa-la hình mặt trăng. Trong Mạn-noa-la này vẽ tượng Ma-độ-ca-la tam tôn, đều hiện tướng mừng giận, thân mặc áo giáp trụ, tay cầm gậy. Lại dùng các báu trang nghiêm tòa Sư tử, ánh sáng rực rỡ. Ở bốn cửa vẽ bốn vị hội chủ. Một là Tất-đà-một-lý-đề, hai là Ma-hạ-sát-đát-la, ba là Tán-noa-lỗ-sa-ngật-la, bốn là Ma-la-noa. Ở ngoài bốn cửa y theo pháp treo linh, cờ phướn và đặt bình Át-già,… lại cúng dường các món ăn uống hương hoa, kỹ nhạc. Xếp đặt như vậy rồi, vị A-xàlê vào Mạn-noa-la y theo pháp cúng dường lễ bái. Lại dùng Phạm âm khen ngợi rằng:

Để-rị, lộ ca tất-để-rị, bà phược tất-để-rị-dã, ngật-rị-dã, tất-đểrị-dã, bá dã tất-đế-rị-dã, ma hý tất-để-rị, đà ngỗ tất đỗ bà nga sưu, tất đinh tát rị-phược, tất đề số nảnh đa xá.

Vị A-xà-lê khen ngợi như vậy rồi, liền y theo pháp dẫn đệ tử vào Mạn-noa-la trao cho ấn pháp Tam-muội,… rồi nói kệ rằng: Vượt khỏi Tam-muội này

Như tội giết cha mẹ
Sẽ đọa vào đường ác
Không sao được giải thoát.
Thường gần Thiện tri thức
Tránh xa những kẻ ác
Siêng năng cầu thành tựu
Chớ vọng truyền tâm chú.

Nói kệ rồi, đệ tử đem các thức ăn uống, hương hoa, kỹ nhạc… dâng lên cúng dường. Cúng dường xong, từ đó về sau mọi việc làm đều được thành tựu. Lúc đó, chúng Ma-độ-ca-la nói pháp Mạn-noala này rồi. Lại có bốn vị Hiền thánh khác miệng cùng lời nói tâm chú rằng: **"Tát-sưu"** (hai chữ hợp thành một âm).

Nói tâm chú này rồi, lại nói pháp thành tựu Mạn-noa-la. Nên vẽ Mạn-noa-la tròn đầy như vầng mặt trăng, chia thành bốn cửa đặt bốn vị. Vẽ bốn vị Hiền thánh kia ở phương Đông là La-đế, thân màu hồng, tay cầm cung tên. Vị ở phương Nam là Ma-la-ni, thân màu đen, tay cầm kiếm bén và Khế-tra-ca. Vị ở phương Tây là Phược-lahý, thân màu vàng ròng, tay cầm kho báu. Vị ở phương Bắc là Tấtđề-ca-thi, thân màu trắng, tay cầm Tạt-sa-ca và dao. Ở bốn cửa mỗi cửa đều vẽ cờ nêu. Vẽ như vậy rồi, vị A-xà-lê tay phải cầm linh, tay trái cầm Khiết-xuân-nga, đi vào Mạn-noa-la, trì tụng tâm chú và dâng cúng các món ăn uống, hương hoa, kỹ nhạc,… làm như vậy thì sẽ cầu được pháp thành tựu, mọi việc đều như ý, thọ nhận cúng dường và được giàu sang, cho

đến thành tựu pháp Kính ái và có thể lấy được tất cả các kho báu trong lòng đất. Đệ tử vào Mạn-noa-la cũng nên như vậy.

Phần 13: KHEN NGỢI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA GIÁO

Các pháp bình đẳng Kim cang Bát nhã Ba la mật đa giáo, lúc bấy giờ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni lại nói là nghĩa chân thật của vô lượng, vô biên không thể cùng tận Như Lai nghĩa là Bát-nhã ba-lamật-đa vô lượng, vô biên nên tất cả Như Lai cũng vô lượng, vô biên Bát nhã Ba la mật đa vô lượng, vô biên nên tự tánh vững chắc của tất cả các pháp cũng vô lượng, vô biên. Vì Bát nhã Ba la mật đa không hai, nên các pháp cũng không hai. Vì Bát nhã Ba la mật đa rốt ráo nên tất cả sự nghiệp cũng rốt ráo. Nếu người nào lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, suy nghĩ, ghi nhớ pháp môn này, hạnh nguyện của chư Phật, Bồ-tát mà người này tu nếu chưa được viên mãn thì được viên mãn, diệt sạch các nghiệp chướng trong nhiều đời nhiều kiếp, liền chứng Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lúc Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nói pháp này tất cả Như Lai đều nhóm họp, vì muốn nói lên chánh pháp này là bất không, nguyện lực thực hành thành tựu, đều khen ngợi Bồ-tát Kim Cang Thủ bằng kệ rằng:

Lành thay! Kim Cang Thủ
Lành thay! Đại Dược tôn
Hay thay! Lý Đại thừa
Hay thay! Bậc Đại trí,
Thường trụ Kim cang giới
Giảng nói Đại giáo này
Pháp chân thật chư Phật
Khéo điều phục hữu tình.
Đại Giáo vương tối thắng
Nếu ai thọ trì được
Thì chư Thiên không thấy
Được các ma khen ngợi,
Thành tựu sự tối thượng
Cho đến Phật, Bồ-tát
Lời chân thật như Phật
Không lâu sẽ thành tựu.
Chư Phật khen ngợi rồi,
Bồ-tát Kim Cang
Thủ rất vui mừng.

Phần 14: NGHI QUỸ NÓI VỀ ĐẠI MẠN-NOA-LA TỐI THƯỢNG BÍ MẬT CỦA BỒ-TÁT KIM CANG THỦ

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn Đại Tỳ-lô-giá-na lại nói tất cả pháp Vô tánh đại lạc Kim cang bất không Tam-muội quyết định Bát nhã Ba la mật đa giáo và pháp môn Vô tánh căn bản tối thượng. Thành tựu Đại lạc tối thượng tức là các Bồ-tát thành tựu Đại lạc tối thượng. Vì các Bồ-tát thành

tựu Đại lạc tối thượng nên tất cả Như Lai thành tựu Bồ-đề tối thượng. Vì tất cả Như Lai thành tựu Bồ-đề tối thượng nên các Đại Bồ-tát hàng phục các ma thành tựu tối thượng. Các vị Đại Bồ-tát hàng phục các ma được thành tựu thì tức thành tựu tối thượng của vị Tam giới chủ. Thành tựu tối thượng của vị đứng đầu ba cõi tức là tận vô tận chúng sinh giới thanh tịnh. Vì chúng sinh giới thanh tịnh như vậy nên Bồ-tát thường ở trong luân hồi phát đại tinh tấn, tâm luôn hăng hái cứu hộ vô tận chúng sinh giới, giúp cho chúng sinh thành tựu an vui tối thượng.

Khi ấy, Đức Phật Thế Tôn Đại Tỳ-lô-giá-na nói kệ:

Bồ-tát vô số kiếp
Thường ở trong luân hồi
Vì lợi ích chúng sinh
Khiến chứng quả tịch tĩnh.
Sức trí tuệ phương tiện
Phát khởi trí chân thật
Rõ các pháp thanh tịnh
Các cõi cũng thanh tịnh,
Tham dục khiến điều phục
Nghiệp đã tạo vô tánh
Kia đã là thanh tịnh
Ba cõi tự điều phục.
Ví như hoa sen đẹp
Tánh thanh tịnh vô nhiễm
Người trí cũng như vậy
Vọng tưởng không nhiễm được.
Vì tham dục thanh tịnh
Nên các pháp thanh tịnh
Trí chân thật chư Phật
Được giàu có Thánh tài
Đứng đầu trong ba cõi
Làm lợi ích chúng sinh.

Đức Thế Tôn nói kệ rồi, lại bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ rằng:

–Nếu người nào nghe được chánh pháp căn bản tối thượng Bát nhã Ba la mật đa này rồi mà suy nghĩ, đọc tụng, thọ trì vào mỗi sáng sớm thì người ấy sẽ được mọi sự vui thích khoái lạc, hiện đời thấy được sự thành tựu tối thượng về Tam-muội Đại lạc kim cang. Lại được thành tựu Kim cang bí mật tối thượng của tất cả Như Lai, cho đến thành tựu pháp của các Đại Bồ-tát, cũng trọn vẹn chứng đắc Đại lạc kim cang bất không Tam-muội pháp môn căn bản Bát-nhã ba-lamật-đa của chư Phật.

Nghe Phật nói pháp môn chân lý này rồi, Bồ-tát Kim Cang Thủ liền mỉm cười hiện tướng Đại tự tại, ném chày Kim cang như thế câu triệu, đặt ngay nơi tim, liền nói tất cả nghi quỹ thành tựu đại bí mật tối thượng Đại lạc kim cang bất không Tam-muội… và diệt trừ các pháp chướng ngại, hàng phục các ma pháp, thành tựu pháp kính ái, thành tựu pháp đại bí mật tối thượng. Vô tánh tối thượng căn bản đại giáo vương như vậy là pháp Đại tự tại vô tỷ tối thắng trong tất cả các pháp.

Khi ấy, Bồ-tát Kim Cang Thủ lại nói kệ:

Trời Đại an lạc này
Là Thánh Mạn-noa-la
An trụ như hư không
Báu kim cang thường chiếu,
Trang nghiêm và thanh tịnh
Bốn phương và bốn cửa
Đủ bốn Nễ-du-hạ
Tướng Vĩ-đà đẹp đẽ
Chư Thiên đều cung kính
Báu trang nghiêm nhiệm mầu
Tướng bán nguyệt đầy đủ
Kim cang soi chiếu khắp,
Treo các thứ linh báu
Châu ngọc cùng gương sáng
Chiếu sáng vô cùng tận
Đủ các vòng hoa đẹp,
Cờ phướn và lọng báu
Và Đại lạc kim cang
Các Bồ-tát khen ngợi
Là cảnh giới chư Phật.
Chỗ các Kim cang ở
Gọi ma-ni thắng bảo
Ở trong cung báu ấy
Lúc nào cũng vui thích,
Tánh Tát-đỏa thanh tịnh
Là Đại lạc kim cang
Chính là thân Phổ Hiền
Đại chúa Kim Cang Thủ.
Lúc thường trụ Tam-muội
Tánh kim cang quyết định
Các phương tiện như vậy
Siêng tu đạo Bồ-tát,
Vì lợi ích chúng sinh
Hiện Kim cang tát-đỏa
Cũng gọi hàng ma chủ
Cũng gọi Nhất thiết trí.
Là Kim cang tán-noa
Cũng xưng Kim Cang Thủ
Cũng gọi Như Lai bộ
Cũng gọi Kim cang bộ,
Hoa sen và Bảo bộ
Đại lạc Yết-ma bộ
Cũng gọi các giải thoát
Rõ ba thời vô ngại.
Bậc Tôn quý ba cõi
Vượt hơn cả ba đời
Hơn hết trong ba cõi
Bậc Nhất khắp thiên hạ
Có Thánh tài bền chắc
Sở hành, sở nguyện tâm

Việc làm đều như vậy.
Ban đầu Đại Bồ-tát
Thí căn bản Đại lạc
Ngồi kiết già Tam-muội
Ở trên đài sen báu
Liền hiện thế mạnh mẽ
Quăng ném chày Kim cang
Chúng Hiền thánh vây quanh
Vì thành tựu Đại lạc
Thanh tịnh các phiền não
Điều phục loài hữu tình
Viên mãn tất cả pháp
Tam-muội tối thượng tôn
Được chư Phật che chở
Vì ấn pháp thanh tịnh
Thành Kim cang tát-đỏa
Hành các đại phương tiện
Phước lớn càng tăng trưởng
Nhiếp bình đẳng trí ấn
Tâm chú đại tối thượng
Đó là nhóm phước lớn.
Hạnh của A-xà-lê
Cũng lại đều như vậy.
Các việc làm thành tựu
Quyết định đều đạt được.
Pháp Đại lạc tối thắng
Đại bí mật Kim cang
Pháp Tam-muội vững chắc
Thành tựu hết mọi việc
Tất cả nghĩa cũng vậy
Vì không trước không sau
Nên gọi là căn bản.
Như Sở dục của tâm
Tùy các cảnh giới sinh
Đều thọ nhưng không đắm
Quy về trí thù thắng
Là cảnh giới chư Phật
Vì pháp tánh viên dung.

Bồ-tát Kim Cang Thủ nói bài tụng này rồi liền nói tâm chú: **“Hồng”** (âm kéo dài).

Lúc nói tâm chú này có tất cả chư Phật và các vị Đại Bồ-tát, các Minh vương,… trong khoảng sát-na đều đến nhóm họp khắp cả ba cõi, đều nói rằng:

–Thưa Bồ-tát Kim Cang Thủ! Làm thế nào để thành tựu pháp thế gian?

Bồ-tát Kim Cang Thủ liền nói chú:

–Phược nhật-la đạt-lý câu.

Đây tức là thế gian được tự thành tựu, nó có khả năng thành hoại tất cả sự nghiệp. Nói chú này rồi lại nói kệ: Lìa dục điều thế gian Chưa phải pháp thanh tịnh Sao gọi pháp thanh tịnh?

Là đại dục, đại lạc.
Lúc đó, các Như Lai
Cùng các Minh vương thảy
Nghe Bồ-tát nói rồi

Đều cùng nhau nói rằng:

Ông khéo bày phương tiện
Tâm Bồ-tát là chủ
Là thanh tịnh rốt ráo
Pháp điều phục chân thật.
Bồ-tát vô số kiếp
Thường ở trong luân hồi
Vì lợi ích chúng sinh
Khiến chứng quả tịch tĩnh.
Nếu khởi các phân biệt
Bồ-đề là ba cõi
Bồ-tát vì nhiêu ích
Nói Kim cang đại lạc,
Tận bờ mé pháp giới
Là Đại mạn-noa-la
Trước sau đều tương ưng
Dùng Tam-muội kim cang,
Y pháp làm thành tựu
Do vậy các Như Lai
Cầu thành tựu Đại lạc
Vì các dục thanh tịnh,
Khuyến thỉnh Kim Cang Thủ
Nói đại dục, đại lạc
Minh vương đại tâm này
Thành tựu diệu lạc lớn.
Do vậy Kim Cang Thủ
Lại bạch các Như Lai:
Nay con nói đại lạc
Kim cang mạn-noa-la
A-xà-lê trước phải
Thọ ba thứ Tam-muội,
Rồi kết ấn Kim cang
Cầm chày linh Kim cang
Nhập vào Tam-ma-địa
An tưởng Mạn-noa-la,
Ba thứ ấn Tam-muội
Nên dùng làm thành tựu
Pháp thành tựu trên hết
Trong tất cả thành tựu,
Nên rung linh Kim cang
Giật tỉnh các Hiền thánh
Giá như trong nghi quỹ
Lỡ có gì sai trái
Không sinh các lỗi lầm

Thảy đều được viên mãn.
Lập Mạn-noa-la này
Y pháp được thành tựu
Đem hương hoa, kỹ nhạc
Tùy ý mà cúng dường,
Căn bản tối thượng này
Khắp vô lượng, vô biên
Vô thượng, không ai bằng
Khắp cả cõi, hư không
Đều hóa chữ vi diệu
Mé trước sau rốt ráo
Chỗ chư Phật sinh ra
Không thêm cũng không bớt
Tất cả đều bình đẳng
Không trong cũng không ngoài
Lìa tướng như hư không
Đã lìa tướng trong, ngoài
Thì mới là thành tựu.
Lìa tưởng Mạn-noa-la
Tận pháp giới làm mức
Chỉ pháp làm ranh giới
Trong mọc sen nhiều màu
Bốn phương và bốn cửa
Trang nghiêm bốn lầu các
Đủ bốn Nễ-du-hạ
Tướng Vi-đà đẹp đẽ
Bốn góc và bốn cửa
Cạnh bốn Nễ-du-hạ
Nên đặt hình bán nguyệt
Và đặt các thứ báu
Bốn phương là bốn Trí
Bốn cửa, bốn Niệm xứ
Lầu gác bốn Thiền định
Vi-đà là cửa định
Trụ Kim cang tổng trì
Trang sức bằng các báu
Biểu thị nguyện viên mãn.
Biểu thị chày Yết-ma
Luật nghi của chư Phật
Linh, cờ phướn, lọng báu
Là kho các pháp mầu,
Gương sáng trí Đại viên
Hoa màu bảy Giác chi
Ngọc châu và vòng hoa
Là thành tựu tâm chú.
Biểu thị pháp như thế
Đại lạc Mạn-noa-la
Y pháp mà kiến lập
Môn giải thoát trên hết,
Pháp Vô tánh căn bản

Tất cả xứ bình đẳng
Lại ngoài Mạn-noa-la
Trong chia tám tôn vị
Biểu thị tám giải thoát.
Phát khởi tâm Bồ-đề
Xoay bánh xe tối thắng
Khéo thí các thành tựu
Chỉ pháp làm ranh giới,
Tưởng vẽ vòng kim cang
Trong hoa sen nhiều màu
An tưởng Kim Cang Thủ
Hoặc đặt tâm chú gốc
Hoặc đặt cờ nêu gốc
Hoặc đặt các tượng báu
Tượng điêu khắc hay vẽ
Năm sắc sáng rạng ngời
Xếp đặt như vậy rồi
Vị A-xà-lê cần phải
Tắm gội trang nghiêm thân
Rồi vào Mạn-noa-la
Ngồi tư thế kiết già
Tay cầm chày Kim cang
Hiện thế rất mạnh mẽ
Rồi dùng tâm chú gốc
Mà đặt Kim Cang Thủ.
Tâm chú ấy thế này:

Án, tô la đa tát-đát-sưu.

Lại đặt bốn Bồ-tát
Vây quanh Kim Cang Thủ
Trước Bồ-tát Đại Lạc
Toàn thân màu rực hồng
Cầm khí trượng Kim cang
Bên phải Kim Cang Thủ
Chỉ-rị-chỉ-la tôn
Hai tay kết Trí ấn,
Phía sau Kim Cang Thủ
Đặt Niệm Kim Cang Tôn
Tay cầm cờ Ma-kiệt,
Bên trái Kim Cang Thủ
Đặt Dục Tự Tại Tôn
Tay nắm Kim cang quyền
Bốn Bồ-tát như vậy
Dùng thần chú đặt để.
Tâm chú ấy như vầy:

Nhược phược nhật-la, phược nhật-la niết-rị sắc-trí sa dã kế mạt tra.
Hồng, phược nhật-la, chỉ rị, chỉ rị, hồng.
Sưu phược nhật-rị, ni tam-ma, la la tra, hô, phược nhật-la, ca di thuyết rị, đát lãm.

Ở bốn góc nên đặt
Bốn Bồ-tát cúng dường
Diệu lạc và Đại lạc
Phật nhãn và cát tường
Tay cầm bốn cúng dường
Như hương, hoa, đèn, bột
Bốn Bồ-tát như trên
Dùng tâm chú mà đạt
Tâm chú ấy như vầy:

Hý, phược nhật-la, la để.
Ma hạ, la đa phược nhật-rị, hô.
Án, phược nhật-la, lộ tả nỉ.
Ma hạ, thất-rị phược nhật-rị, hệ.

Ngoài bốn góc lại đặt
Hý, Man và Ca, Vũ
Bốn Bồ-tát như vậy
Dùng tâm chú mà đặt.
Thần chú ấy như vầy:

Hệ, la để. Phược nhật-la, vĩ la, tẩy nỉ đát-la tra.
Hệ, la để. Phược nhật-la, hạ tế hác hác.
Hệ, la để. Phược nhật-la, nghi đế đế đế.
Hệ, la để. Phược nhật-la, nỉ-rị đế phệ ba phệ ba.

Bốn cửa đặt bốn tôn
Là Câu, Sách, Tỏa, Linh
Bốn Bồ-tát như vậy
Dùng tâm chú mà đặt.
Thần chú ấy như vầy:

Phược nhật-lãng, cô thất nhược.
Phược nhật-la, bá thi hồng.
Phược nhật-la, thương cát lê, sưu.
Phược nhật-la, kiện trí hô.

Tối thượng tôn như vậy
Y pháp mà hiện tiền
Do vậy chúng Kim cang
Được thành tựu pháp lớn.

Xếp đặt các vị Hiền thánh như vậy, sau đó vị A-xà-lê vào Mạn-noa-la, y theo pháp dùng tâm chú mà triệu thỉnh Kim cang bộ và các vị Hiền thánh. Chú triệu thỉnh như sau:

Nhược hồng, sưu hô bát-la, phược rị-đa dương.

Triệu thỉnh Hiền thánh rồi, lại dùng đại chú triệu thỉnh Bản tôn, chú rằng:

Hồng, ma hạ tô kha phược nhật-la, tát đỏa dã, hý thi kiệt-la. Ma hạ, tô kha phược nhật-la, a mục già tam ma-dã. Ma nậu bá, ladã. Bát-la, một đinh bát-la, một đinh. Tô la đa tát-đát-sưu. A nậu la ngật-đô, di, bà phược. Tô đô thâu, di, bà phược. Tô bổ thâu, di, bà phược. Na na, nỉ nỉ đạt na tát đỏa. Tát rị-phược, tất đề di, bát-la, dã tha sa. Tát đỏa ma, ngật-rị, thiết bát-la, phệ xá. Tam ma duệ rị phược, đặc-phược, phược thi, cát lỗ di. Nhất vị rị-mẫu, nại-la bát nãi. Nhược hồng, sưu hô.

Chú này triệu thỉnh Bản tôn quang giáng Mạn-noa-la rồi. Lúc đó, Bản tôn ban cho hoan hỷ, rồi hiện điềm lành và những việc ít có. Vị Kim cang A-xà-lê trước dâng nước sạch Át-già, rồi chắp tay Kim cang, hiến cúng các hoa đẹp, lại dùng linh báu và cờ phướn màu hồng, hiến dâng như thế rồi thì đặt ở bốn góc, lại y theo pháp dâng năm bình Át-già, đựng năm thứ báu, năm thứ thuốc, năm thứ ngũ cốc, cắm hoa đẹp vào bình, dùng chú gia trì vào nước thơm được đựng trong bình đó để dâng lên cúng. Cúng rồi lại đem bình ấy đặt ở bốn góc, còn một bình đặt trước Bản tôn, đọc bài chú gia trì Tam-muội Đại lạc kim cang bất không vào nước thơm, chú rằng:

Án, ma hạ, tô kha phược nhật-la. A mục già tam ma du, nại ca. Tất đinh tỳ săn tha. Tát rị-phược, tô kha tao ma na tả minh đốt-bá, nại dã. Cô lỗ cô lỗ. Nhược hồng, sưu hô a.

Gia trì chú này hai mươi mốt lần vào nước thơm đựng trong bình Át-già. Nếu vị A-xà-lê rưới nước thơm Át-già này lên đảnh mình thì liền được thanh tịnh tất cả khổ. Nếu dùng sái tịnh hoặc để uống thì được tăng trưởng tất cả khoái lạc. Nếu có người nào chưa thành tựu pháp A-xà-lê, mà được vào trong Mạn-noa-la này rồi thì tự nhiên được đầy đủ pháp Kim cang A-xà-lê. Lại nói bài tụng A-xà-lê vào Mạn-noa-la rằng:

Lại nữa A-xà-lê
Ra khỏi Mạn-noa-la
Tắm gội cho sạch sẽ
Mặc áo mới thanh tịnh,
Dùng các báu nghiêm thân
Y pháp cầm hoa đẹp
Lại vào Mạn-noa-la
Dâng các thứ cúng dường.
Nếu vị A-xà-lê
Vào trong Mạn-noa-la
Mê lầm không xét biết
Biếng nhác và quên mất,
Vượt qua Kim cang giới
Đó gọi phá Tam-muội.
Thế nên phải dốc lòng
Chuyên chú vào chỉ dẫn
Đại Mạn-noa-la này
Lại càng thêm tinh tấn.
Sao gọi phá Tam-muội?
Vì Kim cang giới này

Đều là ấn chư Phật
Vượt ra khỏi cảnh giới
Rơi vào pháp chư Phật.
Biết rõ như vậy rồi
Mới vào Mạn-noa-la
Y pháp mà cúng dường
Nhiễu quanh lễ kính xong
Rồi trở lại chỗ cũ,
Liền dùng kệ vi diệu
Hết lòng mà khen ngợi,
Kệ khen ngợi như vầy:
Pháp đại dục, đại lạc
Kim cang diệu Thánh tài
Đại trí sự nghiệp chủ
Nguyện thành Kim Cang Thủ.

Vị A-xà-lê dùng kệ này khen ngợi rồi, rải hoa lễ kính, lại dùng một trăm lẻ tám danh từ tán thán căn bản của Bồ-tát Kim Cang Thủ mà khen ngợi rằng:

Ba la ma, nãnh ma hạ, tát đỏa.
Ma hạ, la đa ma hạ, la để.
Tam mãn đa bạt nại-la, tát rị-phược, đát-ma.
Phược nhật-la, nga rị-phược, bát để bát đế.
Tức đa tát đỏa tát ma đinh ngật la dã.
Phược nhật-la phược nhật-la.
Ma hạ đà la.
Tam mãn đa bạt nại-la, tả rị-dã, ngật-la-dã.
Ma, la ma, la bát-la, ma rị-nại, ca.
Tát rị-phược, mạo địa ma hạ, một đà.
Một đà, ngật-la, nhạ nạp-ma, nhạ.
Phược nhật-la, hồng ca, la hồng ca, la.
Lộ kết thuyết la ma ni bát-la, nại.
Ma hạ, la, nga ma hạ, tao khế.
Ca, ma mục xoa ma hạ, đà na.
Đế-rị, ca, la đế-rị, bạt phược tư-đa-la, ngật-la-dã.
Tư-đát-rị, lộ ca, ngật-la-dã tư đát rị đà, đổ ca.
Tắc-tha, phược la bát-la, bạt sưu dương cát-đát.
Tô tốc xoa-ma, tư-thổ, la tát tán tạt dã.
Nhưỡng nga ma bát-la, phược la bát-la,bổ cấu.
Bạt phược tán sa, la thú đà ca.
A na, nỉ nỉ đà na, nảnh đa.
Kiền đa bát-la, tát rị-phược, tăng tất thể đa.
Ngật-rị, mẫu nại-la, du nga tam ma dã.
Đa đỏa tát đa ma hạ, ma hác.
Đát tha, nga đa ma hạ, tất địa.
Đạt rị-ma, cát rị-ma, ma hạ, một đà.
Tát đạt rị-ma, tát cát rị-ma, duệ tha.
Mạo địa tức đa tô mạo đạt cát.
Phược nhật-la cốt-lỗ, đà ma hạ, cốt-lỗ đà.

Nhập-phược, la, bát-la, la dã nại, ma cát.
Ma hạ, vĩ na dã nậu sắt-tra, ngật la.
Lỗ nại-la, lao nại-la, xoa dương cát la.
Tát rị-phược, thú địa ma hạ, bát nột-ma.
Bát-la, nghê-du, bá dã ma hạ, na dã.
La, nga thú địa tát ma, đinh ngật-la-dã.
Vĩ thuyết la, nga ma hý thuyết la.
A, ca, xá nan đa nỉ đát-du, phệ.
Tát rị-phược, phổ đa ma hạ, la dã. Vĩ phổ đế thất-rị, rị-vĩ, đỗ la, nhạ.
Tát rị-phược, xá bát rị bố la cát.
Na mạt tất-đế tốt-đổ na mạt tất-đế tốt đổ.
Na mô na mạt.
Bạt cốt-cấu hãng đát-võng bát-la bát nảnh di.
Phược nhật-la tát đỏa, nảnh tất đinh mang.
Dã y mang tốt-đỗ, đát-la la, nhạ nan.
Bát-la, đa hãng bát-la, bát-la phược-rị-đa dã.
Đạt rị-ma phược, tại tát ngật-rị nại-nga, nan.
Tất địa la cụ đa la, bạt vĩ.
A thể thế tất đà du nỉ na.
Bát-la, đát-rị tán đạt-dương nỉ nỉ nỉ nỉ.
Tốt-đổ thùy, tát rị-la già nỉ mục ngật-đa.
Thú đà sất đát-rị số tất đinh để.
Tát rị-phược, nậu kha hát lãm nỉ đát-dương.
Tát ngật-rị nhoa, la bát-la phược rị-đa na.
Tát rị-phược tất địa số tao bà nga-dương.
Thất-rị tam bát nại tỷ phược rị-đà na.

Khi ấy, A-xà-lê
Dùng bí mật tối thượng
Trăm lẻ tám danh xưng
Khen ngợi như vậy xong
Rồi dùng bí mật cụ Hy,
Hý, Ca, Vũ thảy
Dâng cúng dường Bồ-tát.
Cúng dường như vậy rồi
Dùng pháp bảo quán đảnh
Tự thọ quán đảnh ấy
Quán đảnh rồi đảnh lễ
Liền trì tụng chú gốc
Hoặc tụng đại tâm chú
Mới cầm chày Kim cang.
Tụng chú quán đảnh rằng:

Nhược hồng, sưu hô. Ma hạ, tô kha phược nhật-la tát-đỏa, a tỷ thi, kế noa đỏa, ma tỷ tẩy tả. Tát rị-phược, phược nhật-la, địa bát để đát vĩ. Nại rị, trừ di bà phược tất đinh. Na mạt tất-đế bà nga sưu ma hạ, phược nhật-la đạt-la. Tô la đa tát-đát-võng. Ma hạ, phược nhật-la tát-đỏa. Án phổ-rị-phổ phược-sa.

Tụng chú như vậy rồi
Lại nên nghĩ như vầy
Ta từ Kim Cang Thủ
Được thọ pháp quán đảnh
Nay thành A-xà-lê
Việc làm đều thành tựu
Tùy ý nguyện mong cầu
Thực hành pháp tối thượng
Kim cang Ca, Vũ thảy
Cúng dường đều được thành
Từ ngày ấy trở đi
Ở trong Kim cang bộ
Đức như Kim Cang Thủ.
Nhờ vậy A-xà-lê
Chóng thành tất cả pháp
Chứng đắc Kim Cang Thủ
Tất cả ấn tự tại
Nhất thiết trí Kim cang
Dứt sạch các nghiệp chướng,
Tướng ấy không thể thấy
Giỏi về tất cả pháp
Việc làm đều thành tựu.
Hữu tình trong ba cõi
Đều khiến được thành hoại
Tất cả đều kính mến
Chánh trí dứt các nghi
Thọ tất cả Diệu lạc
Có Thánh tài tự tại
Cõi trời cùng cõi người
Khiến chứng Nhất thiết trí
Thường thấy Kim Cang Thủ
Thấy được pháp thành tựu
Thường khởi tâm thanh tịnh
Tin vào lý chân thật
Bản tôn ban niềm vui
Thành tựu A-xà-lê.

Bồ-tát Kim Cang Thủ nói nghi thức vào Mạn-noa-la này rồi, lại nói phép tắc đệ tử vào Mạn-noa-la. Vị A-xà-lê khiến đệ tử phát tâm Đại Bồ-đề, phát tâm Bồ-đề rồi, liền trao cho tâm chú phát tâm Bồđề của chư Phật, Bồ-tát rằng:

Án, tát rị-phược đát tha nga đa. Ba la ma ma hạ, du nga. Mạo địa tức đa mẫu đát-ba nại dạ miệu. A thi sa na phược thi sa. Tát rịphược tát đỏa đà đổ. Bát rị đát-la noa ê đa. Tô khố đa ma tất địa nỉ di đa., ma đa đa bà, phược tam tất địa. Ma thai thất-tả rị-dã, địa bát đới-dã. Dã phược tát rị-vũ đa ma ma hạ, tất địa. Ma thai thất-tả rịdã, địa bát đa, dã tế đa dã để.

Nên dùng tâm chú này
Phát tâm đại Bồ-đề

Đệ tử cung kính Thầy
Như cung kính Như Lai.
Muốn vào Mạn-noa-la
Dạy đệ tử y pháp
Lụa sạch phủ lên mặt
Rồi cất bước Kim cang,
Vào trong Mạn-noa-la
Thầy bước đi Kim cang
Cũng như Kim Cang Thủ
Lên đàn thù thắng này
Tất cả đều thành tựu.
Đệ tử vào đàn giới
Nếu mê hoặc không biết
Biếng nhác hoặc quên mất
Vượt ra Kim cang giới
Đó gọi phá Tam-muội.
Tâm cần phải chuyên chú
An tưởng bước Kim cang
Người trí nên tinh tấn
Y vào nghi quỹ này,
Huống gì Mạn-noa-la
Hoa héo và đàn giới
Là ấn tạng chư Phật
Nếu như vượt bước qua
Thì Tam-muội không thành.
A-xà-lê cần phải
Kết ấn Át-già kia
Vào trong Mạn-noa-la
Tín tâm lễ Bản tôn
Nhiễu đàn giới ba vòng
Dùng kệ hay khen ngợi.

Tụng rằng:

Đại dục, đại diệu lạc
Thành tựu các thế gian
Nguyện cho con hôm nay
Thành tựu cũng như vậy.
Sau đó dùng các món
Cúng dường Đại lạc tôn
Nên hướng dẫn đệ tử
Vào trong Mạn-noa-la,
Như nghi A-xà-lê
Tùy ý dâng cúng dường.
Y theo Kim cang bộ
Cầu thọ pháp Quán đảnh
Khi ấy đệ tử này
Cầu thỉnh Bản tôn rằng:

Ma hạ, la đa tô niết-rị trà. Tô đổ xá-dã tát tô khô. Phược nhật la tát đỏa, nảnh tất đinh hàm.

Cầu thỉnh như vậy rồi
Tung rải các hoa đẹp
Hoa rơi vào vị nào
Là đệ tử Bản tôn.
Lúc đó, A-xà-lê
Mới giở khăn trùm mặt
Y vào năm bộ pháp
Trao Quán đảnh đệ tử
Truyền các chú quán đảnh
Chú Quán đảnh như vầy:

Án, tát rị-phược, phược nhật-la, địa bát để. Đỏa, ma tỷ săn tả di. Ma hạ, phược nhật-la đạt la. Hý phược nhật-la, na mạt. Tất đinh tam ma dã tát-đát-sưu. Phổ rị-phổ, phược sa.

Truyền cho chú này rồi
Lại truyền các mật ấn
Đầy đủ pháp như vậy
Việc làm đều thành tựu.
Cầu cho pháp thành tựu
Đều y Kim Cang Thủ
Và đệ tử Bản tôn
Thành tựu pháp Tam-muội,
Đến nghi thức vào đàn
Và các pháp thế gian
Cùng pháp xuất thế gian.
Tất cả đều viên mãn
Y vào nghi quỹ này
Người lên đàn tràng này
Liền chứng không thoái chuyển
Đủ hạnh lớn Bồ-tát
Phải thành tựu đại lạc,
Như vậy A-xà-lê
Và đệ tử quán đảnh
Tùy ý dâng cúng dường
Cùng với pháp thành tựu
Việc làm chóng viên mãn.

Bồ-tát Kim Cang Thủ nói Mạn-noa-la này rồi, lại nói tụng rằng:

Pháp thành tựu rộng lớn
Nói ra như hư không
Lý đại lạc vô dụ
Luân tối thượng căn bản.

QUYỂN BỐN

Phần 15: NGHI QUỸ NÓI VỀ SỰ THÀNH TỰU ĐẠI LẠC KIM CANG BẤT KHÔNG TAM-MUỘI ĐẠI MINH ẤN TƯỚNG

Khi ấy, Bồ-tát Kim Cang Thủ lại nói pháp thành tựu, tụng rằng:

Nay nói pháp thành tựu
Là rốt ráo tối thắng
Nhờ vào tối thắng này
Thấy được pháp rốt ráo.
Cho nên các Bồ-tát
Đều xa lìa luân hồi
Được thành tựu tự tại
Thông đạt tất cả nghĩa,
Tu các hạnh Bồ-tát
Thành tựu Chánh đẳng giác
Rộng tu các pháp khác
Chớ vượt lời dạy này.
Các hữu tình thế gian
Vô phước rất khó độ
Tuy gặp Phật, Bồ-tát
Nhưng không thể độ thoát.
Lời dạy tối thắng này
Hơn chư Phật, Bồ-tát
Thấy nghe được lợi ích
Rộng lớn như hư không,
Thanh tịnh vượt ba cõi
Được đại dục, đại lạc
Lợi ích rộng vô biên
Việc làm đều thành tựu.
Nếu có các hữu tình
Vô phước lại biếng nhác
Thấy đời được viên mãn
Thành tựu tối thượng này.

Bồ-tát Kim Cang Thủ nói pháp này rồi, lại nói pháp Thành tựu bất không tối thắng, tụng rằng:

Nếu muốn được thành tựu
Nên hành Kim Cang Thủ
Tượng đắp và tượng vẽ
Các báu vàng, bạc thảy,
Điêu khắc và họa vẽ
Làm tượng như vậy rồi
Hành giả ở trước tượng
Y pháp tác thành tựu.
Nên vào lúc sáng sớm
Dùng các vật bí mật
Y pháp dâng cúng dường

Rồi sau tưởng thân mình
Như là Kim Cang Thủ
Tức thời kết đại ấn
Trì tụng chú chữ Hồng
Liền thành Kim Cang Thủ.
Khi pháp ấy sắp thành
Tôn tượng hiện điềm lành
Hoặc nghe tiếng cười lớn
Phát sáng hoặc lay động
Tùy nguyện đều thành tựu.
Nhờ pháp thành tựu này
Việc làm đều viên mãn
Các trì minh tự tại
Tối thượng, rất vô ngại
Đủ tất cả Thánh tài
Là đại dục, đại lạc
Điều phục người khó điều
Khéo hóa độ hữu tình
Trên hết trong thành tựu
Tất cả ấn tự tại
Là thành tựu Kim cang.
Tất cả biển đại trí
Tướng ấy không thể thấy
Khéo nhiếp tất cả pháp
Vượt ra khỏi ba cõi,
Làm được các thành hoại
Ái kính là trên hết
Thông đạt trí Nhất thiết
Ban bố các thành tựu
Trong tất cả thế giới
Dùng thần thông biến hóa
Việc làm đều thắng lợi.
Thánh tài được tự tại
Sắc lực đều vững chắc
Không bằng Kim Cang Thủ
Thế gian đều cung kính
Các Bồ-tát khen ngợi
Nếu có các hữu tình
Được gặp Kim Cang Thủ,
Thoát khổ, già, bệnh, chết
Chứng thành Phật, Bồ-tát
Tùy muốn mà thành tựu
Thấy đời được an ổn,
Thế gian, xuất thế gian
Thực hành các nghi quỹ
Tự làm, dạy người làm
Mau thành tất cả pháp.

Bồ-tát Kim Cang Thủ nói pháp này rồi, lại nói pháp Nhất thiết nghi quỹ bất không đại minh ấn tướng thành tựu.

Nếu y theo pháp kết ấn Đại căn bản đặt ngay tim mà tụng chú rằng:

Niết-rị trà tố, đô, xá. Tát la ngật-đa tô bố, du, di, bà phược.

Đây gọi là ấn Căn bản thành tựu. Người trì tụng chú này mau chóng thành tựu ấn Căn bản.

Nếu y pháp dùng các hương hoa, kỹ nhạc,… tùy sức cúng dường, lại phát thệ nguyện dốc lòng trì tụng đại minh chú "Hồng" thì mau thành tựu tất cả.

Nếu lại y pháp, thì nên kết ấn Kim Cang Thủ, phát tâm tinh tấn mạnh mẽ để việc làm được thành tựu, mau chóng được như ý. Đó gọi là pháp thành tựu tất cả ấn của Kim Cang Thủ.

Nếu lại y pháp kết ấn Tam-muội mà tụng chú rằng:

Tam ma dã tát-đát-phược di để.

Bài chú này có công năng thành tựu ấn Tam-muội. Đây gọi là pháp thành tựu tất cả Tam-muội.

Nếu lại dùng Kim cang Ca, Vũ… khởi đại tinh tấn mà thực hành thành tựu thì đó gọi là thành tựu tối thượng, tất cả các việc cúng dường, thấy thế gian được viên mãn, đức như Kim Cang Thủ cho đến thành tựu chư Phật, Bồ-tát và các pháp khác đều mau chóng viên mãn.

Bồ-tát Kim Cang Thủ nói pháp như trên rồi, lại nói tất cả nghi quỹ và pháp thành tựu trí Nhất thiết.

Nếu muốn thực hành pháp Kính ái thì nên mỗi ngày y theo pháp kết Đại ấn, thì chắc chắn được như ý.

Nếu muốn Câu triệu được thành tựu thì nên y pháp Đại lạc Kim cang thị.

Nếu muốn được tất cả vui thích, tăng trưởng pháp thành tựu, thì nên y theo pháp Đại lạc Kim cang.

Nếu muốn tăng trưởng sắc lực, tuổi thọ thì nên y theo pháp căn bản Kim cang la-sa-dã-na.

Nếu muốn cầu sự tốt lành, giàu sang thì nên y theo pháp Thành tựu Kim cang căn bản.

Nếu muốn có đại thế lực thì nên y vào pháp Kim cang ma-hạđốt-ma.

Nếu muốn thành tựu tất cả pháp thì nên y vào pháp căn bản Kim cang vĩ câu-lý-vĩ-đa.

Nếu muốn tất cả văn tự và hình tượng xuất hiện, nghe được các ngôn ngữ… thì nên y theo pháp Bất không Kim cang chân thật.

Nếu muốn các căn được đầy đủ để nghe Chánh pháp thì nên y theo pháp căn bản Kim cang bất không chân thật Tam-muội.

Nếu muốn hiểu nghĩa thù thắng viên mãn thì nên y theo pháp Xuất sinh Kim cang.

Nếu muốn các kho báu trong lòng đất lộ ra thì nên y theo pháp căn bản Kim cang nễ-ba.

Nếu muốn các căn được đầy đủ, phát khởi năm thứ thần thông, thì nên y theo pháp Kim cang hóa dược-sát.

Nếu muốn lúa mạ tươi tốt được mùa, mưa gió không trái thời tiết, khiến cho các hữu tình được lợi ích lớn thì nên y theo pháp Kim cang tự tại.

Nếu muốn đi đến mọi nơi để làm các pháp thì nên y theo pháp Yết-ma căn bản Kim cang bất không.

Nếu muốn thấy chư Phật, Bồ-tát thì nên y theo pháp căn bản Kim cang cao cử thế.

Nếu muốn thân như Bồ-tát Kim Cang Thủ hiện các thứ tướng, cho đến bay đi trên hư không một cách tự tại thì nên y theo pháp Yết-ma Kim cang.

Nếu muốn làm chủ ba cõi để làm các thứ sự nghiệp, thì nên y theo pháp căn bản Hàng phục ba cõi.

Nếu muốn chư Thiên hiện ra điều phục kính ái, khiến họ làm tất cả mọi việc, thì nên y theo pháp căn bản Kim cang tát-đỏa.

Nếu muốn cứu hộ tất cả hữu tình điều phục kính ái, khiến làm mọi việc lợi ích thì nên y theo pháp căn bản Kim cang nễ-bát-đa.

Nếu muốn câu triệu các Dược sát điều phục kính ái thì nên y theo pháp điều phục căn bản Kim cang bát-la-bà.

Nếu muốn làm các việc lành vào Mạn-noa-la cúng dường thành tựu thì nên y theo pháp căn bản Kim cang tát-đỏa.

Nếu muốn câu triệu các ấn pháp, cấm phược pháp và các pháp như thành tựu vững chắc… thì nên y theo pháp Thành tựu Kim cang.

Nếu muốn câu triệu tất cả Tam-muội vào Mạn-noa-la thực hành thành tựu thì nên y theo pháp Kim cang Tam-muội tối thượng.

Nếu muốn thành tựu tất cả sự nghiệp để phá trừ ma oán, tự thân được vững chắc, có tiếng vang xa, thì nên y theo pháp Yết-ma căn bản Kim cang tối thượng.

Nếu muốn tất cả Kim cang bộ, Hiền thánh câu triệu vào Mạnnoa-la, an trí vững chắc, thực hành kính ái được thành tựu thì nên y theo pháp căn bản Kim cang.

Nếu muốn Đại Kim cang tát-đỏa câu triệu vào Mạn-noa-la, an trụ được vững chắc, kính ái được thành tựu thì nên y theo pháp Kim cang tát-đỏa.

Nếu muốn thỉnh triệu chư Phật Như Lai vào Mạn-noa-la, an trụ kính ái được thành tựu thì nên y theo pháp căn bản Kim cang Như Lai.

Nếu muốn triệu thỉnh Bồ-tát vào Mạn-noa-la, an trụ kính ái thực hành thành tựu thì nên y theo pháp Bồ-tát Kim Cang Thủ.

Nói pháp thành tựu này rồi, lại nói tụng rằng:

Nếu lại có hành giả
Chưa vào Mạn-noa-la
Nếu gây các tội nghiệp
Dốc lòng cầu thực hành
Pháp bất không tối thượng
Tất cả đều thành tựu.

Bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Thủ lại nói pháp tâm chú Bất không, quyết định làm tất cả việc Bồ-tát Kim Cang Thủ này là Đại Tỳ-thủ-yết-ma, khéo hành các pháp ngang bằng với chư Phật, việc làm được thành tựu viên mãn trong sát-na.

Nếu muốn rộng cứu hộ tất cả chúng sinh, chấm dứt tai ương để được an lạc vui, tuổi thọ mạng tăng trưởng thì nên y theo pháp Kim cang tát-đỏa đảnh của Kim cang Vũ.

Nếu muốn kết giới Mạn-noa-la, an trụ trong Tam-muội, ủng hộ được vững chắc thì nên y theo pháp Tùy cầu của Kim cang Vũ.

Nếu muốn hết các thứ bệnh như sốt rét, phong, huỳnh, đàm, ấm… thì nên y theo pháp Nhập-phược-la của Kim cang Vũ.

Nếu muốn dứt bỏ các khổ phiền não, lo buồn… thì nên y theo pháp Nậu-khô-bát-phiến-đa của Kim cang Vũ.

Nếu muốn giải trừ chất độc khiến ngon ngọt như cam lồ thì nên y theo pháp giải độc của Kim cang Vũ.

Nếu muốn làm cho các tinh tú được tỉnh ngộ, khỏi các ràng buộc để hộ trì người thọ pháp Tam-muội thì nên y theo pháp Tú diệu giải thoát của Kim cang Vũ.

Nếu muốn thoát khỏi sự trói buộc, phá hoại tất cả để được nhiếp phục thì nên y theo pháp Kim cang phẫn nộ của Kim cang Vũ.

Nếu muốn phá tất cả ấn Noa-cát-nễ và thoát khỏi sự gìn giữ của các sao, khiến người chết sống lại, cứu hộ đất nước, thì nên y theo pháp Tùy ấn của Kim cang Vũ.

Nếu muốn tiêu trừ tất cả tội nghiệp và các ác mộng không tốt… thì nên y theo pháp Chân thật của Kim cang Vũ.

Nếu muốn khiến tất cả hữu tình tỉnh thức và nói lời kính ái, phát tâm thành tựu, thì nên dùng ấn Tất cả Tỉnh thức của Kim cang Vũ.

Nếu muốn khiến tất cả ma oán phục tùng và các việc thành hoại,… thì nên y theo pháp Đại noa-cát-nễ của Kim cang Vũ.

Nếu muốn khiến tất cả ma oán bị trói buộc, mê hoặc và phục tùng thì nên y theo pháp Đại ác la-sát của Kim cang Vũ.

Nếu muốn khiến quân giặc hàng phục và kính mến thì nên y theo pháp Ngật-lý-gia của Kim cang Vũ.

Nếu muốn chấm dứt các sân nhuế, giận hờn, khởi lên niềm vui thích, tránh khỏi mọi sợ hãi và bàn luận chiến trận đều thắng thì nên y theo pháp Tràng trang nghiêm của Kim cang Vũ.

Nếu muốn nổi mây xối mưa và dừng sấm chớp gió bão, khử trừ lạnh nóng,… thì nên vào pháp Chủ của Kim cang Vũ.

Nếu muốn cầu các thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc,… thì nên y theo pháp Dục tự tại của Kim cang Vũ.

Nếu muốn đi khắp mọi nơi để làm các việc như kính ái, câu triệu và hàng phục… thì nên y theo pháp Kim cang Vũ.

Nếu muốn thực hành tất cả pháp thành tựu, như thấy tất cả Hiền thánh hàng phục các loài rồng, cho đến trừ sạch tất cả Dượcsát-bộ-đa, Ma-đát-lý,… thì nên y theo pháp Kim cang thân tối thượng của Kim cang Vũ.

Nếu muốn thành tựu vững chắc tất cả cúng dường và điều phục các ma, ngăn cấm mọi tà ấn, cho đến pháp thành tựu tối thượng, cùng tận và vô cùng tận thì nên y theo pháp Bất không Tỳ-thủ-yết ma tối thắng của Kim cang Vũ.

Bồ-tát Kim Cang Thủ nói pháp này rồi, lại nói về nghi thức thành tựu tất cả ấn. Sáng sớm hành giả nên ngồi xoay mặt về hướng Đông, y pháp kết đại ấn, trì tụng tâm chú căn bản thì được thành tựu tất cả ấn. Sau đó y theo pháp thực hành được thành tựu, việc làm được quyết định. Ấn Đại Kim Cang Thủ này có khả năng thành tựu tất cả ấn.

Nếu có người chưa vào Mạn-noa-la cũng nên kết ấn này thì đều được thành tựu.

Nếu vị A-xà-lê lại muốn truyền đại ấn này thì phải quán căn tánh của đệ tử rồi mới truyền. Vì sao? Vì khi đã truyền ấn này rồi tức là thành Bồ-tát. Nếu không y theo pháp này cũng không có lỗi. Có người gây ra các nghiệp mà kết ấn này thì nghiệp chướng đều tiêu tan, có nguyện cầu gì đều được viên mãn.

Phần 16: ĐẠI NGHI QUỸ NÓI VỀ KIM CANG BỒ-ĐỀ CỦA TẤT CẢ NHƯ LAI

Khi ấy, Kim Cang Thủ
Tôn chủ đại bí mật
Dùng đại lạc vững chắc
Khiến hữu tình thanh tịnh,
Nhiếp các cõi hữu tình
Để đều được thanh tịnh
Dùng tâm bình đẳng độ
Khiến vào Như Lai bộ.
Vô lượng, vô biên cõi
Tất cả các Như Lai
Nhiều như số hạt vừng
Rộng lợi ích chúng sinh,
Khiến thế gian thanh tịnh
Vì nghiệp của chúng sinh
Có nhiều thứ khác nhau
Trọn không thể thanh tịnh.
Phật vì chúng sinh ấy
Tự nghiệp phải thanh tịnh
Thương xót không lìa bỏ,
Bồ-tát Kim Cang Thủ
Dùng Đại bí mật giáo
Quay bánh xe đại Xả
Đại Kim Cang Thủ này
Bậc Đại lạc tối thượng
Lợi ích các hữu tình
Khiến giác ngộ nhanh chóng,
Tâm Bồ-đề vững chắc
Muốn quay bánh xe pháp
Tận các cõi hữu tình
Khiến Bồ-đề vững chắc.
Lúc đó, các Như Lai

Dùng những lời Kim cang
Bảo Kim Cang Thủ rằng:
Dùng phương tiện đại
Bi Để nói tâm Bồ-đề.
Kim Cang Thủ tức thời
Nhận lời dạy chư Phật
Nói ra lời như vầy
Nay con nói Đại lạc
Mạn-noa-la tối thượng
Lượng đó bằng ba cõi.
Là Đại luân căn bản
Làm thanh tịnh ba cõi
Khi nói lời như vậy
Hữu tình trong ba cõi
Các nghiệp đều thanh tịnh,
Liền được pháp thành tựu,
Lúc đó đều nhóm họp
Cũng như các Như Lai
Khuyến thỉnh Kim Cang Thủ
Tuyên nói Như Lai bộ.
Bánh xe Xả trên hết
Do đó các chúng sinh
Ba nghiệp trụ Kim cang,
Bồ-tát Kim Cang Thủ
Dùng tự tánh ba nghiệp
Bình đẳng vì chúng sinh
Nói bài chú như sau:

Án, bộ kháng.

Lúc nói bài chú này
Lại có các Như Lai
Tức thời đều nhóm họp
Trụ đạo tràng Bồ-đề.
Bấy giờ, Kim Cang Thủ
Liền nói Mạn-noa-la
Vì lợi ích hữu tình
Đại lạc trong các pháp.
Bánh xe Xả ấy là
Y ngoại Mạn-noa-la
Vẽ tám vòng tròn lớn
Trong vòng tròn lớn này

Nên đặt tôn tượng Phật
Dùng bài chú như vầy:

Tam ma dã tát-đát-sưu hô. Tất đinh hàm.

Ở trước tôn tượng Phật
Lại đặt một tượng Phật
Tướng hàng phục các ma,
Bên phải Phật nên đặt
Đại Bồ-tát Quán đảnh,
Phía sau Phật lại đặt
Bồ-tát Chuyển pháp Luân,
Bên trái Phật lại đặt
Bồ-tát Thành tối thắng,
Đều nói bài chú rằng:

Phược nhật-la, tát-đỏa.
Phược nhật-la, la-đát-na.
Phược nhật-la, đạt-rị-ma.
Phược nhật-la, yết-rị-ma.

Các chỗ ở bốn góc
Đặt bốn Kim cang bảo
Dùng bốn Đại tâm chú
Thần chú ấy như vầy:

Tát đỏa phược nhật-rị
Phược nhật-la, la đát-nỉ.
Phược nhật-la, bát nạp-di nỉ.
Vĩ thuyết phược nhật-rị.

Lại ở ngoài bốn góc
Đặt Nễ-phược-kiến-noa
Và Câu, Sách, Tỏa, Linh
Thứ lớp đặt bốn cửa.
Vẽ vòng lớn này rồi
Trước nên khởi ý nghiệp
Xuất sinh và hương hoa
Dốc lòng dâng cúng dường
Tay cầm các hoa đẹp
Kết ấn Tam-muội Phật
Mà đặt ngay nơi tim,
Đảnh lễ Bản tôn rồi
Sau đó tung rải hoa
Đi nhiễu quanh ba vòng
Mới triệu thỉnh Hiền thánh.
Chú triệu thỉnh như vầy:

Án, a ca lỗ mục kháng tát rị-phược, đạt rị-ma, noa. A, nảnh a nậu đát-bán na đỏa.

Tụng bài chú này rồi
Lại dâng hoa cúng dường
Y pháp dùng lời hay
Dốc lòng mà tụng rằng:

Nhạ nga na, tha một đà mạo đề tô tất đà duệ.

Chú này nhóm họp hết
Tất cả các Như Lai
Dùng các pháp vô sinh
Thí tất cả thành tựu.
Vào Mạn-noa-la này
Khéo được các thành tựu
Pháp viên mãn như vậy
Hiện ra các điềm lành,
Nếu truyền cho đệ tử
Khiến vào trong đàn này
Nghi thức cũng như vậy,
Dâng cúng các thứ rồi
Mới ra khỏi đạo tràng
Cầu pháp được thành tựu.
Lại nói pháp thành tựu
Y pháp tạo tượng lụa
Nên vẽ Phật, Thế Tôn
Hàng phục các chúng ma,
Hành giả ở trước tượng
Y pháp kết Trí ấn
Dùng Kim cang ngữ nghiệp
Tụng chú trăm ngàn biến,
Số biến đã đủ rồi
Tùy ý đều thành tựu
Thấy Bồ-đề chư Phật
Không còn các nghi hoặc.

Lại nữa, Bồ-tát Kim Cang Thủ nói nghi pháp Tam-muội thành tựu tối thượng rồi, liền nói tụng rằng:

Nên tưởng Kim Cang Thủ
Chuyên chú vào bản tâm
Rồi tụng chú Tam-muội
Chú Tam-muội như vầy:

Tam ma dã tát-đát-phược.

Tụng đủ số lạc-xoa
Sẽ được các thành tựu.
Lại nói tất cả pháp
Yết-ma thành tựu rằng:
Phật hàng phục quân ma
Xoay bánh xe pháp mầu

Rộng lợi ích chúng sinh
Thành tựu ấn Yết-ma.

Lại nói pháp thành tựu Kim cang tam nghiệp chư Phật tối thượng của tất cả Như Lai. Pháp này có công năng trừ diệt các chướng lo buồn, sầu não và các chứng bệnh nặng như bệnh mụt nhọt sốt rét… Lại có công năng phá các chú tà vạy, xua tan những điềm không tốt như ác mộng, ma quỷ quấy nhiễu… trong đó không có nạn chết yểu. Giải trừ sự chấp trì của các vì sao và Noa-cát-nễ, các tai hại ấy đều trừ diệt. Nó còn có công năng hoàn thiện ba nghiệp, được đại oai lực, sắc tướng đầy đủ, tiếng tăm tốt đẹp, mọi người kính mến, trí tuệ tăng trưởng, tinh tấn mạnh mẽ.

Các pháp đã thấy nghe sẽ nhớ mãi không quên. Tu hành các hạnh lành một cách đầy đủ và thường trụ an trong Tam-muội, nuôi lớn ba nghiệp được thù thắng. Mười Ba-la-mật như Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ, Phương tiện, Nguyện, Lực, Trí được viên mãn. Đầy đủ mười Địa, nhập vào kiên cố, phát sinh Đà-la-ni-môn. Đầy đủ ấn Đại lạc của chư Phật, thông đạt bốn Trí, mười tám pháp Bất cộng, được Tỳ-thủ-yết-ma hiểu rõ các nghĩa tánh, thành tựu ba nghiệp Kim cang của chư Phật, được sự thành tựu tối thượng của chư Phật, dùng tâm đại Bồ-đề rộng tu các hạnh Phổ Hiền, khiến cho các hữu tình được lợi ích lớn.

Lại hiện tướng Đồng chân, trụ trong xuất sinh vui đùa. Dùng hạnh Nan thắng để ngồi Bồ-đề tràng, chứng mười Lực của Phật, hàng phục quân ma, xoay bánh xe Đại pháp, nhiếp phục ngoại đạo, vượt khỏi ba cõi, hiện các thần thông, tổ chức các đại tập hội, điều phục các điều ác, trụ địa nhu thuận và làm cho các đường ác được thanh tịnh, giảng nói pháp nghĩa vi diệu, nói ba Mật tạng, chỉ bày nghi quỹ, thực hành tất cả các pháp thành tựu. Các việc như vậy đều y vào ấn pháp Tỳ-thủ-yết-ma của tất cả Như Lai mà thành, liền nói tụng rằng:

Ấn Yết-ma như vậy
Mau chứng quả giác ngộ
Tu các hạnh Bồ-đề
Không vượt pháp ấn này.
Đầy đủ đại Thánh tài
Làm được các sự nghiệp
Thành được nghĩa khó thành
Việc làm đều vô ngại.
Giáo pháp Phật tối thượng
Trao cho các hữu tình
Nếu có người tin hiểu
Nên truyền pháp ấn này,
Nếu chưa vào đạo tràng
Sát-na cũng thành tựu.

Phần 17: NGHI QUỸ NÓI VỀ ĐẠI KIM CANG HỎA DIỆM NHẬT LUÂN

Bồ-tát Kim Cang Thủ
Khéo làm các sự nghiệp
Hàng phục các hữu tình
Khiến chúng được điều phục.

Như Lai bộ sinh ra
Thường trụ định Như Lai
Dùng thành tựu tối thượng
Làm vắng lặng các cõi.
Như Lai nhiều như bụi
Đều khởi nguyện đại Bi
Rộng lợi ích chúng sinh
Khiến trụ Địa an lạc.
Bởi các hạnh chúng sinh
Có muôn vàn sai biệt
Nên quả báo bất thiện
Tùy nghiệp không nhất định,
Trải qua vô số kiếp
Độ thoát khó hết được.
Cho nên các Như Lai
Khuyến thỉnh Kim Cang Thủ,
Vì muốn điều phục chúng
Giảng nói pháp tối thắng.

Lúc đó, Bồ-tát Kim Cang Thủ liền nói bài chú rằng:

Ô để sắt-tra tam ma dã cốt-lỗ, đà. Nỉ tôn bà nhập-phược, la phược nhật-la, hồng.

Bồ-tát Kim Cang Thủ
Lúc nói bài chú này
Dùng ba nghiệp Kim cang
Phát sinh Đại Minh vương,
Ngồi kiết già ở trước
Bồ-tát Kim Cang Thủ
Ánh sang soi chiếu khắp
Như lửa cháy hừng hực
Hiện thế rất mạnh mẽ
Tay cầm chày Kim cang
Cũng hiện ánh sáng rực
Hừng hực như đống lửa
Quăng ném chày Kim cang
Biến hóa trong ba cõi
Cũng như trong lửa hừng
Xuất hiện tướng giận dữ
Dùng ngữ nghiệp Kim cang
Nói chú Kim cang bộ.

Án, phược nhật-la đặc-rị câu. Đát đế-rị nẵng ma hạ, phược nhật-la nhập-phược, la na la, rị-ca, ngật-rị, na dương hồng.

Lúc nói bài chú này
Dứt trừ các nghiệp chướng
Như lửa dữ cháy củi
Đại thiên đều rung chuyển,
Lúc đó cả Thiên chúng

Và trời Đại Tự tại
Ánh sáng đều chiếu suốt
Mà không thể an ổn.
Thanh văn và Duyên giác
Đều cầu nhập Niết-bàn
Chư Thiên trong ba cõi
Cũng mong cầu cứu giúp,
Sức Bồ-đề chư Phật
Bất động thêm vững chắc
Chỉ có từ bi Phật
Vì hữu tình phương tiện
Lúc đó, Đại Minh vương
Nhe răng bén Kim cang
Đứng như thế giương cung
Tướng giận dữ đại ác
Búi tóc như xoắn ốc
Đảnh đội tướng bán nguyệt
Gió lửa quyện nhau cháy
Trong đó hiện sự nghiệp
Kết ấn làm thế múa
Sinh ra đại bí mật
Mạn-noa-la tối thượng
Tương ưng Noa-cát-nễ
An trụ ở xung quanh
Chư Phật đều y vị
Đều là Kim cang bộ
Nghi quỹ của các Thánh
Là thành hạnh Tỳ-thủ.
Lại có các Thánh chúng
Bấy giờ đều xuất hiện
Ánh sáng chiếu rực rỡ
An trụ như chư Phật
Vô lượng, vô biên cõi
Tất cả các hữu tình
Thảy đều khiến giác ngộ
Lợi ích mà triệu tập
Khiến thành pháp Tối thượng
Trời chủ của ba cõi
Mê muội bị đọa lạc
Không trở lại bản tâm
Bồ-tát Kim Cang Thủ
Đại Tự tại trên hết
Vì thương xót chư Thiên
Mà nói pháp Tối thượng
Rồi tuyên bài chú rằng:

Án, mẫu để sắt-tra ma hạ, nỉ bát-đa phược nhật-rị ni. Thi, kiệtla mẫu tha, bát dã hồng.

Nói bài chú này rồi
Chư Thiên liền sinh khởi

Trở lại được bản tâm
Người chết sống trở lại,
Người Phật chưa điều phục
Bồ-tát Kim Cang Thủ
Điều phục hết tất cả.
Lại hiện tướng giận dữ
Quăng ném chày Kim cang
Ra lệnh các chư Thiên
Trụ Tam-muội của ta
Chư Thiên nhận lệnh rồi
Mà lại chưa biết rõ
Nên bạch Kim Cang Thủ
Thánh giả chẳng nghĩ bàn
Chúng con đều kinh sợ
Nhìn phẫn nộ tôn này
Dạy trụ vào Tam-muội
Không biết pháp Tam-muội
Làm sao mà an trụ?
Lúc đó, Kim Cang Thủ
Bảo với chư Thiên rằng:
Sự giáo hóa của Phật
Các vị không thể biết
Nên hiện Kim Cang Thủ
Làm chỗ dựa các ngươi,
Ngươi quy mạng chư Phật
Tôn pháp và Thánh hiền
Rồi sau quy y ta
Nương Tam-muội của ta.
Lúc đó, chư Thiên chủ
Và các Thiên chúng ấy
Nghe lời như vậy rồi
Liền thưa Kim Cang Thủ:
Y theo lời Bồ-tát
Xin thương xót chúng con!
Bấy giờ, Kim Cang Thủ
Lại hiện tướng nhíu mày
Hiện thế rất giận dữ
Để gương cao oai thế.

Và dùng âm thanh lớn, hàng phục cả ba cõi, nói chú tối thượng: “**Hý”** (âm kéo dài).

Tất cả Tam giới chủ,
Nói tâm chú này rồi
Và các chúng chư Thiên
Đều dùng tâm hàng phục
Mà trụ vào Tam-muội
Trao bản bộ quán đảnh.
Nhận pháp quán đảnh rồi
Khuyến thỉnh Kim Cang Thủ
Nói nghi quỹ tâm chú

Pháp đại đàn tràng này.
Bồ-tát Kim Cang Thủ
Xin nói chúng con nghe
Ở ngoài Mạn-noa-la
Trong vẽ vòng Kim cang
Có ánh sáng rực rỡ
Giữa đặt hàng Tam giới
Thân có màu xanh biếc
Mà hiện tướng mừng, giận
Nhe răng bén Kim cang
Ngồi tư thế kiết già
Quăng ném chày Kim cang
Ánh sáng chiếu cùng khắp.
Lại ở nơi bốn phương
Đặt Hiền thánh Kim cang
Tay đều cầm cờ nêu
Hay chày Kim cang lớn,
Chĩa ba và kho báu
Hoa sen nhiều màu thảy
Ở bốn góc nên đặt
Tên và Khiết-xuân-nga
Vòng và phướn nhiều màu
Hiền thánh Kim cang bộ
Theo nghi Đại luân này
Y vị trí mà đặt
Trước đặt bảy vị Thánh
Một là Kim cang ấn
Hai là Kim cang minh
Ba là Kim cang vương
Cùng với các quyến thuộc
Bốn Trì minh ca vũ
Năm Hộ môn minh vương
Sáu Kim cang nột-đa
Bảy là Dược sát vương.
Ở ngoài Mạn-noa-la
Y pháp đặt chư Thiên
Ma độ Tam tôn thảy
Cũng đặt theo bản vị
Bốn góc và bốn cửa
Đặt các chúng Thiên nữ
Minh vương Câu, Sách thảy
Đều đặt theo bản vị.
Vẽ Mạn-noa-la này
Xếp đặt như thế rồi,
Lúc đó, A-xà-lê
Làm tư thế giận dữ
Quăng ném chày Kim cang
Vào trong Mạn-noa-la
Liền tụng chú chữ "Hồng"
Với tư thế đưa cao

Điều phục người tức giận
Được Bản tôn vui mừng
Phẫn nộ được thành tựu.
Sau đó, A-xà-lê
Tay cầm các hoa đẹp
Kết ấn Kim cang câu
Mà triệu thỉnh Bản tôn
Và Hiền thánh Kim cang.
Thần chú triệu thỉnh rằng:

Án, ma hạ phược nhật-la, la na la rị-ca, dạ hý nịch. Tát rịphược phược nhật-la, cô la nỉ bát-la phệ, xá dã hồng. Tát rị-phược, mẫu nại-la nga xã sưu đà na đát-la tra. Tát rị-phược, tam ma dương, sa đạt dã ma tra. Tát rị-phược, nột sắt-đạm, hạ na nại hác hát bát tả bạc tất-minh, cốt lỗ. Ma hạ, cốt-lỗ đà ngật-nỉ, phược nhật-rị, noa hồng phát tra. A a a a.

Triệu thỉnh như vậy rồi
Minh vương liền giáng lâm
Và Hiền thánh Kim cang Thí tất cả thành tựu.
Lúc đó, Mạn-noa-la
Liền hiện các tướng tốt
Hoặc nghe tiếng chữ "Hồng"
Hoặc có cảm giác sợ.
Lúc đó, A-xà-lê
Kết ấn hàng Tam giới
Dẫn đệ tử vào đàn
Trao cho các bài chú.
Chú Kim cang Câu rằng:

Hồng, hồng, phược nhật-la bát-la hạ la vĩ, ma tra.

Bài chú Tam-xoa rằng:

Hồng, phược nhật-la, thú la ngật-nỉ, tần nại ma tra.

Chú Kim cang Tạng rằng:

Hồng, phược nhật-la, cô thi thân nại ma tra.

Chú Liên hoa rằng:

Hồng, phược nhật-la, a ma la bát nột-di, ma tra.

Lại nói chú mật ấn
Có oai lực rộng lớn
Khéo ấn các chúng sinh
Pháp thành tựu làm ra
Chắc chắn đều thành tựu Mà nói bài chú rằng:

Hồng, phược nhật-la, ngọc hý-dã, tất đà bát-la ma du, nghệ thuyết rị nột-di.

Hồng, phược nhật-la, tán ni, thuyết rị khiết xuân nga a tất ma hạ, phược nhật-la, cát bá la ma la, mạt cô trí, lỗ lư lỗ lê, hận-nê.

Hồng, phược nhật-la na, la dã noa nỉ.
Hồng, phược nhật-la bát đa, kế nỉ.

Bốn Noa-cát-nễ này
Chú tâm ấn trên hết
Đều dùng chú gốc này Xếp đặt Mạn-noa-la,
Nói các bài chú rồi
Mới dùng thệ Tam-muội
Răn dạy các đệ tử
Khiến chúng phải lắng nghe.
Rộng lợi ích chúng sinh
Làm pháp Phật tăng trưởng,
Điều phục khiến được độ
Thành tựu được Kim cang.
Nói thệ Tam-muội rồi
Bảo đệ tử thế này
Tụng bài chú chữ "Hồng"
Gia trì đầu ngón tay
Khiến các hữu tình ấy
Và các ác ma kia
Nhờ sức đại chú này
Thảy đều được điều phục.
Sau đó nên y pháp
Trao quán đảnh đệ tử
Bốn pháp của Minh vương
Truyền trao theo thứ lớp.
Ấn và cách dùng ấn
Hoại diệt và sống lại
Nên dùng ấn chú này
Để thực hành che chở.
Điều phục như vậy rồi
Các ác không sinh nữa
Từ đó trở về sau
Các thiện lành thêm lớn.
Thấy thành tựu các pháp
Lại nói pháp thành tựu
Hành giả ở trước tượng
Quăng ném chày Kim cang,
Tụng chú lạc-xoa lần
Trì tụng đủ số rồi
Đức như Kim Cang Thủ
Phẫn nộ Đại Minh vương,
Lìa khổ, già, bệnh, chết
Điều phục tất cả ác
Đối tất cả thế gian
Không còn các sợ hãi.
Muốn thành tựu đại chú

Ở trong bốn oai nghi
Tụng một lạc-xoa lần
Pháp thực hành thành tựu,
Đời này được viên mãn
Các thành tựu tự tại
Xa lìa các khổ não
Xứng đáng nhận cúng dường,
Điều phục người khó điều
Đi đứng không sợ hãi
Nếu muốn ấn thành tựu
Nên kết ấn Tối thượng,
Tùy ý tụng đại chú
Hành giả thấy đời này
Thành Đại phẫn nộ vương
Việc làm đều thành tựu.
Nếu muốn thành Tam-muội
Hành giả xoay phía Đông
Kết ấn Tam-muội ấy
Trì tụng chú Tam-muội,
Tùy ý làm các pháp
Đều chóng được viên mãn.
Nếu muốn cầu thành tựu
Pháp Yết-ma tối thượng
Nhờ lợi lạc của chú
Các sự nghiệp mau thành.

Lại nói pháp Thành tựu tối thượng, pháp này có công năng khiển trừ các ma, ngăn cấm chiết phục tà pháp, hướng dẫn các hữu tình, điều phục các điều ác, cởi mở gông cùm, dứt các bệnh tật, giải trừ các thuốc độc, xua tan các tinh tú. Muốn làm được các việc như vậy thì phải y theo nghi pháp Hàng tam giới tôn.

Lại nữa, nếu muốn làm cho tất cả được tỉnh ngộ và lay động, cười giỡn, ca múa, biên chép, xoay tròn, cho đến câu triệu ba cõi… đều y theo ấn Kim cang phẫn nộ minh vương.

Nếu muốn câu triệu tất cả vào Mạn-noa-la và phá quân giặc, thấy những việc huyễn hóa, thay đổi thời tiết làm cho cây cối đơm hoa kết trái, hoặc làm cho lúa mạ tươi tốt giải trừ các bệnh khó trì, thuốc độc, các sao, Noa-cát-nễ, chiến đấu được toàn thắng, kết giới ủng hộ, giải thoát trói buộc, cho đến các pháp Kính ái đều y theo ấn Tỳ-thủ-yết-ma của Kim cang phẫn nộ minh vương.

Nếu muốn thành tựu chư Thiên, hàng phục các loài rồng, sai khiến các Dược sát làm kẻ nô tỳ, khiến tất cả La-sát sinh tâm kinh sợ, điều phục chúng Noa-cát-nễ và Ma-đát-lý-ca, các tinh tú, quân chúng ma mị, chú thuật tà đàn thảy đều tiêu diệt, các loài dữ tợn thảy đều sợ hãi và có khả năng thành tựu bốn vị Đại thiên vương, Đế Thích, Đại phạm, trời Na-la-diên, trời Đại tự tại,… và thành tựu các việc kính ái của Bồ-tát chư Phật, câu triệu hữu tình vào Tam-muội. Tất cả các pháp như vậy đều y theo pháp Thành tựu tối thượng của Kim cang phẫn nộ minh vương. Liền nói tụng rằng:

Pháp tối thượng như vậy
Nếu ai muốn thành tựu,

Nên trì tụng tâm chú
Sẽ thấy tướng phẫn nộ.

QUYỂN NĂM
Phần 18: NGHI QUỸ NÓI VỀ NHẤT THIẾT TRÍ KIM CANG DỨT TRỪ CÁC NGHIỆP CHƯỚNG

Khi ấy, Quán Tự Tại
Lại nói Tam-ma-địa
Pháp thanh tịnh tối thượng
Đó là Kim Cang Thủ.
Điều phục các điều ác
Liền hiện Liên hoa bộ
Sức phương tiện chư Phật
Làm lợi ích chúng sinh,
Phẫn nộ Đại Minh vương
Làm thanh tịnh ba cõi
Vì chúng sinh tánh dục
Chưa xa lìa các nhiễm
Sức vô ngại chư Phật
Khởi lòng từ thương xót
Còn chưa thể cứu độ.
Do vậy, Quán Tự Tại
Nói Tam-ma-địa này
Là Tam-ma-địa vương
Của chư Phật ba đời
Tự tánh của các pháp
Là chủ Kim cang trí
Từ Tam-ma-địa này
Chư Phật đã quán chiếu
Khiến tất cả hữu tình
Đều được đại tự tại
Bồ-tát Ma-ha-tát
Dùng đại trí thương xót
Tự tại độ chúng sinh
Hiện ra tướng tự tại
Tay trái cầm hoa sen
Tay phải mở cánh sen
Quán chiếu nơi tự tánh
Trụ Tam-ma-địa này
Như hoa sen nhiều màu
Tự tánh không các nhiễm
Nên vô nhiễm, thanh tịnh
Không đắm các phiền não
Tham dục ba cõi sinh
Tham dục cũng thanh tịnh
Tất cả loài chúng sinh
Nên tùy theo sở ứng
Môn Tam-ma-địa này

Được tự tại chư Phật
Bồ-tát Kim Cang Thủ
Cùng với các Bồ-tát
Đều nương định thù thắng
Khởi giáo Đại tổng trì
Mà nói chú quán tưởng
“Ngật-rị” (hai chữ thành một âm)
Nên tưởng thần chú này
Tức tự tánh thanh tịnh
Tất cả Kim Cang Thủ
Cho đến Quán Tự Tại
Quán tưởng tâm chú này
Thanh tịnh như núi báu.
Kế quán các hoa sen
Phát sinh các Hiền thánh
Thanh tịnh khắp pháp giới
Thành đại luân điều phục.
Điều phục các nghiệp rồi
Ba cõi đều thanh tịnh
Vì lợi ích hữu tình
Nói pháp Mạn-noa-la
Là nghi quỹ đại pháp
Đặt để Phật Thánh hiền
Được thanh tịnh như trên
Thành tựu vô lượng pháp.
Lúc đó, Phật Bồ-tát
Khuyến thỉnh Quán Tự Tại
Nói bản Liên hoa bộ,
Kim cang Đại Pháp vương
Bậc Tự Tại Tối Thắng
Nói Mạn-noa-la này
Ở ngoại Mạn-noa-la
Trong vẽ sen tám cánh
Ở giữa hoa sen ấy
Đặt ngài Quán Tự Tại
Tay trái cầm sen vàng
Hiện tướng Đại tự tại
Thân trang nghiêm các báu
Đầu đội mũ năm Phật;
Ở xung quanh Bồ-tát
Vẽ tám Phật, Thế Tôn
Diệu định và sen lớn
Định cùng với Quán chiếu
Bên ngoài tám Đức Phật
Nên vẽ tám Hiền thánh
Đại lực, trời Tự tại
Đại phạm và Dục thiên
Đại liên cùng Mã đầu
Câu kiêm, Diệu pháp ngữ

Liền nói Liên hoa bộ
Tâm chú các Hiền thánh.

Tát rị-phược đát tha, nga đa bát nột-ma nhược hồng.
Phược nhật-la bát nột ma hệ.
Phược nhật-la bát nột-ma sưu.
Hô, bát nột-ma ma ni la, nhạ.
Hồng, bát nột-ma tán ni, thuyết la hồng, phát tra.
Hệ, ma hạ, bát nột-ma vĩ thuyết bố lan-noa tất đinh hồng, phát tra.
Ngật-rị, bát nột-ma bát nột-ma hồng, a.
Hô, bát nột-ma thất-tác ngật-la ma, ngật-la ma, hồng, nhược.

Lại ở nơi bốn cửa
Dùng Câu, Sách, Tỏa, Linh
Thứ lớp bốn tâm chú
Y Đại mạn-noa-la
Xếp đặt theo nghi pháp
Vào Mạn-noa-la rồi
Quán hoa sen nở kia
Tưởng tâm mà đảnh lễ
Nên dùng Đại chú này
Để xếp đặt Bản tôn.

Liền nói đại chú rằng:

Án, vĩ du, đạt dã thú đề. Tát đỏa đà, đô, tát rị-phược la, nga nỉ tán tả duệ. Tức đán di, tát rị-phược đạt rị-di, sổ phược nhật-rị ni. Nghe Đại chú này rồi

Quán Tự Tại vui mừng
Mong cầu các thành tựu
Thảy đều được như ý
Rồi sau kết Câu ấn

Tụng chú tối thượng này:

Án, tát rị-phược đát tha, nga đa, la lộ kiết đế, thuyết la. Bát nại- ma hạ sa-đa da. Ê thi già-la di muội phược nhật-la mẫu nại-la, bát nãi. La, ngật-rị sa-dã bát-la vĩ, thiết dã. Tam ma duệ rị-phược đà, phược thi cát lỗ di. Nhược hồng sưu hô. Du đà dã tát rị-phược tát đạt dã. Bát nại-hàm ma hạ, phược nhật-la đạt la tát-đát-sưu. Triệu thỉnh như vậy rồi Quán Tự Tại tức thời

Giáng đến Mạn-noa-la
Việc làm đều thành tựu
Sau đó y nghi pháp
Dẫn đệ tử vào đàn
Truyền trao bí mật giáo
Khéo ban các thành tựu

Chú Tam-muội ấn này
Căn bản đã viên mãn
Mau thành Quán Tự Tại
Hành giả cầu pháp này
Dù ở tại nơi đâu
Cho đến bốn oai nghi
Tưởng Đại Liên hoa tôn
Lúc nào dùng tự lực
Tác pháp cũng thành tựu,
Tùy ý mình mong muốn
Thấy thế gian viên mãn
Và dục lạc thù thắng
Xa lìa khổ già, bệnh
Sẽ chứng Phật, Bồ-tát
Và Kim Cang Thủ thảy
Đều nương Quán Tự Tại
Thì đều được viên mãn.
Nếu cầu ấn thành tựu
Nên kết ấn nhập định
Muốn thành tựu Tam-muội
Nên kết ấn Tam-muội,
Cầu các pháp Yết-ma
Nên kết ấn Yết-ma.
Nếu các pháp thành tựu
Tất cả việc khó thành
Đều nương Tam-ma-địa
Y pháp được thành tựu.

Nếu có tất cả nghiệp chướng ác mộng không tốt và các tai họa lo buồn khổ não, mất mát của cải, nghèo cùng bức bách, tranh đấu nhiễu loạn, bệnh tật triền miên, lại thêm nạn chết yểu. Nếu muốn tránh xa những nạn như vậy thì nên y theo pháp Đại Liên hoa chân thật Tam-ma-địa.

Nếu muốn dứt trừ các bệnh như bệnh phong, bệnh vàng da, hen suyễn, bệnh sốt rét, các chứng bệnh hủi, ghẻ lở, ung thư, phù thũng, khô gầy cho đến các tinh tú, Noa-cát-nễ… thảy đều diệt trừ tất cả, thì nên y theo pháp ấn chú Đại Liên hoa.

Nếu muốn tất cả được vững chắc thì nên y theo ấn Bị giáp Phật đảnh.

Nếu muốn ủng hộ thân mình, kết giới Mạn-noa-la, vẽ vòng Kim cang,… và các thứ như ăn uống, y phục trang nghiêm… đều y vào ấn pháp Đại Liên hoa.

Nếu muốn che chở tất cả, làm tăng trưởng sắc lực thọ mạng, tinh tấn mạnh mẽ tốt đẹp, không có bệnh tật, của cải dồi dào, tiếng tăm lớn lao và được tất cả kính mến, thông đạt Tam-ma-địa, có trí tuệ rộng lớn thì nên y theo pháp thành tựu tối thượng Đại Liên hoa.

Phần 19: NGHI QUỸ NÓI VỀ TẤT CẢ NGUYỆN VIÊN MÃN KIM CANG BẢO

Khi ấy, Kim Cang Thủ
Hiện tướng Đại văn tự
Đầy khắp cả hư không
Ban thắng nghĩa quán đảnh,

Biến hóa nơi Bảo bộ
An trụ Tam-ma-địa
Quán chiếu được thanh tịnh
Nên giác ngộ các pháp.
Các thắng nghĩa căn bản
Hữu tình tận không giới
Như mặt nước thấy sao
Nhập Tam-ma-địa báu,
Quán hư không giới kia
Như màu lưu ly sạch.
Bồ-tát Kim cang bảo
Sinh từ Hư không tạng
Bấy giờ, do vững chắc
Nương bản tướng mà trụ
Quán tưởng Tam-ma-địa
Nên thành tựu hữu tình,
Y nghi quỹ chư Phật
Cùng với Kim Cang Thủ
Muốn dùng báu Kim cang
Mà tác pháp Quán đảnh
Trao Quán đảnh Hiền thánh
Để mãn tất cả nguyện
Các Quán đảnh Hiền thánh
Tụng chú Quán đảnh này,

Liền nói Đại chú rằng:

Án, tát rị-phược, phược nhật-la, địa bát để đỏa. Tỳ săn tả, di bộ, rị-bộ phược sa.

Lúc nói Đại chú này
Pháp bản bộ tối thượng
Từ báu Kim cang tôn
Sinh ra các Hiền thánh,
Y pháp báu Kim cang
Quán đảnh các thế gian
Trao các quán đảnh rồi
An trụ Mạn-noa-la
Phật, Bồ-tát vui theo
Bảo Kim cang bộ chủ
Nói nghi quỹ tối thượng
Ở ngoại Mạn-noa-la
Trong vẽ vầng nguyệt lớn
Màu sắc như hư không
Y pháp vẽ tinh tú.
Ở trong vầng nguyệt ấy
Vẽ Hư Không Tạng tôn
Tịnh như sắc lưu ly
Ánh sáng chiếu khắp nơi,
Tay trái cầm hạt châu
An tâm như câu triệu

Tay phải làm thí nguyện
Bốn phía tôn vị này
Vẽ bốn vị thân cận.
Lại ở nơi bốn góc
Nên vẽ bốn Bồ-tát
Quán đảnh và Bảo Tạng
Cúng dường và Cát tường
Đều cầm cờ nêu gốc.

Chú bốn Thân cận là:

Phược nhật-la tát đỏa nhược.
Phược nhật-la la đát-na hồng.
Phược nhật-la đạt rị-ma sưu.
Phược nhật-la yết rị-ma hô.

Chú bốn Bồ-tát là:

Phược nhật-la a tỳ thí, kế nhược.
Ma hạ, phược nhật-la nỉ đà, nê hồng.
Phược nhật-la ma ni la đát-na.
Đặc-phược nhạ a ngật-la kế, dụ rị sưu.
Ma hạ, phược nhật-la ma hệ, hô.

Các pháp sở tác như vậy đều y theo nghi quỹ Đại mạn-noa-la, sau đó, vị A-xà-lê cầm các hoa báu vào Mạn-noa-la, y theo pháp dâng cúng kính lễ Bản tôn, tụng chú Tam-muội rằng:

Án, tất đinh bộ. Tất đinh bộ phược. Tất đinh sa. Tất đinh ma hạ, phược nhật-la la đát-na. Phược tả tra tra đát-lãm.

Khi tụng Đại chú này, Bồ-tát Hư Không Tạng thí tất cả thành tựu. Sau đó, vị A-xà-lê y theo pháp kết ma-ni quyền câu ấn, rồi triệu thỉnh Bồ-tát Hư Không Tạng, chú thỉnh triệu rằng:

Án, bộ a dạ hý nhược. Bộ phược bát-la vĩ xá hồng. Sa ngật-rị hận-noa sưu. Phược phược nga nga tất đinh hô, đát-lãm.

Lúc tụng Đại chú này, Bồ-tát Hư Không Tạng mau giáng vào Mạn-noa-la; sự mong cầu của A-xà-lê đều được thành tựu. Sau đó sai đệ tử cầm các hoa đẹp kết ấn như trước, dẫn vào Mạn-noa-la truyền các pháp chân thật. Từ đó về sau, đệ tử được giàu sang, mọi việc đều thành tựu, cho đến pháp xuất thế gian như chư Phật, Bồ-tát đều chóng thành tựu.

Lại nói pháp thành tựu
Là ấn Kim cang bảo
Hành giả làm thành tựu
Muốn lợi ích thế gian.
Do nhờ Đại ấn này
Tất cả đều như ý
Sức ấn Bảo tự tại
Xa lìa khổ già, bệnh,
Như một đống báu lớn

Thành tựu theo ý muốn
Ấn Tam-muội cũng vậy
Làm thành tựu các việc.
Nên kết Tam-muội quyền
Cúng dường các hoa đẹp
Y pháp làm thành tựu
Việc làm đều viên mãn,
Lại nói pháp thành tựu
Tối thượng trong các nghi
Thành tựu việc khó thành
Điều đó nay sẽ nói.

Nếu muốn câu triệu các Bộ-đa khiến vào Tam-muội, an trụ pháp Kính ái vững chắc tùy theo điều nguyện cầu thanh tịnh các đường ác, thành tựu pháp Tối thượng,… đều y vào chú ấn Kim cang quán đảnh.

Nếu muốn câu triệu các điều tốt lành an trụ vào các pháp Kính ái vững chắc, đều y theo chú ấn Kim cang bảo cát tường.

Nếu muốn câu triệu để mong cầu sự giàu sang sung sướng, an trụ các pháp thành tựu vững chắc,… thì đều y vào chú ấn Kim cang bảo phú lạc.

Nếu muốn câu triệu thực hành các cúng dường, an trụ vững chắc, cho đến các pháp Kính ái,… thì đều y theo chú ấn Kim cang bảo cúng dường. Liền nói tụng rằng:

Kim Cang Thủ thương xót
Lợi ích các hữu tình
Nói pháp thành tựu này
Hành giả nên thọ trì.

Phần 20: NGHI QUỸ THÀNH TỰU TỐI THƯỢNG TRONG TẤT CẢ NGHI QUỸ

Khi ấy, Kim Cang Thủ
Bậc trên hết ba cõi
Muốn tịnh tham sân thảy
Nên nói thành tựu này.
Diệt ba độc này rồi

Thế gian thành cam lộ Lại vì nhiếp các Rồng Nên nói Mạn-noa-la.

Nói tâm chú này rằng: **Phổ.**

Nên làm Mạn-noa-la
Bốn phương và bốn cửa
Vẽ hình tám Rồng lớn
Mỗi cửa vẽ hai rồng,
Đầu rồng đều hướng cửa
Đuôi dài đến góc đàn
Trong Mạn-noa-la vẽ

A-nan-đà Long vương,
Long vương có tám đầu
Ở ngoài Mạn-noa-la
Vẽ tám họ Long vương
Xếp đặt như vậy rồi,
Tức thời A-xà-lê
Làm tướng rất giận dữ
Nên tưởng nơi thân mình
Rồi vì Đại long vương
Mau vào Mạn noa la
Tụng Đại chú câu triệu

Câu triệu các Long vương Bằng Đại chú này rằng:

Án, ngật-rị a nỉ la nhạ phược phệ, nga. Tất-rị thể vĩ đỏa la thí, sa dạ hý phổ.
Tát rị-phược na, nga cô la, nãnh na dã phổ.
Tam ma duệ, bát-la phệ, xá dạ phệ, nga dã phổ.
Tát rị-sưu sa, đạt dã phổ.
Tát rị-phược na, nga bổ đát-la ca phổ.

Tụng chú triệu thỉnh rồi

Các Rồng đều nhóm họp
Vào trong Mạn-noa-la
Nếu A-xà-lê có
Các phiền não ba độc
Tức thời đều tiêu diệt.
Đã vì các Rồng kia
Nói Tam-muội thệ rằng
Thế gian tham, sân, si
Là ba độc các ngươi
An trụ vào Tam-muội
Ba độc liền tiêu diệt.
Sau đó, A-xà-lê
Các ác không thể hại
Nếu uống các thuốc độc
Cũng biến thành cam lộ,
Có sức lực dũng mãnh
Như rồng Hòa-tu-cát
Tất cả các pháp độc
Cũng đều bị tiêu diệt.
Lại nữa, Kim Cang Thủ
Vì lợi ích hữu tình
Nói hàng phục các sao
Các sao xấu ác thảy,
Bị ba độc não hại
Không thể lợi chúng sinh
Bị chấp trì thảy hại
Các tội nghiệp đều sinh

Hàng phục sao xấu rồi
Liền nói tâm chú rằng:

Hồng.

Nên vẽ Mạn-noa-la
Bốn phương đặt bốn cửa
Ở trong Mạn-noa-la
Y pháp vẽ các sao,
An đặt như thế rồi
Sau đó, A-xà-lê
Vào trong Mạn-noa-la
Tác pháp rồi câu triệu.
Triệu rồi dâng cúng dường
Làm tướng rất giận dữ
Lập thế Kim Cang Thủ
Trì tụng tâm chú này.
Tất cả các sao xấu
Tức thời đều điều phục.
Sau đó, A-xà-lê
Dứt sạch tất cả khổ
Các ác không xâm hại
Điều lành đều tăng trưởng,
Bồ-tát Kim Cang Thủ
Tự tại đối các pháp
Vì lợi ích hữu tình
Lại nói Mạn-noa-la.
Trước nói chú này rằng:

Hồng, a hý ngật-rị, đát-lãm.

Lúc nói đại chú này
Đại Tự tại tối thượng
Tối thắng trong tất cả
Dùng năm pháp bí mật,
Để làm pháp điều phục
Điều phục nhất trong đời
Nay tôi sẽ giảng nói
Pháp Đại tỳ-thủ này.
Mạn-noa-la tối thượng
Tự tại đối các pháp
Y pháp vẽ đạo tràng
Trong vẽ Kim Cang Thủ
Và chúng Kim cang bộ
Bốn bên bốn Bồ-tát
Đều cầm cờ nêu gốc
Trước là Na-la-diên
Tay cầm vòng Kim cang
Phải Tán-ni-thuyết-la
Tay cầm nắm chĩa ba

Trái Kim cang liên hoa
Tay cầm hoa sen vàng
Sau đặt Hư Không Tạng
Tay cầm chày Kim cang.
Lại ở nơi bốn góc
Vẽ bốn vị Hiền thánh
Là Kim cang kiết tường
Cùng Kim cang ngẫu-lê
Và Kim cang đa-la
Với Kim cang hư không
Đều có tâm chú gốc
Chú các Hiền thánh rằng:

Án, phược nhật-la na, la dã noa thân nại thân nại. A bát-la để hạ đa phược nhật-la phược ngật-rị noa-hô, bà nga sưu phược nhật-la đát tha, nga đa nhược hồng, sưu hô.

Phược nhật-la đát tha, nga đa hồng. Phược nhật-la cốt-lỗ đà ma hạ, du nghệ nỉ nga ni, thuyết la. Ma hạ, phược nhật-la thú la a ngậtla bá, ni hô. Bà nga sưu phược nhật-la tán ni thuyết la a. Hạ hạ hạ hạ hệ.

Phược nhật-la đạt la ngật-rị. Phược nhật-la bát nột-ma, nột-bà phược hô. Bà nga phược sưu nhật-la a phược lộ, kết đế, thuyết la ma hạ, một-la hồng-ma. Tất đinh án, bộ rị-bộ phược sa. Sa tất-đế na mạc sa hạ.

Phược nhật-la cô tô ma, dục đà. Tát rị-phược ca, ma di sa, đạt dã hô, bà nga sưu phược nhật-la a ca, xá nga rị-bà. Phược phược tra tra đát lãm.

Na mô duệ na tát đế-dã na bà nga phược đế, bát-la nghệ-dã, bá la di đa. Tát-bố tra, thân nại phược nhật-rị ni tát ngật-rị noa. Đế na tát đế-dã na bá bát cang. Án, địa thất-rị du-lỗ để tát mật-rị để vĩ nhạ duệ, sa hạ.

Án, phược nhật-la ngẫu rị ma hạ, vĩ nỉ-dụ. Đát-rị lộ ca vĩ nhã duệ thuyết rị. Phược nhật-la cốt-lỗ đà, nghi-nỉ tam ma duệ. Phược nhật-la đà, rị na mô tốt-đổ đế. Đát nãnh tha. Ê lệ di lệ. Lệ, lệ la lệ la, lệ. Phược nhật-la ca, rị-mẫu ca duệ sa, hạ.

Na mô duệ na tát đế-dã, na bà nga phược đế. Một đà mạo địa la nậu đa-la. Phược nhật-la đạt rị-ma bát-la du nghi noa, đế na tát đếdã na tất đinh hàn. Án, đa rị đổ đa rị, đổ rị sa hạ.

Án, ca ma phược nhật-rị ni tất đà, tất. Vĩ thú đà, tất. Nga nga nộ nột-bà phược du nghi na tất đinh hàm. Bát-la ma, xoa-rị. Đát nãnh tha. Nga nga nộ nột-bà vĩ. Nga nga na vĩ du đề. Tát rị-phược tỷ bátla dã bát rị bố la ni, sa hạ.

Ở ngoài Mạn-noa-la
Cắm cờ theo vị trí
Trời và Ma-đát-rị
Cùng các trời Hộ thế
Đều theo vị an trụ
Bốn góc và bốn cửa
Đặt mười vị hội chủ

Đều cầm các nhạc cụ
Đều dùng tâm chú gốc
Xếp đặt theo bản vị
Mạn-noa-la như vậy
Đặt các Hiền thánh rồi
Sau đó, A-xà-lê
Y pháp vào đàn tràng
Thỉnh triệu các Hiền thánh
Và kết ấn câu triệu

Tụng chú triệu thỉnh rằng:

Án, ma hạ tô kha phược nhật-la tát đỏa tất đinh hồng. Tát rịphược đát tha, nga đán tát ma, ca rị-sa dã nhược. Tát rị-phược phược nhật-la câu la địa bán. Nại ma duệ đỏa, bát-la vĩ thiết dã hồng. Tát rị-phược lộ kế thuyết lãm bát-la vĩ thiết-dã. Tam ma duệ rị-phược đà, na dã sưu. Tát rị-phược la đát-na, địa bán ma ni la, nhạ nan. Phược thi, câu lỗ hô. Hồng ác ê ngật-rị đốt-lũng.

Lúc tụng chú triệu thỉnh
Năm Đại bí mật chủ
Kim Cang Thủ trên hết
Cùng các Hiền thánh khác
Giáng lâm Mạn-noa-la
Khiến an trụ vững chắc,
Khi ấy, các Hiền thánh
Thí thành tựu tối thượng.
Sau đó, A-xà-lê
Nên theo nghi pháp trước
Làm thành Mạn-noa-la
Và làm các thành tựu
Mọi việc đều viên mãn
Tận vô lượng, vô biên
Điều phục không ai bằng
Dùng chương cú như trên.
Tất cả nghĩa thanh tịnh
Chư Phật khéo giảng nói
Như Lai bộ sâu xa
Khéo được các diệu lạc
Là vắng lặng trên hết,
Được chư Phật tùy hỷ.

Phần 21: NGHI QUỸ VỀ TẤT CẢ TƯƠNG ƯNG VỚI TAM-MUỘI MẠN-NOA-LA CỦA CHƯ PHẬT

Bồ-tát Kim Cang Thủ
Lại nói pháp sâu xa
Nhiệm mầu không nghĩ bàn
Chú rộng lớn trên hết,
Thanh tịnh vốn vô tướng

Vô tác và vô tận
Là chân thật rốt ráo
Tốt đẹp không gì hơn,
Diệu lạc thật vui thích
Đem pháp giới chân tịnh
Để lợi ích chúng sinh
Nghĩa vi diệu tối thượng.
Thí tất cả thành tựu
Khéo ban pháp an vui
Dùng Kim cang tỉnh ngộ
Để giác ngộ chúng sinh.
Nghĩa bí mật tối thắng
Đủ quyết định Kim cang
Là nghi quỹ bậc nhất
Trên hết không gì hơn.
Đại Tam-muội chư Phật
Là Đại lạc giới này
Chẳng nghĩ bàn thành tựu
Các bảo vương trang nghiêm,
Nương vào chỗ vắng lặng
Chỗ ở Đại Mâu-ni
Diệu lạc thật vui thích
Tiếng nhạc trời tự nhiên,
Là yêu thích trên hết
Đủ các món cúng dường
Là vui thích trên hết
Cung điện báu không sánh,
Là an trụ trên hết
Độ vô lượng chúng sinh
Là thành tựu trên hết
Giảng nói chữ nhiệm mầu.
Là Kim cang tát-đỏa
Tu tập hạnh Phổ Hiền
Rồi dẫn dắt chúng sinh
Chứng chư Phật, Bồ-tát,
Các thành tựu trên hết
Đại chủ Kim Cang Thủ
Tất cả Diệu dục lạc
Đều viên mãn tự tại.

Bồ-tát Kim Cang Thủ liền nói tâm chú tối thượng rằng: **Hồng.**

Lúc nói Đại chú này
Bồ-tát Kim Cang Thủ
Phát sinh năm bí mật
Ấn chân thật Hiền thánh,
Thường ban các mong muốn
Đại Tự tại tối thượng
Bốn chúng Đại Hiền thánh
Đều giáo hóa chúng sinh.

Pháp này đối thế gian
Các thành tựu trên hết
Nghĩa thù thắng tăng trưởng
Giàu có Đại thánh tài
Làm được Đại thành tựu
Thí lợi lạc rộng lớn,
Vô số các Hiền thánh
Tức Kim cang tát-đỏa
Nay nói chú bí mật
Tối thượng của Hiền thánh.

Đát nãnh tha, ma hạ, la đa thất-rị phược nhật-la, mô già la để. Tam ma dã, na mạc phược nhật-rị ni. Ma hạ, la đa thất-rị, phược nhật-la, mô già la để. Tam ma dã phược nhật-la kế lệ, kết la ma hạ, la đa. Thất-rị, phược nhật-la mô già, la để tam ma dã. Vĩ nhạ dã phược nhật-la, ma hạ, đa la. Thất rị, phược nhật-la mô già, la để tam ma dã. Phược nhật-la ca, di thuyết la, di để. Chú bí mật như vậy

Nếu có người thọ trì
Thì sẽ được các ấn
Và thành tựu các pháp.
Lại nói rốt ráo này
Pháp thành tựu trên hết
Vì nhờ pháp như thế
Việc làm được rốt ráo.
Nếu có các hành giả
Lỡ phạm các tội nghiệp
Cũng chưa từng thành tựu
Đối với pháp bí mật,
Nêu nương pháp hành này
Thì đều được viên mãn.
Nếu muốn làm thành tựu
Một ngày hoặc một tháng
Mãi cho đến một năm
Tùy khả năng của mình
Trước nên theo pháp nghi
Vẽ tượng Kim Cang Thủ
Màu thân như mặt trăng
Ở trên hoa sen lớn
Ngồi theo pháp kiết già
Với tư thế đưa cao
Thân trang nghiêm các thứ
Các ánh sáng rực rỡ
Như nghi Quán đảnh Phật
Tay trái cầm linh báu
Phải cầm chày Kim cang
Ở trên hoa sen trước
Lại vẽ bốn Hiền thánh
Mỗi bên đặt hai tượng
Đều tư thế đưa cao
Gọi bốn vị thân cận

Một như hoa sen trắng
Còn ba như sen xanh
Phía sau Kim Cang Thủ
Chỉ-rị-chỉ-la tôn,
Lại ở phía bên phải
Vẽ Đại Kim Cang tôn
Tay phải thế cầm tên
Tay trái cầm cờ báu
Còn ở phía bên trái
Vẽ Ba-rị-sạ-sa
Các vị Hiền thánh ấy
Như tướng Bảo quán đảnh,
Vẽ tượng lụa này rồi
Hoặc khởi lên quán tưởng
Hoặc lại làm cúng dường
Hoặc là người vui theo
Được giải thoát rốt ráo
Việc làm đều như ý.
Kim Cang Thủ như vậy
Pháp tượng lụa bí mật
Là Đại lạc tối thắng
Nếu có ai yêu thích
Sẽ được vui tối thượng
Thành tựu pháp Thanh tịnh.
Vì pháp thanh tịnh này
Là nghĩa chân bí mật
Lại nói Mạn-noa-la
Nên chọn nơi thanh tịnh,
Hoặc nơi vườn rừng tốt
Hoặc già-lam, tinh xá
Chọn nơi như vậy rồi
Dùng các báu trang nghiêm,
Treo linh và anh lạc
Cờ phướn và báu lọng
Hương hoa các kỹ nhạc
Y pháp mà trang nghiêm,
Sau đó làm thành tựu
Mạn-noa-la bí mật
Tác pháp thành tựu rồi
Các Hiền thánh đều thành
Vào Mạn-noa-la này
Người trong đại bí mật
Thành Kim cang Xà-lê
Với những gì mong muốn
Đều chóng được viên mãn.
Trước A-xà-lê phải
Tắm gội cho sạch sẽ
Dùng hương thơm xoa thân
Mặc áo đẹp thượng hạng
Vòng báu trang nghiêm thân

Tay cầm các hoa đẹp
Tụng chú Kim cang ca
Vào trong Mạn-noa-la

Liền xướng ca chú rằng:

Bát-la vĩ xá bà nga sưu. Ma hạ, tô kha mô, xoa bổ lãm. Tát rị phược tất đề tô kháng la dương. Bát-la ma tô khô, đát ma tất đinh. Nhược hồng, sưu sưu hô, bát-la tất đinh sa.

Vào Mạn-noa-la rồi
Tay cầm các hoa đẹp
Mà kết ấn Phật nhãn

Liền tụng tâm chú này. Rải hoa xong lễ bái Chú lễ bái như sau:

Án, ba la ma tô kha, xá dã. Tát la rị đa vĩ la, sa na di đới. Na ma, di bà nga lỗ đương. Nhược hồng, sưu hô. Hý hý hý hý. Bát-la đế, tha cô tô hàm, nhạ rị na tha.

Rải hoa đảnh lễ xong
Y Kim cang Tát-đỏa
Làm như thế quán đảnh
Cầm linh chày Kim cang

Tụng Tam-muội quán đảnh Chú Quán đảnh như sau:

Án, tát rị-phược một đà phược la la đát-na tán tả dã. Bát-la đátdu bát-đa nỉ dương ma cô tra, dã na ma. A tỳ săn tả hàm. Bát-la phược la la nhật-la đạt lãm. Thất-rị phược nhật-la tát đỏa tam ma dã tát-đátsưu ma hang.

Chày biểu thị lý thật
Rung linh là Pháp âm
Tam-muội là đại ấn
An trụ tụng tâm chú
Người cầm chày linh này
Liền thành Kim Cang Thủ
Là Đại A-xà-lê
Không khác Kim Cang Thủ
Ba thứ pháp Tam-muội
Bí mật tối thượng này
Thành tựu Mạn-noa-la
Hơn hết không gì bằng.
Lại nói pháp thành tựu
Thật rốt ráo sâu xa
Vì là pháp rốt ráo
Được quyết định thành tựu.
Nếu lại có hành giả
Ba nghiệp không thanh tịnh
Hoặc người chưa thành tựu
Thảy đều được viên mãn.
Hành giả nên y pháp

Trước tạo tượng Bồ-tát
Đắp vẽ hoặc điêu khắc
Ở trước tượng Bồ-tát,
Dâng cúng đủ các món
Cầm linh, chày Kim cang
Dùng ba thứ Tam-muội
Các Đại chú nhiếp triệu,
Y nghi quỹ tác pháp
Tất cả ba Tam-muội
Các Đại chú câu triệu
Đều dùng ấn câu triệu
Cũng dùng chú tối thượng

Đại chú ấy như sau:

Tát rị-phược đát tha, nga đa ô đa ma tất đinh, ca rị-sa noa. Bátla ma la hát tả tam ma dã. Phược nhật-la nghi đổ bát hạ, la nhược. Bát-la ma nãnh phược nhật-la đạt la. Phược nhật-la tát đỏa tát tô kháng bát-la một đinh. Tô la đa tát-đát-đinh ma hang. Bát-la để một đinh một đà hý hồng. Phược la phược nhật-la ca rị-ma bát-la ma xoa la. Ác xoa dương bà phược. Bát-la tất địa tô kha tao ma na tả. Tam ma dã, nãnh tất đinh hàm, sưu. Bát-la ma, tát mẫu rị-để đạt la. Tát rị-phược du nga vĩ nhạ du tha la dã. Bát-la phược la thú địa tô khế bà phược. Bát nại-ma la, nhạ hý hô. Bát-la phược la bát lãm bát la ma. Tát rị-phược tất địa bát la di thuyết la. Bát-la bà phược hý kha nga rị bà. Tát đa đán tát mật-rị đinh di. Nhược hồng sưu hô. Hổ lô hổ lô. Tất đinh tát ma, ca rị-thi đổ. Ma hạ, tam ma duệ. Tát rị-phược đát tha, nga đa tam ma dã. Tô la đa tát-đát-sưu ma hang. Đại bí mật căn bản

Ba thứ pháp Tam-muội
Phải nên y Bản tôn
Thành tựu các cúng dường
Dùng Đại chú cúng dường
Rồi mới ca vũ thảy
Nói thành tựu tối thượng
Của các Đức Như Lai
Nghi quỹ Đại cúng dường
Tam-muội đại bí mật
Kim cang Ca, Vũ thảy

Đại chú tối thượng rằng:

Tát rị-phược nậu la, nga tô kha tam ma na tam. Đát-sưu phược nhật-la tát đỏa tô la đa. Tam ma dương bà phược di. Ma hạ tô kha đátrị trừ tha-la dã nại. Bát-la để bát đinh tất đinh tả. La ngu bát-la noa đa.

Đại bí mật trên hết
Ba thứ pháp Tam-muội
An trụ các thành tựu
Đại pháp nghi quỹ này.
Như pháp Bản tôn kia
Dùng ấn cũng như vậy
Trì tụng các tâm chú

Nói về các Như Lai.
An trụ pháp thành tựu
Nghĩa chân thật tối thượng
Tam-muội đại bí mật
Kim cang Ca, Vũ thảy
Các thần chú thù thắng
Liền nói chú ấy rằng:

Án, a ca du đát-ba nại tức hạ-na đỏa. Nại na, nỉ nỉ đà na bát lãm. Ma hạ, phược nhật-la tam ma dã tát đát-vũ. Phược nhật-la tát đỏa bát-la tất đinh di. Tát rị-vũ đát ma ma hạ, tất địa. Ma thai thuyết rị-dã, địa nãi phược đa. Tát rị-phược, phược nhật-la đà lỗ la, nhạ. Tất đinh di bát la ma, xoa la. Nỉ rị-nỉ thiết thiết, thuyết đa thất-tả tất. Tát rị-phược la, nga nậu la, nga noa. Đát đát-vĩ, na tất đinh bà nga sưu. Ma hạ, la nga ma hạ, la đa. A đa-dương đát thú thú đà rị-phược. Nga la a nỉ mục ngật-đa tát-đát tha nga đa. Tam mãn đa bà nại-la tát rịphược, đát-ma. Mạo địa tát đỏa bát-la tất đinh nỉ. Tát rị-vũ đát ma ma ha, tất địa. Rị-ma thai thuyết rị-dã nga-la mẫu nại-la dã. Tất đinh phược nhật-la ma hô, đát-ca rị-sa. Phược nhật-la nga rị-phược a bát để ma ma.

Đại chú căn bản này
Là pháp lý chân thật
Nếu người tụng đúng pháp
Thì chắc chắn thành Thánh,
Được Thánh tài tự tại
Thành tựu việc khó thành
Kim cang Tát-đỏa này
Thành bí mật tối thượng.
Nhiếp các đại thành tựu
Y nghi quỹ thắng pháp
Gấp triệu Kim Cang Thủ,
Được thành tựu các pháp
Nhóm họp đại phú lạc
Thành tựu thắng pháp này
Liền thấy các ánh sáng,
Hoặc hiện điềm lành khác
A-xà-lê thấy rồi
Liền được đại phú lạc
Thành tựu các nghi quỹ,
Đều tùy tâm mà làm
Đây gọi là căn bản
Ba thứ pháp Tam-muội
Làm việc thành tựu này
Các Hiền thánh giáng lâm
Y pháp Bản tôn này
Các Hiền thánh cũng vậy
Các nghi thức ca vũ
Cũng đồng Bản tôn trước
Bản tôn sinh tỉnh thức
Nên dùng chú căn bản
Rung linh và ca múa
Rồi dùng ấn Yết-ma

Hoặc dùng ấn Tam-muội
Các nghi quỹ như vậy
Dùng Kim cang giác ngộ
Đều khiến cho cảnh giác
Thành tất cả Tam-muội
Vượt qua pháp Bản tôn
Pháp bí mật trên hết
Ba thí pháp chân thật
Kim cang Ca vũ thảy
Là thành tựu trên hết.
Hành giả thực hành pháp
Nên tùy theo tâm lực
Lựa chọn chỗ đất tốt
Cung điện và vườn rừng
Hoặc báu hoặc các hoa
Đem trang hoàng nơi ấy
Hành giả nên tắm gội
Mặc áo giặt mới sạch
Sau đó đặt tôn tượng
Hình vẽ hoặc tượng đắp
Trải bày trong đàn tràng
Y pháp nghiêm Phật sự
Hành giả ở trước tượng
Dùng nghi pháp Bản tôn
Cầm linh, chày Kim cang
Rung lên để thức tỉnh
Câu triệu đều xếp đặt
Cúng dường được thành tựu.
Đã được thành tựu rồi
Đối với bốn oai nghi
Nói năng và cười đùa
Khắp nơi đều tùy ý
Bí mật luân trên hết
Tùy ý muốn đều thành
Các thành tựu tự tại
Thoát khổ già, bệnh, chết.
Liền như Kim Cang Thủ
Là vua Kim cang bộ
Tất cả ấn tự tại
Tướng ấy không thấy được
Giải thoát các trói buộc
Nhiếp tất cả hữu tình
Được làm Đại chủ tể
Khéo làm các thành hoại
Cùng tất cả ái kính
Các thành tựu tối thắng
Tự tại trong thế gian
Vui bậc nhất trên hết
Như biển sen thanh tịnh.
Nếu người tu tập được

Tức là dựng cờ pháp
Vượt ra khỏi ba cõi
Được lợi ích cao quý,
Kim Cang Thủ như vậy
Nói căn bản tối thượng
Ba thứ pháp Tam-muội
Nghi cúng dường thành tựu
Và các câu triệu thảy
Bí mật đại an lạc
Chư Phật đều vui theo
Tâm ấn Kim Cang Thủ
Nhiếp tâm các chúng sinh
Là Kim cang tát-đỏa
Rộng tu hạnh Phổ Hiền
Tự tại như hư không,
Từ chân lý tự tánh
Một pháp sinh vô biên
Như biển sen thanh tịnh
Diệu lạc trên hết này
Đại bí mật sâu xa
Làm được các thành tựu
Dựng lên cờ diệu pháp
Được thành tựu như vậy
Diệu pháp lạc trên hết.

QUYỂN SÁU
Phần 22: NGHI QUỸ VỀ ĐẠI TAM-MUỘI MẠN-NOA-LA CỦA TẤT CẢ NHƯ LAI

Lúc bấy giờ, Đại Bồ-tát Kim Cang Thủ lại nói nghi quỹ quán đảnh đệ tử là pháp Đại Tam-muội của chư Phật. Nếu ai muốn thọ pháp quán đảnh Đại Tam-muội bí mật của chư Phật thì trước hết phải phát khởi tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác bí mật tối thượng của chư Phật, tự tánh thanh tịnh đồng với chư Phật.

Vị A-xà-lê trước trao tâm chú bí mật tối thượng này cho đệ tử:

Án, tát rị-phược du, nghệ kha dã phược, ngật-tức đa mẫu đát-ba nại dạ di.

Trao tâm chú giác ngộ này rồi, liền được địa vị không lui sụt của chư Phật, có khả năng hàng phục tất cả tà ma ngoại đạo, liền thành chư Phật, Bồ-tát. Kế đó là trao chú này rằng:

Điều đát-ba nại duệ đỏa ba la hàm mạo địa tức đa ma nậu đa la. Phược nhật-la ma đinh tả bát-la để sắt-tra, tất-dương. Ngật-rị nại duệ, ngật-rị nại duệ, na đổ. Tô la đế, tam ma dã tát-đát-nhược hô. Phược nhật-la tất đinh dã tha, tô kháng.

Trao đại tâm chú này rồi, ai muốn cầu pháp thành tựu trên hết thì Bồ-tát Kim Cang Thủ thảy đều trao cho. Vị A-xà-lê nên y theo pháp mà trao truyền cho đệ tử, bảo đệ tử phủ lụa sạch lên mặt tay cầm các thứ hoa đẹp, sau đó dẫn vào Mạn-noa-la. Đệ tử phải nhất tâm tha thiết, phát thệ nguyện rộng lớn, rồi tùy ý rải hoa đang cầm, hoa rơi vào tôn vị nào thì vị ấy là Bản tôn, được

Bản tôn rồi mới kéo khăn che trên mặt ra. Bấy giờ, vị A-xà-lê liền y theo pháp quán đảnh của Phật bộ, rảy nước sạch Kim cang lên đảnh đệ tử, rồi trao ba pháp Tam-muội. Sau đó trao thệ Tam-muội rằng:

Ngươi nhận Quán đảnh rồi
Thường trụ trong Tam-muội
Thành tựu tất cả pháp
Linh, chày Kim cang này
Nên giữ gìn tin thọ
Trụ Tam-muội vững chắc
Phát khởi hạnh chân thật
Nay truyền trao cho ông,
Pháp Quán đảnh bí mật
Mật ấn của chư Phật
Nếu sinh tâm khinh mạn
Thì bị đọa địa ngục.

Nói thệ này rồi, vị A-xà-lê liền trao chày Kim cang cho đệ tử và nói chú chày Kim cang rằng:

Án, tát rị-phược đát tha, nga đa. Ma hạ tam ma dã. Đát đỏa, địa bát để đỏa, ma tỷ săn tả di. Ma hạ, phược nhật-la đạt ma. Y nại đán tát rị-phược một đà đát-sưu. Phược nhật-lãng phược nhật-la đạt la tả đốt. Đỏa dã, tất ê tát nại, đà rị-dương. Ma hạ, phược nhật-la đạt lãm một-la đa di để. Đa nỉ nan đa tát rị-phược đát tha, nga đa. Bát la ma ma hạ, mạo địa tức đa. Ma tả, bát rị đa, nga. Nại tả tát nại, đà la noa di để la hát tát-dương. Ê, phược nhật-la nga rị-phược, địa bát để. Thất-rị, hý phược nhật-la na, mạc tất đinh tam ma dã tát-đát-sưu. Phổ rị-phổ phược sa.

Truyền chú này rồi, vị A-xà-lê nên tùy theo vị Bản tôn quán đảnh của đệ tử mà đặt tên. Từ khi đặt tên rồi cho đến giác ngộ không bị lui sụt trên đường tiến đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì đã thọ ba pháp Tam-muội này. Pháp Tam-muội này không thật có không thể biết được. Đại lạc Kim cang tátđỏa là hạnh của Phổ Hiền, từ căn bản tối thượng phát sinh. Đã vì đệ tử mà nói năm pháp bí mật chân thật tối thượng này rồi, lại dạy đệ tử:

Pháp tối thượng này là chủ trong ba cõi, đứng đầu trong tất cả tự tại, là đạo chân thật vô thượng. Tự tánh thanh tịnh của chư Phật Như Lai, hiểu rõ được tự tánh thanh tịnh của tất cả chúng sinh; tự tánh của ba cõi cũng thanh tịnh hiển lý chân thật. Pháp bí mật tối thượng này tức là linh Kim cang, nó có công năng giác ngộ chư Phật, Như Lai và các Hiền thánh. Pháp cúng dường này còn có khả năng giác ngộ tất cả pháp. Lại dùng pháp này để giác ngộ các hữu tình, tiêu trừ tất cả các nghiệp chướng. Đây gọi là pháp Kim cang giác ngộ, có khả năng thực hành thành tựu việc Kính ái… là phương tiện hay nhất để thanh tịnh ba cõi. Ngươi phải sinh tâm tín thọ đối với các nghi quỹ Tam-muội bí mật tối thượng này. Trong ba cõi, pháp này có khả năng dứt trừ các khổ để được diệu lạc, đem đại phương tiện này để dạy dỗ làm lợi ích cho thế gian. Nếu ai tin nhận phụng hành thì quyết định được chân thật. Hành giả tu tập pháp thù thắng này, nếu như có hưởng thụ các lạc thú trong về năm dục đi nữa, nhưng chỉ nương pháp này tu hành thì không còn bị chướng ngại. Vì sao? Pháp Tam-muội vi diệu tối thượng Đại thừa vô tỷ của tất cả Như Lai. Thế nên phải siêng năng tu hành pháp môn ấy. Nếu ai không trái với mật ấn Tam-

muội của chư Phật Như Lai thì người ấy chắc chắn trụ vào quả vị vững chắc sinh tâm không lui sụt. Đó gọi là Kim cang Tát-đỏa chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Liền nói tụng rằng:

Bồ-tát trụ thế gian
Vô lượng, vô số kiếp
Vì các loại hữu tình
Làm lợi ích rộng khắp.
Trụ Tam-muội phương tiện
Thành tựu phước nghiệp lớn
Trì chú Đại Tự tại
Muốn lợi ích chúng sinh
Dùng pháp Tam-muội này
Tùy ý đều được thành.
Nếu người có tội nghiệp
Cũng không bị chướng ngại
Mong muốn sẽ được thành,
Là vua Kim cang bộ
Bậc Tự tại tối thượng
Thành tựu pháp bí mật
Hành trì theo pháp này,
Làm lợi ích tự tha
Khéo ấn đối các pháp
Và làm các thành tựu
Chắc chắn đều viên mãn.
Làm các pháp tương ưng
Dứt sạch bờ mé khổ
Để được vui vô lượng
Kim Cang Thủ như vậy
Chày Kim cang bí mật
Nếu ai giữ gìn được
Thì thành tựu các việc.

Lại nữa, vị A-xà-lê nên thọ ký cho đệ tử, y theo nghi Kim cang quán đảnh thọ ký của chư Phật, và dùng đại ấn pháp của chư Phật. Đệ tử được thọ ký rồi, liền lìa xa các cõi nhập vào cảnh giới chư Phật. Liền nói chú thọ ký rằng:

Án, y số, hang dương, ca lỗ di đát-sưu. Phược nhật-la tát đỏa tát-đát tha, nga đa. Bà nga sưu, nột rị-nga đa du, đặc-rị đa. ÁT điển đa bà phược tất đà duệ. Hệ, phược nhật-la na, ma đát tha, nga đa. Tất đinh tam ma dã tát-đát-sưu. Phổ rị-phổ phược sa.

Nếu người được chư Phật thọ ký đại ấn chú này, mà tôn trọng tin nhận, thì được chư Phật Như Lai, Đại Bồ-tát Kim Cang Thủ… đồng giáng lâm đến Mạn-noa-la và thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho người này. Người này được thọ ký rồi, chư Phật Như Lai, chúng Đại Bồ-tát đều kính ái, ban cho các pháp thành tựu. Chư Phật, Như Lai an trụ pháp giới, giống như hư không rộng lớn vô biên. Khi ấy chư Phật đồng thời an ủi đều khen ngợi rằng:

–A-xà-lê này được Tam-muội của chư Phật đồng với các Như Lai.

Nếu người nào được bí mật tối thượng an ủi khen ngợi thì tức thời tiêu tan tất cả nghiệp chướng dứt hết không còn, lìa hẳn khổ não, chư Thiên không thể thấy, làm việc gì cũng không sợ, dứt khổ trong ba cõi, thành tựu pháp tối thượng. Pháp điều phục tối thắng này, nếu ai thường giữ gìn, an trụ vào Tam-muội thì được chư Phật bình đẳng giảng nói, không nên lìa bỏ tâm Bồ-đề, Kim cang mật ấn quyết định thành Bồ-đề.

Pháp của chư Phật này chớ tạm bỏ, dẫu có bị mê hoặc thà mất mạng chứ không được tạm bỏ pháp tối thượng của chư Phật. Linh, chày Kim cang và các ấn bí mật chớ lìa bỏ mà sinh tâm khinh mạn. Kính trọng A-xà-lê cũng như kính Phật, nếu khinh A-xà-lê tức là khinh Phật. Ai có tư tưởng như vậy thì sẽ phải chịu hậu quả khổ, không có oai đức, bị các bệnh nặng và các nạn Noa-cát-nễ, ma mị, tinh tú và các chúng ma quấy nhiễu, sau khi chết đi đọa vào địa ngục. Cho nên biết, A-xà-lê là bậc Đại sư, phải tôn trọng kính mến cúng dường.

Như trước đã nói, các khổ não… đều không thể xâm hại, phải nên cung kính cúng dường A-xà-lê. Vì sao? Vì A-xà-này lê đã trải qua vô lượng, vô biên kiếp thật khó được gặp, nhờ A-xà-lê khai phát đạo Bồ-đề, nên mới chứng thành Phật quả. Vì vậy đệ tử phải y theo nghi pháp này mà cúng dường, tức là cúng dường chư Phật Như Lai. Có vậy mới thành tựu pháp tối thượng, đạt được quả lành, ngang bằng với chư Hiền thánh không khác, được thọ Quán đảnh, chứng địa vị Pháp vương, đứng đầu ba cõi, hàng phục quân ma, trụ địa tịch tĩnh, thành tựu quả Phật, chắc chắn không còn nghi hoặc.

Bồ-tát Kim Cang Thủ nói về quán đảnh Mạn-noa-la của tất cả chư Phật và Bồ-tát rồi, lại nói như vầy:

Như trước đã nói pháp tối thượng bí mật của tất cả Như Lai, an ủi trụ vào Tam-muội của tất cả Như Lai. A-xà-lê và đệ tử khiến phát tâm Đại Bồ-đề, liền trụ vào giai vị không lui sụt. Như vậy cần phải quán tưởng rốt ráo tối thượng như Phật. Tại sao? Vì A-xà-lê đệ tử có khả năng phát tâm Đại Bồ-đề tối thượng của chư Phật. Do phát đại tâm này nên được trụ vào địa vị không lui sụt. Nhờ không lui sụt cho nên chắc chắn chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do vậy mà hiện tại chứng được Bồ-đề, vị lai chắc chắn bình đẳng chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ấy.

Lại nữa, A-xà-lê và đệ tử, nếu có pháp tương ưng với Kim cang tát-đỏa đều được đầy đủ, là vì chư Phật Như Lai dùng bí mật tối thượng để an ủi.

Lại nữa, như trước đã nói, người trụ vào Tam-muội của chư Phật Như Lai thì liền chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó là Tam-muội căn bản của chư Phật, Như Lai, là pháp thành tựu trên hết. Nếu người nào trụ Tam-muội này thì chứng chư Phật Như Lai. Cho nên nếu muốn dứt sạch các khổ não thì nên sinh tâm quý trọng A-xà-lê, phải thường giữ gìn kính tin, khen ngợi, phụng thờ, cúng dường, trọn đời không được biếng nhác lui sụt. Không những thế, mà còn khuyến khích người khác sinh lòng tin, tôn trọng phụng thờ cúng dường. Nên biết A-xà-lê này đã đủ ba nghiệp Kim cang, thường trụ trong Tam-muội rốt ráo tối thượng của chư Phật. Pháp đại bí mật này chớ trao truyền cho các hàng tà ma ngoại đạo và hàng Thanh văn, Duyên giác,… Bồ-tát Kim Cang Thủ nói pháp chân thật của chư Phật và các vị Bồ-tát rồi, lại nói tụng rằng:

Phải sinh tâm kính trọng
Đối với A-xà-lê
Vị A-xà-lê ấy
Là Tam-muội vô tận
Gốc Đại lạc tối thượng
Không khác gì chư Phật
Nhờ vị A-xà-lê
Được rốt ráo tối thượng.

Lại nữa, vị A-xà-lê chỉ nên thọ các pháp phú lạc và các thứ thức ăn thượng vị, cho đến những việc ca múa vui chơi… phải y theo pháp trì tụng, dùng ấn căn bản mà thực hành bí mật cúng dường thì mọi sở cầu đều được thành tựu, liền nói các chú cúng dường của Kim cang tát-đỏa như bí mật ca vũ,… rằng: **Hồng.** (âm kéo dài)

Chú bí mật cúng dường chư Phật Như Lai rằng: A.
Chú Hàng phục tam giới tôn bí mật cúng dường rằng: Hý. (âm kéo dài)
Chú Liên hoa tạng tôn bí mật cúng dường rằng:

Đát-lãm. (hai chữ đọc thành một âm)

Chú Hư Không Tạng tôn bí mật cúng dường rằng: **Khiết.**

Các cúng dường như vậy mà dùng năm tâm chú này thì được thành tựu pháp cúng dường bí mật.

Lại nói Tỳ-thủ ấn cúng dường bí mật tối thượng và Kim cang tát-đỏa,… các nghi quỹ Hiền thánh, cờ nêu,ấn pháp. Tất cả cờ nêu đều dùng vàng bạc và gỗ cát tường… đều dựa theo pháp căn bản đặt vào Mạn-noa-la. Lúc đó, đệ tử y theo ấn pháp của Tỳ-thủ mà thực hành cúng dường. Nhờ nghi pháp Tỳ-thủ này mà tất cả khổ não trói buộc, các tật bệnh ác độc, các Noa-cát-nễ, ma mị, tinh tú, ma quỷ tai hại và các đường ác của đệ tử đều bị diệt sạch, thêm lớn các nghiệp lành được rốt ráo tương ưng với giác ngộ vô thượng của chư Phật. Y theo nghi Kim cang tát-đỏa tối thượng bí mật Tỳ-thủ ấn mà cúng dường. Tất cả các Hiền thánh đều dùng nhập Tam-muội ca mà thực hành cúng dường. Đây gọi là tất cả Tỳ-thủ Tam-muội thành tựu cúng dường tối thượng. Liền nói Kim cang tát-đỏa căn bản Yết-ma bộ nhập Tam-muội Kim cang ca rằng:

Tát rị-phược, nậu la, nga tô kha tố, ma na tán đát-sưu. Phược nhật-la tát đỏa tô la đa tam ma dã bà phược di. Ma hạ, tô kha niết-rị trừ, tốt dã nại, Bát-la để bát đinh tất đinh tả la cụ bát-la noa đa.

Lại nói tất cả Như Lai bộ tối thượng bí mật nhập Tam-muội Kim cang ca rằng:

Phược nhật-la tát đỏa tăng ngật la hạ.
Phược nhật-la la đát-na ma nổ đa la.
Phược nhật-la đạt rị-ma nga dã nãi.
Phược nhật-la yết rị-ma yết lỗ bà phược.

Lại nói tất cả Kim cang bộ tối thượng bí mật nhập Tam-muội Kim cang ca rằng:

Hồng, phược nhật-la ca rị-mẫu ca thiết la, dã na ma.
Thất-rị, phược nhật-la la, nga tam ma dạ dã na ma.
Khiết xuân nga, phược nhật-la bổ la dạ dã na ma.
Thất-rị, phược nhật-la kiện tra cát la bà, dã na ma.

Lại nói tất cả Liên hoa bộ tối thượng bí mật nhập Tam-muội Kim cang ca rằng:

Quát tức nại tỷ lỗ nại-la lao nại-la đa nậu. Mẫu nga-la nhạ na, tô hát-rị, bát-la bát nãnh tây quát tức tỷ để xoa-noa tát ngật-la đạt la mẫu rị-đễ. Nhạ nga địa nỉ dã tán đa đa. Quát tức nại tỷ tao ma-dã phiến, đa phược bố la xoa la nan. Ca ma la ma na tả phế. Quát tức nại tỷ nỉ, bát-đa ca, ma tam ma dã, bát-la tất đinh. Ma ma bát nại-ma la, nhạ hý.

Lại nói tất cả Bảo bộ tối thượng bí mật nhập Tam-muội Kim cang ca rằng:

Tát rị-phược, tỷ thi ca bát la di thuyết la đa. Tăng tất đinh tả, xoa dã nỉ địa. Bát la ma tát rị-phược, nga-la kế đổ. Vĩ nhạ du tha-la dã đa. Thất-rị, phược nhật-la la đát-na bà phược di tô kha nại.

Lại nói Ma-độ-ca-la tam tôn ca rằng:

Phổ rị-phổ phược sa.
Lại nói Tứ Hiền thánh ca rằng:
Ngật-rị hồng thất-rị tỳ-du.

Lại nói chư Long vương ca rằng: **Phổ phổ.**

Lại nói Kim Cang Thủ đại dược sát chủ chư Át-già cúng dường Kim cang ca rằng:

Tát rị-phược, rị-già mạn noa la nỉ nan. Phược nhật-la đạt la, ngật-la ma. Vĩ ma rị-nại vĩ kiết la vĩ kiết la. Bạn nho tha, nại dã na, thiết dã. Hát na nại hát bát tả. Bà tất-di, câu lỗ cốt-lỗ đà. Hồng ca, la ma, đát-rị noa áng.

Lại nói Tối thượng tự tại đại Mạn-noa-la tối thượng bí mật nhập Tam-muội Kim cang ca rằng:

Quát tức nại ma lãng nậu mạn noa la tát hát tát-la lỗ tả, phược bố sa, vĩ la, nhạ tây. Bát-la la dã na la, rị-ca cô trí ca la bôn nhạ ma hạ bà dã nỉ, tất-để na, quát tức. Quát tức nại vĩ ca, để nỉ tất-để tô kha phiến, đa ma na, nỉ nhạ na lỗ bát đà, rị noa. Tát rị-phược nhạ nga tha ma, rị-bế đa tô lỗ bát bột-rị đa, đạt la bá, ni na quát tức. Nga nga na di phược tát rị-phược tăng tất thể đổ nhạ nga đán vĩ na du nãnh đổ vĩ thú đạt na, dã. Đát-sưu phược nhật-la tát đỏa tất đinh ma duệ thi sa vĩ na dã vĩ nại nga-đà tát tô khế tỳ-dược.

Lại nói ba thứ Tam-muội Kim cang ca tối thượng bí mật trong nghi bí mật tối thượng rằng:

Án, bát la vĩ thiết bà nga sưu. Ma hạ, tô kha mô, xoa bố lãm. Tát rị-phược tất đề tô kha ba la ma lãm ma-dương. Ba la ma tô khô, đát ma tất dạ. Nhược hồng, sưu hô, bát-la tất đinh sa.

Dùng Kim cang ca lý chân thật của ba thứ Tam-muội bí mật sâu xa tối thượng như thế mà thực hành cúng dường thì việc mong cầu thành tựu đều được viên mãn. Đây là Đại Tỳ-thủ Tam-muội cúng dường trong các nghi quỹ bí mật tối thượng của tất cả Như Lai. Người nào cúng dường như thế thì Kim Cang Tát-đỏa liền giáng lâm, nhờ đó mà được thành tựu tự tại tương ưng với Tỳ-thủ. Liền nói tụng rằng:

Nghi quỹ căn bản này
Khéo làm được các việc
Thần thông đại bí mật
Dựng cao cờ đại pháp,
Được nghĩa vị vô tận
Chắc chắn việc thành tựu
Được đầy đủ Thánh tài
Pháp rốt ráo viên mãn.
Tỳ-thủ đại bí mật
Thành được việc khó thành
Tất cả Tam-ma-địa
An trụ tự tại lạc,
Được điều tâm mong muốn
Tất cả không chướng ngại
Ví như người thế gian
Không tu các phước nghiệp
Không sức lành tốt đẹp
Bởi do nghiệp chướng tội
Vào Mạn-noa-la này
Cầu việc làm thành tựu
Theo nghi quỹ căn bản
Tùy việc ý ưa thích
Thảy đều được viên mãn
Thắng lực của pháp này
Các pháp không thể hơn
Nếu vượt ngoài Tam-muội
Và gây các tội nghiệp
Hoặc các sao giáng đến
Hoặc các ma nhiễu loạn
Vào Mạn-noa-la này
Việc làm đều thành tựu
Y pháp được lợi lớn
Nếu như chưa từng vào
Thành tựu Mạn-noa-la
Nếu lập pháp đàn này
Thì tốt đẹp gấp bội.

Phần 23: NGHI QUỸ VỀ TẤT CẢ TƯƠNG ƯNG

Lúc bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Thủ lại nói ba pháp Tam-muội tối thượng bí mật là pháp thành tựu của tất cả Như Lai.

Ba pháp Đại Tam-muội là Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo, là đại diệu lạc, là đại rốt ráo, là đại tối thượng tịch tĩnh bình đẳng an trụ các pháp mà sinh ra. Nếu có hành giả nào y theo pháp mà tạo tượng lụa, bên trong vẽ Tam bảo, tướng như Bồ-tát mặc giáp Kim cang, tay cầm khí trượng Kim cang và đeo các thứ báu nhiệm mầu. Nếu y như vậy mà vẽ thì được thành tựu Mạn-noa-la tối thượng. Sau đó chọn chỗ đất tốt, hoặc là cung điện hay tịnh xá, trang nghiêm những nơi ấy bằng các loại hương hoa. Hành giả y pháp mà thực hành thành tựu, thì liền được viên mãn. Liền nói tâm chú ba thứ Đại Tam-muội tối thượng của tất cả Như Lai rằng: **Án, bộ kháng.**

Nói chú này rồi lại nói đại chú rằng:

Đát đôi na bà nga phược đổ ê. Mạo địa tát đỏa tát-đát tha nga đa. Nậu nại-rị sắc-trí nan ê đa, rị-tha dã. Nỉ rị-mật-rị đinh nại rị-thiết dương đa di. A thi sa vĩ na du nữ nga. Nỉ-rị trà nỉ thất-tả dã phược rịdi đa. A điên đa bà phược phược, tát nga-la. Nỉ phược đà ca phược tả, nại dã. Đát-rị la đát-na đa, mục bát nga đa. Một đà đạt rị-ma nga noa, y để. A điên đa bà phược tăng tất đà. Vĩ thú đà thất-rị ca la, bát la. Y để tát rị-phược đát tha, nga đa bát la ma ngu hý-dã phược nhật lãng. A tha bát la ma ngu hý-dã đạt rị-ma đa. Kiện tra, a ca xá lạc xoa noản. Tát rị-phược ma, ca thương tả, tất-dã lạc xoa noản. A, ca xá tam ma đa, du nga. Tát rị-phược, nga-la tam ma đa, tắc-phổ trí để. Bát-la nghê-dã bá, la mật-đa. A tha ma hạ, tam ma dã phược la di để. Tát rị-phược bộ ngỗ, bát bộ ngại tát-đổ tế, dương ma, nãi sa ma đốt-ma na. Để-rị la đát-na bố, nhạ ba lãm ma, cát lỗ di, để phược nại, ma hạ di để.

Tâm chú của chư Phật như vậy có công năng thực hành pháp thành tựu, dùng phương tiện này để lập ra các nghi quỹ. Nếu y theo pháp mà làm thì tùy ý đều được thành tựu. Nếu người thọ năm thứ dục lạc, mà lập ra Mạn-noa-la này, thì tùy theo sở nguyện đều được thành tựu.

Lại nữa, ba thứ Tam-muội tâm chú và các pháp ấn tướng bí mật tối thượng của chư Phật này mà trao truyền cho đệ tử cũng khiến tùy ý cầu mà thành tựu. Nếu lúc đó đệ tử y theo nghi thức bí mật này mà lập bày các thứ cúng dường vi diệu lên Phật, Pháp, Tăng và Axà-lê, với tâm ân cần tôn trọng mong cầu các thành tựu, hoặc tự mình làm, hoặc làm cho người khác cũng đều được thành tựu.

Lại nói về nghi pháp Phẫn nộ minh vương bí mật tối thượng của Kim Cang Thủ. Hành giả nên y theo pháp căn bản mà vẽ Phẫn Nộ Minh vương, màu như vầng mặt trời của lửa Kim cang, ngồi trên hoa sen nhiều màu, hai bên Minh vương trên hoa sen vẽ bốn vị Bồ-tát thân cận. Hai vị bên trái là màu xanh và màu vàng. Hai vị bên phải là màu hồng nhạt và màu xanh nhạt. Lại ở hai bên vẽ bốn vị Bồ-tát đều cầm cờ nêu gốc. Đó là Kim cang trượng, luân, linh, phan… đều hiện tướng mừng giận an trụ vào pháp căn bản. Liền nói chú ấy rằng:

Hồng, ô ba ngật-rị nại dã hý.

Hành giả nên cầm linh chày Kim cang mà tụng tâm chú này, khi đặt các Hiền thánh thì liền được thành tựu viên mãn pháp tượng lụa. Đặt để tôn tượng như vậy liền thành tựu Mạn-noa-la bí mật tối thượng. Sau đó y theo nghi pháp trì tụng chú Tam-muội rằng:

Nãnh đa la, cù nại-bà phược cốt-lỗ đà. Phược nhật-la nghi-nỉ tắc-kiện đà mẫu rị-đa dã. Bát-la nỉ, bát-đa phược nhật-la ma hạ, du nga. Noa kiết nỉ-dã, tát rị-phược đổ nhập-phược,

la y để phược nhậtlãng. A tha đạt rị-ma a ca, xá lạc xoa noãn. Tát rị-phược ma, ca thương tả, miết lạc xoa noa. Ma, ca xá tam mãn đa du nghi. Tát rịphược di phược, đát-la sa, đạt duệ. Tát rị-phược, ca xá nga-la du nghi na. Tát rị-phược, ca xá di để một-lỗ sưu. Mẫu nại-rị đán phược nhậtla mẫu nại-la tỷ. Đát-rị lộ ca ma tất bà xoa duệ nễ để.

Tụng chú Tam-muội bí mật tối thượng của Kim cang Hiền thánh này rồi, sau đó y theo nghi quỹ Như Lai bộ mà dùng ấn căn bản, cúng dường Kim cang ca vũ,… nếu hành giả y theo pháp mà thực hành thành tựu này thì đều được như ý.

Lại nói về nghi pháp Điều phục bí mật tối thượng của Bồ-tát Quán Tự Tại. Hành giả nên tạo tượng lụa, bên trong vẽ Bồ-tát Quán Tự Tại như vòng điện chớp, làm thế Kim cang Vũ. Bồ-tát có đủ trăm tay, xòe ra như vòng tròn, tay cầm cờ nêu như hoa sen… Xung quanh Bồ-tát vẽ các Hiền thánh như Tần-mi… đều giận dữ, cũng cầm hoa sen và các cờ nêu. Y theo pháp mà vẽ rồi thì thành Mạn-noa-la. Sau đó ở trước tượng tụng chú Nhất thiết pháp Kim cang Tam-muội rằng:

Đát đôi na bà nga sưu, một đà. A phược lộ kiết đế thuyết la. Ca lỗ để vĩ na du bá dã. Thú địa ngật-rị noa, bát-la na rị-để đa. Di để bát la mang phược nhật-lãng. Duệ tha, la cát-đán ê ca ma lãng. La, nga nô sái rị-na lệ miết đế. Rị-phược, tát nô sái rị-phược hổ vĩ đài. Tát đát tha, thú đường tát-rị đà đổ ca. Di để bát la ma ngu hý-dã đạt rị-ma đa. Kiện tra, duệ na duệ nãi phược vĩ địa na. Nhạ nga địa na dã ma, phược hý bát nại-ma thú đinh nga-la du nga, đát-ma. Đế na đế nải phược thâu đạt duệ nễ để.

Tụng chú Nhất thiết pháp Kim cang Tam-muội rồi, y theo pháp Liên hoa bộ thực hành các thứ cúng dường, thì việc làm đều được thành tựu.

Lại nói về pháp tượng lụa trong nghi quỹ thành tựu nhất thiết của Bồ-tát Hư Không Tạng. Trong bức lụa này, nên y theo pháp mà vẽ Đại nhật luân, ở trong luân ấy vẽ Bồ-tát Hư Không Tạng, thân như màu lưu ly, ngồi trên hoa sen, hai bên Bồ-tát vẽ bốn vị thân cận Bồ-tát là Bồ-tát Quán đảnh, Bồ-tát Bảo tạng, Bồ-tát Bảo tràng và Bồ-tát Đại cúng dường. Vẽ như vậy là thành Mạn-noa-la tối thượng. Kim cang đại nhật luân vi diệu này chiếu sáng khắp Như Lai và Bồ-tát Hư Không Tạng. Khéo thỏa mãn tất cả nguyện, pháp bảo linh bí mật, khéo bố thí tất cả dục, tất cả nghĩa thù thắng thành tựu ý nguyện tối thượng,… đều là từ pháp này mà được các giải thoát Diệu lạc và các ý toại nguyện. Nếu tự mình làm hoặc làm cho người khác thì đều được viên mãn Tam-muội tối thượng này. Nhờ vào pháp trong nghi quỹ này nên chóng thành tựu Kim cang tát-đỏa, pháp này thành tựu tối thắng trong các nghi quỹ.

Lại nói về nghi quỹ thành tựu tất cả Kim cang tát-đỏa đại ấn Tam-muội tối thượng. Nếu có chúng sinh căn tánh thấp kém gây ra các tội nghiệp, làm những việc không lợi ích nhưng khi gặp được pháp này rồi thì nghiệp chướng của chúng sinh ấy đều tiêu diệt, chứng thành Đại Bồ-tát, làm nhiều việc lợi ích chúng sinh, khởi lên phương tiện rộng lớn. Như Kim cang tát-đỏa ba nghiệp trụ vào chân thật vững chắc, không vượt khỏi Tam-muội, an trụ trong Kim cang giới. Sau đó nên truyền đại ấn, nhận đại ấn rồi sẽ được thành tựu tất cả. Đại ấn pháp này, cho đến chư Phật cũng không dám vượt khỏi Tam-muội. Những ai cầu Kim cang tát-đỏa, cho đến cầu thành Phật, đã trải qua vô số kiếp mà vẫn không thành, nhưng nếu dùng năng lực Đại ấn tối thượng này thì sẽ mau thành Phật, Bồ-tát, lại còn có khả năng biến hóa tùy theo ý nguyện của chúng sinh, mà

nói rộng các pháp thành tựu cho họ nghe. Đại ấn này là một phương tiện lớn, khéo làm viên mãn các pháp. Vì sao? Vì khi kết đại ấn này, chư Phật Bồ-tát đều nhóm họp, trong khoảng sát-na ban cho những gì mình mong muốn. Ban như vậy rồi lại khen ngợi rằng:

Kim cang tát-đỏa là khéo léo tối thượng, sâu xa, nhiệm mầu, thanh tịnh rộng lớn không tất cả tánh, vô cùng vô tận, tối thượng chí cực, làm phát sinh ra niềm vui thích khoái lạc khắp cả hư không giới. Quyết định bất không tận các chúng sinh, thành tựu tối thắng là đại tự tại. Từ chữ Vi diệu phát sinh ra tất cả nghĩa, đem pháp Kim cang giác ngộ để làm cho chúng sinh giác ngộ Đại lạc tối thượng, dùng Kim cang bí mật cụ để khiến chúng sinh an trụ vào pháp bậc nhất.

Liền nói nghi pháp Tam-muội thành tựu tối thượng bí mật của tất cả Như Lai. Vào lúc sáng sớm hành giả nên y theo pháp kết đại ấn trì tụng tâm chú thì sẽ thành tựu được tất cả ấn.

Lại nữa, pháp thành tựu bí mật tối thượng này, hành giả y theo pháp cầm linh, chày Kim cang tụng chú ba thứ Tam-muội thì mọi sở cầu đều được thành tựu viên mãn.

Lại nữa, y theo pháp cầm linh, chày Kim cang kết ấn Tỳ-thủ rồi trì tụng chú thì được thành tựu các ấn tướng, thân như Kim cang tát-đỏa. Tất cả pháp thành tựu đại tự tại, đều ban cho tất cả, các ấn tướng ấy chóng được viên mãn, cho đến các pháp thành tựu đều cũng được thành, tùy theo ý nguyện đó mà được thành.

Lại nói về pháp môn Nghi quỹ tối thượng bí mật tất cả tương ưng. Tương ưng nghĩa là dụng của các pháp, từ pháp tương ưng đó sinh ra các cõi.

Thế nào là sinh ra? Nghĩa là từ chánh niệm Bản tôn sinh ra.

Lại nữa thế nào là tương ưng? Tức là lời nói. Thể của lời nói là tiếng, mà tiếng tức là lý đại tương ưng. Lý tương ưng tức là chánh niệm Bản tôn, từ tương ưng này tức Bản tôn sinh ra. Do Bản tôn sinh ra cho nên nói là thành tựu tương ưng.

Lại tương ưng này là nhóm họp tương ưng, tất cả ấn pháp tương ưng,…

Nhóm họp tương ưng nghĩa là các pháp hòa hợp đó là nhóm họp tương ưng. Ví như ở thế gian nhiều của cải được gom lại. Các pháp hòa hợp cũng giống như vậy, nhóm họp tất cả ấn pháp Tam-muội… thì gọi là nhóm họp tương ưng.

Lại nữa tất cả ấn pháp tương ưng nghĩa là chư Phật mười phương như thể như tướng, gọi là tất cả ấn pháp. Người hành trì pháp này liền thành tựu tối thượng.

Nói về ấn căn bản của các Hiền thánh. Nếu dùng ấn căn bản này thì sinh ra pháp đại tương ưng, thành tựu bí mật tối thượng. Hành giả nên quán ấn pháp tương ưng như Bản tôn, tiến thêm bước nữa là tưởng thân mình cũng giống như Bản tôn vậy, thì viên chứng được quả vị Phật, Bồ-tát viên mãn. Các nghi thành tựu bí mật tối thượng là pháp thành tựu tối thượng sâu xa. Nên như Bản tôn tương ưng nhiếp Đại Tỳ-thủ ấn. Hành giả nên quán thân mình cũng giống như vậy, được thành chữ nhiệm mầu. Pháp này tối thắng trong tất cả các pháp, là Đại Tỳ-thủ Tam-muội tối thượng tương ưng nhiếp các pháp Diệu lạc. Lại pháp thành tựu tối thượng trong nghi pháp thành tựu bí mật tối thượng này, nên như căn bản tương ưng của Kim cang tát-đỏa mà như thể như tướng. Hành giả nên tưởng thân mình cũng giống như vậy, được thành tựu nghĩa chữ nhiệm mầu. Do vậy mà được Tam-muội thanh tịnh của chư Phật, liền thành chủ của tất cả tương ưng, pháp tương ưng này trên hết trong các thành tựu, nếu làm bất cứ việc gì cũng đều thành tựu. Ví như có người thọ hưởng năm thứ dục lạc, mà tưởng như Bản tôn tương ưng thì đó tức là Đại Tam-muội

Đại thừa thanh tịnh tối thượng bí mật vô thượng của tất cả Như Lai. Tất cả Đại lạc căn bản tương ưng của các Như Lai, tức là Kim cang quyết định Tam-muội. Pháp tương ưng này là món thuốc hay, có công năng cao quý tự tại trong tất cả thành tựu. Hành giả nên biết, nếu người nào tu pháp tương ưng này thì được như Kim cang tát-đỏa, tinh tấn, vui sướng, sắc lực tuổi thọ càng thêm tăng trưởng, tất cả nghi pháp thành tựu chỉ trong khoảng sát-na đều được viên mãn. Vì sao? Vì tu đại ấn tương ưng như vậy, trụ tương ưng như vậy tức là y theo nghi thành tựu tương ưng của Bản tôn, mà thực hành việc thành tựu Tam-muội tương ưng.

Lại nữa, hành giả nên biết, tâm như huyễn hóa không cố định, thân như khí cụ do tạo tác mà thành. Vì thân không phân là giác tri, cho nên xa lìa tâm, cũng không phải xa lìa nhau. Pháp ấn này tương ưng cũng giống như vậy. Ví như pháp sắc tâm vốn chẳng phải là một, thân tâm hòa hợp làm các sự nghiệp. Ấn pháp tương ưng hòa hợp cũng vậy.

Tam-muội như vậy và tương ưng này cũng làm thành tựu lẫn nhau. Nếu các hành giả dùng việc vô ngã mà tu các pháp thành tựu tương ưng thì những người ấy chính là Như Lai.

Lại nữa, tất cả ấn tương ưng là ấn thể đầy đủ Đại lạc vững chắc. Từ Đại lạc vững chắc này mà thành tựu các pháp lạc tương ưng. Nếu các hành giả siêng cầu pháp thành tựu bí mật tối thượng này thì chỉ cần tinh tấn phát tâm Bồ-đề cho đến khi nào ý chuyên cần, chớ hành trì một cách cực khổ, đưa đến sự mệt mỏi, để rồi phải sinh lui sụt. Nhưng tâm ưa thích tương ưng với Đại lạc thì sẽ làm thành tựu. Đây gọi là pháp tương ưng tất cả ấn.

Lại nữa, lạc tương ưng có khả năng làm việc thành tựu, tùy nghi lãnh thọ các lạc pháp. Như pháp Đại lạc tương ưng của Bản tôn. Đại thừa vô thượng Đại giáo vương bí mật tối thượng của tất cả Như Lai là pháp Đại lạc tương ưng tối thượng của Kim cang tát-đỏa.

Lại nữa tất cả ưa thích tương ưng nghĩa là thành tựu tương ưng tất cả Tam-muội. Hành giả tu tập pháp này tương ưng với tâm ưa thích. Vì sao? Vì nếu tu hành mà cố ép khắc khổ thì tự thể sinh khổ cực. Do vậy mà đối với pháp sinh ra tán loạn, từ đó không thể chuyên chú vào các thành tựu. Cho nên hành giả tu pháp tương ưng phải tùy theo khả năng mà thọ dụng ăn uống. Cho đến trong bốn oai nghi cười đùa nói năng, dù bất cứ nơi nào cũng không bị trở ngại. Nếu có người chưa vào Mạn-noa-la và còn có các phiền não chướng ngại, mà nương vào hạnh tương ưng của Bản tôn tu hành pháp thành tựu thì chỉ trong khoảng sát-na, đều được viên mãn. Đại dục lạc này đứng đầu trong các Tam-muội tự tại, đứng đầu trong các Kim cang bộ. Nếu cầu chứng chư Phật, Bồ-tát, từ pháp tương ưng này còn thành tựu được thay, huống gì là cầu các việc thành tựu. Pháp thành tựu quyết định này, tất cả đều được thành, pháp này có khả năng thành tựu các ấn bí mật và dứt sạch nguồn gốc đau khổ. Pháp tương ưng nhiệm mầu này gọi là pháp ưa thích trên hết của Kim cang tátđỏa.

Lại nữa, tất cả tương ưng vững chắc là tự tánh của tất cả pháp cứng chắc, từ xưa đến nay chỉ là một chân trí, tự tánh bền chắc, tự thể không khác nhau.

Lại nữa, tất cả thọ ký vững chắc tương ưng. Nghĩa là y theo đại trí phương tiện tương ưng của Bản tôn, mà được tất cả pháp, mong cầu các việc thành tựu, chắc chắn được viên mãn. Đây là thọ ký vững chắc tương ưng.

Lại nữa, thọ ký vững chắc tương ưng bí mật trên hết tức là pháp đại tương ưng của Kim Cang Tát-đỏa. Pháp này làm được các việc cúng dường, các việc mong cầu đều được viên mãn. Đây gọi là Thọ ký tương ưng. Liền nói tụng rằng:

Chân lý tối thượng này
Pháp tương ưng nhiệm mầu
Trong bí mật sâu xa
Tôn quý không gì bằng.
Nếu đại A-xà-lê
Và đệ tử thượng trí
Phát tâm Đại Bồ-đề
Trao pháp tương ưng này.
Nếu gặp người vô trí
Tuy thành tựu ái lạc
Nhưng không tin hiểu pháp
Chớ truyền trao cho họ,
Pháp này rất dễ thành
Không cần phải khắc khổ
Chỉ nương khắp nghi quỹ
Mà khéo làm thành tựu.
Khởi tu hành tinh tấn
Người này được lợi lớn
Giải thoát các việc ma
Chư Thiên không thấy được,
Kim Cang Tát-đỏa này
Thành quả Phật, Bồ-tát
Tương ưng tối thượng này
Thảy đều được viên mãn.

QUYỂN BẢY
Phần 24: THÀNH TỰU ẤN TƯỚNG TỐI THƯỢNG

Lúc bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Thủ nói pháp Quyết định bất không tối thượng thiện xảo vi diệu quảng đại chẳng thể nghĩ bàn sâu xa này, tất cả pháp thành tựu tận, thành tựu vô tận, thảy đều thành tựu. Hành giả nên tùy ý tùy nơi mà ngồi kiết già, tâm ý được điều phục nhu nhuyến, sau đó tay trái kết ấn Nhất thiết trí kiên cố, đặt vào háng bên trái, tay phải ném chày Kim cang, nhờ đó mà thành tựu ba nghiệp Kim cang, đó tức là Kim cang tát-đỏa. Nếu y theo nghi pháp này, thì mau chóng thành vững chắc không lụi sụt, cho đến các Đại Bồ-tát và địa vị Như Lai, đối với các thành tựu liền được đại tự tại. Như vậy tất cả mọi nơi vững chắc của Kim cang tát-đỏa. Hành giả nếu chưa vào Mạn-noa-la, mà tu Đại ấn này cũng được chư Phật cung kính cúng dường và được tất cả Thánh tài đại lạc tự tại. Đại ấn bí mật này trên hết trong ba cõi. Nếu ai thành tựu đại ấn này thì không khác gì Kim Cang Tát-đỏa… Nếu có các thành tựu và các sự nghiệp đại diệu lạc… mà dùng ấn này thì đều được viên mãn, mọi pháp mong cầu đều được thành tựu.

Lại nói về Đại ấn căn bản của Kim Cang Tát-đỏa. Vì dùng ấn này nên đối với tất cả Mạn-noa-la như Tam-muội, Câu triệu, Tỉnh thức, Kính ái,… các pháp thành tựu đều được viên mãn.

Đây cũng gọi là Kim cang bí mật Tam-muội ấn. Cách bắt ấn này là chấp mười ngón tay lại với nhau, gọi là Kim cang hợp chưởng.

Lại nữa mười ngón giao lại với nhau như nắm tay thì gọi là Kim cang phược. Dùng Kim cang phược này, mở 2 đầu ngón tay trỏ và 2 ngón tay cái, rồi lại co 2 ngón tay giữa vào lòng bàn tay đụng với 2 ngón tay cái, 2 đầu ngón trỏ phải bằng phẳng ngay ngắn như chày Kim cang. Đại ấn căn bản này gọi là Đại ấn căn bản của Kim Cang Tát-đỏa, 2 ngón tay giữa cũng như móc câu đặt vào ngay tim như thế câu triệu. Đây gọi là Kim cang câu ấn. Kim cang câu ấn này và Kim Cang Tát-đỏa thực hành đại ái lạc. Nếu khi dùng câu ấn này và tâm chú để câu triệu thì Kim Cang Tát-đỏa sinh kính ái vội giáng lâm đến Mạn-noa-la. Nhờ thế mà được Đại dục đại lạc của Kim Cang Tát-đỏa. Câu triệu như vậy rồi, tất cả Như Lai và các Bồ-tát, cho đến tất cả hữu tình thảy đều bình đẳng mau chóng được câu triệu. Nếu câu triệu mà không giáng lâm thì chóng bị phá hoại.

Lại nói về tâm Đại lạc Kim cang Tam-muội át-già ấn. Trước hết hai tay phải làm tướng như bát Kim cang nhưng kết ấn Kim cang trước, sau dùng hai ngón giữa giống như cành hoa, rồi dùng tâm chú gia trì. Nếu đem Tam-muội át-già ấn này mà trao quán đảnh thì người này được tất cả tự tại. Công dụng của ấn này cũng như ấn trước, đối với tất cả pháp đều được dùng ấn.

Lại nói về ấn nhập Mạn-noa-la phướn, cách kết ấn là dựng đứng ba ngón tay giữa cách thức ấn này là ba ngón tay phải như tấm phướn, đầu ngón cái và ngón út đụng nhau, cười đùa ca múa vào trong Mạn-noa-la, trước nên đảnh lễ Bản tôn. Nếu người nào kết ấn này mà vào Mạn-noa-la thì liền thành A-xà-lê Kim cang, chắc chắn thành tựu việc cúng dường. Sau đó tùy ý tùy sức cúng dường các thứ hương hoa, cờ nêu… Lại kết phan ấn đảnh lễ Bản tôn, phát lời rằng:

Nay con đảnh lễ Bản tôn.

Nói rồi liền thực hành Kim cang hợp chưởng đặt lên trên đảnh, rồi đảnh lễ Kim Cang Tát-đỏa và các Đức Như Lai. Sau đó hai tay kết ấn Kim cang phược, hai ngón cái tréo chéo nhau, còn các ngón khác co vào đặt lên trên đảnh như đội mũ báu, rồi đổi thành Kim cang quyền. ở hai bên đảnh buột thành tua tóc, lại như thế thùy đới, thực hành ấm pháp ấy rồi, nên tưởng như Kim Cang Tát-đỏa trao quán đảnh cho mình. Sau đó xối nước cam lồ đại lạc Kim cang lên đảnh. Quán đảnh rồi, tất cả pháp Kim cang A-xà-lê đều được thành tựu.

Lại nữa, nếu trao quán đảnh cho đệ tử thì nên thực hành Kim cang hợp chưởng kết ấn đảnh lễ, dùng các hoa đẹp mà trao quán đảnh. Như vậy ấn pháp và các nghi Mạn-noa-la liền thành tất cả thành tựu tự tại. Đó gọi là nghi pháp thành tựu ấn của Kim Cang Tát-đỏa.

Lại nói về ấn pháp, nếu muốn triệu thỉnh Kim Cang Tát-đỏa thì hành giả phải ngồi kiết già, kết Đại lạc bí mật Kim cang câu ấn và trì tụng tâm chú mà câu triệu. Sau đó, y theo pháp cúng dường các điệu ca múa… và khen ngợi. Lại kết Hý trịch ấn đảnh lễ trì tụng, dùng Kim cang ca múa… mà cúng dường. Nhờ vậy mà pháp thực hành được thành tựu, liền nói Tối thượng bí mật Kim cang ca rằng:

Tát rị-phược, nỗ la, nga tô kha tố, đát-ma na bà. Đát-sưu phược nhật-la tát đỏa ba la ma tô la đa. Bà phược di, ma hạ, tô kha niết-rị trừ, tát-la dã nại. Bát-la để bát đa tất đinh tả la cụ bát-la noa đa.

Nếu ai thường khen ngợi, ca vịnh Kim cang ca này thì sẽ được đại lạc tôn kiên cố ái kính và giúp các việc thành tựu. Đại bí mật ca này thường ghi nhớ vào bản tâm. Khi khen ngợi môi răng phải hợp lại với nhau, y theo các nghi quỹ không lìa Kim cang ngữ. Khéo thành tựu các bộ pháp, ca vịnh chữ "Hồng"… tùy theo khả năng mà làm những gì mình mong muốn, nói năng bằng ngữ nghiệp điều thuận ca vịnh pháp Kim Cang Tát-đỏa bằng Phạm âm hòa nhã. Đây là thành tựu ca tối thượng, nên ở tất cả mọi nơi tùy ý trì tụng, nên dùng đại ấn của Kim Cang Tát-đỏa, cách kết ấn này là tay trái kết Trí quyền, tay phải cầm chày Kim cang, dùng ấn chú này mà tác pháp thành tựu. Các ấn như vậy đều y theo pháp của Bản tôn và dùng tâm chú mà kết thì đều thành tựu.

Lại nói về ấn tướng của tất cả Như Lai cách kết ấn này là dùng 2 tay trước hết kết Kim cang trí quyền của tất cả Như Lai, như pháp quán đảnh Kim cang bảo mà quán đảnh, rưới vào 5 chỗ rồi lại chắp tay như thế cúng dường. Xong rồi giở 2 tay ra và 2 tay nắm lại thành quyền, quyền của tay trái đưa ra ngoài, đầu ngón tay dựng lên, quyền của tay phải thụt vô đặt vào ngay tim, như vậy là thành ấn. Ấn này là trí quyền đại ấn của tất cả Như Lai, là quyết định bất không. Ai kết ấn này sẽ được giác vị không lụi sụt và chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, người này không thể thấy xa lìa các trói buộc, cho đến các quân ma cũng không thể nhiễu loạn. Lại nữa, người kết ấn này thì nên xem như Phật, cúng dường người này cũng như cúng dường chư Phật, Bồ-tát. Nghi pháp đại ấn này, tất cả ấn Tam-muội, ấn Liên hoa, ấn Kim cang, đều cũng như vậy.

Cách thức của ấn Yết-ma là hai tay ngửa ra bằng phẳng, hai ngón tay cái duỗi ra về đầu ngón tay, đặt vào ngay tim, lại thực hành như Bảo quán đảnh là thành ấn.

Lại nữa, như trước hai tay ngửa ra bằng phẳng, các ngón tay hơi co lại hai đốt đầu, ngón giữa kết lại với nhau như hoa sen Kim cang. Như vậy là thành pháp ấn, rồi nói ấn chú này rằng:

A, hô đát-lãm, ngật-rị hồng.

Lại đổi ấn Yết-ma, tay trái nắm lại thành Kim cang quyền, co ngón cái vào trong nắm tay. Như vậy là thành tựu Quyền đại ấn của tất cả Như Lai.

Lại nữa, dùng tay phải như rút chéo áo, đặt vào ngay tim, rồi lại giở tay ra như tướng tiếp với đất. Như vậy là thành ấn Hàng phục các quân ma.

Lại nữa, không đổi ấn này mà lại ngửa tay ra là thành ấn. Ấn này gọi là ấn xuất sinh, cũng gọi là ấn Thí nguyện, cũng gọi là ấn Thọ ký. Lại dùng ấn này nắm chéo áo, như thế hoa sen nở, là thành ấn. Ấn này gọi là ấn xuất sinh pháp, cũng gọi là ấn Thanh tịnh các pháp. Lại vì ấn này ba ngón giữa dựng lên như lá phướn thì thành phan ấn, kết ấn này, thì tất cả nguyện cầu chắc chắn được thành tựu.

Lại nói về sự thành tựu ấn Trí quyền đại Yết-ma của tất cả Như Lai. Nếu đặt ấn này lên mình người bệnh thì liền hết bệnh. Nếu đặt lên tim thì tiêu trừ các độc. Cho đến tà ấn pháp,… thảy đều tiêu diệt, liền nói chú rằng: **Án, hồng.**

Dùng chú này có công năng thành tựu đồng với ấn pháp Yếtma ở trước. Nếu kết ấn trì tụng chú này xong chuyển khắp toàn thân thì được đại Biện tài. Còn đại mật ấn tối thượng của tất cả Như Lai đều được vững chắc. Nếu đặt ấn này vào các căn thì các căn được viên mãn. Nếu xưng niệm chư Phật rồi lại xoay khắp các phương, xong đặt vào ngay tim. Hoặc tự cầu thành tựu, hay

khuyến khích người khác cầu, thảy đều được vui mừng ưa thích cho đến chứng quả Phật, Bồ-đề. Nếu kết ấn này quán tưởng chư Phật, hiểu năm uẩn như cái khuôn của người thợ gốm, sau đó thân đảnh lễ, miệng tụng đại chú, nhất tâm chánh niệm quán tưởng, trụ vào Xả, Niệm, Giới, Tinh Tấn, Từ, Định, Trí, Tuệ, Phương tiện, Lực vững chắc, sinh ra Đà-lani-môn, đầy đủ mười Địa, hành bốn Vô ngại, hiểu rõ mười tám pháp Bất cộng, dùng pháp Tỳ-thủ yết-ma rộng làm lợi ích cho chúng sinh, dùng ba nghiệp Kim cang làm Phật sự lớn lao. Liền nói các Đại thần chú rằng:

Án, mạo địa tức đa phược nhật-rị.
Án, tam mãn đa bạt nại-la tả rị-duệ. Án, tấn đa, ma ni.
Án, a nãnh lỗ đề
Án, nhạ để vĩ phược rị-đế.
Án, tát rị-phược vĩ nghê-dã nỉ.
Án, vĩ la, nga đạt rị-ma đế.
Án, vĩ rị-dã cát phược tế.
Án, tát rị-phược nga di nỉ.
Án, phược nhật-la nại-rị đồ tức đế hồng.
Án, tát rị-phược đát tha, nga đế.
Án, sa bà, phược thú đà đạt rị-ma, đa nghê-dã na vĩ thú địa.
Án, đạt rị-ma vĩ thâu đà nãnh.
Án, vĩ tôn bà phược nhật-rị ni phát tra.
Án, ca ma la nghi.
Án, nhược phược nhật-rị.
Án, hồng tát rị-phược nại ma nãnh.
Án, ngật-rị.
Án, a ca, la mục khế.
Án, bát-la nghê-dã, bá la di đế. A sưu hồng án, a.
Án, tát rị-phược đát tha, nga đa ca, dã nghi-rị.
Án, tát rị-phược đát tha, nga đa phược, nghi-vĩ thú địa.
Án, tát rị-phược đát tha, nga đa tức đa phược nhật-rị, a.

Như vậy, ngữ ấn, pháp cổ của tất cả Như Lai phát ra âm thanh vi diệu, nghĩa nhiệm mầu. Đại pháp ngữ này là tâm của chư Phật, có công năng quyết định thành tựu sự nghiệp. Y theo pháp thọ trì, tụng niệm chư Phật rồi, sau đó dùng chánh niệm của tất cả Như Lai và ấn của tất cả Như Lai mà thực hành thành tựu.

Lại nói ấn tướng Kim cang hỏa diệm nhật luân. Trước kết Kim cang đại ấn, rồi lại đổi thành Tam-muội ấn, sau lại kết Kim cang phược, các ngón tay đều như vòng lửa cháy rực, hai ngón tay giữa như chày Kim cang, như vậy là thành ấn. Ấn này có công năng điều phục ba cõi, cũng có thể thực hành kính ái Kim Cang Tát-đỏa.

Lại không đổi ấn trước, tay trái nắm lại thành quyền, đầu ngón tay dựng lên như tướng kỳ khắc, tay phải như móc câu là thành ấn. Ấn này gọi là ấn Hàng phục ba cõi, có công năng nhiếp triệu tất cả.

Lại nữa, 2 tay bắt phẫn nộ quyền rồi, lại bắt Kim cang câu như tướng kỳ khắc, là thành ấn. Đó gọi là Kim cang câu ấn, ấn này khéo làm tất cả mọi việc, có công năng làm các việc thành tựu.

Lại nữa, chắp hợp chưởng Kim cang, mười ngón tay như lửa cháy rực là thành ấn. Ấn này gọi là ấn Tần-mi Bồ-tát, có công năng làm mọi việc và khéo điều phục các điều ác.

Lại nữa chắp Kim cang hợp chưởng, tay trái như thế móc câu là thành ấn. Ấn này có công năng nhiếp triệu tất cả, cũng có công năng làm cho tỉnh ngộ, tất cả đều thành tựu.

Lại nữa, tay trái nắm lại thành Kim cang quyền, tay phải như chỉa ba là thành ấn. Ấn này có công năng thoát khỏi mọi gông cùm trói buộc.

Lại nữa, hai tay làm như hoa sen nở, như vậy là thành ấn. Ấn này có công năng cắt đứt tất cả phiền não.

Lại nữa, hai tay kết Kim cang phược, hai ngón cái song song nhau là thành ấn, cũng gọi là ấn Hàng phục ba cõi. Ấn này khéo nhiếp triệu, điều phục thành tựu trên hết.

Lại nữa, đầu ngón trỏ tay phải móc qua đầu ngón trỏ tay trái

như thế kéo cung là thành ấn. Ấn này khéo thực hành nhiếp triệu, cũng có thể thực hành các kính ái.

Lại nữa, ấn Hàng tam giới, tay phải nắm lại thành Kim cang quyền rồi giở cánh tay ra, đặt ngón tay út vào sau lưng phía bên tay trái là thành ấn. Ấn này có công năng phá các tà ấn và khéo thực hành các thành tựu.

Lại nữa, hai tay nắm lại thành Kim cang phược mềm mại sít sao là thành ấn. Ấn này gọi là ấn Kim cang thành tựu.

Lại nữa, hai tay nắm lại thành Kim cang phược, hai ngón tay cái cùng đầu ngón tay trỏ, như chày Kim cang là thành ấn. Ấn này có công năng phá hoại các điều ác. Tất cả phan ấn và linh ấn, đều thực hành pháp tối thắng, cũng có công năng phá hoại các điều ác, hơn hết trong ba cõi. Là ấn quán đảnh của Kim Cang Tát-đỏa.

Lại nữa, ấn Hiền thánh của Kim cang bộ: Hai tay nắm lại thành Kim cang quyền, y theo Bản bộ Hiền thánh của pháp nghi này, dùng Kim cang bảo mà thực hành quán đảnh, rồi chắp tay hợp chưởng Kim cang, dùng lụa sạch phủ lên mặt, hai ngón tay cái như Kim cang nên thực hành Kim cang quán đảnh, sau đó y theo pháp đảnh lễ, thọ trì chày Kim cang rồi tùy sức mà cúng dường A-xà-lê thì liền được thành tựu tất cả pháp.

Các bộ ấn tướng như vậy đều y theo pháp mà kết, đồng công dụng của đại chú, việc làm đều thành tựu.

Phần 25: NGHI QUỸ BÍ MẬT TỐI THƯỢNG

Bấy giờ, các Như Lai
Và chúng Đại Bồ-tát
Kim cang chúng Hiền thánh
Đều khác miệng cùng âm
Phát lời hỏi Bồ-tát
Kim Cang Thủ như vầy:
Như Nhân giả đã nói
Pháp Yết-ma tối thượng
Khéo làm các thành tựu
Nghi quỹ đã nói đó
Lý nhiệm mầu chân thật

Từ các pháp vô tướng
Mà hiện các nghi quỹ
Nghi quỹ này thế nào
Sao gọi Tối thượng giáo
Căn bản ấy ra sao
Sao gọi vốn không có
Lại gọi Kim Cang Thủ
Vì sao là Đại dục
Sao gọi là Đại lạc
Thế nào là Thiện hiền
Sao gọi Thế cao cử
Sao gọi Kim Cang Thủ
Tự tại đối các pháp
Đại tâm chú trong ngoài
Làm sao mà sinh ra
Ca vi diệu căn bản
Nói gì và nghĩa gì
Đại Kim cang Tam-muội
Pháp này gọi là gì
Tâm Bồ-đề là gì
Tam-ma-địa là gì
Hạnh Bồ-đề là gì
Lấy gì hàng ma quân
Làm sao chứng Bồ-đề
Bản bộ sinh ra sao
Làm thế nào giải thoát
Tam chủng danh là gì
Sao gọi tất cả xứ
Đại Kim cang đại lạc
Sao Bất không Tam-muội?
Sao nhập Mạn-noa-la?
Sẽ được quả lợi gì
Và thành tựu nghi quỹ
Chân lý đại bí mật
Lấy gì để giảng nói
Pháp Bản tôn thế nào
Các bộ lại ra sao
Lý Quán đảnh thế nào
Sao gọi chúng Hiền thánh
Thế nào năm bí mật?
Sao gọi Hư Không Tạng?
Pháp cờ nêu thế nào
Tất cả pháp câu triệu
Các cúng dường thế nào
Sao gọi thấy pháp trước
Nghi thành tựu thế nào
Sao gọi chẳng cần khổ?
Các bí mật như thế
Lý chân thật tối thượng
Vì thành chữ vi diệu

Rộng lợi ích chúng sinh
Xin giải điều trên đây!
Khi ấy, Kim Cang Thủ
Nhận chư Phật khuyến thỉnh
Vì lợi ích chúng sinh
Giải thích pháp hỏi trên.
Điều gọi là nghi quỹ
Là phép tắc các pháp
Pháp không nghi quỹ này
Lợi ích các chúng sinh
Mà hiện các nghi quỹ
Từ nghi quỹ như vậy
Làm thanh tịnh cac pháp.
Nói rằng Giáo tối thượng
Là nhiếp tất cả pháp
Sinh ra Phật, Bồ-tát
Lý bí mật chân thật
Đây gọi Giáo tối thượng.
Cái gọi là căn bản
Tức là trí chân thật
Trùm khắp hư không giới
Vững chắc như Kim cang
Là Đại dục đại lạc
Chữ nhiệm mầu trên hết
Tức Kim Cang Tát-đỏa
Thật lý các nghi quỹ.
Cái gọi là vốn không
Như bản tánh hư không
Nói Kim Cang Tát-đỏa
Là thân rất vững chắc
Đó gọi vốn không có.
Còn nói Kim Cang Thủ
Chính là Đại tự tại
Khéo thí các thành tựu
Là Kim cang bộ chủ
Chữ Ái lạc nhiêm mầu.
Cái gọi là Đại dục
Là lìa các lỗi lầm
Thông đạt pháp rốt ráo
Đó gọi là Đại dục.
Cái gọi là Đại lạc
Là lý màu chân thật
Tức Kim Cang Tát-đỏa
Sinh ra chỗ nương tựa
Cái gọi là Thiện hiền
Là pháp giới thanh tịnh
Các Như Lai giải thoát
Thân Phổ Hiền cùng khắp.
Còn nói Thế cao cử
Là tất cả thành tựu

Ấn tối thượng tự tại
Câu triệu các thành tựu
Đó gọi Thế cao cử.
Cái gọi Kim Cang Thủ
Tự tại đối các pháp
Là lời dạy căn bản
Lý chân thật nhiệm mầu
Nếu dốc lòng trì tụng
Được tất cả công đức
Đó gọi Kim Cang Thủ
Tự tại đối các pháp.
Cái gọi tâm Bồ-đề
Là không thể nghĩ bàn
Pháp rộng lớn sâu xa
Thành tựu các Diệu lạc
Biến hóa được tất cả
Tâm Bồ-đề thanh tịnh
Nhờ đó mà vững chắc
Làm các việc tốt đẹp
An trụ Tam-ma-địa
Tức Tam-ma-địa này
Sinh ra trí Kim cang
Từ Kim cang sinh ra
Gọi Kim Cang Tát-đỏa,
Đó là thân chư Phật
Chính là tâm Bồ-đề
Cái gọi Đại Kim cang
Là nhiếp các hữu tình
Khiến tu giáo pháp ta
Lý chân thật bí mật,
Nếu ai thường tu tập
Liền thành Đại Kim cang.
Cái gọi hạnh Bồ-đề
Là quán các hữu tình
Đắm nhiễm các phiền não
Vì lợi ích cho họ
Nên hành hạnh Phổ Hiền
Đó gọi hạnh Bồ-đề.
Cái gọi là hàng ma
Nghĩa là tâm các ma
Tâm này tức Như Lai
Nếu điều phục được tâm
Không còn bị ma nhiễu
Đó là hàng ma quân.
Nói rằng chứng Bồ-đề
Là hiểu rõ bản tâm
Trí Bồ-đề vững chắc
Rõ lý màu chân thật
Liền thành Đẳng chánh giác
Đó gọi chứng Bồ-đề.

Lại nói Kim Cang Thủ
Là điều phục các ác
Khiến người mê tỉnh ngộ
Chày Kim cang chư Phật
Tâm Bồ-đề vững chắc
Chư Phật đã trao truyền
Là chân lý pháp giới
Thọ trì là khí trượng
Vì thành tựu các pháp
Nên gọi Kim Cang Thủ.
Cái gọi Bản bộ sinh.
Tức Trí độ là mẹ
Phương tiện giải là cha
Từ pháp Kim Cang Thủ
Sinh ra các bộ pháp
Đó gọi Bản bộ sinh
Cái gọi Dục giải thoát.
Là Đại dục đại lạc
Khéo được các thành tựu
Các thành tựu lạc cú
Tức là pháp Đại lạc
Đó gọi dục giải thoát
Cái gọi ba thứ tên
Là ba đời vô biên
Nhưng có thể điều phục
Làm chủ trong ba cõi
Lại gọi là Tam bảo
Lại gọi là ba cõi
Làm được các thành hoại
Đó là ba thứ tên.
Cái gọi tất cả nơi
Đại Kim cang Đại lạc
Là tất cả hữu tình
Muốn lợi ích rộng lớn
Tâm ấy không cố định
Đối với tất cả nơi
Tâm an trụ vững chắc
Thông đạt nghĩa chân thật
Đó gọi tất cả nơi.
Cái gọi Ca căn bản
Và tâm chú trong ngoài
Là ba cõi tối thắng
Thành tựu đại tự tại
Bồ-tát lợi hữu tình
Là Đại dục đại lạc
Câu bí mật nhiệm mầu
Tâm chú ca chữ Hồng
Cho đến ngoài tâm chú
Đều lý trí chân thật
Vì tâm bí mật ngoài

Sinh ra các vui thích
Việc làm đều thành tựu
Gọi Ca căn bản thảy.
Nói Tam-muội Bất không
Là tác pháp thành tựu
Vì Đại lạc nhiệm mầu
Việc làm được thành tựu
Không phải khổ mà được
Pháp đại Tam-muội này
Chư Phật không thể vượt
Là Tam-muội Bất không
Nói nhập Mạn-noa-la
Là tùy theo nơi chốn
Chỉ tùy theo khả năng
Mà xưng căn tánh ấy
Hễ lúc hành các pháp
Chúng Thánh hiền liền hiện
Quả báo đã đạt được
Là phước báo rốt ráo.
Lập Mạn-noa-la này
Trước quán sát mười phương
Khởi đầu từ phía Bắc
Là bốn đường ranh giới
Phân chia thành tám đàn
Đều theo nghi pháp gốc
Y tương ưng Bản tôn
Tưởng thành Mạn-noa-la
Làm các pháp thành tựu
Tức Mạn-noa-la này
Là lý rất chân thật.
Cái gọi Đại bí mật
Là các pháp bí mật
Nhưng vốn không thật có
Là Đại lạc Kim cang
Tức đồng thân Phổ Hiền
Đại chủ chúng Kim cang
Đó gọi Đại bí mật.
Cái gọi pháp Bản tôn
Là căn bản trên hết
Đứng đầu Mạn-noa-la
Là Đại dục trên hết
Là tâm rất vui thích
Lúc nào cũng mỉm cười
Thân như màu trăng sáng
Các thứ báu nghiêm thân,
Ánh sáng chiếu soi khắp
Tối thắng trong ba cõi
Thí các cảnh diệu lạc
Khéo thành câu nhiệm mầu
Nên gọi là Bản tôn.

Cái gọi Lý quán đảnh
Là công đức Phật bảo
Pháp ba cõi chẳng sánh
Chỉ báu này trên hết
Người được Phật quán đảnh
Liền chứng vị Pháp vương
Đây gọi Lý quán đảnh.
Cái gọi Tam-ma-địa
Ngồi tư thế kiết già
Rồi kết ấn thiền định
Tay trái đặt lên phải
Quán tướng Kim Cang Thủ
Đó gọi Tam-ma-địa.
Cái gọi chúng Hiền thánh
Là Kim cang Hiền thánh
Là nghĩa trí chân thật
Khéo hiểu rõ tất cả
Các thành tựu trên hết
Tất cả đại cát tường
Đủ các pháp Thánh tài
Hơn hết trong các pháp
Tất cả pháp thành tựu
Đều ấn tướng Hiền thánh
Tức Kim Cang Tát-đỏa
Đại chủ tể bí mật.
Cái gọi năm bí mật
Là Tỳ-lô-giá-na
Và Bất Động Như Lai
Bảo Sinh, Vô Lượng Thọ
Với Bất Không Thành Tựu
Gọi là năm bí mật.
Cái gọi là các bộ
Là tất cả Như Lai
Là lý màu chân thật
Thành Kim Cang Tát-đỏa
Phật Tỳ-lô-giá-na
Bất Động Như Lai bộ
Bảo Sinh, Vô Lượng Thọ
Cùng Bất Không Thành Tựu
Chân lý cũng như vậy.
Lại Kim cang bộ chủ
Điều phục các kẻ ác
Dùng toàn phương tiện khéo
Như mặt trời chiếu khắp
Kim cang bộ tôn này
Lợi ích các hữu tình
Khéo thành các giáo pháp
Tỳ-thủ Kim cang bộ
Là nhiếp đại phương tiện.
Bồ-tát Quán Tự Tại

Nương các Liên hoa bộ
Được thành tựu trên hết
Bồ-tát Quán Tự Tại
Là Kim Cang Tát-đỏa
Chân lý Liên hoa bộ
Trí nhiếp Tam-ma-địa
Liên hoa bộ thanh tịnh
Làm thanh tịnh hữu tình.
Cái gọi Hư Không Tạng
Tức là Đại Thánh tài
Đầy khắp cả hư không
Bồ-tát Hư Không Tạng
Là pháp đại quán đảnh
Tất cả Bảo sinh bộ
Là kho báu vô tận
Cờ pháp Đại quán đảnh
Khéo nhiếp tất cả nguyện
Tức Kim Cang Tát-đỏa
Đối các Mạn-noa-la
Thường ban lý chân thật
Quán đảnh Kim cang bộ
Bảo Sinh, Vô Lượng Thọ
Chân lý cũng như vậy.
Các cờ nêu căn bản
Là thành tựu trên hết
Dùng diệu lý chân thật
Là khí trượng tự tại
Năm thứ Đại bí mật
Tức là chày Kim cang
Các bộ cờ nêu ấy
Là lý trí chân thật.
Hành Tỳ-thủ chư Phật
Liền chứng Đại Bồ-đề
Các Kim cang bộ ấy
Bảo bộ, Liên hoa bộ,
Khéo nhiếp tất cả nghĩa
Thành tựu pháp bí mật.
Cái gọi pháp Câu triệu
Là các nghi bí mật
Dùng linh Kim cang câu
Rung lên để câu triệu.
Cái gọi các cúng dường
Là các nghi bí mật
Vui thích mà cúng dường
Với các điệu ca múa.
Cái gọi thấy pháp trước
Là các nghi bí mật
Đều dùng ấn căn bản
Sau đó phải nhất tâm
Trì tụng lý chân thật

Lại nữa các Như Lai
Trước thấy các thành tựu
Dùng pháp đại Tam-muội
Lý nhiệm mầu chân thật
Là chân không căn bản
Tánh Kim Cang Tát-đỏa
Chính là thân Phổ Hiền
Cũng là Kim Cang Thủ.
Cái gọi Pháp thành tựu
Là trong các nghi quỹ
Việc làm đều thành tựu
Nên y pháp Bản tôn
Mà làm các thành tựu
Chỉ tùy theo nơi chốn
Các nghi quỹ đều thành
Y pháp cầm linh, chày
Giác ngộ cho thế gian
Muốn thành tựu các pháp
Mau thành giáo căn bản.
Cái gọi chẳng cần khổ
Là việc làm thành tựu
Không cần phải khắc khổ
Tùy ý, tùy nơi chốn
Tùy muốn, tùy ăn uống
Cho đến bốn oai nghi
Nói năng và cười đùa
Chỉ phát tâm chí thành
Sao cho hợp tương ưng
Y nghi pháp Bản tôn
Lý tương ưng như vậy
Mau thành tất cả pháp.
Đại giáo căn bản này
Là bí mật sâu xa
Nếu y pháp tu tập
Sở nguyện đều viên mãn
Tất cả các Như Lai
Và các Đại Bồ-tát
Thường thọ trì pháp này
Là Đại lạc trên hết
Câu nhiệm mầu chân thật
Đại dục đại diệu lạc

HẾT

(Hết Kinh "Tối Thượng Căn Bổn Đại Lạc Kim Cương Bất Không Tam Muội Đại Giáo Vương")

---o0o---

(Tạng Thư Phật Học)

25. Kinh "Phật Thuyết Nhân Vương Bát Nhã Ba La Mật"

Đại Tạng Kinh Việt Nam mang số 0245, 2 quyển do Cưu Ma La Thập, đời Diêu Tần dịch từ Phạn sang Hán và nhóm Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh dịch từ Hán sang Việt.

QUYỂN THƯỢNG
Phẩm 1: MỞ ĐẦU

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong núi Kỳ-xà-quật thuộc thành Vương xá, cùng với tám trăm vạn ức chúng đại Tỳ-kheo bậc Hữu học và Vô học đều là bậc A-la-hán, với công đức hữu vi, công đức vô vi. Bậc mười trí vô học, bậc tám trí hữu học, sáu trí hữu học, ba thiện căn, mười sáu tâm hạnh, quán pháp giả hư thật, quán thọ giả hư, thật quán danh giả hư thật, quán môn ba Không, bốn Đế, mười hai Nhân duyên, vô lượng công đức đều thành tựu. Lại có tám trăm muôn ức Đại tiên Duyên giác, chẳng đoạn, chẳng thường, quán Tứ đế, mười hai nhân duyên đều thành tựu.

Lại có chín trăm muôn ức vị Đại Bồ-tát đều là bậc A-la-hán, đầy đủ công đức thật trí, phương tiện trí tu theo Đại thừa, bốn Nhẫn, năm Thần thông, ba Đạt, mười Lực, bốn Tâm vô lượng, bốn Biện tài, bốn Nhiếp pháp, Kim cang diệt định, tất cả công đức đều thành tựu.

Lại có ngàn muôn ức vị Hiền giả giữ năm giới, đều thực hành A-la-hán, đầy đủ mười Địa, mười Hồi hướng, năm phần Pháp thân, vô lượng công đức đều thành tựu.

Lại có mười ngàn vị Ưu-bà-di giữ năm giới đều thực hành A-lahán, mười Địa đều thành tựu, vừa sinh công đức, đang sinh công đức, đã sinh công đức, ba mươi loại phát sinh công đức đều thành tựu.

Lại có mười ức vị cư sĩ ở bậc hiền thứ bảy, đầy đủ đức hạnh, bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, mười Nhất thiết nhập, tám Trừ nhập, tám Giải thoát, ba Tuệ, mười sáu hành tướng, bốn Đế, phẩm thứ nhất, thứ hai, thứ ba, thứ tư, quán chiếu được chín mươi nhẫn, tất cả công đức đều thành tựu.

Lại có vạn vạn ức chư Thiên ở chín cõi trời Phạm: ba tầng trời Tịnh thiên, ba tầng trời Quang thiên và ba tầng trời Phạm thiên, Ngũ hỷ lạc thiên, Định công đức thiên, Định vị thường lạc thần thông, mười tám sinh xứ công đức đều thành tựu.

Lại có ức ức các Thiên tử ở sáu tầng trời cõi Dục, nhờ quả báo mười điều lành nên thần thông công đức đều thành tựu.

Lại có mười sáu vị đại quốc vương, mỗi vị đều có một vạn, hai vạn, cho đến mười vạn quyến thuộc đã thọ Tam quy, Ngũ giới, Thập thiện công đức thanh tịnh, tín, hạnh đầy đủ.

Lại có trời, người, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, vô số chúng ở mười phương, không có hạn lượng, lại có khắp mười phương tịnh độ, hóa hiện trăm ức tòa cao, hóa ra trăm ức hoa báu Tu-di. Mỗi vị đều ngồi trên một tòa hoa.

Lại có vô lượng vị Hóa Phật, vô lượng Bồ-tát, Tỳ-kheo, tám bộ chúng, mỗi vị đều ngồi trên hoa sen báu. Trên mỗi hoa có vô lượng cõi nước, mỗi cõi nước đều có Phật và đại chúng như nay không khác. Trong mỗi cõi nước đều có Phật và đại chúng giảng nói Bát nhã Ba la mật. Đại chúng và hóa chúng ở phương khác cùng mười hai đại chúng ở trong ba cõi này đều đến ngồi trên tòa hoa sen. Chỗ ấy rộng chín trăm năm mươi dặm, đại chúng ngồi an nhiên.

Lúc bấy giờ, vào ngày mồng tám tháng giêng, Đức Phật Thíchca Mâu-ni, nhập đại định, tư duy rồi phát ra ánh sáng rực rỡ soi sáng ba cõi. Trên đỉnh đầu Phật phát ra hoa sen ngàn cánh. Hoa đó cao lên đến cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng ánh sáng cũng giống như thế cho đến hằng hà sa cõi nước chư Phật ở phương khác. Khi ấy, cõi Vô sắc rải xuống vô lượng hương hoa như mưa, tạo thành vô lượng lọng hoa như bánh xe, cao như núi Tu-di chúa như đám mây hạ xuống. Mười tám vị Phạm thiên mưa trăm thứ hoa, màu sắc biến đổi, ở cõi Dục chư Thiên rải hoa như mưa, vô lượng màu sắc. Đức Phật an nhiên ngồi trên tòa phát ra chín trăm muôn ức hoa, lên đến cõi Phi tưởng phi phi tưởng. Khi ấy, cả thế giới rung chuyển sáu cách.

Bấy giờ các đại chúng đều sinh nghi, bảo nhau: "Đức Đại Giác Thế Tôn có bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng, Ngũ nhãn pháp thân, đều do trước đây trong hai mươi chín năm đã vì chúng ta giảng nói Ma-ha Bát nhã Ba la mật, Kim cang Bát nhã Ba la mật, Thiên Vương Vấn Bát nhã Ba la mật, Quang Tán Bát nhã Ba la mật. Ngày nay Đức Như Lai phát ra ánh sáng rực rỡ khắp nơi chắc có sự kiện gì?"

Trong mười sáu vị đại quốc vương có vua Ba-tư-nặc còn gọi là Nguyệt Quang ở nước Xá-vệ, đầy đủ đức hạnh ở mười Địa, sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, đạt bốn Bất hoại tịnh, trị nước bằng giáo pháp Đại thừa. Vua hỏi lần lượt tám trăm người từ cư sĩ Bảo Cái Pháp Tịnh… vua lại hỏi về năm ngàn vị như Tu-bồ-đề, Xá-lợi-phất… vua lại hỏi mười ngàn vị như Di-lặc, Sư Tử Hống… không ai trả lời được.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc dùng thần lực trổi lên tám vạn loại âm nhạc. Mười tám vị Phạm thiên và chư Thiên ở cõi Dục cũng trổi lên tám vạn loại âm nhạc vang dội khắp tam thiên cho đến hằng hà sa cõi Phật ở mười phương những ai có nhân duyên đều đến hội họp.

Cõi Phật ở phương Nam có Bồ-tát Pháp Tài cùng năm trăm vạn ức đại chúng đều đến hội họp. Ở phương Đông Bồ-tát Pháp Trụ và chín trăm vạn ức đại chúng đều đến hội họp. Ở phương Bắc, Bồ-tát Hư Không Tánh cùng trăm ngàn vạn ức đại chúng đều đến hội họp. Ở phương Tây, Bồ-tát Thiện Trụ cùng mười hằng hà sa đại chúng đều đến hội họp, tất cả sáu phương đều như vậy. Những người đã đến trong hội này đều cùng nhau trổi lên vô lượng âm nhạc đánh thức Như Lai.

Biết đã đến lúc chúng sinh phát sinh gốc lành, Đức Phật liền xuất định, ngồi trên tòa sen cao như núi Kim cang chúa. Đại chúng đều vui mừng, hiện vô lượng thần thông, rồi an trụ giữa hư không hoặc trên mặt đất.

Phẩm 2: QUÁN KHÔNG

Lúc bấy giờ, Đức Phật bảo đại chúng:

Ta biết mười sáu vị đại quốc vương muốn hỏi về nhân duyên che chở giữ gìn cõi nước, nay trước tiên ta vì các Bồ-tát nói nhân duyên hộ trì Phật quả, nhân duyên hộ trì mười Địa hành. Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe khéo léo suy nghĩ, đúng như pháp thực hành!

Khi ấy, vua Ba-tư-nặc nghĩ rằng: "Đây là một nhân duyên lớn tốt lành", vua liền rải trăm ức thứ hoa nhiều màu, hoa ấy biến thành trăm ức lọng báu che khắp các đại chúng.

Vua đảnh lễ Phật rồi thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao tất cả Bồ-tát hộ trì Phật quả, vì sao hộ trì mười Địa hành?

Phật bảo:

–Bồ-tát giáo hóa bốn loài chúng sinh, quán sắc như thọ, tưởng, hành, thức như; chúng sinh, ngã, nhân, thường lạc ngã tịnh như; tri kiến, thọ giả như, Bồ-tát như sáu pháp Ba-la-mật như, bốn Nhiếp pháp như, tất cả hạnh như, hai Đế như, cho nên tất cả pháp Thánh chân thật không: "Không đến, không đi, không sinh, không diệt", đồng với mé chân, bình đẳng với pháp tánh, như hư không, không hai, không khác. Vì vậy ấm, nhập, giới vô ngã, không có tướng thật gọi là Bồ-tát hành hóa Bát nhã Ba la mật trong mười Địa.

–Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp như vậy thì Bồ-tát hộ trì, giáo hóa chúng sinh là giáo hóa chúng sinh chăng?

–Này đại vương! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, thường, lạc, ngã, tịnh của pháp tánh không trụ sắc, không trụ phi sắc, không trụ phi phi sắc cho đến thọ, tưởng, hành, thức cũng không trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì phi sắc như, phi phi sắc như, vì tục đế, vì ba pháp giả nên thấy chúng sinh, tất cả chúng sinh tánh thật cho đến chư Phật, ba thừa, bảy Hiền, tám Thánh cũng gọi là thấy. Sáu mươi hai kiến cũng gọi là thấy. Đại vương! Nếu dùng danh gọi là thấy tất cả pháp, cho đến chư Phật, ba thừa, bốn loại chúng sinh chẳng phải chẳng thấy tất cả pháp.

–Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật có pháp, chẳng phải chẳng có pháp thì pháp Đại thừa làm sao quán chiếu được?

–Đại vương! Đại thừa thấy chẳng phải chẳng có pháp. Nếu pháp chẳng phải chẳng có pháp, đó gọi là phi phi pháp không, pháp tánh không; sắc, thọ, tưởng, hành, thức không, mười hai nhập không, mười tám giới không, sáu đại pháp không, bốn đế không, mười hai nhân duyên không. Pháp này tức sinh, tức trụ, tức diệt, tức hữu, tức không, mỗi một sát-na cũng đều là pháp sinh, pháp trụ, pháp diệt. Vì sao? Vì chín mươi sát-na là một niệm. Trong một niệm, một sát-na trải qua chín trăm lần sinh diệt, cho đến sắc tất cả pháp cũng như vậy.

Vì Bát nhã Ba la mật là không cho nên không thấy duyên, không thấy đế, cho đến tất cả pháp không, nội không, ngoại không, nội ngoại không, hữu vi không, vô vi không, vô thỉ không, tánh không, Đệ nhất nghĩa không, Bát nhã Ba la mật không, nhân không, Phật quả không, không không, cho nên đều không, chỉ do các pháp tập hợp mà có. Thọ tập nên có, danh tập nên có, nhân tập nên có, quả tập nên có, mười hành tập nên có, Phật quả tập nên có, cho đến sáu đường chúng sinh trong tất cả cõi.

Này thiện nam! Nếu Bồ-tát nào thấy pháp chúng sinh, ngã, nhân, tri kiến, người ấy hành thế gian mà không thế gian. Đối với các pháp không động, không đến, không diệt, vô tướng, chẳng phải vô tướng, mỗi tướng đều như vậy. Chư Phật, Pháp, Tăng cũng như vậy. Đây là một niệm tâm của Sơ địa đầy đủ tám mươi bốn ngàn Bát nhã Ba la mật tức gọi là Ma-ha-diễn, tức diệt là Kim cang, cũng gọi là Định, là Nhất thiết hành, như có nói trong Quang Tán Bát nhã Ba la mật.

Đại vương! Đây là danh vị cú của kinh, trăm, ngàn, vạn Phật nói danh vị cú. Trong hằng hà sa tam thiên đại thiên cõi nước thành tựu bảy loại báu vô lượng, bố thí cho chúng sinh trong tam thiên cõi nước đều được bảy bậc hiền, bốn quả, không bằng có một niệm tin kinh này. Huống gì giải thích một câu, câu chẳng phải câu, chẳng phải chẳng phải câu, nên Bát-nhã chẳng phải câu,

câu chẳng phải Bát-nhã. Bát-nhã cũng chẳng phải Bồ-tát. Vì vậy, cho nên mười Địa, ba mươi sinh là không, vừa sinh, đang sinh, đã sinh, không thật có. Ba sinh trong các địa là không, cũng không phải Nhất thiết trí, không phải Đại-thừa vì là không.

Đại vương! Nếu Bồ-tát thấy cảnh, thấy trí, thấy thuyết, thấy thọ đó chẳng phải là sự thấy biết của bậc Thánh. Đó là pháp thấy biết điên đảo, là hạng phàm phu. Thấy ba cõi chỉ là tên gọi quả báo của chúng sinh. Sáu thức khởi lên thì vô lượng sự ham muốn cùng cực gọi là Dục giới tạng không. Nghiệp quả khởi lên ở cõi Sắc gọi là Sắc giới tạng không. Nghiệp quả khởi lên ở tâm sở gọi là Vô sắc giới tạng không. Vô minh là căn bản của ba cõi cũng là không, ba địa chín sinh diệt, vô minh dẫn đầu trong ba cõi trước nhóm họp, ngoài ra Tập, quả báo là không. Bồ-tát Kim cang thấu rõ Tam-muội lý tận hoặc quả sinh diệt không, hữu quả không, nhân không cho nên không, Nhất thiết trí cũng không, diệt quả không. Vì trước đã không nên Phật đắc ba quả vô vi, trí duyên diệt, chẳng phải trí duyên diệt hư không, quả Nhất thiết trí là không.

Này thiện nam! Nếu có người nào biết tu tập, lắng nghe, vô thính, vô thuyết như hư không. Pháp đồng pháp tánh, nghe đồng nói đồng, tất cả pháp đều như.

Đại vương! Bồ-tát tu pháp hộ trì Phật quả, vì như thế nên hộ trì Bát nhã Ba la mật là hộ trì Nhất thiết trí, mười Lực, mười tám pháp Bất cộng, năm loại mắt, năm phần Pháp thân, bốn Tâm vô lượng, tất cả công đức quả vị đều như thế.

Khi Phật nói pháp như vậy có vô lượng trời, người được Pháp nhãn tịnh, Tánh địa, Tín địa, có trăm ngàn người đều đắc Đại không, đại hạnh của Bồ-tát.

Phẩm 3: BỒ TÁT GIÁO HÓA

–Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát hộ trì hạnh mười Địa thì hạnh nào có thể thực hành? Hạnh nào có thể giáo hóa chúng sinh, tướng chúng sinh nào có thể giáo hóa?

Phật dạy:

–Đại vương! Năm Nhẫn là pháp Bồ-tát:

1- Phục nhẫn thượng, trung, hạ.

2- Tín nhẫn thượng, trung, hạ.

3- Thuận nhẫn thượng, trung, hạ.

4- Vô sinh nhẫn thượng, trung, hạ.

5- Tịch diệt nhẫn thượng, trung, hạ.

Chư Phật, Bồ-tát đều tu Bát nhã Ba la mật.

Người thiện nam mới phát tâm kính tin có hằng hà sa chúng sinh tu hành pháp Nhẫn nhục. Đối với Tam bảo sinh mười tâm tập chủng tánh, Tín tâm, Tinh tấn tâm, Niệm tâm, Tuệ tâm, Định tâm, Thí tâm, Giới tâm, Hộ tâm, Nguyện tâm, Hồi hướng tâm, đó là Bồ-tát đã dùng một phần nhỏ khả năng của mình để giáo hóa chúng sinh vượt qua Nhị thừa, tất cả thiện địa.

Tất cả chư Phật, Bồ-tát nuôi dưỡng mười tâm làm mầm Thánh, lần lượt phát sinh Càn tuệ tánh, Tập chủng tánh, đầy đủ mười tâm, bốn Niệm xứ: thân bất tịnh, thọ thì khổ, tâm vô thường, pháp vô ngã; ba gốc lành: Từ, Thí, Tuệ; ba đời: nhân nhẫn quá khứ, nhân quả nhẫn hiện tại, quả

nhẫn vị lai. Vị Bồ-tát này cũng giáo hóa tất cả chúng sinh, đầy đủ năng lực vượt qua vọng tưởng ngã, nhân, tri kiến, chúng sinh… không bị phá hoại bởi vọng tưởng điên đảo của ngoại đạo.

Lại có Thập đạo chủng tánh địa, đó là quán sắc, thọ, tưởng, hành, thức, chứng đắc Giới nhẫn, Tri kiến nhẫn, Định nhẫn, Tuệ nhẫn, Giải thoát nhẫn, quán nhân quả trong ba cõi, Không nhẫn, Vô nguyện nhẫn, Vô tướng nhẫn; quán sự hư thật của hai đế, biết tất cả pháp vô thường chứng đắc Vô thường nhẫn. Biết tất cả pháp không, đắc Vô sinh nhẫn. Đó gọi là Bồ-tát đầy đủ mười tâm vững chắc để làm vua Chuyển luân, cũng có khả năng giáo hóa bốn châu thiên hạ, làm cho tất cả chúng sinh sinh các gốc lành.

Bồ-tát Tín nhẫn, thông suốt hoàn toàn, lúc hành đạo cắt đứt phiền não trói buộc trong ba cõi, ngài có khả năng giáo hóa chúng sinh trong trăm, ngàn, vạn cõi Phật, hiện ra trăm, ngàn vạn thân đầy đủ vô lượng công đức và thần thông. Ngài thường dùng mười tám tâm làm đầu: bốn Nhiếp pháp, bốn Tâm vô lượng, bốn Thệ nguyện rộng lớn, ba môn giải thoát. Bồ-tát từ thiện địa hướng đến về Nhất thiết trí dùng mười lăm tâm này làm chủng tử căn bản của tất cả các hạnh.

Bồ-tát Thuận nhẫn, thấy hiện pháp trong thù thắng, dứt bỏ phiền não trói buộc tâm ở ba cõi. Hiện một thân trong các cõi Phật ở mười phương, dùng vô lượng không thể tính được, các thứ thần thông để giáo hóa chúng sinh.

Bồ-tát Vô sinh nhẫn còn gọi là Viễn bất động quán tuệ, cũng dứt bỏ tập khí phiền não của sắc tâm trong ba cõi hiện bất khả thuyết, bất khả thuyết vô lượng công đức thần thông.

Lại nữa Tịch diệt nhẫn, chư Phật và Bồ-tát đều dùng nhẫn này để vào Tam-muội Kim cang.

Thực hành hạ nhẫn gọi là Bồ-tát.

Thực hành thượng nhẫn là Nhất thiết trí.

Cùng quán Đệ nhất nghĩa đế, dứt bỏ tâm tập khí vô minh trong ba cõi. Thấu rõ tướng là Kim cang. Thấu rõ tướng, vô tướng là Nhất thiết trí. Vượt ra ngoài Thế đế, Đệ nhất nghĩa đế là thực hành Địa thứ mười một Nhất thiết trí. Biết rõ chẳng phải có, chẳng phải không, vắng lặng, thanh tịnh, thường trụ bất biến, đồng với chân như, bình đẳng với pháp tánh, vô duyên đại Bi, giáo hóa tất cả chúng sinh, nương Nhất thiết trí đến giáo hóa tất cả chúng sinh trong ba cõi.

Này thiện nam! Tất cả chúng sinh bị phiền não trói buộc không thoát ra khỏi ba cõi. Tất cả chúng sinh chịu quả báo hai mươi hai căn không ra khỏi ba cõi. Chư Phật – Ứng, Hóa, Pháp thân cũng không ra khỏi ba cõi. Ngoài ba cõi không có chúng sinh, chư Phật làm sao giáo hóa? Cho nên ta nói: Ngoài ba cõi riêng có một chúng sinh giới tạng. Ngoài đạo trong kinh Đại thừa nói chẳng phải lời do bảy Đức Phật nói.

Đại vương! Ta thường nói tất cả chúng sinh dứt bỏ quả báo phiền não trong ba cõi gọi là Phật. Tự tánh thanh tịnh gọi là Giác Nhất thiết trí tánh. Bản nghiệp của chúng sinh là sự tu hành theo bản nghiệp của chư Phật, Bồ-tát. Trong năm nhẫn đầy đủ mười bốn nhẫn.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát bản nghiệp thanh tịnh giáo hóa chúng sinh?

Phật dạy:

–Từ địa này cho đến địa sau, từ hành xứ của mình và hành xứ của Phật, tất cả tri kiến tùy theo bản nghiệp.

Nếu Bồ-tát trụ trong trăm cõi Phật, làm Tứ Thiên vương ở cõi Diêm-Phù-đề tu hành trăm pháp môn, dùng tâm bình đẳng của hai đế giáo hóa tất cả chúng sinh ở Sơ địa.

Nếu Bồ-tát trụ trong ngàn cõi Phật, làm vua cõi trời Đao-lợi, tu ngàn pháp môn, mười đường lành, giáo hóa tất cả chúng sinh ở Nhị địa.

Nếu Bồ-tát trụ trong mười vạn cõi Phật làm Diệm Thiên vương, tu mười vạn pháp môn đạt Tứ thiền định, giáo hóa chúng sinh ở Tam địa.

Nếu Bồ-tát ở trăm ức cõi Phật làm vua cõi trời Đâu-suất, tu trăm ức pháp môn hành đạo phẩm giáo hóa chúng sinh ở Tứ địa.

Nếu Bồ-tát trụ trong ngàn ức cõi Phật làm vua cõi trời Hóa lạc, tu ngàn ức pháp môn, hai Đế, bốn Đế, tám Đế, giáo hóa tất cả chúng sinh ở Ngũ địa.

Nếu Bồ-tát trụ trong mười vạn ức cõi Phật làm vua cõi trời Tha hóa (tự tại), tu mười vạn ức pháp môn, mười hai nhân duyên, dùng trí giáo hóa chúng sinh ở Lục địa.

Nếu Bồ-tát trụ trong trăm muôn ức cõi Phật, làm vua cõi Sơ thiền, tu trăm muôn ức pháp môn, phương tiện trí, nguyện trí giáo hóa tất cả chúng sinh ở Thất địa.

Nếu Bồ-tát trụ trong trăm vạn vi trần sát cõi Phật, làm Phạm vương ở Nhị thiền, tu trăm muôn vi trần sát pháp môn, thấu suốt phương tiện thần thông trí, giáo hóa tất cả chúng sinh ở Bát địa.

Nếu Bồ-tát ở trăm muôn ức a-tăng-kỳ vi trần sát cõi Phật, làm Đại Phạm vương ở Tam thiền, tu trăm muôn ức a-tăng-kỳ vi trần sát pháp môn, dùng bốn trí vô ngại giáo hóa tất cả chúng sinh ở Cửu địa.

Nếu Bồ-tát trụ trong vô số cõi Phật chẳng thể nêu bày làm Đại tĩnh Thiên vương ở Tứ thiền, làm chủ ba cõi, tu vô số pháp môn chẳng thể nêu bày, đạt Tam-muội lý tận, đồng hành xứ của Phật, thấu rõ nguồn gốc ba cõi, giáo hóa tất cả chúng sinh như cảnh giới Phật. Cho nên bản nghiệp của tất cả Bồ-tát giáo hóa thanh tịnh. Nếu các Như Lai ở mười phương cũng tu nghiệp ấy thì sẽ tiến lên quả Nhất thiết trí, làm vua ba cõi, giáo hóa tất cả vô lượng chúng sinh ở Phật địa.

Khi ấy, trăm muôn ức hằng hà sa chúng đều đứng dậy khỏi chỗ ngồi tung rải vô lượng chẳng thể nghĩ bàn hoa, đốt vô lượng chẳng thể nghĩ bàn hương, cúng dường Đức Phật Thích-ca Mâu-ni và vô lượng vị Đại Bồ-tát, sau đó chắp tay lắng nghe vua Ba-tư-nặc nói kệ khen ngợi Phật.

Thế Tôn Đạo Sư thân Kim cang
Tâm hành vắng lặng chuyển pháp luân
Đủ tám âm thanh để nói pháp
Trăm ngàn muôn ức người đắc đạo
Trời, người sáu đường theo xuất gia,
Thành tựu Tỳ-kheo, hạnh Bồ-tát
Công đức năm nhẫn diệu pháp môn
Mười bốn Bồ-tát đều thấu hiểu,
Ba Hiền, mười Thánh đều hành nhẫn
Chỉ có Phật mới rõ nguyên do
Phật, Pháp, Tỳ-kheo kho Tam bảo
Vô lượng công đức ở nơi đây
Bồ-tát Thập thiện phát đại tâm,

Thoát hẳn biển luân hồi ba cõi
Trung hạ phẩm Thiện Túc Tán vương
Thượng phẩm Thập thiện Thiết Luân vương
Thập trụ Bồ-tát tập chủng tánh
Đồng luân giáo hóa ở hai châu
Bồ-tát Thập hạnh tánh chủng tánh
Ngân luân giáo hóa ba thiên hạ
Luân vương bền đức đạo chủng tánh
Bảy báu chiếu sáng khắp bốn châu
Thánh thai phục nhẫn gồm ba mươi
Thập tín, Thập chỉ, Thập kiên tâm
Chư Phật ba đời hành trong đây
Đều do phục nhẫn mà sinh ra
Tất cả Bồ-tát hành bản nguyện
Nên khó phát tâm và tín tâm
Nếu được tín tâm không lui sụt
Tiến đến đạo Sơ địa vô sinh
Giáo hóa chúng sinh hành Bồ-đề
Gọi là Bồ-tát sơ phát tâm.
Bồ-tát khéo giác cả bốn châu
Chiếu sáng hai Đế đạo bình đẳng
Quyền hóa chúng sinh khắp trăm cõi
Mới lên đạo Nhất thừa vô tướng
Nhập lý Bát-nhã gọi là Trú
Trụ sinh đức hạnh gọi là Địa
Sơ trụ nhất tâm đủ đức hạnh
Đối đệ nhất nghĩa tâm bất động
Bồ-tát Ly Đạt vua Đạo-lợi
Hiện thân sáu đường ngàn cõi nước.
Vô duyên, vô tướng đệ tam đế
Vô tử, vô sinh không có hai
Minh tuệ không chiếu Diệm Thiên vương
Hiện thân dẫn dắt muôn cõi nước
Nhẫn tâm không hai trong ba đế
Ra có vào không biến hóa sinh
Giác ngộ chúng sinh lìa ba cõi
Diệt sạch phiền não trong ba cõi
Lại quán thân miệng của chúng sinh
Pháp tánh bậc nhất chiếu khắp nơi
Trí tuệ sáng rực, đại tinh tấn

Vua trời Đâu-suất dạo ức cõi
Thật trí duyên tịch phương tiện đạo
Đạt đến vô sinh chiếu không hữu
Thắng tuệ tự thấu rõ ba đế
Vua trời Hóa lạc trăm ức cõi
Quán rõ đều không chẳng hai tướng
Ở trong vô gián hóa lục đạo
Bồ-tát pháp hiện trời Hóa lạc,
Không hai, không chiếu đạt lý không
Ba đế hiện tiền, đại trí sáng
Chiếu ngàn ức cõi độ tất cả.
Thắng pháp hiện bày vô định tướng
Tâm mê chìm đắm trong ba cõi
Không tuệ vắng lặng quán vô duyên
Lại quán tâm không vô lượng báo
Chứng đạt quả Sơ thiền vô sinh
Giáo hóa chúng sinh muôn ức cõi
Chưa độ báo thân trong một đời
Tiến vào đất đẳng quán pháp lưu
Mới vào vô duyên Kim cang nhẫn
Không còn báo thân trong ba cõi
Quán nghĩa thứ ba rõ không hai
Hai mươi mốt sinh, hạnh vắng lặng
Dùng định hàng phục ái ba cõi
Bồ-tát chứng đạt thấu hiểu rõ
Bồ-tát quán chiếu Nhị thiền vương
Biến sinh Pháp thân vô lượng quang
Vào trăm ức cõi độ tất cả.
Chiếu hết việc muôn kiếp ba đời
Quán đến tận gốc đều hư vô
Vào đế thứ ba thường vắng lặng
Bồ-tát Tuệ Quang nhập Tam thiền
Ngàn hằng sa kiếp cùng lúc hiện
Thường trụ hạnh vắng lặng vô vi
Một niệm thấu hằng sa Phật tạng
Bồ-tát quán đảnh vua Tứ thiền
Trong ức hằng cõi độ chúng sinh
Mới vào Kim cang rõ tất cả
Hai chín lần sinh đã độ hết,
Trong Tịch diệt nhẫn quán hạ nhẫn

Vừa chuyển Diệu giác thường vắng lặng
Bậc ba phẩm quán đảnh đẳng tuệ
Dứt duyên vô minh tập khí trước
Vô minh huân tập sinh phiền não
Thấu rõ hai đế diệt tất cả
Viên trí vô tướng vua ba cõi
Ba mươi đời đều đồng đại giác
Kim cang tạng vắng lặng vô vi
Sạch tất cả báo, bi vô cực
Đệ nhất nghĩa đế thường an ổn
Dứt hết tâm tánh còn diệu trí
Ba hiền, mười Thánh trụ quả báo
Chỉ có Đức Phật ở Tịnh độ
Tất cả chúng sinh tạm trú báo
Lên nguồn Kim cang ở Tịnh độ
Ba nghiệp Như Lai đức vô cực
Nay con Nguyệt Quang lễ Tam bảo
Pháp Vương vô thượng, cây trong đời
Che mát chúng sinh vô lượng quang
Miệng thường nói pháp có nghĩa lý
Tâm trí vắng lặng chiếu sáng khắp
Sư tử trong người giảng chúng nghe
Đại chúng hoan hỷ rải hoa báu
Trăm ức muôn cõi đều rung chuyển
Chúng sinh được phước đức vô lượng
Phật nói pháp cho mười bốn vua
Cho nên nay con lược khen Phật.

Bấy giờ, đại chúng nghe vua Nguyệt Quang khen ngợi Phật, Tứ Thiên vương vô lượng tạng công đức được pháp lợi lớn. Ngay tại chỗ ngồi có mười hằng hà sa Phạm vương, mười hằng hà sa quỷ thần vương, cho đến chúng sinh trong ba đường đều được Vô sinh pháp nhẫn. Tám bộ A-tu-la vương chuyển thân quỷ sinh lên cõi trời Thọ đạo hoặc ba đời nhập chánh vị, bốn đời, năm đời, cho đến mười đời được vào chánh vị, chứng pháp tánh của bậc Thánh được vô lượng phước đức.

Phật bảo các đại chúng đã đắc đạo:

–Này thiện nam! Ở thời quá khứ trong mười ngàn kiếp, Nguyệt Quang này ở trong pháp của Phật Long Quang Vương là Bồ-tát Tứ Trụ, ta là Bồ-tát Bát Trụ. Nay ở trước ta Nguyệt Quang rống tiếng rống sư tử. Đúng vậy, đúng vậy, như lời ông nói! Người được nghĩa chân thật thì giảng nói không thể suy nghĩ, luận bàn, không thể so lường. Chỉ có Phật và Phật mới biết được việc ấy.

Này thiện nam! Ta đã nói mười bốn Bát nhã Ba la mật, ba nhẫn với từng địa thượng, trung, hạ thành ra ba mươi nhẫn, tất cả Hạnh tạng, tất cả Phật tạng không thể suy nghĩ bàn luận. Vì vậy, cho nên các việc sinh, diệt, giáo hóa, vô sinh, vô diệt, vô giáo hóa, vô tự, vô tha của chư Phật đều ở trong đây, bậc nhất không hai chẳng phải giáo hóa, chẳng phải không giáo hóa, chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, không đến, không đi. Vì như hư không nên tất cả chúng sinh vô sinh, vô diệt, không trói, không mở, chẳng phải nhân, chẳng phải quả, chẳng phải không nhân quả. Vì phiền não ngã nhân, tri kiến, thọ giả ngã sở, tất cả khổ, thọ hành đều không, tất cả pháp nhóm họp, năm ấm huyễn hóa, không hợp, không tan. Pháp đồng pháp tánh. Vắng lặng như hư không, pháp giới cảnh đều không, không vô tướng, không lay chuyển, không điên đảo, không tùy thuận huyễn hóa, không Tam bảo, không bậc Thánh, không sáu đường. Vì như hư không nên Bát-nhã không biết, không thấy. Vì không hành, không duyên, không nhân, không thọ, không có tất cả tướng chiếu soi nên tướng hành đạo cũng như hư không.

Pháp tướng đã như vậy thì làm sao có tâm chứng đắc hay tâm không chứng đắc? Cho nên công đức Bát-nhã không thể ở trong chúng sinh hành mà hành, không thể ở trong pháp năm ấm hành mà hành, không thể ở trong cảnh hành mà hành, không thể ở trong giải hành mà hành, cho nên Bát-nhã không thể suy nghĩ, bàn luận. Ở trong tất cả chư Phật, Bồ-tát mà hành cho nên cũng không thể suy nghĩ bàn luận. Tất cả các Như Lai đối với pháp huyễn hóa vô trụ mà giáo hóa cũng không thể suy nghĩ, bàn luận.

Này thiện nam! Dù cho vô lượng hằng hà sa vị Khai sĩ quán đảnh thứ mười ba nói công đức này thì như lời vua đã nói không bằng một phần trong trăm ngàn ức phần, như một giọt nước trong biển cả. Nay ta lược nói một phần công đức đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh cũng được vô lượng Như Lai trong ba đời nói ra, được ba Hiền, mười Thánh khen ngợi vô lượng, là một phần công đức mà vua Nguyệt Quang đã nói.

Này thiện nam! Mười bốn pháp môn này, tất cả chúng sinh trong ba đời, Tam thừa chư Phật đều tu tập. Chư Phật vị lai cũng giống như vậy, nếu tất cả chư Phật, Bồ-tát không nhờ pháp môn này mà chứng được Nhất thiết trí thì không bao giờ có việc ấy. Vì sao? Vì tất cả chư Phật, Bồ-tát đều không có con đường nào khác. Cho nên các thiện nam, nếu có người nào nghe các pháp môn nhẫn: Tín nhẫn, Chỉ nhẫn, Kiên nhẫn, Thiện giác nhẫn, Ly đạt nhẫn, Minh tuệ nhẫn, Diệm tuệ nhẫn, Thắng tuệ nhẫn, Pháp hiện nhẫn, Viễn đạt nhẫn, Đẳng giác nhẫn, Tuệ quang nhẫn, Quán đảnh nhẫn, Viên giác nhẫn thì người ấy thoát khỏi các khổ nạn trong trăm kiếp, ngàn kiếp, vô lượng hằng hà sa kiếp. Khi vào pháp môn này rồi thì hiện đời được phước báu.

Bấy giờ, trong các chúng có mười ức vị đồng danh hiệu là Bồ-tát Hư Không Tạng Hải, được pháp lạc hoan hỷ, cùng nhau tung hoa lên giữa hư không biến thành vô lượng đài hoa. Trên đó, có vô lượng đại chúng giảng nói mười bốn chánh hạnh, mười tám Phạm thiên, Lục dục Thiên tử cũng tung hoa báu, mỗi vị đều ngồi trên một tòa hoa giữa hư không, giảng nói mười bốn chánh hạnh, thọ trì, đọc tụng, giảng giải nghĩa lý, vô lượng các quỷ thần hiện thân tu hành Bát nhã Ba la mật.

Phật bảo:

–Đại vương! Trước ông có hỏi: Tướng chúng sinh nào có thể giáo hóa được? Nếu dùng thân huyễn hóa mà thấy huyễn hóa đó là Bồ-tát chân thật thực hành giáo hóa chúng sinh.

Một niệm thức đầu tiên của thức chúng sinh khác với gỗ đá. Thức hoặc sinh thiện, hoặc sinh ác. Ác thì vô lượng thức ác làm gốc, thiện thì vô lượng thức thiện làm gốc. Từ một niệm Kim cang ban đầu cho đến một niệm cuối cùng sinh ra bất khả thuyết thức mới thành sắc tâm của chúng sinh, là căn bản của chúng sinh. Sắc tức là sắc cái, cái có công dụng ngăn che. Thân là tích tụ. Đại vương, một sắc pháp này sinh ra vô lượng sắc. Mắt thấy sắc, tai nghe âm thanh, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, đất nâng đỡ, nước tươi nhuần, lửa nóng ấm, gió lay động. Chỗ sinh ra năm thức gọi là căn.

Như vậy một sắc, một tâm có vô lượng sắc tâm.

Đại vương! Sáu thức của phàm phu thô động nên thấy có xanh, vàng, đỏ trắng, dài, ngắn, vuông, tròn… vô lượng sắc pháp giả. Sáu thức của bậc Thánh thanh tịnh nên đắc thật pháp, sắc, thanh, hương, vị, xúc, tất cả pháp thật. Chúng sinh là tên gọi của thế đế, hoặc có, hoặc không, chỉ sinh ra ức niệm chúng sinh, nên gọi là thế đế. Thế đế do giả cuồng huyễn hóa cho nên có, cho đến sáu đường đều là huyễn hóa, chúng sinh thấy huyễn hóa, tức là huyễn hóa thấy huyễn hóa. Các sắc tâm như: Bà-la-môn, Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà, Thần ngã… đều là huyễn đế. Pháp huyễn đế là không. Khi Phật chưa ra đời thì không có tên gọi, không có danh nghĩa. Huyễn pháp, huyễn hóa không danh tự, không thể tướng, không có tên gọi ba cõi, không có quả báo thiện ác, tên gọi sáu đường.

Đại vương! Vì chúng sinh nên các Đức Phật nối nhau xuất hiện ở đời, nói tên gọi ba cõi, sáu đường ấy gọi là vô lượng danh tự, như pháp không, pháp tứ đại, tâm pháp, sắc pháp, pháp tướng tục giả, chẳng phải một, chẳng phải khác. Một cũng chẳng tương tục, khác cũng chẳng tương tục. Chẳng phải một, chẳng phải khác gọi là Tục đế.

Pháp tương đãi giả, tất cả tên gọi đối đãi nhau, cũng gọi là bất định tương đãi, như sắc, thọ, tưởng, hành, thức, pháp có, pháp không… tất cả pháp đều duyên nhau mà thành, giả thành ra chúng sinh. Do nhân quả đồng thời, nhân quả khác thời, thiện ác ba đời, tất cả huyễn hóa là chúng sinh huyễn đế.

Đại vương! Nếu Bồ-tát nào thấy chúng sinh huyễn hóa như trên đây đều là giả dối như hoa đốm trong hư không.

Bồ-tát Thập trụ, chư Phật, Ngũ nhãn thấy như huyễn đế. Bồ-tát giáo hóa chúng sinh là như thế.

Khi Phật nói pháp như vậy có vô lượng vị Thiên tử và các đại chúng được phục nhẫn, đắc không, vô sinh nhẫn… cho đến nhập vào địa vị thứ nhất cho đến địa vị thứ mười, đạt được đức hạnh không thể nêu bày hết.

Phẩm 4: NHỊ ĐẾ

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Trong Đệ nhất nghĩa đế có Thế đế không? Nếu không thì Trí tuệ ba-la-mật không nên có hai, nếu có thì Trí không nên có một. Nghĩa một hai việc ấy như thế nào?

Phật bảo:

–Đại vương! Thời quá khứ ông đã hỏi bảy Đức Phật về nghĩa hoặc một hoặc hai. Nay ông chẳng nghe, nay ta chẳng nói. Không nghe, không nói tức là nghĩa hoặc một hoặc hai. Hãy lắng nghe khéo suy nghĩ như pháp tu hành. Đây là bài kệ của bảy Đức Phật: Vô tướng nghĩa bậc nhất:

Không tự cũng không tha
Nhân duyên vốn tự có
Không tự cũng không tha
Pháp tánh vốn vô tánh
Là Đệ nhất nghĩa không
Các pháp hữu vốn hữu
Ba giả tập giả có
Không không đế thật không
Vắng lặng, không bậc nhất
Các pháp do duyên có
Có, không nghĩa như vậy
Có, không vốn tự hai
Như trâu có hai sừng
Giải thoát thấy không hai
Hai đế thường thấy hai.
Tâm giải thấy không hai
Tìm hai không thật có
Hai đế chẳng phải một
Chẳng hai làm sao được
Giải thoát là thứ nhất
Trong đế thường có hai
Thông đạt không hai này
Thật vào nghĩa bậc nhất
Thế đế huyễn hóa sinh
Như hoa đốm giữa không
Đều do tay dụi mắt
Nhân duyên nên giả có
Huyễn hóa thấy huyễn hóa
Chúng sinh gọi huyễn đế
Huyễn sư thấy huyễn pháp
Đế thật thì đều không
Đây là chư Phật quán
Bồ-tát quán cũng vậy.

Đại vương! Vị Đại Bồ-tát đối với Đệ nhất nghĩa đế thường thấu rõ hai đế để giáo hóa chúng sinh. Phật và chúng sinh chỉ là một không hai. Vì sao? Vì chúng sinh không, nên biết Bồ-đề

không. Vì Bồ-đề không, nên biết rõ chúng sinh không. Vì tất cả pháp không cho nên không cũng không. Vì sao? Vì Bát-nhã vô tướng nên hai đế hư không, Bát-nhã không từ vô minh cho đến Nhất thiết trí không có tự tướng, không có tha tướng.

Khi thành tựu Ngũ nhãn thấy được chỗ không thể thấy, hành cũng không thọ, không hành cũng không thọ, chẳng phải hành, chẳng phải không hành cũng không thọ, cho đến tất cả pháp cũng không thọ.

Khi Bồ-tát chưa thành Phật thì Bồ-đề tức phiền não, khi Bồ-tát thành Phật thì phiền não tức Bồ-đề, cho nên đối với đệ nhất nghĩa không hai. Chư Phật Như Lai cho đến tất cả pháp đều như.

–Bạch Thế Tôn! Vì sao các Đức Như Lai, tất cả Bồ-tát trong mười phương khi thực hành các pháp tướng không xa lìa văn tự.

–Đại vương! Pháp luân là pháp Bản như, Trùng tụng như, Thọ ký như, Bất tụng kệ như, Vô vấn nhi tự thuyết như, Giới kinh như, Thí dụ như, Pháp giới như, Bản sự như, Phương quảng như, Vị tằng hữu như, Luận nghĩ như, gọi là vị cú. Âm thanh, quả báo, văn tự, ký cú đều như. Nếu người chấp lấy văn tự thì không có hành không.

Đại vương! Văn tự như như là tu tập theo trí tuệ của chư Phật, là căn bản trí mẫu của tất cả chúng sinh, là thể của Nhất thiết trí. Khi chư Phật chưa thành Phật thì lấy đang thành Phật làm trí mẫu, chưa được là tánh khi đã được thành Phật thì là Nhất thiết trí. Bátnhã trong ba thừa tự tánh thường trụ bất sinh, bất diệt. Tất cả chúng sinh lấy Bát-nhã làm giác tánh. Nếu Bồ-tát vô thọ, không văn tự, lìa văn tự, phi phi văn tự. Tu vô tu gọi là tu, được Bát-nhã chân tánh, Bát nhã Ba la mật. Đại vương! Bồ-tát hộ trì Phật, che chở, giáo hóa chúng sinh, hộ trì hạnh mười Địa là như vậy.

–Bạch Thế Tôn! Chúng sinh có vô lượng phẩm căn tánh cũng vô lượng, hạnh cũng vô lượng, vậy pháp môn là một hay là hai, hay là vô lượng?

–Đại vương! Tất cả pháp quán chẳng phải một, chẳng phải hai; mà có vô lượng tất cả pháp, cũng chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng. Nếu Bồ-tát thấy chúng sinh thấy một, thấy hai tức không thấy một, không thấy hai. Một, hai là Đệ nhất nghĩa đế.

Đại vương! Hoặc có hoặc không tức là Thế đế. Vì ba đế: Không đế, Sắc đế, Tâm đế thâu nhiếp tất cả các pháp, nên ta nói tất cả pháp không ra ngoài ba đế. Các pháp ngã, nhân, tri kiến, năm thọ ấm… cho đến tất cả pháp đều là không. Căn hạnh của mỗi loại chúng sinh khác nhau nên pháp môn chẳng phải một, chẳng phải hai.

Đại vương! Bảy Đức Phật nói Ma-ha Bát nhã Ba la mật. Nay ta nói Bát nhã Ba la mật không hai, không khác đại chúng các ông nên thọ trì, đọc tụng, giảng nói kinh này thì được công đức vô lượng, không thể nói hết được. Mỗi Đức Phật giáo hóa vô lượng chúng sinh. Mỗi chúng sinh đều được thành Phật. Khi đã thành Phật lại giáo hóa vô lượng chúng sinh đều thành Phật.

Trên đây Đức Phật đã ba lần nói Bát nhã Ba la mật gồm tám vạn ức bài kệ. Trong mỗi bài kệ lại chia thành ngàn phần. Trong một phần lại được phân biệt rõ ràng từng câu, nghĩa lý không cùng tận. Nếu đối với kinh này có một niệm kính tin thì công đức của chúng sinh đó hơn hẳn công đức trong trăm ngàn kiếp ở Thập địa, huống gì thọ trì, đọc tụng, giảng nói thì công đức đồng như chư Phật mười phương không khác; nên biết người này không bao lâu sẽ thành Phật.

Khi nghe nói kinh này, trong đại chúng có mười vạn người đắc Tam không nhẫn. Trăm vạn ức người đắc đại không nhẫn Thập địa tánh.

Đại vương! Kinh này tên là kinh Nhân Vương Vấn Bát nhã Ba la mật, các ông nên thọ trì. Kinh này có vô lượng công đức gọi là công đức hộ quốc, cũng là pháp lạc của các quốc vương, cũng là công đức hộ trì nhà cửa, cũng là hộ trì thân của tất cả chúng sinh. Bát nhã Ba la mật này che chở cõi nước giống như hào, thành, vách, tường, đao, mâu, kiếm… các ông thọ trì Bát nhã Ba la mật cũng giống như vậy.

QUYỂN HẠ
Phẩm 5: HỘ QUỐC

Bấy giờ, Phật bảo:

–Đại vương! Ông hãy lắng nghe, giờ đây ta chính thức nói về công dụng của pháp Hộ quốc. Ông nên thọ trì Bát nhã ba-la-mật, khi giặc cướp đến tàn phá đất nước, ông nên thỉnh trăm tượng Phật, trăm tượng Bồ-tát, trăm tượng La-hán, trăm vị Tỳ-kheo, bốn chúng, bảy chúng, trăm vị Pháp sư giảng Bát nhã Ba la mật, thỉnh trăm vị Sư tử hống ở trước tòa cao, đốt trăm đèn thiêu trăm thứ hoa hương, hoa trăm màu sắc để cúng dường Tam bảo. Cúng dường ba y và các thứ cần dùng dâng lên Pháp sư. Trong bữa tiểu thực và bữa ngọ cũng nên đúng thời.

Đại vương! Ông nên thỉnh Pháp sư một ngày hai thời giảng đọc kinh này. Trong cõi nước của ông có tám bộ quỷ thần, mỗi bộ lại có trăm bộ ưa nghe kinh này, họ sẽ che chở giữ gìn cõi nước của ông.

Đại vương! Khi cõi nước có loạn, trước tiên là quỷ thần nổi loạn, đạo tặc đến cướp nước. Nhân dân ly loạn, quan thần, thái tử, vương tử bá quan đều sinh điều thị phi. Trời đất có nhiều sự quái lạ, hai mươi tám vị sao và đường đi của các ngôi sao, mặt trời, mặt trăng vận hành không đúng lúc, có nhiều giặc cướp nổi loạn.

Đại vương! Nếu bị các tai nạn: nạn lửa, nạn nước, nạn gió… thì ông nên thỉnh Pháp sư giảng đọc kinh này chắc chắn sẽ được công dụng như trên đã nói.

Đại vương! Kinh này không chỉ che chở giữ gìn đất nước mà còn bảo hộ phước báu, cầu giàu sang, quan vị bảy báu sẽ được như ý. Muốn cầu con trai, con gái, cầu trí tuệ sáng suốt, học rộng, cầu

quả báo ở sáu tầng trời, quả báo loài người, quả báo trong chín phẩm thì cũng nên giảng kinh này sẽ được công đức như trên.

Đại vương! Kinh này chẳng những để cầu phước mà còn để che chở các tai nạn, bệnh tật, khổ não, gông cùm, xiềng xích trói buộc thân thể. Muốn diệt bốn trọng tội, năm tội nghịch, tám nạn tội và vô lượng khổ não trong sáu đường cũng nên giảng kinh này thì sẽ được công dụng như trên.

Đại vương! Ngày xưa có vị vua Đảnh Sinh muốn đến phá hoại tầng trời của vua Thích Đề-hoàn Nhân. Khi ấy, trời Đế Thích liền y theo lời dạy của bảy Đức Phật, sửa soạn trăm tòa cao,

thỉnh trăm vị Pháp sư, giảng Bát nhã Ba la mật, Đảnh Sinh liền rút lui, giống như đã nói trong kinh Diệt Tội.

Đại vương! Ngày xưa quốc vương Thiên La có một vị thái tử tên là Ban Túc sắp lên ngôi. Thái tử đến thọ giáo với sư La-đà thuộc phái ngoại đạo. Ban Túc y theo lời dạy của ngoại đạo, lấy một ngàn đầu vua cúng lễ quỷ thần, để lên ngôi vua. Khi đã được chín trăm chín mươi chín đầu vua, còn thiếu một đầu nữa, Ban Túc bèn đi về phía Bắc khoảng vạn dặm, liền gặp vua Phổ Minh. Phổ Minh xin Ban Túc: "Cho tôi được một ngày cúng dường cơm cho Sa-môn, đảnh lễ Tam bảo". Vua Ban Túc bằng lòng.

Lúc bấy giờ, vua Phổ Minh, y theo pháp của bảy Đức Phật thời quá khứ, thỉnh trăm vị Pháp sư, sửa soạn trăm tòa cao, một ngày hai lần giảng Bát nhã Ba la mật đến tám ngàn ức bài kệ.

Pháp sư thứ nhất vì ngài Phổ Minh mà nói kệ rằng:

Thời cuối của kiếp thiêu
Cháy khắp cả trời đất
Tu-di và biển lớn
Đều cháy thành tro tàn
Trời, rồng phước đã hết
Tan xác ở trong đó
Thế giới chịu điêu tàn
Đất nước có thường đâu
Sinh, già và bệnh chết
Xoay lăn không bờ mé
Việc làm trái với nguyện
Bị lo buồn làm hại
Dục sâu, tai họa lớn
Đau đớn không gì hơn
Ba cõi đều khổ não
Đất nước biết nương đâu
Căn bản vốn là không
Chỉ do duyên tạo thành
Thịnh rồi thì đến suy
Có thật thì có hư
Chúng sinh do vô minh
Đều sống trong huyễn mộng
Âm thanh tiếng dội không
Đất nước cũng như vậy
Thần thức vô hình tướng
Như xe ngựa bốn con
Voi vô minh bảo vệ
Giữ gìn chiếc xe ấy

Người lái xe vô thường
Thức vô thường là nhà
Thân tâm đều chưa lìa
Đâu có đất nước ư?

Pháp sư nói kệ xong, quyến thuộc vua Phổ Minh và đắc Pháp nhãn không, vua chứng đắc định Hư không đẳng. Nghe pháp được ngộ giải, vua trở về nước Thiên la… ở trong hội chúng của vua Ban Túc, vua Phổ Minh bảo chín trăm chín mươi chín vị vua rằng: Khi mạng sống sắp hết, mỗi vị nên tụng các câu kệ trong kinh Nhân Vương Vấn Bát nhã Ba la mật của bảy Đức Phật thời quá khứ.

Khi ấy, vua Ban Túc hỏi các vua:

–Pháp gì mà tất cả đều phải tụng?

Phổ Minh dùng bài kệ trên đáp lại. Vua nghe pháp đắc Tam-muội không, chín trăm chín mươi chín vị vua nghe pháp cũng chứng định Tam-muội không.

Bấy giờ vua Ban Túc rất vui mừng bảo các vua rằng:

–Tôi bị tà sư ngoại đạo làm cho mê lầm, gây nhiều tội lỗi chẳng xứng đáng một vị vua. Các ông hãy trở về đất nước mình, mỗi vị nên thỉnh Pháp sư giảng Bát nhã Ba la mật vị cú.

Khi ấy vua Ban Túc giao nước lại cho người em, xuất gia hành đạo, chứng Vô sinh pháp nhẫn. Như kinh Thập Vương đã nói, năm ngàn vị quốc vương thường tụng kinh này được pháp báu ngay hiện tại.

Đại vương! Mười sáu vị đại quốc vương tu pháp Hộ quốc cũng nên tụng kinh này, các ông đều phải thọ trì. Chúng sinh ở cõi trời, cõi người và chúng sinh trong sáu đường đều nên thọ trì danh vị cú của bảy Đức Phật. Ở đời vị lai, có vô lượng tiểu quốc vương muốn giữ gìn đất nước cũng nên làm như vậy, nên thỉnh pháp giảng nói Bát nhã Ba la mật.

Bấy giờ, khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni giảng nói Bát-nhã bala-mật, trong chúng có năm trăm ức người được vào Sơ địa. Tám mươi vạn vị Thiên tử ở sáu tầng trời cõi Dục đắc tánh không địa.

Lại có mười tám vị Phạm thiên đắc Vô sinh pháp nhẫn. Lại có các vị trước đã hành đạo Bồ-tát, chứng một Địa, hai Địa, ba Địa, cho đến mười Địa.

Lại có tám bộ chúng A-tu-la vương được một Tam-muội, hai Tam-muội được chuyển thân quỷ sinh lên cõi trời. Trong hội chúng ấy đều đạt được tự tánh tín cho đến vô lượng không tín. Nay ta nói lược các công đức ở cõi trời không thể nói hết.

Phẩm 6: TÁN HOA

Bấy giờ, mười sáu vị đại quốc vương nghe Phật nói mười vạn ức bài kệ Bát nhã Ba la mật tâm sinh vui mừng vô lượng liền tung rải trăm vạn ức thứ hoa biến thành một tòa hoa ở giữa hư không. Chư Phật mười phương đều ngồi trên tòa này giảng nói Bát-nhã ba-lamật, vô lượng đại chúng cùng ngồi trên một tòa, tung hoa Kim la, tung lên cúng dường Đức Phật Thích-ca Mâu-ni

tạo thành vạn lọng hoa, che trên đại chúng, lại tung tám mươi bốn ngàn hoa Bát-nhã bala-mật lên hư không, biến thành đài hoa trắng. Trong đài hoa đó, Đức Phật Quang Minh Vương giảng nói Bát nhã Ba la mật cho vô lượng đại chúng nghe. Trong đài hoa đó, đại chúng tung hoa Lôi hống lên cúng dường Đức Phật Thích-ca Mâu-ni và các đại chúng. Lại tung hoa Diệu giác lên hư không, biến thành tòa thành Kim cang. Trong thành đó, Phật Sư Tử Hống Vương cùng chư Phật mười phương, Bồ-tát bàn luận về Đệ nhất nghĩa đế. Trong thành đó, Bồ-tát Quang Minh tung gấm hoa lên cúng dường Phật Thích-ca, hoa đó tạo thành đài hoa. Trong đài hoa, chư Phật mười phương, chư Thiên, loài người tung hoa trời cúng dường Phật Thích-ca Mâu-ni. Hoa được tung lên giữa hư không biến thành lọng mây tím, che khắp tam thiên đại thiên thế giới. Trong lọng chư Thiên, loài người tung rải hằng hà sa các loài hoa rơi xuống như mưa.

Bấy giờ, các quốc vương tung hoa cúng dường xong, lại mong chư Phật ba đời thường giảng nói Bát nhã Ba la mật. Nguyện tất cả Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Tín nam, Tín nữ có những điều mong cầu đều được như ý, thường thực hành Bát nhã Ba la mật.

Phật bảo đại vương:

–Đúng thế, đúng thế, đúng như lời vua nói! Bát nhã Ba la mật nên giảng nói, nên thọ trì. Là mẹ của chư Phật, mẹ của Bồ-tát, là chỗ sinh ra thần thông.

Bấy giờ, Đức Phật vì nhà vua hiện ra năm pháp thần thông không thể nghĩ bàn. Một hoa vào trong vô lượng hoa, vô lượng hoa vào trong một hoa. Một cõi Phật vào trong vô lượng cõi Phật; vô lượng cõi Phật nhập vào trong một cõi nước bằng lỗ chân lông, một cõi nước bằng lỗ chân lông nhập vào vô lượng cõi nước bằng lỗ chân lông. Vô lượng núi Tu-di, vô lượng biển lớn nhập vào một hạt cải. Một thân Phật nhập vào vô lượng thân chúng sinh, vô lượng thân chúng sinh nhập vào một thân Phật, nhập vào thân sáu đường, nhập vào thân bốn đại. Thân Phật, thân chúng sinh và thế giới không thể suy nghĩ, luận bàn. Khi Phật hiện thần thông chư Thiên, loài người trong mười phương đều đắc Tam-muội Phật hoa, mười phương hằng hà sa Bồ-tát hiện thân thành Phật. Ba hằng hà sa, tám bộ quốc vương thành đạo Bồ-tát. Mười ngàn tín nữ hiện thân được thần thông Tam-muội.

Này thiện nam! Bát nhã Ba la mật lợi ích trong ba đời. Quá khứ Đức Phật đã nói, hiện tại đang nói, vị lai sẽ nói. Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, đúng như pháp tu hành

.

Phẩm 7: THỌ TRÌ

Lúc bấy giờ, vua Nguyệt Quang tâm nghĩ, miệng nói:

–Con đã thấy Đức Phật Thích-ca Mâu-ni hiện vô lượng thần lực, cũng thấy trên ngàn đài hoa có vô số Đức Phật, đó là Chủ hóa thân của tất cả Phật. Lại thấy các cõi Phật ở trong ngàn cánh hoa, chư Phật ở trong các cõi nước ấy đều giảng nói Bát nhã Ba la mật.

Bạch Thế Tôn! Vô lượng Bát nhã Ba la mật không thể giảng nói, không thể giải thích, không thể dùng thức để hiểu biết thì làm sao các thiện nam đối với kinh này hiểu biết rõ ràng để đúng như pháp khai thông pháp đạo cho tất cả chúng sinh?

Đức Phật dạy:

–Có người tu hành mười ba pháp quán, các thiện nam này là đại quốc vương tử tu tập nhẫn cho đến Kim cang đảnh, đều là Pháp vương, nương giữ kiến lập của đại chúng. Các vị nên cúng dường các vị ấy như cúng dường Phật, nên dùng trăm vạn ức hoa trời, hương trời để cúng dường.

Này thiện nam! Pháp sư ấy là Bồ-tát Tập chủng tánh. Nếu có Tín nam, Tín nữ, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni tu hành mười điều lành, tự quán, từng phần, địa, thủy, hỏa, phong, không, thức của thân mình đều là bất tịnh. Lại quán mười bốn Căn, đó là: năm Tình, năm Thọ, Ý, Mạng của nam nữ… đã tạo vô lượng tội lỗi cho nên phải phát tâm vô thượng Bồ-đề thường tu ba cõi, trong mỗi niệm niệm đều quán ba cõi là bất tịnh, nên đạt được pháp quán Bất tịnh nhẫn, ở trong nhà Phật tu sáu phép hòa kỉnh, đó là ba nghiệp đồng giới, đồng kiến, đồng học, tu tám mươi bốn ngàn Ba-la-mật đạo.

Này thiện nam! Bồ-tát tu pháp Tập nhẫn trở xuống, thực hành mười điều lành, có tiến, có lùi. Ví như sợi lông nhẹ theo gió bay khắp nơi, các vị Bồ-tát này cũng giống như vậy. Tuy đã mười ngàn kiếp thực hành mười Chánh đạo, phát tâm Bồ-đề mới vào địa vị Tập nhẫn nhưng các vị vẫn thường học ba pháp phục nhẫn, không thể gọi tên là hạng người bất định. Hạng người bất định này nhập vào sinh không vị, là tánh của bậc Thánh. Chắc chắn họ không gây năm tội nghịch, sáu tội trọng, hai mươi tám tội khinh. Kinh sách Phật pháp nói gây tội phản nghịch mà nói chẳng phải Phật thuyết thì không bao giờ có sự ấy. Trong một a-tăng-kỳ kiếp, tu phục đạo nhẫn hành mới được nhập vào địa vị Tăng-già-đà.

Lại nữa, Tánh chủng tánh thực hành mười Tuệ quán, diệt mười điên đảo và ngã, nhân, tri kiến, mỗi phần đều là giả ngụy. Chỉ có danh và thọ, chỉ có pháp không thật có. Vì vô định tướng, vô tự tha tướng nên tu không quán, vừa quán vừa hành trăm vạn Ba-la-mật. Mỗi niệm không rời tâm, với hai a-tăng-kỳ kiếp thực hành mười pháp Chánh đạo, trụ ở địa vị Ba-la-đà.

Lại nữa, Đạo chủng tánh, trụ ở kiên nhẫn, quán tất cả pháp vô sinh, vô trụ, vô diệt. Cái gọi là năm thọ, ba cõi, hai đế không có tướng tự tha. Như thật tánh không thật có nên thường vào Đệ nhất nghĩa đế, tâm, tâm vắng lặng, nên thọ sinh trong ba cõi. Vì sao? Vì nghiệp tập, quả báo chưa hoại diệt hết nên thuận đạo sinh. Lại với ba a-tăng-kỳ kiếp tu tám muôn ức Ba-la-mật sẽ được bình đẳng Thánh nhân địa, an trụ giác vị không lui sụt.

Lại nữa, Đại thiện giác trụ ở bình đẳng nhẫn, tu hành bốn nhiếp pháp, niệm niệm không rời, tâm nhập vào vô tướng xả diệt phiền não tham trong ba cõi. Đối với Đệ nhất nghĩa đế không hai là pháp tánh vô vi, nương vào chân lý mà diệt tất cả tướng nên gọi là Trí duyên diệt vô tướng vô vi, khi trụ ở Sơ nhẫn, vô lượng sinh tử ở vị lai không do Trí duyên diệt mà diệt nên gọi là phi Trí duyên diệt, vô tướng vô vi, vô tự tha tướng. Vì vô tướng nên vô lượng phương tiện đều hiện tiền. Quán thật tướng phương tiện đối với Đệ nhất nghĩa đế chẳng đắm, chẳng xuất, chẳng chuyển, chẳng điên đảo. Học khắp phương tiện mà không chứng, chẳng phải không chứng, nhưng học tất cả. Hồi hướng phương tiện là chẳng trụ quả, chẳng phải không trụ quả, nên hướng đến Nhất thiết trí. Ma tự tại phương tiện là đối với phi đạo mà hành Phật đạo, bốn thứ ma không làm xao động. Nhất thừa phương tiện là đối với tướng không hai thông đạt tất cả hành của chúng sinh. Biến hóa phương tiện là dùng nguyện lực tự tại sinh về tất cả cõi nước Phật thanh tịnh.

Như thế, này thiện nam! Giác trí ban đầu này đối với tướng hữu, vô là không hai, thật trí này soi chiếu công dụng mà không chứng không đắm, không xuất, không điên đảo là phương tiện

quán. Ví như nước và sóng chẳng phải một, chẳng phải khác, cho đến tất cả hành Ba-la-mật, Thiền định, Đà-la-ni chẳng phải một, chẳng phải hai nên mỗi một hành thành tựu. Có thể với bốn a-tăngkỳ kiếp tu hành, nhập vào công đức tạng môn này không còn nghiệp tập sinh trong ba cõi, cho nên đã xong không còn gây tạo nghiệp mới. Nhờ nguyện lực nên tự tại sinh về các cõi Tịnh độ. Vì thường tu xả quán nên chứng giác vị Cưu-ma-la-già, thường đem bốn Đại bảo tạng dạy cho người khác.

Lại nữa, Bồ-tát Đức Tuệ dùng bốn Tâm vô lượng diệt các phiền não sân… trong ba cõi trụ trong Trung nhẫn thực hành tất cả công đức. Có thể với năm a-tăng-kỳ kiếp thực hành đại Bi quán, tâm tâm thường hiện tiền, nhập giai vị vô tướng Xà-đà-ba-la, giáo hóa tất cả chúng sinh.

Lại nữa, người hành đạo có trí tuệ sáng suốt, thường dùng vô tướng nhẫn thực hành ba minh quán. Biết các pháp trong ba đời, không đến, không đi, không có trú xứ. Tâm tâm vắng lặng, dứt bỏ phiền não si trong ba cõi, được ba minh tất cả công đức quán. Với sáu a-tăng-kỳ kiếp tu tập vô nguyện, thường sinh về tất cả Tịnh độ. Vạn a-tăng-kỳ kiếp tu tập vô lượng Phật quang Tam-muội có khả năng hiện trăm vạn hằng hà sa thần lực chư Phật, trụ vào địa vị Bạcgià-phạm, cũng thường nhập vào Tam-muội Phật hoa.

Lại nữa, quán Phật Bồ-tát, trụ trong Tịch diệt nhẫn, kể từ khi mới phát tâm cho đến nay trải qua trăm muôn a-tăng-kỳ kiếp, tu trăm muôn a-tăng-kỳ công đức, chứng đạt tất cả pháp giải thoát, an trụ trên đài Kim cang.

Này thiện nam! Từ Tập nhẫn cho đến Đảnh Tam-muội đều gọi là hàng phục tất cả phiền não, tin vô tướng, diệt tất cả phiền não, sinh trí giải thoát, thấu rõ Đệ nhất nghĩa đế không gọi là kiến. Kiến là Nhất thiết trí, cho nên ta từ xưa đến nay đều nói chỉ có sự thấy biết của Phật là giác ngộ. Từ Đảnh Tam-muội trở xuống cho đến Tập nhẫn đều là chẳng thấy, chẳng biết, chẳng giác ngộ. Chỉ có Phật mới hiểu hoàn toàn, nên không gọi là Tín. Ở Tiệm tiệm phục thì tuệ tuy sinh diệt nhưng vì năng lực vô sinh diệt nên nếu tâm này diệt thì càng vô bất diệt. Vô sinh, vô diệt nhập vào lý tận Kim cang Tam-muội, đồng với mé chân, bình đẳng với pháp tánh, nhưng chưa thể bình đẳng với vô đẳng đẳng. Ví như có người ở trên tòa cao nhìn xuống thì thấy tất cả. An trụ lý tận Tam-muội cũng giống như vậy. Thường tu tất cả hạnh, đầy đủ công đức tạng, nhập vào địa vị Bàgià-độ, thường trụ Phật tuệ Tam-muội.

Này thiện nam! Các Bồ-tát này đều có khả năm giáo hóa chúng sinh, giảng nói chánh nghĩa, thọ trì, đọc tụng, giải thích thật tướng trong cõi nước của tất cả Như Lai trong mười phương, nói cũng như ta ngày nay không khác.

Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

–Sau khi ta diệt độ, lúc giáo pháp sắp diệt, thọ trì Bát-nhã bala-mật này là làm Phật sự lớn. Tất cả cõi nước an lập, an lạc nhân dân, cho nên ta phó chúc cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Tín nam, Tín nữ, người không có thế lực của vua thì không nên phó chúc. Các ông phải thọ trì, đọc tụng giải thích nghĩa lý.

Đại vương! Nay ta đã giáo hóa trăm ức núi Tu-di, trăm ức mặt trời, mặt trăng. Mỗi núi Tu-di có bốn châu thiên hạ. Cõi Diêm-phùđề ở phía Nam có mười sáu nước lớn, năm trăm nước vừa, mười ngàn nước nhỏ. Trong mỗi cõi nước xảy ra bảy tai nạn, tất cả quốc vương bị tai nạn nên

thỉnh Pháp sư giảng đọc Bát nhã Ba la mật, bảy tai nạn liền tiêu diệt, bảy phước liền sinh, dân chúng an vui. Đế vương hoan hỷ.

Bảy tai nạn đó là gì?

Tai nạn thứ nhất là mặt trời, mặt trăng vận hành không đúng quy luật. Thời tiết trái ngược, hoặc xuất hiện mặt trời màu đỏ, mặt trời mầu đen, hoặc hai, ba, bốn, năm mặt trời xuất hiện, hoặc mặt trời bị nhật thực không chiếu sáng, hoặc vòng mặt trời xuất hiện một, hai, ba, bốn, năm lớp. Khi những việc quái lạ xuất hiện thì nên đọc tụng, giảng nói kinh này.

Nạn thứ hai là hai mươi tám vì sao vận hành không đúng độ. Kim tinh, Tuệ tinh, Luân tinh, Quỷ tinh, Hỏa tinh, Thủy tinh, Phong tinh, Đao tinh, Nam đẩu, Bắc đẩu, Ngũ trấn đại tinh, Nhất thiết quốc chủ tinh, Tam công tinh, Bách quan tinh, các ngôi sao như vậy thay nhau biến hiện. Khi những việc như vậy xảy ra cũng nên đọc tụng, giảng nói kinh này.

Nạn thứ ba là lửa lớn đốt cháy cõi nước, nhân dân bị thiêu chết, hoặc lửa quỷ, lửa rồng, lửa trời, lửa thần núi, lửa người, lửa cây cối, lửa đạo tặc biến hiện quái dị như thế thì nên đọc tụng, giảng nói kinh này.

Nạn thứ tư là nước lớn cuốn trôi nhân dân, thời tiết trái ngược. Mùa đông thì mưa, mùa hạ tuyết rơi, mùa đông sấm sét nổi lên. Tháng sáu mưa đá, mưa đỏ, mưa đen, mưa xanh, mưa đất đá, mưa cát sỏi. Nước sông chảy ngược, đá trôi, núi lở. Khi những sự biến quái như vậy xảy ra thì nên đọc tụng, giảng nói kinh này.

Nạn thứ năm là gió lớn thổi mạnh, giết hại nhân dân, đất nước, sông núi, cây cối, cùng lúc đều bị tiêu diệt, phi thời có gió lớn, gió đen, gió đỏ, gió xanh, gió trời, gió đất, gió lửa. Khi những tai biến như thế xảy ra thì cũng nên đọc tụng kinh này.

Nạn thứ sáu là khắp các cõi nước nhiệt độ rất cao, thiêu đốt cỏ cây, hạn hán làm ngũ cốc không thu hoạch được. Mặt đất bị thiêu đốt, nhân dân bị tiêu diệt. Khi những tai biến như thế xảy ra thì cũng nên đọc tụng kinh này.

Nạn thứ bảy là giặc bốn phương đến xâm chiếm. Trong nước giặc loạn nổi lên; giặc lửa, giặc nước, giặc gió, giặc quỷ làm cho nhân dân ly loạn, chiến tranh nổi lên. Khi các tai biến như thế xảy ra thì nên đọc tụng kinh này.

Đại vương! Bát nhã Ba la mật này là căn bản tinh thần của chư Phật, Bồ-tát và tất cả chúng sinh, là cha mẹ của tất cả quốc vương, là phù lệnh của nhà vua, là hạt châu diệt quỷ, là hạt châu như ý, là châu hộ quốc, là tấm gương chiếu soi trời đất, là vật báu của Long vương.

Phật lại bảo:

–Đại vương nên làm lá phướn chín màu, dài chín trượng, với hoa chín màu, cao hai trượng, ngàn cây đèn đều cao năm trượng, chín cái rương ngọc, chín cái khăn ngọc, làm cái án bằng bảy báu để đăt kinh này.

Nếu khi vua đi thì ngay ở trước vua cách một trăm bước, kinh này thường phát ra ánh sáng. Trong phạm vi một ngàn dặm, bảy tai nạn không sinh khởi, tội lỗi không sinh ra. Nếu khi vua đứng thì có trướng bảy báu che mát, trong đó có tòa cao bằng bảy báu dùng để kinh, ngày ngày cúng dường, rải hoa, đốt hương, như cúng dường cha mẹ, như thờ Đế Thích.

Đại vương! Ta dùng năm loại mắt thấy rõ ba đời, tất cả quốc vương đều do thời quá khứ đã theo hầu năm trăm Đức Phật, nên được làm đế vương, quốc chủ, vì thế các bậc Thánh, La-hán

đều sinh ở cõi nước kia làm nhiều lợi ích. Khi vua hết thuốc thì bậc Thánh, La-hán không còn nữa, bảy tai nạn lại khởi lên.

Đại vương! Nếu đời vị lai có các quốc vương hộ trì Tam bảo thì ta sẽ sai năm vị Bồ-tát có sức mạnh đến ủng hộ vị quốc vương ấy. Bồ-tát Kim cang Hống tay cầm bánh xe ngàn báu đến che chở nước ấy, Bồ-tát Long Vương Hống tay cầm đèn Kim luân đến che chở nước ấy, Bồ-tát Vô Uy Thập Lực Hống tay cầm chày Kim cang đến che chở nước ấy, Bồ-tát Lôi Điện Hống tay cầm mành lưới ngàn báu đến che chở nước ấy, Bồ-tát Vô Lượng Lưc Hống tay cầm năm mươi luân kiếm đến che chở nước ấy, năm vị Bồ-tát này có năm ngàn vị đại thần vương, làm việc lợi ích lớn ở quốc độ đó, các ông nên lập tượng cúng dường.

Đại vương! Nay ta đem Tam bảo giao phó cho tất cả quốc vương các ông. Nước Kiều-tát-la, nước Xá-vệ, nước Ma-kiệt-đà, nước Ba-la-nại, nước Ca-tỳ-la-vệ, nước Cưu-thi-na, nước Cưu-diệmdi, nước Cưu-lưu, nước Kế tân, nước Di-đề, nước Già-la-càn, nước Càn-đà-vệ, nước Sa-đà, nước Tăng-già-đà, nước Kiến-nô-quật-xà, nước Ba-đề, tất cả các vị quốc vương này đều nên thọ trì Bát-nhã bala-mật.

Bấy giờ, các đại chúng và A-tu-la vương nghe Phật nói bảy điều đáng sợ ở đời vị lai thì khắp mình nổi ốc, lớn tiếng kêu than, nguyện không sinh về cõi nước ấy.

Bấy giờ, mười sáu vị quốc vương liền giao phó việc nước lại cho người em, rồi xuất gia tu đạo, quán bốn đại, bốn sắc là tướng thắng xuất; bốn đại, bốn sắc không dùng thức, không nhập vào hành tướng. Ba mươi nhẫn là tướng Sơ địa, vị quốc vương bỏ thân phàm phu nhập vào thân Lục trụ, bỏ thân bảy lần sinh tử nhập vào tám Pháp thân, chứng tất cả hành Bát nhã Ba la mật.

Mười tám Phạm thiên, A-tu-la vương, đắc ba thừa quán đồng với cảnh vô sinh. Các vị ấy lại rải hoa cúng dường: Không pháp tánh hoa, Thánh nhân hoa, Thuận hoa, Vô sinh hoa, Pháp lạc hoa, Kim cang hoa, Duyên quán trung đạo hoa, Tam thập thất phẩm hoa, để rải lên Phật và chín trăm ức Đại Bồ-tát. Các chúng sinh đã chứng đạo quả dùng tâm Không hoa, tâm Thọ hoa, lục Ba-la-mật hoa, Diệu giác hoa rải lên Phật và đại chúng. Mười ngàn vị Bồ-tát nhớ nghĩ chúng sinh ở vị lai liền chứng Tam-muội diệu giác, Tam-muội viên minh, Tam-muội Kim cang, Tam-muội thế đế, Tam-muội chân đế, Tam-muội đệ nhất nghĩa đế. Tam đế Tam-muội này là Nhất thiết Tam-muội vương Tam-muội, cũng được Vô lượng Tam-muội, Thất tài Tam-muội, hai mươi lăm hữu Tam-muội, Nhất thiết hành Tam-muội. Lại có mười ức vị Bồ-tát chứng Kim cang đảnh, thành Chánh giác.

Phẩm 8: CHÚC LỤY

Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

–Ta đã dạy các ông sau khi ta diệt độ khoảng tám mươi năm, tám trăm năm, tám ngàn năm khi không có Phật, Pháp, Tăng, không có tín nam, tín nữ, kinh Tam bảo này giao phó cho các quốc vương và bốn đệ tử thọ trì, đọc tụng, giải nghĩa, khai mở tuệ đạo cho chúng sinh trong ba cõi. Các vị tu bảy bậc hiền, hành mười điều lành, giáo hóa tất cả chúng sinh. Vào đời ngũ trược, sau này Tỳ-kheo, Tỳ-kheoni, Tín nam, Tín nữ, tám bộ Thiên long, tất cả Thần vương, quốc vương, đại thần, thái tử, vương tử, tự ỷ dòng họ cao quý, phá hoại giáo pháp của ta, lập ra điều

luật hạn chế không cho Tỳ-kheo, Tỳkheo-ni xuất gia học đạo, cũng không cho tạo tượng Phật, xây tháp. Lập ra các chức quan quản lý, kiềm chế bốn chúng đệ tử Phật, ghi chép Tăng chúng vào sổ bộ. Tỳ-kheo đứng dưới đất, còn cư sĩ ngồi trên tòa cao. Binh nô làm Tỳ-kheo, thọ pháp thỉnh riêng. Các Tỳkheo tri thức cùng với các Tỳ-kheo thân thiện tổ chức trai hội, cầu phước như pháp ngoại đạo, chẳng đúng với giáo pháp của Phật; nên biết khi ấy Chánh pháp không bao lâu sẽ bị hoại diệt.

Đại vương! Các vị đó tự ỷ vào oai lực, phá hoại đạo pháp của ta, cấm chế bốn chúng đệ tử, làm cho nhân dân gặp nhiều khổ hoạn, bệnh tật, đó là nhân duyên phá nước. Nói về tội lỗi đời ngũ trược cho đến suốt kiếp cũng không hết được.

Đại vương! Đời mạt pháp ở vị lai có các Tỳ-kheo bốn bộ đệ tử cùng quốc vương, đại thần ngang ngược làm nhiều hành vi phi pháp, trói buộc Tỳ-kheo như pháp ngục tù, khi ấy nên biết giáo pháp diệt tận.

Đại vương! Sau khi ta diệt độ, bốn bộ đệ tử ở đời vị lai, các tiểu quốc vương, thái tử, vương tử vào chùa ủng hộ Tam bảo, lần lần cùng nhau phá hoại Tam bảo, giống như côn trùng ở trong thân sư tử tự ăn thịt sư tử, chẳng phải ngoại đạo đến phá. Người phá hoại Phật pháp mắc tội rất lớn, làm cho chánh pháp suy đồi, nhân dân không có chánh hạnh, do đó dần dần làm ác, mạng sống ngày một giảm dần cho đến một trăm năm. Người phá hoại Phật pháp sinh con bất hiếu, quyến thuộc bất hòa, Thiên thần không giúp đỡ. Bệnh truyền nhiễm và ác quỷ thường đến làm hại, tai họa thường xảy ra, chết đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu sinh làm người mắc quả báo làm binh nô, như bóng theo hình, như người ngày đêm sống với lửa cháy. Quả báo trong ba cõi cũng giống như vậy.

Đại vương! Trong đời vị lai, quốc vương, thái tử, bốn bộ đệ tử, ngang ngược với đệ tử Phật, chế ra cấm giới như pháp cư sĩ, như pháp binh nô, hoặc Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ghi tên làm sứ giả cho quan lại, đều chẳng phải đệ tử của ta. Đó là pháp binh nô, hoặc lập sổ ghi tên quản lý Tăng chúng như pháp ngục tù, như pháp binh nô, nên biết khi ấy Phật pháp không còn bao lâu sẽ bị hoại diệt.

Đại vương! Ở đời vị lai, các tiểu quốc vương, bốn bộ đệ tử gây ra tội lỗi làm nhân duyên phá hoại đất nước, thân tự làm các việc chẳng phải Phật, Pháp, Tăng.

Đại vương! Trong đời vị lai việc truyền bá kinh này là pháp khí của bảy Đức Phật, là đạo thực hành của chư Phật mười phương. Các ác Tỳ-kheo thường cầu danh lợi, nói với quốc vương, thái tử, vương tử về nhân duyên phá hoại Phật pháp, phá hoại đất nước. Các vị quốc vương mê muội tin theo lời nói này, ngang ngược lập pháp chế không y theo giới Phật, đó là nhân duyên phá hoại Phật pháp, phá hoại đất nước. Khi ấy nên biết chánh pháp không còn bao lâu nữa sẽ bị hóa diệt.

Bấy giờ, khi nghe Đức Phật bảy lần răn dạy những việc ở đời vị lai, mười sáu vị đại quốc vương buồn rầu, than khóc động đến cả Tam thiên. Mặt trời, mặt trăng, năm ngôi sao, hai mươi tám tinh tú mất hẳn ánh sáng.

Bấy giờ, các quốc vương đều dốc lòng thọ trì lời Phật, không cấm chế bốn bộ đệ tử Phật xuất gia hành đạo. Bấy giờ, đại chúng mười tám vị Đại Phạm vương, các Thiên tử ở sáu tầng trời Lục dục đều khen ngợi. Khi ấy nên biết thế gian như hư không, không có Phật xuất hiện.

Khi Phật nói nhân duyên hộ trì Phật, hộ trì đất nước thì vô lượng đại chúng, trăm ức Bồ-tát Di-lặc, Sư Tử Nguyệt… trăm ức Xálợi-phất, Tu-bồ-đề… năm trăm ức, mười tám Phạm thiên, các thiên tử sáu tầng trời cõi Dục, ba cõi, sáu đường, A-tu-la… nghe như vậy hết sức vui mừng, lễ Phật, thọ trì Bát nhã Ba la mật.

HẾT

(Kinh "Nhân Vương Bát Nhã Bát Ba La Mật")

---o0o---

(Tạng Thư Phật Học)

27. Kinh "Nhân Vương Hộ Quốc Bát Nhã Ba La Mật Đa"

Đại Tạng Kinh Việt Nam mang số 0246, 2 quyển do Tam tạng Sa-môn Bất Không đời Đường dịch từ Phạn sang Hán và nhóm Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh dịch Từ Hán sang Việt.

QUYỂN THƯỢNG
Phẩm 1: TỰA

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật ở trong núi Thứu phong, thuộc thành Vương xá cùng với một ngàn tám trăm vị Tỳ-kheo đều là A-la-hán, đã diệt tận các lậu, không còn phiền não, tâm hoàn toàn giải thoát, tuệ hoàn toàn giải thoát, đạt chín trí, mười trí, việc làm đã làm xong, quán đúng như thật về ba điều giả, quán ba môn không, đã thành tựu công đức hữu vi và công đức vô vi.

Lại có tám trăm vị Tỳ-kheo-ni đều là A-la-hán. Lại có vô lượng vô số Đại Bồ-tát với thật trí bình đẳng, đoạn sạch phiền não chướng, có phương tiện thiện xảo phát hạnh nguyện lớn, lấy bốn Nhiếp pháp làm lợi ích chúng sinh, đem bốn Tâm vô lượng che trùm tất cả, thấu suốt ba Minh, chứng đắc năm Thần thông, tu tập vô biên pháp Bồ-đề phần, có kỹ thuật thiện xảo vượt hơn thế gian, thâm nhập duyên sinh, Không, Vô tướng, Vô nguyện, ra vào diệt định, thị hiện khó lường, thu phục ma oán, hiểu rõ cả hai đế với

Pháp nhãn thấy biết tất cả nguồn căn của chúng sinh, với bốn Vô ngại giảng nói không sợ sệt, với mười Lực diệu trí, tiếng giảng pháp như sấm động, gần gũi Tam-muội Kim cang vô đẳng đẳng. Các vị ấy đều có đầy đủ các công đức như vậy.

Lại có vô lượng chúng Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, tất cả đều thấy Thánh đế.

Lại có vô lượng vị tu hạnh Thất hiền, Niệm xứ, Chánh cần, Thần túc, Căn, Lực, tám Thắng xứ, mười Biến xứ, mười sáu Tâm hành, hướng đến bốn Đế hiện quán.

Lại có 16 đại quốc vương: vua Ba-tư-nặc… mỗi vị có biết bao ngàn vạn quyến thuộc tùy tùng.

Lại có sáu vị Thiên vương cõi Dục: Thích Đề-hoàn Nhân… cùng vô lượng Thiên tử quyến thuộc tùy tùng.

Có bốn Tĩnh tự thiên ở cõi Sắc: các Đại Phạm vương… với vô lượng Thiên tử quyến thuộc tùy tùng.

Có vô lượng hữu tình biến hóa của các cõi như A-tu-la… và rất nhiều quyến thuộc tùy tùng.

Lại có trăm ức tòa Sư tử biến hiện ở cõi tịnh khắp mười phương. Đức Phật ngồi trên tòa ấy giảng nói điều cốt lõi của pháp. Trước mỗi tòa hiện một đóa hoa, trăm ức đóa hoa ấy được trang hoàng bằng những vật quý báu. Trên mỗi đóa hoa có vô lượng hóa Phật, vô lượng Bồ-tát, vô lượng bốn chúng và tám bộ. Chư Phật ở trong đó đều giảng nói Bát nhã Ba la mật đa, lần lượt lưu bố khắp hằng sa cõi chư Phật ở mười phương.

Tất cả các đại chúng đến như vậy đều lạy sát hai chân Đức Phật rồi lui ngồi qua một bên.

Bấy giờ vào ngày mồng tám tháng giêng, Đức Thế Tôn nhập Tam-ma-địa đại tịch tĩnh diệu. Các lỗ chân lông trên thân Ngài phóng ánh sáng lớn chiếu khắp hằng sa cõi Phật ở mười phương. Khi ấy, vô lượng chư Thiên ở cõi Dục mưa các loại hoa đẹp. Chư Thiên cõi Sắc cũng mưa hoa trời đủ các màu sắc xen lẫn với nhau rất là đẹp mắt. Cõi Vô sắc mưa các hoa thơm, mùi thơm như Tu-di, hoa như bánh xe, như mây bủa xuống che khắp đại chúng và Phật, làm thế giới chấn động sáu cách.

Bấy giờ đại chúng nói với nhau:

–Trước đây Đại Giác Thế Tôn vì chúng ta đã nói Ma-ha Bát nhã Ba la mật đa, Kim cang Bát nhã Ba la mật đa, Thiên vương vấn Bát nhã Ba la mật đa, Đại phẩm đẳng vô lượng vô số Bát nhã Ba la mật đa. Hôm nay Như Lai phóng ánh sáng lớn như vậy là do nguyên nhân gì?

Khi ấy, vua Ba-tư-nặc nước Thất-la-phiệt suy nghĩ: "Hôm nay Đức Phật hiện tướng hy hữu như vậy, chắc chắn là có mưa pháp làm cho tất cả đều được lợi ích an lạc."

Thế rồi vua hỏi các Ưu-bà-tắc Bảo Cái, Vô Cấu Xứng…, các Đại Thanh văn Xá-lợi-phất, Tu-bồ-đề…, các Đại Bồ-tát Di-lặc, Sư Tử Hống…:

–Điều Như Lai biểu hiện là tướng của điềm lành gì?

Khi ấy các đại chúng không ai trả lời được. Nương sức oai thần của Phật, vua Ba-tư-nặc… trổi vang âm nhạc, chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc đều tấu lên vô lượng các kỹ nhạc trời, tiếng nhạc vang khắp cả tam thiên đại thiên thế giới.

Bấy giờ, Thế Tôn lại phóng vô lượng vô số ánh sáng. Ánh sáng ấy đủ cả màu sắc lẫn lộn. Trong mỗi vầng ánh sáng hiện lên hoa sen báu, mỗi hoa có ngàn cánh làm bằng vàng ròng và có hóa Phật ngồi ở trên giảng nói điều cốt yếu của pháp. Ánh sáng của Phật chiếu khắp hằng hà sa cõi Phật trong mười phương, vì có nhân duyên nên hiện lên như vậy.

Trong cõi Phật ở các phương khác: phương Đông có Đại Bồ-tát Phổ Quang, phương Đông nam có Đại Bồ-tát Liên Hoa Thủ, phương Nam có Đại Bồ-tát Ly Ưu, phương Tây nam có Đại Bồ-tát Quang Minh, phương Tây có Đại Bồ-tát Hành Tuệ, phương Tây bắc có Đại Bồ-tát Bảo Thắng, phương Bắc có Đại Bồ-tát Thắng Thọ, phương Đông bắc có Đại Bồ-tát Ly Trần, phương trên có Đại Bồ-tát Hỷ Thọ, phương dưới có Đại Bồ-tát Liên Hoa Thắng, đều cùng vô lượng trăm ngàn ức Đại Bồ-tát đồng đến đây, đem đủ loại hương thơm, rải đủ loại hoa, trổi vô lượng âm nhạc để cúng dường Như Lai và đảnh lễ sát hai chân Ngài rồi im lặng lui qua một bên, ngồi chắp tay cung kính, nhất tâm chiêm ngưỡng Đức Phật.

Phẩm 2: QUÁN NHƯ LAI

Bấy giờ, Thế Tôn ra khỏi Tam-muội, ngồi nơi tòa Sư tử, dạy đại chúng:

–Ta biết mười sáu vị đại quốc vương đều nghĩ như vầy: "Thế Tôn đại Bi làm cho tất cả đều được lợi ích an lạc. Các vua chúng ta phải giữ gìn đất nước như thế nào?". Này thiện nam, trước tiên vì các Đại Bồ-tát, ta sẽ nói về việc giữ gìn quả Phật, giữ gìn hạnh Thập địa. Các ông phải lắng nghe cho rõ, lắng nghe cho thật kỹ, ghi nhớ đúng về việc ấy.

Nghe Đức Phật nói như vậy, cả đại chúng, vua Ba-tư-nặc… đều cùng nhau khen ngợi:

–Lành thay, lành thay!

Rồi rải vô lượng hoa báu thơm đẹp, hoa ấy biến thành lọng báu ở giữa hư không, che khắp cả đại chúng và che khắp mọi nơi.

Khi ấy, vua Ba-tư-nặc đứng dậy đảnh lễ sát chân Đức Phật, chắp tay quỳ thẳng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát giữ gìn quả Phật như thế nào? Giữ gìn hạnh Thập địa như thế nào?

Đức Phật dạy vua Ba-tư-nặc:

–Giữ gìn quả Phật là Đại Bồ-tát nên trụ như vầy: giáo hóa tất cả loài noãn sinh, thai sinh, thấp sinh và hóa sinh, không quán sắc tướng, không quán sắc, như thọ, tưởng, hành thức. Ngã, nhân, thường, lạc, ngã, tịnh, bốn Nhiếp, sáu Độ, hai Đế, bốn Đế, Lực, Vô úy… tất cả các hạnh cho đến Bồ-tát, Như Lai cũng đều như vậy, không quán tưởng, không quán Như. Vì sao? Vì tánh

của các pháp là chân thật, nó không đến không đi, không sinh không diệt, đồng đẳng với chân tế, pháp tánh không có hai, không riêng biệt, như hư không, tướng uẩn xứ giới không có ngã, không có ngã sở. Đó là Đại Bồ-tát tu hành Bát nhã Ba la mật đa.

Vua Ba-tư-nặc thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu tánh của Bồ-tát và chúng sinh không có hai thì Bồ-tát lấy tướng gì để giáo hóa chúng sinh?

Phật dạy:

–Này đại vương! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là thường, lạc, ngã, tịnh. Pháp tánh không trụ vào sắc, không trụ vào phi sắc. Thọ, tưởng, hành, thức là thường, lạc, ngã, tịnh; không trụ vào tịnh, cũng không trụ vào phi tịnh. Vì sao? Vì tánh của các pháp đều là không, do thế đế, do ba giả mà có. Tất cả hữu tình và pháp uẩn, xứ, giới, tạo phước, chẳng phải phước, hạnh bất động…, do nhân quả mà có thì các hạnh của Thánh hiền Tam thừa đã tu cho đến quả Phật đều nói là có. Sáu mươi hai kiến cũng gọi là có.

Này đại vương! Nếu chấp trước vào danh tướng để phân biệt các pháp, hành quả của sáu cõi, bốn sinh, ba thừa tức là không thấy được thật tánh của các pháp.

Vua Ba-tư-nặc thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật tánh của các pháp là thanh tịnh, bình đẳng, phi hữu, phi vô. Vậy trí quán chiếu như thế nào?

Phật dạy:

–Này đại vương! Trí quán chiếu thật tánh phi hữu phi vô. Vì sao? Vì pháp tánh là không; tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, mười hai xứ, mười tám giới, sáu cảnh giới của phàm phu, mười hai nhân duyên, hai Đế, bốn Đế, tất cả đều không. Các pháp ấy thoạt sinh thoạt diệt, thoạt có thoạt không, trong từng sát-na từng sát-na cũng như vậy. Vì sao? Vì trong một niệm có chín mươi sát-na. Mỗi sát-na trải qua chín trăm lần sinh diệt. Vì các pháp hữu vi đều là không. Nhờ Bát nhã Ba la mật đa thâm sâu nên chiếu thấy tất cả các pháp đều không, nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, thắng nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, vô thủy không, cứu cánh không, tán không, bản tánh không, tự tướng không, tất cả pháp không, Bát nhã Ba la mật đa không, nhân không, quả Phật không, không không cho nên không. Các pháp hữu vi do pháp tập hợp nên có, thọ tập hợp nên có, danh tập hợp nên có, nhân tập hợp nên có, quả tập hợp nên có, sáu cõi có, mười Địa nên có, quả Phật có, tất cả đều có.

Này thiện nam! Nếu Bồ-tát trụ tướng của pháp mà có tướng ngã, tướng nhân, hữu tình, tri kiến là trụ vào thế gian, tức chẳng phải Bồ-tát. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều không. Nếu đối với các pháp mà đắc bất động, không sinh không diệt, vô tướng, không vô tướng thì không nên khởi kiến chấp. Vì sao? Vì tất cả pháp đều là Như. Phật, Pháp, Tăng cũng Như. Trong một niệm đầu tiên khi Thánh trí hiện tiền thì có đầy đủ tám vạn bốn ngàn Ba-la-mật-đa, gọi là địa Hoan hỷ, sạch các chướng, chuyên chở sự giải thoát, gọi là thừa. Khi tướng động diệt thì gọi là định Kim cang, tướng lễ bình đẳng thì gọi là trí Nhất thiết trí.

Này đại vương! Văn tự, chương cú của Bát nhã Ba la mật đa này trăm Đức Phật, ngàn Đức Phật, trăm ngàn vạn ức Đức Phật đều cùng nói. Nếu có người đem hằng hà sa bảy báu đầy cả tam thiên đại thiên thế giới để bố thí, làm cho tất cả hữu tình trong đại thiên thế giới đều chứng

quả A-la-hán, không bằng người đối với kinh này, dù chỉ một niệm khởi lòng tin thanh tịnh, huống chi người thọ trì, đọc tụng, hiểu một câu. Vì sao? Vì lìa tánh văn tự, không có tướng văn tự, chẳng phải pháp, chẳng phải phi pháp. Vì Bát-nhã là không, nên Bồ-tát cũng không. Vì sao? Vì trong mười Địa, Địa nào cũng đều có mới bắt đầu sinh, hiện đang sinh, cho đến chấm dứt sự sinh. Như vậy, ba mươi sinh đều là không. Trí Nhất thiết trí cũng đều không.

Này đại vương! Nếu Bồ-tát thấy có cảnh giới, thấy trí tuệ, thấy nói, thấy thọ trì thì tức chẳng phải sự thấy của bậc Thánh mà đó là sự thấy của phàm phu. Quả báo của hữu tình ba cõi là hư vọng. Các nghiệp ở cõi Dục do phân biệt đã tạo ra, các nghiệp của bốn Tĩnh lự định ở cõi Sắc đã tạo ra, các nghiệp của bốn không định ở cõi Vô sắc đã tạo ra, tất cả nghiệp quả của ba cõi đều là không. Căn bản vô minh của ba cõi cũng không. Các địa của bậc Thánh, vô lậu sinh diệt. Sự huân tập các vô minh khác, quả báo có thay đổi ở trong ba cõi cũng đều là không. Nhân quả trong hai trường hợp chết của Bồ-tát ở ngôi Đẳng giác đã đắc định Kim cang là không, Nhất thiết trí cũng không. Phật Vô Thượng Giác, các trí đã viên mãn; trạch, phi trạch diệt, pháp giới chân tịnh, tánh tướng bình đẳng, việc ứng hóa cũng không.

Này thiện nam! Nếu có người tu tập Bát Nhã, thì người nói, người nghe như nhà ảo thuật không nói, không nghe. Pháp đồng với pháp tánh giống như hư không. Tất cả đều là Như.

Này đại vương! Đại Bồ-tát giữ gìn quả Phật là như vậy.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo vua Ba-tư-nặc:

–Ông dùng tướng gì để quán Như Lai?

Vua Ba-tư-nặc thưa:

–Quán thật tướng của thân thì quán Phật cũng như vậy, không có khoảng trước, không có khoảng sau, không có khoảng giữa, không trụ ba khoảng, không lìa ba khoảng, không trụ vào năm uẩn, không trụ bốn đại, không lìa bốn đại, không trụ sáu xứ, không lìa sáu xứ, không trụ ba cõi, không lìa ba cõi, không trụ phương hướng, không lìa phương hướng. Minh và vô minh đồng đẳng, chẳng phải một, chẳng phải khác, chẳng phải đây, chẳng phải kia, chẳng phải tịnh, chẳng phải uế, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, không có tự tướng, không có tha tướng, không danh, không tướng, không mạnh, không yếu, không bày, không nói, chẳng phải bố thí, chẳng phải xan tham, chẳng phải giữ giới, chẳng phải phạm, chẳng phải nhẫn nhục, chẳng phải sân giận, chẳng phải tinh tấn, chẳng phải biếng nhác, chẳng phải định, chẳng phải loạn, chẳng phải trí tuệ, chẳng phải ngu si, chẳng phải đến, chẳng phải đi, chẳng phải vào, chẳng phải ra, chẳng phải ruộng phước, chẳng phải không ruộng phước, chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải nắm bắt, chẳng phải xả bỏ, chẳng phải lớn, chẳng phải nhỏ, chẳng phải thấy, chẳng phải nghe, chẳng phải hay, chẳng phải biết, diệt hết nơi hoạt động của tâm, dứt hẳn đường ngôn ngữ, pháp tánh đồng với chân tế. Con dùng tướng như vậy để quán Như Lai.

Phật dạy:

–Này thiện nam! Đúng như lời ông đã nói, các Lực, Vô úy… hằng hà sa công đức, các pháp bất cộng của chư Phật Như Lai đều như vậy. Người nào tu tập Bát nhã Ba la mật đa nên quán như vậy. Nếu quán khác đi thì gọi là tà quán.

Khi Đức Phật nói pháp này có vô lượng đại chúng đắc Pháp nhãn tịnh.

Phẩm 3: HẠNH BỒ-TÁT

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát giữ gìn hạnh Thập địa nên tu hành thế nào? Giáo hóa chúng sinh thế nào? Và lại dùng tướng gì để quán sát?

Đức Phật dạy:

–Này đại vương! Các Đại Bồ-tát nương vào năm pháp nhẫn để tu hành, đó là: Phục nhẫn, Tín nhẫn, Thuận nhẫn, Vô sinh nhẫn đều có thượng, trung, hạ. Còn đối với Tịch tịnh nhẫn thì có thượng, hạ. Đó gọi là Bồ-tát tu hành Bát nhã Ba la mật đa.

Này thiện nam! Mới vào địa Phục nhẫn bắt đầu huân tập chủng tánh tu hạnh Thập trụ. Tướng mới phát tâm có hằng hà sa chúng sinh, thấy Phật, Pháp, Tăng phát mười Tín, đó là: Tín tâm, Niệm tâm, Tinh tấn tâm, Tuệ tâm, Định tâm, Bất thoái tâm, Giới tâm, Nguyện tâm, Hộ pháp tâm và Hồi hướng tâm. Nếu đầy đủ mười tâm này thì có thể giáo hóa chúng sinh được phần nhỏ, vượt qua tất cả địa thiện của hàng Nhị thừa. Đó là Bồ-tát mới nuôi lớn tâm, là Thánh thai.

Lại nữa, Bồ-tát ở ngôi tánh chủng tánh tu hành mười loại Bala-mật-đa, phát sinh mười thứ đối trị, nghĩa là quán sát thân, thọ, tâm, pháp là bất tịnh, các khổ, vô thường, vô ngã, trị ba căn bất thiện: tham, sân, si; phát sinh ba thiện căn: bố thí, từ bi, trí tuệ; quán sát ba đời nhân nhẫn ở quá khứ, nhân quả nhẫn ở hiện tại, quả nhẫn ở vị lai. Bồ-tát ở địa vị này làm lợi lạc cho chúng sinh, vượt qua các tư tưởng ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh…, tư tưởng điên đảo của ngoại đạo không thể nào làm hại được.

Lại nữa, Bồ-tát ở ngôi đạo chủng tính tu Thập hồi hướng, phát mười tâm nhẫn, nghĩa là quán năm uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức thì đắc được Giới nhẫn, Định nhẫn, Tuệ nhẫn, Giải thoát nhẫn và Giải thoát tri kiến nhẫn. Quán nhân quả ba cõi thì đắc được Không nhẫn, Vô tưởng nhẫn và Vô nguyện nhẫn. Quán các pháp giả thực của nhị đế là vô thường thì đắc Vô thường nhẫn. Quán tất cả pháp là không thì đắc Vô sinh nhẫn. Bồ-tát ở ngôi này làm Chuyển luân vương, có năng lực giáo hóa rộng khắp làm lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Lại nữa, Bồ-tát ở ngôi Tín nhẫn, nghĩa là ở địa Hoan hỷ. Địa Ly cấu và địa Phát quang có thể đoạn trừ ba chướng và đoạn trừ phiền não của sắc, hành bốn Nhiếp pháp: Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành và Đồng sự; tu bốn Tâm vô lượng: tâm Từ vô lượng, tâm Bi vô lượng, tâm Hỷ vô lượng và tâm Xả vô lượng; đầy đủ bốn hoằng nguyện, đoạn trừ các triền cái, luôn giáo hóa chúng sinh, tu tri kiến Phật, chứng thành Vô thượng giác, trụ vào ba môn giải thoát: Không giải thoát môn, Vô tướng giải thoát môn, Vô nguyện giải thoát môn. Đây là các hạnh căn bản của Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm đến khi đạt trí Nhất thiết, làm lợi ích an lạc cho tất cả chúng sinh.

Lại nữa, Bồ-tát ở ngôi Thuận nhẫn, nghĩa là ở địa Diệm tuệ, địa Nan thắng và địa Hiện tiền có thể đoạn trừ ba chướng và dây phiền não thuộc tâm. Một thân có thể đi khắp cả ức cõi Phật ở mười phương, hiện thần thông biến hóa không thể diễn tả, để làm lợi ích an lạc chúng sinh.

Lại nữa, Bồ-tát ở ngôi Vô sinh nhẫn, nghĩa là ở địa Viễn hành, địa Bất động và địa Thiện tuệ có thể đoạn trừ ba chướng, tập khí của sắc tâm, thị hiện thân nhiều không thể tính, tùy theo từng loại mà làm lợi ích tất cả chúng sinh.

Lại nữa, Bồ-tát ở ngôi Tịch diệt nhẫn, Phật và Bồ-tát đều nương nhờ vào nhẫn này. Với định Kim cang, nếu trụ vị Hạ nhẫn thì gọi là Bồ-tát, còn trụ Thượng nhẫn thì gọi là trí Nhất thiết. Quán đế Thắng nghĩa đoạn trừ tướng vô minh, đó là Đẳng giác. Một tướng và vô tướng đều bình đẳng không có hai, là trí địa Nhất thiết thứ mười một phi hữu phi vô, lắng trong thanh tịnh, không đến không đi, thường trụ bất biến, đồng với chân tế bình đẳng với pháp tánh, dùng vô duyên đại Bi luôn giáo hóa chúng sinh, ngồi xe trí Nhất thiết để đến hóa độ ba cõi.

Này thiện nam! Tất cả phiền não của các loài chúng sinh, nghiệp quả dị thục, hai mươi hai căn không ra ngoài ba cõi. Chư Phật chỉ dạy dẫn dắt bằng Ứng hóa, Pháp thân cũng không ngoài cõi này. Nếu nói rằng ngoài ba cõi còn có một cảnh giới của chúng sinh thì đó là kinh Đại hữu của ngoại đạo nói.

Này đại vương! Ta thường dạy chúng sinh chỉ đoạn trừ hết sinh tử vô minh trong ba cõi, đó tức là Phật. Tự tánh thanh tịnh gọi là tánh bản giác, tức là trí Nhất thiết trí của chư Phật, nhờ đó mà đắc, là căn bản được của chúng sinh, cũng là bản hạnh của chư Phật và Bồ-tát. Đó là sự tu hành của Bồ-tát, là mười bốn nhẫn trong năm pháp nhẫn.

Đức Phật dạy:

–Này đại vương! Trước đây ông hỏi về vấn đề Bồ-tát làm thế nào để giáo hóa chúng sinh? Đại Bồ-tát nên giáo hóa như vầy: Từ địa đầu tiên cho đến địa cuối cùng phải hiểu biết tất cả việc làm của chính mình và việc làm của Phật. Hoặc Đại Bồ-tát trụ trong trăm cõi Phật làm Chuyển luân thánh vương ở Thiệm bộ châu, tu tập minh đạt cả trăm pháp môn, dùng Bố thí ba-la-mật trụ nơi tâm bình đẳng để giáo hóa chúng sinh cả bốn thiên hạ. Hoặc Đại Bồ-tát trụ một ngàn cõi Phật, làm vua trong cõi trời Đao-lợi, tu tập minh đạt cả ngàn pháp minh môn, giảng nói mười thiện đạo, hóa độ tất cả chúng sinh.

Hoặc Đại Bồ-tát trụ vạn cõi Phật, làm Thiên vương cõi trời Dạma, tu tập minh đạt vạn pháp môn, nương vào bốn Thiền định mà giáo hóa tất cả chúng sinh.

Hoặc Đại Bồ-tát trụ ức cõi Phật, làm Thiên vương cõi trời Đổsử-đa, tu tập minh đạt ức pháp môn, tu hành pháp phần Bồ-đề để giáo hóa tất cả chúng sinh.

Hoặc Đại Bồ-tát trụ trong trăm ức cõi Phật, làm Thiên vương cõi trời Hóa lạc, tu tập minh đạt trăm ức pháp môn, dùng hai Đế, bốn Đế để giáo hóa chúng sinh.

Hoặc Đại Bồ-tát trụ trong ngàn ức cõi Phật, làm Thiên vương cõi trời Tha hóa tự tại, tu tập minh đạt ngàn ức pháp môn, dùng trí chứng mười hai nhân duyên để giáo hóa tất cả chúng sinh.

Hoặc Đại Bồ-tát trụ trong vạn ức cõi Phật, làm Phạm vương ở cõi Sơ thiền, tu tập minh đạt vạn ức pháp môn, dùng trí phương tiện thiện xảo để giáo hóa tất cả chúng sinh.

Hoặc Đại Bồ-tát trụ trong trăm vạn ức cõi Phật như số vi trần làm Phạm vương ở cõi Nhị thiền, tu tập minh đạt trăm vạn số vi trần pháp môn song chiếu bình đẳng, dùng trí nguyện thần thông để giáo hóa tất cả chúng sinh.

Hoặc Đại Bồ-tát trụ trong trăm vạn ức vô số kiếp số cõi Phật như vi trần, làm Phạm vương ở cõi Tam thiền, tu tập minh đạt trăm vạn ức vô số pháp môn, dùng trí bốn vô ngại để giáo hóa tất cả chúng sinh.

Hoặc Đại Bồ-tát trụ trong các cõi Phật nhiều không thể nói, không thể tả, làm Đại Phạm thiên vương ở cõi Tứ thiền, tu tập minh đạt các pháp môn nhiều không thể nói, không thể tả hết được,

đạt được Tam-muội Tận lý đồng với hành xứ của Phật, rõ tận căn nguyên của ba cõi, làm lợi ích cho khắp chúng sinh giống như cảnh giới của Đức Phật. Đó là việc Đại Bồ-tát thị hiện thân vua để giáo hóa, dẫn dắt chúng sinh.

Chư Như Lai ở mười phương cũng giống như vậy, chứng đắc Vô thượng giác, thường ở khắp pháp giới để làm lợi lạc cho chúng sinh.

Bấy giờ, tất cả đại chúng đều đứng dậy, rải hoa nhiều không thể kể xiết, đốt hương nhiều không thể tính kể, cúng dường cung kính khen ngợi Như Lai.

Khi ấy, ở trước Phật, vua Ba-tư-nặc nói kệ khen:

Đạo Sư Thế Tôn thể Kim cang
Chuyển pháp luân tâm hành tịch diệt
Giảng nói bằng tám loại viên âm
Người đắc đạo cả trăm vạn ức
Trời, người đều tu hạnh xuất ly
Tu tập tất cả đạo Bồ-tát
Công đức năm nhẫn môn diệu pháp
Vì mười bốn, Bồ-tát hiểu rõ
Hành trong nhẫn tam Hiền thập Thánh
Chỉ có Phật hiểu tận nguồn căn
Biển Phật, Pháp, Tăng kho Tam bảo
Vô lượng công đức gồm trong đó
Bồ-tát thập thiện phát tâm lớn
Luôn ở ba cõi biển luân hồi
Thiện bậc trung, hạ làm vua nhỏ
Thiện bậc thượng làm Thiết luân vương
Tập chủng Đồng luân, hai thiên hạ
Tánh chủng tánh Ngân luân, gồm ba
Đạo chủng đức vững Chuyển luân vương
Bảy báu, Kim luân, bốn thiên hạ
Phục nhẫn Thánh thai ba mươi vị
Thập trụ, thập hành, thập hồi hướng,
Là pháp chư Phật ba đời học
Đều nhờ Phục nhẫn này sinh ra
Làm căn bản các hạnh Bồ-tát
Nên khó phát tâm và tín tâm.
Nếu được tín tâm ắt không lùi
Tiến vào đạo Sơ địa vô sinh
Làm lợi người mình đều bình đẳng
Nên gọi Bồ-tát mới phát tâm.
Bồ-tát Hoan hỷ: Chuyển luân vương
Làm sáng lý bình đẳng hai Đế

Đến trăm cõi giáo hóa hữu tình
Bố thí thanh tịnh lợi quần sinh
Thể nhập lý Bát-nhã là trụ
Trụ sinh đức hạnh gọi là địa
Sơ trụ nhất tâm đủ các đức
Ở trong thắng nghĩa không lay động.
Bồ-tát Ly cấu: Đao-lợi vương
Hiện thân ngàn cõi trong sáu đường
Giữ giới thanh tịnh tròn đầy đủ
Dứt hẳn các lỗi lầm đã phạm
Không tướng, không duyên, tánh chân thật
Không thể, không sinh, không chiếu hai.
Bồ-tát Phát quang: Dạ-ma thiên
Hiện thân đi đến vạn cõi Phật
Hoàn toàn thông đạt Tam-ma-địa
Ẩn hiện tự tại, đủ ba minh
Hoan hỷ, Ly cấu và Phát quang
Diệt trừ dây sắc và phiền não
Quán đủ tất cả nghiệp thân, khẩu
Pháp tánh thanh tịnh sáng tròn đầy.
Bồ-tát Diễm tuệ rất tinh tấn
Đâu-suất Thiên vương du ức cõi
Thật trí tịch diệt, trí phương tiện
Đạt lý vô sinh chiếu không, hữu.
Bồ-tát Nan thắng: Hóa lạc vương
Đắc bình đẳng đi trăm ức cõi
Không, không đế, quán không hai tướng
Hiện thân đi khắp cùng sáu cõi.
Bồ-tát Hiện tiền: Tự Tại Vương
Thấy rõ tướng duyên sinh là một
Trí thắng nghĩa sáng khắp mọi nơi
Đến độ chúng sinh ngàn ức cõi
Địa Diệm tuệ, Nan thắng, Hiện tiền
Đoạn trừ ba chướng tâm mê hoặc
Không tuệ tịch nhiên vô duyên quán
Chiếu lại tâm không, vô lượng cảnh.
Bồ-tát Viễn hành: Sơ thiền vương
Trụ vào nhẫn vô sinh, vô tướng
Phương tiện thiện xảo đều bình đẳng
Đến vạn ức cõi độ chúng sinh

Nhập vào địa pháp lưu bất động
Không còn phần đoạn, vượt các hữu
Thường quán thắng nghĩa rõ không hai
Vị hai mươi mốt hành không tịch
Đại sĩ Viễn hành thuận đạo pháp
Chỉ đoạn trừ tập ái vô minh.
Bồ-tát Bất động: Nhị thiền vương
Được thân biến hóa luôn tự tại
Đi đến trăm vạn vi trần cõi
Tùy loại biến hóa độ chúng sinh
Biết rõ ba đời vô lượng kiếp
Với Đệ nhất nghĩa không lay động.
Bồ-tát Thiện tuệ: Tam thiền vương
Một lúc hiện quả ngàn ức cõi
Luôn hành không tịch tại vô vi
Một niệm hiểu hằng sa Phật tạng.
Bồ-tát Pháp vân: Tứ thiền vương
Ức hằng sa cõi độ chúng sinh
Mới nhập Kim cang biết tất cả
Đã vượt khỏi hai mươi chín cõi
Trong Tịch diệt nhẫn không quán nhẫn
Liền chuyển Diệu giác Vô đẳng đẳng
Bất động, Thiện tuệ, Pháp vân địa
Trừ tập khí vô minh ở trước
Tập khí vô minh, thức cùng chuyển
Lý nhị đế đều hiểu tận cùng
Chánh giác tỏ tường khắp pháp giới
Ba mươi sinh tận trí viên minh
Tịch chiếu vô vi chân giải thoát
Đại Bi ứng hiện không ai bằng
Lắng trong, bất động, luôn an ổn
Ánh sáng chiếu khắp, không chướng ngại
Ba Hiền, mười Thánh còn quả báo
Chỉ duy nhất Phật nơi cõi tịnh
Tất cả hữu tình đều tạm ở
Chứng Kim cang vốn không lay động
Ba nghiệp Như Lai đức vô lượng
Bình đẳng thương yêu các chúng sinh
Pháp Vương vô thượng trong cõi người
Ánh sáng không cùng che đại chúng

Luôn nói pháp đúng với thật nghĩa
Tâm trí tịch diệt rõ vô duyên
Sư tử trong loài người giảng nói
Cú nghĩa thâm sâu chưa từng có
Làm chấn động cả trần sa cõi
Đại chúng vui mừng được lợi ích
Thế Tôn nói cho mười bốn vua
Nay con cúi đầu xin đảnh lễ.

Bấy giờ nghe Đức Phật Thế Tôn và vua Ba-tư-nặc nói vô lượng công đức của mười bốn nhẫn, trăm vạn ức hằng sa đại chúng đạt được pháp lợi lớn và nhờ nghe pháp được giác ngộ, chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn.

Thế rồi Đức Thế Tôn dạy đại chúng:

–Vua Ba-tư-nặc này đã trải qua mười ngàn kiếp trong quá khứ ở trong pháp của Phật Long Quang Vương làm Bồ-tát ở Tứ địa. Còn ta làm Bồ-tát ở Bát địa. Hôm nay ở trước ta, ông ta rống tiếng Đại sư tử. Đúng vậy, đúng vậy! Đúng như lời các ông đã nói, đạt được nghĩa chân thật, nghĩa chẳng thể nghĩ bàn. Chỉ có Phật và Phật mới biết được điều này.

Này thiện nam! Mười bốn nhẫn này, các Pháp thân của chư Phật, các hành của Bồ-tát không thể nghĩ bàn, không thể tính kể. Vì sao? Vì tất cả chư Phật đều từ trong Bát nhã Ba la mật đa mà sinh ra, từ trong Bát nhã Ba la mật đa mà hóa, từ trong Bát-nhã ba-lamật-đa mà diệt, nhưng thật ra chư Phật sinh mà không có chỗ sinh, hóa mà không chỗ hóa, diệt mà không chỗ diệt, là Đệ nhất không có hai, chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, không có tự, không có tha, không đến không đi, vì như hư không.

Này thiện nam! Tánh của tất cả chúng sinh tánh không sinh diệt, do các pháp nhóm họp huyễn hóa mà có tướng uẩn, xứ, giới, không hợp không tan, pháp đồng với pháp tánh vì tịch không. Tự tánh của tất cả chúng sinh là thanh tịnh, các hành động tạo ra không trói, không mở, chẳng phải nhân, chẳng phải quả, chẳng phải không nhân quả, các hành thọ khổ là do biết của các phiền não. Tướng ngã, tướng nhân, tri kiến, thọ giả. Tất cả đều là không, cho nên cảnh giới của pháp không; không, vô tướng, vô tác, không thuận với điên đảo, không thuận với huyễn hóa, không có tướng của sáu cõi, không có tướng của bốn sinh, không có tướng của bậc Thánh, không có tướng Tam bảo, vì như hư không.

Này thiện nam! Bát-nhã thâm sâu không biết, không thấy, không hành, không duyên, không xả, không thọ, chánh trụ quán sát nhưng không có tướng chiếu sáng. Ai hành đạo như vậy là như hư không. Như vậy, đối với tướng của pháp đối với tâm có sở đắc hay tâm không có sở đắc đều không thể nắm bắt được. Vì thế Bát-nhã chẳng phải là năm uẩn, chẳng phải lìa năm uẩn, chẳng phải chúng sinh, chẳng phải lìa chúng sinh, chẳng phải cảnh giới, chẳng phải lìa cảnh giới, chẳng phải hành giải, chẳng phải lìa hành giải. Các tướng như vậy không thể nghĩ lường. Cho nên tất cả các hạnh của Bồ-tát tu tập chưa đạt đến cứu cánh nhưng vẫn có hành trong đó. Tất cả chư Phật biết như huyễn hóa, dù đắc tướng vô trụ nhưng lại ở trong đó hóa hiện. Cho nên mười bốn nhẫn không thể nghĩ lường.

Này thiện nam! Hôm nay các ông đã nói về tạng công đức này có lợi ích rất lớn cho tất cả chúng sinh. Giả sử vô lượng hằng hà sa số Bồ-tát hàng Thập địa nói công đức này cả trăm ngàn ức phần thì như một giọt nước trong biển. Chư Phật ba đời biết một cách như thật, tất cả Hiền thánh đều khen ngợi, cho nên nay ta nói sơ về chút phần công đức.

Này thiện nam! Mười bốn nhẫn này được tất cả Bồ-tát ở quá khứ, hiện tại trong mười phương thế giới tu hành. Tất cả chư Phật hiển bày và các Đại Bồ-tát đời vị lai cũng vậy. Nếu Phật và Bồ-tát không nhờ môn này mà đắc trí Nhất thiết thì việc này không thể xảy ra. Vì sao? Vì chư Phật và Bồ-tát không có con đường nào khác.

Này thiện nam! Nếu người nào nghe Trụ nhẫn, Hành nhẫn, Hồi hướng nhẫn, Hoan hỷ nhẫn, Ly cấu nhẫn, Phát quang nhẫn, Diễm tuệ nhẫn, Nan thắng nhẫn, Hiện tiền nhẫn, Viễn hành nhẫn, Bất động nhẫn, Thiện tuệ nhẫn, Pháp vân nhẫn, Chánh giác nhẫn này mà nhất niệm có lòng tin thanh tịnh thì người ấy vượt qua tất cả khổ nạn trong trăm kiếp, ngàn kiếp, vô lượng, vô biên hằng hà sa kiếp không sinh vào cõi ác, không bao lâu sẽ đắc Vô thượng Bồ-đề.

Lúc ấy, mười ức Đại Bồ-tát đều cùng một tên là Hư Không Tạng cùng vô lượng, vô số đại chúng từ nơi khác đến, hoan hỷ và nhờ oai thần của Phật được thấy hằng sa chư Phật ở mười phương, các Ngài đều ở trong đạo tràng nói mười bốn nhẫn giống y như những lời Thế Tôn đã nói. Tất cả rất vui mừng, như lời dạy mà tu hành Bát nhã Ba la mật đa.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với vua Ba-tư-nặc:

–Trước Đại vương đã hỏi lấy tướng gì để trụ quán sát. Đại Bồ-tát nên quán như vầy: Dùng thân huyễn hóa mà thấy huyễn hóa, trụ chân chánh bình đẳng không còn có người và ta. Quán sát như vậy để giáo hóa làm lợi ích cho chúng sinh. Nhưng với kiếp lâu xa các hữu tình ở sát-na đầu tiên thì thức khác với gỗ đá. Sinh ra có nhiễm tịnh đều tự chính mình làm ra. Vô lượng, vô số thức sẵn có nhiễm tịnh từ sát-na đầu tiên ở nhiều kiếp không thể nói, đến Kim cang là sát-na cuối cùng, có thức nhiều không thể nói, không thể tả, sinh ra thì các hữu tình có hai pháp là: sắc và tâm. Sắc là sắc uẩn, tâm là bốn uẩn, đều là tánh chứa nhóm, làm che lấp chân thật.

Này đại vương! Một sắc pháp này phát sinh vô lượng sắc. Nhãn hợp với sắc, nhĩ hợp với thanh, tỷ hợp với hương, thiệt hợp với vị, thân hợp với xúc. Cứng chắc gọi là địa, ẩm ướt gọi là thủy, tánh nóng ấm gọi là hỏa, nhẹ động gọi là phong, chỗ sinh 5 thức gọi là 5 sắc căn. Như vậy, lần lượt một tâm một sắc, vô lượng sinh sắc tâm không thể kể xiết, nhưng đều như huyễn.

Này thiện nam! Sự thọ nhận của hữu tình là đứng trên mặt thế tục mà lập, dù có hay không cũng do vọng tưởng của hữu tình sinh ra, nhớ nghĩ rồi tạo nghiệp, thọ quả, đều gọi là thế đế. Tất cả hữu tình trong sáu đường ba cõi, Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà, ngã, nhân, tri kiến, sắc pháp, tâm pháp như cảnh thấy trong mộng.

Này thiện nam! Tất cả các tên đều giả đặt ra. Khi Đức Phật chưa xuất hiện nơi đời thì pháp huyễn thế đế không có tên, không có nghĩa, cũng không có thể tướng, không có tên của ba cõi, không có tên sáu đường, quả báo thiện ác. Khi chư Phật ra đời, vì các hữu tình mà Ngài nói vô lượng danh từ ba cõi, sáu đường, nhiễm tịnh. Như vậy, tất cả giống như tiếng vang, các pháp tương tục mỗi niệm mỗi niệm không dừng, từng sát-na… từng sát-na chẳng phải một, chẳng phải khác, vừa khởi lên là diệt ngay, chẳng phải đoạn, chẳng phải thường, vì các pháp hữu vi như sóng nắng. Các pháp đối đãi nhau gọi là sắc giới, nhãn giới, nhãn thức giới, cho đến pháp giới, ý

giới, ý thức giới, giống như điện chớp, không nhất định, đối đãi nhau, có, không, một, khác giống như vầng trăng thứ hai, các pháp do nhân duyên mà thành. Pháp uẩn, xứ, giới như bọt trên nước, các pháp do nhân duyên mà thành. Tất cả nhân quả cùng thời, nhân quả khác thời của các hữu tình và thiện ác ba đời giống như mây giữa hư không.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát trụ vào vô phân biệt, không còn tướng bỉ, thử, không có tướng tự tha, luôn hành tướng lợi ích. Cho nên biết kẻ phàm phu ngu si với thức dơ xấu nhiễm trước vào hư vọng, bị tướng trói buộc. Bồ-tát nhìn thấy biết nó như nhà ảo thuật, không có thể tướng, chỉ như hoa đốm giữa hư không. Đó là Đại Bồ-tát sống tự lợi, lợi tha, quán sát một cách như thật.

Khi Đức Phật nói pháp này, trong chúng hội có vô lượng trời, người đắc được Phục nhẫn không, Vô sinh nhẫn, địa thứ nhất, địa thứ hai, cho đến địa thứ mười. Vô lượng Bồ-tát đắc Nhất sinh bổ xứ.

Phẩm 4: NHỊ ĐẾ

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trong Thắng nghĩa đế có Thế tục đế không? Nếu nói không thì trí ấy không phải hai. Còn nếu nói có thì trí ấy không phải một. Nghĩa một và hai, việc ấy như thế nào?

Phật dạy:

–Này đại vương! Trong pháp của Phật Long Quang Vương ở quá khứ, ông đã hỏi nghĩa này. Nay ta không nói thì Đại vương không nghe. Vậy không nói không nghe tức là một nghĩa, hai nghĩa. Ông hãy lắng nghe cho kỹ, vì ông ta sẽ nói.

Thế rồi Thế Tôn nói kệ:

Thắng nghĩa đế vô tướng
Thể chẳng tự tha làm
Nhân duyên có như huyễn
Cũng chẳng tự tha làm
Phá tánh vốn vô tánh
Thắng nghĩa đế không như
Có pháp là có huyễn
Hợp ba giả mà có
Không, không đế thật không
Tịch tĩnh thắng nghĩa không
Các pháp do duyên có
Nghĩa hữu, vô như vậy
Hữu, vô vốn là hai
Như trâu có hai sừng
Hiểu rõ thấy không hai
Nhị đế thường không vậy
Tâm hiểu thấy không hai

Cầu hai không thể được
Không nói hai là một
Một cũng không thể đắc
Hiểu rõ luôn là một
Với đế luôn là hai
Thấu đạt một, hai này
Thể nhập Thắng nghĩa đế
Thế đế huyễn hóa sinh
Ví như hoa hư không
Như ảnh, vòng tròn ảo
Do duyên nên huyễn có
Huyễn hóa thấy huyễn hóa
Ngu gọi huyễn là thật
Huyễn gia thấy pháp huyễn
Thật huyễn đều không có
Nếu hiểu pháp như vậy
Là hiểu nghĩa một, hai
Với tất cả các pháp
Nên quán sát như vậy.

Này đại vương! Đại Bồ-tát trụ vào Thắng nghĩa đế để giáo hóa các hữu tình. Hữu tình và Phật là một không hai. Vì sao? Vì hữu tình và Bồ-đề, cả hai đều là không. Vì hữu tình không, nên chứng đắc Bồ-đề cũng không. Vì Bồ-đề không, nên hữu tình không. Vì tất cả pháp không, nên không là không. Vì sao? Vì Bát-nhã là vô tướng, hai đế đều không. Nghĩa là từ vô minh đến trí Nhất thiết không có tướng tự, không có tướng tha. Đối với Đệ nhất nghĩa, thấy không chỗ thấy. Nếu có tu hành cũng không chấp trước, mà không tu hành cũng không chấp trước, chẳng tu hành, chẳng phải không tu hành cũng không chấp trước. Đối với tất cả pháp đều không chấp trước. Khi Bồ-tát chưa thành Phật thì cho Bồ-đề là phiền não. Khi Bồ-tát thành Phật thì phiền não là Bồ-đề. Vì sao? Vì Đệ nhất nghĩa không có hai. Chư Phật Như Lai và tất cả pháp đều như vậy.

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

–Chư Phật và tất cả Bồ-tất cả mười phương vì sao không lìa văn tự để hành thật tướng?

Phật dạy:

–Này đại vương! Văn tự nghĩa là Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt, Phúng tụng, Tự thuyết, Duyên khởi, Thí dụ, Bản sự, Bản sinh, Phương quảng, Hy hữu và Luận nghị. Tất cả chương cú, văn tự, ngôn ngữ, âm thanh từ các kinh trên nói ra đều Như, không phải phi thật. Nếu chấp lấy tướng văn tự tức là tướng phi thật.

Này đại vương! Người tu thật tướng như tu văn tự. Thật tướng tức là mẹ trí của chư Phật, là mẹ trí căn bản của tất cả hữu tình. Như vậy gọi là thể của trí Nhất thiết. Chư Phật chưa thành Phật và Phật hiện tại là mẹ trí. Chư Phật đã thành Phật tức là trí Nhất thiết. Khi chưa đắc là tánh, mà đắc rồi là trí. Bát-nhã của ba thừa không sinh, cũng không diệt, tự tánh thường trụ. Đây là

giác tánh của tất cả hữu tình. Nếu Bồ-tát không chấp trước văn tự, không lìa văn tự, không có tướng văn tự, chẳng phải không văn tự, có thể tu như vậy mà không thấy tướng tu. Thì đó gọi là người tu văn tự mà có thể đắc chân tánh Bát-nhã. Đó là Bát nhã Ba la mật đa.

Này đại vương! Đại Bồ-tát hộ trì quả Phật, hộ trì hạnh Thập địa, hộ trì giáo hóa hữu tình là như vậy.

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

–Chân tánh là một nhưng căn hạnh, phẩm loại hữu tình lại có vô lượng. Vậy pháp môn là một hay vô lượng?

Đức Phật dạy:

–Này đại vương! Pháp môn chẳng phải một, cũng chẳng phải

vô lượng. Vì sao? Vì sắc pháp và tâm pháp, tướng ngũ thủ uẩn, ngã nhân tri kiến của các hữu tình có nhiều căn hạnh và vô biên phẩm loại. Pháp môn tùy theo căn hạnh cũng có vô lượng. Tánh của các pháp này chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng và chẳng phải vô lượng. Nếu Bồ-tát theo các hữu tình mà thấy một thấy hai tức là không thấy nghĩa một và hai. Nếu hiểu rõ một, hai chẳng phải một, chẳng phải hai tức là Thắng nghĩa đế. Nếu chấp lấy một và hai là có hoặc không tức là Tục đế, cho nên pháp môn chẳng phải một, chẳng phải hai.

Này đại vương! Tất cả chư Phật giảng nói Bát nhã Ba la mậtđa và hôm nay ta giảng nói Bát nhã Ba la mật đa không có hai, không khác. Đại chúng các ông nên thọ trì đọc tụng, như thuyết tu hành, tức là thọ trì pháp của chư Phật.

Này đại vương! Bát nhã Ba la mật đa này có vô lượng công đức. Nếu có hằng hà sa bất khả thuyết chư Phật mà mỗi mỗi Đức Phật ấy giáo hóa vô lượng bất khả thuyết hữu tình và tất cả hữu tình ấy đều chứng thành Phật. Chư Phật này lại giáo hóa vô lượng bất khả thuyết hữu tình cũng đều thành Phật. Thì Bát nhã Ba la mật đa mà chư Phật ấy giảng nói có vô lượng bất khả thuyết triệu ức kệ, nói không cùng tận. Trong các bài kệ lại lấy một bài kệ chia ra ngàn phần, lại trong ngàn phần ấy chỉ nói một phần, thì công đức ý nghĩa trong một câu ấy còn vô cùng tận, huống chi công đức ý nghĩa vô lượng câu như vậy. Nếu có người nào đối với kinh này mà sinh một tâm niệm thanh tịnh tin tưởng thì người này liền vượt ra khỏi khổ nạn sinh tử trong trăm kiếp ngàn kiếp, trăm ngàn vạn kiếp, huống chi ghi chép, thọ trì, đọc tụng, giảng nói cho người thì công đức đạt được sánh bằng tất cả chư Phật trong mười phương không khác. Nên biết, người này được chư Phật hộ niệm, không bao lâu sẽ chứng Vô thượng Bồ-đề.

Khi Đức Phật nói pháp này, có mười ức người đắc Tam không nhẫn, một trăm vạn ức người đắc Đại không nhẫn, vô lượng Bồ-tát được trụ vào mười Địa.

QUYỂN HẠ

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các đại quốc vương, vua Ba-tư-nặc:

–Hãy lắng nghe cho rõ, cho thật kỹ. Vì các ông, ta sẽ nói pháp hộ quốc. Nếu những đất nước nào sắp nổi loạn, bị các tai nạn, hoặc giặc cướp đến phá hoại, các ông phải thọ trì, đọc tụng Bát-nhã ba-lamật-đa này, trang hoàng đạo tràng, tôn trí trăm tượng Phật, trăm tượng Bồ-tát, trăm tòa

Sư tử, mời trăm Pháp sư để diễn giảng kinh này. Ở trước các tòa đốt đủ loại đèn, đốt đủ loại hương thơm, rải đủ các loại hoa, cúng dường rất nhiều y phục, ngọa cụ, thức ăn uống, thuốc thang, nhà cửa, giường tòa,… tất cả vật cúng dường. Mỗi ngày hai thời giảng đọc kinh này. Nếu vua, đại thần, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nghe, thọ, đọc tụng, như pháp mà tu hành thì tai nạn liền diệt trừ.

Trong đất nước của các Đại vương có vô lượng quỷ thần, mỗi quỷ thần lại có vô lượng quyến thuộc, nếu chúng nghe kinh này thì sẽ hộ vệ đất nước của các vua. Nếu nước sắp loạn thì quỷ thần loạn đầu tiên. Vì quỷ thần loạn nên vạn người loạn, sẽ có giặc nổi lên làm cho trăm họ bỏ mạng; quốc vương, thái tử, vương tử, bá quan chống đối lẫn nhau, trời đất biến đổi kỳ lạ; mặt trời, mặt trăng, tinh tú vận hành không đúng lúc, không chừng mực, có lửa lớn, nước lớn, gió lớn… Khi các tai nạn ấy xảy ra thì phải thọ trì, giảng nói Bát nhã Ba la mật đa này. Nếu thọ trì, đọc tụng kinh này thì tất cả sở cầu như quan chức, giàu sang, con cái, trí tuệ, qua lại tùy ý, quả báo trời, người đều được đầy đủ, tật bệnh, ách nạn đều tiêu trừ, gông cùm, xiềng xích trói buộc vào thân đều được tháo bỏ; vô lượng lỗi lầm: phá bốn giới trọng, tạo năm tội nghịch và hủy báng giới… đều được tiêu diệt.

Này đại vương! Về quá khứ xa xưa, Thích Đề-hoàn Nhân làm Đảnh sinh vương, thống lãnh bốn binh chủng lên cung trời muốn diệt Đế Thích. Khi ấy, Thiên vương cõi trời liền y vào giáo pháp của chư Phật ở quá khứ thiết trí trăm cao tòa, thỉnh trăm Pháp sư để giảng nói kinh Bát nhã Ba la mật đa. Đảnh vương liền rút lui, chúng trời được an ổn vui vẻ.

Này đại vương! Thuở xưa vua nước Thiên la có một thái tử tên là Ban Túc. Khi thái tử lên làm vua có thầy ngoại đạo tên là Thiện Thí làm lễ quán đảnh cho vua. Ông ta bảo Ban Túc lấy một ngàn đầu vua để nơi bãi tha ma cúng tế cho Thiên thần Ma-ha Ca-la Đại Hắc. Từ khi lên ngôi vua, Ban Túc đã lấy được 999 đầu vua, chỉ thiếu một đầu vua nữa thôi. Ban Túc đi về phía Bắc một vạn dặm thì gặp một vị vua tên Phổ Minh. Vua Phổ Minh nói với Ban Túc:

–Xin cho tôi một ngày để lễ kính Tam bảo, cúng dường thức ăn uống cho Sa-môn.

Nghe vậy, Ban Túc liền chấp nhận. Vua ấy nương vào giáo pháp mà chư Phật quá khứ đã nói, bèn trải một trăm cao tòa, thỉnh một trăm Pháp sư, mỗi ngày hai thời giảng nói tám ngàn ức kệ của kinh Bát nhã Ba la mật đa. Lúc đó, trong số Pháp sư kia, một vị Pháp sư đứng đầu vì Phổ Minh mà nói kệ:

Kiếp hỏa nổi lên
Cả ngàn đều hoại
Tu-di, biển cả
Tan nát không còn
Phạm, Thích, Trời, Rồng
Các loài hữu tình
Còn phải tiêu diệt
Huống chi thân này
Sinh, già, bệnh, chết
Lo buồn khổ não
Oán, thân bức bách

Trái với ước nguyện
Ái dục kết sử
Tự làm ung bướu
Ba cõi không an
Nước có vui gì
Hữu vi không thật
Do nhân duyên sinh
Thạnh suy chớp nhoáng
Tạm có liền không
Các cõi thọ sinh
Theo nghiệp duyên hiện
Như bóng, như vang
Tất cả đều không
Thức trôi theo nghiệp
Nương bốn đại thành
Dây ái vô minh
Ngã, ngã sở sinh
Thức chuyển theo nghiệp
Thân liền vô chủ
Nên biết quốc độ
Cũng huyễn hóa thôi.

Sau khi Pháp sư nói kệ này xong, vua Phổ Minh nghe pháp được giác ngộ, chứng Tam-muội Không, quyến thuộc của các vua đắc Pháp nhãn không. Vua Phổ Minh liền đến nước Thiên la; giữa các vua, vua Phổ Minh nói:

–Bây giờ, quý vị khi sắp qua đời, nên đọc trì kệ Bát-nhã ba-lamật-đa mà chư Phật thuở quá khứ đã nói.

Nghe vậy, các vua đều giác ngộ, đắc Tam-muội Không. Tất cả đều đọc tụng thọ trì.

Khi ấy, vua Ban Túc hỏi các vua:

–Hôm nay các ông đọc pháp gì vậy?

Vua Phổ Minh liền dùng kệ vừa rồi trả lời vua Ban Túc. Nghe pháp này, vua Ban Túc cũng chứng định Không và hoan hỷ vui mừng, rồi nói với các vua:

–Ta đã bị thầy tà ngoại đạo làm mê hoặc, đó chẳng phải lỗi lầm của các ông. Các ông hãy trở về nước, phải thỉnh Pháp sư giải nói Bát nhã Ba la mật đa.

Khi ấy, vua Ban Túc giao nước lại cho em rồi xuất gia học đạo, chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn.

Này đại vương! Quá khứ có năm ngàn quốc vương luôn đọc tụng kinh này, hiện sinh đạt được phước báo. Mười sáu đại quốc vương các ông tu pháp hộ quốc nên như thế mà thọ trì, đọc tụng, giải nói kinh này. Các vua ở đời vị lai vì muốn bảo vệ đất nước, giữ tự thân cũng nên thọ trì, đọc tụng, giảng nói kinh này như thế.

Khi Đức Phật nói pháp này, có vô lượng người đắc quả vị không thoái chuyển, hàng A-tu-la được sinh lên cõi trời, vô lượng vô số chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc đắc Vô sinh nhẫn.

Phẩm 6: CHẲNG NGHĨ BÀN

Bấy giờ, mười sáu vị quốc vương và các đại chúng nghe Phật nói cú nghĩa sâu xa của Bát nhã Ba la mật đa, vui mừng hớn hở, rải trăm vạn ức các hoa sen báu. Ở giữa hư không, các hoa ấy hợp lại thành một tòa hoa báu, chư Phật và vô lượng đại chúng ở mười phương đều ngồi trên tòa ấy nói Bát nhã Ba la mật đa.

Các đại chúng ấy đem mười ngàn hoa sen vàng ròng rải lên trên Đức Phật Thích-ca Mâu-ni rồi chúng nhập lại thành vòng hoa che các đại chúng.

Lại rải tám vạn bốn ngàn hoa Phân-đà-lợi, ở giữa hư không, chúng nhập lại thành đài mây trắng. Trong đài, Phật Quang Minh Vương cùng vô lượng đại chúng của mười phương chư Phật giảng nói

Bát nhã Ba la mật đa. Các đại chúng ấy đem hoa Mạn-đà-la rải cúng dường Đức Phật Thích-ca Mâu-ni và các chúng hội. Lại rải hoa Mạn-thù-sa ở giữa hư không làm thành báu Kim cang. Trong thành có Đức Phật Sư Tử Phấn Tấn Vương cùng chư Phật và Đại Bồ-tát ở mười phương giảng diễn thắng nghĩa Bát nhã Ba la mật đa. Lại rải vô lượng các loại hoa đạp cõi trời, ở giữa hư không biến thành lọng mây báu che khắp tam thiên đại thiên thế giới. Trong lọng hoa ấy từ hư không có hằng hà sa hoa được rải xuống.

Khi ấy, vua Ba-tư-nặc và các đại chúng thấy sự việc này khen ngợi chưa từng có và rồi chắp tay hướng Phật thưa:

–Nguyện xin chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai thường nói Bát nhã Ba la mật đa, nguyện các chúng sinh luôn được thấy nghe giống như tôi hôm nay không khác.

Phật dạy:

–Đúng như lời đại vương đã nói, Bát nhã Ba la mật đa này là mẹ của chư Phật, là mẹ của các Bồ-tát, là nơi sinh ra công đức thần thông duy nhất. Chư Phật cùng nói luôn có nhiều lợi ích. Cho nên các ông nên luôn thọ trì.

Bấy giờ, vì các đại chúng, Đức Thế Tôn hiện thần thông, biến hóa chẳng thể nghĩ bàn; một bông hoa nhập vào vô lượng hoa, vô lượng hoa nhập vào một hoa, một cõi Phật nhập vào vô lượng cõi Phật, vô lượng cõi Phật nhập vào một cõi Phật. Một trần sát cõi nhập vào vô lượng trần sát cõi, vô lượng trần sát cõi nhập vào một trần sát cõi, vô lượng biển cả nhập vào một lỗ chân lông, vô lượng núi Tu-di nhập vào trong hạt cải, một thân Phật nhập vào vô lượng thân chúng sinh, vô lượng thân chúng sinh nhập vào một thân Phật, lớn lại hiện nhỏ, nhỏ lại hiện lớn, thanh tịnh lại hiện ô uế, ô uế lại hiện thanh tịnh, thân Phật chẳng thể nghĩ bàn, thân chúng sinh chẳng thể nghĩ bàn, cho đến thế giới chẳng thể nghĩ bàn.

Khi Đức Phật đang hiện thần biến này thì mười ngàn người nữ chuyển thân nam, đắc Tam-muội thần thông; vô lượng trời, người đắc Vô sinh pháp nhẫn, vô lượng A-tu-la… chứng đạo Bồ-tát, hằng hà sa Bồ-tát hiện thân thành Phật.

Phẩm 7: PHỤNG TRÌ

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc chứng kiến thần thông biến hóa của Phật, ngàn đài hoa che phía trên Như Lai. Trên có ngàn cánh hoa, trên có ngàn hóa thân Phật. Trong ngàn cánh hoa có vô lượng chư Phật đều nói Bát nhã Ba la mật đa.

Vua Ba-tư-nặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vô lượng Bát nhã Ba la mật đa như vậy không thể dùng thức để nhận thức, không thể dùng trí để biết. Các thiện nam tử làm thế nào để hiểu rõ kinh này mà đem giảng nói cho người?

Phật dạy:

–Này đại vương! Ông hãy lắng nghe cho kỹ! Từ lúc mới tu tập nhẫn cho đến định Kim cang, như pháp tu hành 13 môn quán đều là Pháp sư, nương vào pháp ấy, giữ gìn kiến lập. Đại chúng các ông nên xem như Phật mà cúng dường, đem trăm ngàn vạn ức hoa thơm đẹp để dâng cúng dường.

Này thiện nam! Pháp sư ấy tu tập chủng tánh Bồ-tát. Nếu Tỳkheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di tu hành Thập trụ, gặp Phật, Pháp, Tăng phát tâm Bồ-đề, làm lợi lạc thương yêu chúng sinh, tự quán thân mình, các căn, sáu giới tất cả đều là vô thường, khổ, không, vô ngã; biết rõ hành nghiệp sinh tử Niết-bàn, làm cho mình và người được lợi ích, an lạc. Nghe ai khen Phật hay hủy báng Phật, tâm định tĩnh, không động. Nghe có Phật hay không có Phật, tâm tịnh tĩnh không thoái lui, không phạm ba nghiệp, khởi sáu hòa kính, dùng phương tiện thiện xảo để điều phục chúng sinh; siêng năng học mười trí, dùng thần thông hóa làm lợi ích.

Phẩm hạ tu tập tám vạn bốn ngàn Ba-la-mật-đa.

Này thiện nam! Tu tập nhẫn về trước, trải qua mười ngàn kiếp hành hạnh thập thiện, khi lui khi tiến, ví như chiếc lông nhẹ theo gió bay tứ tung. Nếu đạt đến vị nhẫn thì nhập vào pháp chánh định, không tạo tội năm nghịch, không hủy báng Chánh pháp, biết tướng của ngã và pháp đều là không. Trong một a-tăng-kỳ kiếp trụ vào ngôi vị giải thoát. Nếu tu tập nhẫn này thì có thể phát sinh hạnh thù thắng.

Lại nữa, Tánh chủng tánh, Bồ-tát trụ không phân biệt. Vì tu mười tuệ quán nên xả bỏ tài sản và sinh mạng. Vì giữ giới thanh tịnh nên tâm khiêm hạ. Vì làm lợi lạc mình và người nên sinh tử không loạn. Vì sự sâu xa của vô tướng nên thấu đạt có như huyễn. Vì không mong cầu quả báo nên đắc vô ngại giải. Vì mỗi niệm mỗi niệm thị hiện thần lực của Phật, nên đối trị bốn điên đảo, ba căn bất thiện. Vì nghiệp cảm, mười điên đảo của ba đời nên ngã nhân tri kiến, mỗi niệm mỗi niệm là hư dối, thấu đạt về danh là giả, thọ là giả và pháp là giả, tất cả đều không thể nắm bắt được, không có tướng của mình và người, luôn luôn quán một cách chân thật.

Phẩm trung: tu tập tám vạn bốn ngàn Ba-la-mật-đa. Ở trong hai a-tăng-kỳ kiếp tu hành các hạnh thù thắng, đắc được ngôi vị nhẫn kiên cố.

Lại nữa, Bồ-tát Đạo chủng tánh, trụ trong nhẫn kiên cố, quán tánh các pháp đắc không sinh diệt; dùng bốn Vô lượng tâm phá sạch các ám chướng, luôn gặp chư Phật phát khởi sự cúng

dường rộng rãi, luôn học theo chư Phật, trụ tâm hồi hướng, những căn lành đã tu tập đều như thật tế. Với Tam-muội, làm nhiều Phật sự, hiện đủ loại thân, hành bốn Nhiếp pháp, trụ tâm không phân biệt, giáo hóa làm lợi ích cho chúng sinh. Trí tuệ sáng suốt, quán sát một cách thâm sâu, tất cả hạnh nguyện đều tu tập cả, có thể làm Pháp sư điều phục các hữu tình, quán hoàn hảo về năm uẩn, ba cõi, nhị đế, không còn tướng mình và người, đạt được tánh như thật. Mặc dù luôn tu tập thắng nghĩa nhưng còn thọ sinh vào ba cõi. Vì sao? Vì quả báo do nghiệp huân tập chưa hoại tận gốc, nên ở trong trời, người theo đạo mà thọ sinh.

Phẩm thượng: tu tập tám vạn bốn ngàn Ba-la-mật-đa. Ở trong ba a-tăng-kỳ kiếp tu hai lợi, thực hành rất nhiều sự lợi ích, điều phục được hoàn toàn các Tam-ma-địa, trụ vào sự quán sát một cách thù thắng, tu tập hạnh xuất ly, chứng bình đẳng ngôi vị của Thánh nhân.

Lại nữa, Đại Bồ-tát ở Hoan hỷ vượt qua địa phàm phu, sinh vào nhà Như Lai, trụ trong Bình đẳng nhẫn, trí vô tướng đầu tiên chiếu sáng Thắng nghĩa đế, một tướng bình đẳng chẳng phải tướng, không tướng; đoạn trừ các vô minh, diệt sạch các tham trong ba cõi, vô lượng đời vị lai vĩnh viễn không còn trở lại dòng sinh tử, lấy đại Bi làm đầu, khởi các đại nguyện, đối với trí phương tiện niệm niệm tu tập vô lượng hạnh thù thắng, chẳng phải chứng, chẳng phải không chứng nên học hết tất cả; chẳng phải trụ, chẳng phải không trụ nên hướng đến Nhất thiết trí, đi trong sinh tử không bị quân ma làm kinh động, lìa xa ngã và ngã sở, không còn lo sợ, không có tướng mình và người, luôn giáo hóa chúng sinh, nguyện lực tự tại, sinh vào các cõi tịnh.

Này thiện nam! Trí giác đầu tiên này chẳng phải Như, chẳng phải trí, chẳng phải hữu, chẳng phải vô, không có hai tướng, phương tiện diệu dụng chẳng phải điên đảo, chẳng phải an trụ, chẳng phải động, chẳng phải tịnh, 2 lợi tự tại, giống như nước với sóng, chẳng phải 1 chẳng phải khác. Trí sinh các Ba-la-mật-đa cũng chẳng phải một chẳng phải khác. Ở trong 4 a-tăng-kỳ kiếp tu tập đầy đủ trăm vạn hạnh nguyện. Bồ-tát ở địa này không còn nghiệp tập trong 3 cõi và không tạo nghiệp mới, theo trí lực mà nguyện thệ sinh, từng niệm từng niệm luôn thực hành Thí ba-la-mật-đa, bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự, thanh tịnh bao la, hoàn toàn an trụ làm lợi ích cho chúng sinh.

Lại nữa, Đại Bồ-tát ở địa Ly cấu đạt bốn vô lượng tâm, tối thắng, tịch tĩnh, đoạn trừ các tập khí sân…, tu hành tất cả các hạnh; đó là: xa lìa việc sát sinh, không cho không lấy, tâm không nhiễm dục, lời nói chân thật, lời nói hòa thuận, lời nói dịu dàng, lời nói điều phục, thường thực hành tâm xả, luôn khởi tâm Từ, trụ tâm ngay thẳng, tịch tĩnh thuần thiện, lìa xa cấu bẩn phá giới, thực hành quán đại Từ, niệm niệm đều hiện tiền. Qua năm a-tăng-kỳ kiếp giữ thanh tịnh đầy đủ Giới ba-la-mật-đa, ý chí dũng mãnh, lìa hẳn các cấu nhiễm.

Lại nữa, Đại Bồ-tát ở Phát quang, trụ vô phân biệt, diệt si ám vô minh, ở trong Vô tướng nhẫn mà chứng đắc ba minh, biết rõ ba đời, không đến không đi, nương vào bốn Tĩnh lự, bốn Định vô sắc trí vô phân biệt, tùy thuận theo thứ lớp, đầy đủ định thù thắng, chứng năm thần thông, hiện thân lớn nhỏ, ẩn hiện tự tại. Với Thiên nhãn thanh tịnh thấy hết các cõi, với Thiên nhĩ thanh tịnh nghe tất cả các loại âm thanh, với Tha tâm trí biết tâm của chúng sinh, với Túc trí biết vô lượng sự sai khác. Ở trong sáu a-tăng-kỳ kiếp tu hành tất cả Nhẫn ba-la-mật-đa, đắc đại tổng trì, làm lợi ích an lạc cho chúng sinh.

Lại nữa, Bồ-tát ở địa Diệm tuệ, tu hành Thuận nhẫn, buông bỏ tất cả vì đoạn hẳn sự vi tế của thân kiến và biên kiến, tu tập vô biên pháp phần Bồ-đề, Niệm xứ, Chánh cần, Thần túc, Căn, Lực, Giác chi, Thánh đạo đầy đủ… vì muốn thành tựu Lực, Vô sở úy, pháp Phật bất cộng. Ở trong bảy a-tăng-kỳ kiếp tu tập vô lượng Tinh tấn ba-lamật-đa, xa lìa biếng nhác, làm lợi ích khắp chúng sinh.

Lại nữa, Đại Bồ-tát ở địa Nan thắng lấy bốn Vô úy tùy thuận với chân như thanh tịnh bình đẳng, tướng vô sai biệt, dứt bỏ Tiểu thừa, thích cầu Niết-bàn, tích chứa các công đức, quán đủ các đế: đây là Khổ thánh đế, Tập, Diệt, Đạo đế. Quán Vô lượng đế Thế tục thắng nghĩa mà làm lợi lạc cho các chúng sinh, tập theo các kỹ nghệ, văn chương, y thuật, ca vịnh, vui chơi, công xảo, chú thuật, ngoại đạo dị luận, xem tướng kiết hung chính xác không sai lầm. Nhưng đối với chúng sinh không làm cho họ bị khổ não. Vì lợi ích mà khai thị cho tất cả dần dần được an trụ Vô thượng Bồ-đề, biết đạo xuất ly, đạo chướng ngại trong các địa, ở trong tám a-tăng-kỳ kiếp luôn tu tập Tam-muội, khai sáng các hành.

Lại nữa, Đại Bồ-tát ở địa Hiện tiền đắc Thuận nhẫn trên, trụ vào ba môn giải thoát, đoạn trừ các tướng thô hiện hành của tập nhân, tập nghiệp ở ba cõi, đại Bi tăng thượng, quán thấy các sinh tử do vô minh che lấp, nghiệp tập, thức chủng, danh sắc, sáu xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu sinh, già chết… đều do chấp trước nghiệp quả vô minh của ta. Nó chẳng phải có, chẳng phải không, một tướng, vô tướng vì không có hai. Ở trong chín a-tăng-kỳ kiếp tu tập trăm vạn Tam-muội Không, Vô tướng, Vô nguyện, đạt được tất cả Bát nhã Ba la mật đa chiếu sáng vô biên.

Lại nữa, Đại Bồ-tát ở địa Viễn hành, tu Vô sinh nhẫn, chứng pháp vô biệt, đoạn trừ các tướng vi tế hiện hành của nghiệp quả, trụ diệt định, tu tập hạnh thù thắng. Mặc dù luôn tịch diệt nhưng giáo hóa khắp cả chúng sinh, thị hiện nhập vào hàng Thanh văn, thuận theo trí Phật, thị hiện giống như ngoại đạo, thị hiện làm ma vương, dù tùy thuận với thế gian nhưng luôn ra khỏi thế gian. Ở trong mười a-tăng-kỳ kiếp, tu hành trăm vạn Tam-muội, dùng phương tiện thiện xảo giảng rộng Pháp tạng. Tất cả trang nghiêm đều được viên mãn.

Lại nữa, Đại Bồ-tát ở địa Bất động, trụ Vô sinh nhẫn, thể không tăng giảm, đoạn các công dụng, tâm luôn tịch diệt, không còn tướng về thân, tâm, giống như hư không. Các Bồ-tát này, tâm Phật, tâm Bồ-đề, tâm Niết-bàn, tất cả đều không khởi vì do bản nguyện, được chư Phật gia hộ, có thể trong khoảng một niệm khởi lên trí nghiệp, song chiếu bình đẳng. Dùng mười trí của mười Lực, đi khắp đại thiên thế giới không thể nói, theo từng loại chúng sinh mà làm lợi ích an lạc cho tất cả. Ở trong mười ngàn a-tăng-kỳ kiếp tu đầy đủ trăm vạn đại nguyện, tâm niệm luôn hướng về trí Nhất thiết chủng, trí Nhất thiết.

Lại nữa, Đại Bồ-tát ở địa Thiện tuệ trụ vào Vô sinh nhẫn ở trên, diệt trừ tướng tâm của tâm, Trí chứng tự tại, đoạn tan hết chướng ngại, đầy đủ đại thần thông, tu tập các Lực, Vô úy, giữ gìn hoàn hảo tạng pháp của chư Phật, đắc vô ngại giải: pháp, nghĩa, từ, biện, giảng nói chánh pháp không gián đoạn, cùng diệt tận. Ở trong các thế giới nhiều không thể nói, chỉ trong một khoảng sát-na có thể dùng một âm thanh để giải thích cho tất cả những câu hỏi khó của các chúng sinh, khiến họ rất vui mừng. Ở trong vạn a-tăng-kỳ kiếp có thể biến hiện trăm vạn hằng hà sa các thần lực của Phật, với pháp tạng vô tận làm lợi ích viên mãn.

Lại nữa, Đại Bồ-tát ở địa Pháp vân có vô lượng trí tuệ tư duy quán sát, từ lúc mới phát lòng tin, trải qua trăm vạn a-tăng-kỳ kiếp chứa nhóm vô lượng pháp trợ đạo, làm tăng trưởng vô biên đại phước trí, chứng nghiệp tự tại, đoạn trừ các chướng ngại của thần thông. Ở trong 1 niệm có thể đi khắp trăm vạn ức a-tăng-kỳ cõi nước như vi trần trong 10 phương thế giới, biết tất cả tâm hành của chúng sinh là căn thượng, trung hay hạ, giảng nói cho họ về 3 thừa để họ tu tập Ba-la-mật-đa, thể nhập vào hành xứ, lực, vô úy của Phật, tùy thuận với tịch diệt chuyển y của Như Lai.

Này thiện nam! Từ lúc bắt đầu tu tập nhẫn cho đến khi đắc định Kim cang đều gọi là chế phục tất cả phiền não bằng Vô tướng tín nhẫn, soi sáng Thắng nghĩa đế, diệt trừ các phiền não, sinh trí giải thoát, dần dần chế phục diệt trừ, dùng tâm vô sinh diệt mà đắc vô sinh diệt. Nếu tâm này diệt thì vô minh diệt, định Kim cang hiện tiền. Tất cả sự thấy biết đều không gọi là thấy biết. Chỉ có Phật hiểu rõ vì Ngài đầy đủ trí Nhất thiết, nên tất cả sự thấy biết mới được gọi là thấy biết.

Này thiện nam! Khi Tam-muội Kim cang hiện tiền mà cũng chưa có thể đồng đẳng với bậc Vô đẳng đẳng. Ví như có người lên đài rất cao nhìn xuống thấy rõ ràng tất cả; cũng vậy, ở ngôi vị giải thoát thì một tướng, vô tướng, không sinh không diệt đều đồng chân tế bình đẳng với pháp tánh tạng công đức, trụ vị Như Lai.

Này thiện nam! Như vậy các Đại Bồ-tát thọ trì giảng nói kinh này đều đi đến các cõi Phật khắp 10 phương, làm lợi ích an lạc hữu tình, thấu đạt tướng chân thật như ta ngày nay không khác.

Này thiện nam! Tất cả Như Lai trong mười phương pháp giới đều nương vào môn này mà được thành Phật. Nếu ai nói là: "Vượt khỏi môn này mà thành Phật, thì đó là lời của ma chứ chẳng phải Phật nói. Cho nên các ông nên biết như vậy, thấy như vậy, tin hiểu như vậy.

Bấy giờ, muốn tóm lại nghĩa trên, Thế Tôn nói kệ:

Bồ-tát địa Phục nhẫn
Lớn lên trong Phật pháp
Ba mươi tâm kiên cố
Gọi là không thoái chuyển.
Mới chứng tánh bình đẳng
Sinh vào nhà chư Phật
Do mới được giác ngộ
Gọi là địa Hoan hỷ.
Xa lìa các nhiễm ô
Các cấu sân vân vân
Đủ giới đức thanh tịnh
Gọi là địa Ly cấu.
Diệt sạch ám vô minh
Chứng đắc các thiền định
Do tuệ quang chiếu sáng
Gọi là địa Phát quang.
Bồ-đề phần thanh tịnh

Xa lìa thân biên kiến
Lửa trí tuệ sáng rực
Gọi là địa Diệjjm tuệ.
Biết các đế như thật
Các kỹ nghệ thế gian
Làm lợi ích quần sinh
Gọi là địa Nan thắng.
Quán pháp do duyên sinh
Vô minh đến già chết
Chứng pháp thâm sâu ấy
Gọi là địa Hiện tiền.
Phương tiện Tam-ma-địa
Thị hiện vô lượng thân
Thiện xảo hợp quần sinh
Gọi là địa Viễn hành.
Trụ vào biển vô tướng
Được chư Phật gia hộ
Tự tại phá quân ma
Gọi là địa Bất động.
Đắc bốn vô ngại giải
Một âm nói tất cả
Người nghe đều vui mừng
Gọi là địa Thiện tuệ.
Trí tuệ như mây kín
Che khắp cả pháp giới
Rưới khắp pháp cam lồ
Gọi là địa Pháp vân.
Đầy đủ giới vô lậu
Thân thường tịnh, giải thoát
Tịch diệt không nghĩ bàn
Gọi là trí Nhất thiết.

Đức Phật dạy vua Ba-tư-nặc:

–Sau khi ta diệt độ, lúc pháp sắp diệt vì tất cả hữu tình tạo các nghiệp ác nên làm cho các quốc độ xảy ra các tai họa. Vì để bảo vệ thân mình, thái tử, vương tử, hậu phi, quyến thuộc, bá quan, bá tánh, tất cả quốc độ, các quốc vương nên thọ trì Bát nhã Ba la mật đa này, đều được an lạc. Nay ta đem kinh này giao phó cho quốc vương, không giao cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Vì sao? Vì nếu không có oai lực của vua thì không đứng vững được. Cho nên các ông thường phải thọ trì, đọc tụng, giải nói kinh này.

Này đại vương! Hôm nay ta đã hóa hiện trong đại thiên thế giới trăm ức Tu-di, trăm ức mặt trời, mặt trăng, mỗi Tu-di có bốn thiên hạ. Thiệm-bộ châu này có mười sáu nước lớn, năm trăm

nước trung và mười vạn nước nhỏ. Trong các nước ấy nếu có xảy ra bảy nạn, để diệt trừ các nạn ấy, tất cả quốc vương thọ trì, giải nói Bát nhã Ba la mật đa này thì bảy nạn liền tiêu diệt, đất nước trở lại an lạc.

Vua Ba-tư-nặc hỏi Phật:

–Bảy nạn ấy là gì?

Đức Phật dạy:

1. Mặt trời mặt trăng vận hành không đúng lúc, màu sắc mặt trời thay đổi: trắng, đỏ, vàng, đen hoặc hai, ba, bốn, năm mặt trời chiếu cùng một lúc. Màu mặt trăng biến đổi: đỏ, vàng. Mặt trời, mặt trăng nuốt nhau, hoặc hiện chồng lên nhau: một, hai, ba, bốn, năm vầng chồng lên.

2. Tinh tú vận hành không đúng lúc. Các sao: sao Chổi, sao Mộc, sao Hỏa, sao Kim, sao Thủy, sao Thổ… bị biến đổi hoặc có khi mọc ban ngày.

3. Lửa rồng, lửa quỷ, lửa người, lửa cây, lửa dữ nổi bùng lên khắp nơi thiêu rụi vạn vật.

4. Thời tiết thay đổi, lạnh nóng bất thường. Mùa đông thì mưa sấm sét, mùa hè sương băng tuyết. Mưa dừng thì đất, đá, sỏi, cát bất ngờ đổ xuống. Rồi mưa nước màu đỏ sậm, nước sông biển lênh láng làm trôi đá, nổi núi.

5. Gió dữ luôn nổi lên, che tối mặt trời mặt trăng, làm cho tróc nhà, cây bật gốc, cát bay, đá chạy.

6. Trời đất nắng hạn, làm cho nước hồ ao khô cạn, cây cối chết khô, trăm thứ lúa mạch không sinh trưởng.

7. Giặc cướp bốn phương xâm lấn trong và ngoài nước, binh đao đua nhau nổi lên làm cho trăm họ bỏ mạng.

8. Này đại vương! Hôm nay ta nói sơ về các nạn như vậy. Nếu lúc vào ban ngày mặt trời không xuất hiện, ban đêm mặt trăng không xuất hiện, trên trời đủ các tai họa như không có mây, mưa, tuyết. Còn dưới đất cũng có các tai họa nứt lở, sụp, chấn động. Hoặc máu chảy, quỷ thần xuất hiện, những loài chim thú quái dị… Những tai họa như vậy nhiều vô lượng, vô biên. Khi mỗi tai họa xảy ra đều phải thọ trì, đọc tụng, giải nói Bát nhã Ba la mật đa này.

Khi nghe Đức Phật nói như vậy, 16 quốc vương đều kinh sợ. Vua Ba-tư-nặc thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao trời đất có những tai nạn như vậy?

Đức Phật dạy:

–Này đại vương! Do tất cả nhân dân các nước lớn nhỏ trong Thiệm-bộ châu bất hiếu với cha mẹ, không kính Sư trưởng, Sa-môn, Bà-la-môn. Quốc vương, đại thần không hành theo Chánh pháp. Do các xấu ác này mà xảy ra các tai nạn như vậy.

Này đại vương! Bát nhã Ba la mật đa có thể sinh ra tất cả các pháp của chư Phật, tất cả pháp giải thoát của Bồ-tát, tất cả pháp vô thượng của quốc vương, tất cả pháp xuất ly của hữu tình. Ví như viên châu ma-ni, báu thể của nó có đầy đủ các đức có thể làm đè bẹp rồng độc, các quỷ thần ác; có thể làm thỏa mãn sự mong cầu của con người, có thể ứng với luân vương, gọi là viên châu như ý, có thể làm cho các Đại long vương như: Nan-đà, Bạt-nan-đà,… mưa xuống nước cam lồ ngọt làm thấm nhuần cây cỏ. Nếu vào ban đêm tối tăm, gắn viên châu như ý trên trụ cờ cao thì ánh sáng của nó chiếu khắp trời đất giống như mặt trời mọc. Bát nhã Ba la mật đa này cũng vậy, các ông nên làm tràng phan, cờ, lọng báu, đốt hương rải hoa cúng dường rộng rãi, làm hộp báu

để đựng kinh này rồi đặt trên bàn báu. Nếu khi muốn đi thì kinh này luôn dẫn đường đi trước. Đến ở chỗ nào phải làm cờ bảy báu, dùng các châu báu làm tòa và đặt kinh này lên trên, cúng dường đủ các phẩm vật giống như phụng thờ cha mẹ, như chư Thiên phụng thờ Đế Thích.

Này đại vương! Ta thấy tất cả các quốc vương trong các nước đều nhờ quá khứ hầu năm trăm Đức Phật, cung kính cúng dường các Ngài mà được làm đế vương, tất cả Thánh nhân đắc đạo quả rồi đến sinh vào các nước ấy để làm đại lợi ích. Nếu khi vua hết phước vô đạo thì Thánh nhân bỏ đi, tai nạn tranh nhau xảy ra.

Này đại vương! Nếu đời sau có quốc vương nào kiến lập chánh pháp, ủng hộ Tam bảo thì ta bảo chúng Đại Bồ-tát ở năm phương đến ủng hộ đất nước của vị vua ấy:

Phương Đông có Đại Bồ-tát Kim Cang Thủ, tay cầm chày Kim cang phóng ánh sáng xanh và cùng bốn ức Bồ-tát đến ủng hộ nước của vị vua ấy.

Phương Nam có Đại Bồ-tát Kim cang Bảo, tay cầm viên châu ma-ni Kim cang phóng ánh sáng màu mặt trời, cùng bốn ức Bồ-tát đến ủng hộ đất nước của vị vua ấy.

Phương Tây có Đại Bồ-tát Kim cang Lợi, tay cầm kiếm Kim cang phóng ánh sáng màu vàng ròng cùng bốn ức Bồ-tát đến ủng hộ nước của vị vua ấy.

Phương Bắc có Đại Bồ-tát Kim cang Dược-xoa, tay cầm linh

Kim cang phóng ánh sáng màu lưu ly cùng bốn ức Bồ-tát đến ủng hộ nước của vị vua ấy.

Phương giữa có Đại Bồ-tát Ba-la-mật-đa Kim cang, tay cầm vòng Kim cang phóng ánh sáng năm màu cùng bốn ức Bồ-tát đến ủng hộ nước của vị vua ấy.

Năm Đại Bồ-tát ấy đều cùng vô lượng đại chúng như vậy ở trong nước của các ông làm việc đại lợi ích. Các ông nên dựng hình tượng mà cúng dường các ngài.

Bấy giờ, các Đại Bồ-tát Kim Cang Thủ… liền đứng dậy đảnh lễ sát hai chân Đức Phật rồi lui ra một bên, thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bản nguyện của chúng con là nương nhờ thần lực của Phật. Nếu tất cả quốc độ trong mười phương thế giới nơi nào có kinh này mà thọ trì, đọc tụng, giải nói thì chúng con sẽ cùng tất cả quyến thuộc như thế, ở trong một niệm liền đến nơi ấy để bảo vệ chánh pháp, gây dựng chánh pháp, khiến cho các tai nạn đao binh, tật dịch… của nước ấy đều được tiêu trừ.

Bạch Thế Tôn! Chúng con có Đà-la-ni có thể gia trì ủng hộ, đó là môn tu hành mau chóng của tất cả các Đức Phật. Nếu ai được nghe qua 1 lần thì tất cả tội chướng đều được tiêu trừ, huống chi tụng tập, học thuộc lòng. Nhờ oai lực của pháp nên khiến cho đất nước dứt hẳn các tai nạn.

Các Đại Bồ-tát ở trước Phật đồng thanh nói Đà-la-ni:

–Na mô ra đát na, đát ra, dạ dã. Na mạc a rị dạ phệ lô giả na dã đát tha bà đa, dạ ra ha đế miệu một đà dã ma mạc a rị dã tam mãn đa bạt nại ra dã mạo địa tát đát phược dã ma ha tát đát phược dã ma hạ ca lỗ ni ca dã đát nhĩ dã tha chỉ nẵng na bát ra nhĩ bế ác khất xoa dã cú thế bát ra để bà na phược để tát phược một đà phược lộ chỉ đế du ngạ phả rị nhĩ sáp phả ninh nghiêm tị ra nổ ra phược ngạ hệ để rị dã đặc phược bả ri nhĩ sáp bả ninh mạo địa chất đa tán nha na nhĩ tát phược tỳ thô ca tỳ sắc ngật đế đạt ma sa ngạ ra tam bộ đế a mộ già thất ra phược ninh ma hạ tam mãn đa bạt nại ra bộ di niết rị dã đế vĩ dã yết ra noa bả rị bát ra phả nhĩ tát phược tất đà na ma tắt ngật-rị đế tát phược mạo địa tát đát phược

tán nhạ na nhĩ bà ngạ phược để một đà ma đế a la nhĩ ca sa nhĩ a ra noa ca ra nhĩ ma hạ bát la chỉ nẵng phan ra nhĩ đế ta phược.

Nghe nói vậy, Đức Thế Tôn khen ngợi các Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Lành thay, lành thay! Nếu có người đọc tụng, giữ gìn Đà-la-ni này, ta và chư Phật mười phương đều luôn ủng hộ, các quỷ thần ác kính trọng vị ấy như Đức Phật, không bao lâu vị ấy sẽ chứng đắc Vô thượng Bồ-đề.

Này đại vương! Ta đem kinh này giao phó cho các ông. Tất cả các quốc vương của nước Tỳ-xá-ly, nước Kiều-tát-la, nước Thất-laphiệt, nước Ma-già-đà, nước Ba-la-nê-tư, nước Ca-tỳ-la, nước Câuthi-na, nước Kiều-diệm-di, nước Bát-già-la, nước Ba-sất-la, nước Mạt-thổ-la, nước Ô-thi-ni, nước Bôn-sất-bạt-đa, nước Đề-bà-bạtda, nước Ca-thi, nước Chiêm-bà… đều phải thọ trì Bát-nhã ba-lamật-đa.

Nghe Đức Phật nói những tai nạn như vậy, các đại chúng A-tula… đều sởn tóc gáy và cất cao tiếng thưa:

–Chúng con nguyện đời vị lai không sinh vào các nước ấy.

Bấy giờ, mười sáu vị vua đều bỏ ngôi vua mà xuất gia tu đạo, chứng đầy đủ tám Thắng xứ, mười Nhất thiết xứ, đắc Phục nhẫn, Ngôn nhẫn, Vô sinh pháp nhẫn.

Khi ấy, tất cả đại chúng Trời, Người, A-tu-la… rải hoa Mạn-đàla, hoa Mạn-thù-sa, hoa Bà-sư-ca, hoa Tô-mạn-na để cúng dường Phật, tùy theo căn tánh mà họ đắc ba môn giải thoát, chứng ngộ sinh không, pháp không, pháp phần Bồ-đề.

Vô lượng, vô số Đại Bồ-tát rải hoa Câu-vật-đầu, hoa Ba-đầuma để cúng dường Phật. Vô lượng Tam-muội đều hiện tiền, đắc trụ Thuận nhẫn, Vô sinh pháp nhẫn. Vô lượng vô số Đại Bồ-tát đắc hằng hà sa các môn Tam-muội, chân tục bình đẳng, đầy đủ biện tài không ngăn ngại, luôn phát sinh đại Bi, trăm vạn ức a-tăng-kỳ cõi Phật trong thế giới như số vi trần làm lợi ích rộng rãi cho chúng sinh và hiện thân thành Phật.

Phẩm 8: CHÚC LỤY

Đức Phật nói với vua Ba-tư-nặc:

–Hôm nay ta dạy các ông: Sau khi ta diệt độ, lúc Chánh pháp sắp diệt, sau 50 năm, sau năm trăm năm, sau 5.000 năm không còn Phật, Pháp, Tăng, thì kinh này là Tam bảo, ta giao phó cho các quốc vương để gây dựng, giữ gìn; để 4 bộ chúng đệ tử của ta thọ trì, đọc tụng, hiểu nghĩa lý của kinh, đem giảng nói pháp giải thoát rộng rãi cho chúng sinh, khiến cho họ tu tập để ra khỏi sinh tử.

Này đại vương! Đời năm trược sau này, tất cả quốc vương, vương tử, đại thần… tự ỷ mình cao quý mà phá diệt lời chỉ dạy của ta. Sáng tác pháp chế ngăn chận hàng đệ tử Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni của ta không cho xuất gia tu hành chánh đạo, cũng không cho xây tháp tạo tượng Phật, bạch y thì ngồi trên cao, còn hàng Tỳ-kheo thì đứng dưới đất, giống như pháp binh nô, chẳng khác. Ông nên biết, lúc đó không còn bao lâu Chánh pháp sẽ bị diệt.

Này đại vương! Nhân duyên phá nước là do các ông tự tạo ra, ỷ mình có oai lực ngăn cản bốn bộ chúng không cho tu tập phước đức. Còn hàng Tỳ-kheo xấu ác thì nhận pháp mời thỉnh riêng, hàng Tỳkheo hiểu biết thì đồng nhất tâm gần gũi thân thiện với nhau, lập trai hội để cầu phước. Đó là pháp của ngoại đạo, hoàn toàn chẳng phải giáo pháp của ta, làm cho trăm họ tật bệnh khổ nạn vô lượng. Ông nên biết, lúc ấy đất nước bị phá diệt.

Này đại vương! Vào đời mạt pháp, hàng quốc vương, đại thần, bốn bộ chúng đều làm những việc phi pháp, trái ngược với lời Phật dạy, tạo các tội lỗi, chẳng phải Pháp, chẳng phải Luật, trói buộc Tỳkheo giống như kẻ tù tội. Ông nên biết, khi ấy không còn bao lâu Chánh pháp bị diệt.

Này đại vương! Sau khi ta diệt độ, bốn bộ đệ tử của ta, tất cả quốc vương, vương tử, bách quan chính là những người có trách nhiệm giữ gìn, ủng hộ Tam bảo, nhưng lại tự phá diệt, giống như trùng trong thân sư tử tự ăn thịt sư tử, chứ chẳng phải ngoại đạo. Ai phá hoại Chánh pháp của ta, kẻ ấy mắc tội rất lớn, vì làm cho Chánh pháp suy dần, nhân dân không chánh hạnh, các điều ác dần dần tăng trưởng, tuổi thọ ngày càng giảm dần, con không hiếu thuận, lục thân không hòa, trời rồng không giúp đỡ, quỷ ác, rồng ác hằng ngày đến phá hại, tai ương yêu quái liên tục, gieo họa khắp nơi. Người phá hoại Chánh pháp ấy sẽ đọa vào địa ngục, bàng sinh, ngạ quỷ. Nếu được làm người thì bần cùng, nghèo khổ, thấp hèn, các căn không đầy đủ. Như hình với bóng, như tiếng vang vọng lại theo âm thanh, như người viết trong đêm, tuy đèn tắt, nhưng vẫn còn, quả báo hủy phá Chánh pháp cũng như vậy.

Này đại vương! Trong đời vị lai, tất cả quốc vương, vương tử, đại thần cùng đệ tử của ta lập ra sách vỡ ghi chép bừa bãi, lập ra người chủ trông coi, cai quản Tăng lớn nhỏ, sai sử phi lý. Ông nên biết, khi đó Phật pháp không còn bao lâu.

Này đại vương! Trong đời vị lai, tất cả quốc vương, 4 bộ đệ tử phải nương tựa vào tất cả chư Phật ở 10 phương, luôn tu hành đạo, và thiết lập sự truyền bá. Nhưng ác Tỳ-kheo thì vì cầu danh lợi mà không nương vào pháp của ta, ở trước mặt quốc vương tự nói điều tội lỗi làm duyên phá Chánh pháp. Vị vua ấy không phân biệt được, tin theo lời nói của ác Tỳ-kheo, lập pháp chế sai lầm, không nương vào giới pháp của Phật. Ông nên biết, lúc đó không bao lâu pháp sẽ diệt tận.

Này đại vương! Trong đời vị lai, quốc vương, đại thần, bốn bộ đệ tử tự phá Chánh pháp, phá nhân duyên của quốc gia, thân tự chịu lấy, chẳng phải lỗi của Phật pháp. Trời, rồng bỏ đi, năm trược tăng dần. Nếu có nói cùng kiếp cũng không hết.

Lúc ấy, mười sáu đại quốc vương nghe những lời răn dạy vào đời vị lai như vậy, đau buồn khóc lóc, làm chấn động ba ngàn cõi. Trời đất tối sầm không có ánh sáng. Khi ấy các vị vua đều chí tâm thọ trì lời Phật dạy, nguyện sẽ không ngăn cản bốn bộ chúng xuất gia học đạo, sẽ thực hành đúng như lời Phật dạy.

Bấy giờ hằng hà sa vô lượng đại chúng đều than:

–Lúc đó thế gian trống không, là không có Phật.

Vua Ba-tư-nặc thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nên đặt kinh này tên là gì? Chúng con phụng hành như thế nào?

Phật dạy:

–Này đại vương! Kinh này đặt tên là Nhân Vương Hộ Quốc Bát nhã Ba la mật đa, cũng gọi là Cam Lồ Pháp Dược. Nếu có ai uống vào thì khỏi các bệnh tật.

Này đại vương! Công đức của Bát Nhã giống như hư không, không thể nào đo lường được. Nếu người nào thọ trì, đọc tụng kinh này thì công đức đạt được có thể ủng hộ nhân vương và các chúng sinh, giống như tường vách, cũng như thành lũy, cho nên các ông cần phải thọ trì.

Đức Phật nói kinh này đã xong, vô lượng Đại Bồ-tát: Di-lặc, Sư Tử Hống…; vô lượng Thanh văn: Xá-lợi-phất, Tu-bồ-đề…; vô lượng trời, người ở cõi Dục, cõi Sắc, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưubà-di, A-tu-luân… tất cả đại chúng nghe Phật nói như vậy đều rất vui mừng, tín thọ phụng hành.

HẾT

(Kinh "Nhân Vương Hộ Quốc Bát Nhã Ba La Mật Đa)

---o0o---

(Tạng Thư Phật Học)

28. Kinh "Phật Thuyết Liễu Nghĩa Bát Nhã Ba La Mật Đa"

Đại Tạng Kinh Việt Nam mang số 0247, 1 quyển do Đại sư Thi Hộ đời Tống dịch từ Phạn sang Hán và nhóm Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh dịch từ Hán sanh Việt.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Ông nên biết, nếu các Đại Bồ-tát ưa thích tu tập hạnh tương ưng với Ba-la-mật-đa thì nên đối với các pháp, như thật biết rõ những gì có tạo tác đều lìa tất cả tướng.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất chắp tay cung kính thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói: các Đại Bồ-tát ưa thích muốn tu tập hạnh tương ưng với Ba-la-mật-đa, vậy làm thế nào để biết rõ tự tánh của các pháp? Với những gì có tạo tác, làm thế nào để lìa tướng?

Đức Phật dạy Xá-lợi Tử:

–Nếu các Đại Bồ-tát ưa thích viên mãn thắng hạnh tương ưng và đối với các pháp lìa tướng tạo tác thì phải hiểu các pháp trụ mà không chỗ trụ, mới có thể viên mãn thắng hạnh tương ưng.

Lại nữa, này Xá-lợi Tử! Nếu các Đại Bồ-tát ở trong các pháp hành hạnh bố thí mà không thấy có người bố thí, không có vật được bố thí, không có người bố thí; thì như vậy mới có thể viên mãn Thí ba-la-mật.

Lại nữa, vị nào tu tập các giới pháp mà không thấy có người giữ, không có giới để giữ, không tạo tác; nếu giữ giới như vậy thì có thể viên mãn Giới ba-la-mật.

Lại nữa, vị nào tu tập pháp nhẫn nhục, ở trong các pháp không bị động chuyển, lìa các tạo tác thì như vậy mới có thể viên mãn Nhẫn ba-la-mật.

Lại nữa, trong hạnh tương ưng phải tinh tấn tu tập, dù thân hay tâm đều không biếng nhác, không có tướng tạo tác; nếu tinh tấn như vậy thì có thể viên mãn Tinh tấn ba-la-mật.

Lại nữa, trong các pháp không bị tán loạn, lìa xa các tướng sở đắc; nếu không tán loạn như vậy thì có thể viên mãn Định ba-lamật.

Này Xá-lợi Tử! Nếu các Đại Bồ-tát ưa thích an trụ tương ưng với Bát nhã Ba la mật đa thì cần phải viên mãn bốn Niệm xứ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Thánh đạo.

Lại nữa, quán tưởng Tam-ma-địa Không, Tam-ma-địa Vô tướng, Tam-ma-địa Vô nguyện, bốn pháp Thiền định, bốn pháp Vô lượng, bốn pháp Vô sắc định, tám pháp Giải thoát, Cửu tiên hành pháp tiên hành, chín pháp tưởng.

Những gì là chín tưởng?

–Đó là tưởng pháp bên trong, tưởng Vĩ-bố-dã-ca, tưởng lìa đỏ xanh, tưởng vĩ-khư-nhĩ-đa, tưởng vô trụ, tưởng Khiếp-nhĩ-đa, tưởng ly tán, tưởng không nhiệt não, tưởng lìa ăn uống.

Như vậy gọi là chín pháp tưởng.

Lại nữa, tưởng niệm Phật; tưởng niệm Pháp; tưởng niệm Tăng; tưởng niệm giới, thí, thiên…; tưởng lìa phiền não; tưởng niệm sinh diệt; tưởng niệm vô thường, khổ, vô ngã…; tưởng niệm các thế gian không cứu cánh; tưởng niệm Khổ trí; tưởng Tập trí; tưởng Diệt trí; tưởng Đạo trí; tưởng tận trí; tưởng vô sinh trí; tưởng pháp trí; tưởng vô ngã trí; tưởng hòa hợp trí; tưởng như thật trí; tưởng ngôn ngữ phân biệt; tưởng lìa ngôn ngữ phân biệt; tưởng vị tri đương tri căn; tưởng dĩ tri căn; tưởng cụ tri căn; tưởng bất tịnh; tưởng thanh tịnh; tưởng chỉ và quán; tưởng ba Minh; tưởng bốn Liễu tri; tưởng bốn Vô úy; tưởng năm Thần thông; tưởng sáu Ba-la-mật; tưởng bảy chỗ Trụ tâm; tưởng tám pháp Đại nhân; tưởng chín chỗ ở của chúng sinh; tưởng mười Lực của Như Lai; tưởng mười tám pháp Bất cộng; tưởng đại Từ; tưởng đại Bi cho đến tưởng trí Nhất thiết trí. Với các pháp như vậy phải tưởng như vậy.

Lại nữa, các Đại Bồ-tát ưa thích viên mãn trí Nhất thiết và trí Nhất thiết chủng thì nên quán tưởng như thật về Bát nhã Ba la mậtđa.

Lại nữa, nếu muốn viên mãn trí Đạo tướng và trí Nhất thiết tướng thấu rõ các hành tướng của tâm tất cả chúng sinh, đoạn trừ các tạp nhiễm của tất cả chúng sinh, thì cần phải tu tập thắng hạnh tương ưng với Bát nhã Ba la mật đa.

–Này Xá-lợi Tử! Theo các môn tưởng, các pháp mà ta đã nói trên đây, Đại Bồ-tát phải học như vậy.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi Tử lại thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát tu tập Bát nhã Ba la mật đa nên đoạn trừ pháp gì?

Đức Phật dạy Xá-lợi Tử:

–Ai tu tập Bát nhã Ba la mật đa cần phải đoạn trừ mười thứ nghi ngờ.

Những gì là mười? Đó là nghi hữu tánh, nghi vô tánh, nghi các pháp sai biệt, nghi hủy báng, nghi một pháp, nghi nhiều pháp, nghi đồng, khác, nghi phẩm thượng, nghi như danh, nghi như danh nghĩa. Mười loại nghi ngờ này cần phải đoạn trừ. Nếu làm được như vậy thì Đại Bồ-tát đối với tất cả tướng đều không chỗ quán. Vì tướng không chỗ quán nên cũng gọi là không chỗ quán Bát-nhã bala-mật-đa, không chỗ quán các hành, không chỗ quán sắc, không chỗ quán thọ, tưởng, hành, thức. Tất cả đều không chỗ quán. Vì sao? Vì tự tánh của sắc là không, nên không ấy lìa tánh. Thể của sắc là không, lìa sắc thì chẳng có không riêng biệt. Thể của không là sắc, lìa không thì chẳng có sắc riêng biệt. Nghĩa ấy như thế nào gọi là phân biệt sắc?

–Xá-lợi Tử nên biết! Tự tánh của sắc pháp không sinh không diệt, chẳng phải nhiễm chẳng phải tịnh, nên gọi là tự tánh. Cũng chẳng phải duyên pháp, lìa các nghi ngờ, không từ đâu đến và cũng không có trụ chỗ nào. Vì sự phát sinh như thật nên lìa ba giai đoạn. Sắc pháp như vậy, thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Cho nên Đại Bồ-tát đối với các danh tướng đều không có chỗ quán. Vì không có chỗ quán nên không có chỗ nhập. Không chỗ nhập thì có thể viên mãn Bát nhã Ba la mật đa.

HẾT

---o0o---

(Tạng Thư Phật Học)

29. Kinh "Phật Thuyết Ngũ Thập Tụng Thánh Bát Nhã Ba La Mật"

Đại Tạng Kinh Việt Nam mang số 0248, 1 quyển do Đại sư Thi Hộ, đời Tống dịch từ Phạn sang Hán và nhóm Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh dịch từ Hán sang Việt.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ Đức Phật ở trong núi Thứu phong, thuộc thành Vương xá cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ-kheo đều đắc A-la-hán, các lậu đã tận, không còn phiền não, tâm hoàn toàn giải thoát, trí tuệ thông đạt, giống như Đại long vương, đoạn trừ các kết sử, vứt bỏ các gánh nặng, việc làm đã xong, đạt được tự lợi, tâm được tự tại.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Nếu có thiện nam, thiện nữ và các Thanh văn, Duyên giác nào ưa thích tu học Vô thượng Bồ-đề thì các ông đối với kinh Bát nhã Ba la mật này, thọ trì, đọc tụng, phân biệt giảng nói cho họ nghe thì họ sẽ mau đạt Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Kinh Bát nhã Ba la mật này đầy đủ phương tiện, thông đạt tất cả, là Pháp tạng thâm sâu của chư Phật và Bồ-tát, phải học như vậy, tu hành như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có Đại Bồ-tát tùy hỷ nghe, thọ trì, đọc tụng kinh Bát nhã Ba la mật này thì nên học như vậy, tu hành như vậy. Vì sao? Vì kinh này nói rộng tạng pháp sâu xa Vô thượng Bồ-đề của chư Phật Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Kinh Bát nhã Ba la mật này có pháp Thanh văn, pháp Duyên giác, pháp Bồ-tát và pháp phần Bồ-đề; tất cả pháp Bát nhã Ba la mật của tất cả chư Phật nhóm chứa nhiếp thọ bình đẳng như một.

Bấy giờ, Tu-bồ-đề thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao có pháp Thanh văn, pháp Duyên giác, pháp Bồ-tát và pháp phần Bồ-đề và tất cả pháp Bát nhã Ba la mật của tất cả chư Phật chứa nhóm nhiếp giữ bình đẳng như một?

Đức Phật dạy Tu-bồ-đề:

–Vì có Bố thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-lamật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật, Trí tuệ ba-la-mật, nội không, ngoại không, nội ngoại không, đại không, thắng nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, vô biến dị không, vô tướng không, tự tướng không, hữu tế không, vô tế không, tánh không, bản tánh không, vô tánh không, tự tánh không, vô tánh tự tánh không, tất cả pháp không, bốn Niệm xứ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Thánh đạo, bốn Thánh đế, bốn Vô sắc, tám Giải thoát, chín Phần pháp, môn Giải thoát không, môn Giải thoát vô tướng, môn Giải thoát vô nguyện, tất cả môn Tam-ma-địa, Tổng trì môn, bốn Trí, năm Thần thông, tất cả mười Lực của Như Lai, bốn Vô sở úy, đại Từ, đại Bi, mười tám pháp Bất cộng, quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-lahán,

quả Duyên giác, quả Bồ-tát, trí Nhất thiết đạo. Tất cả các pháp thiện như thế, tất cả Bát nhã Ba la mật đều chứa nhóm, nhiếp thọ bình đẳng như một không khác.

Nghe Đức Phật nói như vậy, Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Kinh điển này tích chứa, nhiếp thọ tất cả pháp lành, tất cả Bát nhã Ba la mật bình đẳng như một, sâu xa vi diệu, ý nghĩa thâm sâu, khó hiểu khó biết.

Phật dạy Tu-bồ-đề:

–Đúng vậy, đúng vậy! Đúng như lời ông đã nói. Này Tu-bồđề! Nếu có người không gieo trồng căn lành, bạn bè xấu ác, độn căn, biếng nhác, không trí, ngu si, ít hiểu ít nghe, mới học, hiểu biết cạn cợt, lại thích Tiểu thừa, trí tuệ hẹp hòi… thì đối với kinh Bát nhã Ba la mật này khó hiểu, khó thể nhập và lại không tin thọ. Ông nên biết như vậy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ đối với kinh Bát nhã Ba la mật này mà tùy hỷ lắng nghe tiếp thu, đọc tụng, giải nói như giữ chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, không bao lâu sẽ mau chứng Vô thượng Bồ-đề.

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Tu-bồ-đề và các Bồ-tát, Trời, Người, A-tu-la… nghe Phật nói như vậy đều rất vui mừng, tín thọ phụng hành.

HẾT

(Kinh "Ngũ Thập Tụng Thánh Bát Nhã")

---o0o---

(Tạng Thư Phật Học)

30. Kinh "Phật Thuyết Đế Thích Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm"

Đại Tạng Kinh Việt Nam mang số 0249, 1 quyển Đại sư Thi Hộ, đời Tống dịch từ Phạn sang Hán và nhóm Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh dịch từ Hán sang Việt.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ Đức Phật ở trong núi Thứu phong, thuộc thành Vương xá cùng vô số chúng đại Tỳ-kheo, lại có mười ức Đại Bồ-tát tướng đồng tử.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Thiên chủ Đế Thích:

–Này Kiều-thi-ca! Bát nhã Ba la mật này nghĩa lý nó rất sâu xa, chẳng phải một, chẳng phải khác, chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải nắm bắt, chẳng phải buông bỏ, chẳng phải tăng, chẳng phải giảm, chẳng phải có phiền não, chẳng phải không phiền não, chẳng phải xả bỏ, chẳng phải không xả bỏ, chẳng phải trụ, chẳng phải không trụ, chẳng phải tương ưng, chẳng phải không tương ưng, chẳng phải phiền não, chẳng phải không phiền não, chẳng phải duyên, chẳng phải không duyên, chẳng thật, chẳng phải không thật, chẳng phải pháp, chẳng phải không pháp, chẳng có chỗ quay về, chẳng phải không có chỗ quay về, chẳng phải thật tế, chẳng phải không thật tế.

Này Kiều-thi-ca! Như vậy thì tất cả pháp bình đẳng, Bát nhã Ba la mật cũng bình đẳng. Tất cả pháp tịch tĩnh, Bát nhã Ba la mật cũng tịch tĩnh. Tất cả pháp bất động, Bát nhã Ba la mật cũng bất động. Tất cả pháp phân biệt, Bát nhã Ba la mật cũng phân biệt. Tất cả pháp sợ sệt, Bát nhã Ba la mật cũng sợ sệt. Tất cả pháp biết rõ, Bát nhã Ba la mật cũng biết rõ. Tất cả pháp một vị, Bát nhã Ba la mật cũng một vị. Tất cả pháp bất sinh, Bát nhã Ba la mật cũng bất sinh. Tất cả pháp bất diệt, Bát nhã Ba la mật cũng bất diệt. Tất cả pháp là hư không vọng tưởng, Bát nhã Ba la mật cũng hư không vọng tưởng.

Sắc vô biên, Bát nhã Ba la mật cũng vô biên. Như vậy thọ, tưởng, hành, thức vô biên; Bát nhã Ba la mật cũng vô biên.

Địa giới vô biên, Bát nhã Ba la mật cũng vô biên. Như vậy thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới vô biên; Bát nhã Ba la mật cũng vô biên.

Kim cang bình đẳng, Bát nhã Ba la mật cũng bình đẳng. Tất cả pháp không hư hoại, Bát nhã Ba la mật cũng không hư hoại. Tất cả pháp tánh không thể đắc, Bát nhã Ba la mật cũng không thể đắc. Tất cả pháp tánh bình đẳng, Bát nhã Ba la mật cũng bình đẳng. Tất cả pháp vô tánh, Bát nhã Ba la mật cũng vô tánh. Tất cả pháp không nghĩ bàn, Bát nhã Ba la mật cũng không nghĩ bàn.

Như vậy Bố thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-lamật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật, Phương tiện ba-la-mật, Nguyện ba-la-mật, Lực ba-la-mật, Trí ba-la-mật cũng không thể nghĩ bàn.

Ba nghiệp thanh tịnh, Bát nhã Ba la mật cũng thanh tịnh.

Như vậy, Bát nhã Ba la mật nghĩa lý vô biên.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Có mười tám không. Mười tám không ấy là gì? Là nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, thắng nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, vô tế không, vô biến dị không, vô thỉ không, bản tánh không, tự tướng không, vô tướng không, vô tánh không, tự tánh không, vô tánh tự tánh không, tất cả pháp không.

Tụng:

Như sao, như lồng đèn
Mộng huyễn và bọt sương
Như điện và như mây
Cần phải quán như vậy.
Ta lược nói thế này:
Bát nhã Ba la mật
Không sinh cũng không diệt
Không đoạn cũng không thường
Nghĩa chẳng một, chẳng nhiều
Chẳng đến cũng chẳng đi
Như vậy mười hai duyên
Diệt trừ để tịch tĩnh.
Bậc Chánh Đẳng Giác nói
Kính tin Bậc Vô Thượng
Quy y Phật mười phương
Quá, hiện tại, vị lai
Tam bảo: Ba-la-mật
Biển công đức vô lượng
Cúng dường chư Như Lai
Đại minh chân bí mật.

Chân ngôn:

Đát nhĩ dã tha bát ra nghê bát ra nghê ma hạ bát ra, nghê bát ra, nghê phược bà, tế bát ra, nghê lỗ ca ca lí, a nghê dã nẵng vĩ đà ma nhĩ, tất đề tô tất đề tất, bột đổ hàm bà ngạ phược đế tất lý bột ngạ tốn na lý bạt ngật đế vẫn bà lê bát ra đa lý đa hạ tất đế tam ma bà phược sa ca lý tất bột tất bột một bột một bột kiếm ba kiếm ba tả ra tả ra ra, phược ra phược a nga sa a nga sa ba nga phược đế ma vĩ ra sa sa phược hạ.

Nẵng mồ đạt lý mồ nại nga đa tả mạo địa tát đỏa tả ma hạ tát đỏa tả ma ha ca lỗ ni ca tả nẵng mồ sa na bát ra, lỗ nhĩ đát tả mạo địa tát đỏa tả ma hạ tát đỏa tả ma hạ, ca lỗ ni ca tả. Nẵng mồ bát na, nghê dã ba ra nhĩ đa, duệ đát nhĩ dã, tha mâu nhĩ đạt lí di, tăng nga ra hạ đạt lí di a nỗ nga ra, hạ đạt lí di vĩ mục ngật đa đạt lí di tát

đỏa nỗ nga ra hạ đạt lí di phệ thất ra phược noa đạt lý di, tam mãn đa nộ ba lí phược lý đa, nẵng đạt lí di ngu noa nga ra hạ tăng nga ra, hạ đạt lí di, tát lí phược đát ra, nỗ nga đa đạt lí di, tát lý phược, ca la ba lí bát ra ba, noa đạt lý di sa phược hạ bát la nghê dã, ba ra di đa, duệ đát nhĩ dã tha a khư nhĩ nẵng khư, nhĩ a khư nẵng nhĩ khư nhĩ a phược la vẫn đà nhĩ bán na nhĩ bán na nhĩ bát nại lí sa phược hạ.

Nẵng mồ bát ra nghê dã ba ra di đa duệ đát nhĩ dã tha ngang nga ngang nga nẵng đế ra ngang nga nẵng đế nẵng phược bà sa ngang nga sa phược hạ.

Nẵng mồ bát ra nghê dã, ba ra di đa, duệ đát nhĩ dã tha thất lị duệ thất lí duệ mâu nhĩ thất lí duệ mâu nhĩ thất lí dã tế sa phược hạ, bát ra nghê dã ba ra di đa, duệ đát nhĩ dã tha án phược ra vị lệ sa phược hạ.

Nẵng mồ bát ra nghê dã, ba ra di đa duệ đát nhĩ dã tha án hột lăng thất lăng đặt lăng thất lỗ đế đặt lí đế sa mật lý nga đế vĩ duệ nhạ sa phược hạ.

Nẵng mồ bát ra nghê dã ba ra di đa duệ tát nhĩ dã tha xoa phược lí xoa phược lí ma hạ xoa phược lí độ lỗ độ lỗ ma hạ độ lỗ sa phược hạ.

Nẵng mồ bát ra nghê dã ba ra di đa duệ đát nhĩ dã tha, hổ đế hổ đế đa thiết nhĩ tát lí phược ra lí ma phược ra nô nhĩ sa phược hạ.

Nẵng mồ bát ra nghê dã ba ra di đa duệ đát nhĩ dã tha án a lỗ lê ca sa phươc hạ.

Nẵng mồ bát ra nghê dã ba ra di đa duệ đát nhĩ dã tha, án tát lí phược vĩ đỗ bà phược hạ.

Nẵng mồ bát ra nghê dã ba ra di đa duệ đát nhĩ dã tha nga đế nga đế ba lãm nga đế ba đế ra tăng nga đế mạo địa sa phược hạ.

Sau khi Đức Phật nói kinh này xong, Thiên chủ Đế Thích và các Đại Bồ-tát, Trời, Người, Càn-thát-bà, A-tu-la… tất cả đại chúng nghe Phật nói vậy đều rất vui mừng và tín thọ phụng hành.

HẾT

---o0o---

Nói về Bát Nhã Tâm Kinh.

Trước khi trình bày "Bát Nhã Ba Mật Đa Tâm Kinh" gọi tắt là Bát Nhã Tâm Kinh, chúng tôi lưu ý cùng quý vị là Kinh này trong Đại Tạng Kinh Việt Nam tổng cộng có 7 bản, nội dung gần như nhau. Tuy nhiên, có nhiều tác giả cùng dịch một kinh, nên Đại Tạng Kinh phải ghi lại cho đầy đủ. Bảy bản mang số thứ tự từ 0250 cho đến 0256, được liệt kê như sau:

1. *Kinh "Đại Minh Chú Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật", thẻ số 0250 do ngài La Thập dịch,*
2. *"Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh", thẻ số 0251 do ngài Huyền Trang dịch,*
3. *"Phổ Biến Trí Tạng Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm kinh", mang số 0252 do ngài Pháp Nguyệt dịch,*
4. *"Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm kinh", mang số 0253 do ngài Bát Nhã và Lợi Ngôn đồng dịch,*
5. *"Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm kinh", mang số 0254 do ngài Trí Tuệ Luân dịch,*
6. *"Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm kinh", mang số 0255 do ngài Pháp Thanh dịch,*
7. *Đường Phạn Phiên Đối Tự Âm Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm kinh, số 0256, 1 quyển (Hán văn: Tây kinh, trích từ bản sao chép trên vách tường đá của chùa Đại Hưng Thiện. TỪ ÂN Hòa Thượng phụng chiếu thuật lời TỰA)*

Chi tiết được trình bày như sau:

31. Kinh "Đại Minh Chú Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật"

(Gọi tắt là Bát Nhã Tâm kinh)

Đại Tạng Kinh Việt Nam mang số 0250, 1 quyển do Tam tạng Cưu Ma La, đới Diêu Tần Thập dịch từ Phạn sang Hán. Việt dịch: Nguyễn Thuận trong Website "Phật Pháp Ứng Dụng".

Bồ-tát Quán Thế Âm khi thực hành sâu xa pháp Bát nhã Ba la mật, chiếu thấy năm uẩn đều không, vượt qua tất cả khổ ách.

–Này Xá-lợi-phất! Vì sắc không, nên không có tướng não hoại. Vì thọ không, nên không có tướng thọ. Vì tưởng không, nên không có tướng biết. Vì hành không, nên không có tướng tạo tác. Vì thức không, nên không có tướng nhận biết. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Chẳng phải sắc khác không, chẳng phải không khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy.

Này Xá-lợi Tử! Tướng không của các pháp không sinh không diệt, không dơ không sạch, không tăng không giảm. Pháp không ấy chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai. Cho nên trong không ấy không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức; không có nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không có nhãn giới, cho đến không có ý thức giới; không có vô minh, cũng không có sự diệt tận vô minh, cho đến không có già chết,

không có sự diệt tận của già chết. Không có Khổ, Tập, Diệt, Đạo, không có trí, cũng không có đắc. Vì không có đắc nên Bồ-tát nương vào Bát nhã Ba la mật, tâm không sợ sệt, không chướng ngại. Vì không chướng ngại nên không sợ hãi, lìa tất cả mộng tưởng điên đảo, khổ ách, rốt ráo Niết-bàn. Chư Phật ba đời đều nương vào Bát nhã Ba la mật mà chứng đắc Vô thượng Bồ-đề.

Nên biết rằng, Bát nhã Ba la mật là chú rất sáng, chú vô thượng, chú không gì bằng, có năng lực diệt trừ tất cả khổ, chân thật không hư. Cho nên nói chú Bát nhã Ba la mật.

Bồ-tát liền nói chú:

"Yết-đế, yết-đế, ba la yết-đế, ba la tăng yết-đế, Bồ-đề tăng sa ha."

HẾT

(Bàn dịch của Cưu Ma La Thập)

---o0o---

32. “Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh”

(Gọi tắt là Bát Nhã Tâm kinh)

*Đại Tạng Kinh Việt Nam mang số 0251, 1 quyển do **Huyền Trang**, đời Đường dịch Từ Phạn sang Hán và Nhóm Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh dịch từ Hán sang Việt.*

Bồ-tát Quán Tự Tại khi thực hành sâu xa pháp Bát nhã Ba la mật thâm sâu, soi thấy năm uẩn đều không, vượt qua tất cả khổ ách.

Này Xá-lợi Tử! Tướng không của các pháp ấy chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng nhơ, chẳng sạch, chẳng thêm, chẳng bớt.

Vì vậy trong không không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức; không có nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; không có thanh, hương, vị, xúc, pháp; không có nhãn giới cho đến không có ý thức giới; không có vô minh, cũng không có sự dứt hết vô minh, cho đến không có lão tử, cũng không có sự dứt hết lão tử; không có Khổ, Tập, Diệt, Đạo; không có trí năng cũng không có đắc.

Vì không có đắc, nên Bồ-tát nương vào Bát nhã Ba la mật đa, tâm không chướng ngại.

Vì không chướng ngại nên không sợ hãi, xa lìa phiền não mộng tưởng, đạt Niết-bàn tuyệt đối.

Ba đời chư Phật đều nương Bát nhã Ba la mật đa mà chứng đắc Bồ-đề Vô thượng.

Cho nên biết Bát nhã Ba la mật đa là chú Đại thần, là chú Đại minh, là chú Vô thượng, là chú không gì sánh bằng, có năng lực trừ tất cả khổ, chân thật bất hư cho nên nói chú Bát nhã Ba la mật đa.

Bồ-tát liền nói chú:

“Yết-đế, yết-đế, ba la yết-đế, ba la tăng yết-đế, Bồ-đề tát bà ha.”

HẾT

(Chấm dứt Bản dịch của Pháp sư Huyền Trang)

---o0o---

33. Phổ Biến Trí Tạng Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

(còn gọi tắt là Bát Nhã Tâm kinh)

Đại Tạng Kinh Việt Nam mang số 0252, 1 quyển do Tam tạng Sa môn ***Pháp Nguyệt****, đời Đường dịch Từ Phạn sang Hán và Nhóm Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh dịch từ Hán sang Việt.*

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ Đức Phật ở nơi núi Linh thứu, trong đại thành Vương xá, cùng với trăm ngàn vị đại Tỳ-kheo, bảy vạn bảy ngàn vị Đại Bồ-tát. Tên của các vị Bồ-tát thượng thủ là: Bồ-tát Quan Thế Âm, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Di-lặc…. Các vị đều đắc Tam-muội Tổng trì, trụ giải thoát chẳng thể nghĩ bàn.

Khi ấy ở giữa chúng, Đại Bồ-tát Quán Tự Tại từ chỗ ngồi đứng dậy, đến chỗ Đức Thế Tôn, hướng về Ngài, chắp tay, cúi mình cung kính, chiêm ngưỡng dung nhan của Ngài và thưa:

–Bạch Thế Tôn! ở trong hội này, con muốn nói cho các Bồ-tát về Phổ biến trí tạng Bát nhã Ba la mật tâm. Cúi xin Thế Tôn cho phép con được tuyên nói pháp bí yếu cho các Bồ-tát.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng Phạm âm vi diệu khen Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Lành thay, lành thay! Ông có đầy đủ đại Bi, ta cho phép ông được nói để làm ánh sáng lớn cho các chúng sinh.

Khi ấy, được Phật cho phép, được Phật hộ niệm, Đại Bồ-tát Quán Tự Tại nhập vào Tam-muội Chánh thọ tuệ quang. Nhập vào định này rồi, khi Đại Bồ-tát dùng sức Tam-muội hành Bát-nhã ba-lamật-đa thâm sâu, chiếu thấy tự tánh của năm uẩn đều không. Biết rõ tự tánh năm uẩn đều không, Đại Bồ-tát ra khỏi Tam-muội một cách an tường và nói với Tuệ mạng Xá-lợi-phất:

–Này thiện nam! Bồ-tát có Bát nhã Ba la mật đa tên là Phổ Biến Trí Tạng. Ông hãy lắng nghe cho rõ, ghi nhớ thật kỹ. Vì ông, tôi sẽ phân biệt giải nói.

Sau khi Đại Bồ-tát Quán Tự Tại nói vậy, Tuệ mạng Xá-lợi-phất thưa:

–Thưa bậc Đại tịnh, nay đã đúng lúc, xin ông hãy nói cho.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại nói với Xá-lợi-phất:

–Các Đại Bồ-tát nên học như vầy: Tánh của sắc là không, tánh của không là sắc. Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc. Sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Tánh của thức là không, tánh của không là thức. Thức chẳng khác không, không chẳng khác thức. Thức tức là không, không tức là thức.

Này Xá-lợi Tử! Tướng không của các pháp ấy không sinh không diệt, không cấu không tịnh, không tăng không giảm. Cho nên trong không, không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức; không có nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không có nhãn giới cho đến không có ý thức giới; không có vô minh, cũng không có sự tận diệt của vô minh, cho đến không có già chết, cũng không có sự tận diệt của già chết; không có Khổ, Tập, Diệt, Đạo, không có trí, cũng không có đắc.

Vì không có chỗ chứng đắc nên Bồ-tát nhờ nương vào Bát nhã Ba la mật đa mà tâm không chướng ngại. Vì tâm không chướng ngại nên không có sợ hãi, xa lìa mộng tưởng điên đảo đạt đến Niết-bàn cứu cánh. Chư Phật ba đời đều nương Bát nhã Ba la mật đa mà đắc Bồ-đề Vô thượng.

Cho nên biết, Bát nhã Ba la mật đa là chú rất linh, là chú rất sáng, là chú vô thượng, là chú không gì bằng, có năng lực diệt trừ tất cả các khổ, chân thật không hư, cho nên nói chú Bát nhã Ba la mật đa Bồ-tát liền nói chú:

"Yết-đế, yết-đế, ba la yết-đế, ba la tăng yết-đế Bồ-đề ta bà ha."

Khi nghe Đức Phật nói kinh này xong, các chúng Tỳ-kheo, Bồ-tát và tất cả Trời, Người, A-tu-luân, Càn-thát-bà… trong thế gian rất đỗi vui mừng và đều tín thọ phụng hành.

HẾT

(Bản dịch của Pháp sư Pháp Nguyệt)

---o0o---

34. Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm kinh

(Còn gọi tắt là Bát Nhã Tâm kinh)

Đại Tạng Kinh Việt nam mang số 0253, 1 quyển do Đường ***Bát Nhã và Lợi Ngôn*** *đẳng dịch từ Phạn sang Hán và Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh dịch từ Hán sang Việt.*

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương xá, cùng với chúng đại Tỳ-kheo và chúng Bồ-tát.

Khi ấy, Thế Tôn nhập Tam-muội tên Quảng đại thậm thâm. Bấy giờ, trong chúng có Đại Bồ-tát tên Quán Tự Tại, khi hành Bát nhã Ba la mật thâm sâu, chiếu thấy năm uẩn đều không, xa lìa các khổ ách.

Ngay khi ấy, nương nhờ oai lực của Phật, Xá-lợi Tử chắp tay cung kính thưa Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thưa Đại sĩ! Nếu có ai muốn học Bát nhã Ba la mật thâm sâu này thì tu hành như thế nào?

Nghe hỏi như vậy, Đại Bồ-tát Quán Tự Tại nói với Cụ thọ Xá-lợi-phất:

–Này Xá-lợi Tử! Nếu thiện nam, thiện nữ nào khi hành hạnh Bát nhã Ba la mật thâm sâu thì nên quán tánh năm uẩn là không.

Này Xá-lợi Tử, sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc. Sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Này Xá-lợi Tử! Tướng không của các pháp không sinh không diệt, không cấu không tịnh, không tăng không giảm.

Cho nên trong không không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức; không có nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không có nhãn giới cho đến không có ý thức giới; không có vô minh, cũng không có sự diệt tận của vô minh, cho đến không có già chết, cũng không có sự diệt tận của già chết; không có Khổ, Tập, Diệt, Đạo, không có trí, cũng không có đắc. Vì không có chỗ đắc. Nên Bồ-tát nương vào Bát nhã Ba la mật đa, tâm không chướng ngại. Vì không chướng ngại nên không sợ sệt, xa lìa mộng tưởng điên đảo, chứng Niết-bàn cứu cánh.

Chư Phật ba đời đều nương Bát nhã Ba la mật đa mà chứng đắc Bồ-đề Vô thượng. Cho nên biết Bát nhã Ba la mật đa là chú rất linh, là chú rất sáng, là thần chú Vô thượng, là thần chú không gì bằng, có năng lực diệt trừ tất cả khổ, chân thật không hư, cho nên nói chú Bát nhã Ba la mật đa, Bồ-tát liền nói chú:

“Yết-đế, yết-đế, ba la yết-đế, ba la tăng yết-đế, Bồ-đề ta bà ha.”

–Như vậy, này Xá-lợi-phất! Đối với việc hành Bát-nhã ba-lamật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát nên hành như vậy.

Khi nói như thế xong, Đức Thế Tôn liền ra khỏi Tam-ma-địa Quảng đại thậm thâm và khen ngợi Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Lành thay, lành thay! Này thiện nam, đúng vậy, đúng vậy! Đúng như điều ông đã nói. Hành Bát nhã Ba la mật đa sâu xa nên hành như vậy. Khi hành như vậy, tất cả Đức Như Lai đều tùy hỷ.

Sau khi Đức Thế Tôn nói như vậy, Cụ thọ Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Đại Bồ-tát Quán Tự Tại cũng rất vui mừng. Khi ấy, Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà…, trong chúng hội nghe Phật dạy đều rất hoan hỷ, tin thọ phụng hành.

HẾT

(Bản dịch của Tam tạng Bát-nhã và Lợi Ngôn)

---o0o---

35. Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm kinh

(còn gọi tắt là Bát Nhã Tâm kinh)

*Đại Tạng Kinh Việt nam mang số 0254, 1 quyển do Tam tạng Sa môn **Trí Tuệ Luân** dịch, đời Đường dịch từ Phạn sang Hán và Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh dịch từ Hán sang Việt.*

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ Đức Thế Tôn ở trong núi Thứu phong, thuộc thành Vương xá, cùng với chúng đại Tỳ-kheo, chúng Đại Bồ-tát.

Bấy giờ, Thế Tôn nhập vào Tam-ma-địa tên là Quảng đại thậm thâm chiếu kiến. Khi đó, trong chúng có Đại Bồ-tát tên là Quán Tự Tại, khi hành Bát nhã Ba la mật đa thâm sâu, chiếu thấy tự tánh năm uẩn đều không.

Khi ấy nương oai thần của Phật, Cụ thọ Xá-lợi Tử chắp tay cung kính thưa với Đại Bồ-tát Quán Thế Âm:

–Thưa Thánh giả! Nếu có người nào muốn học hạnh Bát nhã Ba la mật sâu xa thì phải tu hành như thế nào?

Nghe hỏi như vậy, Đại Bồ-tát Quán Thế Âm Tự Tại nói với Cụ thọ Xá-lợi Tử:

–Này Xá-lợi Tử! Nếu có thiện nam, thiện nữ khi hành hạnh Bát nhã Ba la mật sâu xa thì nên chiếu thấy tự tánh của năm uẩn là không, lìa các khổ ách.

Này Xá-lợi Tử! Tánh của sắc là không, tánh của không là sắc. Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc. Sắc là không, không là sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

Này Xá-lợi Tử! Tánh tướng các pháp ấy là không, không sinh không diệt, không dơ không sạch, không giảm, không tăng.

Cho nên trong không không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức; không có nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không có nhãn giới, cho đến không có ý thức giới; không có vô minh, cũng không có sự tận diệt của vô minh, cho đến không có sự tận diệt của già chết; không có Khổ, Tập, Diệt, Đạo, không có trí chứng, không có đắc. Vì không đắc nên Bồ-tát nương trụ Bát nhã Ba la mật đa tâm không chướng ngại. Vì tâm không chướng ngại nên không có sợ hãi, xa lìa mộng tưởng điên đảo, cứu cánh tịch nhiên.

Chư Phật ba đời đều nương Bát nhã Ba la mật đa mà đắc Bồ-đề Vô thượng, hiện chứng Chánh giác. Nên biết Bát nhã Ba la mật đa là chân ngôn lớn, là chân ngôn rất sáng, là chân ngôn Vô thượng, là Vô chân ngôn, không gì bằng, có khả năng tiêu trừ tất cả khổ, chân thật không hư.

Cho nên nói chân ngôn Bát nhã Ba la mật đa, Bồ-tát liền nói chân ngôn:

“Án, nga-đế, nga-đế, phan ra nga-đế, phan ra nga-đế, phan ra tán nga-đế, mạo địa sa pha ha.”

Này Xá-lợi Tử! Đối với hạnh Bát nhã Ba la mật đa, các Đại Bồ-tát nên học như vậy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn an tường ra khỏi Tam-ma-địa và khen ngợi Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Lành thay, lành thay! Này thiện nam, đúng vậy, đúng vậy! Đúng như lời ông nói, hạnh Bát nhã Ba la mật đa thâm sâu nên hành như vậy. Khi hành như vậy, tất cả Đức Như Lai đều tùy hỷ.

Sau khi Thế Tôn nói như vậy, Cụ thọ Xá-lợi Tử, Bồ-tát Quán Thế Âm Tự Tại, tất cả Trời, Người, A-tu-la, Càn-đà-phược… ở trong chúng hội nghe Phật nói như vậy rất là vui mừng và tin thọ phụng hành. *(Bản dịch của Trí Tuệ Luân)*

HẾT

---o0o---

36. Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm kinh

(Còn gọi tắt là Bát Nhã Tâm kinh)

*Đại Tạng Kinh Việt nam mang số 0255, 1 quyển do Pháp sư Sa môn **Pháp Thành**, đời Đường dịch từ Phạn sang Hán và Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh dịch từ Hán sang Việt.*

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ Đức Thế Tôn ở trong núi Thứu phong, thuộc thành Vương xá, cùng với chúng đại Tỳ-kheo và các Đại Bồ-tát.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nhập pháp môn Tam-ma-địa Thậm thâm minh liễu. Ngay lúc đó, Đại Bồ-tát Quán Tự Tại khi hành Bát nhã Ba la mật đa sâu xa, quán sát chiếu thấy thể tánh của năm uẩn đều là không.

Khi ấy, Cụ thọ Xá-lợi Tử nương oai lực của Phật, thưa với Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thưa Thánh giả! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào muốn tu hành Bát nhã Ba la mật đa thâm sâu thì phải tu học như thế nào?

Xá-lợi-phất hỏi xong, Đại Bồ-tát Quán Tự Tại trả lời:

–Nếu có thiện nam, thiện nữ nào muốn tu hành Bát nhã Ba la mật đa thâm sâu thì vị ấy nên quán sát như vầy: Thể tánh của năm uẩn đều không. Sắc tức là không, không tức là sắc. Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng đều là không. Cho nên, này Xá-lợi Tử! Tánh không của pháp là không tướng, không sinh không diệt, không cấu, không lìa cấu, không giảm không tăng.

Này Xá-lợi Tử! Trong không tánh không có sắc, không có thọ, không có tưởng, không có hành, cũng không có thức; không có nhãn, không có nhĩ, không có tỷ, không có thiệt, không có thân, không có ý; không có sắc, không có thanh, không có hương, không có vị, không có xúc, không có pháp; không có nhãn giới, cho đến không có ý thức giới; không có vô minh, không có sự tận diệt của vô minh; không có già chết, cũng không có sự tận diệt của già chết; không có Khổ, Tập, Diệt, Đạo; không có trí, không có đắc, cũng không không đắc. Cho nên, này Xá-lợi Tử! Vì không sở đắc nên các Bồ-tát nương vào Bát nhã Ba la mật đa tâm không chướng ngại, không sợ sệt, vượt qua các điên đảo, đạt Niết-bàn cứu cánh.

Tất cả chư Phật trong ba đời đều nương vào Bát nhã Ba la mậtđa, mà được chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Này Xá-lợi Tử! Cho nên biết, Bát nhã Ba la mật đa là chú rất bí mật, là chú rất sáng, là chú Vô thượng, là chú không gì bằng, là chú có thể diệt trừ tất cả khổ nạn, chân thật không điên đảo. Nên biết Bát nhã Ba la mật đa là chú bí mật. Bồ-tát liền nói chú Bát nhã Ba la mật đa:

“Nga-đế, nga-đế, ba la nga-đế, ba la tăng nga-đế, bồ-đề sa ha.”

Này Xá-lợi Tử! Đại Bồ-tát nên tu học Bát nhã Ba la mật thâm sâu như vậy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ra khỏi định, nói với Thánh giả Đại Bồ tát Quán Tự Tại:

–Lành thay, lành thay! Này thiện nam, đúng vậy, đúng vậy! Đúng như lời ông đã nói, nếu ai tu học Bát nhã Ba la mật đa như vậy thì tất cả Đức Như Lai đều tùy hỷ.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói như vậy xong, Cụ thọ Xá-lợi Tử, Thánh giả Đại Bồ-tát Quán Tự Tại, tất cả Trời, Người, A-tu-la, Cànthát-bà… trong thế gian nghe Phật nói đều rất hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

HẾT

(Bản dịch của Pháp Thành)

---o0o---

37. ĐƯỜNG PHẠN PHIÊN ĐỐI TỰ ÂM
"Bát nhã Ba La Mật Tâm kinh"

Một quyển, chép trên vách đá chùa Đại Hưng Thiện, Tây Kinh Hòa thượng Từ Ân phụng chiếu, viết lời Tựa. Mang số Đại Tạng kinh Việt nam mang số 0256. Quảng Minh soạn dịch.

Phạn ngữ Bát nhã Ba la mật đa tâm kinh
(Ghi chú: A. Phạn âm; C. Nghĩa Việt.)

A. Prajna paramita hridaya sutra
C. Bát nhã Ba la mật đa tâm kinh

A. Arya- Avalokitesvaro bodhisattvo gambhirayam prajna–paramitayam-caryam
C. Thánh Quán Tự Tại tu hành Bát nhã Ba la mật sâu xa

A. caramano vyavalokayati sma panca-skandhah tams ca
C. khi tu hành soi thấy năm uẩn

A. svabhava sunyan pasyati sma.
C. tự tánh của nó là Không, vượt mọi khổ ách.

A. iha Sariputra rupam sunyata sunyataiva rupam,
C. Xá-lợi-tử! Sắc tức là Không, Không tức là sắc.

A. rupan na prithak sunyata sunyataya na prithag rupam,
C. Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác sắc.

A. yad rupam sa sunyata ya sunyata tad rupam;
C. Sắc ấy tức là Không, Không ấy tức là sắc.

A. evam eva vedana -samjna -samskara -vijnanai.
C. (Như vậy) thọ, tưởng, hành, thức, cũng lại như vậy.

A. Iha Sariputra sarva-dharmah sunyata- laksana,
C. Xá-lợi Tử! Tướng Không của các pháp ấy

A. anutpanna aniruddha, amala avimala, anuna paripurnah.
C. không (bị) sinh, không (bị) diệt, không cấu không tịnh, không tăng không giảm

A. Tasmac Chariputra sunyatayam na rupam na vedana na samjna.
C. Thế nên trong Không không có sắc, không có thọ, không có tưởng

A. na samskarah na vijnanam.
C. không có hành, không có thức;

A. na caksuh-srotra -ghrana -jihva -kaya -manamsi.
C. không có nhãn, không có nhĩ, không có tỹ, không có thiệt, không có thân, không có ý;

A. na rupa-sabda-gandha -rasa -sprastavya -dharmah.
C. không có sắc, không có thanh, không có hương, không có vị, không có xúc, không có pháp;

A. na caksur-dhatur yavan na mano-vijna na-dhatuh.
C. không có nhãn giới, cho đến không có ý thức giới;

A. na vidya na vidya-ksayo
C. không có vô minh, cũng không có sự diệt tận của vô minh.

A. -yavan najara -maranam na jara-marana- ksayo
C. cho đến không có lão tử, cũng không có sự diệt tận của lão tử;

A. na duhkha -samudaya -nirodha -marga
C. không có khổ, không có tập, không có diệt, không có đạo;

A. na praptir na-apraptih tasmad-apraptitvad
C. không có trí, không có đắc, không có hiện chứng, vì không có thủ đắc gì cả.

A. bodhisattvasya prajna- paramitam-
C. Bồ-tát y theo Bát nhã Ba la mật đa

A. asritya viharatya cittavaranah. cittavarana- nastitva-datrasto
C. thì tâm trú nơi sự không bị chướng ngại; không bị chướng ngại thì không có khiếp sợ,

A. viparyasa- atikranto nishtha-nirvana-praptah.
C. xa lìa mọi điên đảo mộng tưởng, được cứu cánh Niết-bàn.

A. tryadhva-vyavasthitah-sarva-buddhah prajnaparamitama-sritya-

C. Chư Phật trong ba đời y theo Bát nhã Ba la mật đa

A. anuttaram samyaksambodhim abhisambuddhah.
C. thì được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

A. Tasmaj jnatavyam: prajnaparamita
C. Nên biết: Bát nhã Ba la mật đa

A. maha-mantro maha-vidya-mantro 'nuttara-mantro'
C. là thần chú vĩ đại, là chú rất sáng chói, là chú vô thượng, là chú không gì sánh bằng,

A. samasama-mantrah, sarva-duhkha-prasamanah,
C. là chú không gì sánh bằng, trừ hết mọi khổ não,

A. satyam amithyatvat.
C. chân thật không hư dối,

A. prajnaparamitayam mantrah. Ukto tadyatha :
C. nên được gọi là chú Bát nhã Ba la mật đa. Nên thuyết chú rằng:

A. gate gate paragate parasamgate bodhi svaha.
C. **Yết-đế, yết-đế, ba-la-yết-đế, ba-la-tăng-yết-đế, bồ-đề, sa-bà-ha.**

A. iti prajnaparamita -hridayam sutram. samaptam
C. Bát nhã Ba la mật đa tâm kinh.

Quảng Minh soạn dịch
25/12/2017
(Thư Viện Hoa Sen)

Lưu ý: *Chúng tôi có nguyên bản bằng tiếng Sanskrit, nhưng thấy không thực dụng nên không tãi ở đây. Quý vị có thể tham khảo ở Website: tangthuphathoc. net, hay vietbestforum.com hay thuvienhoasen.org.*

---o0o---

Buddhamountain.ca

38. Kinh "Phật Thuyết Thánh Phật Mẫu Bát Nhã Ba La Mật Đa"

Đại Tạng Kinh Việt Nam mang số 0257, 1 quyển do Ngài Thi Hộ, đời Triệu Tống dịch từ Phạn sang Hán và Thích nữ Tịnh Nguyên Chùa An Tường, Nha Trang dịch từ Hán sang Việt.

Một thuở nọ đức Thế Tôn ở trong núi Thứu Phong, thuộc thành Vương xá, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ-kheo và các chúng đại Bồ-tát vây quanh.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nhập vào Thậm thâm quang minh tuyên thuyết chánh pháp tam-ma-địa. Khi ấy trong hội của đức Phật, đại Bồ-tát Quán Tự Tại đã tu hành Bát nhã Ba la mật đa thâm sâu quán thấy tự tánh của năm uẩn đều không.

Nương oai thần của Phật, tôn giả Xá Lợi Phất đến trước đại Bồ-tát Quán Tự Tại thưa :

- Nếu thiện nam, thiện nữ ưa thích tu học pháp môn Bát nhã Ba la mật đa thâm sâu này thì nên học như thế nào ?

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại nói với tôn giả Xá Lợi Tử :

- Ông hãy lắng nghe cho thật kỹ. Vì ông, tôi sẽ giảng nói :

Nếu có thiện nam, thiện nữ ưa thích học pháp môn Bát nhã Ba la mật đa này thì nên quán tự tánh của năm uẩn đều không. Sao gọi là tự tánh của năm uẩn đều không ? - Nghĩa là : sắc tức là không, không tức là sắc. Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy.

Này Xá Lợi Tử ! Không tướng của tất cả pháp không sanh không diệt, không cấu nhiễm, không thanh tịnh, không tăng trưởng, không tổn giảm.

Này Xá Lợi Tử ! Cho nên trong không ấy không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức ; không có nhãn - nhĩ, tỷ - thiệt - thân - ý ; không có sắc - thanh - hương - vị - xúc - pháp. Không có nhãn giới, không có nhãn thức giới, cho đến không có ý giới, không có ý thức giới . Không có vô minh, không có sự tận diệt của vô minh. Cho đến không có già chết, cũng không có sự tận diệt của già chết. Không có khổ - tập - diệt - đạo. Không có trí, không có sở đắc, cũng không có không đắc.

Này Xá Lợi Tử ! Do không đắc ấy, đại Bồ-tát nương vào Bát nhã Ba la mật đa mà hành một cách tương xứng nên tâm không vướng mắc, cũng không chướng ngại. Do không vướng mắc và không chướng ngại nên không sợ sệt, xa lìa tất cả điên đảo vòn tưởng mà chứng cứu cánh (Niết-bàn) viên tịch.

Tất cả chư Phật trong ba đời đều nương vào Bát nhã Ba la mật đa này mà chứng đắc Vô thượng Bồ-đề. Cho nên biết rằng : Bát nhã Ba la mật đa này là chú Quảng đại, là chú vô thượng,

là chú không gì bằng, có thể diệt trừ tất cả khổ não. Đó là pháp chơn thật không hư vọng. Những ai tu học thì nên học như vậy. Tôi giảng nói đại minh của Bát nhã Ba la mật đa: "Đát ninh tha, án nga đế nga đế, phan ra nga đế, phan ra tăng nga đế mạo đề sa hạ" .

Này Xá Lợi Tử ! Các đại Bồ-tát nào nếu tụng câu minh của Bát nhã Ba la mật đa này tức là tu học Bát nhã Ba la mật đa thâm sâu.

Khi ấy, đức Thế Tôn an nhiên ra khỏi định, khen ngợi đại Bồ-tát Quán Tự Tại :

- Lành thay ! Lành thay ! Này thiện nam tử ! Đúng như lời ông đã nói. Đúng vậy, đúng vậy ! Với Bát nhã Ba la mật đa nên học như vậy. Đó là cứu cánh vô thượng chân thật, tất cả đức Như Lai đều tùy hỷ.

Đức Phật nói kinh này xong, đại Bồ-tát Quán Tự Tại và các Tỳ-kheo cho đến tất cả thế gian : trời, người, A-tu-la, Càn-thát-bà.. v.v... tất cả đại chúng nghe Phật nói đều rất hoan hỷ và tín thọ phụng hành.

HẾT

(Kinh "Phật Thuyết Thánh Phật Mẫu
Bát Nhã Ba La Mật Đa")

Lưu ý:

Có ba kinh có cùng một nội dung như kinh "Kinh Phật Thuyết Thánh Phật Mẫu Tiểu Tự Bát Nhã Ba La Mật Đa", trong Đại Tạng Kinh Việt Nam mang số 0258, 0259 và 0260 được trình bày chi tiết như sau:

1. "Kinh Phật Thuyết Thánh Phật Mẫu Tiểu Tự BNBLM" (0258)
2. "Phật Thuyết Quán Tưởng Bát Nhã Ba La Mật Đa Bồ tát" kinh (0259)
3. "Phật Thuyết Khai Giác Tự Tánh Bát Nhã Ba La Mật Đa" kinh (0260)

---o0o---

(Tạng Thư Phật Học)

39. Kinh "Phật Thuyết Thánh Phật Mẫu Tiểu Tự Bát Nhã Ba La Mật Đa"

*Đại Tạng Kinh việt Nam mang số 0258, 1 quyển do Sa môn **Thiên Tức Tai**, dịch từ Phạn sang Hán và Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh dịch từ Hán sanh Việt.*

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ Đức Thế Tôn ở trong núi Thứu phong, thuộc thành Vương xá, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ-kheo và các trăm ngàn ức na-do-đa Bồ-tát. Lại có trăm ngàn ức triệu đại chúng Phạm vương, Đế Thích, Hộ thế cung kính vây quanh.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ngồi kiết già trên tòa Sư tử Kiết tường bảo tạng. Khi ấy, Đại Bồ-tát Quán Tự Tại đứng dậy, trịch áo bày vai phải, gối phải sát đất, chiêm ngưỡng Thế Tôn mắt không rời, chắp tay cung kính, vui mừng phấn khởi lễ lạy sát hai chân Thế Tôn, thưa:

Bạch Thế Tôn! Cúi xin Đức Thế Tôn nói cho con về kinh Bát nhã Ba la mật đa tóm lược để các chúng sinh nghe pháp này mà đạt được phước đức lớn, tất cả nghiệp chướng chắc chắn tiêu trừ, đời đương lai sẽ đắc Bồ-đề Vô thượng. Nếu có chúng sinh phát tâm chí thành thọ trì đọc tụng chân ngôn này thì chắn chắn thành tựu sự mong cầu theo ý muốn, không có các tai nạn về ma.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với Đại Bồ-tát Thánh Quán Tự Tại:

–Lành thay, ông nói rất hay! Lành thay, lành thay! Này thiện nam! Ông chí tâm như vậy là làm cho các chúng sinh được an lạc sống lâu.

Này thiện nam! Ông nên lắng nghe cho thật kỹ, chí tâm mà nghe ta nói kinh Bát nhã Ba la mật đa tóm lược. Nếu chúng sinh nghe nói pháp này sẽ đạt được phước đức lớn, tất cả nghiệp chướng đều tiêu trừ, chắc chắn mau chứng đắc Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng. Nếu có chúng sinh phát tâm thọ trì chân ngôn này thì không còn các ma sự, tất cả đều được thành tựu.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Quán Tự Tại lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bạch Thiện Thệ! Nay nói kinh này cho các chúng sinh khiến họ an lạc.

Bấy giờ, trong nhất thời, Đức Thế Tôn nhập vào Tam-ma-địa tên Giải thoát nhất thiết chúng sinh. Khi ra khỏi định, tướng lông trắng giữa chặng mày của Đức Phật phóng trăm ngàn ức triệu ánh sáng. Ánh sáng lớn này chiếu khắp tất cả cõi chư Phật. Tất cả chúng sinh nhờ ánh sáng rực rỡ ấy, chắc chắn mau chứng Bồ-đề Vô thượng. Tất cả chúng sinh ở địa ngục đều đạt được an lạc và các cõi Phật chấn động sáu cách. Phía trên chư Phật lại rải bột hương chiên-đàn, trầm thủy để cúng dường.

Đức Thế Tôn nói kinh Bát nhã Ba la mật đa này thì khi ấy tất cả Đại Bồ-tát đều phát tâm bình đẳng, phát tâm thương yêu, phát tâm nhớ nghĩ làm lợi ích cho người, phát tâm mau xa lìa tất cả tội chướng, phát tâm làm đủ các loại lợi ích, phát tâm Bát nhã Ba la mật đa.

Lúc đó, Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Thánh Quán Tự Tại:

–Các ông hãy lắng nghe thật kỹ. Vì các ông, ta sẽ nói chân ngôn Thánh Phật Mẫu Tiểu Tự Bát nhã Ba la mật đa:

"Nẵng mồ xá kết dã, mẫu nẵng duệ đát tha, nga đa dã lật yết, đế tam ma dược ngật tam một đà dã, đát nhĩ dã tha mẫu ninh mẫu ninh ma hạ mẫu nẵng duệ sa phược hạ."

Đức Phật nói với Đại Bồ-tát Thánh Quán Tự Tại:

–Chân ngôn của Thánh Phật Mẫu Tiểu Tự Bát nhã Ba la mật đa này tất cả chư Phật nhờ vào đây mà chứng đắc Bồ-đề Vô thượng. Ta cũng nhờ chân ngôn của Tiểu Tự Bát nhã Ba la mật đa này mà chứng thành Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Thuở xưa có Đức Phật cũng hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như Lai, được nghe Đức Phật ấy nói pháp này. Đức Phật ấy nói, tất cả chư Phật ở ba đời như vậy, nhờ pháp này mới được thành Phật.

Đức Phật lại bảo Đại Bồ-tát Thánh Quán Tự Tại:

–Nay ta thọ ký cho ông, ở trong nhân gian đời vị lai ông được thành Phật đạo, hiệu là Phổ Phóng Quang Minh Cát Tường Bảo Phong Vương Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Ông được nghe pháp vi diệu như vậy nên thọ trì đọc tụng, tự mình ghi chép, hoặc bảo người khác ghi chép, tư duy hiểu rõ. Lại vì tất cả chúng sinh mà giảng nói ý nghĩa khiến họ ghi chép kinh ấy. Với ai, ngay nhà ở của chính mình mà thọ trì, đọc tụng thì đời vị lai mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Lúc đó, tất cả Đức Như Lai đều làm chứng cho các ông. Hôm nay, vì ông ta lại nói Đà-la-ni của Bát nhã Ba la mật đa:

"Đát nhĩ dã tha án nhạ dã nhạ dã bát nạp ma tích át phược minh tát ra tát lí nê vĩ lý vĩ lý vĩ ra vĩ lý, xã lý xã lý nhĩ phược đa, nỗ bá ra kiết một độ đa ra ni bố ra ni, bố ra dã, bà nga phược, đế tát lật phược, thương ma ma bố ra dã, tát lật phược tát đát phược, tát lật phược, phược lật ma, phược ra nỗ kết vĩ tuất đà dã, vĩ tuất đà dã một đà địa sắt sá, ninh nẵng sa phược hạ."

Đức Phật dạy Đại Bồ-tát Thánh Quán Tự Tại:

–Đà-la-ni của Bát nhã Ba la mật đa này là diệu pháp thù thắng, là mẹ sinh ra tất cả chư Phật, Bồ-tát. Nếu có chúng sinh vừa nghe pháp này thì tất cả tội chướng đã phạm đều tiêu trừ. Tất cả chư Phật, chúng Bồ-tát trải qua trăm kiếp nói công đức của nó không thể nào hết. Nếu ai thọ trì, đọc tụng Đà-la-ni này thì đồng thể nhập trong tất cả Mạn-trà-la, được nhận quán đảnh. Nếu ai thọ trì tất cả chân ngôn đều được thành tựu.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Thánh Quán Tự Tại thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao lại nói Đà-la-ni của Bát nhã Ba la mậtđa này?

Thế Tôn nói:

–Vì thương yêu tất cả chúng sinh biếng nhác, ít phương tiện tốt nên nói Đà-la-ni của Bát nhã Ba la mật đa này để họ thọ trì đọc tụng. Nếu ai tự mình ghi chép, hoặc bảo người khác ghi chép thì tất cả những người này sẽ mau chóng chứng đắc Bồ-đề Vô thượng. Thế Tôn đã nói đầy đủ về Đà-la-ni của Bát nhã Ba la mật ấy.

Lúc đó, Đại Bồ-tát Thánh Quán Tự Tại thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp này thật chưa từng có! Bạch Thế Tôn! Pháp này thật chưa từng có! Bạch Thiện Thệ! Thế Tôn Đại Từ, vì muốn cứu độ cho tất cả chúng sinh biếng nhác, ít phương tiện tốt để họ được lợi ích an lạc mà giảng nói pháp vi diệu như vậy!

Sau khi Đức Phật nói kinh này, các đại Thanh văn, các Đại Bồ-tát… tất cả Trời, Người, A-tu-la, Ngàn-đạt-phược… trong thế gian nghe Phật nói như vậy rất vui mừng, tin thọ phụng hành rồi làm lễ lui ra.

HẾT

(kinh "Phật Thuyết Thánh Phật Mẫu Tiểu Tự Bát Nhã Ba La Mật)

---o0o---

(Tạng Thư Phật Học)

40. "Phật Thuyết Quán Tưởng Phật Mẫu Bát Nhã Ba La Mật Đa Bồ Tát" kinh

*Đại Tang Thư Việt Nam mang số 0259, 1 quyển, do Đại sư **Thiên Tức Tai** dịch từ Phạn sang Hán và nhóm Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh dịch từ Hán sang Việt.*

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ Đức Thế Tôn ở trong núi Thứu phong, thuộc thành Vương xá, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ-kheo và các trăm ngàn ức na-do-đa Bồ-tát. Lại có trăm ngàn ức triệu đại chúng Phạm vương, Đế Thích, Hộ thế cung kính vây quanh.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ngồi kiết già trên tòa Sư tử Kiết tường bảo tạng. Khi ấy, Đại Bồ-tát Quán Tự Tại đứng dậy, trịch áo bày vai phải, gối phải sát đất, chiêm ngưỡng Thế Tôn mắt không rời, chắp tay cung kính, vui mừng phấn khởi lễ lạy sát hai chân Thế Tôn, thưa:

Bạch Thế Tôn! Cúi xin Đức Thế Tôn nói cho con về kinh Bát nhã Ba la mật đa tóm lược để các chúng sinh nghe pháp này mà đạt được phước đức lớn, tất cả nghiệp chướng chắc chắn tiêu trừ, đời đương lai sẽ đắc Bồ-đề Vô thượng. Nếu có chúng sinh phát tâm chí thành thọ trì đọc tụng chân ngôn này thì chắn chắn thành tựu sự mong cầu theo ý muốn, không có các tai nạn về ma.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với Đại Bồ-tát Thánh Quán Tự Tại:

–Lành thay, ông nói rất hay! Lành thay, lành thay! Này thiện nam! Ông chí tâm như vậy là làm cho các chúng sinh được an lạc sống lâu.

Này thiện nam! Ông nên lắng nghe cho thật kỹ, chí tâm mà nghe ta nói kinh Bát nhã Ba la mật đa tóm lược. Nếu chúng sinh nghe nói pháp này sẽ đạt được phước đức lớn, tất cả nghiệp chướng đều tiêu trừ, chắc chắn mau chứng đắc Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng. Nếu có chúng sinh phát tâm thọ trì chân ngôn này thì không còn các ma sự, tất cả đều được thành tựu.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Quán Tự Tại lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bạch Thiện Thệ! Nay nói kinh này cho các chúng sinh khiến họ an lạc.

Bấy giờ, trong nhất thời, Đức Thế Tôn nhập vào Tam-ma-địa tên Giải thoát nhất thiết chúng sinh. Khi ra khỏi định, tướng lông trắng giữa chặng mày của Đức Phật phóng trăm ngàn ức triệu ánh sáng. Ánh sáng lớn này chiếu khắp tất cả cõi chư Phật. Tất cả chúng sinh nhờ ánh sáng rực rỡ ấy, chắc chắn mau chứng Bồ-đề Vô thượng. Tất cả chúng sinh ở địa ngục đều đạt được an lạc và các cõi Phật chấn động sáu cách. Phía trên chư Phật lại rải bột hương chiên-đàn, trầm thủy để cúng dường.

Đức Thế Tôn nói kinh Bát nhã Ba la mật đa này thì khi ấy tất cả Đại Bồ-tát đều phát tâm bình đẳng, phát tâm thương yêu, phát tâm nhớ nghĩ làm lợi ích cho người, phát tâm mau xa lìa tất cả tội chướng, phát tâm làm đủ các loại lợi ích, phát tâm Bát nhã Ba la mật đa.

Lúc đó, Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Thánh Quán Tự Tại:

–Các ông hãy lắng nghe thật kỹ. Vì các ông, ta sẽ nói chân ngôn Thánh Phật Mẫu Tiểu Tự Bát nhã Ba la mật đa:

"Nẵng mồ xá kết dã, mẫu nẵng duệ đát tha, nga đa dã lật yết, đế tam ma dược ngật tam một đà dã, đát nhĩ dã tha mẫu ninh mẫu ninh ma hạ mẫu nẵng duệ sa phược hạ."

Đức Phật nói với Đại Bồ-tát Thánh Quán Tự Tại:

–Chân ngôn của Thánh Phật Mẫu Tiểu Tự Bát nhã Ba la mật đa này tất cả chư Phật nhờ vào đây mà chứng đắc Bồ-đề Vô thượng. Ta cũng nhờ chân ngôn của Tiểu Tự Bát nhã Ba la mật đa này mà chứng thành Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Thuở xưa có Đức Phật cũng hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như Lai, được nghe Đức Phật ấy nói pháp này. Đức Phật ấy nói, tất cả chư Phật ở ba đời như vậy, nhờ pháp này mới được thành Phật.

Đức Phật lại bảo Đại Bồ-tát Thánh Quán Tự Tại:

–Nay ta thọ ký cho ông, ở trong nhân gian đời vị lai ông được thành Phật đạo, hiệu là Phổ Phóng Quang Minh Cát Tường Bảo Phong Vương Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Ông được nghe pháp vi diệu như vậy nên thọ trì đọc tụng, tự mình ghi chép, hoặc bảo người khác ghi chép, tư duy hiểu rõ. Lại vì tất cả chúng sinh mà giảng nói ý nghĩa khiến họ ghi chép kinh ấy. Với ai, ngay nhà ở của chính mình mà thọ trì, đọc tụng thì đời vị lai mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Lúc đó, tất cả Đức Như Lai đều làm chứng cho các ông. Hôm nay, vì ông ta lại nói Đà-la-ni của Bát nhã Ba la mật đa:

"Đát nhĩ dã tha án nhạ dã nhạ dã bát nạp ma tích át phược minh tát ra tát lí nê vĩ lý vĩ lý vĩ ra vĩ lý, xã lý xã lý nhĩ phược đa, nỗ bá ra kiết một độ đa ra ni bố ra ni, bố ra dã, bà nga phược, đế tát lật phược, thương ma ma bố ra dã, tát lật phược tát đát phược, tát lật phược, phược lật ma, phược ra nỗ kết vĩ tuất đà dã, vĩ tuất đà dã một đà địa sắt sá, ninh nẵng sa phược hạ."

Đức Phật dạy Đại Bồ-tát Thánh Quán Tự Tại:

–Đà-la-ni của Bát nhã Ba la mật đa này là diệu pháp thù thắng, là mẹ sinh ra tất cả chư Phật, Bồ-tát. Nếu có chúng sinh vừa nghe pháp này thì tất cả tội chướng đã phạm đều tiêu trừ. Tất cả chư Phật, chúng Bồ-tát trải qua trăm kiếp nói công đức của nó không thể nào hết. Nếu ai thọ trì, đọc tụng Đà-la-ni này thì đồng thể nhập trong tất cả Mạn-trà-la, được nhận quán đảnh. Nếu ai thọ trì tất cả chân ngôn đều được thành tựu.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Thánh Quán Tự Tại thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao lại nói Đà-la-ni của Bát nhã Ba la mậtđa này?

Thế Tôn nói:

–Vì thương yêu tất cả chúng sinh biếng nhác, ít phương tiện tốt nên nói Đà-la-ni của Bát nhã Ba la mật đa này để họ thọ trì đọc tụng. Nếu ai tự mình ghi chép, hoặc bảo người khác ghi chép thì tất cả những người này sẽ mau chóng chứng đắc Bồ-đề Vô thượng. Thế Tôn đã nói đầy đủ về Đà-la-ni của Bát nhã Ba la mật ấy.

Lúc đó, Đại Bồ-tát Thánh Quán Tự Tại thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp này thật chưa từng có! Bạch Thế Tôn! Pháp này thật chưa từng có! Bạch Thiện Thệ! Thế Tôn Đại Từ, vì muốn cứu độ cho tất cả chúng sinh biếng nhác, ít phương tiện tốt để họ được lợi ích an lạc mà giảng nói pháp vi diệu như vậy!

Sau khi Đức Phật nói kinh này, các đại Thanh văn, các Đại Bồ-tát… tất cả Trời, Người, A-tu-la, Ngàn-đạt-phược… trong thế gian nghe Phật nói như vậy rất vui mừng, tin thọ phụng hành rồi làm lễ lui ra.

HẾT

(Kinh Thánh Phật Mẫu Tiểu Tự Bát Nhã Ba La Mật Đa)

---o0o---

(Tạng Thư Phật Học)

41. "Phật Thuyết Khai Giác Tự Tánh Bát Nhã Ba La Mật Đa" kinh

Đại Tạng Kinh Việt Nam mang số 0260, 4 quyển Sa môn ***Duy Tịnh,*** *đời Tông dịch từ Phạn sang và nhóm Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh dịch từ Hán sang Việt.*

QUYỂN 1-4

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ Đức Thế Tôn ở trong núi Thứu phong, thuộc thành Vương xá cùng với chúng đại Bí-sô và chúng Đại Bồ-tát.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Này Tu-bồ-đề! Sắc là vô tánh, giả tánh, thật tánh. Thọ, tưởng, hành, thức là vô tánh, giả tánh, thật tánh.

Này Tu-bồ-đề! Như vậy cho đến nhãn sắc, nhãn thức; nhĩ thanh, nhĩ thức; tỷ hương, tỷ thức; thiệt vị, thiệt thức; thân xúc, thân thức; ý pháp, ý thức là vô tánh, giả tánh, thật tánh.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ở trong ba tánh ấy, đối với sắc không còn ngu si. Nên biết sở hành ấy là hành chân chánh của Bồ-tát. Hành như vậy thì Bồ-tát ấy mau chứng quả Bồ-đề vô thượng.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy. Ở trong các thức, nếu Đại Bồ-tát hiểu rõ pháp vô tướng thì các khổ tự tiêu trừ, các tướng tịch tĩnh. Nên biết, sở hành như vậy là hành chân chánh của Bồ-tát. Nếu hành như vậy thì Bồ-tát ấy mau chứng quả Bồ-đề vô thượng.

Bấy giờ Đức Thế Tôn lặp lại bằng kệ:

Nếu hiểu pháp vô tướng
Thì khổ tự tiêu diệt
Các tướng đều tịch tĩnh
Là sở hành Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ở trong các sắc, tối và sáng đều bình đẳng nương tựa nhau. Bồ-tát có thể hiểu rõ một cách như thật, thể nhập điều này đối với các pháp cũng như vậy, Bồ-tát ấy mau chứng quả Bồ-đề vô thượng.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy, ở trong các thức tối và sáng bình đẳng nương tựa nhau. Nếu Bồ-tát có thể hiểu rõ một cách như thật. Nếu hiểu rõ và thể nhập điều này thì đối với các pháp cũng vậy, Bồ-tát ấy mau chứng quả Bồ-đề vô thượng.

Bấy giờ, Thế Tôn lặp lại bằng kệ:

Nếu pháp sáng và tối
Tánh bình đẳng như vậy
Nương tựa và thể nhập
Biết rồi đắc Bồ-đề.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát đối với các sắc, thọ, tưởng, hành, thức chuyển đổi ba tánh, nếu người có trí hiểu rõ một cách như thật thì ở trong thức không chấp thủ, cũng không hiện chuyển, tâm vị ấy khai sáng. Đối với thức, vị ấy không chấp thủ, tâm đã khai sáng rồi thì ở trong pháp Đại thừa có thể xuất ly, huống chi ở trong pháp Thanh văn, Duyên giác. Lại do không chấp thủ, tâm khai sáng như vậy nên mãi mãi không bao giờ sinh trong các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, người, trời, chịu khổ sinh tử.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Sắc sinh hay sắc diệt? Nếu nói sắc có sinh tức là sắc ấy không sinh. Nếu nói sắc không sinh tức là sắc ấy tự tánh không sinh. Nếu Bồ-tát hiểu rõ một cách như thật thì sắc ấy tự tánh không sinh, cho nên đối với sắc không sinh mà có thể có.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Thức sinh hay thức diệt? Nếu nói thức có sinh thì thức ấy là không sinh. Nếu nói thức không sinh là thức ấy tự tánh không sinh. Nếu Bồ-tát hiểu rõ một cách như thật thì thức ấy tức là tự tánh không sinh, cho nên đối với thức không sinh mà có thể có.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói: "Sắc là ngã, là ngã sở", nói như vậy thì ta nói người ấy là kẻ ngoại đạo trong ngoại đạo, là thành phần phàm phu ngu si tà kiến.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói: "Thọ, tưởng, hành thức là ngã, là ngã sở", nói như vậy thì ta nói người ấy là kẻ ngoại đạo trong ngoại đạo, là thành phần phàm phu ngu si tà kiến.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói: "Sắc là do đời trước tạo thành, hoặc do Đại Tự tại thiên hóa thành, hoặc không có nhân duyên", nói như vậy thì ta nói rằng người ấy là kẻ ngoại đạo trong ngoại đạo, là thành phần phàm phu ngu si, tà kiến.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói: "Thọ, tưởng, hành, thức là do đời trước tạo thành, hoặc do Đại Tự tại thiên hóa thành, hoặc không có nhân duyên", nói như vậy thì ta nói rằng người ấy là kẻ ngoại đạo trong ngoại đạo, là thành phần phàm phu ngu si, tà kiến.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói: "Sắc lấy sắc tượng làm tướng; thọ lấy sự lãnh nạp làm tướng, tưởng lấy biến tri làm tướng, hành lấy tạo tác làm tướng, thức lấy sự phân biệt làm tướng", nói như vậy, ta nói rằng người ấy là kẻ ngoại đạo trong ngoại đạo, là thành phần phàm phu ngu si, tà kiến.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói rằng: "Khổ không có tịch tĩnh. Nếu sắc ấy diệt thì lạc này tịch tĩnh", nói như vậy, ta nói rằng người ấy là kẻ ngoại đạo trong ngoại đạo, là thành phần phàm phu ngu si, tà kiến.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói rằng: "Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy, khổ không có tịch tĩnh, nếu thứ ấy diệt thì lạc này tịch tĩnh", nói như vậy, thì ta nói rằng người ấy là kẻ ngoại đạo trong ngoại đạo, là thành phần phàm phu ngu si, tà kiến.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói: "Sắc ấy không có; thọ, tưởng, hành, thức cũng không có", nói như vậy, thì ta nói rằng người ấy là kẻ ngoại đạo trong ngoại đạo, là thành phần phàm phu ngu si, tà kiến.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói: "Như lời Phật đã nói: Sắc không có tự tánh, không sinh không diệt, xưa nay tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn", nói như vậy nên đối với tất cả pháp vị ấy không hòa hợp, cũng không ưa thích, theo lời nói ấy mà hiểu biết, thì ta nói rằng người ấy là kẻ ngoại đạo trong ngoại đạo, là thành phần phàm phu ngu si, tà kiến.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói: "Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy, theo lời Phật đã nói thì chúng đều không có tự tánh, không sinh không diệt, xưa nay tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn", nói như vậy nên đối với tất cả pháp vị ấy không hòa hợp, cũng không ưa thích, theo lời nói ấy mà hiểu biết, thì ta nói rằng người ấy là kẻ ngoại đạo trong ngoại đạo, là thành phần phàm phu ngu si, tà kiến.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lại có người nói: "Nếu có người cho rằng sắc là có, rồi chấp trước vào sắc có sự sinh khởi, rồi theo ngôn thuyết mà chuyển. Lại có người chấp sắc là có, liền đối với sắc ấy, nương tựa tạp nhiễm mà có tướng tùy chuyển." Lại có người chấp sắc là có liền đối với sắc ấy tu tập tịnh pháp, thành lập tùy chuyển.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Lại có người cho rằng: Thức là có, rồi chấp trước vào thức nên có sự sinh khởi, theo ngôn thuyết mà chuyển. Lại có người chấp: "Thức là có, tức là với thức ấy nương tựa tạp nhiễm mà có tướng tùy chuyển." Lại cho rằng: Thức là có liền đối với thức ấy tu tập tịnh pháp, thành lập tùy chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Hoặc có các Bồ-tát chấp: sắc là có, đối với sắc ấy có đoán có biết, đối với việc làm quá ưa thích thì nói năng trở nên thông suốt, rồi theo đối tượng mà chuyển. Lại có các Bồ-tát chấp sắc là có, rồi đối với sắc ấy có đóan có biết, biểu hiện đầy đủ theo đối tượng mà chuyển. Lại có các Bồ-tát chấp sắc là có, đối với sắc ấy hiểu rõ đầy đủ bạch pháp, nói rằng đối với các pháp đã đạt được tự tại, đối với việc làm quá ưa thích thì có khả năng tùy chuyển.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Hoặc có các Bồ-tát chấp thọ, tưởng, hành, thức là có, đối với thức ấy có đoán có biết, đối với việc làm quá ưa thích thì sự nói năng trở nên thông suốt. Lại có các Bồ-tát chấp thức là có, đối với thức ấy có đoạn có biết, biểu hiện đầy đủ theo đối tượng mà chuyển. Lại có các Bồ-tát chấp thức là có, đối với thức ấy hiểu rõ đầy đủ bạch pháp, nói rằng: "Đối với các pháp đã đạt được tự tại, đối với việc làm quá ưa thích có khả năng tùy chuyển."

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu có người đối với sắc trong sắc có phần lượng, đến với khổ trong khổ, có phần lượng thì không thể như thật quán sát bình đẳng, tức là ngã trong sắc có sở đắc, nếu ngã trong sắc có sở đắc thì ngã kiến trong sắc có sở đắc. Nếu "ngã kiến" trong sắc có sở đắc thì "chúng sinh kiến" trong sắc có sở đắc. Nếu "chúng sinh kiến" trong sắc có sở đắc thì chúng sinh trong sắc không có sở đắc. Khi "chúng sinh kiến" ấy trong sắc không có sở đắc thì chúng sinh ấy cũng không có sở đắc. Nếu đối với sắc pháp, ai có tướng sở đắc có thể thành lập thì tướng có sở đắc, có chỗ nương tựa. Cho nên trong Thanh văn, Duyên giác thừa vị ấy không thể xuất ly, huống chi là Đại thừa.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nếu có người đối với thức trong thức có phần lượng, đối với khổ trong khổ có phần lượng không thể như thật quán sát bình đẳng thì ngã trong thức có sở đắc. Nếu ngã trong thức có sở đắc tức là ngã kiến trong thức có sở đắc. Nếu ngã kiến trong thức có sở đắc thì "chúng sinh kiến" trong thức có sở đắc. Nếu "chúng sinh kiến" trong thức có sở đắc thì "chúng sinh kiến" ấy ở trong thức không có sở đắc. Khi "chúng sinh kiến" ấy trong thức không có sở đắc tức là chúng sinh ấy cũng không có sở đắc. Nếu đối với pháp mà có tướng sở đắc có thể thành lập tức là có tướng sở đắc có chỗ nương tựa. Cho nên trong Thanh văn, Duyên giác thừa còn không thể xuất ly, huống chi là Đại thừa.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu có người đối với sắc trong sắc có phần lượng, đối với khổ trong khổ có phần lượng, nhưng có như thật quán sát bình đẳng, tức là ngã ở trong sắc không có sở đắc. Nếu ngã trong sắc không có sở đắc thì "ngã kiến" trong sắc không có sở đắc. Nếu "ngã kiến" trong sắc không có sở đắc thì "chúng sinh kiến" trong sắc không có sở đắc. Nếu "chúng sinh kiến" trong sắc không có sở đắc tức là "chúng sinh kiến" ấy trong sắc có sở đắc. Khi "chúng sinh kiến" ấy trong sắc có sở đắc thì chúng sinh ấy cũng có sở đắc. Nếu với pháp mà có tướng sở đắc có thể thành lập thì có tướng sở đắc, có chỗ nương tựa. Cho nên ở trong Thanh văn, Duyên giác thừa còn không thể xuất ly, huống chi là Đại thừa.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nếu có người đối với thức trong thức có phần lượng, đối với khổ trong khổ có phần lượng, quán sát bình đẳng, tức là ngã trong thức không có sở đắc. Nếu ngã trong thức không có sở đắc thì "ngã kiến" trong thức không có sở đắc. Nếu "ngã kiến" trong thức không có sở đắc thì "chúng sinh kiến" trong thức không có sở đắc. Nếu "chúng sinh kiến" trong thức không có sở đắc tức là "chúng sinh kiến" ấy ở trong thức có sở đắc. Nếu "chúng sinh kiến" ấy trong thức có sở đắc thì chúng sinh ấy cũng có sở đắc. Nếu với pháp có tướng sở đắc có thể thành lập thì tướng sở đắc có nơi nương tựa. Cho nên ở trong Thanh văn, Duyên giác thừa không thể xuất ly, huống chi Đại thừa.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu người nào đối với sắc mà không thể như thật quán sát bình đẳng, không như thật phân biệt phần lượng và phân vân về phần lượng thì sắc trong sắc có sở đắc. Khi sắc trong sắc có sở đắc thì "sắc kiến" trong sắc có sở đắc. Nếu "sắc kiến" trong sắc có sở đắc thì "chúng sinh kiến" trong sắc có sở đắc. Nếu "chúng sinh kiến" trong sắc có sở đắc thì tất cả trong sắc có sở đắc. Khi tất cả có sở đắc tức là tất cả không có sở đắc. Nếu với pháp mà có tướng sở đắc có thể thành lập thì có tướng sở đắc có chỗ nương tựa. Cho nên ở trong Thanh văn, Duyên giác thừa, vị ấy còn không thể xuất ly, huống gì Đại thừa.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có người ở trong thọ, tưởng, hành, thức mà không thể như thật quán sát bình đẳng, không như thật phân biệt về phần lượng và phân vân về phần lượng tức là thức trong thức có sở đắc. Nếu thức trong thức có sở đắc thì "thức kiến" trong thức có sở đắc. Nếu "thức kiến" trong thức có sở đắc thì chúng sinh trong thức có sở đắc. Nếu chúng sinh trong thức có sở đắc tức là tất cả trong thức có sở đắc. Khi tất cả trong thức có sở đắc tức là tất cả không có sở đắc. Nếu với pháp, mà có tướng sở đắc có thể thành lập thì có tướng sở đắc và có chỗ nương tựa. Cho nên ở trong Thanh văn, Duyên giác thừa vị ấy không xuất ly, huống chi Đại thừa.

****

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu có người đối với tất cả sắc mà không thật phân biệt về phần lượng và phân vân về phần lượng, có thể như thật quán sát bình đẳng thì sắc trong sắc không có sở đắc. Nếu khi sắc trong sắc mà không có sở đắc, tức là sắc kiến trong sắc không có sở đắc. Nếu sắc kiến trong sắc không có sở đắc thì chúng sinh trong sắc không có sở đắc. Nếu chúng sinh trong sắc không có sở đắc thì tất cả trong sắc không có sở đắc. Khi tất cả trong sắc không có sở đắc tức là tất cả có sở đắc. Nếu đối với pháp có tướng sở đắc có thể thành lập thì có tướng sở đắc và có chỗ nương tựa. Cho nên ở trong pháp Đại thừa vị ấy không thể xuất ly, huống gì trong pháp Thanh văn, Duyên giác thừa.

Này Tu-bồ-đề! Nếu người nào đối với thọ, tưởng, hành, thức mà không thật phân biệt về phần lượng và phân vân về phần lượng, có thể như thật quán sát bình đẳng thì thức trong thức không có sở đắc. Khi thức trong thức không có sở đắc thì cái thấy của thức trong thức không có sở đắc. Nếu cái thấy của thức trong thức không có sở đắc thì chúng sinh trong thức không có sở đắc. Nếu chúng sinh trong thức không có sở đắc thì tất cả trong thức đều không sở đắc. Nếu khi tất cả trong thức không có sở đắc thì tất cả có sở đắc. Nếu với pháp, thành lập tướng có sở đắc thì có tướng sở đắc và có nơi nương tựa. Cho nên ở trong pháp Đại thừa vị ấy không thể xuất ly, huống gì trong pháp Thanh văn, Duyên giác thừa.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát ở trong các sắc mà theo ngôn thuyết tức là sinh chấp trước, có tác dụng mà thành. Ai hành như vậy là hành hữu thân kiến, cũng hành hữu ái. Nếu lìa hữu tìm cầu mà có sở hành thì ở trong sắc không biết rõ tướng.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nếu ở trong các thức mà Bồ-tát theo ngôn thuyết tức là sinh chấp trước, có tác dụng mà hành. Ai hành như vậy là hành hữu thân kiến, cũng hành hữu ái. Nếu lìa tầm tìm cầu mà có sở hành thì trong thức không biết rõ tướng.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu ở trong các sắc, Bồ-tát theo ngôn thuyết mà không sinh chấp trước, không tác dụng mà hành là không hành hữu thân kiến, cũng không hành hữu ái. Nếu lìa hữu tầm cầu, cũng không có sở hành, thì ở trong sắc biết rõ hoàn toàn về tướng.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nếu ở trong các thức, Bồ-tát theo ngôn thuyết mà không có chấp trước, không tác dụng mà hành là không hành hữu thân kiến, cũng không hành hữu ái. Nếu lìa hữu tầm cầu cũng không có sở hành thì ở trong thức hoàn toàn biết rõ về tướng.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ở trong các sắc, nếu Đại Bồ-tát có đầy đủ ba duyên chủng tử của tâm để giữ gìn thì đó là pháp thanh tịnh. Những gì là ba? Một là chủng tử tâm tín giải; hai là chủng tử tâm nhàm chán; ba là chủng tử tâm không hoại.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Ở trong các thức, nếu Đại Bồ-tát có đầy đủ ba duyên chủng tử của tâm để nhiếp thọ thì là pháp thanh tịnh. Những gì là ba? Một là chủng tử tâm tín giải; hai là chủng tử tâm nhàm chán; ba là chủng tử tâm không hoại.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ở trong các sắc, Đại Bồ-tát nên phát sinh ba loại tâm. Ba loại tâm đó là gì? Một là tâm không chấp thủ; hai là tâm không hòa hợp; ba là tâm thanh tịnh.

Cho nên, này Tu-bồ-đề! Ở trong sắc ấy, Đại Bồ-tát nếu tâm có sinh hay tâm không sinh, đại sinh, bình đẳng sinh đều nên như thật quán sát bình đẳng. Do quán sát bình đẳng như vậy nên Đại Bồ-tát ấy mau chứng quả Vô thượng Bồ-đề.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy; ở trong các thức, Đại Bồ-tát cần phải phát ba loại tâm. Ba loại tâm ấy là gì?

Một là tâm không chấp thủ; hai là tâm không hòa hợp; ba là tâm thanh tịnh.

Cho nên, này Tu-bồ-đề! Ở trong thức ấy, Đại Bồ-tát nếu tâm có sinh hay tâm không sinh, đại sinh, bình đẳng sinh đều nên như thật quán sát bình đẳng. Do quán sát bình đẳng như vậy nên Đại Bồ-tát ấy mau chứng quả Vô thượng Bồ-đề.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ở trong các sắc, nếu Đại Bồ-tát thấy có, thấy không, thì nên biết Bồ-tát ấy không thật sự hiểu biết.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy. Ở trong các thức nếu Đại Bồ-tát thấy có, thấy không thì nên biết Bồ-tát ấy không thật sự hiểu biết.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát khởi tâm muốn trụ trong cảnh giới bình đẳng mà khi đối với sắc, tâm vị ấy cầu giải thoát thì ở trong sắc, tâm vị ấy đã lay động, mà có động là động khắp. Do vậy nên biết, Bồ-tát ấy khó được giải thoát.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nếu Đại Bồ-tát khởi tâm muốn trụ trong cảnh giới bình đẳng mà khi với thức, tâm vị ấy cầu giải thoát thì trong các thức, tâm vị ấy lay động, mà có động là động khắp. Do vậy nên biết, Bồ-tát này khó được giải thoát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát khởi tâm muốn trụ trong cảnh giới bình đẳng mà đối với sắc, tâm vị ấy cầu giải thoát, không trói buộc trong sắc, không phải không trói buộc, thì nên biết nhờ vậy mà Bồ-tát này hoàn toàn được giải thoát.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nếu Đại Bồ-tát có tâm muốn trụ trong cảnh giới bình đẳng thì với thức, tâm vị ấy cầu giải thoát. Nếu ở trong thức, tâm không chấp trước, không phải không chấp trước thì nên biết rằng Bồ-tát này hoàn toàn được giải thoát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát ở trong các sắc hiểu rõ pháp vô tướng thì khổ tự tiêu trừ, các tướng tịch tĩnh. Như hàng phàm phu vì không như thật hiểu biết về sắc, nên đối với sắc sinh chấp trước, bị lay chuyển che lấp. Do vị ấy đối với sắc có tâm chấp trước, bị lay chuyển che lấp nên trong Thanh văn, Duyên giác thừa còn không thể xuất ly, huống chi Đại thừa. Vì do chấp trước che lấp như vậy nên luôn luôn ở trong các nẻo địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trời, người dài lâu, chịu khổ sinh tử, luân hồi vô cùng tận.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy, cho đến nhãn sắc, nhãn thức; nhĩ thanh, nhĩ thức; tỷ hương, tỷ thức; thiệt vị, thiệt thức; thân xúc, thân thức; ý pháp, ý thức cũng đều là vô tánh, giả tánh, thật tánh.

Này Tu-bồ-đề! Ý thức chuyển ba tánh như vậy, hàng phàm phu dị sinh không thể như thật hiểu rõ về thức, nên ở trong thức mà sinh chấp trước, bị lay chuyển che lấp. Với thức, vì vị ấy sinh tâm chấp trước, bị lay chuyển, bị che lấp nên ngay trong Thanh văn, Duyên giác thừa còn không thể xuất ly, huống chi Đại thừa. Do chấp trước, bị che lấp như vậy nên ở trong các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trời, người dài lâu, chịu khổ sinh tử, luân hồi không cùng tận.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Sắc chuyển trong ba tánh như vậy; nếu người có trí biểu biết như thật thì đối với sắc không có chấp trước, cũng không lay chuyển, tâm vị ấy sáng tỏ. Do vị ấy không chấp trước sắc, tâm được sáng tỏ nên trong pháp Đại thừa còn có thể xuất ly, huống chi trong Thanh văn, Duyên giác thừa. Do không có chấp trước, tâm sáng tỏ như vậy, nên không bao giờ ở trong các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trời, người để chịu khổ sinh tử. Trong khi tìm cầu sắc không có sở đắc thì tất cả sắc hoàn toàn không hiện hữu. Sắc đã không hiện hữu thì như thật biết rõ tánh bình đẳng của sắc pháp, Bồ-tát ấy mau chứng quả Bồ-đề vô thượng.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nếu Đại Bồ-tát khi ở trong các thức mà tìm cầu không thể đắc thì tất cả thức hoàn toàn không hiện hữu. Thức đã không hiện hữu thì như thật biết rõ tánh bình đẳng của thức pháp. Bồ-tát ấy mau chứng quả Bồ-đề vô thượng.

Bấy giờ, Thế Tôn dùng kệ lặp lại:

Tìm cầu không pháp lạ
Vật cảnh không chiếu tâm
Biết rõ về pháp tánh
Tức là đắc Bồ-đề.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát ở trong sắc hoàn toàn hiểu rõ pháp vô tánh thì sắc trong sắc tu tập đầy đủ, nhưng đối với cảnh giới của sắc không bị lay động. Bồ-tát ấy mau chứng quả Bồđề vô thượng.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nếu Đại Bồ-tát ở trong thức mà hoàn toàn hiểu rõ pháp vô tánh thì thức trong thức tu tập đầy đủ, nhưng đối với cảnh giới của pháp không bị lay động. Bồ-tát ấy mau chứng quả Bồ-đề vô thượng.

Bấy giờ, Thế Tôn dùng kệ lặp lại:

Hoàn toàn hiểu vô tánh
Tu tập đều đầy đủ
Đối pháp giới không động
Đắc được Nhất thiết trí.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Trong sắc không có nghĩa, không có nghĩa đại nghĩa. Đại Bồ-tát nào như thật biết rõ thì Bồ-tát ấy mau chứng quả Bồ-đề vô thượng.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Trong thức không có nghĩa, không có nghĩa đại nghĩa. Nếu Đại Bồ-tát nào như thật biết rõ, Bồ-tát ấy mau chứng quả Bồ-đề vô thượng.

Bấy giờ, Thế Tôn dùng kệ lặp lại:

Vô nghĩa, vô cú nghĩa
Đại nghĩa cũng như vậy
Bồ-tát hiểu rốt ráo
Mau chứng quả Bồ-đề.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với các sắc, Đại Bồ-tát nên hiểu rõ năm loại pháp tham, biết rồi thì xả bỏ. Năm pháp tham ấy là gì? Một là tham tìm cầu; hai là tham tìm cầu cùng khắp; ba là tham phân biệt; bốn là tham; năm là đại tham.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đối với các thức, Đại Bồ-tát nên biết rõ năm loại pháp tham. Nếu biết rồi thì xả bỏ. Năm pháp tham ấy là gì? Một là tham tìm cầu; hai là tham tìm cầu cùng khắp; ba là tham phân biệt; bốn là tham; năm là đại tham.

Này Tu-bồ-đề! Đối với các sắc, nếu Đại Bồ-tát đã lìa bỏ năm pháp tham ấy rồi tức là đối với tự tánh của các sắc không có sở đắc. Khi đối với tự tánh của sắc không có sở đắc tức là sắc trong sắc cũng không có sở đắc. Khi sắc trong sắc không có sở đắc tức là sắc trong sắc có sở đắc. Nếu sắc trong sắc có sở đắc tức là sắc trong sắc ấy lại không có sở đắc. Vì vậy ở trong các sắc dù có sở đắc hay không có sở đắc thì đối với các loại sắc đều được siêu việt, tức liền giải thoát, thành tựu quả Bồ-đề vô thượng.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nếu Đại Bồ-tát ở trong các thức lìa bỏ năm pháp tham ấy tức là đối với tự tánh của các thức không có sở đắc. Nếu khi tự tánh của thức không có sở đắc tức là thức trong thức cũng không có sở đắc. Khi thức trong thức không có sở đắc tức là thức trong thức có sở đắc. Nếu thức trong thức có sở đắc thì thức trong thức ấy không có sở đắc. Vì vậy, ở trong các thức có sở đắc hay không có sở đắc thì đối với các loại thức đều được siêu việt, liền được giải thoát, thành tựu quả Bồ-đề vô thượng.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với các sắc, Đại Bồ-tát cần phải biết rõ năm loại pháp sân, biết rồi thì xả bỏ. Năm pháp sân ấy là gì? Một là sân tầm tứ; hai là sân tầm tứ cùng khắp; ba là sân tứ phân biệt; bốn là sân; năm là đại sân.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đối với các thức, Đại Bồ-tát cần phải biết rõ năm pháp sân. Nếu biết rồi phải xả bỏ. Năm pháp sân ấy là gì? Một là sân tầm tứ; hai là sân tầm tứ cùng khắp; ba là sân tứ phân biệt; bốn là sân; năm là đại sân.

Này Tu-bồ-đề! Đối với các sắc, nếu Đại Bồ-tát đã xa lìa năm pháp sân này tức là đối với tự tánh của các sắc không có sở đắc. Nếu khi tự tánh của sắc không có sở đắc tức là sắc trong sắc cũng không có sở đắc. Nếu khi sắc trong sắc không có sở đắc tức là sắc trong sắc có sở đắc. Nếu sắc trong sắc có sở đắc thì sắc trong sắc ấy không có sở đắc. Vì vậy ở trong các sắc có sở đắc hay không có sở đắc thì đối với các loại sắc đều được siêu việt, liền được giải thoát, thành tựu quả Bồ-đề vô thượng.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy, ở trong các thức, nếu Đại Bồ-tát đã lìa bỏ năm pháp sân rồi tức là đối với tự tánh của các thức không có sở đắc. Nếu khi tự tánh của thức không có sở đắc thì thức trong thức cũng không có sở đắc. Nếu thức trong thức không có sở đắc tức là thức trong thức có sở đắc. Nếu thức trong thức có sở đắc thì thức trong thức ấy không có sở đắc. Vì vậy, nếu trong các thức có sở đắc hay không có sở đắc, đối với các loại thức đều được siêu việt, liền được giải thoát, thành tựu quả Bồ-đề vô thượng.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với các sắc, Đại Bồ-tát cần phải biết rõ năm pháp si, biết rồi nên xả bỏ. Năm pháp si ấy là gì? Một là si động loạn; hai là si tướng động loạn; ba là si tướng không động loạn; bốn là si; năm là đại si.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy. Đối với các thức, Đại Bồ-tát cần phải biết năm pháp si, biết rồi nên lìa bỏ. Năm pháp si ấy là gì? Một là si động loạn; hai là si tướng động loạn; ba là si tướng không động loạn; bốn là si; năm là đại si.

Này Tu-bồ-đề! Đối với các sắc, nếu Đại Bồ-tát xa lìa năm pháp si này tức là đối với tự tánh của các sắc không có sở đắc. Nếu khi đối với tự tánh của sắc không có sở đắc tức là sắc trong sắc cũng không có sở đắc. Nếu khi sắc trong sắc không có sở đắc thức là sắc trong sắc có sở đắc. Nếu sắc trong sắc có sở đắc thì sắc trong sắc ấy không có sở đắc. Vì vậy ở trong các sắc nếu có sở đắc hay không có sở đắc thì đối với các loại sắc đều siêu việt, liền được giải thoát, thành tựu quả Bồ-đề vô thượng.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy. Đối với các thức nếu Đại Bồ-tát lìa bỏ năm pháp si tức là đối với tự tánh của các thức không có sở đắc. Nếu khi tự tánh của thức không có sở đắc thì thức trong thức cũng không có sở đắc. Nếu khi thức trong thức không có sở đắc tức là thức trong thức có sở đắc. Nếu thức trong thức có sở đắc tức là thức trong thức ấy không có sở đắc. Vì vậy, các thức có sở đắc hay không có sở đắc đối với các loại thức đều được siêu việt, liền được giải thoát, thành tựu quả Bồ-đề vô thượng.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với các sắc, Đại Bồ-tát nên biết năm pháp ngã mạn, biết rồi nên lìa bỏ. Năm pháp mạn ấy là gì? Một là mạn đa văn; hai là mạn cao thắng; ba là mạn tăng thượng; bốn là mạn; năm là đại mạn.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy, Đối với các thức, Đại Bồ-tát cần phải biết rõ năm pháp mạn, biết rồi nên lìa bỏ. Năm pháp mạn ấy là gì? Một là mạn đa văn; hai là mạn cao thắng; ba là mạn tăng thượng; bốn là mạn; năm là đại mạn.

Này Tu-bồ-đề! Đối với các sắc, nếu Đại Bồ-tát lìa bỏ năm pháp mạn này tức là với tự tánh của các sắc không có sở đắc. Nếu khi đối với tự tánh của sắc không có sở đắc tức là sắc trong sắc không có sở đắc. Nếu khi sắc trong sắc không có sở đắc tức là sắc trong sắc có sở đắc. Nếu sắc trong sắc có sở đắc tức là sắc trong sắc ấy không có sở đắc. Vì vậy, ở trong các sắc có sở đắc hay không có sở đắc đối với các loại sắc đều được siêu việt, liền được giải thoát, thành tựu quả Bồ-đề vô thượng.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đối với các thức, nếu Đại Bồ-tát xa lìa năm pháp mạn này rồi tức là đối với tự tánh của các thức không có sở đắc. Nếu khi đối với tự tánh của thức không có sở đắc thì thức trong thức cũng không có sở đắc. Nếu khi thức trong thức không có sở đắc tức là thức trong thức có sở đắc. Nếu thức trong thức có sở đắc tức là thức trong thức ấy không có sở đắc. Vì vậy, trong các thức có sở đắc hay không có có sở đắc đối với các loại thức đều được siêu việt, liền được giải thoát, thành tựu quả Bồ-đề vô thượng.

****

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát cần phải biết rõ năm pháp kiến, biết rồi thì nên lìa bỏ. Năm pháp kiến ấy là gì? Một là kiến về tự tánh điên đảo; hai là kiến về hữu; ba là kiến về vu báng; bốn là kiến; năm là đại kiến.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy; đối với pháp thức, Đại Bồ-tát cần phải biết rõ năm pháp kiến. Nếu biết rồi thì nên lìa bỏ. Năm pháp kiến ấy là gì? Một là kiến về tự tánh điên đảo; hai là kiến về hữu; ba là kiến về vu báng; bốn là kiến; năm là đại kiến.

Này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, nếu Đại Bồ-tát có thể lìa bỏ năm pháp kiến này tức là tự tánh của các sắc không có sở đắc. Nếu khi tự tánh của sắc không có sở đắc tức là sắc trong sắc cũng không có sở đắc. Nếu khi sắc trong sắc không có sở đắc tức là sắc trong sắc có sở đắc. Nếu sắc trong sắc có sở đắc tức là sắc trong sắc ấy không có sở đắc. Vì vậy, trong các sắc nếu có sở đắc hay không có sở đắc, đối với các loại sắc đều được siêu việt, liền được giải thoát, thành tựu quả Bồ-đề vô thượng.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đối với pháp thức, nếu Đại Bồ-tát có thể lìa bỏ năm loại pháp kiến ấy tức là tự tánh của các thức không có sở đắc. Nếu khi tự tánh của thức không có sở đắc tức là thức trong thức cũng không có sở đắc. Nếu khi thức trong thức không có sở đắc tức là thức trong thức có sở đắc. Nếu thức trong thức có sở đắc tức là thức trong thức ấy không có sở đắc. Vì vậy, ở trong các thức nếu có sở đắc hay không có sở đắc thì đối với các loại thức đều được siêu việt, liền được giải

thoát, thành tựu quả Vô thượng Bồ-đề.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát cần phải biết rõ năm loại pháp nghi, biết rồi thì nên lìa bỏ. Năm pháp nghi là gì? Một là nghi về pháp; hai là nghi các cõi khổ; ba là nghi về sự tịch tĩnh của pháp Phật và Bồ-tát; bốn là nghi; năm là đại nghi.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy; ở trong pháp thức, Đại Bồ-tát cần phải biết rõ năm pháp nghi. Nếu biết rồi nên lìa bỏ. Năm pháp nghi ấy là gì? Một là nghi về pháp; hai là nghi các cõi khổ; ba là nghi về sự tịch tĩnh của pháp Phật và Bồ-tát; bốn là nghi; năm là đại nghi.

Này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, nếu Đại Bồ-tát lìa bỏ năm pháp nghi này tức là tự tánh của các sắc không có sở đắc. Nếu khi tự tánh của sắc không có sở đắc tức là sắc trong sắc không có sở đắc. Nếu khi sắc trong sắc không có sở đắc tức là sắc trong sắc có sở đắc. Nếu sắc trong sắc có sở đắc tức là sắc trong sắc ấy không có sở đắc. Vì vậy, ở trong các sắc có sở đắc hay không có sở đắc thì đối với các loại sắc đều được siêu việt, liền được giải thoát, thành tựu quả Bồđề vô thượng.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy, đối với pháp thức, nếu Đại Bồ-tát có thể lìa bỏ năm pháp nghi tức là tự tánh của các thức không có sở đắc. Nếu khi tự tánh của thức không có sở đắc tức là thức trong thức không có sở đắc. Nếu khi thức trong thức không có sở đắc tức là thức trong thức có sở đắc. Nếu thức trong thức có sở đắc tức là thức trong thức ấy không có sở đắc. Vì vậy, ở trong các thức có sở đắc hay không có sở đắc thì đối với các loại thức đều được siêu việt, liền được giải thoát, thành tựu quả Vô thượng Bồ-đề.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc hoặc Đại Bồ-tát có sự mong cầu, hoặc đối với sắc có nói pháp, hoặc đối với sắc làm thanh tịnh nghiệp thân, ngữ, ý, đối với sắc ấy nói là đúng, khen ngợi là đúng. Do mong cầu như vậy, nói pháp như vậy, nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh như vậy nên Đại Bồ-tát ấy đối với sắc đã cầu ngược lại với cái khổ thì nên biết, Đại Bồ-tát ấy không nói pháp chân chánh, không thể làm thanh tịnh nghiệp thân, khẩu, ý.

Này Tu-bồ-đề! Mặc dù Đại Bồ-tát mong cầu sắc, trong sắc nói pháp, trong sắc làm thanh tịnh thân, khẩu, ý nghiệp nhưng đối với sắc không nói là đúng, không khen ngợi là đúng; vì không mong cầu như vậy, không nói pháp như vậy, không thanh tịnh nghiệp thân, khẩu, ý như vậy nên Đại Bồ-tát đối với sắc có thể mong cầu như vậy thì nên biết rằng Đại Bồ-tát ấy nói pháp chân chánh, ở trong sắc có thể làm thanh tịnh nghiệp thân, khẩu, ý.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đối với pháp thức, Đại Bồ-tát có sự mong cầu, hoặc đối với thức có nói pháp, hoặc đối với thức làm thanh tịnh nghiệp thân, khẩu, ý; liền đối với thức đã nói là đúng, khen ngợi là đúng; do mong cầu như vậy, nói pháp như vậy, thanh tịnh nghiệp thân, khẩu, ý như vậy nên Đại Bồ-tát ấy đối với thức ấy đã cầu ngược lại với khổ, thì nên biết, Đại Bồ-tát ấy không nói pháp chân chánh, không thể làm thanh tịnh nghiệp thân, khẩu, ý.

Này Tu-bồ-đề! Mặc dù Đại Bồ-tát cầu thức, ở trong thức mà nói pháp, ở trong thức mà thanh tịnh thân, khẩu, ý nghiệp, nhưng ở trong thức không nói là đúng, không khen ngợi là đúng; do không cầu như vậy, không nói pháp như vậy, không thanh tịnh nghiệp thân, khẩu, ý như vậy nên Đại Bồ-tát ở trong thức mà cầu như vậy thì nên biết, Đại Bồ-tát ấy nói pháp chân chánh, ở trong thức làm thanh tịnh thân, khẩu, ý nghiệp.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát khởi tâm muốn trụ trong cảnh giới bình đẳng, đối với pháp sắc ấy, khi khởi lòng tin hiểu thì cả hai trong hai trường hợp có sở đắc, nghĩa là đối tượng sắc để tin hiểu và chủ thể tin hiểu về sắc. Đối với sắc, Đại Bồ-tát ấy theo đối tượng tin hiểu mà nói chủ thể tin hiểu, theo khả năng tin hiểu mà nói sự tin hiểu, thì nên biết đối với các sắc, Đại Bồ-tát ấy không nói pháp một cách chân chánh. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì đối tượng tin hiểu sắc và chủ thể tin hiểu sắc không có tướng khác.

Này Tu-bồ-đề! Nếu ở trong sắc, chủ thể và đối tượng tin hiểu có tướng khác thì các sự tin hiểu của tất cả chúng sinh ở trong pháp bình đẳng có tướng sai khác, có thể thấy, có thể đắc, tức là chẳng phải mộng, không có sở duyên mà lại tin hiểu có thể đắc do hàng chúng sinh phàm phu đối với các sắc thấy là thật, không tương ưng, với sự tin hiểu như lý vô phân biệt.

Này Tu-bồ-đề! Nếu đối với sắc, sự tin hiểu không lay chuyển thì tất cả sự tin hiểu của tất cả chúng sinh đều bình đẳng. Ở trong sự tin hiểu không có tướng sai biệt để thấy, để đắc, tức là như mộng… không có sở duyên cho sự tin hiểu để có sở đắc. Do phàm phu chúng sinh ấy đối với các sắc không thấy có thật, tức là tương ưng với sự tin hiểu như lý vô phân biệt, cho nên biết, đối tượng hiểu sắc và chủ thể tin hiểu sắc không có tướng khác. Đại Bồ-tát nên thấy như vậy. Ai thấy như vậy thì không có tướng khác để thấy, liền đối với sắc tùy theo chủ thể tin hiểu mà sinh khởi, tức là đối tượng tin hiểu. Những gì nói trong đây là làm cho nghĩa được sáng tỏ.

Đại Bồ-tát nào quán sát như vậy, nói ra điều gì đều là nói chân chánh. Do như vậy nên biết: trong sắc, hai pháp chủ thể và đối tượng tin hiểu đều hòa hợp; nếu lìa chủ thể thì không đối tượng, vì cả hai đều phải có. Trước đây, các Đại Bồ-tát có tưởng về chủ thể tin hiểu sắc như thật mà đã quán. Lại nữa, đối với tưởng cả hai về sắc cũng như thật quán. Quán như vậy rồi tức là đối với tất cả sắc đều không có sở đắc. Khi tất cả sắc không có sở đắc tức là trong sắc loạn động mà có sở đắc. Khi trong sắc loạn động có sở đắc tức là tướng loạn động của sắc có sở đắc. Khi tướng

loạn động của sắc có sở đắc tức là pháp loạn động của sắc có sự tập hợp. Khi pháp loạn động của sắc có sự tập hợp tức là trong sắc ấy không loạn động, pháp bình đẳng nhưng có sự tập hợp.

Các Đại Bồ-tát nếu đối với sắc như đã nói trên như vậy có loạn động và pháp không loạn động mà không tập hợp thì ở trong sắc không có pháp loạn động và không động loạn, lấy pháp bình đẳng để làm nơi nương tựa thì nên tu tập tất cả Phật pháp, làm thành thục các hữu tình, trang nghiêm cõi Phật, mau chứng quả Vô thượng Bồđề. Ở trong các sắc, các Đại Bồ-tát nếu có thể hoàn toàn giác ngộ như vậy thì nói ra điều gì là nói đúng đắn.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nếu Đại Bồ-tát tâm muốn trụ trong cảnh giới bình đẳng, khi thức pháp ấy có lòng tin hiểu thì cả hai trong hai trường hợp có sở đắc, nghĩa là sự tin hiểu về thức và khả năng tin hiểu về thức, Đại Bồ-tát ấy liền ở trong thức theo sự tin hiểu mà nói khả năng tin hiểu, theo khả năng tin hiểu mà nói sự tin hiểu, nên biết Đại Bồ-tát ở trong các thức không nói pháp một cách đúng đắn. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì sự tin hiểu về thức và khả năng tin hiểu về thức không có tướng khác.

Này Tu-bồ-đề! Nếu ở trong thức, về khả năng và sự tin hiểu có tướng khác thì tin hiểu của tất cả chúng sinh trong pháp bình đẳng có tướng sai khác có thể thấy, có thể đắc, chẳng phải mộng… không có sở duyên mà tin hiểu có sở đắc. Do hàng phàm phu chúng sinh ấy ở trong các thức sinh có thật kiến, không tương ưng đúng lý với sự tin hiểu vô phân biệt.

Này Tu-bồ-đề! Ở trong thức, nếu không có sự tin hiểu để chuyển thì các tin hiểu của tất cả chúng sinh đều bình đẳng. Ở trong sự tin hiểu không có tướng sai biệt để thấy, để đắc thì như trong mộng, không có sở duyên mà tin hiểu có sở đắc. Do hàng phàm phu chúng sinh ở trong các thức không có thật kiến tương ưng đúng lý với sự tin hiểu vô phân biệt, cho nên biết rằng: khả năng tin hiểu về thức và sự tin hiểu về thức tướng giống nhau. Các Đại Bồ-tát nên thấy như vậy. Ai thấy như vậy tức là không có tướng khác để thấy, liền đối với thức theo chủ thể tin hiểu mà sinh khởi, tức là đối tượng tin hiểu.

Những gì đã nói trên đây là làm nghĩa sáng tỏ. Nếu Đại Bồ-tát quán sát như vậy, các lời đã nói ra đó là nói đúng đắn. Vì vậy nên biết, chủ thể và đối tượng hiểu hai pháp hòa hợp, nếu lìa chủ thể thì không có đối tượng, vì cả hai đều phải có. Các Đại Bồ-tát trước đây có tưởng về chủ thể tin hiểu thức mà quán sát như thật, lại đối với tưởng cả hai về thức cũng quán như thật. Quán như vậy rồi tức là tất cả thức đều không có sở đắc. Nếu khi tất cả thức không có sở đắc tức là trong thức động loạn lại có sở đắc. Nếu khi trong thức loạn động có sở đắc tức là tướng loạn động của thức có sở đắc. Nếu khi tướng loạn động của thức có sở đắc tức là pháp loạn động của thức có sự tập hợp. Vì pháp loạn động của thức có sự tập hợp nên trong thức ấy không có động loạn, pháp bình đẳng nhưng có sự tập hợp. Các Đại Bồ-tát nếu đối với thức như đã nói trước đây như vậy, có pháp loạn động và pháp không loạn động không có sự tập hợp, thì trong thức ấy không có pháp loạn động và không động loạn, lấy pháp bình đẳng để làm chỗ nương tựa, nên tu tập tất cả Phật pháp, làm thành tựu các hữu tình, làm trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật, mau thành tựu quả Bồ-đề vô thượng.

Đối với các thức, nếu các Đại Bồ-tát hoàn toàn giác ngộ như vậy thì những điều đã nói ra là đúng đắn.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát nên biết rõ năm loại tướng để tu tập pháp Từ. Năm pháp ấy là gì? Một là Từ giữ gìn Chánh pháp; hai là Từ giữ gìn các sự an vui của thế gian; ba là Từ giữ gìn sự an vui thù thắng vi diệu của xuất thế gian; bốn là Từ; năm là đại Từ.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đối với pháp thức, Đại Bồ-tát nên biết rõ có năm loại tướng để tu hành pháp Từ.

Năm pháp ấy là gì? Một là Từ giữ gìn Chánh pháp; hai là Từ giữ gìn những sự an vui của thế gian; ba là Từ giữ gìn những sự an vui thù thắng vi diệu của xuất thế gian; bốn là Từ; năm là Đại Từ.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát nên biết rõ có năm loại tướng để tu hành pháp Bi. Năm pháp ấy là gì? Một là Bi không chấp trước; hai là Bi hòa hợp; ba là Bi không ly tán; bốn là Bi; năm là đại Bi.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy, đối với pháp thức, Đại Bồ-tát nên biết rõ có năm loại tướng để tu hành pháp Bi.

Năm pháp ấy là gì? Một là Bi không chấp trước; hai là Bi hòa hợp; ba là Bi không ly tán; bốn là Bi; năm là đại Bi.

Này Tu-bồ-đề! Đối với sắc pháp, Đại Bồ-tát nên biết rõ có năm loại tướng để tu hành pháp Hỷ.

Năm pháp ấy là gì? Một là Hỷ Chánh pháp thanh tịnh, không hoại, tùy hỷ mà giữ gìn; hai là Hỷ các sự an vui của thế gian không hoại, tùy hỷ giữ gìn; ba là Hỷ các sự an vui vi diệu của xuất thế gian không hoại, tùy hỷ giữ gìn; bốn là Hỷ; năm là đại Hỷ.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy, đối với pháp thức, Đại Bồ-tát nên biết rõ có năm loại tướng tu hành pháp Hỷ. Năm pháp ấy là gì? Một là Hỷ chánh pháp thanh tịnh không hoại, tùy hỷ giữ gìn; hai là Hỷ các sự an vui của thế gian không hoại, tùy hỷ giữ gìn; ba là Hỷ các sự vui vi diệu của xuất thế gian không hoại, tùy hỷ giữ gìn; bốn là Hỷ; năm là đại Hỷ.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với sắc pháp, Đại Bồ-tát nên biết rõ có năm loại tướng tu hành pháp Xả. Năm pháp ấy là gì? Một là Xả diệt trừ các hiểu biết không chân chánh và các tạp nhiễm; hai là Xả xa lìa tất cả lỗi lầm, vứt bỏ các tạp nhiễm; ba là Xả cất giữ tất cả các công đức, diệt trừ các tạp nhiễm; bốn là Xả; năm là đại Xả.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy, Đối với pháp thức, Đại Bồ-tát nên biết rõ có năm loại tướng để tu hành pháp Xả. Năm pháp ấy là gì? Một là Xả diệt trừ các hiểu biết không chân chánh; hai là Xả lìa tất cả lỗi lầm, vứt bỏ các tạp nhiễm; ba là Xả cất chứa tất cả các công đức, diệt trừ các tạp nhiễm; bốn là Xả; năm là đại Xả.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát nên biết rõ có năm loại tướng tu hành Bố thí ba-la-mật-đa. Năm pháp ấy là gì? Một là Bố thí về thề nguyện; hai là Bố thí về tài của và sự không sợ sệt; ba là Bố thí pháp; bốn là Bố thí; năm là Đại bố thí.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đối với pháp thức, Đại Bồ-tát nên biết rõ có năm loại tướng tu hành Bố thí ba-la-mật-đa. Năm pháp ấy là gì? Một là Bố thí về lời nguyện; hai là Bố thí về tài của và sự không sợ sệt, ba là Bố thí pháp; bốn là Bố thí; năm là Đại bố thí.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát nên biết rõ có năm loại tướng tu hành giữ Trì giới ba-la-mật-đa. Năm pháp ấy là gì? Một là Giới làm lợi ích cho hữu tình; hai là Giới làm cho pháp định; ba là Giới pháp vô lậu; bốn là Giới; năm là Đại giới.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy. Đối với pháp thức, Đại Bồ-tát nên biết rõ có năm loại tướng tu hành Trì giới ba-lamật-đa. Năm pháp ấy là gì? Một là Giới làm lợi ích cho hữu tình; hai là Giới làm cho pháp an định; ba là Giới pháp vô lậu; bốn là Giới; năm là Đại giới.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát nên biết rõ có năm loại tướng để tu hành Nhẫn nhục ba-la-mật-đa. Năm pháp ấy là gì? Một là Nhẫn nhục chịu kẻ oán làm hại; hai là Nhẫn nhục chấp nhận chịu khổ; ba là Nhẫn quán sát pháp thật kỹ; bốn là Nhẫn, năm là Đại nhẫn.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đối với pháp thức, Đại Bồ-tát nên biết rõ có năm loại tướng để tu hành Nhẫn nhục ba-la-mật-đa. Năm pháp ấy là gì? Một là Nhẫn nhục chịu kẻ oán làm hại; hai là Nhẫn nhục chấp nhận chịu khổ; ba là Nhẫn quán sát pháp thật kỹ; bốn là Nhẫn; năm là Đại nhẫn.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát nên biết rõ có năm loại tướng để tu hành Tinh tấn ba-la-mật-đa. Năm pháp ấy là gì? Một là Tinh tấn suy nghĩ đọc tụng giảng nói; hai là Tinh tấn xa lìa tất cả lỗi lầm; ba là Tinh tấn tích chứa các công đức; bốn là Tinh tấn; năm là Đại tinh tấn.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đối với pháp thức, Đại Bồ-tát nên biết rõ năm loại tướng để tu hành Tinh tấn ba-la-mật-đa. Năm tướng ấy là gì? Một là Tinh tấn suy nghĩ đọc tụng giảng nói; hai là Tinh tấn xa lìa tất cả lỗi lầm; ba là Tinh tấn tích chứa các công đức; bốn là Tinh tấn; năm là Đại tinh tấn.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát nên biết rõ có năm tướng tu hành Thiền định ba-la-mật-đa. Năm tướng ấy là gì? Một là Thiền định hiểu hoàn hảo không lìa văn tự; hai là Thiền định hoàn toàn lìa văn tự, đầu tiên làm thanh tịnh thế gian; ba là Thiền định xuất thế gian; bốn là Thiền định; năm là Đại thiền định.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đối với pháp thức, Đại Bồ-tát nên biết rõ có năm tướng tu hành Thiền định ba-la-mật-đa. Năm tướng ấy là gì? Một là Thiền định hiểu hoàn hảo không lìa văn tự; hai là Thiền định hoàn toàn lìa văn tự, đầu tiên làm thanh tịnh thế gian; ba là Thiền định xuất thế gian; bốn là Thiền định; năm là Đại thiền định.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát nên biết rõ có năm loại tướng để tu hành Bát nhã Ba la mật đa. Năm tướng ấy là gì? Một là Trí tuệ làm nơi nương tựa để hiểu hoàn hảo định không lìa văn tự; hai là Trí tuệ làm nơi nương tựa để hoàn toàn lìa định văn tự, đầu tiên làm thanh tịnh thế gian; ba là Trí tuệ làm nơi nương tựa để ra khỏi định thế gian; bốn là Trí tuệ; năm là Đại trí tuệ.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đối với pháp thức, Đại Bồ-tát nên biết rõ có năm loại tướng tu hành Bát nhã Ba la mật. Năm tướng ấy là gì? Một là Trí tuệ làm nơi nương tựa để hiểu hoàn hảo định không lìa văn tự; hai là Trí tuệ làm nơi nương tựa để hoàn toàn lìa định văn tự, đầu tiên làm thanh tịnh thế gian; ba là Trí tuệ làm nơi nương tựa để ra khỏi định thế gian; bốn là Trí tuệ; năm là Đại trí tuệ.

****

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát nên biết rõ năm loại tướng gần gũi Thiện tri thức. Năm tướng ấy là gì? Một là gần gũi nghe, tiếp thu; hai là gần gũi phục vụ, làm việc, học pháp; ba là gần gũi tu hành tiến bộ; bốn là gần gũi; năm là rất gần gũi.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy. Đối với pháp thức, Đại Bồ-tát nên biết rõ năm loại tướng gần gũi Thiện tri thức. Năm tướng ấy là gì? Một là gần gũi nghe, tiếp thu; hai là gần gũi phục vụ, làm việc, học pháp; ba là gần gũi tu hành tiến bộ; bốn là gần gũi; năm là rất gần gũi.

Khi gần gũi Thiện tri thức như vậy, Đại Bồ-tát dùng phương tiện giải thoát để giáo hóa họ thì có thể sinh nhiều phước đức, mau chứng quả Bồ-đề vô thượng.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát nên biết rõ có năm tướng cúng dường Như Lai. Năm tướng ấy là gì? Một là cung kính tín tưởng cúng dường bằng nhiều lời khen ngợi; hai là cung kính tín tưởng cúng dường bằng lợi dưỡng thanh tịnh; ba là cúng dường bằng tu hành tiến bộ; bốn là cúng dường; năm là đại cúng dường.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đối với pháp thức, Đại Bồ-tát nên biết rõ có năm loại tướng cúng dường Như Lai. Năm tướng ấy là gì? Một là cung kính tín tưởng cúng dường bằng nhiều lời khen ngợi; hai là tín tưởng cúng dường bằng lợi dưỡng thanh tịnh; ba là cúng dường bằng tu hành tiến bộ; bốn là cúng dường; năm là đại cúng dường.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát cúng dường Như Lai tương ưng đúng lý như vậy thì chư Phật và Bồ-tát ở vô biên thế giới khen ngợi, cũng được Trời, Người, A-tu-la… trong thế gian cung cấp, lợi dưỡng, làm thành thục vô biên chúng sinh, trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật, mau chứng quả Bồ-đề vô thượng.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát có thể tương ưng như lý với Bố thí ba-la-mật-đa. Nếu tu bố thí hữu tướng cũng mau viên mãn Bố thí ba-la-mật-đa; mà tu bố thí vô tướng cũng mau viên mãn Bố thí ba-la-mật-đa.

Này Tu-bồ-đề! Làm thế nào Đại Bồ-tát ấy đối với pháp sắc, tu Bố thí hữu tướng hay Bố thí vô tướng?

Này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành bố thí để cầu giải thoát mà có đối tượng bố thí giải thoát có thể đắc, có chủ thể bố thí giải thoát có thể đắc. Nếu tu như vậy thì nên biết: Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát tu Bố thí hữu tướng.

Đối với pháp sắc, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành cầu giải thoát mà không có đối tượng bố thí giải thoát có thể đắc, không có chủ thể bố thí giải thoát có thể đắc thì nên biết Đại Bồ-tát ấy tu Bố thí vô tướng. Vì sao? Vì tự tánh của sắc không có sở đắc, nên bản tánh không có sở đắc; quán chư Như Lai cũng không có sở đắc, vì bản tánh không có sở đắc.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đối với pháp thức, Đại Bồ-tát có thể tương ưng đúng lý với Bố thí ba-la-mật-đa. Nếu tu Bố thí hữu tướng cũng mau viên mãn Bố thí ba-lamật-đa. Nếu tu bố thí vô tướng cũng mau viên mãn Bố thí ba-lamật-đa.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là đối với pháp thức, Đại Bồ-tát tu Bố thí hữu tướng hay tu Bố thí vô tướng?

Này Tu-bồ-đề! Đối với pháp thức, Đại Bồ-tát khi tu hành bố thí cầu giải thoát mà có đối tượng bố thí giải thoát có thể đắc, có chủ thể giải thoát bố thí có thể đắc, thì nên biết tu như vậy là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp thức tu Bố thí hữu tướng.

Nếu Đại Bồ-tát đối với pháp thức, khi tu hành bố thí để cầu giải thoát mà không có đối tượng bố thí giải thoát có thể đắc, không có chủ thể bố thí giải thoát có thể đắc thì nên biết tu như vậy là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp thức tu Bố thí vô tướng. Vì sao? Vì tự tánh của thức không có sở đắc, nên bản tánh không có sở đắc, quán chư Như Lai cũng không có sở đắc vì bản tánh không có sở đắc.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát nào có thể tương ưng như lý với Trì giới ba-la-mật-đa, thì dù Trì giới hữu tướng cũng mau viên mãn Trì giới ba-la-mật-đa, dù tu Trì giới vô tướng cũng mau viên mãn Trì giới ba-la-mật-đa.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là Đại Bồ-tát đối với pháp sắc tu Trì giới hữu tướng hay Trì giới vô tướng?

Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát đối với pháp sắc, khi tu hành trì giới để cầu giải thoát mà có đối tượng trì giới giải thoát có thể đắc, có chủ thể trì giới giải thoát có thể đắc, thì nên biết tu hành như vậy là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp sắc tu Trì giới hữu tướng.

Nếu Đại Bồ-tát đối với pháp sắc, khi tu hành trì giới cầu giải thoát mà không có đối tượng rì giới giải thoát có thể đắc, không có chủ thể trì giới giải thoát có thể đắc, thì nên biết tu như vậy là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp sắc tu Trì giới vô tướng. Vì sao? Vì tự tánh của sắc không có sở đắc, nên bản tánh không có sở đắc. Quán chư Như Lai cũng không sở đắc, bản tánh không có sở đắc.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đối với pháp thức, Đại Bồ-tát tương ưng như lý với Trì giới ba-la-mật-đa thì dù tu Trì giới hữu tướng cũng mau viên mãn Trì giới ba-la-mật-đa, dù tu Trì giới vô tướng cũng mau viên mãn Trì giới ba-la-mật-đa.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là Đại Bồ-tát đối với pháp thức tu Trì giới hữu tướng hoặc Trì giới vô tướng?

Này Tu-bồ-đề! Đối với pháp thức, khi Đại Bồ-tát tu hành trì giới cầu giải thoát mà có đối tượng trì giới giải thoát có thể đắc, có chủ thể trì giới giải thoát có thể đắc, thì nên biết tu như vậy là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp thức tu Trì giới hữu tướng.

Nếu Đại Bồ-tát đối với pháp thức tu hành trì giới cầu giải thoát mà không có đối tượng trì giới giải thoát có thể đắc, không có chủ thể trì giới giải thoát có thể đắc thì nên biết tu như vậy là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp thức tu Trì giới vô tướng. Vì sao? Vì tự tánh của thức không có sở đắc nên bản tánh không có sở đắc. Quán chư Như Lai cũng không có sở đắc vì bản tánh không có sở đắc.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát tương ưng như lý với Nhẫn nhục ba-la-mật-đa thì dù tu Nhẫn nhục hữu tướng cũng mau viên mãn Nhẫn nhục ba-la-mật-đa, dù tu Nhẫn nhục vô tướng cũng mau viên mãn Nhẫn nhục ba-la-mật-đa.

Này Tu-bồ-đề! Sao gọi là Đại Bồ-tát đối với pháp sắc, tu Nhẫn nhục hữu tướng hay Nhẫn nhục vô tướng?

Này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành nhẫn nhục cầu giải thoát có đối tượng nhẫn nhục giải thoát có thể đắc, có chủ thể nhẫn nhục giải thoát có thể đắc thì nên biết tu như vậy là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp thức tu Nhẫn nhục hữu tướng.

Nếu Đại Bồ-tát đối với pháp sắc, khi tu hành nhẫn nhục cầu giải thoát mà không có đối tượng nhẫn nhục giải thoát có thể đắc, không có chủ thể nhẫn nhục giải thoát có thể đắc thì nên biết tu như vậy là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp thức tu Nhẫn nhục vô tướng. Vì sao? Vì tự tánh của sắc không có sở đắc, nên bản tánh không có sở đắc. Quán chư Như Lai không có sở đắc, bản tánh không có sở đắc.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đối với pháp thức, Đại Bồ-tát tương ưng như lý với Nhẫn nhục ba-la-mật-đa thì dù tu Nhẫn nhục hữu tướng cũng mau viên mãn Nhẫn nhục ba-lamật-đa, dù tu Nhẫn nhục vô tướng cũng mau viên mãn Nhẫn nhục ba-la-mật-đa.

Này Tu-bồ-đề! Sao gọi là Đại Bồ-tát đối với pháp thức, tu Nhẫn nhục hữu tướng hay Nhẫn nhục vô tướng?

Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát đối với pháp thức, khi tu hành nhẫn nhục cầu giải thoát có đối tượng nhẫn nhục giải thoát có thể đắc, có chủ thể nhẫn nhục giải thoát có thể đắc thì nên biết, tu như vậy là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp thức tu Nhẫn nhục hữu tướng.

Nếu Đại Bồ-tát đối với pháp thức, khi tu hành nhẫn nhục cầu giải thoát không có đối tượng nhẫn nhục giải thoát có thể đắc, không có chủ thể nhẫn nhục giải thoát có thể đắc thì nên biết tu như vậy là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp thức tu Nhẫn nhục vô tướng. Vì sao? Vì tự tánh của thức không có sở đắc, nên bản tánh không có sở đắc. Quán chư Như Lai không có sở đắc nên bản tánh không có sở đắc.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát có thể tương ưng như lý với Tinh tấn ba-la-mật-đa thì dù Tu tinh tấn hữu tướng cũng mau viên mãn Tinh tấn ba-la-mật-đa, dù tu Tinh tấn vô tướng cũng mau viên mãn Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Này Tu-bồ-đề! Sao gọi là Đại Bồ-tát đối với pháp sắc, tu Tinh tấn hữu tướng hay Tinh tấn vô tướng?

Này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, khi Đại Bồ-tát tu hành tinh tấn cầu giải thoát có đối tượng tinh tấn giải thoát có thể đắc, có chủ thể tinh tấn giải thoát có thể đắc thì nên biết tu như vậy Đại Bồ-tát đối với pháp sắc tu Tinh tấn hữu tướng.

Nếu đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát tu tinh tấn cầu giải thoát không có đối tượng tinh tấn giải thoát có thể đắc, không có chủ thể tinh tấn giải thoát có thể đắc thì nên biết tu như vậy là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp thức tu Tinh tấn vô tướng. Vì sao? Vì tự tánh của sắc không có sở đắc nên bản tánh không có sở đắc. Quán chư Như Lai không có sở đắc nên bản tánh không có sở đắc.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đối với pháp thức, Đại Bồ-tát có thể tương ưng như lý với Tinh tấn ba-lamật-đa thì dù tu Tinh tấn hữu tướng cũng mau viên mãn Tinh tấn bala-mật-đa, dù tu Tinh tấn vô tướng cũng mau viên mãn Tinh tấn bala-mật-đa.

Này Tu-bồ-đề! Sao gọi là Đại Bồ-tát đối với thức pháp tu Tinh tấn hữu tướng hoặc Tinh tấn vô tướng?

Này Tu-bồ-đề! Ở trong pháp thức, khi Đại Bồ-tát tu hành tinh tấn cầu giải thoát, có đối tượng ở tinh tấn giải thoát có thể đắc, có chủ thể tinh tấn giải thoát có thể đắc thì nên biết tu như vậy là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp thức tu Tinh tấn hữu tướng.

Nếu đối với thức pháp, khi Đại Bồ-tát tinh tấn cầu giải thoát không có đối tượng tinh tấn giải thoát có thể đắc, không có chủ thể tinh tấn giải thoát có thể đắc thì nên biết tu như vậy là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp thức Tu tinh tấn vô tướng. Vì sao? Vì tự tánh của sắc không có sở đắc, nên bản tánh không có sở đắc. Quán chư Như Lai không có sở đắc, nên bản tánh không có sở đắc.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát tương ưng đúng lý với Thiền định ba-la-mật-đa, thì dù tu thiền định hữu tướng cũng mau viên mãn Thiền định ba-la-mật-đa, dù tu Thiền định vô tướng cũng mau viên mãn Thiền định ba-la-mật-đa.

Này Tu-bồ-đề! Nếu đối với pháp sắc, khi Đại Bồ-tát tu hành thiền định cầu giải thoát, có đối tượng thiền định giải thoát có thể đắc, có chủ thể thiền định giải thoát có thể đắc thì nên biết tu như vậy là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp sắc tu Thiền định hữu tướng.

Nếu đối với pháp sắc, khi Đại Bồ-tát tu hành thiền định cầu giải thoát không có đối tượng thiền định giải thoát có thể đắc, không có chủ thể thiền định giải thoát có thể đắc thì nên biết tu như vậy là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp thức tu Thiền định vô tướng. Vì sao? Vì tự tánh của sắc không sở đắc nên bản tánh không có sở đắc. Quán chư Như Lai không có sở đắc nên tự tánh không có sở đắc.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đối với pháp thức, Đại Bồ-tát tương ưng như lý với Thiền định ba-la-mật-đa. Thì dù tu thiền định hữu tướng cũng mau viên mãn Thiền định ba-la-mật-đa, dù tu Thiền định vô tướng cũng mau viên mãn Thiền định ba-la-mật-đa.

Này Tu-bồ-đề! Sao gọi là đối với pháp thức, Đại Bồ-tát tu thiền định hữu tướng, hoặc thiền định vô tướng?

Này Tu-bồ-đề! Đối với pháp thức, khi Đại Bồ-tát tu hành thiền định cầu giải thoát có đối tượng thiền định giải thoát có thể đắc, có chủ thể thiền định giải thoát có thể đắc, thì nên biết tu như vậy là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp thức tu Thiền định hữu tướng.

Nếu Đại Bồ-tát khi đối với pháp thức tu hành thiền định cầu giải thoát không có đối tượng thiền định giải thoát có thể đắc, không có chủ thể thiền định giải thoát có thể đắc thì nên biết tu như vậy là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp thức tu Thiền định vô tướng. Vì sao? Vì tự tánh của thức không có sở đắc nên bản tánh không có sở đắc.

Quán chư Như Lai không có sở đắc nên bản tánh không có sở đắc.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát có thể tương ưng như lý với Bát nhã Ba la mật đa thì dù tu Bát-nhã hữu tướng cũng mau viên mãn Bát nhã Ba la mật đa, dù tu Bát-nhã vô tướng cũng mau viên mãn Bát nhã Ba la mật đa.

Này Tu-bồ-đề! Sao gọi là Đại Bồ-tát đối với pháp sắc, tu Bátnhã hữu tướng hoặc Bát-nhã vô tướng?

Này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, khi Đại Bồ-tát tu hành Bátnhã cầu giải thoát, có đối tượng Bát-nhã giải thoát có thể đắc, có chủ thể Bát-nhã giải thoát có thể đắc. Tu như vậy, nên biết là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp thức tu Bát-nhã hữu tướng.

Nếu đối với pháp sắc, khi Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã cầu giải thoát không có đối tượng Bát-nhã giải thoát có thể đắc, không có chủ thể Bát-nhã giải thoát có thể đắc thì nên biết tu như vậy là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp thức tu Bát-nhã vô tướng. Vì sao? Vì tự tánh của thức không có sở đắc, nên bản tánh không có sở đắc. Quán chư Như lai không có sở đắc nên bản tánh không có sở đắc.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy. Đối với pháp thức, Đại Bồ-tát tương ưng như lý với Bát nhã Ba la mật đa, thì dù tu Bát-nhã hữu tướng cũng mau viên mãn Bát nhã Ba la mật đa, dù tu Bát-nhã vô tướng cũng mau viên mãn Bát nhã Ba la mật đa.

Này Tu-bồ-đề! Sao gọi là đối với pháp thức, Đại Bồ-tát tu Bát nhã hữu tướng hoặc Bát-nhã vô tướng?

Này Tu-bồ-đề! Nếu đối với pháp thức, khi Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã cầu giải thoát, có đối tượng Bát-nhã giải thoát có thể đắc, có năng Bát-nhã giải thoát có thể đắc thì nên biết tu như vậy là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp thức tu Bát-nhã hữu tướng.

Nếu đối với pháp thức, khi Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã cầu giải thoát không có đối tượng Bát-nhã giải thoát có thể đắc, không có chủ thể Bát-nhã giải thoát có thể đắc thì nên biết tu như vậy là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp thức tu Bát-nhã vô tướng. Vì sao? Vì tự tánh của thức không có sở đắc, nên bản tánh không có sở đắc. Quán chư Phật không có sở đắc nên bản tánh không có sở đắc.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát nên biết rõ Tam-ma-địa Không.

Này Tu-bồ-đề! Sao gọi là Tam-ma-địa Không ở trong sắc? Nghĩa là ở trong sắc, Đại Bồ-tát quán vô tánh Không, tánh Không cũng vậy, bản tánh Không cũng vậy. Các sở duyên đều phải an trụ tâm vào một tánh cảnh. Đây tức là Tam-ma-địa Không trong sắc.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát ở trong sắc đã như thật biết rõ Không Tam-ma-địa thì thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát nên biết rõ Tam-ma-địa Vô tướng.

Này Tu-bồ-đề! Sao gọi là Tam-ma-địa Vô tướng trong sắc? Ở trong pháp sắc, Đại Bồ-tát quán vô tánh Không, tánh Không cũng như vậy, bản tánh Không cũng như vậy.

Nếu các tác ý diệt thì ở trong sắc quán tướng vô tánh, tướng hữu tánh cũng như vậy; tướng hữu tánh vô tánh cũng như vậy. Như vậy mới đạt được tướng vô tánh, lìa được thức đi theo. Tướng hữu tánh cũng như vậy, lìa được thức đi theo. Tướng hữu tánh vô tánh cũng vậy, lìa thức đi theo. Cho nên có thể an trụ tâm vào một tánh cảnh. Đây tức là Tam-ma-địa Vô tướng trong sắc.

Này Tu-bồ-đề! Ở trong sắc, như thật hiểu biết rõ Tam-ma-địa Vô tướng như vậy, thì thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát nên biết rõ Vô nguyện Tam-ma-địa.

Sao gọi là Vô nguyện Tam-ma-địa ở trong sắc?

–Ở trong sắc, Đại Bồ-tát đạt được Tam-ma-địa Không, Vô tướng, tức là ở trong sắc quán tướng vô tánh, nhưng không duyên theo hành tướng sở duyên. Tướng hữu tánh cũng vậy, không duyên theo hành tướng sở duyên. Tướng hữu tánh vô tánh cũng vậy, không duyên theo hành

tướng sở duyên. Cho nên có thể an trụ tâm vào một tánh cảnh. Đây tức là Tam-ma-địa Vô nguyện trong sắc.

Này Tu-bồ-đề! Ở trong sắc, Đại Bồ-tát đã biết rõ Vô nguyện Tam-ma-địa như vậy rồi thì thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ở trong sắc, Đại Bồ-tát nên biết rõ có ba loại nghĩa các hành là vô thường. Ba loại nghĩa đó là gì? Một là nghĩa không thật; hai là nghĩa phá hoại; ba là nghĩa hữu cấu vô cấu.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đại Bồ-tát nên biết rõ có ba nghĩa các hành vô thường.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát nên biết rõ có ba nghĩa các hành là khổ. Ba nghĩa đó là gì? Một là nghĩa không chấp trước; hai là nghĩa ba loại tướng; ba là nghĩa tương tục.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy. Đại Bồ-tát nên biết rõ có ba loại nghĩa các hành là khổ.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát nên biết rõ có ba loại nghĩa các pháp là vô ngã. Ba nghĩa ấy là gì? Một là nghĩa vô tánh là vô ngã; hai là nghĩa hữu tánh, vô tánh là vô ngã; ba là nghĩa bản tánh thanh tịnh là vô ngã.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đại Bồ-tát nên biết rõ có ba loại nghĩa các pháp là vô ngã.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát nên biết rõ có ba nghĩa Niết-bàn là tịch tĩnh. Ba nghĩa đó là gì? Một là nghĩa trong sắc vô tánh hoàn toàn thanh tịnh; hai là nghĩa hữu tánh, vô tánh tịch tĩnh; ba là nghĩa bản tánh thanh tịnh tịch tĩnh.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đại Bồ-tát nên biết rõ có ba nghĩa của Niết-bàn là tịch tĩnh.

Phật dạy kinh này xong, các Đại Bồ-tát, Tôn giả Tu-bồ-đề và các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, tất cả Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà… trong thế gian nghe lời Phật dạy đều rất hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

HẾT

---o0o---

(Tạng Thư Phật Học)

42. Kinh "Đại Thừa Lý Thú Lục Ba La Mật Đa"

Đại Tạng Kinh Việt Nam mang số 0261, 10 quyển do Tam tạng Bát-nhã, người nước Kế Tân, đời Đường dịch Từ Phạn sang Hán và Nhóm Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh dịch từ Hán sang Việt.

QUYỂN 1
Phẩm 1: QUY Y TAM BẢO

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ Đức Thế Tôn ở tại tinh xá Trúc lâm Ca-lan-đa-ca, thuộc thành Vương xá. Khi ấy, có chúng Đại Bồ-tát trụ trong địa vị Thập địa không thoái chuyển và đã đầy đủ trọn vẹn mười Ba-la-mật. Lại có chúng đại Bí-sô đều chứng A-la-hán, diệt trừ các lậu, không còn phiền não và tự mình đã chứng với tâm hoàn toàn giải thoát, tuệ hoàn toàn giải thoát. Lại có vô số loài hữu tình đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Từ Thị ở trong chúng hội nghĩ như vầy: "Các loài hữu tình trong hội này cùng khổ, cô quạnh, không có chỗ nương tựa, luân hồi trong sinh tử, đắm chìm trong sông ái. Họ muốn vượt qua bờ bên kia giải thoát, nên đến nghe pháp và mong gặp Thế Tôn cầu Nhất thiết trí nhưng không có đủ năng lực."

Nghĩ thế rồi, Bồ-tát Từ Thị muốn hỏi ý nghĩa sâu xa, phát tâm: "Vì sao tất cả hữu tình phát tâm Bồ-đề cầu Phật, thì nhất định phải trải qua ba vô số kiếp không mệt mỏi. Nay ý thú sâu xa, rộng lớn, khó nghĩ bàn, văn cú tinh xảo viên mãn đủ đầy của Đức Phật Thế Tôn thọ ký cho từng hữu tình có nhân quả khác biệt với hư vọng là mau chóng chứng Vô thượng Bồ-đề."

Lúc ấy Đại Bồ-tát Di-lặc phát tâm như vậy rồi, liền rời khỏi chỗ ngồi đứng dậy sửa soạn pháp phục, thâu nhiếp sáu căn và giữ thân, khẩu, ý nghiệp thanh tịnh. Sáu căn ấy là chỗ sinh ra trăm phước và tám mươi vẻ đẹp diệu tướng trang nghiêm. Trải qua ba vô số kiếp mà được tròn đầy như vậy. Thân ấy được trang nghiêm bằng trăm ngàn vạn tướng mặt trời của Ma-ha Bát nhã Ba la mật đa… làm cho tất cả hữu tình chiêm ngưỡng không biết chán. Lúc sắp thành Vô đẳng đẳng Phật quả Bồ-đề.

Bồ-tát dùng thân như vậy, gieo năm vóc sát đất lạy dưới chân Phật. Lại dùng tay được trang nghiêm bởi vô lượng công đức, chắp tay giống như hoa sen mới nở rồi cung kính bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Chỉ trong một niệm mà Như Lai Thế Tôn có thể biết tâm quá khứ, vị lai, hiện tại của tất cả chúng sinh. Có hữu tình nhân lúc thưa hỏi mà được tâm thanh tịnh hoặc có hữu tình lúc được thọ ký, chứng quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, Bích-chi-phật, hoặc được thọ ký Vô thượng Bồ-đề. Do nghĩa này nên con thưa hỏi Như Lai. Cúi xin Thế Tôn hãy phân biệt giải bày. Thế Tôn là người dẫn dắt để hữu tình ba đời làm chỗ nương tựa. Hoặc có hữu tình hành hạnh Đại thừa thì Thế Tôn làm tâm họ mềm dịu. Cúi xin Thế Tôn Từ bi thương xót, nếu được

pháp cam lồ thì con không thọ dụng một mình mà tất cả hữu tình cùng nhau hưởng một vị ấy. Làm thế nào để hữu tình hướng đến con đường chân chánh an ổn của Niết-bàn? Các hữu tình này phải làm gì để đối với Nhất thiết trí không thoái chuyển? Làm sao viên mãn Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát nhã Ba la mật đa? Bát nhã Ba la mật đa là mẹ của năm pháp Ba-la-mật-đa trước và tu tập thế nào để được viên mãn? Nguyện lớn này làm sao phát khởi? Các hữu tình này tu tập thế nào để đến bờ Niết-bàn bên kia? Cúi xin Thế Tôn phân biệt giải nói. Con vì muốn làm lợi ích an lạc cho hữu tình, làm cho họ được vui vẻ.

Khi ấy, Đức Thế Tôn khen ngợi Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Lành thay, lành thay! Này thiện nam! Nay ông có thể làm lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình nên hỏi nghĩa sâu xa như vậy. Ông hãy khuyên các hữu tình tu hành nghiệp thiện, thường vì các hữu tình mà siêng năng tu tập. Nay ông vì các hữu tình mà một lòng rộng lớn dứt sạch mọi xiềng xích để khẩn cầu pháp đạo, ông đem tâm đại Từ bi đó mà trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp để viên mãn biển lớn pháp đạo sáu pháp Ba-la-mật-đa. Ông đã gần đạo tràng Bồ-đề là bờ kia Niết-bàn, giống như là sao mai vừa mọc thì ánh sáng mặt trời liền chiếu. Cũng như vậy, nay ông phải làm ánh sáng mặt trời Phật pháp. Ông phải nghe cho rõ, suy nghĩ thật kỹ ta sẽ vì ông mà phân biệt đầy đủ nghĩa thâm sâu ấy. Người có trí như vậy, khéo suy nghĩ, quán sát trong con đường hiểm nạn của sinh tử không ai có thể vượt qua nếu không có chỗ nương tựa. Giống như chiếc thuyền trong biển lớn, nếu không có thuyền trưởng thì mọi người trong thuyền chắc hẳn là phải bị chìm đắm vì sóng vỗ mạnh làm cho thuyền xoáy tròn, bị phá vỡ và chìm đắm… Khi bị những tai nạn đó, thường lo sợ nên phải tìm người chèo thuyền giỏi nhất và an lành nhất để làm chỗ nương tựa.

Lại có hữu tình luôn sợ hãi trong sinh tử cho nên tìm người có năng lực để nương tựa, không bị oán tặc xâm tổn. Dầu oán tặc kia có sức mạnh đến đâu nhưng người kia nương nhờ vào phép vua, nên bọn oán tặc ấy chắc chắn không thể làm hại được. Oán tặc kia đã thấy thế lực như vậy rồi, vĩnh viễn bỏ tâm thù hận mà đi theo sự giáo hóa chân chánh. Tất cả hữu tình cũng như vậy, mỗi mỗi đều nghĩ rằng: “Ai có thể làm chỗ nương tựa cho ta để trừ những nguy hại ấy, làm cho ta được an lạc? Năm đường trong ba cõi này là: Trời, Rồng, Dạ-xoa, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân và Phi nhân… tìm cầu trong số đó nhưng không có ai có thể làm chỗ nương tựa. Vì sao vậy? Vì chư Thiên đó tự mình chưa thoát khỏi xiềng xích sinh tử, còn bị phiền não trói buộc luân hồi trong ba cõi, chịu vô lượng, vô biên khổ não, ăn nuốt sợ hãi, bị lưới tham dục quấn chặt thì làm sao có thể làm chỗ nương tựa cho ta! Lại nữa, chư Thiên… thường mặc những y phục chiến đấu bằng giáp sắt mà tâm luôn ôm mối lo sợ A-tu-la, huống gì loài người và các loài khác! Lấy đó mà quán sát ba cõi sáu đường thì không ai có khả năng cứu bạt ta.

Cho nên ta phải quay về nương tựa Phật, Pháp, Tăng. Ngoài Phật, Pháp, Tăng ra, không ai có thể cứu hộ ta cả.”

Tất cả hữu tình muốn cầu Vô thượng Bồ-đề, Niết-bàn an lạc thì cần phải quay về nương tựa ba ngôi báu: Phật, Pháp, Tăng. Nhờ đó mà khiến cho hữu tình quay về Phật, Pháp, Tăng.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Từ Thị thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Phật, Pháp, Tăng tam bảo? Thế nào là quy y?

Phật dạy Từ thị rằng:

–Ngôi Phật bảo có hai: đó là thân của Phật và đức của Phật. Thân Phật nghĩa là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Về quá khứ đã trải qua vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ kiếp không tiếc thân mạng, siêng năng tu tập lục độ vạn hạnh viên mãn, ngồi tòa Kim cang dưới gốc Bồ-đề, chiến thắng quân ma, đoạn trừ các kết sử, chứng được Nhất thiết trí, thành Đẳng chánh giác, đầy đủ các công đức vi diệu như vậy nên gọi là Phật.

Còn về đức của Phật, tức là trong thân của Phật đầy đủ mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, ba pháp môn giải thoát, ba thị đạo, sáu thần thông, tùy tâm Tam-ma-địa, bốn trí, hai trí, lìa bỏ tri kiến, đoạn phiền não chướng và sở tri chướng, lìa các tập khí, vô công dụng đạo mà lại biến hóa như như. Hoặc xa hoặc gần, đi đứng tự tại không bị chướng ngại. Một hạt cải có thể dung chứa vô lượng núi Diệu cao. Chư Phật Như Lai đều đầy đủ vô lượng, vô biên công đức như vậy. Thọ mạng tự tại từ một kiếp đến vô lượng kiếp không có tổn giảm, ở trong cảnh thần thông biến hiện, qua lại tùy ý tự tại không hề có chướng ngại. Chư Phật Thế Tôn đi qua thành ấp, xóm làng, trước tiên chiếu ánh sáng màu vàng ròng vi diệu rực rỡ khắp nơi đó. Chúng sinh nơi ấy bắt gặp được ánh sáng này, nếu ai có thân bệnh, tâm bệnh thì đều lành khỏi. Khi lửa tâm dập tắt thì thân được mát mẻ, người lưng gù thì thẳng ra, người què đi được, người mù được thấy, người điếc được nghe, người câm được nói, người tâm loạn được bình tâm, bị quỷ mị, vọng lượng điên cuồng bắt giữ đều được dẹp trừ, trần truồng được áo quần mặc, người tâm kiêu mạn được khiêm nhường, người sầu não được an ổn, người lạc đường được đường chính, người đói khát được ăn uống, bị tù đày được tự do, người sợ hãi được không sợ; gò đống, hầm hố, núi đồi đều bằng phẳng giống như bàn tay. Nhà cửa nhỏ thấp tự nhiên cao lớn, đường sá nhỏ hẹp đều rộng rãi. Chợ búa làng quê tự nhiên khai thông, ô uế bất tịnh tức thời thơm tho. Gai góc, muỗi độc, gạch ngói, cát đá đều biến mất. Ánh sáng mặt trời chiếu tỏa không có nóng độc. Gió thoảng nhè nhẹ không có bụi đất, âm thanh của các loài chim: Bạch hạc, Khổng tước, Anh võ, Xá-lợi, Ca-lăng-tần-già, Ca-chỉ-la, Ca-na-la, Mạng mạng… phát ra hòa nhã. Voi, ngựa, trâu, dê, bò, trâu đuôi dài, trâu rừng, trâu nước, mỗi loài đều kêu tiếng rất hay, đàn không hầu, ống tiêu, ống sáo, đàn sắc, trống… những nhạc khí này không đánh mà tự kêu, và những thứ khác tinh xảo khó tìm, đều do thần thông biến hiện. Những việc hiếm có như vậy càng ngày càng đổi thay thù thắng hơn, đó là đều nhờ sức oai thần của Như Lai. Có chúng sinh nào nghi ngờ Phật Thế Tôn và công đức của Phật có một có khác thì nên nói với họ rằng: Phật và công đức của Phật không một không khác. Giống như lửa, đèn, dầu, tim đèn và sánh sáng không một không khác. Nếu lìa dầu, tim đèn thì không có ánh sáng của đèn. Nếu nói ánh sáng đèn lìa dầu và tim đèn thì chỗ mà ánh sáng chiếu đều phải bị đốt cháy. Công đức và thân Phật lại cũng như vậy. Thân vi diệu này là công đức Phật, là Pháp thân vô lậu, là nơi nương tựa bình đẳng của mình và người. Nhưng thân Phật này chẳng phải là thể tánh. Nếu lìa thể tánh này, ngoài ra không có Pháp thân nào khác. Nếu thể tánh này đồng với vật bên ngoài thì có tướng bốn đại, cho nên phải biết thân Phật chẳng phải có tướng, chẳng phải không có tướng. Nếu chẳng phải có tướng thì đồng với đại hư không, đồng đại hư không là tánh, là thường, không có phương tiện nào có thể đi qua được. Vì tự tánh vốn thanh tịnh, không nhiễm, không vướng mắc, sâu xa vô lượng không hề biến đổi, vi diệu tịch tĩnh, khó hiểu, khó so sánh. Đầy đủ công đức chân thường không hề hạn hữu,

dứt hẳn các hý luận, chỉ có Phật mới chứng biết, chứ không ai có thể biết được, cũng không ví dụ nào so sánh được.

(Thế nào là Pháp thân Phật?)

Từ Thị nên biết! Thân này là tướng Pháp thân của hằng hà sa chư Phật ở quá khứ, hiện tại, vị lai. Báo thân của Phật nghĩa là chư Như Lai đã trải qua ba vô số kiếp tu tập vô lượng tư lương phước tuệ nên được vô biên công đức chân thật, tướng tốt các căn thường trụ bất biến, trí tuệ sáng suốt biến khắp pháp giới, đều do căn lành vô lậu xuất thế mà có. Nó chẳng thể nghĩ bàn, vượt qua trí tuệ thế gian vì làm thuần thục các hữu tình mà được hiện ra tướng này để diễn pháp vô tận làm lợi ích vô biên.

Từ Thị nên biết! Đây là **báo thân** viên mãn của Như Lai.

(Thế nào là Hóa thân?)

Hóa thân là tùy theo các hữu tình mà biến hóa, hiện ra vô lượng vô số hóa thân Phật. Thân biến hóa đó hoặc có ở địa ngục thì hiện thân của địa ngục để độ các hữu tình nơi đó thoát khỏi khổ, đem Chánh pháp để hướng dẫn họ phát tâm Bồ-đề, sau đó sinh vào cõi trời, người, hưởng sự vui sướng thù thắng, có lòng tin ưa sâu sắc với Phật pháp, chứng được Phật pháp từng phần và đạt được quả Thánh đạo.

Hoặc sinh vào ngạ quỷ để giáo hóa hữu tình ở đó làm cho họ thoát khỏi sự bức bách của đói khát, đem Chánh pháp giáo hóa để họ phát tâm Bồ-đề, liền sinh lên cõi trời, người hưởng sự sung sướng, thâm nhập Phật pháp, chứng được đạo quả của bậc Thánh.

Hoặc hóa làm bàng sinh thì sinh vào cõi đó, hoặc làm thân Ca-lầu-la, hoặc làm thân rồng, sư tử, voi, ngựa, gấu, hổ, sói, sài lang, dã can, chồn, thỏ, trăn, rắn, cá, rùa, ba ba, bạch hạc, khổng tước, phượng hoàng, uyên ương, oanh vũ, xá-lợi… và nhiều thân khác làm cho các hữu tình đó lìa bỏ sự tàn hại lẫn nhau mà đem lòng Từ bi đối với nhau để lìa xa tất cả các sợ hãi. Đem Chánh pháp để chỉ dạy cho họ tin ưa và quay về nương tựa Phật, Pháp, Tăng, được sinh lên cõi trời, người được hưởng những sự sung sướng, đắc Phật pháp từng phần, chứng đạo quả bậc Thánh.

Hoặc hóa làm hữu tình ở quốc độ khác, hoặc những nơi không có ánh sáng mặt trời, mặt trăng chiếu đến được. Tất cả mọi nơi mọi chỗ không có ánh sáng Phật pháp như vậy thì hóa thân chư Phật thị hiện để kiến lập Chánh pháp để các hữu tình quay về Phật, Pháp, Tăng, cạo bỏ râu tóc, thọ giới cấm của Phật, làm Bí-sô và Bí-sô-ni, hoặc làm Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di xây dựng Tăng phường, hộ trì Chánh pháp, làm yên ổn cho vô lượng vô số chúng sinh, đưa trời, người đến bờ kia Niết-bàn, chứng đắc quả Phật.

Hoặc sinh lên cõi trời thì hóa thành hữu tình ở cõi đó, khiến họ xa lìa năm dục, tâm không đắm trước, dùng Chánh pháp dắt dẫn họ phát tâm Bồ-đề, quay về Phật, Pháp, Tăng, nhập sâu vào Chánh pháp, an trí vào Niết-bàn, chứng quả giải thoát.

Hoặc sinh cõi người thì hiện ra trong dòng họ Thích ở chốn vương cung, dùng phương tiện khéo léo để giáo hóa các hữu tình, đoạn trừ phiền não, sầu ưu, sinh, già, bệnh, chết trong ba cõi,

cho nên hiện ra cảnh vượt thành xuất gia, lấy cỏ Cát tường lót ngồi dưới cây Bồ-đề, ngồi ở đạo tràng tòa bằng Kim cang, chiến thắng quân ma, thành Đẳng chánh giác. Vì giáo hóa hữu tình nên chuyển bánh xe pháp, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp tất cả thế gian, tự lợi và lợi tha đều viên mãn. Hoặc hiện tịch tĩnh nhập đại Niết-bàn.

Đó gọi là **Hóa thân Phật**.

Tất cả vô lượng, vô biên phương tiện khéo léo như vậy đều là do thần lực tự tại của Như Lai. Như vậy, tức là thể ba thân không có tướng sai khác.

Bấy giờ Đức Thế Tôn dạy Đại Bồ-tát Từ Thị rằng:

–Này thiện nam! Ý ông thế nào? Nếu thiện nam, thiện nữ nào quy y Phật, thì phải quy y Pháp thân thanh tịnh của Như lai. Nếu muốn cầu Pháp thân Phật nên phát đại thệ rằng: "Nguyện con và tất cả hữu tình kia phải đắc công đức Pháp thân như vậy."

Vì sao phải phát thệ nguyện ấy? Vì Ứng thân Phật biến thiên chỉ trong sát-na. Hóa thân Phật thì mau chứng nhập Niết-bàn. Còn công đức Pháp thân thì y nhiên thường trụ, do đó mà quy y Pháp thân thanh tịnh. **Quy y Pháp thân tức là quy y chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại**. Nếu ta lìa bỏ chúng sinh mà thủ Niết-bàn tức là cùng chịu các khổ trong địa ngục. Nếu cùng hữu tình giải thoát thì tuy ở địa ngục không khác gì ở Niết-bàn. Do duyên cớ ấy mà khiến cho chúng sinh quy y Phật, Pháp, Tăng, chứng Niết-bàn an lạc, thể tánh rốt ráo như như, không tăng giảm. Pháp thân như vậy là chân an lạc, cho nên dắt dẫn cho họ quy y Pháp thân Phật.

Lại nữa, này Từ Thị! Sao gọi là Pháp bảo thanh tịnh?

Pháp bảo cũng có ba hạng:

Pháp bảo nghĩa là Niết-bàn cam lồ giải thoát, lấy thường, lạc, ngã, tịnh làm thể tánh, tận trừ tất cả sinh, già, bệnh, chết, ưu sầu, khổ não.

Sao gọi **sinh là khổ**? Nghĩa là khi cha mẹ giao hợp, hạt giống bất tịnh ở trong thai mẹ, do gió nghiệp lực duy trì trải qua chín tháng ở trong chỗ tối tăm không có ánh sáng, sống trong bào thai ô uế bất tịnh, chỗ tám vạn vi trùng xen lẫn, thở ra hít vào theo mẹ, miệng không thể ăn, mắt không thấy được, đói khát, lạnh nóng, khổ não hành hạ thân tâm… Vô lượng các khổ như vậy làm cho chúng sinh không được tự do, nên gọi là sinh khổ. Mặc dầu bị khổ này nhưng có một đức là tất cả oan gia không thể thấy, cũng không thể nói điều đúng sai xấu ác, không thể nào sánh với Niết-bàn an lạc, vì trong pháp này không có pháp khổ như vậy.

Sao gọi là **già khổ**? Nghĩa là chúng sinh từ nhỏ đến già thay đổi theo thời gian, hễ có sự sung mãn ắt có sự suy giảm, gân sức suy tàn, đi đứng run rẩy, tóc bạc, mặt nhăn, tai mắt hôn ám, răng rụng, dung mạo xấu xí, thân tướng ủ rũ, bị người khinh ghét. Có nói ra điều gì thì liền quên mất, mang thân ấy như đang gánh một gánh nặng. Như ngọn đèn sắp hết dầu, không bao lâu nó sẽ tắt, người già cũng vậy, lúc sức lực gần cạn thì không bao lâu sẽ chết. Giống như mặt nạ che phủ cả mặt mày, làm cho các hữu tình, thấy vậy liền sinh tâm trêu đùa mặt nạ; già cũng như vậy, từ xóm này qua xóm nọ, tất cả chúng sinh đội mũ suy già, ai nấy thấy cũng đều trêu chọc. Do nhân duyên này mà bị khổ não. Khi gần chết đến, không có thuốc để chữa trị. Mặc dầu bị khổ đau nhưng không thấy chán, lại cầu đảo thần kỳ mong được sống lâu. Không có gì sánh bằng sự an lạc Niết-bàn, trong pháp Niết-bàn không có pháp lão khổ này.

Thế nào gọi là **bệnh khổ**? Nghĩa là địa, thủy, hỏa, phong chống trái nhau, bao nhiêu khổ não dồn kéo vào thân. Tất cả chúng sinh bất cứ già trẻ đều có chung bệnh này. Nào quyến thuộc, họ hàng, vàng bạc, trân châu, năm dục thắng diệu làm an vui thỏa thích thân xác, đều phải xa lìa. Nếu có dạy bảo con cháu thân thích chúng đều không nghe theo, tất cả oán thù, giả trá đều đến bên cạnh. Bệnh khổ như vậy chẳng ai mong muốn, cho nên biết rằng bệnh là khổ lớn. Trong pháp Niết-bàn an vui không có gì sánh bằng, thanh tịnh, vắng lặng, không có pháp bệnh khổ này.

Lại nữa, Từ Thị, sao gọi **chết là khổ**? Nghĩa là khi chúng sinh hết thở, thần thức biến mất thì không còn biết gì nữa. Tất cả khổ không gì hơn khổ của cái chết. Cái khổ của sinh, già, bệnh trong năm đường thì có hay không đều chẳng nhất định gì cả, nhưng cái khổ của sự chết thì đều cùng chung. Ví như khổ về nghèo khó có thể tìm vinh hoa, khổ oán thù có thể thương yêu, còn khi khổ của chết đến thì bất cứ già, trẻ, ngu si, trí tuệ, sang hèn… tất cả đều phải bỏ lại đằng sau. Xả bỏ thân này rồi vào chỗ tối tăm thì áo quần, ngọa cụ… tất cả tài sản không có gì dùng được, trần trụi mà đi, lại không có bạn bè, của cải, không tránh khỏi sự chia lìa, có kêu la cũng vô ích. Than ôi! Vô thường có thể làm nguy hại như thế này ư! Giàu sang, quê mùa, không lựa thân; thù. Chúng sinh trong ba cõi không ai có thể tránh khỏi được, tất cả đều bị cái chết trừng phạt, làm sao mà có thể cứu vãn được! Giả sử có vua Chuyển luân, sức Na-la-diên cũng đều bị bắt sống. Nên biết sự khổ của cái chết là vô lượng, vô biên. Lấy đó mà quán sát thì chết là nỗi khổ lớn.

Không gì so sánh được trong pháp Niết-bàn giải thoát, tịch tĩnh an vui, không hề có cái khổ ấy. Giống như có người bị chìm trong sóng biển, được cứu vớt lên núi cao thì không còn sợ hãi gì nữa. Chúng sinh cũng vậy, thường bị chìm đắm trong dòng nước dữ sinh tử, được lên núi Niết-bàn, lìa khỏi sợ hãi sinh tử. Cũng như trời mưa tẩy sạch đi những chướng ngại nóng bức, bụi dơ, mọi người an vui, thân tâm mát mẻ, trăm cây cỏ tốt tươi, hái được nhiều hoa quả. Mưa pháp của Như Lai cũng vậy, diệt trừ tất cả phiền não bức bách, làm cho chúng sinh mát mẻ, an vui, giải thoát, làm phát triển tất cả căn lành bạch tịnh, thành tựu đạo quả, chứng Niết-bàn. Do nhân duyên này, chư Phật Thế Tôn xả bỏ thân vô thường mà chứng Niết-bàn.

Bấy giờ Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa này mà nói kệ:

Bản thể Như Lai là Pháp thân
Thanh tịnh giải thoát đồng chân đế
Như mặt trời không lìa ánh sáng
Công đức Như Lai là Niết-bàn.
Chân ngã và Phật không sai khác
Là chỗ hữu tình đều nương tựa
Sinh tử, Niết-bàn chỉ là một
Tánh ấy không hoại, không tạo tác
Dơ sạch, tánh như như, không khác
Chỉ Phật Thế Tôn mới hiểu rõ.
Chúng sinh đều có Như Lai tạng,
Mà hiện Tam bảo nơi thế gian,
Tất cả hữu tình nhập trí Phật,

Vì tánh thanh tịnh không sai khác.
Phật và chúng sinh tánh như nhau,
Phàm phu thấy khác, Thánh thì không
Tất cả chúng sinh vốn thanh tịnh,
Như Lai ba đời đều diễn nói.
Tánh ấy cấu tịnh vốn là một
Chúng sinh với Phật nào sai khác
Hư không trùm khắp không phân biệt
Tâm tánh bình đẳng cũng như vậy.
Ví như cảnh giới của chúng sinh
Khắp cả hư không, bị sinh diệt
Các căn sinh diệt cũng như vậy
Ở cảnh giới vô vi cũng thế.
Ví như lửa, không cháy hư không
Sinh tử chẳng mất tánh vô vi
Đất, lửa, gió nương nhau luân chuyển
Hư không không có chỗ nương tựa
Ba khoa: uẩn, xứ, giới cũng vậy,
Luôn ở nghiệp chủng tánh phiền não,
Nghiệp, phiền não ấy trụ ở đâu?
Thường ở nguồn vọng tưởng vô minh.
Tâm vọng tưởng thường ở chỗ nào?
Luôn ở vô vi tâm thanh tịnh
Uẩn, xứ, giới chỉ là giải bày
Tánh của các pháp là vô trụ
Nghiệp, hoặc nương nhau như đất, nước
Vọng tưởng động chuyển như gió thổi
Tâm tánh vốn tịnh như hư không,
Vọng tưởng là không, không thật có,
Khổ nghiệp phiền não theo vọng sinh
Nghiệp, khổ trở lại nhân phiền não
Hoặc, nghiệp tuần hoàn không cố định
Không nhân, không duyên, không hội họp
Không sinh, không diệt, tánh không tịch
Bản thể sáng suốt, trí thanh tịnh
Tự tánh không sinh, không biến đổi
Nhưng mây phiền não vô minh che
Như mắt mờ thấy hai mặt trăng
Chúng sinh nhị chấp cũng như vậy.
Phiền não giống như ong hút mật

Mật ấy dụ cho Như Lai tàng
Mật ấy bị bu quanh đậu
Người trí giữ thân để lấy mật,
Sáu độ Vô tướng làm phương tiện
Để chứng được thân pháp giới ấy.
Giống như ngũ cốc xay chưa sạch
Không đưa người khác làm thức ăn
Cám phiền não Bồ-tát chưa sạch
Không thể cho người cơm cam lồ.
Người đi rớt của báu chỗ dơ
Trải qua vạn năm không hư hoại
Thiên nhãn thấy của báu vẫn còn
Nhặt lấy lau chùi dùng tùy ý.
Phật thấy chúng sinh tánh chỉ một
Vì muốn tẩy trừ dơ phiền não
Lấy cam lồ Đại thừa làm nước
Rửa sạch bụi trần, hiện tánh Phật.
Giống như ngũ cốc mới nẩy mầm
Gạo có hay không chưa chắc chắn
Phật tánh không lìa cái hữu, vô
Chỉ Phật tự chứng rõ phương tiện.
Tự tánh Pháp bảo hằng thanh tịnh
Chư Phật Thế Tôn nói như vậy.
Bị khách trần phiền não che lấp,
Như mây che khuất ánh mặt trời
Pháp bảo vô cấu, đức đầy đủ
Thường, lạc, ngã, tịnh đều viên mãn.
Làm sao cầu pháp tánh thanh tịnh
Trí vô phân biệt mới chứng biết
Giống như ao trong không dơ bẩn
Hoa sen trong đó thơm, không nhiễm,
Như nhật thực rồi lại chiếu sáng,
Như mặt trời thoát khỏi mây che,
Công đức thanh tịnh trang nghiêm khắp
Tẩy trừ phiền não quang minh hiện.

Đức Phật dạy:

–Từ Thị nên biết! Pháp bảo thứ nhất là pháp bảo giải thoát của Đại Bát-nhã.

Này Từ Thị! Pháp bảo thứ hai tức là các công đức thắng diệu của giới, định, tuệ. Đó là ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần: bốn Niệm xứ, bốn Chánh đoạn, bốn Nhiếp pháp, bốn Thần túc, năm

Căn, năm Lực, bảy Giác chi và tám Thánh đạo. Ba mươi bảy pháp này là phương tiện của Pháp bảo thanh tịnh trước. Phương tiện là gì? Nghĩa là nhờ tu pháp này mà chứng Pháp thân thanh tịnh kia… Này Từ Thị! Pháp bảo thứ ba là gì?

Nghĩa là Chánh pháp mà quá khứ vô lượng chư Phật Thế Tôn đã nói, nay ta cũng nói như vậy. Chánh pháp đó là tám vạn bốn ngàn pháp uẩn vi diệu điều phục và thuần thục cho chúng sinh có duyên, làm cho các đại đệ tử như A-nan-đà… một khi nghe vào tai đều ghi nhớ ngay, thâu giữ làm năm phần:

1. Tố-thư-lãm (Kinh).
2. Tỳ-nại-da (Luật).
3. A-tỳ-đạt-ma (Luận).
4. Bát nhã Ba la mật.
5. Môn đà-la-ni.

Năm kho tàng này để giáo hóa hữu tình, tùy theo người đáng độ mà nói cho họ.

Nếu hữu tình nào ưa thích ở núi rừng, chỗ thanh vắng tu thiền định thì nói tạng Tố-thư-lãm cho họ.

Hữu tình nào ưa thích học oai nghi, hộ trì Chánh pháp hòa hợp lại thành một vị để Chánh pháp trụ lâu dài thì vì họ mà nói tạng Tỳ-nại-da.

Hữu tình nào thích nói về Chánh pháp, phân biệt tánh tướng của các pháp, lần lượt nghiên cứu giáo nghĩa thâm áo, rốt cùng thì nói tạng A-tỳ-đạt-ma cho họ.

Hữu tình nào thích học trí tuệ chân thật của Đại thừa, lìa các phân biệt, chấp trước ngã và pháp thì nói tạng Bát nhã Ba la mật cho họ.

Hữu tình nào không thể thọ trì khế Kinh, Luật, Luận, Bát-nhã, hoặc có hữu tình tạo các nghiệp ác bốn trọng, tám trọng, năm tội vô gián, phỉ báng kinh Phương đẳng, bọn Nhất-xiển-đề… tạo các trọng tội, muốn họ được tiêu trừ những tội đó và mau giải thoát, giác ngộ Niết-bàn thì nên nói tạng Đà-la-ni cho họ.

Năm tạng pháp này giống như sữa, bơ, bơ sống, bơ chín và đề hồ. Khế kinh như sữa; Luật như bơ, Luận như bơ sống; Bát-nhã Đại thừa như bơ chín; môn Tổng trì như đề hồ. Trong sữa, bơ, dầu thì mùi vị đề hồ là vi diệu số một; vì có thể tiêu trừ các bệnh, khiến cho thân tâm chúng sinh được an lạc. Trong các Khế kinh, môn Tổng trì là đệ nhất, có thể trừ các tội nặng để chúng sinh giải thoát sinh tử, mau chứng Pháp thân Niết-bàn an lạc.

–Này Từ Thị! Sau khi ta diệt độ, hãy bảo A-nan-đà thọ trì, tuyên nói tạng Tố-thư-lãm. Ưu-ba-ly thọ trì, tuyên nói tạng Tỳ-nạida. Ca-đa-diễn-na thọ trì, tuyên thuyết tạng A-tỳ-đạt-ma. Bồ-tát Mạn-thù-thất-lị thọ trì tuyên thuyết Đại thừa Bát nhã Ba la mật. Bồ-tát Kim Cang Thủ thọ trì tuyên thuyết các môn Tổng trì sâu xa vi diệu.

Các giáo môn này có thể diệt trừ phiền não đêm ngày tăm tối của chúng hữu tình để mau thoát khỏi, mau chứng quả giải thoát. Giống như đèn sáng có thể phá trừ tối tăm để được kiến đạo. Phật cũng như vậy, đuốc trí tuệ có thể chiếu sáng mười điều bất thiện của hữu tình, khiến cho thấy được thiện đạo. Khi nghe pháp này rồi, hữu tình nào xan tham của báu, liền bố thí cho

những người nghèo khổ. Những chúng sinh nghiệp ác, nghe pháp này rồi, liền bỏ ác tu thiện. Người sân giận thì nhẫn nhục, người giải đãi thì tinh tấn, người tâm tán loạn thì yên tịnh. Người ngu si thì phát trí tuệ, rồi thì hồi tâm tu các nghiệp thiện. Lại có hữu tình nghe pháp này rồi đóng bít cửa nẻo ác, khai mở đường Niết-bàn, giống như cam lồ, chứng quả giải thoát. Đây là Pháp bảo thứ ba.

Với ba Pháp bảo này, tất cả chúng sinh cần phải quy y Pháp bảo vô vi. Sự tối tôn tối thượng trong tất cả các pháp, không gì hơn là vô vi. Vì sao vậy? Vì nó có thể làm chiếc thuyền cứu vớt chúng sinh trong biển khổ sinh tử, nó có thể làm thuốc mầu cam lồ cho chúng sinh, lại là quả sở chứng mà chư Phật Bồ-tát trải qua ba vô số kiếp đã hành lục độ vạn hạnh. Công đức viên mãn của diệu pháp như vậy nên phải quy y Pháp bảo vô vi. Nếu có chúng sinh nào thọ trì kinh nên phát nguyện như vầy: "Con nguyện quy y pháp bảo như vậy. Quy y Pháp rồi, con nguyện cho tất cả chúng sinh trong năm đường cùng phát nguyện như con ngày nay, để chúng sinh an trụ trong pháp công đức này, đưa đến chỗ quý báu chân thật của Niếtbàn. Từ Thị nên biết! Đó gọi là Pháp bảo thứ ba.

Này Từ Thị! Tăng bảo chân thật là gì? Tăng bảo cũng có ba:

Đệ nhất nghĩa Tăng: nghĩa là chư Phật, Thánh tăng sống đúng như pháp, không thể thấy, không thể nắm bắt, không thể phá hoại, không thể thiêu đốt, không thể nghĩ bàn, là ruộng phước tốt lành của tất cả chúng sinh. Tuy là ruộng phước nhưng không có gì nhận, không có gì lấy, vì các pháp công đức thường hằng không biến đổi. Đó là nghĩa Tăng thứ nhất.

Thánh Tăng: nghĩa là Tu-đà-hoàn hướng Tu-đà-hoàn quả, Tư-đà-hàm hướng Tư-đà-hàm quả, A-na-hàm hướng A-na-hàm quả, A-la-hán hướng A-la-hán quả, Bích-chi-phật hướng Bích-chi-phật quả, Bát Đại nhân giác, ba Hiền, mười Thánh. Đó là Tăng bảo thứ hai.

Phước điền Tăng: nghĩa là Bí-sô, Bí-sô-ni thọ trì giới cấm, đa văn trí tuệ, giống như cây Thiên ý che mát cho chúng sinh. Như đi trong bãi sa mạc hoang vắng, đang lúc khát tìm nước bỗng gặp trời mưa cam lồ rót xuống kịp thời, làm cho đầy đủ, giống như tất cả châu báu đều phát sinh từ trong biển lớn. Ruộng phước Tăng bảo cũng vậy, có thể đem sự an ổn, vui sướng đến cho hữu tình. Tăng bảo này thanh tịnh không nhiễm, có thể diệt trừ những tham, sân, si cho chúng sinh. Như đêm rằm trăng sáng vằng vặc, tất cả hữu tình đều được chiêm ngưỡng. Giống như ngọc ma-ni làm mãn nguyện những điều lành cho tất cả hữu tình. Đó gọi là Tăng bảo thứ ba.

Đó là ba Tăng bảo.

Tất cả hữu tình làm sao quy y ba nghĩa Tăng bảo như thế, nên nói cho họ như vậy để họ quy y Tăng bảo vô vi đệ nhất nghĩa đế. Vì sao vậy? Vì vô vi là thường trụ Tăng, mà Tăng bảo này là vô lậu vô vi, là pháp tự chứng, không biến đổi không sai khác. Quy y Tăng bảo vô lậu như vậy có thể diệt trừ tất cả khổ nạn cho hữu tình. Lại nguyện cho hữu tình sẽ đạt được công đức vô lậu như vậy. Khi được pháp này rồi, hãy diễn nói pháp ba thừa để độ thoát hữu tình.

Ta được quy y Phật, Pháp, Tăng bảo, không còn sợ hãi khổ trong ba đường ác, cũng không muốn sinh lên cõi trời, người chỉ thề nguyện cứu hữu tình ra khỏi khổ sinh tử. Đó gọi là quy y Tăng bảo.

Lại nữa, này Từ Thị! Nếu có chúng sinh nào quy y Tam bảo hãy phát tâm như vầy: "Ta nay đã làm thân này, sinh vào cõi người là được xa lìa tám nạn, điều khó được có thể được, đem

phương tiện tốt lành này học tập tất cả pháp nhiệm mầu thù thắng. Nếu ta trái với lời nguyện trên mà không cầu pháp lành là tự dối gạt mình.

Cũng như có người chèo thuyền vào biển, đến chỗ châu báu mà lại về tay không. Như vậy, quy y Phật, Pháp, Tăng bảo là phương tiện để thoát khổ. Nếu không quy y, sau này có hối hận cũng không kịp. Đã biết như vậy rồi, nên siêng năng tinh tấn tu tập để lời nguyện mau thành tựu. Khi pháp lành đã thành tựu thì cần phải sám hối tội lỗi trong quá khứ được tiêu trừ. Lại nói như vầy: "Ta từ vô thỉ sinh tử đến nay, thân, khẩu, ý nghiệp đã tạo ra vô lượng, vô biên tội lỗi đều do tâm hư vọng điên đảo mà ra. Đối với các bậc tôn túc như: cha mẹ, Hòa thượng, Sư trưởng, Phật, Pháp, Tăng bảo, mà đã tạo ra các tội, nay đều xin sám hối."

Lại có hai việc tạo ra các tội rất nặng như núi Diệu cao: Một là thương yêu; hai là oán thù.

Ở trong sinh tử nguy cấp mà hai loại hữu tình oán, thân kia không thể làm lợi ích được cho chính mình thì nên quán sát khắp cả như vầy: Người kia và ta phải bị tiêu diệt, thì vì sao ta tạo tội này để làm gì? Tất cả hữu tình trong mười phương thế giới tạo ra các nghiệp thiện cùng với bậc Hữu học, Vô học, Độc giác, Thanh văn, đệ tử Phật, tất cả Hiền thánh ta đều tùy hỷ. Lại nữa, từ vô thỉ đã bị luân hồi sinh tử, làm thân trong năm đường, vô lượng oán, thân, ta chưa từng làm được một việc lợi ích nhỏ dầu như sợi lông thì hiện tại, vị lai cũng không thể có được. Từ vô thỉ, ta là oán, thân của người kia mà tạo ra các tội, ta nguyện tự mình nhận lấy, thề không quấy nhiễu tất cả chúng sinh khác. Nếu khi ta gặp hoạn nạn, tìm người thương yêu để đem lòng từ chăm sóc, giúp đỡ ta, xoa bóp, tắm rửa, cung cấp thức ăn uống; đau ốm thì có thuốc thang và nhiều thứ vật dụng khác. Mặc dầu như vậy nhưng cái khổ trong thân ta không ai có thể thay thế được, huống gì trong đời vị lai mà cứu ta ra khỏi được khổ lớn của sinh tử. Trong hiện tại, thân này của ta không nơi nương tựa, huống gì đời vị lai. Thân ta đã như vậy thì hữu tình cũng thế, ta và họ đều không có chỗ cậy nhờ, cho nên quy y chân thật Tam bảo. Vì sao vậy? Vì Tam bảo là thường trụ, giống như trong đường hiểm nạn thì người trí phải tìm người có sức lực để cứu hộ. Chúng sinh cũng vậy, sinh tử hiểm nạn nên quy y Tam bảo để làm người hướng dẫn mới có thể vượt qua biển lớn sinh tử. Nếu ta được như vậy cũng là chủ của mình rồi, vì cứu giúp tất cả chúng sinh khổ nạn, nên phát tâm đại thệ nguyện như vậy.

Khi được lòng tin mạnh mẽ rồi, thì ở trước Phật trịch áo bày vai phải, quỳ gối chắp tay xin quy y Phật, Pháp, Tăng bảo. Giống như người nghèo khổ trong thế gian bị mọi người khinh khi, đánh đập, sai khiến, quở mắng, mạ nhục. Bị khinh khi rồi, người kia tìm đến người tôn quý, có thế lực để làm chủ của mình thì sẽ tránh khỏi những khinh khi, mạ nhục ấy.

Hữu tình cũng vậy, ai sinh trong đường ác hoặc cõi người, luôn bị các khổ hành hạ thân, vì muốn tránh khỏi sự đau khổ mà quy y Tam bảo thì các khổ ấy đều được tiêu trừ. Đã quy y Tam bảo rồi, lại phát nguyện rằng: "Con nguyện cứu hộ tất cả chúng sinh vượt qua biển sinh tử, để đến bờ bên kia Niết-bàn."

Giống như chủ buôn hướng dẫn các con buôn vượt qua sa mạc hoang vắng hay đường hiểm nạn để đến chỗ bình an. Đạo sư Tam bảo cũng vậy, hướng dẫn hữu tình vượt qua đồng hoang sinh tử để đến Niết-bàn, không còn lo sợ.

Từ Thị nên biết! Người phát tâm tu hạnh Đại thừa nên quy y Tam bảo như vậy.

QUYỂN 2
Phẩm 2: ĐÀ-LA-NI HỘ TRÌ QUỐC GIỚI

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói nghĩa lý thâm sâu để rõ nghĩa chắc thật sáu pháp Ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát.

Ngay khi ấy, ở phương Đông có ánh sáng lớn màu vàng ròng rực rỡ chiếu khắp tinh xá Trúc lâm Ca-lan-đa-ca thuộc thành Vương xá, cho đến cả tam thiên đại thiên thế giới đều có màu vàng ròng. ở thế giới này, tất cả ánh sáng của chư Thiên Hộ thế tứ vương Thích Đề-hoàn Nhân cho đến Tha hóa tự tại Thiên vương, Đại phạm Thiên vương và mặt trời, mặt trăng, sao, đèn… không thể nào sánh bằng, trừ hai loại ánh sáng là của chư Phật Thế Tôn và khi Bồ-tát được thọ quán đảnh, còn những thứ ánh sáng khác đều bị che lấp không thể hiển hiện.

Lại nữa, sức ánh sáng mặt trời, mặt trăng đều chiếu khắp trong tam thiên đại thiên thế giới. Dù mặt trời, mặt trăng có oai đức lớn, có ánh sáng lớn như vậy, nhưng không thể nào chiếu đến chỗ chúng sinh ở nơi tối tăm. Còn ánh sáng của Phật làm cho hữu tình đều thấy nhau. Tất cả cung điện, nhà cửa, tường vách, núi rừng, cây cỏ, tất cả mọi vật trong thế giới này không thể nào ngăn cản, che lấp ánh sáng của Phật được.

Tất cả các núi: Hương sơn, Bảo sơn, Hắc sơn, Vân sơn, Diệu cao sơn, Thiết vi, Đại thiết vi, Mục-chân-lân-đà, Ma-ha Mục-chân-lân-đà, cùng nhiều núi khác, lúc gặp ánh sáng này rồi, ánh chiếu thấu cả trong lẫn ngoài, không có gì làm chướng ngại được. Dưới đến địa ngục A-tỳ, trên đến trời Phi tưởng, Phi phi tưởng đều nhờ ánh sáng này mà chiếu sáng rực rỡ. Tất cả các ánh sáng trong tam thiên đại thiên thế giới như vậy hòa hợp thành một, không có hai tướng. Chúng sinh trong đó, ai gặp ánh sáng này, phiền não tội cấu

đều được tiêu trừ, thân tâm an lạc và họ nghĩ rằng: "Chúng ta nhờ ánh sáng này mà được an lạc."

Khi ấy, trong hội bỗng nhiên có sáu mươi câu-chi hoa sen bằng bảy báu giống như bánh xe, từ dưới đất vọt lên, mùi thơm ngào ngạt, màu sắc tươi đẹp và đủ thứ màu, ai nấy đều thích nhìn. Mỗi mỗi hoa lại có vô số trăm ngàn cánh. Phía trên hư không của chúng hội tự nhiên có lộng quý bằng lưới châu báu vi diệu, kết lại với nhau che khắp cả đại chúng, ai nấy đều vui thích giống như chạm vào áo Ca-gia-lân-đề-ca mềm mại, đẹp đẽ. Từ trong những hoa sen ấy tỏa ra mùi thơm khắp cả tam thiên đại thiên thế giới. Tất cả hương thơm của Trời, Rồng, Thần… và tất cả các hương thơm của cây cỏ trong thế gian cũng không sánh bằng hương thơm này. Tất cả hữu tình trong tam thiên đại thiên thế giới đều được xông ướp mùi hương và vui mừng không kềm chế được. Ai nấy đều phát đạo tâm, làm cho tất cả phiền não tội cấu đều tiêu trừ.

Lúc ấy, A-nan-đà thấy tướng ánh sáng hiếm có, kỳ lạ đặc biệt chưa từng thấy này, liền từ chỗ ngồi đứng dậy sửa sang lại pháp phục, bày vai phải, quỳ gối chắp tay, thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà hiện tướng ánh sáng kỳ lạ này? Ánh sáng và mùi thơm của hoa báu này từ xưa con chưa được nghe thấy. Từ đâu hiện đến điềm lành này? Cúi xin Thế Tôn phân biệt giải nói để cho tất cả chúng hội đây đều nghe biết.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn dạy A-nan-đà rằng:

–Ông nên biết, cách đây về phương Đông có thế giới tên Bất thuấn, ở đó có Đại Bồ-tát tên Vô Tận Tạng cùng sáu mươi câu-chi chúng Đại Bồ-tát cung kính vây quanh, vì phát tâm muốn cầu Bồ-đề nên hiện điềm này.

Khi Thế Tôn nói như vậy, mặt đất chấn động sáu cách. Bồ-tát Vô Tận Tạng phóng ánh sáng lớn, hiện đại thần thông, oai đức tự tại, mưa hoa thơm đẹp. Vô lượng chư Thiên dùng nhiều loại âm nhạc nghinh tiếp, cúng dường Bồ-tát ấy.

Bồ-tát Vô Tận Tạng cùng sáu mươi câu-chi chúng Đại Bồ-tát đến tinh xá Trúc lâm Ca-lan-đa-ca này, đứng trong hư không cao bảy cây Đa-la, chắp tay cung kính hướng về Phật, đồng thanh nói vang khắp cả tam thiên đại thiên thế giới ca ngợi công đức vô lượng của Như Lai, dùng âm thanh vi diệu nói kệ:

Ôi! Bậc Đại Ngộ không nhiễm trước
Vô ngại diệu trí, mắt thanh tịnh
Trừ ba độc tập khí vô minh
Con lễ Vô Đẳng Đại Từ Tôn
Xa lìa sợ hãi các lưới nghi
Mười Lực, Biện tài, Vô sở úy
Tự tại giống như Sư tử chúa
Dị đạo tà kiến đều run sợ.
Tuệ nhật Như Lai ánh sáng lớn,
Chiếu khắp mười phương không chướng ngại
Vô minh ám chướng hoặc đã tận
Như mặt trời chiếu sáng thế gian.
Người đau khổ không nơi nương tựa
Sinh, già, bệnh, chết mãi nổi trôi
Cúi xin Đại Từ Tôn thương xót
Cứu nạn luân hồi trong biển khổ
Vô minh điên đảo gốc sinh tử
Tất cả vọng tưởng là sóng dữ.
Hai chướng trừ xong, trí tự tại,
Dạo chơi không nhiễm giống hoa sen
Các pháp vô ngã, vốn không tịch
Giống như tiếng vang tánh không thật
Không làm không thọ, như huyễn hóa
Cứu đời thương xót luôn diễn nói.
Phật hiểu các pháp như mây nổi
Cũng như thác nước chảy rất nhanh,
Pháp đời không thật, người ngu học
Trí Phật quán rõ đều đoạn trừ,
Mắt Phật giống như hoa sen xanh

Vượt hơn nhật nguyệt trăm ngàn lần
Trời, người ba đời đều khen ngợi.
Con lễ Điều Ngự khó nghĩ bàn
Phật đủ vô lượng đức như vậy
Độ hết chúng sinh như hằng sa
Công đức vô lậu diệu trang nghiêm
Cho nên con nay xin kính lạy.

Khi ấy, Bồ-tát Vô Tận Tạng cùng sáu mươi câu-chi Đại Bồ-tát dùng kệ vi diệu ca ngợi Như Lai rồi từ trên hư không xuống lạy dưới chân Như Lai và đi nhiễu bảy vòng. Nương theo Thánh chỉ của Phật, tất cả đều đến ngồi kiết già trên hoa sen.

A-nan-đà nhờ thần lực của Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo bày vai phải, quỳ gối chắp tay, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Vô Tận Tạng này từ đâu đến đây? Đức Phật trong thế giới ấy hiệu là gì? Cách đây bao xa? Cúi xin Đức Thế Tôn phân biệt giải nói.

Lúc ấy, Phật dạy A-nan-đà:

–Ông hãy hỏi Đại Bồ-tát Vô Tận Tạng thì Bồ-tát sẽ vì ông mà nói rõ.

Lúc ấy, A-nan-đà hỏi Đại Bồ-tát Vô Tận Tạng:

–Ngài từ đâu đến? Phật trong thế giới đó hiệu là gì? Cách đây gần hay xa? Xin ngài hãy nói rõ.

Lúc ấy, Bồ-tát Vô Tận Tạng hỏi lại:

–Ông vẫn còn có tướng đến, đi, chưa bỏ được ư?

A-nan-đà nói:

–Tôi đã biết nghĩa này lâu rồi.

Bồ-tát Vô Tận Tạng hỏi:

–Ông đã biết rồi sao còn phải hỏi. Như vậy là có hai tâm phân biệt. Nếu nói đến là có nghĩa duyên khởi. Nếu nói đi là có nghĩa duyên diệt. Chỗ nào không có tướng sinh diệt này?

Chỉ quốc độ của tôi là không có tướng đến, đi, sinh, diệt. Nếu không đến, đi là chỗ sở hành của Thánh trí. Nếu có đến, đi tức là tướng sinh diệt của thế gian. Nếu có âm thanh, văn tự cũng là tướng sinh diệt khởi tận của thế gian. Nhưng quốc độ tôi vốn không có văn tự, cũng không có nói tướng sinh diệt. Nếu không sinh diệt tức là cảnh giới sở hành của thị giác Thánh trí, lìa tướng văn tự thì được giải thoát.

A-nan-đà thưa Bồ-tát Vô Tận Tạng:

–Thưa Thánh giả, tôi không dám hỏi Đại sĩ biện tài về nghĩa sâu xa như vậy. Chỉ hỏi chỗ thế giới Thánh giả ở cách đây gần hay xa, và danh hiệu của Phật mà tôi chưa từng nghe. Giống như người thâu thuế ở cửa ải đối với người qua lại, bất luận của cải nhiều ít, có hay không cũng đều hỏi. Thanh văn tôi nay cũng vậy, nghe người khác nói Chánh pháp, hiểu sâu mà tu hành, tự mình cầu Niết-bàn, đó gọi là Thanh văn. Nay tôi thấy pháp Thánh giả nên hỏi Ngài. Sau khi tôi được nghe sẽ ưa thích tu tập để được an lạc, vì tôi muốn làm tăng trưởng pháp Đại thừa, vì tất cả

Thanh văn, Độc giác đều từ Đại thừa mà ra. Cho nên tôi hỏi Thánh giả từ đâu đến, cách đây gần hay xa, hiệu Phật là gì?

Bồ-tát Vô Tận Tạng trả lời A-nan-đà:

–Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở gần đây sao ông không hỏi. Ngài sẽ vì ông mà thọ ký điều này để cho chúng hội này không còn nghi ngờ.

Khi ấy, A-nan-đà từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại pháp phục, trịch áo bày vai phải, quỳ gối chắp tay bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Cúi xin Đại Thánh Thế Tôn hãy nói cho con rõ. Nhờ nghe được pháp này mà vô số hữu tình trong hội đây sẽ mặc áo giáp tinh tấn để tu hạnh Bồ-tát.

Đức Thế Tôn dạy A-nan-đà:

–Nay ông hãy nghe cho rõ, suy nghĩ thật kỹ, ta sẽ vì ông mà phân biệt diễn nói về gần xa của thế giới Phật kia và danh hiệu công đức trang nghiêm của Phật đó. Phật đó là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác Vô Ngại Vô Trước, đắc trí Nhất thiết trí. Đại chúng các ông nên tín thọ, đừng có nghi ngờ.

A-nan-đà bạch Phật:

–Bạch Đại Thánh Thế Tôn! Chúng con xin muốn được nghe.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn bảo A-nan-đà:

–Cách đây về phương Đông, qua mười hằng hà sa vi trần thế giới, có một thế giới tên Bất thuấn. Trong thế giới đó có Thế Tôn hiệu Phổ Hiền Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu,

Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, hiện đang nói pháp Đại thừa. Bồ-tát Vô Tận Tạng từ thế giới đó mà đến đây. Chúng hội của Đức Phật ấy chỉ là Đại Bồ-tát chứ không có danh từ Thanh văn, Bích-chi-phật, huống gì là có thật. Bồ-tát ấy đã tích chứa tịnh nghiệp đã từ lâu; bố thí, điều phục, khéo chế ngự sáu căn, luôn hành hạnh nhẫn nhục không bị chướng ngại, tâm Bồ-đề kiên cố, siêng năng tinh tấn, thành tựu hoàn toàn tịch tĩnh giải thoát và thành tựu chánh định Tam-mabát-đề, thần thông tự tại, đại trí quang minh, tự tại vô ngại, văn tự tinh hoa, Từ, Bi, Hỷ, Xả giống như hư không, có thể đánh bại tà luận dị đạo, chiến thắng quân ma oán thù, dũng mãnh không thoái lui, thành tựu được Phật trí thậm thâm vi diệu. Mười Lực của Như Lai, bốn Vô sở úy, biện tài không đoạn mất, trí tuệ vô ngại, đi sâu vào duyên khởi, có thể lìa bỏ hữu vô, tu hành Trung đạo, không còn ngã và ngã sở, tướng ngã, tướng người, tướng chúng sinh, tướng thọ mạng, người làm, người nhận, người biết, người thấy, đoạn kiến, thường kiến, xa lìa tất cả các kiến vọng chấp, chứng được Đà-la-ni vua của Tố-thư-lãm. Dùng ấn của Như Lai mà ấn quán khắp chúng sinh, kiên cố không xả bỏ, tất cả xem như con một, không có hai tâm, diễn pháp cam lồ như Sư tử hống. Tất cả hữu tình thượng, trung, hạ nghe được pháp này đều được lợi ích, mau chóng an trụ trên con đường chân chánh Niết-bàn. Ba Minh, sáu Thông, đủ tám Giải thoát, nối dòng Tam bảo, hữu, vô đều đoạn tuyệt. Người nhận chức Quán đảnh làm Pháp chủ, có thể hiểu rõ hữu tình, độ người chưa độ, đến đạo tràng ngồi ở gốc Bồ-đề, ngự tòa Sư tử, tự tại không lo sợ, chiến thắng ma oán, có thể hiện thân Phật, đầy đủ tướng tốt, có thể chuyển bánh xe pháp thanh tịnh vô thượng, chỉ toàn Đại Bồ-tát Tăng làm quyến thuộc vây quanh nói pháp làm lợi ích cho hữu tình.

Khi nghe Phật nói công đức của chư Đại Bồ-tát, tất cả chúng sinh trong hội rất vui mừng, không thể kềm chế được, liền dùng vô lượng hoa trời Ôn-bát-la, hoa Bát-đặc-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca, hoa Mạn-trà-la, Ma-ha mạn-trà-la và nhiều loại hoa khác mà rải cúng dường Phật cùng Bồ-tát Vô Tận Tạng, sáu mươi câu-chi Đại Bồ-tát và đại chúng. Mọi người hoan hỷ và nói như vầy:

–Chúng ta ngày nay được lợi ích lớn, được thấy chúng Đại Bồ-tát này. Nếu chúng sinh ở quốc độ khác nghe ta cúng dường mà gần gũi ta thì cũng được lợi ích. Người nào nghe pháp công đức của Bồ-tát ấy đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác. Khi ấy, ba mươi sáu ức chúng sinh trong hội này đều phát tâm Vô thượng Bồđề.

Đức Thế Tôn dạy A-nan-đà:

–Thế giới của Phật Bất Thuấn ấy không có các khổ và ba đường ác, cũng không có tên ấy nữa, không có tên gọi năm chúng phạm giới, không có tiếng phiền não suy nghĩ, không có người nữ ganh tỵ, keo kiệt, giải đãi, sân nhuế, loạn ý, ngu si, cũng không có chướng ngại và các tập khí, cũng không có tên loại phức tạp của các loại bậc thượng, trung, hạ…, không có chỗ sai khác của ba thừa Phật, Pháp, Tăng bảo bình đẳng một tướng, không có ma, ma dân, dị đạo tà kiến, không có những việc đói, khát, lạnh, nóng, không có tướng ngã, ngã sở, tướng nam nữ và vô vàn tên gọi khác cùng nhau tồn tại. Thế giới đó rộng lớn, trang nghiêm, lấy sáu mươi vạn ức câu-chi cõi Phật làm một cõi Phật. Không có mặt trời, mặt trăng, chỉ dùng ánh sáng của nguyện lực Bồ-tát mà chiếu sáng, mặt đất bằng phẳng như bàn tay, thuần bằng ngọc biếc và nhiều loại châu bảo như Phệ-lưu-ly, mạt-ni châu và vô vàn thứ châu báu khác trang hoàng lẫn lộn. Lại dùng hoa sen xanh để rải lên, hoa sen ấy tươi sáng mềm mại không gì bằng, giống như áo Ca-già-lân-để-ca của trời. Có tám hàng cây bóng rợp với nhau sum suê bao quanh để làm tường vách và được trang hoàng bằng nhiều loại hoa, ở đó không có sắt đá, hầm hố, gò nổng, đất đá, núi hiểm, gai góc độc hại, mà chỉ toàn là vô số núi cao quý báu. Tuy có trời, người nhưng hình tướng giống nhau, không dựa vào những đồ ăn tạp nhạp để nuôi thân, không có những thứ tiểu tiện dơ nhớp bất tịnh, thường dùng Pháp hỷ, Thiền duyệt để làm vị thực. Cõi đó trang nghiêm thanh tịnh, chỉ có bậc Pháp vương, Phật ấy giáo hóa Đại Bồ-tát, không có văn tự và cũng không ngôn thuyết. Khi các Bồ-tát ấy nhận sự giáo hóa, thì liền đến chỗ Phật cung kính chắp tay, mắt nhìn chăm chú chiêm ngưỡng Như Lai mà tự nhiên thành tựu niệm Phật Tam-muội, cho nên thế giới ấy tên là Bất thuấn (tức là nhìn chăm chú).

Niệm Phật Tam-muội là gì? Nghĩa là chẳng phải do sắc tướng sinh; chẳng phải do thọ, tưởng, hành, thức sinh; chẳng phải do trí tuệ hai đời trước, sau sinh; chẳng phải hiện tại do thấy nghe sinh.

Phật dạy A-nan:

–Niệm Phật Tam-muội không thể nghĩ bàn. Đối với Phật pháp không có gì để hành, mà chỉ quán các pháp như thật tướng, không nói, không dạy, không tướng, không tên. Đây gọi là niệm Phật Tam-muội.

Bấy giờ Đại Bồ-tát Mạn-thù-thất-lị đứng dậy, bày áo vai phải, quỳ gối chắp tay, cung kính thưa Phật:

–Bạch Đại Thánh Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì nghĩa lý sâu xa của kinh sáu Ba-la-mật-đa thì được bao nhiêu phước đức?

Phật dạy:

–Nếu thiện nam, thiện nữ nào ở nơi chín mươi ức hằng hà sanado-tha trăm ngàn chỗ Phật cúng dường cung kính, tôn trọng, khen ngợi, ý ông thế nào? Công đức thiện nam, thiện nữ đó có nhiều không?

Mạn-thù-thất-lị thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Phật dạy:

–Nay ta sẽ vì ông mà phân biệt giảng nói về nghĩa đó. Nếu thiện nam, thiện nữ đối với pháp bảo Đại thừa nghĩa lý sâu xa của kinh sáu Ba-la-mật-đa này, cho đến một câu, một bài tụng, thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giải nói và thực hành theo đó thì công đức này vượt trội hơn công đức trước kia. Vì pháp môn vi diệu sáu Ba-lamật-đa Đại thừa lý thú chính là mẹ của chư Phật, sinh ra chư Như Lai.

Mạn-thù-thất-lị thưa:

–Bạch Đại Thánh Thế Tôn! Con muốn ủng hộ đất nước và người thọ trì kinh này, thường ủng hộ và tẩy trừ tất cả chướng ngại nguy nạn mà nói bài bí mật Đà-la-ni.

- Thứ nhất chân ngôn là Căn bản thân:

Nam-mô Tát phạt vĩ nê, án phạ di thấp phạt la.

- Thứ hai chân ngôn là Tâm:

Án mục.

- Thứ ba chân ngôn là Đầu:

Án mẫu mục.

-Thứ tư chân ngôn là Đỉnh đầu:

Án yêm ám mục.

- Thứ năm chân ngôn là Áo giáp:

Án ái mục sa ha.

-Thứ sáu chân ngôn là Binh khí:

Án lọc mục.

Bạch Đại Thánh Thế Tôn! Văn cú Đà-la-ni này là những chi tiết Pháp thân của chư Phật ba đời mà chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai đã tuyên nói. Nếu thiện nam, thiện nữ ở nơi chỗ thanh vắng, mặc áo mới, phát tâm rộng lớn không phân biệt mà đọc tụng trăm ngàn lần, chắc chắn được nghe nhận, không bao giờ quên mất. Nếu thiện nam, thiện nữ thọ trì kinh ấy thì nên biết đó là Pháp sư. Nếu ai khinh chê, xúc phạm Pháp sư này, tức là khinh chê, xúc phạm chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai.

Khi ấy, Đức Thế Tôn khen Đại Bồ-tát Mạn-thù-thất-lị:

–Lành thay, lành thay! Nay ông nói chân ngôn của chư Phật để làm lợi ích, ủng hộ, thương xót tất cả chúng sinh và tẩy trừ đi các chướng nạn cho họ.

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Phổ Hiền từ chỗ ngồi đứng dậy, bày áo vai phải, quỳ gối chắp tay, cung kính thưa:

–Bạch Đại Thánh Thế Tôn! Con cũng muốn ủng hộ đất nước và người thọ trì kinh này, thường bảo vệ và tẩy trừ chướng nạn cho những chúng sinh nên con nói văn cú bí mật Đà-la-ni:

Nam-mô ra hộc đán,

Nam-mô tất đà nam,

Nam-mô a lị dã nam,

Nam-mô ta nộ nam đát địa tha.

Án, chỉ rị chỉ rị ni, tất rị tất rị ni, tứ rị tứ rị ni, tứ sất tứ sất ni, ế ê hề đà la ni tam ma sa ha.

Bạch Thế Tôn! Văn cú Đà-la-ni này chính là văn chú mà chư Phật ba đời đã tuyên nói. Nếu thiện nam, thiện nữ thọ trì kinh này, nên biết đó là Pháp sư. Nếu ai khinh chê Pháp sư này tức là đã xúc phạm đến chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai.

Bấy giờ Đại Bồ-tát Đại Thánh Quán Tự Tại đứng dậy, trịch áo bày vai phải, quỳ gối chắp tay cung kính thưa:

–Bạch Đại Thánh Thế Tôn! Con cũng muốn ủng hộ thiện nam, thiện nữ thọ trì kinh này, con luôn bảo hộ họ và quốc độ họ ở để diệt trừ tất cả chướng nạn cho họ mà nói văn cú Đà-la-ni:

Nam-mô ta mãn đa một đà nam, đát địa tha. Án rị nhĩ lê, rị nhĩ lê, nga la rị nhĩ lê, giản sá rị nhĩ lê, vĩ chỉ lê sa ha.

Bạch Thế Tôn! Đà-la-ni này được chư Phật ba đời đã tuyên nói. Nếu thiện nam, thiện nữ nào thọ trì kinh này thì nên biết đó là Pháp sư. Nếu ai khinh chê Pháp sư này tức là khinh chê chư Phật ba đời.

Khi ấy, Mạn-trà-la, chư Thiên và Bồ-tát đều tập hợp đầy đủ. Tên các vị ấy là: Kim Cang Tát-đỏa, Kim cang Vương, Kim cang Nhiễm, Kim cang Thiện Tai, Kim cang Bảo, Kim cang Oai, Kim cang Tràng, Kim cang Ái, Kim cang Pháp, Kim cang Lợi, Kim cang Nhân, Kim cang Ngữ, Kim cang Yết-ma, Kim cang Hộ, Kim cang Dược-xoa, Kim cang Quyền, Kim cang Tát-đỏa, Kim cang Bảo, Kim cang Pháp, Kim cang Yết-ma, Kim cang Hỷ Hý, Kim cang Man, Kim cang Ca, Kim cang Vũ, Kim cang Hương, Kim cang Hoa, Kim cang Đăng, Kim cang Đồ Hương, Kim cang Câu, Kim cang Tố, Kim cang Tỏa, Kim cang Linh, Kim cang A-vĩ-xa… đồng thanh nói Chủng tử Pháp thân Đà-la-ni rằng:

Án, mộ khiếm a hồng đát lan, hột rị ố.

Chư Đại Bồ-tát này cung kính chắp tay thưa:

–Bạch Đại Thánh Thế Tôn! Chúng con nếu thấy người nào thọ trì kinh này, dù một bài tụng một câu, sẽ cúng dường tôn trọng người đó giống như cung kính tôn trọng Như Lai Tỳ-lô-giá-na không khác.

Khi ấy sáu Bồ-tát ba-la-mật-đa đầy đủ oai nghi đứng trước Phật tự nói văn cú bí mật Đà-la-ni:

1. Bồ-tát Bố thí ba-la-mật-đa nói chân ngôn:

Nam-mô bạt già phạt đế duệ đát rị cầm noa rị, ma ha bát thố mê hồng tố.

2. Bồ-tát Trì giới ba-la-mật-đa nói chân ngôn:

Nam-mô bạt già phạt đế duệ hạ ra hạ ra ưu thí lược, nãi dĩ đê cát lê bát ra một đà hồng phát sất.

3. Bồ-tát Nhẫn nhục ba-la-mật-đa nói chân ngôn:

Nam-mô bạt già phạt đế duệ tô la bát để nãi dĩ để mặc hồng nhĩ, nhĩ phệ sái tố.

4. Bồ-tát Tinh tấn ba-la-mật-đa nói chân ngôn:

Nam-mô bạt già phạt đế duệ cáo tư nhĩ da, mạt lãm vi mao hạ da hồng phát sất.

5. Bồ-tát Thiền định ba-la-mật-đa nói chân ngôn:

Nam-mô bạt già phạt đế duệ tứ lý tứ lý, chỉ lý chỉ lý, nhĩ lý nhĩ lý, cũ sát sất, củ sát sất. Án, mộ rị mộ rị phạ sa ha.

6. Bồ-tát Trí tuệ ba-la-mật-đa nói chân ngôn:

Nam-mô bạt già phạt đế duệ yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, mạo địa sa ha.

Khi ấy, sáu Bồ-tát Ba-la-mật, chư Thiên…. đều bạch Phật:

–Bạch Đại Thánh Thế Tôn! Chúng con muốn ủng hộ người thọ trì kinh này mà nói văn cú Đà-la-ni này. Nếu thiện nam, thiện nữ nào thọ trì kinh này, cho đến một bài tụng một câu, chúng con sẽ cúng dường cung kính, tôn trọng, khen ngợi giống như Phật không khác.

Lúc ấy, Thiên vương Tỳ-sa-môn cũng muốn ủng hộ quốc độ và người trì kinh này, nên nói tự tâm chân ngôn:

Đát địa tha câu na lý, a để miệt đế nại đế, a na để, câu na lý sa ha.

Thiên vương Tỳ-lâu-lặc-xoa cũng muốn ủng hộ quốc giới và người thọ trì kinh này mà nói chân ngôn:

Đát địa tha, a nga ninh nga ninh, ngao rị ngạn na rị chiên noa lý ma đăng thị bốc yết tư tăng củ lê một lô, sái lê sa ha.

Thiên vương Đề-đầu-lại-sất cũng vì ủng hộ thế giới và người thọ trì kinh này mà nói chân ngôn:

Đát diệt tha, y lê, nộ mễ lê, nộ bế nhĩ, nội y lê, bế lê, bế nhĩ, sa ha.

Lúc ấy, Thiên vương Tỳ-lâu-bác-xoa cũng vì muốn ủng hộ người thọ trì kinh này và quốc giới nên nói chân ngôn rằng:

Đát địa tha, a ni phạ ni, quẩn nhi nộ noa mê, nộ củ lê, tất rị nộ rị nhĩ rị nộ sa ha.

Khi ấy Tứ Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Đại Thánh Thế Tôn! Chúng con cũng vì muốn ủng hộ thiện nam, thiện nữ thọ trì kinh này và quốc giới nên nói văn cú bí mật Đà-la-ni. Nếu ai khinh chê người thọ trì kinh này tức là khinh chê chư Phật ba đời.

Bồ-tát Chấp Kim cang cũng vì ủng hộ người thọ trì kinh này mà nói chân ngôn:

Nam-mô ra đát nẵng đát ra dã da. Nam-mô thất noa miệt nhật ra bá noa duệ, ma ha dược tụng xoa tê na ky đới duệ, ninh để da, bát ra nhập phược lý đa, câu lỗ đà da, ngật thúc đa tỷ, câu chi mục khiếp da, lỗ ma cát rị sa noa muội dựng yết rạ da, đích khất thân na, nan cầm xoa lỗ yết sất da, bát ra niệm bột đa miệt nhật ra hạ tát đa da, tát phược vĩ thổ na, vi na dạ ca vĩ đặc vấn. Sa na yết ra da, đát địa tha hồng miệt nhật la củ lỗ na đát thích sất.

Khi ấy Linh-hoàn Nhĩ-vi–na-dạ-ca cũng vì ủng hộ người thọ trì kinh nên nói chân ngôn:

Đát địa tha, án, tất trí tất trí, ma tất trí, ma tất trí, ma vĩ xa ma vĩ xa, ma nhập phược, ra ma nhập ra ra, sa ha.

Vua Diêm-ma-la cũng muốn ủng hộ người thọ trì kinh nên nói chân ngôn:

Đát địa tha, tất rị, vĩ tất rị ni, chất rị, vĩ chất rị ni, nhĩ xích nhĩ xích y ê hề mộ đa bát để, sa ha.

Ha-lý Để-ái Tử Mẫu cũng vì ủng hộ người thọ trì kinh, nên nói chân ngôn:

Đát địa tha, na nhĩ na nhĩ, đốn nhĩ đốn nhĩ, tát vĩ sơn vi na dạ ca nam, mục khiếp nhiêm ma nam, thước ngật để tất đởm ma nam, ma phạ đô, sa ha.

Ma-lợi-chi Thiên cũng vì ủng hộ người thọ trì kinh mà nói chân ngôn:

Đát để lê ma ninh, mãn đát ra, bát na ninh, ma vãn để đát địa tha át ca mạt tư, mạt ca mạt tư, án đát na, nam mạt tư, bát thổ mê lạc xoa, ốt bát thổ mê lạc xoa, tát phạ muội dĩ biểu, tát vũ bát tát nghê, biểu hạt lạc xoa, sa ha.

Khi ấy, Ca-lỗ-noa vương vì muốn ủng hộ quốc vương, đại thần và người thọ trì kinh, nói chân ngôn Ca-lỗ-noa vương lý thú:

Khất sử bá án, sa ha.

Chân Thật Ca-lỗ-noa vương vì muốn ủng hộ đất nước và người thọ trì kinh mà nói chân ngôn:

Nam-mô tát đa đỏa, nga lô noa da, một nghiệt ra ma ha một nghiệt ra, man thứ man thứ tát phạ na ngạn, ma ra da vĩ sa nhập sách, ốt niết tô rị da, nhĩ bào, mộ phan nga ma rị bổ, thước ngật đa tát na, tốt đổ man ninh, tát bản lật đa, vĩ diêm, hạ rị đa la, giản để, lỗ chất ra, tăng ngật ra minh, nại lý dũ nại ra, nhĩ ca ra, xà da tát ma nẵng, nê dũ để thương khiếp, ngật sử ra, một rị na la, quẩn đa, na phạ la, tam miệu khiếp, vĩ sái, khất sử bạt ninh.

Ca-lỗ-ca vương vừa nói chân ngôn xong, tất cả độc khí của ác long đều tiêu diệt, đất nước được an ổn.

Vì muốn ủng hộ người thọ trì kinh, thiên vương Đại tự tại nói chân ngôn:

Đát địa tha, án đát sất da, sa ha, tất đát sất da, sa ha, phạ sất da, sa ha, vật sất da, sa ha, xả đốt lỗ nhĩ ngật. Liễn đát nẵng da, sa ha. Nam-mô ca sất, vĩ ca sất, yết nê ca la, bá sất la da. Nhục da ra, nhĩ cầm sất giản nhĩ cầm sất, giản nhĩ du thứ nan để, nga la, nhĩ vĩ nga la, vĩ xả bát ra vĩ xả, a vĩ xả, lỗ nại ra, lao nại lê na hãn nang hãn nang, nặc hạ nặc hạ, bả giả bả giả, bôn tha bôn tha, vĩ đặc vấn bà dã, vĩ đặc vấn bà dã, du nghê thỉ phạ ra, ma ê thỉ phược ra. Nam-mô tất đế tốt đổ, bá ma ê nha từ. Nam-mô thỉ chiến noa da sa ha, bát ra chiến noa da, sa ha, phản ngật ra da, sa ha, bạt ngật ra đế nhạ da, sa ha, tuất la da, sa ha, tuất la nặc ha phạ da, sa ha, thủy nga da, sa ha, thủy nga cát sái da, sa ha. Tát la da, sa ha, tát la lô bá da, sa ha, khiếp ra da, sa ha, khiếp ra lỗ bá da, sa ha, nhĩ đát đa ra da, sa ha, ốt đặc phược da, sa ha, ốt đặc phạ hệ xá da, sa ha, nặc hạ na da, sa ha, bát giả na da, sa ha, a mục khiếp da, sa ha, a ninh miệt đa ca da, sa ha, ô bồ sám ma da, sa ha, ô bồ sám ma lỗ niết ra da, sa ha, du mãn nhĩ vĩ cầm để, dã thất giả ca thất chất, a mị nại ra miệt để, nghiệt để mạt để,

bá na, hoại nga, ô lô, minh noa ra, cốc khất sử, hột lật nại lam, ma hồ, tắt kiến na, ngật-rị phạ, hạ nổ, cưu cầm đà, nặc hạ phạ, na bà, thất lỗ đát ra, la la sất, thất rị sơn, nặc hạ nhĩ, sa ha, phát sất.

Thiên vương Tỳ-sa-môn và chư Thiên nói Đà-la-ni như vậy xong, rồi cùng nhau thưa Phật:

–Bạch Đại Thánh Thế Tôn! Con thấy nếu Pháp sư thọ trì đọc tụng kinh, cho đến một bài tụng một câu như vậy, chúng con sẽ ủng hộ tẩy trừ tất cả tai nạn khổ ách và các khí độc, mắng chửi, đánh đập cho họ, những tật bệnh yêu mị vọng lượng, những việc không tốt lành đều được tiêu trừ.

Phật dạy các Đại sĩ và Thiên vương Tỳ-sa-môn:

–Các ngươi khéo ủng hộ Pháp sư thọ trì kinh như vậy nhưng tên kinh này còn chưa thể nghe thì sao có thể thọ trì, đọc tụng, cung kính cúng dường, tôn trọng khen ngợi. Hãy dùng tất cả hương thoa, hương bột, hương đốt, hoa man, y phục và tàng lọng, vải lụa, tràng phan, đèn dầu… trăm ngàn loại như vậy dâng cúng dường Pháp sư. Trước tiên nên phát nguyện rằng: "Sau khi nghe kinh này rồi thì phải như pháp tu hành." Nay ta phó chúc Pháp sư trì kinh này cho các ông, các ông phải nên ủng hộ vị Pháp sư đó và quyến thuộc của vị ấy nữa để không còn nguy hoạn và được an lạc.

QUYỂN 2

Phẩm 3: PHÁT TÂM BỒ-ĐỀ

Bấy giờ Thế Tôn rống tiếng sư tử làm sáng rõ môn Đà-la-ni bí mật rồi thì có Đại Bồ-tát Từ Thị đứng dậy trịch áo bày vai phải, quỳ gối chắp tay, nhất tâm thưa Phật:

–Lành thay, lành thay! Đại Thánh Thế Tôn đã đem lòng đại Bi khen ngợi vị Pháp sư giữ gìn bí mật Cam lồ Đà-la-ni thắng pháp như vậy. Cúi xin Thế Tôn thương xót chúng sinh mà nói pháp Vô thượng Bồ-đề. Các hữu tình nào chưa phát tâm, phải phát tâm thế nào? Người phát tâm rồi, phải tu hành thế nào? Và làm thế nào để tâm Đại thừa không thoái lui?

Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị rằng:

–Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn vì hữu tình mà tu hạnh Đại thừa, muốn độ hữu tình đạt đại Niết-bàn thì trước tiên phải phát năm loại thắng tâm:

1. Phát tâm đại Từ bi bình đẳng rộng khắp đối với các loài hữu tình.
2. Với Nhất thiết trí, tâm không thoái chuyển.
3. Đối với các hữu tình phải coi là thân thuộc, nguyện cứu độ họ ra khỏi đường hiểm nạn.
4. Thường phải nghĩ rằng mình mắc nợ hữu tình.
5. Luôn luôn ôm lòng xấu hổ vì không biết lúc nào trả hết.

Ai phát năm loại tâm như vậy thì mau chứng Vô thượng Bồ-đề.

Này Bồ-tát Từ Thị! Trong Đại thừa, làm thế nào để nhất tâm tu hành chứng quả vị không thoái chuyển? Ví như thuở xưa có một thương nhân trí tuệ thông minh, hiếu hạnh. Thấy cha mẹ, dòng họ nghèo khổ, ông ta đau buồn, thân tâm ray rứt và nghĩ làm cách nào để cứu giúp họ. Ông nghĩ: "Hay là ta vào biển tìm châu như ý để giúp đỡ cha mẹ không còn phải nghèo khổ nữa." Vì nhân duyên đó, ông ta nuôi chí dũng mãnh, không tiếc thân mạng mà ra đi. Ông tìm đủ mọi cách

để kiếm lương thực, bạn bè tốt, thuyền và người chèo. Đi giữa đường ông ta gặp một người từ biển trở về và hỏi ông rằng: “Ông muốn đi đâu mà vội vàng như vậy?”

Thương nhân trả lời đầy đủ như trên là vì muốn cứu thoát sự nghèo khổ mà vào biển tìm châu như ý để giúp đỡ nhau.

Người kia nói: “Trước đây tôi vì muốn cứu dòng họ hết khổ nghèo đói cũng bỏ nhà ra đi như ông vậy, băng qua đồng hoang, vượt qua sa mạc không có cây cỏ nước non, có nhiều voi, hổ, sói, sài lang, rắn độc, sư tử, hoặc gặp giặc cướp, núi cao, sông rộng, đói khát, lạnh nóng, sợ hãi kinh hoàng. Tôi cùng người lái thuyền vừa đến biển lớn thì gặp gió dữ, cá lớn, rồng ác, sấm chớp, mưa đá, sóng lớn cuồn tròn… gặp nhiều nguy hiểm không thể nói hết. Đã bị các khổ như vậy mà còn không lấy được bảo châu như ý để tự nuôi thân, nói gì đến cứu người thân thoát sự nghèo khổ. Nay tôi khuyên ông đừng cố gian khổ mà uổng công lao nhọc. Tôi muốn cùng ông làm nghề khác. Vì sao? Vì trong biển có nhiều gian khổ, nào gió dữ, núi ác, Dạ-xoa, La-sát, rồng… những gian nguy ấy rất nhiều, chẳng phải một. Chỉ từng nghe tên châu như ý mà trước đây ngàn vạn người đi, được nó không đến một hai người. Do vậy, tôi khuyên ông hãy mau quay về.”

Nghe nói vậy, người buôn càng phát tâm mạnh mẽ, quyết chí vào biển không thoái lui, vì có ba nguyên nhân:

1. Vì cha mẹ anh em dòng họ nghèo khổ, nếu về tay không thì không cứu giúp nhau được.
2. Vì khi xưa cha mẹ dòng họ của ta rất giàu có, họ đã cho ta cơm ăn áo mặc và thương mến ta. Nay nghèo khổ không ai giúp đỡ, làm sao có thể buông thả mà quay trở về.
3. Khi ta còn ở nhà cai quản gia đình, sai sử đánh đập, quở trách tôi tớ lớn nhỏ. Họ nghèo khổ như thế nào ta cũng không biết cứu giúp. Nay vì giúp họ được vui vẻ sao ta lại muốn quay về.

Do nghĩ đến ân đức ấy mà người buôn rất dũng mãnh, quyết định tiến tới, chỉ cốt yếu là được vào biển để tìm châu như ý, được rồi đem về nhà cứu giúp thân thuộc, sử dụng tùy ý, vĩnh viễn không còn gian khổ nữa.

Đại Bồ-tát cũng như vậy, phát tâm Bồ-đề quán tất cả bốn loài, sáu thú trong mười phương đều là cha mẹ kiếp trước của ta. Vì thương xót ta mà họ đã tạo ra bao nghiệp ác, phải đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh chịu các khổ não. Do đó mà tự suy nghĩ: “Làm cách nào để cứu khổ nạn ấy.” Nghĩ như vậy rồi, thì chỉ có cách vào trong biển đại pháp sáu Ba-la-mật tìm châu như ý Phật chủng trí để cứu vớt khổ sinh tử của hữu tình. Nghĩ như vậy rồi, phát tâm dũng mãnh không thoái lui, tinh tấn siêng năng tìm cầu không giải đãi, tìm mọi cách để kiếm tư lương, bạn lành Bồ-đề, pháp và Pháp sư. Đi giữa đường gặp ma vương thống lãnh quyến thuộc hoặc hiện thân trời, hoặc hiện thân người, Bà-la-môn hoặc chủ buôn, hoặc Bí-sô, Bí-sô-ni và nhiều loại thân khác. Ma quân hỏi Bồ-tát:

–Ông đi đâu mà vội vàng vậy?

Bồ-tát trả lời:

–Vì tất cả chúng sinh khổ não nên tôi muốn vào biển lớn sáu Độ tìm châu như ý Phật chủng trí để cứu tất cả chúng sinh nghèo khổ.

Ma vương lại nói:

–Khi tôi mới phát tâm cũng vậy, vì muốn độ tất cả chúng sinh khổ não ra khỏi nhà sinh tử, vượt qua bao biến đổi, đồng hoang, sa mạc, chịu đủ đói khát, giặc cướp, hoảng sợ, nguy nan và rất nhiều khổ nạn như vậy, chẳng phải một. Vừa mới đến biển Đại pháp sáu Độ thì gặp người xin đầu, xin mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tay chân từng khúc, tim, phổi, ruột, bao tử, tỳ, mật; quốc thành, vợ con, nô tỳ, đầy tớ… Họ xin thứ gì, ta cho thứ đó, không thương tiếc, chỉ cần cầu châu bảo trí tuệ. Trải qua vô lượng kiếp, cứ ở mãi trong biển khổ luân hồi sinh tử. Tuy chịu bao nhiêu khổ nạn ấy mà còn không được Vô thượng Bồ-đề, đành phải quay về cầu quả A-la-hán, vượt ra ba cõi, đạt Niết-bàn tịch tĩnh. Nay tôi khuyên ông đừng cố công khổ nhọc, nên tự mình tu trì, tôi muốn ông ngang hàng cùng quả với tôi. Vì tôi nghĩ: ba cõi luôn bị đói khổ, tâm nghĩ đến việc ăn nuốt, ngửa mặt hướng lên hư không, cái gì vào miệng cho ta no nê? Đủ những loại khổ nạn hành hạ thân tâm như vậy. Mạng người vô thường, nhanh hơn thác chảy, Thiện tri thức rất khó gặp. Nếu ông không tin, sau này hối hận sao kịp, để rồi về sau bị luân hồi trong biển sinh tử. Tâm vô thường giống như trăng trong nước, đâu có thật. Bạn ác dễ thấy, dễ gặp, họ luôn thích khuyên người hành Bồ-tát đạo, xả bỏ tài sản, thân mạng, mong hướng đến Bồ-đề, huống gì chư Phật ra đời chỉ có một. Người cầu thì ngàn vạn, nhưng được thì không có một hoặc hai người. Do đó tôi khuyên ông không cần phải gian khổ nữa, nên cầu giải thoát cho chính mình để chứng Niết-bàn. Lại phải trải qua ba vô số kiếp chịu các khổ sở mới có thể chứng được Phật quả Bồ-đề. Đời này là đời chót, chứng A-la-hán, đạt đến hàng vô học rồi thì phải khổ làm gì! Người ngu vô trí mong cầu quả Phật mà phải trải qua vô lượng kiếp chịu đủ gian khổ còn chưa nghe chứng quả A-la-hán, huống gì có thể chứng Vô thượng Bồ-đề. Ví như có người bắt một con chim nhỏ, lại thấy có một chim chúa Ca-lỗ-ca, ông ta liền thả con chim đang nắm trong tay rồi đến bắt chim chúa Ca-lỗ-ca. Con lớn thì bay đi, con nhỏ thì lại mất. Người ngu cầu quả Phật cũng như vậy, bỏ cái này cầu cái khác thì cả hai đều mất. Biết vậy rồi, ông hãy nên sớm hồi tâm lại, ngay trong đời này chắc chắn chứng A-la-hán.

Nghe như vậy rồi, Bồ-tát càng dũng mãnh phát ba loại tâm:

1. Tất cả chúng sinh từ vô thỉ bị sinh tử đến nay đều là cha mẹ của ta, hoặc là bạn bè hiện đang chịu khổ não chưa được thoát khỏi; như vậy sao ta lại thoái lui.
2. Tất cả chúng sinh từ vô thỉ đến nay đã cho ta cơm ăn áo mặc, rất thương mến ta. Nay bị luân hồi khổ nạn chẳng phải một, vì sao chưa báo đáp ân họ mà ta lại có tâm thoái lui.
3. Tất cả chúng sinh từ vô thỉ đến nay đều là quyến thuộc của ta, bị ta sai sử làm việc, quở trách. Ta chưa báo ân họ một phần nhỏ nào cả, cho nên ta không thể thoái lui.

Thế rồi, Bồ-tát càng dũng mãnh cầu chứng Bồ-đề. Nếu chứng báu Bồ-đề Nhất thiết trí thì sẽ cứu giúp chúng sinh ra khỏi sinh tử khổ nạn. Đó gọi là Đại Bồ-tát ở trong Đại thừa nhất tâm tu hành chứng quả vị không thoái chuyển.

Từ Thị nên biết! Đại Bồ-tát ấy tu hành Đại thừa, phát năm loại tâm:

1. Khởi tâm đại Bi với các hữu tình.
2. Vì các hữu tình mà cầu Nhất thiết trí, tâm không thoái chuyển. Hai tâm này là pháp Đại thừa, phải tinh tấn tu hành.
3. Tất cả hữu tình là cha mẹ, bạn bè của ta.

4. Ta phải mang ân với tất cả hữu tình đó, nhưng ta chưa có mảy may nào để đền đáp.
5. Tất cả hữu tình đều là quyến thuộc của ta, ta đã từng tạo nghiệp bất thiện với họ, nào quở trách, quở phạt vô lý, nên lòng rất xấu hổ không biết khi nào trả hết.

Ba tâm này làm cho các Bồ-tát dũng mãnh không thoái lui, cho đến lúc chứng Vô thượng Bồ-đề.

QUYỂN 3
Phẩm 4: KHÔNG THOÁI CHUYỂN

Bấy giờ Đại Bồ-tát Từ Thị lạy sát chân Phật, thưa:

–Bạch Đại Thánh Thế Tôn! Thế Tôn đã nói về năm loại tâm của Bồ-tát tu hành Đại thừa chứng quả vị không thoái chuyển. Nhưng phát tâm đại Bi như thế nào và tu hành như thế nào, cúi xin Như Lai thương xót các hữu tình mà tuyên nói để làm lợi ích an lạc cho chúng sinh.

Thế Tôn dạy:

–Lành thay, lành thay! Này thiện nam! Điều ông hỏi rất hay. Ông hãy nghe cho kỹ, suy nghĩ thật kỹ. Ta sẽ phân biệt giải nói để trừ lưới nghi cho ông.

Năm loại phát tâm:

–Thứ nhất là đại Bi tâm: Phải giữ tâm này kiên cố không xả bỏ, nghĩ đến những chúng sinh trong đường ác địa ngục, lại nhớ nghĩ đến những nỗi khổ đó như trong kinh nói. Ông nên biết, nay ta nói lại kinh này cho ông. Đó là quán các hữu tình đều là những bậc cha mẹ, dòng họ, thân thuộc tôn trọng đời trước của ta, nay hiện đang ở trong địa ngục chịu các khổ, bị mười ba đống lửa vây quanh. Có hai ngọn lửa từ chân xuyên lên đảnh đầu rồi ra, lại có hai ngọn lửa từ đảnh đầu xuyên thẳng xuống chân rồi ra, có hai ngọn lửa từ sau lưng xuyên qua ngực, có hai ngọn lửa từ ngực xuyên qua lưng; bị hai ngọn lửa từ hông trái xuyên qua hông phải rồi ra, có hai ngọn lửa từ hông phải xuyên qua hông trái rồi ra, có ngọn lửa quấn đốt từ đầu đến chân. Thân chúng sinh trong địa ngục này mềm yếu giống như bơ chín. Những ngọn lửa đó kết hợp với nhau đốt cháy, lửa địa ngục thiêu đốt lửa nhân gian, giống như đốt pháo hoa không còn chút dư tàn. Có chúng sinh bị lửa đốt, chạy khắp nơi tìm người cứu vớt nhưng đâu có ai biết.

Lại có chúng sinh chạy trốn nhưng không có cách gì, phải chạy vào lửa. Có chúng sinh bỗng nhiên bị ném vào hầm phân sâu ô uế, trong hầm có trùng mỏ nhọn hoắc bằng sắt dài mười sáu ngón tay, rúc rỉa da xương, tủy não chúng sinh. Có chúng sinh ở trong tro nóng bị thiêu nấu. Có chúng sinh bị chìm nổi trong nước. Khi ấy, người giữ ngục dùng lưới sắt lớn lọc ra giống như vớt cá, rồi bỏ chúng sinh đó nằm ngồi trên đất sắt nóng để thiêu nướng. Kế đến, dùng kềm sắt kẹp rồi rút lưỡi ra, lấy nước đồng sôi rót vào trong miệng, chúng bất tỉnh chết hồi lâu liền sống lại, muốn chạy trốn để mong được thoát khỏi nhưng không được. Sau đó có móc sắt tìm kéo lại. Có chim thiết điểu mỏ bằng sắt bay theo mổ làm cho xương thịt rách nát rồi mới ăn. Thấy vườn cây, chúng sinh này muốn leo lên để được thoát nhưng trên cây đó mọc gai sắt, mỗi gai sắt dài mười sáu ngón tay và cháy đỏ. Chúng sinh vừa leo lên bị mũi gai nhọn chỉa xuống đâm vào ngực, xuyên qua lưng, bị khổ vô lượng, muốn thoát cũng không được. Chim quạ bay đến mổ vào hai mắt rồi phá não để lấy tủy ăn. Dù muốn xuống nhưng mũi gai chĩa lên, làm cho mắt, tai, mũi,

lưỡi, thân, thịt tay chân và mười đốt tay đều bị rơi rớt. Định leo lên cây để trốn nhưng không được, bị cai ngục thâu bắt bỏ trong đãy bằng sắt, dùng chày sắt nóng đập qua đập lại.

Lại có chúng sinh bị cai ngục dùng cưa xẻ tay chân đầu tóc, năm chỗ, làm cho rách nát. Lại có chúng sinh ở trong cối xay bằng sắt bị chày sắt giã từ đầu xuống. Lại có chúng sinh ở trong vạc nước sôi, bị chĩa ba bằng sắt trộn tới trộn lui, nấu cho nát nhừ, chỉ còn xương nhưng mạng vẫn còn sống. Lại có chúng sinh ở trong địa ngục dùng quặng mỏ để làm nhà cửa, lửa đốt cháy ngôi nhà đó dữ dội, nung chảy ra, nhỏ từng giọt, giống như đầu mũi tên.

Lại có địa ngục bốn bên bằng núi sắt, chúng sinh ở giữa bị hai núi ép nhau, có lúc ở giữa Nam, Bắc, có khi ở giữa Đông, Tây. Khi hai núi ép lại thì máu mủ chúng sinh trong đó chảy ra. Có địa ngục chúng sinh bị rắn sắt quấn khắp thân từ chân lên đến đầu rồi mổ đầu họ, nó quấn thật chặt, làm cho tủy não dồn lên đảnh đầu rồi hút ăn, chỉ còn da xương. Lại có chúng sinh ở trong địa ngục bị cai ngục dùng chĩa ba bằng sắt xúc thân người kia từ hai chân đến đỉnh đầu và vai. Lửa theo cái chĩa ba mà phát cháy đỏ rực, mắt tai mũi miệng cũng phát ra lửa. Lại có địa ngục bắt chúng sinh nằm trên đất sắt nóng hoặc nằm lăn lên, tiếp đến lấy dây sắt đen quấn trên thân rồi đánh.

Lại dùng búa rìu bửa ra giống như thợ mộc sửa các cây tươi. Lại có chúng sinh bị các cai ngục lột hết da từ đầu đến chân, lột rồi làm dây cương. Chúng sinh ngậm cái dàm bò lên đỉnh núi cao. Núi ấy nóng cháy, cai ngục xô đuổi họ leo lên rồi lấy roi quất, vạn cách khổ không thể nói. Những chúng sinh này từ vô thỉ đến nay đều là dòng họ nội ngoại cha mẹ của ta. Nay luân hồi trong địa ngục, trải qua vô số kiếp luôn chịu khổ não như đã nói. Khi nghiệp ác hết, tạm sinh lên trời. Nếu ở cõi trời mà tạo ra tội ác thì đọa trở lại trong địa ngục.

Đại Bồ-tát quán thấy chúng sinh bị các khổ này rồi khởi lòng đại Bi. Tiếp đến quán cõi ngạ quỷ cũng thấy thương tâm. Bồ-tát thấy chúng sinh ở trong ngạ quỷ một ngày đêm là một tháng ở cõi người, lấy ngày mà tính tháng thì mười hai ngày là một năm. Trong loài ngạ quỷ sống năm trăm năm bằng một vạn năm ngàn năm ở nhân gian, luôn bị đói khát, tai còn không nghe tên nước uống huống gì mắt thấy! Thân ngạ quỷ ấy giống như núi Thái, đầu như nhà lớn, cổ nhỏ như lỗ kim, đầu tóc rũ xuống che cả hai vai giống như dao sắt cắt thân thể, rồi biến thành lửa dữ thiêu rụi thân người đó như lửa đốt củi, đau đớn không thể nào chịu nổi. Lông hai nách dài phủ cả eo bụng. Lông chỗ kín phủ tới đầu gối. Việc bị dao cắt lửa đốt trải qua vô số năm tháng cũng chịu khổ như vậy. Hoặc từ xa thấy nước liền chạy đến, và khi đến gần thì bị té lộn nhào, vì lực của nghiệp ác mà nước biến thành máu mủ, phân dơ, hoặc làm cát nóng. Hai bên bờ có cai ngục cầm cung tên, dao, chày, búa, giáo, mâu đánh đập rất khổ sở. Bị lửa đói thiêu đốt nóng khát nên mất trí, liền chạy trở lại chỗ lửa dữ, bị thiêu đốt mà đâu có biết. Cai ngục đuổi theo đánh đập, chặt đâm, tay chân từng phần đều bị rơi gãy.

Lại có ngạ quỷ buổi sáng vừa sinh năm đứa con, trở lại ăn thịt chúng. Tối sinh năm đứa cũng ăn luôn vì đói khát chưa bao giờ được no. Hoặc gặp lúc trời mưa thì ngửa miệng lên hứng, do nghiệp nên khi được một giọt nước vào miệng, chảy xuống bụng thì biến thành lửa dữ, xuyên thẳng rồi ra ngoài. Hoặc gặp mùa hè trời nóng, lúc gió thổi các ngạ quỷ rơi vào sa mạc. Phía dưới bị cát nóng đốt, phía trên là mặt trời nướng, đói khát nóng bức, từ xa thấy bóng cây, muốn chạy đến để núp dưới bóng cây thì bóng cây tránh ngạ quỷ nên di chuyển chỗ khác. Vì sao vậy?

Vì xưa lúc còn ở nhân gian, chúng sinh này thiết lập hội cúng tế, thấy người đi xin thì keo kiệt không cho, lại đánh đập chửi mắng một cách không căn cứ rồi đuổi đi. Do tạo nghiệp ấy mà nay bị quả báo như vậy.

Lại có ngạ quỷ vào đêm trăng, trời trong vắt không có mây che, ánh sáng tỏa khắp, nếu nó gặp ánh sáng này thì nóng bức giống như tháng mùa hè. Lại có ngạ quỷ vào mùa đông gặp gió lớn, do nghiệp lực nên thổi các ngạ quỷ vào trong núi băng giống như bụi bay, chịu lạnh buốt, bị khổ như vậy trải qua vô lượng kiếp, ở đó lúc qua đời, đọa trở lại địa ngục. Cứ qua qua lại lại như vậy, trải qua vô lượng năm tháng. Khi nghiệp ác hết, được làm người, sinh trong nhà nghèo khổ keo kiệt, không bố thí, phải đi xin để sống mà vẫn tham lam keo kiệt. Vì nghèo khổ nên tạo ra các tội của mười nghiệp bất thiện. Ở đó lúc qua đời, lại đọa vào trong địa ngục, chịu đủ các khổ. Khổ ở đó hết, lại sinh trong ngạ quỷ, qua lại như vậy trải qua vô số kiếp chịu khổ như thế. Những chúng sinh này ở trong quá khứ vô lượng, vô biên kiếp sinh tử đều là cha mẹ, lục thân quyến thuộc của ta, vì ta mà tạo ra những nghiệp ác. Nay ở trong ngạ quỷ mà chịu quả báo khổ đau này. Quán thấy khổ như thế, Đại Bồ-tát khởi tâm đại Bi.

Lại nữa, này Từ Thị! Loài ngạ quỷ đã như vậy, tiếp đến quán loài bàng sinh cũng vậy. Có những loài cầm thú, hươu, nai, chồn, cáo, thỏ, hổ, báo, chó sói cùng nhiều loài cầm thú khác; các loài chim bay, gà, vịt, ngỗng, dứu, nhạn, uyên ương… Có loài đi hoặc đậu trên cây, hoặc bay, hoặc bơi… Chúng luôn luôn sợ sức mạnh của người, ăn uống không bao giờ được an ổn, ngày đêm luôn sợ hãi. Lại có những loài bàng sinh ở dưới nước như: ba ba, rùa, cá, ốc, hến, ếch… luôn bị giăng lưới bắt trong nước sinh tử. Lại có loài bàng sinh như: rắn, rồng, thằn lằn, sâu bọ, chuột… sinh trong chỗ tối tăm và chết cũng trong chỗ tối tăm. Lại có loài bàng sinh như: rận, rệp, bọ chét… bám vào thân người để sống và lại chết trong thân người. Lại có loài bàng sinh sống nương vào thây chết, hoặc chỗ ẩm ướt dơ bẩn, hoặc nương vào cây cỏ, sinh ra chỗ nào thì chết nơi đó. Hoặc loài do biến hóa sinh thì trở lại biến hóa chết, đó là những loài giòi, sâu, trùng, bướm. Lại có loài bàng sinh luôn ăn máu mủ và những thứ dơ nhớp cho là vị ngọt, đó là các loài heo, chó, bọ hung, ruồi lằn… nghe mùi hôi thối thì cho đó là thơm ngon, bay chạy đến, sợ không được hưởng. Lại có loài bàng sinh không ăn cỏ tươi, chỉ ăn gai góc, không uống nước sạch chỉ uống nước dơ.

Lại có loài bàng sinh không chỉ sống ở trên cỏ mà luôn luôn ăn cỏ, đó là các loài voi, ngựa, trâu, bò, lạc đà… hoặc dùng câu sắt móc trong đầu để điều khiển nó, hoặc xỏ mũi, hoặc lấy dây cương buộc hàm nó lại, hoặc bao hoặc cột trên cổ của nó để chuyên chở. Chúng luôn bị roi quất, mắng la, phải đi nhanh chậm tùy chủ. Có khi bị gầy yếu, đứng lên rồi ngã xuống, đau đớn khổ sở vô hạn, không đủ sức như trước nữa. Tất cả đều do kiếp trước nay phải chịu những khổ báo như vậy. Hoặc ăn của tín thí mà không tinh tấn tu học, phải thường trả cho họ cái nợ tiền kiếp nên bị khổ não này. Chúng bị sai khiến, chịu các roi vọt mà trả vẫn chưa đủ. Hoặc bị giết đau đớn muôn phần, có muốn bày tỏ cũng không được. Sống thì thiếu nước cỏ, bệnh lại không thuốc thang, chết rồi bị lột da để làm thức ăn cho người. Sau khi chết đọa vào địa ngục. Vì sao vậy? Vì tâm ngu si không biết thiện ác, không nghĩ đến công sinh dưỡng khổ cực của cha mẹ, không biết nhân quả, không nghe Chánh pháp, không bố thí, trì giới, trồng các căn lành, chỉ nghĩ nhớ đến nước cỏ, ngoài ra không biết gì cả. Những loài bàng sinh này đều được con người nuôi dưỡng, ngoài

những loài bàng sinh được nuôi dưỡng này còn có những loài bàng sinh khác như: sư tử, hổ, báo, chó sói và những loài bàng sinh sống dưới nước, trên đất đã nói ở trên, chúng tàn hại ăn nuốt lẫn nhau. Do nghiệp ấy mà phải đọa trong địa ngục chịu nhiều khổ sở trải qua vô lượng kiếp. Tội địa ngục hết, lại vào loài bàng sinh, cứ qua lại như vậy vô lượng kiếp. Những loài bàng sinh này về đời quá khứ đã trải qua vô lượng, vô biên kiếp sinh tử là cha mẹ, lục thân quyến thuộc của ta, vì ta mà tạo ra bao nhiêu nghiệp ác, bây giờ phải làm loài bàng sinh chịu quả báo khổ não này. Đại Bồ-tát quán khổ này rồi, mở lòng đại Bi rộng lớn.

Bàng sinh như vậy, tiếp đến quán cõi người. Có các chúng sinh tuy làm người nhưng bị nhiều nghèo khổ, đói khát, không có áo quần mặc, đi trong bùn, ngủ dưới mưa, gặt lúa trong sương, làm cỏ dưới trời nóng đốt, ngày đêm tần tảo, tay chân rả rời, đầu tóc rối bời, ốm gầy, lần đi từng bước, đi xin từng nhà nhưng không bao giờ được một bữa no, tối về ngủ bụng đói, muốn giúp đỡ người khác nhưng không có gì để giúp. Tuy có nói và làm nhưng người khác không tin theo. Tuy có vẻ đẹp đẽ mà trở lại bị khinh khi. Luôn hành nhẫn nhục để làm lợi ích cho mọi người nhưng bị chê trách là người nhu nhược, hoặc có văn tài mà người không ghi chép, đến thăm viếng họ hàng bị nghi ngờ là đến kiếm ăn. Hoặc quy y, tin Tam bảo thì bị chê bai nói là cầu danh; hoặc khen ngợi người liền bị nói là dua nịnh; hoặc sinh dòng thấp hèn không an vui, bị lệ thuộc người khác, sống chỉ có giữ mạng; hoặc chịu lạnh nóng, không biết ấm mát; gánh nước, hái củi, không từ một việc khổ nhọc nào nhưng lòng của chủ thì không thương xót, hơi bị sai trái hoặc chậm trễ gì liền bị đánh đập. Đó là quả báo tự làm tự chịu, chẳng phải trời hay người nào đem đến. Do phước mỏng mà chiêu lấy khổ não, khổ này hơn khổ của sự chết. Giống như cây khô, cành lá đều rụng trơ trọi, tất cả loài chim không về đậu, người phước mỏng cũng như vậy.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói lại nghĩa trên bằng kệ:

Không nói cho là ngu
Nói ra cho là khùng
Gần gũi nghi dua nịnh,
Tránh xa nói sợ hãi,
Nhẫn nhục cho yếu hèn,
Tín ngưỡng cho cầu danh,
Nghèo khổ trong nhân gian
Hơn cái khổ sự chết.

Này Từ Thị! Đói nghèo rất là khổ. Tuy thường thân gần, khen ngợi người khác nhưng vì không có phước nên tai họa liền theo ngay. Vì nghèo khổ nên luôn bị nhục mạ, do đó càng tạo thêm nghiệp ác, đọa vào địa ngục. Lại có người dòng họ giàu sang, có nhiều đầy tớ, voi ngựa, trâu dê, có dòng họ quyến thuộc luôn ở bên cạnh, hưởng thụ khoái lạc còn hơn cõi trời. Khi bị năm dục làm mê loạn thì tham sân nổi lên, rồi ngã mạn, khinh miệt mọi người.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói kệ:

Không nhiếp năm Căn, luôn phóng dật
Tai hại tham lam tợ oan gia
Tham đắm năm dục như người say
Giàu, nghèo đều bị khổ sinh tử.

Phật dạy Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Tất cả chúng sinh không biết hiện tại và vị lai. Nghiệp mình đã tạo ra giống bóng theo hình. Các khổ đó do tham dục làm gốc, lại không tu tập cầu pháp lành, thiêu đốt hết những bạch pháp của kiếp trước, sau khi chết, đọa vào ba đường ác. Vì sao như vậy? Vì tham dục nên làm đoạn mất tánh mạng, ỷ mình có thế lực cướp đoạt của cải người khác, dùng mọi cách chiếm đoạt vợ người, buông lung theo tà hạnh, không kể thân sơ. Vì lòng ham muốn mà phải nói dối, lừa gạt, trau chuốt văn từ, la mắng khinh chê hữu tình bằng những lời hung ác, đòn xóc hai đầu, chuyên nói bỉ, thử làm ly gián đôi bên. Dòng họ thân thuộc không làm cho hòa kính, luôn tham lam, ganh ghét, ngã mạn, tự cao, bị lửa sân thiêu sạch các nghiệp lành. Ca ngợi ngoại đạo, chê bai Phật, Pháp, Tăng; cúng tế trời thần để cầu phước, không biết ân sâu nặng của Tam bảo đời trước đã vì mình mà trải qua vô số kiếp đến nay phải chịu nhiều khổ công. Nếu ai tu tập hạnh thù thắng để làm tư lương cho Bồ-đề, đầy đủ Nhất thiết trí thì gọi là Phật. Bồ-tát làm đèn sáng trong chỗ tối tăm sinh tử của chúng sinh, làm chỗ nương tựa, làm người cứu vớt, làm chiếc thuyền, phao nổi để cứu vớt các sinh linh, an trí cõi trời, người qua bờ kia Niết-bàn.

Còn chúng sinh thì theo tà kiến ngã mạn, cống cao, giống như người say rượu, bị năm dục quấn trói, không tu các pháp lành. Sau khi qua đời đọa vào địa ngục, bàng sinh, ngạ quỷ, hoặc làm người nghèo khổ chịu các khổ não giống như thân tâm bị trúng mũi tên độc. Tất cả khổ não này đều do không tu tập pháp lành mà ra. Bồ-tát quán như vậy rồi mở lòng thương xót rộng lớn.

Bây giờ lại quán cõi trời. Ở cõi trời sống lâu, không có các khổ não, nhưng lúc gần chết hiện ra năm tướng suy:

1. Hoa trên đầu héo tàn
2. Áo trời dính bụi đất
3. Mồ hôi dưới nách chảy ra
4. Hai mắt luôn luôn chớp nháy
5. Không thích ở chỗ đang ở.

Khi năm tướng này hiện ra thì Thiên nữ mới sinh đều tránh xa, coi họ như cỏ. Những Thiên nữ cũ rất thương yêu vị trời này nên luôn ở bên cạnh. Đến lúc sắp chết, rên rỉ, buồn khóc, mọi người chạy đến thăm hỏi. Khi ấy, trời nói rằng:

–Thiên nữ mới ấy, ta thương yêu không có tâm thiên lệch, sao họ xem thường ta như cỏ vậy, còn các nàng lại đau buồn thương ta. Vì nhân duyên đó mà ta yêu các Thiên nữ cũ, tức giận các Thiên nữ mới. Năm tướng đã hiện ra trước mắt thì chắc chắn biết rằng ta sắp chết, lìa bỏ cung trời với âm thanh du dương, sắc hương mỹ diệu, dục lạc vừa ý vui thích nên bị mê loạn, không còn nhớ nghĩ nữa, chẳng lẽ bỏ cung điện này thật ư? Nay mạng ta sắp hết, không được ở lâu trong cõi trời, thật là khổ não, giống như mũi tên bắn trúng vào tim. Ta không có chỗ nương dựa, cậy nhờ, không thân thuộc, không có người dẫn đường, không có chỗ quay về. Dù kêu la thảm

thiết nhưng không có ai cứu vớt. Chư Thiên lo hưởng khoái lạc mà bỏ ta ư? Lại nghĩ: "Cung thành Thiện kiến sắp bị tiêu diệt, không bao giờ được yết kiến trời Đế Thích, vĩnh viễn không nhìn thấy được cung điện rực rỡ đó nữa. Ngày nào cũng cỡi voi báu Đế Thích vào vườn hoa, nay không bao giờ thấy nữa. Vĩnh viễn từ giã vườn thô ác, áo, giày, mũ trụ… không còn những ngày ngồi ăn uống hội hè trong vườn Tạp lâm. Không còn dịp nào dạo chơi trong vườn Hỷ lâm, dưới cây Ba-lợi-chất-đa và cây Kiếp-ba, không bao giờ còn được đeo bạch ngọc cẩm thạch; xa cách các sự bàn bạc trong nhà Thiện pháp. Không làm sao được tắm rửa trong ao thù thắng Mạn-đà-chỉ-ni. Khó được ăn bốn thứ cam lồ, không còn được nghe năm thứ âm nhạc hòa dịu. Than ôi! Đau khổ quá! Vô thường đến nhanh quá, khiến riêng thân ta chịu khổ như vầy. Cái chết trong từng sát-na sinh diệt ư? Mạng sống của chư Thiên thật như huyễn như mộng. Cởi áo quăng ra nơi đất đau xé thân tâm, giống như bị nọc rắn, rất là khổ não. Trông mong trời khác rủ lòng thương cứu mạng sống ta, để kéo dài thêm ít ngày không vui sao? Hãy trừ năm tướng suy cho ta, đừng để đọa vào các loài đầu trâu trong núi, hoặc loài nhỏ nhít trong biển."

Mặc dù nói như vậy, nhưng chư Thiên không ai cứu được.

Vị trời này nói vậy rồi suy nghĩ: "Các vị trời kia không thể cứu để kéo dài mạng sống của ta. Chắc chắn là không bao lâu ta sẽ chết!"

Khi sắp qua đời, vị trời này tự thấy chỗ mình sẽ sinh là địa ngục, bàng sinh hay ngạ quỷ. Thấy tướng ấy liền rên rỉ, kêu gào, bất tỉnh, té xuống đất, trợn tròng mắt, liền chết, theo nghiệp mà đọa vào ba đường ác. Do đó biết rằng, trong cõi trời rất khổ, luân hồi mãi mãi, không biết bao giờ hết. Đại Bồ-tát quán khổ của cõi trời rồi mở lòng Từ bi rộng lớn.

Từ Thị nên biết! Giống như có người dùng góc của bao cung chấm vào biển lớn. Nước dính nơi cái bao cung và nước trong biển lớn, nơi nào nhiều hơn?

Đại Bồ-tát Từ Thị bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nước của góc cái bao cung ấy rất ít, làm sao so với nước trong biển được! Biển lớn rất sâu, rất rộng, nước của bao cung sao sánh bằng.

Thế Tôn dạy Từ Thị:

–Này thiện nam! Từ cõi người, trời, chết đọa vào ba đường ác, giống như nước biển cả, được sinh trở lại cõi người, trời giống như nước ở góc bao cung. Người nào đọa trong ba đường ác phải chịu khổ vô cùng, không thể nói hết, không thể nghĩ bàn, như các khổ trong ba đường ác đã lược nói ở trước. Điều nói ra như một hạt cát của sông Hằng, còn điều chưa nói đến như cát của sông Hằng. Mạng sống cũng như vậy, ở cõi người sống một trăm năm bằng một ngày đêm ở cõi trời Đế Thích, lấy ba mươi ngày đêm này là làm một tháng, mười hai tháng làm một năm ví như tuổi thọ của cõi này tròn một ngàn năm thì tuổi thọ ở cõi nhân gian tổng cộng hơn ba câu-chi sáu mươi ức; với tuổi thọ này trong đại địa ngục Hắc thằng thì chỉ là một ngày một đêm; lấy ba mươi ngày đêm ở đây làm một tháng, mười hai tháng làm một năm, sống đủ một ngàn. Một ngàn năm ở đây là một ngày đêm ở đại địa ngục Chúng hợp. Ba mươi ngày đêm ở đây là một tháng, mười hai tháng là một năm tuổi, sống đủ hai ngàn năm cho đến một trung kiếp là tuổi thọ trong đại địa ngục A-tỳ. Do đó nên biết chúng sinh trong địa ngục sống rất lâu. Khi chư Thiên lâm chung, dùng Thiên nhãn quán đều hiểu biết tất cả nên rất buồn khổ, tất cả dục lạc chỉ nhất thời đều tan

biến. Những khổ vui ấy có mười sáu phần, một phần khổ về sinh ở đây có thể diệt mười sáu phần vui ở cõi trời.

Đại Bồ-tát quán sát thấy lúc chư Thiên sắp qua đời, bị các khổ não như vậy mà mở lòng Từ bi rộng lớn.

Từ Thị nên biết! Đây là Đại Bồ-tát có lòng Từ bi rộng lớn đệ nhất. Lại nữa, nên phát tâm Đại tinh tấn cứu vớt các hữu tình để đưa đến bờ kia Niết-bàn an lạc. Giống như chủ buôn suy nghĩ như vầy: "Cha mẹ họ hàng đều nghèo khổ, làm cách nào để cứu họ thoát khỏi cảnh cực khổ này. Nghĩ như vậy, nhưng không có cách nào khác, chỉ vào biển lớn tìm viên ngọc châu như ý để đem về cứu giúp cho nhau." Nghĩ như vậy xong rồi liền vào biển lấy châu như ý để đem về. Sau đó, ông ta vào biển tìm được châu như ý, gắn trên cờ cao. Châu như ý có thể mưa ra nhiều châu báu, quần áo, đồ ăn uống, hương hoa, kỹ nhạc. Cha mẹ dòng họ tùy ý dùng đều được đầy đủ.

Đại Bồ-tát phát Bồ-đề tâm cầu Nhất thiết trí cũng như vậy. Các ngài luôn tư duy rằng: "Tất cả chúng sinh đều là cha mẹ, lục thân quyến thuộc của ta, vì ta mà phải luân hồi sinh tử, hiện đang chịu các khổ não, dùng cách nào để cứu thoát họ đây? Nghĩ như vậy rồi lại không có cách nào khác, chỉ vào biển pháp sáu Ba-la-mật-đa tìm châu như ý Nhất thiết trí để cứu vớt khổ chúng sinh." Nghĩ vậy xong, Bồ-tát vào biển pháp tìm châu báu như ý Chủng trí để rồi treo trên cờ pháp, mây đại Từ che khắp, nên mưa xuống tất cả thần thông công đức của môn Đà-la-ni lấy tàm quý làm y phục, bố thí làm nhà cửa, hương thơm là tịnh giới, vòng hoa là nhẫn nhục, thức ăn là tinh tấn, giường là thiền định, lấy cam lồ trí tuệ làm thức ăn uống, các pháp không tịch làm chỗ ngủ, lấy đại Niết-bàn làm thành báu, chư Phật Bồ-tát làm Thiện tri thức. Được châu báu Nhất thiết chủng trí nên mưa xuống vô số diệu bảo, y phục, hương hoa, kỹ nhạc… như thế; ngoài Vô thương Điều Ngự Đại Sư ra, không ai có thể cứu vớt các khổ nạn để được Niết-bàn rốt ráo an vui".

Tư duy như vậy rồi, Đại Bồ-tát tự biết chắc mình chứng quả vị không thoái chuyển. Lại phát nguyện:

Nguyện ta sinh ra chỗ khổ nạn nào, ta đều thay thế chịu các khổ não cho chúng sinh, không muốn chứng Niết-bàn giải thoát, không bỏ rơi chúng sinh để riêng mình hưởng an lạc. Vì sao vậy? Vì tất cả Thanh văn và Bích-chi-phật sau khi giải thoát nhập Niết-bàn rồi, sống mãi mãi nơi đó, không làm lợi ích cho chúng sinh, không xiển dương công đức của thân Phật. Còn Đại Bồ-tát ở trong ba đường khuyến hóa hữu tình lìa nghiệp ác, tu tập pháp lành, lìa khỏi các khổ mà được giải thoát ngay trong cõi người. Do đó mà Đại Bồ-tát làm lợi ích cho tất cả hữu tình trong mười phương, nhân đây mà chư Thiên cõi Đao-lợi, Đại Phạm thiên vương, Đại Tự tại thiên, chư Tiên ngoại đạo cúng dường, Bồ-tát đều được thọ nhận. Bồ-tát chứng quả vị không thoái chuyển này được chư Phật ba đời khen ngợi và thọ ký. Đại Bồ-tát tu tập Đại thừa được tự tại, không sợ sệt, giống như Sư tử chúa. Tất cả chúng sinh đi theo sẽ chấm dứt mọi sợ hãi mà thẳng đến Bồ-đề. Thanh văn, Duyên giác và A-la-hán nghe Bồ-tát chỉ dạy, vào sâu trong hang núi đều dùng y che đầu, hướng đến Niếtbàn, vậy sao cùng Đại thừa tu hạnh Bồ-tát, mình và người đều được lợi ích. Do vậy mà càng thêm tinh tấn, thà ở trong ba đường chịu vô lượng khổ chứ không bao giờ hưởng lợi riêng mình mà trụ trong Niết-bàn. Tất cả hữu tình đã tạo ra nghiệp ác trong quá khứ, hiện tại, vị lai sẽ đọa vào đường ác, chịu các khổ; ta nguyện đem thân này chịu thay cho họ.

Trong quá khứ và hiện tại, ta tu hành đạt được tất cả việc lành, các pháp công đức, ta nguyện hồi hướng cho tất cả hữu tình mau chứng Niết-bàn. Của cải trân bảo, ta nguyện xả bỏ tất cả. Bị đánh đập, mắng chửi, nguyện chịu nhẫn nhục, không trả thù, nguyện cho chúng sinh đó hết tội. Trải qua vô lượng, vô biên a-tăngkỳ kiếp làm những việc khó làm, ta nguyện làm hết và vì chúng sinh mà cầu Vô thượng Chánh giác Bồ-đề, tinh tấn tu hành thiền định, giải thoát, chứng quả vị không thoái chuyển.

Lại như quá khứ, vô lượng, vô biên Đại Bồ-tát tinh tấn tu tập Nhất thiết trí, ta cũng tu hành như vậy. Vì sao vậy? Vì muốn độ tất cả hữu tình trong luân hồi để đưa họ lên bờ giải thoát Niết-bàn vô thượng.

Lại nguyện tất cả loài chúng sinh: Noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh, có sắc không sắc, có tưởng không tưởng, chẳng phải có tưởng, chẳng phải không tưởng ta đều đưa chúng nhập Niết-bàn và làm cho chúng đầy đủ sáu Ba-la-mật-đa, thành tựu hoàn toàn thân Phật vô thượng với trăm phước trang nghiêm, ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng quanh mình sáng hơn trăm ngàn ánh sáng mặt trời, chúng sinh chiêm ngưỡng vui thích không biết chán.

Lại nguyện tất cả chúng sinh trong mười phương thế giới có công đức trang nghiêm như Phật.

Lại phát nguyện:

Nguyện xả bỏ thân này vì tất cả pháp giới chúng sinh bị đánh đập quở mắng, hoặc luôn bị trói buộc đau đớn, nhục mạ, muốn giết hại, những việc nô dịch không được chống trái… Ta nguyện những chúng sinh đó đều không còn tội.

Phát nguyện này rồi, lại tư duy: “Ta mau được mãn nguyện này.”

Lại nguyện đem thân này ở trong năm đường làm lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình. Ai không có chỗ nương tựa, ta làm nơi nương tựa cho họ; ai du hành nước khác ta làm người dẫn đường; ta làm chiếc bè cho người vào biển, làm cầu cống cho người vượt qua sông suối; làm suối, giếng cho người ở nơi hoang dã; làm củi đuốc cho người lạnh cóng; làm mát mẻ cho người nóng bức; làm đèn sáng ở chỗ tối tăm, làm dụng cụ nằm mềm mại cho người bệnh; làm thức ăn ngon cho người đói, làm nước ngọt cho người khát, làm áo quần cho người trần truồng; làm mưa tưới năm loại ngũ cốc lúc hạn hán mất mùa; làm thuốc hay cho người bệnh khổ để mau hết bệnh, kéo dài mạng sống; làm người hầu hạ cho người mồ côi cô quả; làm kho báu cho người nghèo khổ, đi theo và chung sống với họ không lìa bỏ nhau; làm bạn lữ và xe ngựa cho người đi xa để đến nơi; nếu người tà kiến thì nói Chánh pháp làm cho họ trụ trong chánh kiến. Ta thề vào địa ngục để cứu vớt chúng sinh ra khỏi các khổ; sinh vào ngạ quỷ để làm thức ăn ngon ngọt mát mẻ, trừ đi nóng đói khát; hóa làm núi thịt để loài bàng sinh như: hổ, báo, sói lang, gấu, sư tử… ăn no nê.

Ta lại nguyện: Chúng sinh nào ăn thịt ta thì được no nê, không còn cảnh ăn nuốt lẫn nhau. Ta sẽ làm cỏ mềm mại tươi tốt cho các loài: voi, ngựa, trâu, dê, hươu, nai… ăn. Ta làm cho các loài chúng sinh ăn thịt, ăn cỏ, ăn loại ngũ cốc đều được ăn uống no đủ tùy ý. Ở loài người thì được tùy ý hưởng sự vui thích. Ta nguyện cung cấp khiến họ không còn thiếu thốn.

Lại phát nguyện: Nguyện ta thành tựu tất cả thân Đà-la-ni, chúng sinh ở chỗ nào thì ta làm cây như ý để cứu hộ họ và làm bình châu báu phát ra vô số của cải để cung cấp cho tất cả chúng sinh được đầy đủ, thỏa mãn. Hoặc làm thầy thuốc để chữa hết bệnh cho họ. Dùng tay đại Bi cầm

chìa khóa cửa pháp mở thành Niết-bàn chỉ dạy tri kiến của Phật, trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp làm những việc khổ khó làm để đem chúng sinh trụ trong Niết-bàn chân thật giải thoát. Sinh ra nơi nào luôn tinh tấn không biếng nhác, làm lợi ích và đem an lạc đến cho tất cả hữu tình. Vì cứu chúng sinh trong địa ngục phải chịu vô lượng khổ mà coi như niềm vui Niết-bàn.

Lại phát nguyện: Nếu một chúng sinh nào chưa được giải thoát, ta nguyện ở địa ngục mãi mãi, không chứng Bồ-đề.

Này Từ Thị! Nên biết rằng: Đó là Đại Bồ-tát tinh tấn thứ nhì cầu trí Nhất thiết trí.

Lại nữa, này Từ Thị! Sau khi hành hạnh này rồi, nên phát ba loại tâm thù thắng để cầu quả vị không thoái chuyển, cho đến ba vô số kiếp tinh tấn tu hành không một sát-na nào gián đoạn. Hoặc có các ma làm Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc làm người tu khổ hạnh và nhiều thân hình khác lẫn lộn ở trong Đại thừa để tìm các lỗi lầm, làm cho người nào tu hành tinh tấn phải bị thoái lui. Lại nói rằng: Phật Đạo xa vời, trải qua trăm kiếp ngàn kiếp làm việc khó làm, khó bỏ được như: xả bỏ quốc thành, vợ con, voi ngựa, bảy báu, nô tỳ, đầy tớ, thân thể tay chân mà không tham tiếc. Bố thí như vậy trải qua mười vạn kiếp mới chứng Bồ-đề. Vô lượng chúng sinh tu hành như vậy đều chưa thành Phật, đã thoái chuyển để tự chứng Niết-bàn. Giả sử có thành Phật quả cũng nhập vào Niết-bàn. Chỉ có một loại Niếtbàn thì cần gì cố công tu hành khổ hạnh. Ông muốn cầu lợi ích thì phải tu hai việc:

1. Cầu đời hiện tại được hưởng khoái lạc, tùy ý hưởng tất cả năm dục thắng diệu của trời, người. Nếu có chút khổ nào cũng đừng sợ sệt. Vì sao? Ví như người nông dân, há sợ sâu mà không trồng lúa ư? Trời, người hưởng khoái lạc cũng vậy, tuy khổ ít nhưng khoái lạc lại vô cùng, chỉ tự mình tu trì thì đâu có gì lo, đâu có gì sợ!
2. Tự cầu Niết-bàn, đời này là đời chót, chứng A-la-hán, được giải thoát thì cần gì phải khổ nhọc để cầu quả Phật? Nếu ai không thể hướng đến Nhị thừa thì hãy hưởng tất cả khoái lạc của trời, người. Nếu sau có chán bỏ cũng mau nhập Niết-bàn. Ví như có người dụng công tuy ít mà được lợi ích lại nhiều, có người bỏ công rất nhiều mà việc không thành. Nếu ông có bỏ ra tất cả sự khổ nhọc đều không thành gì cả, trở lại dối gạt mình. Nay ông hãy đi và ở cùng ta, Niết-bàn xuất thế, tiến hay dừng, hãy cùng với ta một chỗ.

Từ Thị nên biết! Đại Bồ-tát nào tu Đại thừa, nghe những lời nói này không tin theo mà lại nghĩ rằng: “Đây là ác ma đến quấy nhiễu ta, làm chướng ngại, và muốn dụ ta làm cho ta thoái chuyển Bồ-đề”. Biết vậy rồi, Bồ-tát phát tâm: “Ta thề không trái với lời nguyện xưa mà nghe lời nói này. Ta quyết định cầu quả Phật vô thượng, với Đại thừa thề không thoái chuyển.” Rồi Bồ-tát phát ba loại tâm:

1. Tất cả hữu tình đều là cha mẹ thân thuộc đời trước của ta từ vô thỉ kiếp ở trong luân hồi sinh tử chịu nhiều gian khổ, chịu các khổ não như: mười sáu tầng địa ngục, tám lạnh tám nóng và nhiều sự khổ não khác. Lại ở trong loài ngạ quỷ, bàng sinh và trời người cũng đều chịu các khổ như vậy, huống là cha mẹ, dòng họ, nội ngoại của ta đời trước mà không thương tiếc. Cho nên ta thề chứng Bồ-đề, không nên thoái chuyển.

Này Từ Thị! Đây là Đại Bồ-tát phát tâm không thoái chuyển thứ nhất.

2. Tất cả hữu tình từ vô thỉ đến nay đều là cha mẹ của ta. Mỗi lần sinh ở trong bụng mẹ, người mẹ khi ăn nằm, ngủ nghỉ không được an ổn, sự sinh dưỡng lại rất khổ nhọc, lấy tâm huyết đại Bi biến thành sữa, không bao giờ mệt mỏi, nhổ đắng nuốt cay, tu tập công đức, mong cho ta trưởng thành, chẳng may ta bạc phước chết yểu thì cha mẹ kêu gào bi thảm, bứt tóc bù tai, đấm ngực, nước mắt tuôn trào, ăn không biết ngon. Trong mỗi lần sinh đều phải khổ như vậy. Được ra đời, nước mắt nhiều hơn bốn biển, uống sữa mẹ nhiều hơn bốn sông lớn. Lại nữa, tất cả hữu tình từ vô thỉ đến nay vì ân ái nên làm cha mẹ ta, vì ta mà bỏ mạng, cho nên đến nay vẫn chưa dứt luân hồi. Nếu hữu tình này siêng năng tu tập Vô thượng Bồ-đề thì chắc chắn thành Phật, nhưng vì ta mà phải bị sinh tử luân hồi. Lại nữa, tất cả hữu tình từ vô thỉ đến nay vì thương xót ta mà tạo ra các nghiệp ác, tâm không hối hận sửa đổi. Nếu nghiệp ác này có hình tướng thì nhiều hơn núi Diệu cao. Do tạo ra nhiều như vậy nên đọa trong ba đường ác đến nay vẫn chưa hết. Như vậy, sao ta lại vong ân bội nghĩa để tự thủ Niết-bàn mà cầu giải thoát? Giống như mọi người đồng phạm vương pháp, bị trói nhốt trong tù, muốn chạy trốn nhưng không có đường ra, trong đó có một người thấy tường có lỗ hở nhỏ, nếu dùng nhiều cách thì có thể thoát ra đi được. Nhờ đó mà người ấy thoát khỏi khổ nạn. Hàng Nhị thừa cũng vậy, xưa kia đồng là si ái với chúng sinh, bị trói buộc trong tù sinh tử của ba cõi, muốn thoát khỏi nhưng vô phương. Trong đó có một người thấy môn Tứ đế, biết được đạo tu Khổ, Tập, Diệt, Đạo, đạt quả A-la-hán, chứng Niết-bàn. Người tu Đại thừa thì không như vậy, họ nguyện cùng chúng sinh được giải thoát, lấy Giới, Định làm hai tay, trí tuệ làm dao, lấy đại Bi làm móc, chìa khoá để phá giặc phiền não, bẻ gãy quân sinh tử, mở thành Niết-bàn, bước lên cung điện trí tuệ.

Từ Thị nên biết! Đây là Đại Bồ-tát tu Đại thừa tâm không thoái chuyển thứ hai.

3. Đại Bồ-tát nghĩ như vầy: Từ vô thỉ kiếp bị luân hồi đến nay, những hữu tình đều lệ thuộc vào nhau tạo ra thân, khẩu, ý nghiệp làm khổ não người khác, quấy nhiễu tâm ý làm cho người khác phát khởi sân hận, cướp đoạt tài sản với mọi tham cầu, giết và ăn máu thịt của chúng sinh, giết hại như vậy vô lượng, vô biên. Giả sử người kia chưa chết thì ngày đêm suy nghĩ bằng cách nào làm cho người ấy chết để cho ta lấy máu thịt mà ăn uống no đủ. Lại kiêu mạn tự thị mà mắng nhục người khác: "Đó chẳng là lời của chính ta". Tâm sinh tật đố lúc nghe người khác có việc hơn mình, không chịu nổi, phải làm cho họ trúng độc mà chết. Thấy người khổ nạn không có tâm Từ bi, lại vui thích không tự kìm chế được mà phải chết sớm sao? Thấy người sang giàu thì lại muốn họ bị phạm tội hình để vào lao, nghèo khổ. Muốn người ta khổ não để mình hưởng vinh hoa phú quý. Muốn tài sản của người đêm ngày bị tiêu mất, còn muốn tài sản của mình ngày càng phát triển. Muốn người kia buồn khổ còn mình luôn an lạc. Muốn người bị oán ghét còn mình được yêu mến. Muốn người khác gặp nhiều oan gia, còn mình gặp nhiều thân hữu. Người kia bị đọa lạc còn mình được lên cao. Muốn người bần cùng còn riêng mình giàu có. Muốn mình được trí tuệ còn người khác thì ngu si. Trong sinh tử từ vô thỉ, ngày đêm suy nghĩ đem lòng như vậy mà muốn cầu an lạc cho riêng mình, lợi ích luôn về mình, còn khổ não thuộc về người, không một

chúng sinh nào mà không bị xâm phạm phá hoại. Không muốn người có việc tốt nổi tiếng, miệng đồng ý mà lòng thì ngược lại, dùng mọi cách bức hiếp khiến người khác luôn bất an… Những việc làm như vậy nhiều vô số kể, không thể nào nói hết.

Lại dùng lời xấu ác để chỉ dạy hướng dẫn người hiện tại, vị lai đọa trong đường hiểm nạn. Giả nói thấy biết để làm chứng cho người khác, làm cho họ bị mất tài sản, mất chức quan, dùng lời ly gián làm rối loạn thân sơ, xảo trá đa đoan để cho lòng người hận nhau, đọa trong địa ngục không biết khi nào ra khỏi. Dùng lời hung ác mắng chửi người như lấy mũi tên, viên đạn bắn trúng vào thân tâm người, cho đến khi nào họ chết mới quên. Giả lập văn tự chửi mắng đa đoan, dùng những lời sai trái để làm tổn hại chúng sinh và nhiều thứ lời lẽ khác như vậy. Hoặc làm Tiên nhân ngoại đạo tà kiến, bị lửa sân đốt tâm, nói pháp tà ác, sân giận hừng hực, đàn áp hữu tình, lập mưu chú thuật yêu mị bùa chú khiến cho các chúng sinh bỏ sự tu tập để tổn hại nhau, làm tật bệnh lan tràn; khỏe mạnh thành gầy ốm, trẻ biến thành già, mắt sáng thì làm cho mù, tai nghe thông khiến cho điếc, đẹp đẽ làm cho xấu xí, người cao sang lại mắc bệnh hủi, người làm thiện khiến tạo ác, người trí tuệ khiến cuồng si, người sống lâu làm cho chết yểu, người giàu sang khiến nghèo khổ, cho đến ngày nay luân hồi mãi chưa dứt.

Lại nhớ ngày xưa, ta là thầy ngoại đạo tà kiến, dạy người phi pháp nói là Chánh pháp, Chánh pháp nói là phi pháp, khiến cho vô số chúng sinh thoái tâm Bồ-đề, rơi vào phi pháp tà kiến. Từ đấy qua đời, đọa vào địa ngục, bàng sinh, ngạ quỷ.

Lại có chúng sinh đời trước nhận sự dạy bảo của ta, từ núi cao vòi vọi quăng mình xuống sông Diêm-mâu-na rồi chết, cho là được sinh lên trời, đến nay vẫn còn đọa.

Lại có vô lượng chúng sinh đến giữa hai sông: phía Nam sông Hằng, phía Bắc sông Diêm-mâu-na (chi lưu của sông Hằng, hợp với sông Hằng ở chỗ Bát-la-da-na), nơi có thần cây tên Ni-câu-đà sum suê tươi tốt, xanh biếc tỏa bóng mát, đất đai bằng phẳng rộng rãi, lấy nơi này làm trường thi, dưới cây dựng ba cái kích sắt. Chúng sinh kia muốn sinh lên trời thì trước tiên hành bố thí trong trường đó rồi cạo bỏ râu tóc, vào sông tắm rửa mong trừ tội cấu, sau đó leo lên cây rồi đâm đầu xuống mũi kích tự chết; chết rồi nói là được sinh lên trời. Từ vô thỉ đến nay như vậy luân hồi không dứt.

Lại có chúng sinh học tà giáo của ta thường xan lận không bố thí, thấy ai bố thí thì lại nổi sân, thấy người nhận sự bố thí thì tức giận. Vì sao vậy? Vì thấy có người bố thí và có người nhận sự bố thí, do nghiệp duyên này mà đều đọa địa ngục. Do thấy như vậy cho nên trong vô lượng kiếp bị khổ ngạ quỷ đến nay chưa thoát khỏi.

Lại có chúng sinh nhận tà giáo của ta, giết nhiều trâu dê để lấy máu tế trời. Vì sao vậy? Vì trâu dê ấy là trời ban cho ta, ta ăn máu thịt ấy là để tế trời. Từ vô thỉ đến nay thọ nhận và thực hành theo lời dạy đó, sau khi qua đời đọa vào đường ác, tàn hại ăn nuốt lẫn nhau, do ngu si nên không chứng được Niết-bàn.

Lại có chúng sinh nhận tà giáo của ta, luôn phỉ báng Phật, Pháp, Tăng. Lại có chúng sinh nhận tà giáo của ta mà không tin nhân quả thiện ác trong ba đời, nói không bố thí cũng không cúng dường, không có kết quả, không có pháp hộ trừ ma, không làm việc thiện, không làm việc ác, cũng không có quả của nghiệp, không có đời này đời khác, không có địa ngục, ngạ quỷ, bàng sinh, không có trời, người, cha mẹ. Tất cả chúng sinh giống như say rượu, người làm rượu lấy

nếp pha chế cho ấm lạnh để thành rượu ngon, người uống vào thì say ngay. Rượu này là do cha mẹ làm ra sao? Chúng sinh cũng vậy, cha mẹ hòa hợp do ái nhiễm xưa mà có thân ta. Sau khi ta qua đời không còn sống nữa, giống như sau khi chặt cây, đốt rồi thì thành than tro. Tro này đâu phải do cây mà có. Thân ta cũng vậy, chết rồi không sống nữa, cho nên biết rằng chắc chắn không có nhân quả. Do đây mà đối với cha mẹ, sư trưởng không cung kính, lại mắng chửi. Trong vô lượng kiếp cứ dạy tà giáo này khiến cho các hữu tình đọa vào địa ngục.

Hoặc có ngoại đạo lấy lửa đốt thân, hoặc trầm mình trong nước chết chìm, hoặc lăn lộn trên kích nhọn để chết, hoặc tu hạnh con chó ăn phân để cầu sinh lên cõi trời. Hoặc tu giới của bò, như bò đi đường, uống nước ăn cỏ, không có gì che thân, không phân biệt lục thân nên dâm loạn bậy bạ. Hoặc có ngoại đạo nhịn đói không ăn, đứng suốt cả ngày, qua đêm sau mới ăn. Hoặc có ngoại đạo dùng năm loại nóng đốt thân và xoay chuyển theo mặt trời. Có ngoại đạo giơ một chân lên cao. Có ngoại đạo phụng thờ mặt trăng, tháng có trăng thì một ngày ăn một miếng, hai ngày ăn hai miếng, cho đến đủ tháng thì ăn được mười lăm miếng. Tháng tối thì ngày đầu tiên giảm ăn một miếng, hai ngày giảm hai miếng, cho đến hết tháng tối chỉ ăn một miếng, hoặc có khi không ăn. Có ngoại đạo trì giới gà, rải thức ăn trên đất rồi dùng chân bới ra lượm ăn, lúc tới giờ thì kêu; có ngoại đạo lõa thân đi, không biết xấu hổ. Có ngoại đạo đốt tóc, vào giữa trưa đứng ngoài trời và di chuyển theo mặt trời, trời lạnh buốt ở dưới bóng mát mà đứng quạt. Có ngoại đạo sau khi giết người, lấy đầu lâu đựng thức ăn uống; có ngoại đạo lõa hình không xấu hổ, lấy tro bôi thân. Hoặc có ngoại đạo dùng than đen bôi lên thân, hoặc dùng các đốt xương của đầu lâu để làm xâu chuỗi, vòng hoa, nhẫn xuyến để trang sức thân thể. Hoặc có ngoại đạo lấy đuôi ngựa, lông bờm ngựa dệt làm áo quần, có ngoại đạo lấy vỏ cây làm áo quần, có ngoại đạo lấy lông chim thứu làm áo quần, lấy lông gà làm áo quần.

Những ngoại đạo như vậy lấy tà pháp dạy chúng sinh.

Vì khẩu nghiệp mà vô số chúng sinh đến nay vẫn ngu mờ không được giải thoát. Lại từ vô thỉ đến nay do thân tạo ra nghiệp ác làm khổ não chúng sinh, làm cai ngục cầm kềm sắt kẹp lưỡi chúng sinh rồi lấy nước đồng sôi rót vào. Lại lấy chày sắt đập nát xương chúng sinh, lại dùng cưa sắt cưa xẻ các chúng sinh, hoặc xua đuổi chúng sinh lên rừng kiếm, kéo ruột, ngũ tạng ra ăn; hoặc lấy dây sắt quấn chặt chúng sinh quăng vào sông tro, rồi lại kéo ra để trên cây nóng như cá bị trộn qua trộn lại trong chảo, hoặc bắt đứng ngồi rồi lấy thìa sắt nóng xúc, hoặc lấy nước đồng sôi rót vào miệng bắt uống. Hoặc dùng kềm sắt rút lưỡi chúng sinh ra, kéo cho dài rộng rồi lấy lưỡi cày bằng sắt cày lên, giống như các khổ đã nói trong địa ngục ở trên.

Từ vô thỉ kiếp đến nay, ta bị những việc như vậy… Mỗi nghiệp thân là làm khổ não chúng sinh, lại làm sư tử, hổ báo, sài lang, gấu bi… ăn thịt uống máu, tàn hại chúng sinh. Hoặc trong địa vị tôn quý làm vua quan, thứ dân, trưởng giả, cư sĩ… bẻ cong pháp luật mà thu thuế, đánh đập vô cớ, không làm theo pháp luật của vua, làm tổn hại hữu tình. Do đó mà suy nghĩ: từ vô thỉ đến nay ta đã luôn não hại chúng sinh trong năm đường, nào chặt đầu, móc mắt, xẻo tai, cắt mũi, cắt lưỡi, ăn thịt, chẻ xương lấy tủy, chặt tay chân cho đến chết. Hoặc khi làm người thì làm đồ tể, săn thú, bắt cá, giăng lưới để đoạt mạng chúng sinh như trâu, dê, hươu, nai, chồn, thỏ, gà, heo, cá, ba ba, rùa… cắt thân chúng ra từng khúc rồi dồn lại để bán. Sát hại, buôn bán vô số chúng sinh như thế trải qua vô lượng câu-chi kiếp.

–Này Từ Thị! Đại Bồ-tát tu Đại thừa nên phát tâm như vầy, tư duy như vầy: "Vì tham, sân, si mà thân, khẩu, ý tạo ra bao nghiệp ác, lừa gạt làm tổn hại tất cả chúng sinh hiện đang đọa trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh mà chịu các khổ não. Ta nay lấy làm xấu hổ, hối hận, tự trách mình làm thế nào để đền đáp công ân ấy. Suy nghĩ như vậy, không có cách nào khác để đền trả tội ấy, chỉ có chí tâm cầu Vô thượng Bồ-đề, chứ không thể nào trả hết nợ cũ. Sau khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, ta cứu độ chúng sinh đang ở trong sa mạc đồng hoang luân hồi này đến thành Niết-bàn an lạc. Dùng châu như ý, trí Nhất thiết trí để đền trả tội lỗi thâm sâu từ vô thỉ."

Từ Thị nên biết! Đây là Đại Bồ-tát phát tâm không thoái chuyển thứ ba.

Hai tâm trên nỗ lực tu hành tinh tấn không giải đãi. Tâm thứ ba nhất tâm tu hành chứng quả vị không thoái chuyển.

Này Từ Thị! Dùng năm loại phát tâm này tu hành Đại thừa mau thành tựu Nhất thiết trí.

QUYỂN 4
Phẩm 5: BỐ THÍ BA-LA-MẬT-ĐA

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở trong đại chúng rống tiếng Sư tử nói xong năm loại phát tâm Bồ-đề. Đại Bồ-tát Từ Thị cùng vô lượng, vô số trăm ngàn câu-chi Đại Bồ-tát, Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi làm thượng thủ và tất cả đã thành tựu sáu pháp Ba-la-mật-đa. Lại có vô lượng đại A-la-hán các lậu đã hết, việc làm đã xong, xả bỏ gánh nặng, phạm hạnh thanh tịnh và vô số câu-chi trăm ngàn vạn ức na-do-tha Trời, Rồng, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Dạ-xoa, La-sát, Càn-thát-bà, Tỳ-xá-già, Nhân phi nhân…

Khi ấy, Đại Bồ-tát Từ Thị ở giữa đại chúng liền đứng dậy, chỉnh đốn pháp phục, trịch áo bày vai phải, quỳ gối chắp tay, nhất tâm cung kính thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói tâm không thoái chuyển Đại thừa Bồ-tát. Bồ-tát tu tập bao nhiêu pháp mới được gọi là Đại Bồ-tát? Cúi xin Đức Thế Tôn phân biệt giải nói.

Khi ấy Đức Thế Tôn dạy Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Nếu có thiện nam, thiện nữ nào với tâm thanh tịnh quy y Phật, Pháp, Tăng bảo, phát tâm Vô thượng Bồ-đề thì chứng được quả vị không thoái chuyển, vị đó gọi là Bồ-tát, sống trong pháp của ta gọi là Ma-ha-tát (Đại), làm Pháp vương tử cho hằng hà sa chư Phật Bồ-tát, vì các hữu tình ấy mà làm cha mẹ, làm ánh sáng đại phước đức soi chiếu hơn cả trăm ngàn mặt trời để trang nghiêm thân Phật.

Đại Bồ-tát Từ Thị thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát này làm sao viễn ly, làm sao thân cận? Lấy ai làm bạn lữ? Trước tiên phải làm gì và nên trụ như thế nào? Tu hành ra sao? Điều phục tâm như thế nào? Giữ gìn những gì? Nhờ thế lực của ai để mau chứng đắc Vô thượng Bồ-đề?

Đức Thế Tôn dạy:

–Thiện nam, thiện nữ nào dắt dẫn chúng sinh trong năm đường đạt đến Vô thượng Chánh giác Bồ-đề, tránh xa ngoại đạo, pháp tà, bạn ác; gần gũi người tu hành, đầy đủ Bố thí, Trì giới,

Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ, lấy người hành Đại thừa làm bạn lữ, chính mình nên lắng nghe Chánh pháp, siêng năng tụng trì, an trụ sáu pháp Ba-la-mật-đa như vậy, tinh tấn tu hành, điều phục tâm ý, thu thúc sáu căn. Nhờ năng lực này mà mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, nên gọi là Đại Bồ-tát.

Thế nào là sáu pháp Ba-la-mật-đa? Đó là: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ ba-la-mật-đa.

Bồ-tát Từ Thị thưa:

–Vì sao nói Bố thí ba-la-mật-đa là pháp đầu tiên?

Đức Phật dạy Từ Thị:

–Ta sẽ vì ông mà phân giải rộng nói. Trong sáu pháp Ba-lamật-đa, Bố thí ba-la-mật-đa rất dễ tu tập cho nên nói trước, giống như những việc làm ở thế gian, việc nào dễ thì nên làm trước, cho nên nói Bố thí ba-la-mật-đa đầu tiên.

Tất cả hữu tình ai cũng có thể hành Bố thí ba-la-mật-đa. Dạxoa, La-sát, sư tử, hổ, sói, cai ngục, đồ tể, đầu bếp… là những chúng sinh bạo ác nhất trong loài hữu tình mà còn có thể bỏ xan tham thi hành bố thí. Bố thí thế nào? Nghĩa là chúng nuôi con, vì thương xót mà cho con bú sữa. Chúng sinh này tuy không thể biết phước lợi nhưng nhờ có lòng thương xót mà được khỏe mạnh, sống lâu, an lạc, lìa khổ đói khát. Đó cũng gọi là bố thí. Do đó mà bố thí đối với sáu pháp Ba-la-mật-đa thì nói Bố thí ba-la-mật-đa trước tiên.

Lại như, tất cả chúng sinh nghèo khổ đói lạnh, lõa thân, thân tâm không an, làm sao có thể làm mọi việc? Nếu cho họ cơm ăn, áo mặc để được an lạc thì sau đó mới có thể tu các thiện nghiệp. Đại Bồ-tát cũng vậy, thấy các hữu tình bị nghèo khổ bức bách, không thể phát lòng tin vô thượng để tu hành tất cả sự nghiệp Đại thừa, làm các việc lớn nên trước tiên bố thí tất cả áo quần, đồ ăn uống, phòng xá, giường chiếu, thuốc thang… để tâm họ được an lạc rồi sau đó làm cho họ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tu hành pháp Đại thừa. Do đó mà Bố thí ba-la-mật-đa là cửa đưa đến thành tựu sáu pháp Ba-la-mật-đa, là hạnh đầu tiên của bốn Nhiếp pháp. Giống như tất cả vạn vật đều nhờ đất mà sinh trưởng; do đó mà nói Bố thí ba-la-mật-đa đầu tiên.

Như các loài Dạ-xoa… đã nói ở trên, không biết những gì là ruộng phước và chẳng phải ruộng phước, nhưng do lòng yêu thương mà cho con bú, thì sẽ được làm người giàu có của cải, không đói thiếu. Do nhân này mà sinh ra chỗ nào cũng không có tánh xan tham, bố thí cho tất cả hữu tình để dứt trừ sự bần cùng khốn khổ. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát muốn làm lợi ích cho các hữu tình, trước tiên phải thực hành hạnh Bố thí ba-la-mật-đa. Người nào đến xin thì đem cho, không được nhăn nhó, khinh thị cũng không sân giận, tiếc nuối. Mình có gì đem cho nấy, không được chần chừ và sinh lòng keo kiệt. Đối với những gì mình yêu thích như: áo quần, giường chiếu, đồ ăn uống, thuốc thang, đất nước, vợ con, nô tỳ, đầy tớ, voi ngựa, bảy báu… đều lấy đem bố thí, cho đến một niệm cũng không hối tiếc. Nếu ai nghi ngờ thì đó là ma. Vì sao vậy? Vì ma vương Ba-tuần hóa làm của cải để khiến người xan tham. Nó làm cách ấy là để mê hoặc tâm ta, làm cho chướng ngại đại Bồ-đề. Do nghĩa này nên không được xan tham mà suy nghĩ như vầy: “Phải xả bỏ tất cả của cải mà ta yêu mến.”

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Từ Thị thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu ta bố thí của cải yêu thích mà không tiếc nuối thì Đại Bồ-tát là Chuyển luân vương có bảy báu ngàn người con vây quanh không biết làm gì, giống như cây cỏ rất nhỏ sống ở khe rạch lại gặp mưa dữ dội, nước lớn tràn về trôi sạch không còn lại một thứ gì. Vua Chuyển luân có năm dục thỏa thích, hùng mãnh, quyền lực, ngàn người con đi theo mình, làm tâm Bồ-đề đều phải trôi hết, như vậy làm sao tu tập hạnh bố thí, do vậy mà khó xả ly.

Đức Thế Tôn dạy Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Này thiện nam! Đại Bồ-tát sinh ra chỗ nào luôn giàu có, của cải sung túc và pháp đạo cũng như vậy. Chuyển luân thánh vương nên suy nghĩ hai điều:

1. Tư duy chư Phật quá khứ hành những hạnh khó làm và tất cả giáo pháp của Phật Bồ-tát. Năm dục khoái lạc của Chuyển luân vương do vọng chấp phân biệt mà có, giống như huyễn mộng. Với cảnh năm dục ấy, Chuyển luân thánh vương không phân biệt, không chấp trước, làm sao có thể làm chướng ngại tâm Bồ-đề.
2. Tư duy: Ta đã đưa tất cả hữu tình vào chỗ an lạc vô thượng Bồ-đề cũng như quá khứ hằng hà sa chư Phật Như Lai xả bỏ những việc khó xả, ta cũng thề phải xả bỏ như vậy. Vì muốn tẩy trừ đi những cấu uế xan tham mà phát tâm nguyện: Từ đây cho đến khi thành Phật, thề đem thân này bố thí cho cả pháp giới, để cho tất cả chúng sinh được tu phước nghiệp. Dù nhiều hay ít, nguyện cùng hưởng với tất cả chúng sinh, hồi hướng lên Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Lấy đó mà quán sát: Xưa kia ta đã xả vô số thân mạng như núi Diệu cao, quán thân ta giống như hạt cải, thân này còn xả, huống gì của cải. Nếu Bồ-tát có nhiều tài sản quý báu mà không bố thí thì giống như voi trắng đã tắm rửa sạch sẽ trong sông Hằng rồi dùng vòi hút lấy phân dơ, đất bụi bôi khắp thân. Ta lấy nước sạch phước đức tắm rửa thân thể cho sạch sẽ, đoan trang, thơm khiết, chứ không nên xan tham mà yêu thích của cải để bôi dơ nhớp lên thân.

Từ Thị nên biết! Đại Bồ-tát tư duy như vầy: Có người đến xin da của ta, ta liền lột đưa vui vẻ với lòng hoan hỷ, không một chút sân hận. Nếu xin thân, đầu, máu, thịt, xương, tủy cũng đều đem cho. Do đó mà Đại Bồ-tát làm lợi ích an vui cho các hữu tình, không xả bỏ sinh tử mà không chấp lấy Niết-bàn.

Lại nghĩ như vầy: Nay thân này của ta trước đây không đến, sau này không đi, do cha mẹ hòa hợp hạt giống bất tịnh mà có thân ta, ở trong chỗ bào thai dơ nhớp. Giống như trồng cây, cành lá tốt tươi thì hoa quả thành trái; thân ta cũng vậy, lấy khổ làm cành, lo buồn làm lá, dối gạt làm hoa, si làm gốc. Quỷ La-sát sân giận ở cây này, lại bị những nghiệp ác như hổ báo, chó sói, sư tử… bao quanh cây. Nay tạm thời ta nghỉ dưới gốc cây này, tại sao tham tiếc cây độc dữ này làm gì? Thân cây này không có ngã và ngã sở, giả sử nếu có thì ta cũng xả nó, nguyện đem cho chúng sinh theo yêu cầu của họ, không bao giờ tham tiếc. Vì sao vậy? Vì ngã đã xả rồi nên không cầu quả báo, không mong cầu ân đức, không chấp trước. Vì sao vậy?

Vì thân ác độc này bị trói buộc bởi ba pháp ác:

1. Bất tịnh. 2. Rất khổ. 3. Vô ân.

Nếu có người bị La-sát độc ác và loài thú dữ bao quanh, trong chúng có ai cứu vớt thì nên biết người đó là ân nhân của ta, đã làm lợi ích cho ta. Ta luôn nhớ ân đức của người này, sao lại tiếc thân này với họ ư? Tất cả cây cỏ thuốc thang, gốc rễ, cành lá, hoa quả, nông sản trên mặt đất

này đều có thể mặc, ăn, mang, đội. Nếu dùng búa chém, chặt hết cho người thì có thể làm lợi ích cho vô lượng chúng sinh. Nhưng mặt đất này không nghĩ rằng chúng sinh đã ăn thân, cành, lá, hoa, quả của mình mà được khỏi bệnh. Loài vô tình kia không phân biệt mà còn có thể làm lợi ích cho tất cả hữu tình, huống gì thân ta mà không thể hành bố thí để làm lợi ích cho người khác sao! Ngược lại có người đến xin thì ta có tâm ngã mạn khinh khi, nhục mạ.

Lại nên quán sát trong ngoài thân của chính mình. Trước tiên quán sát bên trong thân: Mắt là của ta ư? Nếu không phải của ta thì vì sao tham tiếc?

Tai, mũi, lưỡi, thân… cũng như vậy. Quán khắp hết thì không có gì là ta và của ta.

Lại quán ngoài thân: Sắc là ngã ư, là ngã sở ư? Thanh, hương, vị, xúc lại cũng như vậy.

Quán sát khắp cả trong ngoài thân đều không có ngã, đã không có ngã thì vì sao xan tham không bố thí? Nên phải tư duy chắc chắn như vầy: "Nguyện đem thân này cống hiến cho tất cả." Vì sao? Vì thân này vô thường biến đổi, không nhất định, sinh diệt trong từng sát-na, không có gì cả.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Ai bắt ta bỏ thân, của cải
Không được tự do, không lợi ích,
Biết vậy rồi, tư duy thật kỹ
Mở lòng bố thí là tối thắng.
Người mê nếu ngộ pháp mộng huyễn
Trong ngoài đều xả, không chấp hữu,
Bố thí như vậy sánh hư không
Không ta, không nhận là tối thắng.

Lại nữa, này Từ Thị! Nếu Đại Bồ-tát tu hành Đại thừa, cầu Vô thượng Bồ-đề thì nên tu pháp Không, vì quán Không nên tâm mới được tự tại. Ở chỗ hằng hà sa chư Phật được thọ ký, tâm quả vị không thoái chuyển mà hành bố thí, không có mỏi mệt. Bố thí là con dao chặt đứt giặc xan tham; giặc xan tham là cội gốc của các khổ. Bồ-tát bố thí không tham tiếc. Vì sao vậy? Vì Đại Bồ-tát tuy có phiền não nhưng đó đều là phương tiện để làm lợi muôn vật. Những phiền não đó không có tội lỗi, vì đó là nguyện lực của Đại Bồ-tát. Thân, khẩu, ý trụ vào "Vô công dụng" mà được thanh tịnh, khéo điều phục năm Căn không buông lung, làm nhiều lợi ích cho tất cả chúng sinh, biết Thắng nghĩa đế và Thế tục đế, lấy nước Chánh định để rửa sạch bụi xan tham. Đã trừ sạch cấu bẩn này rồi thì bố thí một cách tự tại, nói pháp Đại thừa, ánh sáng oai nghiêm chiếu rực rỡ giống như mặt trời tỏa sáng, phá trừ các tối tăm. Ánh sáng của tiếng nói pháp trừ đi tâm hôn mê.

Đại Bồ-tát Từ Thị thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao thuyết minh pháp thí trước tiên?

Phật dạy: Pháp thí có ba vượt hơn tài thí:

1. Bố thí tài của thì có thể hết, còn bố thí pháp thì càng bố thí càng tăng trưởng không hết. Do đó mà nó vượt hơn tài thí.

2. Người nhận tài thí chỉ được ích lợi đời hiện tại. Còn người nhận pháp thí thì được lợi ích đời này và đời sau, nó luôn luôn đi theo ta vô số kiếp, không ai có thể cướp đoạt, cho đến chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề cũng không lìa bỏ.
3. Bố thí tài, thì người bố thí được lợi ích, người nhận thì không được lợi ích. Còn bố thí pháp thì cả hai đều được lợi ích. Vì do nghe pháp mà phát tâm mau hướng đến Vô thượng Bồ-đề.

Do ba nghĩa trên mà pháp thí vượt hơn Tài thí. Nhờ thực hành Pháp thí nên tiếng đồn vang, tất cả người trời đều tôn trọng, cung kính. Do đây mà trước tiên nói về Pháp thí.

Nếu Đại Bồ-tát tu tập Bố thí Ba-la-mật thì lấy ba việc và các công đức để làm gốc:

1- Làm lợi ích cho mình và người. Nếu không làm lợi ích cho người mà riêng mình hưởng cái vui ở đời thì chẳng phải hạnh Bồ-tát.

2- Ở trong Đại thừa không thoái lui.

3- Tu tập một chút phần bố thí là gốc của vô lượng công đức. Vì sao? Vì tâm thanh tịnh không phân biệt.

Giống như mặt trời chiếu sáng khắp thế gian, các loài hữu tình và vô tình đều nhờ ân được lợi ích. Mặt trời đó không nói: Ta đã chiếu sáng, cũng không phân biệt hữu tình hay vô tình. Bồ-tát đã làm những công đức như vậy cho đến bố thí một cái hoa, một cái quả đều vì lợi ích cho tất cả chúng sinh. Nhờ công đức này mà thành quả Vô thượng, lòng Từ bi biến khắp mười phương, chỉ dạy dẫn dắt cho tất cả muôn loài.

Lại nữa, này Từ Thị! Đại Bồ-tát dùng của báu bố thí để làm dụng cụ trang nghiêm cho đến lúc thành Phật, tướng tốt trang nghiêm. Vì sao bố thí ít mà được công đức nhiều? Dùng chút ít sức phương tiện bố thí, hồi hướng phát nguyện cùng tất cả chúng sinh đồng chứng Bồ-đề Vô thượng Chánh đẳng. Do đó mà được công đức vô lượng, vô biên, giống như chút mây mà dần dần bủa khắp thế giới.

Này Từ Thị! Bố thí có ba loại:

1. Bố thí nhỏ.
2. Bố thí lớn.
3. Bố thí đệ nhất nghĩa.

Bố thí nhỏ nghĩa là dùng những thứ ăn uống, áo quần, các dụng cụ trang sức, tài bảo, voi ngựa, xe cộ, kho lẫm, thành ấp, xóm làng, vườn cây, nhà cửa và tất cả nhạc cụ của Chuyển luân vương mà đem bố thí thì gọi là bố thí nhỏ.

Bố thí lớn là bố thí những gì mà Chuyển luân vương yêu mến như: hoàng hậu, thứ phi, quyến thuộc và chính bản thân mình đem bố thí cho người gọi là bố thí lớn.

Bố thí đệ nhất nghĩa, nghĩa là có thể lấy thân mạng của mình mà hành bố thí, vì tâm tương ưng với Vô sở đắc nên gọi là Bố thí đệ nhất nghĩa.

Đại Bồ-tát dùng ba loại này mà hành bố thí thì gọi là Bố thí ba-la-mật-đa.

Này Từ Thị! Ai bố thí thức ăn là bố thí năm việc:

1. Bố thí mạng sống: nếu người không ăn thì khó có thể cứu mạng sống.
2. Bố thí sắc: nhờ được ăn mà nhan sắc đẹp đẽ.
3. Bố thí sức: do được ăn mà sức lực phát triển.

4. Bố thí vui: do thức ăn này thân tâm được an vui.

5. Bố thí hiểu biết: nếu bị đói khát thì thân tâm nhu nhược, nói phều phào không rõ ràng. Khi ăn uống được sung túc thì thân tâm khỏe mạnh, được trí tuệ và đại biện tài vô ngại.

Khi Đại Bồ-tát bố thí cơm ăn, nên phát nguyện hồi hướng như vầy: Khi con bố thí thức ăn thì bố thí năm việc này:

1. Nếu bố thí thân mạng, con nguyện cho tất cả chúng sinh được sống lâu như Phật, một kiếp, hai kiếp, vô lượng kiếp cùng ở với nhau.
2. Nếu bố thí sắc, con nguyện cho tất cả chúng sinh được sắc thân vàng ròng như Phật, chiếu rực rỡ thế gian, hơn cả trăm ngàn mặt trời.
3. Bố thí sức lực, con nguyện cho tất cả chúng sinh được mười Lực của Phật, trong mỗi lực đều có tám vạn bốn ngàn sáu trăm sáu mươi ba loại sức Na-la-diên.
4. Bố thí vui, con nguyện cho tất cả chúng sinh thành Phật, không có gì sánh bằng Niết-bàn an lạc.
5. Bố thí sự biện tài, con nguyện cho tất cả chúng sinh thành tựu được bốn vô ngại biện của Thế Tôn.

Nếu bố thí mùi vị, nguyện cho tất cả chúng sinh được đầy đủ pháp vị cam lồ vô thượng của Phật, an ổn không gì sánh bằng thanh tịnh Niết-bàn.

Khi bố thí nước, nguyện cho tất cả chúng sinh trừ hết khát ái.

Nếu bố thí những thức ăn ngon, đường cát, đường phèn, mía, bồ đào thì được bốn cái răng giữa trong miệng của Như Lai nên tất cả những thức ăn uống và độc dược khi vào tới răng đều biến thành cam lồ.

Nếu bố thí thuốc thang, nguyện cho tất cả chúng sinh được thuốc sáu Độ chữa lành bệnh sinh tử, được an vui Niết-bàn.

Khi bố thí áo quần, nguyện cho tất cả chúng sinh được áo xấu hổ để che thân, xa lìa thân hình xấu xí, được thân đẹp đẽ màu vàng ròng, tươi đẹp không ai sánh bằng.

Nếu bố thí những loại hương bột, hương xoa, con nguyện cho tất cả chúng sinh được giới hương để xoa thân, tẩy trừ tập khí ô uế phiền não.

Nếu bố thí voi ngựa, xe cộ, thuyền bè, con nguyện cho chúng sinh đều được Tam-muội tùy tâm của Như Lai, đi đứng tự do không có chướng ngại.

Khi bố thí cầu cống, nguyện cho chúng sinh cầu được sáu Độ, qua sông sinh tử, đến bờ Niết-bàn.

Nếu bố thí anh lạc, nguyện cho chúng sinh được trang sức bằng chuỗi châu ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp.

Nếu ở chỗ đồng hoang sa mạc, qua lại đói khát, bị mặt trời thiêu đốt thì bố thí ao giếng để uống, tắm rửa. Nguyện cho tất cả chúng sinh xa lìa đồng hoang luân hồi sinh tử, cái nóng nực của ba độc, cái khổ của khát ái. Lại nguyện thân ta là ao, suối pháp, nước Nhất thiết trí đầy đủ trong đó để chúng sinh tha hồ uống, tắm rửa, chấm dứt nguồn sinh tử, được chân giải thoát.

Bố thí nhà cửa, nguyện cho chúng sinh tránh xa mưa gió, giặc cướp, thú ác, sợ hãi mà được an lạc. Nguyện cho chúng sinh đều vào nhà Niết-bàn, xa lìa giặc phiền não và địa ngục lạnh nóng, vĩnh viễn không còn lo sợ mưa gió sinh tử.

Nếu bố thí mền mùng mềm mại, giường chiếu… nguyện cho chúng sinh ngồi tòa Bồ-đề, tự nhiên giác ngộ, được chân bình đẳng.

Nếu bố thí những loại áo quần thượng hạng, nguyện cho tất cả chúng sinh có áo pháp tam thừa, che khắp tất cả phiền não chúng sinh.

Nếu bố thí đèn dầu cho Tam bảo, Sư tăng, Cha mẹ, nguyện cho tất cả chúng sinh được mắt Nhất thiết trí.

Nếu bố thí âm nhạc, nguyện cho tất cả chúng sinh được thiên nhĩ, nghe biết được tất cả âm thanh trong mười phương thế giới.

Nếu đối với chỗ quá xa không có Phật pháp thì xây dựng Tăng phường và Chiêu-đề Tăng để bố thí những dụng cụ ăn uống, thuốc thang, nguyện cho tất cả chúng sinh được thành Niết-bàn an lạc, chấm dứt khổ luân hồi sinh tử.

Nếu bố thí thuốc thang, nguyện cho tất cả chúng sinh dùng thuốc pháp để trừ bệnh phiền não.

Nếu bố thí đầy tớ, nguyện cho tất cả đều như A-nan hầu Như lai.

Nếu cứu người tù đày được tự do, nguyện cho tất cả chúng sinh viễn ly ngục tù phiền não, được giải thoát, hoàn toàn trụ trong ngôi vị Pháp vương.

Nếu bố thí vàng bạc và của báu vô giá, nguyện cho tất cả chúng sinh được trăm tướng phước đức trang nghiêm thân.

Nếu bố thí mũ báu và những dụng cụ trang trí như anh lạc, xuyến, nhẫn, bông tai, vòng hoa… nguyện cho tất cả chúng sinh được tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân.

Nếu bố thí nơi thanh tịnh tu học, nguyện cho tất cả chúng sinh được bốn Thánh chủng làm chỗ nương tựa.

Nếu bố thí kho tàng, nguyện cho tất cả chúng sinh được tài pháp công đức vô thượng của Phật.

Nếu bố thí bảy báu và ngôi vị Chuyển luân vương tự tại an lạc, nguyện cho tất cả chúng sinh được sức mạnh lớn, dùng tay diệu pháp cứu vớt chúng sinh ra khỏi mười nghiệp ác, lấy nước Thập thiện rửa cho sạch sẽ, dùng giới hương thanh tịnh để thoa thân, đoạn trừ tất cả mùi hôi xú uế, lấy áo tàm quý mà làm tàng lọng, lấy công đức Phật làm anh lạc, lấy nhẫn nhục làm vòng hoa để trang sức thân, lấy tĩnh lự làm giường ngồi, an trú bất động, lấy mũ Bồ-đề đội lên đầu, ở trong ngôi vị Pháp vương mà nhận quán đảnh.

Từ Thị nên biết! Bố thí như vậy gọi là Bồ-tát hành tiểu thí.

Lại nữa, đại thí nghĩa là đối với vợ trinh thuận, con xinh đẹp, trai gái bạn bè yêu kính nhất, Bồ-tát đều đem bố thí. Nếu không xả bỏ vợ con này thì làm sao được làm cha mẹ tất cả chúng sinh và có thể yêu thương họ? Hãy thương xót cứu độ chúng sinh như con yêu quý của mình, làm cho lìa sinh, già, bệnh, chết. Do đây mà Đại Bồ-tát đều bố thí tất cả những gì sủng ái, thương yêu, cho đến thành Phật Vô thượng Bồ-đề.

Từ Thị nên biết! Bố thí như vậy gọi là Bồ-tát hành đại thí.

Bố thí đệ nhất nghĩa: Đại Bồ-tát với tâm thanh tịnh, đem tay chân, da thịt, xương tủy, đầu, mắt, tai, mũi, cho đến thân mạng của mình mà tâm không tiếc nuối. Đem công đức này nguyện cho tất cả chúng sinh đời tương lai được thân Kim cang không hư hoại.

Nếu bố thí tay chân mà không thương tiếc, nguyện cho tất cả chúng sinh đang luân chuyển, nổi trôi trong dòng thác sinh tử, mà không người cứu vớt thì đưa tay Chánh pháp cứu vớt họ, đưa họ lên bờ cõi an lạc.

Nếu bố thí tai, mũi, lưỡi, nguyện cho tất cả chúng sinh đời tương lai đều được năm Căn thanh tịnh của chư Phật, lấy pháp vi diệu ấy trang nghiêm chúng sinh.

Nếu lấy máu thịt bố thí cho chúng sinh thì lúc bố thí nguyện cùng tất cả chúng sinh được thân giống như đại địa, làm chỗ nương tựa cho các hữu tình. Giống như dòng nước lớn có thể tẩy trừ được cấu uế, khe rạch khô ráo được tràn đầy. Lại như ánh lửa lớn phá trừ chỗ tối tăm, được thành tựu tất cả. Như gió lớn thổi làm kinh động tất cả, khai mở sinh trưởng được mọi sự tươi đẹp.

Khi bố thí mắt, nguyện cho tất cả chúng sinh được Phật nhãn.

Nếu bố thí đầu và mũ báu, nguyện cho tất cả chúng sinh được mũ báu bảy Giác chi vô thượng của Phật.

–Này Từ Thị! Đại Bồ-tát đem tất cả những vật tốt đẹp trong thế gian bố thí cho tất cả hữu tình mà không tham tiếc. Vì sao vậy? Vì đem lòng đại Bi xem chúng sinh bình đẳng giống như con một. Nguyện cùng tất cả chúng sinh không còn nghèo khổ, cầu gì cũng được toại nguyện, ở trong đồng hoang sinh tử đầy đủ bảy Thánh tài, được của báu trí Phật.

Này Từ Thị! Vì sao Đại Bồ-tát tu hành bố thí mà không có nguy hoạn? Nghĩa là tự tay mình hành bố thí, chẳng phải ganh tỵ, chẳng phải sợ tiếng xấu, chẳng phải cầu ân đức, chỉ vì cứu vớt người bần cùng cô đơn, khốn khổ. Đó gọi là bố thí. Nếu vì tiếng tốt mà làm thầy, luôn hành bố thí thì giống như người đi buôn, chẳng phải là bố thí chân thật. Có lòng đại Bi, bố thí không phân biệt oán, thân, của cải nhiều hay ít, đó là chân thật bố thí.

Này Từ Thị! Có hai loại ruộng:

1. Ruộng Bi: nghĩa là những người cô quả nghèo cùng, khốn khổ.
2. Ruộng Cung kính: đó là Phật, Pháp, Tăng, Cha mẹ, Sư trưởng.

Không nên xem thường ruộng Bi mà nói không phải ruộng Phước. Với ruộng cung kính không mong cầu quả báo, dùng tâm đại Bi không phân biệt, bố thí bình đẳng cho tất cả, gọi là Chân bố thí. Lại nữa, bố thí chớ vì sự vọng cầu mà không xả bỏ tài sản của cải, hoặc bị quan cưỡng đoạt mà bố thí, hoặc sợ tổn hao mất mát mà bố thí. Không được khinh khi Tam bảo, nên cung kính tôn trọng, không tự khen mình mà hành bố thí. Đem của báu bố thí mà không tiếc nuối, không ngã mạn, không cống cao, đó gọi là Chân bố thí. Đối với ruộng tôn kính mà không cung kính, đem vật không ưa thích bố thí thì không gọi là bố thí. Hoặc vì nhà nghèo không có phẩm vật tốt đẹp mà còn có tâm sỉ diện vì sự thô xấu nên không bố thí, do nhân duyên đó mà không hành bố thí.

Này thiện nam! Người hành bố thí không nên phân biệt, tùy theo chỗ mình có mà người nào đến cần gì đều đem cho, đó là Bố thí ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát khi bố thí không nên ỷ mình có trì giới, đa văn, thiền định, trí tuệ mà hành bố thí, cũng không khinh khi người khác là tham, sân, si, trí kém, phá giới… mà hành bố thí thì đó chẳng phải tịnh thí.

Đại Bồ-tát hành bố thí không sợ nghèo đói, không sợ vào đường ác, tùy chỗ mình có ít hay nhiều gì cũng đều đem bố thí cả. Do tâm rộng lớn này mà được công đức vô tận vô biên. Đó là Bố thí ba-la-mật.

Nếu vì bố thí mà ganh tỵ nhau, làm cho gia đình quyến thuộc cãi vã, đánh lộn, không hòa thuận thì không gọi là bố thí.

Nếu bố thí mà khinh chê người đi xin: "Ông nay khỏe mạnh, các căn đầy đủ, sao không tự mình kiếm nghề sinh sống mà lại đi xin?" Bố thí như vậy không gọi là bố thí.

Hoặc cho rồi hối hận, nói rằng: "Vì ta ngu si mà đem cho của cải"; cho như vậy không gọi là bố thí.

Hoặc bố thí để mong người khen hoặc sợ tiếng xấu, như vậy không gọi là bố thí.

Hoặc vì nguyện xấu mà bố thí, đó không phải là bố thí.

Hoặc chọn ngày bố thí, nghĩa là vào tháng có trăng sáng là ngày mồng một, mồng tám, mười bốn, mười lăm. Tháng không trăng là ngày mồng ba, mồng tám, mười ba, mười bốn, mười lăm còn những ngày khác thì không bố thí. Như vậy không gọi là bố thí.

Hoặc bố thí mà chọn giờ, nghĩa là sáng bố thí, còn giữa trưa thì không, buổi chiều cũng vậy. Bố thí như vậy không gọi là bố thí.

Hoặc lựa người cho, cho người nghèo khổ, không cho người giàu có, hoặc cho người nghèo lẫn người giàu mà không cho người bệnh. Cho người bệnh chứ không cho người khác; hoặc cho người này mà không cho người kia. Bố thí như vậy không gọi là bố thí.

Hoặc chọn người tri thức, có tướng mạo đẹp đẽ mới cho đồ tốt, còn người khác thì cho đồ xấu, đó không gọi là bố thí.

Hoặc thấy người xin làm những hài kịch, tấu nhạc, trò chơi, đùa giỡn thì cho, ngoài ra không cho ai cả, đó không gọi là bố thí.

Người bố thí không cầu quả báo vua Chuyển luân, Đế Thích, Hộ thế, Phạm thiên, Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ. Đã sinh vào những nhà ấy rồi, riêng mình cầu giải thoát mà hành bố thí, cũng không có tâm nhàm chán mỏi mệt, nói ta đã bố thí rồi, không cần bố thí nữa. Bố thí như vậy chỉ gọi là bố thí, chứ không được gọi là Bố thí ba-la-mật-đa.

Này Từ Thị! Đại Bồ-tát không vì sự bố thí phi pháp như trên mà chỉ lấy sự giải thoát chân chính hồi hướng phát nguyện Vô thượng Bồ-đề, đó là chân Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh rốt ráo, ở trong Vô thượng Bồ-đề chứng quả vị không thoái chuyển. Nếu có thể xa lìa các lỗi lầm như vậy mà hành bố thí vô tướng thì được công đức vô lượng, vô biên, rộng lớn như pháp giới, cứu cánh như hư không.

Đại Bồ-tát đem tâm như vậy bố thí cho một cái hoa, một trái cây, cho đến một giọt nước và đem thọ trì, đọc tụng kinh này, cho đến một kệ một câu, khiến cho người nghe qua trong một sát-na thì được công đức vô lượng, vô biên. Lại có người đã hành bố thí từ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, đem vàng bạc, bảy báu và các đồ quý báu thượng hạng khác… bố thí để cầu ngôi Chuyển luân vương, Phạm thiên, Đế Thích, Hộ thế hoặc cầu quả A-la-hán, Độc giác Bồ-đề và làm các việc khác. Ở trong vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ kiếp, tất cả công đức thọ trì tịnh giới mà đem so với công đức bố thí không trụ tướng của Bồ-tát trước thì trăm ngàn vạn câu-chi na-do-tha phần không bằng một phần mà nguyện lực của Bồ-tát này đã bố thí. Như nhỏ một giọt nước vào biển

lớn, giọt nước có giới hạn nhưng còn nước biển thì không có giới hạn. Vì chúng sinh vô tận cho nên nguyện lực của Bồ-tát cũng không tận, pháp giới hư không cũng vậy.

Lại nữa, Đại Bồ-tát lần lượt tu hành siêng năng như vậy được đại thần thông, bay lên núi Diệu cao, hoặc vào biển lớn lấy châu bảo vô giá trở về Thiệm-bộ châu mưa xuống vô số vật báu để cứu giúp cho hữu tình, hoặc mưa xuống thức ăn uống, quần áo, ngọa cụ, thuốc thang để đoạn trừ đói khát tật bệnh, nghèo cùng khốn khổ của hữu tình. Đem công đức này nguyện ban bố cho hữu tình đến tận đời vị lai không gián đoạn, rộng lớn như pháp giới, bao la như hư không. Nếu chỉ biết tự lợi mà bố thí thì giống như áng mây trên không bị gió thổi liền tản mác, đâu có thể làm lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Đại Bồ-tát bố thí như vậy thì sánh bằng với pháp giới, lửa không thể đốt, nước không thể trôi, gió không thể thổi, như vật báu Kim cang rắn chắc không thể hư nát được. Cho nên nguyện lực bố thí của Bồ-tát khiến cho chúng sinh được lợi ích lớn, hoàn toàn an lạc, cũng làm cho tất cả hữu tình đồng một hạnh nguyện này, cho đến lúc chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, luôn thực hành hạnh ấy thề không thoái chuyển, để đến Niết-bàn làm lợi ích hữu tình khiến được giải thoát.

Này Từ Thị! Như Lai ở đời, tất cả hữu tình đem những đồ thượng hạng như y phục, phòng xá, ngọa cụ, đồ ăn uống, thuốc thang, dầu ăn, dầu đèn, dầu chiêm-bặc, các thứ hoa hương để dâng lên cúng dường tôn trọng cung kính, mừng ca, khen ngợi Ngài.

Sau khi Phật diệt độ, lấy xá-lợi của Phật xây tháp, cũng dâng lên những thứ ấy để cúng dường, tôn trọng ca ngợi. Quả báo công đức hai việc ấy đều bằng nhau không sai khác. Do lợi ích này mà làm cho các hữu tình phát tâm ân cần, một lòng ưa thích. Do cung kính yêu thích mà phát tâm Bồ-đề, nghe Chánh pháp rồi theo đó mà tu hành, liền chứng quả A-la-hán, quả Bích-chi-phật và các Bồ-tát thành tựu Thập địa, viên mãn sáu Độ, cho đến chứng quả Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Nghĩa là hữu tình này lại khuyến khích cho các hữu tình khác đồng tu thắng hạnh, cho đến chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Do đây mà Đại Bồ-tát tu hành Bố thí ba-la-mật-đa, cho đến bố thí một giọt nước, lợi ích ấy sánh bằng với pháp giới, không có cùng tận. Khi bố thí mà không vì tất cả hữu tình để hồi hướng Vô thượng chánh đẳng Bồ-đề, dù của báu chất như núi Diệu cao mà đem bố thí thì lợi ích chỉ được rất ít. Giống như hạt cải rất dễ có thể tiêu mất, cũng như áng mây bị gió thổi liền diệt mất.

Này Từ Thị! Đại Bồ-tát tu tập Đại thừa, khi bố thí giống như kho tàng luôn đi theo bên cạnh mình, như cây như ý tùy theo ý hữu tình mà làm cho họ mãn nguyện.

Đại Bồ-tát nên phát hai loại thắng tâm:

1. Tất cả tài sản, vật trong kho lẫm, biết tự tánh nó là không, giống như ráng nắng, mộng tưởng huyễn hóa.
2. Đem tâm Từ bi rộng lớn với tất cả hữu tình, thương xót kẻ bần cùng.

Phát tâm như vậy rồi phải hiểu rõ một cách chân chánh, đối với tài bảo không nên tham tiếc, tự tay bố thí, nguyện cho tất cả chúng sinh đồng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, tất cả của cải ấy mới thật là của ta. Nếu có chất chứa tài vật không phải vì mình mà vì lợi ích cho tất cả chúng sinh đều thành tựu Bố thí ba-la-mậtđa. Nếu ta cất chứa tài sản mà không đem bố thí thì của cải ấy chẳng phải là của ta. Của cải như vậy sử dụng không được tự tại thì cũng như người trần trụi không có tài sản. Do không biết sử dụng tự tại thì đồng với người lõa hình.

Giống như người giữ kho mà chính mình không có phần trong đó, giặc vô thường đến phóng đao xẻ thân, tất cả tài sản, vợ con yêu mến phải cách biệt, hoặc phải đem dâng người khác. Đã vậy, người ấy lại càng thêm lòng tham tiếc cho đến lúc mạng chung lại cũng như vậy, sự tham luyến ấy ngày càng tăng trưởng, không thể nào xả bỏ được. Những người như vậy chỉ cất giữ tạm thời, do đó nên biết, tài sản ấy chắc chắn không phải là tài vật của ta, vả lại thường phải lo sợ vương pháp, giặc cướp, nước lửa, ác tử phân tán, cướp đoạt tài sản nên phải nghĩ cách gởi gắm cho người quen biết, ăn ngủ không an, cứ lo sợ mất mác. Do tham luyến không bố thí mà phải chịu lo buồn như thế.

Này Từ Thị! Đã hành bố thí rồi thì lửa, nước, oán giặc không thể cướp đoạt, ăn ngủ yên ổn, không lo sợ. Nếu đích thân bố thí, hồi hướng phát nguyện thì các hữu tình kia mới được hưởng, cho đến lúc thành quả Phật luôn theo bên mình, tâm luôn an ổn, không còn buồn lo. Người nào xan tham thì luôn lo sợ khổ não, nó là nguồn gốc đau khổ trong đời hiện tại thì đời vị lai nên biết cũng như thế.

Này Từ Thị! Người nào xan tham không bố thí mà cất chứa tài sản, giống như cầm bó đuốc cỏ đi ngược gió, cỏ hết sẽ bị cháy tay đau đớn. Nếu mau quăng bỏ thì không có khổ. Biết vậy rồi nên quán sát của cải này giống như bó đuốc, cũng như huyễn, như quáng nắng, nên mau xả ly để cầu quả chân thật.

Nếu hữu tình xan tham cùng nhau ca ngợi: "Ông có trí tuệ, nên cất giữ của cải chớ đừng như người khác bố thí một cách sai lầm." Người nói phỉ báng như vậy là nhân quả nên đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, nếu được làm người thì bị nghèo khổ.

Người hành bố thí được vua, Đại thần, Bà-la-môn, Cư sĩ khen ngợi, nói ra lời nào mọi người đều tin theo. Ngược lại, kẻ xan tham không bố thí thì luôn buồn lo khổ não, cho rằng bố thí không có phước thì sẽ đọa ba đường ác, người bố thí được mọi người cung kính thương yêu, còn kẻ xan tham bị mọi người oán ghét. Người hay bố thí giống như chùa, làm chỗ quay về nương tựa cho tất cả trời, người, còn kẻ xan tham giống như gò mả, tất cả Thánh hiền đều lánh xa cũng như ao khô cạn thì chim không tụ tập về? Hai người như vậy ở trong đại chúng, nếu khen ngợi bố thí thì nghe vui sướng, còn nếu quở trách xan tham thì xấu hổ.

Lại nữa, người hành bố thí thì chư Thiên, Hiền thánh thích ở chung, còn kẻ xan tham không bố thí thì ngạ quỷ, súc sinh tự nhiên đến tập hợp. Hành bố thí vô tướng thì trụ vào Đệ nhất nghĩa và chứng được nhân và pháp không, có thể làm lợi ích viên mãn cho mình và cho người.

Này Từ Thị! Nếu có thiện nam, thiện nữ tự xưng mình là Bồ-tát tu hành Đại thừa thì nhất định phải chánh niệm tư duy: "Công đức bố thí vô lượng, vô biên thì tội lỗi xan tham cũng vô biên vô lượng."

Biết vậy rồi quyết định đoạn trừ không còn chướng ngại. Thấy người đến xin thì phải vui vẻ, không nên chê bai. Nếu nghe tiếng xin thì vui vẻ thương xót, giống như con có hiếu, xa cách cha mẹ hơn năm mươi năm, bỗng nghe con trở về vui mừng không thể tả. Nghe tiếng người đến xin cũng vậy, đón vào trong nhà coi như Phật.

Phát tâm như vầy: "Thiện tri thức ngày nay nhận sự bố thí của ta là trừ xan tham tội lỗi, đường ác của ta, là vô lượng lợi ích để trang sức trong thân ta, là ngọc Vô thượng Bồ-đề trang sức thân thể ta. Người xin ăn như vậy mặc áo rách dơ, lời nói hòa nhã vui vẻ, thương ta mà đến,

đó là bạn lành của ta. Vì sao vậy? Vì người ấy trừ tội ác xan tham trong thân ta. Người ăn xin này là chủ ta, ta là đầy tớ, nên phải nghe theo mệnh lệnh.”

Phát tâm như vậy rồi, đứng dậy cầm vật đem cho, chân phải quỳ sát đất, đem cho một cách vui vẻ, nguyện cho tất cả chúng sinh được lợi ích an lạc và hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Đối với người xin, lại phải có tâm lợi ích, người như vậy tức là có thể hành bố thí. Nếu không phải là cây như ý của trời thì làm sao vượt qua được đồng hoang sinh tử? Không thiếu lương thực mà được làm trời, người, đến được bờ Niết-bàn bên kia. Do đó trời, người an lạc vô thượng giải thoát đều nhờ người xin mà được thành tựu.

Này Từ Thị! Nếu người xin đến chỗ Bồ-tát để nhờ ân đức cứu giúp, lúc đó nhà Bồ-tát nghèo, không có gì cả, nên dùng lời nhẹ nhàng an ủi họ, đừng để họ sân hận và nghi ngờ, cho rằng mình có mà không cho, do đó mà họ vui vẻ ra đi.

Lại nữa, Đại Bồ-tát khi hành bố thí, phải nên mở rộng lòng Từ bi, tâm ý khoan dung. Tất cả người xin cứ cho họ lui tới, họ cần gì cứ đem cho, không tiếc rẻ.

Này Từ Thị! Tất cả tài vật đều vô thường hư hoại, là gốc của các khổ, giống như mụt nhọt trên thân, như con chim giữ cục thịt thối, người keo kiệt ấy không dùng cho mình ăn. Của người công đức không tu, lại không cho người, mà ôm giữ tài sản lại cũng vậy. Nên biết người này chẳng phải là người hành bố thí, không gọi là Bồ-tát.

Trong pháp Đại thừa không phát thắng tâm thì cũng không thành ngôi vị không thoái chuyển. Giống như biển lớn không chứa thây chết, trong biển Đại thừa không chứa người xan tham. Sở dĩ Bồ-tát tu hạnh Đại thừa vì muốn xa lìa tất cả tội cấu, tu đủ công đức, trong Phật pháp không sinh lòng nghi ngờ.

Trong tất cả mọi thời đối với các hữu tình và các tài bảo không có tâm phân biệt, thường hành bố thí để làm lợi ích cho quần sinh. Do hành Bố thí ba-la-mật một cách viên mãn như vậy nên mau chứng Vô thượng Bồ-đề.

Đó là thắng nghĩa thứ ba của Bố thí ba-la-mật-đa

QUYỂN 5
Phẩm 6: TỊNH GIỚI BA-LA-MẬT

Khi giữa đại chúng, Đức Thế Tôn rống tiếng Sư tử nói đầy đủ Bố thí ba-la-mật-đa rồi, Đại Bồ-tát Từ Thị chắp tay cung kính thưa:

–Bạch Đại Thánh Thế Tôn! Ngài đã nói người tu hành Đại thừa phải mở lòng Từ bi rộng lớn để hành Bố thí ba-la-mật-đa. Còn Tịnh giới ba-la-mật-đa phải làm cách nào để được viên mãn? Tịnh giới là gì? Phòng ngừa những lỗi lầm nào? Giữ gìn như thế nào để được thanh tịnh? Nếu giữ giới thanh tịnh thì đời hiện tại, vị lai được quả báo gì? Và giữ gìn thế nào để chứng Vô thượng Bồ-đề? Cúi xin Đức Thế Tôn phân biệt giảng nói để làm lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình.

Lúc ấy, Đức Như Lai, Ứng Cúng Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn khen Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Lành thay, lành thay! Ông đã giữ gìn giới thanh tịnh trong vô lượng trăm ngàn ức kiếp, vì lợi ích an lạc cho hữu tình nên ông đã hỏi nghĩa như vậy. Ông hãy nghe cho rõ, suy nghĩ thật kỹ, ta sẽ vì ông mà phân biệt giảng nói. Thiện nam, thiện nữ nào tu tập Đại thừa, muốn Tịnh giới ba-la-mật-đa được viên mãn nên phát tâm rộng lớn như vầy: "Vì thương xót tất cả chúng sinh nên không sợ địa ngục, không mong cầu sinh lên trời, giữ giới cấm không để cầu riêng mình giải thoát."

Lại chánh niệm tư duy: "Xưa kia ta đã phát thệ nguyện rằng, nếu thấy hữu tình nào phá giới cấm thì sẽ khuyên họ giữ giới thanh tịnh một cách kiên cố, lấy giới thanh tịnh của Phật làm chuỗi anh lạc để trang sức thân. Nếu ta không giữ gìn giới thì lấy giới đâu để làm lợi ích cho hữu tình?" Do nhân duyên đó mà khuyên họ giữ giới. Nếu không như vậy thì làm sao đưa tất cả hữu tình đến Vô thượng Bồ-đề. Vì sao? Vì kẻ phàm phu bản thân họ không thanh tịnh, là người phá giới, miệng tuy nói Chánh pháp, khuyên mọi người giữ giới, nhưng cuối cùng chính mình lại phạm nên không tin, ngược lại bị khinh chê rằng: "Nếu muốn dạy người khác giữ giới thanh tịnh, sao mình không giữ mà lại hủy phạm giới ư? Lấy đó mà suy nghĩ thì ông nên giữ giới, nếu ông không giữ giới thì dù miệng ông nói ra nhưng không lọt vào tai của ông. Như vậy, ông luôn bị mọi người khinh chê, làm sao có thể khuyên người giữ giới thanh tịnh?"

Cho nên phải biết, trước tiên hãy tự kiểm thúc chính thân mình, xa lìa phóng dật, giữ Tịnh giới ba-la-mật-đa một cách kiên cố, sau đó mới nói Chánh pháp then chốt cho người. Nghe xong, hữu tình tin theo, lúc tin rồi, họ sẽ giữ gìn giới Phật đủ đầy, trong sạch, cho đến lúc chứng quả Vô thượng Bồ-đề.

Này Từ Thị! Chúng sinh nào phát tâm Bồ-đề rộng lớn, vì tất cả chúng sinh trong năm cõi bốn loài, cho đến giữ gìn một giới cấm cũng được gọi là nhập vào Tịnh giới ba-la-mật-đa của Phật, có thể chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Này Từ Thị! Đại Bồ-tát tu tập Đại thừa thấy các hữu tình đọa trong đường ác, cần phải tu tập Tịnh giới ba-la-mật-đa để cứu vớt chúng ra khỏi cảnh khổ ấy, an trí vào bờ kia Niết-bàn. Nhưng khi tu hành, Bồ-tát gặp ba chướng lớn là: sân hận, xan tham và nhiễm dục.

Sân giận có thể làm thoái tâm Từ bi, tâm đại Bi là cội gốc của tất cả hạnh Bồ-đề. Nhờ năng lực của đại Bi mà nằm mộng không có tưởng sát sinh, huống gì khi thức lại giết sinh mạng để ăn thịt ư!

Tâm xan tham không thể nào bố thí. Tài sản của mình thì keo kiết, lại tham muốn của cải người khác. Cho nên Đại Bồ-tát thấy của cải như thấy rắn độc, không bao giờ tham đắm.

Nhiễm dục chẳng phải hạnh thanh tịnh, nên tránh xa bùn dơ năm dục. Tham dục này là nguồn gốc của các khổ. Nó làm chướng ngại sáu pháp Ba-la-mật-đa và có thể thiêu đốt tâm Bồ-đề.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Tánh nữ yêu mị mê hoặc người
Như thù giả thân, chớ cho gần,
Tham dục mê loạn phá thanh tịnh
Như dòng thác chảy xô tường đá.

Tánh người nữ rất là dua nịnh
Như nước theo dòng, tánh không định,
Luôn nghĩ người khác cướp chồng mình
Người trí nghĩ kỹ nên tránh xa.
Như voi chúa trắng ở Tuyết sơn
Sức vòi mạnh nhổ cây cao lớn
Thấy voi cái, tâm liền say mê
Dồn vào hầm bẫy bị điều phục.
Như nai ăn cỏ uống nước trong
Có thể băng xa các hang núi
Thợ săn giả làm tiếng của nai
Nai tìm tiếng đến bị chết ngay.
Như cá lặn sâu vào chỗ kín
Trong nước dạo chơi khó thấy được
Vì tìm thức ăn, nuốt mồi câu
Tham dục mất thân cũng như vậy.
Giống như ong mật tham hương hoa
Mùi hôi từ voi say lan tỏa
Ong tham bu ngửi khắp thân voi
Bị tai voi đập, ngã ra chết.
Như đèn không gió mà phực cháy
Phù du tưởng ánh sáng lao vào
Vào lửa để rồi tự thiêu thân
Tham ái mất thân cũng như vậy.
Năm trần quấn chặt thân chúng sinh
Mỗi trần hại người như thuốc độc
Người nhận pháp ấy suy nghĩ kỹ
Các khổ tích tụ không an lạc.
Lửa cháy hừng hực còn được chạm
Gió dữ xoáy tròn có thể ngăn
Nộc rắn sân giận điều phục được
Lòng người nữ rất khó ngăn cấm.
Nước công đức trong ao Vô nhiệt
Chảy vào biển không uống được nữa
Mất đi tám mùi thành mặn chát
Gần gũi người nữ mất pháp lành.

Phật dạy Từ Thị:

–Do đó nên biết, dù trong mộng cũng không nên tưởng nghĩ gần gũi người nữ, huống gì khi thức mà hành dục với họ!

Lại nữa, đã lìa ba chướng ngại rồi, Đại Bồ-tát nên tu tập mười giới thanh tịnh. Đó là: ba giới thanh tịnh thuộc về thân, bốn giới thanh tịnh thuộc về khẩu và ba giới thanh tịnh thuộc về ý.

Ba giới của thân là không được sát sinh, trộm cắp và tà dâm.

Thế nào là không sát sinh? Nghĩa là nếu thấy hữu tình bị tổn hại nên đem lòng Từ bi đến cứu chúng, hoặc đem của cải chuộc lại cho nó được thoát. Nếu chuộc không được thì đem thân mạng mình thay thế nó, huống gì tự mình giết hại.

Không trộm cắp nghĩa là dù trong giấc mộng, Đại Bồ-tát cũng không có tư tưởng trộm cắp của cải người khác, huống gì khi thức mà có tâm lấy. Tài sản của mình thì đem bố thí với tâm thanh tịnh không tham tiếc và khuyên người khác đừng lấy những vật chủ không cho, luôn thực hành Bố thí ba-la-mật-đa.

Xa lìa nhiễm dục nghĩa là Đại Bồ-tát tránh xa cảnh giới năm dục và nói tội lỗi năm dục cho hữu tình nghe để họ xa lìa năm dục, tà hạnh. Khen ngợi công đức vô lượng của người xuất gia để cho chúng sinh từ bỏ gia đình đi xuất gia, cứu vớt hữu tình ra khỏi ngục tham ái.

Đó là ba giới thiện thuộc về thân.

Bốn giới thuộc về miệng: nghĩa là xa lìa lời nói lừa dối, lời ly gián, lời độc ác và lời không có ý nghĩa.

Lời nói lừa dối là không thấy nói thấy, việc nghe, nhận biết, hiểu biết… cũng như vậy; đối với những sự hư dối này đều phải xả bỏ tất cả. Nói lời chân thật gọi là xa lìa vọng ngữ.

Lời nói ly gián là tới người này nói chuyện người kia, tới người kia nói chuyện người này để chống trái nhau rồi gây tranh cãi. Lìa bỏ lời ly gián, luôn nói lời hòa thuận, đó gọi là xa lìa việc nói lời ly gián.

Nói lời hung ác là phát ra những lời hung ác để cho người kia khổ não. Họ không muốn nghe mà bắt buộc phải nghe. Nếu lìa bỏ lời nói hung ác để cho người kia vui vẻ thì gọi là xa lìa lời nói hung ác.

Lời nói không có ý nghĩa, nghĩa là nói chuyện bàn luận với tâm nhiễm dục, dẫn đến tà luận không có lợi ích. Vì làm lợi ích cho hữu tình phải bỏ lời nói giả dối vô nghĩa mà nói lời chân thật hợp thời. Đó gọi là xa lìa lời nói vô nghĩa.

Như vậy, Bồ-tát lìa bỏ bốn lỗi thuộc về miệng, tu tập bốn loại lời nói thiện của Như Lai. Thường vì hữu tình nói lời dịu dàng để người nghe pháp hoan hỷ tín thọ. Giống như ngọc thủy thanh làm lắng trong nước đục, người nghe pháp tín thọ cũng như vậy.

Này Từ Thị! Ý nghiệp bất thiện cũng có ba: tham lam, sân giận và ngu si.

Không tham lam tật đố nghĩa là thấy người khác giàu có, sang trọng thì mình không có tâm ganh tỵ, phải chánh tư duy suy nghĩ như vầy: "Nguyện cho tất cả hữu tình được giàu có sang trọng, không bị thiếu kém. Các hữu tình ấy phải chịu khổ cực gian nan mới được như vậy. Vì sao ta trở lại ganh tỵ với họ? Tài sản của ta còn đem cho họ, huống gì chính họ làm ra, ta nên tùy hỷ chứ sao lại ganh tỵ?" Nhờ suy nghĩ như vậy mà đối với hữu tình kia ta không ganh tỵ, mà lại tùy hỷ. Nếu diệt trừ được lòng tham lam ganh tỵ như vậy gọi là Bồ-tát giữ giới với tâm thanh tịnh.

Không sân giận nghĩa là bị các hữu tình vu oan, phỉ báng, vô cớ bị đánh đập, chặt xẻo từng phần thân thể nhưng Bồ-tát không sân giận, lại nghĩ như vầy: "Ta đã phát nguyện không nổi sân giận với các hữu tình, sao nay ta lại nổi sân với họ? Xưa kia ta nguyện thường dùng thuốc Chánh

pháp để trừ bệnh sân cho hữu tình. Nếu đối với chúng sinh mà nổi sân thì làm sao có thể cứu chữa được bệnh tất cả chúng sinh trong lúc bệnh mình không tự cứu chữa được?”

Lại nữa, khi hữu tình sân giận thì Bồ-tát nhận lỗi về mình và nghĩ rằng: “Vì phước đức của ta quá mỏng làm cho người khác nổi sân. Nếu ta không có lỗi thì họ chắc chắn không giận”. Lại nữa, Đại Bồ-tát thấy hai hữu tình giận nhau kết thành thù oán, không chịu buông bỏ. Thấy vậy, Bồ-tát thương xót nghĩ rằng: “Nếu hữu tình không buông bỏ hận thù mà sân giận thì sẽ đọa vào địa ngục, bị lửa thiêu đốt thân, chịu đại khổ não, đó là lỗi của ta. Ta sẽ dùng thuốc Chánh pháp để trị bệnh sân giận cho họ. Xưa kia ta đã nguyện rằng: nguyện cho tất cả chúng sinh trừ bỏ bệnh sân giận, vì sao ngày nay ta không đoạn trừ bệnh ấy cho họ mà mình lại bị ma sân trói giữ, không tự biết để bị lửa dữ thiêu đốt thân? Đã bị ma bắt giữ, cầm dao đến giết hại, dù ta biết là ma quỷ nhưng không bao giờ nổi sân giận mà còn thương xót họ”.

Không tà kiến nghĩa là tất cả chúng sinh đều có tà kiến rất là sâu dày. Bồ-tát đại Bi lấy đuốc chánh kiến làm ánh sáng lớn chiếu sáng để họ thấy được Tam bảo, tin tưởng và ưa thích công đức của Phật, Pháp, Tăng. Ngoại đạo và chúng sinh dù có làm chướng ngại cũng không thể nào phá hoại tâm chánh kiến của họ được và khiến họ tu Đại thừa hạnh không thể nào thoái chuyển.

Này Từ Thị! Đại Bồ-tát hành Đại thừa, nếu muốn chúng sinh lìa bỏ nghiệp ác thì trước tiên bản thân của Đại Bồ-tát phải bỏ mười điều ác, tu mười điều lành. Vì sao? Vì nếu khi các Bồ-tát tự hành mười điều thiện thì có dạy bảo điều gì mọi người mới đều tín thọ. Nếu mình không làm mà đi giảng dạy cho người, không khác gì có người bị nước cuốn trôi nói với người trên bờ rằng: “Ta có thể cứu ngươi”, thì không thể có chuyện như vậy được.

Người tạo mười điều ác cũng vậy, chính mình bị dòng thác mười điều ác cuốn trôi, mà lại nói với chúng sinh rằng: “ta sẽ cứu các người”, thì điều này cũng không thể xảy ra. Bồ-tát tu tập đầy đủ mười điều lành và lần lượt dạy người làm như vậy, thì gọi đó là tu tập Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Đại Bồ-tát Từ Thị thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hữu tình đoạn trừ mười điều ác, tu mười điều lành như vậy thì được quả báo gì?

Đức Thế Tôn khen Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Lành thay, lành thay! Này thiện nam! Ông hãy lắng nghe cho rõ, suy nghĩ thật kỹ, ta sẽ vì ông mà lần lượt giải nói. Mười nghiệp thiện này, mỗi nghiệp đều có bốn quả báo. Những gì là bốn?

1. Hiện tại được an lạc.
2. Thế lực của oán thù, phiền não bị suy yếu.
3. Đời vị lai luôn được tôn quý, không thiếu thốn.
4. Tinh tấn tu tập, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Không sát sinh được bốn quả báo:
   1- Đại Bồ-tát không có tâm hại chúng sinh, còn ban bố pháp Vô úy để họ không sợ hãi. Vì không sợ sệt nên được tất cả chúng sinh gần gũi cúng dường, tôn trọng ca ngợi. Bồ-tát có lòng thương xót hữu tình, do có lòng Từ bi nên tất cả oán hận quá khứ tự nhiên dứt bỏ.

2- Tâm sân giận sát hại đều bị suy yếu. Bồ-tát lấy cam lồ từ bi thoa tâm mình thì có thể diệt trừ sân nhuế… và lửa phiền não, ngủ nghỉ an ổn không có ác mộng. Do có lòng từ bi nên các loài ăn máu thịt như các quỷ, Dạ-xoa… xả bỏ tâm sát hại và cùng thú dữ bảo vệ nhau.

3- Đời vị lai được ba quả báo:

1/.- Sống lâu, không chết yểu.

2/.- Sinh ra chỗ nào đều không bị các bệnh khổ.

3/.- Giàu có của cải, thường được thoải mái.

5. Vì không sát sinh nên được phần pháp Phật. Sinh trong năm đường, ở chỗ nào cũng được tự do, cho đến ngồi dưới gốc cây Bồ-đề, các ma, quỷ thần cũng không thể nào làm chướng ngại được. Bồ-tát tinh tấn tu tập thành Chánh đẳng Chánh giác được vô lượng Thánh hiền vây quanh.

Này Từ Thị! Trên đây là bốn quả báo của việc lìa bỏ sát sinh.

Lại nữa, nếu tránh xa việc không cho mà lấy cũng có bốn quả báo:

1- Đời hiện tại không có tâm ganh tỵ, thân tâm được an vui.

2- Do không tham lam ganh tỵ nên tất cả chúng sinh tin tưởng hướng về. Được gửi gắm hoặc lãnh trách nhiệm gì không ai nghi ngờ, làm kho tàng cho hữu tình.

3- Đời vị lai được giàu sang phú quý, được tự tại. Tất cả tài sản không bị vua, giặc, nước, lửa cướp đoạt.

4- Làm chủ kho công đức của hằng hà sa chư Phật. Đó là mười tám pháp Bất cộng… là pháp tài thanh tịnh.

Những quả báo này, hàng Nhị thừa còn không nghe đến, huống gì được thấy.

Này Từ Thị! Đó là bốn quả báo của nghiệp không trộm cắp. Lại nữa, bỏ dục tà hạnh cũng có bốn quả báo:

1- Đời hiện tại được tất cả trời, người khen ngợi, không bị người nghi ngờ, được tôn trọng, tránh xa tiếng xấu.

2- Sáu căn được điều phục, làm cho thế lực lửa nhiễm dục yếu kém.

3- Đời vị lai, sinh ra nơi nào cha mẹ, dòng họ, vợ con, quyến thuộc, bạn bè đều trinh thuận, thuần nhất, không tạp nhạp, xa lìa tất cả lỗi về đàn bà, khiến cho các chúng sinh không bị ái nhiễm.

4- Nhờ lìa bỏ tà hạnh nên được tướng âm tàng như ngựa chúa, cho đến thành tựu Vô thượng Bồ-đề.

Này Từ Thị! Đó là bốn quả báo của không tà hạnh.

Lìa bỏ lời hư dối cũng có bốn quả báo:

1. Đời hiện tại luôn nói lời chân thật, không nói lời hư dối, được trời, người thương mến ủng hộ.

2. Vì không hư dối nên được tất cả chúng sinh tin tưởng. Khi nói pháp, mọi người đều lắng lòng nghe nhận, không nhọc công sức tự nhiên họ tin và làm theo. Vả lại, có người mặc dù nói lời hư dối, lừa gạt nhưng lại ghét người nói lời hư dối, thấy người nói thật cũng hoan hỷ. Chỉ vì mình nói dối nên không tin sự chân thật của người khác,

nếu biết nói lời chân thật thì phải sinh lòng kính trọng. Nên biết, nói lời chân thật có ích lợi lớn. Người nào đoạn trừ nói lời hư dối tức là không tạo các nghiệp ác. Vì sao? Vì khi có ai hỏi thì trả lời một cách như thật. Nếu ở chỗ thanh vắng cũng không có khởi vọng niệm. Vì sao? Vì nếu có ai hỏi: "Khi ở nơi thanh vắng, ông có sinh vọng niệm không?" Nếu nói không là nói dối, còn nói có thì xấu hổ với người. Do đó làm cho vọng tâm dần dần giảm bớt.

3. Sinh ra nơi nào, trong miệng thường tỏa ra mùi thơm hoa sen xanh, hương Tô-mạn-na, được tất cả hữu tình yêu thích. Mình nói thật thì không nghi ngờ người khác nói dối và làm cho người khác tin lời nói thật của mình, vĩnh viễn đoạn trừ lưới nghi của chúng.
4. Nói ra lời gì ai cũng tin nhận, có thể làm cho chúng sinh nghe pháp vui mừng, cho đến sẽ đạt Vô thượng Bồ-đề.

Từ Thị nên biết! Đó là bốn quả báo của sự xa lìa lời hư dối. Lại nữa, không nói lời ly gián cũng có bốn quả báo:

1- Đời hiện tại, mình và người hòa thuận, không tranh cãi nhau, được an lạc.

2- Nhờ hòa thuận nên mọi người yêu kính, tất cả những tội nói lời ly gián ở quá khứ được tiêu trừ, không lo sợ vào ba đường ác.

3- Đời vị lai được năm quả báo:

1/.- Được thân Kim cang không hư hoại, dù bị dao gậy thế gian phá hoại cũng không làm tổn hại được.

2/.- Sống nơi nào cũng có quyến thuộc tốt, không tranh cãi, không lìa bỏ nhau.

3/.- Sinh ra nơi nào dù không gặp Thiện tri thức để thuyết pháp nhưng tự nhiên giác ngộ pháp môn "bất nhị", tin sâu Phật, Pháp, Tăng không hề thoái chuyển.

4/.- Khiến cho các hữu tình nhất tâm vào một việc, cùng nhau hướng đến, cùng nhau hoan hỷ, mau đạt được từ Tam-ma-địa.

5/.- Có thể khuyên tất cả chúng sinh tu tập Đại thừa để chứng quả vị không thoái chuyển.

4- Không nói lời ly gián, luôn nói lời hòa thuận nên được quyến thuộc tốt lành, tùy thuận nhắc nhở nhau. Cho đến khi chứng Niết-bàn cũng không lìa bỏ nhau.

Từ Thị nên biết! Đó là bốn quả báo của việc không nói lời ly gián.

Không nói lời hung ác cũng có bốn quả báo:

1. Đời hiện tại, tâm luôn thanh tịnh, xa lìa tâm cấu nhiễm thô ác. Nếu ở trong trần cảnh mà nổi gió trần tham dục, sân giận huân tập vào tàng thức thì Bồ-tát nổi mây Từ bi, giáng mưa tâm Từ để dập tắt vọng tưởng tham dục, ngăn chận gió trần sân nhuế để được thanh tịnh.
2. Người nói lời hòa nhã dịu dàng được mọi người ưa thích khen ngợi, tùy thuận, làm cho người nói lời hung ác dần dần được điều phục sáu căn thanh tịnh, ba nghiệp không nhiễm.
3. Nhờ thanh tịnh mà đời tương lai sinh ra nơi nào không bao giờ ở trong ba đường ác, luôn sinh vào cõi lành.

4. Dần dần có thể chứng Vô thượng Bồ-đề, đầy đủ Phạm âm. Khi nói pháp, tùy theo âm thanh từng loài mà giải nói nghĩa ấy và mọi chúng sinh nghĩ rằng: "Nay Đức Thế Tôn nói pháp cho ta chứ chẳng phải vì người khác. Ngài nói pháp vi diệu đều hợp với tâm ta, đoạn trừ phiền não tập khí trong thân tâm của ta."

Từ Thị nên biết! Đó là bốn quả báo của việc không nói lời hung ác.

Không nói lời không có ý nghĩa cũng có bốn quả báo:

1. Đời hiện tại được người trí khen ngợi, tâm không hung bạo, được an lạc.
2. Răn dạy điều gì mọi người đều tín thọ, làm giảm dần sự thô ác.
3. Đời vị lai sinh ra nơi nào luôn được nghe tất cả âm thanh như ý.
4. Dần dần chứng Vô thượng Bồ-đề, được Vô ngại biện tài.

Bấy giờ tất cả Trời, Rồng, Nhân phi nhân ở trong tam thiên đại thiên thế giới đồng thời đến chỗ Đức Phật. Mỗi loài đều theo sự nghi vấn của mình mà thỉnh hỏi. Trong một sát-na, Đức Thế Tôn dùng mỗi loại tiếng để trả lời cho mỗi loài chúng sinh, thích hợp với tâm họ và đoạn trừ lưới nghi cho họ.

Từ Thị nên biết! Đó là bốn quả báo của việc không nói lời không có ý nghĩa.

Không tham lam ganh tỵ cũng có bốn quả báo:

1. Đời hiện tại được thấy người khác giàu có của cải mà không sinh tham lam ganh tỵ, rồi lại suy nghĩ như vầy: "Họ được giàu có là do phước đức đời trước của họ, sao ta lại tham lam ganh tỵ muốn cướp đoạt!" Nhờ suy nghĩ như vậy mà vĩnh viễn không còn tâm xan tham ganh tỵ. Nếu không đoạn trừ thì luôn chịu sự nghèo cùng và không có uy lực, vì vậy nên Bồ-tát quán trừ sự tham lam tật đố ấy. Ai giàu có thì ta tùy hỷ, không bỏ một mảy trần nào nên được công đức lớn.
2. Được mọi người yêu kính, thân tâm an lạc, không còn buồn lo, có oai đức tự tại, trong sự tịnh tâm, mây tham dục bị che khuất, giống như đêm trăng có muôn vì sao vây quanh nên tâm xan tham ganh tỵ từ đây mỏng dần.
3. Sinh ra nơi nào cũng đều được đoan chánh, sáu căn đầy đủ, của cải sung túc, được mọi người yêu kính, luôn thực hành bố thí, được biện tài vô ngại, ở đâu cũng không sợ.
4. Cho đến chứng Vô thượng Bồ-đề, có Thánh chúng bao quanh với công đức vô lượng. Tất cả chúng sinh đều nghe theo lời dạy bảo.

Từ Thị nên biết! Đó là bốn quả báo của việc không xan tham ganh tỵ.

Lại nữa, không sân giận cũng có bốn quả báo:

1. Trong đời hiện tại sáu căn lanh lợi, dung mạo đẹp đẽ, được mọi người gần gũi. Người sân giận giống như cây khô bị lửa đốt ở bên trong, tất cả cành lá đều khô héo. Chúng sinh cũng vậy, bị lửa sân hận huân tập vào năm Căn, làm cho tướng mạo khô khan, mọi người không muốn nhìn.
2. Tâm không sân giận thì không có những khổ não đánh đập, quở trách. Giống như có người trì chú Ca-lỗ-la, khiến cho tất cả độc ác không thể nào làm hại được. Do không sân giận nên làm tăng trưởng lòng Từ bi. Nhờ chân ngôn Bi mà bẻ gãy ba mươi sáu câu-chi thiên ma quỷ thần. Nhờ chân ngôn Từ nên không bị tổn hại.

3. Đời vị lai nhờ có bậc thang tâm Từ leo lên trời Phạm thiên, sống một kiếp an lạc, khiến cho chúng sinh bỏ ác tu thiện.
4. Dần dần chứng Vô thượng Bồ-đề, được trang nghiêm đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp rực rỡ, được trang sức thân với vô lượng công đức.

Từ Thị nên biết! Đó là bốn quả báo của việc không sân giận.

Không tà kiến cũng có bốn quả báo:

1. Nếu xa lìa tà kiến, tu hành chánh kiến, thì đời hiện tại xa lìa ác tri thức, gần gũi bạn lành, nghe pháp tín thọ. Điều bất thiện chưa sinh làm cho không bao giờ sinh; đã sinh rồi thì nên đoạn trừ ngay. Pháp lành chưa sinh thì tu tập cho sinh, sinh rồi nên tu tập làm cho tăng trưởng. Chánh kiến này là căn bản của tất cả pháp lành.
2. Đóng bít cửa bất thiện, ở trong đại chúng danh tiếng được đồn xa, tâm không nghi ngờ hối hận. Đời vị lai sinh ra nơi nào cũng gặp bạn Thiện tri thức, được bạn lành thuận với chánh kiến.
3. Chỉ quy y Phật, Pháp, Tăng, không hướng về chỗ khác. Đối với hạnh Bồ-tát, tâm không thoái chuyển, đoạn trừ tội lỗi, làm tăng trưởng phước đức. Phân biệt rõ ràng pháp hữu lậu và vô lậu, sinh tử và Niết-bàn, nguy hoạn và lợi ích. Thông đạt các pháp, không có ngã và ngã sở, không chấp trước, trụ vào pháp tánh không. Nhờ lực chánh kiến mà có thể hoàn toàn thanh tịnh.
4. Tất cả công đức thù thắng vi diệu của ba thừa không thể suy lường được, sức chánh kiến đều được viên mãn, có thể làm chỗ nương tựa cho chúng sinh, độ thoát hữu tình ra khỏi khổ sinh tử, làm cho tất cả đều được an trí vào Đại thừa Vô thượng, cho đến ở địa vị Pháp vương.

Từ Thị nên biết! Đó là bốn quả báo của việc không tà kiến.

Đại Bồ-tát không những chỉ giữ gìn mười giới thanh tịnh này, được công đức vô tận, mà công đức thọ trì giới cấm rất nhỏ cũng được vô tận như vậy. Vì sao? Vì chúng sinh phàm phu thọ trì giới cấm nhưng chấp lấy tưởng quả báo thì công đức ấy có tận. Giới cấm của chư Tiên ngoại đạo một khi đã bị mất thì thần thông cũng mất theo. Cõi người nếu bỏ mười điều thiện thì giới cũng theo đó mà mất. Chư Thiên ở cõi Dục giới qua đời thì giới cũng mất. Chư Thiên trong Tứ thiền cõi Sắc giới và chánh định của trời Vô sắc giới, khi họ qua đời thì định mất và giới cũng mất luôn. Khi hàng Nhị thừa vô học nhập Niết-bàn thì giới cũng mất theo. Còn Đại Bồ-tát đã thọ sáu mươi lăm giới cấm, mỗi giới đều hoàn toàn thanh tịnh, công đức vô lượng.

Sáu mươi lăm loại giới ấy là:

1. Không sát hại chúng sinh.
2. Không trộm cắp.
3. Không xâm đoạt vợ người.
4. Không lừa gạt người.
5. Không nói lời hai lưỡi.
6. Không nói lời hung ác.
7. Không nói lời thêu dệt.
8. Không tham lam, ganh tỵ; thấy người khác an vui sinh tâm tùy hỷ.

9. Không khởi sân hận mà phải nhẫn chịu mọi lời ác ngôn, nhục mạ.
10. Không tà kiến, phải tôn trọng Như Lai.
11. Không làm thầy ngoại đạo.
12. Quy tín Phật, tâm không nghi trược.
13. Quy tín Pháp vì chân thật lìa dục.
14. Quy tín Tăng vì hòa hợp tối thắng.
15. Tôn trọng cha vì đã sinh ra ta.
16. Tôn trọng mẹ vì đã nuôi nấng ta.
17. Tôn trọng Hòa thượng vì sinh Pháp thân cho ta.
18. Tôn trọng A-xà-lê vì dạy ta phép tắc.
19.Tôn trọng đại đệ tử vì tác thành Pháp thân ta.
20. Nhất tâm, không phân biệt giới khinh hay trọng.
21. Không phá giới vì không phạm giới trọng.
22. Không hủy giới vì không coi thường giới khinh.
23. Không tu tập Tam thừa vì không cầu quả Thanh văn.
24. Không tu tập Nhị thừa vì không cầu quả Độc giác.
25. Xa lìa chỗ ác vì không sinh vào nhà tà kiến ngoại đạo.
26. Tăng trưởng bạch pháp vì nhờ sức tịnh giới mà sinh ra theo sở nguyện.
27. Giàu sang vì không chê bai người.
28. Đoan chánh vì tâm không loạn.
29. Không mắng chửi vì ở chỗ nào cũng không bị dèm chê.
30. Khéo giữ gìn năm Căn vì siêng năng, không buông lung.
31. Được khen ngợi vì khéo giải nghĩa các pháp.
32. Thiểu dục vì không mong cầu.
33. Đoan trực vì tâm luôn làm điều thiện.
34. Lời nói đi đôi với việc làm vì không trái lời dạy.
35. Đại Từ vì cứu độ tất cả chúng sinh.
36. Đại Bi vì cứu khổ tất cả chúng sinh.
37. Đại Hỷ vì vui mừng lúc người kia được an vui.
38. Đại Xả vì xa lìa sự thương ghét.
39. Biết lỗi mình vì quán xét tự tâm.
40. Không thấy lỗi người vì bảo hộ tâm ý cho người.
41. Bố thí vì cứu người nghèo khổ.
42. Trì giới vì thâu nhiếp tất cả pháp lành.
43. Nhẫn nhục vì không hại chúng sinh.
44. Tinh tấn vì dũng mãnh không thoái lui.
45. Thiền định vì định tăng trưởng.
46. Trí tuệ vì nghe pháp không biết chán.
47. Đa văn vì cầu pháp không mệt mỏi.
48. Gần Thiện tri thức vì tu tập Giác phần.

49. Xa lìa ác tri thức vì tránh xa đường hiểm ác.
50. Không tiếc thân mạng vì sát-na vô thường.
51. Chết không tiếc vì như cứu lửa trên đầu.
52. Không hối hận vì tánh vốn thanh tịnh.
53. Không hư dối vì không biến động.
54. Không bức não vì trong ngoài mát mẻ.
55. Không nhân ngã vì tâm khiêm nhường.
56. Không trạo cử vì tánh an tịnh.
57. Không dua nịnh vì luôn chất phác thật thà.
58. Biết tâm chúng sinh vì khéo biết quyền cơ của vạn vật.
59. Điều phục tâm không loạn động nên được tịch tĩnh lìa huyên náo ồn ào.
60. Đi nhiễu bên phải vì đi thuận lý.
61. Cứu vớt chúng sinh vì hành bốn Nhiếp pháp.
62. Giữ Chánh pháp vì giữ gìn pháp tài.
63. Các nguyện viên mãn vì lời thề nguyện thanh tịnh.
64. Như Lai vì tùy thuận tướng Như.
65. Tam-muội của Phật vì viên mãn tất cả pháp Phật.

Từ Thị nên biết! Đó là sáu mươi lăm loại giới thân thanh tịnh.

Đức Phật dạy Từ Thị:

–Các vị Bồ-tát giữ mỗi giới đều được vô lượng công đức như vậy. Dù xả bỏ thân yêu mến cũng không được hủy phạm giới cấm của Phật. Nên biết, giữ giới này giống như giữ tròng con mắt. Giữ giới cấm cẩn thận giống như giữ bình bát. Không vì đao bén năm dục mà chặt phá bị giữ giới nhỏ giống như giữ tội ngũ nghịch. Giới trọng hay giới khinh đều giữ tâm kiên cố như Kim cang, không được cống cao ngã mạn. Tuy giữ giới thanh tịnh như vậy nhưng so với nghiệp ác đã tạo từ vô thỉ giống như hạt vi trần trong đại thiên thế giới. Như vậy giữ giới thiện so với nghiệp ác kia giống như bụi trần. Đã biết như vậy rồi, tại sao giữ giới mà còn sinh ngã mạn!

Này Từ Thị! Bồ-tát thấy chúng sinh phá hủy giới cấm không nên khinh mạn họ, mà đối với mình còn phải giữ gìn hơn nữa. Lại suy nghĩ như vầy: “Xưa kia ta đã thề nguyện khiến chúng sinh trụ vững vào tịnh giới. Mặc dù chúng sinh khó hóa độ, nhưng ta phải cố gắng càng tinh tấn để lấy thuyền tịnh giới chở người phá giới ra khỏi biển sinh tử, đến bờ Niết-bàn.”

Này Từ Thị! Nếu chúng sinh có thân này, cần có bốn điều kiện:

1. Ăn uống.
2. Áo quần.
3. Nhà cửa.
4. Thuốc thang.

Với bốn điều kiện này, Đại Bồ-tát phải mưu cầu như pháp, không được dùng phi pháp, không tự cao, cầu nhiều không chán, phải nên ít muốn biết đủ để nuôi thân. Giống như có người thân bị khổ vì mụt nhọt nên tìm thầy thuốc hay để lấy thuốc xoa, dùng vải bó lại, nằm trên nệm trong nhà kín. Đó là chỉ vì trị bệnh chứ không phải yêu lấy thân.

Bồ-tát vì bị tám khổ về thân, chỉ tìm thuốc pháp để làm thức ăn uống, mượn áo quần, nhà ở mà không thích thú sắc lực, tuổi thọ của thân này. Tu pháp thù thắng chỉ để làm an lạc chúng sinh, đoạn trừ ung nhọt sinh tử phiền não.

Bồ-tát ở trong đại chúng luôn quán xét lỗi lầm của mình, không chê bai xúc phạm người khác, tránh xa tiếng khen. Nếu có ai khen ngợi, ta suy nghĩ như vầy: "Tiếng khen này, ta đều không có phần, nay ta tự xét đã phạm nhiều tội lỗi. Trong pháp công đức, ta không có chút phần nào cả. Chúng sinh do vọng thấy nên nói ta có phần". Bồ-tát dùng tâm đại Bi làm chỗ nương tựa, lấy Tịnh giới bala-mật-đa làm bạn lữ.

Này Từ Thị! Có một loại tịnh giới chẳng phải là Ba-la-mật-đa vì trì giới mà chấp tướng nên không phải là giữ giới tối thắng. Đó chỉ là tịnh giới chứ chẳng phải Ba-la-mật-đa. Vì sao vậy? Vì chỉ gặt được quả báo hữu lậu của ba cõi, lúc tuổi thọ đã hết thì quả báo ấy cũng hết luôn. Nếu vì khắp tất cả hữu tình mà giữ gìn giới cấm, quán Đệ nhất nghĩa không, không có tướng ngã, tướng nhân, vì hữu tình mà giữ gìn giới cấm. Đó là Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Tịnh giới Ba-la-mật có thể khiến cho chúng sinh mau chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Tịnh giới ba-la-mật-đa là người dẫn đường cho các hữu tình. Hữu tình nào không có lòng tin thì làm cho họ có lòng tin thanh tịnh, có thể làm kho tàng cho tất cả hữu tình, làm anh lạc châu bảo vô giá để hữu tình trang sức thân. Làm hương xoa thượng hạng cho tất cả hữu tình, làm người mô phạm cho hữu tình. Tịnh giới ba-la-mật-đa này không những cho người xuất gia mà cả tại gia nữa, già trẻ đều bình đẳng như nhau, không sinh ngã mạn, tăng thượng mạn, lìa bỏ tội lỗi, được oai nghi thanh tịnh, không còn các lo sợ và có thể chứng Vô thượng Bồ-đề, Pháp vương tối thắng.

Làm sao biết giới là đệ nhất?

Nếu chúng sinh giữ tịnh giới, tuy ở dòng họ thấp hèn, chẳng phải dòng họ giàu sang, cũng chẳng phải tự lực mà có thể làm lợi ích cho người khác, vì là Tịnh giới ba-la-mật-đa còn làm cho tất cả Trời, Rồng, Dạ-xoa, Nhân phi nhân, quốc vương, đại thần, Sát-đế-lợi, Bàla-môn, trưởng giả, cư sĩ đều quy kính, lễ lạy, cúng dường tôn trọng và khen ngợi. Người thấp hèn thọ trì giới cấm của Phật còn được cung kính tôn trọng như vậy, huống gì người tôn quý biết giữ gìn tịnh giới, thành tựu viên mãn Tịnh giới ba-la-mật-đa. Nên biết nơi mà người giữ tịnh giới đi đứng nằm ngồi và kinh hành đều đem lại sự cát tường an ổn cho chúng sinh và trời, người đảnh lễ, đội lên đầu và đem cúng dường.

Do đó nên biết rằng, người giữ giới thanh tịnh là đệ nhất tối cao, tối thắng trong các chúng. Đó gọi là Tịnh giới ba-la-mật-đa hoàn toàn viên mãn.

QUYỂN 7
Phẩm 7: NHẪN NHỤC BA-LA-MẬT-ĐA

Sau khi Đức Thế Tôn nói rõ Tịnh giới ba-la-mật-đa, Bồ-tát Từ Thị rời khỏi chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo bày vai phải, quỳ gối đảnh lễ sát chân Đức Phật mà bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát tu hành Nhẫn nhục ba-la-mật-đa, cầu tiến thế nào để được viên mãn? Nhưng nhẫn nhục này có bao nhiêu loại? Người tu hành phải dụng công thế nào? Cúi xin Ngài chỉ dạy cho chúng con.

Đức Thế Tôn khen Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Lành thay, lành thay! Vì muốn làm lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình nên ông hỏi về nghĩa lý sâu xa như vậy. Ông hãy lắng nghe cho rõ, suy nghĩ thật kỹ, ta sẽ vì ông mà phân biệt giải nói.

Này thiện nam! Nên biết, sinh tử và Niết-bàn đều bình đẳng, không phân biệt, đó gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật-đa. Nếu có chúng sinh ngu si cuồng loạn đến mắng chửi làm nhục, ta đều nhẫn nhục mà nhận lấy. Giống như con voi say khó điều phục, ta phải lấy móc sắt để điều khiển nó. Con voi say tâm sân cũng như vậy, lấy móc sắt nhẫn nhục mà chế ngự để điều phục nó. Đó gọi là Nhẫn nhục ba-lamật-đa.

Nếu có hữu tình bị ba mươi sáu câu-chi Thiên ma, Quỷ thần, Dạ-xoa, La-sát đến làm hại, Bồ-tát chỉ cần đem Nhẫn nhục ba-lamật-đa để đánh phá quân ấy, cho đến tám vạn bốn ngàn oán giặc phiền não muốn phá hoại thì Bồ-tát cũng dùng nhẫn nhục để diệt trừ chúng. Bồ-tát chẳng những chỉ chịu nhẫn nhục với Thiên ma, đại quân oán giặc phiền não, cho đến oán giặc rất nhỏ thấp cũng dùng nhẫn nhục để điều phục. Đó gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật-đa.

Giống như con của vua, học thông suốt pháp của vua, khi vua băng hà, thì thái tử ấy kế thừa ngôi vua, thống lãnh nhân dân trong nước thực hành năm loại Chánh pháp:

1. Không sát sinh.
2. Không trộm cắp.
3. Không tà hạnh.
4. Không nói lời hư dối.
5. Không thu thuế ngoài chức phận.

Nếu trong nước có người phạm giới sát sinh thì vua mắc tội vào điều thứ sáu. Trộm cắp, tà hạnh và vọng ngữ cũng như vậy. Vì sao? Vì đúng pháp hay không đúng pháp thì vua là căn bản. Dù phước hay tội thì vua thuộc một phần của điều thứ sáu. Đại Bồ-tát cũng như vậy, tâm là đất nước, còn đại Bi là vua. Lấy năm pháp nhẫn để tuyên bố trong nước, đó là đánh đập, mắng chửi, sân, giận, giễu cợt. Năm pháp này đều phải nhẫn nhục, nếu ai vi phạm thì mắc tội nặng.

Này Từ Thị! Giống như nông phu khi muốn gieo trồng thì phải dẫn nước vào ruộng. Trước tiên phải sửa sang kênh rạch rồi mới khởi công, trong lúc làm, gặp đá núi, đo đào xới không được nên ông ta dừng lại. Đại Bồ-tát không như vậy, ở trong đồng hoang rộng lớn sinh tử luân hồi, muốn đào kênh trí dẫn nước cam lồ, trong lúc tu tập, lại gặp đá sân giận, không có cách gì trừ được, chỉ dùng nhẫn nhục quán sát thật kỹ để đào phá nó.

Lại nữa, tất cả quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ đều dùng anh lạc để trang sức. Chư Phật, Pháp vương, Bồ-tát… luôn dùng chuỗi anh lạc nhẫn nhục để trang nghiêm thân. Nếu gặp chúng sinh vô cớ khinh khi phản bội thì dùng đại Bi nhẫn nhục để cứu hộ họ. Nhẫn nhục này là thầy mô phạm của Bí-sô, Bí-sô-ni. Lấy Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ để làm rừng cây, lấy Tịnh giới làm cành lá. Lửa sân trong rừng cây này bùng lên, đốt cháy cành lá giới, không cách gì làm dập tắt được. Chỉ dùng mưa nhẫn nhục mới có thể diệt trừ, làm cho tất cả khổ nạn đời hiện tại, vị lai vĩnh viễn không còn lo sợ. Người không nhẫn nhục, trong đời hiện tại đi, đứng, nằm, ngồi không

có an lạc, thì với đời vị lai làm sao có sự an vui? Đại Bồ-tát lấy sức nhẫn nhục làm áo giáp, kẻ tạo tội kia là Chiên-đà-la dùng tay sân giận, cầm cung vọng tưởng, phóng mũi tên lời thô ác bắn vào áo giáp nhẫn nhục, nhưng cung tên kia tự nhiên bị gãy, trong khi đó áo giáp nhẫn nhục không bị tổn hoại một tí nào cả. Cung tên ấy nát vụn, biến thành hoa sen.

Từ Thị nên biết! Bồ-tát tu hành như vậy gọi là Nhẫn nhục bala-mật.

Lại nữa, giống như thuốc a-già-đà ở thế gian có thể trừ tất cả bệnh khổ cho mình và người, Bồ-tát cũng vậy, cầm thuốc già-đà nhẫn nhục có thể trị tất cả bệnh sân giận, phiền não cho mình và người. Đó gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật-đa. Giống như bảo châu minh nguyệt ở thế gian, người chủ luôn cầm đi qua đồng hoang rộng lớn, hoặc ở giữa sa mạc, không một chỗ nào có nước. Trong đêm trăng, ông ta cầm bảo châu hướng lên mặt trăng và lấy đồ hứng thì tự nhiên nước chảy xuống, chủ buôn uống vào vượt qua được đồng hoang sa mạc ấy. Bồ-tát cũng vậy, cầm bảo châu minh nguyệt nhẫn nhục vượt qua sa mạc đồng hoang sinh tử, tuyệt đối không có chút nước trí tuệ, toàn là phiền não. Bồ-tát cầm châu báu nhẫn nhục hướng lên mặt trăng Phật trí để hứng nước Phật pháp, sau khi uống nước Phật pháp rồi, Bồ-tát thoát khỏi sinh tử, đến bờ Niết-bàn.

Này Từ Thị! Giống như mặt đất, tất cả cây cỏ đều nhờ đó mà được sinh trưởng, tất cả hữu tình nhờ đó mà sống. Nhẫn nhục cũng vậy, tất cả Đại Bồ-tát trong mười Địa tu tập sáu pháp Ba-la-mật-đa đều dựa vào nhẫn nhục mà sinh trưởng, nhờ vào nhẫn nhục mà được an trụ.

Lại nữa, giống như cái thang rất cao lớn, chúng sinh leo lên, đi thẳng đến Phạm thiên. Thang nhẫn nhục cao lớn cũng vậy, Bồ-tát leo lên đến địa vị Thiên trung thiên (Phật).

Lại như họa sĩ giỏi tay nghề, vẽ những bức tranh với đường nét màu sắc đẹp sắc sảo. Họa sĩ nhẫn nhục cũng vậy, công đức trang nghiêm thành tựu viên mãn.

Lại giống như hư không nổi đám mây lớn rồi mưa dữ dội, nước chảy lênh láng làm trôi đi tất cả cây cỏ, hoa quả vào sông Hằng, rồi trôi dạt ra biển lớn. Bồ-tát cũng vậy, tâm như hư không có thể nổi lên tất cả mây từ bi, mưa xuống pháp lớn, dòng nước nhẫn nhục chảy mạnh làm trôi tất cả cây cỏ sân giận và hoa phiền não, chảy vào sông trí, rồi chuyển đến biển lớn thanh tịnh Niết-bàn. Thấy các khổ não trong luân hồi sinh tử, Bồ-tát lấy sức nhẫn nhục để thay thế nhẫn chịu cho họ, trải qua trăm ngàn kiếp không từ mệt mỏi, cũng không từ bỏ họ để thủ lấy Niết-bàn. Đại Bồ-tát dùng sức nhẫn nhục có thể xả bỏ tất cả đầu, mắt, tủy, não, thân, thịt, tay chân và cả thân mạng của mình mà không tiếc nuối. Kẻ phàm phu không có trí, nghe nói vậy rất kinh hãi, rợn cả tóc gáy, nói rằng: “Làm sao có thể xả bỏ được như vậy?” Bồ-tát dùng sức nhẫn nhục như vậy nên sinh ra nơi nào, dung mạo cũng rất đoan chánh, tất cả chúng sinh rất thích nhìn, trong đại hội thường được chư Phật khen ngợi. Lại nữa, Đại Bồ-tát an trụ vào sức nhẫn nhục một cách kiên cố, bất động, giống như núi Diệu cao, dù bị gió dữ xoáy nhưng vẫn không lay động. Núi Diệu cao nhẫn nhục cũng vậy, dù bị gió dữ sân giận nổi lên vẫn không thể nào làm lay động được.

Những ngoại đạo sống với bạn ác nên sinh tâm tà kiến, tu các khổ hạnh như: lõa hình, nhịn đói, dùng năm ngọn lửa đốt thân, nhào xuống núi sâu, lao vào lửa… cho rằng như vậy thì được sinh lên trời, không tin chánh pháp. Thấy vậy, Bồ-tát mở lòng từ bi thị hiện cũng tu khổ hạnh như họ nhưng khổ hạnh gấp trăm lần, làm cho những ngoại đạo ấy cung kính, tôn Bồ-tát làm Thầy mô phạm. Sau đó, Bồ-tát đem chánh pháp hướng dẫn họ để bọn tà kiến kia trụ trong chánh kiến.

Lại có ngoại đạo nói như vầy: “Nơi thân ta có ngã ở trong tâm, lớn giống như ngón tay cái, nó không bị chướng ngại và cũng không có hình tướng, chỉ có Thiên nhãn mới nhìn thấy được, mà nhãn căn này là thị giả của ngã. Mắt đã thấy được rồi, liền báo cho ngã biết; tai, mắt, mũi, lưỡi cũng như vậy. Do nhân duyên này, nếu có chúng sinh mắng chửi ta thì người mắng nhiếc được sinh lên trời, còn người bị nhục chịu mắng thì chết đọa ba đường ác. Giống như nhiều người cùng phục vụ một ông tướng, nếu ai chê bai cái ngã của ông tướng thì mọi người kia cùng giết, nếu không giết người chê bai thì mọi người kia bị mắc tội. Bồ-tát do sức nhẫn chịu, thương xót bọn tà kiến kia nên nhẫn chịu, dùng mọi cách để trừ sự thấy hiểu sai của họ. Giống như mưa đúng mùa, cây cỏ nhờ đó mà được thấm nhuần, phát triển kết trái. Bồ-tát nhẫn nhục cũng vậy.

Khi ấy Đức Thế Tôn nói kệ:

Như trời sắp mưa, kiến ra hang
Dồn đất thành đống làm hang ở,
Cha mẹ bất tịnh có thân ta
Trong đó vọng thức chấp làm ngã.
Sắc lực tương tục ỷ mạnh mẽ
Người trí quán kỹ như ảo mộng
Chỉ trong một niệm thành cát bụi
Như voi đạp đất kia tan nát.
Sát-na hơi thở sinh diệt mau
Đi đứng nằm ngồi đều là khổ
Phải rõ sắc thân: khổ, vô thường
Ở đó, người trí đâu tham trước.
Chư Thiên, Phạm sống đời khổ hạnh
Rắn độc nhìn thấy không thể hại
Nếu trúng thương có chú, thuốc giải
Nọc độc vô thường ai cứu được?
Pháp lành dễ tu lại quăng bỏ
Dục lạc bại hoại cố tham cầu
Người trí quán sát không thể thành
Giống như áo dơ đem nhuộm nghệ.

Bồ-tát nên đem pháp vô ngã nói cho những kẻ ngoại đạo rằng: “Ngã mà ông chấp, ở trong hay ở ngoài? Quá khứ hay vị lai? Nếu ông nói có thì khi qua đời, ngã có thể cứu ông được. Nếu không thể cứu ông được thì phải biết rõ là không có ngã. Giống như trung thần một lòng thờ vua, nếu vua ở trong tình trạng nguy nan thì chắc chắn phải cứu vua. Nay ông không có khả năng cứu được thì biết chắc là không có ngã. Nếu có ngã thì phải được tự tại, sao lại bị vô thường phá hoại?

Chúng sinh bị các khổ của quỷ vô thường bức bách làm cho từng bộ phận trên thân thể bỗng nhiên phân lìa mà chết. Nếu có ngã thì tránh được nạn này, đã không tránh khỏi sự phân ly thì

nên biết không có ngã. Do đó bọn ngoại đạo các ông từ vô thỉ đến nay phụng thờ cái ngã mà tạo ra bao nghiệp ác, chịu khổ cùng cực. Nên biết cái ngã này không có chút ân đức nào cả. Nếu ông phụng thờ nó, lâu ngày nó sẽ bỏ ông mà đi, rồi dẫn thân ông giao cho thú ác, hổ báo, chó sói để xé ăn, nhưng cái ngã thì đã từ bỏ ông để đi tìm thân khác. Nếu tính ra thì nó đã bỏ ông từ vô thỉ đến nay có vô lượng, vô số kiếp lần như vậy và hiện tại, vị lai cũng thế. Nếu ông nói tâm là thần thức thì thân ta là đầy tớ. Nên biết thân này là ngã sở, từ vô thỉ đến nay đã thọ thân vô số kiếp, chẳng biết bao nhiêu lần mà nói! Như vậy các thân là một ngã hay nhiều ngã? Nếu nhiều ngã tức là vô thường, vì vô thường nên nói có ngã là không đúng. Nếu ngã là một thì phải thường trụ, luôn giữ một thân, không thể dời chuyển. Nhưng vì không trụ cho nên cái một này cũng không thành. Ông nên suy nghĩ quán sát, dù nhiều ngã hay một ngã đều không đúng. Do đó biết rằng tâm chẳng phải là ngã.

Lại quán thân chẳng phải là ngã sở, cũng chẳng phải đầy tớ. Nếu thân thuộc về ngã thì đi, đứng, nằm, ngồi, sinh, già, bệnh, chết phải thuộc về ngã, nhưng ngã chưa sai bảo mà tự nhiên đến thì rõ ràng thân không thuộc về ngã. Nếu thuộc về ngã thì bảo phải sống mãi, không thể già chết. Đi, đứng, nằm, ngồi cũng vậy, thay đổi vô thường thì nhất định chẳng phải ngã sở, vì vậy biết chắc rằng không có ngã và ngã sở. Ông nên biết rằng: nếu ông chấp ngã thì đó là giặc lớn của ông. Vì sao vậy? Vì đời trước ông đã tích lũy căn lành mà được quả báo năm dục, đến đời nay ông đã hưởng hết. Hiện tại ông tạo bao nghiệp ác, do nghiệp lực mà ông bị giao cho cai ngục. Nếu có ngã sao không cứu nhau?”

Đại Bồ-tát dùng sức nhẫn nhục cứu vớt hữu tình thoát khỏi ác quỷ ngã và ngã sở để họ được chánh kiến giải thoát, làm cho xa lìa ngã và ngã sở, thấy tất cả pháp tánh vốn không tịch. Đó gọi là Bồ-tát tu tập Nhẫn nhục ba-la-mật-đa.

Này Từ Thị! Giống như có người vì bảo vệ con nên làm chú thuật để các ác quỷ không đến phá hoại. Bồ-tát cũng vậy, dùng chú nhẫn nhục để bảo vệ chúng sinh, làm cho oán thù, sân… không thể nào phá hoại được.

Này Từ Thị! Ví như có người bị gai đâm vào chân, ông ta muốn tìm da che khắp mặt đất để khi đi khỏi phải lo sợ. Người trí hỏi: “Ông tìm da để làm gì?” Người kia trả lời mọi việc như trên, người trí quở trách rằng: “Ôi, này người ngu! Ngươi không nên làm như vậy, chỉ cần lấy ít da để làm giày đi là không bị thương tổn. Cần gì phải dùng nhiều da để trải khắp mặt đất như thế!” Kẻ phàm phu cũng vậy, tạo oán thù khắp nơi, bị oan gia mọi nơi cầm dao muốn đến giết để trả thù. Thấy vậy, Bồ-tát rất thương xót, dùng nhẫn nhục để làm giày da che chở thân tâm họ. Được che chở thì họ làm gì có oán thù cầm dao đến hại. Đó là Nhẫn nhục ba-la-mậtđa.

Ví như có người đem lời độc ác hủy nhục, Bồ-tát nghe vậy không nên nổi sân mà phải quán sát: Người mắng ấy là ai? Người bị mắng lại là ai? Hai thân mình và người có mười hai xứ: nhãn xứ thấy sắc, nhĩ xứ nghe tiếng, tỷ xứ ngửi hương, thiệt xứ nếm mùi, thân xứ cảm giác xúc, ý xứ biết pháp. Nhưng nhãn xứ ấy thật chẳng phải là ngã. Nếu không phải ngã thì tội lỗi nhãn xứ của mình và người sẽ thuộc về ai? Nếu có tội lỗi thì cần phải trị phạt. Quán sát thật kỹ như vậy thì cả hai đều không có tội lỗi. Đã không có tội lỗi thì ai nhận, ai mắng để mà sân giận? Quán sát như vậy, cho đến pháp xứ cũng thế. Ngoài mười hai xứ ra không có một vật nào nữa. Người mắng, người chịu mắng, cả hai đều không. Lúc ấy mà suy nghĩ thì tâm sân không còn nữa. Nếu nghe lời

thô ác nên quán sát thật kỹ, lời nói ấy có cái gì là thô ác? Hai chữ thô và lời đều không sinh cùng một lúc, lúc thô thì chẳng phải là lời nói, lúc lời nói thì chẳng phải là thô, sinh diệt trong từng sát-na không bao giờ đợi nhau. Hai chữ còn không có huống gì có nhiều sự mắng nhiếc. Lấy đây mà quán sát thì trong trăm ngàn kiếp nói lời thô ác ấy không còn là lời nhục mạ nữa.

Lại quán sát về người mắng chửi và pháp mắng chửi, cả hai đều vô thường, không dừng lại dẫu một sát-na thì sân cái gì? Cho nên biết rằng quá khứ đã qua rồi, tương lai thì chưa đến, còn hiện tại không đứng yên. Pháp mắng chửi đã là không thì thân ta cũng vậy, đồng với sự vô thường, sinh diệt không đứng yên ấy. Vì không đứng yên cho nên tất cả đều trống không. Khi quán sát như vậy, vô lượng oán thù đồng thời tiêu diệt. Nếu lìa sự quán này mà chấp tướng phân biệt thì chỉ gọi là nhẫn nhục chứ không được gọi Nhẫn nhục ba-la-mật-đa. Năm uẩn vô ngã cho đến mười tám giới… cũng đều vô ngã, như huyễn như hóa, khen chê đều bình đẳng, bản tánh đều bình đẳng.

Này Từ Thị! Thấy người mắng chửi, Đại Bồ-tát nên sinh lòng thương xót và nghĩ rằng: "Người ấy bị ma sân bắt giữ, bị phiền não che lấp nên mắng chửi như vậy. Ta muốn diệt trừ con ma này nên khéo tu học Nhẫn đà-la-ni để không sinh sân giận, không để sân giận và các phiền não khác làm tổn hại chúng sinh. Nếu ta sân thì ma quỷ làm mê hoặc thân ta; do đó mà thương xót đối với người mắng chửi kia và luôn nhẫn chịu." Mặc dù tu tập như vậy nhưng chỉ gọi là nhẫn nhục. Nếu không phân biệt thì gọi là Nhẫn nhục ba-lamật-đa.

Này Từ Thị! Đại Bồ-tát khi hành an nhẫn bị người cầm dao bén đến chặt tay chân mình, Bồ-tát vẫn vui vẻ với người ấy và tưởng nghĩ đó là Thiện tri thức của mình. Giống như có người sau khi bố thí rồi lòng rất vui vẻ và nghĩ rằng: "Nay ta được phước báo lớn. Đối với người nhận bố thí kia ta phải thường nhớ ân đức của họ. Người bên cạnh thấy vậy đều phải sinh lòng tùy hỷ. Cũng vậy, Bồ-tát thấy người cắt xẻ thân mình, nên vui mừng nghĩ rằng: "Người kia vì diệt trừ tội nghiệp cho ta và cho ta pháp tài nên đã làm như vậy. Vì ta mà bị tiếng xấu ác, mất đi sự an vui giải thoát của trời và người, còn phải chịu khổ trong ba đường ác. Do đây, người đó là bạn lành chí thân của ta, đã hoàn thành Nhẫn nhục ba-la-mật-đa cho ta. Với người đó, ta nên kính trọng, cho đến khi chứng Bồ-đề cũng không quên ân đức ấy, huống gì trở lại sân hận. Nếu sân giận tức là đã phản bội lại ân đức của họ. Do đây mà càng cung kính, nghĩ tưởng đây là thầy mình. Mặc dầu nhẫn điều khó nhẫn, nhưng còn sự phân biệt giữa mình và người thì chỉ gọi là nhẫn nhục, chứ không được gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật-đa."

Lại nữa, nếu ở nơi thanh vắng có người đến chê bai Bồ-tát rằng: "Ông đã ăn trộm, hành dâm dục, đánh mắng, hành thích". Bồ-tát nhẫn nhục, tự tư duy như vầy: "Đó chẳng phải lỗi của họ mà là do đời trước ta đã từng đánh mắng, hành thích họ. Do dư nghiệp của ta còn sót lại nên phải nhận lấy sự trách mắng của người ấy. Vì ta mà người kia phải đọa vào đường ác, nên ở trong loài người phải có lòng đại Bi nhẫn." Lại tư duy: "Tâm này của ta rất gian trá, sợ đọa địa ngục mà nhẫn nhục, lại muốn thành tựu Nhẫn nhục ba-la-mật-đa để người cắt xẻ kia phải đọa ba đường ác." Tư duy như vậy càng thấy xấu hổ. Biết lỗi của mình, Bồ-tất cảm thấy xấu hổ liền tưởng người kia là Thiện tri thức, sinh lòng tôn trọng. Nhưng đó chỉ là nhẫn nhục chứ không phải Nhẫn nhục ba-la-mật-đa, vì có phân biệt giữa mình và người.

Lại nữa, Bồ-tát biết sân giận là pháp gây ra các khổ, biết hạnh nhẫn nhục là nguồn gốc của vạn hạnh. Do đó mà hành nhẫn nhục, nhưng chỉ gọi là nhẫn nhục, không được gọi là Nhẫn nhục ba-la-mậtđa. Vì sao vậy? Vì còn có phân biệt thiện ác.

Bồ-tát quán thân năm uẩn có năm loại tội lỗi, là chỗ tập hợp gây ra các khổ và nó thay đổi trong sát-na, gồm năm thứ bất tịnh, gồm ba mươi sáu vật uế trược, không có ngã và ngã sở, tất cả đều là không. Riêng bọn ngoại đạo tà kiến chấp thân này là an lạc, thường trụ bất biến, là pháp thanh tịnh, có ngã và ngã sở. Bồ-tát quán kỹ năm pháp này cùng tất cả hữu tình cũng vậy. Đã biết vậy rồi, khi nghe mắng chửi, không nên sân giận, được khen ngợi không vui mừng. Đó chỉ gọi là nhẫn nhục, không phải là Nhẫn nhục ba-la-mậtđa.

Này Từ Thị! Nay ta sẽ lược nói về ba mươi hai loại nhẫn nhục của Bồ-tát. Đó là: không tham lam, không sát hại, không gây phiền não, không sân nhuế, không oán hận, không bực tức, không tranh luận, không nhiễm cảnh dục, hay giữ tâm mình và người, thuận tâm Bồ-đề, không có tâm phân biệt, không vướng vào sinh tử, tùy thuận nghiệp quả, thân thanh tịnh, khẩu ý thanh tịnh, kiên cố không thoái lui, nói năng tự tại, không tính toán, tự giác Thánh trí, giữ gìn ý người, tu bốn phạm hạnh không sinh theo do thiền lực, ở trong trời, người an lạc tự tại, tướng tốt viên mãn, Phạm âm vi diệu, diệt trừ các điều ác, lìa bỏ xan tham, đoạn trừ ganh tỵ, xả bỏ các oán giặc, gần Bồ-đề phần, lìa điều bất thiện, thích ở nơi thanh vắng, đạt được các phần Phật pháp. Đó là ba mươi hai loại Nhẫn nhục ba-la-mật-đa. Bồ-tát tu hành đầy đủ ba mươi hai loại nhẫn nhục ấy thì chứng được Vô sinh pháp nhẫn và mau đến Vô thượng Bồ-đề.

Này Từ Thị! Sao gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật-đa? Nghĩa là nếu có người đến mắng chửi thì ta nên quán tiếng mắng chửi ấy như tiếng vọng trong hang. Khi bị đánh đập nên quán thân này như bóng (hình tướng) trong gương. Nếu bị sân nên quán tâm này như huyễn như hóa. Nếu bị phẫn nộ nên quán tâm này tánh vốn không náo động. Nếu được lợi dưỡng nên quán tâm này tự tánh điều phục, không vui mừng. Nếu mất lợi dưỡng nên quán tâm này thiện diệu, tịch tĩnh, không nên sân giận. Nếu bị chê bai nên quán thân này như hư không, không nên trả thù. Nếu được khen ngợi nên quán tự thân này tánh không ngã mạn, không cống cao. Nếu được ca tụng nên quán tâm này tánh xưa nay không tịch, không vui mừng. Nếu bị cơ hiềm nên quán tâm tánh vốn xa lìa sợ hãi, không sinh lo buồn. Khi gặp khổ nên quán pháp tánh vốn không bức bách, không thấy tướng khổ. Khi được vui vẻ, nên quán thật tánh thường trụ bất biến, không có tướng khổ vui. Khi Đại Bồ-tát trụ trong nhẫn nhục thì tám loại gió không thể nào làm động chuyển được. Vì sao? Vì lấy tâm Bồ-đề trụ vào tướng chân thật, xa lìa bỉ thử, thấy được Pháp thân. Nếu có việc gì bất an cũng đều nhẫn nhục. Muốn chiến thắng các ma oán nên làm tất cả những việc khó làm để điều phục ngoại đạo tà kiến.

Từ Thị nên biết! Nay ta sẽ lược nói về Nhẫn nhục ba-la-mậtđa.

Này Từ Thị! Nếu quán vô thường thì lìa tướng ngã kia mà tâm được an nhẫn, chẳng phải nhẫn chân thật. Nếu quán tướng thiện, bất thiện của các pháp mà tâm được nhẫn nhục, đó chẳng phải là nhẫn chân thật. Nếu quán kỹ nhẫn mười hai xứ đối với căn trần lìa tướng sân giận mà được nhẫn nhục, đó chẳng phải chân thật nhẫn. Nếu quán sân giận cho là điên đảo, nhẫn là chân chánh, biện biệt tà chánh thì chẳng phải là nhẫn chân thật. Lại thấy nhẫn có lý, mắng chửi là phi lý, nhẫn như vậy mà còn chấp tướng thì chẳng phải nhẫn chân thật. Lại nữa, nếu trụ vào nhẫn

tám chánh, lìa nhẫn tám tà; nhẫn đạo hay phi đạo thì chẳng phải chân thật nhẫn. Lại nữa, không quán nhẫn các pháp vô thường, vô ngã, bất tịnh, khổ, mà chỉ quán các pháp thường, lạc, ngã, tịnh, Vô sinh pháp nhẫn. Nhẫn mà trái ngược nhau như vậy chẳng phải nhẫn chân thật. Nhẫn pháp không mà không nhẫn các kiến chấp; nhẫn pháp vô tướng mà không nhẫn pháp hữu tướng; nhẫn pháp vô nguyện, không nhẫn pháp hữu nguyện; nhẫn pháp vô hành, không nhẫn pháp hữu hành; nhẫn pháp không phiền não, không nhẫn pháp phiền não; nhẫn các pháp thiện, không nhẫn các pháp ác; nhẫn pháp xuất thế gian, không nhẫn pháp thế gian; nhẫn pháp không lỗi, không nhẫn pháp có lỗi; nhẫn pháp vô lậu, không nhẫn pháp hữu lậu; nhẫn pháp Niết-bàn, không nhẫn pháp sinh tử… Nhẫn như vậy là nhẫn đối trị, chẳng phải là nhẫn cứu cánh.

Đại Bồ-tát Từ Thị thưa:

–Bạch Thế Tôn! Người nhẫn nhục như vậy là nhẫn không cứu cánh. Vậy thì thế nào là nhẫn cứu cánh? Cúi xin Ngài phân biệt giải nói.

Đức Thế Tôn dạy:

–Này thiện nam! Nhẫn chân thật là dùng chánh trí tuệ thông hiểu bản tánh của tất cả các pháp đều không. Tánh không này cùng với bản tánh của các pháp không hai. Tánh của các pháp là không tánh, bản tánh chánh trí là thanh tịnh, không hai, không khác, không đoạn. Do đó nên biết rằng pháp của thế gian là không. Không là pháp thế gian, bản tánh của hai pháp không lìa nhau. Nhẫn như vậy gọi là nhẫn cứu cánh.

Lại nữa, dùng chánh trí tuệ thông hiểu tánh của các pháp là tánh vô tướng. Tánh vô tướng là bản tánh của các pháp, bản tánh không hai. Tánh của các pháp và tánh vô tướng là bản tánh chánh trí thanh tịnh, không hai, không hai phần, không khác, không đoạn.

Cho nên biết rằng tất cả pháp là vô tướng, vô tướng là tất cả pháp. Bản tánh của hai pháp không lìa nhau. Nhẫn như vậy gọi là nhẫn cứu cánh.

Dùng chánh trí tuệ thông hiểu tánh của các pháp là tánh vô nguyện, tánh vô nguyện là tánh của các pháp vì bản tánh không hai. Tánh vô nguyện và tánh của các pháp là bản tánh chánh trí thanh tịnh, không hai, không hai phần, không khác, không đoạn. Cho nên biết rằng tất cả pháp là vô nguyện, vô nguyện là tất cả pháp, vì bản tánh hai pháp không lìa nhau. Nhẫn như vậy là nhẫn cứu cánh.

Dùng chánh trí tuệ hiểu rõ tánh của tất cả hành là tánh không hành. Tánh không hành và tánh tất cả hành, bản tánh không hai. Tánh tất cả hành và tánh không hành là bản tánh chánh trí thanh tịnh, không hai, không hai phần, không khác, không đoạn. Nhẫn như vậy gọi là nhẫn cứu cánh.

Dùng chánh trí tuệ thông hiểu tánh phiền não là tánh không phiền não. Tánh không phiền não và tánh phiền não là bản tánh không hai. Tánh phiền não và tánh không phiền não là bản tánh chánh trí thanh tịnh, không hai, không khác, không hai phần, không đoạn. Nhẫn như vậy gọi là nhẫn cứu cánh.

Dùng chánh trí tuệ thông suốt tất cả tánh thiện là tánh bất thiện. Tánh thiện tức là tánh bất thiện, là bản tánh không hai. Tánh thiện và tánh bất thiện là bản tánh chánh trí thanh tịnh, không hai, không hai phần, không khác, không đoạn. Nhẫn như vậy gọi là nhẫn cứu cánh.

Dùng chánh trí tuệ thông suốt tánh pháp xuất thế gian tức là tánh pháp thế gian. Tánh pháp thế gian và tánh pháp xuất thế gian là bản tánh không hai. Tánh pháp xuất thế gian và tánh pháp

thế gian là bản tánh chánh trí thanh tịnh, không hai, không hai phần, không khác, không đoạn. Nhẫn như vậy gọi là nhẫn cứu cánh.

Dùng chánh trí tuệ thông suốt tánh không tội lỗi là tánh tội lỗi. Tánh tội lỗi và tánh không tội lỗi bản tánh không hai. Tánh không tội lỗi và tánh tội lỗi là bản tánh chánh trí thanh tịnh, không hai, không hai phần, không khác, không đoạn. Nhẫn như vậy gọi là nhẫn cứu cánh.

Dùng chánh trí tuệ thông hiểu tánh pháp vô lậu là tánh pháp hữu lậu. Tánh pháp hữu lậu và tánh pháp vô lậu bản tánh không hai. Tánh pháp vô lậu và tánh pháp hữu lậu là bản tánh chánh trí thanh tịnh, không hai, không hai phần, không khác, không đoạn. Nhẫn như vậy gọi là nhẫn cứu cánh.

Dùng chánh trí tuệ thông suốt tánh Niết-bàn là tánh sinh tử. Tánh sinh tử và tánh Niết-bàn bản tánh không hai. Tánh Niết-bàn và tánh sinh tử là bản tánh chánh trí thanh tịnh, không hai, không hai phần, không khác, không đoạn. Nhẫn như vậy là nhẫn cứu cánh.

Đức Phật dạy:

–Này Từ Thị! Nhẫn cứu cánh chân thật như vậy, đối với tất cả các pháp thấy không có mình và người, chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải sinh, chẳng phải không sinh, chẳng phải diệt, chẳng phải không diệt. Ai đạt được nhẫn như vậy gọi là nhẫn chân thật cứu cánh Vô sinh pháp nhẫn, là Nhẫn nhục ba-la-mật-đa.

Khi Đức Phật nói Nhẫn nhục ba-la-mật-đa này, Bồ-tát Từ Thị làm thượng thủ, cùng vô lượng chúng Đại Bồ-tát và cả đại hội đồng khen ngợi Đức Thế Tôn:

–Lành thay, lành thay! Thật hy hữu thay Bậc Thiện Thệ! Thật kỳ diệu thay, Bậc Thế Tôn!

Khen ngợi xong, tất cả mọi người đem vô lượng trân bảo quý giá dâng lên cúng dường Thế Tôn, đó là những loại: hương chiêmbặc, hương hoa, hương đốt, hương xoa, hương bột, những loại vòng hoa, y phục, tơ lụa, tràng phan, bảo cái tung lên hư không cúng dường và trổi tất cả các thứ âm nhạc để làm vui cùng những bài ca tụng khen ngợi Như Lai. Các chúng sinh nghe Đức Phật nói Nhẫn nhục ba-la-mật-đa này không kinh nghi, không hoảng sợ, tất cả đều được pháp nhẫn chân thật của Như Lai. Họ rải hoa hương trên hư không khắp cả tam thiên đại thiên thế giới để cúng dường Như Lai.

Đức Thế Tôn dạy Từ Thị:

–Này thiện nam! Ông nên an trí tất cả hoa hương, y phục cho đến tràng phan, bảo cái ấy.

Bồ-tát Từ Thị thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con đã an trí tất cả hương hoa, y phục ấy rồi, mỗi mỗi đều được an trí trong chúng hội các vị Bồ-tát, Trời, Rồng…, mà ngay nơi thân con là chỗ nương tựa.

Nói xong, Bồ-tát Từ Thị liền nhập vào Nhất thiết sắc thân Tam-muội. Nhập Tam-muội rồi, tất cả hương hoa, y phục, tơ lụa, cho đến tràng phan, bảo cái đầy khắp hư không trong tam thiên đại thiên thế giới nhờ thần lực của định mà vào rốn của Bồ-tát Từ Thị không bị chướng ngại, và cả thảy đều đầy đủ không giảm bớt mà thân của Bồ-tát Từ Thị cũng không lớn ra.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Vô Tận Tạng hỏi Bồ-tát Từ Thị:

–Này thiện nam! Tam-muội này tên là gì mà trụ vào định này làm cho tất cả vật cúng dường đều vào trong rốn ông mà thân ông không tăng, vật kia không giảm?

Bồ-tát Từ Thị nói:

–Này thiện nam! Tam-muội này gọi là Phổ nhập nhất thiết sắc thân Tam-muội.

Bồ-tát Vô Tận Tạng lại hỏi:

–Này Đại sĩ! Cảnh giới biến hóa thần thông của Tam-muội này như thế nào?

Bồ-tát Từ Thị nói:

–Tất cả vật trong tam thiên đại thiên thế giới đều vào rốn của tôi mà thân tôi không tăng, vật kia không giảm. Vì sao vậy? Vì pháp tánh vốn như vậy.

Khi ấy, ở trong hội, Bồ-tát, Trời, Rồng, Quỷ thần, Nhân phi nhân thầm nghĩ: "Chúng ta muốn thấy cảnh giới thần biến của Tam-muội này mà không biết làm thế nào?".

Biết tâm niệm của các vị Bồ-tát, Trời, Rồng… Đức Thế Tôn dạy Bồ-tát Từ Thị:

–Này thiện nam! Ông nên hiện thần thông biến hóa của Tam-

muội này để cho tất cả đại chúng đều biết.

Lúc ấy, Bồ-tát Từ Thị tu tập Tam-muội này đã từ lâu và đã hoàn toàn thuần thục, không bị chướng ngại, làm cho các vị Bồ-tát, đại chúng ở phương khác và Bí-sô, Bí-sô-ni cùng Phật Thế Tôn đều nhập vào thân Từ Thị mà các hữu tình cũng không kinh sợ, thân tâm được an lạc chưa từng có.

Giống như đi qua vô lượng a-tăng-kỳ thế giới về phương Đông, có thế giới tên Bảo anh lạc trang nghiêm. Tất cả đồ vật mà chúng sinh thế giới đó dùng toàn bằng những loại trân bảo quý báu, thọ hưởng sự sung sướng. Và thân trời, người trong đại chúng này được hưởng an lạc giống như thế giới ấy không khác. Đại chúng nơi hội này ở trong thân Từ Thị biết rõ không bị chướng ngại.

Bấy giờ, Bồ-tát Từ Thị thâu thần lực trở lại. Khi ấy đại chúng và Phật Thế Tôn đều trở về chỗ ngồi. Tất cả đại chúng hữu tình ấy đều không biết rõ có tướng qua lại. Bồ-tát Vô Tận Tạng nói với Bồ-tát Từ Thị:

–Thật hy hữu thay, Đại sĩ! Việc biến hóa thần thông của Tam-muội này tôi chưa từng có và xưa nay chưa từng nghe thấy.

Bồ-tát Từ Thị nói:

–Thưa Tôn giả! Không những chỉ có tất cả đại chúng trong hội này đều nhập vào trong rốn tôi, mà giả sử đem các núi Diệu cao và mười núi báu, núi Đại thiết vi, biển lớn, sông sâu, mặt trời, mặt trăng, sao, Thiên cung, Long cung trong tam thiên đại thiên thế giới, năm cõi, bốn loài, Nhân phi nhân nhập vào thân tôi không bị chướng ngại. Thân tôi không tăng, vật kia không giảm. Chúng sinh ấy cũng không biết rõ có tướng qua lại. Tánh của pháp còn như vậy, huống gì trong hội này.

Khi Đức Thế Tôn nói Nhẫn nhục ba-la-mật-đa này và hiện đại thần thông, trong hội có bảy mươi sáu na-do-tha người, trời đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề, ba vạn hai ngàn Bồ-tát đều được Vô sinh pháp nhẫn.

Đức Phật dạy Từ Thị:

–Nếu có thiện nam, thiện nữ nào mới nghe tên Nhẫn nhục bala-mật-đa này mà sinh lòng tin thì người ấy chắc chắn không đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh mà được ở trong Vô thượng Bồ-đề không bao giờ thoái chuyển. Nay ta nói Nhẫn nhục ba-la-mật-đa này là hoàn toàn viên mãn, làm lợi ích an lạc cho tất cả chúng sinh.

QUYỂN 7
Phẩm 8: TINH TẤN BA-LA-MẬT-ĐA

Đức Thế Tôn nói Nhẫn nhục ba-la-mật-đa xong, Đại Bồ-tát Từ Thị liền đứng dậy, trịch áo bày vai phải, quỳ gối chắp tay cung kính thưa:

–Bạch Đại Thánh Thế Tôn! Thế Tôn đã nói Nhẫn nhục ba-lamật-đa rồi, bây giờ xin Ngài hãy nói rộng về Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát trụ vào đó như thế nào, hàng phục thế nào và tu hành như thế nào? Làm sao viên mãn Tinh tấn ba-la-mật-đa? Cúi xin Ngài phân biệt giải nói.

Đức Thế Tôn dạy Bồ-tát Từ Thị:

–Này thiện nam! Ông hãy lắng nghe cho rõ, suy nghĩ thật kỹ. Ta sẽ vì ông mà phân biệt giải nói, nghĩa là tu tập năm pháp Ba-lamật-đa kia đều nhờ sức tinh tấn mà được thành tựu. Tinh tấn ba-la-mật nghĩa là ba nghiệp thiện thân, khẩu, ý đều nhờ lực tinh tấn mới phát sinh được. Trong ba nghiệp thì ý nghiệp là hơn hết. Đại Bồ-tát tu ý nghiệp có hai loại tâm là tinh tấn và thoái lui. Nghĩa là phát tâm Bồ-đề là tinh tấn, dừng tâm Bồ-đề là thoái lui.

Phát khởi là thế nào? Là có lòng Từ bi với tất cả hữu tình.

Dừng lại là thế nào? Là trụ vào ngã không.

Phát khởi là thế nào? Là nắm giữ tất cả chúng sinh.

Dừng lại là thế nào? Là xả bỏ tất cả chúng sinh.

Phát khởi là thế nào? Là trong sinh tử không mệt mỏi.

Dừng lại là thế nào? Là muốn ra khỏi ba cõi.

Phát khởi là thế nào? Là xả bỏ tất cả.

Dừng lại là thế nào? Là tâm khinh thị không bố thí.

Phát khởi là thế nào? Là kiên trì giữ giới thanh tịnh.

Dừng lại là thế nào? Là hủy phạm giới cấm.

Phát khởi là thế nào? Là khéo trụ vào nhẫn nhục.

Dừng lại là thế nào? Là không tu nhẫn nhục.

Phát khởi là thế nào? Là tu tập các căn lành.

Dừng lại là thế nào? Là giải đãi, biếng nhác.

Phát khởi là thế nào? Là trụ trong thiền định.

Dừng lại là thế nào? Là tâm tán loạn.

Phát khởi là thế nào? Là tương ưng với trí tuệ.

Dừng lại là thế nào? Là tương ưng với vô minh.

Phát khởi là thế nào? Là nghe nhiều, nói đúng.

Dừng lại là thế nào? Là không nghe chánh pháp.

Phát khởi là thế nào? Là tích tụ trí tuệ.

Dừng lại là thế nào? Là phân biệt chấp tướng.

Phát khởi là thế nào? Là quán uẩn như huyễn.

Dừng lại là thế nào? Là với uẩn sinh nhàm chán.

Phát khởi là thế nào? Là biết xứ như mộng.

Dừng lại là thế nào? Là diệt trừ căn cảnh.
Phát khởi là thế nào? Là quán giới vô sinh.
Dừng lại là thế nào? Là thân diệt, trí diệt.
Phát khởi là thế nào? Là phạm hạnh tăng trưởng.
Dừng lại là thế nào? Là xả trí tuệ chân thật.
Phát khởi là thế nào? Là năm thần thông tự tại.
Dừng lại là thế nào? Là nhàm chán hữu lậu.
Phát khởi là thế nào? Là chánh quán Niệm xứ.
Dừng lại là thế nào? Là không tu niệm trụ.
Phát khởi là thế nào? Là tương ưng với chánh đoạn.
Dừng lại là thế nào? Là không hành chánh đoạn.
Phát khởi là thế nào? Là thần túc tự tại.
Dừng lại là thế nào? Là không đủ thần túc.
Phát khởi là thế nào? Là siêng năng tu tập năm Căn.
Dừng lại là thế nào? Là năm Căn không tăng trưởng.
Phát khởi là thế nào? Là thích tu năm Lực.
Dừng lại là thế nào? Là không tu năm Lực.
Phát khởi là thế nào? Là viên mãn Giác chi.
Dừng lại là thế nào? Là không đủ bảy Giác chi.
Phát khởi là thế nào? Là siêng năng tu Chánh đạo.
Dừng lại là thế nào? Là không tu tám Chánh đạo.
Phát khởi là thế nào? Là tu Quán.
Dừng lại là thế nào? Là không tu Chỉ.
Phát khởi là thế nào? Là quán duyên sinh.
Dừng lại là thế nào? Là chán sự nguy hiểm của duyên sinh.
Phát khởi là thế nào? Là nghe điều chưa nghe.
Dừng lại là thế nào? Là chấp nhận điều đã nghe.
Phát khởi là thế nào? Là lấy giới để trang sức thân.
Dừng lại là thế nào? Là chán ghét thân uẩn.
Phát khởi là thế nào? Là Biện tài vô ngại.
Dừng lại là thế nào? Là không học im lặng.
Phát khởi là thế nào? Là tu tập ba pháp môn giải thoát.
Dừng lại là thế nào? Là không tu tập ba pháp môn giải thoát.
Phát khởi là thế nào? Là chiến thắng quân ma.
Dừng lại là thế nào? Là thích trụ Niết-bàn.
Phát khởi là thế nào? Là khéo tu phương tiện.
Dừng lại là thế nào? Là ưa thích tịch tĩnh.
Phát khởi là thế nào? Là cầu tiến không ngừng.
Dừng lại là thế nào? Là được rồi không chịu tiến nữa.
Phát khởi là thế nào? Là hiểu rõ tục đế.

Dừng lại là thế nào? Là tự chứng diệt đế.

Phật dạy Từ Thị:

–Tất cả pháp hành tinh tấn như vậy đều nhờ sức tinh tấn mà có thể viên mãn, không tăng không giảm, có thể làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Vì sao? Vì có thể viễn ly tất cả tướng. Tất cả đều nhờ trí lực mà viên mãn Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Sự nghiệp tu tập của Đại Bồ-tát như thế nào? Nghĩa là tu tập đại Từ, đại Bi, không xả hữu vi mà chứng chân vô vi, không thoái lui cho đến khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Từ Thị nên biết! Đó là Đại Bồ-tát ý nghiệp thanh tịnh nhờ Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nữa, này Đại Bồ-tát Từ Thị, có bốn loại tinh tấn:

1. Điều bất thiện chưa sinh, đừng cho sinh.
2. Đã sinh điều bất thiện rồi, hãy mau diệt trừ.
3. Điều thiện chưa sinh thì làm cho mau phát sinh.
4. Điều thiện đã sinh rồi thì làm cho tăng trưởng.

Từ Thị nên biết! Đó là bốn loại tinh tấn của Đại Bồ-tát, nếu không có bốn loại tinh tấn này thì làm sao viên mãn Tinh tấn ba-lamật-đa. Đại Bồ-tát phát khởi tinh tấn cho đến bố thí, trì giới, nhẫn nhục, phải tinh tấn xả bỏ điều khó bỏ, làm những việc khó làm. Những việc khó như vậy phải siêng năng tinh tấn dũng mãnh, không biếng nhác, tu hành vượt hơn tất cả chư Thiên. Đó là điều mà Phạm thiên, Hộ thế không làm được. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát rộng độ chúng sinh ra khỏi biển sinh tử, nhưng không thấy có tướng độ. Tất cả đều nhờ lực tinh tấn mà được thành tựu. Đó gọi là Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Này Từ Thị! Vì chúng sinh biếng nhác nên công đức của sự tu hành rất ít. Giống như giọt nước không thể thành biển cả, người giải đãi cũng vậy, không thể đến được Vô thượng Bồ-đề. Giống như có người không có tay chân thì không thể đi, đứng, nằm, ngồi theo ý được, cho đến một việc làm rất nhỏ cũng không làm xong. Người như vậy làm sao có thể vượt qua sông lớn biển cả được, chúng sinh biếng nhác không tinh tấn cũng vậy. Đối với sự nghiệp gia đình, người lười biếng này còn không thành đạt được thì làm sao có đủ từ bi để tu giới tuệ, cứu chúng sinh ra khỏi nhà lửa!

Bồ-tát tu hành Ba-la-mật-đa làm tư lương cho Bồ-đề, Đại Bồ-tát lấy Tinh tấn ba-la-mật-đa làm thuyền bè mà được thành tựu vô số kiếp phước trí, cùng ngồi một thuyền với các hữu tình vượt qua biển lớn sinh tử, đến bờ kia Niết-bàn.

Tất cả chúng sinh trên thế gian gồm có ba loại:

1. Lười biếng.
2. Không siêng năng, không biếng nhác.
3.Tinh tấn dũng mãnh.

Hạng lười biếng nghĩa là bỏ bê công việc trong gia đình thì làm sao có thể kinh doanh, làm việc cho người khác.

Hạng không siêng năng, không biếng nhác là đối với sự nghiệp lớn thì không làm được. Giả sử muốn cầu tiến mà gặp trở ngại thì thoái lui.

Hạng tinh tấn dũng mãnh là luôn chịu lao khổ cực nhọc cho hữu tình, chỉ làm lợi ích cho mọi người mà không nghĩ đến bản thân mình.

Người biếng nhác bị con quỷ giải đãi luôn móc kéo, làm mê hoặc thân tâm, giống như có người vào biển lớn, đến núi bảy báu, châu báu trong núi ấy nhiều vô lượng, vừa muốn lấy thì ông ta bị quỷ bắt lại nên đành bỏ lỡ cơ hội mà đi bộ trở về với thân trơ trọi, không lấy được một món châu báu nào. Chúng sinh biếng nhác cũng vậy. Ở Thiệm-bộ châu, chúng sinh do phước đức của mười thiện nghiệp mà sinh vào trong cõi này. Bồ-tát quán vô lượng, vô biên châu bảo Thập thiện đầy khắp cả đại địa, chúng sinh bị quỷ giải đãi làm mê hoặc, cuồng loạn mất trí, nếu thấy châu bảo không được móng tâm lấy, như núi Diệu cao không thể lay chuyển. Nếu người tinh tấn lấy bảo vật này không lấy làm khó mà lại thấy dễ dàng như giơ mảy lông.

Đại Bồ-tát muốn viên mãn Tinh tấn ba-la-mật-đa thì phải vì khắp tất cả chúng sinh từ vô lượng kiếp chịu sinh tử mãi mà không tiếc thân mạng, luôn siêng năng tinh tấn mới đạt đến Bồ-đề. Bồ-tát quán như vậy mà tâm không giải đãi, mỏi mệt, xem như thời gian chừng một bữa ăn.

Lại tư duy: Chư Phật quá khứ đã hành Bồ-tát hạnh, vì muốn viên mãn sáu pháp Ba-la-mật-đa mà trải qua vô lượng kiếp cũng xem như thời gian chừng một bữa ăn. Đại Bồ-tát quán hiện tại, vị lai có vô lượng, vô biên chư Phật đã từng hành Bồ-tát hạnh, trải qua vô lượng kiếp mới thành Chánh giác, kiếp số như vậy khó tính đếm được. Giống như có bức thành rất cao rộng, bốn mặt cao dày đều một trăm do-tuần. Trong thành này có đầy hạt mè, cứ một trăm, một trăm kiếp lấy đi một hạt, như vậy trong từng kiếp số lấy dần dần từng hạt một, cho đến lúc trong thành không còn hạt nào cả là một đại kiếp. Như vậy, trong đại kiếp tính đủ ba a-tăng-kỳ kiếp. Kiếp số của Đại Bồ-tát cũng vậy, luôn vì mỗi hữu tình trong năm đường mà siêng năng tinh tấn, lại chịu các khổ não mới chứng Bồ-đề. Ví như nghiền nát đất thành bụi, như vậy bụi có nhiều không?

Từ Thị thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Đức Phật dạy Từ Thị:

–Giả sử chúng sinh như số bụi kia, thì Bồ-tát vì mỗi hữu tình mà siêng năng tinh tấn như trong kiếp số nói trên không tiếc thân mạng, chịu các khổ não, sau đó mới chứng Vô thượng Bồ-đề. Đại Bồ-tát nên tư duy như vầy: “Về quá khứ như kiếp số trên, ta đã siêng năng tinh tấn đầy đủ viên mãn sáu pháp Ba-la-mật-đa, đắc quả vị không thoái chuyển mới chứng Bồ-đề.” Tư duy như vậy rồi, ngày đêm Bồ-tát siêng năng tinh tấn dũng mãnh. Với kiếp số tính theo năm tháng trong nhân gian mà so với ở đó thì như khoảng một sát-na để thành Chánh giác, sao lại không tinh tấn? Đại Bồ-tát siêng năng tinh tấn một cách kiên cố, xả bỏ đầu, mắt, tủy, não, tay, chân… mà không chút tiếc nuối. Đã tư duy như vậy, Bồ-tát nhất tâm tinh tấn, không giải đãi mỏi mệt. Đây gọi là Tinh tấn ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát.

Lúc đó Đức Thế Tôn nói kệ:

Các thật quả thế gian
Do tinh tấn sinh ra
Địa, thủy, hỏa, phong giới
Căn trần nhờ đây có
Tham, sân, si ba độc
Đều do giải đãi sinh

Bồ-tát thấy như vậy
Sợ hãi như tên độc.
Nếu người có tài năng
Biếng nhác việc không thành
Con cái mà giải đãi
Mẹ hiền không được vui.
Có trí gắng tinh tấn
Thành tựu hạnh Bồ-tát
Người ấy nở hoa giác
Thành quả vị Phật-đà.
Người trí luôn dũng mãnh
Thông đạt nghĩa thâm sâu
Người giải đãi lười biếng
Người đời không khen ngợi
Người nào không tinh tấn
Ở đời không được khen
Không hành trang thiện pháp,
Như phân dơ ô uế.
Như cỏ và ngói đá,
Ở đời còn dùng được
Người giải đãi biếng nhác
Không ai thèm dùng đến.
Giống như áo rách dơ
Như vòng hoa héo tàn
Người nào không tinh tấn
Người tốt không cần dùng.
Nếu ai được tiếng khen
Nhờ tinh tấn nhẫn nhục
Không nhẫn không tinh tấn
Là phi nữ phi nam.
Giải đãi thiếu của cải
Hèn hạ lắm kiêu mạn,
Thường sợ người ta chê
Việc nhà không thành đạt.
Không tinh tấn như vậy
Tuy có lắm tài năng,
Thường bị người đời khinh
Như rắn hết khí độc.
Dù không nhiều tài năng
Nhưng siêng năng tinh tấn

Chắc chắn được thành tựu
Phật quả đại Bồ-đề.
Những ai tu nghiệp phước
Đều nhờ sức tinh tấn
Nếu muốn làm sứ giả
Chuyên đợi lệnh vua sai.
Tinh tấn gốc tôn quý
Nên siêng năng dũng mãnh
Bồ-tát thích tu hành
Ắt thành quả Vô thượng.
Luôn trụ vào tinh tấn
Được người trí khen ngợi
Không trí bảo do trời
Tà kiến gốc sinh tử
Người trí trú chánh kiến
Tinh tấn từ bỏ trời.
Nên siêng năng tinh tấn
Để độ cõi trời kia
Ngu đần không tinh tấn
Thờ trời, không siêng năng.
Người trí thích tinh tấn
Tránh xa giáo pháp trời
Mạng trời và tinh tấn
Ngu, trí rất sai biệt
Tin trời do tà kiến
Tinh tấn được quả lành.
Có đất không hạt giống
Cày xới ích lợi gì!
Không tinh tấn cũng vậy
Làm sao được làm trời.
Ví như gió thổi lửa
Từ nhỏ cháy thành lớn,
Tinh tấn cũng như vậy
Pháp lành thêm lớn mạnh.
Làm các hạnh khó làm
Nên được quả tối thắng
Không tham tiếc thân mạng
Sẽ kế thừa Pháp vương.

Đức Thế Tôn dạy Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Khi cầu Bồ-đề, Bồ-tát phải mang giáp tinh tấn, lấy đại thệ nguyện làm binh khí, ngày đêm siêng năng làm tăng trưởng công đức, giống như trăng non dần dần tròn trịa. Ví như có người nghe ở phương xa kia có tháp xá-lợi Phật và có người khéo nói Chánh pháp. Nghe vậy, người kia rất vui mừng, không cần lương thực, xe cộ, bạn bè, một mình ông ta đi đến tháp ấy. Trên đường đi, người kia đã trải qua toàn là lửa dữ và dao bén nhưng vẫn mạnh mẽ kiên trì không thoái lui, quyết định tiến tới để chiêm ngưỡng, lễ lạy tháp Phật và nghe Chánh pháp. Giữa đao nhọn, lửa dữ, trong mỗi bước đi, người kia luôn tư duy và phát thệ rằng: “Trong đao lửa hôm nay, con nguyện được nghe Chánh pháp. Con nguyện sẽ ở trong biển khổ lớn sinh tử để cứu vớt chúng sinh qua bờ Niết-bàn an lạc.” Đại Bồ-tát phát nguyện như vậy rồi, dù có đạp lên đao nhọn, lửa dữ cũng giống như đạp lên hoa sen, dưới chân mềm mại như hoa Tu-mạn-na và dường như nước thơm Chiên-đàn được rảy trên mình, mát mẻ thơm ngát, không gì ví dụ được.

Người kia lại phát nguyện: “Bắt đầu từ hôm nay cho đến khi chứng Vô thượng Bồ-đề, thân, khẩu, ý nghiệp của con luôn làm, nghĩ và nói những việc Phật sự. Nếu con làm những việc phi pháp thì nguyện thân này của con sẽ như cây khô, miệng con nói những lời phi pháp thì con sẽ bị câm ngọng, ý nghĩ đến những điều phi pháp thì con sẽ bị điên cuồng, ngoại trừ Chánh pháp. Còn những giáo pháp dị đạo con không ưa thích. Ba nghiệp đã tu các điều thiện như vậy, con đều hồi hướng lên Vô thượng Bồ-đề.”

Lại nguyện cho tất cả chúng sinh đều thành Chánh giác với công đức vô tận, rộng lớn như pháp giới, cứu cánh như hư không, cho đến tận cùng vị lai không dừng nghỉ. Giống như trên hư không, mây bao phủ dày đặc và mưa trận mưa lớn. Nếu nước mưa chảy đến những chỗ mặt đất, đá sỏi thì không bao lâu sẽ khô cạn. Nếu mưa một giọt vào biển lớn, nước biển chưa cạn thì giọt nước mưa ấy không mất. Công đức mà Bồ-tát đã tạo cũng vậy; nếu vì riêng mình cầu giải thoát thì giống như nước mưa ở mặt đất, không bao lâu sẽ khô. Nếu vì pháp giới hữu tình mà tu tập nghiệp thiện, vào biển sinh tử Niết-bàn, lấy lòng Từ bi rộng lớn, nguyện độ vô tận chúng sinh thì những điều thiện đã tạo cũng vô tận.

Này Từ Thị! Giống như Bồ-tát sống lâu vô cùng, đi về phương Đông trải qua vô lượng câu-chi tam thiên đại thiên thế giới, qua quốc độ của từng loài chúng sinh, Bồ-tát đều hướng dẫn họ đến chỗ đại Niết-bàn an lạc. Chúng sinh được độ trong vô lượng a-tăngkỳ kiếp như vậy, ta thấy như đất dính trong móng tay, còn những người chưa được độ thì như đất ở mặt đất. Chúng sinh chưa độ ở cõi phương Đông đã như vậy thì nên biết phương Nam, Tây, Bắc, bốn góc, trên dưới cũng vậy. Mặc dù còn vô lượng hữu tình như vậy, nhưng Đại Bồ-tát vẫn không chán bỏ thoái lui, lại siêng năng tinh tấn, không bao giờ dừng nghỉ. Đại Bồ-tát luôn phát tâm rộng lớn như vậy thì không có một pháp nhỏ nào khó tu hành. Tất cả phước trí tôn quý tự tại của Đại Bồ-tát trong ba cõi, không nhọc công sức mà tự nhiên có.

Đức Phật dạy Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Tất cả chúng sinh Hữu học, Vô học, Bích-chi-phật trong quá khứ, hiện tại, vị lai của các thế giới, tất cả vô lượng, vô biên công đức của hữu tình này siêng năng tinh tấn tu tập so với một mảy công đức của Như Lai thì trăm ngàn vạn phần không bằng một phần của Ngài. Như vậy, mỗi chân lông công đức đều do vô lượng công đức của Như Lai sinh ra.

Tất cả công đức của hết thảy chân lông trên thân Như Lai cộng lại thành một sợi tóc công đức của Như Lai. Tám vạn bốn ngàn sợi tóc của Đức Phật mà trong mỗi sợi tóc đều đủ chân lông công đức ở trên như vậy mà hợp lại cộng thành một vẻ đẹp công đức của Như Lai. Như vậy, vẻ đẹp có đủ tám mươi loại, trong mỗi vẻ đẹp đều có tóc công đức của Phật như trên, hợp lại tất cả cộng thành công đức của một tướng tốt Như Lai.

Các tướng ấy đủ ba mươi hai tướng và đều giống như công đức vẻ đẹp. Như vậy, hợp lại gấp trăm ngàn lần thành công đức tướng lông giữa chặng mày của Như Lai. Tướng ấy tròn đầy, xoay về bên phải, như trái châu pha lê thanh tịnh, để trong đêm tối, giống như sao sáng. Tướng lông ấy duỗi ra đến cõi trời Sắc cứu cánh rồi cuốn lại như cũ ở giữa chặng mày.

Tất cả trăm ngàn lần công đức của tướng giữa lông mày thành tướng nhục kế trên đỉnh đầu Như Lai. Công đức ấy không có trời, người nào thấy được. Như vậy, ngàn lần công đức của nhục kế không bằng công đức tiếng Phạm âm của Như Lai.

Âm thanh ấy, dưới thấu địa ngục A-tỳ, trên đến cõi trời Sắc cứu cánh. Vô lượng công đức được nói đều do đại Bi Như Lai hóa hiện. Như vậy, hóa thân đều do vô lượng, vô biên công đức hợp lại mà thành, không thể nào so sánh hoặc ví dụ được, và cũng không ai sánh bằng. Vậy thì ngàn lần công đức của hóa thân thành một báo thân Phật.

Tất cả trăm ngàn vạn lần công đức của báo thân thành Pháp thân Phật. Tất cả công đức ấy không ai biết được số lượng của nó. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe nói vô biên công đức của chư Phật Như Lai mà không kinh nghi sợ sệt thì nên biết rằng người đó đã thành tựu Tinh tấn ba-la-mật-đa. Cho nên hãy phát tâm rộng lớn như vầy: "Công đức thân Phật do vô lượng phước đức tụ lại. Nay ta được chiêm ngưỡng thì cần phải chứng đắc, siêng năng tinh tấn không tiếc thân mạng, vì tất cả chúng sinh mà trải qua vô số kiếp, chịu khổ trong ba đường không hối hận. Ta luôn làm cho họ đầy đủ viên mãn sáu pháp Ba-la-mật, chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồđề."

Phật dạy Bồ-tát Từ Thị:

–Này thiện nam! Nên quán thật kỹ về trí tuệ của Phật. Ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì ông mà nói: giống như trong hàng Thanh văn thì Xá-lợi-phất là người có trí tuệ đệ nhất. Thiệm-bộ châu này phía Bắc rộng, phía Nam hẹp, giống như thùng xe, chu vi bảy ngàn du-thiện-na. Địa hình của Đông Thắng thần châu như nửa mặt trăng, chu vi tám ngàn du-thiện-na. Địa hình của Tây Ngưu hóa châu tròn như trăng rằm, chu vi chín ngàn du-thiện-na. Địa hình của Bắc Cu-lô châu như hình vuông, chu vi mười ngàn du-thiện-na. Bốn phía núi Diệu cao chìm xuống nước tám vạn du-thiện-na. Do bốn báu hợp thành nên núi cao khỏi mặt nước cũng tám vạn du-thiệnna, chu vi của núi cũng tám vạn du-thiện-na. Bên ngoài núi có bảy lớp núi bằng vàng, xung quanh có tám biển lớn. Ngoài cùng là núi Đại thiết vi. Như vậy, lấy bốn châu và các núi dùng làm giấy, lấy nước tám biển làm mực, lấy tất cả cây cỏ làm bút, tất cả trời, người cùng nhau viết trong một đại kiếp, nhưng so với trí tuệ của Xá-lợi-phất, trong mười sáu phần không bằng một phần. Tất cả trí tuệ của chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới này bằng trí tuệ của Xá-lợi-phất. Tất cả trí tuệ của Đại Bồ-tát thông đạt Bố thí ba-la-mật-đa hơn gấp trăm ngàn lần so với trí tuệ của tất cả chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới.

Lại nữa, chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đủ trí tuệ về Bố thí ba-la-mật-đa không bằng một phần trí tuệ của Đại Bồ-tát đắc Trì giới ba-la-mật-đa, cho đến Trí tuệ ba-la-mật-đa. Tất cả chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đủ trí tuệ sáu pháp Ba-la-mật-đa không bằng trí tuệ của một Đại Bồ-tát chứng Sơ địa, cho đến trí tuệ của Thập địa Đại Bồ-tát chứng đắc. Cứ như vậy mà lần lượt tăng dần. Trí tuệ mà Thập địa Bồ-tát chứng đắc so với trí tuệ của Đại Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ Từ Thị, trong trăm ngàn phần không bằng một phần.

Nghe Đức Phật nói xong, Đại Bồ-tát Từ Thị suy nghĩ: “Hôm nay giữa đại chúng, Như Lai khen ngợi mình như vậy thật là run sợ.” Đức Thế Tôn dạy Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Này thiện nam! Ông hãy lắng nghe. Trí tuệ của tất cả chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới bằng trí tuệ của Từ Thị không khác. Như vậy, trí tuệ của tất cả Đại Bồ-tát ở đạo tràng ngồi dưới cội Bồ-đề chiến thắng quân ma, sắp thành Chánh giác thì tất cả trí tuệ ấy đối với trí tuệ của Phật Như Lai chứng đắc trăm ngàn vạn phần không bằng một phần.

Từ Thị nên biết! Trí tuệ của Như Lai thậm thâm vô lượng không thể nghĩ bàn, không thể ví dụ, so sánh được. Nếu Đại Bồ-tát nghe trí tuệ thậm thâm của chư Phật không kinh nghi sợ sệt, lại thêm tinh tấn, sẽ thành tựu Ba-la-mật-đa. Một việc thiện nhỏ ở đời mà người biếng nhác còn không làm xong, huống gì với việc của đại trí bỉ ngạn chư Như Lai có thể rộng độ tất cả chúng sinh.

Này Từ Thị! Có ba loại tinh tấn:

1. Nghe trí tuệ rộng lớn thậm thâm của Như Lai mà tâm không lay động.
2. Có thể thực hành theo hạnh đại Bi của các Đại Bồ-tát ở quá khứ.
3. Với những việc đã tu hành, giả sử gặp khổ nạn, không bao giờ thoái lui.

Dùng lực tinh tấn quán sát tất cả cảnh giới hữu tình, phi tình, thế gian và xuất thế gian đều là không. Vì quán thắng nghĩa không như vậy, nên thấy không có một chúng sinh nào có tướng khả đắc. Tuy biết là vô tướng nhưng vì chúng sinh trải qua vô số kiếp tu khổ hạnh không từ lao khổ, dùng bốn Nhiếp pháp: Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành, Đồng sự để làm lợi ích cho hữu tình. Đem giáo lý ba thừa dạy cho họ được giải thoát, lần lượt đưa họ đến Tối thượng thừa, chứng quả vị không thoái chuyển. Tất cả hạnh nguyện đều được thành tựu, đầy đủ viên mãn Tinh tấn ba-la-mật-đa, được chư Như Lai thọ ký riêng, sẽ chứng Vô đẳng đẳng Vô thượng Bồ-đề. Giống như trăng đêm mười bốn dần dần tròn trịa; Bồ-tát cũng vậy, đối với Phật Bồđề, dần dần viên mãn chứng đắc Vô công dụng hạnh, tự nhiên đạt được mười loại thù thắng:

1. Không do nghe học tập Chánh pháp chư Phật nhưng tất cả đều được hiện tiền, có thể tuyên nói pháp vi diệu cho hữu tình.
2. Lực không thể nghĩ bàn tự nhiên phát thệ nguyện kiên cố, khiến cho tất cả chúng sinh phát tâm Bồ-đề.
3. Thân, khẩu, ý nghiệp tự tại, nguyện gì được nấy, không bị chướng ngại.
4. Có thể tự do biến hóa tất cả thần thông tùy tâm tự tại không bị chướng ngại.
5. Có thể làm những việc thù diệu chưa từng có, tất cả đều được tự tại.
6. Được sống tự tại, tùy theo căn cơ chúng sinh trong năm đường mà làm cho họ được lợi ích.
7. Có kho báu, tùy theo cuộc sống của chúng sinh mà chu cấp đầy đủ.

8. Làm thầy của tâm, không để tâm làm thầy. Không hung hăng, như voi được điều phục.
9. Tự nhiên giác ngộ, sinh tử, Niết-bàn, cả hai đều bình đẳng không do thầy răn dạy.
10. Được trí Vô thượng, làm lợi lạc cho hữu tình, cứu vớt hết ra khỏi sinh tử để an ổn nơi đường chân chánh Niết-bàn, cứu cánh Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Lại nữa, người tinh tấn nói các tai họa trong sinh tử là để hiển bày vô lượng công đức đại Niết-bàn, đại Bi và Bát-nhã luôn như đôi cánh không thể thiếu một. Do đây mà không trụ vào sinh tử, Niết-bàn, làm lợi lạc hữu tình cho đến cùng tận đời vị lai. Đó là Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Người tinh tấn nghe Chánh pháp tổng trì tự tại, nhờ sức tinh tấn mà thân không bệnh đau, với tất cả oán thù đều đem lòng Từ bi để đối xử với nhau. Tỳ-na-dạ-ca có làm chướng ngại cũng không thể được. Bồ-tát nói pháp, tất cả chúng sinh đều chấp nhận.

Người tinh tấn được tất cả chư Thiên cung kính, yêu mến, gặp ách nạn được tất cả thiện thần ủng hộ.

Người tinh tấn bố thí ít nhưng có thể viên mãn Bố thí ba-lamật-đa.

Người tinh tấn giữ gìn giới thanh tịnh, không biếng nhác, mau thành tựu viên mãn Trì giới ba-la-mật-đa.

Người tinh tấn lòng nhẫn nhục, coi oán thân như nhau, không có hai tâm, mau thành tựu viên mãn Nhẫn nhục ba-la-mật-đa.

Người tinh tấn dũng mãnh không thoái lui, khoác giáp tinh tấn đại Từ, đại Bi không bao giờ lìa xa, mau thành tựu viên mãn Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Người tinh tấn siêng năng thiền định, an trụ trong chánh định không lay động, mau thành tựu viên mãn Thiền định ba-la-mật-đa.

Người tinh tấn đa văn trí tuệ, đọc tụng không mỏi mệt, không dừng nghỉ, mau thành tựu viên mãn Trí tuệ ba-la-mật-đa.

Nhưng biển lớn sâu xa của Bát nhã Ba la mật này đối với tất cả Thanh văn, Độc giác và các vị Bồ-tát không cách nào suy lường được, chỉ có Tinh tấn ba-la-mật-đa mới có thể biết rốt ráo mà thôi.

Người tinh tấn ngày đêm làm tăng trưởng vô lượng công đức, như hoa sen xanh mọc trong bùn nhơ, ngày đêm phát triển dần dần lên khỏi mặt nước. Khi hoa nở, hương thơm ngào ngạt, ai cũng đều thích, lấy làm vòng hoa đặt trên đỉnh Phật. Tất cả Trời, Ma, Phạm, Quốc vương, Đại thần, Trưởng giả, Cư sĩ, Nhân dân đều ưa thích.

Người tinh tấn cũng vậy, trong bùn dơ sinh tử sinh chồi Bồ-tát, ra khỏi kiến chấp của Nhị thừa, mở bày tướng chân thật, làm sáng tỏ hạt giống Bồ-đề, trí tuệ khai mở, mùi hương thơm phức bay khắp cả mười phương, làm lợi ích cho trời, người. Giống như hoa sen xanh, ai thấy cũng ưa thích. Đó gọi là Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Còn người biếng nhác giống như cái chày và cái cối.

Cối: tự mình không sử dụng được nên ngày càng bị hư hoại. Chày: không thể tự đứng một mình nên bị vứt bỏ nằm lăn trên đất, không thể dùng được nữa nên bị đốt. Người biếng nhác cũng vậy: Không tự mình sách tấn thì khiến cho sắc lực ngày càng giảm sút. Không thể lo lắng, sửa sang gia nghiệp, luôn nằm ngủ nghỉ. Đến khi qua đời đọa trong địa ngục lửa, bị khổ não thiêu đốt.

Người tinh tấn giống như cây như ý, làm chỗ nương tựa cho chúng sinh giữa đồng hoang sinh tử, làm thức ăn uống cho người đói khát, làm quần áo cho người trần truồng, cho đến đưa họ qua khỏi chỗ hiểm nạn sinh tử. Hết cả đời này cũng không để họ thiếu thốn, khiến cho tất cả chúng sinh đều được an vui hạnh phúc. Nhờ lực tinh tấn nên mau thành tựu Vô thượng Bồ-đề.

Khi Đức Thế Tôn nói Tinh tấn ba-la-mật-đa xong, trong hội có bảy mươi tám câu-chi na-do-tha người, trời phát tâm Vô thượng Bồđề; ba vạn hai ngàn Đại Bồ-tát đắc Vô sinh pháp nhẫn.

Phật dạy Từ Thị:

–Đây là Tinh tấn ba-la-mật-đa.

QUYỂN 8-9
Phẩm 9: THIỀN ĐỊNH BA-LA-MẬT-ĐA

Lúc ấy, Đức Thế Tôn ngồi tòa Sư tử vương, được trang sức bằng các loại châu báu ma-ni, có vô lượng vô số chúng Đại Bồ-tát vây quanh. Các vị Bồ-tát ấy hiện thân trời thì có chúng trời vây quanh, hiện thân rồng thì có chúng rồng vây quanh, cho đến hiện thân phi nhân thì có chúng phi nhân vây quanh, hiện thân Bồ-tát thì có chúng Bồ-tát vây quanh, ánh sáng rực rỡ chiếu khắp cả đại hội không một chỗ nào mà không có.

Đại Bồ-tát Từ Thị đứng dậy, trịch áo bày vai phải, quỳ gối chắp tay cung kính thưa:

–Bạch Đại Thánh Thế Tôn! Thế Tôn đã đem đại Từ, đại Bi làm lợi ích an lạc cho chúng Bồ-tát nên đã nói Tinh tấn ba-la-mậtđa. Cúi xin Ngài rủ lòng thương xót tuyên nói Thiền định ba-la-mậtđa để các hữu tình phát sinh hạnh Đại thừa, phải tư duy thế nào và tu tập như thế nào để Thiền định ba-la-mật được viên mãn? Chúng con rất muốn được nghe, cúi xin Ngài hãy tuyên nói.

Đức Thế Tôn dạy Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Lành thay, lành thay! Này thiện nam! Nay ông hỏi về nghĩa thâm sâu như vậy là để làm an lạc lợi ích cho tất cả chúng sinh. Ông hãy lắng nghe cho rõ, suy nghĩ thật kỹ, ta sẽ vì ông mà phân biệt giải nói.

Thiện nam, thiện nữ nào phát tâm Vô thượng Bồ-đề thì nên suy nghĩ thật kỹ như vầy: Phật đạo rất thâm sâu, không ai có thể đạt đến được, chỉ có một pháp làm lợi cho hữu tình, đó là Chánh định. Bồ-tát nào chưa đạt được định này thì tâm chưa được thanh tịnh bất động, chưa thấy sinh tử và Niết-bàn không có hai tướng. Do nghĩa này, nên độ chúng sinh dùng phương tiện khéo léo và tinh tấn tu tập tương ứng với thiền định vô tướng chánh trí, giống như hư không thanh tịnh, không dơ cấu, thường trụ bất biến. Lại quán định này giống như trăng rằm, tất cả vọng tưởng như mây nổi, chánh định này như gió mát xua tan tất cả mây che trên hư không, làm xán lạn thanh tịnh, ánh sáng chiếu rực rỡ khắp cả mọi nơi, tất cả hữu tình nhìn thấy đều vui mừng. Ánh sáng của trăng rằm trang nghiêm, đem đến mát mẻ, vui thích cho chúng sinh. Gió mát thiền định xua tan mây vọng tưởng che tánh không, để cho trăng rằm chánh định xuất hiện ở thế gian. Ánh sáng đại Bi có thể diệt trừ các phiền não nóng bức cho hữu tình để được thanh tịnh Niết-bàn an lạc.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Thiền định sinh trí tuệ
Trí tuệ lại sinh định
Quả Phật đại Bồ-đề
Định tuệ là căn bản.
Cúng dường, đọc tụng, trì
Thí, Giới và Nhẫn nhục
Chánh trí thấy không hai
Không hai sao thể đắc.
Thiền định là bạn thân
Không bao giờ rời nhau
Các pháp trong thế gian
Chết rồi đều rời bỏ.
Đời sau không bạn lành
Cha mẹ không cứu được
Huống gì quyến thuộc khác
Chỉ thiền định cứu được.
Khi xả bỏ thân này
Như quăng bỏ đất, gỗ
Thân thuộc đều rời xa
Chỉ thiền định đi bên.
Thân này là vô thường
Tán loạn tạo nghiệp ác
Nếu không tu thiền định
Chết đọa ba đường ác.
Như người làm việc nhà
Xong việc liền đi nghỉ
Như trâu lúc dẫm lúa
Bị đánh vẫn cứ nhai
Như mù về nhà cũ
Đã quen không lạc đường
Ai thích tu chánh định
Phải về nhà không tịch.
Tâm chúng sinh vọng khởi
Mắt nhặm thấy không hoa
Chỉ định tuệ chữa hết
Chư Phật nói như vầy:
Tâm chúng sinh tháo động
Như vòng lửa xoay tròn
Nếu muốn nó dừng lại

Chỉ phải tu thiền định.
Nếu ở trong một niệm
Tu thiền, tâm bất động
Như người gặp giặc cướp
Khó bảo toàn thân mạng.
Bỏ định, tu nghiệp khác
Chỉ được quả báo lớn
Như thuốc pha chất độc
Người trí không nên uống.
Tài sản như bụi dơ
Sắc đẹp sẽ trôi nhanh
Không siêng năng tu định
Khó mở cửa cam lồ.
Như củi bị lửa đốt
Già trẻ bị bức bách
Ngu si không tu thiền
Bị ái dục làm hại.
Bị vô thường tiêu diệt
Đều do tham năm dục
Bỏ thiền định không tu
Làm sao được thường trú.
Như người nấu ít gạo
Tiếc củi đốt chiên-đàn
Bỏ định không chịu tu
Tán loạn cũng như vậy.
Người ngu ham ngủ nghỉ
Luân hồi biển sinh tử
Như trâu thích đuôi mình
Tham tiếc mất thân mạng.
Khi Luân vương qua đời
Bảy báu đều phân tán
Đại thần và hậu phi
Không người nào đi theo,
Chỉ có tu thiền định
Theo bên mình không rời
Người có trí tu hành
Ắt đến bờ Niết-bàn.

Này Từ Thị! Đại Bồ-tát muốn tu tập Thiền định ba-la-mật-đa, trước tiên phải gần gũi Đại Thiện tri thức, lánh xa bạn ác. Những điều ác và tiếng xấu ở đời đều do bạn ác gây ra. Các điều

lành và tiếng khen phước đức đều nhờ bạn lành mà có. Nương vào bạn lành giữ gìn giới thanh tịnh để trang nghiêm pháp thân. Người phá giới như rang lúa giống, làm cho tất cả pháp lành không sao mọc được, huống gì tăng trưởng định sâu vô lậu. Biết vậy rồi nên nhất tâm giữ gìn giới thanh tịnh, cho đến một tội nhỏ cũng phải lo sợ. Thà tan thân nát thịt cũng không phá hủy giới cấm, như trong phần Giới ba-lamật-đa đã phân biệt rõ ràng.

Đại Bồ-tát muốn tu Thiền định ba-la-mật-đa nên lìa bỏ tất cả mưu sinh buôn bán, trồng trọt. Vì sao? Vì nếu không lìa bỏ thì chính nó làm rối loạn tâm trí ta, lúc đó ta làm sao an trụ trong thiền định thâm sâu được. Do đó, Đại Bồ-tát trong bốn oai nghi luôn khéo nhiếp tâm diệt trừ vọng tưởng, nếu có nghe tiếng ồn cũng không loạn động.

Ví như bắt rắn độc bỏ vào trong ống trúc thì thân nó tự thẳng ra, Bồ-tát cũng vậy, vọng tưởng uốn cong nếu bỏ trong thiền định thì sẽ được chánh kiến chân chánh, không trụ vào sinh tử, không nhập vào Niết-bàn, lìa xa các tà vạy. Nếu khéo nhiếp sáu căn như vậy, không để cho nó buông lung thì mắt tuy thấy sắc nhưng không nắm lấy tướng, an trụ trong thiền định giải thoát. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng đều như vậy, luôn dùng chánh trí quán sát và tư duy. Những căn lành do ba nghiệp tạo ra đều vì tự lợi và lợi tha, vì lợi ích cho hiện tại và vị lai. Nếu không có những việc lợi ích như vậy thì Bồ-tát quán sát nhất định không làm.

Như ở thế gian dựng tượng đá, thân, miệng, ý nghiệp bất động cũng vậy, nếu bị người sân mắng chửi nên sinh lòng từ bi, hoặc bị xâm đoạt lợi dưỡng thì không nên tức giận, bị đánh mắng thì nên bỏ đi, tìm chỗ thanh vắng không có hoạn nạn, ngồi kiết già giữ chánh niệm và quán sát, lấy tâm đại Bi làm nhà cửa, lấy trí tuệ làm trống, lấy giác ngộ làm dùi đánh, nói với các phiền não rằng: “Này các giặc phiền não nên biết rằng, các ngươi do vọng tưởng mà sinh ra, nhà pháp thân của ta để làm việc thiện, đó chẳng phải là việc làm của các ngươi. Các ngươi hãy mau cút khỏi, nếu không ta sẽ lấy mạng đó.” Nói như vậy rồi thì các phiền não liền tự thoái lui và tan biến.

Tiếp đến, tự thân phải đề phòng, canh giữ một cách khéo léo, không để buông lung, lấy chân ngôn đại Bi làm cho sở cầu các hữu tình được toại nguyện, lấy tuệ phương tiện làm đại tướng, dùng bốn Niệm xứ để thủ hộ, đem tâm vương bản giác trụ trong cung điện thiền định Đệ nhất nghĩa, an ổn bất động như Kim cang, lấy kiếm trí tuệ chặt đứt giặc phiền não, phá quân sinh tử, chiến thắng quân ma, gánh vác tất cả để chúng sinh được giải thoát. Khi ấy, Bồ-tát nói với tâm của mình rằng: “Khi xưa ngươi đã phát thệ nguyện rồi, bây giờ phải cố gắng để nó viên mãn. Như Lai quá khứ đã thọ ký cho ngươi sẽ chứng Bồ-đề, độ khắp tất cả. Lúc đó, đứng trước chư Phật mười phương, Hiền thánh trong ba thừa, ngươi đã thệ nguyện cứu vớt tất cả chúng sinh trong năm đường được giải thoát. Nay hữu tình không có chỗ dựa, không nơi nương cậy, không người cứu giúp, không chỗ quay về, nếu ngươi nhập Niết-bàn, bỏ sinh tử thì trái với lời nguyện xưa. Ở thế gian, nhà Nho hành trung tín không nói hai lời, huống gì xưa kia ngươi đã nguyện rồi mà nay không y theo đó để làm. Ngươi hãy giữ chánh niệm, nhất tâm bất động để cứu vớt hữu tình ra khỏi ngục sinh tử, đặt an ổn nơi Vô thượng đại Bát-niết-bàn.”

Suy nghĩ như vậy rồi, trụ vào thiền định thâm sâu của Đại thừa. Đó là Đại Bồ-tát tu tập Thiền định ba-la-mật-đa.

Đức Phật dạy Từ Thị:

Có mười sáu loại Thiền định ba-la-mật-đa mà tất cả Thanh văn, Độc giác không thể biết được:

1. Thông suốt sinh tử mà không bị sinh tử là thiền định của Bồ-tát an trụ trong thiền thanh tịnh của Như Lai.
2. Không tham đắm mùi vị của thiền định, là thiền định của Bồ-tát không trụ vào các định loạn tướng.
3. Có lòng đại Bi, là thiền định của Bồ-tát diệt trừ những chướng nạn của hữu tình.
4. Làm tăng trưởng chánh định là thiền định của Bồ-tát vì thấy rõ ba cõi mà không như ba cõi.
5. Thành tựu thần thông là thiền định của Bồ-tát hiểu rõ các tâm hành của hữu tình.
6. Khéo điều phục tâm là thiền định của Bồ-tát không trụ vào pháp điều phục hay không điều phục.
7. Nương vào trí vô tướng mà được giải thoát thanh tịnh, vượt các thiền định khác, đó là thiền định của Bồ-tát đối với Sắc giới và Vô sắc giới đều được tự tại.
8. Tịch tĩnh, tối tịch tĩnh là thiền định của Bồ-tát thù thắng hơn các thiền định của Thanh văn, Độc giác.
9. Không ai có thể làm nhiễu loạn được là thiền định của Bồ-tát hiểu rõ tâm thanh tịnh vốn không lay động.
10. Đối trị với sự phá hủy giới cấm là thiền định của Bồ-tát trừ những tập khí phiền não của chúng sinh.
11. Vào cửa trí tuệ là thiền định của Bồ-tát thông đạt hoàn toàn thế gian như huyễn mộng.
12. Biết tâm chúng sinh là thiền định của Bồ-tát hiểu rõ các hữu tình vốn tánh không.
13. Kế thừa Tam bảo là thiền định của Bồ-tát thấy Như Lai xuất hiện ở thế gian.
14. Được pháp tự tại là thiền định của Bồ-tát hiểu rõ tất cả pháp đều là Phật pháp.
15. Thường trụ không hoại là thiền định của Bồ-tát thị hiện khắp nơi, luôn luôn tịch tĩnh.
16. Chiếu khắp tất cả là thiền định của Bồ-tát thấy pháp giới bình đẳng.

Từ Thị nên biết! Đó là mười sáu loại Thiền định ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát mà Thanh văn, Độc giác không thể có. Đối với chánh định thù thắng này, Đại Bồ-tát nên phát khởi như vậy. Như người cần lửa, lấy cây làm mồi, tay cầm hai thanh gỗ luôn làm cho cọ xát mãi mới phát lửa, nếu cứ dừng nghỉ thì khó được lửa. Đại Bồ-tát cũng vậy, tìm lửa Chủng trí thì lấy định làm mồi, tay nhẫn nhục kiên trì siêng năng không dừng nghỉ mới có thể sinh lửa Nhất thiết trí. Lửa ấy sinh rồi sẽ thiêu đốt củi phiền não, khi ấy lấy nước bố thí tắm rửa cho sạch sẽ, lấy hương thơm trì giới xoa thân thể, ngồi tòa đại Bi, nhận ngôi vị Pháp vương, mưa pháp vũ lớn để làm lợi lạc hữu tình, đạt đến Đại Niết-bàn an lạc giải thoát.

Này Từ Thị! Tâm các Đại Bồ-tát chưa thuần thục nên trong chánh định bị lay động, giống như ngựa dữ khó điều phục. Nên biết người đó đã thoái lui, làm mất thiền định, cho nên trong bốn oai nghi luôn ở trong chánh định thù thắng ấy, không buông bỏ một thời gian ngắn nào.

Bồ-tát có ba loại tâm:

1. Biếng nhác.
2. Tinh tấn.

3. Không biếng nhác, không tinh tấn.

Biết vậy rồi, Bồ-tát khéo điều phục tâm và càng tinh tấn để trừ giải đãi biếng nhác, tham ngủ và duyên sự mưu sinh gian nan ở đời. Nếu lìa bỏ siêng năng, biếng nhác đó thì tâm chánh trực, tròn đầy vắng lặng giống như người đi xa, mau quá thì sẽ mệt, còn chậm quá thì không đến. Trung dung giữa sự nhanh và chậm thì tuần tự sẽ tới nơi. Đại Bồ-tát cũng vậy, nên lấy Trung đạo để an định tâm mình, giả như thân bị lửa đốt cũng an trú bất động, trụ trong chánh định mà không đắm trước mùi vị của định. Dùng sức đại trí thường trụ trong tịch tĩnh, cứu vớt chúng sinh ra khỏi biển sinh tử để được giải thoát. Phải dùng mười sáu món định ấn ký riêng vào tâm, nếu trong một sát-na có chút động niệm nào, nên dùng móc câu chánh trí để quán sát, kềm chế dừng lại, trụ trong tinh tấn không dừng nghỉ mà tu hành Thiền định ba-la-mật-đa.

Này Từ Thị! Đại Bồ-tát tu tập thiền định có năm chướng ngại làm ngăn che tất cả hữu tình:

1. Tham dục.
2. Sân nhuế.
3. Trạo hối.
4. Hôn trầm.
5. Nghi hoặc.

Phải đoạn trừ năm ngăn che này mới thiền định được, làm cho thân tâm không lay động. Cho nên Bồ-tát phải quán sát nó do đâu mà khởi? Làm sao để xa lìa nó?

Trước tiên, Đại Bồ-tát nên quán sát sắc dục giống như trăng dưới nước, hễ nước động thì trăng động, tâm sinh thì pháp cũng sinh.

Tâm tham dục cũng vậy, mỗi niệm mỗi niệm không đứng yên, sinh đó diệt đó. Lại quán sắc dục như mãng xà ở trong đồng hoang khi độc sân nổi lên đầu nó phùng ra như cái lộng. Người đi đường nóng bức nên lao vào núp dưới lộng, bị tiếp xúc với khí độc của nó đưa đến mất mạng. Người tham dục cũng vậy, đi trong đồng hoang sinh tử, vọng thấy cảnh dục liền sinh lòng đắm nhiễm. Dục tưởng vừa khởi lên liền làm tan mất thiền định. Đó gọi là bị tham dục che phủ.

Lại quán tánh dục giống như lửa địa ngục thiêu đốt hữu tình, như thác nước chảy nhận chìm tất cả, không có chút Từ bi. Giống như La-sát làm não hại hữu tình, cũng như ngục tốt làm thương tổn tay chân người, như đao bén, như đồ tể đoạn mạng chúng sinh, như xúc chạm vào thuốc độc phải mạng chung, như từ núi cao rơi xuống vực sâu, bị khổ não lớn, như trong đêm tối tăm không thấy gì cả, như bệnh cùi hủi không thể trị liệu, như biển lớn khó mà khô cạn. Tham dục sâu rộng quá hơn biển lớn, năm dục to nặng hơn núi Diệu cao, giống như trái Khẩn-ba tươi tốt rất muốn nhìn, nhưng nếu chạm vào nó thì sẽ chết ngay. Như con dê bị treo trên cột, chắc chắn sẽ chết, như đội mão bằng vàng nóng đỏ, bị nó thiêu đốt đến chết. Như ở quá khứ, Chuyển luân vương, Thích Đề-hoàn Nhân, Tứ Đại thiên vương… các trời lực sĩ Na-la-diên, tất cả hữu tình đều do tham dục mà khởi binh đánh nhau, xương cốt chất như núi Tỳ-phú-la. Quá khứ đã như vậy thì hiện tại, vị lai cũng thế.

Người thế gian đối với thân thuộc, cha mẹ, anh em rất thương yêu nhau, dù bỏ thân mạng cũng không tiếc, nhưng vì tham dục mà oán ghét lẫn nhau, tạo nên tâm độc ác rồi giết hại nhau. Người tham sắc có hai nguyên nhân đau khổ:

1. Giàu sang vì tham sắc dục mà chịu hèn hạ, đủ mọi sự khinh khi.

2. Bị dao tham dục móc mắt trí tuệ, không thể nào phân biệt được, giống như người mù.

Vì nhân duyên này mà chết đọa vào địa ngục, chịu vô lượng khổ.

Lại nữa, người tham dục lòng không biết nhàm chán, giống như lửa được thêm củi, như vua chúa tham đất đai, như chủ buôn tham tài lợi, như cầu tuệ giải mà tham nghe pháp, như các vị Bồ-tát thích độ chúng sinh. Với những việc ấy, những người này làm tròn không biết nhàm chán. Người tham dục cũng vậy, không biết nhàm chán, cứ tìm cầu cảnh dục trong buồn khổ gian nan. Khi được rồi thì ôm chặt, làm cho khổ tăng gấp trăm lần, sau khi chết đọa vào địa ngục chịu khổ kịch liệt. Người cầu thiền định không bao giờ tưởng nhớ đến oan gia sắc dục, huống gì gần gũi nó. Đó gọi là bị tham dục che phủ.

Người bị sân hận che lấp giống như người say rượu, lúc uống vào thì sắc mặt biến đổi. Sân giận cũng vậy, làm cho nhan sắc biến đổi, thân tâm run rẩy; hoặc đi hủy báng, não hại người khác; hoặc lửa sân thiêu đốt tâm thì làm sao tu tập thiền định. Giặc chém công đức chẳng qua là sân hận nên ai muốn tu tập thiền định phải nên tránh xa nó.

Người bị trạo hối che lấp giống như người điên, thân tâm tán loạn, hoặc nhờ vào bà con làng xóm sống qua ngày, vọng khởi tìm cầu những việc khổ vui, nhớ lại những việc thiện ác đã làm, xao động như vậy không thể nào yên tịnh, nó che lấp hành xả, làm chướng ngại chánh định. Như vậy gọi là bị trạo hối che phủ.

Người bị hôn trầm che chướng thì dã dượi, mỏi mệt, nhăn mặt nhíu mày, hôn ám, không làm gì được. Nó che lấp sự khinh an, làm chướng ngại quán tuệ. Người tu thiền định nên trừ bỏ nó. Đó gọi là bị hôn trầm che phủ.

Người bị nghi ngờ che lấp thì thường hoài nghi, mê mờ, đối với sự, lý không xác định được, làm chướng ngại Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ, nhân quả ba đời, làm cho tánh tướng của Tam bảo không được hiển hiện, như vậy làm sao có thiền định vi diệu. Đó gọi là bị nghi ngờ che phủ.

Do năm sự che lấp này mà học hành khó thành tựu, Giới, Định, Tuệ không thể hiển bày. Biết như vậy nên tư duy thật kỹ. Người tu tập thiền định nên tránh xa nó, phải tinh tấn tu tập mới có thể diệt trừ khổ dục, đạt được thiền định thâm sâu mà không chấp trước, nhờ thiền định này mà chứng năm trí chứng thông, đó là: Thiên nhãn trí chứng thông, Thiên nhĩ trí chứng thông, Tha tâm trí chứng thông, Túc trú trí chứng thông, Thần cảnh trí chứng thông.

Thế nào là Thiên nhãn trí chứng thông? Nghĩa là nhờ năng lực của Thiên nhãn mà thấu triệt vô lượng, vô biên thế giới chư Phật trong mười phương. Thấy tất cả các loài chúng sinh như: noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh, loài có sắc, không sắc, có tưởng, không tưởng, không có tưởng, chẳng phải không tưởng… như xem trái xoài trong lòng bàn tay. Các hữu tình đó đều bị các khổ trói buộc. Quán vậy rồi Bồ-tát khởi tâm đại Bi: Những hữu tình này rơi trong biển sinh tử, nơi hầm lớn phân dơ, nay ta vì sao buông bỏ họ, không chịu cứu? Do đó càng thêm tinh tấn, thân tâm không mỏi mệt liền phát khởi niệm Phật Tam-muội, nhờ dùng năng lực của định nên thấy tất cả chư Phật trong mười phương đầy khắp hư không, ngồi tòa Kim cang thành Đẳng chánh giác. Hoặc thấy chư Phật bắt đầu chuyển pháp luân hoặc thấy chư Phật đến ở Thiên cung, hoặc thấy Như Lai từ bảo tòa bước xuống, hoặc thấy Như Lai vào xóm khất thực, hoặc thấy Như Lai tùy căn cơ mà nói pháp, hoặc Ứng thân nói pháp cho quốc vương, đại thần, trưởng giả, Bà-la-

môn; hoặc Ứng thân nói pháp cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Cận sự nam, Cận sự nữ; hoặc Ứng thân nói pháp cho Trời, Rồng, Dạ-xoa, A-tu-la, Càn-thát-bà, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân; hoặc ứng thân nói pháp cho ngạ quỷ, Tỳ-xá-xà, Cưu-bàntrà, Bổ-đát-na-ca-sất, Bổ-đát-na, vua Diêm-ma-la, ngạ quỷ, bàng sinh… tất cả đều tùy theo âm thanh của mỗi loài, nên mỗi loài, mỗi cõi đều nói: "Như Lai vì mình mà thuyết pháp", làm cho tất cả đều được hiểu rõ và vui mừng khôn xiết.

Hoặc thấy chư Phật nói sáu Độ cho hàng Bồ-tát, hoặc nói mười hai nhân duyên cho hàng Duyên giác, nói pháp bốn Đế cho Thanh văn, hoặc khuyên hữu tình sống trong mười điều thiện. Hoặc thấy chư Phật hiện thân Phạm vương để nói pháp, hoặc hiện thân Đế Thích để nói pháp, hoặc hiện thân Hộ thế Tứ Thiên vương để nói pháp, hoặc hiện thân Đại Tự tại thiên, Na-la-diên thiên, Nhật Thiên tử, Nguyệt Thiên tử, Rồng, Dạ-xoa, chư Tiên, Bà-la-môn… để nói pháp. Hoặc hiện thân Chuyển luân vương, thân quốc vương, tể tướng, nam nữ, Hòa thượng, A-xà-lê và chư Phật cùng đệ tử để nói pháp. Hoặc hiện thân trong loài địa ngục, ngạ quỷ, bàng sinh để nói pháp. Tất cả nghe xong liền xa lìa các khổ nạn và đói khát, không tàn hại lẫn nhau mà đem lòng từ bi đến cho nhau.

Hoặc thấy Phật thị hiện nhập Bát-niết-bàn trong rừng Sa-la để nói pháp, hoặc thấy sau khi Phật Niết-bàn phân chia xá-lợi, xây dựng chùa tháp mà hiện ra để nói pháp, khiến chúng sinh đến cúng dường được giải thoát. Chư Phật hiện đủ tướng như vậy đều là cứu chúng sinh vượt ra khỏi sinh, già, bệnh, chết. Các tướng như vậy đầy khắp cõi hư không và vô vàn sự kỳ diệu khác đều là do thần thông tự tại của chư Phật biến hóa, thật là những việc hy hữu. Bồ-tát tuy thấy đủ thần thông biến hóa ấy nhưng chỉ được gọi là Thiên nhãn do Thiền định, chứ không được gọi là Ba-la-mật-đa.

Thiên nhãn mà Đại Bồ-tát chứng đắc, vượt hơn Thiên nhãn của tất cả Trời, Rồng, Bát bộ, Hữu học, Vô học, Thanh văn và Độc giác đã chứng đắc. Thiên nhãn của Đại Bồ-tát là tối thượng, tối thắng, tối tôn, tối diệu, rốt ráo minh tịnh, có năng lực lớn. Nhờ Thiên nhãn này mà Đại Bồ-tát thấy vô lượng, vô biên chư Phật, Bồ-tát ở quá khứ đi, đứng, nằm, ngồi, vô vàn oai nghi, vô lượng hạnh môn, thiền định giải thoát, Thập địa diệu trí, môn Đà-la-ni, Vô ngại biện tài, những phương tiện khéo léo đều được viên mãn.

Thiên nhãn thanh tịnh của Đại Bồ-tát thấy các màu sắc, hình tượng không bị chướng ngại, không đắm, không nhiễm, không nắm bắt tướng của tất cả màu sắc hình tượng, xa lìa tất cả kiến chấp tùy miên. Nhãn căn đó bản tánh vốn thanh tịnh, không nương tựa vào những cảnh giới. Nhãn căn này không do tất cả tập khí tùy miên phiền não sinh ra, cũng không đắm nhiễm, không mê, không loạn, không bị mê mờ, lại không có sự phân biệt, không bị vướng mắc vào phiền não chướng và sở tri chướng, đối với tất cả các pháp được tự tại. Nhãn căn này có thể thông suốt tất cả pháp bình đẳng, trú vào chân giải thoát. Thiên nhãn này còn biết rõ tất cả căn tánh sai biệt, không thể có tướng hoại diệt, trong một sát-na có thể thấy được tất cả loài hữu tình. Thể tánh của Thiên nhãn này trong sáng thanh tịnh, có thể lìa bỏ tất cả pháp cấu uế hỗn loạn, có thể biết rõ tánh từ bi, không từ bỏ hữu tình, cũng không vướng mắc, không tham lam, không tổn hoại. Thiên nhãn này là cảnh giới thắng nghĩa do Chân đế sinh ra mà trí tuệ là người dẫn đường đi đầu, trụ vào đại Bi để thấu hiểu, thông đạt các pháp và những nghĩa lý sâu xa, lìa các hý luận. Nói như

thật những điều đã thấy, nghe; tránh xa tất cả các pháp bất thiện, tâm hướng đến Vô thượng Bồ-đề không bị chướng ngại, thấy người xan tham khuyên họ bố thí, thấy người hủy phạm giới cấm thì nên thương xót, thấy người sân giận bảo họ nhẫn nhục, thấy người biếng nhác khuyên họ tinh tấn, thấy người tâm tán loạn khuyên họ tu tập thiền định, thấy người ngu si bảo họ học trí tuệ, người đi theo đường phi pháp chỉ họ trở về con đường Chánh pháp, người có tâm Tiểu thừa nên đem Đại thừa dạy họ, để cho tất cả hữu tình nhập Nhất thiết trí, đạt được thần thông, viên mãn Bồđề, thành tựu trí Nhất thiết trí.

Từ Thị nên biết! Đây gọi là Đại Bồ-tát tu hành Thiền định bala-mật-đa, đạt được Thiên nhãn trí thông thanh tịnh.

Này Từ Thị! Sao gọi là Đại Bồ-tát tu hành Thiền định ba-lamật đạt được Thiên nhĩ trí thông? Nghĩa là năng lực Thiên nhĩ của Đại Bồ-tát chứng đắc thù thắng hơn Thiên nhĩ của Trời, Rồng, Bát bộ, Thanh văn, Độc giác. Thiên nhĩ mà Đại Bồ-tát chứng đắc là tối thượng, tối tôn, tối thắng, tối diệu lắng trong cực độ, có năng lực vô cùng lớn mạnh. Vì sao? Vì do công đức này mà hồi hướng lên Vô thượng Bồ-đề.

Đại Bồ-tát dùng Thiên nhĩ này có thể nghe tất cả âm thanh của chư Phật Như Lai, Độc giác, Thanh văn, Trời, Rồng, Bát bộ, Nhân phi nhân, cho đến địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, hữu tình, phi tình… có bao nhiêu loại tâm thì Thiên nhĩ cũng đều nghe tất cả và nghe âm thanh phát ra của ba nghiệp sai biệt. Bồ-tát như vậy đều biết như thật tất cả. Hễ chúng sinh phát ngôn là đã tạo nhân thiện ác, phát lời tham đắm với tiếng mê hoặc thì Thiên nhĩ của Bồ-tát cũng biết như thật. Hoặc nói lý lẽ tuy chân chánh mà lời nói thô kệch, hoặc nói lý lẽ tuy bất chánh nhưng lời nói hòa nhã, hoặc cả hai lời nói và lý lẽ đều tốt đẹp, hoặc thô kệch, với Thiên nhĩ này đều biết như thật.

Thiên nhĩ này có thể nghe tất cả tiếng của phàm, Thánh; ở phàm phu thì không chán, ở Thánh hiền thì không hân hoan. Đối với cảnh giới của Hiền thánh thì tâm yêu thích, còn với cảnh giới phàm phu thì sinh lòng đại Bi. Như vậy tất cả âm thanh chặng trước, giữa và sau, Thiên nhĩ này đều biết như thật, không sinh chấp trước.

Thiên nhĩ này nghe tiếng khắp tất cả vô lượng, vô biên thế giới trong mười phương. Tất cả âm thanh của chư Phật nói pháp đều biết như thật, tâm không tán loạn, cũng không quên mất, tùy theo căn cơ chúng sinh mà nói pháp, hiểu rõ pháp tánh không, bền chắc, chẳng phải không bền chắc, chẳng hư chẳng thực. Nghe một lời nói Chánh pháp của Như Lai là nghe tất cả pháp môn của vô số chư Phật, tức là trong một lúc đều nghe không lẫn lộn, không loạn động, không chướng ngại nhau, có thể lãnh thọ từng câu văn, từng chương cú, biết như thật về nghĩa lý tánh tướng.

Lại nghe tiếng của Như Lai, tùy theo âm tiếng của mỗi loài chúng sinh nói pháp để họ thấu rõ tướng chân thật mà được giải thoát, và đem công đức này hồi hướng về Thiên nhĩ thanh tịnh của Như Lai. Nguyện đời vị lai không nghe tên của Nhị thừa là Thanh văn và Độc giác.

Từ Thị nên biết! Đây gọi là Đại Bồ-tát tu hành thiền định mà đạt được Thiên nhĩ trí thông thanh tịnh.

Này Từ Thị! Sao gọi là Đại Bồ-tát có Tha tâm trí thông? Nghĩa là Bồ-tát biết tâm của tất cả hữu tình ở quá khứ, hiện tại và vị lai là ác, là thiện hay vô ký. Lại biết những nghiệp nhân quả sai biệt của tất cả hữu tình ở quá khứ, biết tất cả chúng sinh có tâm lớn, tâm nhỏ, tâm không lớn

không nhỏ, tâm có tham dục hay không tham dục, tâm dơ cấu hay tâm thanh tịnh, tâm ngu si hay tâm trí tuệ, tâm rộng hay tâm hẹp, tâm định hay tâm loạn, tâm trói buộc hay tâm giải thoát, tâm thắng hay tâm bại, tâm cao thượng hay tâm thấp hèn…

Lại biết hữu tình có tâm tương ưng với Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ, Từ, Bi, Hỷ, Xả, có tướng, không tướng và biết tất cả tâm hữu tình tương ưng với Thanh văn, Độc giác, Đại thừa Bồ-tát. Các hữu tình này có đủ căn lành như vậy, hoặc có hữu tình sinh trong quý tộc mà làm việc thấp hèn, hoặc sinh trong dòng thấp hèn mà tánh thanh tịnh, hoặc tâm tánh bất thiện mà làm việc thanh tịnh, hoặc cả hai thanh tịnh, hoặc cả hai bất thiện. Tất cả tâm hành sai khác của hữu tình quá khứ, Bồ-tát đều biết như thật, tùy theo sự thích ứng của họ mà nói pháp. Đây gọi là Tha tâm trí thông, biết rõ tất cả hữu tình ở đời quá khứ.

Lại biết rõ hữu tình vị lai, do hiện tại bố thí nên sinh ra nhân tịnh giới cho đời vị lai. Lại biết hữu tình hiện tại trì giới nên sinh ra nhân nhẫn nhục ở đời vị lai. Lại biết hiện tại nhẫn nhục nên sinh nhân tinh tấn đời vị lai. Biết hữu tình hiện tại tinh tấn nên sinh nhân thiền định đời vị lai. Biết hữu tình hiện tại tu tập tướng thiện nên sinh nhân tuệ vô tướng ở đời vị lai. Biết hữu tình hiện tại tu tập điều thiện nhỏ nên sinh nhân Đại thừa đời vị lai. Các tướng trạng nhân duyên của các tâm như vậy, Đại Bồ-tát đều biết như thật, tùy duyên cứu vớt mà tâm không mỏi mệt, đưa các hữu tình vào sâu tuệ Phật không tăng không giảm, nói pháp như vậy không dừng nghỉ. Đối với pháp không bao giờ có tâm keo kiệt. Đây gọi là Tha tâm trí thông của Bồ-tát có biết rõ đời vị lai.

Lại biết hữu tình đời hiện tại có tâm tham dục hay không tham dục, tâm có tội lỗi hay không tội lỗi, tâm ngu si hay tâm trí tuệ, tâm rộng hay tâm hẹp, tâm định hay tâm loạn, tâm động hay không động, tâm bị trói buộc hay giải thoát, tâm dơ uế hay không dơ uế, tâm quảng đại hay tâm vô lượng, tâm cao thượng hay hạ liệt… Bồ-tát đều biết như thật. Những hữu tình bị vô lượng phiền não trói buộc, Bồ-tát đều biết như thật.

Biết vậy rồi, tùy theo căn cơ thích ứng sai khác mà Bồ-tát nói pháp. Tâm liễu ngộ hay vô tâm, không vướng mắc mình và người, Bồ-tát dùng phương tiện khéo léo, trí tuệ thiền định, biết được rõ ràng căn tánh của chúng sinh lanh lợi hay đần độn để dứt trừ hẳn nguồn gốc phiền não sinh tử, hiểu rõ bản tánh vốn không, tròn đầy không thiếu khuyết, không nhiễm, không vướng, cũng không có lỗi lầm, không cặn đục, không nhơ nhớp, cũng không thô kệch. Biết rõ các pháp như huyễn hóa, biết tâm hành sai biệt của hữu tình.

Từ Thị nên biết! Đây gọi là Đại Bồ-tát tu hành Thiền định mà được Tha tâm trí thông thanh tịnh.

Này Từ Thị! Sao gọi là Đại Bồ-tát tu hành thiền định mà đạt được Túc trụ tùy niệm trí chứng thông? Nghĩa là trụ vào Bất động địa, chứng pháp bình đẳng, hoàn toàn hiểu rõ thật tánh của các pháp, với trí tuệ thanh tịnh an trú vào Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na tương ưng Chỉ và Quán, không bao giờ quên mất bất cứ một việc gì. Trí là người dẫn đầu làm cho ba nghiệp được thanh tịnh, được trang nghiêm bằng phước đức và trí tuệ, tự nhiên giác ngộ không nhờ thầy dạy bảo, có thể đạt đến bờ kia Niết-bàn an lạc. Với trí tuệ như vậy, Đại Bồ-tát nhớ tất cả đời trong quá khứ, từ một đời, hai đời, mười, hai mươi đến một kiếp, trăm ngàn vạn na-do-tha kiếp. Trong cả số kiếp ấy, thành hay hoại Bồ-tát đều nhớ biết. Trong những số kiếp đó, Đại Bồ-tát đều nhớ biết rõ ràng

hữu tình sinh trong nhà như vậy, cha mẹ như vậy, dòng họ như vậy, tên tuổi như vậy, tướng mạo như vậy, sức lực như vậy, tuổi thọ như vậy và tất cả khổ vui như vậy. Nhớ biết tất cả hữu tình chết đây sinh kia, những loại chủng tộc của thân mình, thân người trong vô lượng đời. Tất cả căn lành cho đến khuyên bảo nhau, Bồ-tát nhớ nghĩ biết rõ và đem hồi hướng tất cả lên Vô thượng Bồ-đề.

Lại quán thân sinh tử trong quá khứ là vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh. Biết vậy rồi, đối với các sắc tướng, thọ mạng dài ngắn, phú quý quyền lực, Bồ-tát đều không sinh ngã mạn, không mong cầu quả báo Đế Thích, Phạm thiên, Hộ thế Tứ Thiên vương, trời, người, chỉ đem đại Bi làm lợi lạc cho hữu tình, tùy theo nguyện lực mà thọ sinh.

Lại biết những nghiệp ác đã tạo trong vô số kiếp quá khứ nên rất hối hận, trong đời này thà bỏ thân mạng cũng không dám tạo ác nghiệp nữa. Bồ-tát đem tất cả nghiệp lành đã tạo trong vô lượng đời hồi hướng lên Vô thượng Bồ-đề, bố thí khắp cho tất cả hữu tình trong pháp giới mà không cầu quả báo tối thượng trong thế gian, kế thừa Tam bảo cho đến tận cùng vị lai không bao giờ dứt bỏ, không bao giờ dừng nghỉ.

Từ Thị nên biết! Đây gọi là Đại Bồ-tát tu hành thiền định mà đạt được Túc trụ trí thông thanh tịnh.

Này Từ Thị! Sao gọi là Đại Bồ-tát tu hành Thiền định ba-lamật-đa đạt được Thần cảnh trí thông làm lợi lạc vô cùng? Nghĩa là Bồ-tát trụ trong địa vị Bất động địa chứng được chân tịch tĩnh, trừ khử đi tất cả lo khổ, tâm tư hỷ lạc, hít vào thở ra… không sinh không diệt, trụ vào chân pháp giới, có thể hiện đủ thần thông biến hóa; hoặc làm thân như đống lửa, phóng ánh sáng lớn khắp cả tam thiên đại thiên thế giới; hoặc trên thân phun nước chảy như mưa lớn, rờ tới mặt trời mặt trăng… oai quang tự tại. Hoặc hiện thân lớn đến trời Phạm thiên, hoặc hiện thân nhỏ như hạt cải, hoặc chấn động đại địa như sóng biển, hoặc một thân mà hiện nhiều thân, hoặc nhiều thân mà hiện thành một thân, hoặc ẩn hoặc hiện nói vô lượng pháp, hoặc vào sâu trong núi đá, hoặc vượt xuyên qua hoặc lên hoặc xuống như điện dẫn ánh sáng, qua lại tự tại, đi ngồi trên không giống như chim bay lượn, hoặc lặn xuống đất như vào nước, đi trên nước như đi trên đất, ẩn hiện tự do không bị chướng ngại. Những thần lực như vậy đều vì làm lợi lạc cho tất cả hữu tình.

Lại đem lòng Đại bi Phổ môn mà thị hiện vô số thân: hoặc hiện thân Phật, thân Bồ-tát, thân Thanh văn, thân Độc giác, Đế Thích, Phạm thiên… và nhiều loại thân khác tùy theo căn tánh, tùy theo dục lạc của từng loài, từng cõi mà hiện thân. Hoặc các hữu tình ỷ mình có thế lực mà cống cao, tùy theo chỗ thích ứng của họ mà Bồ-tát hiện thân nói pháp để điều phục họ. Hoặc làm Đế Thích, Phạm thiên, Hộ thế Tứ Thiên vương, Đại lực sĩ Na-la-diên… vì muốn chiến thắng họ nên bưng núi Diệu cao quăng bỏ nơi vô lượng thế giới khác, giống như ném trái xoài về lại chỗ cũ, mà các trời, người không biết mình có tướng qua lại và thần lực của Bồ-tát cũng không bị giảm tổn.

Lại trong tam thiên đại thiên thế giới, trên đến cõi trời Sắc cứu cánh, dưới đến Thủy cung, Bồ-tát dùng tay phải nắm thế giới này trải qua một kiếp, dù đi, đứng, nằm, ngồi cũng không bị chướng ngại. Sau đó để lại chỗ cũ, nhưng các hữu tình thuộc loài thủy tộc không bị tổn hại, tất cả đều không biết mình có tướng qua lại. Bồ-tát thị hiện có thần thông tự tại như vậy khiến cho các hữu tình có tâm kiêu mạn đều được điều phục để nghe pháp.

Bồ-tát dùng sức thần thông, tùy theo ý muốn của mình mà được tự tại, giống như bảo châu như ý, cầu gì được nấy, hoặc biến biển lớn thành dấu chân trâu, hoặc biến dấu chân trâu thành biển lớn, hoặc hiện hỏa tai lên đến Sơ thiền, hoặc hiện thủy tai lên đến Nhị thiền, hoặc hiện phong tai lên đến Tam thiền, hoặc biến nước thành lửa, biến lửa thành nước. Dùng đủ mọi cách thượng, trung, hạ tùy ý biến hóa đều được tự tại, không ai có thể chuyển động được. Ngoài Phật Thế Tôn, không ai có thể phá hoại.

Bồ-tát dùng thần thông biến hóa rộng lớn này, tùy theo căn duyên của chúng sinh mà nói pháp rộng hay hẹp để các chúng sinh được giải thoát. Thần lực tự tại của Bồ-tát như vậy, với tất cả Thiên ma và phiền não ma không thể làm chướng ngại được. Do đó, Bồ-tát vượt qua Thiên ma và phiền não ma, đi vào cảnh giới Phật. Sau đó tùy theo căn duyên của hữu tình mà cứu vớt họ được giải thoát, không bao giờ gián đoạn, không thể nào động chuyển.

Từ Thị nên biết! Đây gọi là Đại Bồ-tát tu tập thiền định mà đạt được Thần cảnh trí thông biến hóa tự tại.

Năm thần thông trên chỉ gọi là thiền định chứ không được gọi là Ba-la-mật-đa.

Từ Thị! Các vị Bồ-tát đã đạt được năm thần thông này rồi nên tinh tấn tu tập Thiền định ba-la-mật-đa với Vô thượng Bồ-đề, chứng đắc quả vị không thoái chuyển. Ví như người nghèo mới bắt đầu đào kho báu, chưa thấy gì lạ nên vẫn biếng nhác; càng đào sâu xuống không dừng nghỉ thì dần dần thấy chút ít tướng lạ, lúc đó mạnh mẽ tinh tấn không thôi, do không dừng nghỉ nên được kho báu. Đại Bồ-tát cũng vậy, chưa chứng Vô thượng Bồ-đề thì ngày đêm hãy tinh tấn siêng năng tu tập thiền định không dừng nghỉ, cho đến khi chứng đắc Vô thượng Bồ-đề.

Này Từ Thị! Nếu tất cả hữu tình phát tâm thiền định như vậy thì chẳng khó nhưng theo đó tu tập không bao giờ biếng nhác cho đến khi nào thành tựu, đó mới là khó. Ví như quân nước mạnh xâm lăng chiếm lấy nước khác thì không khó, nhưng chiếm lấy được rồi canh giữ cho cẩn thận, đó mới là khó.

Tà sư ngoại đạo tu định cũng vậy, không gần gũi bạn lành, không nghe Chánh pháp, cầu tà giải thoát để đạt được định Vô sắc mà nói là chứng Niết-bàn. Khi qua đời, bọn người này đọa vào địa ngục. Như người ngu si nuôi rắn độc, thường cho uống sữa bò. Vì sao? Vì tất cả thầy thuốc ở đời đều nói sữa bò trừ độc. Rắn uống sữa bò thì khí độc càng phát triển, người ngu si ấy nói là chất độc của rắn đã tiêu hết rồi nên tiếp xúc và dạy bảo, bị nó cắn chết. Tất cả chúng sinh cũng vậy, ngày đêm nuôi dưỡng thân độc này, vì cầu an ổn khoái lạc cho nên luôn cung cấp thức ăn uống vô độ. Khi vô thường ập đến, độc ma chết phát sinh, làm mất hết các pháp lành rồi đi vào ba đường khổ.

Này Từ Thị! Thiền định mà Thanh văn, Độc giác đạt được chỉ đoạn trừ phiền não chướng, không có lòng đại Bi, chỉ nhập vào Niếtbàn thì chẳng phải là chân thiền định. Còn phàm phu hữu tình vì thân, khẩu, ý nghiệp luôn bị tám vạn bốn ngàn phiền não trói buộc nên không được tự tại. Ví như có người luôn cúng dường cho kẻ thù La-sát, ác quỷ để từ từ điều phục nó. Nhưng phiền não oan gia Lasát, ác quỷ thì không như vậy, được cung cấp sắc hương làm cho phiền não ngày càng phừng phực, khó điều phục được. Như vậy làm sao tu tập thiền định để giải thoát? Nếu không thiền định thì làm sao có trí tuệ? Không chánh trí thì cũng không có mười điều thiện, sẽ đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Do đó Đại Bồ-tát nên tu phạm hạnh bốn Tâm vô lượng,

khởi lòng từ "hóa đạo vô duyên" bao trùm khắp cả pháp giới. Vì sao vậy? Vì lòng từ bi của Bồ-tát không có giới hạn, không thể nghĩ bàn, không có bờ bến, vì hữu tình khắp cả mười phương thế giới nên lòng Từ bi của Bồ-tát cũng rộng lớn như vậy. Ví như hư không không có giới hạn, lòng Từ bi của Bồ-tát cũng vậy. Do đó nên biết, hữu tình vô tận, lòng Từ bi của Bồ-tát cũng vô tận. Chân không vô tận, lòng Từ bi cũng vô tận. Thế nên lòng Từ bi của Bồ-tát chân thật không cùng tận.

Bồ-tát Từ Thị bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đối với hữu tình, Bồ-tát có lòng Từ bi rộng lớn như vậy, nếu có gì để thí dụ tuyên nói, con xin Ngài hãy dạy bảo cho chúng con.

Đức Thế Tôn dạy:

–Này thiện nam! Không thể lấy một việc nhỏ nào để thí dụ nói hết được. Từ Thị nên biết! Ví như phương Đông có hằng hà sa thế giới, phương Nam, Tây, Bắc, bốn góc, trên dưới cũng nhiều như vậy. Hằng hà sa thế giới như vậy trong mười phương hợp lại thành một biển nước đầy. Các thế giới nhiều như cát sông Hằng trong mười phương đều có khắp đầy hữu tình. Mỗi hữu tình lần lượt cầm một sợi lông nhúng nước biển ấy rồi nhỏ qua nơi khác, cho đến đủ một kiếp. Như vậy, nước biển dù có khô cạn nhưng các hữu tình kia vẫn không cùng tận.

Này thiện nam! Hữu tình khắp cả mười phương thế giới nhiều như cát sông Hằng trong mười phương như vậy, Bồ-tát đều có lòng từ bi rộng lớn với mỗi hữu tình ấy.

Này thiện nam! Ý ông thế nào? Lòng Từ bi ấy có giới hạn không?

Bồ-tát Từ Thị thưa:

–Bạch Thế Tôn! Giả sử hư không, còn có thể lường được, nhưng lòng từ bi này không thể cùng tận.

Đức Phật dạy:

–Nếu Đại Bồ-tát nghe lòng Từ bi ấy không có giới hạn mà không kinh nghi, sợ sệt, nên biết rằng vị ấy cũng có lòng Từ bi vô tận như vậy. Tâm Từ bi ấy có thể giữ gìn cho mình và người, diệt trừ tất cả điều ác, kiện tụng, tranh cãi, có thể ngăn ngừa tội lỗi cho hữu tình để ba nghiệp điều phục thường được an lạc, lìa xa các oán thù. Người nào nhiều sân hận thì khiến cho họ nhẫn nhục, từ bi, chấm dứt các khổ chinh chiến, binh đao… cứu hộ tất cả hữu tình xa lìa các sự lừa gạt để tiếng tốt đồn xa, được Đế Thích, Phạm thiên, Tứ Thiên vương cung kính cúng dường, lấy chuỗi anh lạc Từ tâm trang nghiêm thân. Vị ấy làm người đi đầu hướng dẫn đường giải thoát cho hữu tình để ai có tâm Nhị thừa quay về với Đại thừa, tích lũy chứa nhóm tất cả tư lương Bồ-đề, không chịu làm nô lệ phước báo thế gian, luôn lấy tướng tốt để trang nghiêm thân, các căn đều đầy đủ, trọn vẹn, xả bỏ tám nạn, được sinh lên trời, thực hành tám Chánh đạo để đến bờ kia Niết-bàn.

Bồ-tát tu Từ bi không tham đắm năm dục, đem tâm bình đẳng đối với các hữu tình. Khi hành hạnh bố thí, tâm không phân biệt, giữ giới thanh tịnh, cứu giúp người phạm giới, chỉ rõ năng lực nhẫn nhục để họ không còn sân hận, tu hành tinh tấn, đều thuận theo Chánh pháp, trụ trong chánh định, đem lòng Từ bi cứu vớt chúng sinh, được trí tuệ rộng lớn, ra khỏi thế gian. Lúc đó phiền não và Bồ-đề không còn hai tướng, đem lòng đại Từ lưu xuất từ tự tánh mà chiến thắng quân ma, làm an lạc cho tất cả hữu tình, đời này đời sau không từ bỏ họ. Trong lúc đi. đứng,

nằm, ngồi luôn luôn tu tập hành trì, diệt trừ ngã mạn, xa rời phóng dật. Người có lòng Từ bi mặc áo tàm quý, xoa hương thơm giới thanh tịnh, đoạn trừ tập khí phiền não ở thế gian, làm lợi ích và đem an vui cho tất cả hữu tình. Lòng Từ bi của Thanh văn chỉ cầu lợi cho riêng mình, còn lòng Từ bi của Bồ-tát cứu hộ cho tất cả chúng sinh.

–Này Từ Thị! Từ có ba loại:

1. Chúng sinh duyên từ.
2. Pháp duyên từ.
3. Vô duyên từ.

Thế nào là Chúng sinh duyên từ? Nghĩa là mới phát tâm, quán khắp hữu tình sinh lòng đại Bi.

Thế nào Pháp duyên từ? Nghĩa là khi tu hành quán tất cả pháp, gọi là Pháp duyên từ.

Thế nào là Vô duyên từ? Nghĩa là chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn, không có hai tướng.

Từ Thị nên biết! Đây là tâm đại Bi của Đại Bồ-tát trú trong chân pháp giới.

****

Đức Phật dạy Từ Thị:

–Đại Bồ-tát tu hành Thiền định ba-la-mật cần phải tu tập đại Bi vô lượng, vì đại Bi là pháp dẫn đầu của các nghiệp lành. Ví như đối với mạng căn thì hơi thở ra vào là trên hết. Trong bảy báu của Luân vương thì bánh xe báu là trên hết. Trong vạn hạnh Đại thừa thì đại Bi là trên hết. Như trưởng giả có một đứa con, cha mẹ yêu thương thấu tận xương tủy, đại Bi của Bồ-tát cũng vậy, yêu thương các hữu tình như con một.

Sao gọi là đại Bi?

Đại gọi là Ma hạ. Ma gọi là ngã. Ngã đem đại Bi làm lợi lạc cho hữu tình nên gọi là đại Bi.

Hạ gọi là tánh, tự tánh đại Bi có thể cứu vớt hữu tình, vì không do người khác dạy bảo nên gọi là Đại Bi.

Lại gọi là Sa-phạ, Sa-phạ là thuộc về phần của ta. Ta phải cứu hộ tất cả hữu tình nên gọi là đại Bi. Ca là phòng hộ, không để cho người khác làm hại nên gọi là đại Bi. Đại Bi có thể làm phương tiện để hoàn thành tất cả pháp trợ Bồ-đề. Đại Bi có thể tự giác ngộ, không nhờ thầy dạy mà trí tự nhiên phát. Đại Bi có thể diệt tâm lo buồn, tùy thuận mà làm lợi ích cho chúng sinh.

Này Từ Thị! Tâm đại Bi này có năm mươi loại:

1. Không dua nịnh.
2. Thân, khẩu, tương ứng.
3. Không hư dối.
4. Luôn luôn chân thật.
5. Không thoái lui.
6. Liễu ngộ bản giác.
7. Không dối trá.
8. Tự tánh thanh tịnh.
9. Hành dụng ngay thẳng.

10. Trú nơi chánh tánh.
11. Cầu thân Phật.
12. Cầu tuổi thọ Phật.
13. Không tạo tất cả lỗi lầm.
14. Bảo vệ hữu tình.
15. Độ hữu tình không có hạn lượng.
16. Đồng với hư không.
17. Không từ bỏ chúng sinh nghèo khổ.
18. Nhổ bỏ các khổ.
19. Tự tánh bất động, gánh vác tất cả.
20. Hành hạnh thanh tịnh, không lừa gạt mình và người.
21. Có thể làm tự lợi bằng các thiện nghiệp.
22. Làm cho tất cả chúng sinh được an vui.
23. Không mệt mỏi.
24. Trừ bỏ gánh nặng, khai mở thắng nghĩa.
25. Kiên trì thực hành bố thí, nhẫn nhục, tinh tấn.
26. Nhẫn nhục khi bị người hạ liệt khinh mạn mình.
27. Không ôm thù hận xưa.
28. Làm thầy thuốc vô thượng.
29. Dùng trí Đại thừa giáo hóa những thừa dưới bình đẳng không hai.
30. Khéo giấu đức của mình, khen ngợi điều tốt của người.
31. Có thể sánh bằng với chân pháp lạc vô lậu.
32. Có thể xả bỏ những gì yêu thích mà không tiếc rẻ.
33. Vì hữu tình, không hối hận.
34. Khéo giữ gìn giới thanh tịnh, luôn cứu hộ người hủy phạm cấm giới.
35. Chịu khổ để hữu tình được an vui.
36. Làm hữu tình thành thục, trụ vào pháp thân.
37. Xả bỏ các bộ phận trong thân thể mà không tiếc thân mạng.
38. Thích tu công đức, không cầu quả báo.
39. Có thể điều phục hữu tình để tu tập thiền định.
40. Hiểu rõ ba cõi là không, không đắm trước.
41. Tích lũy căn lành, xa lìa điều bất thiện.
42. Làm toại nguyện tất cả chúng sinh.
43. Không bỏ nguyện xưa, trụ trong vô vi.
44. Bỏ pháp hữu vi.
45. Hữu tình xan tham thì dạy họ hành xả.
46. Có thể làm cho hữu tình sống trong giới luật nhà Phật.
47. Hữu tình đa sân, khiến họ nhẫn nhục.
48. Hữu tình giải đãi, khiến họ tinh tấn.
59. Hữu tình tán loạn, khiến họ thiền định.

50. Hữu tình ngu si, khiến họ có trí tuệ.

Phật dạy Từ Thị:

–Như vậy đại Bi làm cho tất cả căn lành của mình và người được thành tựu. Đó là đại Bi vô lượng.

Này Từ Thị! Đại Bồ-tát tu hành Thiền định ba-la-mật-đa phải tu tập như thế nào để đạt được đại Hỷ vô lượng? Nghĩa là nhớ nghĩ, ưa thích và cung kính tất cả Phật pháp, không chạy theo sinh tử, không phá hoại tâm hỷ, diệt trừ các tà kiến, xa lìa năm dục triền cái, có thể làm cho hữu tình an trụ trong Niết-bàn, luôn cầu ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của Như Lai, nghe Chánh pháp khế hợp với Đệ nhất nghĩa đế, luôn luôn thích tu hành để đạt đến bờ kia Niết-bàn, tâm sinh hoan hỷ đủ đầy viên mãn. Giống như ngày Tết thế gian, tất cả dòng họ, bạn bè đều hội họp hưởng khoái lạc năm dục, vui chơi thích thú. Bồ-tát cũng vậy, khi khởi thần thông biến hóa thì an trú vào đó, làm cho tất cả Bát bộ, Rồng, Thần, bốn chúng đều tụ họp vào Giới, Định, Tuệ, Giải thoát tri kiến, trong lòng vui thích. Đó là đại Hỷ.

Đại Hỷ này không có tâm làm tổn hại các hữu tình, siêng cầu tất cả diệu pháp chư Phật. Dù đã đạt được hay chưa tâm cũng không rời bỏ, luôn hiểu rõ pháp Đại thừa một cách chân chánh, không chấp lấy pháp Nhị thừa, xả bỏ tánh xan tham, làm tăng trưởng bố thí. Thấy người đến xin thì đem cho với tâm hoan hỷ. Đối với người trì giới thì phải có lòng tin thanh tịnh.

Thấy người phá giới thì phải thương xót, với tịnh giới của mình thì giữ gìn thanh tịnh viên mãn, không còn lo sợ ba đường ác mà được hướng đến pháp thân.

Nếu bị ai mắng nhiếc thì nhẫn nhục mà nhận.

Với thầy gương mẫu nên cung kính, tôn trọng, siêng năng thực hành theo lời dạy của thầy.

Với hữu tình thì nói lời hòa nhã, mỉm cười, không nhăn nhó, cau mày. Ý đầu tiên là thăm hỏi, trụ trong định tịch tĩnh, không dua nịnh, không hư dối, không thô thiển, không tà vạy, luôn khen điều tốt của người, không nói lỗi người, thích hòa đồng chung với mọi người, thực hành sáu hòa kính, tôn trọng Đại Pháp sư, khai mở Niếtbàn và hiển bày tướng chân thật.

Đối với bậc Tôn trưởng thì tưởng như cha mẹ, xem tất cả chúng sinh như con một, tôn trọng Thân giáo sư như Phật.

Đối với người tu hành xem như người dẫn đường đi vào biển bảo châu vô giá của các Ba-la-mật-đa. Coi người nói pháp như châu như ý, dạo chơi tự tại trong rừng pháp vô lậu.

Ai dạy bảo ta phải vui mừng, nghe nói lỗi sai của mình giống như người thầy thuốc chỉ bệnh mình, nghe nói Chánh pháp như bệnh được thuốc. Đó gọi là Hỷ.

Hiểu rõ khổ, vô thường, vô ngã, bất tịnh, tùy thuận thường, lạc, ngã, tịnh của Niết-bàn là một tướng một vị, nên gọi là Hỷ. Thể tánh của đại Hỷ là chân thật thù thắng, tánh không sinh diệt, không trầm, không bổng, không đi, không đến, luôn nhất tâm, đó gọi là Hỷ chân thật.

Đại Hỷ: như nghe nói điều thiện, thân tâm vui thích, an trú bất động giống như núi Tu-di.

Đại Hỷ: sáng suốt hiểu rõ nhân quả không sai lầm.

Đại Hỷ: như đất làm chỗ nương tựa, không lay động.

Đại Hỷ: như người có oai đức, không ai có thể địch lại.

Đại Hỷ: như Thắng nghĩa đế không thể hủy hoại.

Đại Hỷ: như Phật, Pháp, Tăng công đức viên mãn, cầu không chán.

Từ Thị nên biết! Đây gọi là đại Hỷ vô lượng.

Này Từ Thị! Đại Bồ-tát tu tập Thiền định ba-la-mật-đa phải tu tập đại Xả vô lượng như thế nào?

Đại Bồ-tát tu tập Xả vô lượng nói chung có ba:

1. Xả phiền não.
2. Xả sự giữ gìn giữa mình và người.
3. Xả đúng thời, không đúng thời.

Thế nào là xả phiền não? Nghĩa là gặp được cung kính không tự cao, gặp khinh mạn không nhu nhược ti tiện, được lợi không vui mừng, mất lợi không buồn, bị mắng chửi không sân giận, được khen cũng không mừng, được đề cao không phấn khởi, nghe chê bai không tức giận. Khi gặp khổ nạn thì quán không, vô ngã, gặp việc vừa lòng đến luôn quán vô thường, tâm không tham đắm cảnh yêu thích. Nếu bị hiềm khích không sân giận, với người oán, thân, người giữ giới, phá giới có tâm bình đẳng. Đối với thiện ác, yêu ghét đều không có hai tướng. Nghe lời nói thiện ác, chánh hay bất chánh cũng như vậy. Đem tâm bình đẳng với tất cả chúng sinh. Đối với thân mạng, tài lợi không tham tiếc. Đó gọi là Đại xả phiền não.

Xả sự giữ gìn mình và người là thế nào? Nghĩa là nếu có người đến cắt chẻ từng khúc thịt của mình, Đại Bồ-tát không những không sân giận mà cả thân và lời nói cũng không biến đổi. Đó gọi là Xả.

Khất-xoa-đa nghĩa là đôi và cũng nghĩa là vết thương. Nghĩa là mắt và sắc giống như có hai người đến chỗ Bồ-tát: một người đánh đập gây vết thương, một người xoa hương thơm trên mình, nhưng Bồ-tát quán hai việc ấy với tâm bình đẳng, không thấy có hai. Bồ-tát quán vết thương trong Đệ nhất nghĩa thì người đánh gây vết thương là ai và ai là người xoa bóp, Bồ-tát không hề thấy tổn hại hoặc lợi ích, cũng không thấy có mình và người, không hại mình và người. Đó gọi là Xả.

Hai nghĩa của nhãn căn và sắc cảnh cũng thế. Nhĩ căn với âm thanh, tỷ căn với hương, thiệt căn với mùi vị, thân căn với xúc chạm, ý căn với pháp. Tất cả cũng đều tịch tĩnh bình đẳng như thế.

Người hủy báng, người khen ngợi, đối với sáu căn của ta trong Đệ nhất nghĩa không có tổn thương, không gây hại nên gọi là Xả. Giả sử bị người làm tổn hại, cũng không làm tổn hại lại họ. Đó gọi là Xả.

Hoặc giữ gìn mình và người, không cho thương tổn, đó gọi là Xả.

Xem lợi hay bất lợi như nhau, luôn nhất tâm không làm hại mình và người, đó gọi là Xả.

Thường tự xem xét, hỗ trợ tâm người khác, xa lìa các sự tranh cãi, kiện tụng, gọi đó là Xả.

Quán sát thật kỹ, không còn thị phi, gọi là Xả.

Xả như vậy gọi là xả sự giữ gìn mình và người.

Thế nào gọi là xả đúng thời và phi thời?

Nếu các hữu tình không nhận những sự dạy dỗ, chẳng phải là bậc Pháp khí thì Bồ-tát không nên sân giận, đó gọi là xả phi thời.

Đối với hàng Thanh văn, quán bốn Thánh đế đạt được pháp nhẫn về sự khổ, hướng đến quả A-la-hán, nhưng Bồ-tát không chướng ngại. Đó gọi là xả phi thời.

Khi hành bố thí thì dừng lại trì giới, khi giữ giới thanh tịnh thì dừng lại để bố thí, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ cũng như vậy. Đó gọi là xả phi thời.

Nếu đối với các pháp cần phải thành tựu, việc quyết định phải làm thì tinh tấn dũng mãnh không bao giờ mệt mỏi, không nghỉ ngơi, không thoái lui, không nề hà khổ nhọc, đến khi làm xong công việc mới thôi. Đó là xả đúng thời.

Như vậy gọi là xả đúng thời, xả phi thời.

Tu tập Từ, Bi, Hỷ, Xả như vậy chỉ gọi là thiền định, chứ không được gọi là Ba-la-mật-đa.

Khi ấy Từ Thị bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Lấy việc tu tập thiền định như vậy làm nhân, có thể được đầy đủ trí tuệ thần thông. Thế nào là trí tuệ thần thông?

Đức Thế Tôn dạy Từ Thị:

–Này thiện nam! Thần thông là dùng năng lực thần thông có thể thấy sắc cực vi. Dùng mắt pháp thanh tịnh biết tánh của sắc là không, nhưng không đắm trước, thì gọi là trí tuệ.

Lại nữa, có thể nghe các loại âm thanh rất nhỏ trong thế gian, gọi là thần thông. Biết rõ các thứ âm thanh ấy không có ngôn thuyết, lìa xa các thí dụ, gọi là trí tuệ.

Lại có thể biết tâm hành của các hữu tình, đó là thần thông. Hiểu rõ vọng tâm, phi tâm của hữu tình, đó gọi là trí tuệ.

Nhớ biết tất cả những gì ở quá khứ, vị lai, gọi là thần thông. Hiểu rõ cõi Phật chân không là trí tuệ.

Hiểu biết rõ ràng tướng sai biệt của căn tánh hữu tình, là thần thông. Hiểu rõ thắng nghĩa là không, đó gọi là trí tuệ.

Thấu biết các pháp là thần thông. Hiểu rõ thế tục như huyễn, đó là trí tuệ.

Năng lực vượt qua Đế Thích, Phạm thiên, Tứ Thiên vương là thần thông. Vượt qua Thanh văn, Độc giác là trí tuệ.

Từ Thị nên biết! Đó gọi là Đại Bồ-tát tu tập chân thiền định được quả báo thần thông không thể nghĩ bàn.

Này Từ Thị! Tất cả chúng sinh luôn bị vô lượng phiền não quấy nhiễu tâm mình, còn các Đại Bồ-tát thì được chân Tam-muội, rồi tùy theo từng loại phiền não của hữu tình mà hiện các môn Tam-muội để độ cho họ được giải thoát. Đại Bồ-tát càng siêng năng tinh tấn trụ trong Tam-muội ấy để cho các hữu tình an trụ trong pháp bình đẳng như vậy, nghĩa là tâm bình đẳng, hành bình đẳng, tương ưng bình đẳng; Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn,

Thiền định, Trí tuệ đều bình đẳng, tức là tất cả các pháp thảy đều bình đẳng. Đó gọi là Pháp tánh Tam-muội.

Này Từ Thị! Tam-muội bình đẳng này là Bồ-đề bình đẳng, Bồđề bình đẳng là tất cả hữu tình bình đẳng, tất cả hữu tình bình đẳng là tất cả các pháp bình đẳng. Được pháp bình đẳng như vậy rồi, đó gọi là trụ vào chân Tam-muội.

Này Từ Thị! Bồ-đề bình đẳng tức là hư không bình đẳng, hư không bình đẳng tức là tất cả hữu tình bình đẳng, tất cả hữu tình bình đẳng tức là tất cả các pháp bình đẳng. Được tất cả các pháp bình đẳng như vậy gọi là trụ trong chân Tam-muội.

Này Từ Thị! Tánh của tất cả thế gian bình đẳng, tức là tánh thanh tịnh bình đẳng, tánh thanh tịnh bình đẳng tức là tất cả hữu tình bình đẳng, tánh của hữu tình bình đẳng tức là tất cả các pháp bình đẳng. Đạt được tất cả các pháp bình đẳng thì gọi là trụ trong chân Tam-muội.

Này Từ Thị! Nếu tâm chính mình bình đẳng tức là biết tâm của hữu tình bình đẳng, đó gọi là trụ trong chân Tam-muội.

Này Từ Thị! Đối với thân ta, các hữu tình dầu có làm lợi ích hay không lợi ích, thì ta đối với tâm của hữu tình như đại địa, đều bình đẳng với tâm bất động. Vì sao? Vì trụ trong tánh bình đẳng của Tam-muội này. Do trụ trong Tam-muội nên không có lời nói tán loạn và không có những lời vô ý thức. Thông đạt các pháp, hiểu rõ Đệ nhất nghĩa, biết rõ thời tiết tùy thuận để mà nói, không bị tám loại gió làm lay động. Bồ-tát trụ trong pháp tánh bình đẳng như vậy, không xả bỏ Tam-muội, không lìa thế gian, được tự tại vô ngại. Đó gọi là Đại Bồ-tát dùng phương tiện trí tuệ Thiền định bala-mật-đa.

Này Từ Thị! Thế nào là Đại Bồ-tát tu hành phương tiện trí tuệ xuất thế? Nghĩa là khi tu thiền định, Bồ-tát khởi lòng Từ bi với tất cả chúng sinh, đó gọi là phương tiện, quán các pháp tịch diệt là trí tuệ.

Khi tu thiền định, quy y Phật là phương tiện, hiểu rõ không chấp thủ là trí tuệ.

Cầu tất cả các pháp là phương tiện, hiểu rõ tánh của các pháp là không, đó là trí tuệ.

Quán sắc thân Phật là phương tiện, quán thân Phật là không, gọi là trí tuệ.

Quán Phạm âm của Phật là phương tiện, hiểu rõ không có ngôn thuyết là trí tuệ.

Khi chánh quán là phương tiện, sự quán chiếu cũng không, là trí tuệ.

Cứu vớt hữu tình là phương tiện, biết rõ chúng sinh là không, gọi là trí tuệ.

Biết căn tánh của chúng sinh là phương tiện, biết rõ căn tánh cũng không, là trí tuệ.

Quán cõi Tịnh độ của Phật là phương tiện, biết rõ cõi Phật là không, gọi là trí tuệ.

Chứng đắc Bồ-đề là phương tiện, biết rõ Bồ-đề vốn tịch tĩnh là trí tuệ.

Thỉnh chuyển pháp luân là phương tiện, biết pháp không có tướng chuyển, là trí tuệ.

Quán bảy Giác chi là phương tiện, biết rõ đó là chân bản giác, là trí tuệ.

Đại Bồ-tát tương ưng tu tập Thiền định ba-la-mật-đa như vậy làm cho tất cả Thiên ma không hại được và sẽ thành tựu Vô thượng Bồ-đề.

Khi Đức Thế Tôn nói Thiền định ba-la-mật-đa này có ba vạn hai ngàn Bồ-tát trong hội chứng Nhật đăng Tam-muội. Nhật đăng Tam-muội này cũng gọi là Nhất trang nghiêm Tam-muội.

Nhật đăng Tam-muội là gì?

Giống như khi mặt trời mọc thì tất cả ánh sáng của đèn đuốc, sao, trăng bị che lấp. Bồ-tát được Tam-muội này cũng như vậy, sẽ che khuất ánh sáng của hàng Hữu học, Vô học Thanh văn, Độc giác và các hữu tình, cho nên gọi là Nhật đăng Tam-muội.

Sao gọi là Nhất trang nghiêm Tam-muội?

"Nhất" tức là vô sinh, vô sinh là pháp không. "Nhất" nghĩa là ở khắp tất cả mọi nơi, giống như dầu mè có khắp trong mè; pháp vô sinh cũng vậy, thể tánh của nó biến khắp tất cả nên gọi là Nhất trang nghiêm Tam-muội.

Nhất trang nghiêm Tam-muội này cũng gọi là Nhất tăng trưởng Tam-muội. "Nhất" tức là A, A là pháp giới, nghĩa là Khế kinh làm cho pháp giới được hiện tiền. Pháp giới hiện tiền rồi thì tất

cả các pháp thần thông trong pháp giới tăng trưởng, sáng rõ hiện tiền, cho nên gọi là Nhất tăng trưởng Tam-muội.

Nhất tăng trưởng Tam-muội này cũng gọi là Nhất pháp giới Tam-muội. "Nhất" là pháp giới, pháp giới cũng là không. Do có định lực cho nên cái không ấy hiển bày. Đó gọi là Nhất pháp giới trang nghiêm Tam-muội.

Nhất pháp giới này cũng gọi là Nhất không Tam-muội. "Nhất" giống như hư không, tất cả vạn vật sinh trưởng trong hư không, khi Bồ-tát đạt được chân không thì các pháp như tín,… đều tăng trưởng, cho nên gọi là Nhất không Tam-muội.

Này Từ Thị! Đại Bồ-tát trụ vào Thiền định ba-la-mật-đa có thể nhập trăm ngàn câu-chi na-do-tha Tam-muội. Nay ta nói cho ông một số tên Tam-muội, đó là: Điện quang Tam-muội, Nguyệt quang Tam-muội, Thiện tăng trưởng Tam-muội, Tỳ-lô-giá-na Tam-muội, Tăng trưởng chẳng nghĩ bàn Tam-muội, Như như quang chiếu Tam-muội, Vô cấu Tam-muội, Hải đức Tam-muội, Năng tự tại chuyển nhất thiết pháp luân Tam-muội, Thành tựu cấm giới Tam-muội, Vô ưu Tam-muội, Kiên cố Tam-muội, Tô-mê-lô Tam-muội, Pháp cự Tam-muội, Pháp dũng Tam-muội, Chuyển pháp trí tự tại Tam-muội, Tán tích tụ pháp Tam-muội, Trì nhất thiết pháp Tam-muội, Trì bạch pháp Tam-muội, Tri tha tâm Tam-muội, Trang nghiêm bảo tràng Tam-muội, Diệt phiền não Tam-muội, Hoại tứ ma Tam-muội, Phát khởi thập lực Tam-muội, Vô trước Tam-muội, Đoạn phược trước Tam-muội, Đăng thủ Tam-muội, Văn thí danh Tam-muội, Trì địa Tam-muội, An trụ tâm Tam-muội, Tu-di đăng Tam-muội, Tồi phục oán địch Tam-muội, Trí cự Tam-muội, Phát sinh trí Tam-muội, Giáo thọ Tam-muội, Tự tại chuyển vô biên pháp môn Tam-muội, Linh tâm kham nhậm Tam-muội, Tri thắng diệu thiện Tam-muội, Chấn nhật nguyệt âm Tam-muội, Vô sở hành Tam-muội, Hoại ma Tam-muội,Vô chủng chủng tưởng Tam-muội, Thiện điều phục tâm Tam-muội, Thích sư tử Tam-muội, Niệm phật Tam-muội, Niệm pháp Tam-muội, Niệm tăng Tam-muội, Bất thoái chuyển Tam-muội, Bất cụ Tam-muội, Tối thắng vô ngã Tam-muội, Tợ không xứ Tam-muội, Thường giác ngộ Tam-muội, Trừ phiền não duyên Tam-muội, Như hư không Tam-muội, Nhập công năng Tam-muội, Niệm tuệ giác Tam-muội, Vô tận biện Tam-muội, Đại bi thanh Tam-muội, Hiện chân đế Tam-muội, Bất hủy hoại Tam-muội, Thiện hạnh Tam-muội, Hữu tình hoan hỷ Tam-muội, Tri ái lạc Tam-muội, Sinh thọ lạc Tam-muội, Thắng từ Tam-muội, Tánh tịnh Tam-muội, Đại bi Tam-muội, Đại thiện Tam-muội, Vô sở xả trước Tam-muội, Pháp nghĩa Tam-muội, Pháp bi Tam-muội, Tuệ cự Tam-muội, Trí hải Tam-muội, Vô động Tam-muội, Thiện điều phục thân Tam-muội, Giải thoát trí tự tại Tam-muội, Kim cang tràng Tam-muội, Thắng liên hoa đạo tràng Tam-muội, Ly thế gian pháp Tam-muội, Thắng trí Tam-muội, Phật quán hành Tam-muội, Oai quang Tam-muội, Oai diễm Tam-muội, Dữ giải thoát trí Tam-muội, Phật thân trang nghiêm Tam-muội, Quang minh phổ biến Tam-muội, Sát độ biến tịnh Tam-muội, Nhập hữu tính tánh Tam-muội, Mãn nhất thiết nguyện Tam-muội, Thuận Bồ-đề lộ Tam-muội, Ba-la-mật trang nghiêm Tam-muội, Bảo kế Tam-muội, Giác hoa Tam-muội, Dữ giải thoát quả Tam-muội, Cam lộ âm Tam-muội, Vô đới Tam-muội, Tật phong hành Tam-muội, Bảo quang Tam-muội, Tài hải lưu Tam-muội, Kim cang phong Tam-muội, Đại thần thông Tam-muội, Xuất sinh nghĩa Tam-muội, Kiến vô biên phật Tam-muội, Ức trì nhất thiết sở văn Tam-muội, Dữ sát-na trí Tam-muội, Thanh tịnh vô biên công đức Tam-muội….

Vô lượng câu-chi Tam-muội như vậy, nếu Đại Bồ-tát đạt được các Tam-muội ấy thì gọi là Thiền định ba-la-mật-đa.

Khi Đức Phật Thế Tôn nói Thiền định ba-la-mật-đa này, trong hội có bảy mươi tám na-do-tha trời, người phát tâm Vô thượng Bồ đề, ba vạn hai ngàn Bồ-tát chứng Vô sinh pháp nhẫn.

QUYỂN 9-10
Phẩm 10: BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

Lúc ấy Đức Phật Thế Tôn đang ngồi nơi tòa Sư tử được trang nghiêm bằng nhiều loại ma-ni quý báu, hiện đủ loại tướng và chung quanh Ngài toàn là chúng Đại Bồ-tát.

Đại Bồ-tát Từ Thị rời chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai phải, quỳ gối chắp tay cung kính thưa:

–Bạch Đại Thánh Thế Tôn! Thế Tôn đã làm lợi ích an lạc cho các Bồ-tát nên nói Thiền định ba-la-mật-đa. Bây giờ con cúi xin Ngài vì các Bồ-tát mà nói Bát nhã Ba la mật đa. Bát nhã Ba la mậtđa này có bao nhiêu loại? Tu như thế nào để đạt được? Cúi xin Ngài hãy phân biệt giải nói.

Đức Thế Tôn dạy:

–Này thiện nam! Ông hãy nghe cho rõ, suy nghĩ thật kỹ, ta sẽ vì ông mà phân biệt giải nói. Bồ-tát tu hành Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Thiền định ba-la-mật-đa đều từ nơi Trí tuệ ba-la-mật-đa. Vì nó là căn bản, là mẹ sinh ra các Ba-la-mật. Ví như năm Căn: mắt… nắm lấy năm trần, phát sinh ra thức, tất cả đều có chỗ dụng của nó. Như vậy, mỗi mỗi đều do tâm thức làm căn bản. Nếu lìa tâm ấy thì không thể làm được gì cả. Đại Bồ-tát tu năm pháp Ba-la-mật-đa trước luôn lấy Bát nhã Ba la mật đa làm mẹ, nếu xa lìa Bát nhã Ba la mật đa thì không đạt được gì cả. Cũng như thân hữu tình có mạng căn mới hoạt động được, nếu mạng căn chết thì không làm gì được nữa. Tu hành các độ cũng vậy, nếu không có trí tuệ thì cũng giống như vậy. Ví như trong đất nước không có vị quan trí tuệ thì thiên hạ đảo lộn, nhân dân không an lạc. Cũng vậy, trong cõi vua của pháp, nếu không có vua trí tuệ thì tu hành Bố thí cho đến Thiền định ba-la-mậtđa đều không thành tựu, không bao giờ đạt được Niết-bàn giải thoát. Cũng như chủ buôn vào biển nhặt châu báu, cốt yếu là tìm được người chèo thuyền mới đến chỗ châu báu mà tùy ý lấy. Bồ-tát cũng vậy, trong biển sinh tử lấy năm pháp Ba-la-mật-đa làm thuyền chở châu báu công đức, chủ yếu là nhờ thuyền trưởng Vô thượng Bát nhã Ba la mật đa mới đến được bờ bên kia.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói kệ:

Trí tuệ là cội gốc
Sinh trưởng mầm pháp lành
Quả Phật đại Bồ-đề
Do trí tuệ phát sinh.
Như người gặp khổ nạn
Người trí luôn cứu giúp
Người tu tạo điều ác
Như đá ném biển sâu.
Không có chân trí tuệ

Đa văn vọng phân biệt
Người này không hiểu nghĩa
Như chén sao biết mùi!
Gọi là bậc Trưởng lão
Không phải do tuổi già
Tuy nhỏ, có trí tuệ
Đó chính là Trưởng lão.
Ở đời, người có đức
Chân chánh không tà vạy,
Không phân biệt tà chánh,
Sao biết lý đúng, sai?
Chánh trí nghe pháp mầu
Trí tương ưng với lý
Tùy thuận nơi Đại thừa
Đó là người chánh trí.
Không vướng mắc được, mất
Buồn vui không lay động,
An trú như Tu-di
Đó là người chánh trí.
Được cung kính không mừng
Bị khinh chê không giận,
Trí tuệ như biển lớn
Đó là người chánh trí.
Không nói lỗi người khác
Không khen đức của mình,
Trí chiếu không mình, người
Được mọi người khen ngợi,
Dũng mãnh luôn tinh tấn
Tránh xa tất cả tướng
Diệt trừ tâm ngã mạn
Đó là người chánh trí.
Luôn quán sát chân chánh
Không thấy lỗi người khác,
Tin sâu quả thiện, ác
Đó là người chánh trí.
Người trí ở trong chúng
Không nói công đức mình
Nếu được người khen ngợi
Xấu hổ không nhận lấy.
Thành tựu các công đức

Khiêm tốn không thấy có
Như cây trái chín nhiều
Cành lá tự rũ xuống.
Phước trí sinh giàu sang
Tuy giàu không kiêu mạn
Người ngu tự kiêu căng
Người trí nên quán sát
Trí tuệ là bạn lành
Tránh xa bạn xấu ác
Đoạn diệt các phiền não
Tự nhiên được giải thoát.
Ai gần gũi người ác
Cũng nên phải tránh xa
Tôn kính bậc Hiền thiện
Đó là người chánh trí.
Bồ-tát nhiều trí bi
Bị hại, vẫn thương xót
Như chiên−đàn bị chặt
Mùi hương tỏa thơm ngát.
Không nhớ lỗi người khác
Luôn nghĩ những việc lành,
Trí tuệ không phân biệt
Là đệ nhất loài người.
Người trí luôn tịch tĩnh
Bị chê không phiền muộn,
Các ác không thể đốt
Như hơi ấm biển lớn.
Đại Bi không phân biệt
Gặp ác luôn thương xót
Như mặt trời tỏa sáng
Không bỏ Chiên-trà-xá.
Người trí tuy lỗi nhỏ
Vì lợi ích ở chung
Như vào rừng Chiêm−bặc
Tự nhiên được xông ướp.
Chánh trí không phân biệt
Như mặt trời chiếu khắp
Cũng như trăng trong sáng
Xua tan các mây che.
Người trí nhiều Từ bi

Thường cứu kẻ khổ nghèo.
Thấy người xin không khinh
Nên sinh lòng hoan hỷ
Như cây mới sinh trưởng
Đêm ngày không dừng nghỉ
Người trí thích tu hành
Tăng trưởng cũng như vậy.
Người trí gặp kẻ thù
Giữ Từ bi không bỏ
Như bẻ gãy cọng sen
Tơ sen vẫn không đứt.
Sinh tử như cây độc
Giác ngộ quả Pháp thân
Sinh tử là Niết-bàn
Bản tánh đều bình đẳng.
Tịnh tuệ hạnh Hiền thánh
Đại Bi ích vạn loài
Không chọn thù hay thân
Không bao giờ phân biệt
Tuổi già nhiều trí tuệ
Tịnh giới đều tròn đầy
Gần gũi người như vậy
Hạnh an lạc mau thành.
Người trí tuệ không cấu
Ba nghiệp luôn thanh tịnh
Nên gần gũi người ấy
Tôn kính hơn cha me.
Đừng gần gũi người ngu
Vì hoại tâm người lành
Như lửa đốt cây khô
Phải nên lánh người ấy.
Dung dưỡng người xấu ác
Muốn lợi nhưng bị hại
Như cho thú dữ ăn
Không ai không bị hại.
Cúng dường người trí tuệ
Tuy ít, được phước nhiều
Như người uống cam lồ
Luôn được vui an ổn.

Đức Phật dạy Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Bát nhã Ba la mật đa này đều nhờ bạn lành khai mở Chánh pháp. Kẻ tà kiến là kẻ thù của trí tuệ. Các ông nên gần gũi bạn lành, lánh xa bạn xấu ác. Bát nhã Ba la mật đa này chẳng phải chỉ phát sinh ra tất cả pháp lành mà chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai cũng đều từ đây sinh ra. Nên biết, kinh này là mẹ của tất cả chư Phật.

Này Từ Thị! Đại Bồ-tát khi hành bố thí có hai loại trí, đó là trí nhỏ và trí lớn. Người trí nhỏ bố thí thì cầu sinh làm trời, người và quả giải thoát Nhị thừa. Bố thí như vậy chỉ được gọi là bố thí, không được gọi là Bố thí ba-la-mật-đa. Người trí lớn, bố thí với tâm không sở đắc, vì không sở đắc nên thành Phật Bồ-đề. Bố thí như vậy gọi là Bố thí ba-la-mật-đa. Vì thế nên biết, Bố thí ba-la-mật-đa là từ trí tuệ sinh ra.

Trì giới ba-la-mật-đa cũng có hai loại: trí nhỏ và trí lớn. Người trí nhỏ trì giới vì sợ ba đường ác nên cầu sinh vào trời, người và quả giải thoát Nhị thừa. Trì giới như vậy tâm không thanh tịnh, không được gọi là Trì giới ba-la-mật-đa. Người trí lớn trì giới vì làm lợi ích an lạc khắp các hữu tình, không trụ vào tướng mà vô sở đắc, hướng đến Bồ-đề. Trì giới như vậy gọi là Trì giới ba-la-mật-đa. Cho nên phải biết Trì giới ba-la-mật-đa là từ trí tuệ sinh ra.

Nhẫn nhục ba-la-mật-đa cũng từ Bát nhã Ba la mật đa sinh ra. Tất cả bản trí của hữu tình như mặt trời bị vô minh che lấp, làm cho ánh sáng nhẫn nhục không hiện ra được. Người tu nhẫn nhục, đoạn trừ vô minh, Thánh trí hiện tiền, mặt trời Phật do đây mà chiếu sáng.

Ví như trong một đất nước không có quan trí tuệ nên việc cai trị không công bằng, làm cho nhân dân ly tán, nếu có người trí tuệ, họ cũng sẽ trốn lánh. Người không có trí tuệ mà nhẫn nhục cũng như vậy. Trí tuệ này như người mắt sáng, thấy rắn độc liền tránh xa. Cũng vậy, người có mắt trí tuệ tránh xa rắn độc sân giận. Người không có mắt trí tuệ vì trong vô lượng kiếp quá khứ tu hành các điều thiện nhưng không có sức nhẫn nhục và mắt trí tuệ nên trong một niệm lửa sân thiêu đốt, tiêu diệt tất cả, không còn chút gì. Như quăng lửa vào đống cỏ khô thì cỏ khô bị thiêu đốt trụi. Người trí tuệ có sức nhẫn nhục, giả sử gặp người ác đến đánh đập mắng nhiếc, Bồ-tát nên dùng chánh trí nhẫn nhục thì có thể điều phục được họ. Ví như voi lớn đã được điều phục rồi thì ra trận xông xáo, có thể phá tan quân địch. Đại Bồ-tát cũng vậy, trụ trong nhẫn vô tướng không sân giận, dùng vô duyên đại Bi mà rộng độ tất cả. Cho nên phải biết rằng, Nhẫn nhục ba-la-mật-đa là từ Bát nhã Ba la mật đa sinh ra. Tinh tấn ba-la-mật-đa cũng từ Bát nhã Ba la mật đa sinh ra. Vì sao? Vì nếu không có Bát nhã Ba la mật đa thì làm việc gì cũng đều không thành tựu. Vô biên pháp môn, quả Đại Bồ-đề đều an trụ vào đại trí tuệ phương tiện tối thắng, quán sát khắp cả, chủ yếu là có sức tinh tấn mới có thể viên mãn sáu pháp Ba-la-mật-đa. Cho nên phải biết rằng, Tinh tấn ba-la-mật-đa đều từ Bát nhã Ba la mật đa sinh ra. Thiền định ba-la-mật-đa cũng từ Bát nhã Ba la mật đa sinh ra. Vì sao? Vì ý nghiệp rất tinh vi, khó mà lường được. Thân, khẩu nghiệp dễ diệt trừ nhưng vọng tâm khởi lên khó chế ngự được. Ví như gió thổi lửa dữ, ta vẫn có thể ngăn cản được, sóng biển ta cũng có thể làm dừng lại được, nhưng vọng tâm rất kho điều phục. Vì sao? Vì bị vô minh từ vô thỉ làm mê mờ tâm tánh. Giống như người nhiều tư tưởng thế gian, khi vọng tưởng khởi lên thì mong cầu lăng xăng, cứ theo ý nghĩ mà phát sinh mãi. Người vọng tưởng như vậy, nếu có nhập vào định thì tâm vẫn còn chấp thủ. Vì không có trí tuệ nên trải qua trăm ngàn kiếp không bao giờ đạt được Tam-muội. Cũng như người ngu vọng chấp các kiến,

chấp ngã là thường còn, hoặc chấp ngã là đoạn. Những kiến chấp ấy không thanh tịnh thì làm sao Tam-muội hiện tiền? Người có trí tuệ quán sát hai điều:

Một là tự quán sát thấy thân mình có nhiều tật bệnh, khổ vui là đều do đời trước vọng tưởng điên đảo tạo ra các nghiệp, nay phải chịu quả báo. Nếu không si ái thì làm gì có bệnh. Thân mình vốn nó là không, nhờ nhân duyên huyễn hóa mà có, nếu không tạo tác thì ai chịu khổ?

Hai là quán sát lại, tuy không có tướng ngã nhưng nghiệp phước đã tạo đều không mất. Nên nguyện vô lượng phước đức của tất cả hữu tình ở pháp giới đều thanh tịnh, tất cả đều thành tựu sáu pháp Ba-la-mật-đa, trang nghiêm thân bằng Giới, Định, Tuệ, cho nên biết tất cả các hạnh đều lấy Bát nhã Ba la mật đa làm mẹ. Giống như đại địa đều nương vào hư không mà đứng vững, nhưng hư không đó không có chỗ nương dựa. Bát nhã Ba la mật đa cũng vậy, cho nên biết Trí tuệ là mẹ của Thiền định ba-la-mật-đa. Chẳng phải chỉ có năm pháp Ba-la-mật-đa từ trí tuệ sinh ra, mà tất cả phước đức, tiếng khen ở thế gian, quả báo ở cõi trời, người, cho đến căn lành vô lậu của xuất thế đều nhờ trí tuệ sinh ra. Giống như đại địa nương vào hư không mà được đứng vững. Tất cả chúng sinh vì chấp ngã, chấp tướng mà có năm sợ hãi:

1. Sợ không đủ sinh sống, nghĩa là thường cất chứa của cải, sợ mình không có để sống.
2. Sợ đường ác nghĩa là tạo ra nghiệp ác nên sợ mình đọa trong ba đường ác.
3. Sợ chết nghĩa là thương tiếc thân mạng.
4. Sợ tiếng xấu nghĩa là luôn làm việc ác để che lấp, sợ người nghe biết.
5. Sợ oai đức đại chúng nghĩa là trong đại chúng có nói ra lời gì cũng đều sợ hãi.

Đại Bồ-tát dùng trí tuệ quán sát đầy đủ, chứng được Nhị không, có thể làm lợi ích cho mình và người thì không sợ không đủ sinh sống. Đoạn trừ tà hạnh, giữ trọn vẹn giới, chắc chắn đạt đến Niết-bàn thì không sợ đọa vào đường ác. Nhập sâu vào lý duyên khởi, hiểu rõ nó vốn không sinh thì không sợ chết.

Trụ trong lý vô tướng, thân tâm tịch tĩnh, không có tướng mình và người thì không sợ tiếng xấu.

Thành tựu bốn Biện tài vô ngại nhiệm mầu thì ở trong chúng không sợ, giống như Sư tử chúa, cho nên gọi là không sợ đại chúng.

–Này Từ Thị! Căn tánh của tất cả chúng sinh đều sai biệt. Ai xan tham thì dạy họ bố thí, người sân giận thì dạy họ Từ bi nhẫn nhục. Người ngã mạn dạy họ khiêm nhường, người ngu si được trí tuệ. Khai mở Niết-bàn, làm hiển rõ vô lượng công đức của tướng chân như. Tất cả đều từ Bát nhã Ba la mật đa mà sinh ra. Tất cả chư Phật và các vị Bồ-tát, Trời, Rồng, tám bộ chúng đều khen ngợi tôn trọng, cung kính giống như cha mẹ. Ví như mẹ hiền chỉ có một đứa con, nuôi dưởng dạy dỗ nó dần dần trưởng thành, mong được nên danh; Bồ-tát cũng vậy, yêu thương hữu tình giống như con một, lấy trí tuệ cam lồ làm pháp thức ăn, lấy năm độ làm đại lương dược, lấy mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng, các công đức vi diệu để trang nghiêm pháp thân, thành tựu ngôi vị Pháp vương vô thượng.

Này Từ Thị! Có mười việc làm chướng ngại đèn trí, che lấp làm cho ánh sáng không hiển hiện được, làm tăng trưởng sự tối tăm, không hiểu biết gì cả:

1. Biếng nhác: đối với sự nghiệp ở đời đều không thành tựu, thì làm sao có thể tu hành điều thiện vi diệu của đạo xuất thế!

2. Gần bạn ác thì tạo ra nghiệp ác, làm tăng trưởng vô minh.
3. Chìm đắm trong ngủ nghỉ, làm cho thân tâm hôn mê, không thể tu tập Vô thượng Bồ-đề.
4. Nghe Đại thừa liền quên mất.
5. Thích học tập tất cả kỹ nghệ ở thế gian, không biết nó như huyễn mà lại chấp trước.
6. Bị ngã mạn che lấp, dù gặp bạn lành nhưng không học hỏi Chánh pháp vô thượng.
7. Không liễu ngộ giáo lý Đại thừa vi diệu nhiệm mầu, lại ngã mạn tự cao thoái lui.
8. Xấu hổ về sự ngu muội của mình nên không gần gũi người có trí.
9. Bắt chước dị đoan, dối trá nói là thấy biết, nếu bị luận hỏi thì bỏ chạy.
10. Không tin thích Tối thượng thừa, giả sử có nghe thì lại hiểu bằng lăng kính tà kiến.

Do mười việc này mà làm chướng ngại Đại thừa. Do không nghe Chánh pháp nên bị đắm chìm trong sinh tử.

Mười việc này có mười pháp thù thắng để cho người ngộ nhập vào Vô thượng Bồ-đề:

1. Tinh tấn siêng năng, thích tu tập thiền định.
2. Gần gũi bạn lành nghe Chánh pháp.
3. Giảm bớt ngủ nghỉ, luôn luôn tự tỉnh thức.
4. Nghe pháp Đại thừa không bao giờ quên.
5. Làm theo sự nghiệp ở đời nhưng luôn quán nó như huyễn, không chấp trước.
6. Không giấu điều gì, giải nghi ngờ cho đại chúng.
7. Không nên chê mình, phải siêng năng tu hành.
8. Thích thiết lập đàn bố thí.
9. Luôn khiêm nhường, không lừa gạt chúng sinh.
10. Không nhờ thầy mà nhập sâu vào tuệ Phật.

Đại Bồ-tát nhờ mười việc này mà đầy đủ viên mãn sáu pháp Ba-la-mật-đa, thành tựu pháp thân thanh tịnh giải thoát.

Này Đại Bồ-tát Từ Thị! Bát nhã Ba la mật đa này không tương ưng với mười sáu pháp:

1. Không tương ưng với mười hai nhân duyên, nghĩa là từ vô minh cho đến Lão tử.
2. Không tương ưng với Vô minh diệt cho đến sinh tử diệt. Vì Đại Bồ-tát lìa tâm phân biệt, không có hai tướng.
3. Không tương ưng với thân kiến, biên kiến, cho đến sáu mươi hai kiến.
4. Không tương ưng với tám loại gió thế gian, đó là: lợi dưỡng, khen ngợi, chê bai, khổ, vui, suy, hao, chế giễu.
5. Không tương ưng với tùy phiền não: phẫn, hận…
6. Không tương ưng với ngã mạn, tăng thượng mạn…
7. Không tương ưng với căn bản phiền não: tham, sân, si…
8. Không tương ưng với ma phiền não, ma chết…
9. Không tương ưng với tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả, người làm, người nhận, nghiệp chướng, báo chướng, phiền não chướng.
10. Không tương ưng với vọng niệm phân biệt của thấy nghe, hay biết.

11. Không tương ưng với bốn pháp điên đảo: vô thường cho là thường, thường cho là vô thường; không vui cho là vui, vui cho là không vui; vô ngã nói là ngã, ngã cho là vô ngã; bất tịnh cho là tịnh, tịnh cho là bất tịnh. Do vọng tưởng nên gọi là pháp điên đảo. Do tâm hành của hữu tình như thế nên dẫn đến cửa trần lao.
12. Không tương ưng với xan tham, phạm giới, sân giận, biếng nhác, tán loạn, ngu si, và cũng không tương ưng với bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ mà có tướng.
13. Không tương ưng với các pháp bất thiện: tánh tội, già tội, hữu lậu, hữu vi, không tương ưng với sự phân biệt về pháp thiện của thế gian, xuất thế gian, vô lậu và vô vi.
14. Không tương ưng với hai mươi hai căn, đó là: Không tương ưng với mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Không tương ưng với khổ, lạc, ưu, hỷ, xả. Không ương ưng với nam căn, nữ căn, ý căn, mạng căn. Không ương ưng với tín… năm Căn, và không tương ưng với ba căn vô lậu.
15. Không tương ưng với mỗi loại hữu tình trong năm thú ba cõi. Cũng không tương ưng với sự phân biệt Đại thừa, Tiểu thừa của Phật, Pháp, Tăng bảo.
16. Không tương ưng với sự phân biệt của tâm ý, như: không phân biệt chân đế, tục đế; hữu vi, vô vi, hữu trí, vô trí; có thức, không thức; tác ý, không tác ý; tánh hữu thể, tánh vô thể; hữu tướng, vô tướng.

Từ Thị nên biết! Bát nhã Ba la mật đa không nhiễm, không vướng mắc, không có các phân biệt; nó bình đẳng, thanh tịnh, là một tướng, một vị, không tương ưng với tất cả pháp sai biệt như vậy.

Này Từ Thị! Với phương tiện thiện xảo, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát nhã Ba la mật đa thâm sâu thì phải trụ vào Chỉ và Quán, thân trụ trong tịch tĩnh, hiểu rõ nhân duyên các pháp như huyễn như hóa, thuận theo thắng nghĩa đế, lìa hữu, lìa vô, không thường, không đoạn, đều tùy thuận với nhân quả, không có tướng ngã, tướng nhân, là chân thật bất động, không mất oai nghi. Trụ vào ba cửa giải thoát nhưng không chấp đã chứng, không động không tịnh, đó là thiền của Như Lai. An trú thần thông, thâm nhập sâu vào thực tế, không ở mãi trong sinh tử, không nhập vào Niết-bàn, không chấm dứt hữu vi, không trụ trong vô vi. Mặc dù quán vô tướng nhưng không xả bỏ đại Bi. Mặc dù ở trong ba cõi nhưng luôn xuất ly. Tuy biết đúng về vô nhiễm nhưng không tu chứng. Tuy xa lìa các hý luận nhưng thích bàn luận về Chánh pháp.

Này Từ Thị! Đại Bồ-tát tu hành Bát nhã Ba la mật đa nên gần gũi bạn lành, nghe Chánh pháp, đầy đủ tám mươi bốn loại tâm tối thượng thì mới có thể phát sinh Bát nhã Ba la mật đa thù thắng vi diệu. Nghĩa là trụ vào tướng chân thật, tướng rất vi diệu, tướng tương ưng với Bát-nhã, tướng bạn lành, tướng lìa kiêu mạn, tướng cung kính, tướng đi nhiễu bên phải, tướng vô lượng, tướng lời nói hoàn hảo, tướng chí thành, tướng tác ý hoàn hảo, tướng không loạn, tướng vô định, tướng tốt đẹp quý báu, tướng thuốc hay, tướng trừ bệnh, tướng pháp khí, tướng chỉ dẫn, tướng nhập trí tuệ, tướng nghe pháp, tướng không chán, tướng tăng trưởng xả, tướng khéo điều phục voi ngựa, tướng kính thờ bậc đa văn, tướng thích nghe pháp vi diệu, tướng quán thân tịch diệt, tướng thanh tịnh vui thích, tướng nghe pháp không mệt mỏi, tướng nghe nghĩa, tướng nghe pháp, tướng lời nói đi đôi với việc làm, tướng nói pháp cho người, tướng nghe những điều chưa nghe,

tướng nghe thần thông, tướng không tìm cầu thừa khác, tướng thích nghe Bát-nhã, tướng thích nghe Bồ-tát tạng, tướng thích nghe phương tiện quyền xảo, tướng bốn Nhiếp pháp, tướng nghe phạm hạnh, tướng niệm chánh định, tướng hay sinh thiện xảo vô sinh, tướng tâm đại Từ bi, tướng duyên khởi, tướng vô thường, tướng khổ, tướng không, tướng vô ngã, tướng bất tịnh, tướng tịch tĩnh, tướng Không, tướng Vô tướng, tướng Vô nguyện, tướng không có hạnh bất thiện, tướng thắng nghĩa đế, tướng không hư hoại, tướng tự tại, tướng hộ tâm mình, tướng không bỏ tinh tấn, tướng tư duy pháp vi diệu, tướng đối trị phiền não, tướng tôn trọng Chánh pháp, tướng đối trị tà kiến, tướng đạt được Thánh tài, tướng trừ bỏ nghĩa khổ, tướng người trí khen ngợi, tướng người trí rất vui, tướng những điều người trí ưa thích, tướng tôn trọng bậc hiền thiện, tướng thấy bốn Đế, tướng quán lỗi lầm của uẩn, tướng tai hoạn của hữu vi, tướng căn cứ vào pháp, tướng căn cứ vào nghĩa, tướng căn cứ vào trí, tướng căn cứ vào kinh liễu nghĩa, tướng căn cứ vào kinh bất liễu nghĩa, tướng không tạo các điều ác, tướng tự mình làm lợi ích, tướng làm lợi ích cho người, tướng tạo thiện tốt đẹp, tướng không phiền não, tướng thắng hạnh, tướng đạt tất cả pháp môn của chư Phật.

Từ Thị nên biết! Người nghe pháp đầy đủ tâm thù thắng như vậy thì có thể nghe Bát nhã Ba la mật đa thâm sâu, biết tất cả pháp không có ngã, không có người, xưa nay thanh tịnh. Sinh tử và Niếtbàn đều bình đẳng không hai.

Lại nữa, Đại Bồ-tát quán năm Căn: mắt,… các thọ khổ, vui… ý căn, mạng căn hay khởi lên phiền não làm căn bản cho sinh tử. Tín,… năm Căn và ba căn vô lậu hay xả bỏ phiền não. Đó là nhân Niết-bàn. Biết tánh phiền não từ xưa đến nay không sinh không diệt, tánh tướng thường trụ. Người nào tu tập như vậy gọi là Bát nhã Ba la mật đa.

Này Từ Thị! Đại Bồ-tát đã tu thắng hạnh tương ứng và không tương ứng với trí tuệ, không có phân biệt, hai trí đều bình đẳng, không xả bỏ chúng sinh mà luôn có lòng Từ bi, che chở tất cả được thanh tịnh bất động. Ai tu tập như vậy gọi là Bát nhã Ba la mật đa.

Đức Phật dạy Từ Thị:

–Câu nghĩa của Bát nhã Ba la mật đa không thể nghĩ bàn. Đó là câu tương ưng, câu như lý, câu như lượng, câu lời Phật, câu hiểu rõ nhân duyên, câu không chướng ngại, câu không diệt, câu đại xả, câu bất động, câu tất cả bất động, câu không y chỉ, câu bình đẳng, câu không khó, câu không cao thấp, câu thật tế, câu không biến đổi, câu không chấp trước, câu không trụ, câu không chỗ trụ, câu đối trị, câu tịch tĩnh, câu rất tịch tĩnh, câu khắp nơi tịch tĩnh, câu không hý luận, câu vô khởi, câu tức chân, câu không khiếm khuyết, câu không thừa, câu không giới hạn, câu không đối trị, câu tối thắng, câu chân thật, câu như như, câu tuyệt ngôn, câu không phân biệt, câu không bỉ thử, câu ba đời bình đẳng, câu không ba đời, câu không trụ vào năm uẩn, câu không trụ vào sáu giới, câu không trụ vào mười hai xứ, câu không trụ vào mười tám giới, câu căn cứ vào pháp, câu căn cứ vào nghĩa, câu căn cứ vào trí, câu căn cứ vào liễu nghĩa.

Với câu nghĩa như vậy tức là Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-lamật-đa không thể nghĩ bàn. Vì lìa ngôn thuyết, vì chân thắng nghĩa, vì không thể nghĩ bàn, vì không ví dụ, không so sánh, vì vô thượng, vì tự lợi và lợi tha, vì rất hy hữu, chỉ có Phật với Phật mới có thể chứng tri, ngoài ra không ai biết được. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mậtđa không có tánh, không có tướng, không so sánh, không ví dụ, chỉ có Phật Như Lai mới có thể biết tận.

Này Từ Thị! Bát nhã Ba la mật đa này chẳng phải uẩn xứ giới, không chỗ nương tựa, không sinh không diệt, không trong không ngoài, không ở chặng giữa, cho nên gọi là Bát nhã Ba la mật đa không thể nghĩ bàn.

Nghe Bát nhã Ba la mật đa này, Bồ-tát Từ Thị rất vui mừng, sung sướng nói kệ khen:

Thế Tôn Đại Hùng trí Vô thượng
Mười Lực, Vô úy, Chân giải thoát
Quảng đại thần thông không giới hạn
Nào ai có thể so lường được.
Quá khứ gần gũi vô lượng Phật
Đạt được trí vi diệu sâu xa
Vô số kiếp tu hạnh khó hành
Do đó thành Bậc Điều Ngự Sư.
Phật chứng tự nhiên Nhất thiết trí
Trụ trong tịch tĩnh khó nghĩ lường
Chỉ Phật Như Lai tự chứng biết
Hiện trong vô số cảnh giới Phật.
Tánh pháp chân thường lìa hai bên
Vô vi tịch tĩnh thoát ba cõi
Khổ nghiệp phiền não đều diệt trừ,
Pháp thân thanh tịnh chân giải thoát
Đạo tràng Bồ-đề thành Chánh giác
Chỉ có chư Phật mới chứng tri.
Thanh tịnh y nhiên, không đi, đến
Không tướng, không làm, không nói năng
Niết-bàn không sánh, không ví dụ
Phàm phu Nhị thừa không thể lường,
Đẳng giác Bồ-tát không thể biết,
Riêng Phật Thế Tôn mới hiểu rõ.
Các chúng Thanh văn trong hội Phật
Chứng đắc tự lợi, Như Lai khen,
Hết sinh hữu lậu, thân sau cùng
Họ cũng không biết cảnh giới Phật.
Tất cả Bích-chi-phật lợi trí
Nhiều khắp mười phương như lúa mè
Cùng tư duy trăm ngàn vạn kiếp
Không sao biết được trí tuệ Phật.

****

Đức Phật dạy Từ Thị:

–Đại Bồ-tát có bảy việc để đạt pháp môn vô tận không thể nghĩ bàn. Đó là:

1. Nhân vô tận.
2. Hữu tình vô tận
3. Giới vô tận.
4. Đại Bi vô tận
5. Diệu dụng vô tận.
6. Pháp môn vô tận
7. Phá hoại ma sinh tử nên có trí vô tận.

Như vậy, Bát nhã Ba la mật đa không hành, không tướng, không sinh cũng không diệt. Bồ-tát ở trong tất cả pháp phải biết như vậy.

Khi Đức Phật nói Bát nhã Ba la mật đa thâm sâu này, trong hội có ngoại đạo tên Vi-mạt-để rời khỏi chỗ ngồi đứng dậy, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ngài nói tất cả pháp xưa nay không sinh, tự tánh thanh tịnh, nghĩa này không đúng. Tự tại thiên là thường, là cha mẹ của tất cả vạn vật sinh ra các pháp, có thể tạo tác, xếp đặt thế gian. Lại nói rằng, thần ngã có thể sinh ra tất cả các pháp, nhưng ngã này trụ trong tâm lớn giống như ngón tay cái. Ngài đã nói rằng, tất cả pháp do hòa hợp sinh ra, vì sao nay nói là không sinh?

Đức Thế Tôn dạy Vi-mạt-để:

–Ta sẽ theo ý ông mà trả lời những câu hỏi trên để đoạn trừ sự nghi ngờ của ông. Ông hãy lắng nghe cho kỹ. Như ông đã nói: Tự tại thiên là thường, có thể sinh ra tất cả. Như vậy, thì tất cả vạn vật được sinh phải đồng một tánh là thường. Nếu nói đã sinh thì trước sau biến đổi không thường trụ, theo lý thì không đúng. Vì sao? Vì dụng không lìa thể nên là thường trụ, thể không lìa dụng thì chẳng phải thường. Tự tại thiên là thường có thể sinh thì phải thường sinh, vì sao có lúc sinh, có lúc không sinh? Đã không thường sinh thì sao gọi là thường? Vì nghĩa này cho nên đồng với chỗ sinh kia nhất định là vô thường. Cái sinh ra đã nhiều tức không phải là một. Nếu là một thì không có gì sai khác, nhưng muôn loài có từng loại riêng biệt, như vậy sao gọi là một?

Lại nữa, Tự tại thiên hay sinh ra tất cả mà không có lòng Từ bi. Nếu có lòng Từ bi thì nên làm cho hữu tình đều sinh lên cõi trời, người để hưởng sung sướng, tại sao làm cho các hữu tình chịu tám khổ, sinh trong ba đường ác chịu đủ các khổ? Nếu có lòng Từ bi tại sao tự sinh, tự sắp xếp, tự hại hữu tình? Nếu Tự tại thiên là một, là thường thì sinh ra tất cả không bị biến đổi, tại sao các loài khác sinh diệt vô thường, trong năm cảnh giới chịu sự bất tịnh riêng biệt? Ví như thấy quả thì biết ngay nhân của nó. Nên biết Tự tại thiên không thường, không phải một. Nếu tốt đẹp là do Tự tại thiên, còn thô ác bất thiện là do quỷ Tất-xá-giá làm ra, nói như vậy thì không đúng lý. Nếu thiện là do Tự tại thiên, còn ác là do quỷ Xá-giá, thiện ác trái nhau, sao gọi là tự tại?

Lại nữa, hữu tình tạo ác thì nhiều, người tu thiện thì ít, tức là quỷ Tất-xá-giá thắng vượt trời Tự tại. Hữu tình tạo các điều lành là phần của Tự tại thiên, tạo các điều ác là do quỷ Xá-giá dạy bảo. Đệ tử của các ông luôn nói như vầy: “Làm lành sinh lên trời, làm ác đọa địa ngục”. Nếu nói sinh lên trời, đọa địa ngục là do tạo thiện ác, thì tại sao nói do Tự tại thiên tạo nên? Giống như

vua ra lệnh ban cho quan tước, của cải, nhưng chỉ nói vua ban cho, chứ không nói là người tuyên mệnh lệnh. Lại như vua sai người giết, nhưng chỉ nói vua giết chứ không nói đồ tể. Nếu làm lành thì quy về Tự tại thiên, còn tạo ác thì quy về quỷ Tất-xá-giá, vậy thì vì sao hữu tình chịu khổ vui? Do đó nên biết, Tự tại thiên nhất định không thể tạo ra tất cả.

Nếu nói một thì vì sao hữu tình sinh ra vô lượng tâm thiện ác? Cho nên biết rằng không phải một.

Nếu nói tất cả do Tự tại thiên tạo ra thì phải thuần thiện, sao lại có ác? Giống như có người, có khi ở chỗ đông người tạo ra nhiều việc ác thì đó là người ác. Nếu chúng sinh làm ác do Tự tại thiên thì cả thế gian này đều nói là tội nhân địa ngục, vì tự tạo nghiệp ác. Vì sao riêng ông đả kích Tự tại thiên? Như có người chê người khác tạo ác thì mắc vô số tội, nay ngươi chê bai Tự tại thiên, bị mắc tội cũng vậy.

Này Vi-mạt-để! Tự tại thiên tạo tội như trên, còn tội lỗi của thần ngã nhiều gấp bội. Nếu ngã là thường có thể tạo tác thì thân này đi đứng phải được tự do, không ai hại được, vì sao phải khóc lóc sợ chết? Nếu ngã là thường thì phải nhớ nghĩ quá khứ đã tạo nghiệp, bây giờ phải chịu khổ báo, cho nên đời này không tạo nghiệp ác nữa. Nếu ngã là thường thì phải tự tại, không già yếu mà phải luôn luôn trẻ khỏe, giống như cởi áo cũ mặc áo mới. Vậy tại sao có già, bệnh, chết? Do đây nên biết, ngã không thể tạo tác.

Này Vi-mạt-để! Ta quán các pháp cũng chẳng phải do nhân duyên hòa hợp sinh ra. Vì sao? Vì nhân là vô sinh, nếu nhân có sinh thì không cần đợi duyên. Tánh vô sinh của duyên lại cũng như vậy. Nếu nói do nhân duyên hòa hợp với ngã thì cũng không đúng. Giống như hai người mù đứng riêng ra thì không thể thấy màu sắc mà nếu đứng chung một chỗ cũng không thấy. Nên biết, nhân duyên hòa hợp với thần ngã cũng không thể sinh ra các pháp; nếu có thể sinh thì đó là vô thường, vì có tác dụng. Như vậy, những gì được sinh ra nhất định là vô thường, cho nên biết rằng lìa sở sinh ra thì không có cái năng sinh nào riêng khác. Có người nói năm đại cực vi là thường có thể sinh ra các pháp, như vậy cũng không đúng. Giống như nước hòa hợp với gạo thành rượu, uống vào thì say. Như vậy năng lực làm say không phải do bên ngoài, chẳng phải do bên trong của nước sinh ra, cũng chẳng phải phát sinh từ gạo, mà do nước và gạo hòa hợp mà biến thành rượu. Như vậy, tất cả các pháp không có tác giả, cũng không có ngã để làm nhân duyên. Vì sao? Vì đại địa, hư không, thủy, hỏa, phong giới cũng như vậy, có lẽ nào vật vô tình sinh ra hữu tình hay sao? Tất cả các pháp giả thì có mà pháp thật thì không, chẳng phải Tự tại thiên, chẳng phải thần ngã, chẳng phải nhân duyên hòa hợp, chẳng phải năm đại mà sinh ra. Cho nên biết rằng, bản tánh của tất cả các pháp không sinh, chỉ do duyên huyễn chuyển hóa mà có, không đến, không đi, không đoạn, không thường, thanh tịnh tròn đầy, là chân bình đẳng.

Khi ấy Đức Thế Tôn nói kệ:

Tất cả pháp hữu vi
Như thành Càn−thát−bà
Tâm chúng sinh vọng chấp
Tuy hiện chẳng thật có.
Các pháp không nhân sinh

Cũng chẳng phải không nhân
Có là do vọng tưởng
Cho nên nói duy tâm.
Vô minh mà vọng thấy
Là nhân của sắc tướng
Tàng thức làm chỗ dựa
Tùy duyên hiện các hình,
Như người mắt bị bệnh
Thấy hoa đốm trên không
Tập khí quấy đục tâm
Theo ba cõi mà hiện.
Nhãn thức nương Lại−da
Hiện ra đủ thứ sắc
Như bóng ở trong gương
Phân biệt không ở ngoài.
Thấy biết đều do tâm
Không thường cũng không đoạn
Do *thức Lại−da biến*
Mà hiện ở thế gian.
Pháp tánh đều bình đẳng
Chỗ dựa của các pháp
Tàng thức hằng không đoạn
Mạt−na chấp làm ngã.
Tập khởi nói là tâm
Tánh suy lường là ý
Nghĩa phân biệt là thức
Cho nên nói duy tâm.
Các cảnh giới ngoài tâm
Vọng thấy như hoa đốm
Chấp thật có đều không
Đều do tâm thức biến.
Sắc và công năng sắc
Đều nương thức Lại−da
Phàm phu vọng phân biệt
Cho là chân thật có.
Thùy miên và hôn mê
Đi, đứng và ngồi, nằm
Tạo nghiệp và quả báo
Đều do tàng thức sinh.
Hữu tình và vô tình

Chẳng phải Tự tại sinh
Chẳng phải thần ngã tạo
Chẳng phải tánh vi trần.
Như tánh lửa trong cây
Dù có nhưng không cháy
Nhờ dùi mới có lửa Do đó trừ tối tăm.
Xoay vần làm nhân duyên
Lại−da làm chỗ dựa
Các thức theo đó sinh
Khởi lên lậu, vô lậu.
Như biển gặp duyên gió
Nổi lên các sóng dữ
Hiện tiền luôn chuyển biến
Không bao giờ gián đoạn.
Biển tàng thức cũng vậy
Gió cảnh giới làm động
Luôn khởi các sóng Thức
Không bao giờ gián đoạn.
Như bơ chưa khuấy động
Không ai thấy được lạc,
Ra công không gián đoạn
Mới có được đề hồ.
Lại−gia vọng huân tập
Che lấp Như Lai tạng
Khi tu tập thuần thục
Chánh trí mới sáng tỏ.
Các thức chuyển theo duyên
Không thấy tâm bản giác
Trí tự giác hiện tiền
Chân tánh luôn bất động.
Giống như vàng trong quặng
Dính đá không thể dùng
Nấu lọc được vàng ròng
Làm các đồ trang sức.
Tánh Lại−da thanh tịnh
Bị vọng thức huân tập
Viên cảnh trí tương ưng
Như mặt trời thoát mây.
Ai tu tập về không
Theo không chấp giữ không

Quán không khác với sắc
Không gọi người chân quán.
Quán sắc tức là không
Sắc, không chẳng thể đắc
Đây là Thắng nghĩa không
Là người chân giải thoát.
Khách trần không tự tánh
Vô minh vọng phân biệt
Thật tướng không hữu, vô
Do chúng sinh vọng thấy.
Như ánh sáng nhật nguyệt
Tỏa sáng khắp mọi nơi
Như Lai thanh tịnh tạng
Đầy đủ các công đức.
Chân, vọng hòa lẫn nhau
Như hai voi thi đấu
Con yếu bỏ chạy luôn
Vọng hết, không sinh lại.
Tánh hoa sen không nhiễm
Khỏi nước lìa bùn dơ
Đến khi hoa sen nở
Ai thấy đều ưa thích.
Như Lai, Vô cấu tạng
Xa lìa các tập khí
Trí thanh tịnh tròn sáng
Chỗ Hiền thánh quay về.
Như châu bảo tối thắng
Không có chút tỳ vết
Luân vương làm mũ báu
Thường đội trên đỉnh đầu.
Như Lai thanh tịnh tạng
Không có các phân biệt
Thể đủ hằng sa đức
Pháp thân của chư Phật
Trụ vào cảnh vô lậu
Thanh tịnh giải thoát thân
Tịch diệt như hư không
Tánh pháp không đi, đến
Phật hiện trong ba cõi
Không sinh cũng không diệt

Cõi này và phương kia
Y nhiên, luôn bất động.
Bình đẳng chân pháp giới
Phật cũng như chúng sinh
Không đoạn, cũng không thường
Đại Bi không cùng tận.
Thân pháp tánh chư Phật
Trí bản giác tự nhiên
Chính là Thắng nghĩa đế
Chỉ Phật mới chứng tri.
Thể tự tánh vô sinh
Mâu−ni vốn tịch tĩnh
Lưu chuyển trong ba cõi
Chỗ quy y rốt ráo.
Pháp không tướng đến, đi
Ba đời luôn tịch tĩnh
Trụ trong chân Tam-muội
Thấy thân pháp giới kia
Thanh tịnh không thể bàn
Đủ hằng sa công đức
Đây là cõi vô lậu
Chỗ nương tựa chư Phật.
Chư Phật đủ ba thân
Thể, tướng, dụng bình đẳng
Tánh sâu xa rộng lớn
Thắng nghĩa không sai khác.
Vô lậu không biến đổi
Xa lìa tất cả tướng
Phiền não và sở tri
Bản tánh luôn thanh tịnh.
Không cấu, không nhiễm trước
Là Thầy chân điều ngự
Tánh tịnh là Niết-bàn
Cũng là Pháp thân Phật.
Thể đủ hằng sa đức
Vô cấu không nghĩ bàn
Luôn viên mãn sáu Độ
Đây là Nhất thiết trí.
Rộng lớn không giới hạn
Không còn các tư tưởng

Đoạn tập, chứng Bồ-đề
Đủ hằng sa công đức.
Với các pháp tự tại
Hiện đủ các sắc tượng
Quả đại Bi thanh tịnh
Làm lợi ích chúng sinh.
Vô lậu không phân biệt
Nguyện lực đều viên mãn
Giống như châu ma-ni
Hiện theo các màu sắc.
Giống như người thợ vẽ
Vẽ đủ các hình tượng
Hiện ra các cảnh giới
Đều do tâm thức biến.
Chúng sinh nhiều tánh dục
Như Lai đều biết rõ
Pháp thân luôn bất động
Nguyện lực hiện theo duyên
Thị hiện trời Đâu-suất
Thần thông cỡi voi trắng
Sinh ra ở cung vua
Xuất gia tu khổ hạnh
Đi đến gốc Bồ-đề
Chiến thắng các quân ma
Thành Phật chuyển pháp luân
Hoặc hiện tướng Niết-bàn.
Thị hiện có sinh diệt
Chân thân không lay động
Độn căn thích pháp nhỏ
Phương tiện nói Niết-bàn.
Trong pháp giới chân như
Không có tướng Niết-bàn
Đại Bi thích làm lợi
Dẫn đường cho chúng sinh.
Giống như người chủ buôn
Dẫn dụ các người ngu
Tâm Bồ-tát rộng lớn
Khiến chúng nhập Niết-bàn.

Nghe Đức Phật nói xong, Vi-mạt-để thân tâm vui mừng khôn xiết, liền rời chỗ ngồi, sửa y phục, quỳ gối chắp tay cung kính nói kệ khen ngợi Đức Phật:

Rơi vào sông sinh tử
Bị tà kiến trói buộc
Ca-tỳ-vi-dã-bà
Tiên Ca-na ngoại đạo.
Phàm phu bị hôn mê
Do đó sinh tà kiến
Mười Lực Đấng Thiện Thệ
Tuệ Phật chiếu sáng rỡ.
Hoặc nghe Na-la-diên
Trời Tự tại… chỉ dạy
Càng tăng trưởng tham dục
Làm tâm phát điên cuồng.
Chánh kiến phá tối tăm
Chính lời Như Lai dạy
Con nay lắng lòng nghe
Quy y Bậc Đại Thánh.
Đại Phạm có bốn mặt
Bốn tay đầy hoa sen
Diễn nói bốn Vệ−đà
Làm tăng trưởng tà kiến.
Chỉ có Phật Thế Tôn
Đại Thánh mặt trời trí
Phá nghi ngờ cho con
Chỗ quy y chân chánh.
Khen ngợi Đức Phật xong,

Vi-mạt-để bạch Phật:

–Bạch Đại Thánh Thế Tôn! Hôm nay con được hoàn toàn lợi ích là nhờ ánh sáng trí tuệ chân chánh của Ngài làm cho tâm nghi tà kiến của con đều được tiêu trừ. Con nay xin quy y Đại Thánh Thế Tôn. Thưa Thế Tôn, sở dĩ con tên Vi-mạt-để vì con cầu đạo phi pháp nên tâm luôn nghi ngờ. Nay ở trước Phật con được Chánh pháp nhãn, diệt trừ tâm nghi hoặc nên nay con tên là Tô-mạt-để. Xin Ngài cho con làm đệ tử quy y Phật, Pháp, Tăng để tu hành Đại thừa, nguyện không bao giờ thoái lui, đạt được lợi ích tốt đẹp, con sẽ đem công đức này hồi hướng cho hữu tình đều thành Phật đạo.

Khi Đức Thế Tôn nói pháp cho Vi-mạt-để, trong hội có vô lượng chúng sinh phát tâm Vô thượng Bồ-đề, sáu mươi hai na-do-tha Đại Bồ-tát chứng Vô sinh pháp nhẫn.

Đức Phật dạy:

–Này Từ Thị! Đại Bồ-tát tu hành Bát nhã Ba la mật đa nên tu tập tám pháp:

1.Thiện xảo về uẩn.

2. Thiện xảo về xứ.

3. Thiện xảo về giới.

4. Thiện xảo về đế.

5. Thiện xảo về duyên khởi.

6. Thiện xảo về ba đời.

7. Thiện xảo về tất cả thừa.

8. Thiện xảo về tất cả pháp.

Thế nào là Thiện xảo về uẩn?

Nghĩa là quán sắc uẩn giống như bọt trên nước, người ngu thấy vậy cho đó là tấm thảm trắng, liền xuống nước để lấy thì bọt trên nước tan mất, không thể nào nắm bắt được. Đại Bồ-tát dùng chánh trí tuệ thấy Đệ nhất nghĩa, hiểu rõ tánh sắc là không, giống như bọt trên nước, vì vậy nên gọi là Chánh tri kiến.

Quán thọ uẩn như bong bóng trên nước, vừa nổi lên thì mất ngay, sinh diệt trong từng sát-na, không đứng yên. Đại Bồ-tát dùng chánh trí tuệ thấy Đệ nhất nghĩa, hiểu rõ tánh của thọ là không, giống như bong bóng trên nước, do đó gọi là Chánh tri kiến.

Quán tưởng uẩn như quáng nắng. Ví như trời nóng bức, có người khát nước, từ xa thấy quáng nắng, nói đó là nước và liền chạy đến tìm, nhưng đến gần thì không có. Đại Bồ-tát dùng chánh trí tuệ thấy Đệ nhất nghĩa, hiểu rõ tánh của tưởng là không, do đó gọi là Chánh tri kiến.

Quán hành uẩn giống như cây chuối, bên trong không có lõi. Nếu lột thân nó ra mãi thì cuối cùng không còn gì cả. Đại Bồ-tát dùng chánh trí tuệ thấy Đệ nhất nghĩa, biết rõ tánh của hành là không, do đó gọi là Chánh tri kiến.

Quán thức uẩn như huyễn hóa. Như thầy ảo thuật giả làm vàng bạc, trân bảo, trân châu, anh lạc nhưng tìm thật thể của nó thì hoàn toàn không thể có. Đại Bồ-tát dùng chánh trí tuệ thấy Đệ nhất nghĩa, biết rõ tánh của thức là không, giống như huyễn hóa, do đó gọi là Chánh tri kiến.

Quán như vậy rồi, phát tâm đại Bi cứu vớt tất cả hữu tình. Quán sát như vậy gọi là Thiện xảo về uẩn.

Lại quán năm uẩn như huyễn hóa. Tất cả đều do tâm vọng tưởng điên đảo sinh ra, không có ngã, không có người, không có chúng sinh, không có thọ mạng. Chẳng phải tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ mạng, không có người tạo tác, không có người nhận. Với phương tiện thiện xảo hiểu rõ tánh của uẩn là không, giống như mộng tưởng, hoàn toàn không thể đắc. Đó gọi là trí Thiện xảo về uẩn của Đại Bồ-tát.

Đại Bồ-tát quán uẩn như âm thanh vọng lại, không có ta, không có người, cho đến không có người tạo tác, không có người nhận. Như vậy, tánh uẩn giống như âm thanh vọng lại trong hang trống. Nó thuộc vào các nhân duyên, nếu như thật liễu tri thì đều không có hai tướng. Đó gọi là trí Thiện xảo về uẩn của Đại Bồ-tát.

Đại Bồ-tát quán uẩn như ảnh, nó theo nghiệp duyên hiện, không có ta, không có người, cho đến không có người nhận. Như vậy, hiểu rõ tánh của uẩn như ảnh, không thể đắc, không có hai tướng. Đó gọi là trí Thiện xảo về uẩn của Đại Bồ-tát.

Đại Bồ-tát quán uẩn như bóng trong gương, không có ta, không có người, cho đến không có người nhận. Hình bóng trong gương không phải ở trong, không phải ở ngoài. Hiểu rõ nó không thể đắc, không hai tướng. Đó gọi là trí Thiện xảo về uẩn của Đại Bồ-tát.

Đại Bồ-tát quán uẩn nhờ duyên mà có nên nó như huyễn hóa, không có ta, không có người, cho đến không có người nhận. Dùng trí thiện xảo như thật liễu tri, thấy không có hai tướng. Đó gọi là trí Thiện xảo về uẩn của Đại Bồ-tát.

Đại Bồ-tát quán uẩn là tướng biến hoại, là vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh, tánh vốn không tịch, không hư hoại, không phải không hư hoại. Như thật liễu tri nên gọi là trí Thiện xảo về uẩn của Đại Bồ-tát.

Thế nào gọi là Thiện xảo về xứ?

Nghĩa là pháp nội xứ: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý đều không. Quán pháp ngoại xứ: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng không. Dùng chánh trí tuệ quán Đệ nhất nghĩa thấy không có trong, không có ngoài nên gọi là Chánh tri kiến. Đó goi là trí Thiện xảo về xứ.

Lại có trí Thiện xảo về xứ, nghĩa là hiểu rõ các xứ: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý đều không, cũng không có tướng thấy, nghe, hay biết. Đó gọi là trí Thiện xảo về pháp xứ.

Lại có trí pháp xứ, nghĩa là biết tự tánh của các xứ: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là không tịch, không có tướng cảnh giới của nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ. Đó gọi là trí Thiện xảo về pháp xứ.

Lại có trí thiện xảo về xứ, nghĩa là pháp tánh của các xứ: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý là không tịch, không có ta, không có cái của ta. Pháp tánh của sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp đều không, không có ta, không có cái của ta, không tương ưng, không phải không tương ưng, chẳng phải pháp lành, chẳng phải pháp ác, không tăng không giảm, không có hai tướng, xưa nay vắng lặng. Đó gọi là trí Thiện xảo về xứ của Đại Bồ-tát.

Lại có trí thiện xảo về xứ, nghĩa là nhãn xứ, sắc xứ xưa nay thanh tịnh, không nhiễm, không vướng mắc. Nhãn xứ bền chắc, tịch nhiên thường trụ. Cũng vậy, nhĩ, thanh xứ; tỷ, hương xứ; thiệt, vị xứ; thân, xúc xứ; ý, pháp xứ tánh vốn thanh tịnh, không nhiễm, không vướng mắc, cho đến ý căn kiên cố tịch nhiên, thường trụ không biến đổi. Đó gọi là trí Thiện xảo về xứ của Đại Bồ-tát.

Sao gọi là thiện xảo về xứ? Nghĩa là Thánh nhân xứ, chẳng phải phàm phu xứ có thể sinh ra Thánh đạo, đó gọi là xứ. Phàm phu tà kiến sinh đường ác gọi là phi xứ. Đại Bồ-tát trụ trong 8 Thánh đạo phát tâm đại Bi để đưa hữu tình nhập vào chánh định tụ. Đó gọi là trí Thiện xảo về xứ.

Thế nào là trí Thiện xảo về giới của Đại Bồ-tát?

Nghĩa là quán nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới không có ta, không có của ta; cũng chẳng phải nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới theo duyên mà khởi. Cho đến ý giới, pháp giới không có ta, không có của ta, cho đến ý thức giới không có ta, cũng chẳng phải ý thức giới theo duyên mà khởi. Như vậy, Bồ-tát dùng chánh trí tuệ quán Đệ nhất nghĩa, biết rõ tánh của mười tám giới là không, không có ta, không có người, pháp giới bình đẳng, thanh tịnh bất động. Đó gọi là trí Thiện xảo về giới của Đại Bồ-tát.

Lại có thiện xảo về giới, nghĩa là trí hiểu rõ pháp giới, biết rõ tánh của địa, thủy, hỏa, phong giới là không; cứng, ướt, nóng, động… đều không thể đắc, đồng đẳng với tánh pháp chân tế. Đó gọi là trí Thiện xảo về pháp giới của Đại Bồ-tát.

Lại có trí Thiện xảo về pháp giới, nghĩa là hiểu rõ tánh của nhãn giới cho đến ý giới là không; tánh của sắc giới cho đến pháp giới là không; tánh của nhãn thức giới cho đến ý thức giới là không, không có tướng phân biệt, thấy nghe, hay biết. Đó gọi là trí Thiện xảo về pháp giới.

Thế nào là Thiện xảo về đế?

Đế là bốn Đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Nghĩa là quán năm uẩn này là khổ, hành khổ, hoại khổ, đây gọi là trí về Khổ Thánh đế. Biết rõ vô minh làm tăng trưởng năm uẩn, gọi là trí tập đế. Không sinh tham dục, diệt sạch các khổ gọi là trí Diệt đế. Vì diệt này mà tu tám Thánh đạo gọi là trí Đạo đế. Đây gọi là trí Thiện xảo về đế của Đại Bồ-tát.

Lại có trí Thiện xảo về đế, nghĩa là biết khổ vốn không sinh gọi là trí Khổ đế. Biết tập không khởi gọi là trí Tập đế. Biết rõ xưa không sinh, nay không diệt gọi là trí Diệt đế. Không có hai tướng, tu tập Trung đạo gọi là trí Đạo đế. Đó gọi là trí Thiện xảo về đế.

Lại nữa, Đại Bồ-tát biết rõ khổ thọ vốn là không, không có tự tánh, chánh trí năng quán cũng không, đó gọi là trí Khổ trong khổ. Quán tập là do duyên khởi theo duyên huyễn hóa mà có, chánh trí năng quán cũng đều không, đó gọi là trí Tập trong tập. Biết tham ái nên diệt trừ, bản tánh vốn không, chánh trí hiện tiền, thanh tịnh bình đẳng, đó gọi là trí Diệt trong diệt. Biết rõ con đường thoát khổ không thể đắc, dùng chánh trí quán sát tự tánh đều không, đó gọi là trí Đạo trong đạo. Dùng chánh trí như vậy thì xa lìa các phân biệt, đó gọi là trí Thiện xảo về đế của Đại Bồ-tát.

Lại biết sự sinh ra khổ, thể nó vô sinh, gọi là chân trí trong Khổ. Biết sinh tập, khởi tập không hòa hợp, gọi là chân trí trong Tập. Biết sự sinh vốn không nên không có diệt, gọi là chân trí trong Diệt. Biết con đường thoát khổ, lìa hữu lìa vô, gọi là chân trí trong Đạo. Đại Bồ-tát như thật liễu tri như vậy gọi là Thiện xảo về đế.

Lại có thiện xảo về đế, nghĩa là ba đế: Thế tục đế, Thắng nghĩa đế, Thật tướng đế:

Thế tục đế là tất cả ngôn ngữ văn tự và sự thấy nghe hay biết của thế gian.

Thắng nghĩa đế là diệt hết sự hoạt động của tâm, không còn văn tự, xa lìa tất cả thấy nghe hay biết.

Thật tướng đế, tất cả tướng là vô tướng, vô tướng ấy là thật tướng.

Với thế tục, Đại Bồ-tát không bị ô nhiễm, quán sát chân bình đẳng không trú vào một tướng nào cả. Đó gọi là trí Thiện xảo về đế của Đại Bồ-tát.

Lại có hai đế là Thế đế và Chân đế. Thế đế là đối với tất cả pháp sắc, tâm… thấy như thật, biết như thật. Chân đế là lý Nhị không, thanh tịnh y nhiên, hoàn toàn tịch diệt, giáo hóa không biết chán, biết rõ mà không nắm bắt, không có pháp nào có thể đắc. Đó gọi là trí Thiện xảo về đế của Đại Bồ-tát.

Lại có một đế, đó là pháp giới chân như thanh tịnh, không sinh không diệt, không thường, không đoạn, xa lìa hai bên an lạc cứu cánh. Với sinh hay vô sinh, tâm không hai tướng. Đó gọi là trí Thiện xảo về đế của Đại Bồ-tát.

Thế nào là Thiện xảo về duyên khởi?

Nghĩa là Đại Bồ-tát quán duyên khởi lưu chuyển không gián đoạn: vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên già, bệnh, chết, lo buồn khổ não. Bồ-tát dùng chánh trí như thật liễu tri về duyên khởi không có tánh, không sinh không diệt, tánh pháp hiện tiền không có tâm, không tạo tác, không chủ tể, không lệ thuộc. Đó gọi là trí Thiện xảo về duyên khởi của Đại Bồ-tát.

Lại có nhân thiện, nhân ác, nhân động, nhân bất động, nhân sinh tử, nhân Niết-bàn. Tất cả nhân như vậy đều biết như thật. Tất cả chúng sinh lợi căn hoặc độn căn, những căn tánh như vậy, nhân như vậy, duyên như vậy, quả báo như vậy, gốc ngọn như vậy, đều biết như thật. Theo nhân duyên sinh đó mà khéo tu tập không để hao mất, đó gọi là trí Thiện xảo về duyên khởi của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, khi vọng tưởng diệt thì vô minh diệt, vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì lão tử, sầu khổ, ưu bi diệt. Đại Bồ-tát dùng chánh trí tuệ biết rõ duyên khởi không sinh không diệt, không chủ, không lệ thuộc, cho nên gọi là trí Thiện xảo về duyên khởi của Đại Bồ-tát.

Này Từ Thị! Tất cả nhân duyên đều là giả hợp, không có tự tánh, không phải do ta, người, chúng sinh hay thọ mạng mà được sinh trưởng. Vì các hữu tình mà nói pháp như vậy, vô lượng, vô biên không cùng tận, biết rõ như thật gọi là trí Thiện xảo về duyên khởi của Đại Bồ-tát.

Đại Bồ-tát liễu tri tất cả pháp duyên sinh không sinh không diệt là tướng vô tận, tướng vô tận này tức là tướng Bồ-đề. Đó gọi là trí Thiện xảo về duyên khởi của Đại Bồ-tát.

Sao gọi là thiện xảo về ba đời? Nghĩa là nhớ biết tất cả pháp lành ở quá khứ mà như thật tu hành, luôn xa lìa pháp bất thiện. Biết như thật rồi hồi hướng cho tất cả hữu tình. Đây gọi là trí Thiện xảo về quá khứ của Đại Bồ-tát.

Lại nhớ biết tất cả tư lương căn lành Bồ-đề ở vị lai rồi đều hồi hướng về trí Nhất thiết trí. Đây gọi là trí Thiện xảo về vị lai của Đại Bồ-tát.

Tất cả chánh niệm tương ưng với pháp lành, không sinh tà niệm tương ưng với pháp bất thiện. Đây gọi là trí Thiện xảo về hiện tại của Đại Bồ-tát.

Lại quá khứ tất cả đều không, hiện tại, vị lai cũng đều không. Ba đời bình đẳng trụ vào Đệ nhất nghĩa, là chân thật giải thoát.

Lại quán phước đức và trí tuệ của tất cả chư Phật trong ba đời: quá khứ, hiện tại và vị lai mà sinh tâm tùy hỷ. Đây gọi là trí Thiện xảo về ba đời của Đại Bồ-tát.

Quán quá khứ đã diệt, vị lai chưa sinh, hiện tại không dừng, đem thắng hạnh tu học về thiện pháp trong ba đời hồi hướng lên Vô thượng Bồ-đề. Hiện tại pháp lành trong một sát-na cũng không dừng, mà luôn phát tâm Bồ-đề. Đây gọi là trí Thiện xảo về ba đời của Đại Bồ-tát.

Quá khứ đã diệt, vị lai chưa sinh, hiện tại không dừng. Mỗi niệm, mỗi niệm sinh diệt như vậy không ngừng, tâm luôn giác tỉnh. Đây gọi là trí Thiện xảo về ba đời của Đại Bồ-tát.

Bồ-tát có thần thông tự tại chẳng nghĩ bàn, có thể nhớ biết tất cả căn lành đã gieo trồng trong quá khứ, các pháp lành đã tu trong hiện tại và sẽ nguyện tâm giác ngộ ở vị lai được viên mãn, tất cả đều nguyện hồi hướng lên Vô thượng Bồ-đề. Đây gọi là trí Thiện xảo về 3 đời của Đại Bồ-tát.

Vì muốn các hữu tình được thành thục mà nhớ lại tất cả căn lành đời quá khứ của tất cả hữu tình, tùy theo căn cơ của từng chúng sinh đó mà được thành tựu y theo lời nguyện. Tất cả hữu tình cúng dường chư Phật vị lai cũng tùy theo căn cơ của mỗi người sẽ được thành tựu. Tất cả hữu tình đời hiện tại, Đại Bồ-tát dùng thần thông thuyết pháp giáo hóa đủ cách, tùy thuận theo căn cơ của mỗi người mà thành tựu. Làm lợi ích cho mình và người trong ba đời như vậy tròn đầy diệu hạnh Bồ-đề thù thắng. Đây gọi là trí Thiện xảo về ba đời của Đại Bồ-tát.

Thế nào gọi là Thiện xảo ba thừa?

Nghĩa là nương vào ba thừa mà cầu pháp xuất ly.

Thế nào là trí thiện xảo về Thanh văn thừa của Đại Bồ-tát?

Nghĩa là gặp Phật ra đời, được nghe pháp Tứ đế; nhờ nghe mà ngộ lý, sinh chánh kiến, cho nên gọi là Thanh văn. Do giữ giới thanh tịnh nên viên mãn giới thân, đạt được thiền định nên viên mãn định thân. Vì thấy chân lý chắc thật nên được thân trí tuệ giải thoát, giải thoát tri kiến. Đây gọi là trí Thiện xảo về Thanh văn của Đại Bồ-tát. Thiện xảo về Thanh văn thừa nghĩa là sinh tưởng nhàm chán đối với ba cõi, quán thật kỹ về pháp hữu vi là vô thường, thấy tất cả pháp đều vô ngã, vui thích hoan hỷ Niết-bàn tịch tĩnh.

Lại quán năm uẩn như giặc thù, quán các giới như rắn độc, quán mười hai xứ như làng bỏ không. Luôn nguyện cầu pháp xuất ly, ưa thích Niết-bàn và nghĩ tưởng nương tựa vào Niết-bàn. Đây gọi trí Thiện xảo về Thanh văn thừa của Đại Bồ-tát.

Thế nào gọi là trí Thiện xảo về Độc giác thừa của Đại Bồ-tát? Nghĩa là nhàm chán hữu vi, thích pháp xuất ly, ít ham muốn, biết đủ, tránh xa các hý ác luận, thích ở nơi yên tịnh, tự nhiên giác ngộ các nhân duyên, thấy các pháp vô thường, nhờ đó mà được giải thoát. Đây gọi là trí Thiện xảo về Độc giác thừa của Đại Bồ-tát.

Thế nào là trí Thiện xảo về pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát?

Nghĩa là công đức của Đại thừa vô lượng, vô biên, làm cho hữu tình đều ngộ nhập vào Tối thượng thừa mà không bị chướng ngại, không sinh không diệt, đạt được đại trí tuệ, tích lũy tất cả phước đức căn lành, là chỗ tất cả hữu tình thọ dụng, thành tựu các Ba-la-mậtđa, điều phục hoàn toàn các tâm hành, tăng trưởng Vô thượng Đại Bồ-đề, có oai lực lớn, đến đạo tràng, ngồi dưới cây Bồ-đề. Đem lòng đại Bi quán các căn cơ chúng sinh không lìa bỏ, không bị chướng ngại, thương xót tất cả đều bình đẳng như con một. Có thể vượt qua các sợ hãi về những cảnh giới ác, làm Phật pháp đều được hiện tiền, chiến thắng ngoại đạo ma oán, dựng cờ thắng pháp Bồ-đề, đoạn trừ các kết sử, đạt trí vô ngại của Phật Như Lai, làm tăng trưởng lợi ích trân bảo Phật pháp, tùy theo căn cơ mà làm lợi sinh không có sai lầm. Nuôi dưỡng hữu tình với lòng đại Bi rộng lớn, đầy đủ mười Lực, bốn Vô sở úy, 18 pháp Bất cộng, tướng tốt, công đức, anh lạc trang nghiêm, không có lầm lỗi. Tất cả thiện xảo như vậy gọi là trí Thiện xảo về Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại có một thừa của chư Phật đầy đủ bảy pháp Phật làm Đại thừa giống như vua Chuyển luân có đầy đủ bảy báu:

1. Đại quán sát.

2. Đại tùy thuận.
3. Đại trí tuệ.
4. Đại tinh tấn.
5. Đại giác ngộ.
6. Đại phương tiện.
7. Đại sự nghiệp.

Đại quán sát nghĩa là Đại Bồ-tát gần gũi bạn lành nghe Chánh pháp, trong một sát-na ngộ thật tướng hiện tiền của tất cả pháp.

Đại tùy thuận nghĩa là Đại Bồ-tát thành tựu đại Trí, đại Định, đại Bi, làm lợi ích cho mình và người.

Đại trí tuệ nghĩa là Đại Bồ-tát thấy tướng chân thật, ngã, pháp đều không.

Đại tinh tấn nghĩa là Đại Bồ-tát trải qua vô lượng a-tăng-kỳ kiếp luôn thành tựu đại Bi vạn hạnh.

Đại phương tiện nghĩa là Đại Bồ-tát được nhẫn bình đẳng, không trụ trong sinh tử, không chứng Niết-bàn.

Đại giác ngộ nghĩa là Đại Bồ-tát chứng mười Lực, bốn Vô sở

úy, mười tám pháp Bất cộng, được vô lượng, vô biên công đức.

Đại sự nghiệp là Đại Bồ-tát ở trong sinh tử chứng Đại Bồ-đề, thành tựu viên mãn hằng hà sa ức sự nghiệp của Phật.

Đầy đủ bảy pháp thù thắng như vậy là làm Pháp vương. Đây gọi là trí Thiện xảo về Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Thế nào là Thiện xảo về tất cả pháp của Đại Bồ-tát? Nghĩa là với pháp hữu vi, vô vi, Đại Bồ-tát đều thông thạo rốt ráo. Thân, khẩu, ý làm việc thiện, thanh tịnh tăng trưởng, hồi hướng lên Vô thượng Bồ-đề. Đó gọi là trí Thiện xảo về hữu vi.

Bồ-tát không tạo thân, khẩu, ý nghiệp, đầy đủ tam vô tác thanh tịnh bình đẳng, hồi hướng lên Vô thượng Bồ-đề. Đó gọi là trí Thiện xảo về vô vi.

Lại có thiện xảo là đối với Bố thí, Trì giới… cho đến Thiền định. Đại Bồ-tát tu tập dũng mãnh hồi hướng lên Vô thượng Bồ-đề. Đây gọi là trí Thiện xảo về hữu vi của Đại Bồ-tát.

Lại dùng Bát nhã Ba la mật đa lìa tất cả tướng, tu các Ba-lamật-đa hồi hướng lên Vô thượng Bồ-đề. Đây gọi trí Thiện xảo về vô vi của Đại Bồ-tát.

Lại có thiện xảo là dùng trí phương tiện hành bốn Nhiếp pháp để giáo hóa chúng sinh. Đây gọi là trí Thiện xảo về hữu vi của Đại Bồ-tát.

Lại có thiện xảo trụ trong Đệ nhất nghĩa, tuy làm lợi ích chúng sinh nhưng không chấp thủ, hồi hướng lên Vô thượng Bồ-đề. Đây gọi là trí Thiện xảo về vô vi của Đại Bồ-tát.

Lại có thiện xảo: liễu tri phiền não làm tăng trưởng sinh tử, liễu tri pháp Bồ-đề phần, chấm dứt sinh tử. Đây gọi là trí Thiện xảo về hữu vi của Đại Bồ-tát.

Lại biết ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, đối với Vô thượng Bồ-đề có lòng tin kiên cố nhất định không bao giờ thoái chuyển, bình đẳng không hai không khác. Đây gọi là trí Thiện xảo về vô vi của Đại Bồ-tát.

Lại có thiện xảo hữu vi, nghĩa là hoạt động trong ba cõi mà không vướng mắc ba cõi. Đây gọi là trí Thiện xảo về hữu vi của Đại Bồ-tát. Liễu tri tánh ba cõi là không, như huyễn như hóa mà không chấp giữ. Đây gọi là trí Thiện xảo về vô vi của Đại Bồ-tát.

Như vậy liễu tri tánh của các pháp thanh tịnh không tướng, không tên, đầy đủ Nhất thiết trí gọi là thật trí. Vì cứu hộ tất cả chúng sinh mà phương tiện giả lập, phân biệt như vậy gọi là Quyền trí.

Đối với tám pháp này, Đại Bồ-tát dùng Nhị trí một cách tự tại gọi là Bát nhã Ba la mật đa. Lại liễu tri tất cả pháp tánh gọi là trí tuệ. Quán tất cả các pháp thiện ác là phương tiện; tùy thuận giải thoát, xa lìa các phân biệt, Thánh trí được hiện tiền gọi là Bát nhã Ba la mật đa.

Lại có thể phân biệt một cách khéo léo về các kiến và kết sử, dùng pháp Quán và Chỉ đoạn trừ tất cả chúng gọi là phương tiện; nhưng làm viên mãn đại nguyện Vô thượng gọi là trí tuệ.

Diệt trừ các phiền não để được tươi mát giải thoát gọi là phương tiện; có thể giải tỏa các phiền não vì tánh không thể đắc, là trí tuệ.

Đoạn diệt khổ của thân tâm, được nhẹ nhàng an vui là phương tiện, dạo chơi vườn pháp được niệm Tổng trì, lý trí hiện tiền là trí tuệ.

Làm chỗ nương tựa cho các hữu tình là phương tiện; không trụ không chấp vào năng y, sở y là trí tuệ.

Đạt được ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề là phương tiện; thường ly niệm mà tương ưng với thật tướng trí tuệ, được pháp lạc lớn là trí tuệ.

Hay làm tăng trưởng năm Độ là phương tiện; tùy theo sở thích của thừa nào mà đồng đưa về Phật tuệ, tự tánh chiếu sáng là trí tuệ.

Có thể cứu tất cả chúng sinh ra khỏi dòng thác dữ sinh tử là phương tiện; thật không có chúng sinh nào diệt độ là trí tuệ.

Xây dựng chánh hạnh là phương tiện, thấy bản tánh là không, là trí tuệ.

Trừ khách phiền não là phương tiện, giác ngộ hoàn toàn về tánh trí không nhiễm là trí tuệ.

Làm mà không thấy làm là phương tiện, giác ngộ các pháp không là trí tuệ.

Không chấp trước ba cõi là phương tiện, khiến các Bồ-tát hiểu rõ Đệ nhất nghĩa là trí tuệ.

Giáo hóa chúng sinh tu hành các việc lành là phương tiện; tất cả Hiền thánh cùng một pháp giới là trí tuệ.

Tùy theo căn tánh của chúng sinh mà diệt trừ các phân biệt hư vọng là phương tiện; thấy xưa nay vốn thanh tịnh, tịch diệt, không sinh là trí tuệ.

Thường dùng mọi cách để đoạn diệt si ám là phương tiện; đi sâu vào thiền định nhưng không trụ vào thiền định là trí tuệ.

Giáo hóa dẫn dắt hàng Nhị thừa là phương tiện, đoạn trừ pháp chấp, nhập Phật tri kiến là trí tuệ.

Theo căn tánh của chúng sinh mà làm cho họ được sự thắng giải là phương tiện; hiểu rõ căn tánh đều không là trí tuệ.

Vượt qua cảnh giới hư vọng là phương tiện; khai mở thắng nghĩa đế là trí tuệ.

Quyền xảo tuyên thuyết bốn Đế là phương tiện; biết rõ những việc tu hành không thể đắc là trí tuệ.

Siêng cầu công đức với bi nguyện vô tận là phương tiện; biết rõ chân ngụy, không đến không đi, pháp giới bình đẳng là trí tuệ.

Tùy theo duyên mà giáo hóa chỉ dạy cho chúng sinh là phương tiện, hiểu rõ tánh phiền não xưa nay là giải thoát, đó là trí tuệ.

Biết kết sử do phân biệt hư vọng là phương tiện; biết rõ tâm chúng sinh xưa nay tịch tĩnh là trí tuệ.

Siêng năng tu tập đoạn trừ những tập khí tùy miên là phương tiện, tâm hành sai biệt của tất cả chúng sinh, tám vạn bốn ngàn cửa trần lao là cửa Phật tuệ, gọi là trí tuệ.

Khéo léo siêng tu Thanh văn, Duyên giác để dần dần đi vào Phật đạo là phương tiện; Bồ-tát tu hành Bát Nhã như vậy, mau chứng Vô thượng Bồ-đề. Đó gọi là Bát nhã Ba la mật đa.

Khi Đức Phật nói Bát nhã Ba la mật đa này, trong hội có ba mươi hai ức Đại Bồ-tát chứng Vô sinh pháp nhẫn, bảy vạn tám ngàn chúng sinh phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Đại chúng trong hội này dùng đủ loại hoa thơm đẹp lạ, tàn lọng, cờ xí, đầy đủ các đồ trang sức hương thơm hoa Chiêm-bặc để cúng dường Bát nhã Ba la mậtđa, đại chúng rải cúng Như Lai, Đại Bồ-tát Từ Thị và các Bồ-tát. Trên hư không chư Thiên trỗi nhạc trời ca tụng, khen ngợi Như Lai trong vô lượng kiếp thành tựu Bồ-đề, được vô lượng công đức.

Bấy giờ Đức Phật dạy Đại Bồ-tát Từ Thị cùng đại chúng:

–Các ông hỏi Bát nhã Ba la mật đa thâm sâu này là pháp môn công đức vô tận của Đại thừa không thể nghĩ bàn. Nghe kinh này, đại chúng trong hội kinh này cũng sẽ tròn đầy công đức như vậy. Nếu ai nghe kinh này có tâm tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giải nói thì những người ấy được lợi ích vô lượng không thể nghĩ bàn, không thể ví dụ, không tính đếm được.

Khi ấy Đức Thế Tôn cởi y trao cho Từ Thị và nói:

–Lành thay, lành thay! Này thiện nam, ông hỏi Bát-nhã ba-lamật-đa thâm sâu như vậy đã làm cho tất cả mười phương chư Phật Như Lai trong đều tùy hỷ.

Nhận y Phật rồi, Bồ-tát Từ Thị đội lên đầu, cung kính thưa:

–Bạch Thế Tôn! Y này là chân thân bảo tháp của Như Lai. Tất cả Trời, Rồng, Nhân phi nhân đều phải làm lễ, đi nhiễu bên phải, cung kính cúng dường.

Bồ-tát Từ Thị vừa nói xong, bỗng nhiên đại chúng thấy đủ thứ hoa, vòng hoa báu, cờ xí, tàn lọng từ mười phương đến ở hư không ngay trên đỉnh đầu Đức Phật, trong chốc lát che khắp cả đại hội, Từ thị Bồ-tát và cả đại chúng. Từ trong những phẩm vật cúng dường như tàng lọng, cờ xí… phát ra âm thanh khen ngợi:

–Lành thay, lành thay! Bồ-tát Từ Thị đã hỏi nghĩa như vậy, thâm tâm chúng ta phải tùy hỷ cúng dường.

Khi ấy Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả tàn lọng, vòng hoa, cờ xí… này từ đâu mà phát ra âm thanh khen ngợi tùy hỷ như vậy?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Trong đời quá khứ, Bồ-tát Từ Thị đã tu hành hạnh Bồ-tát, độ thoát vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sinh nên nay được trụ vào địa Bồ-tát không thoái chuyển. Hoặc trong Thanh văn, Độc giác, Trời, Người, do nhân duyên kiếp trước mà các chúng sinh ấy ở mười

phương thế giới đều dùng đủ loại hoa, vòng hoa, tàn lọng, cờ xí cúng dường kinh Bát nhã Ba la mật đa và Phật Như Lai, khen ngợi công đức của Từ Thị, cho nên có âm thanh ấy.

Đức Phật nói kinh này xong, tất cả chúng hội hướng đến chỗ Bồ-tát Từ Thị trân trọng nói:

–Hôm nay chúng ta được lợi ích lớn, được gần gũi cúng dường vị ấy, được ở chỗ Đức Thế Tôn nghe kinh Bát nhã Ba la mật đa này.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các chúng sinh này được nghe danh hiệu Phật và Bồ-tát Từ Thị còn được vô lượng, vô biên công đức, huống gì gần gũi trước Phật, được nghe kinh này và tin hiểu, thọ trì.

Đức Thế Tôn dạy Xá-lợi-phất:

–Thiện nam, thiện nữ nào trong một kiếp đem vàng bạc, lưu ly, san hô, hổ phách, trân châu, ma-ni, đầu, mắt, tủy não… để bố thí mà không tiếc nuối và giữ gìn giới cấm, nhẫn nhục, tinh tấn tu tập thiền định. Nếu người nào nghe kinh này, dù chỉ một kệ bốn câu thì công đức thành tựu Đại thừa Bát nhã Ba la mật đa của người này thắng vượt công đức trên. Nếu xa lìa pháp này, không thể thành tựu các Ba-la-mật-đa.

Này Xá-lợi-phất! Do đó mà thiện nam, thiện nữ nào nghe kinh điển này mà tin hiểu, thọ trì, suy nghĩ tu tập, ta nói người ấy mau thành Vô thượng Bồ-đề. Nên biết người ấy đã được pháp ấn Bồ-đề của chư Phật Như Lai.

Xá-lợi-phất! Khi nói kinh này, nếu có Bồ-tát phát nguyện như vầy: "Nay con sẽ trì tụng kinh này và vì người khác giảng nói", người ấy thường có tâm niệm như vậy, thì đó là viên mãn Bố thí ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì trong tất cả các sự bố thí, bố thí pháp là tối thắng. Nếu trì kinh này, giữ gìn phòng hộ pháp thân tức là viên mãn Trì giới ba-la-mật-đa. Thuận với Vô sinh nhẫn gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật-đa. Như lý, không giải đãi là Tinh tấn ba-la-mật-đa. An trú trong tịch diệt là Thiền định ba-la-mật-đa. Tự nhiên được trí tuệ, không nhờ vào duyên sinh mà giác ngộ, gọi là Trí tuệ ba-la-mật-đa.

Này Xá-lợi-phất! Nếu có người thọ trì kinh này, dù chỉ một kệ bốn câu thì mau viên mãn Vô thượng Bồ-đề. Nếu Bồ-tát thọ trì kinh này, đọc tụng, ghi chép, hoặc giữ gìn kinh này thì sinh ở đâu cũng đều gặp Phật. Nên biết người ấy đã được tất cả pháp tàng của Như Lai. Nếu người thọ trì kinh điển này, tuy hình tướng có sai khác nhưng tâm Bồ-đề không có hai tướng. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Vì kinh này là pháp ấn thật tướng Bồ-đề không thoái. Do đó nên biết, các Bồ-tát tùy thuận theo kinh này thì được Vô thượng Bồ-đề không thoái chuyển. Nếu Bồ-tát tùy thuận kinh này là tùy thuận với tất cả Phật pháp.

Khi ấy, Hộ thế Tứ Thiên vương cùng các Đại vương quyến thuộc đều chắp tay cung kính tôn trọng, nhất tâm giữ chánh niệm, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Tứ Thiên vương chúng con nay sẽ giữ gìn Chánh pháp của Như Lai. Nếu thiện nam, thiện nữ nào trì kinh này thì người đó là Pháp sư, con sẽ tôn thờ, cung kính cúng dường như chư Phật không khác. Vì sao? Vì tất cả chư Phật và pháp Đại thừa đều từ kinh này ra.

Lúc ấy, trời Đế Thích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con tuy theo Phật, được nghe nhiều kinh nhưng chưa từng được nghe kinh thâm sâu này. Con cùng chúng trời sẽ bảo vệ kinh này. Nếu kinh này có mặt ở thành ấp, xóm làng, rừng núi, dưới gốc cây, nơi thanh vắng… mà có người thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giải nói,

thì chư Thiên chúng con sẽ làm thính chúng. Nhờ kinh này mà sắc lực của quốc vương, hoàng hậu, hoàng phi, quyến thuộc nơi đó ngày càng dồi dào, không còn lo buồn gì cả. Chúng con luôn cung cấp, ủng hộ đại thần, khanh tướng, tất cả nhân dân và người thuyết pháp, khiến cho họ không có lo âu. Chúng con làm cho thời tiết của các quốc giới được thuận lợi, có thứ tự, không trái ngược, tất cả địch thù không thể xâm lăng làm hại, lúa má được mùa nhân dân an lạc, làm tăng thêm sắc lực của Pháp sư biện tài vô ngại; lại khiến cho Pháp sư ở trong chúng được Đại vô úy, giống như Sư tử vương thuyết pháp cho mọi người.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Thiên đế:

–Lành thay, lành thay! Này Kiều-thi-ca, ông ủng hộ kinh này và Pháp sư không còn nguy nạn. Ông nên biết rằng, nếu ai ủng hộ Pháp sư thì người đó là hộ pháp. Người hộ pháp là ủng hộ đất nước và nhân dân.

Bấy giờ, các Đại phạm Thiên vương ở thế giới Tố-ha bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con và chúng trời Phạm thiên bỏ sự khoái lạc thiền định, thích theo đến chỗ có kinh điển này và Pháp sư. Con sẽ đến đó hiện ra bốn tướng để Pháp sư biết có chúng con đến:

1. Thấy ánh sáng lớn.
2. Nghe có mùi thơm lạ.
3. Làm cho Pháp sư đó được biện tài vô ngại.
4.Làm cho thính chúng nhất tâm chánh niệm.

Do bốn tướng này mà biết có con ở trong hội, con sẽ làm người hộ pháp để nghe Chánh pháp.

Khi ấy, ma vương Ba-tuần thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn nói kinh này làm cho cung điện của con không còn màu sắc ánh sáng, bị chấn động, không an ổn, thế lực bị suy hao.

Đức Phật nói:

–Các vị Đại Bồ-tát nghe kinh này, kinh này ở chỗ nào mà có thiện nam, thiện nữ thọ trì cho đến một kệ bốn câu, khi lọt vào tai thì tin hiểu thọ trì; nên biết người này đã được thọ ký Vô thượng Bồ-đề, sẽ kế thừa ngôi vị Phật.

Ma vương Ba-tuần thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ đó nhờ thọ trì kinh này mà làm cho oai đức, thế lực của quyến thuộc con bị tiêu diệt. Như vậy, nếu có người nào thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giải nói kinh này, dù người đó ở đâu, chúng con nguyện luôn ủng hộ, không bao giờ khởi một tâm niệm làm chướng ngại.

Đức Thế Tôn dạy Xá-lợi-phất:

–Đời vị lai ông nên thọ trì, đọc tụng, lưu bố kinh này để cho Chánh pháp được tồn tại lâu dài.

Xá-lợi-phất thưa:

–Xin vâng, bạch Thế Tôn! Con sẽ thọ trì.

Phật dạy A-nan:

–Ông nên thọ trì, đọc tụng, lưu bố kinh này.

A-nan thưa:

–Xin vâng, bạch Thế Tôn! Con sẽ thọ trì. Tuy nhiên, chúng con luôn phụng hành nhưng không bằng các vị Bồ-tát lưu bố rộng rãi.

Phật dạy A-nan:

–Đừng lo sợ kinh này không được lưu bố, vì vô số Đại Bồ-tát trong đại hội này đều nguyện lưu truyền.

Trong hội có sáu mươi câu-chi Đại Bồ-tát vì muốn bảo hộ, giữ gìn kinh điển này liền đứng dậy thưa:

–Bạch Đại Thánh Thế Tôn! Chúng con thề sẽ lưu bố kinh này khắp cả mười phương thế giới. Thế giới Tố-ha đã có Từ Thị tuyên nói kinh này không cho gián đoạn. Sau khi Phật diệt độ năm trăm năm, có chúng sinh nào vừa mới nghe kinh này đã lọt vào tai thì biết người đó được Phật thọ ký. Ai thọ trì kinh này, dù một kệ bốn câu, nên biết những người đó đều do oai thần của Đại Bồ-tát Từ Thị kiến lập.

Đức Thế Tôn dạy chúng Bồ-tát:

–Lành thay, lành thay! Này các thiện nam tử, ở chỗ ta, các ông đã ủng hộ kinh này nên biết rằng, các ông cũng phải ủng hộ kinh này ở vô lượng hằng sa cõi nước chư Phật.

Khi đó Đại Bồ-tát Từ Thị quỳ chắp tay thưa:

–Bạch Đại Thánh Thế Tôn! Con hỏi kinh này là xúc phạm đến Như Lai. Nay trước Phật con xin chí thành sám hối, cúi xin Ngài rủ lòng Từ bi thương xót, tha thứ lỗi lầm cho con và các vị Bồ-tát đây cũng xin sám hối nhận tội như con.

Phật dạy:

–Này Từ Thị! Ông đã được Bát nhã Ba la mật đa với nghĩa lý thâm sâu, với pháp Đại thừa không có nghi ngờ, với thân, khẩu, ý không lầm lỗi, tất cả chư Phật đều ấn khả cho ông. Pháp của ông nói ra cũng như pháp của ta đã nói.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Kinh này tên là gì? Và chúng con phụng trì thế nào?

Phật dạy:

–Kinh này tên là Quá Khứ Hiện Tại Vị Lai Đại Bồ-tát Ma-ha-tát Đại Thừa Lý Thú, cũng là mắt của tất cả chúng sinh, cũng là mẹ của chư Phật, cho nên kinh này tên là Đại Thừa Bồ-tát Lý Thú Lục Ba-la-mật-đa Vô Lượng Vô Biên Vô Tận Nghĩa Kinh. Với danh tự như vậy, ông nên thọ trì.

Được nghe Đức Phật nói xong, Cụ thọ A-nan, tất cả đại Thanh văn, Đại Bồ-tát Từ Thị và tất cả Đại Bồ-tát, tất cả thế gian Trời, Rồng, Dạ-xoa, A-tu-la, Càn-thát-bà, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầula-già, Nhân phi nhân, cùng Đại Bồ-tát Vô Tận Tạng ở thế giới Bất thuấn đều hoan hỷ tin thọ phụng hành.

HẾT

---o0o---

MỤC LỤC

TOÀN BỘ HỆ BÁT NHÃ
(41 bộ, 777 quyển)

1. Kinh "Đại Bát Nhã Ba La Mật", mang số 0220 , tổng cộng 600 quyển, do Tam Tạng Huyền Trang dịch từ Phạn sang Hán và TT. Thích Trí Nghiệm dịch từ Hán sang Việt. Có thể tìm thấy kinh này trong nhiều websites như Tuvienquangduc. com. thuvienhoasen.org hay quangduc.com, nếu muốn tham khảo chính văn bằng chữ Hán thì có thể vào hoavouu.com., v.v...

Lưu ý: *Theo Đại Tạng Kinh Việt nam thì chỉ có 41 bộ kinh thuộc Hệ Bát Nhã. Nhưng theo thực tế mà chúng tôi sưu tầm thì tổng cộng có đến 42 Bộ. Không biết tại sao có sự chênh lệch đó mặc dầu chúng tôi đã củ soát nhiều lần! Chúng tôi tính ra là 42 bộ. Tất cả 42 bộ kinh nói trên đều có ghi số thẻ rõ rệt. Nếu tính theo số thẻ thì phải là 42 bộ mới đúng!*

HẾT

(42 bộ Kinh trong hệ Bát Nhã)

---o0o---